Cuộc đời các thánh

Thánh Dimitri Rostovski (Tuptalo)

Cuộc đời các thánh bằng tiếng Nga, được biên soạn theo hướng dẫn của cuốn "Chetii-Minei" của Thánh Dimitri Rostovsky

* * *

Mục lục:

Lời mở đầu ***33***

Tháng Giêng ***47***

1 tháng 1 ..... **47**
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vonifati 47
Cuộc đời của Thánh Boniface Nhân từ, Giám mục Ferentium 52
Cuộc đời của Thánh Grigori, Tổng Giám mục Omirit 54
Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Ê-li, Prova và Aris 68
Lễ tưởng niệm các thánh tử đạo Polyeuctus và Timotheus 68

Ngày 2 tháng 1 ..... **69**
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Ignatius, Đấng Mang Thiên Chúa 69
Lễ kính Thánh Philogion, Giám mục Antioch 76
Cuộc đời của Thánh Đaniel, Tổng Giám mục Serbia 76

Ngày 3 tháng 1 ..... **82**
Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Iuliana và những người cùng chịu tử đạo với ngài 82
Cuộc đời của Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga 88
Lễ kính Thánh Tử đạo Themistocles 92

Ngày 4 tháng 1 ..... **93**
Ngày tưởng niệm Thánh nữ Đại tử đạo Anastasia, Đấng Giải thoát, Chrysogonus, thầy dạy của bà, Theodota và những người khác cùng chịu khổ với bà 93

Ngày 5 tháng 1 ..... **102**
Cuộc đời của Thánh Cha Niphon, Giám mục Síp 102
Cuộc tử đạo của mười vị thánh tử đạo ở Crete 114
Lễ kính Thánh Phaolô, Giám mục Neocaesarea 117

Ngày 6 tháng 1 ..... **118**
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Nữ Tử đạo Eugenia 118
Lễ kính Thánh Nicholas, tu sĩ 130

Ngày 7 tháng 1 ..... **132**
Câu chuyện về Lễ Giáng Sinh của Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta, Chúa Giêsu Kitô 132
Lời giảng về Lễ Giáng Sinh 139
Câu chuyện về sự thờ lạy của các nhà chiêm tinh 146

Ngày 8 tháng 1 ..... **151**
Câu chuyện về cuộc chạy trốn của Đức Trinh Nữ Maria cùng Hài Nhi Giêsu đến Ai Cập 151
Cuộc đời của vua Đa-vít công chính 154
Lễ kính Thánh Giuse, vị hôn phu của Đức Trinh Nữ Maria 165
Lễ kính Thánh Tử đạo Euphymius, Giám mục Sardis 166
Lễ kính Thánh Evarest 167

Ngày tưởng niệm Thánh Constantine của Sinad..... 168

Ngày 9 tháng 1..... 169

Ngày tưởng niệm Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên và tổng phó tế..... 169

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo và Người làm chứng đức tin Phê-ô-đô-rô cùng anh trai ngài là Thánh Phê-ô-phan đã được ghi chép..... 173

Lễ kính Thánh Theodoros, Tổng Giám mục Constantinopolis..... 183

Ngày 10 tháng 1..... 184

Ngày tưởng niệm hai vạn vị tử đạo, những người đã bị thiêu sống tại Nicomedia..... 184

Ngày 11 tháng 1..... 193

Kỷ niệm mười bốn nghìn trẻ sơ sinh bị Hê-rốt giết hại tại Bê-lem..... 193

Cuộc đời của vị thánh cha Markell của chúng ta, vị tu viện trưởng của "tu viện những người không ngủ"..... 196

Cuộc đời của các vị thánh Marko Pešernik và Teofil Plachlivy..... 204

Lễ kỷ niệm Thánh Phaddeus, Vị Chứng Nhân..... 208

Ngày 12 tháng 1..... 208

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Anisia..... 208

Lễ kính Thánh Tử đạo Phileter..... 212

Lễ kính Thánh Zotikos, Người Nuôi Dưỡng Trẻ Mồ Côi..... 213

Lễ kỷ niệm Thánh nữ Theodora thành Caesarea..... 214

Ngày tưởng niệm Thánh nữ Theodora của Constantinople..... 215

Ngày 13 tháng 1..... 216

Cuộc đời của Mẹ Thánh Melania, người La Mã..... 216

Ngày 14 tháng 1..... 224

Lời giảng về Lễ Cắt Bì của Chúa Kitô..... 224

Cuộc đời của Thánh Cha chúng ta Basil Đại Đế, Tổng Giám mục thành Caesarea..... 227

Lễ kính Thánh Tử đạo Vasilios Ankirskyi..... 250

Ngày 15 tháng 1..... 251

Cuộc đời của vị thánh cha Seraphim của Sarov..... 251

Cuộc đời của Thánh Cha Silvestro, Giáo hoàng Rôma..... 281

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Theogenes, Giám mục Paros..... 291

Ngày 16 tháng 1..... 292

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Gordius..... 292

Lễ kính Thánh Tiên tri Malachi..... 295

Ngày 17 tháng 1..... 296

Lễ kính bảy mươi Thánh Tông đồ..... 296

Cuộc đời của Thánh Eustathius, Tổng Giám mục Serbia..... 307

Lễ kính các thánh Tử đạo Zosima và Tử đạo Athanasius..... 310

Ngày 18 tháng 1..... 311

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Theopemptus và Theona..... 311

Lễ kính Thánh Synklitiki..... 314

Cuộc đời của Thánh Apollinaria..... 314

Lễ kính Thánh Tiên tri Mi-kê..... 320

Lễ kính Thánh Grigoriô người Crete..... 321

Ngày tưởng niệm Thánh Fostirios..... 322

Lễ kỷ niệm Thánh Mina..... 323

Ngày 19 tháng 1..... 323

Lễ Rửa Tội của Chúa..... 323

Lời giảng của Thánh Gioan Vàng Miệng nhân Lễ Hiển Linh..... 325

Lời giảng về Lễ Hiển Linh của Chúa..... 327

Ngày 20 tháng 1..... 334

Lễ kính Thánh Gioan, Tiền Hô và Người Rửa Tội của Chúa..... 334
Câu chuyện về bàn tay phải của Thánh Gioan Tiền Hô, Đấng đã làm phép rửa cho Chúa..... 334

Ngày 21 tháng 1..... 337
Cuộc đời và sự chịu khổ của các thánh tử đạo Iulian và Vasilissa cùng những người khác đi cùng họ..... 337
Lễ kỷ niệm Thánh Grigori Pechersky..... 346
Lễ kỷ niệm Thánh nữ Domnika..... 349
Lễ kỷ niệm Thánh George Hozevit..... 350
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Carterius..... 352
Lễ kính Thánh Ilya, vị ẩn sĩ..... 353
Lễ kính các thánh tử đạo Theophilus và Helladius..... 354
Lễ kính Thánh Emilian, Vị Chứng Nhân..... 354

Ngày 22 tháng 1..... 354
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Polyeuctus..... 354
Lễ kính Thánh Philip, Tổng Giám mục Moscow..... 357
Lễ tưởng niệm Thánh Evstrati..... 362
Lễ kính Thánh Tiên tri Samea..... 363
Lễ kính Thánh Phêrô, Giám mục Sebaste..... 363

Ngày 23 tháng 1..... 364
Cuộc đời của Thánh Grigori, Giám mục Nissa, vị Thánh Cha của chúng ta..... 364
Lễ kính Thánh Dometian, Giám mục Melitene..... 367
Cuộc đời của Thánh Markian..... 367
Lễ kỷ niệm Thánh Phaolô Komelsky..... 370

Ngày 24 tháng 1..... 372
Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Theodosius Đại đế..... 372
Ngày tưởng niệm Thánh Theodosius thành Antioch..... 384
Ngày tưởng niệm Thánh Michael Klopsky..... 384

Ngày 25 tháng 1..... 386
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Tatiana..... 386
Cuộc đời của Thánh Savva, Tổng Giám mục Serbia..... 389
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Phêrô Avesalomit..... 407
Lễ kính Thánh Tử đạo Mertius..... 409

Ngày 26 tháng 1..... 410
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Hermila và Stratonica..... 410
Cuộc đời của Thánh Giacôbê, Giám mục Nizibê..... 413
Cuộc đời của vị thánh cha Irinarkh của chúng ta, vị ẩn sĩ tại Tu viện Borisoglebsky ở Rostov, nằm tại Ustye..... 416

Ngày 27 tháng 1..... 431
Lần đầu tiên các vị thánh cha bị hành hạ tại Sinai và Raif..... 431
Lễ tưởng niệm lần thứ hai các vị thánh cha tại Sinai và Raif..... 439
Cuộc đời của Thánh Nina, người ngang hàng với các Tông đồ, nhà truyền giáo của Iveria..... 443
Lễ kính Thánh Stephano..... 458

Ngày 28 tháng 1..... 458
Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Phaolô thành Thebes..... 458
Cuộc đời của Thánh Gioan Kuschnik..... 462
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Pansofia..... 469

Ngày 29 tháng 1..... 469
Lễ tôn kính những sợi xích thiêng liêng của Thánh Tông đồ Phêrô..... 469
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Spevsippus, Eleusippus và Melevsippus, bà nội của họ là Leonilla và những người khác cùng với họ..... 470
Lễ kính Thánh Tử đạo Danakt, người đọc sách..... 475

Ngày 30 tháng 1..... 476

Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta, Thánh Antôn Vĩ Đại....476

Ngày 31 tháng 1....494
Cuộc đời của Thánh Cha chúng ta Athanasius, Tổng Giám mục Alexandria....494

Tháng Hai....510

1 tháng 2....510
Cuộc đời của vị thánh cha Makari của chúng ta, người Ai Cập....510
Cuộc đời của vị thánh cha Makarios của chúng ta tại Alexandria....528
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Euphrasia....536
Lễ kính Thánh Arsenius, Tổng Giám mục Kerkyra....537

Ngày 2 tháng 2....537
Cuộc đời của vị thánh cha Evfimii Vĩ đại....537
Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Vassa, Eusebius, Eutychius và Vasilida....553
Lễ kính các thánh tử đạo Inna, Pinna và Rimma....554

Ngày 3 tháng 2....554
Cuộc đời của vị thánh cha tối cao của chúng ta, Thánh Maximus, vị Tuyên xưng đức tin....554
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Neophytus....574
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Nữ Tử đạo Agnia....577
Lễ kính các thánh tử đạo Valerian, Candidus, Eugenius và Aquila....582

Ngày 4 tháng 2....583
Cuộc đời của Thánh Tông đồ Timôthê....583
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Anastasios người Ba Tư....586
Kỷ niệm các thánh tử đạo Manuil, Georgios, Petr, Leontios, Sionios, Gavriil, Ioannis, Leontas, Parod và những người khác, tổng cộng 377 vị, những người đã chịu khổ cùng với các ngài....595

Ngày 5 tháng 2....596
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Tử đạo Clément, Giám mục Ancyra, Thánh Tử đạo Agathangel và những người khác cùng với họ....596
Cuộc đời của Thánh Pavlin Nhân Từ, Giám mục Nolan....610
Cuộc đời của vị thánh cha Gennadius Kostromsky....613
Ngày tưởng niệm Thánh Mavsima Sirin....619
Ngày tưởng niệm Thánh Salaman, vị thánh im lặng....620
Kỷ niệm Công đồng Toàn cầu lần thứ VI....620

Ngày 6 tháng 2....621
Cuộc đời của Mẹ Thánh Xenia, tên thế gian là Eusebia....621
Kỷ niệm các thánh tử đạo Vavila xứ Sicily và các môn đệ của ngài là Timôthê và Agapius....628
Lễ kính Thánh Macedonia, vị ẩn sĩ....628

Ngày 7 tháng 2....629
Cuộc đời của Thánh Grêgôriô Thần học, Tổng Giám mục Constantinopolis....629
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Felicita và bảy người con trai của bà....641
Lễ kỷ niệm Thánh Poplius....641
Ngày tưởng niệm Thánh Mara Ca sĩ....642

Ngày 8 tháng 2....642
Cuộc đời của các vị thánh Xenophon và Maria cùng hai con trai của họ là Gioan và Arcadius....642
Kỷ niệm Thánh Simeon Cổ....653
Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Ananias, linh mục; Phêrô, người giữ chìa khóa ngục tối; và bảy chiến binh cùng với ngài....653
Lễ kính Thánh Giuse thành Thessalonica....653

Ngày 9 tháng 2....654
Lễ rước di cốt của Thánh Cha Gioan Kim Khẩu....654

Ngày 10 tháng 2....658
Cuộc đời của vị thánh cha Efrem Sirin....658

Cuộc đời của Thánh Ephrem Pechersky, Giám mục Pereyaslav....663
Lễ kỷ niệm Thánh Ephrem của Novotorzhsk....665
Lễ kỷ niệm Thánh Palladius, vị ẩn sĩ....665

Ngày 11 tháng 2....666
Lễ rước di cốt Thánh Tử đạo Ignatius, Đấng Mang Chúa....666
Cuộc đời của vị thánh cha Lavrentiy, vị ẩn sĩ ở Pechersk....666
Lễ tưởng niệm các thánh tử đạo: Giám mục Silvanus, Phó tế Luca và Đọc giả Mokias....667
Lễ kính các thánh tử đạo Roman, Giacôbê, Philôphê, Iperich, Aviv, Iulian và Parigoria....668

Ngày 12 tháng 2....668
Lễ kính ba vị Thánh Giáo phụ vĩ đại của toàn thể Giáo hội: Thánh Basil Cả, Thánh Grêgôriô Thần học gia và Thánh Gioan Vàng miệng....668
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Theophilus Mới....670
Lễ kính các thánh tử đạo Hippolytus, Kensorin, Savinus, trinh nữ Chrisia và hai mươi vị tử đạo khác....670
Lễ kính Thánh Zinon....671

Ngày 13 tháng 2....672
Ngày tưởng niệm các thánh làm phép lạ và các thánh không tham lam là Kira và Ioann, cùng thánh tử đạo Afanasia và ba con gái của bà là Feoktista, Feodotia và Evdoksia....672
Cuộc đời của Thánh Nikita, Giám mục Novgorod....675
Kỷ niệm các thánh tử đạo Victorinus, Victor, Nikiforos, Claudius, Diodorus, Serapion và Papias....677
Lễ kính Thánh nữ tử đạo Triphena....677

Ngày 14 tháng 2....678
Ngày chịu khổ nạn của Thánh Tử đạo Trifon....678
Lễ kỷ niệm Thánh Vendimian, vị ẩn sĩ ở Bithynia....684
Lễ kính Thánh Tử đạo Perpetua cùng các thánh thiếu niên Satyrus, Revocatus, Saturninus, Secundus và Thánh Felicitas, vợ của ngài....684

Ngày 15 tháng 2....685
Truyền thuyết về Lễ Dâng Chúa....685

Ngày 16 tháng 2....689
Kỷ niệm Thánh Simeon, người đón nhận Đức Chúa Trời, vị thánh công chính....689
Lễ kính Thánh Vlas, vị tử đạo....691
Lễ kính các thánh tử đạo Adrian và Evvul....692
Cuộc đời của Thánh Công tước Roman, vị thánh làm phép lạ ở Uglich....692
Lễ kính Thánh Tiên tri Azaria....694
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Papias, Diodorus và Claudianus....694

Ngày 17 tháng 2....694
Kỷ niệm Thánh Isidor Pilusiotsky, vị cha đáng kính của chúng ta....695
Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Nicôlao, vị tu viện trưởng tu viện Studion....698
Lễ kính Thánh Cyril, vị làm phép lạ ở Novoezersk....704
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Avrami, Giám mục Arvil....705
Kỷ niệm về một vị ẩn sĩ kính sợ Thiên Chúa....706

Ngày 18 tháng 2....707
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Agafia....707
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Theodulia....712
Cuộc đời của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, Tổng Giám mục Chernihiv....715

Ngày 19 tháng 2....722
Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Fausta cùng với Evilasia và Maxima....723
Cuộc tử đạo của Thánh Nữ Tử Đạo Dorothea cùng với Christina, Callista và Theophila....726
Lễ kính Thánh Tử đạo Iulian....732
Lễ kính Thánh Vukol, Giám mục Smyrna....733
Ngày tưởng niệm các thánh nữ tử đạo Martha và Maria cùng anh trai của họ là thánh tử đạo Licarius, thiếu niên....733

Ngày 20 tháng 2 ..... **734**
Cuộc đời của Thánh Phêrô, Giám mục Lampsacus 734
Cuộc đời của vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta, Luca thành Ê-phê-sô 740
Kỷ niệm các thánh tử đạo một nghìn ba người, đã chịu tử đạo tại Nicomedia 751

Ngày 21 tháng 2 ..... **753**
Ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử đạo Theodoros Stratilates 753
Kỷ niệm Thánh Tiên tri Zacharias Serpovidts 760

Ngày 22 tháng 2 ..... **763**
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Nicifor 763
Kỷ niệm các thánh tử đạo Markell, Giám mục Sicily, và Philagrius, Giám mục Síp 766

Ngày 23 tháng 2 ..... **766**
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Haralambos, Giám mục Magnesia, cùng các vị tử đạo Porphyrius và Vaptos, và ba nữ tử đạo. 767
Cuộc đời của Thánh Prochorus, vị làm phép lạ ở Pechersk 775
Kỷ niệm các thánh Ennafa, Valentina và Pavla 778

Ngày 24 tháng 2 ..... **778**
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Vlasiy, Giám mục Sebaste, cùng những người khác đã chịu khổ cùng ngài 778
Lễ kỷ niệm Thánh Hoàng hậu Theodora 783
Lễ kỷ niệm Thánh Dimitri Prilutsky, vị thánh làm phép lạ ở Vologda 784
Ngày tưởng niệm Thánh Công tước Vsevolod, người được đặt tên là Gabriel trong lễ rửa tội 785

Ngày 25 tháng 2 ..... **788**
Cuộc đời của Thánh Cha Meletius, Tổng Giám mục Antioch 788
Cuộc đời của Thánh Phụ Alexius, Tổng Giám mục Moscow và toàn Nga, vị làm phép lạ 793
Cuộc đời của Thánh Maria, người đã tu hành dưới hình dạng nam giới với tên gọi Marina, và cha của bà là Thánh Evgeni 796
Lễ kính Thánh Antôn, Tổng Giám mục Constantinopolis 800

Ngày 26 tháng 2 ..... **800**
Cuộc đời của vị thánh cha Martinian của chúng ta, và ngày tưởng niệm các thánh nữ Zoe và Photinia 800
Lễ kỷ niệm Thánh Simeon Mirotochivy, Vua Serbia 809
Lễ kính Thánh Evlogius, Tổng Giám mục Alexandria 810

Ngày 27 tháng 2 ..... **810**
Cuộc đời của vị thánh cha đáng kính Avksentius 811
Cuộc đời của Thánh Isaak, vị ẩn sĩ ở Pechersk 813
Lễ kính Thánh Maron 816
Lễ kính Thánh Áp-ra-ham, Giám mục thành Carri 816
Lễ rước di cốt của Thánh Công tước Mihaïl Vsevolodovich Chernigov và quan đại thần Feodor của ngài 817

Ngày 28 tháng 2 ..... **817**
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Ô-ni-si-mô, một trong số bảy mươi tông đồ 818
Lễ kỷ niệm Thánh Evsevius, vị ẩn sĩ 821

Tháng Ba ***821***

1 tháng 3 ..... **821**
Ngày tưởng niệm mười hai vị tử đạo, trong đó có Thánh Pamphilus, linh mục, và những người khác cùng với ngài 821
Lễ kỷ niệm Thánh Maruf, Giám mục, và các Thánh Tử đạo đã chịu tử đạo tại Martiopol 824

Ngày 2 tháng 3 ..... **825**
Ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử đạo Theodorus Tyron 825
Lễ kính Thánh Mariamna 829
Việc tìm thấy di cốt của Thánh Tử đạo Mina Kallikeladas 830

Ngày 3 tháng 3 ..... **830**
Lễ kính Thánh Cha Lêô, Giáo hoàng Rôma 830
Kỷ niệm Thánh Cha Flavius, Người Chứng Đạo, Tổng Giám mục Constantinople 834

Lễ kính Thánh Agapitus, vị Tử đạo, Giám mục Sinad....838

Ngày 4 tháng 3....839
Cuộc đời của vị thánh cha Dosifei, môn đệ của thánh Dorothei....840
Lễ kính các thánh tông đồ Archippus, Philemon và Apphia....846
Lễ kỷ niệm Thánh Ravula....847
Lễ kỷ niệm các vị thánh Evgeni và Makari, những vị chứng nhân đức tin....848

Ngày 5 tháng 3....849
Cuộc đời của Thánh Cha Lêô, Giám mục Catania....849
Cuộc tử đạo của Thánh Tông đồ Tử đạo Sadoq, Giám mục xứ Ba Tư, cùng với 128 vị tử đạo....851
Lễ kính Thánh Agathon, Giáo hoàng Rôma....852

Ngày 6 tháng 3....853
Lễ tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta là Thánh Timôthê, vị ẩn sĩ tại Symbolae....853
Lễ kính Thánh Giô-rê, Giám mục A-ma-strít....853
Cuộc đời của Thánh Cha Eustathius, Giám mục Antioch....854

Ngày 7 tháng 3....867
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Mauritius và con trai ngài là Photinus cùng 70 chiến binh đi theo họ....867
Lễ kính Thánh Phalassius, vị ẩn sĩ người Syria....871
Ngày tưởng niệm Thánh Varadat, vị ẩn sĩ người Syria....872
Lễ kỷ niệm Thánh Athanasius, Vị Chứng Nhân....872

Ngày 8 tháng 3....873
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Polykarp, Giám mục Smyrna....873
Kỷ niệm các vị thánh Gioan, Antioch, Antonin và Mô-sê....879
Lễ kỷ niệm các vị thánh Zevin, Polychronius, Moses và Damian....880

Ngày 9 tháng 3....880
Lễ tìm thấy lần thứ nhất và lần thứ hai thi hài của Thánh Giăng Tiền Hô và Rửa Tội của Chúa....880
Lễ kỷ niệm Thánh Erazm Pechersky....886

Ngày 10 tháng 3....887
Cuộc đời của Thánh Cha Tarasius, Tổng Giám mục Constantinopolis....887

Ngày 11 tháng 3....895
Cuộc đời của Thánh Phụ Porphyrius, Giám mục Gaza....895

Ngày 12 tháng 3....907
Kỷ niệm Thánh Cha Prokopios Dekapolites, Vị Chứng Nhân....907
Lễ kỷ niệm Thánh Phalalei....908
Cuộc đời của Thánh Tít, linh mục Pechersk....909

Ngày 13 tháng 3....910
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Proterius, Tổng Giám mục Alexandria....911
Lễ kỷ niệm Thánh Basil, vị Cha đáng kính của chúng ta, vị Tử đạo....913
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Nestor, Giám mục Magidius....914
Lễ kỷ niệm các nữ thánh Marina và Kira....914

Ngày 14 tháng 3....914
Lễ tưởng niệm Thánh Cha Cassianus người La Mã....914
Lễ kính Thánh Gioan, còn được gọi là Varsanofi....915
Kỷ niệm Thánh Tử đạo Theoktist, Bề trên tu viện Pelikit....916

Ngày 14 tháng 3....916
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh nữ Tử đạo Evdokia....916
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Nestor và Trivimius....934
Cuộc tử đạo của Thánh Nữ Tử đạo Antonina....934
Ngày kỷ niệm Thánh Domnina....935

Ngày 15 tháng 3....935

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theodotus, Giám mục Cyrene....935
Lễ kính Thánh Tử đạo Euphalia....939
Cuộc đời của Thánh Cha Arsenius, Giám mục Tver....939

Ngày 16 tháng 3....946
Ngày chịu khổ hình của các thánh tử đạo Evtropi, Kleonik và Vasilisk....946

Ngày 17 tháng 3....953
Cuộc đời của vị thánh cha Gerasim của chúng ta, người đã sống bên sông Jordan....953
Cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Phaolô và em gái ngài là Iuliana cùng những người khác đi cùng họ....956
Cuộc đời của vị thánh cha Jacob Người Nhịn Ăn....966

Ngày 18 tháng 3....972
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Konon xứ Isauria....972
Lễ kính Thánh Tử đạo Konon, biệt danh là Người làm vườn....978
Lễ kỷ niệm Thánh Isichius, người ăn chay....978
Ngày tưởng niệm Thánh Marko, người ăn chay....980
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Evlogius....980

Ngày 19 tháng 3....980
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Konon và con trai ngài là Konon, những người đã chịu tử đạo tại Iconium....980
Sự tử đạo của 42 vị thánh tử đạo....985
Lễ kỷ niệm Thánh Arcadius (và các vị tử đạo Julian và Evbul)....994

Ngày 20 tháng 3....994
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Ephrem, Basil, Eugene, Elpidius, Agathodorus, Ephierius và Capiton, những người từng là giám mục tại Cherson vào các thời kỳ khác nhau....994
Lễ kính Thánh Emilian....997
Lễ kính Thánh Phaolô, vị Tử đạo....998
Câu chuyện về vị ẩn sĩ, người mà Đức Chúa Trời đã mặc khải cho biết số phận của những người nhận sự bố thí....998

Ngày 21 tháng 3....999
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theodoret, Linh mục thành Antioch....999
Lễ kính Thánh Theophylact, vị chứng nhân, Giám mục thành Nicomedia....1002

Ngày 22 tháng 3....1004
Ngày tưởng niệm bốn mươi vị thánh tử đạo tại Sebaste, Armenia....1004
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Urpasian....1010
Lễ kính Thánh Cêsarion....1011

Ngày 23 tháng 3....1012
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Codratus và các thánh tử đạo khác cùng ngài....1012
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Kodrat thành Nicomedia cùng các Thánh Tử đạo Satorin, Rufin và những vị khác....1016
Kỷ niệm Đức Mẹ Thánh Anastasia, người đã được đổi tên thành Anastasius, một người hoạn....1024

Ngày 24 tháng 3....1027
Kỷ niệm Thánh Sofronius, vị Cha khôn ngoan của chúng ta, Tổng Giám mục Giêrusalem....1027
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Piôn, Linh mục thành Smyrna, cùng những người khác đi cùng ngài....1032
Kỷ niệm Thánh Cha Euphymius, Tổng Giám mục Novgorod....1039

Ngày 25 tháng 3....1042
Cuộc đời của Thánh Phêôphan, vị Cha của chúng ta, vị Tuyên xưng đức tin....1042
Cuộc đời thánh của Cha chúng ta Grigorius Dvoeslov, Giáo hoàng Rôma....1051
Lễ kỷ niệm Thánh Phinêas công chính....1055

Ngày 26 tháng 3....1056
Lễ rước di cốt thánh của Thượng phụ Nikiforos, Thượng phụ Constantinopolis....1057
Lễ kính Thánh Tử đạo Alexander....1058

Ngày 27 tháng 3....1059
Cuộc đời của vị thánh cha Venedikt của chúng ta....1059

Lễ kính Thánh Evchimon, vị chứng nhân....1070

Ngày 28 tháng 3....1071
Kỷ niệm các thánh tử đạo Agapius, Puplius, Timolaus, Romilus, Alexander, Alexander, Dionysius và Dionysius....1071
Lễ kính Thánh Tử đạo Nicander....1072
Lễ kính Thánh Tử đạo Alexander, linh mục....1072

Ngày 29 tháng 3....1074
Lễ tưởng niệm Thánh Tông đồ Aristobulus....1074
Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Savin....1074
Cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Trofim và Phala....1075
Lễ kính Thánh Tử đạo Papa....1077

Ngày 30 tháng 3....1077
Cuộc đời của Thánh Alexius, người của Chúa....1077
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Marina....1085
Cuộc đời của vị thánh cha Makariya Kolyazinsky....1085

Ngày 31 tháng 3....1093
Kỷ niệm Thánh Cyril, Tổng Giám mục Giêrusalem, Cha của chúng ta....1093
Cuộc đời của vị Thánh Cha Anin, Đấng Làm Phép Lạ....1097
Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Trofim và Evkarpij....1101

Tháng Tư....1102

1 tháng 4....1102
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Chrysanthus và Darius....1102
Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Panharia....1111

Ngày 2 tháng 4....1112
Ngày tưởng niệm các vị thánh tổ phụ của chúng ta là Gioan, Sergius và Patricius....1113
Ngày tưởng niệm Thánh nữ Tử đạo Fotina....1116
Cuộc tử đạo của các thánh nữ tử đạo Alexandra và Claudia....1120
Lễ kính Thánh Nikita, Vị Chứng Nhân....1120

Ngày 3 tháng 4....1120
Kỷ niệm Thánh Cha Giacôbê, Giám mục và vị Tử đạo....1120
Kỷ niệm Thánh Cyril, Giám mục Catania....1121
Lễ kính Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Constantinopolis....1121

Ngày 4 tháng 4....1122
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vasil, Linh mục Ankir....1122
Lễ kính Thánh Nữ Tử đạo Drosida....1127

Ngày 5 tháng 4....1129
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Nikon....1129
Cuộc đời của vị thánh cha Nikon, vị tu viện trưởng tu viện Pechersk....1134
Lễ kính các thánh tử đạo Philita và Lydia....1137

Ngày 6 tháng 4....1138
Lễ kính Thánh Artemon, Giám mục Seleucia, cha của chúng ta....1138
Lễ kính Thánh Cha Giacôbê, vị Tuyên xưng đức tin....1139
Ký ức về phép lạ đã xảy ra tại Tu viện Pechersk....1140

Ngày 7 tháng 4....1141
Bài giảng nhân ngày Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh....1141

Ngày 8 tháng 4....1148
Lễ kính Thánh Tổng lãnh thiên thần Gabriel....1148
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Irineus, Giám mục Sirmium....1152
Cuộc đời của vị thánh cha Malcha của chúng ta....1155

Lễ tưởng niệm 26 vị tử đạo người Goth..... 1159
Cuộc đời của vị thánh cha Vasilii Mới..... 1159

Ngày 9 tháng 4..... 1185
Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta Gioan Người Thấu Thị, vị ẩn sĩ và người sống ẩn dật ở Ai Cập..... 1185
Lễ kỷ niệm Thánh nữ tử đạo Matrona thành Thessaloniki..... 1194
Lễ tưởng niệm các thánh tử đạo Manuil và Theodosius..... 1195

Ngày 10 tháng 4..... 1195
Cuộc đời và sự chịu khổ của vị thánh cha Evstratius của Pechersk..... 1195
Kỷ niệm các thánh tử đạo Iona và Barachisia..... 1197
Lễ tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta, Ilarion Mới..... 1198
Ngày tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta là Thánh Stephanos, vị chứng nhân..... 1198
Câu chuyện về chiến binh Taksiot..... 1199

Ngày 11 tháng 4..... 1200
Ngày tưởng niệm Thánh Mác-cô, Giám mục Arefusius..... 1200
Lễ kỷ niệm Thánh Giăng, vị tu sĩ ẩn dật..... 1203
Lễ kính Thánh Cha Eustathius, vị Tử đạo, Giám mục thành Bithynia..... 1204

Ngày 12 tháng 4..... 1204
Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta, Thánh Gioan Thang..... 1205
Lễ kính Thánh Tiên tri Ioad..... 1211
Câu chuyện về một tu sĩ không bao giờ lên án ai..... 1212

Ngày 13 tháng 4..... 1212
Lễ kính Thánh Ipatia, vị Giám mục Gangra, vị Tử đạo và Thánh nhân làm phép lạ..... 1212
Lễ kỷ niệm Thánh Ipaty, tại Rufin..... 1214
Ngày tưởng niệm Thánh Apollonius..... 1215
Lễ kính các thánh tử đạo Avda và Beniamin..... 1216
Lễ tưởng niệm Thánh Iona, Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga..... 1216
Cuộc đời của Thánh Giuse Đẹp Đẽ, người công chính..... 1221

Ngày 14 tháng 4..... 1237
Cuộc đời của Mẹ Thánh Maria Ai Cập..... 1238
Lễ kính Thánh Cha Euphymius của Suzdal..... 1248

Ngày 15 tháng 4..... 1251
Ngày chịu khổ nạn của các thánh tử đạo Amphian và Edesia..... 1251
Lễ kính Thánh Tít, vị cha đáng kính và làm phép lạ..... 1252
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Polykarp, người đã chịu tử đạo tại Alexandria dưới triều đại Hoàng đế Maximian..... 1253

Ngày 16 tháng 4..... 1253
Cuộc đời của vị thánh cha Nikita, người làm chứng cho đức tin..... 1253

Ngày 17 tháng 4..... 1262
Kỷ niệm Thánh Giuse, vị cha đáng kính của chúng ta, nhà soạn thánh ca và tác giả các kinh ca..... 1262
Sự tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Fervufa..... 1268
Lễ kính Thánh Zosima..... 1270

Ngày 18 tháng 4..... 1271
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Agathopod và Theodulus..... 1271
Cuộc đời của vị thánh cha Mark của chúng ta tại Athens..... 1277
Lễ kính Thánh Publius..... 1283
Ngày tưởng niệm vị Thánh Cha Platon, vị Tử đạo..... 1284
Lễ kỷ niệm Thánh nữ Theodora thành Thessaloniki..... 1287

Ngày 19 tháng 4..... 1287
Cuộc đời thánh thiện của Cha Eutychius, Tổng Giám mục Constantinopolis..... 1287
Lễ kính Thánh nữ Platonida..... 1293

20 tháng 4.....1294
Lễ tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta là Thánh George, người làm chứng cho đức tin, Tổng giám mục Mytilene.....1294
Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Kalliopios.....1296

Ngày 21 tháng 4.....1299
Cuộc đời của vị thánh cha Nifont, Giám mục Novgorod.....1299
Kỷ niệm Thánh Kelestin, Đức Giáo hoàng Rôma.....1302
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Pavsilip.....1302
Lễ kính các Thánh Tông đồ Hê-rô-đi-ôn, A-ga-va, Ru-pha, A-sin-kri-ta, Phlê-gôn và Ê-rê-mi.....1303

Ngày 22 tháng 4.....1304
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Eupsychius.....1304
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vadim, Tổng tu sĩ.....1305

Ngày 23 tháng 4.....1307
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Tê-rê-n-ti-ô và những người cùng chịu khổ với ngài.....1307

Ngày 24 tháng 4.....1310
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Antipas, Giám mục thành Pergamum.....1310
Lễ kính các thánh tử đạo Prokess và Martinian.....1313

Ngày 25 tháng 4.....1314
Cuộc đời của Thánh Mẹ Afanasia.....1314
Cuộc đời của vị thánh cha Isaac Sirin.....1319
Lễ kính Thánh Tử đạo Zinon, Giám mục Veronia.....1321
Lễ kính Thánh Basil, vị Giám mục thành Paros.....1321
Ngày tưởng niệm Thánh Anfusa.....1321

Ngày 26 tháng 4.....1322
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Artemon.....1322
Lễ kính Thánh Tử đạo Fomaida.....1327
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Kriskent.....1329

Ngày 27 tháng 4.....1330
Ngày tưởng niệm Thánh Martin, vị Thánh Tuyên xưng, Giáo hoàng Rôma.....1330
Cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Litva: Antôn, Gioan và Êustachio.....1335
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Ardalion.....1338
Sự chịu khổ của hàng ngàn vị thánh tử đạo và Azat.....1338

Ngày 28 tháng 4.....1338
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Savva của Gothia.....1339
Lễ kính các thánh tông đồ Aristarchus, Pudus và Trophimus.....1342
Lễ kính các thánh nữ tử đạo Vasilissa và Anastasia.....1342

Ngày 29 tháng 4.....1343
Ngày tưởng niệm các thánh nữ tử đạo Agapia, Chionia và Irina.....1343
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Irina.....1348

Ngày 30 tháng 4.....1348
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Simeon, Giám mục xứ Ba Tư.....1348
Cuộc đời thánh thiện của cha chúng ta Akakios, Giám mục Melitene.....1351
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Adrian.....1354
Cuộc đời của vị thánh cha Zosima, vị tu viện trưởng Solovetsky.....1354
Lễ kính Thánh Agapitus, Giáo hoàng Rôma.....1364

Tháng Năm.....1365

1 tháng 5.....1365
Lễ tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta là Thánh Gioan, môn đệ của Thánh Grêgôriô Dekapolita.....1365
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Victor, Zotic, Zinon, Akindin và Severian.....1366
Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Gioan Mới.....1367

Lễ kính Thánh Cha Cosmas, vị Tử đạo, Giám mục Chalcedon, và Thánh Auxentius.....1369

Ngày 2 tháng 5.....1370
Lễ tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta, Thánh Gioan Vethopeshternik.....1370
Lễ kính các thánh tử đạo Christopher, Theona và Antoninus.....1371
Lễ kính Thánh Cha chúng ta là Thánh Giô-rê, vị Tuyên xưng Đức Tin, Giám mục Antiôkhia thuộc Pisidia.....1371
Lễ kính Thánh Trifon, Tổng Giám mục Constantinopolis.....1371
Ngày kỷ niệm Thánh Nikifor.....1373

Ngày 3 tháng 5.....1373
Kỷ niệm Thánh Anastasius, vị tu viện trưởng của Núi Sinai.....1373
Ngày tưởng niệm Thánh Anastasius Sinaita, Thượng phụ Antioch.....1374
Lễ kính Thánh Grigori, Thượng phụ Antioch.....1377
Ngày tưởng niệm vị cha đáng kính của chúng ta, Thánh Theodoros Trichina.....1377

Ngày 4 tháng 5.....1378
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Iannuaris.....1378
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theodorus.....1380
Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Isakiya, Apollos và Kodrat.....1382

Ngày 5 tháng 5.....1383
Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta là Thánh Phê-ô-đô-rô Si-kê-ô-ta, Giám mục Anasta-si-ô-pô-li.....1383
Cuộc đời của vị cha thánh của chúng ta, tu sĩ Vitaly.....1398

Ngày 6 tháng 5.....1401
Ngày kỷ niệm Thánh Đại Tử đạo Giô-rê Chiến Thắng.....1401

Ngày 7 tháng 5.....1421
Ngày tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta, Thánh Phô-ma, người thánh điên.....1421
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Savva Stratilatas và bảy mươi chiến binh cùng ngài.....1422
Lễ kỷ niệm Đức Mẹ Thánh Elizabeth, Đấng làm phép lạ.....1423
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Pasikrat và Valentin.....1423
Cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Eusebius, Neon, Leontius, Longinus và những người khác cùng với họ.....1424

Ngày 8 tháng 5.....1424
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Tin Mừng Mác-cô.....1425
Ngày tưởng niệm vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta, Thánh Silvestr Obnorsky.....1431

Ngày 9 tháng 5.....1433
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vasil, Giám mục Amasya.....1433
Cuộc đời thánh thiện của Cha chúng ta Stephane, Giám mục Perm.....1438
Lễ kính Thánh Glafira, người công chính.....1447

Ngày 10 tháng 5.....1447
Lễ kính Thánh Tông đồ và Thánh Tử đạo Simeon, người thân của Chúa.....1447
Cuộc đời của Thánh Cha chúng ta Stephane, Giám mục Vladimir-Volyn.....1448

Ngày 11 tháng 5.....1450
Lễ tưởng niệm các Thánh Tông đồ Iason và Sosipater và Thánh nữ tử đạo Kerkyra.....1450
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Maximus, Dada và Quintilian.....1451
Kỷ niệm Thánh Cyril, Giám mục Turov, cha của chúng ta.....1453

Ngày 12 tháng 5.....1454
Kỷ niệm chín vị thánh tử đạo, đã chịu tử đạo tại Kizik.....1455
Lễ tưởng niệm Thánh Memnon, vị Thánh làm phép lạ.....1456

Ngày 13 tháng 5.....1457
Lễ kính Thánh Tông đồ Giacôbê, con của Xê-đê-vê.....1457
Lễ tưởng niệm Thánh Donatus, Giám mục, cha của chúng ta.....1459

Ngày 14 tháng 5.....1462
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tiên tri Giê-rê-mi.....1462

Cuộc đời của vị thánh cha Paphnutius Borovskiy.....1479
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Vata.....1494

Ngày 15 tháng 5.....1494
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Esper và Zoe.....1494
Sự chịu khổ và các phép lạ của các thánh tử đạo Boris và Gleb, các hoàng tử Nga.....1497

Ngày 16 tháng 5.....1516
Ngày chịu tử đạo của các thánh tử đạo Timôthê và Maura.....1516
Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Theodosius, Bề trên Tu viện Pechersk.....1523
Lễ kỷ niệm Thánh Phêrô, vị Thánh làm phép lạ, Cha của chúng ta.....1543

Ngày 17 tháng 5.....1544
Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Pelagia.....1544
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Silvanus, Giám mục Kesius và bốn mươi vị tử đạo cùng ngài.....1551
Sự tử đạo của thánh tử đạo Alvian, giám mục và môn đệ của ngài.....1551
Cuộc tử đạo của thánh tử đạo Erazm.....1552

Ngày 18 tháng 5.....1553
Ngày tưởng niệm Thánh Irina, vị tử đạo vĩ đại.....1553

Ngày 19 tháng 5.....1563
Cuộc đời của Thánh Giốp, người công chính và đầy đau khổ.....1563
Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Varvara, người lính, và những người cùng ngài.....1568
Ngày tưởng niệm Thánh Varvara, người trước đây từng là tên cướp.....1570

Ngày 20 tháng 5.....1572
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Akakios.....1572
Lễ Kỷ niệm Dấu hiệu Thánh Giá Danh Thánh và Ban Sự Sống của Chúa hiện ra trên trời.....1579

Ngày 21 tháng 5.....1581
Cuộc đời của vị thánh cha Arsenius Đại đế.....1581
Lễ kính Thánh Tông đồ và Nhà Truyền giáo Gioan Thần Học.....1594

Ngày 22 tháng 5.....1594
Cuộc đời của Thánh Tiên tri Ê-sai.....1594
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Christopher.....1603
Câu chuyện về việc rước di hài Thánh Nicôla, Tổng Giám mục Myra.....1605

Ngày 23 tháng 5.....1606
Lễ kính Thánh Tông đồ Simon Zilot.....1607
Cuộc đời của Thánh Isidora, người thánh thiện.....1607
Lễ kỷ niệm Thánh Taísia.....1609
Cuộc đời của Thánh Simon, Giám mục Vladimir và Suzdal.....1611
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Isichius.....1613
Sự tử đạo của các thánh tử đạo Alfia, Filadelfa, Cyprian và những người khác đã chịu khổ cùng họ.....1614

Ngày 24 tháng 5.....1615
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Mokia.....1615
Cuộc đời và công trình của các vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta là Mê-phô-đi-ô và Cô-n-stan-tin, trong đời tu là Ky-ri-lô, những vị thầy của dân Slav.....1619

Ngày 25 tháng 5.....1647
Cuộc đời của Thánh Cha chúng ta, Đức Thánh Cha Germanus, Tổng Giám mục Constantinople.....1647
Lễ kỷ niệm Thánh Savin, Giám mục đảo Síp.....1651
Ngày tưởng niệm Thánh Cha Poluvia, Giám mục Rinokir.....1652
Cuộc đời của Thánh Cha Epiphanius, Tổng Giám mục Síp.....1652

Ngày 26 tháng 5.....1674
Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Glyceria và Laodicia, người canh gác ngục tối.....1674
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Alexander.....1681

Lễ kỷ niệm Thánh Pávsikakí, Giám mục Sinad..... 1691
Lễ kính Thánh Giô-rê, vị Tử đạo..... 1692

Ngày 27 tháng 5..... 1692
Ngày chịu khổ nạn của Thánh Tử đạo Isidore..... 1692
Cuộc đời của vị thánh cha Serapion Sindonita..... 1695
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Maximus..... 1698

Ngày 28 tháng 5..... 1698
Cuộc đời của vị thánh đáng kính, Cha Pachomius Đại đế..... 1698
Lễ kỷ niệm Thánh Cha Euphrosynus, vị Thánh làm phép lạ tại Pskov..... 1719
Lễ kỷ niệm Thánh Achillius, Giám mục Larissa..... 1721

Ngày 29 tháng 5..... 1722
Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta là Thánh Theodoros Osvyashchenny, môn đệ của Thánh Pachomius..... 1722
Lễ kỷ niệm Thánh nữ Múza..... 1728

Ngày 30 tháng 5..... 1729
Lễ kính Thánh Tông đồ Andronicus và Junia, người trợ tá của ngài..... 1729
Lễ kính Thánh Tử đạo Solokhon..... 1730

Ngày 31 tháng 5..... 1731
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theodotus và bảy trinh nữ đi cùng ngài: Faina, Claudia, Matrona, Tekusa, Julia, Alexandra và Euphrasia..... 1731
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Phêrô, Dionysius, Anrê, Sa-lô-môn, Christina, Heraclius, Pavlin và Venedim..... 1743
Sự tử đạo của các thánh tử đạo Simeon, Isaac và Vachtis..... 1746

Tháng Sáu..... 1746

1 tháng 6..... 1746
Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Patrik và ba linh mục cùng ngài: Akakiy, Menandros và Polien..... 1746
Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Kaluf người Ai Cập..... 1749
Ngày lễ kính Thánh Công tước Gioan Uglich, với tên tu sĩ là Ignatius, vị thánh làm phép lạ của Vologda..... 1750
Ngày tưởng niệm Thánh Cha Gioan, Giám mục Gotha..... 1751

Ngày 2 tháng 6..... 1751
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Falalei..... 1752
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Ascalon..... 1754
Việc tìm thấy và rước di thể thánh của Thánh Alexius, Tổng Giám mục toàn nước Nga và vị làm phép lạ..... 1757

Ngày 3 tháng 6..... 1759
Cuộc đời của Thánh Constantine, Vua ngang hàng các Tông đồ, và Thánh Mẹ Elena của ngài..... 1759
Lễ kính Thánh Công tước Constantine và các con trai của ngài: Michael và Theodore, các vị làm phép lạ tại Murom..... 1776

Ngày 4 tháng 6..... 1777
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vasilisk..... 1777

Ngày 5 tháng 6..... 1784
Kỷ niệm vị Thánh Cha của chúng ta, Thánh Michael, Người Xưng Tội..... 1784
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Mihaïl Chernorizets..... 1786
Cuộc đời của Thánh nữ Euphrosyne, Bề trên tu viện Polotsk..... 1786

Ngày 6 tháng 6..... 1792
Thánh Cha Simeon Divnogorets của chúng ta..... 1792
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Meletius Stratilates và 1.318 chiến binh cùng ngài..... 1805
Cuộc tử đạo của thánh tử đạo Serapion cùng với Kallinikos, Theodoros và Faustus..... 1806
Lễ kính Thánh Cha Nikita, người đứng trên cột, vị thánh làm phép lạ tại Pereyaslav..... 1806

Ngày 7 tháng 6..... 1809
Kỷ niệm Thánh Tê-ra-pôn-tô, Giám mục Síp, vị tử đạo..... 1809

Ngày 8 tháng 6..... 1811

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Giô-rê Mới....1811
Lễ kính Thánh Cha Gioan Psychaitis....1813
Ngày kỷ niệm Thánh Karpos, một trong Bảy Mươi Tông Đồ....1814
Lễ kính Thánh Tông đồ Alfeus....1815

Ngày 9 tháng 6....1815
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Theodora và Didymus....1815
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Phêrapont....1818
Lễ rước di hài thánh của các thánh Cyprian, Photius và Jonah, các vị làm phép lạ tại Kiev và toàn nước Nga....1819
Ngày kỷ niệm Thánh Phêrô, vị Thánh làm phép lạ tại Belozero....1820

Ngày 10 tháng 6....1821
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Elikonida....1821
Lễ kỷ niệm Thánh Cha Nikita, Giám mục Chalcedon....1825
Lễ kính Thánh Ignatius, Giám mục Rostov....1826
Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Helladius....1827

Ngày 11 tháng 6....1827
Lễ kính Thánh nữ tử đạo Theodosia....1827
Cuộc tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Theodosius....1828
Lễ kỷ niệm Thánh Gioan, vị thánh điên, nhà làm phép lạ ở Ustyuzhna....1832

Ngày 12 tháng 6....1833
Cuộc đời của vị thánh cha Isaak, vị Tuyên xưng đức tin....1833

Ngày 13 tháng 6....1836
Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Hê-ri-mi....1837
Những đau khổ của Thánh Tử đạo Triết gia....1839

Ngày 14 tháng 6....1839
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Justinus, Nhà Triết học....1840
Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Justine và các đồng đạo....1846
Cuộc đời của vị thánh cha Agapit của chúng ta, người ở Pechersk, vị bác sĩ không nhận thù lao....1848
Kỷ niệm Thánh Cha Dionysius, Bề trên Tu viện Glushitsky, vị Thánh làm phép lạ mới....1851

Ngày 15 tháng 6....1853
Cuộc đời thánh thiện của Cha chúng ta Nicophore, vị Tuyên xưng đức tin, Thượng phụ Constantinople....1853
Ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử Đạo Gioan Mới....1862

Ngày 16 tháng 6....1867
Lễ kính Thánh Tử đạo Lucillian và bốn thiếu niên đi cùng ngài là Claudius, Hypatia, Paul và Dionysius, cùng Thánh Trinh nữ Paula....1867
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Lucian....1868

Ngày 17 tháng 6....1875
Kỷ niệm Thánh Cha Mitrofan, Tổng Giám mục Constantinople....1875
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Concordia....1877
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Frontasius, Severinus, Severianus và Silanus....1879
Cuộc đời của vị thánh cha Zosima, Giám mục Babylon....1880

Ngày 18 tháng 6....1883
Kỷ niệm Thánh Tử đạo Dorotheus, Giám mục thành Tyre....1883
Ngày lễ tưởng niệm vị Thánh Cha đáng kính Anuvius, vị Tuyên xưng Đức Tin và ẩn sĩ Ai Cập....1884
Lễ kỷ niệm Thánh Phêrô, vị cha thánh của chúng ta, người ẩn sĩ....1885
Câu chuyện về sự ra đi của Thánh Konstantin, Tổng Giám mục Kiev....1886
Sự tử đạo của các thánh tử đạo: Marcian, Nicander, Hyperchius, Apollonius, Leonidas, Arius, Gorgias, Selinius, Irineus và Pamvon....1887

Ngày 19 tháng 6....1888
Cuộc đời của vị thánh cha Vissarion của chúng ta....1888
Lễ kỷ niệm vị Thánh Cha Ilarion Mới của chúng ta....1890

Ngày tưởng niệm các thánh nữ tử đạo Archelâ, Thekla và Susanna....1893

Ngày 20 tháng 6....1896
Ngày chịu tử đạo của Thánh Tử đạo Marcellus, Giáo hoàng Rôma, cùng các vị khác đồng hành....1896
Lễ kính các thánh nữ tử đạo Kyriakia, Kaleria và Maria....1904
Lễ kính Thánh Tử đạo Marcellinus....1904

Ngày 21 tháng 6....1906
Cuộc đời của Thánh Cha Efrem, Tổng Giám mục Antioch....1906
Lễ kỷ niệm Thánh Zosima, vị cha đáng kính của chúng ta....1909
Lễ rước di cốt Thánh Đại Tử Đạo Theodoros Stratilates....1910

Ngày 22 tháng 6....1911
Cuộc đời của Thánh Cyril, Tổng Giám mục Alexandria, Cha Thánh của chúng ta....1911
Lễ kỷ niệm Thánh Alexander, Bề trên Tu viện Kush....1923

Ngày 23 tháng 6....1924
Cuộc đời của Thánh Cha Vassian, Giám mục Lodi....1924
Lễ kỷ niệm Thánh Theophanes....1931
Lễ kính Thánh Tử đạo Timôthê, Giám mục Prussia....1931
Cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Alexander và Antonina....1932

24 tháng 6....1936
Cuộc đời và những đau khổ của Thánh Tông đồ Bartholomew....1936
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Barnaba....1940

Ngày 25 tháng 6....1948
Cuộc đời của vị thánh cha Onufri Đại....1948
Cuộc đời của vị Cha đáng kính của chúng ta, Thánh Phêrô Athos....1959

Ngày 26 tháng 6....1967
Ngày chịu tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Akilina....1967
Cuộc đời của Thánh Cha Trifillia, Giám mục Leukousia....1971

Ngày 27 tháng 6....1974
Cuộc đời và các phép lạ của Thánh Tiên tri Ê-li-sê....1974
Cuộc đời của Thánh Cha Mê-phô-đi-ô, Tổng Giám mục Constantinople....1984

Ngày 28 tháng 6....1991
Kỷ niệm Thánh Tiên tri Amos....1991
Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Dula....1993
Lễ kính Thánh Dula, vị Tử đạo....1998
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Vita, Modesta và Criscentia....2002
Cuộc đời của Thánh Giê-rô-ni-mô....2011

29 tháng 6....2023
Cuộc đời của Thánh Cha Tichon, vị làm phép lạ, Giám mục Amaphunt....2023
Lễ kỷ niệm Thánh Cha Tikhon, vị Thánh làm phép lạ ở Lukhovsk....2024

Ngày 30 tháng 6....2025
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Manuil, Savel và Ismail....2025

Tháng Bảy....2030

1 tháng 7....2030
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Leontius, Hypatius và Theodulus....2030

Ngày 2 tháng 7....2036
Lễ tưởng niệm Thánh Tông đồ Giu-đa, anh em ruột của Chúa....2036
Cuộc đời của vị Thánh Cha Paissios Vĩ Đại....2038
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Zosima, người lính....2055
Lễ kính Thánh Giăng Ẩn Sĩ, vị cha thánh của chúng ta....2058

ngày 3 tháng 7 2059
Cuộc đời thánh thiện của Cha chúng ta, Thánh Lêvki, Người Chứng Đạo 2059
Kỷ niệm Thánh Tử đạo Mê-phô-đi-ô, Giám mục Patara 2065
Lễ kính các thánh tử đạo Aristocles, Dimitrian và Athanasius 2066
Lễ rước di cốt các thánh tử đạo Inna, Pinna và Rimma 2067

Ngày 4 tháng 7 2067
Lễ kính Thánh Tử đạo Iulianus Tarsianus 2067
Cuộc đời của các vị thánh Iulius, linh mục, và Iulian, phó tế 2068

Ngày 5 tháng 7 2071
Cuộc đời và những đau khổ của Thánh Tử đạo Eusebius, Giám mục Samosata 2071
Kỷ niệm các thánh tử đạo Zinon và Zina 2076

Ngày 6 tháng 7 2077
Lễ tưởng niệm Thánh Tử đạo Agrippina 2077
Câu chuyện về sự sám hối của Thêôphil 2077
Lễ kính Thánh ảnh Đức Mẹ Vladimir làm phép lạ 2085

Ngày 7 tháng 7 2086
Sách Thánh nhân nhân ngày Lễ Giáng sinh của Thánh Gioan Tiền Hô và Đấng Rửa tội của Chúa 2086
Lời giảng của Thánh Gioan Kim Khẩu nhân ngày lễ Giáng sinh của Thánh Gioan, vị tiên tri, tiền hô và người rửa tội của Chúa 2089

Ngày 8 tháng 7 2093
Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Fevronia 2093
Lễ kính các thánh tín hữu Hoàng tử Phêrô và Hoàng hậu Fevronia, trong đời tu là Đavít và Evfrosinia, các vị làm phép lạ tại Murom 2107

Ngày 9 tháng 7 2108
Sự hiện ra của bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Thiên Chúa, được gọi là Tikhvin 2108
Về bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Đồng Trinh, được gọi là "Odigitria" 2122
Về bức tượng thánh có phép lạ của Đức Mẹ Lida, hay còn gọi là Đức Mẹ Rôma 2123
Lễ kính Thánh Cha David thành Thessaloniki 2128

Ngày 10 tháng 7 2128
Cuộc đời của vị thánh cha Samson, người hiếu khách 2128
Lễ kính Thánh Sevir 2134

Ngày 11 tháng 7 2135
Lễ rước di cốt thiêng liêng của các thánh tử đạo Kira và Ioann 2135
Lễ kỷ niệm Thánh Phaolô 2138

Ngày 12 tháng 7 2139
Cuộc đời, những việc làm vĩ đại và sự chịu khổ của Thánh Phêrô, vị Tông đồ tối cao vinh quang và đáng ca ngợi 2139
Cuộc đời, những việc làm vĩ đại và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Phaolô vinh quang và đáng ca ngợi 2149

Ngày 13 tháng 7 2163
Lễ kính mười hai Thánh Tông đồ vinh hiển và đáng ca ngợi: Thánh Giacôbê con ông Xê-đê-bê (ngày 30 tháng 4), Thánh Gioan (ngày 26 tháng 9), Thánh Phi-líp (ngày 14 tháng 11), Thánh Ba-tô-lô-mê-ô (ngày 11 tháng 6), Thôma (ngày 6 tháng 10), Ma-thi-ơ (ngày 16 tháng 11), Gia-cô-bê con của An-phê (ngày 9 tháng 10), Giu-đa (Pha-đê) (ngày 19 tháng 6), Si-môn người Si-lô (ngày 10 tháng 5) và Ma-thi-a (ngày 9 tháng 8) 2163

Ngày 14 tháng 7 2163
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Cosmas và Damian 2163
Lễ kính Thánh Phêrô, vị cha đáng kính của chúng ta 2166
Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Potita 2167

Ngày 15 tháng 7 2174
Truyền thuyết về việc đặt áo thánh của Đức Trinh Nữ Maria tại Nhà thờ Vlacherna 2174
Kỷ niệm Thánh Cha Juvenal, Tổng Giám mục Giêrusalem 2177

Ngày 16 tháng 7.....2179
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Gia-kin-phơ..... 2180
Cuộc đời của vị thánh cha Alexander của chúng ta, người sáng lập tu viện Những Người Không Ngủ..... 2183
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Mokia và Mark.....2192

Ngày 17 tháng 7.....2193
Kỷ niệm Thánh Phụ Andrei, Tổng Giám mục đảo Crete.....2193
Cuộc đời của Thánh Martha công chính..... 2194
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Theodotus và Theodotia..... 2199
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theodorus, Giám mục Cyrene.....2199
Lễ tìm thấy di cốt của Thánh Cha Euphymius, vị Thánh làm phép lạ ở Suzdal.....2200

Ngày 18 tháng 7.....2201
Cuộc đời của vị thánh cha Afanasi của chúng ta tại Athos.....2201

Ngày 19 tháng 7.....2216
Lễ kính Thánh Sisoes Vĩ Đại, vị cha thánh của chúng ta.....2216
Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Lucia, cùng với Rixa và những người khác..... 2218
Cuộc tử đạo của thánh tử đạo Coint..... 2219
Sự tử đạo của các thánh tử đạo Marina, Martha, Avdifax, Avvakum, Kirik, linh mục Valentin, Asterius và nhiều vị khác.....2219

Ngày 20 tháng 7.....2225
Lễ tưởng niệm Thánh Phêrô Malein, vị cha thánh của chúng ta.....2225
Sự tử đạo của các thánh tử đạo Peregrinus, Lucianus, Pompeius, Isichius, Papias, Satorninus và Germanus.....2226
Cuộc đời và sự chịu khổ của các thánh tử đạo là Linh mục Epictetus và tu sĩ Astion..... 2226
Ngày kỷ niệm Thánh nữ tử đạo Kyriake.....2235

Ngày 21 tháng 7.....2236
Ngày chịu khổ nạn của Thánh Đại Tử đạo Prokopius..... 2236
Lễ kính Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, nhân dịp hiện ra của bức tượng Kazan..... 2248

Ngày 22 tháng 7.....2249
Lễ kính Thánh Tử đạo Pankratios, Giám mục Tavromene..... 2249
Cuộc đời và sự chịu khổ của các vị Thánh Cha Patermufius và Kopria, cùng với Alexander, một giáo dân..... 2250
Lễ kỷ niệm Thánh Patermufius..... 2254
Lễ kính Thánh Kopria.....2257
Cuộc đời của Thánh Phêrô, Giám mục Edessa..... 2258

Ngày 23 tháng 7.....2278
Lễ kính Thánh Antôn Pechersky, vị cha thánh của chúng ta..... 2278
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Apollonius..... 2289
Sự tử đạo của các thánh tử đạo Vianor và Siluan..... 2289
Cuộc tử đạo của 45 vị thánh tử đạo tại Nikopol của Armenia..... 2290
Câu chuyện về việc chuyển đưa áo thánh của Chúa Giêsu Kitô từ Ba Tư đến thành phố Moscow, thủ đô của vương quốc. 2295

Ngày 24 tháng 7.....2298
Kỷ niệm phép lạ của Thánh Nữ Tử đạo Euphemia, Đấng Được Ca Ngợi..... 2298
Ngày qua đời của Công chúa Olga, người được rửa tội với tên thánh Elena.....2305
Lễ kính Thánh Tử đạo Kindey..... 2315

Ngày 25 tháng 7.....2315
Ngày chịu khổ nạn của các thánh tử đạo Proclus và Hilarion..... 2315
Lễ kỷ niệm vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta, Thánh Michael Malein.....2318
Sự tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Golindukha..... 2319

Ngày 26 tháng 7.....2322
Lễ kính Thánh Tổng lãnh thiên thần Gabriel..... 2322
Lễ kỷ niệm Thánh Stephanos Savait.....2324
Ngày tưởng niệm Thánh Serapion.....2324
Cuộc đời của Thánh Cha Julian của chúng ta..... 2324

Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Marcian..... 2329

Ngày 27 tháng 7..... 2329
Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Akila..... 2330
Lễ kỷ niệm Thánh Ê-li..... 2331
Lễ kính Thánh Tử đạo Iusta..... 2333

Ngày 28 tháng 7..... 2334
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Kirik và Iulitta..... 2334

Ngày 29 tháng 7..... 2336
Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Tử đạo Athenogenes và mười môn đệ của ngài..... 2336
Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Julia..... 2339
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Antiochus..... 2341
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Phaolô cùng các Thánh Tử đạo nữ Alevtina và Chionia..... 2342

Ngày 30 tháng 7..... 2342
Ngày chịu khổ nạn của Thánh Đại Tử đạo Marina..... 2342

Ngày 31 tháng 7..... 2348
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Emilian..... 2348
Cuộc đời của vị thánh cha Pamva của chúng ta..... 2350
Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Gioan Đầy Khổ Nạn..... 2354
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Gia-cô-bê..... 2356

Tháng Tám..... 2357

ngày 1 tháng 8..... 2357
Cuộc đời của Mẹ Thánh Makrina..... 2357
Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Dia..... 2363

Ngày 2 tháng 8..... 2366
Cuộc đời và các phép lạ của Thánh Tiên tri Ê-li..... 2366
Lễ kỷ niệm Thánh Cha Áp-ra-ham Chukhlomsky, vị làm phép lạ tại Galich..... 2377

Ngày 3 tháng 8..... 2378
Cuộc đời của Thánh Tiên tri Ê-xê-chi-ên..... 2378
Cuộc đời của các vị thánh cha của chúng ta là Simeon, người giả điên vì Chúa, và Gioan, người đồng hành của ngài..... 2383

Ngày 4 tháng 8..... 2405
Tiểu sử của Thánh Maria Ma-đa-len, người mang dầu thơm, ngang hàng với các Tông đồ..... 2405

ngày 5 tháng 8..... 2424
Ngày Thánh Tử đạo Apollinaris chịu tử đạo..... 2424
Lễ kính các thánh tử đạo Trophimus và Theophilus..... 2432

Ngày 6 tháng 8..... 2432
Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Christina..... 2432
Cuộc đời của vị cha thánh Polikarp, vị tu viện trưởng Pechersk..... 2436

ngày 7 tháng 8..... 2439
Cuộc đời của Thánh nữ Evpraxia..... 2439
Cuộc đời của Thánh Olympiade, nữ phó tế..... 2453

ngày 8 tháng 8..... 2456
Cuộc đời của vị thánh cha Mô-sê Ugrin..... 2456
Lễ kính Thánh Tử đạo Hermolaus..... 2461
Ngày tưởng niệm Thánh nữ Tử đạo Paraskeva..... 2461

Ngày 9 tháng 8..... 2462
Ngày chịu khổ nạn của Thánh Đại Tử đạo Panteleimon..... 2462
Lễ kỷ niệm Thánh Nữ Tu viện trưởng Anfisa..... 2472

Ngày 10 tháng 8.....2473
Các Thánh Tông đồ (trong số bảy mươi) Prochorus, Nicanor, Timon và Parmen.....2473
Lễ kính Thánh Tử đạo Eustathius.....2474
Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Akakios.....2475
Sự tử đạo của thánh tử đạo Iulian.....2475

Ngày 11 tháng 8.....2478
Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Serafima.....2478
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Kallinikos.....2482

Ngày 12 tháng 8.....2484
Các thánh tông đồ Sila, Siluan, Kriskent và những người khác cùng với họ.....2484
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Valentine.....2485
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Polychronius.....2488
Lễ kính Thánh Gioan Chiến Binh.....2492

Ngày 13 tháng 8.....2492
Thánh Eudokim, người công chính.....2492
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Iulitta.....2495

Ngày 14 tháng 8.....2495
Nguồn gốc của Thánh Giá vinh hiển và ban sự sống của Chúa.....2495
Sự tử đạo của các thánh tử đạo Cựu Ước: Linh mục Eleazar, bảy anh em Maccabees, mẹ của họ là Solomonia và những người khác cùng với họ.....2498
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Leontinus, Attus, Alexander, Kindius, Minsifeus, Cyriacus, Mineus (Mineon), Catunus và Eucleius.....2504

Ngày 15 tháng 8.....2505
Lễ rước di cốt Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên và tổng phó tế.....2505
Lễ kính Thánh Basil, vị thánh công chính và hạnh phúc, vị làm phép lạ tại Moscow.....2510

Ngày 16 tháng 8.....2511
Các vị thánh cha của chúng ta: Isaak, Dalmat và Faust.....2511
Cuộc đời của Thánh Kosmas, người tu hành độc thân.....2512

Ngày 17 tháng 8.....2514
Bảy thiếu niên thánh tại Ê-phê-sô.....2514

Ngày 18 tháng 8.....2521
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Pontius.....2522
Lễ kính Thánh Tử đạo Eusignius.....2529
Lễ tưởng niệm Thánh Tử đạo Favius, Giáo hoàng Rôma.....2530

Ngày 19 tháng 8.....2531
Sách Lễ về Lễ Biến Hình của Chúa.....2531
Bài giảng nhân lễ Biến Hình của Chúa.....2533

Ngày 20 tháng 8.....2538
Cuộc đời của vị thánh cha Pi-men, Đấng Chịu Nhiều Bệnh Tật.....2538
Ngày lễ tưởng niệm Thánh Ora, tu sĩ mặc áo đen.....2542
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Dometius.....2543
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Marina và Asteria.....2544

Ngày 21 tháng 8.....2546
Lễ kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội nhân dịp hiện ra của bức tượng thánh thiêng liêng và làm phép lạ của Mẹ, được gọi là Tolgskaya.....2546
Kỷ niệm Thánh Miron, vị Cha Thánh của chúng ta, Đấng Làm Phép Lạ, Giám mục đảo Crete.....2549
Lễ kính Thánh Cha chúng ta Emilián, vị Tuyên xưng đức tin, Giám mục Kizich.....2549

Ngày 22 tháng 8.....2550
Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Mát-thê.....2550

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Antôn..... 2553
Lễ tưởng niệm các thánh tử đạo Iulian, Markian và những người khác, những người đã chịu khổ vì các bức tranh thánh cùng với họ..... 2554

Ngày 23 tháng 8..... 2555
Ngày các thánh tử đạo Laurentius, phó tế trưởng, Giáo hoàng Sixtus và những người khác cùng với họ chịu khổ hình.....2555

Ngày 24 tháng 8..... 2562
Cuộc đời của các vị thánh cha Theodor và Basil, các tu sĩ tại Tu viện Kiev-Pechersk..... 2562
Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Sosanna và các vị tử đạo khác cùng với ngài.....2568
Lễ kính Thánh Tử đạo Evpl, phó tế..... 2574

Ngày 25 tháng 8..... 2576
Các thánh tử đạo Photius và Anicetus..... 2576
Lễ kính Thánh Tử đạo Alexander, Giám mục Komana.....2579

Ngày 26 tháng 8..... 2580
Thánh Tử đạo Hippolytus.....2581

Ngày 27 tháng 8..... 2582
Về việc xây dựng nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời tại Tu viện Kiev-Pechersk..... 2582
Lễ rước di cốt của vị thánh cha Theodosius, vị tu viện trưởng Pechersk..... 2592
Lễ kính Thánh Tiên tri Mi-kê.....2597

Ngày 28 tháng 8..... 2600
Lễ Lên Trời của Đức Mẹ Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ Maria..... 2600

Ngày 29 tháng 8..... 2614
Lễ rước bức tượng không do tay người tạo ra của Chúa Giêsu Kitô từ Edessa về Constantinople..... 2615
Lời của Thánh Gioan Damascene về việc thờ lạy các thánh tượng..... 2618
Lễ kính Thánh Tử đạo Diô-mi-đô..... 2620
Cùng ngày đó, lễ kỷ niệm Thánh Hê-ri-môn..... 2620

Ngày 30 tháng 8..... 2621
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Patroclus..... 2621
Cuộc đời của vị thánh cha Alipius của chúng ta tại Pechersk.....2625
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Straton, Philip, Eutychian và Cyprian.....2630
Lễ kính Thánh Tử đạo Miron..... 2630

Ngày 31 tháng 8..... 2631
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Emilián và các vị đồng hành..... 2631
Lễ kính các thánh tử đạo Flora và Lavra..... 2635
Lễ kính các thánh tử đạo Erma, Serapion và Polien..... 2636

Tháng Chín..... 2637

1 tháng 9..... 2637
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Anrê Stratilát..... 2637
Lễ kính Thánh ảnh Đức Mẹ Don ( )..... 2641
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Timôthê, Agapi và Fêcla..... 2642

Ngày 2 tháng 9..... 2642
Cuộc đời của Thánh Tiên tri Samuel..... 2642
Các thánh tử đạo Sevir và Memnon, viên trung úy, cùng với ba mươi bảy vị tử đạo khác..... 2652

Ngày 3 tháng 9..... 2653
Cuộc đời của Thánh Tông đồ (một trong bảy mươi) Phaddeus..... 2653
Lễ kính Thánh Tử đạo Vassa và các con của bà: Theognia, Agapia và Pista.....2657

Ngày 4 tháng 9..... 2658
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Evlalia.....2658
Lễ kính Thánh tượng Đức Mẹ Georgia.....2661

Kỷ niệm các thánh tử đạo: Agathonica, Zoticus, Theoprepia, Akininda, Severianus và những người khác cùng với họ..... 2662
Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Anphusa, Thánh Tử đạo Athanasius, Giám mục, và hai người hầu của Thánh Anphusa: Charisima và Neophytus..... 2663

Ngày 5 tháng 9..... 2663
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Irineus, Giám mục Lyon..... 2664
Lễ kính Thánh Callinicus, Tổng Giám mục Constantinopolis..... 2669
Lễ kính Thánh Tử đạo Luppa..... 2671
Lễ kính các vị thánh Eutychius và Florentius..... 2672

Ngày 6 tháng 9..... 2674
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Sira..... 2674
Lễ tưởng niệm Thánh Tử đạo Evtichii..... 2683
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Tatión..... 2684

Ngày 7 tháng 9..... 2685
Thánh Tông đồ Tít..... 2685
Lễ rước di hài thánh của Thánh Tông đồ Bartholomew..... 2687
Kỷ niệm các thánh chứng nhân của Đấng Christ, những người đã chịu khổ nạn tại Edessa dưới tay những người Arian..... 2689
Lễ kính Thánh Mina, Tổng Giám mục Constantinopolis..... 2691

Ngày 8 tháng 9..... 2692
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Adrian và Natalia..... 2692
Lễ kỷ niệm cuộc gặp gỡ Thánh tượng Đức Mẹ Vladimir..... 2702

Ngày 9 tháng 9..... 2704
Cuộc đời của vị Thánh Cha Pi-men Đại Đế..... 2705
Lễ tưởng niệm các vị thánh Kuksha, vị tử đạo, và Pimen, vị tu sĩ ăn chay..... 2713
Lễ kính Thánh Liverius, vị Tử đạo, Giáo hoàng Rôma..... 2714
Lễ kính Thánh Cha Osias, vị Tử đạo, Giám mục Korduba..... 2714
Lễ kỷ niệm Thánh Pimen (người Palestine)..... 2714

Ngày 10 tháng 9..... 2715
Cuộc đời của vị thánh cha Mô-sê Mu-rin..... 2715
Kỷ niệm vị Thánh Cha Savva Krypetsky, vị Thánh làm phép lạ ở Pskov..... 2721
Lễ kính Thánh Anna, người công chính..... 2722

Ngày 11 tháng 9..... 2722
Truyền thuyết về việc chặt đầu Thánh Tiên tri, Tiền hô và Người Rửa tội của Chúa Giăng..... 2722
Lời giảng của Thánh Gioan Vàng Miệng nhân ngày lễ Cắt đầu Thánh Gioan Tiền Hô..... 2725

Ngày 12 tháng 9..... 2729
Các Thánh Alexander, John và Paul, các Thượng phụ Constantinople..... 2729
Cuộc đời của Thánh Công tước Alexander Nevsky..... 2735
Lễ kỷ niệm Thánh Cha Alexander Svirsky của chúng ta..... 2757
Lễ kính Thánh Cha Christopher của chúng con..... 2759
Ngày tưởng niệm Thánh Phantín, vị cha đáng kính của chúng ta..... 2761

Ngày 13 tháng 9..... 2761
Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Tử đạo Cyprian, Giám mục Carthage..... 2761
Lễ kính Thánh Gennadius, Tổng Giám mục Constantinopolis..... 2775
Lễ đặt Dải thắt lưng Thánh của Đức Mẹ Thiên Chúa..... 2776

Ngày 14 tháng 9..... 2777
Lời giảng vào ngày đầu tiên của năm mới..... 2777
Cuộc đời của vị Thánh đáng kính và mang danh Chúa, Cha chúng con Simeon Cột..... 2784
Lễ kỷ niệm Thánh Giê-su Na-vin..... 2796
Lễ kỷ niệm Thánh Mẫu tại tu viện Miacin..... 2797
Kỷ niệm 40 trinh nữ ăn chay và Ammun, thầy dạy của họ..... 2798
Lễ kính các thánh tử đạo Callista và hai anh em ruột của bà là Evod và Hermogenes..... 2798

Ngày 15 tháng 9.....2798
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Mamant..... 2798
Cuộc đời của Thánh Gioan Người Kiêng Ăn, Tổng Giám mục Constantinopolis..... 2804
Kỷ niệm 3.618 vị tử đạo, những người đã chịu khổ nạn tại Nicomedia..... 2806

Ngày 16 tháng 9.....2806
Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Tử đạo Anphim, Giám mục Nicomedia, cùng với nhiều người khác..... 2806
Cùng ngày đó là ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vasilisa..... 2812
Cùng ngày đó là ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Ariston..... 2813

Ngày 17 tháng 9.....2813
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vavila và ba thiếu niên cùng ngài..... 2813
Cuộc đời của Thánh Tiên tri Mô-sê, Đấng Nhìn Thấy Thiên Chúa..... 2819
Lễ tưởng niệm các thánh tử đạo Theodoros, Mian, Ioulianos và Kion.....2831
Lễ kính Thánh Vavila thành Nicomedia và 84 trẻ em cùng ngài.....2832
Lễ kính Thánh nữ tử đạo Hermionia.....2832

ngày 18 tháng 9.....2833
Cuộc đời của Thánh Tiên tri Zacharias..... 2833
Kỷ niệm các thánh tử đạo Urvan, Theodor và Medimna, cùng nhiều người khác cùng với họ..... 2836
Kỷ niệm Thánh Tử đạo Avdi..... 2837
Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Fifaïl và Fiveï.....2837
Vụ sát hại Thánh Công tước Gleb..... 2837
Lễ kỷ niệm Thánh Tông đồ Phêrô tại Athos..... 2838
Lễ kính các thánh tử đạo Iuventin và Maximus.....2838

Ngày 19 tháng 9.....2839
Kỷ niệm phép lạ của Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael tại Chonech.....2839
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Romila.....2847
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Evdoksia.....2848
Kỷ niệm Thánh Tử đạo Cyril, Giám mục Gortyna..... 2851
Cuộc đời của Thánh Đa-vít..... 2851
Kỷ niệm các thánh tử đạo Kyriakos, Faustus và Aviv..... 2853

Ngày 20 tháng 9.....2853
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Sozont..... 2853
Kỷ niệm các Thánh Tông đồ Evod và Onisifor..... 2854
Lễ kính Thánh Tử đạo Evpsikhios.....2855
Cuộc đời của Thánh Cha Gioan, Tổng Giám mục Novgorod..... 2855

Ngày 21 tháng 9.....2861
Bài giảng về Lễ Sinh Nhật Đức Mẹ..... 2861

Ngày 22 tháng 9.....2865
Cuộc đời của các thánh và các bậc công chính: Thánh Joachim và Thánh Anna, cha mẹ Đức Mẹ..... 2865
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Sevirian..... 2869
Lễ kỷ niệm Thánh Nikita, vị thánh ẩn dật của Chúa, người mà phó tế Sozont đã từng gặp..... 2872
Lễ kỷ niệm Công đồng Phổ quát Thứ Ba tại Ê-phê-sô.....2874
Lễ kính Thánh Giuse Volokolamsk..... 2875
Lễ tưởng niệm Thánh Theophanes, người ăn chay và người làm chứng cho đức tin.....2876

Ngày 23 tháng 9.....2876
Cuộc đời và sự chịu khổ của các thánh nữ tử đạo Minodora, Mitrodora và Nymphodora.....2876
Cuộc đời của Thánh Hoàng hậu Pulcheria..... 2882
Lễ kỷ niệm ba vị thánh nữ được tìm thấy trên ngọn núi hoang vắng.....2887
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Varipsava..... 2889
Lễ kính các Thánh Tông đồ Apellius, Luca và Clément.....2889

Ngày 24 tháng 9.....2889
Cuộc đời và những việc làm thánh thiện của Mẹ Thánh Theodora, người đã tu hành dưới hình dạng nam giới.....2889

Lễ kỷ niệm Thánh Euphrosyne....2901
Lễ kính Thánh Tử đạo Ii....2902
Lễ kính các thánh tử đạo Diodorus và Didymus....2903

Ngày 25 tháng 9....2903
Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Tử đạo Autonomos....2903
Kỷ niệm Thánh Tử đạo Cornutus, Giám mục Nicomedia....2906
Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Iulian....2906

Ngày 26 tháng 9....2907
Bài giảng nhân dịp khánh thành lại Đền thờ Phục sinh ở Giê-ru-sa-lem....2907
Cuộc đời của Thánh Tử đạo Cornelius, Chỉ huy trưởng....2909
Lễ kính các thánh tử đạo Gordian, Macrovius, Elias, Zoticus, Lucian và Valerian....2914
Lễ kính Thánh Phêrô tại Atrea....2914
Lễ kính các thánh tử đạo Selevk, Stratonik, Kronid, Leontius và Serapion....2915

Ngày 27 tháng 9....2915
Truyền thuyết về việc dựng Thánh Giá vinh hiển và ban sự sống của Chúa....2915
Lễ kính Thánh Tử đạo Papias....2920

Ngày 28 tháng 9....2920
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Nikita....2920
Lễ kính Thánh Philotheos, linh mục và nhà làm phép lạ....2923
Lễ kính Thánh Tử đạo Porphyrius....2923
Lễ kính các thánh tử đạo Maximus, Askliaida và Theodotus....2923

Ngày 29 tháng 9....2924
Ngày tưởng niệm Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Euphemia....2924
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Sevastiana....2929
Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Melitina....2929
Ngày kỷ niệm Thánh nữ Tử đạo Lyudmila....2929
Lễ kính Thánh Cyprian, Tổng Giám mục Kiev....2930
Ngày tưởng niệm Thánh Dorotheus, vị ẩn sĩ....2931

Ngày 30 tháng 9....2932
Ngày tưởng niệm các thánh nữ tử đạo Vera, Nadezhda và Lyubov, cùng mẹ của các ngài là Sofia....2932
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Agathoclia....2938
Ngày kỷ niệm Thánh nữ tử đạo Theodota....2939

Tháng Mười....2940

1 tháng 10....2940
Thánh Evmenius, Giám mục Gortyna....2940
Lễ kính Thánh nữ Tử đạo Ariadne....2941

Ngày 2 tháng 10....2942
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Trofim, Savvati và Dorimedont....2942
Sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Zosima, vị ẩn sĩ....2946
Lễ kỷ niệm Thánh Công tước Theodor, người làm phép lạ tại Smolensk và Yaroslavl, cùng các con trai của ngài là David và Constantine....2947

Ngày 3 tháng 10....2950
Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Đại Tử Đạo Eustathius Plakida, vợ và các con của ngài....2950
Sự tử đạo của các thánh tử đạo Mi-khail, Công tước Chernigov, và quan đại thần của ngài là Feodor, những người đã chịu khổ vì tay Baty vô đạo....2961

Ngày 4 tháng 10....2966
Thánh Tông đồ Kodrat....2966
Kỷ niệm các thánh tử đạo Ipatia và Andrei....2967
Ngày kỷ niệm các thánh tử đạo Eusebius và Prisca....2968
Lễ kính các thánh giám mục Isak và Meletius....2969

Cuộc đời của Thánh Dimitri, Tổng Giám mục Rostov, vị thánh làm phép lạ.....2969

Ngày 5 tháng 10.....2984
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Phô-ki, Giám mục Sinope.....2984
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Fokas, người được gọi là người canh vườn.....2985
Cuộc đời của Thánh Tiên tri Giô-na.....2987
Lễ kỷ niệm Thánh Iona, linh mục.....2992
Cuộc đời của Thánh Phêrô, người trước đây từng là người thu thuế.....2993

Ngày 6 tháng 10.....2996
Lời giảng về ngày thụ thai của vị tiên tri đáng kính và vinh quang, tiền hô và người rửa tội của Chúa Giăng.....2996
Lễ kính các thánh tử đạo An-rê, Gioan, Phê-rô và An-to-ni-nô.....2998
Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Iraida.....2998
Cuộc đời của Thánh Polixenia.....2999

Ngày 7 tháng 10.....3001
Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Têcla, vị tử đạo đầu tiên, ngang hàng với các Tông đồ.....3001
Lễ kính Thánh Kopria.....3007
Cuộc đời của vị thánh cha Nikandr Pskov.....3008

Ngày 8 tháng 10.....3017
Cuộc đời của Mẹ Thánh Euphrosyne.....3017
Cuộc đời và các phép lạ của vị Thánh Cha đáng kính và thánh thiện của chúng ta, Thánh Sergius, vị Thánh làm phép lạ ở Radonezh.....3024
Cuộc đời của Thánh nữ Euphrosyne xứ Suzdal.....3050
Lễ tưởng niệm Thánh Tử đạo Pafnuti.....3051

Ngày 9 tháng 10.....3051
Cuộc đời của Thánh Tông đồ và Nhà Truyền giáo Gioan Thần học.....3051

Ngày 10 tháng 10.....3064
Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Tử đạo Callistratus.....3064
Cuộc đời của vị thánh cha Savvatiy Solovetsky, vị thánh làm phép lạ.....3069
Lễ kính các Thánh Tông đồ Mác-cô, A-ri-s-ta-khô và Xi-na.....3073
Lễ kính Thánh Tử đạo Epicharia.....3074
Lễ kính Thánh Ignatius.....3074

Ngày 11 tháng 10.....3074
Cuộc đời của vị thánh cha Chariton, Người Chứng Đạo.....3074
Lễ kỷ niệm Thánh Tiên tri Baruch.....3080
Lễ kính các thánh tử đạo Alexander, Alpheus, Zosima, Mark, Nikon, Neon và Iliodor.....3080
Cuộc đời của Thánh Vyacheslav, Công tước Séc.....3080

Ngày 12 tháng 10.....3083
Cuộc đời của vị thánh cha Kyriakos của chúng ta.....3083
Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Dada, Gavedday và Kazdoi.....3090
Lễ kỷ niệm Thánh Theophanes.....3092

Ngày 13 tháng 10.....3093
Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Grigori, Giám mục của Armenia vĩ đại, cùng với 37 trinh nữ.....3093
Cuộc đời của vị thánh cha Grigori của chúng ta, vị tu viện trưởng tu viện bên sông Pelshma, vị thánh làm phép lạ ở Vologda.....3099
Lễ kính Thánh Michael, Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga, vị làm phép lạ.....3101

Ngày 14 tháng 10.....3102
Bài giảng nhân lễ Che Chở của Đức Mẹ.....3103
Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Ananias.....3108
Lễ kính Thánh Roman, Người Hát Thánh Ca.....3110
Cuộc đời của Thánh Savva Visher.....3112
Lễ kính Thánh Tử đạo Domnin.....3117

Lễ kỷ niệm Thánh Michael Zoviysky và những người chịu khổ cùng ngài....3117

Ngày 15 tháng 10....3118
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Cyprian và Thánh Tử đạo Justina.... 3118
Cuộc đời Thánh Anrê, người giả điên vì Chúa....3126

Ngày 16 tháng 10....3137
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Dionysius Areopagita....3137
Câu chuyện của Thánh Dionysius về Thánh Karpos và hai người tội lỗi....3141
Kỷ niệm Thánh Gioan Hozevit, Giám mục thành Caesarea....3142
Ngày kỷ niệm Thánh Isichius Choriwit.... 3143

Ngày 17 tháng 10....3144
Cuộc đời các thánh Guri, Tổng giám mục Kazan, và Varsonofi, Giám mục Tver....3144
Lễ kính Thánh Tử đạo Ierophei, Giám mục Athens.... 3148
Cuộc đời của Thánh Ammon.... 3148
Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta, Phaolô Preprosty.... 3150
Kỷ niệm các thánh tử đạo Gaia, Faustus, Eusebius và Herimon....3154
Lễ kính Thánh Tử đạo Davikt và con gái ngài là Kallisthenia....3154
Lễ kính Thánh Tử đạo Phêrô, Linh mục thành Capetolium....3155

Ngày 18 tháng 10....3155
Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Charitina....3155
Cuộc đời của Thánh Damian Pechersky....3157
Cuộc đời của Thánh Giê-rê-mi-a Pechersky.... 3159
Cuộc đời của Thánh Matthêu Pechersky.... 3159
Lễ kính Thánh Tử đạo Mamelkha.... 3160
Lễ kính các Thánh Tông đồ Moscow: Phêrô, Alexiô, Ion và Philip....3161
Cuộc đời của Thánh Dionysius, Giám mục Alexandria....3161

Ngày 19 tháng 10....3169
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Tôma.... 3169

Ngày 20 tháng 10....3177
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Sergius và Bacchus....3177
Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Iulian và Cesario.... 3182
Lễ kính Thánh Tử đạo Polychronius....3183
Cuộc đời của vị thánh cha Sergius của Nurom, vị thánh làm phép lạ tại Vologda và Obnora.... 3183

ngày 21 tháng 10....3191
Cuộc đời của Mẹ Thánh Pelagia.... 3191
Cuộc đời của Thánh nữ Taisia....3197
Lễ kính Thánh Pelagia, trinh nữ....3199

Ngày 22 tháng 10....3199
Cuộc đời của Thánh Tông đồ Giacôbê con ông Alphê.... 3199
Cuộc đời của các vị thánh Andronikos và Athanasios....3200
Cuộc đời của Thánh Áp-ra-ham công chính.... 3205
Lễ kính Thánh Phêrô.... 3214
Ngày kỷ niệm Thánh Poplia.... 3214

Ngày 23 tháng 10....3215
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Evlampius và Evlampia....3215
Cuộc đời của Thánh Theophilus.... 3218
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theoktinos.... 3220
Lễ kỷ niệm Thánh Vassian.... 3221

Ngày 24 tháng 10....3221
Cuộc đời của Thánh Tông đồ Philip.... 3221
Cuộc đời của Thánh Theophanes, vị Tuyên xưng đức tin và tác giả các kinh cầu....3222

Lễ kỷ niệm các thánh nữ tử đạo Zinaida và Philonilla..... 3223
Kỷ niệm phép lạ xảy ra từ bức tượng Chúa Giêsu Kitô..... 3224
Kỷ niệm Công đồng Toàn cầu Thứ Bảy..... 3225

Ngày 25 tháng 10..... 3230
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Tarach, Prova và Andronikos..... 3230
Thánh Cosmas của Maium, tác giả các kinh thánh..... 3239
Cuộc đời của Thánh Martin Nhân từ, Giám mục Tura..... 3241
Lễ kính Thánh Nữ Tử Đạo Domnika..... 3251
Lễ kỷ niệm việc chuyển di các thánh tích Malta..... 3251

Ngày 26 tháng 10..... 3256
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Karpa, Papila, Agathodoros và Agathonika..... 3256
Lễ kính Thánh Tử đạo Florentius..... 3262
Ngày tưởng niệm Thánh Nikita, Vị Chứng Nhân..... 3263
Lễ kính Thánh Tử đạo Beniamin, Phó tế..... 3264

Ngày 27 tháng 10..... 3264
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Nazarius, Gervasius, Protasius và Celsius..... 3264
Cuộc đời của Thánh Paraskeva..... 3269
Cuộc đời của Thánh Nicola Sviatoshi..... 3273
Lễ kính Thánh Tử đạo Silvanus..... 3276

Ngày 28 tháng 10..... 3277
Cuộc đời của vị thánh cha Euphymius Mới..... 3277
Cuộc đời và sự chịu khổ của vị thánh tử đạo Lucian, linh mục thành Antioch..... 3283
Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Sarvil và Vevê..... 3286
Lễ kính Thánh Savin, Giám mục Catania..... 3286
Cuộc đời của Thánh Gioan, Giám mục Suzdal..... 3287

Ngày 29 tháng 10..... 3296
Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Longin, viên trung úy..... 3296

Ngày 30 tháng 10..... 3299
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Andrei người Crete..... 3299
Kỷ niệm Thánh Tiên tri Ô-si-a..... 3302
Lễ kính các thánh Cosmas và Damian, những vị thánh không ham tiền..... 3303
Lễ kính Thánh Lazarus Công Chính, Người Được Chôn Cất Bốn Ngày..... 3304

Ngày 31 tháng 10..... 3305
Cuộc đời của Thánh Tông đồ và Thánh Sử Luca..... 3305
Cuộc đời của Thánh Iulian..... 3309

Tháng 11..... 3311

1 tháng 11..... 3311
Lễ kính Thánh Tiên tri Giô-ên..... 3311
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Uar cùng bảy vị giáo sư Kitô giáo đi cùng ngài, và ngày tưởng niệm Thánh nữ Cleopatra cùng con trai ngài là Gioan..... 3313
Lễ kỷ niệm Thánh Cha Gioan Rylsky..... 3319

ngày 2 tháng 11..... 3321
Thánh Tử đạo Artemius..... 3321
Lễ kỷ niệm Thánh Artemios, vị thánh làm phép lạ ở Verkol..... 3328

Ngày 3 tháng 11..... 3331
Cuộc đời của vị Thánh Cha Ilarion Vĩ Đại..... 3331
Lễ kính Thánh Hilarion Meglinsky..... 3344
Lễ kính các thánh tử đạo Dasius, Gaius và Zoticus..... 3345

Ngày 4 tháng 11..... 3345

Lễ kính Thánh Averkius, Giám mục Hierapolis, được tôn vinh ngang hàng với các Tông đồ....3345
Kỷ niệm các thánh tử đạo: Giám mục Alexander, chiến binh Heraclius và bốn người phụ nữ: Anna, Elizabeth, Theodota và Glyceria.... 3352
Lễ kỷ niệm các vị thánh Theodor và Paul của Rostov , những người sáng lập Tu viện Borisoglebsky....3352

Ngày 5 tháng 11....3356
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Giacôbê, anh em ruột của Chúa.... 3356
Lễ kính Thánh Giacôbê Borovitsky....3359
Lễ kính Thánh Ignatius, Tổng Giám mục Constantinople....3361

Ngày 6 tháng 11....3362
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Arefa.... 3362
Cuộc đời của Thánh Arefa Pechersky.... 3375

Ngày 7 tháng 11....3376
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Marcian và Martirius....3376
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Anastasius....3377

Ngày 8 tháng 11....3378
Sự tử đạo và các phép lạ của Thánh Dimitri, vị Đại Tử đạo vinh quang.... 3378

9 tháng 11....3385
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Nestor.... 3385
Cuộc đời của Thánh Nestor, nhà biên niên sử.... 3387
Lễ kính các thánh nữ tử đạo Capetolina và Erotiida....3388

Ngày 10 tháng 11....3388
Ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử đạo Paraskeva.... 3388
Lễ kính Thánh Tử đạo Ki-ri-a-cô, Tổng Giám mục Giê-ru-sa-lem.... 3392
Lễ kính các thánh tử đạo Terentius và Neonilla.... 3392

Ngày 11 tháng 11....3392
Lễ tưởng niệm Thánh Nữ Tử đạo Anastasia, người La Mã.... 3393
Cuộc đời của Thánh Avramius Ẩn sĩ và Thánh Maria....3397
Cuộc đời của vị thánh cha Avramy Rostovsky.... 3405

Ngày 12 tháng 11....3409
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Zinovius, Giám mục vùng Aegean, và em gái ngài là Zinovia.... 3409
Lễ kính Thánh nữ Tử đạo Evtropia....3411
Lễ kính các Thánh Tông đồ Tertius, Marc, Justus và Artema.... 3411
Lễ kính Thánh Marcian, Giám mục Syracuse....3411

Ngày 13 tháng 11....3412
Lễ kính Thánh Tử đạo Epimachus....3412
Lễ kính các thánh tông đồ Stachius, Amilius, Urvanus, Narcissus, Apellius và Aristobulus.... 3413
Cuộc đời của các vị thánh Spiridon và Nicodemus.... 3414

Ngày 14 tháng 11....3414
Cuộc đời và các phép lạ của các thánh Kosmas và Damian, những vị thánh không ham tiền và làm phép lạ.... 3415
Lễ kính các thánh tử đạo Cêsar và Dasius.... 3417
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Erminingeld, Hoàng tử Goth....3417
Lễ kính các thánh nữ tử đạo Kiriena và Iuliana.... 3418
Lễ kính các thánh tử đạo Gioan và Giacôbê....3419

Ngày 15 tháng 11....3419
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Akin-din, Piga-si-a và An-em-po-di-sta....3419
Lễ kỷ niệm Thánh Marcian.... 3426

Ngày 16 tháng 11....3427
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo: Giám mục Akepsim, Linh mục Giuse và Phó tế Aifal.... 3427
Lễ thánh hiến nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê tại Lydda....3436

Lễ kính Thánh Akexim..... 3437
Lễ kính các thánh tử đạo Atticus, Agapia, Eudoxia, Kateria, Istukaria, Pactovia và Nikopolion.....3437

Ngày 17 tháng 11.....3437
Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta Ioannikios Đại đế..... 3437
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Nicandro, giám mục, và Hermias, linh mục.....3448
Ngày lễ kính Thánh Simon Yuryevetsky..... 3448

Ngày 18 tháng 11.....3450
Cuộc đời và sự tử đạo của các thánh tử đạo Galaktion và Epistima..... 3450
Cuộc đời của Thánh Iona, Tổng Giám mục Novgorod..... 3458
Lễ kỷ niệm các Thánh Tông đồ Patros, Ermas, Linus, Gaius và Philologus.....3464
Lễ kính Thánh Grêgôriô, Giám mục thành Alexandria.....3465

Ngày 19 tháng 11.....3465
Cuộc đời của Thánh Phaolô, vị chứng nhân, Tổng Giám mục Constantinopolis.....3465
Cuộc đời của vị thánh cha Varlaam, vị thánh làm phép lạ ở Novgorod.....3470
Cuộc đời của Thánh German, Tổng Giám mục Kazan.....3471
Lễ kỷ niệm Thánh Luca.....3475

Ngày 20 tháng 11.....3476
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Hieron và các môn đệ của ngài..... 3476
Kỷ niệm các thánh tử đạo Melasippus, Cassinia và Antoninus..... 3480
Lễ kính các thánh tử đạo Avkta, Taurion và Thessalonica..... 3480
Lễ kính Thánh Lazarus.....3480

Ngày 21 tháng 11.....3481
Lễ kính Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael và các thế lực thiên đàng vô hình..... 3481

Ngày 22 tháng 11.....3486
Cuộc đời và những việc làm cao cả của Mẹ Thánh Matrona, người mẹ đáng kính của chúng ta.....3486
Cuộc đời của Thánh nữ Theoktista..... 3494
Cuộc đời của Thánh Gioan Kolov.....3498
Lễ kính các thánh tử đạo Onisifor và Porphyrius.....3501
Lễ kỷ niệm các vị thánh Eustolia và Sosipatra..... 3501
Lễ kính Thánh Tử đạo Antôn..... 3502
Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Alexander thành Thessaloniki..... 3502

Ngày 23 tháng 11.....3502
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Orestes.....3502
Sự đau khổ của vị tử đạo Milia.....3506
Lễ kính các Thánh Tông đồ Olympus, Rodion, Sosipater, Erastus và Quartus..... 3507

Ngày 24 tháng 11.....3508
Ngày tưởng niệm Thánh Mina, vị Đại Tử đạo..... 3508
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Victor và Stefanida.....3514
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Vicentius..... 3517
Cuộc đời của vị thánh cha Theodoros Studites..... 3520
Cuộc đời của Thánh Stephane của Dečani, Vua Serbia.....3536
Lễ kính Thánh Maximus, người điên vì Chúa, tại Moscow.....3545

Ngày 25 tháng 11.....3546
Cuộc đời của Thánh Gioan Nhân Từ, Tổng Giám mục Alexandria.....3546
Lễ kỷ niệm Thánh Nê-la, người ăn chay..... 3558
Lễ kính Thánh Tiên tri Achia..... 3559
Cuộc đời của Thánh Gioan Râu Dài, vị thánh làm phép lạ ở Rostov.....3559

Ngày 26 tháng 11.....3560
Cuộc đời của Thánh Cha Gioan Vàng Miệng, Tổng Giám mục Constantinopolis..... 3561
Kỷ niệm các thánh tử đạo Antonin, Nikifor, German và Manefa..... 3592

Ngày 27 tháng 11.....3592
Cuộc đời của Thánh Tông đồ Philip..... 3592
Cuộc đời của Thánh Grigori Palama, Tổng Giám mục Thessaloniki.....3599
Cuộc đời của Thánh Philip Irapska.....3606
Lễ kỷ niệm Đức vua Justinianus và Hoàng hậu Theodora..... 3610

Ngày 28 tháng 11.....3612
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Guri, Samon và Aviv..... 3612
Lễ kính các thánh tử đạo Elpidius, Marcellus và Eustochius..... 3622
Lễ kính Thánh Tử đạo Dimitri..... 3622

Ngày 29 tháng 11.....3622
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Phúc âm Matthêu.....3623

Ngày 30 tháng 11.....3627
Cuộc đời của Thánh Grigori, vị cha thánh của chúng ta, nhà làm phép lạ, Giám mục Neocaesarea..... 3627
Cuộc đời của vị cha thánh Nikon, vị tu viện trưởng Radonezh..... 3637
Lễ kỷ niệm Thánh Lazarus, người chép kinh..... 3644

Tháng 12..... 3645

1 tháng 12.....3645
Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Platon..... 3645
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Roman và thiếu niên Varul.....3650
Lễ kính các thánh tử đạo Zacchaeus và Alpheus..... 3651

Ngày 2 tháng 12.....3652
Cuộc đời của thánh tiên tri Avdia..... 3652
Cuộc đời của các vị thánh Varlaam và Ioasaf, hoàng tử Ấn Độ, cùng cha ông là vua Avenir.....3653
Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Varlaam..... 3672
Cuộc đời của Thánh Varlaam Pechersky.....3678
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Aza và 150 chiến binh cùng ngài.....3680
Lễ kính Thánh Tử đạo Iliodor.....3681

Ngày 3 tháng 12.....3682
Cuộc đời của vị thánh cha Grigori Dekapolita..... 3682
Cuộc đời của Thánh Proclus, Tổng Giám mục Constantinopolis..... 3686
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Eustathius, Fespesius và Anatolius..... 3688
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Dasius..... 3693
Lễ kính các thánh tử đạo Nirs và Giuse.....3694
Lễ kính các thánh tử đạo là các linh mục Gioan, Saverius, Isaak, Hypatius và những người khác cùng với họ.....3694

Ngày 4 tháng 12.....3696
Truyền thuyết về Lễ Đức Mẹ Đồng Trinh Maria vào Đền Thờ..... 3696

Ngày 5 tháng 12.....3702
Ngày chịu tử đạo của Thánh nữ tử đạo Kikilia cùng các thánh tử đạo Valerian, Tivurtia và Maxim.....3702
Lễ kính các Thánh Tông đồ Philemon, Archippus và Apphia.....3707
Lễ kỷ niệm Thánh Michael Chiến Binh..... 3708
Lễ kính Thánh Tử đạo Prokopius..... 3710
Lễ kính Thánh Tử đạo Menigna..... 3710
Lễ kính Thánh Agavva..... 3711

Ngày 6 tháng 12.....3711
Cuộc đời của Thánh Cha Amphilochius, Giám mục Iconium.....3711
Cuộc đời của Thánh Cha Grigori, Giám mục Akraganti.....3714
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Sisinius.....3730
Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Theodorus..... 3730

ngày 7 tháng 12.....3731
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Đại Tử đạo Ekaterina.....3731

Ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử Đạo Mercurius.....3742
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Mercurius Smolensk.....3748
Lễ kỷ niệm Thánh Simon Soiginsky.....3750
Lễ kính Thánh nữ Mastridia.....3751

Ngày 8 tháng 12.....3752
Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Clement, Giáo hoàng Rôma.....3752
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Phêrô, Tổng Giám mục Alexandria.....3759
Lễ kỷ niệm Thánh Phêrô Người Im Lặng.....3763

Ngày 9 tháng 12.....3763
Cuộc đời của vị thánh cha Alius, người sống trên cột.....3763
Lễ kỷ niệm Thánh Giacôbê Ẩn sĩ.....3767
Lễ kỷ niệm việc thánh hiến nhà thờ Thánh George, vị tử đạo vĩ đại, tại Kiev.....3768

Ngày 10 tháng 12.....3769
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Giacôbê người Ba Tư.....3769
Lễ kỷ niệm Thánh Roman.....3775
Lễ kính Thánh Giacôbê, Giám mục Rostov.....3776
Lễ kính Thánh Palladius, Giám mục thành Helenopolis.....3777

Ngày 11 tháng 12.....3778
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Stephanos Mới.....3778
Cuộc đời của Thánh Cha chúng ta, Thánh Phê-ô-đô-rô, Tổng Giám mục Rostov.....3799
Lễ kính Thánh Tử đạo Irinarh.....3803
Lễ kính các thánh tử đạo, cùng với Thánh Stephano Mới, vì các thánh tượng của những người chịu khổ nạn.....3803

Ngày 12 tháng 12.....3803
Lễ tưởng niệm vị thánh cha Akakios của chúng ta tại Sinai.....3803
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Paramon.....3804
Lễ kính Thánh Tử đạo Philumen.....3805

Ngày 13 tháng 12.....3805
Những chiến công và sự đau khổ của Thánh Tông đồ An-rê, người được kêu gọi đầu tiên.....3805
Lễ kính Thánh Frumentius, Tổng Giám mục Ấn Độ.....3815

Ngày 14 tháng 12.....3817
Lễ kính Thánh tiên tri Naum.....3817
Cuộc đời của Thánh Filaret Nhân từ.....3818

Ngày 15 tháng 12.....3832
Lễ kính Thánh Tiên tri Habacúc.....3832
Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Miropia.....3834
Cuộc đời của Thánh Athanasius Pechersky.....3835
Cuộc đời của Thánh Stephane, Vua Serbia.....3836
Lễ kính các vị thánh Gioan, Iraklemon, Andrei và Theophilus.....3838

Ngày 16 tháng 12.....3838
Kỷ niệm Thánh Tiên tri Xô-phô-ni.....3838
Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Gioan Người Im Lặng.....3840
Ngày qua đời của Thánh Savva Storozhevsky.....3849

Ngày 17 tháng 12.....3852
Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Nữ Đại Tử Đạo Barbara.....3852
Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Gioan Damasceno.....3863
Lễ kỷ niệm Thánh Gioan Polivotsky.....3874

Ngày 18 tháng 12.....3875
Cuộc đời và những việc làm cao cả của vị cha thánh Savva, người được thánh hiến.....3875
Lễ tưởng niệm các vị thánh Karion, tu sĩ, và con trai ngài là Zacharias.....3902

Ngày 19 tháng 12.....3903
Cuộc đời của Thánh và Nhà làm phép lạ Nicola, Tổng Giám mục Myra..... 3903

Ngày 20 tháng 12.....3922
Cuộc đời của Thánh Cha Ambrose, Giám mục Milan..... 3923
Cuộc đời của Thánh Nil Stolobensky, vị làm phép lạ ở Novgorod.....3934
Lễ kính Thánh Tử đạo Athinodorus..... 3936
Ngày tưởng niệm Thánh Phaolô Poinnik 3936

Ngày 21 tháng 12.....3937
Cuộc đời của vị thánh cha Patapios của chúng ta..... 3938
Kỷ niệm các Thánh Tông đồ Sosthenes, Apollos, Cephas, Tychicus, Epaphroditus và Caesar..... 3939
Kỷ niệm các thánh tử đạo, những người đã chịu khổ vì phe Arian tại châu Phi..... 3941

Ngày 22 tháng 12.....3942
Ngày thụ thai của Thánh Anna, Mẹ Thiên Chúa, khi bà thụ thai Đức Mẹ.....3942
Lễ kính Thánh nữ tiên tri Anna, mẹ của tiên tri Samuel..... 3943
Lễ kỷ niệm Thánh Stephanos, Người Mang Ánh Sáng Mới.....3944
Lễ kỷ niệm Thánh Sofronius, Tổng Giám mục Síp.....3945

Ngày 23 tháng 12.....3946
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Mina, Hermogenes và Evgraf..... 3946
Lễ kỷ niệm Thánh Gemell.....3957
Ngày tưởng niệm Thánh Phêrô Defurkin..... 3958

Ngày 24 tháng 12.....3960
Cuộc đời của vị thánh cha Daniel, người sống trên cột..... 3960
Cuộc đời của Thánh Nikon Sukhoi, người Pechersk..... 3974
Kỷ niệm các thánh tử đạo Akepsia và Aifala..... 3976
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Mirax.....3976
Lễ kính Thánh Luca, vị Tu sĩ Cột Mới.....3978

Ngày 25 tháng 12.....3978
Cuộc đời của Thánh Cha Spiridon của Trimythous.....3978
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Alexander, Giám mục Giêrusalem..... 3989
Lễ kính Thánh Tử đạo Razumnik.....3989

Ngày 26 tháng 12.....3990
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Eustratius, Eugenius, Auxentius, Mardarius và Orestes..... 3990
Sự tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Lucia.....4005
Lễ kỷ niệm Thánh Arsenius của Latra.....4008

Ngày 27 tháng 12.....4008
Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Firs, Levkiya, Kallinik, Filimon, Apollonius và những người khác cùng với họ.....4009

Ngày 28 tháng 12.....4020
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Eleutherius và mẹ ngài là Anfia.....4020
Cuộc đời của Thánh Stephanos, vị Tuyên xưng Đức tin, Tổng Giám mục Surozh.....4025
Lễ kính Thánh Phaolô Latrski.....4028
Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Eleutherius Kuvikularis.....4029
Lễ kỷ niệm Thánh Parda, vị ẩn sĩ.....4030

Ngày 29 tháng 12.....4030
Lễ kính Thánh Tiên tri Haggai..... 4030
Cuộc đời của Hoàng hậu Thánh Theophania.....4031
Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Marina.....4035

Ngày 30 tháng 12.....4035
Cuộc đời của Thánh Tiên tri Đa-ni-ên và ba thiếu niên thánh cùng ngài là A-na-ni-a, A-za-ri-a và Mi-sa-i-la..... 4035
Lễ kỷ niệm Thánh Đaniel, Vị Chứng Nhân..... 4048

Ngày 31 tháng 12.....4049
Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Sebastiano và đoàn tùy tùng của ngài.....4049
Lễ kính Thánh Modest, Tổng Giám mục Giêrusalem.....4062
Lễ kính Thánh Flora, Giám mục Amiens.....4063
Lễ kỷ niệm Thánh Michael Syncellus.....4063

Lời mở đầu

Các cuốn "Minei-Cheti" của Thánh Dimitri Rostovsky từ lâu đã và luôn là tác phẩm được người dân Chính thống giáo Nga yêu thích. Được viết bằng tiếng Slav, các cuốn "Minei-Cheti" đã được phát hành với số lượng lớn trong suốt thế kỷ 17 và 19. Việc in ấn vẫn tiếp tục cho đến nay, và nhu cầu về chúng vẫn không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, bên cạnh những nhu cầu này, Nhà in Thượng hội đồng Moscow bắt đầu nhận được các yêu cầu mong muốn có cuốn "Minei-Cheti" bằng tiếng Nga. Số lượng các yêu cầu này ngày càng tăng lên theo từng năm, điều này là bằng chứng rõ ràng về nhu cầu cấp thiết đối với ấn bản này. Để đáp ứng nhu cầu này, ông S. D. Voit, Giám đốc Nhà in Thượng hội đồng Moscow, đã đảm nhận việc xuất bản cuốn "Minei-Chetiye" được chuyển ngữ sang tiếng Nga. Đơn đề nghị của ông về vấn đề này, sau khi nhận được sự đồng cảm sáng suốt và sự ủng hộ nhiệt tình từ phía ông K. P. Pobedonostsev, cùng với đồng nghiệp của ông là P. I. Ostroumov, đã thành công, và vào tháng 5 năm 1900, Thánh Hội Đồng đã cho phép Nhà in Thánh Hội Moscow bắt đầu ấn bản đầu tiên của "Minei-Chetikh" bằng tiếng Nga.

Để thực hiện ấn bản đồ sộ này, một Ủy ban đã được thành lập tại Nhà in Moscow, bao gồm nhiều nhân vật thuộc giới giáo sĩ và thế tục, chủ yếu là những người có trình độ thần học cao[1] . Chủ tịch Ủy ban là Đức Cha Parfeni, Giám mục Mozhaisk, người được Thánh Hội đồng giao nhiệm vụ kiểm duyệt ấn bản mới của "Minei-Chetikh". Theo kế hoạch đã được xây dựng, bản văn của "Minei-Chetikh" do Thánh Dimitri biên soạn được lấy làm cơ sở cho ấn bản này. Ngoài ra, trong những trường hợp mà trong "Minei" chỉ ghi ngày kỷ niệm của vị thánh, thông tin về ngài sẽ được trích dẫn từ "Prologue". Văn bản tiểu sử các thánh được kèm theo nhiều chú thích giải thích đa dạng. Ấn bản này cũng sẽ bao gồm các tiểu sử của các thánh được tôn kính tại địa phương thuộc Nga, Nam Slav và Gruzia. Đối với các thánh Nga, Ủy ban sẽ phải soạn lại nhiều tiểu sử, dựa trên các bản thảo hiện có tại các thư viện và tu viện khác nhau trên đất nước chúng ta.

Vì việc biên soạn các tiểu sử mới đòi hỏi quá trình nghiên cứu kéo dài và liên hệ với các cơ quan khác nhau, nên để không làm chậm trễ việc xuất bản ấn phẩm đã được mong đợi từ lâu, đã quyết định in các tiểu sử các thánh Nga theo từng đợt khi hoàn thành, sau đó sẽ được gộp lại thành các cuốn sách bổ sung đặc biệt ngoài bốn tháng chính, còn trong các cuốn sách hàng tháng sắp tới sẽ bao gồm các tiểu sử đầy đủ và tóm tắt, hiện có trong cuốn "Minei-Chet'i" của Dimitri Rostovsky. Trong việc lựa chọn và biên soạn tài liệu hagiography khi biên soạn các tiểu sử các thánh Nga, Ủy ban tuân theo các hướng dẫn của Giáo sư V. O. Klyuchevsky thuộc Học viện Thần học Moscow và Đại học Moscow.

Cũng tham gia vào việc xuất bản này là Giáo sư M. I. Sokolov của cùng Đại học đó, người đã đảm nhận công việc biên soạn các tiểu sử các thánh Nga – thuộc vùng Rostov-Yaroslavl và một số thánh Slav. Công việc biên tập cho ấn phẩm "Minei-Chetii" được giao cho trợ lý Giám đốc Nhà in A. S. Orlov và người kiểm tra bản in A. N. Soloviev.

"Cuộc đời và những lời ca ngợi các thánh giống như ánh sáng của các vì sao: bởi vì các vì sao, được định vị vững chắc trên bầu trời, chiếu sáng toàn bộ thế gian; chúng được nhìn thấy từ Ấn Độ, không che giấu trước người Scythia, chiếu sáng mặt đất, soi sáng biển cả, và dẫn đường cho những con tàu đang lênh đênh; dù chúng

[1] Ủy ban bao gồm các thành viên sau: Linh mục cao cấp P. A. Smirnov, các linh mục: I. V. Arsenyev, N. V. Arsenyev, M. I. Belyachev, H. M. Milovsky, S. D. Mure-tov, A. A. Polozov, A. M. Pyatikrestovsky, P. I. Pyatnitsky, Soloviev I. R., Strakhov S. V., Fudel I. I. – Các ông: Bogoyavlensky S. K., Verzhbolovich M. O., Dorofeev V. P., Zverev A. V., Italinsky A. D., Kedrov N. I., Pogozhev E. N., Pogorelov V. A., Rozanov H. P., Struzhentsov M. I., Trush K. A., Ushakov D. N. – Các ông: Kasatkin S. V., Molchanov S. I., Pokrovsky A. A., Sakharov S. N., Sergievsky H. F., Sobolev A. M., Stavrovsky S. I., Troitsky N. I. (tám người cuối cùng tham gia vào công tác biên tập).

ta không biết hết tên của họ vì số lượng quá đông, nhưng chúng ta vẫn kinh ngạc trước lòng nhân ái rực rỡ của họ. Cũng vậy, sự sáng chói của các thánh nhân: dù thi hài của họ đã được an táng trong mộ, nhưng sức mạnh của họ trên cõi trần gian không bị giới hạn bởi biên giới trần thế; chúng ta kinh ngạc trước cuộc đời của họ và thán phục vinh quang mà Thiên Chúa ban tặng cho những ai làm đẹp lòng Ngài."

Simeon Metaphrastes

* * *

Hãy tưởng nhớ các vị thầy của các con, những người đã rao giảng Lời Chúa cho các con, và khi nhìn lại cuộc đời của họ, hãy noi gương đức tin của họ

Hê-bơ-rơ 13:7

Các câu chuyện và ghi chép về cuộc đời và hành động của các thánh tu sĩ và các vị chứng nhân, những người đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng những việc làm anh hùng khác nhau, đã tồn tại trong Giáo hội Kitô giáo từ những ngày đầu tiên của sự hiện hữu. Người đặt nền móng cho những câu chuyện này là thánh Luca, nhà truyền giáo, người đã mô tả trong sách Công Vụ Các Tông Đồ những chiến công và sự đau khổ của các môn đệ đầu tiên của Đấng Cứu Thế chúng ta và các môn đệ khác của Ngài. Trước đó không lâu, Thánh Tông đồ Phaolô trong một trong các Thư của ngài đã truyền lệnh cho các Kitô hữu phải tưởng nhớ các vị thầy của mình, những người đã khắc sâu đức tin vào Chúa Kitô qua cuộc đời và cái chết tử đạo của họ. Theo gương của người kể chuyện được Thánh Thần soi dẫn và tuân giữ lời răn của vị Tông đồ hàng đầu, các Kitô hữu luôn cẩn thận lưu giữ những thông tin về cuộc đời và các việc làm của các thánh.

Những ghi chép và truyền thuyết về các thánh tử đạo là những tài liệu sớm nhất. Trong công cuộc truyền bá và củng cố Kitô giáo, sự tử đạo đã đóng vai trò vô cùng quan trọng. Sự kiên định và bất khuất của các vị tử đạo, những người dũng cảm bước vào cái chết vì đức tin của mình, đã tác động mạnh mẽ đến trái tim những người ngoại đạo đến nỗi không ít lần chính những kẻ hành hình, khi chứng kiến sự cam chịu của các nạn nhân, đã quy y Kitô giáo. Như vậy, máu của các vị tử đạo Kitô giáo, theo lời của Tertullian, chính là hạt giống của những Kitô hữu mới.

Bằng cách ghi chép chính xác ngày qua đời của các thánh tử đạo, các Kitô hữu tụ họp vào những ngày đó để kỷ niệm họ. "Hãy ghi nhớ những ngày," Thánh Cyprian thành Carthage viết cho hàng giáo sĩ của mình, "mà các chứng nhân của Chúa Kitô qua đời, để chúng ta có thể kỷ niệm họ cùng với các thánh tử đạo." Với mục đích này, trong Giáo hội Kitô giáo có những thư ký đặc biệt, những người ghi chép lại tất cả những gì xảy ra với các Kitô hữu trong ngục tối và tại các phiên tòa. Như đã biết, ngay từ những cuộc bách hại đầu tiên chống lại các Kitô hữu, Thánh Climein đã bổ nhiệm những thư ký như vậy tại các khu vực khác nhau của Rôma. Mặc dù chính quyền ngoại giáo đã đe dọa những người ghi chép này bằng án tử hình, việc ghi chép vẫn tiếp tục không ngừng trong suốt thời gian diễn ra các cuộc bách hại Kitô hữu[2] . Những bản ghi chép này, trong đó đôi khi có thể tìm thấy thông tin chi tiết về các câu hỏi của các quan tòa tra tấn và câu trả lời của các vị tử đạo, được biết đến với tên gọi "các bản ghi chép tử đạo". Trong số các văn bản này có cả những hồ sơ tòa án hoàn chỉnh, được lập ngay trong quá trình xét xử các vị tử đạo. Đây là các bản sao từ biên bản tòa án chính thức, mà các Kitô hữu đã mua lại từ người ngoại giáo với giá rất đắt.

---

[2] Từ xa xưa, người ta thường cho rằng đã có mười cuộc đàn áp đối với các tín đồ Kitô giáo, cụ thể là dưới thời các hoàng đế sau đây: Nero (54–68), Domitian (81–96), Trajan (98–117), Marcus Aurelius (161–180), Septimius Severus (193–211), Maximinus (235–238), Decius (249–261), Valerian (253–259), Aurelian (270–276) và Diocletian (284–305). Trên thực tế, số cuộc bách hại mang tính tổng thể và phổ biến ít hơn mười, trong khi các cuộc bách hại riêng lẻ và ngẫu nhiên lại nhiều hơn rất nhiều. Tất cả các Kitô hữu thời cổ đại đều cho rằng nguyên nhân của các cuộc bách hại nằm ở sự thù hận của ma quỷ, kẻ đã chống lại Giáo hội Kitô giáo và cố gắng dùng việc bách hại các Kitô hữu – như một trong những phương tiện hiệu quả nhất – để ngăn chặn sự lan rộng của Giáo hội. Quan điểm này đã được Eusebius của Caesarea nêu ra trong tác phẩm "Lịch sử" của ông. Về phía Nhà nước La Mã, từ góc độ của họ, có rất nhiều lý do để đàn áp các Kitô hữu. Các Kitô hữu bị coi là những kẻ xúc phạm đến uy quyền của hoàng đế, khi từ chối tôn vinh các hình tượng hoàng đế bằng việc dâng rượu và thắp hương; họ bị xem là những kẻ phản bội các vị thần của nhà nước và là những người theo một tôn giáo bị pháp luật cấm đoán. Những phép chữa lành kỳ diệu bị những người ngoại đạo coi là hành vi phù thủy bị pháp luật cấm đoán. Kitô giáo là sự phủ nhận hoàn toàn trật tự ngoại đạo: tôn giáo, nhà nước, lối sống, phong tục, đời sống xã hội và gia đình. Các hoàng đế và nhà cầm quyền coi các Kitô hữu là những kẻ âm mưu và nổi loạn, làm lung lay nền tảng của nhà nước và xã hội; các thầy tế kích động sự thù địch chống lại họ, vì các Kitô hữu làm suy yếu lòng tin vào họ: những người có học thức, tôn trọng khoa học và nghệ thuật, coi Kitô giáo là một sự mê tín dị đoan man rợ và nguy hiểm; còn đám dân chúng ít học, mù quáng gắn bó với các thần tượng và lễ hội ngoại giáo, lại coi các Kitô hữu là những kẻ vô thần và hăng hái giúp thi hành án phạt cùng luật lệ ngoại giáo đối với họ.

Ngày các vị tử đạo qua đời không chỉ được kỷ niệm tại các giáo hội mà các vị này thuộc về, mà còn tại tất cả các giáo hội khác, bởi vì các Kitô hữu của mỗi giáo hội đều thông báo cho các giáo hội khác về các vị tử đạo đã chịu khổ nạn trong số họ. Chẳng hạn, Giáo hội Smyrna, nơi Thánh Polykarp đã chịu tử đạo, đã gửi thông điệp về sự kiện này đến Giáo hội Philadelphia và yêu cầu chuyển tiếp thông điệp này đến các giáo hội khác. Các bản tường thuật về những đau khổ của các thánh tử đạo được tôn trọng sâu sắc. Chúng được đọc trong các buổi họp của giáo hội ngay sau Kinh Thánh. Như có thể suy ra từ các bản tường thuật về cuộc tử đạo của Thánh Ignatius, người mang Chúa, phong tục này đã tồn tại từ thế kỷ thứ 2. Trong cuốn tiểu sử cổ xưa về vị tử đạo Eustratius cũng ghi rõ thời điểm đọc các bản tường thuật về cuộc khổ nạn của các thánh – cụ thể là vào giờ kinh sáng sau khi hát các thánh vịnh. Và vào năm 418, Công đồng Carthage đã ban hành quy định: vào các ngày tưởng niệm các vị tử đạo, phải đọc các bản tường thuật về cuộc tử đạo của các ngài trong nhà thờ.

Khi cuộc bách hại đối với các Kitô hữu chấm dứt và Giáo hội Chúa Kitô chiếm vị trí thống trị trong nhà nước, đã xuất hiện những người chu đáo và khôn ngoan trong Giáo hội, những người đã đặt mục tiêu tập hợp lại tất cả các ghi chép và câu chuyện về các vị tử đạo. Người đầu tiên trong số những người sưu tầm này là *Eusebius Pamphilus*, Giám mục thành Caesarea[3] . Ban đầu, ông đã sưu tầm các tiểu sử của các vị tử đạo ở Palestine, những người đã chịu khổ nạn dưới thời hoàng đế Diocletian. Sau đó, theo truyền thuyết, ông đã thỉnh cầu Hoàng đế Constantine Đại Đế cho trích lục các văn bản về các vụ tử đạo từ tất cả các cơ quan tư pháp của Đế quốc Hy Lạp-La Mã. Theo sắc lệnh của hoàng đế, tất cả các hồ sơ liên quan đều được gửi đến Eusebius, và dựa trên những tài liệu này, ngài đã biên soạn "Tập hợp các cuộc tử đạo cổ xưa". Tập hợp này chứa đựng những câu chuyện về các vị tử đạo, các giám mục, các vị tuyên xưng đức tin, các thánh nữ và các trinh nữ trên khắp các giáo phận. Theo một số người, bộ sưu tập này gồm hai mươi quyển, còn theo lời chứng của những người khác thì gồm mười sáu quyển. Tuy nhiên, ngay từ đầu thế kỷ thứ 7, bộ sưu tập của Eusebius đã trở nên hiếm đến mức không thể tìm thấy bản sao nào của nó trong cả Giáo hội Alexandria lẫn Giáo hội Rôma. Không có gì ngạc nhiên khi tác phẩm của Eusebius không còn tồn tại nguyên vẹn đến ngày nay, và chỉ có một số phần của nó được tìm thấy trong các tác phẩm của các tác giả khác. Rất có thể, cuốn sách của Eusebius ngay sau khi ra đời đã được các nhà sưu tầm và biên soạn tiểu sử sau này phổ biến và bổ sung, đến nỗi nó sớm mất đi hình thức ban đầu và tên của người biên soạn đầu tiên. Ngoài ra, do việc sao chép toàn bộ cuốn sách của Eusebius gặp nhiều khó khăn và tốn kém, nên nó đã được chia thành các phần, và chính những phần này xuất hiện trong các tác phẩm văn học của các quốc gia khác nhau vào thời kỳ sau này.

Ngoài Evsevius, Thánh Marufa, Giám mục Mesopotamia, cũng được biết đến với công lao sưu tầm và biên soạn các tiểu sử các thánh. Ngài đã mô tả những đau khổ của các vị tử đạo tại Ba Tư với độ chính xác lịch sử. "Về các vị tử đạo," Thánh *Marufa* nói, "những người mà tôi đã mô tả mọi cực hình, bản án và cái chết của họ, thì đối với một số người trong số họ, chính tôi đã là nhân chứng trực tiếp, vì họ đã chịu khổ nạn vào thời của tôi. Còn về lịch sử của các vị tử đạo thời kỳ trước đó, tôi đã ghi chép dựa trên lời kể của các giám mục cao niên và các linh mục trung thực, đáng tin cậy, những người đã tận mắt chứng kiến những hành động của các vị tử đạo diễn ra vào thời đại của họ."

Sau khi mở rộng và củng cố Giáo Hội của Ngài bằng máu của các vị tử đạo, những người đã làm chứng cho lẽ thật của đức tin mình bằng sự kiên nhẫn dũng cảm và vô vàn đau khổ[4] , Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã chỉ ra những con đường khác để cứu rỗi và tôn vinh các môn đệ của Ngài. Sau những cuộc bách hại tàn bạo, đã làm lung lay nhưng không thể hủy diệt Hội Thánh của Đấng Christ, Chúa đã ban cho Hội Thánh sự bình an và yên ổn, và trong thời kỳ này, Ngài đã tỏ ra những vị thánh mới của Ngài trong Hội Thánh. Trong hàng ngũ các Kitô hữu, những vị tu hành vĩ đại đã tỏa sáng: có người nổi tiếng nhờ việc giảng dạy và rao giảng Lời Chúa, có người nhờ sự thánh thiện trong đời sống và việc hướng dẫn người khác về các đức tính, có người nhờ việc ăn chay và tự nguyện chế ngự thân xác cùng các dục vọng, và có người nhờ những công việc và hành động khác nhau. Cũng như những

---

[3] *Eusebius* (268–340), người đã giữ chức giám mục tại Caesarea Palestine trong một thời gian dài và có liên quan mật thiết đến nhiều sự kiện trọng đại của thời đại mình, được biết đến như là "cha đẻ của lịch sử Giáo hội" và là một nhà thần học, các tác phẩm của ông được Giáo hội Kitô giáo đánh giá rất cao. Ông nổi bật với kiến thức uyên bác, điều này chịu ảnh hưởng lớn từ người bạn của ông là Pamphilus, một linh mục của Giáo hội Caesarea. Tình bạn của họ thân thiết và chân thành đến mức, để tưởng nhớ người bạn của mình, Eusebius đã ghép tên của Pamphilus vào tên mình và được biết đến với tên gọi Eusebius Pamphilus.

[4] Trong tiếng Hy Lạp, vị tử đạo được gọi là μάρτυς, có nghĩa là *"người làm chứng"* (cho sự thật), do đó các ghi chép về các vị tử đạo được gọi là *"martyrologion*".

đau khổ của các vị tử đạo Kitô giáo đã được mô tả một cách cẩn thận và chi tiết, thì những công lao của các vị thánh mới cũng không bị lãng quên. Một loạt các câu chuyện giáo hội mới về các vị thánh của Đức Chúa Trời đã xuất hiện. Chúng ta tìm thấy những câu chuyện này, ngoài một số tác phẩm lịch sử giáo hội, trong các tuyển tập khác nhau, dài ngắn khác nhau, chẳng hạn như các cuốn "Paterika", "Synaxaria" và những loại tương tự[5] .

Một số cuốn "Paterika" của Hy Lạp, vốn được gọi chung là "πατερικα", "γερονιτικα", "μοναχικα βιβλια", đã được biên soạn trong suốt thế kỷ 15–16. Trong số đó, những cuốn nổi tiếng nhất là:

1) *"Limonar vĩ đại"* ([6]) của Ai Cập, hiện không còn tồn tại, là nguồn gốc của các cuốn "Paterika" về Skete và "Paterika theo bảng chữ cái" (những lời dạy của các vị thánh trưởng lão);

2) *"Lavsaik"*, kể về các vị tu sĩ Ai Cập, cuộc đời của họ được mô tả vào thế kỷ thứ 5 bởi Giám mục Palladius – một nhân chứng trực tiếp – dành cho Lavsa, vị thống trị của Cappadocia;

3) *Lịch sử những người yêu mến Thiên Chúa*, tức là các tu sĩ Syria, do Theodoretus của Cyrrhus († 457) biên soạn;

4) *Cuộc Đối Thoại (hay Đối Thoại)*, chứa đựng những câu chuyện về cuộc đời và các phép lạ của các vị tu sĩ Ý, được viết vào khoảng năm 593 bởi Thánh Grêgôriô Cả, người được gọi là "Người Hai Lời" nhờ tác phẩm này, và 165 năm sau đó được dịch từ tiếng Latinh sang tiếng Hy Lạp;

5) *"Cánh đồng Thần* linh", bao gồm những lời dạy, phép lạ và công đức của các vị cha thánh tại Palestine, Ai Cập và Syria, được tu sĩ Gioan Moschos († 622) sưu tầm.

Tất cả các tác phẩm được liệt kê trên đây – các bản ghi chép về các vị tử đạo, các tuyển tập thông tin về các vị tu hành và các tác phẩm khác – đã trở thành nền tảng cho các cuốn lịch tháng, các cuốn "Synaxarion" và *"Minei-Cheti"*, tức là các bài đọc được sắp xếp theo tháng về cuộc đời và các chiến công của các thánh.

Trong số các cuốn lịch thánh và sách thánh danh từ Hy Lạp, có những cuốn sau đây:

1) *Lịch Thánh theo tháng*, được biên soạn theo ý muốn của Hoàng đế Basil (thế kỷ 10–11);

2) *Sách Lễ Thánh của Thánh Phêrô*, có niên đại cổ hơn Sách Lễ Tháng của Basil (bản chép tay cổ nhất năm 1249);

3) *Sách Thánh nhân Claromont* thế kỷ 11–12, có cấu trúc tương tự như Sách Thánh nhân của Thánh Phêrô.

Ngoài ra, còn có hai loại Sách Thánh Thơ, được gọi như vậy vì trước mỗi câu chuyện trong đó đều có hai hoặc ba câu thơ để tôn vinh các thánh. Các Sách Thánh Thơ này được biên soạn vào thế kỷ 12–13 dựa trên các bản Sách Thánh không có thơ đã nêu trên.

Theo lời chứng của Thánh Phê-ô-đô-rô Studita, vào cuối thế kỷ VIII, trong Giáo hội Kitô giáo đã có mười hai cuốn Sách Lễ. Nội dung của chúng rất đa dạng. Ngoài các tiểu sử, người ta bắt đầu đưa vào đó những lời dạy của các vị Thánh Cha nổi tiếng nhất của Giáo hội nhân các ngày lễ trọng đại. Một số bản tường thuật về các vị tử đạo hoặc những truyền thuyết cổ xưa về các vị tu sĩ bắt đầu được chuyển thể thành những bài ca ngợi. Ngoài ra, một số tiểu sử cổ xưa cũng được viết lại bằng một phong cách mới, thanh nhã và trau chuốt hơn.

Trong thể loại tác phẩm này, *Simeon Metaphrastes* nổi tiếng đã vượt trội hơn tất cả nhờ những công trình của mình. Theo lệnh của Hoàng đế Constantine[7] , ông phải thu thập tất cả các cuốn tiểu sử cổ xưa càng nhiều càng tốt và sắp xếp chúng theo tháng và ngày. Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành sâu sắc đối với vinh quang của các vị thánh tu hành, Simeon không chỉ thu thập các câu chuyện về họ, mà còn chỉnh sửa nhiều trong số đó, rút gọn một phần và, quan trọng nhất, thay thế ngôn ngữ cổ xưa, nặng nề và phần lớn khó hiểu bằng phong cách văn chương trong sáng và tinh tế hơn, phù hợp với thời đại của ông[8] . Một số người ước tính có khoảng năm trăm cuốn tiểu sử

---

[5] *"Paterik"* (πατερικόν – có nghĩa là βιβλίον) trong tiếng Nga có nghĩa là *"sách* về các vị *thánh tổ*", tức là cuốn sách về các vị thánh tổ hoặc về các vị thánh tổ. Đây là tên gọi của các tuyển tập bao gồm những câu chuyện ngắn về các vị tu sĩ hoặc những lời răn dạy của họ. – *Sinaxarion* (từ tiếng Hy Lạp συνάγω – thu thập, tập hợp) – là tuyển tập dùng để đọc trong các buổi họp của các tín hữu Kitô giáo, chứa đựng những câu chuyện ngắn về các chiến công của các thánh và những đau khổ của các vị tử đạo, cũng như những tiểu sử đầy đủ, sau này được gọi là "Prologue".

[6] *Limonar* – bắt nguồn từ từ Hy Lạp λειμών – đồng cỏ, bãi cỏ.

[7] Hoàng đế Constantine VII trị vì từ năm 912 đến năm 959 và nổi tiếng với tình yêu dành cho các tác phẩm học thuật. Dưới triều đại của ông, vào năm 957 tại Constantinople, Đại công chúa Olga đã nhận phép rửa tội.

[8] Chính vì điều này mà Simeon được đặt biệt danh là Metaphrastes, có nghĩa là: người kể lại, người chuyển thể. Simeon sinh ra tại Constantinopolis, đã nhận được nền giáo dục thế tục và thần học cao cấp, từng là thư ký của hoàng đế, thực hiện các nhiệm vụ ngoại giao quan trọng, là Logofet vĩ đại của Giáo hội Constantinopolis, là Patrician và Magister của đế quốc. Trong Giáo hội Hy Lạp, Simeon Metaphrastes đã được phong thánh.

thánh đã được Simeon chỉnh sửa. Ngoài ra, ông còn soạn mới 122 cuốn tiểu sử. Metaphrastus đã bổ sung vào các tiểu sử thánh những lời ca ngợi và răn dạy nhân các ngày lễ của Chúa, Đức Mẹ và một số vị thánh, được chọn lọc từ các tác phẩm của các vị Thánh Phụ và các vị Thầy vĩ đại của Giáo Hội.

Cả trong Giáo hội Kitô giáo cổ đại lẫn Giáo hội Nga, phong tục đọc các tiểu sử thánh trong các Thánh lễ đều được tuân thủ nghiêm ngặt. Việc đọc vào giờ Matins, sau bài ca thứ sáu của Thánh ca, ngay sau Kondak và Ikos – những phần mà tiểu sử tóm tắt có mối liên hệ rất chặt chẽ – là phổ biến hơn[9] . Do đó, trong Giáo hội Nga, bản dịch tiếng Slav của "Prolog" đã xuất hiện từ rất sớm. Ban đầu, nó mang tên "synaksarion", sau đó, dựa trên từ đầu tiên của nó – πρόλογος, tức là "lời tựa" – nó được gọi là *"prolog*".

Có ba loại "Prologos" bằng tiếng Slav.

Loại thứ nhất dựa trên lịch tháng tiếng Hy Lạp của Hoàng đế Basil, được bổ sung vào nửa sau thế kỷ 11 bởi tu sĩ Ilia thuộc Tu viện Studion (các ngày tưởng niệm từ Sinaxarion của Thánh Peter) và Konstantin, Tổng giám mục Mokisiya (sáu mươi lăm câu chuyện dài).

Loại prolog thứ hai được người Slav biên soạn dựa trên loại thứ nhất và các bản "Minei-Chetii" cổ xưa.

Loại thứ ba – *dạng thơ*, được dịch vào thế kỷ 14 từ bản Prologue thơ cổ nhất của Hy Lạp[10] .

Bản dịch tiếng Slav của "Minei-Chetii" cũng cần được xếp vào những thế kỷ đầu tiên của văn tự Slav. Tuy nhiên, không phải tất cả mười hai quyển của "Minei-Chetii" từ thời kỳ này đều còn tồn tại: cụ thể là, từ thế kỷ 11 chỉ còn lại một quyển tháng Ba trong bản chép tay Nam Slav, còn từ thế kỷ 12 – một đoạn trích của quyển tháng Năm[11] . Tuy nhiên, dựa trên các bản chép tay thế kỷ XV (không có bản nào từ thế kỷ XIII và XIV), vốn lặp lại các bản rất cổ xưa, có thể suy luận rằng vào thế kỷ X–XI, người Slav đã có bản dịch đầy đủ của "Minei-Chetii" cho cả mười hai tháng. Bản dịch tiếng Slav được thực hiện từ các bản "Minei" tiếng Hy Lạp, vốn chỉ chịu ảnh hưởng nhỏ từ các bản sửa đổi của Metaphrastus.

Các cuốn "Paterik" đã xuất hiện rất sớm trong các bản dịch Slav. Trong các bản thảo Slav, tên gọi "Paterik Skitsky" thường được sử dụng một cách chung chung cho các cuốn "Paterik" có nội dung khác nhau, mặc dù "Limonar" trong hầu hết các trường hợp được gọi là "Paterik Sinai" hoặc "Tsvetnik". Các bản thảo tiếng Nga của các cuốn "Paterik" Sinai và Skit đã có từ thế kỷ 12–13 và được nhiều nhà văn thế kỷ 13 biết đến. Từ thế kỷ 16, các cuốn "Paterik" được lưu giữ trong vô số bản sao và được sử dụng rộng rãi.

Lần đầu tiên tại Nga, cuốn "Lug Dukhovny" (Cánh đồng Thần linh) được xuất bản vào năm 1628. Cuốn "Cuộc đối thoại của Thánh Grigori Dvoeslov" được Simeon Polotsky dịch vào năm 1671.

Từ thời cổ đại xa xưa, *các tác phẩm lễ hội* (βιβλία πανηγυρικά) đã được dịch từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Slav. Chúng được chia thành hai loại.

Loại thứ nhất – *"Miney*" – về thứ tự các bài viết thì gắn liền với "Sách Lễ Hàng Tháng" (Monthly Miney), cụ thể là các bài viết trong đó được sắp xếp theo thứ tự các ngày lễ theo tháng và ngày trong cả năm, bắt đầu từ tháng Chín. Loại này chứa đựng những lời ca ngợi về các ngày lễ của Chúa và Đức Mẹ, tiểu sử các thánh, cùng những truyền thuyết về nguồn gốc của các ngày lễ và các nghi lễ nhà thờ.

Loại thứ hai của Sách Lễ – *loại Triodion* – có các bài viết được sắp xếp theo thứ tự của Triodion Mùa Chay và Mùa Hoa, tức là theo từng tuần, từ Tuần của người thu thuế và người Pha-ri-si cho đến Tuần của Các Thánh.

---

[9] *Bài Kondak* – tóm tắt dưới dạng kể chuyện những nét chính trong cuộc đời và hoạt động của vị thánh; *bài Ikos* dựa trên những nét đó để ca ngợi vị thánh, bắt đầu mỗi nét bằng lời kêu gọi: "Hãy vui mừng". Những cuốn tiểu sử cổ xưa nhất về các thánh Nga, về mặt cấu trúc, thực chất là những bài Kondak và Ikos phổ biến.

[10] Các bản chép cổ nhất thuộc loại thứ nhất như sau: 1) *Bản Lobkovsky* (tại thư viện Tu viện Edinoverchesky ở Moscow), bao gồm nửa năm tháng 9; bản này được cho là từ năm 1262; 2) *Bản "Sofiysky"* (tại thư viện Học viện Thần học Saint Petersburg), được viết trước năm 1250, cũng bao gồm nửa tháng 9; 3) *Bản in* (tại thư viện Nhà in Thượng hội đồng Moscow) thế kỷ 13–14, bao gồm các truyền thuyết và ngày kỷ niệm từ ngày 24 tháng 3 đến ngày 25 tháng 8. Bộ sưu tập lớn nhất (hơn 30 bản) các phần mở đầu trên giấy da của người Slav được lưu giữ tại chính thư viện Nhà in Thượng hội đồng Moscow. Bản sao cổ nhất thuộc loại thứ hai là *bản in* thế kỷ 14; bản sao cổ nhất của Phần mở đầu bằng thơ là *bản tiếng Serbia* năm 1370 (tại thư viện Tu viện Đồng Tôn Moscow). Phần mở đầu in ấn được biên soạn dựa trên cả ba loại nêu trên. Ấn bản đầu tiên của nó ra mắt vào năm 1641 – chỉ bao gồm nửa năm tháng 9; toàn bộ Phần mở đầu được xuất bản lần đầu tiên vào các năm 1642–1643. Trong quá trình in ấn, nó đã trải qua một số lần sửa chữa và bổ sung.

[11] Sách Lễ Thánh (Mineya) thế kỷ 11 – tháng 3 – được phát hiện tại Tu viện Supraśl gần thành phố Białystok, tỉnh Grodno, và vì vậy thường được gọi là "Bản thảo Supraśl"; Sách Lễ Thánh thế kỷ 12 – tháng 5 – hiện được lưu giữ tại thư viện của Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời ở Moscow.

Phần lớn các bài viết trong loại này là những bài giảng liên quan đến ý nghĩa của từng tuần, cùng với một số lời ca ngợi.

Sách Lễ nghi Minea được dịch tại Bulgaria đã du nhập vào Nga từ rất sớm, bởi vì đã có bản sao tiếng Nga của nó từ thế kỷ 12. Lịch sử những thay đổi của Sách Lễ nghi Minea tại Nga chủ yếu bao gồm:

1) việc cắt giảm các tiểu sử thánh Hy Lạp,

2) việc bổ sung các bài viết bằng tiếng Nga,

3) sự hợp nhất với Sách Lễ Triodion.

Vào thế kỷ 18, theo mẫu của các cuốn Sách Lễ Minai cổ xưa, một cuốn mới đã được biên soạn, phần nào dựa trên các lời tựa in sẵn và các sách Phúc Âm.

Sách Lễ Triodion cũng đã được dịch sang tiếng Bulgaria. Những thay đổi đối với loại sách lễ này ở Nga chủ yếu bao gồm:

1) việc bổ sung các lời của Cyril, Giám mục Turov (thế kỷ 12), và

2) việc đưa vào vào thế kỷ 15 những lời của Grigori Tsamblak (bản thảo cổ nhất tại thư viện thành phố Uvarov, năm 1473–1477[12]).

Đồng thời, cùng với sự phát triển dần dần của Giáo hội Nga, các cuốn tiểu sử về các thánh Nga cũng ngày càng nhiều lên. Những người biên soạn đầu tiên của các tác phẩm này là: Iakov Chernorizets (Tu sĩ) (1074–1088), người đã viết tiểu sử các thánh Boris và Gleb, và vị tu sĩ Nestor, người đã viết hai câu chuyện – một về các thánh Boris và Gleb, và một về vị tu sĩ Theodosius Pechersky.

Trong văn học thế kỷ 15 xuất hiện *"Paterik Pechersk"*, được biên soạn theo mô hình các tác phẩm "Paterik" của Hy Lạp[13] . Tác phẩm này là tuyển tập các câu chuyện ngắn, đầy ắp những phép lạ, về các vị tu sĩ khổ hạnh của Tu viện Pechersk và về chính tu viện này. Nền tảng của cuốn "Paterik" này dựa trên các câu chuyện của Giám mục Vladimir Simon[14] và tu sĩ Polikarp thuộc Tu viện Pechersk.

Mười bốn câu chuyện của Simon được viết dưới dạng thư gửi cho Polikarp. Chín trong số đó kể về các vị thánh làm phép lạ ở Pechersk và năm câu chuyện kể về những phép lạ đi kèm với việc xây dựng nhà thờ chính của Pechersk.

Bộ sưu tập các câu chuyện của Simon, dựa trên chính lời kể của ông, đã được Polikarp bổ sung bằng cách viết thêm mười một câu chuyện, cũng dưới dạng thư gửi cho Archimandrite Akindin của Pechersk.

Sau này, cùng với một số bài viết muộn hơn và các tác phẩm từ thời kỳ sớm hơn, các phần chính của cuốn "Paterikon" này đã được bổ sung: tiểu sử của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, do Nê-stô-rô viết và được đặt ở đầu cuốn "Paterikon", cùng các câu chuyện "về lý do Tu viện Pechersk được đặt tên như vậy" và về những tu sĩ đầu tiên của Pechersk, được trích từ "Sử ký ban đầu" và trong cuốn "Paterik" được ghi là do chính Nestor soạn, nhưng thực tế được biên soạn bởi một tu sĩ mới xuất gia và là đệ tử của Thánh Theodosius, có lẽ là Silvestr, người sau này trở thành vị trụ trì của Tu viện Mikhailovsky ở Kiev. Số lượng lớn các bản sao của "Paterikon Pechersk" còn lưu truyền đến ngày nay chứng tỏ rằng đây là cuốn sách được tổ tiên chúng ta yêu thích[15] .

---

[12] Sách Lễ Triodion được xuất bản vào năm 1647 ("Cuốn sách được gọi là Sobornik"). Năm 1700, ấn bản này đã được hiệu đính dựa trên các bản gốc tiếng Hy Lạp và tiếng Slav.

[13] "Lugu Tinh thần", "Lavsaik", "Paterikon theo bảng chữ cái" và các tác phẩm khác. Bản thảo cổ nhất của "Paterikon Pechersk" là từ năm 1406; nó được sao chép cho Arsenius, Giám mục Tver, và hiện được lưu giữ tại Thư viện Công cộng Hoàng gia.

[14] *Thánh Simon*, tu sĩ của Tu viện Pechersk, Bề trên Tu viện Rozhdestvensky ở Vladimir, từ năm 1215 trở thành Giám mục Vladimir và Suzdal, đã qua đời vào năm 1226. Xác thánh của ngài được an táng tại các hang động Kiev; ngày kỷ niệm của ngài là ngày 10 tháng 5.

[15] Trong suốt quá trình tồn tại kéo dài nhiều thế kỷ, cuốn "Paterik Kiev-Pechersk" đã trải qua nhiều lần chỉnh sửa do các nhân vật của Tu viện Pechersk thực hiện. Những lần chỉnh sửa quan trọng nhất bao gồm: 1) vào năm 1460, các bài viết trong cuốn sách đã được bổ sung và sắp xếp lại theo lệnh của Cassian, ban đầu là thành viên của Hội đồng Giáo sĩ, sau đó là người soạn thảo Hiến chương của Tu viện Pechersk; 2) trong giai đoạn 1847–1866, cuốn "Paterik" đã được chỉnh sửa và bổ sung các mục biên niên theo lệnh của Archimandrite Iosif Trizna thuộc Tu viện Kiev-Pechersk; 3) vào năm 1661, dưới sự ban phước của Innokenty Gizel, Archimandrite của chính Tu viện này, cuốn sách đã được in ấn; phiên bản "Paterik" này bao gồm một loạt các tiểu sử hoàn chỉnh về các vị tu sĩ Pechersk, do đó các thông điệp và câu chuyện trong bản "Paterik" cổ xưa đã được chia thành các phần, mỗi phần chứa thông tin về một vị tu sĩ cụ thể và được bổ sung lẫn nhau; 4) Tuy nhiên, trước khi có bản in tiếng Nga năm 1661, cuốn "Paterik Kiev" đã được xuất bản dưới dạng tóm tắt bằng tiếng Ba Lan bởi Silvestr Kossov, Giám mục Mstislav, Oshan và Mogilev, vào năm 1635, theo ý nguyện của Tổng giám mục Peter Mohyla, nhằm chống lại các nhà văn Latinh-Ba Lan, những người phản đối sự thánh thiện của các vị tu sĩ hang động và khẳng định rằng Kiev đã được khai sáng bởi đức tin Kitô giáo từ Đức Giáo hoàng, chứ không phải từ các tổng giám mục phương Đông.

Ban đầu, các cuốn "Cuộc đời các thánh Nga" chủ yếu mang tính chất ghi chép, hay "ký ức", về các vị thánh. Đó là những câu chuyện ngắn gọn, khô khan, chỉ thỉnh thoảng được làm sinh động bằng lời nói của nhân vật chính hoặc những trích dẫn từ Kinh Thánh. Nhưng với sự gia tăng của các bản dịch tiểu sử Hy Lạp và đặc biệt là dưới ảnh hưởng của các tác phẩm hùng biện trong Giáo hội, chẳng hạn như những lời ca ngợi và giáo huấn vào các ngày lễ thánh, từ thế kỷ XV, các tiểu sử các thánh Nga đã có một diện mạo mới.

Tác phẩm đầu tiên thuộc loại này là cuốn tiểu sử về Thánh Phêrô, Tổng Giám mục, do Thánh Cyprian biên soạn. "Người công chính xứng đáng được ca ngợi," tác giả viết trong lời tựa của cuốn tiểu sử, "và tôi, được thúc đẩy bởi tình yêu dành cho vị mục tử, muốn dâng lên ngài một lời ca ngợi khiêm tốn." Với cách nhìn nhận tiểu sử thánh nhân như một lời ca ngợi dành cho ngài, Cyprian thấy bản tiểu sử trước đây về Thánh Phêrô quá đơn giản và khô khan, không phù hợp với mục đích đó. Vì vậy, ông đã viết lại một bản tiểu sử chi tiết và hoa mỹ hơn, kết thúc bằng một lời ca ngợi trang trọng dành cho vị thánh.

Hướng đi mới này trong lĩnh vực tiểu sử các thánh Nga đã được tu sĩ Epiphanius[16] củng cố và phát triển hơn nữa. Trong các tiểu sử về Thánh Stefan Perm và Thánh Sergius Radonezh do ông soạn thảo, các thủ pháp hùng biện được sử dụng dồi dào và dành nhiều không gian cho "lời hay", hay còn gọi là tài hùng biện.

Nhân vật nổi bật nhất trong việc biên soạn các cuốn tiểu sử các thánh Nga chính là Pakhomius Logofet[17] . Trong giới giáo hội nước Nga đương thời, ông được coi là đại diện cho nền học thuật sách vở, vượt trội hơn tất cả về trí tuệ và sự khôn ngoan. Chính vì vậy, từ Đại công tước, Tổng giám mục, Giám mục Novgorod cho đến Bề trên Tu viện Troitsa-Sergiev – tất cả đều tìm đến Pakhomius để xin ông viết về vị thánh này hay vị thánh kia. Trong các tác phẩm của mình, Pakhomius đã thiết lập một hình thức văn học thống nhất cho thể loại tiểu sử thánh, mà sau này các "người chép tiểu sử" Nga đã nhiều lần bắt chước.

Hoạt động của Tổng giám mục Makarii[18] đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử văn học tiểu sử thánh Nga. Thời kỳ của ông nói chung tràn ngập những cuốn tiểu sử mới về các thánh Nga. Sự phong phú này được giải thích bởi việc phong thánh cho nhiều vị thánh tại các Công đồng năm 1547 và 1549. Sau Công đồng đầu tiên trong số này, các giám mục giáo phận đã sưu tầm các cuốn tiểu sử, các kinh cầu và các phép lạ của các vị thánh làm phép lạ vĩ đại mới; sau khi xác nhận chúng tại Công đồng năm 1549, họ đã thiết lập việc cử hành lễ kính cho nhiều vị thánh Nga mới được tôn vinh dựa trên các cuốn tiểu sử và kinh cầu này. Tuy nhiên, công trình chính của Makarii chính là *bộ "Veliie Minei-Chetii" (*Các Cuốn Sách Lễ Lớn).

Khi còn là Tổng giám mục Novgorod, Makarii đã tự mình đảm nhận công việc sưu tầm toàn bộ các tác phẩm văn học tâm linh của thời đại mình, hay như chính ông đã nói, "tất cả các cuốn sách quý giá có thể tìm thấy trên đất Nga". Chính Makarii đã nói về công trình này như sau: "Tôi đã viết những cuốn sách thánh vĩ đại này tại Veliky Novgorod, khi tôi còn là tổng giám mục ở đó, và tôi đã viết, sưu tầm, rồi tập hợp chúng lại thành một nơi duy nhất trong mười hai năm[19] , với nhiều tài sản và nhiều thư ký khác nhau, không tiếc tiền bạc cũng như mọi vinh dự, nhưng hơn thế nữa, tôi còn dành nhiều công sức để hiệu đính các câu tục ngữ nước ngoài và cổ xưa, dịch sang tiếng Nga, và chừng nào Chúa ban cho chúng tôi sự hiểu biết, thì chúng tôi mới có thể sửa chữa được chừng đó, còn những phần khác cho đến ngày nay vẫn chưa được chỉnh sửa và chúng tôi để lại cho những người sau này, với

---

[16] *Epiphanius the Wise*, đệ tử của Thánh Sergius, sống vào cuối thế kỷ 14 – đầu thế kỷ 15; ngài đã từng ở Constantinople, núi Athos và Jerusalem; qua đời năm 1420 với tư cách là tu sĩ linh mục và cha giải tội tại Tu viện Troitsa-Sergiev.

[17] *Pachomius* là người gốc Serbia, một tu sĩ trên núi Athos, xuất hiện tại Moscow vào khoảng năm 1440. Ông đã dành hai mươi năm tại Tu viện Troitsa, nơi ông làm việc biên soạn các tiểu sử thánh và sao chép sách. Tổng Giám mục Ion của Novgorod đã mời ông đến để biên soạn các tiểu sử của các thánh Novgorod.

[18] *Macarius* (1482–1564) – Tổng Giám mục Toàn Nga, đệ tử của Thánh Paphnutius Borovskyi; năm 1526, từ chức vụ Archimandrite tại Tu viện Mozhaisk-Luzhetsk, ngài được tấn phong làm Tổng Giám mục Novgorod, và năm 1542, ngài được tấn phong làm Tổng Giám mục Moscow. Ông được Sa hoàng Ivan Bạo chúa yêu mến và được tất cả những người cùng thời kính trọng, bất kể họ thuộc phe phái nào. Makariy chiếm một vị trí nổi bật trong lịch sử Giáo hội và văn học Nga. Những sự kiện quan trọng nhất trong thời gian ông quản lý Tổng giáo phận Moscow bao gồm: 1) các Công đồng Giáo hội năm 1547 và 1549, 2) Công đồng 100 đại biểu năm 1551 và 3) việc khai trương nhà in đầu tiên tại Moscow vào năm 1563. Để sưu tầm các bản tiểu sử cổ xưa và biên soạn các bản tiểu sử mới về các thánh Nga, Makari đã tập hợp xung quanh mình nhiều nhân vật nổi bật; trong số đó, chính ông không chỉ là người lãnh đạo và biên tập viên, mà còn là một cộng tác viên nhiệt thành.

[19] Tức là giai đoạn 1529–1541. Những lời của Makari được trích dẫn ở đây nằm trong cái gọi là "Sổ ghi chép", được đính kèm với cuốn "Minei". Từ chính "Sổ ghi chép" này có thể thấy rằng một trong những vị giám mục được ghi trong "Minei" đã được đưa vào Đại hội Thánh Mẫu năm 1552 và, có lẽ, cuốn sách đã được hoàn thành vào khoảng thời gian đó. Do đó, người ta cho rằng việc biên soạn "Minei" đã kéo dài ít nhất hai mươi năm.

sự giúp đỡ của Chúa, có thể sửa chữa". Tại Moscow, Makarii đã bổ sung vào tuyển tập của mình một số lượng đáng kể các tác phẩm, những tác phẩm này không có trong bản gốc ở Novgorod.

Nội dung của "Minei-Chetiye" của Makarii rất đa dạng. Trong đó, dưới mỗi ngày đều có hai lời mở đầu ([20]), chứa đựng những thông tin ngắn gọn về cuộc đời hoặc sự tử đạo của vị thánh, về ngày lễ trong ngày, cùng các bài viết nhỏ mang tính giáo dục không liên quan trực tiếp đến ngày lễ đó; sau đó là các tiểu sử chi tiết về các thánh, các câu chuyện về việc khai quật di cốt (trước đây đã tồn tại trong nhiều tuyển tập hoặc riêng lẻ), cùng những lời ca ngợi và lời chúc mừng trang trọng, vốn được in trong các tuyển tập đặc biệt gọi là "Torzhestvenniki". Ngoài ra, trong "Mineya Makaryevsky" còn có các tác phẩm văn học tâm linh nổi tiếng khác vào thời đó, phần lớn các sách Thánh Kinh, nhiều tác phẩm của các vị Thánh Phụ, cũng như của các vị giám mục và nhà văn tâm linh người Slav và Nga, các cuốn "Paterik" (trong đó có "Paterik Kiev-Pechersk") và các tác phẩm tương tự[21] . Nói chung, đây là một bộ bách khoa toàn thư đầy đủ về nền giáo dục tâm linh Nga thời bấy giờ.

Năm 1600, tại Tu viện Chudov ở Moscow, việc biên soạn "Cheti-Minei" gồm mười ba quyển đã được hoàn tất, "vì tháng Mười Một được chia thành hai phần". Hiện nay chỉ còn lưu giữ được mười một quyển. Nội dung của chúng được xác định như sau trong phần mở đầu của mỗi tháng: "Trong đó ghi chép các bài giảng lễ hội và các bài giảng tiên tri, những cuộc tử đạo và lời ca ngợi của các Tông đồ, tiểu sử của tất cả các thánh, cuộc tử đạo của các thánh tử đạo nam và nữ, tiểu sử và những việc làm cao cả của các vị cha thánh và các vị cha thánh kính Chúa, những đau khổ và việc làm cao cả của các nữ thánh, cùng với các vị thánh làm phép lạ mới, cũng như cuốn "Paterik" của Hang Động Kiev, cùng các cuốn sách khác..." Trong số những cuốn sách này, ngoài ra còn có "Paterik" của Sinai và "Cuốn Sách Đối Thoại" của Giáo hoàng Grigorius Đại đế. So với "Chetii-Minei" của Tổng Giám mục Makarii, bản Chudov khác biệt ở chỗ không có lời tựa và ít trích dẫn từ các sách lễ trọng; đồng thời còn có những bài viết mới, chưa được đưa vào tuyển tập của Makarii.

Một thế kỷ sau các tập "Minei" của Makarii, vào những năm 1627–1632, tu sĩ German Tulupov thuộc Tu viện Troitsa-Sergiev đã biên soạn các tập "Minei-Chetii". Nội dung của chúng gần như hoàn toàn bao gồm các tiểu sử và truyền thuyết về các thánh Nga.

Cũng gần như cùng thời điểm đó, linh mục Ioann Milyutin của Nhà thờ Chúa Giáng Sinh tại Sergiev Posad đã miệt mài biên soạn các cuốn "Minei". Trong suốt tám năm (1646–1654), ông cùng ba người con của mình đã sao chép lại các tiểu sử các thánh. "Tôi đã chép," ông viết trong lời tựa, "từ các cuốn 'Minei-Cheti' của tu viện," tức là từ các cuốn 'Minei' của Tu viện Troitsk do German Tulupov biên soạn. Một số bổ sung được thực hiện dựa trên bản in "Prolog" từ năm 1642–1643. Ioann Milyutin không chỉ thu thập các bài viết mà còn chỉnh sửa lại chúng. Trong cuốn "Miney" của ông có không ít bài viết và tiểu sử các thánh Nga mà không có trong cuốn "Miney Makaryevsky". Trong phần kết luận của mỗi tháng có in bài thơ bốn câu sau đây: "Bầu trời thì cao vút không thể đo lường, trái đất thì rộng lớn và dài vô tận, biển cả thì sâu thẳm không thể đo đếm, còn các phép lạ của các thánh thì vô số và khó hiểu"[22] .

Trong khi đó, tại miền Bắc Rus, các di tích văn tự cổ đại, trong đó có các cuốn tiểu sử các thánh, vẫn được bảo tồn nguyên vẹn, thì Giáo hội miền Nam Rus, do các cuộc xâm lược của người Tatar cũng như những cuộc tàn phá của người Ba Lan và Litva, đã mất đi nhiều cuốn sách thiêng liêng quý giá, và cùng với đó là các cuốn tiểu sử các thánh. Do đó, những người yêu thích việc đọc sách cứu rỗi linh hồn ở đây đành phải bằng lòng với các cuốn sách liệt kê các vị tử đạo phương Tây, được dịch sang tiếng Ba Lan và về nhiều mặt không phù hợp với tinh thần của Chính Thống Giáo. Với mong muốn khắc phục những bất tiện đáng buồn này, Tổng Giám mục Kiev Petr Mogila[23] đã rất quan tâm đến việc xuất bản các cuốn tiểu sử các thánh bằng tiếng Slav. Với mục đích này, ngài đã

---

[20] Loại lời tựa thứ hai, được soạn thảo bởi người Slav, là thể thơ.

[21] Trong số các bản sao nổi tiếng của "Miney" của Makarii, những bản chính yếu nhất là: 1) *Bản Hoàng gia*, được Makarii dâng tặng cho Sa hoàng Ivan Bạo chúa và có lẽ ban đầu được lưu giữ trong các cung điện hoàng gia, hiện đang được lưu trữ tại Thư viện Thượng hội đồng Moscow. 2) *Bản "Uspensky"*, do Makarii dâng tặng cho Nhà thờ Uspensky, hiện cũng được lưu giữ tại đó; 3) *Bản "Sofiysky"*, do Makarii dâng tặng cho Nhà thờ Sofiysky ở Novgorod vào năm 1541, hiện được lưu giữ tại Thư viện Học viện Thần học Saint Petersburg. Trong số các bản sao này, chỉ có một bản là hoàn chỉnh nhất – đó chính là bản "Uspensky". Trong bản của Sa hoàng thiếu tháng 3 và tháng 4, còn trong bản Thánh Sofia chỉ có bảy tháng (tháng 9 – tháng 11, tháng 2, tháng 5 – tháng 7). Các bản "Minei" của Makarii hiện đang được xuất bản bởi Ủy ban Khảo cổ thuộc Bộ Giáo dục Nhân dân.

[22] Các bản "Minei" Chudov và Milutin được lưu trữ tại Thư viện Thượng hội đồng Moscow, còn bản "Minei" Tulupov – tại thư viện Tu viện Troitsa-Sergiev.

lên kế hoạch thực hiện bản dịch mới các tiểu sử bằng tiếng Hy Lạp và đã sao chép từ Núi Athos cuốn tiểu sử của Thánh Simeon Metaphrastes. Tuy nhiên, sự ra đi quá sớm của vị Tổng Giám mục nổi tiếng Kiev này đã không cho phép ngài hoàn thành công trình đã định.

Sau khi ngài qua đời, Archimandrite Innokenty Gizel của Tu viện Kiev-Pechersk[24] đã hết lòng lo liệu việc xuất bản các cuốn tiểu sử các thánh. Bên cạnh các tài liệu cho công trình này đã được Phêrô Mogila chuẩn bị sẵn, Innokenty đã xin Đức Thượng phụ Ioakim của Moscow bộ "Minei-Chetii" vĩ đại của Makarii, và ba tháng đầu tiên của bộ sách này đã được gửi cho ông. Tuy nhiên, do tình hình chiến tranh hỗn loạn lúc bấy giờ, khiến việc nghiên cứu học thuật không thể diễn ra bình yên, nên Innokenty cũng không thể hoàn thành công trình vĩ đại này.

Người kế nhiệm ông, Archimandrite Varlaam[25] , hoàn toàn đồng cảm với dự án xuất bản các cuốn tiểu sử các thánh, đã nỗ lực hết mình để hiện thực hóa nó. Tuy nhiên, ông không dám tự mình đảm nhận công việc này, mà bắt đầu tìm kiếm một người có năng lực hơn và ít bị phân tâm bởi các công việc khác. Sự lựa chọn của ngài đã rơi vào tu sĩ Dimitri (tên thế tục là Daniil Tuptalo) thuộc Tu viện Krupitsky ở Baturyn, và điều này đã đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lịch sử văn học thánh Nga.

Là một sinh viên tài năng, cần cù phi thường và khiêm tốn của Trường Kiev, do hoàn cảnh chiến tranh lúc bấy giờ buộc phải rời trường trước khi tốt nghiệp, Dimitri đã xuất gia từ khi còn rất trẻ. Dù rời trường sớm, ông vẫn duy trì mối liên hệ sống động với tâm hồn tôn giáo của nhân dân và thấu hiểu sâu sắc những nhu cầu tinh thần của họ. Với tính cách ưa sống ẩn dật và hướng nội, cùng với tình yêu nồng nhiệt dành cho các hoạt động học thuật, Dimitri đã tìm thấy trong tu viện đủ thời gian rảnh rỗi để tự hoàn thiện nền giáo dục đã bắt đầu từ thời đi học và để phát huy những tài năng tuyệt vời của mình. Khi Thượng phụ Varlaam đưa ra đề nghị với ông, Dimitri đã là một nhà thuyết giáo nổi tiếng ở Tây Nga, người mà các giám mục và tu viện đua nhau mời đến để lắng nghe những lời giảng chân thành của ông.

Dimitri bắt tay vào công việc được giao phó, như cách anh luôn bắt đầu mọi việc quan trọng, với sự nhiệt huyết hy sinh và sự thiếu tự tin vào khả năng của bản thân. "Ông là người siêng năng," Archimandrite Varlaam viết về ông, "dù ban đầu đã khiêm nhường từ chối nhiều lần, nhưng sau đó, đặt niềm tin vào sự giúp đỡ của Chúa và những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội cùng tất cả các thánh, ông đã hoàn thành công việc được giao phó." Từ lời kể của chính Dimitri, có thể thấy rằng đôi khi ngài làm việc đến tận giờ kinh sáng, và công việc đó còn tiếp tục ngay cả trong giấc ngủ, qua những thị kiến đầy ý nghĩa[26] .

Thánh Dimitri bắt đầu công trình vĩ đại của mình vào năm 1684. Năm 1685, việc sáp nhập hoàn toàn Tổng giáo phận Kiev – vốn trước đó thuộc quyền quản lý của Thượng phụ Constantinople – vào quyền cai quản của Thượng phụ Moscow đã được hoàn tất. Ngay lập tức, Thượng phụ Moscow yêu cầu rằng mọi hoạt động quan trọng của hàng giáo phẩm cũng như các dự án học thuật tại Tổng giáo phận Kiev đều phải được thực hiện chỉ khi có sự ban phước của ngài. Do đó, khi cần đến phần tiếp theo của "Minei Makarii" dành cho Thánh Dimitri (các tháng: tháng 12, tháng 1 và tháng 2), Archimandrite Varlaam, khi xin Thượng phụ gửi những cuốn sách này, đã hứa sẽ trình lên ngài để xin sự chấp thuận và xem xét lại các tiểu sử mới của các thánh. Tuy nhiên, không lâu sau, Đức Thượng phụ yêu cầu trả lại các cuốn "Minei". Khi gửi những cuốn sách được yêu cầu về Moscow bằng người đưa tin, Thánh Dimitri đã gửi cho Đức Thượng phụ bức thư sau đây (năm 1688):

"Trước sự thánh thiện của ngài, người cha và vị tổng giám mục của chúng con, và con, một con chiên trong đàn chiên của ngài, dù là người cuối cùng và ít được biết đến nhất, bằng bức thư vụng về này của tôi (vì bản thân tôi không thể tự viết được), tôi đến và quỳ xuống dưới chân thánh của ngài, để được Đức Tổng Giám mục Thánh Thiện của tôi biết đến và xưng danh... Đức Thánh Cha... đã vui lòng viết về những cuốn sách.... Những cuốn sách ấy tại Tu viện Baturyn cho đến nay vẫn được giữ trong tay hèn mọn của tôi và được tôi đọc với sự chú tâm. Từ đó, tôi đã thu được nhiều lợi ích và đồng tình với những cuộc đời thánh thiện, được ghi chép trong đó, con xin dâng những cuốn sách này lên Đức Thánh Cha với lòng biết ơn và xin báo cáo rằng, trong sự vâng phục thánh thiện mà

---

[23] *Petr Mogila* (1596–1647), con trai của vị vua Moldavia và Valachia, vào năm 1627 được bầu làm Archimandrite của Tu viện Kiev-Pechersk, và vào năm 1633 được tấn phong làm Tổng giám mục.

[24] *Innokenty Gizel*, gốc gác từ Phổ, khi còn trẻ đã chuyển đến Kiev, theo đạo Chính thống, sau đó trở thành hiệu trưởng Trường Kiev, và từ năm 1656 cho đến khi qua đời, ông giữ chức Archimandrite của Tu viện Kiev-Pechersk.

[25] *Varlaam Yasinsky*, cựu học sinh của Trường Kiev, sau đó trở thành hiệu trưởng của trường này và là vị trụ trì của Tu viện Kiev, là một học giả uyên bác. Năm 1690, ngài được tấn phong làm Tổng giám mục Kiev.

[26] Xem trong cuốn sách này tiểu sử của Thánh Dimitri vào ngày 21 tháng 9.

Giáo Hội Tiểu Nga đã giao phó cho con, nhờ ơn Chúa, con đã nỗ lực hết sức mình, dù sức lực còn yếu đuối, để sao chép lại từ các tác phẩm vĩ đại của Thánh Macarius, Tổng Giám Mục Moscow và toàn Nga, các cuốn sách và từ các nhà sử học Kitô giáo khác, *tôi đã viết các cuốn tiểu sử về các thánh trong sáu tháng*, bắt đầu từ ngày mùng 1 tháng Chín đến ngày cuối cùng của tháng Hai, phù hợp với những cuốn sách vĩ đại và thiêng liêng đó về tất cả các sự kiện lịch sử, câu chuyện và hành động mà các thánh đã thực hiện, trong những nỗ lực và sự đau khổ của họ. Và những cuốn tiểu sử các thánh đã được viết đó, phần lớn chúng tôi đã nghe kể lại từ một số người cao quý, nhất là tại Tu viện Pechersk. Giờ đây, theo sự ủng hộ và mong muốn của nhiều người, tôi mong muốn *xuất bản cuốn sách này dưới dạng in*, nhằm mang lại lợi ích tinh thần cho các Kitô hữu; điều này càng được khích lệ mạnh mẽ hơn bởi những lá thư thường xuyên của Đức Tổng Trưởng tu viện Pechersk. *Vì công việc này*, theo tôi nghĩ, không phải là điều vô ích đối với Giáo hội của Đức Chúa Trời, nên *tôi xin sự ban phước* của Đức Tổng Giám mục tối cao. Và nhờ sự hướng dẫn, chỉ dạy và hỗ trợ từ sự ban phước mục vụ tối cao của ngài, tôi sẽ có thể hoàn thành tốt công việc trước mắt, bằng cách trình bày theo quan điểm của Giáo hội và xuất bản sáu bài viết này, và khi những tác phẩm này, nhờ ơn Chúa và sự ban phước của Đức Thượng phụ, được hoàn thành và xuất bản, thì (nếu Chúa muốn và chúng con còn sống), chúng con sẽ tiếp tục thực hiện những công việc khác và sẽ cúi đầu kính chào Đức Thánh Cha về những cuốn sách thánh khác". Tuy nhiên, không có câu trả lời nào cho bức thư này. Sau đó, vào năm 1689, Tu viện Kiev bắt đầu in phần tư đầu tiên của "Minei-Chetii" và hoàn thành việc in ấn trong cùng năm đó, tự mình chịu chi phí và trách nhiệm. Trái với lời hứa, Archimandrite Varlaam đã không gửi các bản thảo đã chuẩn bị sẵn cho việc xuất bản cho Đức Thượng phụ, mà tự mình cùng các vị trưởng lão trong Hội đồng tiến hành xem xét lần cuối. Tổng Giám mục ngay lập tức gửi một bức thư khiển trách, trong đó bày tỏ sự bất mãn vì cuốn sách đã được in mà không qua sự xem xét và sự ban phước của ngài, chỉ ra một số sai sót trong ấn bản và ra lệnh thay thế những trang có sai sót bằng những trang đã được sửa chữa, đồng thời cấm không được in các cuốn sách khác thuộc bộ "Minei-Cheti" mà không có sự cho phép của ngài. Tuy nhiên, những lời khiển trách này chỉ dành cho các nhà xuất bản.

Còn về người biên soạn "Minei", vào cuối năm 1689 đó, ông đã đích thân nhận được sự ban phước từ Đức Thượng phụ để tiếp tục công việc của mình. Và vào năm tiếp theo, 1690, Varlaam, lúc này đã là Tổng Giám mục Kiev, đã mang từ Moscow đến cho Dimitri sự ban phước và thư khen ngợi từ Đức Thượng phụ mới Adrian. Trong thư cảm ơn của mình, Thánh Dimitri đã xin Đức Thượng phụ gửi lại cho ngài các cuốn "Minei Makariyevskie" cho các tháng 12, 1 và 2. "Nếu Đức Thượng phụ cao quý của ngài, – ngài viết, – vì sự thống nhất trong các cuốn tiểu sử thánh do chúng tôi biên soạn, xin ngài ra lệnh gửi tạm thời ba cuốn sách thánh nói trên cho kẻ hèn mọn này trong ba tháng nói trên; với sự giúp đỡ của Chúa, tôi sẽ *miệt mài nghiên cứu chúng hàng đêm*, rút ra nhiều lợi ích và xuất bản chúng dưới dạng in để phổ biến cho thế gian."

Sau khi nhận được những cuốn sách được yêu cầu, Thánh Dimitri nhanh chóng chuẩn bị để xuất bản phần tư thứ hai của cuốn "Miney" (tháng 12, tháng 1 và tháng 2) và vào ngày 9 tháng 5 năm 1692, ngài đích thân mang nó đến nhà in của Tu viện Kiev-Pechersk. Tuy nhiên, cuốn sách chỉ được xuất bản vào tháng 2 năm 1695. Nguyên nhân của sự chậm trễ này có lẽ là do Đức Tổng Giám mục Varlaam đã xem xét kỹ lưỡng các cuốn sách này. Ngoài ra, chính tác giả, sau khi nhận được "các cuốn sách của Bolland" từ Danzig, đã muốn đối chiếu bản thảo đã chuẩn bị để in với các cuốn sách đó và chỉnh sửa nó một cách cẩn thận hơn. Trong lời tựa của phần thứ hai của "Chetii-Minei", Thánh Dimitri đã sửa chữa một số đoạn gây nghi vấn và sai sót trong phần đầu tiên.

Các cuốn sách đã được gửi đến Moscow cho Đức Thượng phụ, người mà Thánh Dimitri đã viết trong thư rằng ngài dâng cuốn sách này như một dấu hiệu của lòng biết ơn đối với ân sủng vô cùng cao cả của vị Tổng Giám mục, Đấng đã ban phước lành bằng văn bản để khích lệ người biên soạn "không xứng đáng" này, để ngài cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao phó, cố gắng hết sức mình trong việc viết tiểu sử các thánh và "dâng những gì tôi viết lên sự phán xét của Giáo hội, đặc biệt là lên Đức Giám mục Thánh Hiền, Đức Tổng Giám mục Kiev Varlaam. Còn lời chúc phúc của ngài, vị Tổng Giám mục, – Thánh Dimitri tiếp tục viết – tôi đã dám đưa vào cuốn sách mới này nhằm làm cho nó thêm phần trang trọng và củng cố sự tin cậy không thể nghi ngờ vào những việc làm kỳ diệu của các thánh được ghi chép trong đó, do Thánh Simeon Metaphrastes và nhiều nhà sử học khác sưu tầm". Thánh Dimitri cũng đã xin sự ban phước tương tự từ Đức Thượng phụ cho phần tiếp theo, tức phần thứ ba của cuốn sách, để Đức Tổng Giám mục Varlaam của Kiev "sẽ xem xét một cách sáng suốt những gì mà tôi, một kẻ tội lỗi, với sự trợ giúp của Chúa và lời chúc phúc của ngài, vị Tổng Giám mục, để viết ra, cũng như ngài đã đọc hai cuốn sách ba tháng đầu tiên, và xin Đức Thánh Cha vui lòng viết thư riêng cho Đức Tổng Giám mục về điều này. Về công việc

trước mắt của tôi và cuốn "Minei-Chetii" vĩ đại của Thánh Makarii, Tổng Giám mục Moscow và toàn Nga, hiện đang được lưu giữ tại Nhà thờ Chính tòa của Đức Thánh Cha, trong ba tháng – tháng Ba, tháng Tư, tháng 5 – tôi rất khẩn thiết xin Đức Thánh Cha ra lệnh gửi những người đó đến với tôi trong một thời gian, giống như những người đã được gửi đến tôi trong những tháng đầu tiên, nhằm mục đích thống nhất các bản tiểu sử các thánh đang được soạn thảo".

Sau đó, Thánh Dimitri đã nhận được một bức thư chấp thuận mới từ Đức Thượng phụ Adrian, người đã viết: "Chúng tôi cầu xin Chúa, cũng như *trong sáu tháng tiếp theo*, xin Ngài giúp đỡ tất cả các con cái đầy tình yêu thương của Ngài, bằng cách nào đó, nỗ lực hoàn thành công việc này một cách khôn ngoan, và cuối cùng đưa công việc này – vốn là điều đẹp lòng Chúa và có ích cho Giáo hội – đến đích; vì vậy, chúng tôi một lần nữa ban phước lành cho việc này. Còn con, với tư cách là con cái của Giáo hội và là người Kitô hữu thuộc giáo phận của chúng tôi, vì lợi ích chung và theo lời thỉnh cầu của chúng tôi, hãy nỗ lực… để vinh quang vĩnh cửu và kỷ niệm vĩnh cửu dành cho những người đã khởi xướng việc này từ đầu, vì chúng tôi mong muốn con được sống trong sức khỏe, sự hài lòng và hạnh phúc… sống trọn vẹn những năm tháng và được xứng đáng đứng trước mặt Chúa trên thiên đàng trong hàng ngũ các thánh do Thiên Chúa đã định sẵn". Vui mừng và được khích lệ, Dimitri bắt đầu chuẩn bị xuất bản phần tư thứ ba của "Minei-Chetii", và phần này đã được in vào năm 1700. Phần tư cuối cùng đã được hoàn thành tại Rostov, giữa những công việc mục vụ vĩ đại của ngài, và được xuất bản vào tháng 9 năm 1705.

Ngoài các tiểu sử của các thánh, bộ "Minei-Chetii" về Thánh Dimitri còn bao gồm các bài thánh ca cho các ngày lễ của Chúa và Đức Mẹ, các lễ kỷ niệm việc rước di cốt, cũng như những lời răn dạy, nội dung của chúng được trích dẫn từ lịch sử của ngày lễ; những lời này thuộc về một trong các vị Thánh Phụ cổ đại của Giáo Hội, hoặc chính Thánh Dimitri. Như có thể thấy từ hai danh sách "các vị thầy, các nhà chép sử, các nhà sử học và các nhà kể chuyện", được đặt trước phần thứ nhất và phần thứ hai của Sách Lễ, Thánh Dimitri đã sử dụng nhiều nguồn tài liệu khác nhau. Trong các danh sách này có liệt kê một danh sách dài các vị Thánh Phụ và Thầy dạy nổi tiếng nhất của Giáo hội, các tác phẩm của họ đã được lưu truyền đến chúng ta bằng tiếng Hy Lạp hoặc tiếng Latinh – các nhà sử học Giáo hội cổ đại và nhiều người cùng thời cũng như những nhân chứng trực tiếp của các sự kiện được mô tả. Ngoài ra, Thánh Dimitri còn chỉ rõ các nguồn tài liệu mà ngài đã sử dụng ngay trong chính các tiểu sử. Trong những chỉ dẫn cụ thể này, tên của Simeon Metaphrastes xuất hiện thường xuyên nhất.

Về các cuốn tiểu sử các thánh Nga và Slav, Thánh Dimitri đã trích dẫn từ "Minei-Chetiye" của Makarii, các "Prolog", "Paterikon Pechersk" và các tuyển tập khác nhau của Tu viện Kiev-Pechersk cũng như các tu viện Nga khác. Ngoài các tài liệu đã liệt kê, Thánh Dimitri còn có trong tay cuốn "Cuộc đời các thánh" của Suriya[27] và "Hành trình các thánh", do các nhà Bolandist xuất bản[28] . Tác phẩm đầu tiên trong số này có ý nghĩa quan trọng vì trong đó in các tiểu sử được biết đến dưới tên Metaphrastus, còn tác phẩm thứ hai, xuất bản muộn hơn nhiều so với tác phẩm đầu tiên, chứa các bản gốc tiếng Hy Lạp của các câu chuyện về các thánh.

Khi biên soạn cuốn "Minei-Chetii" của mình, Thánh Dimitri thường dịch nguyên văn các câu chuyện gốc sang tiếng Slav hoặc chỉnh sửa ngôn ngữ Slav cổ, nhằm làm cho nó dễ hiểu hơn mà không thay đổi nội dung. Tuy nhiên, phần lớn thời gian, ngài phải tổng hợp các câu chuyện từ nhiều nguồn khác nhau. Trong những trường hợp như vậy, khi tổng hợp các tài liệu khác nhau thành một thể thống nhất, Thánh Dimitri hoặc là bổ sung những phần thiếu sót trong một nguồn từ nguồn khác, hoặc là thay đổi hình thức của bản gốc, chẳng hạn như biến bài điếu văn hoặc lời ca ngợi thành một câu chuyện lịch sử đơn thuần, hoặc là trích dẫn lời chứng của các nhà sử học khác để xác nhận câu chuyện, hoặc chỉ đơn thuần đề cập đến họ. Thánh Dimitri thường xuyên rút gọn văn bản gốc. Việc rút gọn này thể hiện qua việc bỏ qua các lời mở đầu và kết luận, và đôi khi là một số chi tiết trong phần mô tả các sự

---

[27] *Laurentius Surius*, một tu sĩ người Cologne, đã xuất bản tác phẩm đầu tiên của mình: *Vitae Senetorum Orientis et Occidentis*, trong khoảng thời gian từ năm 1569 đến 1575. Đến năm 1618, ấn bản thứ 4 đã được phát hành.

[28] *Các nhà Bollandist* – là các tu sĩ học giả tại Antwerp, chuyên nghiên cứu và xuất bản các cuốn tiểu sử các thánh, công việc này được khởi xướng vào năm 1643 bởi Gioan Bolland. Bộ sách (Acta Sanctorum) của các nhà Bollandist bao gồm các câu chuyện về tất cả các thánh của Giáo hội Đông phương và Tây phương. Các nhà Bolandist chủ yếu xuất bản các tài liệu nguyên bản và cổ xưa về cuộc đời và các việc làm của các thánh. Ban đầu, họ chỉ đưa các câu chuyện bằng tiếng Hy Lạp dưới dạng bản dịch tiếng Latinh, sau đó mới bắt đầu kèm theo cả bản gốc tiếng Hy Lạp. Việc xuất bản các văn bản thường được mở đầu bằng những nghiên cứu phê bình sâu rộng về nguồn gốc của lễ kính thánh, về thời gian sống và qua đời của ngài, cũng như về thời điểm di dời di cốt. Như có thể thấy từ các ghi chú bên lề cuốn sách thuộc về Thánh Dimitri Prolog, hiện được lưu giữ tại thư viện Học viện Thần học Moscow, ngài đã sử dụng sáu tập đầu tiên của ấn bản do các nhà Bolandist xuất bản (các tháng từ tháng Giêng đến tháng Năm).

kiện và hoàn cảnh cuộc đời của vị thánh. Công nhận rằng những sự rút gọn này là cần thiết, Dimitri đã nói về điều này trong lời mở đầu của phần thứ hai trong tác phẩm "Minei-Chetii" của mình:

"Tất cả những gì được ghi chép trong cuốn sách này, cũng như trong cuốn đầu tiên, đều là bản tóm tắt; và giống như từ những dòng sông lớn tràn ngập, từ vô số sự kiện lịch sử của Giáo hội, cuốn sách này đã được múc ra bằng một chiếc bình nhỏ. Vì nếu ai muốn ghi chép toàn bộ các hành động, câu chuyện và phép lạ của các thánh bằng một lời văn dài dòng, thì thời gian cả cuộc đời người đó cũng không đủ, điều này đã từng xảy ra với các nhà văn Giáo hội thời xưa. Ngoài ra, vì những hạn chế của con người, toàn bộ nội dung ở đây đã được tóm tắt, để cuộc đời của mỗi vị thánh có thể được đọc một cách dễ dàng nhằm tưởng nhớ ngài. Bởi vì, nếu những người yếu đuối về tinh thần còn không thèm tôn kính hay lắng nghe những lời ngắn gọn, thì họ càng cảm thấy chán nản khi phải đọc những văn bản dài dòng. Thực tế, các cuốn tiểu sử của nhiều vị thánh trong các bộ "Các Cuốn Sách Lớn" và các sách viết tay khác được ghi chép với quá nhiều lời lẽ, đến nỗi mỗi cuốn trong số đó khó mà đọc hết trong hai hoặc ba ngày, ngay cả khi đọc một cách chăm chú. Chính vì lý do đó, cuốn sách này đã được rút gọn, chỉ mô tả một hành động thánh duy nhất, đồng thời loại bỏ những lời lẽ và nội dung thừa thãi."

Vào thời điểm đó, khi vị thánh đang bận rộn với cuốn sách cuối cùng của "Minei-Chet'i", Archimandrite Ioasaf Krokovsky của Tu viện Kiev-Pechersk đã đề nghị ngài đảm nhận một công việc mới. Về điều này, chính vị thánh đã viết cho người bạn Theologos của mình[29] như sau. "Tôi xin báo tin này đến ngài," vị Thượng phụ Pechersk đã viết cho tôi, một kẻ không xứng đáng, mong muốn rằng *cuốn sách* ba tháng *đầu tiên* của các tháng Chín, Mười và Mười Một *sẽ được bắt đầu chỉnh sửa lại để in lần thứ hai, đầy đủ hơn so với lần trước*, kèm theo các tiểu sử của các thánh đã qua đời."

Do lời thỉnh cầu này, vị Thánh đã không ngừng quan tâm đến việc hoàn thiện tác phẩm của mình cho đến tận lúc lâm chung và đã thực hiện một số chỉnh sửa trong đó. Những chỉnh sửa này đã được đưa vào ấn bản thứ hai của "Minei-Chetii", mà Tu viện Kiev bắt đầu thực hiện một năm sau khi vị Thánh qua đời. Phần thứ nhất được in vào năm 1711, còn phần thứ hai – vào năm 1714 – cả hai đều dưới sự chủ trì của Archimandrite Afanasy Mislavsky; phần thứ ba được xuất bản vào năm 1716 dưới sự chủ trì của Archimandrite Ioannikiya Senyutovich. Về phần phần thứ tư, mặc dù việc in ấn vẫn chưa hoàn tất, nó đã trở thành nạn nhân của ngọn lửa trong trận hỏa hoạn năm 1718, trận hỏa hoạn đã thiêu rụi hoàn toàn nhà in và thư viện Kiev.

Trong hai trăm năm, những người biết chữ ở Nga thuộc mọi tầng lớp đều thành kính đọc, còn những người mù chữ thì lắng nghe "Chet'i-Minei" của Thánh Dimitri Rostovsky, tìm thấy trong đó một nguồn cảm hứng đạo đức và kiến thức lịch sử Giáo hội vô tận, đồng thời kính cẩn nhắc đến tên của tác giả.

Năm 1741, Tu viện Kiev-Pechersk dự định tiếp tục in lại cuốn "Minei-Chetii" của Thánh Dimitri Rostovsky. Không lâu trước đó, Tu viện đã nhận được sắc lệnh từ Thánh Hội Đồng, yêu cầu rằng "không được in ấn bất kỳ ấn phẩm nào khác ngoài các ấn bản giáo hội trước đây; và ngay cả những cuốn sách giáo hội cũ đó cũng phải được đối chiếu với các cuốn sách giáo hội tương tự có dấu ấn của Đại Nga trước khi in, để đảm bảo không có sự khác biệt hay cách diễn đạt riêng biệt nào trong đó; còn các sách khác, dù là ấn bản cũ hay mới, đều không được in nếu chưa thông báo cho Hội đồng Tôn giáo và chưa được Hội đồng này cho phép, nhằm tránh để trong những cuốn sách đó nảy sinh bất kỳ sự đối lập nào với Giáo hội Đông phương hay sự bất đồng với bản in của Đại Nga".

Do chỉ thị này, Archimandrite Timofey Shcherbatsky của Tu viện Kiev-Pechersk đã gửi đơn lên Thánh Hội đồng xin phép cho tu viện in ấn ấn bản thứ ba của "Miney". Giấy phép đã được cấp, nhưng với điều kiện rằng "các cuốn sách về cuộc đời các vị thánh cha này, trước khi đưa vào in ấn, phải được vị Archimandrite cùng các học giả khác và những người am hiểu về Kinh Thánh cũng như lịch sử Giáo hội kiểm tra kỹ lưỡng và xác nhận một cách đáng tin cậy với sự xem xét cẩn trọng; và nếu trong đó có điều gì trái với Kinh Thánh, Quy chế Tôn giáo và các sắc lệnh, cũng như những nội dung không đáng tin cậy và chưa được các nhà giảng dạy Giáo hội cùng các nhà sử học đức tin đáng kính xác nhận, mà lại rất đáng nghi ngờ, thì phải ghi chú ở phần cuối cuốn tiểu sử của vị thánh được đề cập, hoặc, nếu có thể, phải sửa chữa. Còn về nhịp điệu và phương ngữ, thì nhất định phải hoàn toàn phù hợp với các sách của Đại Nga". Sau khi nhận được sắc lệnh này, vị tổng tu sĩ đã trả lời rằng ngài không có đủ số lượng người có năng lực để giao phó công việc này, cũng như không có đầy đủ các cuốn sách cổ cần thiết để đối chiếu với các cuốn tiểu sử các thánh, bởi vì thư viện của tu viện đã bị thiêu rụi hoàn toàn vào năm 1718. Thánh Hội đồng đã ra lệnh cho vị tu sĩ trưởng lập và gửi danh mục các cuốn sách này, với giả định rằng chúng sẽ được tìm thấy tại

[29] Chuyên viên kiểm tra tại Nhà in Hoàng gia ở Moscow.

Moscow, hoặc trong Thư viện của Thánh Hội đồng, hoặc trong Thư viện Nhà in. Tuy nhiên, danh mục này đã không được lập.

Trong khi đó, Thánh Hội Đồng và Hội đồng Ngoại giao đã nhận được yêu cầu từ Tổng Giám mục Montenegro về việc đẩy nhanh việc xuất bản "Minei-Chetiye". "Bởi vì," Đức Tổng Giám mục viết, "các dân tộc Serbia, Bulgaria, Dalmatia và Croatia đều tha thiết mong muốn có được những cuốn sách này, nhưng lại không biết tìm ở đâu." Để đáp ứng mong muốn này, Thánh Hội Đồng đã quyết định tự xuất bản cuốn "Minei-Cheti" và giao nhiệm vụ hiệu đính cho Archimandrite Ioasaf Mitkevich, Hiệu trưởng Trường Thần học Novgorod (lúc đó đang cư trú tại Saint Petersburg) (sau này trở thành Giám mục Belograd) và Hiệu trưởng Học viện Thần học Alexander Nevsky, Linh mục phó Nikodim Puchenkov. Để hỗ trợ công việc này, ngoài các sách giáo lý và lịch sử khác nhau, họ còn được cung cấp các "Ghi chú về các lời tựa" của tu sĩ Stefan Pribylovich[30] , các trích đoạn được gửi từ Tu viện Kiev, và các nhận xét của Tổng giám mục Arsenius của Rostov[31] , người cùng lúc đó cũng được giao nhiệm vụ viết tiểu sử của Thánh Dimitri.

Ioasaf và Nikodim bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ được giao vào ngày 6 tháng 11 năm 1755 và hoàn thành công trình của mình vào tháng 10 năm 1756. Các chỉnh sửa của họ bao gồm việc thay thế các từ tiếng Little Russian bằng các từ tiếng Slav-Nga, thay thế ngôn ngữ bình dân bằng phong cách trang trọng hơn, đồng thời loại bỏ hoàn toàn một số cách diễn đạt và thậm chí cả những đoạn tường thuật. Ngoài những sửa đổi này, người ta còn nhận thấy cần phải thực hiện việc chỉnh sửa trong cuốn "Minei-Chet'i" "theo ngữ pháp Đại Nga – phù hợp với đặc điểm của phương ngữ Slav, bằng cách thay đổi trật tự câu và các hậu tố". Công việc này hoàn toàn được giao cho các biên tập viên nhà in. Ngày 31 tháng 12 năm 1756, việc in ấn đã được bắt đầu tại Nhà in Moscow và vào năm 1759, ấn bản do Thánh Hội đồng phê duyệt của "Minei-Chet'ikh" đã ra đời, ấn bản này vẫn được tái bản nguyên vẹn cho đến ngày nay.

Theo chỉ thị của Thánh Hội Đồng, Ioasaf và Nikodim đã soạn một lời tựa đặc biệt cho ấn bản mới của "Minei-Chetikh", và lời tựa này cũng vẫn được in cho đến ngày nay. Trong lời tựa này, ngoài những nội dung khác, còn đề cập đến một câu hỏi từ phía độc giả: "Liệu có ai có thể sửa đổi bất cứ điều gì sau Thánh Dimitri, vị thánh vĩ đại về trí tuệ và giáo lý, về sự thánh thiện trong đời sống, và cuối cùng được tôn vinh nhờ sự bất hoại và các phép lạ?" Để trả lời cho điều này, các tác giả đã giải thích chi tiết "lý do tại sao cuốn 'Minei-Cheti' đó đã được Thánh Hội đồng sửa đổi". Sau khi đề cập đến các tác phẩm của Eusebius của Caesarea, Simeon Metaphrastes và Tổng Giám mục Macarius, các tác giả lời tựa viết: "Và Thánh Dimitri, vị thánh của Chúa Kitô, với tất cả sự khiêm nhường và khôn ngoan, đã thừa nhận những sơ suất và sai lầm trong cuốn sách đầu tiên của mình, và sau khi tự mình sửa chữa những điều đó, còn những sai sót khác có thể được phát hiện trong các cuốn sách của ngài thì ngài giao cho Giáo hội xem xét và sửa chữa, vì ngài biết rằng mọi sự thật lịch sử đều có thể vượt trội hơn nhau bằng những bằng chứng đáng tin cậy nhất."

Các Kitô hữu thời xưa khi đọc các cuốn tiểu sử các thánh, họ coi mục đích chính là lợi ích đạo đức và răn dạy. Để đứng vững trước mọi mối đe dọa, trước mọi sự cám dỗ từ phía những kẻ hành hạ trong thời kỳ bách hại này hay thời kỳ bách hại khác, các Kitô hữu đã rèn luyện và củng cố bản thân bằng những tấm gương cao quý về sự kiên nhẫn, lòng trung thành và tình yêu đối với Thiên Chúa, mà họ tìm thấy trong các bản tường thuật về các vị tử đạo. Sau khi các cuộc bách hại kết thúc, các tín hữu Kitô giáo cũng hăng hái đọc các cuốn tiểu sử các thánh – để bảo vệ bản thân khỏi những cám dỗ của thế gian. Lợi ích thiêng liêng và đạo đức từ các cuốn tiểu sử các thánh cổ xưa được thể hiện rõ nét qua những lời sau đây: "Nếu Giáo Hội của Thiên Chúa không thấy được lợi ích trong đó, thì đã không chấp nhận chúng: bởi vì chúng không được soạn thảo bằng những lời dối trá xảo trá hay những lời lẽ hoa mỹ, mà toàn bộ đều là những lời lẽ lành mạnh và khiêm nhường, có khả năng làm tan chảy trái tim và lay động tâm hồn: vì chúng thật ngọt ngào và hữu ích cho những ai thực sự mong muốn được cứu rỗi."

Điều đó đã từng xảy ra trong Giáo hội cổ đại, và cũng từng xảy ra ở chúng ta. Một trong những tác giả viết tiểu sử các thánh thời Nga cổ đã cho chúng ta biết độc giả Nga tìm kiếm điều gì trong các cuốn tiểu sử này. "Các cuốn tiểu sử thánh," ông nói, "gieo rắc lòng kính sợ Thiên Chúa vào tâm hồn, xua tan sự liều lĩnh, loại bỏ những điều ác và đón nhận những điều thiện: bởi vì khi chiêm ngưỡng các cuốn tiểu sử ấy, người ta nhận thức rõ về hành động của mình và suy ngẫm về việc từ bỏ những điều ác; vì các cuốn tiểu sử thánh chính là ánh sáng và sự soi sáng

[30] Giáo sư tại Học viện Kiev, sau đó là Học viện Moscow, và cuối cùng là tu sĩ tại Tu viện Alexander Nevsky.
[31] *Arseniy Matseevich* (1697–1772), đã quản lý Giáo phận Rostov từ năm 1742 đến năm 1765.

cho tâm hồn chúng ta." Trong một tuyển tập cổ xưa của Nga, chúng ta tìm thấy lời cầu nguyện như sau: "Xin hãy bày tỏ cho con sự khôn ngoan vô danh và bí ẩn của Ngài, vì con đặt niềm tin nơi Ngài, lạy Chúa, xin Ngài soi sáng trí tuệ và tâm trí con bằng ánh sáng của lý trí Ngài, không chỉ để con hiểu những điều được ghi chép, mà còn để con thực hành chúng, để *khi đọc* những giáo huấn và *cuộc đời của các thánh*, con không sa vào tội lỗi, mà là để được đổi mới, soi sáng, cứu rỗi linh hồn con và dẫn dắt con vào cuộc sống vĩnh cửu." Thánh Dimitri đã nhận thấy rằng vào thời của ngài, nhiều người, khi thức dậy sau giấc ngủ, coi là bổn phận của mình trong các lời cầu nguyện phải hướng về Chúa với những lời khẩn cầu, đồng thời hướng về vị thánh của ngày hôm đó, cố gắng nhớ lại những sự kiện chính trong cuộc đời ngài, dù chỉ qua những trích đoạn ngắn trong phần mở đầu[32] .

Thật vậy, ai tìm kiếm sự dạy dỗ và rèn luyện tâm linh sẽ luôn tìm thấy trong các cuốn tiểu sử các thánh nguồn dinh dưỡng dồi dào để thỏa mãn khát vọng của mình. Những biểu hiện đa dạng về quyền năng của Thiên Chúa trong lòng dũng cảm không nao núng và sự kiên nhẫn bất khuất của các vị tử đạo, cũng như trong các dấu lạ và phép lạ đã xảy ra trên họ và qua họ, đều mang tính giáo huấn sâu sắc. Sức mạnh của sự thuyết phục, qua đó các nhà bảo vệ đức tin trình bày giáo lý, cũng mang lại bài học sâu sắc. Trong những lời đáp của các vị tử đạo tại tòa án, ta nghe thấy giọng nói sống động của những người tuyên xưng chân lý đức tin, với niềm tin tuyệt đối vào phẩm giá thiêng liêng của nó, cùng sự sẵn sàng chứng thực lời tuyên xưng của mình bằng chính máu của mình.

Những người làm chứng cho đức tin đã nói rất ít để bảo vệ lẽ thật mà họ tuyên xưng, họ nói một cách đơn giản; nhưng những lời đáp của họ lại chân thành và kiên định đến mức chỉ có những kẻ tra tấn tàn nhẫn mới không nhận ra lẽ thật đang thở trong đó.Cũng giống như trong các tác phẩm của các vị Thánh Phụ và các vị Thầy của Giáo Hội, trong các cuốn tiểu sử các thánh và các bản tường thuật về cuộc tử đạo, người ta có thể tìm thấy sự xác nhận và làm sáng tỏ các chân lý giáo lý khác nhau, cũng như sự bác bỏ các giáo lý sai lầm. Trong các tiểu sử của các vị thánh giám mục và các vị tu sĩ, những người đã bảo vệ Chính Thống Giáo khỏi các tà giáo và chịu đau khổ vì sự trung thành với giáo lý của Giáo Hội, ta có thể thấy sự trình bày rõ ràng về những tín điều mà họ đã chịu đau khổ vì nó, cũng như lời cảnh báo về những sai lầm trái ngược với những tín điều đó. Về mặt này, các tiểu sử và cuộc đời chịu khổ của những người bảo vệ việc tôn kính hình ảnh đặc biệt mang tính giáo huấn.

Trong các cuốn tiểu sử các thánh, người ta thường tìm thấy cơ sở để giải quyết những khó khăn khác nhau mà người Kitô hữu gặp phải trong cuộc sống. Vì vậy, đối với các vị tu sĩ cao niên, trong mọi tình huống đặc biệt của cuộc sống, luôn có những ví dụ phù hợp từ cuộc đời các vị thánh. Hãy nhớ lại rằng ngay cả chính Chúa cũng đã chỉ ra gương của Đa-vít để giải quyết câu hỏi của những người Pha-ri-si về việc liệu người đói có được phép bóp bắp lúa vào ngày Sa-bát hay không. Từ đó có thể thấy rằng, khi có bất kỳ nghi ngờ nào về tính hợp pháp hay bất hợp pháp của một hành động nào đó mà luật pháp không quy định rõ ràng, chúng ta có thể lấy gương của các vị thánh làm kim chỉ nam.

Nói chung, các cuốn sách về cuộc đời các thánh là một kho tàng phong phú, từ đó ai cũng có thể lấy những gì cần thiết để thành công trong đời sống thiêng liêng.

"Các cuốn sách về cuộc đời các thánh," như đã được nêu trong lời tựa của cuốn 'Miney-Chetiy', "được dâng lên cho bạn, hỡi độc giả đạo đức, nhằm mang lại lợi ích cho tâm hồn; điều duy nhất cần thiết lúc này là sự nhiệt thành và lòng ham đọc; và khi đọc những cuốn sách này, bạn không thể không ngạc nhiên và không tôn kính sự khôn ngoan và vĩ đại của Thiên Chúa. Bạn sẽ thấy rằng Ngài đã ban cho con người biết bao con đường khác nhau dẫn đến vinh quang của Ngài. Mọi người, bất kể địa vị hay chức tước nào, đều sẽ tìm thấy trong những cuốn sách này những tấm gương phù hợp với mình: những vị lãnh đạo cao nhất – những vị được Chúa xức dầu giống như chính họ, đã cai trị vương quốc của mình bằng lòng thương xót và sự chân thật, đã bảo vệ và phát triển Giáo hội của Chúa Kitô; các mục tử của Giáo hội Chúa Kitô – những vị thầy vĩ đại và các thánh nhân của Giáo hội, những người đã chăn dắt và chiến đấu vì đức tin một cách xuất sắc, và giờ đây đang hân hoan cùng Đấng Mục Tử Tối Cao; những ai đã chọn đời sống ẩn dật – những người ăn chay, những người cầu nguyện, những người tự nguyện chịu khổ và những người khác đã chinh phục Nước Trời nhờ sự thiếu thốn, và nay đang tận hưởng niềm vui của Nước Trời; các tướng lĩnh và chiến binh – những người dũng cảm, những người, khi phục vụ các vua trần

[32] Chính hoàn cảnh này, nhân tiện, đã thúc đẩy Thánh Dimitri bắt tay vào một tác phẩm mới mang tên *"Tóm tắt về các vị tử đạo*". Trong lời tựa của tác phẩm, ngài viết: "Sau khi đã tổng hợp tóm tắt các cuộc đời các thánh từ nhiều nguồn khác nhau thành bốn cuốn sách theo từng quý, tôi đã quyết định biên soạn lại một cách ngắn gọn hơn nữa theo thứ tự lịch tháng để tập hợp vào cuốn sách nhỏ này và đặt tên cho nó theo truyền thống cổ xưa là 'Tác phẩm về các vị tử đạo'". Tác phẩm này, vì những lý do chưa rõ, đã bị bỏ dở ngay từ những bước đầu tiên.

gian, cũng đã phục vụ Đấng trên trời, và khi giành chiến thắng trước các kẻ thù thể xác, họ cũng đã chiến thắng các kẻ thù tâm linh, và nay đang hân hoan cùng Đấng Khởi Xướng Công Đức là Đức Kitô; các quan tòa và quan chức dân sự – những người yêu mến công lý và tự hào về lòng nhân từ trong việc xét xử, không nhận hối lộ hay thiên vị, mà xét xử người mồ côi và người nghèo khó một cách công bằng; các thương gia – những người không tham lam và không ham muốn lợi nhuận bất chính, mà đã mua được Nước Trời bằng những khoản thu nhập chính đáng; những người bình dân – những người có tâm hồn ngay thẳng như chính họ, đã sống cuộc đời trong lao động vô tội và các đức tính Kitô giáo, và đã đạt đến nơi mà nhiều người với tất cả vinh quang và sự huy hoàng của họ cũng không thể đạt tới. Chỉ còn lại việc mỗi người noi gương họ và bước đi trên con đường đã được chỉ dẫn".

Tháng Giêng

1 tháng 1

19 tháng 12 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vonifati

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 12

Ngày xưa, tại Rome có một người phụ nữ tên là Aglaida, cha cô là Akakiy, từng là quan trưởng thành phố. Còn trẻ và xinh đẹp, sở hữu những tài sản phong phú được thừa kế từ cha mẹ, và tận hưởng cuộc sống tự do mà không có chồng hợp pháp, cô, bị chi phối bởi những ham muốn xác thịt yếu đuối, đã dành những ngày tháng của mình cho những cuộc tình vụng trộm và tội lỗi. Cô có một nô lệ trung thành, người quản lý ngôi nhà và tài sản của cô; anh ta còn trẻ và đẹp trai. Tên anh ta là Vonifati, và Aglaida đã sống trong mối quan hệ tội lỗi với anh ta, thỏa mãn những ham muốn xác thịt của mình. Và không có gì đáng xấu hổ khi nói về điều này, vì phần sau sẽ kể về sự thay đổi hạnh phúc và kỳ diệu trong cuộc đời họ; bởi khi ca ngợi các thánh nhân, người ta cũng không giấu giếm những tội lỗi trước đây của họ, nhằm cho thấy rằng không phải ai cũng đã hạnh phúc và công chính từ thuở thiếu thời, mà họ cũng từng có thân xác sa ngã như bao người khác, nhưng nhờ sự sám hối chân thành, sự thay đổi tốt đẹp trong bản thân và những đức tính cao quý, họ đã được tôn vinh bởi sự thánh thiện của mình. Điều này được kể lại trong các Cuộc Đời Các Thánh để chúng ta, những kẻ tội lỗi, đừng tuyệt vọng, mà hãy nhanh chóng sửa đổi, biết rằng với sự giúp đỡ của Thiên Chúa và dù đã phạm tội, chúng ta vẫn có thể trở nên thánh thiện, miễn là chính chúng ta mong muốn điều đó và nỗ lực vì điều đó. Quả thực, câu chuyện làm ấm lòng ấy thật tuyệt vời, trong đó chúng ta nghe kể rằng một kẻ tội lỗi, dường như không còn hy vọng được cứu rỗi, lại trở thành thánh nhân vượt xa mọi kỳ vọng, và thậm chí là vị tử đạo vì Chúa Kitô, giống như Thánh Boniface, người trong thời gian sống sa đọa đã phục vụ tội lỗi, nhưng sau đó đã trở thành người làm chứng, một tu sĩ dũng cảm và một vị tử đạo vinh quang vì Chúa Kitô. Trong thời gian sống sa đọa, Vonifatius là nô lệ của tội lỗi, tuy nhiên, ngài vẫn có một số đức tính đáng khen ngợi: ngài nhân từ với người nghèo, yêu thương những người lữ hành và sẵn lòng giúp đỡ tất cả những ai đang gặp hoạn nạn; với một số người, ông ban phát những khoản bố thí hào phóng; với những người khác, ông mang lại sự an ủi bằng tình yêu thương; còn với những người khác nữa, ông giúp đỡ với lòng cảm thông. Với khát vọng vững chắc muốn cải tà quy chính, Vonifati thường xuyên cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài giải thoát ông khỏi những mưu mô của ma quỷ và giúp ông trở thành chủ nhân của những ham muốn và đam mê của chính mình. Và Chúa đã không bỏ rơi tôi tớ của Ngài, cũng không để ông sa lầy sâu hơn vào sự ô uế của tội lỗi, nhưng đã thương xót sắp đặt sao cho những việc làm ô uế của ông được rửa sạch bằng chính máu của ông, và nhờ đó, linh hồn ông trở nên như tấm áo choàng hoàng gia màu đỏ thẫm và được đội vương miện tử đạo. Điều này đã diễn ra như sau.

Vào thời đó, các Kitô hữu phải chịu sự bắt bớ dữ dội, bóng tối tăm tối của sự thờ ngẫu tượng bao trùm toàn bộ phương Đông, và nhiều tín hữu đã bị tra tấn và giết hại vì Chúa Kitô. Bà Vonifatiya Aglaida nảy sinh một ý tưởng cứu rỗi và một khao khát mãnh liệt, không thể cưỡng lại, là muốn có thi hài của một vị tử đạo trong nhà

mình. Không có người hầu nào trung thành và tận tụy hơn Vonifatiya, bà đã gọi anh ta đến, bày tỏ nguyện vọng của mình và nói riêng với anh ta:

– Chính anh cũng biết, anh em trong Chúa Kitô, chúng ta đã bị ô uế bởi biết bao tội lỗi, hoàn toàn không quan tâm đến cuộc sống mai sau và sự cứu rỗi; vậy thì làm sao chúng ta có thể đứng trước Ngày Phán Xét Lớn của Thiên Chúa, nơi mà theo những việc làm của mình, chúng ta sẽ bị kết án chịu những cực hình nặng nề? Nhưng tôi đã nghe một vị thánh nhân nói rằng, nếu ai sở hữu các di vật của các vị tử đạo vì Chúa Kitô và tôn kính chúng, người ấy sẽ nhận được sự trợ giúp để được cứu rỗi, và trong nhà người ấy tội lỗi sẽ không gia tăng, đến nỗi người ấy thậm chí có thể đạt được sự hạnh phúc vĩnh cửu mà các thánh tử đạo đã được ban cho. Người ta nói rằng hiện nay có nhiều người đang thực hiện những hành động anh hùng vì Chúa Kitô, và bằng cách hiến dâng thân xác mình cho sự tra tấn, họ nhận được vương miện tử đạo. Hãy giúp tôi: giờ đây đã đến lúc để chứng tỏ cho tôi thấy liệu con có thực sự yêu mến tôi hay không. Hãy mau chóng lên đường đến những vùng đất đang diễn ra cuộc bách hại Kitô hữu, và cố gắng mang về cho ta thi hài của một vị thánh tử đạo, để ta có thể an táng thi hài ấy một cách trang trọng tại nơi ở của mình, xây dựng một nhà thờ dành cho vị thánh tử đạo đó, và luôn coi ngài là người bảo vệ, người che chở và người cầu thay thường trực trước mặt Thiên Chúa.

Sau khi nghe Aglaida nói, Boniface vui vẻ đồng ý với đề nghị của bà và bày tỏ sự sẵn sàng hoàn toàn để lên đường. Bà chủ đã trao cho ông rất nhiều vàng, bởi vì không thể lấy được thi hài các vị tử đạo mà không có quà tặng và vàng: những kẻ tra tấn vô đạo, khi thấy tình yêu mãnh liệt và lòng nhiệt thành của các Kitô hữu đối với thi hài các thánh, đã không trao chúng miễn phí, mà bán với giá cao và nhờ đó thu được lợi nhuận lớn. Voniati đã nhận từ bà chủ của mình rất nhiều vàng, một phần để chuộc các di cốt của các vị tử đạo, một phần để bố thí cho người nghèo; ông cũng chuẩn bị nhiều loại hương trầm, vải lanh và tất cả những gì cần thiết để quấn các thi hài cao quý của các vị tử đạo. Sau khi mang theo nhiều nô lệ, người giúp việc và ngựa, ông lên đường. Khi ra khỏi nhà, ông mỉm cười nói với bà chủ của mình:

– Thưa phu nhân, nếu tôi không tìm thấy thi hài của vị tử đạo nào, và thi hài của tôi, người đã chịu khổ hình vì Chúa Kitô, được mang về cho bà, thì bà có đón nhận nó một cách tôn kính không?

Aglaida cười lớn, gọi anh là kẻ say xỉn và tội nhân, rồi quở trách anh rằng:

– Giờ đây, anh em ơi, không phải lúc để đùa cợt, mà là lúc để tỏ lòng kính trọng. Trên đường đi, anh phải cẩn trọng tự bảo vệ mình khỏi mọi hành vi vô lễ và chế nhạo: việc thánh thiêng phải được thực hiện một cách trung thực và trang nghiêm, và trên con đường này, anh phải giữ lòng khiêm nhường và tiết độ; hãy nhớ rằng anh sắp phục vụ các thánh tích, mà chúng ta không chỉ không xứng đáng chạm vào, mà thậm chí còn không xứng đáng được nhìn ngắm chúng. Hãy đi bình an; còn Đức Chúa Trời, Đấng đã mang lấy hình hài của một tôi tớ và đổ máu Ngài vì chúng ta, xin Ngài tha thứ tội lỗi của chúng ta và sai Thiên Thần của Ngài đến với con, dẫn dắt con trên con đường tốt lành và bình an.

Voni-fa-ti đã ghi nhớ lời dặn dò của bà chủ và lên đường, trong lòng suy ngẫm về những điều mà anh sẽ phải chạm vào bằng đôi tay ô uế và đầy tội lỗi của mình. Voni-fa-ti bắt đầu ăn năn về những tội lỗi trong quá khứ của mình và quyết định ăn chay: không ăn thịt, không uống rượu, đồng thời cầu nguyện siêng năng và thường xuyên để đạt được lòng kính sợ Thiên Chúa. Sự kính sợ là cha của sự chú tâm, còn sự chú tâm là mẹ của sự bình an nội tâm, từ đó nảy sinh khởi đầu và gốc rễ của sự sám hối. Như vậy, Vonifati đã gieo mầm gốc rễ của sự sám hối trong lòng mình; bắt đầu từ sự kính sợ Đức Chúa Trời, sự chú tâm vào bản thân và những lời cầu nguyện không ngừng, anh đã nuôi dưỡng trong mình khát vọng hướng tới một cuộc sống hoàn hảo.

Khi Vonifati đến Tiểu Á và đặt chân vào thành phố Tarsus nổi tiếng thuộc xứ Cilicia[33] , lúc bấy giờ dưới triều vua Diocletian và đồng trị vì của ông là Maximian, một cuộc đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu đang diễn ra, và các tín hữu phải chịu những cực hình khủng khiếp. Sau khi để các nô lệ lại ở nhà trọ, ông ra lệnh cho họ nghỉ ngơi, còn bản thân ông, không nghỉ ngơi chút nào, liền đi ngay đến xem cảnh các vị tử đạo đang chịu đau khổ, những người mà trước đó ông đã nghe nói đến. Khi đến nơi hành hình, Vonifatius thấy rất đông người dân tụ tập để xem cảnh các Kitô hữu bị tra tấn. Tất cả họ chỉ bị buộc một tội duy nhất: đức tin Kitô giáo và lối sống đạo đức, nhưng những hình phạt giáng xuống họ lại không đồng đều và khác nhau: một người bị treo ngược đầu xuống,

[33] Cilicia – tỉnh phía đông nam của Đế quốc La Mã ở Tiểu Á. – Tarsus – một thành phố lớn và đông dân cư của tỉnh này, nằm ở phần phía nam, trên một đồng bằng trù phú, bên bờ sông Kidne, không xa nơi con sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải, – cho đến nay vẫn là một thành phố thương mại khá quan trọng.

dưới chân người đó có đống lửa đang cháy, người khác bị trói hình chữ thập vào bốn cột, người khác nằm đó bị cưa xẻ làm đôi, người khác bị những kẻ tra tấn cạo da bằng các dụng cụ sắc nhọn, người khác bị móc mắt, người khác bị chặt các bộ phận cơ thể, người khác bị cắm lên cọc và, sau khi nhấc lên khỏi mặt đất, cọc được đóng sâu xuống đất sao cho nó xuyên qua đến tận cổ, có người xương bị gãy, có người tay chân bị chặt đứt, và người ấy, như một cục bông, lăn lóc trên mặt đất, nhưng trên khuôn mặt tất cả đều toát lên niềm vui thiêng liêng, bởi vì, khi chịu đựng những cực hình không thể chịu đựng nổi đối với con người, họ được củng cố bởi ân sủng của Thiên Chúa. Thánh Boniface chăm chú quan sát tất cả những điều này, lúc thì ngạc nhiên trước sự kiên nhẫn dũng cảm của các vị tử đạo, lúc thì khao khát được nhận vương miện tương tự; rồi, tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng, ngài bước vào giữa đám đông và bắt đầu ôm lấy tất cả những ai đã tự nguyện làm chứng nhân cho đức tin – lúc đó đã có khoảng hai mươi người – rồi trước sự chứng kiến của mọi người, ngài cất tiếng hô to:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại! Ngài thật vĩ đại, vì Ngài giúp đỡ các tôi tớ của Ngài và củng cố họ trong những đau khổ to lớn như thế này!

Nói xong, ông lại tiếp tục hôn lên các vị tử đạo và với tình yêu thương, hôn lên chân họ; còn những ai không còn chân, thì ông ôm lấy các bộ phận còn lại của cơ thể họ, ôm chặt các vị tử đạo vào lòng, gọi họ là những người hạnh phúc, bởi vì sau khi dũng cảm chịu đựng những đau khổ ngắn ngủi, họ sẽ ngay lập tức nhận được sự an nghỉ vĩnh cửu, niềm an ủi và niềm vui vô tận; đồng thời, Vonifati cầu nguyện cho chính mình, để ông cũng được trở thành đồng hành của các vị tử đạo trong công trình anh hùng này và được chia sẻ vương miện mà họ nhận được từ Đấng Ban Ơn – Đức Kitô. Toàn thể dân chúng đều hướng ánh mắt về phía ông, đặc biệt là vị quan tòa, người đã tra tấn các thánh tử đạo. Thấy trước mặt mình là Vonifatiy, một người lạ mặt và không quen biết, ông ta hỏi: "Ông là ai và đến từ đâu?" Rồi ngay lập tức ra lệnh bắt giữ ông và dẫn đến trước mặt mình, rồi hỏi:

– Ngươi là ai?

– Tôi là một Kitô hữu! – vị thánh đáp.

Nhưng quan tòa muốn biết tên và nguồn gốc của ông. Trả lời câu hỏi đó, vị thánh nói:

– Tên đầu tiên và cũng là tên tôi yêu quý nhất là Kitô hữu, còn tôi đến đây từ Rôma; còn nếu ngài muốn biết tên mà cha mẹ đã đặt cho tôi, thì tên tôi là Vonifati.

– Vậy thì, Vonifati, – quan tòa nói, – hãy thờ phụng các vị thần của chúng ta trước khi ta xé nát thịt và xương của ngươi, và dâng lễ vật cho họ. Khi đó ngươi sẽ được hưởng nhiều ân huệ, làm hài lòng các vị thần, thoát khỏi những cực hình đang đe dọa ngươi và nhận được nhiều quà tặng từ chúng ta.

Đáp lại điều đó, Vonifati nói:

– Thật ra ta không nên trả lời những lời của ngươi, nhưng ta sẽ lặp lại điều mà ta đã nói nhiều lần: ta là một Kitô hữu, và đó là điều duy nhất ngươi sẽ nghe từ ta; còn nếu ngươi không muốn nghe điều đó, thì hãy làm với ta bất cứ điều gì ngươi muốn!

Khi Vonifati nói xong những lời ấy, ngay lập tức quan tòa ra lệnh lột trần ông, treo ngược ông lên và đánh đập dữ dội. Vị thánh bị đánh đến mức những mảng thịt lớn bong ra khỏi thân thể, để lộ xương trắng. Còn ngài, dường như không cảm nhận được nỗi đau và không bận tâm đến những vết thương đang gánh chịu, chỉ hướng đôi mắt về phía các thánh tử đạo, xem nỗi đau của họ như gương mẫu cho chính mình và an ủi bản thân vì được vinh dự cùng chịu đau khổ vì Chúa Kitô với họ. Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh giảm bớt chút ít sự tra tấn dành cho ngài và, cố gắng thuyết phục ngài bằng lời nói một lần nữa, nói:

– Vonifati, hãy để sự khởi đầu của sự tra tấn này làm lời cảnh tỉnh cho ngươi, để ngươi biết nên chọn điều gì tốt hơn: ngươi đã trải qua những đau khổ không thể chịu đựng nổi, hãy tỉnh ngộ đi, kẻ khốn nạn, và dâng lễ vật, nếu không ngươi sẽ ngay lập tức phải chịu những đau khổ còn lớn hơn và tàn khốc hơn nữa.

Vị thánh phản đối:

– Sao ngươi lại ra lệnh cho ta làm điều vô lễ như vậy, hỡi kẻ điên rồ! Ta thậm chí không thể nghe nói đến các vị thần của ngươi, vậy mà ngươi lại ra lệnh cho ta dâng lễ vật cho chúng!

Lúc đó, quan tòa, trong cơn thịnh nộ tột độ, ra lệnh đâm những cây kim nhọn vào dưới móng tay và móng chân của ngài, nhưng vị thánh, ngước mắt và tâm trí lên trời, im lặng chịu đựng. Sau đó, quan tòa nghĩ ra một hình phạt mới: ông ta ra lệnh nung chảy thiếc và đổ vào miệng vị thánh. Khi thiếc đang được nung chảy, vị thánh giơ hai tay lên trời và cầu nguyện:

– Lạy Chúa là Thiên Chúa của con, lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã củng cố con trong những cực hình con đã chịu, xin hãy ở cùng con ngay lúc này, làm dịu bớt những đau khổ của con. Ngài là niềm an ủi duy nhất của con: xin

hãy ban cho con một dấu hiệu rõ ràng rằng Ngài đang giúp con chiến thắng Satan và vị quan tòa bất công này: vì Ngài, như chính Ngài biết, con đang chịu đau khổ.

Sau khi kết thúc lời cầu nguyện này, Thánh Boniface đã quay sang các thánh tử đạo và xin họ dùng lời cầu nguyện của mình giúp ngài chịu đựng cơn đau đớn khủng khiếp. Những kẻ tra tấn tiến lại gần ngài, dùng dụng cụ sắt mở miệng ngài ra và đổ chì vào cổ họng ngài, nhưng không gây hại gì cho vị thánh. Những người chứng kiến cảnh tra tấn, khi thấy sự tàn bạo đó, đã rùng mình và đồng thanh kêu lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại! Đức Vua – Đức Kitô – thật vĩ đại! Chúng con đều tin vào Ngài, lạy Chúa!

Vừa kêu lên như vậy, tất cả đều quay sang ngôi đền thờ thần tượng gần đó, muốn phá hủy nó, còn đối với quan tòa thì họ la ó phẫn nộ và ném đá vào ông ta để giết chết. Quan tòa đứng dậy khỏi ghế xét xử, xấu hổ chạy về nhà, còn Vonifati thì ra lệnh giam giữ.

Sáng hôm sau, khi tình hình đã lắng xuống và cuộc nổi dậy của dân chúng tạm thời chấm dứt, vị thẩm phán lại xuất hiện trên ghế xét xử và, sau khi gọi Vonifati, đã phỉ báng danh Chúa Kitô và chế nhạo cách Ngài bị đóng đinh. Vị thánh, không chịu đựng được những lời phỉ báng nhắm vào Chúa của mình, đã tự mình thốt ra nhiều lời khiến quan tòa tức giận, đến lượt mình, ngài chửi rủa những vị thần vô hồn và vạch trần sự mù quáng và điên rồ của những kẻ thờ phụng chúng, và điều đó càng làm quan tòa tức giận hơn nữa, người này lập tức ra lệnh đun nóng nồi nhựa thông và ném vị thánh vị tử đạo vào đó. Nhưng Chúa không bỏ rơi tôi tớ của Ngài: bỗng nhiên một Thiên thần từ trời giáng xuống và tưới nước lên vị tử đạo trong nồi; khi nhựa chảy ra, một ngọn lửa dữ dội bùng lên xung quanh, thiêu cháy nhiều kẻ ngoại đạo vô đạo đang đứng gần đó. Còn vị thánh thì bước ra an toàn, không hề hấn gì bởi nhựa hay lửa. Lúc đó, kẻ tra tấn, khi thấy quyền năng của Đấng Kitô, đã hoảng sợ, lo rằng chính mình cũng sẽ phải chịu khổ, nên ra lệnh ngay lập tức chém đầu Vonifati bằng gươm. Các binh lính bắt vị tử đạo và dẫn ngài đi chém đầu. Còn vị thánh, sau khi xin được một chút thời gian để cầu nguyện, đã quay mặt về hướng đông và cầu nguyện:

– Lạy Chúa, lạy Thiên Chúa! Xin ban cho con ân sủng của Ngài và hãy là Đấng trợ giúp con, để kẻ thù vì những tội lỗi con đã phạm một cách điên rồ, đừng chặn đường lên thiên đàng, nhưng xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an và xếp con cùng với các thánh tử đạo, những người đã đổ máu vì Ngài và giữ vững đức tin cho đến cùng; còn đoàn chiên đã được mua chuộc bằng Máu thánh của Ngài, những người của Ngài, lạy Chúa Kitô, những người thân thiết với con, xin cứu họ khỏi mọi sự gian ác và sự lầm lạc ngoại đạo, vì Ngài là Đấng đáng ngợi khen và tồn tại muôn đời!

Sau khi cầu nguyện như vậy, Vonifati đã cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm và bị chém đứt đầu; từ vết thương của ngài, máu và sữa cùng chảy ra. Những kẻ vô tín, khi chứng kiến phép lạ này, đã ngay lập tức quay về với Chúa Kitô – khoảng 550 người, và, bỏ lại những thần tượng ghê tởm, đã gia nhập vào hàng ngũ các tín hữu. Đó là cái chết của Thánh Vonifati, người khi ra khỏi nhà để lên đường, đã cười và tiên đoán với bà chủ của mình điều mà ngài thực sự đã chứng minh và thực hiện trong thực tế: "[34] ".

Trong khi đó, những người bạn của Vonifati và các nô lệ của Aglaida, những người đã đi cùng ngài để tìm kiếm di cốt, không biết gì về những gì đã xảy ra, nên họ ngồi ở nhà trọ và chờ đợi Vonifati. Thấy đến chiều tối anh ta vẫn chưa trở về, họ ngạc nhiên, rồi cả đêm lẫn sáng hôm sau vẫn không thấy anh ta, họ bắt đầu phán xét và nói xấu về anh ta (như chính họ sau này kể lại), cho rằng anh ta đang say xỉn ở đâu đó và tiêu khiển với những cô gái lẳng lơ:

– Này, – họ nói, vừa cười vừa nói, – xem kìa, Vonifati của chúng ta đã đến tìm kiếm thánh tích như thế nào!

Nhưng vì anh ta vẫn không trở về vào đêm tiếp theo và cả ngày thứ ba, họ bắt đầu bối rối, và đi tìm anh ta, lang thang khắp thành phố và hỏi han về anh ta. Tình cờ, hay đúng hơn là theo ý định của Chúa, họ gặp một người là anh em của viên quan quản lý[35] , và hỏi anh ta liệu có thấy một người lạ, một lữ khách, đã đến đây không. Người đó trả lời rằng hôm qua có một người đàn ông ngoại quốc, đã chịu khổ vì Chúa Kitô tại nơi hành hình, bị kết án tử hình và bị chém đầu bằng gươm.

– Tôi không biết, – anh ta nói, – liệu đó có phải là người mà các anh đang tìm không? Hãy mô tả xem anh ta trông như thế nào?

---

[34] Thánh tử đạo Boniface đã chịu khổ hình và qua đời vào ngày 19 tháng 12 năm 290.

[35] Về chức vụ và nhiệm vụ của các bình luận viên, xem trang 987, chú thích 1.

Họ mô tả ngoại hình của Vonifati, rằng anh ta không cao lắm, có mái tóc đỏ; họ cũng kể thêm về những đặc điểm khác trên khuôn mặt anh ta. Lúc đó, người đàn ông ấy nói với họ:

– Chắc chắn đó chính là người mà các anh đang tìm!

Nhưng họ không tin, và nói:

– Anh không biết người mà chúng tôi đang tìm đâu.

Và trong khi bàn tán với nhau, họ nhớ lại tính cách trước đây của Vonifati, chửi rủa anh ta và nói:

– Làm sao một kẻ nghiện rượu và đồi bại lại có thể chịu khổ vì Chúa Kitô được chứ?!

Nhưng anh em trong ban bình luận vẫn kiên quyết giữ quan điểm của mình.

– Về bề ngoài, đúng như các anh nói, người đó hôm qua và ngày kia quả thực đã bị tra tấn tại tòa án, – anh ta nói, – nhưng điều gì cản trở các anh? Hãy đi đi – các anh sẽ tự mình thấy thi thể của anh ta nằm ở nơi anh ta bị chém đầu.

Họ đi theo người đó, đến nơi hành hình, nơi có lính canh đứng gác để thi thể các vị tử đạo không bị các tín hữu Kitô giáo lấy đi. Người đi đầu chỉ cho họ thấy vị tử đạo bị chém đầu đang nằm đó và nói:

– Chẳng phải đây chính là người mà các anh đang tìm sao?

Khi họ nhìn thấy thi thể của vị tử đạo, ngay lập tức họ nhận ra người bạn của mình; và khi họ đặt cái đầu của ông – vốn nằm riêng rẽ – lên thân thể, họ hoàn toàn chắc chắn rằng đó chính là Vonifati, và họ vô cùng ngạc nhiên; đồng thời, họ cũng bắt đầu cảm thấy xấu hổ, bởi vì trước đó họ đã suy nghĩ và nói những điều xấu về ông, họ lo sợ rằng mình sẽ phải hứng chịu hình phạt vì đã lên án vị thánh và chế giễu cuộc đời ngài, mà không biết những suy nghĩ chân thành và ý định tốt đẹp trong lòng ngài.

Khi họ nhìn vào khuôn mặt của vị thánh và đang vô cùng kinh ngạc, bỗng nhiên họ thấy Vonifatius từ từ mở mắt ra, và nhìn họ với ánh mắt nhân từ như nhìn những người bạn của mình, đôi môi mỉm cười, khuôn mặt rạng ngời, như thể đang thể hiện rằng ngài tha thứ cho họ mọi lỗi lầm mà họ đã phạm phải đối với ngài.

Họ vừa kinh hoàng vừa vui mừng, và trong khi rơi những giọt nước mắt ấm áp, họ khóc bên thi thể ngài, nói rằng:

– Hỡi tôi tớ của Đấng Christ, xin hãy tha thứ những tội lỗi của chúng con, vì chúng con đã phán xét cuộc đời ngài một cách bất công và mắng chửi ngài một cách thiếu suy nghĩ!

Sau đó, họ trao 500 đồng vàng cho những kẻ vô đạo, rồi mang thi thể và đầu của Thánh Boniface, xức dầu thơm lên, quấn chúng bằng những tấm vải liệm tinh khiết, đặt vào quan tài, rồi lên đường về nhà, mang thi thể vị tử đạo về cho phu nhân của mình. Khi họ sắp đến gần Rôma, Thiên Thần của Đức Chúa Trời hiện ra trong giấc mơ của Aglaida và nói:

– Hãy chuẩn bị đón nhận người trước đây từng là đầy tớ của ngươi, nay đã trở thành anh em và đồng sự của chúng ta; hãy đón nhận người từng là nô lệ của ngươi, nay sẽ là chủ nhân của ngươi, và hãy kính trọng ngài một cách thành kính, vì ngài là người gìn giữ linh hồn ngươi và là người bảo vệ cuộc sống của ngươi.

Khi tỉnh giấc, bà kinh hoàng, liền rủ ngay một số giáo sĩ đáng kính trong giáo hội, ra đón vị thánh tử đạo Vonifati, người mà trước đây bà đã tiễn đi như một nô lệ, nhưng khi ngài trở về, bà đã đón nhận ngài vào nhà mình với lòng kính trọng và nước mắt như một chủ nhân. Và bà nhớ lại lời tiên tri mà vị thánh đã phán khi lên đường, và tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã sắp đặt sao cho Thánh Vonifatius trở thành của lễ dâng lên Thiên Chúa, để chuộc tội cho chính ngài và cho bà. Tại điền trang của mình, cách Roma 50 stadia[36] , Aglaida đã xây dựng một ngôi đền tuyệt đẹp để tôn vinh Thánh Tử đạo Vonifati, và an táng thánh tích của ngài tại đó, sau khi nhiều phép lạ đã xảy ra nhờ lời cầu nguyện của vị Tử đạo: những người bệnh được chữa lành theo nhiều cách khác nhau, ma quỷ bị trục xuất khỏi con người, và nhiều người cầu nguyện trước quan tài của vị thánh đã được toại nguyện.

Sau đó, chính Thánh nữ Aglaida, sau khi chia hết tài sản của mình cho người nghèo và khốn khó, đã từ bỏ đời sống trần thế; và sau khi sống thêm 18 năm trong sự sám hối sâu sắc, bà đã qua đời trong bình an và được an nghỉ bên cạnh Thánh Tử đạo Vonifati, được an táng ngay bên cạnh quan tài của ngài[37] .

---

[36] "Stadia" là đơn vị đo chiều dài bằng 88 sajeen; do đó, 50 stadia tương đương với gần 9 verst. Sau này, vào năm 1200, nhà hành hương người Nga Antony đã nhìn thấy đầu của Thánh Vonifatiy tại Constantinople. Trên ngôi đền Thánh Vonifati ở Rome, vốn được Aglaida xây dựng dành cho ngài, sau này người ta đã xây dựng một ngôi đền rộng lớn hơn mang tên Thánh Alexius, một người của Chúa, từ nhà thờ dưới lên nhà thờ trên mới, trong phòng thánh của nhà thờ này hiện nay, các đầu thiêng liêng của họ được lưu giữ riêng biệt.

Như vậy, đôi thánh nhân này, sau khi đã thay đổi cuộc đời cũ một cách kỳ diệu, đã đạt được kết cục tốt đẹp: một người, bằng máu đã rửa sạch tội lỗi của mình, được ban vương miện tử đạo; còn người kia, bằng nước mắt và cuộc sống khắc khổ, đã thanh tẩy bản thân khỏi sự ô uế xác thịt; và cả hai đều được xưng công chính và vô tì vết trước mặt Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của Thánh Boniface Nhân từ, Giám mục Ferentium

Ngày kỷ niệm: 19 tháng 12

Thánh Vonifati[38] gốc gác từ vùng Tuscia[39] , ở Ý. Ngay từ thuở nhỏ, ngài đã nổi bật bởi lòng thương xót dành cho những người nghèo khổ; mỗi khi thấy ai đó không có áo mặc, ngài liền cởi áo của mình ra và mặc cho người đó, vì thế ngài thường về nhà mà không có áo chiton hay áo choàng[40] , và mẹ ngài, vốn là một góa phụ nghèo, thường nổi giận với ngài và nói:

– Con làm thế là vô ích, vừa là người nghèo lại còn cho người nghèo mặc quần áo.

Một lần, bà bước vào kho lúa của mình, nơi đã dự trữ đủ lúa mì cho cả năm, và thấy kho trống rỗng: Vonifati, con trai bà, đã lén lút phát hết cho những người ăn xin, và người mẹ bắt đầu khóc, vỗ vào mặt mình và kêu lên:

– Khốn khổ cho tôi, tôi sẽ lấy đâu ra thức ăn cho cả năm, và sẽ nuôi sống bản thân cùng gia đình bằng gì đây?

Voni-fa-ti đến bên bà và bắt đầu an ủi bà; nhưng khi thấy bà vẫn khóc nức nở dù đã nói nhiều lời an ủi, anh liền nài nỉ bà ra khỏi kho lúa một lát. Khi người mẹ ra ngoài, Voni-fa-ti đóng cửa kho lúa lại, quỳ xuống đất và cầu nguyện với Chúa – và ngay lập tức, kho lúa tràn ngập lúa mì. Voni-fa-ti, sau khi tạ ơn Chúa, đã gọi mẹ mình; khi bà nhìn thấy kho lúa đầy ắp lúa mì, bà liền được an ủi và ngợi khen Chúa. Từ đó trở đi, bà không còn cấm con trai phân phát cho người nghèo bao nhiêu tùy ý nữa, vì bà thấy ở cậu một đức tin vĩ đại đến mức cậu không hề trở nên nghèo đi vì việc bố thí, và bất cứ điều gì cậu xin Chúa, cậu đều nhận được. Mẹ của Vonifati có nuôi gà trong nhà, nhưng chúng thường bị con cáo bắt đi, gây thiệt hại cho người góa phụ nghèo này. Một lần nọ, cậu bé Vonifati, đang đứng trước cửa nhà, thấy con cáo như thường lệ đến, bắt một con gà rồi chạy trốn lên núi. Thương xót cho nỗi buồn của mẹ, cậu chạy vào nhà thờ, quỳ xuống đất và trong lời cầu nguyện, than thở với Đức Chúa Trời về con cáo, nói rằng:

– Lạy Chúa, chẳng lẽ Ngài lại muốn con không thể sống nhờ công sức lao động của mẹ sao? Trong khi đó, con cáo lại đến và cướp mất thức ăn của chúng con!

Sau khi cầu nguyện, Vonifati trở về nhà và thấy chính con cáo đó đã đến sân nhà họ, mang theo con chim bị cướp trong miệng; nó thả con chim còn sống trước mặt Vonifati, còn bản thân nó thì ngay lập tức chết đi. Như vậy, Thiên Chúa lắng nghe những ai đặt niềm tin vào Ngài ngay cả trong những việc nhỏ nhặt, vì Ngài có sự quan phòng vĩ đại dành cho chúng ta, để khi nhận được điều nhỏ bé từ Ngài, chúng ta hy vọng sẽ nhận được điều lớn lao hơn, nếu có thể.

Thánh Vonifati sau đó được tấn phong làm giám mục tại thành phố Ferentine[41] , và linh mục Gavdencius – người từng là đầy tớ của ngài và tận mắt chứng kiến mọi việc ngài thực hiện – đã thuật lại về nhiều phép lạ của ngài. Giáo phận Ferentine lúc bấy giờ sống trong cảnh nghèo khó tột cùng, điều này lại trở thành người bảo vệ cho lòng khiêm nhường của những người đạo đức; vị giám mục không có bất kỳ tài sản nào của Giáo hội để trang trải sinh hoạt, ngoại trừ một khoản thu nhập từ vườn nho thuộc sở hữu của Giáo hội. Một lần nọ, có một trận mưa đá lớn đã tàn phá hết các cành nho đang chín, đến nỗi chỉ còn lại một ít chùm nho trên một số cành. Thánh Vonifati, khi bước vào vườn nho, thấy mọi thứ đều bị tàn phá, liền bắt đầu tạ ơn Thiên Chúa vì trong cảnh nghèo khó của

---

[37] Theo các văn bản La Mã về các thánh tử đạo và Sách Lễ Hy Lạp của Thánh Nicodemos người Mount Athos, sau những công đức của mình, Aglaida thậm chí còn được ban ân sủng làm phép lạ và trừ tà; bà được phong thánh, và ngày kỷ niệm của bà được cử hành cùng với Thánh Tử đạo Vonifatius.

[38] Thánh Vonifatius Nhân từ sống vào thế kỷ VI.

[39] Tuscania – hay còn gọi là Etruria – là một vùng cổ đại ở miền trung Ý, nằm giữa Biển Tyrrhenian và dãy núi Apennines, phía bắc Rome.

[40] Chiton – tên gọi tiếng Hy Lạp của áo lót (áo sơ mi); đối với các dân tộc phương Đông – svita hoặc svitka – là loại áo khoác ngoài, đơn giản và thô sơ.

[41] Ferentium – một thành phố ở Etruria cổ đại, thuộc Ý, hiện nay là di tích Ferento.

mình, ngài lại phải chịu đựng sự thiếu thốn còn lớn hơn nữa. Khi đến mùa nho chín, Vonifati, như thường lệ, đã bố trí người canh gác và ra lệnh phải canh giữ cẩn mật những chùm nho còn lại. Một ngày nọ, ngài ra lệnh cho Linh mục Constance, cháu trai của ngài, rửa sạch tất cả các bình đựng rượu trong nhà giám mục và tráng nhựa theo tập quán. Vị linh mục, khi nghe điều này, đã rất ngạc nhiên vì ông, dù không có rượu, lại ra lệnh chuẩn bị các bình đựng rượu. Không dám hỏi lý do tại sao phải chuẩn bị các bình đó, nhưng vẫn tuân theo mệnh lệnh, ông đã làm mọi việc theo thông lệ. Voniati đi vào vườn nho, hái những chùm nho, mang chúng đến máy ép[42] và ra lệnh cho mọi người ra khỏi đó, còn bản thân ngài ở lại với một cậu bé, người mà ngài bảo phải ép hết những chùm nho ít ỏi này trong máy ép. Khi rượu bắt đầu chảy ra từ máy ép từng chút một, vị thánh đã hứng rượu vào một bình, rồi rót từng chút một vào tất cả các bình đã chuẩn bị sẵn để ban phước cho chúng, chia rượu sao cho các bình chỉ vừa được thấm ướt một chút. Như vậy, Thánh Vonifati đã ban phước cho tất cả các bình, gọi vị linh mục đến và ra lệnh triệu tập những người nghèo, để theo tập tục, họ đến và lấy rượu mới đang có trong các bình. Lúc đó, rượu trong máy ép bắt đầu nhân lên, đến nỗi tất cả các bình mà những người nghèo mang đến đều được đổ đầy. Thánh nhân, thấy rằng tất cả những người đến đều đã có đủ rượu, bèn ra lệnh cho cậu bé ra khỏi hầm rượu, rồi đóng cửa kho chứa rượu, đóng dấu lại và đi vào nhà thờ. Ba ngày sau, Vonifati gọi linh mục Constantius đến, sau khi cầu nguyện, ngài mở cửa kho rượu và thấy rằng tất cả các bình và chum, trong những thứ mà trước đó đã được rót một ít rượu vào để làm phép, đều tràn ngập rượu sủi bọt, đến nỗi nó tràn ra, tràn qua mép, thậm chí mặt đất cũng thấm đẫm rượu; và nếu vị giám mục chậm trễ một chút khi bước vào kho rượu, thì cả mặt đất sẽ bị bao phủ bởi rượu tràn ra. Khi vị linh mục nhìn thấy cảnh đó và vô cùng ngạc nhiên, vị thánh đã cấm ông không được nói với ai về chuyện này, vì sợ và tránh sự vinh quang hão huyền của con người. Một lần khác, khi đang cử hành lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Proclus, một quý ông cùng thành phố tên là Fortunatus đã xin Thánh Boniface, sau khi cử hành thánh lễ cho vị Thánh Tử đạo, hãy đến nhà ông và ban phước lành; vị thánh không từ chối ông, vì Fortunatus đã xin điều đó với lòng tin và tình yêu chân thành. Sau khi cử hành Thánh lễ, Thánh Vonifatius đến dùng bữa tại nhà Fortunat. Trước khi ngài cầu nguyện theo thông lệ trước bữa ăn, một nghệ sĩ đường phố đứng trước cửa cùng con khỉ và bắt đầu đánh cymbals[43] . Nghe tiếng cymbals, vị thánh nổi giận và nói:

– Than ôi, tên vô đạo này quả thực đã chết rồi, thực sự đã chết rồi! Ta đến dùng bữa mà còn chưa kịp mở miệng để ca ngợi Đức Chúa Trời như thường lệ, thì hắn đã làm ta mất tập trung, mang theo con khỉ và đánh kimval!

Ngài còn nói thêm:

– Hãy đi, cho hắn ăn và uống đi, nhưng hãy biết rằng hắn đã chết rồi.

Kẻ vô đạo ấy, sau khi lấy bánh và rượu, định bước ra khỏi cổng, nhưng ngay lập tức một tảng đá lớn từ phía sau bất ngờ rơi xuống và đập vào đầu hắn; tên hề ngã xuống đất và trong tình trạng nửa sống nửa chết, được khiêng về nhà, và vào ngày hôm sau, đúng như vị thánh đã tiên đoán, hắn đã chết. Đó là cách chúng ta phải kính sợ và tôn kính các thánh nhân của Đức Chúa Trời, vì họ chính là đền thờ của Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời ngự trong họ. Khi vị thánh nổi giận, Đức Chúa Trời ngự trong ngài cũng nổi giận theo, và lúc đó, vị thánh có thể trừng phạt kẻ xúc phạm ngài chỉ bằng một lời nói. Một lần khác, chính vị linh mục Constance, cháu nội của vị thánh, đã bán con ngựa của mình với giá hai mươi đồng vàng, rồi bỏ số tiền đó vào một chiếc hòm nhỏ[44] và đi lo việc riêng. Bất ngờ, có rất nhiều người ăn xin đến gặp giám mục và quấy rầy ngài, xin ngài giúp đỡ họ bằng bất cứ thứ gì. Vị thánh, không có gì để cho họ, nên lòng đầy buồn phiền, không muốn để những người ăn xin ra về mà không được giúp đỡ; rồi ngài chợt nhớ đến số tiền của Constantius, số tiền nhận được khi bán con ngựa, nên đã đi vào căn phòng nơi đặt chiếc hòm, và sau khi làm phép vì cảm thấy có lỗi, ngài mở nó ra, lấy những đồng tiền vàng và trao cho những người nghèo. Khi vị linh mục trở lại và thấy chiếc rương đã mở, lại không tìm thấy tiền trong đó, ông ta vô cùng tức giận, làm ầm ĩ lên và bắt đầu la hét đầy phẫn nộ:

– Tôi không thể sống ở đây được nữa!

Nghe tiếng la hét, tất cả những người có mặt trong dinh giám mục đều chạy đến; chính vị giám mục cũng đến và bắt đầu an ủi ông, khuyên nhủ bằng những lời lẽ ân cần. Nhưng ông vẫn trả lời vị thánh với vẻ bực bội:

---

[42] Tochilo – hố dùng để ép nho chín nhằm chế biến rượu từ nước ép của nó; việc ép nho được thực hiện bằng một dụng cụ đặc biệt hoặc đơn giản là bằng chân.

[43] Kimval – một loại nhạc cụ gõ cổ đại, gồm một chiếc đĩa kim loại, ở giữa có gắn dây đai hoặc dây thừng để đeo vào tay phải. Người ta gõ chiếc kimval này vào chiếc kimval khác đeo trên tay trái, từ đó tạo ra âm thanh.

[44] Hộp nhỏ – một chiếc hộp có kích thước nhỏ.

– Mọi người ở đây đều sống tốt, chỉ có mình tôi là không có chỗ ở và không thể sống yên ổn. Hãy trả lại tiền cho tôi, rồi tôi sẽ rời khỏi đây.

Vị giám mục đi vào nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, khoác lên mình chiếc áo choàng[45] , rồi giơ hai tay lên cao và ngước mắt lên trời, cầu nguyện xin Chúa ban cho ngài từ đâu đó số tiền vàng bằng với số tiền ngài đã lấy của vị linh mục, để trả lại cho ông ta và xoa dịu cơn giận của ông. Trong lúc cầu nguyện, vị thánh ngước mắt nhìn xuống và thấy trên chiếc áo choàng đột nhiên xuất hiện hai mươi đồng tiền vàng, nằm giữa hai bàn tay đang giơ lên trời, lấp lánh như thể vừa mới được đúc xong và lấy ra khỏi lò lửa. Sau khi tạ ơn Thiên Chúa, vị giám mục bước ra khỏi nhà thờ và ném số tiền đó lên áo của vị linh mục đang giận dữ, rồi nói:

– Này, hãy nhận số tiền mà ngươi đã than thở, và hãy biết rằng sau khi ta qua đời, vì sự keo kiệt của ngươi, ngươi sẽ không bao giờ trở thành giám mục của nhà thờ này!

Quả thực, chuyện đã diễn ra đúng như vậy: vị linh mục ấy tích trữ tiền bạc chỉ để được phong làm giám mục, nhưng lời nói của người của Chúa không bao giờ vô ích, và Constantius đã kết thúc cuộc đời mình với chức vụ linh mục.

Có lần, hai người Goth đi đến thành phố Ravenna[46] và, với tư cách là những lữ khách, họ đã được Thánh Vonifatius tiếp đón nồng hậu tại dinh giám mục. Khi họ ra về, Vonifatius, trong lúc tiễn đưa, đã tự tay rót rượu vào một bình gỗ và trao cho họ mang theo trên đường đi như một lời chúc phúc. Chiếc bình nhỏ, nên lượng rượu chỉ đủ cho một bữa trưa. Họ nhận lấy rồi ra đi, và đến lúc cần thiết, họ uống rượu từ chiếc bình đó; thế nhưng, rượu trong bình không hề vơi đi chút nào, và chiếc bình luôn đầy ắp. Sau khi ở lại Ravenna vài ngày, những người lữ hành quay trở lại và đến gặp vị thánh một lần nữa, cảm ơn ngài về lời chúc phúc, đồng thời mang theo chiếc bình chứa cùng loại rượu đó, cho biết rằng suốt chặng đường họ không uống rượu nào khác, nhưng rượu trong bình vẫn không hề cạn.

Cũng không thể không nhắc đến câu chuyện do một vị linh mục trung thực ở đất nước đó kể lại.

– Có lần, thánh Vonifati, – vị giáo sĩ kể, – bước vào vườn nho của mình và thấy vô số sâu bướm, đến nỗi cả vườn nho đều bị chúng bao phủ, và toàn bộ cây cối sắp bị hủy hoại. Và vị thánh đã nói với lũ sâu bướm: 'Ta nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, truyền lệnh cho các ngươi: hãy rời khỏi đây, và đừng dám ăn cỏ này nữa.' Ngay lập tức, theo lời của vị thánh được Chúa yêu mến, cả đàn sâu bướm đã rời khỏi vườn nho, đến nỗi không còn con nào sót lại.

Lạy Chúa, Đấng tôn vinh các thánh của Ngài và thực hiện ý nguyện của những ai kính sợ Ngài, xin Ngài cũng được tôn vinh trong các ngài đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của Thánh Grigori, Tổng Giám mục Omirit.

Ngày kỷ niệm: 19 tháng 12

Thánh Grigori ban đầu tu hành tại thành phố Mediolan, nơi, theo sự lựa chọn của Thiên Chúa, ngài tỏa sáng trên ngọn nến của chức vụ giáo hội với phẩm trật phó tế; sau đó, các thành phố và làng mạc khác đã có ngài làm người rao giảng danh Chúa Kitô và người diệt trừ sự sùng bái thần tượng. Thánh Grigori là con trai của hai bậc cha mẹ đạo đức là Agapius và Theodota, được nuôi dưỡng trong sự đạo đức và lòng kính sợ Thiên Chúa; từ thuở thiếu thời, ngài đã được tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa, trở thành vị thánh làm phép lạ và chữa lành. Chúa đã chuẩn bị cho ngài để phục vụ trong chức vụ giám mục, điều này đã được báo trước cho ngài qua các mặc khải và các vị cha thánh có khả năng tiên tri. Khi Grigori đến Mediolan gặp một vị ẩn sĩ, vị ấy đã tiên đoán toàn bộ tương lai cho ngài, vì ngài là người có khả năng tiên tri; ngài đã tiên đoán trước cả việc Grigori sẽ đến gặp mình, khi đó Grigori còn cách ngài ba mươi dặm[47] , điều mà vị ẩn sĩ đã nói với người hầu của mình. Ở đó còn có một vị tu sĩ già khác[48] ,

---

[45] Felon – một trong những bộ lễ phục của linh mục, áo lễ. Trong thời cổ đại, felon được mặc khi cử hành thánh lễ bởi cả linh mục lẫn giám mục. Ngày nay, chỉ có các linh mục mới mặc loại áo này.

[46] Ravenna – một thành phố có cảng ven Biển Adriatic, tọa lạc trên bờ đông bắc của bán đảo Apennine. Hoàng đế Augustus đã củng cố thành phố này rất vững chắc, và nó được coi là pháo đài của Ý. Các hoàng đế của Đế chế La Mã phương Tây, bắt đầu từ Hoàng đế Honorius, đều có nơi cư ngụ tại đây. Ravenna vẫn tồn tại cho đến ngày nay và là thành phố sầm uất nhất của vùng Ravenna thuộc Ý.

[47] "Poplis" là đơn vị đo khoảng cách, tương đương với 690 sazen của chúng ta. Ba mươi poplis tương đương với khoảng cách khoảng 41 verst.

người đã từ bỏ thế gian vì Chúa và sống trên núi. Grigori, sau khi biết về vị tu sĩ này, đã đi tìm ông. Khi anh đến gần ngọn núi nơi vị tu sĩ này sống, anh thấy một cột lửa trên không trung và vì sợ hãi nên ngã xuống đất. Sau đó, lấy lại bình tĩnh, ông đứng dậy và đi xem đó là hiện tượng lửa gì. Từ xa, nó trông như ngọn lửa, nhưng khi đến gần hơn, ông thấy một vị ẩn sĩ đang đi về phía mình; vị ấy, khi đến gần, đã hôn ông và gọi tên ông là Grigori, dù trước đó chưa từng quen biết ông. Grigori đã ở lại với vị trưởng lão vĩ đại này hai ngày và tại đây, anh được ban cho những thị kiến kỳ diệu. Vào nửa đêm, anh thấy vị tu sĩ thánh thiện này dang rộng hai tay cầu nguyện, bay lên khỏi mặt đất và lơ lửng trên không trung. Grigori kinh ngạc trước thị kiến này, còn vị trưởng lão thì vào buổi sáng, gọi anh lại gần, rồi bằng giọng nói nhẹ nhàng và hiền lành, nói:

– Hãy đi đi, người bạn và người anh em của ta! Và hãy lắng nghe những gì ta sẽ kể cho ngươi nghe; chính vì điều đó mà ngươi đã đến với ta, để biết tất cả những gì đã được mặc khải cho ta về ngươi. Ngươi sẽ được thấy Rôma, sẽ cầu nguyện tại nhà thờ Thánh Tử đạo Vonifati và Aglaida, và từ đó ngươi phải lên thuyền đi đến Alexandria, sau đó đến Ê-thi-ô-pi để rao giảng Lời Chân Lý và đến thành phố Nagran thuộc vương quốc Omirit[49] , nơi đã bị vua Dunaan của Omirit chinh phục và đang cần được rao giảng giáo lý Tông Đồ; tại đó, sau khi thực hiện những việc làm vĩ đại và vinh quang, ngươi sẽ qua đời và được đưa về nơi ở của những người công chính. Tuy nhiên, ngươi sẽ phải chịu nhiều gian nan từ những người Do Thái bất tuân sống tại Omirit, và ngươi sẽ dẫn dắt nhiều người trong số họ trở về với Thiên Chúa, nhờ Ngài là Đấng Cứu Trợ nhân lành, ban cho ngươi sự khôn ngoan và hướng dẫn ngươi. Tại đó, ngươi sẽ được Đức Thượng Phụ Alexandria tấn phong lên hàng Tổng Giám Mục.

Nghe vậy, Thánh Grigoriô thánh thiện liền nói rằng ngài không xứng đáng với những điều vị tu sĩ già tiên đoán, và mong muốn được ở lại với vị ẩn sĩ thêm một thời gian nữa. Vị tu sĩ có khả năng tiên tri đã kể cho Grigoriô nghe về hiện tượng mà chính Grigoriô đã chứng kiến. Ngài đã thấy hai vị Tông đồ tối cao là Phêrô và Phaolô đặt chiếc áo choàng[50] lên vai Grigori, điều này báo trước ân sủng của chức vụ giám mục mà Grigori sẽ nhận được. Thánh Grigori vô cùng kinh ngạc trước khả năng thấu thị kỳ diệu của vị tu sĩ già, người mà ngay cả những gì chính ngài đã thấy một mình cũng không thể che giấu được, và ngài nói:

– Vinh danh Thiên Chúa, Đấng hành động như vậy nơi những ai yêu mến Ngài, xin ý Chúa được thực hiện!

Hai ngày sau, vị tu sĩ già cho anh ra về, hôn anh đầy yêu thương, và Grigori ra đi, tiếc nuối vì phải xa cách một người đàn ông thánh thiện như vậy, lòng anh bừng cháy tình yêu dành cho ông và luôn nhớ về ông. Từ đó, Grigori trước hết đến Carthage[51] và sống ở đó một thời gian dài, rao giảng Lời Chúa và chữa lành mọi bệnh tật. Sau đó, theo lệnh của Đức Chúa Trời, ngài lên đường đến Rôma và cầu nguyện tại đền thờ Thánh Tử đạo Boniface và Aglaida. Khi ngài đến trước mộ Thánh Tông đồ Phêrô và quỳ sụp xuống đất trong nước mắt, ngài đã có một thị kiến: trước mặt ngài, cánh cửa thiên đàng mở rộng và một ánh sáng kỳ diệu chiếu rọi. Và đây, Thánh Tông đồ Phêrô, tay phải cầm chìa khóa, bước ra từ cánh cửa thiên đàng, tiến về phía ngài với vinh quang rực rỡ và khuôn mặt sáng ngời, rồi nói, nhìn ngài bằng ánh mắt rạng ngời:

---

[48] Skimnik – tu sĩ đã thọ giới Skhim. Skhima – từ tiếng Hy Lạp (sxiya) có nghĩa là hình ảnh, dáng vẻ, phẩm trật. Skhima là bậc cao nhất của đời tu, gắn liền với những lời thề mới, nghiêm ngặt nhất về sự từ bỏ bản thân và phục vụ Chúa Kitô – đó là sự tách biệt hoàn toàn khỏi thế gian, khao khát mãnh liệt được hòa nhập và ở cùng Chúa Kitô (Pl 1:2).

[49] Người Omiri – cư dân miền nam Ả Rập, sinh sống gần Vịnh Ả Rập. Trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, Ả Rập có mười một bộ tộc khác nhau, trong đó chỉ có hai bộ tộc: người Omiri và người Sabei theo đạo Kitô. Các bộ tộc còn lại, do có quan hệ thường xuyên với người Do Thái, phần lớn tuân theo luật Do Thái. Người Omirite được Thánh Theophilus người Ấn Độ, vị giám mục thứ hai của thủ đô Axum thuộc Ethiopia, truyền bá đạo Kitô. – Nagran hay Anagran – là một thành phố rộng lớn và đông dân cư nằm bên bờ Vịnh Ả Rập, nơi tất cả cư dân, không ngoại lệ, đều theo đạo Kitô.

[50] Omophorion – (tiếng Hy Lạp: "vật đeo trên vai") là một trong bảy bộ lễ phục của giám mục, được đeo trên vai và buông xuống phía trước và phía sau, đồng thời có bốn hình thánh giá. Về mặt biểu tượng, omophorion tượng trưng cho con chiên lạc, tức là nhân loại; khi tìm thấy nhân loại, Chúa đã đặt họ lên vai Ngài và kết hợp họ với các con chiên của Ngài, tức là các Thiên thần. Còn qua các hình thánh giá, vị giám mục bày tỏ ý chí của mình trong việc noi gương Cuộc Khổ Nạn của Chúa Kitô: như Ngài đã vác Thánh Giá trên vai và chịu đóng đinh, thì vị giám mục cũng vác Thánh Giá của Chúa Kitô lên vai mình, không chối bỏ sự đau khổ: vì Thánh Giá là biểu tượng của sự đau khổ.

[51] Carthage – thuộc địa cổ xưa và nổi tiếng nhất của người Phoenicia, ở phía bắc châu Phi, đã đạt đến đỉnh cao quyền lực trong lịch sử cổ đại và bị phá hủy vào năm 146 trước Công nguyên, trên đống đổ nát của Carthage cổ đại, dưới thời các hoàng đế La Mã đầu tiên, một Carthage mới đã mọc lên, tồn tại rực rỡ trong một thời gian rất dài. Tại Carthage, tín ngưỡng đa thần Hy Lạp-La Mã đã phát triển rất mạnh mẽ, và như những hệ quả trực tiếp của nó, trong một thời gian dài, những mê tín dị đoan, thuật phù thủy vẫn tồn tại và những cái gọi là "nghệ thuật ma thuật" đã được phát triển.

– Ta đã đến đây, con Grigori, nhờ ân sủng của Chúa; trước đó, cùng với các Tông đồ khác, ta đã ở Nagran, thành phố thuộc Omir, để đồng hành cùng những người đang chịu khổ vì Chúa Giêsu Kitô của chúng ta trước những người Do Thái từ Dunaan, và củng cố đức tin cho từng người trong số họ. Nhờ ơn Chúa, tất cả họ đã chống lại ý muốn của tên Do Thái phạm luật, kiên định sống trong sự đạo đức, chịu khổ vì lẽ thật, và giờ đây đang ở trên thiên đàng cùng các tổ phụ, những người đã được ban cho vinh quang bất tử. Tôi đã đến đây để thăm thành phố này, còn anh em Phaolô, người bảo vệ các Hội Thánh, đã chia tay tôi tại Giê-ru-sa-lem và lên đường đến Ba Tư. Còn con, hỡi con yêu dấu, khi đang đi trên con đường thiện lành, hãy cố gắng làm đẹp lòng Chúa, không ngừng học hỏi Lề Luật của Ngài, biết rằng cuộc sống và vẻ đẹp của thế gian này trôi qua như giấc mơ và bóng mờ; con sẽ được hạnh phúc nếu, như đã bắt đầu, con hoàn thành con đường của mình, bước đi theo ý muốn của Chúa, con sẽ dẫn dắt nhiều người đến sự kính sợ Đức Chúa Trời. Ngai vàng trên trời đã được chính Chúa Tể chuẩn bị sẵn cho con, và con sẽ nhận được phần thưởng cùng với chúng ta.

Nói xong, vị tông đồ lui ra, và thị kiến kết thúc. Grigori, khi tỉnh táo lại, lại ngã xuống đất, tự xưng mình là kẻ khốn nạn và tội nhân. Sau một thời gian dài cầu nguyện, ông trở về nhà mình và trong giấc mơ đêm đó, ông thấy Thánh Tông đồ Phaolô trao cho ông một bình dầu thánh: đó là điềm báo về ân sủng chức tư tế và chức giám mục đã được định sẵn cho ông. Grigori, trong giấc mơ, đã nhận lấy dầu thánh từ tay vị Tông đồ, rồi ngay lập tức tỉnh giấc, vui mừng và cất tiếng hát: *"Lời tốt lành tuôn trào từ lòng tôi"* (Thánh vịnh 44:2, 8), vì Thiên Chúa đã xức dầu vui mừng cho tôi.

Sau đó, ngài rời Rome và lên đường đến Alexandria, luôn hướng lòng về Thiên Chúa, ngày càng hoàn thiện hơn trong các đức tính và tràn đầy sự khôn ngoan, trí tuệ cùng những ân sủng vĩ đại của Thiên Chúa. Vào thời kỳ các vị vua sùng đạo đang trị vì: ở Hy Lạp là Justin[52] , còn ở Ethiopia là Elezwoy, thì Dunaan, vị vua cai trị xứ Omirit, đã phát động cuộc đàn áp các Kitô hữu và tìm cách xóa sổ ngay cả danh xưng của Chúa Kitô khỏi vương quốc của mình. Bằng mưu mô, ông đã chiếm được thành phố lừng lẫy Nagran, nơi có những người tin vào Chúa Kitô, và đã tàn sát vô số tín hữu Kitô giáo: một số bị thiêu sống trên giàn lửa, số khác bị chém bằng gươm, còn vị công tước đạo đức Arefu cùng các công dân danh giá nhất thì bị giết hại. Khi nghe tin này, các vị vua sùng đạo Justin và Elezvoy vô cùng đau xót trước máu của các tín hữu Kitô giáo bị đổ oan; Justin đã viết thư cho Elezvoy[53] , khuyên ông ta nên phát động chiến tranh chống lại vị vua vô đạo Dunaan, để báo thù cho máu vô tội đã đổ. Vua Elezvoy đáng kính, tràn đầy lòng nhiệt thành, đã tập hợp toàn bộ quân đội của mình và tiến quân chống lại vua vô đạo Dunaan[54] . Trong cuộc chiến vĩ đại này, nhờ ơn Chúa, Elezvoy đã đánh tan các đạo quân của Dunaan và tiêu diệt hoàn toàn toàn bộ quân đội của hắn, còn bản thân hắn cùng các thân nhân thì bị chém chết bằng gươm. Sau khi chiếm được vương quốc của Dunaan, Elezvoy đã nhiệt thành thanh tẩy vương quốc này khỏi những tà thuyết của người Do Thái và ngoại đạo, đồng thời truyền bá vinh quang danh Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta khắp nơi. Nhiều người Do Thái và những người ngoại đạo đang ở Omirit mong muốn được rửa tội, nhưng họ không có giám mục, linh mục, phó tế, hay bất kỳ giáo sĩ nào, bởi vì toàn bộ hàng giáo phẩm đã bị Dunaan tiêu diệt. Lúc đó, Thánh Elezvoy đã gửi lời thỉnh cầu đến Đức Thượng phụ Alexandria. Sau khi kể chi tiết cho ngài nghe về cách Thiên Chúa đã giúp khôi phục Kitô giáo tại xứ Omirit, vị vua đã khẩn cầu Đức Thượng phụ chọn một người thông minh, đạo đức, am hiểu Kinh Thánh, và sau khi tấn phong người ấy làm giám mục, hãy gửi đến vùng Omirit cùng với mọi thứ cần thiết cho Giáo hội. Khi bức thư này đến Alexandria, Đức Thượng phụ cùng toàn thể các Kitô hữu đã hân hoan trước sự trợ giúp của Thiên Chúa, được ban xuống từ trên cao cho các Kitô hữu để chống lại những kẻ vô đạo, và bắt đầu tìm kiếm kỹ lưỡng một người xứng đáng, để sau khi tấn phong người ấy làm giám mục, sẽ sớm gửi đến Elezvu. Nhiều người đã được dẫn đến gặp Đức Thượng phụ, nhưng không ai trong số họ được ngài cho là xứng đáng với chức thánh. Lúc đó, vào ban đêm, Đức Thượng phụ đã dâng lên Thiên Chúa một lời cầu nguyện nồng nhiệt, xin chính Chúa chọn và chỉ cho ngài một người xứng đáng đảm nhận chức vụ này. Trong lúc cầu nguyện, Thánh Tông đồ Mác-cô đã hiện ra với Đức Thượng phụ trong một thị kiến, truyền lệnh cho ngài tìm kiếm phó tế Grêgôriô, người mới đến Alexandria và đang cư ngụ tại nhà một người tên là Lê-ôn-tiô, phong chức giám mục cho ông và cử ông đến Ê-lê-zô, vì chính vì mục đích này mà Chúa đã dẫn dắt Grêgôriô đến đây. Sáng hôm sau, vị

---

[52] Justin I, hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 518 đến năm 527.

[53] Hoàng đế Byzantine đã quan tâm sâu sắc đến số phận của cư dân thành phố Nagran, bởi vì thành phố này, vốn bị tướng La Mã Aelius Gallus chinh phục vào năm 25 sau Công nguyên, đã nằm dưới sự bảo hộ của các hoàng đế La Mã.

[54] Vua Ethiopia coi việc đứng ra bảo vệ các Kitô hữu – người Omirite – là nghĩa vụ của mình, bởi vì chính họ đã tiếp nhận Kitô giáo từ Ethiopia và, rất có thể, thuộc quyền quản lý giáo hội của Tổng giáo phận Aksum.

Thượng phụ lập tức sai người đi tìm nhà của Leontius; khi tìm thấy, ngài gọi Grigorius – người đang sống ở đó – đến và hỏi anh ta là ai và đến từ đâu? Sau đó, Đức Thượng phụ kể cho ông nghe về thị kiến của mình và thông báo về nhu cầu của Giáo hội, rồi khuyên ông nhận chức thánh giám mục. Còn Grigori, nhớ lại lời của vị ẩn sĩ, người đã tiên đoán cho ông tại Mediolanum rằng ông sẽ nhận chức tổng giám mục qua lễ tấn phong của Đức Thượng phụ Alexandria, đã rơi nước mắt và nói:

– Xin ý Chúa được thực hiện: xin Đức Thượng phụ hãy làm theo ý muốn của Ngài, theo lệnh của Chúa.

Thượng phụ lập tức phong Grigori lên chức linh mục, rồi tiếp tục phong ngài làm tổng giám mục. Trong lúc đó, một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra: trong suốt thánh lễ và nghi thức tấn phong, khuôn mặt của Grigori đã biến đổi, trở nên rực rỡ như ngọn lửa, tỏa sáng bởi ân sủng của Thánh Thần; còn từ y phục của ngài tỏa ra làn khói của dầu thơm và hương thơm, khiến cả nhà thờ tràn ngập mùi hương ngào ngạt. Điều này diễn ra suốt cả buổi lễ, mọi ánh mắt đều hướng về Thánh Grigori, và tất cả đều kinh ngạc trước phép lạ này. Các sứ giả của Elezvoy cũng chứng kiến điều này, cảm thấy ngạc nhiên, và sau đó đã tâu lại tất cả những gì họ thấy cho nhà vua. Sau khi được tấn phong và có cuộc trò chuyện tâm linh với Đức Thượng phụ, Thánh Grigori được tiễn đi cùng các sứ giả của Elezvoy, mang theo đoàn linh mục xứng đáng với chức vụ của ngài và mọi thứ cần thiết để xây dựng nhà thờ. Chẳng bao lâu, họ đã đến được Ethiopia, và sau đó là vương quốc Omirit. Vua Elezvoy vô cùng vui mừng trước sự đến của Grigory, và còn vui mừng hơn nữa khi biết rằng Grigory đã được chọn bởi Sự mặc khải thiêng liêng ( ) và rằng ân sủng của Thánh Thần đã hiển hiện một cách kỳ diệu trên ngài trong lễ tấn phong ([55]). Ông đã tiếp đón Grigory với sự tôn kính cao nhất, nồng hậu tiếp nhận ngài và giao toàn bộ vùng đất cho ngài quản lý. Trong khi cùng Grigori đi thăm các thành phố ở vùng Omirit, vị vua đã xây dựng những nhà thờ mới, trang hoàng các lăng mộ của các thánh tử đạo, những người đã bị tên vô đạo Dunaan giết hại vì Chúa Kitô, và dẫn dắt những người ngoại đạo đến với phép rửa tội. Tại thành phố Nagrane, ông đã phong con trai của vị tử đạo Arefa làm công tước và xây dựng tại đó một nhà thờ tráng lệ để tôn vinh sự Phục sinh của Chúa Kitô, một nhà thờ khác để tôn vinh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, và nhà thờ thứ ba mang tên vị thánh tử đạo Arefa cùng những người đã chịu khổ cùng ngài, nằm gần ngôi nhà nơi vị thánh tử đạo từng sinh sống. Tại các thành phố khác cũng có nhiều nhà thờ được xây dựng, chính Grigori đã tự tay làm lễ thánh hiến và bổ nhiệm các linh mục và phó tế tại đó, giao phó cho họ đàn chiên của Chúa Kitô. Vị vua đáng kính Yelzev đã ở lại vùng đất Omirit gần 36 tháng sau khi Đunaan qua đời, và sau khi đã sắp xếp mọi việc ổn thỏa tại đây, ngài mong muốn trở về ngai vàng của mình tại đất nước Ethiopia. Sau khi triệu tập tất cả các quan đại thần, hoàng tử, quý tộc và các cố vấn cùng với Thánh Grigori, ngài bắt đầu tham vấn với họ về việc nên chọn và phong vương cho vương quốc Omirit một người đàn ông nào có đức tin vững vàng, khôn ngoan, hiền lành và kính sợ Thiên Chúa. Tất cả các cố vấn đều thưa với nhà vua:

– Ai mà ngài biết và ai mà Đức Chúa Trời chỉ cho ngài, thì hãy lập người đó, vì ở đây chúng ta không có ai sánh ngang với ngài về trí tuệ và xứng đáng với vương miện hoàng gia.

Lúc đó, nhà vua quay sang tổng giám mục và nói:

– Việc này thuộc về ngài, thưa vị cha đáng kính và là thầy của chúng tôi! Trước mặt ngài đây là tất cả các công tước, quý tộc, binh sĩ, từ nhỏ đến lớn; ngài hãy triệu tập bất cứ ai ngài muốn và nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta mà xức dầu phong vương cho người ấy; còn chúng tôi, những người đến từ Ê-thi-ô-pi, nếu Chúa cho phép, mong được trở về quê hương.

Đức Tổng Giám mục thánh thiện đáp lại:

– Bệ hạ đã suy tính rất đúng, vị vua kính Chúa: cũng như lòng bệ hạ nằm trong quyền năng của Đức Chúa Trời, thì lời nói của bệ hạ cũng được ban cho từ Đức Chúa Trời. Luôn luôn tốt nhất là trước tiên hãy thỉnh ý Cha Trên Trời, Đấng ngự trên trời, về mọi việc, và làm theo như Ngài truyền dạy.

Nói xong, vị thánh đứng dậy khỏi chỗ ngồi, lùi lại một chút rồi quay mặt về hướng đông và quỳ gối xuống. Ngài ngước mắt và tâm trí lên trời, giơ hai tay lên cao, rồi cầu nguyện hết lòng và lâu dài, xin Đức Chúa Trời, Đấng thấu hiểu cuộc đời và ý nghĩ của mỗi người, chỉ cho họ một người xứng đáng để kế vị ngai vàng. Trong lúc tổng giám mục đang cầu nguyện, bỗng nhiên một sức mạnh vô hình của Chúa đã nâng một người đàn ông tên là Avrami lên không trung và đặt ông ta trước mặt vua Elezvo. Mọi người kinh hoàng kêu lên trong một thời gian dài:

– Lạy Chúa, xin thương xót!

Còn tổng giám mục thì nói:

---

[55] Lễ tấn phong – việc phong chức, trao quyền vào một cấp bậc thánh chức nào đó.

– Đây chính là người mà các ngươi đã yêu cầu xức dầu phong vương, hãy để ông ấy ở lại đây làm vua; chúng ta sẽ đồng lòng với ông ấy, và Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ chúng ta trong mọi việc.

Và mọi người đều tràn ngập niềm vui lớn lao trước sự an bài của Chúa. Sau đó, vua Elezvoy đưa người đàn ông Avramy do Chúa chỉ định, dẫn ông vào Nhà thờ Thánh Ba Ngôi, tọa lạc tại thành phố hoàng gia Afara, khoác lên người ông áo choàng hoàng gia[56] và đội lên đầu ông vương miện[57] , sau đó, Thánh Grigori đã cử hành lễ xức dầu cho ngài và dâng Lễ Vật Không Máu vì các vị vua và toàn thể nhân dân; cả hai vị vua đều rước Mình Thánh Chúa từ tay tổng giám mục. Khi lễ nghi kết thúc, tất cả những người có mặt đều hô to:

– Chúc vua Yelezvu, vua Ê-thi-ô-pi, sống lâu! Và chúc vua Avramius, vị vua yêu mến Chúa Kitô của Omirit, sống lâu!

Và một lần nữa, cả hai cùng nhau lặp lại:

– Chúc vua Elezvoy và vua Avramiy, những vị vua đạo đức và yêu mến Chúa, sống lâu!

Và họ hát bài chúc thọ ba lần. Sau đó, tất cả cùng hô to:

– Grigori, Đức Tổng Giám mục thánh thiện của chúng ta, người hướng dẫn và thầy dạy, xin Chúa ban cho ngài những năm tháng bình an, khỏe mạnh và trường thọ; xin Chúa ban cho toàn thể quân đội Kitô giáo và tất cả những người tín hữu những năm tháng trường thọ!

Sau đó, khi vào các cung điện hoàng gia, mọi người đều vui mừng và tổ chức tiệc tùng, hân hoan vì Chúa Trời, Đấng Cứu Thế của họ, và vì các vị vua đạo đức của họ.

Elzevoy còn ở lại vùng đất Omirit thêm ba mươi ngày, dạy dỗ và hướng dẫn vị vua mới về sự đạo đức, cách tổ chức và cai trị vương quốc một cách công bằng, cũng như vâng lời Đức Tổng Giám mục Grigory, vị cha thiêng liêng của mình, trong mọi việc. Sau khi tuyển chọn 15.000 chiến binh dũng cảm từ quân đội Ê-ti-ô-pi, Ê-lê-zô-vay đã để lại họ cho vị vua mới để hỗ trợ và bảo vệ vương quốc, rồi trở về Ê-ti-ô-pi. Tại đây, không lâu sau, sau khi từ bỏ vương quốc trần thế, ngài lui về sa mạc, nơi ngài ẩn dật trong một căn phòng tối gần một tu viện và không bước ra khỏi đó cho đến khi qua đời, nhận thức ăn qua cửa sổ từ các tu sĩ sống tại đó, và sau khi sống một cuộc đời khắc khổ của người tu hành trong một thời gian dài, ngài đã về với Nước Trời[58] . Một vị vua cao quý và giàu có như vậy đã để lại cho mọi người gương mẫu về sự khiêm nhường và sự nghèo khó tự nguyện! Sau khi ngài qua đời, các tu sĩ đã kể lại một sự việc như sau. Một tu sĩ trẻ, được tu viện cử đi làm nhiệm vụ, thường ghé vào quán rượu, nơi anh ta say sưa với rượu và sa vào tội lỗi của dục vọng xác thịt. Và rồi, một ngày nọ, sau khi phạm tội như thường lệ và đang trên đường trở về tu viện qua sa mạc, anh ta đi vào một nơi hiểm trở, và tại đó, một con rắn lớn lao tới để cắn anh ta. Tu sĩ vội vàng chạy trốn và né tránh tứ phía, mong thoát khỏi con rắn, nhưng con rắn nhanh chóng đuổi kịp anh ta. Khi nhà tu sĩ cuối cùng bị dồn vào đường cùng, không còn nơi nào để chạy nữa, con rắn lao tới để nuốt chửng anh ta, nhưng ngay lúc đó, nhà tu sĩ nhớ đến vị vua thánh thiện Elezvoe, liền quay sang con rắn và nói:

– Nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh công chính và thánh thiện nhất Elezvoi – hãy rời xa ta.

Con rắn, dường như cảm thấy xấu hổ trước danh thánh của thánh Elezvoi, liền dừng lại và, theo lệnh của Đức Chúa Trời, được ban cho giọng nói của con người, nói với nhà tu:

– Làm sao ta có thể tha thứ cho ngươi được, khi Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với ta và ra lệnh cho ta nuốt chửng ngươi vì sự ô uế và tội lỗi của ngươi, bởi vì ngươi, dù đã thề hứa sẽ phụng sự Chúa trong sự thanh tịnh, lại làm ô uế thân thể mình bằng tội lỗi và như vậy đã làm phật lòng Thánh Thần.

Vị tu sĩ, khi nghe con rắn nói bằng giọng người và vạch trần những việc làm của mình, đã im lặng, run rẩy và thề thốt van xin con rắn tha thứ cho mình. Con rắn nói với anh ta:

– Sao ngươi lại van xin ta? Trước tiên, chính ngươi hãy thề với ta rằng sẽ không còn thỏa mãn dục vọng xác thịt nữa, và khi đó ta sẽ buông tha cho ngươi.

Vị tu sĩ bắt đầu thề, nói:

– Ta thề trước Đức Chúa Trời ngự trên trời và trước những lời cầu nguyện của vị vua chính trực Elezvoy, rằng ta sẽ không làm phật lòng Chúa của ta nữa, Đấng mà hiện nay ta đã làm phật lòng bởi sự ô uế xác thịt.

---

[56] Porphyra – trang phục màu tím, đắt tiền, thường là trang phục ngoài cùng, trang trọng của các vị vua.

[57] Vương miện – dải băng mà các vị vua cổ đại đội trên đầu – vương miện hoàng gia.

[58] Vua Elesevoy, vị vua Ethiopia đáng kính, qua đời vào khoảng năm 553–555. Giáo hội tổ chức lễ tưởng niệm ngài vào ngày 24 tháng 10.

Ngay khi vị tu sĩ vừa dứt lời, đột nhiên một ngọn lửa từ trời rơi xuống và thiêu rụi con rắn ngay trước mặt ông. Tràn ngập nỗi sợ hãi và run rẩy, vị tu sĩ trở về tu viện của mình, và từ đó không còn phạm tội nữa, mà kết thúc cuộc đời trong sự sám hối chân thành.

Trong thời kỳ trị vì của vị vua đạo đức Avramiya, Tổng giám mục Grigory, sau khi bổ nhiệm các giám mục – những người uyên bác và hùng biện – tại nhiều thành phố, đã khuyên nhà vua ra lệnh cho người Do Thái và người ngoại đạo đang sinh sống trong vương quốc của mình phải chịu phép rửa tội; nếu không, họ sẽ bị xử tử. Sau khi sắc lệnh của nhà vua được ban hành, rất nhiều người Do Thái và người ngoại đạo cùng vợ con, vì sợ chết, đã bắt đầu tiến hành lễ rửa tội thánh. Lúc bấy giờ, những người Do Thái cao tuổi và am hiểu luật pháp nhất, từ khắp các thành phố tụ họp lại, tổ chức một cuộc họp bí mật để bàn bạc xem nên làm gì, và họ bàn luận với nhau rằng:

– Nếu chúng ta không chịu phép rửa tội, thì theo lệnh của vua, cả chúng ta lẫn vợ con chúng ta đều sẽ bị giết.

Một số người trong số họ nói:

– Để không phải chết một cách bất ngờ, chúng ta hãy tuân theo ý muốn của nhà vua, nhưng trong thầm lặng, chúng ta sẽ giữ vững đức tin của mình.

Những người khác lại khuyên không nên giả dối, mà hãy công khai tuân giữ luật Do Thái của mình, để, như họ nói, tránh khỏi tay con người, không rơi vào tay Đấng Trừng Phạt – Thiên Chúa, và tệ hơn nữa, không bị diệt vong. Một số người phản đối:

– Chúng ta thấy rằng Đức Chúa Trời của chúng ta không đòi hỏi chúng ta phải thực hiện hành động anh hùng này, vì Ngài đã phó vương Dunaan, vị vua đạo đức của chúng ta, cùng toàn bộ quân đội của ngài vào tay Elezvoy, còn chúng ta phải làm gì thì chúng ta không biết.

Những người khác lại nói:

– Nếu chúng ta muốn vừa giữ gìn luật pháp của mình vừa được an toàn, thì hãy lén lút rời khỏi đất nước này từng người một, mỗi người mang theo phần của mình, để không phải đánh mất cả thân xác lẫn linh hồn.

Những người khác phản đối:

– Nếu chúng ta muốn trốn chạy, thì những người Kitô hữu sẽ nhìn thấy chúng ta và giết chết chúng ta.

Và tất cả đều bối rối không biết phải làm sao. Trong số họ có một vị thầy luật khôn ngoan nhất, tên là Ervan, người thông thạo toàn bộ Cựu Ước và rất hùng biện, ông đã nói với họ:

– Tất cả các ngươi đều nói vô ích, và những gì các ngươi đề xuất không thể thực hiện được. Nếu các ngươi muốn nghe lời ta, hãy cùng ta đến gặp nhà vua và Tổng Giám mục Grigori, và đề nghị họ chỉ định những nhà giảng dạy mà họ muốn, để tranh luận với chúng ta về đức tin và luật pháp. Nếu họ chiến thắng chúng ta, thì chúng ta sẽ tự nguyện trở thành Kitô hữu; còn nếu họ bị vạch trần những sai lầm của mình, thì chính họ sẽ thấy rằng họ đang ép buộc chúng ta từ bỏ luật pháp của mình một cách bất công. Hãy thử thách họ để xem đức tin của họ ra sao? Nếu đó là đức tin chân chính, thì chúng ta sẽ tin rằng Đấng Mê-si-a đã đến, mà chúng ta chưa biết. Còn nếu đức tin của họ hóa ra là giả dối, thì chúng ta sẽ nhận ra rằng chúng ta đang chết vì Đức Chúa Trời và sẽ hăng hái đón nhận cái chết.

Khi Ervan nói xong, mọi người đều kinh hãi và nói:

– Chúng tôi thấy rằng anh đang giúp đỡ các Kitô hữu, chẳng lẽ anh không biết rằng đức tin của chúng tôi là chân thật sao: làm sao chúng tôi có thể từ bỏ nó được?

Ervan đáp:

– Tôi không nói với các anh em một lời gian dối nào cả, nhưng hãy biết rằng, dù thế nào đi nữa, các anh em cũng sẽ buộc phải chịu phép rửa tội. Nếu các anh em không nghe lời tôi, thì tôi sẽ vô tội trước mặt mỗi người trong các anh em, bởi vì, dù các anh em có không thử thách đức tin của họ qua tranh luận đi chăng nữa, thì các anh em vẫn phải chấp nhận nó mà không cần thử thách và làm theo những gì họ ra lệnh; còn nếu các anh em không chấp nhận đức tin của họ, thì họ sẽ giết các anh em.

Tất cả, sau khi nghe điều này, đều vâng lời Ervan, và sau khi viết đơn thỉnh cầu, họ đã gửi nó đến nhà vua. Nhà vua, sau khi đọc xong, đã rất tức giận và suýt nữa đã ra lệnh xử tử tất cả họ, nhưng ông đã kiềm chế lại, không muốn làm gì mà không tham khảo ý kiến của Grigory, người mà ông đã giao đơn thỉnh cầu đó. Vị Thánh, sau khi đọc xong, đã nói:

– Những người Do Thái đã nói rất đúng và đáng khen ngợi rằng: thà tin theo ý muốn, xuất phát từ niềm tin, còn hơn là bị ép buộc. Hỡi nhà vua, xin hãy tha cho họ, hãy để họ tranh luận với chúng ta trước, rồi sau đó, ngài hãy xử lý họ theo ý muốn của mình.

Nhà vua đã chấp thuận lời khuyên của vị thánh, và người Do Thái được cho bốn mươi ngày để chuẩn bị cho cuộc tranh luận, để họ có thể tìm được những thầy dạy mà họ mong muốn, và đến tham gia tranh luận mà không sợ hãi. Khi thời hạn kết thúc, một đám đông vô số người Do Thái đã tụ tập, mang theo không ít các vị rabbi thông thái nhất[59] , am hiểu luật pháp và đã chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc tranh luận. Cuộc tranh luận về đức tin diễn ra tại thủ đô Afar, trước sự chứng kiến của nhà vua cùng toàn thể hội đồng, tổng giám mục cùng toàn thể hàng giáo sĩ, và đông đảo tín hữu Kitô giáo đến để lắng nghe cuộc tranh luận. Người Do Thái cũng có mặt cùng với các kinh sư, học giả và thầy dạy của họ. Người Do Thái đã cử Giám mục Ervan làm diễn giả chính, người am hiểu luật pháp và các sách tiên tri, đồng thời thông thạo triết học. Khi có hiệu lệnh, cả hội trường im lặng, cuộc đối thoại và tranh luận giữa Tổng giám mục và Ervan bắt đầu[60] .

Bản chất của cuộc tranh luận như sau:

Sau một khoảng lặng dài, trong lúc mọi người đều chuẩn bị lắng nghe cuộc đối thoại, Đức Tổng Giám mục Grigori thánh thiện bắt đầu nói với vị thầy Do Thái thông thái Ervan và toàn thể hội chúng như sau:

– Khi đêm đã qua và Mặt Trời của Chân Lý đã chiếu sáng, tại sao các ngươi lại tranh cãi, chống lại Ánh Sáng của Ngài và không tin vào Ngài?

Yervan nói:

– Nếu Mặt Trời Chân Lý đã chiếu sáng, và chúng tôi chống lại Ánh Sáng của Ngài, như ngài nói, bằng cách tin vào Đức Chúa Trời chân chính, thì các ngài, với tư cách là những người ngoại đạo theo giáo lý xa lạ, lại càng chống lại Ánh Sáng Chân Lý, khi lên án Luật Thần Thánh mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng tôi.

Tổng Giám mục đáp:

– Chúng tôi là những người ngoại đạo, nhưng chúng tôi là của ai – là tạo vật và là tác phẩm của ai?

Ervan đáp:

– Rõ ràng là chúng ta là tạo vật và công trình của Đức Chúa Trời. Tổng Giám mục nói:

– Nếu chúng tôi, cũng như các vị, đều là tạo vật của Đức Chúa Trời, thì các vị đã đạt được sự vượt trội nào hơn chúng tôi?

Ervan phản bác:

– Đó là sự vượt trội so với người Ai Cập.

– Tốt lắm, cậu đã nhắc đến người Ai Cập, – Tổng giám mục đáp, – vậy hãy chứng tỏ sự vượt trội của cậu so với họ đi!

Ervan nói:

– Chẳng phải ngài đã đọc về những phép lạ vĩ đại trên đất Ai Cập, ở Biển Đen, trong sa mạc, mà Đức Chúa Trời đã thực hiện qua Môi-se, sau khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập: Ngài đã nhấn chìm dân Ai Cập, còn dân Y-sơ-ra-ên thì cứu thoát?

Tổng giám mục đáp:

– Không có sự khác biệt nào giữa các ngươi và dân Ai Cập cả, vì Đức Chúa Trời của họ đã nhấn chìm họ trong biển, còn các ngươi thì bị hủy diệt trên đất vì sự độc ác của các ngươi. Sau khi băng qua Biển Đỏ như đi trên đất khô, các ngươi lại chìm chết tại bến cảng, và kết thúc cuộc đời trong đau khổ tại sa mạc, bởi vì trong số hơn sáu trăm ngàn người, chỉ có hai người là Halev và Giô-suê được vinh dự nhìn thấy Đất Hứa[61] . Vậy thì Đức Chúa Trời đã tôn vinh các ngươi hơn dân Ai Cập ở điểm nào?

Ervan hỏi:

– Vậy thì Đức Chúa Trời đã ban manna cho ai trong sa mạc? Tổng giám mục nói:

– Theo ngươi, cái nào tốt hơn: thịt mà các ngươi đã ăn ở Ai Cập, hay manna được ban xuống trong sa mạc?

Ervan trả lời:

---

[59] Rabbi – thầy giáo Do Thái.

[60] Về những cuộc tranh luận này – như Thánh Dimitri đã viết – trong cuốn "Minei-Chetii Makarii" có một cuốn sách riêng biệt, mà ngài không trình bày trong đó, do số lượng lớn các bài phát biểu, câu hỏi và câu trả lời được đưa ra, cũng như do khối lượng nội dung cần đọc quá nhiều.

[61] Số 14:24, 30; Số 26:65; Số 32:1; Đệ Nhị Luật 1:36.

– Rõ ràng là manna tốt hơn.

Đức Tổng Giám mục phản bác:

– Vậy tại sao các ngươi lại nhớ về quá khứ, thèm thịt heo trong nồi, tỏi, hành và mọi thứ thức ăn Ai Cập (Số 11:5), trong khi lại ghét manna?

Sau đó, cuộc tranh luận về Đức Thánh Ba Ngôi bắt đầu.

Ervan nói:

– Làm sao các Kitô hữu lại tuyên xưng ba vị Thiên Chúa: Cha, Con và Thánh Thần, trong khi Thiên Chúa đã phán tại núi Sinai: *"Hỡi Israel, hãy nghe đây: Đức Chúa, Thiên Chúa của chúng ta, là Đức Chúa duy nhất, và ngoài Ngài ra không có Thiên Chúa nào khác"* (Đệ Nhị Luật 6:4). Vậy thì người Kitô hữu đang vi phạm luật pháp khi tôn thờ không phải một Thiên Chúa duy nhất, mà là Ba Ngôi sao?

Đức Tổng Giám mục, khi phản bác, đã nói rằng chúng ta tôn kính Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa của muôn loài, chỉ trong ba Ngôi – Cha, Con và Thánh Thần – trong một Thần Tính duy nhất, và ngài đã trích dẫn những lời của Đa-vít để làm bằng chứng. *"Bằng Lời của Chúa, các tầng trời đã được dựng nên, và bằng Thần Khí từ miệng Ngài – cả đạo binh của chúng"* (Thánh Vịnh 32:6). Ý nghĩa của câu nói này, – Grigori giải thích, – là như sau: Chúa là Thiên Chúa Cha, Lời của Ngài là Thiên Chúa Con, Thần Khí từ miệng Ngài là Thiên Chúa Thánh Thần: như vậy, ba Ngôi Thiên Chúa được mặc khải, nhưng Thiên Chúa là một, vì Con và Thánh Thần đồng bản thể, đồng danh hiệu, đồng bản chất và đồng ngai với Cha. Ngoài ra, về thập tự giá và cái chết của Chúa, Thánh Grêgôriô còn trích dẫn các đoạn Kinh Thánh Cựu Ước, các lời tiên tri và lời báo trước để phản bác người Do Thái, chẳng hạn như: *"Và mạng sống ngươi sẽ treo lơ lửng trước mắt ngươi"* (Đnl 28:66): "Ngài sẽ đến và trộn cây độc vào thức ăn của ngươi" (Gr 11:19), – và về việc chiếc thuyền của Nô-ê là hình bóng của thập giá, về vườn Sa-vê-ca, nơi con chiên con đã thay thế cho Ít-ra-en trong lễ hiến tế (Sáng Thế Ký 22:13), về cây gậy của Giô-sép, mà Gia-cốp đã cúi lạy đầu gậy (Sáng Thế Ký 47:31), về lời chúc phước hình thập tự của Gia-cốp dành cho các con trai Giô-sép (Sáng Thế Ký 48:13–15), về cây gậy của Môi-se đã chia đôi biển (Xuất Ê-díp-tô Ký 14:11–29), về việc Môi-se giơ tay lên cao để chiến thắng dân A-ma-li-cít (Xuất Ê-díp-tô Ký 17:8–14), về con rắn đồng được treo lên trong sa mạc (Dân Số Ký 21:4–9), về cây đã làm ngọt nước đắng ở Mê-ra (Xuất Hành 15:22–26), và nhiều lời tiên tri bí ẩn khác được ghi trong Luật pháp. Cuộc tranh luận tiếp diễn cho đến chiều tối, mỗi bên đều tranh cãi gay gắt và đưa ra những phản bác lẫn nhau; tuy nhiên, người chiến thắng trong mọi cuộc tranh luận chính là tổng giám mục, bởi vì Thánh Thần đã phán qua ngài, như đã chép trong Kinh Thánh: *"Vì không phải các con nói, nhưng chính Thánh Thần của Cha các con phán trong các con"* (Mt 10:20). Vì trời đã tối mà cuộc tranh luận vẫn chưa kết thúc, nên nhà vua đứng dậy khỏi ngai vàng, Tổng Giám mục cũng vậy, và hội nghị tan rã, hoãn cuộc thảo luận đến sáng hôm sau. Còn người Do Thái thì vây quanh Ervan, vui mừng, ôm hôn ông, ca ngợi ông vì đã phản đối các Kitô hữu một cách mạnh mẽ. Trước điều đó, Ervan nói với họ:

– Hãy cầu nguyện để Đức Chúa Trời Chân Thật giúp đỡ chúng ta, vì chính các ngươi cũng thấy tổng giám mục là người xảo quyệt đến mức nào, và khó khăn ra sao để chiến thắng ông ta.

Còn họ thì khích lệ ông, bảo ông đừng sợ hãi mà hãy dũng cảm đối thoại với ngài. Sáng hôm sau, cuộc họp lại diễn ra; khi nhà vua và tổng giám mục xuất hiện, cùng với người Do Thái và Ervan, thì cuộc tranh luận lại bắt đầu, nhưng không phải vào ngày đó, cũng không phải vào ngày thứ ba, thứ tư, hay thậm chí là ngày thứ năm – cuộc tranh luận vẫn chưa kết thúc. Trong suốt những ngày đó, nhà vua cùng toàn thể hội đồng cao cấp đều có mặt tại các cuộc tranh luận, hân hoan lắng nghe những người phát biểu và vui mừng trước sự khôn ngoan và trí tuệ do Thiên Chúa ban cho vị tổng giám mục thánh thiện của mình. Quả thực, có nhiều điều đáng nghe và đáng ghi nhớ khi nhiều lời tiên tri được giải thích và nhiều đoạn bí ẩn trong Kinh Thánh được làm sáng tỏ. Trong cuộc thảo luận về sự nhập thể của Chúa Giêsu Kitô và về Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Đức Tổng Giám mục đã trích dẫn lời của tiên tri Isaia: *"Này, một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh ra một Con Trai"* (Is 7,14). Trước sự phản đối của Ervan rằng Đức Mẹ Maria chỉ sinh ra một con người bình thường chứ không phải là Đức Chúa Trời, Đức Tổng Giám mục đã trả lời như sau: *"Và người ta sẽ đặt tên cho Ngài là Ê-ma-nu-ên, có nghĩa là: Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta"* (Mt 1:23).

Ervan nói:

– Làm sao tử cung của người phụ nữ có thể chứa đựng được sự vĩ đại đáng sợ của Thần Tính?

Đức Tổng Giám mục đáp:

– Cũng giống như ngôi nhà của Áp-ra-ham đã chứa đựng Đức Chúa Trời dưới cây sồi Mamre, khi Ngài đến dùng bữa với Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 18).

Ervan phản bác:

– Vậy tại sao ngọn lửa của Đấng Tối Cao lại không thiêu rụi thân thể người phụ nữ?

Đức Tổng Giám mục trả lời:

– Cũng như ngọn lửa đã không thiêu rụi bụi gai trên núi Sinai (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:2–4), thì Thánh Thần cũng không làm tổn hại đến tử cung trinh nguyên: Đức Trinh Nữ đã sinh con, và vẫn là Đức Trinh Nữ.

Ervan phản bác:

– Việc sinh ra từ Trinh Nữ chỉ là ảo tưởng, chứ không phải sự thật, bởi vì không thể nào tử cung không bị tổn thương khi sinh nở, và ai cũng thấy rõ rằng điều đó là sai.

Tổng Giám mục đáp lại:

– Vào lúc Avvakum bước vào hố sư tử cùng với Đa-ni-ên, trong khi cửa hố đã bị khóa và niêm phong bằng con dấu, hãy nói cho tôi biết, làm sao ông ấy có thể vào và ra mà không mở cửa, cũng như không làm hỏng các con dấu? (Đa-ni-ên 14:30–40.)

Khi cuộc tranh luận kết thúc, vào ngày thứ ba, Ervan định trốn chạy, nhưng những người Do Thái đã giữ chặt ông lại, nói:

– Nếu ngươi bỏ chúng ta, tất cả chúng ta sẽ chết. Hãy ở lại thêm chút nữa, tiếp tục phản bác bằng mọi cách – há chẳng lẽ Đức Chúa Trời lại không giúp đỡ chúng ta sao? Dù chúng ta có bị đánh bại trong cuộc tranh luận đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn còn những cách kháng cự khác, mà họ sẽ không thể đánh bại chúng ta được.

Khi Ervan bắt đầu, trong lúc tranh luận, chỉ trích các Kitô hữu vì họ thờ phượng các bức tượng thánh, và gọi các bức tượng đó là "tượng thần", còn những người cúi lạy chúng là "những kẻ thờ thần tượng" và "kẻ chống lại luật pháp của Đức Chúa Trời", đồng thời nói rằng Đức Chúa Trời đã ra lệnh không được làm tượng thần hay bất kỳ hình ảnh nào giống như Ngài[62] , – thì tổng giám mục đã hỏi anh ta:

– Khi đại hồng thủy xảy ra vào thời Nô-ê, ông ấy đã được cứu sống như thế nào?

Ervan trả lời:

– Bằng chiếc tàu được làm từ gỗ.

Đức Tổng Giám mục phản bác:

– Theo anh nghĩ, liệu Đức Chúa Trời có thể cứu Nô-ê khỏi trận lụt mà không cần chiếc thuyền đó hay không?

Ervan trả lời:

– Tôi nghĩ là có thể, vì Kinh Thánh đã nói rằng với Đức Chúa Trời, mọi sự đều có thể.

Đức Tổng Giám mục phản bác:

– Vậy nếu Đức Chúa Trời có thể, thì tại sao lại cần đến chiếc tàu để cứu người công chính? Từ đó, chẳng phải Nô-ê nên tạ ơn chiếc tàu vì sự cứu rỗi của mình, chứ không phải tạ ơn Đức Chúa Trời sao?

Ervan trả lời:

– Không – chúng ta phải ngợi khen Đức Chúa Trời, chứ không phải một vật vô tri vô giác.

Tổng Giám mục nói:

– Tuy nhiên, ngươi tin rằng chính qua vật vô tri vô giác – chiếc tàu – mà Đức Chúa Trời đã sắp đặt sự cứu rỗi cho Nô-ê. Cũng vậy, Đức Chúa Trời ban ân sủng của Ngài cho chúng ta qua những bức thánh tượng hữu hình này, bởi dù chúng vô tri vô giác, nhưng được định sẵn cho sự cứu rỗi của chúng ta. Khi chiêm ngưỡng các bức thánh tượng, tâm trí chúng ta hướng về nguyên mẫu và được khơi dậy lòng nhiệt thành hướng về Thiên Chúa: chúng ta không vẽ hình tượng thần tượng, mà là Chúa Giêsu Kitô theo bản tính con người, chứ không phải theo bản tính Thiên Chúa, vốn là điều không thể diễn tả được. Và cũng như Nô-ê đã dâng lời tạ ơn Thiên Chúa về sự cứu rỗi của mình trong chiếc tàu, bằng cách dựng lên bàn thờ, thì chúng ta cũng tạ ơn Đức Kitô Thiên Chúa, bằng cách vẽ hình ảnh của Ngài, để nhờ chiêm ngưỡng Ngài bằng mắt xác thịt mà thoát khỏi cơn đại hồng thủy trong tâm trí. Chúng ta như thể bằng một chiếc tàu khác để công nhận bản tính con người của Ngài, nhờ đó Ngài đã gánh lấy tội lỗi của chúng ta, và sau khi thánh hóa chúng ta bằng Thần tính của Ngài, Ngài đã đưa chúng ta lên trời. Đấng mà chúng ta đã nhìn thấy bằng mắt xác thịt, chúng ta vẽ lại bằng màu sắc, tái hiện hình ảnh tinh khiết của bản tính con người Ngài, và dưới hình thức hình ảnh xác thịt ấy, chúng ta cùng thờ phượng cả Thần tính của Ngài, và tôn kính trong Ngài, bằng sự thờ phượng xứng đáng, cả Chúa Cha lẫn Chúa Thánh Thần.

---

[62] Điều răn thứ hai trong Mười Điều Răn.

Còn Ervan, tiếp tục phỉ báng các thánh tượng, đã nói:

– Tôi thật ngạc nhiên trước những câu chuyện thần thoại Kitô giáo của các vị, cho rằng Thiên Chúa ban ân sủng của Ngài cho những bức tượng thánh được vẽ trên tường và ván gỗ, những thứ chưa bao giờ đi lại hay nói năng.

Để bác bỏ điều đó, Đức Tổng Giám mục hỏi:

– Hãy nói cho tôi biết, Ervan, tại sao Thiên Chúa lại ban ân sủng của Ngài cho bức tượng gỗ của Ê-li ([63]), mà Ngài không ban cho Ê-li-sê, và lại ưu ái bức tượng gỗ vô hồn hơn vị tiên tri còn sống, bởi vì vị tiên tri không thể tự mình băng qua sông Giô-đanh, nhưng đã chia đôi dòng nước bằng bức tượng gỗ và đi qua trên đất khô, và điều kỳ diệu nào mà Ê-li-sê không thể thực hiện, thì bức tượng gỗ vô hồn lại có thể làm được (2 Vua 2:13–15). Tại sao không phải Mô-sê, người đã thực hiện các phép lạ trên đất Ai Cập, mà chính cây gậy của ông, Đức Chúa Trời đã ban cho sức mạnh phép lạ, và dùng nó để biến nước thành máu, chia đôi biển và thực hiện nhiều phép lạ đáng sợ và vinh quang khác? Hơn nữa, Đền Tạm[64] , Hòm Giao Ước[65] , bình vàng[66] chứa manna[67] , các bảng đá và cây gậy của A-rôn, bàn thờ, lư hương và đèn bảy ngọn – tất cả những vật đó chẳng phải đều được ban ân sủng của Đức Chúa Trời sao, dù chúng là những vật vô tri, được làm ra từ những vật chất hữu hình và có thể sờ mó được bởi bàn tay con người? Tuy nhiên, chúng được bao phủ bởi vinh quang của Đức Chúa Trời, được lấp đầy và bao quanh bởi đám mây, và không ai được phép đến gần, ngoại trừ các thầy tế lễ và người Lê-vi; không ai được phép chạm vào chúng, vì chúng mang tính thiêng liêng và thánh khiết. Nếu điều này đã xảy ra trong Cựu Ước, thì tại sao lại ngạc nhiên khi trong Tân Ước, ân sủng được ban cho các thánh tượng?

Ervan lại phản bác:

– Trong Thánh vịnh có chép: *"Còn các thần tượng của chúng là bạc và vàng, là tác phẩm của bàn tay con người"* (Thánh vịnh 113:12): vì thế, các bức tượng thánh của các ngươi cũng là thần tượng, bởi chúng được làm ra bởi bàn tay con người.

Đức Tổng Giám mục phản bác:

– Tôi hoàn toàn đồng ý rằng các thần tượng của những người ngoại đạo, những kẻ không biết đến Đức Chúa Trời, thực chất là những thần tượng, bởi chúng là hình ảnh phản chiếu của những kẻ đã sống một cuộc đời vô đạo trong mọi sự ô uế: các pháp sư, phù thủy, kẻ giết người, kẻ dâm đãng, và tất cả bọn họ đều phải chịu cái chết thảm khốc vì lối sống đó; để tưởng nhớ họ, một số người đã tạc nên những tượng thần , còn thế hệ sau, bị Satan lừa dối và làm mù quáng, đã tôn chúng lên thành thần và thờ lạy chúng. Các ngươi cũng đã làm như vậy, khi thờ lạy các tượng thần, dâng con trai và con gái làm của lễ, đổ máu vô tội, máu của con trai và con gái các ngươi, những người đã bị dâng làm của lễ cho các tượng thần Canaan, vốn là những thần tượng. Còn việc chúng ta hiện nay vẽ hình ảnh các thánh của Đức Chúa Trời, thì đó không phải là các thần tượng, mà là những bức thánh tượng chân chính. Chúng ta sẽ vẽ hình ảnh những người đã biết Đức Chúa Trời, tin cậy Ngài, làm đẹp lòng Ngài bằng sự công chính, là những người chính trực, thánh thiện và được Đức Chúa Trời yêu thương, và nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, họ đã thực hiện vô số phép lạ. Họ đã làm cho người chết sống lại, chữa lành người bệnh, người mù, người què, người liệt, thanh tẩy người hủi, trừ quỷ; cái chết của họ là cao quý, và danh tiếng của họ là vĩnh cửu và vinh quang: *"Trong mắt Đức Chúa Trời, cái chết của các thánh Ngài là quý giá! Ký ức ấy sẽ không bao giờ phai mờ; người công chính sẽ được ghi nhớ mãi mãi"* (Thánh vịnh 115:6, 111:6).

Khi Ervan lại nói xấu rằng các bức tượng thánh chẳng khác gì các thần tượng, tổng giám mục đã nói:

– Áo quần của ngươi, Ervan, và lều tạm, cả hai đều được làm từ len và lanh, nhưng liệu chúng có sức mạnh ngang nhau chăng? Cây gậy của ngươi và cây gậy của A-rôn – cây gậy đã khô héo – liệu có cùng một vinh quang chăng? Bình nước – cái mà ngươi có ở nhà – và bình đựng manna – liệu chúng có ngang hàng nhau chăng? Chiếc hộp mà ngươi đựng những vật dụng cần thiết cho thân thể, và Hòm Giao Ước – liệu chúng có cùng vinh quang

---

[63] Mi-lô – da cừu, lông cừu; – áo khoác ngoài, áo choàng, áo mưa.

[64] Lều Hội Ngộ – đền thờ di động của người Do Thái, được họ dựng lên trong thời gian lang thang trong sa mạc, theo lệnh và chỉ dẫn của Đức Chúa Trời, và tồn tại cho đến khi vua Sa-lô-môn xây dựng ngôi đền vĩ đại tại Giê-ru-sa-lem.

[65] Hòm Giao Ước – chiếc hòm do Mô-sê chế tạo, chứa Giao Ước, là vật thiêng liêng của dân tộc Do Thái. Nó được làm từ gỗ tuyết tùng và được bọc bằng vàng nguyên chất cả bên trong lẫn bên ngoài. Trong đó lưu giữ các tấm bia đá (bảng đá), trên đó ghi chép Mười Điều Răn, một bình vàng đựng manna – thức ăn mà người Do Thái dùng trong thời gian lang thang trong sa mạc – và cây gậy của A-rôn, đã nở hoa.

[66] Stamna – một loại bình có hình dạng giống bình nước

[67] Manna – thức ăn kỳ diệu mà Đức Chúa Trời đã ban xuống từ trời cho dân Do Thái trong suốt 40 năm họ lang thang trong sa mạc.

không? Lửa và dầu mà ngươi thắp lên trong nhà để chiếu sáng, liệu ngươi có so sánh được với cây đèn bảy nhánh bằng vàng không? Ngôi nhà mà ngươi đang ở, và đền thờ do Sa-lô-môn xây dựng – liệu ngươi có coi chúng ngang hàng với nhau không? Hoàn toàn không, nhưng ngươi tôn kính tất cả những điều đó hơn gấp bội, bởi vì đôi khi ân sủng Thần thánh ngự trên những vật đó. Như vậy, hãy hiểu rằng: có thứ là thần tượng – hình ảnh của một khuôn mặt xấu xa, bị quăng xuống địa ngục, và có thứ là bức tượng thánh của vị thánh được Chúa yêu mến, từ đó ân sủng Thần thánh của Chúa tuôn đổ xuống cho chúng ta nhờ những lời cầu nguyện dành cho vị thánh được khắc họa trên đó.

Ervan cũng nói về các Thiên thần, rằng họ vô hình, như đã chép: *"Ngài tạo nên các Thiên thần của Ngài bằng thần khí"* (Thánh vịnh 103:4), và rằng, tuy nhiên, các Kitô hữu vẫn không ngần ngại vẽ họ trên các bức thánh tượng, gán cho các linh hồn vô hình một hình ảnh hữu hình. Về điều này, Đức Tổng Giám mục đã trả lời:

– Ngươi không biết mình đang nói gì, vì chính chúng ta đã học cách vẽ các Thiên thần từ chính các ngươi.

Ervan phản bác:

– Chúng tôi chưa bao giờ làm điều đó.

Tổng giám mục hỏi:

– Ngươi đã nghiên cứu toàn bộ Cựu Ước mà không biết điều này sao?

Ervan phản bác:

– Tôi thề trước Chúa rằng, tôi không biết rằng chúng ta đã từng vẽ và tôn kính hình ảnh các Thiên thần bao giờ cả!

Đức Tổng Giám mục đáp lại:

– Quả thật, chính các ngươi đã khởi xướng việc này: khi Sa-lô-môn xây dựng đền thờ cho Đức Chúa Trời, chẳng phải ngài đã đặt các Thiên thần vinh quang trên nơi thánh, che chở bàn thờ sao? Và trên cả cánh cửa thứ nhất lẫn cánh cửa thứ hai của nơi thánh, chẳng phải ông ấy cũng đã đặt các Thiên thần Cherubim sao? Thậm chí trong Lều Hội Ngộ do Mô-sê dựng lên – chẳng phải đã có hình ảnh các Thiên thần Cherubim trên Hòm Giao Ước, và trên các tấm màn cũng được thêu hình mặt các Thiên thần Cherubim sao? Và tất cả những hình ảnh các Thiên thần này chẳng phải đã được các ngươi tôn kính cùng với Lều Hội Ngộ và Đền thờ sao? Nếu các ngài đã tôn kính những thực thể vô hình bằng cách tạo hình chúng, thì tại sao lại trách móc chúng tôi, những người tạo hình và tôn kính khuôn mặt của các thánh nhân đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời khi còn ở trong xác thịt?

Những điều này và nhiều điều tương tự đã được nói đến vào ngày thứ tư của cuộc tranh luận; khi chiều tối buông xuống, nhà vua và tổng giám mục đứng dậy khỏi chỗ ngồi của mình, thì hội nghị tan rã, trong sự mong đợi rằng vào buổi sáng hôm sau cuộc tranh luận sẽ kết thúc và có thể chứng kiến lễ chiến thắng của người chiến thắng. Người Do Thái vui mừng cho Ervan vì anh đã trả lời tốt và đặt câu hỏi cho tổng giám mục; họ khích lệ anh và nói:

– Ngươi đang chiến đấu rất tốt, đừng sợ, nhưng hãy đứng vững hơn nữa, vì chúng ta thấy rằng Đức Chúa Trời ở cùng ngươi, đừng lo sợ trong lòng, bởi vì rõ ràng là nhà vua đang lắng nghe cả hai người với sự hài lòng.

Còn Ervan thì đáp lại họ:

– Hỡi các anh em, theo tôi thấy, người đàn ông ấy vượt trội hơn tôi rất nhiều về trí tuệ và tài hùng biện, và tôi không thể nào thắng được ông ấy; chính các anh cũng đã nghe thấy, ông ấy đã bác bỏ và làm bẽ mặt tất cả những lập luận của tôi, khiến chúng trở nên vô nghĩa.

Sáng sớm hôm sau, khi những người Do Thái thông thái nhất lại đến gặp Ervan, ông nói với họ:

– Hỡi các anh em, tôi xin nói thật với các anh em rằng tôi sẽ bị tổng giám mục đánh bại, bởi vì đêm qua, trong một giấc mơ, tôi đã thấy Mô-sê và Chúa Giê-su, Đấng mà chúng ta đã tranh luận. Tôi thấy họ như đang đứng trên mái của một ngôi đền thánh nào đó và trò chuyện với nhau, và tôi thấy Mô-sê cúi đầu trước Chúa Giê-su, hai tay áp sát vào ngực, như thể bị trói lại, và đứng trước Chúa Giê-su với lòng kính sợ, như đứng trước Chúa Trời của mình. Tôi kinh ngạc trước cảnh tượng đó và khi miệng tôi mở ra, tôi nói:

– Thưa ngài, Mô-sê, việc ngài đang làm có đúng không?

Ông ấy quay lại, ngăn tôi lại và nói:

– Thôi đi, tôi không phạm tội khi thờ lạy Chúa của tôi, vì tôi không giống như các ngươi và tôi tuyên xưng Đấng Tạo Hóa và Chúa của tôi. Tại sao ngươi lại gây khó khăn cho vị tổng giám mục công chính, chống lại lẽ thật? Vào ngày mai, ngươi sẽ bị ngài đánh bại và sẽ thờ lạy, giống như tôi, Chúa Giê-su Ki-tô.

– Tôi đã thấy điều đó, hỡi các anh em, nhưng không biết ý nghĩa của nó là gì; tuy nhiên, tôi sẽ tiếp tục phản đối vị tổng giám mục, kiên quyết bảo vệ luật pháp của chúng ta cho đến khi chính Đức Chúa Trời sắp xếp mọi việc theo ý Ngài.

Nhiều người nghe vậy đã nghi ngờ và bối rối. Khi ngày đó đến và hội đồng được triệu tập, vua cùng các quan đại thần, tổng giám mục cùng các linh mục, cùng với đông đảo dân chúng đã tụ tập – Ervan cũng xuất hiện cùng các nhà luật học hỗ trợ ông, và cuộc tranh luận lại bắt đầu, giống như những ngày trước đó. Một học giả kiêm thư ký[68] của tổng giám mục – người mà ngài đã mang theo từ Alexandria, với tư cách là một người ghi chép nhanh – đã có mặt tại đó và ghi lại tất cả những lời phát biểu của cả tổng giám mục lẫn Ervan. Nhờ sự trợ giúp của Thánh Thần, Đấng hành động qua lời nói của tổng giám mục, phe đối lập đã bị đánh bại, còn phe chúng ta, những người tin vào Chúa, đã chiến thắng. Tổng giám mục luôn là người chiến thắng trong mọi cuộc tranh luận, còn Ervan thì ngày càng suy yếu, cùng với các thầy dạy luật Do Thái đang giúp đỡ ông ta cũng suy yếu theo; tuy nhiên, lòng thù hận đã làm mù quáng họ, tai họ không nghe rõ, và mắt họ bị che khuất khỏi sự thật. Và cần phải có sức mạnh của đức tin và một phép lạ theo sau những lời của vị thánh, để vạch trần sự hung hăng của họ và làm họ xấu hổ vì sự vô tín của mình, điều đó thực sự đã xảy ra như sau.

Khi Ervan đã hoàn toàn bị đánh bại trong cuộc tranh luận, ông ta đã thét lên:

– Tại sao chúng ta lại lãng phí thời gian vào những cuộc tranh luận dài dòng! Ta sẽ chấm dứt cuộc tranh luận này. Nếu ngài muốn, thưa Tổng Giám mục, rằng ta tin vào Chúa Giê-su, rằng Ngài là Đức Chúa Trời Thật, hãy cho ta thấy Ngài còn sống, để ta được nhìn thấy Ngài, nói chuyện với Ngài, và khi đó ta sẽ thừa nhận rằng các ngươi, những người Kitô hữu, đã chiến thắng và đánh bại chúng ta.

Khi Ervan nói xong, đám đông người Do Thái la lên:

– Chúng tôi khẩn cầu ngài, thưa thầy, xin đừng để bị lừa dối mà trở thành Kitô hữu; hãy can đảm hơn và vững vàng trong lẽ thật, vì ngài biết rằng không có gì chân thật hơn Đức Chúa Trời Duy Nhất của tổ tiên chúng ta.

Ervan giận dữ nói với họ:

– Các ngươi đang nói những lời vô nghĩa gì vậy? Hãy nghe đây, nếu Ngài thuyết phục được tôi rằng Đấng mà các tiên tri đã tiên tri tồn tại, thì các ngươi còn muốn chờ đợi điều gì nữa?

Tổng giám mục, thấy rằng anh ta nói một cách chân thành chứ không phải nịnh hót, bèn nói với anh ta:

– Ervan, ngươi đang đặt ra một thử thách lớn lao và lời thỉnh cầu của ngươi vượt quá khả năng, bởi vì ngươi không xin con người, mà là xin Đức Chúa Trời; tuy nhiên, để ngươi và những người cùng ngươi được tin chắc, và để lòng những người tin được củng cố, Đức Chúa Trời có quyền năng để làm điều đó. Chỉ cần ngươi nói rõ ràng, ngươi muốn ta chứng minh cho ngươi như thế nào?

Ervan đáp:

– Hãy cầu xin Chúa của ngươi, nếu Ngài có ở trên trời như ngươi nói, hãy xuống đây và hiện ra trước mặt ta, để ta có thể trò chuyện với Ngài, và ta thề trước Chúa rằng ta sẽ ngay lập tức tin vào Ngài và chịu phép rửa.

Khi Ervan vừa dứt lời, cả đám đông người Do Thái liền la lên:

– Quả thật, Đức Tổng Giám mục, xin ngài hãy chứng minh cho chúng tôi thấy sự thật trong lời ngài nói, hãy chỉ cho chúng tôi thấy Đấng Kitô của ngài, để chúng tôi, không còn lời nào để đáp lại, sẽ tin vào Ngài với lòng kính sợ.

Và tất cả đều la hét, vây quanh Thánh Grigoriô, đòi ngài phải cho họ thấy Đấng Kitô một cách cụ thể, nếu Ngài còn sống sau khi bị đóng đinh và chết. Sau đó, những người Do Thái bắt đầu bàn tán với nhau:

– Nếu Đức Tổng Giám mục cho chúng ta thấy Đấng Kitô của ngài, thì chúng ta phải làm sao? Khốn khổ cho chúng ta, dù không muốn, chúng ta cũng sẽ phải trở thành Kitô hữu.

Còn những người khác thì nói:

– Nếu ngài chỉ cho chúng ta thấy Chúa Kitô, thì tại sao lại không tin vào Ngài?

Còn một số người lại nói:

– Làm sao có thể cho thấy Đấng đã chết như một người bị giết, trong khi đã bao nhiêu năm trôi qua kể từ ngày Ngài qua đời? Thân xác và linh hồn Ngài ở đâu, khi mà xương cốt và gân cốt trong quan tài đã tan rã từ lâu?

---

[68] Notary – người ghi chép nhanh; tên gọi này được dùng để chỉ cả các thư ký hoàng gia, những người ghi biên bản các cuộc họp nhà nước quan trọng nhất, lẫn các thư ký của các tổng giám mục.

Đức Tổng Giám mục, khi suy ngẫm về tầm quan trọng của việc này và thấy sự khẩn thiết mãnh liệt của họ, đã dâng trọn tâm hồn mình lên Chúa và tự nhủ rằng nếu ngài không khẩn cầu Chúa Kitô thực hiện lời thỉnh cầu của họ, thì phe đối lập sẽ chiến thắng vang dội, người Do Thái sẽ trở thành những kẻ chiến thắng, còn người Kitô hữu như thể bị đánh bại, và kẻ thù sẽ chế giễu và sỉ nhục người Kitô hữu. Và với niềm hy vọng, ngài nói với đám đông người Do Thái:

– Nếu Chúa Kitô muốn, thì tôi sẽ có thể cho các bạn thấy Ngài. Nhưng các bạn biết rõ rằng, nếu tôi cho các bạn thấy Ngài mà các bạn không muốn tin vào Ngài, thì ngay lập tức thanh gươm sẽ tiêu diệt tất cả các bạn; còn nếu tôi, vì sự bất xứng của mình, không thể cho các bạn thấy Chúa của tôi, thì các bạn hãy tự do hành động theo ý mình.

Người Do Thái, khi nghe điều này, vừa buồn bã vừa vui mừng: buồn bã vì họ sợ rằng nếu ông ấy cho họ thấy Chúa Kitô, thì họ sẽ phải tin vào Ngài dù không muốn; còn vui mừng thì vì hy vọng rằng ông ấy sẽ không cho họ thấy Chúa Kitô, và như vậy họ sẽ được tự do giữ vững đức tin của mình. Nhưng những lời đó lại làm hài lòng Tổng Giám mục Yervan và các nhà thông luật khôn ngoan nhất đang ở cùng ông; họ bàn luận với nhau:

– Không thể nào một người đã bị cha ông chúng ta giết chết, đã qua đời và được niêm phong trong quan tài, rồi bị các môn đệ của mình đánh cắp, lại có thể còn sống sau 500 năm.

Thánh Grêgôriô, biết những lời Chúa đã phán trong Phúc Âm: *"Nếu các con có đức tin bằng hạt cải và bảo ngọn núi này: 'Hãy dời khỏi đây sang kia', thì nó sẽ dời; và không có gì là không thể đối với các con"* (Mt 17:20), và ghi nhớ những lời ấy trong tâm trí, đồng thời có đức tin bất diệt nơi Thiên Chúa và đặt trọn niềm tin vào Ngài, ngài đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi ra một chút – đến một nơi thuận tiện hơn để cầu nguyện. Vua cùng toàn thể dân chúng đều kinh ngạc và thán phục trước sự can đảm phi thường đối với Thiên Chúa và đức tin của vị Tổng Giám mục, khi ngài dám thực hiện việc làm đáng sợ như vậy, và họ hồi hộp chờ đợi điều gì sẽ xảy ra. Vị Thánh, sau khi rời khỏi đám đông một chút, đã làm dấu thánh giá và bắt đầu cầu nguyện. Với thái độ khiêm nhường, ngài quỳ gối và hướng toàn bộ tâm hồn lên trời, ngài cầu nguyện lâu dài và to tiếng để tất cả những người có mặt đều nghe thấy, hồi tưởng lại tất cả những mầu nhiệm về sự nhập thể của Thiên Chúa Lời và toàn bộ cuộc đời của Chúa Kitô giữa loài người, bắt đầu từ Lễ Giáng Sinh – cho đến những đau khổ tự nguyện, thập giá, cái chết, sự phục sinh sau ba ngày và việc lên trời. Và cuối cùng, ngài nói:

– Xin hãy tỏ mình ra, lạy Chúa, cho những con người đã trở nên cứng lòng và mù quáng vì sự ác này, xin tỏ mình ra vì Danh Thánh của Ngài, và xin cho họ được tận mắt chiêm ngưỡng nhân tính ban sự sống của Ngài, nhân tính mà Ngài đã mặc lấy vì chúng con, và cùng với nhân tính ấy Ngài đã thăng thiên lên trời, để khi nhìn thấy Ngài, họ sẽ tin vào Ngài là Thiên Chúa Chân Thật và vào Đấng đã sai Ngài – Chúa Cha và Chúa Thánh Thần.

Khi ông vừa dứt lời cầu nguyện, và mọi người đang chăm chú nhìn ông, bỗng nhiên xảy ra một trận động đất và tiếng sấm kinh hoàng vang lên từ phương Đông, khiến mặt đất rung chuyển, và tất cả đều ngã xuống vì sợ hãi. Khi mọi người đã bình tĩnh lại sau cơn sợ hãi, họ từ từ đứng dậy và ngước mắt về phía đông, thì thấy trời mở ra và một đám mây sáng chói với ngọn lửa rực rỡ và những tia nắng mặt trời đang từ đó hạ xuống đất. Giữa đám mây, người ta thấy một Người Đàn Ông, đẹp đẽ hơn tất cả con cái loài người, là Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, khuôn mặt rạng ngời không thể tả xiết và áo quần tỏa sáng như tia chớp. Với những bước đi đặc biệt trên đám mây, Ngài tiến gần xuống đất và đứng trên đám mây đối diện với tổng giám mục, thu hút ánh mắt và trái tim mọi người về phía Ngài bằng vẻ đẹp mà ngôn từ không thể diễn tả được. Vì sợ hãi trước vinh quang của Ngài, mà nhìn vào đó là điều không thể chịu đựng nổi, giống như các môn đệ ngày xưa trên núi Phan-xô, tất cả đều sấp mặt xuống đất – từ vua cùng các quan đại thần, đến toàn thể dân chúng, từ già đến trẻ; còn người Do Thái, bị bao trùm bởi sự kinh hoàng tột độ, lao đi loạn xạ, vội vã bỏ chạy, vì ánh sáng thiêng liêng đã thiêu đốt họ, và vinh quang của Chúa, mà họ không thể nhìn thấy, đã bao trùm họ trong nỗi sợ hãi tột cùng. Nhưng họ không thể chạy trốn, thậm chí không thể nhúc nhích khỏi chỗ đứng, bởi vì một sức mạnh vô hình đang giữ chặt họ lại. Còn Đức Tổng Giám mục, được củng cố từ trên cao, đã lớn tiếng kêu gọi Ervan:

– Ervan, đây chính là Đấng mà ngươi đã nghe kể nhiều lời truyền tụng, hãy nhìn Ngài và tin rằng: Đấng Duy Nhất Thánh Khiết, Đấng Duy Nhất là Chúa, là Đức Giê-su Ki-tô, vì vinh quang của Thiên Chúa Cha, a-men.

Còn Ervan thì như chết lặng và không thể trả lời được gì. Và tiếng Chúa vang lên:

– Nhờ lời cầu nguyện của vị giám mục, Đấng bị đóng đinh bởi tổ tiên các ngươi đang chữa lành cho các ngươi.

Nghe tiếng nói ấy, mọi người càng run rẩy hơn nữa và ngã xuống đất, kinh hoàng tột độ. Và cũng như xưa kia Sa-lô-môn, trên đường đến Đa-mách, khi ánh sáng từ trời chiếu rọi và tiếng nói từ trên cao vang lên, đã ngã xuống đất và dù mắt mở to nhưng không thấy gì (Công vụ 9:3–8), thì họ cũng bị mù lòa như vậy; dù mắt họ mở to, nhưng họ không thấy gì cả, chỉ biết than khóc và khóc lóc thảm thiết. Sau khi sự việc xảy ra, trước mặt Chúa vang lên một tiếng động thiêng liêng nào đó, và đám mây sáng chói dưới chân Chúa đã che khuất Ngài khỏi tầm mắt mọi người; đám mây ấy dần dần dày lên từ mọi phía theo dấu chân Ngài khi Ngài bay lên cao, cho đến khi vinh quang thiêng liêng biến mất trên trời và tất cả những gì họ nhìn thấy đều khuất khỏi tầm mắt. Nhà vua và tất cả các tín hữu Kitô giáo đã can đảm kêu cầu theo dấu chân Chúa trong một thời gian dài:

– Lạy Chúa, xin thương xót!

Còn vị tổng giám mục chính trực thì nằm sấp mặt xuống đất, trong nước mắt dâng lời cầu nguyện lên Chúa thay cho mọi người. Sau đó, tất cả những người tụ họp tại hội đồng: nhà vua cùng hội đồng các quan và dân chúng đều tôn kính Tổng giám mục Grigori với sự kính trọng và sùng kính đặc biệt, kinh ngạc trước sự thánh thiện và sức mạnh của lời cầu nguyện của ngài. Còn những người Do Thái thì hỏi nhau:

– Anh ơi, anh có thấy gì không?

Và ai nấy đều đáp:

– Tôi chẳng thấy gì cả.

Và tất cả đều kêu lên với Yervan:

– Thầy ơi, chúng ta phải làm gì đây?

Ervan đáp:

– Chỉ có các con bị mù khi nhìn thấy Đức Chúa Trời của người Kitô giáo, hay người Kitô giáo cũng bị như vậy?

Nghe vậy, những người Kitô hữu nói:

– Nhờ ân sủng của Đấng Christ, chúng tôi nhìn thấy rõ ràng, và đôi mắt chúng tôi giờ đây còn khỏe mạnh hơn trước; còn các ngươi thì mù lòa vì sự vô tín của các ngươi. *"Lạy Đức Chúa Trời báo thù, lạy Chúa, Đức Chúa Trời báo thù, xin hãy tỏ mình ra"* (Thi Thiên 93:1), Ngài đã tước đi thị lực của các ngươi, vì các ngươi, dù không xứng đáng, lại dám nhìn thấy Ngài.

Lúc đó, Ervan cùng tất cả người Do Thái đã khóc lóc van nài tổng giám mục, xin ngài chữa lành đôi mắt mù lòa của họ và ban phép rửa thánh. Tổng giám mục hỏi họ: "Các ngươi có tin Chúa Giêsu Kitô một cách chân thành không?" Và tất cả đều làm chứng rằng họ tin với lòng tin vững chắc. Ngay lập tức, tổng giám mục cùng các giám mục và linh mục đi cùng ngài đã công bố lời rao giảng cho họ và tiến hành cử hành bí tích rửa tội. Khi những người Do Thái bước vào bể rửa thánh[69] , ngay lập tức như thể một lớp vảy nào đó rơi khỏi mắt họ, và tất cả đều được sáng mắt cả về thể xác lẫn tinh thần, *"bằng lòng tin vào sự công chính, và bằng miệng xưng nhận Chúa Giê-su Christ của chúng ta để được cứu rỗi"* (Rô-ma 10:10), và tất cả đều được rửa tội nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, bắt đầu từ Ervan, người mà chính nhà vua đã làm cha đỡ đầu tại bể rửa tội và được ban cho tên "Lêv" trong phép rửa tội thánh; nhà vua đã đưa ông vào hội đồng của mình, phong ông làm quý tộc[70] , như một người thông minh và xứng đáng với vinh dự. Ervan vô cùng hối hận về sự lầm lạc ban đầu của mình, và kinh ngạc tột độ, không ngừng hồi tưởng lại hình ảnh của Chúa trong tâm trí.

– Làm sao có thể như vậy được – ông nói – Chúa Giê-su Ki-tô vẫn còn sống, Đấng mà cha ông chúng ta đã đóng đinh và chôn cất, và Đấng mà chúng ta tưởng đã chết?

Và ông kêu lên trong nước mắt:

– Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Con của Đức Chúa Trời Hằng Sống! Xin tha thứ cho con vì con đã phạm tội do sự thiếu hiểu biết của mình.

Còn Đức Tổng Giám mục Thánh Ervan, ông tôn kính như một Thiên thần của Đức Chúa Trời, và không muốn xa cách ngài. Như vậy, xứ Omirit đã được soi sáng bởi ánh sáng của đức tin thánh thiện: không chỉ người Do Thái mà cả những người ngoại đạo cũng đã được rửa tội khắp các thành phố và làng mạc. Và niềm vui lớn lao tràn ngập khắp cả nước; cùng với con người, các Thiên thần cũng hân hoan trước sự hoán cải và sự ăn năn của các linh hồn con người, và Thiên Chúa, Đấng mong muốn sự cứu rỗi cho mọi người, đã được tôn vinh.

---

[69] Bồn rửa tội – một loại bình được sử dụng trong nghi thức rửa tội.

[70] Tức là được xếp vào tầng lớp thượng lưu, tương đương với tầng lớp quý tộc có dòng dõi cao quý của chúng ta.

Sau đó, Đức Tổng Giám mục thánh Grigori đã khuyên nhà vua ra lệnh cho người Do Thái không được sống chung với nhau, mà phải định cư cùng với các Kitô hữu, để họ không tổ chức các cuộc tụ họp và hội nghị bí mật. Nhà vua đã ban hành luật như sau:

– Không một người Do Thái nào được gả con gái mình cho người cùng dòng dõi Do Thái, mà phải lấy con rể là người Kitô hữu; còn con trai người Do Thái cũng không được lấy vợ là con gái Do Thái, mà phải tìm vợ là người Kitô hữu; ai dám vi phạm luật này sẽ bị chém đầu.

Tổng giám mục làm điều này nhằm mục đích khiến dân Do Thái, khi hòa nhập với người Kitô hữu, sau vài năm sẽ hoàn toàn quên lãng đức tin và phong tục cổ xưa của Cựu Ước. Khắp nơi đều im lặng, sự khiêm nhường trọn vẹn và lòng đạo đức tỏa sáng khắp nơi; nhà vua cùng tổng giám mục siêng năng phụng sự trước mặt Thiên Chúa, cử hành các nghi thức ca ngợi Chúa Kitô suốt đêm, lo lắng cho sự cứu rỗi các linh hồn con người và cai trị vương quốc một cách nhân từ và công bằng. Vua Avramy, một vị vua đạo đức, sau khi sống 30 năm tại xứ Omirit, đã qua đời, được Thánh Grigory báo trước về ngày qua đời của mình, và được an táng một cách trang trọng tại thành phố Afara. Một thời gian ngắn sau khi vị vua qua đời, Thánh Grigori, vị cha thánh của chúng ta, sau khi chăm sóc đàn chiên của mình, củng cố đức tin dựa trên nền tảng của các Tông đồ và các Tiên tri, và thực hiện nhiều dấu lạ và phép lạ để tôn vinh Thiên Chúa, đã kết thúc cuộc đời vào ngày 19 tháng 12 và được an táng một cách trang trọng tại cùng thành phố đó, trong lăng mộ của nhà thờ lớn[71] . Cả vùng đất Omirit đều khóc thương ngài, nhất là những người Do Thái đã chịu phép rửa tội, bởi vì ngài là một vị cha tốt lành và nhân từ, được lòng người và đẹp lòng Thiên Chúa, trước mặt Ngài, Thánh Grigori đã hiện diện cùng với các vị thánh giám mục khác, cùng họ ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Ê-li, Prova và Aris

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 12

Các thánh Ê-li, Prova và Aris xuất thân từ Ai Cập. Họ tuyên xưng đức tin Kitô giáo và vì lòng nhiệt thành đối với vinh quang của Thiên Chúa, đã đến thăm những người chịu khổ vì Chúa Kitô, những người bị giam cầm trong ngục tối, an ủi họ giữa những đau khổ và chữa lành vết thương cho họ. Một lần, các ngài đến xứ Kilikia[72] và khi vào thành Ascalon[73] ngay tại cổng thành, các ngài bị những lính gác ngoại đạo hung ác chặn lại; chúng nghi ngờ các ngài là gián điệp và đưa các ngài ra trước công tước Firmilian. Trong buổi thẩm vấn trước công tước, các ngài tuyên xưng mình là Kitô hữu và vì thế đã phải chịu những hình phạt tàn bạo. Thánh Aris là người đầu tiên phải chịu nhiều hình thức tra tấn và bị đưa ra thiêu sống. Sau đó, thánh Prov cũng bị tra tấn và bị chém đầu bằng gươm. Cuối cùng, sau nhiều đau đớn, thánh Elijah[74] cũng bị chém đầu bằng gươm.

Lễ tưởng niệm các thánh tử đạo Polyeuctus và Timotheus

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 12

Thánh tử đạo Polyeuctus xuất thân từ Caesarea[75] , nơi ngài đã rao giảng về Chúa Kitô một cách rất thành công, dẫn dắt nhiều người không tin từ việc thờ cúng thần tượng trở lại đức tin Kitô giáo thánh thiện. Vì những lời rao giảng của mình, ngài đã bị bắt và bị giam vào ngục tối. Sau những lời khuyên nhủ không ngừng để từ bỏ Chúa Kitô, ngài bị xé xác khắp cơ thể bằng những móng vuốt sắt, sau đó hàm của ngài bị đập vỡ và ngài bị ném vào lò lửa đỏ rực.

Cùng thời gian đó, tại Mauritania[76] , phó tế Timôthê đã rao giảng đức tin vào Chúa Kitô một cách thành công. Vì điều này, ngài đã phải chịu nhiều đau khổ nặng nề. Ông bị giam vào ngục tối, chịu đói khát hành hạ; sau

---

[71] Thánh Grigori qua đời vào khoảng năm 552.
[72] Cilicia – vùng ven biển phía đông nam của Tiểu Á.
[73] Ascalon – thành phố cổ của người Philistine, ở Palestine, bên bờ Địa Trung Hải.
[74] Tất cả các vị tử đạo này đều chịu tử đạo vào năm 308.
[75] Ở đây tất nhiên là đề cập đến Caesarea Cappadocia, nằm ở phần phía đông của Tiểu Á.
[76] Ma-ri-ta-ni-a – tỉnh ven biển của Đế quốc La Mã ở phía bắc châu Phi.

khi được dẫn ra khỏi ngục và sau những lời khuyên nhủ vô ích để dâng lễ vật cho các thần tượng, ông đã bước lên đống lửa đang bùng cháy được chuẩn bị sẵn cho ông với lời cầu nguyện và trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa. Xác thánh của ông đã được các tín hữu an táng một cách trang trọng tại vùng Mauritania[77] .

Ngày 2 tháng 1

ngày 20 tháng 12 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Ignatius, Đấng Mang Thiên Chúa.

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 12

Vào thời điểm Trajan lên ngôi hoàng đế La Mã[78] , vị giám mục của Giáo hội Antioch là Thánh Ignatius, người được gọi là "Đấng Mang Chúa" cả về danh hiệu lẫn việc làm, đã kế vị chức giám mục sau Thánh Evod, người kế vị Thánh Phêrô. Thủ đô tráng lệ của Syria là thành phố vĩ đại thứ hai sau Roma trong phạm vi Đế quốc La Mã và có khoảng 200.000 cư dân. Nơi đây từng là nơi các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô rao giảng Tin Mừng, và sau khi hai ngài qua đời, hoạt động truyền giáo của Thánh Tông đồ Gioan tại Tiểu Á cũng đã lan tỏa đến đây. Ngày nay, Antioch chỉ còn là thị trấn nghèo Antakya ở Thổ Nhĩ Kỳ châu Á, nằm cách biển khoảng 10 verst. – Thánh Tông đồ Phêrô đã lãnh đạo Giáo hội Antiôkhia từ năm 47 đến năm 67; người kế vị ngài, Thánh Tông đồ Evod, lãnh đạo đến năm 68; còn Thánh Ignatius, Đấng Mang Thiên Chúa, lãnh đạo từ năm 68 đến năm 107. Về Thánh Ignatius, Đấng Mang Thần, có kể lại rằng khi ngài còn là một đứa trẻ[79] , và Chúa Giêsu Kitô đang sống trên đất với loài người và giảng dạy dân chúng về Nước Trời, một lần cha mẹ của Ignatius, đang đứng giữa đám đông, lắng nghe Lời Chúa phát ra từ miệng Đấng Cứu Thế, và mang theo đứa con của họ. Nhìn thấy họ, Chúa đã gọi cậu bé Ignatius đến bên mình, đặt cậu giữa đám đông, ôm cậu vào lòng và bế cậu lên, rồi phán:

– *"Nếu các ngươi không trở lại và trở nên như trẻ nhỏ, thì sẽ không được vào Nước Trời; và ai tiếp nhận một đứa trẻ như thế này nhân danh Ta, thì cũng là tiếp nhận Ta"* (Mt 18:3,5; Mc 9:37; Lc 9:48).

Vì thế, Thánh Ignatius được gọi là "Người mang Thiên Chúa", bởi vì ngài được chính Thiên Chúa Nhập Thể bế trên tay, và cũng bởi vì ngài mang Thiên Chúa trong lòng và trên môi[80] , như một khí cụ giống như Thánh Tông Đồ Phaolô, khí cụ được chọn để mang danh Thiên Chúa trước các dân tộc và các vua chúa. Ban đầu, ngài là môn đệ của Thánh Gioan Thần Học[81] , cùng với Thánh Polykarp, Giám mục Smyrna[82] . Sau đó, theo lời khuyên của tất cả các thánh Tông đồ, ngài được tấn phong làm giám mục tại Antiôkhia, nơi mà danh xưng "Kitô hữu" đã xuất hiện sớm hơn so với các nơi khác[83] . Khi đảm nhận việc quản lý Giáo hội, ngài không ngần ngại dốc hết sức lực để rao giảng đức tin, thể hiện lòng nhiệt thành tông đồ trong mọi việc. Vị thánh giám mục này đã thiết lập trong

---

[77] Các thánh tử đạo Polyeuctus và Timotheus, phó tế, đã chịu tử đạo vào đầu thế kỷ IV.

[78] Hoàng đế Trajan trị vì từ năm 98 đến năm 117.

[79] Không có thông tin chắc chắn về nơi và thời gian sinh của Thánh Ignatius cũng như về quá trình giáo dục ban đầu của ngài. Ngài là người gốc Syria; tên Syria của ngài là Nurono, có nghĩa là "lửa", và tên Ignatius cũng có cùng ý nghĩa, được cho là bắt nguồn từ từ tiếng Latinh "ignis" – lửa.

[80] Danh hiệu "Người mang Chúa" (Θεοφόρος), mà người khác đã đặt cho Thánh Ignatius và chính ngài cũng tự xưng trong các thư tín, theo lời giải thích của chính ngài, có nghĩa là người "có Chúa Kitô trong lòng". Truyền thuyết kể rằng Chúa Giêsu Kitô đã bế Thánh Ignatius trên tay lần đầu tiên được ghi lại bởi Simeon Metaphrastes, từ đó được truyền lại trong cuốn "Chet'i Minei" của Thánh Dimitrios. Do truyền thuyết này, biệt danh "Θεόφορος" (người mang Thiên Chúa) của Thánh Ignatius đã được thay đổi thành "Θεοφόρος", tức là "người được Thiên Chúa mang".

[81] Thánh Grêgôriô Đôi Lời viết về Thánh Ignatius rằng ngài cũng là môn đệ của Thánh Phêrô Tông đồ, còn những người khác thì là môn đệ của Thánh Phaolô Tông đồ. Thánh Gioan Kim Khẩu đã nói về các Tông đồ rằng: "Cả trong lời nói lẫn trong những điều không thể diễn tả được." (Xem bài giảng thứ 42 về Thánh Ignatius).

[82] Được Thánh Tông đồ Gioan tấn phong làm Giám mục Smyrna, Thánh Polykarp có mối quan hệ thân thiết với Thánh Ignatius và cùng chia sẻ những lo toan của ngài đối với các Hội Thánh của Chúa; sau khi ngài qua đời, ngài trở thành "người lãnh đạo của toàn châu Á". Lễ kính Thánh Polykarp được cử hành vào ngày 23 tháng 2

[83] Trong Công Vụ Tông Đồ 11 có đề cập đến Tông Đồ Barnaba tại Antiôkhia: *"Suốt một năm, họ tụ họp trong nhà thờ và giảng dạy cho một số lượng lớn người, và các môn đệ tại Antiôkhia lần đầu tiên được gọi là Kitô hữu"*.

Giáo hội việc hát các bài thánh ca theo hai giọng hoặc hai dàn hợp xướng, giống như các thiên thần, bởi vì nhờ được ban cho sự mặc khải thiêng liêng, ngài đã thấy các thiên thần hát xen kẽ nhau: khi một thiên thần hát, thiên thần kia im lặng; khi thiên thần kia hát, thiên thần đầu tiên lắng nghe; khi một thiên thần kết thúc bài hát, thì nhóm kia lại bắt đầu; bằng cách đó, các nhóm Thiên thần đã tôn vinh Thánh Ba Ngôi, như thể đang truyền lại các bài thánh ca cho nhau. Sau khi nhận được sự mặc khải này, Thánh Ignatius đã thiết lập trật tự các bài thánh ca thiêng liêng này trước tiên tại Giáo hội Antioch của ngài, và từ đó, nghi thức tuyệt vời này đã được áp dụng trong tất cả các nhà thờ[84] . Vị giám mục được Thiên Chúa ban ơn này là người cai quản các nghi thức giáo hội một cách nhân từ, là người phục vụ các bí tích của Chúa Kitô một cách hoàn hảo[85] , và sau đó trở thành vị tử đạo, bị ném cho thú dữ ăn thịt, điều này sẽ được đề cập chi tiết hơn ở phần sau. Trong cuộc chiến khốc liệt với người Scythia[86] , hoàng đế Trajan đã giành chiến thắng. Tin rằng mình đã đánh bại kẻ thù nhờ sự trợ giúp của các vị thần ngoại đạo, Trajan muốn tạ ơn họ bằng những lễ tế rộng khắp, để trong tương lai các vị thần tiếp tục ban phước cho các cuộc chiến và triều đại của ông. Lúc đó, một cuộc bách hại dữ dội đối với các Kitô hữu đã bùng nổ. Hoàng đế biết rằng các Kitô hữu không những không muốn dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo, mà còn phỉ báng họ, vạch trần sự giả dối của họ, nên đã ra lệnh giết hết các Kitô hữu không tuân theo mệnh lệnh của ông. Khi vị hoàng đế này lên đường tham gia một cuộc chiến khác chống lại người Armenia và người Parthia, ông phải ghé qua Antioch, và tại đó, Thánh Ignatius, Đấng Mang Thiên Chúa, đã bị vu khống trước mặt ông vì đã tôn kính Chúa Kitô – Đấng bị Philatô kết án tử hình và bị đóng đinh trên thập giá – như Thiên Chúa, đồng thời thiết lập các luật lệ về việc giữ trinh tiết, khinh miệt của cải và mọi điều thú vị trong đời sống[87] . Nghe tin này, Trajan đã triệu tập vị thánh và trước toàn thể hội đồng của mình, ông nói với ngài:

– Chính ngươi, kẻ được gọi là "Người mang Thượng Đế", đang chống lại mệnh lệnh của chúng ta và làm suy đồi cả thành Antioch, dẫn dắt nó theo Chúa Kitô của ngươi sao?

Thánh Ignatius đáp:

– Vâng, chính là tôi.

Vua hỏi:

– Tên gọi "Người mang Chúa" của ngươi có ý nghĩa gì?

Thánh nhân đáp:

– Người mang Chúa Kitô, Thiên Chúa, trong tâm hồn mình chính là "Người mang Chúa".

– Vậy thì, – nhà vua hỏi, – ngươi đang mang Đấng Kitô của ngươi trong chính bản thân ngươi sao?

Vị thánh đáp:

– Thật vậy, tôi mang Ngài, vì có chép rằng: "Ta sẽ ngự *trong họ và đi cùng họ"* (2 Cô-rinh-tô 6:16). Nhà vua nói:

– Vậy thì, theo ngươi, chẳng phải chúng ta luôn mang các vị thần của mình trong ký ức và có họ làm trợ thủ chống lại kẻ thù sao?

Vị thánh đáp:

– Thật đau lòng khi ngài gọi các thần tượng là các vị thần, bởi vì chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật, Đấng Tạo Hóa của trời, đất, biển và mọi thứ trong đó, chỉ có một Chúa Giê-su Christ, Con Một của Đức Chúa Trời, và vương quốc của Ngài sẽ không bao giờ chấm dứt. Nếu ngài nhận biết Ngài, thưa hoàng đế, thì áo choàng tím, vương miện và ngai vàng của ngài sẽ còn uy quyền hơn nữa.

---

[84] Nhà sử học Giáo hội Socrates đã làm chứng về điều này. Đó là thứ được gọi là "hát đối đáp", vẫn được sử dụng cho đến ngày nay trong các thánh lễ và bao gồm các thánh vịnh Cựu Ước hoặc những đoạn nổi tiếng của chúng, được hai dàn hợp xướng hát xen kẽ, câu này nối tiếp câu kia.

[85] Trong suốt bốn mươi năm lãnh đạo Giáo hội, Thánh Ignatius, theo lời Thánh Gioan Kim Khẩu, là tấm gương về các đức tính. Trong cuộc bách hại dưới thời Đô-mi-xi-a-nô (năm 95–96), ngài, như các môn đệ của ngài ghi chép, "bằng sự kiên trì trong cầu nguyện và ăn chay, sự không mệt mỏi trong việc giảng dạy, cùng lòng nhiệt thành của tinh thần, đã chống lại cơn sóng gió, để không ai trong số những người yếu đuối hay thiếu kinh nghiệm bị chìm đắm"… Trong thời kỳ hoạn nạn và cả sau đó, "vị linh mục của Đức Chúa Trời đã soi sáng tâm hồn mỗi người bằng việc giải thích Kinh Thánh".

[86] Đó là vào năm 106.

[87] Từ đây trở đi, câu chuyện kể về hành trình tử đạo của Thánh Ignatius. Thông tin chi tiết về sự kiện này được lưu giữ trong các ghi chép về cuộc tử đạo của ngài, do những người chứng kiến – những người đồng hành đã tháp tùng ngài từ Antioch đến Rome – viết lại. Theo quan điểm chung, đó là hai phó tế – Philon và Agathonides, những người mà Thánh Ignatius đã đề cập đến trong các thư gửi cho giáo dân Smyrna và Philadelphia.

– Ignatius! – nhà vua nói. – Hãy bỏ những lời ngươi đang nói đi, và hãy nghe lời ta: nếu ngươi muốn làm điều vừa lòng ta và trở thành một trong những người bạn của ta, thì hãy cùng chúng ta dâng lễ vật cho các vị thần, và ngay lập tức ngươi sẽ trở thành thượng tế của vị thần vĩ đại Dia[88] và được xưng là cha của hội đồng.

Thánh nhân đáp lại:

– Làm sao tôi có thể trở thành Thượng tế của Dia được, khi tôi là Giám mục của Đấng Christ, Đấng mà tôi luôn ngợi khen và cố gắng hiến dâng chính mình một cách trọn vẹn, để mang trong mình hình ảnh của cái chết tự nguyện của Ngài.

Vua nói:

– Ngươi muốn hiến dâng chính mình cho ai? Có phải là Đấng đã bị Pontius Pilate đóng đinh trên thập tự giá không?

Thánh nhân đáp:

– Xin cho con được trở thành của lễ dâng lên Đấng đã đóng đinh tội lỗi lên thập giá, đã đánh bại ma quỷ – thủ lĩnh của tội lỗi – và bằng thập giá đã chiến thắng mọi quyền lực của nó.

Vua nói:

– Ta nghĩ, Ignatius, rằng ngươi không có trí tuệ sáng suốt và lý luận đúng đắn: ngươi sẽ không bị mê hoặc bởi các kinh sách Kitô giáo đến thế nếu ngươi hiểu rõ lợi ích của việc tuân theo ý muốn của nhà vua và cùng mọi người dâng lễ vật lên các vị thần.

Vị thánh, càng thêm hăng hái, nói:

– Dù ngài có ném tôi cho thú dữ xé xác, hay đóng đinh tôi trên thập tự giá, hay giao tôi cho gươm hay lửa, thì tôi vẫn sẽ không bao giờ dâng lễ vật cho ma quỷ. Tôi không sợ cái chết và cũng không tìm kiếm những lợi ích tạm thời, mà chỉ khao khát những điều vĩnh cửu, và bằng mọi cách, tôi chỉ hướng về một điều duy nhất là được đến với Đức Kitô, Thiên Chúa của tôi, Đấng đã thương xót hy sinh mạng sống vì tôi.

Lúc đó, những người tham dự hội đồng, muốn vạch trần sự lầm lạc của Ignatius, đã nói:

– Này, ngươi nói rằng Đức Chúa Trời của ngươi đã chết, vậy thì làm sao một người chết lại có thể giúp đỡ ai được, huống chi là người chết một cái chết nhục nhã? Còn các vị thần của chúng ta thì thực sự bất tử và được coi là bất tử.

Vị Thánh đáp lại:

– Chúa và Đức Chúa Trời của tôi, Đức Giê-su Ki-tô, vì chúng ta mà đã nhập thể làm người, và vì sự cứu rỗi của chúng ta, Ngài đã tự nguyện chịu đóng đinh trên thập tự giá, chịu chết và được chôn cất, rồi sống lại vào ngày thứ ba, đã đánh bại và lật đổ quyền lực của kẻ thù, thăng thiên lên trời, nơi Ngài đã xuống để cứu chuộc chúng ta khỏi sự sa ngã và đưa chúng ta trở lại thiên đàng, nơi chúng ta đã bị đuổi ra, đồng thời ban cho chúng ta những ân huệ dồi dào hơn cả những gì chúng ta từng có trước đây. Còn trong số các vị thần mà các ngươi tôn kính, không có vị nào làm được điều tương tự; vì họ là những con người độc ác, vô luật pháp và đã gây ra nhiều điều tai hại, nên họ chỉ để lại cho những kẻ điên rồ một hình ảnh hèn mọn về thần tính của mình. Khi tấm màn dối trá được gỡ bỏ khỏi họ, bản chất thật của họ đã lộ ra, cùng với cách họ kết thúc cuộc đời một cách nhục nhã.

Khi Thánh Ignatius nói những lời đó, nhà vua cùng hội đồng, lo sợ rằng ngài sẽ làm nhục các vị thần của họ thêm nữa, đã ra lệnh đưa ngài vào ngục tối. Riêng nhà vua thì thức trắng cả đêm, suy tính xem nên dùng hình phạt nào để tước đoạt mạng sống của Ignatius, và cuối cùng quyết định kết án ngài bị thú dữ xé xác, vì cho rằng cái chết đó là tàn khốc nhất. Sáng hôm sau, ông thông báo điều này với hội đồng, mọi người đều đồng ý, nhưng họ khuyên ông không nên giao Ignatius cho thú dữ ở Antioch, để ngài không được ca ngợi giữa các công dân của mình khi chấp nhận cái chết tử đạo vì đức tin, và để những người khác, khi nhìn thấy ngài, không thêm vững tin vào Kitô giáo. Vì vậy, họ đề nghị nên đưa ông, trong tình trạng bị xiềng xích, đến Rôma và ở đó mới giao cho thú dữ xé xác; tại đó, đối với ông – người đã kiệt sức vì chặng đường dài – hình phạt sẽ còn khắc nghiệt hơn nữa, và không ai trong số người Rôma sẽ nhận ra ông là ai; họ sẽ nghĩ rằng một trong những kẻ ác đã chết, và sẽ không còn bất kỳ ký ức nào về ông. Lời khuyên này làm vừa lòng hoàng đế, và ngài đã tuyên án tử hình đối với Ignatius, để tại Roma, trong dịp lễ hội, trước sự chứng kiến của toàn thể dân chúng, ông sẽ bị ném cho thú dữ xé xác. Như vậy, vị thánh đã bị những kẻ vô đạo kết án, như thể để làm nhục các Thiên thần và loài người (1 Cr 4,9).

Thánh Ignatius, khi nghe bản án dành cho mình, đã thốt lên:

---

[88] Dios, còn được gọi là Zeus và Jupiter, là vị thần tối cao của người Hy Lạp và La Mã.

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì Ngài đã ban cho con ân sủng được làm chứng về tình yêu trọn vẹn dành cho Ngài, và đã thương xót trói con bằng xiềng xích sắt, giống như Ngài đã làm với Thánh Tông Đồ Phaolô của Ngài.

Với niềm vui, ngài đeo xiềng xích lên mình, như thể đó là một sợi dây chuyền ngọc trai tuyệt đẹp – món trang sức quý giá mà ngài mong muốn mang theo khi sống lại trong đời sau[89] . Vị vua cùng quân đội ra trận, còn vị Thánh Tử Đạo, bị xiềng xích nặng nề, đã bị giao cho mười chiến binh tàn bạo và vô nhân đạo, rồi bị đưa đến Rôma. Khi rời khỏi Antiôkhia, ngài đã cầu nguyện hết lòng cho Giáo hội và phó thác đoàn chiên của mình cho Thiên Chúa. Tất cả các tín hữu đều khóc lóc và than khóc thảm thiết vì ngài, còn một số người, gắn bó với ngài bằng tình yêu nồng nàn, đã theo ngài lên đường. Tại Seleucia, bên cảng biển, không xa Antioch, Thánh Ignatius cùng các chiến binh lên một con tàu, dự định sẽ đi dọc theo bờ biển Tiểu Á[90] , và sau một chuyến hải trình dài và đầy nguy hiểm, ngài đã đến Smyrna. Tại đây, Ignatius đã gặp và chào đón Thánh Polycarp, vị Tông đồ Thánh thiêng, Giám mục Smyrna, người bạn đồng môn của ngài, và cùng ngài an ủi nhau qua những cuộc trò chuyện được Thánh Thần soi dẫn, vui mừng vì những xiềng xích của mình và tự hào về những gông cùm ấy. Vì còn gì có thể là vinh quang lớn lao hơn đối với ngài, ngoài những xiềng xích này, mà ngài đã bị xiềng xích vì Chúa của mình? Ngài cũng gặp gỡ các giám mục, linh mục và phó tế khác, những người từ các giáo hội và thành phố ở Á Châu đổ về với ngài, mong được gặp ngài và nghe những lời Thánh từ chính miệng ngài. Bằng lời nói và gương sáng, ngài củng cố đức tin cho các Kitô hữu, khuyên nhủ họ phải hết sức đề phòng những tà thuyết đang nảy sinh và lan rộng lúc bấy giờ, đồng thời nghiêm túc tuân giữ các truyền thống Tông đồ; Thánh Ignatius đã khẩn cầu Polycarp và toàn thể Giáo hội cầu nguyện cho ngài, để ngài sớm trở thành mồi cho thú dữ và được diện kiến Chúa, Đấng mà linh hồn ngài hằng khao khát. Thấy họ bối rối và không muốn ngài chết cũng như phải xa cách họ, Thánh Ignatius lo sợ rằng những tín hữu đang ở Rôma cũng sẽ bối rối, không chịu đựng được việc ngài bị ném cho thú dữ, và sẽ gây ra trở ngại nào đó cho ngài, có thể sẽ chống lại những người được lệnh giao ngài cho thú dữ ăn thịt, và bằng cách đó sẽ đóng lại cánh cửa rộng mở của sự tử đạo và cái chết mà ngài hằng mong ước. Vì vậy, ông quyết định gửi lời thỉnh cầu đến họ, xin họ cầu nguyện cho ông, để con đường chịu khổ của ông không bị cản trở, mà để ông sớm bị thú dữ xé xác và được về với Chúa, Đấng Yêu Dấu của mình.

Ông đã viết như sau:

– Ignatius, người mang danh Chúa của Giáo hội, được ân sủng bởi sự vĩ đại của Đức Chúa Cha Tối Cao và Con Một của Ngài là Chúa Giêsu Kitô, được yêu thương và soi sáng theo ý muốn của Đấng mà mọi sự đã xảy ra nhờ tình yêu của Chúa Giêsu Kitô đều làm đẹp lòng Ngài, Thiên Chúa của chúng ta, – Giáo hội đứng đầu tại thủ đô của vùng Rôma, xứng đáng với Thiên Chúa, vinh quang, đáng chúc tụng, đáng ca ngợi, đáng kính trọng, trong sạch và dẫn đầu trong tình yêu, mang danh Chúa Kitô, được đặt theo danh Cha, mà tôi xin chào mừng nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Con của Cha, – những ai được kết hợp với nhau cả về xác thịt lẫn tinh thần trong mọi điều răn của Ngài, đã cùng nhau nhận được trọn vẹn ân sủng của Thiên Chúa, tinh khiết khỏi mọi vết nhơ ngoại lai[91] , mong được hân hoan vô cùng trong Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. – Sau khi cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, tôi đã nhận được điều mà tôi đã nhiều lần khẩn cầu, đó là được chiêm ngưỡng dung nhan xứng đáng với Đức Chúa Trời của các bạn. Là người bị trói buộc vì Đấng Christ, tôi hy vọng sẽ được hôn các bạn, nếu ý muốn của Đức Chúa Trời cho phép tôi đi đến cùng. Bước khởi đầu đã tốt đẹp: liệu tôi có được ân sủng để nhận lấy phần thưởng của mình một cách suôn sẻ không? Vì tôi e ngại tình yêu thương của các bạn, sợ rằng nó sẽ gây hại cho tôi, bởi vì các bạn dễ dàng làm điều mình muốn, còn tôi thì khó đạt đến Thiên Chúa nếu các bạn thương xót tôi. Tôi mong các bạn đừng làm vừa lòng loài người, mà hãy làm vừa lòng Thiên Chúa, như các bạn vẫn đang làm vừa lòng Ngài. Vì tôi sẽ không còn có cơ hội thuận lợi nào để đến với Thiên Chúa nữa, và các bạn cũng sẽ không thể ghi danh mình bằng một việc làm tốt đẹp hơn, nếu các bạn im lặng. Nếu các bạn im lặng về tôi, tôi sẽ thuộc về Thiên Chúa; còn nếu các bạn tỏ lòng yêu thương xác thịt của tôi, thì tôi sẽ phải trở lại đấu trường[92] . Đừng làm gì cho tôi hơn là để tôi được dâng lên làm của lễ cho Đức Chúa Trời ngay lúc này, khi bàn thờ đã sẵn sàng; rồi hãy cùng nhau hát lên bài ca ngợi khen Cha trong Đức Chúa Giê-su Christ, vì Đức Chúa Trời đã ban ân cho Giám mục xứ Syria được kêu gọi từ phương Đông sang phương Tây. Thật tuyệt vời khi tôi rời bỏ thế gian để về với Đức Chúa Trời, để được tỏa sáng

[89] Xem thư của Thánh Ignatius gửi cho người Ê-phê-sô.

[90] Điều này được giải thích bởi việc những người bị kết án không được đưa đi trên một con tàu đặc biệt, được chuẩn bị sẵn, mà trên một con tàu xuất hiện ngẫu nhiên, và khi đang hành trình theo nhu cầu của mình, nó dừng lại ở nơi này hay nơi khác.

[91] Tức là những giáo lý sai lầm

[92] Tức là trên con đường đời này.

trong Ngài. Các con chưa bao giờ ghen tị với ai, và cũng dạy người khác làm như vậy. Tôi mong các con hãy chứng minh bằng hành động những điều các con giảng dạy trong các lời khuyên của mình[93] . Chỉ xin các con cầu xin nơi Thiên Chúa cho tôi sức mạnh bên trong và bên ngoài, để tôi không chỉ nói suông, mà còn mong muốn; không chỉ được gọi là Kitô hữu, mà thực sự là Kitô hữu. Nếu tôi thực sự trở thành người như vậy, thì tôi mới có thể tự xưng là người đó, và chỉ khi đó tôi mới có thể thực sự trung thành, khi thế gian không còn nhìn thấy tôi nữa. Không có gì hữu hình là vĩnh cửu: *"Cái hữu hình là tạm thời, còn cái vô hình là vĩnh cửu"* (2 Cô-rinh-tô 4:18). Đức Chúa Trời của chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ được vinh hiển hơn khi Ngài ở trong Đức Chúa Cha. Đạo Cơ Đốc không nằm ở niềm tin thầm lặng, mà ở sự vĩ đại của hành động, đặc biệt khi thế gian ghét bỏ nó. Tôi viết thư cho các Hội Thánh và thông báo cho mọi người biết rằng tôi sẵn lòng chết vì Đức Chúa Trời, miễn là các bạn không cản trở tôi. Tôi khẩn cầu các bạn: đừng dành cho tôi tình yêu không đúng lúc. Hãy để tôi trở thành thức ăn cho thú dữ và nhờ chúng mà đến được với Đức Chúa Trời. Tôi là lúa mì của Đức Chúa Trời: hãy để răng thú dữ nghiền nát tôi, để tôi trở thành bánh thánh tinh khiết của Đấng Christ. Thà các ngươi hãy vuốt ve những con thú ấy, để chúng trở thành quan tài của tôi và không để lại gì từ thân thể tôi, hầu sau khi chết tôi không trở thành gánh nặng cho ai cả. Khi đó tôi mới thực sự là môn đệ của Đấng Kitô, khi ngay cả thân thể tôi cũng không còn được thế gian nhìn thấy nữa. Hãy cầu nguyện cho tôi cùng Đấng Kitô, để nhờ những công cụ này, tôi trở thành của lễ dâng lên Thiên Chúa. Tôi không ra lệnh cho các bạn như Phê-rô và Phao-lô. Họ là các tông đồ, còn tôi là kẻ bị kết án: họ là những người tự do, còn tôi cho đến nay vẫn là nô lệ. Nhưng nếu tôi phải chịu khổ, tôi sẽ là người được Chúa Giê-su giải thoát và sống lại trong Ngài với tư cách là người tự do. Còn bây giờ, trong xiềng xích của mình, tôi dạy các bạn đừng ham muốn bất cứ điều gì thuộc về trần gian hay phù du. Trên đường từ Syria đến Rôma, trên đất liền và trên biển, ban đêm lẫn ban ngày, tôi đã phải chiến đấu với những con thú, khi bị trói cùng với mười con báo, tức là một đội lính, những kẻ vì những ân huệ được ban cho mà lại càng trở nên hung ác hơn[94] . Qua những lời sỉ nhục của họ, tôi học được nhiều điều, nhưng điều đó không phải là lý do để tôi tự bào chữa (1 Cô-rinh-tô 4:9). Ôi, giá như tôi không phải thoát khỏi những con thú đã được chuẩn bị sẵn cho tôi! Tôi cầu nguyện để chúng lao vào tôi với sự thèm khát. Tôi sẽ dụ dỗ chúng để chúng nuốt chửng tôi ngay lập tức, chứ không phải như cách chúng đã e ngại và không đụng đến một số người. Nếu chúng không tự nguyện, tôi sẽ ép buộc chúng. Xin tha thứ cho tôi, tôi biết điều đó có lợi cho tôi. Giờ đây tôi mới bắt đầu trở thành môn đệ. Dù là điều hữu hình hay vô hình – không gì có thể ngăn cản tôi đến với Đức Giê-su Ki-tô. Lửa và thập tự giá, bầy thú dữ, bị xẻ thịt, bị xé nát, xương bị nghiền nát, các chi thể bị chặt đứt, toàn thân bị nghiền nát, những cực hình tàn bạo của ma quỷ – xin hãy giáng xuống trên tôi, miễn là tôi được đến với Đức Ki-tô. Những thú vui trần gian hay vương quốc của thế gian này đều chẳng mang lại lợi ích gì cho tôi. Thà tôi chết vì Chúa Giê-su Christ còn hơn là làm vua trên cả trái đất: *"Người ta được lợi gì nếu chiếm được cả thế gian mà lại làm hại linh hồn mình?"* (Ma-thi-ơ 16:26). Tôi tìm kiếm Ngài, Đấng đã chết vì chúng ta; tôi khao khát Ngài, Đấng đã sống lại vì chúng ta. Tôi đang nói đến lợi ích: xin các anh em tha thứ cho tôi! Đừng cản trở tôi sống, đừng mong tôi chết. Tôi muốn thuộc về Đức Chúa Trời, đừng giao phó tôi cho thế gian. Hãy để tôi đến với ánh sáng thanh khiết: khi đến đó, tôi sẽ trở thành người của Đức Chúa Trời. Hãy cho tôi được noi gương những đau khổ của Đức Chúa Trời tôi. Ai có Ngài trong lòng mình, người ấy hãy hiểu điều tôi mong muốn, và hãy thông cảm với tôi khi thấy điều đang chiếm lấy tâm trí tôi. Vị vua của thế gian này muốn lừa dối tôi và phá hủy khát vọng hướng về Đức Chúa Trời của tôi. Vậy nên, chớ ai trong các con, những người đang ở đó, được giúp đỡ hắn. Thà các con hãy thuộc về ta, tức là thuộc về Đức Chúa Trời. Đừng trở thành những người kêu cầu danh Chúa Giê-su Christ mà lại yêu thế gian. Chớ để lòng ghen tị ngự trị trong các con. Và dù chính ta có đích thân xin các con điều khác đi chăng nữa, cũng đừng nghe ta: hãy tin tưởng nhiều hơn vào điều ta đang viết cho các con lúc này. Tôi đang viết cho các bạn trong khi còn sống, nhưng lòng tôi khao khát được chết. Tình yêu của tôi đã bị đóng đinh, và trong tôi không còn ngọn lửa yêu mến vật chất nữa, mà là nước sống[95] , đang nói trong tôi, kêu gọi tôi từ bên trong: "Hãy đến với Cha." Đối với tôi, không có sự ngọt ngào nào trong thức ăn phù du, cũng như trong những thú vui của cuộc đời này. Tôi khao khát bánh của Thiên Chúa, bánh trên trời, bánh sự sống, chính là thân xác của Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng đã sinh ra trong thời kỳ cuối cùng từ dòng dõi Đavít và Ápraham. Và tôi khao khát thức

[93] Thánh Ignatius nói ở đây về vinh quang của việc chết vì Chúa Kitô.

[94] Đây là ám chỉ đến những món quà mà các Kitô hữu đã tặng cho những người canh giữ Thánh Ignatius, nhằm làm dịu bớt sự nghiêm khắc của họ.

[95] Nước hằng sống, tức là Thánh Thần, Đấng khích lệ và củng cố trong cái chết tử đạo. Xem Ga 4:10; Ga 7:3.

uống của Thiên Chúa – chính là máu của Ngài, là tình yêu bất diệt và sự sống vĩnh cửu. Tôi không muốn sống cuộc đời của loài người nữa. Và điều này sẽ thành hiện thực nếu các bạn muốn. Xin hãy muốn điều đó, tôi nài xin các bạn, để chính các bạn cũng được ơn sủng. Tôi viết thư ngắn này để xin các bạn. Hãy tin tôi, và Đức Giêsu Kitô – Đấng có đôi môi chân thật, Đấng mà Cha đã phán dạy một cách chân thật – sẽ bày tỏ cho các bạn biết rằng tôi đang nói sự thật. Hãy cầu nguyện cho tôi, để tôi đạt được điều đó. Tôi không viết thư này cho các bạn theo xác thịt, mà theo sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Nếu tôi phải chịu khổ, nghĩa là các bạn đã yêu thương tôi; còn nếu tôi không được xứng đáng, thì các bạn đã ghét bỏ tôi. Hãy nhớ đến Hội Thánh Syria trong lời cầu nguyện của các bạn: giờ đây, thay vì tôi, chính Đức Chúa Trời là Mục Sư của Hội Thánh ấy. Chỉ có Chúa Giê-su Christ và tình yêu của các bạn mới cai quản Hội Thánh ấy. Còn tôi thì xấu hổ khi được gọi là một trong những thành viên của Hội Thánh ấy, vì tôi không xứng đáng, như người cuối cùng trong số họ và như một kẻ bị ruồng bỏ. Nhưng nếu tôi được đến với Đức Chúa Trời, thì nhờ ân điển của Ngài, tôi sẽ trở thành một điều gì đó. – Linh hồn tôi và tình yêu của các Hội Thánh, những nơi đã tiếp đón tôi nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô chứ không phải như một người qua đường[96] , xin chào các bạn. Vì ngay cả những Hội Thánh không nằm trên con đường hành trình trần thế của tôi, cũng đã ra đón tôi vào thành phố. Tôi viết thư này cho các bạn từ Smyrna qua các tín hữu đáng kính ở Ê-phê-sô. Cùng với tôi lúc này, cùng với nhiều người khác, có Krok – cái tên mà tôi hằng khao khát. Còn những người đã lên đường trước tôi từ Syria đến Rô-ma vì vinh quang của Đức Chúa Trời, tôi nghĩ các bạn đã biết rồi: hãy nói với họ rằng tôi đang ở gần đây. Tất cả họ đều xứng đáng trước mặt Đức Chúa Trời và trước mặt các bạn: các bạn cần an ủi họ trong mọi việc. – Tôi đã viết thư này cho các bạn chín ngày trước ngày đầu tháng Chín[97] , tức là ngày 28 tháng Tám[98] . Hãy vững vàng đến cùng trong sự nhẫn nại của Đức Giêsu Kitô. Amen.

Thánh Ignatius đã gửi thông điệp này cùng với một số tín hữu Ê-phê-sô đi cùng ngài, những người đã lên đường đến Rô-ma theo con đường ngắn nhất[99] . Một thời gian sau, chính ngài cũng rời Smyrna, được các binh sĩ hộ tống, và đến Troad. Tại đây, ngài nhận được tin vui rằng cuộc bách hại đã lắng xuống tại Antiôkhia và hòa bình đã trở lại với Hội Thánh. Luôn ghi nhớ Hội Thánh mồ côi của mình trong mọi lời cầu nguyện, ngài kêu gọi tất cả các tín hữu cầu nguyện cho Hội Thánh ấy: niềm vui của ngài về sự bình an của đoàn chiên càng lớn, thì ngài càng bình thản bước đến với cái chết. Với tâm trạng như vậy, ngài đã viết thư gửi cho các tín hữu tại Philadelphia (ở Cilicia) và Smyrna, khuyến khích các Kitô hữu tích cực tham gia vào sự kiện vui mừng của Giáo hội Antioch; đặc biệt, ngài đã viết thư cho Thánh Polycarp, Giám mục Smyrna, xin ngài cử một thành viên trong hàng giáo sĩ đến Antioch để an ủi Giáo hội nơi đó, đồng thời giao phó cho ngài viết thư cho các Giáo hội khác để họ cũng làm như vậy[100] . Từ Troad, Thánh Ignatius đã lên thuyền đến Neapolis (ở Macedonia), đi bộ qua Philippopolis và Macedonia, trên đường đi ngài viếng thăm các nhà thờ, giảng dạy tại đó, hướng dẫn và khích lệ các anh em đang suy yếu, đồng thời khuyên mọi người hãy sống một cuộc đời vui vẻ và tỉnh táo. Sau khi đi qua Epirus, Thánh Ignatius lại lên tàu tại Epidamnus và đi thuyền đến Ý qua biển Adriatic và biển Tyrrhenian. Khi ngài nhìn thấy Puteoli (một thành phố ở Campania) từ xa, ngài muốn lên bờ tại đây để đến Roma theo cùng con đường mà trước đây Thánh Phaolô đã đi để thực hiện một hành trình tương tự. Nhưng gió mạnh đã không cho phép con tàu cập bến,

---

[96] Tức là với tình yêu thương như thể Thánh Ignatius chính là giám mục của họ vậy.

[97] Đó là cách tính theo lịch La Mã.

[98] Năm 107.

[99] Từ Smyrna đến Rôma có hai con đường – một con đường biển qua Quần đảo Aegean và Biển Địa Trung Hải, con đường còn lại là đường bộ – qua Macedonia. Ignatius được dẫn đi theo con đường thứ hai, còn các Kitô hữu ở Êphêsô có thể lên tàu và chuyển các thư của Ignatius đến Rôma trước khi ngài đến nơi. Tuy nhiên, đi đường bộ thì tất nhiên họ sẽ đến Rôma trước Thánh Ignatius, người đã bị tuổi già làm suy yếu và di chuyển chậm chạp tại Smyrna. Từ Smyrna, Thánh Ignatius đã gửi ba bức thư đến các tín hữu tại Ephesus, Magnesia (thành phố Magnesia gần sông Meander ở Ionia) và Trallia (ở châu Á), những người đã cử các giám mục, linh mục và phó tế của họ đến Smyrna để chào đón vị thánh đang bị giam cầm. Trong các bức thư này, Thánh Ignatius cảm ơn Giáo hội vì tình yêu thương đã dành cho ngài, khuyên nhủ đoàn chiên của họ hãy giữ sự hiệp nhất trong Thánh Thần và vâng phục các giám mục cùng các linh mục, đồng thời cảnh báo họ về những kẻ giảng dạy sai lầm – những Kitô hữu theo Do Thái giáo, những người coi Kitô giáo chỉ là sự bổ sung cho Do Thái giáo, và những người Docet, những người phủ nhận sự thật về sự sinh ra, sự chịu khổ và sự phục sinh của Đấng Cứu Thế, và nói chung không công nhận bất cứ điều gì thuộc về bản tính con người nơi Ngài.

[100] Như vậy, có bảy thư của Thánh Ignatius còn được lưu giữ. Ban đầu, chúng được viết bằng tiếng Hy Lạp, sau đó được dịch sang tiếng Syriac, tiếng Armenia, rồi sang tiếng Slav và gần đây là tiếng Nga. Nội dung của các bức thư này chủ yếu bao gồm những lời khuyên nhủ các Kitô hữu về việc duy trì sự hiệp nhất nội tại và bên ngoài của Giáo hội; chính vì vậy, có thể gọi Thánh Ignatius là vị thầy của sự hiệp nhất, cũng như chính ngài tự nhận mình là người được định sẵn để mang lại sự hiệp nhất (trong thư gửi cho người Philadelphia). Ngoài ra, phần lớn các bức thư này nhằm chống lại các tà thuyết đương thời.

và Thánh Ignatius chỉ trong một ngày đã đến cảng Port, gần Rome. Các binh lính vội vã đến Rome để kịp xem các cuộc thi đấu, vốn đã sắp kết thúc[101] . Trong khi đó, tin đồn về sự đến của vị giám mục Antioch đã lan truyền, và các Kitô hữu tụ tập lại để đón tiếp ngài, vừa tràn đầy niềm vui vừa chìm trong nỗi buồn sâu sắc. Một số người hy vọng có thể thuyết phục dân chúng từ bỏ màn trình diễn đẫm máu về cái chết của vị thánh nhân. Nhưng Ignatius đã khẩn cầu họ, vì tình yêu dành cho ngài, đừng làm điều đó; ngài quỳ gối cùng với các anh em có mặt tại đó, cầu nguyện với Con Thiên Chúa cho các Hội Thánh, cho sự chấm dứt cuộc bách hại và cho sự duy trì tình yêu thương lẫn nhau giữa các anh em – những người tin Chúa. Sau đó, Thánh Ignatius được đưa đến Rôma và theo lệnh của hoàng đế, được giao cho giám mục thành phố. Vị giám mục này, khi nhìn thấy Ignatius, người mang Chúa trong lòng, và đọc xong bức thư của hoàng đế, liền ra lệnh chuẩn bị các con thú. Ngày lễ đã đến, và vị thánh được dẫn đến nơi hành quyết; cả thành phố tụ tập để chứng kiến cảnh tượng này, bởi vì tin đồn đã lan truyền khắp nơi rằng Giám mục thành Sir sẽ bị ném cho thú dữ. Khi được đưa vào đấu trường, vị thánh quay mặt rạng rỡ về phía dân chúng, tự hào về tâm hồn dũng cảm và vui mừng vì được đón nhận cái chết vì Chúa Kitô, rồi lớn tiếng nói:

– Hỡi các quý ông La Mã, những người đang chứng kiến hành động anh hùng này của tôi! Các vị biết rằng tôi không phải vì tội ác nào mà chấp nhận hình phạt này, cũng không phải vì vi phạm luật pháp nào mà bị kết án tử hình, mà là vì Đức Chúa Trời Duy Nhất của tôi, Đấng mà tôi tràn đầy tình yêu và khao khát hướng về. Ta là hạt lúa mì của Ngài, và sẽ bị răng thú dữ nghiền nát để trở thành bánh mì tinh khiết dâng lên Ngài.

Ngay khi vị thánh nói xong, những con sư tử được thả ra. Chúng lập tức lao vào, xé xác vị thánh và ăn thịt, chỉ còn lại những chiếc xương cứng. Và ước nguyện của vị thánh đã thành hiện thực: những con thú trở thành quan tài của ngài, và Đức Chúa Trời đã cho phép điều này xảy ra theo ý nguyện của vị thánh. Ngài có thể đã ngăn miệng những con sư tử trước mặt ngài, như đã làm với thánh tiên tri Đa-ni-ên trong hố sâu và với thánh Tê-cla trong lúc bị hành hình, vì vinh quang của Danh Thánh Ngài; tuy nhiên, Ngài đã không làm điều đó, vì Ngài muốn thực hiện mong muốn và lời thỉnh cầu của tôi tớ Ngài hơn là tôn vinh quyền năng toàn năng của Ngài. Đó là cách Thánh Ignatius, Đấng Mang Thiên Chúa, qua đời; đó là công đức của ngài; đó là tình yêu của ngài dành cho Thiên Chúa.

Khi buổi hành hình kết thúc, các tín hữu đang ở Rôma – những người mà vị thánh đã viết thư từ Smyrna – cùng một số người đi theo ngài đã thu nhặt những mảnh xương còn lại của vị tử đạo, và trong tiếng khóc than thảm thiết vì ngài, họ đã an táng chúng một cách trang trọng tại một nơi đặc biệt bên ngoài thành phố, vào ngày 20 tháng 12 năm 107[102] .

– Chúng tôi, khi tận mắt chứng kiến điều này – như các tác giả ghi chép về cuộc tử đạo của Thánh Ignatius đã kể lại – đã dành cả đêm ở nhà trong nước mắt, quỳ gối và cầu nguyện, xin Chúa an ủi chúng tôi về những gì đã xảy ra. Sau đó, khi chúng tôi chợp mắt một chút, một số người trong chúng tôi thấy Thánh Ignatius bỗng nhiên hiện ra với chúng tôi và ôm lấy chúng tôi; những người khác thấy ngài đang cầu nguyện cho chúng tôi; còn một số người khác lại thấy ngài đẫm mồ hôi, như thể vừa trải qua một công việc vất vả, và đang đứng trước mặt Chúa. Với niềm vui khi chứng kiến điều này và hiểu ra những hình ảnh trong giấc mơ, chúng tôi đã ca ngợi Thiên Chúa, Đấng ban phát ân huệ, tôn vinh vị thánh nhân và ghi nhớ ngày tháng ngài qua đời, để khi tụ họp vào ngày ngài chịu tử đạo, chúng tôi có thể hiệp thông với vị tu sĩ và vị tử đạo dũng cảm của Chúa Kitô.

Khi hay tin về sự ra đi của Thánh Ignatius, về lòng quảng đại và dũng cảm của ngài, cũng như cách ngài không sợ hãi và vui vẻ đón nhận cái chết vì Đức Kitô, Chúa của ngài, Hoàng đế Trajan đã cảm thấy thương tiếc cho ngài. Khi nghe nói về những người Kitô hữu rằng họ là những người tốt bụng, hiền lành, sống tiết độ, yêu mến sự trong sạch, tránh xa mọi việc xấu xa, sống một cuộc đời vô tì vết và không gây trở ngại gì cho vương quốc của ông,

---

[101] Những buổi biểu diễn và trò chơi này được gọi là "Saturnalia", phần tiếp nối và kết thúc của lễ hội này là "Sigillaria"; chúng kéo dài bảy ngày, bắt đầu từ ngày 17 tháng 12, để tưởng nhớ thời kỳ hoàng kim, mà theo quan điểm của những người ngoại đạo La Mã, đã diễn ra dưới triều đại của vị thần Saturn của họ.

[102] Trong cuốn "Chet'i-Minei" của Thánh Dimitri Rostovski, trong phần tiểu sử của Thánh Ignatius có ghi lại câu chuyện sau đây. "Có người kể lại điều này về Thánh Ignatius, Đấng Mang Chúa. Khi ngài bị dẫn đi để làm mồi cho thú dữ và ngài không ngừng nhắc đến danh xưng Chúa Giêsu Kitô, những kẻ vô đạo đã hỏi ngài tại sao lại không ngừng lặp lại danh xưng đó. Thánh nhân đáp rằng Ngài có danh xưng Chúa Giêsu Kitô được khắc sâu trong lòng và xưng danh Đấng mà Ngài luôn mang trong lòng bằng chính đôi môi mình. Khi thánh nhân bị thú dữ xé xác, theo ý muốn của Thiên Chúa, trái tim Ngài vẫn được bảo toàn, không bị thú dữ đụng chạm, giữa những bộ xương còn lại. Khi tìm thấy trái tim ấy, những kẻ vô tín đã nhớ lại lời của Thánh Ignatius và cắt trái tim ngài làm đôi, mong muốn xác minh xem những lời ngài nói có thật hay không. Và họ đã tìm thấy trên cả hai mặt bên trong của trái tim bị cắt đôi dòng chữ bằng chữ vàng: "Chúa Giêsu Kitô". Như vậy, Thánh Ignatius không chỉ mang danh hiệu "Người mang Chúa" mà còn thực sự là người mang Chúa, luôn mang Chúa Kitô là Thiên Chúa trong lòng, với tâm hồn hướng về Thiên Chúa như những dòng chữ được viết bằng cây gậy."

mà chỉ đơn giản là họ không thờ nhiều vị thần, mà tôn kính Đấng Kitô Duy Nhất, Trajan đã không ra lệnh truy lùng họ để hành quyết, mà cho phép họ sống trong bình an. Sau đó, thi hài thánh Ignatius, Đấng Mang Thiên Chúa, đã được rước về Antioch[103] trong vinh quang để bảo vệ thành phố, chữa lành cho những người đau ốm và mang lại niềm vui cho cả đoàn chiên của vị mục tử này, để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng được mọi người tôn vinh muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Ngày rực rỡ của ngài báo trước cho mọi người về Đấng đã sinh ra trong máng cỏ: Vì khao khát được tận hưởng tình yêu của Ngài, ngài đã tự nguyện để cho thú dữ ăn thịt mình. Chính vì lý do đó, ngài được gọi là "Người mang Thiên Chúa", Ignatius, Đấng Toàn Tri.

Lễ kính Thánh Philogion, Giám mục Antioch

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 12

Thánh Philogion, ngay từ thuở nhỏ, đã siêng năng nghiên cứu các sách Thánh và, nhờ ơn Chúa, đã thấu hiểu chúng một cách trọn vẹn; Ngài lấy giáo lý thánh làm kim chỉ nam cho đời sống, và nhờ đó, cuộc đời Ngài đã tỏa sáng bởi sự thánh thiện. Thánh Philogion có vợ và con gái; với tư cách là luật sư, ngài thường xuyên lui tới tòa án: tại đó, ngài luôn bênh vực những người bị áp bức, giang tay giúp đỡ họ và đứng lên chống lại những kẻ bóc lột góa phụ, trẻ mồ côi, người ăn xin và những người nghèo khổ. Ngài đã tỏa sáng nhờ lối sống đạo đức của mình. Sau khi vợ qua đời, ngài được tấn phong lên chức giám mục[104] . Vào thời điểm đó, Giáo hội Kitô giáo đang rơi vào tình trạng hỗn loạn nghiêm trọng: mặc dù sự bắt bớ Kitô hữu từ phía những người ngoại đạo đã chấm dứt[105] , nhưng những cơn bão táp còn dữ dội hơn đã ập xuống Giáo hội, tức là những cuộc nổi loạn dị giáo đã bùng phát. Philogion, với tư cách là giám mục, như một vị mục tử nhân từ, đã tận tụy bảo vệ đoàn chiên của mình và bằng sự khôn ngoan, ngài đã dập tắt những xáo trộn đó, bằng cách phân tích và bác bỏ những luận điệu xảo trá của các tà giáo. Vì điều này, ngài đã được Thánh Gioan Kim Khẩu[106] ca ngợi, và ngài cũng đã kể lại về ngài một cách chi tiết hơn. Như vậy, khi sống một cuộc đời thánh thiện như các thiên thần, Thánh Philogion, sau khi chăn dắt đàn chiên thiêng liêng được Chúa giao phó một cách đẹp lòng Chúa, đã an lành về với các nơi ở vinh quang của Cha Trên Trời[107] .

Cuộc đời của Thánh Đaniel, Tổng Giám mục Serbia

Ngày kỷ niệm: 20 tháng 12

Thánh Tổng Giám mục Serbia Đan-ni-ên đã sống dưới triều đại các vị vua Serbia là Стефан Урош II Милутин[108] , Стефан Урош III Дечански và Стефан Душан vào thời kỳ huy hoàng nhất của Serbia cổ đại. Ngài xuất thân từ một gia tộc quý tộc danh giá, là con trai của những bậc cha mẹ giàu có[109] , những người có một gia đình đông con gồm cả con trai và con gái, tuy nhiên, tất cả đều đã qua đời khi Thánh Đaniel còn nhỏ. Khi còn nhỏ,

---

[103] Lễ rước di hài Thánh Ignatius được cử hành vào ngày 29 tháng 1

[104] Sau khi vợ qua đời, Philogion đã bị dân chúng lôi ra khỏi tòa án và được phong làm giám mục vì sự công bằng vào năm 318.

[105] Những cuộc bách hại cuối cùng đối với đức tin Kitô giáo diễn ra dưới thời các hoàng đế Maximian và Galerius (305–311) và Licinius (307–324). Vào thời điểm đó, Philogion, nhờ lòng yêu mến sự thật và công lý, đã bảo vệ thành công đức tin vào Chúa Kitô và những Kitô hữu bị bách hại, đồng thời tự khẳng định mình là một vị chứng nhân. Khi đức tin bị bách hại đã chiến thắng ngoại giáo kể từ thời Thánh Constantine, vị được coi ngang hàng với các Tông đồ, thì những mưu mô mới của kẻ thù Giáo Hội Chúa Kitô, tức ma quỷ, đã sinh ra tà thuyết Arian. Nhưng Philogion, người được dân chúng bầu làm giám mục và từ thuở thiếu thời đã nhận được nền giáo dục tốt, đã nhiệt thành vạch trần những luận điệu sai lầm và tà giáo.

[106] Thánh Gioan Kim Khẩu đã đọc bài diễn văn ca ngợi Philogonius vào năm 386.

[107] Ngài qua đời trong bình an vào khoảng năm 323.

[108] Milutin trị vì từ năm 1262 đến năm 1320.

[109] Năm sinh, nơi sinh và tên thế tục của Đaniel đều không rõ.

Đaniel đã xin cha mẹ gửi mình đến thầy giáo để học chữ, nhưng vì đau buồn trước cái chết của những đứa con khác, cha mẹ cậu không muốn xa con trai. Tuy nhiên, cậu bé vẫn kiên quyết: cậu đã nhờ một người họ hàng giúp đỡ và lén lút rời khỏi nhà cùng người đó để đến gặp thầy giáo mà không cho cha mẹ biết. Thầy giáo biết cậu bé được đưa đến là con ai, nên đã tận tâm dạy dỗ cậu. Cậu bé bộc lộ những khả năng phi thường và sự siêng năng, đến nỗi chẳng bao lâu đã vượt trội hơn các bạn cùng lứa và các bạn học ở trường, thậm chí còn có thể tự mình dạy lại cho người khác.

Ban đầu, cha mẹ rất đau lòng, nhưng khi biết con trai đang ở đâu và học hành ra sao, họ đã chấp nhận và phó thác mọi việc cho ý Chúa.

Trong khi đó, ở chàng trai trẻ bắt đầu nảy sinh khát vọng hướng tới sự tiết độ, sự trong sạch, việc ăn chay, thức đêm cầu nguyện và những đức tính cao đẹp mà những người đàn ông kiên cường thường có; cậu bắt đầu say mê lối sống tu hành. Cậu tìm cách gặp gỡ các tu sĩ, bày tỏ lòng kính trọng xứng đáng đối với họ và tham gia vào những cuộc trò chuyện về đời sống tu hành, đến nỗi chẳng bao lâu sau, chính trong lòng cậu cũng bùng lên khát vọng trở thành tu sĩ, và cậu đã cầu xin Chúa ban cho cậu được gia nhập hàng tu sĩ. Ngay từ thời điểm đó, khi đã nghe nhiều về những phép lạ tại thành thánh Giê-ru-sa-lem và trên núi thánh Athos, anh ta khao khát được viếng thăm những nơi thánh thiêng này. Nhưng thời điểm để thực hiện điều đó vẫn chưa đến.

Khi Daniel đã trưởng thành, vua Serbia Stefan Uroš Milutin, nghe nói về những phẩm chất cao quý của anh, đã triệu tập anh về triều đình, yêu mến và đưa anh vào vòng thân cận. Tuy nhiên, dù có xuất thân cao quý và được vua sủng ái, Daniel vẫn không kiêu ngạo, mà luôn giữ thái độ khiêm nhường ngay cả khi ở triều đình, và không một giây phút nào ngừng nghĩ đến cuộc sống tu hành.

Vua Milutin, một vị vua sùng đạo, thường xuyên thực hiện những chuyến hành hương trên khắp vương quốc của mình, viếng thăm các nhà thờ và tu viện, chiêm bái các thánh tích và ban phát những khoản bố thí hào phóng. Trong một trong những chuyến đi như vậy, Daniel cũng có mặt trong đoàn tùy tùng của nhà vua. Trong thời gian dừng chân tại tu viện Thánh Ba Ngôi ở Sopočani[110] , Daniel, người luôn thích trò chuyện với các tu sĩ, đã gặp một tu sĩ hoàn toàn phù hợp với mong muốn của mình. Anh tìm thấy ở vị tu sĩ này một cố vấn và trợ thủ đắc lực, người đã đồng ý giúp đỡ vị quý tộc trẻ này nhận lễ xuất gia.

Khi vua Milutin và đoàn tùy tùng kết thúc chuyến hành hương tại Sopoče, khi mọi người đều nghỉ ngơi sau những vất vả, chàng trai sùng đạo này, với sự giúp đỡ của vị tu sĩ nói trên, đã lén rời tu viện vào ban đêm. Người hướng dẫn mới của anh đã đưa anh đến tu viện Thánh Nicholas ở Konchul bên sông Ibry; tại đây, dưới sự hướng dẫn của vị tu viện trưởng Nicodemus – một người đã bỏ trốn khỏi triều đình hoàng gia – anh đã được thụ giới tu sĩ với tên gọi Daniel.

Từ lâu đã khao khát đời tu, khi được ban ân sủng để bước vào đời tu, Đaniel đã thực hiện các lời thề tu sĩ với lòng nhiệt thành sâu sắc; anh hăng hái tham dự các thánh lễ cùng các tu sĩ khác và trong ngày đảm nhận mọi công việc của tu viện, còn ban đêm, khi ở một mình, anh dành thời gian cho việc thức trắng, suy ngẫm về Thiên Chúa và cầu nguyện không ngừng. Lời cầu nguyện, những giọt nước mắt xúc động và sám hối, việc ăn chay cùng những việc tu hành khác đã nhanh chóng biến ngài thành tấm gương cho các tu sĩ khác. Danh tiếng về những việc làm cao cả của anh lan rộng ra ngoài phạm vi tu viện. Chẳng bao lâu, anh được Đức Tổng Giám mục Serbia thời bấy giờ là Evstafii II[111] biết đến, người đã muốn triệu tập Daniel về với mình vì đang cần những nhân vật tôn giáo có học thức và đạo đức. Đã không ít lần Eustathius mời Daniel đến gặp mình, nhưng vì đã quen với cuộc sống tu viện – điều mà ngài hằng mong ước từ lâu – vị tu sĩ cao quý này không muốn rời xa nơi mình đã xuất gia, đến nỗi Tổng Giám mục buộc phải thỉnh cầu Vua Milutin, để chính nhà vua ra lệnh cho vị tu sĩ này phải đến gặp Tổng Giám mục.

Được Thượng phụ Evstafiy tiếp đón nồng hậu, Daniel nhanh chóng được ngài phong làm tu sĩ linh mục và được Thượng phụ giữ lại tại triều đình của ngài, vốn tọa lạc tại tu viện Žiče[112] .

Trong thời gian ở bên cạnh tổng giám mục, Daniel tiếp tục cuộc sống tu hành, không vi phạm lời thề tu sĩ trong bất kỳ điều gì. Tuy nhiên, đồng thời, Daniel cũng thực hiện các nhiệm vụ khác nhau do Tổng Giám mục giao

---

[110] Sapoca và người dân Sapoca nằm ở thượng nguồn sông Raška, cách Novi Pazar ở Cựu Serbia ba giờ đi xe; hiện nay, tại Tu viện Troitsky, nơi từng là lãnh địa của dòng họ Nemanjić, chỉ còn lại những đống đổ nát.

[111] Eustathius II là tổng giám mục Serbia từ năm 1286 đến năm 1304.

[112] Tu viện Žiča (Žiča, Židča), vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, nằm trên bờ phải sông Ibra, không xa nơi sông này đổ vào sông Morava của Serbia, trong phạm vi Vương quốc Serbia hiện nay.

phó và phục vụ trong công việc quản lý Giáo hội. Daniel nổi bật với vẻ đẹp khuôn mặt và giọng nói tuyệt vời, đồng thời sở hữu "ân sủng từ Chúa để nói một cách sâu sắc và khôn ngoan trước mặt các vị vua", theo lời tiên tri Isaia.

Từ lâu, Đaniel đã mong muốn được chiêm ngưỡng ngọn núi Athos thiêng liêng. Ngay từ thời vị vua Serbia đầu tiên, Thánh Stefan Nemanja – cha của vị tổng giám mục Serbia đầu tiên là Thánh Sava – đã thành lập Tu viện Hilandar của người Serbia trên núi Athos, nơi mà Stefan (với danh hiệu tu sĩ là Simeon Nemanja) cùng con trai ông là Thánh Sava đã tu hành. Chính vì vậy, Tu viện Hilandar trên núi Athos đã mãi mãi trở thành thánh địa quý giá nhất đối với người Serbia. Vua Milutin đã khôi phục lại tu viện này; thay vì ngôi tu viện nhỏ cổ xưa, ông đã xây dựng một tu viện tuyệt đẹp, nằm không xa bờ biển. Theo yêu cầu của vị tu viện trưởng Kiriak lúc bấy giờ, Milutin đã xây dựng một pháo đài, hay tháp phòng thủ, ngay trên bờ biển cùng với nhà thờ Chúa Cứu Thế để bảo vệ tu viện khỏi bọn cướp biển.

Vị tu viện trưởng Kiriak nói trên không lâu sau đó đã qua đời. Tổng giám mục Eustathius và vua Milutin, với mong muốn bầu ra một người kế nhiệm xứng đáng, đã triệu tập một hội đồng giáo hội để tham vấn, và hội đồng này đã nhất trí chọn tu sĩ Daniel. Và thế là, Daniel – người từ lâu đã khao khát được chiêm ngưỡng Núi Athos thiêng liêng – được bổ nhiệm trực tiếp làm vị tu viện trưởng của Tu viện Hilandar, nơi đã nổi tiếng ngay từ thời đó và đặc biệt quan trọng đối với người Serbia.

Thời kỳ mà Đức Chúa Trời đã chọn để đưa Thầy Daniel lên làm Bề trên tại Hilandar là một thời kỳ khó khăn và gian khổ, không chỉ đối với Núi Athos thiêng liêng mà còn đối với toàn bộ vương quốc Hy Lạp. Vào thời điểm đó, quân Thổ Nhĩ Kỳ Ottoman đã tiến quân về phía Constantinople; họ không chỉ gây áp lực ở châu Á mà còn cố gắng xâm nhập qua biển vào châu Âu. Các vị vua Hy Lạp đã dùng mọi biện pháp để bảo vệ người Kitô hữu khỏi những kẻ ngoại đạo. Ngoài lực lượng của mình, họ còn cố gắng tìm kiếm sự trợ giúp từ bên ngoài bằng mọi cách. Chẳng hạn, vua Milutin của Serbia đã giúp đỡ vua Andronikos I của Hy Lạp chống lại người Thổ Nhĩ Kỳ ở châu Á. Sau đó, vua Hy Lạp buộc phải nhờ đến quân lính đánh thuê, cụ thể là những người Catalan đến từ Tây Ban Nha. Những đội quân đánh thuê này, được tập hợp từ nhiều dân tộc khác nhau, đã không tuân thủ hiệp ước, nhanh chóng liên kết với người Thổ Nhĩ Kỳ, và từ những người trợ giúp và bảo vệ, họ nhanh chóng biến thành những kẻ thù không đội trời chung của vương quốc Kitô giáo Chính thống. Họ cướp bóc, tàn phá và đốt phá các ngôi nhà trên khắp bán đảo Balkan. Dọc theo các bờ biển Hy Lạp, bọn cướp biển hoành hành, đặc biệt là bọn người Venice. Cả kẻ thù trên đất liền – người Catalan – lẫn kẻ thù trên biển – chủ yếu là người Venice – đều không để yên cho và ngọn núi thiêng Athos. Những tin đồn thổi phồng về sự giàu có của các tu viện Athos đã thu hút bọn cướp, những kẻ không hề nương tay với dân chúng, không phân biệt địa vị hay tuổi tác, bắt giữ, giết chóc và cướp bóc.

Ngay cả Tu viện Hilandar của người Serbia trên núi Athos cũng không thoát khỏi những tên cướp này, dù họ là Kitô hữu nhưng thuộc dòng Latinh.

Trong thời kỳ khó khăn như vậy, Thánh Đaniel được bổ nhiệm làm vị tu viện trưởng tại Hilandar.

Vua Milutin và Tổng Giám mục Eustathius đã tiễn Thánh Daniel đi cùng những món quà quý giá dành cho Tu viện Hilandar. Từ lâu đã khao khát được tu hành tại Athos, Thánh Daniel vui mừng thực hiện những ước nguyện bấy lâu nay của mình. Ngài đã dâng hiến trọn vẹn tâm hồn cho đời sống tu hành, kiên quyết chiến thắng mọi cám dỗ mà kẻ thù ma quỷ đã ném ra theo nhiều cách khác nhau trên con đường cứu rỗi của ngài. Gương sáng của vị tu viện trưởng cùng những lời dạy dỗ và khuyên răn đầy sức thuyết phục của ngài đã củng cố và lan tỏa lòng đạo đức, sự đồng lòng, trật tự và tình yêu thương lẫn nhau trong tu viện.

Tuy nhiên, ngoài những kỳ công về mặt tâm linh, vị tu viện trưởng Daniel còn phải thực hiện những kỳ công trong cuộc chiến đấu bên ngoài, bảo vệ tu viện khỏi bọn cướp đã được nhắc đến, những kẻ đã tàn phá và cướp bóc toàn bộ ngọn núi thánh. Nhiều tu sĩ và người dân bình thường trong vùng, cả phụ nữ lẫn trẻ em, đã đổ xô đến Tu viện Hilandar – nơi kiên cố và được trang bị đầy đủ – để tìm nơi trú ẩn và thức ăn.

Tất cả các kho dự trữ của tu viện đều được dùng để cung cấp lương thực cho dân chúng đang lâm vào cảnh khốn khó, nhưng ngay cả những nguồn dự trữ đó cũng đã cạn kiệt. Nạn đói lan tràn khắp nơi. Người dân và thậm chí cả gia súc trong vùng đất hoang tàn đều chết vì đói. Trước thảm họa không thể chịu đựng nổi, chính các tu sĩ của Tu viện Hilandar cũng bắt đầu tản mác đi tìm lối thoát, nhưng họ cũng rơi vào cảnh nô lệ dưới tay kẻ thù hoặc chết vì đói. Chỉ có vị tu viện trưởng Daniel, người kiên định không lay chuyển, là không hề nản lòng. Trong ba năm rưỡi, ngài ẩn náu trong tu viện được củng cố vững chắc. Không ít lần kẻ thù tiến đến cổng tu viện, cố gắng xông vào, nhưng đều phải rút lui mà không thành công, hứa hẹn sẽ quay lại. Daniel không ngừng bảo vệ cùng những người còn lại trong tu viện và luôn dâng lời cầu nguyện lên Chúa Trời.

Trước nguy cơ khủng khiếp đang rình rập, vị tu viện trưởng chu đáo và có tầm nhìn xa đã yêu cầu những người đang ẩn náu trong tu viện hứa và đưa ra con tin để đảm bảo họ sẽ bảo vệ tu viện; sau đó, ngài quyết định cứu lấy kho báu của tu viện và tìm cách thoát khỏi nguy nan bằng cách tạm thời di tản đến nơi nương tựa của mình, đó là vua Milutin của Serbia.

Sau khi trao một số lượng vàng đáng kể cho những người ở lại tu viện, Đaniel cùng với một số thành viên trong cộng đoàn đã mang theo các vật dụng thánh và đồ trang sức quý giá, thậm chí cả gia súc của tu viện, rồi lên đường đến Serbia qua những vùng đất bị kẻ thù chiếm đóng và tàn phá. Nhờ ân sủng của Chúa, giữa muôn vàn hiểm nguy, ngài đã an toàn đến được thủ đô của Serbia lúc bấy giờ, thành phố Skopje. Vua Milutin vui mừng đón tiếp vị tu viện trưởng Daniel và khuyên ngài ở lại với mình cho đến khi nguy hiểm qua đi. Nhưng Đan-ni-ên, sau khi giao lại cho Milutin bảo quản kho báu và gia súc của tu viện, đã quay trở về, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ, thậm chí cả sự tử đạo.

Trên đường trở về, ông lại phải đối mặt với nhiều nguy hiểm từ bọn cướp và kẻ thù. Tại một nơi, một vị lãnh chúa đã tấn công ông với ý định bắt giữ và cướp bóc, nhưng những người đi cùng Thầy tu Đaniel đã đánh bại bọn tấn công một cách an toàn, trói kẻ thù lại, dẫn theo và chỉ thả hắn ra khi đã ra khỏi lãnh địa của hắn.

Khi trở về Tu viện Hilandar, Bề trên Daniel trước hết đã lo liệu để bảo vệ và giữ gìn tu viện khỏi những kẻ thù, những kẻ vẫn tiếp tục hoành hành trên núi Athos và các vùng đất lân cận. Sau khi trao tiền cho một số người đáng tin cậy, ngài cử họ đi mua lúa mì tại các bến cảng và thuê những người có vũ trang để bảo vệ tu viện. Sau khi đảm bảo an ninh cho tu viện như vậy, chính Thầy Daniel đã lui về Tu viện Rusik trên núi Athos để gặp cha linh hướng của mình nhằm trao đổi về đời sống tâm linh, đồng thời cũng vì lý do an toàn, bởi vì kẻ thù đang tìm cơ hội để bắt giữ vị tu viện trưởng Hilandar. Có hai kẻ phản bội tại Tu viện Hilandar đã đến Rusik với ý định lừa gạt để giao nộp vị tu viện trưởng của họ cho kẻ thù. Tuy nhiên, Daniel – người thận trọng và sáng suốt – đã khéo léo vô hiệu hóa họ, mặc dù kẻ thù đã bao vây Rusik và cố gắng đốt cháy nơi này cũng như bắt giữ Daniel. Nhưng Chúa đã cứu Daniel khỏi nguy hiểm này: kẻ thù đã xảy ra mâu thuẫn nội bộ và bất ngờ rút lui khỏi tu viện.

Sau khi tạ ơn Chúa vì đã giải thoát khỏi mối nguy hiểm đang rình rập, Daniel cùng các đệ tử và những người đồng hành đã lên đường đến bờ biển, đến tu viện Xiropotam thuộc dãy núi Athos, nơi cũng được xây dựng và hỗ trợ bởi Thánh Savva, Tổng Giám mục Serbia. Tại đây, Đaniel đã ghi tên mình và cha mẹ vào sổ cầu nguyện để được tưởng niệm, và sau khi dành vài ngày để cầu nguyện, ngài trở về tu viện Hilandar của mình.

Trong khi đó, những kẻ thù bên ngoài, vốn đã gây ra những thảm họa và sự tàn phá khủng khiếp trong hơn ba năm, dần dần bắt đầu rời khỏi núi Athos, và sự bình yên dần dần được lập lại trên đó. Vua Andronikos của Hy Lạp và vua Milutin của Serbia đã cùng nhau giúp đỡ trong việc khuất phục và xua đuổi những kẻ thù này.

Sau khi hòa bình và sự yên tĩnh được khôi phục trên núi Athos, Đaniel, người đã không mệt mỏi và tận tụy bảo vệ và gìn giữ thánh địa Serbia, đã quyết định, vì một cuộc sống tu hành thầm lặng và ẩn dật, từ bỏ chức vụ trụ trì tại Hilandar, trao lại cho đệ tử của mình là Nicodimus, và lui về tu viện Karyes trên núi Athos. Tại đó có căn phòng tu hành của Thánh Savva, dành cho cuộc sống thầm lặng và ẩn dật theo các quy tắc của Thánh Savva; theo những quy tắc đó, khi tu hành tại đây, chính ngài đã thực hành các nghi thức cầu nguyện, thức đêm, cúi lạy và hát thánh vịnh. Sau khi định cư trong căn phòng tu này, Đaniel đã toàn tâm toàn ý dấn thân vào các công việc tu hành, danh tiếng về những việc làm đó lan rộng khắp núi Athos, đến nỗi nhiều người bắt đầu tìm đến ngài để tìm sự an ủi và lời dạy dỗ về mặt tâm linh.

Vào thời điểm Daniel đang tu hành trong sự ẩn dật tại Karyes, tại quê hương ông ở Serbia đã nổ ra chiến tranh: anh trai của vua Milutin là Dragugin đã nổi dậy chống lại ông, với ý định nhờ sự trợ giúp của vua Hungary để tước ngôi vua Serbia khỏi tay Uroš Milutin và trao cho con trai mình là Urošica. Milutin lâm vào tình thế nguy hiểm tột độ. Lo sợ sự xâm lược của kẻ thù, ông đã tập trung kho báu của mình tại Tu viện Bansko, nhưng không có người đáng tin cậy nào để giao phó việc trông giữ chúng. Lúc bấy giờ, sau khi vị giám mục qua đời, giáo phận Bansko đang trong tình trạng trống ngôi. Và thế là vua Milutin nhớ đến Daniel, vị tu viện trưởng Hilandar năng động, và cử hết sứ giả này đến sứ giả khác đến Karyes để mời ông về. Daniel, người dành trọn tâm huyết cho những việc tu hành ẩn dật, đã từ chối trong một thời gian dài, nhưng những lời thỉnh cầu không ngừng của nhà vua đã buộc ông phải đồng ý, và thế là ông đến gặp vua Milutin. Vua trình bày hoàn cảnh khó khăn của mình và, khi trao những kho báu được thu thập tại tu viện Bansko, ngài xin Daniel nhận chúng vào sự bảo vệ của mình và đề nghị ông đảm nhận chức giám mục tại giáo phận Bansko. Đa-ni-ên rất không muốn rời xa cuộc sống ẩn dật trên ngọn

núi thánh, nhưng vua Milutin cuối cùng đã thuyết phục được anh đồng ý với đề nghị nói trên, hứa sẽ cho anh trở lại ngọn núi thánh khi cuộc chiến kết thúc tốt đẹp.

Khi vua Milutin đã vượt qua được những khó khăn do cuộc nổi dậy của anh trai Dragugin gây ra, Đa-ni-ên lại xin được trở về ngọn núi thánh, và dù nhà vua có nài nỉ thế nào để ông ở lại Serbia, ông vẫn quyết định trở về Hilandar yêu quý của mình, nơi ông định cư trong tòa tháp đã được nhắc đến trước đó, và một lần nữa dấn thân vào cuộc sống ẩn dật. Như mọi khi, và đặc biệt là vào lúc này, ngài dành thời gian để đọc và nghiên cứu các sách Thánh Kinh.

Thánh Đan-ni-ên từ lâu đã ấp ủ mong muốn được viếng thăm thành thánh Giê-ru-sa-lem và chiêm bái các thánh tích Kitô giáo. Và giờ đây, ngài cho rằng cuối cùng thời cơ thuận lợi đã đến để thực hiện ý định của mình. Ngài bắt đầu chuẩn bị cho chuyến hành trình đến Giê-ru-sa-lem.

Khi biết tin này, vua Milutin của Serbia đã rất buồn bã: ông không muốn Daniel rời bỏ mình hoàn toàn, ông cần anh như một người đáng tin cậy, người có thể đưa ra lời khuyên hữu ích và giúp đỡ theo nhiều cách khác nhau. Vua bắt đầu thuyết phục Đan-ni-ên hoãn lại ý định của mình, và thay vì đi Jerusalem, hãy trở về Serbia, nơi đang chờ đợi ông nhiều công việc và vinh dự. Đan-ni-ên đã nhượng bộ trước sự khẩn khoản của nhà vua. Giáo phận Bansko đã bị bãi bỏ, chuyển thành tu viện, còn Đaniel được sắp xếp ở lại dưới sự bảo trợ của Tổng giám mục Serbia Savva III, người đã dành cho anh một phòng trong nhà mình, như một người kế vị tương lai của mình: bởi vì Milutin, khi thuyết phục Daniel trở về Serbia, đã hứa với ông rằng trong tương lai ông sẽ được kế vị ngai tòa Tổng giám mục Serbia của Thánh Savva.

Sava III qua đời không lâu sau đó. Tuy nhiên, vì những lý do không rõ, người được bầu thay thế ông không phải là Daniel, mà là học trò của ông, vị tu viện trưởng Hilandar là Nicodemus; còn Daniel thì được trao giáo phận Kholm[113] .

Ngày 20 tháng 10 năm 1320, Vua Serbia sùng đạo Stefan Uroš II Milutin qua đời; ngài đã trị vì Serbia trong ba mươi năm, mở rộng biên giới và mang lại vinh quang lớn lao cho đất nước. Đa-ni-ên đã được thông báo về bệnh tình của nhà vua và có mặt trong lúc nhà vua qua đời cũng như tại lễ an táng, được cử hành tại nơi an nghỉ của Milutin, tại Tu viện Thánh Stefan ở Bansko, nơi trước đây Đa-ni-ên từng là giám mục.

Con trai của Milutin, Thánh Stefan Uroš III Dečanski[114] , đã lên ngôi vua Serbia.

Ngay sau khi đăng quang, ngài đã triệu tập và đưa Giám mục Daniel đến bên mình – người mà từ thuở thiếu thời ngài đã quen yêu mến và trân trọng như một cố vấn sáng suốt trong suốt nhiều năm dưới thời cha ngài, và đặc biệt là như người trợ giúp và bảo vệ ngài trong những biến cố đau thương.

Nhờ sự can thiệp và cầu xin của Đaniel, Stefan Dečanski mới được giải thoát khỏi cảnh bị giam cầm tại Constantinople và cuối cùng đã hòa giải với cha mình.

Nhờ vậy, Đaniel giờ đây đã trở thành thầy dạy, cố vấn và trợ lý thường trực của vua Serbia. Vào đầu triều đại của Stefan Dečanski, ông phải đối mặt với những khó khăn cả trong nước lẫn bên ngoài. Vị vua mới phải tự vệ trước những kẻ thù nội bộ, những đối thủ của ông đã nổi dậy, cụ thể là chống lại người anh em họ Vladislav, con trai của vua Dragutin, và chống lại người anh ruột cùng cha khác mẹ, Konstantin. Ông cũng phải bảo vệ bản thân và Serbia khỏi các kẻ thù bên ngoài. Sa hoàng Bulgaria Mikhail đã ly dị vợ mình là Neda, em gái của Stefan Dečanski, và tìm cách xích lại gần cũng như liên minh với người Hy Lạp để chống lại người Serbia. Stefan Dečanski buộc phải vừa tự vệ bằng vũ lực, vừa phải tìm đến các thỏa thuận hòa bình và đàm phán. Vào thời điểm đó, không ai phù hợp hơn Giám mục Daniel để đảm nhận các cuộc đàm phán này, bởi ngài sở hữu kinh nghiệm sống phong phú và tài hùng biện phi thường, đặc biệt là khả năng diễn thuyết trước các vị vua. Và thế là, theo yêu cầu và sự ủy thác của vua Stefan Dečanski, Daniel đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh ngoại giao tới vua Michael của Bulgaria và vua Andronikos Trẻ của Constantinople.

Trong khi thực hiện các nhiệm vụ khác nhau của vị quân vương, Đaniel không thể quên ngọn núi thiêng Athos mà ông yêu quý, và mỗi khi có cơ hội, ông lại đến đó, nhưng ông không còn có thể ở lại đó lâu nữa. Vì vậy, sau khi hoàn thành các sứ mệnh nói trên, ông lại lên núi Athos, nhưng cái chết của Tổng giám mục Serbia Nicodemos vào ngày 13 tháng 5 năm 1323 đã buộc ông phải trở về Serbia. Hội đồng gồm các giáo sĩ và các vị lãnh

[113] Giáo phận Kholm hoặc Zaholm nằm ở vùng Herzegovina ngày nay.
[114] Ngày 6 tháng 1 năm 1321, xem tiểu sử Thánh Stefan Dečanski vào ngày 11 tháng 11.

chúa do vua triệu tập đã nhất trí, vào ngày 14 tháng 9 cùng năm, tuyên bố Đan-ni-ên là "Tổng giám mục của tất cả các vùng đất Serbia và Pomorje". Lúc đó, ông 50 tuổi.

Sau khi lên ngôi tổng giám mục, Đaniel đã dốc hết tâm huyết để lo lắng cho sự thịnh vượng của Giáo hội và quê hương mà ông vô cùng yêu mến. Trước hết, tất nhiên, ông chú trọng đến việc cải tổ Giáo hội cả về mặt nội bộ lẫn bên ngoài. Là một người có học thức, ngài đã nỗ lực nâng cao trình độ văn hóa trong hàng giáo sĩ bằng cách khuyến khích việc học tập qua sách vở, mở rộng hệ thống trường học và phổ biến sách vở.

Trong các nghi lễ thờ phượng và đời sống của các tín hữu, ngài quan tâm đến việc thiết lập các nghi thức nghiêm ngặt, trật tự và sự trang nghiêm. Ngài đã dành nhiều tâm huyết để đảm bảo các nhà thờ có đủ các sách cần thiết; đồng thời, ngài cũng đưa vào sử dụng trong Giáo hội nhiều loại sách mà trước đó người Serbia chưa từng có.

Trong suốt cuộc đời dài của mình, Tổng Giám mục Đaniel đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong các công việc xây dựng và quản lý. Khi đảm nhận vị trí cao nhất trong việc điều hành Giáo hội Serbia, ngài đã áp dụng kiến thức và kinh nghiệm phong phú của mình vào công việc. Với sự ủng hộ của Vua Serbia, ngài đã có đầy đủ điều kiện, cùng với lòng nhiệt thành mãnh liệt, để tập trung vào việc cải tạo và làm đẹp bên ngoài các nhà thờ Serbia: ông đã xây dựng những nhà thờ mới tráng lệ, trùng tu và cải tạo các nhà thờ cũ, trang trí cả bên ngoài lẫn bên trong, trang bị đồ dùng thờ cúng, áo lễ và sách thánh, đồng thời trang trí bằng các bức tranh thánh và tranh tường. Để xây dựng và trang trí các nhà thờ, ông đã thu thập các vật liệu cần thiết, thường rất đắt đỏ, cả ở ngay tại Serbia lẫn bên ngoài biên giới, đồng thời đặt hàng cả thợ thủ công lẫn các vật phẩm, ví dụ như những chiếc chuông cho các nhà thờ từ vùng ven biển Adriatic.

Ông đã dành rất nhiều công sức và tâm huyết cho việc xây dựng và trang trí các nhà thờ tại hai tu viện tổng giám mục ở Žiče và Peć. Tại một nơi, để bày tỏ lòng biết ơn vì đã được giải thoát khỏi những nguy hiểm mà ông phải đối mặt trong những chuyến du hành đa dạng khắp Serbia và ngoài biên giới, ông đã xây dựng một ngôi thánh đường tráng lệ để tôn vinh Đức Mẹ, được gọi là Odigitria của Tsaregrad, với hai nhà nguyện phụ – để tôn vinh Thánh Gioan Tiền Hô và Thánh Arsenius, Tổng Giám mục Serbia, và ngay tại đó là một nhà thờ nhỏ mang tên Thánh Nicholas, Đấng Làm Phép Lạ. Sau khi trang trí ngôi thánh đường này một cách lộng lẫy cả bên trong lẫn bên ngoài, trang bị đầy đủ mọi thứ cần thiết, ngài đã quy định rằng các tu sĩ Hy Lạp sẽ cử hành thánh lễ tại ngôi thánh đường này theo các sách thánh Hy Lạp và theo nghi thức của các tu viện Hy Lạp. Tại một địa điểm khác, bên cạnh các nhà thờ đã có từ trước dành cho các Thánh Tông đồ và Thánh Dimitri, cùng với nhà thờ Đức Mẹ do ngài xây dựng, ngài đã cho xây thêm một phòng ăn chung, hay phòng dùng bữa, theo kiểu các nhà thờ Hy Lạp, bằng các vật liệu quý giá và được trang trí đa dạng cả bên trong lẫn bên ngoài, và gần đó là một tháp canh, hay tháp kiên cố, với một nhà thờ trên đỉnh mang tên Thánh Đaniel Cột.

Tại nhiều nơi khác nhau ở Serbia, chẳng hạn như: tại pháo đài Magliče, tại các thị trấn Jelice, Lizice và những nơi khác, Tổng Giám mục Daniel đã xây dựng mới hoặc trùng tu nhiều nhà thờ, tu viện và các công trình khác thuộc về Giáo hội.

Ngoài việc xây dựng các công trình nhà thờ và các công trình khác, Thánh Daniel còn quan tâm đến việc quy hoạch và phát triển các vườn rau, vườn cây ăn quả, vườn nho cũng như các hoạt động nông nghiệp nói chung tại các tu viện và nhà thờ, nhằm đảm bảo nguồn cung cấp cho các cơ sở của Giáo hội.

Thời kỳ cai quản của Tổng giám mục Daniel là thời kỳ thịnh vượng nhất của Giáo hội Serbia cả về mặt nội bộ lẫn đối ngoại; nhiều di tích cổ từ thời kỳ đó vẫn còn được bảo tồn cho đến ngày nay.

Dưới triều vua Stefan Dečanski, Daniel là cố vấn thường trực và cao cấp nhất. Khi chiến tranh bùng nổ giữa Serbia và Bulgaria và khi vua Stefan Dečanski cùng con trai là Stefan Dušan lên đường chinh chiến, Daniel được giao nhiệm vụ làm người giám hộ cho hoàng gia và là người cai trị tối cao của đất nước. Nhà vua đã gửi tin tức từ chiến trường đến Tổng giám mục Daniel, và ngài đã tổ chức các buổi cầu nguyện xin ban cho chiến thắng; khi người Serbia giành được chiến thắng quyết định trước người Bulgaria trong trận Velbuzh, Daniel đã ra lệnh tổ chức các buổi cầu nguyện tạ ơn trên khắp đất nước Serbia. Vua Stefan Dečanski, để bày tỏ lòng biết ơn đối với Đức Chúa Trời vì chiến thắng đã ban tặng, đã quyết định dùng số của cải mà ngài thu được như chiến lợi phẩm sau khi đánh bại người Bulgaria để xây dựng cho mình một nơi an nghỉ vĩnh hằng – ngôi thánh đường lộng lẫy Thăng Thiên của Chúa tại Dečani. Tổng giám mục Đaniel đã tham gia rất tích cực vào việc lựa chọn địa điểm và xây dựng ngôi đền nghệ thuật quý giá này; ông không chỉ là người khởi xướng, người xây dựng tu viện, mà còn là người đóng góp: ông đã dùng tiền riêng của mình để xây dựng một phần của ngôi đền, như một công trình tưởng niệm riêng của mình[115] .

Một thời gian ngắn sau những lễ kỷ niệm chiến thắng trước kẻ thù, Tổng giám mục Daniel phải đối mặt với những hoàn cảnh khó khăn của cuộc nội loạn Serbia, trong đó Vua Stefan Dečanski, một vị vua sùng đạo, đã phải chịu cái chết tử đạo dưới tay những kẻ ám sát, những kẻ hành động không phải là không có sự biết đến của con trai ông là Stefan Dušan[115] .

Stefan Dušan, sau khi trở thành vua độc tài của Serbia, đã mở rộng biên giới quốc gia bằng vũ lực và mang lại vinh quang mới cho Serbia và Giáo hội Serbia. Ông đã nhận tước hiệu "Vua của người Serbia và người Hy Lạp" sau khi chinh phục một số vùng đất Hy Lạp, đồng thời phong chức Tổng Giám mục Serbia lên làm Thượng phụ Serbia. Điều này xảy ra vào năm 1346, nhưng Tổng giám mục Đaniel đã qua đời trước khi những sự kiện này diễn ra: ngài đã an nghỉ trong bình an vào ngày 20 tháng 12 năm 1337.

Thánh Tổng giám mục Daniel không chỉ nổi tiếng là một người tu hành đạo đức, một nhà lãnh đạo Giáo hội và nhà chính trị, mà còn là một học giả uyên bác và một nhà văn. Học trò của ngài, người đã viết cuốn tiểu sử về ngài, đã chứng thực về kiến thức uyên bác phi thường của Daniel, tình yêu của ngài đối với việc đọc sách và việc khai sáng cho người khác, cũng như sự quan tâm của ngài trong việc phổ biến sách ở Serbia, không chỉ thông qua việc sao chép lại các bản gốc cũ mà còn thông qua việc biên soạn và dịch thuật các tác phẩm mới. Trong cả hai lĩnh vực này, chính Đaniel đã cống hiến không mệt mỏi suốt cả cuộc đời. Với tư cách là một nhà văn, ông đã để lại tác phẩm đồ sộ và quý giá mang tên "Cuộc đời các vị vua và tổng giám mục Serbia". Đaniel yêu quê hương mình tha thiết và đã nỗ lực để những chiến công và hành động của các vị vua và tổng giám mục tiền bối – trong đó nhiều người đã được phong thánh – không bị lãng quên[116] . Bằng tấm gương và sự quan tâm của mình, Đaniel đã góp phần to lớn vào sự phát triển của văn học Serbia vào thời đại của ngài, đặc biệt là tại Tu viện Hilandar mà ngài hết mực yêu mến, nơi từ lâu đã là trung tâm của nền giáo dục tinh thần Serbia.

Ngày 3 tháng 1

21 tháng 12 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Iuliana và những người cùng chịu tử đạo với ngài

Ngày tưởng niệm 21 tháng 12

Trong thời kỳ trị vì của các vị hoàng đế La Mã vô đạo: ở phương Đông là Diocletian và ở phương Tây là Maximian, tại thành phố Nicomedia thuộc Đế quốc Byzantine[117] , việc thờ cúng thần tượng đang thịnh hành. Vào thời điểm đó, có một người giàu có và quý tộc tên là Afrikan, rất sùng bái tà đạo ngoại giáo; ông có một cô con gái tên là Iuliania. Khi Iuliania bắt đầu đến tuổi trưởng thành và nở rộ vẻ đẹp, đồng thời bộc lộ trí tuệ và phẩm chất tốt đẹp, một quan đại thần trong triều đình tên là Eleusius, để ngăn chặn các vị hôn phu khác, đã đính hôn với cô từ trước, nhưng lễ cưới được hoãn lại cho đến khi cô đủ tuổi trưởng thành. Trong khi đó, Julia, sau khi nghe bài giảng Tin Mừng về Đức Kitô, đã tin vào Ngài và trở thành một Kitô hữu bí mật. Khi chiêm ngưỡng bầu trời, mặt đất, biển cả và lửa, nàng tìm kiếm Đấng đã tạo dựng ra tất cả những điều đó, và từ các tạo vật, nàng học cách nhận biết Đấng Tạo Hóa, như Thánh Tông Đồ Phaolô đã nói: "Những điều vô hình của Ngài, tức là quyền năng vĩnh cửu và thần tính của Ngài, đã được bày tỏ qua các tạo vật kể từ khi thế giới được tạo dựng" (Rô-ma 1:20). Và bà suy ngẫm trong lòng: "Chỉ có một Thiên Chúa chân thật, Đấng đáng được thờ phượng! Còn những tượng thần vô hồn – không phải là thần, mà là nơi trú ngụ của ma quỷ". Kể từ đó, cô bắt đầu miệt mài cầu nguyện và đọc các sách Thánh, học hỏi Lề Luật của Chúa ngày đêm – bí mật khỏi cha mình, người vốn là một người ngoại đạo cuồng tín, bạn của ma quỷ và kẻ thù của các Kitô hữu. Còn mẹ của Iuliania, dù cũng là người ngoại đạo, nhưng không từ chối đức tin Kitô giáo.

---

[115] Xem cùng cuốn tiểu sử đó.

[116] Tác phẩm này của Đaniel, đôi khi được gọi là "Gia phả", đôi khi là "Sách các vị vua", đã được in kèm theo các phần bổ sung sau này, trong đó có tiểu sử của Đaniel do một trong những môn đệ của ngài viết, được Danichich in trong ấn bản được đề cập trong chú thích ở trang 1016.

[117] Về Nicomedia, xem trang 954, chú thích 7.

Tuy nhiên, bà cũng không đặc biệt quan tâm đến cả hai tôn giáo – bà không siêng năng thờ phượng các thần tượng, cũng không tôn kính Chúa Kitô, và vì thế không để ý đến việc con gái mình theo tôn giáo nào. Vì vậy, trước sự thờ ơ của mẹ, thánh nữ Iuliana dễ dàng che giấu đức tin vào Chúa Kitô trước mặt cha mình và siêng năng cầu nguyện cũng như đọc các Thánh Kinh. Với lòng tràn đầy tình yêu dành cho Thiên Chúa và được củng cố trong đức tin, cô suy tính làm thế nào để từ chối người mà cô đã được hứa hôn, tránh cuộc hôn nhân với kẻ vô đạo, giữ trinh tiết của mình không bị xâm phạm bởi kẻ thờ thần tượng và giữ thân thể trong sạch khỏi tay kẻ phục vụ ma quỷ.

Vì vậy, khi thời điểm đám cưới sắp đến gần, Iuliania đã sai người đến gặp vị hôn phu của mình là Eleusios để nói:

– Đừng chuẩn bị đám cưới một cách vô ích, hãy biết rằng tôi sẽ không đồng ý lấy anh nếu anh không trở thành tổng giám mục của vùng đất này.

Thánh nữ đã hành động như vậy, tin chắc rằng Eleusius không thể đạt được chức vụ đó, và nhờ đó, bà hy vọng sẽ tránh được việc kết hôn với anh ta. Nhưng Eleusius, bị tình yêu dành cho nàng chi phối, đã bắt đầu nỗ lực hết sức để đạt được chức vụ tổng giám mục – lúc thì bằng những lời thỉnh cầu khẩn thiết, lúc thì bằng những món quà quý giá, lúc thì nhờ những người có thế lực can thiệp – van nài nhà vua ban cho anh ta chức vụ đó. Và sau một thời gian dài, tiêu tốn rất nhiều tài sản, ông ta, dù gặp nhiều khó khăn, nhưng nhờ sự giúp đỡ của quỷ dữ, đã đạt được điều mình mong muốn, bởi vì quỷ dữ, muốn cản trở ý định tốt đẹp của trinh nữ thánh thiện, đã giúp đỡ Eleusius. Sau khi trở thành tổng giám mục, ông ta lập tức sai người đến nói với vị hôn thê của mình rằng:

– Hãy vui mừng đi, Iuliania, vì nàng có ta làm chồng, người đã được vinh danh, bởi vì ta là tổng trấn! Vậy nên, hãy chuẩn bị cho lễ cưới.

Iuliania, thấy rằng dù dùng lý do bịa đặt cũng không thể thoát khỏi lưới bẫy của Eleusios, đã công khai bày tỏ điều mà bấy lâu nay cô vẫn giấu kín trong lòng, và qua những người được cử đi, cô trả lời anh ta như sau:

– Thật tốt là ngươi đã được phong làm giám mục; nhưng nếu ngươi không thờ phượng Đức Chúa Trời của ta và không phụng sự Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà ta đang phụng sự, thì hãy tìm người khác để kết hôn đi, vì ngươi không hợp với ta, bởi ta không muốn lấy người không cùng chia sẻ đức tin với ta làm chồng.

Nghe vậy, Eleusius ngạc nhiên trước sự thay đổi của vị hôn thê và vô cùng tức giận. Ông gọi cha cô là Afrikanus đến và chất vấn ông ta:

– Tại sao con gái ông lại từ chối các vị thần của chúng ta và khinh bỉ tôi?

Trong lúc đó, Eleusius đã kể lại cho Afrikanus nghe tất cả những lời của cô ấy, được truyền đạt qua các sứ giả.

Nghe tin này, Afrikan vô cùng bối rối, ngạc nhiên trước tình huống bất ngờ này, và cũng giận dữ không kém gì vị tổng trấn đối với Iuliania, bởi chính ông cũng là một tín đồ cuồng nhiệt của những vị thần xấu xa của mình. Trở về nhà, ông trước tiên nhẹ nhàng và với thái độ của một người cha, bắt đầu hỏi con gái mình:

– Nói cho cha nghe đi, con gái yêu dấu và ánh sáng ngọt ngào trong mắt cha, tại sao con lại chối bỏ hôn nhân và từ chối lời cầu hôn của vị giám mục?

Iuliania, không muốn nghe đến chuyện này, đã trả lời:

– Thôi đi, cha ơi! Vì con thề bằng niềm hy vọng của con – Chúa Giê-su Ki-tô của con, rằng Ê-lê-vi-si sẽ không kết hôn với con nếu trước tiên anh ta không chấp nhận đức tin của con, vì hôn nhân như thế nào đây – thân xác thì gắn bó, nhưng tâm hồn lại chia rẽ, và thù địch lẫn nhau?

Lúc đó, cha của Iuliania, nổi cơn thịnh nộ, đã thét lên:

– Con điên rồi sao, con gái khốn nạn, hay là con thích chịu đau khổ?

– Ta yêu thích sự đau khổ vì Chúa Kitô, – trinh nữ thánh đáp lại.

– Ta thề trước các vị thần vĩ đại – Apollon và Artemis[118] – – Afrikan hét lên – ta sẽ ném thân thể con cho thú dữ và chó ăn thịt.

Thánh nữ đáp:

---

[118] Apollon – một trong những vị thần ngoại giáo được người Hy Lạp và La Mã cổ đại tôn kính nhất, được coi là thần Mặt Trời và sự khai sáng trí tuệ, cũng như trật tự xã hội, người bảo vệ luật pháp và vị thần tiên tri về tương lai. Artemis – hay còn gọi là Diana – là nữ thần ngoại giáo nổi tiếng của người Hy Lạp, tượng trưng cho mặt trăng và được coi là vị thần bảo trợ của rừng rậm và săn bắn. Các nghi lễ thờ phụng nữ thần này được cử hành với sự lộng lẫy và hoành tráng.

– Vậy sao ngươi còn chần chừ! Hãy để lũ chó đến, hãy để lũ thú dữ đến, và hãy để ta – nếu điều đó có thể – phải chịu nhiều cái chết thay vì chỉ một, vì ta sẽ vui mừng khi chết nhiều lần vì Chúa Kitô và mỗi lần đều nhận được phần thưởng từ Ngài.

Lúc đó, người cha, muốn dùng mưu mẹo để thuyết phục nàng theo ý mình, đã gác lại cơn giận và bắt đầu trò chuyện với nàng một cách dịu dàng, vừa nài nỉ vừa khuyên nhủ nàng đừng trái lời ông. Còn nàng, tràn đầy niềm hy vọng tốt đẹp, đã phản đối và nói một cách không chút e ngại:

– Chẳng lẽ cha cũng giống như những vị thần điếc của cha sao, vì có tai mà không nghe thấy gì? Con đã thề với cha rằng con không thể có mối quan hệ nào với Eleusis, trừ khi trước tiên anh ấy đồng ý thờ phượng Đấng Kitô của con chứ?

Nghe vậy, cha cô đã nhốt cô trong phòng. Sau đó, ông lại đưa cô ra khỏi đó và bằng những lời lẽ dịu dàng, ân cần, nước mắt lưng tròng, ông bắt đầu thuyết phục vị thánh nữ tôn kính các vị thần và yêu mến Eleusis. Nhưng cô gái dũng cảm lại thốt lên:

– Con sẽ không dâng lễ vật cho các vị thần, không thờ lạy các tượng thần, và cũng không yêu mến Eleusis, kẻ vô đạo! Con chỉ thờ lạy một mình Đức Kitô, tôn kính Đức Kitô, và yêu mến Đức Kitô!

Lúc đó, người cha, trong cơn thịnh nộ, đã túm lấy Iuliania và bắt đầu đánh đập cô không thương tiếc: quăng cô xuống đất, lôi cô đi bằng tóc, giẫm đạp lên người cô – không phải với tư cách một người cha, mà như một kẻ tra tấn, không hề tỏ ra chút lòng thương xót nào của người cha, và trong cơn thịnh nộ dữ dội cùng cơn giận dữ không thể kiềm chế, ông đã quên mất tình yêu tự nhiên dành cho con gái mình. Ông đánh cô cho đến khi chính mình mệt lả, đến nỗi cô trinh nữ thánh thiện ấy suýt nữa thì mất mạng. Sau đó, ông gửi cô về cho vị hôn phu của cô – Giám mục Eleusios – để ông ta làm gì cô tùy ý. Người này, vì bị cô khinh bỉ, nên tràn đầy cơn thịnh nộ dữ dội đối với cô: thở hổn hển vì giận dữ và nghiến răng với cô, ông ta coi việc cô khinh bỉ và từ chối tình yêu của mình là một sự sỉ nhục lớn lao. Vì vậy, ông ta rất vui mừng khi cô được giao vào tay mình và ông ta có quyền lực đối với cô. Và thế là hắn nảy ra ý định xét xử nàng công khai (vì hắn là tổng trấn), với lý do giả tạo là nàng không tôn kính các vị thần, nhưng thực chất là để trả thù vì sự khinh miệt của nàng dành cho hắn. Ngồi trên ghế thẩm phán, hắn ra lệnh dẫn "con chiên của Chúa Kitô" đến để thẩm vấn.

Khi thánh nữ Iuliania xuất hiện trước tòa án trước mặt vị hôn phu của mình là Eleusios và, như ánh bình minh, tỏa sáng bởi vẻ đẹp trên khuôn mặt, thì tất cả mọi người đều hướng ánh mắt về phía nàng, ngạc nhiên trước vẻ đẹp ấy. Eleusios, chỉ cần liếc nhìn nàng, lập tức lòng ông dịu lại, và cơn giận của ông đã biến thành tình yêu. Ban đầu, anh ta không thể thốt ra một lời tàn nhẫn nào với nàng, mà bắt đầu trò chuyện một cách ôn hòa và dịu dàng, bị cuốn hút bởi khao khát được sở hữu cô gái. Anh ta nói với nàng:

– Hãy tin ta, cô gái xinh đẹp nhất, rằng nếu nàng chọn ta làm chồng, nàng sẽ được giải thoát khỏi mọi cực hình đang chờ đợi nàng, dù cho nàng có không đồng ý dâng lễ vật cho các vị thần đi chăng nữa. Ta sẽ không ép buộc nàng làm điều đó – chỉ cần nàng đồng ý kết hôn với ta.

Nghe vậy, cô dâu của Chúa Kitô đáp lại:

– Không lời nói nào, không cực hình nào, thậm chí cả cái chết cũng không thể ép buộc tôi kết hôn với ngài trước khi ngài trở thành Kitô hữu và nhận phép rửa thánh.

– Và ta sẽ làm điều đó, người yêu dấu, – Eleusis đáp, – nếu ta không sợ cơn thịnh nộ của nhà vua: vì khi nhà vua biết chuyện này, ngài sẽ tước bỏ của ta không chỉ chức tước cao quý này, mà còn cả mạng sống của ta nữa.

Thánh nữ nói:

– Nếu anh sợ vị vua của mình đến thế – một vị vua phàm trần, tạm bợ, chỉ có quyền lực trên thân xác chứ không phải trên linh hồn – thì làm sao em lại không sợ Đấng Vua Bất Tử, Đấng có quyền lực trên mọi vị vua và cai trị mọi sự sống cũng như linh hồn, và làm sao em có thể kết hôn với kẻ thù của Ngài được?! Nếu một trong những nô lệ của ngươi kết bạn với kẻ thù của ngươi, liệu ngươi có thấy vui lòng không, và liệu ngươi có nổi giận với nô lệ của mình vì điều đó không? Vậy nên, đừng tự lừa dối mình, đừng nói suông với hy vọng thuyết phục được ta. Nếu ngươi muốn, hãy quay về với Đức Chúa Trời của ta; nếu ngươi không làm điều đó, thì hãy giết ta, ném ta vào lửa, làm ta đầy vết thương, ném ta cho thú dữ và tra tấn ta bằng bất cứ hình thức nào, nhưng ta sẽ không vâng lời ngươi, vì ngươi khiến ta ghê tởm; việc kết hôn với ngươi đối với ta chẳng khác gì tình bạn với lũ quỷ, và cuộc hôn nhân với ngươi cũng giống như một cỗ quan tài hôi thối được đặt ngay trước mắt ta.

Nghe vậy, Eleusi bừng bừng giận dữ và sắc mặt ông ta biến đổi, bởi tình yêu ô uế vốn dĩ như thế khi bị khinh bỉ và ghê tởm. Ông ra lệnh lột trần Iuliania và trói cô vào thập tự giá, buộc tay chân bằng dây thừng, rồi đánh

đập dã man bằng gân khô và cành cây. Và vị thánh nữ đã bị sáu người lính đánh đòn – trong một thời gian dài, cho đến khi chính những kẻ tra tấn cũng mệt mỏi. Còn bà, dù bản chất là một thân thể yếu đuối, vẫn dũng cảm chịu đựng những cực hình.

Sau khi ra lệnh cho các chiến binh ngừng đánh đòn, tổng giám mục nói với Iuliana:

– Này, Iuliania, đây mới chỉ là khởi đầu của những đau khổ dành cho ngươi; những đau khổ lớn lao hơn gấp bội đang chờ đợi ngươi, nếu ngươi không dâng lễ vật cho nữ thần Artemis vĩ đại.

Nhưng vị tử đạo, thà chịu đựng những cực hình còn hơn là nghe theo Eleusis – người vẫn còn hy vọng có thể thuyết phục cô tuân theo ý muốn của hắn – đã đáp lại:

– Ôi, quả thật ngươi điên rồ và thiếu suy nghĩ! Sao ngươi vẫn chưa tra tấn ta? Ngươi còn chờ gì nữa? Ta sẵn sàng chịu đựng đau khổ hơn là ngươi sẵn sàng tra tấn ta.

Lúc đó, vị thánh nữ bị treo lên bằng mái tóc và treo lơ lửng như vậy suốt một phần không nhỏ của ngày, đến nỗi da trên đầu nàng bong ra khỏi cơ thể, khuôn mặt sưng phồng và lông mày bị kéo căng lên trên. Còn Eleusis, vì tình yêu dành cho nàng mà vẫn còn chút hy vọng, đã dịu dàng thuyết phục nàng hãy thương xót chính mình. Khi những lời dịu dàng và lời cầu xin của anh ta không mang lại kết quả nào, anh ta càng tức giận hơn và ra lệnh dùng sắt nung đỏ rực thiêu đốt hai bên sườn cô và đốt cháy các bộ phận khác trên cơ thể; sau đó, trói tay cô lại và đâm xuyên đùi cô bằng một thanh sắt nhọn, rồi ném cô, lúc này chỉ còn thoi thóp, vào ngục tối.

Khi ở trong ngục tối, Thánh Iuliana nằm sấp trên mặt đất và kêu cầu Thiên Chúa:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, Đấng Toàn Năng, Đấng bất khả chiến bại về sức mạnh và vững chắc trong mọi việc! Xin hãy cất đi những nỗi đau khổ này khỏi con và giải thoát con khỏi những căn bệnh đang hành hạ con, như Ngài đã giải cứu Đa-ni-ên khỏi bầy sư tử, và Phecla khỏi lửa và thú dữ! Cha và mẹ con đã bỏ con lại, – nhưng Ngài, lạy Chúa, xin đừng lìa xa con, mà như xưa kia Ngài đã bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên khi họ băng qua biển và nhấn chìm kẻ thù của họ, thì nay xin cũng bảo vệ con. Còn Eleusis, kẻ đã nổi dậy chống lại con, cùng với Satan, kẻ đang cố gắng cản trở con trên con đường cứu rỗi, xin hãy nghiền nát chúng, hỡi Vua bất khả chiến bại!

Khi Iuliania cầu nguyện với Đức Chúa Trời như vậy và lời cầu nguyện vẫn còn trên môi nàng, kẻ thù vô hình – ma quỷ, đã biến hình thành hình dạng của một Thiên thần sáng láng, hiện ra trước mặt nàng một cách rõ ràng và nói:

– Này, Iuliania, ngươi đang phải chịu những cực hình nặng nề, nhưng Eleusis đã chuẩn bị cho ngươi những cực hình còn nặng nề hơn nữa và thực sự không thể chịu đựng nổi. Khi ngươi được dẫn ra khỏi ngục tối, hãy lập tức dâng lễ vật cho các vị thần, vì ngươi sẽ không thể chịu đựng nổi sự tàn bạo dữ dội của những cực hình nữa.

Thánh nữ hỏi:

– Ngươi là ai?

Quỷ Satan đáp:

– Ta là Thiên Thần, và vì Thiên Chúa rất quan tâm đến ngươi, nên Ngài đã sai ta đến với ngươi, bởi Ngài mong muốn ngươi vâng lời tổng trấn để thân xác ngươi không bị hủy hoại bởi những cực hình. Chúa là Đấng nhân từ và sẽ tha thứ cho ngươi vì sự yếu đuối của thân xác đã bị hành hạ này.

Nghe vậy, vị tử đạo ngạc nhiên và bối rối, vì thấy rằng kẻ hiện ra – bề ngoài trông như Thiên Thần, nhưng lời nói lại giống kẻ thù. Vì thế, thở dài từ tận đáy lòng, với nước mắt lưng tròng, bà nói:

– Lạy Chúa của con, Đấng Tạo Hóa của vũ trụ, Đấng Duy Nhất được các Thần Lực trên Trời ca ngợi và khiến vô số quỷ dữ run rẩy! Xin đừng khinh dể con, kẻ đang chịu đau khổ vì Ngài, để kẻ thù của con đừng bao giờ trộn lẫn sự ngọt ngào với sự đắng cay rồi dâng cho con. Xin hãy cho con biết, ai là người đã nói những lời ấy với con? Ai là người tự xưng là tôi tớ của Ngài?

Thánh nữ đã kêu cầu như vậy, và ngay lập tức lời cầu xin được đáp lại, vì từ trời vang lên một tiếng nói:

– Hãy can đảm lên, Iuliania! Ta ở cùng con! Còn kẻ đã đến với con, hãy làm theo ý con: Ta ban cho con quyền năng và sức mạnh trên hắn, – và hãy tự hỏi hắn xem hắn là ai và tại sao lại đến với con.

Ngay sau đó, một phép lạ đã xảy ra: xiềng xích lập tức được tháo ra và sắt rơi khỏi hông bà, rồi vị thánh nữ đứng dậy khỏi mặt đất với thân thể khỏe mạnh và vững chãi, còn quỷ dữ, bị sức mạnh của Đức Chúa Trời kiềm chế, đứng đó không thể chạy trốn, bị trói buộc bởi những sợi dây vô hình. Vị thánh tử đạo đã tóm lấy hắn như một nô lệ không thể thoát ra, và như thể đang thẩm vấn tại tòa án, bà bắt đầu hỏi hắn là ai, từ đâu đến và được ai sai đến. Còn quỷ dữ, dù đầy dẫy dối trá, nhưng bị ép buộc bởi sức mạnh của Đấng Tạo Hóa đang hành hạ hắn, đã bắt đầu – dù chống lại ý muốn – nói ra sự thật.

– Ta, – hắn nói, – là ma quỷ, một trong những chúa tể bóng tối đầu tiên, và được cha ta là Satan sai đến để cám dỗ và lừa gạt ngươi, vì chúng ta đã phải chịu đau khổ lớn lao bởi những lời cầu nguyện của ngươi, bởi sự trinh khiết của một trinh nữ và sự kiên nhẫn dũng cảm của ngươi. Ta chính là kẻ ngày xưa đã xúi giục Ê-va trong vườn Ê-đen vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời, dẫn đến sự diệt vong. Ta đã xúi giục Ca-in giết em trai mình là A-bên. Ta đã dạy Na-bu-cô-đô-nô-xơ dựng tượng vàng trên cánh đồng Đa-i-rê. Ta đã dụ dỗ dân Do Thái thờ lạy các thần tượng. Ta đã biến Vua Salômôn, người khôn ngoan, thành kẻ điên loạn bằng cách khơi dậy trong lòng ông ta dục vọng đối với phụ nữ. Ta đã xúi giục Hê-rốt tàn sát các trẻ sơ sinh, và xúi giục Giu-đa phản bội Thầy và tự treo cổ mình. Ta đã xúi giục người Do Thái ném đá thánh Stephano, xúi giục Nero đóng đinh thánh Phêrô đầu ngược và chém đầu thánh Phaolô bằng gươm.

Nghe vậy, thánh Juliana đã thực hiện một phép lạ mới, vì bà đã trói và gây thương tích cho nó bằng những sợi dây và vết thương hữu hình (ngoài những sợi dây vô hình mà Thiên Chúa đã dùng để trói quỷ), bởi sau khi trói nó lại, bà bắt đầu đánh nó. Và điều đáng ngạc nhiên là: thánh nữ đã có thể trói và đánh một linh hồn vô hình và phi vật chất bằng những sợi dây hữu hình! Bởi vì quyền năng của Thiên Chúa, vốn giữ chặt nó bằng những sợi dây trói không cho nó cơ hội trốn thoát và trừng phạt nó, dù vô hình nhưng bằng nỗi đau thực sự, đã giao nó vào tay người vợ yêu dấu của Ngài. Và con quỷ phải chịu đau đớn dưới tay cô gái, như thể dưới tay chính Đức Chúa Trời, bởi vì cùng với những đòn roi hữu hình, con quỷ còn phải chịu cả vết thương vô hình – chính vết thương đó mới thực sự gây ra sự đau khổ cho kẻ nô lệ của ma quỷ.

– Ôi, khốn khổ cho ta – nó kêu lên – giờ ta phải làm gì và làm sao để trốn thoát đây?! Ta đã lừa dối nhiều người và đẩy họ vào tai họa, nhưng giờ chính ta lại bị lừa dối và rơi vào hoạn nạn. Ta đã gây ra vết thương cho nhiều người, nhưng giờ chính ta lại bị trói buộc bởi đôi tay của cô gái và bị chúng làm tổn thương. Ta đã biến nhiều người thành nô lệ cho mình, nhưng giờ đây chính ta lại bị giam giữ như một tù nhân và nô lệ. Ôi cha ta – Satan! Tại sao ngươi lại gửi ta đến đây? Chẳng lẽ ngươi không biết rằng không có gì mạnh mẽ hơn sự trinh khiết và vững chắc hơn những lời cầu nguyện của các vị tử đạo sao?

Vậy là Thánh Juliana đã hành hạ con quỷ suốt cả đêm, và đến sáng, tổng giám mục ra lệnh rằng nếu cô còn sống, hãy đưa cô ra khỏi ngục tối. Thánh nữ, khi bước đi, đã kéo theo cả quỷ Satan và ném nó vào một đống bùn trên đường. Sau đó, bà xuất hiện trước mặt Eleusios, rạng rỡ với vẻ đẹp và nét thanh tú vốn có trên khuôn mặt, và toàn thân khỏe mạnh, như thể chưa từng trải qua bất kỳ cực hình nào. Ngạc nhiên, kẻ tra tấn nói với bà:

– Hãy nói cho ta biết, Iuliania, khi nào và bằng cách nào ngươi đã học được phép thuật này? Và bằng phép thuật nào mà ngươi đã lành vết thương nhanh đến thế, đến nỗi không còn dấu vết nào trên người ngươi nữa?

Thánh nữ đáp lại:

– Ta không biết gì về nghệ thuật phù thủy cả, nhưng chính sức mạnh vô biên và toàn năng của Đức Chúa Trời đã chữa lành cho ta, sức mạnh ấy không chỉ làm cho ngươi, mà cả cha ngươi – Satan – phải xấu hổ, và còn khiến ta trở nên mạnh mẽ hơn cả hai ngươi rất nhiều. Cả ngươi lẫn chủ ngươi – quỷ dữ – đều nằm dưới chân ta, vì ta đã trói buộc chúa tể của ngươi, kẻ mà ngươi đang phục vụ, và đã xóa bỏ những đau khổ của ngươi như thể chúng chưa từng tồn tại. Vậy, Đấng Kitô của ta đã tiêu diệt sức mạnh của các ngươi tại đây, còn ở đó – Ngài đã chuẩn bị cho ngươi, cha ngươi và các tôi tớ của ngươi ngọn lửa vĩnh cửu và địa ngục khủng khiếp, bóng tối tăm tối cùng nơi đầy dẫy sâu bọ không ngừng gặm nhấm, nơi mà ngươi sẽ sớm phải nhận lấy.

Lúc đó, tên tra tấn, nghe vị thánh nói về ngọn lửa vĩnh cửu, liền ra lệnh chuẩn bị một ngọn lửa tạm thời khổng lồ; lò lửa được đốt lên dữ dội và vị thánh bị ném vào đó. Còn bà, đứng nguyên vẹn giữa ngọn lửa, đã cầu nguyện với Chúa tại đó và để những giọt nước mắt tuôn trào từ đôi mắt mình – và bỗng chốc những giọt nước mắt nhỏ bé ấy trở nên như hai dòng suối lớn và dập tắt toàn bộ ngọn lửa.

Toàn thể dân chúng thành Nicomedia đều vô cùng kinh ngạc trước phép lạ này, và có khoảng năm trăm người đàn ông cùng một trăm ba mươi người phụ nữ đã tin nhận Chúa Kitô. Tất cả họ, như thể cùng một miệng, đã đồng thanh kêu lên:

– Chỉ có một Thiên Chúa, chính là Đấng mà vị tử đạo Iuliania đang tôn vinh, và chúng tôi tin vào Ngài, đồng thời từ bỏ sự thờ phượng các thần tượng ngoại đạo. Chúng tôi là Kitô hữu! Dù gươm đao có giáng xuống, dù lửa có thiêu đốt, dù cái chết tàn khốc nhất có ập đến đi chăng nữa, – chúng tôi sẵn sàng cùng với Iuliania chết vì Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật!

Khi họ hô to như vậy cho mọi người nghe thấy, tổng trấn lập tức ra lệnh dẫn lính vũ trang đến, tách những người đã tin Chúa ra khỏi đám đông tụ tập xem cảnh tượng, rồi chém đầu bằng gươm, và lệnh đó đã được thi hành.

Còn họ, tất cả đều vui vẻ cúi đầu đón nhận lưỡi gươm và chết vì Chúa Kitô, nhận phép rửa tội trong chính máu của mình. Sau đó, tên tra tấn, trong cơn thịnh nộ không thể kiềm chế, ra lệnh lột trần vị thánh nữ và ném vào nồi nước sôi sùng sục, rồi đun sôi trong thời gian dài, như thể đang nấu một món ăn nào đó. Nhưng cái nồi đó đối với vị thánh nữ lại giống như một phòng tắm ấm áp sau những vất vả, vì nó không hề gây hại gì cho thân thể bà, mà chỉ rửa sạch bà, như trong bồn rửa tội, bởi vì Thiên Thần của Chúa đã ngự xuống và bảo vệ bà khỏi mọi tổn thương. Còn ngọn lửa từ lò đã ập xuống những người đứng xung quanh và làm điều từng xảy ra với lò lửa Babylon xưa kia – thiêu rụi tất cả những ai bị nó chạm tới. Sau đó, nồi đồng vỡ tung, và vị thánh nữ bước ra khỏi đó vẫn nguyên vẹn. Dân chúng kinh ngạc vây quanh bà, như thể bà là một ngọn tháp cao chót vót, bởi thực sự lúc đó bà đã cao hơn tất cả mọi người.

Thấy tất cả những điều này, kẻ tra tấn bối rối không biết phải làm gì tiếp theo, vì tất cả những hình phạt của hắn đều không đạt được mục đích. Cảm thấy mình bị cô gái chế giễu và làm nhục, hắn bắt đầu giật tóc, cào xé mặt, xé rách quần áo và trong cơn giận dữ tột độ, hắn thốt ra nhiều lời lăng mạ và phỉ báng các vị thần của mình – rằng dù phụng sự họ, hắn vẫn không thể đánh bại một cô gái. Sau đó, hắn kết án thánh nữ tử đạo Iuliania phải bị chém đầu bằng gươm.

Còn Ác quỷ, vốn bị thánh nữ trói buộc trong ngục tối, lại xuất hiện và đứng từ xa (vì vẫn còn sợ thánh nữ tử đạo và nhớ đến những đòn đánh mà bà đã giáng xuống), dưới hình dạng con người, hân hoan trước án tử hình dành cho bà và thúc giục các chiến binh mau chóng bắt bà và hành quyết bà. Khi vị trinh nữ thánh nhìn hắn bằng ánh mắt đáng sợ, hắn lập tức run rẩy và kêu lên:

– Ôi, khốn khổ cho ta! Nàng trinh nữ vô tình này lại muốn tóm lấy ta bằng chính đôi tay của nàng!

Và sau khi thốt lên điều đó trước mặt mọi người, quỷ dữ đã biến mất.

Các chiến binh bắt vị thánh nữ và dẫn nàng đi chịu chém đầu; và vị thánh nữ bước đi trong niềm vui và hân hoan, như thể đang trên đường đến lễ cưới, vội vã hướng về cung điện hôn lễ. Sau khi dâng lời cầu nguyện, bà cúi đầu thánh thiện xuống dưới lưỡi gươm và bị chém đầu. Như vậy, bà đã kết hợp với Chàng Rể yêu dấu của mình – Chúa Kitô, Đấng mà vì Ngài, bà đã vui lòng chịu khổ nạn[119] .

Một phụ nữ La Mã tên là Sofia, lúc bấy giờ đang có việc riêng tại Nicomedia và đang trên đường trở về Rome, đã mang theo thi hài của vị tử đạo vì Chúa Giê-su là Julia. Sau khi mang thi hài về nhà, bà đã xây dựng một nhà thờ tráng lệ, xứng đáng với vị nữ tử đạo này, mang tên Thánh Iuliana, và long trọng an táng thi hài thánh của bà tại đó.

Còn Eleusis thì chẳng bao lâu sau đã phải hứng chịu sự trừng phạt của Thiên Chúa: khi ông đang đi thuyền trên biển, một cơn bão nổi lên, đánh chìm con thuyền, và tất cả những người trên thuyền đều bị chìm. Còn chính Eleusios – trong nỗi bất hạnh và đau khổ tột cùng – đã thoát khỏi cái chết chìm và trôi dạt đến một hòn đảo nào đó, nơi ông bị bầy chó xé xác.

Vậy là kẻ vô đạo đã chết trong nhục nhã, nhận lấy sự trừng phạt xứng đáng cho những việc làm của mình – vì đã giết hại trinh nữ vô tội và thánh thiện Iuliania.

Đó chính là hành trình tử đạo và cái chết đầy đau khổ của cô dâu Chúa Giê-su, thánh Julia.

Cô đã được hứa hôn với Eleusios khi mới chín tuổi, và đến năm mười tám tuổi, cô đã kết hợp bằng chính máu của mình với Chú Rể Bất Tử, hiến dâng linh hồn mình vì Ngài, và giờ đây đang hân hoan trong cung điện thiên đàng cùng Chúa Kitô, Đấng được mọi loài thụ tạo tôn vinh đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Nàng trinh nữ đã được thanh tẩy bởi những đức tính tốt lành, và nay đã được đội vương miện của những đau khổ, hỡi Thánh Julia, xin ban sự chữa lành cho những ai đang gặp khó khăn và bệnh tật, và sự cứu rỗi cho những ai đến gần hòm thánh tích của ngài: vì Đức Kitô tuôn tràn ân sủng thiêng liêng và sự sống đời đời.

[119] Thánh Iuliana, một trinh nữ, cùng với 500 người đàn ông và 130 người khác đã chịu tử đạo vào năm 304.

Cuộc đời của Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga

Ngày kỷ niệm: 21 tháng 12

Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga, sinh ra tại vùng Volyn[120] , trong một gia đình Kitô hữu đạo đức[121] . Khi ngài còn trong bụng mẹ, vào lúc bình minh của một ngày Chủ nhật, mẹ ngài đã thấy một thị kiến như sau: bà tưởng tượng như đang ôm trên tay một con chiên con, giữa hai sừng của nó mọc lên một cây lá rậm rạp, trĩu quả và đầy hoa; giữa các cành cây có vô số ngọn nến – tỏa sáng và toả ra hương thơm ngào ngạt.

Khi tỉnh dậy, người mẹ bối rối trước hình ảnh kỳ diệu ấy, nhưng sau đó Chúa đã chứng thực giấc mơ đó bằng cách ban cho con trai bà những ân sủng dồi dào.

Khi được bảy tuổi, Thánh Phêrô được gửi đi học Kinh Thánh, nhưng ban đầu cậu học không tốt, điều này khiến cha mẹ cậu rất buồn lòng. Tuy nhiên, điều này là để cậu nhận được sự khôn ngoan từ Kinh Thánh từ Thiên Chúa hơn là từ con người. Và quả thực, Thánh Phêrô đã nhận được sự khôn ngoan đó theo cách như vậy.

Một lần nọ, cậu thấy trong giấc mơ có một người đàn ông mặc áo thánh đến gặp cậu và nói:

– Hỡi con, hãy mở miệng ra!

Khi Phêrô làm theo, người hiện ra đã dùng tay phải chạm vào lưỡi cậu và, sau khi ban phước lành, đã làm cho cổ họng cậu tràn ngập sự ngọt ngào.

Khi tỉnh dậy, cậu thiếu niên không thấy ai cả, nhưng chỉ cảm nhận được trong lòng một sự ngọt ngào và vui vẻ kỳ lạ.

Từ đó, thánh Phêrô bắt đầu nhanh chóng hiểu được những điều vị thầy dạy mình; chẳng bao lâu sau, cậu đã học thuộc lòng toàn bộ Kinh Thánh và vượt trội hơn tất cả các bạn cùng lứa về học vấn.

Khi Phêrô tròn mười hai tuổi, cậu vào một tu viện gần nơi cậu sinh ra và được nhận vào hàng tu sĩ; ở đó, cậu thực hiện các nhiệm vụ tu viện, mang nước và củi vào nhà bếp, giặt áo lông cừu cho các tu sĩ, và dù mùa đông hay mùa hè, cậu cũng không bao giờ lơ là quy tắc tu hành của mình. Anh luôn là người đến thánh lễ sớm nhất và ra về muộn nhất; trong nhà thờ, anh đứng với lòng kính sợ, chăm chú lắng nghe Lời Chúa, không bao giờ tựa lưng vào tường – luôn vâng lời vị thầy của mình và sẵn lòng phục vụ các tu sĩ khác trong sự khiêm nhường và im lặng. Theo ý muốn của vị trụ trì, ngài được phong làm phó tế, và sau đó là linh mục. Ngài đã học cách vẽ các bức thánh tượng[122] và khi vẽ, ngài dời tâm trí và suy nghĩ khỏi những điều trần tục, tràn đầy lòng sùng kính Thiên Chúa, và nhiệt thành hướng tới một cuộc sống đạo đức.

Sau một thời gian khá dài ở tu viện đó, với sự ban phước của vị tu viện trưởng, Thánh Phêrô đã lui về một nơi hoang vắng và dựng nên một nơi ẩn tu bên sông Rate[123] . Tại đây, ngài đã xây dựng một nhà thờ mang tên Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô của chúng ta, và trong thời gian ngắn, nhiều tu sĩ đã tụ họp về đây với ngài.

Thánh nhân là người nhân từ và không hề oán hận, luôn tự coi mình là người thấp kém nhất trong số mọi người; ngài dạy dỗ mọi người với lòng hiền lành, siêng năng bố thí, không bao giờ để người ăn xin hay khách lữ hành ra về mà không được giúp đỡ, đến nỗi danh tiếng về đời sống đạo đức của ngài đã lan đến tai vị công tước. Vì vậy, ngài được mọi người kính trọng, và ai nấy đều lắng nghe lời dạy dỗ của ngài.

Vào thời điểm đó, Đức Tổng Giám mục Maxim[124] từ Constantinople đã đến Rus', giảng dạy cho dân chúng về giáo lý thánh thiện. Thánh Phêrô cùng các tu sĩ của mình đến gặp ngài để xin phước lành, và đã dâng lên ngài bức tượng thánh của Đức Mẹ Thiên Chúa, do chính ngài vẽ. Vị Thánh của Đức Chúa Trời đã ban phước lành cho ngài và các tu sĩ, rồi nhận lấy bức tượng thánh và cất giữ nó với sự tôn kính cao cả.

---

[120] Volyn – vùng phía tây nam của Nga.

[121] Cha mẹ của Thánh Phêrô là những người có điều kiện kinh tế khá giả và thuộc tầng lớp quý tộc hoặc thương gia, chính vì vậy mà sau này Thánh Phêrô mới có cơ hội tự bỏ tiền túi để xây dựng tu viện.

[122] Theo lời chứng của cuốn tiểu sử cổ xưa, Thánh Phêrô đã học nghệ thuật vẽ tranh thánh đến mức trở thành "nghệ nhân vẽ tranh thánh tài ba". Cho đến nay, hai bức tranh thánh Mẹ do ngài vẽ, hiện được lưu giữ tại Nhà thờ Lớn Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời ở Moscow, vẫn là những di sản minh chứng cho điều này: bức "Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời" và bức kia, mang tên ngài, được biết đến rộng rãi với tên gọi "Petrivska".

[123] Nơi này tọa lạc ở phía bắc thủ đô của Công quốc Galich-Volyn – Lviv; sông Rata chảy qua vùng Galicia phía đông của Áo ngày nay và đổ vào nhánh thượng lưu phía tây của sông Bug từ phía bên trái. – Tu viện Thánh Phêrô, được xây dựng để tôn vinh Chúa Cứu Thế (Tu viện Biến Hình), hiện nay không còn tồn tại nữa; tại vị trí đó giờ đây là một ngôi làng, với nhà thờ giáo xứ cũng mang tên Chúa Cứu Thế.

[124] Thánh Maxim, gốc Hy Lạp, đã lãnh đạo Giáo hội Nga từ năm 1283 đến năm 1304.

Một thời gian ngắn sau đó – khi Thánh Maximus qua đời – một người tên là Gerontius[125] đã dám chiếm đoạt chức thánh, lấy áo lễ, tủ áo lễ và cây gậy mục tử, cũng như bức tượng thánh mà Phêrô đã vẽ và dâng tặng cho Thánh Maximus, rồi lên đường đến Constantinople với mong muốn trở thành tổng giám mục của người Nga.

Khi đó, công tước xứ Volyn[126] bắt đầu đề nghị với Thánh Phêrô – lúc thì tự mình nài nỉ, lúc thì thông qua các quý tộc – hãy đến Constantinople để được tấn phong lên ngai tòa Tổng giám mục Kiev, bởi vì không ai ủng hộ Gerontius vì sự táo bạo của ông ta, với hành động mà ông ta đã vội vàng chiếm đoạt chức thánh mà không qua tham vấn hay bầu cử: *"ông ta không đi vào bằng cửa, mà trèo qua chỗ khác"* (Ga 10:1).

Còn Thánh Phêrô thì ban đầu đã từ chối và không muốn nhận, nhưng cuối cùng, sau khi được hoàng tử, các quý tộc và hội đồng các vị thánh khẩn khoản thỉnh cầu, ngài đã lên đường; còn hoàng tử thì gửi thư về ngài tới Đức Thượng phụ và toàn thể hội đồng của ngài, bày tỏ mong muốn được thấy Phêrô ngồi trên ngai thánh.

Khi Gerontius lên đường ra khơi đến Constantinople, chuyến đi biển của ông gặp nhiều bất lợi: một cơn bão dữ dội ập đến, gió ngược và sóng lớn, khiến ông phải mất khá nhiều thời gian trên đường đi. Còn đối với Thánh Phêrô, trên cùng vùng biển đó lại có gió lặng và thuận chiều, nên ngài đã vượt biển một cách nhẹ nhàng, như trong giấc mơ.

Cũng vào lúc đó, Gerontius đã được chiêm ngưỡng trong một giấc mơ bức tượng Đức Mẹ Thánh Thiện đã được đề cập ở trên, và Đức Mẹ đã nói với ông:

– Hỡi vị tu sĩ già, ngươi đang vất vả một cách vô ích, vì ngươi sẽ không được chức thánh mà ngươi đang tìm kiếm. Nhưng người đã vẽ hình ảnh này – Thượng phụ Phêrô của Rats – người phục vụ Con Ta và là của Ta, sẽ được tấn phong lên ngai giám mục và sẽ chăn dắt dân của Ngài một cách chính đáng, những người mà Con Ta – Chúa Kitô – đã đổ máu của Ngài, máu mà Ngài đã nhận từ Ta, và sau khi sống một cuộc đời đẹp lòng Thiên Chúa, và khi về già, ông sẽ vui mừng trở về với Chúa Tể của muôn loài.

Gerontius thức dậy trong sợ hãi và kể lại cho mọi người nghe về giấc mơ ấy.

Cuối cùng, Thánh Phêrô đã đến Constantinopolis; lúc bấy giờ, Thượng phụ Constantinopolis là Athanasius – một con người tuyệt vời, đã làm rạng rỡ ngai tòa toàn cầu bằng những đức tính cao quý của mình[127] . Khi Thánh Phêrô đến gặp Đức Thượng phụ, nhà thờ tràn ngập hương thơm; được soi sáng từ trên cao, Đức Thượng phụ nhận ra rằng hương thơm ấy là để chào đón sự hiện diện của Thánh Phêrô, và ngài đã vui mừng ban phước lành cho ngài. Sau đó, khi biết được lý do ngài đến, Đức Thượng phụ đã triệu tập hội đồng các vị thánh và họ tiến hành xem xét vụ việc theo thủ tục thông thường. Petr được công nhận là xứng đáng với chức thánh, vì đã được định sẵn cho chức vụ này từ trước khi sinh ra.

Vậy nên, trong lúc cử hành Thánh lễ, vị Thượng phụ đã tấn phong vị Phêrô kỳ diệu này vào chức vụ Thánh phụ[128] ; lúc đó, khuôn mặt của vị thánh nhân của Chúa, trong lúc được tấn phong, đã rạng ngời đến nỗi mọi người đều kinh ngạc và thốt lên:

– Quả thật, người này đã đến với chúng ta theo lệnh của Đức Chúa Trời, – và tất cả đều tràn ngập niềm vui thiêng liêng.

Vài ngày sau, Gerontius cũng đến Constantinople và (dù trái với ý muốn của mình) đã kể lại tất cả những gì đã xảy ra với ông. Đức Thượng phụ, sau khi nhận từ ông những bộ lễ phục của vị thánh, bức tượng thánh đáng kính, cây gậy mục tử và các vật dụng thờ phượng – đã trao tất cả vào tay vị mục tử chân chính – Phêrô.

Sau đó, Đức Thượng phụ, sau khi đã dạy dỗ Thánh Phêrô – vị thánh và người được chúc phúc – một cách chu đáo trong nhiều ngày và ban phước lành cho ngài, đã tiễn ngài rời khỏi Constantinople một cách trang trọng.

Thánh Phêrô, khi về đến tổng giáo phận của mình, đã ban bình an và phúc lành cho mọi người, đồng thời siêng năng giảng dạy đoàn chiên mà Thiên Chúa đã giao phó cho ngài, đi từ nơi này sang nơi khác[129] .

---

[125] Một trong những vị tu viện trưởng của Vladimir.

[126] Tất nhiên, ở đây nói đến là Công tước Yuri Lvovich của Galich-Volyn, người đã phẫn nộ trước sự độc đoán của Gerontius, nhất là khi ở Volyn, những người bất mãn với việc chuyển trụ sở từ Kiev đến Vladimir xa xôi mong muốn thấy tổng giám mục ở đâu đó ở phía nam; đặc biệt là Công tước Yuri muốn tổng giám mục đặt trụ sở tại Galich. Công tước Yuri rất quyền lực, cai trị toàn bộ Galitsia, ông thậm chí còn được gọi là vua của Rus.

[127] Athanasius II – Tổng Giám mục Constantinople từ năm 1303 đến năm 1311.

[128] Thánh Phêrô được tấn phong làm tổng giám mục toàn Rus' vào năm 1308, ba năm sau khi tổng giám mục Maxim qua đời.

Nhưng kẻ thù xảo quyệt không thể chịu đựng được điều này và đã bày ra mưu mô chống lại Thánh Phêrô, xúi giục một số người không công nhận ngài là vị thánh. Tuy nhiên, sau đó nhiều người trong số họ đã ăn năn, chấp nhận vị thánh và, khi quy phục ngài, đã nhận được sự tha thứ từ ngài.

Một thời gian sau, kẻ thù xảo quyệt đã khơi dậy lòng ghen tị đối với Thánh Phêrô trong lòng Andrei, Giám mục Tver[130] , người này, không kiềm chế được lời nói của mình, đã bắt đầu lan truyền những tin đồn sai sự thật về vị thánh công chính và, sau khi viết ra nhiều lời lẽ sai trái và phỉ báng, đã gửi đến Đức Thượng phụ Athanasius. Đức Thượng phụ đã rất ngạc nhiên và cho rằng điều đó là không thể tin được, tuy nhiên, ngài đã cử một trong các giáo sĩ của Giáo hội đến vùng đất Nga, và sau đó, một công đồng đã được triệu tập tại thành phố Pereyaslavl[131] . Tham dự hội đồng đó có Giám mục Simeon của Rostov, Thánh Prokhor, Bề trên tu viện Pechersk, các hoàng tử, các quý tộc, các linh mục, các tu sĩ và rất đông người khác. Khi Giám mục Andrei của Tver được triệu tập đến hội đồng, người ta bắt đầu điều tra vụ việc, và khi những kẻ làm chứng dối chống lại Peter đứng ra, một sự hỗn loạn lớn đã xảy ra. Kẻ gây ra điều ác không thể che giấu được, mà đã bị vạch trần trước mặt mọi người. Sự độc ác và vu khống của Andrei đã bị vạch trần, và kẻ vu khống dối trá đó đã bị làm nhục và hạ nhục trước mặt mọi người. Còn Thánh Phêrô thì không làm hại gì đến hắn, mà đã tha thứ, và sau khi răn dạy mọi người một cách thỏa đáng, ngài đã cho hội đồng kết thúc trong hòa bình. Bản thân ngài thì không ngừng lao động, nhân lên gấp trăm tài năng đã được ban cho và trở thành người cha của những đứa trẻ mồ côi.

Vào thời điểm đó, xuất hiện một kẻ dị giáo tên là Seyt[132] , người rao giảng những giáo lý trái ngược với Giáo Hội của Chúa Kitô và đức tin Chính Thống; vị Thánh của Chúa đã ra lệnh tuyệt thông hắn – và kẻ dị giáo độc ác ấy đã sớm chết một cái chết thảm khốc.

Sau đó, vị thánh nhân của Chúa là Phêrô đã đến thành phố vinh quang Moskva, nơi lúc bấy giờ thuộc quyền cai trị của Đại công tước Ioann Daniilovich[133] – một vị lãnh chúa đạo đức, được trang bị mọi đức tính tốt đẹp, nhân từ với người nghèo và hàng giáo sĩ, yêu mến các nhà thờ và say mê các sách thánh. Vị Thánh rất mến mộ ngài và bắt đầu sống ở thành phố đó nhiều hơn so với những nơi khác[134] . Ngài khuyên vị Đại công tước đức tin nên xây dựng tại Moscow một nhà thờ bằng đá để tôn vinh sự Lên Trời của Đức Mẹ Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ Maria, đồng thời thuyết phục ngài như sau:

– Nếu con nghe lời ta, hỡi con trai ta, và xây dựng ngôi thánh đường dâng kính Đức Mẹ, thì chính con sẽ được vinh danh hơn các hoàng tử khác và thành phố của con cũng sẽ được tôn vinh: các vị thánh sẽ cư ngụ tại đó, tay ngài sẽ giương lên chống lại kẻ thù của ngài, và Thiên Chúa sẽ được tôn vinh tại đó, và hài cốt của ta sẽ được an táng tại đây.

---

[129] Một năm sau khi được tấn phong, Thánh Tổng giám mục Phêrô chuyển đến Vladimir, nơi vị tiền nhiệm của ngài từng đảm nhiệm chức vụ Tổng giám mục toàn Nga. Sau đó, ngài lên đường thị sát các giáo phận: ngài đã đến Novgorod, Bryansk và các thành phố, vùng miền khác.

[130] Giám mục Andrei của Tver xuất thân từ dòng dõi các công tước Litva. Ông đã ấp ủ ý định nắm giữ chức vụ tổng giám mục. Dòng dõi quý tộc của ông cùng với sự bất mãn của một số người đối với vị tổng giám mục do miền Nam bầu chọn đã tiếp thêm sức mạnh cho giấc mơ đạt đến chức vụ cao nhất của ông. Sau đó, sau khi bị cách chức, ngài qua đời tại Tu viện Đức Mẹ mà ngài đã xây dựng trước đó, trên sông Shosha (một nhánh bên phải của sông Volga) vào năm 1323.

[131] Hội đồng Giám mục được triệu tập vào năm 1310 hoặc đầu năm 1311 – tại Pereyaslavl-Zalessky – hiện là một thị trấn huyện thuộc tỉnh Vladimir.

[132] Theo các biên niên sử, thuật ngữ "Seita" thường được dùng để chỉ các nhà truyền giáo Hồi giáo, tôn giáo mà vào thời điểm đó Khan Uzbek đang nhiệt tình truyền bá trong cộng đồng người Tatar; tuy nhiên, việc Thánh Phêrô gọi người được đề cập là "Seita" và tuyên bố ông là kẻ dị giáo cũng như trục xuất khỏi Giáo hội cho thấy rằng ông là một Kitô hữu, người đã bóp méo giáo lý Kitô giáo một cách nghiêm trọng; còn tên gọi "Seita" được đặt cho ông vì sự say mê một số quan điểm của đạo Hồi. Theo một số nguồn tin, Seita là một linh mục cao cấp ở Novgorod, người đã bị cuốn hút bởi niềm đam mê Hồi giáo đối với cuộc sống trần tục và rao giảng chống lại sự độc thân tu sĩ với sức mạnh đến nỗi nhiều tu sĩ đã từ bỏ đời tu và kết hôn. Việc vạch trần Seita diễn ra trong thời gian Thánh nhân đi thanh tra các giáo phận.

[133] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến Đại công tước Moskva Ioann I Daniilovich Kalita, cháu nội của Thánh Alexander Nevsky và Thánh Daniil, người sáng lập Công quốc Moskva; ông trị vì từ năm 1328 đến năm 1340; ông được gọi là Kalita vì, với lòng yêu thương đặc biệt dành cho những người nghèo, ông luôn mang theo bên mình một chiếc kalita (túi) đựng tiền để phân phát cho họ.

[134] Thánh Phêrô, được soi sáng bởi ân sủng, đã tiên kiến được tương lai vĩ đại của Moscow, dù lúc bấy giờ đây chỉ là một thành phố thưa thớt dân cư; ngài thấy rằng Moscow sẽ quy tụ các vùng đất bị phân tán và tan nát của Nga dưới sự bảo trợ của mình, và ngài đã quyết định ở lại Moscow mãi mãi và được an táng tại đây, thay vì tại Vladimir. Như vậy, tổng giáo phận đã được chuyển từ Vladimir sang Moscow, điều này đã góp phần vào sự trỗi dậy của Moscow, tạo nền tảng vững chắc cho hòa bình (trong bối cảnh các cuộc nội chiến giữa các công tước lãnh địa lúc bấy giờ) và sự vĩ đại của nước Nga.

Sau khi nghe theo lời khuyên của vị thánh, hoàng tử bắt đầu lo liệu việc xây dựng nhà thờ[135] . Khi nền móng nhà thờ được đặt, công việc xây dựng diễn ra hàng ngày, và chính vị thánh đã giám sát để công việc luôn tiến triển không ngừng.

Không lâu trước khi Thánh Phêrô an nghỉ trong Chúa, Công tước Ioann Daniilovich đã có một giấc mơ như sau. Ông thấy một ngọn núi cao, đỉnh núi phủ đầy tuyết, và bỗng nhiên tuyết tan chảy và biến mất. Khi Công tước kể lại giấc mơ đã làm ông kinh ngạc cho vị thánh, ngài nói:

– Ngọn núi cao là ngài, còn tuyết là con, kẻ khiêm nhường, người sắp rời bỏ cuộc đời này để bước vào cuộc sống vĩnh cửu.

Nhận biết trước, nhờ sự mặc khải của Thiên Chúa, về cái chết sắp đến của mình, vị thánh của Chúa đã tự tay xây dựng cho mình một ngôi mộ gần bàn thờ trong nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh đang được xây dựng. Và khi ngôi mộ đã hoàn thành, ngài lại nhận được sự mặc khải từ Thiên Chúa về cái chết của mình. Tràn ngập niềm vui, vị thánh đã đến nhà thờ và cử hành Thánh lễ, cầu nguyện cho tất cả các vị vua và công tước Chính thống giáo, cho con tinh thần của ngài – Công tước John đạo đức – và cho tất cả các Kitô hữu đạo đức trên đất Nga; sau đó, ngài cử hành nghi thức tưởng niệm những người đã qua đời và rước Mình Thánh Chúa. Khi trở về từ nhà thờ, ngài triệu tập toàn thể linh mục đoàn và, sau khi giảng dạy theo thông lệ, đã cho họ ra về. Vào thời gian đó, ngài đã ban phát rất nhiều bố thí cho những người nghèo khổ, các nhà thờ, tu viện và hàng giáo sĩ. Trong khi đó, sức khỏe của ngài ngày càng suy yếu. Khi ngày lâm chung đến gần, vị thánh đã triệu tập viên quan ngàn Velyaminov, người đang quản lý thành phố lúc bấy giờ (vì chính hoàng tử lúc đó không có mặt tại thành phố), và nói với ông:

– Này, con yêu quý, ta sắp rời khỏi cõi đời này, còn cho con trai yêu dấu của ta, Công tước Ioann và dòng dõi của ngài, lòng nhân từ, sự bình an và phước lành của Đức Chúa Trời mãi mãi.

Sau đó, sau khi ban hành một số chỉ thị khác, Thánh Phêrô trao cho ông một túi tiền để hoàn tất việc xây dựng nhà thờ. Sau khi chúc bình an cho mọi người, ngài bắt đầu hát kinh chiều, và khi lời cầu nguyện vẫn còn trên môi ngài và chính ngài giơ hai tay lên hướng về Thiên Chúa, linh hồn ngài đã về với Chúa[136] .

Hoàng tử, khi nghe tin về sự ra đi của vị thánh, trong nỗi buồn đã vội vã cùng tất cả các quan đại thần trở về thành phố; toàn thể dân chúng đều khóc lóc và thương tiếc trước sự ra đi của ngài. Sau khi đặt thi hài tôn kính của ngài lên giường, họ đã rước ngài theo phong tục đến nhà thờ[137] .

Lúc bấy giờ, có một người bị ám ảnh bởi sự vô tín, đã len lỏi vào giữa đám đông tín hữu Chính Thống Giáo để đến gần thi hài của vị thánh, và trong lòng bắt đầu phỉ báng ngài, tự nghĩ:

– Người chết này là ai mà chính hoàng tử và đông đảo dân chúng lại tiễn đưa, và tại sao ngài lại được vinh dự như vậy?

Khi vừa nghĩ đến điều đó, ngay lập tức người ấy thấy vị thánh đang ngồi trên giường và liên tục ban phước lành cho dân chúng ở cả hai bên, cho đến khi thi hài được đưa đến lăng mộ. Lúc đó, người ấy đã tin vào sự thánh thiện của vị thánh được Chúa yêu mến và kể lại cho dân chúng nghe những gì mình đã chứng kiến. Sau khi rước thi hài thánh Phêrô vào nhà thờ, người ta đặt thi hài vào ngôi mộ đá do chính ngài chuẩn bị, nơi mà cho đến ngày nay thi hài vẫn an nghỉ, ban phát nhiều phép lạ cho những ai với lòng tin đến cầu nguyện. Có một thanh niên từ khi sinh ra đã bị liệt hai tay và hoàn toàn không thể cử động, đến nỗi không thể đưa tay lên miệng. Anh ta đến mộ của vị

---

[135] Tức là Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời; sau này, dưới triều đại của Đại công tước Ioann III Vasilievich, nhà thờ hiện tại đã được xây dựng trên nền móng đó và được thánh hiến vào năm 1470.

[136] Thánh Tổng Giám mục Phêrô qua đời vào ngày 21 tháng 12 năm 1326.

[137] Xác thánh của Tổng giám mục Phêrô được an táng tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, công trình mà ngài đã khởi công nhưng chưa hoàn thành, và nhà thờ này đã được hoàn thiện và làm lễ thánh hiến vào năm 1327. Trong cuộc xâm lược của Tokhtamysh, người Tatar đã cướp phá lăng mộ của Thánh Tổng Giám mục Peter, với hy vọng tìm thấy kho báu bên trong; cùng thời điểm đó, Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời cũng phải hứng chịu một trận hỏa hoạn tàn khốc. Năm 1471, khi Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời cũ bị phá dỡ để xây dựng nhà thờ mới, Hội đồng Giám mục được triệu tập đã quyết định di dời di cốt của vị thánh. Quan tài của ngài được tìm thấy đã bị thiêu rụi do hỏa hoạn, nhưng di cốt của vị thánh được Chúa yêu mến vẫn còn nguyên vẹn và không hề hấn gì. Việc di dời di cốt của ngài đã được hoàn tất, và để kỷ niệm sự kiện này, ngày 24 tháng 8 được chọn làm ngày lễ kỷ niệm sự kiện di dời này. Xác thánh của vị Tổng Giám mục đầu tiên của Moscow được an táng công khai, nhưng sau cuộc xâm lược của người Ba Lan – những kẻ đã cướp đi chiếc hòm bạc quý giá – thi hài ngài đã được chôn cất bí mật và vẫn ở trong tình trạng đó cho đến năm 1812. Trong năm đó, Napoléon đã mở nắp mộ của vị thánh, có lẽ với ý đồ tương tự như Tokhtamysh. Sau khi quân Pháp rút khỏi Moscow, Tổng Giám mục Moscow Augustin đã long trọng mở nắp quan tài chứa thi hài bất hoại của Tổng Giám mục Phêrô; thi hài này đã được rước quanh Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời trong lễ thánh hiến nhà thờ vào ngày 30 tháng 8 năm 1813. Thánh Phêrô để lại hai bài giảng, có hình thức như các thư gửi các giáo phận.

thánh này, cầu nguyện trong nước mắt, và ngay lập tức hai tay anh ta trở nên vững chắc và khỏe mạnh. Vị thánh cũng đã chữa lành cho một người bị co quắp, và ban lại thính lực cho người điếc. Còn một người đã mù nhiều năm, khi đến đây và cầu nguyện, bỗng nhiên đôi mắt anh ta mở ra. Rất nhiều ân huệ khác cho đến ngày nay vẫn tiếp tục tuôn trào một cách kỳ diệu cho những ai với lòng tin đến viếng ngôi mộ thiêng liêng của Thánh Phêrô – để tôn vinh và ca ngợi Thiên Chúa được tôn vinh trong Ba Ngôi mãi mãi. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Hỡi đất đai xưa kia vô sinh, nay hãy hân hoan: vì Chúa Kitô đã tỏ ra là ngọn đèn trong ngươi, tỏa sáng rực rỡ trên thế gian, và chữa lành mọi bệnh tật của chúng ta. Vì Ngài, hãy hân hoan và vui mừng với lòng can đảm: vì vị Thánh này là Đấng thực hiện sự sáng của Đấng Tối Cao.

Bài thánh ca khác, giọng 8:

Hãy hân hoan rạng ngời, thành Moscow đáng chúc tụng, vì có trong mình vị Giám mục Phêrô như tia sáng ban mai, chiếu sáng khắp nước Nga bằng những phép lạ: vì ngài chữa lành những sự yếu đuối, và xua tan những bệnh tật như bóng tối khỏi những ai kêu cầu ngài: hãy vui mừng, vị Giám mục của Thiên Chúa Tối Cao, Đấng đã tạo nên sự rạng ngời này cho đoàn chiên của ngài.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Hôm nay, chúng con hân hoan chạy đến với vị Thánh làm phép lạ được chọn lựa và kỳ diệu của đất nước chúng con, dâng lên bài ca tôn vinh Thiên Chúa: vì ngài có lòng can đảm trước mặt Chúa, xin giải thoát chúng con khỏi muôn vàn hoàn cảnh khó khăn, để chúng con có thể kêu lên với ngài: Hỡi vị Thánh củng cố thành phố chúng con, xin vui mừng.

Lễ kính Thánh Tử đạo Themistocles

Ngày tưởng niệm 21 tháng 12

Thánh Themistocles sống dưới triều đại của vua Decius và là một người chăn cừu tại thành phố Myra thuộc Lycia[138] . Vào thời điểm đó, quan tổng trấn địa phương là Asclepius, theo lệnh của nhà vua, đã phát động cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu và trong số đó có việc truy lùng Thánh Dioscorides[139] , người đã lẩn trốn và chạy lên núi. Những người được cử đi tìm Dioscorides tại đã gặp Themistocles, người đang chăn cừu, và hỏi anh ta về Dioscorides, nhưng anh ta không tiết lộ nơi ẩn náu của vị thánh, mà nói:

– Ở đây không có ai cả!

Còn bản thân anh ta thì đã tự tố cáo mình, tự xưng là người Kitô hữu và xưng nhận Chúa Kitô trước mặt họ, nên Themistocles bị dẫn đến gặp Asclepius, quan cai trị vùng đó. Vị công tước ra lệnh đánh đập anh – và vị thánh đã bị đánh vào bụng đến mức bụng anh vỡ tung, sau đó họ treo cổ anh lên cây. Sau đó, khi được tháo xuống khỏi cây, vị tử đạo bị lôi lê trên một tấm sắt có những mũi nhọn, khiến toàn thân anh bị thương tích và rách nát. Như vậy, anh đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa[140] .

[138] Licia – vùng ven biển phía nam của Tiểu Á – từng thuộc tỉnh Pamphylia. Hoàng đế Theodosius đã tách nó khỏi Pamphylia, và thành phố Myra trở thành thủ phủ của vùng này. Sau năm 395, Licia trở thành một vùng thuộc Đế quốc Byzantine, và từ thế kỷ VI, nó nằm dưới sự cai trị của người Hồi giáo.

[139] Ngày kỷ niệm Thánh Dioscorides cũng vào ngày 21 tháng 12.

[140] Thánh Themistocles qua đời vào năm 251.

Ngày 4 tháng 1

22 tháng 12 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh nữ Đại tử đạo Anastasia, Đấng Giải thoát, Chrysogonus, thầy dạy của bà, Theodota và những người khác cùng chịu khổ với bà

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 12

Thánh Anastasia sinh ra tại thành phố nổi tiếng La Mã. Bà nổi bật bởi sự cao quý, vẻ đẹp tâm hồn và thể xác, tính cách hiền lành và sự nhu mì. Cha bà, tên là Pretecstatus, là một thượng nghị sĩ và theo đạo ngoại giáo Hy Lạp. Còn mẹ bà, tên là Fausta, tin vào Chúa Kitô. Khi còn là thiếu nữ, Thánh Anastasia được mẹ giao phó cho một người đàn ông đáng kính để học hành, người này nổi tiếng về sự uyên bác, và hơn thế nữa là lòng đạo đức. Tên ông là Chrysogonus. Ông là một Kitô hữu, am hiểu sâu sắc giáo lý thiêng liêng của Chúa Kitô và sau này đã trở thành vị tử đạo. Từ vị thánh nhân này, Thánh Anastasia không chỉ học được chữ viết; cô còn học được cách nhận biết Đấng là Nguồn gốc của mọi sự hữu hình và vô hình, là Mục tiêu của mọi khát vọng đạo đức trong lòng, là Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng Tạo Hóa và Đấng Hoàn Thành muôn vật. Và cô bắt đầu siêng năng đọc các sách Kitô giáo, ngày đêm học hỏi Lời Chúa, và củng cố lòng mình trong tình yêu dành cho Đức Chúa Trời.

Khi Anastasia hoàn tất việc học với Chrysogonus, mọi người đều nhất trí ca ngợi cô như một thiếu nữ khôn ngoan và xinh đẹp.

Trong khi đó, người mẹ phúc lành của Anastasia, bà Fausta, đã qua đời. Còn cha của thánh nữ, bất chấp ý muốn của bà, đã gả cô cho một người tên là Pompilius, cũng xuất thân từ dòng dõi thượng nghị sĩ và theo đạo Hy Lạp; và Anastasia bị đưa đến nhà chú rể, người trung thành bị gả cho kẻ bất trung, con chiên của Chúa Kitô bị đưa vào miệng sói. Nhưng Thiên Chúa, Đấng mà những tiếng khóc than của cô hướng về, Đấng mà cô cầu nguyện ngày đêm, đã bảo vệ cô. Thánh nữ không mất đi sự trinh khiết của mình, và người chồng ô uế không làm ô uế thân thể trong sạch của cô. Anastasia giả vờ rằng mình mắc một căn bệnh phụ nữ mãn tính và không thể chữa khỏi, và nói rằng cô không thể làm vợ cho chồng mình. Thỉnh thoảng, người chồng cố gắng dùng vũ lực, bằng cách vật lộn, để thỏa mãn dục vọng của mình, nhưng Anastasia, nhờ sự giúp đỡ vô hình của Thiên Thần Hộ Mệnh, đã thoát khỏi tay hắn – và như vậy, cô vẫn giữ được sự trinh trắng của mình.

Thường xuyên, sau khi cởi bỏ những bộ trang phục sang trọng và đồ trang sức quý giá, rồi bí mật khoác lên mình bộ áo rách rưới của người ăn xin, Anastasia rời khỏi nhà mà không ai hay biết, ngoại trừ một người tớ gái luôn sát cánh bên cô. Cùng với người nô tì này, Anastasia đi khắp các nhà tù, dùng vàng để mua quyền vào đó từ lính canh, thăm viếng những người đang chịu khổ vì Chúa Kitô, và phục vụ họ với lòng kính trọng và tận tụy hết mức có thể. Cô rửa tay và chân cho các tù nhân, chải gỡ mái tóc rối bù đầy bụi bẩn của họ, lau sạch máu trên người họ, băng bó vết thương bằng vải sạch, và mang thức ăn cùng nước uống cho từng người. Sau khi phục vụ họ đủ lâu, cô trở về nhà.

Trong những công việc này, cô thường phải ra khỏi nhà, và điều này không thể giấu được chồng cô. Ông ta biết được rằng Anastasia thường đến thăm các tù nhân, và càng tức giận cô hơn, nhất là trước đó ông ta đã bực bội với vị thánh nữ vì cô từ chối sống đời vợ chồng với ông ta, và đã làm phiền cô rất nhiều vì điều đó. Còn về những việc làm của Anastasia, ông ta biết được từ người nô tì đi cùng cô; người phụ nữ phản bội đó đã kể hết mọi chuyện cho ông ta.

Sau khi đánh đập Anastasia dã man, người chồng vô đạo đức đã nhốt vị thánh nữ vào một căn phòng riêng, cử người canh gác bên cạnh, khiến bà không thể bước ra khỏi phòng. Và vị thánh đau buồn trong lòng vì những người bị giam cầm vì Chúa Kitô, vì bà không thể đến thăm họ, không thể phục vụ họ, cũng không thể cung cấp cho họ những thứ cần thiết. Đặc biệt, trái tim Anastasia đau đớn vì không được gặp vị thầy thánh của bà là Chrysogonus.

Đã hai năm nay, thánh Chrysogonus phải chịu đựng nhiều hình phạt khác nhau khi bị giam trong ngục tối. Khi còn được tự do, Anastasia thường đến thăm ngài. Nhưng giờ đây, khi bị giam cầm và dưới sự giám sát chặt chẽ, cô không thể đến thăm vị thầy của mình.

Chồng của Anastasia bắt đầu hành hạ cô ngày càng dữ dội hơn khi cha của người vợ đạo đức này, Pretexstat, qua đời; toàn bộ tài sản đáng kể của Pretexstat đã được thừa kế cho Anastasia, với tư cách là con gái duy nhất, vì ông không còn con cái hay người thân nào khác. Và lúc đó, Pomplius, lợi dụng cái chết của cha vợ mình, vì lòng căm ghét Anastasia do cô từ chối những ham muốn xác thịt của hắn, đã âm mưu giết cô để thừa kế toàn bộ tài sản của cô và sống với người vợ khác bằng tiền của người khác. Hắn đối xử với vị thánh nữ như một tù nhân và nô lệ, hàng ngày tra tấn và hành hạ cô. Điều này được biết qua lá thư mà bà đã bí mật viết cho Chrysogonus và gửi qua một bà lão. Đây là nội dung lá thư: "Gửi vị thánh chứng nhân của Chúa Kitô, Chrysogonus, từ Anastasia. Cha tôi là người thờ thần tượng; nhưng mẹ tôi, Fausta, luôn sống một cuộc đời Kitô hữu trong sạch và đạo đức. Và bà đã dẫn dắt tôi trở thành Kitô hữu ngay từ khi còn là đứa trẻ sơ sinh. Sau khi bà qua đời, tôi đã phải gánh chịu gánh nặng của cuộc hôn nhân với một người ngoại đạo. Nhưng nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa dành cho tôi, tôi đã khéo léo tránh xa giường chiếu của hắn bằng cách giả vờ ốm đau, và giờ đây, cả ngày lẫn đêm, tôi đều ôm lấy chân Chúa Giêsu Kitô của tôi. Còn chồng tôi thì cùng với những kẻ thờ thần tượng hèn hạ và đồi bại đang phung phí gia tài của tôi, khoe khoang về sự giàu có của tôi như thể đó là của riêng hắn, còn tôi, với tư cách là một phù thủy và kẻ chống đối đức tin ngoại đạo của hắn, hắn giam cầm tôi trong cảnh tù đày khắc nghiệt đến nỗi tôi chẳng còn cách nào khác ngoài việc phó thác linh hồn cho Chúa và ngã xuống trong cái chết. Tất nhiên, tôi phải vui mừng vì, sau khi chịu khổ vì Chúa, tôi sẽ chết trong khi tuyên xưng Ngài, nhưng tôi vô cùng đau buồn khi thấy tất cả của cải của tôi, vốn đã hứa dâng cho Đức Chúa Trời, đang bị phung phí bởi tay những kẻ vô đạo và chống lại Đức Chúa Trời. Vì vậy, tôi xin ngài, người của Chúa, hãy cầu nguyện sốt sắng cùng Chúa Kitô, để Ngài hoặc là để chồng tôi sống sót, nếu Ngài biết rằng anh ấy sẽ tin vào Ngài vào một ngày nào đó, hoặc nếu anh ấy tiếp tục sống trong sự vô tín, thì xin Ngài ra lệnh cho anh ấy ra khỏi cõi đời này và nhường chỗ cho những ai tôn kính Chúa. Thà anh ấy chết còn hơn là không xưng nhận Con Thiên Chúa và cản trở những ai xưng nhận Ngài. Tôi xin lấy Chúa Kitô làm chứng rằng, nếu tôi được tự do, tôi sẽ dành cả cuộc đời để phục vụ các thánh và chăm sóc họ tận tụy, như tôi đã bắt đầu làm... Xin anh, người của Thiên Chúa, hãy được cứu rỗi và thương xót tôi." Đáp lại bức thư này, thánh Anastasia đã nhận được câu trả lời như sau: "Chrysogonus gửi cho Anastasia. Đối với ngươi, người đang bị xáo trộn bởi cơn bão và những xáo trộn của thế gian này, Đấng Christ, Đấng đi trên mặt nước, sẽ sớm đến với ngươi, và bằng một lời duy nhất của Ngài, Ngài sẽ làm dịu những cơn gió vu khống của kẻ thù đang nổi lên chống lại ngươi. Khi đang ở giữa biển động, hãy kiên nhẫn chờ đợi Đấng Christ, Đấng sẽ đến với con, và không ngừng kêu cầu bằng lời của vị tiên tri: *'Tại sao linh hồn ta lại chán nản, và tại sao lại bối rối? Hãy đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, vì ta sẽ còn ca ngợi Ngài, Đấng Cứu Rỗi và Đức Chúa Trời của ta'* (Thi Thiên 41:6). Hãy trông đợi sự báo đáp gấp đôi từ Đức Chúa Trời. Vì phần gia tài tạm thời sẽ được trả lại cho ngươi, và phần gia tài trên trời sẽ được ban cho: Đức Chúa Trời đôi khi cho phép điều ác xảy ra và trì hoãn những ân huệ của Ngài, để chúng ta không ngủ quên trong sự an toàn. Đừng bối rối khi thấy những tai họa ập xuống những người sống trong sự kính sợ Đức Chúa Trời. Chúa không từ chối ngươi, nhưng đang thử thách ngươi. Hãy biết rằng sự bảo vệ do bàn tay con người mang lại không bền vững, như Lời Kinh Thánh đã chép: *"Người nào trông cậy vào con người thì bị rủa sả, còn người nào trông cậy vào Chúa thì được chúc phúc"* (Giê-rê-mi 17:5,7). Hãy kiên cường và vững vàng tự bảo vệ mình khỏi mọi tội lỗi, và tìm kiếm sự an ủi từ Đức Chúa Trời Duy Nhất, bằng cách tuân giữ các điều răn thánh của Ngài. Thời bình sẽ sớm trở lại với bạn. Cũng như sau bóng tối ban đêm, ngày rực rỡ sẽ bừng sáng, và cũng như sau mùa đông khắc nghiệt, mùa xuân ấm áp sẽ đến, thì những ngày vàng son và tươi sáng cũng sẽ đến với chị, và khi đó chị sẽ mang lại sự an ủi tạm thời cho tất cả những ai đang chịu đau khổ vì danh Chúa Kitô, còn bản thân chị chắc chắn sẽ được hưởng hạnh phúc vĩnh cửu... Hãy nương tựa vào Chúa và cầu nguyện cho tôi."

Chẳng bao lâu sau, Anastasia lại phải chịu những nỗi đau đớn chết người mới từ người chồng vô đạo và tàn nhẫn của mình, và cô lại viết thư cho Thánh Chrysogonus. Đây là những gì được viết trong thư: "Từ Anastasia gửi đến Chrysogonus, người làm chứng cho Chúa Kitô. Xin hãy nhớ đến tôi và cầu nguyện cho tôi, để Chúa, Đấng mà vì tình yêu dành cho Ngài mà tôi đang chịu đựng những đau khổ – những điều mà bà lão được cử đến gặp ngài sẽ kể lại cho ngài – sẽ đón nhận linh hồn tôi."

Thánh nhân đã trả lời bà như sau: "Chrysogonus gửi Anastasia. Ánh sáng luôn đến sau bóng tối, và sau bệnh tật, sức khỏe thường trở lại, và sau cái chết, cuộc sống vĩnh cửu đã được hứa ban cho chúng ta. Kết cục đều

như nhau cho mọi người, dù là người hạnh phúc hay kẻ đau khổ, để những ai đang đau buồn không bị tuyệt vọng chi phối, và để trong niềm vui, con người không sa vào sự kiêu ngạo. Chỉ có một biển cả, nơi những con thuyền cuộc đời chúng ta ra khơi, và với cùng một Người Chèo lái, linh hồn chúng ta thực hiện hành trình của mình. Tàu của một số người thì vững chãi hơn và vượt qua sóng gió mà không bị tổn hại, còn của những người khác thì chỉ là những chiếc thuyền mỏng manh, ngay cả khi biển lặng cũng gần như chìm. Thời điểm diệt vong đang cận kề đối với những ai không nghĩ đến việc tìm đến bến đỗ cứu rỗi. Còn ngươi, người nữ tỳ vô tì vết của Đấng Kitô, hãy gắn bó toàn bộ tâm trí vào Thập giá của Đấng Kitô và chuẩn bị bản thân cho công việc của Chúa; và khi ngươi phụng sự Đấng Kitô theo ý muốn riêng của mình, thì ngươi sẽ vượt qua những đau khổ một cách vinh quang để bước vào cuộc sống hạnh phúc bên Đấng Kitô".

Bằng bức thư này, Thánh Chrysogonus đã tiên tri về sự diệt vong sắp xảy ra của người chồng tàn bạo của bà, Pompilius. Và quả thực, không lâu sau, ông ta được cử làm sứ giả đến Ba Tư để gặp vua Ba Tư. Khi lên đường, ông ta phải đi thuyền trên biển. Con tàu mà ông ta đi đã chìm xuống đáy biển trong một cơn bão bất ngờ. Kẻ khốn nạn ấy đã chết như vậy. Còn Thánh Anastasia, sau khi giữ trọn trinh tiết, đã thoát khỏi lưới thợ săn như một con chim. Cùng với tự do của mình, bà còn nhận được toàn bộ gia tài mà cha mẹ để lại. Và cô bắt đầu, không còn bị ai cản trở, đi thăm viếng những người bị giam cầm trong ngục tối. Cô không chỉ dùng tài sản của mình để phụng sự các thánh tử đạo của Chúa Kitô. Bên cạnh đó, cô còn an ủi họ, bằng những lời khôn ngoan khích lệ họ kiên nhẫn dũng cảm và sẵn sàng chết vì Chúa Kitô mà không sợ hãi.

Vào thời điểm đó, hoàng đế Diocletian đang ở Aquileia[141] và dồn hết tâm trí vào việc đảm bảo không một Kitô hữu nào có thể lén lút thoát khỏi tay ông. Người nhận được tin từ Rôma rằng các ngục tối đang chật ních vô số tín hữu Kitô giáo, rằng dù phải chịu đủ loại cực hình, họ vẫn không chối bỏ Chúa Kitô của mình, và rằng trong tất cả những điều này, họ được củng cố bởi vị thầy Kitô giáo Chrysogonus, người mà họ vâng phục và tuân theo mọi lời dạy của ngài. Vua ra lệnh tra tấn và xử tử tất cả các tín đồ Kitô giáo, đồng thời cho đưa Chrysogonus đến trước mặt mình. Ông suy tính rằng nếu có thể khuất phục được sự kiên định của Chrysogonus, thì cũng sẽ dễ dàng khuất phục được những tín đồ Kitô giáo khác.

Khi Chrysogonus bị dẫn đến trước mặt vua để chịu thử thách, Anastasia cũng đi theo thầy mình từ xa.

Khi nhìn thấy vị thánh nhân, nhà vua trước tiên bắt đầu trò chuyện với ông, nhẹ nhàng khuyên nhủ ông từ bỏ Đức Kitô.

– Hãy nghe lời khuyên tốt lành của ta, Chrysogonus, – vị vua vô đạo nói, – hãy gia nhập đức tin của chúng ta, làm điều đẹp lòng các vị thần và chọn cho mình điều vui vẻ thay vì đau khổ, điều hữu ích thay vì vô ích. Hãy biết rằng không chỉ ngươi sẽ thoát khỏi những cực hình và có được tự do mà ngươi hằng mong ước, mà hơn thế nữa, ngươi sẽ trở thành người đứng đầu thành phố vĩ đại La Mã.

Vị thánh đáp lại:

– Ta đã nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất, và Ngài đối với ta quý giá hơn mọi ánh sáng và đáng khao khát hơn mọi tự do. Ngài quý giá hơn cả cuộc đời ta, hữu ích hơn mọi kho tàng. Ta tin Ngài bằng cả trái tim, xưng nhận Ngài bằng đôi môi, tôn kính Ngài bằng linh hồn và quỳ gối trước mặt mọi người để thờ lạy Ngài. Còn việc tôn kính nhiều vị thần của ngài, những vị mà ma quỷ ngự trị, thì tôi sẽ không làm; tôi nghĩ về họ giống như Socrates[142] , người đã nói về họ rằng: "Cần phải bằng mọi cách tránh xa họ, vì họ cám dỗ con người và là những kẻ giết người nổi tiếng." Còn những món quà và vinh dự mà ngài đề nghị cho tôi, tôi không coi trọng chúng hơn giấc ngủ và bóng tối.

---

[141] Aquileia – một thành phố ở miền Bắc Ý, hình thành từ một thuộc địa La Mã. Thành phố này tọa lạc bên bờ sông Natisone, cách Biển Adriatic không xa. Ngay sau khi được thành lập, Aquileia đã trở thành một thành phố thương mại lớn, là nơi các tuyến đường quân sự đi qua hướng về phía Bắc và các nước phía Đông, bao quanh Biển Adriatic. Vào thời Đế chế, thành phố này là cửa ngõ của Ý, vì vậy quân đội thường tập trung tại đây. Sau đó, thành phố bị tàn phá hoàn toàn bởi một bộ tộc man rợ – người Hung Nô, và một phần cư dân đã chạy trốn đến các đầm lầy của sông Po, nơi họ tham gia vào việc thành lập Venice.

[142] Socrates – nhà hiền triết Hy Lạp cổ đại, sống tại Athens vào thế kỷ V và đầu thế kỷ IV trước Công nguyên. Ông nổi bật với thế giới quan cao cả, vượt xa các bậc tiền bối cùng thời. Ngoài ra, ông không tin vào nhiều vị thần ngoại giáo và là người theo chủ nghĩa độc thần, tức là khẳng định chỉ có một Đấng Thần Duy Nhất. Do đó, Socrates bị buộc tội vô thần và vì lý do này, cũng như vì bị cáo buộc là đã làm hư hỏng các thanh niên (điều này là bất công), ông đã bị kết án tử hình bằng cách uống thuốc độc. Vào tháng 5 năm 399 trước Công nguyên, Socrates đã uống cốc thuốc độc từ cây độc cần và qua đời, được bao quanh bởi các học trò và những người kính trọng ông. Trong số các học trò của nhà triết học này, người nổi tiếng nhất là Plato, người cũng giống như thầy mình, là một người theo chủ nghĩa độc thần.

Nhà vua không thể chịu đựng được những lời nói thẳng thắn như vậy của Chrysogonus nữa, nên đã ra lệnh cho binh lính bắt ông ta, đưa đến một nơi hoang vắng và chém đầu ông. Thi thể của vị thánh được vứt bỏ trên bờ biển[143] , không xa nơi ở của một vị linh mục tên là Zoïl, người có đời sống thánh thiện, cùng ba thiếu nữ – những người chị em cả về huyết thống lẫn tinh thần, là Agapia, Chionia và Irina. Vị linh mục này, nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời, đã biết được nơi thi thể của Thánh Chrysogonus, liền mang thi thể cùng với cái đầu bị chặt đứt, đặt vào một chiếc hòm và giấu trong nhà mình[144] . Sau ba mươi ngày, Thánh Chrysogonus hiện ra với ông trong một giấc mơ và nói:

– Hãy biết rằng trong chín ngày tới, ba trinh nữ của Chúa đang sống gần ngươi sẽ bị bắt đi chịu khổ hình. Ngươi hãy dặn người tôi tớ của Chúa là Anastasia chăm sóc họ, khích lệ họ thực hiện hành động dũng cảm, cho đến khi họ được đội vương miện tử đạo. Ngươi cũng hãy giữ lòng trông cậy tốt lành rằng ngươi sẽ gặt hái được những thành quả ngọt ngào từ công lao của mình. Chẳng bao lâu nữa, ngươi cũng sẽ được giải thoát khỏi cuộc sống trần gian này và được dẫn đến với Chúa Kitô cùng với những người đã chịu khổ vì Ngài.

Thánh Anastasia cũng đã nhận được sự mặc khải tương tự. Và thế là, được Thánh Thần của Đức Chúa Trời soi dẫn, bà đã đến nhà vị linh mục mà bà chưa từng biết mặt, và hỏi ông:

– Những thiếu nữ ấy đang ở đâu, những người mà Ngài đã được mặc khải trong giấc mơ rằng họ sẽ chịu tử đạo.

Sau đó, khi biết được nơi ở của họ, bà đến với họ và ở lại qua đêm cùng họ, trò chuyện với họ về tình yêu dành cho Thiên Chúa và sự cứu rỗi linh hồn. Bằng lời nói của mình, bà khuyên nhủ họ hãy can đảm, thậm chí đến mức đổ máu, để đứng vững vì Chúa Kitô, Chàng Rể của họ. Tại nhà của linh mục Zoïlos, bà đã nhìn thấy di cốt của thánh tử đạo Chúa Kitô Chrysogonus, vị thầy kính yêu của bà, và đã khóc rất nhiều bằng những giọt nước mắt ấm áp trước di cốt ấy, phó thác bản thân mình vào những lời cầu nguyện của ngài. Sau đó, bà trở về Aquileia.

Không lâu sau đó, lời tiên tri của Thánh Chrysogonus dành cho Linh mục Zoilus đã ứng nghiệm. Vị linh mục này, sau chín ngày, đã về với Chúa, còn các trinh nữ thánh Agapia, Chionia và Irina bị bắt và bị dẫn đến trước vua Diocletian để thẩm vấn. Ông ta đã thuyết phục họ dâng lễ vật cho các thần tượng trong một thời gian dài, lúc thì dùng lời ngọt ngào, lúc thì dùng lời đe dọa, nhưng không thành công và cuối cùng đã giam họ vào ngục tối.

Còn Thánh Anastasia, theo thói quen thường lệ của mình, đến thăm các tù nhân, đã đến gặp các trinh nữ thánh đó và an ủi họ, khơi dậy trong lòng họ niềm tin vào sự trợ giúp không bao giờ bỏ rơi của Chúa Kitô và hy vọng về chiến thắng vinh quang trước các kẻ thù của Chúa.

Trong khi đó, vì công việc quốc gia, nhà vua phải lên đường đến Macedonia[145] , nên các trinh nữ thánh được giao cho quan tra tấn Dulkicius, người đã tra tấn và hành hạ họ, rồi sau đó giao họ cho một quan huyện tên là Sisinnius[146] để tiếp tục tra tấn. Người này đã ném các thánh Agapia và Chionia vào lửa. Tại đó, các ngài đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa, để lại thi thể nguyên vẹn và không hề hấn gì trong ngọn lửa. Còn thánh Irina thì bị một trong những chiến binh của Sisinius bắn trúng bằng mũi tên từ cây cung căng, sau đó thánh nữ đã qua đời. Thánh Anastasia đã thu nhặt thi thể tinh khiết của các ngài, quấn trong những tấm vải liệm trắng thơm ngát và trang trọng an táng tại một nơi được chọn sẵn, xoa dịu những đau khổ của các ngài.

Sau đó, Thánh Anastasia bắt đầu đi từ thành phố này sang thành phố khác, từ quốc gia này sang quốc gia khác; ở khắp mọi nơi, ngài phục vụ các Kitô hữu đang bị giam cầm, dùng tiền của riêng mình để cung cấp thức ăn, nước uống, quần áo và mọi thứ cần thiết cho các tù nhân, đồng thời chăm sóc y tế cho những người bệnh. Bà là nguồn an ủi cho tất cả những ai đang phải chịu thử thách nặng nề và kiệt quệ về thể xác; bà dùng vàng để chuộc lại sự giải thoát cho họ khỏi những xiềng xích nặng nề kéo dài. Chính vì thế mà Anastasia được gọi là "Người Giải Cứu Xiềng Xích", bởi nhờ sự chăm sóc thầm lặng của mình, bà đã giải thoát xiềng xích cho rất nhiều người. Có

---

[143] Ở đây tất nhiên là chỉ Biển Adriatic, vốn là một vịnh của Địa Trung Hải và nằm giữa Ý và bán đảo Balkan.

[144] Sau đó, đầu thiêng liêng của Thánh Chrysogonus đã được chuyển đến Rome, nơi mà dưới thời Giáo hoàng Symmachus (498–514), đã có một nhà thờ mang tên vị tử đạo này và đầu của ngài được lưu giữ tại đó. Còn thi hài của vị thánh thì hiện đang được an táng tại Venice.

[145] Macedonia là tên gọi của một quốc gia nằm ở phía bắc của Hellas (Hy Lạp), giữa Biển Adriatic và Quần đảo Aegean. Hiện nay, khu vực này bao gồm hai tỉnh thuộc Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu: một tỉnh ở phía đông mang tên cổ Macedonia, và một tỉnh ở phía tây được gọi là Albania.

[146] "Komiti" là tên gọi dành cho những người tháp tùng (đoàn tùy tùng) của các quan chức cấp cao ở các tỉnh, và sau này là những người tháp tùng các hoàng đế.

những người bà đã mang lại sự nhẹ nhõm; những người khác, bà đã chữa lành những vết thương tưởng chừng không thể chữa khỏi bằng chính đôi tay mình; còn những người khác, vốn đã gần như chết, bà đã hồi sinh họ bằng sự chăm sóc tận tình, ban cho họ sức khỏe và sức mạnh để đối mặt với những đau khổ mới đang chờ đợi họ.

Với mong muốn giúp đỡ những người bệnh tật và khốn khổ, bà đã học nghề y và tự tay chữa trị cho những người bị thương. Bà không ngần ngại bế trên tay những người không thể tự cử động tay chân – những chi bị gãy hoặc loét lở vì Chúa Kitô – và chính tay bà đút thức ăn vào miệng họ, cho họ uống nước, lau rửa mủ, băng bó vết loét. Và niềm vui và hạnh phúc duy nhất của bà chính là được phục vụ chính Chúa Kitô qua những người đang chịu đau khổ vì tuyên xưng danh thánh ngọt ngào nhất của Chúa Kitô. Bà đã dốc hết sức lực để lo liệu việc này, nỗ lực bằng mọi cách để đạt được điều đó, và khi cống hiến toàn bộ tâm hồn cho công việc này, bà đã chiến thắng sự yếu đuối tự nhiên của mình, nổi bật bởi lòng quảng đại và sự dũng cảm, tình yêu dành cho Thiên Chúa và tha nhân, cùng sự quan tâm đến các thánh tử đạo – những người luôn gần gũi với Thiên Chúa – và về họ, bà đã cùng với Đavít thốt lên: *"Lời suy nghĩ của Ngài thật cao cả biết bao đối với con, lạy Chúa"* (Thánh vịnh 138:17).

Khi đang ở Macedonia và tiếp tục công việc thường ngày của mình tại đó, Thánh Anastasia, Đấng Cứu Rỗi, đã làm quen với một góa phụ rất trẻ tên là Theodotia, người gốc từ vùng Bithynia, thành phố Nicaea[147] . Sau khi chồng qua đời, bà ở lại với ba đứa con trai còn nhỏ và sống tại Macedonia, dành những ngày góa bụa của mình để siêng năng sống đức tin Kitô giáo và thực hành những việc đạo đức. Thánh nữ Anastasia thường đến ở cùng người góa phụ ấy, yêu mến bà như một tôi tớ trung thành của Chúa Kitô, và tìm được an ủi qua những cuộc trò chuyện ngọt ngào với bà về tình yêu ngọt ngào nhất dành cho Thiên Chúa, chính vì tình yêu ấy mà biết bao thánh nhân đã hiến dâng linh hồn mình. Theo thời gian, người ta phát hiện ra rằng Theodota là một Kitô hữu, và người góa phụ trung thực ấy đã bị bắt giữ và dẫn đến trước mặt vua để thẩm vấn.

Khi bà đứng trước tòa án bất chính đó, một người trong số những người vây quanh nhà vua, tên là Levkadi, đã bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của bà, vì bà thật xinh đẹp và lộng lẫy. Ông ta xin nhà vua đừng giết Theodotia, mà hãy trao bà cho ông ta để ông ta có thể cưới bà. Vua đã đồng ý, hy vọng rằng người chồng sẽ sớm khiến bà quay lưng lại với Đức Kitô và trở lại thờ ngẫu tượng.

Levkadius đưa Theodotia cùng các con về nhà mình, và ông ta đã làm đủ mọi cách, nói đủ mọi lời, từ van nài, khuyên nhủ, nịnh nọt cho đến đe dọa, để cô từ bỏ Chúa Kitô và trở thành vợ ông ta. Theodotia đáp lại ông ta:

– Nếu ngươi nài nỉ để ta trở thành vợ ngươi chỉ vì ham muốn của cải và tài sản của ta, thì ta sẵn lòng trao hết cho ngươi; nhưng hãy để ta phục vụ Chúa Kitô, để thay vì tất cả của cải, ta được thừa hưởng chính Chúa Kitô. Còn nếu ngươi thèm muốn ta vì bị cuốn hút bởi nhan sắc của ta và định lôi kéo ta xa rời Chúa Kitô của ta, thì hãy biết rằng ngươi đang theo đuổi điều không thể. Bởi vì ngươi dễ dàng biến nhan sắc của ta thành sự xấu xí và biến cuộc sống thành cái chết hơn là tách rời tâm trí ta khỏi Chúa Kitô và ép buộc ta đồng ý kết hôn với ngươi.

Vào thời điểm đó, Levkadius phải tháp tùng nhà vua, người đang lên đường đi đâu đó. Ông đã ra đi, để lại Theodotia trong nhà mình, và lâu ngày không trở về. Còn Theodotia, cảm thấy nhẹ nhõm phần nào, cùng với Thánh Anastasia phục vụ các tù nhân, chữa lành cho người bệnh, chôn cất người chết, và khích lệ những người còn sống thực hiện những việc làm vĩ đại. Và rồi, người ta lại tâu lên Diocletian rằng các ngục tối trong các thành phố đã chật cứng các Kitô hữu, và không còn chỗ để giam giữ các tù nhân khác. Lúc đó, tên bạo chúa vô đạo đã ra lệnh xử tử tất cả các tù nhân bằng nhiều hình thức tra tấn khác nhau, để các nhà tù, sau khi được giải phóng, có thể chứa thêm các Kitô hữu khác. Một đêm đã được chỉ định cho việc này, trong thời gian đó, vô số vị tử đạo đã được gọi về với Ngày Không Tàn – Chúa Kitô, Chúa của chúng ta. Một số người chết dưới lưỡi gươm, một số khác bị nước nhấn chìm, một số bị thiêu trong lò lửa, còn những người khác thì bị lòng đất nuốt chửng khi còn sống: những hào sâu và hố lớn được lấp đầy bằng người rồi phủ đất và đá lên trên.

Sáng hôm sau, thánh nữ Anastasia, người yêu mến Chúa Kitô và đầy phúc lành, theo thói quen của mình, đã đến một trong những ngục tối và, khi không thấy ai trong số những vị tử đạo cao quý, đã làm vang dội không gian bằng những tiếng kêu than và tiếng khóc nức nở. Khi những người lính có mặt ở đó hỏi bà tại sao lại khóc lóc như vậy, bà đã trả lời:

– Tôi đang tìm những tôi tớ của Đức Chúa Trời tôi, những người hôm qua còn ở trong ngục này, nhưng giờ đây tôi không biết họ đang ở đâu.

[147] Nicaea – một thành phố nằm gần Bithynia.

Các binh lính, thấy cô là người Kitô hữu, liền bắt cô và dẫn đến gặp Florus, quan tổng trấn vùng Illyria[148] . Khi vị thánh được dẫn đến trước quan tổng trấn, ông hỏi cô:

– Ngươi là người Kitô hữu sao?

Thánh Anastasia đáp:

– Quả thật, tôi là người Công giáo. Điều mà ngài cho là ghê tởm, đối với tôi lại rất quý giá. Còn danh xưng "người Công giáo", mà các ngài coi là sự ô nhục, đối với tôi lại là điều chính trực và vinh quang.

Lúc đó, quan tổng trấn bắt đầu hỏi Anastasia về nguồn gốc của cô và, khi biết cô xuất thân từ một gia tộc La Mã nổi tiếng, ông ngạc nhiên hỏi:

– Điều gì đã thúc đẩy ngươi rời bỏ Rôma, quê hương vinh quang của ngươi, để đến đây?

Thánh nữ trả lời ngài:

– Không gì khác ngoài tiếng gọi của Chúa tôi, Đấng đã kêu gọi tôi đến với Ngài. Lắng nghe tiếng gọi ấy, tôi đã rời bỏ quê hương và bạn bè, vác Thập tự giá của Chúa Kitô tôi và hăng hái, vui mừng bước theo Chúa Kitô.

Igemon nói:

– Đấng Kitô mà ngươi tuyên xưng đang ở đâu? Anastasia đáp:

– Không có nơi nào mà Đấng Kitô không hiện diện. Ngài ở trên trời, dưới biển và trên đất; Ngài ngự trong tất cả những ai kêu cầu và kính sợ Ngài, soi sáng trí tuệ họ và luôn ở cùng họ.

Igemon hỏi:

– Vậy những người sợ Đấng Kitô mà ngươi nói đến đang ở đâu? Hãy nói cho chúng ta biết để chúng ta nhận ra họ.

Thánh nữ đáp:

– Cho đến nay, họ vẫn ở cùng chúng tôi trên trần gian, sống trong thân xác, nhưng giờ đây, sau khi rời bỏ thế gian này, họ đã ở trên trời và đang nhìn xuống chúng tôi từ trên cao. Cái chết vì Chúa Kitô đã mang lại cho họ sự hạnh phúc đó. Và tôi mong muốn được ở trong số họ và đi theo con đường giống như họ.

Igemon không thể làm gì với người phụ nữ La Mã quý tộc này cho đến khi hoàng đế biết về bà, vì vậy ông đã ghi chép lại mọi điều liên quan đến Anastasia và gửi bản tường trình đặc biệt này cho Diocletian. Diocletian biết cha mẹ của Anastasia và chồng bà, cũng như chính bản thân bà. Khi nhận ra rằng cô đang dùng tài sản thừa kế từ cha mẹ để giúp đỡ những Kitô hữu nghèo khó, ông ra lệnh đưa vị thánh đến trước mặt mình và, khi nhìn thấy cô, bắt đầu tra hỏi về tình trạng tài sản của cô, bởi vì ông yêu của cải hơn cả các vị thần của mình.

– Tài sản mà cha ngươi để lại cho ngươi đâu rồi? Thánh nữ dũng cảm trả lời:

– Nếu tôi còn giữ lại bất cứ thứ gì trong số những kho tàng và tài sản mà tôi có thể dùng để phục vụ các tôi tớ của Đấng Kitô, thì tôi đã không tự nộp mình vào tay những kẻ đang săn lùng máu của các Kitô hữu. Nhưng giờ đây, tôi đã tiêu hết toàn bộ tài sản mà tôi đã dâng hiến cho Chúa Kitô, và tôi chỉ còn lại thân xác này mà thôi; vì thế, tôi mong muốn dâng cả thân xác này làm của lễ cho Thiên Chúa của tôi.

Thấy vị thánh nữ nói chuyện một cách tự do và nhận ra sự can đảm của bà, nhà vua đã mất hy vọng có thể khuất phục bà bằng lời nói và chiếm được bất cứ thứ gì từ của cải của bà, vốn vừa được nghe nói là đã cạn kiệt. Ông sợ tiếp tục trò chuyện với bà, e rằng bà sẽ làm ông xấu hổ bằng những lời khôn ngoan của mình, nên ra lệnh đưa bà đến gặp quan tổng trấn, đồng thời nói:

– Không xứng đáng với bệ hạ khi phải trò chuyện với một người phụ nữ điên rồ.

Thống đốc vùng nhẹ nhàng hỏi thánh Anastasia:

– Tại sao ngươi không muốn dâng lễ vật cho các vị thần, như cha ngươi đã từng làm, tại sao ngươi lại từ bỏ họ và tôn kính Chúa Kitô? Chẳng phải ngươi không biết Ngài sao: Ngài sinh ra giữa dân Do Thái và chính họ đã giết Ngài như một tên tội phạm.

Thánh Anastasia đáp:

– Trong nhà tôi cũng từng có các vị thần và nữ thần, bằng vàng, bạc và đồng. Tôi đã thấy họ đứng đó vô dụng, chỉ làm chỗ đậu cho chim chóc, nơi trú ngụ cho nhện và ruồi. Vì thế, tôi đã ném các vị thần và nữ thần vào

[148] Illyria chiếm bờ biển phía đông của Biển Adriatic, được giới hạn ở phía tây bắc bởi sông Sava, và ở phía đông nam bởi sông Drina. Hiện nay, khu vực này bao gồm Dalmatia và Bosnia-Herzegovina, cũng như một phần nhỏ của Albania. Illyria nằm sát Macedonia, nên Thánh Anastasia, khi đang làm việc thiện cho các tù nhân trong các ngục tối khắp Macedonia, có thể đã ghé qua lãnh thổ Illyria, đó là lý do bà bị dẫn giải đến trước quan tổng trấn Illyria.

lửa, giải thoát họ khỏi sự ô nhục mà chim chóc, nhện và ruồi gây ra cho họ. Và từ ngọn lửa, họ đã hiện ra trước mặt tôi dưới hình dạng những đồng tiền vàng, bạc và đồng. Bằng số tiền đó, tôi đã cho nhiều người đói ăn no, cho người trần truồng mặc ấm, giúp đỡ những người yếu đuối, và đáp ứng nhu cầu của những người khốn khó. Và như vậy, từ những vị thần vốn chỉ đứng đó vô dụng và không mang lại lợi ích gì, tôi đã mang lại lợi ích cho rất nhiều người.

Nghe những lời đó, quan tổng trấn giận dữ thốt lên:

– Ta không muốn nghe gì về hành động vô đạo đức của ngươi cả. Lúc đó, vị thánh nữ mỉm cười đáp lại:

– Ta thật ngạc nhiên trước trí tuệ của ngài, thưa quan tòa. Làm sao ngài có thể gọi hành động của ta là hành động vô thần được chứ. Nếu những tượng thần vô hồn đó có dù chỉ một chút cảm xúc hay một sức mạnh nào đó, thì điều gì đã ngăn cản chúng thoát khỏi tay những kẻ phá hủy chúng, hoặc trả thù những kẻ phá hủy, hoặc ít nhất là la hét và cầu xin sự giúp đỡ từ các ngài? Nhưng chúng thậm chí còn không tự nhận thức được bản thân, không biết điều gì đang xảy ra với chúng.

Ngắt lời vị thánh, quan tòa nói:

– Đức Vua thiêng liêng của chúng ta đã ra lệnh cho ngươi – hãy gác lại mọi lời bàn luận thừa thãi, và chọn một trong hai điều: hoặc đồng ý dâng lễ vật cho các vị thần, hoặc phải chịu một cái chết thảm khốc.

Vị thánh nữ đáp lại rằng, chết vì Chúa Kitô không có nghĩa là chết, mà là bước vào cuộc sống vĩnh cửu.

Sau một cuộc đối thoại dài, thấy vị thánh vẫn kiên quyết không lay chuyển, quan tổng trấn đã tâu lại điều này với hoàng đế. Diocletian, trong cơn thịnh nộ tột độ, bắt đầu suy tính xem nên làm gì với thánh Anastasia. Một trong những cận thần đã khuyên hoàng đế giao bà cho Ulpianus, vị tư tế của Đền Capitoline[149] , để ông ta thuyết phục bà từ bỏ Chúa Kitô, hoặc ép buộc bà bằng cực hình, hoặc nếu bà không chịu khuất phục, thì xử tử bà; và nếu sau khi bà qua đời còn lại tài sản nào, thì sẽ thu về cho Đền Capitoline. Lời khuyên này làm hoàng đế hài lòng, và ông đã giao thánh Anastasia cho Ulpian, vị thượng tế tối cao của tất cả các vị thần.

Ulpian đã đón rước bà về nhà mình một cách trang trọng, với hy vọng sẽ thuyết phục được bà bằng lời ngọt ngào hơn là bằng những lời đe dọa. Sau những lời dỗ dành ân cần kéo dài, ông đưa ra cho nàng hai lựa chọn đối lập, bao hàm tất cả sự huy hoàng của thế gian và mọi loại dụng cụ tra tấn, sắp xếp chúng đối diện nhau: một bên là đá quý, bên kia là những con dao hai lưỡi; ở đây là những chiếc giường vàng, được trang trí bằng những chi tiết pha lê quý giá, còn ở kia là những chiếc giường sắt nung đỏ, chứa đầy than hồng; ở đây là những chuỗi hạt[150] , bông tai, đủ loại trang sức bằng vàng và ngọc trai, còn ở kia là còng tay, xích sắt và dây trói bằng sắt. Ở đây là những tấm gương sáng bóng và đủ loại trang phục nữ, còn ở kia là những chiếc lược sắt và những cây giáo sắt, được dùng để xé nát thân thể. Một bên là những bộ y phục quý giá, bên kia là những mảnh vỡ và mùn cưa, thứ mà những kẻ tra tấn thường dùng để làm rỉ máu những vết thương gây ra cho các vị tử đạo.

Tại sao người đàn ông xảo quyệt và gian trá này lại hành động như vậy? Tại sao ông ta lại đặt những vật dụng tra tấn và đau khổ đối diện với những vật xa xỉ, những thứ mang lại niềm vui đối diện với những thứ gây ra sự chán nản, và những thứ dịu dàng đối diện với những vật đáng sợ? Để bằng những thứ này quyến rũ, hoặc bằng những thứ kia dọa nạt cô dâu của Đấng Christ. Nhưng nàng không để ý đến điều gì cả: nàng không mong muốn bất cứ điều gì mang lại niềm vui, không sợ hãi và cũng không muốn trốn chạy khỏi những vật gây ra nỗi buồn và sự chán nản, và nàng nhìn vào các dụng cụ tra tấn với sự háo hức hơn là nhìn vào những trang sức của phụ nữ. Như vậy, điều mà nhà tiên tri đã nói đã xảy ra với kẻ khốn nạn ấy: *"Sự dối trá đã tự lừa dối chính mình"* (Thánh Vịnh 36:12), – và vị tư tế xảo quyệt, không lường trước được, đã sắp đặt mọi việc để tự làm mình bẽ mặt và xấu hổ; vì lúc đó Anastasia đã thể hiện lòng dũng cảm và tình yêu dành cho Chúa Kitô còn lớn lao hơn nữa, đến nỗi toàn bộ sự hư vô của mưu đồ xảo quyệt của vị tư tế ngoại giáo và sự vô ích của sự gian trá của hắn đã bị phơi bày. Khi ông ta nói với vị thánh:

– Hãy chọn những gì ngươi muốn từ hai bên này.

---

[149] Capitoline – pháo đài trung tâm của La Mã, tọa lạc trên Đồi Capitoline, nơi tập trung các cơ quan chính quyền cao nhất của đế chế. Tại đây có đền thờ Jupiter Capitoline, được coi là thánh địa chính của La Mã và thường là nơi diễn ra các phiên họp của Thượng viện, cả về các vấn đề tôn giáo lẫn chính trị. Ngôi đền này đã hai lần bị phá hủy, và cả hai lần đều được xây dựng lại với sự tráng lệ hơn hẳn. Lần cuối cùng, nó được trùng tu dưới thời Hoàng đế Domitian (vào năm 62 hoặc 70 sau Công nguyên). Thượng tế tại đền thờ Jupiter Capitolinus trong thời kỳ La Mã đa thần được hưởng sự kính trọng cao độ và có vai trò vô cùng quan trọng trong nhà nước.

[150] Monista – một loại trang sức đeo cổ, gồm một sợi dây xích hoặc dây thừng, với những đồng tiền được xâu thành chuỗi như một chiếc vòng cổ. Một mẫu monista thú vị được tìm thấy tại Ravenna (Ý), trong nhà thờ Thánh Vitalis, trên bức tranh khảm miêu tả Hoàng hậu Theodora cùng các phụ nữ tháp tùng; tất cả các phụ nữ đều đeo monista, với mức độ sang trọng khác nhau và gồm nhiều hàng trang sức.

Cô, sau khi nhìn vào những vật phẩm xa xỉ và đồ trang sức được bày ra trước mặt, đã nói:

– Tất cả những thứ này, hỡi ma quỷ, là của ngươi và những kẻ phục vụ ngươi, những kẻ mà ngươi sẽ cùng chung số phận diệt vong vĩnh viễn.

Nhìn vào những xiềng xích và dụng cụ tra tấn, thánh Anastasia thốt lên:

– Khi được bao quanh bởi những vật này, tôi sẽ trở nên xinh đẹp và đáng yêu hơn trong mắt vị hôn phu mà tôi hằng khao khát – chính là Đấng Kitô. Tôi chọn những thứ này và từ chối những thứ kia; tôi yêu mến những thứ này vì Chúa, Đấng tôi yêu dấu, còn những thứ kia thì tôi ghét bỏ.

Lúc đó, vị tư tế, vì thương xót nàng và vẫn chưa từ bỏ hy vọng rằng nàng sẽ thay đổi ý định, đã cho nàng ba ngày để suy ngẫm. Nhưng vị tử đạo, với vẻ buồn bã, đã nói:

– Tại sao phải trì hoãn? Tại sao ngươi không muốn tra tấn ta ngay bây giờ? Ngươi sẽ không nghe được gì khác từ ta ngoài những gì ta đang nói: ta sẽ không dâng lễ vật cho các thần của ngươi, sẽ không tuân theo ý muốn của ngươi và vua của ngươi; mà tôi sẽ dâng lễ vật ngợi khen lên Vua muôn đời, Đức Chúa Trời duy nhất và bất tử của tôi, Đấng mà tôi phó thác linh hồn mình. Còn những cực hình mà ngươi đe dọa, tôi khinh thường, vì tôi chẳng mong muốn gì khác ngoài một mình Đấng Christ, Đấng mà trong Ngài có sự sống đời đời.

Vị tư tế hỏi nàng:

– Chẳng lẽ ngươi cũng chọn cho mình cái chết giống như Đấng Kitô sao?

Nghe tin về cái chết của Đấng Kitô, vị tử đạo tràn đầy niềm vui và nói:

– A-men, a-men! Xin điều đó xảy ra với con, Chúa Kitô, Vua của con!

Vị tư tế hỏi:

– Từ "A-min" này có nghĩa là gì?

Thánh nữ đáp:

– Ngươi không xứng đáng để hiểu hay thốt ra từ này[151] . Không ai trong số những người khôn ngoan lại đổ dầu thơm quý giá vào một cái bình mục nát.

Lúc đó, Ulpian ra lệnh đưa thánh Anastasia đến ở với những người phụ nữ mà bà quen biết – những người từng là hàng xóm và bạn bè của bà – trong ba ngày, để họ thuyết phục bà quay trở lại với các vị thần của cha ông. Những người phụ nữ xảo trá và vô đạo đức ấy đã làm đủ mọi cách! Họ đã thì thầm vào tai Thánh Anastasia biết bao lời khuyên, biết bao lời lẽ dịu dàng và dễ nghe dành cho phụ nữ, nhắc nhở cô về vẻ đẹp và sự ngọt ngào của thế gian! Nhưng vị thánh ấy như người điếc, không nghe thấy gì, và như người câm, không mở miệng nói. Trong ba ngày đó, cô không ăn uống gì, nhưng trong lòng không ngừng kêu cầu Đấng Hôn Phu của mình là Chúa Kitô. Ba ngày sau, vị thượng tế Ulpian, thấy thánh Anastasia kiên định trong việc tuyên xưng đức tin, như một cột trụ vững chắc và một ngọn núi bất động, đã kết án cô phải chịu cực hình. Nhưng trước tiên, tên khốn kiếp này, bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của bà, đã muốn làm ô uế con bồ câu tinh khiết của Chúa Kitô bằng sự dơ bẩn của mình. Tuy nhiên, khi tên vô đạo này định chạm vào bà, hắn bỗng chốc mù lòa, cơn đau khủng khiếp siết chặt đầu hắn, và như một kẻ điên loạn, hắn gào thét và kêu cầu các vị thần của mình, van xin sự giúp đỡ. Hắn ra lệnh cho người ta khiêng mình đến đền thờ thần tượng, hy vọng nhận được sự giúp đỡ từ những vị thần mà hắn phụng sự, nhưng thay vì được giúp đỡ, hắn lại phải chịu tổn hại lớn, và thay vì được sống – hắn phải chết, vì hắn đã phơi bày linh hồn độc ác của mình và chuyển sang sống với các vị thần của hắn – ở địa ngục. Tin đồn về phép lạ này lan truyền rộng rãi, còn thánh nữ tử đạo Anastasia thì vẫn được tự do. Rời khỏi đó, bà đến gặp người chị em thiêng liêng của mình là Theodotia, người vẫn đang ở trong nhà của quan tổng trấn Levkadius, và kể cho bà ấy nghe chi tiết về tất cả những gì bà đã trải qua, cũng như về phép lạ mà Thiên Chúa đã thực hiện qua bà, thể hiện lòng thương xót của Ngài đối với bà. Không lâu sau đó, Levkadius cũng trở về từ Bithynia. Ông ta lại tiếp tục những mưu đồ cũ và vẫn cố gắng, lúc thì bằng lời ngọt ngào, lúc thì bằng lời đe dọa, để ép buộc Theodotia phạm hai tội ác: thờ lạy các vị thần vô đạo của ông ta và kết hôn với ông ta trong một cuộc hôn nhân nhục nhã và đáng ghê tởm đối với cô. Cuối cùng, sau khi đã cạn kiệt mọi nỗ lực và nhận ra rằng mình không thể đạt được điều gì do sự hiện diện của Anastasia tại đây, tên độc ác ấy lại bùng lên cơn thịnh nộ còn dữ dội hơn: hắn đã trói Anastasia lại và giao cô cho tòa án xét xử, còn Feodotia

[151] "A-min" là một từ tiếng Do Thái, có nghĩa là: thật vậy, đúng vậy, xin được như vậy. Từ này thường xuất hiện trong các sách thánh của cả Cựu Ước lẫn Tân Ước, và có một lần nó thậm chí còn được dùng để chỉ chính Con Thiên Chúa, Đấng là Chân Lý vĩnh cửu (Khải Huyền 3:14). Từ thời cổ đại, từ "A-min" đã được sử dụng trong các nghi lễ thờ phượng của Kitô giáo.

cùng các con của cô thì bị trói và bị gửi đến Bithynia, đến chỗ Amphipatus Nikita[152] , đồng thời gửi cho ông ta một lá thư kể lại tất cả những gì liên quan đến Feodotia.

Khi Thánh nữ Theodotia được dẫn đến trước vị tổng trấn này, trong lúc thẩm vấn, ông ta đã đe dọa sẽ tra tấn bà. Trước tình huống đó, con trai cả của Theodotia, tên là Evod, một cậu bé nhỏ tuổi, đã nói với vị tổng trấn:

– Thưa quan tòa, chúng con không sợ những hình phạt khiến thân xác hư nát, mà lại ban sự bất tử cho linh hồn. Chúng con chỉ sợ Đức Chúa Trời, Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác trong hỏa ngục.

Nghe những lời đó, quan tòa liền ra lệnh ngay tại chỗ, trước mặt người mẹ, đánh cậu bé bằng roi cho đến khi chảy máu. Người mẹ, chứng kiến cảnh đó, lại cảm thấy vui mừng và khích lệ con trai mình bằng những lời thánh thiêng, khuyên cậu hãy can đảm chịu đựng mọi đau khổ. Sau cuộc tra tấn đó, Theodota bị giao cho một kẻ vô liêm sỉ tên là Girtak, để hắn làm ô uế cô. Nhưng ngay khi tên đó tiến lại gần người nữ tỳ trinh khiết của Chúa và định chạm vào cô, hắn bỗng thấy một chàng trai trẻ rạng rỡ đang đứng bên cạnh cô. Chàng trai ấy nhìn hắn với ánh mắt uy nghiêm, rồi tát mạnh vào mặt hắn đến nỗi máu chảy ròng ròng. Thống đốc cũng đã chứng kiến phép lạ này một cách rõ ràng, nhưng thay vì nhận ra Đức Chúa Trời, Đấng gìn giữ sự trong sạch của những người trinh khiết, ông lại càng điên cuồng hơn, gán ghép điều đó cho những phép thuật phù thủy. Ông ra lệnh đốt lò thật nóng và ném người mẹ cùng ba đứa con vào đó. Và thánh Theodota cùng những đứa con thiêng liêng trong bụng đã trở thành của lễ dâng lên Đức Chúa Trời: bà đã qua đời trong ngọn lửa[153] .

Vào thời điểm đó, Thánh Anastasia đang bị xiềng xích dưới sự giam giữ của thống đốc Illyria.

Người này rất tham lam, và khi nghe tin Anastasia sở hữu một gia tài khổng lồ, ông ta đã ra lệnh bí mật đưa bà đến trước mặt mình và nói với bà:

– Ta biết ngươi giàu có và sở hữu nhiều tiền bạc cùng tài sản. Đồng thời, ngươi vẫn giữ vững đức tin Kitô giáo, điều mà chính ngươi cũng không giấu giếm. Vậy hãy tuân theo điều răn của Đấng Kitô của ngươi. Ngài ra lệnh cho các ngươi phải khinh thường mọi của cải và sống như những người nghèo khó. Hãy nhượng lại của cải của ngươi cho ta và lập ta làm người thừa kế tài sản của ngươi. Nếu làm như vậy, cô sẽ nhận được lợi ích gấp đôi: vừa tuân giữ điều răn của Chúa Kitô, vừa thoát khỏi tay chúng tôi để có thể phụng sự Thiên Chúa của mình một cách an toàn và không bị cản trở.

Thánh Anastasia khôn ngoan đã trả lời như sau:

– Trong Phúc Âm có lời của Chúa tôi: *"Hãy bán tài sản của ngươi và phân phát cho người nghèo; và ngươi sẽ có kho tàng trên trời"* (Mt 19:21). Ai lại điên rồ đến mức cho ngươi, một người giàu có, những gì thuộc về người nghèo? Ai lại thiếu sáng suốt đến mức cho ngươi, kẻ chìm đắm trong xa hoa, sống trong sự sung sướng và tự mãn, thức ăn của người nghèo? Nếu ta thấy ngươi đói khát, trần truồng, ốm đau và bị ném vào ngục tối, thì ta sẽ làm cho ngươi, như lẽ phải, tất cả những gì Đức Kitô đã truyền dạy cho chúng ta: ta sẽ cho ngươi ăn, cho ngươi uống, cho ngươi mặc, thăm viếng ngươi, phục vụ ngươi, giúp đỡ ngươi, cung cấp cho ngươi mọi thứ cần thiết (Mt 26,34–45).

Vị thống đốc nổi giận trước những lời ấy và trong cơn thịnh nộ, ra lệnh giam vị thánh nữ vào ngục tối u ám và để bà chịu đói trong ba mươi ngày. Nhưng bà được nuôi dưỡng bởi niềm hy vọng của mình – Chúa Kitô: Ngài là thức ăn ngọt ngào và là sự an ủi trong nỗi đau khổ của bà. Mỗi đêm, vị thánh tử đạo Theodotia đều hiện ra với nàng, làm tràn ngập lòng nàng niềm vui và củng cố tinh thần nàng. Anastasia đã trò chuyện với vị thánh ấy về nhiều điều, và hỏi bà rất nhiều điều. Trong số đó, nàng hỏi bà:

– Tại sao chị lại đến với em sau khi qua đời?

Thánh nữ Theodotia giải thích cho cô rằng các linh hồn của các vị tử đạo được Thiên Chúa ban cho ân sủng đặc biệt, để ngay cả sau khi rời khỏi trần gian, họ vẫn có thể đến với bất cứ ai họ muốn, trò chuyện với họ và an ủi họ.

Sau ba mươi ngày, vị thống đốc, thấy rằng Thánh Anastasia không hề suy kiệt vì đói, mà vẫn khỏe mạnh và khuôn mặt rạng rỡ, liền nổi giận với các lính canh, cho rằng họ đã lén đưa thức ăn cho bà. Cuối cùng, ông ra lệnh giam cô vào một ngục tối kiên cố hơn, niêm phong lối vào bằng con dấu của mình và, cử những lính canh trung thành nhất canh gác, để thánh Anastasia phải chịu đói khát thêm ba mươi ngày nữa. Trong suốt thời gian đó, vị thánh tử đạo ngày đêm chỉ nuôi sống bản thân bằng những giọt nước mắt và siêng năng cầu nguyện với Thiên

---

[152] Anphipat – là danh xưng của quan chức cấp cao nhất trong vùng, dưới quyền cai trị của ông có một số tỉnh cùng các quan cai trị được gọi là "hégemon".

[153] Nơi Thánh Theodota cùng các con trai của bà chịu đau khổ và tử đạo là thành phố Nicaea, thuộc Bithynia.

Chúa. Khi ba mươi ngày trôi qua, viên quan đã dẫn Thánh Anastasia ra khỏi ngục tối và, khi thấy khuôn mặt bà vẫn không hề thay đổi, đã kết án tử hình bà cùng với những người khác bị kết án vì các tội ác khác nhau. Tất cả họ đều bị định sẽ bị ném xuống biển.

Trong số những người bị kết án có một người đàn ông đạo đức tên là Evtichian, người đã từ bỏ toàn bộ tài sản của mình vì Chúa Kitô, và ông cũng bị kết án cùng hình phạt đó. Và thế là tất cả họ đều bị đưa lên tàu và được chở ra biển. Khi đến vùng nước sâu, các binh lính đã khoan vài lỗ trên thân tàu, còn bản thân họ thì chuyển sang một chiếc thuyền nhỏ đã được chuẩn bị sẵn từ trước, rồi chèo về bờ. Và khi con tàu sắp chìm hẳn, những người trên tàu bỗng thấy thánh nữ tử đạo Theodotia đang điều khiển buồm và dẫn dắt con tàu về phía bờ, nơi nó nhanh chóng cập bến. Tất cả những người bị kết án, khi thấy mình được cứu thoát khỏi vụ chìm tàu, đều kinh ngạc và quỳ xuống dưới chân hai tín hữu Kitô giáo là Evtichian và Anastasia, khẩn cầu họ truyền dạy cho họ đức tin vào Chúa Kitô.

Sau khi lên bờ an toàn, họ đã tiếp nhận giáo lý đức tin từ Evtikhian và Anastasia và được rửa tội. Tổng cộng có một trăm hai mươi linh hồn đã thoát khỏi nguy cơ chìm đắm và tin nhận Chúa Kitô.

Igemon, ngay sau khi biết tin này, đã nổi giận và ra lệnh bắt giữ họ rồi hành quyết bằng đủ mọi hình thức tra tấn; còn nữ tử đạo Anastasia thì bị kéo căng giữa bốn cột và thiêu sống. Vậy là vị Thánh Giải thoát đã hoàn thành cuộc hành hương đầy đau khổ của mình – thoát khỏi xiềng xích của xác thịt và bước vào sự tự do thiên đàng mà người hằng khao khát[154] . Thi thể thánh thiện của bà, không bị lửa thiêu rụi, đã được một người phụ nữ đạo đức tên là Apollinaria xin lại từ vợ của Igemon, và bà đã an táng thi thể đó một cách trang trọng trong vườn nho của mình. Sau này, khi cuộc đàn áp Giáo hội chấm dứt, bà đã xây dựng một nhà thờ trên ngôi mộ của vị tử đạo.

Nhiều năm nữa trôi qua, thi hài thánh thiện của Thánh Anastasia đã được tôn vinh. Lúc bấy giờ, thi hài của ngài được rước về thành phố hoàng gia Constantinople với sự tôn kính cao cả, để bảo vệ và cứu rỗi thành phố, vì vinh quang của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, Đấng được tôn vinh muôn đời trong một Thiên Tính duy nhất. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Những ai đang phải chịu cám dỗ và đau khổ, khi chạy đến đền thờ của ngài, đều nhận được ân sủng thiêng liêng từ ân sủng Thần Thánh ngự trong ngài, thánh Anastasia: vì ngài luôn ban sự chữa lành cho thế gian.

Ngày 5 tháng 1

Ngày 23 tháng 12 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Cha Niphon, Giám mục Síp

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 12

Thánh Nifont xuất thân từ xứ Paphlagonia, thành phố Plagion[155] , và là con trai của một người nổi tiếng tên là Agapit. Khi còn là thiếu niên, ngài được giao phó cho quan tổng trấn Savvati, người được Hoàng đế Constantine Đại đế cử từ Constantinople đến Paphlagonia. Vị tổng trấn này đã gửi cậu thiếu niên cùng với phó quan của mình[156] đến Constantinopolis để học tập cùng với vợ ông. Cậu thiếu niên bắt đầu học với linh mục Phêrô, người sống tại nhà của vị tổng trấn, và học tập chăm chỉ và thành công, vì cậu có năng khiếu học tập. Khi còn nhỏ, Nifont là một đứa trẻ hiền lành, trầm tính, nhu mì, khiêm tốn, và thích đi nhà thờ. Khi bước vào tuổi thiếu niên, cậu dần dần bị ảnh hưởng xấu bởi những người bạn xấu: những thiếu niên, nếu không được giáo dục trong sự kính sợ Đức Chúa Trời, rất dễ bị lôi kéo bởi những tấm gương xấu. Và nếu ngay cả trong số những người trưởng thành, người

[154] Đó là vào khoảng năm 304, ngày 22 tháng 12.
[155] Nằm ở phía bắc Tiểu Á.
[156] Proto-vestiarion – một trong những chức vụ tại triều đình hoàng gia Constantinopolis. Proto-vestiarion chịu trách nhiệm giám sát chính về trang phục hoàng gia (tủ quần áo).

tốt cũng dễ bị người xấu lôi kéo, như đã được nói: "Nếu *ở cùng những kẻ ngang bướng, ngươi sẽ trở nên ngang bướng"* (Thi Thiên 17:27), thì điều này lại càng thường xảy ra hơn ở lứa tuổi thanh thiếu niên, những người vốn dĩ có xu hướng hướng về điều ác hơn là điều thiện, như đã chép: *"Ý nghĩ trong lòng con người là ác ngay từ khi còn trẻ"* (Sáng Thế Ký 8:21). Và thế là chàng trai trẻ Nifont bắt đầu sống một cuộc đời nhàn rỗi và lười biếng, ăn uống vô độ và say sưa, học theo những thanh niên hư hỏng thói nói năng vô bổ và thô tục, bắt đầu đi xem các buổi biểu diễn của những kẻ lố bịch, rồi sa vào những việc xấu xa và dành cả đêm với bạn bè trong những hành vi phạm pháp, tự làm ô uế bản thân bằng những tội lỗi dơ bẩn, hơn nữa, cậu ta còn bắt đầu trộm cắp, cãi vã và đánh nhau với mọi người, và trở thành cám dỗ cho những thanh niên khác, bởi vì không chỉ bản thân cậu ta phạm mọi điều trái luật, mà còn lôi kéo nhiều người khác làm theo. Một người quen của Nifont, tên là Vasily, thường xuyên nói với cậu ta:

– Khốn khổ cho ngươi, Nifont! Ngươi còn sống về thể xác, nhưng linh hồn đã chết rồi, và chỉ còn bóng ma của ngươi lang thang giữa loài người.

Còn Nifont thì lúc thì không để ý đến những lời đó, lúc thì lại khóc lóc than thở về những tội lỗi của mình; tuy nhiên, vẫn tiếp tục theo đuổi những thói quen xấu, anh ta chìm đắm trong những việc xấu xa như chìm trong biển cả, và khi đã hoàn toàn tuyệt vọng về sự cứu rỗi của mình, anh ta nói:

– Ta đã hư mất rồi và không thể quay lại con đường sám hối được nữa, – vậy thì ít nhất ta cũng sẽ tận hưởng những thú vui trần thế ở đây.

Và ma quỷ đã làm cho trái tim Nifont trở nên chai sạn đến mức anh ta không thể cầu nguyện được nữa: vì dường như luôn có một tảng đá đè nặng trên trái tim anh ta. Còn người phụ nữ mà Nifont đang sống cùng, khi chứng kiến cuộc sống trụy lạc của anh ta, đã nói với lòng đau xót:

– Khốn khổ cho tôi! Tai họa này từ đâu ập xuống đầu tôi vậy?

Bà đã nhiều lần khuyên răn anh ta, cãi vã với anh ta, mắng mỏ và đánh đập anh ta, nhưng anh ta vẫn không chịu sửa đổi. Câu chuyện này được kể lại để cho thấy lòng thương xót của Đức Chúa Trời vĩ đại đến nhường nào, nhờ đó Ngài biến những kẻ không xứng đáng thành người chính trực và biến những kẻ tội lỗi thành người công chính – và rằng không có tội lỗi nào vượt qua được lòng nhân ái của Đức Chúa Trời. Hãy để chúng ta, những kẻ tội lỗi, lấy đó làm gương, để không tuyệt vọng khi chìm đắm trong nhiều điều gian ác, mà hãy sửa đổi bằng sự sám hối, giống như Nifont. Vì ông ta từng như một bình chứa tội lỗi, nhưng sau đó, nhờ sự sám hối chân thành, đã trở thành bình chứa Thánh Thần, như chúng ta sẽ được biết trong câu chuyện tiếp theo.

Nifont có một người bạn tên là Nicodemus. Một lần nọ, Nifont đến gặp anh ta, Nicodemus nhìn ông và kinh hoàng, ngạc nhiên nhìn thẳng vào mặt ông. Nifont hỏi anh ta:

– Sao anh lại nhìn tôi như thể tôi là người lạ vậy?

Nicodemus trả lời

– Tin tớ đi, anh ơi, tớ chưa bao giờ thấy anh như bây giờ: khuôn mặt anh trông đáng sợ như người Ethiopia vậy.

Nghe những lời đó, chàng trai hoảng sợ, đồng thời cũng cảm thấy xấu hổ, nên che mặt bằng tay rồi buồn bã bỏ đi. Trên đường đi, anh tự nhủ:

– Khốn khổ cho ta, kẻ tội lỗi! Nếu trong thế gian này, linh hồn và thân xác ta đều đen tối, thì ta sẽ ra sao trước tòa án của Đức Chúa Trời? Ta sẽ ra sao khi đứng trước Dung Nhan của Đức Chúa Trời? Khốn khổ cho ta, kẻ bất hạnh! Linh hồn ta ơi, giờ đây ngươi ở đâu? Khốn khổ cho ta! Ta phải làm gì đây? Liệu ta còn có thể ăn năn được không? Có ai sẽ hướng dẫn ta ăn năn và nói cho ta biết liệu ta còn có thể được cứu rỗi không? Làm sao ta có thể thưa với Chúa: "Xin thương xót con!" – khi ta đã phạm biết bao điều xấu xa trước mặt Ngài?

Và Nifont còn tự nói với chính mình nhiều điều khác nữa, cuối cùng, anh trở về nhà với tâm trạng buồn bã và mệt mỏi, trong lòng anh những suy nghĩ trái ngược nhau đang đấu tranh. Suy nghĩ thiện lành thì nói với anh: "Hãy cầu nguyện với Chúa vào ban đêm: Ngài sẽ đối xử với anh theo ý Ngài muốn." Còn suy nghĩ xấu xa thì phản đối điều đó, nói rằng: "Nếu anh đứng lên cầu nguyện, anh sẽ mất trí, trở thành kẻ điên rồ, và mọi người sẽ cười nhạo anh."

Ác quỷ gieo rắc nỗi sợ hãi vào tâm trí anh và làm xáo trộn tâm hồn anh một cách dữ dội. Nhưng anh, sau khi lấy lại chút bình tĩnh, tự nhủ với chính mình:

– Khi ta còn sống sa đọa, chẳng có điều ác nào xảy ra với ta cả, vậy mà giờ đây, khi ta muốn cầu nguyện với Đức Chúa Trời, liệu có điều ác nào xảy ra với ta chăng? Ngươi hãy bị nguyền rủa đi, con quỷ ô uế và xảo quyệt, kẻ đang gieo rắc điều này vào tâm trí ta!

Vào ban đêm, Nifont thức dậy khỏi giường và bắt đầu khóc lóc, đập ngực mình, nói rằng:

– Xưa kia ta đã sống đạo đức và lương thiện biết bao, vậy mà giờ đây ta đã chết, bị những tội lỗi cắn xé tàn nhẫn. Nhưng, *"Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, con trông cậy nơi Ngài, xin cứu con, kẻo ma quỷ cướp lấy linh hồn con như sư tử, hành hạ con khi không có ai giải cứu"* (Thánh Vịnh 7:3).

Khi ông đang cầu nguyện và nhìn về phía đông, bỗng một màn đêm dày đặc bao trùm lấy ông, tiến gần đến ông và khiến ông rơi vào tình trạng suy nhược, bệnh tật và nỗi sợ hãi vô bờ bến. Trong cơn kinh hoàng, Nifont nằm xuống giường, khóc lóc và than thở về những tội lỗi của mình. Sáng hôm sau, ông đến nhà thờ, ngước mắt lên, nhìn vào bức tượng Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, và kêu lên:

– Xin thương xót con, Đấng Bào Chữa của các Kitô hữu, Đấng Vui Mừng và Thanh Tịnh! Xin giúp con nhờ lòng thương xót vĩ đại của Mẹ, vì Mẹ là niềm tin cậy và hy vọng của những người ăn năn.

Khi nghe những lời ấy, hình ảnh Đức Mẹ trên bức tranh mỉm cười, và dung nhan của Người tràn đầy niềm vui. Nifont kinh ngạc khi chứng kiến phép lạ này, lòng ông tràn ngập niềm vui và hân hoan, rồi ông thốt lên:

– Ôi, lòng nhân từ vô biên của Thiên Chúa! Lòng thương xót của Ngài thật vĩ đại biết bao, lạy Chúa, khi Ngài ban cho những kẻ đã phạm tội trước mặt Ngài! Vì họ, Ngài đã ban cho họ Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm Nguyên Tội của Ngài, để Mẹ trở thành người cầu thay cho sự vĩ đại của Ngài!

Sau một thời gian dài cầu nguyện, ông đã hôn lên bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội với tất cả tình yêu, rồi bước ra ngoài, tự nhủ với chính mình:

– Hãy xem này, hỡi linh hồn khốn khổ, Thiên Chúa yêu thương chúng ta biết bao, thế mà chính chúng ta lại chạy trốn khỏi Ngài: Ngài đã ban cho chúng ta Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm làm Đấng Cầu Thay, vậy mà chúng ta lại từ chối cả Đấng Cứu Giúp này.

Sau đó, trong giấc mơ, ma quỷ hiện ra trước mặt ông dưới hình dạng một thiếu niên, từng là bạn đồng hành của ông trong những việc phạm pháp; hắn đứng đó với vẻ đau khổ, như thể đang chìm trong nỗi buồn sâu thẳm; Nifont nhìn hắn và nói:

– Sao ngươi lại buồn bã như vậy?

Ma quỷ đáp:

– Đã ba ngày rồi, ngươi đến nhà bạn ngươi là Nicodemus và sa ngã: ta đau buồn vì điều này và không thể chịu đựng được việc ngươi khinh thường ta.

Lúc đó, Nifont nói:

– Tại sao điều đó lại khiến ngươi buồn bã đến vậy?

Nhưng quỷ dữ quay mặt đi và không trả lời anh. Ngay lập tức, Nifont tỉnh giấc, anh nhận ra rằng quỷ dữ đang buồn bã vì sự sám hối của mình, anh vội vàng đứng dậy, đi đến nhà thờ và tập trung tâm trí cùng ánh mắt vào bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, cầu nguyện cho đến khi lại thấy Nàng mỉm cười và cảm nhận được sự ngọt ngào thiêng liêng trong lòng mình.

Một ngày nọ, trên đường đến nhà thờ để cầu nguyện, Nifont thấy một người nào đó đang gây rối trên đường và trong lòng đã lên án người ấy. Khi đến nhà thờ của Chúa và như thường lệ nhìn vào bức tượng, anh bỗng thấy Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội với khuôn mặt giận dữ và nghiêm khắc, quay mặt đi khỏi anh. Nifont kinh hoàng, cúi mắt xuống và tự nhủ:

– Khốn khổ cho tôi, kẻ tội lỗi! Tôi chỉ có một niềm vui duy nhất – đó là hình ảnh thánh thiêng của Mẹ, Nữ Vương, mà giờ đây ngay cả hình ảnh ấy cũng quay mặt đi, và tôi không biết vì lý do gì!

Sau đó, khi suy ngẫm trong lòng, ông bỗng nhớ lại việc mình đã kết án người tội lỗi, và nhận ra rằng chính vì điều đó mà Mẹ Thiên Chúa đã quay mặt đi khỏi ông. Khóc nức nở, ông thốt lên:

– Lạy Chúa, xin tha thứ cho con, kẻ tội lỗi này: vì con đã tự cho mình có phẩm giá và quyền năng của Ngài, và đã kết án người lân cận trước khi Ngài phán xét, nhưng xin thương xót con, lạy Chúa, linh hồn con đặt niềm tin nơi Ngài – từ nay trở đi, con sẽ không bao giờ kết án anh em mình nữa.

Nifont còn nói nhiều điều nữa trong nước mắt, và khi nhìn lại bức tượng, anh thấy Đức Mẹ vẫn mỉm cười như trước, và từ đó anh bắt đầu cẩn trọng tránh xa việc phán xét người khác. Luôn luôn như vậy, mỗi khi ông lỡ

phạm tội điều gì, thì hình ảnh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội lại quay mặt đi, và nhờ đó, Nifont rút ra bài học và sửa đổi bản thân.

Một lần nọ, khi Nifont đang múc nước từ giếng bằng gáo, ma quỷ đã đẩy anh ta, và anh ta trượt chân, ngã xuống giếng; trong lúc rơi xuống, anh ta bám lấy chiếc gáo và kêu lên:

– Nữ Vương, xin hãy cứu con!

Và ngay lập tức, anh ta thấy mình đang đứng an toàn trên một khúc gỗ phía trên giếng. Kể từ lúc đó, nhận ra rằng Đức Mẹ đang che chở cho mình, Nifont luôn luôn nhắc đến danh hiệu của Người trên môi. Sau đó, anh ta bị ốm – từ lễ Phục Sinh của Chúa Kitô cho đến ngày Giữa Mùa Chay, và trong cơn bệnh này, anh ta không nói gì khác ngoài:

– Vinh danh Thiên Chúa của con, vinh danh Đấng Cứu Giúp của con, Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm.

Vào thứ Hai, trước ngày giữa Tuần Thánh, anh cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, xin cho con được rước Mình Thánh Chúa vào ngày Giữa Mùa Chay, vì linh hồn con khao khát được no nê Thân Thể Thánh của Ngài.

Sau đó, ngài chìm vào giấc ngủ và có một thị kiến như sau: hai người phụ nữ rực rỡ ánh sáng đi ngang qua giường ngài, giống như các nữ mang hương, – một người mặc áo choàng hoàng gia màu đỏ tía, cầm một cành ô liu; người kia, trông giống như nàng, đi theo sau và mang theo một chiếc bình nhỏ chứa một vật thánh nào đó cùng một cành cây được nhúng trong dầu thánh; khi đến gần giường, họ dừng lại. Và người phụ nữ mặc áo choàng đỏ hoàng gia nói với người kia:

– Hãy nhìn xem, Anastasia, chàng trai trẻ này đang phải chịu đựng điều gì? Anastasia đáp lại[157] :

– Thưa phu nhân, chàng đang chịu khổ vì cái lưỡi không kiềm chế của mình, bởi vì khi còn khỏe mạnh, miệng chàng không bao giờ ngậm lại, và giờ đây Chúa đang trừng phạt chàng để chàng không bị kết án cùng với cả thế gian, vì Chúa rất yêu thương chàng và đang trừng phạt chàng; còn phu nhân, nếu phu nhân muốn, xin hãy thương xót và giúp đỡ chàng.

Người Vợ trong áo choàng hoàng gia đáp lại:

– Ta sẽ thương xót, chỉ cần dẫn anh ta đến nơi chúng ta đang đi. Anastasia nắm tay anh ta và dẫn vào nhà thờ các thánh tông đồ. Lúc đó, Nữ hoàng trong bộ áo choàng hoàng gia nói với cô:

– Hãy lấy dầu từ ngọn đèn đang cháy trên bàn thờ và xức cho anh ta từ đầu đến chân.

Cô bôi dầu và nói:

– Này, xin hãy xem, Đức Mẹ, con đã tuân theo lệnh của Mẹ.

Người Phu nhân mặc áo choàng hoàng gia mỉm cười và nói:

– Đây là dấu hiệu của lòng thương xót, chính vì điều này mà chúng ta đã đến đây.

Và bà trao cho Nifont cành cây tẩm dầu mà bà đang cầm trên tay, cùng với những lời sau:

– Hãy nhìn và hiểu rằng cành cây này đến từ ân sủng của Chúa; Ta trao nó cho con vì giờ đây lòng thương xót của Đức Chúa Trời hào phóng đã tuôn đổ trên con, và giờ đây con hãy chiến đấu với các quỷ dữ và sẽ đánh bại chúng dễ dàng như đánh bại cây sậy hay cỏ khô vậy.

Nifont quỳ lạy dưới chân bà và, khi tỉnh dậy, nhận ra rằng thị kiến này là lời chúc phúc của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội; anh lập tức khỏi bệnh và đứng dậy khỏi giường; vào thứ Ba, anh đã ăn uống đầy đủ, và đúng vào ngày Lễ Giữa Tuần, anh đến nhà thờ và với niềm vui lớn lao, đã rước Mình Thánh Chúa. Như vậy, nhờ ơn Chúa, vị thánh Nifont đã từ bỏ cuộc sống tội lỗi trước đây, rút lui khỏi thế gian và trở thành một tu sĩ. Ông siêng năng tu hành và làm việc chăm chỉ, chế ngự thân xác và khuất phục nó dưới sự kiểm soát của tinh thần, dành những ngày của mình trong nước mắt và sự sám hối nghiêm ngặt. Ngài cẩn trọng giữ miệng mình khỏi những lời nói suông, và càng tránh xa những lời thô tục và vu khống; ngài tự đặt ra quy tắc là phải tự tát mạnh vào mặt bốn mươi lần, nếu chẳng may vì bất cẩn mà thốt ra bất kỳ lời nói tục tĩu hay chửi rủa nào. Đôi khi, ngài nhét một hòn đá vào miệng và giữ nó trong một thời gian dài, tự nhủ với mình:

– Thà ngươi, kẻ vô luật pháp, nhai đá còn hơn là thốt ra bất kỳ lời ác độc nào.

Thường xuyên, sau khi đóng cửa trong túp lều của mình và cởi bỏ quần áo, ông tự đánh khắp cơ thể bằng bất cứ thứ gì với lực mạnh đến mức đôi khi những mảnh thịt bong ra khỏi vết thương. Ông đã kiên trì chiến đấu với kẻ thù vô hình như vậy, nhưng kẻ thù đó cũng chống trả quyết liệt, gây ra mọi điều ác cho ông và mong muốn đánh

[157] Ở đây tất nhiên là thánh nữ tử đạo Anastasia, Đấng Giải Cứu, ngày kỷ niệm của ngài được tổ chức vào ngày 22 tháng 12

bại lòng dũng cảm bất khuất của ông. Trong lúc cầu nguyện, ác quỷ hiện ra trước mặt ngài – lúc thì dưới hình dạng một con chim nhảy nhót trước mặt, lúc thì dưới hình dạng một con chó đen lao vào ngài, nhằm dọa nạt và làm gián đoạn lời cầu nguyện của ngài, nhưng ngài đã xua đuổi ác quỷ bằng dấu thánh giá. Khi ngài cảm thấy đói, ác quỷ mang đến cho ngài đủ loại thức ăn từ cá và thịt cùng những món ngon, nhưng vị thánh lúc đó lại nói:

– Thức ăn sẽ không đưa chúng ta đến gần Chúa hơn[158] , – chính ngươi hãy ăn đi, quỷ dữ, hoặc mang thức ăn đó đến nơi mà con người coi cái bụng của mình là thần thánh.

Khi vị thánh thức trắng, quỷ dữ khiến ngài buồn ngủ và chìm vào giấc ngủ say, nhưng vị thánh, khi cảm nhận được điều đó, liền cầm cây gậy và tự đánh mình thật đau, nói rằng:

– Ta đã cho ngươi ăn và uống, mà ngươi còn muốn ngủ nữa: thế thì ta sẽ dùng cây gậy này để làm ngươi yên lòng.

Nếu ngài bao giờ cảm thấy ham muốn xác thịt, thì cả tuần liền ngài không đụng đến miếng bánh mì nào, tự hành xác bằng cách nhịn đói và khát, cho đến khi dập tắt được ham muốn xác thịt trong lòng; khi khát dữ dội, ngài múc nước, đặt trước mặt và, nhìn vào đó, ngài nói:

– Nước này ngon làm sao!

Sau đó, ông múc một ít nước vào miệng, nếm thử bằng lưỡi rồi đổ xuống đất. Ác quỷ không chịu nổi sự kiên nhẫn của vị thánh và la lên lớn tiếng:

– Ngươi đã đánh bại ta, Niphon!

Nhưng Thánh Nifont, coi chiến thắng trước các quỷ là nhờ sức mạnh và sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, chứ không phải nhờ công lao và sự kiêng khem của mình, đã trả lời:

– Không phải ta chiến thắng ngươi, mà là sức mạnh của Đức Chúa Trời chúng ta, Đấng bảo vệ các tôi tớ của Ngài.

Chúa đã cho phép cám dỗ đến với Nifont, để ngài, sau khi được thử thách như vàng trong lò nung, trở nên xứng đáng với ân sủng của Chúa; cám dỗ đó nhằm làm tổn hại tâm trí ngài, và dưới sự xúi giục của ma quỷ, nó kéo dài suốt bốn năm. Một lần nọ, Nifont đang cầu nguyện từ chiều tối đến sáng sớm thì bỗng nghe thấy một tiếng ồn kinh hoàng, ầm ầm từ phải sang trái. Thánh nhân kinh hoàng và tự hỏi đó là tiếng ồn gì, thì ngay lập tức ma quỷ xuất hiện với tiếng gầm rú vang dội và cơn thịnh nộ, khiến thánh nhân hoảng sợ đến mức tâm trí bị mờ mịt. Vừa mới tỉnh táo lại, ngài định cầu nguyện và làm dấu thánh giá, thì ma quỷ đã tấn công ngài, nói rằng:

– Hãy bỏ lời cầu nguyện đi, thì ta sẽ không đánh nhau với ngươi nữa!

Vị thánh phúc lành đáp lại:

– Ta sẽ không bao giờ nghe lời ngươi, hỡi linh hồn ô uế: nếu Thiên Chúa đã truyền cho ngươi hủy diệt ta, ta sẽ đón nhận điều đó với lòng biết ơn; còn nếu không, thì với sự trợ giúp của Thiên Chúa, ta sẽ sớm đánh bại ngươi!

Quỷ dữ đáp lại:

– Ngươi lầm rồi, Niphon, không có Đức Chúa Trời, vì Ngài ở đâu? Con quỷ cứ liên tục nói với ngài như vậy, làm hư hỏng và làm mờ trí óc ngài. Vị thánh đáp lại:

– Ngươi nói như một kẻ điên, hỡi quỷ dữ, vì *"kẻ điên đã thầm nghĩ trong lòng: 'Chẳng có Đức Chúa Trời'"* (Thi Thiên 13:1).

Ngài muốn cầu nguyện nhưng không thể: ngài thốt ra lời, nhưng tâm trí lại không vâng theo ngài. Vị thánh đau đớn khôn xiết, tâm trí bị xáo trộn; từ đó, ngài mất trí và đau khổ; và mỗi khi ngài tỉnh táo lại một chút, con quỷ lại không ngừng nói với ngài: "Không có Đức Chúa Trời", – nhưng vị thánh đáp lại:

– Dù tôi có sa vào tội dâm dục, dù tôi có giết người, dù tôi có phạm bất kỳ tội lỗi nào khác, tôi cũng sẽ không quay lưng lại với Đấng Kitô của tôi.

Quỷ lại nói với ngài:

– Ngươi đang nói gì vậy: có Chúa Kitô không? Không có Chúa Kitô: chỉ có ta mới là chủ tể và cai trị tất cả, ai đã nói với ngươi rằng có Thiên Chúa hay Chúa Kitô?

– Ngươi không thể lừa dối ta, hỡi thế lực bóng tối! – vị thánh đáp lại. – Hãy tránh xa ta, kẻ thù của mọi lẽ thật!

Nhưng ma quỷ không lùi bước và vẫn tiếp tục đấu tranh với ngài, làm mờ trí óc ngài và ép ngài phải nói: "Không có Thiên Chúa." Vậy là suốt bốn năm, vị thánh đã chiến đấu với quỷ dữ và ép buộc bản thân phải cầu

[158] Xem 1 Cô-rinh-tô 8:8.

nguyện. Một lần nọ, trong lúc cầu nguyện, khi nghi ngờ liệu có Chúa hay không, ngài nhìn lên bức tượng Chúa Cứu Thế và, thở dài từ tận đáy lòng, giang hai tay về phía bức tượng, nói:

– Lạy Chúa, lạy Chúa của con, sao Ngài lại bỏ rơi con?[159] Xin cho con biết rằng Ngài là Thiên Chúa và không có ai khác ngoài Ngài, để con không khuất phục trước lời xúi giục của kẻ thù.

Khi vừa dứt lời, ông thấy khuôn mặt của Đấng Christ trên bức tượng tỏa sáng như mặt trời, và cùng lúc đó, ông ngửi thấy một mùi hương không thể tả xiết. Trong sự kinh hoàng, ông ngã sấp xuống đất và nói:

– Xin tha thứ cho con, lạy Chúa, vì con đã thử thách Ngài, đã nghi ngờ Ngài, lạy Thiên Chúa của con; giờ đây con tin rằng Ngài là Thiên Chúa Duy Nhất và Đấng Tạo Hóa của muôn loài.

Nằm trên mặt đất, ông quay đầu nhìn bức tượng Đấng Cứu Thế và thấy một phép lạ: bức tượng của Chúa cử động mắt và lông mày, như thể là một con người sống động. Nifont kêu lên:

– Ngợi khen Đức Chúa Trời của con và ngợi khen danh vinh hiển của Ngài, bây giờ và mãi mãi, A-men!

Kể từ lúc đó, ân sủng của Đức Chúa Trời đã ngự xuống trên Nifont, vì bốn năm thử thách của ông đã trôi qua; sau đó, khuôn mặt ông luôn rạng rỡ và tươi vui, đến nỗi một số người ngạc nhiên và thốt lên:

– Điều này có nghĩa là gì, bao nhiêu năm qua ông ấy luôn u sầu, mà giờ đây lại vui vẻ và hân hoan?

Còn vị thánh thì tỏ ra dũng cảm trước các quỷ dữ, ông chế giễu chúng và nói:

– Những kẻ từng khẳng định rằng không có Chúa đâu rồi? Và ngài đã chiến thắng chúng bằng lời cầu nguyện không ngừng. Suy ngẫm về những tội lỗi trong quá khứ của mình, ngài tự nhủ:

– Nào, Nifont tội lỗi ơi, hãy đến nhà thờ, xưng tội với Chúa, ở đó Cha nhân từ đang chờ chúng ta.

Và ngài đi vào nhà thờ. Khi đến gần cửa nhà thờ, Nifont giơ hai tay lên trời và với tiếng than thở đắng cay, ngài kêu lên:

– Xin hãy đón nhận con, lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con, kẻ đã chết về linh hồn và trí khôn. Xin hãy đón nhận kẻ nói lời tục tĩu và tội nhân, kẻ đã bị ô uế cả linh hồn lẫn thân xác, và xin đừng quay mặt đi, xin đừng nói, lạy Chúa: "Ta không biết ngươi là ai," nhưng xin hãy lắng nghe tiếng cầu khẩn của con và cứu rỗi con, vì Ngài không muốn sự chết của những kẻ tội lỗi, và con sẽ không rời xa Ngài cho đến khi Ngài nghe thấy con và ban sự tha thứ cho những tội lỗi của con.

Trong lúc cầu nguyện ấy, bỗng có tiếng ồn ào lớn vang lên từ trời, và vị thánh trong niềm hân hoan đã nhìn thấy khuôn mặt của một người đàn ông rạng ngời hiện ra trong đám mây; người ấy dang rộng hai tay ôm lấy vị thánh, giống như người cha xưa kia đã ôm lấy đứa con hoang đàng (Lc 15:20), và hôn lên cổ ngài, nói rằng:

– Con đã làm rất tốt khi đến đây, hỡi đứa con đau khổ của Ta! Ta đã rất buồn bã và đau khổ vì con, lòng Ta đã cháy bỏng trong sự mong chờ, không biết khi nào con sẽ quay về với Ta, dù là buổi tối hay buổi sáng; giờ đây Ta vui mừng, giờ đây Ta hân hoan khi thấy con đã quay về với Ta bằng cả trái tim.

Sau này, Nifont đã kể lại chuyện này cho đệ tử của mình nghe, và khi kể, ông đã khóc rất nhiều. Sau đó, khi ngài lại cầu nguyện, một Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với một chén đầy dầu thơm, Ngài đã đổ dầu đó lên đầu ngài, và nơi đó tràn ngập hương thơm; cũng vậy, khi ngài tự đánh vào thân thể mình, gây ra những vết thương, Thiên Thần đã xuống và thắp hương xung quanh ngài, lan tỏa hương thơm khắp nơi đó.

Đôi mắt thiêng liêng của Thánh Nifont đã được soi sáng đến mức ngài thấu hiểu bí mật trong lòng con người; ngài trò chuyện với các Thiên thần một cách công khai, như với những người bạn, và nhìn thấy rõ ràng các quỷ dữ. Một lần, trên đường từ nhà thờ Thánh Anastasia về túp lều của mình, ngài thấy tại cổng nhà một người phụ nữ lăng loàn, có một Thiên thần hiện ra dưới hình dáng một thiếu niên đang khóc nức nở, ngài liền hỏi lý do tại sao anh ta khóc. Người ấy đáp:

– Tôi được Thiên Chúa sai đến để bảo vệ một người, người đang ngủ trong ngôi nhà này cùng với người phụ nữ lăng loàn và đang xúc phạm tôi một cách tàn nhẫn. Tôi không thể nhìn thấy những điều bất chính mà anh ta đang làm; làm sao tôi có thể không khóc khi thấy hình ảnh của Thiên Chúa đang chìm đắm trong bóng tối như thế này.

Vị Thánh nói với anh ta:

– Vậy tại sao ngươi không trừng phạt hắn để hắn từ bỏ tội lỗi?

[159] Cụm từ trong Thi thiên 21:1.

– Tôi không thể – Thiên thần đáp – đến gần hắn, vì từ khi hắn bắt đầu phạm tội, hắn đã trở thành nô lệ của ma quỷ, và tôi không có quyền lực nào trên hắn: bởi vì Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người với ý chí tự do và chỉ cho hắn con đường hẹp và con đường rộng, để hắn đi theo con đường nào tùy ý.

Lúc đó, Thánh Niphon nói với môn đệ của mình:

– Không có tội nào ghê tởm hơn tội dâm dục; tuy nhiên, nếu kẻ dâm dục ăn năn, thì Đức Chúa Trời sẽ đón nhận người ấy sớm hơn những kẻ phạm tội khác, bởi vì tội này xuất phát từ bản tính tự nhiên, do sự xúi giục của ma quỷ, và dục vọng này có thể bị xua đuổi bằng lời cầu nguyện siêng năng, việc ăn chay nghiêm ngặt và các hình thức tự chế khác nhau đối với thân xác.

Thánh nhân cũng nhìn thấy cách các quỷ dữ đi lại giữa dân chúng và cám dỗ con người, gieo rắc vào lòng họ sự phán xét, vu khống, cãi vã và đủ loại đau khổ. Một lần nọ, ngài thấy một người đang làm việc, bỗng có một con quỷ đến và bắt đầu thì thầm vào tai người đó; gần đó, một người khác cũng đang làm việc, con quỷ lại đến và thì thầm vào tai người ấy; lúc đó, họ bỏ dở công việc và bắt đầu cãi vã. Vị Thánh, đứng dậy, nói:

– Hỡi sự cám dỗ của quỷ dữ! Ngươi gieo rắc thù hận giữa con người như thế nào!

Một lần nọ, quỷ kiêu ngạo tấn công ngài và nói:

– Giờ đây ngươi sẽ bắt đầu làm những phép lạ, và danh ngươi sẽ được ca ngợi khắp cả đất, vì ngươi đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Vị Thánh thì nói với con quỷ đó:

– Chờ đó, ta sẽ làm một phép lạ cho ngươi xem.

Và khi thấy một hòn đá trước mặt, ngài nói:

– Ta bảo ngươi đây, hòn đá kia, hãy rời khỏi đây và chuyển đến một nơi khác.

Nhưng hòn đá vẫn nằm im lìm. Lúc đó, vị thánh nói với con quỷ:

– Đây là món quà dành cho ngươi, quỷ dữ!

Và ông nhổ nước bọt vào mặt nó, sau đó cầu nguyện, và con quỷ lập tức biến mất. Một lần khác, Niphon thấy một người phục vụ nhà thờ, phía sau người đó có một con quỷ đi theo, gieo rắc vào đầu anh ta những ý nghĩ xấu xa và báng bổ; người này, khi cảm nhận được mưu mô của quỷ, thường quay lại và nhổ nước bọt vào con quỷ. Vị Thánh nói với linh hồn xảo quyệt ấy:

– Hãy thôi đi, quỷ dữ, đừng quấy rối các tôi tớ của Đức Chúa Trời nữa! Ngươi được lợi gì khi linh hồn này phải chịu sự hủy diệt?

Con quỷ đáp:

– Chúng ta chẳng được lợi lộc gì từ việc đó, nhưng chúng ta có lệnh từ vua của chúng ta và các vị chúa tể cai trị chúng ta, phải chiến đấu với loài người. Nếu các vị chúa tể biết rằng chúng ta không chiến đấu với loài người, thì họ sẽ đánh đập chúng ta một cách tàn nhẫn.

Một lần nữa, vị thánh nhân lại thấy một tu sĩ đang đi và thì thầm cầu nguyện, từ miệng ngài phun ra ngọn lửa bốc cao vút lên trời; đi cùng ngài là Thiên Thần của ngài, tay cầm cây giáo lửa, dùng nó để xua đuổi lũ quỷ khỏi vị tu sĩ ấy. Vào đêm trước lễ Phục Sinh của Chúa Kitô, vào buổi tối Thứ Bảy Thánh, Nifont đang đứng trong nhà thờ cùng với dân chúng thì thấy Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội cùng các Tông Đồ và vô số các thánh, Người đã đến nhà thờ và nhìn những người có mặt ở đó với tình yêu thương của người mẹ. Nếu Người thấy ai trong số họ đang lo lắng cho sự cứu rỗi của mình, thì Người rất vui mừng; còn khi nhìn những người lơ là, Người lắc đầu và khóc, nhưng rồi Người giang rộng hai tay, cầu nguyện với Thiên Chúa cho tất cả mọi người, để ai nấy đều được cứu rỗi. Thấy điều đó, vị thánh nhân vô cùng vui mừng vì Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội không bỏ rơi các Kitô hữu, mà luôn giúp đỡ họ, và chính Ngài cũng là người trợ giúp và bảo vệ cho chính ông.

Một lần nọ, khi Nifont đang ngủ, quỷ dữ bỗng nhiên xuất hiện với vũ khí trong tay và lao vào ông, với ý định giết ông; nhưng bị sức mạnh của Đức Chúa Trời ngăn cản, nó không thể làm điều ác nào với vị thánh và đã bỏ chạy, nghiến răng và nói:

– Ôi Maria! Bà luôn xua đuổi tôi khỏi người đàn ông tàn nhẫn này!

Vị thánh có ân sủng dùng lời nói để khuyên nhủ và an ủi những người đang đau khổ. Một anh em đến gặp vị thánh trong nỗi buồn và hỏi:

– Con phải làm gì đây, thưa Cha? Những con quỷ ác đang làm tôi rất bối rối: dù tôi đang ăn, đang uống, hay đang đứng cầu nguyện, chúng cũng gieo rắc vào lòng tôi lúc thì những tà thuyết, lúc thì những lời phỉ báng nặng

nề đối với Chúa Giêsu Kitô của tôi và Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ Maria, cũng như đối với các thánh tượng; tôi sợ rằng một ngày nào đó lửa sẽ từ trời giáng xuống và thiêu sống tôi.

Thánh nhân đáp lại:

– Hãy nghe lời khuyên của tôi, anh em ạ. Khi biển động, nó dâng lên những con sóng và đập vào đá; nhưng rồi những con sóng ấy lại trở về với biển: cũng như vậy, những ý nghĩ xấu xa do ma quỷ gởi đến tác động lên linh hồn con người, và nếu ai nghe theo lời khuyên của nó và tuân theo, thì sẽ bị hủy diệt, như đã có nhiều người bị hủy diệt khi khuất phục trước nó. Còn ai trong cuộc chiến chống lại những ý nghĩ xấu xa không chịu khuất phục, mà càng thêm can đảm và chống lại chúng, khinh thường ma quỷ, thì sự độc ác của ma quỷ sẽ quay trở lại chính nó, còn người đó sẽ nhận được phần thưởng từ Thiên Chúa. Và con ơi, hãy kiên nhẫn, hãy chống lại ma quỷ bằng lời cầu nguyện và việc ăn chay, và nó sẽ sớm chạy trốn khỏi con; hãy đề phòng sự vu khống và cơn giận dữ, vì chúng chỉ càng khơi dậy thêm những lời phỉ báng.

Vậy, sau khi dạy dỗ người anh em ấy, ngài đã cho anh ta ra về trong bình an. Vị thánh nhân cũng không bị tước mất ân sủng chữa lành bệnh tật. Có một người phụ nữ bị đau răng đến gặp ngài và nài nỉ vị thánh chữa lành cho cô. Ngài nói với cô:

– Chúng ta là những con người tội lỗi và xấu xa, và không thể chữa lành cho chị nếu chính Đức Chúa Trời không thương xót chị.

Và với những lời ấy, Nifont đi vào nhà thờ, cầu nguyện, rồi lấy dầu từ ngọn đèn trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, xức lên khuôn mặt người bệnh khắp chỗ sưng tấy – và ngay lập tức cơn đau chấm dứt; sau khi được chữa lành, người phụ nữ ấy ra về, ngợi khen Đức Chúa Trời. Còn một người phụ nữ khác, trước đây thường mang thức ăn cho ngài, khi bà ấy bị bệnh và đã gần chết, ngài đã chữa lành cho bà bằng lời cầu nguyện, và bà đã khỏe lại. Với đôi mắt thấu thị, ngài còn nhìn thấy linh hồn con người sau khi chúng rời khỏi thân xác. Một lần, khi đang đứng cầu nguyện trong nhà thờ Thánh Anastasia, ngài ngước mắt lên trời và thấy các tầng trời mở ra, cùng nhiều Thiên thần; trong số đó, có những vị đang hạ xuống trần gian, còn những vị khác thì bay lên trời, mang theo linh hồn con người. Và rồi, ngài thấy hai Thiên thần đang đi lên, mang theo một linh hồn nào đó. Khi họ đến gần trạm thu thuế của những kẻ thu thuế gian ác, những kẻ thu thuế – vốn là quỷ dữ – bước ra và nói với giọng giận dữ:

– Đây là linh hồn của chúng ta, sao các ngươi dám mang nó đi qua đây?

Các Thiên thần đáp lại:

– Các ngươi có dấu hiệu gì trên linh hồn ấy mà lại coi nó là của mình?

Những con quỷ đáp:

– Nó đã làm ô uế bản thân bằng những tội lỗi cho đến khi chết, không chỉ những tội lỗi tự nhiên, mà cả những tội lỗi trái với tự nhiên nữa; hơn nữa, nó còn lên án người lân cận, và chết mà không ăn năn. Các ngươi nói sao về điều này?

– Chúng tôi không tin, – các Thiên thần đáp, – không tin các ngươi, cũng không tin cha các ngươi là ma quỷ, cho đến khi chúng tôi hỏi Thiên thần Hộ mệnh của linh hồn này.

Khi được hỏi, vị Thiên thần ấy nói:

– Đúng là linh hồn này đã phạm nhiều tội lỗi, nhưng khi bị bệnh, cô ấy đã bắt đầu khóc lóc và xưng tội với Chúa; và nếu Chúa đã tha thứ cho cô ấy, thì Ngài biết lý do tại sao: Ngài có quyền năng. Vinh quang thuộc về sự phán xét công minh của Ngài!

Lúc đó, các Thiên thần, sau khi làm cho lũ quỷ phải xấu hổ, đã cùng linh hồn ấy bước vào cổng thiên đàng.

Sau đó, vị thánh nhân thấy các Thiên thần đang mang theo một linh hồn khác, còn lũ quỷ thì chạy ra phía họ và la hét:

– Sao các ngươi lại mang linh hồn mà không nhận ra họ, chẳng hạn như đang mang linh hồn này – kẻ tham lam, hận thù, và đã gây ra cướp bóc!

Các Thiên thần đáp lại:

– Chúng tôi biết rõ rằng, dù cô ta đã làm tất cả những điều đó, nhưng cô ta đã khóc lóc và đau khổ, đã xưng tội và bố thí; vì thế, Đức Chúa Trời đã tha thứ cho cô ta.

Còn lũ quỷ thì bắt đầu nói:

– Nếu linh hồn này đã xứng đáng nhận được lòng thương xót của Đức Chúa Trời, thì các ngươi hãy nhận lấy những kẻ tội lỗi từ khắp nơi trên thế gian đi! Chúng ta còn phải vất vả làm gì nữa!

Các Thiên thần đáp lại:

– Tất cả những kẻ có tội, nếu xưng tội với lòng khiêm nhường và nước mắt, sẽ được tha thứ nhờ lòng thương xót của Đức Chúa Trời; còn những ai chết mà không ăn năn, thì Đức Chúa Trời sẽ phán xét họ.

Sau khi làm bẽ mặt các linh hồn gian ác như vậy, các Thiên thần đi qua. Vị thánh còn thấy linh hồn của một người yêu mến Chúa, sống trong sự trong sạch và nhân từ, yêu thương mọi người; các quỷ dữ, khi nhìn thấy linh hồn ấy từ xa, đã nghiến răng, còn các Thiên thần của Chúa thì bước ra từ cổng thiên đàng để đón linh hồn ấy và chào đón linh hồn ấy như vậy.

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, vì Ngài đã không để linh hồn ấy rơi vào tay kẻ thù, nhưng đã giải thoát linh hồn ấy khỏi địa ngục.

Một lúc sau, Thánh Niphon thấy lũ quỷ lôi linh hồn ấy xuống địa ngục. Đó là linh hồn của một nô lệ, người chủ đã làm anh ta kiệt sức vì đói khát và đánh đập; anh ta không chịu nổi sự hành hạ ấy, và dưới sự xúi giục của quỷ, đã lấy dây thừng treo cổ tự tử. Còn Thiên Thần hộ mệnh của anh ta thì đi theo từ xa và khóc lóc thảm thiết, trong khi lũ quỷ thì hân hoan. Thiên Thần đang khóc lóc ấy đã được Thiên Chúa truyền lệnh phải đến thành Rome để bảo vệ một đứa trẻ sơ sinh, người đang được rửa tội tại đó vào lúc bấy giờ. Vị thánh còn nhìn thấy một linh hồn khác đang được các Thiên Thần mang bay trên không trung, và chúng bị những đạo quân quỷ dữ chặn đường; chưa kịp đến trạm thứ tư, lũ quỷ đã cướp linh hồn đó khỏi tay các Thiên thần thánh thiện và ném xuống vực thẳm một cách nhục mạ. Đó là linh hồn của một giáo sĩ thuộc nhà thờ Thánh Eleutherius; vị giáo sĩ này liên tục làm phật lòng Thiên Chúa bằng tội dâm dục, phù thủy và cướp bóc, rồi chết đột ngột mà không ăn năn, khiến lũ quỷ hân hoan.

Vị Thánh đã xây dựng một nhà thờ tại Constantinople để tôn vinh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ngài sống tại đó và đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo trở lại đức tin vào Chúa Kitô. Ma quỷ không thể chịu đựng được việc Niphon đã lôi kéo nhiều người khỏi sự cám dỗ của ma quỷ, nên đã đến gặp ngài cùng với một đám đông ma quỷ, khoảng một nghìn con; chúng tấn công vị Thánh vào ban đêm và muốn hành hạ ngài; cả nơi ở của ngài đều chật ních ma quỷ. Nhưng ngài đã dùng sức mạnh của Thánh Giá để ngăn cản chúng, và nhờ ơn Chúa cùng sự trợ giúp của Thánh Thiên Thần, ngài đã bắt từng con một, đánh mỗi con một nghìn roi, cho đến khi chúng thề sẽ không bao giờ lại gần ngay cả nơi mà tên của Nifont được nhắc đến.

Một lần, khi trò chuyện với các tu sĩ về lợi ích cho tâm hồn, Nifont đã nhớ lại câu chuyện sau đây.

"Có một lần," ngài kể, "tại thành phố này, một quý tộc có một nô lệ tên là Vasily, nghề may quần áo, tính tình xấu xa, hay chửi thề, bất tuân và hay đùa cợt; hắn dành toàn bộ thời gian cho các trò chơi và những tội lỗi xác thịt ô uế với những kẻ ngoại tình, và không nghe theo lời dạy dỗ của chủ nhân mình. Nhưng nhờ sự an bài kỳ diệu của Đấng Chủ Tể đầy lòng thương xót, anh ta đã được cứu rỗi như sau: do sự cho phép của Đức Chúa Trời vì tội lỗi của loài người, một nạn đói lớn đã xảy ra, và các chủ nhân bắt đầu đuổi những nô lệ của mình đi vì thiếu thức ăn; chủ nhân của Vasily cũng đã đuổi anh ta đi. Vasili ra đi và ngay ngày đầu tiên đã bán quần áo để kiếm thức ăn, sau đó bắt đầu đi lang thang trần truồng và xin bố thí; lúc đó đang là mùa đông, anh ta run rẩy vì lạnh. Cuối cùng, trong cơn kiệt sức, anh ta nằm xuống trên một con phố; sau một thời gian, các ngón chân của anh ta bắt đầu thối rữa, rồi đến cả đôi chân. Vasily vẫn kiên nhẫn chịu đựng, coi đó là hình phạt cho những tội lỗi của mình, và không nói gì ngoài câu: "Tạ ơn Chúa vì tất cả!" Anh nằm như vậy trên đường phố suốt hai tháng, không có chỗ trú ngụ, khóc lóc và than thở về những tội lỗi của mình. Tình cờ, có một tín hữu tên là Nikifor đang đi trên con đường đó. Thấy Vasily đang chịu khổ, ông ra lệnh cho các đầy tớ của mình khiêng anh về nhà mình, nơi ông đã an ủi anh với tình yêu thương, tự tay dọn giường cho anh và cho anh ăn. Hai tuần sau, vào ngày thứ Bảy, Vasily, người đang ốm, bắt đầu nói:

– Sự hiện diện của các vị, hỡi các Thiên thần thánh thiện, thật là niềm vui đối với tôi. Hãy nghỉ ngơi một chút rồi chúng ta sẽ đi.

Họ đáp:

– Không, hãy đi mau đi, vì Chúa đang gọi anh.

– Xin hãy đợi một chút, – Vasily đáp, – để tôi trả nợ đã. Tôi đã mượn mười đồng tiền đồng từ một người bạn và đến nay vẫn chưa trả, e rằng ma quỷ sẽ giữ tôi lại trên cõi đời này vì chuyện đó.

Và các Thiên thần đã chờ đợi cho đến khi Vasily thu thập đủ mười đồng tiền đồng và gửi chúng cho người mà anh nợ, rồi sau đó anh đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa.

– Các con thấy đó, – Nifont kết thúc câu chuyện của mình, – số phận do Chúa định đoạt ra sao, và Ngài cứu rỗi kẻ có tội như thế nào theo ý muốn của Ngài.

Một lần nọ, vị Thánh Phúc Âm cùng với một môn đệ của mình đến nhà thờ – nơi nằm liền kề với những tòa nhà được gọi là "Cung điện Aponia" – để cầu nguyện; tại đó, vị Thánh đã cử hành Thánh lễ. Bỗng nhiên, đôi mắt thiêng liêng của ngài mở ra, và ngài thấy ngọn lửa từ trời giáng xuống, bao trùm lên bàn thờ và vị Giám mục; trong lúc hát bài "Ba Lần Thánh", bốn Thiên thần hiện ra và cùng hát với các ca viên. Khi đang đọc thư của các Tông đồ, ngài thấy Thánh Tông đồ Phaolô đang quan sát người đọc từ phía sau; còn khi bắt đầu đọc Phúc Âm, những lời ấy như những ngọn đèn, bay lên trời. Trong lúc rước lễ vật, bức màn nhà thờ mở ra và bầu trời cũng mở rộng, một mùi hương kỳ diệu lan tỏa, rồi các Thiên thần bắt đầu hạ xuống trong tiếng hát: "Vinh quang thuộc về Đức Kitô, Thiên Chúa!" Họ mang theo một thiếu niên xinh đẹp, đặt cậu lên đĩa thánh[160] , rồi tự mình vây quanh ngai thánh và phụng sự các lễ vật thiêng liêng; còn hai Thiên thần Serafim và hai Thiên thần Cherubim, lơ lửng trên đầu cậu, che chở bằng đôi cánh của mình. Khi đến giờ thánh hiến các lễ vật và cử hành Bí tích thiêng liêng, một trong những Thiên thần sáng chói nhất tiến đến, cầm dao đâm thiếu niên, để máu chảy vào chén thánh, rồi đặt thiếu niên lên đĩa thánh, chính vị ấy lại trở về chỗ ngồi của mình với lòng kính sợ. Sau đó, việc rước Mình Thánh Chúa bắt đầu, và vị thánh hạnh phúc thấy rằng khuôn mặt của một số người rước lễ sáng rực như mặt trời, còn khuôn mặt của những người khác thì tối tăm và u ám, giống như người Ê-thi-ô-pi. Các Thiên thần đứng đó quan sát từng người bước lên, và ban vinh quang cho những ai xứng đáng, còn những kẻ không xứng đáng thì họ quay mặt đi và khinh bỉ họ. Khi thánh lễ kết thúc, ngài thấy cậu thiếu niên bỗng nhiên lại trở nên nguyên vẹn – trong vòng tay các Thiên thần, và được đưa lên trời. Sau này, chính vị thánh nhân đã kể lại chuyện này cho đệ tử của mình, người đã ghi chép lại để mang lại lợi ích cho nhiều người.

Một lần nọ, vị thánh đang trên đường đến nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh, nơi chính ngài đã xây dựng, thì thấy một người Ê-thi-ô-pi đang đi trên đường với vẻ mặt vô cùng u sầu; đó là vị chúa tể của lũ quỷ, và phía sau hắn là những con quỷ khác. Khi chúng đến gần và nghe thấy tiếng hát thánh ca, những con quỷ nhỏ hơn bắt đầu mắng mỏ chúa tể của chúng, nói rằng:

– Hãy nhìn xem, danh hiệu của Chúa Giêsu đang được tôn vinh bởi những người mà trước đây chúng ta từng nắm giữ trong quyền lực của mình – vậy sức mạnh của chúng ta đâu rồi? Nó đã bị đánh bại, và vương quốc của chúng ta đã sụp đổ. Các quỷ dữ đã mắng chửi vị thủ lĩnh của chúng như vậy, còn ông thì nói với chúng:

– Đừng buồn, đừng nản lòng, ta sẽ sớm làm cho các Kitô hữu từ bỏ Chúa Giêsu và tôn vinh chúng ta.

Chúng đi được một đoạn thì gặp ba mươi người đàn ông; chúa tể quỷ dữ tiến lại gần một trong số họ và thì thầm vào tai người ấy – và người ấy bỗng mất trí, bắt đầu nói những lời tục tĩu, cười cợt và hát những bài hát vô liêm sỉ, sau đó chúng gặp một nhạc công đang đi và chơi nhạc. Vị Thánh Thiện thấy một người Ê-thi-ô-pi trói tất cả lại bằng một sợi dây và kéo theo sau người nhạc công, và tất cả họ đều nhảy múa theo sau anh ta; nhiều người đã tụ tập theo họ, và họ tiếp tục đi – vừa nhảy múa vừa hát những bài hát khiêu dâm: vì ma quỷ đang kéo họ đi, bám chặt vào trái tim họ. Còn một người giàu có, đang nhìn từ trong nhà mình, đã đưa cho người nhạc công một đồng tiền đồng để họ nhảy múa trước mặt ông ta. Khi người nhạc công bỏ đồng tiền vào túi, thì các quỷ dữ đã lấy nó và gửi xuống địa ngục cho cha chúng là Satan, rồi nói với hắn:

– Hãy vui mừng đi, cha của chúng con! Đó là Alazion, hoàng tử của chúng con, đã gửi cho cha một của lễ do kẻ thù của chúng con – những người Kitô hữu – dâng lên, khi họ đưa tiền đồng để đổi lấy những màn trình diễn.

Nhận lấy nó, Satan vui mừng và nói:

– Hãy cố gắng, các con ơi, để của lễ của chúng ta ngày càng nhiều lên, và hãy đánh bại những người Kitô hữu.

Rồi hắn lại bỏ đồng tiền vào túi của người nhạc công. Còn Thánh Nifont, nhìn thấy điều đó bằng con mắt thiêng liêng, đã nói với nỗi đau đớn:

– Ôi, thật đau lòng cho những ai dâng lễ vật cho ma quỷ qua các trò chơi!

---

[160] Đĩa thánh (tiếng Hy Lạp: đĩa, chén) – là đĩa dùng để đặt Chiên Con, tức là phần bánh thánh, mà trong Thánh Lễ, nhờ sự cầu khẩn của Thánh Thần, được biến đổi thành Thân Thể Thật của Chúa Kitô. Trong nghi thức Proskomedia, khi tách Chiên Con ra khỏi bánh thánh và đặt lên đĩa, người ta tưởng nhớ Lễ Giáng Sinh của Chúa, và chiếc đĩa tượng trưng cho máng cỏ nơi Hài Nhi Giêsu được đặt vào. Vì vậy, trên đĩa đôi khi được khắc hình Hài Nhi Thiên Chúa-Người, đang nằm trong máng cỏ. Tuy nhiên, đồng thời, trong nghi thức Proskomidia, khi rạch con chiên trên đĩa và sau khi chuyển các lễ vật từ bàn thờ hiến tế lên bàn thờ chính, người ta tưởng nhớ đến cuộc khổ nạn của Chúa trên thập giá, cái chết của Ngài, việc đặt thi hài vào quan tài, và chiếc đĩa tượng trưng cho Núi Golgotha và quan tài của Đấng Cứu Thế.

Và ngài khuyên nhủ những người nghe hãy tránh xa những trò chơi xấu xa và vô luân, vì chúng xuất phát từ ma quỷ. Một lần nọ, sau khi cầu nguyện, vị thánh rơi vào trạng thái hân hoan thiêng liêng và nhìn thấy một cánh đồng rộng lớn, có chiều dài và chiều rộng bằng nhau, trên đó đứng rất nhiều người Ê-ti-ô-pi, được chia thành các trung đoàn; tổng cộng có ba trăm sáu mươi lăm trung đoàn – tương ứng với số lượng các tội lỗi nặng nề. Một người Ethiopia da sẫm nhất đang đếm số binh sĩ, sắp xếp các trung đoàn như thể chuẩn bị cho trận chiến, và nói:

– Hãy nhìn vào ta và đừng sợ hãi điều gì: sức mạnh của ta sẽ ở cùng các ngươi!

Một vài con quỷ mang đến vô số loại vũ khí khác nhau và phân phát cho các trung đoàn. Sau đó, ma vương ban cho mỗi trung đoàn sức mạnh phép thuật và bùa chú, rồi thả chúng đi khắp mặt đất để tấn công Giáo Hội của Đấng Christ. Khi Thánh Niphon đang chứng kiến cảnh đó, bỗng ngài nghe thấy một giọng nói:

– Hãy quay về phía đông và nhìn đi, Niphon.

Ngài quay lại và thấy một cánh đồng trong trẻo và tuyệt đẹp, trên đó có một đám đông vô số – hàng trăm ngàn – những chiến binh mặc áo trắng, tất cả đều được trang bị vũ khí như chuẩn bị ra trận, còn đông hơn cả người Ê-ti-ô-pi. Rồi một người đàn ông sáng chói hơn cả mặt trời xuất hiện và nói:

– Chúa Sabaoth phán như vầy: Hãy đi khắp mặt đất, giúp đỡ các Kitô hữu và bảo vệ mạng sống của họ.

Thấy cảnh đó, vị thánh nhân đã ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đang giúp đỡ Hội Thánh của Ngài.

Thánh Niphon đã bước vào tuổi già. Đã đến lúc ngài nhận chức thánh, điều mà Đức Chúa Trời đã tiên báo cho ngài trong một thị kiến sau đây. Ngài thấy một cánh đồng nào đó, đầy ắp vô số con cừu, nhưng lại không có người chăn cừu. Vị thánh nghĩ thầm:

– Chẳng lẽ những con cừu không có người chăn này lại không sợ sói sao? Ngay lập tức, một người đàn ông thánh thiện, trông giống như Thánh Tông đồ Phaolô, xuất hiện và nói:

– Sao ngươi lại đứng đó không làm gì mà chỉ nhìn đàn cừu của nhà vua, sao ngươi không chăn dắt chúng?

Thánh Niphon đáp:

– Làm sao tôi có thể chăn đàn cừu của nhà vua được? Tôi không quen với công việc này và sức lực lại rất yếu.

Người vừa xuất hiện nói:

– Nhà vua ra lệnh cho ngươi chăn chúng trong một thời gian ngắn, sau đó, khi an nghỉ, ngươi sẽ nhận được phần thưởng lớn lao.

Và cùng với những lời đó, người ấy trao cho ông cây gậy, giao phó đàn cừu và hàng rào cho ông, rồi ra đi. Khi tỉnh dậy, vị thánh suy nghĩ: "Điều này có ý nghĩa gì?" – và ngài nhận ra rằng người đàn ông hiện ra với ngài chính là Thánh Tông đồ Phaolô, đàn cừu là con người, còn hàng rào là Giáo hội; ngài rất sợ hãi, e rằng mình sẽ bị bổ nhiệm làm giám mục tại thành phố hoàng gia[161] . Và Nifont tự nhủ: "Chẳng phải ta đã khẩn cầu Chúa để không phải cai trị ai sao? Vậy mà Ngài lại muốn ban cho tôi quyền lực! Ta sẽ làm như tiên tri Giô-na (Giô-na 2), và trốn khỏi đây!" Ông dẫn theo môn đệ của mình, rời khỏi phòng tu và lên tàu. Trong gió nhẹ, con tàu nhanh chóng đến Alexandria, nơi lúc bấy giờ có Thượng phụ Alexander[162] đang cai quản Giáo hội sau Thánh Phê-rô, người đã chịu khổ vì Chúa Kitô dưới thời Đế vương Diocletian. Cùng ngày hôm đó, những cư dân thành phố Constance từ đảo Síp đã đến và xin Thượng phụ Alexander bổ nhiệm cho họ một giám mục, người mà ngài thấy xứng đáng, vì vị mục tử của họ, tên là Christopher, một người thánh thiện và đáng kính, đã qua đời. Thượng phụ bèn nói với họ:

– Hãy chờ một chút, cho đến khi Thiên Chúa chỉ cho tôi một người như vậy.

Và ngay trong đêm đó, Đức Thượng phụ đã thấy Thánh Tông đồ Phaolô, người đã hỏi ngài:

– Ngươi sẽ bổ nhiệm ai làm giám mục cho thành phố Constance?

Đức Thượng phụ đáp:

– Tôi không biết: ai mà Đức Chúa Trời muốn.

Người hiện ra nói:

– Đức Chúa Trời sẽ chỉ cho ngài một người xứng đáng, chỉ cần ngày mai ngài cùng toàn thể giáo sĩ có mặt tại nhà thờ và quan sát những người bước vào: ai mà ngài thấy giống tôi về mọi mặt, thì hãy giao đàn chiên cho người đó.

---

[161] Tức là tại Constantinopolis.

[162] Thánh Alexander là tổng giám mục tại Alexandria từ năm 312 đến năm 326; ngày kỷ niệm của ngài được cử hành vào ngày 29 tháng 5.

Sáng hôm sau, Đức Thượng phụ ngồi trong nhà thờ và quan sát xem ai trong số những người bước vào sẽ giống với người vừa hiện ra. Còn Niphon, không biết gì về chuyện này, đã đến nhà thờ và trên đường đi, ông nói với một môn đệ:

– Trong lòng tôi cảm thấy vừa buồn vừa vui: liệu có chuyện gì xảy ra với chúng ta chăng!

Và với những lời đó, ông bước vào nhà thờ. Thấy ông, Đức Thượng phụ nói với phó tế trưởng của mình:

– Hãy nhìn xem, Athanasius, khuôn mặt người này có giống với hình ảnh của Thánh Tông đồ Phaolô không?

– Vâng, thưa Cha, – phó tế trưởng đáp, – quả thực là vậy, và ngài xứng đáng chăn dắt Giáo hội của Chúa Kitô: con thấy Thiên thần của Chúa đang đi cùng ngài và trò chuyện, hơn nữa, trên đầu ngài còn có một vương miện bằng đá quý.

Rồi Đức Thượng phụ gọi vị thánh lại, chào đón ngài, và họ ngồi xuống. Phó tế trưởng mỉm cười nói với Nifont:

– Tại sao ngài lại bỏ trốn, thưa Cha, để rồi giờ đây lại phải đến đây trái với ý muốn của mình?

Khi vị thánh biết điều gì sẽ xảy ra với mình, ngài thở dài và nói:

– Khốn khổ cho tôi! Tôi là kẻ có tội và không xứng đáng nhận quyền lực như vậy!

Thượng phụ đáp:

– Ồ, giá như tôi cũng không xứng đáng như vậy!

Và nói xong, ngài đứng dậy, cử hành Thánh lễ, phong chức linh mục cho Thánh Niphon, rồi trong vài ngày sau đó, phong chức phó tế và linh mục cho ngài, sau đó lại phong chức giám mục cho ngài, trong niềm vui chung của mọi người vì vị mục tử do Thiên Chúa sai đến. Sau khi được tấn phong làm giám mục, Nifont ở lại Alexandria ba ngày, trò chuyện với các vị thánh nhân đang có mặt tại đó. Sau đó, Đức Thượng phụ cho phép Thánh Nifont trở về giáo phận của mình, đồng thời cử vị phó tế trưởng và các vị thánh nhân khác đi cùng để bày tỏ sự tôn kính đối với ngài. Họ đến thành phố Constance thuộc đảo Síp vào ngày 4 tháng 9; sau khi trao đàn chiên cho ngài, những người được cử đi đã trở về Alexandria, ngợi khen Thiên Chúa. Thánh Nifont của Đức Chúa Trời bắt đầu tận tụy chăn dắt đoàn chiên của Đấng Christ và lo lắng cho sự cứu rỗi của các tín hữu. Ngài là người cha của những đứa trẻ mồ côi và các góa phụ, là bác sĩ miễn phí cho người bệnh và là ân nhân của những người yếu đuối; đồng thời, ngài đã thực hiện nhiều phép lạ khác nhau, đến nỗi không thể kể hết được, vì thế ngài được mọi người yêu mến và kính trọng vô cùng. Trong khi không ngừng chăm lo cho đoàn chiên, một lần ngài thấy một người Ê-thi-ô-pi to lớn, đang dựa vào cây gậy, dường như đang buồn bã, ông ta đi vào thành phố và thường xuyên dừng lại nghỉ ngơi trên đường. Thánh nhân nhận ra đó là ma quỷ, liền quát lên với hắn.

– Ta nói với ngươi đây, tên xấu xa, tại sao và làm sao ngươi dám đến đây?

Người Ethiopia nhìn anh ta với ánh mắt giận dữ, như thể muốn nuốt chửng anh ta, rồi nói:

– Tôi nghe nói anh ở đây, nên đã đến để tiêu diệt anh cùng với đàn cừu của anh.

Còn vị thánh thì đáp lại:

– Hỡi kẻ yếu đuối! Chính ngươi đã bị đánh bại rồi, mà ngươi còn muốn đánh bại ta sao? Ta đã thấy một vị tu sĩ chiến đấu với các ngươi, và ba mươi con quỷ của các ngươi đã kiệt sức khi chiến đấu với ông ấy, ai mà không cười nhạo sự yếu đuối của các ngươi chứ!

– Đừng ngạc nhiên về điều đó, – quỷ dữ nói, – nếu ta còn sức mạnh như xưa, thì việc tiêu diệt ngươi chẳng là gì cả, nhưng kể từ khi Chúa Giê-su bị đóng đinh, ta thực sự đã trở nên yếu đuối.

Vị thánh đáp lại:

– Và bây giờ, nếu ta cầu nguyện với Đấng Kitô của ta, thì ngươi sẽ ra sao, hỡi kẻ vô liêm sỉ?

– Ta biết, – quỷ đáp, – rằng ngươi có thể làm được nhiều điều, nhưng đừng làm hại ta, ta sẽ rời khỏi thành phố của ngươi và không bao giờ quay lại nữa.

Thấy vậy, vị thánh tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã gìn giữ ngài và bảo vệ đoàn chiên của ngài khỏi con quỷ xảo quyệt.

Sau một thời gian ngắn lãnh đạo Giáo hội của Chúa Kitô, Thánh Niphon đã gần đến lúc lâm chung, điều mà ngài đã tiên tri trước ba ngày. Lúc đó, vị vĩ đại Athanasius – người trước đây từng là phó tế trưởng, và sau khi Alexander qua đời, đã lên nắm giữ ngai tòa của Giáo hội Alexandria[163] – đã đến gặp ngài. Ngài đã được Thiên Chúa báo trước về sự ra đi sắp tới của Thánh Nifont, và vì thế, ngài đã cùng toàn thể hàng giáo sĩ đến để lần cuối cùng chia tay với vị thánh nhân của Thiên Chúa. Thánh Nifont, khi nhìn thấy Athanasius, đã hỏi ngài:

– Tại sao ngài lại vất vả đến gặp con, một kẻ tội lỗi, hỡi vị cha đáng kính?

– Con đã biết – Athanasius đáp – rằng ngày mai cha sẽ lên Giê-ru-sa-lem trên trời, nên con đã đến để trò chuyện với cha. Con xin cha, khi cha đứng trước ngai vàng của Đức Chúa Trời, xin hãy cầu nguyện cho con ở đó, để con cũng được nhận ân sủng từ Chúa.

– Còn cha nữa, – vị thánh nói, – khi cử hành các nghi lễ thánh, xin hãy cầu nguyện cho sự yếu đuối của con.

Cùng đêm đó, Thánh Nifont đã cầu nguyện rất lâu cho bản thân và cho đoàn chiên của mình. Và Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với ngài, mang theo sự an ủi và tin mừng rằng sự an nghỉ vĩnh cửu đã được chuẩn bị sẵn cho ngài. Trong lúc hát thánh ca buổi sáng, ngài bắt đầu chịu đau đớn dữ dội vì bệnh tật, nên đã nói với môn đệ của mình:

– Con ơi, hãy trải một tấm chiếu cho ta trên đất.

Và khi đệ tử làm theo lời dặn, Nifont nằm xuống đó trong tình trạng ốm nặng. Khi trời sáng, Athanasius Đại đế đến gặp ngài, ngồi xuống bên cạnh và hỏi:

– Thưa Cha, bệnh tật có mang lại lợi ích gì cho con người hay không?

Thánh nhân đáp:

– Giống như vàng khi được nung trong lửa sẽ loại bỏ cặn bẩn, con người khi ốm đau cũng được thanh tẩy khỏi tội lỗi của mình.

Sau đó, ngài im lặng một lát, rồi khóc, rồi mỉm cười, khuôn mặt ngài bừng sáng, và ngài nói:

– Xin chào các Thiên thần thánh thiện!

Một lát sau, ngài nói:

– Hãy vui mừng, các vị tử đạo thánh thiện! Khuôn mặt ngài càng rạng rỡ hơn. Một lúc sau, ngài lại nói:

– Ơn lành cho các ngài, các vị tiên tri phúc lành!

Lúc đó, đôi mắt thiêng liêng của Thánh Athanasius mở ra, và ngài thấy rằng vị thánh hạnh phúc đang được tất cả các vị thánh chào đón, từng vị một. Sau đó, Niphon vui mừng nói:

– Tôi chào các ngài, các linh mục, các vị tu sĩ và tất cả các thánh! – rồi im lặng. Chẳng bao lâu sau, ngài thốt lên:

– Hỡi Đấng Được Mừng Rỡ, ánh sáng đỏ rực của con, người trợ giúp và pháo đài của con, con ngợi khen Ngài, Đấng Tốt Lành, vì con nhớ đến lòng thương xót và ân sủng của Ngài!

Sau đó, ngài im lặng, và khuôn mặt ngài bừng sáng như mặt trời, khiến tất cả những người có mặt đều kinh ngạc. Một hương thơm ngào ngạt lan tỏa, và chẳng bao lâu sau, một tiếng nói từ trời vang lên, kêu gọi ngài đến nơi an nghỉ vĩnh hằng. Thế là ngài đã phó thác linh hồn trung thực và thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa vào ngày 23 tháng 12. Khắp thành phố vang lên tiếng khóc than và tiếng nức nở đau đớn, và Thánh Nifont được an táng với đầy đủ nghi lễ tại Nhà thờ vĩ đại của các Thánh Tông đồ, ca ngợi lòng thương xót dành cho những kẻ có tội, Đấng kỳ diệu trong các thánh, Cha, Con và Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Cuộc tử đạo của mười vị thánh tử đạo ở Crete

Ngày tưởng niệm 23 tháng 12

Đê-ki-ô, hoàng đế La Mã, đã bổ nhiệm Đê-ki-ô – người cùng tên với mình – làm tổng trấn đảo Crete[163] . Người này giống hệt vị hoàng đế của mình về sự tàn bạo, tra tấn và đàn áp các Kitô hữu. Khi đến đảo Crete, Decius lập tức ra lệnh truy lùng tất cả những người tin vào Chúa Kitô và đưa họ đến trước mặt mình để tra tấn. Người ta bắt đầu đưa những Kitô hữu kiên định trong đức tin đến trước mặt ông ta, và sau nhiều hình thức tra tấn và đau đớn, họ đã bị xử tử theo nhiều cách khác nhau. Vào thời điểm đó, mười vị nam nhân vĩ đại nhất đã bị bắt và đưa đến trước mặt kẻ tra tấn. Họ đều xuất thân từ các thành phố khác nhau: từ thành phố Gorgon[164] – Theodulus,

[163] Đảo Crete (hay còn gọi là Candia) nằm ở phần phía đông của Biển Địa Trung Hải. Nhờ diện tích rộng lớn và đất đai màu mỡ, nơi đây trước đây được mệnh danh là "nữ hoàng của các hòn đảo" ở Biển Địa Trung Hải. Đạo Kitô đã bắt đầu ở đây từ thời các Tông đồ; những nền tảng đầu tiên của nó được đặt bởi những người chứng kiến sự kiện Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các Tông đồ, vì lúc đó cũng có người Crete hiện diện (Công vụ 2:11). Sau đó, đạo Kitô đã được củng cố và truyền bá tại đây bởi Thánh Phaolô

[164] Gortyna, hay Gortin – là một thành phố quan trọng trong thời cổ đại trên đảo Crete, nằm bên sông Lefea (nay là Ieropotamos). Những tàn tích của thành phố cổ vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Saturninus, Euphorus, Gelasius và Eunicius; từ thành phố Kios – Zoticus; từ thành phố Epine – Pompeius và Agathopus; từ thành phố Kidonia – Vasilides; từ thành phố Heraclea – Evarestus[165] ; tất cả đều cùng hướng tới hạnh phúc vĩnh cửu trên thiên đàng. Họ đã đứng trước kẻ tra tấn – và họ đã thốt ra biết bao lời dũng cảm, thể hiện biết bao sự can đảm, trải qua biết bao cực hình, và vượt qua biết bao đau khổ bằng sự kiên nhẫn của mình! Họ bị đánh đập, tra tấn, bị lôi lê trên mặt đất, bị ném đá, bị chế giễu, bị nhổ nước bọt vào người; như vậy, trong suốt ba mươi ngày, họ đã chịu đựng mọi sự sỉ nhục. Ngày 28 tháng 12, phiên tòa được ấn định, và khi quan tổng trấn ngồi xuống, những người chịu khổ, tràn đầy dũng cảm và khí phách, được dẫn ra trước phiên tòa cuối cùng. Còn vị thống đốc, trong cơn thịnh nộ điên cuồng, khao khát dùng bàn tay tàn bạo để tiêu diệt các vị thánh tử đạo, còn họ thì sẵn sàng chịu đựng cho đến hơi thở cuối cùng. Với sự giận dữ, tên sát nhân thống đốc nhìn họ và nói:

– Các ngươi là lũ điên rồ nào vậy, vì chẳng phải sự khôn ngoan, cũng chẳng phải thời gian đã dạy các ngươi điều gì có ích sao?

Rồi, như thể đã dọa nạt được họ bằng chính cơn giận dữ của mình, hắn nói thêm:

– Hãy dâng lễ vật đi, còn nếu không, ta sẽ không nói gì thêm với các ngươi nữa, và các ngươi sẽ biết Decius – người mà các ngươi không muốn tuân theo – là như thế nào!

Nghe vậy, các vị tử đạo đáp lại:

– Hê-gê-môn! Bằng cả lời nói lẫn hành động, trong suốt một thời gian dài, chúng tôi đã chứng tỏ đủ rõ với ngài rằng chúng tôi sẽ không dâng lễ vật cho các vị thần, cũng như không tuân theo mệnh lệnh của ngài.

Igemon ngắt lời họ và nói:

– Vậy các ngươi chẳng hề lo sợ những cực hình sao, lũ vô đạo?

– Chúng tôi hoàn toàn không sợ những cực hình, – các thánh nhân đáp, – chúng tôi thậm chí còn vô cùng biết ơn ngài vì đã chuẩn bị cho chúng tôi một lễ hội thiêng liêng như vậy, tức là sự chịu khổ vì Chúa Kitô, và đã đề nghị điều đó cho chúng tôi.

Igemon nói:

– Chuyện sẽ không diễn ra như vậy đâu: các ngươi sẽ nếm trải sức mạnh của các vị thần vĩ đại, những vị mà các ngươi đã ngang nhiên phỉ báng, không hề xấu hổ trước sự chứng kiến của nhiều bậc hiền triết có mặt tại đây, những người tôn kính Dia – vị thần tối cao, cũng như Hera, Rê và những vị khác[166] , giờ đây các ngươi sẽ phải chịu những cực hình đến nỗi không chỉ lòng dũng cảm của các ngươi sẽ biến mất, mà cả những người khác, cũng bất khuất như các ngươi – nếu có ai như vậy – cũng sẽ phải khiếp sợ.

Trước lời đó, những người đàn ông có tâm hồn kiên định lại đáp lại:

– Xin đừng nói với chúng tôi, ngài Igemon, về Dia và mẹ của ngài là Rhea! Điều đó không phải là tin mới đối với chúng tôi: chúng tôi biết, đã nghe từ cha ông mình về nguồn gốc, cuộc đời và tính cách của ngài. Hắn vô độ và vô đạo đến mức không chỉ ngoại tình với phụ nữ mà còn với cả nam giới; bằng phép thuật và mưu mô huyền bí, hắn thay đổi hình dạng thật của mình thành hình dạng khác, tất cả chỉ để ngoại tình ngày càng nhiều hơn, và liên tục làm ô uế bản thân bằng những hành vi đáng hổ thẹn. Một số người, bị cuốn vào cùng một cơn đam mê, đã bắt chước những hành vi ghê tởm của hắn – vì còn gì dễ bắt chước hơn là cái ác? – Họ tôn vinh hắn là thần, xây dựng đền thờ, dâng lễ vật cho hắn, để những điều họ mong muốn cũng được coi là đẹp lòng thần, nhằm khiến cho sự dâm loạn và lối sống buông thả không chỉ không bị coi là điều đáng ghét đối với thần, mà, than ôi! còn được công nhận là điều đẹp lòng thần.

Các vị thánh nhân của Chúa đã nói như vậy, còn vị tổng trấn thì giận dữ tột độ, vì cảm thấy họ nói đúng; đám đông càng trở nên điên cuồng hơn, xông vào các vị tử đạo, và hắn đã xé xác họ bằng tay nếu Decius không dùng giọng nói và cử chỉ tay để dập tắt sự náo động và tiếng la hét của đám đông. Sau khi lập lại sự im lặng, ông bắt đầu suy tính xem nên nghĩ ra hình thức tử hình tàn bạo nào dành cho các vị tử đạo. Ngay lập tức, theo lệnh của quan tổng trấn, những kẻ tra tấn đã bắt các thánh ra để hành hình, và bắt đầu áp dụng lên họ đủ loại hình phạt – đều tàn nhẫn và đau đớn như nhau. Một trong số họ bị treo cổ và bị cào xé bằng những móng vuốt sắt: các gân bị xé toạc, và những mảnh thịt của cơ thể ông rơi xuống đất. Những người khác bị ném đá và đâm bằng những cây cọc nhọn vào xương sườn cho đến tận xương; còn những người khác nữa, do những cú đánh dữ dội bằng chì, các khớp xương bị vỡ, xương bị gãy và nát vụn. Mỗi người đều bị tra tấn theo cách khác nhau. Ngay cả việc nghe kể về sự tàn bạo

[165] Kios, Epine, Kidonia và Heraclea – là các thành phố khác nhau trên đảo Crete.

[166] Về Dêus hay Zeus, Hera và Rhea, xem chú thích 1, trang 989.

của những cực hình này cũng đã đau đớn, bởi đối với những người nhân từ, việc chứng kiến những đau khổ này là không thể chịu đựng nổi, và việc nghe kể chi tiết về chúng cũng thật nặng nề. Nhưng các vị tử đạo đã đón nhận những cực hình ấy một cách hoàn toàn bình thản, hay nói chính xác hơn, họ chịu đựng chúng với niềm vui; và những người đứng xung quanh có cảm giác rằng họ không phải đang đau đớn vì nỗi đau, mà dường như họ còn tiếc nuối vì những cực hình chưa đủ nặng nề và mong muốn những cực hình còn lớn hơn nữa. Mọi người đều đổ xô đến để ngắm nhìn họ như một điều gì đó mới mẻ và kỳ diệu – cả những người có đức tin lẫn những kẻ vô tín; những người có đức tin, những người giữ đức tin trong bí mật, vội vã đến để chiêm ngưỡng lòng dũng cảm của các vị tử đạo và qua đó củng cố đức tin của mình, còn những kẻ vô tín thì đến để chế nhạo sự kiên nhẫn của các thánh và, khi chứng kiến những cực hình khủng khiếp của họ, tận hưởng nỗi đau đớn của các vị. Không những họ không tỏ ra chút thương xót nào, mà còn xúi giục quan tổng trấn và những kẻ tra tấn hành động tàn bạo hơn nữa. Được họ xúi giục, quan tổng trấn ra lệnh, còn những kẻ tra tấn thi hành, trong khi đó, người thông báo lại hô to:

– Hãy thương xót chính mình, hãy phục tùng các quan chức, hãy dâng lễ vật lên các vị thần.

Trong những đau khổ tàn bạo như vậy, các vị tử đạo lại vượt trội hơn tất cả mọi người – cả dân chúng, người rao lệnh, những kẻ tra tấn, chính vị thống đốc, và hơn hết là chúa tể của họ – Satan cùng toàn bộ quyền lực của hắn – về lòng dũng cảm và sự kiên nhẫn. Tất cả các vị tử đạo, như thể đã thống nhất với nhau, cùng kêu lên:

– Chúng tôi là những Kitô hữu, là của lễ của Chúa Kitô, bị hiến tế vì Chúa Kitô; dù phải chết mười nghìn lần, chúng tôi cũng sẵn lòng chết!

Khi các thánh tử đạo coi thường mọi cực hình, thì Decius, tên đầy tớ trung thành của Satan, tuyệt vọng vì không thể thuyết phục họ và ép buộc họ dâng lễ vật, đã tuyên án tử hình đối với họ. Các thánh được dẫn đi chém đầu bằng gươm đến một nơi cách thành phố không xa, nơi đó được người dân vùng đó gọi là Alonii. Trên đường đi, các vị tử đạo đã thể hiện một điều mới mẻ và phi thường: trong suốt thời gian chịu khổ hình, họ luôn đồng lòng và nhất trí; nhưng đến cuối cùng, họ chỉ tranh luận xem ai trong số họ sẽ là người đầu tiên bước lên chịu gươm và sớm nhận vương miện. Nhưng cuộc tranh luận này đã bị Theodulus – một trong các vị thánh tử đạo – chấm dứt, – bằng cách nói rằng người đầu tiên sẽ là người cuối cùng đưa đầu mình ra dưới lưỡi gươm: nếu, khi chứng kiến cảnh những người bạn còn lại của mình bị chém đầu và chết trước mặt, người đó không hề sợ hãi chút nào, không tỏ ra đau buồn, thậm chí nét mặt cũng không thay đổi, thì người đó thực sự sẽ là vị anh hùng vĩ đại nhất và là người chiến thắng. Mọi người đều đồng ý với lời của Theodulus. Trước hết, họ cùng hát một bài thánh ca dâng lên Đức Chúa Trời:

– *"Chúc tụng Chúa, Đấng đã không phó chúng con làm mồi cho răng nanh chúng! Linh hồn chúng con đã thoát khỏi lưới của những kẻ săn bắt, như chim bay thoát"* (Thánh vịnh 123:6–7). Sau đó, khi đến nơi đã định, mỗi người trong số họ đều dâng lên lời cầu nguyện sau đây:

– Xin Chúa tha thứ cho các tôi tớ của Ngài và xin nhận lấy máu chúng con đổ ra vì chính chúng con, vì thân nhân và bạn bè chúng con, cũng như vì cả tổ quốc; xin cho họ được giải thoát khỏi bóng tối của sự vô minh, và bằng đôi mắt sáng ngời, họ sẽ nhìn thấy đức tin Kitô giáo, và nhận biết Ngài, Ánh Sáng Chân Thật, Vua Vĩnh Cửu!

Sau lời cầu nguyện của họ, những cái đầu thánh thiện và chiến thắng của họ lần lượt bị chém rơi, còn linh hồn họ thì hân hoan bay lên cùng Đức Kitô, Thiên Chúa. Sau khi họ bị chém đầu, khi những kẻ hành hình đã rời đi, một số Kitô hữu ở lại nơi đó đã thu thập thi hài thánh thiện của các vị tử đạo và an táng với sự tôn kính[167] .

Khi cuộc bách hại kết thúc, khi đức tin lại được tỏa sáng, Thánh Phaolô, Giám mục thành Gortyna, sau khi đến Constantinopolis, đã xin phép chuyển thi hài các thánh từ nơi Alonia – nơi họ đã được an táng sau khi bị chém bằng gươm – về Gortyna. Sau khi trở về đảo Crete và đến địa điểm Alonia cùng với đông đảo tín hữu Kitô giáo – trong đó có những người đã chứng kiến cuộc tử đạo của các thánh – ngài đã dọn sạch lớp đất phủ trên thi hài và phát hiện ra thi hài của các ngài như thể còn ngập trong nước, được bảo tồn nhờ ý muốn của Thiên Chúa – nguyên vẹn và không hề hấn gì – rồi ngài đã rước các thi hài ấy về với vinh quang, để bảo vệ thành phố và giúp đỡ tất cả những ai những ai đang cần sự giúp đỡ. Nhờ những lời cầu nguyện của các ngài, xin cho chúng ta cũng được trở thành những người cùng hưởng những ân huệ thiên đàng đã được chuẩn bị sẵn cho các ngài, nhờ ân sủng và lòng nhân ái của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được vinh quang và tôn kính muôn đời. Amen.

[167] Điều này xảy ra vào giữa thế kỷ II.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ánh sáng ban mai chiếu rọi sự chịu khổ cao quý của các vị tử đạo, báo trước cho chúng ta về Đấng sẽ ra đời trong máng cỏ, Đấng mà Đức Trinh Nữ đã sinh ra mà không qua sự thụ thai.

Lễ kính Thánh Phaolô, Giám mục Neocaesarea

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 12

Thánh Phaolô, vị cha thánh của chúng ta, khi còn là Giám mục thành Neo-Caesarea[168] , đã nổi tiếng đến mức tên tuổi cao quý của ngài được Lycinius[169] , vị hoàng đế đang trị vì tại Nicomedia lúc bấy giờ, biết đến. Lycinius, người đã khởi xướng cuộc bách hại tàn bạo chống lại các Kitô hữu, đã ra lệnh triệu tập Thánh Phaolô đến trước mặt mình. Khi những người được cử đi đưa vị thánh ra trước tòa vua, trước hết họ cố gắng đe dọa ngài và bắt ngài nhịn đói, sau đó mới bắt đầu đánh đập ngài. Vị thánh đã dũng cảm chịu đựng tất cả những điều đó, và mọi người đều kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của ngài. Sau đó, ngài còn phải chịu thêm một hình thức tra tấn khác: một vòng sắt nung đỏ, bắn ra những tia lửa, được thợ rèn dùng kìm đặt lên lòng bàn tay thánh nhân, rồi dùng bàn tay kia của ngài che lại vòng sắt đó, và dùng kẹp siết chặt cả hai tay ngài lại, giữ nguyên như vậy cho đến khi sắt nguội hẳn. Do đó, các cơ vận động ở tay vị thánh co lại và tê liệt, đến nỗi các ngón tay của ngài không còn có thể gập lại hay duỗi ra được nữa. Sau đó, vị thánh cha được trói lại và đưa đến bờ sông Euphrates, rồi bị giam vào ngục tối tại đó.

Khi Hoàng đế Constantine Đại Đế rời Rome, chính thức lên ngôi ở phương Đông và trong sắc lệnh nhân dịp này bày tỏ mong muốn rằng tất cả thần dân của ngài đều phải là Kitô hữu, thì tất cả những ai vì danh Chúa Kitô mà đang bị lưu đày và giam cầm đều được ân xá, và mỗi người đều trở về quê hương của mình. Cũng vào thời điểm đó, Thánh Phêrô, vị cha thánh của chúng ta, cũng được trả tự do, đã trở lại ngai tòa giám mục của mình và tỏa sáng bởi lòng đạo đức, giống như trước đây khi ngài còn là một ẩn sĩ, tham dự cùng với 318 vị thánh cha khác tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất diễn ra tại Nicêa[170] , Thánh Phaolô là một trong những người mang trên thân thể những vết thương[171] của Chúa Giêsu: trong số các vị Thánh Cha tham dự Công đồng, có người bị mất tay, có người mất tai, có người mất mũi, có người mất mắt, hoặc mang trên thân thể những tổn thương khác; một số vì Chúa Kitô đã phải chịu đòn roi, gãy xương, khớp xương bị xé rách, những người khác phải chịu thiêu đốt bằng lửa và bị cưa xẻ các bộ phận cơ thể. Trong số họ, Thánh Phaolô cũng là một vị tử đạo đạo đức vì đức tin vào Chúa Kitô, vì ngài cũng mang trên mình những vết tích của những trận đòn roi, và đôi tay thánh thiện của ngài đã bị bỏng, co quắp lại và không còn hoạt động được nữa. Công đồng được triệu tập để chống lại tên dị giáo độc ác Arius, người đã bị phán quyết bởi Tòa án Thần thánh và bị nguyền rủa vào thời điểm đó. Sau Công đồng, các vị cha đã được dâng lên trước mặt hoàng đế. Hoàng đế thánh thiện Constantine lúc đó đã nắm lấy đôi tay của Thánh Phaolô, hôn lên chúng và áp vào mắt cùng các bộ phận khác trên cơ thể mình, rồi tuyên xưng:

– Niềm vui của chúng ta thật lớn lao khi được chào đón người đã chịu đau khổ vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, và được hôn lên đôi bàn tay bị bỏng này, giờ đây đã không còn sức lực.

Sau đó, Thánh Phaolô trở về thành phố của mình để đảm nhận chức vụ giám mục, và sau nhiều năm chăn dắt đoàn chiên, ngài đã an lành về với Chúa.

---

[168] Thánh Theodoret gọi Phaolô là giám mục của Neocaesarea – một pháo đài nằm bên bờ sông Euphrates.

[169] Licinus trị vì từ năm 307 đến năm 324 ở nửa phía đông của Đế chế La Mã, ban đầu với tư cách là đồng trị vì cùng Hoàng đế Galerius, sau đó là độc lập. Trong khi Constantine Đại đế trở thành hoàng đế ở phương Tây, Licinius – một người ngoại đạo – ban đầu có thái độ gần như thiện cảm đối với các Kitô hữu, nhưng khi Constantine quyết liệt tuyên bố mình là người bảo trợ cho Kitô giáo, Licinius đã trở thành kẻ bách hại dữ dội Giáo hội của Chúa Kitô, vì nghi ngờ Constantine có ý định chiếm đoạt cả miền đông, đồng thời nghi ngờ các thần dân Kitô hữu của mình có lòng đồng cảm với Constantine và mong muốn phục tùng ông.

[170] Năm 325,

[171] Theo gương Thánh Phaolô, người trong thư gửi cho người Ga-la-ti 6:17, đã thốt lên: “Vì tôi mang những vết thương của Chúa Giêsu trên thân thể tôi.”

Ngày 6 tháng 1

24 tháng 12 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Nữ Tử đạo Eugenia.

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 12

Vào năm thứ bảy triều đại của Hoàng đế La Mã Commodus, người kế vị ngai vàng sau cha mình là Marcus Aurelius[172] , một quan đại thần nổi tiếng tên là Philip đã được bổ nhiệm làm tổng trấn toàn Ai Cập. Sau khi nhận chức vụ này, Philip cùng vợ là Claudia và các con đã chuyển từ Rome đến Alexandria. Ông có hai con trai là Avit và Sergius, cùng một cô con gái duy nhất tên là Eugenia, người có nhan sắc tuyệt trần và tâm hồn trong sáng; chính cuộc đời của cô là chủ đề của câu chuyện này.

Philip cai trị Ai Cập theo luật pháp La Mã và theo phong tục của tổ tiên. Ông rất ghét các thầy bói, pháp sư và truy bức họ bằng mọi cách. Ông cũng không ưa người Do Thái, thậm chí đến mức không thể chịu nổi khi nghe thấy tên người Do Thái. Ông đối xử nhân từ nhất với các Kitô hữu và, mặc dù đã trục xuất họ khỏi Alexandria theo lệnh của hoàng đế, nhưng vẫn cho phép họ định cư bình yên và thờ phượng Thiên Chúa của mình ở các vùng ngoại ô của thành phố này. Philip tôn trọng các Kitô hữu vì lối sống trong sạch và sự khôn ngoan của họ. Bản thân ông say mê triết học Hy Lạp, và ông cũng giáo dục con gái mình là Eugenia theo truyền thống đó, mong muốn cô có được kiến thức sâu rộng về triết học. Ngoài ra, Philip còn dạy Eugenia nói tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp một cách trôi chảy và lưu loát. Với trí tuệ sáng suốt và sự siêng năng, Eugenia dễ dàng đạt được thành công trong học tập. Bất cứ điều gì cô từng nghe hay đọc qua, cô đều ghi nhớ vững chắc, lưu giữ trong lòng như thể nó được khắc lên tấm đồng vậy. Cô không chỉ xinh đẹp về dung mạo và thon thả về vóc dáng, mà còn tuyệt vời và xinh đẹp hơn nữa nhờ sự trong sáng của tâm hồn và sự trinh trắng thuần khiết. Chính vì vậy, Aquilinus – một trong những quan chức La Mã danh giá nhất – đã muốn hứa hôn cô với con trai mình là Aquilius. Nhưng khi cha mẹ hỏi cô có đồng ý kết hôn với chàng trai quý tộc này không, Evgenia đã trả lời:

– Phải chọn người chồng tốt nhất dựa trên lối sống, chứ không phải xuất thân, vì mình sẽ phải sống cùng anh ấy, chứ không phải cùng dòng họ của anh ấy.

Cũng có những chàng trai quý tộc và giàu có khác mong muốn đính hôn với cô, nhưng cô từ chối tất cả, với lý do là cô không ưa lối sống của họ, nhưng thực ra là để tránh hôn nhân vì tình yêu dành cho sự trinh trắng, bởi vì mong muốn và mối quan tâm duy nhất của cô là giữ gìn sự trinh trắng.

Vậy là chiếc bình tuyệt đẹp và trong sạch đã được chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận ân sủng thiêng liêng, và chẳng bao lâu sau, đức tin chân chính đã theo sau những việc làm tốt lành của cô, và Eugenia, với tâm hồn trong sạch, đã đến với nguồn suối trong sạch của lòng đạo đức. Sự kiện sau đây đã đánh dấu bước khởi đầu cho hành trình quay về với Thiên Chúa của cô. Tình cờ, hay đúng hơn là theo ý định của Thiên Chúa, cô đã có dịp đọc cuốn sách các thư của Thánh Tông đồ Phaolô. Khi đọc kỹ và thấu hiểu nội dung, Eugenia đã biết đến sự hiện hữu của Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật, Đấng đã tạo dựng vũ trụ: và ngay lập tức, tâm trí cô được soi sáng, vốn từ lâu đã được thanh tẩy và chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận Chúa Thánh Thần. Trong lòng, cô đã vững tin vào Chúa Kitô, nhưng không dám công khai xưng nhận Ngài bằng lời nói, vì sợ sự giận dữ của cha mẹ.

Khi, theo sắc lệnh của hoàng đế, các Kitô hữu – những người mà Evgenia rất mong muốn được nghe giáo lý – bị trục xuất khỏi Alexandria, cô đã xin phép cha mẹ được đến một trong những điền trang gần nhất của gia đình, với lý do là để nghỉ ngơi trong sự tĩnh lặng của vùng quê, nhưng thực chất là để thực hiện mong muốn của mình. Không hay biết ý định của Eugenia, cha mẹ đã cho phép cô đến trang viên. Khi đi qua một tu viện nằm trong một khu định cư Kitô giáo trên chiếc xe ngựa cùng các hoạn quan và nô lệ của mình, Eugenia nghe thấy các tu sĩ hát phía sau hàng rào: *"Tất cả các vị thần của dân ngoại đều là quỷ dữ, còn Chúa đã tạo dựng trời cao"* (Thánh vịnh 95:5). Nghe những lời ấy và cảm thấy hổ thẹn vì sự lầm lạc của cha mình, nàng thở dài từ tận đáy lòng và nói với hai hoạn quan của mình, một người tên là Prot, người kia tên là Iakinth:

[172] Marcus Aurelius, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 161 đến năm 180. Commodus, con trai ông, trị vì từ năm 180 đến năm 192.

– Các ngươi đã được học hỏi cùng ta đủ rồi; chúng ta đã cùng nhau thấu hiểu giáo lý của các nhà triết học: Socrates, Aristotle và Plato, những sai lầm nổi tiếng của trường phái Khắc kỷ và quan điểm của Epicurus[173] , cũng như đã đọc và nghiên cứu các tác phẩm của các nhà triết học và thi sĩ khác. Chắc hẳn các con cũng hiểu rằng tất cả những điều đó chỉ là những câu chuyện ngụ ngôn, không có gì đằng sau ngoài vẻ bề ngoài giống như sự thật, vốn dễ đánh lừa nhiều người. Chúng tôi cũng không hề xa lạ với việc người Hy Lạp tự hào về sự thông thái của mình, trong số đó có những người bằng mọi cách chứng minh rằng không có Thượng Đế nào cả, còn những người khác lại cho rằng có nhiều vị thần, và họ coi một số vị thần là cao cả, còn những vị khác thì thấp kém hơn. Còn các Kitô hữu thì đánh bại tất cả họ chỉ bằng một lời, rằng: *"Tất cả các vị thần của dân ngoại đều là ma quỷ"* (Thánh Vịnh 95:5), vì niềm tin vào những vị thần ngoại giáo này là sự điên rồ thực sự và dẫn đến sự hủy diệt. Còn giáo lý của người Kitô hữu: *"Chúa đã tạo dựng trời cao"* (Thánh Vịnh 95:5), – công khai thừa nhận Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và ban cho chúng ta sự hiểu biết về Chúa của tất cả chúng ta. Theo điều này, Thánh Phaolô – vị Tông đồ của họ – cũng dạy như vậy; tôi đã đọc những lời viết của ngài, chứng minh sự hiện hữu của Đức Chúa Trời Duy Nhất, vào ngày hôm qua và ngày kia. Và tôi tin vào những lời của vị Tông đồ này, vì chúng rất rõ ràng và đáng tin cậy, bởi chúng đặt nền tảng cho đức tin trên những việc làm. Trong các thư của mình, vị Tông đồ đã chỉ rõ con đường dẫn đến sự cứu rỗi, và các bạn, nếu muốn, có thể tuân theo lời chỉ dẫn của ngài. Còn tôi sẽ không còn tự xưng là bà chủ của các bạn nữa, mà là chị em và đồng sự, vì chúng ta có chung một Chúa và Cha – là Đức Chúa Trời. Vậy chúng ta hãy đồng lòng và đồng ý, như những người anh em, và cùng nhau quyết định quay về với Chúa Kitô. Tôi nghe nói rằng Giám mục Kitô giáo Ê-li đã xây dựng một tu viện ở đây, nơi các tu sĩ không ngừng ca ngợi Thiên Chúa bằng những bài thánh ca cả ngày lẫn đêm. Vị giám mục đã giao phó tu viện này cho một linh mục tên là Theodoros, người được kể lại là đã thực hiện những việc kỳ diệu: ngài dùng lời cầu nguyện để ban lại thị lực cho người mù, trừ tà và chữa lành mọi bệnh tật chỉ bằng một lời nói. Người ta còn nói rằng phụ nữ tuyệt đối không được phép vào tu viện này. Vì vậy, hãy cạo tóc cho tôi, mặc cho tôi quần áo nam giới và đưa tôi đến đó vào ban đêm. Chúng ta sẽ lên kế hoạch trở về thành phố vào tối muộn, tất cả các nô lệ hãy đi phía trước cỗ xe, còn hai người các ngươi đi phía sau. Tôi sẽ lặng lẽ xuống khỏi cỗ xe và chúng ta sẽ lén lút trốn khỏi mọi người, còn cỗ xe sẽ trở về nhà trống rỗng, còn chúng ta sẽ đến với các tôi tớ của Chúa.

Những lời của Evgenia, cũng như ý định của cô, đã làm hài lòng cả hai hoạn quan, và khi đêm xuống, họ đã làm đúng như đã thỏa thuận trước. Vào tối muộn, trên đường trở về thành phố, họ lén đưa Evgenia xuống khỏi cỗ xe ngựa, sao cho không một người hầu nào nhận ra; sau khi ẩn mình, họ mặc cho cô trang phục nam giới, cắt ngắn mái tóc thiếu nữ của cô và hướng về tu viện. Chưa đến tu viện, họ đã thấy Đức Thánh Ê-li, Giám mục thành Heliopolis[174] , đang tiến đến. Ở Ai Cập có phong tục rằng khi giám mục đi thăm các tu viện và nhà thờ, dân chúng sẽ đi theo ngài và hát thánh ca. Cũng vậy, ở đây, đi cùng Giám mục Ê-li, phía trước và phía sau ngài, có khoảng mười nghìn người đàn ông đang hát và reo hò:

– *"Con đường của những người công chính là thẳng tắp, Ngài làm cho lối đi của những người công chính được bằng phẳng"* (Ê-sai 26:7).

Nghe những lời ấy, Eugenia nói với các bạn mình:

– Hãy suy ngẫm ý nghĩa của những câu thơ này và nhận ra rằng mọi lời trong đó đều phù hợp với chúng ta. Khi chúng ta trò chuyện về Đức Chúa Trời Chân Thật, chúng ta đã nghe tiếng hát: *"Tất cả các thần của dân ngoại đều là quỷ dữ, còn Đức Giê-hô-va đã dựng nên các tầng trời"* (Thi Thiên 95:5). Giờ đây, khi chúng ta đã lên đường, mong muốn đến với Đấng Christ và từ bỏ việc thờ lạy thần tượng, thì đây, hàng ngàn người đang đón tiếp chúng ta, đồng thanh hát lên: *"Con đường của những người công chính là thẳng tắp, Ngài làm cho lối đi của những người công chính được bằng phẳng"* (Ê-sai 26:7). Và tôi nghĩ rằng điều này không phải ngẫu nhiên, mà là theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Hãy xem dân chúng này đang đi đâu, và nếu họ cũng đang hướng về cùng một tu viện mà chúng ta đang đến, thì chúng ta sẽ gia nhập cùng họ và đi cùng nhau, như những người bạn của họ vậy.

Sau khi gia nhập vào đoàn người đang đi và hát ca, trên đường đi họ hỏi một người:

– Vị lão nhân đang cưỡi lừa giữa đám đông xung quanh là ai vậy?

---

[173] Socrates, Plato (học trò của ông), Aristotle (học trò của Plato), Epicurus – những nhà triết học Hy Lạp nổi tiếng, sống vào thế kỷ IV trước Công nguyên.

[174] Iliopolis – một thành phố ở miền hạ (miền bắc) Ai Cập.

Và họ nghe câu trả lời rằng đó là Giám mục Ê-li, một Kitô hữu từ thuở thiếu thời, lớn lên trong tu viện. Khi còn là một cậu bé, người ta sai cậu đi lấy lửa từ nhà hàng xóm, cậu đã mang than hồng về trên áo mình, nhưng áo cậu không bị cháy xém: cậu đã được Thiên Chúa yêu mến ngay từ thuở ấu thơ.

– Vài ngày trước đây, – người được hỏi tiếp lời, – một nhà tiên tri tên là Zari đã xuất hiện ở vùng này, lôi cuốn mọi người bằng đủ thứ mưu mẹo và phép thuật: ông ta gọi Giám mục Ê-li là kẻ lừa dối, còn tự xưng mình là vị thầy tốt lành được Chúa Kitô sai đến với loài người. Và thế là rất nhiều tín hữu Kitô giáo đã tụ tập và đến gặp cha chúng ta, người mà các bạn đang thấy đây, và nói: "Chúng tôi nghe Zari khẳng định rằng ông ta được Chúa Kitô sai đến, vì vậy hoặc là ngài hãy tiếp nhận ông ta vào cộng đoàn của mình, hoặc nếu lời ông ta là dối trá, thì hãy từ chối ông ta, và chúng tôi sẽ theo người trong số các ngài ai là người chiến thắng trong cuộc tranh luận." Thánh Giám mục Ê-li đã đồng ý tranh luận với Zari: ngài đặt niềm tin vào Chúa Kitô, còn Zari thì tin vào những con quỷ của mình. Một ngày đã được ấn định cho cuộc tranh luận và một địa điểm đã được chuẩn bị ngay giữa thành Ilion. Pháp sư Zari xuất hiện cùng những phép thuật huyền bí của mình, còn vị giám mục thì đến với những lời được Thánh Thần soi dẫn; sau khi ban phước lành cho dân chúng, ngài nói: *"Hôm nay các ngươi sẽ nhận biết Thánh Thần của Đức Chúa Trời, Đấng đã đến trong xác thịt, là từ Đức Chúa Trời mà ra"* (1 Giăng 4:2). Sau đó, ngài quay sang Zari và bắt đầu cuộc tranh luận vĩ đại với hắn. Nhưng nhà tiên tri Zariy rất khéo léo trong mưu mô, kiêu ngạo và ngang ngược trong lời nói ; ông ta cố gắng chiến thắng không phải bằng sức mạnh của lẽ thật, mà bằng những lời lẽ dài dòng vô liêm sỉ. Vì vậy, vị giám mục hiền lành và không ác ý không thể tranh luận thắng được ông ta, và dân chúng đau buồn vì Zariy đang áp đảo vị giám mục trong cuộc tranh luận. Nhận thấy điều này, Ê-li đã yêu cầu mọi người bình tĩnh lại và nói với dân chúng: "Giờ đây, chúng ta cần tuân theo lời dạy của Sứ đồ Phao-lô, mà ngài đã truyền lại cho môn đệ Ti-mô-thê: *'Đừng tham gia vào những cuộc tranh luận, vì điều đó chẳng mang lại lợi ích gì, mà chỉ gây rối loạn cho những người nghe'* (2 Ti-mô-thê 2:14)." Nhưng để không ai nghĩ rằng chúng ta trích dẫn lời chứng của vị Tông đồ này không phải để làm sáng tỏ sự thật, mà là vì sợ hãi – hãy đốt một đống lửa lớn giữa thành phố và cả hai chúng ta sẽ bước vào ngọn lửa; ai trong chúng ta không bị thiêu cháy, người đó chính là sứ giả chân chính của Đấng Christ. Đề nghị này đã làm hài lòng toàn thể dân chúng, và ngay lập tức họ đã đốt lên một đống lửa lớn. Vị giám mục bắt đầu kêu gọi nhà tiên tri bước vào ngọn lửa, nhưng người ấy đáp lại: "Ngài hãy bước vào lửa trước, vì chính ngài đã đề xuất thử thách này." Sau khi làm dấu thánh giá và giơ tay lên trời, vị giám mục bước vào giữa đống lửa và đứng đó khoảng nửa giờ, bao quanh bởi ngọn lửa dữ dội, nhưng không hề bị bỏng chút nào: ngọn lửa không chạm vào tóc, thậm chí cả quần áo của ngài. Ngài kêu gọi Zaria bước vào lửa, nhưng người này, vì sợ hãi, đã cố gắng chạy trốn. Lúc đó, dân chúng đã tóm lấy anh ta và ném anh ta vào ngọn lửa một cách bạo lực. Tên phù thủy lập tức bắt đầu bốc cháy và đã bị thiêu rụi hoàn toàn, nếu như vị giám mục thánh Eli không cứu anh ta khỏi ngọn lửa khi anh ta đã bị thiêu cháy một nửa nhưng vẫn còn sống. Sau đó, tên phù thủy bị trục xuất khỏi thành Ilion trong sự nhục nhã. Còn vị giám mục mà quý vị đang thấy đây, dù ngài đi đâu, dân chúng cũng luôn tháp tùng ngài với những bài thánh ca.

Lắng nghe câu chuyện này, thánh nữ Eugenia vui mừng trong lòng, kinh ngạc, thở dài sâu sắc và cuối cùng bắt đầu tha thiết xin người đàn ông đang trò chuyện với nàng (tên ông là Eutropius):

– Tôi xin ngài, thưa ngài, hãy báo cho vị giám mục thánh thiện biết về chúng tôi, những người mong muốn từ bỏ các thần tượng để trở về với Chúa Kitô. Chúng tôi là anh em và đã nhất trí quyết định trở thành Kitô hữu, cùng nhau ở lại tu viện này, không bao giờ xa cách nhau.

– Bây giờ hãy im lặng về chuyện này đi, – người chồng đáp lại, – cho đến khi Đức Giám mục vào tu viện và nghỉ ngơi một chút sau chuyến đi; khi nào có thời điểm thích hợp, tôi sẽ, theo nguyện vọng của các bạn, báo cho ngài biết về các bạn.

Khi họ đến gần tu viện, các tu sĩ bước ra đón Đức Giám mục và cất tiếng hát: *"Lạy Chúa, chúng con đã nhận được ân sủng của Ngài giữa dân* Ngài" (Thánh vịnh 47:10).

Cùng với vị giám mục và đoàn người, Eugenia – trông giống như một thiếu niên với trang phục và mái tóc ngắn – cùng các hoạn quan của cô cũng bước vào bên trong tu viện. Sau khi cử hành Thánh lễ trong nhà thờ và dùng chút thức ăn vào lúc mười giờ tối, theo tập tục của những người ăn chay, Thánh Ê-li nghỉ ngơi sau những công việc vất vả và thấy trong giấc mơ một hình ảnh như sau: một số người đàn ông đang khiêng trên tay và tôn kính như một vị thần, dâng lễ vật và cúi lạy một bức tượng nữ, giống như một trong những nữ thần Hy Lạp. Thật đau lòng khi vị giám mục chứng kiến người dân bị mê hoặc, sa vào việc thờ lạy thần tượng, và ngài đã nói, hướng về nữ thần đang đứng giữa họ:

– Liệu có xứng đáng không, hỡi tạo vật của Đức Chúa Trời, khi ngươi được con người tôn kính như Đức Chúa Trời và nhận sự thờ phượng từ họ, vốn chỉ dành riêng cho Đức Chúa Trời?

Nghe những lời này, nữ thần lập tức rời bỏ những người đàn ông đang thờ phụng mình và đi theo vị giám mục, nói rằng:

– Ta sẽ không rời xa ngài và không từ bỏ ngài, cho đến khi ngài dẫn ta đến với Đấng Tạo Hóa và Đấng Sáng Tạo của ta, và trao ta vào tay Ngài.

Tỉnh dậy khỏi giấc mơ, vị giám mục suy ngẫm về giấc mơ ấy. Bỗng Eutropius bước vào và nói:

– Thưa Đức Cha! Ba thiếu niên, là anh em ruột, đã đồng lòng từ bỏ việc thờ lạy thần tượng và mong muốn được gia nhập hàng ngũ những người phụng sự Chúa Kitô tại tu viện này; hôm nay, họ đã theo ngài vào tu viện và trong nước mắt, họ đã nài xin tôi báo tin về họ lên Đức Cha.

Vị Giám mục trong niềm vui sướng tột độ đã thốt lên:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã ban cho con ân sủng được nghe tin mừng này hôm nay!

Và ngài ra lệnh ngay lập tức cho gọi ba thiếu niên ấy đến. Khi họ bước vào một mình và đứng trước mặt vị giám mục, vị thánh nhân trước tiên đọc lời cầu nguyện, rồi bắt đầu trò chuyện với Eugenia một cách ân cần và đầy tình thương như người cha, hỏi han về tên tuổi, nguồn gốc và quê hương của họ. Trong sự e thẹn của một thiếu nữ, Eugenia khiêm nhường đáp:

– Chúng tôi xuất thân từ thành phố vinh quang La Mã và quê hương của chúng tôi là La Mã. Chúng tôi là anh em ruột thịt. Tên người đầu tiên trong chúng tôi là Prot, người thứ hai là Iakinth, còn tôi tên là Eugenius.

Nhìn cô với ánh mắt âu yếm, Giám mục Ê-li nói:

– Ngươi gọi là Evgeni là đúng rồi, Evgenia! Tên của ngươi, "[175] ", rất phù hợp với tinh thần của ngươi, vì ngươi có tâm hồn cao thượng, dũng cảm và về mọi mặt, ngươi đều là một người đàn ông. Hãy giữ vững quyết tâm trong lòng, hãy chiến thắng bản tính nữ của mình, và con sẽ trở nên mạnh mẽ và vững vàng trong Đức Kitô, Đấng mà vì Ngài, dù là người vợ, con lại tự nhận mình là người chồng, từ bỏ hình ảnh và tên gọi của người phụ nữ vì tình yêu dành cho Thiên Chúa. Tôi nói điều này với chị, không phải để chỉ trích chị, không phải để lên án bản chất nữ tính của chị, cũng không phải để làm chị chệch hướng khỏi ý định của mình, mà để chị biết rằng Đức Chúa Trời quan tâm đến chị như thế nào; chính Ngài đã mặc khải cho tôi mọi điều liên quan đến chị, không giấu diếm điều gì: chị là ai, chị sẽ đến với tôi như thế nào, và còn ai nữa sẽ cùng chị đến với tôi. Vậy nên, Eugenia, hãy cố gắng thể hiện tinh thần dũng cảm không kém gì vẻ bề ngoài của em: vì Chúa của tôi cũng đã mặc khải cho tôi điều này, rằng em đã dâng lên Ngài một bình chứa tinh khiết từ chính bản thân mình, giữ gìn trinh tiết một cách vô tì vết và từ chối những cám dỗ của cuộc sống trần gian.

Sau đó, ngài quay sang Prota và Iakinf và nói:

– Các con mang danh là nô lệ, nhưng tự do về tinh thần, vì tinh thần các con không bị nô lệ bởi bất cứ điều gì trần thế. Vì thế, không phải tôi, mà chính Chúa Giêsu Kitô phán với các con: *"Ta không còn gọi các con là nô lệ nữa, nhưng là bạn hữu"* (Ga 15,15). Các con thật hạnh phúc vì sự tự do ấy, nhưng còn hạnh phúc hơn nữa vì tình hiệp nhất và sự hiệp thông của các con với Đấng Kitô: vì các con đã đồng lòng chấp nhận mang lấy ách của Ngài, và không hề cản trở ý định của thánh nữ Eugenia, mà cùng với bà, các con đang bừng cháy trong tinh thần và khát khao phụng sự Chúa. Và khi nàng rời bỏ cuộc đời này, thì các con cùng với nàng cũng sẽ được Chúa ban cho những vương miện và phần thưởng giống như nàng.

Không ai có mặt trong cuộc trò chuyện giữa Eugenia và các hoạn quan với vị giám mục. Vị giám mục đã ra lệnh cho Eugenia tiếp tục mặc trang phục nam giới, vì không ai biết bí mật của cô. Và cô cùng các hoạn quan không rời tu viện cho đến khi vị giám mục làm phép rửa tội cho tất cả họ và phong họ vào hàng tu sĩ.

Bây giờ chúng ta sẽ biết điều gì đã xảy ra kể từ khi vị thánh cùng với Prot và Iakinf bí mật xuống khỏi cỗ xe ngựa mà không cho các nô lệ biết, và cha mẹ cô đã đau buồn như thế nào vì cô.

Chiếc xe ngựa trống rỗng tiếp tục hành trình và đã gần đến nhà, trong khi những người nô lệ vẫn đi phía trước, không hề hay biết chuyện đã xảy ra. Những người hầu trong nhà cầm đèn ra đón Eugenia. Khi đến gần chiếc xe ngựa, họ thấy nó trống rỗng và, không thấy chủ nhân của mình, họ vô cùng bối rối. Cha, mẹ, các anh trai và tất cả người hầu của cô đều hoảng loạn; khắp nơi vang lên tiếng la hét, tiếng kêu gào, tiếng nức nở và tiếng khóc thảm thiết. Khắp thành phố bắt đầu rộ lên những câu hỏi, và người dân Alexandria đều ngạc nhiên không biết chuyện gì

[175] Tên Eugenia khi dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "cao quý", "dũng cảm".

đã xảy ra với con gái của quan tổng trấn. Rất nhiều nô lệ được cử đi khắp nơi để tìm kiếm Evgenia. Họ không chỉ lùng sục khắp thành phố mà còn đi khắp cả đất nước Ai Cập, không bỏ sót ai để hỏi han dọc đường và trong các ngôi nhà: thương nhân, nông dân và những người lữ hành, nhưng ở đâu cũng không nghe được tin tức gì về viên ngọc quý báu ấy, mà Tay Phải của Đấng Tối Cao đã cất giữ trong kho báu của Ngài cho đến khi đến thời điểm thích hợp.

Cha mẹ ngày đêm khóc than vì Evgenia và khóc lóc thảm thiết, thường xuyên gọi tên cô, tự vả vào mặt, rắc tro lên đầu và ngã quỵ xuống đất vì kiệt sức và nỗi đau lòng.

– Evgenia, con gái yêu quý của chúng ta, – họ kêu lên, – ánh sáng của chúng ta, con đã trốn đi đâu khỏi tầm mắt chúng ta? Niềm an ủi của chúng ta, con đã ẩn náu ở đâu? Niềm hy vọng của chúng ta, chẳng lẽ con đã ra đi mãi mãi?

Và cha mẹ khóc than cho con gái mình, các anh em khóc than cho em gái mình, còn các nô lệ nam và nữ thì rơi lệ vì bà chủ của họ. Tất cả công dân cũng thương xót Evgenia và chia sẻ nỗi đau của vị thống đốc, như một vị chủ nhân và người cai trị nhân từ của họ. Sau đó, họ bắt đầu hỏi han các nhà chiêm tinh và pháp sư, đồng thời dâng lên các thần tượng vô số lễ vật, với hy vọng liệu có vị thần nào báo tin về cô gái đã mất tích hay không. Nhưng họ cũng không thể biết được gì từ những người đó. Các nhà chiêm tinh và pháp sư im lặng, vì họ dối trá và thiếu hiểu biết, còn các thần tượng thì vô hồn. Cuối cùng, một người dân Alexandria đã bịa ra một câu chuyện ngụ ngôn để an ủi vị vua, cụ thể là: họ khẳng định rằng họ đã được tiết lộ rằng các vị thần đã say mê vẻ đẹp của Eugenia, đã bắt cóc cô lên thiên đàng và đưa cô vào hàng ngũ của các vị thần. Người cha đau khổ đã tin vào câu chuyện ngụ ngôn này, phần nào được an ủi trong nỗi buồn và khó khăn lắm mới chuyển được nỗi khóc than thành niềm vui. Ngay lập tức, ông ra lệnh đúc một bức tượng bằng vàng giống hệt cô con gái yêu quý của mình, đặt nó ở một vị trí nổi bật tại Alexandria và bắt đầu tôn vinh Eugenia trước toàn dân như một nữ thần mới, với những lễ hội mới và dâng lên vô số lễ vật. Ông hy vọng rằng điều này sẽ xoa dịu nỗi buồn của mình. Tuy nhiên, mẹ của Eugenia là Claudia cùng các anh trai, Avit và Sergius, không tin vào câu chuyện bịa đặt đó và vẫn tiếp tục khóc than không ngừng nghỉ và không thể nguôi ngoai vì Eugenia.

Trong khi đó, vị trinh nữ thánh thiện, người đã ẩn mình dưới bộ quần áo nam giới và cái tên nam, và được coi là một người đàn ông nhờ lối sống khắc khổ, đang sống trong tu viện nói trên, siêng năng tuân giữ các bổn phận tu sĩ và phụng sự Thiên Chúa. Cô đã tiến bộ đến mức trong giáo lý Thánh Thần, đến nỗi chỉ sau hai năm, cô đã thuộc lòng toàn bộ Kinh Thánh: linh hồn nàng tràn ngập sự bình an đến nỗi mọi người đều tôn kính nàng như một trong các Thiên Thần. Không ai có thể nhận ra bản chất nữ giới của nàng, vốn được che giấu bởi sức mạnh của Chúa Kitô và sự trinh khiết vô tì vết; còn lối sống và những đức tính hoàn hảo của nàng thì khiến mọi người kinh ngạc. Lời nói của bà khiêm nhường, thân thiện, hiền lành và ít lời, tràn đầy lòng kính sợ Thiên Chúa và sự răn dạy. Không ai đến nhà thờ trước bà và cũng không ai ra về sau bà. Bà là nguồn lợi ích và gương sáng cho mọi người: an ủi những ai đang đau buồn, cùng vui mừng với những ai đang hân hoan; chỉ bằng một lời nói, bà đã làm dịu đi cơn giận dữ và sự phẫn nộ của những ai đang nổi giận; còn đối với kẻ kiêu ngạo, chính lối sống khiêm nhường của bà đã tác động đến họ, khiến sự kiêu ngạo của họ lập tức tan biến và trở nên hiền lành.

Một thời gian ngắn sau, bà nhận được từ Thiên Chúa ân sủng làm phép lạ. Khi bà đến thăm một người bệnh nào đó, ngay lập tức, chỉ bằng sự hiện diện của bà, bệnh tật đã tan biến và người bệnh được ban cho sức khỏe trọn vẹn. Hai hoạn quan của bà – Prot và Iakint – luôn ở bên bà không rời và là những người noi gương lối sống của bà, là những tôi tớ trung thành và bạn bè của bà.

Ba năm sau khi bà quay về với Chúa, vị tu viện trưởng của tu viện đó qua đời, và các tu sĩ tụ họp lại đã đồng lòng cầu xin vị thánh nữ này trở thành tu viện trưởng của họ: họ không biết đến bí mật được Chúa che chở rằng Eugenia, theo bản chất, không phải là nam giới mà là nữ giới. Họ chứng kiến cuộc đời khôn ngoan, trong sạch và đẹp lòng Chúa của bà, vượt trội hơn hẳn so với cuộc đời của tất cả các tu sĩ ăn chay trong tu viện này, và vì thế họ đã nài nỉ và thuyết phục bà trong một thời gian dài để bà nhận lãnh chức vụ lãnh đạo họ. Một mặt lo ngại rằng, với tư cách là người vợ, việc cai quản các tu sĩ nam là không phù hợp và trái luật; mặt khác, vì xấu hổ khi phải lừa dối và từ chối lời khẩn cầu chân thành của biết bao tu sĩ chính trực, vị thánh đã nói với họ:

– Xin các anh em, hãy mang Thánh Kinh đến đây.

Và khi cuốn sách được mang đến, bà tiếp tục:

– Là Kitô hữu, trước hết chúng ta phải thỉnh cầu chính Chúa Kitô về mọi sự lựa chọn. Hãy xem Chúa Kitô sẽ truyền dạy gì cho chúng ta trong việc này và chúng ta sẽ tuân theo ý muốn của Ngài.

Khi cuốn Phúc Âm được mở ra trước mặt toàn thể anh em, họ đã tìm thấy những lời sau đây: *"Ai trong các con muốn làm người lớn, thì hãy làm đầy tớ cho các con; ai trong các con muốn làm người đầu tiên, thì hãy làm nô lệ cho các con"* (Mt 20:26–27).

Sau khi đọc những lời này, vị thánh nữ đã tuyên bố:

– Này, tôi tuân theo mệnh lệnh của Chúa Kitô và lời thỉnh cầu của các anh chị em. Xin cho tôi được làm người phục vụ và nô lệ của tình yêu các anh chị em.

Và mọi người đều vui mừng trước sự đồng ý của bà. Người được gọi là Evgeni (thực ra là Evgenia) đã nhận chức Bề trên tại tu viện đó, và trở thành như một tù nhân và nô lệ cho mọi người, không ngừng lao động vì toàn thể cộng đoàn, mang nước, chặt củi, dọn dẹp tất cả các phòng tu, và phục vụ mọi người với lòng nhiệt thành lớn lao. Để cư ngụ, Evgenia đã chọn phòng của người gác cổng, để không tỏ ra cao hơn những người khác nhờ sự sang trọng của phòng ở. Trong khi làm việc cho các công việc của tu viện, cô không bao giờ bỏ lỡ các nghi thức nhà thờ thông thường, tức là lễ sáng, các giờ kinh (và vào những ngày đặc biệt là Thánh lễ) và lễ chiều. Và đối với cô, bất kỳ giờ nào mà cô không ngợi khen Thiên Chúa đều dường như là một giờ bị lãng phí vô ích, nên cô luôn cẩn thận đảm bảo rằng không một giờ nào trôi qua mà không có lời ngợi khen Thiên Chúa. Tay bà luôn bận rộn với công việc, còn miệng thì không ngừng cầu nguyện. Bà đã được ban quyền năng để trừ tà khỏi con người, và được ban ân sủng để thực hiện nhiều phép lạ khác, mà nếu kể chi tiết thì cũng không đủ thời gian. Nhưng chúng ta sẽ kể về cách cuộc bách hại đối với vị thánh này bắt đầu, cũng như quãng thời gian còn lại và kết thúc cuộc đời cùng những đau khổ của bà.

Tại Alexandria có một người phụ nữ tên là Melantia, giàu có về của cải nhưng lại nghèo nàn về việc làm thiện. Bà mắc bệnh sốt và phải chịu đựng căn bệnh này hơn một năm. Tài sản của bà nằm gần tu viện nơi Thánh Eugenia đang sống. Một lần nọ, nghe tin có một tu sĩ tên là Eugenius có thể chữa lành mọi bệnh tật, bà vội vã đến gặp ngài và khẩn cầu ngài chữa lành căn bệnh của mình. Thương xót cho bà, Evgenia đã xức dầu thánh lên người bà, và ngay lập tức bà đã tống khứ hết mọi thứ độc hại bên trong cơ thể, thứ đã gây ra bệnh tật cho bà; sau khi khỏi bệnh, bà đi bộ trở về điền trang của mình. Một thời gian sau, cô chuẩn bị ba chiếc bình bằng bạc nguyên chất , đổ đầy tiền vào đó, rồi gửi đến vị bác sĩ vô tư của mình để bày tỏ lòng biết ơn vì đã được chữa lành. Nhưng Evgenia không nhận món quà đó và gửi trả lại cho cô, nói rằng:

– Chúng ta đã được Chúa ban cho dồi dào và dư dật mọi ân huệ. Tôi khuyên chị, Melania thân yêu, hãy phân phát tất cả những thứ này cho những người nghèo và những người khó khăn.

Khi thấy những món quà của mình bị trả lại, Melania vô cùng buồn bã. Khi đến tu viện, cô đã van nài bằng mọi lời cầu xin và nài nỉ bằng mọi cách để Evgenia đừng từ chối những món quà mà cô mang đến! Cuối cùng, cô cũng đã thuyết phục được vị tu viện trưởng Evgeni, để ngài ra lệnh mang những chiếc bình đó vào kho lưu trữ đồ thờ của nhà thờ, nơi cất giữ các vật dụng phục vụ thánh lễ.

Kể từ đó, Melania thường xuyên đến thăm Evgeny và nảy sinh tình yêu mãnh liệt dành cho anh, mà không hề hay biết rằng đằng sau bộ trang phục và cái tên nam giới ấy lại là một người phụ nữ. Thấy anh ta trẻ trung và đẹp trai đến vậy, Melania không hề nghĩ rằng một chàng trai như thế lại có thể luôn sống trong sự trong sạch; còn việc mình được chữa lành, cô không cho là nhờ sự thánh thiện, mà là nhờ tài y thuật của anh ta. Và thế là ngày qua ngày, khao khát được quan hệ xác thịt với anh ta trong cô ngày càng bùng cháy mãnh liệt, và cô chỉ còn tìm kiếm thời điểm và địa điểm thuận lợi để thỏa mãn ham muốn của mình. Và rồi một ngày nọ, khi đang ở trang viên của mình gần tu viện, Melania, bị dục vọng ô uế đối với chàng tu sĩ trẻ thiêu đốt, đã giả vờ ốm và sai người đến nhờ anh ta đến thăm cô một mình và giúp cô, giống như lần đầu tiên.

Khi đến nơi, thánh nữ Evgenia ngồi xuống trước giường của Melanfia, người không phải đang chịu đựng bệnh tật mà là cơn khao khát xác thịt. Nhìn vào khuôn mặt của Evgenia, Melanfia không thể tiếp tục che giấu ngọn lửa đã âm ỉ và bùng cháy trong lòng cô từ lâu. Cô mở đôi môi vô liêm sỉ và bắt đầu những lời dỗ dành, quyến rũ ngài và lôi kéo ngài vào tội lỗi, giống như người phụ nữ Ai Cập, vợ của Penthephrius, đã từng quyến rũ Giô-sép (Sáng Thế Ký 39:7–20).

– Em đang bị bao trùm bởi khao khát và tình yêu không thể kìm nén dành cho anh, – cô nói, – và tâm hồn em không thể bình yên cho đến khi anh đồng ý trở thành chủ nhân của toàn bộ tài sản của em, và là chồng của em. Tại sao anh lại vô ích tự hành hạ bản thân bằng sự kiêng khem không cần thiết và tự ý hủy hoại những ngày thanh xuân của mình trong cảnh nghèo khó và thiếu thốn, đến mức làm kiệt quệ thân thể và làm phai mờ vẻ đẹp trên khuôn mặt? Đây là những điền trang khổng lồ, đây là vô số vàng bạc, đá quý và y phục sang trọng, cùng một số

lượng lớn nô lệ nam và nữ! Cuối cùng, ngươi cũng thấy ta đây, một thiếu nữ xinh đẹp, mới góa chồng trong năm nay, lại còn không có con, nên không có người thừa kế tài sản của ta. Hãy tự mình thừa kế chúng và trở thành chủ nhân và người cai trị của ta.

Melania đã nói tất cả những điều này và còn nhiều điều khác nữa để dụ dỗ Eugenia. Nhưng thánh nữ Eugenia, vì xấu hổ trước sự trơ trẽn của ả đàn bà dâm đãng này, đã đáp lại một cách nghiêm khắc:

– Im đi, hỡi người phụ nữ kia, im đi! Và đừng cố làm hại ta bằng nọc độc của con rắn cổ xưa. Ta thấy ngươi đã biến mình thành nơi trú ngụ lớn của ma quỷ, hãy tránh xa các tôi tớ của Chúa đi, hỡi kẻ cám dỗ; còn của cải của ngươi, hãy để những kẻ ham mê dục vọng giống như ngươi thừa kế; còn của cải của chúng ta nằm ở sự nghèo khó cùng với Chúa Kitô. Còn về chuyện hôn nhân, thì đừng để tâm trí chúng ta bao giờ nghĩ đến những khoái lạc xác thịt. Ôi sự trong sạch hạnh phúc, chúng ta sẽ không bán rẻ ngươi vì những của cải phù du! Ôi sự trinh khiết thánh thiện, chúng ta sẽ không làm ô uế ngươi bằng sự dâm dục! Ôi Mẹ Thiên Chúa và Trinh Nữ, Đấng mà con đặt niềm tin, con sẽ không phản bội lời thề của mình! Chúng ta chỉ có một cuộc hôn nhân – đó là tình yêu của chúng ta dành cho Chúa Kitô; chúng ta chỉ có một sự giàu có – đó là những ân huệ đã được chuẩn bị sẵn trên trời; và chúng ta chỉ có một gia tài – đó là sự hiểu biết về chân lý!

Nói xong, vị thánh nữ liền đứng dậy và trở về tu viện của mình, còn Melania, tràn ngập nỗi xấu hổ không thể diễn tả cùng với cơn giận dữ, đã lên đường đến thành phố và, khi đến gặp quan tổng trấn, bà nói với ông ta:

– Có một chàng trai Kitô hữu, tự xưng là bác sĩ và đang sống trong một tu viện gần điền trang của tôi, đã đến nhà tôi, và tôi đã cho phép anh ta vào phòng riêng của tôi để chữa bệnh. Nhưng hắn, coi tôi như một trong những người phụ nữ vô liêm sỉ và trơ trẽn, đã bắt đầu ép buộc tôi làm điều xấu xa, ban đầu bằng những lời nịnh hót, rồi sau đó định dùng bạo lực; và nếu tôi không la lên và người tớ gái không vội vã chạy đến khi nghe tiếng gọi của tôi, thì chàng trai vô liêm sỉ này chắc chắn đã làm nhục tôi bằng bạo lực, như một kẻ man rợ đối với tù nhân.

Những lời nói đó của Melanphia đã khiến vị vua nổi cơn thịnh nộ dữ dội, và ông lập tức sai người đi bắt không chỉ chàng trai Eugenius, người được gọi là bác sĩ, mà còn cả những người sống cùng anh ta, rồi xiềng xích họ bằng cùm sắt và giam giữ. Nhưng vì một ngục tối không thể chứa hết tất cả các tu sĩ đang ở cùng với Eugenia, nên họ đã được phân chia vào các ngục tối khác nhau. Tin đồn về sự việc này lan truyền không chỉ khắp thành Alexandria mà còn đến các thành phố lân cận, và các Kitô hữu đã phải hứng chịu nhiều lời sỉ nhục và lăng mạ từ những người ngoại đạo, bởi vì tất cả những ai nghe câu chuyện của Melanphia đều tin vào sự thật trong lời nói của bà, vì bà nổi tiếng trong giới ngoại đạo về sự chính trực và dòng dõi cao quý.

Người ta đã ấn định ngày diễn ra phiên tòa xét xử các tu sĩ và việc hành quyết họ; một số người trong số họ, quan tổng trấn muốn ném cho thú dữ xé xác, một số khác bị thiêu sống, một số bị treo cổ trên cây, còn những người còn lại sẽ bị giết bằng nhiều hình thức tra tấn khác nhau. Và khi ngày đã định đến, một đám đông lớn đã tụ tập không chỉ từ thành phố mà còn từ khắp các vùng lân cận. Cũng có rất nhiều Kitô hữu tụ tập, trong số đó có nhiều linh mục và một số giám mục: họ đến để chứng kiến cái chết của những tôi tớ vô tội của Thiên Chúa (các Kitô hữu tin chắc rằng những lời vu khống là sai sự thật), để thu thập thi hài của họ và an táng một cách trang trọng.

Ngay khi quan tổng trấn Philip cùng hai con trai là Avit và Sergius đến và ngồi vào vị trí thường lệ dành cho quan tòa, người ta lập tức dẫn thánh nữ Eugenia – người mà bí mật của bà vẫn chưa ai biết – cùng các hoạn quan và các tu sĩ khác, bị xiềng xích bằng những chiếc cùm sắt nặng nề, ra giữa sân đấu. Lúc đó, đám đông la hét ầm ĩ:

– Hãy để lũ vô đạo, vô luật này phải chết đi!

Vị quan cai trị ra lệnh đưa người được gọi là "con chiên vô tội của Chúa Kitô" – người mà họ cho là "đầu sỏ của cái ác" – lại gần mình để xét xử, đồng thời ra lệnh đặt tất cả các dụng cụ tra tấn trước mặt nàng và cho các đao phủ sẵn sàng, với vẻ mặt đáng sợ, đứng chờ.

Và thánh Eugenia đứng trước tòa trước mặt cha và các anh em mình, vô tội trước mọi điều ác, ẩn mình dưới bộ áo tu sĩ nam và cúi đầu thật thấp để không bị nhận ra ngay lập tức. Quay sang nàng, quan tổng trấn hỏi với giọng đe dọa:

– Hãy nói cho chúng ta biết, hỡi kẻ Kitô hữu vô luật pháp, liệu Chúa Kitô của các ngươi có truyền dạy các ngươi làm những việc xấu xa và dùng mưu mô để dụ dỗ những người phụ nữ chính trực thực hiện những ham muốn xấu xa của các ngươi hay không? Hãy nói cho chúng ta biết, tên vô đạo kia, sao ngươi dám xông vào nhà của phu nhân Melanphia cao quý và ép buộc sự trong trắng cao quý của bà ấy phải bị ô uế? Bằng cách giả vờ là một bác sĩ

một cách xảo trá, ngươi đã lộ diện là kẻ thù và kẻ hiếp dâm. Và giờ đây, ngươi sẽ phải nhận hình phạt xứng đáng cho ý định vô liêm sỉ và táo tợn của mình, và vì là kẻ ác, ngươi sẽ chết một cái chết tàn khốc.

Thống đốc nói với cơn giận dữ dữ dội như vậy, còn thánh nữ Eugenia thì nhẹ nhàng đáp lại:

– Lạy Chúa của con, Đức Giêsu Kitô, Đấng mà con phụng sự, dạy về sự trong sạch và hứa ban sự sống đời đời cho những ai giữ trinh tiết vô tì vết. Chúng tôi có thể ngay lập tức chứng minh rằng Melania đang vu khống chúng tôi. Nhưng thà rằng chính chúng tôi phải chịu khổ và không đánh mất thành quả của sự kiên nhẫn, còn hơn là để cô ta, khi đã bị đánh bại và vạch trần, phải chịu bất kỳ điều ác nào. Tuy nhiên, nếu ngài thề với tôi nhân danh các vị vua của ngài rằng sẽ không gây ra bất kỳ điều ác nào cho người làm chứng dối này, thì ngay bây giờ chúng tôi sẽ thẩm vấn cô ta về tội lỗi mà cô ta vô cớ buộc tội chúng tôi, và chúng ta sẽ thấy chính cô ta mới là người có tội.

Sau khi vị thống đốc thề với nàng và hứa sẽ thực hiện điều nàng yêu cầu, Eugenia nói, quay sang Melania:

– Melanphia, chính cái tên "[176] " của ngươi đã chứng tỏ sự đen tối và u ám! Ngươi đã gây ra biết bao đau khổ cho các Kitô hữu bằng những lời vu khống dối trá của mình. Vậy thì, cứ khăng khăng đòi tra tấn, thiêu đốt và đánh đập chúng ta đi! Nhưng hãy tin chắc rằng, các tôi tớ của Chúa Kitô không phải như những gì ngươi đang vu khống. Hãy dẫn người nữ nô lệ mà ngươi đã gọi là nhân chứng cho tội lỗi của chúng ta đến đây, để sự dối trá được vạch trần từ chính miệng nàng và sự thật được phơi bày.

Nhưng người nữ nô lệ được dẫn đến lại thêm dối trá vào dối trá để làm vừa lòng chủ nhân của mình, vì làm sao cô ta có thể nói điều gì chống lại bà ta được.

– Tôi biết – cô ta nói – rằng chàng trai vô liêm sỉ này thường xuyên phạm tội với những người phụ nữ bình dân; hắn rất ngang ngược, đã nhiều lần quấy rối cả tôi, và cuối cùng, hắn còn dám xâm phạm cả bà chủ của tôi. Khi bước vào phòng ngủ của bà chủ vào lúc một giờ trưa, ban đầu hắn trò chuyện với bà như một bác sĩ quan tâm đến sức khỏe, sau đó bắt đầu nói những lời vô liêm sỉ và cuối cùng, muốn cưỡng hiếp bà ấy, và có lẽ đã thực hiện được hành vi phạm pháp đó nếu tôi không vội vàng gọi các tỳ nữ khác đến và giải cứu bà chủ của chúng tôi khỏi tay tên dâm tặc này.

Thẩm phán ra lệnh triệu tập các nữ tỳ khác, nhưng họ cũng làm chứng chống lại tu sĩ Evgeni, đứng về phía bà chủ của mình. Lúc đó, quan tòa trong cơn thịnh nộ đã thét lên:

– Ngươi có thể phản bác họ thế nào, hỡi kẻ vô đạo, khi có quá nhiều nhân chứng đang áp đảo ngươi và vạch trần sự phạm pháp của ngươi?

– Giờ đã đến lúc phải lên tiếng, – thánh Evgenia đáp, – vì thời gian im lặng đã kết thúc. Đã đến lúc tự do xưng thú sự thật, để những lời dối trá được thổi phồng vô độ chống lại chúng ta không thể chiến thắng, và để những tin đồn xấu về các Kitô hữu không lan truyền giữa những người ngoại đạo. Thật sự, tôi đã mong muốn giữ kín bí mật của mình cho đến cuối đời, để rồi tại tòa án tương lai của Chúa Kitô, tôi có thể vạch trần những lời dối trá đang được gán ghép lên chúng ta và chứng minh sự trong sạch của tôi trước Đấng mà vì tình yêu dành cho Ngài, tôi đã giữ gìn bí mật ấy. Những điều mà cho đến nay tôi đã cố gắng che giấu một cách cẩn thận, thì giờ đây tôi buộc phải tiết lộ, để sự bất chính không chiến thắng sự vô tội, và sự vô đạo của những người ngoại đạo không chế nhạo và mỉa mai cuộc sống Kitô hữu đạo đức và trong sạch. Tôi sẽ tiết lộ sự thật không phải vì kiêu ngạo, mà để tôn vinh danh Chúa Giê-su Ki-tô; vì quyền năng của danh thánh này lớn lao đến nỗi ngay cả những người phụ nữ sống trong sự kính sợ Đức Chúa Trời cũng được xứng đáng với phẩm giá của người chồng, và những người cùng giới tính không thể vượt trội hơn những người khác giới về đức tin, như vị Thầy Kitô giáo là Sứ đồ Phao-lô đã nói: trước mặt Đức Chúa Trời không có sự phân biệt giữa nam và nữ, *"vì tất cả các ngươi đều là một trong Đức Chúa Giê-su Christ"* (Ga-la-ti 3:28). Vì vậy, vì Chúa Kitô, Đấng mà tôi đã tin tưởng, Đấng mà tôi đã yêu mến bằng cả tâm hồn và Đấng mà tôi đã đặt trọn niềm hy vọng, tôi đã mong muốn trong cuộc sống và về bề ngoài, mình sẽ giống một người chồng hơn là một người vợ, để giữ trọn sự trinh khiết dành riêng cho Chú Rể Thiên Đàng duy nhất, tinh khiết và bất diệt.

Nói xong, nàng xé toạc áo mình từ trên xuống, để lộ một phần thân thể trinh nữ thánh thiện và tinh khiết của mình, và vị quan mới nhận ra rằng nàng là phụ nữ. Lúc đó, Eugenia nói với ông:

– Thưa ngài, ngài là cha ruột của con, còn Claudia là mẹ con, còn Avit và Sergius đang ngồi cùng ngài là anh em của con. Còn bản thân tôi – chính là Eugenia, con gái của ngài, người đã từ bỏ thế gian và mọi thú vui của nó vì tình yêu dành cho Chúa Kitô; đây là Prot và Iakinth, hai hoạn quan của tôi, những người cùng tôi tiếp nhận

[176] Melania, khi dịch từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là "màu đen".

giáo lý của Chúa Kitô. Và Chúa Kitô đã ban cho con ân sủng lớn lao đến nỗi, nhờ lòng thương xót của Ngài, Ngài đã khiến con trở thành người chiến thắng mọi dục vọng và đam mê, và con tin chắc rằng Ngài sẽ giữ con như vậy cho đến cuối đời.

Chưa kịp nói hết lời, cha và các anh em của cô, dựa trên những lời cô nói, cũng như một số nét trên khuôn mặt cô (vì họ đang chăm chú nhìn cô), đã nhận ra rằng cô thực sự là Eugenia. Ngay lập tức, trong niềm vui khôn tả và nước mắt, họ nhảy bật khỏi chỗ ngồi và lao đến bên cô, ôm chầm lấy cô, hôn cô, khóc vì hạnh phúc và vui mừng vì bất ngờ tìm thấy Evgenia, người mà thiếu vắng cô, ngay cả ánh sáng của thế gian này cũng không còn mang lại niềm vui cho họ nữa. Ngay lập tức, tin tức này cũng được báo cho mẹ cô, bà Claudia, rằng con gái bà, Evgenia, đã được tìm thấy. Bà vội vã chạy đến và làm đủ mọi điều, khi nhìn thấy Evgenia yêu quý của mình, bà không ngừng dành cho con những lời dịu dàng nhất, nhìn con gái như thể con vừa sống lại từ cõi chết. Chứng kiến cảnh tượng đó, mọi người kinh ngạc và đồng thanh hô to:

– Chỉ có một Đấng Kitô, chỉ có một Thiên Chúa chân thật, Thiên Chúa của người Kitô hữu!

Và đông đảo các tín hữu Kitô giáo, cùng với các giám mục và linh mục của họ, đã đến để an táng thi hài các vị tử đạo, cũng cất tiếng hát, tràn ngập niềm vui khôn tả: *"Tay phải Ngài, lạy Chúa, đã được tôn vinh bởi quyền năng; tay phải Ngài, lạy Chúa, đã đánh bại kẻ thù. Ai là Đức Chúa Trời vĩ đại như Đức Chúa Trời của chúng ta, Đấng bày tỏ những điều kín đáo và vạch trần những điều bí mật, Ngài bắt bẻ những người khôn ngoan bằng chính mưu mô của họ"* (Xuất Ê-díp-tô Ký 15:6; Thi Thiên 76:14; Gióp 5:13).

Sau đó, họ mang đến những bộ áo dệt bằng vàng với những đồ trang sức quý giá, mà cha mẹ và các anh em của Evgenia đã mặc cho cô bất chấp ý muốn của cô, rồi đặt cô lên một chỗ cao để mọi người đều nhìn thấy cô và cùng họ vui mừng vì đã tìm lại được người đã mất. Ngay lập tức, các tu sĩ đang bị xiềng xích cùng với Evgenia được giải thoát khỏi xiềng xích, được đối xử ân cần và được tôn kính như những tôi tớ chân chính của Đấng Christ.

Còn Melania thì tràn ngập nỗi sợ hãi và xấu hổ tột độ; chưa kịp rời khỏi nơi xét xử, lửa đã từ trời giáng xuống ngôi nhà của bà và thiêu rụi nó đến tận nền móng cùng với tất cả của cải và kho báu, đến nỗi không còn lại dấu vết gì cả. Và niềm vui lớn lao tràn ngập trong lòng tất cả các tín hữu tại Alexandria và khắp Ai Cập – đặc biệt là khi chính quan tổng trấn Philip cùng vợ, các con trai và cả gia đình đã chịu phép rửa tội và tin nhận Chúa Giêsu Kitô của chúng ta; lúc bấy giờ, vô số người ngoại đạo đã nhận lãnh phép rửa thánh, và hòa bình đã được khôi phục cho Giáo Hội của Chúa Kitô.

Ngay sau những sự kiện này, Thống đốc Philip đã gửi một bức thư đến các hoàng đế Severus và Antoninus[177] , trong đó ông viết rằng việc trục xuất các Kitô hữu – những người rất cần thiết cho lợi ích chung của dân chúng – ra khỏi các thành phố là điều không có lợi cho Đế quốc La Mã. Các vị vua đã nghe theo lời khuyên của ông, và tại tất cả các thành phố Ai Cập, các Kitô hữu đã lấy lại được chỗ ở, đất đai, nhà thờ và các chức vụ của mình, được hưởng hòa bình – và đức tin Kitô giáo đã nở rộ.

Nhưng những điều thiêng liêng luôn bị kẻ thù ghen tị đe dọa, và tội lỗi luôn chống lại đức hạnh. Cũng vậy, lúc bấy giờ, một số người thờ thần tượng có địa vị cao nhất ở Alexandria cảm thấy khó chịu khi thấy số lượng người Kitô hữu ngày càng gia tăng, trong khi số người thờ thần tượng ngày càng giảm sút. Được cha mình là Satan dạy dỗ, họ đã đến gặp các vị vua để vu khống nhà cai trị Philip.

– Suốt chín năm qua, – họ nói, – Philip đã cai trị đất nước Ai Cập một cách tốt đẹp và tuân thủ nghiêm ngặt các luật lệ hoàng gia. Nhưng chúng tôi không biết giờ đây ông ta đã trở thành thế nào: ông ta đã thay đổi đến mức như vậy. Ông ta đã từ bỏ việc thờ phụng các vị thần của tổ tiên chúng tôi và lôi kéo cả dân chúng theo mình để thờ phụng Đấng mà (như mọi người đều khẳng định) người Do Thái đã hành quyết tại Palestine bằng cách đóng đinh trên thập tự giá. Không còn sự tôn trọng và sự tuân phục đúng mực đối với các luật lệ hoàng gia của các ngài nữa. Ông ta đã ưu ái những kẻ Kitô hữu vô đạo hơn tất cả chúng ta, trong số đó có nhiều người, khi đến các đền thờ các vị thần của chúng ta, lại tuôn ra vô số lời phỉ báng, gọi các vị thần là "cây cối", "đá vô tri" và "tượng thần vô hồn".

Bằng những lời lẽ như vậy và những lời tương tự, họ đã kích động cơn giận của cả hai vị vua đối với Philip, và hai vị vua đã gửi cho ông thông điệp sau đây:

– Vị hoàng đế thần thánh, người đã trị vì trước chúng ta và biết rõ lòng sùng kính cùng sự tôn vinh các vị thần La Mã tổ tiên của ngài, đã không chỉ bổ nhiệm ngài làm quan cai trị tại Alexandria, mà như thể là vua của Ai Cập, và đã ban hành luật định rằng ngài sẽ cai trị đất nước này một cách bất di bất dịch cho đến khi qua đời, và

[177] Hoàng đế La Mã Septimius Severus (từ năm 193 đến năm 211) có con trai là Antoninus làm đồng trị vì.

không ai khác được bổ nhiệm thay thế ngài. Chúng tôi cũng đã tôn trọng vinh dự này một cách tuyệt đối, nhưng chỉ chừng nào ngài còn là bạn và người phụng sự các vị thần. Tuy nhiên, giờ đây chúng tôi nghe nói rằng ngài đã từ bỏ các vị thần và tỏ ra không thiện cảm với chúng tôi. Vì vậy, chúng ta ra lệnh rằng ngài phải hoặc quay trở lại việc tôn kính các vị thần La Mã như trước đây và tiếp tục hưởng thụ những vinh dự và danh vọng như trước, hoặc nếu ngài không ngừng từ chối các vị thần, thì ngay lập tức phải từ bỏ chức vụ và từ bỏ tài sản của mình.

Sau khi đọc xong thư của hoàng đế, vị thống đốc giả vờ bị ốm để kịp bán hết tài sản của mình và phân phát chúng – một phần cho các nhà thờ, một phần cho những người nghèo.

Thánh Philip có tài hùng biện và đã thuyết phục được nhiều người Hy Lạp danh giá, dẫn dắt họ trở lại với Kitô giáo qua những bài giảng của mình, đồng thời củng cố và khích lệ những ai yếu đuối và dao động trong đức tin.

Khi tài sản của ngài đã được bán hết và phân phát xong, ngài từ bỏ chức vụ thống đốc, và ngay lập tức, tất cả các Kitô hữu ở Alexandria đã bầu ngài làm giám mục của họ. Một thời gian sau, một quan chức khác tên là Terentius từ Roma đến thay thế ông. Người này muốn giết Philip, nhưng lại sợ dân chúng, vì tất cả đều sẵn sàng hy sinh mạng sống vì vị giám mục của mình. Vì vậy, ông ta đã thuê những kẻ ám sát bí mật; khi chúng xông vào phòng thánh nhân và bắt gặp ngài đang một mình cầu nguyện với Thiên Chúa, chúng đã chém ngài bằng gươm rồi chạy trốn ngay sau đó. Tin tức này lập tức lan truyền khắp thành phố, và khắp nơi vang lên tiếng khóc than, tiếng kêu gào và sự hỗn loạn. Sợ rằng dân chúng sẽ nhận ra mưu mô của mình, Terentius ra lệnh truy lùng ngay lập tức những kẻ sát nhân và giam họ vào ngục tối, xiềng xích bằng những xiềng xích nặng nề, như thể có ý định tra tấn dã man và xử tử họ. Còn Đức Giám mục Philip, vị thánh phúc lành, đã sống thêm ba ngày sau khi bị thương, và sau khi qua đời trong sự tử đạo vì Chúa, ngài đã được ban tặng vương miện tử đạo. Ngài đã phục vụ với tư cách Giám mục trong một năm ba tháng. Ngài được an táng bên trong thành phố, tại một địa điểm được gọi là Izium, trong nhà thờ do chính ngài xây dựng.

Sau khi giam giữ những kẻ sát nhân một thời gian trong ngục tối, quan tổng trấn Tê-rê-nti-ô đã thả họ ra, như thể theo lệnh của hoàng đế, và lúc đó mọi người đều hiểu rằng vị giám mục thánh đã bị giết theo lệnh của ông ta. Sau khi cha qua đời, Thánh Eugenia đã tập hợp các trinh nữ Kitô giáo xung quanh mình và tiếp tục cùng họ phụng sự Thiên Chúa, sống đời trinh khiết; còn mẹ bà, bà Claudia, đã xây dựng một nhà trọ rộng lớn và dâng hiến bản thân để phục vụ những người lữ hành và người bệnh. Sau một thời gian dài, bà trở về quê hương là Rome, mang theo cả hai con trai và cô con gái thánh thiện Eugenia, rồi định cư tại điền trang của mình ở đó. Chính quyền La Mã đã tiếp đón Avitus và Sergius một cách nồng hậu, và một trong hai người được bổ nhiệm làm tổng trấn tại Carthage[178] , còn người kia – làm tổng trấn hoàng gia tại châu Phi.

Trong khi đó, thánh Eugenia, khi sống tại Rome, đã bí mật dẫn dắt nhiều thiếu nữ – con gái của các quý tộc danh giá – đến với Chúa Kitô và khuyên nhủ họ giữ gìn trinh tiết. Vào thời điểm đó, tại Rome có một thiếu nữ trẻ thuộc dòng dõi hoàng gia, mồ côi sau khi cha mẹ qua đời, tên là Vassilla. Cô được giao phó cho chú ruột là Elin chăm sóc cho đến khi trưởng thành, và được các vị vua hứa gả cho một chàng trai nổi tiếng về lòng dũng cảm và sự cao thượng, tên là Pompey. Tuy nhiên, đám cưới đã bị hoãn lại vài năm, vì sau khi cha mẹ qua đời, Vasilla vẫn còn rất trẻ. Thường xuyên nghe nói về danh Chúa Kitô và về Eugenia, về cuộc sống trinh khiết và trong sạch của cô ấy, cũng như về những phép lạ được thực hiện nhờ quyền năng của Chúa Kitô, cô bừng cháy lòng nhiệt thành, vì Chúa đang kêu gọi cô đến cung điện thiên đàng của Ngài qua những con đường huyền bí. Cô có hai mong ước: tìm hiểu một cách chắc chắn về Chúa Kitô và được gặp Eugenia. Nhưng cô không thể tự mình đến gặp và trò chuyện với bà, một phần vì sợ vị hôn phu của mình biết được, một phần vì lúc bấy giờ tại Rome đang diễn ra cuộc đàn áp các Kitô hữu. Vì vậy, Vasilla đã sai một người hầu trung thành của mình đến gặp Eugenia, với lời thỉnh cầu rằng Eugenia hãy, dù chỉ qua thư, truyền đạt cho cô về Chúa Kitô và dạy cô cách tin vào Ngài như thế nào.

Thánh Eugenia vô cùng vui mừng trước sứ giả này. Sau khi bàn bạc với mẹ và các hoạn quan, bà nhận thấy rằng thư từ không thể dạy dỗ được như những lời nói trực tiếp từ miệng con người, nên bà đã ra lệnh cho các hoạn quan chuẩn bị, với ý định gửi họ như một món quà dành tặng cho Vasilla. Khi gửi họ đi, Eugenia đã viết:

– Này, chị em yêu dấu Vasilla ơi, em gửi tặng chị hai người tôi tớ trung thành của em, hai hoạn quan Prota và Iakinfa, những người đã lớn lên cùng em từ thuở thiếu thời, và mong họ sẽ là lá thư sống từ em gửi đến chị.

[178] Một thành phố cổ ở phía bắc châu Phi. Ngày nay, thành phố Tunis tọa lạc tại vị trí này.

Vasilla đã vui mừng đón nhận các hoạn quan, bề ngoài trông như nô lệ, nhưng thực chất là các tông đồ của Chúa Kitô. Họ trò chuyện với nàng cả ngày lẫn đêm, dạy nàng về đức tin thánh thiện, vì nàng luôn lắng nghe những lời Thánh phát ra từ miệng họ với sự chú tâm, niềm vui và lòng cảm động, và bằng cả trái tim, nàng đã tin vào Đức Chúa Trời Kitô giáo duy nhất, Đấng Tạo Hóa của vạn vật. Khi được báo tin về điều này, Đức Giáo hoàng, Thánh Cornelius[179] , đã bí mật đến gặp cô và rửa tội cho cô nhân danh Chúa Ba Ngôi. Sau đó, chú của cô là Elin cũng tin vào Chúa Kitô, nhờ vậy Vasilla có thể dễ dàng gặp gỡ Eugenia và tận hưởng những cuộc trò chuyện thánh thiện và ấm áp cùng cô ấy. Mỗi đêm, Eugenia đều tự do đến nhà cô dưới sự che chở của chú cô.

Như vậy, thánh Evgenia và mẹ thánh của cô, bà Claudia, đã dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô. Tất cả các góa phụ Kitô hữu ở Rôma đều tìm được nơi nương tựa tại nhà bà Claudia, còn các trinh nữ thì tại nhà Evgenia, và họ tìm thấy sự bình an cho cả thân xác lẫn tâm hồn tại đó. Mỗi tối thứ Bảy, Đức Giáo hoàng Cornelius gửi các lời cầu nguyện và thánh vịnh[180] đến nhà Claudia, để họ cầu nguyện và ngợi khen Thiên Chúa suốt đêm, còn vào buổi sáng, khi gà gáy, chính ngài đến với họ, làm phép rửa cho những ai quy về Chúa Kitô, cử hành Thánh lễ và ban Thánh Thể cho tất cả các phụ nữ. Và Giáo hội của Chúa ngày càng phát triển và thịnh vượng giữa những cuộc bách hại, như hoa huệ giữa bụi gai. Ôi, biết bao nhiêu trinh nữ đã được các thánh trinh nữ Eugenia và Vasilla dẫn dắt đến với Chúa, biết bao nhiêu phụ nữ đã được thánh Claudia dẫn dắt, và biết bao nhiêu thanh niên đã được các hoạn quan phúc lành Prot và Iakinf dẫn dắt!

Khi các vị vua vô đạo Valerian và Gallien[181] lên ngôi, cuộc bách hại đối với các Kitô hữu càng trở nên dữ dội. Các vị vua ra lệnh đánh đập tất cả các nhà giảng dạy Kitô giáo, và trước hết họ truy lùng để giết Thánh Giáo hoàng Cornelius.

Khi gặp Thánh Vasilla vào thời điểm đó, Thánh Eugenia đã nói với bà:

– Chúa đã mặc khải cho con biết rằng chị sẽ sớm nhận được vương miện tử đạo vì sự trinh khiết của mình.

– Chúa cũng đã thương xót báo cho tôi biết về chị, – Thánh Vasilla đáp lại, – rằng chị sẽ nhận được vương miện tử đạo kép – một vương miện vì những đau khổ và hoạn nạn mà chị đã chịu đựng tại Alexandria, còn vương miện kia – vì dòng máu mà chị sẽ đổ ra trong những đau khổ vì Chúa Kitô.

Lúc đó, thánh nữ Eugenia giơ hai tay lên trời và nói:

– Lạy Chúa Giêsu, Con của Đấng Tối Cao, Đấng đã sinh ra từ Đức Trinh Nữ, Mẹ Thánh Khiết của Ngài, vì sự cứu rỗi của chúng con, xin dẫn dắt tất cả các trinh nữ mà Ngài đã giao phó cho con, trong sự trinh khiết bất diệt, vào Nước Trời vinh quang vĩnh cửu của Ngài!

Sau đó, hướng về đám đông các trinh nữ của Chúa đang ngồi cùng với bà và Vasilla, thánh nữ Evgenia nói:

– Đã đến mùa hái nho, khi những chùm nho được cắt xuống và sau đó được dâng lên bàn tiệc hoàng gia dưới dạng rượu vang. Không có vương quốc hùng mạnh hay địa vị cao quý nào mà không được tô điểm bằng máu của những chùm nho ấy. Cũng vậy, các con, những cành cây và chùm nho của trái tim Ta, hãy sẵn sàng đón nhận Chúa. Sự trinh khiết đưa chúng ta đến gần Thiên Chúa, sự trinh khiết khiến chúng ta trở nên giống các Thiên Thần; nó là mẹ của sự sống vĩnh cửu, bạn đồng hành của sự thánh thiện, con đường an toàn dẫn lên thiên đàng, nữ chúa của niềm vui, người lãnh đạo sức mạnh của phép lạ, sự ấm áp và vương miện của đức tin, pháo đài và sự củng cố của tình yêu. Chúng ta không nên nỗ lực vì điều gì, cũng không nên quan tâm đến điều gì hơn là việc duy trì sự trinh khiết, nhưng còn vinh quang hơn nữa là chết vì sự trinh khiết. Những thú vui phù du và ảo tưởng của thế gian này là gì, khi chúng xuất hiện thì mang lại niềm vui tạm thời, nhưng khi biến mất lại gây ra nỗi đau khổ vĩnh cửu; mang lại tiếng cười thoáng qua để rồi khiến ta phải khóc than mãi mãi; phô bày những bông hoa khoái lạc nhanh tàn để rồi mang đến nỗi buồn không phai mờ; hứa hẹn một cuộc sống hạnh phúc trong thế gian này, để rồi trong tương lai lại đẩy các con vào những cực hình vĩnh cửu. Vì tất cả những điều này, hỡi các trinh nữ yêu dấu nhất, những người cho đến nay đã cùng tôi thực hành đức khiết tịnh, hãy tiếp tục ở lại trong tình yêu của Chúa, như các con đã bắt đầu. Những ngày khóc lóc tạm thời đã đến với các con, để các con có thể vui mừng và hân hoan trong cõi vĩnh hằng. Còn tôi, tôi phó thác các con cho Thánh Thần và tin rằng Ngài sẽ gìn giữ các con trong sự tinh khiết và vô tì vết. Đừng cố gắng nhìn thấy khuôn mặt xác thịt của tôi nữa, nhưng hãy nhìn bằng đôi mắt thiêng liêng vào những việc làm và hành động của tôi.

---

[179] Thánh Cornelius, Giáo hoàng, đã lãnh đạo Giáo hội La Mã từ năm 251 đến năm 252.

[180] Tức là các sách phụng vụ, vốn rất hiếm vào thời đó và không phải ai cũng có.

[181] Valerian – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 253 đến năm 260. Gallienus, con trai ông, trị vì từ năm 260 đến năm 268.

Sau khi khuyên nhủ họ như vậy, Eugenia hôn từng người một và an ủi những người đang khóc; sau đó, bà cùng Vasilla cầu nguyện và hôn nhau, rồi họ chia tay. Cùng ngày hôm đó, một trong những nữ tỳ của thánh Vasilla đến gặp vị hôn phu của chủ nhân mình, Pompeius, và nói với ông:

– Thưa ngài, tôi biết các vị vua đã hứa gả bà chủ của tôi cho ngài, và ngài đã chờ đợi bà ấy đến tuổi trưởng thành hơn sáu năm nay mà vẫn chưa kết hôn. Tôi đến đây để báo cho ngài biết rằng ngài sẽ không còn phải kết hôn với bà ấy nữa, vì chú ruột và người nuôi dưỡng bà ấy là người Kitô hữu, còn bản thân bà ấy cũng đã toàn tâm toàn ý quy y đạo Kitô và giờ đây không chỉ ghê tởm ngài mà còn ghê tởm cả thế gian này. Cô ấy có hai hoạn quan do Eugenia gửi đến, và cô ấy tôn kính họ như chủ nhân của mình, hàng ngày hôn chân họ, như thể đó là những vị thần bất tử. Chính những hoạn quan này là những người dạy đạo Kitô.

Câu chuyện của người nô tì đã khiến Pompey nổi cơn thịnh nộ tột độ; ông bật dậy khỏi chỗ ngồi và lập tức đến gặp Elin, người thầy dạy dỗ của Vasilla.

– Vài ngày gần đây, – ông nói với ông ta, – tôi đã quyết định kết hôn. Vì vậy, xin cho phép tôi được gặp cô gái mà các vị vua bất khả chiến bại đã ban tặng cho tôi làm vợ.

Người thầy nuôi ngay lập tức đoán ra rằng Pompey đã biết về việc họ theo đạo Kitô, và trả lời:

– Khi Vasilla còn nhỏ và chưa hiểu biết, tôi đã bảo vệ và chăm sóc cô ấy như con ngươi trong mắt, đồng thời giáo dục cô ấy một cách thích hợp. Nhưng giờ đây, cô ấy đã đến tuổi trưởng thành và có trí tuệ, và nhờ xuất thân cao quý, cô ấy muốn được hoàn toàn tự do và không chịu sự chi phối của ai cả. Vì vậy, tôi không có quyền cho phép ngài gặp cô ấy: điều đó phụ thuộc vào sự đồng ý của chính cô ấy.

Càng tức giận hơn, Pompey đến nhà của Vasilla và bắt đầu gõ cửa, ra lệnh cho các người gác cổng báo cho Vasilla biết về sự có mặt của ông.

Nhưng khi biết tin anh ta đến, Vasilla đã không cho anh ta vào. “Một chàng trai trẻ không nên,” cô đáp, “trò chuyện riêng tư với một thiếu nữ, còn đối với thiếu nữ thì ngay cả việc nhìn vào khuôn mặt của một người đàn ông cũng là điều không phù hợp. Hơn nữa, tôi không biết Pompey đến gặp tôi với ý đồ gì.”

Rời đi trong sự xấu hổ, Pompey đã cầu xin một số quan đại thần và cùng với họ lao đến chân các vị vua để than phiền về vị hôn thê của mình và về Eugenia.

– Thưa các vị vua sáng suốt, – anh ta nói, – xin hãy giúp đỡ những người La Mã của các ngài và trục xuất khỏi thành phố niềm tin vào vị Thần mới mà Eugenia đang rao giảng. Từ lâu nay, những kẻ tự xưng là Kitô hữu đã gây hại cho dân chúng. Họ chà đạp luật pháp của chúng ta, khinh miệt các vị thần của chúng ta như những thần tượng hão huyền, và bóp méo cả luật tự nhiên, không cho phép cô dâu kết hôn với vị hôn phu đã đính hôn với cô ấy. Nếu không có hôn nhân, thì con người sẽ sinh ra từ đâu, và nếu họ không được sinh ra, thì các ngài sẽ cai trị ai? Quân đội và sức mạnh của dân tộc La Mã sẽ đến từ đâu? Ai sẽ đánh bại kẻ thù? Tổ quốc của chúng ta sẽ tồn tại ra sao, và cuộc sống con người sẽ diễn ra thế nào?

Pompey còn nói nhiều điều khác cùng loại như vậy, trong khi nước mắt tuôn trào. Hoàng đế Gallien cùng tất cả các quan đại thần của ông đã thương xót ông và ngay lập tức ban lệnh rằng cô gái Vasilla hoặc phải đồng ý kết hôn với vị hôn phu của mình, hoặc sẽ bị xử tử bằng gươm. Còn về Eugenia, nhà vua ra lệnh rằng cô phải dâng lễ vật cho các vị thần, nếu không sẽ phải chết trong đau đớn. Ngoài ra, nhà vua còn ra lệnh rằng tất cả các Kitô hữu đều phải bị xử tử – và không chỉ riêng các Kitô hữu, mà ngay cả những ai dám che chở các Kitô hữu trong nhà mình cũng sẽ bị trừng phạt.

Khi sắc lệnh của nhà vua đến tai thánh nữ Vasilla, cô đã trả lời một cách dứt khoát và không sợ hãi:

– Chồng hứa hôn của tôi là Vua của các vua, Đấng Kitô, Con Thiên Chúa, và ngoài Ngài ra, tôi không muốn biết đến bất kỳ người phàm trần nào khác.

Sau những lời đó, cô lập tức bị chém bằng gươm. Hai vị thánh hoạn quan là Prot và Iakint cũng bị bắt, và họ bị lôi đến đền thờ thần tượng để thờ lạy vị thần xấu xa Diya[182] . Nhưng ngay khi các thánh vừa bước vào đền thờ, tượng thần đã ngã xuống dưới chân họ và vỡ tan thành bụi và tro. Thống đốc thành phố, Nikitiy, khi biết tin này, đã ra lệnh chém đầu họ, cho rằng chính nhờ phép thuật của họ mà thần Diy đã bị tiêu diệt. Còn Thánh Eugenia, ông ta

[182] Các thánh Eugenia, Claudia, Vasilia, Protas và Iakinth qua đời vào khoảng năm 262. Hài cốt của Protas và Iakinth được khai quật dưới thời Giáo hoàng Damasus vào năm 366, và một nhà thờ đã được xây dựng ngay trên đó không lâu sau đó. Hiện nay, di cốt của Prot được an táng tại Rome, trong Nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả thuộc cộng đồng người Florence; di cốt của Iakinph được an táng tại Nhà thờ Thánh Phaolô ở Ostia; di cốt của Eugenia được an táng tại Nhà thờ 12 Tông đồ; di cốt của Vasilia được an táng tại Nhà thờ Thánh Praxedes.

triệu tập đến và bắt đầu tra hỏi về nghệ thuật phù thủy. Khi trả lời, vị thánh đã kể lại một cách chi tiết và đầy khôn ngoan về Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng mà ngay cả tên của Ngài cũng khiến các quỷ dữ khiếp sợ và run rẩy, đến nỗi chúng đổ sụp cùng với các tượng thần. Không để ý đến lời bà, vị vua ra lệnh đưa bà đến đền thờ Diana để dâng lễ vật, nhưng chưa kịp bước vào, đền thờ đã sụp đổ cùng với tượng thần. Biết được điều này, nhà vua ra lệnh ném bà xuống sông Tiber, với một tảng đá buộc vào cổ. Nhưng khi lệnh được thi hành, hòn đá lập tức tuột ra và vị thánh đi trên mặt nước như đi trên đất liền. Lúc đó, họ lại bắt bà và ném bà vào lò lửa đang cháy rực, nhưng lò lửa bỗng chốc nguội lạnh, không làm tổn thương vị thánh chút nào, và bà bước ra khỏi đó hoàn toàn nguyên vẹn. Sau đó, bà bị ném xuống một hố sâu và u ám, và trong mười ngày liền, bà bị bỏ đói, nhưng tia sáng của ân sủng Thiên Chúa không ngừng chiếu rọi lên vị thánh, và thức ăn được gửi xuống từ trời cho bà. Tại hố đó, Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, đã hiện ra với Eugenia và phán:

– Ta là Đấng Cứu Chuộc của con, Đấng mà con đã yêu mến và vẫn yêu mến bằng cả linh hồn và trái tim, và vì Đấng ấy mà con đang chịu đựng những đau khổ này. Ta sẽ ban cho con vinh quang vĩ đại và làm cho con tràn ngập niềm vui khôn tả. Và đây cũng sẽ là một dấu hiệu cho con: Ta sẽ đón nhận con vào các nơi ở trên trời của Ta vào chính ngày mà Ta được sinh ra trên đất từ lòng mẹ trinh khiết.

Sự hiện ra của Chúa đã làm tràn ngập lòng trinh nữ thánh thiện bằng niềm vui khôn tả, và nàng bắt đầu hân hoan chờ đợi giây phút lìa xa thân xác. Chính vào ngày Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, một đao phủ đã được sai đến hố chôn nàng, và người ấy đã giết nàng bằng gươm[183] .

Như vậy, thánh nữ Evgenia đã kết thúc cuộc đời tạm bợ và những đau khổ trần thế, đồng thời bắt đầu cuộc sống vĩnh cửu và hạnh phúc. Mẹ của bà, bà Claudia, cùng những người trong gia đình đã rước thi hài thánh thiện và trong sạch của bà về chôn cất tại điền trang gia tộc, không xa Rome, nơi mà thánh Eugenia khi còn sống đã chôn cất thi hài của nhiều tín hữu.

Một đêm nọ, khi người mẹ đang khóc bên mộ con gái, Thánh Eugenia hiện ra trước mặt bà cùng với vô số trinh nữ khác, được bao quanh bởi vinh quang rực rỡ, và nói:

– Hãy vui mừng và hân hoan đi, mẹ ơi, vì Chúa Kitô đã đưa con vào niềm vui của các thánh, còn cha con thì vào hàng các tổ phụ: vào ngày Phục Sinh, Ngài cũng sẽ đón nhận mẹ vào niềm vui vĩnh cửu. Hãy dạy dỗ các con trai của mẹ, những người anh em của con, để họ luôn giữ gìn danh hiệu Kitô hữu đã nhận lãnh trong phép Rửa Tội cho đến cùng, để họ không chỉ bằng thân xác mà cả bằng tinh thần cũng là anh em của con, và để chúng ta như vậy dâng cả dòng họ của chúng ta làm của lễ đẹp lòng Thiên Chúa.

Khi vị thánh nữ nói những lời ấy với mẹ mình, tiếng hát của vô số các Thiên Thần thánh thiện vang lên, ca ngợi và tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi; xin Ngài cũng nhận lấy vinh quang và lời ngợi khen từ chúng con, những kẻ tội lỗi, mãi mãi. Amen.

Lễ kính Thánh Nicholas, tu sĩ.

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 12

Thánh Cha Nikolai của chúng ta ban đầu là một tướng quân dưới triều vua Nikifor của Hy Lạp[184] và chỉ huy nhiều đoàn quân. Một lần nọ, khi vua Nikifor đang giao chiến với người Bulgaria, Thánh Nikolai cũng dẫn quân ra trận cùng các chiến binh của mình: đến chiều tối, ngài ghé vào một nhà trọ, dùng bữa tối cùng chủ nhà trọ, rồi sau khi cầu nguyện, ngài đi ngủ. Nhưng vào ca gác thứ hai và thứ ba trong đêm[185] , con gái của chủ nhà trọ, bị xúi giục bởi ham muốn tội lỗi từ Satan, đã lén lút tiến lại gần giường của vị tướng, đánh thức ông dậy và bắt đầu dụ dỗ ông phạm tội tà dâm bằng những lời nói đầy cám dỗ.

– Hãy từ bỏ ham muốn điên cuồng và ma quỷ của cô đi, cô gái ơi, – viên chỉ huy nói với cô – và đừng mong muốn làm ô uế trinh tiết của mình, cũng đừng đẩy ta, kẻ khốn khổ này, xuống vực thẳm địa ngục!

---

[183] Theo lịch thánh của Thánh Giê-rô-ni-mô và một số nguồn khác, Thánh Eugenia đã chịu tử đạo vào ngày 25 tháng 12.

[184] Hoàng đế Byzantine Nikiforos I trị vì từ năm 802 đến năm 811.

[185] Vào thời cổ đại, để bảo vệ nhà cửa và thành phố khỏi các cuộc tấn công của kẻ thù và những mối nguy hiểm khác, người ta chia ca gác thành nhiều ca để việc thay ca đều đặn giúp tránh tình trạng mệt mỏi cho lính gác. Do đó, thời gian được tính theo các ca gác – ca gác thứ nhất, ca gác thứ hai, v.v.

Cô ta hơi xấu hổ rồi lùi lại, nhưng không lâu sau, lại tiến đến gần ông, dụ dỗ người chồng trong sạch sa vào tội lỗi. Tướng quân lại đuổi cô ta đi, nhưng cô ta lần thứ ba quay lại, bị quỷ dữ kích động bởi dục vọng dâm đãng. Lúc đó, vị tướng quân thánh thiện nói với cô ta:

– Hỡi kẻ khốn nạn, đầy dẫy mọi sự vô liêm sỉ và điên cuồng, nô lệ của chính những dục vọng của mình! Ngươi không thấy sao, rằng lũ quỷ đang xúi giục ngươi, muốn làm ô uế trinh tiết của ngươi và biến ngươi thành trò cười, nỗi nhục nhã cho cả dòng họ ngươi và cho tất cả mọi người, đồng thời đẩy linh hồn ngươi vào cực hình vĩnh cửu sao? Ngươi có thấy chăng rằng ta, kẻ không xứng đáng này, đang chuẩn bị tham gia một cuộc chiến đẫm máu với dân tộc khác? Làm sao ta có thể làm ô uế thân thể mình khi ra trận được! Không, Chúa sẽ giúp ta, và ta sẽ không để mình bị ô uế!

Ông đã nói những lời đó và còn nhiều điều khác nữa với cô gái vô liêm sỉ ấy, rồi với lòng xấu hổ, ông đã đuổi cô ta đi. Khi trời sáng, viên tổng trấn đứng dậy, cầu nguyện xong, rồi tiếp tục lên đường. Đêm hôm sau, trong giấc mơ, ông thấy mình đang đứng ở một nơi nào đó trên không trung. Bên cạnh ông, có một Đấng Mạnh Mẽ đang ngồi, chân phải của Ngài đặt lên chân trái.

– Ngươi có thấy những chiến binh ở hai bên kia không? – Người ấy hỏi Nikolai.

– Vâng, thưa Ngài, – ông đáp, – tôi thấy người Hy Lạp đang đánh bại người Bulgaria

Lúc đó, Người đàn ông hiện ra trước vị tướng quân chính trực nói với anh ta:

– Hãy nhìn chúng tôi.

Khi nhìn về phía Người Mạnh Mẽ ấy, vị tướng quân thấy rằng Người đã đổi chân trái sang đặt lên chân phải. Sau đó, Nikolai công chính quay lại nhìn các chiến binh và thấy rằng quân Bulgaria đã lấy lại thế mạnh và đang đánh tan các đạo quân Hy Lạp một cách không thương tiếc.

Khi trận chiến kết thúc, Người Mạnh Mẽ bèn nói với vị tướng quân chính trực:

– Hãy xem xét kỹ lưỡng thi thể những người đã chết và nói cho ta biết ngươi thấy gì.

Sau khi quan sát kỹ, vị tướng thấy cả cánh đồng phủ đầy thi thể, nhưng giữa đó có một khoảng trống mọc đầy cỏ, rộng vừa đủ để chỉ một người nằm xuống.

– Thưa ngài, – ông nói, – cả cánh đồng đều phủ đầy thi thể những người Hy Lạp bị giết không thương tiếc, ngoại trừ một chỗ duy nhất, nơi chỉ đủ chỗ cho một người nằm xuống.

– Ngươi nghĩ sao về điều này? – Người Mạnh Mẽ hỏi ông.

Vị Tướng quân đáp lại:

– Thưa Ngài, tôi là kẻ dốt nát, không biết chữ, nên không hiểu điều này.

Rồi Người Đàn Ông đáng sợ ấy nói với ông:

– Nơi trống rỗng và mọc đầy cỏ này, vừa đủ cho một người nằm, đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi. Ngươi lẽ ra phải nằm xuống đó, bị giết cùng với các bạn của ngươi và lấp đầy khoảng trống ấy. Nhưng vì đêm qua ngươi đã dũng cảm xua đuổi con rắn xảo quyệt, kẻ đã ba lần giao chiến với ngươi, dụ dỗ ngươi phạm tội và muốn giết chết ngươi, nên chính ngươi đã tự giải thoát mình khỏi cái chết: mảnh đất mọc đầy cỏ này đã được để trống, còn linh hồn ngươi thì được cứu rỗi cùng với thân xác. Trong quãng đời còn lại, sau khi thoát khỏi cái chết, ngươi sẽ phụng sự Ta.

Thấy và nghe tất cả những điều này, Thánh Nikolai run rẩy, bừng tỉnh khỏi giấc ngủ, tràn ngập nỗi sợ hãi và kinh hoàng, rồi đứng dậy cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho các chiến binh của mình. Khi trận chiến bắt đầu và cả hai bên giao tranh với sự hung hãn tột độ, ban đầu người Hy Lạp áp đảo và đánh bại người Bulgaria, nhưng sau đó người Bulgaria bất ngờ vùng dậy và bắt đầu đánh bại người Hy Lạp. Giống như những con thú điên cuồng, họ dũng cảm lao vào các đội quân Hy Lạp và đuổi theo họ, đánh đập họ không thương tiếc. Chẳng bao lâu, toàn bộ lực lượng Hy Lạp đã gục ngã dưới lưỡi gươm của người Bulgaria, và chính vua Nikiforos cũng chỉ vừa kịp chạy trốn cùng một nhóm nhỏ tùy tùng.

Lúc đó, vị chỉ huy các đạo quân Hy Lạp, Thánh Nikolai, khi thấy giấc mơ của mình đã ứng nghiệm, đã dâng lời tạ ơn Thiên Chúa vì đã cứu mình khỏi cái chết, rồi từ bỏ chức vụ, lui về tu viện, khóc lóc thảm thiết và than khóc cho những chiến binh đã hy sinh. Sau khi nhận lễ tu sĩ và tận tụy phụng sự Thiên Chúa trong suốt nhiều năm, ngài đã trở thành một trong những vị thánh có khả năng tiên tri và vĩ đại. Cùng với các vị thánh ấy, ngài đã được hưởng phần phúc trên trời cùng với Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Ngày 7 tháng 1

Ngày 25 tháng 12 (theo lịch cũ)

Câu chuyện về Lễ Giáng Sinh của Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta, Chúa Giêsu Kitô.

Ngày kỷ niệm 25 tháng 12

Sự ra đời của Chúa Giêsu Kitô diễn ra như sau: sự kiện này xảy ra sau khi Mẹ Ngài, Đức Trinh Nữ Maria, được hứa hôn với Thánh Giuse, một người chồng công chính và đã cao tuổi (vì ngài đã tám mươi tuổi). Theo lời chứng của Thánh Grêgôriô thành Nyssa[186] và Thánh Epiphanius thành Síp, Đức Trinh Nữ đã được trao cho ông dưới hình thức hôn nhân, để ông gìn giữ sự trinh khiết của Mẹ và chăm sóc Mẹ. Ngay cả trước khi họ bắt đầu sống chung, đã rõ ràng rằng Người mang thai bởi Chúa Thánh Thần. Giuse là người chồng danh nghĩa của Đức Maria, nhưng trên thực tế, ngài là người bảo vệ sự trinh khiết của Người đã được dâng hiến cho Thiên Chúa và là nhân chứng cho cuộc đời vô nhiễm của Người. Vì Chúa đã muốn giấu kín trước ma quỷ mầu nhiệm Nhập Thể của Ngài từ Trinh Nữ vô nhiễm, và vì thế Ngài đã che đậy sự trinh khiết của Mẹ Ngài bằng hình thức hôn nhân, để kẻ thù không biết rằng chính Trinh Nữ này là Đấng mà Isaia đã tiên báo: *"Này, Trinh Nữ sẽ thụ thai"* (Is 7,14). Thánh Athanasius, Tổng Giám mục Alexandria[187] , đã làm chứng về điều này qua những lời sau: "Giuse phải phục vụ mầu nhiệm này, để Đức Trinh Nữ, dường như có chồng, được tôn vinh[188] , và để sự thật đích thực của sự việc được giấu kín khỏi ma quỷ, hầu cho hắn không biết điều sắp xảy ra, tức là cách thức Thiên Chúa đã thương xót ngự cùng loài người" (Bài giảng về Lễ Giáng Sinh). Và Thánh Basil Cả[189] cũng nói: "Việc đính hôn với Giuse được thực hiện nhằm che giấu sự nhập thể của Con Thiên Chúa khỏi 'vị vua của thế gian này' (tức là ma quỷ)" (Bài giảng về Lễ Giáng Sinh). Thánh Gioan Damasceno[190] cũng nói như vậy: "Giuse đính hôn với Đức Maria với tư cách là

---

[186] Thánh Grêgôriô Nissê, anh trai của Thánh Basil Đại đế, Giám mục thành phố Nyssa ở Cappadocia, là một trong những vị Giáo phụ nổi tiếng nhất của thế kỷ IV, được biết đến nhờ cuộc đấu tranh nhiệt thành chống lại chủ nghĩa Arian và nhiều tác phẩm – về thần học, triết học và giảng thuyết, trong đó nổi bật nhất là: Bài Giảng Lớn, trong đó vị thánh cha trình bày một mẫu mực về cách thuyết phục người Do Thái và người ngoại đạo về chân lý của Kitô giáo; cuộc đối thoại về linh hồn và sự phục sinh giữa Thánh Grêgôriô và chị gái ngài, Thánh Macrina, sau khi anh trai của họ, Thánh Basil Đại Đế, qua đời; sau đó là nhiều tác phẩm chống lại các tà giáo khác nhau và không ít bài giảng về Kinh Thánh cùng các bài thuyết giảng. Thánh Grêgôriô qua đời vào năm 394. Giáo hội cử hành lễ kính ngài vào ngày 10 tháng 1.

[187] Thánh Athanasius Vĩ Đại, Tổng Giám mục Alexandria, là vị bảo vệ nổi tiếng của Chính Thống Giáo chống lại tà thuyết Arian, một vị chứng nhân dũng cảm và người chịu khổ vì lẽ thật, người đã phải chịu năm lần bị lưu đày trong suốt thời gian dài lãnh đạo Giáo hội Alexandria, và cuối cùng, sau nhiều gian khổ và bách hại, ngài đã qua đời vào năm 373. Ngài đã viết rất nhiều để bảo vệ giáo lý Chính Thống về Con Thiên Chúa. Các tác phẩm nổi tiếng nhất của ngài bao gồm: "Chống lại người Hy Lạp" (Kata 'Ellinon), trong đó ngài bác bỏ chủ nghĩa đa thần, tiếp theo là nhiều tác phẩm nhằm bác bỏ giáo lý của Arius và bảo vệ giáo lý Chính Thống về sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Thiên Chúa Cha. Ngoài ra còn có một số tác phẩm chú giải, chẳng hạn như chú giải về Thánh Vịnh và một số tác phẩm khác. Giáo hội cử hành lễ kính Thánh Athanasius vào ngày 2 tháng 5 và 18 tháng 1.

[188] Người ta biết rằng, trong cộng đồng Do Thái, trước khi Đấng Mê-si-a xuất hiện, sự trinh khiết thường bị coi thường, và chỉ có hôn nhân mới được tôn vinh như một trạng thái hoàn toàn được chúc phúc.

[189] Thánh Basil Cả, Tổng Giám mục thành Caesarea ở Cappadocia, là một trong những vị thánh vĩ đại nhất của thế kỷ IV, người đã được phong tặng danh hiệu "Thầy dạy toàn cầu" cùng với Thánh Grêgôriô Thần học và Thánh Gioan Vàng miệng. Sau khi nhận được sự giáo dục Kitô giáo chân chính trong môi trường gia đình sùng đạo của mình, rồi tiếp tục theo học chương trình giáo dục khoa học toàn diện tại các trường học ở Cêsarea Palestine và Athens, ngài bắt đầu sứ vụ phục vụ Giáo hội vào thời kỳ khó khăn nhất của Giáo hội, khi các cuộc tranh cãi về thuyết Arian đang gây xáo trộn và chia rẽ Giáo hội một cách dữ dội. Sau một thời gian dài ẩn tu tại sa mạc Pontus, nơi ngài sống một đời tu hành khắc khổ nhất, ngài đã được phong chức linh mục vào năm 364, và vào năm 370, ngài đảm nhận chức vụ Tổng Giám mục Caesarea. Trong chức vụ này, ngài kiên quyết bảo vệ Chính Thống Giáo chống lại chủ nghĩa Arian, và bất chấp những nỗ lực mạnh mẽ của Hoàng đế Valens lúc bấy giờ – một người ủng hộ cuồng nhiệt tà thuyết Arian – nhằm lôi kéo ngài về phe mình, ngài vẫn kiên định bảo vệ đức tin Chính Thống. Trong số các tác phẩm phong phú của ngài, nổi tiếng nhất là: Các bài giảng về Sáu Ngày Sáng Tạo, các bài giảng về Tiên tri Ê-sai, các bài giảng về Thánh vịnh, nhiều tác phẩm chống lại tà thuyết Arian, các quy tắc tu viện, Thánh lễ, nhiều bài giảng, thư từ và lời cầu nguyện, v.v. Thánh Basil qua đời vào năm 379. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 1 tháng 1.

[190] Thánh Gioan Damasceno, ban đầu là thống đốc thành Damascus, sau đó trở thành tu sĩ tại Tu viện Thánh Savva Cực Thánh nổi tiếng ở Jerusalem, là nhà bảo vệ nổi tiếng của Chính Thống Giáo chống lại tà thuyết chống thánh tượng, tác giả của bản tóm tắt chính xác về Đức

chồng, để ma quỷ, không biết về việc Chúa Kitô được sinh ra từ Đức Trinh Nữ mà không qua quan hệ vợ chồng, phải lùi bước, tức là ngừng kích động Hê-rô-đê và xúi giục dân Do Thái ghen tị. Vì từ chính thời điểm tiên tri Isaia đã tiên báo rằng*: 'Này, Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh con*' (Is 7,14), ma quỷ đã theo dõi sát sao tất cả các trinh nữ, để xem liệu có ai trong số họ thụ thai mà không cần chồng và sinh con mà vẫn giữ được trinh tiết hay không. Sự quan phòng của Thiên Chúa đã sắp đặt lễ đính hôn của Đức Trinh Nữ Maria với Thánh Giuse, để che giấu khỏi chúa tể bóng tối cả sự trinh khiết của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội lẫn sự nhập thể của Thiên Chúa Lời. Ngay trước khi thực hiện bí tích hôn nhân, Đức Trinh Nữ Maria đã mang thai bởi Chúa Thánh Thần, và tử cung thánh của Người ngày càng lớn lên, chứa đựng Đấng Thiên Chúa vô cùng vĩ đại. Sự mang thai của Người đặc biệt được bộc lộ khi, sau ba tháng ở cùng bà Ê-li-sa-bét, Người trở về nhà mình (Lc 1,56), và thai nhi Thánh trong lòng Người ngày càng lớn lên, còn ngày sinh của Hài Nhi Giê-su thì ngày càng đến gần. Thấy điều đó, Giuse vô cùng bối rối và đau buồn, vì ông nghĩ rằng Mẹ đã vi phạm lời thề trinh khiết. Trong sự bối rối tột độ, vị lão niên công chính thốt lên: "Làm sao điều này lại có thể xảy ra? Tôi chưa từng chung sống với Mẹ và thậm chí trong suy nghĩ cũng chưa từng phạm tội với Mẹ, vậy mà Mẹ lại mang thai. Ôi, chuyện này đã xảy ra thế nào? Ai đã dụ dỗ Người? Và tôi không biết phải làm gì. Tôi có nên tố cáo Người như một kẻ vi phạm luật pháp, hay im lặng vì sự xấu hổ sẽ đổ xuống cả Người lẫn tôi? Nếu tôi tố cáo Người, thì chắc chắn Người sẽ bị ném đá theo luật Mô-sê, và tôi sẽ trở thành kẻ hành hình, người đã đẩy Người vào cái chết tàn khốc. Còn nếu tôi không tố cáo Người, thì tôi sẽ đồng lõa với những kẻ ngoại tình. Tôi phải làm sao đây? Tôi thật bối rối. Tôi sẽ thả Người đi một cách bí mật, để Người đi đâu tùy ý. Hoặc chính tôi sẽ rời xa Người đến một xứ sở xa xôi, để đôi mắt tôi không phải chứng kiến sự sỉ nhục như vậy." Suy nghĩ như vậy, thánh Giuse công chính đã đến gần Đức Trinh Nữ Maria và nói với Người, như thánh Sofronius thành Giêrusalem đã làm chứng: "Maria, chuyện gì đang xảy ra đây, mà tôi thấy nơi chị? Thay vì danh dự – lại là sự ô nhục; thay vì niềm vui – lại là nỗi buồn. Thay vì được ca ngợi, chị lại mang đến cho tôi sự trách móc. Tôi đã đón nhận chị từ nhà thờ với tư cách là một người trinh khiết, vậy mà điều gì đang hiện ra trước mắt tôi?"[191] . Và Thánh Athanasius thành Alexandria cũng kể lại như sau: "Giuse, khi thấy Đức Trinh Nữ Maria mang thai, nhưng không biết kho báu vĩ đại nào ẩn chứa trong lòng Người, đã bối rối hỏi Người như sau: "Có chuyện gì xảy ra với con vậy, Maria? Chẳng phải con là Trinh Nữ tinh khiết, được nuôi dưỡng trong các tiền sảnh thiêng liêng của đền thờ sao? Chẳng phải con là Maria, người không muốn nhìn vào khuôn mặt của các người đàn ông sao? Chẳng phải chính con là Maria, người mà các linh mục không thể thuyết phục kết hôn sao? Chẳng phải chính con là Maria, người đã hứa sẽ giữ bông hồng trinh tiết không tàn phai sao? Cung điện trinh khiết của con đâu rồi? Phòng riêng đã bảo vệ sự trong trắng trinh nguyên của con đâu rồi? Khuôn mặt e thẹn của con đâu rồi? "Tôi cảm thấy xấu hổ, còn chị lại cảm thấy táo bạo, bởi vì tôi đang che giấu tội lỗi của chị." Khi Giuse nói tất cả những điều này với chị, ôi, con Chiên non trong sạch, con bồ câu vô tì vết, Trinh Nữ khiết tịnh đã xấu hổ biết bao, mặt đỏ bừng vì những lời của Giuse! Ngài không dám tiết lộ cho ông về Tin Mừng mà Tổng Lãnh Thiên Thần đã mang đến cho Ngài, cũng như về lời tiên tri mà bà Ê-li-sa-bét đã nói về Ngài – Ngài không dám làm điều đó vì sợ bị coi là kiêu ngạo và ham danh lợi. Điều này cũng được Thánh Athanasius, người đã được đề cập ở trên, làm chứng, khi ngài đặt vào miệng Người những lời này dành cho Giuse: "Nếu chính Ta tự kể về bản thân mình cho ngươi nghe, thì ngươi sẽ thấy Ta là người kiêu ngạo. Hãy kiên nhẫn một chút, Giuse, và các mục tử sẽ tiết lộ cho ngươi về Ta." Chỉ có một điều mà Đức Trinh Nữ Maria đã nói với Giuse để đáp lại sự bối rối của ông: "Chúa hằng sống, Đấng đã gìn giữ con trong sự trinh khiết cho đến ngày nay, vì con chưa từng biết đến tội lỗi, không ai đã chạm đến con, và điều đang ở trong con là do ý muốn của Thiên Chúa và bởi hành động của Ngài." Còn Giuse, với tư cách là một con người, đã suy nghĩ theo cách của loài người và nghi ngờ rằng sự thụ thai của Mẹ là do tội lỗi. Nhưng vì là người công chính, ông không muốn vạch trần Mẹ, mà muốn âm thầm để Mẹ ra đi, hoặc (như được ghi trong bản dịch tiếng Syriac) ông đã định âm thầm bỏ Mẹ lại, tức là rời xa Mẹ đến một nơi nào đó thật xa. Khi ông đang suy nghĩ như vậy, thì Thiên Thần của Chúa hiện ra với ông trong giấc mơ, nói: "Giuse, con của Đavít, đừng sợ đón nhận Maria, vợ của ngươi." Thiên thần gọi Đức Trinh Nữ là vợ của Giuse để bác bỏ suy nghĩ của ông về việc ngoại tình (vì Giuse nghĩ rằng Maria có thai do ngoại tình). Thiên thần dường như nói với Giuse như thế này: "Người vợ này đã đính hôn với ngươi, chứ không thuộc về người chồng nào khác." Về điều này, Thánh Theophylact đã nói như sau: [192]

---

tin Chính Thống (tác phẩm "Dogmatics" đầu tiên), cũng như nhiều bài thánh ca của Giáo hội. Ngài qua đời vào cuối thế kỷ VIII. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 4 tháng 12.

[191] Trích từ Thánh lễ tiền lễ Giáng sinh, bài thánh ca trong giờ thứ nhất của Thánh lễ.

"Thiên thần gọi Maria là vợ của Giuse, qua đó cho thấy người đã đính hôn với ngài không hề bị ô uế bởi người khác. Đồng thời, điều này cũng nhằm tôn vinh cả sự trinh khiết lẫn mối quan hệ hôn nhân hợp pháp." Thánh Basil Cả cũng lập luận như sau: "Thiên thần đã gọi Đức Maria là Trinh Nữ và là người đã đính hôn với chồng, để vừa tôn vinh sự trinh khiết, vừa không làm tổn hại đến hôn nhân. Sự trinh khiết được chọn là điều cần thiết cho sự ra đời thánh thiêng, còn việc đính hôn – vốn là khởi đầu của hôn nhân – đã được thực hiện theo luật pháp để không ai nghĩ rằng sự ra đời đó xuất phát từ sự bất chính, cũng như để Giuse luôn là nhân chứng cho sự trong sạch của Đức Maria, hầu cho Mẹ không phải chịu những lời chỉ trích vì bị cho là đã làm ô uế sự trinh khiết. Mẹ có (trong người Giuse) một vị hôn phu, người là nhân chứng và người bảo vệ cuộc đời Mẹ" (bài giảng về Lễ Giáng Sinh). Thiên thần nói với Giuse: "Đừng sợ đón nhận Đức Maria làm vợ của ngươi." Những lời này có nghĩa là: "Hãy đón nhận vợ mình theo lời hứa hôn, và đón nhận người trinh nữ theo lời thề hứa của Mẹ dành cho Thiên Chúa (như Thánh Grêgôriô thành Nyssa và Thánh Giêrônimô giải thích), vì Mẹ là trinh nữ đầu tiên trong dân Israel đã hứa với Thiên Chúa sẽ giữ trinh tiết của mình không bị ô uế cho đến khi qua đời. Nhưng hãy cẩn trọng, vì Đấng được sinh ra trong Người là do Thánh Thần. Người sẽ sinh ra Con, và ngươi sẽ đặt tên cho Ngài – ngươi sẽ đặt tên như một người cha, dù ngươi không tham gia vào việc sinh ra Ngài, bởi vì các bậc cha thường đặt tên cho con cái mình, như Áp-ra-ham đã đặt tên cho con trai mình là Y-sác (Sáng Thế Ký 21:2) Cũng vậy, dù ngươi không phải là cha ruột, mà chỉ là người cha danh nghĩa của Hài Nhi, ngươi sẽ phục vụ Ngài như một người cha, bằng cách đặt tên cho Ngài." Thánh Theophylact đã nói với Giuse như vậy, nhân danh Thiên Thần: "Dù ngươi không có bất kỳ sự tham gia nào vào việc sinh ra Hài Nhi, nhưng Ta muốn ban cho ngươi chức vụ (của người cha) này, để ngươi đặt tên cho Ngài; ngươi sẽ đặt tên cho Ngài, dù Ngài không phải là con ruột của ngươi, qua đó ngươi sẽ làm cho Ngài những điều mà một người cha thường làm. Tên đó là gì? Đó là Giê-su, có nghĩa là Đấng Cứu Thế, vì Ngài sẽ cứu dân Ngài khỏi tội lỗi của họ." Giuse, thức dậy sau giấc ngủ, đã làm theo lời Thiên Thần Chúa truyền, và đón nhận người vợ đã đính hôn với mình, Đấng là Trinh Nữ vô nhiễm, đã hiến dâng mình cho Chúa qua lời khấn trinh khiết, và là Mẹ của Chúa, Đấng đã thụ thai Đấng Cứu Thế của thế gian bởi Chúa Thánh Thần. Ông đã đón nhận Người như vị hôn thê của mình, với tình yêu thương dành cho Người sự tôn kính cao cả, như một Trinh Nữ của Chúa, và phụng sự Người với lòng kính sợ và tôn kính, như Mẹ của Đấng Cứu Thế. *"Và ông không chung sống với Người cho đến khi Người sinh con"* (Mt 1,25), tức là (theo lời giải thích của Thêôphilact) ông chưa bao giờ chung sống với Người như vợ chồng. Vì làm sao Ngài, là người công chính, lại có thể chung sống với Mẹ, Đấng đã được trao cho Ngài từ Đền Thờ Chúa không phải để kết hôn, mà để gìn giữ sự trinh khiết của Mẹ dưới hình thức hôn nhân? Làm sao Ngài có thể chạm vào Trinh Nữ của Chúa, Đấng đã hứa với Thiên Chúa về sự trinh khiết vĩnh cửu? Làm sao ông có thể chạm vào Mẹ Vô Nhiễm của Chúa và Đấng Tạo Hóa của mình? Còn việc Phúc Âm nói: "cho đến khi sinh con", đó là cách diễn đạt thông thường trong Kinh Thánh, trong đó từ "cho đến khi" được dùng với ý nghĩa của thời gian vô tận. Vì chính Đa-vít cũng đã nói: "Chúa đã phán cùng Chúa của tôi rằng: *'Hãy ngồi bên hữu Ta, cho đến khi Ta đặt các kẻ thù của Ngài dưới chân Ngài'"* (Thi Thiên 109:1)[193] . Ý nghĩa ở đây không phải là Chúa Con sẽ chỉ ngự bên hữu Chúa Cha cho đến khi Ngài đặt các kẻ thù của Ngài dưới chân Ngài; mà là ngay cả sau khi các kẻ thù của Ngài đã bị khuất phục dưới chân Ngài, Chúa Con vẫn sẽ ngự một cách vinh quang hơn nữa, với tư cách là Đấng Chiến Thắng, trong muôn đời vô tận. Tương tự như vậy, Kinh Thánh cũng chép về Thánh Giuse: *"Và ông không biết đến nàng cho đến khi nàng sinh con"* (Mt 1:25) – không phải theo nghĩa là sau đó ông phải có quan hệ với nàng, như một số kẻ dị giáo đã nghĩ [194] , một giáo lý xa lạ với Giáo Hội Chính Thống; nhưng theo nghĩa là sau khi sinh ra Đấng Con ấy, Đấng là Thiên Chúa nhập thể, và sau những phép lạ vĩ đại đã xảy ra vào dịp Ngài giáng sinh, mà Giuse đã tận mắt chứng kiến, vị lão nhân đạo đức này không những không dám chạm vào Mẹ, mà còn kính trọng Mẹ sâu sắc, như một nô lệ kính trọng chủ nhân của mình, phụng sự Mẹ như Mẹ Thiên Chúa với lòng kính sợ và run rẩy. Về từ "cho đến khi", Thánh Theophylact giải thích như sau: "Kinh Thánh thường nói như vậy, chẳng

---

[192] Thánh Phêô-phi-la-xt, Tổng Giám mục Achrida ở Bulgaria, nổi tiếng với tác phẩm chú giải về Tứ Phúc Âm, trong đó ngài phần lớn theo gương Thánh Gioan Vàng Miệng. Ngài qua đời vào khoảng năm 1085.

[193] Thánh vịnh này là một trong những thánh vịnh tiên tri hay thánh vịnh về Đấng Mê-si-a, vì trong đó nói về chiến thắng của Đấng Mê-si-a-Đức Kitô trước các kẻ thù của Ngài và về việc tôn vinh nhân tính thánh thiêng của Ngài.

[194] Những kẻ dị giáo phủ nhận sự trinh khiết vĩnh cửu của Đức Trinh Nữ Maria bao gồm: trước hết là những người được gọi là "chống Dinomarian" ở Ả Rập vào thế kỷ IV, những người mà Thánh Epiphanius của Síp đã viết để phản bác; sau đó, vào cuối thế kỷ IV, là Helvidius, tu sĩ Jovinian và Giám mục Bonos của Sardis. Thánh Giê-rô-ni-mô đã viết để phản bác Helvidius và Iovinianus.

hạn như khi nói về trận Đại Hồng Thủy: *'Con quạ sẽ không trở lại chiếc Hòm Giao Ước cho đến khi nước biến mất khỏi mặt đất'* (Sáng Thế Ký 8:7), và quả thực con quạ đã không trở lại sau đó.

Và Đức Kitô *cũng* phán: *'Này, Ta sẽ ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế'* (Mt 28,20). Chẳng lẽ khi tận thế đến, Ngài sẽ không còn ở cùng chúng ta sao? Trái lại, lúc đó Ngài sẽ ở cùng chúng ta nhiều hơn nữa, trong muôn đời vô tận. Cũng như ở đây có chép: "cho đến khi sinh con", tức là Giuse không hề có quan hệ với Đức Trinh Nữ cho đến trước khi Chúa Kitô ra đời, cũng như sau khi Ngài ra đời, giống như Chúa sẽ luôn ở cùng chúng ta không rời bỏ, cả trong suốt thời đại này lẫn sau khi thời đại này kết thúc. Và làm sao Giuse có thể chạm vào Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, sau khi biết về sự sinh ra không thể diễn tả được của Đấng Cứu Thế từ Người?"

Sự trinh khiết của Đức Trinh Nữ Maria cũng được bày tỏ rõ ràng sau khi Đấng Cứu Thế ra đời, qua việc khi Giuse bắt đầu nghi ngờ về người Trinh Nữ mang thai và thậm chí còn suy nghĩ liệu Người có bị tước đoạt sự trinh khiết một cách bạo lực hay không – thì lúc đó Thiên Thần đã hiện ra với ông và gọi Maria là vợ của ông: "Đừng sợ," thiên thần nói, "hãy đón nhận Maria, vợ của ngươi," và bằng cách đó, thiên thần đã bác bỏ suy nghĩ của ông về việc ngoại tình (như đã được đề cập ở trên). Khi cùng một Thiên Thần ấy hiện ra với Giuse sau khi Chúa Giêsu ra đời tại Bêlem và tại Ai Cập, khi vị lão niên công chính này đã nhận được sự mặc khải về sự trong sạch của Đức Trinh Nữ Maria và Hài Nhi Thiên Chúa được sinh ra bởi Chúa Thánh Thần – thì lúc đó Thiên Thần không còn gọi Đức Trinh Nữ Maria là vợ của ông nữa, mà chỉ gọi là Mẹ của Đấng mới sinh, vì trong Phúc Âm có chép như sau: khi họ đã ra đi, Thiên Thần của Chúa hiện ra trong giấc mơ với Giuse và nói: *"Hãy đứng dậy, bế Hài Nhi và Mẹ Người* (chứ không phải vợ ngươi), *rồi trốn sang Ai Cập"* (Mt 2,13). Và một lần nữa tại Ai Cập, Thiên Thần lại nói với Giuse: *"Hãy đứng dậy, đem Hài Nhi và Mẹ Người đi về đất Israel"* (Mt 2,20), qua đó rõ ràng cho thấy rằng Ngài không hướng dẫn Giuse đến với cuộc hôn nhân, mà là để phục vụ Hài Nhi và Mẹ Người. Vậy nên, Giuse không chỉ không chung sống với Maria như vợ cho đến khi Người sinh Con đầu lòng của mình, mà ngay cả sau khi Hài Nhi Thiên Chúa ra đời, Người vẫn giữ nguyên sự trinh khiết, như tất cả các vị Thánh Giáo Phụ vĩ đại đều làm chứng.

Cũng có lời kể rằng[195] , vào thời điểm Đức Trinh Nữ Maria đã mang thai, một trong những nhà thông luật tên là An-nin (sau khi Thiên Thần hiện ra với Giuse), khi đến nhà họ và thấy Trinh Nữ đang mang thai, đã vội vã đến gặp Thượng tế và toàn thể Hội đồng Sanhedrin, rồi nói với họ: "Giuse, người thợ mộc mà các ngài gọi là người công chính, đã phạm tội: ông ta đã lén lút làm ô uế và làm nhục Trinh Nữ, Đấng đã được trao cho ông từ Đền Thờ Chúa để ông chăm sóc, và giờ đây Người đang mang thai." Những người đầy tớ do Thượng tế sai đi đã đến nhà Giuse và thấy Maria đang mang thai, đúng như lời người thông thái ấy đã nói. Họ bắt Nàng cùng với Giuse và dẫn đến trước mặt Thượng tế và toàn thể Hội đồng Công nghị. Thượng tế bèn nói với Trinh Nữ Maria: "Ngươi đã quên Chúa là Thiên Chúa của ngươi sao, người đã được nuôi dưỡng trong Nơi Thánh Cực Thánh, được các Thiên Thần ban thức ăn và nghe tiếng hát của các Thiên Thần! Ngươi đã làm gì vậy?" Bà bèn khóc lóc thưa: "Chúa là Thiên Chúa của con hằng sống, con trong sạch và chưa từng biết đến người nam nào cả." Sau đó, Thượng tế nói với Giuse: "Ngươi đã làm gì vậy?" Ông đáp: "Chúa là Thiên Chúa của con hằng sống, con trong sạch trước mặt Người." Thượng tế bèn nói với ông: "Vì ngươi đã không cúi đầu trước bàn tay quyền năng của Đức Chúa Trời để dòng dõi ngươi được phước lành, mà lại lén lút kết hợp với Trinh Nữ đã được dâng hiến làm của lễ cho Đức Chúa Trời, nên hai ngươi phải uống nước thử thách cùng với nàng[196] , để Đức Chúa Trời phơi bày tội lỗi của các ngươi trước mặt mọi người."

Và Đức Chúa Trời đã thiết lập luật phán xét này qua Môi-se, như được chép trong Sách Dân Số (Sách Môi-se thứ 4), chương 5: nếu có người đàn ông hay người phụ nữ nào bị nghi ngờ ngoại tình mà không thú nhận sự thật

---

[195] Câu chuyện này được ghi lại trong Phúc Âm apocrypha của Giacôbê (còn gọi là "Phúc Âm Thứ Nhất của Giacôbê"), tại các chương 15 và 16. Câu chuyện này cũng được lặp lại trong nhiều tác phẩm apocrypha khác, chẳng hạn như trong "Lịch sử về sự ra đời của Đức Mẹ Maria và thời thơ ấu của Đấng Cứu Thế", mặc dù có một số biến thể.

[196] Đây tất nhiên là nghi thức nổi tiếng, vốn theo Luật Mô-sê (Sách Dân Số 5), được thực hiện trong trường hợp người chồng nghi ngờ vợ mình ngoại tình. Người bị nghi ngờ được dẫn đến trước thầy tế lễ; sau khi dâng của lễ, thầy tế lễ múc nước thánh vào một bình đất sét, cho vào đó bụi từ sàn lều hội hoặc đền thờ (khi đền thờ đã thay thế lều hội), cởi trần đầu người vợ, rồi đặt của lễ bánh vào tay bà, và tự tay cầm nước, đọc lên một lời nguyền trang trọng như sau: nếu nàng vô tội, nước này sẽ không phải là hình phạt đối với nàng, nhưng nếu có tội, nó sẽ trở thành lời nguyền khiến hông nàng khô héo và bụng nàng phình to. Sau một số nghi lễ khác, vị linh mục cho người vợ uống nước này. Điều đáng chú ý là theo truyền thuyết trong Phúc Âm ngoại kinh, chính Thượng tế (chứ không phải linh mục) đã thực hiện nghi lễ này, hơn nữa không chỉ đối với Đức Trinh Nữ Maria mà còn đối với Thánh Giuse.

về bản thân, thì người đó sẽ được dâng nước thề trong Đền Thờ của Chúa, trong các nghi lễ thánh đặc biệt và theo một nghi thức riêng. Và theo sự phán xét của Đức Chúa Trời, sau khi uống nước đó, một dấu hiệu vạch trần sẽ hiện ra trên người đã phạm tội ngoại tình, dấu hiệu ấy chứng tỏ tội ác đã được thực hiện. Chính bằng nước này, Thượng tế đã cho Giô-sép uống trước, rồi đến Ma-ri, theo nghi thức thích hợp; và không có dấu hiệu nào vạch trần tội lỗi xảy ra trên bà, khiến dân chúng ngạc nhiên vì tội lỗi của họ không bị phơi bày. Lúc đó, Thượng tế nói với họ:

– Nếu Đức Chúa Trời không phơi bày tội lỗi của các ngươi, thì hãy ra về bình an.

Và ngài cho họ ra về. Còn Giuse thì đưa Đức Trinh Nữ Maria về nhà mình, vừa vui mừng vừa ngợi khen Thiên Chúa của Israel.

Sau đó, có sắc lệnh từ hoàng đế Augustus[197] ra lệnh tiến hành điều tra dân số trên khắp đất nước, và mọi người đều đi đăng ký tại thành phố của mình. Giuse cũng từ Ga-li-lê, từ thành Na-za-rét, lên Giu-đê, đến thành Đa-vít, tức là Bê-lem, vì ngài thuộc dòng dõi và gia tộc Đa-vít, – để đăng ký cùng với Ma-ri, người vợ đã đính hôn với ngài, người đang mang thai. Bê-lem là một thành phố nhỏ, nằm không xa Giê-ru-sa-lem về phía nam, nằm bên con đường dẫn lên vùng núi, đến Hê-bron, thành phố của các thầy tế lễ, nơi có nhà của Zacharias, và cũng là nơi Đức Trinh Nữ Maria, sau khi nhận được tin mừng từ Tổng lãnh thiên thần, đã đến thăm và chào hỏi Elizabeth, mẹ của Thánh Gioan Tiền Hô. Như vậy, Bê-lem nằm ở giữa chặng đường giữa Giê-ru-sa-lem và Hê-bron, còn từ Na-xa-rét, thành phố thuộc Ga-li-lê, thì cách đó khoảng ba ngày đường hoặc hơn một chút. Bê-lem được gọi là "thành của Đa-vít" vì Đa-vít đã sinh ra tại đó và cũng chính tại đó ngài được xức dầu phong vương; Rachel cũng qua đời tại đó, và mộ của Y-sê, cha của Đa-vít, cũng được ghi nhận tại đó (Sáng Thế Ký 35:19). Tên cũ của Bê-lem là Ê-phra-phát, nhưng Gia-cốp, khi chăn đàn gia súc ở đó, đã đặt tên nơi này là "ngôi nhà của bánh" (Bê-lem), vì ngài đã được Thánh Linh soi sáng và tiên báo rằng tại nơi đó, "bánh từ trời xuống" (Giăng 6:51), tức là Chúa Kitô, sẽ ra đời. Và gần Bê-lem, về phía đông, đối diện với giếng của Đa-vít, nơi mà một lần ông đã khát khô cổ và thốt lên: *"Ai sẽ cho tôi uống nước từ giếng Bê-lem, ở gần cổng thành?"* (2 Sa-mu-ên 23:15) – có một hang động trong ngọn núi đá, nơi thành phố Bê-lem tọa lạc. Không xa hang động này là một cánh đồng thuộc sở hữu của Salome, người cũng là cư dân của Bê-lem và là họ hàng của cả Đức Trinh Nữ Maria lẫn Thánh Giuse.

Và khi Giuse sắp đến thành phố, thì đã đến lúc Người Vợ Trinh Khiết chưa từng kết hôn phải sinh con, nên ông bắt đầu tìm một nơi trú ngụ qua đêm, nơi Người Mẹ sắp sinh có thể tìm được chỗ thoải mái cho mình để sinh ra Đứa Trẻ được chúc phúc trong lòng. Nhưng ông không tìm được chỗ trú ngụ, vì có rất đông người đến đăng ký, khiến không chỉ nhà trọ chung mà cả thành phố đều chật cứng. Vì vậy, Giuse đành lui vào hang đá nói trên, bởi vì không còn chỗ trống trong nhà trọ, trong khi ngày đã gần tàn. Hang động ấy vốn là nơi trú ngụ cho gia súc, và chính tại đó, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đáng Chúc Phúc đã thành kính cầu nguyện với Thiên Chúa vào giờ nửa đêm; trong khi hoàn toàn đắm chìm trong sự suy niệm về Thiên Chúa, tràn đầy khao khát Chúa và tình yêu dành cho Ngài, Người đã sinh ra Chúa Giêsu Kitô của chúng ta mà không gặp đau đớn, vào ngày 25 tháng 12[198] . Và quả thật, Đấng đã thụ thai mà không qua sự ngọt ngào của hôn nhân thì xứng đáng được sinh ra mà không đau đớn: "Tôi chưa từng biết đến sự ngọt ngào của hôn nhân" ( ), Người đã nói, "tôi chưa từng tham dự vào sự ngọt ngào của hôn nhân" ([199]). Và vì Người đã thụ thai trong sự trong sạch, nên Người cũng đã sinh ra mà không đau đớn, như Thánh Grêgôriô Nissê đã nói: "Trinh Nữ đã thụ thai, Trinh Nữ đã mang thai trong lòng, Trinh Nữ đã sinh con, Trinh Nữ vẫn giữ nguyên sự trinh khiết; chưa từng có phép lạ nào trên đất giống như thế này" (Bài giảng về Lễ Giáng Sinh). Và Thánh Damascene cũng nói: "Phép lạ mới này vượt trội hơn tất cả các phép lạ xưa: ai đã từng biết đến người mẹ sinh con mà không cần chồng?"[200] . Đức Trinh Nữ Thánh đã sinh ra Đức Kitô mà không cần chồng,

---

[197] Augustus, hoàng đế La Mã đầu tiên (năm 15 trước Công nguyên – năm 14 sau Công nguyên). Tên đầy đủ của ông là: Gaius Julius Caesar Octavianus Augustus. Ông là con trai của Octavius và Actia, con gái của Julius, em gái của Julius Caesar. Trận chiến tại Actium, nơi ông đánh bại Marcus Antonius, đã đưa ông trở thành người cai trị duy nhất của Đế chế La Mã rộng lớn. Trong thời kỳ trị vì của ông, cuộc điều tra dân số được tiến hành trên toàn đế chế, như được đề cập trong câu chuyện Phúc Âm (Lc 2:1), và chính cuộc điều tra này đã thúc đẩy Thánh Giuse và Đức Trinh Nữ Maria lên đường đến Bêlem.

[198] Truyền thống cho rằng Lễ Giáng Sinh của Chúa Giêsu diễn ra chính xác vào ngày 25 tháng 12 là một truyền thống rất cổ xưa. Ngay trong các Quy định của các Tông đồ (Quyển V, Chương 12) đã có ghi: "Hỡi anh em, hãy giữ các ngày lễ, và trước hết là ngày Giáng sinh của Chúa Kitô, mà anh em hãy cử hành vào ngày 25 của tháng thứ mười (decembri)". Và Thánh Clêmentê thành Alexandria vào thế kỷ II cũng chỉ ra ngày 25 tháng 12 là ngày Giáng sinh của Chúa Kitô. Tuy nhiên, trong ba thế kỷ đầu tiên, khi các cuộc bách hại hạn chế tự do thờ phượng của Kitô hữu, ở một số nơi ở phương Đông, lễ Giáng sinh của Chúa Kitô được kết hợp với lễ Hiển Linh vào tháng Giêng. Tập tục này vẫn được người Armenia duy trì cho đến ngày nay.

[199] Bài thánh ca thứ 2 của Lễ Truyền Tin Đức Mẹ, trên điệu "Lạy Chúa, con kêu cầu".

giống như A-đam đã sinh ra Ê-va mà không cần vợ; về điều này, Thánh Xa-lô-môn[201] đã nói như sau: "Như A-đam đã sinh ra người vợ mà không cần vợ, thì ở đây Đức Trinh Nữ cũng đã sinh ra Người Chồng mà không cần chồng, qua đó đền đáp ân huệ của các người chồng đối với Ê-va. A-đam vẫn nguyên vẹn sau khi một xương sườn được lấy ra khỏi thân thể ngài, và Đức Trinh Nữ vẫn bất hoại sau khi sinh ra Hài Nhi" (Bài giảng về Lễ Giáng Sinh). Và điều đã được báo trước như trong bóng tối qua bụi gai không cháy và Biển Đỏ đã ứng nghiệm: "Cũng như bụi gai không bị thiêu rụi" (Giáo Hội ca ngợi), "cũng vậy, Đức Trinh Nữ đã sinh ra Ngài, và vẫn là Đức Trinh Nữ"[202] . Và ở một đoạn khác: "Biển vẫn không thể vượt qua: Người Vô Tỳ Vết, sau khi sinh ra Đấng Emmanuel, vẫn vĩnh viễn bất hoại"[203] . Như vậy, mà không làm tổn hại đến sự trinh khiết của mình, Đức Trinh Nữ Maria đã sinh ra Thiên Chúa nhập thể. Và sự ra đời này đã diễn ra mà không cần sự giúp đỡ và phục vụ thông thường của bà đỡ, như Thánh Athanasius thành Alexandria đã làm chứng, khi ngài bàn luận về những lời sau đây trong Phúc Âm: *"và sinh Con đầu lòng của mình, quấn tã cho Ngài, rồi đặt Ngài vào máng cỏ"* (Lc 2,7), – ngài nói như sau: "Hãy nhìn vào sự ra đời huyền bí của Đức Trinh Nữ: Chính Mẹ đã sinh ra, và Chính Mẹ đã quấn tã cho Hài Nhi. Ở những người phụ nữ trần thế, người này sinh con, người kia quấn tã, nhưng ở Đức Trinh Nữ Thánh Thiện thì không như vậy. Chính Người đã sinh ra, và chính Người đã quấn tã cho Hài Nhi, dù là một người mẹ chưa từng trải qua đau đớn và một bà đỡ chưa được huấn luyện, Người cũng không cho phép ai chạm vào Sự Giáng Sinh Vô Nhiễm bằng những bàn tay ô uế: Chính Người đã phục vụ Đấng được sinh ra từ Người, quấn tã cho Người, và đặt Người vào máng cỏ". Thánh Cyprian cũng nói như vậy: "Trong lúc sinh nở và sau khi sinh, Đức Trinh Nữ nhờ quyền năng thần thánh vẫn giữ nguyên sự trinh khiết – Người, Đấng đã sinh con mà không đau đớn và không cần bất kỳ sự giúp đỡ nào từ bà đỡ, nhưng chính Người vừa là người mẹ, vừa là người phục vụ cho việc sinh nở, và vì thế Người dành cho Hài Nhi của mình sự chăm sóc đầy kính trọng: sờ nắn Ngài, ôm ấp, hôn lên trán, đưa núm vú cho Ngài, và làm tất cả những điều này một cách hân hoan, không hề có bệnh tật, không hề có sự yếu đuối tự nhiên thường thấy khi sinh nở." Vậy, chính Mẹ đã dùng đôi tay trinh nữ của mình để phục vụ cho sự ra đời bất diệt của chính Mình (Hài Nhi Thần Thánh), trong khi chờ đợi bà Salome, người họ hàng của Mẹ, người mà Thánh Giuse đã đi mời đến để phục vụ Đức Trinh Nữ Rất Thánh. Nhưng bà Salome đến khi mọi việc đã hoàn tất, vì chính Đấng đã sinh ra cũng chính là Đấng đã phục vụ, bế Hài Nhi, quấn tã cho Ngài và đặt Ngài vào máng cỏ.

Thánh Tử đạo Zinon, Giám mục, còn kể lại rằng khi bà ngoại đến, bà không tin rằng sự ra đời này là do Đức Trinh Nữ và không đau đớn, nên đã cố gắng dùng các phương pháp thông thường của nghề đỡ đẻ để xác minh xem sự ra đời này có thật sự như vậy hay không. Nhưng ngay lập tức, bà đã phải hứng chịu hình phạt vì hành động táo bạo của mình, bởi bàn tay bà, vốn đã dám thực hiện cuộc thử nghiệm đó, bỗng chốc bị sưng tấy dữ dội bởi một căn bệnh như lửa thiêu và khô héo. Khi người phụ nữ đau đớn ấy đặt bàn tay mình lên Hài Nhi Thánh, bà lập tức được chữa lành và trở nên khỏe mạnh như trước đây. Lúc đó, Salome tin chắc rằng Mẹ là Trinh Nữ, còn Hài Nhi là Thiên Chúa[204] .

Sau đó, Mẹ Vô Nhiễm và là Người Phục Vụ phi thường của Hài Nhi mới sinh, đã quấn Đứa Con yêu dấu nhất của Mẹ bằng những tấm tã lanh trắng tinh, mỏng manh và sạch sẽ, đã được chuẩn bị sẵn từ trước và mang từ Nazareth đến, rồi đặt Ngài vào máng cỏ nằm trong chính hang đá đó, Ngài đã quỳ lạy Ngài như Thiên Chúa và Đấng Tạo Hóa của mình, điều mà Thánh Giuse – tác giả các kinh nguyện[205] – đã nhắc lại khi ngài hướng về Đức

---

[200] Bài thánh ca trên bục đọc kinh, giọng thứ 2.

[201] Thánh Gioan Vàng Miệng, Tổng Giám mục Constantinopolis, là một vị Giáo phụ nổi tiếng vào cuối thế kỷ IV và đầu thế kỷ V, được biết đến đặc biệt qua các tác phẩm giảng thuyết phong phú của ngài. Chính nhờ tài hùng biện phi thường mà ngài được đặt biệt danh là "Vàng Miệng". Ban đầu (và phần lớn cuộc đời), ngài phục vụ với chức vụ linh mục tại Antioch, và vào cuối thế kỷ IV, ngài đảm nhận chức vụ Tổng Giám mục Constantinopolis. Trong giai đoạn cuối đời này, ngài đã phải chịu nhiều cuộc đàn áp từ phía Hoàng hậu Eudoxia, vợ của Hoàng đế Arcadia, và qua đời trong cảnh lưu đày tại Armenia (năm 407). Ngày kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 13 tháng 11 và 30 tháng 1. Ngài là tác giả của Thánh lễ được cử hành trong Giáo hội Chính thống phần lớn thời gian trong năm.

[202] Thánh ca Dogmatik giọng thứ 2.

[203] Thánh ca thứ 5.

[204] Câu chuyện này được trích từ "Phúc Âm Thứ Nhất của Giacôbê".

[205] Thánh Giuse Nhà soạn thánh ca, tác giả các thánh ca, gốc gác từ Sicily, sau đó trở thành tu sĩ tại một tu viện ở Thessalonica. Trong thời kỳ đàn áp chống thánh tượng dưới triều đại Hoàng đế Lê Armenia, ngài đã chịu nhiều đau khổ vì Đức Tin Chính Thống. Dưới triều đại của một hoàng đế chống thánh tượng khác là Theophilus, ngài bị lưu đày đến Chersonesos, từ đó được Hoàng hậu Theodora đưa trở về. Ngài qua đời vào năm 883. Lễ kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 4 tháng 4 với nhiều bài thánh ca, đặc biệt là rất nhiều thánh ca (khoảng 48 bài).

Trinh Nữ Vô Nhiễm với những lời sau: "Hỡi Trinh Nữ mang Đấng Nhập Thể, Đấng mang hình hài con người, Người đã ôm lấy bằng đôi tay, thờ lạy và hôn lên trán với tình mẫu tử: 'Con ơi,' Người đã thốt lên, 'con yêu dấu nhất, mẹ ôm con như thế này, Đấng đang nắm giữ cả vũ trụ trong tay'[206] ." Chắc chắn rằng Đức Trinh Nữ đã cúi mình xuống đất để thờ lạy Đấng được sinh ra từ Người, đang nằm trong máng cỏ, và các hàng ngũ Thiên thần vô hình đã bao quanh họ với sự ngạc nhiên.

Và bên máng cỏ có một con bò và một con lừa được buộc lại, để ứng nghiệm Lời Kinh Thánh: "Con bò biết chủ mình, và con lừa biết máng cỏ của chủ mình" (Ê-sai 1:3). Con bò và con lừa này được Giuse từ Nazareth dẫn đến. Con lừa được dẫn đến để phục vụ Đức Trinh Nữ đang mang thai, nhằm chở Người trên lưng trong suốt hành trình, còn con bò thì Giuse dẫn đến để bán lấy tiền nộp thuế theo lệnh của hoàng đế, đồng thời mua sắm những thứ cần thiết cho bản thân. Cả hai con vật câm lặng này, đứng bên máng cỏ, đã dùng hơi thở của mình sưởi ấm Hài Nhi, nhân dịp mùa đông lúc bấy giờ, và như vậy đã phụng sự Chúa và Đấng Tạo Hóa của chúng[207] . Còn Giuse thì đã quỳ lạy cả Đấng Mới Sinh lẫn Đấng Sinh Ra, vì lúc đó ông đã nhận ra rằng Đấng được sinh ra từ Mẹ là do Thánh Thần, như thánh Athanasius đã nói: "Quả thật, Giuse chưa từng biết về Người cho đến khi Người sinh ra Con Trai đầu lòng của mình; cho đến khi Đức Trinh Nữ mang thai Đấng được thụ thai trong Người, Giuse chưa từng biết về Người, ông không hay biết điều gì đang diễn ra trong Người, ông không hay biết điều gì đang xảy ra nơi Người. Khi Người sinh con, thì ông mới nhận ra; lúc đó, Giuse mới nhận ra về Đức Trinh Nữ, sức mạnh của Người lớn lao đến mức nào, và Người đã được chọn trở thành ai. Lúc đó, ông mới nhận ra, khi nhìn thấy Đức Trinh Nữ đang cho con bú mà vẫn giữ nguyên vẻ đẹp trinh khiết bất diệt. Lúc đó, ông mới nhận ra, khi Đức Trinh Nữ sinh con nhưng không trải qua những điều thường thấy ở người phụ nữ vừa sinh nở. Lúc đó, ông mới nhận ra rằng hòn đá không thể bị đập vỡ đang cho bú Hòn Đá thiêng liêng[208] . Lúc đó, Giuse mới nhận ra rằng Isaia đã viết về Người như sau: "Này, Trinh Nữ sẽ thụ thai trong lòng." Những lời của Thánh Athanasius này chứng thực rằng vào thời điểm đó, Giuse đã nhận ra quyền năng của mầu nhiệm, và khi nhận ra, ông đã quỳ lạy với lòng kính sợ và vui mừng, tạ ơn Thiên Chúa nhập thể, Đấng đã ban cho ông ân sủng được trở thành người chứng kiến trực tiếp và người phục vụ mầu nhiệm này. – Về thời điểm Chúa Giêsu ra đời, nhiều tác giả đáng tin cậy cho biết đó là nửa đêm, nối tiếp ngày Sa-bát và trước ngày Chúa Nhật, và thông tin này phù hợp với Công đồng Đại kết lần thứ VI[209] , nơi giải thích việc cử hành ngày Chúa Nhật như sau: "Vì vào ngày đó, Thiên Chúa đã tạo dựng ánh sáng; cũng vào ngày đó, Chúa đã vui lòng giáng sinh; cũng vào ngày đó, Ngài đã chịu phép rửa tại sông Giô-đanh do Gioan thực hiện; cũng vào ngày đó, Đấng Cứu Chuộc đầy lòng thương xót của loài người, vì sự cứu rỗi của chúng ta, đã sống lại từ cõi chết; cũng vào ngày đó, Ngài đã tuôn đổ Thánh Thần xuống trên các môn đệ của Ngài". Vì theo tin tức đáng tin cậy, Ngài đã được thụ thai trong lòng trinh nữ vào lúc Truyền Tin vào ngày thứ Sáu và cũng vào ngày thứ Sáu ấy Ngài đã chịu khổ nạn; vậy nên vào ngày Chủ Nhật, Ngài đã sinh ra và cũng vào ngày Chủ Nhật ấy, Ngài đã sống lại. Và thật xứng đáng khi Đức Kitô sinh ra vào ngày Chủ Nhật, ngày mà Thiên Chúa đã phán: *"Hãy có ánh sáng"* (St 1,3); và vào ngày mà *"có ánh sáng"* (Sáng Thế Ký 1:3), cũng chính ngày đó, Ngài – Ánh Sáng Hằng Hữu – đã chiếu sáng cho thế gian. Còn việc Đức Kitô phải sinh ra vào ban đêm và vào một giờ nhất định, điều này đã được tiên báo trong sách Khôn Ngoan của Salômôn, nơi có chép như sau: *"Vì khi mọi sự chìm trong sự tĩnh lặng, và đêm đã đi đến giữa chừng, Lời Toàn Năng của Ngài đã từ các ngai vàng vương giả trên trời giáng xuống giữa trái đất đang lâm vào diệt vong, như một chiến binh oai phong"* (Sách Khôn Ngoan 18:14–15)[210] . Những phép lạ vĩ đại cũng

---

[206] Thánh lễ tiền lễ Giáng sinh vào ngày 23 tháng 12, ba bài thánh ca trong giờ chiều, bài thánh ca thứ 9.

[207] Câu chuyện này cũng được trích từ các sách Phúc Âm ngoại kinh. Ví dụ, người ta có thể tìm thấy nó trong "Lịch sử thời thơ ấu của Đấng Cứu Thế".

[208] Rõ ràng, những lời này ám chỉ hai đoạn trong Kinh Thánh: Đan. 2 (nơi Thánh Tiên tri Đaniel giải thích cho vua Nebuchadnezzar về giấc mơ của ông về bức tượng, và nơi trên ngọn núi không thể phá vỡ, từ đó một hòn đá không do tay người tạo ra đã tách ra, tượng trưng cho Đức Trinh Nữ Rất Thánh và sự ra đời siêu nhiên của Đức Kitô từ Mẹ), cũng như 1 Cô-rinh-tô 10:4 (nơi Thánh Tông đồ Phaolô so sánh Đá.

[209] Công đồng Đại kết lần thứ VI được triệu tập vào năm 680, dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Pogonatus, nhằm chống lại tà thuyết Monothelitism, vốn dạy rằng Đức Kitô Cứu Thế nhập thể chỉ có một ý chí duy nhất, và đã lên án tà thuyết này. Công đồng diễn ra tại Constantinopolis.

[210] Đoạn văn này trích từ Sách Khôn ngoan của Salômôn (Khôn. 18:14–15) thực ra ám chỉ chính đêm đó, khi các con đầu lòng của Ai Cập bị tiêu diệt bởi quyền năng toàn năng của Thiên Chúa, còn các con đầu lòng của dân Do Thái thì được Thiên Thần Hủy Diệt tha thứ. Thánh Dimitri trích dẫn đoạn văn này như một lời tiên tri về đêm đầy ân sủng của Lễ Giáng Sinh Chúa Kitô – có lẽ dựa trên cơ sở rằng, giống như đêm đó (ở Ai Cập) đã mang lại sự cứu rỗi cho dân Chúa, thì đêm này (ở Bêlem) cũng đã mang lại sự cứu rỗi cho tất cả mọi người.

đã xảy ra trong vũ trụ vào dịp Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô. Vào chính giờ phút ấy, khi Chúa chúng ta giáng sinh qua cửa trinh nữ, được đóng dấu bằng sự trong sạch, bỗng nhiên trong hang đá ấy, một suối nước tuôn trào từ tảng đá, còn tại Rôma, một suối dầu phun trào từ lòng đất và chảy vào sông Tiber. Ngôi đền thờ thần tượng, được gọi là "vĩnh cửu", đã sụp đổ; các thần tượng bị nghiền nát, và trên bầu trời tại chính nơi đó xuất hiện ba mặt trời. Còn tại Tây Ban Nha, trong cùng đêm đó, một đám mây sáng hơn mặt trời đã xuất hiện; tại xứ Do Thái, những vườn nho Engad đã nở hoa, bất chấp mùa đông[211] . Điều kỳ diệu nhất chính là những gì được mô tả trong Phúc Âm, khi các Thiên thần từ trời giáng xuống với tiếng hát và hiện ra rõ ràng trước mặt mọi người. Sự việc diễn ra như sau. Đối diện với hang động nơi Đức Kitô ra đời, theo lời chứng của Thánh Giê-rô-ni-mô, có một ngọn tháp rất cao tên là Ader, nơi các mục đồng chăn cừu sinh sống. Đêm đó, ba người trong số họ tình cờ thức trắng để canh giữ đàn chiên, và bỗng nhiên, vị Thiên thần tối cao trong các thế lực trên trời (theo Thánh Cyprian, đó chính là Thánh Gabriel, vị sứ giả của Chúa) đã hiện ra trước mặt họ trong ánh sáng rực rỡ, toả sáng vinh quang thiên đàng, và ngài đã chiếu sáng họ bằng vinh quang ấy; khi nhìn thấy Ngài, họ đã vô cùng kinh hãi. Nhưng Thiên Thần hiện ra đã ra lệnh cho họ gạt bỏ nỗi sợ hãi và đừng lo lắng, đồng thời loan báo cho họ về niềm vui đã đến với cả thế giới nhờ sự ra đời của Đấng Cứu Thế. Đồng thời, Ngài cũng chỉ cho họ dấu hiệu chứng thực cho lời loan báo của mình: *"Các ngươi sẽ tìm thấy,"* Ngài nói, *"một Hài Nhi quấn tã, nằm trong máng cỏ." Trong khi Thiên thần đang nói với họ điều đó, bỗng nhiên vang lên từ trên trời tiếng hát của vô số đạo binh thiên đàng, đang tôn vinh Thiên Chúa và ca ngợi: "Vinh quang trên trời thuộc về Thiên Chúa, bình an dưới đất, ân sủng nơi loài người"* (Lc 2:12–14); sau khi Thiên thần hiện ra và các đạo binh trên trời cất tiếng hát, các mục đồng, sau khi bàn bạc với nhau, vội vã lên đường đến Bê-lem để xem lời Thiên thần có đúng không, và họ đi đến đó thì thấy Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, và Thánh Giuse, chồng hứa hôn của Mẹ, cũng như Hài Nhi được quấn tã, đang nằm trong máng cỏ. Và khi tin chắc rằng đây chính là Chúa Kitô, Đấng Mêsia được mong đợi, Đấng đã đến để cứu độ loài người, họ đã thờ lạy Ngài và kể lại tất cả những gì họ đã thấy và nghe, cũng như những gì Thiên Thần đã nói với họ về Hài Nhi này. Và tất cả những ai nghe thấy (Giuse, Salome và những người lúc đó có mặt ở đó) đều kinh ngạc trước lời kể của các mục đồng; đặc biệt là Đức Trinh Nữ Maria, Đấng đã sinh con mà không đau đớn, đã ghi nhớ tất cả những lời ấy, cất giữ chúng trong lòng Mẹ. Các mục đồng trở về, ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa. Như vậy, lễ Giáng Sinh của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đã được cử hành. Xin Ngài, cùng với Cha Ngài là Đấng Vô Thỉ và Thánh Thần Hằng Hữu, nhận được vinh quang, sự tôn kính, lòng tạ ơn từ chúng con là những kẻ tội lỗi, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Lễ Giáng Sinh của Ngài, Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng con, đã chiếu rọi ánh sáng của trí tuệ xuống thế gian: nhờ ánh sáng ấy, những ai phụng sự các vì sao đã học theo các vì sao để thờ lạy Ngài, Mặt Trời của Sự Công Chính, và dẫn dắt Ngài từ phương Đông cao cả: Lạy Chúa, vinh quang thuộc về Ngài.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Hôm nay, Đức Trinh Nữ sinh ra Đấng siêu việt, và đất đai dâng lên máng cỏ cho Đấng không thể tiếp cận; các Thiên thần cùng các mục đồng ca ngợi, còn các nhà chiêm tinh thì theo ngôi sao mà hành trình: vì chúng con, Đấng Thiếu Nhi, Thiên Chúa vĩnh cửu, đã giáng sinh.

Lời giảng về Lễ Giáng Sinh

Ngày kỷ niệm 25 tháng 12

Sứ giả trên trời chỉ cho các mục đồng ở Bê-lem dấu hiệu về sự giáng sinh của Đấng Cứu Thế trên thế gian: một Hài Nhi được quấn tã và đặt trong máng cỏ. Vì ngài nói với họ như thế này: *"Các ngươi sẽ thấy một Hài Nhi*

[211] Có lẽ những truyền thuyết này đã được Thánh Dimitri Rostovski mượn từ các truyền thuyết phương Tây về Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, trong đó một số đã được đưa vào các tuyển tập viết tay và in ấn cổ xưa của Nga.

được quấn tã, nằm trong máng cỏ" (Lc 2:11–12). Có lẽ ai đó sẽ nghĩ rằng việc nhìn thấy một Hài Nhi được quấn tã không phải là một dấu hiệu vĩ đại, vì bất kỳ đứa trẻ sơ sinh nào cũng thường được quấn tã. Đó sẽ là một dấu hiệu vĩ đại nếu như Thiên Thần, để làm chứng và xác nhận rõ ràng về sự Giáng Sinh của Đức Kitô, đã chỉ ra điều gì đó khác thường, chẳng hạn như ngôi sao ở phương Đông mà các nhà chiêm tinh đã thấy, hoặc như nữ tiên tri[212] đã chỉ cho Hoàng đế Augustus thấy trong mặt trời hình ảnh một thiếu nữ đang bế một Hài Nhi trên tay. Nhưng, nếu ai muốn dùng con mắt thiêng liêng để chiêm ngắm những mầu nhiệm đang diễn ra nơi Hài Nhi được quấn tã ấy, thì người ấy sẽ thấy và nhận ra rằng dấu hiệu mà Thiên Thần đã chỉ cho các mục đồng: Hài Nhi được quấn tã, nằm trong máng cỏ – chính là một dấu hiệu vĩ đại. Vì Đứa Trẻ này chính là Đấng mà sự Giáng Sinh của Ngài đã mở ra cho thế gian ánh sáng của sự hiểu biết về Thiên Chúa, sáng hơn cả các vì sao và mặt trời; tã lót của Ngài rộng hơn mây trời, máng cỏ của Ngài bao la hơn cả bầu trời, vì trong đó đang nằm Đấng Kitô, Thiên Chúa, Đấng không thể chứa đựng được. Vậy, hãy hướng ánh mắt tâm hồn chúng ta về thời thơ ấu của Đức Kitô. Vì Đấng đã tạo dựng muôn đời và từ thuở đời đời đã chuẩn bị ơn cứu độ cho chúng ta, chính Ngài, dưới hình hài một Hài Nhi, đã hiện ra trên trần gian để đổi mới bản tính cũ kỹ của chúng ta: *"Các ngươi sẽ tìm thấy*," Thiên Thần đã nói, *"một Hài Nhi."*

Có lẽ, có ai đó có thể cho rằng Đức Kitô lẽ ra phải đến thế gian không phải dưới hình hài một Hài Nhi, mà là một người khổng lồ, theo lời tiên tri của vua Đa-vít, Đấng đã tiên báo về sự đến của Đấng Mê-si-a như *sau: "Ngài như Chàng Rể ra khỏi cung điện của mình"* (Thánh Vịnh 18:6) (tức là từ lòng Đức Trinh Nữ), *"vui mừng như người khổng lồ, chạy trên đường đua"* (Thánh Vịnh 18:6)[213] . Vì vậy, có lẽ Thiên Thần mới nói: các ngươi sẽ tìm thấy một Hài Nhi, chứ không phải một người khổng lồ. Tuy nhiên, nếu chúng ta suy ngẫm về thời thơ ấu của Đức Kitô, chúng ta sẽ tìm thấy một lý do khác cho những lời nói ấy của Thiên Thần. Cũng như Lễ Giáng Sinh của Đức Kitô không giống như sự ra đời thông thường của con người, mà là điều phi thường và siêu nhiên, thì thời thơ ấu của Ngài cũng phi thường và không giống như thời thơ ấu của những đứa trẻ khác. Tất cả các em bé mới sinh đều yếu ớt và chưa có ý thức; các em không có sức lực và không biết làm gì cho đến khi, sau một thời gian dài lớn lên, sức mạnh và trí tuệ bắt đầu bộc lộ và phát triển cùng với các em. Còn Hài Nhi mới sinh này, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, thì được sinh ra đã có cả sức mạnh lẫn trí tuệ. Chính vì thế, Thiên Thần đã chỉ ra Hài Nhi này – Đấng được sinh ra với sức mạnh bất khả chiến bại và sự khôn ngoan không thể diễn tả – như một phép lạ duy nhất vô nhị và chưa từng có trong thế gian. Về sự vững chắc và sức mạnh bất khả chiến bại của Ngài, Giáo hội đã không ngần ngại nhắc đến điều này trong lễ hội hôm nay, khi cùng với tiên tri Isaia ca ngợi: *"Đức Chúa Trời hùng mạnh, Đấng cai trị, Vị Hoàng tử của thế gian"* (Is 9:6). Có câu nói rằng: "Sư tử được nhận biết qua móng vuốt." Đấng Kitô, Sư tử thuộc chi tộc Giu-đa, ngay từ khi còn là móng tay non nớt (tức là từ thuở ấu thơ), đã tỏ ra *rằng "Chúa mạnh mẽ và hùng dũng, Chúa hùng mạnh trong chiến trận"* (Tv 23,8). Hãy chú ý đến sự vững chắc và sức mạnh to lớn của Hài Nhi mới sinh. Ngay khi tin tức về sự Giáng sinh của Ngài bắt đầu lan truyền, *"Hê-rốt liền lo sợ, và cả thành Giê-ru-sa-lem cùng lo sợ với ông"* (Ma-thi-ơ 2:3). Đứa Trẻ còn chưa biết nói, nhưng đã khiến những kẻ tự xưng danh trên đất phải khiếp sợ; Ngài còn đang quấn tã, nhưng đã khiến những kẻ hành hạ phải kinh hoàng; Ngài còn nằm trong máng cỏ, nhưng đã làm rung chuyển kẻ đang ngự trên ngai vàng.

Một trong những bác sĩ tài giỏi nhất kể lại rằng, những ai sẽ trở thành những người vĩ đại, nổi tiếng và oai hùng trên thế gian, hay là các vị vua và những chiến binh dũng cảm – theo lời ông, những người này thường bộc lộ từ khi còn rất nhỏ (tức là từ thuở ấu thơ) về quyền lực và những hành động vĩ đại trong tương lai của mình. Cùng với đó, vị bác sĩ này còn nói rằng Pericles[214] chưa ra đời mà đã khiến người Hy Lạp khiếp sợ qua những giấc mơ; Alexander[215] chưa ra đời mà đã được mọi người gọi là con trai của Jupiter[216] và là người cai trị vương quốc. Và ở một đoạn khác có kể rằng, những con kiến đã mang những hạt lúa mì đến và đặt vào miệng Midas, vua Phrygia[217] ,

---

[212] Các nữ tiên tri (Sibyl) là những người bói toán trong các nền văn hóa ngoại giáo. Một số trong số họ, chẳng hạn như nữ tiên tri Kukey, nữ tiên tri Eritrea và những người khác, đã được các nhà văn Kitô giáo cổ đại gán cho những lời tiên tri về Đấng Cứu Thế, cũng như về thời đại Tân Ước nói chung.

[213] Theo nghĩa đen, đoạn này trong Thi thiên 18 đề cập đến mặt trời, mà tác giả Thi thiên so sánh với chú rể và người khổng lồ bước ra khỏi cung điện của mình. Thánh Dimitri nhìn thấy ở đây một chỉ dẫn tiên tri về sự xuất hiện của Đấng Mê-si-a-Kitô trên thế gian.

[214] Pericles – một nhà chính trị nổi tiếng của Athens cổ đại, sống vào thế kỷ V trước Công nguyên.

[215] Tức là Alexander Đại đế lừng danh, vị chinh phục vĩ đại gần như toàn bộ phương Đông, sống vào thế kỷ IV trước Công nguyên.

[216] Jupiter hay Zeus – vị thần tối cao của người Hy Lạp và La Mã cổ đại (Jupiter là tên gọi của người La Mã; Zeus hay Zevs là tên gọi của người Hy Lạp).

[217] Midas – vị vua bán huyền thoại của Phrygia, người mà nhiều câu chuyện huyền thoại vẫn còn lưu truyền đến ngày nay.

khi ông còn là một đứa trẻ sơ sinh, trong lúc ông đang ngủ, qua đó báo trước về vô số của cải trong tương lai của ông. Cũng vậy, Vua và Chúa của chúng ta, Hài Nhi mới sinh, ngay từ thuở ấu thơ đã cho thấy những dấu hiệu rõ ràng về quyền năng và những việc làm trong tương lai của Ngài. Dấu hiệu cho thấy những của cải trong tương lai đã được chuẩn bị sẵn cho những ai yêu mến Ngài, đó là việc, theo sự sắp đặt của Ngài, vàng, nhũ hương và myrrh được dâng lên từ những xứ sở xa xôi nhất. Chiến thắng tương lai của Ngài trước cái chết và ma quỷ, cùng sự chiến thắng của Ngài trước toàn bộ địa ngục, được báo trước qua việc Ngài làm cho Hê-rốt và cả thành Giê-ru-sa-lem kinh ngạc và bối rối. Quyền năng của Ngài trên thế giới hữu hình và vô hình, vốn được ban cho nhân tính của Ngài, và về điều này Ngài sẽ phán vào thời điểm thích hợp: *"Mọi quyền năng trên trời và dưới đất đã được ban cho Ta"* (Mt 28:18), được báo trước qua việc, theo ý muốn của Ngài, các Thiên thần và các mục đồng phục vụ Lễ Giáng sinh của Ngài, còn các vua phương Đông thì đến thờ lạy, như lời tiên tri của Đa-vít: *"Và mọi vương quốc trên đất sẽ thờ lạy Ngài"* (Tv 71:11). Vì lời tiên tri này đã được ứng nghiệm khi Ngài, với tư cách là Vua của các vua, được ba vị vua trần gian tôn kính bằng sự thờ lạy và những món quà. Đức Thánh Augustinô, vị Thượng phụ Giáo hội Hippo[218] , đã diễn tả điều này một cách tuyệt vời như sau: "Đó chính là những dấu chỉ của Lễ Giáng Sinh Ngài, lạy Chúa Giêsu: trước khi những con sóng biển lắng xuống dưới chân Ngài, khi Ngài bước đi trên biển; trước khi những cơn gió im lặng theo lệnh Ngài; trước khi những người chết sống lại nhờ lời Ngài; trước khi mặt trời tắt lịm vào giây phút Ngài qua đời, và đất rung chuyển khi Ngài sống lại từ mộ, và trời mở ra khi Ngài thăng thiên; trước khi Ngài thực hiện tất cả những điều kỳ diệu này và những điều kỳ diệu khác – trước khi điều đó xảy ra, Ngài vẫn đang được ôm ấp trong vòng tay Mẹ và đồng thời tỏ mình ra như Chúa Tể của cả thế gian". Sức mạnh và quyền năng của Hài Nhi mới sinh, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, lớn lao đến nỗi ngay từ thuở ấu thơ, Ngài đã rõ ràng tỏ mình ra là Đấng Toàn Năng: "Sức mạnh của Thiên Chúa thật lớn lao; quả thật, quyền năng của Thiên Chúa được thể hiện trong sự yếu đuối" (2 Cr 12,9). Vì trong những bộ phận nhỏ bé và yếu đuối của Hài Nhi, chúng ta thấy được sức mạnh vĩ đại của Chúa Giê-su Ki-tô, điều mà Giáo Hội chỉ ra khi so sánh Chúa vừa sinh ra với con chiên, và khi gọi Ngài là con chiên, tôn vinh Ngài trong lời cầu nguyện không ngừng về sự thờ phượng của các mục tử bằng những lời như sau: "Họ thấy Ngài như Chiên Con vô tì vết, đã được nuôi dưỡng trong lòng Đức Maria, và họ cất tiếng hát: 'Hãy vui mừng, Mẹ của Chiên Con và Mục Tử'[219] ."

Chúa Kitô, Đấng sinh ra từ Đức Trinh Nữ tại đây, được ví như con chiên và được gọi là Con Chiên. Nhưng sức mạnh, quyền năng của con chiên ấy lớn lao đến mức nào? Đó quả thực là một sức mạnh không thể đánh bại, như chúng ta sẽ thấy trong phần tiếp theo. Có lần, Thánh Gioan Thần Học đã nhìn thấy trong sự mặc khải của mình những con thú và con rắn khác nhau, chúng xuất hiện từ nhiều nơi khác nhau – từ biển, từ vực thẳm và từ sa mạc, với nhiều cái đầu đáng sợ và miệng há rộng, chứa đầy nọc độc chết người – và chỉ cần nhìn thấy chúng thôi cũng đã đủ khiến người ta kinh hoàng! Tất cả chúng đều nổi dậy chống lại một Chiên Con duy nhất, như Kinh Thánh đã chép: *"Chúng sẽ giao chiến với Chiên Con"* (Khải Huyền 17:14). Có lẽ, khi chứng kiến cuộc chiến giữa những con rắn và thú vật đó với Chiên Con, ai đó sẽ nghĩ rằng ngay cả một con thú yếu nhất cũng sẽ lập tức vồ lấy và xé xác Chiên Con, đến nỗi những con thú lớn sẽ không còn ai để chiến đấu nữa. Nhưng hãy nhìn vào sức mạnh của Chiên Con: Ngài đã trang bị vũ khí vững chắc đến nỗi toàn bộ sức mạnh của các con thú bỗng chốc, nhờ hành động của Ngài, sụp đổ và chìm xuống đất, như đã chép: *"Chiên Con sẽ chiến thắng chúng, vì Ngài là Chúa của các chúa và Vua của các vua"* (Khải Huyền 17:14). Quả thật, đây chính là sức mạnh vĩ đại của Chiên Con! Chiên Con này tượng trưng cho Con Thiên Chúa; còn rắn và các con thú tượng trưng cho ma quỷ và các đầy tớ của chúng. Ở đây có một điều đáng suy ngẫm: tại sao Thiên Thần, sau khi dùng những hình ảnh này để mô tả cuộc chiến của Con Thiên Chúa với các kẻ thù của Ngài, lại không gọi Ngài bằng tên thật của Ngài – tên được ban từ trời xuống trong lúc Truyền Tin cho Đức Trinh Nữ Maria và được đặt khi Ngài chịu phép cắt bì? Tại sao Ngài không nói: "Những kẻ này sẽ chiến đấu với Đức Giêsu Kitô", mà lại nói: "Những kẻ này sẽ chiến đấu cùng Chiên Con?" Quả thật, bởi vì ngay từ khi mới sinh ra, không cần đợi đến lúc được đặt tên, Ngài đã đánh bại các kẻ thù của mình. Dù vẫn còn nằm yên trên đống cỏ khô như một con chiên, Ngài đã đập tan những con rắn và thú dữ trong tâm trí, nghiền nát chúng như cây sậy, vỡ tan chúng như những chiếc bình đất sét. Lời tiên tri đã chép rất hay: *"Và họ đặt tên cho Ngài là Maher-shalal-hash-baz; vì trước khi đứa trẻ biết nói: 'Cha tôi, mẹ tôi', thì của cải của Đa-mách và chiến lợi*

[218] Thánh Augustinô, giám mục thành Hippo ở Bắc Phi, vị cha nổi tiếng của Giáo hội Tây phương, người đã để lại nhiều tác phẩm về các vấn đề giáo lý, cũng như không ít lời giải thích về các sách khác nhau và các đoạn riêng lẻ trong Kinh Thánh. Ngài qua đời vào năm 430.
[219] Ikos thứ 4.

phẩm của Sa-ma-ri sẽ bị mang đi trước mặt vua A-si-ri" (Ê-sai 8:3–4)[220] . Con Chiên mới sinh này không chờ đợi đến lúc Ngài trở thành con sư tử, và người ta sẽ nói về Ngài rằng: "Đấng Chiến Thắng này là con sư tử thuộc chi phái Giu-đa" (Khải Huyền 5:5). Đứa Trẻ này không chờ đợi đến lúc Ngài lớn lên với sức mạnh như một người khổng lồ. Đứa Trẻ này không chờ đợi đến lúc các chi thể non nớt của Ngài sẽ có sức mạnh như Samson[221] . Nhưng, trước khi Ngài bắt đầu bú sữa từ vú Mẹ Ngài, Ngài đã chiến thắng những kẻ thù của Ngài. Trước khi Ngài có thể thốt ra bằng miệng tên của chính Ngài hay tên của Mẹ Ngài là Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội, Ngài đã xóa tên những kẻ không xứng đáng khỏi Sách Sự Sống. Trước khi Hài Nhi này bắt đầu có được sức mạnh nam tính khi lớn lên, Ngài đã lật đổ những kẻ mạnh khỏi ngai vàng của họ: *"Chiên Con sẽ chiến thắng họ; vì Ngài là Chúa của các chúa và Vua của các vua"* (Khải Huyền 17:14). Đó chính là sức mạnh của Chiên Con chúng ta, đó chính là sức mạnh bất khả chiến bại của Hài Nhi Thần Thánh, mà Ngài mang theo khi sinh ra!

Ngài cũng được sinh ra cùng với trí tuệ, vì Đấng nào có sức mạnh và quyền năng ngay từ thuở ấu thơ, thì Đấng ấy cũng có trí tuệ. *"Chúa chúng ta thật vĩ đại, và sức mạnh của Ngài thật vĩ đại, còn trí tuệ của Ngài thì không thể đo lường được"* (Thánh Vịnh 146:5). Có đứa trẻ nào mà những lời sau đây lại phù hợp để áp dụng cho nó: *"hiểu biết hơn cả những bậc cao niên"* (Thánh Vịnh 118:100)? Chỉ có Hài Nhi Thần Thánh mới xứng đáng với những lời ấy. Những đứa trẻ bình thường khi mới sinh ra không hiểu gì cả cho đến khi lớn lên, và ngay cả khi đã lớn lên, chúng vẫn cần được dạy dỗ để có thể hiểu được. Còn Hài Nhi Thần Thánh này, cũng như trước khi Giáng Sinh, Ngài đã là chính Sự Khôn Ngoan, thì ngay trong chính sự Giáng Sinh của Ngài cũng chứa đựng sự sâu thẳm của sự khôn ngoan và trí tuệ Thần Thánh (Rô-ma 11:33). Trong thời thơ ấu, Ngài tuân theo những điều kiện của thời gian, nhưng với tư cách là Sự Khôn Ngoan, Ngài đã được tiên báo từ trước. Đứa Trẻ cũng được sinh ra cho chúng ta, và dưới hình ảnh của "người già" trong Cựu Ước, tức là một vị lão giả sâu sắc, tiên tri Đa-ni-ên đã thấy Đức Chúa Trời (Đa-ni-ên 7:9–13)[222] , Đứa Trẻ, và (cùng lúc) là Cha, như tiên tri Ê-sai hiện nay nói về Ngài trong ngày Giáng Sinh: *"Cha của thế kỷ tương lai"* (Ê-sai 9:6). Danh xưng "Cha" này không phù hợp với trẻ em, mà dành cho những người đàn ông trưởng thành, và chưa ai từng gọi một Hài Nhi đang bú sữa mẹ là "Cha". Tuy nhiên, vị tiên tri đã không ngần ngại gọi Đấng Christ vừa mới sinh ra là "Cha". Tại sao vậy? Để cho thấy rằng trong Hài Nhi đã được thần hóa ấy có cùng một trí tuệ, cùng một sự khôn ngoan như nơi Cha từ thuở ban đầu. Giống như một người cha khôn ngoan nhất đối với con cái mình, Hài Nhi Thiên Thượng này, Đấng được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria, cũng đối xử với chúng ta như vậy. Và đây là dấu hiệu giúp chúng ta xác tín rằng Đấng Cứu Thế đã sinh ra cho chúng ta hôm nay: bởi vì trong thời thơ ấu của Ngài, Ngài là Cha đối với chúng ta. Vậy Ngài trở thành Cha của chúng ta như thế nào? Hãy lắng nghe điều này xảy ra như thế nào: khi chính Ngài được sinh ra, Ngài đồng thời cũng làm cho chúng ta được tái sinh từ cái chết sang sự sống, chẳng khác gì người cha trong Tin Mừng của người con hoang đàng, người trước đây đã chết và sau đó được hồi sinh. Người cha ấy, để làm cho con trai đã chết của mình sống lại, đã ôm chầm lấy cổ con và hôn lên mặt con. Nụ hôn đầy tình cha ấy là dấu hiệu cho người con biết rằng tội lỗi của anh ta – nguyên nhân dẫn đến cái chết thiêng liêng – đã được tha thứ, vì qua tội lỗi mà cái chết đến; và sau khi những tội lỗi, tức là những nguyên nhân gây ra cái chết, đã được gỡ bỏ khỏi người tội nhân nhờ sự tha thứ, thì ngay lập tức người đã chết ấy sống lại. Vì cũng như sau khi đêm qua đi thì ngày đến, thì sau khi cái chết u ám của tội lỗi được loại bỏ khỏi con người, ân sủng của Thiên Chúa – vốn là sự sống cho linh hồn – bắt đầu chiếu sáng. Quả thật, điều này là đúng: Đấng Christ, Đấng Cứu Thế của chúng ta, đã hôn chúng ta trong Lễ Giáng Sinh của Ngài, đã làm cho chúng ta – những kẻ đã chết vì tội lỗi – sống lại nhờ ân sủng của Ngài, và nhờ đó, Ngài trở thành người cha khôn ngoan đối với chúng ta ngay từ khi còn là Hài Nhi. Và để hiểu rằng Đức Kitô, Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, đã hôn chúng ta trong ngày Giáng Sinh của Ngài, hãy chú ý đến cách mà trong sách "Bài ca các bài ca", một nhân vật yêu mến Thiên Chúa đã bày tỏ khát khao được hiệp nhất với Thiên Chúa một cách nồng

---

[220] Ở đây trình bày mệnh lệnh mà Chúa đã ban cho Tiên tri Isaia, để ngài đặt tên cho con trai mình là "Sẽ sớm bị bắt làm tù binh, bị lật đổ một cách vô ích (bất ngờ)" (theo nghi thức Slavonic, trong giờ kinh đêm Giáng sinh). Cái tên này nhằm làm dấu hiệu cho những người cùng thời với vị tiên tri về chiến thắng sắp tới của dân Do Thái trước vương quốc Syria và Israel. Một số nhà giải thích xem việc đặt tên bí ẩn này cho con trai vị tiên tri như một hình ảnh tiên báo về vinh quang và quyền năng của Đấng Mê-si-a. Trong ý nghĩa này, Thánh Dimitri đã trích dẫn đoạn văn này tại đây.

[221] Samson, một trong các quan xét của Israel, nổi tiếng với sức mạnh phi thường. Câu chuyện về Samson được kể lại trong Sách Các Quan Xét 13; Sách Các Quan Xét 14; Sách Các Quan Xét 15; Sách Các Quan Xét 16.

[222] Tuổi già là biểu tượng của sự vĩnh cửu của Đức Chúa Trời. Tại đoạn này, Thánh Dimitri, khi gọi Hài Nhi Thánh là "người già nua", muốn chỉ ra sự hiện hữu từ thuở ban đầu của Ngài, với tư cách là Đức Chúa Trời.

nàn như thế nào: *"Xin Ngài hôn tôi bằng nụ hôn từ đôi môi Ngài!"* (Bài ca 1:1)[223] . Chúng ta có muốn biết ai là người khao khát nụ hôn của Thiên Chúa không? Hãy lắng nghe Thánh Ambrose[224] , ngài nói rằng bản tính của chúng ta, xác thịt của chúng ta, chính là điều khao khát đạt được tình yêu của Thiên Chúa và sự gần gũi với Ngài qua sự nhập thể của Con Thiên Chúa, để nó có thể chiêm ngưỡng Ngài như thể mặt đối mặt và hôn Ngài như thể môi chạm môi bằng nụ hôn thánh thiêng. Vị Thầy này nói về điều này như sau: "Chúng ta hãy hiểu rằng (khuôn mặt yêu mến Thiên Chúa trong sách Nhã Ca) chính là thân xác ấy, vốn trong hình hài A-đam đã bị nọc độc của con rắn làm ô uế và đang thối rữa vì mùi hôi thối của tội lỗi. Nó, sau khi biết qua nhiều lời tiên tri rằng Thiên Chúa sẽ đến, Đấng sẽ xóa bỏ sự lừa dối của con rắn và tuôn đổ ân sủng của Thánh Thần, – đã cầu nguyện như sau: 'Xin Ngài hãy hôn tôi bằng nụ hôn từ đôi môi của Ngài?' Và Thánh Chrysostom ( ) đã nói như sau thay mặt cho Hội Thánh được tập hợp từ những người ngoại đạo: "Tôi, Hội Thánh của những người ngoại đạo, không chỉ mong Ngài nói chuyện với tôi qua Mô-sê, Ê-sai, Giê-rê-mi và các tiên tri khác, mà còn mong Ngài chính Ngài trò chuyện trực tiếp với tôi. Vậy, xin Ngài hãy tự mình hiện ra, và tôi sẽ nói chuyện với Ngài mặt đối mặt. Xin Ngài hãy đến và hôn tôi bằng nụ hôn từ chính đôi môi Ngài. Tôi nghe Giê-rê-mi nói về Ngài như thế này: *'Trái tim* (con người) *là điều gian dối nhất và cực kỳ hư hỏng; ai có thể hiểu được nó?'* (Giê-rê-mi 17:9)[225] ? Tôi khao khát chính Ngài, để Ngài hiện ra và hôn tôi bằng nụ hôn từ đôi môi của Ngài. Tôi nghe A-mốt nói về Ngài như thế này: *"Có một Người đứng trên bức tường bằng kim cương, và trong tay Ngài cầm một viên kim cương"* (A-mốt 7:7)[226] . Nhưng tôi tìm kiếm chính Ngài, để Ngài đến và hôn tôi bằng nụ hôn từ đôi môi của Ngài". Từ những lời của các vị thánh sư này, rõ ràng cho thấy rằng nụ hôn của Đức Chúa Trời với bản tính loài người chính là sự nhập thể của Con Đức Chúa Trời. Vì cũng như trong nụ hôn, môi chạm vào môi, thì trong sự nhập thể của Đấng Cứu Thế, bản tính Thiên Chúa đã chạm vào bản tính con người và kết hợp với nó. Như vậy, trong ngày Giáng Sinh của Ngài, Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, như một người cha, đã hôn chúng ta, điều mà vua Đa-vít đã tiên báo khi nói: *"Sự công chính và hòa bình hôn nhau"* (Thánh Vịnh 84:11), trong đoạn này, nhà chú giải Euphemius (Zigaben) giải thích rằng "hòa bình" ám chỉ bản tính Thiên Chúa, vì chỉ có một Thiên Chúa là Đấng Phán Xét Công Chính, còn "sự công chính" ám chỉ bản tính con người trong Đức Kitô, bởi sự hiền lành chân thật vốn có trong bản tính ấy. Vì vậy, người ta nói rằng hai bản tính này đã ôm hôn lẫn nhau, rằng chúng có sự kết hợp chặt chẽ, sự hòa hợp và sự đồng thuận trong Đức Kitô.[227]

Cũng quả thật là, nhờ nụ hôn ấy, Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, đã làm cho chúng ta được tái sinh trong Lễ Giáng Sinh của Ngài, từ cái chết do tội lỗi sang cuộc sống của ân sủng Thiên Chúa. Trong Sách Các Vua 4 (4 Vua 4:28–30, 34–35) có chép như sau. Khi người vợ người Sô-ma-ni xin tiên tri Ê-li-sê, người đang ở trên núi Ca-rêm, rằng Ngài hãy vào nhà bà, hồi sinh con trai đã chết của bà, thì vị tiên tri không tự mình đi ngay lập tức, mà trước tiên đã sai người đầy tớ của mình là Giê-xi-a mang theo cây gậy của ngài, để người ấy đặt cây gậy đó lên mặt cậu bé; nhưng người chết không cất tiếng và cũng không nghe theo Giê-xi-a. Khi chính vị tiên tri đến bên cậu bé đã chết, ngài đặt môi mình lên môi cậu bé và thổi vào cậu – và cậu bé liền mở mắt ra. Hãy chú ý cách cậu bé đã chết được ban sự sống nhờ việc vị tiên tri đặt môi mình lên môi cậu, giống như khi hôn. Quả thực, đó là một nụ hôn khi đôi môi được áp vào đôi môi của cậu thiếu niên, và nhờ nụ hôn ấy, người đã chết đã sống lại. Đó là sự biến đổi của sự nhập thể của Đấng Christ. Cái chết, khi xâm nhập vào thế gian qua tội lỗi, đã cướp đi cậu thiếu niên đầu tiên là A-đam, người vừa mới bắt đầu sống. Người phụ nữ, tức bản chất con người, với lòng tha thiết kêu cầu cùng Thiên Chúa: *"Lạy Chúa! Xin hãy cúi xuống từ trời cao và ngự xuống"* (Thánh Vịnh 143:5); *"Xin cho khuôn mặt Ngài*

---

[223] Đoạn văn trên được trích từ Thi Thiên 1:1, trong đó cô dâu, với khát khao nồng nàn được nhận nụ hôn từ chú rể của mình, tượng trưng cho loài người, những người khao khát được sớm nhìn thấy Đấng Cứu Thế và nhận được ơn cứu rỗi từ Ngài.

[224] Thánh Ambrose, Giám mục Milan, người có thể nói là có tầm quan trọng đối với nửa phía Tây của Giáo hội Toàn cầu tương tự như Thánh Basil Đại đế đối với nửa phía Đông; bởi vì Thánh Ambrose, cũng giống như Thánh Basil, đặc biệt nổi tiếng là người đấu tranh và bảo vệ nhiệt thành cho Chính Thống Giáo chống lại chủ nghĩa Arian. Ngài đã để lại nhiều tác phẩm, trong đó một phần giải thích Lời Chúa, một phần trình bày giáo lý đức tin, và một phần giảng dạy về các đức tính Kitô giáo. – Thánh Ambrose qua đời vào năm 397. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 7 tháng 12

[225] Lời tiên tri của Giê-rê-mi được trích dẫn ở đây được xem như một hình ảnh biểu trưng cho sự huyền bí của sự nhập thể của Con Thiên Chúa.

[226] Trong lời tiên tri của Amos được trích dẫn ở đây, vị Thánh Cha nhìn thấy lời tiên báo về quyền năng thần thánh của Đấng Mêsia.

[227] Euphemius Zigaben (hay Zigaden), một tu sĩ tại Constantinople trong nửa đầu thế kỷ XII, là một nhà thần học giáo lý và nhà giải thích Kinh Thánh nổi tiếng. Trong các tác phẩm giải thích của mình, ông không phải là tác giả độc lập, mà chỉ là người tổng hợp các giải thích trước đó của các Thánh Phụ.

chiếu sáng, và chúng con sẽ được cứu rỗi" (Thánh Vịnh 79:4). Chúa Trời không tự mình đến ngay lập tức, nhưng, giống như Ê-li-sê đã sai người đầy tớ của mình đi, Chúa cũng trước tiên sai các tôi tớ của Ngài – các tiên tri mang cây gậy của luật pháp – để họ đặt cây gậy ấy lên thiếu niên ấy, lên dòng dõi của A-đam; nhưng thiếu niên ấy vẫn chưa sống lại, loài người vẫn còn ở trong bóng tối và bóng chết[228] . Khi chính Chúa đến trong sự nhập thể của Ngài và, như đã nói, đặt môi Thần Tính của Ngài lên môi loài người, và hôn chúng ta bằng nụ hôn từ môi Ngài, thì thiếu niên ấy lập tức đứng dậy, người chết đã sống lại (*Bài ca Đức Mẹ vào ngày Chúa Nhật trước lời ngợi khen vĩ đại*), – chúng ta đã được hồi sinh từ cõi chết để sống lại trong Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô. Điều này giống như một câu chuyện cổ xưa. Một người bạn tốt bụng, khi thấy người bạn thân yêu của mình bị thương bởi thanh gươm tẩm độc của kẻ thù, đã tận tâm lo lắng tìm cách chữa lành vết thương chí mạng đó. Nhưng các bác sĩ nói với anh ta rằng vết thương đó không thể chữa lành, vì thanh kiếm tẩm độc không chỉ đâm vào da thịt và gây ra vết thương lớn, mà chính chất độc đó còn làm tổn thương toàn bộ cơ thể, đến nỗi cái chết chắc chắn đang chờ đợi người bạn của anh ta, trừ khi có ai đó chuộc tội cho anh ta bằng chính sức khỏe của mình theo cách này: hãy áp môi mình vào vết thương của anh ta và hút hết chất độc ra khỏi đó: "Khi đó, người bạn của anh," các bác sĩ nói, "sẽ dễ dàng được chữa lành, nhưng người hút chất độc ra thì chắc chắn sẽ chết." Nghe vậy, người bạn chân thành ấy, dù bản thân không hề coi trọng mạng sống của mình, nhưng vì yêu bạn hơn cả bản thân và coi trọng sức khỏe của bạn hơn cả mạng sống của mình, – đã chữa lành cho người bạn theo cách đã nêu trên – bằng cách áp môi mình vào vết thương của anh ta để hút chất độc ra, và bằng cái chết của mình, anh ta đã ban tặng sức khỏe cho người bạn. Cũng giống như vậy, Đức Chúa Trời của chúng ta đã làm với chúng ta, những người bị thương bởi thanh gươm độc hại của tội lỗi do vị tướng quân địa ngục gây ra. Không ai có thể chữa lành vết thương cho chúng ta và cứu chúng ta khỏi cái chết mà không trước tiên loại bỏ khỏi chúng ta sự nguy hại dẫn đến cái chết. Không có vị Bác sĩ nào hoàn hảo đến thế, cho đến khi chính Ngài, Đấng Tối Cao, Đấng ngự trên các Cherubim, vị Bác sĩ Hoàn Hảo và Đấng Tạo Hóa của linh hồn và thân xác, đã đặt môi Ngài, tức là Con của Ngài; vì như Thánh Thần được gọi trong Kinh Thánh là "Ngón tay của Cha": *"Ta là Ngón tay của Đức Chúa Trời,"* Chúa phán, *"Ta trừ quỷ"* (Lc 11:20), – thì Đức Chúa Con cũng được gọi là "Môi của Cha," như đã chép: *"Bằng hơi thở từ môi Ngài – cả đạo binh của chúng"* (Thi Thiên 32:6). Vậy, tôi nói rằng, Chúa Thiên Chúa đã đặt Môi miệng của Ngài, tức là Con Yêu Dấu của Ngài, vì tình yêu dành cho loài người, lên vết thương của bản tính chúng ta: Thiên Chúa đã yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một duy nhất của Ngài cho thế gian (Ga 3:16). Vậy thì tôi muốn nói đến đôi môi nào? Đức Chúa Con, khi hiệp nhất với bản tính bị tổn thương của chúng ta, đã gánh lấy chất độc tội lỗi ấy: Ngài đã gánh lấy tội lỗi của thế gian, mang lấy tội lỗi của chúng ta và chữa lành chúng ta, bằng cách dâng sự lành mạnh của Ngài thay cho chúng ta. Nhờ đó, Ngài đã làm cho chúng ta được tái sinh vào cuộc sống đầy ân sủng qua nụ hôn của Ngài, tức là qua việc nhập thể, và như vậy, trong thời thơ ấu của Ngài, Ngài đã tỏ mình ra là Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, là Cha khôn ngoan vô cùng của chúng ta, là Bác sĩ tài ba và là Người Bạn thân yêu nhất. Hãy nhìn vào thời thơ ấu của Đấng Kitô, cách Đấng Kitô ra đời: vừa với sức mạnh không thể đánh bại, vừa với sự khôn ngoan không thể thấu hiểu. Và thật đúng khi Thiên Thần chỉ cho các mục tử dấu hiệu về sự giáng sinh của Đấng Cứu Thế, Hài Nhi – một Hài Nhi phi thường và không giống bất kỳ Hài Nhi nào khác về cách sinh ra: Hài Nhi mạnh mẽ và thông minh, Đứa Trẻ dũng mãnh và khôn ngoan. Đây là dấu hiệu cho các ngươi: các ngươi sẽ tìm thấy Hài Nhi, và Hài Nhi được quấn tã, vì ngay cả những tấm tã của Hài Nhi ấy cũng chứa đầy những mầu nhiệm. Thánh Ambrôsiô nói: "Đức Kitô được quấn trong tã lót, để ngươi được giải thoát khỏi những bộ áo rách nát của sự chết. Chính ở đó nằm mầu nhiệm của những tấm tã lót của Chúa Kitô, để chúng ta cởi bỏ những bộ áo rách thô kệch của sự hư nát, mà cái chết đã khoác lên chúng ta." Hãy suy ngẫm kỹ lưỡng những lời của Thánh Ambrôsiô. Tại sao ngài không nói "một bộ áo rách", mà lại nói "các bộ áo rách mà ngươi đã cởi bỏ!" Tôi cho rằng ngài đang ám chỉ đến những bộ áo rách của A-đam ở đây, vì A-đam, sau khi sa ngã, đã có hai bộ áo rách: bộ bằng lá và bộ bằng da. Bộ bằng lá – trong vườn Ê-đen, mà A-đam và Ê-va tự tay làm cho mình: *"họ đã khâu những lá cây vả lại với nhau và làm thành những chiếc thắt lưng cho mình"* (Sáng Thế Ký 3:7). Còn bộ áo da – ở bên ngoài vườn Địa Đàng, khi Đức Chúa Trời làm cho A-đam và vợ ông "những bộ áo da" và mặc chúng cho họ (Sáng Thế Ký 3:21). Cả hai bộ áo này đều mang tính chất chết chóc, vì những chiếc lá đó cũng xuất phát từ cây đã mang lại cái chết cho loài người; bởi vì một số nhà thần học trong Giáo hội cho rằng cây mà A-đam bị cấm ăn trái là cây vả. Còn da thì lấy từ con thú đã bị giết. Chiếc áo lá tượng trưng cho sự bất tuân của A-đam, qua đó ông đã xa lìa Đức Chúa Trời, như chiếc lá rụng khỏi cây; còn chiếc áo da là dấu hiệu của sự ham

[228] Xem Lc 1:79.

muốn xác thịt, hay dục vọng vô ngôn. Còn Đấng Christ, A-đam mới, đã được quấn trong tã lót, để giải thoát loài người khỏi cả hai chiếc áo đó, cụ thể là: khỏi sự bất tuân và khỏi những ham muốn vô ngôn, vì những tấm tã thánh của Ngài một cách huyền bí tượng trưng cho cả sự vâng lời lẫn sự trong sạch – tượng trưng cho sự vâng lời, như vị Thầy Hội Thánh đã được nhắc đến ở trên, Thánh Ambrose, đã giải thích.

"Hãy nhìn vào mầu nhiệm này," ông nói, "từ lòng mẹ trinh nữ đã sinh ra cả người tôi tớ lẫn (cùng lúc) Chúa: người tôi tớ để làm việc, vì ai được quấn tã lót thì được quấn để phục vụ; còn Chúa thì để cai trị. Sự phục vụ ấy thật tốt đẹp, vì nó đã mang lại cho Ngài danh hiệu cao quý hơn mọi danh hiệu, bởi vì điều mà đối với người khác là sự sỉ nhục, thì đối với Đấng Christ lại là vinh quang." Hãy chú ý đến những lời này. Ai quấn tã lót, thì quấn tã lót để phục vụ. Vậy, việc mặc áo tù thể hiện sự vâng phục của Đấng Christ, bởi vì người làm việc và phục vụ là người tu sĩ. Và người tu sĩ phải tự thắt lưng, theo lệnh của một vị chủ nhân nào đó trong Phúc Âm: *"Hãy dọn bữa tối cho ta và sau khi thắt lưng, hãy phục vụ ta"* (Lc 17:8). Và Chúa chúng ta đã nhận lấy chức vụ của người tu tập, vì Ngài nói về chính mình: "Họ sẽ không đến để phục vụ Ta, nhưng chính Ta sẽ phục vụ họ[229] ; Ngài thắt lưng bằng tã lót để phục vụ chúng ta, theo lời trong Phúc Âm: *"Quả thật, Ta nói với các ngươi, người ấy sẽ thắt lưng, sắp xếp chỗ ngồi cho họ, rồi đến đứng phục vụ họ"* (Lc 12:37). Và qua sự phục vụ vâng lời ấy, Ngài chữa lành sự bất tuân của A-đam. A-đam cũ đã bất tuân, còn A-đam mới thì *"vâng lời cho đến chết"* (Phi-líp 2:8). Như vậy, những tấm tã lót của sự vâng lời Chúa Kitô đã tháo gỡ được bộ áo rách nát của sự bất tuân A-đam. Còn về sự trong sạch, chúng ta cũng sẽ thấy nó được biểu tượng một cách huyền bí trong những tấm vải quấn của Chúa, nếu chúng ta suy ngẫm tại sao A-đam cũ lại được che phủ bằng áo da, còn A-đam mới lại được quấn bằng những tấm vải lanh (như đã được biết chắc chắn), vốn đã được Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội chuẩn bị sẵn từ trước. Thường thì trong đời người, trang phục bên ngoài phản ánh suy nghĩ và tính cách bên trong của con người, đến nỗi qua bộ quần áo bên ngoài, lòng người bên trong được bộc lộ rõ ràng (2 Cô-rinh-tô 4:16). Hê-rốt kiêu ngạo[230] vào ngày được nhắc đến trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ đã mặc áo hoàng gia, và bộ áo đó chẳng phải đã phản ánh sự kiêu ngạo bên trong của ông ta sao? Quả thực là như vậy, như Kinh Thánh đã chép: *"ngồi trên ngai"* (trước dân chúng với vẻ kiêu ngạo), *"nói với họ"* (Công vụ 12:21). Qua bộ trang phục lộng lẫy đầy kiêu ngạo ấy, sự kiêu ngạo bên trong đã bộc lộ rõ ràng. Nữ hoàng Ê-xơ-tê[231] , người khiêm nhường và kính sợ Đức Chúa Trời, cũng đã từng mặc trang phục hoàng gia vào thời điểm cần thiết, nhưng không phải vì kiêu ngạo, mà là do nguy hiểm đang đe dọa dân Do Thái; nhưng sau ba ngày, khi bà kết thúc lời cầu nguyện, bà cởi bỏ bộ trang phục tang lễ và mặc lại những bộ trang phục lễ hội của mình (Esther 4–5). Những bộ trang phục sau này của bà chẳng phải đã phù hợp với tâm hồn sáng ngời và ý định tốt lành, trong sáng của bà sao? Tất nhiên là phù hợp, như Kinh Thánh đã chép: *"Và khi đã trang điểm lộng lẫy, bà kêu cầu Đức Chúa Trời Toàn Tri và Đấng Cứu Rỗi"* (Esther 5:1), do đó vẻ đẹp bên ngoài của bà tương xứng với vẻ đẹp nội tâm, vẻ đẹp tâm hồn của bà. Hãy nhớ lại A-đam. Khi ông phạm tội trong vườn Ê-đen, ông đã biến từ một con người thành một con thú hoang dã: là con thú vì ông đã hái trái cấm; và là thú hoang dã vì lúc đó ông bắt đầu chạy trốn và ẩn náu, như một con thú trong sa mạc. Tính cách thú vật như vậy của ông phải đi kèm với trang phục bằng da thú, để bản tính bên trong và trang phục bên ngoài tương xứng với nhau. Thánh Grêgôriô Nissê (trong cuốn "Cuộc đời Môsê") cũng hiểu điều này như vậy, ngài đã nói về vấn đề này như sau: "Hãy để những ai đã làm ô uế linh hồn mình bởi bản tính thú vật bên trong, hãy mặc da thú." Hãy hiểu tại sao A-đam cũ lại mặc áo rách rưới, và tại sao A-đam mới, là Đức Kitô, lại được quấn trong tã lanh. Theo lời chứng của Grêgôriô và Isidore[232] , lanh trong Kinh Thánh là biểu tượng của sự tinh khiết – đó là lý do tại sao trong Cựu Ước, y phục của các tư tế cũng được làm từ lanh, như một dấu hiệu của sự phục vụ vô tì vết và tinh khiết của các tư tế. Thánh Giêrônimô cũng đồng ý với điều này, ngài đã viết trong thư gửi Fabiola[233] như sau: "Khi chúng ta, trong lúc chuẩn bị mặc lấy chính

---

[229] Xem Mt 20:28; Mc 10:46.

[230] Tức là Hê-rốt Agrippa, người đã được hoàng đế La Mã Caligula giao quyền cai trị xứ Giu-đê. Để lấy lòng người Do Thái, ông đã phát động cuộc đàn áp các Kitô hữu và xử tử Thánh Tông đồ Giacôbê con của Xavê, còn Thánh Tông đồ Phêrô thì bị giam vào ngục, từ đó ngài đã được Thiên Thần giải thoát một cách kỳ diệu. Herod Agrippa qua đời không lâu sau khi ông xuất hiện trước công chúng tại Caesarea, trên quảng trường, trong trang phục hoàng gia, và khi những kẻ nịnh hót bắt đầu gọi ông là thần (xem Công vụ 12:21–23),

[231] Esther, một phụ nữ Do Thái đạo đức, đã trở thành vợ của vua Ba Tư Assuír (có lẽ là Artaxerxes Longimanus) và cứu dân tộc mình khỏi cuộc tàn sát mà quan đại thần độc ác Haman đã âm mưu chống lại dân tộc này. Điều này được mô tả trong Sách Esther.

[232] Thánh Isidore Pelusian, một vị tu sĩ Ai Cập thế kỷ V, tác giả của 200 lá thư, trong đó ngài giải thích nhiều đoạn trong Kinh Thánh. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 4 tháng 2.

[233] Fabiola, một quý tộc La Mã, là môn đệ của Thánh Giê-rô-ni-mô, người mà ngài đã trao đổi thư từ.

Đức Kitô, cởi bỏ những bộ áo da, thì chúng ta mặc lên mình bộ áo lanh, không có chút ô uế nào, mà trong mọi sự đều tinh khiết." Áo lanh được định sẵn làm dấu chỉ của sự tinh khiết, nhưng, ôi, Đức Kitô, Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, thật là tinh khiết biết bao! *"Tay Ngài vô tội và lòng Ngài trong sạch, Ngài không phạm tội, và lời nịnh hót không có trên môi Ngài"* (Thánh Vịnh 23:4; Thánh Vịnh 31:2). Ngài trong sạch đến nỗi ngay cả những vì sao trong sạch và sáng chói nhất cũng phải lu mờ trước sự trong sạch của Ngài, như Kinh Thánh chép: *"Các vì sao đều ô uế trước mặt Ngài"* (Giốp 25:5). Và đối với Hài Nhi vô cùng thanh khiết này, được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, không phải áo da thú mới xứng đáng, mà là vải lanh tinh khiết và tã lót trắng, để có sự tương ứng lẫn nhau giữa sự thanh khiết bên trong và bên ngoài. Nhưng ý nghĩa của những tấm tã lót chưa dừng lại ở đó. Tại sao A-đam mặc da thú, còn Đấng Christ lại mặc tã lót bằng vải lanh? Da có sự gắn kết chặt chẽ với cơ thể hơn bất cứ thứ gì khác. Và chính vì vậy, da bao bọc cơ thể chặt chẽ đến mức chỉ có thể lột nó ra khỏi cơ thể bằng một nỗ lực lớn, còn vải lanh thì không gắn liền với xác thịt, nó tồn tại độc lập và không có sự gắn kết như vậy với xác thịt. Chính ở đây nằm nền tảng cuối cùng giải thích tại sao A-đam được mặc da thú, còn Đức Kitô lại mặc vải lanh. A-đam là người thuộc về xác thịt: ông yêu mến xác thịt của chính mình đến mức không muốn từ bỏ nó ngay cả trong trường hợp tồi tệ nhất – khi làm phật lòng Đức Chúa Trời – nhưng cùng với nó, da và xác thịt, ông đã làm phật lòng Đấng Tạo Hóa của mình; vì vậy, Đức Chúa Trời đã mặc cho ông bộ áo da thô kệch, như người *"suy nghĩ theo xác thịt"* (Rô-ma 8:5). Còn Đức Kitô, dù đã hiện ra trong thân xác, nhưng Ngài vẫn cao hơn mọi thân xác, vì chính Ngài là Nguồn Cội của sự thanh khiết. Vì thế, Ngài được quấn trong những tấm vải lanh, không có bất kỳ liên hệ nào với thân xác, và qua đó, Ngài đã giải thoát con người khỏi bộ áo da của sự ham mê xác thịt và dục vọng vô ngôn. Hãy nhìn vào mầu nhiệm của những tấm vải quấn của Đức Kitô: những tấm vải này là những miếng băng gạc cho những vết thương tội lỗi của chúng ta; chúng lau khô những giọt nước mắt trên đôi mắt chúng ta, chúng gắn kết chúng ta không thể tách rời để có sự hiệp nhất gần gũi nhất với Thiên Chúa và trong tình yêu hoàn hảo dành cho Ngài. Ngay cả máng cỏ, nơi Hài Nhi được quấn tã nằm nghỉ, cũng không thiếu ý nghĩa mầu nhiệm. Hãy lắng nghe những lời của Thánh Phê-ô-đô-ri-tô ( ) nói về điều này: "Hãy nhìn xem," ngài nói, "nơi ở khiêm nhường của Đấng làm giàu cho trời cao; hãy nhìn vào máng cỏ của Đấng ngự trên các Thiên thần Cherubim; hãy nhìn vào sự nghèo khó trần thế của Ngài, đồng thời suy ngẫm về sự giàu có thiên đàng của Ngài. Đức Chúa Trời, Đấng giàu có trong lòng thương xót, đã tự hạ mình trở nên nghèo khó để chúng ta được làm giàu nhờ sự nghèo khó của Ngài; và vì thế, Vua Thiên Đàng đã được đặt vào máng cỏ, để chúng ta học được sự nghèo khó tự nguyện và lòng khiêm nhường của Ngài." Còn Thánh Cyprian nói: "Ngài được đặt vào máng cỏ để chúng ta, sau khi từ bỏ lối sống như súc vật, không còn nuôi dưỡng bản thân bằng cỏ khô (những thú vui tội lỗi), mà bằng bánh trời." Và Thánh Theodoret còn nói: "Lời Chúa được đặt trong máng cỏ, để cả những ai biết nói lẫn những ai không biết nói (tức là người công chính và người tội lỗi) đều được tự do và không bị cản trở khi rước lấy thức ăn cứu rỗi." [234]

Đó chính là mầu nhiệm của máng cỏ Chúa, và đó cũng là dấu hiệu rõ ràng về sự giáng sinh của Đấng Cứu Thế trên thế gian, mà Thiên Thần đã chỉ cho các mục đồng: Hài Nhi được quấn tã, nằm trong máng cỏ. Và quả thật, đây là một dấu hiệu vĩ đại, vì nó chứa đựng những mầu nhiệm cao cả, như chúng ta đã nghe.

Vậy, xin dâng lên Hài Nhi Thần Thánh, Đấng đã sinh ra vì chúng ta, sự tôn vinh, tạ ơn và thờ lạy từ mọi loài thọ tạo; và xin dâng lên Đức Trinh Nữ Maria, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đáng Chúc Tụng, vinh quang và lời ca ngợi từ muôn thế hệ cho đến muôn đời. Amen.

Câu chuyện về sự thờ lạy của các nhà chiêm tinh

Ngày kỷ niệm 25 tháng 12

"Chúa Giê-su sinh ra tại Bê-lem, xứ Giu-đê, vào thời vua Hê-rốt… các nhà chiêm tinh từ phương Đông đã đến" (Mt 2:1) – không phải từ một quốc gia phương Đông nào đó, mà từ nhiều quốc gia khác nhau, như có thể thấy qua các tác phẩm của các Thánh Phụ, những người đã trình bày quan điểm khác nhau về vấn đề này. Một số vị trong số họ cho rằng các nhà chiêm tinh đến từ Ba Tư[235] ; Thánh Giuse Kim Khẩu, Thánh Cyril thành Alexandria, Thánh Theophylact và những vị khác cũng có quan điểm này – dựa trên cơ sở rằng nghệ thuật chiêm tinh đặc biệt

[234] Thánh Phê-ô-đô-rít, Giám mục thành Kyrr ở Syria, nổi tiếng đặc biệt nhờ các bài giải thích về Kinh Thánh. Ngài sống vào thế kỷ V.
[235] Ba Tư – một quốc gia nằm giữa Ả Rập và Tiểu Á ở một bên, và Ấn Độ cùng Turkestan ở bên kia.

phát triển rực rỡ tại đất nước đó[236] và không ai có thể trở thành vua ở đó nếu trước đó không học nghệ thuật này. Còn những người khác lại cho rằng các nhà chiêm tinh đến từ Ả Rập[237] ; những người ủng hộ quan điểm này bao gồm: Thánh Tử đạo Justin[238] , Thánh Cyprian, Thánh Epiphanius, – dựa trên cơ sở rằng đất nước này rất giàu vàng, nhũ hương và myrrh[239] . Một số người lại cho rằng các nhà chiêm tinh đến từ Ethiopia[240] ; bởi vì từ đó, Nữ hoàng Saba, tức là người Ê-thi-ô-pi, đã từng đến Giê-ru-sa-lem để lắng nghe sự khôn ngoan của Sa-lô-môn[241] , điều mà, theo lời giải thích của Thánh Giê-rô-ni-mô, đã tiên báo cho sự kiện này, cụ thể là: sự viếng thăm của các nhà chiêm tinh đến Sa-lô-môn thiêng liêng – Đấng Christ, Đấng là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời (Thánh Giê-rô-ni-mô, chú giải về Tiên tri Ê-sai). Và Đa-vít đã nói: *"Ê-thi-ô-pi sẽ giơ tay lên cầu khẩn Đức Chúa Trời"* (Thi thiên 67:32). Tuy nhiên, tất cả các quốc gia được nêu tên – thuộc phương Đông và giáp ranh với nhau – đều trù phú về vàng, nhũ hương và các loại hương liệu; ở tất cả các nơi đó, nghề phù thủy và chiêm tinh đều phổ biến; hơn nữa, các nhà thông thái ở những quốc gia này không hề xa lạ với lời tiên tri của Balaam[242] về ngôi sao sắp tỏa sáng, lời tiên tri này được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác, một phần bằng miệng, một phần bằng văn bản. Có thể suy luận rằng, điều chính xác nhất là một trong ba nhà thông thái đến từ Ba Tư, một người khác từ Ả Rập, và người thứ ba từ Ê-thi-ô-pi, bởi vì nguồn gốc của họ từ các quốc gia khác nhau đã được đề cập trong lời tiên tri của Đa-vít, nơi có chép: *"Các vua của Pha-si và các hòn đảo sẽ dâng cống phẩm cho Ngài; các vua của Ả Rập và Sa-va sẽ mang lễ vật đến"* (Thi Thiên 71:10). Đây là lời tiên tri của Đa-vít về các nhà thông thái sẽ đến với Đấng Christ cùng với các lễ vật, như các nhà giải thích Kinh Thánh đã suy luận. Lời của Đa-vít: "các vua của Farsis" có nghĩa là "ở bên kia biển", vì "Farsis" có nghĩa là "biển"; vì vậy, ở đây cần hiểu là Ba Tư, tức là nằm bên kia biển[243] . "Các vua A-ra-vi" rõ ràng chỉ đến Ả Rập. Còn Đa-vít chỉ đến Ê-thi-ô-pi khi nói: "và Sa-va sẽ mang lễ vật đến", vì Sa-va là thành phố, là thủ đô của toàn bộ Ê-thi-ô-pi. Như vậy, ba nhà chiêm tinh đó đến từ Ba Tư, Ả Rập và Ê-thi-ô-pi. Họ được gọi là "nhà chiêm tinh" không phải theo nghĩa là những người hành nghề bói toán ma quỷ và phép thuật độc ác, mà bởi vì người Ả Rập, người Sy-ri, người Ba Tư, người Ê-thi-ô-pi và các dân tộc phương Đông khác có phong tục gọi các nhà hiền triết và nhà chiêm tinh của họ là "nhà chiêm tinh". Và những nhà chiêm tinh này không phải là những pháp sư hay phù thủy, mà là những nhà chiêm tinh và triết gia uyên bác nhất[244] . Họ cũng được gọi là "vua" không phải với ý nghĩa là những vị vua quyền lực, những người cai trị nhiều quốc gia, mà là những người đã được trao cho mỗi người một thành phố hoặc một công quốc nhất định. Bởi vì Kinh Thánh thường gọi những người cai trị các thành phố riêng lẻ là "vua", như có thể thấy trong Sáng Thế Ký 14. Còn về việc những vị vua ấy đến từ những thành phố cụ thể nào, thì không có thông tin đáng tin cậy; chỉ biết rằng họ đến từ các vùng đất phương Đông và có ba người, tương ứng với ba món quà mà họ mang theo: vàng, nhũ hương và myrrh. Mặc dù mỗi người trong số họ đều xuất phát từ đất nước riêng của mình, nhưng được dẫn dắt bởi cùng một ngôi sao, theo sự an bài của Đức Chúa Trời, họ đã gặp nhau trong chuyến hành trình và, sau khi biết được ý định của nhau, họ đã cùng nhau đi tiếp, theo ngôi sao mà nhà chiêm tinh vĩ đại Balaam đã từng tiên tri, khi ông nói: *"Một ngôi sao sẽ mọc lên từ Giacóp, và một cây gậy sẽ trỗi dậy từ Y-sơ-ra-ên"* (Số 24:17). Vậy ngôi sao đó là gì? Thánh Giuse Kim Khẩu và Thánh Theophylact khẳng định rằng nó không thuộc về các thiên thể trên trời hay các vì sao có thể nhìn thấy, mà đó là một sức mạnh Thần thánh và Thiên thần nào đó, hiện ra thay cho ngôi sao. Bởi vì tất cả các vì sao từ khi thế giới được

---

[236] Nghệ thuật này dựa trên việc quan sát chuyển động của các vì sao và các thiên thể khác, cũng như vị trí cụ thể của chúng để xác định số phận con người, đồng thời đưa ra những dự đoán về các sự kiện trong tương lai.

[237] Ả Rập, một quốc gia rộng lớn ở phía tây nam châu Á, bao gồm bán đảo nằm phía nam Syria và Palestine.

[238] Thánh Tử đạo Justinus Nhà Triết học, trước đây là người ngoại đạo, sau đó đã cải đạo sang Kitô giáo và kết hợp việc nghiên cứu triết học với danh hiệu Kitô hữu. Trong các tác phẩm của ngài, đặc biệt nổi bật là hai bài biện hộ (hay còn gọi là lời bào chữa), được ngài dâng lên các hoàng đế Antoninus Pius và Marcus Aurelius để bênh vực các Kitô hữu, cũng như cuộc đối thoại với Trifon, người Do Thái. Thánh Justin đã chịu tử đạo trong cuộc bách hại dưới thời Marcus Aurelius. Ngày kỷ niệm ngài được Giáo hội cử hành vào ngày 1 tháng 6.

[239] Lebanon – một loại nhựa thơm, được dùng trong các nghi lễ thờ phượng để thắp hương. Myrrh – một chất thơm có nguồn gốc thực vật (nhựa từ vỏ cây myrrh), được dùng trong lễ an táng người chết và giúp bảo quản thi thể khỏi sự phân hủy.

[240] Ethiopia, một quốc gia ở châu Phi, nằm bên bờ Biển Đỏ, ngày nay là Abyssinia.

[241] Xem 3 Vua 10:1–13.

[242] Balaam – một nhà tiên tri được vua Moab là Balak mời từ Mesopotamia đến để nguyền rủa dân Do Thái, nhưng nhờ sự tác động bất ngờ của Thánh Linh, ông đã ban phước lành cho dân Do Thái và đồng thời tiên tri về sự xuất hiện của Đấng Mê-si (lời tiên tri của Balaam về ngôi sao từ Gia-cốp). Xem Sách Dân Số 22:23–24.

[243] Không hoàn toàn chính xác khi nói rằng Ba Tư nằm bên kia biển so với Palestine, bởi vì Vịnh Ba Tư chỉ ngăn cách Ba Tư với Ả Rập.

[244] Các nhà triết học – những người nghiên cứu các vấn đề về nguồn gốc của thế giới và con người, cũng như các vấn đề về đức hạnh, mục đích cuối cùng của vạn vật, ý nghĩa của cuộc sống con người và nhiều vấn đề khác.

tạo dựng đã tồn tại, còn ngôi sao này xuất hiện vào cuối các thời đại, khi Đức Chúa Lời nhập thể. Tất cả các ngôi sao đều có vị trí của mình trên bầu trời, còn ngôi sao này lại hiện ra giữa không trung; tất cả các ngôi sao thường di chuyển từ đông sang tây, còn ngôi sao này lại di chuyển một cách bất thường từ đông sang nam, hướng về Giê-ru-sa-lem; tất cả các ngôi sao chỉ tỏa sáng vào ban đêm, còn ngôi sao này ngay cả ban ngày cũng tỏa sáng như mặt trời, vượt trội hơn hẳn các ngôi sao trên trời cả về ánh sáng lẫn vinh quang; tất cả các ngôi sao cùng với các thiên thể khác, như mặt trời, mặt trăng và toàn bộ hệ thống các thiên thể, đều có quỹ đạo và chuyển động cố định, nhưng ngôi sao này lúc thì di chuyển, lúc thì dừng lại, như Theophylact đã nói: "Khi các nhà chiêm tinh đi, thì ngôi sao cũng đi theo; khi họ nghỉ ngơi, thì ngôi sao cũng đứng yên". Về thời điểm ngôi sao ấy xuất hiện, các nhà giải thích có những quan điểm khác nhau: một số cho rằng nó xuất hiện chính vào đêm và đúng giờ Chúa Cứu Thế ra đời từ Đức Trinh Nữ, nhưng quan điểm này khó tin; bởi vì nếu ngôi sao xuất hiện vào thời điểm đó, thì làm sao các nhà chiêm tinh có thể đi từ xa đến Giê-ru-sa-lem trong thời gian ngắn như vậy? Giuse, sau 40 ngày kể từ khi Hài Nhi Thiên Chúa chào đời và sau khi hoàn tất nghi thức thanh tẩy theo luật định tại Đền Thờ, ngay lập tức, không chậm trễ, tại nhà mình ở Nazareth, chỉ mang theo những vật dụng cần thiết cho chuyến đi, đã vội vã lên đường đến Ai Cập. Mặc dù có người cho rằng các nhà chiêm tinh đã cưỡi những con ngựa nhanh và, trong hành trình gấp gáp, đã đến được Bê-lem vào ngày thứ 13 sau Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, nhưng điều này thật khó tin. Bởi vì, họ là các vị vua, chứ không phải những người đi bộ nhanh, và họ đi cùng với các lễ vật cùng nhiều người hầu, điều phù hợp với địa vị và danh dự của hoàng gia, cũng như các con vật và đồ đạc cần thiết cho chuyến đi; vậy thì làm sao có thể đi từ Ba Tư, Ả Rập và Ê-thi-ô-pi đến thành phố Bê-lem chỉ trong 13 ngày? Hơn nữa, họ còn bị Hê-rốt giữ lại ở Giê-ru-sa-lem một thời gian, cho đến khi các thượng tế và các kinh sư được triệu tập và hỏi ý kiến, và mới làm rõ rằng Đấng Kitô sẽ sinh ra tại Bê-lem thuộc xứ Do Thái. Còn các nhà giải thích khác, trong đó có Thánh Epiphanius, lại cho rằng ngôi sao xuất hiện vào giờ Chúa Giêsu ra đời, nhưng các nhà chiêm tinh đã đến thờ lạy sau hai năm và thấy Hài Nhi Giêsu lúc đó đã hai tuổi. Quan điểm này dựa trên việc Hê-rốt đã ra lệnh giết các trẻ sơ sinh từ hai tuổi trở xuống, theo thời điểm mà ông đã tìm hiểu kỹ lưỡng từ các nhà chiêm tinh. Tuy nhiên, Thánh Theophylactus gọi quan điểm này là rõ ràng sai lầm, bởi vì có một cách hiểu được toàn thể Giáo hội công nhận, theo đó các nhà chiêm tinh đã đến thờ lạy Chúa Kitô tại Bêlem khi Ngài vẫn còn ở trong hang đá, còn sau hai năm, Chúa Kitô không chỉ không còn ở Bêlem, mà thậm chí còn không ở Palestine nữa, mà đang ở Ai Cập. Bởi vì, như đã được ghi chép, theo lời chứng của Thánh Luca, sau khi làm lễ thanh tẩy vào ngày thứ 40 tại Đền Thờ, nơi cụ Simeon đã gặp Chúa, và sau khi mọi việc đã được thực hiện theo luật pháp của Chúa, Thánh Giuse và Đức Trinh Nữ Maria cùng Hài Nhi đã lập tức trở về Galilê, chứ không phải về Giu-đê; họ trở về thành phố của mình là Na-za-rét, chứ không phải về Bê-lem; và từ Na-za-rét, theo lệnh của Thiên Thần, họ đã lên đường đến Ai Cập. Vậy thì làm sao các nhà chiêm tinh, sau hai năm, lại có thể tìm thấy Đấng Kitô ở Bêlem? Còn Nikifor, một nhà sử học Hy Lạp cổ đại[245] , kể lại rằng ngôi sao đã xuất hiện ở phương Đông hai năm trước Lễ Giáng Sinh, và rằng các nhà chiêm tinh đã đi suốt hai năm mới đến được Giêrusalem, nên họ đã đến đúng vào giờ Lễ Giáng Sinh. Có vẻ như nhà sử học này cũng đồng tình với những gì được ghi chép trong Phúc Âm về việc tàn sát các trẻ sơ sinh từ hai tuổi trở xuống, nhưng quan điểm của ông cũng không đáng tin cậy. Bởi lẽ, tại sao các nhà chiêm tinh lại cần phải thực hiện một chuyến hành trình kéo dài hai năm từ các nước phương Đông, trong khi từ đó đến Giê-ru-sa-lem chỉ mất hai hoặc ba tháng đi bộ? Ngay cả khi họ đi chậm và hành trình kéo dài như các vị vua, thì việc họ mất hơn sáu hoặc bảy tháng trên đường vẫn là điều khó tin, bởi vì các nước phương Đông như Ba Tư, Ả Rập và Ê-thi-ô-pi không cách Giê-ru-sa-lem xa đến mức quãng đường giữa chúng và thành phố này có thể kéo dài hai năm. Vậy quan điểm nào về thời điểm ngôi sao xuất hiện là đáng tin cậy? Tôi cho rằng đó là quan điểm của Thánh Gioan Kim Khẩu và Thánh Theophylact. Các vị thầy này nói như sau: "Ngôi sao đã hiện ra trước các nhà chiêm tinh trước khi Chúa Giêsu ra đời. Vì họ phải dành nhiều thời gian cho cuộc hành trình, nên ngôi sao đã hiện ra với họ rất lâu trước Lễ Giáng Sinh của Đấng Cứu Thế, để khi đến Bêlem, họ có thể thờ lạy Chúa Giêsu, Đấng lúc đó vẫn còn đang nằm trong tã lót. Hãy lưu ý rằng các vị thầy của Giáo hội này không xác định thời gian hai năm cho ngôi sao đó, mà chỉ nói rằng "trước đó rất lâu", như thể muốn nói "vài tháng". Dựa trên cách giải thích của Thánh Xê-la-ti-ô và Thánh Thê-ô-phi-la-c-tơ, theo đó ngôi sao đã xuất hiện trước thời điểm Giáng sinh của Chúa Kitô, chúng ta nên hiểu rằng chính vào ngày và giờ đó, khi nhờ lời loan báo của các Tổng thiên thần và sự soi dẫn của Chúa Thánh Thần, Lời đã trở thành xác thịt, ngự trong lòng trinh nữ vô nhiễm, chín tháng trước khi sinh, ngôi sao đã xuất hiện ở phương

[245] Nikiforos Kallistos, nhà sử học Hy Lạp thế kỷ XIV, người đã để lại cho chúng ta tác phẩm "Lịch sử Giáo hội".

Đông. Hiểu như vậy, chúng ta sẽ không đi ngược lại lời chứng của các vị Thầy đã nêu trên, đồng thời cũng bác bỏ việc các nhà chiêm tinh bị chậm trễ một cách khó tin trên hành trình trong suốt hai năm; còn về việc các em bé bị giết khi mới hai tuổi, chúng ta sẽ đề cập đến sau, vào ngày tưởng niệm các em. Vậy nên, chín tháng trước ngày Chúa Giêsu ra đời, như chúng ta vừa nói, vào thời điểm Truyền Tin, các nhà chiêm tinh đã nhìn thấy một ngôi sao ở phương Đông và ban đầu, trong sự ngạc nhiên và bối rối, họ tự hỏi: "Đây có thể là ngôi sao gì đây?" Liệu đó có phải là một sao băng nào đó[246] , lấp lánh trên bầu trời và báo hiệu những tai họa, giống như những gì sao chổi thường báo trước[247] . Và thực sự, ngôi sao ấy đã báo trước những tai họa cho kẻ thù sát nhân ở những vùng đất ấy, cụ thể là: sự sụp đổ của các thần tượng, sự trục xuất các quỷ dữ, cùng với ánh sáng rực rỡ của đức tin thánh thiện. Sau đó, khi nhận ra rằng ngôi sao này không phải là ngẫu nhiên, mà mang bản chất Thần thánh và hình ảnh của Đức Chúa Trời, các nhà chiêm tinh đã nhớ lại lời tiên tri cổ xưa của Balaam, đồng thời cũng hiểu ra những gì mà nữ tiên tri Eritrea của Ấn Độ[248] đã tiên đoán về chính ngôi sao đó; đặc biệt, như Thánh Lêô, Giáo hoàng Rôma, đã hiểu, khi được chính Thiên Chúa bí mật chỉ dạy rằng đã đến lúc Chúa và Vua của cả vũ trụ ra đời, Đấng sẽ được sinh ra tại Israel, như Balaam đã tiên tri: *"Một người sẽ trỗi dậy từ Israel"* (Sách Dân Số 24:17), – và rằng đó chính là ngôi sao của Ngài, đã được báo trước từ lâu. Tin chắc rằng điều đó đúng như vậy, và sau khi chuẩn bị đầy đủ cho hành trình, họ đã lên đường từ các xứ sở của mình và, như đã nói, trong suốt chuyến đi, họ đã hội tụ lại với nhau và đồng lòng tiếp tục hành trình. Trong khi đó, chín tháng kể từ khi ngôi sao xuất hiện đã trôi qua, và giờ Giáng sinh của Đức Kitô đang đến gần. Họ tiến gần đến biên giới Palestine và cuối cùng đã đến thủ đô của Giu-đê – Giê-ru-sa-lem, đúng vào ngày Giáng sinh của Đức Kitô. Khi họ đến gần Giê-ru-sa-lem, ngôi sao đã dẫn đường cho họ, bỗng nhiên biến mất khỏi tầm mắt, bởi vì nếu ngôi sao ấy lại tỏa sáng ở Giê-ru-sa-lem, dân chúng chắc chắn sẽ nhìn thấy nó và cùng với nó, họ sẽ đi theo các nhà chiêm tinh đến với Chúa Kitô. Lúc đó, cả Hê-rốt lẫn các trưởng hội đường Do Thái đầy ghen tị đều sẽ biết được nơi Đấng Christ mới sinh đang ở, và vì lòng ghen tị, họ sẽ giết Ngài trước thời hạn. Nhưng sự quan phòng của Thiên Chúa, vốn sắp đặt cho sự cứu rỗi của chúng ta một cách tốt đẹp hơn, đã ra lệnh cho ngôi sao ấy ẩn đi: một phần để những linh hồn đang tìm kiếm Hài Nhi không biết được vị trí của hang đá; một phần vì đôi mắt của dân Do Thái gian ác không xứng đáng được chiêm ngưỡng ngôi sao kỳ diệu ấy; và một phần để thử thách đức tin của họ, – liệu họ có tin vào lời của các nhà chiêm tinh, những người đã loan báo sự giáng sinh của Đấng Mê-si-a, và liệu họ có muốn nhận biết Đấng Ki-tô, Đấng Cứu Thế của thế gian hay không; nếu họ không muốn, thì điều đó sẽ là sự lên án nặng nề hơn dành cho họ. Thánh Theophylact đã suy luận về điều này như sau: "Vì sao," ngài nói, "các nhà chiêm tinh đã đến? Để kết án dân Do Thái, vì nếu các nhà chiêm tinh, dù là những người ngoại đạo, đã tin, thì dân Do Thái có thể trả lời thế nào? Các nhà chiêm tinh từ những xứ sở xa xôi đã đến thờ lạy Đấng Kitô, còn dân Do Thái, dù có Ngài ngay giữa họ, lại đã đuổi Ngài đi."

Các nhà chiêm tinh, khi vào thành Jerusalem, thủ đô, đã hỏi về Vua mới sinh: *"Vua dân Do Thái mới sinh ở đâu? Vì chúng tôi đã thấy ngôi sao của Ngài ở phương Đông và đến để thờ lạy Ngài"* (Mt 2:2). Ngay lập tức, tin tức này khiến dân chúng kinh ngạc và làm vua Hê-rốt cùng tất cả các quan chức Giê-ru-sa-lem lo lắng. Vua tập hợp tất cả các thượng tế và các kinh sư lại, rồi hỏi họ:

– Đấng Kitô sẽ sinh ra ở đâu?

Ông bắt đầu lo sợ rằng vương quốc của mình có thể bị tước đoạt, và suy tính cách giết Đấng Vua mới sinh. Khi biết rằng Đấng Christ sẽ sinh ra tại Bê-lem, ông đã triệu tập các nhà chiêm tinh và tra hỏi họ về thời điểm ngôi sao xuất hiện. Sau đó, che giấu mưu đồ gian dối, với ý nghĩ bất chính và ý định độc ác, ông nói một cách xảo trá:

– "Các ngươi hãy đi, tìm hiểu kỹ lưỡng về Hài Nhi ấy, và khi tìm thấy, hãy báo cho ta biết, để ta cũng đến thờ lạy Ngài" (Mt 2:8).

Khi các nhà chiêm tinh rời khỏi Giê-ru-sa-lem, ngay lập tức ngôi sao dẫn đường cho họ xuất hiện và đi trước họ, và họ rất vui mừng trước sự xuất hiện lần thứ hai của nó. Ngôi sao tiếp tục đi trước họ cho đến khi dẫn họ đến Bê-lem, đến hang đá, và dừng lại ngay trên nơi Hài Nhi đang ở. Ngôi sao đã dừng lại ngay trên nơi ở của

---

[246] Meteor – theo quan điểm mới nhất, là những mảnh vỡ của một hành tinh đã vỡ tan (hành tinh – ngôi sao có chuyển động), đôi khi rơi xuống bề mặt Trái Đất.

[247] Sao chổi – một thiên thể trên bầu trời, không có quỹ đạo đều đặn trên bầu trời, nhưng xuất hiện sau những khoảng thời gian dài. Theo quan niệm cổ xưa, sao chổi vào những thời điểm khác nhau báo trước những thảm họa và tai ương khác nhau.

[248] Nữ tiên tri Eritrea, tức là người đến từ thành phố Eritrea, nơi có lẽ nằm bên bờ Biển Đỏ, ở Ethiopia, tức là Abyssinia ngày nay. Ở đây, Nữ tiên tri Eritrea đã bị gọi nhầm là người Ấn Độ. – Tuy nhiên, còn có ba thành phố khác mang tên Eritrea: một ở Hy Lạp, tại Boeotia; một ở Tiểu Á; và thành phố thứ ba ở Aetolia.

Hài Nhi, tức là nó đã hạ xuống từ trên cao và tiến gần đến mặt đất. Nếu không hạ xuống thấp hơn, thì không thể biết được nó đang dừng lại ở đâu. Thánh Phêôphilact cũng suy luận như vậy, theo lời Thánh Xê-đô-nô: "Đó là một điềm báo phi thường," ngài nói, "bởi vì ngôi sao đã hạ xuống từ trên cao, và khi xuống gần mặt đất, nó đã chỉ cho các nhà chiêm tinh biết nơi đó. Bởi vì nếu nó vẫn ở trên cao, thì làm sao họ có thể biết được chính xác nơi Đấng Kitô đang ở? Bởi vì mỗi ngôi sao đều chiếu sáng trên nhiều nơi. Cũng như bạn thường thấy mặt trăng ở trên mái nhà mình, tôi cũng cảm thấy rằng nó đang ở trên mái nhà tôi, và mọi người đều có cảm giác tương tự, cụ thể là: như thể chỉ có mặt trăng hoặc một ngôi sao nào đó đang ở ngay trên đầu họ. Tương tự như vậy, ngôi sao đó cũng không thể chỉ rõ Đấng Kitô nếu nó không hạ xuống và dừng lại ngay trên đầu Hài Nhi." Và qua phép lạ này, có thể thấy rằng ngôi sao ấy không thuộc số các ngôi sao trên vòm trời, mà là một quyền năng đặc biệt của Thiên Chúa. Vậy, các nhà chiêm tinh đã tìm thấy Đấng mà họ đang tìm kiếm khi bước vào ngôi nhà, như Phúc Âm đã kể. Dựa trên điều này, nhiều người cho rằng họ đã tìm thấy Đức Kitô không phải trong hang đá, mà trong một trong những ngôi nhà của thành phố, vì Phúc Âm không đề cập đến hang đá, mà là ngôi nhà. Theo quan điểm này, Phúc Âm dường như nói như sau: "Khi đám đông dân chúng đến để đăng ký dân số đã giải tán, thì nhà trọ chung cũng như các ngôi nhà khác của cư dân Bê-lem đều trống rỗng; lúc đó, Đức Mẹ cùng Hài Nhi đã được chuyển từ hang đá sang một trong những ngôi nhà ấy. Tuy nhiên, các vị thánh tử đạo Giustinô, Vàng Miệng, Grêgôriô Nissê và Giêrônimô lại cho rằng Chúa vẫn ở lại trong hang đá nơi Ngài chào đời cho đến tận thời điểm lễ tẩy tội, diễn ra vào ngày thứ 40, và chính tại đó các nhà thông thái đã tìm thấy Ngài. Và điều đó đã xảy ra để các vị vua trần gian nhận ra rằng Nước Trời của Đấng Vua mới sinh nằm trong sự nghèo khó, khiêm nhường và khinh miệt vinh quang trần thế, chứ không phải trong của cải, sự kiêu ngạo và cung điện. Mục đích của điều này còn là để đức tin của họ được thể hiện rõ ràng hơn, nhờ đó họ không hối hận hay than vãn khi tìm thấy Đấng mà vì Ngài họ đã thực hiện một hành trình dài đằng đẵng và hy vọng sẽ gặp Ngài trong các cung điện hoàng gia – lại đang sống trong cảnh nghèo khó như vậy.

Khi tìm thấy Chúa trong hang đá, các nhà chiêm tinh đã quỳ xuống thờ lạy Ngài, tức là không chỉ bằng sự thờ lạy đơn thuần, mà là sự thờ lạy xứng đáng với Thiên Chúa, không chỉ như một con người, mà còn như Thiên Chúa, bởi vì, như Thánh Irênê và Đức Giáo hoàng Lêô đã nói: "Các nhà chiêm tinh ấy, được soi sáng một cách huyền bí bởi ân sủng của Chúa, khi nhìn thấy Hài Nhi, đã nhận ra và tin chắc rằng Ngài là Thiên Chúa, và vì thế họ đã quỳ lạy Ngài không chỉ như một Vua, mà còn như Thiên Chúa – bằng sự thờ lạy xứng đáng với Thiên Chúa. Chính vì thế mà có lời chép: *'Họ quỳ xuống, mở các kho báu của mình ra và dâng lễ vật cho Ngài'* (Mt 2:11), tuân theo mệnh lệnh: *"Chớ đến trước mặt Chúa với hai tay trống rỗng"* (Xh 23:15). Vậy những lễ vật đó là gì? Vàng, nhũ hương và mộc dược; vàng – dành cho Vua, nhũ hương – dành cho Đức Chúa Trời, mộc dược – dành cho con người phàm trần (Thánh Phêôphilact). Bởi vì người Do Thái dùng nhũ hương để xức xác người đã khuất, mong muốn giữ cho thi thể được nguyên vẹn. Như vậy, ba vị vua đã tôn vinh Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi bằng ba món quà, và qua những món quà này, họ đã tuyên xưng hai bản tính trong Ngài. Về điều này, Thánh Lêô đã nói như sau: "Họ dâng nhũ hương – cho Thiên Chúa, myrrh – cho con người, vàng – cho Vua, tôn kính đúng đắn bản tính Thiên Chúa và bản tính con người trong sự hiệp nhất; họ tin điều này bằng cả trái tim và tuyên xưng qua những món quà."

Sau khi nhận được lời báo mộng từ Thiên thần hiện ra với họ, cảnh báo họ đừng quay trở lại với Hê-rốt – kẻ có ý đồ xấu và định giết Vua mới sinh – các nhà chiêm tinh đã trở về quê hương của mỗi người theo một con đường khác, và tại đó, họ trở thành những nhà giảng dạy và rao giảng về Đấng Kitô, theo lời chứng đáng tin cậy của Nikifor, Vì khi rao giảng về sự giáng sinh của Đức Kitô, Con Thiên Chúa, vào thế gian, họ đã dạy dỗ mọi người tin vào Ngài, như chính họ đã tin, và không còn nghi ngờ gì nữa, sau khi qua đời, họ đã được xứng đáng được xếp vào hàng các thánh. Tên của họ như sau: người đầu tiên là Melchior, già nua và tóc bạc, với mái tóc dài và râu dài; ông đã dâng vàng cho Vua và Chúa. Người thứ hai là Gaspar, trẻ tuổi và chưa mọc râu, với khuôn mặt hồng hào; ông đã dâng nhũ hương cho Thiên Chúa đã nhập thể. Người thứ ba là Balthazar, da ngăm đen, có bộ râu dài, ông đã dâng myrrh cho Con Người phàm trần. Sau nhiều năm, thi hài của các ngài đã được chuyển đến Constantinople trước tiên, sau đó đến Milan[249] , rồi đến Cologne[250] , để tôn vinh Đức Chúa Kitô, Thiên Chúa đã nhập thể, Đấng cùng với Mẹ Ngài, xin nhận lấy vinh quang từ chúng con muôn đời. Amen.

---

[249] Mediolan, nay là Milan, một thành phố ở miền Bắc Ý, thủ đô của vùng Liguria cổ đại.

[250] Cologne (tên cổ là Colonia Agrippina), một thành phố cổ bên sông Rhine, ở Đức, nổi tiếng với nhà thờ chính tòa tráng lệ, nơi mà theo niềm tin sùng kính của các Kitô hữu phương Tây, một phần di cốt của ba vị vua phương Đông được an nghỉ. Thánh Dimitri cũng cho rằng Cologne là nơi lưu giữ thánh tích này.

Kondak, giọng 6:

Đấng trước khi mặt trời mọc đã được sinh ra từ Chúa Cha mà không cần mẹ, hôm nay đã nhập thể trên đất này từ Ngài mà không cần cha: vì thế, ngôi sao báo tin cho các nhà chiêm tinh, còn các Thiên thần cùng các mục đồng ca ngợi sự giáng sinh kỳ diệu của Ngài, Đấng Đầy Ơn Phúc.

Ngày 8 tháng 1

Ngày 26 tháng 12 (theo lịch cũ)

Câu chuyện về cuộc chạy trốn của Đức Trinh Nữ Maria cùng Hài Nhi Giêsu đến Ai Cập

Ngày kỷ niệm: 26 tháng 12

Sau khi các nhà chiêm tinh rời khỏi Bê-lem, Thiên thần của Chúa đã hiện ra trong giấc mơ với Thánh Giuse, truyền lệnh cho ngài cùng với Hài Nhi Giêsu Kitô mới sinh và Mẹ Ngài, Đức Trinh Nữ Maria, trốn sang Ai Cập và ở lại đó cho đến khi được lệnh trở về, vì Hê-rô-đê muốn tìm Hài Nhi để giết Ngài. Giuse thức dậy, bế Hài Nhi và Mẹ Ngài vào ban đêm, rồi lên đường đi Ai Cập. Nhưng trước khi lên đường, ông đã làm trọn mọi điều theo luật Chúa tại Đền Thờ Sa-lô-môn, vì những ngày thanh tẩy của Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội đã đến, và tại đền thờ đó, ông già Si-mê-ôn cùng nữ tiên tri Anna đã gặp gỡ Chúa chúng ta. Sau đó, sau khi hoàn tất mọi điều đã được quy định trong luật pháp, Giuse đã trở về Nazareth, về nhà mình. Vì thánh Luca đã chép như sau: *"Và khi họ đã làm xong mọi việc theo luật Chúa, họ trở về Galilê, về thành Nazareth của họ"* (Lc 2,39). Từ đó rõ ràng là họ không lập tức đi từ Bê-lem đến Ai Cập, mà trước tiên đã đến Đền Thờ Chúa, sau đó đến Na-xa-rét và cuối cùng mới đến Ai Cập. Điều này cũng được Thánh Thê-ô-phi-la-xt viết trong lời giải thích về Phúc Âm theo Thánh Ma-thi-ơ, khi ngài viết như sau: "Câu hỏi: Tại sao Thánh Luca lại nói rằng Chúa đã trở về Nazareth sau 40 ngày kể từ khi Ngài chào đời và sau khi được ông già Simeon chào đón? Còn ở đây, Thánh Matthêu lại nói rằng Ngài đã đến Nazareth sau khi trở về từ Ai Cập? Trả lời: Hãy biết rằng Thánh Luca đề cập đến điều mà Thánh Matthêu đã không đề cập, cụ thể là: Chúa (theo lời Thánh Luca) đã đến Nazareth sau khi sinh ra. Còn Thánh Matthêu thì kể về những sự kiện xảy ra sau đó, cụ thể là: cách Đức Chúa đã lánh nạn sang Ai Cập và cách Ngài, sau khi trở về từ đó, lại tiếp tục đến Nazareth. Nói chung, các tác giả Tin Mừng không mâu thuẫn với nhau, nhưng chỉ có Luca đề cập đến việc Chúa Giêsu rời Bêlem để đến Nazareth, còn Matthêu kể lại việc Ngài trở về Nazareth từ Ai Cập." Vậy, sau khi ra khỏi Đền Thờ của Chúa, các vị hành hương thánh thiện trước tiên đã đến Nazareth và ngay lập tức sắp xếp việc nhà, rồi sau đó, mang theo tất cả những thứ cần thiết cho chuyến đi, vội vã lên đường vào ban đêm (để những người hàng xóm gần nhất không biết chuyện này) hướng về Ai Cập. Trong chuyến đi này, họ cũng mang theo Giacôbê, con trai cả của Giuse – người sau này được gọi là anh em của Chúa – để phục vụ, điều này được thể hiện trong bài thánh ca của Giáo hội vào ngày 23 tháng 10, trong đó có câu hát như sau: "Ngài đã hiện ra như một người anh em, một môn đệ, và là người tận mắt chứng kiến những mầu nhiệm thiêng liêng, đã cùng chạy trốn với Ngài, và ở Ai Cập cùng với Giô-sép"[251] . Từ đó rõ ràng là Gia-cóp cũng đã đồng hành cùng Thánh Gia trên đường đến Ai Cập, phục vụ Ngài trong suốt chuyến đi. Và Chúa đã chạy trốn sang Ai Cập một phần để chứng tỏ rằng Ngài là con người thật đã nhập thể, chứ không phải là linh hồn hay hồn ma (điều này được Thánh Ephrem chỉ ra trong bài giảng về Lễ Biến Hình, khi ngài nói: "Nếu Ngài không phải là xác thịt, thì Giô-sép đã chạy trốn sang Ai Cập cùng với ai?"); và một phần là để dạy chúng ta phải chạy trốn khỏi cơn giận và sự thịnh nộ của con người, chứ không phải kiêu ngạo chống lại chúng. Thánh Xa-lô-tô cũng giải thích như vậy: "Trong cuộc chạy trốn của Ngài," ngài nói, "Chúa dạy chúng ta nhường chỗ cho cơn thịnh nộ, tức là chạy trốn khỏi cơn thịnh nộ của con người. Và nếu Đấng Toàn Năng còn chạy trốn, thì chúng ta, những kẻ kiêu ngạo, sẽ học được từ đó để không tự

[251] Trong phần thánh ca, hát thánh ca thứ 2.

đặt mình vào nguy hiểm." Mục đích của việc Chúa chạy trốn sang Ai Cập còn là để thanh tẩy Ai Cập khỏi các thần tượng và, như Thánh Giáo hoàng Lêô đã nói, để không phải thiếu vắng đất nước này – nơi lần đầu tiên, qua việc hiến tế con chiên, dấu hiệu cứu rỗi của Thập tự giá và Lễ Phục sinh của Chúa đã được báo trước – thì Bí tích của Hy lễ Thánh thiêng liêng sẽ được chuẩn bị. Cũng để ứng nghiệm lời tiên tri sau đây của Isaia: *"Chúa sẽ ngự trên đám mây nhẹ nhàng và đến Ai Cập. Các thần tượng Ai Cập sẽ run rẩy trước mặt Ngài"* (Is 19,1). Tại đây, khi nói đến "đám mây", Thánh Ambrôsiô ám chỉ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Đấng đã bế Chúa trên tay đến Ai Cập, và các thần tượng của các vị thần Ai Cập đã sụp đổ. Đám mây ấy, tức Đức Trinh Nữ, rất nhẹ nhàng, vì Người không bị gánh nặng bởi bất kỳ tội lỗi nào, cũng không bị chi phối bởi dục vọng xác thịt hay kinh nghiệm về đời sống hôn nhân.

Cũng có lời kể rằng khi Thánh Giuse công chính, Đức Trinh Nữ Maria và Hài Nhi Thánh đang trên đường đến Ai Cập, tại một nơi hoang vắng, bọn cướp đã tấn công họ và muốn cướp con lừa mà họ dùng để chở những vật dụng ít ỏi cần thiết cho hành trình, và thỉnh thoảng chính họ cũng cưỡi trên đó. Một trong số những tên cướp đó, khi nhìn thấy Hài Nhi có vẻ đẹp phi thường và ngạc nhiên trước vẻ đẹp ấy, đã nói:

– Nếu Thiên Chúa nhập thể làm người, thì Ngài cũng không thể đẹp hơn Hài Nhi này được.

Nói xong, hắn cấm các đồng bọn, những tên cướp khác, và không cho họ làm hại những người lữ hành này. Lúc đó, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội nói với tên cướp đó:

– Hãy biết rằng Đứa Trẻ này sẽ ban cho ngươi phần thưởng hào phóng vì ngươi đã bảo vệ Ngài.

Tên cướp này chính là người sau này, khi Chúa Kitô bị đóng đinh, đã bị treo trên thập giá bên phải, và là người mà Chúa đã phán: *"Hôm nay ngươi sẽ được ở với Ta trong thiên đàng"* (Lc 23,43). Và lời tiên tri của Đức Mẹ đã ứng nghiệm, rằng "Đấng Hài Nhi này sẽ đền đáp cho ngươi".

Khi họ vào đất Ai Cập và đang ở trong vùng Thê-ba, họ đến gần thành phố Hermopolis[252] . Gần lối vào thành phố này có một cây rất đẹp, được gọi là "Persea", mà người dân nơi đó, theo phong tục thờ thần tượng của họ, đã tôn sùng như một vị thần vì chiều cao và vẻ đẹp uy nghi của nó, họ thờ lạy và dâng lễ vật cho nó, bởi vì trong cây đó còn có một con quỷ, được họ tôn sùng . Khi Đức Mẹ Vô Nhiễm cùng Hài Nhi Thánh đến gần cây đó, ngay lập tức cây rung chuyển mạnh mẽ, vì con quỷ, sợ hãi trước sự hiện đến của Chúa Giêsu, đã bỏ chạy. Còn cây thì cúi ngọn xuống tận mặt đất, dâng lên sự thờ lạy xứng đáng cho Đấng Tạo Hóa của mình và Mẹ Ngài, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, hơn nữa, nó còn che chở họ bằng bóng mát của những cành lá rậm rạp khỏi cái nắng gay gắt, nhờ đó giúp những lữ khách thánh thiện đang mệt mỏi có thể nghỉ ngơi. Và cây ấy vẫn giữ nguyên tư thế cúi mình như vậy, trở thành một dấu hiệu rõ ràng về sự giáng lâm của Chúa tại Ai Cập. Sau khi Chúa cùng Mẹ Ngài và Giuse nghỉ ngơi dưới gốc cây này, cây ấy đã được ban cho sức mạnh chữa lành, bởi từ những cành lá của nó, mọi bệnh tật đều được chữa lành. Sau đó, các vị hành hương thánh thiện trước hết đã vào thành phố đó và ngôi đền thờ thần tượng nằm trong thành, và ngay lập tức tất cả các thần tượng đều đổ sụp. Palladius đã đề cập đến ngôi đền này trong tác phẩm "Lausaios"[253] : "Chúng tôi đã thấy," ông nói, "ở đó (tại Hermopolis) có một đền thờ thần tượng, nơi mà khi Đấng Cứu Thế ngự đến, tất cả các tượng thần đều ngã sấp xuống đất. Cũng tại một ngôi làng tên là 'Siren', ba trăm sáu mươi lăm tượng thần trong một ngôi đền đã ngã xuống, khi Đức Kitô cùng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội bước vào đó[254] .

---

[252] Phivaida – vùng đất của thành phố Thebes nổi tiếng từ thời cổ đại ở Ai Cập; tên gọi này cũng được dùng để chỉ toàn bộ miền thượng (miền nam) Ai Cập, theo tên của thành phố chính. Hermopolis – một trong những thành phố quan trọng của Ai Cập cổ đại, từng là trung tâm tôn giáo nổi bật của đạo đa thần.

[253] Palladius của Helenopolis (từ năm 368 đến năm 430) là người gốc Galatia; năm 388, ngài đến Alexandria, sau đó rời khỏi đó để vào sa mạc lân cận thực hành đời sống thầm lặng, rồi chuyển đến Bethlehem; năm 399, ngài được bầu làm giám mục Hêlenopolis, thuộc Bithynia, Tiểu Á. Sau đó, Hoàng đế Arcadius đã đày ông, với tư cách là người ủng hộ Thánh Gioan Kim Khẩu, đến Thượng Ai Cập; từ đó, năm 408, ông được chuyển đến Antinoe, và năm 412, ông được trở lại giáo phận của mình tại Hêlenopolis. Theo lời thỉnh cầu của Lausa, quan tổng trấn Cappadocia, vào năm 420, ngài đã biên soạn một tuyển tập các tiểu sử của các thánh tu sĩ và những truyền thuyết về họ, được đặt tên là "Lausaic" để vinh danh ngài. – Ngày tưởng niệm Thánh Palladius của Helenopolis là Thứ Bảy trước Lễ Phục Sinh.

[254] Tất cả các chi tiết về cuộc hành trình của Đức Trinh Nữ cùng Hài Nhi Giêsu và Thánh Giuse đến Ai Cập và thời gian họ lưu lại ở đó, cũng như các chi tiết về sự ra đời của Chúa Kitô, đều được trích dẫn từ các Phúc Âm ngoại kinh, đặc biệt là từ cái gọi là "Phúc Âm thời thơ ấu của Đấng Cứu Thế" cũng như từ tác phẩm ngoại kinh có tựa đề "Câu chuyện về sự ra đời của Đức Mẹ Maria và thời thơ ấu của Đấng Cứu Thế", – Truyền thuyết về việc các thần tượng Ai Cập sụp đổ khi gia đình Đức Mẹ vào Ai Cập cũng được đề cập trong bài ca ngợi Đấng Cứu Thế, nơi có đoạn viết: "Các thần tượng, hỡi Đấng Cứu Thế của chúng con, không chịu nổi sức mạnh của Ngài, đã sụp đổ" (Ikos thứ 6).

Thậm chí trên khắp Ai Cập, khi Chúa giáng lâm, các tượng thần đều bị nghiền nát, và các quỷ dữ đã chạy trốn khỏi chúng; sự kiện này đã ứng nghiệm lời tiên tri của Thánh Giê-rê-mi-a khi ngài ở Ai Cập, khi ngài nói: "Tất cả các thần tượng sẽ phải ngã xuống, và tất cả các hình tượng các vị thần sẽ bị phá hủy khi Đức Trinh Nữ Mẹ cùng Hài Nhi sinh ra trong máng cỏ đến đây." Kể từ thời lời tiên tri của Giê-rê-mi-a, người Ai Cập đã có phong tục tạc hình Đức Trinh Nữ đang nằm nghỉ trên giường, bên cạnh Người là Hài Nhi nằm trong máng cỏ và được quấn tã, rồi thờ lạy hình tượng này. Một lần nọ, khi vua Ptolemy hỏi các thầy tế lễ Ai Cập tại sao họ lại làm như vậy, họ trả lời: "Đây là một bí mật đã được một vị tiên tri thánh truyền lại cho các tổ tiên xa xưa nhất của chúng tôi, và chúng tôi đang chờ đợi lời tiên tri đó ứng nghiệm và bí mật này được tiết lộ."

Sau đó, các vị hành hương thánh thiện rẽ sang một chút khỏi thành phố Hermopolis và, trong lúc tìm nơi dừng chân, họ bước vào một ngôi làng tên là "Natarea", nằm không xa Heliopolis[255] . Giuse đã để Đức Trinh Nữ Maria cùng Chúa Kitô ở lại gần ngôi làng này, còn bản thân ông thì vào làng để mua sắm những thứ cần thiết. Còn cây vả, vốn đã che chở các vị khách hành hương thánh thiện dưới tán của mình, bỗng tách đôi từ ngọn xuống gốc và hạ phần ngọn xuống, tạo thành một mái che hay lều trại trên đầu họ: còn ở phía dưới, gần gốc cây, nó đã tạo thành một hốc sâu trong khe nứt đó, rất thuận tiện để nghỉ ngơi, và tại đó, Đức Trinh Nữ cùng Hài Nhi đã nằm xuống và nghỉ ngơi sau chuyến hành trình. Nơi đó cho đến nay vẫn được tôn kính sâu sắc không chỉ bởi các Kitô hữu, mà cả người Saracen, những người cho đến tận bây giờ (theo lời kể của những nhân chứng đáng tin cậy) vẫn thắp đèn dầu trong khe nứt của cây để tôn vinh Đức Trinh Nữ cùng Hài Nhi đã nghỉ ngơi tại đó. Thánh Giuse và Đức Mẹ Rất Thánh muốn ở lại ngôi làng đó, và sau khi tìm được một túp lều gần cây đó, họ bắt đầu sinh sống tại đó. Một phép lạ khác cũng đã xảy ra nhờ quyền năng của Hài Nhi Thánh, bởi ngay tại đó, gần nơi họ cư ngụ và gần cây kỳ diệu ấy, bỗng nhiên xuất hiện một suối nước sống, từ đó Đức Trinh Nữ đã múc nước để dùng và dùng để tắm cho Hài Nhi của Mẹ. Suối nước đó vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, với nguồn nước rất lạnh và tốt cho sức khỏe. Điều đáng ngạc nhiên hơn nữa là trên toàn cõi Ai Cập, đây là suối nước sống duy nhất, và nó được biết đến rộng rãi trong làng đó. Câu chuyện về thời gian Đức Mẹ Vô Nhiễm cùng Chúa Giêsu ở Ai Cập, nơi họ đã ở lại vài năm, kết thúc tại đây. Tuy nhiên, không có thông tin chính xác về số năm Chúa đã ở tại Ai Cập. Thánh Epiphanius cho rằng là hai năm, còn Nikiforos thì ba năm, còn Georgios Kedrin thì năm năm; một số người khác, như Ammonius người Alexandria, lại cho rằng là bảy năm. Dù sao đi nữa, điều chắc chắn là cho đến khi Hê-rốt qua đời, như Phúc Âm đã chép: *"Và Ngài ở đó cho đến khi Hê-rốt qua đời"* (Mt 2:15).

Sau khi các trẻ sơ sinh ở Bê-lem bị giết và sau khi Hê-rốt, kẻ đáng nguyền rủa, chết một cái chết thảm khốc, Thiên Thần của Chúa lại hiện ra trong giấc mơ với Giô-sép, truyền lệnh cho ông trở về từ xứ Ai Cập về đất Y-sơ-ra-ên, *"vì* (Ngài nói) *những kẻ tìm kiếm mạng sống của Hài Nhi đã chết rồi*". Giuse bèn đứng dậy, bế Hài Nhi và Mẹ Người, rồi đi về Giu-đê, nơi chiếm phần lớn và tốt nhất của xứ Ít-ra-en. Nhưng khi nghe tin Archelaus đang cai trị Giu-đê thay cho Hê-rốt, cha mình, ông liền e ngại không dám đến đó. Vì Hê-rốt để lại ba người con trai: người cả là Archelaus, người thứ hai là Hê-rốt An-ti-pa, còn người thứ ba, cũng là người út, là Phi-líp. Sau khi cha qua đời, cả ba đều lên đường đến Rô-ma, gặp hoàng đế, vì mâu thuẫn tranh giành quyền lực, bởi mỗi người đều muốn thừa kế vương quốc của cha mình. Hoàng đế, không ban tước hiệu vua cho ai trong số họ, đã chia vương quốc thành bốn phần, gọi là các tứ vương quốc. Ông trao xứ Giu-đê cho người anh cả Archelaus, xứ Ga-li-lê cho Hê-rốt An-ti-pa, còn xứ Trachonitis cho người em út Phi-líp; Còn Avilina thì ông trao cho Lisanius, con trai út của Lisanius trưởng, người từng là bạn của Hê-rốt nhưng sau đó bị ông ta giết vì ghen tị. Khi cho tất cả họ trở về từ Rô-ma, hoàng đế hứa với Archelaus rằng ông sẽ được phong tước vua, miễn là ông thể hiện sự cai trị tốt đẹp và chu đáo đối với phần lãnh thổ của mình. Nhưng Archelaus chẳng hề tốt hơn người cha tàn bạo của mình chút nào, khi tra tấn và giết hại nhiều người; bởi vì, ngay khi đến Jerusalem, ông ta đã vô cớ giết chết ba nghìn người dân, và ra lệnh tra tấn nhiều công dân vào ngày lễ, ngay giữa đền thờ, trước mặt toàn thể cộng đồng người Do Thái. Do sự tàn bạo đó, sau vài năm, ông bị vu khống, bị tước quyền lực và bị lưu đày. Khi trở về, Giuse nghe tin rằng tên Archelaus độc ác này đang cai trị, dù không mang tước hiệu vua, nên đã e ngại không dám vào xứ Giu-đê; nhưng sau khi nhận được lời báo mộng từ vị Thiên thần đã từng hiện ra với ông trước đó, ông đã đi vào vùng Ga-li-lê, thuộc lãnh địa của Hê-rốt An-ti-pa, anh trai của Archelaus, vì vị Hê-rốt này cai trị dân chúng với lòng nhân từ hơn so với anh trai mình; và Giuse định cư tại thành Nazareth, trong ngôi nhà của mình, nơi họ đã từng sống trước đây,

[255] Iliopolis – một thành phố ở Hạ Ai Cập (miền Bắc).

để ứng nghiệm lời tiên tri của các tiên tri về Đức Kitô, rằng Ngài sẽ được gọi là người Nazareth. Vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Cuộc đời của vua Đa-vít công chính[256]

Ngày kỷ niệm: 26 tháng 12

Thánh vua và tiên tri Đa-vít xuất thân từ chi phái Giu-đa. Cha ngài là Y-sai, một trong những trưởng lão của thành Bê-lem, có tám người con trai, trong đó Đa-vít là con út. Khi Đa-vít đến tuổi thiếu niên, cha ngài giao cho ngài nhiệm vụ chăn dắt đàn chiên của gia đình. Cậu thiếu niên sống một mình giữa đàn gia súc, bảo vệ tài sản của cha mẹ; mỗi khi sư tử hay gấu đến và cướp một con cừu khỏi đàn, Đa-vít liền đuổi theo chúng và giành lại con mồi; khi con thú lao vào cậu, Đa-vít nắm lấy bờm nó, đánh và giết chết nó. Chúa đã gìn giữ cậu thiếu niên ấy, vì cậu là người kính sợ Chúa và không ưa sự lười biếng; cậu đã tự chế tạo cho mình một nhạc cụ có dây và trong những giờ rảnh rỗi, cậu luyện tập ca hát và chơi nhạc cụ đó. Đa-vít đã dùng tài năng nghệ thuật do Đức Chúa Trời ban cho để phục vụ Ngài, để tôn vinh danh thánh của Ngài; luôn luôn suy ngẫm về Đức Chúa Trời, cậu thiếu niên vừa gảy dây đàn vừa ca ngợi sự khôn ngoan và lòng nhân từ của Cha Trên Trời, được thể hiện trong mọi tạo vật của Đức Chúa Trời và trong cuộc sống con người.

Vào thời đó, Sa-un là vua của Y-sơ-ra-ên. Qua một số hành động của mình, ông đã bộc lộ sự bất tuân đối với các mệnh lệnh của Đức Chúa Trời và cho thấy rằng ông đặt sức mạnh và ham muốn cá nhân của mình lên trên ý muốn và ân điển của Vua các vua. Khi đó, Đức Chúa Trời đã truyền cho tiên tri Sa-mu-ên thông báo với Sa-un rằng:

– Vì ngươi đã khước từ lời Đức Chúa Trời, nên Ngài cũng khước từ ngươi, để ngươi không còn làm vua nữa.

Ngay sau đó, Đức Chúa Trời sai Sa-mu-ên đến gặp Y-sê, người Bết-lê-hem, – vì "trong số các con trai của ông, Ta đã chọn cho mình một vị vua," – Đức Chúa Trời phán. Khi đến Bết-lê-hem, vị tiên tri ra lệnh cho các trưởng lão trong thành chuẩn bị dâng của lễ cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đồng thời mời Y-sê và các con trai ông đến dự lễ. Khi các con trai của Y-sê đến, Sa-mu-ên nhìn thấy người con cả là Ê-li-an và nghĩ rằng anh ta là người được Đức Chúa Trời chọn, nhưng Đức Chúa Trời phán với vị tiên tri:

– Đừng nhìn vào dáng vẻ và chiều cao của nó, Ta đã loại bỏ nó rồi. Ta không nhìn như con người nhìn: vì con người nhìn vào khuôn mặt, còn Đức Chúa Trời nhìn vào lòng.

Và Sa-mu-ên không nhận được sự mặc khải về bất kỳ ai trong bảy người con trai của Y-sê-a đang có mặt ở đó; lúc đó, ông hỏi Y-sê-a xem liệu tất cả các con trai của ông có ở đây không. Người già trả lời rằng còn một người con trai nữa đang chăn cừu; nhà tiên tri ra lệnh cho người đi gọi cậu bé đó đến. Khi Đa-vít đến, Đức Chúa Trời phán với Sa-mu-ên:

– Hãy đứng dậy, xức dầu cho nó, vì chính nó là người ấy.

Vị tiên tri lấy chiếc sừng đựng dầu mà ông mang theo, rồi xức dầu cho Đa-vít giữa các anh em của cậu. Và Thánh Linh của Chúa ngự trên Đa-vít từ ngày đó trở đi. Sau đó, Sa-mu-ên rời Bết-lê-hem, còn cậu thiếu niên thì trở lại với công việc cũ của mình.

Còn Thánh Thần của Chúa đã lìa khỏi Sa-un, và ông mắc chứng điên loạn; những cơn co giật của căn bệnh này vô cùng đau đớn, và Sa-un luôn ở trong trạng thái cáu kỉnh, bị dằn vặt bởi những suy nghĩ u ám. Lúc bấy giờ, các quan triều đình khuyên nhà vua nên mời một người chơi đàn hạc giỏi, để người ấy dùng tiếng đàn xoa dịu nhà vua mỗi khi cơn bệnh ập đến. Sa-un đồng ý, và một trong các quan triều đình liền chỉ ra Đa-vít. Theo lệnh của vua, chàng thanh niên mười tám tuổi – một người chăn cừu – đã được triệu tập đến hoàng cung; mỗi khi Saul đau đớn quằn quại, Đa-vít lại chơi đàn hạc của mình để dâng lên Đức Chúa Trời, và Saul cảm thấy nhẹ nhõm và khỏe khoắn hơn, còn linh hồn ác quỷ thì rút lui khỏi ông. Vua rất ưng ý Đa-vít và đã bổ nhiệm chàng làm người mang khiên

[256] Ngày tưởng niệm các thánh công chính là Vua Đa-vít và Giô-sép, vị hôn phu của Đức Mẹ, diễn ra vào tuần sau Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, vì vậy tuần này còn được gọi là "Tuần của Đức Chúa Cha". Nếu tuần này trùng với ngày 1 tháng 1, tức là sau Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, thì thánh lễ tưởng niệm các thánh nêu trên sẽ được cử hành vào ngày 26 tháng 12.

cho mình, nhưng công việc phục vụ tại triều đình của chàng không phải lúc nào cũng liên tục, nên chàng có cơ hội trở về thành phố quê hương trong thời gian dài và tiếp tục công việc chăn cừu của mình.

Chẳng bao lâu sau, quân Philistine[257] xâm lược đất Israel. Khi tiến vào lãnh thổ chi phái Giu-đa, chúng dựng trại giữa Sockhof và Azek, tại Efes-Dammim[258] . Sa-ul cùng quân đội Israel đóng quân cách đó hai verst về phía nam; giữa hai trại là một thung lũng rộng lớn. Dân Philistine định kết thúc cuộc chiến bằng một trận đấu tay đôi theo phong tục cổ xưa, và từ trại của họ, người khổng lồ Goliath, người gốc Gath, thuộc dòng dõi Enak[259] , đã bước ra. Hắn cao sáu khuỷu tay và một ngón tay[260] , tức là 4 arshin và 14 vershok; trên người hắn mang đầy đủ trang bị chiến đấu bằng đồng: áo giáp vảy, nặng năm nghìn shekel[261] , mũ sắt, giáp gối và khiên; trong tay hắn cầm một cây giáo sắt nặng sáu mươi shekel. Hướng về phía quân đội Y-sơ-ra-ên, Gô-li-át hét lên:

– Hãy chọn ra một người trong các ngươi và để người đó xuống đối đầu với ta; nếu người ấy giết được ta, thì chúng ta sẽ làm nô lệ cho các ngươi; còn nếu ta đánh bại người ấy, thì các ngươi sẽ làm nô lệ cho chúng ta và phải phục vụ chúng ta.

Vẻ ngoài đáng sợ của người khổng lồ khiến con cái Y-sơ-ra-ên khiếp sợ, và không ai trong số họ dám đối đầu với Gô-li-át, người ngày càng trở nên kiêu ngạo hơn và trong suốt bốn mươi ngày, hắn liên tục sỉ nhục dân Y-sơ-ra-ên.

Các anh em của Đa-vít lúc bấy giờ đang ở trong số các chiến binh ra trận chống lại dân Phi-li-tin; một lần nọ, Y-sai sai con trai út của mình đến quân đội để thăm các anh em và mang cho họ một ít lương thực. Chàng trai trẻ đến khu trại quân khi quân đội đã xếp hàng và đang hò reo chuẩn bị chiến đấu; Đa-vít vội vã chạy đến hàng ngũ quân đội Y-sơ-ra-ên để gặp các anh em. Trong khi cậu đang trò chuyện với các anh, Goliath bước ra từ hàng ngũ quân Philistine và bắt đầu thốt lên những lời kiêu ngạo; khi nhìn thấy người khổng lồ, dân Y-sơ-ra-ên hoảng sợ bỏ chạy, trong hàng ngũ họ thì thầm:

– Nếu ai giết được Goliath, nhà vua sẽ ban cho người ấy của cải dồi dào, gả con gái mình cho người ấy, và giải phóng gia đình cha người ấy khỏi ách nô lệ ở Israel.

Con trai trẻ của Y-sê-a vô cùng phẫn nộ trước sự kiêu ngạo của gã khổng lồ Philistine.

– Sao tên Philistine chưa cắt bì này lại dám sỉ nhục quân đội của Đức Chúa Trời Hằng Sống như vậy? – Đa-vít nói với các chiến binh Y-sơ-ra-ên một cách phẫn nộ.

Lời nói của chàng trai trẻ đã đến tai vua, và nhà vua đã cho gọi chàng đến. Lời nói của Đa-vít tràn đầy đức tin vững chắc vào sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời khi chàng xin Sa-un cho phép mình giao chiến với Gô-li-át, đến nỗi cuối cùng nhà vua đã nói:

– Hãy đi, và xin Chúa ở cùng ngươi. Đa-vít từ chối bộ giáp chiến mà ông đã được mặc theo lệnh của Sa-un, vì ông không quen với nó. Ông cầm lấy cây gậy chăn cừu, cây ná và túi đựng năm viên đá trơn nhẵn nhặt được từ suối, rồi với trang bị như vậy, ông tiến ra đối mặt với Gô-li-át.

Trước những lời chế nhạo và lăng mạ của người khổng lồ Philistine, Đa-vít đáp lại:

– Ngươi đến chống lại ta với gươm, giáo và khiên, còn ta đến chống lại ngươi nhân danh Đức Giê-hô-va Sa-va-ô-phát, Đức Chúa Trời của các đạo binh Y-sơ-ra-ên, Đấng mà ngươi đã phỉ báng. Hôm nay, Đức Giê-hô-va sẽ phó ngươi vào tay ta, ta sẽ giết ngươi, chặt đầu ngươi, rồi giao xác ngươi cùng xác quân đội Phi-li-tin cho chim trời và thú rừng; và cả đất sẽ biết rằng có Đức Chúa Trời ở Y-sơ-ra-ên. Và cả đám đông này sẽ biết rằng Đức Giê-hô-va không cứu rỗi bằng gươm hay giáo.

Và niềm tin vào sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời đã không làm chàng trai trẻ phải hổ thẹn: hòn đá được bắn trúng đích từ chiếc ná của Đa-vít đã đánh trúng trán người khổng lồ với sức mạnh đến nỗi Gô-li-át ngã xuống đất; lúc đó, Đa-vít chạy đến bên hắn và dùng chính thanh gươm của hắn để chém đứt đầu hắn. Bị choáng váng trước

---

[257] Dân Philistine – hậu duệ của Mesraim, con trai của Ham; dân tộc này có quan hệ họ hàng với người Ai Cập, sống ở phần tây nam của Palestine, dọc theo bờ Biển Địa Trung Hải trong thung lũng Sefel.

[258] Sokhof, nay là Shuweike, là một thành phố nằm ở vùng đồi núi, cách Jerusalem 24 verst về phía tây nam. Azek, nay là Deir al-Azbek, cách Sokhof 13 verst về phía bắc. Ê-phê-sơ-Dam-mim (ranh giới máu) nằm tại vị trí của Beid-Fazeb (ngôi nhà đổ máu) ngày nay – cách A-zê-cơ 2 verst về phía nam.

[259] Các thám tử Do Thái gọi các con trai của Enak là những người khổng lồ (Số 13:34); về việc họ cư ngụ tại Gath, xem Giô-suê 11:22.

[260] Đơn vị đo chiều dài của người Do Thái: một khuỷu tay bằng 12 vershok; một pyaďen bằng 6 vershok.

[261] Một shekel Do Thái nặng 3 zolot. 34, 40 dol.

chiến công của Đa-vít, quân Phi-li-tin bỏ chạy tán loạn, còn quân đội Y-sơ-ra-ên, sau khi chiếm được trại của chúng, đã truy đuổi kẻ thù một cách chiến thắng cho đến tận biên giới đất nước chúng.

Cầm trên tay cái đầu của người khổng lồ đã bị giết, Đa-vít trình diện trước Sa-un. Vị vua vui mừng đã giữ chàng trai trẻ lại bên mình và, trước sự hân hoan của toàn dân, phong cho chàng chức vụ tướng quân. Khi những người chiến thắng trở về nhà, trên đường đi, ở tất cả các thành phố của Israel, người ta đều tổ chức những buổi đón tiếp long trọng dành cho họ, và các phụ nữ nhảy múa, đánh trống và cồng, đồng thời hát bài ca chiến thắng với điệp khúc:

– Sa-un đã đánh bại hàng ngàn người, còn Đa-vít thì hàng chục ngàn.

Sự thể hiện tình yêu của dân chúng dành cho Đa-vít như vậy khiến vua khó chịu; Sau-lơ được nhà tiên tri báo rằng Đức Giê-hô-va đã từ chối vương quyền của ông và trao cho người khác, nên vua bắt đầu nhìn thấy trong Đa-vít người kế vị của mình và trở nên nghi kỵ đối với chàng trai trẻ. Căn bệnh nặng nề đang hành hạ Sau-lơ vì thế càng trở nên trầm trọng hơn, và đôi khi vua rơi vào cơn điên loạn; hai lần trong những cơn điên loạn đó, ông đã ném giáo vào Đa-vít, người đang chơi đàn hạc để xoa dịu nhà vua, nhưng chàng trai trẻ, được Thánh Linh của Đức Chúa Trời che chở, đã thoát khỏi cái chết; sau đó, Sa-un bắt đầu sợ hãi Đa-vít và đuổi chàng ra khỏi bên mình, bổ nhiệm chàng làm chỉ huy một ngàn quân. Trong chức vụ này, Đa-vít đã hành động khôn ngoan trong mọi việc, nhờ đó mà được dân chúng yêu mến hơn nữa, khiến Sa-ul vô cùng bất mãn và bắt đầu tìm cách giết anh.

Ban đầu, nhà vua hành động một cách xảo quyệt, cử Đa-vít đi tham gia các cuộc chinh phạt nguy hiểm chống lại dân Phi-li-tin. "Đừng để tay ta giết hắn, mà hãy để tay dân Phi-li-tin giết hắn," – Sa-un âm mưu. Khi cử Đa-vít ra trận, vua hứa gả con gái cả là Mê-rô-va cho chàng, nhưng sau đó lại gả cô cho người khác, còn đề nghị Đa-vít kết hôn với con gái thứ hai là Mê-lô-la, với điều kiện là Đa-vít phải thực hiện một cuộc chinh phạt khác còn nguy hiểm hơn nữa.

– Làm con rể vua đâu phải chuyện dễ dàng, trong khi tôi chỉ là một người nghèo khó và tầm thường, – vị tướng trẻ khiêm tốn đáp lại những lời đề nghị đầy tâng bốc ấy.

Chúa đã che chở người được Ngài chọn, và anh luôn trở về với chiến thắng, đến nỗi danh tiếng của anh lan rộng, khiến Sa-un buộc phải gả Mê-lô-la – người yêu David – cho anh. Kể từ đó, lòng ghen tị của Sa-un càng gia tăng; ông trở thành kẻ thù của David suốt đời và công khai bày tỏ ý định giết con rể mình.

Một trong những con trai của Sau-lơ, Giô-na-than dũng cảm, từ thời chiến thắng Gô-li-át, đã yêu mến Đa-vít như chính linh hồn mình; tình bạn khăng khít đã gắn kết hai chàng trai trẻ. Biết được ý định xấu xa của cha mình, Giô-na-than đã nói với Sau-lơ:

– Xin vua chớ phạm tội với tôi tớ của vua là Đa-vít, vì chàng chẳng có tội gì với vua cả, và những việc chàng làm đều rất có ích cho vua; anh ta đã liều mạng mình để đánh bại người Philistine, và Đức Giê-hô-va đã ban sự cứu rỗi vĩ đại cho cả dân Y-sơ-ra-ên; ngài đã thấy điều đó và vui mừng, vậy tại sao ngài lại muốn phạm tội đối với máu vô tội và giết Đa-vít một cách vô cớ?

Vua đã thề sẽ không giết Đa-vít, và mối quan hệ tốt đẹp đã được thiết lập giữa vua và con rể của ngài, nhưng không kéo dài lâu; chẳng bao lâu sau, cuộc chiến với dân Phi-li-tin bùng nổ, trong đó Đa-vít đã giành được chiến thắng quyết định. Lúc đó, trong cơn điên loạn, Sa-un lại một lần nữa định dùng giáo đâm Đa-vít, người đang chơi đàn hạc trước mặt ông, vào tường. Đa-vít kịp chạy trốn và ẩn náu trong nhà mình. Vua sai binh lính bao vây ngôi nhà để bắt Đa-vít khi anh ta ra ngoài và xử tử anh ta. Tình thế của người vô tội đang chịu khổ này thật bế tắc, nhưng Đa-vít không tuyệt vọng, mà tìm sự an ủi và sự giúp đỡ trong lời cầu nguyện, được ghi lại trong Thi thiên thứ 58 do chính ông sáng tác dưới sự soi dẫn của Thánh Linh.

– Xin cứu con khỏi những kẻ thù của con, lạy Đức Chúa Trời của con, – Đa-vít kêu lên, – xin bảo vệ con khỏi những kẻ nổi dậy chống lại con. Vì kìa, chúng đang rình rập linh hồn con, những kẻ mạnh mẽ đang tụ tập chống lại con, không phải vì tội lỗi của con, cũng không phải vì sự phạm tội của con, lạy Chúa, chúng tụ tập và vũ trang mà không phải vì lỗi lầm nào của con. Xin hãy ra tay giúp con và hãy nhìn xuống. Chúng có sức mạnh, nhưng con nương tựa vào Ngài, vì Đức Chúa Trời là Đấng bênh vực con.

Đa-vít đã kêu cầu như vậy, và Đức Chúa Trời đã cứu ông khỏi cái chết chắc chắn nhờ bàn tay của người vợ yêu thương, người đã thả chồng xuống bằng dây thừng từ cửa sổ.

Từ đó, cuộc lưu lạc của Đa-vít bắt đầu. Vua truy đuổi con rể mình *"như đuổi chim cút trên núi"* (1 Sa-mu-ên 26:20). Đa-vít không tìm được nơi nương náu nào, dù là trong các làng mạc của dân Y-sơ-ra-ên hay trong các thành phố của dân Phi-li-tin láng giềng, những người vẫn còn nhớ những chiến thắng trước đây của ông. Giô-na-

than đã cố gắng vô ích để xoa dịu nhà vua, người thậm chí còn gả vợ của Đa-vít cho người khác; thầy tế lễ thượng phẩm A-hi-mê-léc cùng cả gia tộc của ông đã bị Sa-ul xử tử, vì ông nghi ngờ A-hi-mê-léc thông cảm với con rể[262] . Tuy nhiên, Đa-vít đã kịp thời che chở cha mẹ mình khỏi cơn thịnh nộ của vua bằng cách đưa họ đến ở với vua Mo-áp[263] . Theo sự mặc khải của Đức Chúa Trời, được truyền qua tiên tri Ga-đa, Đa-vít đã đến vùng đất của chi phái Giu-đa và ẩn náu ở đó khỏi vua trong những vùng núi non và hoang mạc phía nam Bết-lê-hem; tất cả những ai bất mãn với Sa-ul đều tụ tập xung quanh ông, đến nỗi chẳng bao lâu sau, Đa-vít đã trở thành thủ lĩnh của một đội quân lên đến 400 người, những người dũng cảm và hiếu chiến. Với đội quân này, dù bản thân đang bị vua truy đuổi, Đa-vít vẫn tìm cách phục vụ dân tộc mình; ông đã đánh đuổi dân Phi-li-tin khỏi thành Ke-i-la – một thành phố nằm trong dãy núi Giu-đa mà chúng đã chiếm đóng – và bảo vệ các đàn gia súc đang chăn thả trên những ngọn núi này khỏi những cuộc tấn công của bọn cướp sa mạc.

Đa-vít phó thác cuộc đời mình vào ý muốn của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đã gìn giữ Đấng được xức dầu của Ngài; vậy nên, khi Đa-vít đang ở Ke-ila và Sa-un định bắt ông tại đó, Đức Chúa Trời đã mặc khải cho Đa-vít biết rằng dân thành sẽ giao nộp ông cho vua, vì thế Đa-vít cùng đoàn quân của mình đã rời khỏi thành phố đó và *"họ đi đến bất cứ nơi nào có thể"* (1 Sa-mu-ên 23:13). Tìm được nơi ẩn náu trong những vùng sa mạc núi non, không có cây cối nào, là Ziph và Maon, ở bờ tây Biển Chết, Đa-vít suýt nữa đã bị quân đội của vua vây hãm, nhưng vào lúc đó, Sau-lơ nhận được tin về cuộc tấn công của người Phi-li-tin và buộc phải tạm ngừng cuộc truy đuổi. Sau khi đánh lui kẻ thù, vua dẫn quân trở về từ sa mạc để bắt Đa-vít. Trong lúc truy lùng những kẻ đào tẩu tại vùng đất hoang dã đầy khe núi và hang động này, một lần nọ, Sau-lơ bước vào một hang động, nơi lúc đó Đa-vít đang ẩn náu cùng một số người trung thành của mình. Không nhận ra những kẻ thù đang ẩn nấp trong bóng tối, Sa-un cởi áo choàng ra, trong khi những người vây quanh Đa-vít nhận ra vua và nói với thủ lĩnh của họ:

– Hôm nay chính là ngày mà Đức Giê-hô-va đã phán cùng ngươi: 'Này, Ta sẽ phó kẻ thù của ngươi vào tay ngươi, và ngươi sẽ làm với hắn theo ý muốn của ngươi.'

Đa-vít đáp:

– Xin Chúa đừng để tôi làm điều đó với chúa tôi, Đấng được Chúa xức dầu, để tôi giơ tay lên chống lại ngài, vì ngài là Đấng được Chúa xức dầu.

Ông cẩn thận cắt một mảnh áo choàng của Sa-un, và khi vua bước ra khỏi hang động và đi xa một đoạn, ông gọi ông ấy lại. Sa-un quay lại, còn Đa-vít, sau khi cúi mình xuống đất trước mặt vua, bắt đầu thuyết phục vua đừng tin những lời vu khống độc ác.

– Thưa cha, – chàng trai trẻ nói, – xin hãy nhìn mép áo của cha trong tay con; con đã cắt mép áo của cha, nhưng không giết cha. Xin cha hãy nhận ra và tin chắc rằng trong tay con không có điều ác, cũng không có mưu mô, và con không phạm tội chống lại cha, nhưng cha lại tìm cách cướp đi mạng sống của con. Xin Đức Giê-hô-va phán xét giữa tôi và ngài, và xin Đức Giê-hô-va báo thù cho tôi, nhưng tay tôi sẽ không giơ lên chống lại ngài. Đức Giê-hô-va sẽ xem xét và phân xử vụ việc của tôi, và cứu tôi khỏi tay ngài.

Sa-un đã vô cùng xúc động trước lòng khoan dung của người mà ông đang truy đuổi, và trong nước mắt, ông đã thừa nhận mình đã sai lầm; sau đó, nhà vua trở về kinh đô của mình, còn Đa-vít tiếp tục lang thang trong sa mạc.

Sa-un không nhớ lâu về hành động cao thượng của Đa-vít. Bản tính đa nghi của chính mình cùng với sự lớn mạnh của Đa-vít – số người đồng cảm với ông ngày càng tăng – đã thúc đẩy nhà vua tiếp tục cuộc truy đuổi, và với một đội quân ba nghìn người, Sa-un lại tiến vào sa mạc. Đa-vít theo dõi sát sao các động thái của nhà vua, và khi nhà vua dựng trại trên một ngọn đồi, Đa-vít đã chiếm giữ một vị trí trên núi, từ đó có thể quan sát được trại quân của nhà vua. Để tìm hiểu chính xác hơn về lực lượng của Sau-lơ, Đa-vít cùng với một trong những người theo mình là A-bê-sô, đã lẻn vào trại vua vào ban đêm; sự lơ là của các tướng lĩnh hoàng gia lớn đến mức ngay cả lều vua cũng không có người canh gác, và Đa-vít cùng người đồng hành đã bước vào đó. Sa-un đang ngủ say, một cây giáo cắm xuống đất đứng ngay đầu giường ông. A-ve-sa tình nguyện dùng cây giáo đó đâm Sa-un đến chết, nhưng Đa-vít nói:

---

[262] Khi Đa-vít, trong thời gian lang thang, đến gặp A-hi-mê-léc, ông đã cho anh ta bánh thánh và thanh gươm của Gô-li-át. Tin tức này đã đến tai Sa-un, vì vậy ông nghi ngờ vị thượng tế có lòng thông cảm với Đa-vít.

[263] Dân Mo-áp là con cháu của Ma-na, con trai của Lót, họ sống ở phía đông Biển Chết.

– Chúc tụng Đức Giê-hô-va! Xin Đức Giê-hô-va là Đấng giết ông ấy; hoặc đến ngày định sẵn thì ông ấy sẽ chết, hoặc ra trận thì sẽ tử trận; còn tôi, xin Đức Giê-hô-va đừng để tôi giơ tay lên chống lại người được xức dầu của Ngài!

Ông lấy cây giáo và chén nước trong lều để cho Sa-un thấy rằng mạng sống của nhà vua lại nằm trong tay ông, rồi lặng lẽ rời khỏi trại quân mà không ai hay biết. Khi trở về trại của mình,

Đa-vít đã lớn tiếng quở trách các tướng lĩnh của vua vì đã không bảo vệ nhà vua cẩn thận. Sau-lơ nghe thấy tiếng Đa-vít và bắt đầu trò chuyện với anh từ xa.

Vua nói:

– Ta đã phạm tội, hãy trở về đi, con trai ta là Đa-vít, vì ta sẽ không làm hại con, bởi vì linh hồn ta hiện nay rất quý giá trong mắt con; ta đã hành động điên rồ và phạm rất nhiều tội lỗi.

Đa-vít đáp:

– Đây là cây giáo của nhà vua, xin cho một trong các thiếu niên đến lấy nó đi. Nguyện Chúa ban thưởng cho mỗi người theo công lý và sự chân thật của họ, vì Chúa đã phó nhà vua vào tay con, nhưng con không muốn giơ tay lên chống lại người được Chúa xức dầu. Và xin cho cuộc đời tôi được Chúa quý trọng như cách ngài đã quý trọng cuộc đời tôi, và xin Ngài che chở tôi và giải cứu tôi khỏi mọi tai ương.

Khi chia tay, Sa-un đã chúc phước cho Đa-vít nhân danh Đức Chúa Trời, và từ đó họ không còn gặp lại nhau nữa.

Đa-vít có nhiều lý do để không tin tưởng vào những ý định tốt đẹp và lời hứa của Sau-lơ, nên ông cho rằng an toàn hơn cho mình là rời khỏi biên giới vương quốc Y-sơ-ra-ên và di cư đến xứ Phi-li-tin. Tại biên giới phía nam của vùng đất này có thành Sê-kê-lác, nơi mà vua Phi-li-tin đã dành cho Đa-vít cùng những người trung thành với ông, với số lượng lên đến 600 người, để cư ngụ. Từ đây, Đa-vít đã tiến hành các cuộc tấn công chống lại cư dân sa mạc, những kẻ thù truyền kiếp của dân Y-sơ-ra-ên. Trong khi đó, vua Philistine đã phát động một cuộc xâm lược dữ dội vào đất Israel và yêu cầu Đa-vít cùng đội quân của mình phải tham gia vào cuộc tấn công này. Điều này thật khó khăn vô cùng đối với Đa-vít, người hết lòng yêu mến dân tộc mình, nhưng ngay cả trong hoàn cảnh này, sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời – Đấng mà ông luôn đặt trọn niềm tin – cũng không bỏ rơi ông: các quan Philistine nghi ngờ rằng, với tư cách là một người Do Thái, ông không thể là đồng minh trung thành của những kẻ thù của quê hương mình, và họ đã khăng khăng yêu cầu Đa-vít trở về Si-ke-lác. Trên đường trở về, ông mới biết rằng thành phố của mình đã bị người Amalek tàn phá[264] , những kẻ đã bắt giữ gia đình và tài sản của cả ông lẫn những người theo ông, rồi đưa họ vào sa mạc. Trong chính đội quân của Đa-vít đã nổ ra sự phẫn nộ; trong nỗi đau đớn tột cùng vì con trai và con gái của họ bị kẻ thù bắt đi, các đồng đội của Đa-vít đã muốn ném đá ông. Nhưng Đa-vít đã vững tin nơi Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của mình, đuổi theo bọn cướp và giành lại toàn bộ chiến lợi phẩm của chúng.

Cuộc chiến đang diễn ra giữa người Philistine và người Israel lúc bấy giờ đã kết thúc bằng thất bại của phe Israel tại vùng núi Gelboe[265] ; trong trận chiến này, Sa-ul và con trai ông là Giô-na-than đã tử trận. Tin tức về cái chết của họ được một người Amalek mang đến cho Đa-vít; người này kể lại rằng, theo yêu cầu của Sau-lơ, ông đã giết vua khi ông đang bị dân Phi-li-tin truy đuổi. Nghe câu chuyện đó, Đa-vít kêu lên:

– Sao ngươi lại không sợ mà dám giơ tay giết người được Chúa xức dầu?

Và ông ra lệnh xử tử người đưa tin. Đa-vít đã trút nỗi buồn chân thành và sâu sắc về Sa-ul, người đã truy đuổi ông, và về người bạn thân yêu Giô-na-than của mình vào một bài ca đầy cảm hứng:

– Hỡi những ngọn núi Gelbui, – nhà soạn Thánh vịnh thốt lên, – xin đừng có sương hay mưa rơi xuống các ngươi, và xin đừng có những cánh đồng trĩu quả trên các ngươi, vì ở đó lá chắn của những người mạnh mẽ, lá chắn của Sa-un, đã bị đánh đổ, dù nó đã được xức dầu thánh. Sa-un và Giô-na-than, những người thân thiết và hòa thuận trong cuộc đời, cũng không xa cách nhau sau khi qua đời; họ nhanh như đại bàng và mạnh mẽ như sư tử. Ta thương tiếc ngươi, – hỡi anh em Giô-na-than của ta, ngươi rất quý giá đối với ta, tình yêu của ngươi dành cho ta còn cao quý hơn cả tình yêu của người phụ nữ.

Sau khi than khóc cho Sa-un và Giô-na-than, Đa-vít, theo sự mặc khải của Đức Chúa Trời, đã đi đến vùng đất của chi phái Giu-đa và định cư cùng tất cả các bạn đồng hành của mình tại Hê-bơ-rôn[266] . Tại đây, Đa-vít được

---

[264] Dân Amalek là con cháu của Ê-sau; dân tộc này cư ngụ ở vùng đất giữa xứ Phi-li-tin và Ai Cập.

[265] Những ngọn núi này bao quanh từ phía nam thung lũng Ê-xê-rê-lôn, nơi phân chia Ga-li-lê với Sa-ma-ri.

xức dầu và được xưng là vua của miền nam nước Y-sơ-ra-ên[267] , trong khi đó, con trai của Sau-lơ là Giê-vô-sê, người được tướng quân A-ven-i-rơ đưa lên ngôi, đã lên ngôi cai trị phần còn lại của vương quốc. Sự chia rẽ vương quốc kéo dài khoảng hai năm, nhưng theo lời Đức Chúa Trời phán qua tiên tri Sa-mu-ên, quyền cai trị Y-sơ-ra-ên không thể ở lại trong dòng dõi của Sau-lơ. Yê-vô-sê-a bị hai kẻ phản bội trong số các vệ sĩ của chính mình sát hại; những kẻ sát nhân mang đầu ông đến cho Đa-vít và hy vọng nhận được phần thưởng. Nhưng Đa-vít, sau khi than khóc cho cái chết của đối thủ mình, đã kêu lên:

– Chúa hằng sống, Đấng đã giải cứu linh hồn tôi khỏi mọi nỗi đau khổ! Nếu người đã mang tin cho tôi rằng Sa-un đã chết, và tự coi mình là sứ giả mang tin vui, tôi đã bắt và giết người ấy tại Si-ke-la-gơ, thay vì thưởng cho người ấy, thì bây giờ, khi những kẻ vô lại đã giết một người vô tội ngay trong nhà mình, trên giường ngủ của người ấy, thì làm sao ta lại không đòi lại máu từ tay các ngươi và tiêu diệt các ngươi khỏi mặt đất!

Và những kẻ giết người đã bị xử tử. Sau đó, các đại diện của tất cả các chi phái Y-sơ-ra-ên tụ họp tại Hê-bơ-rôn, và Đa-vít, trong sự hân hoan chung của dân chúng, đã được xức dầu làm vua của cả Y-sơ-ra-ên.

Việc đầu tiên Đa-vít làm là thiết lập thủ đô mới cho vương quốc; với mục đích này, ông đã chọn một pháo đài kiên cố nằm ở ranh giới giữa các chi phái Giu-đa và Bê-ni-a-min, vốn thuộc quyền kiểm soát của bộ tộc Giê-vu-sê thuộc dân Ca-na-an; khi những người này từ chối nhượng lại pháo đài đó cho Đa-vít một cách tự nguyện, tướng quân của ông là Giô-áp đã chiếm pháo đài này bằng một cuộc tấn công trực diện; Đa-vít đặt tên cho pháo đài này là Giê-ru-sa-lem, tức là "thành phố hòa bình", và xây dựng cung điện mới của mình tại đây; thủ đô mới này chẳng bao lâu đã phát triển rực rỡ và giàu có, và sau này trở thành thành phố nổi tiếng nhất trên thế giới, là nơi diễn ra những sự kiện quan trọng nhất trong công cuộc cứu rỗi loài người. Để thánh hiến thủ đô của mình và để bản thân được ở gần ngay nơi ngự trị của vinh quang Chúa, Đa-vít đã dựng tại Giê-ru-sa-lem một Đền Tạm, hoàn toàn giống với Đền Tạm mà Môi-se đã dựng theo lệnh của Đức Chúa Trời trong sa mạc, và vào thời Đa-vít, Đền Tạm đó đang được đặt tại Ga-va-ôn[268] . Tại đây, ông đã chuyển Hòm Giao Ước – vật thánh thiêng liêng nhất của dân Chúa – từ Kiriath-Jearim đến[269] . Lễ rước Hòm Giao Ước diễn ra trong không khí trang nghiêm và long trọng. Có tới bảy mươi nghìn người Israel tham gia vào đoàn rước. Ban đầu, Hòm Giao Ước được chở trên xe ngựa, nhưng vì Đức Chúa Trời đã giết chết một người Israel đã dám chạm vào Hòm Giao Ước để đỡ nó khi xe ngựa bị lắc lư, nên trong suốt quãng đường còn lại, Hòm Giao Ước được các thành viên của chi phái Lê-vi, những người thuộc dòng dõi tư tế, khiêng trên tay. Mỗi khi những người khiêng Hòm Giao Ước đi được sáu bước, người ta lại dâng lên Đức Chúa Trời của lễ gồm một con bò tơ và một con cừu. Đoàn rước tiến bước trong tiếng hát các thánh vịnh, tiếng kèn vang dội cùng các nhạc cụ khác, và những tiếng reo hò vui mừng của dân chúng. Chính nhà vua, trong niềm hân hoan đầy kính sợ, đã nhảy múa trước Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va, cởi bỏ áo hoàng bào và chỉ mặc áo lanh của thầy tế lễ. Khi Hòm Giao Ước được đặt vào vị trí của nó trong Đền Tạm, Đa-vít dâng lên Đức Giê-hô-va của lễ thiêu và của lễ bình an, rồi ban phước cho dân chúng nhân danh Đức Giê-hô-va Sa-va-ô-phát. Vợ ông là Mê-chô-la, người mà Đa-vít đã đón về sau khi Sa-un qua đời, đã trách mắng vua vì cách hành xử của ông khi rước Hòm Giao Ước, cho rằng điều đó làm tổn hại đến phẩm giá hoàng gia ngay cả trong mắt các phụ nữ. Nhưng Đa-vít đáp lại:

– Ta sẽ nhảy múa và vui chơi trước mặt Đức Giê-hô-va; ta sẽ hạ mình xuống hơn nữa và trở nên hèn mọn hơn nữa trong mắt ta, còn trước mặt các nữ tỳ mà ngươi nói đến, ta sẽ được vinh hiển.

Cũng như tại Đền Tạm xưa ở Gabaon, và trước Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời, "trên đó có khắc danh hiệu Đức Giê-hô-va Sa-va-ô-phát, Đấng ngự trên các chê-ru-bim", Đa-vít đã thiết lập trật tự thờ phượng, theo luật pháp đã được ban cho qua Môi-se. Với mục đích này, ông đã chia các con cháu Lê-vi được chỉ định để phục vụ Đức Chúa Trời thành các nhóm, phân công nhiệm vụ phụng vụ cho từng nhóm. Những nhạc sĩ và ca sĩ xuất sắc nhất đã được chọn, những người phải thành lập các dàn hợp xướng đúng quy cách và soạn các bài thánh ca cho các buổi thờ phượng, cũng như tôn vinh Đức Chúa Trời "bằng cách thổi kèn, gõ cymbal và các nhạc cụ khác". Những người đó là Ê-man, A-sáp và Ê-phan, và đứng đầu họ chính là Đa-vít, người trong những năm tháng thử thách đã thấu

---

[266] Hevron là một trong những thành phố cổ xưa nhất của Palestine: thành phố này nằm cách Bethlehem khoảng 20 verst về phía nam, nơi đây có các ngôi mộ của các tổ phụ Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp cùng gia đình của họ (ngoại trừ Ra-chên, người được chôn cất tại Bethlehem).

[267] Đó là vào khoảng năm 1055 trước Công nguyên.

[268] Ngày nay là làng El-Jib, cách Jerusalem hai giờ đi về phía bắc.

[269] Kariath-Jearim – một thành phố Canaan gần Gibeon.

hiểu cách đặc biệt những con đường của Đấng Tạo Hóa và không ngừng tuôn trào những cảm xúc sùng kính của mình qua những thi thiên đầy cảm hứng.

Trong những bài ca thiêng liêng này, Đa-vít đã miêu tả sự nặng nề và sâu sắc của những đau khổ oan ức do sự bắt bớ gây ra; còn qua các thánh vịnh, ông tự an ủi mình trong nỗi sợ hãi, xoa dịu nỗi buồn của mình, đồng thời kìm nén những cơn giận dữ và phẫn nộ chính đáng trước sự bất công của con người; trong đó, ông cũng trút lên trước mặt Đức Chúa Trời nỗi đau buồn sâu thẳm của mình và cầu xin sự giúp đỡ của Ngài: qua những bài thánh ca, Đa-vít đã tiếp thêm sức mạnh cho tinh thần mình để chịu đựng những đau khổ một cách cam chịu, củng cố niềm tin vào Đức Chúa Trời là Đấng giúp đỡ, và dâng lên Ngài lời ngợi khen và tạ ơn vì sự chăm sóc và bảo vệ không ngừng của Ngài giữa muôn vàn nguy hiểm. Đồng thời, không hiếm khi, từ việc miêu tả những đau khổ của chính mình với niềm hy vọng được giải thoát, vị tác giả Thánh vịnh bị bách hại, trong tinh thần tiên tri, đã đưa tâm hồn mình qua những bài thánh ca đến một tương lai xa xôi và chiêm ngưỡng Đấng Chịu Khổ – Đức Kitô; trong những đau khổ vô tội của Ngài, vị tiên tri-người hát thánh vịnh đã nhìn thấy chiến thắng toàn cầu trước cái ác và sự khai mở vương quốc công lý mới[270] . Khi Đa-vít trở thành vua của toàn thể Y-sơ-ra-ên, – ngài đã sử dụng tài năng ca hát cao quý của mình để nuôi dưỡng trong dân tộc tinh thần đức tin và sự kính sợ Đức Chúa Trời[271] , lòng yêu nước[272] , lòng dũng cảm[273] , công lý[274] và các đức tính tốt đẹp khác. Tất cả những sự kiện quan trọng nhất trong triều đại của Đa-vít đều được thể hiện qua những bài ca tuôn trào từ tâm hồn đạo đức của vị vua-nhạc sĩ. Theo lời chứng của Si-ra-khô, người con trai khôn ngoan, Đa-vít *"sau mỗi việc làm của mình đều dâng lời tạ ơn Đấng Tối Cao bằng những lời ca ngợi; từ tận đáy lòng, ngài ca ngợi và yêu mến Đấng Tạo Hóa của mình. Và ngài đã đặt các ca sĩ trước bàn thờ để bằng giọng hát của họ làm cho bài ca thêm du dương; ngài đã làm cho các lễ hội trở nên trang nghiêm và xác định chính xác các thời điểm để họ ngợi khen danh thánh của Ngài và từ sáng sớm đã làm vang dội Đền Thánh"* (Sir. 47:9–12).

Với lòng nhiệt thành trong việc tôn vinh danh Chúa, Đa-vít đã nói với tiên tri Na-phân:

– Này, tôi đang sống trong một ngôi nhà bằng gỗ tuyết tùng, còn Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời lại đang ở dưới lều.

Vị tiên tri đã tán thành ý định của vua về việc xây dựng một đền thờ vĩnh viễn cho Chúa, nhưng ngay trong đêm đó, ông đã nhận được sự mặc khải từ Chúa và truyền lại cho Đa-vít. Chúa phán với Đa-vít qua vị tiên tri:

– Khi những ngày của ngươi đã trọn và ngươi an nghỉ cùng các tổ phụ ngươi, thì Ta sẽ lập một người con cháu ngươi, người sẽ ra từ lòng ngươi, làm vua kế vị ngươi, và Ta sẽ củng cố vương quốc của người ấy. Người ấy sẽ xây dựng ngôi nhà cho Danh Ta, và Ta sẽ củng cố ngai vàng vương quốc của người ấy mãi mãi. Ta sẽ là Cha của người ấy, và người ấy sẽ là Con của Ta; và nếu người ấy phạm tội, Ta sẽ trừng phạt nó bằng cây gậy của loài người và dây cương của con cái loài người, nhưng Ta sẽ không tước bỏ ân sủng của Ta khỏi nó, như Ta đã tước bỏ khỏi Sa-ul, người mà Ta đã từ chối trước mặt ngươi. Và nhà ngươi cùng vương quốc ngươi sẽ vững bền mãi mãi trước mặt Ta, và ngai vàng của ngươi sẽ tồn tại mãi mãi.

Lời hứa cao cả này, vốn là bằng chứng quan trọng nhất về ân sủng đặc biệt của Đức Chúa Trời dành cho Đa-vít và dòng dõi của ông, đã làm sáng tỏ và nâng cao tầm nhìn tiên tri của nhà vua về số phận tương lai của vương quốc mình. Nhà tiên tri kiêm tác giả Thi thiên tìm thấy trong lời hứa này một nguồn cảm hứng vô tận cho những bài ca về vương quốc vĩnh cửu sắp đến của Con trai Đa-vít, Đấng Christ, Đấng Cứu Thế của thế gian, Đấng mà ông xưng nhận là Con Thiên Chúa từ thuở đời đời, và tự xưng mình là tôi tớ của Ngài. Trong những chiến thắng trước các dân tộc lân cận, Đa-vít nhìn thấy sự thất bại của kẻ thù Đấng Christ và sự lan rộng toàn cầu của quyền cai trị Ngài, đồng thời loan báo vinh quang tương lai của vương quốc Đấng Christ qua những bài thánh ca trang nghiêm.

Và Đa-vít cai trị toàn thể Y-sơ-ra-ên, thi hành công lý và sự công bình cho toàn thể dân Ngài. Khi thiết lập trật tự nội bộ trong vương quốc Y-sơ-ra-ên – vốn đã bị xáo trộn trong những năm cuối cùng dưới triều Sa-un – Đa-vít trước hết quan tâm đến việc làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, Vua Thiên Đàng của Y-sơ-ra-ên, Đấng mà ông là đại

---

[270] Thi thiên 33; Thi thiên 51; Thi thiên 53; Thi thiên 55; Thi thiên 56; Thi thiên 58; Thi thiên 14.

[271] Thi thiên 1; Thi thiên 11; Thi thiên 13; Thi thiên 14; Thi thiên 18; Thi thiên 23; Thi thiên 28; Thi thiên 35; Thi thiên 63; Thi thiên 103; Thi thiên 104; Thi thiên 121; Thi thiên 144.

[272] Thi thiên 132.

[273] Thi thiên 9; Thi thiên 19; Thi thiên 20; Thi thiên 32, v.v.

[274] Thi thiên 14; Thi thiên 36 và các bài khác.

diện, và vì lợi ích của dân chúng. Mục đích duy nhất của cả cuộc đời ông là tuân giữ luật pháp do Đức Chúa Trời ban cho và khiến nó trở thành điều bắt buộc đối với tất cả thần dân của mình. Nhờ cách cai trị như vậy của Đa-vít, thủ đô của ông, Giê-ru-sa-lem, trong suốt nhiều năm sau đó đã trở thành "thủ đô trung thành, tràn đầy công lý". Sự vâng phục trọn vẹn của Đa-vít đối với ý muốn thiêng liêng của Đức Chúa Trời đã được đền đáp bằng những chiến thắng lừng lẫy của ông trước các dân ngoại; dưới triều đại của ông, vương quốc Y-sơ-ra-ên đã vươn tới những ranh giới đã được hứa ban cho dòng dõi Áp-ra-ham khi lập giao ước. Nhờ những chiến thắng của Đa-vít, quyền lực của ông trải dài từ Biển Đen đến sông Êu-phơ-rát, ở phía nam vươn tới sa mạc Ả Rập, ở phía bắc bao trùm Sy-ri, và ở phía tây kết thúc tại Biển Địa Trung Hải. Vào thời điểm đó, Israel là một quốc gia hùng mạnh, cai trị nhiều dân tộc phải nộp cống, giàu có nhờ của cải trong nước cũng như chiến lợi phẩm, và nhờ sự an toàn tuyệt đối dành cho thần dân của vua Do Thái cùng tài sản của họ. Trước những biểu hiện rõ ràng như vậy của ân sủng Thiên Chúa, Đa-vít chỉ còn biết khiêm nhường tạ ơn Thiên Chúa và làm điều thiện để tôn vinh Danh Thánh của Ngài. Tuy nhiên, những điểm yếu và sự bất lực vốn có của con người cũng không xa lạ gì với Đa-vít; bị bao quanh bởi vinh quang và sự huy hoàng trần thế, ông đã để những điểm yếu đó bộc lộ, và hậu quả của điều đó đối với ông đã trở nên vô cùng nặng nề.

Giống như các vị vua phương Đông khác, Đa-vít có nhiều vợ và thiếp; sự xa hoa và tráng lệ của triều đình đi kèm với điều này đã có tác động làm hư hỏng và làm lỏng lẻo bản chất đạo đức của Đa-vít. Vì vậy, khi một lần, trong lúc dạo chơi trên mái cung điện của mình, ông nhìn thấy một người phụ nữ xinh đẹp đang tắm trong sân nhà hàng xóm, ông đã không kìm nén được dục vọng tội lỗi trong lòng, mà ra lệnh cho người ta đưa người phụ nữ đó đến gặp mình. Người phụ nữ này, tên là Batsheba, là vợ của Uriah, một trong những tướng lĩnh của Đa-vít, người lúc đó đang đi chinh chiến, và đã mang thai với nhà vua. Khi biết chuyện này, Đa-vít ban đầu cố gắng che giấu tội lỗi của mình trước mặt người chồng, vì vậy ông đã triệu tập người chồng đến gặp vợ tại Giê-ru-sa-lem; nhưng khi kế hoạch đó không thành công, ông ra lệnh cho tổng tư lệnh của mình đặt U-ri-a vào vị trí nguy hiểm nhất trong trận chiến. U-ri-a đã bị giết trong trận chiến, còn Vi-sa-vi-a trở thành vợ của Đa-vít và sinh cho ông một người con trai. Và việc làm đó của Đa-vít là điều ác trong mắt Đức Giê-hô-va. Để quở trách nhà vua, tiên tri Na-than đã đến gặp ông và nói với Đa-vít nhân danh Đức Giê-hô-va:

– Sao ngươi lại coi thường lời Đức Giê-hô-va, làm điều ác trước mặt Ngài? Vì thế, gươm sẽ không bao giờ rời khỏi nhà ngươi, vì ngươi đã coi thường Ta và lấy vợ của U-ri.

Cùng lúc đó, vị tiên tri đã tiên đoán về cái chết sắp xảy ra của đứa trẻ do Bết-sa-ba sinh ra. Đứa trẻ quả thực đã lâm bệnh; Đa-vít đã cầu nguyện cho đứa trẻ suốt bảy ngày trong sự cô độc hoàn toàn, không ăn uống và không ngủ. Khi đứa trẻ qua đời, Đa-vít đã khiêm nhường tuân theo ý muốn của Đức Chúa Trời; sự vâng phục ấy hoàn hảo chẳng kém gì sự ăn năn chân thành và sâu sắc của ông về tội lỗi đã phạm; sự tan nát trong lòng ông được thể hiện qua bài thánh vịnh ăn năn đầy nhiệt huyết, đã trở thành lời cầu nguyện ăn năn vĩnh cửu của mọi tội nhân ăn năn (Thánh vịnh 50).

Sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với tội ác đã phạm sớm bộc lộ trong gia đình Đa-vít qua một loạt sự kiện ghê tởm và đẫm máu. Giữa hai người con trai yêu quý của Đa-vít, sinh ra từ hai người vợ khác nhau, là Amnon và Áp-sa-lôm – cả hai đều là những chàng trai tuấn tú – đã bùng nổ một mối thù chết chóc vì Amnon đã sỉ nhục em gái của Áp-sa-lôm là Tô-ma, và người anh đã trả thù cho sự sỉ nhục đó bằng cách giết Amnon một cách phản bội trong lúc tiệc tùng, rồi bỏ trốn khỏi đất nước. Vua đã than khóc thảm thiết trước sự mất mát những đứa con cưng của mình và chỉ sau vài năm mới cho phép Áp-sa-lôm trở về hoàng cung. Đổi lại ân huệ to lớn này, người con phản bội đã đáp lại cha mình bằng sự vô ơn tột độ. Hắn đã kích động một cuộc nổi loạn chống lại vua Đa-vít, người lúc bấy giờ đã cao tuổi; nhờ sự nịnh hót và thái độ tâng bốc đối với những nhu cầu của dân thường, Áp-sa-lôm đã thu hút được đông đảo những người ủng hộ và tự xưng là vua tại Hê-bron; một âm mưu mạnh mẽ đã hình thành, và dân chúng đổ xô đến và ngày càng đông đảo xung quanh Áp-sa-lôm.

Nghe tin này, Đa-vít cùng một số ít cận thần đã quyết định rút lui đến vùng đất bên kia sông Giô-đanh để đảm bảo an toàn; thượng tế muốn tháp tùng nhà vua cùng Hòm Giao Ước.

Nhưng Đa-vít nói với thượng tế:

– Hãy đưa Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời trở lại thành, và để nó ở đúng vị trí của nó. Nếu tôi được ân sủng trước mặt Đức Giê-hô-va, thì Ngài sẽ đưa tôi trở về và cho tôi được thấy Ngài cùng nơi ở của Ngài. Còn nếu Ngài phán rằng: "Ta không ưng ý ngươi," thì đây, tôi đây: xin Ngài hãy làm với tôi theo ý Ngài muốn.

Sau khi băng qua suối Kedr[275] , Đa-vít đi lên núi Ê-li-ôn; ông vừa đi vừa khóc, đầu ông được che phủ, ông đi chân trần, và tất cả những người đi cùng ông, ai nấy đều che đầu, vừa đi vừa khóc. Những người tốt nhất trong dân chúng cảm thông với hoàn cảnh đau khổ của vị vua già, nhưng cũng có những kẻ lợi dụng cơ hội này để xúc phạm người đang đau khổ mà không bị trừng phạt. Chẳng hạn, có một người tên là Sê-mê-i thuộc dòng dõi Sa-ul đã ngang nhiên chửi rủa nhà vua, ném đá và bùn vào ngài. Bị kích động bởi điều này, những người đi cùng Đa-vít xin phép xử tử kẻ ngang ngược đó, nhưng vị vua đang chịu khổ nói:

– Hãy để hắn yên, cứ để hắn nói xấu, vì Chúa đã truyền cho hắn làm vậy. Có lẽ Chúa sẽ nhìn thấy sự sỉ nhục của tôi, và sẽ ban ân huệ cho tôi để đền bù cho những lời nói xấu của hắn lúc này.

Niềm hy vọng vào lòng thương xót của Đức Chúa Trời cũng được thể hiện qua những bài thánh ca cảm động "[276] ", trong đó, vào thời khắc khó khăn ấy, vị lão niên Đa-vít – người bị xúc phạm đến danh dự của một người cha và một vị vua – đã trút hết tâm hồn mình trước mặt Đức Chúa Trời.

Và Chúa đã giải cứu tôi tớ của Ngài khỏi tai họa đang ập xuống trên người. Bên kia sông Jordan, một đạo quân hùng mạnh đã tập trung xung quanh vị vua hợp pháp; David đã giao quyền chỉ huy đạo quân này cho các tướng lĩnh dày dạn kinh nghiệm là Joab, Abishai và Ephraim. Theo lời khuyên của họ, bản thân David ở lại phía sau quân đội, và ông đã cầu xin các tướng lĩnh tha mạng cho người con trai cũ của mình. Tuy nhiên, lời thỉnh cầu này của ông đã không được đáp ứng: khi quân đội của Áp-sa-lôm bị đánh tan, chính hắn đã tìm cách trốn chạy để thoát thân; trong lúc phi nước đại qua khu rừng, Áp-sa-lôm bị mái tóc bồng bềnh của mình vướng vào cành cây sồi và treo lơ lửng trên đó; tại đó, Joab đã đuổi kịp và bắn chết hắn; thi thể bị xé nát của hoàng tử nổi loạn được ném xuống một cái hố, nơi được lấp đầy bằng một đống đá khổng lồ, theo quy định của Luật Môi-se rằng những đứa con bất tuân phải bị ném đá đến chết. Khi biết tin này, người cha bất hạnh đã không còn nhớ đến những điều xấu xa mà con trai mình đã gây ra cho ông; ông đi lên phòng trên và khóc lóc, và trong lúc đi, ông nói như thế này:

– Con trai ta ơi, Áp-sa-lôm, con trai ta, con trai ta ơi, Áp-sa-lôm! Ôi, ai sẽ cho ta chết thay con, Áp-sa-lôm, con trai ta, con trai ta!

Đa-vít cũng phải chịu những nỗi đau lòng vì những tai họa giáng xuống dân chúng, mà Đức Chúa Trời đã giáng xuống đất Y-sơ-ra-ên; đó là nạn đói kéo dài ba năm và dịch bệnh kéo dài ba ngày. Với lòng khiêm nhường và vâng phục ý Chúa, Đa-vít đã đón nhận những thử thách này, làm nguôi ngoai công lý của Đức Chúa Trời bằng những lời cầu nguyện và các lễ thiêu toàn bộ để chuộc tội cho chính mình và dân tộc mình.

Những năm cuối cùng của triều đại, trôi qua trong hòa bình bất biến, Đa-vít dành để chuẩn bị cho công việc vĩ đại mà, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, người kế vị ông phải thực hiện, đó chính là việc xây dựng Đền Thờ của Đức Chúa Trời. Các bản vẽ của tất cả các công trình trong tòa nhà thiêng liêng đã được hoàn thiện, các bản phác thảo về mọi vật dụng dùng trong thờ phượng đã được chuẩn bị, tất cả vật liệu cần thiết để hoàn thiện đền thờ cũng như các thợ thủ công thuộc mọi lĩnh vực đều đã được tập hợp đầy đủ. Tất cả những điều này, khi còn sống, Đa-vít đã trao lại trước sự chứng kiến của các trưởng lão dân chúng cho con trai mình là Sa-lô-môn, người mà theo lời Chúa, sẽ kế vị ngai vàng; nhân dịp đó, các trưởng lão đã dâng những của lễ dồi dào từ chính họ, và dân chúng vui mừng trước lòng nhiệt thành của họ. Trong lời cầu nguyện đầy cảm hứng, nhà vua đã dâng hiến lên Chúa cả những kho báu mà chính ông đã tích lũy để xây dựng đền thờ, lẫn những của lễ tự nguyện của các thần dân dành cho công trình vĩ đại này.

– Tôi là ai – Đa-vít kêu lên – và dân tôi là ai, mà chúng tôi lại có thể dâng hiến như thế này! Nhưng mọi sự đều đến từ Ngài, và những gì chúng tôi nhận được từ tay Ngài, chúng tôi đã dâng lại cho Ngài. Con biết, lạy Đức Chúa Trời của con, rằng Ngài thử thách lòng người và yêu mến sự chân thành; con đã dâng hiến tất cả những điều này bằng lòng chân thành, và giờ đây con thấy rằng dân Ngài đang có mặt ở đây cũng hân hoan dâng hiến cho Ngài. Lạy Chúa, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Y-sơ-ra-ên, các tổ phụ của chúng con! Xin hãy gìn giữ mãi mãi lòng thành kính này trong tâm hồn dân Ngài và hướng lòng họ về Ngài. Còn đối với Sa-lô-môn, con trai con, xin ban cho nó một trái tim ngay thẳng, để nó tuân giữ các điều răn, các lời mặc khải và các luật lệ của Ngài, thực hiện tất cả những điều này và xây dựng ngôi đền mà con đã chuẩn bị.

---

[275] Dòng suối này chảy qua phía đông của Giê-ru-sa-lem.

[276] Thi thiên 6; Thi thiên 31; Thi thiên 37; Thi thiên 38; Thi thiên 142.

Ngay sau đó, Đa-vít lập Sa-lô-môn làm vua, và ông được thầy tế lễ thượng phẩm Sa-đốc xức dầu phong vương; cả dân chúng đều hân hoan, và tất cả các tôi tớ của Đa-vít đều chúc mừng ông; còn vị vua già, đang bị bệnh tật hành hạ, đã cúi đầu trên giường của mình và nói:

– Ngợi khen Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đấng hôm nay đã ban cho con trai tôi ngồi trên ngai của tôi, và mắt tôi được chứng kiến điều này.

Và Đức Giê-hô-va đã làm cho Sa-lô-môn được vinh hiển trước mặt cả dân Y-sơ-ra-ên, và ban cho ông vinh quang của vương quốc, mà trước đó chưa có vua nào của Y-sơ-ra-ên từng có. Và Đa-vít, con trai của Y-sê, đã cai trị toàn thể Y-sơ-ra-ên; thời gian trị vì của ông là bốn mươi năm: ông cai trị tại Hê-bơ-rôn bảy năm và tại Giê-ru-sa-lem ba mươi ba năm. Ông qua đời trong tuổi già an lành, được no nê về cuộc sống, của cải và vinh quang, và Sa-lô-môn, con trai ông, lên ngôi thay ông.

Thánh Tông đồ Phê-rô gọi vua Đa-vít là nhà tiên tri (Công vụ 2:30). Còn Thánh Athanasius thành Alexandria, trong bài giảng giải về Thánh vịnh 20, dạy rằng: "Vua Đa-vít đã được tôn vinh bởi chính việc sự cứu rỗi cho thế gian đã sinh ra từ dòng dõi của ngài. Vì ngài đã khao khát điều này từ tận đáy lòng và đã cầu nguyện về điều đó. Vì thế, điều này đã được ban cho ngài như một vương miện bằng vàng ròng (Thánh vịnh 20:4), tôn vinh đầu ngài. Vì trong mọi dân tộc, Đa-vít được tôn vinh cùng với Chúa và Con của ngài theo xác thịt. Thậm chí, sự cứu rỗi này không chỉ là vương miện đối với ngài, mà còn là khát khao, là sự trường thọ, là vinh quang, là sự huy hoàng, là niềm vui, là niềm hân hoan, là niềm hy vọng, và là ân sủng bất diệt". Trong lời giải thích về câu Thánh vịnh thứ năm mươi: *"Con sẽ dạy những kẻ vô luật pháp về đường lối của Ngài, và những kẻ bất chính sẽ quay về với Ngài"* (Thánh vịnh 50:15), Thánh Gioan Kim Khẩu đặt vào miệng người hát Thánh vịnh lời xưng nhận sau đây dành cho Chúa:

– Ngài đã ban cho con vinh dự lớn lao này, khi đã mặc khải Con Ngài cho con và làm cho Con Ngài trở nên quen thuộc với con; con đã nhận biết rằng Ngài có Con, Đấng đã nhận lấy bản tính loài người; con đã biết rằng Ngài có Đấng đồng ngai với Ngài, và con đã rao giảng cho cả vũ trụ về thập tự giá, sự an táng, sự xuống âm phủ, sự phục sinh của Ngài; con đã nói về sự phán xét của Ngài, nói về sự cứu rỗi của dân ngoại, nói về việc chọn lựa các tông đồ, nói về sự từ chối của dân Do Thái, nói về ơn gọi của Hội Thánh, nói về hình ảnh các trinh nữ, và nói về việc Ngài ngự bên hữu Ngài." – "Vâng, hỡi Đa-vít," vị thánh phụ tiếp lời, "ngươi đã rao giảng những lời tiên tri về mọi sự: vậy tại sao ngươi lại kêu cầu: *'Xin hãy tạo nên trong con một trái tim trong sạch, lạy Chúa, và làm mới lại trong con một tinh thần ngay thẳng'* (Thánh Vịnh 50:12)? Ngươi là vua, ngươi đội vương miện, ngươi mặc áo tím. Nhưng, – ông nói, – tất cả những điều đó chỉ là cỏ dại, đêm tối và giấc mơ, con đang tìm kiếm một vẻ đẹp khác, xin ban cho con Thánh Thần, để Ngài lại trò chuyện với con và con trò chuyện với Ngài; Thánh Thần đã rời xa con, như chim bồ câu bay đi khi thấy bùn đất, con muốn đón Ngài trở lại, lúc đó con sẽ đến và hiện diện trước mặt Ngài; còn bây giờ con không thể chịu đựng được điều này, vì đã mất đi sự can đảm trước mặt Ngài. Hãy xem, Đa-vít đang xưng tội trước mặt Đức Chúa Trời như thế nào. Hãy nhìn xem, tội lỗi là điều ác lớn lao đến chừng nào. Ngoại tình, giết người, vi phạm luật pháp, vi phạm các điều răn của Đức Chúa Trời. Tôi nói điều này không phải để lên án vị tiên tri, mà để cho thấy sự ăn năn nhanh chóng của ông. Tội lỗi vừa mới phạm, sự ăn năn lại đến còn nhanh hơn. Sau khi phạm tội với vợ của U-ri, ông đã bị sốc vì tội lỗi này và, khi bắt đầu viết thánh vịnh, ông đã kêu lên:

– *"Xin Chúa thương xót con, nhờ lòng thương xót vô biên của Ngài"* (Thi thiên 50).

Và nhờ sự ăn năn trọn vẹn, ông đã được tha thứ hoàn toàn tội lỗi. Trong những nét tính cách của vị vua công chính – vị tiên tri – cũng như trong những hoàn cảnh cuộc đời đầy thử thách của ông, các vị Thánh Phụ đầy khôn ngoan của Chúa đã nhìn thấy những dấu chỉ về Con của Đa-vít theo xác thịt, về Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta và về cuộc đời trần thế của Ngài. Thánh Xê-la-ti-ô, khi bàn luận về sự khiêm tốn, lòng khiêm nhường và tính hiền lành của Đa-vít, đã dạy:

"Và Đa-vít, người hiền lành, đã đánh bại Gô-li-át, đuổi quân địch và giành chiến thắng. Nói chung, người hiền lành thường tha thứ những sự xúc phạm dành cho mình và báo thù cho những sự xúc phạm dành cho người khác. Chúa Kitô cũng đã hành động như vậy." Thánh Athanasius thành Alexandria, trong các bài giải thích về Thi thiên 51, Thi thiên 56 và Thi thiên 58, đã chứng thực rằng những bài thi thiên này, khi miêu tả những tai họa mà Đa-vít phải chịu từ Sa-un, đã tiên báo về Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, Đấng ban ơn cho dân Y-sơ-ra-ên vô ơn (những người được đại diện bởi Sau-lơ) và bị họ vu khống, đã báo trước về nhân vật Giu-đa và loan báo về việc kêu gọi tất cả các dân ngoại sau khi dân Y-sơ-ra-ên bị loại bỏ khỏi sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời vì sự gian ác của họ. Theo đó, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta thường được các ngôn sứ mô tả dưới danh xưng Đa-vít; các Kitô hữu

được gọi là dòng dõi của Đa-vít; quyền cai trị của Đấng Cứu Thế Kitô là chìa khóa của Đa-vít; ngai vàng của Ngài là ngai vàng của Đa-vít; Giáo Hội của Chúa Kitô được gọi là nhà của Đa-vít.

Những câu chuyện do Thánh Thần soi dẫn của Đa-vít sau này đã được tập hợp thành một cuốn sách gọi là Thánh Vịnh hay Sách Thánh Vịnh; Thánh Athanasius thành Alexandria làm chứng rằng việc này do một trong các vị tiên tri thực hiện. Thánh Theodoret trong tác phẩm giải thích về các Thánh Vịnh dạy rằng: "Có người cho rằng không phải tất cả các Thánh vịnh đều thuộc về Đa-vít, mà có những bài do những người khác viết. Vì vậy, dựa trên những ghi chú đó, người ta đã quy một số Thánh vịnh cho I-đi-phum, một số cho Ê-pha, một số cho các con trai của Cô-rê, và một số khác cho A-sa-phơ, sau khi biết từ sách Các Vua rằng và họ cũng là các tiên tri. Tôi không khẳng định điều gì về vấn đề này. Bởi lẽ, liệu lợi ích của tôi có tăng lên nếu tất cả các thánh vịnh đều thuộc về Đa-vít, hay một phần thuộc về những người đã được đề cập trước đó, khi rõ ràng rằng tất cả đều được viết dưới sự hướng dẫn của Thánh Linh? Chúng ta biết rằng cả vị tiên tri Đa-vít thánh thiện lẫn những người kia đều được sách Các Vua Ghi Chép gọi là các tiên tri. Đặc tính của nhà tiên tri là dâng lưỡi mình làm công cụ của ân sủng Thánh Thần, như đã được nói trong các Thánh vịnh: "Lưỡi tôi là cây gậy của người chép sách" (Thánh vịnh 44:2). Tuy nhiên, hãy để phán quyết của đa số chiếm ưu thế, và phần lớn các nhà văn đều khẳng định rằng các Thánh vịnh thuộc về Đa-vít".

Thánh Basil Cả đã miêu tả tầm quan trọng cao cả của sách Thi Thiên đối với đời sống Kitô hữu như sau: *"Mọi Kinh Thánh đều được Thánh Thần soi dẫn và hữu ích"* (2 Ti-mô-thê 3:16), được Thánh Thần viết ra để trong đó, như một hiệu thuốc chung cho tâm hồn, tất cả chúng ta – loài người – đều tìm thấy phương thuốc chữa lành – mỗi người cho căn bệnh riêng của mình. Vì có lời chép rằng: *"Sự hiền lành sẽ che đậy những tội lỗi lớn"* (Truyền Đạo 10:4). Nhưng các tiên tri dạy điều này, các sử gia dạy điều kia; trong một số sách, Luật pháp hướng dẫn, còn trong những sách khác – những lời khuyên nhủ được trình bày dưới hình thức khuyên răn; còn sách Thi thiên thì bao hàm những điều hữu ích từ tất cả các sách. Nó tiên tri về tương lai, nhắc lại các sự kiện, đưa ra các luật lệ cho cuộc sống, đề xuất các quy tắc cho hành động. Nói tóm lại, nó là kho tàng chung của những giáo lý tốt lành và cẩn thận tìm kiếm những gì có lợi cho mỗi người. Nó chữa lành cả những vết thương lâu năm của tâm hồn, mang lại sự hồi phục nhanh chóng cho những ai mới bị tổn thương, phục hồi những gì đang đau đớn và duy trì những gì còn nguyên vẹn; nói chung, nó loại bỏ càng nhiều càng tốt những đam mê vốn thống trị tâm hồn con người dưới nhiều hình thức khác nhau trong cuộc sống. Hơn nữa, nó mang lại cho con người một niềm vui và sự an lạc thầm lặng, khiến lý trí trở nên trong sạch. Thánh vịnh – sự tĩnh lặng cho tâm hồn, người ban phát hòa bình, nó xoa dịu những suy nghĩ nổi loạn và xao động; nó làm dịu bớt sự cáu kỉnh của tâm hồn và kiềm chế sự buông thả. Thánh vịnh là cầu nối của tình bạn, sự hiệp nhất giữa những người xa cách, sự hòa giải giữa những kẻ thù địch. Vì ai còn có thể coi là kẻ thù người mà mình đã cùng cất lên một tiếng hát hướng về Thiên Chúa? Vì thế, việc hát Thánh vịnh mang lại cho chúng ta một trong những ân huệ vĩ đại nhất – tình yêu, tạo nên sự hòa ca chung thay cho sợi dây gắn kết, đưa con người vào một khuôn mặt thống nhất và hòa hợp. Thánh vịnh – nơi nương náu khỏi ma quỷ, sự che chở của các Thiên thần, vũ khí trong những nỗi sợ hãi ban đêm, sự an ủi sau những vất vả ban ngày, sự an toàn cho trẻ sơ sinh, vẻ đẹp trong tuổi thanh xuân, sự an ủi cho người cao niên, trang phục trang nhã nhất cho phụ nữ. Thánh vịnh làm sống động sa mạc, giữ gìn sự trong sạch cho các chợ búa. Đối với những người mới bắt đầu, đây là bước đầu của sự dạy dỗ; đối với những người tiến bộ, đây là sự gia tăng tri thức; đối với những người hoàn thiện, đây là sự khẳng định: đây chính là tiếng nói của Hội Thánh. Đây là sáng kiến khôn ngoan của vị thầy, người sắp xếp để chúng ta cùng hát và cùng học những điều hữu ích. Sự ngọt ngào của giọng hát được hòa quyện vào bài giảng, để cùng với những điều dễ chịu và làm dịu đi sự nhàm chán, chúng ta cũng tiếp nhận một cách tự nhiên những điều hữu ích trong lời giảng. Bởi vì những gì được học một cách cưỡng ép sẽ không lưu lại trong chúng ta lâu dài, còn những gì được tiếp nhận với sự hứng khởi và niềm vui thì sẽ bén rễ sâu hơn trong tâm hồn". "Trong các Thánh vịnh, điều sau đây cũng đáng ngạc nhiên, – Thánh Athanasius thành Alexandria dạy – trong các sách khác, những gì các thánh nói và những điều họ đề cập đến, thì người đọc thường liên hệ trực tiếp với chính những người mà những lời đó được viết về, còn người nghe thì tự phân biệt mình với những nhân vật được mô tả trong câu chuyện; và nếu họ ngạc nhiên hay so sánh với những hành động được kể lại, thì tất cả những điều đó đều chỉ là sự bắt chước. Nhưng ai cầm cuốn sách Thánh vịnh lên, thì nếu lời tiên tri về Đấng Cứu Thế đi qua với sự ngạc nhiên và lòng kính sợ thông thường, như trong các tác phẩm khác, thì những Thánh vịnh còn lại họ đã đọc như chính lời của mình, và người nghe, như thể chính mình đang thốt lên những lời ấy, sẽ cảm thấy xúc động, và mọi lời ca ngợi đều trở nên thân thiết với họ, như thể thực sự là của chính họ vậy".

"Chúng ta hãy cùng ngợi khen Đức Chúa Cha và Vua Đa-vít, vì từ Ngài sẽ phát xuất cây gậy của Đức Trinh Nữ, và từ Mẹ, hoa trái là Đức Kitô sẽ tỏa sáng, và Ngài đã cứu rỗi A-đam cùng Ê-va khỏi sự hư nát, vì Ngài là Đấng nhân từ" (Thánh ca ngày, theo "Lạy Chúa, con kêu cầu").

Lễ kính Thánh Giuse, vị hôn phu của Đức Trinh Nữ Maria

Ngày kỷ niệm: 26 tháng 12

Thánh Giuse thuộc dòng dõi hoàng tộc, xuất thân từ nhà Đavít và Salômôn, là cháu nội của Matfat, chắt nội của Êliêzer, con trai của Giacóp theo huyết thống, và là con trai của Êlia theo luật hôn nhân[277] . Vì ông nội của ngài là Matfat, cha đẻ của Giacóp, đã qua đời. Còn vợ của Matfat, tức mẹ của Giacóp, thì Melchias, thuộc chi phái Natan, con trai của Đa-vít, đã cưới làm vợ và sinh ra Ê-li. Còn Ilia thì kết hôn và qua đời mà không có con cái; sau đó, Gia-cốp, người là anh em cùng mẹ nhưng khác cha với ông, đã cưới vợ của ông ấy, vì luật pháp quy định rằng nếu ai qua đời mà không có con cái, thì anh em của người đó phải cưới vợ của người ấy và duy trì dòng dõi cho anh em mình. Chính theo luật pháp này, Gia-cóp đã cưới vợ của anh trai mình và sinh ra thánh Giuse, vị hôn phu, và Giuse, như đã nói, là con của cả hai: theo huyết thống là con của Gia-cóp, còn theo luật pháp là con của Ê-li. Đó là lý do tại sao Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, khi trình bày gia phả của Đức Kitô, đã gọi Ê-li là cha của Giuse, và nói về Đức Kitô như sau: *"Con ấy, như người ta thường nghĩ, là con của Giuse, con của Ê-li, con của Ma-thêu"* (Lc 3:23–24), trong đó ngài dùng tên Ê-li thay cho Gia-cóp. – Về Thánh Giuse này, có những quan điểm khác nhau giữa các Kitô hữu phương Tây và phương Đông. Người phương Tây cho rằng ngài vẫn giữ trinh tiết cho đến khi qua đời, hoàn toàn không kết hôn, còn người phương Đông khẳng định rằng ngài có vợ và có con. Chẳng hạn, Nikifor, một nhà sử học Hy Lạp cổ đại, theo lời Thánh Hippolytus, kể lại rằng ngài đã kết hôn với Salome, nhưng đừng nghĩ (ông bổ sung), rằng đó là Salome đã ở Bêlem và được gọi là bà ngoại của Chúa, mà đó là một Salome khác. Vì người kia là họ hàng của Ê-li-sa-bét và Đức Mẹ Đồng Trinh, còn người này là con gái của A-gê, anh trai của Xa-cha-ri, cha của Thánh Gioan Tiền Hô; còn A-gê và Xa-cha-ri đều là con trai của thầy tế lễ Ba-ra-ki-a. Khi kết hôn với Salome này, con gái của A-gê, Thánh Giuse đã sinh được bốn người con trai: Gia-cô-bê, Si-môn, Giu-đa, Giô-si-a, và hai con gái là Ê-xơ-tê và Pha-ma, hoặc, như một số người khác nói, là Ma-rơ; còn sách lễ của tuần lễ các Thánh Nữ Mang Hương Thánh còn đề cập thêm một con gái thứ ba tên là Sa-lô-mi, người đã kết hôn với Xê-đê-vê. Còn Georgy Kedrin, khi đề cập đến hai người con gái của Thánh Giuse, cho biết một trong số họ, Maria, đã được gả cho Cleopas, anh trai của Thánh Giuse, sau khi Thánh Giuse trở về từ Ai Cập; nhưng người phụ nữ tên Maria này, dường như chính là Martha hoặc Phamar[278] . Dù cô ấy là con gái nào đi chăng nữa, và dù Giuse có bao nhiêu con gái đi chăng nữa, thì điều chắc chắn là Giuse đã kết hôn và có cả con trai lẫn con gái. Sau khi vợ ông là Salome qua đời, Thánh Giuse sống cuộc đời góa bụa trong một thời gian khá dài, dành những ngày tháng của mình trong sự trong sạch. Trong Phúc Âm thánh, cuộc đời thánh thiện và vô tì vết của ngài được chứng thực bằng những lời sau đây, dù ngắn gọn nhưng rất đáng khen ngợi: *"Giuse, chồng của Mẹ, là người công chính"* (Mt 1,19). Và còn gì có thể là chứng từ lớn lao hơn thế nữa? Ông công chính đến nỗi, nhờ sự thánh thiện của mình, đã vượt trội hơn các tổ phụ và các vị tổ trưởng công chính khác. Vì ai xứng đáng trở thành vị hôn phu và người chồng danh nghĩa của Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Mẹ Thiên Chúa? Và ai đã được ban cho vinh dự ấy – trở thành người được xưng là cha của Đấng Kitô? Quả thật, Chúa đã tìm thấy người đàn ông này theo ý muốn của Ngài, Đấng đã mặc khải cho ông *những "sự khôn ngoan vô cùng và bí ẩn"* (Tv 50,8) của Ngài, và đã làm cho ông trở thành người phục vụ mầu nhiệm cứu độ của chúng ta. Quả thật, ông xứng đáng với vinh dự và chức vụ ấy, nhờ cuộc đời hoàn hảo về

---

[277] Luật levirat quy định rằng, nếu người chồng qua đời mà không để lại con cái, thì anh trai còn sống của người chồng đó, theo phong tục cổ xưa (Sáng Thế Ký 38 và các đoạn tiếp theo), phải, với tư cách là anh rể (jabam, levir), kết hôn với người vợ góa của anh trai mình (con dâu). Luật này được Môi-se trình bày trong sách Phục Truyền (Phục Truyền 25:5–10). Điều đáng chú ý ở đây là tục lệ levirat cũng tồn tại ở nhiều dân tộc phương Đông, chẳng hạn như người Ba Tư, người Ấn Độ, người Afghanistan, người Druze, phần lớn các bộ tộc Caucasus, v.v. Theo luật levirat, con cái sinh ra từ cuộc hôn nhân levirat được coi là con của người mà anh rể đã lấy góa phụ của anh ta làm vợ theo luật này; điều này có nghĩa là "phục hồi dòng dõi của anh trai mình".

[278] Nhân đây, cần lưu ý rằng trong danh sách các thánh nữ mang hương liệu của Giáo hội Gruzia, Thánh Famara (với tên gọi Tamara) cũng được tôn kính. Rõ ràng, truyền thuyết được Giáo hội Gruzia lưu giữ có điểm tương đồng với thông tin cho rằng Famary có thể là con gái của Giuse, và sau này trở thành một trong các Nữ Thánh Mang Nước Thánh, cùng với chị gái mình là Salome (con gái thứ hai của vị trưởng lão công chính).

đức hạnh của mình. Khi ông đã cao tuổi, khoảng tám mươi tuổi, Đức Trinh Nữ Maria đã được hứa hôn với ông và được trao cho ông để gìn giữ sự trinh khiết của Mẹ (chứ không phải cho một cuộc hôn nhân xác thịt, thực sự). Và ngài đã phụng sự Mẹ với tất cả lòng kính sợ và tôn kính, như Mẹ Thiên Chúa, và là Nữ Vương và Chủ Tể của ngài cũng như của cả thế giới (sau khi được Thiên Thần xác nhận điều này, Đấng đã hiện ra với ngài trong giấc mơ), cũng như Hài Nhi Thiên Chúa do Mẹ sinh ra, trong thời gian lánh nạn sang Ai Cập, khi trở về từ đó, và trong thời gian ở Nazareth, ông kiếm sống bằng công việc lao động của chính mình, vì ông là thợ mộc và là người nghèo, dù thuộc dòng dõi hoàng gia. Vì Chúa đã muốn sinh ra trong cảnh nghèo khó, chỉ mượn từ dòng dõi hoàng gia phần xác thịt, chứ không phải vinh quang, của cải và quyền lực hoàng gia. Vì thế, Ngài đã thương xót cho Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ Rất Thánh cũng sống trong cảnh nghèo khó, và cho người cha nuôi của Ngài cũng sống trong cảnh nghèo khó, để làm gương về sự khiêm nhường. Sau khi sống trọn vẹn một trăm mười năm[279] , Thánh Giuse đã an nghỉ trong bình an và trở về với các tổ phụ của mình đang ở trong Sheol[280] , mang theo tin mừng và chân thật rằng Đấng Mê-si-a được mong đợi đã đến, Đấng sẽ giải phóng và cứu rỗi nhân loại, đó là Chúa Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 2:

Hãy rao truyền, hỡi Giuse, những phép lạ của Đấng Cha Thánh cho vua Đa-vít: Ngài đã thấy Trinh Nữ sinh con, cùng các mục đồng ngợi khen, cùng các nhà thông thái quỳ lạy, và nhận được tin mừng từ Thiên Thần: xin cầu cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, cứu rỗi linh hồn chúng con.

Kondak, giọng 3:

Hôm nay, niềm vui thiêng liêng tràn ngập nơi Đa-vít, còn Giuse cùng với Gia-cóp dâng lời ngợi khen: vì đã nhận được vương miện nhờ mối quan hệ huyết thống với Đấng Kitô, họ hân hoan và ca ngợi Đấng đã sinh ra trên đất một cách không thể diễn tả được: Lạy Đấng Hào phóng, xin cứu rỗi những ai tôn kính Ngài.

Lễ kính Thánh Tử đạo Euphymius, Giám mục Sardis

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 12

Thánh Euphimius sống dưới triều đại của Constantine và Irene[281] và đã trở nên nổi tiếng vì lòng đạo đức của ngài đến nỗi ngài tỏa sáng như một ngôi sao rực rỡ, nhờ đời sống tu hành của ngài trong Giáo hội của Chúa Kitô. Nhờ đó, ngài được phong chức giám mục[282] và tham dự Công đồng Nicaea II – Công đồng Đại kết VII[283] , tại đó ngài đã dũng cảm và nhiệt thành chống lại các tà giáo và làm cho họ phải xấu hổ; ngài cũng được các vị vua cử đi thực hiện nhiều nhiệm vụ nhà nước khác nhau tại những vùng đất đang bị loạn lạc và nổi loạn hoành hành. Khi Nikiforos[284] lên ngôi, Thánh Euphemius, cùng với các giám mục Chính thống giáo khác, đã bị lưu đày đến Patalaria phía tây[285] , với lý do dường như là việc cưỡng ép một thiếu nữ[286] phải xuất gia, và từ thời điểm đó cho đến khi qua đời trong đau khổ, ngài không bao giờ trở lại giáo phận của mình và cũng không còn quản lý nó nữa. Hai mươi chín năm sau, khi vị hoàng đế tàn bạo Lê-v[287] lên ngôi tại Nhà nước Hy Lạp, vị thánh được triệu hồi khỏi

---

[279] Truyền thuyết về tuổi thọ 110 năm của Thánh Giuse tương đồng với thông tin rằng ngài đã qua đời ở tuổi 111, điều này được đề cập trong tác phẩm ngoại kinh "Lịch sử thợ mộc Giuse".
[280] Sheol – địa ngục, nơi cư ngụ của người chết.
[281] Constantine và Irene trị vì: người đầu tiên từ năm 780 đến năm 797, người thứ hai từ năm 797 đến năm 802.
[282] Thánh Euphemius là giám mục Sardis (ở Mysia, Tiểu Á).
[283] Công đồng chống lại những người bài xích hình ảnh này diễn ra vào năm 787.
[284] Nikifor trị vì từ năm 802 đến năm 811.
[285] Đảo Patalarea nằm giữa Sicily và Tunisia, gần châu Phi hơn.
[286] Thực ra, việc lên án vị hoàng đế bất chính, người đã phát động cuộc đàn áp chống lại tất cả những ai – cùng với các tu sĩ Studite – không muốn có quan hệ với ông Ekonomos Joseph (người đã bị vạ tuyệt thông nhưng được hoàng đế Nikiforos phục chức), vì đã sắp xếp cuộc hôn nhân giữa hoàng đế Constantine VI với Theodota khi người vợ đầu tiên của ông vẫn còn sống.
[287] Lê V người Armenia – hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 813 đến năm 820.

nơi lưu đày[288] , được dẫn đến trước mặt hoàng đế và bị thẩm vấn về việc tôn kính các bức tượng thánh: theo thói quen của mình, ngài đã dũng cảm vạch trần sự dị giáo và vô đạo, đồng thời tuyên bố trục xuất kẻ tra tấn khỏi Giáo hội. Hoàng đế vô cùng tức giận với vị chứng nhân đức tin và lại đày ngài về thành Ass[289] . Ngay sau đó, Hoàng đế Lêô bị lật đổ khỏi ngai vàng và bị giết bằng gươm; người kế vị ông là Hoàng đế Mi-khail, người được gọi là "Người Nói Lắp". Dưới triều đại vị hoàng đế này, vị thánh nhân được triệu tập từ Ass và bị ép buộc phải từ bỏ việc tôn kính các bức tượng thánh; nhưng ông đã dũng cảm tuyên bố trước mọi người như sau:

– Ai không thờ phượng hình ảnh của Chúa Giêsu Kitô, theo bản tính con người, thì chúng ta sẽ tuyên bố người ấy bị vạ tuyệt thông.

Vì điều này, ngài trước tiên bị đánh đập, sau đó bị đày đến đảo Crete[290] , nơi ngài bị giam trong một ngục tối u ám và, hơn thế nữa, còn phải chịu những hình phạt tàn bạo: ngài bị trói căng trên bốn cột và bị đánh bằng gân bò, đến nỗi thân thể ngài đầy những vết thương và sưng tấy. Sau đó không lâu, vị thánh tử đạo đã an lành trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa[291] .

Lễ kính Thánh Evarest

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 12

Thánh Evarest, quê quán tại Tiểu Á, thuộc giáo phận Galatia, có cha mẹ thuộc dòng dõi quý tộc, nhưng tên của họ không được biết đến. Vào thời đó, hoàng đế của Đế quốc Byzantine là Lêô, một kẻ bách hại tàn bạo việc thờ phượng các hình ảnh thánh, người đã chết dưới lưỡi gươm, và như vậy đã nhận lấy cái chết xứng đáng với tư cách là kẻ chống lại Thiên Chúa. Người kế vị ông là Michael[292] , người cũng có thái độ thù địch đáng ngờ đối với Chính Thống giáo.

Khi đến tuổi trưởng thành, cậu bé Everest đã được giáo dục đầy đủ và sống như một tông đồ đối với mọi người (1 Cô-rinh-tô 9:22): hiếu thảo với cha mẹ, thân thiện với bạn bè và hàng xóm, lịch thiệp với cả người lạ lẫn người thân, luôn trung thực trong mọi việc và thể hiện tình yêu thương chu đáo đối với tất cả mọi người. Từ thuở thiếu niên, Evarest đã bừng cháy khát vọng sống theo các điều răn của Đức Chúa Trời và đã yêu mến đời sống tu hành. Trong khi đó, cha của cậu đã lên đường đến Constantinopolis để lo việc riêng, và Evarest cũng đi cùng cha đến đó. Tại đó, cậu được một người họ hàng của mình là quý tộc Vriennius tiếp đón; ông này đã đạt được địa vị xã hội đáng kính. Vài ngày sau đó, hoàng hậu Theodora cần cử một phái đoàn ngoại giao đến Bulgaria[293] , và vị quý tộc Vriennius nói trên được bổ nhiệm làm đại sứ. Ông đã đưa theo cả Evarest, người có đức hạnh. Khi họ đến một nơi gọi là Skupel[294] , họ dừng lại và ở lại đó một thời gian. Tại đây, thánh Evarest, nhờ một hoàn cảnh đặc biệt nào đó, theo sự an bài của Thiên Chúa, đã được phong chức linh mục; sau đó, trong cuộc sống tu hành, ngài đã thực

---

[288] Thánh Euphemius, trụ cột của Giáo hội, ngay cả khi đang bị lưu đày, theo lời chứng của Thánh Theodoros Studites, vẫn là ngọn đèn soi sáng cho nhiều người và dẫn dắt họ đến với Thiên Chúa nhờ giáo lý ngọt ngào như mật ong của ngài, và do đó đã gây phiền toái cho vị vua dị giáo. Năm 815, khi được triệu tập từ nơi lưu đày để thẩm vấn, Thánh Euphimius, cùng với Thượng phụ Nikiforos và các giám mục Chính thống giáo khác, đã nhiệt thành lên án nhà vua vì chủ trương chống thánh tượng.

[289] Ass – một thành phố được củng cố ở Mi-zi-a, gần Vịnh Adramyttium.

[290] Theo một số nguồn tin khác, Thánh Euphymius đã bị lưu đày tại Akrit trên Biển Đen.

[291] Thánh Euphemius qua đời vào khoảng năm 840, dưới triều đại của Theophilus, con trai của Michael II Lưỡi Ngọng. Theo lời chứng của Nicodemus, di cốt của Thánh Euphemius, vị chứng nhân đức tin, hiện được lưu giữ tại Anchialus, một thành phố ở Thrace, bên bờ Biển Đen, và đã thực hiện nhiều phép lạ.

[292] Hoàng đế Michael II Lưỡi Ngọng, sau khi lên ngôi vào năm 820, đã giải thoát khỏi cảnh giam cầm Thượng phụ Nikiforos, Thánh Theodoros Studites và các tín hữu Chính Thống Giáo khác, những người đã chịu khổ vì việc tôn kính các bức tượng thánh dưới thời Leo người Armenia, nhưng ngài không khôi phục lại việc tôn kính các bức tượng thánh, mà chỉ cho phép việc tôn kính các bức tượng thánh thường xuyên tại các gia đình.

[293] Dân tộc Bolgar hung bạo đã đánh tan thành phố Adrianople vào khoảng năm 817, thành phố Adrianople, bắt giữ Tổng Giám mục Manuel (ngày tưởng niệm ngài và 377 vị tử đạo cùng chịu khổ với ngài được cử hành vào ngày 22 tháng 1), sau đó họ buộc phải ký hiệp ước hòa bình với người Hy Lạp và thậm chí phải giao con tin, trong số đó có em gái của Công tước Boris người Bulgaria. Lúc bấy giờ, cô đã được giáo dục theo đạo Kitô tại Constantinopolis và được rửa tội với tên là Theodora. Sau năm 850, cô trở về Bulgaria và thuyết phục anh trai mình theo đạo Kitô. Nhờ ảnh hưởng của cô, trong số những yếu tố khác, Công tước Boris đã chấp nhận đạo Kitô, được rửa tội vào năm 864 và được đặt tên là Michael.

[294] Skupel – Skopla – là một địa danh ở Albania, trên bán đảo Balkan.

hiện điều mà tâm hồn ngài luôn khao khát với tình yêu – đó là xuất gia làm tu sĩ, qua đó tự nguyện mang lấy ách của Chúa mà ngài hằng mong mỏi. Vào thời điểm đó, ngài có cơ hội sở hữu cuốn sách của Thánh Ephrem đáng kính; sau khi đọc và say mê những lời răn dạy trong đó, Evarest đã trở thành người thực hành nhiệt thành những lời dạy đạo đức của Ephrem; và nhờ tâm trạng tinh thần cùng đời sống đạo đức của mình, ngài đã được trao những lá thư bảo hộ cho chuyến đi và được tiễn đưa với lời cầu nguyện đến Tu viện Studion[295] . Khi đến tu viện này, ông được tiếp nhận vào đó và hoàn toàn cống hiến bản thân cho những công việc tu hành; sau khi nhận ra một vị tu sĩ trong cộng đoàn có đời sống thiêng liêng đặc biệt cao cả, ông đã thân thiết với vị ấy và không ngừng nỗ lực, cạnh tranh với vị tu sĩ đó trong hành trình vươn tới sự hoàn hảo, dù những người khác không để ý đến điều đó. Thức ăn của ông chỉ gồm một miếng bánh mì nhỏ, lại còn khô, còn thức ăn nấu chín thì Everest chỉ dùng một lần mỗi tuần. Còn về những kỳ công và công lao khác của ngài thì không thể kể hết được, chỉ cần nhắc đến việc ngài đã mang trên vai những xiềng xích sắt nặng nề khi cơ thể trần trụi, và hông ngài được thắt chặt bằng dây thắt lưng. Ngài đã vượt trội hơn tất cả mọi người nhờ đời sống đạo đức của mình, và sau khi sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa trong bảy mươi lăm năm, ngài đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[296] .

Ngày tưởng niệm Thánh Constantine của Sinad

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 12

Thánh Constantine sinh ra tại thành phố Sinad[297] và có nguồn gốc Do Thái. Khi còn nhỏ, một lần khi đi cùng mẹ, ngài thấy một người Kitô hữu ngáp và làm dấu thánh giá trên môi. Theo gương người đó, ngài cũng bắt chước làm như vậy. Trong khi đó, sự bắt chước bề ngoài này đã khiến ngài chú ý đến nội dung bên trong của đức tin Kitô giáo. Trong tâm hồn, ngài cảm nhận được sự ấm áp của ân sủng Thiên Chúa, và khuôn mặt ngài trở nên rạng rỡ, được soi sáng từ trên cao bởi sự hướng dẫn huyền bí; trong nhiều ngày liền, ngài dường như quên cả thức ăn thể xác, không cảm thấy đói. Điều này đã trở thành sự cám dỗ đối với những người xung quanh ông (1 Cô-rinh-tô 1:23): một thiếu nữ Do Thái nọ đã từng ngang nhiên chế nhạo ông, nhưng vì điều đó, cô ta trước tiên bị giết chết bởi dấu hiệu của Thánh Giá, rồi sau đó được hồi sinh. Với trái tim trong sạch và đầy đức tin, ông lắng nghe tiếng Chúa (Hê-bơ-rơ 4:7), rời bỏ người thân và, như được dẫn dắt bởi đám mây thiêng liêng[298] , ông đã đến nơi được gọi là "sự cứu rỗi tâm hồn", nơi lúc bấy giờ có những bậc đại nhân đang sinh sống, tỏa sáng bởi đức hạnh và những việc làm cao cả của đời tu. Sau khi tự giới thiệu với vị trụ trì của các tu sĩ này, ngài đã kể cho ông nghe mọi chuyện về bản thân một cách chi tiết: vị trụ trì liền ra lệnh mang thánh giá đến và bảo ngài hôn lên đó. Vị Thánh được chúc phúc đã vui mừng hôn thánh giá và đặt nó lên đầu mình; ngay lập tức, dấu ấn của vũ khí thiêng liêng ấy hiện lên trên trán ngài, dấu ấn ấy đã lưu lại mãi mãi và tồn tại cho đến tận lúc ngài qua đời. Sau đó, ngài được ban phép rửa tội và được đặt tên là Constantine. Sau khi rửa tội, ngài lui về một nơi gần đó và tại đó, ngài tận tâm dâng hiến mình cho những việc làm của đời sống thiêng liêng; với mong muốn gia nhập dòng tu, ngay cả trước khi cắt tóc, ngài đã vượt trội hơn tất cả mọi người nhờ lòng đạo đức nghiêm khắc, sắp xếp cuộc sống của mình theo gương và lời dạy của Thánh Tông đồ Phaolô. Khi Constantine tuyên thệ lời khấn tu sĩ trước mặt Thiên Chúa, nơi diễn ra nghi lễ bỗng tràn ngập hương thơm, và cánh cửa nhà thờ tự động mở ra trước mặt ngài. Nhờ sự trong sạch của tâm hồn, ngài còn được ban cho một ân sủng đặc biệt: ngài có khả năng thấu thị, bởi vì ngay cả những suy nghĩ thầm kín của mỗi tu sĩ cũng được bày tỏ trước mặt ngài. Từ tu viện này, ngài đã lên đường đến núi Olympus[299] , sau đó đến Attalia[300] ,

---

[295] Tu viện Studion ở Constantinople – được thành lập dưới thời Hoàng đế Lê Vĩ Đại vào giữa thế kỷ V, dưới thời Hoàng đế Constantine Copronymus vào nửa sau thế kỷ VIII, tu viện này đã phải chịu nhiều thiệt hại từ phe chống thánh tượng; tu viện đạt đến đỉnh cao vinh quang nhất dưới thời Thánh Theodoros Studites, người đứng đầu Giáo hội Chính thống trong cuộc đấu tranh chống lại phe chống thánh tượng – vào giữa thế kỷ XV, người Thổ Nhĩ Kỳ đã phá hủy tu viện và biến nhà thờ thành thánh đường Hồi giáo.

[296] Thánh Evarest qua đời vào khoảng năm 825. Ngài được an táng tại Tu viện Kokkorov.

[297] Sinad hay Sinnady – một thành phố ở phía bắc Phrygia, gần dãy núi nơi có các mỏ đá cẩm thạch Sinnady nổi tiếng. Ngày nay, những tàn tích gần Eskikar được gọi là Gassaf.

[298] Xuất 13:21. Nơi mà vị thánh tu sĩ đã đến là núi Sina ở Syria, nơi các vị thánh ẩn sĩ đã tu hành từ thế kỷ III.

[299] Núi Olympus ở Tiểu Á, xung quanh đó có những tu viện nổi tiếng vào thời bấy giờ, nơi các vị tu sĩ vĩ đại như Ioannikios Đại Đế v.v. đã tu hành.

[300] Attalia, một thành phố ven biển thuộc Pamphylia, được thành lập nửa thế kỷ trước Công nguyên bởi Attalus II Philadelphus và được đặt tên theo ông.

vượt qua con sông chảy xiết một cách kỳ diệu, viếng thăm Myra ở Lycia và nhiều nơi khác, rồi lại trở về núi Olympus. Tại đây, Constantine đã trải qua bốn mươi ngày không ăn uống, bị chôn vùi trong đất đến thắt lưng. Sau đó, trái với ý muốn của mình, ngài đã nhận chức thánh và, không ngừng các công việc tu hành, ngài tiếp tục hành hương đến Atrea[301] . Tám tháng trước khi qua đời, ngài đã tiên đoán về sự ra đi của mình và, đúng như lời tiên đoán đó, ngài đã an nhiên về với Chúa[302] .

Ngày 9 tháng 1

27 tháng 12 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên và tổng phó tế

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 12

Khi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, sau khi hoàn tất mầu nhiệm cứu độ của chúng ta, đã lên trời và từ Chúa Cha đã ban Thánh Thần xuống cho các Tông đồ dưới hình thức những lưỡi lửa (Công vụ 2:1–4), và Hội Thánh sơ khai (tại Giê-ru-sa-lem) bắt đầu phát triển, thì chẳng bao lâu sau, trong Hội Thánh nảy sinh sự bất hòa giữa các tín hữu là người Hy Lạp[303] và người Do Thái. Ở đây không nói đến những người Hy Lạp thờ lạy thần tượng, những người mà Kinh Thánh thường gọi là dân ngoại. Vào thời điểm đó, người ngoại đạo vẫn chưa được mở đường để tin vào Đấng Christ và Lời cứu rỗi chưa được rao giảng cho họ; ngay cả sau khi phó tế trưởng Stephanos bị giết, người ta vẫn chưa sớm cho phép người ngoại đạo tham gia vào hội thánh của các tín hữu. Người ngoại đạo đầu tiên trở thành Kitô hữu là Cornelius, một sĩ quan chỉ huy trăm người (Công vụ 10), nhưng ngay sau khi Thánh Phêrô làm phép rửa cho ông, các Kitô hữu là người Do Thái đã chịu phép cắt bì đã phẫn nộ vì Phêrô đã đến với những người chưa chịu phép cắt bì, và họ than phiền về ông cho đến khi ông kể cho họ nghe về thị kiến mà ông đã thấy – về tấm vải liệm từ trời hạ xuống (Công vụ 11:5–18). Lúc đó, họ mới bình tĩnh lại và ngợi khen Đức Chúa Trời, nói rằng:

– Rõ ràng là Đức Chúa Trời cũng ban cho dân ngoại sự ăn năn để được sự sống.

Vậy, khi thánh Stephano còn sống, những người Hy Lạp phàn nàn về người Do Thái không phải là những người ngoại giáo, mà là những người cũng xuất thân từ dân Do Thái và tuân giữ cùng một luật pháp do Mô-sê ban hành, nhưng đã tản mác khắp các nước (như thánh Tông đồ Gia-cô-bê đã viết trong thư của ngài: *'Các chi phái mười hai đang sống lưu lạc – hãy vui mừng'* (Gc 1,1), và đã tiếp thu tiếng Hy Lạp (nhưng không phải đức tin và phong tục), vì thế những người sống tại Giêrusalem gọi họ là người Hy Lạp. Tương tự như vậy, Thánh Giuse Zlatoust cũng bày tỏ: "Những người Hy Lạp được nhắc đến trong sách Công Vụ Tông Đồ, theo tôi, là những người nói tiếng Hy Lạp, chỉ vì họ nói tiếng Hy Lạp, dù là người Do Thái." Giữa những người Hy Lạp theo Kitô giáo này đã nảy sinh sự phàn nàn từ phía các Kitô hữu Do Thái ở Giê-ru-sa-lem, phàn nàn vì các góa phụ Hy Lạp bị coi thường trong việc phân công công việc hàng ngày: hoặc họ bị giao những công việc thấp kém nhất, hoặc họ chỉ được chia phần thức ăn và quần áo ít ỏi và kém chất lượng hơn.

Trước tình hình đó, mười hai vị tông đồ thánh đã triệu tập tất cả các tín hữu lúc bấy giờ và nói với họ:

– Chúng ta không nên bỏ Lời Chúa để lo việc phân phát thức ăn. Vậy, hỡi anh em, hãy chọn ra từ giữa các anh em bảy người đầy dẫy Thánh Thần và khôn ngoan; chúng ta sẽ giao nhiệm vụ này cho họ, còn chúng ta sẽ chuyên tâm cầu nguyện và rao giảng Lời Chúa (Công vụ 6:2–4).

---

[301] Atroya – một thành phố nằm không xa núi Olympus.

[302] Thánh Constantine đã sống và tu hành vào thế kỷ VIII.

[303] Người Do Thái sống ở các quốc gia khác nhau trong thế giới ngoại giáo và nói tiếng Hy Lạp (tiếng Hellên) – một ngôn ngữ rất phổ biến – được gọi là "người Hy Lạp"; vào các ngày lễ, họ đến Jerusalem và ở lại đó trong thời gian dài.

Đề nghị của các thánh tông đồ đã được toàn thể hội thánh chấp thuận, và họ lập tức bầu chọn: Stephano, một người đầy đức tin và Thánh Thần; Philippo; Prochoro; Nicanoro; Timono; Parmeno; và Nicola, người gốc Antiôchia.

Chính những cái tên của những người được chọn này đã cho thấy rằng họ không phải là những người Do Thái sống tại Giê-ru-sa-lem, mà là những người cư ngụ tại các vùng đất Hy Lạp, vì tên của họ không phải là tên Do Thái, mà là tên Hy Lạp. Trong số họ, Stephanos là họ hàng của Sa-lô-môn, người sau này được Chúa kêu gọi với tên Phao-lô để tin nhận đức tin và phục vụ trong chức vụ tông đồ; còn Phao-lô thì xuất thân từ thành Tarsus, thuộc xứ Ky-li-ki-a[304] . Vì vậy, bảy người này đã được chọn từ trong số những người Hy Lạp để phục vụ các góa phụ nghèo, nhằm giúp những người Hy Lạp – những người từ trước đến nay luôn đau buồn vì sự bỏ bê dành cho các góa phụ của họ – cuối cùng cũng được an ủi và ngừng than phiền cũng như phàn nàn.

Tất cả những người được chọn này đều được dẫn đến trước các tông đồ; các ngài đã cầu nguyện, đặt tay lên họ và phong chức cho họ làm phó tế (những người phục vụ).

Người đứng đầu trong số họ là Stephano, đầy đức tin và sức mạnh, nên được gọi là tổng phó tế. Nhờ ân sủng của Thiên Chúa, ngài đã thực hiện nhiều dấu lạ và phép lạ giữa các tín hữu: còn nếu các phép lạ của ngài không được đề cập trong Kinh Thánh, thì điều đó cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên, vì ngay cả về các việc làm của chính Chúa Kitô, Chúa chúng ta, cũng đã được chép rằng: *"Nếu viết ra hết chi tiết, thì tôi nghĩ cả thế gian này cũng không đủ chỗ chứa những cuốn sách đã viết"* (Ga 21,25). Tuy nhiên, có thể khẳng định một cách hoàn toàn chính xác rằng Thánh Stephano, giống như các Tông đồ cao niên nhất, đã đặt tay lên những người bệnh, và họ được chữa lành. Ngoài ra, ngài còn là người mạnh mẽ cả về lời nói lẫn việc làm, củng cố đức tin cho những người trung thành, đồng thời vạch trần những người Do Thái bất tín, chứng minh cho họ qua Luật pháp và các Tiên tri rằng họ đã bất công, vì lòng ghen tị, mà giết Con Thiên Chúa, Đấng Mêsia, Đấng đã được mong đợi suốt bao thế kỷ. Và khi giữa những người Do Thái, những người Pha-ri-si, những người Sa-đu-kê và những người Do Thái gốc Hy Lạp bùng nổ một cuộc tranh cãi về Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, thì có người nói rằng Ngài là một vị tiên tri, có người lại nói rằng Ngài là kẻ lừa dối, còn một số khác lại cho rằng Ngài là Con Thiên Chúa, thì thánh Stephano, sau khi bước lên bục giảng, đã rao giảng cho mọi người về Chúa Kitô, và nói rằng:

– Hỡi anh em! Tại sao sự bất hòa lại gia tăng giữa các anh em, và cả thành Giê-ru-sa-lem lại bị chia rẽ thành các phe phái? Phúc cho ai trong các anh em đã tin vào Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, vì Ngài, để giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi, đã từ trời xuống và được sinh ra bởi Đức Trinh Nữ Thánh Khiết và Vô Nhiễm, Đấng đã được chọn từ trước khi thế gian được tạo dựng, Ngài đã gánh lấy và chịu đựng những yếu đuối và bệnh tật của chúng ta, ban cho người mù được thấy, chữa lành người phong cùi, và trừ quỷ.

Còn họ, khi nghe những lời của ông, liền tranh cãi với ông, cố gắng bác bỏ ông và phỉ báng Chúa mà ông rao giảng, như đã được chép trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ:

"Một số người thuộc cái gọi là hội đường của những người Libertines và Cyrene, Alexandria, cùng một số người từ Cilicia và Asia đã tranh luận với Stephano" (Công vụ 6:9).

Bởi vì những người Do Thái sống giữa người Hy Lạp ở các vùng đất xa xôi khác nhau đều có những hội đường riêng của họ tại Giê-ru-sa-lem. Và như vậy, ngoài hội đường chính của người Do Thái, tại Giê-ru-sa-lem còn có rất nhiều hội đường của các nhóm người nhập cư khác nhau, hay những người Do Thái sống ở các quốc gia khác nhau, và từ mỗi quốc gia, người Do Thái đều gửi con cái đến học Luật của Đức Chúa Trời tại hội đường riêng của họ ở Giê-ru-sa-lem. Hơn nữa, chính họ, hàng năm khi đến thờ phượng tại Đền Thờ của Sa-lô-môn, đều cư ngụ tại các hội đường của mình, tụ họp tại đó và học tập tại đó, như được ghi chép trong chương hai của sách Công Vụ Các Sứ Đồ: "Tại Giê-ru-sa-lem có những người Do Thái, những người sùng đạo từ mọi dân tộc dưới trời, người Parthia, người Mê-đi và người Ê-lam" cùng những người khác (Công vụ 2:5–9), tức là những người Do Thái sống ở Parthia, Mê-đi, Ê-lam[305] , và các quốc gia khác được nêu ở đó, nay đã đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ. Theo đó, tại

[304] Cilicia – một vùng ven biển ở phía đông nam Tiểu Á. Tarsus – thành phố chính của Cilicia, và cho đến nay vẫn là một thành phố thịnh vượng.

[305] Tất cả những nơi này đều là các tỉnh thuộc các vương quốc hùng mạnh trước đây, sau này bị Đế chế La Mã chinh phục; chúng nằm giữa Biển Caspi và Vịnh Ba Tư. Parthia – một quốc gia rộng lớn ở phía đông nam Biển Caspi. Media – phần phía tây của Iran, nằm ở phía nam Biển Caspi. Elam – quốc gia nằm phía sau Mesopotamia, bên kia sông Tifas và dọc theo con sông này về phía nam cho đến Vịnh Ba Tư.

Giê-ru-sa-lem có các hội đường của Kili-ki, A-lê-xan-đri và Ky-ri-nê[306] . Về hội đường Li-bê-tin[307] , người ta kể rằng ở đó có một nhóm người Do Thái đặc biệt, có nguồn gốc từ những người từng bị Pompey người La Mã bắt làm tù binh[308] , sau đó được trả tự do, và vì thế được gọi là "li-bê", có nghĩa là "người tự do". Tương tự như vậy, Thánh Xê-đô-ni-ô cũng nói: "Những người được người La Mã ban cho tự do được gọi là người Libertine. Và vì ở Giê-ru-sa-lem có những người nhập cư từ các quốc gia khác nhau sinh sống, nên họ cũng có các hội đường riêng tại đó, nơi họ lắng nghe việc đọc Luật và cầu nguyện".

Chính những cuộc tụ họp tại các hội đường – như hội đường Libertine, hội đường Cyrene và các hội đường khác – khi tranh luận với Thánh Stefano, đã không thể chống lại sự khôn ngoan và Thánh Thần, Đấng mà ngài đang nói đến, và Thánh Stefano vào thời điểm đó đã chiến thắng ba phần của thế giới – Châu Âu, Châu Á và Châu Phi; đã chinh phục Châu Âu qua những người Libertine đến từ Roma, nằm ở Châu Âu; đã chinh phục Châu Á qua những người Cilicia, những người gốc Châu Á; đã chinh phục Châu Phi qua những người Cyrene và Alexandria, những người xuất thân từ Châu Phi.

Còn họ, không có sức để nói gì chống lại lẽ thật mà Stephano rao giảng, sáng chói hơn cả mặt trời, nên đã bùng lên cơn giận dữ đối với ông và, đầy lòng ghen tị, đã xúi giục một số đồng bọn của mình, những kẻ quen nói dối, đến trình báo với Hội đường chính của người Do Thái rằng họ đã nghe thấy Thánh Phêrô nói những lời xúc phạm chống lại Môsê và Thiên Chúa. Sau khi kích động dân chúng, các trưởng lão và các kinh sư như vậy, họ xông vào tấn công thánh Stephano, bắt giữ và dẫn ông đến hội đường trước mặt các thượng tế và một đám đông lớn các nhà thông luật; ngay tại đó, họ còn đưa ra những nhân chứng giả, những người khẳng định:

– Người này không ngừng nói những lời phỉ báng nơi thánh này và luật pháp, và chúng tôi đã nghe ông ta nói rằng Giê-su Na-xa-rét sẽ phá hủy nơi này và thay đổi các tập tục mà Mô-sê đã thiết lập cho chúng ta.

Còn Thánh Stephano thì đứng bình thản giữa đám đông đầy sát khí ấy, như một Thiên Thần của Đức Chúa Trời, toả sáng ánh sáng của ân sủng thiêng liêng, giống như Mô-sê xưa kia: vì dung mạo của ngài đã biến đổi, và tất cả những ai có mặt trong hội đồng, khi nhìn ngài, đều thấy khuôn mặt ngài như khuôn mặt của một Thiên Thần.

Thượng tế hỏi ngài:

– Những điều các nhân chứng nói về ngài có đúng không?

Vị Thánh, mở miệng, đã phát biểu một bài diễn văn dài. Ngài bắt đầu từ Áp-ra-ham, người đầu tiên nhận được lời hứa về sự giáng lâm của Đấng Mê-si-a, rồi kể lại toàn bộ lịch sử cho đến Mô-sê, nhắc đến ông với lòng kính trọng và tôn kính trọn vẹn, và qua đó, ngài đã chỉ ra rõ ràng và phản bác những kẻ làm chứng dối, rằng chính ngài hoàn toàn không phải là kẻ phỉ báng Mô-sê hay Luật pháp của Đức Chúa Trời được ban qua Mô-sê, đồng thời chứng minh rõ ràng hơn nữa rằng chính các tổ phụ của họ mới là những kẻ phỉ báng.

– "Các tổ phụ chúng ta," ông nói, "đã không muốn vâng lời Ngài, nhưng đã từ chối Ngài và quay lòng về phía Ai Cập" (Công vụ 7:39).

Sau đó, khi phản bác một lời vu khống khác, rằng ông đã phỉ báng nơi thánh, ông nói:

– Sa-lô-môn đã xây dựng đền thờ cho Ngài (Công vụ 7:47).

Bằng những lời này, ngài dường như muốn nói: "Tôi tôn kính nơi thánh, được vua Sa-lô-môn xây dựng một cách khôn ngoan theo ý muốn của Đức Chúa Trời và được thánh hóa bởi vinh quang của Chúa, được bày tỏ qua đám mây; tôi tôn kính đền thờ do con người dựng lên để tôn vinh Đức Chúa Trời, nhưng đồng thời tôi cũng tuyên xưng rằng Đức Chúa Trời thích ngự trong những đền thờ vô hình, không do tay người tạo ra, tức là trong những tâm hồn trong sạch của con người".

– Đấng Tối Cao không ngự trong những đền thờ do tay người tạo dựng, – ông nói, – như Đức Chúa Trời phán qua vị tiên tri: *"Trời là ngai của Ta, còn đất là bệ chân Ta; vậy các ngươi sẽ xây nhà cho Ta ở đâu, Đức Giê-hô-va phán: và nơi nào là nơi nghỉ ngơi của Ta; vì tất cả những điều này đều do tay Ta làm ra"* (Ê-sai 66:1–2).

Cuối cùng, tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng, giống như Ê-li xưa kia, thánh Stê-pha-nô đã lên tiếng lên án trước toàn thể hội chúng:

---

306 Cyrenaica – vùng phía trên của Libya, dọc theo bờ biển phía bắc châu Phi, phía tây Ai Cập.

307 Người Libertini (từ tiếng Latinh có nghĩa là "người tự do" hoặc "người được giải phóng") – những người Do Thái bị người La Mã đánh bại trong các cuộc chiến tranh giữa hai bên, đặc biệt là dưới thời Pompey, khoảng 60 năm trước Công nguyên.

308 Pompey – vị tướng và nhà chinh phục La Mã nổi tiếng, sau khi nền Cộng hòa ở Rome bị lật đổ, với tư cách là một trong ba thành viên của Tam đầu chế, đã độc đoán cai trị một phần ba lãnh thổ của nhà nước.

– Hỡi những kẻ tàn ác, lòng và tai chưa được cắt bì! Các ngươi luôn chống lại Thánh Thần: như cha ông các ngươi, các ngươi cũng vậy. Có vị tiên tri nào mà cha ông các ngươi không bắt bớ? Họ đã giết những người báo trước sự đến của Đấng Công Chính (Đấng Mê-si-a đã hứa), mà giờ đây chính các ngươi đã trở thành những kẻ phản bội và sát nhân (Công vụ 7:51).

Những lời của vị thánh này đã khơi dậy cơn thịnh nộ không thể tả xiết trong lòng vị thượng tế và các kinh sư; tất cả họ, khi nghe những lời ấy, đều đau đớn trong lòng và nghiến răng với ông.

Nhưng Stephano không để ý đến cơn giận của họ, vì ngài được đầy dẫy Thánh Thần, Đấng đã ban cho ngài sự can đảm và sự soi dẫn của Thiên Chúa. Nhìn lên trời, ông thấy vinh quang của Đức Chúa Trời. Cho đến lúc đó, ông chỉ tràn đầy khao khát được chiêm ngưỡng vinh quang ấy, và với đức tin trọn vẹn, ông vững tin rằng mình sẽ đạt được điều đó; nhưng giờ đây, ngay trước khi lìa đời, ông đã được chiêm ngưỡng vinh quang ấy, và như một người sắp chết, ông đón nhận nó như khởi đầu của sự hạnh phúc; ông còn nhìn thấy chính Đức Kitô Giêsu, Chúa và Chủ của mình, đang đứng trên trời và dường như đang chờ đợi ông đến với Ngài, khi cuối cùng, sau khi thoát khỏi thân xác, ông sẽ nhanh chóng đến với Ngài, và nơi nào có Ngài, chính Chúa, thì nơi đó cũng sẽ có tôi tớ của Ngài[309] .

Và những gì ông đã thấy, ông đã công bố cho mọi người, cất tiếng kêu lớn:

– Này, tôi thấy các tầng trời mở ra và Con Người đang đứng bên hữu Đức Chúa Trời (Công vụ 7:56).

Ông không giấu đi thị kiến này, như các vị thánh thường làm; những vị ấy, tất nhiên, vì lòng khiêm nhường, không tiết lộ những sự hiện ra mà Đức Chúa Trời ban cho họ, nhưng ông đã công bố sự mặc khải vinh hiển này cho mọi người, để những người tin được củng cố trong đức tin, còn những kẻ không tin thì bị bẽ mặt. Và Ngài còn làm điều này để đảm bảo cho các vị tử đạo sau này rằng, những ai chịu khổ vì Chúa Kitô sẽ không gặp trở ngại nào trong việc lên trời cũng như không phải trải qua bất kỳ thử thách nào, mà con đường thẳng tắp và tự do đã được mở ra, thiên đàng đã rộng mở, phần thưởng đã sẵn sàng. Chính Đấng Khởi Xướng Công Đức đang đứng chờ đợi; vinh quang của Chúa đích thân đón tiếp vị tử đạo tại cổng thiên đàng. Và vì thế, vị thánh tử đạo đầu tiên đã kể lại trước mặt mọi người những gì ngài thấy, như thể qua đó kêu gọi những người khác theo sau ngài để cùng nhận lấy vương miện tử đạo ấy.

Nhưng những người Do Thái đầy ghen tị, vốn quen giết các tiên tri và đã nổi loạn chống lại chính Chúa, Đấng Thực thi Luật pháp và các Tiên tri, không thể chịu đựng được những lời chân lý, vì chính họ là những kẻ dối trá, và không muốn lắng nghe những lời mặc khải của thánh Stephano, mà đã la hét ầm ĩ, bịt tai lại và, đồng lòng xông tới, giơ những bàn tay sát nhân lên, lôi ngài ra khỏi thành, giống như trước đây đã làm với Chúa Giêsu, Đấng đã vui lòng chịu khổ ngoài thành, rồi ném đá vào người tôi tớ tốt lành và trung thành của Chúa. Và để dễ dàng ném đá vào vị thánh, những kẻ làm chứng dối và những kẻ sát nhân đã cởi bỏ áo ngoài của mình và xếp chúng dưới chân một thanh niên tên là Sa-lô-môn, người dù là đồng bào và họ hàng của người sắp bị giết, nhưng lại tức giận hơn ai hết đối với ông, vì lòng ghen tị mù quáng đối với Luật Môi-se. Sa-lô-môn – như được ghi trong Sách Công Vụ – đã tán thành việc giết người ấy (Công Vụ 8:1). Và Thánh Gioan Kim Khẩu đã nói về điều này như sau: "Sa-u-l-ơ đau khổ vì không có đủ tay để tự mình đánh đập Thánh Stê-pha-nô, và chỉ cảm thấy hài lòng khi thấy vị tử đạo bị đánh đập bởi nhiều bàn tay của những kẻ làm chứng dối, những người mà ông đang trông coi áo xống."

Cùng lúc đó, khi Thánh Stephano bị giết tại thung lũng Issafat (nằm giữa Giê-ru-sa-lem và Eleon, bên suối Kedr, nơi có rất nhiều đá dọc hai bên bờ), ở xa xa, trên một ngọn đồi cao, nhìn xuống từ trên núi, Đức Trinh Nữ Maria cùng Thánh Gioan Thần Học đang đứng đó và thành kính cầu nguyện cho Thánh Stefano trước mặt Chúa và Con của Mẹ, xin Ngài củng cố lòng kiên nhẫn của ngài và đón nhận linh hồn ngài vào tay Ngài. Ôi, cái chết của vị Thánh Tử đạo đầu tiên thật ngọt ngào biết bao, dù phải chịu những cú ném đá tàn bạo, khi từ trên cao trời, Chúa Giêsu Ngọt ngào nhất, và từ ngọn núi trần gian, Mẹ Ngọt ngào nhất cùng với môn đệ yêu dấu đang chiêm ngưỡng hành động anh hùng của ngài! Và Thánh Stephano, dưới cơn mưa đá dồn dập đổ xuống người, toàn thân nhuốm đầy máu, sức lực cạn kiệt, và đang thoát khỏi xiềng xích của xác thịt, lòng Ngài không đau buồn vì chính mình, mà vì những kẻ đang giết Ngài, và Ngài đã cầu nguyện cho họ trước khi chết một cách tận tụy hơn là cho chính mình: vì về phần mình, khi còn đứng thẳng, Ngài đã nói:

– Lạy Chúa Giê-su, xin hãy nhận lấy linh hồn con (Công vụ 7:59). Sau đó, ngài quỳ gối xuống và cầu nguyện cho những kẻ giết mình, kêu lên:

---

[309] Theo lời Đấng Cứu Thế. Xem Giăng 12:26.

– Lạy Chúa, xin đừng quy tội này cho họ (Công vụ 7:60).

Với những lời ấy, vị thánh đã dâng linh hồn trong sạch của mình lên Chúa Kitô. Như vậy, vị tu sĩ hiền lành đã qua đời; như vậy, vị tử đạo đầu tiên đã được vinh quang, như thể bằng những bông hoa màu đỏ thẫm, những hòn đá nhuốm máu, và bước vào trời cao đang mở rộng, mà ngài đã nhìn thấy, để đến với Chúa và Vua vinh quang, cùng ngài cai trị trong vương quốc vô tận.

Ngài được các thánh tông đồ tấn phong làm tổng phó tế ngay sau Lễ Ngũ Tuần, và đã chịu tử đạo vào cùng năm đó, sau khi Chúa Thăng Thiên, vào ngày 27 tháng 12, khi mới hơn 30 tuổi. Dung mạo ngài rất đẹp, nhưng tâm hồn ngài còn đẹp hơn nữa.

Thi thể thánh của ngài đã bị ném cho thú dữ và chim chóc xé xác, và nằm đó ngày đêm mà không được chôn cất. Phải đến đêm hôm sau, Gamaliel[310] , một nhà thông luật Do Thái nổi tiếng tại Jerusalem (người sau này cùng con trai mình là Aviv đã tin nhận Đấng Christ), mới sai những người trung thực và trung thành đến, lén lút mang thi thể vị thánh về điền trang của mình, cách Giê-ru-sa-lem 20 stade[311] , được gọi là Ka-phar-ga-ma-la, và an táng ngài tại đó một cách trang trọng, đồng thời tổ chức một lễ tang trọng thể. "Và ai mà không khóc," Thánh Xê-la-ti-ô nói, "khi nhìn thấy con chiên hiền lành ấy, bị ném đá đến chết và nằm đó!"

Nhiều năm sau đó, nữ hoàng Hy Lạp đạo đức Eudokia, vợ của Theodosius II[312] , khi đến Giê-ru-sa-lem, tại chính nơi mà thánh tử đạo đầu tiên Stephanos đã bị giết và đất đai nhuốm đỏ bởi máu thánh của ngài, đã xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp mang tên ngài[313] , để tôn vinh Đức Kitô Thiên Chúa, vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài đã chiến đấu bằng những việc làm tốt lành, hỡi vị Tử đạo đầu tiên của Chúa Kitô và Tông đồ, và Ngài đã vạch trần sự bất chính của những kẻ hành hình: vì bị ném đá đến chết bởi tay những kẻ vô luật pháp, Ngài đã nhận vương miện từ tay phải trên cao, và Ngài đã kêu lên với Thiên Chúa rằng: "Lạy Chúa, xin đừng tính tội này cho họ."

Bài ca Kondak, giọng 3:

Hôm qua, Chúa đã giáng sinh trong xác phàm, và hôm nay, người tôi tớ đã lìa khỏi xác phàm: hôm qua, Đấng cai trị đã sinh ra trong xác phàm, hôm nay, người tôi tớ bị ném đá đến chết. Vì lý do đó, vị Tử đạo đầu tiên và Thánh Thần là Thánh Stephano đã qua đời.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo và Người làm chứng đức tin Phê-ô-đô-rô cùng anh trai ngài là Thánh Phê-ô-phan[314] đã được ghi chép

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 12

Trong số các vị tử đạo đã chịu khổ vì Chúa Kitô, có những người đã chiến đấu vì đức tin Kitô giáo, chống lại những người ngoại đạo đang bảo vệ sự lầm lạc thờ ngẫu tượng của họ; còn những người khác, khi chiến đấu vì đức tin chân chính chống lại chính những người Kitô hữu nhưng lại tin theo cách không chính thống, đã phải chịu

---

[310] Gamaliel – một nhà thông luật Do Thái nổi tiếng, giữ chức vụ cao trong Hội đồng Tối cao tại Giê-ru-sa-lem, được toàn dân kính trọng đến nỗi người ta gọi ông là "vinh quang của luật pháp". Truyền thuyết kể rằng ông, cùng với con trai là Aviv, đã được các Tông đồ Phê-rô và Gio-an làm phép rửa.

[311] Khoảng 3,5 verst.

[312] Theodosius II, hay còn gọi là Theodosius Trẻ, trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[313] Nhà thờ được thánh hiến vào năm 460; nhà thờ này rộng lớn đến mức có thể chứa tới 10.000 người.

[314] Hình ảnh Thánh Theophanes, xem trong cuốn "Cuộc đời các thánh" của Oktyabrskaya, trang 245.

đựng những gian khổ không kém gì những người trước, và vì thế họ đã nhận được vương miện ngang hàng với họ. Trong số những người sau này có vị thánh vĩ đại và đáng kính là Thánh Phê-ô-đô-rô.

Thánh Phê-ô-đô-rơ lớn lên tại Palestine, vùng đất mà Thiên Chúa đã ban cho Áp-ra-ham làm gia nghiệp và xứng đáng được gọi là "Đất Hứa", bởi vì không chỉ toàn thể các vị tiên tri và tổ phụ xuất thân từ đó, mà chính Đức Kitô theo xác thịt cũng xuất thân từ đó, cũng như toàn thể Hội Thánh các Tông Đồ được Thiên Chúa yêu mến. Cũng chính vùng đất ấy đã giới thiệu với thế giới ngọn đèn của đức tin và trụ cột của sự đạo đức này – Thánh Theodoros, bởi vì cha mẹ cao quý của ngài[315] , những người mà toàn bộ tài sản và sự giàu có của họ nằm ở chỗ họ được gọi là Kitô hữu, đã sống tại thành thánh Giêrusalem.

Thánh Theodor ngay từ thuở thiếu thời đã sở hữu trí tuệ vĩ đại, và khi còn là thiếu niên, ngài đã có trí tuệ vượt xa lứa tuổi; thay vì tham gia các trò chơi trẻ con hay say mê các trò giải trí, ngài luôn hiện diện trong các thánh đường của Chúa, và không có gì làm ngài vui lòng hơn là chiêm ngưỡng những việc làm tốt lành và chính trực, đồng thời học hỏi từ chúng. Đồng thời, ngài cũng thể hiện sự vâng lời tuyệt đối đối với cha mẹ. Nói tóm lại, vị thánh này, giống như một khu vườn trĩu quả, ngay từ những ngày đầu đời đã cho thấy ngài sẽ trở thành người như thế nào trong tương lai.

Khi lớn lên, cha mẹ đã gửi ngài vào tu viện Thánh Savva[316] dưới sự hướng dẫn của một vị linh mục uyên bác và đức hạnh, để ngài nghiên cứu các sách Thánh Kinh và đồng thời học hỏi lòng kính sợ Đức Chúa Trời. Theodor có một người em trai tên là Theophan, nhỏ hơn anh về tuổi tác nhưng ngang hàng với anh về đức hạnh. Cậu cùng với anh trai lớn được học dưới sự hướng dẫn của cùng một vị linh mục. Với trí tuệ sắc sảo, Theodor đã nhanh chóng nắm vững toàn bộ kiến thức sách vở được truyền dạy. Không bằng lòng với điều đó, mà khao khát đạt được những tri thức cao siêu hơn, ông rời tu viện và tìm gặp một vị cao niên tràn đầy trí tuệ, rồi nài nỉ ông ấy nhận mình làm đệ tử. Từ người này, Thánh Theodore không chỉ hoàn toàn tiếp thu trọn vẹn mọi tri thức thế gian[317] , mà còn rèn luyện được kỹ năng vững chắc trong lĩnh vực tâm linh. Ông học được từ vị trưởng lão cách khinh thường thế gian và mọi điều trần tục, và sau khi thành thạo cả hai lĩnh vực tri thức – thế gian và tâm linh – ông lại trở về tu viện Thánh Savva.

Sau khi trở thành tu sĩ và thực hiện những việc đẹp lòng Chúa, Theodore đã vượt trội hơn nhiều người nhờ lối sống của mình. Ai ở đó hiền lành hơn ngài? Ai vô hại hơn ngài? Ai tiết độ hơn ngài? Ai hiểu rõ hơn ngài về thời điểm cần im lặng, cần nói điều gì đó, hay cần thực hiện một việc nào đó, để không phá vỡ sự im lặng của mình, không bỏ lỡ cơ hội nói điều hữu ích vào đúng lúc, cũng như không bỏ sót bất kỳ công việc nào trong tu viện? Ai đã chế ngự thân xác, kiềm chế lời nói và ánh mắt, cũng như đẩy lùi những ý nghĩ xấu xa đến mức độ như Thánh Phê-ô-đô-rô đã làm? Nhờ những đức hạnh ấy, dưới sự quan sát của Thiên Chúa và theo nguyện vọng của toàn thể cộng đoàn tu viện, vị Thánh Giám mục Giêrusalem đã phong chức linh mục cho ngài. Nhờ vậy, tu viện Thánh Savva đã có ngài như một con ong tốt lành, cần mẫn thu thập mật ngọt của các đức hạnh. Còn về Theodor, cần phải nói thêm rằng ông đã trở nên giống như tiên tri Giê-rê-mi, người đã được phán: *"Trước khi Ta hình thành ngươi trong lòng mẹ, Ta đã biết ngươi, và trước khi ngươi ra khỏi bụng mẹ, Ta đã thánh hóa ngươi"* (Giê-rê-mi 1,5). Bởi vì khi ngài còn là một thiếu niên sống tại Tu viện Lavra[318] và học chữ với vị linh mục nói trên, thì vị thánh nhân được Thánh Thần soi dẫn này đã tiên tri về ngài rằng: chàng trai trẻ tuyệt vời này sẽ kết thúc cuộc đời tu hành trần thế của mình bằng cái chết tử đạo vì Chúa Kitô. Điều này sau đó đã trở thành sự thật, như câu chuyện tiếp theo sẽ cho thấy.

Vào thời điểm đó, tà thuyết chống thánh tượng lại bùng phát, tà thuyết này đã bị loại bỏ khỏi Giáo hội sau thời vua Lêô người Isauria[319] , Constantine Copronymus[320] và con trai ông là Lêô[321] , và bị lên án bởi Công đồng

---

[315] Cha của vị thánh là linh mục Iona, người được kỷ niệm vào ngày 5 tháng 12. Lễ tưởng niệm linh mục Iona được cử hành vào ngày 22 tháng 9.

[316] Tất nhiên, đó chính là tu viện của Thánh Savva, nơi sau này cha của Thánh Theodor đã qua đời.

[317] "Trí tuệ bên ngoài" chính là "trí tuệ thế gian", được gọi như vậy để phân biệt với kiến thức tôn giáo, được gọi là "trí tuệ thiêng liêng", "trí tuệ bên trong".

[318] Tu viện Thánh Savva.

[319] Hoàng đế Lêô Isaurian (717–741) là người chống thánh tượng đầu tiên, người đã ban hành sắc lệnh vứt bỏ các thánh tượng ra khỏi các nhà thờ và tiêu hủy chúng.

[320] Hoàng đế Constantine Copronymus (từ năm 741 đến năm 775) đã ủng hộ mạnh mẽ tà thuyết chống thánh tượng. Ông đã triệu tập một công đồng tại Constantinopolis, được ông gọi là Công đồng Toàn cầu, tại đó việc tôn kính thánh tượng đã bị bác bỏ.

Đại kết lần thứ VII[322] , được triệu tập bởi Nữ hoàng Irina đạo đức và con trai bà là Constantine[323] . Tà vương Lêv người Armenia[324] đã khôi phục lại tà thuyết này một lần nữa; ở đây, sẽ thích hợp nếu nói vài lời về cuộc đời ban đầu của ông ta. Trong triều đại của Nikifor[325] , ông ta ban đầu là chỉ huy đội vệ binh Armenia, sau đó trở thành một quan chức cao cấp và tổng chỉ huy quân đội phương Đông. Sau đó, bằng mưu mô, ông đã lên ngôi, lật đổ vị vua nhân từ và sùng đạo là Michael, có biệt danh là Rangava[326] , người mà ông đã ép phải xuất gia; đồng thời, ông đã thiến các con trai của ông ta là Ignatius và Theophylact, rồi đày Michael cùng vợ con vào nơi lưu đày.

Khi Đức Thượng phụ Nikifor cử hành lễ đăng quang cho Lê người Armenia tại nhà thờ chính tòa và đội vương miện lên đầu ngài, ngài bỗng cảm thấy đau nhói trong tay, như bị gai đâm, như thể vương miện trong tay vị thánh đã biến thành vương miện gai, gây ra những vết đâm đau đớn, và lúc đó Đức Thượng phụ đã nhận ra rằng đó là điềm báo rõ ràng về những nỗi đau khổ và tai họa to lớn mà vị vua này sẽ gây ra cho Giáo hội của Chúa Kitô sau này.

Ban đầu, vị vua xảo quyệt này che giấu tà thuyết ẩn sâu trong lòng và tỏ ra như một người sùng đạo, cho đến khi củng cố được ngai vàng. Nhưng sau cuộc chiến vĩ đại với người Bulgaria, trong đó ông ta xuất hiện như một vị tướng chiến thắng lừng lẫy, cuối cùng ông ta đã phun trào chất độc của sự thù hận ẩn giấu trong lòng, công khai bộc lộ bản chất là kẻ chống thánh tượng. Mọi chuyện bắt đầu như sau: khi trở về từ chiến trường, vị vua nhớ đến một vị ẩn sĩ, người từng tiên đoán rằng ông sẽ trở thành vua, và điều đó đã thành hiện thực. Với ý định tri ân vị ẩn sĩ vì lời tiên tri này, vị vua đã cử một người hầu trung thành mang đến cho ông ta nhiều món quà: các đồ dùng bằng vàng và bạc, các món ăn đa dạng và các loại hương liệu từ Ấn Độ[327] . Tuy nhiên, sứ giả của nhà vua đã không gặp được vị ẩn sĩ này nữa, vì ông đã qua đời, và thay vào đó, tại chính nơi ẩn tu đó, có một đệ tử của ông là Savvatiy đang sống. Sứ giả của nhà vua bắt đầu thuyết phục ông nhận những món quà hoàng gia được gửi đến cho thầy của ông và cầu nguyện cho nhà vua. Nhưng Savvatiy đã từ chối những món quà, cũng như người mang chúng đến, và gọi nhà vua là kẻ không xứng đáng với ngai vàng vì ông ta tôn kính các bức tượng thánh và tuân theo các giáo điều do nữ hoàng Irina trước đây và cựu tổng giám mục Taras thiết lập. Trong khi đó, tên tội đồ này đã nói xấu Irina và Tarasius, gọi người trước là "con mèo rừng", còn người sau là "kẻ kích động dân chúng"; còn đối với vua Lev, hắn đe dọa sẽ tước đoạt vương quốc và mạng sống của nhà vua ngay lập tức, nếu trong thời gian ngắn sắp tới, nhà vua không từ bỏ các bức tượng thánh như những thần tượng.

Khi trở về gặp nhà vua, sứ giả đã kể lại tất cả những gì nghe được từ vị tu sĩ mặc áo đen và chuyển giao thêm một bức thư viết tay của ông ta về cùng vấn đề đó. Trong sự bối rối, nhà vua đã triệu tập một trong những cố vấn trung thành nhất của mình, tên là Theodotus, con trai của quý tộc Melissian Michael[328] , biệt danh là Cassiter, và bàn bạc riêng với ông ta về việc nên làm gì. Theodotus từ lâu đã bị nhiễm tà thuyết chống thánh tượng và chỉ đang chờ đợi cơ hội thuận lợi để công khai tuyên xưng sự vô đạo của mình. Ông đã đưa ra lời khuyên sau đây cho nhà vua:

– Tại tu viện Dagestan, – ông nói, – có một tu sĩ thánh thiện, người làm phép lạ và có khả năng tiên tri: cần phải trò chuyện với ông ấy và làm theo lời khuyên của ông ấy.

Khi nhà vua đồng ý với ông ta, Theodotus vội vã bí mật đến tu viện Dagestan gặp vị tu sĩ mặc áo đen mà ông ta đã nhắm đến, người thực chất là một kẻ dị giáo. Khi đến gặp ông ta, ông nói:

– Đêm mai, nhà vua sẽ đến gặp ngươi trong bộ quần áo tối tàn để trò chuyện về đức tin và những vấn đề khác, đồng thời xin ngươi lời khuyên sáng suốt. Ngươi hãy thuyết phục ngài chấp nhận những giáo lý đã bị bác bỏ

---

[321] Hoàng đế Lêô, có biệt danh là Khazar, trị vì từ năm 775 đến năm 780. Ông ủng hộ chủ nghĩa chống thánh tượng, nhưng không mạnh mẽ.

[322] Công đồng Đại kết lần thứ VII được triệu tập tại Nicaea vào năm 887. Công đồng này đã chính thức công nhận việc tôn kính các hình ảnh thánh, đồng thời tuyên bố công đồng diễn ra dưới thời Constantine Copronymus là dị giáo.

[323] Thánh Hoàng hậu Irina, vợ của Lê Hozar, ban đầu, sau khi chồng qua đời, đã cai trị đế quốc thay cho con trai mình là Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus (từ năm 780 đến năm 792) do con trai còn nhỏ tuổi, trước tiên là nhân danh con trai, sau đó là nhân danh chính mình (từ năm 797 đến năm 802).

[324] Hoàng đế Lê-vơ người Armenia trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[325] Hoàng đế Nikiforos I trị vì từ năm 802 đến năm 811.

[326] Hoàng đế Michael I Rangav trị vì từ năm 811 đến năm 813.

[327] Hương liệu Ấn Độ – là những loại hương liệu được mang về từ Ấn Độ. Ấn Độ – quốc gia nằm trên bán đảo lớn phía nam của Đông Á, từ lâu đã nổi tiếng với các loại cây có mùi thơm.

[328] Melissa – một thành phố ở Phrygia, vùng đất bao trùm toàn bộ phần trung tâm của nửa phía tây bán đảo Tiểu Á.

của vị vua tiền nhiệm là Lêô người Isauria, và loại bỏ các tượng thần (đó là cách tên ác quỷ ấy gọi các bức thánh tượng) khỏi các nhà thờ của Chúa. Sau đó, hãy cố gắng dọa nạt ngài rằng nếu ngài không làm điều đó, thì chẳng bao lâu nữa, ngài sẽ mất cả mạng sống lẫn vương quốc; còn nếu ngài hứa sẽ thực hiện điều đó, thì hãy tiên tri báo trước cho ngài một cuộc đời trường thọ và triều đại thịnh vượng.

Như vậy, tên dị giáo Theodotus cùng với một tu sĩ dị giáo đã thông đồng để lôi kéo vị vua – người có lòng dễ bị lay động trước mưu đồ của họ – vào con đường tà ác của mình. Không hay biết gì về mưu mô của Theodotus, nhà vua đã thức dậy vào ban đêm và mặc quần áo tối tàn (để không bị nhận ra) đi gặp vị "thánh nhân giả" và "nhà tiên tri dối trá" này. Người dẫn đường cho ngài vẫn chính là Theodotus. Khi họ đến gặp vị tu sĩ mặc áo đen nói trên và cuộc trò chuyện đã bắt đầu, vị tu sĩ đứng bên cạnh nhà vua, dường như nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời mà biết được địa vị hoàng gia của ngài, liền ngạc nhiên thốt lên:

– Bệ hạ đã hành động không đúng khi che giấu phẩm vị hoàng gia của mình trước mặt chúng tôi dưới bộ quần áo rách rưới. Nhưng dù bệ hạ đã làm như vậy, ân sủng của Thánh Thần Thiên Chúa đã không cho phép chúng tôi mãi mãi ở trong sự vô minh và đã tiết lộ rằng bệ hạ là vị vua, chứ không phải một người thường.

Vua kinh hoàng trước những lời ấy và, sau khi nhận ra sự thánh thiện và sự sáng suốt của vị tu sĩ mặc áo đen, đã tin vào ân tứ tiên tri và khả năng làm phép lạ của ông. Ông dễ dàng tuân theo những gì vị tu sĩ ra lệnh, không hề nghi ngờ chút nào về mọi điều mà miệng vị tu sĩ ấy tiên tri, và chấp nhận lời khuyên của kẻ dị giáo – vốn là lời khuyên hủy diệt linh hồn và đầy nọc độc của rắn – như thể đó là lời khuyên sáng suốt và có lợi cho linh hồn. Ngay lập tức, ông hứa sẽ thực hiện tất cả những lời khuyên của vị tu sĩ mặc áo đen, người đã được Theodotus – một kẻ dị giáo giống như ông – dạy dỗ, và ra đi với ý định xấu xa là phát động cuộc đàn áp các thánh tượng. Và thế là, giống như một cơn bão dữ dội, vị vua vô đạo bắt đầu khuấy động sự bình an của Giáo hội Chúa Kitô.

Ngài đã đày Đức Thượng phụ Nikiforos, người không đồng lõa với ý định vô đạo của ngài, đến Prokonissos[329] ; cũng giống như vậy, ông ta đã trục xuất và giam cầm ở những vùng đất xa xôi Thánh Theophanes, vị tu viện trưởng của tu viện được biết đến với tên gọi "Làng Lớn"[330] , cũng như Thánh Theodoros Studites[331] và nhiều vị Thánh Cha vĩ đại khác, những người được Thánh Thần soi dẫn, đã kiên quyết chống lại ông ta. Còn trên ngai Thượng phụ, vào chính ngày Phục Sinh của Chúa Kitô , hắn đã đưa tên dị giáo Theodotus Melissianus, biệt danh là Cassiter, lên ngôi. Và hắn chính là *"sự ghê tởm gây hoang tàn, đứng trên nơi thánh"* (Mt 24:15; Đn 9:27).

Lúc bấy giờ, Đức Chúa Trời, trong cơn thịnh nộ công chính của Ngài trước sự gian ác của vị vua ấy, đã không chậm trễ trừng phạt ông ta bằng sự phán xét của Ngài và để cho một cuộc xâm lược bất ngờ của các dân ngoại xảy ra. Đó là những người Ả Rập sống ở các sa mạc phía đông; họ đã tập hợp toàn bộ lực lượng, xâm lược các vùng đất Hy Lạp, tàn phá các vùng đất, tấn công các tu viện ở Palestine và, trong số đó, tu viện Thánh Savva, nơi vị thánh phúc lành Theodoros cùng anh trai mình là Theophanes đang tu hành. Đức Thượng phụ Thánh thành Giê-ru-sa-lem đã nhận ra rằng đây là sự trừng phạt cho những tội lỗi và là hậu quả của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vì sự xúc phạm và từ chối các thánh tượng. Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành bảo vệ Chính Thống Giáo, ngài bắt đầu tìm cách dập tắt ngọn lửa này và vạch trần những điều ác do những kẻ vi phạm truyền thống của các bậc tiền bối, những kẻ đưa ra những điều mới lạ, gây ra. Sau một thời gian tìm kiếm, ngài đã tìm được người phù hợp cho nhiệm vụ này, đó là Thánh Phê-ô-đô-rô, người nổi tiếng với đời sống chính trực và sự khôn ngoan, tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng và với lòng dũng cảm bất khuất, luôn đứng canh giữ Đức Tin Chính Thống. Sau khi che chở ngài bằng lời cầu nguyện và củng cố niềm hy vọng nơi Đấng Kitô, Đức Thượng phụ đã sai ngài đến kinh đô để vạch trần sự bất chính.

Thánh Theodor, như một người con vâng lời, không từ chối thực hiện mệnh lệnh. Sẵn sàng ngay lập tức không chỉ gánh vác vô vàn khó nhọc vì đức tin chân chính, mà còn chấp nhận đau khổ và thậm chí hy sinh mạng sống mình vì danh dự của các thánh tượng, ngài đã vui vẻ vâng lời. Đưa theo người em trai là Thêôphan, Thêôđôr lên đường và nhanh chóng đến được kinh đô hoàng gia. Tại đây, trước hết, ngài đã dũng cảm vạch trần tà thuyết của một kẻ mướn, người không phải là mục tử, tức là Thêôđot Melissios, kẻ tự xưng là tổng giám mục

---

[329] Prokoniss – một hòn đảo trên Biển Marmara, ngày nay là Mariara; nơi đây từng là địa điểm lưu đày của nhiều vị tử đạo trong thời kỳ cuộc khủng hoảng chống thánh tượng.

[330] Tất nhiên là Thánh Theophanes, con trai của một quý tộc Constantinopolis, người đã xuất gia sau khi Hoàng đế Leo Khazar qua đời – người mà ông từng giữ chức vụ cao dưới triều đại của ngài. Lễ kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 12 tháng 3 tại dãy núi Sigrian rậm rạp, bên bờ sông Rivdaka.

[331] Thánh Theodoros Studites – vị tu viện trưởng của Tu viện Studion nổi tiếng. Lễ kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 11 tháng 11

Constantinopolis. Vị thánh nhân đã công khai quở trách hắn vì đã làm hư hỏng những người mà hắn cai quản, hủy diệt các con chiên thuộc đàn chiên của Đấng Kitô, những người đang được nuôi dưỡng bằng thức ăn độc hại của giáo lý dị giáo, và phá hoại Giáo hội Chính thống, đồng thời xây dựng đền thờ của sự mê tín. Sau đó, khi được diện kiến chính hoàng đế và với Lời Chúa trên môi như một thanh gươm sắc bén, Thánh Theodor đã bắt đầu cảnh báo hoàng đế, chứng minh rõ ràng cho ngài thấy rằng ngài không chỉ hủy hoại linh hồn mình, mà còn lôi kéo dân Chúa theo mình vào con đường diệt vong, làm hư hỏng họ bằng sự lừa dối. Đồng thời, ông khẩn cầu nhà vua quay trở lại con đường đạo đức, từ bỏ những suy nghĩ gian ác.

– Có lẽ – ông nói – ngài sẽ làm nguôi cơn giận của Chúa bằng cách này và không phải uống cạn chén cơn giận của Chúa đang đè nặng trên ngài.

Ngạc nhiên trước lời nói thẳng thắn của người đàn ông, sự thuyết phục trong lời nói, tính cách hiền lành và sự can đảm không sợ hãi của ông, nhà vua đã khiêm nhường chấp nhận lời quở trách. Sau khi gọi ông đến lần thứ hai, nhà vua bắt đầu trò chuyện thân thiện với ông, hỏi ông là ai, đến từ đâu và muốn đạt được điều gì qua bài phát biểu táo bạo của mình. Sau khi cho nhà vua biết về quê hương và việc mình đến từ Palestine, vị thánh cũng kể về lý do đến đây, cụ thể là ông đã cố ý đến gặp nhà vua để công khai bênh vực danh dự của Đức Chúa Trời, khi thấy người ta làm ô uế Đức Vua trên trời qua các bức tượng của Ngài và xúc phạm Ngài qua những tôi tớ của Ngài đang bị bức hại một cách bất công.

– Không nên – ngài nói – sợ vua trần gian hơn cả Vua trên trời; bổn phận của chúng ta là vạch trần các vị vua, nếu họ làm phật lòng Thiên Chúa.

Sau đó, vị thánh nhân bắt đầu trình bày các giáo lý của đức tin thánh thiện và dạy về việc dâng lên các bức tượng thánh sự tôn kính xứng đáng. Trích dẫn nhiều đoạn trong Kinh Thánh, ngài nói thêm rằng việc tôn kính các bức tượng thánh là dấu hiệu của tình yêu và khát khao hướng về Đấng Kitô của chúng ta, cũng như là bằng chứng về đức tin và sự tuyên xưng của chúng ta về sự nhập thể của Ngài. Vua tranh luận với ngài rất lâu, phản đối kịch liệt vì sự mê tín của mình, nhưng vô ích, bởi vì lời nói của vị thánh nhân vững chắc như kim cương, còn đức tin của ngài thì bất di bất dịch như bức tường kiên cố. Sau một cuộc tranh luận kéo dài, Theodore đã chiến thắng nhà vua trong cuộc tranh luận và chứng minh cho ông thấy sự bất công trong quan điểm của mình. Vậy thì vị vua xảo quyệt đã làm gì? Ông ta nảy ra ý định dùng lời nịnh hót để lung lay người không lay chuyển được, cố gắng dùng lời van nài, quà tặng và lời hứa ban vinh dự để thuyết phục Thánh Theodor đồng thuận với mình, nhưng không thành công. Sau nhiều lời khuyên nhủ từ phía nhà vua, vị thánh đã dũng cảm và không sợ hãi nói với ông ta:

– Bệ hạ đã quên những lời thề mà ngài đã hứa với Đức Chúa Trời khi vị tổng giám mục đội vương miện lên đầu ngài. Hãy thương xót linh hồn mình, hãy trả lại cho Giáo hội những gì thuộc về Giáo hội, đừng gây chiến với Đức Chúa Trời, Đấng Phán Xét công chính và hùng mạnh!

Lúc đó, nhà vua đã thay đổi sự hiền lành giả tạo bằng cơn thịnh nộ man rợ vốn có, vốn là bản chất của tên gọi ông. Ngài ra lệnh đánh đập dữ dội và kéo dài vị chứng nhân của Chúa Kitô là Thêôđôr và anh trai ông là Thêôphân, rồi đày họ đến nơi lưu đày ở cửa sông, cấm bất cứ ai cung cấp thức ăn, nước uống và quần áo cho họ, để, như vị vua vô đạo đã nói, "những kẻ ác phải chết một cái chết tàn khốc".

Nhưng khi các thánh nhân phải chịu đau khổ vì các bức tượng Chúa Kitô, bị hành hạ bởi giá lạnh, đói khát, thì "Chúa là Đấng báo thù" đã không chậm trễ trong việc trừng phạt kẻ vô luật pháp bằng sự phán xét công chính của Ngài. Không lâu sau, kẻ mang tên và sự tàn bạo giống như thú vật đã chết cùng với chúng, vì hắn bị đâm chết như một con thú. Sự diệt vong này đã được báo trước trong một sự mặc khải đặc biệt mà mẹ của vị vua đã nhận được không lâu trước khi con trai bất chính của bà qua đời. Bà đã góa bụa nhiều năm và sống một cuộc đời tiết độ. Một lần nọ, trong giấc mơ, bà có một thị kiến như sau: bà tưởng như mình đang đi đến Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội ở Vlacherna[332] , và khi bước qua cửa, bà gặp một Trinh Nữ rực rỡ, được bao quanh bởi vô số người đàn ông mặc áo choàng trắng, trong khi nhà thờ thì ngập tràn dòng máu. Cô gái ấy ra lệnh cho một trong những người đàn ông mặc áo choàng trắng múc máu vào một chiếc bình đất sét rồi đưa cho mẹ của vị vua vô đạo để bà uống. Thấy cảnh đó, mẹ của vị vua kinh hoàng nói:

---

[332] Vlacherna – một khu vực ở Constantinople, nằm ở phía tây thành phố. Vào thời kỳ hưng thịnh của Đế quốc Byzantine, nơi đây nổi tiếng khắp phương Đông nhờ các thánh địa của mình. Vlacherna đặc biệt nổi tiếng nhờ Nhà thờ Đức Mẹ, được xây dựng dưới thời Hoàng đế Lêô I Đại đế (từ năm 457 đến năm 474), người đã cho rước những bộ áo thánh của Đức Mẹ, được chuyển từ Palestine về, và an táng tại nhà thờ này vào năm 474. Cũng tại đây, cùng với bộ áo của Đức Mẹ, chiếc khăn trùm đầu (omophorion) và một phần thắt lưng của Người được lưu giữ trong một hòm bằng vàng ròng.

– Đã nhiều năm nay, vì góa bụa, tôi không ăn thịt và cũng không bao giờ đưa bất cứ thứ gì dính máu vào miệng. Làm sao tôi có thể uống máu này được?

Lúc đó, Đức Trinh Nữ rạng ngời đã giận dữ hỏi bà:

– Tại sao con trai bà lại không ngừng làm đầy mình bằng máu, khiến Ta và Con Thần Thánh của Ta phẫn nộ?

Tại đây, giấc mơ bỗng chốc chấm dứt, và mẹ vua lập tức tỉnh giấc trong sợ hãi và run rẩy. Kể từ đó, bà không ngừng khuyên nhủ con trai hoàng gia của mình trong nước mắt, để ngài ngừng việc phá hủy các thánh tượng và đổ máu các tín hữu Kitô giáo vì chúng. Nhưng tên Giu-đa thứ hai, nô lệ ngoan ngoãn của tà giáo và kẻ lừa dối xảo quyệt, vẫn không chịu hối cải.

Không lâu sau đó, một thị kiến thứ hai lại xuất hiện, lần này là dành cho chính nhà vua, sáu ngày trước khi ngài qua đời trong đau đớn. Trong thị kiến, Thánh Tarasius, người đã qua đời từ lâu và từng là tổng giám mục dưới triều đại của Irina và Constantine, đã hiện ra trước mặt ngài. Với cơn thịnh nộ tột độ, Thánh Tarasius đã ra lệnh trong giấc mơ cho một người đàn ông tên là Michael dùng gươm chém nhà vua. Tuân theo mệnh lệnh, Michael đã giáng một nhát gươm mạnh vào nhà vua và đâm xuyên qua người ông. Nhà vua tự mình chứng kiến tất cả những điều đó và tỉnh dậy trong sự kinh hoàng tột độ, không hiểu điều này có ý nghĩa gì.

Nghĩ rằng trong tu viện Thánh Tarasius có một người tên là Mikhail đang âm mưu giết mình, ông lập tức sai người đi tìm các tu sĩ, và sau khi điều tra về Mikhail, ông ra lệnh giam giữ họ trong xiềng xích cho đến khi họ chỉ ra được Mikhail đang ẩn náu trong số họ.

Vào thời điểm đó, tại Constantinople có một vị tướng quân tên là Mikhail, biệt danh là Travley hoặc Valvos[333] , quê quán ở Amorea[334] . Trước đây, chính ông đã giúp đỡ Leo rất nhiều trong việc lên ngôi hoàng đế, luôn trung thành và được ông yêu mến, đến nỗi Leo thậm chí còn trở thành cha đỡ đầu cho con trai ông. Tuy nhiên, sau đó, vì một lý do nào đó mà tức giận nhà vua, Mikhail đã biến tình bạn thành thù hận và, trong những bữa tiệc cùng bạn bè, thường trong tình trạng say xỉn, do thiếu thận trọng, đã nói xấu nhà vua. Thấy Mikhail có thái độ thù địch với nhà vua, một số kẻ thù bí mật của nhà vua đã gia nhập phe ông ta, và số lượng họ không hề ít; họ bàn bạc việc giết nhà vua và đưa Mikhail lên ngôi. Vì không kiềm chế được lời nói, Mikhail đã không giấu diếm điều này, mà còn khoe khoang ở đâu đó rằng mình sẽ trở thành vua. Lời nói đó đã đến tai nhà vua, và ngài lập tức bắt giữ Mikhail và kết án thiêu sống anh ta. Mikhail bị trói đã bị dẫn đến lò tắm, nơi nhà vua đang có mặt, mong muốn tận mắt chứng kiến cái chết của anh ta. Đó là ngày 24 tháng 12, đêm trước Lễ Giáng Sinh. Vợ vua, Theodosius, khi biết tin này, vội vã bước ra khỏi cung điện của mình và giận dữ quở trách nhà vua, thậm chí còn gọi ông là kẻ chống lại Thiên Chúa vì không tôn trọng ngay cả ngày thánh, khi ông sắp rước Mình Thánh Chúa. Vua nghe theo lời bà và ra lệnh đưa Michael trở lại, hoãn việc thiêu sống cậu đến một thời điểm khác, rồi quay sang hoàng hậu nói:

– Ta đã làm theo lời ngươi, vợ ơi, và hôm nay đã nghe theo lời khuyên răn đầy giận dữ của ngươi, nhưng chính ngươi và các con ta sẽ thấy điều gì sẽ xảy ra sau này.

Với những lời này, vị vua vô đạo đã vô tình tự tiên tri về số phận của mình, bởi vì cái chết của ông đã cận kề.

Nhà vua giao nhiệm vụ canh giữ Mikhail đang bị xiềng xích cho một trong những lính gác hoàng cung tên là Papii, còn bản thân ông thì giữ chìa khóa xiềng xích của tù nhân và suốt đêm đó không chợp mắt, chìm trong nỗi buồn – tâm hồn ông đau khổ, không biết phải làm gì. Thức dậy, nhà vua đi xem tù nhân đang làm gì – liệu anh ta có khóc lóc và than van như thường thấy ở những người bị kết án tử hình hay không? Khi nhẹ nhàng mở cánh cửa bí mật dẫn vào phòng của Papius, ông thấy một cảnh tượng hoàn toàn bất ngờ: chính là Michael, người mà ông hy vọng sẽ thấy đang than khóc và đau khổ, lại đang chìm trong giấc ngủ say, nằm nghỉ trên chiếc giường cao và trang trí lộng lẫy của Papius, còn Papius thì đang ngủ gật trên mặt đất trần. Nhà vua kinh hoàng khi thấy tù nhân bị kết án lại được đối xử với sự tôn trọng và bình thản đến vậy, nên đã bỏ đi trong cơn giận dữ, đe dọa sẽ tiêu diệt không chỉ Mikhail mà cả Papia. Một cậu bé đang ở trong cùng căn phòng đó đã nghe thấy điều này. Nhận ra đó là nhà vua, cậu bé đã đánh thức Mihaïl và Papia dậy và kể cho họ nghe rằng nhà vua đã đến và đe dọa sẽ tiêu diệt cả hai người.

---

[333] Tên gọi: Travlius – tiếng Latinh, còn Valvos (Balba) – tiếng Hy Lạp. Trong tiếng Nga, cả hai từ này đều có nghĩa là: "Người nói lắp". Mikhail này sau này trở thành hoàng đế và trị vì từ năm 820 đến năm 829.

[334] Amorea – một thành phố thuộc tỉnh Phrygia ở Tiểu Á.

Mọi người đều hoảng sợ. Lúc đó, Mihaïl, không gặp sự phản đối nào từ phía Papia, đã cử một người tên là Feoktist đến gặp những người đồng chí hướng của mình với mệnh lệnh truyền đạt như sau:

– Nếu các ngươi không lập tức thực hiện ngay những gì chúng ta đã bàn bạc, thì ngày mai ta sẽ kể với nhà vua về các ngươi và tố cáo từng người một, để không chỉ riêng ta phải chết một cách thảm khốc, mà cả các ngươi cũng sẽ chết cùng với ta.

Những kẻ đồng lõa trong âm mưu hoảng sợ trước lời đe dọa đó và, sau khi tập hợp lại, bắt đầu suy tính làm thế nào để cứu cả bản thân lẫn Mihaïl khỏi tai họa và cái chết đang rình rập. Lúc đó là nửa đêm, và tại các nhà thờ, nghi thức thánh lễ suốt đêm thường lệ nhân dịp Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô đang bắt đầu. Sau khi bàn bạc, họ giấu vũ khí dưới áo quần rồi đi đến những cây được gọi là "cây voi", dẫn vào cung điện hoàng gia. Tại đó, họ trà trộn vào đám ca viên hoàng gia đang đi qua những cánh cửa này vào nhà thờ trong cung điện, rồi cùng với họ bước vào nhà thờ, như thể để tham dự lễ canh thức. Nhà vua cũng đến nhà thờ và, đứng trên bục bên phải như thường lệ, chính ngài bắt đầu hát thánh ca với giọng hát rất vang dội.

Họ đã hát xong bài thánh ca và sắp đến bài thứ bảy, thì những kẻ âm mưu bắt đầu thì thầm với nhau:

– Sao chúng ta lại đứng đây mà không làm gì? Sắp hết bài hát rồi. Chúng ta còn chờ gì nữa?

Đúng lúc đó, nhà vua cất cao giọng hát bài thứ bảy của bài thánh ca thứ hai nhân lễ Giáng sinh. Và một trong những kẻ âm mưu, rút thanh kiếm ra từ dưới áo, lao vào nhà vua, nhưng lại nhầm lẫn: thay vì đánh trúng nhà vua, hắn lại chém trúng người chỉ huy dàn hợp xướng bên phải, có lẽ vì người này có vóc dáng giống nhà vua, hoặc vì do trời lạnh nên đầu ông ta, giống như nhà vua, cũng được che kín; khi người chỉ huy dàn hợp xướng vén tóc ra, sai lầm mới được phát hiện. Còn nhà vua, khi phát hiện ra âm mưu của bọn chúng, đã chạy vào bàn thờ, nắm lấy cây thánh giá và dùng nó để tự vệ ở cửa, đẩy lùi những đòn tấn công của bọn âm mưu. Nhưng lúc đó, một chiến binh đáng sợ với vóc dáng khổng lồ đã tiến lại gần. Thấy chiến binh này, nhà vua bắt đầu cầu khẩn trước bàn thờ của Chúa, xin đừng làm hại mình.

– Giờ không phải lúc để cầu khẩn, mà là lúc giết chóc, – người đó đáp lại và dùng vũ khí của mình giáng một đòn mạnh vào Lev người Armenia, đánh anh ta một cách tàn nhẫn và chém đứt cánh tay cùng với phần đầu của cây thánh giá. Lúc đó, những chiến binh còn lại cũng bắt đầu chém vào khắp cơ thể nhà vua. Ngã xuống sàn, Lev nằm trong vũng máu của chính mình và vẫn còn thở. Thấy ông vẫn còn thở, một trong những chiến binh đã chặt đầu ông.

Như vậy, bị giết như một con thú, vị vua vô pháp ấy đã trút hơi thở cuối cùng vào lúc bình minh trong những cơn đau đớn tột cùng. Ông ta bị giết ngay tại chính nơi mà lần đầu tiên ông ta đã dám ném xuống đất, nhổ nước bọt và giẫm đạp lên hình ảnh của Đấng Cứu Thế. Lev người Armenia trị vì được 7 năm 5 tháng, nhưng sự tàn bạo của ông ta sánh ngang với những kẻ bách hại Giáo hội vĩ đại thời cổ đại. Sau khi vụ giết người xảy ra, thi thể ông ta bị quăng ra quảng trường thành phố và nằm đó suốt cả ngày mà không ai dọn dẹp. Không có ai thương xót cho cái chết của ông ta, mà cả thành phố đều hân hoan.

Người ta còn kể rằng, ngay vào giờ phút tên phỉ báng các bức tượng thánh đáng nguyền rủa này bị giết, một tiếng nói hân hoan vang lên từ trời cao, báo tin cho nhiều người về cái chết của vị vua độc ác. Một số thủy thủ nghe thấy tiếng nói đó đã ghi lại thời gian, và sau này họ mới biết rằng đúng vào lúc đó, tên sát nhân khát máu, giống như theo đúng tên gọi của hắn, đã thực sự bị tiêu diệt. Còn với các con của hắn, điều mà chính hắn đã gây ra cho các con của vị tiền nhiệm, vua Mikhail Rangava, lại xảy ra với chúng gấp đôi: như đã đề cập ở trên, hắn đã thiến hai con trai của Mikhail, và bốn con trai của hắn cũng bị thiến theo cách tương tự: Vasili, được đặt tên là Konstantin và được chỉ định lên ngôi, Savvati, Grigori và Feodosii. Người con út không chịu nổi căn bệnh phát sinh sau khi bị thiến, đã qua đời và được chôn cất cùng với cha mình, còn Vasili, người được đặt tên là Konstantin, thì bị liệt do căn bệnh đó. Tất cả họ đều bị giam cầm cùng với mẹ của họ.

Sau khi sát hại Lêv, các chiến binh tiến đến chỗ Mikhail và đưa ông lên ngai vàng với đôi chân vẫn bị xiềng xích (vì chìa khóa xiềng xích, như đã nói, được chính vua Lêv cất giữ).

Sau đó, khi trời đã sáng, họ phá xiềng xích và dẫn ông đến nhà thờ chính tòa. Như vậy, Mikhail Travley đã được đăng quang làm vua vào chính ngày Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô.

Ngay sau khi Michael lên ngôi, tất cả các tín hữu Kitô giáo đều được thả ra khỏi nơi giam cầm và trở về nhà một cách bình an. Mặc dù vị vua mới Michael không phải là người Chính Thống Giáo và là tín đồ của cùng một tà thuyết chống thánh tượng, nhưng ông không đàn áp những người Chính Thống Giáo, mà cho phép mỗi người

tự do theo đạo theo ý mình. Ông là người thiếu hiểu biết về Lời Chúa và không ham đọc sách vở, mà chỉ đắm chìm trong những lo toan trần tục và những mối bận tâm đời thường.

Thánh Phê-ô-đô-rơ cùng anh trai là Thánh Thê-ô-phan đã trở về, nhưng không phải về quê hương của họ là Palestine, mà là về Constantinople – vùng đất được giao phó cho họ để rao giảng – và bắt đầu công khai tuyên xưng đức tin, khiến nhiều người từ bỏ tà thuyết chống thánh tượng và hướng dẫn họ vào đức tin chân chính.

Vào thời đó, tại Constantinople có một người đàn ông tên là Gioan[335] , người theo cùng tà thuyết với hoàng đế và có ảnh hưởng lớn đối với ông. Mặc áo tu sĩ và giả vờ thể hiện mình là tấm gương của các đức tính, ông ta đã lừa dối không chỉ hoàng đế mà còn nhiều thành viên trong chính quyền tối cao, đến nỗi họ nghe theo và tuân theo mọi lời khuyên xảo trá của ông ta. Ông ta lên ngôi Thượng phụ, kế vị tên dị giáo Theodotus, trong khi bản thân cũng là một kẻ dị giáo. Không muốn thấy Theodor và Theophanes – hai ngọn đèn của Chính Thống Giáo, đang soi sáng toàn bộ thành phố hoàng gia – được tự do, hắn đã giam họ vào ngục tối; sau đó, hắn triệu tập họ đến để đối thoại, tranh luận với họ trong một thời gian dài, nhưng vì không thể đánh bại họ, hắn đã trục xuất họ khỏi thành phố, bằng cách xin được một sắc lệnh hoàng gia đặc biệt (vì ông là thầy dạy và cố vấn hàng đầu của hoàng đế). Theo sắc lệnh này, các thánh Theodor và Theophanes bị lưu đày đến một vùng đất có tên là Sosfeni[336] . Nhưng đối với các vị chứng nhân đáng kính, vùng đất xa lạ ấy đã trở thành quê hương vì Chúa Kitô, bởi họ sẵn sàng chịu khổ vì các bức tượng Chúa Kitô ở bất cứ đâu.

Không lâu sau đó, vua Michael qua đời, để lại ngai vàng cho con trai là Theophilus[337] , người theo tà thuyết chống thánh tượng một cách cuồng nhiệt hơn bất kỳ ai và lại tiếp tục cuộc đàn áp đối với Giáo hội. Một lần nữa, các thánh tượng lại bị vứt bỏ và bị sỉ nhục; một lần nữa, những hình phạt tra tấn, nhà ngục và phiên tòa lại được chuẩn bị dành cho các tín hữu Chính Thống; và mọi hình thức tra tấn bất công lại bùng phát trở lại. Nhiều người, vì sợ hãi những cực hình, đã tuân theo, dù sau này họ đã ăn năn. Vào thời điểm đó, Thánh Theodoros cũng phải chịu những đau khổ mới. Nhà vua biết rằng ngài kiên định trong đức tin và không thể lay chuyển trong lời nói của mình, và ngài không chỉ tự mình tôn kính các bức tượng thánh mà còn dạy người khác làm theo[338] . Ngay lập tức, vị vua vô đạo ra lệnh đưa Thánh Theodorus ra xét xử, và theo mệnh lệnh của nhà vua, vị thánh cùng với anh trai là Theophanes và những tín hữu Chính Thống Giáo khác đã bị dẫn đến trước giám mục thành phố để tra tấn. Khi, sau một cuộc tranh luận bằng lời nói kéo dài, cùng với những lời nịnh nọt và đe dọa của vị vua, Thánh Theodoros vẫn không chịu khuất phục trước những lời thuyết phục của ông ta, thì vị thánh được cởi trần và bị đánh đập dữ dội bằng những cây roi dày trong một thời gian dài. Khi những kẻ tra tấn ngừng đánh, ngài đứng giữa tòa án trong tình trạng trần truồng và đầy máu, được trang hoàng trước mặt các Thiên thần và con người bằng những vết thương nhận được vì Chúa Kitô. Vị giám mục thấy cảnh tượng này thật không đứng đắn, nhưng vị thánh đã nói:

– Tôi là một võ sĩ và đã ra trận chống lại kẻ thù vì các bức tượng thánh của Chúa tôi; còn các võ sĩ thường ra trận trong tình trạng trần truồng. Nếu tôi thấy ai đó trong số các tín hữu, những người đang chịu thương tích từ các ngài, sắp kiệt sức, thì tôi sẽ ngay lập tức thay thế họ, dùng thân thể mình để hứng chịu những đòn đánh. Và bằng cách đó, tôi sẽ bù đắp cho sự thiếu kiên nhẫn của họ. Đó chính là lý do tại sao tôi đứng đây trong tình trạng trần truồng!

Ôi người đàn ông mạnh mẽ! Ôi lời nói tự do! Ôi lòng nhiệt thành hướng về Chúa! Sau đó, Theodore cùng anh trai lại bị đày đến Afusia[339] . Ai có thể kể hết những khổ nạn mà họ phải chịu trên đường đi và tại nơi bị đày: xiềng xích, bão tố, đói khát, nắng gắt, sương giá ban đêm, những lời vu khống, cái chết hàng ngày và những cuộc nổi loạn? Ai có thể đếm chi tiết những vết thương mới, những cú đánh, những lần bị xé tai? Chỉ cần nói rằng, vì Chúa Kitô, họ đã vui vẻ chịu đựng tất cả những cực hình này, cùng với thời gian lưu đày dài đằng đẵng.

Hai năm trôi qua, theo lệnh của hoàng đế, họ lại bị dẫn về Constantinople và được đưa ra trước mặt chính hoàng đế để thử thách: vì ông ta rất muốn lôi kéo họ theo tà giáo của mình. Những gì họ đã phải chịu đựng trong thời gian đó được thể hiện rõ trong bức thư mà họ viết sau này gửi cho Gioan, Giám mục Kizich[340] . Trong bức thư

---

[335] Ở đây tất nhiên là nói đến Gioan Grammatikos, người thầy dạy của vua Theophilus, sau này (từ năm 832 đến năm 842) trở thành tổng giám mục Constantinopolis; ông qua đời trong cảnh bị giam cầm.

[336] Sosthenes – một địa danh ở vùng ngoại ô Constantinopolis.

[337] Hoàng đế Theophilus trị vì từ năm 829 đến năm 842.

[338] Những di sản của hoạt động giáo dục này của Thánh Theodorus là các bài giảng còn lại của ngài. Người ta cũng quy cho ngài tác phẩm "Suy ngẫm về việc tôn kính các bức tượng thánh" và cuốn sách "Về đức tin Chính thống".

[339] Aphusia, hay còn gọi là Ophius, là một hòn đảo gần Tsargrad.

này, chính họ đã kể lại về bản thân như sau: "Khi chúng tôi bị dẫn đến cung điện hoàng gia và bước qua cánh cửa, hoàng đế hiện ra trước mắt chúng tôi với vẻ mặt vô cùng đáng sợ và tràn đầy cơn thịnh nộ. Rất nhiều quan lại trong triều từ khắp nơi vây quanh chúng tôi, và chúng tôi đã cúi đầu chào hoàng đế từ xa.

Ngài dùng giọng nói dữ dội và những lời lẽ gay gắt ra lệnh cho chúng tôi lại gần hơn và hỏi:

– Các ngươi sinh ra ở nước nào?

Khi chúng tôi trả lời: "Ở xứ Moab"[341] , – ngài lại hỏi:

– Tại sao các ngươi lại đến đây?

Và trước khi chúng tôi kịp trả lời, ngài đã ra lệnh đánh vào mặt chúng tôi. Họ đánh chúng tôi liên tiếp bằng những cú đấm nặng nề trong một thời gian dài, đến nỗi chúng tôi suýt ngã xuống sàn; và nếu tôi không nắm chặt áo của người đang đánh tôi (Theodor kể lại), thì tôi đã ngã xuống chân ngai vàng của nhà vua, nhưng nhờ nắm chặt áo, tôi đã đứng vững và chịu đựng những cú đánh. Khi họ ngừng đánh, nhà vua lại hỏi:

– Tại sao các ngươi đến đây?

Chúng tôi im lặng và nhìn xuống đất, vì vẫn chưa kịp hồi phục sau những đau đớn do những cú đánh gây ra. Lúc đó, nhà vua giận dữ quay sang vị quan đứng gần đó và, trong cơn thịnh nộ tột độ cùng những lời chửi rủa thô tục, nói:

– Đưa bọn chúng đi khỏi đây, đóng dấu lên mặt chúng, rồi giao cho hai người Saracen[342] để họ đưa bọn chúng về đất nước của họ.

Cách đó không xa, có một nhà thơ đang đứng, tay cầm một tờ giấy có ghi những vần thơ đã soạn sẵn về chúng tôi.

Nhà vua ra lệnh cho anh ta đọc những bài thơ đó và nói thêm:

– Nếu những bài thơ này không hay, thì đừng bối rối vì điều đó.

Người đó đáp lại:

– Chỉ những bài thơ như thế này cũng đủ để họ chế giễu rồi. Một người trong số những người có mặt còn nhận xét thêm:

– Thưa bệ hạ, những bài thơ này thậm chí còn không xứng đáng với những bài hay nhất.

Sau đó, những bài thơ sau đây được đọc lên:

Vì ai cũng thích đến thăm thành phố,
Nơi đôi chân thanh khiết của Đức Chúa Lời đã từng đứng
Để tái tạo vũ trụ, –
Những bình chứa gian trá và ô uế
Và những bình chứa gian xảo và ô uế này cũng xuất hiện.
Sau khi gây ra biết bao điều ô nhục tại đó,
Vì sự vô tín và sự gian ác,
Chúng bị đuổi khỏi đó như những kẻ phản bội;
Nhưng khi chạy đến thành phố hoàng gia,
Chúng vẫn không từ bỏ cơn cuồng loạn điên dại của mình.
Vì vậy, họ bị đóng dấu là những kẻ ác trên khuôn mặt.
Họ bị kết án và lại bị trục xuất.

Sau khi nghe đọc những bài thơ, nhà vua ra lệnh đưa chúng tôi đi giam giữ (các thánh nhân đã tự thuật như vậy). Khi chúng tôi bước ra, có người đuổi theo và ra lệnh cho chúng tôi quay lại, rồi vội vàng đưa chúng tôi trở lại trước mặt nhà vua.

Thấy chúng tôi, nhà vua nói:

– Ta nghĩ rằng, khi ra đi, các ngươi đã thì thầm với nhau rằng: "Chúng ta đã xúc phạm nhà vua." Nhưng trước tiên, chính ta sẽ xúc phạm các ngươi, rồi sau đó ta sẽ thả các ngươi đi.

---

[340] Kizik – một thành phố ở phía tây bắc Tiểu Á, trên bờ nam Biển Đá Cẩm Thạch.

[341] Vùng đất Moab nằm ở Palestine, trên bờ đông của Biển Chết. Các ranh giới của nó là: phía tây – Biển Chết, phía bắc – chi phái Ru-bên, phía đông – sa mạc Ả Rập, phía nam – Ê-đu-mê.

[342] Đây là cách các tác giả Kitô giáo gọi chung tất cả người Hồi giáo, đặc biệt là người Ả Rập.

Nói xong, ông ra lệnh lột quần áo chúng tôi. Sau khi cả hai chúng tôi đều bị lột trần, họ bắt đầu đánh tôi trước (Theodor kể lại), trong khi chính nhà vua cũng giúp đỡ những kẻ tra tấn và không ngừng la hét:

– Đánh mạnh hơn nữa!

Và họ đánh vào vai và ngực tôi mà không hề nương tay hay thương xót. Trong lúc bị đánh, tôi đã lớn tiếng kêu lên:

– Chúng tôi không phạm tội gì với ngài cả, thưa hoàng đế!

Và còn:

– Lạy Chúa, xin thương xót! Đức Mẹ Đồng Trinh, xin đến giúp chúng con!

Sau đó, họ bắt đầu đánh anh trai tôi, người cũng kêu lên như vậy:

– Đức Mẹ Đồng Trinh, Đấng đã cùng Con của Mẹ chạy trốn sang Ai Cập, xin hãy nhìn xuống nỗi đau khổ của con! Lạy Chúa, lạy Chúa, Đấng giải cứu kẻ yếu đuối khỏi tay những kẻ mạnh hơn, xin đừng tước đi sự giúp đỡ của Ngài khỏi chúng con!

Sau khi đã tùy ý hành hạ chúng tôi, nhà vua lại ra lệnh đưa chúng tôi đi giam giữ."

Tất cả những điều này đều do chính những vị tử đạo dũng cảm viết về bản thân mình gửi đến Giám mục Kizich.

Bốn ngày sau, họ lại được dẫn đến gặp vị giám mục, người đã dịu dàng nói với họ:

– Chỉ cần các con rước Thánh Thể cùng với chúng tôi một lần, tôi sẽ cho các con đi bất cứ nơi nào các con muốn.

Nhưng Thánh Theodor đã trả lời ngài:

– Lời đề nghị của ngài, thưa giám mục, giống như thể có ai đó nói với tôi: "Tôi chỉ xin ngài một điều, hãy để tôi chặt đầu ngài, rồi ngài có thể đi đâu tùy ý." Hãy biết rằng, việc khiến chúng tôi từ bỏ đức tin chân chính cũng khó khăn như việc đảo lộn trời và đất, để đất ở trên, còn trời ở dưới.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh khắc lên mặt họ những câu thơ nêu trên. Những vết thương mà các vị tử đạo mới chịu chưa kịp lành và gây ra cho họ nỗi đau khủng khiếp. Mặc dù vậy, họ vẫn bị kéo căng trên những tấm ván, mặt hướng lên trên, và những kẻ tra tấn bắt đầu dùng những dụng cụ được chế tạo riêng để đâm vào mặt họ, khắc lên đó những câu thơ nêu trên. Suốt cả ngày, họ bị tra tấn bằng cách khắc những dòng chữ này, và chỉ khi mặt trời lặn và hoàng hôn buông xuống, những kẻ tra tấn mới ngừng hành hạ. Khi rời khỏi quan tổng trấn, những người chịu khổ với những dòng chữ khắc trên mặt đã nói:

– Hãy biết rằng tất cả những ai có mặt ở đây: Thiên thần Cherubim canh giữ thiên đàng sẽ lùi bước khi chúng ta đến, khi nhìn thấy những hình khắc này trên khuôn mặt chúng ta, và sẽ hạ vũ khí rực lửa của mình xuống, mở đường cho chúng ta tự do vào thiên đàng. Bởi vì từ thuở xa xưa chưa từng có hình thức tra tấn mới mẻ này, mà nay đã được gây ra cho chúng ta. Và dù sao đi nữa, những vết khắc này cũng sẽ hiện trên dung nhan của Đức Kitô, và tội lỗi trong việc này sẽ đổ xuống trên các ngươi, vì Ngài phán: *"Bởi vì các ngươi đã làm điều đó cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta, tức là các ngươi đã làm cho Ta"* (Mt 25,40).

Sau cuộc tra tấn mới mẻ và vô nhân đạo này, mà các thánh phải chịu vì những bức thánh tượng, khi máu vẫn còn chảy ròng ròng, các thánh đã bị giam vào ngục tối, rồi theo lệnh của Gioan đã được nhắc đến ở trên – người lúc bấy giờ là tổng giám mục – lại bị đày đến Apamea thuộc Bithynia[343] . Đồng thời, một mệnh lệnh đã được ban ra rằng, khi các ngài qua đời tại đó, thi thể của các ngài sẽ không được chôn cất, mà phải bị vứt xa ngoài thành, như xác chết của loài vật. Trên đường đến nơi lưu đày các vị thánh chứng nhân, họ tình cờ đi ngang qua hòn đảo nơi Thánh Mê-phô-đi-ô đang sống, lúc bấy giờ cũng đang bị lưu đày vì các bức thánh tượng. Ngài bị giam giữ trong một hang mộ cùng với hai tên cướp và được một ngư dân nào đó mang thức ăn đến. Tình cờ gặp người ngư dân này trên đường, các thánh đã hỏi han và biết được mọi chuyện về Thánh Mê-phô-đi-ô. Do không thể gặp mặt ngài vì sự tàn bạo của những người lính đi cùng, họ đã viết và gửi cho ngài, nhờ chính người ngư dân đó, bài thơ ngắn sau đây:

Người sống mà như đã chết, và Đấng ban sự sống dù đã qua đời,
Người sống trên đất và chà đạp lên đất,
Những người bị giam cầm viết cho người bị giam cầm.

[343] Apamea ở Bithynia được gọi như vậy để phân biệt với Apamea ở Syria. Bithynia là vùng phía tây bắc của Tiểu Á.

Thánh Mê-phô-đi-ô đã được an ủi tinh thần khi đọc những vần thơ này, và khi biết thêm về các vị tử đạo đáng kính qua lời kể của người ngư dân, ngài đã tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã củng cố họ để thực hiện kỳ công ấy, và cũng viết cho họ những vần thơ sau đây:

Những người được ghi tên trong sách thiên đàng,
Hai người, được ghi dấu trên khuôn mặt,
Những người đã được chôn cất trước khi chết,
Người đồng hành bị chôn sống gửi lời chào.

Được các chiến binh dẫn đường, các vị thánh đã đến Apamea, mang trên trán những dấu hiệu rõ ràng về đức tin chân chính của họ vào Đấng Kitô; tại đó, họ bị giam vào ngục tối. Do đã cao tuổi, Thánh Theodor đã kiệt sức tại đây vì vô số vết thương và những gian khổ phải chịu đựng. Vào ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano, ngài đã an nghỉ trong Chúa và bước vào sự an nghỉ vĩnh cửu, để lại thân xác đầy đau khổ trong xiềng xích vì Chúa Kitô. Thánh Theophan, anh em ruột và đồng đạo của ngài, sau khi than khóc vì sự chia ly với anh em và hát những bài thánh ca tang lễ bên mộ ngài, đã đặt thi hài ngài vào quan tài gỗ. Người ta kể lại rằng, một vị tu sĩ cao cả về đức hạnh tình cờ có mặt tại Apamea vào lúc Thánh Theodor qua đời và đã nghe thấy tiếng hát của các Thiên thần, từ trên cao loan báo về sự thăng thiên long trọng của linh hồn vị tử đạo, cùng với các Thiên thần, lên trời.

Sau khi vua Theophilus qua đời, Giáo hội đã được ban bình an. Hoàng hậu Theodora, người sùng đạo, cùng con trai là Michael[344] đã giải thoát tất cả các vị thánh tổ phụ khỏi cảnh lưu đày và dành cho họ sự tôn vinh và ca ngợi. Lúc bấy giờ, Thánh Theophanes cũng được giải thoát khỏi nhà ngục. Ngài cùng với những vị khác đã đến Constantinople, mang trên trán dấu hiệu chiến thắng của ngài trước sự tà giáo, và được tôn kính giữa các vị thánh tổ phụ, như một Cherubim giữa các Thiên thần. Trong tuần đầu tiên của Mùa Chay, các thánh tượng đã được rước vào nhà thờ trong một lễ hội long trọng[345] . Nhân dịp lễ này, Thánh Theophanes đã sáng tác và hát lên một bài thánh ca tuyệt đẹp[346] .

Sau đó, ngài được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục thành phố Nicaea và được Thánh Thượng phụ Mê-phô-đi-ô, chính vị trước đây từng bị giam cầm trong hang mộ, tấn phong. Như vậy, ánh sáng của Chính Thống Giáo đã chiếu rạng, và nhờ ân sủng của Chúa Kitô, bóng tối của tà thuyết chống thánh tượng – vốn đã gây rối loạn và che mờ Hội Thánh của Thiên Chúa trong suốt 120 năm – đã bị xua tan hoàn toàn.

Ngay sau đó, thi hài của vị chứng nhân Chúa Kitô, Thánh Phê-ô-đô-rô[347] , đã được chuyển từ A-pa-mê đến Hal-ki-đôn[348] ; từ thi hài ấy đã xảy ra nhiều phép lạ chữa lành để tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. A-men.

Lễ kính Thánh Theodoros, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 12

Thánh Theodorus sinh ra tại Constantinopolis, nơi ngài cũng được giáo dục. Khi ngài trưởng thành, trước tiên, nhờ lòng sùng đạo cao cả, ngài được tấn phong làm linh mục của Giáo hội "Lớn" [349] ; sau đó, ngài được bổ nhiệm làm Synkellos[350] và Skevofilax[351] . Sau khi Đức Thượng phụ Thánh thiện của Constantinople qua đời, ngài

---

[344] Hoàng đế Michael III (từ năm 842 đến năm 867) lên ngôi khi mới 4 tuổi, vì vậy cho đến năm 855, đất nước được cai trị bởi mẹ ngài, Thánh Hoàng hậu Theodora.

[345] Đó là ngày 19 tháng 2 năm 842. Ngày này được gọi là ngày kỷ niệm chiến thắng của Chính Thống giáo và được quy định phải cử hành hàng năm vào Chúa Nhật đầu tiên của Mùa Chay.

[346] Thánh Theophanes để lại nhiều tác phẩm bảo vệ Chính Thống Giáo; ngài đặc biệt nổi tiếng với tư cách là tác giả của các bài thánh ca, số lượng lên tới 148 bài. Những bài thánh ca xuất sắc nhất của ngài bao gồm bài thánh ca dành cho Tuần lễ Chính Thống Giáo, tất cả các bài thánh ca dành cho các Tông đồ và các bài thánh ca tưởng niệm những người đã qua đời. Ngoài ra, Thánh Theophanes còn sáng tác các bài thánh ca cho một số ngày lễ.

[347] Điều này xảy ra khi anh trai ngài là Thánh Theophan còn sống; người đã viết cho Thánh Theodoros một bài thánh ca có câu thơ đầu chữ: "Anh ơi, em dệt nên những lời ca ngợi chân thật dành cho anh."

[348] Chalcedon – nằm đối diện với Constantinople, trên bờ biển Tiểu Á của eo biển Bosphorus.

[349] Tức là Nhà thờ Thánh Sofia.

đã bị tất cả các quý tộc, chính hoàng đế, và đặc biệt là Công đồng Thánh, ép buộc phải đảm nhận việc quản lý Giáo hội và được tấn phong làm Thượng phụ Constantinople[352] . Một thời gian sau, do những lời vu khống độc ác của kẻ thù, ngài bị phế truất khỏi ngai Tòa Thượng phụ, nhưng sau đó sự thật đã chiến thắng, và Thánh Theodorus lại được tấn phong trở lại ngai Tòa Thượng phụ[353] . Sau khi cai quản Giáo hội của Chúa một cách xuất sắc, hơn hai năm sau, ngài đã an lành về với Chúa[354] .

Ngày 10 tháng 1

28 tháng 12 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm hai vạn vị tử đạo, những người đã bị thiêu sống tại Nicomedia

Ngày tưởng niệm 28 tháng 12

Vào năm thứ hai triều đại của Hoàng đế Maximian[355] , khi cuộc bách hại tàn bạo đối với các Kitô hữu đang được chuẩn bị, đức tin thánh thiện vào Chúa Kitô vẫn được củng cố và phát triển mạnh mẽ, và các mục tử cùng các nhà giảng dạy thánh thiện của Giáo hội đã công khai tuyên xưng các tín điều chính thống. Trong số đó có Thánh Cyril, vị giám mục vinh hiển của Giáo hội Nicomedia[356] , người nổi bật nhờ đời sống công chính và ân sủng lời nói. Nhờ những bài giảng của ngài, đức tin Kitô giáo đã lan rộng và thậm chí đã vươn tới cả cung điện hoàng gia. Nhiều người trong số các cận thần thân cận nhất của hoàng đế bắt đầu quay lưng lại với các thần tượng và quay về với Chúa Kitô. Khi biết được điều này, Maximian đã nảy sinh ý định ngay lập tức phát động cuộc đàn áp chống lại Giáo hội của Chúa Kitô, nhưng vào thời điểm đó, ông phải đối mặt với cuộc chiến chống lại các bộ tộc man rợ; vì vậy, ông quyết định trước tiên tập trung vào các kẻ thù bên ngoài và đánh bại chúng, sau đó mới tuyên bố một cuộc chiến tranh nội bộ – không phải chống lại kẻ thù, mà là chống lại chính các thần dân và những trợ thủ trung thành của mình, những người Kitô hữu đang củng cố tổ quốc bằng những lời cầu nguyện và đức tin chân chính của họ. Khi ông rời khỏi Nicomedia để ra trận chống lại người Ethiopia, ánh sáng của đức tin thánh thiện lại chiếu rọi rực rỡ hơn, soi sáng những kẻ ngoại đạo; còn đoàn quân của Chúa Kitô trong thời gian đó ngày càng đông đảo và đang chuẩn bị cho cuộc chiến sắp tới.

Lúc bấy giờ, tại Nicomedia có một thiếu nữ xinh đẹp tên là Domna, được nuôi dưỡng trong cung điện hoàng gia. Vua đã giao nàng cho các thần tà ác của mình, buộc nàng phải giữ trinh tiết, và phong nàng làm nữ tư tế chính của các thần tượng tại cung điện của mình.

Nhờ sự an bài của Thiên Chúa, cuốn sách Kinh Thánh Tân Ước đã lọt vào tay nàng; khi đọc cuốn sách ấy, tâm hồn nàng bắt đầu được soi sáng. Nàng vui mừng vì đã tìm thấy kho tàng thiêng liêng ấy, ngạc nhiên trước đức tin vĩ đại của các Kitô hữu vào Thiên Chúa Duy Nhất, và đau xót trong lòng vì cho đến lúc đó, nàng vẫn còn chìm trong bóng tối của sự vô minh và lầm lạc. Với khát khao mãnh liệt muốn tìm hiểu sâu sắc hơn về đức tin Kitô giáo và gia nhập vào đó, cô không chần chừ chút nào, đã gọi một thiếu nữ Kitô hữu, con gái của một quý tộc danh giá, và sau khi nhận được sự hướng dẫn từ cô ấy, cô đã lén lút đi vào ban đêm, giấu kín mọi người, đến gặp Đức Giám mục thánh Cyril. Sau khi hướng dẫn cô gái đầy đủ về Kinh Thánh và ban phép dấu thánh giá, vị giám mục đã tuyên

---

[350] Synkellos – thành viên của Hội đồng Thượng phụ, phụ trách các công việc quản lý Giáo hội. Các Synkellos thực hiện các nhiệm vụ khác nhau do các Thượng phụ giao phó, là những nhân chứng trực tiếp về cuộc đời của họ, luôn ở bên cạnh họ, và sau khi họ qua đời, không hiếm khi trở thành người kế vị của họ.

[351] Skevofilaks – người trông coi các thánh vật, người quản lý kho thánh vật.

[352] Đó là vào năm 676.

[353] Thánh Theodoros bị phế truất khỏi ngai Tòa Thượng phụ vào năm 678 và được phục chức vào năm 683.

[354] Thánh Theodor qua đời vào khoảng năm 686.

[355] Maximian II Galerius – con rể và đồng trị vì của Hoàng đế La Mã Diocletian, sau này trở thành người kế vị ông (từ năm 305–311).

[356] Nicomedia – thành phố phồn thịnh của Tiểu Á bên bờ Biển Đá Cẩm Thạch, thủ đô của nửa phía đông Đế chế La Mã dưới thời Diocletian và các vị kế vị của ông

bố[357] cho cô và giao phó cô cho một vị phó tế thánh tên là Agapius, để dưới sự hướng dẫn của ông, cô chuẩn bị cho mình bằng việc ăn chay và cầu nguyện để đón nhận phép rửa tội thánh. Domna thực hiện mọi điều được giao phó một cách bí mật, đến nỗi không ai biết về điều này, ngoại trừ một hoạn quan[358] của cô, người có tính cách hiền lành giống như cô, tên là Indis, người đã cùng cô quy y đức tin thánh thiện và cũng đang chuẩn bị để nhận phép rửa tội. Khi thời hạn do giám mục ấn định kết thúc, Domna và Indisa đã được rửa tội. Như vậy, cô gái mới chỉ mười bốn tuổi, không lâu sau khi trải qua sự ra đời đầu tiên – sự ra đời theo xác thịt – đã được tái sinh lần thứ hai – sự tái sinh thuộc linh.

Khi trở về cung điện, từ đó trở đi, cô không còn làm gì khác ngoài cầu nguyện, ăn chay và đọc Kinh Thánh. Một lần nọ, khi đang đọc Sách Công Vụ Các Tông Đồ, cô đọc đến đoạn sau: *"Vì tất cả những ai sở hữu ruộng đất hay nhà cửa, sau khi bán đi, đều đem số tiền thu được đặt dưới chân các Tông Đồ"* (Công Vụ 4:34–35).

Thánh Domna quyết định làm theo như vậy. Sau khi thu gom toàn bộ tài sản của mình, gồm vàng, bạc, ngọc trai, đá quý, những bộ trang phục đắt tiền và tất cả đồ trang sức của một thiếu nữ, bà đã bí mật mang chúng đến gặp cha linh hướng của mình, Thánh Cyril. Sau khi đặt tất cả dưới chân ngài, như thể đặt dưới chân các Tông đồ, bà khẩn khoản xin ngài dùng chính tay mình phân phát số tiền thu được từ những vật phẩm này cho những người nghèo khó, và điều đó đã được thực hiện. Không lâu sau đó, Thánh Cyril qua đời và về với Chúa. Giữ sâu trong lòng mọi lời dạy dỗ của ngài, Domna ngày đêm cố gắng làm đẹp lòng Chúa, tận tụy phụng sự Ngài cùng với người đồng chí hướng và anh em thiêng liêng của mình, hoạn quan Indis, người mà cùng với cô đã được tái sinh bởi nước và Thánh Thần[359] . Học hỏi Lời Chúa, họ ăn chay hàng ngày cho đến tận chiều tối; bữa ăn muộn vào buổi tối của họ chỉ gồm bánh mì khô và nước; còn thức ăn do vua chỉ định và được dâng lên hàng ngày cho họ thì giúp những người đói khát no nê, vì họ lén lút phân phát tất cả cho những người nghèo. Sống một cuộc đời thánh thiện như vậy, họ, giống như thành phố nằm trên đỉnh núi (Mt 5:14), không thể ẩn mình được, dù đã cố gắng che giấu bằng mọi cách và hết sức cẩn thận. Sự đạo đức của họ được bộc lộ như ngọn đèn được lấy ra khỏi gầm giường (Mt 5,15), và như kho báu được tìm thấy trên đồng ruộng (Mt 13,14). Đó là ý muốn của Thiên Chúa, để đôi thánh nhân này trở thành gương mẫu cho những người tin và là sự xấu hổ cho những kẻ không tin.

Người đứng đầu đội hoạn quan, người quản lý toàn bộ cung điện và phụ trách bàn ăn hoàng gia, đã phát hiện ra việc ăn chay hàng ngày của Domna và Indis. Thay vì ngạc nhiên trước lối sống khắc khổ của họ, ông ta lại dùng đến tra tấn và đánh đập họ trong một thời gian dài, ép buộc họ phải thú nhận thức ăn được cấp phát được dùng vào việc gì; nhưng họ che giấu đức hạnh của mình và không muốn thừa nhận điều đó. Lúc đó, một hoạn quan, người gốc Ba Tư và theo đạo Ba Tư, bước đến và bắt đầu kể cho trưởng nhóm hoạn quan nghe về đức hạnh của họ, trình bày nó như thể đó là một hành vi xấu xa, đồng thời kèm theo những lời vu khống và sỉ nhục. Hắn nói về cuộc sống hiền lành và trong sạch của Domna và Indis, về việc họ kiêng ăn, và về việc họ phân phát thức ăn được mang đến cho những người Kitô hữu nghèo khó, những kẻ chống đối nhà vua.

– Nếu ngài muốn biết sự thật, – hắn kết luận, – thì hãy mở kho của họ ra, ngài sẽ thấy lời tôi nói không sai.

Lúc đó, quan trưởng hoạn quan, đồng thời cũng là người quản lý cung điện hoàng gia, cầm chìa khóa đi kiểm tra nơi ở và kho tàng của họ; khi mở ra, ông ta chẳng tìm thấy gì ngoài Thánh Giá, cuốn sách Tân Ước, hai tấm chiếu lau nằm trên đất, lư hương bằng đất sét, ngọn nến và một chiếc bình gỗ nhỏ chứa Mình và Máu Thánh[360] .

– Nhưng vàng đâu rồi? – ông ta hỏi họ lúc đó – quần áo quý giá và những vật dụng, đồ trang sức đắt tiền khác đâu rồi?

Không nhận được câu trả lời, ông ta lại tra tấn Domna và Indis, nhưng vô ích. Sau đó, ông ta ra lệnh đưa họ đến một nơi khác và giam giữ họ cho đến khi ông ta báo cáo về họ với nhà vua. Khi cô gái thánh thiện bị dẫn ra khỏi nơi ở để bị giam cầm, cô đã lén lấy cuốn sách Kinh Thánh Tân Ước và giấu nó trong áo quần: cuốn sách nhỏ nên dễ giấu; còn Indis cũng làm tương tự, lấy một chiếc bình nhỏ đựng Mình Thánh Chúa. Cả hai đều bị nhốt

---

[357] "Oglashenie" là tên gọi của quá trình thử thách sơ bộ dành cho những người chuẩn bị nhận phép rửa tội và việc giảng dạy cho họ về các chân lý của đức tin. Quá trình này kéo dài từ 40 ngày đến 3 năm, đôi khi, tùy theo hoàn cảnh, có thể rút ngắn xuống còn vài ngày.

[358] Thuật ngữ "eunuch" (hoạn quan) thực chất có nghĩa là người bị thiến. Trong thời cổ đại, có phong tục là các phụ nữ quý tộc thường được bao quanh bởi các hoạn quan, những người chiếm vị trí nổi bật tại triều đình hoàng gia.

[359] Theo cách diễn đạt trong Phúc Âm, xem Mt 3:5.

[360] Các Kitô hữu trong những thế kỷ đầu tiên có tập tục rước lễ Thánh Thể hàng ngày; nhưng vì không thể cử hành Thánh Lễ hàng ngày, nên Thánh Thể được trao cho các tín hữu mang về nhà.

lại và bị bỏ đói, bỏ khát trong một thời gian dài: đó là quyết định của kẻ tra tấn bất chính , nhằm khiến những người đang nuôi dưỡng những kẻ đói khát phải chết vì đói. Do phải chịu đựng thời gian dài không có thức ăn, cô thiếu nữ trẻ đã mắc bệnh thể xác; nhưng Đấng Chăm sóc chim chóc và thú vật, Đấng giang tay ra và làm no đủ mọi loài thú theo ý muốn của Ngài (Thánh Vịnh 144:16), Đức Chúa Trời – Đấng Quan Phòng – đã không bỏ rơi các tôi tớ của Ngài, những người đã suy kiệt vì đói khát lâu ngày: trong một đêm, Ngài đã sai các Thiên Thần của Ngài đến với họ, những vị đã chiếu sáng họ trong bóng tối bằng ánh sáng thiên đàng, dâng cho họ một bữa tiệc kỳ diệu – thức ăn thiên đàng và đồ uống phi thường, rồi rời đi. Còn Domna và Indis thì đã được tiếp thêm sức mạnh sau khi nếm thử những gì được dâng tặng, và họ đã quên đi những đau khổ tột cùng đã trải qua. Được an ủi bởi sự hiện ra của các Thiên thần và no nê nhờ thức ăn của các Thiên thần, khuôn mặt họ rạng ngời, và như thể đang ngồi trong những cung điện của niềm vui, họ cất tiếng hát: *"Linh hồn con được no nê như bằng bơ và dầu, và đôi môi con ca ngợi Ngài bằng giọng nói vui mừng… Lạy Chúa! Ngài là Đức Chúa Trời của con, con tìm kiếm Ngài từ lúc bình minh; linh hồn con khao khát Ngài, thân xác con mòn mỏi vì Ngài trên đất hoang vắng, khô cằn và không có nước"* (Thi Thiên 62:6, 2).

Ngay sau đó, quan trưởng các hoạn quan đến để xem liệu họ có bị đói đến mức khuất phục hay không, vì ông ta cho rằng bằng cách này sẽ buộc họ phải tuân theo mình. Nhưng khi thấy họ vui vẻ, khuôn mặt rạng rỡ và tinh thần hân hoan, ông ta đã thay đổi thái độ giận dữ và tàn nhẫn – vốn không mang lại kết quả gì – bằng sự hiền lành giả tạo; ông ra lệnh cho họ tiếp tục ở lại nơi ở ban đầu và cung cấp dồi dào mọi thứ cần thiết, từ thức ăn, quần áo, vàng, bạc cho đến trang sức dành cho thiếu nữ, với số lượng không ít hơn so với trước đây. Nhưng thánh Domna lại bí mật phân phát tất cả cho những người ăn xin, không chỉ thức ăn mà cả những bộ trang phục quý giá. Thấy đông đảo người nghèo đổ xô đến với bà như đến với người nuôi dưỡng mình, bà đã lấy chiếc thắt lưng được trang trí bằng đá quý và ngọc trai, cùng tất cả các vật trang sức khác, rồi gửi đến phó tế Alimpius với lời nhờ bán tất cả những thứ đó và dùng số tiền thu được để nuôi sống những người nghèo. Sau đó, khi suy ngẫm về cách nào để tránh phải sống chung với những kẻ tội lỗi và ở lại trong cung điện đầy dẫy sự tà ác thờ thần tượng, Thánh Đômna nhớ đến vị tổ phụ của mình là Đa-vít, người đã trốn chạy khỏi Sa-un và giả vờ điên loạn trước mặt An-hus, vua Gheph (1 Sa-mu-ên 21:13). Cô cũng giả vờ điên loạn, ngã lăn ra đất, chảy nước dãi, run rẩy và la hét. Khi biết chuyện này, quan thái giám quản lý cung điện hoàng gia rất buồn bã, không biết làm sao để chữa lành cho cô. Nghe nói các Kitô hữu có thể chữa lành những căn bệnh như vậy, ông đã mời vị giám mục Kitô giáo, Thánh Anphim, và giao cô gái cho ngài để ngài chữa lành cho cô trước khi vua trở về từ chiến trường; còn hoạn quan Indis thì ông cử đến chăm sóc cô.

Hiểu được ý định của Domna, vị giám mục đã vui lòng nhận cô và gửi cô đến một tu viện dành cho các thiếu nữ. Còn Domna thì vô cùng vui mừng và hân hoan vì đã thoát khỏi cuộc sống với những kẻ vô đạo và được ân sủng sống cùng các Kitô hữu.

Một thời gian sau, Maximian trở về từ chiến trường trong không khí hân hoan. Thay vì quy công chiến thắng trước kẻ thù cho Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đấng hùng mạnh trong chiến trận, ông lại gán công lao đó cho những thần tượng vô hồn của mình, nên ông muốn tạ ơn chúng bằng những lễ vật dâm ô, đồng thời bắt đầu cuộc đàn áp các Kitô hữu. Sau khi chuẩn bị một khu vực giữa lòng thành phố để tổ chức lễ hội, ông mang những tượng thần bằng vàng và bạc từ cung điện của mình ra đó, đặt chúng lên những ngai vàng hoàng gia, trang trí bằng hoa, rồi bắt đầu dâng những con bò mập mạp làm lễ vật cho chúng. Còn đối với các thầy tế lễ, nhà vua ra lệnh rảy máu hiến tế lên đám đông đang đứng xung quanh. Ngay lập tức, những người Kitô hữu có mặt trong số khán giả bắt đầu tách ra khỏi đám đông để tránh bị ô uế bởi máu hiến tế cho các thần tượng. Thấy vậy, nhà vua bắt đầu nói to, hướng về phía dân chúng:

– Các ngươi đi đâu vậy, hỡi những người ưa bóng tối hơn ánh sáng, và không tin vào sự tồn tại của những vị thần này, những vị đang giữ gìn vũ trụ? Chẳng lẽ các ngươi không thấy những lễ hội và chiến thắng thực sự này sao? Các ngươi chẳng thấy sao, biết bao ân huệ đang được thêm vào những ân huệ trước đây, mọi thứ đều được duy trì trong bình an, mỗi ngày lại có những ân huệ mới đến, và giờ đây chúng ta sở hữu những thứ mà trước đây chưa từng có? Các ngươi chẳng thấy sao, vinh quang của chúng ta đang lớn mạnh, vương quốc đang mở rộng, một số thành phố đã bị chinh phục, còn những thành phố khác sẽ sớm bị chúng ta chinh phục? Các ngươi chẳng thấy sao, các vương quốc của các dân tộc khác đang bị chúng ta khuất phục, và mọi việc đều diễn ra theo ý muốn của chúng ta? Tất cả những điều này được thực hiện nhờ sự sắp đặt của ai, nếu không phải là sự sắp đặt của những vị thần mà

chúng ta thờ phụng? Hãy để thời tiết thuận lợi, những cơn mưa vừa phải và sự dồi dào của hoa quả do các vị thần ban tặng thuyết phục các ngươi về điều này.

Vị vua bất chính ấy đã nói như vậy, biến điều hư cấu thành sự thật, và còn định nói thêm nhiều điều khác nữa, nhưng Đức Chúa Trời, Đấng mà *"Các phán quyết của Đức Chúa Trời là chân lý, tất cả đều công bình"* (Thi Thiên 18:10); đã không cho phép sự dối trá tiếp tục khoe khoang và vượt lên trên lẽ thật: đột ngột, giữa ban ngày trong trẻo và dưới ánh nắng chói chang của mặt trời giữa trưa, tiếng sấm sét khủng khiếp vang lên, bầu trời tối sầm lại bởi những đám mây đen kịt, mưa lớn đổ xuống kèm theo gió mạnh và bão tố, cùng với sét và mưa đá. Như vậy, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đối với những kẻ vô đạo đã được bày tỏ rõ ràng: một số người, vì sợ sấm sét, ngã xuống như người chết; những người khác, lao vào chạy trốn, chen lấn đè lên nhau, và nhiều người đã mất mạng trong đám đông, bị giẫm đạp đến chết; còn chính nhà vua, bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi và kinh hoàng, đã chạy trốn về cung điện trong sự xấu hổ. Vậy là cảnh tượng đó chấm dứt, và lễ hội chống lại Đức Chúa Trời cùng những của lễ ghê tởm của nó đã bị phá vỡ. Các con sông tràn ngập nước do cơn mưa lớn và làm ngập lụt các cánh đồng, hủy hoại toàn bộ công sức của những người nông dân, vì lúc đó đang là mùa gặt. Tuy nhiên, điều này xảy ra để những kẻ vô đạo nhận biết bàn tay mạnh mẽ của Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng ngự trên trời. Nhưng vị vua tàn nhẫn, bị che mờ bởi cơn giận dữ, đã không hiểu điều này: thay vì nhận ra quyền năng của Đức Chúa Trời chân thật, ông lại sa vào cơn điên loạn còn lớn hơn, khi ngợi ca sự chống đối Đấng Đáng Sợ và Đấng Tước Đời Các Vua (Thi Thiên 75:13).

Ngay sau đó, khi không tìm thấy Domna và Indis trong số các thầy tế lễ phụng sự mười hai vị thần giả dối quan trọng nhất của mình đang đứng trong cung điện, vị vua đã hỏi họ đang ở đâu. Nghe nói rằng Domna đã mất trí và đang ở cùng những người biết chữa trị căn bệnh này, còn Indis được cử đến để bảo vệ và phục vụ nàng, Maximian đã vô cùng tức giận với người đứng đầu đội hoạn quan, người đã cho họ nghỉ việc phụng sự các vị thần, tước bỏ chức vụ của ông ta và trừng phạt bằng sự sỉ nhục tồi tệ nhất, bắt ông ta phải đi chăn lạc đà ở Claudiopolis[361] . Sau đó, nhà vua gọi Indis đến và giao lại cho anh ta nhiệm vụ cũ: phụng sự các vị thần đang đứng trong cung điện hoàng gia. Nhưng Indis, mà không cho vua biết, vẫn tiếp tục chỉ thờ phượng Đấng Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật mà ông tin tưởng. Trong khi đó, Maximian bắt đầu công khai đàn áp Giáo Hội của Chúa Kitô, phá hủy các thánh đường và xây dựng các đền thờ thần tượng. Ông đã bổ nhiệm những kẻ tàn bạo làm quan cai trị ở khắp các vùng của đế quốc, bắt họ phải tra tấn các Kitô hữu một cách không thương xót. Bản thân hoàng đế là kẻ tra tấn tàn bạo nhất và đứng đầu trong số đó; ông giết chóc và tàn sát các Kitô hữu, làm đổ máu vô tội như thể đổ nước vậy. Đôi khi, ông ta cố gắng lừa dối họ bằng những lời lẽ xảo trá, để rồi sau đó tra tấn và giết chết những ai không tuân theo mưu mô xảo quyệt của ông ta. Trong lúc truy lùng Đức Giám mục Anphim, vị thánh đang ẩn náu ở một nơi nào đó mà không tìm thấy, Maximianus đã tự mình xông vào một nhà thờ Kitô giáo cùng với một đoàn binh lính vũ trang đông đảo, như con sói xông vào đàn cừu. Hướng về phía dân chúng, ông ta cố gắng dùng lúc thì lời ngọt ngào, lúc thì lời đe dọa để lôi kéo tất cả vào sự lầm lạc của mình. Cuối cùng, ông ta nói:

– Hãy từ bỏ đức tin hão huyền của các ngươi; nếu không từ bỏ, thì hình phạt sẽ sớm giáng xuống các ngươi. Các ngươi thấy ngôi thánh đường này, nơi các ngươi đang tụ tập đây: chẳng bao lâu nữa ta sẽ thiêu rụi nó cùng với các ngươi.

Một linh mục Kitô giáo, Thánh Glycerius, đã dũng cảm đối đầu với hắn và làm cho tên vô pháp đó phải xấu hổ bằng những lời nói không sợ hãi:

– Những món quà mà ngài hứa hẹn, – ông nói, – không hấp dẫn chúng tôi, thưa hoàng đế; còn những lời đe dọa của ngài, chúng tôi cũng không sợ. Tất cả những gì có trên đời này, chúng tôi coi như một giấc mơ, và thậm chí còn xem việc không phải chịu những cực hình tàn bạo nhất vì Chúa Kitô là một nỗi buồn và sự trừng phạt của Thiên Chúa. Ngài tự hào về chiến thắng trước những kẻ man rợ, nhưng lại phải chịu thất bại ngay cả trước những người phụ nữ và trẻ em Kitô hữu, vì rõ ràng sức mạnh của Chúa Kitô chúng tôi là không thể đánh bại. Ai lại không nhớ những tiếng sấm sét gần đây, những cơn sấm sét và mưa bất thường? Nhiều người trong các ngươi đã đột ngột qua đời và hoa màu trên đất bị hủy hoại bởi trận lụt bất ngờ. Đó là dấu hiệu rõ ràng về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, được khơi dậy bởi việc ngươi quy mọi điều cho các thần giả dối của mình, chứ không phải Đức Chúa Trời chân thật. Chúng tôi không sợ sự bắt bớ của ngài: Vua của muôn loài đã ban cho chúng tôi từ trên cao vũ khí, nhờ đó chúng tôi cũng trang bị và tự vệ, giống như hiện nay ngài đang dùng các vệ sĩ của mình. Khi đối đầu với ngài,

[361] Claudiopolis – một trong những thành phố thuộc vùng Cilicia ở Tiểu Á.

chúng tôi vững tin sẽ giành được chiến thắng kỳ diệu, vì dù bị đánh đập, chúng tôi vẫn chiến thắng, và dù ngã xuống, chúng tôi vẫn chiến thắng.

Dù nhà vua rất tức giận trong lòng khi nghe những lời này, nhưng ông vẫn ra khỏi nhà thờ mà không gây hại cho ai cả. Còn những người dân sùng đạo đang có mặt trong nhà thờ thì ca ngợi Thánh Glykerios vì sự dũng cảm đó. Tuy nhiên, không thể kìm nén cơn thịnh nộ lâu hơn nữa, nhà vua chẳng bao lâu sau đã ra lệnh bắt giữ Glykerios, đưa ra trước tòa án bất công của mình và không qua bất kỳ cuộc thẩm vấn nào, ra lệnh đánh đập dã man. Và họ đánh vị tử đạo cho đến khi chính những kẻ tra tấn cũng kiệt sức. Khi ông bị đánh, người truyền lệnh đã hô to:

– Hãy nói ít đi, Glycerius; đừng kiêu ngạo, đừng nổi loạn, đừng ngang bướng, hãy tôn kính nhà vua và luật pháp La Mã.

Còn vị tử đạo, mạnh mẽ hơn những kẻ tra tấn mình, đã kêu cầu Vua trên trời của mình: "Lạy Chúa Giêsu Kitô! Cũng như Ngài đã ban sức mạnh cho con để nói về Ngài, xin hãy ban sức mạnh cho con để chịu đau khổ vì Ngài, để nhờ những đau khổ này, con trở nên xứng đáng với phần thưởng lớn lao hơn."

Cũng như ngọn lửa bùng lên, cơn thịnh nộ của kẻ tra tấn Maximian càng bùng lên dữ dội hơn sau những lời ấy. Chính ông ta đã có mặt tại hiện trường cuộc tra tấn để ra lệnh cho những kẻ hành hình giáng xuống thân thể vị tử đạo những đòn đánh và vết thương tàn bạo hơn, cho đến khi mặt đất thấm đẫm máu của ngài, xương lộ ra khỏi thịt, tất cả các chi thể của vị tử đạo đều bị nghiền nát, và chỉ còn lưỡi ngài vẫn tiếp tục cất tiếng một cách tự do:

– Tôi là Kitô hữu, tôi tớ của Đức Kitô, Thiên Chúa duy nhất và chân thật; Ngài là Chúa của tôi, Ngài là Vua của tôi!

Không thể chịu đựng được những lời ấy của Glycerius thêm nữa, kẻ tra tấn ra lệnh thiêu sống ông ngoài thành. Và ông đã trở thành của lễ thơm ngát dâng lên Thiên Chúa và là lễ thiêu toàn thân đầy ân sủng.

Chẳng bao lâu sau, lễ hội ngoại đạo đáng ghê tởm lại đến. Người ta dẫn các con vật hiến tế đến đền thờ mười hai vị thần chính đang được dựng trong cung điện. Nhìn các thầy tế mặc áo trắng đang đi qua mà không thấy Indis trong số họ, nhà vua hỏi anh ta ở đâu. Indis thì đã mặc áo tang và tự nhốt mình trong phòng riêng, than khóc và khóc lóc về sự diệt vong của những kẻ vô đạo. Điều này được báo cáo lên nhà vua. Ngay lập tức, nhà vua cho gọi Indis đến và khi thấy ông mặc trang phục tang lễ, nhà vua đã hiểu rõ sự việc. Không hỏi gì về đức tin hay cuộc sống của ông, nhà vua ra lệnh xiềng tay, chân và cổ ông lại, rồi tống vào ngục tối. Sau đó, ông lại bắt đầu hỏi về Domna, quên mất những gì đã được báo trước đó, và trong cơn giận dữ, như thể say rượu, ông liên tục lặp lại:

– Domna đâu rồi? Nữ tư tế của Diana và Minerva đâu rồi?

Họ lại trả lời rằng nàng đã mất trí, và vì thế, quan trưởng thái giám đã đuổi nàng ra khỏi cung điện. Nhớ ra chuyện quan trưởng thái giám, nhà vua ra lệnh chém đầu hắn và truy lùng Domna khắp nơi. Lệnh của nhà vua này cũng lan truyền đến tu viện nơi Domna đang ẩn náu. Thấy rằng không thể che giấu cô được nữa, bà Agafia, trụ trì tu viện, đã cạo đầu cô theo kiểu nam giới và mặc cho cô trang phục nam. Sau đó, bà cầu nguyện trong nước mắt để bảo vệ cô, rồi cho Domna ra khỏi tu viện thánh thiêng của mình, để cô gái có thể ẩn náu dưới hình dạng nam giới giữa đám đàn ông và không bị nhận ra. Những kẻ đi tìm Domna không thể tìm thấy cô ở đâu cả. Điều này khiến nhà vua càng thêm phẫn nộ; ông ra lệnh tàn phá tất cả các tu viện, còn các trinh nữ thì phải bị làm nhục và xâm phạm bằng bạo lực. Ngay lập tức, khắp thành phố bắt đầu xảy ra những thảm họa và sự tàn phá, như thể thành phố đang bị các bộ tộc man rợ chiếm đóng. Những trinh nữ có thể chất khỏe mạnh hơn đã chạy trốn lên núi và sa mạc, ẩn náu trong các hang động và khe núi, thà sống cùng thú dữ và bị chúng xé xác còn hơn là sống cùng bọn vô pháp và rơi vào tay những kẻ đồi bại. Còn những trinh nữ không kịp trốn thoát thì bị bắt giữ; một số bị lôi ra xét xử và tra tấn, số khác bị đưa vào các nhà chứa công cộng để bị làm nhục. Nhưng sức mạnh của Đức Kitô đã củng cố tất cả họ và giữ cho họ không bị sỉ nhục hay ô uế. Trong số họ có một người tên là Theophila, nổi bật và rực rỡ giữa các trinh nữ, như mặt trăng giữa các vì sao, bởi vẻ đẹp và sự quyến rũ, sự cao quý và sự trong sạch trong lối sống. Khi những tên lính vô liêm sỉ lôi cô vào nhà chứa, cô ngước mắt và giơ tay lên trời, rồi khóc lóc kêu lên:

– Lạy Chúa Giêsu của con, tình yêu của con, ánh sáng của con, hơi thở của con, Đấng bảo vệ trinh tiết và cuộc đời con, xin hãy nhìn xuống cô dâu của Ngài! Xin hãy nhìn con, Chàng Rể vô hình của con, và hãy mau đến cứu con, để lời thề trinh tiết mà con đã hứa với Ngài không bị phá vỡ, vì giờ đây thậm chí không còn thời gian để cầu nguyện nữa! Xin đừng phó thác linh hồn đang xưng danh Ngài cho các thú dữ, để bầy sói đừng xé xác con chiên của Ngài. Xin hãy bảo vệ cô dâu của Ngài, hỡi Chàng Rể của con! Xin hãy gìn giữ sự trinh khiết của con, hỡi Nguồn suối của sự trong sạch, để danh Ngài, được các Thiên thần ca ngợi, được tôn vinh.

Cô ấy đã cầu nguyện như vậy, và Đức Chúa Trời đã sẵn sàng đáp ứng lời cầu nguyện của cô ấy. Khi nàng bị dẫn vào nơi ở ô uế của những người phụ nữ tội lỗi công khai, một trong những người lính, đầy dẫy dục vọng ô uế, bước vào với ý định làm ô uế cô dâu vô tì vết của Đấng Kitô; và này, vừa mới đến gần nàng, hắn liền ngã xuống đất chết ngay lập tức và nằm dưới chân nàng, trút hơi thở cuối cùng. Trong khi đó, những người lính khác đứng bên ngoài chờ anh ta ra, bực bội vì anh ta chậm trễ quá lâu và muốn tự mình vào trong đó. Cuối cùng, một trong số họ, bị kích động bởi dục vọng tội lỗi, không thể kiềm chế được nữa, đã bước vào và kinh hoàng khi thấy người bạn của mình đã chết. Khi anh ta còn nhìn thấy ánh sáng chói lòa, không thể tiếp cận, đang chiếu rọi lên cô trinh nữ thánh thiện, thì ngay lập tức anh ta mất thị lực và, trong cơn mù lòa, bắt đầu sờ soạng tường bằng tay để ra ngoài, nhưng không thể. Nhiều người khác cũng phải chịu chung số phận, những kẻ đã vô liêm sỉ và với ham muốn ô uế bước vào gặp thiếu nữ. Điều này được những người đứng bên ngoài biết đến, và họ cùng nhau đến không phải vì dục vọng, mà để xem chuyện gì đã xảy ra, và thấy thiếu nữ đang ngồi trang nghiêm và đọc một cuốn sách nhỏ : đó là Phúc Âm mà cô giữ bên mình; bên cạnh là một chàng trai xinh đẹp, toả sáng một ánh sáng không thể tả xiết, và đang nhìn cô bằng đôi mắt lấp lánh như tia chớp. Khi nhìn thấy chàng trai, những kẻ vô đạo lập tức hoảng sợ tột độ và bỏ chạy; còn những người khác thì kêu lên:

– Ai sánh được với Đức Chúa Trời của người Kitô hữu?

Khi đêm xuống, chàng trai rạng ngời ánh sáng đã dẫn cô gái ra khỏi đó, đưa cô đến nhà thờ lớn và, đặt cô trên bậc thềm, nói:

– Bình an cho con.

Sau đó, ngài rời đi, để lại cô gái thánh thiện Theophila trong tâm trạng vừa sợ hãi vừa vui mừng: sợ hãi vì người bảo trợ của cô đã ra đi, còn vui mừng vì cô đã thoát khỏi tay bọn vô pháp một cách an toàn. Khi đến cửa nhà thờ, cô bắt đầu gõ cửa để xin mở, vì những tín hữu Kitô giáo đang tụ tập bên trong để cử hành lễ cầu nguyện suốt đêm đã khóa cửa lại vì sợ hãi trước những kẻ ngoại đạo vô đạo. Một trong các phó tế hỏi từ bên trong xem ai đang gõ cửa; khi nghe và nhận ra giọng nói của Theophila, ông đã thông báo điều này cho đám đông đang có mặt trong nhà thờ. Khi cánh cửa được mở ra, cả đám đông đều đổ xô đến bên cô gái thánh thiện: mọi người đều biết rõ cả nguồn gốc quý tộc lẫn cuộc đời thánh thiện của cô. Mọi người đã ca ngợi Thiên Chúa với bao niềm vui và bao giọt nước mắt khi biết được cách cô thoát khỏi sự bạo hành của những kẻ vô đạo, và ân sủng mà Chúa đã ban cho cô, khi Ngài bằng bàn tay quyền năng đã gìn giữ sự trinh khiết của cô không hề tàn phai! Bởi vì nàng đã không giấu diếm những phép lạ vinh quang của Thiên Chúa, những điều đáng lẽ không nên giấu diếm mà phải loan báo. Còn vị trinh nữ thánh thiện, quỳ sấp mặt xuống, đã làm ướt sàn nhà thờ bằng những giọt nước mắt vui mừng, và tất cả mọi người đều dâng lên Chúa Kitô lời tạ ơn chung.

Vào thời điểm đó, một số quan đại thần và quan chức cao cấp nhất trong triều đình đã bị cáo buộc trước nhà vua vì theo đạo Kitô. Trong số họ có một người tên là Dorotheus, nổi tiếng nhờ chiến công quân sự và công lao dân sự, mang tước hiệu Thống đốc Ý; cùng với ông còn có Mardonius, Migdonius và các quan chức cao cấp khác, những người nổi tiếng vì công lao của mình, nhưng còn nổi tiếng hơn nữa vì đức tin và lòng đạo đức. Khi họ bị dẫn đến để thẩm vấn, nhà vua ban đầu đã quở trách họ một cách tàn nhẫn, sau đó ra lệnh đánh đập họ lâu dài và không thương xót, rồi xiềng xích và ném họ vào ngục tối. Không có ngày nào trôi qua mà các Kitô hữu không bị bắt giữ, tra tấn và chịu các hình phạt khác nhau. Nhưng rồi lễ Giáng sinh của Chúa Kitô[362] đã đến, và Đấng Mới Sinh phải được dâng lên một lễ vật dồi dào. Tất cả các tín hữu đều tụ tập tại nhà thờ. Lúc đó, những tên đầy tớ vô đạo của tên vô đạo Maximian, khi đến gặp ông ta, đã nói:

– Bệ hạ! Hôm nay là ngày lễ trọng đại của người Kitô hữu, họ bịa đặt một câu chuyện hoang đường rằng đây là ngày sinh nhật của Đức Chúa Trời họ, và tất cả đã tụ tập tại nhà thờ để kỷ niệm sự kiện này. Vì vậy, hãy đảm bảo rằng con mồi không thoát khỏi lưới: hãy ra lệnh cho binh lính chiếm giữ lối vào nhà thờ của họ, và hãy đặt bàn thờ dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta ngay trước cổng nhà thờ; còn các quan truyền lệnh thì hãy ra lệnh cho họ lập tức ra khỏi nhà thờ và ngay lập tức dâng lễ vật cho các vị thần. Nếu họ tuân lệnh, ngài sẽ xử lý họ theo ý muốn hoàng gia của ngài. Nhưng nếu ngài chịu nghe theo lời khuyên của chúng tôi, hãy ra lệnh cho binh lính bao vây nhà thờ từ mọi phía, đốt cháy nó và tiêu diệt hết thảy những người Kitô hữu không chịu phục tùng ngài. Bằng cách tiêu diệt ngay lập tức những kẻ nguy hiểm và gây hại cho vương quốc của ngài, ngài sẽ không còn phải lo lắng gì trong tương lai.

[362] Đó là vào năm 303 sau Công nguyên.

Chưa kịp dứt lời, Maximian đã ngắt lời họ và thốt lên:

– Ta thề trước các vị thần vĩ đại rằng ta đã ấp ủ ý định này từ lâu rồi, và ta không biết điều gì đã cản trở ta thực hiện kế hoạch này cho đến nay! Các vị thần ơi, giờ đây các ngài xứng đáng nhận được lòng biết ơn sâu sắc, vì chính các ngài đã sắp đặt sao cho các tôi tớ của ta cũng nảy ra ý tưởng có lợi cho vương quốc của chúng ta vào đúng thời điểm này.

Và ngay lập tức, ông ra lệnh cho những người đứng đầu trong số các vệ sĩ của mình dẫn theo một đội quân đông đảo, bao vây nhà thờ Kitô giáo bằng rơm, mùn cưa và các vật liệu dễ cháy khác, đồng thời canh gác cẩn mật tất cả các lối ra của nhà thờ với vũ khí sẵn sàng, để không một Kitô hữu nào có thể trốn thoát khỏi tay họ. Khi mọi việc đã được thực hiện xong, một người rao tin do nhà vua phái đến bước vào nhà thờ, đứng giữa nhà thờ và lớn tiếng tuyên bố:

– Hỡi những người đàn ông đang tụ tập ở đây! Đấng cai trị vũ trụ Maximian, người đã sai tôi đến đây, đề nghị các ngươi chọn một trong hai điều: hoặc là ra khỏi nhà thờ, lập tức dâng lễ vật cho các vị thần, và các ngươi sẽ được sống; bàn tế lễ đã được chuẩn bị sẵn ngay trước cửa; hoặc, nếu các ngươi không tuân lệnh, tất cả các ngươi sẽ cùng nhau chết một cái chết thảm khốc ngay tại đây: lửa đã sẵn sàng và nhà thờ đã được bao quanh bằng cành cây khô. Vì vậy, hãy nhanh chóng lựa chọn điều các ngươi muốn. Nói xong, ông im lặng. Lúc đó, vị phó tế trưởng đang đứng bên bàn thờ, lòng ông bừng cháy bởi ngọn lửa ân sủng thiêng liêng, đã nói, hướng về dân chúng:

– Hỡi các anh em yêu dấu và đồng lòng! Chẳng lẽ các anh em không biết rằng ba thiếu niên ở Babylon[363] đã làm nên điều gì, với lòng dũng cảm bất khuất trong đức tin chân chính và sự kiên cường khiến chúng ta kinh ngạc vô cùng, khi cách đây vài ngày chúng ta đã kỷ niệm ngày tưởng niệm họ, cũng như chính họ đã cất tiếng hát và kêu gọi cả thiên nhiên được tạo dựng cùng ngợi khen Chúa của muôn loài, như thể họ không đang ở giữa ngọn lửa, mà đang dạo bước giữa những bông hoa dịu dàng! Và chúng ta không chỉ tôn vinh họ, mà còn mong muốn được cùng chia sẻ vinh quang của họ. Vậy thì chúng ta hãy noi gương ba thiếu niên ấy, vì chính thời đại hiện tại cũng đang kêu gọi chúng ta làm điều đó: bởi vì vua Maximian cũng giống như Nebuchadnezzar; dù hai người có tên gọi khác nhau, nhưng lại rất giống nhau và đồng nhất với nhau về sự tàn bạo và sự vô thần. Chẳng phải chúng ta sẽ cảm thấy hổ thẹn sao, khi những thiếu niên ấy, dù chỉ có ba người, và chưa từng có tấm gương nào về hành động cao thượng vì đức tin chân chính, lại đã chiến đấu một cách oai hùng đến thế; còn chúng ta thì đông đảo hơn họ rất nhiều, thậm chí có thể nói là vô số; nhiều người trong chúng ta đã ở tuổi xế chiều, và chúng ta có trước mắt biết bao tấm gương về sự chịu đựng dũng cảm vì Chúa Kitô: vậy thì liệu chúng ta có nên cảm thấy xấu hổ không, khi ở trong số lượng và độ tuổi như vậy, lại tỏ ra gắn bó với cuộc sống tạm bợ, nhút nhát và thiếu can đảm, và không tận dụng thời điểm hiện tại – vốn đang kêu gọi chúng ta thực hiện những hành động anh hùng – như một lợi thế to lớn, – không khinh thường cuộc sống tạm bợ này vì Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng chúng ta và đã hiến dâng linh hồn Ngài cho cái chết vì chúng ta, và không dùng cái chết của chúng ta để làm chứng cho đức tin vững chắc và bất khuất của chúng ta?! Và quả thực, đó sẽ là một sự ô nhục vô cùng. Tôi nói điều này trong trường hợp nếu sau những đau khổ của chúng ta không có bất kỳ phần thưởng nào. Nhưng những đau khổ của thế gian này thật là nhỏ nhoi so với phần thưởng dành cho chúng ta sau khi qua đời: cuộc sống vĩnh cửu và không đau khổ đã được dành cho chúng ta thay thế cho cuộc sống trần gian đầy khốn khổ và ngắn ngủi này; vinh quang bất diệt thay cho vinh quang chóng tàn; của cải không thể tước đoạt và niềm vui không bao giờ biến thành nỗi buồn. Chẳng lẽ chúng ta vẫn còn khao khát cuộc sống trần gian này sao! Chẳng lẽ chúng ta không nên nỗ lực hơn nữa, tận dụng thời cơ thuận lợi này, để sớm đạt được cuộc sống vĩnh cửu ấy, bằng cách chết vì Chúa Kitô? Hãy nhìn lên, hỡi anh em, bàn thờ của Chúa và hãy hiểu rằng Chúa thật của chúng ta và Thiên Chúa đang được dâng làm của lễ trên đó vì chúng ta. Chúng ta có nên dâng hiến linh hồn mình vì Ngài tại nơi thánh thiêng này chăng? Và chúng ta có nên dâng hiến chúng lên Ngài như một lễ vật toàn thiêu, như một sự hy sinh nào đó chăng?

Thánh phó tế đã nói như vậy, và tất cả đều bừng cháy khát khao chết vì Chúa Kitô và đồng thanh kêu lên:

– Chúng tôi là Kitô hữu, chúng tôi là Kitô hữu, hỡi hoàng đế, và chúng tôi không tôn thờ các thần giả dối của ngài!

Tin này được báo lại cho Maximinus, người liền ra lệnh thiêu rụi nhà thờ cùng với tất cả các Kitô hữu đang có mặt ở đó. Trong khi đó, các tín hữu đã tập hợp tất cả những người đã được giảng dạy trong số họ tại nhà thờ và chia thành bốn nhóm, để kịp thời cử hành Bí tích Rửa tội cho họ. Sau khi cử hành phép Rửa tội và xức dầu thánh,

[363] Tức là Ananias, Azarias và Misael (Đan. 3), ngày tưởng niệm của họ được cử hành vào ngày 17 tháng 12

tất cả đều được rước Mình Thánh Chúa. Trong lúc đó, theo lệnh của vị vua vô đạo, binh lính đã châm lửa vào cành cây khô và rơm rạ xung quanh nhà thờ; các bức tường nhanh chóng bốc cháy, ngọn lửa khổng lồ bao trùm nhà thờ từ mọi phía bốc cao lên trời và, xâm nhập vào bên trong, nhanh chóng thiêu rụi tất cả. Các Kitô hữu đang bị thiêu sống đã lớn tiếng kêu cầu Thiên Chúa, hát bài ca của ba thiếu niên và kêu gọi mọi loài thụ tạo cùng hát ca. Và trước khi họ kịp kết thúc những bài ca của mình, họ đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa, như một của lễ đẹp lòng dành cho Chiên Con Vô Tội, Đấng đã bị hiến tế vì hòa bình. Số người bị thiêu sống lên tới hai mươi nghìn người. Như vậy, đoàn quân vinh quang của các thánh tử đạo đã chuyển từ Hội Thánh Chiến Đấu sang Hội Thánh Chiến Thắng để mừng lễ hội vui mừng vô tận.

Sau năm ngày, ngọn lửa vẫn tiếp tục thiêu rụi những tàn tích của nhà thờ và khói vẫn bốc lên; nhưng từ những thi thể bị thiêu cháy không những không có mùi hôi thối, mà khói lại mang một mùi thơm kỳ lạ, dễ chịu; mùi hương tuyệt vời tỏa ra từ đống tro tàn lan tỏa trong không khí, và người ta có thể thấy một ánh sáng vàng rực rỡ, giống như ánh sáng khi mặt trời mọc ở phương Đông. Còn Maximian, cho rằng mình đã tiêu diệt và tàn sát hết tất cả các Kitô hữu trong thành phố, bèn tổ chức các trò chơi, các cuộc đua ngựa và nhiều màn trình diễn khác.

Gần nơi diễn ra các màn trình diễn, tại Nicomedia có một đền thờ lớn thờ nữ thần ngoại giáo Ceres[364] . Một lần, khi đến đền thờ này cùng toàn bộ quân đội và dân chúng, hoàng đế Maximian đã dâng lễ vật lên nữ thần. Lúc đó, một người lính tên là Zinon, với chức vụ là tướng quân, được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành đối với đức tin chân chính và không thể chịu đựng được những màn trình diễn đầy sự bất kính như vậy, đã đứng lên một vị trí cao và kêu lên, hướng về phía hoàng đế:

– Bệ hạ đang lầm lạc khi dâng lễ vật cho những tảng đá vô tri và cây cối câm lặng. Đây thực sự là sự lừa dối của ma quỷ, dẫn đến sự diệt vong cho những kẻ sùng bái chúng. Hãy suy xét đi, hỡi Maximian, và hãy hướng đôi mắt thể xác cùng với đôi mắt tâm linh của ngài lên trời, để nhận biết Đấng Tạo Hóa qua những tạo vật hữu hình của Ngài. Hãy nhận biết Đấng Tạo Hóa qua các loài thụ tạo, và hãy học cách tôn kính Đức Chúa Trời một cách thành kính – Đấng không ưa thích máu và khói tế lễ của những con vật câm lặng, mà ưa thích những linh hồn con người vô tội và những trái tim trong sạch!

Nghe vậy, Maximian ra lệnh dùng đá đập vỡ miệng Zinon, làm nát mặt và răng ông, rồi lôi ông ra khỏi thành khi còn thoi thóp và chém chết bằng gươm. Như vậy, thánh tử đạo Zinon đã được đội vương miện tử đạo.

Trong khi đó, Thánh Đô-rô-phê đang bị xiềng xích cùng với Ân-đi-sơ và các đồng đội khác. Đức Giám mục An-phim, vị thánh đáng kính, thường xuyên gửi thư từ nơi ẩn náu của ngài đến thăm họ, khích lệ họ, khuyên nhủ họ hãy vững vàng trong đức tin và khơi dậy tinh thần anh hùng trong họ. Một lần nọ, bọn vô đạo bắt giữ và dẫn thánh phó tế Theophilus – người đang trên đường đến gặp các vị tử đạo với bức thư của Anphim – đến trước mặt vua. Sau khi đọc bức thư của giám mục, nhà vua nổi giận, vì trong đó không viết những điều ông ta ưa thích, mà là những điều có lợi cho các thánh. Ông ra lệnh lập tức dẫn Dorotheus cùng các đồng đội của ngài đến trước mặt mình; sau khi trừng mắt nhìn họ và quở trách, ông cho họ đọc các bức thư của Anphim. Còn họ, khi nhìn thấy vị phó tế, lòng tràn ngập niềm vui và từ xa đã chào đón ngài bằng ánh mắt rạng rỡ và khuôn mặt hân hoan, đồng thời ghi nhớ những lời của vị thánh trong lòng. Nhìn vị phó tế với ánh mắt giận dữ, nhà vua quát tháo:

– Nói cho ta biết, tên khốn kiếp, ai đã đưa cho ngươi lá thư này và hắn đang ẩn náu ở đâu?

Vị phó tế trước tiên thầm cầu nguyện với Chúa trong lòng, rồi dũng cảm trả lời:

– Những lá thư này do vị mục tử trao cho tôi, người hiện đang ở xa đàn chiên của mình, nhưng vẫn khuyên răn và khích lệ họ sống đạo đức. Đặc biệt là lúc này, khi ngài biết tin về sự xâm lấn của bầy sói và các loài thú dữ khác, ngài đã ra lệnh và thông báo rõ ràng cho đàn chiên của mình về những điều họ cần phải làm. Những lời mà ngài rao giảng không phải là của riêng ngài, mà là những lời ngài mượn từ Đấng Chăn Chiên Tối Cao và Đầu Tiên của chúng ta, Đấng đã phán: *"Đừng sợ những kẻ giết được thân xác mà không giết được linh hồn; nhưng hãy sợ Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác trong hỏa ngục"* (Mt 10:28). Này, tôi đã cho anh biết ai đã trao sứ điệp này cho tôi, còn về nơi ở của Đấng đã sai phái nó, thì tôi sẽ không nói: sẽ là sự điên rồ rõ ràng nếu tôi, người đã nhận được biết bao ân huệ từ vị Mục Tử của mình, lại trở thành kẻ phản bội Ngài; ngài sẽ sớm bị lộ ra ngay cả khi không có chúng ta, vì một thành phố trên đỉnh núi không thể ẩn mình được (Mt 5:14), như đã được loan báo bởi tiếng nói thiêng liêng.

---

[364] Ceres hay Demeter – nữ thần nông nghiệp và sự màu mỡ trong thần thoại Hy Lạp-La Mã. Các lễ hội rất phổ biến để tôn vinh bà thường mang tính chất vô đạo đức.

Không thể chịu đựng được những lời nói táo bạo của vị phó tế nữa, nhà vua ra lệnh ngay lập tức chặt đứt cái lưỡi trung thực của ông, rồi ném đá và bắn tên giết ông ngoài thành. Sau đó, bằng nhiều hình thức tra tấn khác nhau, ông ta đã giết chết các thánh tử đạo còn lại: Dorotheus bị chém đầu, Mardonius bị thiêu sống, Migdonius bị chôn sống trong hố đất, còn Gorgonius, Indis và Peter thì bị ném xuống biển, với những hòn đá cối xay buộc vào cổ. Như vậy, các vị tử đạo dũng cảm của Chúa Kitô đã hoàn thành công cuộc của mình và cùng nhau về với Chúa Trời theo một con đường duy nhất, dù phải chịu những cái chết khác nhau.

Trong khi đó, Thánh Domna ẩn náu trong một hang động trên một ngọn núi, sống nhờ những loài thực vật mọc xung quanh hang. Khi nghe tin về cái chết của các thánh tử đạo, bà hân hoan trong tâm hồn vì họ đã rời khỏi cõi đời trần gian đầy đau khổ này để đến với miền đất hằng mong ước của niềm vui vĩnh cửu. Bà đặc biệt vui mừng vì Indis, người anh em đồng tâm đồng ý về mặt tâm linh và là người đồng hành cùng bà trong sự tái sinh thiêng liêng qua phép rửa tội. Trong khi chuẩn bị cho hành trình thánh thiện và cầu xin sự giúp đỡ từ trên cao, bà cảm thấy buồn bã vì trong số tất cả họ, chỉ có mình bà là người duy nhất chưa được về với Chúa theo con đường tử đạo đó. Sau đó, cô xuống núi và bước vào thành phố trong chính bộ quần áo nam mà người mẹ thiêng liêng của cô, Agathia, đã mặc cho cô. Không tìm thấy thánh nữ Agathia, người mà cô đến để tìm kiếm, Domna nhận ra rằng bà đã bị thiêu sống trong nhà thờ cùng với rất nhiều trinh nữ khác, và cô khóc nức nở; cô không hối tiếc về cái chết của bà, mà đau buồn vì bản thân không được ân sủng để cùng chết với bà vì Chúa Kitô. Và đứng tại nơi nhà thờ bị thiêu rụi, Domna khóc lóc thảm thiết, làm ướt tro tàn bằng những giọt nước mắt của mình. Khi đêm xuống, cô đi ra bờ biển, nơi Indis cùng các vị tử đạo khác đã bị chìm xuống biển. Và những ngư dân đang đứng đó chuẩn bị lưới đánh cá, khi nhìn thấy cô gái thánh thiện và nhầm cô là một người đàn ông vì bộ quần áo nam giới, họ đã nói với cô:

– Hãy đến giúp chúng tôi đi, chàng trai trẻ; nếu chúng tôi bắt được gì, chúng tôi sẽ chia cho anh một phần.

Cô sẵn lòng đến giúp họ. Khi họ thả lưới xuống và sau đó kéo lên bờ, họ cảm thấy lưới nặng đến mức khó khăn lắm mới kéo được lên đất liền. Đêm trăng sáng, họ nhìn thấy vô số cá, và giữa đống cá bắt được là thi thể của ba vị tử đạo: Gorgonius, Indis và Phêrô. Những người đánh cá kinh hoàng tột độ; họ vội vàng thu lưới và mẻ cá, đặt thi thể các vị xuống đất, rồi nhanh chóng leo lên thuyền để sang bờ bên kia. Họ mời cả chàng trai tưởng tượng kia đi cùng, nhưng anh ta không muốn đi với họ. Sau đó, họ tặng anh ta một phần cá bắt được và ít bánh mì để đền ơn công sức, rồi rời khỏi đó. Còn Thánh nữ Domna thì tiến lại gần thi thể các vị tử đạo, và khi nhận ra từng người, đặc biệt là người yêu dấu Indis, bà đã ôm hôn họ với niềm vui khôn tả và tuôn rơi những giọt nước mắt nóng hổi dạt dào. Khi đứng dậy, nàng thấy trên biển có một con thuyền đang cập bến, chỉ dùng mái chèo mà không giương buồm. Rời khỏi thi thể các thánh tử đạo, Domna tiến lại gần con tàu và, quay sang các thủy thủ, cô chỉ cho họ xem cá của mình. Nghĩ rằng cá đang được bán và muốn mua, thuyền trưởng hỏi giá, nhưng Domna đáp lại rằng ông hãy nhận lấy miễn phí. Lúc đó, ông ngạc nhiên nói:

– Nhân danh Chúa Kitô, hãy nói thật, cô bán con cá này với giá bao nhiêu?

Nghe thấy danh Chúa Kitô, thánh Domna hiểu rằng trên tàu có những người Kitô hữu và liền kể cho họ nghe về thi hài các thánh tử đạo, về tất cả những cực hình mà các ngài đã phải chịu đựng, cũng như tên của các ngài. Lúc đó, thuyền trưởng cùng các bạn của mình lập tức mang ra những tấm vải sạch và hương liệu, quấn thi hài các thánh lại, rồi mang đến tường thành, nơi gần cổng thành, không xa con sông, nơi Thánh Đô-rô-phê đã kết thúc cuộc đời mình. Tại đó, họ đã an táng thi hài các vị tử đạo một cách trang nghiêm. Khi biết rằng Domna cùng chia sẻ đức tin với họ và lại lầm tưởng cô là một chàng trai trẻ, thuyền trưởng đã nài nỉ cô cùng lên tàu với mình.

– Chúng ta sẽ ở bên nhau không rời xa cho đến cuối đời, – ông nói.

Nhưng cô không đồng ý và bảo anh ta tiếp tục hành trình của mình.

– Tôi sẽ ở lại đây, – cô nói, – vì cuộc đời tôi sắp kết thúc, và tôi không muốn thi thể mình bị tách rời khỏi thi thể các thánh, những người mà khi còn sống tôi đã gắn bó với họ bằng tinh thần và đức tin.

Lúc đó, thuyền trưởng đã trao cho bà một số vàng đủ dùng, không phải để đáp ứng nhu cầu vật chất nào – vì bà không cần điều đó – mà là để mua hương liệu và nhang trầm dùng để tôn kính các ngôi mộ của các thánh, rồi ông lên đường. Còn Thánh Domna thì ngày đêm ở lại bên các ngôi mộ của các vị tử đạo, thắp hương và dâng hương thơm cho họ, đồng thời cầu nguyện trong nước mắt.

Nhưng không thể nào việc của ánh sáng lại bị che giấu trước những kẻ đang đi trong bóng tối, hay khát vọng chịu tử đạo của Thánh Đômna lại không được thực hiện, vì sự thánh thiện và lòng đạo đức của bà đã vạch trần bà. Nhà vua được báo tin rằng có một chàng trai trẻ đang đi vòng quanh các ngôi mộ Kitô hữu và thắp hương cho họ. Nhà vua cười lớn và nói:

– Hắn cũng xứng đáng phải chết cùng một cái chết như họ, để qua trải nghiệm, hắn biết rằng việc ban tặng vinh dự như vậy cho những người không còn ý nghĩa gì sau khi chết là vô ích đến mức nào.

Nói xong, ông lập tức ra lệnh chém đầu bà. Và thánh Domna đã bị giết bằng gươm, trong khi bà đang cầu nguyện bên các ngôi mộ của các thánh tử đạo. Thi thể thánh thiện của bà đã bị bọn vô đạo thiêu đốt. Cùng lúc đó, sau những cực hình kéo dài, vị thánh tử đạo Euphemius cũng bị chém chết bằng gươm. Như vậy, Nicomedia đã được tô điểm bởi các vị tử đạo của mình, như những vì sao, và số lượng các vị tử đạo đã lên đến hai mươi nghìn người với sự góp mặt của vị thánh kỳ diệu Glycerius, vị thánh phúc lạc Zinon và Theophilus; cùng với họ còn có Dorotheus cùng với Mardonius và Migdonius, – Indis cùng với Gorgonius[365] us và Peter, cùng ba trinh nữ thánh Agathia, Theophila và Domna xinh đẹp; và người hoàn tất toàn bộ đoàn thánh là Euthymius, vì vinh quang của Đức Kitô, Thiên Chúa chân thật, Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được vinh quang và tôn kính muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 2:

Các vị Tử đạo của Chúa, đất đai được tưới đẫm máu các ngài thật là phúc lành, và các nơi an nghỉ đã tiếp nhận thi thể các ngài thật là thánh thiện: vì trong cuộc chiến đấu, các ngài đã chiến thắng kẻ thù và can đảm rao giảng về Chúa Kitô. Chúng con cầu xin Ngài, Đấng Tốt Lành, cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Hỡi những vị đã kiên cường trong đức tin thánh thiện, đã đón nhận ngọn lửa đau khổ để xua tan hai bóng tối của sự đau khổ, và đã kêu cầu Đấng sinh ra từ Đức Trinh Nữ: xin hãy nhận lấy những của lễ thiêu đốt của chúng con vì Ngài, như những của lễ của các vua Ba Tư: vàng, nhũ hương và gỗ tuyết tùng, hỡi Thiên Chúa vĩnh cửu.

Ngày 11 tháng 1

Ngày 29 tháng 12 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm mười bốn nghìn trẻ sơ sinh bị Hê-rốt giết hại tại Bê-lem

Ngày tưởng niệm 29 tháng 12

Hê-rốt, khi thấy mình bị các nhà chiêm tinh chế giễu, đã nổi giận dữ dội (Mt 2:16). Vậy ông đã nổi giận với ai? Một mặt là với các nhà chiêm tinh, những người đã chế giễu ông, mặt khác là với Đấng Vua Do Thái mới sinh. Ông giận các nhà chiêm tinh vì họ không quay lại báo cho ông biết về Hài Nhi; còn giận Đấng Christ thì vì sợ rằng Ngài sẽ cướp mất vương quốc của ông; bởi vì, không biết rằng vương quốc của Đấng Christ *"không thuộc về thế gian này"* (Giăng 18:36), Hê-rốt cho rằng Đấng Christ sẽ cai trị vương quốc trần gian. Vậy thì Hê-rốt khốn nạn đã làm gì, khi không thể trả thù các nhà chiêm tinh, vì họ đã ra đi, cũng không thể giết Đấng Christ, vì không thể tìm thấy Ngài? Ông đã trút cơn giận của mình lên những đứa trẻ vô tội. Giống như một con thú dữ, khi bị thương, thường không nhìn vào kẻ đã làm nó bị thương, mà lao thẳng vào thứ đang ở trước mắt, và trong cơn thịnh nộ, nó xé xác thứ đó, như thể đó chính là thủ phạm gây ra vết thương của mình; cũng vậy, Hê-rốt, bị cơn giận hành hạ và không tìm thấy những kẻ gây ra cơn giận của mình, đã trút cơn thịnh nộ lên những đứa trẻ vô tội trước mặt ông. Ông đã sai những binh lính được trang bị vũ khí, như thể đi ra trận, để *"giết hết các trẻ sơ sinh ở Bê-lem và khắp vùng lân cận, từ hai tuổi trở xuống, theo thời gian mà ông đã tìm hiểu được từ các nhà chiêm tinh"* (Mt 2,16). Hê-rốt còn nhớ thời điểm mà các nhà chiêm tinh đã chỉ ra về sự xuất hiện của ngôi sao, ngôi sao này, theo lời giải thích của Thánh Xa-lô-tô và Thánh Thê-ô-phi-lác-tô, đã xuất hiện trước cả Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô. Nhưng chính xác là bao lâu trước đó? Nếu ngôi sao xuất hiện đúng vào giờ Truyền Tin, thì từ ngày Truyền Tin cho Đức Mẹ

[365] Xác thánh của Thánh Tử đạo Gorgonius sau đó đã được chuyển đến Rôma.

Đồng Trinh cho đến Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô đã trôi qua chín tháng. Nhưng các nhà chiêm tinh đã đến Giê-ru-sa-lem ngay vào ngày Giáng sinh và thờ lạy Chúa Kitô tại Bê-lem, rồi theo một con đường khác trở về xứ sở của họ: vì vậy, Hê-rốt không ngay lập tức nhận ra rằng mình đã bị họ chế giễu, mà ban đầu ông cho rằng họ, vì không tìm thấy Hài Nhi mà họ đang tìm kiếm và cảm thấy xấu hổ vì sai lầm của mình, nên không dám đến gặp ông và đã lén lút, trong sự xấu hổ, trở về quê hương. Sau đó, bốn mươi ngày trôi qua, một sự kiện vinh quang đã diễn ra tại Đền Thờ Salômôn: cụ già Simêon và nữ tiên tri Anna đã gặp Đấng Hài Nhi Thánh tại đây, Đấng được Đức Mẹ mang đến vào ngày lễ thanh tẩy[366] , và họ đã làm chứng về Đấng Kitô cũng như rao giảng Tin Mừng về Ngài một cách rõ ràng cho dân chúng. Tin tức về tất cả những gì đã xảy ra tại Đền Thờ trong dịp Lễ Dâng Chúa đã lan truyền khắp Giê-ru-sa-lem và đến tai nhà vua. Lúc đó, Hê-rốt mới nhận ra rằng đây chính là Hài Nhi mà ông đang tìm kiếm, và những lời các nhà chiêm tinh nói về Vua mới sinh – Đấng mà họ đã tìm thấy tại Bê-lem nhưng không trở về báo cho Hê-rốt vì khinh thường quyền lực của ông – quả thực là đúng. Hê-rốt, kẻ vô pháp, đã nổi giận tột độ. Ông ta lập tức tìm cách truy lùng Hài Nhi bằng những mưu mô và thủ đoạn bí mật, nhưng không thành công, vì Giô-sép đã cùng Hài Nhi trốn sang Ai Cập ngay sau khi nhận được thị kiến. Nỗ lực của Hê-rốt nhằm tìm kiếm Đấng Christ kéo dài suốt một năm. Sau đó, vì một lý do nào đó, ông ta phải lên Roma gặp Caesar, và Hê-rốt vô cùng lo lắng vì vẫn chưa tìm thấy Hài Nhi mà mình đang tìm kiếm, bởi ông ta sợ rằng trong lúc vắng mặt, một vị vua mới có thể xuất hiện và được dân chúng tôn vinh, từ đó tước đoạt vương quốc Do Thái khỏi tay ông ta. Vì vậy, ông lập tức quyết định trong lòng sẽ tàn sát tất cả các trẻ em ở Bê-lem, để qua đó tiêu diệt luôn cả vị Vua mới sinh cùng với chúng. Và vụ thảm sát trẻ em phi pháp này đã diễn ra vào năm đầu tiên sau Giáng sinh của Chúa Kitô, ngày 29 tháng 12; vào ngày này, Giáo hội thường tổ chức lễ tưởng niệm các trẻ sơ sinh bị thảm sát. Từ khi ngôi sao xuất hiện đến lúc đó đã trôi qua một năm chín tháng. Còn việc Hê-rốt ra lệnh giết các trẻ sơ sinh từ hai tuổi trở xuống, ông làm điều đó vì sợ hãi và để đảm bảo an toàn hơn. Thánh Zlatoust đã nói như sau: "Đừng ngạc nhiên khi Hê-rốt ra lệnh giết các trẻ sơ sinh từ hai tuổi trở xuống: cơn thịnh nộ và nỗi sợ hãi đã hòa quyện trong tâm hồn kẻ hành hạ; vì vậy, Hê-rốt trở nên vô cùng thận trọng, và vì nỗi sợ hãi tột độ, ông đã ra lệnh giết cả những đứa trẻ lớn hơn". Theo điều này, Thánh Euphemius[367] cũng nói: "Hê-rốt cho rằng ngôi sao không xuất hiện ngay lập tức trước mặt các nhà chiêm tinh, mà đứa trẻ đã chào đời từ rất lâu trước khi ngôi sao ấy xuất hiện. Để đảm bảo an toàn hơn, ông đã ra lệnh lùi thời hạn lại hai năm".

Các đứa trẻ sơ sinh bị giết hại theo nhiều cách khác nhau: một số bị chém bằng gươm, một số bị đập vào đá và tường, một số bị ném xuống đất rồi giẫm đạp, bị siết cổ bằng tay, bị xé toạc và xé thành từng mảnh, bị đâm xuyên, bị chém làm đôi. Các bà mẹ khóc than thảm thiết: tiếng kêu thét thảm thiết của họ vút lên tận trời cao; họ xé tóc, xé áo và tự hành hạ bản thân, đến nỗi lời tiên tri Giê-rê-mi đã ứng nghiệm: *"Tiếng kêu ở Ra-ma vang lên, tiếng khóc, tiếng than và tiếng kêu thảm thiết; Ra-chên khóc than cho con cái mình và không chịu an ủi, vì chúng không còn nữa"* (Giê-rê-mi 31:15; Ma-thi-ơ 2:18).

Rama là tên của một thành phố nằm trên ngọn đồi, thuộc lãnh thổ chi phái Ben-gia-min. Còn Ra-chên thì một số người gọi là Bê-lem, vì tại đó Ra-chên, vợ của tổ phụ Gia-cốp, mẹ của Ben-gia-min, đã được chôn cất. Từ ngôi mộ của bà, Bê-lem đã được đặt tên là Ra-chên. Vậy nên, khi tại Ra-chên, tức là tại Bê-lem, các trẻ sơ sinh bị giết hại, thì tại thành Ra-ma, vốn nằm không xa Bê-lem là bao, người ta nghe thấy tiếng khóc, tiếng nức nở và tiếng thét thảm thiết của các bà mẹ đang than khóc cho những đứa con bị giết hại của mình. Hai vị thánh Gioan: Gioan Vàng Miệng và Gioan Damascene đã phần nào mô tả tiếng khóc này. Vị đầu tiên kể lại như sau.

Thấy vậy, các bà mẹ đã hỏi những kẻ sát nhân:

– Tại sao các ngươi lại giết con cái chúng ta? Chúng đã làm gì để xúc phạm nhà vua hay các ngươi?

Và không có ai trả lời được tại sao lại xảy ra vụ giết người vô cớ này, cũng không có ai an ủi họ trong nỗi đau thương tột cùng này. Các bà mẹ khóc lóc van xin các chiến binh:

– Hãy tha cho chúng tôi, xin hãy tha cho chúng tôi! Chẳng lẽ chính các ngươi cũng không có mẹ sao? Chẳng lẽ các ngươi không biết tình yêu của người mẹ là như thế nào sao? Chẳng lẽ các ngươi không có vợ sao? Chẳng lẽ các ngươi không từng được mẹ mình yêu thương sao? Chẳng lẽ các ngươi không sợ rằng điều tương tự

---

[366] Theo luật Mô-sê, mẹ của đứa trẻ (nếu đứa trẻ là con trai thì sau 40 ngày, và sau 80 ngày nếu đứa trẻ là con gái) phải đến đền thờ gặp thầy tế lễ và dâng lên Đức Chúa Trời một con chiên con một tuổi hoặc hai con bồ câu làm của lễ. Nghi thức này được gọi là lễ thanh tẩy. (Lê-vi 12:2–5)

[367] Euthymius Zigaben, nhà thần học Byzantine thế kỷ XII; ông đã viết lịch sử các tà giáo và các bài chú giải về Tứ Phúc Âm, Thi Thiên và sách Ca Vịnh.

cũng sẽ xảy ra với con cái các người sao? Hãy thương xót chúng tôi! Xin đừng cướp đi con cái của chúng tôi, nhưng hãy giết chúng tôi trước đi, vì chúng tôi không thể chịu đựng được cái chết của con cái mình! Hãy đâm chết chúng tôi đi! Nếu con cái chúng tôi đã gây ra điều ác nào cho các anh, thì xin hãy để chúng tôi chết cùng với chúng!

Họ kêu gào trong nỗi đau xé lòng, và vì quá đau buồn đến mức mất trí, quên cả sự xấu hổ, họ xé rách áo quần trên người, đập ngực vì đau khổ, tự cào xé khuôn mặt, giật tóc, và kêu trời làm chứng, khẩn cầu Đức Chúa Trời:

– Lạy Chúa của chúng con, lạy Chúa Trời! Sự tàn nhẫn khủng khiếp này của nhà vua có ý nghĩa gì? Hắn chống lại công trình sáng tạo của Ngài: Ngài đã tạo ra, còn hắn thì giết chết; Ngài đã ban cho chúng con những đứa con, còn hắn lại cướp chúng khỏi tay chúng con! Tại sao chúng con lại sinh ra những đứa con trai, nếu các con thơ của chúng con phải chịu cái chết tàn nhẫn đến thế?

Thánh Gioan Damasceno kể lại tiếng khóc than này như sau: Các bà mẹ, những người đã chịu đựng đau đớn khi sinh con, ngồi bên thi thể những đứa trẻ sơ sinh bị giết, tóc xõa tung, giơ tay lên trời, họ giật tóc mình, rắc bụi lên tóc, kêu gọi trời làm chứng và, trong nước mắt, họ nói với Hê-rốt vắng mặt như thể ngài đang có mặt:

– Lệnh của ngài, hỡi đức vua, nhằm chống lại chúng tôi là sao? Chẳng phải ngài cũng là cha của các con mình sao? Chẳng phải ngài biết tình yêu của cha mẹ dành cho con cái lớn lao đến nhường nào sao? Phải chăng ngôi sao đã xúc phạm ngài? Vậy tại sao ngài không bắn tên lên trời, mà lại làm cạn kiệt sữa trong vú chúng tôi? Phải chăng các nhà chiêm tinh đã gây hại cho ngài ? Nhưng vậy tại sao ngài không ra trận chống lại Ba Tư, mà lại tước đoạt mạng sống của những đứa trẻ ở Bê-lem? Nếu một vị vua mới đã ra đời và ngài biết về điều đó qua sách vở, thì hãy bắt Gabriel và giam hắn vào ngục tối.

Ngay sau khi tàn sát các thánh nhi, số lượng lên tới mười bốn nghìn, sự trừng phạt của Thiên Chúa đã giáng xuống chính kẻ sát nhân, vua Hê-rốt. Cuộc đời ông kết thúc một cách tàn khốc, như thánh Theophylact đã thuật lại: bị ám ảnh bởi cơn sốt và bệnh tật nội tạng, sưng phù ở chân, nghẹt mũi, run rẩy toàn thân và các chi bị tan rã, vị vua gian ác, bị sâu bọ gặm nhấm, đã trút hơi thở cuối cùng trong những cơn đau đớn khủng khiếp. Người ta cũng kể rằng, việc tàn sát các trẻ sơ sinh ở Bê-lem vẫn chưa đủ đối với ông ta; ngay cả khi sắp chết, ông ta vẫn ra lệnh giết chết rất nhiều công dân danh giá và nổi tiếng nhất của Giê-ru-sa-lem: ông ta đã xử tử Hyrcanus, Thượng tế Do Thái, cũng như tất cả các Thượng tế và các nhà thông thái dân gian, những người mà trước đó ông ta đã hỏi: "Đức Kitô sẽ sinh ra ở đâu?" – và những người đã trả lời ông rằng: "Tại Bêlem của người Do Thái".

Sau đó, ông đã giết hết họ bằng gươm. Và đó là sự phán xét công chính của Đức Chúa Trời dành cho họ, đến nỗi tất cả họ cùng với Hê-rốt đều qua đời trong những đau đớn tàn khốc, như thiên sứ đã báo trước cho Giô-sép tại Ai Cập:

– Những kẻ tìm kiếm linh hồn Hài Nhi đã chết.

Rõ ràng, không chỉ riêng Hê-rốt tìm kiếm, mà còn tất cả các cố vấn của ông, các thượng tế và các kinh sư. Vì vậy, không chỉ riêng Hê-rốt chết, mà tất cả những ai cùng ông tìm kiếm linh hồn Hài Nhi cũng đều chết. Hài Nhi đã bị chính Đức Chúa Trời giết chết, còn những người kia thì bị Hê-rốt giết hại. Họ đã đồng cảm với ai, thì cũng chính từ người đó mà họ phải chịu cái chết tàn bạo. Còn việc tất cả họ đều tìm cách giết Chúa Kitô và đồng lòng với Hê-rô-đê, điều này được chứng minh như sau: khi vị lão nhân công chính Simeon, người đã đón nhận Đức Chúa Trời, qua đời – người đã làm chứng về Đấng Christ trong đền thờ và trước toàn thể dân chúng – thì họ đã không ban cho ông một lễ an táng xứng đáng, vốn phải phù hợp với một vị thánh nhân như vậy, một vị thầy đầy khôn ngoan, một nhà tiên tri có tầm nhìn xa và một vị lão nhân được mọi người kính trọng. Họ cũng đã giết chết vị tiên tri thánh Zacharia vì ông đã cho Đức Trinh Nữ, Đấng đã vào đền thờ cùng Hài Nhi để làm lễ thanh tẩy, đứng ở nơi dành cho các thiếu nữ, nơi mà phụ nữ đã có chồng không được phép đứng. Điều này được Grigorius Nissius, Cyril của Alexandria và Andreas của Crete đề cập đến.

Khi các kinh sư và người Pha-ri-si thấy điều này, họ đã nổi giận; còn Zacharia thì đối đầu với họ, khẳng định rằng Mẹ này, ngay cả sau khi sinh con, vẫn là Trinh Nữ tinh khiết. Họ không tin lời ngài, và lúc đó vị thánh đã nói rằng bản tính con người cùng với mọi loài thụ tạo đều phục tùng Đấng Tạo Hóa của mình, và rằng trong ý chí toàn năng của Ngài, Ngài có thể sắp xếp các thụ tạo theo ý muốn của Ngài, và làm cho Đức Trinh Nữ sinh con mà sau khi sinh vẫn giữ nguyên sự trinh khiết.

– Chính vì thế – ngài nói – mà tôi đã cho phép Mẹ này được đứng trong hàng ngũ các trinh nữ, như một Trinh Nữ đích thực.

Các kinh sư bừng bừng giận dữ trong lòng đối với Zacharias, coi ông như một kẻ vi phạm luật pháp rõ ràng; và bị ghen tị ăn mòn, họ phẫn nộ cả vì việc Mẹ của Hài Nhi được đặt vào hàng ngũ các trinh nữ, lẫn vì những lời chứng như vậy về Hài Nhi được công bố. Họ không giấu giếm cảm xúc của mình trước mặt Hê-rốt, mà đã bày tỏ với ông ta, và ngay lập tức bắt đầu tìm kiếm Hài Nhi, nhưng không tìm thấy Ngài, vì trong lúc đó Giuse đã cùng Ma-ri trốn sang Ai Cập. Kể từ đó, các kinh sư bắt đầu rất tức giận với thánh Zacharia, và cùng với ông, cả với cụ già Simeon. Simeon qua đời không lâu sau đó, và họ không cho ông một lễ an táng xứng đáng. Còn Zacharia, sau đó, theo yêu cầu của họ, đã bị Hê-rốt kết án tử hình. Trong cuộc tàn sát các trẻ sơ sinh ở Bê-lem, Thánh Zacharia đã bị giết giữa nhà thờ và bàn thờ vì đã không giao con trai mình là Gioan để bị giết. Đó là cách các kinh sư và người Pha-ri-si trả thù ông vì lời chứng của ông về Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm và vì đã đặt Mẹ vào Đền Thờ ở nơi dành cho các thiếu nữ. Chẳng bao lâu sau, chính họ cũng phải chịu hình phạt xứng đáng dưới tay vị vua Hê-rốt của chính họ. Họ đã đo lường bằng thước nào, thì cũng bị đo lường lại bằng thước ấy. Ngoài ra, Hê-rốt còn ra lệnh chém đầu 70 vị hiền triết nhất, những người thuộc hội đồng được gọi là Si-nê-drion[368] . Ông chỉ để lại một người duy nhất còn sống, nhưng cũng ra lệnh móc mắt người đó. Vào thời điểm đó, tại Giê-ru-sa-lem có hai vị thầy vô cùng thông thái, nổi tiếng và được mọi người yêu mến: Giu-đa, được gọi là A-vi-rê-phê, và Ma-thi-ơ Ga-gu-lô-ê; ông ta ra lệnh thiêu sống họ cùng với một số bạn bè của họ; nhưng trước đó, Hê-rốt đã tàn bạo nổi dậy chống lại chính gia đình mình: hắn đã xử tử anh trai mình là Phê-rô, em gái Sa-lô-mi và chồng của bà, người thuộc dòng dõi Đa-vít; vợ hắn là Ma-ri-am-na – cũng thuộc dòng dõi Đa-vít[369] , con trai do bà sinh ra là An-ti-pa-tra, sau đó là hai người con trai khác là A-ri-s-tu-la và A-lê-xan-đơ, cùng nhiều người khác, hắn đã ra lệnh xử tử họ một cách oan uổng. Cuối cùng, khi đã cận kề cái chết, Hê-rốt đã ra lệnh cho những chiến binh trung thành nhất của mình, liên quan đến những người Do Thái dũng cảm khác – những người vẫn còn rất nhiều đang bị giam cầm dưới xiềng xích của ông – rằng khi ông trút hơi thở cuối cùng, các chiến binh phải lập tức giết hết tất cả những tù nhân này: để người Do Thái đừng vui mừng vì cái chết của ông, mà hãy khóc than khi thấy biết bao người anh hùng của họ bị giết[370] . Như vậy, kẻ ác đã chết một cái chết tàn bạo, kéo theo nhiều người cùng chung số phận. Ông đã xuống địa ngục, cùng với những kẻ đồng lõa của mình. Còn các thánh nhi, những đứa trẻ bị giết vì Chúa Kitô, đã được an nghỉ cùng các Thiên thần trên trời, vì Nước Trời thực sự thuộc về những đứa trẻ như vậy (Lc 18,16) về Chúa Kitô, Chúa chúng ta, Đấng được vinh quang muôn đời. Amen.

Cuộc đời của vị thánh cha Markell của chúng ta, vị tu viện trưởng của “tu viện những người không ngủ”

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 12

Thánh Markell sinh ra tại thành phố Apamea thuộc xứ Syria và xuất thân từ một gia đình Kitô hữu danh giá và giàu có. Mất cha mẹ khi còn trẻ, ngài đã lên thành phố vĩ đại Antioch để theo học các môn học khác nhau, và chẳng bao lâu sau ngài đã thành thạo chúng; từ đó, ngài nung nấu khát vọng tìm kiếm cả sự khôn ngoan nội tâm và thiêng liêng. Vì mục đích đó, Marcellus quyết định lên đường đến Ephesus, nơi mà theo lời ông nghe nói, có rất nhiều bậc hiền nhân hoàn hảo về đức hạnh. Rời khỏi Antioch, trước hết ông đã phân phát toàn bộ gia tài phong phú mà cha mẹ để lại, vốn do ông sở hữu tại Apamea, cho những người nghèo khó; và bằng cách từ bỏ mọi thứ trần tục như vậy, ông sớm đến được Ephesus. Sau khi định cư tại đây cùng một người sùng đạo, ngài bắt đầu tu tập các đức hạnh dưới sự hướng dẫn của một vị tên là Promotus, người đã đạt đến sự hoàn hảo tâm linh cao nhất. Và vị thánh Markell đã thu được lợi ích tâm linh to lớn khi chiêm ngưỡng cuộc đời đạo đức của ngài và của các vị thánh khác tại Ephesus. Như thể đang đan cho mình một vòng hoa từ nhiều loài hoa khác nhau, ngài học hỏi các đức hạnh khác nhau, với trước mắt là những hình mẫu sống thánh thiện khác nhau. Sống trong cảnh nghèo khó tự nguyện, ngài tự tay lao động để kiếm những thứ cần thiết cho thân xác. Biết viết chữ đẹp, ngài dành cả đêm để cầu nguyện, còn ban ngày thì sao chép sách; ngài bán những cuốn sách này với giá hợp lý, dùng một phần tiền cho nhu cầu của

[368] Sanhedrin – tòa án tối cao của người Do Thái, cũng phụ trách các vấn đề nhà nước; nó gồm 70–72 thành viên và họp dưới sự chủ trì của Thượng tế.

[369] Hê-rốt biết rõ những lời tiên tri về sự ra đời của Đấng Mê-si-a từ dòng dõi Đa-vít. Vì vậy, ông đã cố gắng tiêu diệt tất cả con cháu của Đa-vít cùng thời với ông, thậm chí không nương tay cả với những người thân của mình.

[370] May mắn thay, mệnh lệnh này đã không được thi hành.

mình, còn phần còn lại thì phân phát cho người nghèo. Đó là khởi đầu của cuộc đời đạo đức của ngài. Sau đó, khi nghe tin ở Byzantium có một vị tu sĩ tên là Abba Alexander[371] , người vô cùng khôn ngoan và vĩ đại cả về hành động lẫn lời nói, có khả năng dẫn dắt nhiều người đến sự cứu rỗi, Marcellus đã rời Ephesus và vội vã đến gặp ngài. Vào thời điểm đó, Thánh Alexander đang cư ngụ cùng các tu sĩ của mình tại nhà thờ Thánh Mina; sau này, ngài đã xây dựng một tu viện nổi tiếng bên bờ biển, nơi ngài thiết lập một quy chế mới, quy định phải ngợi khen Thiên Chúa ngày đêm bằng việc hát thánh vịnh không ngừng nghỉ: các tu sĩ hát trong nhà thờ, thay phiên nhau theo từng giờ. Khi đến Byzantium, Marcellus làm quen với một tu sĩ của tu viện này tên là Giacobbe, người đã dẫn ông đến gặp Abba Alexander. Vị tu viện trưởng, nhìn thấy ân sủng của Đức Chúa Trời nơi ông, đã ban cho ông áo tu sĩ, và tiên đoán rằng Marcellus và Jacob sẽ được ban cho nhiều ân tứ thiêng liêng. Cụ thể, khi nói về cả hai người, ngài đã nói:

– Andrei là người đầu tiên bước theo chân Chúa Kitô, nhưng Gioan đã vượt qua anh ta.

Ông đặt tên cho Giacôbê là Anrê, còn cho Marcellus là Gioan, vì ông thấy cả hai đều có lòng nhiệt thành như nhau đối với Thiên Chúa; và nếu Giacôbê, giống như Thánh Tông đồ Anrê, là người đầu tiên gánh lấy ách của Chúa Kitô, thì Marcellus, giống như Thánh Tông đồ Gioan, lại vượt trội hơn ông ấy nhờ nhiều ân sủng. Còn Marcella thực sự giống như Thánh Gioan – vị thánh trinh khiết và nhà thần học – nhờ sự trinh khiết vô tì vết và sự khôn ngoan được Thánh Thần soi sáng. Sau khi tu hành đủ lâu tại tu viện này, Markell đã được ban cho ân sủng của sự thấu thị; khi tiên kiến được sự ra đi sắp tới của vị thầy mình, Abba Alexander, cũng như việc sau khi Abba qua đời, chức vụ trụ trì sẽ được đề nghị cho ông, Markell đã bí mật rời khỏi tu viện: vì còn trẻ, ông không muốn cai trị những người lớn tuổi và có thuộc hạ dưới quyền, mà thích tự mình sống dưới sự hướng dẫn của người khác. Ông bắt đầu đi khắp các vùng lân cận, viếng thăm các vị cha tu hành theo nhiều cách khác nhau và từ mỗi vị, ông đều thu được những lợi ích đặc biệt cho bản thân. Trong khi đó, Thánh Alexander đã về với Chúa. Toàn thể cộng đoàn nhất trí mong muốn Markell kế nhiệm vị trí của ngài và đau buồn vì không tìm thấy anh ở đâu cả. Không tìm thấy Markell, họ đã bổ nhiệm một người tên là Gioan, một người già và khôn ngoan, làm người đứng đầu tu viện. Khi biết tin về sự bầu chọn này, Thánh Marcellus lập tức trở về tu viện của mình, và toàn thể cộng đoàn đều vui mừng trước sự trở về của ngài. Abba John rất quý mến ngài, vì ngài đã giúp đỡ ông rất nhiều, như thể là cánh tay phải của ông vậy. Một thời gian sau, Abba Gioan chuyển tu viện đến một nơi khác, hẻo lánh hơn, tại Bithynia[372] , đối diện với thành phố Sosfenia[373] , được gọi là Irineum, có nghĩa là "hòa bình", bởi vì nơi này, cách xa những lời đồn đại và ồn ào của thế gian, thực sự là một nơi ẩn náu bình yên cho các tu sĩ. Tại tu viện mới được di dời, nội quy cũ do Thánh Alexander ban hành vẫn được tuân thủ nghiêm ngặt; nội quy này quy định các tu sĩ phải thay phiên nhau, cả ngày lẫn đêm, ca ngợi Thiên Chúa trong nhà thờ: chính nhờ nội quy này mà tu viện mang tên "Tu viện của những người không ngủ". Toàn bộ việc xây dựng tại địa điểm mới và việc chăm lo cho tu viện đều được giao phó cho Markell, một người trung thành và khéo léo trong mọi công việc. Chẳng bao lâu sau, chính ông cũng phải đảm nhận chức vụ lãnh đạo tu viện, điều mà chính ông đã tiên đoán được bằng đôi mắt sáng suốt của mình, và cũng là điều mà Đức Chúa Trời đã mặc khải cho một số thành viên trong cộng đoàn. Vị Bề trên của một tu viện lân cận – Macedonia (không phải Macedonia, người từng là tín đồ của giáo phái Duchobor, mà là một người khác: người kia thuộc số những kẻ bị ruồng bỏ[374] , còn người này thuộc số các vị thánh nhân), một người có khả năng thấu thị, đã tiên đoán với vị thánh Markell rằng ngài không chỉ trở thành mục tử của đoàn chiên Lời Chúa, mà chính danh hiệu của ngài cũng sẽ được tôn vinh khắp mặt đất nhờ đời sống đạo đức và sự thánh thiện của ngài.

– Rất nhiều người Hy Lạp và người ngoại bang, – ông nói, – nhờ được ngài dạy dỗ, sẽ từ bỏ sự lầm lạc của tổ tiên và quay về với Thiên Chúa, và Thiên Chúa sẽ được tôn vinh qua ngài.

Còn Thánh Markell thì khiêm nhường đến nỗi không ngần ngại tự tay chăn dắt những con lừa trong tu viện, và các tu sĩ chỉ vừa mới thuyết phục được ngài – người xứng đáng trở thành mục tử của đoàn chiên biết nói – ngừng việc chăn dắt những con vật không biết nói.

---

[371] Ngày tưởng niệm ngài là ngày 23 tháng 2. Avva – trong tiếng Do Thái có nghĩa là "cha"; ở phương Đông, người ta thường gọi các vị thầy hướng dẫn đời tu như vậy.

[372] Bithynia – một vùng ở Tiểu Á, nằm bên bờ Biển Đen và Biển Đá Cẩm Thạch, với thành phố chính là Nicomedia.

[373] Sosthenes – một thị trấn nhỏ nằm ở vùng ngoại ô Constantinople.

[374] Kẻ dị giáo Macedonia không công nhận Thánh Thần là Thiên Chúa, mà coi Ngài là một thụ tạo, không có phần trong Thần Tính và vinh quang của Cha và Con. Tà thuyết Macedonia đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ 2 vào năm 381.

Không lâu sau, Abba Gioan về với Chúa, và Thánh Markell được bổ nhiệm làm Bề trên của Tu viện Những Người Không Ngủ. Ngài rất nhân từ với những người nghèo khổ, hàng ngày nuôi dưỡng vô số người đói khát. Và Thiên Chúa đã hỗ trợ cho công việc phục vụ tốt lành của ngài: cũng như xưa kia Ngài đã nhân lên năm chiếc bánh và hai con cá để nuôi sống năm nghìn người (Mt 14:18–21), thì tại tu viện của Marcellus, một lượng thức ăn ít ỏi cũng được nhân lên một cách vô hình và kỳ diệu, đến nỗi không chỉ đủ cho các tu sĩ, mà còn đủ để nuôi sống hàng ngày vô số người nghèo và khách lữ hành, như sẽ được kể chi tiết hơn sau đây.

Đàn chiên tinh thần của Markell ngày càng đông đảo, và số tu sĩ gia nhập tu viện cũng tăng lên từng ngày. Với số lượng lớn các vị tu sĩ đã tụ họp về với Markell vì những đức hạnh của ngài, cần phải có một khuôn viên rộng rãi hơn, một nhà thờ lớn hơn để cầu nguyện, nguồn lương thực dồi dào và các nhu yếu phẩm khác cần thiết cho cuộc sống con người; còn Markell vào thời điểm đó đã tiêu hết mọi thứ để nuôi sống những người ăn xin. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng mà vị thánh nhân đã đặt trọn niềm tin, đã không bỏ rơi các tôi tớ của Ngài và đã cung cấp mọi thứ cần thiết theo cách sau đây.

Có một người đàn ông tên là Pharetrius, sở hữu một gia tài khổng lồ. Yêu mến đời sống đạo đức, ông đã đến gặp vị thánh Markell, mang theo hai người con trai của mình, lúc đó còn là những cậu bé nhỏ tuổi, và bày tỏ mong muốn trở thành tu sĩ. Ông đã hiến dâng toàn bộ tài sản của mình cho tu viện và chẳng bao lâu sau, ông cùng hai người con trai được thụ phong làm tu sĩ. Trên khu đất mà ông hiến tặng, trước tiên người ta đã xây dựng một nhà thờ mới bằng đá, đẹp đẽ và rộng lớn; sau đó, toàn bộ hàng rào tu viện được xây dựng lại, nhiều phòng tu mới được dựng lên, còn những phòng tu cũ nát thì được tu sửa. Ngoài ra, một bệnh viện và một nhà trọ cho khách lữ hành cũng được xây dựng, và tất cả các công trình cần thiết đều được hoàn thành. Thực phẩm, quần áo và các nhu yếu phẩm khác cũng được mua sắm cho tu viện bằng số tiền do Pharetrius cống hiến. Như vậy, Đức Chúa Trời , Đấng Quan Phòng, *luôn* chăm lo cho những người trung thành. *"Hãy tìm kiếm trước hết Nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì mọi điều ấy sẽ được ban cho các ngươi"* (Ma-thi-ơ 6:33). Và danh tiếng về Thánh Marcellus cùng việc ca ngợi không ngừng được thiết lập tại tu viện của ngài đã lan rộng khắp nơi; nhiều người đã noi gương quy tắc này và áp dụng nó trong các tu viện của mình, đồng thời xin ngài làm người hướng dẫn. Và cũng như các dòng sông chảy ra từ Ê-đen[375] , các quy tắc và tập tục của đời sống tu sĩ cùng với việc hát thánh ca không ngừng nghỉ cũng lan tỏa từ tu viện của Thánh Marcello đến tất cả các tu viện nằm rải rác ở các quốc gia và thành phố khác nhau. Trong mọi tu viện, các vị tu viện trưởng đều là các tu sĩ đến từ tu viện của Marcelli, và ở khắp mọi nơi đều tuân giữ nghi thức của tu viện "những người không ngủ", bởi vì Marcelli là người đứng đầu hệ thống tu viện, là đại tu viện trưởng, là người lập pháp và là người quản lý tất cả các tu viện có mặt tại đất nước đó. Và nhiều người trong số người Hy Lạp và người ngoại bang đã quay về với Đức Chúa Trời chân chính nhờ sự hướng dẫn của Markell, theo lời tiên tri của vị tiên tri Macedonia có tầm nhìn xa trông rộng đã được đề cập ở trên. Như vậy, số lượng các Thiên thần trần gian, ngày đêm ngợi khen Đức Chúa Trời, ngày càng gia tăng.

Giờ đây, cần phải kể lại những phép lạ của Thánh Markell.

Có ba vị giám mục bị người man di bắt làm tù binh; sau khi thoát khỏi cảnh tù đày, họ đang trên đường trở về nhà, nhưng vì con đường của họ đi ngang qua tu viện của Thánh Markell, nên họ đã rẽ khỏi đường chính và ghé thăm ngài. Ngài đã tiếp đón và an ủi họ với tình yêu thương; khi họ chuẩn bị lên đường trở về, ngài muốn tặng họ chút gì đó cho chuyến đi, vì họ là những người rất nghèo. Sau khi gọi người quản lý tên là Iuliana, vị thánh hỏi: "Trong kho còn bao nhiêu tiền?"

– Mười đồng bạc[376] , – người quản lý trả lời.

Lúc đó, Thánh Marcellus ra lệnh trao toàn bộ số tiền đó cho ba vị giám mục kia, nhưng người quản lý lại chỉ đưa cho mỗi người một đồng bạc, còn giữ lại số còn lại để dùng cho nhu cầu của tu viện. Nhận ra điều này bằng linh cảm, vị thánh đã gọi người quản lý và ra lệnh cho ông ta nhất định phải trao nốt những đồng bạc còn lại cho các giám mục. Lúc đó, người quản lý đã trao thêm cho mỗi vị hai đồng nữa, và sau khi đã chi tiêu chín đồng như vậy, ông ta vẫn giữ lại đồng thứ mười; và ông làm điều này vì những người ăn xin, những người hàng ngày đến tu viện. Sau đó, một người đạo đức, được Thánh Thần thúc đẩy, đã đến gặp vị thánh và tặng ngài chín mươi tài

[375] Tức là từ Vườn Địa Đàng của những con người đầu tiên. Từ đó chảy ra 4 con sông: Phison, Gihon, Tigris và Euphrates (xem Sáng Thế Ký 2:10–14).

[376] Một đồng bạc (đồng dinar bạc) tương đương với 22 kopeck.

năng[377] vàng để phục vụ nhu cầu của tu viện. Lúc đó, Thánh Marcellus gọi người quản lý Iulian và với sự tức giận, ngài bắt đầu chỉ trích sự keo kiệt của ông ta:

– Này, Đức Chúa Trời đã muốn ban cho chúng ta một trăm tài năng qua tay người sùng đạo này, nhưng vì ngươi đã giữ lại một đồng bạc, không tuân theo mệnh lệnh của ta, nên Đấng Quan Phòng chung của chúng ta, Đấng muốn ban thưởng cho chúng ta gấp trăm lần, đã tước đi mười tài năng của chúng ta.

Người quản lý, cảm thấy xấu hổ, đã quỳ xuống dưới chân ngài, xin tha thứ.

Vị thánh nhân còn được ban ân sủng chữa lành cho những người đau ốm: chỉ bằng một cái chạm tay, ngài đã chữa lành cho tu sĩ Elpidius, người có một khối u đau đớn trong miệng. Ngài cũng đã chữa lành tu sĩ Stephanos, người đang mắc bệnh dạ dày nặng đến mức không phương thuốc nào có thể giúp được và anh ta đã tuyệt vọng về cuộc đời mình: vị thánh đã chữa lành cho anh ta bằng cách chạm vào bụng và cột sống của anh ta. Khi ông quản lý Iulian nói trên lâm bệnh và đã cận kề cái chết, vị thánh đã ban cho ông sự chữa lành kép – cả về tâm hồn lẫn thể xác: trước tiên, ngài dạy anh ta không được vi phạm các mệnh lệnh của vị tu viện trưởng và không được đặt niềm tin vào của cải tạm bợ, mà phải nương tựa vào Đức Chúa Trời, Đấng chăm sóc tất cả mọi người như nhau; và bằng cách đó, sau khi đã cải thiện tâm hồn anh ta, ngài đã chữa lành cả bệnh tật thể xác của anh ta.

Cần phải kể thêm về một sự kiện còn kỳ diệu hơn nữa. Một người Do Thái mắc phải căn bệnh nan y: trên cơ thể anh ta có những vết loét bốc mùi hôi thối. Khi mọi phương pháp y học đều tỏ ra vô ích và người bệnh đã tuyệt vọng về việc chữa khỏi, lúc đó anh ta tìm đến Thánh Markell, vị thầy thuốc nhanh nhẹn và vô tư này, như là niềm hy vọng cuối cùng của mình. Vị thánh nhân hỏi người Do Thái về đức tin, và khi biết được sự vô đạo đức của anh ta, ngài nói rằng anh ta không thể được chữa lành nếu trước tiên không từ bỏ sự vô đạo đức của mình và không chấp nhận đức tin Kitô giáo. Người Do Thái hứa rằng ngay khi được chữa lành, anh ta sẽ lập tức quy về với Chúa Kitô. Cảm động trước lời khẩn cầu của anh ta, vị tu sĩ đã chữa lành cho người bệnh bằng lời cầu nguyện của mình, và người được chữa lành đã ngay lập tức chấp nhận đức tin Kitô giáo. Nhưng chưa đầy bốn ngày trôi qua, người Do Thái lại quay trở lại con đường tội lỗi của mình. Căn bệnh cũ của anh ta cũng quay trở lại: giống như sự chữa lành đã đến sau khi anh ta tin theo, thì căn bệnh cũ cũng quay trở lại sau khi anh ta sa ngã. Bị buộc phải, dù là trái với ý muốn, lại tìm đến vị thánh, anh ta một lần nữa từ bỏ sự vô đạo của mình, gia nhập vào đời sống đạo đức và cầu xin lòng thương xót của vị cha nhân từ. Sau khi được chữa lành lần nữa, chỉ sau vài ngày, anh ta lại "như *con heo quay trở lại lăn lộn trong bùn"* (2 Phi-e-rơ 2:22), và một căn bệnh còn tàn khốc hơn lại ập đến với anh ta.

Vậy kẻ vô đạo đã làm gì? Hắn lại một lần nữa vô liêm sỉ tìm đến vị thánh. Cứ thế, chuyện này lặp lại vài lần. Cuối cùng, vị thánh nhân nói với hắn:

– Hãy biết rằng, hỡi người kia, ngươi không lừa dối ta, mà là lừa dối Đấng Christ, vì không phải ta chữa lành cho ngươi, mà là Đấng Christ, và ngươi không thể che giấu sự gian ác trong lòng mình trước con mắt toàn tri của Ngài, khi miệng thì tôn kính Ngài, nhưng lòng lại xa cách Ngài (Ma-thi-ơ 15:8), – miệng thì xưng nhận sự đạo đức, nhưng trong thực tế lại quay trở lại với sự gian ác trước đây của mình. Hãy quay về với Chúa Kitô bằng cả trái tim, không chút giả dối, và ngươi sẽ được chữa lành ngay lập tức, không chỉ về thể xác mà còn về linh hồn.

Nhưng người Do Thái vô đạo và ngu muội đã trả lời vị thánh rằng:

– Dù tôi phải chịu đựng bất cứ điều gì, tôi cũng sẽ không bao giờ từ bỏ đức tin của tổ tiên.

Nghe những lời ấy, vị thánh lặng lẽ rời khỏi người ấy, còn người Do Thái, vừa đi được một đoạn khỏi tu viện, bỗng ngã xuống và chết hẳn, cả thân xác lẫn linh hồn. Biết được chuyện này, vị thánh cha đã khóc và nói: *"Đừng thử thách Chúa, Thiên Chúa của các ngươi"* (Đnl 6:16).

Nhưng hãy tiếp tục câu chuyện của chúng ta về sự chữa lành của các tín hữu. Có một người tên là Kir, người sau này trở thành một vị tu sĩ vĩ đại và đã mang lại nhiều lợi ích cũng như sự củng cố cho nhiều người; trước khi gia nhập đời sống tu hành, ông sở hữu sức mạnh thể chất phi thường và tài năng võ thuật xuất sắc. Bất ngờ, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, ma quỷ đã tấn công anh ta từ đầu đến chân bằng một căn bệnh mủ, giống như trường hợp của Giốp xưa kia, và không chỉ toàn bộ da thịt mà cả thịt và gân của anh ta đều bị thối rữa, đến nỗi chỉ còn thấy những chiếc xương trần trụi. Nỗi đau khổ của người đàn ông này lớn đến mức không thể nào diễn tả được. Và anh ta không thể được chữa lành bằng bất kỳ phương thuốc nào của loài người, mà chỉ có thể nhờ ân sủng của Thiên Chúa, và chính Thánh Marcellus là người mang ân sủng ấy đến. Khi người bệnh quỳ xuống trước mặt ngài,

[377] Một talant tương đương khoảng 1.500 rúp.

nước mắt lưng tròng, cầu xin được chữa lành, vị thánh liền giơ tay lên trời và theo thông lệ, dâng lên lời cầu nguyện tha thiết cho người bệnh. Sau đó, ngài chạm tay vào những vết loét của người ấy và nói:

– Hỡi người tốt lành! Những đau khổ này không nên làm ngươi gục ngã, và người đang chiến đấu với những kẻ thù vô hình không nên lo lắng về thân xác. Hãy đặt niềm tin, và nếu ngươi chọn Đấng Tối Cao làm nơi nương tựa của mình (Thánh Vịnh 90:9), thì vết loét này sẽ biến mất khỏi đền thờ thân xác của ngươi.

Thánh nhân đã nói như vậy, và căn bệnh lập tức rời khỏi người đàn ông ấy. Các vết loét bắt đầu được da thịt che phủ, điều mà ai cũng có thể thấy – giống như những gì được mô tả trong lời tiên tri của Ê-xê-chi-ên (Ê-xê-chi-ên 38:8), các gân được phục hồi, các khớp xương được củng cố và được da bao phủ: và Kir, vượt xa mọi sự mong đợi, đã nhanh chóng hồi phục. Và nhờ ân sủng mà Đức Chúa Trời ban cho, vị thánh nhân này đã thực hiện những phép chữa lành kỳ diệu không chỉ cho những người mà ngài chạm vào bằng tay, mà ngay cả những người ở xa ngài.

Vợ của một phó tế tên là Evgeni đã đến lúc sinh nở, nhưng bà không thể sinh con – và cả bác sĩ lẫn các bà mụ đều không thể giúp được bà. Mọi người đã tuyệt vọng về sự sống của bà, và bà nằm bất tỉnh. Lúc đó, chồng bà, phó tế Evgeni, quỳ xuống dưới chân vị thánh và trong nước mắt, ông khẩn cầu ngài giúp đỡ. Vị thánh nhân cầu nguyện, rồi ban phước cho miếng bánh và trao cho phó tế, bảo ông nhanh chóng đặt lên ngực người phụ nữ đang đau đớn. Ngay khi việc đó được thực hiện, người vợ đã sinh ra đứa trẻ và thoát khỏi cơn đau đớn.

Khi tỉnh lại, bà bắt đầu hỏi:

– Vị tu sĩ đã giải thoát tôi khỏi đau đớn đang ở đâu? Người đã cứu tôi khỏi cái chết đang ở đâu?

Khi được hỏi vị tu sĩ mà cô đang nhắc đến là ai và trông ông ấy ra sao, người phụ nữ đã miêu tả ngoại hình của vị tu sĩ đã hiện ra với cô, và mọi người đều nhận ra đó chính là vị tu sĩ Markell, người đã hiện ra với cô và cứu cô khỏi cái chết.

Vị cha thánh thiện này đã đạt đến sự hoàn hảo tột bậc trong đời sống tu hành, đến nỗi vì sự trong sạch và thánh thiện của ngài, các Thiên thần đã ở cùng ngài. Vị Bề trên của một tu viện nằm bên sông Euphrates[378] , là Thánh Sergius, sau khi nghe nhiều về vị tu sĩ đáng kính này, đã đến để gặp ngài, và thấy được điều vượt xa những gì người ta đã kể về Thánh Markell. Một lần, khi cả hai cùng đứng cầu nguyện, Sergius thấy rằng mỗi khi vị thánh Markell quỳ gối, hai vị Thiên thần sáng chói lại đỡ ngài từ hai bên và nâng ngài lên khỏi mặt đất; còn khuôn mặt ngài, trong lúc cầu nguyện, trở nên rực rỡ như tia chớp. Thấy cảnh đó, Sergius run rẩy vì sợ hãi, và linh hồn ông suýt nữa đã rời khỏi thân xác vì kinh hoàng.

Và đối với các vị tổ phụ vĩ đại khác, Thiên Chúa cũng ban cho những mặc khải về vị thánh nhân của Ngài là Markell. Ê-li-sê, vị tu viện trưởng của Tu viện Des, mong muốn được gặp vị thánh và tìm hiểu về cuộc đời của ngài; khi ông cầu nguyện với Chúa về điều này, thì Chúa đã hiện ra cho ông trong một thị kiến về Marcello đúng như hình dáng bên ngoài của ngài, và bày tỏ cho ông thấy sự cao cả của các đức tính của ngài. Sau đó, Ê-li-sê đã kể lại điều này cho môn đệ của thánh Marcello – Phê-rô, người tình cờ có mặt tại đó.

Gavdiol, vị tu viện trưởng của tu viện tọa lạc tại thành phố Pompei, bên bờ Biển Euxine[379] , đã được mặc khải rằng Thánh Marcella đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng ngang bằng với vị lập pháp Mô-sê. Gavdiol đã làm chứng về điều này cho Evlasius, đệ tử của Thánh Marcella. Quả thực, vị thánh nhân này sở hữu ân sủng tiên tri, bởi vì bất cứ điều gì ngài tiên đoán cho ai, thì điều đó luôn trở thành sự thật. Một lần nọ, có một vị giám mục rất keo kiệt đến gặp ngài. Vị thánh đã xin mượn hai đồng vàng[380] để phân phát cho người nghèo, nhưng vị giám mục từ chối và không cho, nói rằng chính ông cũng không có. Lúc đó, vị thánh đã tiên tri nói với ông ta:

– Chẳng bao lâu nữa, ngài sẽ không còn cả thân xác của chính mình, mà sẽ được chôn cất trong mộ, còn vàng của ngài sẽ thuộc về các tu sĩ trong tu viện.

Và điều đó đã xảy ra. Chưa đầy hai ngày sau, vị giám mục qua đời, và tài sản của ngài được trao cho tu viện của vị thánh, đúng như lời tiên tri của ngài. Vị thánh đã nhìn thấu những điều xa xôi như thể chúng đang ở ngay trước mắt. Một lần nọ, các đệ tử của ngài đang đi thuyền trên Biển Euxine để lo một việc cần thiết cho tu viện. Một cơn bão lớn ập đến, biển động dữ dội và họ đã gần như tuyệt vọng về mạng sống của mình; đúng lúc đó, vị thánh

---

[378] Một con sông lớn đổ ra Vịnh Ba Tư, nguồn gốc của nó nằm ở dãy núi Armenia.

[379] Hiện nay là Biển Đen. Trước đây, nó được gọi là Biển Aksin, tức là "Không may mắn", do những cơn bão; khi bờ biển của nó dần dần được người Hy Lạp định cư, họ đã đặt tên cho nó là Biển Euxin, tức là "hiếu khách".

[380] Zlatnik (đồng dinar vàng) tương đương với 25 đồng bạc, tức là khoảng 5 rúp 60 kopeck.

hiện ra trước mặt họ và cứu họ, đưa họ về bến cảng an toàn. Khi họ đang ở thành phố Ancyra[381] , một trong số họ, tên là Phaolô, bỗng lâm bệnh nặng, và các tu sĩ đi cùng đã định bỏ lại anh ta ở đó. Lúc đó, người bệnh thở dài từ tận đáy lòng, rồi khóc lóc thốt lên:

– Thưa Cha Marcellus, những lời cầu nguyện của ngài đâu rồi? Ngài đã phó thác con cho Thiên Chúa, vậy mà giờ đây con đang lâm vào cảnh nguy kịch, và điều đau lòng nhất là con đang lâm vào cảnh nguy kịch ngoài đàn chiên của ngài và xa cách các anh em của con!

Người bệnh đã nói như vậy trong nước mắt tại thành Ancyra, và vị thánh nhân trong tu viện nghe thấy tiếng khóc và lời than thở của anh ta, liền nói với đệ tử của mình là Cêsarion rằng một trong những anh em được cử đi làm nhiệm vụ đang lâm vào cảnh đau khổ và bệnh tật. Ngài đứng dậy và cầu nguyện cho anh ta, và Phaolô lập tức khỏi bệnh. Cesarius đã ghi nhớ thời điểm đó, và khi các anh em trở về, hóa ra Phaolô đã khỏi bệnh tại Ankyra chính vào giờ phút mà vị thánh phụ, sau khi tiên tri thấy bệnh tình của anh, đã cầu nguyện cho anh.

Một lần nọ, Đức Chúa Trời giáng xuống đất một trận đói lớn. Người quản lý kho lúa của tu viện, tên là Malch, đến gặp vị thánh và báo tin rằng lúa đã sắp cạn kiệt và bánh mì chỉ đủ dùng trong mười ngày nữa.

– Hãy đi đi, – vị thánh đáp lại, – và hãy làm tròn bổn phận của mình, đừng lo lắng gì cả.

Nghĩ rằng vị tu sĩ trưởng hy vọng rằng bánh mì sẽ được vận chuyển từ đâu đó xa xôi đến với số lượng dồi dào, Malch, theo thông lệ, tiếp tục phân phát bánh mì từ kho lúa không chỉ để đáp ứng nhu cầu của các tu sĩ mà còn cho những người nghèo khó. Năm ngày trôi qua, trong kho lúa chỉ còn lại rất ít bánh mì, và Malch lại đến gặp vị tu sĩ, báo tin rằng lúa mì đã cạn kiệt. Nhưng vị tu sĩ, cũng như lần đầu tiên, lại bảo anh ta quay về làm việc của mình, ra lệnh cho anh ta đừng lo lắng về chuyện đó. Hai ngày sau, trong kho lúa không còn gì cả, và Malch bối rối quay lại gặp vị tu sĩ. Vị tu sĩ đứng dậy, đi đến kho lúa và ra lệnh cho Malch mở khóa.

Malch thì thề thốt rằng không còn một hạt lúa nào cả và không cần phải mở khóa, nhưng cuối cùng vẫn mở ra. Và khi đó, anh ta thấy kho lúa đầy ắp đủ loại lúa, và kinh hoàng; còn vị tu sĩ thì quở trách anh ta vì sự thiếu lòng tin. Và kể từ đó, kho lúa không bao giờ cạn kiệt cho đến khi nạn đói qua đi: bao nhiêu người quản lý kho tiêu thụ trong một ngày, thì ngày hôm sau kho lại đầy ắp như vậy. Và như thế, vị thánh nhân đã nuôi sống không chỉ các tu sĩ trong thời kỳ đói kém, mà còn cả vô số người ăn xin và người nghèo khổ, những người lữ hành và những người lạ mặt. Tất cả những việc làm kỳ diệu của Chúa, được thực hiện qua vị thánh nhân Markell của Ngài, đều thật đáng kinh ngạc, nhưng sau đó còn xảy ra những sự kiện kỳ diệu hơn nữa.

Có một người tên là Phaolô – không phải người đã được nhắc đến ở trên, mà là một người khác, một tu sĩ thuộc một tu viện khác – đang mắc bệnh nặng, đã sai người đến thánh nhân với lời khẩn cầu xin ngài đến thăm mình. Khi đến tu viện của Markell, người được cử đi đã thấy ngài đang trò chuyện về các giáo lý của Giáo hội với Giám mục Chalcedon[382] , và vị thánh không thể đến thăm người bệnh trước khi ngài kết thúc cuộc trò chuyện với Giám mục về các vấn đề của Giáo hội. Trong lúc đó, người bệnh đã qua đời, và khi vị thánh đến, tất cả các nghi thức cho người quá cố đã được hoàn tất, và thi thể đang được đưa ra ngoài để an táng. Với đức tin vững vàng, vị thánh cha ngước mắt thể xác và tâm linh lên trời, thành tâm cầu nguyện với Chúa trong thâm tâm, như ngài vẫn thường làm, rồi đặt tay lên người đã qua đời. Một số người có mặt tại đó thầm chế giễu, nói rằng:

– Sao vị tu sĩ già này lại không tin người anh em đang nằm đó đã chết mà còn dùng tay sờ thử?

Khi họ đang nghĩ như vậy, và vị thánh đang chạm vào người đã qua đời bằng tay mình, thì người đó bỗng nhiên sống lại, đứng dậy, ngồi trên giường và bắt đầu nói. Mọi người đều kinh hoàng và run rẩy trước phép lạ đáng sợ này, còn vị thánh thì cấm những người có mặt nói về chuyện này; nhưng sự vĩ đại của Thiên Chúa và những ân sủng cao cả của Ngài nơi vị thánh không thể giấu diếm được.

Chúng ta cũng cần nói thêm về sức mạnh và quyền năng mà vị thánh Markell có đối với các quỷ dữ. Giống như bụi bị cơn gió lớn thổi bay, các quỷ dữ bị trục xuất khỏi con người nhờ những lời cầu nguyện của ngài. Một lần nọ, bốn người bị quỷ ám, đang bị các quỷ dữ hành hạ dã man, được dẫn đến trước mặt ngài và họ kêu lên với vị thánh:

– Hãy ra lệnh cho chúng tôi ra khỏi đây, vì ngài có quyền năng trên chúng tôi!

Nhưng vị thánh im lặng, thậm chí không thèm nhìn họ, mà chỉ thầm cầu nguyện với Chúa:

– Lạy Chúa, xin thương xót tạo vật của Ngài!

---

[381] Ankira, ngày nay là Angora, là một thành phố cổ thuộc vùng Galatia ở Tiểu Á.

[382] Chalkidon – một thành phố ở Tiểu Á, nằm bên bờ Biển Đá Cẩm Thạch, nổi tiếng là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ IV.

Ngài hiểu rõ sự xảo trá của các quỷ, những kẻ muốn lôi kéo ngài vào sự kiêu ngạo bằng những lời nói xảo quyệt của chúng. Và trong khi vị thánh vẫn im lặng, các quỷ đã ra khỏi người, bị khuất phục bởi sự khiêm nhường của ngài.

Nhưng ai có thể kể chi tiết về những phép lạ của vị thánh cha đáng kính của chúng ta? Ai có thể đo lường được ân sủng của Thiên Chúa ngự trên ngài? Ai có thể diễn tả bằng lời đức tin vĩ đại của ngài, nhờ đó ngài có thể thực hiện những việc như vậy? Sẽ không đủ thời gian để kể hết mọi chuyện. Đây là một trong vô số phép lạ của ngài, đủ để mang lại lợi ích cho chúng ta và để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài. Một lần nọ, tại Byzantium xảy ra một trận hỏa hoạn lớn, và cả thành phố chìm trong biển lửa, bị Thiên Chúa trừng phạt vì tội lỗi của cư dân nơi đây. Không có cách nào dập tắt được sức mạnh không thể kiềm chế của ngọn lửa, đang thiêu rụi mọi thứ bằng cơn lốc dữ dội và biến tất cả thành tro tàn. Đã không còn hy vọng rằng dù chỉ một ngôi nhà nào đó còn sót lại sau trận hỏa hoạn, vì cả thành phố đã bị ngọn lửa bao trùm tứ phía. Khi biết tin này, Thánh Markell đã quỳ xuống cầu nguyện, giơ hai tay lên trời và nước mắt tuôn trào. Và ngay lập tức, ngọn lửa dừng lại và không lan rộng thêm nữa, một nửa thành phố đã được cứu thoát, bởi vì toàn bộ sức mạnh của ngọn lửa bỗng chốc tắt lịm, như thể được dập tắt bởi một cơn mưa lớn, chính là những giọt nước mắt của vị thánh.

Sau đó, còn xảy ra chuyện này nữa. Một quan đại thần tên là Ardavuri, con trai của Aspar, tính tình tàn nhẫn và theo đạo Arian, đã nổi giận với một thuộc hạ của mình tên là Ioann và muốn giết anh ta. Không có nơi nào để trốn, Ioann đã chạy đến tu viện của Thánh Markell. Ardavuri biết được chuyện này và sai nô lệ đến bắt anh ta khỏi đó, nhưng vị tu sĩ không giao nộp anh ta. Vị quan lại một lần nữa sai nô lệ đến gặp Markell với lời yêu cầu, đồng thời kèm theo lời đe dọa phải giao nộp Ioann ngay lập tức, nhưng vị tu sĩ cũng để họ ra về tay trắng. Lúc đó, Ardavur, trong cơn thịnh nộ, đã cử những chiến binh vũ trang đến để dùng vũ lực lôi John ra khỏi tu viện và chém chết những ai dám chống cự. Và khi các chiến binh với vũ khí trần trụi bao vây tu viện và định chiếm lấy hàng rào, các tu sĩ đã đến gặp vị thánh và khóc lóc van nài ngài giao John cho quân lính, để họ không phải chết oan uổng vì anh ta. Nhưng vị thánh nhân không nghe theo các tu sĩ (vì ngài rất nhân từ và không muốn giao nộp một người vô tội cho cái chết), và ngài đã cầu khẩn đến vũ khí thiêng liêng, đến sức mạnh của Thánh Giá, tự bảo vệ mình bằng Thánh Giá đó, rồi chính ngài bước ra đón các binh lính. Và ngay lập tức, một nỗi sợ hãi tột độ ập xuống tất cả các binh lính: họ nhìn thấy Thánh Giá tỏa sáng như mặt trời, xung quanh là ngọn lửa dữ dội, sấm sét và tiếng sét. Họ vứt bỏ vũ khí, hoảng sợ chạy về phía người đã sai họ đến. Nghe tin này, Ardavur cũng kinh hoàng, nhưng sau khi kìm nén cơn giận, ông đã tha thứ cho Ioann.

Vì ở đây đã đề cập đến Ardavuri và cha ông là Aspar, nên cũng không thừa khi kể thêm về cái chết của họ, điều mà vị thánh đã được mặc khải. Aspar, xuất thân từ bộ tộc Goth[383] , là người có địa vị và quyền lực chỉ đứng sau nhà vua, và ông chỉ huy toàn bộ quân đội Hy Lạp. Ông có hai người con trai: người anh cả là Ardavuri và người em út là Patricius. Ông đã cố gắng chống đối nhà vua ở nhiều mặt và cùng cả gia tộc của mình âm thầm thù địch với dòng dõi hoàng gia; Aspar đã gây ra nhiều điều ác cho Giáo hội của Chúa Kitô khi giúp đỡ những người theo phái Arian. Còn vị vua đạo đức và yêu mến Chúa Kitô là Lêô[384] , được gọi là Đại Đế, thì hiền lành và kính sợ Thiên Chúa, nên đã nhẫn nại chịu đựng điều này trong một thời gian, một phần vì lòng nhân từ, một phần vì toàn bộ sức mạnh của quân đội Hy Lạp – trong đó lúc bấy giờ có rất nhiều người theo phái Arian – đều trung thành với gia tộc Aspar và tuân lệnh ông: nhà Aspar bất hạnh này đã định mệnh phải diệt vong không lâu sau đó. Thánh Markell đã có một giấc mơ về ông như sau: một con sư tử đang chiến đấu với một con rắn khổng lồ, con rắn này dùng đuôi đánh và áp đảo con sư tử. Con sư tử đang bị đánh bại than khóc và vô vọng đi vòng quanh con rắn, không thể gây ra bất kỳ tổn thương nào cho nó. Sau đó, cả hai – con sư tử và con rắn – đều nằm nghỉ ngơi, kiệt sức vì cuộc chiến. Một lúc sau, con sư tử đã hồi phục sức lực, rồi đột ngột, như vừa thức giấc, lao vào con rắn với cơn thịnh nộ dữ dội và đánh bại nó, quật nó xuống đất. Thấy điều này trong giấc mơ, Abba Markell đã tiên đoán rằng Aspar sẽ bị vua giết cùng cả gia đình, vì con sư tử trong giấc mơ tượng trưng cho Vua Sư Tử, còn con rắn khổng lồ tượng trưng cho Aspar, người thực sự là con rắn đang làm tổn thương Chính Thống Giáo và gây hại cho nó bằng sự tà ác Arian của mình. Không lâu sau, thị kiến và lời tiên tri của vị thánh đã trở thành hiện thực. Vua Lêô, một vị vua đạo đức, đã

[383] Người Goth hoặc người Gô-tích – là một bộ tộc German, ban đầu sinh sống ở phía đông nam Biển Baltic. Sau đó, họ chia thành hai nhánh đông và tây, và định cư gần như khắp châu Âu. Người Gô-tích đã chấp nhận đức tin vào Chúa Kitô, nhưng dưới hình thức bị bóp méo – từ phái Arian.

[384] Ông trị vì từ năm 457 đến năm 474.

dùng lòng nhân từ và sự nhân ái của mình để hòa giải với Aspar và các con trai của ông ta, biến họ từ kẻ thù thành bạn bè, đồng thời cố gắng dẫn dắt họ đến với đức tin. Vì vậy, ngài đã hứa gả con gái mình là Ariadne cho Patricius, con trai út của Aspar, người mà ngài dự định để lại làm vua kế vị, vì ngài không có con trai và có ý định đưa con rể lên ngai vàng. Nhưng lúc bấy giờ, trong dân chúng sùng đạo đã nổi lên tiếng phàn nàn: mọi người đều lo sợ rằng Giáo hội của Chúa Kitô sẽ bị sỉ nhục đến cùng bởi những lời vu khống và sự thù hận của những người Arian, vì con rể của nhà vua là một người Arian. Tất cả các tín hữu Chính thống giáo, sau khi tập hợp cùng các giám mục và linh mục, và mang theo vị thánh lão Markell, đã đến gặp vua tại trường đua ngựa[385] và khuyên ông đừng đưa một kẻ dị giáo lên ngai vàng, mà phải buộc con rể của vua hoặc từ bỏ tà thuyết Arian, hoặc nếu nhất quyết muốn bám giữ tà thuyết đó, thì không được nhận tước vị hoàng gia.

Để trấn an dân chúng, vua Lê-ô đã hứa hẹn bằng mọi cách sẽ đưa con rể trở lại với đạo chính thống. Và mặc dù con rể, dù chỉ vì sự giả dối, đã gia nhập đức tin chân chính, nhưng tiếng phàn nàn trong dân chúng vẫn không ngừng. Vào thời điểm đó, mưu mô và lòng độc ác của Aspar đã bị phơi bày – người ta phát hiện ra rằng hắn không chỉ thèm khát vương miện, mà còn cùng với các con trai của mình tìm cách lật đổ nhà vua và có ý định giết ông. Lúc bấy giờ, toàn thể dân chúng đã nổi dậy chống lại gia tộc Aspar, không thể chịu đựng được sự xảo trá của hắn, và bằng mọi cách tìm cách tiêu diệt hắn; nhưng Aspar, vì sợ hãi, đã cùng các con trai chạy trốn đến Chalcedon và ẩn náu trong nhà thờ của Thánh nữ Euphemia, trong khi đó, rất nhiều binh lính đứng xung quanh nhà thờ để bảo vệ an toàn cho hắn. Nhưng sau những lời hòa giải của nhà vua, ông ta đã ra khỏi đó và trở lại Tsargrad. Ngay sau đó, chính Aspar và con trai ông ta là Ardavur đã bị Zinon giết theo lệnh của nhà vua; còn con rể của nhà vua, Patricius, bị lưu đày, còn công chúa Ariadne, người đã đính hôn với ông, được gả cho Zinon, người sau này, sau khi vua Leo qua đời, đã tiếp quản vương quốc Hy Lạp[386] . Như vậy, dòng họ Aspar vô đạo đã bị diệt vong, bị Leo đánh bại – đúng như lời tiên tri của vị thánh.

Nhưng hãy quay trở lại với Thánh Markell. Khi dân chúng cùng các vị thánh, các linh mục, cũng như Thánh Markell đang tiến về phía vua Lêô tại trường đua ngựa, thì nhiều tín hữu đã được chứng kiến cảnh Thiên Thần của Chúa, dưới hình dạng một thiếu niên xinh đẹp, mặc áo trắng và thắt lưng bằng vàng, đi bên cạnh Thánh Markell và dìu tay ngài; họ đã chứng kiến điều này suốt quãng đường ngài đi cùng dân chúng và khi ngài trở về, cho đến tận cửa nhà ngài. Khi đưa ngài đến cửa nhà, Thiên Thần bỗng biến mất. Từ đó, rõ ràng là vị cha thánh hạnh phúc của chúng ta, thánh Marcellus, được Thiên Chúa yêu thương biết bao, vì Ngài đã sai các Thiên Thần của Ngài đến phục vụ thánh Marcellus, để dẫn dắt và bảo vệ ngài trên đường đi. Và những lời trong Kinh Thánh đã ứng nghiệm trên ngài: *"Ngài sẽ truyền lệnh cho các Thiên thần của Ngài về ngươi – để bảo vệ ngươi trên mọi nẻo đường của ngươi"* (Thánh Vịnh 90:11).

Sau sáu mươi năm sống trong đời tu hành, Thánh Markell cuối cùng cũng đã đến gần giờ lâm chung hạnh phúc của mình. Ngài sánh ngang với các vị tiên tri về sự sáng suốt, với các vị tổ phụ về đức tin và niềm tin tưởng vững chắc vào Đức Chúa Trời, với các vị tử đạo về việc hằng ngày chế ngự xác thịt; ngài giống như tiên tri Môi-se về việc chiêm ngưỡng Đức Chúa Trời, ngang hàng với ngài về ân sủng, sự hiền lành -Đa-vít, về lòng nhiệt thành trong đức tin – với Thánh Phê-rô, về sự trinh khiết và thần học – với Thánh Gio-an, còn về ân sủng chữa lành – với tất cả các Tông đồ, vì ngài là nguồn chữa lành và dòng sông ân huệ kỳ diệu cho mọi người. Khi vị thánh nhân nằm trên giường bệnh, vô số tu sĩ đã vây quanh ngài trong nước mắt. Trong số họ có một người tên là Lucian, xuất thân từ gia đình quý tộc, đã khinh bỏ mọi điều trần tục, bước vào con đường tu hành và thành công hơn ai hết trong đời sống đạo đức; khóc lóc thảm thiết hơn ai hết, anh ta khẩn cầu vị thánh đừng bỏ mặc anh ta mà không có sự dẫn dắt của ngài, như một con thuyền không có người lái, phải lênh đênh trong biển đời trần thế này, giữa những con sóng cám dỗ, mà hãy đưa anh ta theo cùng ngài. Nhìn anh ta, vị thánh nói:

– Hãy can đảm lên, con ơi, vì chẳng bao lâu sau khi ta ra đi, con cũng sẽ theo chân ta.

Các vị tu viện trưởng và các tu sĩ từ các tu viện lân cận đã tụ họp lại, còn từ kinh thành, các vị thánh và các quan đại thần cũng đến thăm người đang lâm bệnh và trao cho ngài nụ hôn vĩnh biệt. Còn vị thánh nhân thì ban cho mỗi người những lời dạy dỗ thích hợp và trò chuyện nhiều với họ về lợi ích của linh hồn và về cuộc sống vĩnh cửu. Sau đó, ngài bảo họ tạm thời lui ra khỏi phòng, như thể muốn cho thấy rằng ngài muốn chợp mắt một chút. Khi mọi người đã ra khỏi phòng, ngài chìm vào giấc ngủ an lành và vĩnh hằng, phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào

[385] Đấu trường ngựa – nơi diễn ra các cuộc thi đua ngựa; nơi này cũng được sử dụng cho tất cả các cuộc tụ họp đông người.
[386] Zinon trị vì từ năm 474 đến năm 476.

tay Thiên Chúa[387] . Ngài được an táng trong nhà thờ do chính ngài xây dựng. Thánh Lukian không ngừng khóc bên quan tài của ngài, và đến ngày thứ năm, vị thánh hiện ra với ngài trong một giấc mơ và nói:

– Sao con lại buồn bã? Chẳng lẽ con không tin rằng ta đã cầu xin Chúa cho con, và con sẽ sớm được ở bên ta sao?

Vào ngày thứ ba sau giấc mơ ấy, Lucian đã an nghỉ trong Chúa, sống lâu hơn cha và người thầy của mình tám ngày. Như vậy, ngay cả sau khi qua đời, vị thánh Markell đã thực hiện lời tiên tri của mình, nhanh chóng đón người môn đệ yêu quý Lucian về bên mình, đúng như lời hứa, và được đứng cùng các thánh, những người mà ngài đã sánh ngang nhờ đời sống đạo đức, Đấng Thánh nhất trong các thánh, Chúa của ngài, trong niềm vui và sự hân hoan vĩnh cửu; xin cho chúng ta cũng được hưởng ân sủng ấy nhờ lời cầu nguyện của ngài, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của các vị thánh Marko Pešernik và Teofil Plachlivy.

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 12

Sự kiện minh chứng rõ nhất về thời kỳ mà vị thánh phúc Mark tu hành chính là việc các di cốt thiêng liêng của vị cha thánh của chúng ta, Thánh Theodosius, đã được chuyển từ hang động đến nhà thờ thánh vĩ đại dưới sự chứng kiến của ngài. Sau khi nhận lấy hình ảnh Thánh Thiên Thần, vị thánh phúc Mark đã định cư trong hang động và sống ở đó, dành thời gian đào bằng chính đôi tay mình nhiều căn phòng, không chỉ để thực hành việc cầu nguyện[388] , mà còn để an táng các anh em đã qua đời, đồng thời mang đất đào được ra ngoài trên vai mình. Ngài không ngừng lao động trong công việc thánh thiện này, mong chờ phần thưởng vĩ đại trên trời, nhưng không muốn nhận phần thưởng đó trên đất; bởi vì mỗi khi có ai ép ngài nhận bất kỳ vật gì để đền đáp công lao của mình, ngài liền trao ngay những gì nhận được cho người nghèo. Ngoài ra, vị thánh còn thắt một chiếc thắt lưng sắt, mà ngài đeo suốt cả cuộc đời, ngày đêm dành trọn cho việc cầu nguyện. Cùng với việc cầu nguyện không ngừng, vị thánh Mark còn kết hợp với việc ăn chay nghiêm ngặt; bởi chính Chúa cũng đã kết hợp việc ăn chay với cầu nguyện[389] ; vì vậy, vị thánh thậm chí còn uống nước một cách tiết độ từ một cây thánh giá bằng đồng rỗng bên trong, đo lường lượng nước bằng thước đo công chính này. Như vậy , ngài đã chiến thắng hoàn toàn kẻ thù nguyên thủy của loài người, "kẻ thèm khát linh hồn"[390] , đã làm chết đi xác thịt của mình, không chỉ bằng sự giam cầm, mà còn bằng lao động và xiềng xích, bằng việc kiêng ngủ và nhịn đói, không chỉ bằng sự im lặng trong hang động tối tăm, mà còn bằng việc đào đất, đeo thắt lưng sắt, thức trắng đêm và ăn chay. Khi hiện thân dưới hình dạng Thiên thần, vị thánh đã thực sự tỏ ra như thể không có thân xác, đến nỗi ngài không sợ cái chết, mà chính cái chết lại sợ tiếng nói của ngài, như tiếng kèn của Tổng lãnh thiên thần, bởi vì vị cha đáng kính của chúng ta là Thánh Mark đã nhận được từ Chúa một sức mạnh làm phép lạ đến nỗi ngay cả người chết cũng tuân theo mệnh lệnh của ngài, như đã được chứng thực qua vô số phép lạ. Một lần nọ, khi ngài đang đào mộ theo thông lệ, ngài đã kiệt sức sau một thời gian dài lao động và để lại ngôi mộ chật hẹp, chưa được mở rộng đủ. Đúng lúc đó, một tu sĩ đã ốm trước đó qua đời, và không có nơi nào khác để an táng ông ngoài ngôi mộ mà Thánh Mark đã đào. Người quá cố được mang vào hang động và họ phải rất vất vả mới có thể đặt thi thể vào ngôi mộ chật hẹp đó. Lúc đó, các tu sĩ bắt đầu phàn nàn với Mark rằng vì ngôi mộ quá chật nên họ không thể an táng người quá cố đúng cách và rưới dầu thánh lên thi thể. Người sống trong hang động liền khiêm nhường cúi đầu chào họ và nói:

– Xin các cha tha thứ cho con, vì sự yếu đuối của con nên con chưa đào xong ngôi mộ.

Nhưng họ vẫn tiếp tục trách móc và quở trách ông ngày càng gay gắt hơn. Lúc đó, vị thánh nhân nói với người đã khuất:

– Anh em ơi, vì nơi đây chật hẹp, vậy anh hãy tự dịch chuyển người đi, rồi nhận dầu thánh và tự rưới lên mình đi.

---

[387] Thánh Markell qua đời vào khoảng năm 486.

[388] Các tu sĩ của Tu viện Pechersk có tập tục lui vào các hang động để cầu nguyện trong sự tĩnh lặng. Để làm điều này, họ đã đục các hốc trên vách đá trong các hang động, những hốc này vẫn còn có thể nhìn thấy trong các hang động cho đến ngày nay.

[389] Như có thể thấy từ lời của Chúa Giê-su Ki-tô về việc trừ quỷ: *"Loại quỷ này chỉ bị trừ bằng cầu nguyện và ăn chay"* (Mt 17:21).

[390] Tức là những ai luôn theo đuổi những điều trái ngược với Thánh Linh (Ga-la-ti 5:17).

Người chết lập tức giơ tay lên, ngồi dậy một chút, nhận dầu thánh, xức dầu theo hình thánh giá lên mặt và ngực mình, rồi trả lại bình dầu, còn bản thân thì trước sự chứng kiến của mọi người, nằm xuống, ổn định lại tư thế và an nghỉ.

Khi chứng kiến phép lạ kỳ diệu đến vậy, tất cả đều chìm trong nỗi sợ hãi và kinh ngạc tột độ.

Một lần khác, có một anh em qua đời sau một thời gian dài ốm đau. Một người bạn của anh ta đã lau người cho anh theo phong tục, rồi đi vào hang động, mong muốn được xem nơi thi thể người bạn thân yêu của mình sẽ được an táng, và hỏi về điều này với vị ẩn sĩ thánh thiện Mark.

Vị thánh sống ẩn dật đã trả lời anh ta:

– Hãy đi nói với anh em ấy rằng hãy đợi đến sáng ngày mai, cho đến khi tôi đào xong ngôi mộ cho anh ấy, rồi anh ấy sẽ được an nghỉ trong cuộc sống vĩnh cửu.

– Thưa Cha, – người anh em đáp lại vị ẩn sĩ, – con đã lau chùi thi thể người ấy bằng miếng bọt biển rồi; vậy cha bảo con nói điều này với ai đây?

– Con thấy đấy, nơi an táng vẫn chưa sẵn sàng, – Mark lại nói với anh ta, – và ta bảo con: hãy đi, nói với người đã qua đời rằng: Mark tội lỗi này nói với anh như thế này: anh em ơi, hãy ở lại đây thêm một ngày nữa, cho đến khi tôi chuẩn bị xong ngôi mộ cho anh, rồi tôi sẽ báo cho anh biết, và ngày mai anh sẽ được về với Đấng Kitô mà anh hằng mong đợi.

Người anh em vâng lời và, khi đến tu viện, thấy toàn thể các tu sĩ đang cử hành nghi thức cầu nguyện thường lệ cho người đã khuất. Lúc đó, anh ta nói với người đã khuất:

– Anh em ơi! Mark nói rằng ngôi mộ vẫn chưa sẵn sàng cho anh; vì vậy, hãy ở lại đây đến ngày mai.

Vừa dứt lời, khiến mọi người đều kinh ngạc, người chết liền mở mắt ra ngay lập tức, và linh hồn anh ta trở về với thân xác. Anh ta sống sót suốt ngày hôm đó và cả đêm tiếp theo, không nói một lời nào với ai, chỉ mở to đôi mắt nhìn xung quanh. Sáng hôm sau, vị tu sĩ ấy lại đến hang động để xem nơi an táng đã sẵn sàng chưa. Thánh Mark nói với anh ta:

– Hãy đi, nói với người đã sống lại rằng: Thánh Mác-cô bảo ngươi: hãy từ bỏ cuộc sống tạm bợ này và bước vào cuộc sống vĩnh cửu; hãy dâng linh hồn ngươi cho Thiên Chúa, còn thân xác ngươi hãy để lại đây trong hang động cùng với các thánh tổ phụ. Vì ngôi mộ dành cho ngươi đã sẵn sàng rồi.

Vị tu sĩ trở về và truyền lại tất cả những điều này cho người đã sống lại; người ấy lập tức nhắm mắt lại, phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa, và được an táng một cách trang trọng trong hang động, tại ngôi mộ đã được chuẩn bị sẵn. Và tất cả đều kinh ngạc trước phép lạ vinh quang này, khi người chết sống lại nhờ lời của vị thánh và lại qua đời theo chính lời của ngài, và họ đã nhiệt thành tôn vinh Thiên Chúa.

Một lần khác, chuyện sau đây đã xảy ra. Tại chính Tu viện Pechersk ấy có hai anh em là Gioan và Thêôphil, những người dành cho nhau tình yêu thương chân thành nhất; từ thuở thiếu thời, họ đã đồng lòng trong mọi việc và cùng nhau tận tụy phụng sự Thiên Chúa. Họ đã thỉnh cầu vị thánh Mark đào một ngôi mộ chung để an táng cả hai, khi Chúa truyền cho họ qua đời. Sau một thời gian dài, anh cả Theophilus đi đâu đó để lo việc của tu viện, còn em út John, sau khi được Chúa chấp nhận, đã lâm bệnh, qua đời và được an táng trong hang động tại nơi đã được chuẩn bị sẵn. Vài ngày sau, Theophilus trở về và khi biết tin em trai qua đời, ông vô cùng đau buồn. Ông dẫn theo một số anh em trong tu viện đến hang động, mong muốn xem người quá cố được an táng ở vị trí nào. Khi thấy em trai mình được an táng ở vị trí cao nhất trong ngôi mộ chung của họ, Theophilus nổi giận và bắt đầu phàn nàn gay gắt với Mark, nói rằng:

– Tại sao ngươi lại an táng anh trai ta vào chỗ của ta, vì ta lớn tuổi hơn anh ấy mà!

Người sống trong hang động khiêm nhường ấy cúi đầu chào anh ta và nói:

– Xin tha thứ cho tôi, anh ơi, tôi đã phạm tội.

Sau đó, ông quay sang người đã khuất và nói:

– Anh ơi, hãy đứng dậy và nhường chỗ này cho anh trai lớn hơn của anh, còn anh thì hãy nằm xuống chỗ dưới.

Và ngay lập tức, theo lời của vị thánh, người đã khuất đứng dậy và nằm xuống chỗ dưới. Tất cả những người đi cùng với Theophilus đều chứng kiến phép lạ này và cảm thấy vô cùng sợ hãi và kinh hoàng. Còn người anh em đã phàn nàn với Thánh Mark thì quỳ xuống dưới chân ngài, xin tha thứ: "Con đã phạm tội, thưa cha, khi ép anh trai phải rời khỏi chỗ của mình," anh ta nói, "con xin ngài: hãy bảo anh ấy nằm lại chỗ cũ."

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Chính Chúa đã sắp đặt để thi thể người đã khuất này cho thấy tình yêu mà anh ấy vẫn dành cho anh ngay cả sau khi chết, bằng cách tuân theo sự ưu tiên của anh và rời khỏi phần trên của ngôi mộ chung đã được chuẩn bị cho cả hai người. Chúa đã sắp đặt như vậy để chấm dứt mối thù hận nảy sinh giữa chúng ta vì sự phàn nàn của anh, và để anh không còn oán hận hay thù địch với tôi. Còn việc làm sống lại người chết là việc của Chúa; còn tôi là kẻ tội lỗi, nên không thể bảo người đã khuất này: "Hãy đứng dậy và nằm lại chỗ trên kia." Hãy ra lệnh cho anh ta: liệu anh ta có nghe lời ngươi không? Ngươi cũng hãy biết rằng lẽ ra ngươi đã không được ra khỏi hang động nữa, để ngay lập tức kế thừa địa vị trưởng lão của mình và được an táng tại đây ngay lúc này. Nhưng vì ngươi vẫn chưa sẵn sàng để ra đi, nên hãy đi, lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn ngươi, và sau vài ngày, ngươi sẽ được đưa về đây.

Nghe vậy, Theophilus vô cùng đau khổ, nghĩ rằng mình sẽ ngã quỵ và chết ngay tại chỗ, thậm chí không còn hy vọng đi được đến tu viện. Sau khi cố gắng trấn tĩnh lại, ông trở về phòng của mình và khóc lóc thảm thiết. Ông đã phân phát hết đồ đạc của mình, chỉ giữ lại cho mình một chiếc áo sơ mi và một chiếc áo choàng. Mỗi ngày, ông đều chờ đợi giờ lâm chung, và không ai có thể ngăn cản ông khóc than thảm thiết; những ai muốn an ủi ông lại khiến ông khóc lóc còn dữ dội hơn. Và không ai có thể ép ông nếm thử thức ăn ngon: nước mắt của ông ngày đêm là bánh mì của ông (Thánh Vịnh 41:4). Khi ngày mới đến, ông rửa mặt bằng nước mắt và nói:

– Tôi không biết liệu mình có sống được đến tối nay không.

Khi đêm xuống, anh lại làm mờ ánh mắt bằng nước mắt, nói:

– Ai biết được liệu tôi có sống đến sáng mai không! Nhiều người, khi thức dậy vào buổi sáng, đã không sống đến tối hay giấc ngủ nào khác ngoài cái chết; và nhiều người, khi chìm vào giấc ngủ, đã không bao giờ thức dậy khỏi giường của mình. Vậy thì làm sao tôi có thể hy vọng còn sống được, khi đã nhận được tin báo rằng tôi sắp phải ra đi?

Và trong khi không ngừng khóc lóc và ăn chay, ngài cầu nguyện xin Chúa, nhờ lòng nhân từ vô biên của Ngài, ban cho ngài thời gian để sám hối. Làm như vậy trong nhiều năm, ngài đã làm kiệt quệ thân xác mình đến mức có thể đếm được xương, và vì khóc quá nhiều mà mất đi thị lực.

Còn vị Thánh Cha Mark của chúng ta, khi thấy giờ phút mình sắp về với Chúa đã đến, đã gọi Thêôphila lại và nói với ông:

– Xin tha thứ cho tôi, anh em ơi, vì đã gây cho anh nỗi buồn sâu sắc như vậy, và hãy cầu nguyện với Chúa cho tôi, vì tôi sắp rời khỏi thế gian này rồi. Nếu tôi còn đủ can đảm, tôi sẽ không quên cầu xin Chúa cho anh, để Ngài ban ân cho cả hai chúng ta được chiêm ngưỡng Dung nhan Thánh thiêng của Ngài, được gặp lại nhau ở đó và ở cùng với các vị cha thánh của chúng ta, là Thánh Antôn và Thánh Theodosius của Pechersk.

Còn Theophilus thì đáp lại với nước mắt:

– Tại sao cha lại bỏ con lại, thưa cha? Hoặc là hãy đưa con đi cùng cha, hoặc là ban cho con sự sáng mắt ngay tại đây. Con biết rằng vì tội lỗi của mình, con đã suýt ngã xuống chết trong hang động trước mặt cha, khi cha làm sống lại người anh em đã qua đời của con; nhưng nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của cha, Chúa đã thương xót con, chờ đợi sự ăn năn của con. Và giờ đây, cha có thể ban cho con điều con đang cầu xin: hoặc cho con được theo cha về với Chúa, hoặc cho con được sáng mắt.

– Đừng buồn, anh em ơi, – Thánh Mark đáp lại, – vì anh đã mù đôi mắt xác thịt vì Chúa, bởi vì bằng đôi mắt thiêng liêng, anh đã nhìn thấy và có trí tuệ chân thật, và tôi coi là điều tốt lành khi trở thành nguyên nhân khiến anh mù lòa: tôi đã tiên đoán cái chết cho anh, mong muốn điều có lợi cho linh hồn anh, và mong muốn đưa sự kiêu ngạo xác thịt của anh vào sự khiêm nhường, vì *"lòng tan nát và khiêm nhường"* (chứ không phải lòng tự hào về địa vị cao) *"Ngài sẽ không khinh dể, lạy Chúa"* (Thánh Vịnh 50:19). Vì vậy, ngươi không cần phải nhìn thấy ánh sáng tạm thời này, nhưng hãy cầu xin Chúa để ngươi được chiêm ngưỡng vinh quang của Ngài trong ánh sáng vĩnh cửu. Và đừng mong muốn cái chết: nó sẽ đến, dù có trái với ý muốn của ngươi đi chăng nữa. Nhưng điều này sẽ là dấu hiệu cho sự ra đi của con: ba ngày trước khi con qua đời, bệnh mù của con sẽ được chữa lành, và con sẽ ra đi về với Chúa với đôi mắt sáng, và ở đó con sẽ chiêm ngưỡng ánh sáng vô tận và vinh quang không thể diễn tả.

Sau khi để lại lời tiên tri này về sự ra đi của Thêôphil, vị cha thánh của chúng ta là Mác cũng đã kết thúc cuộc đời tạm bợ trên đất này trong Chúa và bước vào cuộc sống vĩnh cửu trên trời, cùng với chính Đấng Khởi Nguyên của sự Phục Sinh[391] là Chúa Giêsu và cùng với tất cả các thánh tiên tri, như Đấng đã cai trị người chết và tiên tri. Xác thánh đầy phép lạ của ngài được an táng trong hang động, nơi chính ngài đã tự đào mộ cho mình, và

[391] Tức là Đấng đã khởi đầu sự sống lại, là Đấng đầu tiên sống lại.

ban phát những phép chữa lành dồi dào cho tất cả những ai với lòng tin thành kính đến trước quan tài thánh của ngài; tại đó còn lưu giữ những xiềng xích sắt mà vị thánh đã đeo trên người, cùng cây thánh giá bằng đồng mà ngài đã dùng để uống nước, và ngài đã thánh hóa nó bằng chính đôi môi của mình đến nỗi ban cho nó sức mạnh làm phép lạ. Bởi vì bất cứ ai đến với lòng tin và đang ăn chay, rồi uống nước thánh từ Thánh Giá này, thì tất cả đều nhận được sự chữa lành kỳ diệu, còn hiệu quả hơn bất kỳ loại nước chữa bệnh nào.

Còn Thánh Theophilus thì khóc lóc gấp bội, than khóc thảm thiết vì sự chia ly với cha và người hướng dẫn của ngài, Thánh Mark, cũng như vì cái chết mà ngài mong đợi mỗi ngày. Khi nhớ lại lời tiên tri của người sống trong hang động, ngài tuôn ra những dòng nước mắt như suối, nhưng nước mắt của ngài lại càng dâng trào hơn. Thánh Phê-ô-phil có một thói quen là mỗi khi ngài cầu nguyện và nước mắt tuôn trào dạt dào, ngài lại đặt một cái bình bên dưới để khóc vào đó; và qua nhiều năm, ngài đã làm đầy cái bình ấy đến tận miệng bằng nước mắt. Chẳng bao lâu sau, thị lực của ngài đã trở lại, đúng như lời hứa của Thánh Mark. Lúc đó, Thánh Theophilus nhận ra rằng giờ lâm chung của ngài đã gần kề. Vì vậy, ngài bắt đầu cầu nguyện hết lòng với Thiên Chúa, mong những giọt nước mắt của ngài được Ngài chấp nhận, và ngài giơ hai tay lên trời, thốt lên như sau:

– Lạy Chúa Yêu Thương Loài Người, lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con! Đấng không muốn sự chết cho những kẻ có tội, nhưng mong đợi sự hoán cải của họ, Đấng thấu hiểu những yếu đuối của chúng con, Vua Thánh Thiện, Đấng An Ủi Tốt Lành, Đấng ban sức khỏe cho người đau ốm, Đấng cứu rỗi kẻ có tội, Đấng củng cố những ai kiệt sức, Đấng nâng đỡ những ai ngã xuống, con cầu xin Ngài trong giờ phút này! Xin hãy ban ân sủng của Ngài cho con, kẻ không xứng đáng này, và xin hãy nhận lấy dòng nước mắt đắng cay của con! Xin hãy tuôn đổ xuống trên con vực thẳm vô tận của lòng nhân từ Ngài, và xin làm cho con không phải chịu cám dỗ trong những thử thách trần gian[392] và không rơi vào quyền lực của chúa tể bóng tối, nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh vĩ đại của Ngài, các vị cha thánh đáng kính của chúng con, Antoni và Theodosius của Pechersk, cùng tất cả các thánh từ thuở xưa đã làm đẹp lòng Ngài.

Khi vị thánh Theophilus đọc xong lời cầu nguyện này, Thiên Thần của Chúa hiện ra trước mặt ngài dưới hình dáng một thiếu niên xinh đẹp và nói:

– Ngươi cầu nguyện rất tốt, Thêôphil, nhưng tại sao ngươi lại tự hào về số lượng nước mắt mà ngươi đã thu thập được?

Và Thiên Thần đã chỉ cho ngài thấy chiếc bình của mình, lớn hơn nhiều so với chiếc bình của Thánh Theophilus, tràn ngập hương thơm, như thể từ một loại dầu thơm quý giá.

– Đây là những giọt nước mắt của ngươi, – Thiên thần nói, – những giọt nước mắt mà ngươi đã tuôn trào từ tận đáy lòng trong những lời cầu nguyện dâng lên Thiên Chúa, rồi lau đi bằng tay, bằng khăn hay bằng áo, hoặc những giọt đã rơi từ mắt ngươi xuống đất. Ta đã thu thập tất cả chúng vào chiếc bình này và cất giữ theo lệnh của Chúa và Đấng Tạo Hóa của ta. Và giờ đây, ta được sai đến để báo tin vui cho ngươi, để ngươi có thể vui mừng đến với Đấng đã phán: *"Phúc cho những ai khóc lóc, vì họ sẽ được an ủi"* (Mt 5:4).

Nói xong, Thiên Thần để lại chiếc bình tại chỗ rồi biến mất. Còn Thánh Theophilus, sau khi gọi vị tu viện trưởng đến, đã kể cho ngài nghe về sự hiện ra của Thiên Thần và những lời Ngài nói, đồng thời chỉ cho ngài xem cả hai bình chứa đầy nước mắt: một bình của chính ngài, và một bình của Thiên Thần, tỏa ra hương thơm tuyệt vời hơn tất cả các loại hương liệu, và ngài xin rằng sau khi ngài qua đời, hãy đổ chúng lên thi hài của ngài. Vào ngày thứ ba sau khi được mở mắt, ngài đã về với Chúa để chiêm ngưỡng Ba Ngôi Thánh. Thi hài thánh thiện của ngài được an táng trong hang động, bên cạnh người anh em mà ngài yêu quý, Thánh Gioan ( ), gần Thánh Marc. Và người ta đã xức dầu cho ngài từ bình của các Thiên thần, khiến cả hang động tràn ngập hương thơm. Sau đó, người ta còn đổ lên ngài một bình nước mắt khác, để người đã gieo hạt trên đất bằng nước mắt, nay được gặt hái trên trời với niềm vui. Ngài đã nhận được niềm vui này nhờ lời cầu bầu của vị Thánh Thầy hướng dẫn của ngài là Thánh Marcô, người sống trong hang động và là vị làm phép lạ, cũng như nhờ ân sủng của Thiên Chúa ban mọi sự an ủi; Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi, xứng đáng nhận mọi vinh quang, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

---

[392] "Myatarstvo" thực chất có nghĩa là: trạm thu thuế, nơi thu các khoản thuế; từ đó, mở rộng ra – nơi tham nhũng, áp bức. Theo nghĩa tâm linh, thuật ngữ "myatarstvo" ám chỉ những sự tra tấn linh hồn sau khi rời khỏi thân xác, trước khi Đức Chúa Trời phán xét linh hồn đó, do các linh hồn ác thực hiện trong không gian.

Lễ kỷ niệm Thánh Phaddeus, Vị Chứng Nhân[393]

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 12

Thánh Phaddeus sống vào thời kỳ tà thuyết chống thánh tượng hoành hành. Khi ngài, cùng với những người khác, bị bắt và đưa ra xét xử, những kẻ chống thánh tượng độc ác đã muốn ép ngài giẫm đạp lên bức thánh tượng, nhưng không thể làm được điều đó. Vì vậy, họ đã làm như sau: họ đặt bức tượng Chúa Cứu Thế xuống đất, rồi ép Thánh Phaddey phải đứng lên trên đó; mặc dù ngài đã chống cự rất quyết liệt, nhưng cuối cùng, ngài vẫn bị những người đàn ông mạnh mẽ ép buộc phải giẫm lên bức tượng thánh, trái với ý muốn của mình. Lúc đó, kẻ tra tấn nói với ngài:

– Này, ngươi đang chà đạp lên bức tranh thánh của chính Chúa Kitô của ngươi, vậy tại sao ngươi còn chống đối chúng ta nữa? Giờ đây, ngươi phải đồng lòng với chúng ta.

Nhưng vị chứng nhân của Chúa Kitô đã đáp lại:

– Hỡi kẻ bị nguyền rủa, gian ác và đầy dẫy mọi sự ô uế! Ta không làm điều này theo ý muốn của mình: xin đừng để điều đó xảy ra, nhưng ta đã bị ép buộc bằng mưu mô xảo quyệt và phán quyết bất công của ngươi. Còn ta thì thờ lạy bức tượng Chúa Kitô, Thiên Chúa của ta, hôn lên nó và sẵn lòng vui vẻ chết vì nó.

Bị những lời này làm bẽ mặt, tên tra tấn vô đạo đã ra lệnh đánh thánh nhân bằng gậy cho đến khi ngài chết. Và khi họ cho rằng ngài đã chết, họ kéo ngài ra khỏi thành phố bằng chân. Bị lôi đi như một người chết qua chợ và bùn lầy, thánh Phaddeus bị vứt dưới chân tường thành. Một người Kitô hữu đạo đức đã tìm thấy ngài ở đó và rửa sạch bùn đất trên người ngài, khi ngài vẫn còn thở. Sau đó, Thánh Phaddeus còn sống thêm ba ngày nữa rồi trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa[394] .

Ngày 12 tháng 1

30 tháng 12 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Anisia

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 12

Dưới triều đại của hoàng đế vô đạo Maximian[395] , tại thành phố Thessaloniki[396] danh tiếng, có một thiếu nữ, tên là Anisia, con gái của một cặp vợ chồng Kitô hữu giàu có, đã nuôi dạy cô trong sự kính sợ Thiên Chúa, đến nỗi cô lớn lên về đức hạnh nhanh hơn cả tuổi tác, vì cha mẹ đã nuôi dưỡng cô bằng những chân lý của đức tin và sự đạo đức hơn là bằng sữa mẹ. Khi những năm tháng thơ ấu trôi qua và Anisia lớn lên thành một thiếu nữ xinh đẹp, cha mẹ cô đã dạy dỗ cô một cách cẩn thận về mọi sự khôn ngoan trong sách vở. Được ban cho trí tuệ, Anisia nhanh chóng và dễ dàng tiếp thu mọi điều và thể hiện những thành quả xứng đáng của sự dạy dỗ trong hành động. Được tràn đầy Thánh Thần của Đức Chúa Trời, cô thực sự sở hữu tính cách như thiên thần, còn khuôn mặt cô tỏa sáng vẻ đẹp vô song. Vào thời điểm đó, cô hiếm khi ra khỏi nhà và, khi che giấu vẻ đẹp trẻ trung của mình trong phòng riêng, cô thường tự nhủ với lòng buồn bã:

– Ôi cuộc đời tuổi trẻ đầy ảo tưởng, hủy hoại người này và lại bị người khác hủy hoại! Tuổi già thật tốt đẹp, nhưng, than ôi cho tôi! Thời gian dài đằng đẵng khiến lòng tôi tràn ngập nỗi buồn, vì phải chờ đợi nó suốt nhiều năm dài, và chính những năm tháng ấy đang ngăn cách tôi với thiên đàng!

---

[393] Những người được gọi là "những người xưng đạo" là những người, trong thời kỳ bách hại vì đức tin, đã công khai xưng mình là Kitô hữu và chịu đựng những cực hình, nhưng vẫn còn sống sót. Họ được các Kitô hữu đặc biệt kính trọng: nhờ đó, họ được trao quyền tái hợp với Giáo Hội dành cho những người đã sa ngã và từ bỏ đức tin.

[394] Thánh Phaddey, vị Tuyên xưng, qua đời vào năm 818.

[395] Hoàng đế Maximian trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[396] Thessaloniki – một thành phố cổ kính và rất quan trọng của Macedonia, nằm sâu trong Vịnh Thessaloniki hay Vịnh Ferla thuộc Biển Aegean (Quần đảo). Hiện nay, thành phố này, với tên gọi Thessaloniki, là thành phố thương mại và công nghiệp lớn thứ hai ở Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu, chỉ sau Constantinople, với dân số rất đông đúc.

Và Anisia không bao giờ ngừng cầu xin sự giúp đỡ của Chúa Kitô, quỳ gối và rơi những giọt nước mắt dạt dào xuống đất. Khi cha mẹ cô qua đời và cô trở thành người thừa kế tài sản của cha, cô bắt đầu suy ngẫm xem nên làm gì với sự giàu có của mình. Bởi vì cha mẹ cô đã tích lũy được những kho tàng bạc và vàng khổng lồ, những điền trang rộng lớn, những đàn gia súc khổng lồ, vô số nô lệ nam và nữ, những bộ trang phục lụa và dệt vàng quý giá, những đồ dùng bằng vàng được trang trí bằng ngọc trai và đá quý, tỏa sáng rực rỡ. Khi nhìn thấy tất cả những điều này, thánh Anisia đã nói:

– Làm sao để được cứu rỗi giữa bao nhiêu của cải trần gian này? Làm sao để đạp lên đầu con rắn cổ xưa – ma quỷ – và vượt qua sức mạnh của nó? Nhưng tôi biết phải làm gì: tôi sẽ dùng chính mưu mô của loài rắn để chống lại con rắn ấy. Giống như chính nó hàng năm lột bỏ lớp da cũ kỹ của mình để tái sinh, tôi cũng sẽ từ bỏ của cải của mình. Bởi vì chúng gây hại nghiêm trọng cho những ai dùng chúng vào điều ác và tàn phá những ai tích trữ chúng bằng nọc độc không thể chữa lành; còn những kẻ keo kiệt và vô nhân ái thì bị chúng trói buộc bằng xiềng xích và lưới của chính chúng. Việc sở hữu các điền trang khiến người ta quen với cơn giận dữ và tích lũy của cải bằng sự lừa dối và những biện pháp bất chính; những bộ quần áo đắt tiền dạy cho người ta lối sống kiêu ngạo và lôi kéo vào tội lỗi; những sợi dây chuyền và vòng cổ bằng vàng khiến người ta ngẩng cao đầu một cách kiêu ngạo, vì họ muốn mọi người nhìn thấy và ca ngợi chúng. Đây là cách tôi sẽ đối xử với chúng: tôi sẽ trở thành chủ nhân tự nhiên của chúng, trước khi chúng giành được quyền thống trị phi tự nhiên đối với tôi. Tôi sẽ thực sự trở thành chủ nhân của chúng và sử dụng chúng vì lợi ích chung, đồng thời tránh xa những cám dỗ do chúng gây ra. Tôi sẽ tìm cho chúng một sự bảo vệ vững chắc: tôi sẽ cất giữ chúng, như một kho báu, trong nhà của các góa phụ, trẻ mồ côi và người nghèo. Và Đấng Bảo Trợ trung thành của tôi, Chúa, Đấng sẽ ban thưởng cho tôi không chỉ gấp đôi, mà gấp trăm lần, và làm cho tôi trở thành người được tham dự vào sự sống đời đời. Tôi sẽ phân phát tất cả để nhận lại tất cả nguyên vẹn, được nhân lên gấp trăm lần, và sau khi phân phát xong, tôi sẽ vác Thập tự giá của Chúa Kitô. Vì khi đó, tôi sẽ dễ dàng theo Chúa Kitô, bỏ lại những điều trần thế trên đất để sống cùng các Thiên thần trên trời. Tốt hơn là nên tránh xa cuộc sống hủy hoại và ô uế, và khao khát cuộc sống bất diệt cùng những việc làm thiêng liêng. Tôi sẽ đổi cái tạm thời lấy cái vĩnh cửu: tôi sẽ tôn trọng hôn nhân bất diệt, sống trong sự trong sạch và giữ gìn thân thể mình trong sạch cho Đấng Tạo Hóa. Bây giờ là lúc phải mua sắm, chừng nào còn chợ. Hãy để những cuộc bách hại và truy đuổi trở thành nguồn ân huệ cho tôi trên thiên đàng. Hãy để những kẻ hành hạ và những cực hình mở ra cho tôi con đường đến những niềm vui thiên đàng; còn những vết thương và nhà tù hãy dẫn tôi vào cung điện của Đức Kitô; vì không chỉ các nam giới mới nhận được phần thưởng, mà cả các phụ nữ cũng được ban vương miện.

Bà thầm nghĩ như vậy và cầu nguyện trong nước mắt:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Ánh sáng của con! Nguồn suối sự bất tử! Cội rễ sự bất hoại, Đấng được thụ thai cách huyền diệu trong lòng trinh nữ, và sau khi sinh ra đã gìn giữ Mẹ Trinh Nữ của Ngài khỏi sự hư nát! Lạy Chúa nhân lành, xin cho con cũng được gia nhập vào hàng ngũ các trinh nữ và không bị loại trừ khỏi cung điện của Ngài! Xin hãy đưa con vào số các trinh nữ khôn ngoan (Mt 25:1–12) và ban cho con ân sủng được đón rước Ngài với ngọn đèn không bao giờ tắt, để con được dự phần vào vinh quang của Ngài, sau khi đã hoàn thành công việc thánh thiện của mình một cách vô tì vết!

Sau khi cầu nguyện như vậy, thánh Anisia lập tức bán hết tài sản của mình, và không phải với giá trị thực của chúng, cũng không theo cách thông thường trong các giao dịch mua bán trên thị trường. Bởi vì bà nói với người mua:

– Hãy biết rằng những vật được bán này thuộc về những người nghèo khó và khốn cùng. Vì vậy, hãy định một mức giá công bằng, để qua đó cũng nhận được một phần thưởng nào đó, vì Chúa là Đấng công chính, yêu mến sự công bằng và ban thưởng theo lẽ công bằng.

Khi tất cả tài sản đã được bán hết, bà bắt đầu phân phát số tiền thu được cho những người nghèo khổ và những người đang chịu khổ trong tù. Tự mình bước vào mọi nhà tù, vị thánh không chỉ cung cấp mọi thứ cần thiết, mà còn tận tay phục vụ các tù nhân, đặc biệt là những người sau nhiều cực hình và vết thương không thể tự lo cho bản thân. Bà chữa trị cho những người đó bằng cách bôi thuốc mỡ và băng bó vết thương cho họ, an ủi những người đang đau buồn, thăm viếng những người nằm trên giường bệnh và giúp đỡ họ bằng của cải của mình; bà đi khắp các quảng trường và đường phố, và với bàn tay hào phóng, bà đã ban phát sự giúp đỡ dồi dào cho tất cả những người nghèo khổ và bệnh nhân đang nằm trên đống rác, bất cứ ai bà gặp. Trong khi làm điều đó, bà tự nhủ:

– Ta sẽ không tìm kiếm sự an ủi và niềm vui trong của cải, những thứ mà vào ngày phán xét sẽ chẳng bằng một giọt nước.

Khi Anisia đã tiêu hết tất cả đến đồng xu cuối cùng, không để lại gì cho bản thân, bà tự giam mình trong một căn phòng nhỏ và bằng chính sức lao động của mình, bà bắt đầu kiếm thức ăn cần thiết cho cơ thể, ăn bánh mì bằng mồ hôi trên trán, tuân theo lời của Sứ đồ: *"Ai không muốn làm việc thì cũng đừng ăn"* (2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:10), vì người Kitô hữu phải tự nuôi sống mình bằng công sức lao động của chính mình. Dốc lòng vào việc cầu nguyện và ăn chay, Anisia sống như một người không có thân xác. Đã quen với những việc khổ hạnh và cuộc sống khắc nghiệt, cô dành ban ngày để lao động và đọc các sách Thánh, còn ban đêm thì hát thánh vịnh và cầu nguyện. Đất là giường ngủ của bà; thay vì chiếc giường êm ái, bà chỉ có một tấm chiếu bằng lau sậy; thay vì chăn ấm, bà chỉ có những bộ quần áo rách rưới; bà ngủ rất ít, vì bà tự nhủ:

– Tôi không an toàn khi ngủ, trong khi kẻ thù của tôi vẫn còn thức.

Trong khi đó, vị thánh tuôn trào những dòng nước mắt dạt dào, và những tiếng thở dài của bà còn nhiều hơn cả những lời thốt ra từ miệng bà. Bà được tình yêu Thiên Chúa bao trùm đến mức, mỗi khi quỳ gối cầu nguyện, bà cảm thấy như mình đang quỳ dưới chân Đấng Cứu Thế, hôn lên chân Ngài, và dùng mái tóc của mình lau bụi bẩn trên chân Chúa[397] . Suy nghĩ ấy đã khơi dậy trong cô những dòng nước mắt tuôn trào, giống như người phụ nữ xưa kia đã khóc lóc, dùng nước mắt rửa chân Chúa và dùng tóc mình lau khô chúng (Lc 7:36–50); và cô luôn khao khát được giải thoát khỏi những xiềng xích của thân xác để sống cùng Chúa Kitô. Và khi cầu nguyện, bà đập ngực mình và nói:

– Lạy Chúa Toàn Năng, Thiên Chúa, Cha của Con Một Ngài là Đức Giêsu Kitô, Chúa, Thiên Chúa và Đấng Cứu Độ của chúng con, Đấng ngự trên ngai vinh quang của Ngài! Ngài, Đấng được hàng ngàn hàng vạn Tổng thiên thần phụng sự, và trước mặt Ngài là vô số các thế lực tối tăm[398] tuân theo mệnh lệnh của các ngai vàng, các quyền cai trị, các nguyên lý và các quyền lực của Ngài; Đấng được các Thiên thần Cherubim ca ngợi và các Thiên thần Seraphim không ngừng tôn vinh[399] , cất tiếng hát bài ca Ba Lần Thánh! Ngài, Đấng đã ném những linh hồn nổi loạn chống lại Ngài xuống vực thẳm địa ngục, và trói buộc con rắn đã mất ân sủng của Ngài bằng xiềng xích bất khả phá vỡ; Đấng đã lật đổ ngai vàng của nó xuống đất, tước đoạt chức vụ trên trời và cuộc sống hạnh phúc của nó, và đã đè bẹp sự kiêu ngạo của nó bằng sự nhục nhã của thập tự giá! Ngài, Đấng đã sai xuống cho chúng con từ lòng Ngài vô nhiễm, Thiên Chúa Lời, Đấng Cứu Chuộc vĩnh cửu của linh hồn chúng con, Đấng được sinh ra bởi Chúa Thánh Thần và Đức Trinh Nữ Maria, và nhờ Ngài, Ngài đã tìm lại những kẻ lạc lối, củng cố những kẻ yếu đuối, và chữa lành những kẻ tan nát! Con, người tôi tớ khiêm nhường và tội lỗi của Ngài, kêu cầu Ngài bằng cả trái tim mình. Ngài, Đấng thấu hiểu mọi ý nghĩ của mỗi con người, Đấng đã thắp lên trong lòng con tình yêu nồng nàn dành cho Ngài, xin hãy đến và cứu rỗi con, người tôi tớ bất xứng của Ngài, vì con khao khát Ngài, con tìm kiếm Ngài và bám víu vào Ngài bằng tất cả sức lực của con. Lạy Chúa, Con Thiên Chúa, xin hãy nhận lời cầu nguyện của con, được dâng lên Ngài bằng trái tim tan nát và tinh thần khiêm nhường. Xin đừng khinh dể con, hỡi Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã bị đóng đinh trên thập giá vì con, bị tát vào má vì con, và vì con mà Ngài đã uống mật đắng pha giấm, nếm trải cái chết đắng cay, rồi vào ngày thứ ba đã sống lại từ cõi chết, lên trời và ngự bên hữu Chúa Cha: xin đừng làm con xấu hổ và đừng loại con ra khỏi số các tôi tớ của Ngài, nhưng xin ban cho con được chết như một Kitô hữu, theo hình ảnh Thánh Giá của Ngài! Xin cho con được tham dự vào những đau khổ của Ngài, để con xứng đáng được hiện diện trước mặt Ngài. Xin giữ con luôn trung thành với Ngài! *"Thân xác con run rẩy vì sự kính sợ Ngài, và con sợ những phán xét của Ngài"* (Thánh vịnh 118:120), *"Xin Ngài làm cho mắt con không nhìn thấy sự hư không; xin Ngài ban sự sống cho con trên con đường của Ngài"* (Thánh vịnh 118:37), nhưng *"xin Ngài mở mắt con"*, con cầu xin Ngài, *"để con được thấy những điều kỳ diệu trong luật pháp của Ngài"* (Thánh vịnh 118:18). Thi Thiên 118–. Con đã được dâng hiến cho Ngài từ khi còn trong lòng mẹ, Ngài là Chúa của con! *"Vì cha con và mẹ con đã bỏ rơi con"* (Thi Thiên 26:10). Còn Ngài, lạy Chúa, đã đón nhận con. Xin hãy làm cho đường lối con được ngay thẳng, để tôi tớ Ngài không phải chịu sự hổ thẹn, nhưng *"xin hãy tỏ ra cho con một dấu hiệu tốt lành"* (Thánh Vịnh 85:17) và đáp ứng lời cầu xin của con, vì *"lạy Chúa! Tất cả những khao khát của con đều ở trước mặt*

---

[397] Thánh lễ Thánh Anisia, bài thánh ca thứ hai trên nền "Lạy Chúa, con kêu cầu".

[398] Bóng tối – mười nghìn.

[399] Các Seraphim, Cherubim, Ngai vàng, Chúa tể, Quyền năng, Quyền lực, Nguyên thủy, Tổng lãnh thiên thần và Thiên thần – các cấp bậc thiên thần, mà Giáo hội thánh coi là tổng cộng chín cấp.

Ngài, và tiếng thở dài của con không hề giấu diếm Ngài" (Thánh Vịnh 37:10). Và một lần nữa, con cầu xin Ngài, Thiên Chúa Cha, xin giúp con, để tội lỗi không đè nặng lên con, tôi tớ của Ngài; vì con dâng chính mình làm của lễ cho Ngài. Xin hãy nhận lấy con, như những của lễ thiêu toàn bộ của chiên và bò con, và như vô số chiên con béo tốt, để của lễ của con được dâng lên trước mặt Ngài. Và xin cho con được theo Chiên Con vô tì vết của Ngài, là Đức Giêsu Kitô, cùng với Ngài, xin vinh quang, danh dự và quyền năng thuộc về Ngài, cùng với Thánh Thần, đến muôn đời muôn thuở, amen.

Sau khi cầu nguyện như vậy, thánh Anisia đứng dậy và làm dấu thánh giá. Kẻ thù xảo quyệt của loài người đã chứng kiến tất cả những điều này và không thể chịu đựng được cuộc sống thiên thần và thánh thiện của bà. Hắn thấy bà đã hiện diện bằng tinh thần trên thiên đàng và khao khát bằng cả trái tim được chịu khổ vì Chúa Kitô, nên hắn nghiến răng với bà và tìm cách lung lay, lật đổ căn phòng của bà; nhưng khi thấy bà được bao bọc khắp nơi bởi dấu Thánh Giá, hắn bỏ chạy, như thể bị những đòn đánh vô hình đuổi theo. Tuy nhiên, đôi khi hắn cũng thành công trong việc gieo rắc sự lười biếng và chán nản vào lòng vị thánh nữ, nhưng nàng lập tức đập tan mưu mô của hắn, tự bảo vệ mình như một bức tường bằng lời cầu nguyện không ngừng. Và kẻ thù của lẽ thật than thở và tự nhủ:

– Khốn thay cho ta, kẻ bị nguyền rủa! Ta đã lôi kéo các thiên thần theo ta từ trời cao, đã khuất phục biết bao kẻ mạnh mẽ, vậy mà giờ đây, những chàng trai và thiếu nữ lại chế nhạo ta. Họ yêu cái chết hơn cả sự sống, và được vinh quang bởi cái chết, họ lao về trời cao, để lại cho ta thế gian này trống rỗng. Máu của các vị tử đạo bị giết đã an ủi ta, nhưng đức tin, những hành động anh hùng và lời rao giảng của họ đã thay đổi cả những thành phố và dân tộc. Các đền thờ của ta đang sụp đổ, các nơi bói toán im lặng, các bàn thờ bị lật đổ, các thầy tế lễ, những kẻ trước đây từng vui vẻ, nay rơi vào tuyệt vọng. Để dẫn đến sự diệt vong của ta, thập tự giá được dựng lên khắp nơi và vương quốc của ta đang suy tàn, bởi những kẻ vui vẻ trong đau khổ lại trở nên đáng sợ trong quan tài: họ thiêu đốt ta, đánh đập và đuổi ta đi khắp nơi; còn những gì ta đã nghĩ ra để chống lại họ, lại quay lại gây ra tai họa còn cay đắng hơn cho ta. Nhưng ta biết phải làm gì với chúng: ta đã tìm ra một mưu kế mới.

Và ngay lập tức, kẻ thù nghĩ ra điều sau đây: với mong muốn chôn vùi vinh quang của các thánh tử đạo trong bụi bặm của sự lãng quên, để các thế hệ sau không còn nhớ đến họ, làm cho những chiến công của họ trở nên vô danh và không còn được ghi chép, kẻ ghen tị đã sắp đặt để các Kitô hữu bị đánh đập khắp nơi mà không qua xét xử hay thử thách, không còn là các vị vua hay tướng lĩnh, mà chỉ là những người bình thường và thấp kém nhất. Kẻ thù đầy ác ý ấy không hiểu rằng Đức Chúa Trời không đòi hỏi lời nói, mà chỉ đòi hỏi ý chí thiện lành.

Sau khi tàn sát vô số tín hữu Kitô giáo, Maximian, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã giả vờ như thể đã kiệt sức. Sau khi đã no nê máu của những người vô tội, hắn trở nên giống như một con thú khát máu: khi đã no nê thịt và không còn muốn ăn nữa, nó dường như trở nên hiền lành và phớt lờ những con vật đi ngang qua; cũng vậy, tên tra tấn vô đạo này, sau khi cảm thấy ghê tởm việc giết chóc, đã giả vờ hiền lành. Hắn nói:

– Những người Kitô hữu không xứng đáng bị giết trước mặt hoàng đế. Có cần gì phải tra tấn, xét xử họ, và ghi chép lại lời nói cùng hành động của họ? Vì những ghi chép này sẽ được đọc và truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác bởi những ai cùng theo đạo Kitô, và ký ức về họ sẽ được tưởng niệm mãi mãi. Vậy tại sao ta không ra lệnh giết họ như giết thú vật, không cần thẩm vấn hay ghi chép, để cái chết của họ chìm vào quên lãng và ký ức về họ tan biến trong im lặng?

Sau khi đưa ra quyết định đó, vị vua vô đạo lập tức ban hành lệnh khắp nơi, cho phép bất cứ ai muốn giết người Kitô hữu đều có thể làm vậy mà không sợ hãi, không lo ngại bị xét xử hay bị trừng phạt vì tội giết người. Và người ta bắt đầu hành hạ vô số người Kitô hữu mỗi ngày, ở khắp các vùng đất, thành phố và làng mạc, trên các quảng trường và đường phố. Bất cứ ai gặp một tín hữu, ngay khi biết người đó là Kitô hữu, liền không nói một lời nào mà dùng bất cứ thứ gì để đánh người ấy, hoặc đâm bằng dao, chém bằng gươm, hay dùng bất kỳ vũ khí nào có sẵn, như đá hay gậy, và giết người ấy như giết thú vật, khiến cho lời Kinh Thánh được ứng nghiệm: *"Nhưng vì Ngài, chúng con bị giết mỗi ngày, bị coi như những con chiên bị định sẵn để làm của lễ"* (Thánh Vịnh 43:23).

Trong thời kỳ tàn bạo đối với các Kitô hữu ấy, thánh Anisia, với lòng khao khát cháy bỏng được chết vì Chúa Kitô, một lần nọ đã bước ra khỏi phòng riêng của mình, được Thánh Thần thúc đẩy, và định đi đến nhà thờ của Chúa. Khi bước vào cổng được gọi là Kasantriot, bà nghe thấy tiếng ồn ào trong đám đông. Những kẻ vô đạo đang cử hành lễ hội mặt trời vào ngày đó và dâng những của lễ ô uế. Bỗng nhiên, một trong những binh lính của vua, đang đi ngược chiều, khi nhìn thấy cô gái xinh đẹp, Thánh Anisia, đã chặn cô lại, bị chính ma quỷ xúi giục, và nói:

– Dừng lại đi, cô gái, và nói cho ta biết, cô đang đi đâu vậy?

Thấy sự trơ trẽn và ngang ngược của hắn, và cho rằng đó là sự cám dỗ của kẻ thù, nàng đã làm dấu thánh giá trước mặt hắn để tự bảo vệ mình. Nhưng người lính ấy không hề xấu hổ trước sự im lặng trong trắng của thiếu nữ, mà lại coi đó là sự sỉ nhục đối với bản thân và biểu hiện của sự khinh miệt; như một con thú, hắn túm lấy nàng, giống như con sói vồ lấy con cừu, vì quả thực hắn còn hung dữ hơn cả thú vật, và bằng giọng nói đe dọa, hắn hỏi nàng: nàng là ai và đến từ đâu? Muốn thoát khỏi bàn tay và những ánh mắt ngang tàng, đầy thách thức của hắn, con chiên của Chúa Kitô đã cố gắng thoát khỏi hắn bằng một câu trả lời hiền lành và nói:

– Tôi là tôi tớ của Chúa Kitô và đang trên đường đến nhà thờ.

Nhưng tên chiến binh vô liêm sỉ, bị con quỷ trong lòng xúi giục, đã phản đối cô:

– Ta sẽ không để nàng đi, mà sẽ dẫn nàng đến nơi dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, vì hôm nay chúng ta đang tổ chức lễ hội tôn vinh mặt trời.

Nói xong, hắn cố gắng giật mạnh tấm khăn che đầu cô, muốn lộ hoàn toàn khuôn mặt cô, nhưng cô dũng cảm chống cự lại hắn và không cho hắn mở khăn che đầu, mà còn nhổ nước bọt vào mặt hắn và nói:

– Nguyện Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi, trừng phạt ngươi, hỡi quỷ dữ!

Lúc đó, tên lính, không thể chịu đựng được danh hiệu của Đấng Kitô, đã rút thanh gươm mang theo ra, và đâm vào sườn nàng, xuyên thấu qua người. Trinh nữ thánh ngã xuống đất và cùng với dòng máu tuôn trào, đã dâng linh hồn thánh thiện của mình vào tay Đức Kitô, Thiên Chúa của nàng, Đấng mà nàng yêu mến và khao khát được chết vì Ngài trong suốt những ngày đời mình. Những người qua đường chứng kiến cảnh đó đã vây quanh thi thể cô, lúc này đã tắt thở và nằm trong vũng máu; một số người than khóc cho tuổi trẻ và cái chết thảm khốc của cô, trong khi những người khác lại phàn nàn về vị vua vô thần, kẻ đã ban hành một đạo luật khắc nghiệt như vậy để hủy diệt những người vô tội. Một số tín hữu đã thu thập thi hài thánh thiện của cô, cất giữ một cách tôn kính, rồi an táng cách cổng Kasantriot hai verst, ở phía bên trái con đường dân đi lại. Sau này, một nhà thờ đã được xây dựng trên nơi an táng của Anisia. Sự việc này xảy ra vào thời kỳ hoàng đế Maximian đang cai trị trần gian, còn Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, thì ngự trị trên các tín hữu cho đến muôn đời. Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ngợi khen, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Tử đạo Phileter

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 12

Một lần nọ, khi Diocletian đến Nicomedia, ông được báo tin về một người Kitô hữu. Vua lập tức sai người đi tìm người ấy, ra lệnh đưa người ấy đến trước mặt mình, và khi nhìn thấy người ấy, ông vô cùng ngạc nhiên: vị thánh này cao lớn và rất đẹp trai. Vì thế, Diocletian gọi người ấy là thần chứ không phải con người. Vua nói với người ấy:

– Hãy nói cho chúng ta biết – ngươi đến từ đâu? Tên ngươi là gì? Và ngươi có nguồn gốc từ đâu?

Vị thánh đáp:

– Tôi sinh ra và lớn lên tại đây, ở Nicomedia, là con trai của một tổng trấn, theo đạo Kitô và sống cùng các Kitô hữu.

Sau khi gọi ngài lại gần, nhà vua ban đầu muốn thuyết phục ngài bằng những lời lẽ dịu dàng, đồng thời lại phỉ báng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Vị thánh lùi xa khỏi kẻ phỉ báng và, ngước mắt lên trời, nói:

– Xin cho miệng kẻ nào dám phỉ báng Đấng Kitô của tôi bị bịt lại, dù đó là vua hay bất kỳ ai khác.

Ngay lập tức, một trận động đất xảy ra và tiếng sấm rền vang kinh hoàng, khiến nhà vua và những người xung quanh run rẩy. Sau đó, Phileter bị ném vào lò lửa đang rực cháy. Nhưng vị thánh đã cầu nguyện – và lò lửa vỡ tan, ngọn lửa tắt lịm, còn ông thì bước ra an toàn. Vị vua, dưới ảnh hưởng của phép lạ vừa xảy ra, cũng như vì ấn tượng trước vẻ đẹp và dòng dõi cao quý của ngài, đã ban cho ngài tự do đi bất cứ đâu ngài muốn.

Sau đó, khi Maximian[400] trị vì tại Nicomedia, vị thánh lại bị vu khống trước mặt vua: và một lần nữa, khi được đưa ra trước vua, ngài đã tuyên xưng Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng Tạo Hóa của cả vũ trụ và Đấng Quan Phòng. Vì điều này, trước hết họ bắt đầu đánh ngài bằng gậy: những kẻ tra tấn, những người thi hành

[400] Maximian II Galerius, con rể và người kế vị của Hoàng đế Diocletian, trị vì ở nửa phía đông của Đế quốc La Mã từ năm 306 đến năm 311.

án, trong sự hăng hái của mình, đã kiệt sức đến mức ngã quỵ xuống đất, gần như đã chết, còn vị thánh dường như không cảm thấy đau đớn nào, như thể không phải ngài đang chịu đau khổ, mà là một người khác: đó là cách Đức Kitô củng cố ngài. Sau đó, ngài bị treo cổ và bị lột da; rồi họ ném ngài cho thú dữ xé xác, nhưng lũ thú chỉ nằm lăn lóc dưới chân vị thánh ; – họ ép ngài vào đền thờ để buộc ngài phải thờ lạy các thần tượng, nhưng vị tử đạo đã dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, và các thần tượng vỡ tan và đổ sụp xuống đất. Lúc đó, nhà vua ra lệnh chém chết vị thánh bằng gươm, nhưng tay của tên đầy tớ đã bắt giữ ngài lập tức khô héo; số phận tương tự cũng ập đến với người thi hành lệnh vua khác: – ngay khi hắn giơ tay cầm gươm lên trên đầu vị thánh để chém đứt, tay hắn liền tê liệt. Sau đó, vị tử đạo bị giam vào ngục tối và bị xiềng xích. Và vì ngài không tỏ ra chút nào có ý định khuất phục, nên nhà vua đã kết án ngài lưu đày đến Prokonnis[401] , nơi ngài bị trói buộc và bị đưa đi. Trên đường đi, ngài đã thực hiện không ít phép lạ: trừ quỷ, chữa lành cho những người bị bệnh hủi và chữa trị mọi loại bệnh tật khác; chỉ bằng một lời nói, ngài đã lật đổ các thần tượng; ngài chạm tay vào một đền thờ thần tượng được xây dựng tráng lệ, và nó sụp đổ hoàn toàn. Tất cả những dấu lạ kỳ diệu này, đặc biệt là dấu lạ cuối cùng – việc ngôi đền bị phá hủy – đã khiến nhiều người tin vào Đức Kitô, trong đó có sáu người lính cùng với chỉ huy của họ, những người được lệnh áp giải vị thánh đi lưu đày.

Khi vị tử đạo và đội lính hộ tống đến vùng đất Sigrian[402] , nơi vị thánh cũng đã thực hiện nhiều phép lạ, những người xung quanh nói rằng gần đó có một người tên là Evviot[403] , một Kitô hữu, người đã phải chịu nhiều đau khổ tàn bạo vì Chúa Kitô dưới tay vị công tước, nhưng vẫn bình an vô sự và đang thực hiện những phép lạ vĩ đại. Nghe tin này, Thánh Phileter quyết định ghé qua để gặp Evviot. Lúc đó, một Thiên thần của Chúa hiện ra trước mặt Evviot và nói:

– Hãy ra khỏi phòng tu của ngươi và đi đến một nơi nào đó để đón tiếp Phileter, người đồng cảm với ngươi.

Vị ẩn sĩ lập tức ra khỏi phòng tu và bắt đầu xuống núi, nơi ngài đang cư ngụ. Trong khi đó, theo chỉ dẫn của một người dân địa phương, Phileter đang trên đường đi đón Evviot, bắt đầu leo lên núi Sigrian cùng với quan chỉ huy và sáu chiến binh – những người đã tin Chúa, đã chịu phép rửa tội và mong muốn không bao giờ xa cách ngài. Đi được một quãng, họ gặp vị thánh Evviot đang đi xuống gặp họ, và khi chào hỏi nhau, cả hai bên đều tràn ngập niềm vui chung. Trong niềm hân hoan thiêng liêng, tất cả cùng leo lên ngọn núi đến nơi ở của thánh Evviot và ở lại đó cùng nhau bảy ngày. Và vị thánh phúc lành Phileter đã chìm vào giấc ngủ mà ngài hằng mong ước với trọn vẹn tình yêu: ngài đã về với Đức Kitô, Thiên Chúa mà ngài yêu mến và Đấng cũng yêu mến ngài, trao phó linh hồn mình vào tay Ngài[404] . Vị thánh phúc lành Evviot đã an táng ngài tại nơi ngài cư ngụ. Mười một ngày sau, chỉ huy đoàn hộ tống và sáu chiến binh đi cùng vị thánh cũng qua đời, và tất cả họ đều được an táng gần thi hài của vị thánh tử đạo.

Lễ kính Thánh Zotikos, Người Nuôi Dưỡng Trẻ Mồ Côi

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 12

Thánh Zotik xuất thân từ một gia tộc quý tộc và danh giá, sinh ra tại thành phố Rome. Từ khi còn trẻ, ngài đã học hỏi mọi sự khôn ngoan về thế gian và tâm linh, nhờ đó mà vị hoàng đế Kitô giáo đầu tiên, Constantine Đại đế, đã thu nhận ngài vào bên cạnh mình. Khi vị hoàng đế đạo đức này chuyển thủ đô đế quốc từ Roma sang Constantinopolis[405] , thì Thánh Zotik, cùng với các cận thần khác của hoàng đế, đã chuyển đến thành phố này và tại đây được phong chức Magister[406] .

---

[401] Proconnis – một hòn đảo trên Biển Marmara, ngày nay là Marmara.

[402] Vùng Sigrian – khu vực đồi núi gần Kizik, ở Tiểu Á.

[403] Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Evviot: 18 tháng 12.

[404] Thánh Tử đạo Phileter qua đời vào năm 311.

[405] Đó là vào năm 330, khi lễ thánh hiến long trọng của thành phố diễn ra, thành phố này được đặt tên là "Rome Mới" thay cho tên cũ là Byzantium. Tuy nhiên, tên gọi này hiếm khi được dùng cho Byzantium, nơi chủ yếu được gọi là Constantinople theo tên của Hoàng đế Constantine Đại đế, tức là "thành phố của Constantine".

[406] Magister – về bản chất là giáo viên; nhưng dưới thời các hoàng đế Byzantine, danh hiệu này chỉ một trong những chức vụ cao cấp nhất tại triều đình, tương tự như chức Bộ trưởng Nội các ngày nay.

Nhưng chẳng bao lâu sau, từ bỏ danh vọng và sự hão huyền trần thế, ngài đã nhận chức linh mục. Giống như Áp-ra-ham với bụi cây của mình, Thánh Zotik cũng mở rộng ngôi nhà của mình để đón nhận và nuôi dưỡng những người nghèo khổ; ngài tiếp đón những người vô gia cư, những người lữ hành và những người ốm đau vào nhà trọ, và là người cha đích thực đối với các góa phụ, người già yếu và trẻ mồ côi.

Vào thời điểm đó, dịch bệnh hủi – vốn luôn hoành hành ở phương Đông – bùng phát dữ dội trong thành phố. Để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, một sắc lệnh đã được ban hành, yêu cầu ném tất cả những người mắc bệnh hủi xuống biển. Thánh Zotik nhân từ, được thúc đẩy bởi tình yêu thiêng liêng, đã đến gặp nhà vua và nói với ngài:

– Hỡi đức vua! Xin hãy ban cho tôi, kẻ tôi tớ của ngài, càng nhiều vàng càng tốt, để tôi có thể mua cho ngài những viên ngọc trai quý giá và những viên đá lấp lánh để trang trí cho đồ dùng của ngài, vì tôi rất am hiểu về những việc này.

Vua, vì yêu mến Zotik, đã ra lệnh thực hiện lời thỉnh cầu của ông, và vị tôi tớ của Chúa, người luôn làm việc thiện này, sau khi nhận vàng, đã rời khỏi hoàng cung với niềm vui và hân hoan. Ông đã tìm ra cách sử dụng vàng tốt nhất: đối với những binh lính được tổng trấn giao nhiệm vụ bắt những người mắc bệnh hủi và ném họ xuống biển, thánh Zotik đã dùng vàng để chuộc những người bất hạnh đó và nhận họ vào sự chăm sóc của mình. Gần Constantinopolis, trên bờ đối diện eo biển Bosphorus, trên một ngọn núi, ngài đã xây dựng các bệnh viện dành cho người bị bệnh hủi và an ủi họ tại đó. Như vậy, ngài đã dùng hết số vàng mà vị hoàng đế vĩ đại Constantine trao tặng để chăm sóc những người bị bệnh hủi và những người ốm yếu.

Trong khi đó, vị hoàng đế đạo đức này qua đời và con trai ông, Constantius[407] , lên ngôi hoàng đế; người này không noi gương đức tin của cha mình: ông sa vào tà thuyết Arian và đàn áp những người Chính Thống. Thánh Zoticus cũng phải chịu đựng những đau khổ do ông ta gây ra. Do bị những kẻ độc ác vu khống, những người đã kể với ông ta rằng Zoticus đã lấy vàng của cha mình để mua đá quý, nên hoàng đế đã triệu tập Zoticus và hỏi ông:

– Ngươi đã chuẩn bị ngọc trai và các loại đá quý khác cho đồ thờ cúng của chúng ta chưa, thứ mà ngươi đã lấy của cha ta rất nhiều vàng để mua?

Zotik trả lời:

– Thưa nhà vua, xin hãy chuẩn bị một con tàu, và tôi sẽ cho ngài thấy một sự giàu có mà trước đây ngài chưa từng có.

Sau đó, cùng với nhà vua, ông vượt qua eo biển Bosphorus sang bờ bên kia, dẫn nhà vua đến các bệnh viện và chỉ vào những người bị bệnh hủi và những người ốm yếu, rồi nói:

– Này, thưa bệ hạ, đây là những viên đá quý và những hạt ngọc trai lấp lánh mà tôi đã khai thác để cứu rỗi ngài, với không ít vất vả và cái giá đắt đỏ.

Vua nổi giận với vị thánh và ra lệnh trói ngài vào những con la hoang rồi đuổi chúng chạy qua đồng ruộng và đường xá. Bị những con la kéo lê trên đá, vị thánh phải chịu những cực hình khủng khiếp: toàn thân ngài bị những hòn đá sắc nhọn xé nát; rồi khi những con la kéo ngài xuống núi với tốc độ chóng mặt, ngay cả xương cốt ngài cũng bị nghiền nát, và ngài đã trút hơi thở cuối cùng vào tay Chúa[408] . Và tại nơi ngài qua đời, một suối nước trong lành và ngọt ngào đã tuôn trào, và bằng dòng nước ấy, mọi bệnh tật đều được chữa lành để tôn vinh vị thánh nhân của Chúa, vì vinh quang và danh dự của Đức Chúa Trời Ba Ngôi, Đấng được mọi người tôn vinh và thờ phượng muôn đời. A-men.

Lễ kỷ niệm Thánh nữ Theodora thành Caesarea

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 12

Thánh nữ Theodora tu hành tại tu viện Thánh Anna ở Caesarea; bà sống dưới triều đại của Hoàng đế Leo Isaurian và con trai ông là Constantine Copronymus[409] , và xuất thân từ một gia tộc quý tộc và danh giá; cha bà tên là Theophilus, mang tước hiệu cao quý là patricius, còn mẹ bà tên là Theodora. Người mẹ này, sau nhiều năm

[407] Hoàng đế Constantius trị vì từ năm 337 đến năm 361.

[408] Đó là khoảng nửa đầu thế kỷ IV.

[409] Lêô III người Isauria trị vì từ năm 717 đến 741; người kế vị ông là con trai ông, Constantine V Copronymus (741–775), những hoàng đế này là những người chống thánh tượng đầu tiên.

không có con, đã vô cùng đau khổ và siêng năng cầu nguyện với Thiên Chúa; đặc biệt, bà đã khẩn cầu với những giọt nước mắt dâng lên Đức Mẹ Đồng Trinh và được ban ân sủng khiến bà trở nên giống như Thánh Anna công chính, mẹ của Đức Mẹ: tình trạng vô sinh của Theodora đã được giải quyết, bà thụ thai và sinh ra một cô con gái. Khi con gái lớn lên, người mẹ đã đưa cô đến nhà thờ Thánh Anna, như một người được dâng hiến cho Chúa ngay từ khi mới sinh. Cô gái trẻ Theodora được nhận vào tu viện, nơi cô sống dưới sự hướng dẫn nhân từ của vị nữ tu viện trưởng đạo đức và được dạy dỗ về các sách Thánh. Trong khi đó, cuộc sống kính sợ Thiên Chúa và đầy đức hạnh của nữ tu trẻ này lại là điều không thể chịu đựng được đối với ác quỷ xảo quyệt, kẻ xem đó là sự sỉ nhục đối với mình. Và thế là hắn đã gieo rắc vào tâm trí Hoàng đế Lêô, người chống lại các hình tượng, ý định gả cô con cừu vô tì vết này cho một trong những quan lại tại triều đình của ông. Cô bị bắt đi một cách bạo lực và, trong nỗi đau đớn tột cùng khi bị tách khỏi các chị em trong tu viện, được đưa đến Constantinople. Tại đây, mọi thứ đã được chuẩn bị sẵn sàng cho đám cưới của cô; theo ý muốn của hoàng đế, cung điện đám cưới cũng đã được dọn sẵn. Nhưng kết cục của âm mưu xảo quyệt này lại bất ngờ như sau: Đức Chúa Trời, Đấng đã từng trừng phạt người Ai Cập bị dục vọng dâm đãng chi phối đối với Sara (Sáng Thế Ký 12:10–20) và đã lật đổ quyền lực của Tiridates, kẻ đã tìm cách xâm phạm sự trinh khiết của Ripsimia[410] , đã cứu Theodora một cách kỳ diệu khỏi sự ô uế do cuộc hôn nhân cưỡng ép. Trong lúc tiệc cưới đang diễn ra, người Scythia đã tấn công thủ đô[411] ; chú rể lập tức được cử đi chống lại kẻ thù và đã hy sinh ngay trong trận chiến đầu tiên. Trong khi đó, giữa sự hỗn loạn chung, Theodora – con chiên vô nhiễm của Chúa Kitô – đã tận dụng cơ hội tự do bất ngờ, lặng lẽ rời khỏi tiệc cưới mà không ai phát hiện, mang theo vàng, bạc, đồ trang sức và quần áo đính đá quý, đi ra bờ biển, lên thuyền và trở về tu viện của mình, vui mừng và tạ ơn Chúa vì mọi điều. Sau đó, khi một quan chức hoàng gia, sau khi biết tin Thánh nữ Theodora đã trốn thoát, đến tu viện và thấy nàng đã thọ giới tu sĩ và mặc áo rách rưới, thì theo sự an bài của Thiên Chúa Toàn Năng, ông đã để nàng được yên. Sau khi thoát khỏi những kẻ truy đuổi một cách dứt khoát như vậy, Thánh nữ Theodora đã làm kiệt sức thân xác mình bằng những hành động kiêng khem đến mức xương của bà lộ rõ qua lớp da thịt. Thức ăn của bà chỉ là một miếng bánh mì nhỏ, và thậm chí chỉ ăn mỗi hai hoặc ba ngày một lần. Bộ quần áo duy nhất của bà làm từ len thô; giường ngủ của bà được trải bằng những hòn đá nhọn, phủ lên bằng những mảnh vải rách thô sơ: bà giữ các giờ cầu nguyện như vậy, ngay cả trong giấc ngủ bất đắc dĩ và nặng nề, và thường xuyên bà còn thức trắng cả đêm. Không chỉ dừng lại ở những việc tu hành đó, bà còn trói cơ thể mình bằng xiềng xích sắt và làm kiệt quệ tất cả các khớp xương và bộ phận cơ thể đến mức từ xương của bà toát ra mùi hôi thối. Và như vậy, trong suốt nhiều năm, rạng ngời với mọi đức hạnh, bà đã bước vào cuộc sống bất lão và hạnh phúc[412] .

Ngày tưởng niệm Thánh nữ Theodora của Constantinople

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 12

Thánh nữ Theodora là người gốc Hy Lạp, sở hữu gia tài lớn và ban đầu sống trong một cuộc hôn nhân Kitô giáo. Sau khi chồng qua đời, bà, theo lời răn của Chúa, *đã "vác thập giá của mình"* và gia nhập dòng tu để theo Chúa Kitô (Mc 8:34; Mt 16:24). Điều này xảy ra vào thời trị vì của Hoàng đế Romanus[413] , khi Thánh Basil Mới còn tại thế; ngài cư ngụ tại nhà của Thánh nữ Theodora, trong một phòng cầu nguyện được bố trí riêng cho ngài, và dưới sự hướng dẫn của ngài, bà đã sống một cuộc đời đạo đức. Sau khi sống đến tuổi già, bà đã an nghỉ vào ngày thứ ba mươi của tháng Mười Hai. Và khi linh hồn của Thánh nữ Theodora, sau khi lìa khỏi thân xác, được các

---

[410] Tiridates, vua Armenia, có quan hệ thân thiện với Hoàng đế La Mã Diocletian; vị hoàng đế này từng định chọn Ripsimia, một phụ nữ theo đạo Kitô, làm vợ, nhưng cô đã trốn thoát và ẩn náu trong một tu viện ở Armenia. Diocletian đã yêu cầu Tiridates tìm cô và đưa cô đến cho mình, hoặc nếu muốn, có thể lấy cô làm vợ. Khi biết được vẻ đẹp kỳ diệu của Ripsimia, Tiridates bừng lên khao khát mãnh liệt muốn chiếm hữu nàng và đã cử người đi tìm nàng; nhưng những người được cử đi – mang theo những món quà quý giá – đã bị sét đánh trúng và quay trở về trong cơn kinh hoàng tột độ. Vị vua tức giận đã cử cả một đội quân đi; Ripsimia được dẫn đến trước mặt nhà vua và đưa vào phòng ngủ của ông. Nhà vua đã cố gắng cưỡng hiếp nàng, nhưng – dù là người đã đánh bại người Ba Tư – ông lại không thể khuất phục được cô gái – vị hôn thê của Chúa Kitô.

[411] Scythia là tên gọi của một quốc gia nằm ở phía đông bắc Byzantium và ven bờ Biển Pontus (Biển Đen).

[412] Thánh nữ Theodora qua đời vào nửa sau thế kỷ VIII.

[413] Hoàng đế Roman I Lakapen trị vì tại Byzantium từ năm 919 đến năm 944.

Thiên thần thánh thiện rước đi, thì Thánh Basil đã chủ động trao cho họ, để giúp đỡ linh hồn bà, như một khoản tiền chuộc, bằng cách lấy ra từ túi áo của mình một chiếc hòm nhỏ.

Thánh Basil có một đệ tử tên là Grigori, người đã thành kính thỉnh cầu Thánh Basil:

– Thánh Theodora đang ở đâu?

Và rồi một ngày nọ, khi Grigori đang ngủ, một chàng trai có vẻ ngoài rạng rỡ hiện ra trước mặt anh và nói:

– Hãy đi mau lên, Thánh Vasili đang gọi cậu để cho cậu gặp Theodora.

Grigory ngay lập tức được đưa đến cổng thiên đàng, sau đó được dẫn vào những nơi thánh thiêng và ở đó, anh thấy Thánh Vasily và Theodora, và tất cả họ cùng nhau vui mừng. Grigory hỏi:

– Thưa bà Theodora! Bà đã vượt qua giờ phút kinh hoàng của cái chết như thế nào và đã thoát khỏi những linh hồn xảo quyệt ra sao?

Bà liền kể lại theo thứ tự:

– Khi linh hồn tôi lìa khỏi thân xác, tôi đã thấy những người Ê-thi-ô-pi đáng sợ, họ chỉ cho tôi xem một cuộn giấy ghi chép tất cả những việc làm đầu tiên của tôi và kêu la như lợn, nghiến răng vào tôi. Sau đó, các Thiên thần đã đưa tôi đi qua các chặng thử thách. Thử thách đầu tiên là sự dối trá; thứ hai là vu khống; thứ ba là ghen tị; thứ tư là sự nhạy cảm giả tạo do tự ái; thứ năm là cơn giận dữ; thứ sáu là kiêu ngạo; thứ bảy là chửi bới và nói tục; thứ tám là tham lam và nịnh hót; thứ chín là sự hão huyền; thứ mười là lòng tham tiền; thứ mười một là say xỉn; thứ mười hai là lòng hận thù; thứ mười ba là phù thủy; thứ mười bốn là bói toán và sử dụng bùa chú; thứ mười lăm – ham ăn và thờ thần tượng; thứ mười sáu – ngoại tình; thứ mười bảy – giết người; thứ mười tám – trộm cắp; thứ mười chín – dâm dục; thứ hai mươi – thiếu lòng thương xót. Và nếu tại bất kỳ trạm kiểm soát nào, những chứng cớ về các việc lành của riêng tôi không đủ để minh oan cho tôi, thì các Thiên thần sẽ bổ sung vào các việc lành của tôi từ ân huệ các việc lành của Thánh Basil. Và như vậy, tôi đã vượt qua tất cả các trạm thử thách một cách suôn sẻ và được dẫn vào nơi hạnh phúc này. Còn nếu linh hồn nào có tội, thì sẽ bị giao cho những kẻ Ê-fi-ô-pa ấy, và chúng, bằng cách tra tấn, sẽ đẩy linh hồn đó vào cảnh đau khổ.

Và ngay lập tức, Grigori tỉnh giấc và kể cho chúng tôi nghe những gì ông đã thấy và nghe được trong trạng thái say mê trong giấc ngủ. Còn chúng tôi, khi nghe điều đó, đã kinh ngạc và tạ ơn Đức Chúa Trời vĩ đại và Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đấng đã ban cho Theodor phần thưởng của Ngài trong các nơi ở trên trời.

Ngày 13 tháng 1

Ngày 31 tháng 12 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Mẹ Thánh Melania, người La Mã.

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 12

Cũng như trái tốt sinh ra từ cây tốt, cành thánh cũng nảy mầm từ gốc thánh. Chúng ta thấy điều này qua gương của Thánh Mê-la-ni-a, người xuất thân từ cha mẹ là những Kitô hữu đạo đức. Cha và ông nội của bà đều thuộc hàng thượng nghị sĩ cao cấp. Khi đến tuổi trưởng thành, Melania khao khát giữ gìn sự trinh khiết của mình và thường xuyên nài nỉ cha mẹ bằng mọi cách. Nhưng vì cô là con gái duy nhất của họ và không có người thừa kế nào khác cho vô số tài sản và của cải của gia đình, nên khi thánh nữ tròn mười bốn tuổi, họ đã gả cô, trái với ý muốn của cô, cho một người có địa vị ngang hàng với cô, tên là Apinianus, lúc đó mới mười bảy tuổi. Khi hôn nhân được kết thúc, Melania vẫn không từ bỏ ý nghĩ và mong muốn của mình – đó là giữ gìn, nếu không phải là trinh tiết thì ít nhất cũng là sự trong sạch, và cô đã bằng mọi cách thuyết phục chồng mình sống tiết chế, thường xuyên khuyên nhủ anh và nói trong nước mắt:

– Chúng ta sẽ hạnh phúc biết bao nếu cùng nhau sống trong sự trong sạch, trong tuổi trẻ của chúng ta phụng sự Chúa mà không có sự giao hợp xác thịt – điều mà tôi luôn mong muốn và vẫn mong muốn! Khi đó, chúng ta sẽ cùng nhau sống một cuộc đời tuyệt vời và làm đẹp lòng Chúa. Nhưng nếu niềm đam mê của anh, vốn rất đặc trưng của tuổi trẻ, lấn át anh và cản trở anh thực hiện lời thỉnh cầu của em, đến nỗi anh không thể chiến thắng những ham muốn xác thịt, – thì hãy buông bỏ em và đừng trở thành chướng ngại vật cho mong muốn của em. Để chuộc lấy tự

do cho mình, tôi trao cho anh tất cả của cải, nô lệ nam và nữ, kho báu, vàng, bạc và vô số tài sản khác của tôi. Hãy sở hữu tất cả những thứ đó, chỉ cần cho phép tôi được tự do khỏi những quan hệ xác thịt.

Sau khi nghe những lời ấy, Apinianus không hoàn toàn từ chối thực hiện mong muốn của nàng, nhưng cũng không đồng ý hoàn toàn, mà chỉ dịu dàng nói:

– Điều đó không thể xảy ra cho đến khi chúng ta có người thừa kế tài sản của mình. Khi nào chúng ta có được người thừa kế đó, lúc ấy tôi cũng sẽ không đứng ngoài ý định tốt đẹp của em, vì không hay ho gì nếu người vợ lại đi trước chồng trong việc làm thiện và khát khao hướng về Thiên Chúa. Chúng ta hãy chờ đến khi Chúa ban cho chúng ta thành quả của cuộc hôn nhân này, rồi lúc đó chúng ta sẽ cùng nhau bắt đầu cuộc sống mà em hằng mong ước.

Melania đồng ý với ý định này của chồng, và rồi Chúa đã ban cho họ một cô con gái. Sau khi con gái chào đời, Melania đã dâng lời thề giữ trinh tiết cho con, như thể để đền bù cho món nợ của mình: bà mong muốn con gái mình sẽ tuân giữ những điều mà chính bà không thể tuân giữ, vì đã bị gả đi trái với ý muốn.

Sau đó, để chuẩn bị cho một cuộc sống khác, cô bắt đầu rèn luyện bản thân về sự tiết chế và chế ngự xác thịt: cô ăn chay, từ chối mọi sự thỏa mãn dục vọng, không muốn mặc quần áo đẹp hay đeo trang sức quý giá dành cho phụ nữ, và không đi tắm hơi. Và khi chồng hay cha mẹ thuyết phục cô đi tắm hơi, cô không cởi bỏ quần áo mà chỉ rửa mặt rồi ra khỏi đó; đồng thời, cô cấm các nô tì nói với ai về chuyện đó và tặng quà cho họ để họ giữ im lặng. Bên cạnh đó, cô yêu cầu chồng phải thực hiện lời hứa của anh:

– Chúng ta đã có rồi, – bà nói, – người thừa kế gia tài của chúng ta. Vậy thì chúng ta sẽ kiêng quan hệ vợ chồng, như anh đã hứa.

Nhưng ông ta không nghe lời vợ.

Melania, thấy sự bất đồng của ông, đã ấp ủ ý định bí mật trốn chạy đến một xứ sở xa lạ, bỏ lại cha, mẹ, chồng, con và tất cả của cải: cô bị cuốn hút mạnh mẽ bởi khát khao hướng về Thiên Chúa và mong muốn sống trong sự trong sạch. Cô đã làm điều đó ngay lập tức nếu không được những lời khuyên của một số người khôn ngoan ngăn cản, những người đã nhắc nhở cô về lời dạy của các Tông đồ: *"Còn đối với những ai đã kết hôn, không phải tôi ra lệnh, mà là Chúa: người vợ không được ly dị chồng mình"*, và còn nữa: *"Sao chị biết được, hỡi người vợ, rằng chị không cứu được chồng mình chăng? Hay anh, người chồng, sao anh biết được liệu anh có cứu được vợ mình không?"* (1 Cô-rinh-tô 7:10–16).

Vậy là, bị ám ảnh bởi ý nghĩ cứu rỗi chồng, nàng đã từ bỏ ý định bỏ trốn. Tuy nhiên, nàng cảm thấy rất khó khăn khi phải thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nàng bí mật mặc một chiếc áo lông cứng trên người, và chỉ khi biết chắc sẽ ở riêng với chồng, nàng mới cởi nó ra để chồng không phát hiện ra cuộc sống bí mật của mình. Nhưng một lần nọ, em gái của cha cô biết được chuyện này và bắt đầu chế giễu bộ áo lông cừu đó, làm phiền và sỉ nhục vị thánh nữ vì điều đó. Melania đã khóc lóc van nài em gái đừng kể cho ai biết những gì cô đã phát hiện. Không lâu sau đó, Melania mang thai lần thứ hai, và ngày sinh đã gần kề. Đến ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Laurentius. Suốt đêm, vị thánh nữ không chợp mắt, quỳ gối cầu nguyện và hát các thánh vịnh. Trong lúc đó, bà cố gắng chịu đựng cơn đau tự nhiên của cơ thể. Sáng sớm đã đến, nhưng bà vẫn không ngừng lời cầu nguyện đầy gian khổ của mình. Những cơn đau dữ dội của người phụ nữ sắp sinh ngày càng tăng lên đến cực độ, nhưng bà vẫn quỳ gối cầu nguyện, và cuối cùng, bà kiệt sức vì cả đêm cầu nguyện vất vả và cơn đau tự nhiên. Lúc đó, trong cơn đau đớn tột cùng, bà đã sinh ra một bé trai. Sau khi được rửa tội, đứa trẻ ngay lập tức rời khỏi thế gian này để về với Nước Trời. Sau khi sinh, Melania lâm bệnh nặng và suýt chết. Chồng cô, đứng bên giường cô, cũng gần như kiệt sức vì nỗi nhớ nhung và đau buồn. Trong nỗi đau buồn, ông vội vã đến nhà thờ, nơi ông khóc lóc cầu nguyện với Chúa, xin Ngài chữa lành cho người vợ yêu quý của mình. Còn Melania, thấy đây là thời điểm thuận lợi để thuyết phục chồng theo ý định của mình, đã sai người truyền lời cho ông khi ông vẫn còn ở trong nhà thờ:

– Nếu anh muốn cả hai chúng ta đều được sống, hãy hứa trước mặt Chúa rằng anh sẽ không bao giờ chạm vào em nữa, và chúng ta sẽ sống trong sự trong sạch cho đến cuối đời.

Chồng của Melania, yêu thương nàng vô cùng và coi trọng sức khỏe của nàng hơn cả bản thân mình, đã tuân theo ý muốn của nàng và thề trước mặt Chúa rằng sẽ sống trong sự trong sạch cùng nàng. Khi người được sai đi trở về và kể lại điều này cho Melania, nàng rất vui mừng và cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Bệnh tật thể xác của cô nhường chỗ cho niềm vui thiêng liêng, và Melania ngợi khen Đấng Tối Cao, Đấng đã giúp đỡ cô, thực hiện ước nguyện thầm kín nhất trong lòng cô qua căn bệnh này.

Khi Melania rời khỏi giường bệnh, con gái bà, một bông hoa trinh khiết tuyệt đẹp đã được hứa dâng cho Chúa, đã về với Ngài. Cái chết của con gái càng khiến Apinian quyết tâm giữ gìn sự trong sạch hơn nữa, nhất là khi Melania không ngừng khuyên nhủ ông về điều đó.

– Anh thấy chưa, – cô nói khi con gái họ qua đời, – chính Thiên Chúa đang kêu gọi chúng ta sống một cuộc đời trong sạch như thế nào? Nếu Ngài muốn mối quan hệ vợ chồng xác thịt của chúng ta tiếp tục, Ngài đã không cất đi những đứa con của chúng ta.

Vậy là, Apinian và Melania, sau khi trải qua mối quan hệ vợ chồng xác thịt tự nhiên, đã bước vào mối quan hệ vợ chồng cao cả hơn, thuộc về tinh thần, và khích lệ lẫn nhau sống đức hạnh, rèn luyện bản thân qua việc ăn chay, cầu nguyện, lao động, và chế ngự xác thịt. Họ đã đồng ý dâng hiến toàn bộ tài sản cho Chúa Kitô qua những người nghèo, còn bản thân thì hoàn toàn từ bỏ thế gian và trở thành tu sĩ. Nhưng cha mẹ của Melania tuyệt đối không muốn chấp nhận điều này. Và rồi một đêm nọ, khi Apinian và Melania đang vô cùng đau buồn và bàn bạc với nhau về cách thoát khỏi những cạm bẫy xảo quyệt của thế gian, ân sủng thiêng liêng từ trên cao bỗng nhiên chiếu rọi xuống họ. Họ cảm nhận được một hương thơm tuyệt vời tỏa xuống từ trời cao, thứ mà trí óc không thể thấu hiểu và ngôn từ không thể diễn tả, và lòng họ tràn ngập niềm an ủi thiêng liêng đến nỗi quên hết mọi nỗi buồn phiền. Kể từ đó, các thánh nhân càng khao khát những ân huệ thiêng liêng hơn nữa: thế gian và mọi thứ trong thế gian đều trở nên ghê tởm đối với họ, và họ quyết định từ bỏ tất cả, chạy trốn đi đâu đó và trở thành tu sĩ. Nhưng Sự Sắp Đặt của Thiên Chúa đã dành cho họ một con đường khác để đạt được điều họ mong muốn.

Chẳng bao lâu sau, cha của Melania qua đời, và Apinian cùng Melania trở nên tự do trong mọi hành động. Nhưng vì họ có nhiều của cải, mà họ đã hứa dâng hiến cho Chúa Kitô, nên họ không lập tức từ bỏ thế gian và quê hương của mình. Trong thời gian chờ đợi cho đến khi họ phân phát hết tài sản cho người nghèo, họ đã chọn một điền trang của mình ở ngoại ô Rôma làm nơi cư ngụ và sống trong sự trong sạch tuyệt đối. Vào thời điểm cặp đôi thánh thiện này chọn cho mình lối sống thánh thiện như vậy, Apinian đang bước vào năm thứ 24, còn Melania thì sắp kết thúc năm thứ 20[414] . Thật là một phép lạ vĩ đại, rằng trong những năm tháng mà tuổi trẻ thường bừng cháy bởi ngọn lửa của những đam mê xác thịt, cặp vợ chồng thánh thiện này, với lối sống vượt lên trên bản tính xác thịt, vẫn giữ được sự trong sạch, giống như những thiếu niên trong lò lửa Babylon.

Tất cả những điều này diễn ra dưới sự dẫn dắt của Melania. Bà, với tư cách là một nữ tớ khôn ngoan của Chúa, đã nghiêm khắc tự rèn luyện bản thân và giám sát chồng mình, đến nỗi trở thành người thầy, người hướng dẫn và người dẫn dắt chồng trên con đường của Chúa. Sống một cuộc đời kỳ diệu như vậy, họ đã bán đi tài sản của mình và không ngần ngại giúp đỡ những người khốn khó.

Vào thời điểm đó, Đức Chúa Trời đã gửi đến cho họ một thử thách. Anh trai của Apinianus, tên là Severus, khi chứng kiến cuộc sống hạnh phúc của cặp vợ chồng này, đã coi thường Apinianus và Melania, và chiếm đoạt một số tài sản của họ. Khi thấy họ không chống cự lại mình và cũng không bận tâm đến tài sản bị tước đoạt, hắn bắt đầu toan tính những điều lớn hơn, tự ý chiếm đoạt tất cả. Apinian và Melania, với lòng nhân từ của mình, đã nhẫn nhục chịu đựng điều đó, đặt trọn niềm tin vào Đức Chúa Trời. Chỉ có một điều khiến họ buồn phiền: khi thấy những tài sản mà họ đã dành dâng cho Đấng Christ lại rơi vào tay một kẻ đầy lòng đố kỵ, họ đau xót vì tài sản của những người nghèo khổ đang bị cướp đoạt. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng bảo vệ các tôi tớ của Ngài và giải cứu họ khỏi tay những kẻ làm hại họ, đã dựng lên chống lại Severus một nữ hoàng đạo đức là Verina[415] . Bà đã nghe nói về cuộc sống thánh thiện của Apinian và Melania, và khi biết rằng Severus đang tước đoạt tài sản của họ, bà đã mời họ đến gặp mình và tiếp đón họ với sự tôn kính. Khi cặp vợ chồng đạo đức ấy xuất hiện trước mặt nữ hoàng trong bộ quần áo tồi tàn và với dáng vẻ khiêm nhường, nữ hoàng đã vô cùng ngạc nhiên trước sự nghèo khó và lòng khiêm nhường của họ; sau đó, bà ôm Melania và nói với nàng: "Ngươi thật hạnh phúc vì đã chọn cho mình cuộc sống như vậy!" Cùng lúc đó, nữ hoàng hứa sẽ trả thù Severus thay cho họ. Nhưng Melania và Apinian đã xin bà đừng dùng đến sự trả thù, mà chỉ cần khuyên răn Severus để ông ta không còn gây tổn thương cho họ nữa.

– Đối với chúng tôi, – họ nói, – thà chịu đựng sự xúc phạm còn hơn là xúc phạm người khác, vì Kinh Thánh dạy rằng ai bị tát vào má phải thì hãy đưa má trái cho kẻ xúc phạm (Mt 5,39). Chúng con tạ ơn Nữ Vương vì Ngài muốn nhân từ che chở chúng con, nhưng chúng con không xin Ngài trả thù Severus. Ngược lại, chúng con xin rằng vì chúng con mà ông ta đừng phải chịu bất kỳ điều ác nào. Chúng con đã thấy đủ rồi, miễn là từ nay trở đi, họ ngừng

[414] Sự thay đổi này trong cuộc đời của Melania diễn ra vào năm 401.

[415] Verina là vợ của Hoàng đế Honorius, người cai trị nửa phía tây của Đế chế La Mã từ năm 396 đến năm 423.

đối xử tệ bạc với chúng con và ngừng chiếm đoạt những gì không thuộc về chúng con, mà thuộc về Chúa Kitô và các tôi tớ của Ngài, những trẻ mồ côi và góa phụ, những người nghèo khó và khốn cùng.

Họ còn xin hoàng hậu cho phép họ được tự do, không gặp bất kỳ trở ngại nào, bán đi những tài sản khổng lồ của mình, bao gồm các thành phố và làng mạc, không chỉ ở Ý, trong vùng La Mã, mà còn ở Sicily[416] , ở Tây Ban Nha, Gaul và Britannia. Cha mẹ của Melania giàu có đến mức, ngoài nhà vua ra, không ai giàu có hơn họ. Nữ hoàng đã chấp nhận lời thỉnh cầu của Apinianus và Melania, và họ được phép tự do bán tất cả các điền trang của mình, bất kể chúng nằm ở đâu. Melania có ý định tặng em gái của hoàng đế một số món quà quý giá, nhưng cô ấy không muốn nhận bất cứ thứ gì trong số những món quà được đề nghị, vì cô coi việc nhận bất cứ thứ gì từ những vật phẩm đã được dâng tặng cho Chúa Kitô là một sự phạm thánh.

Cuối cùng, Apinian và Melania đã trở về nơi cư ngụ của mình từ cung điện hoàng gia trong vinh quang lớn lao.

Về quy mô của khối tài sản thuộc về họ mà họ đã dâng cho Chúa Kitô, có thể thấy rõ qua việc vào thời điểm đó, không ai có thể mua được ngôi nhà của họ ở Roma với mức giá tương xứng. Chỉ sau này, khi ngôi nhà bị bọn man rợ phóng hỏa và bị hư hại nặng nề do đám cháy, nó mới được bán với giá thấp hơn giá trị thực, và số tiền thu được từ việc bán nhà đã được phân phát cho những người nghèo khó. Như vậy, có thể khẳng định rằng Apinian và Melania đã thể hiện lòng tận tụy với Thiên Chúa hơn cả Giốp. Bởi vì Giốp đã tạ ơn Thiên Chúa khi bị mất tài sản ngoài ý muốn, còn hai người này thì tự nguyện từ bỏ những của cải đó, hướng tới cuộc sống nghèo khó. Ban đầu, cuộc sống như vậy đầy đau khổ và dường như rất khó khăn đối với họ, nhưng sau đó nó trở nên nhẹ nhàng và tràn đầy mọi sự an ủi: vì *"cái ách"* của Đấng Christ là *"tốt lành"* và *"gánh nặng thì nhẹ"* (Mt 11:30).

Ma quỷ đã tìm cách cám dỗ cặp vợ chồng đạo đức này bằng lòng tham. Một lần nọ, khi họ nhận được rất nhiều vàng từ việc bán các điền trang, nó bắt đầu gieo vào lòng họ một niềm đam mê nào đó đối với vàng. Nhưng Melania, nhận ra mưu mô của con rắn cổ xưa, lập tức đập tan đầu nó, coi vàng như bụi đất và không ngần ngại tiêu xài hết cho những người nghèo khổ. Vị Thánh nữ đã kể về bản thân như sau:

– Tôi từng có một điền trang với ngôi nhà tọa lạc trên một vị trí cao và tuyệt đẹp; nó là điền trang đẹp nhất trong số tất cả các điền trang của chúng tôi. Một bên là biển bao la, và từ trên núi có thể nhìn thấy những con tàu lướt đi, những ngư dân đang đánh cá. Phía bên kia là những cây cao vút, những cánh đồng được gieo trồng, những khu vườn và những vườn nho trù phú; ở một nơi có những bể tắm sang trọng, ở nơi khác là những suối nước; ở đó nghe thấy tiếng hót của đủ loại chim chóc, ở đây có đủ loại thú vật trong những khu vực được rào chắn dành riêng cho chúng, và việc săn bắn chúng rất thành công. Và kẻ thù đã gieo vào lòng tôi ý nghĩ nên giữ lại điền trang này vì vẻ đẹp của nó và không bán đi, mà giữ lại cho riêng mình để sống trong đó. Nhưng, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, tôi nhận ra đó là mưu mô của kẻ thù, và, hướng tâm trí về các làng mạc trên trời, tôi lập tức bán đi điền trang đó và dâng số tiền thu được cho Chúa Kitô của tôi.

Sau khi cặp vợ chồng đạo đức này bán các điền trang của họ ở Ý, các khoản bố thí của họ đã tuôn trào như những dòng sông dồi dào, lan tỏa đến mọi ngõ ngách trên trái đất. Họ đã gửi rất nhiều tiền bố thí đến Mesopotamia, Phoenicia, Syria, Ai Cập và Palestine – cho các nhà thờ và tu viện nam nữ, các nhà trọ và bệnh viện, trẻ mồ côi và góa phụ, những người đang bị xiềng xích và giam cầm trong ngục tối, cũng như để chuộc những người bị bắt làm tù binh. Cả phương Tây lẫn phương Đông đều tràn ngập lòng hào phóng từ tay họ. Đôi khi họ mua cả những hòn đảo ở những nơi yên tĩnh và vắng vẻ, rồi xây dựng các tu viện tại đó và trao lại cho hàng tu sĩ quản lý. Khắp nơi, họ trang hoàng các nhà thờ thánh bằng vàng và bạc, cùng những chiếc áo lễ thêu vàng của các linh mục, và không tiếc tiền để làm cho nhà thờ thêm lộng lẫy. Sau đó, để lại một phần nhỏ đất đai của mình ở Ý chưa bán, họ cùng với mẹ là Melania, người lúc đó vẫn còn sống, lên tàu và ra khơi đến Sicily, một phần để tự tay bán các điền trang của mình ở đó, một phần để thăm Đức Giám mục Pavlin, vị cha linh hướng của họ.

Ngay sau khi họ rời đi, các bộ tộc man rợ[417] đã tấn công Rome và tàn phá bằng gươm đao và lửa toàn bộ vùng ngoại ô thành phố cũng như toàn bộ đất nước Ý. Các thánh đã làm rất đúng khi, nhờ ơn Chúa, kịp bán các bất động sản của mình trước thảm họa này. Bởi vì những gì lẽ ra sẽ bị hủy hoại một cách vô ích, mà không nhận được bất kỳ phần thưởng nào từ Thiên Chúa, thì đối với họ lại trở thành phần thưởng gấp trăm lần trong cuộc sống vĩnh

[416] Sicily – một hòn đảo lớn trên Biển Địa Trung Hải, gần mũi phía tây nam của bán đảo Apennine (Ý).

[417] Tất nhiên là người Goth, một dân tộc thuộc bộ tộc German, những người đã bao vây Rome vào các năm 408, 409 và 410, và cuối cùng đã cướp phá thành phố này.

cứu. Hơn nữa, họ còn giữ được sức khỏe tạm thời của mình khi rời khỏi Ý, giống như Lót đã rời khỏi Sodom[418] , trước khi thành phố này bị những kẻ man rợ tàn phá dữ dội. Sau khi ghé qua Sicily và trên đường đi đã gặp gỡ Thánh Pavlin, Giám mục Nolan[419] , họ đã giải quyết các vấn đề liên quan đến các tài sản từng thuộc về họ ở đó và lên thuyền đi đến Libya và Carthage[420] .

Khi họ đang lênh đênh trên biển, một cơn bão dữ dội cùng những con sóng lớn ập đến và kéo dài suốt nhiều ngày. Nước ngọt trên tàu đã cạn kiệt, trong khi đó lại có rất nhiều người chèo thuyền và người hầu, và tất cả họ đều khát khô cổ. Thánh Melania, nhận ra rằng Chúa không ban phước cho con đường họ đã chọn đến Libya, đã ra lệnh điều chỉnh buồm theo hướng gió, tin tưởng vào Chúa rằng Ngài sẽ dẫn dắt con tàu đến nơi mà Ngài muốn. Được gió thổi dạt, họ cập bến một hòn đảo. Không lâu trước khi họ đến, bọn man di đã bất ngờ tấn công hòn đảo này, chiếm đóng nó và bắt đi một số lượng lớn nam nữ; còn những cư dân còn lại thì bị ra lệnh rằng nếu họ muốn, hãy nhanh chóng chuộc lại những người bị bắt làm tù binh: nếu không, tất cả những người bị bắt sẽ bị chém đầu. Người dân trên đảo vô cùng đau buồn, bởi vì do hoàn cảnh khó khăn, chỉ có rất ít người có thể trả tiền chuộc.

Lúc bấy giờ, một con tàu chở Melania và Apinian đã cập bến hòn đảo. Vị giám mục của hòn đảo ấy, khi nghe tin có con tàu từ Roma cập bến, đã đến xin giúp đỡ để chuộc những người bị bắt làm tù binh và nhận được nhiều hơn cả mong đợi. Vì thương xót họ, Melania và Apinian đã tặng số vàng đủ để chuộc tất cả các tù nhân. Khi họ rời khỏi hòn đảo đó, một cơn gió nhẹ và thuận lợi thổi lên, và chẳng bao lâu sau, họ đã đến được Carthage. Sau khi xuống tàu tại đó, họ thực hiện những việc bác ái dồi dào, hỗ trợ các nhà thờ và tu viện, giúp đỡ những người nghèo khổ và bệnh tật.

Trong khi thực hiện những việc thiện lành ấy, họ định cư tại một thành phố nằm gần Carthage, có tên là Tagaste. Giám mục của Tagaste là Alipius, bạn của Thánh Augustinô[421] , một người giỏi về lời nói và giáo lý, đã khôn ngoan hướng dẫn tất cả những ai đến với ngài. Yêu mến vị mục tử nhân từ này, Apinian và Thánh Melania đã trang hoàng lộng lẫy nhà thờ của ngài, và mua nhiều đất đai cho nhà thờ; ngoài ra, họ còn thành lập tại đó hai tu viện, một tu viện nam dành cho tám mươi tu sĩ, và một tu viện nữ dành cho một trăm ba mươi nữ tu, đồng thời cung cấp cho các tu viện này đất đai và mọi thứ cần thiết. Thánh Melania dần dần rèn luyện bản thân để tuân giữ chay tịnh ngày càng nghiêm ngặt hơn: ban đầu bà chỉ ăn cách ngày, sau đó cách hai ngày, và cuối cùng là nhịn ăn suốt cả tuần, ngoại trừ thứ Bảy và Chủ Nhật. Thỉnh thoảng bà sao chép sách vở, vì chữ viết của bà rất đẹp và không có lỗi, thỉnh thoảng bà may quần áo cho những người nghèo. Bà gửi những cuốn sách đã chép lại đi bán, và dùng số tiền thu được từ công việc này để phân phát cho người nghèo. Bà cũng siêng năng đọc Kinh Thánh. Khi đôi tay mệt mỏi vì làm việc hay viết lách, bà tập trung vào việc đọc, như thể giao nhiệm vụ cho đôi mắt của mình vậy. Nếu đôi mắt cô mệt mỏi vì đọc quá lâu, thì thính giác sẽ giúp cô, bởi vì cô bảo người khác đọc, còn bản thân thì lắng nghe. Cô có thói quen mỗi năm đọc Cựu Ước và Tân Ước ba lần; còn những đoạn quan trọng nhất, cô ghi nhớ trong lòng và luôn nhắc đi nhắc lại trên môi. Ban đêm, bà chỉ ngủ vỏn vẹn hai giờ, và không phải trên giường, mà là trên mặt đất, trên một tấm chiếu thô sơ. Bà nói rằng chúng ta luôn phải tỉnh thức, vì không biết tên trộm sẽ đến vào giờ nào.

Bà cũng đã rèn luyện các thiếu nữ phục vụ mình theo lối sống khổ hạnh như vậy; nhưng bà cũng đã thuyết phục không ít thanh niên sống trong sự trong sạch và giữ trinh tiết. Bà đã thu phục được nhiều linh hồn lạc lối cho Chúa Kitô và dẫn dắt họ đến với Thiên Chúa.

Sau bảy năm sống tại Carthage, Melania mong muốn được chiêm ngưỡng các thánh địa ở Jerusalem. Bà lên tàu cùng mẹ và Apinianus, người trước đây là chồng bà, nhưng giờ đây đã trở thành anh em thiêng liêng và bạn đồng hành trong đức tin, rồi cùng họ ra khơi. Con tàu mà họ đi, nhờ gió thuận lợi, đã cập bến Alexandria an toàn. Tại đây, họ đã được Thánh Cyril, Tổng Giám mục Alexandria, tiếp đón nồng nhiệt. Sau khi tận hưởng những giây phút giao lưu với ngài, họ lại tiếp tục hành trình trên biển và đến được thánh thành Giê-ru-sa-lem. Khi đến nơi, với lòng tràn ngập xúc động và niềm vui khôn tả, họ đã viếng thăm các thánh địa mà Chúa chúng ta và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã thánh hóa bằng những bước chân thánh thiêng của Ngài. Tại Mộ Thánh, Thánh Melania

---

[418] Lót là cháu trai của tổ phụ dân Do Thái – Áp-ra-ham. Sau khi tách khỏi chú mình, ông cùng gia đình định cư tại Sô-đôm – một thành phố nằm trong thung lũng, nơi sau này trở thành Biển Chết. Khi dân Sodom làm phật lòng Thiên Chúa bởi những tội lỗi của họ và Thiên Chúa phán quyết hủy diệt Sodom, thì Lot, được Thiên Thần báo trước, đã cùng vợ và các con gái chạy trốn khỏi Sodom.

[419] Thành phố Nola nằm ở miền nam Ý, thuộc vùng Campania. Thánh Paulinus là giám mục tại Nola từ năm 409 đến năm 431. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 23 tháng Giêng,

[420] Ở phía bắc châu Phi, gần như đối diện với Ý.

[421] Alipius được bầu làm giám mục tại Tagaste vào năm 391

mỗi đêm đều ở lại từ chiều tối để cầu nguyện. Tại đó, bà dâng lên Chúa Kitô những lời cầu nguyện nồng nhiệt, vừa khóc vừa quỳ sấp xuống Mộ Thánh, ôm lấy và hôn lên Mộ Thánh.

Trong thời gian Melania và Apinian ở Jerusalem, một người bạn trung thành của họ đã bán những tài sản còn lại của họ ở Ý và gửi tiền đến cho họ tại Jerusalem.

Sau khi ở Jerusalem, họ mong muốn tiếp tục lên đường đến Ai Cập để gặp các vị tu sĩ ẩn tu ở đó và phục vụ họ bằng tài sản của mình. Họ lên đường bằng đường biển, còn mẹ của họ, người đã rất già và mệt mỏi, thì được để lại tại thành thánh. Đồng thời, bà được giao nhiệm vụ xây dựng một ngôi nhà trên Núi Ô-li-ve để họ cư ngụ.

Tại Ai Cập, Melania cùng với người anh em thiêng liêng của mình là Apinian đã đến thăm các vị tu sĩ ẩn dật và nhận được lợi ích to lớn cho tâm hồn từ những lời giảng đầy cảm hứng của các ngài. Đồng thời, họ cũng thể hiện lòng hào phóng đối với những người nghèo khó tại đó. Tuy nhiên, họ cũng gặp không ít các vị tu sĩ không ham của cải, những người không muốn nhận sự bố thí được đề nghị và tránh xa vàng như tránh nọc rắn. Trong số đó có một người tên là Efestion, người đã từ chối nhận vài đồng vàng dù họ nài nỉ. Khi đi quanh căn phòng của ông và xem xét tài sản của vị ẩn sĩ, Melania chỉ tìm thấy một tấm chiếu và một bình đựng nước, một ít bánh mì khô và một chiếc hộp đựng muối. Cô lặng lẽ đặt vàng vào chiếc hộp đó và phủ muối lên trên. Khi họ rời khỏi nơi ẩn tu, hành động của Melania không qua mắt được vị tu sĩ già. Ông ta, sau khi phát hiện ra vàng, đã chạy theo họ, lớn tiếng kêu gọi họ dừng lại và chờ ông. Khi họ dừng lại, vị tu sĩ già chỉ cho họ xem số vàng mà ông đang cầm trên tay và nói:

– Ta không cần thứ này: ta không biết dùng nó vào việc gì; các con hãy lấy lại của mình đi.

Họ đáp:

– Nếu ông không cần, hãy cho người khác.

Nhưng ông lão phản đối:

– Ai ở đây cần thứ này, và để làm gì? Các con thấy rồi đó, nơi này trống rỗng.

Họ vẫn không muốn nhận lại vàng từ vị tu sĩ già, và thế là ông ném nó xuống sông rồi trở về phòng tu.

Sau đó, các lữ khách lại đến Alexandria, rồi đến Nitria[422] , đi khắp nơi thăm các nơi ở của các ẩn sĩ, giống như những con ong bay lượn giữa các bông hoa và thu thập mật từ chúng. Sau đó, họ trở về Giê-ru-sa-lem, được trang bị những bài học răn dạy vô cùng hữu ích từ các vị ẩn sĩ thánh thiện. Và, đúng như họ mong đợi, họ đã tìm thấy một ngôi nhà sẵn sàng dành cho mình ở gần Núi Ô-liu. Họ đã định cư tại đó.

Melania tự giam mình trong một căn phòng tu hẹp, lập lời thề rằng bà sẽ không gặp ai và cũng không để ai nhìn thấy bà. Chỉ có mẹ bà và người anh em thiêng liêng Apinian đến thăm bà một lần mỗi tuần. Bà đã sống trong sự ẩn dật như vậy suốt mười bốn năm. Trong thời gian đó, mẹ của Melania đã qua đời, tràn đầy những việc lành và niềm hy vọng thánh thiện. Sau khi cử hành lễ tưởng niệm xứng đáng cho người mẹ quá cố, vị thánh lại tự giam mình trong một căn phòng còn chật hẹp và tối tăm hơn nữa, và sống ở đó trong một năm. Danh tiếng của bà lan rộng khắp nơi, nhiều người bắt đầu tìm đến bà để tìm kiếm sự cứu rỗi tinh thần. Lúc đó, Melania bước ra khỏi nơi ẩn dật để phục vụ cho sự cứu rỗi của người khác. Bà đã thành lập một tu viện, quy tụ hơn chín mươi thiếu nữ. Trong số đó có nhiều người từng là những tội nhân rõ ràng, nhưng dưới sự hướng dẫn của bà trên con đường sám hối, họ đã bắt đầu sống một cuộc đời thánh thiện. Đối với tu viện của mình, Melania đã chọn một vị tu viện trưởng, còn bản thân bà thì phục vụ mọi người như một người đầy tớ và chăm sóc mọi người như một người mẹ. Bà dạy các chị em về các đức tính khác nhau: trước hết là sự trong sạch, tiếp theo là tình yêu thương – thứ mà không có thì không đức tính nào có thể hoàn hảo được – rồi đến sự khiêm nhường, vâng lời, kiên nhẫn và không oán hận. Để làm gương, bà kể cho họ nghe câu chuyện sau đây: "Một ngày nọ, có một chàng trai trẻ đến gặp một vị tu sĩ cao niên, mong muốn trở thành đệ tử của ngài. Vị cao niên, ngay từ đầu đã chỉ ra một đệ tử phải như thế nào, bèn bảo chàng cầm cây gậy và đánh thật mạnh vào cột đá đứng trước cổng, vừa nhảy lên vừa dùng chân đạp vào nó. Đệ tử, tuân theo lời vị cao niên, đã đánh vào cột đá vô tri đó bằng tất cả sức lực mình có. Vị cao niên hỏi chàng trai:

– Cột đá mà con vừa đánh có chống cự lại con hay tỏ ra phật ý không? Nó có chạy khỏi chỗ đứng hay lao vào con không?

Chàng trai trả lời:

– Không!

Vị trưởng lão liền nói:

---

[422] Nitria – ngọn núi ở phía nam Alexandria, phía tây sông Nile, gần sa mạc Libya. Tên của ngọn núi này bắt nguồn từ nitrat hoặc muối nitrat trong các hồ nước nằm sát ngọn núi.

– Vậy thì hãy đánh nó mạnh hơn nữa, kèm theo những lời lẽ tàn nhẫn nhất: hãy chọc tức, trách mắng, làm nhục, lăng mạ và nói xấu nó bằng mọi cách.

Khi chàng trai làm theo, vị tu sĩ già hỏi:

– Cột đá bị sỉ nhục đó có nổi giận với con không, có nói gì chống lại con không? Nó có phản kháng hay trách mắng con không?

Chàng trai trả lời:

– Không, thưa cha! Làm sao một cột đá vô cảm và vô hồn lại có thể nổi giận được chứ?

Vị tu sĩ già lại nói:

– Nếu con có thể trở nên giống như cây cột này, không giận dữ với những ai đánh con, không chạy trốn khỏi những cú đánh, không cãi lại những ai ra lệnh cho con, không phản kháng lại những lời trách mắng bằng những lời trách mắng khác, nếu giữa muôn vàn nỗi đau khổ, con vẫn luôn vững vàng như cây cột, thì hãy đến đây, trở thành đệ tử của chúng ta. Nếu không, thì đừng bao giờ đến gần cửa nhà chúng ta.

Bằng câu chuyện ấy, vị thánh nữ đã dạy các chị em về lòng kiên nhẫn và sự không oán hận, và họ đã học hỏi từ tấm gương ấy, điều mang lại lợi ích cho họ. Trong khi dạy dỗ và hướng dẫn các chị em trong tu viện do chính bà thành lập, Thánh Melania đồng thời đã xây dựng một nhà thờ tráng lệ trong tu viện đó và nỗ lực để nhà thờ được thánh hiến bằng các di cốt thánh của Tiên tri Zacharias, Thánh Tử đạo đầu tiên Stephen và bốn mươi vị tử đạo.

Sau những sự kiện đó, người anh em thiêng liêng của bà, người trước đây từng là chồng theo xác thịt, là Thánh Apinian, sau khi được Chúa Trời hài lòng, đã về với Ngài trong tư cách một tu sĩ. Melania đã an táng ông một cách trang trọng, rồi chính bà cũng bắt đầu chuẩn bị cho sự ra đi, mong chờ cái chết sắp đến. Nhưng sự an bài của Chúa đã kéo dài cuộc đời bà để cứu rỗi những người khác. Sau khi Apinian qua đời, Melania đã thành lập thêm một tu viện nam và tiêu hết tài sản cuối cùng của mình cho việc này, dâng hiến tất cả để tôn vinh Thiên Chúa. Như vậy, người phụ nữ đã từ lâu sống trong sự nghèo khó về tinh thần, nay đã trở thành người nghèo khó cả về thể xác.

Vào thời điểm đó, Melania nhận được một bức thư từ Constantinople, do chú của cô là Volusianus người La Mã gửi đến. Volusianus này, lúc bấy giờ đang giữ chức vụ Amphipatus của La Mã[423] , đã được Hoàng đế phương Tây giao phó một nhiệm vụ đặc biệt và cử đến Byzantium. Khi đến phương Đông, ông mong muốn được gặp cháu gái mình, nữ tu Melania. Vì vậy, ông đã cố ý gửi người đến Jerusalem để mời cô đến Byzantium gặp ông. Ban đầu, Melania không muốn đến gặp chú mình, vì ông theo đạo đa thần Hy Lạp; nhưng sau đó, theo lời khuyên của các vị cha linh mục, bà đã lên đường đến gặp ông, với hy vọng có thể dẫn dắt ông trở về với Thiên Chúa. Trên đường đi, tại mọi thành phố mà vị thánh này ghé qua, bà đều được đón tiếp với vinh dự lớn lao, vì Thiên Chúa tôn vinh những ai tôn vinh Ngài. Các giám mục và linh mục, các trưởng lão thành phố cùng dân chúng đều ra đón bà, và tất cả đều tiếp đón bà với tình yêu thương, như thể bà là vị khách từ trời cao, bởi vì ánh sáng của các đức tính và đời sống thánh thiện của bà chiếu rọi khắp thế gian. Ngay tại thủ đô, bà cũng được đón tiếp với vinh dự lớn lao bởi Hoàng đế Theodosius II, Hoàng hậu Eudoxia của ngài và Thượng phụ Proclus. Bà gặp người chú Volusian của mình đang ốm. Khi nhìn thấy bà, người chú rất ngạc nhiên trước bộ áo tu sĩ và sự khổ hạnh của bà, vì khuôn mặt bà đã hốc hác do những lần ăn chay và lao động kéo dài, và vẻ đẹp xưa kia của bà đã phai tàn. Và Volusian thốt lên:

– Con đã trở thành người như thế nào vậy, Melania yêu dấu!

Nhưng tại sao phải kể dài dòng? Một phần nhờ nhân cách của Melania, một phần nhờ Thánh Proclus, nhưng hơn hết là nhờ cuộc trò chuyện được Thượng Đế soi sáng của người nữ tớ trung thành của Chúa Kitô cùng những lời khuyên răn hữu ích của cô, nên chẳng bao lâu sau, chú của cô đã từ bỏ sự vô đạo của người Hy Lạp và nhận phép rửa thánh. Sau khi được rước các Bí tích Thánh, chỉ vài ngày sau đó, ông đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa và được chính thánh Melania an táng.

Trong thời gian lưu lại khá lâu tại Byzantium, Melania đã dẫn dắt nhiều người từ tà thuyết Nestorius – vốn lúc bấy giờ đang gây rối loạn nghiêm trọng cho Giáo Hội – trở về với đức tin chân chính, đồng thời bảo vệ nhiều tín hữu Chính Thống khỏi sự sa ngã, bởi Chúa đã ban cho bà ân sủng đặc biệt đến nỗi những lời lẽ xảo trá và phức tạp của những kẻ tà giáo Nestorius không thể nào làm lay chuyển được bà. Bà Thánh thông thạo Kinh Thánh một cách xuất sắc, đã dành cả cuộc đời để đọc Kinh Thánh và được tràn đầy ân sủng của Chúa Thánh Thần. Từ sáng đến tối, nhiều người đến trò chuyện với bà và hỏi bà về Chính Thống Giáo, còn bà thì đưa ra những câu trả lời đầy khôn

[423] Anfipat – quan trưởng của một khu vực bao gồm một số tỉnh.

ngoan, đến nỗi cả thủ đô đều kinh ngạc trước sự khôn ngoan của bà. Sau đó, vị thánh nữ lại trở về Giê-ru-sa-lem và, khi sắp đến lúc lâm chung, bà đã chuẩn bị cho một sự ra đi thanh thản.

Bà được ban ân sủng chữa lành, và bà đã chữa lành nhiều căn bệnh. Trong số những phép chữa lành mà bà đã thực hiện, chúng ta sẽ kể lại một số trường hợp, như bằng chứng cho ân sủng của Thiên Chúa ngự trong bà.

Nữ hoàng Eudokia[424] , người đã coi Thánh nữ Melania là mẹ thiêng liêng của mình, đã đến Jerusalem, một phần để hành hương đến các thánh địa, một phần để thăm mẹ thiêng liêng của mình.

Trên đường đi, bà bị trật khớp chân và đau đớn đến mức không thể bước đi được. Nhưng khi Thánh Melania chỉ cần chạm nhẹ vào chân bà, chân bà lập tức lành lại.

Có một thiếu nữ bị quỷ ám, con quỷ đã khóa chặt miệng cô đến nỗi cô không thể mở miệng ra được; cô không thể thốt lên một lời nào, cũng không thể nếm được thức ăn, và cái chết đang chờ đợi cô – có lẽ do thiếu thức ăn kéo dài hơn là do sự hành hạ của con quỷ. Thánh nữ Melania đã chữa lành cho người phụ nữ này bằng lời cầu nguyện, đồng thời xức dầu thánh lên người cô. Ác quỷ đã rời khỏi cô, và miệng cô mở ra để ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa; sau khi ăn được thức ăn, cô đã khỏe mạnh trở lại.

Một người phụ nữ khác đang mang thai và đã đến lúc sinh nở; nhưng cô không thể sinh được, vì đứa trẻ đã chết trong bụng. Bị những cơn đau khủng khiếp hành hạ, cô đang ở ranh giới giữa sự sống và cái chết. Nhưng Thánh Melania đã giúp người phụ nữ này bằng những lời cầu nguyện của mình. Ngay khi chiếc thắt lưng được quấn quanh ngực người phụ nữ bệnh nhân, thai nhi đã được tống ra khỏi bụng: thai nhi đã chết ra khỏi cơ thể cô, cô cảm thấy nhẹ nhõm hơn và bắt đầu nói được, trong khi trước đó cô không thể thốt lên một lời nào.

Nhận thấy ngày mình về với Chúa đã gần kề, vị thánh nữ đã đi viếng các thánh địa ở Giê-ru-sa-lem và vùng lân cận, tại Bê-lem và Ga-li-lê. Khi lễ Giáng Sinh của Chúa Giêsu đến, bà tham dự thánh lễ suốt đêm tại hang đá nơi Chúa Giêsu ra đời, và tại đó, bà nói với một trong những chị em, người thân của bà, người luôn ở bên cạnh bà không rời, rằng đây là lần cuối cùng bà cùng họ mừng lễ Giáng Sinh của Chúa Giêsu. Người họ hàng của thánh nữ, nghe những lời ấy, đã khóc nức nở. Sau đó, vào ngày lễ Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano, Melania đã tham dự thánh lễ suốt đêm tại nhà thờ của ngài, nằm trong tu viện do chính bà xây dựng. Khi đọc đoạn kể về việc Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano bị sát hại, bà đã thêm vào rằng đây là lần cuối cùng bà đọc cho họ nghe. Lúc đó, tiếng khóc nức nở vang lên giữa các nữ tu: họ hiểu rằng vị thánh sắp rời bỏ cõi đời này. Còn Melania, theo thói quen của mình, đã an ủi họ bằng những lời nói được Thánh Thần soi dẫn trong một thời gian dài, và dạy dỗ họ về các đức tính. Sau đó, bà bước ra nhà thờ và bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, Đấng mà con đã chọn và yêu mến từ thuở ban đầu, Đấng mà con đã ưu tiên hơn người chồng trần thế, của cải, danh vọng và những thú vui trần gian, Đấng mà con đã dâng hiến thân xác và linh hồn mình ngay từ khi mới sinh ra, vì Đấng ấy mà con đã tuân giữ sự tiết độ đến nỗi xương cốt dính chặt vào da thịt con, – Đấng đã dẫn dắt bàn tay phải con và chỉ dạy con bằng sự soi dẫn của Ngài, – và giờ đây xin Ngài hãy lắng nghe tiếng kêu cầu khẩn thiết của con. Xin cho những giọt nước mắt này của con khơi dậy dòng suối lòng thương xót của Ngài dành cho con. Xin hãy tẩy sạch những vết nhơ tội lỗi của con, dù là do tự ý hay vô tình. Xin hãy dọn sẵn con đường dẫn đến Ngài cho con, không có bất kỳ sự cản trở hay trở ngại nào, để những ác quỷ trên không không thể giữ con lại. Ngài biết, Đấng Bất Tử, bản tính phàm trần của chúng con. Ngài biết, Đấng Yêu Thương Loài Người, rằng không có ai là không có vết nhơ; không có ai mà kẻ thù không thể tìm ra một lỗi lầm nào đó, dù người ấy chỉ sống được một ngày. Nhưng Ngài, lạy Chúa, xin hãy bỏ qua mọi tội lỗi của con, và làm cho con trở nên trong sạch trước Tòa Án của Ngài.

Thánh Melania đã cầu nguyện như vậy, và khi chưa kịp kết thúc lời cầu nguyện, bà đã bắt đầu cảm thấy đau đớn về thể xác. Nhưng dù đang kiệt sức vì bệnh tật, bà vẫn không ngừng công việc của mình, vẫn tham dự thánh lễ như thường lệ và từ sáng sớm đã giảng dạy các chị em. Sau đó, bà đã rước Mình Thánh Chúa từ tay Đức Giám mục Eleutheropolis[425] , người đã cùng các linh mục đến thăm bà, và bắt đầu chờ đợi cái chết đến. Trong lúc đó, bà an ủi người thân của mình, người đang khóc than thảm thiết vì phải chia ly với vị thánh, cũng như tất cả các chị em, và sau khi từ biệt mọi người bằng nụ hôn cuối cùng, bà đã nói những lời sau:

– Theo ý Chúa: mọi sự đã diễn ra như vậy.

---

[424] Hoàng hậu Eudokia – vợ của Hoàng đế phương Đông Theodosius II, trị vì từ năm 408–450.

[425] Eleutheropolis – một thành phố ở miền nam Palestine, nằm trên con đường nối giữa Jerusalem và Gaza. Hiện nay, tại đây có một làng nằm ở lối ra khỏi đồng bằng Sefel vào vùng cao nguyên Giu-đa. Không xa làng này là những tàn tích của thành phố cổ Eleutheropolis.

Với những lời ấy, bà nằm trên chiếc giường đơn sơ, trao linh hồn mình vào tay Chúa, nhắm chặt đôi mắt và chắp tay trước ngực thành hình thánh giá[426] .

Các tu sĩ nam và nữ từ tất cả các tu viện xung quanh thành phố thánh đã tụ tập để dự lễ an táng bà, họ đã hát các thánh vịnh suốt đêm bên thi hài bà, rồi an táng bà một cách trang trọng. Còn linh hồn thánh thiện của bà đã về với Chúa, Đấng mà bà đã yêu mến và đã tận tụy phụng sự suốt cả cuộc đời. Và giờ đây, cùng với tất cả các thánh, được dự phần vào vinh quang của Ngài, bà đang cầu nguyện tại đó cho chúng ta, những kẻ tội lỗi, trước mặt Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi. Vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

Ngày 14 tháng 1

Ngày 1 tháng 1 (theo lịch cũ)

Lời giảng về Lễ Cắt Bì của Chúa Kitô

Lễ kỷ niệm ngày 1 tháng 1

Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, sau tám ngày kể từ khi sinh ra, đã vui lòng chịu phép cắt bì. Một mặt, Ngài chịu phép này để thực thi luật pháp: *"Ta không đến* để *bãi bỏ luật pháp,"* Ngài phán, *"nhưng để thực thi nó"* (Mt 5,17); vì Ngài vâng phục Luật pháp để giải thoát những ai đang sống trong tình trạng nô lệ dưới sự ràng buộc của Luật pháp, như Thánh Tông đồ đã nói: *"Thiên Chúa đã sai Con của Ngài đến, để Con ấy vâng phục Luật pháp, nhằm cứu chuộc những ai đang sống dưới ách Luật pháp"* (Gl 4,5). Mặt khác, Ngài đã chịu phép cắt bì để chứng tỏ rằng Ngài thực sự đã mang lấy xác thịt loài người, và để bịt miệng những kẻ dị giáo, những kẻ nói rằng Đấng Christ không mang lấy xác thịt loài người thật sự, mà chỉ được sinh ra một cách hư ảo[427] . Vì vậy, Ngài đã chịu phép cắt bì để bản tính loài người của Ngài được tỏ rõ. Vì nếu Ngài không mặc lấy xác thịt của chúng ta, thì làm sao một ảo ảnh lại có thể chịu cắt bì, chứ không phải là xác thịt? Thánh Ephrem Si-ri-nô nói: "Nếu Đức Kitô không phải là xác thịt, thì Giuse đã cắt bì cho ai? Nhưng vì Ngài thực sự là xác thịt, nên Ngài đã được cắt bì như một con người, và đứa trẻ sơ sinh thực sự đã nhuốm máu của chính Ngài, như Con Người; Ngài đã đau đớn và khóc vì đau đớn, như xứng đáng với bản tính con người". Nhưng, ngoài ra, Ngài còn chấp nhận việc cắt bì theo xác thịt để thiết lập cho chúng ta việc cắt bì thuộc linh[428] ; vì, sau khi chấm dứt luật pháp cũ liên quan đến xác thịt[429] , Ngài đã đặt nền tảng cho luật pháp mới, thuộc linh. Và cũng như con người xác thịt trong Cựu Ước đã cắt bì xác thịt cảm tính của mình, thì con người thuộc linh mới cũng phải cắt bì những đam mê của tâm hồn: cơn giận dữ, sự tức giận, lòng ghen tị, kiêu ngạo, những ham muốn ô uế và các tội lỗi cùng những dục vọng tội lỗi khác. Ngài đã được cắt bì vào ngày thứ tám vì Ngài đã dùng chính máu của Ngài để báo trước cho chúng ta về cuộc sống tương lai, mà các vị thầy của Giáo Hội thường gọi là "ngày thứ tám" hay "thời đại thứ tám". Thánh Stephano, tác giả của bài thánh ca về lễ cắt bì của Chúa[430] , đã nói như sau: "Ngài biểu tượng cho cuộc sống vĩnh cửu của thời đại thứ tám sắp tới, trong đó Chúa đã chịu cắt bì về xác thịt"[431] . Và Thánh Grêgôriô Nissê cũng nói như sau: "Theo luật, việc cắt bì phải được thực hiện vào ngày thứ tám, và con số tám này báo trước về thời đại thứ tám trong tương lai[432] . Cũng cần biết rằng, việc cắt bì trong Cựu Ước được thiết lập như một hình bóng của phép rửa tội và sự thanh tẩy tội nguyên tổ, mặc dù tội đó không được thanh tẩy hoàn toàn bằng việc cắt bì, điều này cũng không thể xảy ra cho đến khi Đức Kitô tự nguyện đổ máu vô nhiễm của Ngài ra vì chúng ta trong những đau khổ. Lễ cắt bì chỉ là hình bóng của sự thanh tẩy đích

---

[426] Đó là ngày 31 tháng 12 năm 439.

[427] Những kẻ dị giáo, được gọi là Doketists, dạy rằng Đức Chúa Trời không thể mang lấy thân xác yếu đuối của con người, và rằng con người chỉ tưởng tượng ra rằng Chúa Kitô đã chịu đau khổ và chết.

[428] Tức là phép rửa tội, như sẽ được đề cập dưới đây, loại bỏ những dục vọng tội lỗi khỏi con người.

[429] Cựu Ước chủ yếu chứa đựng những quy định liên quan đến sự tuân thủ bên ngoài của con người

[430] Thánh Stephanos Savait

[431] Thánh lễ Cắt bì của Chúa, kinh thánh, bài ca thứ 4.

[432] Con số bảy trong Kinh Thánh có nghĩa là sự trọn vẹn. Do đó, để chỉ ra sự trường tồn của cuộc sống trên thế gian này, các vị thánh tổ thường dùng cụm từ "bảy thế kỷ" hoặc "bảy ngày", còn thế kỷ thứ tám hoặc ngày thứ tám, tất nhiên, phải chỉ đến cuộc sống tương lai.

thực, chứ không phải là sự thanh tẩy đích thực mà Chúa chúng ta đã thực hiện, khi Ngài gánh lấy tội lỗi khỏi thế gian và đóng đinh nó trên thập tự giá[433] , đồng thời thay thế lễ cắt bì của Cựu Ước bằng phép rửa mới đầy ân sủng bằng nước và Thánh Thần. Việc cắt bì vào thời đó như là hình phạt cho tội lỗi của tổ tiên và là dấu hiệu cho thấy đứa trẻ được cắt bì đã được thụ thai trong sự vi phạm luật pháp, như Đa-vít đã nói, và mẹ nó đã sinh ra nó trong tội lỗi (Thi Thiên 50:7), vì thế vết thương vẫn còn trên thân thể trẻ thơ. Còn Chúa chúng ta thì vô tội; vì dù Ngài đã trở nên giống chúng ta về mọi mặt, nhưng Ngài không mang lấy tội lỗi nào trên mình. Cũng như con rắn đồng do Mô-sê dựng lên trong sa mạc, bề ngoài trông giống con rắn nhưng không chứa nọc độc của rắn (Số 21:9), thì Đức Kitô cũng là con người đích thực, nhưng không dính líu đến tội lỗi loài người, và được sinh ra một cách siêu nhiên, từ Mẹ Maria ( ) trong sạch và chưa từng kết hôn. Ngài, với tư cách là Đấng vô tội và chính là Đấng Lập Luật, lẽ ra không cần phải chịu phép cắt bì đau đớn theo luật định; nhưng vì Ngài đã đến để gánh lấy tội lỗi của cả thế gian, và Đức Chúa Trời, như sứ đồ đã nói, đã biến Đấng không biết tội lỗi thành của lễ chuộc tội cho chúng ta (2 Cô-rinh-tô 5:21), nên Ngài, dù vô tội, vẫn chịu phép cắt bì như thể là một tội nhân. Và trong việc cắt bì, Chúa đã tỏ ra sự khiêm nhường lớn lao hơn cả khi Ngài sinh ra. Vì khi sinh ra, Ngài đã mang lấy hình dạng con người, theo lời sứ đồ: *"đã tự hạ mình, trở nên giống như loài người, và về hình dáng thì giống như con người"* (Phi-líp 2:7); còn trong việc cắt bì, Ngài đã mang lấy hình dạng của kẻ có tội, chịu đựng nỗi đau dành cho tội lỗi như một kẻ có tội. Và dù không có tội gì, Ngài vẫn chịu đau khổ như một người vô tội, như thể lặp lại lời của Đa-vít: "Điều tôi không lấy đi, thì tôi phải trả lại" (Thi Thiên 68:5), tức là vì tội lỗi mà tôi không liên quan, tôi chấp nhận nỗi đau của việc cắt bì. Bằng việc cắt bì mà Ngài đã chấp nhận, Ngài đã khởi đầu những đau khổ của Ngài vì chúng ta và việc nếm chén đắng mà Ngài phải uống cạn đến cùng, khi treo trên thập tự giá, Ngài đã phán: *"Đã hoàn tất"* (Ga 19:30)! Ngài đang đổ những giọt máu từ phần da bao quy đầu, và sau đó máu sẽ tuôn trào thành dòng từ khắp thân thể Ngài. Ngài bắt đầu chịu đựng từ thuở ấu thơ và làm quen với sự đau khổ, để khi trở thành người đàn ông hoàn hảo, Ngài có thể chịu đựng những đau khổ dữ dội hơn, vì những hành động dũng cảm cần phải được rèn luyện từ thuở thiếu thời. Cuộc đời con người, đầy ắp những vất vả, giống như một ngày, trong đó buổi sáng tượng trưng cho sự ra đời, còn buổi tối tượng trưng cho sự ra đi. Vậy, từ sáng sớm, ngay từ khi còn trong tã lót, Đức Kitô, Con Người được tôn thờ, đã bắt đầu công việc của Ngài, những lao nhọc – Ngài đã lao nhọc từ thuở thiếu thời và làm việc cho đến chiều tối (Tv 103:23), chiều tối khi mặt trời lặn và bóng tối bao trùm khắp mặt đất, cho đến giờ thứ chín. Và Ngài phán cùng dân Do Thái rằng: *"Cha Ta vẫn làm việc cho đến ngày nay, và Ta cũng làm việc"* (Giăng 5:17). Vậy Chúa đang làm gì cho chúng ta? – Sự cứu rỗi của chúng ta: *"Đấng sắp đặt sự cứu rỗi giữa đất"* (Thi Thiên 73:12). Và để hoàn thành công việc này một cách trọn vẹn, Ngài bắt tay vào thực hiện từ sáng sớm, ngay từ khi còn trẻ, bắt đầu chịu đựng bệnh tật về thể xác, đồng thời cũng đau lòng vì chúng ta như những đứa con của Ngài, cho đến khi chính Ngài – Đấng Christ – hiện thân trong chúng ta[434] .

Từ sáng sớm, Ngài bắt đầu gieo hạt bằng chính máu của Ngài, để đến chiều tối thu hoạch được trái ngọt ngào của sự cứu chuộc chúng ta. Đứa Trẻ đáng kính đã được đặt tên là Giê-su trong lễ cắt bì, cái tên này được Tổng thiên thần Gáp-ri-ên mang từ trời xuống vào lúc ngài báo tin về sự thụ thai của Ngài trong lòng Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, trước khi Ngài được thụ thai trong lòng mẹ, tức là trước khi Đức Trinh Nữ Thánh Thiện chấp nhận lời của vị sứ giả, trước khi Người nói: *"Này, tôi là nữ tỳ của Chúa; xin hãy thực hiện cho tôi theo lời ngài!"* (Lc 1,38). Bởi vì, khi Đức Trinh Nữ thốt lên những lời ấy, Lời Thiên Chúa lập tức đã trở nên xác thịt, ngự vào lòng Đức Trinh Nữ vô nhiễm và thánh thiện nhất. Vậy, danh hiệu thánh thiêng nhất là Giê-su, được Thiên Thần đặt trước khi thụ thai, đã được ban cho Chúa Kitô trong lễ cắt bì, điều này chính là lời loan báo về ơn cứu độ của chúng ta; vì danh hiệu Giê-su có nghĩa là "cứu rỗi", như chính Thiên Thần ấy đã giải thích khi hiện ra trong giấc mơ với Giô-sép và phán: *"Ngươi hãy đặt tên cho Ngài là Giê-su, vì Ngài sẽ cứu dân Ngài khỏi tội lỗi của họ"* (Mt 1,21). Và Thánh Tông đồ Phêrô làm chứng về danh xưng Giêsu bằng những lời sau: *"Không có danh nào khác dưới trời được ban cho loài người, nhờ đó chúng ta có thể được cứu rỗi"* (Công vụ 4:12). Tên cứu độ Giê-su này, từ trước muôn thuở, trong Hội đồng Ba Ngôi, đã được chuẩn bị sẵn, được ghi chép và được gìn giữ cho đến nay vì sự cứu rỗi của chúng ta; còn bây giờ, như một viên ngọc quý vô giá, đã được mang ra từ kho tàng trên trời để chuộc tội cho loài người và

---

[433] Cô-lô-se 2:14. Tội lỗi là rào cản, tức là tội lỗi đã đứng như một chướng ngại vật, một bức tường ngăn cách con người khỏi Đức Chúa Trời. Nhưng sau đó, tội lỗi đã bị đóng đinh trên thập tự giá, tức là đã mất hết mọi quyền lực và không còn có thể cản trở con người bước vào sự hiệp thông với Đức Chúa Trời nữa.

[434] Ga-la-ti 4:19. Được in hình – hình ảnh của Đấng Christ được in sâu rõ ràng trong chúng ta, đến nỗi chúng ta sẽ hoàn toàn xứng đáng với danh xưng là Cơ Đốc nhân

được Giuse công bố cho mọi người. Trong danh hiệu này, lẽ thật và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời được bày tỏ (Thi Thiên 50:8). Danh hiệu này, như mặt trời, đã chiếu sáng thế gian bằng vinh quang của mình, theo lời tiên tri: *"Còn đối với các ngươi, những ai kính sợ danh Ta, Mặt Trời Công Chính sẽ mọc lên"* (Ma-la-chi 4:2). Giống như dầu thơm, danh hiệu ấy đã lan tỏa hương thơm khắp vũ trụ: "Dầu thơm đã đổ ra" – như Kinh Thánh đã chép – "từ hương thơm của các loại dầu thơm của ngươi" (Nhã Ca 1:2); danh hiệu của Ngài không phải là dầu còn lại trong bình, mà là dầu đã được đổ ra. Vì chừng nào dầu thơm còn được cất giữ trong bình, thì hương thơm của nó vẫn được giữ lại bên trong; nhưng khi nó được đổ ra, thì ngay lập tức hương thơm lan tỏa khắp không gian. Sức mạnh của danh hiệu Đức Giê-su vẫn còn là điều bí ẩn, chừng nào nó còn ẩn giấu trong Hội Đồng Vĩnh Cửu, như thể trong một chiếc bình. Nhưng ngay khi danh hiệu ấy tuôn đổ từ trời xuống đất, thì ngay lập tức, giống như dầu thơm khi được đổ ra trong lúc máu của Hài Nhi bị cắt bì, nó đã tràn ngập vũ trụ bằng hương thơm của ân sủng, và mọi dân tộc nay đều xưng nhận rằng Chúa Giê-su Ki-tô là vinh quang của Đức Chúa Cha[435] . Sức mạnh của danh hiệu Chúa Giê-su nay đã được bày tỏ, vì danh hiệu kỳ diệu ấy đã khiến các thiên thần kinh ngạc, làm cho loài người vui mừng, và khiến ma quỷ khiếp sợ, vì chính ma quỷ cũng tin và run rẩy (Gia-cơ 2:19); chính từ danh hiệu ấy, địa ngục rung chuyển, âm phủ chao đảo, chúa tể bóng tối biến mất, các tượng thần sụp đổ, bóng tối của sự thờ lạy thần tượng tan biến, và thay vào đó, ánh sáng của sự thánh thiện chiếu rọi và soi sáng mọi người đến với thế gian (Giăng 1:9). Về danh hiệu cao quý hơn mọi danh hiệu này, để trước danh hiệu của Chúa Giê-su, mọi đầu gối trên trời, dưới đất và trong âm phủ đều quỳ xuống (Phi-líp 2:10). Tên của Đức Giê-su là vũ khí mạnh mẽ chống lại kẻ thù, như Thánh Gioan Thang Bậc đã nói: "Hãy luôn đánh bại các chiến binh bằng danh hiệu Đức Giê-su, vì ngươi sẽ không tìm thấy vũ khí nào mạnh hơn thế này, dù trên trời hay dưới đất." Tên quý giá nhất là Đức Giê-su này thật ngọt ngào biết bao đối với trái tim yêu mến Đức Kitô Giê-su! Thật là dễ chịu biết bao đối với ai sở hữu danh hiệu ấy! Vì Chúa Giê-su là tình yêu trọn vẹn, là sự ngọt ngào trọn vẹn. Danh hiệu thánh thiêng liêng "Giê-su" này thật êm ái biết bao đối với tôi tớ và kẻ bị giam cầm của Chúa Giê-su, người đã bị tình yêu của Ngài bắt làm tù binh! Chúa Giê-su – trong tâm trí, Chúa Giê-su – trên môi miệng, Chúa Giê-su – nơi lòng tin vào sự công chính, Chúa Giê-su – nơi miệng xưng nhận để được cứu rỗi (Rô-ma 10:10). Dù bạn đang đi, đang ngồi yên, hay đang làm việc gì đi nữa – Chúa Giê-su luôn hiện diện trước mắt bạn. Vì tôi đã quyết định – sứ đồ nói – rằng tôi sẽ không biết gì khác ngoài Chúa Giê-su (1 Cô-rinh-tô 2:2). Vì đối với ai gắn bó với Ngài, Chúa Giê-su là ánh sáng cho trí tuệ, vẻ đẹp tâm hồn, sức khỏe cho thân thể, niềm vui cho lòng, người trợ giúp trong hoạn nạn, niềm vui trong nỗi buồn, thuốc chữa lành trong bệnh tật, sự an ủi trong mọi gian nan và niềm hy vọng về sự cứu rỗi; còn đối với ai yêu mến Ngài, chính Ngài là phần thưởng và sự đền đáp.

Theo lời kể của Thánh Giê-rô-ni-mô, xưa kia, Danh Thánh không thể diễn tả của Thiên Chúa được khắc trên một tấm bảng vàng mà vị Thượng tế vĩ đại mang trên trán[436] ; còn ngày nay, Danh Thánh Giê-su được khắc bằng chính máu thánh của Ngài, đã đổ ra trong lễ cắt bì của Ngài. Tên ấy không còn được khắc trên vàng vật chất nữa, mà trên vàng thiêng liêng, tức là trên trái tim và trên môi miệng của các tôi tớ Chúa Giê-su, giống như đã được khắc trên người mà Đức Ki-tô đã phán: *"vì người ấy là bình được Ta chọn để rao truyền danh Ta"* (Công vụ 9:15). Đức Giê-su ngọt ngào nhất muốn danh Ngài, như thức uống ngọt ngào nhất, được chứa đựng trong bình, vì Ngài quả thực ngọt ngào đối với tất cả những ai nếm thử Ngài với tình yêu, những người mà tác giả Thi thiên hướng đến với những lời này: *"Hãy nếm thử và xem Chúa tốt lành biết bao"* (Thi thiên 33:9)! Sau khi nếm thử Ngài, vị tiên tri kêu lên: *"Con yêu mến Ngài, lạy Chúa, là nơi nương tựa của con"* (Thi Thiên 17:2)! Sau khi nếm thử Ngài, thánh tông đồ Phê-rô cũng nói: *"Này, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Ngài; chúng con còn đi theo ai nữa? Chỉ có Ngài mới có những lời ban sự sống đời đời"* (Ma-thi-ơ 19:27; Ga 6:68). Nhờ sự ngọt ngào này, những đau khổ nặng nề của các thánh tử đạo đã được xoa dịu đến nỗi họ thậm chí không còn sợ cả cái chết khủng khiếp nhất. "Ai có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Đức Chúa Trời?" – họ kêu lên – "Chẳng phải là nỗi buồn, hay nguy hiểm, hay gươm giáo, cũng chẳng phải là sự chết hay sự sống, vì tình yêu ấy vững chắc như sự chết" (Rô-ma 8:35, 38; Ca-vịnh 8:6). Vậy thì sự ngọt ngào không thể diễn tả được – danh hiệu của Chúa Giê-su – thích được mang trong bình nào? Chắc chắn là trong bình vàng, đã được thử lửa qua những gian truân và bất hạnh, được trang trí như thể bằng những viên ngọc quý, đó là những vết thương đã chịu thay cho Chúa Giê-su, và nói: *"Vì tôi mang những vết thương của Chúa Giê-su trên thân thể tôi"* (Ga-la-ti 6:17). Sự ngọt ngào ấy đòi hỏi một bình như vậy, và danh

[435] Phi-líp 2:11. Tức là Chúa Giê-su đã tôn vinh Đức Chúa Trời Cha qua công việc cứu chuộc mà Ngài đã gánh vác
[436] Tấm bảng vàng được gắn vào khăn trùm đầu của thượng tế có khắc tên Đức Chúa Trời (Giê-hô-va).

Chúa Giê-su mong muốn được mang trong chính bình ấy. Không phải vô cớ mà khi nhận danh hiệu trong lễ cắt bì, Chúa Giê-su đã đổ máu; qua đó, Ngài như muốn nói rằng chiếc bình được chọn để mang danh Ngài phải nhuốm màu máu. Vì khi Chúa chọn cho mình chiếc bình được chọn để tôn vinh danh Ngài – tức là sứ đồ Phao-lô – thì Ngài lập tức thêm rằng: *"Và Ta sẽ cho người ấy biết người ấy phải chịu khổ bao nhiêu vì danh Ta"* (Công vụ 9:16). Hãy nhìn vào bình của Ta, đẫm máu, đầy vết thương – danh hiệu của Chúa Giê-su được khắc họa bằng màu đỏ của máu, bằng bệnh tật và đau khổ của những ai kiên trì đến đổ máu, chiến đấu chống lại tội lỗi (Hê-bơ-rơ 12:4).

Vậy nên, chúng con hôn lên danh Ngài với tình yêu, hỡi danh thánh ngọt ngào nhất của Chúa Giê-su! Chúng con thờ lạy danh thánh chí thánh của Ngài với lòng thành kính, hỡi Chúa Giê-su ngọt ngào và đầy lòng thương xót! Chúng con ngợi khen danh thánh cao cả của Ngài, lạy Chúa Giê-su Cứu Thế, chúng con quỳ xuống trước máu Ngài đã đổ ra trong lễ cắt bì, lạy Hài Nhi vô tội và Chúa Toàn Năng! Chúng con khẩn cầu lòng nhân từ dồi dào của Ngài, vì Danh Thánh chí thánh của Ngài, vì máu quý báu của Ngài đã đổ ra vì chúng con, và còn vì Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội của Ngài, Đấng đã sinh ra Ngài mà không hề hư nát – xin hãy tuôn đổ ân sủng dồi dào của Ngài xuống trên chúng con! Hỡi Chúa Giêsu, xin hãy làm ngọt ngào trái tim chúng con bằng chính Ngài! Xin hãy bảo vệ và che chở chúng con, lạy Chúa Giêsu, khắp mọi nơi bằng Danh Thánh của Ngài! Xin hãy đánh dấu và ghi khắc chúng con, những tôi tớ của Ngài, lạy Chúa Giêsu, bằng Danh Thánh ấy, để chúng con được đón nhận vào Nước Trời tương lai của Ngài, và ở đó, cùng với các Thiên Thần, ca ngợi và tôn vinh, lạy Chúa Giêsu, Danh Thánh cao quý và vĩ đại của Ngài đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Ngài ngự trên ngai vàng rực lửa trên trời cùng với Cha Vô Thỉ và Thánh Thần Thần Thánh của Ngài, đã thương xót sinh ra trên đất này, từ Trinh Nữ, Mẹ Ngài chưa từng biết đến chồng, lạy Chúa Giêsu: vì lý do đó, Ngài đã được cắt bì khi mới tám ngày tuổi. Vinh quang thuộc về ý định toàn thiện của Ngài, vinh quang thuộc về sự quan tâm của Ngài, vinh quang thuộc về lòng nhân từ của Ngài, Đấng Yêu Thương Loài Người Duy Nhất.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Chúa chấp nhận phép cắt bì cho mọi người và cắt bỏ tội lỗi loài người, như một ân huệ, Ngài ban sự cứu rỗi cho thế gian hôm nay. Vị Thượng phụ của các Đấng Tạo Hóa và vị Thánh Basil, người giữ bí tích thiêng liêng của Đức Kitô, đang hân hoan trên trời.

Cuộc đời của Thánh Cha chúng ta Basil Đại Đế, Tổng Giám mục thành Caesarea

Ngày kỷ niệm: 1 tháng 1

Vasilios, vị thánh vĩ đại được Chúa yêu mến và là vị thầy đầy khôn ngoan của Giáo Hội, sinh ra trong một gia đình quý tộc và sùng đạo tại thành phố Caesarea thuộc Cappadocia[437] , vào khoảng năm 330, dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Đại Đế. Constantine Đại Đế trị vì từ năm 324 đến năm 337. Cha ngài cũng tên là Basil[438]

[437] Cappadocia – một tỉnh của Đế quốc La Mã, nằm ở phía đông Tiểu Á và nổi tiếng vào thời Thánh Basil Đại Đế nhờ trình độ học vấn cao của cư dân nơi đây. Vào cuối thế kỷ XI, Cappadocia rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ và cho đến nay vẫn thuộc về họ. Caesarea là thành phố chính của Cappadocia; Giáo hội Caesarea từ lâu đã nổi tiếng nhờ trình độ học vấn của các vị tổng giám mục. Thánh Grêgôriô Thần học, người đã bắt đầu con đường học vấn của mình tại đây, gọi Caesarea là thủ đô của sự khai sáng.

[438] Cha của Basil, cũng tên là Basil, nổi tiếng vì lòng từ thiện, đã kết hôn với Emmelia – một thiếu nữ quý tộc và giàu có. Từ cuộc hôn nhân này, họ sinh ra năm con gái và năm con trai. Con gái cả – Macrina – đã trung thành với mối quan hệ hạnh phúc này, dành trọn đời mình cho sự trong trắng (ngày kỷ niệm của bà là 19 tháng 7). Trong số năm người anh em trai, một người qua đời khi còn nhỏ; ba người trở thành giám mục và được phong thánh; người thứ năm tử nạn trong một chuyến đi săn. Trong số những người còn sống, con trai cả là Basil, tiếp theo là Gregory, sau này trở thành Giám mục Nissa (ngày tưởng niệm là 10 tháng 1), và Peter, ban đầu là một tu sĩ bình thường, sau đó trở thành Giám mục Sebaste (ngày tưởng niệm là 9 tháng 1). – Cha của Vasili, có lẽ, đã nhận chức linh mục không lâu trước khi qua đời, điều này có thể suy ra từ việc Grigori Thần Học gọi mẹ của Vasili Đại Đế là vợ của một linh mục.

, còn mẹ là Emmelia. Những hạt giống đầu tiên của lòng đạo đức đã được gieo vào tâm hồn ngài bởi bà ngoại đạo đức của ngài, Makrina, người khi còn trẻ đã vinh dự được nghe những lời dạy dỗ trực tiếp từ Thánh Grigorius Thánh Tạo – và bởi mẹ ngài, bà Emmelia đạo đức. Cha của Vasilij không chỉ hướng dẫn con trai về đức tin Kitô giáo, mà còn dạy cho cậu những môn học thế tục, những môn mà ông rất am hiểu, bởi chính ông từng giảng dạy môn hùng biện, tức là nghệ thuật diễn thuyết, và triết học. Khi Vasilios khoảng 14 tuổi, cha cậu qua đời, và Vasilios, giờ đã mồ côi, đã sống hai hoặc ba năm cùng bà ngoại Makrina, không xa Neocaesarea, gần sông Iris[439] , trong một ngôi nhà ngoại ô thuộc sở hữu của bà ngoại cậu và sau này đã được chuyển đổi thành tu viện. Từ đó, Vasili thường xuyên đến Cesarea để thăm mẹ mình, người đang sống cùng các con khác tại thành phố này, nơi bà sinh ra.

Sau khi Makrina qua đời, Basil, lúc đó 17 tuổi, lại định cư tại Caesarea để theo học các môn học khác nhau tại các trường học ở đó. Nhờ trí tuệ sắc sảo đặc biệt, Basil nhanh chóng sánh ngang về kiến thức với các thầy của mình và, trong hành trình tìm kiếm tri thức mới, đã lên đường đến Constantinople, nơi vào thời điểm đó, nhà triết học trẻ Libanius[440] nổi tiếng với tài hùng biện. Tuy nhiên, Basil cũng không ở lại đây lâu và đã chuyển đến Athens – , thành phố được coi là cái nôi của toàn bộ trí tuệ Hy Lạp[441] . Tại Athens, anh bắt đầu theo học một vị thầy ngoại giáo lừng danh tên là Evvula, đồng thời cũng theo học tại các trường của hai vị thầy Athens lừng danh khác là Iberia và Proeresia[442] . Lúc bấy giờ, Basil đã bước sang tuổi 26, và ngài thể hiện sự siêng năng phi thường trong việc học tập các môn khoa học, nhưng đồng thời cũng được mọi người khen ngợi vì lối sống trong sạch của mình. Ngài chỉ biết hai con đường ở Athens – một dẫn đến nhà thờ, và một dẫn đến trường học. Tại Athens, Vasilius đã kết bạn với một vị thánh vĩ đại khác – Grigorius Thần học gia, người cũng đang theo học tại các trường học ở Athens vào thời điểm đó[443] . Vasil và Grigori, với những phẩm chất tương đồng về đạo đức, tính hiền lành và sự trong sạch, yêu thương nhau như thể họ chỉ có một tâm hồn – và tình yêu lẫn nhau ấy họ đã gìn giữ mãi mãi sau này. Vasily say mê học thuật đến mức thường xuyên quên cả việc ăn uống khi mải mê với sách vở. Anh đã nghiên cứu ngữ pháp, hùng biện, thiên văn học, triết học, vật lý, y học và các khoa học tự nhiên. Nhưng tất cả những khoa học thế tục, trần tục này không thể thỏa mãn trí tuệ của anh, vốn đang tìm kiếm sự soi sáng cao cả, thiêng liêng từ trời cao; và sau khi ở Athens khoảng năm năm, Vasily cảm thấy rằng khoa học thế tục không thể mang lại cho anh một nền tảng vững chắc trên con đường tu dưỡng Kitô giáo. Vì vậy, ông quyết định lên đường đến những vùng đất nơi các tu sĩ Kitô giáo sinh sống, và nơi ông có thể tìm hiểu đầy đủ về khoa học Kitô giáo đích thực.

Vậy nên, trong khi Grigorius Thần học vẫn ở lại Athens, lúc này đã trở thành một giáo sư hùng biện, Vasilius đã lên đường đến Ai Cập, nơi đời sống tu hành đang phát triển rực rỡ[444] . Tại đây, dưới sự hướng dẫn của một vị archimandrite tên là Porphyrius, ông đã tìm thấy một bộ sưu tập lớn các tác phẩm thần học, và đã dành trọn một năm để nghiên cứu chúng, đồng thời rèn luyện bản thân qua những hành động tu hành khổ hạnh. Tại Ai Cập, Vasilius đã quan sát cuộc sống của những vị tu sĩ nổi tiếng cùng thời với ông – Pachomius, người sống tại Thebaid, Macarius Cả và Macarius thành Alexandria, Paphnutius, Paul và những người khác. Từ Ai Cập, Basil lên đường đến Palestine, Syria và Mesopotamia để tham quan các thánh địa và tìm hiểu cuộc sống của các vị tu sĩ tại đó. Nhưng trên đường đến Palestine, ông ghé qua Athens và tại đây đã có cuộc trò chuyện với người thầy cũ của mình là Evvulos, đồng thời tranh luận về đức tin chân chính với các nhà triết học Hy Lạp khác.

---

[439] Neocaesarea – nay là Niksar – là thủ đô nổi tiếng về vẻ đẹp của Pontus Polemoniacus, ở phía bắc Tiểu Á; nơi đây đặc biệt được biết đến nhờ Công đồng Giáo hội diễn ra tại đây (năm 315). Iris – con sông ở Pontus, bắt nguồn từ dãy núi Antitaurus.

[440] Các nhà triết học Sophist – những học giả chủ yếu dành trọn đời cho việc nghiên cứu và giảng dạy nghệ thuật hùng biện. – Livius và sau này, khi Basil đã trở thành giám mục, vẫn duy trì liên lạc qua thư từ với ông.

[441] Athens – thành phố chính của Hy Lạp, từ lâu đã thu hút những trí tuệ và tài năng xuất sắc nhất của Hy Lạp. Nơi đây từng là nơi sinh sống của các nhà triết học nổi tiếng – Socrates và Plato, cũng như các nhà thơ Aeschylus, Sophocles, Euripides và những người khác. – "Sự thông thái của người Hy Lạp" ở đây tất nhiên ám chỉ học thuật và nền giáo dục ngoại giáo.

[442] Proeresius, nhà giáo dục triết học nổi tiếng nhất thời bấy giờ, là một Kitô hữu, điều này được thể hiện qua việc ông đã đóng cửa trường học của mình khi hoàng đế Julian cấm các Kitô hữu giảng dạy triết học. Không có thông tin nào về tôn giáo mà Iberius theo đuổi.

[443] Grigori (Nazianzen) sau này từng giữ chức Tổng Giám mục Constantinopolis trong một thời gian và được biết đến qua những tác phẩm xuất sắc, nhờ đó ông được mệnh danh là "Nhà Thần học". Ông đã quen biết Vasilios từ thời còn ở Caesarea, nhưng chỉ thực sự trở thành bạn thân với ông ấy khi ở Athens. Ngày tưởng niệm ông là ngày 25 tháng 1

[444] Ai Cập từ lâu đã là nơi mà đời sống tu hành Kitô giáo phát triển đặc biệt mạnh mẽ. Tương tự như vậy, nơi đây cũng có rất nhiều học giả Kitô giáo, trong đó nổi tiếng nhất là Origène và Clément d'Alexandrie.

Với mong muốn dẫn dắt thầy mình đến với đức tin chân chính và qua đó đền đáp những ân huệ mà chính ông đã nhận được từ thầy, Vasilius bắt đầu tìm kiếm ông khắp thành phố. Ông đã không tìm thấy thầy trong một thời gian dài, nhưng cuối cùng đã gặp lại thầy bên ngoài tường thành, vào lúc Evvul đang thảo luận với các nhà triết học khác về một chủ đề quan trọng nào đó. Sau khi lắng nghe cuộc tranh luận và chưa tiết lộ danh tính của mình, Vasili đã tham gia vào cuộc trò chuyện, ngay lập tức giải quyết được vấn đề hóc búa đó, rồi từ phía mình, anh đặt ra một câu hỏi mới cho thầy của mình. Khi những người nghe đang bối rối không biết ai lại có thể trả lời và phản biện với Evvul nổi tiếng như vậy, thì chính Evvul đã nói:

– Người này hoặc là một vị thần nào đó, hoặc chính là Vasili[445] .

Khi nhận ra Vasily, Evvul cho bạn bè và các học trò của mình ra về, còn bản thân ông thì dẫn Vasily về nhà mình, và họ đã dành trọn ba ngày để trò chuyện, hầu như không đụng đến thức ăn. Trong lúc đó, Evvul hỏi Vasily rằng, theo anh, giá trị cốt lõi của triết học nằm ở đâu.

– Bản chất của triết học, – Vasily trả lời, – nằm ở chỗ nó giúp con người nhận thức về cái chết[446] .

Đồng thời, ông chỉ ra cho Evvul thấy sự vô thường của thế gian và mọi niềm vui trong đó, những thứ ban đầu có vẻ thực sự ngọt ngào, nhưng sau đó lại trở nên vô cùng đắng cay đối với những ai đã quá gắn bó với chúng.

– Bên cạnh những niềm vui đó, – Vasily nói, – còn có những sự an ủi khác, có nguồn gốc từ trời. Không thể cùng lúc hưởng thụ cả hai – *"Không ai có thể phụng sự hai chủ"* (Mt 6:24), – nhưng chúng ta vẫn, trong phạm vi khả năng của những con người gắn bó với đời thường, chia sẻ bánh của sự hiểu biết chân chính và đưa những ai, dù do lỗi lầm của chính họ, đã mất đi áo choàng đức hạnh, vào dưới mái nhà của những việc lành, thương xót họ như chúng ta thương xót một người trần truồng trên đường phố.

Tiếp theo đó, Vasily bắt đầu nói với Evvul về sức mạnh của sự sám hối, mô tả những hình ảnh về đức hạnh và tội lỗi mà ông từng nhìn thấy, những thứ lần lượt thu hút con người về phía mình, cùng với hình ảnh của sự sám hối, xung quanh đó, như những người con gái của nó, là các đức hạnh khác nhau[447] .

– Nhưng chúng ta không cần, Evvul, – Vasily nói thêm, – phải dùng đến những phương tiện thuyết phục nhân tạo như vậy. Chúng ta nắm giữ chính sự thật, mà bất cứ ai chân thành tìm kiếm đều có thể thấu hiểu. Chính xác là, chúng ta tin rằng tất cả chúng ta sẽ được phục sinh vào một ngày nào đó – một số để được sự sống đời đời, còn những người khác thì để chịu sự đau khổ và sỉ nhục vĩnh viễn. Các vị tiên tri đã nói rõ điều này với chúng ta: Ê-sai, Giê-rê-mi, Đa-ni-ên và Đa-vít, cùng với Thánh Tông đồ Phao-lô, cũng như chính Chúa, Đấng kêu gọi chúng ta ăn năn, Đấng đã tìm thấy con chiên lạc, và Đấng đã ôm lấy con trai hoang đàng trở về với lòng ăn năn bằng tình yêu thương, hôn lên má, mặc cho nó áo sáng chói và đeo nhẫn, rồi tổ chức tiệc mừng cho nó (Lc 15). Ngài ban phần thưởng như nhau cho những ai đến vào giờ thứ mười một, cũng như cho những ai đã chịu đựng sự vất vả của ngày và cái nắng gay gắt[448] . Ngài ban cho chúng ta, những người ăn năn và được tái sinh bởi nước và Thánh Thần, điều như đã chép: "Mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến những điều mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho những ai yêu mến Ngài"[449] .

Khi Vasili tóm tắt cho Evvul lịch sử việc xây dựng công trình cứu rỗi của chúng ta, bắt đầu từ sự sa ngã của A-đam và kết thúc bằng giáo lý về Đấng Christ, Đấng Cứu Chuộc, Evvul đã thốt lên:

– Hỡi Vasili, Đấng được trời ban cho! Nhờ ngài, tôi tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất, Cha Toàn Năng, Đấng Tạo Hóa muôn loài, và tôi trông đợi sự sống lại của người chết cùng sự sống đời đời, A-men. Đây là bằng chứng cho đức tin của tôi nơi Đức Chúa Trời: phần đời còn lại của tôi, tôi sẽ dành để ở bên ngài, và bây giờ tôi mong muốn được tái sinh bởi nước và Thánh Linh.

Lúc đó, Vasily nói:

– Ngợi khen Đức Chúa Trời của chúng ta từ nay cho đến muôn đời, Đấng đã chiếu sáng tâm trí ngươi, Evbul, bằng ánh sáng của lẽ thật, và dẫn dắt ngươi từ sự lầm lạc tột cùng đến sự nhận biết tình yêu của Ngài. Nếu

---

[445] Tức là, theo quan điểm của Evvul, Basil sở hữu trí tuệ vượt xa mức thông thường của con người, và về mặt này, ngài gần gũi với các vị thần.

[446] Tức là, chỉ những ai coi cái chết như một sự chuyển tiếp sang cuộc sống mới và vì thế mà rời bỏ thế gian này mà không sợ hãi mới xứng đáng với danh hiệu "triết gia".

[447] Trong thời cổ đại, những hình ảnh như vậy thường được các nhà giáo dục đạo đức sử dụng để tạo ấn tượng sâu sắc hơn đối với thính giả.

[448] Tức là cái nóng, cái oi bức, vốn rất khắc nghiệt ở phương Đông (Mt 20:12).

[449] Tức là những điều mà bây giờ chúng ta không thể nào hình dung được bằng bất kỳ cách nào (1 Cô-rinh-tô 2:9).

anh muốn – như anh đã nói – sống cùng tôi, thì tôi sẽ giải thích cho anh cách chúng ta nên lo liệu cho sự cứu rỗi của mình, thoát khỏi những cạm bẫy của cuộc sống trần gian này. Chúng ta sẽ bán hết tài sản và phân phát tiền cho người nghèo, rồi chính chúng ta sẽ lên thành thánh để chiêm ngưỡng những phép lạ ở đó[450] ; ở đó, đức tin của chúng ta sẽ càng được củng cố hơn nữa.

Sau khi phân phát toàn bộ tài sản cho những người nghèo khó theo cách đó và mua cho mình những bộ quần áo trắng, thứ bắt buộc phải có đối với những người sắp chịu phép rửa tội[451] , họ lên đường đến Giê-ru-sa-lem và trên đường đi đã dẫn dắt nhiều người đến với đức tin chân chính.

Khi đến Antioch[452] , họ vào một nhà trọ. Con trai của chủ nhà trọ, tên là Philoxen, lúc đó đang ngồi trước cửa với vẻ mặt vô cùng buồn bã. Là học trò của nhà triết học Livanias, cậu đã mượn từ ông ấy một số bài thơ của Homer[453] để chuyển thể thành bài diễn thuyết, nhưng không thể làm được và đang rất đau khổ vì khó khăn này. Thánh Basil, thấy cậu buồn bã, liền hỏi:

– Cậu buồn vì chuyện gì vậy, chàng trai trẻ?

Philoxenus đáp:

– Dù tôi có nói cho ngài biết lý do nỗi buồn của mình, thì ngài cũng chẳng giúp được gì cho tôi đâu?

Khi Vasily vẫn khăng khăng đòi biết và hứa rằng chàng trai sẽ không nói vô ích về lý do buồn bã của mình, thì chàng trai đã kể cho ông nghe về nhà triết học và những bài thơ, đồng thời nói thêm rằng lý do khiến anh buồn bã là vì anh không biết cách truyền đạt rõ ràng ý nghĩa của những bài thơ đó. Vasily cầm lấy những câu thơ đó và bắt đầu giải thích, diễn giải chúng thành ngôn ngữ đơn giản; còn cậu thiếu niên, vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, đã xin ông viết bản dịch đó cho mình. Lúc đó, Vasily đã viết bản dịch những câu thơ của Homer theo ba cách khác nhau, và cậu thiếu niên, vui mừng cầm lấy bản dịch, đã mang chúng đến gặp thầy giáo của mình, Livanius, vào buổi sáng hôm sau. Livanius, sau khi đọc xong, đã ngạc nhiên và nói:

– Tôi thề trước Ý chí Thần thánh rằng, trong số các nhà triết học hiện nay, không ai có thể đưa ra lời giải thích như thế này! Ai đã viết cho cậu điều này, Philoxen?

Cậu thiếu niên đáp:

– Ở nhà tôi có một người lữ hành, chính ông ấy đã viết lời giải thích này rất nhanh và không gặp bất kỳ khó khăn nào.

Livan ngay lập tức vội vã đến nhà trọ để gặp người lữ khách đó; khi thấy Basilius và Evvulus ở đó, ông ngạc nhiên trước sự xuất hiện bất ngờ của họ và rất vui mừng. Ông mời họ ở lại nhà mình và, khi họ đến, đã chiêu đãi họ một bữa tiệc thịnh soạn. Nhưng Basil và Evbul, theo thói quen của mình, sau khi nếm một chút bánh mì và nước, đã dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời, Đấng ban mọi ân huệ. Sau đó, Libanius bắt đầu đặt ra cho họ những câu hỏi hóc búa, còn họ thì trình bày với ông về đức tin Kitô giáo. Libanius, sau khi lắng nghe họ một cách chăm chú, nói rằng thời điểm để chấp nhận lời giảng này vẫn chưa đến, nhưng nếu đó là ý muốn của Thiên Chúa Toàn Năng, thì không ai có thể chống lại giáo lý Kitô giáo[454] .

– Anh sẽ giúp tôi rất nhiều, Vasili, – ông kết luận, – nếu anh không từ chối trình bày giáo lý của mình để mang lại lợi ích cho các môn đệ đang ở đây với tôi.

Chẳng bao lâu sau, các môn đệ của Livan tụ họp lại, và Vasily bắt đầu dạy dỗ họ để họ đạt được sự trong sạch của tâm hồn, sự vô dục về thể xác, cách cư xử khiêm nhường, giọng nói nhẹ nhàng, lời nói khiêm tốn, sự tiết độ trong ăn uống, im lặng trước những bậc trưởng lão, chú tâm lắng nghe lời người khôn ngoan, vâng lời những người có chức vụ, tình yêu chân thành dành cho đồng đẳng và những người thấp hơn mình, để họ tránh xa những kẻ ác, những người đầy dục vọng và mê đắm vào những thú vui xác thịt, để họ nói ít hơn, lắng nghe và suy ngẫm nhiều hơn, không nói năng bừa bãi, không nói nhiều, không cười nhạo người khác một cách ngạo mạn, biết giữ sự e thẹn, không trò chuyện với những người phụ nữ vô đạo đức, hạ mắt xuống đất và hướng tâm hồn về nơi thánh

---

[450] Tức là các địa danh nổi tiếng, chẳng hạn như quan tài của Chúa Kitô, Golgotha, v.v.

[451] Cả ngày nay lẫn thời cổ đại, những người mới được rửa tội đều mặc áo trắng như một dấu hiệu cho thấy họ đã được thanh tẩy khỏi tội lỗi.

[452] Ở đây tất nhiên là Antioch thuộc Syria, bên bờ sông Orontes, được gọi là "Đại Antioch".

[453] Homer – nhà thơ Hy Lạp vĩ đại nhất, sống vào thế kỷ IX trước Công nguyên; ông đã sáng tác những bài thơ nổi tiếng: "Iliad" và "Odyssey".

[454] Tức là thời điểm để thay thế triết học và tôn giáo ngoại giáo bằng đức tin Kitô giáo vẫn chưa đến. Libanius đã qua đời với tư cách là một người ngoại giáo (khoảng năm 391, tại Antioch).

thiêng, tránh tranh cãi, không tìm kiếm chức vụ thầy dạy, và coi thường những vinh dự của thế gian. Còn ai làm điều gì có ích cho người lân cận, thì hãy trông đợi phần thưởng từ Thiên Chúa và sự báo đáp vĩnh cửu từ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Thánh Basil đã nói như vậy với các môn đệ của Libani, và họ đã lắng nghe ngài với sự ngạc nhiên lớn lao; sau đó, ngài cùng với Evbul lại lên đường.

Khi họ đến Giê-ru-sa-lem và với lòng tin và tình yêu, họ đã viếng thăm tất cả các thánh địa, cầu nguyện tại đó với Đấng Tạo Hóa Duy Nhất của muôn loài, rồi họ đến gặp Giám mục của thành phố đó, là Maximus[455] , và xin ngài làm phép rửa cho họ tại sông Giô-đanh[456] . Vị giám mục, khi thấy đức tin vĩ đại của họ, đã đáp ứng lời thỉnh cầu của họ: ngài dẫn theo các linh mục của mình, cùng với Vasil và Evvul đi đến sông Jordan. Khi họ dừng chân bên bờ sông, Vasilios quỳ sấp xuống đất và trong nước mắt, ông cầu xin Thiên Chúa ban cho ông một dấu hiệu nào đó để củng cố đức tin của mình. Sau đó, với lòng kính sợ, ông đứng dậy, cởi bỏ y phục của mình, và cùng với đó, *"bỏ lại lối sống cũ của con người cũ "*[457] , rồi bước xuống nước và cầu nguyện. Khi vị thánh tiến lại gần để làm phép rửa cho ông, bỗng một tia sét lửa giáng xuống trên họ, và một con bồ câu bay ra từ tia sét ấy đã lao xuống sông Giô-đanh, làm gợn sóng rồi bay lên trời[458] . Những người đứng trên bờ, khi chứng kiến cảnh đó, đã kinh ngạc và ngợi khen Thiên Chúa. Sau khi nhận phép rửa, Basil bước lên khỏi nước, và vị giám mục, kinh ngạc trước tình yêu của ông dành cho Thiên Chúa, đã mặc cho ông bộ áo của sự Phục Sinh của Chúa Kitô[459] , đồng thời dâng lời cầu nguyện. Ngài cũng rửa tội cho Evbul, rồi xức dầu thánh cho cả hai và ban Thánh Thể cho họ.

Khi trở về thành thánh, Vasili và Evvul ở lại đó một năm. Sau đó, họ lên đường đến Antioch, nơi Vasili được Tổng Giám mục Meletius phong làm phó tế, rồi ông chuyên giảng giải Kinh Thánh[460] . Một thời gian ngắn sau, ông cùng Evvul trở về quê hương của mình, Cappadocia. Khi họ sắp đến thành phố Caesarea, Tổng giám mục Caesarea, Leontius, đã được báo mộng về sự đến của họ và được cho biết rằng Basil sau này sẽ trở thành Tổng giám mục của thành phố này. Vì vậy, tổng giám mục đã triệu tập phó tế trưởng của mình[461] và một số giáo sĩ danh

---

[455] Maximus III – Tổng Giám mục Giêrusalem – từ năm 333 đến năm 350.

[456] Các Kitô hữu thời xưa nhận phép rửa tội rất muộn – một phần vì lòng khiêm nhường, một phần vì suy nghĩ rằng, nếu được rửa tội không lâu trước khi qua đời, họ sẽ được tha thứ mọi tội lỗi của mình qua phép rửa tội.

[457] Tức là được giải thoát khỏi tội nguyên tổ (Ê-phê-sô 4:22).

[458] Phép lạ này gợi nhớ đến sự ngự xuống của Đức Thánh Linh dưới hình dạng chim bồ câu trên Đấng Cứu Thế Chúa Giê-su khi Ngài chịu phép rửa tại sông Giô-đanh.

[459] Chúa Giêsu Kitô, khi nằm trong quan tài, đã được quấn trong những tấm vải liệm màu trắng.

[460] Thánh Basil Cả là tác giả của nhiều tác phẩm. Cũng như mọi hành động của Thánh Basil đều mang tính vĩ đại và quan trọng phi thường, thì tất cả các tác phẩm của ngài cũng mang đậm nét cao cả và vĩ đại của đức tin Kitô giáo. Trong các tác phẩm của mình, ngài vừa là nhà thuyết giáo, vừa là nhà thần học tranh luận, vừa là người giải thích Kinh Thánh, vừa là thầy dạy đạo đức và lòng đạo đức, và cuối cùng là người tổ chức các nghi lễ thờ phượng của Giáo hội. Trong số các bài giảng của ngài, những bài được coi là xuất sắc nhất về sức mạnh và sự say mê bao gồm: bài chống lại những kẻ cho vay nặng lãi, bài chống lại thói say rượu và sự xa hoa, bài về vinh quang, và bài về nạn đói. Trong các bức thư của mình, Thánh Basil miêu tả sinh động các sự kiện của thời đại ngài; nhiều bức thư chứa đựng những lời dạy tuyệt vời về tình yêu, sự hiền lành, sự tha thứ, về việc nuôi dạy con cái, chống lại sự keo kiệt và kiêu ngạo của những người giàu có, chống lại những lời thề vô ích, hoặc đưa ra những lời khuyên thiêng liêng dành cho các tu sĩ. Với tư cách là một nhà thần học và nhà tranh luận, ngài hiện diện trước chúng ta qua ba cuốn sách của ngài, được viết để phản bác Evnomius, một kẻ giảng dạy sai lầm theo phái Arian, cũng như trong tác phẩm phản bác Savelios và những người theo phái Anomoeans về bản tính thần thánh của Thánh Thần. Hơn nữa, Thánh Basil Cả còn viết một cuốn sách riêng về Thánh Thần để phản bác Aetius, người mà Evnomius cũng là người ủng hộ. Một số bài giảng và thư từ của Thánh Basil cũng được xếp vào các tác phẩm giáo lý. Với tư cách là nhà giải thích Kinh Thánh, Thánh Basil đã nổi tiếng đặc biệt nhờ chín bài giảng về "Sách Sáng Thế Ký", trong đó ngài đã chứng tỏ mình không chỉ là người am hiểu Lời Chúa, mà còn thông thạo triết học và khoa học tự nhiên. Các bài giảng của ngài về các Thánh vịnh và 16 chương của sách Tiên tri Isaia cũng rất nổi tiếng. Cả các bài giảng về "Sáu Ngày Tạo Hóa" lẫn các Thánh vịnh đều được trình bày trong nhà thờ, do đó bên cạnh việc giải thích, chúng còn chứa đựng những lời khuyên răn, an ủi và giáo huấn. Ngài đề cập đến các giáo lý về sự đạo đức trong tác phẩm nổi tiếng "Lời khuyên dành cho các thanh niên về cách sử dụng các tác giả ngoại giáo", cũng như trong hai cuốn sách về đời sống tu hành. Các tác phẩm thuộc kinh điển bao gồm các thư của Thánh Basil Đại Đế gửi cho một số giám mục. – Grigori Thần Học đã nhận xét về giá trị của các tác phẩm của Thánh Basil Đại Đế như sau: "Ở mọi nơi, niềm vui lớn lao nhất chính là các tác phẩm và sáng tác của Thánh Basil. Sau ngài, các nhà văn không cần đến của cải nào khác ngoài các tác phẩm của ngài. Thay cho tất cả, chỉ riêng ngài đã đủ để cung cấp kiến thức cho các học trò." "Ai muốn trở thành một nhà hùng biện xuất sắc trong lĩnh vực chính trị," vị Thượng phụ học giả Photius nói, "thì không cần đến Demosthenes hay Plato, miễn là người đó lấy lời nói của Thánh Basil làm mẫu mực và nghiên cứu chúng." Trong mọi lời nói của mình, Thánh Basil đều xuất sắc. Ngài đặc biệt thông thạo một ngôn ngữ trong sáng, thanh nhã và trang nghiêm; về trật tự tư tưởng, ngài đứng đầu. Ngài kết hợp sức thuyết phục với sự dễ chịu và rõ ràng." Thánh Grêgôriô Thần Học đã nói như sau về kiến thức và các tác phẩm của Thánh Basil: "Ai còn được soi sáng bởi ánh sáng của tri thức hơn Thánh Basil, ai còn thấu hiểu được những chiều sâu của Thánh Thần, và cùng với Thiên Chúa đã nghiên cứu tất cả những gì được biết về Thiên Chúa? Ở Thánh Basil, vẻ đẹp là đức hạnh, sự vĩ đại là thần học, con

dự, rồi sai họ đến cổng phía đông của thành phố, ra lệnh cho họ phải dẫn hai người lữ hành mà họ gặp ở đó đến gặp ngài với sự tôn kính. Họ đi và, khi gặp Vasilii cùng Evvul đang bước vào thành phố, đã dẫn họ đến gặp tổng giám mục; ngài, khi nhìn thấy họ, đã rất ngạc nhiên, vì chính họ là những người ngài đã thấy trong giấc mơ – và ngài đã ngợi khen Đức Chúa Trời. Ngài hỏi họ đến từ đâu và tên là gì , và sau khi biết tên của họ, ngài ra lệnh đưa họ vào phòng ăn và chiêu đãi; còn bản thân ngài, sau khi triệu tập các linh mục và những công dân danh giá của thành phố, đã kể cho họ nghe tất cả những gì Thiên Chúa đã mặc khải cho ngài trong giấc mơ về Vasilii. Lúc đó, các linh mục đồng thanh nói:

– Vì nhờ cuộc đời đạo đức của ngài mà Đức Chúa Trời đã chỉ định cho ngài người kế vị ngai vàng, nên ngài hãy đối xử với người ấy theo ý ngài; vì quả thật, người được ý muốn của Đức Chúa Trời chỉ định trực tiếp là người xứng đáng nhận mọi sự kính trọng.

Sau đó, Đức Tổng Giám mục đã gọi Vasili và Evvul đến và bắt đầu thảo luận với họ về Kinh Thánh, mong muốn biết mức độ hiểu biết của họ về Kinh Thánh. Nghe những lời họ nói, ngài ngạc nhiên trước sự sâu sắc trong sự khôn ngoan của họ và, sau khi giữ họ lại bên mình, đã đối xử với họ bằng sự kính trọng đặc biệt. Còn Basil, khi ở tại Caesarea, đã sống một cuộc đời giống như những gì ông đã học được từ nhiều vị tu sĩ khi ông du hành qua Ai Cập, Palestine, Syria và Mesopotamia, và quan sát lối sống của các vị tu sĩ sống tại những vùng đất đó. Như vậy, bằng cách noi gương cuộc sống của họ, ngài đã trở thành một tu sĩ tốt lành, và Tổng Giám mục Caesarea, Eusebius[462] , đã phong ngài làm linh mục và người hướng dẫn các tu sĩ tại Caesarea. Sau khi nhận chức linh mục, Thánh Basil đã dành trọn thời gian cho các công việc mục vụ này, đến nỗi ngài thậm chí còn từ chối trao đổi thư từ với những người bạn cũ của mình[463] . Việc chăm lo cho các tu sĩ do ngài tập hợp, rao giảng Lời Chúa và các công việc mục vụ khác không cho phép ngài phân tâm vào những việc ngoài lề. Tuy nhiên, trên cương vị mới, ngài nhanh chóng giành được sự kính trọng mà ngay cả chính vị tổng giám mục – người vẫn chưa đủ kinh nghiệm trong các công việc của Giáo hội, vì ngài được bầu lên ngai tòa Cesarea từ hàng giáo dân – cũng chưa từng có được. Nhưng chưa đầy một năm sau khi nhậm chức linh mục, Giám mục Eusebius, do sự yếu đuối của con người, đã bắt

---

đường là khát vọng không ngừng và sự thăng tiến hướng về Thiên Chúa, sức mạnh là việc gieo rắc và ban phát Lời. Và vì thế, tôi có thể nói mà không ngần ngại: "Tiếng nói của họ đã lan tỏa khắp mặt đất, lời của họ đến tận ranh giới vũ trụ, và lời của Ngài đến tận cùng vũ trụ," như Thánh Phaolô đã nói về các Tông đồ (Rm 10,18).... – Khi tôi cầm cuốn "Sáu Ngày" của ngài trên tay và đọc to lên: lúc đó tôi trò chuyện với Đấng Tạo Hóa, thấu hiểu các định luật của sự sáng tạo và ngưỡng mộ Đấng Tạo Hóa hơn bao giờ hết – trước đây tôi chỉ có một cái nhìn duy nhất làm người hướng dẫn. Khi tôi đối diện với những lời vạch trần của ngài dành cho các thầy giả dối: lúc đó tôi thấy ngọn lửa Sodom, ngọn lửa thiêu rụi những lưỡi lưỡi gian xảo và vô luật. Khi tôi đọc những lời về Thánh Thần: lúc đó tôi tìm lại được Thiên Chúa mà tôi đang có, và cảm nhận trong lòng sự can đảm để rao giảng chân lý, bước lên từng bậc thang của thần học và chiêm niệm của ngài. Khi tôi đọc những lời giải thích khác của ngài, những điều ngài làm sáng tỏ ngay cả cho những người có tầm nhìn hạn hẹp: lúc đó tôi nhận ra rằng không nên dừng lại ở một chữ cái, và không chỉ nhìn vào bề mặt, mà phải vươn xa hơn, từ một độ sâu này tiến vào một độ sâu mới, gọi vực thẳm bằng vực thẳm và thu nhận ánh sáng bằng ánh sáng, cho đến khi đạt đến ý nghĩa cao nhất. Khi tôi đắm chìm trong những lời ca ngợi của ngài dành cho các vị tu hành, tôi quên đi thân xác, trò chuyện với những người được ngài ca ngợi, và được khơi dậy lòng nhiệt huyết để thực hành những việc cao cả. Khi tôi đọc những lời dạy về đạo đức và hành động của ngài: lúc đó tâm hồn và thân xác tôi được thanh tẩy, tôi trở thành một đền thờ đẹp lòng Chúa, nơi Thánh Thần thổi vào như người ca ngợi vinh quang và quyền năng của Chúa, và nhờ đó tôi được biến đổi, đạt đến sự hoàn thiện, từ một con người này trở thành một con người khác, được biến đổi bởi sự biến đổi thần thánh." (Lời điếu của Grêgôriô Thần Học dành cho Thánh Basiliô).

[461] Các phó tế trưởng có vai trò rất quan trọng trong Giáo hội cổ đại, với tư cách là những trợ tá thân cận nhất của các giám mục.

[462] Eusebius được bổ nhiệm vào chức vụ giám mục, theo yêu cầu của dân chúng, ngay từ khi còn đang làm việc trong ngành công vụ, và vì thế không thể có uy tín đặc biệt với tư cách là nhà thần học và người giảng dạy đức tin.

[463] Một trong những công việc quan trọng nhất của ngài vào thời điểm đó là rao giảng Lời Chúa. Thường thì ngài không chỉ giảng mỗi ngày, mà còn giảng hai lần một ngày, vào buổi sáng và buổi tối. Đôi khi, sau khi giảng tại một nhà thờ, ngài lại đến giảng tại một nhà thờ khác. Trong các bài giảng của mình, Thánh Basil đã trình bày một cách sinh động và thuyết phục, chạm đến cả trí tuệ lẫn trái tim, về vẻ đẹp của các đức tính Kitô giáo và vạch trần sự đồi bại của các thói hư tật xấu; ngài khuyến khích mọi người hướng tới những đức tính tốt đẹp, tránh xa những thói hư tật xấu, và chỉ dẫn cho tất cả con đường để đạt đến sự hoàn thiện, bởi chính ngài là một người tu hành giàu kinh nghiệm. Các bài giảng của ngài trước hết hướng đến việc rèn luyện tâm linh cho thính giả. Dù ngài giải thích câu chuyện về việc lập hòa bình, ngài cũng đặt mục tiêu trước hết là chỉ ra rằng "hòa bình là trường học của sự hiểu biết về Thiên Chúa" (Bài giảng thứ nhất về Sáu Ngày Sáng Tạo), và qua đó khơi dậy trong thính giả lòng kính sợ đối với sự khôn ngoan và lòng nhân từ của Đấng Tạo Hóa, được bộc lộ qua các tác phẩm sáng tạo của Ngài – dù nhỏ hay lớn, tuyệt đẹp, đa dạng và vô số. Thứ hai, ông muốn chỉ ra rằng thiên nhiên luôn dạy con người sống một cuộc đời đạo đức tốt đẹp. Cách sống, tính cách, thói quen của các loài động vật bốn chân, chim chóc, cá và bò sát – tất cả, ngay cả những loài chỉ tồn tại trong một ngày – đều mang lại cho ông cơ hội để rút ra những bài học răn dạy cho "chủ nhân của trái đất" – con người. Khi giải thích Sách Thi Thiên – cuốn sách mà theo lời ông, hội tụ tất cả những gì hữu ích từ các sách khác: cả lời tiên tri, lịch sử lẫn bài học răn dạy – ông chủ yếu áp dụng những lời của Thi sĩ vào cuộc sống và hoạt động của người Kitô hữu.

đầu ghen tị và có ác cảm với Basil. Thánh Basil, khi biết được điều này và không muốn trở thành đối tượng của sự ghen tị, đã lui về sa mạc Pontus[464] . Tại sa mạc Pontus, Basil lui về bên sông Iris – một vùng đất mà trước đó mẹ ông là Emmelia và chị gái ông là Macrina đã lui về ẩn dật – và vùng đất này vốn thuộc về họ. Macrina đã lập một tu viện tại đây. Gần đó, dưới chân ngọn núi cao, nơi được bao phủ bởi rừng rậm và được tưới mát bởi dòng nước lạnh và trong vắt, Basil đã định cư. Vùng hoang mạc này mang lại cho Vasilios sự yên tĩnh bất biến đến mức ông dự định sẽ kết thúc cuộc đời mình tại đây. Tại đây, ông noi gương những hành động cao cả của những bậc vĩ nhân mà ông từng chứng kiến ở Syria và Ai Cập. Anh tu hành trong sự thiếu thốn tột cùng, chỉ có một bộ quần áo để che thân – một chiếc áo choàng ngắn và một chiếc áo choàng dài; anh cũng mặc áo lông dê, nhưng chỉ vào ban đêm để không ai nhìn thấy; anh ăn bánh mì và uống nước, nêm nếm bữa ăn đạm bạc này bằng muối và rễ cây. Do sự kiêng khem nghiêm ngặt, ngài trở nên rất xanh xao và gầy gò, và rơi vào tình trạng kiệt sức tột độ. Ngài chưa bao giờ đi tắm hơi hay đốt lửa. Nhưng Basil không sống chỉ cho riêng mình: ngài đã tập hợp các tu sĩ vào một cộng đoàn; qua những lá thư của mình, ngài đã thu hút người bạn Grigory của mình đến sa mạc.

Trong cuộc sống ẩn dật của mình, Vasili và Grigori làm mọi việc cùng nhau; cùng nhau cầu nguyện; cả hai đều từ bỏ việc đọc những cuốn sách thế tục, vốn trước đây họ đã dành rất nhiều thời gian cho chúng, và chỉ tập trung vào Kinh Thánh. Với mong muốn nghiên cứu Kinh Thánh sâu sắc hơn, họ đọc các tác phẩm của các vị Thánh Cha và các nhà thần học tiền bối, đặc biệt là Origen. Cũng tại đây, Basil và Gregory, dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần, đã soạn thảo các quy tắc sinh hoạt tu viện, mà phần lớn các tu sĩ của Giáo Hội Đông Phương vẫn tuân theo cho đến ngày nay[465] .

Về đời sống thể xác, Basil và Gregory tìm thấy niềm vui trong sự nhẫn nại; họ tự tay lao động, khiêng củi, đẽo đá, trồng và tưới cây, vác phân, khuân vác vật nặng, đến nỗi những vết chai trên tay họ tồn tại rất lâu. Nơi ở của họ không có mái che cũng không có cổng; ở đó chẳng bao giờ có lửa hay khói. Bánh mì mà họ ăn khô và nướng chưa chín kỹ đến nỗi hầu như không thể nhai được bằng răng.

Tuy nhiên, đã đến lúc cả hai, Basil và Gregory, phải rời khỏi sa mạc, vì sự phục vụ của họ là cần thiết cho Giáo hội, vốn lúc bấy giờ đang bị các kẻ dị giáo gây rối. Cha của Gregory, cũng tên là Gregory, một người đã cao tuổi và vì thế không còn đủ sức để kiên quyết chống lại các kẻ dị giáo, đã đón Gregory về Nazianzus để giúp đỡ các tín hữu Chính thống; Còn Vasili thì được Eusebius, Tổng Giám mục Caesarea, thuyết phục trở về. Vị này đã làm hòa với ông qua thư và xin ông giúp đỡ Giáo hội, vốn đang bị những người Arian tấn công[466] . Thánh Basil, khi thấy Giáo hội đang lâm vào cảnh khốn khó như vậy và coi lợi ích của Giáo hội quan trọng hơn đời sống ẩn tu, đã từ bỏ cuộc sống ẩn dật và đến Caesarea, nơi ngài đã nỗ lực rất nhiều, bằng lời nói và các tác phẩm, để bảo vệ đức tin chính thống khỏi tà giáo. Khi Tổng Giám mục Eusebius qua đời, trao linh hồn mình cho Thiên Chúa trong vòng tay của Thánh Basil, thì Thánh Basil đã được bầu lên và tấn phong vào ngôi Tổng Giám mục bởi Công đồng các Giám mục. Trong số các giám mục đó có cả Grigori già nua, cha của Grigori Nazianzin. Do sức khỏe yếu và mệt mỏi vì tuổi già, ngài đã ra lệnh cho người ta đưa mình đến Caesarea, nhằm thuyết phục Basil nhận chức tổng giám mục và ngăn chặn việc một người theo phái Arian nào đó được tấn phong lên ngai tổng giám mục.

Vasilios đã cai quản Giáo hội của Chúa Kitô một cách thành công; còn người anh trai của ngài là Phêrô, ngài đã phong làm linh mục để người ấy giúp đỡ ngài trong các công việc của Giáo hội, và sau đó bổ nhiệm người

---

[464] Pontus – một vùng ở Tiểu Á, dọc theo bờ nam Biển Đen, không xa Neocaesarea. Sa mạc Pontus cằn cỗi, và khí hậu nơi đây hoàn toàn không thuận lợi cho sức khỏe. Túp lều mà Basil sống ở đây không có cửa chắc chắn, không có lò sưởi đúng nghĩa, cũng không có mái che. Trong bữa ăn, tuy có phục vụ một món nóng nào đó, nhưng theo lời Grigori Thần Học, kèm theo loại bánh mì mà mỗi miếng, do quá khô cứng, khiến răng ban đầu trượt đi, rồi sau đó bị kẹt lại trong đó. Ngoài các buổi cầu nguyện chung, đọc Kinh Thánh và các tác phẩm học thuật, Thánh Basil Đại Đế, Thánh Grigorius Thần Học cùng các tu sĩ khác tại đây còn tự tay mang củi, đẽo đá, chăm sóc rau củ trong vườn, và tự mình kéo chiếc xe ngựa chở phân bón khổng lồ.

[465] Những quy tắc này đã và đang là kim chỉ nam cho đời sống của các tu sĩ khắp phương Đông, và đặc biệt là cho các tu sĩ Nga của chúng ta. Trong các quy tắc của mình, Thánh Basil ưu tiên đời sống cộng đồng hơn đời sống ẩn dật và cô độc, bởi vì khi sống cùng với những người khác, tu sĩ có nhiều cơ hội hơn để phục vụ cho tình yêu Kitô giáo. Thánh Basil quy định các tu sĩ phải tuyệt đối vâng lời vị Bề trên, đồng thời yêu cầu họ phải hiếu khách đối với những người lữ hành, mặc dù cấm dâng cho họ những món ăn đặc biệt. Ăn chay, cầu nguyện và lao động không ngừng – đó là những việc các tu sĩ phải làm theo các quy tắc của Thánh Basil; tuy nhiên, họ cũng không được quên những nhu cầu của những người bất hạnh và bệnh tật xung quanh, những người cần được chăm sóc.

[466] Những kẻ dị giáo – phái Arian – dạy rằng Chúa Kitô là một thực thể được tạo dựng, không tồn tại vĩnh cửu và không cùng bản tính với Thiên Chúa Cha. Tên gọi của tà thuyết này bắt nguồn từ linh mục Arius của Giáo hội Alexandria, người đã bắt đầu rao giảng những tư tưởng này vào năm 319.

ấy làm giám mục thành Sebaste[467] . Vào thời điểm đó, mẹ của họ, thánh nữ Emmelia, đã về với Chúa, sau khi sống hơn 90 năm.

Một thời gian sau, Thánh Basil đã cầu xin Thiên Chúa soi sáng tâm trí ngài, để ngài có thể dâng lễ vật vô huyết lên Thiên Chúa bằng chính lời nói của mình, và để ngài được ban ân sủng của Thánh Thần cho việc này[468] . Sáu ngày sau, vào ngày thứ bảy, khi Thánh Basil đứng trước bàn thờ trong nhà thờ và bắt đầu dâng bánh và chén, chính Chúa đã hiện ra với ngài trong một thị kiến cùng các tông đồ và phán:

– Theo lời cầu xin của ngươi, hãy để miệng ngươi tràn đầy lời ngợi khen, để ngươi có thể thực hiện nghi lễ không đổ máu, đồng thời đọc lên những lời cầu nguyện của chính mình.

Sau đó, Vasily bắt đầu nói và ghi chép những lời như sau: "Xin cho miệng con tràn đầy lời ngợi khen, xin cho con ca ngợi vinh quang của Ngài", "Lạy Chúa, Thiên Chúa của chúng con, xin tạo dựng chúng con và dẫn dắt chúng con vào cuộc sống này" cùng các lời cầu nguyện khác của Thánh Lễ. Khi kết thúc lời cầu nguyện, ngài giơ bánh lên, thành kính cầu nguyện bằng những lời sau: "Xin hãy nghe, lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng con, tại nơi ngự của Ngài trên trời và trước ngai vàng Nước Trời của Ngài, xin hãy đến thánh hóa chúng con, xin ngự trên ngọn núi này và ở lại với chúng con tại đây một cách vô hình: và xin ban cho chúng con, bằng chính tay Ngài, Thân Thể và Máu Thánh Tinh Khiết của Ngài cho tất cả chúng con, loài người"[469] . Khi vị thánh thực hiện nghi lễ này, Evbul cùng các giáo sĩ cao cấp đã nhìn thấy ánh sáng thiên đàng chiếu rọi lên bàn thờ và vị thánh, cùng với một số người đàn ông rạng rỡ mặc áo choàng trắng đang vây quanh Thánh Basil. Nhìn thấy cảnh đó, họ vô cùng kinh hoàng và quỳ sấp mặt xuống, rơi lệ và ngợi khen Đức Chúa Trời.

Lúc bấy giờ, Thánh Basil đã gọi thợ kim hoàn đến và ra lệnh cho ông ta đúc một con chim bồ câu bằng vàng nguyên chất – theo hình ảnh con chim bồ câu đã hiện ra trên sông Jordan – rồi đặt nó trên ngai thánh, để nó như thể bảo vệ các Bí tích Thánh.

Chúa Trời đã chứng thực sự thánh thiện của Thánh Basil ngay khi ngài còn sống qua một số dấu hiệu kỳ diệu. Một lần nọ, khi ngài đang cử hành Thánh lễ, có một người Do Thái, muốn tìm hiểu bản chất của các Bí tích Thánh, đã hòa nhập cùng các tín hữu khác như thể là một Kitô hữu, và khi bước vào nhà thờ, người ấy thấy Thánh Basil đang cầm một đứa trẻ sơ sinh trong tay và xé nó ra thành nhiều mảnh. Khi các tín hữu bắt đầu rước lễ từ tay vị thánh, người Do Thái ấy cũng tiến lại gần, và vị thánh đã trao cho ông ta, cũng như cho các Kitô hữu khác, một phần của các Món Quà Thánh. Khi nhận lấy vào tay, người Do Thái thấy đó thực sự là thịt, và khi đến gần chén thánh, anh ta thấy trong đó thực sự là máu. Anh ta giấu phần còn lại của Thánh Thể và, khi về đến nhà, đã cho vợ xem và kể cho cô ấy nghe tất cả những gì anh ta đã tận mắt chứng kiến. Sau khi tin chắc rằng Bí tích Kitô giáo thực sự là điều thiêng liêng và vinh quang, sáng hôm sau, ông đến gặp Thánh Basil và khẩn cầu ngài ban cho ông Bí tích Rửa tội. Thánh Basil, sau khi tạ ơn Thiên Chúa, đã ngay lập tức rửa tội cho người Do Thái ấy cùng cả gia đình ông.

Một lần nọ, khi vị thánh đang đi trên đường, một người phụ nữ nghèo, bị một quan chức đối xử bất công, đã quỳ xuống dưới chân Thánh Basil, khẩn cầu ngài viết thư cho vị quan chức đó về trường hợp của mình, vì ông ta rất kính trọng vị thánh. Vị thánh lấy một tờ giấy[470] , rồi viết thư cho viên quan như sau: "Người phụ nữ nghèo khổ này đã đến gặp tôi, nói rằng lá thư của tôi có ý nghĩa rất lớn đối với ngài. Nếu đúng như vậy, xin hãy chứng minh điều đó bằng hành động và hãy tỏ lòng nhân từ với người phụ nữ này". Sau khi viết những lời này, vị thánh trao tờ giấy cho người phụ nữ nghèo đó, và bà ta nhận lấy rồi mang đến cho người chỉ huy. Sau khi đọc bức thư, người chỉ huy viết thư trả lời vị thánh như sau: "Theo thư của ngài, thưa Cha thánh, tôi muốn ban ân huệ cho người phụ nữ đó, nhưng không thể làm được điều đó, vì bà ta phải nộp thuế chung cho toàn dân." Vị thánh lại viết cho ông ta như sau: "Nếu ông muốn mà không thể làm được thì cũng được; nhưng nếu ông có thể mà không muốn làm, thì Chúa sẽ khiến chính ông rơi vào cảnh khốn khó, đến nỗi ông sẽ không thể làm được điều mình muốn." Những lời của vị thánh ấy chẳng bao lâu sau đã ứng nghiệm: không lâu sau đó, nhà vua nổi giận với viên quan trưởng ấy, vì biết rằng

---

[467] Sebaste – một thành phố ở Cappadocia.

[468] Proclus, Tổng Giám mục Constantinopolis (vào giữa thế kỷ V), cho biết Thánh Basil đã soạn thảo một nghi thức Thánh lễ ngắn gọn hơn do nhiều Kitô hữu thời bấy giờ bắt đầu bày tỏ sự bất mãn về thời lượng kéo dài của các nghi lễ nhà thờ. Để làm được điều này, ngài đã rút gọn các lời cầu nguyện chung thông thường, đồng thời mở rộng các lời cầu nguyện của các linh mục. – Ngoài các nghi thức Thánh lễ, Thánh Basil Đại Đế còn soạn thảo: a) lời cầu nguyện trước khi rước lễ; b) các lời cầu nguyện vào đêm trước Lễ Ngũ Tuần và c) lời cầu nguyện và lời cầu khẩn cho người bị quỷ ám.

[469] Lời cầu nguyện trong Thánh lễ của Thánh Basil Đại Đế.

[470] Charta – giấy papyrus hoặc giấy da, được dùng để viết trong thời cổ đại; bản thảo, cuộn giấy (3 Mac. 4:15; 2 Giăng 1:12).

ông ta đang gây ra những sự áp bức nặng nề cho dân chúng, và đã ra lệnh giam ông ta lại, để ông ta phải bồi thường cho tất cả những người mà ông ta đã làm tổn thương. Từ trong tù, viên quan đó đã gửi đơn cầu xin đến Thánh Basil, mong ngài thương xót và dùng lời can thiệp để làm dịu lòng nhà vua. Thánh Basil vội vàng thỉnh cầu nhà vua cho ông ta, và sáu ngày sau, sắc lệnh được ban ra, miễn tội cho viên quan đó. Vị quan trưởng, khi thấy vị thánh đã nhân từ với mình như thế nào, liền vội vã đến gặp ngài để bày tỏ lòng biết ơn, và đã trao cho người phụ nữ nghèo nói trên từ tài sản của mình một số tiền gấp đôi so với số tiền mà ông đã thu của bà.

Trong khi vị thánh nhân của Chúa, Thánh Vasilie Đại Đế, đang dũng cảm chiến đấu tại Caesarea Cappadocia vì đức tin thánh thiện của Chúa Kitô[471] , thì hoàng đế Julianus Bội Đạo, kẻ phỉ báng Thiên Chúa và là kẻ bách hại Kitô hữu tàn bạo[472] , người từng khoe khoang rằng mình sẽ tiêu diệt các Kitô hữu, đang dẫn quân đi chinh phạt người Ba Tư. Lúc bấy giờ, Thánh Basil đang cầu nguyện trong nhà thờ trước bức tượng Đức Mẹ Rất Thánh, dưới chân Ngài có hình ảnh Thánh Tử đạo vĩ đại Mercury dưới hình dạng một chiến binh cầm giáo. Thánh Mercury, vị chiến binh này, đã chịu cái chết tử đạo tại Caesarea Cappadocia (ngày kỷ niệm của ngài là 24 tháng 11). Ngài cầu nguyện để Thiên Chúa đừng cho Julian, kẻ bách hại và hủy diệt các Kitô hữu, trở về sống sót từ cuộc chiến với người Ba Tư. Và rồi ngài thấy hình ảnh Thánh Mercury, đang đứng gần Đức Mẹ Rất Thánh, đã thay đổi, và hình ảnh vị tử đạo trong một khoảng thời gian ngắn đã trở nên vô hình. Một lúc sau, vị tử đạo lại hiện ra, nhưng lần này cầm một cây giáo dính máu. Chính vào lúc đó, Julian đã bị Thánh Tử đạo Mercurius – người được Đức Mẹ Đồng Trinh sai đi để tiêu diệt kẻ thù của Thiên Chúa – đâm trúng trong cuộc chiến với Ba Tư.

Thánh Basil Đại Đế còn được ban cho một ân sủng đặc biệt khác. Khi ngài dâng Thánh Thể trong Thánh Lễ, con chim bồ câu vàng mang Thánh Thể, đang lơ lửng trên bàn thờ thánh, được sức mạnh của Thiên Chúa thúc đẩy, đã rung chuyển ba lần. Một lần nọ, khi Thánh Basil đang cử hành Thánh Lễ và dâng Thánh Thể, dấu hiệu thường thấy với con chim bồ câu – vốn rung chuyển để báo hiệu sự ngự xuống của Chúa Thánh Thần – lại không xuất hiện. Khi Thánh Basil suy ngẫm về nguyên nhân của điều này, ngài thấy rằng một trong những phó tế đang cầm các tấm rèm[473] đang nhìn chằm chằm vào một người phụ nữ đang đứng trong nhà thờ. Thánh Basil ra lệnh cho phó tế đó lùi xa khỏi bàn thờ thánh và giao cho anh ta hình phạt sám hối – nhịn ăn và cầu nguyện trong bảy ngày, thức trắng cả đêm để cầu nguyện, và dùng tài sản của mình để bố thí cho người nghèo. Kể từ đó, Thánh Vasili ra lệnh treo một tấm màn và dựng một vách ngăn trước bàn thờ trong nhà thờ, để không một người phụ nữ nào có thể nhìn vào bàn thờ trong khi cử hành Thánh lễ; còn những ai không tuân lệnh thì phải bị dẫn ra khỏi nhà thờ và bị cấm rước lễ[474] .

Trong thời gian Thánh Basil còn là giám mục, Giáo hội của Chúa Kitô đã bị Hoàng đế Valens[475] gây rối, người bị mù quáng bởi tà thuyết Arian. Ông ta đã lật đổ nhiều giám mục Chính thống khỏi ngai tòa của họ, đưa những người theo tà thuyết Arian lên thay thế, còn những người khác, những kẻ nhút nhát và hèn nhát, thì bị ép buộc phải gia nhập tà thuyết của ông ta. Ông tức giận và đau khổ trong lòng khi thấy Basil vẫn kiên định ngự trên ngai của mình, như một trụ cột vững chắc của đức tin, đồng thời khích lệ và khuyên nhủ những người khác phải khinh bỉ chủ nghĩa Arian như một tà thuyết đáng ghét trước mặt Thiên Chúa. Trong khi đi tuần tra các lãnh địa của mình và đàn áp dữ dội những người Chính Thống Giáo khắp nơi, nhà vua, trên đường đến Antioch, đã đến Caesarea Cappadocia và tại đây bắt đầu sử dụng mọi biện pháp nhằm lôi kéo Basil về phía tà thuyết Arian. Ông đã xúi giục các tướng lĩnh, quý tộc và cố vấn của mình, để họ dùng cả lời nài nỉ, hứa hẹn lẫn đe dọa nhằm thúc đẩy Thánh Basil thực hiện ý muốn của nhà vua. Và những người cùng quan điểm với hoàng đế cũng không ngừng

---

[471] "Nếu không có Basil – nhà sử học Giáo hội Sozomen nói – thì tà thuyết của Evnomius đã lan rộng đến Taurus, và tà thuyết của Apollinaris – từ Taurus đến Ai Cập".

[472] Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363. Sau khi trở thành hoàng đế, ông đã từ bỏ đức tin Kitô giáo và đặt mục tiêu của cuộc đời mình là khôi phục lại đạo ngoại; vì vậy ông được gọi là "Apostata" (Kẻ Bội Đạo).

[473] Ripida – (tiếng Hy Lạp: opachalo, dụng cụ xua ruồi). Đó là những vòng tròn bằng kim loại gắn trên những cán khá dài, trên đó có hình ảnh các Seraphim sáu cánh. Trong các nghi lễ do giám mục chủ tế, các phó tế dùng chúng để quạt và vẫy trên các Thánh lễ vật, để không có côn trùng nào rơi vào đó; đồng thời, những chiếc ripida còn nhắc nhở chúng ta rằng trong nghi lễ Thánh Thể, các Thiên Thần Thánh – những hình ảnh của họ được khắc trên ripida – cũng hiện diện và đồng tế cùng chúng ta. Ripida được sử dụng trong thánh lễ do giám mục chủ tế; trong thánh lễ do linh mục chủ tế, chúng được thay thế bằng tấm màn che.

[474] Các tấm màn thực ra được treo trước khu vực riêng biệt trong nhà thờ dành cho phụ nữ; những tấm màn này được hạ xuống trong lúc cử hành Bí tích Thánh Thể, và phụ nữ bị cấm kéo chúng lên vào thời điểm đó, nếu không sẽ bị đuổi ra khỏi nhà thờ. Bàn thờ được ngăn cách với phần còn lại của nhà thờ bằng một tấm lưới thông thoáng, sau này đã phát triển thành bức tường thánh hiện nay.

[475] Hoàng đế Valens trị vì từ năm 364 đến năm 378.

thuyết phục vị thánh này; ngoài ra, một số phụ nữ quý tộc được hoàng đế sủng ái đã cử các hoạn quan của họ đến gặp vị thánh, khuyên nhủ ông một cách kiên trì rằng ông nên đồng quan điểm với hoàng đế. Nhưng không ai có thể ép vị giám mục kiên định trong đức tin này từ bỏ Chính Thống giáo. Cuối cùng, Giám mục Modest[476] đã triệu tập Thánh Basil đến gặp mình và, sau khi không thể thuyết phục ngài từ bỏ Chính Thống Giáo bằng những lời hứa ngọt ngào, ông bắt đầu đe dọa ngài một cách dữ dội bằng việc tịch thu tài sản, trục xuất và tử hình. Còn vị thánh thì dũng cảm đáp lại những lời đe dọa đó:

– Nếu ngài tước đoạt tài sản của tôi, thì ngài cũng chẳng vì thế mà giàu có hơn, và cũng chẳng khiến tôi trở thành kẻ nghèo khó. Tôi tin rằng ngài chẳng cần những bộ quần áo cũ nát này của tôi, cũng như vài cuốn sách – vốn là toàn bộ tài sản của tôi. Không có chuyện lưu đày đối với tôi, vì tôi không bị ràng buộc bởi nơi chốn nào cả; nơi tôi đang sống hiện nay không phải của tôi, và bất cứ nơi nào họ đày tôi đến cũng sẽ là của tôi. Thay vào đó, hãy nói rằng: mọi nơi đều là nơi của Chúa, dù tôi có là *"người lữ hành và khách lạ"* ở đâu đi chăng nữa (Thánh Vịnh 38:13). Còn những cực hình thì có thể làm gì được tôi? – Tôi yếu đuối đến nỗi có lẽ chỉ cú đánh đầu tiên mới khiến tôi cảm thấy đau đớn. Còn cái chết đối với tôi là ân huệ: nó sẽ đưa tôi đến với Đức Chúa Trời, Đấng mà tôi sống và làm việc vì Ngài, và Đấng mà tôi đã khao khát từ lâu.

Ngạc nhiên trước những lời này, quan tổng trấn nói với Vasilij:

– Chưa ai từng dám nói với ta một cách táo bạo như vậy cho đến giờ!

– Đúng vậy, – vị thánh nhân đáp, – bởi vì trước đây ngài chưa từng có dịp nói chuyện với một vị giám mục. Trong mọi việc khác, chúng tôi luôn tỏ ra hiền lành và khiêm nhường, nhưng khi nói đến Đức Chúa Trời, và khi có ai dám chống lại Ngài, – thì lúc đó, chúng tôi bỏ qua mọi điều khác, chỉ hướng mắt về Ngài, Đấng Duy Nhất; lúc đó, lửa, gươm, thú dữ và sắt thép hành hạ thân xác sẽ mang lại niềm vui cho chúng tôi hơn là sự sợ hãi.

Khi báo cáo với Valens về sự kiên định và bất khuất của Thánh Basil, Modest đã nói:

– Thưa hoàng đế, chúng ta đã bị đánh bại bởi vị đứng đầu Giáo hội. Người đàn ông này vượt trên mọi lời đe dọa, vững chắc hơn mọi lý lẽ, mạnh mẽ hơn mọi niềm tin.

Sau đó, nhà vua ra lệnh không được quấy rầy Thánh Basil và, dù không chịu tiếp xúc với ngài – vì xấu hổ khi phải tỏ ra mình đã thay đổi – nhưng nhà vua bắt đầu tìm kiếm một lý do chính đáng hơn.

Lễ Hiển Linh của Chúa đã đến. Nhà vua cùng đoàn tùy tùng bước vào nhà thờ nơi Thánh Basil đang cử hành thánh lễ, và khi hòa mình vào giữa đám đông, ngài muốn thể hiện vẻ bề ngoài của sự hiệp nhất với Giáo hội. Nhìn ngắm sự trang nghiêm và trật tự trong nhà thờ, đồng thời lắng nghe tiếng hát và lời cầu nguyện của các tín hữu, nhà vua không khỏi ngạc nhiên và thốt lên rằng trong các nhà thờ Arian của mình, ông chưa bao giờ thấy được trật tự và sự trang nghiêm như vậy. Thánh Basil tiến lại gần nhà vua và bắt đầu trò chuyện với ngài, giảng dạy ngài dựa trên Kinh Thánh; người lắng nghe cuộc trò chuyện này còn có Grigori Nazianzin, người tình cờ có mặt tại đó vào thời điểm đó, và chính ông đã ghi chép lại sự việc này. Kể từ đó, nhà vua bắt đầu có thái độ tốt hơn đối với Thánh Basil. Tuy nhiên, sau khi trở về Antioch, ông lại nổi giận với Thánh Basil, bị những kẻ xấu xúi giục; vì tin vào những lời vu khống của họ, ông đã kết án Thánh Basil lưu đày. Nhưng khi hoàng đế định ký vào bản án này, ngai vàng mà ông đang ngồi bỗng rung lắc, và cây gậy[477] mà ông định dùng để ký tên đã gãy. Nhà vua lấy một cây gậy khác, nhưng với cây gậy đó cũng xảy ra chuyện tương tự; điều tương tự cũng xảy ra với cây gậy thứ ba. Sau đó, tay ông run rẩy, và nỗi sợ hãi ập đến; nhận ra trong đó là quyền năng của Đức Chúa Trời, nhà vua đã xé nát văn bản đó. Nhưng những kẻ thù của Chính Thống Giáo lại tiếp tục quấy rầy nhà vua một cách dai dẳng về Vasilios, để ông không để anh ta yên, và nhà vua đã cử một quan chức tên là Anastasius đi để đưa Vasilios về Antioch. Khi vị quan chức này đến Caesarea và thông báo cho Vasilios về mệnh lệnh của nhà vua, vị thánh đã trả lời:

– Con ơi, cách đây một thời gian, ta đã biết rằng nhà vua, vì nghe theo lời khuyên của những kẻ thiếu khôn ngoan, đã bẻ gãy ba cây gậy, với ý định ký sắc lệnh giam cầm ta và qua đó làm lu mờ lẽ thật. Những cây gậy vô tri đã kìm hãm sự hăng hái không thể kiềm chế của ngài, thà gãy vụn còn hơn trở thành công cụ cho bản án bất công của ngài.

Khi bị dẫn đến Antioch, Basil đã ra trước tòa của tổng trấn, và khi được hỏi: "Tại sao ngài không theo đức tin mà nhà vua đang tuyên xưng?", ngài đã trả lời:

---

[476] Vị tổng giám mục này là người cai trị toàn bộ phương Đông và đồng thời là chỉ huy của đội quân Praetorian hay còn gọi là đội vệ binh hoàng gia.

[477] Dụng cụ mà người xưa dùng để viết – giống như bút lông, bút chì hoặc bút than (xem Thi thiên 44:1–3).

– Sẽ không bao giờ có chuyện tôi, khi từ bỏ đức tin Kitô giáo chân chính, lại trở thành tín đồ của giáo lý Arian vô đạo; vì tôi đã thừa hưởng từ các vị tổ phụ đức tin vào Chúa Ba Ngôi đồng bản thể ([478]), mà tôi tuyên xưng và tôn vinh.

Thẩm phán đe dọa sẽ xử tử ông, nhưng Basil đáp lại:

– Vậy thì sao? Hãy để tôi chịu khổ vì lẽ thật và được giải thoát khỏi những xiềng xích thể xác; tôi đã mong muốn điều này từ lâu rồi – chỉ cần ngài đừng thay đổi lời hứa của mình.

Giám mục đã tâu lên nhà vua rằng Vasily không sợ những lời đe dọa, rằng niềm tin của ông không thể lay chuyển, rằng trái tim ông kiên định và vững vàng. Nhà vua, bừng lên cơn giận dữ, bắt đầu suy tính cách tiêu diệt Vasily. Nhưng ngay lúc đó, con trai của nhà vua, Galat, đột ngột ngã bệnh, và các bác sĩ đã tuyên bố cậu sắp chết. Mẹ cậu đến gặp nhà vua và nói với ông một cách bực bội:

– Vì ngài tin theo điều sai lầm và bắt bớ vị giám mục của Chúa, nên đứa trẻ mới phải chết vì điều đó.

Nghe vậy, Valent gọi Vasili đến và nói với anh ta:

– Nếu Chúa hài lòng với giáo lý đức tin của ngươi, thì hãy dùng lời cầu nguyện của ngươi để chữa lành cho con trai ta!

Thánh nhân đáp:

– Hỡi hoàng đế! Nếu ngài quy y đạo Chính Thống và ban sự bình an cho các nhà thờ, thì con trai ngài sẽ được sống.

Khi nhà vua hứa sẽ thực hiện điều đó, Thánh Basil lập tức dâng lời cầu nguyện lên Chúa, và Chúa đã ban cho con trai nhà vua sự nhẹ nhõm trong cơn bệnh. Sau đó, Thánh Basil được tiễn đưa về ngai vàng của mình với những vinh dự. Những người theo phái Arian, khi nghe và thấy điều này, bừng lên sự ghen tị và thù hận, và nói với nhà vua:

– Chúng tôi cũng có thể làm được điều đó!

Họ lại dụ dỗ nhà vua, khiến ông không ngăn cản họ làm lễ rửa tội cho con trai mình. Nhưng khi những người Arian đưa hoàng tử đi để rửa tội, cậu bé lập tức qua đời ngay trong vòng tay họ. Anastasius, người đã được nhắc đến ở trên, đã tận mắt chứng kiến điều này và kể lại cho vua Valentinianus[479] , người đang trị vì ở phương Tây, anh trai của vua phương Đông là Valens. Valențian, kinh ngạc trước phép lạ này, đã ngợi khen Thiên Chúa, và qua Anastasius, ngài đã gửi những món quà quý giá đến Thánh Basil. Nhận được những món quà này, Thánh Basil đã xây dựng các bệnh viện tại các thành phố trong giáo phận của mình và cung cấp nơi trú ẩn cho nhiều người ốm yếu và nghèo khó.

Thánh Grêgôriô Nazianzen còn kể lại rằng Thánh Basil đã chữa lành bằng lời cầu nguyện cho chính vị giám mục Modestus – người trước đây đã đối xử rất khắc nghiệt với ngài – khỏi căn bệnh hiểm nghèo, khi vị giám mục này, trong cơn bệnh, đã khiêm nhường cầu xin sự giúp đỡ từ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài.

Một thời gian sau, một người họ hàng của nhà vua tên là Eusebius được bổ nhiệm làm giám mục thay thế Modestus. Vào thời ông, tại Caesarea có một góa phụ – còn trẻ, giàu có và rất xinh đẹp – tên là Vestiana, con gái của Araks, một thành viên Thượng viện. Vị giám mục Evsevius muốn ép góa phụ này phải kết hôn với một quan chức cao cấp, nhưng cô, với lòng trong sạch và mong muốn giữ gìn sự trong trắng của cuộc sống góa bụa không tì vết, vì vinh quang của Thiên Chúa, đã từ chối kết hôn. Khi cô biết rằng người ta muốn bắt cóc cô bằng vũ lực và ép cô kết hôn, cô đã chạy trốn vào nhà thờ và quỳ xuống dưới chân vị giám mục của Chúa, Thánh Basil[480] . Ngài đã nhận bà vào dưới sự bảo vệ của mình, không chịu giao bà cho những người đến tìm bà ở nhà thờ, rồi sau đó bí mật gửi bà đến tu viện nữ, nơi có chị gái ngài, Thánh nữ Macrina. Tức giận với Thánh Basil, vị tổng giám mục đã sai lính đến bắt người góa phụ đó ra khỏi nhà thờ bằng vũ lực; nhưng khi không tìm thấy cô ở đó, ông ra lệnh lục soát phòng ngủ của vị thánh. Vị tổng giám mục, với bản tính vô đạo đức, cho rằng Thánh Basil đã giữ cô lại với ý đồ tội lỗi và giấu cô trong phòng ngủ của mình. Tuy nhiên, không tìm thấy bà ở đâu cả, ông ta đã triệu tập Thánh Basil đến và mắng mỏ ngài với cơn thịnh nộ tột độ, đe dọa sẽ tra tấn ngài nếu ngài không giao nộp người góa phụ đó. Nhưng Thánh Basil đã tỏ ra sẵn sàng chịu đựng mọi cực hình.

---

[478] Tức là, Con Thiên Chúa đồng bản thể với Thiên Chúa Cha và ngang hàng với Ngài.

[479] Valentinian trị vì từ năm 364 đến năm 376.

[480] Từ thời Constantine Đại đế, các nhà thờ trong thời cổ đại được trao cái gọi là "quyền tị nạn": những người bị bức hại oan uổng có thể ẩn náu trong đó, và nhờ đó, chính quyền có thời gian để xác minh sự vô tội của họ.

– Nếu ngài ra lệnh dùng sắt cạo da thịt tôi, – ông nói, – thì điều đó sẽ chữa lành lá gan của tôi, thứ mà như ngài thấy, đang làm tôi đau đớn vô cùng[481] .

Lúc đó, người dân, khi biết tin về sự việc, đã ồ ạt đổ xô – không chỉ đàn ông mà cả phụ nữ – đến dinh thự của tổng trấn với vũ khí và gậy gộc, với ý định giết hắn để trả thù cho vị thánh cha và mục tử của họ. Và nếu Thánh Basil không trấn an dân chúng, thì tổng trấn đã bị giết rồi. Vị giám mục này, khi thấy sự phẫn nộ của dân chúng, đã rất hoảng sợ và thả vị thánh ra, để ngài được an toàn và tự do.

Hê-la-di, người chứng kiến các phép lạ của Thánh Ba-si-li-ô và là người kế vị ngài trên ngai giám mục, một người đàn ông đạo đức và thánh thiện, đã kể lại như sau. Một thượng nghị sĩ Chính thống giáo tên là Proterius, trong chuyến viếng thăm các thánh địa, đã quyết định gả con gái mình vào một tu viện để phụng sự Đức Chúa Trời; nhưng ma quỷ, kẻ thù truyền kiếp của điều thiện, đã khơi dậy trong lòng một nô lệ của Proterius lòng si mê đối với con gái chủ nhân mình. Thấy ước muốn của mình không thể thành hiện thực và không dám thổ lộ tình cảm với cô gái, người nô lệ ấy đã tìm đến một pháp sư sống trong thành phố đó và kể cho ông ta nghe về hoàn cảnh khó khăn của mình. Anh ta hứa sẽ cho pháp sư rất nhiều vàng nếu ông ta dùng phép thuật giúp anh ta cưới được con gái của chủ mình. Ban đầu, pháp sư từ chối, nhưng cuối cùng, ông ta nói:

– Nếu ngươi muốn, ta sẽ gửi ngươi đến gặp chủ nhân của ta, quỷ vương; ngài ấy sẽ giúp ngươi trong việc này, miễn là ngươi cũng tuân theo ý muốn của ngài ấy.

Người nô lệ khốn khổ ấy nói:

– Bất cứ điều gì ngài ấy ra lệnh cho tôi, tôi hứa sẽ tuân theo.

Lúc đó, nhà phù thủy nói:

– Ngươi có từ bỏ Đấng Christ của ngươi và ký vào giấy cam kết đó không?

Người nô lệ đáp:

– Tôi sẵn sàng làm điều đó, miễn là được điều mình mong muốn.

– Nếu ngươi hứa như vậy, – nhà phù thủy nói, – thì ta sẽ giúp đỡ ngươi.

Sau đó, ông ta lấy một tờ giấy ra và viết cho quỷ như sau:

– Vì tôi, thưa chúa tể của tôi, có nhiệm vụ phải cố gắng lôi kéo mọi người rời bỏ đức tin Kitô giáo và đưa họ vào quyền lực của ngài để gia tăng số lượng thần dân của ngài, nên hôm nay tôi gửi đến ngài người mang lá thư này, một chàng trai trẻ đang bừng cháy vì tình yêu dành cho một thiếu nữ, và tôi xin ngài giúp đỡ anh ta thực hiện điều ước của mình. Nhờ đó, tôi sẽ được vinh danh và thu hút thêm nhiều tín đồ đến với ngài.

Sau khi viết xong bức thư gửi cho quỷ dữ, pháp sư đã trao nó cho chàng trai trẻ và sai anh ta đi với những lời dặn dò như sau:

– Hãy đi vào giờ đêm này và đứng tại nghĩa trang Hy Lạp[482] , giơ tờ giấy lên cao; lúc đó, những kẻ sẽ dẫn đường cho ngươi đến gặp quỷ sẽ lập tức hiện ra.

Người nô lệ khốn khổ vội vã đi ngay, dừng lại tại nghĩa trang và bắt đầu gọi các quỷ dữ. Ngay lập tức, những linh hồn xảo quyệt hiện ra trước mặt anh ta và hân hoan dẫn người bị mê hoặc đến gặp chúa tể của chúng. Thấy hắn đang ngồi trên ngai vàng cao chót vót, cùng với đám linh hồn ác quỷ bao quanh trong bóng tối, người nô lệ đã trao cho hắn lá thư của pháp sư. Quỷ dữ cầm lá thư lên và nói với người nô lệ:

– Ngươi có tin vào ta không?

Người nô lệ đáp: “Tôi tin.”

Quỷ lại hỏi:

– Ngươi có từ bỏ Chúa Kitô của ngươi không?

– Tôi từ bỏ, – người đầy tớ đáp.

Lúc đó, Satan nói với anh ta:

– Các ngươi, những người Kitô hữu, thường lừa dối ta: khi cần ta giúp đỡ, các ngươi tìm đến ta, nhưng khi đạt được điều mình muốn, các ngươi lại từ bỏ ta và quay về với Chúa Kitô của các ngươi, Đấng nhân từ và yêu thương loài người, Đấng sẵn sàng đón nhận các ngươi. Hãy đưa cho ta một văn bản xác nhận rằng ngươi tự nguyện

---

[481] Thánh Basil Đại Đế là một người cực kỳ ốm yếu và thường xuyên hoàn toàn mất hết sức lực. “Những cơn sốt liên miên và dữ dội,” chính ngài đã viết, “đã làm kiệt quệ thân thể tôi đến mức tôi chẳng khác gì một mạng nhện. Mọi con đường đối với tôi đều không thể đi qua, mọi cơn gió thổi đều nguy hiểm hơn cả sóng gió đối với những người bơi lội... Bệnh tật nối tiếp bệnh tật.”

[482] Những ngôi mộ của những người ngoại đạo, vì bị coi là ô uế, được các Kitô hữu cổ đại xem là nơi trú ngụ ưa thích của ma quỷ.

từ bỏ Chúa Kitô và phép rửa tội, hứa sẽ thuộc về ta mãi mãi, và từ ngày phán xét sẽ cùng ta chịu cực hình vĩnh viễn: trong trường hợp đó, ta sẽ thực hiện điều ngươi mong muốn.

Người nô lệ cầm lấy tờ giấy, viết những điều ma quỷ muốn anh ta viết. Rồi kẻ hủy diệt linh hồn, con rắn cổ xưa (tức là quỷ dữ), đã sai các quỷ dâm dục đến, và chúng khơi dậy trong cô gái một tình yêu mãnh liệt đến mức cô, vì dục vọng xác thịt, ngã xuống đất và kêu lên với cha mình:

– Xin cha thương xót con, thương xót con gái của cha và gả con cho người nô lệ của chúng ta, người mà con đã yêu say đắm bằng tất cả sức lực. Nếu cha không làm điều này cho con, con gái duy nhất của cha, thì cha sẽ sớm thấy con chết vì những cực hình khủng khiếp và cha sẽ phải chịu trách nhiệm về con vào Ngày Phán Xét.

Nghe vậy, người cha kinh hoàng và khóc lóc nói:

– Khốn khổ cho ta, kẻ tội lỗi! Chuyện gì đã xảy ra với con gái ta? Ai đã cướp đi báu vật của ta? Ai đã dụ dỗ con ta? Ai đã làm mờ đi ánh sáng trong đôi mắt ta? Con ơi, cha đã muốn hứa gả con cho Chú Rể trên trời, để con được giống như các Thiên thần và ca ngợi Đức Chúa Trời trong các thánh vịnh và các bài thánh ca (Ê-phê-sô 5:19), và chính cha cũng hy vọng được cứu rỗi nhờ con, thế mà con lại ngang nhiên khăng khăng đòi lấy chồng! Đừng kéo cha xuống địa ngục trong nỗi buồn, con yêu quý của cha, đừng làm ô uế danh dự cao quý của con bằng cách lấy một nô lệ.

Còn cô ấy, không để ý đến lời cha mình, chỉ nói một điều:

– Nếu cha không làm theo ý con, con sẽ tự tử.

Người cha, không biết phải làm sao, theo lời khuyên của họ hàng và bạn bè, đã đồng ý thà chiều theo ý muốn của con gái còn hơn là chứng kiến con gái mình chết một cái chết thảm khốc. Ông gọi người nô lệ của mình đến, gả con gái cho anh ta cùng với một gia tài lớn, và nói với con gái:

– Này, con gái bất hạnh, hãy đi lấy chồng đi! Nhưng cha nghĩ rằng sau này con sẽ hối hận sâu sắc về hành động của mình và điều này sẽ chẳng mang lại lợi ích gì cho con cả.

Một thời gian sau khi cuộc hôn nhân này được cử hành và việc làm quỷ quái đã hoàn tất, người ta nhận thấy rằng chú rể mới cưới không đi nhà thờ và không rước lễ. Điều này đã được báo cho người vợ bất hạnh của anh ta biết:

– Chẳng lẽ cô không biết – người ta nói với cô – rằng người chồng mà cô đã chọn không phải là người Kitô hữu, mà là kẻ xa lạ với đức tin của Chúa Kitô sao?

Nghe vậy, nàng vô cùng đau khổ, ngã quỵ xuống đất, dùng móng tay cào xé khuôn mặt mình, không ngừng đập tay vào ngực và thét lên rằng:

– Chẳng ai từng bất tuân cha mẹ mà có thể được cứu rỗi! Ai sẽ kể cho cha tôi nghe về sự ô nhục này? Khốn khổ cho tôi, người bất hạnh! Tôi đã rơi vào cảnh diệt vong nào đây! Tại sao tôi lại được sinh ra và tại sao tôi không chết ngay từ khi mới chào đời?

Khi nàng khóc lóc như vậy, chồng nàng nghe thấy và vội vã chạy đến hỏi lý do nàng khóc. Biết được chuyện gì đã xảy ra, anh ta bắt đầu an ủi nàng, nói rằng người ta đã nói dối về anh ta, và thuyết phục nàng rằng anh ta là một Kitô hữu. Nàng, sau khi bình tĩnh lại một chút nhờ những lời anh ta nói, đã nói với anh ta:

– Nếu anh muốn thuyết phục em hoàn toàn và xua tan nỗi buồn khỏi tâm hồn khốn khổ của em, thì sáng mai hãy đi cùng em đến nhà thờ và rước Mình Thánh Chúa trước mặt em: khi đó em sẽ tin anh.

Người chồng bất hạnh của cô, thấy rằng mình không thể che giấu sự thật, đành phải, dù trái với ý muốn của mình, kể cho cô nghe tất cả về bản thân – về việc anh ta đã bán linh hồn cho quỷ dữ. Còn cô, quên đi sự yếu đuối của người phụ nữ, vội vã đến gặp Thánh Basil và kêu lên với ngài:

– Xin thương xót con, môn đệ của Chúa Kitô, xin thương xót kẻ đã bất tuân ý cha mình, đã sa vào cám dỗ của ma quỷ! – và kể cho ngài nghe mọi chuyện về chồng mình một cách chi tiết.

Vị thánh gọi chồng bà đến và hỏi anh ta liệu những điều vợ anh ta nói về anh ta có đúng không. Anh ta trả lời trong nước mắt:

– Vâng, thánh nhân của Chúa, tất cả đều là sự thật! Và nếu tôi im lặng, thì chính những việc làm của tôi sẽ tố cáo tôi – rồi anh ta kể lại mọi chuyện theo thứ tự, về việc anh ta đã sa ngã vào tay ma quỷ như thế nào.

Vị thánh bèn nói:

– Anh có muốn quay trở lại với Chúa của chúng ta, Đức Giêsu Kitô, không?

– Vâng, tôi muốn, nhưng không thể, – người ấy đáp.

– Tại sao vậy? – Thánh Basil hỏi.

– Bởi vì, – người đàn ông đáp, – tôi đã ký vào bản cam kết từ bỏ Chúa Kitô và dâng mình cho ma quỷ.

Nhưng Vasily nói:

– Đừng buồn vì điều đó, vì Đức Chúa Trời yêu thương loài người và đón nhận những ai ăn năn.

Còn người vợ, quỳ xuống dưới chân vị thánh, khẩn cầu ngài, nói:

– Hỡi môn đệ của Chúa Kitô! Xin hãy giúp chúng tôi bằng mọi cách có thể.

Lúc đó, vị thánh nói với người đầy tớ:

– Ngươi có tin rằng mình vẫn còn có thể được cứu rỗi không?

Người ấy đáp lại:

– Tôi tin, thưa ngài, xin hãy giúp tôi vượt qua sự thiếu đức tin này.

Sau đó, vị thánh nắm lấy tay anh ta, làm dấu thánh giá và nhốt anh ta trong một căn phòng nằm bên trong khuôn viên nhà thờ, dặn dò anh ta phải không ngừng cầu nguyện với Chúa. Chính ngài cũng ở lại cầu nguyện trong ba ngày, rồi đến thăm người ăn năn và hỏi anh ta:

– Con cảm thấy thế nào, con yêu?

– Con đang ở trong tình trạng vô cùng khốn khổ, thưa Đức Cha, – chàng trai trẻ đáp, – con không thể chịu đựng được những tiếng la hét của ma quỷ, những nỗi sợ hãi, những tiếng súng bắn và những cú đâm bằng giáo. Bởi vì lũ quỷ, cầm tờ giấy cam kết của con trên tay, đang sỉ nhục con, nói rằng: "Chính con đã đến với chúng ta, chứ không phải chúng ta đến với con!"

Vị thánh bèn nói:

– Đừng sợ, con ơi, chỉ cần tin tưởng thôi.

Rồi ngài cho cậu một ít thức ăn, làm dấu thánh giá trên người cậu và lại nhốt cậu lại. Vài ngày sau, ngài lại đến thăm cậu và nói:

– Con sống thế nào rồi, con yêu?

Cậu bé đáp:

– Từ xa con vẫn nghe thấy những lời đe dọa và tiếng la hét của bọn chúng, nhưng không thấy chúng đâu cả.

Vasily đưa cho cậu bé một ít thức ăn, cầu nguyện cho cậu, rồi lại khóa cửa lại và ra về. Sau đó, ông đến thăm cậu vào ngày thứ bốn mươi và hỏi:

– Con sống thế nào rồi, con yêu?

Cậu bé đáp:

– Tốt lắm, thưa cha thánh, vì con đã thấy cha trong giấc mơ, khi cha chiến đấu vì con và đánh bại ma quỷ.

Sau khi dâng lời cầu nguyện, vị thánh đã đưa cậu ra khỏi phòng giam và dẫn về phòng tu. Sáng hôm sau, ngài triệu tập toàn thể linh mục trong nhà thờ, các tu sĩ và tất cả những người yêu mến Chúa Kitô, rồi nói:

– Hỡi các anh em, chúng ta hãy ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng yêu thương loài người, vì giờ đây, Đấng Chăn Chiên Tốt Lành muốn đón nhận con chiên lạc[483] lên vai và đưa nó vào nhà thờ: trong đêm nay, chúng ta phải khẩn cầu lòng nhân từ của Ngài, để Ngài chiến thắng và làm cho kẻ thù của linh hồn chúng ta phải hổ thẹn.

Các tín hữu tụ họp tại nhà thờ và cầu nguyện suốt đêm cho người ăn năn, kêu lên: "Lạy Chúa, xin thương xót."

Khi bình minh ló rạng, Thánh Basil nắm tay người ăn năn, dẫn anh ta cùng toàn thể dân chúng vào nhà thờ, vừa đi vừa hát các thánh vịnh và thánh ca. Và kìa, ma quỷ đã ngang nhiên xuất hiện ở đó một cách vô hình cùng với toàn bộ sức mạnh hủy diệt của nó, muốn giật lấy chàng trai khỏi tay vị thánh. Chàng trai liền kêu lên:

– Thánh nhân của Chúa, xin giúp con!

Nhưng quỷ dữ đã tấn công chàng trai với sự ngang ngược và trơ trẽn đến mức khiến cả Thánh Vasily cũng phải đau đớn, khi nó lôi kéo chàng trai theo mình. Lúc đó, vị thánh đã quay sang quỷ dữ và nói những lời này:

– Kẻ sát nhân vô liêm sỉ nhất, chúa tể của bóng tối và sự diệt vong! Chẳng lẽ sự diệt vong mà ngươi đã tự gây ra cho chính mình và những kẻ đi theo ngươi vẫn chưa đủ sao? Ngươi sẽ không ngừng truy đuổi các tạo vật của Đức Chúa Trời của ta sao?

Quỷ dữ liền gào thét lên với ngài:

---

[483] Đưa lên vai, như người chăn cừu phương Đông vác con cừu mệt mỏi lên vai mình.

– Ngươi đang xúc phạm ta, Vasily! – và nhiều người đã nghe thấy giọng nói quỷ quái đó. Lúc đó, vị thánh nói:

– Nguyện Chúa cấm đoán ngươi, hỡi quỷ dữ!

Quỷ Satan lại nói với ngài:

– Vasily, ngươi đang xúc phạm ta! Chẳng phải ta đến với hắn, mà chính hắn đã đến với ta: hắn đã từ bỏ Đấng Christ của mình, trao cho ta giấy cam kết mà ta đang cầm trong tay, và ta sẽ trình lên Đấng Phán Xét Tối Cao vào Ngày Phán Xét.

Còn Vasily thì nói:

– Ngợi khen Chúa, Thiên Chúa của tôi! Những người này sẽ không hạ những bàn tay đang giơ lên trời xuống[484] , cho đến khi ngươi giao nộp tờ giấy cam kết đó.

Sau đó, quay sang dân chúng, vị thánh nói:

– Hãy giơ tay lên và kêu cầu: "Lạy Chúa, xin thương xót!" Và sau khi dân chúng giơ tay lên trời, khóc lóc và kêu cầu trong một thời gian dài: "Lạy Chúa, xin thương xót!", tờ giấy cam kết của chàng trai trẻ đó, trước sự chứng kiến của mọi người, đã bay qua không trung thẳng vào tay Thánh Vasily. Nhận lấy tờ giấy cam kết này, vị thánh vui mừng và dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời, rồi nói to với chàng trai trẻ:

– Anh có biết tờ giấy cam kết này không, anh em?

Chàng trai đáp:

– Vâng, thánh nhân của Chúa, đây là giấy cam kết của con; con đã tự tay viết nó.

Thánh Basil Đại Đế lập tức xé tờ giấy đó thành từng mảnh trước mặt mọi người, rồi dẫn chàng trai vào nhà thờ, ban cho anh ta các Bí tích Thánh Thể và chiêu đãi một bữa tiệc thịnh soạn cho tất cả những người có mặt. Sau đó, ngài giảng dạy cho chàng trai và chỉ dẫn những quy tắc sống phù hợp, rồi trả anh ta về cho vợ; còn chàng trai thì không ngừng ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa.

Chính Elladius cũng kể thêm điều này về Thánh Basil. Một lần nọ, vị Cha vĩ đại của chúng ta là Basil, khi được soi sáng bởi ân sủng thiêng liêng, đã nói với các linh mục của mình:

– Hãy đi theo ta, hỡi các con, và chúng ta sẽ được chiêm ngưỡng vinh quang của Đức Chúa Trời, đồng thời cùng nhau tôn vinh Chúa của chúng ta.

Nói xong, ngài rời khỏi thành phố, nhưng không ai biết ngài định đi đâu. Vào thời điểm đó, tại một ngôi làng nọ có linh mục Anastasius cùng vợ là Theognia đang sinh sống. Họ đã sống bên nhau trong sự trinh khiết suốt bốn mươi năm, và nhiều người cho rằng Theognia vô sinh, vì không ai biết được sự trinh khiết thuần khiết mà họ giữ kín. Còn Anastasius, nhờ đời sống thánh thiện của mình, đã được ban ân sủng của Thánh Thần, và trở thành một người có khả năng tiên tri. Nhận biết bằng linh hồn rằng Basil muốn đến thăm mình, ông nói với Theognia:

– Ta đi cày ruộng đây, còn em, em gái của ta, hãy dọn dẹp nhà cửa và vào lúc chín giờ sáng, sau khi thắp nến, hãy ra đón Đức Tổng Giám mục thánh Vasil, vì ngài đang trên đường đến thăm chúng ta, những kẻ tội lỗi.

Cô ngạc nhiên trước những lời của chủ mình, nhưng vẫn tuân theo lệnh của ông. Khi Thánh Vasili đang ở gần nhà Anastasia, Theognia bước ra đón ông và cúi đầu chào.

– Bà có khỏe không, bà Theognia? – Thánh Basil hỏi. Nghe ngài gọi tên mình, bà hoảng sợ và nói:

– Tôi khỏe, thưa Đức Thánh Cha!

Thánh nhân liền nói:

– Anh trai của bà, ông Anastasius, đang ở đâu?

Bà trả lời:

– Đó không phải là anh trai, mà là chồng tôi; anh ấy đã ra đồng rồi.

Thánh Basil liền nói:

– Anh ấy đang ở nhà – đừng lo!

Nghe vậy, cô càng sợ hãi hơn, vì cô hiểu rằng vị thánh đã biết được bí mật của họ, nên cô run rẩy quỳ xuống dưới chân vị thánh và nói:

– Xin ngài cầu nguyện cho con, kẻ tội lỗi này, thánh nhân của Chúa, vì con thấy ngài có thể làm những điều vĩ đại và kỳ diệu.

---

[484] Các Kitô hữu cổ đại có tập tục, trong lúc cầu nguyện, giơ hai tay lên trời. Từ đó, trong bài thánh ca của Giáo hội chúng ta có câu: "Việc giơ tay của tôi là của lễ chiều" (Thánh ca trong giờ chiều).

Vị thánh đã cầu nguyện cho cô và tiếp tục đi. Khi ngài bước vào nhà vị linh mục, chính Anastasius đã ra đón và, sau khi hôn chân vị thánh, nói:

– Làm sao tôi lại có phúc đến thế, khi vị thánh của Chúa tôi đã đến với tôi.

Vị Thánh, sau khi trao cho ông một nụ hôn nhân danh Chúa, nói:

– Thật tốt là tôi đã tìm thấy anh, môn đệ của Đấng Kitô; chúng ta hãy đến nhà thờ và cử hành Thánh lễ.

Vị linh mục ấy có thói quen ăn chay suốt các ngày trong tuần, trừ thứ Bảy và Chủ Nhật, và không ăn gì ngoài bánh mì và nước. Khi họ đến nhà thờ, Thánh Basil ra lệnh cho Anastasius cử hành Thánh lễ, nhưng ông từ chối, nói:

– Thưa Đức Cha, ngài biết trong Kinh Thánh có chép rằng: *"Người nhỏ hơn được người lớn hơn chúc phúc"* (Hê-bơ-rơ 7:7).

Thánh Basil bèn nói với anh ta:

– Trong tất cả những việc lành khác của con, hãy cũng biết vâng lời.

Khi Anastasius cử hành Thánh lễ, thì trong lúc dâng các Bí tích Thánh, Thánh Basil và những người xứng đáng khác đã nhìn thấy Đức Thánh Thần ngự xuống dưới hình dạng ngọn lửa và bao quanh Anastasius cùng bàn thờ thánh. Khi Thánh lễ kết thúc, mọi người đều vào nhà của Anastasius, và ông đã mời Thánh Basil cùng các linh mục của ngài dùng bữa.

Trong bữa ăn, vị thánh hỏi vị linh mục:

– Ngài có được kho báu này từ đâu và cuộc đời ngài ra sao? Hãy kể cho tôi nghe.

Vị linh mục trả lời:

– Thánh nhân của Chúa! Tôi là một người tội lỗi và phải nộp thuế như mọi người; tôi có hai đôi bò, trong đó tôi tự mình làm việc với một đôi, còn đôi kia thì do người làm thuê của tôi chăm sóc; số tiền thu được từ một cặp bò, tôi dùng để tiếp đãi những người lữ hành, còn số tiền thu được từ cặp bò kia thì dùng để nộp thuế: vợ tôi cũng làm việc cùng tôi, phục vụ những người lữ hành và tôi.

Vasili liền nói với anh ta:

– Hãy gọi cô ấy là em gái của anh, như thực tế vốn vậy, và hãy kể cho tôi nghe về những đức tính tốt đẹp của anh.

Anastasius đáp:

– Tôi chưa làm được điều tốt nào trên đời này cả.

Lúc đó, Vasily nói:

– Hãy đứng dậy và cùng đi thôi, – và sau khi đứng dậy, họ đến một trong những căn phòng trong nhà ông.

– Hãy mở cánh cửa này cho tôi, – Vasily nói.

– Không, thánh nhân của Chúa ơi, – Anastasius nói, – xin đừng vào đó, vì trong đó chẳng có gì ngoài những đồ dùng gia đình.

Còn Vasily thì nói:

– Nhưng chính vì những thứ đó mà tôi mới đến đây.

Vì vị linh mục vẫn không muốn mở cửa, nên vị thánh đã mở chúng bằng lời nói của mình và, khi bước vào, ngài thấy ở đó một người đàn ông bị bệnh phong hủi nặng[485] , nhiều bộ phận trên cơ thể anh ta đã rụng đi vì thối rữa. Không ai biết về anh ta, ngoại trừ chính vị linh mục và vợ ông.

Vasilij nói với vị linh mục:

– Tại sao ngài lại muốn giấu tôi kho báu này của ngài?

– Đó là một người hay giận dữ và hay chửi bới, – vị linh mục trả lời, – vì vậy tôi sợ đưa anh ta ra gặp ngài, để anh ta không xúc phạm đến sự thánh thiện của ngài bằng bất kỳ lời nói nào.

Lúc đó, Vasily nói:

– Anh đang làm một việc thiện, nhưng hãy để tôi cũng được phục vụ anh ta trong đêm nay, để tôi cũng được chia sẻ phần thưởng mà anh sẽ nhận được.

Và thế là Thánh Vasily ở lại một mình với người bị bệnh hủi, khóa cửa lại và dành cả đêm để cầu nguyện, đến sáng hôm sau, ngài đưa người ấy ra ngoài, hoàn toàn bình an và khỏe mạnh. Còn vị linh mục cùng vợ và tất cả

[485] Bệnh hủi – một căn bệnh phá hủy toàn bộ cơ thể con người và còn lây lan nữa.

những người có mặt tại đó, khi chứng kiến phép lạ ấy, đã ngợi khen Thiên Chúa; còn Thánh Vasili, sau cuộc trò chuyện thân mật với vị linh mục và bài giảng dạy dành cho những người có mặt, đã trở về nhà mình.

Khi vị thánh Ephrem the Syrian[486] , người đang sống trong sa mạc, nghe nói về Thánh Basil, ông đã cầu xin Thiên Chúa cho ông được thấy Thánh Basil thực sự là người như thế nào. Và rồi một ngày nọ, khi đang ở trong trạng thái hân hoan thiêng liêng, ông đã nhìn thấy một cột lửa, đỉnh của nó vươn tới trời cao, và nghe thấy một tiếng nói phán rằng:

– Ephrem, Ephrem! Cột lửa mà ngươi thấy này, chính là hình ảnh của Basil.

Thánh Ephrem lập tức mang theo một thông dịch viên – vì ngài không biết nói tiếng Hy Lạp – lên đường đến Cêsarea và đến nơi vào ngày lễ Hiển Linh của Chúa. Đứng từ xa và không ai để ý, ông thấy Thánh Vasili đang bước vào nhà thờ với sự trang nghiêm vô cùng, mặc áo trắng, cùng với các linh mục của ngài, cũng mặc áo trắng. Quay sang người thông dịch đi cùng, Ephrem nói:

– Có vẻ như, anh em ơi, chúng ta đã vất vả một cách vô ích, vì đây là một người có địa vị cao đến mức tôi chưa từng thấy ai như vậy.

Bước vào nhà thờ, Ephrem đứng ở một góc, không ai nhìn thấy, và tự nhủ với chính mình như sau:

– Chúng ta, *những người "đã chịu đựng sự vất vả và nắng gắt của ngày"* (Mt 20,12), chẳng đạt được gì, còn người này, được mọi người tôn vinh và kính trọng đến thế, lại đồng thời là cột lửa. Điều này làm tôi ngạc nhiên.

Khi Thánh Ephrem suy ngẫm như vậy về ông ấy, Thánh Basil Đại Đế đã được Thánh Thần mách bảo và sai vị phó tế trưởng của mình đến gặp ông, nói rằng:

– Hãy đến cổng phía tây của nhà thờ; ở đó, trong góc nhà thờ, ngươi sẽ thấy một tu sĩ đang đứng cùng một người khác, người này gần như không có râu và dáng người nhỏ bé. Hãy nói với ông ấy: "Hãy đi và lên bàn thờ, vì tổng giám mục đang gọi ngươi."

Vị phó tế trưởng, sau khi chen lấn qua đám đông với nhiều khó khăn, đã đến nơi mà Thánh Ephrem đang đứng và nói:

– Thưa Cha! Xin Cha hãy đi lên bàn thờ: Đức Tổng Giám mục đang gọi Cha.

Còn Efrem, sau khi nghe thông dịch viên truyền lại lời của phó tế trưởng, đã trả lời người này rằng:

– Anh nhầm rồi, anh em ơi! Chúng tôi là những người mới đến và không quen biết Đức Tổng Giám mục.

Phó tế trưởng đi báo lại điều này cho Basil, người lúc đó đang giảng giải Kinh Thánh cho dân chúng. Và lúc đó, Thánh Ephrem thấy lửa bốc ra từ miệng Basil khi ngài đang nói.

Sau đó, Vasili lại nói với phó tế trưởng:

– Hãy đi và nói với vị tu sĩ khách lạ kia rằng: Thưa ngài Ephrem! Xin ngài hãy lên bàn thờ thánh: Đức Tổng Giám mục đang gọi ngài.

Thượng phó tế đi và nói như đã được lệnh. Còn Ephrem thì ngạc nhiên trước điều này và ngợi khen Đức Chúa Trời. Sau đó, ngài cúi đầu xuống đất và nói:

– Quả thật, Vasily là một vị vĩ đại, quả thật ngài là cột lửa, quả thật Thánh Thần đang phán qua miệng ngài!

Sau đó, ngài nhờ phó tế trưởng chuyển lời đến tổng giám mục rằng, sau khi thánh lễ kết thúc, ngài muốn đến một nơi vắng vẻ để thờ lạy và chào hỏi ngài.

Khi Thánh lễ kết thúc, Thánh Vasili lên phòng thánh và, sau khi gọi Thánh Ephrem, ngài trao cho ngài nụ hôn trong Chúa và nói:

– Con kính chào Cha, Đấng đã làm gia tăng số môn đệ của Chúa Kitô trong sa mạc và bằng quyền năng của Chúa Kitô đã đuổi các quỷ ra khỏi đó! Tại sao, thưa Cha, Cha lại tự gánh lấy công việc vất vả này, đến gặp một con người tội lỗi như con? Nguyện Chúa ban thưởng cho Cha vì công lao của Cha!

Còn Thánh Ephrem, khi trả lời Thánh Basil qua người phiên dịch, đã nói với ngài tất cả những gì ngài đang trăn trở trong lòng, và cùng với người bạn đồng hành của mình, ngài đã rước Mình Thánh Chúa từ đôi tay thánh thiện của Thánh Basil. Khi họ ngồi vào bàn ăn tại nhà Thánh Basil, Thánh Ephrem nói với Thánh Basil:

– Thưa Cha thánh thiện nhất! Con xin Cha một ân huệ duy nhất – xin Cha vui lòng ban cho con.

Thánh Basil Đại Đế đáp lại:

---

[486] Thánh Ephrem the Syrian – một nhà tu hành và nhà văn Kitô giáo nổi tiếng. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 28 tháng 1. Ephrem được gọi là "the Syrian", tức là người Syria, bởi vì Mesopotamia, nơi ngài sinh ra, trong thời cổ đại được coi là thuộc về Syria.

– Hãy nói xem con cần gì: con nợ cha rất nhiều vì công lao của con, bởi vì con đã thực hiện một chuyến đi xa xôi như vậy vì cha.

– Con biết, thưa Cha, – vị thánh Ephrem đáng kính nói, – rằng Thiên Chúa ban cho Cha mọi điều Cha xin Ngài; còn con muốn Cha khẩn cầu lòng nhân từ của Ngài để Ngài ban cho con khả năng nói tiếng Hy Lạp.

Vasilij đáp lại:

– Lời thỉnh cầu của con vượt quá khả năng của tôi, nhưng vì con xin với niềm tin vững chắc, vậy thì chúng ta hãy cùng đi, thưa Cha đáng kính và vị thầy hướng dẫn trong sa mạc, đến nhà thờ của Chúa và cầu nguyện với Chúa, Đấng có thể đáp ứng lời cầu nguyện của con, vì đã có lời chép rằng: *"Ngài thực hiện điều mong ước của những ai kính sợ Ngài, Ngài nghe tiếng kêu của họ và cứu rỗi họ"* (Thi Thiên 144:19).

Chọn một thời điểm thích hợp, họ bắt đầu cầu nguyện trong nhà thờ và cầu nguyện rất lâu. Sau đó, Thánh Basil Đại Đế nói:

– Tại sao, thưa Cha đáng kính, ngài lại không nhận chức thánh linh mục, trong khi ngài xứng đáng với chức vụ đó?

– Bởi vì con là kẻ có tội, thưa Đức Cha! – Ephrem trả lời qua người phiên dịch.

– Ôi, giá như con cũng có những tội lỗi như ngài! – Thánh Basil nói và thêm vào – chúng ta hãy quỳ lạy xuống đất.

Khi cả hai quỳ xuống đất, Thánh Basil đặt tay lên đầu Thánh Ephrem và đọc lời cầu nguyện theo nghi thức phong chức phó tế. Sau đó, ngài nói với vị thánh:

– Bây giờ, hãy ra lệnh cho chúng ta đứng dậy khỏi mặt đất.

Còn đối với Efrem, tiếng Hy Lạp bỗng nhiên trở nên rõ ràng, và chính ông đã nói bằng tiếng Hy Lạp: "Xin Chúa che chở, cứu rỗi, thương xót và bảo vệ chúng con bằng ân sủng của Ngài"[487] .

Mọi người đều ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban cho Ephrem khả năng hiểu và nói tiếng Hy Lạp. Còn vị thánh Ephrem thì ở lại với Thánh Basil ba ngày, trong niềm vui thiêng liêng. Basil phong ông làm phó tế, còn người thông dịch của ông thì phong làm linh mục, rồi sau đó ông tiễn họ ra đi trong bình an.

Tại thành phố Nicaea[488] , một lần nọ, một vị vua vô đạo đã ghé qua, và các đại diện của tà giáo Arian đã đến xin ông trục xuất những người Chính Thống ra khỏi nhà thờ chính tòa của thành phố đó, đồng thời giao nhà thờ cho bọn Arian. Vị vua, vốn là một kẻ dị giáo, đã làm đúng như vậy: ông dùng vũ lực tước đoạt nhà thờ khỏi tay các tín hữu Chính Thống và trao nó cho những người Arian, rồi tự mình lên đường đến Constantinople. Khi cả cộng đồng đông đảo các tín hữu Chính Thống chìm trong nỗi buồn sâu sắc, Thánh Basil Đại Đế, Đấng Bào Chữa và Đấng Bảo Trợ chung của tất cả các nhà thờ, đã đến Nicaea; lúc bấy giờ, toàn thể đoàn chiên Chính Thống đã đến với ngài trong tiếng kêu khóc và nức nở, và đã kể cho ngài nghe về nỗi oan ức mà họ phải chịu từ nhà vua. Vị Thánh, sau khi an ủi họ bằng những lời của mình, lập tức lên đường đến gặp nhà vua tại Constantinople và, khi đứng trước mặt ngài, đã nói:

– *"Vị vua quyền năng yêu thích sự công bằng"* (Thánh vịnh 98:4). Vậy tại sao ngài, thưa hoàng đế, lại đưa ra phán quyết bất công, trục xuất các tín hữu Chính Thống Giáo khỏi nhà thờ thánh và giao quyền quản lý nhà thờ đó cho những kẻ sai lầm?

Vua đáp lại:

– Ngươi lại xúc phạm ta rồi, Vasili! Ngươi không nên hành động như vậy.

Vasily đáp lại:

– Vì lẽ phải, tôi sẵn sàng chết.

Khi họ tranh luận và cãi vã với nhau, đầu bếp trưởng của nhà vua tên là Demosthenes đang có mặt ở đó đã lắng nghe. Ông ta, với ý định giúp đỡ những người Arian, đã nói một câu thô lỗ để trách móc vị thánh.

Vị thánh liền nói:

– Này, chúng ta đang thấy trước mặt mình một người thiếu học thức như Demosthenes[489] .

Người đầu bếp cảm thấy xấu hổ lại nói gì đó để đáp lại, nhưng vị thánh nói:

---

[487] Lời kêu gọi trích từ phần cầu nguyện ngắn, được phó tế đọc trong giờ kinh chiều vào ngày Lễ Ngũ Tuần.

[488] Nicaea – một thành phố thuộc tỉnh Bithynia ở Tiểu Á. Tại đây đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ nhất vào năm 325.

[489] Demosthenes là nhà hùng biện lừng lẫy nhất của Hy Lạp cổ đại; ông sống từ năm 384–322 trước Công nguyên.

– Việc của ngươi là suy ngẫm về các món ăn, chứ không phải bận tâm đến việc nấu nướng các giáo lý của Giáo hội.

Và Demosthenes, vì bị làm cho xấu hổ, nên im lặng. Nhà vua, lúc thì nổi giận, lúc thì cảm thấy xấu hổ, nói với Basil:

– Hãy đi và giải quyết vụ việc của họ; tuy nhiên, hãy phán xét sao cho không trở thành đồng minh của những người cùng đạo với ngươi.

– Nếu tôi phán xét một cách bất công, – vị thánh đáp, – thì hãy giam cầm cả tôi đi, trục xuất những người cùng đạo với tôi, và giao nhà thờ cho những người Arian.

Sau khi nhận được sắc lệnh của hoàng đế, vị thánh trở về Nicêa và, sau khi triệu tập những người Arian, ngài nói với họ:

– Này, hoàng đế đã trao cho ta quyền xét xử giữa các ngươi và những người Chính Thống về nhà thờ mà các ngươi đã chiếm đoạt bằng vũ lực.

Họ đáp lại:

– Hãy xét xử đi, nhưng hãy xét xử theo luật của hoàng đế[490] .

Vị thánh bấy giờ nói:

– Hãy đi đi, hỡi những người Arian, và các ngươi, những người Chính Thống, hãy đóng cửa nhà thờ lại; sau khi khóa cửa, hãy niêm phong bằng con dấu: các ngươi dùng con dấu của mình, còn các ngươi dùng con dấu của mình, và hãy bố trí lính canh đáng tin cậy ở cả hai phía. Sau đó, trước tiên các ngươi, những người Arian, hãy cầu nguyện trong ba ngày ba đêm, rồi hãy đến gần nhà thờ. Và nếu, nhờ lời cầu nguyện của các ngươi, các cánh cửa nhà thờ tự mở ra, thì hãy để nhà thờ thuộc về các ngươi mãi mãi; còn nếu điều đó không xảy ra, thì chúng ta sẽ cầu nguyện một đêm và tiến đến nhà thờ với nghi thức "[491] ", trong tiếng hát của các bài thánh ca; nếu nhà thờ mở ra cho chúng ta, thì chúng ta sẽ sở hữu nó mãi mãi; còn nếu nó cũng không mở ra cho chúng tôi, thì nhà thờ sẽ lại thuộc về các ngươi.

Đề nghị này làm hài lòng những người Arian, còn những người Chính Thống thì phẫn nộ với vị thánh, cho rằng ngài đã phán quyết không dựa trên lẽ phải, mà vì sợ vua. Sau đó, khi cả hai bên đã khóa chặt nhà thờ thánh, một đội canh gác cảnh giác đã được bố trí tại đó ngay sau khi nhà thờ được niêm phong. Khi những người Arian, sau khi cầu nguyện ba ngày ba đêm, đến nhà thờ, chẳng có điều kỳ diệu nào xảy ra: họ tiếp tục cầu nguyện tại đó từ sáng sớm cho đến sáu giờ chiều, đứng đó và kêu lên: "Lạy Chúa, xin thương xót." Nhưng cánh cửa nhà thờ trước mặt họ không mở ra, và họ ra về trong sự xấu hổ. Lúc đó, Thánh Basil Đại Đế, sau khi tập hợp tất cả các tín hữu Chính Thống cùng vợ con, đã ra khỏi thành phố đến nhà thờ Thánh Tử Đạo Diomedes và, sau khi cử hành lễ canh thức suốt đêm tại đó, vào buổi sáng, ngài cùng mọi người đi đến nhà thờ chính tòa đã bị niêm phong, vừa đi vừa hát:

– Lạy Thiên Chúa Thánh Thiện, Lạy Thiên Chúa Mạnh Mẽ, Lạy Thiên Chúa Bất Tử, xin thương xót chúng con!

Dừng lại trước cửa nhà thờ, ngài nói với dân chúng:

– Hãy giơ tay lên trời và khẩn thiết cầu xin: "Lạy Chúa, xin thương xót!"

Sau đó, vị thánh ra lệnh cho mọi người im lặng, rồi tiến đến cửa nhà thờ, làm dấu thánh giá ba lần và nói:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu được chúc tụng muôn đời, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời.

Khi dân chúng đồng thanh hô lên: "A-men", ngay lập tức mặt đất rung chuyển, các chốt cửa bắt đầu vỡ vụn, các then cửa rơi xuống, các con dấu vỡ tan, và cánh cửa mở ra như thể bị một cơn gió mạnh và bão táp thổi tung, đến nỗi các cánh cửa đập mạnh vào tường. Thánh Basil bắt đầu hát:

– *"Hỡi các cổng, hãy nâng cao đỉnh của các ngươi lên, và hỡi các cánh cửa vĩnh cửu, hãy mở ra, để Vua vinh quang bước vào!"* (Thánh vịnh 23:7).

Sau đó, ngài bước vào nhà thờ cùng với đông đảo tín hữu Chính Thống Giáo, và sau khi cử hành Thánh Lễ, ngài cho dân chúng ra về trong niềm vui. Một đám đông vô số tín đồ Arian, khi chứng kiến phép lạ đó, đã từ bỏ sự lầm lạc của mình và gia nhập vào hàng ngũ Chính Thống Giáo. Khi nhà vua biết về phán quyết công minh của

---

[490] Tức là, giống như chính nhà vua sẽ phán xét vậy.

[491] Lithia, trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "lời cầu nguyện sốt sắng". Nghi thức này thường được cử hành bên ngoài nhà thờ, nhưng hiện nay được cử hành tại tiền sảnh.

Basil và về phép lạ vinh quang đó, ông đã vô cùng ngạc nhiên và bắt đầu lên án chủ nghĩa Arian; tuy nhiên, vì bị che mờ bởi sự vô đạo, ông đã không quay về với Chính Thống Giáo và sau đó đã chết một cách thảm thương. Cụ thể, khi ông bị thương trong trận chiến tại xứ Thrace, ông đã bỏ chạy và ẩn náu trong một kho thóc, nơi có rơm rạ. Những kẻ truy đuổi đã bao vây kho rơm và châm lửa đốt nó, và vị vua, bị thiêu cháy tại đó, đã bước vào ngọn lửa không thể dập tắt[492] . Cái chết của vị vua xảy ra sau khi Thánh Basil, vị cha thánh của chúng ta, đã qua đời, nhưng vẫn trong cùng năm mà vị thánh ấy cũng đã qua đời.

Một lần nọ, trước mặt Thánh Basil, anh trai ngài là Giám mục Phêrô thành Sebaste bị vu khống. Người ta nói rằng ngài vẫn tiếp tục chung sống với người vợ mà ngài đã bỏ lại trước khi được tấn phong làm giám mục – trong khi một giám mục không được phép kết hôn. Nghe tin này, Basil nói:

– Thật tốt là các ngươi đã nói với ta về chuyện này; ta sẽ đi cùng các ngươi và vạch trần hắn.

Khi vị thánh đến gần thành Sebaste, Phêrô đã biết trước sự đến của anh mình nhờ Thánh Thần, vì Phêrô cũng được đầy tràn Thánh Thần và sống với người phụ nữ mà ông coi là vợ không phải như vợ chồng, mà như chị em, một cách trong sạch. Vậy nên, anh ta ra khỏi thành để đón Thánh Vasilie tại tám dặm đường[493] và khi thấy người anh em cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, anh ta mỉm cười và nói:

– Anh ơi, sao anh lại ra đón tôi như thể đối đầu với một tên cướp vậy?

Sau khi trao nhau nụ hôn trong danh Chúa, họ vào thành phố và, sau khi cầu nguyện tại nhà thờ các Thánh Tử Thập Tử Đạo, họ đến dinh giám mục. Thánh Basil, khi nhìn thấy con dâu mình, đã nói:

– Chào em, chị em của anh, hay đúng hơn là cô dâu của Chúa; anh đến đây vì em.

Cô đáp lại:

– Chào cha, vị cha đáng kính nhất; con đã mong được hôn lên đôi chân thánh thiện của cha từ lâu rồi.

Và Vasily nói với Peter:

– Xin anh, anh em ơi, đêm nay hãy cùng vợ anh ở lại trong nhà thờ.

– Con sẽ làm mọi điều cha truyền dạy, – Phêrô đáp.

Khi đêm xuống, và Phêrô đang nghỉ ngơi trong nhà thờ cùng vợ mình, thì Thánh Vasili cũng có mặt ở đó cùng với năm người đàn ông đạo đức. Khoảng nửa đêm, ngài đánh thức những người đàn ông này dậy và nói với họ:

– Các anh thấy gì trên người anh em tôi và con dâu tôi?

Họ đáp:

– Chúng tôi thấy các Thiên thần của Chúa đang thổi gió mát lên họ và xức hương thơm lên giường ngủ trong sạch của họ.

Thánh Basil bèn nói với họ:

– Hãy im lặng và đừng kể cho ai nghe những gì các ngươi đã thấy.

Sáng hôm sau, Vasily ra lệnh cho dân chúng tập trung tại nhà thờ và mang đến đó một lò than đang cháy. Sau đó, ông nói:

– Hãy trải áo của con ra, con dâu đáng kính của ta.

Và khi cô làm như vậy, vị thánh nói với những người đang cầm lò than:

– Hãy bỏ than đang cháy vào áo của cô ấy.

Họ đã tuân theo mệnh lệnh đó. Rồi vị thánh nói với cô:

– Hãy giữ những than hồng này trong áo của con, cho đến khi ta bảo con.

Sau đó, ngài lại ra lệnh mang thêm than hồng đến và nói với anh trai mình:

– Anh ơi, hãy giang rộng chiếc áo choàng của anh ra[494] .

Khi người anh em làm theo lệnh đó, Vasily nói với các đầy tớ:

– Hãy đổ than từ lò than vào chiếc áo choàng – và họ đã đổ.

Khi Phêrô và vợ ông giữ than hồng trong áo quần suốt một thời gian dài mà không hề bị tổn hại gì, dân chúng chứng kiến cảnh đó đều kinh ngạc và nói:

---

[492] Sự kiện này diễn ra tại thành phố Adrianople, thuộc Bulgaria ngày nay.

[493] Poprishe – đơn vị đo khoảng cách; nó tương đương với 690 saženya của chúng ta.

[494] "Felon" – là tên gọi chung trong thời cổ đại dành cho loại áo khoác dài và rộng, không tay, ôm sát cơ thể từ mọi phía. Giáo hội Kitô giáo, vì lòng tôn kính Đấng Cứu Thế và các tông đồ của Ngài – những người đã mặc loại áo choàng này hoặc tương tự – đã đưa felon vào danh sách các y phục thánh và từ thời xa xưa đã quy định cả các giám mục lẫn các linh mục đều phải mặc nó.

– Chúa bảo vệ các vị thánh của Ngài và ban cho họ những ân huệ ngay trên trần gian này.

Khi Phêrô cùng vợ ném than hồng xuống đất, không có mùi khói nào bốc lên từ đó, và quần áo của họ vẫn nguyên vẹn, không bị cháy xém. Sau đó, Thánh Basil ra lệnh cho năm vị thánh nhân nói trên kể lại cho mọi người nghe những gì họ đã chứng kiến, và họ đã thuật lại cho dân chúng nghe rằng họ đã thấy các Thiên thần của Chúa bay lượn trên giường của Thánh Phêrô và vợ ngài trong nhà thờ, và xức hương thơm lên chiếc giường tinh khiết của họ. Sau đó, mọi người đều ngợi khen Thiên Chúa, Đấng thanh tẩy các vị thánh nhân của Ngài khỏi những lời vu khống dối trá của loài người.

Vào thời của vị Thánh Cha Vasili của chúng ta tại Caesarea, có một góa phụ xuất thân từ gia đình quý tộc, vô cùng giàu có; sống trong sự ham mê khoái lạc, chiều chuộng xác thịt, bà đã hoàn toàn sa vào tội lỗi và sống trong sự dâm dục ô uế suốt nhiều năm. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng muốn mọi người đều ăn năn (2 Phi-e-rơ 3:8), đã chạm đến trái tim bà bằng ân điển của Ngài, và người phụ nữ ấy bắt đầu hối hận về cuộc đời tội lỗi của mình. Một lần nọ, khi ở một mình, bà suy ngẫm về vô số tội lỗi của mình và bắt đầu than khóc về hoàn cảnh của mình như sau:

– Khốn cho tôi, kẻ tội lỗi và dâm đãng! Làm sao tôi có thể trả lời trước Đấng Phán Xét Công Chính về những tội lỗi mình đã phạm? Tôi đã làm hư hỏng đền thờ thân thể mình, làm ô uế linh hồn mình. Khốn cho tôi, kẻ tội lỗi nặng nề nhất! Ta có thể so sánh mình với ai về những tội lỗi này? Với người đàn bà điếm chăng, hay với người thu thuế? Nhưng chẳng ai phạm tội nặng nề như ta. Và – điều đáng sợ nhất – ta đã gây ra biết bao điều ác ngay cả sau khi đã chịu phép rửa tội. Ai sẽ cho ta biết liệu Đức Chúa Trời có chấp nhận sự ăn năn của ta hay không?

Trong tiếng khóc nức nở, bà nhớ lại tất cả những gì mình đã làm từ thuở thiếu thời cho đến khi về già, rồi ngồi xuống và ghi chép lại trên một tờ giấy da. Sau khi ghi xong, bà ghi thêm một tội lỗi nặng nề nhất và niêm phong tờ giấy da đó bằng con dấu chì. Sau đó, chọn lúc Thánh Basil đi vào nhà thờ, bà lao đến chỗ ngài, quỳ xuống dưới chân ngài với tờ giấy trên tay và kêu lên:

– Xin ngài thương xót con, vị thánh của Chúa ơi, – con là người phạm tội nhiều nhất!

Vị thánh dừng lại và hỏi nàng rằng nàng muốn gì ở ngài; còn nàng, vừa đưa cho ngài một tờ giấy đã đóng dấu, vừa nói:

– Thưa ngài, tôi đã ghi lại tất cả tội lỗi và sự vi phạm của mình vào tờ giấy này và niêm phong nó lại; còn ngài, người được Chúa yêu mến, xin đừng đọc nó và cũng đừng mở niêm phong, mà chỉ cần thanh tẩy chúng bằng lời cầu nguyện của ngài thôi, vì tôi tin rằng Đấng đã gieo ý nghĩ này vào lòng tôi sẽ nghe thấy ngài khi ngài cầu nguyện cho tôi.

Còn Thánh Basil, sau khi nhận lấy tờ giấy, ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa! Chỉ một mình Ngài mới có thể làm được điều này. Vì nếu Ngài đã gánh lấy tội lỗi của cả thế gian, thì Ngài càng có thể thanh tẩy những lỗi lầm của linh hồn duy nhất này, bởi vì dù mọi tội lỗi của chúng con đều được Ngài ghi chép, nhưng lòng thương xót của Ngài là vô biên và không thể thấu hiểu!

Nói xong, Thánh Vasily bước vào nhà thờ, tay cầm tờ giấy, rồi quỳ sấp trước bàn thờ và dành cả đêm để cầu nguyện cho người phụ nữ ấy.

Sáng hôm sau, sau khi cử hành Thánh lễ, vị thánh đã gọi người phụ nữ đến và trao cho cô tấm giấy đã niêm phong y như khi Ngài nhận được, đồng thời nói với cô:

– Này chị, chị đã nghe rằng *"ai có thể tha tội, ngoài một mình Đức Chúa Trời"* (Mác 2:7) chưa?

Cô ấy đáp:

– Con đã nghe, thưa Cha đáng kính, và chính vì thế mà con đã làm phiền Cha với lời thỉnh cầu xin Ngài thương xót.

Nói xong, người phụ nữ mở tờ giấy ra và thấy rằng các tội lỗi của mình đã được xóa sạch; chỉ có tội lỗi nặng nề mà cô đã ghi thêm sau đó là chưa được xóa. Thấy vậy, người phụ nữ kinh hoàng, vừa đập ngực vừa quỳ xuống dưới chân vị thánh, kêu lên:

– Xin hãy thương xót con, tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao, và như ngài đã thương xót tất cả những tội lỗi của con và cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ cho chúng, xin ngài cũng cầu xin về điều này, để nó được tẩy sạch hoàn toàn.

Đức Tổng Giám mục, rưng rưng nước mắt vì thương xót nàng, nói:

– Hãy đứng dậy đi, người phụ nữ ơi: chính tôi cũng là một con người tội lỗi, và tôi cũng cần sự thương xót và sự tha thứ; Đấng đã thanh tẩy những tội lỗi khác của ngươi cũng có thể thanh tẩy tội lỗi chưa được xóa bỏ của

ngươi; nếu từ nay về sau ngươi biết giữ mình khỏi tội lỗi và bắt đầu bước đi trên con đường của Chúa, thì ngươi không chỉ được tha thứ, mà còn được hưởng vinh quang trên trời. Đây là lời khuyên của tôi dành cho chị: hãy đi vào sa mạc, ở đó chị sẽ gặp một vị thánh tên là Ephrem; hãy trao cho ngài tờ giấy này và xin ngài cầu xin sự thương xót từ Đức Chúa Trời, Đấng yêu thương loài người, cho chị.

Người phụ nữ, theo lời thánh nhân, đã đi vào sa mạc và sau khi đi một quãng đường dài, đã tìm thấy am của thánh Ephrem. Gõ cửa, nàng nói:

– Xin thương xót con, kẻ tội lỗi này, thưa Cha đáng kính!

Thánh Ephrem, bằng linh hồn mình, đã biết được mục đích mà bà đến gặp ngài, nên đáp lại:

– Hãy lui ra khỏi tôi, hỡi người phụ nữ, vì tôi là một con người tội lỗi và chính tôi cũng cần sự giúp đỡ của người khác.

Lúc đó, cô ném tờ giấy trước mặt ngài và nói:

– Đức Tổng Giám mục Basil đã sai tôi đến gặp ngài, để ngài cầu nguyện với Chúa, tẩy sạch tội lỗi của tôi được ghi trong tờ giấy này; những tội lỗi còn lại thì ngài ấy đã tẩy sạch rồi, còn tội lỗi này, xin ngài đừng từ chối cầu nguyện, vì tôi được sai đến gặp ngài.

Thánh Ephrem bèn nói:

– Không, con ơi, người đã có thể cầu xin Chúa tha thứ cho nhiều tội lỗi của con, thì càng có thể cầu xin tha thứ cho một tội lỗi. Vậy thì, hãy đi đi, hãy đi ngay lập tức, để kịp gặp ông ấy khi ông ấy còn sống, trước khi ông ấy về với Chúa.

Rồi người phụ nữ ấy, sau khi cúi đầu kính lễ vị thánh, đã trở về Cêsarea.

Nhưng khi nàng đến đây thì đúng lúc lễ an táng Thánh Basil đang diễn ra, vì ngài đã qua đời, và thi hài thánh thiện của ngài đang được rước đến nơi an táng. Gặp đoàn rước tang, người phụ nữ khóc nức nở, quỳ sụp xuống đất và nói với vị thánh như thể ngài còn sống:

– Khốn khổ cho tôi, vị Thánh của Đức Chúa Trời! Khốn khổ cho tôi, kẻ bất hạnh! Phải chăng ngài đã gửi tôi đến sa mạc chỉ để, không bị tôi làm phiền, ngài có thể ra khỏi thân xác? Và giờ đây tôi trở về tay trắng, sau khi đã vô ích thực hiện cuộc hành trình gian nan đến sa mạc. Xin Chúa hãy chứng kiến điều này và xin Ngài phán xét giữa tôi và ngài về việc ngài, dù có thể tự mình giúp đỡ tôi, lại lại gửi tôi đến người khác.

Nói xong, bà ném tờ giấy lên giường của vị thánh, kể cho mọi người nghe về nỗi đau khổ của mình. Một trong những giáo sĩ, muốn xem trên tờ giấy có viết gì, đã cầm lấy nó, mở ra, nhưng không thấy một chữ nào: cả tờ giấy đã trở nên trống rỗng.

– Ở đây chẳng có gì được viết cả, – ông nói với người phụ nữ, – và chị đang buồn phiền vô ích, vì không nhận ra lòng nhân từ vô biên của Đức Chúa Trời đã hiện ra nơi chị.

Cả dân chúng, khi chứng kiến phép lạ này, đã ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã ban quyền năng như vậy cho các tôi tớ của Ngài và theo lời cầu xin của họ.

Tại Cêsarea có một người Do Thái tên là Giuse. Ông ta rất thông thạo y học, đến nỗi chỉ cần quan sát sự lưu thông của máu trong mạch máu là có thể xác định ngày bệnh nhân qua đời trước ba hoặc năm ngày, và thậm chí chỉ ra chính xác giờ phút lâm chung. Còn vị cha thánh của chúng ta là Basil, đã tiên đoán trước việc ông ấy sẽ trở lại với Chúa Kitô, nên rất yêu mến ông ấy và thường mời ông ấy đến trò chuyện, khuyên nhủ ông ấy từ bỏ đức tin Do Thái và nhận phép rửa thánh. Nhưng Giuse từ chối, nói rằng:

– Tôi sinh ra trong đức tin nào, thì tôi cũng muốn chết trong đức tin đó.

Vị thánh bèn nói với anh ta:

– Hãy tin tôi, rằng cả tôi lẫn anh đều sẽ không chết cho đến khi anh *"được sinh ra bởi nước và Thánh Thần"* (Ga 3,5): vì nếu không có ân sủng ấy, không ai có thể vào Nước Thiên Chúa. Chẳng phải các tổ phụ của anh đã được rửa tội *"trong mây và trong biển"* (1 Cr 10,1) sao? Chẳng phải họ đã uống nước từ tảng đá, vốn là hình bóng của tảng đá thiêng liêng – chính là Đức Kitô, Đấng được sinh ra từ Đức Trinh Nữ vì sự cứu rỗi của chúng ta sao? Chính Đức Kitô này đã bị tổ tiên ngươi đóng đinh, nhưng Ngài, sau khi được chôn cất, đã sống lại vào ngày thứ ba, và khi lên trời, Ngài ngự bên hữu Chúa Cha, và từ đó Ngài sẽ trở lại để phán xét kẻ sống và kẻ chết.

Vị thánh còn nói với người Do Thái ấy nhiều điều khác nữa, có ích cho linh hồn, nhưng người Do Thái ấy vẫn cứ chìm đắm trong sự không tin của mình. Khi đến lúc vị thánh sắp qua đời, ngài lâm bệnh và gọi người Do Thái ấy đến bên mình, như thể cần sự giúp đỡ y tế của anh ta, rồi ngài hỏi anh ta:

– Ngươi nghĩ sao về ta, Giuse?

Người Do Thái ấy, sau khi xem xét vị thánh, đã nói với những người trong nhà ngài:

– Hãy chuẩn bị mọi thứ cho lễ an táng, vì bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra cái chết của ngài.

Nhưng Vasilij nói:

– Ngươi không biết mình đang nói gì đâu!

Người Do Thái đáp lại:

– Hãy tin tôi, thưa ngài, rằng ngài sẽ qua đời trước khi mặt trời lặn.

Lúc đó, Vasily nói với ông ta:

– Còn nếu tôi còn sống đến sáng mai, đến sáu giờ, thì lúc đó anh sẽ làm gì?

Giuse đáp:

– Thì để tôi chết lúc đó!

– Đúng vậy, – vị thánh nói, – hãy chết đi, nhưng hãy chết cho tội lỗi, để sống cho Đức Chúa Trời!

– Tôi biết ngài đang nói gì, thưa Đức Cha! – người Do Thái đáp, – và tôi xin thề với ngài rằng, nếu ngài còn sống đến sáng mai, tôi sẽ thực hiện điều ngài mong muốn.

Lúc đó, thánh Basil bắt đầu cầu nguyện với Chúa để Ngài cho ông được sống đến sáng nhằm cứu rỗi linh hồn người Do Thái ấy – và lời cầu xin của ông đã được chấp nhận. Sáng hôm sau, ông sai người đi tìm anh ta; nhưng anh ta không tin lời người đầy tớ nói rằng Basil còn sống, dù vậy anh ta vẫn đi để gặp ông, vì anh ta nghĩ rằng ông đã chết rồi. Khi thấy ngài thực sự còn sống, người Do Thái ấy như rơi vào cơn cuồng loạn, rồi quỳ sấp xuống chân vị thánh và thốt lên từ tận đáy lòng:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, và không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ngài! Tôi từ bỏ đạo Do Thái chống lại Đức Chúa Trời và quy y vào đức tin Kitô giáo chân chính. Xin thánh phụ hãy ra lệnh ngay lập tức ban phép rửa tội thánh cho tôi, cũng như cho cả gia đình tôi.

Thánh Basil nói với anh ta:

– Chính tay tôi sẽ rửa tội cho anh!

Người Do Thái tiến lại gần, chạm vào tay phải của vị thánh và nói:

– Sức lực của ngài, thưa Đức Cha, đã suy yếu, và toàn bộ thể xác ngài đã kiệt sức hoàn toàn; ngài không thể tự tay rửa tội cho tôi được.

– Chúng ta có Đấng Tạo Hóa, Đấng ban sức mạnh cho chúng ta, – Thánh Basil đáp lại.

Và ngài đứng dậy, bước vào nhà thờ, rồi trước mặt toàn thể dân chúng, ngài đã làm phép rửa cho người Do Thái ấy cùng cả gia đình ông; ngài đặt tên cho ông là Gioan và ban cho ông các Bí tích Thánh, đồng thời chính ngài đã cử hành Thánh lễ vào ngày hôm đó. Sau khi giảng dạy cho người mới được rửa tội về cuộc sống vĩnh cửu và gửi lời khuyên răn đến tất cả các tín hữu của mình, vị thánh vẫn ở lại trong nhà thờ cho đến giờ thứ chín. Sau đó, sau khi trao nụ hôn từ biệt và lời tha thứ cho mọi người, ngài bắt đầu tạ ơn Thiên Chúa vì tất cả những ân huệ không thể diễn tả của Ngài, và khi lời tạ ơn vẫn còn trên môi, ngài đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa; với tư cách là vị giám mục, ngài đã gia nhập hàng ngũ các vị giám mục đã an nghỉ, và với tư cách là "tiếng sấm vĩ đại của Lời Chúa"[495] – ngài đã gia nhập hàng ngũ các nhà giảng thuyết vào ngày đầu tiên của tháng Giêng năm 379, dưới triều đại của Gratian[496] , người lên ngôi sau cha mình là Valentinian.

Thánh Basil Đại Đế đã chăn dắt Giáo hội của Chúa trong tám năm, sáu tháng và mười sáu ngày, và tổng số năm trong cuộc đời ngài là bốn mươi chín.

Một người Do Thái mới được rửa tội, khi thấy thánh nhân đã qua đời, liền quỳ sấp mặt xuống trước thi hài ngài và nói trong nước mắt:

– Quả thật, tôi tớ của Chúa là Basil, ngài đã không chết nếu ngài không tự nguyện.

Lễ an táng Thánh Basil là một sự kiện trọng đại và cho thấy ngài được kính trọng đến mức nào. Không chỉ các Kitô hữu, mà cả người Do Thái và những người ngoại đạo cũng đổ xô ra đường với số lượng rất đông và kiên quyết chen lấn để đến gần quan tài của vị thánh đã qua đời. Thánh Grêgôriô Nazianzen cũng đã đến dự lễ an táng Thánh Basiliô và khóc thương ngài rất nhiều. Các vị tổng giám mục có mặt tại đây đã hát những bài thánh ca tang lễ và an táng thi hài thánh thiện của vị thánh vĩ đại của Chúa là Basil tại nhà thờ Thánh Tử đạo Eupsychius[497] , ngợi khen Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen[498] .

---

[495] Tức là người có tài hùng biện đặc biệt, khả năng thuyết phục và sức mạnh trong lời nói.

[496] Gracian đã cai trị đế chế (ban đầu cùng với cha mình là Valentinian I) từ năm 375 đến năm 383.

Bài thánh ca, giọng 1:

Lời rao giảng của ngài đã lan tỏa khắp mặt đất, vì những ai đón nhận lời ngài – mà ngài đã dạy dỗ một cách thánh thiện – ngài đã làm sáng tỏ bản chất của vạn vật, làm đẹp đẽ các phong tục của loài người, và ban cho chức thánh vương giả, hỡi vị Thánh Cha đáng kính: xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để các linh hồn chúng con được cứu rỗi[499] .

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã trở thành nền tảng vững chắc cho Giáo hội, ban cho mọi người quyền cai trị không thể bị cướp đoạt bởi con người, và ghi dấu bằng những mệnh lệnh của Ngài, thánh Basil kính yêu, Đấng chưa từng được tỏ lộ trên trời.

Lễ kính Thánh Tử đạo Vasilios Ankirskyi

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 1

Thánh Tử đạo Vasilie thuộc tầng lớp quý tộc của Ankyra[500] . Vào thời trị vì của Hoàng đế Julianus Apostata[501] , vì tuyên xưng và rao giảng đức tin Kitô giáo, ngài đã bị bắt và dẫn đến trước quan tổng trấn Saturninus. Khi quan tổng trấn hỏi ngài có tin vào Chúa Kitô hay không, Vasilie đã cất tiếng hô lớn:

– Không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ngài.

Như vậy, vị thánh đã làm chứng về đức tin của mình vào Đấng Kitô mà không hề sợ hãi, và vì thế đã phải chịu tra tấn dã man: ngài bị treo lên cây, và thân thể ngài bị cạo xé tàn nhẫn bằng các dụng cụ sắt.

Sau đó, vị chứng nhân dũng cảm của Chúa Kitô được đưa đến Constantinopolis và tại đó, ngài lại phải chịu cùng một thử thách khắc nghiệt. Sau đó, những kẻ tra tấn bắt đầu kéo căng thân thể vị tử đạo với sức mạnh đến nỗi xương của ngài bị tuột ra khỏi khớp; đồng thời, họ lột da vị chiến binh của Đấng Kitô thành những dải dài và đâm vào thân thể ngài bằng những cây kim sắt nung đỏ.

Thánh Vasilie đã dũng cảm chịu đựng tất cả những cực hình này, nhờ được sức mạnh thiêng liêng củng cố. Cuối cùng, những kẻ tra tấn đã ném ngài vào lò lửa đỏ rực. Được sức mạnh của Thiên Chúa bảo vệ, không hề hấn gì trước ngọn lửa , Vasilie bị trói và bị dẫn từ Constantinople đến Caesarea[502] , và tại đây ngài bị kết án bị thú dữ xé

---

[497] Hiện nay, không ai biết thi hài của Thánh Basil đang ở đâu: tại Athos (trong tu viện Thánh Athanasius), người ta chỉ trưng bày đầu của ngài; còn thi hài thánh của ngài, theo các ghi chép của các nhà văn phương Tây, đã được các hiệp sĩ Thập tự chinh mang từ Caesarea sang phương Tây – đến Flanders – trong thời kỳ các cuộc Thập tự chinh.

[498] Nhờ những đóng góp cho Giáo hội cùng cuộc đời đạo đức và tu hành phi thường, Thánh Basil được gọi là "Vĩ đại" và được tôn vinh như "vinh quang và vẻ đẹp của Giáo hội", "ngôi sao và con mắt của vũ trụ", "thầy dạy các tín điều", "kho tàng tri thức", "người dẫn dắt cuộc sống". Trong buổi cầu nguyện suốt đêm tưởng nhớ Thánh Basil Đại Đế, Giáo hội đọc hai đoạn Kinh Thánh để tôn vinh Lễ Cắt Bì của Chúa, và một đoạn để tôn vinh vị Thầy và Thánh nhân toàn cầu Basil – về sự hoàn hảo cao cả của những người công chính và những điều tốt lành mà họ mang lại cho người lân cận (Châm Ngôn 10, 31–32, 11:1–12). Phúc Âm buổi sáng để tôn vinh vị Thánh (Ga 10, 1–9) rao giảng về phẩm giá của vị Mục tử chân chính, người hy sinh mạng sống mình vì đàn chiên. Trong Thánh lễ vào ngày 1 tháng 1, được cử hành để tôn vinh Thánh Basil Đại Đế, qua bài đọc Thư Tông Đồ dành cho ngài, Giáo Hội loan báo về vị Giám mục hoàn hảo nhất – Con Thiên Chúa, Đấng mà Thánh Basil Đại Đế đã noi gương trong cuộc đời mình (Hê-bơ-rơ 7, 26–8, 2). Phúc Âm trong Thánh lễ (một bài về Lễ Cắt Bì, bài kia về Thánh Basil) để tôn vinh vị thánh này rao giảng giáo huấn của Chúa Giêsu Kitô về sự hạnh phúc của những người nghèo khó về tinh thần, những người khao khát và khát khao sự công chính, và những người bị bách hại vì đức tin vào Chúa Kitô (Lc 6, 17–23), như chính Thánh Basil Đại Đế đã từng là.

[499] Câu "Ngài đã dạy họ một cách thánh thiện" – chỉ ra sự uyên bác vĩ đại của Thánh Basil – về sự hiểu biết sâu sắc của ngài về các định luật tự nhiên. Thánh Basil đã để lại nhiều tác phẩm, trong đó ngài giải thích, trong số những điều khác, về sự sắp đặt đầy khôn ngoan của Thiên Chúa đối với vạn vật. – Câu: "Ngài đã làm đẹp các phong tục của loài người" – cho thấy rằng Thánh Basil đã soạn thảo nhiều quy tắc và điều lệ, qua đó đưa vào thực hành nhiều phong tục đạo đức.

[500] Ancyra, thành phố chính của tỉnh Galatia thuộc Tiểu Á (nay là Ankara).

[501] Julian trị vì từ năm 361 đến năm 363.

[502] Ở đây tất nhiên là đề cập đến Cêsarea ở Cappadocia.

xác. Với lời cầu nguyện nồng nhiệt, Thánh Vasili đã mong chờ vương miện tử đạo và đã đạt được nó, sau khi bị một con sư tử cái xé xác[503] .

Một số người thân và bạn bè của vị thánh chịu khổ nạn đã cẩn thận thu thập thi hài thiêng liêng của ngài, xức hương lên và quấn trong vải liệm, rồi an táng một cách trang trọng. Sau đó, một nhà thờ đã được xây dựng bên cạnh lăng mộ của thánh tử đạo Vasili.

Ngày 15 tháng 1

Ngày 2 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Silvestr Pechersky, người tiếp nối việc biên soạn biên niên sử sau Nestor (nhà biên niên sử Nga đầu tiên), sống vào thế kỷ XII và an nghỉ bất hoại trong hang Antoniev gần đó.

Cuộc đời của vị thánh cha Seraphim của Sarov

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 1

Thánh Seraphim, vị tu sĩ cao niên ở Sarov, quê quán tại Kursk, xuất thân từ một gia đình sùng đạo và giàu có mang họ Moshnyn, thuộc tầng lớp thương gia danh tiếng của thành phố; ngài sinh ngày 19 tháng 7 năm 1759 và được đặt tên là Prokhor trong lễ rửa tội. Cha ngài, Isidor, rất nhiệt thành với các nhà thờ của Chúa, còn mẹ ngài, Agafia, thậm chí còn hơn cả chồng, được kính trọng vì lòng sùng đạo và lòng từ thiện của bà. Khi mới ba tuổi, Prokhor mồ côi cha, và người mẹ sùng đạo Agafia trở thành người nuôi dưỡng duy nhất của cậu; dưới sự dẫn dắt của bà, cậu lớn lên trong đức tin Kitô giáo và lòng yêu mến cầu nguyện cũng như nhà thờ của Chúa. Từ thuở ấu thơ, vị thánh này đã được bao phủ bởi ân sủng kỳ diệu của Chúa, rõ ràng báo trước rằng cậu là người được Chúa chọn đầy ân sủng. Một lần nọ, mẹ cậu, khi đang kiểm tra công trình xây dựng nhà thờ mà chồng bà đã khởi công, đã đưa Prokhor, lúc đó mới bảy tuổi, lên đỉnh tháp chuông đang xây dựng. Do bất cẩn, cậu bé đã ngã từ tháp chuông xuống đất. Agafia hoảng hốt chạy xuống khỏi tháp chuông, nghĩ rằng con trai mình đã ngã chết, nhưng với sự ngạc nhiên và vui mừng, bà thấy cậu vẫn đứng vững, nguyên vẹn và không hề hấn gì. Như vậy, trên cậu bé đầy ân sủng này, những lời trong Kinh Thánh đã ứng nghiệm: **“Không có điều ác nào xảy ra với ngươi, và tai họa sẽ không đến gần nhà ngươi; vì Ngài sẽ truyền lệnh cho các Thiên thần của Ngài về ngươi – để bảo vệ ngươi trên mọi nẻo đường của ngươi: họ sẽ cõng ngươi trên tay, để chân ngươi không vấp phải hòn đá nào”** (Thánh Vịnh 90:10–12).

Khi Prokhor được mười tuổi, người ta bắt đầu dạy cậu biết chữ, và cậu bé nhanh chóng nắm bắt được chữ viết của Giáo hội, bộc lộ trí tuệ sáng suốt và trí nhớ tốt, đồng thời luôn thể hiện sự hiền lành và khiêm nhường. Nhưng đột nhiên, cậu mắc phải một căn bệnh nặng đến nỗi gia đình không còn hy vọng cậu sẽ bình phục. Trong thời gian khó khăn đó, Prokhor đã thấy Đức Mẹ trong một giấc mơ, Người hứa sẽ đến thăm cậu và chữa lành bệnh tật. Không lâu sau, lời hứa của Đức Mẹ đã thành hiện thực. Vào thời điểm đó, tại Kursk đang diễn ra cuộc rước thánh giá do bức tượng thánh “Dấu hiệu của Đức Mẹ” ([504]) dẫn đầu. Do trời mưa và đường lầy lội, để rút ngắn quãng đường, đoàn rước Thánh Giá đã đi qua sân nhà của gia đình Moshnyna. Bà Agafya, một người sùng đạo, vội vàng bế con trai đang ốm ra, đưa cậu đến gần bức tượng thánh có phép lạ của Đức Mẹ, và sau đó cậu bé đã hoàn toàn bình phục.

Cậu thiếu niên sùng đạo này say mê học tập, nghiên cứu Kinh Thánh và các cuốn sách thiêng liêng, có ích cho tâm hồn, toàn bộ tâm trí hướng về Thiên Chúa, người mà linh hồn trong sáng của cậu đang bừng cháy tình yêu. Trong khi đó, anh trai cả của cậu, người làm nghề buôn bán, dần dần bắt đầu hướng dẫn Prokhor theo nghề này,

---

[503] Thánh Tử đạo Basil qua đời vào khoảng năm 362.

[504] Bức tượng Đức Mẹ Znamenskaya được lưu giữ tại Tu viện Znamensk ở Kursk; bức tượng còn được gọi là “Korennaia” vì đã được tìm thấy một cách kỳ diệu dưới gốc cây, nơi sau đó, vào năm 1597, tu viện Giáng Sinh Đức Mẹ (nay là tu viện cộng đồng) được thành lập, cách Kursk 27 verst. Các lễ kỷ niệm long trọng để tôn vinh bức tượng thánh “Korenna” của Đức Mẹ Znamenskaya được tổ chức vào ngày 27 tháng 11 và ngày 13 tháng 9, vào ngày bức tượng được đưa trở lại Tu viện Znamenskaya từ Tu viện Korenna, nơi bức tượng được rước đến hàng năm vào thứ Sáu thứ 9 sau Lễ Phục Sinh và ở lại đó cho đến ngày 12 tháng 9.

nhưng trái tim cậu thiếu niên không mặn mà với công việc đó: tâm hồn cậu khao khát tích lũy cho mình kho tàng thiêng liêng, bất diệt và vô tận. Dù không thể tham dự Thánh lễ vào các ngày thường, Prokhor vẫn hầu như không bỏ lỡ một ngày nào mà không đến nhà thờ của Chúa, và từ lúc bình minh đã thức dậy để tham dự Thánh lễ sáng; còn vào các ngày Chủ nhật và ngày lễ, cậu đặc biệt thích dành thời gian rảnh rỗi để đọc những cuốn sách mang tính giáo dục tâm linh; thỉnh thoảng cậu cũng đọc to cho các bạn cùng lứa nghe, nhưng cậu lại thích sự cô độc và tĩnh lặng hơn. Mẹ của Prokhor không thể không nhận ra hướng đi của con trai mình, nhưng bà không phản đối mong muốn của cậu. Và khi chàng trai đạo đức này tròn mười bảy tuổi, anh đã quyết tâm từ bỏ đời sống thế tục và, với sự chúc phúc của mẹ, người đã trao cho anh một cây thánh giá bằng đồng – thứ mà từ đó anh không bao giờ rời xa – anh đã dâng hiến cuộc đời mình cho đời sống tu hành.

Sau khi rời bỏ thế gian, vị thánh hạnh phúc này trước tiên đã lên đường hành hương đến Tu viện Kiev-Pechersk, nơi một vị ẩn sĩ có khả năng tiên tri tên là Dosifei, sau khi nhìn thấy trong chàng trai trẻ một người tu hành tốt lành của Chúa Kitô, đã ban phước cho anh đến tu viện Sarov để tìm sự cứu rỗi[505] .

– Hãy đến đây, con của Chúa, – vị tu sĩ có khả năng tiên tri nói với người tu hành trẻ tuổi, – và hãy ở lại Tu viện Sarov; nơi này sẽ là nơi cứu rỗi cho con; với sự giúp đỡ của Chúa, con sẽ kết thúc cuộc hành trình trần thế của mình tại đó. Thánh Thần, Kho báu của những điều thiện lành, sẽ dẫn dắt cuộc đời con trong thánh địa.

Tuân theo lời dặn dò của vị tu sĩ cao niên có tầm nhìn xa trông rộng, Prokhor đã đến tu viện Sarov, nơi anh được vị trụ trì tu viện, tu sĩ Pakhomius – một tu sĩ hiền lành và khiêm nhường, đã tu hành nhiều trong việc ăn chay và cầu nguyện, và là tấm gương cho các tu sĩ – đón nhận với tình yêu thương. Nhận thấy ý định tốt lành của Prokhor, Pakhomius đã đưa anh vào hàng ngũ các tu sĩ tập sự và giao anh cho vị trưởng lão, linh mục tu sĩ Joseph, người từng là thủ quỹ của tu viện, để được dạy dỗ. Trong thời gian tu tập dưới sự hướng dẫn của vị tu sĩ cao niên, Prokhor đã tuân thủ một cách nhiệt thành tất cả các quy tắc và điều lệ của tu viện, cũng như thực hiện các công việc phục vụ anh em: tại phòng làm bánh mì, phòng làm bánh thánh, xưởng mộc; ngoài ra, anh còn đảm nhận nhiệm vụ của người phụ trách nhà thờ. Anh chưa bao giờ lười biếng, mà luôn cố gắng tránh sự nhàm chán bằng cách làm việc không ngừng, vì anh coi đó là một trong những cám dỗ nguy hiểm nhất đối với một tu sĩ.

– Căn bệnh này có thể chữa khỏi, – sau này ông nói dựa trên kinh nghiệm bản thân, – bằng lời cầu nguyện, kiêng nói suông, làm những công việc thủ công trong khả năng, đọc Lời Chúa và sự kiên nhẫn, bởi vì chính sự hèn nhát, sự bất cẩn và thói nói suông đã sinh ra căn bệnh này.

Prokhor luôn là người đến nhà thờ sớm nhất, đứng bất động suốt cả thánh lễ, dù nó có kéo dài đến đâu. Ngoài nhà thờ, ông thích lui về phòng tu của mình. Khi làm việc thủ công hay thực hiện bất kỳ nhiệm vụ tu hành nào khác, ông luôn ghi nhớ và giữ trong lòng lời cầu nguyện của Chúa Giêsu, nhờ sức mạnh của nó mà chiến thắng mọi cám dỗ của kẻ thù. Không chỉ hài lòng với sự yên tĩnh và im lặng của tu viện Sarov, vị tu sĩ trẻ này còn cạnh tranh với một số vị trưởng lão, những người đã được sự ban phước của vị trụ trì để rời khỏi khuôn viên tu viện và ẩn dật hoàn toàn sâu trong khu rừng của tu viện[506] , – với sự ban phước của vị trưởng lão của mình, ông cũng thường lui vào những giờ rảnh rỗi vào sâu trong rừng để cầu nguyện trong im lặng. Ông kết hợp cầu nguyện với việc kiêng khem và nhịn ăn; vào thứ Tư và thứ Sáu, ông không ăn bất kỳ thức ăn nào, còn vào những ngày khác, ông chỉ ăn một lần duy nhất. Mọi người đều dành sự kính trọng và yêu mến cho vị tu sĩ phi thường này, những việc làm kiên

---

[505] Tu viện nam Sarov, thuộc tỉnh Tambov, huyện Temnikov, nằm cách thành phố Temnikov 37 verst; được thành lập vào năm 1770 bởi tu sĩ tu hành Ioann tại nơi sông Sarovka hợp lưu với sông Satis, trên nền tảng của thành phố Saraklych của người Tatar. Nơi này đã được thánh hóa từ trước đó nhờ những hành động cao cả của các vị tu sĩ đạo đức: ban đầu là tu sĩ Feodosiy, sau đó là Gerasim, cả hai đều đã chứng kiến những điềm lành khác nhau, rõ ràng báo trước ý nghĩa tương lai của vùng đất này (ví dụ như tia lửa phát ra từ trên cao, tiếng chuông vang dội của nhiều chiếc chuông, v.v.). Sáu năm sau khi tu viện được thành lập, vào ngày dự định dựng thánh giá trên đỉnh nhà thờ đầu tiên đang được xây dựng tại Sarov, trên ngọn núi nơi tu viện tọa lạc, vào ban đêm đã vang lên tiếng chuông vang dội trong khi thực tế không có chiếc chuông nào; hiện tượng này lặp lại trước giờ trưa, và những người đang làm việc được chiếu sáng bởi một ánh sáng kỳ lạ. Trong số những người kế vị tu sĩ tu hành Ioann, người xây dựng Efrem đặc biệt nổi bật nhờ đời sống tu hành khổ hạnh và việc cải tạo tu viện. Tu viện Sarov từ lâu đã nổi tiếng với việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc tu viện và đời sống khổ hạnh của các tu sĩ nơi đây. Hiện nay, Tu viện Sarov thuộc số những tu viện Nga được xây dựng tốt nhất và có điều kiện kinh tế vững chắc nhất. Tại đây có tới 7 nhà thờ; phòng thánh của tu viện nổi bật nhờ giá trị vượt trội, vẻ đẹp và sự tinh tế của các vật dụng thờ phượng được lưu giữ trong đó. Tu viện sở hữu diện tích đất đai rộng lớn.

[506] Chẳng hạn như vị Bề trên nổi tiếng và người phục hưng Tu viện Valaam là Thánh Nazari, người đã bắt đầu cuộc đời tu hành tại Sarov và dành những năm cuối đời tại đó; Thánh Dosifei, một linh mục tu sĩ; và đặc biệt là Thánh Mark, một tu sĩ già, người đã nổi tiếng nhờ những công đức của mình và từng sống trong im lặng trong một thời gian dài.

định và nổi bật của ngài khó có thể che giấu, dù ngài luôn khiêm nhường sâu sắc. Đặc biệt, các vị trưởng lão Pakhomius và Joseph đã dành cho ngài tình yêu thương và sự tin tưởng, như thể ngài là con ruột của họ vậy. Tình yêu thương và sự kính trọng chung của các tu sĩ Sarov dành cho vị tu sĩ trẻ của Chúa Kitô đã được thể hiện một cách đặc biệt rõ ràng qua sự việc sau đây.

Năm 1780, Prokhor mắc bệnh nặng. Toàn thân anh sưng phù, và trong cơn đau đớn tột cùng, anh nằm bất động trên chiếc giường cứng. Không có bác sĩ, và căn bệnh không đáp ứng với bất kỳ phương pháp điều trị nào; dường như đó là bệnh phù thũng. Căn bệnh kéo dài suốt ba năm, trong đó người bệnh đã phải nằm liệt giường suốt một nửa thời gian. Nhưng lời than vãn chưa bao giờ thốt ra từ miệng Prokhor; ông đã dâng hiến toàn bộ bản thân, cả thể xác lẫn linh hồn, cho Chúa và không ngừng cầu nguyện, dùng nước mắt của mình để rửa sạch chiếc giường của mình[507] . Vị cha linh hướng và người hướng dẫn của Prokhor, vị tu sĩ già Joseph, đã phục vụ ông như một tu sĩ tập sự bình thường trong suốt thời gian ông ốm; vị trụ trì tu viện, vị tu sĩ già Pachomius, luôn ở bên cạnh ông; vị tu sĩ già Isaiah cùng các vị tu sĩ già và các tu sĩ khác cũng hết lòng chăm sóc ông. Cuối cùng, lo ngại cho tính mạng của người đang chịu đau khổ, Pakhomii đã kiên quyết đề nghị anh gọi bác sĩ. Nhưng vị thánh nhân với sự kiên quyết còn lớn hơn đã từ chối sự giúp đỡ y tế.

– Con đã phó thác bản thân mình, thưa cha thánh, – anh nói với vị tu sĩ cao niên, – cho Đấng Chữa Lành chân chính của linh hồn và thể xác, là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, và Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ Maria; nếu lòng yêu thương của cha cho là nên, xin hãy ban cho con, kẻ hèn mọn này, vì danh Chúa, phương thuốc thiên đàng (tức là việc rước Mình Thánh Chúa).

Lúc bấy giờ, vị tu sĩ già Giuse, theo lời thỉnh cầu của người bệnh và vì lòng nhiệt thành của chính mình, đã cử hành Thánh Lễ Thức Trắng và Thánh Lễ để cầu nguyện cho sức khỏe của Prokhor; các tu sĩ đã tụ họp trong thánh lễ với lòng nhiệt thành để cầu nguyện cho người đang đau khổ. Sau Thánh Lễ, Prokhor đã xưng tội và rước Mình Thánh Chúa trên giường bệnh của mình.

Và ngay sau khi rước lễ, Đức Trinh Nữ Maria đã hiện ra trước mặt anh trong một ánh sáng không thể tả xiết, cùng với các Tông đồ Gioan Thần Học và Phêrô. Quay khuôn mặt thiêng liêng của Mình về phía Thần Học, Mẹ nói, chỉ tay về phía Prokhor:

– Người này là người của dòng dõi chúng ta! [508]

Sau đó, Người đặt tay phải lên đầu anh ta, – và ngay lập tức, chất dịch lấp đầy cơ thể người bệnh bắt đầu chảy ra qua lỗ hổng vừa hình thành ở bên hông phải. Không lâu sau, Prokhor hoàn toàn bình phục, và chỉ còn lại những dấu vết của vết thương – nguồn gốc của căn bệnh – mãi mãi lưu lại trên cơ thể anh, như một bằng chứng về sự chữa lành kỳ diệu của anh. Tại nơi Đức Mẹ hiện ra, không lâu sau đó, nhờ sự an bài đặc biệt của Thiên Chúa, một nhà thờ hai tầng với hai bàn thờ đã được xây dựng, kèm theo đó là một bệnh viện, ngay tại vị trí của căn phòng bị phá hủy của Prokhor. Ngài, theo sự ủy thác của vị tu viện trưởng, đã quyên góp tiền cho công trình này và chính tay mình đã chế tác một bàn thờ bằng gỗ thông trong nhà thờ bệnh viện ở tầng dưới. Khi bàn thờ này được thánh hiến, Thánh Seraphim đã rước Mình Thánh Chúa chủ yếu tại nhà thờ này cho đến cuối đời – để luôn ghi nhớ ân huệ vĩ đại của Thiên Chúa đã hiện ra với ngài tại nơi này[509] .

Sau tám năm sống tại Tu viện Sarov với tư cách là tu sĩ tập sự, vào ngày 18 tháng 8 năm 1786, khi mới 27 tuổi, Prokhor đã được thụ phong tu sĩ, đồng thời được đặt tên mới là Seraphim. Khi nhận chức tu sĩ, ý nghĩa sâu sắc của tên mới "[510] ", nhắc nhở Seraphim về sự trong sạch và sự phụng sự nồng nhiệt của Thiên thần đối với Đức

---

[507] Theo gương Thánh Thi sĩ, người đã kêu lên giữa những nỗi đau buồn và bệnh tật: "Nước mắt tôi làm ướt giường tôi" (Thi thiên 6:7).

[508] Cụm từ *"loại của chúng* ta" rõ ràng chỉ ra rằng Thánh Seraphim là một người cầu nguyện hết sức sốt sắng trước Mẹ Thiên Chúa và do đó, chính ngài cũng được Mẹ che chở và cầu bầu một cách đặc biệt, điều này được minh chứng rõ ràng qua vô số ví dụ trong chính cuộc đời của vị thánh.

[509] Về điều này, sau này vị trưởng lão đã tự mình kể lại rất thường xuyên và cho rất nhiều người nghe. Ngôi thánh đường do Thánh Seraphim xây dựng đã được thánh hiến vào ngày 17 tháng 8 năm 1786 để tôn vinh các Thánh Zosima và Savvatiy của Solovetsky, và cho đến nay vẫn còn đứng vững tại vị trí đó. Ngôi thánh đường trên cao được thánh hiến nhân danh Lễ Biến Hình của Chúa. – Trong thời gian vị tu sĩ phải vất vả quyên góp để xây dựng công trình này, Thánh Seraphim cũng đã trở về quê hương Kursk, nhưng không còn gặp được người mẹ đạo đức của mình nữa; anh trai của ngài, người sau khi mẹ qua đời đã trở thành chủ sở hữu duy nhất của gia tài gia đình, đã hỗ trợ Prokhor một khoản tiền hào phóng để xây dựng nhà thờ tu viện.

[510] Từ "Seraphim" trong tiếng Do Thái có nghĩa là: ngọn lửa, sự bùng cháy; theo một số cách giải thích, ý nghĩa sâu xa hơn là cao quý, thanh cao. Đây thực chất là một tên Thiên thần, vốn được dùng để chỉ những linh hồn sáng ngời thuộc về một trong những hàng ngũ gần gũi nhất với Thiên Chúa trong hệ thống cấp bậc thiên đàng, chiếm vị trí đầu tiên trong hàng thứ nhất trước ngai vàng của Đấng Tối Cao. –

Chúa Trời, đã khơi dậy trong ông khát vọng mãnh liệt hơn nữa và lòng nhiệt thành thánh thiện để phụng sự Chúa. Seraphim càng nỗ lực hơn trong công việc và các việc làm thánh thiện, đồng thời sống càng khép kín hơn, đắm chìm trong sự chiêm niệm nội tâm hướng về Thiên Chúa.

Chỉ hơn một năm sau đó, vị thánh nhân được phong chức phó tế tu sĩ ([511]). Kể từ đó, trong khoảng sáu năm, ngài hầu như không ngừng phục vụ trong chức vụ này, không ngừng nỗ lực và thực hiện những công việc mới, với tinh thần hăng hái và tràn đầy tình yêu Thiên Chúa. Vào các đêm Chủ nhật và ngày lễ, ngài thức trắng để cầu nguyện sốt sắng, không nghỉ ngơi, đứng tuân theo quy tắc cầu nguyện cho đến tận Thánh lễ; sau khi Thánh lễ kết thúc, ngài vẫn ở lại nhà thờ một thời gian dài, sắp xếp lại các vật dụng thánh và chăm lo cho sự thanh tịnh của bàn thờ Chúa. Và dù vậy, Thánh Seraphim hầu như không cảm thấy mệt mỏi, không cảm thấy kiệt sức, cũng không cần nghỉ ngơi lâu sau những công việc đó; ngài thường hoàn toàn quên ăn quên uống, và khi phải nghỉ ngơi, ngài lại tiếc nuối rằng tại sao con người không thể phục vụ Chúa liên tục như các Thiên thần.

Linh hồn của Thánh Seraphim ngày càng thăng hoa trên nấc thang của các đức tính và những sự chiêm ngắm hướng về Thiên Chúa – và như để đáp lại lòng nhiệt thành thánh thiện của ngài, Chúa đã an ủi và củng cố ông trong những công việc thánh thiện bằng những thị kiến thiên đàng đầy ân sủng, mà ông đã có khả năng chiêm ngưỡng nhờ sự trong sạch của lòng, sự kiêng khem không ngừng và sự thăng hoa liên tục của linh hồn hướng về Chúa. Vì vậy, đôi khi trong các nghi lễ nhà thờ, ngài chiêm ngưỡng các Thiên thần thánh, đồng tế và hát thánh ca cùng các anh em, dưới hình dạng những thiếu niên nhanh như chớp, mặc áo trắng dệt chỉ vàng; tiếng hát của họ không thể diễn tả bằng lời, cũng không thể so sánh với bất kỳ giai điệu trần gian nào. "**Trái tim tôi đã trở nên như sáp,** tan chảy" (Thánh Vịnh 21:15), – ngài sau này đã nói bằng lời của vị tác giả Thánh Vịnh, khi hồi tưởng lại niềm vui khôn tả mà ngài đã trải qua trước những hiện tượng thiên giới ấy. Và lúc đó, vì quá đỗi vui sướng, ngài chẳng còn nhớ gì cả; chỉ nhớ mình đã bước vào nhà thờ và bước ra khỏi đó.

Nhưng một lần, trong Thánh lễ vào Tuần Thánh, vị tu sĩ đáng kính đã được ban cho một thị kiến đặc biệt đầy ân sủng và ý nghĩa. Đó là vào Thứ Năm Tuần Thánh. Thánh lễ được cử hành bởi các vị tu sĩ đáng kính Pachomius và Joseph cùng với Thánh Seraphim – bởi vì Pachomius đã rất quý mến vị tu sĩ trẻ tuổi nhưng tài năng này và hầu như luôn cử hành Thánh lễ cùng với ngài. Khi Thánh Seraphim, sau Lễ Nhập Đền Nhỏ và các bài đọc Thánh Kinh, cất tiếng: "Lạy Chúa, xin cứu rỗi những người đạo đức", rồi bước ra Cổng Hoàng Gia và với lời "và đến muôn đời", hướng cây thánh giá về phía những người tham dự, bỗng nhiên một ánh sáng kỳ diệu chiếu xuống từ trên cao, như thể từ những tia nắng mặt trời. Khi ngước mắt lên nhìn ánh sáng rực rỡ ấy, Thánh Seraphim đã nhìn thấy Chúa Giêsu Kitô của chúng ta dưới hình dạng Con Người trong vinh quang, tỏa sáng rực rỡ hơn cả mặt trời bằng một ánh sáng không thể diễn tả, và được bao quanh như một đàn ong bởi các Thần Lực Thiên Đàng: các Thiên Thần, các Tổng Lãnh Thiên Thần, các Cherubim và các Seraphim. Ngài đi trên không trung từ cổng phía tây của nhà thờ, dừng lại trước bục giảng và, giơ hai tay lên, ban phước lành cho những người phục vụ và những người đang cầu nguyện. Sau đó, Ngài hiện ra dưới hình dạng địa phương gần cổng hoàng gia[512] . Trái tim của vị thánh nhân tràn ngập niềm vui khôn tả trong sự ngọt ngào của tình yêu nồng cháy dành cho Chúa và được chiếu rọi bởi ánh sáng Thần thánh của ân sủng thiên đàng. Chính bản thân ngài cũng ngay lập tức thay đổi diện mạo vì khải tượng huyền bí này – và không thể rời khỏi chỗ đứng, cũng như không thể thốt ra một lời nào. Nhiều người đã nhận thấy điều này, nhưng không ai hiểu được nguyên nhân thực sự của những gì đang xảy ra. Ngay lập tức, hai phó tế tu sĩ tiến lại gần Seraphim và dẫn ngài vào trong bàn thờ; nhưng ngay cả sau đó, ngài vẫn đứng bất động tại chỗ trong khoảng hai giờ – chỉ có khuôn mặt ngài thay đổi từng phút: lúc thì được bao phủ bởi sắc trắng như tuyết, lúc thì

Tên này đã được ban cho Prokhor khi ông được thụ giới tu sĩ mà không có sự biết trước hay đồng ý của ông, và điều này có thể được xem như sự thể hiện quan điểm của ban lãnh đạo tu viện về ông, những người đã nhận thấy lòng nhiệt thành của Prokhor đối với đời sống phụng sự Chúa và đã tiên đoán một cách sáng suốt rằng trong ông còn ẩn chứa ngọn lửa khao khát Chúa còn mãnh liệt hơn nữa.

[511] Đó là vào tháng 12 năm 1787.

[512] Điều đáng chú ý ở đây là, sự hiện ra đầy ân sủng của Thánh Seraphim đã diễn ra vào thời điểm trong Thánh lễ khi các linh mục bước vào bàn thờ, tượng trưng cho cuộc rước của họ như thể lên tận thiên đàng, và vị linh mục trong lời cầu nguyện thầm lặng khẩn cầu Chúa: Lạy Chúa, Thiên Chúa của chúng con, Đấng thiết lập các bậc phẩm trật và địa vị cao quý của các Thiên thần và Tổng lãnh thiên thần trên trời, để tôn vinh Ngài, xin hãy khiến khi chúng con bước vào, các Thiên thần thánh cũng bước vào để phục vụ chúng con và tôn vinh Ngài, khi bài ca "Ba Lần Thánh" của các Thiên thần được cất lên: "Lạy Thiên Chúa thánh thiện, Thiên Chúa hùng mạnh, Thiên Chúa bất tử, xin thương xót chúng con." Như vậy, thị kiến này đã minh chứng rõ ràng rằng chúng con không tin một cách vô căn cứ, rằng trong Thánh Lễ, các Quyền Năng trên trời đang phục vụ cùng chúng con một cách vô hình, và rằng chính Vua Vinh Quang – Đức Kitô – đang hiện diện cùng chúng con vào lúc đó

rạng rỡ lên một vệt hồng tươi tắn. Các vị tu sĩ Pakhomii và Iosif, những người đang cử hành Thánh lễ, ban đầu nghĩ rằng có lẽ Seraphim đã cảm thấy một cơn suy nhược bất ngờ, điều hoàn toàn có thể xảy ra với ông vào Thứ Năm Tuần Thánh sau một thời gian dài ăn chay, đặc biệt là với sự kính trọng mà Thánh Seraphim đã dành cho ông từ lâu; nhưng sau đó họ nhận ra rằng ông đã có một thị kiến. Khi Thánh Seraphim tỉnh táo lại, các vị tu sĩ cao niên đã hỏi ngài xem chuyện gì đã xảy ra với ngài. Thánh Seraphim đã kể lại cho họ nghe về thị kiến của mình một cách hiền lành, với sự tin tưởng ngây thơ như trẻ thơ. Các vị trưởng lão giàu kinh nghiệm trong đời sống thiêng liêng đã ghi nhớ câu chuyện của ngài trong lòng; còn đối với Thánh Seraphim, họ khuyên ngài đừng kiêu ngạo và đừng để trong lòng bất kỳ suy nghĩ tai hại nào về sự cao quý của bản thân trước mặt Thiên Chúa. Nhưng lúc bấy giờ, ngoài các vị trưởng lão nói trên, không ai biết Thánh Seraphim đã được Thiên Chúa ban cho một sự viếng thăm kỳ diệu đến mức nào.

Và vị thánh, sau thị kiến thiên thượng đầy ân sủng ấy, không hề tự cao tự đại về bản thân hay những ân tứ thiêng liêng của mình, mà càng củng cố thêm lòng khiêm nhường. Được bao bọc bởi lòng khiêm nhường sâu sắc, ngài ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn và, không ngừng tu tập trong sự tự hạ mình về mặt thiêng liêng, ngài đã trung thành và kiên định bước đi trên con đường vương giả của Thập Tự Giá Chúa. Từ thời điểm đó, Thánh Seraphim càng tìm kiếm sự tĩnh lặng hơn và thường xuyên lui về rừng Sarov để cầu nguyện hơn trước, nơi một căn phòng ẩn tu đã được dựng sẵn cho ngài. Ông dành cả ngày từ sáng đến tối tại tu viện, cử hành các nghi lễ, tuân thủ các quy tắc và nghĩa vụ của tu viện; đến tối, ông lui về căn phòng ẩn dật để cầu nguyện ban đêm, và sáng sớm lại trở về tu viện để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Năm 1793, khi mới 35 tuổi, Thánh Seraphim được tấn phong làm tu sĩ linh mục ([513]). Trong chức vụ này, ngài vẫn tiếp tục, như trước đây nhưng với tình yêu thương còn lớn lao hơn, thực hiện việc phụng vụ thánh thiêng liêng không ngừng nghỉ trong một thời gian dài, hàng ngày rước lễ với lòng tin và sự kính sợ đối với các Bí tích Thánh của Chúa Kitô.

Ngay sau đó, Thánh Seraphim đã thực hiện một hành động tu hành cao cả hơn nữa và tự nguyện lui về sa mạc. Điều này xảy ra sau khi vị trưởng tu và người hướng dẫn yêu quý của ngài, vị trưởng lão phúc lành Pahomios, qua đời; chính ngài đã ban phước lành cho Seraphim trước khi qua đời để thực hiện hành động tu hành này. Trong tiếng khóc đắng cay khi tiễn đưa thi hài vị thầy của mình về với đất, Thánh Seraphim, sau khi nhận được sự ban phước của vị trụ trì mới, vị trưởng lão Isaia – người cha thiêng liêng của ngài – đã rời tu viện để thực hiện những công việc thầm lặng trong sa mạc[514] .

Túp lều của Thánh Seraphim nằm trong một khu rừng thông rậm rạp, bên bờ sông Sarovka, trên một ngọn đồi cao, cách tu viện khoảng 5–6 verst, và chỉ gồm một căn phòng gỗ nhỏ có lò sưởi. Bên cạnh túp lều, ngài đã mở một vườn rau nhỏ, sau đó là một khu nuôi ong, tất cả đều được rào lại bằng hàng rào. Không xa Thánh Seraphim, những ẩn sĩ khác ở Sarov cũng sống trong sự ẩn dật; và toàn bộ khu vực lân cận, gồm nhiều ngọn đồi khác nhau, rải rác rừng cây, bụi rậm và các phòng tu của những người sống ẩn dật, dường như gợi nhớ đến ngọn núi thiêng Athos. Vì vậy, vị thánh nhân đã đặt tên cho ngọn đồi ẩn dật của mình là Núi Athos, đồng thời đặt tên cho những nơi hẻo lánh nhất khác trong rừng theo tên các thánh địa: Giê-ru-sa-lem, Bê-lem, sông Giô-đanh, suối Kê-dr, Gô-gô-tha, núi Ô-li-ve, núi Pha-vô-ra – như thể để tái hiện một cách sống động những sự kiện thiêng liêng trong cuộc đời trần

---

[513] Vào ngày 2 tháng 9 năm 1793, Giám mục Tambov Theophilus, theo đề nghị của ban lãnh đạo tu viện – những người đã rõ ràng nhận thấy rằng Cha Seraphim, nhờ những công đức của mình, vượt trội hơn hẳn các tu sĩ khác và do đó xứng đáng được ưu tiên khi được thăng chức lên các bậc cao nhất trong chức vụ phụng vụ – đã phong chức cho ngài.

[514] Đó là ngày 20 tháng 11 (ngày vị Thánh đến tu viện Sa-rov) năm 1794. Cho đến nay, tại tu viện Sa-rov vẫn còn lưu giữ một bản sao giấy phép được cấp cho Thánh Seraphim để ngài có thể sinh sống tự do trong căn phòng ẩn tu, có chữ ký của vị trưởng lão Isaia, người đã xây dựng tu viện. Dưới đây là nội dung của giấy phép này: "Người được cấp giấy phép này, tu sĩ Seraphim của Tu viện Sarov, được phép ở lại tu viện, trong căn phòng riêng của mình (tức là trong khuôn viên tu viện), do không thể hòa nhập với cộng đồng vì bệnh tật (do việc thức trắng đêm cầu nguyện liên tục trong phòng tu, tham dự các nghi lễ tại nhà thờ liên tục và đứng suốt nhiều năm liền, chỉ nghỉ ngơi ít ỏi vào ban đêm, Seraphim trước khi lui về sống ẩn dật đã mắc bệnh; chân ông sưng tấy và xuất hiện những vết loét, đến nỗi ông mất khả năng cử hành thánh lễ trong một thời gian. Căn bệnh này đã trở thành động lực không nhỏ thúc đẩy ngài lựa chọn đời sống ẩn tu, cũng như nhờ lòng nhiệt thành (ý nói đến những công đức tu hành đặc biệt và phi thường của ngài, đòi hỏi sự im lặng và cô độc), và sau nhiều năm trải qua những thử thách (thử thách, thử nghiệm tu hành) tại tu viện đó và trong sa mạc, ông được cho phép rời đi chỉ để tìm sự bình an trong tâm hồn vì danh Chúa, và theo quy tắc đã được ban cho ông dựa trên các quy định của các vị Thánh Cha, từ nay trở đi không ai được cản trở việc ông cư ngụ tại một nơi duy nhất, và tôi xác nhận điều này – Tu sĩ Kiến trúc sư Isaia, ngày 20 tháng 11 năm 1797. Để chứng thực, tôi đính kèm con dấu vào đây.

thế của Đấng Cứu Thế, Đấng mà ngài đã dâng hiến trọn vẹn ý chí và cả cuộc đời mình. Luôn không ngừng rèn luyện việc đọc Thánh Tin Mừng, ngài đặc biệt thích đọc tại những nơi này về các sự kiện trong Tin Mừng tương ứng với tên gọi của chúng. Tại vườn nho của mình ở Bê-lem, ngài đã hát bài ca ngợi khen trong Phúc Âm: **"Vinh quang trên trời thuộc về Đức Chúa Trời, và bình an dưới đất, ân sủng nơi loài người!"**[515] . Trên bờ sông Sarovka, như thể đang đứng bên bờ sông Giô-đanh, ngài nhớ lại bài giảng của Thánh Gioan Tẩy Giả và lễ rửa tội của Đấng Cứu Thế. Ngài lắng nghe bài giảng trên núi của Chúa về chín điều răn hạnh phúc trên một ngọn núi nằm gần sông Sarovka, còn trên một ngọn đồi khác, được gọi là Núi Biến Hình, ngài chiêm ngưỡng vinh quang của Chúa Biến Hình trong sự hiện diện tinh thần cùng các Tông Đồ. Khi lặn sâu vào rừng rậm rạp, ngài nhớ lại lời cầu nguyện của Chúa trong Phúc Âm về chén "[516] " và, bị lay động tận đáy lòng bởi những đau khổ nội tâm của Ngài, ngài đã dâng lên những lời cầu nguyện đẫm nước mắt cho sự cứu rỗi của chính mình. Trên ngọn núi mà ngài gọi là Núi Eleon, ngài chiêm ngưỡng vinh quang của sự Thăng Thiên của Chúa Kitô lên trời và Ngài ngự bên hữu Thiên Chúa.

Thánh Seraphim luôn mặc cùng một bộ quần áo, đơn sơ, thậm chí có phần tồi tàn: trên đầu là chiếc mũ kamilauka đã sờn, trên vai là chiếc áo nửa dài giống như áo choàng làm từ vải trắng, trên tay đeo găng tay da, trên chân mang tất da và dép rơm; trên chiếc áo choàng của ngài luôn treo chiếc thánh giá mà mẹ ngài đã dùng để ban phước cho ngài ngày xưa, khi tiễn ngài rời nhà đến tu viện thánh, còn trên vai ngài đeo một chiếc túi, trong đó vị tu sĩ luôn mang theo bên mình cuốn Thánh Phúc Âm, thứ luôn nhắc nhở ngài về việc mang lấy ách lành và gánh nặng nhẹ nhàng của Chúa Kitô để được cứu rỗi. Thời gian trôi qua đối với vị tu sĩ nhiệt thành của Chúa Kitô trong những lời cầu nguyện và hát Thánh vịnh không ngừng, việc đọc các sách thánh và lao động chân tay.

Vào mùa lạnh, vị tu sĩ thu nhặt cành cây và rác rưởi, rồi dùng chiếc rìu nhỏ của mình chặt củi để sưởi ấm căn phòng tu hành khiêm tốn của mình. Vào mùa hè, ngài làm việc trong khu vườn nhỏ của mình, nơi ngài tự tay canh tác và bón phân, và chủ yếu sống nhờ các loại rau củ từ đó. Để bón phân cho đất, vào những ngày hè oi bức, ngài đi đến những vùng đầm lầy để hái rêu, – và vì ngài bước vào đó trong tình trạng trần truồng, chỉ quấn một dải vải quanh hông, nên muỗi và các loài côn trùng khác bay lượn trên đầm lầy đã cắn xé cơ thể ngài một cách tàn nhẫn, đến nỗi da thịt ngài không chỉ sưng tấy mà còn tím bầm và rỉ máu. Nhưng vị tu sĩ của Chúa đã tự nguyện chịu đựng những vết thương đau đớn này, vì Chúa, và thậm chí còn vui mừng vì chúng bởi vì, như ngài đã nói sau này, "những đam mê được tiêu diệt bằng đau khổ và buồn phiền, dù là tự nguyện hay do Thượng Đế an bài", và vì vậy, để thanh tẩy linh hồn một cách hoàn hảo và chắc chắn nhất, ngài đã tự nguyện gánh chịu những đau khổ đó. Sau khi thu thập rêu theo cách đó, vị thánh nhân của Chúa đã bón phân cho các luống đất, gieo hạt, tưới nước, nhổ cỏ và thu hoạch rau củ, không ngừng ngợi khen Chúa và tuôn trào niềm vui thánh thiện, êm đềm của mình qua việc hát những bài thánh ca, nhờ đó làm tươi mới và nuôi dưỡng tinh thần giữa sự đơn điệu của những công việc thể xác. Với trí nhớ sáng suốt, từ thuở nhỏ đã luôn chú tâm và kính cẩn theo dõi các nghi lễ nhà thờ, Thánh Seraphim thuộc lòng vô số bài thánh ca, và ngài rất thích cất tiếng hát giữa những công việc lao động trong sa mạc tĩnh lặng, cô độc của mình; hơn nữa, một số người thân cận nhất với ngài đã nhận thấy rằng nhiều bài thánh ca trong số đó có sự gắn kết sâu sắc nhất với vùng đất này và với cuộc sống tu hành cô độc của ngài. Vì vậy, Thánh Seraphim đặc biệt thích thường xuyên hát bài: "**Vinh quang toàn** cầu"[517] – để tôn vinh Đức Mẹ, Đấng mà ngài coi là vị bảo trợ của sa mạc mình, – **"Trong sa mạc, khát vọng thiêng liêng không ngừng nghỉ tồn tại, ngoài thế giới phù du này"**[518] – một bài thánh ca đối đáp miêu tả cuộc sống ẩn tu và nâng tâm hồn người ẩn tu hướng về những điều thiêng liêng, cũng như những bài thánh ca đưa tâm hồn con người lên cao hướng tới công trình vĩ đại của tình yêu Thiên Chúa, hướng tới sự sáng tạo của thế giới và con người, chẳng hạn như: **"Trong những điều được mang đi có toàn bộ sự thật, được tạo dựng bằng lời nói, được hoàn thành bằng Thánh Thần"**[519] , "**Xin ngự xuống đất ô uế này bằng mệnh lệnh của Ngài**"[520] v.v.

Và giữa những lời cầu nguyện trong lao động ấy, khi đang làm việc ở đâu đó trong vườn rau, trong vườn ong hay trong rừng, vị tu sĩ đắm chìm vào sự chiêm ngắm những mầu nhiệm thiêng liêng đến mức vô tình ngừng

---

[515] Lời ngợi khen Giáng sinh của các Thiên thần dành cho các mục tử tại Bê-lem. (Lc 2:14).
[516] Trong vườn Ghết-sê-ma-ni trước khi chịu khổ nạn trên thập tự giá.
[517] Bài ca Đức Mẹ vào buổi chiều Chủ nhật (Dogmatik) – giọng thứ nhất.
[518] Antiphona Chúa Nhật thứ 2, giọng thứ nhất, trong Thánh Lễ Sáng
[519] Irmos thứ 3 của bài ca Thánh ca Chúa Nhật, giọng thứ 3.
[520] Irmos thứ 3 của bài ca Thánh ca Chúa Nhật, giọng thứ 8.

công việc, dụng cụ rơi khỏi tay ngài, hai tay buông thõng, đôi mắt mang đến cho khuôn mặt một nét đặc biệt, tràn đầy ân sủng của sự tự chiêm nghiệm. Vị tu sĩ già đắm chìm cả tâm hồn vào chính bản thân mình, bằng trí tuệ ngài vươn lên trời cao và lơ lửng trong sự chiêm ngưỡng Thiên Chúa . Và nếu có ai đó trong những khoảnh khắc ấy tình cờ ở gần hoặc đi ngang qua, thì không ai dám phá vỡ sự tĩnh lặng và bình an đầy ân sủng của ngài, và ai nấy đều lặng lẽ lánh xa ngài. Trong mọi vật, trong mọi việc làm, Thánh Seraphim đều nhìn thấy mối liên hệ thâm sâu của chúng với đời sống thiêng liêng, và từ đó ngài học hỏi và hướng đôi mắt trí tuệ của mình lên cao. Chẳng hạn, khi chặt củi, sau khi chặt được một hoặc ba khúc, ngài lại đắm chìm trong sự chiêm ngưỡng mầu nhiệm vĩ đại của Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi.

Ngoài những công việc thể xác, Thánh Seraphim, để vươn lên ngày càng cao hơn trong sự hoàn thiện tâm linh, đã dấn thân vào những hoạt động cao cả nhất của trí tuệ và trái tim, và đọc rất nhiều sách, đặc biệt là Kinh Thánh, cũng như các tác phẩm của các Thánh Tổ[521] và các sách phụng vụ. Cuốn sách đầu tiên đối với ngài chính là Phúc Âm Thánh, cuốn sách mà ngài không bao giờ rời xa, luôn mang theo bên mình. Cuộc sống tu hành, sự trong sạch của tâm hồn, những cuộc đối thoại cầu nguyện với Thiên Chúa, sự suy ngẫm sâu sắc về đời sống thiêng liêng và kiến thức rộng lớn về Kinh Thánh cùng các tác phẩm bổ ích cho tâm hồn – tất cả đã soi sáng tâm trí ngài bằng một ánh sáng rực rỡ đến nỗi ngài hiểu rõ và thấm nhuần ý nghĩa Lời Chúa bằng cả tâm hồn. Ông đã đặt ra cho mình một quy tắc bất di bất dịch trong sa mạc là hàng ngày đọc và giải thích cho bản thân một vài đoạn trích từ Phúc Âm và Thư Tông Đồ. "Cần phải nuôi dưỡng linh hồn," ông nói sau này, "bằng Lời Chúa: vì Lời Chúa là bánh của các Thiên Thần, và những linh hồn khao khát Chúa được nuôi dưỡng bởi chính Lời ấy. Hơn hết, cần phải rèn luyện việc đọc Tân Ước và Thánh Vịnh. Từ việc đọc Kinh Thánh, trí tuệ được soi sáng, và nhờ đó, trí tuệ ấy được biến đổi theo sự biến đổi của Thiên Chúa. Cần phải rèn luyện bản thân sao cho tâm trí như được lướt đi trong Lề Luật của Chúa, và phải sắp xếp cuộc sống của mình theo sự hướng dẫn của Lề Luật ấy. Việc đọc Lời Chúa trong sự tĩnh lặng và đọc trọn vẹn Kinh Thánh một cách thấu đáo là điều rất hữu ích. Chỉ với một việc thực hành như vậy, ngoài những việc lành khác, Chúa sẽ không bỏ rơi con người bằng ân sủng của Ngài, nhưng sẽ ban cho ân tứ của sự hiểu biết". Và vị thánh lão nhân, nhờ những thực hành không ngừng trong việc đọc Lời Chúa, đã đạt được ân tứ đầy ân sủng của sự hiểu biết này, đồng thời cũng đạt được sự bình an trong tâm hồn và ân tứ cao quý nhất là sự cảm động từ trái tim. Trong Kinh Thánh, ngài không chỉ tìm kiếm sự thật, mà còn tìm kiếm sự ấm áp của tinh thần; và không ít lần, trong lúc đọc Kinh Thánh, những giọt nước mắt cảm động tuôn trào từ đôi mắt ngài – những giọt nước mắt mà, theo chính lời thừa nhận của vị tu sĩ cao niên, làm ấm lòng con người và ban cho những ân sủng thiêng liêng, làm dịu lòng trí và trái tim hơn bất kỳ lời nói nào.

Hàng ngày, vị tu sĩ thực hành nghi thức cầu nguyện của tu sĩ theo Thánh Vịnh Sách, theo truyền thống của các vị ẩn sĩ Kitô giáo cổ xưa; vào những thời điểm thích hợp, ngài hát và đọc các giờ thứ 1, 3, 6 và 9, lễ chiều, giờ kinh nhỏ buổi tối, các lời cầu nguyện trước khi đi ngủ; đồng thời, thay vì thực hiện nghi thức buổi tối, ngài thường thực hiện một nghìn lần cúi đầu trong một lần, lễ nửa đêm và các nghi lễ nhà thờ khác. Sau khi trải nghiệm hết thảy các hình thức và cấp độ của lời cầu nguyện, ông không chỉ đạt đến mức độ của cái gọi là "cầu nguyện bằng trí tuệ", mà còn vươn tới đỉnh cao nhất trên trần gian của sự chiêm niệm trong cầu nguyện, khi trí tuệ và trái tim hòa quyện trong lời cầu nguyện, tâm tư không bị phân tán và trái tim được sưởi ấm bởi sự ấm áp thiêng liêng, trong đó ánh sáng của Chúa Kitô chiếu rọi, mang lại bình an và niềm vui cho toàn bộ con người bên trong.

Sau khi tu tập trong sa mạc suốt một tuần, vào những ngày trước Chúa Nhật và các ngày lễ, Thánh Seraphim thường đến tu viện Sarov, tham dự Thánh Lễ Chiều, Thánh Lễ Cả Đêm hoặc Thánh Lễ Sáng, và trong Thánh Lễ Sáng sớm, ngài rước Mình Thánh Chúa, sau đó, cho đến giờ kinh chiều, ngài tiếp đón các tu sĩ đến gặp ngài vì những nhu cầu riêng, rồi mang theo bánh mì đủ dùng cho một tuần, trở về phòng tu của mình trong sa mạc. Toàn bộ tuần đầu tiên của Mùa Chay, ngài ở lại tu viện và trong những ngày này, ngài ăn chay, xưng tội và rước Mình Thánh Chúa.

Cùng với những công đức cầu nguyện, vị tu sĩ đáng kính này còn kết hợp với những công đức kiêng khem và ăn chay nghiêm ngặt. Vào những ngày đầu của cuộc sống ẩn dật trong sa mạc, ngài chỉ ăn bánh mì cứng và khô, thứ mà ngài mang theo từ tu viện vào các ngày Chủ nhật, đủ dùng cho cả tuần; nhưng ngay cả từ số bánh mì đó, ngài cũng chia sẻ một phần đáng kể cho các loài thú và chim trong sa mạc, những loài rất yêu mến ngài và thường

[521] Đặc biệt là các tác phẩm tu hành của các vị Thánh Cha, chẳng hạn như: các vị Thánh Gioan Thang Bậc và Abba Varsonofius, Efrem và Isaac người Syria, Margarita (chủ yếu được biên soạn từ các tác phẩm của Thánh Gioan Vàng Miệng) và những tác phẩm khác

xuyên ghé thăm nơi ngài thực hành các việc cầu nguyện. Ngay cả những con thú hoang dã cũng cảm thấy kính sợ trước vị tu sĩ. Chẳng hạn, một con gấu khổng lồ thường đến gặp ngài, và ngài cho nó ăn; theo lời ngài, con gấu sẽ trở về rừng rồi lại quay lại, và vị tu sĩ tiếp tục cho nó ăn, thỉnh thoảng còn cho những người đến thăm ngài được cho nó ăn. Sau đó, Thánh Seraphim còn siết chặt việc ăn chay của mình hơn nữa, thậm chí từ chối cả bánh mì, và rèn luyện thân thể đến mức kiêng khem đến nỗi, theo lời của Thánh Tông Đồ, **"làm việc bằng chính đôi tay mình"** (1 Cô-rinh-tô 4:12), – chỉ ăn rau củ từ vườn nhà mình. Trong suốt tuần đầu tiên của Mùa Chay Lớn, ngài hoàn toàn không ăn uống gì cho đến khi rước Mình Thánh Chúa vào ngày thứ Bảy. Sau khi ngừng hẳn việc lấy bánh mì từ tu viện, ngài đã sống hơn hai năm rưỡi mà không nhận bất kỳ sự trợ cấp nào từ nơi đó, và các tu sĩ không khỏi băn khoăn không biết vị tu sĩ già đã sống bằng gì trong suốt thời gian đó, không chỉ vào mùa hè mà cả mùa đông; chỉ đến gần lúc lâm chung, vị tu sĩ già mới tiết lộ với một số người thân cận rằng trong khoảng ba năm, ngài chỉ ăn nước sắc từ loại cỏ sniti[522] , mà ngài hái vào mùa hè và phơi khô để dùng cho mùa đông.

Trong khi đó, nhiều người bắt đầu phá vỡ sự tĩnh lặng của vị ẩn sĩ thánh thiện, thường xuyên đến thăm ngài để tìm kiếm sự hướng dẫn tâm linh và sự an ủi. Nhiều thành viên trong cộng đoàn Sarov đã đến gặp ngài để xin lời khuyên và hướng dẫn, hoặc chỉ đơn giản là để được gặp mặt ngài. Với khả năng nhận biết và phân biệt con người, vị tu sĩ già đã tránh tiếp xúc với một số người, giữ im lặng trước họ. Nhưng đối với những ai thực sự có nhu cầu tâm linh, ngài sẵn lòng tiếp đón và hướng dẫn họ bằng tình yêu thương qua những lời khuyên, lời dạy và những cuộc trò chuyện tâm linh. Chẳng hạn, những người thường xuyên đến thăm ngài là tu sĩ Mark và phó tế Alexander[523] : nhưng ngay cả họ, khi thỉnh thoảng thấy vị tu sĩ già hoàn toàn đắm chìm trong suy niệm về Thiên Chúa, cũng không dám làm phiền sự yên tĩnh của ngài, hoặc chờ đến khi ngài kết thúc những giờ cầu nguyện, hoặc sau khi chờ một lúc, họ lặng lẽ rời khỏi ngài. Thỉnh thoảng, vị tu sĩ cũng có những vị khách lạ ghé thăm. Nếu như, ngoài căn phòng ẩn tu của mình, vị tu sĩ già bất ngờ gặp ai đó trong rừng, thì thông thường, ông không bắt chuyện, mà chỉ cúi đầu chào họ một cách khiêm nhường rồi rời đi, bởi vì, như ông đã nói sau này trong những lời dạy dỗ của mình, chưa ai từng hối hận vì sự im lặng. Nhưng nói chung, Thánh Seraphim cảm thấy phiền lòng trước những vị khách làm xáo trộn sự tĩnh lặng của ngài. Đặc biệt, ngài cảm thấy nặng nề khi có phụ nữ đến thăm; nhưng ngài không thể từ chối việc giảng dạy cho họ, vì ngài coi đó là điều không đẹp lòng Chúa. Lúc đó, vị thánh lão, dựa trên lý do ngẫu nhiên rằng phụ nữ bị cấm vào Núi Athos thiêng liêng, đã quyết định mở rộng lệnh cấm này sang ngọn đồi của mình, mà ông đặt tên giống như vậy. Một lần, khi đến tu viện trong lúc đang cử hành Thánh lễ, Seraphim đã xin sự ban phước cho việc này từ vị tu sĩ già Isaia, người xây dựng tu viện Sarov, người sau một chút bối rối[524] , đã ban phước cho ông bằng bức tượng Đức Mẹ mang tên "Bụng Thánh"[525] . Đồng thời, vị tu sĩ Seraphim đã dâng lên Thiên Chúa và Đức Mẹ Maria lời khẩn cầu nồng nhiệt, mong ước nguyện của ngài được thực hiện, và phụ nữ sẽ bị cấm vào ngọn đồi ẩn tu của ngài, để điều này không trở thành cớ vấp ngã và cám dỗ, không chỉ đối với một số anh em tu sĩ, mà còn hơn thế nữa đối với các giáo dân; để làm bằng chứng cho sự chấp thuận của Chúa đối với lời thỉnh cầu này, ngài đã xin một dấu hiệu dưới hình thức những cành cây cúi xuống, bên cạnh cây mà ngài đi qua khi trở về từ lễ Giáng sinh ở Sarov về căn phòng ẩn tu của mình. Và thế là, vào đêm ngày 26 tháng 12, khi ngài đi đến Sarov để tham dự Thánh lễ, thì, khi đến nơi mà mặt đất dốc xuống, ngài thấy rằng ở cả hai bên lối đi, những cành cây khổng lồ từ những cây thông cổ thụ đã đổ xuống che lấp lối đi và chặn đường vào phòng tu của ngài, trong khi từ tối hôm trước không có chuyện gì như vậy cả. Lúc đó, vị thánh nhân già, tràn ngập lòng biết ơn sâu sắc đối với Thiên Chúa, đã quỳ gối xuống, nhận ra từ sự việc này rằng mong muốn của ngài đã được Chúa chấp nhận. Chính ngài đã vội vàng dùng những khúc gỗ chặn lối đi dẫn đến nơi ở của mình, và từ đó trở đi, không chỉ phụ nữ mà cả những người lạ nói chung đều bị cấm hoàn toàn không được vào gặp ngài.

---

[522] Một loài thực vật thân thảo phổ biến ở Nga, sinh sôi nảy nở mạnh mẽ nhờ rễ ngầm; phần lớn là cỏ dại và ít dinh dưỡng, nhưng được dùng trong y học dân gian để chữa một số bệnh, còn lá non đôi khi được dùng làm rau trong món súp rau.

[523] Người đầu tiên trong số họ thường đến thăm ngài khoảng hai lần một tháng, còn người cuối cùng thì chỉ một lần. Thánh Seraphim sẵn lòng trò chuyện với họ về các chủ đề liên quan đến sự cứu rỗi linh hồn.

[524] Khi ban phước cho Thánh Seraphim, Isaia thốt lên với vẻ bối rối: "Làm sao tôi có thể canh chừng từ cách xa năm verst để không cho các bà vợ vào được?" Nhưng Seraphim đáp lại với lòng tin và sự thuyết phục: "Ngài chỉ cần ban phước thôi, và sẽ không ai trong số họ leo lên ngọn núi của tôi nữa."

[525] Ngày lễ của bức tượng thánh này, được đặt tên theo câu trong Phúc Âm (Lc 11:27): "Phúc cho tử cung đã mang Ngài, và vú đã nuôi dưỡng Ngài", vào Tuần lễ Các Thánh và ngày 26 tháng 12, chính là lúc vị tu sĩ già Seraphim xin sự ban phước từ người xây dựng tu viện Isaia, để phụ nữ không được phép lên ngọn núi ẩn tu của ngài.

Khi chứng kiến những hành động cao cả của vị tu sĩ vĩ đại, kẻ thù truyền kiếp của loài người đã trang bị cho mình đủ mọi cám dỗ và mưu mô để chống lại ông. Chẳng hạn, hắn gieo rắc đủ loại nỗi sợ hãi lên vị tu sĩ: lúc thì phát ra tiếng gầm rú như thú dữ ngay sau cánh cửa, lúc thì khiến ông tưởng tượng như có một đám đông đang đập phá cửa phòng tu, đánh bật các khung cửa, ném những khúc gỗ vào vị tu sĩ, v.v.; thỉnh thoảng vào ban ngày, nhưng đặc biệt là ban đêm, trong lúc vị tu sĩ Seraphim đang cầu nguyện, dường như đột nhiên ngài thấy phòng tu của mình sụp đổ và những con thú đáng sợ ùa vào từ mọi phía với tiếng gầm rú dữ dội; đôi khi trước mặt ngài bỗng xuất hiện những quan tài mở nắp với những xác chết trỗi dậy từ trong đó. Và sau này, khi một giáo dân với lòng chân thành hỏi ngài: "Thưa cha, cha có thấy các linh hồn ác không?" – ngài đã trả lời với nụ cười: "Chúng thật ghê tởm – cũng như người tội lỗi không thể nhìn thẳng vào ánh sáng của Thiên Thần, thì việc nhìn thấy ma quỷ cũng thật kinh hoàng, bởi vì chúng – thật ghê tởm". Nhưng tất cả những ảo ảnh đáng sợ, những nỗi kinh hoàng và cám dỗ ấy, đôi khi kèm theo cả những đau đớn thể xác, vị tu sĩ đáng kính đã vượt qua bằng lời cầu nguyện nồng nhiệt và chiến thắng nhờ sức mạnh của Thánh Giá Thánh Thiện và Ban Sự Sống của Chúa. Không ít lần, vị tu sĩ Seraphim bị cám dỗ bởi tinh thần tham vọng, được bầu làm tu viện trưởng và tổng tu viện trưởng của các tu viện khác nhau[526] ; nhưng trong những trường hợp như vậy, ngài luôn từ chối những chức vụ này với sự kiên định không lay chuyển, hòa quyện với lòng khiêm nhường sâu sắc, hướng tới đời sống tu hành chân chính và trong đời sống tu sĩ, ngài chỉ tìm kiếm sự cứu rỗi cho linh hồn mình và những người lân cận.

Thấy sự khiêm nhường và khôn ngoan của vị thánh trưởng lão, ma quỷ đã dấy lên một cuộc chiến tâm linh dữ dội chống lại ngài[527] , duy trì nó với một sức mạnh đến nỗi ngay cả một số vị tu sĩ vĩ đại cũng đã gục ngã. Lúc đó, trưởng lão Seraphim, trong hoàn cảnh tâm hồn đầy gian nan, đã dâng lên lời cầu nguyện chân thành đến Đấng Ban Ơn Cứu Rỗi của chúng ta là Chúa Giêsu Kitô và Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Ngài; đồng thời, để loại bỏ và tiêu diệt những mưu mô của ma quỷ, ngài đã quyết tâm thực hiện một công việc cầu nguyện cao cả mới, theo gương các vị tu sĩ cột trụ Kitô giáo thời xưa. Trong lòng khu rừng rậm rạp, vào ban đêm, không ai nhìn thấy, ngài leo lên một tảng đá granit cao để tăng cường công cuộc cầu nguyện của mình, và cầu nguyện trên đó trong thời gian dài, đứng hoặc quỳ gối, cất lên từ tận đáy lòng lời cầu nguyện của người thu thuế:

– **Lạy Chúa, xin thương xót con, kẻ tội lỗi!**

Trong phòng tu của mình, vị ẩn sĩ mới này cũng đặt một tảng đá nhỏ, trên đó ngài cầu nguyện từ sáng đến tối, chỉ dùng tảng đá đó để nghỉ ngơi khi kiệt sức tột độ hoặc để bổ sung chút sức lực bằng thức ăn đạm bạc. Trong hành trình vĩ đại này, Thánh Seraphim đã trải qua một nghìn ngày và một nghìn đêm. Kẻ thù đã bị đánh bại hoàn toàn, và cuộc chiến trong tâm trí cũng chấm dứt. Nhưng do cuộc hành hương cầu nguyện phi thường này và việc đứng liên tục gần ba năm, vị tu sĩ già đã rơi vào tình trạng kiệt sức tột độ về thể xác và bị những vết loét nặng nề, đau đớn trên chân, những vết loét này không rời bỏ ngài cho đến tận lúc lâm chung. Và chỉ đến lúc đó, cuối cùng, ngài mới chấm dứt cuộc tu hành trên cột không thể chịu đựng nổi này, một thử thách mà ngay cả trong thời cổ đại cũng chỉ có rất ít vị tu sĩ dám thực hiện. Nhưng khi vị tu sĩ cao niên còn sống, không ai biết về cuộc tu hành cầu nguyện phi thường này của ngài, điều mà ngài đã khéo léo che giấu khỏi ánh mắt tò mò của con người. Đức Giám mục Tambov đã gửi một yêu cầu bí mật về Thánh Seraphim đến Đức Bề trên Nifont, người kế nhiệm Thánh Isaia; và vị Bề trên tu viện Sarov đã trả lời như sau: "Chúng tôi biết về những việc làm và cuộc đời của Cha Seraphim; còn về những hành động bí mật nào đó, cũng như việc đứng trên tảng đá suốt 1.000 ngày đêm, thì không ai biết cả"[528] . Và chỉ không lâu trước khi an nghỉ trong Chúa, Thánh Seraphim, noi gương nhiều vị tu sĩ khổ hạnh khác, trong số những sự kiện khác của cuộc đời mình, đã kể cho một số thành viên trong cộng đoàn Sarov nghe về kỳ tích

---

[526] Vì vậy, Thánh Seraphim đã được chỉ định làm Bề trên tại thành phố Alatyr (thành phố huyện thuộc tỉnh Simbirsk), đồng thời được phong chức Archimandrite; bởi một mặt, Tu viện Sarov đã nhiều lần cử những vị tu sĩ xuất sắc trong hàng ngũ của mình làm viện trưởng cho các tu viện khác; mặt khác, giới lãnh đạo tinh thần biết rõ vị tu sĩ cao niên Seraphim và hiểu rằng việc bổ nhiệm một vị tu sĩ như ngài làm viện trưởng của một tu viện nào đó sẽ mang lại lợi ích lớn lao cho nhiều người. Có lần khác, Thánh Seraphim được chỉ định làm người phụ trách xây dựng Tu viện Spassky ở Krasnoslobodsk. Nhưng trong cả hai trường hợp, nhờ lời thỉnh cầu tha thiết của vị tu sĩ cao niên, cùng với tình yêu thương lẫn nhau và sự đồng thuận của các tu sĩ, ngài đã được thay thế bằng các tu sĩ khác từ tu viện Sarov.

[527] "Cuộc chiến" – một thuật ngữ tu hành khổ hạnh, chỉ sự cám dỗ dai dẳng và kéo dài mà ma quỷ giáng xuống các tu sĩ chống lại nó. Chính vì cuộc chiến này với ma quỷ, các tu sĩ trong ngôn ngữ của những người tu khổ hạnh thường được gọi là những chiến binh thiêng liêng.

[528] Trong các tài liệu lưu trữ của tu viện, lời nhận xét này của Bề trên Nifont vẫn được lưu giữ dưới dạng bản nháp.

kỳ diệu này của ngài. Một trong những người nghe lúc đó đã nhận xét rằng kỳ tích này vượt quá sức người. Trước điều này, vị thánh già đã khiêm nhường đáp lại với lòng tin:

– Thánh Simeon Cột đã đứng trên cột suốt bốn mươi bảy năm: còn những nỗ lực của tôi có giống với kỳ công của ngài không?

Khi người đối thoại nhận xét rằng có lẽ lúc đó vị tu sĩ già đã cảm nhận được sự trợ giúp của ân sủng củng cố, ngài đáp:

– Vâng, nếu không thì sức người sẽ không đủ… Tôi đã được củng cố và an ủi từ bên trong nhờ ân sủng thiên thượng này, từ trên cao tuôn xuống từ Cha của muôn loài.

Sau đó, ngài im lặng một lát rồi nói thêm:

– Khi lòng tràn đầy sự cảm động, thì Thiên Chúa cũng ở cùng chúng ta[529] .

Ma quỷ, bị làm nhục, bắt đầu bày ra những mưu mô mới nhằm đuổi vị thánh lão ra khỏi sa mạc. Hắn sai những kẻ ác đến gặp ngài trong rừng, rồi đòi tiền, nói rằng đó là tiền ngài nhận được từ các giáo dân đến thăm ngài. Vị tu sĩ già đáp lại rằng ngài không nhận tiền từ ai cả. Nhưng họ không tin, và một trong những kẻ ác đã lao vào ngài, nhưng chính hắn lại ngã xuống. Thánh Seraphim có sức mạnh thể chất và, với chiếc rìu trong tay, ngài có thể tự vệ trước ba tên cướp. Nhưng ngài nhớ lại lời của Đấng Cứu Thế: **"Ai cầm gươm thì sẽ chết bởi gươm"** (Mt 26:52); và, hạ chiếc rìu xuống, ngài chắp tay thành hình thánh giá trước ngực và nhẹ nhàng nói:

– Các ngươi cứ làm điều các ngươi muốn.

Một tên cướp giơ rìu lên, dùng mặt sau của lưỡi rìu đập mạnh vào đầu vị tu sĩ già đến nỗi máu tuôn trào ra từ miệng và tai ông. Thánh Seraphim ngã xuống trong tình trạng bất tỉnh. Bọn cướp tiếp tục đánh đập ông một cách điên cuồng bằng mặt sau của lưỡi rìu, bằng những khúc gỗ, bằng tay và chân. Cuối cùng, khi nhận ra ông đã ngừng thở và cho rằng ông đã chết, chúng trói tay chân ông lại bằng dây thừng, định ném thi thể ông xuống sông để che giấu tội ác của mình; chính chúng lại xông vào phòng tu của vị tu sĩ già để tìm kiếm chiến lợi phẩm dự kiến, nhưng sau khi lục soát kỹ lưỡng, lật tung và phá vỡ mọi thứ trong phòng, chúng chẳng tìm thấy gì ngoài một bức thánh tượng và vài củ khoai tây. Lúc đó, chúng hoảng sợ và hối hận vì đã giết chết, mà chẳng mang lại lợi ích gì cho bản thân, một vị thánh, một người của Chúa không tham lam, và vội vã bỏ chạy. Trong khi đó, Seraphim tỉnh dậy, cố gắng tháo dây trói trên tay, dâng lời cầu nguyện lên Chúa xin tha thứ cho những kẻ đã giết mình, rồi với nhiều khó khăn, ông bò về phòng tu của mình, nơi ông đã trải qua cả đêm trong những cơn đau đớn tột cùng. Ngày hôm sau, với sự vất vả tột độ, ông lê bước đến tu viện đúng lúc thánh lễ đang diễn ra. Dáng vẻ của ông thật kinh hoàng: tóc ướt đẫm máu, rối bù và phủ đầy bụi bẩn, mặt và tay bị đánh đập, tai và miệng dính đầy máu khô, vài chiếc răng bị đánh rụng. Trước những câu hỏi của các tu sĩ kinh hoàng trước cảnh tượng đó, vị tu sĩ già im lặng, nhưng sau khi mời vị trụ trì, tu sĩ Isaia, và linh mục giải tội của tu viện đến, ông đã kể lại cho họ nghe về những gì đã xảy ra. Và thế là, trước sự hả hê của quỷ dữ, Seraphim buộc phải ở lại tu viện. Ông phải chịu đựng những cơn đau đớn không thể chịu nổi và nằm đó trong tình trạng thoi thóp, không ăn uống gì cả. Thời gian trôi qua như vậy suốt tám ngày. Lúc đó, vì lo sợ cho tính mạng của ông, họ đã cử người đi tìm bác sĩ. Sau khi khám nghiệm cho Seraphim, các bác sĩ phát hiện đầu ông bị nứt, xương sườn gãy, lồng ngực bị dẫm nát, khắp cơ thể đều có những vết thương chí mạng ở nhiều chỗ khác nhau, và họ không khỏi ngạc nhiên làm sao vị tu sĩ cao niên lại có thể còn sống sót sau những trận đòn tàn bạo như vậy. Để bàn bạc xem nên làm gì để giúp vị tu sĩ bớt đau đớn, các tu sĩ đã tụ họp tại phòng của ngài. Đồng thời, họ cũng cử người đi gọi vị trụ trì. Và ngay lúc đó – vào khoảnh khắc vừa nhận được tin vị trụ trì đang trên đường đến, Thánh Seraphim đã chìm vào giấc ngủ nhẹ nhàng, thanh thản. Trong giấc ngủ, ngài đã thấy một khải tượng kỳ diệu, giống như khải tượng mà ngài từng thấy trước đây, khi còn là một tu sĩ tập sự và đang nằm trong cơn bệnh hiểm nghèo. Đức Mẹ Đồng Trinh đã đến bên ngài, mặc áo choàng hoàng gia, được bao quanh bởi vinh quang thiên đàng; theo sau Ngài là các tông đồ Phêrô và Gioan Thần Học. Dừng lại bên giường bệnh, Đức Trinh Nữ Maria dùng ngón tay tay phải chỉ vào người bệnh, rồi quay khuôn mặt thánh thiện của Mẹ về phía các bác sĩ đang đứng và nói:

---

[529] Những tảng đá mà Thánh Seraphim từng tu hành vẫn còn tồn tại cho đến nay và trong một thời gian sau khi ngài qua đời, chúng vẫn nằm nguyên tại chỗ. Các tu sĩ trong tu viện và những người hành hương thường đến chiêm ngưỡng chúng đến nỗi, tại sa mạc Serafim, thay vì con đường mòn cũ, sau này đã hình thành một con đường rộng rãi, nơi các cỗ xe ngựa có thể đi lại. Nhiều người đã bẻ ra và mang về những mảnh đá có hình ảnh Thánh Sê-ra-phim, đang đứng trên những tảng đá trong tư thế cầu nguyện, đến nỗi từ tảng đá lớn mà vị thánh đã cầu nguyện sâu trong rừng, giờ chỉ còn lại một mảnh vụn, được lưu giữ tại Tu viện Diveyevo; tại đó cũng lưu giữ tảng đá mà vị tu sĩ cao niên đã cầu nguyện trong phòng tu của mình.

– Các con đang làm gì vậy?

Sau đó, Ngài lại quay mặt về phía vị tu sĩ già Seraphim và nói:

– Người này thuộc dòng dõi của Ta!

Sau đó, hiện tượng mà những người có mặt không hề ngờ tới đã chấm dứt – và khi vị trụ trì bước vào phòng, người bệnh đã tỉnh táo trở lại. Cha Isaia bắt đầu khẩn thiết và đầy tình yêu thương khuyên ông hãy chấp nhận lời khuyên và sự giúp đỡ của các bác sĩ. Nhưng người bệnh, bất chấp tình trạng tuyệt vọng của mình, sau bao nhiêu sự chăm sóc dành cho ông, đã khiến mọi người ngạc nhiên khi kiên quyết trả lời rằng giờ đây ông không muốn nhận bất kỳ sự giúp đỡ nào từ con người , đồng thời khẩn cầu vị tu viện trưởng cho phép ông dâng hiến cuộc đời mình cho Thiên Chúa và Đức Mẹ Rất Thánh. Vị trụ trì buộc phải đáp ứng nguyện vọng của vị tu sĩ già, người đã trải qua niềm vui khôn tả, siêu phàm trong vài giờ liền nhờ sự viếng thăm kỳ diệu của Thiên Chúa. Sau đó, vị tu sĩ già bình tĩnh lại và cảm thấy bệnh tình thuyên giảm cùng sức lực dần hồi phục. Một thời gian ngắn sau, ông đã có thể rời giường, bắt đầu đi lại một chút trong phòng tu và vào buổi tối đã dùng bữa nhẹ. Ngay từ ngày hôm đó, ông lại dần dần quay trở lại với những việc tu hành thiêng liêng.

Kể từ khi lâm bệnh, vị tu sĩ già đã ở lại tu viện khoảng năm tháng. Căn bệnh khiến ông khom lưng, điều này trước đó cũng đã từng được nhận thấy ở ông, sau khi một lần ông bị cây đè trúng trong lúc chặt gỗ. Tuy nhiên, khi cảm thấy trong mình lại có đủ sức lực để tiếp tục cuộc sống ẩn dật, Seraphim đã thỉnh cầu vị trụ trì cho phép ông trở về sa mạc. Vị tu sĩ già Isaia và các tu sĩ khác đã nài nỉ ngài ở lại tu viện mãi mãi. Nhưng vị thánh nhân kiên quyết trả lời rằng ông không coi trọng những cuộc tấn công như vậy, như những gì đã xảy ra với ông, và sẵn sàng chịu đựng mọi sự sỉ nhục cho đến chết, dù chúng có là gì đi chăng nữa. Lúc đó, cha Isaia đã ban phước cho nguyện vọng đó, và Seraphim trở về căn phòng ẩn dật của mình.

Không lâu sau đó, bọn cướp đã đánh đập vị tu sĩ già được tìm thấy; đó là những nô lệ của một địa chủ địa phương tên là Tatishchev. Lúc đó, Thánh Seraphim, với lòng yêu thương, đã tha thứ cho họ, và xin vị trụ trì cùng chủ điền đừng trừng phạt họ, đồng thời tuyên bố rằng nếu không, ngài sẽ rời tu viện Sarov và bí mật lui về những nơi thánh thiêng hẻo lánh khác. Nhờ lời cầu xin của vị tu sĩ cao niên, những kẻ ác đã được tha thứ, nhưng Đức Chúa Trời đã trừng phạt họ vì đã xúc phạm đến vị thánh nhân của Ngài: chẳng bao lâu sau, một trận hỏa hoạn dữ dội đã thiêu rụi hoàn toàn nơi ở của họ. Lúc đó, bọn cướp đã ăn năn hối cải và trong nước mắt, họ xin Thánh Seraphim tha thứ và cầu nguyện thánh thiện, rồi nhờ sự ban phước của ngài, họ đã trở lại con đường sống đạo đức.

Nhờ những công đức cao cả và cuộc đời phụng sự Thiên Chúa, vị thánh già đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng đặc biệt là khả năng tiên tri. Nhưng chính vì thế, ngài càng tránh xa danh vọng trần thế và khao khát sự tĩnh lặng.

Năm 1806, vị trụ trì tu viện Sarov, vị tu sĩ già Isaia, do tình trạng sức khỏe yếu kém và tuổi cao, đã rút lui khỏi các công việc, và các tu sĩ đã nhất trí bầu Thánh Seraphim thay thế ngài. Nhưng Thánh Seraphim đã từ chối chức vụ này, vừa vì lòng khiêm nhường sâu sắc, vừa vì tình yêu mãnh liệt dành cho sa mạc và sự tĩnh lặng. Sau đó, Cha Nifont, người mà Thánh Seraphim đã quen biết từ thuở nhỏ, được bầu làm vị trụ trì. Trong khi đó, vị tu sĩ già Isaia, do bệnh tật và sức lực suy yếu, không thể đi bộ sáu verst đến sa mạc để gặp vị thánh Seraphim, nhưng đồng thời cũng không muốn mất đi niềm an ủi khi trò chuyện với ngài, nên đã vô cùng đau buồn vì điều đó. Lúc bấy giờ, các tu sĩ, với lòng nhiệt thành, đã bắt đầu đưa vị tu sĩ già Isaia đến tu viện của Thánh Seraphim, do cả hai đều bị suy yếu về thể chất. Nhưng chẳng bao lâu sau, người bạn thân thiết nhất còn lại của Thánh Seraphim trong cuộc đời tu hành cũng đã về với Chúa. Sự mất mát này đã khiến Thánh Seraphim chìm trong nỗi buồn sâu sắc, và kể từ đó, ngài càng suy ngẫm nhiều hơn và thường xuyên hơn về sự phù du của cuộc đời tạm bợ này, về cuộc sống tương lai và Ngày Phán Xét Lớn của Đức Kitô. Đồng thời, ngài cũng cầu nguyện với lòng nhiệt thành đặc biệt cho linh hồn của những người thân yêu trong lòng ngài: Thánh Pachomius, Giuse và Isaia; và mỗi khi đi ngang qua nghĩa trang của tu viện, ngài luôn dâng lên Đấng Tối Cao những lời cầu nguyện nồng nhiệt tại mộ phần của họ, cũng như cho các vị trưởng lão và những người tu hành khác ở Sarov, gọi họ là "những ngọn lửa từ đất lên trời" vì sự nồng nhiệt và cao cả trong lời cầu nguyện của họ. Vị trưởng lão cũng khuyên nhủ những người khác hãy thường xuyên tưởng nhớ họ trong lời cầu nguyện. Chẳng hạn, với một nữ tu quen biết, người thường xuyên đến Sarov và viếng thăm Seraphim, ngài đã ban lời dạy như sau:

– Khi đến gặp ta, hãy ghé qua các ngôi mộ, cúi lạy ba lần, cầu xin Thiên Chúa cho Ngài an nghỉ linh hồn các tôi tớ của Ngài: Isaia, Pakhomia, Giuse, Mác-cô và những người khác, rồi thầm nói trong lòng: "Xin tha thứ cho chúng con, các vị thánh cha, và xin cầu nguyện cho con."

Sau khi vị trưởng lão Isaia qua đời, Thánh Seraphim không thay đổi lối sống ẩn tu của mình, nhưng đã mang đến một nét mới cho cuộc tu hành của ngài bằng cách tự đặt lên mình thử thách nặng nề của sự im lặng. Dù có khách đến thăm ngài trong sa mạc, ngài cũng không ra đón họ. Nếu tình cờ ngài gặp ai đó trong rừng, ngài liền quỳ sấp xuống đất và không ngẩng mắt lên cho đến khi người đó đi qua. Ngài đã sống trong sự im lặng như vậy khoảng ba năm. Không lâu trước khi hết thời gian đó, ngài thậm chí còn ngừng đến tu viện Sarov vào các ngày Chủ nhật và ngày lễ. Một vị tu sĩ mang thức ăn đến cho ngài tại căn phòng ẩn dật trong sa mạc, đặc biệt là vào mùa đông, khi vị tu sĩ già không có rau củ tự trồng. Thức ăn được mang đến một lần mỗi tuần, vào ngày Chủ nhật. Khi vị tu sĩ bước vào hiên nhà, vị tu sĩ già, thầm nói: "A-min", mở cửa ra, cúi mặt xuống đất, và chỉ khi vị tu sĩ kia ra về, vị tu sĩ già mới đặt lên khay nằm trên bàn một miếng bánh mì nhỏ hoặc một ít bắp cải, như một dấu hiệu cho biết nên mang gì đến cho ông vào Chủ nhật tiếp theo.

Nhưng tất cả những điều đó chỉ là những biểu hiện bên ngoài của sự im lặng. Bản chất của công đức đầy gian khổ của vị tu sĩ già không nằm ở việc xa lánh đời sống cộng đồng một cách bề ngoài, mà nằm ở sự im lặng của tâm hồn, ở việc từ bỏ mọi suy nghĩ trần tục để dâng hiến bản thân một cách thuần khiết và trọn vẹn nhất cho Thiên Chúa.

Nhiều anh em trong cộng đoàn rất tiếc nuối vì vị tu sĩ đầy ân sủng này đã tự tách mình khỏi sự giao lưu với họ và vì hành trình im lặng mà ngài đã tự nguyện gánh vác, và một số người thậm chí còn như trách móc ngài vì đã tự cô lập mình, trong khi nếu vẫn duy trì sự giao lưu gần gũi với các tu sĩ, ngài có thể răn dạy họ cả bằng lời nói lẫn gương sáng, mà không làm tổn hại đến việc tu dưỡng tâm hồn của chính mình. Nhưng trước tất cả những lời trách móc ấy, vị tu sĩ già đã đáp lại bằng lời của Thánh Isaac Sirin: "Hãy yêu mến sự thanh thản của sự im lặng hơn là việc thỏa mãn những kẻ đói khát trong thế gian" và – của Thánh Grêgôriô Thần học gia: "Thảo luận về thần học vì Chúa là điều tốt đẹp, nhưng còn tốt hơn thế nữa nếu con người thanh tẩy chính mình vì Chúa".

Và công việc tu hành khó nhọc về sự im lặng mà vị thánh Seraphim tự gánh vác đã thanh tẩy và soi sáng tâm hồn công chính của ngài một cách hoàn hảo, đồng thời nâng ngài lên cao hơn nữa trong những mầu nhiệm của việc chiêm ngắm Thiên Chúa, khiến ma quỷ hoàn toàn mất khả năng chống lại vị ẩn sĩ sa mạc. Những thành quả thiêng liêng mà công việc này mang lại cho Thánh Seraphim – điều này có thể được nhận thấy rõ ràng qua những lời dạy của vị thánh trưởng lão về sự im lặng, chắc chắn dựa trên chính kinh nghiệm của ngài. "Khi chúng ta sống trong sự im lặng," Thánh Seraphim sau này đã nói, "thì kẻ thù, ma quỷ, sẽ không thể làm gì được đối với những điều thầm kín trong lòng con người: điều này cần được hiểu là sự im lặng trong tâm trí. Nó sinh ra trong tâm hồn người im lặng những hoa trái thiêng liêng khác nhau. Từ sự ẩn dật và im lặng, lòng cảm động và sự hiền lành nảy sinh. Khi kết hợp với các hoạt động tinh thần khác, sự im lặng dẫn dắt con người đến sự đạo đức. Sự im lặng đưa con người đến gần Chúa và biến họ thành một thiên thần trần gian. Chỉ cần anh ngồi trong phòng tu của mình với sự chú tâm và im lặng, và bằng mọi cách cố gắng đến gần Chúa, thì Chúa sẵn sàng biến anh từ một con người thành một thiên thần: **"Này, Ta sẽ nhìn đến ai? Đến người khiêm nhường, tan nát lòng và run rẩy trước lời Ta"** (Ê-sai 66:2). Quả của sự im lặng, ngoài những thành quả thiêng liêng khác, chính là sự bình an của tâm hồn. Sự im lặng dạy ta sự tĩnh lặng và cầu nguyện liên lỉ, còn sự kiêng khem khiến tâm trí không bị xao lãng. Cuối cùng, người đạt được điều này sẽ được hưởng trạng thái bình an". Đó là cách Thánh Seraphim thực hành việc giữ im lặng và, khi đạt đến những ân sủng thiêng liêng cao nhất, ngài cũng nhận được những sự an ủi đầy ân sủng mới, cảm nhận trong lòng **một "niềm vui trong Thánh Thần"** không thể diễn tả bằng lời (Rm 14:17).

Tiếp tục bước lên nấc thang của các đức tính và đời sống tu hành, Thánh Seraphim đã tự đặt lên mình một thử thách cao cả hơn nữa: cuộc sống ẩn dật. Điều này đã diễn ra như sau. Vào thời điểm đó, sau khi Thánh Isaia qua đời, vị tu viện trưởng của Tu viện Sarov là Cha Nifont, một người kính sợ Thiên Chúa và đầy đức hạnh, đồng thời cũng là người rất nghiêm khắc trong việc tuân thủ các quy tắc và trật tự của Giáo hội. Trong khi đó, kể từ khi Thánh Isaia qua đời, Thánh Seraphim đã tự nguyện giữ lời thề im lặng và sống trong sa mạc của mình một cách cô lập, như thể đang sống trong sự ẩn dật. Trước đây, vào các ngày Chủ nhật, ngài thường đến tu viện Sarov để rước Mình Thánh Chúa. Nhưng giờ đây, do bệnh ở chân phát sinh từ việc phải đứng lâu trên đá, ngài không thể đi lại được nữa. Nhiều tu sĩ bối rối trước hoàn cảnh này, không hiểu ai là người ban Thánh Thể cho ông, và vì vậy vị kiến trúc sư cuối cùng đã triệu tập một hội đồng tu viện gồm các tu sĩ cao cấp, trình bày vấn đề về việc rước lễ của tu sĩ Seraphim để xin ý kiến. Sau cuộc họp, các vị trưởng lão quyết định đề nghị với Thánh Seraphim rằng: nếu ngài còn khỏe mạnh và đôi chân vững vàng, thì hãy tiếp tục đến tu viện vào các ngày Chủ Nhật và ngày lễ để rước Mình Thánh Chúa; còn nếu đôi chân không còn phục vụ ngài được nữa, thì ngài sẽ chuyển hẳn về sống trong phòng tu

của tu viện. Hội đồng chung đã quyết định nhờ vị tu sĩ thường mang thức ăn cho Lão sư Seraphim vào các ngày Chủ nhật hỏi xem ngài sẽ chọn phương án nào. Vị tu sĩ đó đã làm theo, nhưng lần đầu tiên, Lão sư không trả lời một lời nào. Vị tu sĩ đó được giao nhiệm vụ chuyển lại đề nghị của hội đồng tu viện cho Thánh Seraphim vào Chủ nhật tiếp theo. Lúc đó, Thánh Seraphim, sau khi ban phước lành cho vị tu sĩ, đã cùng anh ta đi bộ về tu viện, đồng thời ra hiệu cho thấy rằng do bệnh tật, ngài không còn đủ sức để đi bộ đến tu viện vào các ngày Chủ nhật và ngày lễ như trước đây. Đó là ngày 8 tháng 5 năm 1810, khi vị thánh Seraphim tròn năm mươi tuổi. Sau khi trở về tu viện sau mười lăm năm sống trong sa mạc, Seraphim, không ghé qua phòng tu của mình, đã đến khu bệnh xá. Đó là vào buổi chiều trước khi bắt đầu lễ cầu nguyện suốt đêm. Khi tiếng chuông vang lên, vị tu sĩ cao niên đã xuất hiện tại Thánh đường Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời để tham dự lễ cầu nguyện suốt đêm. Toàn thể các tu sĩ đều vô cùng ngạc nhiên khi giữa họ, tin đồn lan truyền ngay lập tức rằng vị tu sĩ cao niên Seraphim đã quyết định định cư tại tu viện. Sáng hôm sau, ngày 9 tháng 5, vào ngày rước di hài của Thánh và Nhà làm phép lạ Nicholas, Seraphim đã đến, theo thông lệ, nhà thờ bệnh viện để dự Thánh lễ sớm và rước Mình Thánh Chúa. Từ nhà thờ, ngài đi thẳng đến phòng tu của thợ xây Nifont và, sau khi nhận lời chúc phúc từ ông, ngài đã dọn về phòng tu cũ của mình trong tu viện. Tuy nhiên, từ đó trở đi, vị tu sĩ cao niên không tiếp ai, không ra ngoài và không nói một lời nào với ai, như vậy là ngài đã tự đặt lên mình một thử thách mới, vô cùng gian khổ của cuộc sống ẩn tu.

Người ta chỉ biết rất ít về những việc làm cao cả của Thánh Seraphim trong thời gian ẩn tu, bởi vì ngài không cho ai đến gần mình và cũng không nói một lời nào với ai. Trong phòng tu của mình, ngài không có gì cả, ngay cả những vật dụng cần thiết nhất: một bức tượng Đức Mẹ, trước đó luôn có ngọn đèn thắp sáng, và một khúc gốc cây thay thế cho ghế ngồi – đó là tất cả những gì ngài có. Ngay cả lửa, ngài cũng không dùng cho bản thân. Trên vai, dưới lớp áo sơ mi, ngài đeo bằng dây thừng một cây thánh giá sắt lớn cao năm verška để chế ngự xác thịt, **"để linh hồn được cứu rỗi"** (1 Cô-rinh-tô 5:5). Nhưng ngài chưa bao giờ đeo xiềng xích hay mặc áo lông dê. "Ai xúc phạm chúng ta bằng lời nói hay hành động," ngài nói, "và nếu chúng ta chịu đựng sự xúc phạm theo tinh thần Phúc Âm – thì đó chính là xiềng xích và áo lông dê dành cho chúng ta. Những xiềng xích và áo lông dê thuộc linh này cao quý hơn cả những thứ bằng sắt." Thánh Seraphim vẫn tiếp tục mặc bộ quần áo giống như khi ở sa mạc. Ngài chỉ uống nước, còn thức ăn thì chỉ dùng bột yến mạch và bắp cải muối trắng. Nước và thức ăn được mang đến cho ngài bởi một tu sĩ tên là Pavel, người sống cạnh ngài. Sau khi cầu nguyện trước cửa phòng của vị tu sĩ, vị tu sĩ đó đặt thức ăn trước cửa. Còn vị ẩn sĩ, để không ai nhìn thấy mình, che mình bằng một tấm vải lớn và, sau khi nhận đĩa thức ăn, quỳ gối mang nó vào phòng của mình, như thể đang nhận nó từ tay Đức Chúa Trời vậy. Sau đó, sau khi dùng bữa xong, ông đặt bát đĩa trở lại vị trí cũ, lại che mặt bằng tấm vải, theo gương các ẩn sĩ, những người đã che mặt mình dưới chiếc mũ trùm đầu[530] .

Những công việc cầu nguyện của vị tu sĩ già trong thời gian ẩn dật không ai biết đến; người ta chỉ biết rằng chúng vô cùng gian khổ, vĩ đại và đa dạng. Và tại đây, ngài vẫn tiếp tục tuân giữ quy luật ẩn dật của mình và thực hiện tất cả các nghi lễ hàng ngày, ngoại trừ Thánh Lễ. Ngoài ra, ngài thường thực hành "cầu nguyện bằng tâm trí"[531] dành cho Chúa Giêsu hoặc Đức Mẹ. Khi cầu nguyện, vị thánh lão đôi khi chìm đắm trong tâm trạng chiêm niệm và cầu nguyện sâu sắc, đứng trước bức thánh tượng, nhưng không đọc bất kỳ lời cầu nguyện nào và cũng không cúi lạy, mà chỉ dùng trí tuệ để chiêm ngắm Chúa trong lòng. Trong suốt tuần, ngài lần lượt đọc hết Tân Ước: từ thứ Hai đến thứ Năm là bốn sách Phúc Âm – mỗi ngày một sách. Ở hành lang, thỉnh thoảng qua cánh cửa, người ta nghe thấy ngài vừa đọc vừa giải thích thầm trong lòng các sách thánh Tân Ước, và nhiều người đến lắng nghe lời ngài như một niềm vui, sự an ủi và bài học cho bản thân. Trong suốt những năm sống ẩn dật, vào mọi ngày Chủ Nhật và ngày lễ, vị tu sĩ già đều rước Mình Thánh Chúa. Để không bao giờ quên giờ lâm chung, để hình dung rõ ràng hơn và nhìn thấy nó gần gũi hơn trước mắt mình, Thánh Seraphim đã xin người ta làm cho ngài một chiếc quan tài và đặt nó ở tiền sảnh của phòng ẩn dật. Mong muốn của vị thánh già đã được thực hiện: người ta đã đục một chiếc quan tài có nắp từ một khúc gỗ sồi nguyên khối, và chiếc quan tài đó, không sơn màu, luôn được đặt ở tiền sảnh. Tại đây, vị thánh già thường cầu nguyện, chuẩn bị cho sự ra đi khỏi cuộc đời trần thế. Trong các cuộc trò chuyện với các anh em ở Sarov, Thánh Seraphim thường nói về chiếc quan tài này:

---

[530] Kukul – là một loại mũ tu sĩ có hình dạng như mũ trùm đầu với dải vải buông xuống vai; trong Giáo hội cổ đại, đây là một phụ kiện thông thường của trang phục tu sĩ.

[531] Trong ngôn ngữ của các tu sĩ khổ hạnh, "cầu nguyện thông tuệ" được hiểu là lời cầu nguyện chiêm niệm và suy ngẫm về Thiên Chúa, khi người tu hành đắm chìm toàn bộ tâm hồn vào đó trong sự im lặng.

– Khi tôi qua đời, tôi xin các anh em, hãy đặt tôi vào quan tài của tôi.

Bên cạnh những việc tu hành, vị tu sĩ già còn kết hợp cả lao động thể xác, thỉnh thoảng hít thở không khí trong lành để làm dịu đi lồng ngực mệt mỏi của người già. Vào những buổi sáng trước bình minh, khi mọi người vẫn còn say giấc, vị tu sĩ thánh thiện thường vừa đọc kinh cầu nguyện của Chúa Giêsu, vừa nhanh nhẹn đi lại trong nghĩa trang, giữa những bia mộ hay ở đâu đó, qua lại, lặng lẽ chuyển một đống củi nhỏ từ nơi này sang nơi khác, gần phòng tu nhất. Một lần nọ, một tu sĩ tập sự – người có nhiệm vụ đánh thức mọi người – vui mừng trước cảnh tượng ấy, đã chạy đến bên vị tu sĩ già, hôn chân ngài và xin ngài ban phước lành. Thánh Seraphim ban phước cho anh ta rồi nói:

– Hãy bao bọc mình trong sự im lặng và lắng nghe chính mình!

Sau khi ở trong sự khép kín năm năm, vị tu sĩ thánh thiện này sau đó đã nới lỏng quy định đó một chút, ban đầu chỉ ở mức độ bên ngoài: cửa phòng tu của ngài được mở ra, và ai cũng có thể đến gặp ngài, nhưng đối với những câu hỏi của những người cần lời dạy dỗ của ngài, ngài – đã thề giữ im lặng trước mặt Chúa – không trả lời, mà tiếp tục công việc tu hành của mình trong im lặng. Đức Giám mục Iona của Tambov lúc bấy giờ, người thường xuyên viếng thăm tu viện Sarov, một lần nọ mong muốn được gặp trực tiếp Cha Seraphim và với mục đích đó đã đến gần phòng tu của ngài; nhưng vị thánh nhân, kiên định tuân giữ lời thề trước mặt Đức Chúa Trời và lo ngại việc nịnh bợ con người, lần này cũng không vi phạm sự im lặng và sự ẩn dật của mình[532] . Rõ ràng, lúc đó thời điểm để Thánh Seraphim rời khỏi cuộc sống ẩn dật vẫn chưa đến. Đức Giám mục cũng hiểu điều này, và khi được Trưởng tu viện Nifont đề nghị tháo cửa phòng tu của vị tu sĩ già khỏi móc treo, ngài đã từ chối, nói: "Để chúng ta khỏi phạm tội." Và ngài để vị tu sĩ già được yên tĩnh.

Nhưng không lâu sau đó, thời khắc thực sự đã đến với Thánh Seraphim – để hoàn toàn từ bỏ cuộc sống ẩn tu và im lặng của mình. Với sự từ bỏ hoàn toàn, kiên nhẫn, khiêm nhường và đức tin không hổ thẹn, sau khi trải qua con đường của một tu sĩ sống chung, một ẩn sĩ, một người đứng trên cột, một người im lặng và một người ẩn dật, ngài đã đạt được sự thanh tịnh tâm hồn vĩ đại và được Thiên Chúa ban cho những ân sủng thiêng liêng cao quý nhất. Và rồi, theo ý muốn của Đấng Tối Cao, ngài phải từ bỏ sự im lặng và, tiếp tục sống trọn vẹn trong Chúa và vì Chúa, tràn đầy sự từ bỏ thế gian ở mức cao nhất, bước ra phục vụ chính thế gian đó – bằng tình yêu của mình, bằng những ân sủng do Chúa ban tặng như khả năng giảng dạy, sự thấu thị, phép lạ và sự chữa lành, cùng sự hướng dẫn tâm linh, lời cầu nguyện, sự an ủi và những lời khuyên nhủ của ngài. Như vậy, Thánh Seraphim đã gánh vác lên mình công việc cao cả nhất của chức vụ "người hướng dẫn" ([533]), và trong vai trò đó, ngài đã kết thúc cuộc đời đầy gian khổ nhưng chính trực của mình.

Công việc vĩ đại của vị trưởng lão vĩ đại này bắt đầu từ việc, chỉ sau năm năm, ngài đã bắt đầu trò chuyện với những người đến thăm ngài, và trước hết là các tu sĩ. Trong các cuộc trò chuyện với họ, Thánh Seraphim chủ yếu hướng dẫn họ củng cố việc tuân giữ mọi quy tắc tu viện, khuyên nhủ họ không được lơ là trong việc thực hành và lắng nghe các nghi thức cầu nguyện của Giáo hội, kiên trì và tận tâm thực hiện nghĩa vụ của mình với lòng khiêm nhường, khi dùng bữa phải ngồi với lòng kính sợ Thiên Chúa, không được ra khỏi tu viện nếu không có lý do chính đáng, kiềm chế sự bướng bỉnh và tự ý hành động, duy trì hòa bình lẫn nhau, v.v. Sau đó, những người ngoài tu viện, những khách viếng thăm thế tục, cũng bắt đầu đến thăm vị thánh trưởng lão này. Cánh cửa phòng tu của ngài luôn rộng mở cho tất cả mọi người – từ Thánh lễ sáng sớm cho đến tám giờ tối. Và vị tu sĩ cao niên tiếp đón tất cả mọi người, ban phước lành và những lời dạy ngắn gọn phù hợp cho từng người. Vị tu sĩ đầy ân sủng thường tiếp đón khách trong bộ trang phục dài màu trắng kiểu áo choàng rộng và áo choàng nửa dài, kèm theo áo choàng lễ và dây đeo tay; tuy nhiên, ông chỉ đeo dây đeo tay vào các ngày Chủ nhật và ngày lễ, khi rước Mình Thánh Chúa.

---

[532] Trong hoàn cảnh này, Thánh Seraphim có thể đã lấy gương của Thánh Arsenius Đại Đế làm mẫu mực, người mà Tổng Giám mục Alexandria, Theophilus, đã noi theo trong những việc tu hành ẩn dật và im lặng. Khi muốn đến gặp Arsenius, Theophilus đã cử người đi trước để hỏi xem ông có mở cửa đón mình hay không. Thánh Arsenius đáp: "Nếu tôi mở cửa cho ngài, thì tôi cũng sẽ mở cửa cho tất cả mọi người." Lúc đó, Thánh Theophilus nói: "Thà tôi không đến gặp ngài còn hơn."

[533] Chức vụ "cụ già" là một trong những công việc cao cả nhất của đời tu, mà chỉ có một số ít người được chọn mới có thể đảm nhận. Đó là sự hướng dẫn và chữa lành về mặt tâm linh của các "cụ già" dành cho các tu sĩ và tất cả những ai đến với họ, những người đang cần sự an ủi và lời khuyên về mặt tâm linh. Các môn đệ tự nguyện, khi đến gặp vị trưởng lão, sẽ mở lòng mình ra trước mặt ngài và hoàn toàn vâng phục ngài, còn vị trưởng lão thì gánh vác sứ mệnh khó khăn nhất của tình yêu Kitô giáo và trách nhiệm to lớn trước Thiên Chúa đối với linh hồn của họ.

Với tình yêu thương đặc biệt, vị tu sĩ thánh thiện này đón tiếp những người ăn năn chân thành và khiêm nhường, cũng như những ai thể hiện lòng nhiệt thành mãnh liệt đối với đời sống thiêng liêng Kitô giáo. Sau khi trò chuyện với họ, Thánh Seraphim thường đặt đầu chiếc áo choàng và bàn tay phải của mình lên đầu họ đang cúi xuống. Khi đó, ngài đề nghị họ cùng lặp lại theo ngài một lời cầu nguyện sám hối ngắn gọn, sau đó chính ngài đọc lời cầu nguyện tha tội "[534] ", nhờ đó những người đến được giải thoát lương tâm và cảm nhận một niềm vui thiêng liêng đặc biệt; sau đó, vị tu sĩ già xức dầu thánh từ ngọn đèn đang cháy trước bức tượng Đức Mẹ Lòng Thương Xót trong phòng tu của ngài – bức tượng mà ngài gọi là "Bức tượng Đức Mẹ" – lên trán người đến thăm theo hình thánh giá – *"Niềm Vui của mọi niềm* vui", và trong trường hợp đó diễn ra trước buổi trưa (tức là trước giờ ăn chính thức), ngài cho họ uống *nước thánh* (nước Lễ Hiển Linh) và ban phước bằng một mảnh bánh thánh hoặc bánh được thánh hiến trong lễ canh thức suốt đêm; sau đó – Ngài trao nụ hôn thánh cho từng người, bất kể lúc nào, để nhắc nhở họ về sức mạnh cứu rỗi của sự Phục Sinh của Chúa Kitô, và cho họ chạm vào hình ảnh Đức Mẹ hoặc vào cây thánh giá treo trên ngực Ngài. Đối với những ai chia sẻ với ngài những bệnh tật hay nỗi đau lòng đặc biệt của mình, ngài an ủi và xoa dịu họ bằng những lời khuyên đầy tình cha và những phương thuốc thiêng liêng phù hợp; trong những trường hợp khác, vị tu sĩ già đưa ra những lời răn dạy chung cho các Kitô hữu, đặc biệt là về việc luôn nhớ đến Thiên Chúa, cầu nguyện và sống trong sạch. Trong tất cả những trường hợp như vậy, ngài đặc biệt khuyên nhủ mọi người hãy luôn ghi nhớ trên môi và trong lòng Kinh Lạy Cha, Kinh Kính Mừng – "Kính mừng Maria, Mẹ Thiên Chúa", Tín điều và lời cầu nguyện của Chúa Giêsu – "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin thương xót con là kẻ có tội", những lời cầu nguyện mà ngài coi là đặc biệt hiệu quả và mang lại ơn cứu rỗi. Trong số những người viếng thăm khác, thỉnh thoảng cũng có những nhân vật quý tộc và các nhà lãnh đạo nhà nước đến gặp Thánh Seraphim; ngài đã ban cho họ những lời dạy phù hợp, đối xử với họ bằng sự tôn trọng xứng đáng và tình yêu thương Kitô giáo, nhấn mạnh tầm quan trọng của chức vụ của họ và từ đó dạy dỗ họ về lòng trung thành với Giáo Hội Chính Thống Thánh và Tổ quốc. Các thành viên của hoàng tộc cũng đến thăm vị thánh nhân; chẳng hạn, vào năm 1825, Đại công tước Mikhail Pavlovich đã đến nhận lời chúc phúc từ ngài. Nhưng đặc biệt có rất nhiều người dân thường tìm đến vị thánh nhân, họ không chỉ xin lời khuyên răn mà đôi khi còn xin sự giúp đỡ trong cuộc sống, với niềm tin vào sự thánh thiện và khả năng thấu thị của ngài, – và ngài không chỉ an ủi họ về mặt tinh thần, mà còn giúp đỡ họ trong nỗi đau khổ và khó khăn bằng sức mạnh của khả năng thấu thị, nhờ đó ngài chỉ dẫn, ví dụ như cho những nông dân nghèo biết nơi tìm lại những tài sản bị mất hoặc bị đánh cắp, đồng thời dặn dò họ phải giữ im lặng. Thường xuyên, ngài cũng chữa lành cho những người bệnh tật, bằng cách xức dầu thánh từ ngọn đèn treo trước bức tượng Đức Mẹ Lòng Thương Xót trong phòng tu của ngài. Tuy nhiên, dù vậy, Thánh Seraphim vẫn chưa hoàn toàn rời khỏi nơi ẩn tu của mình; dù đã gỡ bỏ lời thề im lặng và tiếp đón khách viếng thăm, ngài vẫn không bao giờ ra khỏi phòng tu của mình.

Chẳng bao lâu sau, đã đến lúc Thánh Seraphim phải rời khỏi nơi ẩn tu của mình hoàn toàn. Nhưng trước khi quyết định điều này, ngài đã cầu nguyện với Chúa để xin ý muốn cao cả nhất về việc kết thúc thời gian ẩn tu một cách công khai. Và vào đêm ngày 25 tháng 11 năm 1825, Đức Mẹ đã hiện ra trong giấc mơ của vị tu sĩ già, cùng với các thánh Clément của Rôma và Phêrô của Alexandria – những vị được tôn vinh vào ngày đó – và cho phép ngài rời khỏi nơi ẩn tu để đến thăm các tu viện. Ngày hôm sau, sau khi thức dậy và hoàn thành nghi thức cầu nguyện thường lệ, ngài đã trình bày nguyện vọng của mình với vị tu viện trưởng Nifont, và nhận được sự ban phước từ ngài. Kể từ đó, Thánh Seraphim bắt đầu đến thăm căn phòng ẩn tu của mình và cầu nguyện tại đó.

Đặc biệt, vị tu sĩ già thường xuyên đến suối nước được gọi là "Thần học". Suối nước này nằm cách tu viện hai verst và đã tồn tại từ lâu, ngay cả trước khi Thánh Seraphim đến Sarov; nhưng nó đã bị bỏ hoang: bể chứa được che phủ bằng những khúc gỗ xếp chồng lên nhau và lấp đầy đất; nước chỉ chảy ra từ một ống duy nhất. Gần suối, trên một cột gỗ, có treo bức tượng thánh Tông đồ và Nhà truyền giáo Gioan Thần học, chính vì vậy mà suối này mới có tên gọi như vậy. Nơi này đã trở nên rất thân thương với Thánh Seraphim. Theo nguyện vọng của ngài, suối đã được dọn dẹp và khôi phục; lớp đất đắp che phủ bể nước đã được dỡ bỏ và thay vào đó là một ngôi nhà gỗ mới có ống dẫn nước. Tại đây, vị tu sĩ già bắt đầu dành nhiều thời gian để suy ngẫm về Chúa và làm các công việc lao động chân tay; bởi vì do bệnh tật, ngài không thể đi lại được nữa trong căn phòng tu hành cũ. Vị tu sĩ già nhặt những viên sỏi ở sông Sarovka và dùng chúng để lót đáy bể nước suối; ông còn dựng những luống đất bên cạnh để

[534] Vị trưởng lão thực hiện điều này theo truyền thống vẫn còn tồn tại ở phương Đông giữa những "người được thánh hiến", tức là những vị avva có chức thánh.

trồng rau. Trên ngọn đồi, gần suối, người ta đã dựng cho vị tu sĩ một căn nhà gỗ nhỏ không có cửa sổ và thậm chí không có cửa ra vào, với lối vào bằng đất ở phía dưới bức tường. Sau khi chui qua khe hở dưới bức tường, Thánh Seraphim nghỉ ngơi trong nơi ẩn náu tồi tàn này sau những giờ lao động, tránh cái nắng gay gắt giữa trưa; sau này, người ta đã xây cho ngài một căn phòng mới có cửa ra vào và lò sưởi, nhưng không có cửa sổ. Tại đây, trong sa mạc của riêng mình, ngài dành trọn những ngày thường, đến chiều tối mới trở về tu viện. Nơi này được gọi là "sa mạc dưới" của Cha Seraphim, còn suối nước thì được gọi là "giếng của Cha Seraphim".

Thật cảm động khi nhìn thấy vị tu sĩ già khiêm nhường, lưng còng này, chống gậy cuốc[535] hoặc rìu, trong sa mạc để chặt củi hoặc cày xới luống đất, đội chiếc mũ kamilauka đơn sơ không có viền, trong chiếc áo choàng vải bạt trắng với túi đeo trên vai, nơi chứa cuốn Phúc Âm và gánh nặng đá cát để rèn luyện thân xác. Khi một số người hỏi tại sao ngài lại làm điều đó, vị tu sĩ già trả lời:

– Tôi đang hành hạ kẻ đang hành hạ tôi.

Số lượng khách viếng thăm vị tu sĩ đầy ân sủng này đã tăng lên đáng kể. Một số người chờ đợi ngài tại tu viện, số khác đến thăm ngài ở sa mạc, khao khát được gặp ngài và nhận lời chúc phúc cùng lời dạy dỗ từ ngài. Thật cảm động khi chứng kiến Thánh Seraphim trở về nơi ẩn tu nhỏ bé của ngài sau khi cử hành các Bí tích Thánh – trong áo choàng, áo epitrachelion và dây đeo tay. Bước chân ngài chậm lại vì đám đông tụ tập xung quanh. Nhưng lúc đó, ngài không nói chuyện với ai, không ban phước lành cho ai và dường như không nhìn thấy ai cả, hoàn toàn đắm chìm trong suy ngẫm về sức mạnh ân sủng của các Bí tích Thánh. Vị tu viện trưởng Nifont, người vô cùng kính trọng và yêu mến vị trưởng lão đầy ân sủng này, đã từng nói về số lượng đông đảo những người đến thăm Thánh Seraphim như sau:

– Khi Cha Seraphim còn sống trong sa mạc (cả sa mạc đầu tiên lẫn sa mạc xa xôi), ngài đã dùng cây cối che kín mọi lối vào để dân chúng không đến; còn bây giờ ngài lại tiếp đón tất cả mọi người, đến nỗi tôi không thể đóng cổng tu viện cho đến tận nửa đêm.

Kể từ đó, qua vị thánh Seraphim, Thiên Chúa đã mở ra cho các tín hữu một kho tàng thực sự vĩ đại và quý giá. Đặc biệt, những cuộc trò chuyện bổ ích cho tâm hồn của vị tu sĩ giàu ân sủng này thật sự làm lòng người say mê, thấm đẫm một tình yêu đặc biệt nào đó và đồng thời toát lên một sức mạnh thầm lặng, đầy sức sống. Và cách ngài đối xử với những người đến thăm, trước hết, luôn thể hiện sự khiêm nhường sâu sắc và tình yêu Kitô giáo bao dung, đầy sức mạnh. Lời nói của ngài sưởi ấm những trái tim, ngay cả những trái tim chai sạn và lạnh lùng, soi sáng tâm hồn bằng sự hiểu biết thiêng liêng, làm tan chảy chúng để dẫn đến sự sám hối đầy nước mắt và ăn năn, khơi dậy niềm hy vọng an ủi về khả năng sửa đổi và được cứu rỗi ngay cả ở những tội nhân cứng đầu và tuyệt vọng, lấp đầy tâm hồn bằng sự bình an đầy ân sủng. Vị thánh nhân của Chúa không bao giờ làm ai kinh ngạc bằng những lời quở trách tàn nhẫn hay những lời khiển trách nghiêm khắc, cũng không bao giờ đặt gánh nặng lên vai ai. Ông thường đưa ra những lời vạch trần, nhưng luôn hòa dịu lời nói của mình bằng sự khiêm nhường và tình yêu thương. Cố gắng đánh thức tiếng nói của lương tâm bằng những lời khuyên, ngài chỉ ra con đường cứu rỗi, và thường làm như vậy đến nỗi người nghe ngay từ lần đầu tiên còn không hiểu rằng ngài đang nói về linh hồn của chính họ; nhưng sau đó, sức mạnh của lời nói, được thấm đẫm ân sủng, chắc chắn đã phát huy tác dụng. Những lời nói của mình, cũng như cả cuộc đời và mọi hành động của mình, Thánh Seraphim luôn dựa trên Lời Chúa, trên các tác phẩm của các Thánh Phụ và trên những gương sáng từ cuộc đời các thánh nhân đã làm đẹp lòng Chúa. Đặc biệt, vị tu sĩ già rất kính trọng những vị thánh đã trở thành những người bảo vệ và đấu tranh dũng cảm nhất cho đức tin Chính Thống, chẳng hạn như: Thánh Basil Đại Đế, Thánh Grêgôriô Thần Học Gia và Thánh Gioan Vàng Miệng, Thánh Clêmentê, Giáo hoàng Rôma, Thánh Athanasius thành Alexandria, Thánh Cyril thành Giêrusalem, Thánh Ambrôsiô thành Milan, v.v., đồng thời ngài luôn khuyên nhủ mọi người hãy kiên định trong đức tin và thích giải thích về bản chất thuần khiết của Chính Thống Giáo. Ngài cũng thích nói về các vị thánh của Giáo hội quê hương, chẳng hạn như các thánh Phêrô, Alexius, Ion và Philip của Moscow, Dimitri của Rostov, Thánh Sergius, Thánh Stefan của Perm, v.v., lấy cuộc đời của họ làm gương mẫu trên con đường dẫn đến sự cứu rỗi. Tất cả những lời giảng của vị trưởng lão đầy ân sủng này, ngoài những đặc tính đã nêu trên, còn có sức mạnh đặc biệt bởi vì chúng trực tiếp đáp ứng nhu cầu của thính giả và có liên quan mật thiết đến cuộc sống của họ, cũng như những nhu cầu và hoàn cảnh cụ thể mà vì đó họ đã đến Sarov để gặp Thánh Seraphim.

[535] Cái cuốc – cái xẻng, cái xẻng sắt.

Thánh Seraphim đặc biệt tuân thủ và bảo vệ sự thuần khiết của đạo Chính Thống. Chẳng hạn, khi một kẻ ly giáo hỏi rằng đức tin nào tốt hơn: đức tin của Giáo hội hiện nay hay đức tin xưa kia, vị thánh nhân đã nghiêm khắc đáp lại:

– Hãy bỏ những lời huyên thuyên của ngươi đi. Cuộc đời chúng ta là biển cả, Giáo hội Chính thống thánh thiện của chúng ta là con thuyền, còn người lái thuyền chính là Đấng Cứu Thế. Nếu với một Thuyền trưởng như vậy, con người, vì sự yếu đuối tội lỗi của mình, vẫn khó khăn lắm mới vượt qua được biển đời, và không phải ai cũng thoát khỏi nguy cơ chìm đắm, thì ngươi đang hướng tới đâu với chiếc thuyền nhỏ bé của mình, và ngươi dựa vào điều gì để đặt niềm hy vọng – rằng sẽ được cứu rỗi mà không cần Thuyền trưởng?

Một lần khác, người ta đưa một người phụ nữ ốm yếu đến tu viện Sarov, người này co quắp đến mức hai đầu gối ép sát vào ngực. Khi đưa bà vào phòng của Thánh Seraphim, ngài bắt đầu hỏi bà đến từ đâu và tại sao lại mắc phải căn bệnh này. Người phụ nữ ấy thành thật, không giấu giếm điều gì, đã mở lòng trước vị tu sĩ như thể tâm sự với linh hồn mình, rằng cô sinh ra trong Giáo hội Chính thống, nhưng đã kết hôn với một kẻ ly giáo, người rất cứng đầu trong giáo lý sai lầm của mình; do ảnh hưởng lâu dài từ chồng và gia đình anh ta, cô đã xa rời Chính Thống Giáo, và vì thế Thiên Chúa đã đột ngột trừng phạt cô: cô như bị thiêu đốt, sau đó những cơn co giật dữ dội bắt đầu. Cơn đau nhức khủng khiếp hành hạ người phụ nữ bất hạnh này suốt bốn năm, trong suốt thời gian đó cô không thể cử động được cả chân lẫn tay. Vị tu sĩ đáng kính đã hỏi người bệnh liệu hiện nay cô có tin vào Mẹ Giáo Hội Chính Thống Thánh của chúng ta hay không, và khi nhận được câu trả lời khẳng định, ngài đã ra lệnh cho người bệnh làm dấu thánh giá bằng ba ngón tay. Cô đáp lại rằng mình quá yếu ớt, đến nỗi thậm chí không thể nhấc tay lên được . Khi vị tu sĩ kính yêu, trong lời cầu nguyện, xức dầu thánh từ ngọn đèn treo bên mình lên ngực và tay cô, căn bệnh lập tức rời khỏi cô, và cô đã tạ ơn vị tu sĩ đã ban cho cô sự chữa lành. Mọi người kinh ngạc trước phép lạ này, tin tức về nó nhanh chóng lan truyền khắp tu viện và vùng lân cận.

Nhờ sự trong sạch của tâm hồn mà được ban cho ân sủng của sự thấu thị, vị tu sĩ Seraphim thường xuyên đưa ra những lời khuyên cho người khác, những lời khuyên liên quan trực tiếp đến cảm xúc và suy nghĩ thầm kín trong lòng họ, trước khi họ tiết lộ trước mặt ngài những hoàn cảnh khiến họ tìm đến ngài – và chính vì thế, lời nói của ngài càng có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn trong những trường hợp như vậy. Dưới đây là một ví dụ đặc biệt ấn tượng về điều này.

Một lần nọ, Trung tướng L., người đã được trao huân chương, đến Sarov vì tò mò. Sau khi tham quan các tòa nhà trong tu viện mà không tìm thấy điều gì nuôi dưỡng tâm hồn, ông định ra về, nhưng bị một địa chủ tên là Prokudin ngăn lại, người này thuyết phục vị tướng ghé thăm vị ẩn sĩ – Thánh Seraphim. Với tính cách kiêu ngạo, vị tướng ban đầu từ chối, nhưng sau đó, trước sự thuyết phục mạnh mẽ của Prokudin, ông đã đồng ý gặp vị tu sĩ. Ngay khi họ bước vào phòng tu, vị tu sĩ, bước ra đón họ, đã cúi đầu chào vị tướng. Sự khiêm nhường đó đã làm cho vị tướng kiêu ngạo phải kinh ngạc. Còn Prokudin, nhận ra rằng mình không nên ở lại trong phòng tu với họ, đã ra ngoài hiên; vị tướng được trang hoàng bằng các huân chương đã trò chuyện với vị tu sĩ già khoảng nửa giờ. Vài phút sau, tiếng khóc vang lên từ phòng tu của Seraphim: đó là tiếng khóc của vị tướng, như một đứa trẻ nhỏ. Nửa giờ sau, cánh cửa mở ra, và Thánh Seraphim dìu vị tướng ra ngoài; ông vẫn tiếp tục khóc, che mặt bằng hai tay. Những huân chương và mũ quân đội của ông đã bị bỏ lại trong phòng của vị tu sĩ. Vị tu sĩ mang chúng ra và đeo các huân chương lên mũ quân đội. Sau này, vị tướng này kể lại rằng ông đã đi khắp châu Âu, quen biết rất nhiều người thuộc đủ mọi tầng lớp, nhưng đây là lần đầu tiên trong đời ông chứng kiến sự khiêm nhường như vậy từ vị ẩn sĩ ở Sarov, và ông cũng chưa bao giờ biết đến khả năng thấu hiểu sâu sắc đến mức vị tu sĩ già đã phơi bày trước mặt ông toàn bộ cuộc đời ông, cho đến những chi tiết bí mật nhất. Nhân tiện, trong lúc trò chuyện với Seraphim, những huân chương của vị tướng đã rơi xuống, và vị tu sĩ già nhận xét:

– Đó là vì con đã nhận chúng một cách không xứng đáng.

Tình yêu của vị tu sĩ đầy ân sủng dường như bao trùm và vô biên; dường như ông yêu thương tất cả mọi người, từng người một, còn hơn cả người mẹ yêu thương đứa con trai duy nhất của người chồng mình. Không có nỗi đau khổ, nỗi buồn nào của người lân cận mà ngài không chia sẻ, không đón nhận vào tâm hồn mình, và không tìm ra những phương thuốc chữa lành thích hợp để chữa trị. Và thế là, trong mắt người dân Nga Chính thống giáo, ngài đã trở thành nơi nương tựa, chỗ dựa tinh thần và nguồn an ủi cho tất cả những ai đang đau khổ và gánh nặng, những người đang buồn bã và oán hận, những người khao khát lòng thương xót của Chúa và sự giúp đỡ đầy ân sủng. Những người thuộc mọi lứa tuổi, địa vị và hoàn cảnh, cả nam lẫn nữ, với lòng tin tưởng trọn vẹn, như trẻ thơ, đã chân thành và cởi mở bày tỏ trước ngài tâm trí và trái tim mình, những nghi ngờ và bối rối, những nhu cầu tâm

linh và nỗi buồn, những lỗi lầm và ý nghĩ tội lỗi của mình, để xưng tội một cách khiêm nhường, không có chút xấu hổ giả tạo hay che giấu nào, thì chính vị tu sĩ được ân sủng ấy thường đích thân đến giúp đỡ, với sự thấu hiểu sâu sắc về tâm hồn người đến thăm và công khai chỉ ra trước mặt họ những tội lỗi và ý nghĩ của họ. Và vị tu sĩ thánh thiện đầy lòng yêu thương đã làm hài lòng và an ủi tất cả mọi người; không ai rời khỏi ngài mà không cảm thấy nhẹ nhõm và bình an trong tâm hồn, không nhận được lời dạy dỗ chân chính và sự an ủi đầy ân sủng – dù là người giàu hay người nghèo, người bình dân hay người học thức, người bị khinh rẻ hay người quý tộc. Mọi người, đặc biệt là trong mười năm cuối đời ngài, hàng ngày đổ về gặp ngài với số lượng lên đến một nghìn người, và đôi khi lên đến hai nghìn hoặc hơn. Nhưng vị thánh lão không hề cảm thấy phiền hà vì điều này và luôn dành thời gian trò chuyện với mọi người vì lợi ích của linh hồn, giải thích bằng những lời ngắn gọn cho mỗi người điều mà họ thực sự cần. Và tất cả đều cảm nhận được tình yêu vĩ đại của ngài cùng sức mạnh đầy ân sủng của nó, và những dòng nước mắt không hiếm khi tuôn trào ngay cả ở những người có trái tim cứng cỏi và vô cảm.

Thánh Seraphim thường khiến nhiều người ghen tị, phàn nàn hoặc bối rối vì ngài tiếp đón tất cả mọi người một cách không phân biệt, đối xử tốt với mọi người như nhau, lắng nghe, an ủi và hướng dẫn tất cả mọi người một cách công bằng, không phân biệt giới tính, địa vị, hoàn cảnh hay phẩm chất đạo đức của những người đến thăm ngài. Về vấn đề này, Thánh Seraphim đã nhiều lần nói:

– Giả sử tôi đóng cửa phòng tu của mình. Những người đến đây, đang cần lời an ủi, sẽ thề trước Chúa để tôi mở cửa, và khi không nhận được câu trả lời từ tôi, họ sẽ buồn bã trở về nhà... Tôi có thể đưa ra lời bào chữa nào trước Chúa trong Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Ngài?

Một lần khác, khi một tu sĩ hỏi vị trưởng lão: "Thầy dạy mọi người điều gì?" – ngài đáp:

– Tôi tuân theo giáo huấn của Giáo Hội, nơi ca ngợi: **"Đừng che giấu lời Chúa, nhưng hãy rao giảng những điều kỳ diệu của Ngài**"[536] .

Như vậy, vị trưởng lão thánh thiện coi việc tiếp đón tất cả những ai đến với mình là việc của lương tâm, là nghĩa vụ của cuộc đời mình, mà Đức Chúa Trời sẽ đòi hỏi ông phải trả lời trước Ngày Phán Xét Cuối Cùng. Tuy nhiên, khi vị tu sĩ cao niên thấy những người đến với ngài lắng nghe lời khuyên của ngài, tuân theo những lời dạy dỗ của ngài và từ con đường tội lỗi và diệt vong bước vào con đường đức hạnh và cứu rỗi, ngài không tự hào về điều đó như thành quả của công việc mình, không coi đó là công lao của bản thân, mà chỉ ngợi khen Đấng Ban Ơn – Thiên Chúa, và trong những trường hợp như vậy, ngài thường nói:

– "**Không phải chúng con, lạy Chúa, không phải chúng con, nhưng xin Ngài ban vinh quang cho danh Ngài, vì lòng thương xót của Ngài, vì lẽ thật của** Ngài" (Thi Thiên 113:9).

Và Ngài còn nói về điều này như sau:

– Chúng ta phải loại bỏ mọi niềm vui trần thế khỏi bản thân, tuân theo lời dạy của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã phán: **"Đừng vui mừng vì các thần phục tùng các con, nhưng hãy vui mừng vì tên các con đã được ghi trên** trời" (Lc 10:20).

Một lần nọ, một thương gia đến từ tỉnh Vladimir và cha Antony, người xây dựng tu viện Vysokogorsk[537] , cùng lúc đến phòng tu của Thánh Seraphim. Vị thánh với tình yêu thương đã nhẹ nhàng và ân cần chỉ ra những thói hư tật xấu của thương gia và đưa ra những lời khuyên phù hợp. Lời nói của vị trưởng lão đầy ân sủng ấy được thấm đẫm bởi sự ấm áp từ trái tim đến nỗi cả người thương gia – người mà lời nói đó dành cho – lẫn Cha Antony, người tình cờ có mặt tại đó, đều xúc động đến rơi nước mắt. Khi người thương gia ra khỏi phòng, Cha Antony đã quay sang vị trưởng lão thánh thiện và nói:

– Thưa Cha! Linh hồn con người trước mặt Cha mở ra như khuôn mặt trong gương: dù chưa kịp nghe hết lời người hành hương này, chính Cha đã nói hết mọi điều với anh ta rồi. Giờ con mới thấy rằng trí tuệ của Cha trong sáng đến mức không có gì trong lòng người lân cận có thể che giấu được trước Cha.

Nhưng, Thánh Seraphim, như thể muốn ngăn lời người đối thoại, đã đặt tay lên miệng ông ta và nói:

– Ngài nói chưa đúng, niềm vui của tôi ơi: trái tim con người chỉ mở ra trước một Chúa duy nhất, và chỉ có một mình Đức Chúa Trời mới là Đấng thấu hiểu lòng người, "**thậm chí đến tận đời sống nội tâm của con người và tận đáy** lòng" (Thi Thiên 63:7).

---

[536] Trong Thánh lễ chiều thứ Ba Tuần Thánh, trích từ bài thánh ca "Lạy Chúa, con kêu cầu". Giọng thứ 4.

[537] Sau này, ngài trở thành vị quản lý nổi tiếng của Tu viện Troitsa-Sergiev.

– Nhưng sao lại thế này, thưa Cha – Cha Antony lại hỏi – sao Cha không hỏi người thương gia một lời nào mà lại nói hết những điều anh ta cần?

Lúc đó, Thánh Seraphim khiêm nhường đáp:

– Ông ấy đến với con, cũng như những người khác, cũng như con, đến như đến với một tôi tớ của Đức Chúa Trời: con, Seraphim tội lỗi này, nghĩ rằng mình là một tôi tớ tội lỗi của Đức Chúa Trời; những gì Đức Chúa Trời truyền lệnh cho con như một tôi tớ của Ngài, thì con sẽ truyền lại cho người đang cần điều hữu ích. Suy nghĩ đầu tiên nảy sinh trong tâm hồn tôi, tôi coi đó là sự chỉ dẫn của Chúa và nói ra, không biết người đối diện đang nghĩ gì, mà chỉ tin rằng đó là ý muốn của Chúa dành cho lợi ích của anh ta. Giống như sắt trong tay thợ rèn, tôi dâng hiến bản thân và ý chí của mình cho Chúa: tôi hành động theo ý Ngài; tôi không có ý chí riêng; và điều gì làm đẹp lòng Chúa, tôi sẽ truyền đạt điều đó.

Trong khi đó, sự sáng suốt đầy ân sủng của Thánh Seraphim thực sự là điều phi thường. Khi nhận được thư, ngài thường biết nội dung của chúng mà không cần mở ra, và trả lời: "Hãy nói thế này thay cho Seraphim hèn mọn" v.v. Sau khi ngài an nghỉ trong Chúa, người ta đã tìm thấy rất nhiều lá thư chưa mở như vậy, mà trước đó ngài đã trả lời. Bằng Thánh Thần, vị tu sĩ già đã hiệp nhất với nhiều vị tu hành, những người mà ngài chưa từng gặp mặt và sống cách ngài hàng ngàn verst. Khi trong lòng Thánh nhân Georgi, một tu sĩ ẩn tu tại Tu viện Đức Mẹ Zadonsk, nảy sinh ý nghĩ liệu có nên chuyển đến một nơi hẻo lánh hơn hay không – và không ai ngoài chính ông biết về sự bối rối thầm kín này – thì bỗng nhiên có một người lữ hành từ sa mạc Sarov, được Thánh nhân Seraphim sai đến, xuất hiện trước mặt ông và nói:

– Cha Seraphim đã dặn tôi nói với anh rằng: thật đáng xấu hổ khi đã sống trong phòng tu kín bao nhiêu năm mà lại để những ý nghĩ thù địch như vậy chiến thắng, đến nỗi muốn rời bỏ nơi ở của mình. Đừng đi đâu cả. Đức Mẹ Rất Thánh truyền cho anh phải ở lại đây.

Nói xong, người lữ hành ấy cúi đầu chào rồi ra đi. Khi mọi người bắt đầu đi tìm ông, họ không thể tìm thấy ông đâu cả, dù trong tu viện hay bên ngoài tu viện.

Vẫn chưa có tin tức gì về vị thánh nhân của Chúa Mitrofan, vị giám mục đầu tiên của Voronezh, cũng như về việc tôn vinh ngài sắp diễn ra: chưa có bất kỳ sự mặc khải hay hiện tượng nào, nhưng trong khi đó, Thánh Seraphim đã dùng vài dòng chữ do chính tay ngài viết để chúc mừng Đức Tổng Giám mục Voronezh Antony nhân dịp khai quật di cốt thánh của vị thánh nhân Mitrofan.

Với một giáo dân tên là A.G. Vorotilov, vị tu sĩ cao niên đã nhiều lần nói rằng ba cường quốc sẽ nổi dậy chống lại nước Nga và làm cho đất nước này kiệt quệ; nhưng vì Chính Thống Giáo, Chúa sẽ thương xót và bảo vệ nước Nga. Lúc đó, những lời này khó hiểu; nhưng sau này, các sự kiện đã giải thích rằng vị tu sĩ cao niên đang nói về Chiến dịch Crimea.

Từ năm 1831, Thánh Seraphim đã báo trước cho nhiều người về nạn đói sắp xảy ra, và theo lời khuyên của ngài, tu viện Sarov đã dự trữ lương thực đủ dùng trong sáu năm, nhờ đó, tu viện không phải chịu cảnh đói kém. Khi dịch tả bùng phát lần đầu tiên ở Nga, vị thánh nhân đã công khai tiên tri rằng dịch bệnh này sẽ không xuất hiện ở Sarov cũng như ở Diveevo – và những lời tiên tri này đã ứng nghiệm một cách chính xác, đến nỗi trong đợt dịch tả đầu tiên đó, không một ai ở Sarov hay Diveevo qua đời.

Vị Thánh nhân cũng nhìn thấu quá khứ và tương lai, chỉ bằng vài lời đã phác họa cuộc đời sắp tới của một con người, và ngài nói những lời, đưa ra những lời khuyên có vẻ kỳ lạ, nhưng sau này hoàn cảnh đã chứng minh chúng là đúng và chúng tỏ ra đầy tinh thần thấu suốt.

Ngoài ân tứ thấu thị, Chúa tiếp tục ban cho Thánh Seraphim ân sủng chữa lành các bệnh tật và đau ốm về thể xác. Trước đó, vào năm 1823, trước khi vị tu sĩ cao niên chính thức rời khỏi nơi ẩn tu của mình, một trong những biểu hiện đầu tiên và ấn tượng nhất của ân sủng kỳ diệu do Thiên Chúa ban cho ngài là việc ngài chữa lành căn bệnh không thể chữa trị được của một chủ điền láng giềng thuộc huyện Ardatovsky, ông M.V. Mantorov. Khi căn bệnh đã trở nên nghiêm trọng đến mức những mảnh xương thậm chí còn rụng ra khỏi chân người bệnh và mọi hy vọng vào sự giúp đỡ y tế đã tan biến, Mantorov, theo lời khuyên của những người thân và bạn bè, đã quyết định lên đường đến Sarov, cách điền trang Nuch của ông bốn mươi verst, để gặp Cha Seraphim, người mà danh tiếng về đời sống thánh thiện vào thời điểm đó đã lan rộng khắp nước Nga. Với rất nhiều khó khăn, Mantorov được đưa vào hiên phòng của vị ẩn sĩ đầy ân sủng, và anh đã khóc lóc van xin ngài chữa lành căn bệnh khủng khiếp của mình. Lúc đó, vị tu sĩ già với lòng trắc ẩn chân thành và tình yêu thương như người cha đã hỏi anh: "Anh có tin vào Chúa

không?" Sau khi nhận được từ người bệnh ba lần khẳng định chắc chắn và chân thành về đức tin vô điều kiện vào Đức Chúa Trời, vị tu sĩ đáng kính đã dịu dàng nói với anh ta:

– Niềm vui của ta ơi! Nếu con tin như vậy, thì hãy tin rằng với người có đức tin, mọi điều đều có thể nhờ Chúa, và vì thế hãy tin rằng Chúa sẽ chữa lành cho con, còn ta, Seraphim hèn mọn này, sẽ cầu nguyện.

Sau đó, ngài lui vào phòng tu của mình và, một lúc sau, ngài bước ra với dầu thánh từ ngọn đèn treo trước bức tranh Đức Mẹ Lòng Thương Xót, rồi bảo Mantorov cởi quần áo để lộ đôi chân và xức dầu lên những chỗ bị bệnh. Và ngay lập tức, những vảy bệnh bao phủ cơ thể bong ra trong chớp mắt, Mantorov được chữa lành và tự mình bước ra khỏi phòng tu của vị thánh làm phép lạ ở Sarov. Khi Mantorov cảm nhận được sự chữa lành, trong niềm vui sướng, anh lao đến quỳ dưới chân vị thánh nhân, hôn chân ngài và tạ ơn vì sự chữa lành, vị thánh nhân nâng anh dậy và nghiêm khắc nói:

– Chẳng phải việc của Thánh Seraphim là khiến người chết sống lại hay đưa xuống địa ngục rồi đưa lên sao? – Ngài đang nói gì vậy, thưa cha? Đó là việc của Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng thực hiện ý muốn của những ai kính sợ Ngài và lắng nghe lời cầu nguyện của họ. Hãy dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời Toàn Năng và Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội.

Với những lời ấy, vị thánh nhân khiêm nhường và hiền lành của Chúa đã cho Mantorov ra về.

Không kém phần đáng kinh ngạc là việc vị thánh già đã chữa lành cho một người phụ nữ tên là Alexandra, vợ của người hầu Lebedev, vào năm 1827. Hơn một năm qua, bà phải chịu đựng những cơn co giật khủng khiếp dường như không rõ nguyên nhân, kèm theo nôn mửa, nghiến răng và co giật toàn thân, sau đó người bệnh rơi vào trạng thái mất ý thức hoàn toàn; những cơn co giật như vậy lặp lại hàng ngày. Các phương pháp điều trị mà các bác sĩ áp dụng để chấm dứt căn bệnh của người phụ nữ này đều không mang lại kết quả nào, nhưng có một vị bác sĩ giàu kinh nghiệm, có đức tin và trung thực, người đã dành cho bệnh nhân sự quan tâm đặc biệt chân thành và dốc hết sự chú ý, kiến thức cùng tài năng y học của mình cho cô, cuối cùng đã khuyên cô hãy phó thác vào ý muốn của Đấng Tối Cao và cầu xin Ngài ban sự giúp đỡ và che chở, vì không ai trong số loài người có thể chữa khỏi bệnh cho cô. Điều này đã khiến tất cả những người thân cận của bệnh nhân chìm trong nỗi buồn sâu sắc và đẩy cô vào tuyệt vọng. Và rồi vào một đêm nọ, một người phụ nữ lạ mặt, đã rất già, xuất hiện trước mặt cô và khi người bệnh hoảng sợ bắt đầu đọc lời cầu nguyện trước Thánh Giá, bà ấy nói với cô:

– Đừng sợ ta: ta cũng là con người như ngươi, chỉ là giờ đây ta không còn thuộc về thế gian này nữa, mà đến từ cõi âm phủ. Hãy đứng dậy khỏi giường bệnh và mau mau đến tu viện Sarov gặp Cha Seraphim: ngài đang chờ ngươi đến vào ngày mai và sẽ chữa lành cho ngươi.

Người bệnh dám hỏi bà:

– Cô là ai và đến từ đâu?

Người hiện ra trả lời:

– Tôi đến từ cộng đồng Diveyevo, vị trụ trì đầu tiên là Agafia.

Ngày hôm sau, người thân đưa người bệnh đến Sarov, trên đường đi, cô ấy bị những cơn ngất xỉu và co giật kinh hoàng. Người bệnh đến Sarov sau thánh lễ muộn, vào lúc các tu sĩ đang dùng bữa, khi vị tu sĩ đã đóng cửa phòng và không tiếp ai. Nhưng chưa kịp đến gần phòng của ngài để đọc những lời cầu nguyện thông thường, vị tu sĩ già đã bước ra đón cô, nắm lấy tay cô và dẫn cô vào phòng của ngài. Tại đó, ngài phủ lên người cô chiếc áo lễ và thầm thĩ cầu nguyện với Chúa và Đức Mẹ Rất Thánh, sau đó cho cô uống nước Thánh Hiển Linh, trao cho cô một mảnh bánh thánh và ba miếng bánh mì khô, rồi nói:

– Mỗi ngày, hãy dùng một miếng bánh mì khô với nước thánh, rồi hãy đến Diveevo, đến mộ của nữ tỳ Chúa Agafia, lấy một ít đất và thực hiện càng nhiều lần cúi lạy càng tốt: bà ấy (Agafia) thương xót cô và mong cô được chữa lành.

Sau khi truyền đạt thêm vài lời dạy ngắn gọn về việc cầu nguyện, vị thánh nhân đã tiễn người bệnh ra về trong bình an; ngay lúc đó, căn bệnh đã rời khỏi cô một cách rất rõ rệt, như thể kèm theo một tiếng động nào đó. Từ đó trở đi, căn bệnh không bao giờ quay trở lại với cô, và cô đã sinh được nhiều con trai và con gái.

Thánh Seraphim đã thực hiện nhiều phép chữa lành khác nhau cho những người mắc bệnh nặng; nhiều trường hợp đã được ghi chép lại, số khác chỉ còn lưu lại trong tâm hồn những người được ngài ban ơn; nếu kể hết trong bản tóm tắt về cuộc đời vị thánh nhân này thì sẽ không đủ chỗ. Trong tất cả những trường hợp này, vị tu sĩ cao niên, như chúng ta đã đề cập, có thói quen xức dầu từ ngọn đèn đang cháy trước bức tượng Đức Mẹ – *Đấng Từ Bi* – trong phòng tu của ngài lên người bệnh nhân; và khi được hỏi tại sao ngài lại làm như vậy, ngài trả lời:

– Chúng ta đọc trong Kinh Thánh rằng các Tông đồ đã xức dầu, và nhiều người bệnh đã được chữa lành nhờ đó. Chúng ta còn có thể noi gương ai khác ngoài các Tông đồ?

Và những người bệnh được vị tu sĩ thánh thiện xức dầu đều được chữa lành.

Trong phòng tu của Thánh Seraphim, có rất nhiều đèn dầu đang cháy và vô số ngọn nến sáp, lớn nhỏ khác nhau, được đặt trên những chiếc khay tròn. Trước suy nghĩ thầm kín của một vị khách về ý nghĩa của việc này, vị tu sĩ già sáng suốt đã trả lời:

– Như quý vị đã biết, tôi có nhiều người tận tâm với tôi và làm việc thiện cho những "đứa trẻ mồ côi nhà xay bột" của tôi (các nữ tu tại Tu viện Serafim-Diveyevo). Họ mang dầu thánh và nến đến cho tôi và xin tôi cầu nguyện cho họ. Khi tôi đọc kinh nguyện của mình, tôi sẽ cầu nguyện cho họ một lần đầu tiên. Và vì tôi không thể nhắc đến tên họ ở mỗi phần của kinh nguyện, nên tôi dâng những ngọn nến này lên Chúa thay cho họ – mỗi người một ngọn nến; đối với một số người khác – một ngọn nến lớn cho vài người – và, khi cần thiết, không nêu tên, tôi nói: Lạy Chúa, xin nhớ đến tất cả những người ấy, những tôi tớ của Ngài; vì linh hồn họ, con, kẻ hèn mọn này, đã thắp lên cho Ngài những ngọn nến và đèn dầu này. Và để chứng minh rằng đây không phải là sự bịa đặt của con người tôi, Seraphim hèn mọn, hay chỉ đơn thuần là lòng nhiệt thành của tôi mà không dựa trên bất cứ điều gì thiêng liêng, tôi sẽ trích dẫn Lời Thánh Kinh để củng cố điều này. Kinh Thánh chép rằng Mô-sê đã nghe tiếng Chúa phán cùng ông: **"Bên ngoài bức màn của Hòm Giao Ước trong Lều Hội Ngộ**, **A-rôn [và các con trai ông] phải đặt nó trước mặt Chúa từ chiều tối đến sáng sớm, luôn luôn như vậy: đây là luật lệ vĩnh viễn cho các thế hệ các ngươi"** (xem Lê-vi 24:3). Đó là lý do tại sao Giáo Hội Thánh của Đức Chúa Trời đã thiết lập truyền thống thắp đèn cầy hoặc đèn dầu trong các thánh đường và trong nhà của các tín hữu Kitô giáo, trước các thánh tượng của Chúa, Đức Mẹ, các Thiên Thần và các thánh nhân đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Về nguồn nước thần thánh, được đặt tên là giếng "Serafimova", vị tu sĩ già sau này đã kể lại:

– Tôi đã cầu nguyện để nước trong giếng này có khả năng chữa lành bệnh tật.

Và từ đó, nước từ suối này đã có được những đặc tính đặc biệt, phi thường và chữa bệnh, vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Nước này không bị hư hỏng, dù có để trong các bình không đậy nắp suốt nhiều năm. Bất kể mùa nào trong năm, cả người bệnh lẫn người khỏe mạnh đều dùng nước này để tắm rửa và rửa sạch cơ thể, ngay cả trong những đợt rét đậm, và đều nhận được lợi ích. Đối với nhiều người đang phải chịu đựng những vết loét đau đớn, Thánh Seraphim đã chỉ dẫn họ tắm rửa bằng nước từ suối của ngài – và tất cả đều được chữa lành nhờ đó. Một số người sau khi tắm bằng nước này đã lấy lại được thị lực; những người khác, khi uống nước này, đã nhanh chóng khỏi các bệnh nội tạng và từ giường bệnh nặng, họ đã đứng dậy khỏe mạnh và tràn đầy sức sống. Một người phụ nữ tên M.V. Sipyagina bị bệnh nặng, cảm thấy vô cùng đau khổ vì bệnh tật; dù rất siêng năng, bà vẫn không thể ăn những món ăn theo quy định trong những ngày ăn chay. Thánh Seraphim đã bảo bà uống nước từ suối của ngài. Sau đó, mà không cần bất kỳ sự ép buộc nào, một lượng lớn mật đã trào ra khỏi cổ họng bà, và bà đã được chữa lành. Trong thời kỳ dịch tả vào những năm 1930 của thế kỷ trước, không ít tín đồ đã đổ về giếng "Serafimov" từ những vùng xa xôi, thậm chí từ các quốc gia khác, và nhờ lòng tin của mình, họ đã nhận được sự nhẹ nhõm và chữa lành từ nguồn nước thần kỳ này. Chẳng hạn, Trung úy Teplov, người sở hữu một điền trang ở tỉnh Ekaterinoslav, nơi dịch tả bắt đầu gây ra tỷ lệ tử vong cao, khi chứng kiến dịch bệnh hoành hành trong số người của mình, đã nhớ lại rằng Thánh Seraphim trước đó, như thể vô tình, từng nói với ông:

– Khi anh gặp hoạn nạn, hãy ghé thăm người nghèo Seraphim trong phòng tu của ông ấy: ông ấy sẽ cầu nguyện cho anh.

Ký ức này đã thúc đẩy ông cùng vợ cầu xin vị tu sĩ già Seraphim từ xa, để ngài giải thoát họ khỏi căn bệnh chết người đó. Và ngay trong đêm đó, trong một giấc mơ, vị tu sĩ già hiện ra trước mặt vợ ông Teplov và ra lệnh cho bà đến suối Bogoslovsky để lấy nước ở đó, uống và tắm rửa bằng nước đó, cho cả gia đình Teplov lẫn những người làm công của họ. Với niềm tin trọn vẹn vào sức mạnh của lời cầu thay từ vị thánh nhân của Chúa Seraphim, vợ chồng Teplov đã đến suối, uống và rửa mặt bằng nước đó, đồng thời múc đầy một thùng nước từ suối và mang về trang trại của họ. Và quả thực, những người bệnh trong gia đình Teplov, trong đó nhiều người đã cận kề cái chết, đã được chữa lành kỳ diệu chỉ nhờ dùng nước được gửi đến cho họ, và từ đó trở đi, không ai trong trang viên của gia đình Teplov chết vì bệnh dịch tả nữa.

Nhưng Thánh Seraphim không chỉ nhìn thấy những điều trần thế: những bí mật trên trời cũng nhiều lần được bày tỏ cho ngài. Một lần, sau cuộc trò chuyện kéo dài với tu sĩ Ioann – người đối xử với vị thánh già với lòng

tin tưởng như trẻ thơ – về cuộc đời các thánh của Chúa, những ân sủng của họ và những lời hứa trên trời, vị thánh già đã lặp lại với anh ta vài lần:

– Niềm vui của ta ơi, ta xin con, hãy tìm kiếm tinh thần bình an, và khi đó, một ngàn linh hồn sẽ được cứu rỗi xung quanh con.

Sau đó, vị tu sĩ kể về chính mình:

– Tôi đã tìm thấy niềm an ủi trong lời của Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của tôi: **"Trong nhà Cha Ta có nhiều nơi** ở" (Ga 14,2). Và tôi, kẻ hèn mọn này, đã dừng lại ở những lời ấy, khao khát được chiêm ngưỡng những nơi ở trên trời đó, và đã cầu xin Chúa Giê-su Ki-tô cho Ngài chỉ cho tôi thấy chúng, và Chúa đã không từ chối ân sủng của Ngài đối với tôi, kẻ hèn mọn này. Và thế là tôi đã được đưa lên những nơi ở trên trời ấy – chỉ không biết là cùng với thân xác hay ngoài thân xác, chỉ có Chúa mới biết, điều đó thật khó hiểu. Còn về niềm vui và sự ngọt ngào trên trời mà tôi đã nếm trải ở đó – thì không thể nào diễn tả cho anh được.

Nói đến đây, vị tu sĩ im lặng, hơi cúi người về phía trước, đầu ngả xuống, mắt nhắm lại, và ngài dùng bàn tay phải duỗi thẳng nhẹ nhàng, yên lặng vuốt ve lên ngực. Khuôn mặt ngài đã thay đổi một cách kỳ diệu và toát ra một ánh sáng phi thường đến nỗi không ai có thể nhìn thẳng vào được; trên đôi môi và trong từng nét biểu cảm của khuôn mặt đã được khai sáng ấy, một niềm vui thiêng liêng rạng ngời đến mức ngài trông như một Thiên thần trần gian, như thể đang chiêm ngưỡng và lắng nghe điều gì đó với lòng đầy xúc động.

Thời gian trôi qua khoảng nửa giờ, sau đó vị tu sĩ lên tiếng:

– Ôi, giá như con biết, hỡi người yêu dấu, niềm vui và sự ngọt ngào nào đang chờ đợi người công chính trên thiên đàng, thì con sẽ quyết tâm chịu đựng những nỗi đau khổ trong cuộc đời tạm bợ này với lòng biết ơn. Dù chính căn phòng tu này có đầy giun sâu, và chúng gặm nhấm thịt da chúng ta suốt cuộc đời, thì ngay cả lúc đó, ta cũng phải sẵn lòng chấp nhận điều đó, miễn là không bị tước mất niềm vui thiên đàng ấy.

Ảnh hưởng của vị trưởng lão đầy ân sủng không chỉ giới hạn trong tu viện Sarov. Ông có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của đời sống tu hành nữ tại địa phương. Đặc biệt cảm động là mối quan hệ của Thánh Seraphim với cộng đồng Diveevo, được thành lập vào khoảng năm 1780 bởi một nữ địa chủ thuộc tỉnh Vladimir, bà Agafya Semenovna Melgunova, góa phụ của một đại tá. Mất chồng khi còn trẻ, bà đã quyết tâm dâng hiến cuộc đời mình cho Chúa và vì mục đích đó, bà đã đi thăm nhiều thánh địa. Và rồi, khi đang nghỉ ngơi tại làng Diveevo, cách tu viện Sarov khoảng mười hai verst, bà đã nhìn thấy Đức Mẹ trong giấc mơ nửa tỉnh nửa mê, Người đã truyền cho bà ở lại nơi này và xây dựng một nhà thờ để tôn vinh bức tượng thánh Kazan của Người. Sau đó, Melgunova – người đã xuất gia với tên gọi Alexandra – được gia nhập bởi các nữ tu hành khác như , và như vậy, Tu viện Diveevo đã được thành lập, nơi gắn liền không thể tách rời với tên tuổi của Thánh Seraphim của Sarov. Ngay cả người sáng lập Tu viện Diveyevo, trước khi qua đời, cũng đã giao phó số phận tương lai của các nữ tu cho Thánh Seraphim, lúc bấy giờ là phó tế tu sĩ; và vị trưởng lão đáng kính Pakhomius, Bề trên tu viện Sarov, khi rời bỏ cõi đời này, cũng đã giao phó trách nhiệm chăm sóc cộng đồng Diveyevo cho ngài. Thánh Seraphim đã chăm lo cho cộng đoàn này với tình yêu thương và sự quan tâm chân thành như người cha. Các nữ tu Diveyevo thường đến gặp ngài để xin phước lành và giải đáp những thắc mắc, đồng thời trình bày những nhu cầu của mình. Vị trưởng lão thì tận tình ban cho họ những lời khuyên tốt lành và có ích cho tâm hồn, đồng thời quan tâm sâu sắc đến cuộc sống và trật tự của cộng đoàn.

Nhờ những lời cầu nguyện của vị Thánh, cùng với sự hỗ trợ tài chính từ các nhà hảo tâm – những người dành cho ngài niềm tin đặc biệt và đã được chữa lành nhờ lời cầu nguyện của ngài – cộng đồng Diveyevo đã mở rộng đáng kể, điều này cũng là nhu cầu thiết yếu do sự gia tăng dân số tại đây. Cùng với đó, Thánh Seraphim đã chia tu viện thành hai phần dưới sự lãnh đạo và quản lý chung, đến nỗi ở một khoảng cách nhất định, phía sau hàng rào riêng biệt, những phòng tu mới cùng một nhà thờ riêng đã được xây dựng, tạo thành một tu viện nhỏ mới. "Điều này," ngài nói, "là ý muốn của Chúa và Đức Mẹ." Vị thánh nhân của Chúa đã làm như vậy vì ngài cho rằng việc các trinh nữ sống chung với những góa phụ đã trải qua một thời gian trong cuộc sống hôn nhân là không thích hợp và không có lợi. Theo chỉ dẫn của Đức Mẹ, vị tu sĩ cao niên đã chọn một địa điểm cách Nhà thờ Kazanskaya Diveyevo khoảng một trăm sazen trên mảnh đất được hiến tặng cho mục đích này, đồng thời trên mảnh đất mới mua, ngài đã xây dựng một cối xay riêng cho các nữ tu Diveyevo. Như vậy, Thánh Seraphim đã thành lập một cộng đoàn đặc biệt, được gọi là Cộng đoàn Seraphim-Diveyevo, tách biệt khỏi cộng đoàn trước đó do bà Agafya Semenovna Melgunova đã đề cập ở trên thành lập[538] .

Với lòng quan tâm dành cho các nữ tu Diveyevo, đặc biệt là những "cô nhi nhà cối xay" – cách mà Thánh Seraphim thường gọi các nữ tu trong cộng đoàn mới tách ra – ông không ngừng an ủi họ trong những nỗi buồn của cuộc sống tu hành đầy gian khổ và thiếu thốn, giữ chân những người thiếu kiên nhẫn, trong đó có một số người thậm chí muốn quay trở lại cuộc sống thế tục, vì nhiều người cảm thấy e ngại trước những thiếu thốn cực độ, bởi lúc bấy giờ tu viện không có bất kỳ nguồn cung cấp nào. Nhưng nhờ ảnh hưởng đầy ân sủng của Thánh Seraphim, tu viện Diveyevo đã thu hút ngày càng nhiều nữ tu, những người tìm kiếm cuộc sống tu hành thánh thiện dưới sự hướng dẫn như người cha của vị thánh già. Một số người đã dâng hiến cuộc đời mình cho Chúa tại tu viện Diveyevo để bày tỏ lòng biết ơn vì những phép lạ chữa lành mà họ nhận được nhờ lời cầu nguyện của vị thánh già. Còn những người khác, nhờ sự sáng suốt của ngài, dường như đã được ngài định sẵn cho con đường này từ khi còn nhỏ, và ngài đã hướng dẫn họ gia nhập tu viện từ trước, theo tinh thần của sự định sẵn đó. Khi các nữ tu trong cộng đoàn lo lắng về tương lai của tu viện do tình trạng thiếu thốn vật chất và tình hình bất ổn, đã lo lắng về điều đó, vị Thánh Tông Sư, trong lúc an ủi họ, đã nói rằng chính Nữ Vương Thiên Đàng đã chọn nơi này cho họ, Đấng sẽ giúp đỡ họ trong mọi việc, đến nỗi họ sẽ có cả bánh mì, nhà thờ, và hiến chương tu viện sẽ giống như ở Sarov, và rằng ngài, "Seraphim nghèo khó", luôn quỳ gối cầu nguyện cho họ. Các nữ tu của Tu viện Diveyevo hoàn toàn tuân phục Thánh Seraphim. Họ không làm gì mà không có sự ban phước của vị tu sĩ cao niên. Khi một nữ tu nào đó muốn tạm thời rời khỏi tu viện, thì cả trước khi ra đi lẫn khi trở về, đều phải đến gặp Thánh Seraphim để xin sự ban phước.

Thánh Seraphim đã để lại một quy tắc cầu nguyện đặc biệt cho các nữ tu của Tu viện Diveyevo, đồng thời cũng dạy dỗ họ về việc bảo quản phòng thánh và tài sản nhà thờ, v.v. Ban đầu, các nữ tu của "cộng đồng xay bột" không có nhà thờ riêng biệt, điều này gây ra cho họ không ít bất tiện. Nhưng sau khi vị thánh nhân của Chúa đã chữa lành một cách kỳ diệu cho Mantorov nói trên, người này, vì lòng biết ơn đối với vị trưởng lão, đã bán đi tài sản của mình và dâng hiến toàn bộ tài sản để xây dựng một nhà thờ lớn bằng đá cho các nữ tu "xưởng xay". Nhà thờ được xây dựng với hai bàn thờ: dành cho Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô và Lễ Giáng Sinh của Đức Mẹ, và được thánh hiến vào năm 1829.

Về các công việc và hoạt động thủ công, Thánh Seraphim đã quyết định rằng các nữ tu Divey phải chỉ làm những công việc thuộc về tầng lớp bình dân. Tuy nhiên, việc vẽ tranh, thêu bằng lụa và vàng cùng các công việc tương tự khác – vốn đòi hỏi sự tập trung tinh thần nhất định và thiên về nghệ thuật cũng như các vật phẩm xa xỉ – thì vị tu sĩ cao niên không cho phép.

Tất cả những di chúc này của vị tu sĩ đều được tuân thủ nghiêm ngặt trong cộng đoàn Diveyevo. Việc vi phạm chúng thường dẫn đến những hậu quả không hay cho tu viện; nhưng Thánh Seraphim đã bảo vệ tu viện khỏi cảnh khốn khó và thiên tai bằng những lời cầu nguyện của mình. Chẳng hạn, vị thánh nhân đã di chúc rằng, tại Nhà thờ Giáng sinh do ngài sáng lập – nơi luôn phải đọc Thánh vịnh – phải có ngọn nến không bao giờ tắt trước bức tượng Chúa Cứu Thế và ngọn đèn không bao giờ tắt trước bức tượng Đức Mẹ, đồng thời ngài nhấn mạnh rằng, nếu di chúc này được tuân thủ chính xác, cộng đồng Diveyevo sẽ không phải chịu cảnh thiếu thốn và thiên tai, và dầu dùng cho mục đích này sẽ không bao giờ cạn kiệt. Nhưng một lần nọ, khi mọi người đã ra khỏi nhà thờ, một nữ tín hữu thấy dầu đã cháy cạn, ngọn đèn đã tắt, trong khi đó lại là lượng dầu cuối cùng. Lúc đó, nhớ lại di chúc của vị tu sĩ già Seraphim, bà nghĩ rằng những lời của ông đã không thành hiện thực, và do đó, những lời tiên tri khác của ông cũng không thể tin cậy được. Niềm tin vào khả năng thấu thị của vị tu sĩ đầy ân sủng bắt đầu lung lay trong lòng cô. Nhưng đột nhiên, cô nghe thấy tiếng lách tách và, khi cúi đầu xuống, cô thấy ngọn đèn đã sáng trở lại và đầy dầu, trong đó có hai tờ tiền nhỏ đang nổi lềnh bềnh. Trong tâm trạng bối rối, cô vội vã đến gặp bà Elena Vasilyevna Mantorova, người mà cô đang phục vụ, để kể về cảnh tượng kỳ diệu đó. Trên đường đi, cô gặp một người nông dân, người đã trao cho cô 300 rúp tiền giấy để chuyển giúp, dùng mua dầu cho ngọn đèn không tắt nhằm cầu nguyện cho linh hồn cha mẹ ông được an nghỉ.

Không chỉ giới hạn ở những di chúc dành cho các nữ tu Diveyevo mà còn nhìn xa hơn nữa, Thánh Seraphim khi còn sống đã chuẩn bị sẵn một khu đất để xây dựng nhà thờ chính tòa, trong khi trước đó các nữ tu vẫn sử dụng nhà thờ giáo xứ để cầu nguyện.

– "Chúng ta, thưa Mẹ," – ngài nói với một nữ tu cao niên ở Diveyevo, an ủi bà, – "sẽ có nhà thờ chính tòa của riêng mình. Trên mảnh đất của chúng ta sẽ có đàn gia súc, cừu và bò. Tại sao chúng ta, thưa Mẹ, lại phải chán nản? Mọi thứ sẽ thuộc về chúng ta. Các nữ tu sẽ vừa cày ruộng, vừa gieo hạt lúa mì."

Khi suy tính về việc xây dựng nhà thờ chính tòa, vị tu sĩ đã chọn một địa điểm gần Nhà thờ Kazan, nằm giữa tu viện cũ và tu viện mới, và đã thu xếp được tiền để mua đất; nhưng do hoàn cảnh, việc xây dựng nhà thờ đã bị đình chỉ vô thời hạn.

Như vậy, Thánh Seraphim đã thành lập một cộng đồng đặc biệt, được gọi là Cộng đồng Seraphim-Diveyevo, tách biệt khỏi cộng đồng trước đây do bà Agafya Semenovna Melgunova – người đã được đề cập ở trên – sáng lập. Tuy nhiên, về mặt tinh thần, ông không tách biệt cộng đồng nhà máy xay lúa khỏi cộng đồng Diveyevo, và coi nữ tu Alexandra (Melgunova) – người mà ông vô cùng kính trọng – là người sáng lập của cả hai. Còn về người bảo trợ cho cộng đồng mới được thành lập này, vị tu sĩ cao niên coi đó là Đức Mẹ Thiên Chúa.

– Này, thưa Mẹ, xin hãy biết rằng – ngài nói với một nữ tu cao niên – chính Nữ Vương Thiên Đàng đã chọn nơi này để tôn vinh Danh Ngài: Ngài sẽ là bức tường và sự che chở cho các con.

Với sự quan tâm và tình yêu thương tương tự, Thánh Seraphim cũng chăm lo cho Tu viện Ardatovskaya[538] và Cộng đồng nữ tu Zelenogorsk[539] , nhằm thực hiện lời hứa đầy ân sủng của Đức Mẹ, Đấng đã giao phó cho ngài trong một thị kiến kỳ diệu nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức ba tu viện nữ này.

Vào những năm tháng cuối đời, vị tu sĩ đã được Thiên Chúa ban cho những ân sủng phi thường. Ông không bao giờ khóa cửa phòng tu của mình nữa. Trong cách đối xử với mọi người, tinh thần khiêm nhường và hiền lành của người Kitô hữu luôn thể hiện rõ nét nơi ông. Những cuộc trò chuyện của ngài, dù với các tu sĩ hay giáo dân, đều gây ấn tượng sâu sắc và không thể chối cãi ngay cả đối với những người không tin và những người ít đức tin nhờ sự đơn sơ kỳ diệu của chúng, dẫn dắt họ đến con đường sám hối cứu rỗi. Cả những người dân thường, các học giả lẫn những người ly giáo – đều nhận được sự rèn luyện tinh thần và sự an ủi to lớn từ những cuộc trò chuyện với ngài. Ơn ban sự sáng suốt và làm phép lạ ngày càng gia tăng nơi vị tu sĩ đầy ân sủng này. Theo lời chứng của nhiều tướng lĩnh, sĩ quan và binh lính tham gia Chiến dịch Sevastopol, những người đã nhận được lời chúc phúc và nước thánh từ vị tu sĩ đáng kính, và với lòng tin đã lặp lại trên chiến trường: "Lạy Chúa, xin thương xót chúng con nhờ lời cầu nguyện của vị tu sĩ Seraphim!" – đều được an toàn và vô sự ngay cả khi đối mặt với nguy hiểm tột độ và cái chết không thể tránh khỏi. Rất thường xuyên, Thánh Seraphim ban những lời dạy bổ ích cho tâm hồn về tương lai – điều mà một người phàm trần bình thường không thể nào lường trước được – và với sự thấu hiểu sâu sắc, ngài đọc được những câu hỏi trong lòng những người tìm kiếm lời dạy, trước khi họ kịp thốt ra. Một lần, có hai thiếu nữ đến gặp ngài – một người đã lớn tuổi, từ thuở thiếu thời đã bừng cháy tình yêu dành cho Chúa và khao khát trở thành tu sĩ, người kia còn trẻ, chưa từng nghĩ đến việc tu hành. Nhưng vị thánh nhân già nói với người đầu tiên rằng con đường tu hành không dành cho cô, mà cô sẽ hạnh phúc trong hôn nhân; còn với người thứ hai, ngài nói rằng cô sẽ trở thành nữ tu, thậm chí còn nêu tên tu viện nơi cô sẽ tu hành. Cả hai thiếu nữ đều rời khỏi vị thánh nhân với sự bối rối và bất mãn, nhưng kết quả đã chứng minh ông đúng, và những lời tiên tri của vị thánh nhân đã trở thành hiện thực một cách chính xác. Linh hồn con người được phơi bày trước vị thánh nhân, như khuôn mặt trong gương. Đối với một số người, vì lòng xấu hổ giả tạo mà sợ bị vị thánh nhân vạch trần, chính ngài đã xưng tội cho họ, tự mình kể ra những tội lỗi của họ, như thể những tội lỗi đó đã được phạm ngay trước mặt ngài. Thường thì vị thánh nhân của Chúa chỉ bằng ánh mắt và lời nói đơn sơ đã khiến những kẻ có tội tỉnh ngộ, và họ quyết tâm sửa đổi những thói hư tật xấu của mình. Chẳng hạn, có lần một người nông dân cố gắng chen qua đám đông để đến gần ngài, nhưng mỗi lần như vậy, dường như lại bị ai đó đẩy ra. Cuối cùng, chính vị thánh nhân đã quay sang người đó và nghiêm khắc hỏi: "Ngươi định chen vào đâu vậy?" Mồ hôi túa ra trên khuôn mặt người nông dân, và trước mặt tất cả những người có mặt, anh ta bắt đầu công khai ăn năn về những thói hư tật xấu của mình, đặc biệt là vụ trộm mà anh ta vừa thực hiện trước đó, nhận ra rằng mình không xứng đáng được hiện diện trước một ngọn đèn sáng như vậy.

Những phép chữa lành dồi dào tuôn trào từ vị thánh tu hành, nhưng mỗi khi có người nhắc đến, ngài lại khiêm nhường phản bác rằng điều đó không phải do "người hèn mọn" này thực hiện, mà là nhờ sự cầu bầu của Đức Mẹ và các Tông đồ của Chúa Kitô. Tất cả những ai uống nước hoặc rửa mặt từ suối Serafim, nhờ lời chúc lành của ngài, đều được chữa lành kỳ diệu khỏi các bệnh tật của mình; nguồn nước này đã nhận được sức mạnh chữa lành

[538] Năm 1861, cộng đồng Pokrovskaya Ardatovskaya, được thành lập vào khoảng năm 1800 bởi bà Vasilissa Dmitrieva Pakhomova, một phụ nữ thuộc tầng lớp trung lưu, đã được nâng lên thành tu viện hạng ba.

[539] Hiện nay là Tu viện nữ Spaso-Zelenogorsk cấp ba.

nhờ lời cầu nguyện của Thánh Serafim. Với một tu sĩ bị liệt hoàn toàn hai tay, vị tu sĩ già cầm lấy bình nước thánh và nói: "Hãy cầm lấy và uống đi", người đó uống nước và được chữa lành.

Ngài cũng chữa lành cho những người khác bằng dầu từ ngọn đèn luôn cháy sáng trong phòng tu của ngài, trước bức tranh thánh Đức Mẹ. Một người nông dân đang hấp hối vì bệnh dịch tả đã được vị thánh nhân chữa lành bằng cách đặt anh ta lên bức tượng Đức Mẹ, cho anh ta uống nước thánh và bảo anh ta đi vòng quanh tu viện, rồi vào nhà thờ chính để cầu nguyện tại đó; tại đó, theo lời tiên tri của vị thánh nhân, "lòng thương xót của Chúa" đã chữa lành cho người đang hấp hối. Khi còn sống, Thánh Seraphim đã hiện ra với nhiều người trong những giấc mơ và chữa lành các căn bệnh hiểm nghèo, đặc biệt là trong thời kỳ dịch tả, khi nhờ ân sủng của Chúa, không chỉ các cá nhân mà cả cư dân của những ngôi làng cũng được chữa lành nhờ nước thánh từ suối của Thánh Seraphim. Đôi khi, vị thánh nhân của Chúa chữa lành cho những người bị quỷ ám chỉ bằng sự hiện diện, cây thánh giá và lời cầu nguyện của mình. Lời cầu nguyện của Thánh Seraphim mạnh mẽ đến mức trước mặt Chúa, đã có những trường hợp người bệnh được hồi sinh từ giường chết. Chẳng hạn, vợ của một người tên Vorotilov đang hấp hối; chồng bà, với lòng tin sâu sắc vào vị thánh nhân, đã khẩn cầu ngài trong nước mắt xin giúp đỡ người vợ đang ốm nặng; nhưng vị thánh nhân tuyên bố rằng vợ ông phải chết. Lúc đó, Vorotilov, nước mắt tuôn trào, quỳ sấp xuống chân ngài, van nài ngài cầu nguyện để bà được hồi sinh và khỏe mạnh trở lại. Vị tu sĩ chìm đắm trong lời cầu nguyện "thâm sâu" khoảng mười phút, rồi mở mắt ra, đỡ Vorotilov đứng dậy và vui mừng nói với anh ta: "Này, niềm vui của ta, Chúa sẽ ban sự sống cho vợ ngươi. Hãy về nhà trong bình an." Vorotilov hân hoan vội vã về nhà, nơi anh biết được rằng vợ mình đã cảm thấy nhẹ nhõm, chính vào khoảnh khắc mà vị tu sĩ Seraphim đang thực hiện nghi thức cầu nguyện. Không lâu sau, cô ấy đã hoàn toàn bình phục.

Với một số người, vị tu sĩ già đã tiên đoán về cái chết sắp đến, mong muốn họ không ra đi về cõi vĩnh hằng mà không được an táng theo nghi thức Kitô giáo; với những người khác, ngài tiên đoán về sự trừng phạt của Chúa sẽ giáng xuống họ nếu họ không ăn năn hối cải. Đối với vị phó tu viện trưởng của Tu viện Troitsa-Sergiev, Archimandrite Antony[540] , người lúc bấy giờ đang phụ trách xây dựng Tu viện Vysokogorsk, ngài đã tiên đoán về một cuộc chuyển đến "Tu viện vĩ đại, mà Sự Sắp Đặt của Đức Chúa Trời đã giao phó cho ngài" sẽ diễn ra sớm và bất ngờ.

Khi cuộc đời đầy gian khổ của ngài sắp kết thúc, vị thánh không những không giảm bớt những nỗi đau khổ của mình, mà còn thêm những công việc và hành động mới vào những công lao trước đó. Trong những năm cuối đời, vị trưởng lão ngủ bằng cách ngồi trên sàn, tựa lưng vào tường và duỗi thẳng chân; đôi khi ngài tựa đầu vào tảng đá hoặc khúc gỗ, hoặc nằm trên những bao tải, viên gạch và khúc củi có trong phòng tu của ngài ; khi sắp đến giây phút ra đi khỏi cõi đời này, ngài quỳ gối và ngủ úp mặt xuống sàn, tựa vào khuỷu tay, dùng hai tay đỡ đầu. Ông chỉ ăn một bữa mỗi ngày, vào buổi tối; quần áo ông mặc thì đơn sơ và tồi tàn. Khi một người giàu có hỏi tại sao ông lại mặc những bộ quần áo rách rưới như vậy, vị ẩn sĩ trả lời:

– Hoàng tử Ioasaf đã coi chiếc áo choàng mà nhà ẩn sĩ Varlaam tặng cho ngài còn cao quý và quý giá hơn cả áo choàng hoàng gia[541] .

Thánh Seraphim đã hoàn toàn từ bỏ thế gian, nhưng đồng thời vẫn không ngừng, với tình yêu vô biên, cầu thay trước mặt Đức Chúa Trời cho những người còn sống trên đời. Thiên đàng đã trở thành nơi thân thuộc nhất đối với ngài. Khi những vị khách từ Kursk hỏi Thánh Seraphim liệu ngài có muốn nhắn gửi điều gì đến người thân của mình không, ngài chỉ vào hình ảnh Đấng Cứu Thế và Đức Mẹ, rồi mỉm cười nói:

– Đây là những người thân của tôi, còn đối với những người thân còn sống, tôi đã là một người chết khi còn sống rồi.

Toàn nước Nga vào thời điểm đó đều biết đến và tôn kính Thánh Seraphim như một vị tu sĩ vĩ đại và nhà làm phép lạ[542] . Có lần, người ta thấy rằng trong lúc cầu nguyện, vị tu sĩ già đang lơ lửng trên không trung, và khi

---

[540] Antoniy, tên thế tục là A. G. Medvedev, một cộng sự và người đồng hành nổi tiếng của Thánh Philaret, Tổng Giám mục Moscow, là Quyền Trưởng Tu viện Troitsa-Sergiev từ năm 1831 đến 1877, đã được bầu vào chức vụ này theo nguyện vọng cá nhân của vị thánh và trong suốt thời gian dài đảm nhiệm chức vụ Quyền Trưởng, ngài đã đưa Tu viện Troitsa-Sergiev đạt đến trạng thái thịnh vượng trên mọi phương diện.

[541] Xem "Minei-Cheti", ngày 19 tháng 11.

[542] Các linh mục và giám mục đầy lòng kính sợ của Giáo hội Chính thống, những người nổi bật bởi những việc làm cao cả và đời sống thiêng liêng, đã dành cho Thánh Seraphim sự kính trọng và lòng tin sâu sắc, họ viết thư cho ngài để xin lời khuyên. Đặc biệt, Đức Tổng Giám mục Antony của Voronezh, người nổi tiếng với đời sống thánh thiện và những công đức tu hành, đã dành cho ngài sự kính trọng

người chứng kiến điều đó kinh hoàng thốt lên, vị tu sĩ già đã nghiêm khắc cấm anh ta kể lại chuyện này cho đến khi ngài qua đời, với lời đe dọa rằng căn bệnh mà ngài đã chữa lành cho anh ta sẽ quay trở lại[543] .

Một năm mười tháng trước khi qua đời, Thánh Seraphim đã được ân sủng đón nhận sự viếng thăm của Đức Mẹ. Đó là vào ngày lễ Truyền Tin, ngày 25 tháng 3. Hai ngày sau, ngài đã kể lại điều này cho một bà lão sùng đạo ở Diveyevo, người cũng đã được chứng kiến cảnh tượng kỳ diệu này, nhằm an ủi bà và các chị em tu sĩ khác tại Diveyevo trong cuộc sống tu hành đầy đau khổ của họ. Vị thánh được Chúa yêu mến đã dặn dò bà lão đừng sợ hãi điều gì, rồi chính ngài quỳ gối, giơ hai tay lên trời. Tiếng ồn ào vang lên, như thể do một cơn gió lớn, sau đó tiếng hát thánh ca vang lên.

– Này, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, Nữ Vương vinh hiển của chúng ta, đang ngự đến với chúng ta! – vị thánh nói.

Ánh sáng chói lọi chiếu rọi căn phòng, một mùi hương kỳ diệu lan tỏa khắp nơi

Đi đầu là hai Thiên thần, tay cầm những cành hoa vừa mới nở. Theo sau họ là Thánh Gioan Tiền Hô và Thánh Gioan Thần Học, mặc áo trắng lấp lánh; tiếp theo là Đức Mẹ, được hộ tống bởi mười hai trinh nữ thánh – các vị tử đạo và các vị thánh nữ. Nữ Vương Thiên Đàng mặc một chiếc áo choàng giống như trong bức tranh Đức Mẹ Sầu Bi, và toả sáng với ánh sáng phi thường cùng vẻ đẹp không thể tả xiết; trên chiếc áo choàng ấy có một thứ giống như áo lễ, còn trên tay là những dải lụa; trên đầu là một vương miện cao quý và tuyệt đẹp, được trang trí đa dạng bằng những cây thánh giá và tỏa ra ánh sáng rực rỡ đến mức không ai có thể nhìn thẳng vào nó, cũng như không thể nhìn thẳng vào dung nhan thiêng liêng của chính Đức Mẹ. Các trinh nữ đi theo Đức Mẹ theo từng cặp, đội vương miện, trong vinh quang và vẻ đẹp thiên đàng không thể tả xiết. Căn phòng bỗng chốc trở nên rộng rãi và tràn ngập ánh sáng đặc biệt, sáng hơn và trắng hơn cả ánh mặt trời. Đức Trinh Nữ Thánh Thiện ân cần trò chuyện với vị tu sĩ cao niên, như thể với một người thân thiết. Còn bà lão thì vì sợ hãi mà quỳ sấp xuống; nhưng Đức Mẹ đã an ủi bà và bảo bà đứng dậy. Còn các trinh nữ thánh thiện, an ủi bà lão trong cuộc đời đầy đau khổ, đã kể cho bà nghe, đồng thời chỉ vào những vương miện sáng chói của mình, rằng họ đã nhận được chúng nhờ những đau khổ và sỉ nhục trên trần gian. Đức Mẹ Rất Thánh đã trò chuyện rất lâu với vị tu sĩ Seraphim, nhưng bà lão không nghe rõ cuộc trò chuyện của họ; bà chỉ nghe thấy Đức Mẹ Vô Nhiễm xin ngài đừng bỏ rơi các trinh nữ Diveyevo, đồng thời hứa sẽ giúp đỡ và cầu bầu cho ngài. Ảo ảnh kết thúc khi Đức Mẹ, chỉ vào những vương miện của các trinh nữ thánh, hứa sẽ ban những vương miện tương tự cho các trinh nữ và những người tu hành khác. Sau đó, quay sang vị thánh già, Người nói thêm:

– Sắp rồi, người yêu dấu của Ta, ngươi sẽ ở cùng chúng ta.

Sau đó, Người ban phước lành cho ngài, rồi tất cả các thánh hiện diện tại đó cũng lần lượt từ biệt ngài.

Càng leo lên cao hơn và cao hơn trên nấc thang của các đức tính và công đức tu hành, Thánh Seraphim cuối cùng cũng đến gần lúc ra đi khỏi cõi đời này. Một năm trước khi qua đời, ngài đã cảm thấy kiệt sức tột độ. Lúc đó, ngài đã 72 tuổi. Ngài không còn thường xuyên đến tu viện nhỏ của mình nữa, thậm chí ngay cả khi ở Sarov, ngài cũng cảm thấy mệt mỏi khi phải tiếp đón đông đảo khách viếng thăm. Những cơn đau dữ dội ở đôi chân – do những đêm thức trắng liên miên, do việc đứng cầu nguyện trên tảng đá từ rất sớm trong suốt hàng ngàn ngày đêm, và do những cuộc tra tấn tàn bạo của bọn cướp – đã không ngừng hành hạ ngài cho đến cuối đời; dịch mủ liên tục chảy ra từ những vết loét trên chân, nhưng bề ngoài, vị thánh vẫn giữ được vẻ rạng rỡ và tinh thần vui tươi, cảm nhận được niềm vui và vinh quang thiên đàng mà Thiên Chúa đã dành sẵn cho những ai yêu mến Ngài.

Vẫn tiếp tục ban cho nhiều tín hữu những phép chữa lành đầy ân sủng và góp phần vào việc cải thiện cuộc sống cũng như cứu rỗi nhiều người nhờ ân tứ kỳ diệu của khả năng tiên tri, vị thánh Seraphim giờ đây bắt đầu tiên đoán về cái chết sắp đến của chính mình. Khi truyền đạt những lời dạy dỗ cuối cùng cho người khác, ngài kiên quyết lặp đi lặp lại: "Chúng ta sẽ không còn gặp lại nhau nữa"; đối với các tu sĩ khác cũng như các giáo dân, ngài khuyên họ từ nay hãy tự mình lo liệu mọi việc và quan tâm đến sự cứu rỗi của bản thân, đồng thời nhắc nhở rằng họ sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa và chia tay mãi mãi, đồng thời xin họ cầu nguyện cho ngài. Trong thời gian này,

---

sâu sắc. Ngay sau khi vị thánh nhân của Chúa an nghỉ trong bình an, ngài đã nói về ngài như sau: "Chúng ta giống như những ngọn nến rẻ tiền, còn ngài giống như ngọn nến to lớn, luôn tỏa sáng trước mặt Chúa, cả qua cuộc đời đã qua lẫn sự can đảm hiện tại trước Thánh Ba Ngôi."

[543] Sự việc này đã được Công nương E.S.Sh. làm chứng dựa trên lời kể của người con trai bị liệt của bà, người đã được vị tu sĩ đáng kính chữa lành. Khi đó, vị tu sĩ cao niên, nhận thấy người bệnh đã chứng kiến cảnh đó, đã nghiêm khắc dặn dò anh ta "giữ im lặng" và không được tiết lộ chuyện này cho đến khi ngài qua đời, và người con trai đã tuân theo lời dặn đó.

người ta thường thấy vị thánh lão ở hiên gần phòng tu, trên chiếc quan tài đã được chuẩn bị theo yêu cầu của ngài, nơi ngài đắm chìm trong những suy ngẫm về cuộc sống sau khi chết, thường kèm theo những tiếng khóc đắng cay. Về điều này, ngài đã nói một cách ám chỉ, và đôi khi thẳng thắn với một số nữ tu ở Diveyevo, lặp đi lặp lại:

– Sức lực của tôi đang suy yếu, giờ các con hãy tự lo cho mình, tôi giao phó các con cho Chúa và Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm.

Một số người đã xin vị thánh nhân ban phước lành để được đến thăm ngài trong Mùa Chay sắp tới tại Sarov, nhưng ngài đáp lại:

– Lúc đó cánh cửa của tôi sẽ đóng lại, các con sẽ không còn được gặp tôi nữa.

Và qua vẻ ngoài, có thể thấy rõ rằng cuộc đời của Thánh Seraphim đang nhanh chóng tàn lụi, nhưng tinh thần của ngài lại tỉnh táo hơn bao giờ hết. Ngài cũng đã ám chỉ về sự ra đi sắp tới của mình với những người bạn thân thiết và các đồng hành, chẳng hạn như vị tu sĩ thánh thiện Timon, môn đệ trung thành của ngài, người đang tu hành tại sa mạc Nadeevskaya, đồng thời ngài đã truyền lại cho ông những lời dạy dỗ cuối cùng đầy ý nghĩa cho tâm hồn.

– Hãy gieo, – ông lặp lại với ông ấy, – hãy gieo, thưa cha Timon, lúa mì đã được trao cho ông. Hãy gieo trên đất tốt, hãy gieo trên cát, hãy gieo trên đá, hãy gieo bên đường, hãy gieo giữa bụi gai; dù ở đâu đi nữa, nó cũng sẽ nảy mầm, lớn lên và sinh hoa kết trái, dù có thể không phải ngay lập tức. Và đừng giấu tài năng đã được ban cho ngươi dưới đất, kẻo ngươi sẽ bị Chúa của ngươi trừng phạt; nhưng hãy giao nó cho những người buôn bán – để họ mang lại lợi nhuận.

Bốn tháng trước khi Thánh Seraphim an nghỉ trong Chúa, vào tháng 8 năm 1832, Đức Giám mục Arsenius của Tambov (sau này là Tổng Giám mục Kiev) đã đến thăm ngài tại nơi ẩn tu. Sau khi tham quan Sarov, Đức Giám mục đã xem xét kỹ lưỡng nơi ẩn tu của Thánh Seraphim, căn phòng khiêm tốn của ngài, đồng thời ghé thăm cả căn phòng nhỏ nằm giữa tường phòng và lò sưởi, nơi vị thánh nhân của Chúa thường tu tập trong những công việc cầu nguyện và nơi mà chỉ vừa đủ chỗ cho một người bước vào, phải đứng hoặc quỳ gối tại đó, vì không thể ngồi xuống hay tựa vào đâu được. Trong dịp đó, vị thánh già đã dâng lên Đức Cha một món quà "từ Seraphim, kẻ nghèo nàn và tội lỗi", gồm một chuỗi tràng hạt, một bó nến sáp bọc vải lanh, một bình rượu vang đỏ và một chai dầu gỗ. Đức Cha, sau khi vui vẻ nhận lễ vật, ban đầu không hiểu ý nghĩa của chúng; nhưng những diễn biến sau đó đã cho ngài thấy rằng vị tu sĩ thánh thiện này đã báo trước một cách sâu sắc về cái chết sắp đến của mình và dành rượu, dầu và nến để cầu nguyện cho linh hồn ngài, điều mà ngài cũng đã trực tiếp thỉnh cầu Đức Cha. Sau đó, Đức Cha Arsenius đã thực hiện chính xác ý nguyện của vị thánh trưởng lão, giữ lại tấm vải lanh và chuỗi hạt cho riêng mình, còn những thứ còn lại thì dùng để tưởng niệm trong Thánh lễ cầu hồn dành cho Thánh Seraphim.

Thánh nhân đã nhiều lần nói với người hầu phòng của mình, ám chỉ đến sự ra đi sắp tới của mình:

– Sắp đến lúc ra đi rồi!

Sau khi truyền dạy những lời khuyên nhủ cho một trong những vị trưởng lão ở Sarov, ngài ra lệnh thổi tắt ngọn nến, và khi ngọn nến tắt, ngài nói:

– Tôi cũng sẽ tắt lịm như thế này.

Không lâu trước khi qua đời, vị thánh đã dặn dò gửi thư cho một số người thân thiết, mời họ đến tu viện của ngài, còn với những người không kịp đến gặp ngài, ngài xin họ sau khi ngài qua đời hãy truyền đạt những lời khuyên có ích cho tâm hồn thay mặt ngài, đồng thời giải thích thêm về lời dặn dò này:

– Bản thân họ sẽ không còn được gặp tôi nữa!

Trước khi bước sang năm 1833, vị tu sĩ đã tự chọn cho mình một ngôi mộ ở bên cạnh bàn thờ của Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Một tuần trước khi qua đời, vào ngày lễ Giáng sinh, ngài đã tham dự Thánh lễ, rước Mình Thánh Chúa, và sau Thánh lễ, ngài trò chuyện với người xây dựng tu viện, Bề trên Nifont, đồng thời xin ông chăm sóc các tu sĩ, đặc biệt là những người trẻ tuổi, và di chúc rằng sau khi qua đời, hãy chôn cất ngài trong quan tài mà ngài đã chuẩn bị sẵn cho mình. Vào Chủ nhật ngày 1 tháng 1 năm 1833, vị thánh già đã đến Nhà thờ Zosimo-Savvatievskaya trong bệnh viện lần cuối cùng, hôn kính tất cả các bức tượng thánh, tự tay thắp nến, và sau đó rước Mình Thánh Chúa theo truyền thống. Khi Thánh lễ kết thúc, ngài đã từ biệt tất cả các anh em đang cầu nguyện, ban phước lành cho mọi người, hôn lên má họ và an ủi rằng:

– Hãy được cứu rỗi, đừng nản lòng, hãy tỉnh thức, hôm nay vương miện đang được chuẩn bị cho các con.

Sau đó, vị thánh trưởng lão đã chạm tay vào Thánh Giá và bức tượng Đức Mẹ, rồi đi vòng quanh bàn thờ và thực hiện nghi thức thờ lạy thông thường, sau đó bước ra khỏi nhà thờ qua cửa phía bắc, như thể muốn nói rằng:

qua một cánh cửa – con đường sinh ra – con người bước vào cuộc đời, và qua cánh cửa kia – con đường cái chết – con người rời khỏi cuộc đời.

Cùng ngày hôm đó, anh em Pavel, người ở chung phòng với vị tu sĩ già và thường xuyên đảm nhận vai trò người hầu phòng cũng như mang thức ăn đến cho ngài, nhận thấy vị tu sĩ đáng kính đã ba lần ra chỗ an táng mà ngài tự chuẩn bị sẵn cho mình, ở đó khá lâu và nhìn xuống mặt đất. Vào buổi tối cùng ngày, vị tu sĩ này nghe thấy vị tu sĩ cao niên hát những bài thánh ca Phục Sinh trong phòng tu của mình, ca ngợi sự Phục Sinh của Chúa Kitô.

Ngày hôm sau, ngày 2 tháng 1, cha Pavel vào lúc sáu giờ sáng bước ra khỏi phòng tu của mình để dự Thánh lễ sáng và ngửi thấy mùi khói và mùi cháy khét ở hành lang. Trong phòng tu của Seraphim luôn có những ngọn nến cháy sáng mà vị tu sĩ già không bao giờ dập tắt; khi được cảnh báo về điều này, ông thường trả lời:

– Chừng nào tôi còn sống, sẽ không có hỏa hoạn; còn khi tôi qua đời, cái chết của tôi sẽ được báo trước bằng một trận hỏa hoạn.

Và quả thực đã xảy ra như vậy.

Sau khi dâng lời cầu nguyện thường lệ, tu sĩ Pavel gõ cửa phòng của vị tu sĩ già, nhưng cửa đã bị khóa. Lúc đó, ông báo cho những người khác biết, cho rằng vị tu sĩ già đã đi vào nơi ẩn tu của mình và trong phòng đang bốc cháy.

Khi cánh cửa được mở ra từ bên trong, họ thấy không có lửa, nhưng những cuốn sách nằm ngổn ngang cùng các vật dụng bằng vải bố – mà nhiều người đã hăng hái mang đến tặng vị tu sĩ – đang âm ỉ cháy; còn bản thân vị tu sĩ thì không nghe thấy tiếng động nào cũng không thấy bóng dáng đâu. Họ dập tắt những vật đang âm ỉ cháy, rồi báo lại toàn bộ sự việc cho các tu sĩ khác đang tham dự Thánh lễ sáng. Nhiều tu sĩ trong cộng đoàn vội vã chạy đến phòng của vị tu sĩ cao niên. Sau khi thắp nến, họ thấy Thánh Seraphim đang mặc chiếc áo choàng trắng quen thuộc, ngồi quỳ tại vị trí thường lệ để cầu nguyện, trước một chiếc bàn thờ nhỏ, với cây thánh giá bằng đồng treo trên cổ. Hai tay ngài chắp lại thành hình thánh giá trên ngực, đặt trên bàn thờ, trên cuốn sách mà ngài dùng để thực hiện nghi thức cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ. Nghĩ rằng vị tu sĩ già đã ngủ thiếp đi, các tu sĩ bắt đầu lay gọi ngài; nhưng linh hồn ngài đã rời khỏi thân xác trần thế và trở về với Đấng Tạo Hóa của mình. Đôi mắt của Thánh Seraphim đã nhắm lại, nhưng khuôn mặt vẫn rạng rỡ và tràn đầy sự suy ngẫm về Thiên Chúa cùng lời cầu nguyện; còn thân thể của ngài vẫn còn ấm.

Với sự ban phước của vị trụ trì, tu viện trưởng Nifont, các tu sĩ đã tắm rửa thi thể vị tu sĩ đã an nghỉ, mặc cho ngài bộ áo tu sĩ theo nghi thức, rồi đặt ngài vào quan tài gỗ sồi mà ngài đã chuẩn bị sẵn khi còn sống, theo di chúc của ngài, cùng với bức tranh sơn mài vẽ Thánh Sergius, do người đệ tử yêu quý của ngài, Phó Viện trưởng Tu viện Troitsa-Sergiev, Archimandrite Antony, gửi đến.

Tin tức về sự ra đi của vị thánh trưởng lão nhanh chóng lan truyền khắp nơi, và toàn bộ vùng lân cận Sarov đã nhanh chóng đổ về tu viện. Đặc biệt, nỗi đau buồn của các nữ tu Diveevo – những người đã mất đi vị cha thiêng liêng và người bảo trợ yêu quý của mình – càng thêm tột cùng, bởi không có ai có thể thay thế ngài trong vai trò người hướng dẫn tinh thần.

Vào đêm vị thánh Seraphim an nghỉ trong bình an, tu sĩ Filaret – người đang tu hành tại sa mạc Glinsk thuộc tỉnh Kursk – khi bước ra khỏi nhà thờ sau thánh lễ sáng, đã chỉ cho các tu sĩ thấy một ánh sáng kỳ lạ trên bầu trời và nói:

– Chính như thế này mà linh hồn những người công chính được rước lên trời! Hôm nay, linh hồn của Cha Seraphim đang được rước lên trời.

Trong suốt tám ngày, thi hài của Thánh Seraphim được quàn tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Ngôi mộ dành cho vị tu sĩ đáng kính này được chuẩn bị ngay tại chính nơi mà ngài đã tự mình chỉ định từ lâu. Tu viện Sarov, ngay trước ngày an táng, đã chật kín hàng ngàn người từ các vùng lân cận cũng như các tỉnh và vùng lân cận. Mọi người đều đồng lòng thương tiếc sự ra đi của vị trưởng lão đầy ân sủng. Vào ngày an táng, trong thánh lễ có quá đông người đến nỗi những ngọn nến gần quan tài đã tắt lịm vì không khí ngột ngạt. Lễ an táng thi hài của Thánh Seraphim được cử hành bởi Viện trưởng Nifont của Sarov cùng đông đảo các tu sĩ; thi hài được an táng bên phải bàn thờ chính của nhà thờ. Sau đó, trên mộ đã được dựng lên một tượng đài bằng gang hình lăng mộ, với dòng chữ: "Đã sống vì vinh quang của Chúa 72 năm, 6 tháng và 12 ngày".

Và ngay sau khi an nghỉ trong Chúa, Thánh Seraphim vẫn tiếp tục ban cho những ai thành kính cầu xin Ngài những phép chữa lành và phép lạ khác nhau. Và ngay cả khi hành trình trần thế của ngài đã kết thúc, ngài vẫn tiếp tục thể hiện tình yêu thương và sự giúp đỡ đó đối với mọi người, gửi gắm vào mọi mối quan hệ với họ những

kho tàng đồng cảm không thể diễn tả, và gọi họ bằng lòng nhân ái vô biên: "niềm vui của ta", như cách ngài đã gọi tất cả mọi người khi còn sống. Ngài đặc biệt thường xuyên hiện ra trước các tu sĩ ở Sarov và các nữ tu ở Diveyevo để chữa lành và an ủi họ.

Chẳng hạn, chưa đầy nửa năm sau khi cuộc đời thánh thiện của vị trưởng lão Seraphim khép lại, một nữ tu tại tu viện Diveyevo đã bị những cơn co giật do quỷ ám. Nhưng vào một đêm nọ, cô thấy như mình đang ở trong nhà thờ Diveyevo, nơi có cả Thánh Seraphim. Vị tu sĩ già nắm tay người bệnh cùng với một nữ tu khác đang có mặt ở đó, dường như dẫn cô vào trong bàn thờ, đi vòng quanh ngai thánh cùng cô, và cô bỗng cảm thấy nhẹ nhõm và khỏe khoắn. Khi tỉnh dậy, cô làm dấu thánh giá và hoàn toàn tỉnh táo lại; cô thức dậy trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh, và từ đó không còn bị những cơn co giật như trước nữa mà luôn khỏe mạnh trọn vẹn.

Một nữ tu khác tại tu viện Diveyevo bị bệnh mắt rất nặng. Vào đêm giao thừa năm 1835, cô mơ thấy mình đang ở trong nhà thờ Đức Mẹ Tikhvin, và từ cổng hoàng gia, Thánh Seraphim bước ra trong bộ áo trắng, đưa cho cô một luồng không khí và bảo cô dùng nó để lau mắt.

Cô hỏi ngài:

– Có phải là cha không, thưa cha?

Thánh Seraphim đáp:

– Sao con lại không tin, niềm vui của ta ơi! Chính con đã cầu xin ta, mà lại không tin sao, vì ta đang cử hành Thánh lễ tại đây mà.

Sau đó, vị tu sĩ già bỗng biến mất. Kể từ lúc đó, bệnh mắt của nữ tu đã khỏi hẳn.

Vị tu sĩ Nga nổi tiếng và được mọi người kính trọng với danh hiệu "Người Thánh Sơn", tu sĩ Seraphim (tên tu hành là Sergius) trên núi Athos, đã ghi lại trong nhật ký riêng của mình như sau:

"Năm 1849, tôi lâm bệnh. Căn bệnh của tôi rất nguy kịch, tôi không nghĩ mình sẽ sống sót. Không có phương thuốc nào có thể cứu chữa được tôi. Tôi đã tuyệt vọng. Chỉ đến một buổi tối muộn năm 1850, bỗng nhiên có ai đó thì thầm với tôi: 'Ngày mai là ngày giỗ của Cha Seraphim, vị trưởng lão ở Sarov; hãy cử hành Thánh lễ cầu hồn và lễ tưởng niệm cho ngài, và ngài sẽ chữa lành cho con.' Điều này đã an ủi tôi rất nhiều. Dù tôi không quen biết Cha Seraphim một cách cá nhân, nhưng vào năm 1838, khi ở Sarov, tôi đã nảy sinh lòng tin và tình yêu dành cho ngài. Những cảm xúc này càng trở nên vững chắc hơn trong lòng tôi khi vào năm 1839, tôi mơ thấy mình đang cử hành lễ cầu nguyện cho Cha Seraphim bằng cả trái tim và cất tiếng hát vang dội: "Thưa Cha Seraphim đáng kính, xin cầu nguyện cùng Chúa cho chúng con!" Chỉ có điều, khi đến lúc phải đọc Phúc Âm, tôi không biết nên đọc đoạn nào, đoạn của vị Thánh hay đoạn khác. Bỗng nhiên có ai đó nói với tôi: "Hãy đọc đoạn đầu tiên của chương 36 trong Phúc Âm theo Thánh Matthêu." Nghe những lời đó từ giọng nói bí ẩn ấy, tôi bừng tỉnh. Kể từ lúc đó cho đến nay, tôi chân thành tin rằng Cha Seraphim là một vị thánh vĩ đại của Chúa. Nhưng tôi sẽ quay lại với chủ đề ban đầu (tức là câu chuyện về căn bệnh của tôi vào năm 1849). Theo sự mách bảo bí ẩn, thúc giục tôi cầu nguyện cho Cha Seraphim, tôi đã xin người khác cử hành Thánh lễ và lễ cầu hồn cho ngài, vì bản thân tôi không đủ sức làm điều đó; và ngay khi việc đó được thực hiện – căn bệnh của tôi đã qua đi: tôi cảm thấy một sự bình an phi thường, thoát khỏi sự hành hạ của bệnh tật. Và từ đó cho đến nay, nhờ ân sủng của Chúa, tôi vẫn khỏe mạnh".

Năm 1858, nữ tu Evdokia thuộc tu viện Diveyevo, vào ngày thứ Tư của tuần thứ năm Mùa Chay, cùng với các chị em khác, đang chất đầy băng vào một hầm băng chung khổng lồ thì bất ngờ trượt chân và ngã xuống đáy từ độ cao ba sải. Người ta nhấc cô lên trong tình trạng bất tỉnh, lúc đó cô than phiền về cơn đau dữ dội ở hông và đầu, và chỉ cần một cái chạm nhẹ cũng khiến cô ngất xỉu trong thời gian dài. Bác sĩ đến khám đã nhận định tình trạng của cô rất nguy kịch. Hai tuần sau, trong suốt thời gian đó cô hầu như không ngủ được vì cơn đau, vào nửa đêm Thứ Năm Tuần Thánh, cô chìm vào giấc ngủ nhẹ, trong đó cô thấy Thánh Seraphim bước vào phòng cô và nói: "Ta đến thăm những người nghèo của ta (khi còn sống, ngài thường gọi các nữ tu Diveyevo được giao phó cho ngài chăm sóc như vậy); đã lâu rồi ta không đến đây". Người bệnh với những giọt nước mắt cay đắng thốt lên: "Thưa Cha, , bên hông con đau quá!" Vị tu sĩ già liền chắp ba ngón tay của bàn tay phải, làm dấu thánh giá ba lần lên chỗ bị thương, nói: "Ta sẽ dán miếng dán và quấn băng cho con," – sau đó ngài biến mất. Evdokia tỉnh dậy, nhưng trong phòng tu hoàn toàn trống rỗng và yên tĩnh, nên cô lại chìm vào giấc ngủ. Lúc năm giờ sáng, cô tỉnh dậy khi đang nằm nghiêng về phía bên bị đau, mà không cảm thấy bất kỳ cơn đau nào. Nhớ lại sự hiện ra của vị tu sĩ Seraphim, cô kể rằng "trong một thời gian dài, cô cảm thấy như thể miếng dán vẫn còn nằm trên chỗ bị thương". Cùng ngày hôm đó, cô tự mình đứng dậy khỏi giường mà không cần ai giúp đỡ và kể cho mọi người nghe về sự chữa lành kỳ diệu của mình.

Vị tu sĩ đã chữa lành cho nhiều người, khuyên họ uống nước từ suối của ngài và tắm rửa bằng nước đó. Chẳng hạn, hai năm sau khi vị tu sĩ qua đời, một nữ tu tại tu viện Diveyevo bị sốt cao và đang ở bờ vực cái chết, đồng thời hoàn toàn mất khả năng điều khiển cánh tay. Và rồi trong giấc mơ, cô thấy vị tu sĩ thánh thiện hỏi tại sao cô không đến suối của ngài, rồi ngài nắm lấy cánh tay bị bệnh của cô, nâng lên và ra lệnh rằng cô nhất định phải làm theo. Khi tỉnh dậy, nữ tu sĩ cảm thấy bàn tay mình đã được chữa lành; và khi các nữ tu đưa cô đến Sarov, đến suối Serafimov và tưới nước từ suối đó lên người cô, cô đã hoàn toàn bình phục.

Thiếu tá Teplov, người dành sự kính trọng đặc biệt cho Thánh Seraphim, vào năm 1834 đã đến Sarov cùng cô con gái ba tuổi bị bệnh ở chân. Sau khi cử hành lễ cầu siêu tại mộ vị thánh, họ đưa đứa trẻ đến suối Seraphim, với niềm tin vững chắc rằng Chúa sẽ thương xót người bệnh nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh. Sau khi cho bé uống nước từ suối này và rửa chân cho bé, họ mang nước về tu viện với ý định cử hành lễ cầu nguyện kèm nghi thức thánh hóa nước. Nhưng khi vừa bước vào tu viện, cô bé đã giật mình thoát khỏi tay người trông trẻ và chạy về phía trước như một đứa trẻ khỏe mạnh, và được chữa lành hoàn toàn.

Năm 1856, con trai duy nhất của Phó Thống đốc tỉnh Kostroma, A. A. Borzko, lúc đó tám tuổi, bắt đầu bị co thắt dạ dày, sau đó biến thành một căn bệnh nặng với những cơn co giật khủng khiếp và kiệt sức, đến nỗi cha mẹ em đã tuyệt vọng về tính mạng của con. Vào thời điểm đó, nữ tu sĩ S. D. Davydova thuộc Tu viện Nữ Kostroma đã tặng cho mẹ của đứa trẻ bị bệnh một cuốn sách kể về cuộc đời và những việc làm cao cả của Thánh Seraphim của Sarov; cả hai cha mẹ của đứa trẻ đều đọc cuốn sách này và kinh ngạc trước những hành động của ân sủng Thiên Chúa đã hiện diện nơi vị thánh. Một đêm nọ, đứa trẻ thấy trong giấc mơ Đấng Cứu Thế, được các Thiên thần vây quanh, Đấng đã hứa với đứa trẻ rằng nó sẽ được chữa lành nếu nó làm theo những gì vị tu sĩ già sẽ đến gặp nó và truyền dạy. Sau đó, vị tu sĩ già xuất hiện trước mặt nó và tự xưng là Seraphim, rồi nói:

– Nếu con muốn khỏe mạnh, hãy lấy nước từ suối nằm trong rừng Sarov, được gọi là suối Serafim, và trong ba ngày, vào buổi sáng và buổi tối, hãy rửa đầu, ngực, tay và chân, rồi uống nước đó.

Sáng hôm sau, đứa trẻ kể lại giấc mơ cho cha mẹ nghe; họ bối rối không biết làm sao để lấy được nước và lo lắng về điều đó. Sáng hôm sau nữa, đứa trẻ kể lại một giấc mơ khác: Đức Mẹ Thiên Chúa, được các Thiên thần vây quanh, đã hiện ra với nó và đầy tình yêu thương, truyền cho nó phải làm theo lời vị tu sĩ già. Cùng ngày hôm đó, bà Davydova, người vừa đi du lịch ở Sarov, trở về, và cha mẹ đứa trẻ đã xin bà giúp họ lấy nước từ suối Serafimov. Bà lập tức gửi cho họ một chai nước đó. Và khi họ làm theo lời dạy của vị tu sĩ, đứa trẻ dần dần hồi phục và hoàn toàn khỏi bệnh.

Thánh Seraphim còn cứu nhiều người khác khỏi bọn cướp và trộm cắp bằng cách hiện ra một cách kỳ diệu và đe dọa chúng. Chẳng hạn, có lần một nữ tín đồ đang đi qua khu rừng Murom. Nghe thấy những tiếng la hét và rên rỉ kinh hoàng ở một nơi vắng vẻ, bà lấy bức tượng Thánh Seraphim mang theo ra, làm dấu thánh giá cho bản thân và cho nơi phát ra những tiếng la hét đó. Chẳng bao lâu sau, người ta tìm thấy hai người bị hành hạ dã man ở gần đó; họ kể lại rằng bọn cướp định giết họ, nhưng đột nhiên lại bỏ chạy. Những tên cướp bị bắt sau đó, khi thú nhận tội cướp bóc trong rừng Murom, đã kể lại rằng, khi chúng đang chuẩn bị giáng đòn cuối cùng vào các nạn nhân, bỗng từ trong rừng chạy ra một vị tu sĩ tóc bạc, lưng còng, đội mũ kamilавка nhàu nát, tay chỉ trỏ đe dọa trong chiếc áo choàng trắng, hét lên: "Ta đây!" Và phía sau ông là một đám đông người dân cầm gậy đuổi theo. Họ được cho xem bức tranh vẽ Thánh Seraphim, lấy từ người phụ nữ lang thang, và họ đã nhận ra ông.

Một lần nọ, Thánh Seraphim đã hiện ra trong giấc mơ của bà Petakovskaya, một thương gia người Shatsk, người đã quen biết vị tu sĩ khi ông còn sống và vô cùng kính trọng ông, và nói:

– Đêm qua, bọn trộm đã đột nhập vào tiệm của con trai bà, nhưng tôi đã cầm cây chổi quét xung quanh tiệm, và chúng đã bỏ đi.

Quả thực, sáng hôm sau, người ta phát hiện tất cả các ổ khóa đều bị bẻ gãy, nhưng cửa hàng vẫn nguyên vẹn và không bị xâm phạm.

Năm 1865, tại nhà của một bà tên là Bar, trước lễ Giáng sinh, khi ở đó đang phát tiền cứu trợ cho những người nghèo theo thông lệ, vị thánh hiện ra dưới hình dáng một vị lão nhân lưng còng, tóc bạc. Ông giải thích với người phụ trách phát tiền cứu trợ rằng ông không đến để xin tiền, mà ông cần gặp trực tiếp bà chủ nhà. Khi một người giúp việc thì thầm với người kia rằng đó có lẽ là một người lang thang, ông lão hứa sẽ quay lại sau khi bà chủ có mặt, rồi ra về. Người phụ trách phát tiền bố thí bỗng cảm thấy hối hận, liền chạy theo ông ra hiên nhà. Nhưng ông đã biến mất, còn chuyện này thì mọi người đều giấu kín với bà chủ.

Trong giấc mơ, có ai đó nói với người hầu gái nghi ngờ ấy:

– Ngươi đã nói sai rồi: người đến nhà các ngươi không phải là kẻ lang thang, mà là một vị tu sĩ vĩ đại của Chúa.

Ngay sáng hôm sau, bà Bar nhận được qua bưu điện một gói hàng có hình ảnh Thánh Seraphim đang cho con gấu ăn; qua hình ảnh đó, những người đã trò chuyện với vị thánh già vào ngày hôm trước đã nhận ra ngài.

Thánh Seraphim đã thể hiện nhiều dấu hiệu kỳ diệu và phép chữa lành khác sau khi ngài an nghỉ trong Chúa. Trong suốt bảy mươi năm kể từ ngày Thánh Seraphim qua đời, những phép chữa lành vẫn liên tục diễn ra đối với những ai tìm đến ngài với lời cầu nguyện và niềm tin vào sự cầu bầu của ngài trước mặt Chúa. Năm 1891, một nhà nguyện đã được xây dựng trên mộ của Thánh Seraphim. Ký ức về cuộc đời tu hành cao cả của vị thánh già và niềm tin vào sức mạnh của sự cầu bầu qua lời cầu nguyện của ngài, theo thời gian, không những không suy yếu mà còn ngày càng tăng lên và được củng cố vững chắc trong lòng dân chúng Chính Thống Giáo thuộc mọi tầng lớp. Hoàn toàn chia sẻ niềm tin của dân chúng vào sự thánh thiện của vị trưởng lão Seraphim, Thánh Hội Đồng đã nhiều lần thừa nhận sự cần thiết phải tiến hành các thủ tục thích hợp để tôn vinh vị thánh nhân của Chúa. Năm 1895, Đức Giám mục Tambov đã trình lên Thánh Hội đồng kết quả điều tra do một ủy ban đặc biệt tiến hành về các dấu hiệu kỳ diệu và các trường hợp chữa lành xảy ra nhờ lời cầu nguyện của Thánh nhân Seraphim, trong đó có tới 94 trường hợp đã được xem xét. Sau đó, Đức Giám mục Tambov đã hai lần, vào đầu và cuối năm 1897, trình lên Thánh Hội đồng các tập bản sao các bản tường trình bằng văn bản của nhiều người về những dấu hiệu kỳ diệu và các trường hợp chữa lành xảy ra nhờ lời cầu nguyện của Thánh Seraphim. Cuối cùng, vào ngày 19 tháng 7 năm 1902, nhân ngày sinh nhật của Thánh Sê-ra-phim, Đức Hoàng đế, Hoàng đế Nikolai Alexandrovich đã vui lòng tưởng nhớ những công đức cầu nguyện của vị thánh đã qua đời cùng lòng sùng kính của toàn dân dành cho ngài, đồng thời bày tỏ mong muốn rằng công việc phong thánh cho vị trưởng lão đáng kính – vốn đã được khởi xướng tại Thánh Hội Đồng – sẽ được hoàn tất. Vào đầu năm 1903, Thánh Hội Đồng, với niềm tin vững chắc vào tính chân thực và xác thực của các phép lạ xảy ra nhờ lời cầu nguyện của vị tu sĩ Seraphim, đã quyết định phong ngài vào hàng các thánh, những vị được Thiên Chúa tôn vinh, và các di cốt thiêng liêng của ngài – được coi là thánh tích. Dưới sự bảo trợ của Hoàng đế và Hoàng hậu, một chiếc hòm thánh bằng bạc mạ vàng lộng lẫy đã được chế tác dành cho các di cốt này. Lễ tôn vinh long trọng vị thánh mới được công nhận đã được cử hành dưới sự chứng kiến của Đức Hoàng đế và các Hoàng hậu, cùng các thành viên khác của Hoàng tộc và hàng ngàn người dân vào ngày 19 tháng 7 năm 1903, và đi kèm với đó là vô số trường hợp được chữa lành, xảy ra nhờ lời cầu bầu của Thánh Seraphim, vị Thánh làm phép lạ ở Sarov.

Xin Chúa Trời, nhờ những lời cầu nguyện của ngài, hãy bảo vệ tất cả chúng ta khỏi mọi nỗi đau buồn và bệnh tật! Xin dâng lên Đức Chúa Trời, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài, mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng – mãi mãi, hiện tại và muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Từ thuở thiếu thời, ngài đã yêu mến Chúa Kitô, hỡi vị thánh phúc lành, và khao khát hết lòng phụng sự Ngài, ngài đã tu hành trong sa mạc bằng những lời cầu nguyện không ngừng và lao động miệt mài; với trái tim tràn đầy tình yêu, ngài đã đạt được tình yêu của Chúa Kitô, và trở thành người được Mẹ Thiên Chúa yêu mến và chọn lựa. Vì lý do đó, chúng con kêu cầu ngài: Xin cứu chúng con bằng những lời cầu nguyện của ngài, Seraphim, vị cha thánh đáng kính của chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Bỏ lại vẻ đẹp trần gian và những gì phù du trong đó, thưa vị thánh đáng kính, ngài đã đến định cư tại tu viện Sarov: và ở đó, ngài đã sống như một thiên thần, trở thành con đường dẫn nhiều người đến sự cứu rỗi: vì lý do đó, chính Chúa Kitô đã tôn vinh ngài, thưa Cha Seraphim, và ban cho ngài ân sủng chữa lành và các phép lạ. Vì thế, chúng con kêu lên cùng ngài: Hỡi Thánh Seraphim, Cha đáng kính của chúng con, xin hãy vui mừng.

Cuộc đời của Thánh Cha Silvestro, Giáo hoàng Rôma

Ngày kỷ niệm: 2 tháng 1

Thánh Silvestro sinh ra tại Rôma. Ngài được nuôi dưỡng trong đức tin thánh thiện và học hỏi nơi linh mục Quirino, cả về học vấn lẫn đạo đức tốt lành. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành người rất yêu mến những người lữ hành; vì tình yêu đối với Thiên Chúa và tha nhân, ngài đón những người lữ hành vào nhà mình, rửa chân

cho họ, đãi họ ăn uống, và mang lại cho họ sự an ủi trọn vẹn. Khi vị thánh nhân và chứng nhân của Chúa Kitô[544] , Giám mục Timôthê, từ Antiôkhia đến Rôma để rao giảng Tin Mừng Nước Trời của Chúa Kitô tại đây, thì Silvestro đã tiếp đón ngài vào nhà mình; và khi chứng kiến đời sống thánh thiện của ngài cũng như lắng nghe giáo huấn của ngài, ông càng tiến bộ hơn nữa trong các đức tính và đức tin. Sau khi ở lại nhà Silvestro được một năm và vài tháng, Thánh Timôthê đã dẫn dắt nhiều người La Mã từ việc thờ lạy thần tượng trở về với Thiên Chúa chân thật; vì lý do đó, ngài đã bị quan tổng trấn thành phố[545] Tarquinius bắt giam vào ngục tối. Sau một thời gian dài bị xiềng xích và giam cầm, ngài bị tra tấn bằng roi vọt, nhưng ngay cả sau đó, ngài vẫn từ chối dâng lễ vật cho các thần tượng; vì thế, ngài bị chém bằng gươm và chịu cái chết tử đạo. Thánh Silvestro, vào ban đêm, đã lấy thi hài thánh của ngài và an táng tại nhà mình với những bài thánh ca tang lễ trang nghiêm. Sau đó, một phụ nữ sùng đạo tên là Theonia đã dùng tiền của mình xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Thánh Timôthê, với sự ban phước của Giám mục Rôma Melchiad[546] , người đã chuyển di hài của vị thánh tử đạo này đến nhà thờ đó. Còn quan tổng trấn thành phố Tarquinius, sau khi triệu tập Silvestr, đã đòi ông giao nộp tài sản còn lại của Thánh Timôthê, đồng thời ép buộc ông dâng lễ vật cho các thần tượng, đe dọa sẽ trừng phạt bằng những cực hình khủng khiếp nếu ông không tuân lệnh. Silvestr, tiên đoán được cái chết bất ngờ và nhanh chóng của quan tổng trấn, đã nói với ông ta bằng những lời trong Phúc Âm:

– *"Đêm nay, linh hồn ngươi sẽ bị cất đi"* (Lc 12,20), còn những gì ngươi đe dọa sẽ làm với ta thì sẽ không xảy ra.

Tức giận trước những lời này, quan tổng trấn ra lệnh xiềng thánh nhân bằng xiềng sắt và ném vào ngục tối; còn bản thân ông thì ngồi dùng bữa tối. Trong lúc dùng bữa, một xương cá mắc kẹt trong cổ họng ông, và dù đã dùng mọi cách, kể cả sự trợ giúp của các bác sĩ, cũng không thể lấy ra được; sau khi chịu đựng cơn đau từ lúc ăn tối cho đến nửa đêm, Tarquinius đã qua đời, đúng như lời tiên tri của vị thánh, và sáng hôm sau, người thân của ông đã đưa thi thể ông trong tiếng khóc than đến nơi an táng. Còn Silvestro thì được các tín hữu vui mừng đưa ra khỏi ngục tối, và từ đó, ngài được tôn kính không chỉ bởi các tín hữu mà cả những người không tin, bởi vì nhiều quan lại trong triều đình của quan tổng trấn, khi thấy lời tiên tri của Silvestro đã ứng nghiệm, đã hoảng sợ và quỳ lạy dưới chân ngài, lo sợ rằng họ cũng sẽ gặp phải tai họa nào đó như chủ nhân của họ; còn những người khác, sau khi được thuyết phục bởi phép lạ đó, đã ngay lập tức quay về với Chúa Kitô. Ngay sau đó, Thánh Silvestro được tiếp nhận vào hàng giáo sĩ của Giáo hội Rôma và được Đức Giáo hoàng Marcellinus phong chức linh mục[547] . Sau khi Đức Giáo hoàng Melchiade qua đời, ngài được toàn thể giáo hội nhất trí bầu làm Giáo hoàng[548] và lên ngôi giám mục. Ngài được đặt trước mặt mọi người như ngọn nến rực sáng trên giá nến, và chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô như một vị tông đồ mới, bằng lời nói và việc làm của mình, dẫn dắt đoàn chiên đến đồng cỏ cứu rỗi.

Thấy rằng một số thành viên trong hàng giáo sĩ đã quên đi nghĩa vụ của chức vụ mình và sa vào những việc đời thường, ngài đã buộc họ phải quay trở lại phục vụ Giáo hội, đồng thời ban hành sắc lệnh cấm bất kỳ ai trong hàng giáo sĩ tham gia vào các hoạt động thương mại. Ngài cũng thiết lập những tên gọi mới cho các ngày trong tuần dành cho các Kitô hữu Rôma. Người La Mã thời bấy giờ gọi ngày đầu tiên – mà chúng ta gọi là Chủ Nhật – là "Ngày Mặt Trời", còn các ngày còn lại được họ gọi là "Ngày Mặt Trăng", "Ngày Sao Hỏa", "Ngày Sao Thủy", "Ngày Zeus", "Ngày Sao Kim" và "Ngày Sao Thổ"[549] . Vì ghê tởm những tên gọi bất kính của các vị thần ngoại đạo, Silvestro đã ra lệnh gọi ngày đầu tiên là "Ngày của Chúa"[550] , bởi vì vào ngày này, sự Phục Sinh vinh quang của Chúa chúng ta từ cõi chết đã diễn ra, còn các ngày còn lại thì được gọi như cách mà các Kitô hữu La Mã hiện nay vẫn gọi[551] . Ngài cũng ban hành sắc lệnh quy định rằng các Kitô hữu chỉ được ăn chay vào một ngày Thứ Bảy

---

[544] Trong Giáo hội cổ đại, những Kitô hữu được gọi là "những người xưng đạo" là những người, trong thời kỳ bách hại, đã công khai tuyên xưng mình là Kitô hữu và chịu đựng những cực hình, nhưng vẫn sống sót. Những người này được cộng đồng Kitô hữu đặc biệt kính trọng, do đó họ được trao quyền tái nhập vào Giáo hội cùng với những người đã sa ngã.

[545] Prefect – quan tổng trấn.

[546] Thánh Melchiade – Giáo hoàng từ năm 311 đến năm 314.

[547] Thánh Marcellinus – Giáo hoàng từ năm 296 đến năm 304.

[548] Trong thời cổ đại, dân chúng tham gia vào việc bầu chọn giám mục.

[549] Tất cả đều là các vị thần mà người La Mã tôn kính, và được coi là những vị bảo trợ cho ngày này hay ngày khác.

[550] Ngày Chủ nhật đã được gọi như vậy ngay từ Sách Khải Huyền của Thánh Gioan Thần Học

[551] Từ lâu đời, trong Giáo hội Rôma, các ngày trong tuần được gọi *là "feria*", tức là những ngày phụng vụ; theo nguồn gốc từ tiếng Latinh, thuật ngữ này chỉ ra nghĩa vụ của người Kitô hữu phải phụng sự Thiên Chúa hàng ngày. Thứ Hai là "feria" thứ nhất, thứ Ba là "feria" thứ

duy nhất, đó là ngày mà Đức Kitô đã chịu chết và xuống địa ngục để phá hủy nơi đó và giải thoát tổ phụ Adam của chúng ta cùng các tổ phụ khác khỏi đó; còn vào các ngày Thứ Bảy khác thì cấm ăn chay[552] .

Vào thời đó, tại Rome, trong một hang động sâu dưới vách đá Tarpeian[553] , có một con rắn khổng lồ làm tổ, mà những người ngoại đạo hàng tháng đều dâng lễ vật cho nó như dâng cho một vị thần; mỗi khi con rắn này chui ra khỏi hang, nó làm ô nhiễm không khí bằng hơi thở độc hại của mình, và nhiều người sống gần nơi đó đã chết, chủ yếu là trẻ em. Thánh Silvestro, mong muốn giải thoát con người khỏi con rắn độc hại và dẫn dắt họ từ sự vô thần[554] trở về với Thiên Chúa chân chính, đã triệu tập các Kitô hữu sống trong thành phố và truyền cho họ ăn chay và cầu nguyện trong ba ngày, đồng thời chính ngài cũng ăn chay và cầu nguyện nhiều hơn ai hết. Một đêm nọ, Thánh Tông đồ Phêrô hiện ra với ngài trong một giấc mơ và ra lệnh cho ngài dẫn theo một số linh mục và phó tế, rồi can đảm tiến đến hang động nơi con rắn đang ẩn náu. Khi đến lối vào hang động, Silvestr phải cử hành Thánh lễ, sau đó bước vào bên trong hang động và, nhân danh Chúa Giêsu Kitô, nhốt con rắn lại ở đó để nó không bao giờ thoát ra được nữa. Theo lệnh của Thánh Tông Đồ, vị thánh đã đến hang động và, sau khi cử hành Thánh lễ, ngài bước vào trong đó; khi thấy có hai cánh cửa, ngài đã đóng chúng lại và nói:

– Nguyện những cánh cửa này đừng bao giờ mở ra cho đến ngày Chúa Kitô tái lâm!

Như vậy, sau khi nhốt con rắn trong hang động, ngài đã tước đi lối thoát của nó mãi mãi. Còn những người ngoại đạo thì nghĩ rằng Thánh Silvestro cùng các linh mục của ngài sẽ bị con rắn nuốt chửng. Nhưng khi họ thấy ngài bước ra mà không hề hấn gì, họ đã rất ngạc nhiên; khi thấy con rắn không còn xuất hiện từ đó trở đi, nhiều người đã nhận ra quyền năng của Thiên Chúa chân thật và gia nhập vào hàng ngũ những người tin Chúa.

Vào thời điểm đó, Đế quốc La Mã do Hoàng đế Constantine Đại đế trị vì, người dù chưa chịu phép rửa tội nhưng đã tin tưởng vào Chúa Kitô bằng cả trái tim. Ngài đã ban hành sắc lệnh cấm bất cứ ai dám phỉ báng Chúa Kitô và bắt bớ các Kitô hữu, ra lệnh đóng cửa các đền thờ thần tượng và chấm dứt các nghi lễ hiến tế ngoại giáo, đồng thời trả tự do cho các Kitô hữu đang bị lưu đày và thả những người bị giam cầm trong ngục tối. Bên cạnh đó, hoàng đế luôn lắng nghe những người cầu xin và đáp ứng mọi yêu cầu chính đáng; từ tài sản của mình, ngài đã ban phát những khoản bố thí hào phóng cho người nghèo. Tại Rôma và khắp đế quốc, Constantine đã ra lệnh xây dựng các nhà thờ Kitô giáo. Giáo hội của Chúa Kitô ngày càng phát triển và gia tăng số lượng con cái của mình, trong khi sự thờ phượng thần tượng thì suy giảm. Điều này mang lại niềm vui cho các tín hữu, những người ở Rome đã đông đến mức họ muốn trục xuất khỏi thành phố tất cả những ai không muốn trở thành Kitô hữu; tuy nhiên, Hoàng đế đã cấm dân chúng làm điều đó, và nói:

– Đức Chúa Trời của chúng ta không muốn ai phải quay về với Ngài trong tình trạng bị ép buộc; còn ai tự nguyện và với lòng thành kính đến với Ngài, thì Ngài sẽ hài lòng và nhân từ đón nhận người ấy. Vậy nên, ai muốn tin theo cách nào thì hãy tin với sự tự do trọn vẹn, và đừng ai bức hại ai cả.

Nghe những lời này của hoàng đế, dân chúng càng vui mừng hơn nữa, khi thấy hoàng đế cho phép mỗi người sống theo đức tin của mình, tùy theo ý muốn của mỗi người.

Không chỉ các tín hữu ở Rôma mà khắp cả đế quốc đều hân hoan, vì khắp nơi, những người trung thành đang chịu khổ vì Chúa Kitô đều được thả ra khỏi xiềng xích và ngục tù; các vị chứng nhân của Chúa Kitô trở về từ nơi lưu đày; các Kitô hữu từng ẩn náu trong sa mạc vì sợ hãi những kẻ hành hạ nay đã trở về nhà một cách an toàn; và sự bách hại đã chấm dứt khắp mọi nơi.

---

hai, v.v. Ngày thứ Bảy vẫn giữ tên gọi Do Thái của nó trong cộng đồng Kitô hữu La Mã, còn ngày Chủ Nhật được gọi bằng tên cổ xưa là *"Ngày của Chúa"* (Dominica).

552 Điều tương tự về ngày Thứ Bảy cũng được đề cập trong các quy tắc của các Thánh Tông Đồ (Quy tắc số 64). Valsamon, trong phần giải thích về quy tắc này, lưu ý rằng vào ngày Thứ Bảy chúng ta không ăn chay để tránh bị coi là theo phong tục Do Thái; tuy nhiên, nếu việc ăn chay bị cấm vào ngày Thứ Bảy, điều đó chỉ có nghĩa là vào ngày Thứ Bảy không nên kiêng ăn hoàn toàn cho đến tối, như quy định trong Thứ Bảy Lớn, chứ không có nghĩa là vào tất cả các ngày Thứ Bảy, ngoại trừ Thứ Bảy Lớn, phải ăn thức ăn có thịt. Theo Hiến chương Giáo hội, vào ngày thứ Bảy, ngay sau Thánh lễ, người ta có thể dùng rượu, dầu ô liu và những thức ăn được quy định theo các quy tắc của Giáo hội, tức là trong thời gian ăn thịt thì ăn thức ăn có thịt, trong thời gian ăn chay thì ăn thức ăn chay.

553 Vách đá Tarpeian – là vách đá phía nam, dốc đứng của Đồi Capitoline. Nó được gọi là Tarpeian vì người Sabines đã ném Tarpeia, con gái của chỉ huy trưởng Capitoline, xuống từ vách đá này khi họ chiếm được pháo đài này. Chiều cao của nó là 150 feet so với mực nước biển.

554 Người ngoại đạo có nhiều vị thần, nhưng họ không biết đến Đức Chúa Trời chân thật, đó là lý do tại sao Thánh Tông đồ Phaolô gọi họ là những kẻ vô thần (Ê-phê-sô 2:12).

Nhưng kẻ thù truyền kiếp của Kitô giáo – ma quỷ, không thể chịu đựng được cảnh hòa bình trong Giáo hội và ánh sáng đức tin đang lan tỏa, đã xúi giục người Do Thái nảy sinh ý định tìm đến bà Helena đáng kính, mẹ của hoàng đế, lúc bấy giờ đang sống tại quê hương của bà, Bithynia[555] .

– "Vua, con trai bà, đã làm điều tốt," họ nói với Elena, "khi từ bỏ sự vô đạo và phá hủy các đền thờ thần tượng; nhưng không tốt là ngài đã tin vào Chúa Giê-su và tôn kính Ngài như Con Thiên Chúa và Thiên Chúa chân thật, trong khi Ngài là người Do Thái và là một pháp sư, đã lừa dối mọi người bằng những ảo ảnh khác nhau mà Ngài tạo ra bằng sức mạnh phép thuật của mình; Ngài, như một tội phạm, đã bị Phi-lát treo trên thập tự giá sau khi bị tra tấn. Vậy nên, Nữ hoàng, bà phải giúp nhà vua thoát khỏi sự lầm lạc này, để Đức Chúa Trời không nổi giận với ngài và để ngài không phải gánh chịu bất kỳ tai họa nào.

Sau khi nghe điều này, Helena đã thông báo bằng văn bản cho con trai mình là Constantine. Sau khi đọc bức thư, ông đã trả lời mẹ mình cũng bằng thư, yêu cầu những người Do Thái đã báo tin này cho bà hãy cùng bà đến Rome và tại đây tham gia cuộc tranh luận về đức tin với các giám mục Kitô giáo; bên nào chiến thắng thì đức tin của bên đó mới là đúng đắn. Khi nữ hoàng công bố sắc lệnh của nhà vua cho người Do Thái, ngay lập tức có rất nhiều học giả Do Thái tụ tập lại, những người đã nghiên cứu luật pháp của mình, am hiểu giáo lý của các tiên tri cũng như triết học Hy Lạp, và sẵn sàng cho cuộc tranh luận; tất cả họ cùng với nữ hoàng Elena lên đường đến Rome. Trong số họ có một vị rabbi vô cùng thông thái[556] tên là Zamvri, người không chỉ thông thạo triết học Hy Lạp và các sách Do Thái một cách hoàn hảo, mà đồng thời còn là một pháp sư vĩ đại. Chính vào ông, người Do Thái đã đặt trọn vẹn niềm hy vọng, cho rằng nếu ông không thể đánh bại các Kitô hữu trong cuộc tranh luận bằng lời nói, thì ông sẽ làm họ kinh ngạc bằng những phép lạ của mình.

Khi ngày tranh luận giữa người Do Thái và người Kitô giáo đến, nhà vua ngự trên ngai vàng, được bao quanh bởi toàn thể hội đồng triều đình,[557] và trước mặt ngài, thánh Silvestro xuất hiện cùng một đoàn tùy tùng nhỏ đi theo, trong đó có một số giám mục đã đến Rome vào thời điểm đó. Sau đó, một trăm hai mươi người Do Thái cũng bước vào, và cuộc đối thoại lập tức bắt đầu; hoàng hậu Helena lắng nghe từ phía sau tấm màn, còn nhà vua cùng các quan đại thần thì thảo luận về những điều được nêu ra từ cả hai phía. Ban đầu, những người Do Thái yêu cầu phía Kitô hữu cử mười hai Kitô hữu thông thái nhất ra tranh luận với họ, nhưng Thánh Silvestro đã phản đối, nói rằng:

– Chúng tôi không đặt hy vọng vào số đông, mà vào Đức Chúa Trời, Đấng củng cố mọi người; khi kêu cầu Ngài giúp đỡ, chúng tôi nói: "Hãy thức dậy, lạy Đức Chúa Trời, hãy xét xử công việc của Ngài!"[558]

– Đó là những lời trong Kinh Thánh của chúng tôi, – những người Do Thái phản bác, – vì vị tiên tri của chúng tôi đã viết ra chúng; ngài nên dùng lời trong sách của chính ngài, chứ không phải của chúng tôi!

Silvester đáp lại:

– Đúng vậy, ban đầu các ngươi đã được truyền đạt Kinh Thánh Cựu Ước và những lời giảng dạy của các tiên tri, nhưng chúng cũng chính là của chúng ta, bởi vì trong đó có nói nhiều về Đấng Kitô, Chúa của chúng ta. Vậy, cuộc tranh luận của chúng ta phải dựa trên các sách của các ngươi, bởi vì trong khi các sách của các ngươi đã trở thành của chúng ta, thì các sách của chúng ta lại xa lạ với các ngươi, và các ngươi sẽ tin vào các sách của mình hơn là của chúng ta. Vì vậy, dựa trên các sách của các ngươi, chúng ta sẽ chỉ cho các ngươi thấy lẽ thật mà các ngươi đang chống đối; chiến thắng đó sẽ vinh quang và rõ ràng hơn, khi chúng ta lấy vũ khí từ tay kẻ thù, và dùng chính vũ khí đó để đánh bại hắn!

– Những lời của vị giám mục này – nhà vua nhận xét – là công bằng, và không ai có thể phản bác điều đó; bởi vì nếu từ chính các sách của các ngươi, hỡi những người Do Thái, các Kitô hữu đưa ra bằng chứng về Đấng Kitô là Thiên Chúa của họ, thì chắc chắn họ sẽ chiếm thế thượng phong và các ngươi sẽ bị đánh bại bởi chính những cuốn sách của mình.

Toàn thể hội đồng đã tán dương quyết định này của nhà vua. Lúc đó, những người Do Thái bắt đầu nói với các Kitô hữu như sau:

---

[555] Tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á.

[556] Rabbi – danh hiệu danh dự ở Palestine, được trao cho các thầy giáo và nhà giải thích luật Cựu Ước xuất sắc.

[557] Synclite – chính quyền quân sự và dân sự gồm những cố vấn và quan chức hoàng gia quan trọng nhất.

[558] Một cách diễn đạt được sửa đổi một chút (Thi Thiên 34:23).

– Đức Chúa Trời Toàn Năng của chúng ta trong sách Phục Truyền đã phán: "Hãy xem, hãy xem, chính Ta đây, Ta đây – và không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ta" (Phục Truyền 32:39). Vậy mà các ngươi lại gọi Đức Giê-su – Đấng chỉ là một con người bình thường và đã bị tổ tiên chúng ta đóng đinh – là Đức Chúa Trời sao? Sao các ngươi lại đưa ra ba vị thần: Đức Chúa Cha, Đấng mà chúng ta cũng tin, và Đức Giê-su, gọi Ngài là Con Đức Chúa Trời, còn vị thần thứ ba thì gọi là Thánh Linh? Tin như vậy, chẳng phải các ngươi đang đi ngược lại Đấng Tạo Hóa của vạn vật, Đức Chúa Trời, Đấng dạy rằng không có thần nào khác ngoài Ngài sao?

Trước điều đó, Silvestr, người được Thánh Thần soi dẫn, đã trả lời:

– Nếu các ngươi, không có bất kỳ thành kiến hay sự bực bội nào, dùng trí tuệ của mình để suy ngẫm Kinh Thánh, thì các ngươi sẽ thấy rằng chúng tôi không đưa ra điều gì mới mẻ khi tuyên xưng Con Thiên Chúa và Thánh Thần, vì đó không phải là lời của chúng tôi, mà là Mạc Khải của Thiên Chúa, được chứa đựng trong các sách của các tiên tri Thiên Chúa. Trước hết, tiên tri và vua Đa-vít, khi báo trước sự nổi loạn của tổ tiên các ngươi chống lại Đấng Cứu Thế của chúng ta, đã nói: "Tại sao các dân tộc xôn xao, và các bộ tộc mưu tính điều vô ích? Họ cùng nhau bàn bạc chống lại Chúa và chống lại Đấng Được Xức Dầu của Ngài?" (Thi Thiên 2:1–2) Như vậy, ở đây, khi gọi Ngài là Đấng Christ và Chúa, ông không chỉ đề cập đến một nhân vật, mà là hai. Còn về việc Đấng Christ là Con Đức Chúa Trời, chính vị tiên tri này đã loan báo điều đó bằng những lời sau: *"Chúa đã phán cùng Ta: 'Ngươi là Con Ta; hôm nay Ta đã sinh ra Ngươi'"* (Thi Thiên 2:7). Người sinh ra và người được sinh ra là hai người khác nhau!

Về điều này, người Do Thái đã nói:

– Khi nói rằng Đức Chúa Trời đã sinh ra, ngươi đang biến Đấng Vô Tình thành Đấng Có Tình. Làm sao Con, Đấng được sinh ra vào một thời điểm cụ thể và có sự tồn tại tạm thời, lại có thể là Đức Chúa Trời được? Bởi vì từ *"hôm nay"* chỉ ra một thời điểm cụ thể và không cho phép công nhận Con là Đức Chúa Trời vĩnh cửu.

Silvester đáp lại:

– Chúng tôi không nói rằng đối với Thiên Chúa đã xảy ra một sự sinh ra mang tính cảm xúc; chúng tôi tuyên xưng rằng Thiên Tính là vô cảm, và sự sinh ra của Con giống như sự sinh ra của lời nói từ tư tưởng. Chúng tôi không đưa ra giáo lý về sự sinh ra tạm thời của Con từ Cha, nhưng tin vào sự sinh ra vĩnh cửu của Ngài, không phụ thuộc vào thời gian, vì chúng tôi biết rằng Đấng Tạo Hóa của thời gian chính là Con cùng với Cha và Thánh Thần, còn Đấng Tạo Hóa của thời gian thì chính Ngài không nằm trong thời gian. Còn câu nói: "Ta đã sinh ra Ngươi hôm nay", không chỉ về sự sinh ra thiêng liêng và vĩnh cửu của Thiên Chúa, mà là sự sinh ra trần thế, đã diễn ra vào một thời điểm cụ thể và được thực hiện trong thân xác mà Ngài đã nhận lấy vì sự cứu rỗi của chúng ta[559] . Vị tiên tri biết rằng Đấng Christ là Thiên Chúa vĩnh cửu, nên đã nói: *"Ngai vàng của Ngài, lạy Thiên Chúa, tồn tại muôn đời"* (Thi thiên 44:7). Khi báo trước sự nhập thể sẽ diễn ra trong thời gian sau này, ngài đã nói: *"Con là Con Ta! Ta đã sinh ra Con hôm nay*". Vậy, bằng những lời này: *"Con là Con Ta"*, ngài không chỉ ra sự ra đời tạm thời, mà là sự ra đời từ thuở ban đầu của Ngài; còn bằng những lời: *"Ta đã sinh ra Con ngay lúc này"*, Ngài chỉ ra sự sinh ra của Ngài đã diễn ra vào một thời điểm cụ thể. Khi nói: *"Ta đã sinh ra Con ngay lúc này"*, vị tiên tri đã cho thấy rằng ngay cả sự sinh ra của Con, vốn phải diễn ra vào một thời điểm cụ thể và xác định, Cha cũng quy cho chính Ngài, bởi vì điều đó phải theo ý muốn của Ngài. Nhưng ngay cả chính cách diễn đạt: *"Ta đã sinh ra Con ngay lúc này"* cũng chỉ ra tính vĩnh cửu của sự sinh ra của Đức Chúa Trời, trong đó không có hành động của quá khứ và tương lai, mà luôn chỉ có một hiện tại duy nhất. Về Đức Thánh Linh, chính Đa-vít làm chứng bằng những lời sau: "Bởi lời của Đức Giê-hô-va, các tầng trời đã được dựng nên, và bởi hơi thở từ miệng Ngài – cả đạo binh của chúng" (Thi Thiên 32:6). Vậy, ở đây ông đề cập đến Ba Ngôi: Đức Chúa Trời – Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, Đấng mà ông gọi là "Lời" vì sự sinh ra cao cả và vô cảm của Ngài, và về Đức Thánh Linh. Và ở một chỗ khác, ông nói: *"Xin đừng cất Thánh Linh của Ngài khỏi con"* (Thi Thiên 50:13). Và một lần nữa: *"Con sẽ đi đâu để thoát khỏi Thánh Thần của Ngài?"* (Thánh Vịnh 138:7)? Bằng những lời này, vị tiên tri rõ ràng cho thấy rằng có Thánh Thần, Đấng tràn ngập muôn loài. Và ngài còn nói: *"Ngài sai Thánh Thần của Ngài* – muôn loài được *tạo dựng"* (Thánh Vịnh 103:30). Chẳng phải tất cả những điều này đều do Đa-vít nói ra sao? Nhưng Môi-se, người đã được Chúa hiện ra, trong sách Sáng Thế Ký cũng trích dẫn những lời của Đức Chúa Trời như sau: *"Chúng ta sẽ tạo nên con người theo hình ảnh của Chúng ta và theo sự giống như của Chúng ta"* (Sáng Thế Ký 1:26). Vậy thì Đức Chúa Trời đã nói chuyện với ai, nếu không có một Đấng nào khác cùng với Ngài? Không ai có thể nói rằng

[559] Hầu hết các Thánh Tổ đều liên hệ cụm từ này với sự ra đời tạm thời của Con Thiên Chúa trong thân xác loài người.

Đức Chúa Trời đã phán điều đó với các Thần Lực trên trời, vì chính những lời ấy: *"theo hình ảnh của Chúng Ta"* không cho phép suy nghĩ như vậy; hình ảnh và sự giống như của Đức Chúa Trời và các Thiên Thần không giống nhau, cũng như bản thể và quyền năng của họ không giống với Đức Chúa Trời, mà bản thể của Đức Chúa Trời là một thứ, còn bản thể của các Thiên Thần là một thứ khác. Vậy, cần phải giả định rằng có Một Đấng Khác trong cuộc đối thoại, Đấng mà Đức Chúa Trời đã nói những lời ấy: *"theo hình ảnh của Chúng Ta*". Đấng Khác ấy hẳn phải là Đấng có bản thể giống hệt với Đức Chúa Trời đang phán, hoàn toàn đồng nhất với Đức Chúa Trời về hình ảnh và sự giống như. Vậy thì đó có thể là ai, nếu không phải là Con, Đấng đồng bản thể với Cha, ngang hàng với Ngài về vinh quang và quyền năng, là hình ảnh bất biến của Đức Chúa Trời? Vậy thì chúng ta có đưa ra điều gì mới mẻ khi tin và khẳng định rằng có Cha, Con và Thánh Linh? Và nếu điều này có vẻ khó tin và vô căn cứ đối với những người ngoại đạo, thì điều đó cũng không có gì đáng ngạc nhiên, vì họ không biết Kinh Thánh. Nhưng tại sao các ngươi, những người nghiên cứu lời các thánh tiên tri, lại không tin điều này, trong khi không có một vị tiên tri nào trong số họ lại không tiên tri về Đấng của chúng ta?

Sau đó, Thánh Silvestro muốn nói chi tiết hơn về Ba Ngôi Thánh, nhưng nhà vua đã ngắt lời ngài và nói với những người Do Thái:

– Những lời mà vị giám mục vừa trích dẫn từ Kinh Thánh cho chúng ta, hỡi các người Do Thái, liệu có được ghi chép như vậy trong sách của các ngươi không?

Họ đáp:

– Đúng vậy.

Rồi nhà vua nói:

– Vậy thì, trong cuộc tranh luận về Đức Thánh Ba Ngôi này, theo tôi thấy, các ngươi đã thua rồi.

– Không, thưa đức vua nhân từ, – những người Do Thái phản đối, – Silvestr sẽ không bao giờ thắng được chúng tôi, nếu chúng tôi cũng trình bày những gì mình có để phản bác lại ông ta; và chúng tôi có thể nói rất nhiều điều, nhưng chúng tôi thấy rằng việc tranh luận với sự nhiệt tình như vậy về Ba Ngôi là vô ích. Chúng tôi đến đây không phải để bàn luận xem có một Đức Chúa Trời hay ba, mà là để khẳng định rằng Người Nazareth không phải là Đức Chúa Trời. Vì dù có đồng ý rằng có ba vị Thiên Chúa, thì điều đó vẫn chưa đủ để kết luận rằng chúng ta phải tin rằng Chúa Giê-su là Thiên Chúa. Ngài không phải là Thiên Chúa, mà là con người, sinh ra từ loài người và sống cùng những người tội lỗi, ăn uống cùng những người thu thuế, và như được ghi chép về Ngài trong Phúc Âm, Ngài đã bị ma quỷ cám dỗ, sau đó bị môn đệ phản bội, bị bắt, bị chế giễu, bị đánh đập, bị ép uống mật và giấm, bị lột quần áo, quần áo của Ngài được các binh lính chia nhau bằng cách bốc thăm, bị đóng đinh vào thập tự giá, chết và được chôn cất. Làm sao một người như vậy lại có thể được gọi là Đức Chúa Trời? Chính về điều này, thưa hoàng đế, chúng tôi đang lên tiếng chống lại những người Kitô hữu, rằng họ đang đưa ra một vị Đức Chúa Trời mới. Vậy thì, nếu họ có thể nói gì về Ngài và nếu họ có bất kỳ bằng chứng nào, hãy để họ nói cho chúng tôi nghe!

Sau đó, Thánh Silvestro bắt đầu nói:

– Chúng tôi, những người Do Thái, không thừa nhận ba vị Thần như các ngài nghĩ, mà chúng tôi tuyên xưng một vị Thần duy nhất, Đấng mà chúng tôi tôn kính và thờ phượng, như Đấng hiện hữu trong Ba Ngôi hay Ba Thể. Các ngươi lẽ ra nên xem xét tính chính đáng của những lời mà ta đã trích dẫn từ chính sách sách của các ngươi để trả lời câu hỏi đầu tiên mà các ngươi đưa ra, và tranh luận về những điều đó; nhưng vì bây giờ các ngươi từ chối nói về điều này, thì chúng ta hãy bàn luận về Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, điều mà chính các ngươi cũng mong muốn. Hãy bắt đầu từ điều sau đây. Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng vạn vật, khi tạo ra con người và thấy con người sa ngã vào mọi điều ác, đã không bỏ mặc tác phẩm của chính Ngài đang lâm vào cảnh diệt vong, nhưng đã thương xót cho Con Ngài, Đấng hằng hiệp nhất với Ngài (vì Đức Chúa Trời hiện diện khắp mọi nơi), xuống trần gian với chúng ta. Vậy nên, Ngài đã xuống trần gian và, được sinh ra từ một Trinh Nữ, đã tuân theo luật pháp, *"để chuộc những ai đang ở dưới luật pháp"* (Ga-la-ti 4:4–5). Về việc Ngài sẽ được sinh ra từ một Trinh Nữ, vị tiên tri thánh thiêng Ê-sai đã tiên tri như sau: *"Này, một Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh ra một Con Trai, và người ta sẽ đặt tên cho Ngài là: Ê-ma-nu-ên"* (Ê-sai 7:14). Tên này, như các bạn biết, chỉ về sự giáng lâm của Đức Chúa Trời đến với loài người và khi dịch sang tiếng Hy Lạp có nghĩa là: Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta. Vậy, vị tiên tri đã tiên tri từ lâu rằng Đức Chúa Trời sẽ được sinh ra bởi một trinh nữ.

Người Do Thái phản bác:

– Trong bản văn Do Thái của chúng tôi, sách tiên tri Ê-sai không có từ "trinh nữ", mà chỉ đề cập đến "cô gái trẻ" – một phụ nữ trẻ; các ngươi đã xuyên tạc Kinh Thánh khi viết từ "trinh nữ" thay cho "cô gái trẻ" trong các sách của các ngươi.

Thánh Giám mục Silvestr trả lời:

– Nếu trong sách của các ngươi không viết là "trinh nữ" mà là "cô gái trẻ", thì "cô gái trẻ" và "trinh nữ" chẳng phải là một nghĩa sao? Khi tiên tri Ê-sai, nhân danh Đức Chúa Trời, nói với A-cha: "Hãy xin Đức Chúa Trời của ngươi ban cho ngươi một dấu hiệu, dù là ở nơi sâu thẳm hay nơi cao vút"[560] , thì A-cha đáp: "Ta sẽ không xin và cũng không thử thách Đức Chúa Trời"[561] . Lúc đó, tiên tri nói: *"Vì lý do này*, *chính Đức Chúa Trời sẽ ban cho các ngươi một dấu hiệu*". *Dấu hiệu đó* là gì? *"Nàng trinh nữ sẽ thụ thai trong lòng*". Nếu các ngươi nói rằng nhà tiên tri không nói về một trinh nữ, mà là về một thiếu nữ, và rằng thiếu nữ không phải là trinh nữ[562] , thì dấu hiệu mà nhà tiên tri hứa hẹn cũng không thể được gọi là dấu hiệu, vì nếu thiếu nữ, đã kết hôn, sinh con, thì ở đây không có phép lạ nào cả, mà chỉ là chuyện bình thường. Còn việc sinh con mà không có quan hệ với chồng thì thực sự là một phép lạ; đó là một sự việc phi thường, vượt quá "luật tự nhiên". Vậy nên, Cô Gái Trinh Nữ mà các ngươi đã ghi chép, là Trinh Nữ, bởi vì Chúa đã hứa sẽ ban một dấu lạ qua Người, và chính dấu lạ đó là: Người, dù chưa từng biết đến chồng, sẽ sinh ra Con Một một cách siêu nhiên. Và chúng tôi không hề bóp méo Kinh Thánh khi dùng từ "Trinh Nữ" thay cho "cô gái trẻ", mà ngược lại, chúng tôi đã diễn đạt chính xác ý nghĩa của nó, để mọi người có thể nhìn thấy rõ hơn dấu hiệu thần thánh kỳ diệu này, vượt xa bản chất con người. Ai trong loài người đã được sinh ra mà không cần hạt giống của người nam, ngoại trừ A-đam, người được tạo ra từ đất, và Ê-va, người được tạo ra từ xương sườn của ông? Và có người phụ nữ nào đã sinh con mà không có quan hệ với chồng? Vậy thì, sẽ không có dấu hiệu nào mà Thiên Chúa đã hứa ban – chính xác là nếu thiếu nữ ấy thụ thai trong lòng không phải vượt quá bản tính tự nhiên, mà là thông qua sự kết hợp tự nhiên với chồng – mà đó chỉ là chuyện bình thường của bản tính con người. Và vì Đức Trinh Nữ thanh khiết đã thụ thai mà không cần chồng nhờ Đức Thánh Thần, nên điều này phải được coi là dấu lạ mới mẻ và vinh quang của Đức Chúa Trời, và giờ đây Đức Chúa Trời đang ở cùng chúng ta, như lời hứa, Đấng được sinh ra một cách siêu nhiên từ Đức Trinh Nữ thanh khiết."

– Nhưng vì Đấng được sinh ra từ Đức Maria không được gọi là Emmanuel, mà là Giêsu, – những người Do Thái phản bác, – vậy có nghĩa là Ngài không phải là Đấng mà Thiên Chúa đã hứa qua vị tiên tri, mà là một Đấng khác sao?

Thánh Silvestro đáp lại:

– Trong Kinh Thánh, đôi khi thay vì nêu tên, người ta lại đề cập đến hoạt động của một nhân vật nào đó, chẳng hạn như: *"Hãy đặt tên cho nó là Maher-Shalal-Hash-Baz"* (Ê-sai 8:3). Nếu thực sự chưa bao giờ có ai mang tên đó, thì dù sao đi nữa, vì Đấng Christ phải chiến thắng kẻ thù và chiếm lấy chiến lợi phẩm của chúng, nên thay vì nêu tên Ngài, vị tiên tri đã chỉ ra những việc Ngài phải thực hiện. Trong ý nghĩa nào đó, chính vị tiên tri này cũng nói về Giê-ru-sa-lem: "Khi ấy, người ta sẽ gọi ngươi là: Thành của sự công chính!" (Ê-sai 1:26) Mặc dù chưa ai từng gọi thành phố đó là "thành phố của sự công bình", mà mọi người đều gọi nó bằng tên thông thường của nó – Giê-ru-sa-lem, nhưng vì vào thời điểm đó Giê-ru-sa-lem đã được xưng công bình trước mặt Đức Chúa Trời, nên từ sự kiện diễn ra tại đó, thành phố này được đặt tên trong lời tiên tri là "thành phố của sự công bình"[563] . Hơn nữa, trong Kinh Thánh còn có những đoạn chỉ đề cập đến một sự kiện nào đó thay vì tên gọi. Còn về việc Đức Chúa Trời sẽ ngự cùng loài người, hãy lắng nghe lời tiên tri của Baruch: *"Đấng này là Đức Chúa Trời của chúng ta, và không ai khác sánh được với Ngài. Ngài đã tìm ra mọi con đường của sự khôn ngoan và ban sự khôn ngoan ấy cho tôi tớ Ngài là Gia-cốp và cho Y-sơ-ra-ên, dân Ngài yêu dấu. Sau đó, Ngài đã hiện ra trên đất và đi lại giữa loài người"*[564] . Và về việc Ngài phải chịu sự cám dỗ của ma quỷ, Xa-cha-ri đã tiên tri như sau: *"Và Người đã cho tôi*

---

[560] *Vào nơi sâu thẳm*, tức là trên đất hoặc dưới lòng đất; *lên nơi cao*, tức là từ trời.

[561] A-ha-xơ không tin lời tiên tri, nhưng không dám nói thẳng điều đó ra, nên đã giả dối viện dẫn Lời Luật Môi-se để biện minh cho mình, luật này cấm người Do Thái thử thách Chúa bằng cách đòi hỏi phép lạ (Xuất Ê-díp-tô Ký 17).

[562] *"Cô gái trẻ*", tức là một phụ nữ trẻ nói chung – có thể đã kết hôn, cũng có thể vẫn còn là thiếu nữ, theo cách giải thích của người Do Thái. Cách giải thích này là sai. Từ được dùng ở đây trong Kinh Thánh Do Thái (alma), theo nguồn gốc từ vựng, chỉ có thể có nghĩa là một thiếu nữ rất trẻ, vẫn đang trong độ tuổi trưởng thành. Hơn nữa, trong toàn bộ Cựu Ước, từ này chưa bao giờ được dùng để chỉ một người phụ nữ đã có chồng.

[563] Tức là bởi vì tại đó Đấng Cứu Thế của thế gian đã ra đời, Đấng mà Thánh Tông Đồ Phaolô gọi là Vua của sự công chính (Hê-bơ-rơ 7:2).

thấy Đức Giê-su, vị Thượng tế vĩ đại, đang đứng trước Thiên thần của Chúa, và Sa-tan đang đứng bên tay phải Người để chống lại Người. Chúa đã phán với Sa-tan: 'Chúa sẽ ngăn cản ngươi, Sa-tan ơi, Chúa sẽ ngăn cản ngươi, ma quỷ ơi'"[565] . Còn về việc Người bị bắt, đã được tiên tri trong sách Sa-lô-môn: *"Những kẻ suy nghĩ sai lầm đã tự nhủ trong lòng: 'Chúng ta hãy giăng bẫy cho người công chính, vì người ấy là gánh nặng cho chúng ta và chống lại công việc của chúng ta'"* (Sách Khôn Ngoan 2:1, 12). Còn việc Ngài sẽ bị chính môn đệ của mình phản bội, thì tác giả Thi Thiên đã tiên tri: *"Kẻ đã ăn bánh của ta, đã giơ gót chân chống lại ta"* (Thi Thiên 40:10). Về những kẻ làm chứng dối, Ngài đã nói*: "Vì những kẻ làm chứng dối đã nổi dậy chống lại Ta"* (Thi Thiên 26:12). Còn về việc Ngài bị đóng đinh, Ngài đã nói: *"Họ đã đâm xuyên qua tay và chân Ta. Người ta có thể đếm được hết mọi xương của* Ta"[566] . Chính vị tiên tri ấy cũng đã tiên tri về việc chia *nhau* áo xống của *Đấng Christ*: *"Họ chia nhau áo xống của ta và bốc thăm để chia lấy áo ta"* (Thánh Vịnh 21:19). Về việc cho Ngài uống giấm pha mật đắng*,* Ngài cũng đã nói: *"Họ cho ta ăn mật đắng, và khi ta khát, họ cho ta uống giấm"*[567] . Và tiếp theo, về việc an táng Ngài, Ngài đã tiên báo: *"Ngài đã đặt con vào hố sâu dưới đất"* (Thánh Vịnh 87:7). Và Gia-cóp, tổ phụ của các ngươi, đã nhìn thấy điều này bằng Thánh Thần và nói: *"Ngài đã cúi mình, nằm xuống như sư tử và như sư tử cái"*[568] .

Bằng cách trích dẫn những lời chứng này và nhiều lời chứng khác của các thánh tiên tri về Chúa Kitô, thánh Silvestro đã chiến thắng người Do Thái, bởi vì, khi chính Thánh Thần phán qua miệng ngài, ngài đã chứng minh rõ ràng rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật, được sinh ra từ Đức Trinh Nữ.

Lúc đó, người Do Thái nói:

– Tại sao Thiên Chúa lại cần phải sinh ra trong xác thịt loài người? Chẳng lẽ Ngài không thể cứu loài người bằng cách khác sao?

Thánh nhân đáp:

– Đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể, nhưng kẻ đã từng bị ma quỷ đánh bại trước đây phải là người chiến thắng ma quỷ. Kẻ bị ma quỷ đánh bại chính là con người – con người không được sinh ra theo trật tự tự nhiên thông thường, không phải từ hạt giống của người nam, mà được tạo dựng từ đất, và hơn nữa là từ đất tinh khiết và vô nhiễm, như một trinh nữ, – bởi vì lúc bấy giờ đất ấy chưa bị Thiên Chúa nguyền rủa, và nó cũng chưa bị ô uế bởi máu của người anh em bị giết, hay việc giết hại các loài vật; do đó, nó vẫn chưa bị nhiễm bẩn bởi những xác chết đang phân hủy, cũng chưa bị ô uế bởi bất kỳ hành vi ô uế hay đồi bại nào. Từ đất ấy, thân xác của tổ phụ chúng ta đã được tạo dựng, và được thổi hồn bởi hơi thở Thần thánh. Nhưng nếu ma quỷ đầy ác ý đã chiến thắng con người ấy, thì chính hắn cũng phải bị đánh bại bởi một con người tương tự. Và Đấng ấy chính là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng được sinh ra không theo thông lệ và luật tự nhiên, mà từ lòng dạ trinh khiết và thánh thiện của một trinh nữ, giống như A-đam đã được tạo ra từ đất chưa bị ô uế bởi tội lỗi. Và cũng như A-đam được ban sự sống nhờ hơi thở của Đức Chúa Trời, thì Đấng này cũng đã nhập thể dưới tác động của Đức Thánh Linh, Đấng đã ngự xuống trên Đức Trinh Nữ Thánh Khiết, và trở thành Đức Chúa Trời toàn hảo và con người toàn hảo – trong mọi sự, trừ tội lỗi, có hai bản tính – Thần tính và Nhân tính, nhưng trong một ngôi vị duy nhất; và vì thế, bản tính con người đã chịu đau khổ thay cho chúng ta, còn bản tính Thiên Chúa thì vẫn vô cảm.

Trong bối cảnh này, vị thánh đã đưa ra ví dụ sau:

– Khi một cây, được chiếu sáng bởi những tia nắng mặt trời, bị chặt bằng rìu, thì tia nắng mặt trời không bị chặt cùng với cây đó. Cũng vậy, nhân tính của Đức Kitô, khi được hiệp nhất với Thiên tính, dù đã chịu đau khổ, nhưng những đau khổ đó không ảnh hưởng đến Thiên tính.

---

564 (Baruch 3:36–38), tức là Ngài luôn hành động với sự khôn ngoan cao cả nhất và biết những con đường tốt nhất dẫn đến mục tiêu.

565 (Xa-cha-ri 3:1–2). Thượng tế Do Thái Giê-su, Đấng mà ma quỷ đã vu khống trước mặt Chúa, được nhiều vị Giáo phụ công nhận là hình bóng của Đức Giê-su Ki-tô, Đấng cũng đã phải chịu nhiều cuộc tấn công từ ma quỷ và các tay sai của nó.

566 (Thánh Vịnh 21:17–18), tức là trong thân thể Đức Kitô, khi Ngài bị treo trên thập giá, xương Ngài lồi ra đến nỗi có thể đếm được từng cái.

567 (Thánh Vịnh 68:22). *Dịch mật* – vị đắng; *giấm* – axit axetic. Theo lời giải thích của Thánh Theodoret, những chất này đã được pha vào đồ uống để làm cho nó trở nên đắng chát và khó chịu.

568 (Sáng Thế Ký 49:9). Ở đây, Gia-cốp thực ra đang nói về con trai mình là Giu-đa, nhưng tất cả những gì được nói về Giu-đa, theo lời giải thích của các vị Thánh Cha, đều phải được hiểu theo ý nghĩa tốt đẹp nhất là dành cho Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà Giu-đa là hình bóng.

Những bằng chứng mà Thánh Silvestro đưa ra đã được nhà vua và toàn thể hội đồng chấp thuận, và họ công nhận ngài là người chiến thắng trong cuộc tranh luận, bởi vì người Do Thái không thể nói thêm điều gì chống lại Silvestro nữa. Lúc đó, nhà tiên tri Zamvri nói với nhà vua:

– Dù Silvestr có áp đảo chúng tôi bằng lời nói, với tài hùng biện và khéo léo trong tranh luận, nhưng dù sao đi nữa, chúng tôi cũng sẽ không vì thế mà từ bỏ luật lệ của tổ tiên và không theo người mà cha ông chúng tôi, theo sự đồng thuận chung, đã kết án tử hình. Và về việc chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất mà chúng tôi tôn kính, không có ai khác, thì tôi sẵn sàng chứng minh điều đó không phải bằng lời nói, như Silvestr đang làm, mà bằng chính hành động; chỉ cần bệ hạ ra lệnh dẫn một con bò đực to lớn và hung dữ đến đây, thì ngay lập tức bệ hạ và tất cả những người có mặt ở đây sẽ tin chắc rằng không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Chúa Trời của chúng tôi.

Một người trong số những người có mặt đã nói:

– Trong đàn bò của tôi, gần cổng thành, có một con bò như vậy. Không ai có thể đeo ách lên cổ nó, thậm chí không ai có thể vuốt ve hay chạm vào nó.

Vua lập tức ra lệnh dẫn con bò đực đó đến. Trong khi đó, tiếp tục cuộc trò chuyện, Thánh Silvestro hỏi Zamvria:

– Tại sao ngươi cần con bò đó, và khi nó được dẫn đến, ngươi sẽ làm gì với nó?

Zamvri trả lời:

– Ta muốn chứng minh quyền năng của Đức Chúa Trời chúng ta, vì nếu ta thì thầm vào tai con bò đực, nó sẽ chết ngay lập tức. Bởi vì sinh vật phàm trần không thể chịu đựng được danh hiệu của Đức Chúa Trời, và ai nghe thấy danh hiệu ấy thì không thể sống sót. Và các bậc tổ tiên của chúng ta, khi những con bò được dẫn đến để dâng tế, đã thì thầm danh hiệu ấy vào tai chúng, và chúng lập tức ngã xuống với tiếng gầm vang dội rồi tắt thở, nhờ đó trở nên sẵn sàng cho lễ tế.[569]

Sylvester phản bác:

– Nhưng nếu cái tên đó, theo lời ngươi, giết chết bất cứ ai nghe thấy nó, thì làm sao ngươi lại biết được nó?

Zamvri trả lời:

– Ngươi không được biết bí mật này, vì ngươi là kẻ thù của chúng ta.

Khi Zamvri đưa ra câu trả lời như vậy, nhà vua nói với ông:

– Nếu ngươi không muốn tiết lộ bí mật này cho giám mục, thì hãy tiết lộ cho chúng ta, vì quả thực đây là một chuyện đáng nghi ngờ, trừ khi ta giả định rằng cái tên đó có thể được biết bằng cách đọc nó ở đâu đó.

Zamvri trả lời:

– Không da, không giấy, không gỗ, không đá, cũng chẳng có vật gì khác có thể chứa đựng hình khắc của cái tên ấy, bởi ngay lập tức cả người viết lẫn vật được viết lên đều sẽ bị hủy diệt.

– Vậy thì hãy nói đi, – nhà vua nói, – chính ngươi đã biết được nó như thế nào? Vì làm sao có thể biết được nó nếu nó không được truyền đạt bằng lời nói, không được ghi lại bằng chữ viết?

– Thưa bệ hạ, – Zamvri trả lời, – tôi đã nhịn ăn bảy ngày, sau đó đổ nước suối trong vắt vào một chậu rửa mặt bằng bạc mới và bắt đầu cầu nguyện; lúc đó, những chữ viết được hiện lên trên mặt nước bằng một ngón tay vô hình, và chính những chữ đó đã cho tôi biết tên của Đức Chúa Trời.

Còn Silvestr, vị thánh hiền, đã nói:

– Nếu ngài thực sự biết được danh hiệu đó theo cách ngài kể, thì khi ngài thì thầm nó vào tai ai đó, chẳng phải chính ngài cũng nghe thấy danh hiệu ấy giống như người mà ngài nói với họ sao? Và chính ngài, khi nghe thấy nó, chẳng phải cũng sẽ chết sao?

Nhà tiên tri đáp:

– Ta đã nói rồi, ngươi không nên biết bí mật này, vì ngươi là kẻ thù của chúng ta. Hơn nữa, cần gì phải nói nhiều, khi cách tốt nhất là chứng minh bằng hành động những gì ngươi nói? Hãy chọn một trong hai: hoặc ngươi, bằng cách gọi tên người Nazarene của ngươi, giết con bò đực đi, để chúng ta cũng có thể tin vào người Nazarene đó; hoặc ta sẽ thì thầm tên Đức Chúa Trời của chúng ta vào tai con bò đực và giết con bò đực đó, để khi đó ngươi buộc phải tin vào Đức Chúa Trời của chúng ta.

---

[569] Đó là một sự bịa đặt sai lầm của Zamvri. Những con bò đực, như đã được ghi trong Luật Mô-sê (Lê-vi 1 và các chương tiếp theo), được các thầy tế lễ dâng làm của lễ.

Tất cả những người có mặt, khi nghe điều này, đều tán thành quyết định của Zamvri; còn các Kitô hữu thì bắt đầu dao động, dù vị giám mục thánh thiện đã an ủi họ.

Vua bèn nói với Zamvri:

– Trước tiên ngươi phải thực hiện lời hứa, vì ngươi đã hứa chỉ bằng một lời là sẽ giết con bò đực.

Nhà tiên tri đáp:

– Nếu ngài ra lệnh cho tôi làm điều đó, thưa vua, thì hãy chứng kiến sức mạnh của Đức Chúa Trời tôi!

Nói xong, ông tiến lại gần con bò đực – con vật mà ngay cả những người khỏe mạnh cũng khó lòng dắt đi – rồi buộc những sợi dây thừng chắc chắn vào cặp sừng của nó. Khi đến gần con bò tót, Zamvri thì thầm điều gì đó vào tai nó, và ngay lập tức, con bò tót phát ra một tiếng gầm dữ dội, run rẩy rồi ngã xuống chết[570] . Tất cả những ai chứng kiến cảnh này đều vô cùng kinh ngạc, còn những người Do Thái thì reo hò vang dội và vỗ tay:

– Chúng ta đã thắng, chúng ta đã thắng!

Lúc đó, Silvestr xin nhà vua ra lệnh cho mọi người im lặng, và khi sự im lặng bao trùm, vị giám mục nói với những người Do Thái:

– Chẳng phải trong sách của các ngươi có chép rằng Đức Chúa Trời toàn năng đã phán: *"Ta làm cho chết và làm cho sống lại, Ta làm cho bị thương và Ta chữa lành"* (Đệ Nhị Luật 32:39) sao?

Họ đáp lại:

– Vâng, đúng là có ghi như vậy.

Lúc đó, Silvestr nói:

– Nếu Zamvri đã giết con bò đực nhân danh Đức Chúa Trời, thì hãy để ông ta làm cho nó sống lại bằng chính danh hiệu đó. Vì Đức Chúa Trời là Đấng làm điều thiện, chứ không phải điều ác; bản chất của Ngài là làm điều thiện, còn việc làm điều ác thì trái với bản chất của Ngài; ý chí của Ngài, vốn luôn tốt lành, luôn muốn làm điều thiện. Đôi khi, Ngài trừng phạt ai đó bằng một điều ác nào đó vì lợi ích của những người khác, nhưng điều đó không phải vì Ngài muốn thế, mà vì Ngài bị thúc đẩy bởi những hành vi xấu xa của chúng ta. Vậy thì, nếu Zamvri dễ dàng làm điều mà Đức Chúa Trời không ưng thuận theo chính Bản chất của Ngài, thì anh ta càng dễ dàng làm điều vốn là bản chất tự nhiên của Đức Chúa Trời. Hãy để anh ta làm sống lại con bò bằng chính danh hiệu của Đức Chúa Trời mà anh ta đã dùng để giết nó, và tôi sẽ theo đạo của anh ta.

– Bệ hạ! – Zamvri phản đối, – Silvestr lại muốn tranh luận bằng lời nói, nhưng còn cần gì đến lời nói khi việc đã rõ ràng như vậy?

Sau đó, ông quay sang Silvestre và tiếp tục:

– Nếu ngài, thưa Giám mục, cũng sở hữu một sức mạnh nào đó, thì hãy thực hiện một phép lạ nhân danh Chúa Giêsu của ngài đi!

– Nếu ngài muốn, – Thánh Silvestr đáp – tôi sẽ cho ngài thấy quyền năng của Đấng Kitô tôi, đó là bằng cách kêu cầu danh thánh của Ngài, tôi sẽ làm con bò đực mà ngài đã giết sống lại.

– Ngươi khoe khoang vô ích rồi, Silvestro, – Zamvri phản bác, – làm sao con bò đực đó có thể sống lại được!

Rồi nhà vua nói với Zamvri:

– Vậy thì, nếu điều mà theo lời ngươi là không thể, nhưng vị giám mục vẫn làm được, ngươi có tin vào Đức Chúa Trời của ngài không?

Zamvri trả lời:

– Tôi thề với ngài, thưa vua, rằng nếu tôi thấy con bò đực sống lại, thì tôi sẽ tuyên xưng rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa và sẽ theo đạo của Silvestro.

Tất cả những người Do Thái cũng nói như vậy. Lúc đó, vị giám mục quỳ gối xuống, cầu nguyện tha thiết và đầy nước mắt với Đức Chúa Trời, rồi đứng dậy, giơ tay lên trời và cất tiếng trước mặt mọi người:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa và chính là Thiên Chúa, Ngài, Đấng có thể làm chết và làm sống lại, làm hại và chữa lành, xin hãy thương xót, nhờ danh thánh và ban sự sống của Ngài, làm sống lại con bò đực mà Zamvri đã giết bằng cách gọi tên ma quỷ, vì đã đến lúc những phép lạ của Ngài được thực hiện để cứu rỗi nhiều người; xin hãy nghe lời con, tôi tớ của Ngài, vào giờ này, để danh thánh của Ngài được tôn vinh!

---

[570] Thánh Silvestro cho rằng sự việc này liên quan đến sự can thiệp của ma quỷ, những kẻ – theo giáo lý của các vị Thánh Tổ và các vị Thầy của Giáo Hội thời xưa – đã sử dụng mọi thủ đoạn vào thời đó để cản trở sự phát triển của đạo Kitô.

Sau khi cầu nguyện, ông tiến đến gần con bò đực và cất tiếng nói lớn:

– Nếu Đức Giêsu Kitô mà con rao giảng, Đấng được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria, là Thiên Chúa thật, thì hãy đứng dậy và đứng trên đôi chân của ngươi, và hãy từ bỏ sự hung dữ trước đây của ngươi, hãy trở nên hiền lành!

Vừa dứt lời, con bò tót bỗng chốc sống lại, đứng dậy và đứng yên lặng, bình thản. Vị thánh ra lệnh tháo dây trói khỏi sừng nó và nói:

– Hãy trở về nơi ngươi đã đến và đừng làm hại ai, nhưng hãy sống hiền lành; đó là điều Đức Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, truyền cho ngươi!

Và con bò đi một cách lặng lẽ, dù trước đó nó cực kỳ hung dữ. Thấy vậy, mọi người cùng cất tiếng reo lên như một:

– Đức Chúa Trời mà Silvestro rao giảng thật vĩ đại!

Còn những người Do Thái cùng với Zamvri, chạy đến bên vị thánh và ôm lấy đôi chân thánh thiện của ngài, xin ngài cầu nguyện cho họ với Đức Chúa Trời và đón nhận họ vào đức tin Kitô giáo. Cũng vậy, thánh nữ Helena, sau khi vén tấm màn mà bà đang ngồi sau đó để lắng nghe cuộc tranh luận và quan sát những gì đang diễn ra, đã bước ra khỏi đó và quỳ xuống dưới chân vị thánh, tuyên xưng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật. Tất cả những người Do Thái có mặt tại đó, đứng đầu là Zamvri, cùng với vô số dân chúng, đã quay về với Thiên Chúa chân chính và gia nhập Giáo Hội của Chúa Kitô.

Sau lễ kỷ niệm long trọng này của đức tin Kitô giáo, Thánh Silvestro đã dành phần đời còn lại của mình cho những công việc không ngừng nghỉ và sự chăm lo cho Giáo Hội của Chúa Kitô; sau đó, sau khi đã chăn dắt tốt đẹp đàn chiên tinh thần được giao phó và sống đến tuổi già cao cả[571] , ngài đã về với Chúa. Ngài đã tại vị trên ngai giám mục trong hai mươi mốt năm mười một tháng. Nay, trong cuộc sống vĩnh hằng, ngài cùng các Thiên thần tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi; xin vinh quang thuộc về Ngài từ chúng con mãi mãi, amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã hiện ra như một linh mục giữa các linh mục, là Đấng mang Thiên Chúa, là Vua và là Thiên Chúa, là người bạn đồng hành trong việc ăn chay: vì thế, giờ đây ngài hân hoan cùng đoàn Thiên Thần, hỡi Cha, vui mừng trên trời, hỡi Silvester, vị mục tử vinh quang, xin cứu rỗi những ai cử hành lễ kỷ niệm ngài bằng tình yêu.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Theogenes, Giám mục Paros

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 1

Thánh Tử đạo Theogen là Giám mục tại thành phố Paria[572] . Ngài bị binh lính bắt giữ dưới thời Licinius[573] tại Phrygia[574] và bị quan tribune[575] Zalikintius ép buộc phải nhập ngũ; nhưng vì đã chống đối, ngài bị treo lên bốn cột và bị đánh đập dã man bằng gậy. Thánh nhân đã dũng cảm chịu đựng những cực hình và trong lúc đó đã tiên đoán rằng[576] và quan tribune sẽ bị gãy xương ống chân, còn Licinius sẽ bị đánh bại. Sau đó, Theogenes bị giam vào ngục tối, và trong thời gian ở đó, ngài từ chối mọi thức ăn. Khi tin về ngài được báo cho Licinius, ông ta ra lệnh ném ngài xuống biển. Lúc đó, vị thánh xin những người thi hành án cho chút thời gian để cầu nguyện, rồi ngài đứng quay mặt về hướng đông, giơ hai tay lên trời và cầu nguyện trong ba giờ liền. Trong lúc cầu nguyện, ngài được bao

---

[571] Thánh Silvestro, Giáo hoàng Rôma, qua đời vào năm 335. Xác thánh của ngài được an táng trên con đường Saloria, trong các hầm mộ của Thánh Priscilla, cách Rôma một dặm.

[572] Parius – một thành phố gần Hellespont (Dardanelles), thuộc Mizia, tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á, nằm giữa Lampsacus và Cyzicus.

[573] Licinius – hoàng đế La Mã, đồng trị vì với Constantine Đại đế

[574] Phrygia – một vùng rộng lớn ở Tiểu Á, ban đầu bao trùm toàn bộ phần trung tâm của nửa phía tây bán đảo; ngoài ra, sau này bờ nam của Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch) cho đến Hellespont cũng được tính vào Mizia; do đó, thành phố Parion vào thế kỷ IV cũng được tính vào Phrygia từ năm 304–320.

[575] Tribune – tổng tư lệnh quân đội của tỉnh.

[576] Option – phụ tá của centurion; centurion – chỉ huy của centuria, một đơn vị quân sự gồm 100 người.

phủ bởi một ánh sáng kỳ diệu đến nỗi những người thi hành án – gồm các thủy thủ và một số binh lính – đã quy y đạo Kitô. Như vậy, vị thánh tử đạo Theogen đã dâng linh hồn thánh thiện của mình lên Chúa, khi bị chìm xuống đáy biển[577] . Sau đó, các tín hữu Kitô giáo đã vớt thi thể ngài lên khỏi mặt nước và an táng gần tường thành. Tại nơi an nghỉ của thánh Theogen, nhiều phép lạ đã xảy ra và những người mắc các bệnh tật khác nhau đã được chữa lành.

Ngày 16 tháng 1

Ngày 3 tháng 1 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Gordius

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 1

Thánh Tử đạo Gordius của Chúa Kitô sinh ra tại Caesarea Cappadocia trong một gia đình Kitô hữu và được nuôi dưỡng trong đức tin Kitô giáo Chính thống. Khi trưởng thành, ngài được gọi nhập ngũ và được bổ nhiệm làm trung úy, vì ngài vượt trội hơn nhiều người cả về thể chất lẫn tinh thần.

Vào thời điểm đó, hoàng đế La Mã Licinius[578] đã trút hết cơn thịnh nộ của mình lên các Kitô hữu và giơ bàn tay chống lại Thiên Chúa lên Giáo Hội của Chúa Kitô. Các sắc lệnh và chỉ thị của hoàng đế đã được phát đi khắp các khu chợ và những nơi đông người nhất, cấm không được thờ phượng Chúa Kitô, và bất kỳ ai vi phạm lệnh cấm này đều sẽ bị xử tử. Mọi người đều bị ép phải đến trước các hình tượng thần tượng bằng đá và gỗ để thờ lạy những tác phẩm do tay người tạo ra, còn những ai không tuân theo thì bị ép buộc bằng các hình thức tra tấn. Khắp thành phố bùng nổ hỗn loạn; tài sản của các Kitô hữu bị cướp bóc, nhà cửa bị tàn phá, người dân bị đánh đập; những phụ nữ đạo đức bị lôi kéo khắp thành phố; – không có sự thương xót nào dành cho tuổi trẻ, cũng không có sự tôn trọng nào dành cho người già; những người vô tội phải chịu khổ như những kẻ ác; các ngục tối chật cứng; những ngôi nhà tốt đẹp và giàu có bị bỏ trống; sa mạc tràn ngập những người bị trục xuất chỉ vì họ tin vào Đấng Christ; cha giao con trai mình ra để chịu chết, con trai lôi cha mình ra tòa, anh em nổi giận với nhau, và nô lệ nổi loạn chống lại chủ nhân; ma quỷ đã phủ lên tâm hồn con người như một đêm điên loạn kinh hoàng, đến nỗi người này không nhận ra người kia, như thể trong bóng tối. Các nhà thờ bị tàn phá bởi tay những kẻ vô đạo, các bàn thờ thánh bị lật đổ, và không còn lễ vật nào, không còn hương trầm, cũng không còn nơi nào để cử hành Thánh lễ: mọi thứ đều chìm trong u ám, như thể bị bao trùm bởi một đám mây đen; các tôi tớ của Chúa bị trục xuất, mọi cuộc tụ họp đạo đức đều diễn ra trong sự kinh hoàng, còn các quỷ dữ thì hân hoan, làm ô uế vũ trụ bằng khói và máu của các sinh tế.

Chứng kiến những tai họa như vậy, Gordius đã quyết định tự nguyện rời khỏi thành phố; cởi bỏ đai chiến binh[579] và bỏ lại của cải, người thân, bạn bè, nô lệ, những tiện nghi đời thường cùng mọi thứ mà những người yêu chuộng thế gian và những thú vui trần tục hằng khao khát, ông đi vào những sa mạc sâu thẳm và không thể đi qua được đối với con người, coi cuộc sống cùng các loài thú là điều dễ chịu hơn so với việc giao du với những kẻ thờ thần tượng; ông đã noi gương vị tiên tri thánh Ê-li, người khi chứng kiến việc thờ phượng các thần tượng ở Si-đôn, đã lui về núi Hô-rít, vào hang động để tìm kiếm Đức Chúa Trời, và đã được thấy Ngài, theo mức độ mà mắt người phàm có thể nhìn thấy (2 Vua 19). Gordius này cũng vậy, ông đã trốn chạy khỏi những xáo trộn trong thành phố, khỏi những tiếng la hét ồn ào ở chợ, khỏi sự kiêu ngạo của các quan chức, khỏi những phiên tòa của những kẻ vu khống, những kẻ mua bán, thề thốt, nói dối, nói tục; ông trốn chạy khỏi những trò chơi và sự chế nhạo, cũng như khỏi sự vui chơi vô lễ của thành phố, bởi vì ông có đôi tai trong sạch, đôi mắt trong sáng và trên hết là một trái tim trong sáng, có thể chiêm ngưỡng Thiên Chúa. Ông đã được ban cho những mặc khải thiêng liêng và thấu hiểu những mầu nhiệm vĩ đại *"không phải do loài người, cũng không phải qua loài người"* (Gal. 1:1), mà nhờ có vị Thầy vĩ đại – Thánh Thần Chân Lý (Ga. 15:26). Từ đó, chuyển sang suy ngẫm về cuộc đời, rằng nó vô ích và ngắn

---

[577] Thánh Tử đạo Theogen đã chịu tử đạo vào khoảng năm 320.
[578] Licinius – hoàng đế La Mã, cai trị nửa phía đông đế chế từ năm 307–321.
[579] Điểm đặc trưng của những người giữ chức vụ danh dự trong quân đội là một chiếc thắt lưng đặc biệt, trên đó treo thanh kiếm.

ngủi, giống như giấc mơ và cái bóng, ngài khao khát bằng tất cả sức mạnh của linh hồn được ở lại đời đời trên thiên đàng và, như một võ sĩ dũng mãnh, ngài bắt đầu chuẩn bị cho cuộc chiến bằng việc ăn chay, thức đêm, cầu nguyện và học hỏi Lời Chúa. Ông đặc biệt háo hức chờ đợi ngày mà cả thành phố sẽ tổ chức lễ hội tôn vinh vị thần xấu xa Mars, hay chính xác hơn là con quỷ ưa chiến tranh[580] . Khi ngày đó đến, toàn thể dân chúng đổ về đấu trường để xem đua ngựa, và tất cả đều ngồi ở những chỗ cao. Lúc đó, trong thành phố không còn ai cả; trong số những khán giả theo dõi những chú ngựa chạy nhanh và kỹ năng của các kỵ sĩ, có rất nhiều Kitô hữu, những người không lo sợ cho tính mạng mình và không tránh né đám đông vui chơi đó. Vào ngày đó, nô lệ được miễn làm việc và tụ tập tại đó, trẻ em từ các trường học vội vã đến đây, và tại đây cũng có mặt những phụ nữ lăng loàn và vô liêm sỉ.

Vậy là đấu trường chật cứng vô số người, chăm chú theo dõi các cuộc đua ngựa. Lúc đó, Gordius – người dũng cảm và có tinh thần vĩ đại – sau khi xuống từ ngọn núi cao vào đấu trường, không hề sợ hãi trước đám đông, cũng không do dự trước vô số bàn tay vũ trang mà mình đang tự đặt mình vào, mà với trái tim không run rẩy và tâm hồn không sợ hãi, ông đã chen lấn qua đám đông đang ngồi trong đấu trường, đứng ngay giữa trung tâm, khẳng định lời Kinh Thánh: *"Người công chính dũng cảm như sư tử"* (Châm Ngôn 28:1)[581] . Nhưng không chỉ có thế, khi đứng tại nơi trống trải trong đấu trường với sự can đảm như vậy, ông đã lớn tiếng, giống như các tông đồ, tuyên xưng lời của tiên tri Ê-sai: *"Những ai không tìm kiếm Ta lại đã tìm thấy Ta*" (Ê-sai 65:1), cho họ thấy rõ rằng ông không bị đưa đến đây vì bắt buộc, mà tự nguyện hiến dâng mình cho cuộc tử đạo để noi gương Chúa Kitô, Đấng đã tự nguyện phó thác chính mình vào tay những người Do Thái đang tìm kiếm Ngài trong bóng tối của đêm. Khi những người có mặt trong rạp xiếc nhận ra người đang đứng trước mặt họ là ai, ngay lập tức tiếng la hét vang lên: những người tin Chúa vỗ tay reo mừng, còn những kẻ không tin thì la hét yêu cầu quan tòa ra lệnh xử tử Gordius. Khắp nơi tràn ngập tiếng la hét và sự hỗn loạn, không ai còn để ý đến những con ngựa, cũng không ai còn để ý đến những người đánh xe; tiếng ồn ào từ những cỗ xe ngựa vang vọng khắp không trung cũng trở nên vô nghĩa: không ai muốn nhìn thấy gì khác ngoài Gordius, không ai muốn nghe gì khác ngoài những lời của Gordius. Toàn bộ đấu trường tràn ngập tiếng la hét, tiếng la hét ấy lan tỏa trong không khí như gió, lấn át cả tiếng ồn của ngựa. Khi người thông báo ra hiệu im lặng, – kèn im bặt, sáo ngừng vang, các nhạc cụ cũng im lặng: tất cả chỉ nhìn vào Gordius, tất cả chỉ lắng nghe một mình ông. Ngồi ở đó, trong rạp xiếc, còn có quan trưởng thành phố, người giám sát trật tự tại các cuộc đua và trao giải thưởng cho các vận động viên. Thánh nhân lập tức được dẫn đến trước mặt ông, và người này được hỏi:

– Ông ta là ai và đến từ đâu? Ông ta thuộc gia đình và dòng dõi nào?

Lúc đó, Gordius kể hết mọi chuyện về bản thân – chức vụ ông từng đảm nhiệm, lý do tại sao ông từ bỏ chức vụ để lui về sa mạc, và lý do tại sao ông quay trở lại.

– Tôi trở lại, – Gordius nói, – để bằng chính hành động chứng tỏ rằng tôi khinh thường các mệnh lệnh của ngài và tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô, niềm hy vọng và sự che chở của tôi. Khi biết rằng ngài vượt trội hơn nhiều người bởi sự tàn bạo của mình, tôi đã cố ý chọn ngày hôm nay làm thời điểm thích hợp để thực hiện ý định và lời thề của mình.

Nghe những lời đó, cơn giận của quan thành bùng lên như ngọn lửa, và ông ta dồn hết sự tàn bạo của mình vào thánh Gordius.

– Hãy gọi những kẻ hành hình đến đây! – ông ta hét lên. – Roi đâu? Quả cầu chì đâu? Bánh xe đâu? Hãy để chúng kéo anh ta trên bánh xe và xé nát thân thể anh ta[582] ; hãy treo cổ anh ta lên cây, mang các dụng cụ hành hình đến; hãy ném anh ta cho thú dữ, chém đầu bằng gươm và quăng xuống vực thẳm. Tuy nhiên, tất cả những điều đó vẫn chưa đủ đối với kẻ vô đạo này, kẻ xứng đáng phải chịu không chỉ một cái chết, mà là nhiều cái chết.

Lúc đó, thánh Gordius nói:

– Quả thật, tôi sẽ tự gây hại lớn cho chính mình nếu không muốn chết vì Chúa Kitô!

Những lời này khiến quan tổng trấn càng thêm phẫn nộ, làm tăng thêm bản tính hung tợn vốn có của ông ta. Nhưng càng lúc ông ta càng trở nên tàn bạo, thì Thánh Gordius lại càng tỏ ra dũng cảm hơn trong cơn đau đớn. Không có cực hình nào, không có vũ khí chết chóc nào có thể làm ông chùn bước khỏi quyết tâm đã định. Ngước mắt lên trời, ông hát những câu trong Thánh vịnh: *"Chúa ở cùng tôi – tôi sẽ không sợ hãi: con người có thể làm*

---

[580] Thần chiến tranh La Mã Mars được tôn kính là một trong những vị thần quan trọng nhất của tôn giáo nhà nước La Mã.

[581] Tức là, người công chính không sợ gì cả, giống như con sư tử.

[582] Các dụng cụ tra tấn các Kitô hữu đầu tiên.

gì được tôi?" (Thánh vịnh 117:6) và còn: *"Tôi sẽ không sợ điều ác, vì Ngài ở cùng tôi"* (Thánh vịnh 22:4); cùng những lời tương tự khác mà ngài đã học được từ các sách Thánh, Thánh Gordius đã ngâm nga, khích lệ bản thân về lòng dũng cảm và sự kiên nhẫn. Ngài hoàn toàn không hề sợ hãi, đến nỗi chính ngài đã tự kêu gọi những cực hình giáng xuống mình.

– Sao các ngươi còn chần chừ? – ông nói – Sao các ngươi còn đứng đó? Hãy chém xẻ thân thể tôi và xé nó ra từng mảnh, hãy hành hạ tôi tùy ý các ngươi. Đừng tước đoạt hy vọng của tôi về những ân huệ đã được hứa ban: càng gia tăng sự đau khổ cho tôi, tôi càng nhận được phần thưởng lớn lao hơn từ Chúa của tôi. Nỗi đau khổ của cuộc đời này mang lại niềm vui vĩnh cửu, và chúng ta, thay vì những vết thương mà các ngươi gây ra cho thân thể chúng ta, sẽ nhận được áo trắng rực rỡ vào ngày Phục sinh chung; thay vì sự sỉ nhục – chúng ta sẽ được ban tặng những vương miện thiên đàng. Thay vì bị kết án cùng với những kẻ ác, chúng ta sẽ được ở cùng các Thiên thần.

Không thể làm Thánh Gordius từ bỏ đức tin thánh thiện bằng cơn thịnh nộ và những hình phạt tra tấn, viên quan thành xảo quyệt bắt đầu dụ dỗ ngài bằng những lời ngọt ngào: vì đó là thói quen của ma quỷ – hắn dọa nạt những kẻ nhút nhát, còn những người kiên định thì hắn làm mềm lòng bằng lời nịnh hót và làm họ lơ là. Vì vậy, tên tra tấn bắt đầu đề nghị Thánh nhân những món quà khác nhau và hứa hẹn những phần thưởng còn lớn hơn nữa nhân danh nhà vua.

– Nhà vua – hắn nói – sẽ ban cho ngươi một chức vụ cao trong quân đội, một điền trang rộng lớn, của cải, danh vọng và tất cả những gì ngươi mong muốn.

Còn vị thánh, khi nghe những lời hứa đó, đã cười nhạo sự điên rồ của hắn và nói:

– Làm sao ngươi có thể ban cho ta điều gì đó tốt hơn Nước Trời được chứ?

Lúc đó, viên quan thành vô đạo, trong cơn giận dữ, đã rút kiếm ra và ra lệnh gọi đao phủ, kết án thánh Gordius phải bị chém đầu. Trước khi hành quyết diễn ra trước sự chứng kiến của đông đảo dân chúng, những người quen biết thánh Gordius đã vây quanh ngài, ôm lấy ngài và trao cho ngài nụ hôn cuối cùng. Với những giọt nước mắt, họ van nài ngài đừng tự đưa mình vào chỗ chết, đừng đánh mất cuộc đời đang ở độ xuân xanh và đừng rời bỏ mặt trời mà ai cũng yêu mến này. Họ khuyên ngài ít nhất hãy từ bỏ Chúa Kitô bằng lời nói, và nói:

– Chỉ cần một lời, ngươi có thể thoát khỏi cái chết, hãy chối bỏ Chúa Kitô bằng miệng; còn trong lòng thì hãy tin vào Ngài theo ý ngươi muốn, vì Thiên Chúa không nghe theo lời nói, mà nghe theo ý nghĩ của người nói. Nếu ngươi làm như vậy, ngươi sẽ làm dịu cơn giận của quan tòa và làm hài lòng Thiên Chúa.

Còn ông, như một tảng đá đứng giữa biển khơi, vẫn vững chãi bất chấp những con sóng biển ập vào dữ dội, vẫn kiên định với quyết tâm tốt lành của mình. Và cũng như ngôi nhà được xây trên đá, không bị phá hủy bởi bất kỳ cơn gió mạnh nào, cũng không bởi những cơn mưa xối xả hay những con sông tràn bờ, người đàn ông kiên cường ấy cũng vững vàng không lay chuyển trong đức tin của mình.

Khi nhìn thấy bằng đôi mắt thiêng liêng rằng ma quỷ đang lảng vảng quanh những người quen của mình, xúi giục người này khóc lóc, người kia cầu nguyện và đưa ra lời khuyên xấu xa, vị tử đạo đã nói với những người đang khóc bằng lời của Chúa: *"Đừng khóc vì Ta"* (Lc 23:28), nhưng hãy khóc than cho những kẻ thù của Đức Chúa Trời, những kẻ đang bắt bớ các tín hữu; tôi đang nói về những kẻ ấy, hãy khóc than cho họ, những kẻ *"đang chuẩn bị lửa cho chúng ta, chính họ cũng đang đốt lên địa ngục cho chính mình và tích lũy cơn thịnh nộ cho ngày phán xét"* (Rm 2:5). Xin đừng làm tan nát lòng tôi nữa; vì tôi không chỉ một lần, mà đã nhiều lần sẵn sàng chết vì danh Chúa Giê-su Christ của chúng ta.

Đối với những người khuyên Gordius chỉ cần từ bỏ Chúa Kitô bằng lời nói suông, ông đã trả lời như sau:

– Ngôn ngữ mà tôi được ban cho nhờ ân sủng của Đức Kitô, tôi không thể ép buộc nó từ chối Đấng Tạo Hóa của mình: *"vì người ta tin bằng lòng để được công chính, và xưng ra bằng miệng để được cứu rỗi"* (Rm 10,10). Làm sao tôi có thể từ chối Chúa, Đấng mà tôi đã thờ phượng từ thuở ấu thơ? Tôi được nuôi dưỡng trong đức tin thánh thiện. Liệu trời cao có kinh hoàng chăng, nếu tôi chối bỏ Đức Chúa Trời? Liệu các vì sao trên trời có che giấu ánh sáng của chúng trước mặt tôi chăng? Liệu đất có chịu đựng được tôi chăng, hay sẽ nuốt chửng tôi khi còn sống? *"Đừng tự lừa dối mình: Đức Chúa Trời không thể bị nhạo báng"* (Ga-la-ti 6:7)[583] "Ngài xét xử chúng ta dựa trên lời nói của chúng ta, xưng công chính cho chúng ta dựa trên lời nói của chúng ta, và kết án chúng ta dựa trên lời nói của chúng ta" (Lu-ca 19:22; Ma-thi-ơ 12:37). Chẳng lẽ các ngươi chưa nghe lời đe dọa đáng sợ của Chúa: *"Ai chối bỏ Ta trước mặt người ta, thì Ta cũng sẽ chối bỏ người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời"* (Ma-thi-ơ 10:33)?

[583] Tức là không thể lừa dối Đức Chúa Trời.

Vậy tại sao các ngươi lại khuyên tôi dùng miệng chối bỏ Đức Chúa Trời của tôi? Phải chăng để kéo dài cuộc đời mình? Phải chăng để tạm thời thoát khỏi cái chết và kiếm thêm vài ngày sống? Nhưng như vậy, tôi sẽ mất đi sự sống đời đời. Phải chăng để tránh những đau đớn thể xác? Nhưng như vậy, tôi sẽ không được hưởng những ân huệ dành cho người công chính ở nơi không có bệnh tật. Đó sẽ là sự điên rồ rõ ràng, nếu tôi dùng cuộc sống tạm bợ này để đổi lấy sự đau khổ vĩnh cửu và sự hủy diệt cùng với linh hồn mình. Không, tôi cũng khuyên các bạn: nếu các bạn suy nghĩ sai lầm như vậy, thì hãy học sự khôn ngoan và lẽ thật, và *"bỏ sự dối trá, hãy nói sự thật"* (Ê-phê-sô 4:25), hãy tuyên xưng rằng *"Chúa Giê-su Ki-tô vì vinh quang của Đức Chúa Cha"* (Phi-líp 2:11), vì mọi lưỡi sẽ thốt lên những lời ấy khi *"mọi đầu gối trên trời, dưới đất và dưới âm phủ đều quỳ xuống trước danh Chúa Giê-su"* (Phi-líp 2:10).

Sau khi nói những lời ấy và làm dấu thánh giá trên mình, thánh Gordius đã bước đi đến nơi hành hình mà không hề sợ hãi, khuôn mặt vẫn rạng ngời, và dừng lại tại nơi hành hình với tâm trạng như thể phía sau ngài không có người hành hình, và như thể ngài đang nhìn thấy các Thiên thần trước mặt, những Đấng mà ngài muốn trao linh hồn mình vào tay. Khi bị chém bằng gươm, ngài đã đạt được cuộc sống hạnh phúc: giống như La-xa-rơ, ngài đã được đưa đến nơi an nghỉ vĩnh cửu trong tiếng reo hò vui mừng, nơi đó, khi nhận được phần thưởng, ngài cùng với các Thiên thần mãi mãi tôn vinh Đấng Khởi xướng Công đức – Đấng Christ, Đấng mà ngài đã chịu khổ vì Ngài.

Kondak, giọng 8:

Mồ hôi của ngài, hỡi Đấng vinh quang, đã tưới đẫm cả trái đất, và bằng máu thánh của ngài, hỡi Đấng Cao Quý, ngài đã làm cho cả thế giới vui mừng; xin ngài, hỡi Đấng Khôn Ngoan của Thiên Chúa, bằng những lời cầu nguyện của ngài, hãy cứu rỗi tất cả những ai ca ngợi ngài bằng đức tin, và những ai tôn vinh ngài, những người đang cất lên bài ca xứng đáng, hỡi Đấng đáng ca ngợi, như một vị thánh chịu nhiều đau khổ.

Lễ kính Thánh Tiên tri Malachi

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 1

Thánh tiên tri Malachi xuất thân từ chi phái Zabulon[584] . Ngài đã sống và tiên tri vào thời Nehemiah[585] sau khi dân Do Thái trở về từ cảnh lưu đày ở Babylon[586] , khi Đền Thờ Giê-ru-sa-lem được xây dựng lại, và tại đó các nghi lễ thờ phượng được cử hành cùng các lễ vật do các tư tế dâng lên. Bằng cuộc sống đạo đức của mình, ông đã khiến dân chúng kinh ngạc; khi thấy ông sống trong sự thanh khiết giống như một Thiên thần của Đức Chúa Trời, họ đã đặt tên cho ông là Malachi, có nghĩa là "Thiên thần của Chúa". Được kêu gọi vào chức vụ tiên tri, Malachi đã trở thành một người bảo vệ nhiệt thành cho đức tin, luật pháp và sự đạo đức. Khi dân Do Thái trở về từ cảnh lưu đày, trong hàng ngũ họ nảy sinh nhiều rối loạn về mặt đạo đức và tôn giáo; những rối loạn này càng trở nên trầm trọng hơn do sự lơ là và thiếu trách nhiệm của các thầy tế lễ, khiến vị tiên tri không khỏi phẫn nộ và đau lòng. Ông đã lên tiếng chỉ trích dân chúng và các thầy tế lễ một cách mạnh mẽ và nghiêm khắc. Vị tiên tri đã lên án dân chúng và các thầy tế lễ vì họ không có lòng kính sợ Đức Chúa Trời như lẽ ra phải có, và dâng lên Ngài những của lễ kém chất lượng (Malachi 1), ông đã lên án các thầy tế lễ vì những điều bất chính của họ, việc họ lệch khỏi con đường chính trực, không tuân giữ các điều răn và sự giả hình trong việc thi hành luật pháp, khiến danh Chúa bị ô nhục và gây ra sự cám dỗ trong dân chúng (Mal. 2:1–9). Với lời lên án nghiêm khắc đối với dân chúng vì sự phản bội và vi phạm giao ước của tổ tiên họ, vì họ đối xử bất chính với vợ mình, bất công từ chối những người vợ hợp pháp, và lấy vợ thuộc các dân tộc khác (Mal. 2:10–16), vị tiên tri thánh Malachi đã đe dọa họ bằng sự phán xét của Đức

---

[584] Zabulon là con trai thứ sáu của tổ phụ Gia-cốp với Lê-a. – Chi phái của ông chiếm phần đất tốt nhất ở phía bắc Palestine, từ Biển Địa Trung Hải đến Hồ Gennesaret, giáp với các chi phái Asher và Nefeli ở phía bắc và chi phái Issachar ở phía nam, chi phái này chiếm vùng đồng bằng rộng lớn của Israel.

[585] Nê-hê-mi – một người Do Thái, là người rót rượu cho vua Ba Tư A-ta-xê-xơ Longiman; sau này, ông đã xây lại tường thành bao quanh thành Giê-ru-sa-lem vốn đã bị tàn phá một nửa và cùng với vị thầy tế lễ học giả Ê-xơ-ra – người đã dẫn dắt nhiều người Do Thái từ Ba-by-lôn về Giê-ru-sa-lem – tái thiết cuộc sống tôn giáo và dân sự của người Do Thái tại Giê-ru-sa-lem sau thời kỳ lưu đày. Ông đã ghi chép lại những việc làm của mình trong cuốn sách mang tên ông và được đưa vào Kinh Thánh.

[586] Tức là khoảng 400 năm trước Công nguyên.

Chúa Trời và vì nhiều tội lỗi khác của họ, vì việc họ hành nghề phù thủy và ngoại tình, vì những lời thề giả dối, vì việc giữ lại tiền công của những người làm thuê, vì việc áp bức góa phụ và trẻ mồ côi, vì việc từ chối người ngoại kiều, và vì việc không tuân thủ luật pháp liên quan đến tiền thập phân và các lễ vật dâng lên đền thờ Đức Chúa Trời (Mal. 3:5–12). Cuối cùng, vị tiên tri đã lên án dân Do Thái vì sự phạm thượng của họ, vì những lời nói ngạo mạn và xúc phạm, rằng việc phụng sự Đức Chúa Trời dường như là vô ích, việc tuân giữ các điều răn của Ngài và bước đi trước mặt Ngài trong trang phục tang lễ là vô nghĩa, rằng những kẻ gian ác và làm điều bất chính lại sống hạnh phúc hơn, sắp xếp công việc của họ tốt hơn và vẫn được bình an (Mal. 3:13–15, 2:17). Trong khi vạch trần những tệ nạn này, vị tiên tri thánh Malachi đồng thời đã tiên kiến vinh quang của Đền Thờ thứ hai và tiên tri một cách rõ ràng nhất về sự giáng lâm của Đấng Mê-si-a, sự xuất hiện của Tiền Hô trước khi Ngài đến, sự phán xét sắp tới của Đức Chúa Trời đối với những kẻ vô đạo, sự tôn vinh những người công chính và sự lan tỏa vinh quang của Đức Chúa Trời trước mặt mọi dân tộc (Mal. 1:5, 11, 2:1–5, 3:16–18, Mal. 4).

Thánh tiên tri Malachi qua đời khi còn trẻ và được an táng cùng các tổ tiên của ngài tại làng quê Sufah. Ngài là vị tiên tri cuối cùng của Cựu Ước, vì vậy các Thánh Tổ được gọi ngài là "dấu ấn của các tiên tri" ([587]).

Bài ca Kondak, giọng 4:

Được ban cho ân sủng tiên tri dồi dào, hỡi vị tiên tri, ngài đã báo trước sự giáng lâm của Đấng Kitô và sự cứu rỗi cho thế gian, nhờ ánh sáng của Ngài mà thế gian được soi sáng.

Ngày 17 tháng 1

Ngày 4 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh **Feoktist**, vị tu viện trưởng tại Kukuma thuộc Sicily (qua đời năm 800).

Lễ kính bảy mươi Thánh Tông đồ

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 1

Ngoài mười hai Tông đồ, Chúa Giêsu Kitô còn chọn thêm bảy mươi người khác. Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, đã nói về điều này như sau: "Sau đó, Chúa đã chọn thêm bảy mươi môn đệ khác và sai họ đi từng đôi một trước mặt Ngài" (Lc 10,1). Mười hai Tông đồ luôn ở bên Ngài, làm chứng cho cuộc đời Ngài, còn bảy mươi Tông đồ thì chuẩn bị cho mọi người đón nhận Đấng Cứu Thế Kitô, bằng cách rao giảng trước tại những thành phố mà Chúa Kitô dự định sẽ đến thăm. Sau này, nhiều môn đệ của Chúa, và tất nhiên trong số đó có nhiều người trong bảy mươi Tông đồ, đã bỏ Chúa Kitô và ngừng phục vụ Ngài. Thánh Tông đồ Gioan viết: "Nhiều môn đệ của Ngài đã bỏ Ngài và không còn đi theo Ngài nữa. Bấy giờ, Chúa Giêsu nói với mười hai người: 'Các con cũng muốn bỏ đi chăng?'" (Ga 6:66–67) Khi những ngày chịu khổ của Chúa Kitô đến, số môn đệ của Ngài lại giảm đi thêm nữa, và hầu như không còn ai trong số bảy mươi người ở lại với Ngài, thậm chí một trong mười hai tông đồ cũng đã bỏ Ngài. Sau khi Chúa Kitô phục sinh, hàng ngũ mười hai thánh tông đồ được bổ sung bởi Matthêu, còn hàng ngũ bảy mươi thì không được bổ sung ngay lập tức, mà từng bước một – từ số những người được mười hai Tông đồ và lời rao giảng của Thánh Tông đồ Phaolô dẫn dắt đến với Chúa Kitô; ngài đã được kêu gọi vào chính hàng ngũ cao quý đó và trở thành, cùng với Phêrô, vị đứng đầu trong hàng ngũ ấy.

Dựa trên Kinh Thánh, truyền thống của các Thánh Cha, các nhà sử học cổ đại và các nhà ghi chép đáng tin cậy của Giáo hội, chúng ta có thể hình dung nhóm bảy mươi vị tông đồ như sau.

---

[587] Cuốn sách mang tên nhà tiên tri Malachi là cuốn cuối cùng trong số các sách của các "tiên tri nhỏ". Cuốn sách này gồm bốn chương và trình bày một bài giảng tiên tri của ông, rất có thể phản ánh bản chất của nhiều bài giảng mà ông đã truyền đạt bằng miệng. Nội dung của bài giảng này là sự lên án những khuyết điểm đạo đức của dân Do Thái thời tiên tri, lời cảnh báo về sự trừng phạt của Đức Chúa Trời và lời hứa về Đấng Cứu Thế. Sách của tiên tri Malachi tràn ngập những lời tiên tri về Đấng Mê-si; phù hợp với tính chất Mê-si của nội dung sách (Mal. 3:1–3, 6–7, 12, 17–18, 4:4–6), trong đó có các lời tiên tri về sự giáng lâm của Thánh Tiền Hô của Chúa, được đọc như một bài đọc trong Thánh Lễ vào tất cả các ngày lễ tôn vinh Thánh Tiền Hô và Thánh Gioan Tẩy Giả.

Người đầu tiên trong số bảy mươi Tông đồ là Thánh Giacôbê, anh em của Chúa, người mà Thánh Tông đồ Phaolô đã đề cập đến trong Thư gửi tín hữu Galát, khi *ngài* nói: *"Tôi đã lên Giêrusalem để gặp Phêrô; còn về các Tông đồ khác, tôi không gặp ai cả, ngoại trừ Giacôbê, anh em của Chúa"* (Gl 1,18–19). Theo truyền thống, ngài được bổ nhiệm làm Giám mục đầu tiên của Giêrusalem, được chính Chúa Kitô chọn và phong chức trong thời gian Ngài còn tại thế. Khi rao giảng về Chúa Kitô tại Giêrusalem, Thánh Tông đồ Giacôbê đã bị người Do Thái đẩy từ mái đền thờ xuống đất, sau đó bị ném đá và qua đời vì một cú đánh bằng gậy vào đầu[588] .

Thánh Tin Mừng Mác-cô, người đã viết Thánh Tin Mừng dưới sự hướng dẫn của Thánh Tông đồ Phê-rô, người đã nhắc đến ngài trong Thư Thứ Nhất gửi các Hội Thánh với những lời sau: *"Hội Thánh tại Ba-by-lôn, cũng được chọn như anh em, và Mác-cô, con trai tôi, gửi lời chào đến anh em"* (1 Phê-rô 5:13). Chính Thánh Tông đồ Phêrô đã bổ nhiệm Mác làm giám mục tại thành phố Alexandria[589] , nơi mà vì rao giảng về Chúa Kitô, những kẻ thờ ngẫu tượng đã trói ông lại, lôi ông đi trên những tảng đá và đánh đập ông. Lúc đó, Chúa Giêsu Kitô đã hiện ra với ông, kêu gọi ông đến vinh quang trên trời, và vị tông đồ đã trút linh hồn mình cho Ngài[590] .

Thánh Luca, nhà truyền giáo, là người đã viết Phúc Âm dưới sự hướng dẫn của Thánh Tông đồ Phaolô, người đã nhắc đến ngài trong Thư gửi tín hữu Cô-lô-se: *"Luca, vị bác sĩ yêu dấu, gửi lời chào đến anh em"* (Cô-lô-se 4:14). Ngài cũng là tác giả của sách Công Vụ Các Tông Đồ và đã rao giảng nhiều về Đức Kitô[591] , chủ yếu tại Bêôti[592] . Ngài đã qua đời một cách tử đạo tại Achaia[593] .

Thánh Cleopas, em trai của Thánh Giuse Hôn Phu. Trên đường đến Emmaus cùng với Thánh Luca, ngài đã được chiêm ngưỡng Chúa sau khi Ngài Phục Sinh; sau đó, ngài đã nhận ra Đấng Kitô Phục Sinh khi Ngài hiện ra trước các môn đệ đang tụ họp trong một ngôi nhà, nơi Ngài đã thực hiện nghi thức bẻ bánh (Lc 24:13–35). Vì rao giảng về Đấng Kitô, Thánh Clêôpa đã bị người Do Thái giết chết[594] .

Thánh Simeon, người họ hàng theo huyết thống của Chúa, là giám mục thứ hai sau Thánh Tông đồ Giacôbê tại Giêrusalem, nơi ngài đã kết thúc cuộc đời mình khi bị đóng đinh vì Đấng Kitô đã chịu đóng đinh.[595]

Thánh Barnaba, được các Tông đồ đặt tên như vậy, trước đây tên là Giô-si-a (Công vụ 4:36). Ông được nhắc đến trong sách Công vụ các Tông đồ (Công vụ 11:24) và trong thư của Thánh Tông đồ Phao-lô gửi cho người Ga-la-ti: "*Tôi đã đi*," Thánh Phaolô nói, *"đến Giêrusalem cùng với* Thánh *Barnaba"* (Ga-la-ti 2:1). Thánh Barnaba, cùng với Thánh Phaolô, đã phục vụ cho công cuộc rao giảng Tin Mừng; ban đầu ngài rao giảng về Chúa Kitô tại Rôma, sau đó được tấn phong làm giám mục tại Mediolan[596] . Ông qua đời tại quê hương mình, trên đảo Síp, nơi ông bị những kẻ bắt bớ đức tin vào Đấng Kitô ném đá đến chết. Các Kitô hữu đã an táng ông một cách trang trọng và theo di chúc của ông, họ đã đặt vào quan tài cùng với ông cuốn Phúc Âm Thánh Mát-thêu, cuốn sách mà chính Ba-na-ba từng chép tay và không bao giờ rời xa[597] .

Thánh Giô-si-a, hay Giô-sép, còn được gọi là Varsava và Justus. Ông được nhắc đến trong Sách Công Vụ Các Tông Đồ, nơi kể lại rằng ông cùng với Ma-thi-ơ đã được bầu chọn để thay thế vị trí của Tông Đồ Giu-đa I-ca-ri-ốt, người đã phản bội (Công Vụ 1:23), và trong Thư của Thánh Tông đồ Phaolô gửi cho các tín hữu tại Cô-lô-se, trong đó vị Tông đồ, khi liệt kê những lời chào gửi đến các tín hữu của Hội Thánh Cô-lô-se, đã nói: *"cũng có Giêsu, người được gọi là Justus"* (Cô-lô-se 4:11). Các vị Thầy của Giáo Hội cho biết, vị Giô-si-a này là con trai

---

[588] Ngày tưởng niệm ngài được Giáo hội cử hành vào ngày 23 tháng 10

[589] Alexandria – thành phố nổi tiếng, được Alexander Đại đế thành lập vào năm 331 trước Công nguyên, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải, ở Hạ (Bắc) Ai Cập, tại cửa sông Nile. Trong thời cổ đại, đây từng là thành phố thương mại và công nghiệp giàu có bậc nhất. Hiện nay, Alexandria là một trong những thành phố cảng được củng cố vững chắc nhất và là trung tâm thương mại quan trọng nhất ven Biển Địa Trung Hải, với dân số lên đến 230.000 người.

[590] Lễ tưởng niệm ngài được cử hành vào ngày 25 tháng 4

[591] Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ và Thánh Sử Luca được Giáo hội Chính thống cử hành vào ngày 18 tháng 10, còn ngày rước di cốt của ngài là ngày 22 tháng 4.

[592] Boeotia – một vùng ở miền trung Hy Lạp.

[593] Như Thánh Grêgôriô Thần học đã chứng thực trong bài giảng đầu tiên về Hoàng đế Julian.

[594] Theo truyền thuyết, chính tại ngôi nhà đó, ngài cùng với Thánh Luca đã nhận ra Chúa Kitô Phục Sinh qua việc Ngài bẻ bánh.

[595] Ngày kỷ niệm ngài được Giáo hội ấn định vào ngày 27 tháng 4

[596] Mediolan – nay là Milan – là thành phố quan trọng nhất ở miền Bắc Ý, thuộc vùng Lombardia; được thành lập từ thời cổ đại xa xưa và luôn có vai trò quan trọng.

[597] Ngày kỷ niệm Thánh Tông đồ Barnaba được tổ chức đặc biệt vào ngày 11 tháng 6

của Giô-sép, người đã đính hôn với Đức Mẹ, cũng như Gia-cô-bê, Si-môn và Giu-đa (không phải I-ca-ri-ốt), và ngài đã đảm nhiệm chức vụ giám mục tại thành Eleutheropolis[598] , nơi ngài đã qua đời một cách tử đạo.[599]

Thánh Phaddeus ban đầu là môn đệ của Thánh Gioan Tiền Hô, sau đó trở thành môn đệ của Chúa Kitô. Cần phân biệt ngài với Thánh Tông đồ Giu-đa Phaddeus, hay Lê-vi, một trong Mười Hai Tông đồ. Ngài đã làm phép rửa cho hoàng tử Avgar của Edessa và chữa lành bệnh phong hủi cho ông. Sau một thời gian dài cống hiến cho công cuộc rao giảng Tin Mừng về Chúa Kitô, ngài đã an nghỉ trong Chúa[600] tại thành phố Berytus thuộc xứ Phoenicia[601] .

Thánh Anania, người đã làm phép rửa cho Tông đồ Phaolô (Công vụ 9:10–18), ban đầu là giám mục tại thành phố Damascus[602] . Thánh Anania đã kết thúc cuộc đời mình tại Eleutheropolis, nơi ngài bị ném đá đến chết theo lệnh của quan tổng trấn Lucian[603] .

Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên và là tổng phó tế, là người đầu tiên nhận vương miện tử đạo vì Chúa Kitô khi bị ném đá đến chết, chính vì thế ngài được gọi là "Vị Tử Đạo Đầu Tiên"[604] . Không lâu trước khi qua đời, ngài đã được ân sủng chiêm ngưỡng trời mở ra và Chúa Giêsu, dưới hình dạng Con Người, đang đứng bên hữu Thiên Chúa (Công vụ 7:55).

Thánh Philip, một trong bảy phó tế, người đã làm phép rửa cho Simon, nhà tiên tri giả ở Samaria[605] và cho hoạn quan của Nữ hoàng Candace (Công vụ 8:26–39), đã trở thành giám mục tại thành phố Tralles[606] và tại đó, sau khi truyền bá đức tin vào Chúa Kitô cho nhiều người, ngài đã về với Chúa khi đã cao tuổi.[607]

Thánh Prochorus, một trong bảy phó tế (Công vụ 6:5), là người đồng hành cùng Thánh Tông đồ Gioan Thần Học và tham gia vào các công việc của ngài. Ngài là vị giám mục đầu tiên tại thành phố Nicomedia thuộc Bithynia[608] , sau đó ngài rao giảng về Chúa Kitô tại Antioch[609] , nơi ngài đã chịu tử đạo.

Thánh Nicanor, một trong bảy phó tế, đã bị giết cùng với hai nghìn người tin vào Chúa Kitô, vào chính ngày mà Thánh Stephano, vị tử đạo đầu tiên, bị ném đá đến chết; sự việc này xảy ra, như được ghi chép trong sách Công Vụ Các Tông Đồ, vào thời kỳ cuộc bách hại lớn nhắm vào Giáo hội Giê-ru-sa-lem (Công Vụ 8:1).

Thánh Timon, một trong bảy phó tế, là giám mục của thành phố Vostra ở Ả Rập[610] và, trong khi rao giảng danh Chúa Kitô, ngài đã phải chịu nhiều đau khổ từ người Do Thái và người Hy Lạp. Sau đó, khi bị ném vào lò lửa đang cháy rực, ngài đã bước ra khỏi đó mà không hề hấn gì và rồi về với Chúa.

---

[598] Eleutheropolis – một thành phố ở miền Nam Palestine, trên con đường nối giữa Jerusalem và Gaza. Hiện nay, tại đây có một làng nằm ở lối ra khỏi đồng bằng Sefel, dẫn vào vùng cao nguyên Giu-đa. Không xa đó là những tàn tích của thành phố cổ Eleutheropolis.

[599] Lễ kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 30 tháng 10

[600] Giáo hội tổ chức lễ tưởng niệm Thánh Tông đồ Phaddeus vào ngày 21 tháng 8

[601] Beryt – nay là Beirut – là thành phố cổ của Phoenicia, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải; vào thế kỷ V, thành phố này từng thịnh vượng và nổi tiếng với trường đại học hàng đầu về hùng biện, thi ca và luật pháp; hiện nay – là thành phố hành chính chính của Syria thuộc Thổ Nhĩ Kỳ và là trung tâm thương mại quan trọng nhất trên bờ biển Syria, với dân số lên đến 180.000 người.

[602] Damascus – thành phố thương mại lớn nhất và giàu có nhất của Syria, là một trong những thành phố cổ xưa nhất trên thế giới; nằm về phía đông bắc Palestine, bên bờ sông Barada chảy qua thành phố, trên một đồng bằng xinh đẹp và trù phú, ở chân phía đông dãy núi Anti-Lebanon. Và hiện nay, thành phố Damascus, thuộc Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, là một trong những thành phố giàu có nhất châu Á và có tới 150.000 cư dân.

[603] Ngày tưởng niệm Thánh Ananias được Giáo Hội Thánh cử hành vào ngày 1 tháng 10

[604] Lễ tưởng niệm Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano được Giáo hội cử hành ba lần trong năm: ngày 27 tháng 12, ngày ngài chịu tử đạo; ngày 15 tháng 9, ngày kỷ niệm việc tìm thấy di cốt của ngài; và ngày 2 tháng 8, ngày di chuyển di cốt Thánh Stephano từ Jerusalem đến Constantinople.

[605] Samaria, với tư cách là một vùng đất hoặc khu vực của Palestine, nằm ở trung tâm Palestine, phía tây sông Jordan. Phía bắc giáp Galilee, phía nam giáp Judea, phía đông giáp sông Jordan, phía tây giáp Biển Địa Trung Hải. Samaria, thành phố chính của xứ Samaria và từng là thủ đô của vương quốc Israel, nằm cách Jerusalem gần ba verst về phía bắc. Hiện nay, không còn một viên đá nào còn sót lại từ thành phố cổ kính và huy hoàng này – trên nền đất của nó chỉ còn lại một ngôi làng nghèo nàn tên là Sabustie (trước đây là thành phố Sebastia).

[606] Trallia – một thành phố của người Lydian ở phía tây bắc Tiểu Á.

[607] Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Philip được Giáo hội cử hành vào ngày 11 tháng 10

[608] Nicomedia – một thành phố giàu có và thịnh vượng ở vùng Bithynia, thuộc phía tây bắc Tiểu Á. Từ thời Nicomedia cổ đại thịnh vượng cho đến nay, vẫn còn lưu giữ nhiều di tích đổ nát, chứng tỏ quá khứ huy hoàng của nó.

[609] Antiochia – thủ đô của Syria, là thành phố cổ xưa và giàu có nhất; Antiochia nằm bên sông Orontes, cách nơi sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải khoảng 10 verst, giữa các dãy núi Lebanon và Taurus. Hiện nay, Antioch nằm dưới sự cai trị của Thổ Nhĩ Kỳ và là một thị trấn nhỏ, nghèo nàn, với dân số khoảng 10.000 người.

Thánh Parmen, một trong bảy phó tế, khi đang thực hiện công việc rao giảng Tin Mừng mà các Tông đồ đã giao phó, đã tử đạo trước mặt các Tông đồ[611] .

Thánh Timôthê, người đã cùng Thánh Tông đồ Phaolô – người đã viết hai thư gửi cho ngài – làm việc trong công cuộc rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô, đã làm giám mục tại Êphêsô[612] , nơi ngài đã chịu tử đạo[613] .

Thánh Tít cũng đã cùng Thánh Tông đồ Phaolô làm việc trong công cuộc rao giảng Tin Mừng. Thánh Tông đồ Phaolô đã đề cập đến ngài trong các thư của mình (2 Cr 2:12–13, 12:18; 2 Ti-mô-thê 4:10), đồng thời cũng đã viết một thư gửi riêng cho ngài. Thánh Tít là giám mục của thành Gortyna, trên đảo Crete. Ngài qua đời trong bình an khi đã cao tuổi.[614]

Thánh Philemon, người mà Thánh Tông đồ Phaolô đã viết một thư riêng, là giám mục tại Gaza[615] . Ngài đã qua đời một cách tử đạo dưới triều đại của Hoàng đế Nê-rôn.[616]

Thánh Ô-ni-xim, người mà Thánh Tông đồ Phaolô đề cập đến trong thư gửi Philemon (Plm 1:10–19), đã rao giảng Kitô giáo tại Tây Ban Nha, Hy Lạp và Tiểu Á. Ngài đã chịu tử đạo ngay sau khi Thánh Ignatius, Đấng Mang Thiên Chúa, qua đời, bằng cách bị ném đá tại Rôma.[617]

Thánh Epaphras, người mà Thánh Tông đồ Phaolô cũng đề cập đến trong cùng bức thư gửi Philemon, khi nói: *"Epaphras, người đang bị giam cầm cùng với tôi vì Chúa Giêsu Kitô, gửi lời chào đến anh"* (Plm 1:23), là giám mục của thành phố Colossae và các giáo hội Laodicea và Hierapolis[618] . Cùng với Thánh Tông đồ Phaolô, ngài bị giam cầm tại Rôma, nơi mà Phaolô đã viết thư cho các tín hữu Cô-lô-se: *"Ê-pha-ra-sô, người của các anh em, tôi tớ của Đức Giêsu Kitô, gửi lời chào các anh em. Ông luôn cầu nguyện cho các anh em, để các anh em được trọn vẹn và đầy tràn mọi điều đẹp lòng Thiên Chúa. Tôi làm chứng về ngài rằng ngài có lòng nhiệt thành và quan tâm sâu sắc đến anh em, cũng như đến những người ở Laodicea và Hierapolis"* (Col 4:12–13).

Thánh Archippus, được nhắc đến trong cùng bức thư gửi Philemon, đã trở thành giám mục tại thành phố Colossae[619] sau khi Thánh Epaphras (bị giam cầm tại Rôma) qua đời; về điều này, Thánh Tông đồ Phaolô đã viết cho các tín hữu tại Colossae: *"Hãy nói với Archippus: Hãy chú ý để hoàn thành chức vụ mà anh đã nhận lãnh trong Chúa"* (Col 4:17). Chính tại đó, thánh Archippus đã chịu tử đạo.[620]

Thánh Sila là môn đệ và cộng sự thân cận nhất của Thánh Tông đồ Phaolô, cùng với ngài rao giảng Lời Chúa và phải chịu nhiều đau khổ, vết thương và bị giam cầm (Công vụ 16:13–24). Ngài được nhắc đến trong Sách Công Vụ Các Sứ Đồ: *"Phao-lô đã chọn Si-la và củng cố các Hội Thánh"* (Công Vụ 15:40–41). Sau đó, ngài trở thành giám mục tại Cô-rinh-tô[621] và, sau khi đã nỗ lực không ít trong việc rao giảng Lời Chúa cũng như thực hiện nhiều dấu lạ và phép lạ, ngài đã về với Chúa.[622]

---

[610] Bosta – một thành phố ở Ả Rập. Trong thời cổ đại, đây từng là một thành phố thương mại giàu có. Hiện nay, nơi đây chỉ còn lại những đống đổ nát. Những dãy cửa hàng bằng đá dài vẫn còn sót lại là minh chứng cho sự hùng mạnh và giàu có trong quá khứ của thành phố này.

[611] Lễ kính các thánh tông đồ: Prochorus, Nicanor, Timon và Parmenes được cử hành chung vào ngày 28 tháng 7; lễ kính thánh Nicanor được cử hành vào ngày 28 tháng 12 và lễ kính thánh Timon vào ngày 30 tháng 12.

[612] Ephesus – thành phố chính của tỉnh Asia thuộc Tiểu Á; nằm bên sông Caistrus. Hiện nay, trên nền tảng của thành phố cổ Ephesus là một ngôi làng Thổ Nhĩ Kỳ nghèo khó, có tên là *Aysha-Soluk.*

[613] Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Timôthê được Giáo hội cử hành vào ngày 22 tháng 1

[614] Lễ tưởng niệm Thánh Tít, Tông đồ, được cử hành vào ngày 25 tháng 8

[615] Gaza – một trong những thành phố cổ xưa nhất của người Philistine, từng là ranh giới phía nam của người Canaan ở Palestine. Sau này, thành phố từng phồn thịnh này đã mất hết tầm quan trọng, và giờ đây chỉ còn những ngọn đồi cát và những tàn tích thê thảm làm chứng rằng nơi đây từng tồn tại một thành phố vĩ đại. Cách đó không xa là một thành phố mới được xây dựng sau này, mang cùng tên gọi.

[616] Giáo hội Chính thống kỷ niệm ngày lễ Thánh Tông đồ Philemon vào ngày 19 tháng 2

[617] Vào thời trị vì của Hoàng đế La Mã Trajan, khoảng năm 109. Ngày kỷ niệm Thánh Tông đồ Onisimus được tổ chức vào ngày 15 tháng 2

[618] Các thành phố ở Tiểu Á.

[619] Colossae – một thành phố ở phía tây nam Phrygia, bên sông Lycus, gần Laodicea và Hierapolis. Trong thời cổ đại, đây từng là một thành phố lớn, đông dân và giàu có. Hiện nay, đây là một ngôi làng nhỏ nằm trên một sườn núi Hokas, nơi vẫn còn lưu giữ những tàn tích của thành phố cổ Colossae.

[620] Giáo hội cử hành lễ tưởng niệm Thánh Tông đồ Archippus vào ngày 19 tháng 2

[621] Corinth – thành phố thương mại cổ xưa, nổi tiếng và giàu có nhất của Achaea, tọa lạc trên một đồng bằng xinh đẹp và trù phú ở góc đông nam Vịnh Corinth, giữa Biển Ionia và Biển Aegean. Hiện nay, những tàn tích của thành phố cổ Corinth nằm gần thành phố Corinth hiện đại, được gọi là Kuronto, nơi có khoảng 5.000 cư dân.

[622] Ngày kỷ niệm của thành phố này được tổ chức vào ngày 30 tháng 7

Thánh Siluan đã rao giảng Lời Chúa cùng với các thánh tông đồ Phêrô và Phaolô. Thánh tông đồ Phêrô đã nhắc đến ngài trong Thư chung của mình như sau: *"Tôi đã viết ngắn gọn cho anh em qua Siluan, người mà tôi cho là anh em trung thành của anh em"* (1 Phêrô 5:12). Thánh Tông đồ Phaolô cũng đã đề cập đến ngài trong Thư thứ hai gửi tín hữu Cô-rinh-tô: *"Vì Con Thiên Chúa, là Đức Giêsu Kitô, Đấng mà chúng tôi – tôi và Siluan – đã rao giảng cho anh em"* (2 Cr 1,19). Tông đồ Siluan là giám mục tại Thessalonica[623] , nơi ngài, sau khi trải qua không ít gian nan trong những công cuộc củng cố đức tin thánh thiện của Đấng Christ, đã về với Đấng Cứu Thế.

Thánh Criscent[624] , người mà Thánh Tông đồ Phaolô đã đề cập đến trong Thư thứ hai gửi Timôthê (2 Tm 4:10), từng là giám mục tại Galatia[625] , và sau đó đã rao giảng về Chúa Kitô tại Gaul. Tại đó, ở thành phố Vienne[626] , Thánh Criscent đã tấn phong môn đệ của mình là Zacharias làm giám mục, rồi lại trở về Galatia, nơi ngài đã chịu tử đạo dưới triều đại của Trajan[627] .

Thánh Crispus, người được nhắc đến trong Sách Công Vụ Tông Đồ với những lời sau: *"Còn Crispus, trưởng hội đường, đã tin vào Chúa cùng cả gia đình mình"* (Công vụ 18:8), và về ngài, Thánh Tông đồ Phaolô trong Thư gửi tín hữu Cô-rinh-tô đã nói rằng ngài *"đã làm phép rửa cho Krisp"* (1 Cô-rinh-tô 1:19), là giám mục trên đảo Aegina, gần bán đảo Peloponnese[628] , nằm giữa Biển Aegean và Biển Ionian. Ngài qua đời trong bình an.

Thánh Epinet, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong Thư gửi tín hữu Rôma, khi ngài nói: *"Hãy chào Epinet, người thân yêu của tôi, là người đầu tiên ở Achaia tin nhận Chúa Kitô"* (Rm 16,5), đã từng là giám mục tại Carthage[629] .

Thánh Andronicus, người mà Thánh Tông đồ Phaolô đã nhắc đến trong cùng Thư gửi tín hữu Rôma, khi nói: *"Xin chào Andronicus"*, và gọi ngài là người thân và bạn thuở nhỏ của mình, một trong những tông đồ quan trọng nhất, những người đã tin vào Chúa Kitô trước ngài (Rm 16,7), là giám mục tại Pannonia[630] . Ngài đã an nghỉ trong bình an[631] .

Thánh Stachius, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong cùng bức thư này khi nói: *"Hãy chào Stachius, người tôi yêu mến"* (Rm 16,9), đã được Thánh Tông đồ Anrê, người được kêu gọi đầu tiên, bổ nhiệm làm giám mục đầu tiên của Byzantium. Cùng với ngài, Thánh Stachius đã xây dựng một nhà thờ tại Argyropolis[632] , nơi thu hút đông đảo tín hữu tụ họp, và ngài đã giảng dạy cho họ về các điều răn của Chúa Kitô.

Thánh Ampli, người mà Thánh Tông đồ Phaolô đã nhắc đến trong cùng bức thư này khi nói: *"Hãy chào Ampli, người mà tôi yêu mến trong Chúa"* (Rm 16,8), đã làm giám mục tại thành phố Diospolis[633] , nơi ngài rao giảng về Chúa Kitô. Ngài qua đời tại thành phố Odisse[634] , sau khi bị người Hy Lạp giết hại vì việc rao giảng về Chúa Kitô[635] .

Thánh Urban, người mà Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong cùng bức thư này, khi nói: *"Hãy chào Urban, người cộng tác với chúng tôi trong Chúa Kitô"* (Rm 16,9), đã từng là giám mục tại Macedonia[636] và đã qua đời như một vị tử đạo[637] .

---

[623] Thessaloniki, hay Thessalonica, là một thành phố cổ kính và vô cùng quan trọng của Macedonia, tọa lạc sâu trong vịnh Thessaloniki (hay vịnh Fermea) thuộc Biển Aegean (Quần đảo). Hiện nay, thành phố này, với tên gọi Thessaloniki, là thành phố thương mại và công nghiệp lớn nhất ở Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu, chỉ sau Constantinople, với dân số rất đông đúc.

[624] Ngày kỷ niệm của thành phố này là ngày 30 tháng 7

[625] Galatia – một tỉnh nhỏ, nhiều núi nhưng màu mỡ ở Tiểu Á, nằm giữa Phrygia, Bithynia, Pontus và Cappadocia. Tên gọi này bắt nguồn từ người Galati – những bộ tộc hiếu chiến có nguồn gốc từ người Gaul hoặc người Celtic.

[626] Vienna – nay là Vienne – là một thuộc địa La Mã cổ đại và sau này trở thành thủ đô của các quốc gia khác nhau do các bộ tộc Germanic thành lập, nằm trên bờ trái sông Rhône. Hiện nay, thành phố này sở hữu nhiều di tích La Mã cổ đại.

[627] Trajan – hoàng đế La Mã – trị vì từ năm 98 đến năm 117.

[628] Peloponnese – phần phía nam của Hy Lạp.

[629] Carthage – thuộc địa cổ xưa và nổi tiếng nhất của người Phoenicia ở miền bắc châu Phi, đã đạt đến đỉnh cao quyền lực trong lịch sử cổ đại và bị phá hủy vào năm 146 trước Công nguyên. Trên nền tảng của Carthage cổ đại, dưới thời các hoàng đế La Mã đầu tiên, một Carthage mới đã được thành lập và tồn tại rực rỡ trong một thời gian rất dài.

[630] Pannonia – một trong những vùng đất quan trọng ven sông Danube của Đế chế La Mã; ngày nay Pannonia là một phần của Hungary.

[631] Giáo hội cử hành lễ kính Thánh Tông đồ Andronicus ba lần trong năm: ngày 17 tháng 5, ngày 30 tháng 7 và ngày 22 tháng 2.

[632] Argyropolis, ngày nay là Fundukli, một vùng ngoại ô của Constantinople, gần Pera và Galata

[633] Diospol nằm ở Palestine, phía tây bắc Jerusalem.

[634] Odissa – một thành phố ở Misia, thuộc phần tây bắc của Tiểu Á; ngày nay là Varna – một cảng nằm ở sườn đông bắc dãy Balkan, bên bờ Biển Đen, có hơn 25.000 cư dân.

[635] Giáo hội kỷ niệm ngày này vào ngày 31 tháng 10

Thánh Narkissos (ngày kỷ niệm 31 tháng 10), người mà Thánh Tông đồ Phaolô đã nhắc đến trong cùng bức thư này, khi nói: *"Hãy chào hỏi những người trong gia đình Narkissos, những ai ở trong Chúa"* (Rm 16,11), là giám mục tại Athens[638] .

Thánh Apelles, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong cùng bức thư này, khi ngài nói: *"Hãy chào Apelles, người đã được thử thách trong Đức Kitô"* (Rm 16,10), là giám mục của thành Smyrna[639] .

Thánh Aristovulus, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong cùng bức thư này, khi ngài nói: *"Hãy chào hỏi những người trung thành trong nhà Aristovulus"* (Rm 16,10), là giám mục tại Britannia[640] và đã qua đời tại đó sau những năm tháng lao động vất vả và đau khổ[641] .

Thánh Hê-rô-đi-ôn, hay Rô-di-ôn, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong cùng bức thư này, khi ngài nói: *"Hãy chào hỏi Hê-rô-đi-ôn, người thân của tôi"* (Rm 16,11), là giám mục tại Patras[642] . Ngài đã qua đời một cách tử đạo tại Rôma[643] .

Thánh Agav có ân sủng tiên tri. Ngài được nhắc đến trong Sách Công Vụ Tông Đồ như sau: *"Có một nhà tiên tri tên là Agabus từ Giu-đê đến, lấy thắt lưng của Phao-lô, trói tay và chân mình lại, rồi nói: 'Thánh Thần phán như vầy: Người chủ của chiếc thắt lưng này sẽ bị người Giu-đê trói lại tại Giê-ru-sa-lem và nộp vào tay dân ngoại'"* (Công vụ 21:10–11; xem 11:28). Thánh Tông đồ Agav đã rao giảng ở nhiều quốc gia và dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô.[644]

Thánh Rufus (ngày kỷ niệm của ngài là ngày 8 tháng 4), người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong Thư gửi tín hữu Rôma khi nói: *"Hãy chào Rufus, người được chọn trong Chúa"* (Rm 16:13), là giám mục tại Thebes, một thành phố ở Hy Lạp[645] .

Thánh Asyncritus, người được nhắc đến trong cùng bức thư (Rm 16,14), là giám mục tại Hyrcania, một vùng thuộc Tiểu Á, nơi ngài đã chịu nhiều đau khổ vì danh Chúa Kitô[646] .

Thánh Phlegon, được nhắc đến trong cùng bức thư (Rô-ma 16:14), là giám mục tại Marathon, một thành phố thuộc Thrace[647] .

Thánh Herm, được nhắc đến trong cùng bức thư (Rô-ma 16:14), là giám mục tại Philippi[648] , nơi ngài đã qua đời trong sự tử đạo[649] .

Thánh Patrov, được nhắc đến trong cùng bức thư (Rô-ma 16:14), là giám mục tại Naples[650] và Puteoli[651] , nơi ngài đã dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô[652] .

---

[636] Macedonia nằm ở phía bắc Hy Lạp, giữa Illyria, Thrace, Biển Aegean và Getae hoặc dãy Balkan. Trong một thời gian, nơi đây là một quốc gia độc lập, đặc biệt phát triển và nổi tiếng dưới thời vua Alexander Đại đế. Vào thời các Tông đồ, Macedonia thuộc Đế quốc La Mã. Hiện nay, vùng đất này nằm dưới sự cai trị của người Thổ Nhĩ Kỳ.

[637] Lễ kính Thánh Tông đồ Urvan ngày 31 tháng 10

[638] Athens – thủ đô của nhà nước Hy Lạp cổ đại; nổi tiếng với các công trình kiến trúc, tượng đài, sự phát triển của thương mại và công nghiệp, và đặc biệt là các trường học. Tại đây, cho đến những thời kỳ muộn nhất (thế kỷ VI trước Công nguyên), vẫn tồn tại những trường phái triết học nổi tiếng, nơi người dân các quốc gia cổ đại đến học tập.

[639] Smyrna – thành phố thương mại nổi tiếng của Ionia, nằm trên bờ đông Biển Aegean (hay Quần đảo Aegean), là một trong những thành phố cổ xưa nhất của Tiểu Á. Smyrna đã được Thánh Tông đồ Gioan Thần Học truyền bá đạo Kitô. Hiện nay, Smyrna thuộc về người Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng cho đến ngày nay, đức tin Kitô giáo Chính thống vẫn được duy trì tại đó. Thành phố này vẫn là một trong những thành phố thịnh vượng và đông dân nhất của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ.

[640] Britania – tên gọi cổ xưa của nước Anh.

[641] Giáo hội kỷ niệm Thánh Tông đồ Aristobulus hai lần trong năm: ngày 16 tháng 3 và ngày 31 tháng 10.

[642] Patras, hay Patara, là một thành phố thương mại ven biển thuộc tỉnh Lycia ở Tiểu Á (nay là Anatolia). Thành phố này được người Phoenicia thành lập; hiện nay chỉ còn lại những tàn tích.

[643] Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Hê-rô-đi-ôn được Giáo hội cử hành vào ngày 8 tháng 4 và 10 tháng 11.

[644] Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 8 tháng 4

[645] Thebes – thành phố chính của Boeotia, một vùng của Hy Lạp.

[646] Ngày tưởng niệm ngài – 8 tháng 4

[647] Marathon – một thành phố cổ ở Thrace, nằm về phía đông bắc của Macedonia.

[648] Philippi – một thành phố cổ được củng cố vững chắc ở Thrace, hiện nay thuộc Đông Rumelia, bên bờ sông Maritsa; cho đến nay, thành phố này vẫn rất quan trọng về công nghiệp và dân số.

[649] Giáo hội tổ chức lễ tưởng niệm vào ngày 8 tháng 3 và 5 tháng 11.

[650] Napoli – thành phố thủ phủ của tỉnh cùng tên thuộc Vương quốc Ý, nằm trên bờ bắc Vịnh Napoli.

[651] Puteoli – một thành phố ven biển của Ý nằm bên bờ Biển Tyrrhenian, gần Naples, thuộc vùng Campania.

[652] Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Patro là ngày 5 tháng 11

Thánh Hermias (Giáo hội Chính thống kỷ niệm Thánh Tông đồ Hermias hai lần mỗi năm: ngày 8 tháng 4 và ngày 31 tháng 5), người được nhắc đến trong cùng bức thư này, từng là giám mục tại Dalmatia[653] .

Thánh Tông đồ Phaolô đã nhắc đến năm vị tông đồ này trong Thư gửi tín hữu Rôma với những lời sau: *"Hãy chào Asyncritus, Phlegon, Hermas, Patras và Hermias"* (Rm 16,14).

Thánh Lin, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong Thư thứ hai gửi Timôthê (2 Tm 4:21), là giám mục tại Rôma, kế vị Thánh Tông đồ Phêrô[654] .

Thánh Gaius, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong Thư gửi tín hữu Rôma, khi ngài nói: *"Gaius, người tiếp đón tôi và cả Hội Thánh, gửi lời chào đến anh em"* (Rm 16,23), là giám mục tại Êphêsô, kế nhiệm Thánh Timôthê.

Thánh Philologus, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong cùng bức thư đó, khi ngài nói: *"Xin chào Philologus"* (Rm 16,15), đã được Thánh Tông đồ Anrê tấn phong làm giám mục tại Sinope[655] , nơi ngài đã an nghỉ trong bình an.[656]

Thánh Lucius, hay Luca (ngày kỷ niệm của ngài là ngày 10 tháng 9), người mà Thánh Tông đồ Phaolô đã đề cập trong cùng bức thư (Rm 16,21), từng là giám mục tại Laodicea thuộc Syria[657] .

Thánh Gia-sôn, người được nhắc đến trong cùng bức thư (Rô-ma 16:21), là giám mục tại Tarsus[658] , nơi ngài đã chịu nhiều đau khổ vì danh Chúa Kitô. Ngài qua đời trong bình an khi đã cao tuổi[659] .

Thánh Sosipater, cũng được nhắc đến trong Thư gửi tín hữu Rôma (Rm 16,21), là giám mục tại Ikonia[660] . Thánh Sosipater đã qua đời trong bình an[661] .

Về ba vị tông đồ cuối cùng này, Thánh Phaolô đã viết trong Thư gửi tín hữu Rôma như sau: *"Lúciô, Gia-sôn và Sô-si-pa-trô, những người thân của tôi, cũng gửi lời chào đến anh em"* (Rm 16,21).

Thánh Olympan, hay Olymp, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong cùng bức thư (Rm 16,15), đã có mặt khi Thánh Tông đồ Phêrô chịu tử đạo tại Rôma, và sau đó chính ngài cùng với Thánh Tông đồ Hê-rô-đi-ôn đã bị chém đầu theo lệnh của Nê-rôn, như Metaphrastus đã ghi chép trong bài giảng về ngày lễ các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô[662] .

Thánh Tertius là người đã chép thư của Thánh Tông đồ Phaolô gửi cho người Rôma, điều mà chính ngài đã đề cập trong thư này: *"Tôi, Tertius, người đã chép thư này, cũng chào các anh em trong Chúa"* (Rm 16,22). Ngài là vị giám mục thứ hai tại Ikonia, sau Thánh Sosipater, và tại đó ngài đã nhận được vương miện tử đạo[663] .

Thánh Erastus, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong cùng bức thư này (Rm 16,23), từng là phó tế và thủ quỹ của Giáo hội Giêrusalem, sau đó trở thành giám mục tại Paneada[664] .

Thánh Quart, hay Quart, được đề cập trong cùng bức thư này, từng là giám mục tại Berytus.

Về hai vị tông đồ này, Thánh Phaolô viết như sau: *"Erastus, thủ quỹ thành phố, và anh em Quartus gửi lời chào các anh em"* (Rm 16,23).

---

653 Dalmatia – phần phía nam của tỉnh Illyria, giáp Pannonia ở phía bắc, giáp Ý và Biển Adriatic ở phía tây.

654 Ngày tưởng niệm ngài: 5 tháng 11

655 Synope – một thành phố nằm trên bờ nam Biển Đen.

656 Ngày tưởng niệm ngài là ngày 5 tháng 11

657 Laodicea ở Syria – từng là thành phố chính của Phrygia, nằm ở phía tây nam của tỉnh này, thuộc Tiểu Á, bên bờ sông Lycus; nổi tiếng với hoạt động thương mại sầm uất. Hiện nay, chỉ còn lại những tàn tích trên một ngọn đồi thấp, gần ngôi làng hoang vắng Eski-Gassara, làm chứng tích cho thành phố cổ xưa đó.

658 *Tarsus* – một thành phố lớn và đông dân của Cilicia (tỉnh phía đông nam Tiểu Á), nằm ở phần phía nam của vùng này, trên một đồng bằng màu mỡ, bên bờ sông Kidne, không xa nơi con sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải. Và hiện nay, Tarsus vẫn là một thành phố thương mại khá quan trọng.

659 Ngày kỷ niệm Thánh Tông đồ Iason được tổ chức vào ngày 28 tháng 4

660 Iconium – một thành phố nằm trên cao nguyên màu mỡ ở sâu trong Tiểu Á, dưới chân núi Taurus; từng là thủ phủ của Lycaonia; ngày nay là Konya, thủ phủ của vùng Karaman thuộc Thổ Nhĩ Kỳ.

661 Ngày tưởng niệm ngài là ngày 28 tháng 4

662 Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Olympus được cử hành vào ngày 10 tháng 11

663 Ngày tưởng niệm Thánh Tê-rít, Tông đồ, được Giáo hội cử hành vào ngày 30 tháng 10

664 Paneada – một thành phố ở phía bắc Palestine; còn được gọi là Caesarea Philippi.

Thánh Evod là giám mục Antiôkhia kế vị Thánh Phêrô. Thánh Ignatius, người mang danh Chúa, đã nhắc đến ngài trong thư gửi cho các tín hữu Antiôkhia, nói rằng: *"Hãy tưởng nhớ Evod đáng kính, cha của anh em, cũng là vị mục tử đầu tiên của anh em*." Ngài đã qua đời trong sự tử đạo[665] .

Thánh Ô-ni-si-phô, người được Thánh Tông đồ Phao-lô nhắc đến trong Thư thứ hai gửi Ti-mô-thê, khi ngài nói: *"Xin Chúa ban ân sủng cho gia đình Ô-ni-si-phô, vì ông đã nhiều lần an ủi tôi và không hổ thẹn vì những xiềng xích của tôi"* (2 Tm 1,16), ngài từng là giám mục tại Cô-lô-phôn[666] và Ki-ri-nê[667] . Ngài đã qua đời trong sự tử đạo[668] .

Thánh Clêmentê, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong Thư gửi tín hữu Phi-líp-phê khi nói: *"người đã cùng tôi và Clêmentê chiến đấu"* (Pl 4,3), từng là giám mục tại Sardis[669] .

Thánh Sosthenes, người sau Thánh Crispus đã trở thành trưởng hội đường Do Thái tại Cô-rinh-tô, đã được Thánh Tông đồ Phaolô dẫn dắt vào đạo Kitô. Trong Sách Công Vụ Tông Đồ có chép về ngài *như sau*: *" , tất cả người Hy Lạp đã bắt Sosthenes, người đứng đầu hội đường, và đánh đập ông trước tòa án"* (Công Vụ 18:17). Chính Thánh Tông Đồ Phaolô cũng đã nhắc đến tên ngài cùng với tên mình trong Thư gửi tín hữu Cô-rinh-tô, bắt đầu như sau: *"Phaolô, Tông đồ của Đức Giêsu Kitô, được Thiên Chúa kêu gọi*, *cùng với anh em Sosthenes"* (1 Cr 1,1). Sau này, Thánh Tông đồ Sosthenes đã trở thành giám mục tại Colophon[670] .

Thánh Apôlô được nhắc đến trong Sách Công Vụ Các Tông Đồ: *"Có một người Do Thái tên là Apôlô, quê ở Alexandria, là người hùng biện và thông thạo Kinh Thánh, đã đến Ê-phê-sô. Ông đã được hướng dẫn về những điều cơ bản của con đường Chúa và, với lòng nhiệt thành, đã nói và giảng dạy về Chúa một cách chính xác"* (Công vụ 18:24–25). Thánh Tông đồ Phaolô cũng nhắc đến ông trong Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô, khi nói: *"Tôi đã trồng, Apôlô đã tưới, nhưng chính Thiên Chúa đã làm cho lớn lên"* (1 Cr 3:6). Sau đó, Apôlô đã ở tại đảo Crete[671] và sau này còn trở thành giám mục của thành Cêsarê[672] .

Thánh Tích-khích được nhắc đến trong Sách Công Vụ Các Sứ Đồ (Công Vụ 20:4) và trong các thư của Thánh Phao-lô gửi cho người Cô-lô-se (Cô-lô-se 4:7) và người Ê-phê-sô, nơi có chép: *"Để các anh em cũng biết về những việc làm của tôi, Tích-cô, người anh em yêu dấu và là người phục vụ trung thành trong Chúa, sẽ báo cho các anh em biết mọi điều; tôi đã sai người ấy đến với các anh em chính là để các anh em biết về chúng tôi và để người ấy an ủi lòng các anh em"* (Ê-phê-sô 6:21–22). Và một lần nữa, trong Thư thứ hai gửi Tê-mô-thê, Thánh Phao-lô nói: *"Tôi đã sai Tích-cô đến Ê-phê-sô"* (2 Tm 4:12; so sánh Tít 3:12). Tích-cô là Giám mục Cô-lô-phô sau Thánh Sô-phê-nô[673] .

Thánh Epaphroditus được nhắc đến trong thư của Thánh Tông đồ Phaolô gửi cho người Phi-líp, nơi Thánh Tông đồ Phaolô nói: *"Tuy nhiên, tôi thấy cần phải gửi Epaphroditus đến với anh em, người anh em, cộng sự và đồng hành của tôi, cũng là sứ giả và người phục vụ của anh em trong lúc tôi gặp khó khăn"* (Pl 2,25). Epaphroditus từng là giám mục tại Adriaca[674] .

---

[665] Thánh Evod qua đời vào năm 66 sau Công nguyên, trong cuộc bách hại của Hoàng đế La Mã Nê-rôn. Ngày tưởng niệm Thánh Evod được cử hành vào ngày 7 tháng 9

[666] Colophon – một thành phố cổ của Lydia, nằm ở phía tây bắc Tiểu Á. Gần đây, người ta đã phát hiện ra những tàn tích của thành phố này.

[667] Cyrene – thành phố chính của vùng cùng tên – tọa lạc tại Libya, trên bờ biển phía bắc châu Phi, phía tây Ai Cập. Đây từng là thành phố lộng lẫy và giàu có nhất ở Bắc Phi. Hiện nay, nơi đây chỉ còn lại những tàn tích.

[668] Giáo hội kỷ niệm Thánh Tông đồ Onisifor hai lần: vào ngày 7 tháng 9 và ngày 8 tháng 12.

[669] Sardica – tức là Sardis cổ đại, hay Sardy, một thành phố giàu có của Lydia, nằm ở phía tây bắc Tiểu Á, từng là thủ đô và nơi cư ngụ của vua Croesus, người nổi tiếng với sự giàu có. Vào thời các Tông đồ, nơi đây vẫn là một thành phố quan trọng; Giáo hội Kitô giáo cũng sớm được thành lập tại đây. Ngày nay, nơi đây chỉ còn là một ngôi làng nhỏ bé, và chỉ có những tàn tích còn lại mới chứng tỏ sự vĩ đại trong quá khứ của thành phố này.

[670] Giáo hội tổ chức lễ kỷ niệm Thánh Tông đồ Sosthenes hai lần mỗi năm: ngày 30 tháng 3 và ngày 8 tháng 12

[671] Đảo Crete (còn được gọi là Candia – theo tên thành phố chính cùng tên) nằm ở phần phía đông của Biển Địa Trung Hải, phía nam Biển Aegean. Nhờ diện tích rộng lớn và đất đai màu mỡ, nơi đây từng được mệnh danh là "nữ hoàng của các hòn đảo" ở Biển Địa Trung Hải. Đạo Kitô đã bắt đầu ở đây từ thời các Tông đồ; những nền tảng đầu tiên của nó được đặt bởi những người chứng kiến sự kiện Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các Tông đồ, vì lúc đó cũng có người Crete hiện diện (Công vụ 2:11). Hiện nay, đảo Crete đang nằm dưới sự cai trị của người Thổ Nhĩ Kỳ.

[672] Giáo hội kỷ niệm Thánh Tông đồ Apollos hai lần mỗi năm: ngày 30 tháng 3 và ngày 8 tháng 12

[673] Ngày kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 8 tháng 12

Thánh Carpus, người mà Thánh Tông đồ Phaolô đã nhắc đến trong Thư thứ hai gửi Timôthê như sau: *"Khi anh đi, hãy mang theo chiếc áo choàng mà tôi đã để lại ở Troad, tại nhà Carpus, cùng với các sách"* (2 Tm 4,13), là giám mục tại Bêria thuộc Thrace[675] . Ngài đã an nghỉ trong bình an[676] .

Thánh Codrat là giám mục tại Athens và Magnesia, nơi ngài, trong khi rao giảng Lời Chúa, đã chịu tử đạo dưới tay người Athens[677] dưới triều vua Hadrian[678] .

Thánh Mác-cô, còn được gọi là Gio-an, người được Sách Công Vụ Tông Đồ nhiều lần nhắc đến với tư cách là bạn đồng hành của Phao-lô và Ba-na-ba, chẳng hạn như trong đoạn sau: *"Còn Barnaba và Sa-lô-môn, sau khi hoàn thành nhiệm vụ, đã trở về từ Giê-ru-sa-lem (đến An-ti-ô-ki-a), mang theo cả Gioan, người được gọi là Mác"* (Công vụ 12 và các đoạn khác), đã từng là giám mục tại thành phố Byblos, thuộc Phoenicia[679] . Thánh Mác-cô đã thực hiện nhiều phép lạ và có sức mạnh ân sủng đến nỗi chỉ cần bóng của ngài cũng đủ để chữa lành những người đau ốm[680] .

Thánh Zina, có biệt danh là "Người Giảng Luật", tức là thầy dạy Luật Mô-sê, người mà Thánh Tông đồ Phaolô đã đề cập trong Thư gửi Tít, khi nói: *"Hãy lo gửi Zina, người Giảng Luật, đến với tôi"* (Tít 3:13), đã từng là giám mục tại thành phố Diospolis.

Thánh Aristarchus, người được nhắc đến trong Sách Công Vụ Các Tông Đồ (Công Vụ 19:29) và trong các thư của Thánh Tông Đồ Phaolô gửi cho người Cô-lô-se (Cô-lô-se 4:10) và cho Phi-lê-môn (Phi-lê-môn 1:23), là giám mục tại thành phố Apamea[681] .

Thánh Pud, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong Thư thứ hai gửi Timôthê, khi ngài nói: *"Pud cũng gửi lời chào đến anh"* (2 Tm 4:21), là thành viên của Thượng viện La Mã. Ông là một người đạo đức, đã tiếp đón các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô cùng nhiều tín hữu tại nhà mình. Sau này, ngôi nhà của ngài đã được chuyển thành một nhà thờ, được gọi là "Nhà thờ Mục tử", và theo truyền thuyết, Thánh Tông đồ Phêrô đã cử hành thánh lễ tại đó.

Thánh Trophimus, người được nhắc đến hai lần trong Sách Công Vụ Các Tông Đồ (Công Vụ 20:4, 21:29) và được Thánh Tông Đồ Phaolô đề cập trong cùng bức thư gửi cho Timôthê, khi ngài nói: *"Còn Trophimus, tôi đã để lại ở Milet vì anh ấy đang ốm"* (2 Ti-mô-thê 4:20), cùng với các tông đồ Pút và A-ri-s-ta-khô đã đồng hành cùng Thánh Phaolô trong mọi cuộc bách hại, và cuối cùng, khi Thánh Phaolô bị chém đầu bằng gươm tại Rôma dưới triều vua Nê-rôn, ngài cùng với hai người bạn đồng hành của mình cũng bị chém đầu[682] .

Thánh Mác-cô (ngày kỷ niệm là 30 tháng 10), cháu trai của Thánh Tông đồ Ba-na-ba, từng là giám mục tại Apollonia thuộc Bithynia[683] . Thánh Tông đồ Phao-lô đã nhắc đến ngài trong Thư gửi tín hữu Cô-lô-se cùng với Thánh Tông đồ A-ri-s-ta-khô đã được đề cập ở trên: *"Aristarchus, người đang bị giam cùng với tôi, và Mác, cháu trai của Barnaba, gửi lời chào đến anh em"* (Col. 4:10).

Thánh Artemas (ngày kỷ niệm của ngài là ngày 30 tháng 10), người mà Thánh Tông đồ Phaolô đề cập đến trong Thư gửi Tít: *"Khi tôi gửi Artemas đến với anh"* (Tít 3:12), từng là giám mục tại Lystra[684] .

---

[674] Adria, hay Adriaka, là một thành phố ở Thrace bên bờ Biển Đen, không xa Philippi, thành phố của Macedonia, nằm trên biên giới với Thrace.

[675] Beria là một thành phố ở phía đông Macedonia. Tại đây, Thánh Phaolô đã rao giảng đạo Kitô trong khoảng thời gian từ năm 40 đến năm 65 sau Công nguyên. Hiện nay, thành phố này được gọi là Verria hoặc Kara Verria (Verria Đen); nơi đây có khoảng 10.000 cư dân.

[676] Ngày kỷ niệm Thánh Tông đồ Karpos được tổ chức vào ngày 26 tháng 5

[677] Ngày tưởng niệm ngài là ngày 21 tháng 9

[678] Hadrian – hoàng đế La Mã – trị vì từ năm 117 đến năm 138.

[679] Byblos – một thành phố cổ ở Phoenicia, gần biển, nằm giữa Tripoli và Berytus, nổi tiếng là trung tâm thờ phụng thần Adonis, nơi đã được xây dựng một ngôi đền tráng lệ dành cho vị thần này. Hiện nay, tại vị trí của Byblos là một thị trấn nhỏ tên là Jebel, với tổng cộng chỉ 600 cư dân. Nơi đây được bao quanh bởi những di tích từ thời La Mã và thời kỳ các cuộc Thập tự chinh, cũng như những nghĩa trang rộng lớn, nơi lưu giữ các cổ vật Ai Cập và Phoenicia.

[680] Giáo hội kỷ niệm ngày này vào ngày 27 tháng 9

[681] Apamea – một trong những thành phố của Syria.

[682] Ngày tưởng niệm các Tông đồ Aristarchus, Pudus và Trophimus được Giáo hội thánh kính vào ngày 15 tháng 4

[683] Apollonia – một thành phố ở Bithynia, vùng phía bắc Tiểu Á, sau này được sáp nhập vào Lydia

[684] Lystra – một trong những thành phố của Lycaonia, vùng trung tâm Tiểu Á, giáp với Phrygia. Tại đây, Thánh Phaolô đã chữa lành cho một người què, và những người ngoại đạo, khi chứng kiến phép lạ này, đã coi ngài và Barnaba là các vị thần (Công vụ 14:6–18).

Thánh Aquila, người được nhắc đến trong Sách Công Vụ Các Tông Đồ (Công Vụ 18:1–3) và trong các thư của Thánh Phaolô (Rôma 16:3–4 v.v.), từng là giám mục tại Hêraclia, và đã rao giảng Lời Chúa tại Á Châu và A-chai, và vì công việc rao giảng của mình, ngài đã nhận được vương miện tử đạo[685] .

Thánh Fortunatus, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô (1 Cô-rinh-tô 16:17–18), đã không ngừng lao động để rao giảng danh Chúa Kitô; và sau nhiều gian khổ, ngài đã an nghỉ trong Chúa.

Thánh Achaïcus, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến cùng với Thánh Fortunatus trong cùng Thư gửi tín hữu Cô-rinh-tô, khi ngài nói: *"Tôi vui mừng vì sự trở về của Stephanos, Fortunatus và Achaicus: họ đã bù đắp cho tôi sự vắng mặt của anh em, vì họ đã an ủi tinh thần của tôi và của anh em"* (1 Cr 16,17–18).

Thánh Dionysius Areopagite, người được nhắc đến trong Sách Công Vụ Các Tông Đồ (Công Vụ 17:34), ban đầu là giám mục tại Athens, sau đó rao giảng về Chúa Kitô tại Gaul[686] và đã bị chém đầu tại đó. Việc ngài cũng thuộc hàng ngũ các tông đồ được chứng thực bởi Eusebius, giám mục thành Caesarea ở Palestine[687] , người khi liệt kê 70 tông đồ đã nói: "Hãy thêm vào đó vị Areopagite tên là Dionysius, người mà Luca trong Sách Công Vụ Tông Đồ đã viết rằng ông đã được dẫn dắt đến đức tin nhờ lời rao giảng của Phaolô tại Athens."

Thánh Simeon, biệt danh là Niger; Thánh Luca Tông đồ đã đề cập đến ngài trong Sách Công Vụ Tông Đồ, khi nói: *"Tại Antiôkhia, trong Hội Thánh ở đó có một số nhà tiên tri và thầy dạy: Barnaba, và Simeon, người được gọi là Niger"* (Công Vụ 13:1). Về việc ngài cũng thuộc hàng ngũ các tông đồ, Thánh Epiphanius đã làm chứng bằng cách xếp ngài vào hàng ngũ các tông đồ, vì ngài liệt kê tên các vị như sau: "Mác-cô, Luca, Giu-sta, Ba-na-ba, A-pê-li-ô, Ru-pha, Ni-ger (tức là Si-mê-ôn Ni-ger) và bảy mươi hai người khác[688] ." Như vậy, Thánh Epiphanius xác nhận với chúng ta rằng nhóm các tông đồ nhỏ này gồm bảy mươi hai người và rằng Thánh Simeon Niger là một trong số các tông đồ đó. Ngoài ra, Thánh Gioan Damascene[689] , trong Octoechos giọng thứ năm vào thứ Tư trong giờ chiều, sau khi nhắc đến mười hai tông đồ, ngài còn đề cập đến hội đồng bảy mươi hai tông đồ, nói rằng: "Mười người được chọn đã hiện ra hoàn hảo trong đôi, chứng kiến hội đồng đồng lòng, gồm bảy mươi hai người."

Nhờ những lời cầu nguyện đầy ân sủng của tất cả các Tông đồ này, xin cho chúng ta cũng được trở thành những người dự phần vào phúc lành trên trời và chiêm ngưỡng Đấng Tông đồ Tối cao và Thượng phụ của đức tin chúng ta là Đức Giêsu Kitô, cùng ngợi khen Ngài cùng với Thiên Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, đến muôn đời muôn thuở, Amen.

Eusebius, Giám mục thành Caesarea ở Palestine, trong cuốn thứ nhất của tác phẩm Lịch sử Giáo hội, tại chương thứ mười hai, đã viết như sau: "Tên của mỗi vị (trong số mười hai) Tông đồ của Chúa Kitô đã được biết đến khá rõ ràng qua các chứng từ Phúc Âm, nhưng không có danh sách nào về bảy mươi Tông đồ là hoàn toàn chính xác. Nếu xem xét kỹ hơn, ta có thể tìm thấy hơn bảy mươi vị, chỉ dựa vào một chứng từ duy nhất của Thánh Tông đồ Phaolô, người đã nói trong Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô: "Đức Kitô (sau khi Phục Sinh) *đã hiện ra với Kê-pha, rồi với mười hai Tông đồ; sau đó, Ngài đã hiện ra cùng một lúc với hơn năm trăm anh em, trong số đó phần lớn vẫn còn sống cho đến ngày nay, còn một số thì đã qua đời"* (1 Cr 15,5–6). Trong số rất nhiều người đã cống hiến cho công cuộc rao giảng Tin Mừng về Chúa Kitô trong Giáo Hội sơ khai, những người đã truyền bá đức tin đến các quốc gia khác nhau giống như các thánh tông đồ và vì thế xứng đáng mang danh hiệu tông đồ, chúng ta sẽ đề cập đặc biệt đến một số người ở đây.

---

685 Ngày kỷ niệm ngài được tổ chức vào ngày 14 tháng 7

686 Gaul – ngày nay là nước Pháp.

687 Eusebius – người đã giữ chức giám mục tại Caesarea ở Palestine trong một thời gian dài và có liên quan mật thiết đến nhiều sự kiện trọng đại của thời đại mình, được biết đến như là "cha đẻ của lịch sử Giáo hội" và là một nhà thần học, các tác phẩm của ông được Giáo hội Kitô giáo đánh giá cao, nổi bật với kiến thức uyên bác; sống từ năm 268 đến năm 340. Eusebius đã tập hợp tất cả các ghi chép và câu chuyện về các vị tử đạo vào một tuyển tập mang tên: "Tập hợp các cuộc tử đạo cổ xưa". Tập hợp này chứa đựng các câu chuyện về các vị tử đạo, các giám mục, các vị tuyên xưng đức tin, các nữ thánh và các trinh nữ trên khắp các giáo phận. Theo một số người, tập hợp này gồm 20 quyển, còn theo lời chứng của những người khác thì gồm 16 quyển.

688 Thánh Epiphanius – người cùng thời với Thánh Gioan Kim Khẩu, đã làm giám mục trên đảo Síp trong 36 năm. Ngài là một vị Giáo phụ nổi tiếng, để lại nhiều tác phẩm chống lại các tà thuyết của thời đại ngài. Ngài qua đời vào năm 408. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 12 tháng 5

689 Thánh Gioan Damasceno – một nhà soạn thánh ca và thần học gia Kitô giáo xuất sắc, qua đời vào năm 776. Vì đã nhiệt thành bảo vệ các thánh tượng chống lại những kẻ chống thánh tượng, ngài đã bị chặt đứt một cánh tay, nhưng theo ý muốn của Thiên Chúa, cánh tay đó đã mọc lại vào cơ thể. Ngày kỷ niệm ngài được Giáo hội cử hành vào ngày 4 tháng 12

Thánh La-xa-rô, người đã chết trong bốn ngày và được Chúa làm cho sống lại. Trong thời kỳ bách hại Giáo hội Giê-ru-sa-lem, sau khi thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, bị giết, ngài bị trục xuất khỏi lãnh thổ Giu-đê (Công vụ 8:1) và bị thả trôi trên biển trên một chiếc thuyền không có mái chèo, cùng với thánh môn đệ của Chúa, Maximin, và Thánh Kelidonius, người sinh ra đã mù nhưng được Chúa chữa lành. Theo ý định của Thiên Chúa, chiếc thuyền đã trôi dạt đến đảo Síp, và Thánh Lazarus bắt đầu rao giảng về Đấng Kitô tại thành phố Kidonia. Sau đó, ngài được Thánh Tông đồ Barнaba tấn phong làm giám mục tại thành phố này, và cũng chính tại đảo Síp, ngài đã an nghỉ trong bình an. Nhiều năm sau, thi hài thánh của ngài được tìm thấy trên hòn đảo đó trong một quan tài bằng đá cẩm thạch, trên đó có dòng chữ: "Lazarus bốn ngày, bạn của Đấng Christ"[690] .

Thánh Giuse, người gốc Arimathea[691] , từng là môn đệ bí mật của Chúa Giêsu Kitô, và sau đó đã xin thi hài thánh khiết của Ngài từ Philatô (Lc 23:50–52; Mt 27:67; Mc 15:42; Ga 19:38), cũng bị những người Do Thái đầy ghen tị trục xuất khỏi lãnh thổ Do Thái và đã rao giảng về Đấng Kitô tại Anh, nơi ngài qua đời. Người dân Anh tôn kính ngài như vị tông đồ của đất nước họ[692] .

Thánh Nicôđêmô, người đã đến gặp Chúa Giêsu vào ban đêm để lắng nghe những lời dạy của Ngài (Ga 3:1–2) và đã khuyên nhủ dân Do Thái đừng kết án Ngài trước khi họ được nghe chính Ngài nói và xem xét những việc Ngài làm (Ga 7:50–51), và sau đó, cùng với Giô-sép, đã lo việc an táng thi thể Chúa Giê-su và xức hương lên thi thể Ngài (Giăng 19:39), – cũng đã phải chịu khổ vì người Do Thái do đức tin vào Đấng Christ và việc rao giảng của các Tông đồ, và bị trục xuất khỏi xứ Giu-đê[693] .

Thánh Gamaliel là thầy dạy của Thánh Tông đồ Phaolô. Ngài đã đưa ra lời khuyên sáng suốt cho Tòa Công luận về việc rao giảng của các Thánh Tông đồ, rằng: "Nếu việc này do loài người, thì nó sẽ sụp đổ; còn nếu do Đức Chúa Trời, thì các ngươi không thể phá hủy được; hãy cẩn thận kẻo các ngươi trở thành kẻ chống lại Đức Chúa Trời" (Công vụ 6:34–40). Sau khi Thượng phó tế Stephano chịu tử đạo, ngài đã mang thi hài của ngài về chôn cất tại làng của mình, gần Giê-ru-sa-lem. Ngài cũng đã che chở Thánh Nicôđêmô, người bị trục xuất vì rao giảng về Đấng Christ, và sau khi ngài qua đời, ngài đã chôn cất ngài gần mộ của Thánh Stephano, vị tử đạo đầu tiên, nơi sau này chính ngài cũng được an táng[694] .

Hoạn quan của Nữ hoàng Candace xứ Ê-thi-ô-pi, người đã được Thánh Tông đồ Phi-líp rửa tội trên đường đi (Công vụ 8:26–39) và đã dẫn dắt nữ hoàng này đến với Chúa Kitô, là người rao giảng đầu tiên về Chúa Kitô tại Ê-thi-ô-pi[695] , nơi ông cũng đã chịu tử đạo.

Thánh Zacchaeus, người đã hân hoan đón tiếp Chúa trong nhà mình và nghe Ngài phán: *"Hôm nay, ơn cứu độ đã đến với gia đình này"* (Luca 19:1–10). Sau khi Chúa lên trời, Zacchaeus đã theo Thánh Tông đồ Phêrô, và được ngài tấn phong làm giám mục thành Cêsarea ở Palestine[696] , nơi ngài đã rao giảng về Chúa Kitô[697] .

Thánh Cornelius, viên đội trưởng, được Thánh Tông đồ Phêrô rửa tội (Công vụ 10), sau đó được ngài tấn phong làm giám mục, đã rao giảng về Chúa Kitô tại thành phố Scepsis[698] , nơi ngài đã an nghỉ trong bình an[699] .

Thánh Longin, viên trung úy, người đã canh gác bên Thập tự giá của Chúa và tuyên xưng rằng Chúa Giêsu quả thực là Con Thiên Chúa (Mt 27:54). Sau khi Chúa được an táng, Longin lại đứng canh gác bên Mộ Thánh và là

---

[690] Ngày tưởng niệm Thánh Lazarus Bốn Ngày được Giáo hội cử hành vào ngày 17 tháng 10, khi người ta tưởng nhớ việc rước di cốt của ngài từ đảo Síp về Constantinople.

[691] Theo Eusebius và Jerome, Arimathea chính là Rama, hay Ramah – một thành phố trên núi Ephraim, cách Jerusalem hai giờ đi về phía bắc, không xa Lydda; còn được gọi là Ramah-Zophim. Đó là quê hương của Giuse Arimathea, một trong các môn đệ của Chúa Kitô (Ga 19,38), thành viên của Hội đồng Tối cao Do Thái, người đã chôn cất Chúa Giêsu Kitô trong ngôi mộ được đục trong vách đá.

[692] Không có lễ kỷ niệm riêng dành cho Thánh Giuse, nhưng ngài được tưởng nhớ trong Tuần lễ các bà mang hương.

[693] Ngày tưởng niệm Thánh Nicôđêmô được Giáo hội cử hành vào ngày 2 tháng 8 và trong Tuần lễ các bà mang hương.

[694] Cùng với Thánh Gamaliel, người con trai đạo đức của ngài là Aviv, người cũng tin vào Đấng Christ, đã qua đời; ngày tưởng niệm các Thánh Gamaliel và Aviv được Giáo hội cử hành vào ngày 2 tháng 8

[695] Ethiopia – nằm ở châu Phi, tương ứng với Abyssinia ngày nay. Nước này tọa lạc ở thượng nguồn sông Nile và giáp với vùng Thebaid của Ai Cập ở phía bắc, với Libya ở phía tây, với miền nam Ethiopia ở phía nam, và với Vịnh Ả Rập và Biển Đen ở phía đông.

[696] Césaria Palestine – một thành phố nằm trên bờ đông Địa Trung Hải, được vua Do Thái Hê-rốt xây dựng trên nền tảng của thành phố cổ Straton và được đặt tên để vinh danh César Augustus (hoàng đế La Mã Octavius Augustus). Thành phố này đã nhiều lần bị tàn phá và hiện nay tại vị trí đó chỉ còn lại những đống đổ nát, phủ đầy cây cỏ hoang dã.

[697] Giáo hội tưởng niệm Thánh Zacchaeus vào tuần thứ 32, trước khi bắt đầu Mùa Chay Triodion.

[698] Skepsia – một thành phố thuộc tỉnh Mizia ở phía tây Tiểu Á.

[699] Ngày tưởng niệm Thánh Cornelius được cử hành vào ngày 13 tháng 9

nhân chứng trực tiếp cho sự Phục Sinh của Chúa Kitô, điều mà ngài đã làm chứng trước mặt mọi người. Sau đó, ngài rao giảng về Chúa Kitô tại Cappadocia, nơi ngài đã chịu tử đạo[700] .

Thánh Ignatius, Đấng Mang Thiên Chúa, theo truyền thuyết, chính là đứa trẻ mà Chúa đã bế lên và chỉ cho các Tông đồ, nói rằng: "Nếu các con không trở nên như trẻ nhỏ, các con sẽ không được vào Nước Trời" (Mt 18,2–5; Mc 9,37). Ngài được Thánh Tông đồ Phêrô tấn phong làm Giám mục thành Antiôkhia, nơi ngài rao giảng về Chúa Kitô. Ngài đã kết thúc cuộc đời bằng cái chết tử đạo tại Rôma, khi bị ném cho sư tử xé xác[701] .

Thánh Polykarp là giám mục thành Smyrna. Ngài, giống như các Tông đồ, không ngừng rao giảng Lời Chúa, viết thư gửi cho các Kitô hữu mới được rửa tội và không ngừng quan tâm đến hạnh phúc và sự cứu rỗi tâm hồn của đoàn chiên mình. Thánh Simeon Metaphrastes[702] trong cuốn "Cuộc đời Thánh Ignatius, Đấng Mang Thiên Chúa" đã trực tiếp gọi Thánh Polycarp là "Tông đồ Thần thánh", khi viết: "Họ đến Smyrna và tại đó, Thánh Ignatius đã hôn Thánh Polycarp, Tông đồ Thần thánh, người đồng môn của ngài". Ngài đã qua đời một cách tử đạo tại Roma[703] .

Thánh Ê-rô-phê, một trong những thành viên của Hội đồng Areopagus tại Athens; ngài đã được Thánh Tông đồ Phaolô dạy dỗ về đức tin Kitô giáo, và chính ngài đã được Thánh Phaolô tấn phong làm giám mục tại Athens. Cùng với các thánh Tông đồ khác, Thánh Ê-rô-phê đã được đưa bằng đường không đến quan tài của Đức Mẹ, sau khi Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội về trời tại Giê-ru-sa-lem. Ngài đã qua đời trong sự tử đạo[704] .

Thánh Antipas, Giám mục Pergamum, cũng đã chịu khổ vì việc rao giảng Tin Mừng về Chúa Kitô[705] . Chính Chúa Giêsu Kitô đã nói về ngài trong Sách Khải Huyền của Thánh Gioan Thần Học như sau: *"Antipas, chứng nhân trung thành của Ta, đã bị giết"* (Kh 2,13).

Thánh Dimitri, người được Thánh Tông đồ Gioan Thần Học nhắc đến trong Thư thứ ba của ngài (3Ga 1:12). Thánh Dimitri là Giám mục tại thành phố Philadelphia thuộc châu Á[706] .

Bài ca Kondak, giọng 2:

Hãy cùng ca ngợi bảy mươi môn đệ của Chúa Kitô, những người trung thành với Thiên Chúa, qua những bài ca: chính nhờ họ mà chúng ta đã học được cách tôn kính Ba Ngôi Thiên Chúa không thể tách rời, và họ vẫn là những ngọn đèn soi sáng đức tin thiêng liêng

Cuộc đời của Thánh Eustathius, Tổng Giám mục Serbia[707]

Ngày kỷ niệm: 4 tháng 1

---

[700] Giáo hội cử hành lễ tưởng niệm Thánh Longin, viên trung úy, vào ngày 16 tháng 10

[701] Lễ tưởng niệm Thánh Ignatius, Đấng Mang Chúa, được Giáo hội cử hành hai lần trong năm: ngày 29 tháng 1, khi tưởng nhớ việc các môn đệ chuyển di hài cốt của ngài từ Roma đến Antioch, và ngày 20 tháng 12, ngày ngài qua đời.

[702] Simeon Metaphrastes – một nhà văn Giáo hội nổi tiếng thế kỷ X (năm 940), là người biên soạn và sưu tầm các Cuộc đời các Thánh, công việc mà ông thực hiện theo lệnh của Hoàng đế Constantinople Constantine VII (912–954). Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành sâu sắc đối với vinh quang của các vị thánh tu hành, Simeon không chỉ sưu tầm các câu chuyện về họ, mà còn chỉnh sửa nhiều câu chuyện, rút gọn một phần và, quan trọng nhất, thay thế ngôn ngữ cổ xưa, nặng nề và phần lớn khó hiểu bằng phong cách văn chương trong sáng và tinh tế hơn, phù hợp với thời đại của ông. Chính vì điều này mà Simeon được đặt biệt danh là Metaphrastes, có nghĩa là: người kể lại, người chuyển thể. Các tác phẩm của ông trong lĩnh vực này sau này đã trở thành nguồn tài liệu chính cho cuốn "Chet'i-Minei" của Thánh Dimitri Rostovsky

[703] Ngày kỷ niệm Thánh Polikarp được tổ chức vào ngày 23 tháng 2

[704] Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Erofei được cử hành vào ngày 4 tháng 10

[705] Ngày tưởng niệm ngài được Giáo hội Công giáo cử hành vào ngày 11 tháng 4

[706] Philadelphia – một thành phố thuộc Lydian ở Tiểu Á, gần Sardis, dưới chân núi Tmolus. Tên gọi này bắt nguồn từ người sáng lập là Ashtal II Philadelphus, vua của Pergamon. Trong thời cổ đại, đây là một thành phố giàu có, thịnh vượng với số lượng dân cư đông đảo. Hiện nay, đây là một thị trấn Kitô giáo nhỏ thuộc quyền cai trị của người Thổ Nhĩ Kỳ.

[707] Cuộc đời của Thánh Eustathius được viết bởi người đồng thời trẻ hơn ông, Thánh Daniel II, Tổng Giám mục Serbia, và được đưa vào tác phẩm "Gia phả" hay "Sách các vị vua" của ngài. Bản in tốt nhất có trong cuốn sách: "Cuộc đời của Vua và Tổng giám mục Serbia", do Danicic xuất bản năm 1866 (trang 292–319). Về cuốn tiểu sử Thánh Đaniel, xem mục ngày 20 tháng 12

Thánh Eustathius đã sống và tu hành trong nửa sau của thế kỷ XIII, vào thời vua Serbia sùng đạo Stefan Uroš II Milutin, người trị vì Serbia từ năm 1262 đến năm 1320. Ngài sinh ra tại vùng Budiml[708] , trong một gia đình sùng đạo. Với tình yêu thương sâu sắc dành cho cha mẹ, ngay từ thuở ấu thơ, ngài đã ngày càng củng cố lòng yêu mến Thiên Chúa: tránh xa những trò giải trí phù phiếm, ngài cố gắng rèn luyện những đức tính tốt đẹp, thường xuyên đến nhà thờ và say sưa lắng nghe những bài thánh ca và lời đọc Thánh Kinh, ghi nhớ những gì đã nghe, và cố gắng thấu hiểu ý nghĩa của chúng. Một lần, cậu đến gặp cha mẹ và nói:

– Con bỗng nảy sinh khát vọng mãnh liệt muốn học hành, xin cha mẹ cho con đi học chữ.

Nghe những lời ấy, cha mẹ vô cùng vui mừng, tạ ơn Chúa đã gieo vào lòng con trai họ khát vọng cao đẹp ấy, rồi tìm kiếm một vị thầy, giao con trai mình cho vị thầy ấy để học hỏi sự khôn ngoan từ sách vở. Được ân sủng của Thánh Thần hỗ trợ, cậu sớm học hỏi đến mức, dù còn là một học trò trẻ tuổi, cậu đã trở thành người am hiểu hơn cả những vị thầy giàu kinh nghiệm. Chàng trai trẻ không hề bận tâm hay lo lắng về ăn uống, quần áo, thậm chí ít khi nghĩ đến cha mẹ, mà hoàn toàn hướng tâm trí vào giáo lý thiêng liêng, đặt trọn vẹn tình yêu và niềm hy vọng của trái tim mình vào Chúa. Khi đã trưởng thành hơn và suy ngẫm kỹ lưỡng về ơn gọi của mình, anh quyết định rời khỏi nhà cha mẹ để bước vào con đường của Chúa. Anh lên đường đến vùng Zet[709] , đến tu viện Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Micae, nơi đặt Tòa Giám mục Zet. Tại đây, dưới sự chủ trì của Giám mục Neofit, ngài đã nhận lễ xuất gia và bắt đầu cuộc sống tu hành, nghiêm túc tuân giữ các lời thề tu sĩ. Nổi bật bởi sự tiết độ, lối sống trong sạch, tự rèn luyện bản thân bằng việc ăn chay và thức trắng đêm, ngài luôn vội vã đến nhà thờ để tham dự các thánh lễ ban ngày và ban đêm, nghiêm túc tuân thủ quy tắc cầu nguyện trong phòng tu, còn thời gian còn lại thì dành cho việc suy ngẫm về Thiên Chúa và cầu nguyện bằng trí tuệ. Không sở hữu tài sản nào, ngài cố gắng tiết kiệm từ phần ăn và quần áo được phân phát hàng ngày tại tu viện để phân phát cho những người nghèo.

Dù tu hành trong sự tĩnh lặng của tu viện với lòng khiêm nhường trọn vẹn, ông sớm trở nên nổi tiếng khắp cả vùng đất ấy như một vị tu sĩ vĩ đại, noi gương các vị tổ phụ xưa.

Không chỉ hài lòng với đời sống tu hành trong tu viện của mình, Eustathius khao khát được đến thành thánh Giê-ru-sa-lem để thờ lạy Mộ Thánh Chúa và các thánh tích khác tại nơi Chúa chịu khổ nạn. Không tiết lộ ý định của mình cho ai, ngài đã dâng lên Chúa Giêsu Kitô lời cầu nguyện nồng nhiệt, xin Ngài ban ơn cho ngài được an toàn thực hiện cuộc hành trình đến thành thánh và được chiêm ngưỡng nơi mà Ngài đã đổ máu vì sự cứu rỗi loài người và nơi Ngài đã thực hiện những phép lạ vĩ đại. Lời cầu nguyện của vị thánh nhân đã được nhậm lời. Khi ngài đang suy ngẫm về việc tìm đâu ra những người đồng hành kính sợ Thiên Chúa, thì hai tu sĩ xuất hiện trước mặt ngài, như thể được chính Chúa sai đến, và trong cuộc trò chuyện, họ cho biết rằng họ đang trên đường đến Giê-ru-sa-lem để thờ lạy Mộ Thánh Chúa và các dấu tích thánh thiêng của cuộc Khổ Nạn Chúa Kitô. Sau khi tạ ơn Đức Chúa Trời và thờ lạy hình ảnh thánh khiết của Ngài cùng hình ảnh của Tổng lãnh thiên thần Michael, với niềm vui và hân hoan trong lòng, ngài lên đường thực hiện chuyến hành trình mà ngài hằng mong ước bấy lâu.

Với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, ngài đã hoàn thành hành trình một cách dễ dàng và an toàn, và đến được Giê-ru-sa-lem. Tại đây, ngài đã thành kính thờ lạy Mộ Thánh Chúa và tất cả các thánh tích tại nơi diễn ra các cuộc khổ nạn của Chúa; ngài từ tốn đi vòng quanh tất cả các thánh địa và tận hưởng việc chiêm ngưỡng chúng. Ông cũng đã viếng thăm tất cả các vùng lân cận Giê-ru-sa-lem, nơi cư ngụ của các vị tu sĩ đáng kính và những người tu hành kính sợ Thiên Chúa, quan sát và học hỏi lối sống cùng những việc làm thánh thiện của họ.

Sau khi ở lại Đất Thánh một thời gian dài, ngài lên đường trở về, nhưng không về thẳng quê hương, mà đến núi Athos thiêng liêng, mong muốn được chứng kiến đời sống tu hành tại đó và tận hưởng những cuộc trò chuyện bổ ích cho tâm hồn về đời sống tu hành cũng như sự thanh tịnh của tâm hồn và thân xác.

Khi đến ngọn núi thánh, Thánh Eustathius đã định cư tại Tu viện Serbia của Đức Mẹ Hilandar, được xây dựng bởi Thánh Simeon – người trần thế là Đại công tước Serbia vĩ đại Stefan Nemanja – và con trai ông là Savva, Tổng giám mục Serbia đầu tiên. Tại đây, ngài đã dốc lòng thực hành đời sống tu hành với lòng nhiệt thành sâu sắc, khiêm nhường và vâng phục thực hiện mọi công việc được giao phó, không bao giờ vắng mặt trong các thánh lễ và dành thời gian riêng để cầu nguyện ban đêm và suy gẫm về Thiên Chúa. Ngài đã sống như vậy trong nhiều năm

---

[708] Vùng Budiml, hay còn gọi là "župa", tọa lạc tại nơi mà hiện nay bộ tộc Vasojević của người Serbia đang sinh sống ở phía đông bắc Montenegro. Ngày nay, tại đó có làng Budiml. Vào thời cổ đại, giáo phận Budiml có trụ sở tại tu viện Thánh George, nơi hiện vẫn còn tồn tại trong tình trạng đổ nát một phần ở phía bắc thị trấn Gusinje, thuộc làng Berane.

[709] Vùng Zet, hay Zeta, hay còn gọi là Diokleia trong thời cổ đại, ngày nay là Montenegro. Tu viện Thánh Michael tọa lạc trên bờ đông của Vịnh Kotor, không xa về phía nam thành phố Kotor.

và trở nên nổi tiếng giữa các tu sĩ trên núi Athos. Nhiều vị trưởng lão cao niên, chứ không chỉ các tu sĩ trẻ tuổi, thường xuyên đến gặp Evstafiy và cùng ngài có những cuộc trò chuyện cứu rỗi linh hồn, tràn đầy tình yêu thương và sự an ủi thiêng liêng.

Sau vài năm sống đời tu hành khổ hạnh như vậy, nhờ sự đồng thuận và thuyết phục của toàn thể Hội đồng Thánh núi Athos, Thánh Eustathius đã được tấn phong làm Bề trên Tu viện Hilandar. Khi trở thành người đứng đầu tu viện, Thánh Eustathius càng tu hành siêng năng hơn, làm gương trong mọi công việc và đức hạnh, dạy dỗ bằng cả lời nói lẫn hành động. Với vị trí quan trọng như vậy và lối sống đạo đức, Thánh Eustathius đã trở nên nổi tiếng và được mọi người yêu mến, không chỉ trong giới tu sĩ Athos mà còn cả giáo dân, không chỉ những người bình thường mà cả các quý tộc và các vị vua. Mọi người đều hối hả bày tỏ lòng kính trọng đối với Thánh Eustathius và dâng tặng những món quà hào phóng. Nhưng ngài không giữ những món quà đó cho riêng mình, mà với bàn tay hào phóng, ngài đã phân phát cho người nghèo, góa phụ, trẻ mồ côi, những người không có lương thực và nơi nương tựa.

Không có gì ngạc nhiên khi với những phẩm chất và đức hạnh như vậy, Thánh Eustathius đã được bầu chọn và tấn phong làm Giám mục Giáo phận Zet, nơi ngài đã thụ phong tu sĩ. Sau khi trở thành giám mục, với kinh nghiệm dày dặn trong đời sống thiêng liêng và các công việc của Giáo hội, Eustathius đã thực hiện các nhiệm vụ mục vụ của mình một cách xuất sắc, trở thành vị giám mục Serbia nổi bật nhất, và khi Tổng giám mục Serbia Ioannikios qua đời, Vua Serbia sùng đạo Stefan Uroš Milutin đã triệu tập một hội đồng gồm các giám mục, các vị tu viện trưởng và các quý tộc; hội đồng này đã nhất trí bầu vị giám mục Zet sùng đạo Evstafiy lên ngôi Tổng giám mục Serbia của Thánh Savva. Với lòng khiêm nhường của mình, Thánh Eustathius đã cố gắng từ chối chức vụ cao quý này, vốn đi kèm với trách nhiệm to lớn, nhưng lời ông không được chấp nhận, và chẳng bao lâu sau, trước sự chứng kiến của toàn thể hội đồng, ngài đã được long trọng tấn phong lên ngai Tổng Giám mục. Thánh Eustathius đã vâng phục ý định của Thiên Chúa và tạ ơn Chúa trong lời cầu nguyện nồng nhiệt vì những ân sủng vĩ đại của Ngài, mà ngài tự nhận mình không xứng đáng.

Vừa không ngừng nỗ lực vì sự cứu rỗi linh hồn mình, Thánh Eustathius vừa dành sự quan tâm nồng nhiệt cho lợi ích của Giáo hội Serbia được giao phó cho ngài. Tòa Tổng Giám mục Serbia lúc bấy giờ đã sở hữu nhiều của cải, và Thánh Eustathius đã nỗ lực hết mình để không một nhà thờ nào trong giáo phận của ngài phải thiếu thốn những nhu cầu thiết yếu, đồng thời hào phóng trích từ quỹ tiết kiệm của Tòa Tổng Giám mục để hỗ trợ các nhà thờ nghèo khó.

Thánh Eustathius chỉ lãnh đạo Giáo hội Serbia trong một thời gian ngắn: bảy năm sau khi nhậm chức Tổng giám mục, ngài lâm bệnh và nhận thấy cái chết đang đến gần. Trong cơn bệnh hấp hối, ngài không than van, mà vui mừng chờ đợi ngày rời khỏi thế gian này để về với thiên đàng. Lúc bấy giờ, ngài đang ở tại tổng giáo phận của mình ở Žiče[710] , ngài đã siêng năng chuẩn bị và cầu xin Chúa ban cho ngài một cái chết thanh thản. Toàn thể Hội đồng Giáo hội Serbia đã tụ họp quanh giường bệnh nhân: các giám mục lân cận, các vị tu viện trưởng và các tu sĩ, cùng toàn thể hàng giáo sĩ; tất cả đều khóc khi chứng kiến sự ra đi sắp đến của vị thầy và vị tổng giám mục của mình. Nhưng vị bệnh nhân, sau khi ngồi dậy khỏi giường, đã quay sang những người đang khóc và nói:

– Hãy gác lại nỗi thương xót ấy đi, *"Hãy cùng tôi ngợi khen Chúa, và chúng ta hãy cùng nhau tôn vinh danh Ngài"* (Thánh vịnh 33:4).

Tất cả những người có mặt đều ngừng khóc và chuyển sang cầu nguyện cùng hát thánh ca để tiễn đưa linh hồn. Sau đó, Thánh Eustathius rước Mình Thánh Chúa, và sau khi nghỉ ngơi một lát, ngài quay sang những người xung quanh:

– Hãy đến đây, hỡi những người thân yêu, chúng ta hãy trao nhau nụ hôn cuối cùng, vì tôi sắp phải chia tay các bạn rồi.

Lời chia tay này đã khiến các con cái thiêng liêng của Thánh Eustathius khóc nức nở. Cuối cùng, ngài giơ hai tay lên trời và thốt lên:

– Lạy Đấng biết rõ giờ lâm chung của mỗi người, Thiên Chúa của các vị thần và Chúa của các chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài!

Thánh Eustathius đã ra đi một cách trang nghiêm và vinh quang như vậy, trong niềm hân hoan về Chúa.

---

[710] Tu viện Žiča (Žiča, Židča), vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, nằm trên bờ phải sông Ibra, không xa nơi sông này hợp lưu với sông Morava của Serbia, trong phạm vi Vương quốc Serbia hiện nay.

Các vị chức sắc tôn giáo cùng với các giáo dân tụ tập bên quan tài đã cử hành lễ an táng trang trọng tại Ziche, trong Nhà thờ Đấng Cứu Thế, đặt thi hài vào quan tài bằng đá cẩm thạch mà chính Thánh Eustathius đã tự chuẩn bị trước đó.

Ngay sau lễ an táng, bên trong Nhà thờ Đấng Cứu Thế nói trên, những dấu hiệu và phép lạ bắt đầu xảy ra bên quan tài của người đã khuất. Đôi khi người ta thấy bên quan tài như có những ngọn nến đang cháy, đôi khi vào ban đêm lại nghe rõ ràng những lời nói, tiếng thì thầm bên quan tài, như thể có hàng ngàn người đang tụ tập ở đó. Có một người phục vụ tại Nhà thờ Đấng Cứu Thế bị bệnh về mũi. Ông đã thử nhiều phương pháp và tiêu tốn rất nhiều tiền để chữa trị, nhưng không có kết quả. Mất hy vọng vào các phương thuốc trần gian, người bệnh đã dâng lời cầu nguyện tha thiết lên Chúa Trời và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội tại Nhà thờ Chúa Cứu Thế, đứng không ngừng nghỉ bên quan tài của Thánh Eustathius trong mỗi thánh lễ. Một đêm nọ, người bệnh thấy trong giấc mơ rằng mình đang đứng, như thường lệ và như trong thực tế, bên cạnh quan tài của Thánh Eustathius; một người đàn ông oai phong trong trang phục của vị thánh xuất hiện trước mặt anh và hỏi anh cần gì. Người bệnh kể lại mọi chuyện theo thứ tự. Lúc đó, người đàn ông vừa đến nói:

– Chúa đã sai ta đến để chữa lành cho ngươi, nhưng đừng phạm tội nữa, kẻo sẽ phải chịu khổ hơn.

Nói xong, ngài làm dấu thánh giá trên người bệnh nhân và chạm vào vết thương của anh ta. Bệnh nhân hỏi:

– Ngài là ai vậy, thưa Đức Thánh Cha?

Người đến đáp:

– Tôi là tôi tớ của Chúa Kitô, một tu sĩ tên là Eustathius, đang nằm tại nơi này.

Người bệnh tỉnh dậy và kinh hoàng; với lòng run rẩy, ông vội vã đến gặp Đức Tổng Giám mục Giacôbê lúc bấy giờ và báo cho ngài cùng toàn thể Hội đồng Giám mục về thị kiến kỳ diệu này. Ngay lúc đó, người bệnh được chữa lành hoàn toàn, và mọi người đều ngợi khen Chúa và Thánh Eustathius. Các phép lạ tại quan tài của Thánh Evstafiy ngày càng nhiều lên. Một lần, người ta tìm thấy ba bông hoa có vẻ đẹp kỳ diệu mọc trên quan tài bằng đá cẩm thạch của ngài, mặc dù đó chỉ là một tảng đá hoàn toàn khô cằn – không có đất, thậm chí không có chút hơi ẩm nào trên đó. Dấu hiệu kỳ diệu này khiến mọi người đều nghĩ rằng Thiên Chúa đang tôn vinh vị thánh nhân của Ngài và làm cho thân xác ngài không bị hư nát. Cũng vào lúc đó, một tu sĩ trong tu viện đó, người phụ trách nhà thờ, đã thấy trong giấc mơ ban đêm một chàng trai trẻ đáng sợ cầm vũ khí rực lửa trong tay và nói với giọng giận dữ:

– Tại sao các ngươi lại thờ ơ khi chứng kiến những điềm báo như vậy? Hay là các ngươi không hiểu rằng thi thể của người đã khuất không được định sẵn để bị phân hủy, mà phải được lấy ra khỏi đất?

Tất cả những phép lạ này đã được báo cho vị vua đạo đức Uroš Milutin biết; sau khi tham vấn với tổng giám mục, ngài đã ra lệnh long trọng mở quan tài, và trong đó, thi hài của Thánh Eustathius được tìm thấy vẫn còn nguyên vẹn, không bị hư nát, và được an táng công khai trong một quan tài mới. Một thời gian sau, trước nguy cơ xâm lược của kẻ thù, nhờ sự nỗ lực của Tổng giám mục Giacôbê, di cốt của Thánh Evstafii đã được chuyển từ Zica đến Ipek (hay Peć)[711] và được an táng tại Nhà thờ Chính tòa Tổng giám mục Thánh Phêrô và Phaolô ở đó.

Lễ kính các thánh Tử đạo Zosima và Tử đạo Athanasius

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 1

Thánh Tử đạo Zosima xuất thân từ Cilicia[712] và tu hành trong sa mạc. Theo lệnh của hoàng đế vô đạo Diocletian[713] , ngài bị bắt và phải chịu các hình phạt vì đức tin vào Chúa Kitô. Họ dùng sắt nung đỏ thiêu đốt tai ngài, ném ngài vào nồi chứa đầy chất thải, treo ngài ngược đầu bằng chân và tra tấn ngài bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhưng một cách kỳ diệu, vị thánh đã được cứu thoát khỏi cái chết. Trong lúc ngài đang chịu cực hình, một con sư tử từ sa mạc bước đến và cất tiếng nói bằng giọng người. Khi chứng kiến phép lạ này, mọi người đều kinh hoàng, và Zosima được thả tự do. Bình luận từ[714] Athanasius, khi thấy ngài vẫn bình an sau những cực hình tàn

[711] Ipek, Pest, Peć – nơi cư ngụ thứ hai của các tổng giám mục Serbia; thành phố cùng tu viện này vẫn tồn tại cho đến nay và nằm ở Cựu Serbia (thuộc Thổ Nhĩ Kỳ) bên dòng sông Bystrica, nơi đổ vào sông Drin Trắng ở thượng nguồn.

[712] Cilicia – vùng phía đông nam của Tiểu Á, giáp Biển Địa Trung Hải.

[713] Diocletian – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[714] Commentarius – người giám sát tù nhân, chịu trách nhiệm ghi chép danh sách tù nhân.

bạo, đã tin vào Chúa Kitô và chịu phép rửa tội. Zosima cùng Athanasius lui vào sa mạc, và tại đó, giữa những công việc cầu nguyện, trong một khe núi, cả hai đã an bình dâng linh hồn mình lên Chúa.

Ngày 18 tháng 1

Ngày 5 tháng 1 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Theopemptus và Theona

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 1

Vào năm đầu tiên của cuộc bách hại Kitô hữu do ông khởi xướng, Hoàng đế Diocletian trong một chuyến đi đã đến thành phố Nicomedia và tại đây, ông đã dựng lên rất nhiều hình tượng thần tượng để thờ lạy chúng.

Vài ngày sau, tại vùng ngoại ô thành phố, Giám mục Nicomedia là Thánh Theopemptus (người đầu tiên phải chịu khổ nạn trong cuộc đàn áp Kitô hữu của Diocletian) đã bị bắt giữ; khi được đưa ra trước mặt hoàng đế để xét xử, ngài đã nói:

– Những vị thần này, bằng bạc và vàng, bằng gỗ và đá, mà ngài đang thờ phượng, – hoàn toàn không phải là thần, vì chúng không thể thở, không thể nói, cũng không thể làm điều gì tốt hay xấu; còn Đức Chúa Trời Toàn Năng trên trời đã tạo dựng trời, đất và biển, cùng mọi sự vật trong đó.

Khi vị thánh nói những lời này và nhiều điều khác về đức tin Kitô giáo, nhà vua trong cơn giận dữ đã nói với ngài:

– Ta triệu tập ngươi không phải để tranh luận, mà là để ngươi dâng lễ vật cho thần Apollon mà không cần bàn cãi.

Thánh Theopemptus đáp lại bằng những lời sau:

– Ta sẽ không bao giờ dâng lễ vật cho những vị thần như thế, và cũng sẽ không bao giờ sợ hãi những cực hình mà ngươi có thể giáng xuống cho ta, vì đã có chép rằng: *"Đừng sợ những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết linh hồn"* (Mt 10,28). Còn ngươi, với quyền lực trên thân xác ta, hãy làm theo ý ngươi muốn!

Lúc đó, nhà vua ra lệnh đốt lò để sau đó ném vị giám mục thánh vào đó, và các binh lính đã đốt lò cho thật nóng, từ sáng đến trưa. Trong lúc đó, vị giám mục thánh nói với họ:

– Hãy chờ một chút, và ta sẽ cho các ngươi thấy quyền năng của Đức Chúa Trời của ta, Đấng mà vì danh thánh của Ngài mà lò này đang được đốt nóng cho ta.

Nói xong, vị thánh lao vào lò lửa đang bùng cháy và ngồi xuống giữa lò, còn các binh sĩ, tưởng rằng ngài đã bị thiêu rụi ngay lập tức, bèn bỏ đi. Nhưng đến nửa đêm, vị thánh bước ra khỏi lò lửa, đi vào phòng ngủ của nhà vua – cánh cửa tự động mở ra trước mặt ngài – rồi đánh thức nhà vua dậy và nói với ông:

– Ta là Giám mục Theopemptus, người phục vụ Chúa Giêsu Kitô: ta không chết, mà vẫn còn sống, dù ngài đã ra lệnh giết ta.

Nói xong, ngài lại bước vào lò lửa. Nhà vua, khi nhìn thấy vị thánh và nghe những lời của ngài, đã kinh hoàng và như bị tê liệt vì nỗi sợ hãi tột độ. Sáng hôm sau, sau khi triệu tập các chiến binh của mình, ông nói với họ:

– Các ngươi đã ném người Kitô hữu mà ta đã ra lệnh cho các ngươi ném vào lò lửa đang cháy rực chưa?

Các binh sĩ đáp:

– Thưa bệ hạ, chúng tôi đã làm theo lệnh của ngài – đã ném ông ta vào lò, và hôm qua ông ta đã chết trong lửa.

Lúc đó, Diocletian đứng dậy, cùng các chiến binh đi đến lò lửa và ở đó nghe thấy vị giám mục thánh đang hát và ngợi khen Đức Chúa Trời ngay giữa lò lửa đang bùng cháy. Điều này khiến nhà vua vô cùng ngạc nhiên, và khi vị thánh bước ra khỏi lò lửa mà không hề hấn gì, nhà vua nói với những người xung quanh:

– Hãy xem phép thuật của người Kitô hữu mạnh mẽ đến mức nào; ta đã nghe nói rằng người Kitô hữu thực hiện những phép thuật của họ nhân danh một người nào đó tên là Giêsu.

Sau đó, nhà vua lập tức ra lệnh bắt con chó và ném vào lò lửa, để xem liệu con chó có còn nguyên vẹn hay không, giống như vị giám mục đã kỳ diệu thoát khỏi lò lửa mà không hề hấn gì; nhưng con chó lập tức bị thiêu rụi. Thấy vậy, nhà vua nói với người của Đức Chúa Trời:

– Ta sẽ tra tấn ngươi bằng những hình phạt tàn bạo nhất như một kẻ vô đạo, vì ta đã tin chắc rằng ngươi là kẻ lừa dối và phù thủy.

Ông ra lệnh giam người ấy vào một ngục tối chật hẹp và không cho người ấy ăn bánh mì hay uống nước cho đến ngày nhà vua muốn xét xử người ấy, và người của Đức Chúa Trời đã ở trong ngục tối đó hai mươi hai ngày mà không ăn uống gì, nhờ được Đức Chúa Trời ban sức mạnh. Khi thời gian đó kết thúc, nhà vua nói với các binh lính của mình:

– Hãy đi xem người Kitô hữu đó còn sống hay đã chết rồi?

Khi thấy ông vẫn còn sống và tràn đầy niềm vui, như thể vừa dự xong bữa tiệc hoàng gia, Diocletian nổi giận; ông cho dẫn vị giám mục thánh thiện ra khỏi ngục tối, xé rách áo quần trên người, vỗ tay và nói:

– Hãy nhìn xem, phép thuật Kitô giáo mạnh mẽ đến mức nào!

Nhưng vị giám mục thánh thiện đáp lại:

– Hỡi kẻ khốn khổ, ngươi sẽ còn mù quáng đến bao giờ, và đến bao giờ ngươi mới chịu thừa nhận Đức Chúa Trời chân thật, Đấng mà ta tin tưởng? Vì chính Ngài đã ban cho ta sức mạnh và sự kiên cường để ta chiến thắng ngươi, để ta vượt lên trên mọi hình phạt mà ngươi có thể nghĩ ra cho ta, và khinh thường chúng.

Nghe những lời ấy, nhà vua ra lệnh móc mắt phải của vị thánh ra và đặt vào tay phải của vị tử đạo, rồi đưa ngài vào ngục tối. Khi vị thánh bắt đầu cầu nguyện tại đó, một ánh sáng rực rỡ bừng lên trước mặt ngài trong ngục tối, và ngay lập tức con ngươi của mắt ngài mở ra, trở nên lành lặn và khỏe mạnh như mắt kia. Khi biết được chuyện này và nhìn thấy vị thánh, nhà vua càng tức giận hơn và nói:

– Ta thề trước thần Apollo của La Mã[715] , rằng ta sẽ không yên lòng cho đến khi tìm được một pháp sư mạnh hơn, người có thể phá vỡ mọi mưu mô và phép thuật của ngươi!

Nói xong, nhà vua lại ra lệnh đưa ông ta trở lại ngục tối, còn bản thân thì gửi chiếu chỉ đến khắp các vùng đất thuộc quyền cai trị của mình, với nội dung như sau:

– Nếu có pháp sư nào – nhà vua viết – có thể phá vỡ các nghi lễ của Kitô giáo, thì hãy đến gặp ta càng sớm càng tốt; người đó sẽ nhận được những món quà lớn lao và những vinh dự cao quý.

Và thế là có một pháp sư tên là Theona đã đến, người này, khi được dẫn đến trước mặt Diocletian, đã nói:

– Theo lệnh của ngài, tôi đã đến đây để tiêu diệt phép thuật Kitô giáo càng sớm càng tốt, và tôi nhất định sẽ thực hiện đúng những gì đã hứa với ngài.

Nghe vậy, hoàng đế rất vui mừng và nói:

– Ta có một vị hoàng tử Kitô giáo đang bị giam trong ngục. Khi ngươi phá hủy được sức mạnh phép thuật của hắn, ngươi sẽ nhận được những vinh dự to lớn từ chúng ta.

Feona đáp lại:

– Hãy để người Kitô hữu đó thực hiện một phép lạ nào đó trước mặt ta, và ta sẽ phá hủy mọi việc làm của hắn ngay trước mặt ngài.

Vua rất vui mừng và nói với Feona:

– Tuy nhiên, trước tiên ta muốn được chứng kiến một điềm báo nào đó do ngươi thực hiện.

Feona liền yêu cầu người ta dẫn con bò đực hung dữ nhất đến trước mặt ông. Khi con bò được dẫn đến, Feona thì thầm vài lời vào tai nó, và ngay lập tức con bò tách làm hai phần, mỗi phần nằm riêng rẽ.

Lúc đó, nhà vua kinh ngạc nói:

– Quả thật, ngươi có thể phá vỡ phép thuật của đạo Kitô!

– Hãy chờ thêm chút nữa, bệ hạ, – Feona đáp lại – và ngài sẽ hiểu được toàn bộ sự vĩ đại của phép lạ vừa xảy ra!

Nói xong, ông ra lệnh mang cân đến và đặt cả hai phần con bò lên đó, và hóa ra cả hai đều có trọng lượng bằng nhau. Ngay sau đó, Diocletian ra lệnh dẫn thánh giám mục Theopemptus đến trước mặt mình, rồi đặt ông đối diện với nhà phù thủy và nói với ông:

---

[715] Vị thần Hy Lạp-La Mã, được tôn kính là vị thần bảo trợ cho sự khai sáng trí tuệ, vị thần mặt trời.

– Ta biết ngươi là kẻ lừa đảo và phù thủy! Nhà chiêm tinh này vừa từ Ai Cập đến, và giờ ta muốn biết ai trong hai người có phép thuật mạnh hơn.

Lúc đó, Theona nói với vị giám mục:

– Ta sẽ thể hiện hai phép thuật của ta lên ngươi, và nếu chúng không làm hại ngươi, thì ta cũng sẽ tin vào Đức Chúa Trời của ngươi.

Sau khi nặn hai chiếc bánh tròn từ bột mì, ông mời vị giám mục ăn thử. Vị giám mục nhận lấy và ăn chúng; chúng có vị ngọt như mật ong và không gây hại gì cho ông cả.

Thấy vậy, Theonas ngạc nhiên và nói:

– Ta sẽ thử thêm một phép màu nữa của nghệ thuật ta trên ngươi, và nếu nó không làm hại ngươi, thì ta sẽ tin vào Đức Chúa Trời của ngươi.

Ông ta lấy một chén nước, bỏ vào đó một loại cỏ độc và cầu khẩn những con quỷ mạnh nhất đến giúp mình để chất độc phát huy tác dụng mạnh hơn, rồi cho vị thánh uống nước đó.

Khi vị thánh uống xong mà không hề hấn gì, Theona lập tức quỳ xuống dưới chân vị giám mục thánh và nói:

– Không có Đức Chúa Trời nào khác để ta có thể đặt niềm tin vào, ngoài Đức Giê-su duy nhất!

Rồi ông nói với nhà vua:

– Tôi là người Kitô hữu và thờ phượng Đấng bị đóng đinh!

Nghe vậy, nhà vua vô cùng bối rối và thốt lên:

– Thật là những phép lạ vĩ đại của các pháp sư Kitô giáo!

Và ngài ra lệnh đưa cả hai vào ngục tối. Tại đó, vị giám mục thánh thiện đã dạy cho Theon về đức tin, đổi tên ông thành Synesius (có nghĩa là: người tràn đầy trí tuệ, vì ông đã hiểu và nhận biết Đức Kitô là Thiên Chúa và Chúa Tể bằng trái tim trong sạch) và làm phép rửa tội cho ông.

Sáng hôm sau, nhà vua ra lệnh cho đưa vị giám mục thánh đến trước mặt mình và, cúi đầu trước ngài, nói:

– Chào ngài, vị thầy của các pháp sư.

Rồi ông bắt đầu thuyết phục ngài quay về với đức tin Hy Lạp vô đạo. Khi vị thánh từ chối dâng lễ vật cho các vị thần, nhà vua ra lệnh cho người ta quăng ngài xuống đất, mặt ngửa lên trời, rồi trói tay và chân ngài vào bốn cây, sau đó mang đến một mảnh cột đá khá lớn, mà tám người mới vừa đủ sức khiêng được, và đặt nó lên bụng vị thánh. Nhưng vị giám mục thánh đã dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa – và ngay lập tức, tảng đá được đặt lên bụng ngài tự động nhấc lên và bị hất văng ra xa, cách ngài gần mười lăm khuỷu tay. Lúc đó, Diocletian ra lệnh treo thánh nhân lên bằng dây thừng ở chân, đầu hướng xuống dưới, đồng thời buộc một tảng đá nặng vào cổ ngài và để ngài treo lơ lửng trong tư thế đó từ sáng cho đến ba giờ chiều. Sau đó, ông ra lệnh cắt đứt đột ngột sợi dây mà vị thánh bị treo ngược bằng chân; ông nghĩ rằng khi rơi xuống, vị thánh sẽ bị tảng đá nặng đè bẹp, gãy xương và như vậy sẽ chết một cách nhục nhã. Nhưng khi việc đó được thực hiện, vị giám mục thánh, nhờ sức mạnh của Thiên Chúa, đã đứng thẳng lên trên đôi chân của mình. Sau đó, kẻ tra tấn đã tuyên án tử hình đối với ngài.

Ngài, khi nghe điều đó với niềm vui sướng, đã lớn tiếng thốt lên:

– Ngợi khen Thiên Chúa, Cha của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã ban ơn cho con được đến ngày này, ngày mà con hằng mong đợi. Vậy, con xin Ngài, lạy Chúa, hãy nhớ đến con mãi mãi và ngay lúc này!

Nói xong, ngài quỳ gối xuống và, sau khi bị chém đầu, đã an nghỉ trong bình an, tuyên xưng Đức Thánh Ba Ngôi.

Sau đó, nhà vua ra lệnh dẫn nhà chiêm tinh Theon, người đã tin vào Đấng Kitô, đến trước mặt mình; và khi không thể ép ông dâng lễ tế cho thần tượng bằng cả lời nịnh hót lẫn lời đe dọa, nhà vua liền ra lệnh ném ông xuống một hố sâu và lấp đất lên. Người ta còn dẫn đến những con ngựa hung dữ, chúng dẫm đạp lên lớp đất đã được đổ lên người thánh nhân bị ném xuống hào. Như vậy, thánh Theon, bị phủ đầy đất và bị chân ngựa dẫm đạp trong một thời gian dài, đã về với Chúa[716] .

Các thánh tử đạo, Giám mục Theopemptus và Theonas (còn gọi là Synesius), đã thực hiện hành động hy sinh đầy đau khổ của mình tại Nicomedia, dưới triều đại của Hoàng đế Diocletianus, trong khi vẫn sống dưới quyền cai trị của Vua tối cao, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời, amen.

---

[716] Ông qua đời vào năm 303.

Lễ kính Thánh Synklitiki

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 1

Thánh nữ Synklitiki sinh ra tại thành phố Alexandria, Ai Cập, nơi cha mẹ bà – những người thuộc dòng dõi quý tộc, nổi tiếng về lòng đạo đức và rất giàu có – đã di cư đến từ Macedonia[717] . Khi cô đến tuổi thiếu nữ, nhiều chàng trai quý tộc và giàu có, bị mê hoặc bởi vẻ đẹp phi thường trên khuôn mặt cô và đức hạnh được mọi người công nhận, đã tìm cách cầu hôn cô. Nhưng cô không muốn kết hôn, vì từ thuở thiếu nữ, cô đã bừng cháy tình yêu dành cho Đấng Hôn Phu trên trời là Đức Kitô, Thiên Chúa. Chính vì thế, cô không quan tâm đến việc trang điểm bên ngoài, mà chú trọng vào sự thanh tịnh bên trong, thanh tẩy tâm hồn bằng việc ăn chay, sống tiết độ và giữ tâm hồn trong sạch, để trở nên xứng đáng trước mắt Chúa Kitô. Dồn trọn tâm trí hướng về Thiên Chúa, cô đã chiến thắng kẻ thù vô hình là ma quỷ, kẻ xúi giục con người phạm tội. Sau khi cha mẹ qua đời, bà đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho những người nghèo khổ và khốn cùng, còn bản thân thì từ bỏ thế gian, vì Chúa mà sống trong cảnh nghèo khó tột cùng, bà đã đưa theo người em gái mù lòa của mình và định cư trong ngôi mộ của một người thân. Bà coi đời sống tu hành là điều cao quý đến mức không biết phải tạ ơn Chúa thế nào vì Ngài đã thương xót ban cho bà ân huệ ấy. Trong những năm đầu của đời sống tu hành, bà đã vượt trội hơn nhiều người, nhưng lại giấu kín những công đức của mình. Bà không chỉ ăn rất ít bánh mì và uống một lượng nước rất ít, mà bánh mì bà ăn còn làm từ cám lúa mì. Bà càng tăng cường việc ăn chay khi phải đối mặt với sự tấn công của kẻ thù. Danh tiếng về những việc làm cao cả của bà đã thu hút nhiều phụ nữ đến với bà, những người xin bà chỉ dạy. Trong một thời gian dài, bà chỉ im lặng trước những lời thỉnh cầu của họ, nhưng những lời khẩn cầu không ngừng đã buộc bà phải truyền dạy cho nhiều nữ tu hành khác, những người đã tụ tập xung quanh bà và lập thành một cộng đoàn. Vào những năm tháng cuối đời, bà phải chịu đựng từ kẻ cám dỗ những điều tương tự như người công chính Gióp đã từng chịu đựng, vì những căn bệnh dữ dội ập đến với bà, toàn thân bà bị bao phủ bởi những vết loét, kiệt quệ và bị ăn mòn bởi những vết loét và giun sán. Bà đã chịu đựng như vậy trong ba năm sáu tháng, không cho phép bác sĩ chữa trị cho mình và chỉ đặt niềm hy vọng duy nhất vào Đức Chúa Trời. Khi thời khắc bà rời bỏ cõi đời này đến gần, bà đã nhìn thấy trong một thị kiến các Thiên thần thánh thiện và dung nhan của các trinh nữ rực rỡ, đang kêu gọi bà đến với họ, và bà đã nhìn thấy những ngôi làng thiên đàng. Sau thị kiến đó, bà quay sang nói với các nữ tu, và tiên đoán ngày giờ bà sẽ lìa khỏi thân xác. Điều đó sẽ xảy ra ba ngày sau đó. Như bà đã nói, mọi việc đã diễn ra đúng như vậy: vì ba ngày sau, vào giờ bà đã định, bà đã lìa khỏi thân xác đầy bệnh tật và những vết loét dữ dội, và như một vị tử đạo, bà đã về với Chúa để hưởng cuộc sống không đau khổ, như các thánh đang hưởng trên thiên đàng[718] . Bà đã sống trên trần gian khoảng tám mươi năm với biết bao công lao và kỳ công; giờ đây, bà đang an nghỉ trong những nơi ở vĩnh cửu trên thiên đàng.

Cuộc đời của Thánh Apollinaria

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 1

Sau khi vua Hy Lạp Arcadius[719] qua đời, con trai ông là Theodosius[720] vẫn còn là một cậu bé tám tuổi và không thể cai trị vương quốc; vì vậy, anh trai của Arcadius, Hoàng đế La Mã Honorius[721] đã giao phó việc chăm sóc vị vua trẻ và cai trị toàn bộ vương quốc Hy Lạp cho một trong những quan chức cao cấp nhất, Amphipatus[722]

---

[717] Macedonia – một tỉnh của Đế chế La Mã ở phía nam bán đảo Balkan, phía bắc Hy Lạp.

[718] Thánh nữ Synklitikia qua đời vào khoảng năm 350.

[719] Arcadius, sau khi Đế chế La Mã bị chia tách bởi cha ông là Theodosius I Đại đế, đã trị vì Đế chế La Mã Đông phương, hay còn gọi là Byzantium, từ năm 395 đến 408.

[720] Theodosius II – con trai của Arcadius, được gọi là "Thứ Nhất" để phân biệt với ông nội là Theodosius I Đại Đế; trị vì tại Byzantium từ năm 408 đến năm 450.

[721] Honorius – con trai khác của Theodosius Đại đế – đã nhận phần Tây Đế quốc khi đế quốc bị chia tách, và trị vì từ năm 395 đến năm 423.

[722] Anphipat (tiếng Hy Lạp: Ανθύπατος), hay còn gọi là Proconsul, là một quan chức cao cấp trong Đế chế Byzantine, đảm nhiệm chức vụ nhà nước với tư cách là người cai trị một khu vực hoặc tỉnh riêng biệt.

tên là Anfemius[723] , một người chồng khôn ngoan và rất đạo đức. Vị Anphipat này, cho đến khi Theodosius trưởng thành, được mọi người thời bấy giờ kính trọng như một vị vua; chính vì lý do đó mà Thánh Simeon Metaphrastes, khi bắt đầu viết cuốn tiểu sử này, đã nói: "trong triều đại của vị vua sùng đạo Anphemius" – và trong suốt câu chuyện này, ngài đều gọi ông là vua. Anfemius có hai người con gái, trong đó người em út từ thuở ấu thơ đã bị ám bởi một linh hồn ô uế, còn người chị cả từ khi còn trẻ đã dành thời gian trong các nhà thờ thánh và cầu nguyện. Tên của người chị cả là Apollinaria. Khi cô đến tuổi trưởng thành, cha mẹ cô bắt đầu suy tính về việc gả cô đi, nhưng cô từ chối và nói với họ:

– Con muốn vào tu viện, để ở đó lắng nghe Lời Chúa và chứng kiến lối sống tu viện.

Cha mẹ cô nói với cô:

– Chúng ta muốn gả con đi.

Cô đáp lại:

– Con không muốn kết hôn, nhưng con hy vọng rằng Chúa sẽ giữ con trong sự kính sợ Ngài, trong sự trong sạch, giống như Ngài đã giữ các trinh nữ thánh của Ngài trong sự vô nhiễm!

Cha mẹ cô thấy thật ngạc nhiên khi cô nói như vậy, dù còn rất trẻ, và rằng cô đã được tình yêu dành cho Thiên Chúa bao trùm đến mức độ ấy. Nhưng Apollinaria lại tiếp tục nài nỉ cha mẹ mình, xin họ đưa một nữ tu nào đó đến dạy cô đọc Thánh Vịnh và các Thánh Kinh. Còn Anfemius thì rất lo lắng về ý định của con gái, vì ông muốn gả cô đi lấy chồng. Khi cô gái vẫn không thay đổi ý định và từ chối mọi món quà mà các chàng trai quý tộc đến cầu hôn cô đề nghị, cha mẹ cô đã nói với cô:

– Con muốn gì vậy, con gái?

Cô đáp lại:

– Xin cha mẹ hãy dâng con cho Chúa – và cha mẹ sẽ nhận được phần thưởng vì sự trinh khiết của con!

Thấy ý định của cô kiên định, vững vàng và đầy đức tin, họ nói:

– Xin ý Chúa được thực hiện!

Và họ đưa một nữ tu có kinh nghiệm đến với cô, người đã dạy cô đọc các sách Thánh. Sau đó, cô nói với cha mẹ:

– Xin cha mẹ hãy cho con đi hành hương, để con có thể chiêm ngưỡng những thánh địa ở Giê-ru-sa-lem. Ở đó, con sẽ cầu nguyện và thờ lạy Thánh Giá và sự Phục Sinh của Chúa Kitô!

Họ không muốn cho cô đi, vì cô là niềm an ủi duy nhất trong nhà đối với họ, và họ rất yêu thương cô, bởi vì người chị gái khác của cô bị quỷ ám. Còn Apollinaria thì đã nài nỉ cha mẹ mình trong một thời gian dài, và cuối cùng, dù không muốn, họ cũng đồng ý cho cô đi. Họ trao cho cô nhiều nô lệ nam và nữ, không ít vàng và bạc, rồi nói:

– Hãy nhận lấy những thứ này, con gái ơi, rồi hãy lên đường, thực hiện lời thề của con, vì Đức Chúa Trời muốn con trở thành tôi tớ của Ngài!

Sau khi đưa cô lên tàu, họ chia tay cô và nói:

– Con ơi, hãy nhớ đến cha mẹ trong những lời cầu nguyện tại các thánh địa nhé!

Cô đáp lại:

– Cũng như các ngài đã thực hiện điều con mong ước trong lòng, xin Chúa cũng ban cho các ngài những điều các ngài cầu xin và giải cứu các ngài trong ngày hoạn nạn!

Vậy là, sau khi chia tay cha mẹ, cô lên đường ra khơi. Khi đến Ascalon[724] , cô ở lại đó vài ngày vì biển động và đã đi thăm tất cả các nhà thờ và tu viện ở đó, vừa cầu nguyện vừa bố thí cho những người nghèo khó. Chính tại đây, cô đã tìm được những người đồng hành cho chuyến đi đến Jerusalem và, khi đến thành thánh, cô đã thờ lạy sự Phục Sinh của Chúa và Thánh Giá, đồng thời dâng lên những lời cầu nguyện tha thiết cho cha mẹ mình. Trong

---

[723] Anfemius – cha của Apollinaris – là Proconsul hay Anfipatos từ năm 405. Ông có ảnh hưởng lớn tại triều đình, đến nỗi sau khi Hoàng đế Arcadius qua đời vào năm 408, anh trai ông là Honorius, Hoàng đế của Đế quốc Phương Tây, đã bổ nhiệm Anfemius làm người giám hộ cho Theodosius – con trai 8 tuổi của Arcadius – và giao phó cho ông quyền cai trị tạm thời toàn bộ Đế quốc Phương Đông. Chính vì vậy, trong cuốn tiểu sử, Anphêmius được gọi là vua. Thánh Theodoret đã đề cập đến ông, và còn lưu giữ một bức thư của Thánh Gioan Kim Khẩu gửi cho ông.

[724] Ascalon – một trong năm thành phố chính của người Philistine ở Palestine, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải, giữa Gaza và Asdot. Thành phố này được chỉ định thuộc về chi phái Giu-đa và đã bị chi phái này chinh phục, nhưng sau đó lại trở nên độc lập và, giống như các thành phố Philistine khác, luôn ở trong tình trạng thù địch với Israel.

những ngày hành hương này, Apollinaria còn ghé thăm các tu viện nữ, cúng dường những khoản tiền lớn để hỗ trợ nhu cầu của họ. Cùng lúc đó, bà bắt đầu giải phóng những nô lệ nam và nữ dư thừa, đồng thời hào phóng thưởng cho họ vì sự phục vụ của họ và nhờ họ cầu nguyện cho mình. Vài ngày sau, khi kết thúc những lời cầu nguyện tại các thánh địa, Apollinaria, sau khi viếng sông Jordan, đã nói với những người còn ở lại cùng bà:

– Hỡi các anh em của tôi, tôi muốn giải phóng cả các anh em nữa, nhưng trước tiên chúng ta hãy đến Alexandria và thờ lạy Thánh Mina.

Họ đáp:

– Xin hãy làm theo lời bà chỉ dạy, thưa bà!

Khi họ sắp đến Alexandria, quan tổng trấn[725] biết tin bà sắp đến nên đã cử những người có uy tín ra đón và chào mừng bà như một công chúa. Tuy nhiên, bà không muốn nhận những vinh dự đã được chuẩn bị sẵn, nên đã vào thành phố vào ban đêm và tự mình đến nhà quan tổng trấn để chào hỏi ông cùng phu nhân. Quan tổng trấn cùng phu nhân liền quỳ xuống dưới chân bà, nói:

– Tại sao bà lại làm như vậy, thưa phu nhân? Chúng tôi đã cử người đến chào đón bà, vậy mà bà, phu nhân của chúng tôi, lại tự mình đến đây và cúi đầu chào chúng tôi.

Thánh Apollinaria nói với họ:

– Các ngài có muốn làm tôi vui lòng không?

Họ đáp:

– Tất nhiên rồi, thưa bà! Rồi vị thánh nói với họ:

– Hãy thả tôi ra ngay lập tức, đừng làm phiền tôi bằng những nghi thức tôn kính nữa, vì tôi muốn đi cầu nguyện với Thánh Tử đạo Mine.

Và họ, sau khi dâng lên bà những món quà quý giá, đã để bà ra đi. Còn vị Thánh Phúc Âm thì phân phát những món quà đó cho những người nghèo. Sau đó, bà ở lại Alexandria trong vài ngày, đi thăm các nhà thờ và tu viện. Trong thời gian đó, tại ngôi nhà nơi bà đang lưu trú, bà gặp một bà lão. Bà Apollinaria đã ban cho bà lão một khoản bố thí hào phóng và nhờ bà lão bí mật mua giúp mình một chiếc áo choàng, một chiếc khăn trùm đầu (paraman[726]), một chiếc mũ trùm đầu và một chiếc thắt lưng da, cùng tất cả các trang phục nam giới của dòng tu. Bà lão đồng ý, mua tất cả những thứ đó và mang đến cho vị thánh nữ, rồi nói:

– Cầu Chúa phù hộ cho mẹ con!

Sau khi nhận được áo tu sĩ, Apollinaria giấu chúng đi để những người đồng hành của bà không biết. Sau đó, cô thả những nô lệ nam và nữ còn lại, ngoại trừ hai người – một nô lệ già và một hoạn quan – rồi lên thuyền, ra khơi đến Limn. Từ đó, cô thuê bốn con vật kéo xe và lên đường đến quan tài của thánh tử đạo Mina. Sau khi cúi đầu kính lễ di cốt của vị thánh và dâng lời cầu nguyện, Apollinaria ngồi trên một cỗ xe ngựa đóng kín và đi đến tu viện để kính viếng các vị thánh cha đang sống tại đó. Lúc bà lên đường là vào buổi tối, bà ra lệnh cho hoạn quan đi phía sau cỗ xe, còn người nô lệ đi phía trước thì điều khiển các con vật. Còn vị Thánh nữ, ngồi trong cỗ xe có mái che và mang theo áo tu sĩ, đã thầm cầu nguyện, xin Chúa giúp đỡ trong việc mà bà đang thực hiện. Bóng tối buông xuống và gần đến nửa đêm; cỗ xe cũng tiến gần đến một đầm lầy nằm bên cạnh một suối nước, sau này được gọi là Suối Apollinaria. Khi vén tấm màn che của cỗ xe, Thánh nữ Apollinaria thấy cả hai người hầu của mình, hoạn quan và người đánh xe, đều đã chìm vào giấc ngủ. Lúc đó, bà cởi bỏ y phục thế tục và mặc vào bộ áo tu sĩ nam, đồng thời hướng về Thiên Chúa với những lời như sau:

– Lạy Chúa, Ngài đã ban cho con khởi đầu của lối sống này, xin hãy cho con được tiếp tục sống theo lối sống ấy cho đến cùng, theo Thánh ý của Ngài!

Sau đó, bà làm dấu thánh giá, lặng lẽ bước xuống khỏi cỗ xe trong khi các người hầu vẫn đang ngủ, rồi đi vào đầm lầy và ẩn náu ở đó cho đến khi cỗ xe đi xa. Thánh nữ đã định cư trong sa mạc gần đầm lầy ấy và sống một

---

[725] Proconsul – quan tổng trấn của một vùng.

[726] Paraman, còn được gọi là anala, là một phần của trang phục tu sĩ. Trong thời cổ đại, paraman bao gồm hai dải dây đeo, được mặc bên ngoài áo chiton hoặc áo sơ mi theo hình chữ thập trên vai, như một biểu tượng của việc gánh lấy thập giá của Chúa Kitô trên vai. Hoặc paramand được làm từ hai dải vải len kép, buông xuống từ cổ và quấn chéo qua vai dưới nách, sau đó thắt chặt quanh áo trong. Sau này, người ta bắt đầu gắn một miếng vải lanh nhỏ có hình ảnh các cuộc khổ nạn của Chúa Kitô lên ngực, dùng hai đầu dây thắt lưng hoặc dây buộc quấn quanh miếng vải đó theo hình chữ thập, giống như áo oraria của phó tế. Một số tu sĩ mặc paramand bên ngoài áo tu sĩ, số khác không chỉ mặc bên ngoài áo chiton hay áo sơ mi, như cách người ta vẫn mặc ngày nay. Hiện nay, chỉ có các tu sĩ skhimnik mới mặc paramand hoặc analav dài bên ngoài áo tu sĩ.

mình trước mặt Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng mà bà đã yêu mến. Còn Thiên Chúa, khi thấy lòng khao khát chân thành của bà hướng về Ngài, đã che chở bà bằng bàn tay phải của Ngài, giúp bà chiến đấu với những kẻ thù vô hình và ban cho bà thức ăn thể xác dưới hình thức những quả chà là.

Khi cỗ xe mà vị thánh nữ đã bí mật xuống khỏi đó tiếp tục lăn bánh, các người hầu, hoạn quan và vị tu sĩ già thức dậy khi ánh sáng ban mai ló rạng, nhận ra cỗ xe trống rỗng, họ vô cùng hoảng sợ; họ chỉ thấy quần áo của nữ chủ nhân, nhưng không tìm thấy chính bà. Họ ngạc nhiên, không biết bà đã xuống xe lúc nào, đi đâu và với mục đích gì, lại còn cởi bỏ hết quần áo trên người. Họ tìm kiếm bà rất lâu, gọi tên bà bằng giọng lớn, nhưng không tìm thấy, nên quyết định quay trở lại, không biết phải làm gì khác. Vậy là, khi trở về Alexandria, họ đã báo cáo mọi chuyện cho Tổng trấn Alexandria; ông này, vô cùng ngạc nhiên trước tin báo nhận được, lập tức viết thư chi tiết về mọi việc cho Anfemius, cha của Apollinaria, và gửi cho ông ta những bộ quần áo còn lại trong cỗ xe của cô, cùng với một hoạn quan và một vị lão niên. Anfemius, sau khi đọc xong bức thư của quan tổng trấn, cùng với vợ mình, mẹ của Apollinaria, đã khóc lóc thảm thiết trong một thời gian dài khi nhìn ngắm những bộ quần áo của cô con gái yêu quý, và tất cả các quan đại thần cũng khóc theo họ. Sau đó, Anfemius đã thốt lên trong lời cầu nguyện:

– Lạy Chúa! Ngài đã chọn con bé, xin Ngài hãy củng cố lòng kính sợ Ngài trong lòng con bé!

Khi sau đó mọi người lại khóc nức nở, một số quan đại thần bắt đầu an ủi nhà vua bằng những lời như sau:

– Đây mới là con gái đích thực của một người cha đức hạnh, đây mới là nhánh cây đích thực của một vị vua sùng đạo! Thưa bệ hạ, chính điều này đã chứng minh trước mặt mọi người đức hạnh của ngài, nhờ đó Thiên Chúa đã ban phước cho ngài một người con gái như thế!

Nói những lời này và nhiều điều khác nữa, họ phần nào xoa dịu nỗi đau đớn tột cùng của nhà vua. Và tất cả đều cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho Apollinaria, xin Ngài củng cố cô trong lối sống như vậy, vì họ đã hiểu rằng cô đã chọn một cuộc sống ẩn tu đầy gian khổ, đúng như những gì đã thực sự xảy ra.

Còn vị trinh nữ thánh thiện ấy đã sống vài năm tại chính nơi cô xuống khỏi cỗ xe, ở trong sa mạc gần một đầm lầy, nơi những đám muỗi gây ngứa ngáy bay lên thành từng đám mây. Tại đó, cô đã chiến đấu với ma quỷ và với chính thân xác mình, vốn trước đây mềm mại như thân thể một thiếu nữ lớn lên trong sự xa hoa hoàng gia, nhưng sau đó trở nên cứng cáp như mai rùa, bởi cô đã làm khô héo nó bằng lao động, ăn chay và thức trắng đêm, đồng thời để muỗi cắn xé; hơn nữa, cô còn phải chịu đựng cái nắng gay gắt của mặt trời. Khi Chúa muốn bà tìm được nơi nương náu giữa các vị thánh cha ẩn sĩ và để mọi người biết đến bà nhằm lợi ích cho chính họ, thì Ngài đã đưa bà ra khỏi đầm lầy đó. Một thiên thần đã hiện ra với bà trong giấc mơ và truyền cho bà đến tu viện và lấy tên là Dorothea. Và bà rời khỏi nơi ở của mình, với vẻ ngoài đến nỗi không ai có thể chắc chắn rằng người trước mặt mình là nam hay nữ. Một lần nọ, khi bà đang đi bộ trong sa mạc vào sáng sớm, vị thánh ẩn sĩ Macarius đã gặp bà và nói:

– Xin cha ban phước lành!

Cô cũng xin ngài ban phước lành, và sau khi ban phước cho nhau, họ cùng nhau đi về tu viện. Khi vị thánh hỏi:

– Cha là ai vậy?

Ông đáp:

– Tôi là Macarius.

Rồi cô nói với ngài:

– Xin cha hãy cho phép con ở lại với các anh em của cha!

Vị tu sĩ già dẫn cô vào tu viện, chỉ cho cô một phòng, không biết rằng cô là phụ nữ, mà cứ tưởng cô là một tu sĩ nam. Đức Chúa Trời đã không tiết lộ bí mật này cho ông, để sau này mọi người đều được hưởng lợi ích lớn lao từ điều đó và để tôn vinh danh thánh của Ngài. Khi Makari hỏi tên cô là gì, cô trả lời:

– Tên tôi là Dorotheus. Nghe nói về các vị thánh cha đang ở đây, tôi đã đến đây để sống cùng các ngài, nếu tôi xứng đáng.

Vị trưởng lão bèn hỏi cô:

– Con có thể làm gì, anh em?

Và Dorothea đáp rằng cô sẵn lòng làm bất cứ điều gì được giao phó. Lúc đó, vị tu sĩ già chỉ dẫn cô dệt chiếu từ cây sậy. Và cô trinh nữ thánh thiện bắt đầu sống như một người đàn ông, trong một căn phòng riêng, giữa các tu sĩ nam, theo lối sống của các vị tu sĩ ẩn dật: Thiên Chúa không cho phép ai biết được bí mật của cô. Cô dành cả ngày lẫn đêm để cầu nguyện không ngừng và làm các công việc thủ công. Theo thời gian, cô trở nên nổi bật giữa

các vị tu sĩ nhờ lối sống nghiêm khắc của mình; hơn nữa, cô còn được Thiên Chúa ban ân sủng chữa lành bệnh tật, và tên Dorothea được mọi người nhắc đến, vì tất cả đều yêu mến vị Dorothea giả danh này và tôn kính ông như một vị tu sĩ vĩ đại.

Một thời gian khá lâu trôi qua, và tà linh đang ám ảnh cô con gái út của vua Anfemia, em gái của Apollinaria, bắt đầu hành hạ cô dữ dội hơn và gào thét:

– Nếu các ngươi không đưa ta vào sa mạc, thì ta sẽ không buông tha cho cô ấy.

Quỷ dữ đã dùng mưu kế này nhằm vạch trần việc Apollinaria đang sống giữa những người đàn ông và để đuổi cô ra khỏi tu viện. Và vì Đức Chúa Trời không cho phép quỷ dữ nói bất cứ điều gì về Apollinaria, nên nó đã hành hạ em gái cô để họ đưa cô vào sa mạc. Các quan đại thần khuyên nhà vua gửi cô đến với các vị thánh cha trong tu viện, để các ngài cầu nguyện cho cô. Nhà vua đã làm theo, gửi cô gái bị quỷ ám cùng với rất nhiều người hầu đến với các vị thánh cha trong sa mạc.

Khi tất cả đến tu viện, Thánh Macarius bước ra đón họ và hỏi:

– Các con ơi, các con đến đây để làm gì?

Họ đáp:

– Đức vua Anfemius, vị quân vương đạo đức của chúng tôi, đã gửi con gái ngài đến đây để các ngài cầu nguyện với Chúa và chữa lành bệnh tật cho cô ấy.

Vị tu sĩ già nhận cô gái từ tay quan đại thần của nhà vua, dẫn cô đến gặp Abba Dorotheus, hay còn gọi là Apollinaris, và nói:

– Đây là công chúa, người đang cần những lời cầu nguyện của các vị tu sĩ sống ở đây và lời cầu nguyện của con. Hãy cầu nguyện cho cô ấy và chữa lành cho cô ấy, vì Chúa đã ban cho con khả năng chữa lành này.

Còn Apollinaria, khi nghe điều đó, đã khóc và nói:

– Tôi, một kẻ tội lỗi, là ai mà các ngài lại gán cho tôi quyền năng trừ tà?

Và, quỳ gối xuống, cô khẩn cầu vị tu sĩ già bằng những lời như sau:

– Xin cha hãy để con khóc than về vô số tội lỗi của con; con yếu đuối và không có khả năng làm được gì trong việc này.

Nhưng Makari nói với cô:

– Chẳng phải các vị cha khác cũng làm những phép lạ nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời sao? Và việc này cũng đã được trao cho con.

Lúc đó, Apollinaria nói:

– Xin ý Chúa được thực hiện!

Và, thương xót người bị quỷ ám, bà đưa cô ấy về phòng tu của mình. Khi nhận ra đó là em gái mình, vị thánh nữ đã ôm chầm lấy cô ấy trong những giọt nước mắt vui sướng và nói:

– Thật tốt là em đã đến đây, em gái ơi!

Còn Đức Chúa Trời thì đã cấm quỷ dữ tiết lộ về Apollinaria, người vẫn tiếp tục che giấu giới tính của mình dưới hình dạng và danh tính của một người đàn ông, và vị thánh đã chiến đấu với ma quỷ bằng lời cầu nguyện. Một lần nọ, khi quỷ dữ bắt đầu hành hạ cô gái một cách đặc biệt dữ dội, Thánh Apollinaria, giơ hai tay lên hướng về Chúa, đã khóc lóc cầu nguyện cho em gái mình. Lúc đó, quỷ dữ, không thể chống lại sức mạnh của lời cầu nguyện, đã hét lên lớn tiếng:

– Khốn khổ cho ta! Ta bị đuổi khỏi đây, và ta sẽ rời đi!

Và, sau khi quật cô gái xuống đất, nó đã rời khỏi cô ấy. Còn Thánh Apollinaria, sau khi đưa em gái đã bình phục của mình đi cùng, đã dẫn em đến nhà thờ và, quỳ xuống dưới chân các vị thánh cha, nói:

– Xin tha thứ cho con, kẻ tội lỗi! Con đã phạm nhiều tội khi sống giữa các ngài.

Các ngài liền gọi những người được nhà vua cử đến, giao con gái hoàng gia đã được chữa lành cho họ và tiễn cô về với nhà vua cùng những lời cầu nguyện và phước lành. Cha mẹ vô cùng vui mừng khi thấy con gái mình khỏe mạnh trở lại, và tất cả các quan đại thần đều vui mừng trước hạnh phúc của vị vua của họ và ngợi khen Thiên Chúa vì lòng thương xót vĩ đại của Ngài, vì họ thấy rằng cô gái đã khỏe mạnh, khuôn mặt xinh đẹp và tính cách hiền lành. Còn Thánh Apollinaria thì càng khiêm nhường hơn giữa các vị cha, khi liên tục đảm nhận những công việc vĩ đại mới.

Sau đó, ma quỷ lại dùng mưu mô để làm vua buồn phiền và làm ô danh hoàng gia, cũng như bôi nhọ và gây hại cho người được cho là Dorotheus. Hắn lại nhập vào công chúa, nhưng không hành hạ cô như trước, mà khiến

cô trông như một người phụ nữ đang mang thai. Thấy con gái trong tình trạng như vậy, cha mẹ cô vô cùng bối rối và bắt đầu tra hỏi cô đã phạm tội với ai, còn cô gái, với thân xác và tâm hồn trong sạch, trả lời rằng chính cô cũng không biết chuyện này đã xảy ra với mình như thế nào. Khi cha mẹ cô bắt đầu dùng roi vọt để ép cô phải nói ra đã sa ngã với ai, quỷ dữ đã nói qua miệng cô rằng:

– Vị tu sĩ mặc áo đen trong căn phòng nhỏ, người mà tôi đã ở cùng tại tu viện, chính là kẻ phải chịu trách nhiệm về sự sa ngã của tôi.

Nhà vua vô cùng tức giận và ra lệnh phá hủy tu viện đó. Các tướng quân của nhà vua cùng binh lính đến tu viện và giận dữ yêu cầu giao nộp vị tu sĩ đã xúc phạm công chúa một cách tàn nhẫn như vậy, đồng thời đe dọa sẽ tàn sát tất cả các tu sĩ nếu họ chống đối. Nghe vậy, tất cả các vị tu sĩ đều rơi vào tình trạng hoang mang tột độ, nhưng Thánh Dorotheus, bước ra gặp các quan chức của nhà vua, đã nói:

– Chính tôi là người các ngươi đang tìm; hãy bắt riêng tôi làm kẻ có tội, còn các vị tu sĩ khác là những người vô tội, xin hãy để họ yên.

Các vị tu sĩ nghe vậy, buồn bã và nói với Dorotheus: "Chúng tôi cũng sẽ đi cùng ngài!" – bởi vì họ không cho rằng ngài có tội trong việc đó. Nhưng Thánh Dorotheus nói với họ:

– Thưa các ngài! Các ngài chỉ cần cầu nguyện cho tôi thôi, còn tôi thì đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời và vào những lời cầu nguyện của các ngài, và tôi tin rằng mình sẽ sớm trở về với các ngài an toàn.

Sau đó, cả cộng đoàn đã dẫn ngài vào nhà thờ, dâng lời cầu nguyện cho ngài và phó thác ngài cho Chúa, rồi giao ngài cho những người được Anfemiô cử đến; tuy nhiên, Abba Makariô và các vị cha khác vẫn tin chắc rằng Dorotheô vô tội. Khi Dorotheô được dẫn đến trước mặt Anfemiô, ngài quỳ xuống dưới chân ông và nói:

– Tôi khẩn cầu ngài, bệ hạ kính yêu, hãy kiên nhẫn và im lặng lắng nghe những gì tôi sẽ nói về con gái ngài; nhưng tôi chỉ có thể nói hết mọi chuyện khi chỉ có hai người chúng ta. Cô gái ấy vẫn trong sạch và không hề phải chịu bất kỳ sự xâm hại nào.

Nhà vua và hoàng hậu lúc đó ở lại một mình với Dorofey, và anh nói với họ:

– Tôi khẩn cầu các ngài nhân danh Đức Chúa Trời, – hãy hứa với tôi rằng, khi biết được sự thật, các ngài sẽ thả tôi về nơi cư ngụ của tôi.

Khi họ đã hứa với ông bằng lời hứa hoàng gia, thì thánh nữ Apollinaria nói với họ:

– Chính tôi, một người khiêm nhường, đã chữa lành cho con gái của các vị, nhờ ơn Chúa và nhờ lời cầu nguyện của các thánh tổ phụ.

Nhà vua và hoàng hậu như bị sững sờ vì ngạc nhiên và chăm chú lắng nghe vị thánh nữ.

– Tôi sẽ tiết lộ cho các vị, – bà tiếp tục, – một bí mật vĩ đại mà cho đến nay tôi vẫn cẩn thận giữ kín, nhằm làm bẽ mặt ma quỷ, kẻ vu khống những người vô tội.

Nói xong, bà vén tấm khăn che ngực lên, và nhà vua cùng hoàng hậu thấy rằng trước mặt họ không phải là một người đàn ông, mà là một người phụ nữ.

– Thưa cha, – vị thánh nữ nói, – con là con gái của cha – Apollinaria!

Nghe vậy, cha mẹ bà lúc đầu như chết lặng vì kinh hoàng và ngạc nhiên, nhưng sau đó, khi nhận ra đó chính là con gái mình, họ vô cùng vui mừng và đã rơi không ít giọt nước mắt hạnh phúc trong ngày hôm đó. Sau đó, họ dẫn em gái của Thánh nữ Apollinaria – người mà họ tưởng là đang mang thai – đến gặp bà và nói:

– Con có biết người tu sĩ mặc áo đen này không?

Cô đáp:

– Vâng, đó chính là người đã chữa lành cho con bằng quyền năng của Đức Chúa Trời.

Và, quỳ xuống dưới chân vị thánh, cô gái khẩn cầu bà chữa lành cho bụng mình. Còn Apollinaria, sau khi đỡ em gái mình dậy khỏi mặt đất, đã đặt tay lên bụng cô ấy, và con quỷ lập tức bỏ chạy, còn cô gái thì khỏe mạnh trở lại như trước. Thấy vậy, cha mẹ cô ca ngợi Đức Chúa Trời và nói:

– Quả thật, đây chính là con gái chúng ta, Apollinaria!

Và trong hoàng cung vang lên những tiếng khóc vui mừng vì con gái cả Apollinaria, người mà trước đó không ai biết tin tức gì, đã bất ngờ xuất hiện, và vì con gái còn lại đã được giải thoát khỏi sự ô nhục oan uổng. Còn Thánh Apollinaria thì ở lại với cha mẹ mình vài ngày và kể cho họ nghe chi tiết về bản thân, còn cha mẹ nghe cô kể thì ca ngợi Thiên Chúa vì sự quan phòng kỳ diệu của Ngài.

Khi Thánh nữ định trở về nơi cư ngụ của mình, cha mẹ bà đã nài nỉ bà ở lại với họ. Nhưng họ không thể thuyết phục được bà, hơn nữa họ cũng không muốn vi phạm lời hứa hoàng gia đã hứa với bà rằng sẽ để bà trở về

nơi cư ngụ của mình trước khi bí mật của bà được tiết lộ. Vậy là, trái với ý muốn của mình, họ tiễn đưa cô con gái yêu quý của mình, vừa khóc lóc thảm thiết, vừa vui mừng trong lòng vì có một cô con gái đức hạnh như vậy, người đã hiến dâng bản thân để phụng sự Đức Chúa Trời. Còn Thánh Apollinaria thì xin cha mẹ cầu nguyện cho mình, và họ nói với cô:

– Nguyện Đức Chúa Trời, Đấng mà con đã hiến dâng chính mình, sẽ hoàn thiện con trong sự kính sợ và yêu mến Ngài, và che chở con bằng lòng thương xót của Ngài; còn con, con gái yêu dấu, hãy nhớ đến chúng ta trong những lời cầu nguyện thánh thiện của con.

Họ muốn trao cho cô rất nhiều vàng để cô mang đến tu viện phục vụ các vị thánh phụ, nhưng cô không muốn nhận.

– Các vị cha của con, – cô nói, – không cần đến của cải trần gian này; chúng con chỉ lo lắng để không đánh mất những ân huệ trên trời.

Vậy là, sau khi dâng lời cầu nguyện và khóc lóc thật lâu, ôm ấp và hôn lên trán cô con gái yêu quý của mình, nhà vua và hoàng hậu đã để cô trở về nơi cư ngụ của mình. Còn vị Thánh nữ thì hân hoan và vui mừng trong Chúa.

Khi nàng trở về tu viện, các vị tu sĩ và anh em trong tu viện đều vui mừng vì anh em của họ là Dorotheus đã trở về với họ an toàn và khỏe mạnh, và họ đã tổ chức một lễ hội vào ngày đó để tạ ơn Chúa. Không ai biết được điều gì đã xảy ra với cô tại cung điện nhà vua, và việc Dorotheus thực ra là một phụ nữ cũng vẫn là một bí ẩn. Và thánh Apollinaria, người được cho là Dorotheus, tiếp tục sống giữa các anh em tu sĩ như trước đây, ở trong phòng tu của mình. Sau một thời gian, khi thấy mình sắp ra đi về với Chúa, cô nói với cha Makarios:

– Xin cha thương xót con: khi đến lúc con phải ra đi sang cõi khác, xin đừng để các anh em tắm rửa hay tẩy uế thi thể con.

Vị tu sĩ già đáp:

– Làm sao có thể như vậy được?

Khi bà qua đời để về với Chúa[727] , các tu sĩ đến tắm rửa cho bà và, khi thấy trước mặt mình là một người phụ nữ, họ đã lớn tiếng kêu lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng có nhiều thánh nhân thầm kín ở cùng Ngài!

Thánh Macarius thì ngạc nhiên vì bí mật này không được tiết lộ cho ngài. Nhưng trong một giấc mơ, ngài thấy một người nói với ngài:

– Đừng buồn vì bí mật này đã được giấu kín khỏi ngươi, và ngươi xứng đáng được vinh danh cùng với các vị thánh tổ đã sống trong thời cổ đại.

Người hiện ra đã kể về nguồn gốc và cuộc đời của Thánh Apollinaria và nêu tên bà. Tỉnh dậy khỏi giấc ngủ, vị tu sĩ già đã triệu tập các tu sĩ và kể cho họ nghe những gì mình đã thấy; tất cả đều kinh ngạc và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu nơi các thánh của Ngài. Sau khi trang điểm thi hài của vị thánh, các tu sĩ đã an táng thi hài ấy một cách trang trọng ở phía đông của nhà thờ, trong lăng mộ của Thánh Macarius. Từ các di cốt thánh này, nhiều phép lạ chữa lành đã xảy ra, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

Lễ kính Thánh Tiên tri Mi-kê

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 1

Thánh tiên tri Mi-chê, con trai của Iemvlay[728] , là người cùng thời với tiên tri Ê-li của Đức Chúa Trời và sống vào thời vua A-háp của Y-sơ-ra-ên[729] và vua Giô-sa-phát của Giu-đa[730] . Mi-chê đã tiên tri bằng lời nói và

---

[727] Khoảng năm 470.

[728] Nhà tiên tri Mi-chê này không thuộc nhóm 12 người được gọi là "các nhà tiên tri nhỏ" và sống vào thế kỷ IX trước Công nguyên. Còn Thánh Mi-chê, một trong số "các nhà tiên tri nhỏ", đã sống và rao giảng lời tiên tri khoảng 130 năm sau đó.

[729] A-háp, con trai của A-mri, là vua của Y-sơ-ra-ên; ông kết hôn với I-za-bê, người phụ nữ gian ác, con gái của vua Si-đôn, và cùng với bà, ông đã đưa vào vương quốc Y-sơ-ra-ên một hình thức thờ cúng thần tượng mới – đó là việc thờ phượng Ba-anh và A-shtarte – các vị thần của Si-đôn. Dưới triều đại của ông, nhà tiên tri của Đức Chúa Trời là Ê-li, người Tê-sê-vi, đã sống và lên án mạnh mẽ sự gian ác của ông.

báo trước kết cục bi thảm của cuộc chiến tranh giữa A-háp chống lại Sy-ri. Một lần nọ, Giô-sa-phát đến Sa-ma-ri[731] để thăm A-háp. Nhớ lại rằng Ramoth, thành phố thuộc Gilead[732] , vốn do người Syria kiểm soát, trước đây từng thuộc về vương quốc Israel, A-háp đã đề nghị Giô-sa-phát cùng hợp lực tiến hành chiến tranh chống lại Syria[733] . Vị vua Do Thái đạo đức đã đồng ý với điều này, nhưng trước khi xuất quân, ông muốn biết ý muốn của Đức Chúa Trời qua lời các tiên tri. Lúc bấy giờ, A-háp đã triệu tập các tiên tri của Ba-anh đến trước mặt mình[734] . Những tiên tri giả dối này, khi đứng trước hai vị vua đang ngự trên những ngai vàng lộng lẫy tại cổng thành Sa-ma-ri, đã tiên tri cho A-háp về chiến thắng trước người Sy-ri. Nhưng Giô-sa-phát hỏi liệu còn có tiên tri của Đức Giê-hô-va nào ở đây không, để qua người ấy có thể thỉnh ý Đức Giê-hô-va.

– Vẫn còn một người nữa mà qua đó có thể cầu hỏi Đức Giê-hô-va, – A-háp đáp, – nhưng tôi không ưa người ấy, vì người ấy không tiên tri điều tốt lành về tôi, mà luôn tiên tri điều xấu; đó là Mi-chê, con trai của Iem-bai.

– Xin đừng nói như vậy, thưa vua, – Giô-sa-phát phản đối.

Ngay lập tức, A-háp ra lệnh cho người ta đi gọi Mi-chê.

Vua hỏi ông:

– Mi-chê, chúng ta có nên tiến quân đến Ra-mô-phơ ở Ga-la-át hay nên dừng lại?

Mi-chê đáp:

– Tôi đã thấy tất cả con cái Y-sơ-ra-ên rải rác trên các ngọn núi, như những con chiên không có người chăn, và Đức Giê-hô-va phán rằng: Chúng không có người lãnh đạo, hãy để mỗi người trở về nhà mình trong bình an.

Lúc đó, A-háp ra lệnh đưa nhà tiên tri Mi-chê vào ngục tối và chỉ cho ông ta một ít bánh mì và nước, cho đến khi ông (A-háp) trở về bình an.

Trước điều đó, Mi-chê đã nhận xét:

– Nếu ngươi trở về bình an, thì đó không phải là lời Đức Chúa Trời phán qua miệng ta.

A-háp đã không nghe theo lời tiên tri của thánh Mi-chê và khai chiến với người Sy-ri, nhưng ngay trong trận chiến đầu tiên, ông đã bị thương nặng đến mức tử vong[735] , còn Giô-sa-phát cùng quân đội của mình đã trở về Giu-đê.

Lễ kính Thánh Grigoriô người Crete

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 1

Thánh Grigori, vị cha thánh của chúng ta, sinh năm 760 trên đảo Crete[736] trong gia đình của cặp vợ chồng sùng đạo Theophanes và Juliana. Nhờ được giáo dục tốt tại gia đình, ngài cũng nhận được nền giáo dục chính quy. Vào thời đó, những người bảo vệ đức tin Chính Thống Giáo phải chịu sự đàn áp nặng nề từ những kẻ dị giáo chống thánh tượng. Từ thuở nhỏ đã trung thành với Chính Thống Giáo và khao khát mãnh liệt giữ gìn đức tin chân chính

---

[730] Giô-sa-phát, con trai của A-sa, là một vị vua Do Thái kính sợ Đức Chúa Trời, trị vì từ năm 914 đến năm 889 trước Công nguyên.

[731] Samaria – thành phố chính của vương quốc Israel. Thành phố này được vua Amri của Israel, cha của A-háp, xây dựng vào năm 925 trước Công nguyên và vẫn là thành phố chính cũng như nơi ở của các vua Israel cho đến khi vương quốc bị vua Salmanassar của Assyria phá hủy.

[732] Ramo – thành phố thuộc Gilead, ngày nay là Salt, nằm dưới chân núi Gilead. – Gilead – vùng đất bên kia sông Jordan.

[733] Syria – theo nghĩa rộng, chỉ vùng đất rộng lớn nằm giữa Biển Địa Trung Hải và sông Euphrates. Trong thời kỳ độc lập, vùng đất này được chia thành nhiều vương quốc, trong đó vương quốc Damascus là hùng mạnh nhất, và chính vương quốc này được đề cập đến ở đây. Trong thời trị vì của Va-sa và A-mri, các vua Y-sơ-ra-ên, Vê-na-đát, vua Sy-ri, đã chiếm được một số thành phố của Y-sơ-ra-ên. Dưới triều A-ha-vơ, con trai của A-m-ri, Vê-na-đát II, con trai của vị vua trước đó, đã bao vây chính thành Sa-ma-ri, nhưng bị bắt làm tù binh và buộc phải ký hiệp ước hòa bình, trả lại cho A-ha-vơ những thành phố mà cha ông đã chinh phục; tuy nhiên, Ra-mô-phơ thuộc Ga-la-át vẫn nằm trong tay người Sy-ri.

[734] Baal – vị thần chính của người Phoenicia, dưới danh nghĩa của ngài, họ chủ yếu thờ phụng mặt trời. Sau khi cùng với Jezebel đưa việc thờ phụng Baal và Astarte vào vương quốc Israel, Ahab đặc biệt bảo trợ cho các tiên tri giả của Baal, nuôi dưỡng khoảng một nghìn người trong số họ bằng ngân sách hoàng gia.

[735] Đó là vào khoảng năm 878 trước Công nguyên.

[736] Đảo Crete, còn được gọi là Candia – theo tên thành phố chính cùng tên – nằm ở phần phía đông của Biển Địa Trung Hải, phía nam Biển Aegean. Nhờ diện tích rộng lớn và đất đai màu mỡ, đảo này trước đây được mệnh danh là "nữ hoàng của các hòn đảo" ở Biển Địa Trung Hải.

trong sự tinh khiết tuyệt đối, chàng trai trẻ một lần đã mang theo một ít lương thực từ nhà và lên đường đến Seleucia[737] . Ngài đã sống ở đó một thời gian dài, chỉ ăn bánh mì và uống nước, và sống một cuộc đời thánh thiện, dâng hiến cho Chúa qua những việc làm đạo đức.

Sau khi Hoàng đế Lêô IV, người chống lại việc thờ hình tượng, qua đời[738] , Thánh Grigori, khi đó mới hai mươi tuổi, đã lên đường đến Thành thánh Giê-ru-sa-lem để chiêm bái các thánh tích tại đó. Tại đây, ngài đã ở lại mười hai năm, kiên nhẫn và vui vẻ chịu đựng những sự đàn áp tàn bạo từ người Ả Rập[739] và người Do Thái. Từ đó, Thánh Grigori chuyển đến Roma, nơi ngài nhận lễ xuất gia theo hình thức thiên thần, và trong hình thức đó, ngài tu hành, chế ngự xác thịt bằng sự tiết độ.

Năm 811, Thánh Nikifor, Tổng Giám mục Constantinopolis, đã cử Thánh Michael, vị Giám mục Sinad và là vị Thánh Tuyên xưng[740] , đến gặp Đức Giáo hoàng Thánh Leo III[741] cùng với sắc lệnh của Công đồng về lễ đăng quang của Hoàng đế Michael Kuropalates[742] . Tại Rôma, Thánh Michael đã trở nên thân thiết về mặt tâm linh với Thánh Grigorius và, trên đường trở về Constantinopolis, ngài đã đưa ngài ấy theo cùng, sau đó đưa ngài ấy vào tu viện tại Mũi Akrit[743] . Tại đây, vị thánh này vì Chúa Kitô đã tự nguyện chịu những thiếu thốn lớn lao: đi chân trần, chỉ có một bộ quần áo, thức ăn gồm một lượng nhỏ bánh mì và nước, chỉ ăn một lần mỗi hai hoặc ba ngày; ngủ trên chiếu cói, chọn một cái hố sâu làm nơi ở và tại đây, ngài đã than khóc cay đắng trước những biến động đang làm xáo trộn các giáo hội Kitô giáo lúc bấy giờ[744] . Sau đó, vị thánh tu hành này tự giam mình trong một căn phòng chật hẹp; từ đó, ngài chỉ mặc duy nhất một bộ áo da để mang nước vào cái thùng đặt bên hàng rào tu viện. Sau khi hoàn thành công việc nặng nhọc này, vị tu sĩ lại lui về phòng tu của mình và thực hành các nghi thức tu hành tại đó. Với những việc làm thánh thiện như vậy, ngài đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa[745] .

Ngày tưởng niệm Thánh Fostirios

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 1

Thánh Fostirios, như mặt trời rạng ngời ở phương Đông, đã soi sáng những ai đang chìm trong bóng tối. Rút lui lên ngọn núi hoang vắng cao vút, ngài không ngừng cầu nguyện với Chúa, chế ngự xác thịt của mình bằng việc ăn chay, thức đêm cầu nguyện và một cuộc sống đầy thiếu thốn. Với lòng tu hành vĩ đại, ngài tỏa sáng như một vì sao trong vũ trụ, xứng đáng với danh hiệu mà ngài mang[746] . Sau khi thanh tẩy thân xác và thánh hóa linh hồn qua việc tuân giữ điều răn của Chúa: *"Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ chính mình, vác thập giá mình và theo Ta"* (Mt 16,24), vị thánh nhân đã trở thành nơi ngự của Thánh Thần. Nhờ ân sủng do Thiên Chúa ban tặng, ngài đã chữa lành các bệnh tật và mọi vết thương cho những ai đến với ngài với lòng tin.

Giống như vị tiên tri vĩ đại Ê-li, vị thánh cha Fostirios của chúng ta đã nhận được thức ăn từ trời. Nhưng không phải những con quạ mang thức ăn cho ngài, như Kinh Thánh kể về vị tiên tri (3 Vua 17:6), mà là Thiên Thần của Chúa. Sứ giả từ trời này hàng ngày đặt bánh mì cho vị thánh tại một nơi đã định sẵn; và mỗi khi có khách đến thăm vị thánh nhân, ngài lại tìm thấy bánh mì tại chính nơi đó, đủ cho cả họ nữa. Phép lạ vinh quang này, thể hiện ân sủng của Đức Chúa Trời, không chỉ diễn ra trong vài ngày, như thời thánh tiên tri Ê-li trên núi Ca-mi-lê, mà kéo dài suốt nhiều năm, khi vị thánh Fostirios sống trong sự ẩn dật và im lặng.

Sau này, nhờ ơn Chúa, vị thánh Fostirios đã thành lập một tu viện, nơi quy tụ đông đảo các tu sĩ, thì ngài không còn nhận được bánh mì từ trời như trước nữa, mà cung cấp thức ăn cho họ từ công sức lao động của chính

---

[737] Trong thời cổ đại, có một số thành phố mang tên Seleucia: ở Tiểu Á, Mesopotamia, Syria và Palestine. Do vị trí gần đảo Crete, ở đây cần hiểu là thành phố ven biển thuộc Tiểu Á ở Cilicia, nằm ở phần đông nam của Tiểu Á.

[738] Lêv – hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 776 đến năm 780.

[739] Người Ả Rập đã chiếm Jerusalem vào năm 636 dưới thời caliph Omar.

[740] Ngày tưởng niệm ông là ngày 23 tháng 5

[741] Từ năm 795 đến năm 816.

[742] Michael Kuropalates, còn được gọi là Rangav, trị vì từ năm 811 đến năm 813.

[743] Trên bờ biển Tiểu Á của Biển Đá Cẩm Thạch.

[744] Tất nhiên là những xáo trộn do phe chống thánh tượng gây ra ở phương Đông và giáo lý mới về sự phát xuất của Thánh Thần từ Chúa Cha và Chúa Con – ở phương Tây.

[745] Thánh Grigori qua đời vào khoảng năm 820.

[746] Fostirios – tên Hy Lạp (từ "ánh sáng"), có nghĩa là "người chiếu sáng".

mình. Điều này xảy ra không phải vì Thiên Chúa đã cạn kiệt ân sủng của Ngài, cũng không phải vì Ngài từ chối lời cầu nguyện của vị thánh, nhất là khi chính vị thánh phụ này cũng chưa bao giờ cầu xin về thức ăn, vì luôn ghi nhớ lời răn của Chúa Kitô: *"Hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và sự công chính của Ngài trước hết, thì tất cả những điều ấy sẽ được ban cho các con"* (Mt 6,33). Nhưng Chúa đã muốn ban cho họ thức ăn nhờ công lao lao động, và vì thế Ngài đã truyền cho vị thánh nhân của Ngài là Phostirios không được nhận bất cứ điều gì từ ai, mà phải tự kiếm lấy mọi thứ cần thiết từ công lao lao động của chính mình. Chính ngài không nhận bất kỳ lễ vật nào, vị thánh và các anh em của ngài đã dạy dỗ họ siêng năng thực hành cầu nguyện, đọc sách có ích cho linh hồn và làm các công việc thủ công, và chính ngài đã làm gương mẫu thường xuyên cho họ trong những việc này.

Trong thời gian Thánh Fostirios còn sống, một số tà thuyết đã nảy sinh trong Giáo hội; để chấm dứt sự cám dỗ này, một công đồng gồm nhiều vị cha đã được triệu tập, và vị thánh Fostirios cũng được mời tham dự. Vị thánh đáng kính này đã không lùi bước trước thử thách mới này; khi đến tham dự hội đồng, ngài đã dũng cảm và thuyết phục tuyên xưng đức tin chân chính, đến nỗi nhiều người theo tà giáo đã quay trở lại hiệp thông với Giáo hội. Còn những người khác thì gia nhập đời tu, được thúc đẩy bởi cuộc sống thánh thiện của vị tu sĩ vĩ đại này, nhờ những lời cầu nguyện của ngài mà nhiều phép lạ đã xảy ra, cả trong thời gian ngài còn tại thế lẫn sau khi ngài an nghỉ trong Chúa, vào buổi tối trước ngày lễ Hiển Linh của Chúa.

Lễ kỷ niệm Thánh Mina

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 1

Thánh Mena, vị cha đáng kính của chúng ta, đã tu hành tại một trong những tu viện cộng đồng trên núi Sinai[747] vào thế kỷ thứ sáu sau Công nguyên. Trong suốt năm mươi năm, ngài đã thực hiện các nhiệm vụ tu hành đa dạng. Vào ngày thứ ba sau khi vị tu sĩ này an nghỉ trong Chúa, toàn thể cộng đoàn đã tụ họp tại nhà thờ để cử hành lễ cầu hồn cho người quá cố theo quy định của Giáo hội. Trong lúc cử hành thánh lễ, nhà thờ bỗng ngập tràn hương thơm tỏa ra từ nơi thi hài người quá cố được an táng. Khi theo lệnh của vị tu viện trưởng, quan tài chứa thi hài của vị thánh Mina được mở ra, tất cả những người có mặt đều thấy rằng từ hai bên chân ngài, hai dòng nước thơm đang chảy ra. Lúc đó, vị tu viện trưởng nói với các tu sĩ:

– Hãy nhìn xem, đây như thể là mồ hôi từ những công việc mà đôi chân của vị đã an nghỉ đã thực hiện khi còn sống; nó tràn ngập hương thơm như một bằng chứng rằng những công việc đó đã được Thiên Chúa chấp nhận. Vậy các con hãy thực hiện những nhiệm vụ được giao phó với lương tâm trong sáng và sự tận tụy trọn vẹn, để nhận được phần thưởng cho những công việc đó từ Chúa Thiên Chúa và Đấng Cứu Thế của chúng ta.

Ngày 19 tháng 1

ngày 6 tháng 1 (theo lịch cũ)

Lễ Rửa Tội của Chúa

Ngày tưởng niệm 6 tháng 1

Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, sau khi trở về từ Ai Cập, đã ở lại xứ Galilê, tại thành Nazareth, nơi Ngài được nuôi dưỡng, và đã giấu kín quyền năng Thần tính cùng sự khôn ngoan của Ngài khỏi mọi người cho đến khi Ngài tròn ba mươi tuổi, vì theo luật Do Thái, không ai dưới ba mươi tuổi được phép đảm nhận chức vụ thầy dạy

[747] Sinai – ngọn núi mà từ đó Chúa đã ban luật pháp cho dân Do Thái qua Mô-sê. Ngọn núi này là một trong những đỉnh của dãy núi Hô-rít trên bán đảo Biển Đỏ (Biển Đen). Dãy núi này, được cắt ngang bởi những khe núi hẹp và đá, và có nhiều hang động từ những ngày đầu của Kitô giáo, đã trở thành nơi ưa thích của các tu sĩ khổ hạnh, những người đã thành lập ở đó một số tu viện nhỏ và tu viện lớn. Trong số các vị ẩn sĩ trên núi Sinai, những người nổi tiếng nhất bao gồm: Thánh Gioan Người Kiêng Ăn, sau này trở thành Thượng phụ Constantinopolis; Thánh Gioan Thang Bậc (tác giả của cuốn "Thang Bậc"), người vào cuối đời đã trở thành Bề trên của núi Sinai, tức là của các tu viện ở đó, và nhiều vị khác.

hay linh mục. Vì thế, Đức Kitô cũng chưa bắt đầu công việc rao giảng và chưa tự xưng là Con Thiên Chúa và *"Thượng Tế vĩ đại, Đấng đã đi qua các tầng trời"* (Dt 4,14), cho đến khi Ngài đạt đến độ tuổi đã định. Tại Nazareth, Ngài sống cùng Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ, ban đầu là cùng với người cha nuôi của Ngài, Giuse thợ mộc, cho đến khi ông còn sống, và cùng ông làm công việc thợ mộc; rồi sau khi Giuse qua đời, Ngài tự mình tiếp tục công việc đó, dùng sức lao động của đôi tay để kiếm sống cho chính mình và cho Đức Mẹ Vô Nhiễm, nhằm dạy chúng ta tinh thần cần cù (Lc 3:23). Khi Ngài tròn ba mươi tuổi trong cuộc đời trần thế và đã đến lúc Ngài hiện ra với dân Israel theo ý muốn của Thiên Chúa, thì, như Phúc Âm chép, *"Lời Chúa phán cùng Gioan, con trai của Zacharia, trong sa mạc"* (Lc 3,2) – lời phán truyền sai ông đi làm phép rửa bằng nước và báo cho ông biết dấu hiệu, nhờ đó Gioan sẽ nhận ra Đấng Mêsia đã đến thế gian. Chính Thánh Gioan Tẩy Giả đã nói về điều này trong bài giảng của mình bằng những lời sau: *"Đấng đã sai tôi đi làm phép rửa bằng nước đã phán với tôi: 'Ai mà ngươi thấy Thánh Thần ngự xuống và ở lại trên người ấy, thì chính người ấy là Đấng làm phép rửa bằng Thánh Thần'"* (Ga 1:33).

Và thế là, Gioan, vâng theo lời Chúa, đã đi khắp vùng đất bên sông Giô-đanh, rao giảng *"phép rửa sám hối để được tha tội"* (Lc 3:3), vì chính Ngài là Đấng mà Ê-sai đã tiên tri: *"Tiếng kêu trong đồng vắng: Hãy dọn đường cho Chúa, hãy làm cho các lối đi trên đồng hoang trở nên thẳng tắp cho Đức Chúa Trời của chúng ta"* (Ê-sai 40:3; xem Lc 3:4). Và cả xứ Giu-đê cùng dân thành Giê-ru-sa-lem đều ra gặp ông, và tất cả đều chịu phép rửa tại sông Giô-đanh, xưng thú tội lỗi của mình (Mác 1:5). Bấy giờ, Đức Giê-su từ Ga-li-lê cũng đến sông Giô-đanh gặp Gioan để chịu phép rửa từ ông (Ma-thi-ơ 3:13). Ngài đến vào thời điểm Gioan rao giảng về Ngài cho dân chúng, nói rằng: *"Đấng Mạnh Mẽ hơn tôi đang đến sau tôi; tôi không xứng đáng cúi xuống cởi dây giày cho Ngài; tôi đã làm phép rửa cho các ngươi bằng nước, còn Ngài sẽ làm phép rửa cho các ngươi bằng Thánh Thần"* (Mác 1:7–8). Sau lời loan báo đó, Đức Giê-su đã đến để chịu phép rửa. Dù Ngài không cần điều đó, vì là Đấng vô tội và vô tì vết, được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và chính Ngài là nguồn mạch của mọi sự trong sạch và thánh thiện, nhưng vì Ngài đã gánh lấy tội lỗi của cả thế gian, nên Ngài đã đến bên dòng sông để thanh tẩy chúng qua phép rửa. Ngài đến để chịu phép rửa cũng nhằm thánh hóa bản chất của nước, đến để chuẩn bị bể rửa thánh cho chúng ta. Ngài còn đến với Gioan để ông, khi nhìn thấy Thánh Thần ngự xuống trên người chịu phép rửa và nghe tiếng Chúa Cha từ trên cao, trở thành chứng nhân chân thật về Đấng Kitô.

"Giăng liền giữ Ngài lại và nói: 'Chính tôi mới cần được Ngài làm phép rửa, mà Ngài lại đến với tôi sao?'" (Mt 3:14) Ông đã nhận ra Đấng mà cách đây ba mươi năm, khi còn trong lòng mẹ, *đã "nhảy mừng"* vì Ngài (Lc 1:44), nên chính ông cũng xin Ngài làm phép rửa cho mình, như một người đang mang tội bất tuân, tội đã truyền từ A-đam sang toàn thể nhân loại. Nhưng Chúa đã phán với Gioan: *"Hãy để như vậy đi, vì chúng ta phải làm trọn mọi điều công chính"* (Mt 3,15).

Thánh Xê-la-ti-ô hiểu "lời công chính" ở đây là các điều răn của Đức Chúa Trời, như thể Chúa Giê-su đã nói: "Vì Ta đã tuân giữ tất cả các điều răn được ban trong Luật pháp, và chỉ còn lại một điều duy nhất – liên quan đến phép rửa tội – nên Ta cũng phải thực hiện điều này." Phép Rửa của Gioan cũng là một điều răn thiêng liêng, như có thể thấy qua lời của Gioan: *"Đấng đã sai tôi đi rửa tội trong nước đã phán với tôi"* (Ga 1,33). Ai đã sai? Rõ ràng là chính Thiên Chúa: *"Đức Chúa Trời đã phán với Gioan"* (Lc 3:2). Và còn một lý do nữa khiến Chúa Giêsu chịu phép rửa khi Ngài được ba mươi tuổi, đó là vì tuổi ba mươi – theo lời của Thánh Gioan Kim Khẩu và Thánh Thêôphilact, – dễ sa ngã vào mọi tội lỗi. Bởi vì tuổi trẻ dễ bị chi phối bởi ngọn lửa của những đam mê xác thịt, còn ở tuổi ba mươi – thời điểm sức mạnh nam tính phát triển trọn vẹn – con người dễ sa vào lòng tham, sự kiêu ngạo, cơn thịnh nộ, sự giận dữ và mọi loại tội lỗi. Chính vì thế, Chúa Kitô đã trì hoãn việc chịu phép rửa tội cho đến độ tuổi này, để trong mọi giai đoạn của cuộc đời con người, Ngài có thể thực hiện luật pháp, thánh hóa toàn bộ bản tính của chúng ta và ban cho chúng ta sức mạnh để chiến thắng các dục vọng và tránh xa những tội lỗi dẫn đến cái chết.

Sau khi chịu phép rửa, Chúa lập tức, không chậm trễ chút nào, bước ra khỏi nước. Có truyền thuyết kể rằng Thánh Gioan Tẩy Giả đã nhúng mỗi người đến chịu phép rửa với Ngài xuống đến cổ và giữ họ như vậy cho đến khi họ xưng thú hết mọi tội lỗi của mình; sau đó, người chịu phép rửa mới được phép bước ra khỏi nước. Còn Đức Kitô, Đấng không có tội lỗi, không bị giữ lại trong nước, và vì thế Phúc Âm đã ghi thêm rằng Ngài đã bước lên khỏi nước ngay lập tức (Mt 3,16).

Khi Chúa bước ra khỏi nước, trời mở ra trên Ngài, một ánh sáng chói lòa như tia chớp chiếu xuống từ trên cao, và Thánh Thần của Đức Chúa Trời dưới hình dạng một con bồ câu ngự xuống trên Chúa đang chịu phép rửa.

Giống như vào thời Nô-ê, con bồ câu cái đã báo hiệu nước lụt đang rút đi, thì ở đây hình ảnh con bồ câu cũng báo trước sự kết thúc của cơn lụt tội lỗi. Và Thánh Thần hiện ra dưới hình dạng chim bồ câu bởi vì loài chim này trong sạch, yêu thương con người, hiền lành, không ác ý và không dung thứ bất cứ điều gì ô uế: cũng như vậy, Thánh Thần là nguồn suối của sự trong sạch, là đại dương của lòng nhân ái, là Thầy dạy sự hiền lành và là Đấng thiết lập hòa bình; đồng thời, Ngài luôn xa lánh con người đang quằn quại trong bùn lầy ô uế của tội lỗi. Khi Thánh Thần ngự xuống từ trời trên Đức Giêsu Kitô dưới hình dạng chim bồ câu, thì có tiếng phán rằng: *"Đây là Con yêu dấu của Ta, Đấng mà Ta hài lòng"* (Mt 3,17). Và Ngài xứng đáng được vinh quang và quyền năng muôn đời. Amen.

Lời giảng của Thánh Gioan Vàng Miệng nhân Lễ Hiển Linh

Ngày kỷ niệm: 6 tháng 1

Hỡi những người yêu dấu, tôi muốn cùng các bạn mừng lễ và hân hoan, vì ngày thánh của sự khai sáng là dấu ấn của lễ hội và là ngày hân hoan. Ngày này ghi dấu máng cỏ Bê-lem, nơi Đấng Cổ Xưa từ thuở ban đầu, như một đứa trẻ nằm trong lòng mẹ, đã nằm trong máng cỏ; chính ngày này cũng mở ra các suối nước sông Giô-đanh, nơi Đấng Cổ Xưa từ thuở ban đầu ấy hiện nay chịu phép rửa cùng với những người tội lỗi, ban cho thế gian sự tha thứ tội lỗi nhờ Thân Thể vô nhiễm của Ngài. Trong trường hợp đầu tiên, Đấng xuất thân từ lòng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm đã hiện ra trước các trẻ thơ như một đứa trẻ sơ sinh, trước người mẹ – như một người con, trước các nhà chiêm tinh – như một món quà, trước các mục tử – như một vị Mục Tử Nhân Lành, Đấng, theo lời Kinh Thánh, hy sinh linh hồn mình vì đàn chiên (Ga 10,11). Trong trường hợp thứ hai, chính là khi Ngài chịu phép rửa, Ngài đến bên dòng sông Giô-đanh để rửa sạch tội lỗi của những người thu thuế và những kẻ tội lỗi. Nói về sự kỳ diệu phi thường của sự kiện này, Thánh Phaolô khôn ngoan đã thốt lên: *"Ân sủng của Thiên Chúa đã hiện ra, mang lại ơn cứu độ cho mọi người"* (Tít 2:11). Vì giờ đây, thế gian được soi sáng khắp mọi nơi: trước hết là trời vui mừng, truyền cho loài người tiếng nói của Đức Chúa Trời từ các tầng trời cao, không khí được thánh hóa bởi sự hiện diện của Đức Thánh Linh, bản chất của nước cũng được thánh hóa, như thể đang học cách rửa sạch cả thân xác lẫn linh hồn, và mọi loài thụ tạo trên đất đều hân hoan. Chỉ có ma quỷ là khóc than, khi nhìn thấy bồn rửa thánh được chuẩn bị để nhấn chìm quyền lực của nó.

Vậy Phúc Âm còn kể gì nữa? *"Chúa Giê-su từ Ga-li-lê đến sông Giô-đanh để xin Gioan làm phép rửa cho Ngài. Nhưng Gioan giữ Ngài lại và nói: 'Chính tôi mới cần được Ngài làm phép rửa, sao Ngài lại đến với tôi?'"* (Mt 3:13, 14). Ai đã từng thấy Chúa đứng trước người tôi tớ? Ai đã từng thấy vị vua cúi đầu trước người lính của mình? Ai đã từng thấy người chăn chiên mà con chiên lại chỉ đường cho ông? Ai đã từng thấy người đứng đầu cuộc đua lại nhận phần thưởng từ người đang tập chạy[748] ? *"Con cần được Ngài làm phép rửa,"* – tức là, lạy Chúa, chính Ngài hãy ban cho con phép rửa mà Ngài muốn ban cho thế gian. Con cần Ngài làm phép rửa cho con, vì con đang gánh chịu gánh nặng của tội nguyên tổ và mang trong mình nọc độc của con rắn. Con cần được rửa sạch vết nhơ của tội lỗi cổ xưa, còn Ngài thì vì những tội lỗi nào mà đến để chịu phép rửa? Ngay cả vị tiên tri cũng đã làm chứng về Ngài, rằng: *"Vì Ngài không phạm tội, và không có sự dối trá trong miệng Ngài"* (Ê-sai 53:9). Vậy mà, chính Ngài – Đấng ban sự cứu rỗi – lại đi tìm sự thanh tẩy sao? Theo tập tục, những người chịu phép rửa thường xưng thú tội lỗi của mình; còn Ngài thì có gì để xưng thú, khi Ngài hoàn toàn vô tội? Tại sao Ngài lại đòi hỏi ở tôi điều mà tôi chưa từng được dạy? Tôi không dám làm điều vượt quá sức lực của mình; tôi không biết cách rửa sạch ánh sáng, cũng không biết cách chiếu sáng mặt trời của sự công chính. Đêm không chiếu sáng ban ngày, vàng không thể tinh khiết hơn thiếc, đất sét không thể sửa chữa người thợ gốm, biển không mượn dòng nước từ suối, sông không cần giọt nước nào, sự tinh khiết không được thánh hóa bởi sự ô uế, và kẻ bị kết án không thể tha bổng cho quan tòa. "*Con cần được Ngài làm phép rửa*." Người chết không thể nâng người sống dậy, người bệnh không thể chữa lành cho bác sĩ, và con biết rõ sự yếu đuối của bản tính mình! *"Học trò không cao hơn thầy, và đầy tớ không cao hơn chủ mình"* (Mt 10:24). Các Thiên Thần Cherubim không đến gần tôi với sự kính sợ, các Thiên Thần Seraphim không thờ lạy tôi và không hô vang "Ba Lần Thánh"[749] . Tôi không có ngai vàng trên trời, ngôi sao

[748] Ristania là các cuộc thi chạy được tổ chức công khai tại Hy Lạp trong các lễ hội thuộc khuôn khổ các cuộc thi thể thao cộng đồng. Người chiến thắng trong cuộc thi này sẽ nhận được phần thưởng từ các quan chức đặc biệt, những người chịu trách nhiệm trao giải.

không chỉ đường cho các nhà chiêm tinh đến với tôi, Mô-sê, vị thánh được Ngài yêu mến, chỉ vừa được ân sủng nhìn thấy *"phía sau Ngài"* (Xuất Ê-díp-tô Ký 33:23), vậy làm sao tôi dám chạm vào đầu thánh thiêng liêng của Ngài? Tại sao Ngài lại ra lệnh cho tôi làm điều vượt quá sức lực của tôi? Tôi không có bàn tay nào để có thể rửa tội cho Đức Chúa Trời: *"tôi cần được Ngài rửa tội*". Con được sinh ra từ một người mẹ già nua, vì thiên nhiên không thể trái lệnh Ngài. Khi còn trong bụng mẹ và chưa thể tự mình nói, con đã dùng môi miệng của mẹ; còn bây giờ, bằng chính môi miệng của mình, con sẽ tôn vinh Ngài – Đấng Vô Hạn, Đấng đã được chứa đựng trong chiếc hòm trinh nữ[750] . Con không mù quáng như dân Do Thái, vì con biết rằng Ngài là Chúa Tể, Đấng chỉ tạm thời mang hình hài của một tôi tớ để chữa lành loài người; con biết rằng Ngài đã đến để cứu rỗi chúng con; con biết rằng Ngài là hòn đá được tách ra khỏi núi mà không cần đến bàn tay con người – hòn đá mà ai tin vào sẽ không bị lừa dối. Những dấu hiệu hữu hình về sự khiêm nhường của Ngài sẽ không làm tôi lầm lạc, và tôi thấu hiểu bằng tinh thần sự vĩ đại của Thần Tính Ngài. Tôi là người phàm, còn Ngài là Đấng Bất Tử; tôi sinh ra từ người phụ nữ vô sinh, còn Ngài sinh ra từ Đức Trinh Nữ. Tôi sinh ra trước Ngài, nhưng không cao hơn Ngài. Tôi chỉ có thể rao giảng trước Ngài, nhưng không dám làm phép rửa cho Ngài: tôi biết rằng Ngài là cái rìu nằm bên gốc cây (Mt 3:10), cái rìu chặt đứt những cây vô sinh trong vườn Do Thái. Tôi đã thấy lưỡi liềm sẵn sàng chặt đứt những đam mê, và đã loan báo rằng chẳng bao lâu nữa, khắp nơi sẽ mở ra những suối nguồn chữa lành, vì còn nơi nào mà dân Do Thái của Ngài không thể đến được? Chỉ bằng một lời, Ngài sẽ thanh tẩy những người bị hủi; dòng máu chảy sẽ ngừng lại chỉ bằng một cái chạm vào gấu áo Ngài; chỉ bằng một mệnh lệnh của Ngài, người bị liệt sẽ lại được phục hồi sức mạnh. Ngài nuôi dưỡng con gái người phụ nữ Canaan bằng những hạt nhỏ của phép lạ Ngài, và bằng hơi thở, Ngài mở mắt cho người mù. Vậy mà Ngài lại xin tôi đặt tay lên Ngài sao? *"Chính tôi mới cần được Ngài làm phép rửa, mà Ngài lại đến với tôi, Đấng mà khi Ngài nhìn xuống đất, đất liền rung chuyển"* (Mt 3:14; Thi Thiên 103:32), Đấng đi trên mặt nước như đi trên đất – chính Ngài, Đấng mà con đã nhiều lần thốt lên trong lúc giảng đạo: *"Có Đấng Mạnh Mẽ hơn con đang đi sau con, Đấng mà con không xứng đáng cúi xuống cởi dây giày cho Ngài!"* (Mác 1:7). Con chỉ trông cậy vào lòng nhân từ khôn tả của Ngài và hy vọng vào tình yêu thương vô biên dành cho loài người của Ngài, nhờ đó Ngài còn cho phép cả người phụ nữ tội lỗi lau chân thánh khiết của Ngài và chạm vào đầu thánh thiêng của Ngài.

Vậy thì Chúa phán với ông ấy điều gì? *"Hãy để như vậy đi, vì chúng ta phải làm trọn mọi điều công chính"* (Mt 3:15). Hãy phục vụ Lời Chúa như tiếng nói của con người, hãy làm việc như nô lệ cho Chúa, như chiến binh cho vua, như đất sét cho thợ gốm. Đừng sợ, nhưng hãy mạnh dạn làm phép rửa cho Ta, vì Ta sẽ cứu rỗi thế gian; Ta hiến dâng chính mình cho cái chết, để làm sống lại bản tính con người đã chết. Dù Ta đã ra lệnh, ngươi vẫn chần chừ không giơ tay ra, còn những người Do Thái thì chẳng bao lâu nữa sẽ không ngần ngại giơ những bàn tay gian ác của họ lên Ta để nộp Ta cho cái chết. "Hãy để Ta làm điều này, vì điều đó phải xảy ra." Bởi lòng nhân ái của Ta, Ta đã quyết định cứu loài người từ trước muôn thuở. Vì loài người, Ta đã trở thành con người. Còn điều gì đáng ngạc nhiên hơn việc Ta, với tư cách là một con người bình thường, đến để chịu phép rửa? Ta làm điều này vì Ta không khinh miệt tạo vật do chính tay Ta tạo ra, cũng không hổ thẹn với bản tính trần thế. Ta vẫn giữ nguyên như từ thuở ban đầu, và đã nhận lấy bản tính mới, tuy nhiên, bản thể của Ta vẫn không thay đổi: "Ta sẽ để các con lại lúc này." Vì kẻ thù của loài người, sau khi bị lật đổ khỏi trời và bị trục xuất khỏi đất, đã ẩn náu trong bản chất nước, và Ta đã đến từ đó để trục xuất nó, như lời tiên tri đã loan báo về Ta: *"Ngài đã đập nát đầu các con rắn trong nước"* (Thánh Vịnh 73:13) *"Hãy rời bỏ các con bây giờ*". Vì kẻ thù này muốn cám dỗ Ta như một con người, và Ta chịu đựng điều này để chứng minh sự bất lực của nó, vì Ta sẽ nói với nó: *"Chớ cám dỗ Chúa, Thiên Chúa của ngươi"* (Mt 4,7; Đnl 6,16).

Ôi, phép lạ mới! Ôi, ân sủng khôn tả! Đấng Christ thực hiện kỳ công, còn tôi lại được vinh dự; Ngài chiến đấu với ma quỷ, còn tôi lại trở thành người chiến thắng; Ngài đập nát đầu con rắn trong nước, còn tôi như một võ sĩ thực thụ được đội vương miện[751] ; Ngài chịu phép rửa, còn tôi được tẩy sạch mọi ô uế; Thánh Thần ngự xuống trên Ngài, còn tôi được ban ơn tha tội; Cha làm chứng về Ngài như Con yêu dấu của Ngài, còn tôi trở thành con cái

---

[749] Đây là lời nhắc đến khải tượng của tiên tri Ê-sai, người đã được đặc ân chiêm ngưỡng Đức Chúa Trời ngự trên ngai vàng, trong khi các thiên thần Cherubim và Seraphim vây quanh ngai vàng đang ca ngợi: "Thánh, Thánh, Thánh là Đức Giê-hô-va vạn quân! Cả đất đầy vinh quang của Ngài!" (Ê-sai 6:3).

[750] Tất nhiên là tử cung trinh khiết của Đức Mẹ Đồng Trinh.

[751] Cụm từ này được lấy từ một phong tục cổ xưa – trong các cuộc thi đấu vật công cộng, người ta thường trao vòng nguyệt quế cho những người chiến thắng.

Thiên Chúa nhờ Ngài; trời mở ra cho Ngài, còn tôi thì bước vào đó; trước mặt Ngài, Đấng đang chịu phép rửa, vương quốc trên trời hiện ra, còn tôi thì nhận được nó làm gia nghiệp; tiếng Cha vang lên hướng về Ngài, và cùng với Ngài, tôi cũng được kêu gọi; Cha hài lòng về Ngài, và cũng không từ chối tôi. Phần tôi, tôi tôn vinh Cha, Đấng đã phán tiếng từ trời, Con, Đấng đang chịu phép rửa trên đất, và Thánh Thần, Đấng đã ngự xuống như chim bồ câu, Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà tôi sẽ luôn luôn thờ phượng. Amen.

Lời giảng về Lễ Hiển Linh của Chúa

Ngày kỷ niệm 6 tháng 1

Khi cử hành Lễ Hiển Linh của Chúa trên dòng sông Giô-đanh, chúng ta hãy nhớ lại rằng Đức Chúa Trời của chúng ta trước đây cũng đã hiện ra trên mặt nước để thực hiện nhiều việc kỳ diệu. Chẳng hạn, khi Ngài hiện ra trên mặt nước Biển Đỏ, thì "Ngài đã mở ra đáy biển sâu" ([752]) và dẫn dân Ngài đi trên đất khô; khi Ngài đi qua sông Giô-đanh trong chiếc thuyền, Ngài đã làm cho nước sông này chảy ngược lại: *"Sông Giô-đanh," như đã chép, "đã chảy ngược lại"* (Thánh Vịnh 113:3). Cuối cùng, ngay từ thuở ban đầu, khi Thánh Thần của Đức Chúa Trời bay lượn *trên mặt nước* (Sáng Thế Ký 1:1), Đức Chúa Trời đã tạo dựng trời, đất, chim chóc, thú vật, con người và nói chung là cả thế giới hữu hình.

Và giờ đây, trên mặt nước sông Giô-đanh, Đức Chúa Trời, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, đang hiện diện: Đức Chúa Cha – trong tiếng phán, Đức Chúa Con – trong xác thịt, Đức Thánh Linh – dưới hình dạng chim bồ câu. Vậy Ngài đang làm gì trong sự hiện ra này? Ngài đang tạo dựng một thế giới mới và làm mới mọi sự, giống như trong bài thánh ca trước lễ, Ngài tạo ra một thế giới mới, khác biệt với thế giới đầu tiên. *"Cái cũ đã qua đi*," Kinh Thánh nói, *"bây giờ mọi sự đều mới"* (2 Cô-rinh-tô 5:17). Thế giới đầu tiên, theo bản chất của nó, là nặng nề, không thể bay lên trời và cần có đất liền để đứng vững, như thể được cắm xuống vậy. Còn thế giới mới, được sinh ra từ dòng nước sông Giô-đanh, lại nhẹ nhàng đến nỗi không cần đất liền, không được dựng nên trên mặt đất, không có "rào cản, nhưng tìm kiếm nơi cao", lao nhanh từ dòng nước lên những cánh cửa thiên đàng đang mở rộng trên sông Giô-đanh: *"Ngay lập tức, Đức Giê-su bước lên khỏi nước, và kìa, trời mở ra cho Ngài"* (Mt 3:16). Đối với thế giới đầu tiên, gánh nặng những lo toan đời thường, nếu muốn đạt đến trời, thì cần phải có một cái thang được đặt vững trên đất, đỉnh của nó vươn tới trời – nhưng cái thang ấy chỉ được Gia-cốp chiêm ngưỡng, còn chính ông thì không leo lên được, – còn đối với thế giới mới, việc leo lên trời là điều có thể thực hiện được ngay cả khi không có thang. Bằng cách nào? Này, thay vì chiếc thang, Thánh Thần của Đức Chúa Trời, dưới hình dạng một con bồ câu, đang bay lượn trên mặt nước. Và điều này có ý nghĩa như sau. Loài người không còn như loài bò sát bò lê trên mặt đất hay loài thú bò trườn, mà như một con chim có lông vũ bước ra khỏi nước rửa tội; vì thế, Thánh Thần đã hiện ra trên mặt nước phép rửa tội như một con chim, để đưa những chú chim non của Ngài – những người mà Ngài đã sinh ra qua phép rửa tội – lên trời mà không cần thang. Và ở đây, những lời trong bài ca của Mô-sê được ứng nghiệm: *"Ngài bay lượn trên những chú chim non của Ngài"* (Đệ Nhị Luật 32:11), hay như được dịch trong bản dịch của Giê-rô-ni-mô, Ngài khiến những chú chim non của Ngài bay lên. Chính thế giới mới như vậy được Thiên Chúa tạo dựng qua sự hiện ra của Ngài trên dòng nước sông Giô-đanh, một thế giới không bám víu vào đất, nhưng như một con chim có lông vũ, vươn cánh bay lên bầu trời rộng mở.

Hãy cùng ôn lại lời Kinh Thánh sau đây: *"Đức Chúa Trời phán: 'Nước hãy sinh ra các loài chim, để chúng bay lượn trên vòm trời'"* (Sáng Thế Ký 1:20), và hãy xem cách một trong ba Ngôi của Thiên Chúa Ba Ngôi, Đấng hiện ra trên dòng nước sông Giô-đanh trong thời kỳ tái tạo thế giới, đưa những chú chim non thiêng liêng của Ngài ra khỏi nước rửa tội và kêu gọi chúng bay lên, để chúng có thể dùng đôi cánh đức hạnh của mình bay lên trời cao đang mở ra trên sông Giô-đanh. Nhưng trước khi xem xét điều này, chúng ta hãy xác nhận, dựa trên lời dạy của các vị Thánh Tổ của Giáo Hội, rằng bất kỳ ai được sinh ra từ nước và Thánh Thần đều trở thành chim non trên trời. Thánh Gioan Kim Khẩu nói: trước đây đã được phán rằng: *"Nước sẽ sinh ra các loài bò sát, có linh hồn sống"*; nhưng kể từ khi Đức Kitô bước vào dòng nước sông Jordan, nước không còn sinh ra *"các loài bò sát, linh hồn sống"* nữa, mà là những sinh vật có lý trí và thiêng liêng – những linh hồn, những linh hồn không bò lê trên mặt đất, mà như những con chim bay lượn lên trời. Chính vì thế, Đavít đã nói: *"Linh hồn chúng ta như chim"* (Tv

[752] Irmos thứ nhất trong Lễ Rửa Tội của Chúa.

123:7). Con chim này không thuộc về trần gian, mà thuộc về thiên đàng, vì nơi ở của chúng ta, vốn được chuẩn bị cho chúng ta kể từ khi chịu phép rửa, theo lời Kinh Thánh, nằm trên trời". Thánh Grêgôriô Nissê, khi quở trách những ai sau khi chịu phép rửa lại quay trở lại với những việc ác trước đây, đã nói: "Những kẻ vô liêm sỉ đã chịu phép rửa tội, bị dẫn dắt bởi điều gì đó không rõ, như thể rơi vào cơn điên loạn, đã đánh mất ơn cứu rỗi nhận được từ nước phép rửa tội, mặc dù, khi được chôn cùng Thân Thể Chúa Kitô, họ đã được khoác lên đôi cánh đại bàng và nhờ đó có thể bay lên cùng những con chim trên trời, tức là những linh hồn dũng cảm." Hãy chú ý đến những lời này: "Khi được chôn cùng Thân Thể Chúa Kitô (qua phép Rửa Tội), họ đã khoác lên mình đôi cánh đại bàng, nhờ đó có thể bay lên." Bằng điều này, vị Thánh Thầy này đã chứng minh một cách thuyết phục rằng những người bước ra khỏi nước Rửa Tội trở thành những con chim bay lượn lên trời. Nhưng điều này chúng ta cũng sẽ thấy qua lịch sử.

Thánh Non, Giám mục Heliopolis, khi phải dẫn dắt Pelagia – một người phụ nữ rõ ràng là tội nhân – trở về với Thiên Chúa tại Antioch, đã thấy trong giấc mơ ban đêm một thị kiến như sau[753] : ông thấy mình đang đứng trong nhà thờ cử hành Thánh lễ, – và bỗng có một con bồ câu đen, dính đầy bùn đất, bay lượn quanh ông; ông bắt lấy nó, rửa sạch trong bể rửa tội, và ngay sau đó con bồ câu trở nên tinh khiết như tuyết, xinh đẹp, rồi bay thẳng lên trời từ đó. Hình ảnh này cho thấy rằng vị cha thánh thiện này sẽ dẫn dắt người phụ nữ tội lỗi trở về với Chúa và soi sáng cho cô ấy qua phép rửa thánh. Vậy nên, nước Thánh Tẩy có sức mạnh đến nỗi có thể biến con người thành chim trời. Nước sông Jordan cũng thực hiện điều này, ban cho con người đôi cánh để họ có thể bay lên "cõi trời đang mở ra trước mặt họ".

Nhưng không chỉ sự đổi mới bản tính con người trong dòng nước sông Giô-đanh được thể hiện trong sự kiện này, mà cả ba Ngôi Vị đáng kính của Thiên Chúa hiện ra cũng mang hình dáng của các loài chim khác nhau. Chẳng hạn, chúng ta biết rằng Kinh Thánh so sánh Thiên Chúa Cha với con đại bàng: *"như đại bàng dẫn dắt tổ của mình"* (Đệ Nhị Luật 32:11). Chúng ta cũng đọc thấy rằng Đức Chúa Con cũng giống như con gà mái[754] : *"Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem*," Ngài phán, *"bao nhiêu lần Ta muốn quy tụ con cái ngươi, như chim mẹ quy tụ chim non dưới cánh mình"* (Ma-thi-ơ 23:37). Cuối cùng, chúng ta biết rằng Đức Thánh Linh cũng đã hiện ra trên sông Giô-đanh dưới hình dạng một con bồ câu. Vậy thì, tại sao các Ngôi của Thiên Chúa Ba Ngôi lại được so sánh với ba loài chim nói trên? Thật vậy, bởi vì các Ngài dẫn dắt những đàn chim non như vậy ra khỏi nước rửa tội một cách thiêng liêng, tức là biến con người thành những chim non thiêng liêng: người thì giống như đại bàng, người thì giống như gà mái, và người thì giống như chim bồ câu.

Giáo Hội, đang hân hoan trên trời, phân chia các tôi tớ trung thành của Thiên Chúa, xuất thân từ Giáo Hội chiến đấu, trong cộng đồng thiên đàng thành ba hình ảnh đặc biệt: hình ảnh các nhà giảng dạy, hình ảnh các vị tử đạo và hình ảnh các trinh nữ. Chúng ta sẽ không sai lầm khi nói rằng ba hạng người này chính là ba đàn chim non được sinh ra và lớn lên từ nước rửa tội. Nhóm các vị Thầy là đàn đại bàng, những con chim bay lượn trên trời và, không nhắm mắt, nhìn thẳng vào ánh sáng mặt trời; vì các vị Thầy thánh thiện, khi suy ngẫm về Thiên Chúa, bay lên cao như thể có đôi cánh, và bằng trí tuệ sáng suốt, như thể bằng đôi mắt, chiêm ngưỡng ánh sáng của Thiên Chúa Ba Ngôi, họ soi sáng chính mình và người khác bằng sự khôn ngoan. Hình ảnh các vị tử đạo là một đàn gà mái đông con, vì qua việc đổ máu vì Chúa Kitô, họ đã sinh ra nhiều con cái khác cho Chúa Kitô: máu của các vị tử đạo thực sự đã sinh ra nhiều con cái cho Giáo Hội nguyên thủy, số lượng họ nhiều hơn cả sao trên trời và cát trên bờ biển. Hình ảnh của các trinh nữ là đàn bồ câu tinh khiết, vì họ dâng hiến trọn vẹn chính mình làm của lễ sống cho Thiên Chúa và luôn quan tâm đến việc làm đẹp lòng không phải xác thịt, mà là Đấng Chúa Duy Nhất. Ba đàn chim thiêng liêng này, như chúng ta đã nói, được sinh ra trong nước rửa tội. Hãy xem xét điều này diễn ra như thế nào.

Trong sách Nhã Ca có chép: *"Xin hãy rời mắt khỏi con, vì chúng làm con xao xuyến"* (Nhã Ca 6:4). Điều này có nghĩa là: Xin hãy nhìn con, lạy Chúa, bằng đôi mắt nhân từ của Ngài và đừng quay mắt khỏi con, vì nhờ lòng thương xót của Ngài, con trở thành con chim bay lên trời cao. Và trong sự hiện ra của Ngài tại sông Giô-đanh, Đức Chúa Trời đã nhìn xuống bản tính loài người: Đức Chúa Trời Cha đã nhìn xuống, mở ra các tầng trời trên Con Ngài; Đức Chúa Trời Con đã nhìn xuống, khi từ Na-xa-rét xứ Ga-li-lê đến để chịu phép báp-tem bởi Giăng tại sông Giô-đanh – Ngài đã nhìn xuống, tôi nói vậy, vì tất cả vết nhơ của tội lỗi A-đam, tất cả những yếu đuối của bản tính

[753] Xem tiểu sử Thánh Pelagia vào ngày 8 tháng 10

[754] *Kokosh* – gà mái ấp trứng; loài chim mẹ bảo vệ đàn con.

chúng ta, Ngài đã thu thập và mang đến đây để rửa sạch chúng và thanh tẩy chúng ta khỏi tội lỗi của chúng ta – Đức Thánh Thần cũng đã nhìn xuống, khi ngự xuống trên Con Người Thần Thánh đang chịu phép rửa. Khi ngắm nhìn chúng ta, Thiên Chúa Hiệp Nhất trong Ba Ngôi há chẳng phải đã làm rạng ngời bản tính con người sao? Quả thật Ngài đã làm rạng ngời, vì nhờ cái nhìn thiêng liêng ấy, ngay lập tức xuất hiện những đàn đại bàng, gà mái và chim bồ câu, tức là hình ảnh của các vị thầy, các vị tử đạo và các trinh nữ. Chúng ta sẽ làm rõ điều này dựa trên Kinh Thánh.

Nhà thần học đã thấy trong sự mặc khải mà ông nhận được, trước ngai vàng của Đức Chúa Trời, một biển thủy tinh, như thể làm bằng pha lê (Khải Huyền 4:6); biển này tượng trưng cho mầu nhiệm Phép Rửa Thánh, vì giữa ngai vàng của Đức Chúa Trời và con người muốn đến gần ngai vàng của Ngài có nước Phép Rửa; và không ai có thể đến gần Đức Chúa Trời ngự trên ngai vàng thiên đàng, trừ khi trước tiên phải vượt qua biển Phép Rửa, theo lời Kinh Thánh: *"Ai không được sinh ra bởi nước và Thánh Linh, thì không thể vào Nước Đức Chúa Trời"* (Giăng 3:19). Nhưng tại sao biển này, tượng trưng cho mầu nhiệm phép rửa, lại được làm bằng thủy tinh và pha lê? Chúng ta biết rằng các nhà giải thích Kinh Thánh sẽ nói rằng nó là thủy tinh vì chứa đựng sự tinh khiết, làm thanh tẩy linh hồn người nhận phép rửa, và là pha lê vì mang lại sự vững chắc cho lòng người. Ngoài ra, nó còn được mô tả là bằng thủy tinh và pha lê bởi vì, giống như tia nắng mặt trời chiếu qua thủy tinh và pha lê, ân sủng của Đức Chúa Trời cũng thấm nhập qua mầu nhiệm Phép Rửa, nhờ đó đến với con người và soi sáng đền thờ linh hồn của họ. Cuối cùng, biển nằm trước Ngai Thiên Chúa và tượng trưng cho mầu nhiệm Phép Rửa cũng được làm bằng thủy tinh và pha lê, để Ba Ngôi Thánh ngự trên ngai được phản chiếu và hiện ra trong đó, như trong một tấm gương thủy tinh và pha lê, vì trong Phép Rửa thánh, hình ảnh của Ba Ngôi đã được tỏ hiện. *"Vậy, hãy đi," Chúa Giêsu Kitô phán, "hãy rao giảng cho muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha, Con và Thánh Thần"* (Mt 28:19). Theo cách suy luận của con người, nếu Đức Chúa Cha ngự trên ngai của Ngài như một con đại bàng, thì trong biển nằm trước Ngai, như thể trong một tấm gương bằng thủy tinh và pha lê, hình ảnh của con đại bàng hẳn phải được phản chiếu. Nếu Đức Chúa Con ngự trên ngai như con gà trống – vì Ngài tự xưng như vậy trong Phúc Âm – thì trong biển nằm trước Ngai, hình ảnh con gà trống lẽ ra phải hiện lên, như thể trong gương vậy. Nếu Đức Thánh Linh ngự trên ngai đó dưới hình dạng con bồ câu, thì trong biển đó cũng phải hiện lên hình ảnh con bồ câu. Nhưng chúng ta hãy làm rõ ý nghĩa thiêng liêng của những hình ảnh này.

Chúng ta đã nói rằng biển cả hiện ra trước ngai vàng của Đức Chúa Trời tượng trưng cho mầu nhiệm Thánh Tẩy, trong đó bản tính được rửa tội của chúng ta được thanh tẩy, như thủy tinh, *"khỏi mọi ô uế của xác thịt và tinh thần"* (2 Cô-rinh-tô 7:1), còn linh hồn chúng ta được củng cố và sáng tỏ, như thể pha lê. Và khi Thiên Chúa Ba Ngôi chiêm ngắm tấm kính và pha lê huyền bí này trong lúc chúng ta chịu phép Rửa Tội, thì quả thực, hình ảnh của Ba Ngôi hiện ra trong đó. Cho dù là Đức Chúa Cha, như một con đại bàng thiêng liêng, hay Đức Chúa Con, như một con gà mái thiêng liêng, hay Đức Thánh Linh, như một con bồ câu thiêng liêng, thì tấm kính và pha lê huyền bí ấy, tức là bản tính đang được rửa tội của chúng ta, sẽ thể hiện trong chính mình hình ảnh của những loài chim thiêng liêng ấy và trở thành chim non của đại bàng, hoặc gà mái, hoặc chim bồ câu, tức là con cái của Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi – Cha, Con và Thánh Thần, như đã được chép: *"Đối với những ai tin vào Danh Ngài, Ngài đã ban cho quyền trở thành con cái Thiên Chúa"* (Giăng 1:12). Ba Ngôi Thánh đã nhìn xuống bản tính con người đang chịu phép rửa trong dòng nước sông Giô-đanh, và phản chiếu chính Ngài trong đó, ban cho nó – như một chú chim non – đôi cánh thiêng liêng của đại bàng, gà mái và chim bồ câu, tức là làm gia tăng trong Hội Thánh Chiến Đấu số lượng các nhà giảng dạy, các vị tử đạo và các trinh nữ. Vậy nên, rõ ràng là mỗi Ngôi Vị trong Ba Ngôi Thánh đều đã dẫn dắt những chú chim non thiêng liêng đặc biệt của mình ra khỏi dòng nước sông Giô-đanh. Đức Chúa Cha, như con đại bàng, đã dẫn dắt những con đại bàng thiêng liêng ra khỏi sông Giô-đanh, tức là các nhà giảng dạy trong Giáo hội. Thánh Ky-ri-lô Giê-ru-sa-lem nói: "Khởi đầu của thế giới là nước, khởi đầu của Tin Mừng là sông Giô-đanh. Từ nước, ánh sáng ban ngày đã chiếu rạng, vì Thánh Thần của Thiên Chúa, vốn ban đầu bay lượn trên mặt nước, đã ra lệnh cho ánh sáng chiếu rạng từ bóng tối. Từ sông Jordan, ánh sáng của Phúc Âm thánh thiêng đã chiếu rạng. Đấng Thầy dạy đầu tiên của cả thế giới, Đức Kitô – Sức Mạnh và Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa – đã bắt đầu giáo huấn của Ngài từ đâu? Chẳng phải từ dòng nước sông Giô-đanh sao? *"Từ lúc đó*," như được chép trong Phúc Âm, *"Đức Giê-su bắt đầu rao giảng và nói: 'Hãy ăn năn'"* (Mt 4:17). Và ngay lập tức, nhiều vị Thầy đã xuất hiện theo Ngài – đó là các Thánh Tông Đồ, những người mà Ngài đã sai đi rao giảng. Như vậy, nước đã ban sự sống cho cả các loài chim tự nhiên (Sáng Thế Ký 1:21) lẫn các loài chim thiêng liêng. Vì Phê-rô và An-rê, Gia-cô-bê và Gio-an đã được kêu gọi vào chức vụ tông đồ và giảng dạy từ đâu (Mt 4:18, 21)? Chẳng

phải từ nước sao? Chúa đã chọn các tông đồ từ những người đánh cá. Người phụ nữ Samari đã xuất hiện như một người rao giảng về Đấng Mê-si-a chân chính trong thành phố của mình từ đâu? Chẳng phải từ nguồn nước Giăng-bê sao (Giăng 4:6–7)? Người mù được chữa lành đã trở thành chứng nhân cho quyền năng kỳ diệu của Đấng Christ từ đâu? Chẳng phải từ nước của bể Siloam sao (Giăng 9:7)? Tất cả những điều này đều là điềm báo trước về phép rửa thánh, trong đó sự mù lòa của tâm hồn được chữa lành, những vết nhơ tội lỗi được rửa sạch, và các nhà giảng dạy trong Giáo hội nhận được sự khôn ngoan thiêng liêng. Vì qua phép Rửa tội, con người được ban ân sủng, nhờ đó họ có thể đạt được sự hiểu biết cao cả; từ đó, các vị hướng dẫn đức tin cũng mọc lên đôi cánh thiêng liêng, như Lời Kinh Thánh đã chép: *"Họ sẽ vỗ cánh như đại bàng, bay đi mà không mệt mỏi"* (Ê-sai 40:31).

Đức Chúa Con, như con gà mái thu nhận những đứa con lạc lối dưới đôi cánh của mình, dẫn dắt những chú chim non – các thánh tử đạo – ra khỏi dòng nước rửa tội; chính Ngài là Đấng đầu tiên dâng hiến thân xác đã được rửa tội trong nước để chịu thương tích, chính Ngài là Đấng trước hết hiến dâng mạng sống trên thập tự giá vì chúng ta, để chúng ta cũng sẵn sàng chết vì Ngài. Hãy nhớ lại lời của vị Tông đồ: *"Chúng ta, những người đã chịu phép rửa trong Đức Kitô Giêsu, đã chịu phép rửa vào sự chết của Ngài"* (Rm 6:3). Điều này có nghĩa gần như khi vị Tông đồ nói: bất cứ ai đã chịu phép rửa trong Đức Kitô thì phải chết vì Ngài, phải *"được hiệp nhất với Ngài qua sự chết của Ngài"* (Rô-ma 6:5). Và ai đã chịu phép rửa trong sự chết của Ngài như vậy, nếu không phải là các thánh tử đạo, những người nói: *"Họ giết chúng tôi mỗi ngày vì Ngài"* (Thi Thiên 43:23)? Ai khác đã được *"hợp nhất với Ngài theo hình ảnh sự chết của Ngài"* (Rô-ma 6:5), mà Ngài *"như con chiên, đã bị dẫn đi giết"* (Ê-sai 53:7), ngoài các thánh tử đạo, những người đã thốt lên: *"Họ coi chúng tôi như những con chiên bị định sẵn để giết"* (Thi Thiên 43:23)? Chính vì thế mà người ta hát về họ: "Sau khi rao giảng về Chiên Con của Đức Chúa Trời, hãy để mình bị dẫn đi giết như những con chiên"[755] . Các vị thánh tử đạo bốn mươi chín người đã chịu phép rửa trong cái chết của Ngài; những vị này, khi bị ném xuống hồ cùng với thánh Callistratus, "đã trở nên giống như cái chết của Ngài" (*Ngày tưởng niệm của các ngài là ngày 27 tháng 9*), cũng như mười nghìn vị tử đạo, những người cùng với Thánh Romil đã bị đóng đinh trên thập tự giá trong cùng một ngày tại sa mạc Armenia (*Ngày tưởng niệm của các ngài là ngày 6 tháng 9*). Và tất cả các thánh chịu khổ nạn, những người đã đổ máu mình vì Chúa Kitô, đều tiến gần *"đến hình ảnh cái chết của Ngài"*, như những người đã chịu phép rửa trong cái chết của Ngài. Ngay từ trong nước rửa tội, họ đã được tiền định để nhận vương miện tử đạo. Một con gà mái bình thường có thói quen chọn những hạt ngô ngon nhất làm thức ăn và, khi tìm thấy những hạt đó, nó gọi các con non của mình lại gần. Khi đã tin chắc rằng mọi đức tính đều là thức ăn thiêng liêng, ai nấy đều phải thừa nhận rằng không có hạt nào tốt hơn, hay không có đức tính nào cao quý hơn tình yêu: *"nhưng tình yêu lớn hơn tất cả"* (1 Cô-rinh-tô 13:13), – và chính là tình yêu ấy, tình yêu sẵn sàng hy sinh linh hồn mình vì người mình yêu: *"Chẳng có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu*" (Giăng 15:13). Hạt giống tình yêu này đã được Mẹ Gà thiêng liêng – Chúa Kitô – tìm thấy và chỉ cho các con non của Ngài, khi Ngài đã hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu: *"Các con*," – Ngài nói với các tông đồ, – *"là bạn hữu của Ta"* (Giăng 15:14). Những chú chim non được kêu gọi – các thánh tử đạo – đã tụ họp về hạt giống này và, được thúc đẩy bởi tình yêu, bắt đầu hiến dâng linh hồn mình vì Chúa, như một nữ tử đạo đã thốt lên với Chúa: "Con yêu mến Ngài, Chàng Rể của con, và vì Ngài, con sẽ chấp nhận mọi đau khổ"[756] . Vậy những chú chim non thiêng liêng này đã được kêu gọi đến hạt giống tình yêu từ đâu? Chẳng phải từ nước rửa tội, nơi họ đã được rửa tội trong cái chết của Ngài sao? Hãy lắng nghe Thánh Anastasius Sinaita[757] , người đã nói về tên cướp khôn ngoan, đối với người mà nước chảy ra từ sườn Chúa Kitô đã trở thành nước rửa tội, như sau: "Từ dòng nước ban sự sống chảy ra từ sườn Chúa, con chim đầu tiên trong tất cả các loài chim – tên cướp thánh thiện – đã bay đến với những con chim này (tức là các linh hồn trên trời), bay lượn trên không trung trong đàn chim cùng với Vua của các loài chim – Chúa Kitô – bay lượn trên không trung vào Thiên Đàng."

Thiên Chúa Thánh Thần, như con bồ câu, dẫn dắt những chú chim non của Ngài – những con bồ câu tinh khiết cả về thể xác lẫn linh hồn, tức là những người trinh khiết – ra khỏi nước rửa tội. Bởi vì cho đến khi bản tính con người trong hình hài Chúa Giêsu Kitô, nhờ sự nhân từ và hoạt động của Thánh Thần, được kết hợp với Thiên Tính và được rửa sạch bằng nước sông Giordan, thì hôn nhân vẫn được coi trọng hơn sự trinh khiết; cho đến lúc

---

[755] Trích từ nghi thức cầu siêu.

[756] Trích từ bài thánh ca dành cho các vị tử đạo nữ.

[757] Thánh Anastasius của Sinai – một trong những nhà thần học xuất sắc của Giáo hội Đông phương Hy Lạp vào thế kỷ VII. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 23 tháng 4.

đó, sự trinh khiết được giữ gìn để tôn vinh Thiên Chúa vẫn còn ít được biết đến. *"Cái gì sinh ra từ xác thịt thì là xác thịt"* ([758]). Lúc bấy giờ, chỉ có xác thịt sinh ra, còn Thánh Linh thì vẫn vô sinh; đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời đã từng phán: *"Thánh Linh của Ta sẽ không bị loài người khinh dể mãi mãi, vì họ là xác thịt"* (Sáng Thế Ký 6:3). Khi bản tính con người xuống sông Giô-đanh, và Thánh Thần ngự xuống trên Người, thì đột nhiên từ Thánh Thần, sự trinh khiết – biểu tượng của mối quan hệ hôn nhân cao cả – đã được sinh ra, hướng tới điều thiêng liêng chứ không phải điều xác thịt, như lời Thánh Gioan Thần Học: *"Ai sinh ra bởi Thánh Thần thì là Thần Khí"* (Ga 3:6). Và vì Thánh Thần có vinh quang cao hơn xác thịt, nên sự trinh khiết, khi kết hợp thành một Thánh Thần với Chúa, đã trở nên cao quý hơn mối quan hệ hôn nhân xác thịt. Bản tính của chúng ta, khi bước vào mối quan hệ hôn nhân thiêng liêng với Đấng Christ tại sông Giô-đanh, đã trở nên sinh hoa kết trái và sinh ra từ chính mình những hình ảnh trinh khiết trọn vẹn. Và mối quan hệ hôn nhân thiêng liêng như vậy không thể sinh ra điều gì khác ngoài sự trinh khiết, điều mà tiên tri Xa-cha-ri đã chỉ ra khi nói: *"Rượu nho – ở các thiếu nữ"* (Xa-cha-ri 9:17). Khi nói đến các thiếu nữ, tiên tri ám chỉ những hình ảnh trinh khiết. Thánh Thần, theo lời tiên tri, tuôn đổ như rượu và sinh ra những trinh nữ, vì nơi nào Thánh Thần tuôn đổ ân sủng của Ngài, thì sự trinh khiết không thể không được sinh ra. Thánh Giê-rô-ni-mô, trong bản dịch Kinh Thánh của ngài, đã diễn đạt ý nghĩa của đoạn văn này một cách chính xác bằng những lời: "rượu sinh ra những trinh nữ". Thật vậy, rượu ân sủng của Thánh Thần đã từng tuôn đổ trên các Tông đồ và làm cho họ say mê đến nỗi có người tưởng họ say rượu, và đã biến họ thành những người trinh khiết đến nỗi trong họ không còn chút tội lỗi nào, và họ trở nên trong sạch và toàn vẹn như những con bồ câu. Trong lễ Hiện Xuống của Thánh Thần, Giáo Hội hát: "Thần Khí cứu độ tạo nên những trái tim tông đồ trong sạch"[759] . Vậy nên, giờ đây loại rượu ấy đang được đổ xuống dòng nước sông Giô-đanh, và ai còn nghi ngờ rằng nước rửa tội, khi hòa lẫn với rượu của Thánh Thần, sẽ sinh ra sự trinh khiết, theo như lời tiên tri: "rượu sinh ra những trinh nữ" – và đó chính là những trinh nữ mà vị tông đồ đã nói: *"Ta đã hứa gả các ngươi cho một người chồng duy nhất, để dâng các ngươi cho Đấng Christ như những trinh nữ tinh khiết"* (2 Cô-rinh-tô 11:2)? Từ mối hôn nhân thiêng liêng giữa bản tính loài người chúng ta với Thiên Chúa, sự trinh khiết được sinh ra từ Thánh Thần; và Thánh Thần, sau khi dẫn dắt họ ra khỏi nước rửa tội, đưa họ vào các nơi ở trên trời.

Như vậy, mỗi Ngôi Vị của Ba Ngôi Chí Thánh, Đấng đã hiện ra tại sông Giô-đanh, đều dẫn dắt những chú chim non thiêng liêng đặc biệt của Ngài ra khỏi dòng nước rửa tội, và sau khi dẫn dắt họ, Ngài kêu gọi họ bay lên trời mở rộng bằng đôi cánh đức hạnh đã được ban cho.

Thứ nhất, Thiên Chúa Cha, như một con đại bàng thiêng liêng, kêu gọi những chú chim non của Ngài – những con đại bàng thiêng liêng, tức là các nhà giảng dạy – cất cánh bay lên, vì họ có đôi cánh đặc biệt, mà Giáo Hội đã ca ngợi: "Thiên Chúa đã ban cho những chú chim non vừa bay đến, và chúng đã bay lên trời cao".[760] Vậy những chú chim non ấy có đôi cánh nào? Chắc chắn rằng, ngoài những đức tính chung khác mà ai cũng có, chúng có hai điều: việc làm và lời nói. Ai vừa thực hành trong việc làm những điều mình dạy người khác bằng lời nói, thì người ấy mới là nhà giáo của Giáo hội, là con đại bàng bay cao. Và việc đôi cánh của những con đại bàng thiêng liêng thực sự là lời nói và hành động, điều này được thể hiện rõ ràng trong sách của nhà tiên tri Ê-xê-chi-ên, người đã từng nhìn thấy bốn sinh vật, mỗi con có bốn cánh, đang kéo cỗ xe của Đức Chúa Trời. Những sinh vật đó tạo ra tiếng ồn bằng đôi cánh của mình: "*Và khi chúng đi, tôi nghe thấy*," vị tiên tri nói, *"tiếng động của đôi cánh chúng, như tiếng nước chảy ào ào, như tiếng phán của Đấng Toàn Năng* (hoặc, theo bản dịch của Symmachus, như tiếng sấm của Đức Chúa Trời toàn năng), *một tiếng động mạnh mẽ, như tiếng ồn ào trong trại quân"* (Ê-xê-chi-ên 1:24). Quả thực đó là một tiếng nói vĩ đại, một bài ca phi thường! Tuy nhiên, điều đáng ngạc nhiên không phải là chính tiếng nói ấy, mà là nguồn gốc của tiếng nói đó. Tiếng nói ấy không phát ra từ thanh quản, lời nói không xuất phát từ lưỡi, bài ca không từ miệng, mà từ đôi cánh của những con thú ấy. Nhà tiên tri nói: "Tôi đã nghe tiếng sột soạt của đôi cánh chúng." Chúng hát, nhưng không phải bằng thanh quản; chúng ngợi khen Đức Chúa Trời, nhưng không phải bằng đôi môi và lưỡi hùng hồn và nhiều lời, mà chính bằng đôi cánh mà chúng dùng để bay: "Tôi đã nghe tiếng sột soạt của đôi cánh chúng."

Vậy bí mật ẩn chứa ở đây là gì? Bí mật đó là như thế này: những con vật kéo cỗ xe của Đức Chúa Trời tượng trưng cho các vị thầy trong Giáo hội, những người là những bình chứa được chọn để truyền bá danh Đức

---

[758] (Ga 3:6).
[759] Trích từ Thánh ca Lễ Ngũ Tuần, bài 5.
[760] Từ nghi lễ nhà thờ.

Chúa Trời khắp vũ trụ, và bằng giáo lý của mình, họ dẫn dắt Giáo hội của Đấng Christ – như thể cỗ xe của Đức Chúa Trời, trong đó có hàng chục nghìn linh hồn tín hữu – đi trên con đường thẳng dẫn lên thiên đàng. Còn đôi cánh của những con thú ấy, phát ra tiếng nói và cất tiếng hát, tượng trưng cho việc làm và lời nói của vị thầy. Đôi cánh cho phép bay lên chỉ ra rằng vị thầy trong Giáo hội trước hết phải tự mình trở thành tấm gương về đức hạnh, trước hết phải trước mặt mọi người, bằng cuộc sống đẹp lòng Chúa, như thể một loài chim, bay lên trời. Còn tiếng hát phát ra từ đôi cánh của những loài chim ấy tượng trưng cho lời dạy dỗ; vị thầy phải cất lên tiếng hát phù hợp với sức mạnh của chuyến bay, tức là phải dạy dỗ đoàn chiên và đồng thời chính bản thân cũng phải sống đúng như những gì mình dạy. Bởi vì tiếng hát của vị thầy sẽ không mang lại lợi ích gì nếu không thấy được đôi cánh của cuộc sống làm đẹp lòng Chúa. Chỉ có người thầy nào bay không chỉ bằng một cánh của lời nói, mà còn bằng cánh kia – cuộc sống đạo đức, người vừa dạy bằng lời nói vừa bằng hành động – mới được bay thẳng lên bầu trời rộng mở trên sông Jordan. Những lời lẽ được sắp xếp công phu, hay đôi môi ngọt ngào, hay giọng nói vang dội, không dễ dàng đưa cả thầy và trò lên trời bằng đôi cánh của những việc làm tốt lành.

Đức Chúa Con, như một con gà mẹ thiêng liêng, kêu gọi những chú chim non của Ngài – các thánh tử đạo – bay lên. Và đôi cánh đức hạnh, vốn chỉ thuộc riêng về họ, ngoài những đức hạnh chung khác, chính là hai điều sau đây: đức tin và sự xưng nhận. Về đôi cánh tử đạo này, Thánh Tông Đồ đã nói: *"Vì người ta tin bằng lòng để được công chính, và xưng nhận bằng miệng để được cứu rỗi"* (Rm 10,10). Đức tin vững chắc trong lòng là một cánh; việc xưng nhận một cách can đảm danh Chúa Kitô bằng miệng trước mặt các vua chúa và những kẻ hành hình là cánh kia. Con chim thiêng liêng đầu tiên bay vào thiên đàng, tên cướp khôn ngoan đã chịu khổ cùng Chúa Kitô trên thập giá, đã bay lên chính nhờ đôi cánh đức tin và xưng nhận ấy. Vì vào lúc Chúa chúng ta, Đấng đã tự nguyện chịu khổ vì chúng ta, bị mọi người bỏ rơi, và ngay cả Phê-rô – người đã hứa sẽ chết cùng Ngài – cũng chối bỏ Ngài, thì một tên trộm đã tin Ngài bằng cả trái tim và xưng nhận bằng miệng, xưng Ngài là Vua và Chúa: *"Xin Chúa nhớ đến con*, – anh ta nói, – *khi Ngài đến Nước Trời của Ngài*." Niềm tin của tên cướp này thật vĩ đại biết bao, trong khi niềm tin ấy đã cạn kiệt nơi tất cả các môn đệ của Đấng Christ (Mt 26:56)! Khi tất cả những người tin Chúa đều sa ngã vì Đấng Christ, chỉ có một mình anh ta không sa ngã, mà đã cầu nguyện với Ngài bằng lòng tin, chính vì thế anh ta đã nghe được những lời này từ Ngài: *"Thật, Ta bảo ngươi, ngay hôm nay ngươi sẽ ở với Ta trong thiên đàng"* (Lc 23:42–48). Thánh Ambrôsiô đã nói về điều này như sau: "Vào giờ phút thiên đàng đón nhận Chúa Kitô, thiên đàng cũng đã đón nhận tên cướp, nhưng chính đức tin đã ban cho tên cướp vinh quang ấy". Vậy nên, rõ ràng là con chim này, tức là vị tử đạo bị đóng đinh cùng với Chúa Kitô trên thập giá, đã bay lên thiên đàng không phải bằng đôi cánh nào khác, mà chỉ nhờ đức tin được xưng ra bằng miệng. "Vinh quang này," Thánh Ambrôsiô nói, "được ban cho tên cướp chỉ nhờ đức tin mà thôi."

Cuối cùng, Thiên Chúa Thánh Thần, hiện ra dưới hình dạng chim bồ câu, kêu gọi những chú chim non của Ngài – những người trinh khiết – bay lên, vì Ngài có khả năng biến con người thành loài chim có cánh, có thể thâm nhập vào những vùng cao nhất. Thánh Damascene ca ngợi: Thánh Thần là nguồn ân sủng cứu rỗi muôn loài; ai được Ngài thổi hơi theo ân sủng, sẽ sớm thoát khỏi những điều trần tục, vươn lên, hồi sinh và sắp xếp lại mọi sự. Ngài cũng sắp xếp lại mọi sự cho những con chim bồ câu thiêng liêng – các trinh nữ thánh thiện – bằng cách kêu gọi họ bay lên.[761] . Còn đôi cánh đặc biệt của các đức hạnh nơi những con bồ câu ấy chính là: sự chế ngự xác thịt và tinh thần. Và vì sự chế ngự xác thịt là một trong những đôi cánh đưa con người lên trời, nên Thánh Ambrose của Milan, khi giải thích lời trong Phúc Âm: *"Các con quý hơn nhiều loài chim"* (Mt 10,31), đã nói như sau: "Thân xác, khi sẵn sàng tuân giữ Luật Chúa và đã từ bỏ tội lỗi, nhờ sự trong sạch của tâm hồn mà trở nên giống bản chất của linh hồn và được nâng lên trời trên đôi cánh thiêng liêng". Ở đây, vị Thánh Giáo Phụ của Giáo Hội nói về việc trở nên giống bản chất của linh hồn, ngụ ý đến việc "chết đi", trong đó bản chất thực sự của xác thịt dường như chuyển hóa thành bản chất của linh hồn, khi cái xấu phục tùng cái tốt và xác thịt bị khuất phục trước tinh thần, khi con người được giải thoát khỏi tội lỗi và thanh tẩy các cảm xúc của mình – điều này là không thể nếu không có sự "chết đi" đó. Khi đã làm chết đi xác thịt của mình, con người trở nên nhẹ nhàng và bay bổng như chim, và bay lên trời trên đôi cánh thiêng liêng. Vậy, việc làm chết đi xác thịt vì sự trinh khiết bay lên trời chính là cánh đầu tiên, bởi vì ai muốn giữ sự trong sạch thì trước hết phải làm chết đi xác thịt mình, điều này được Thánh Thần chỉ ra qua lời của tiên tri Đa-vít khi Ngài hướng về Đức Kitô với những lời sau: *"Tất cả y phục của Ngài như myrrh, cinnabar và cassia"* (Thánh Vịnh 44:9). Ở đây, các nhà giải thích Kinh Thánh Thánh hiểu rằng "myrrh" tượng trưng cho

[761] Antiphona Chúa Nhật, giọng thứ 6.

việc chế ngự các dục vọng, "cinnabar" tượng trưng cho sự khiêm nhường, và "cassia" tượng trưng cho đức tin[762] . Những hương thơm này tỏa ra từ y phục của Đức Kitô, tức là từ Hội Thánh Thánh Thiêng của Ngài, từ những người tin, những người mà Ngài đã mặc lấy như y phục, khi Ngài nhận lấy xác phàm và ngự vào những ai sống trong sự trong sạch và thánh thiện. Vậy, Thánh Thần dường như nói như thế này: việc chế ngự các dục vọng, sự khiêm nhường và đức tin, như những hương thơm quý giá, tỏa hương trước mặt Cha Ngài từ Giáo Hội của Ngài, từ những con người trong sạch và trinh khiết, những người gìn giữ các đức tính nêu trên trong lòng mình, như thể trong những bình đựng để bảo quản hương thơm. Nhưng chúng ta hãy tự hỏi: tại sao Thánh Thần, khi ca ngợi Hội Thánh của Đức Kitô vì các đức tính khác nhau, lại trước hết khen ngợi Hội Thánh vì việc chế ngự các dục vọng của các tín hữu, và đặc biệt đặt đức khiêm nhường lên hàng đầu? Quả thật, đó là để cho thấy rằng sau khi dập tắt những ham muốn bất chính, chấm dứt sự ham mê xác thịt, và làm chết đi xác thịt, thì tất cả các đức tính khác sẽ theo sau, như thể theo sau vị thủ lĩnh của mình vậy. Vậy nên, những chú chim non thiêng liêng của Thánh Thần, tức là những người trinh khiết mong muốn lấy trời làm tổ ấm, trước hết cần phải có cánh này, tức là sự chế ngự xác thịt.

Cánh thứ hai của họ là sự chết đi của tinh thần, điều này không chỉ có nghĩa là không phạm tội bằng hành động, mà còn là không khao khát tội lỗi trong tinh thần, không suy nghĩ về nó trong tâm trí. Người ta có thể trong sạch về thể xác, nhưng đồng thời lại có những ham muốn không xứng đáng, đắm chìm trong những suy nghĩ về điều ô uế. Không phải vô cớ mà vị Tông đồ khuyên nhủ: *"Hãy thanh tẩy chính mình khỏi mọi sự ô uế của xác thịt và* tinh thần*"* (2 Cô-rinh-tô 7:1). Những lời này rõ ràng chứng tỏ rằng có sự ô uế đặc biệt – sự ô uế của xác thịt và sự ô uế của tinh thần. Vì xác thịt thường bộc lộ qua hành động, còn tinh thần thì qua những suy nghĩ và thái độ của lòng. Sự trinh khiết chỉ giữ cho thân xác không bị ô uế mà không cố gắng thanh tẩy linh hồn – vốn bị ô uế bởi những suy nghĩ và ham muốn – thì không thể tự hào về sự trong sạch của mình và cũng không thể hy vọng đạt được vinh quang trên trời. Vì như chim không thể bay bằng một cánh, thì người trinh khiết chỉ có sự trong sạch về thể xác mà thiếu sự trong sạch về tinh thần cũng sẽ không được vào cung điện thiên đàng. Còn ai gìn giữ cả hai sự trong sạch ấy một cách cẩn trọng, thì sẽ bay theo Đấng đã hiện ra "dưới hình dạng chim bồ câu", giống như chim bồ câu vậy.

Vậy, chúng ta đã nghe kể về những gì Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng đã hiện ra trên dòng nước sông Giô-đanh khi tái tạo thế giới, đã làm – cách Ngài đưa những chú chim non thiêng liêng của Giáo Hội – các vị thầy, các vị tử đạo, các trinh nữ – ra khỏi dòng nước rửa tội và kêu gọi họ "vào cõi trời mở rộng". Vậy thì, từ các vị thầy, các vị tử đạo và các trinh nữ, cũng như từ chúng ta, những kẻ tội lỗi, xin dâng lên Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Thần – Thiên Chúa đã hiện ra trên sông Giô-đanh – sự tôn kính, vinh quang, sự thờ phượng và lòng tạ ơn, bây giờ, muôn đời và đến muôn đời. A-men.

Bài thánh ca, giọng 1:

Khi Ngài chịu phép rửa tại sông Giô-đanh, lạy Chúa, sự thờ phượng Ba Ngôi đã được tỏ ra: Vì tiếng nói của Cha đã làm chứng về Ngài, xưng Ngài là Con yêu dấu; và Thánh Thần dưới hình dạng chim bồ câu đã công bố sự xác nhận bằng lời. Xin hãy hiện ra, lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa, và soi sáng thế gian, vinh quang thuộc về Ngài.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hôm nay Ngài đã hiện ra trước toàn thể vũ trụ, và Ánh Sáng của Ngài, lạy Chúa, chiếu rọi trên chúng con, những kẻ ca ngợi Ngài bằng trí tuệ: Ngài đã đến và đã hiện ra, Ánh Sáng Không Thể Tiếp Cận.

---

[762] Smirna – là nhựa thơm của cây myrrh, mọc ở Ả Rập và Ethiopia. Loại nhựa này được dùng để xức dầu thánh, làm hương thơm và xông hương, để xoa bóp và bôi lên cơ thể, đặc biệt là để ướp xác và xức dầu cho thi thể người đã khuất. Stacti – cũng là một loại dầu thơm, được dùng để chữa bệnh. Cassia – là lớp vỏ mỏng và thơm bao bọc các cành cây. Nó được dùng để chế tạo các loại dầu thơm và hương liệu, cũng như để chữa bệnh.

Ngày 20 tháng 1

Ngày 7 tháng 1 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Gioan, Tiền Hô và Người Rửa Tội của Chúa.

Ngày tưởng niệm 7 tháng 1

Vào ngày tiếp theo sau lễ Hiển Linh, Giáo Hội từ thuở ban đầu đã cử hành lễ kính vị tiên tri đáng kính và vinh quang, Tiền Hô và Người Rửa Tội của Chúa Giăng. Và thật xứng đáng khi tôn vinh bằng một lễ kỷ niệm đặc biệt Đấng đã phục vụ bí tích Rửa Tội Thần Thánh, bằng cách đặt tay Ngài lên đầu Chúa. Vì vậy, ngay sau lễ Rửa Tội của Chúa, Thánh Giăng Tẩy Giả được tôn vinh và ca ngợi bằng các bài thánh ca trong Thánh lễ chung. Chính từ "Thánh lễ chung" có nghĩa là dân chúng tụ họp tại nhà thờ để cử hành thánh lễ nhằm tôn vinh và ca ngợi vị Tiền Hô và Thánh Giăng Tẩy Giả vĩ đại đang được tôn vinh hôm nay. Lễ hội như vậy, mặc dù đã và đang được cử hành tại tất cả các nhà thờ trên toàn thế giới, nhưng lại được cử hành với sự trang trọng đặc biệt tại các nhà thờ được dâng hiến cho Thánh Giăng Tẩy Giả, như đã từng diễn ra trước đây tại nhà thờ của ngài bên sông Jordan, nơi ngài đã làm phép rửa cho Chúa Kitô, và tại Sebaste[763] , nơi ngài được an táng sau khi bị Hê-rốt giết hại[764] , và tại Antioch, nơi bàn tay phải của ngài ban đầu được Thánh Luca, nhà truyền giáo , mang đến, và tại Constantinople, nơi sau này chính bàn tay thánh đó được chuyển đến từ Antioch, và nơi đây, lễ kính Thánh Gioan Tẩy Giả được cử hành một cách long trọng đặc biệt, bởi vì bàn tay của ngài được chuyển đến vào chính đêm trước lễ Hiển Linh, khi diễn ra nghi thức thánh hóa nước: dường như lúc đó chính Thánh Gioan Tẩy Giả đã đến một cách vô hình để tham dự nghi thức thánh hóa nước, và các vị vua cùng toàn thể dân chúng đều tràn ngập niềm vui lớn lao. Chính vì thế, vào ngày hôm sau Lễ Hiển Linh của Chúa, lễ kính Thánh Giăng Tẩy Giả đã được cử hành với sự long trọng đặc biệt và tiếp tục được kỷ niệm trong những năm sau đó. Và chúng ta cũng hân hoan trong niềm vui thiêng liêng cử hành lễ kính vị Tiền Hô vĩ đại và Thánh Giăng Tẩy Giả, cầu xin ngài nài xin Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, quy tụ chúng ta trong Hội Thánh đang hân hoan tại ngôi đền vĩnh cửu không do tay người tạo nên trên trời, nơi chúng ta có thể nghe thấy tiếng hân hoan của những người mừng lễ và cử hành lễ hội để tôn vinh sự hiện ra vĩnh cửu của Thiên Chúa. Tại đó, chúng ta có thể cùng với Chúa Kitô được no nê trong việc chiêm ngưỡng dung nhan Thiên Chúa, Đấng rõ ràng tỏ mình ra cho các thánh của Ngài, và cùng với tất cả các thiên thần trên trời ngợi khen Cha, Con và Thánh Thần đến muôn đời, amen!

Câu chuyện về bàn tay phải của Thánh Gioan Tiền Hô, Đấng đã làm phép rửa cho Chúa

Ngày kỷ niệm: 7 tháng 1

Sau khi vị vua bất chính Hê-rốt chặt đầu Thánh Gioan Tiền Hô, Đấng Rửa Tội của Chúa, thi hài cao quý của ngài đã được các môn đệ an táng gần mộ của tiên tri Ê-li-sê tại thành phố Sebaste nổi tiếng thuộc xứ Sa-ma-ri. Khi Thánh Luca, nhà truyền giáo Tin Mừng, trong lúc rao giảng về Chúa Kitô và đi qua nhiều quốc gia và thành phố, đến Sebaste với ý định từ đây trở về thành phố quê hương của mình là Antioch, thì vị tông đồ này nảy ra ý định

---

[763] Sebaste – thành phố chính của Samaria. Thành phố này được đặt tên như vậy sau khi được Augustus tặng cho Hê-rốt Đại đế, người đã hoàn toàn khôi phục và trang hoàng lại thành phố, và để tỏ lòng biết ơn Augustus, ông đã đặt tên nó là Sebaste, hay Sebasteia, có nghĩa là "thành phố của Augustus".

[764] Tất nhiên, Hê-rốt An-ti-pa, con trai của Hê-rốt Đại đế, là người cai trị Ga-li-lê và Pa-ri-a với tước hiệu tứ vương, tức là người cai trị một phần tư lãnh thổ Pa-lê-stin. Ông có một người vợ hợp pháp, là con gái của vua A-rê-pha xứ Ả Rập, nhưng ông đã bỏ rơi bà và cướp lấy Herodias, vợ của Phi-líp, anh trai mình. Thánh Gioan Tẩy Giả đã lên án Hê-rốt vì cuộc hôn nhân phi pháp này. Vì lý do đó, Hê-rốt đã giam ông vào pháo đài Ma-kê-runt, nằm gần Biển Chết, trên biên giới với Ả Rập. Tại đây, Herodias độc ác đã lợi dụng cơ hội thuận lợi nảy sinh trong bữa tiệc, nhờ con gái mình là Salome xin Hê-rốt đầu của Thánh Gioan Tẩy Giả; và vị vua vô luật pháp ấy, ngay giữa bữa tiệc, đã ra lệnh chặt đầu Thánh Gioan Tẩy Giả, và lệnh đó đã được thi hành. Chiếc đầu đó được mang đến cho Herodias, người trong cơn hân hoan độc ác đã dùng kim đâm nát lưỡi của Thánh Giăng, còn thi thể thì bị ném ra ngoài tường thành và được các môn đệ của Thánh Giăng tìm thấy tại đó; họ đã rước thi thể Ngài về Sebaste một cách trang trọng và an táng tại đây.

mang theo và đưa thi hài của Thánh Tiền Hô, Gioan Tẩy Giả, về Antioch. Thi hài ấy vẫn còn nguyên vẹn và không bị hư nát, nhưng không thể mang đi được, vì người dân Sebaste rất tôn kính thi hài của Thánh Tiền Hô và cất giữ nó một cách cẩn trọng. Vì vậy, thánh Luca, nhà truyền giáo, chỉ có thể tách khỏi thi hài của Thánh Tiền Hô bàn tay phải – bàn tay đã làm phép rửa cho Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta; chính bàn tay đó, ngài đã mang theo về thành phố Antioch của mình, như một kho báu quý giá, qua đó ngài muốn bày tỏ lòng biết ơn đối với Antioch vì sự giáo dục mà ngài đã nhận được tại thành phố này. Kể từ đó, bàn tay thánh của Thánh Gioan Tẩy Giả được các Kitô hữu Antioch cất giữ với lòng tôn kính sâu sắc, vì từ bàn tay ấy đã xảy ra không ít phép lạ. Sau một thời gian dài, Julianus Bội Đạo[765] lên ngôi hoàng đế, người đã công khai từ bỏ Chúa Kitô và thờ lạy các thần tượng. Ông bắt đầu đàn áp Giáo hội của Đức Chúa Trời giống như các hoàng đế ngoại đạo đã đàn áp các Kitô hữu trước đó, và không chỉ trục xuất và giết hại các Kitô hữu còn sống, mà còn nổi giận chống lại cả những người đã qua đời: ông lấy thi hài các thánh, những người đã chịu khổ vì đức tin thánh thiện, ra khỏi quan tài và thiêu đốt, đồng thời biến các nhà thờ của Đức Chúa Trời và mọi thánh tích thành tro tàn. Một lần, ông ta cũng đến Antioch, một phần là để dâng những lễ vật ghê tởm cho vị thần đáng khinh của mình là Apollo[766] — tượng thần của vị thần này nằm gần thành phố, tại một khu vực được gọi là Daphne — và một phần là để đàn áp các Kitô hữu và thiêu rụi những thánh tích của họ mà ông ta có thể tìm thấy. Các Kitô hữu ở Antioch, khi nghe tin ông ta đến, đã vội vàng giấu bàn tay thánh của Thánh Gioan Tẩy Giả trong một ngọn tháp của thành phố, được gọi là Gonia, để kẻ bách hại không làm ô uế và đốt cháy nó. Julian, sau khi đến Antioch và gây ra nhiều tai họa cho các Kitô hữu tại đây, đã bắt đầu tìm kiếm bàn tay của Thánh Gioan Tẩy Giả; và khi cuộc tìm kiếm của ông không mang lại kết quả, ông đã ra lệnh cho thành phố Sebaste ở Palestine rằng toàn bộ thi thể của Thánh Gioan Tẩy Giả – đang được lưu giữ tại đó ngoại trừ đầu và bàn tay, – cũng như lăng mộ và đền thờ của Thánh Giăng Tẩy Giả phải bị phá hủy và thiêu rụi, và điều này đã được thực hiện, như các nhà sử học Nikifor và Kedrin[767] đã ghi chép. Tuy nhiên, Thánh Simeon Metaphrastes[768] cho biết rằng thi thể bị thiêu rụi không phải là của Thánh Gioan Tẩy Giả, mà là của một người khác, bởi vì Đức Thượng phụ Giêrusalem, sau khi biết trước về mệnh lệnh của Julian, đã bí mật lấy các di cốt của Thánh Gioan Tẩy Giả ra khỏi quan tài và gửi chúng đến Alexandria để bảo quản; thay vào đó, ông đã đặt xương của một người chết khác vào, và những xương này, theo lời Metaphrast, đã bị thiêu rụi cùng với quan tài và nhà thờ của Ngài, thay vì thi hài của Thánh Giăng Tẩy Giả.

Khi vị vua vô đạo ấy qua đời và đức tin chân chính lại tỏa sáng trên thế gian, thì bàn tay của Thánh Tiền Hô cũng được lấy ra khỏi ngọn tháp nơi nó được giấu kín, như ngọn đèn được lấy ra khỏi tấm vải che. Một lần nữa, các Kitô hữu lại tôn kính bàn tay ấy và những phép lạ lại diễn ra từ nó, như trước đây. Trong số những phép lạ đó, chúng ta sẽ kể về điều sau đây.

Trong vùng Antioch có một con rắn khổng lồ và đáng sợ, mà những người ngoại đạo tôn thờ như thần linh và hàng năm dâng lễ vật cho nó như dâng cho thần. Trong lễ hiến tế này, người ta thường chỉ định một thiếu nữ trinh trắng được chọn lọc đặc biệt, người này sẽ bị dâng làm mồi cho con rắn ăn, trước sự chứng kiến của toàn thể dân chúng, những người theo dõi cảnh tượng này từ những vị trí đặc biệt được xây dựng không xa hang động nơi con rắn cư ngụ. Con rắn bò ra khỏi hang và gieo rắc nỗi kinh hoàng cho tất cả mọi người bởi vẻ ngoài đáng sợ, tiếng rít và cái miệng há toang hoác, rồi nó tóm lấy con mồi được dâng lên, cắn xé bằng đôi môi của mình và nuốt chửng. Để thực hiện nghi lễ hiến tế này, các cô gái con của công dân Antioch được chỉ định bằng cách bốc thăm. Một năm nọ, lá thăm rơi trúng con gái của một tín hữu Kitô giáo ở Antioch. Người Kitô hữu này đã khóc lóc van xin Chúa Kitô và Thánh Gioan Tẩy Giả cứu con gái mình khỏi cái chết tàn bạo. Khi ngày diễn ra lễ hội ghê tởm đó đã đến gần, người cha vừa la hét vừa khóc lóc, kêu cầu Thiên Chúa và xin Thánh Gioan Tẩy Giả giúp đỡ. Lúc đó, ông đến

---

[765] Julianus Apostata – cháu trai của Constantine Đại đế là Constantius, ông từng là đồng trị vì của ông, cai quản các tỉnh phía tây của Đế quốc La Mã. Sau khi trở thành hoàng đế vào năm 361, ông đã từ bỏ đức tin Kitô giáo và đặt mục tiêu của cuộc đời mình là phục hưng đạo ngoại giáo, vì vậy ông được gọi là "Apostata" (Kẻ Bội Đạo). Ông trị vì cho đến năm 363, khi ông tử trận trong cuộc chiến với người Ba Tư.

[766] Apollon – một trong những vị thần ngoại giáo Hy Lạp-La Mã được tôn kính nhất. Ông được tôn vinh là vị thần của mặt trời, sự khai sáng trí tuệ, thi ca và âm nhạc, cũng như sự thịnh vượng và trật tự xã hội. Hơn nữa, ông còn là vị thần của việc tiên tri tương lai và nghệ thuật y học.

[767] Nikifor Kallistos – nhà sử học Giáo hội, tu sĩ tại Tu viện Hagia Sophia ở Constantinople; qua đời vào khoảng năm 1350. Kedrin – cũng là một nhà sử học Giáo hội nổi tiếng, sống vào cuối thế kỷ XI hoặc đầu thế kỷ XII.

[768] Simeon Metaphrastes – tác giả nổi tiếng về các cuốn tiểu sử các thánh, sống tại Constantinopolis vào thế kỷ X (qua đời vào khoảng năm 940).

nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả, nơi lưu giữ bàn tay của Thánh Tẩy Giả, và tha thiết xin người giữ chìa khóa mở cửa nhà thờ cho ông vào để được thờ lạy bàn tay thánh thiện và đáng kính ấy. Ông làm điều này với một mục đích bí mật, và để thực hiện mục đích đó, ông đã giấu vài đồng tiền vàng trong tà áo. Khi ông bắt đầu cúi lạy trước hòm thánh, nơi lưu giữ bàn tay thánh ấy, thì như thể vô tình, những đồng tiền vàng rơi ra từ tà áo của ông. Người giữ chìa khóa, vốn ham tiền, vội vàng lao đến nhặt những đồng tiền đó, còn đúng lúc đó, người Kitô hữu kia đang hôn lên bàn tay thánh của Thánh Gioan Tẩy Giả, lén cắn đứt một đốt ngón tay út bằng răng, giấu nó đi, rồi sau khi cầu nguyện, ông ra về, mang theo đốt ngón tay đó. Khi ngày định mệnh đến, ngày mà cô gái phải chịu cái chết oan uổng, và khi dân chúng tụ tập tại nơi hành hình vào lúc nửa đêm, người cha cũng xuất hiện ở đó, dắt con gái đến để làm mồi cho con rắn, trong lòng thầm dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa xin ơn cứu rỗi. Và rồi con rắn đáng sợ bò ra khỏi hang, rít lên, há miệng rộng, và bắt đầu bò đến gần con mồi đã được chuẩn bị sẵn cho nó – cô gái – để nuốt chửng cô. Nhưng người cha không rời xa con gái, kêu cầu sự giúp đỡ của Đấng Cứu Thế Chúa Kitô, Đấng Toàn Tri, và Thánh Gioan Tẩy Giả. Khi con rắn bò đến rất gần và há miệng ra rộng hơn nữa, cha của cô gái đã ném dấu thánh của ngón tay Thánh Giăng Tẩy Giả thẳng vào giữa cổ họng con rắn, và con rắn lập tức chết ngay. Cô gái đã được cứu thoát khỏi cái chết khủng khiếp như vậy, còn cha cô, với những giọt nước mắt vui sướng, đã cất tiếng tạ ơn Đức Chúa Trời Cứu Thế và Thánh Giăng Tẩy Giả của Ngài, đồng thời giải thích cho toàn thể dân chúng biết phép lạ vĩ đại mà Đức Chúa Trời đã thực hiện. Dân chúng có mặt tại nơi diễn ra sự việc, khi thấy con rắn đã chết, còn cô gái vẫn còn sống và cùng cha mình ngợi khen Đức Chúa Trời, ban đầu rất ngạc nhiên và kinh hoàng trước phép lạ vĩ đại như vậy, nhưng sau đó, tràn đầy niềm vui, họ đồng thanh tôn vinh Đấng Duy Nhất và Chân Thật, Đấng ngự trên trời và nhìn xuống những người khiêm nhường. Và lễ hội cùng sự hân hoan vĩ đại đã bắt đầu tại Antiôkhia, vì rất nhiều người ngoại đạo đã gia nhập cùng các Kitô hữu, tin nhận Đức Kitô là Thiên Chúa. Tại chính nơi đã xảy ra phép lạ vĩ đại ấy, một nhà thờ vĩ đại và tuyệt đẹp đã được xây dựng, mang tên Thánh Gioan Tẩy Giả. Người ta kể rằng, vào ngày lễ Nâng Thánh Giá của Chúa, tại nhà thờ này, vị giám mục đã giơ cao bàn tay thánh của Thánh Gioan Tẩy Giả lên; đôi khi bàn tay đó duỗi thẳng, đôi khi lại co lại: trường hợp đầu tiên báo trước một mùa màng bội thu với lúa mì, trái cây và rau củ dồi dào, còn trường hợp sau là điềm báo của mùa màng thất bát và nạn đói.

Khi, theo ý Chúa, người Ả Rập chiếm đóng Antiôkhia và toàn bộ vùng đất xung quanh, thì kho báu vĩ đại – bàn tay thánh thiện của Thánh Gioan Tẩy Giả vĩ đại – dường như cũng bị bắt làm tù binh. Các vị vua Kitô giáo đạo đức đã nỗ lực không ít để giải thoát bàn tay thánh thiêng liêng của Thánh Tiền Hô khỏi sự cai trị của người Ả Rập và đưa nó về thành phố hoàng gia của mình, nhưng họ đã không thể đạt được mục tiêu này trong một thời gian dài, và họ không thể làm gì được, dù là bằng vàng hay bất kỳ phương tiện nào khác. Nhưng dưới triều đại của hai anh em hoàng tộc Constantine và Romanus[769] , món quà quý giá hơn tất cả kho báu trần gian này đã được nhận được như sau.

Một phó tế ở Antioch tên là Iov đã được chính Đức Chúa Trời soi dẫn để mang bàn tay thánh của Thánh Gioan Tẩy Giả ra khỏi sự cai trị của người Ả Rập đến một vùng đất nơi đức tin Kitô giáo chân chính đang rạng ngời. Vì bàn tay thánh ấy đang được lưu giữ trong ngôi thánh đường tuyệt đẹp nhất tại Antioch, được dâng hiến cho Thánh Tông đồ Phêrô, nên Iov đã bắt đầu phục vụ tại nhà thờ này và kết bạn với người trông coi các thánh vật của nhà thờ, để thuận tiện hơn trong việc thực hiện kế hoạch của mình. Ông đã nhiều lần cố gắng thuyết phục người trông coi thánh tích tham gia vào kế hoạch của mình, nhưng người ấy nhất quyết không đồng ý. Rồi một ngày nọ, Iov tổ chức một bữa tiệc lớn và mời người trông coi thánh tích đến dự. Ông đã chiêu đãi người này rất nồng nhiệt, và khi người ấy uống nhiều rượu rồi ngủ thiếp đi ngay lập tức, Giốp lén lút vào nhà thờ, mở hòm thánh, lấy bàn tay của Thánh Giăng Tẩy Giả và giấu nó ở nhà mình. Người trông coi thánh tích, khi thức dậy vào buổi sáng, không hề phát hiện ra sự mất mát đó. Trong khi đó, Iov, không chần chừ chút nào, đã rời Antioch với bàn tay thánh và vội vã hướng về biên giới vương quốc Kitô giáo, lo sợ rằng việc đánh cắp bàn tay thánh sẽ bị các Kitô hữu Antioch và chính quyền man rợ phát hiện, và rằng họ sẽ cử người truy đuổi ông. Tuy nhiên, dưới sự che chở của Thiên Chúa và được bảo vệ bởi những lời cầu nguyện của Thánh Gioan Tẩy Giả, ngài sớm đến được các vùng đất Kitô giáo. Khi đến Chalcedon[770] , ngài đã tiết lộ những gì mình đang cất giữ và cho các Kitô hữu xem kho báu mà ngài mang theo

[769] Hoàng đế Byzantine Constantine VIII Porphyrogenitus trị vì từ năm 912 đến 959; còn anh trai ông là Roman – từ năm 919 đến 944. Như vậy, từ năm 919 đến 944, hai anh em đã cùng nhau cai trị.

[770] Chalcedon – một thành phố ở phía tây bắc Bithynia, bên bờ eo biển Bosphorus, đối diện với Constantinopolis.

từ Antioch. Chuyện này lập tức được báo cáo cho các vị vua sùng đạo, và khi nghe tin này vượt xa mọi kỳ vọng của họ, các vị tràn ngập niềm vui khôn tả và ngay lập tức cử một con tàu hoàng gia đến Chalcedon. Trên con tàu đó có Đức Thượng phụ Thánh thiện và một số thượng nghị sĩ đáng kính nhất, những người được giao nhiệm vụ đón nhận bàn tay của Thánh Gioan Tẩy Giả và rước nó về thủ đô với sự tôn kính. Khi con tàu mang theo bàn tay thánh từ Chalcedon trở về, với chính Đức Thượng phụ cầm trên tay, các vị vua và toàn thể dân chúng đã ra bờ biển, như thể đang đón chào chính Thánh Gioan Tẩy Giả, Đấng vô hình từ trời giáng xuống, và bày tỏ lòng tôn kính bằng cách thờ lạy, hát thánh vịnh và thánh ca, thắp nến và xông hương. Sau khi kính cẩn chạm tay vào bàn tay thiêng liêng, các vị vua đã an táng nó trong nhà thờ hoàng cung của mình[771] . Lễ rước bàn tay thánh của Thánh Giăng Tẩy Giả được cử hành vào đêm trước Lễ Hiển Linh, trước khi làm phép nước. Và lễ hội này đã được cử hành, tiếp theo là Thánh lễ Thánh Gioan Tẩy Giả với niềm vui lớn lao để tôn vinh Thánh Gioan Tẩy Giả, vị tiên tri vĩ đại nhất, và để tôn vinh chính Thiên Chúa Ba Ngôi, Đấng được mọi người ca ngợi và thờ phượng muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 2:

Kỷ niệm vị thánh công chính với những lời ca ngợi, và chứng từ của Chúa đã ban cho ngài, Thánh Tiền Hô: vì ngài đã thực sự tỏ ra là vị tiên tri cao quý nhất, và ngài đã được ân sủng để làm phép rửa cho Đấng được loan báo trong dòng nước. Vì thế, Ngài đã chịu khổ vì lẽ thật trong niềm vui, và đã rao giảng Tin Mừng về Đấng đã hiện ra trong xác thịt tại địa ngục, Đấng gánh lấy tội lỗi thế gian và ban cho chúng ta ân sủng vĩ đại.

Bài ca Kondak, giọng 6:

Sông Giô-đanh đã run sợ trước sự giáng thế của Ngài, và lùi lại trong kinh hoàng; còn Gioan, khi thi hành chức vụ tiên tri, đã run rẩy ẩn mình; Các thiên thần kinh hoàng khi thấy Ngài được rửa tội trong dòng nước; và tất cả những ai đang ở trong bóng tối đều được chiếu sáng, ca ngợi Ngài, Đấng đã hiện ra và soi sáng muôn loài.

Ngày 21 tháng 1

Ngày 8 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của các thánh tử đạo Iulian và Vasilissa cùng những người khác đi cùng họ

Ngày tưởng niệm 8 tháng 1

Thánh Julian sinh ra tại thành phố Antinoe của Ai Cập[772] , trong một gia đình quý tộc và giàu có. Từ thuở thiếu thời, ngài đã yêu mến sự trong sạch của đời sống trinh khiết và mong muốn giữ gìn điều đó cho đến cuối đời. Lấy sự trong sạch này làm nền tảng cho mọi đức tính khác, ngài luôn sống trong sự kính sợ Thiên Chúa, siêng năng đọc và nghiên cứu các sách Thánh. Julian đã học cả triết lý Hy Lạp lẫn giáo lý Kitô giáo, nghiên cứu cả triết học thế tục, đồng thời cũng thấu hiểu sâu sắc toàn bộ Kinh Thánh. Khi anh tròn mười tám tuổi, cha mẹ bắt đầu ép anh kết hôn, vì anh là con trai duy nhất của họ và họ mong muốn dòng dõi gia đình được tiếp nối. Còn Julian thì bằng

[771] Chiếc tay thiêng liêng của Thánh Giăng Tiền Hô này, vào thế kỷ XIV và đầu thế kỷ XV, đã được các tín đồ Nga chiêm bái tại Constantinopolis. Nó được lưu giữ tại đây cho đến năm 1484, khi được chuyển giao cho các Hiệp sĩ Rhodes; những người này, sau khi thiết lập quyền lực trên đảo Malta thuộc Địa Trung Hải, đã mang kho báu mà họ nhận được đến đó. Năm 1799, vật thánh này đã được các Hiệp sĩ Malta mang đến Gatchina để dâng tặng Hoàng đế Pavel I, từ đó nó được chuyển đến Saint Petersburg, đặt tại Nhà thờ Hình ảnh Chúa Cứu Thế Không do Tay Người Tạo Ra trong Cung điện Mùa Đông. Để kỷ niệm sự kiện này, ngày lễ 12 tháng 10 đã được thiết lập.
[772] Antinoe là một thành phố khá lớn nằm ở ranh giới giữa Trung Ai Cập và Thượng Ai Cập. Hiện nay, chỉ còn lại những đống đổ nát của thành phố này. Xung quanh những tàn tích này có rất nhiều hang động được đục khoét trong vách đá. Trên nhiều bức tường trong đó có khắc dấu thánh giá, chứng tỏ từng có các nhà thờ và tu viện ở đây; các hành lang ngầm, nơi từng có các phòng tu, trải dài đến tận nơi xa xôi.

mọi cách từ chối việc kết hôn. Khi cha mẹ và họ hàng bắt đầu làm phiền anh quá mức bằng những lời khuyên và yêu cầu, ép buộc anh phải kết hôn, thì chàng trai trong sạch ấy đã xin được một tuần để suy ngẫm. Suốt cả tuần đó, anh dành trọn thời gian để ăn chay, cầu nguyện và khóc lóc, ngày đêm khẩn cầu Thiên Chúa hãy gìn giữ sự trinh khiết mà chính anh, Julian, đã hứa với Ngài. Vào ngày thứ bảy, khi đêm xuống, Julian, cơ thể đã kiệt sức vì ăn chay và cầu nguyện, nằm xuống và chìm vào giấc ngủ; và trong giấc mơ, Chúa đã hiện ra với anh, an ủi, khích lệ và phán:

– Đừng sợ thực hiện ý muốn và lời khuyên của cha mẹ con, vì con sẽ lấy một người vợ không làm tổn hại đến sự trinh khiết của con và không khiến con xa lìa Ta. Không chỉ thế, – vì con, nàng cũng sẽ giữ trọn sự trinh khiết của mình, và sau đó, cả con lẫn nàng, với tư cách là những người trinh khiết, Ta sẽ đón nhận vào các nơi ở thiên đàng của Ta, vì nhờ gương sáng của hai con, không ít thanh niên và thiếu nữ sẽ trở thành những người trinh khiết và những người thừa kế Nước Trời. Ta sẽ luôn ở cùng con, ngự trong con và chiến thắng mọi ham muốn xác thịt cũng như những cám dỗ trần tục của con. Còn cô gái sẽ kết hôn với con, Ta sẽ khiến nàng trở thành người như Ta muốn. Ta sẽ làm cho nàng cũng muốn noi theo ý định tốt lành của con, và cả hai con sẽ được thấy Ta trong cung điện đã được chuẩn bị sẵn cho các con, cùng với các thiên thần và vô số những người trinh khiết nam nữ, những người mà thiên nhiên đã chia rẽ, nhưng đức tin nơi Ta đã kết hợp lại, và con sẽ là tấm gương cho họ noi theo.

Nói xong, Chúa chạm vào Julian và phán:

– Hãy can đảm lên, và lòng con hãy vững vàng!

Được củng cố và an ủi bởi thị kiến thiêng liêng này, chàng thanh niên cao quý bừng tỉnh khỏi giấc ngủ và nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Đức Chúa Trời, Đấng thử thách lòng chúng con, vì Ngài đã xua đuổi xa khỏi con những sự ngọt ngào và an ủi của thế gian này, và hứa sẽ là Đấng gìn giữ sự trong sạch của con và là Đấng giúp đỡ con. Con vững tin rằng Ngài sẽ ban cho con điều mà *"mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến"* (1 Cô-rinh-tô 2:9), điều mà Ngài đã chuẩn bị sẵn cho những ai yêu mến Ngài. Và vì Ngài ban ơn cho con được bước đi trên con đường của Ngài, nên con cầu xin Ngài, xin chính Ngài trở thành con đường tốt lành cho con, cũng như con đường cho tất cả những ai yêu mến sự trong sạch . Lạy Chúa, Ngài biết rằng từ ngày con chào đời cho đến giây phút này, khi Ngài đã thương xót kêu gọi con, con chưa từng yêu mến hay khao khát điều gì khác ngoài chính Ngài. Vì vậy, xin Ngài củng cố những lời hứa đã thốt ra từ miệng con và biến chúng thành hiện thực.

Bước ra khỏi phòng ngủ, chàng trai tuyên bố với cha mẹ rằng anh đồng ý thực hiện mong muốn của họ và không từ chối cuộc hôn nhân. Cha mẹ anh, tràn ngập niềm vui, lập tức bắt đầu tìm kiếm một cô gái xứng đáng với con trai mình về dòng dõi quý tộc và sự giàu có. Cuối cùng, họ đã tìm được người đó là Vasilissa, con gái duy nhất của cha mẹ cô, nổi bật bởi vẻ đẹp và những đức tính tốt. Và cô đã được tổ chức lễ cưới với Iulian. Khi tiệc cưới kết thúc, chú rể và cô dâu được dẫn vào phòng tân hôn và cánh cửa khép lại sau lưng họ, cô dâu bỗng ngửi thấy một mùi hương kỳ lạ, giống như mùi hương tỏa ra từ vườn hoa với những bông hoa loa kèn, hoa hồng và các loài hoa thơm khác. Cô ngạc nhiên nói với chú rể:

– Điều này có ý nghĩa gì vậy, thưa ngài? Bây giờ là mùa đông, thế mà tôi lại ngửi thấy hương thơm của những loài hoa thơm ngát, như thể đang là mùa xuân vậy, và tôi say mê hương thơm này đến mức không muốn nghĩ đến bất cứ điều gì khác.

Lúc đó, vị hôn phu của nàng, Thánh Iulian, nói:

– Hương thơm mà nàng cảm nhận được không phải là hương thơm bình thường, mà phát ra từ Đấng Kitô, Đấng yêu mến sự trong sạch và ban sự sống đời đời cho những ai giữ trinh tiết của mình không tì vết. Vậy nên, nếu em muốn cùng anh tuân giữ các điều răn của Chúa Kitô và làm đẹp lòng Ngài, thì chúng ta hãy yêu mến Ngài bằng cả tâm hồn mình và giữ gìn sự trinh khiết của mình trong sự vô tì vết vì Ngài. Chúng ta sẽ trở thành những bình thánh được Ngài chọn lựa trong thế giới này, để cùng Ngài ngự trị trong tương lai, và sẽ không bao giờ xa cách nhau.

Nghe những lời này, cô dâu thánh thiện Vasilissa đáp lại:

– Còn điều gì cần thiết hơn sự cứu rỗi, mà khi giữ trọn sự trinh khiết, chúng ta sẽ nhận được cùng với sự sống đời đời? Em tin vào lời anh và cùng với anh, em mong muốn giữ trọn sự trinh khiết cho đến khi lìa đời, để nhận được phần thưởng từ Chúa Kitô, Chúa của em.

Khi nàng nói xong, vị thánh Iulian quỳ sấp xuống đất, thờ lạy Thiên Chúa, và nằm sấp xuống, kêu cầu Ngài:

– Lạy Chúa, xin hãy củng cố điều mà Ngài đã bắt đầu thực hiện trong chúng con!

Còn thiếu nữ Vasilissa, khi thấy vị hôn phu của mình đang cầu nguyện, cũng bắt đầu cầu nguyện. Và bỗng chốc, nền móng của phòng tân hôn rung chuyển, và trong đó tỏa sáng một ánh sáng kỳ diệu đến nỗi ngay cả những ngọn nến đang cháy trong phòng cũng trở nên mờ nhạt trước những tia sáng thiên đàng. Và một thị kiến thần thánh vĩ đại đã hiện ra: một bên là Vua Vinh Quang, Đức Kitô, cùng với vô số các trinh nam, còn bên kia là Đức Mẹ Đồng Trinh, Nữ Vương của chúng ta, cùng với các trinh nữ; và từ cả hai phía vang lên những bài thánh ca thiên đàng tràn ngập sự ngọt ngào không thể diễn tả, mà tai người phàm chưa từng nghe thấy.

Lúc đó, hai vị nam nhân rực rỡ trong thắt lưng vàng tiến đến gần Iulian và Vasilissa, nâng họ dậy và chỉ cho họ cuốn sách to lớn và tuyệt đẹp đang đặt trên giường; xung quanh giường ngủ có bốn vị lão nhân trang nghiêm và hiền lành, tay cầm những chiếc chén vàng; từ những chiếc chén đầy hương thơm ấy tỏa ra mùi hương kỳ diệu, tràn ngập khắp căn phòng. Một trong các vị lão nhân nói:

– Những chiếc cốc này tượng trưng cho sự hoàn hảo của các con, vì các con thật hạnh phúc khi đã chiến thắng những thú vui tạm bợ của cuộc đời này, và hướng về cuộc sống vĩnh hằng, điều mà trí tuệ con người hiện tại chưa thể thấu hiểu. Hãy đọc đi, Julian, những gì được ghi trong cuốn sách cuộc đời này!

Lúc đó, Julian nhìn vào cuốn sách và thấy tên mình cùng tên vợ mình được ghi ở đó. Bằng những chữ vàng, ở đó có ghi như sau:

– Julian, người đã từ bỏ thế gian vì tình yêu dành cho Ta, sẽ được kể vào số *những người "không làm ô uế mình với phụ nữ"* (Khải Huyền 14:4); còn Vasilissa, nhờ sự trong sạch và trinh tiết vô tì vết của mình, sẽ được xếp vào hàng ngũ các trinh nữ tháp tùng Đức Trinh Nữ Maria chân chính, Mẹ Vô Nhiễm của Ta!

Khi Iulian đọc xong, cuốn sách khép lại và những người đàn ông và thiếu nữ rực rỡ ánh sáng đứng hai bên đồng thanh reo lên:

– A-men!

Rồi vị tu sĩ già lại quay sang Iulian và Vasilissa và nói:

– Trong cuốn sách mà các con đang thấy đây, liệt kê những con người trong sạch, tiết độ, chân thật trong lời nói, nhân từ, khiêm nhường, hiền lành, yêu thương một cách chân thành, đã trải qua mọi thử thách, đau khổ và tai ương khốc liệt, – những người đã yêu mến Chúa Kitô đến nỗi, vì tình yêu dành cho Ngài, họ đã từ bỏ cả cha, cả mẹ, vợ, con cái, điền trang, của cải, và hơn thế nữa, họ còn không ngần ngại hiến dâng cả chính mạng sống mình vì Chúa Kitô; giờ đây, các con cũng đã được hiệp nhất với đoàn thể thánh thiện của họ.

Sau những lời ấy của vị trưởng lão đáng kính, thị kiến thiêng liêng đã chấm dứt, và đôi vợ chồng hạnh phúc, tràn ngập niềm vui phi thường, đã dành phần còn lại của đêm để hát thánh vịnh. Khi ngày mới đến, cha mẹ và họ hàng của họ, cũng như các vị khách khác được mời dự tiệc cưới, vẫn đang say sưa tiệc tùng, ăn mừng sự kết hợp xác thịt giữa chú rể và cô dâu, mà không hề hay biết về sự kết hợp thiêng liêng kỳ diệu của họ. Và Julian cùng Vasilissa đã sống với nhau như vậy trong sự trong sạch và tiết độ hoàn hảo, giữ nguyên vẹn sắc màu trinh khiết của mình. Tuy nhiên, họ đã giấu kín bí mật này khỏi mọi người, đến nỗi không ai biết về cuộc sống trinh khiết của họ, ngay cả cha mẹ và người thân, cho đến khi chính Chúa đã tiết lộ điều đó vì lợi ích của nhiều người.

Một thời gian ngắn sau khi Julian và Vasilissa kết hôn, cha mẹ họ qua đời, để lại cho họ một gia tài dồi dào; còn họ, khi đã có được tự do cho đời sống thiêng liêng của mình, đã quyết tâm phục vụ sự cứu rỗi của những người khác, chứ không chỉ lo cho bản thân mình. Để thực hiện điều này, họ đã xây dựng hai tu viện, một dành cho nam và một dành cho nữ, rồi chia tay nhau để xuất gia – anh vào tu viện nam, còn chị vào tu viện nữ. Sau khi quy tụ các tu sĩ xung quanh mình tại đó, họ đã đảm nhận vai trò lãnh đạo họ.

Tại tu viện của Thánh Iulian có tới mười nghìn tu sĩ, những người tận tụy phụng sự Thiên Chúa; vì Chúa đã ban cho ngài ân sủng lớn lao đến nỗi những ai mong muốn cứu rỗi linh hồn mình đều đổ về với ngài từ khắp mọi phương. Bỏ lại nhà cửa, vợ con, cha mẹ, họ hàng, tài sản và mọi thú vui trần gian, họ phó thác linh hồn mình cho ngài, để ngài dẫn dắt họ vào Nước Trời. Cũng vậy, Thánh Vasilissa đã quy tụ trong tu viện của mình và biến thành những cô dâu của Chúa Kitô tới một nghìn trinh nữ trong sạch, cùng với rất nhiều phụ nữ khác. Và tại cả hai tu viện, như thể trong hai khu vườn thiên đàng, sự trong sạch của các Thiên thần nở rộ, và sự trinh khiết chiến thắng trước con quỷ dâm dục của sự ô uế.

Nhưng đã đến lúc phải nói về sự ra đi của các thánh, về cách họ cùng các con cái của mình – những người đã được quy tụ vì Chúa – đã bước vào các nơi ở trên trời, kêu cầu Chúa Kitô là Thiên Chúa: "Này, chúng con và các con cái mà Chúa đã ban cho chúng con."[773]

Vào thời điểm đó, có hai vị vua bất chính đang trị vì – Diocletian và Maximian[774] – và một cuộc đàn áp dữ dội đã được phát động chống lại các Kitô hữu[775] ; cuộc đàn áp này, lan từ nước này sang nước khác và gây xáo trộn cho Giáo hội của Chúa Kitô, đã tiến gần đến biên giới của vùng đất nơi các thánh Julian và Vasilissa đang sinh sống. Nhiều tín hữu đã rơi vào tình trạng hoang mang và sợ hãi, còn các thánh Julian và Vasilissa, trong khi ăn chay và cầu nguyện, đã khóc lóc khẩn cầu Thiên Chúa, xin Ngài củng cố đức tin của những người tin vào Ngài, và bảo vệ toàn thể cộng đoàn tu sĩ cùng tất cả mọi người khỏi sự sa ngã và diệt vong, để tất cả họ đều có thể bước vào Nước Trời. Chúa đã nghe lời cầu nguyện này và hiện ra với Thánh Vasilissa trong một thị kiến đặc biệt, và phán rằng bà sẽ sớm ra đi khỏi cuộc đời này để an nghỉ vĩnh hằng, nhưng trước đó, tất cả các trinh nữ thánh từng được bà chăm sóc sẽ ra đi trước, để không một trinh nữ nào còn lại sau bà lại vì sợ hãi sự tra tấn mà sa ngã khỏi đức tin và bị loại khỏi hàng ngũ các thánh; vì lý do đó, Vasilissa sẽ còn sống trên trần gian thêm nửa năm nữa, cho đến khi các trinh nữ thánh từng sống dưới sự chăm sóc của bà được về với Chúa; sau khi Vasilissa qua đời, người anh em thiêng liêng của bà, Iulian, cùng với nhiều anh em khác sẽ thực hiện công cuộc tử đạo và, bằng sự dũng cảm của mình, đánh bại kẻ thù, rồi ra đi khỏi cõi đời này để nhận được vương miện kép của sự trinh khiết và tử đạo *"để làm vui lòng chủ của ngươi"* (Mt 25:21). Và điều đó đã xảy ra. Trong vòng nửa năm, toàn thể đoàn trinh nữ do Thánh Vasilissa tập hợp đã qua đời một cách bình thường và về với cung điện thiên đàng của Chàng Rể bất tử của mình, và trong số họ chỉ còn lại một mình Vasilissa. Sau một thời gian ngắn, tất cả các trinh nữ thánh thiện ấy đã hiện ra với bà trong giấc mơ, mặc những bộ áo hoàng gia sáng chói, và nói với bà:

– Chúng con đang chờ mẹ, mẹ của chúng con, để cùng mẹ thờ lạy Chúa và Vua của chúng con. Hãy đi và chuyển lời của chúng con đến Chúa Kitô, Đấng mà mẹ đã biến chúng con thành những cô dâu của Ngài!

Khi tỉnh giấc, thánh nữ Vasilissa vô cùng vui mừng, một phần vì toàn thể các trinh nữ mà cô đã quy tụ đã được *"đón nhận vào niềm vui của Chúa của con"*, một phần vì hóa ra ở đó, một nơi ở trên trời đã được chuẩn bị sẵn cho cô. Bà đã kể lại tất cả những điều này cho người anh em thiêng liêng của mình, Thánh Iulian, và rồi vài ngày sau, trong lúc cầu nguyện sốt sắng, bà đã trao linh hồn mình vào tay Chàng Rể bất tử của mình – Thiên Chúa, và thi thể thánh thiện của bà đã được Thánh Iulian an táng với những nghi lễ trang trọng xứng đáng.

Ngay sau đó, quan tổng trấn Marcian cùng vợ và con trai đã đến khu vực đó và bắt đầu truy lùng các Kitô hữu một cách dữ dội, giao họ cho bị tra tấn và tử hình. Khi biết được rằng Thánh Iulian là người có dòng dõi cao quý và tin vào Chúa Kitô, cũng như nghe nói về đông đảo các tu sĩ sống cùng ngài và cùng chia sẻ đức tin, ông đã cử những công dân có uy tín đến gặp ngài, nhằm thuyết phục Thánh Iulian dâng lễ vật cho các thần tượng, như hoàng đế đã ra lệnh. Vào thời điểm đó, tại tu viện của Thánh Iulian, đã có rất nhiều linh mục, phó tế và các giáo sĩ khác từ các thành phố lân cận tụ tập về, cùng với các giám mục; tất cả họ, với lòng yêu mến Chúa của mình bừng cháy, đều sẵn sàng vui lòng chấp nhận cái chết tử đạo vì Ngài. Khi những người được quan tổng trấn phái đến xuất hiện trước mặt họ, tất cả những người có mặt đều trả lời rằng họ chỉ có một Vua duy nhất – đó là Chúa Giêsu Kitô ngự trên trời, và Ngài đã truyền cho họ không được thờ lạy các thần tượng và những quỷ dữ ẩn náu trong đó, mà chỉ được thờ lạy Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật; và vì thế, họ vâng phục Đấng Christ và sẵn sàng chết ngay lập tức vì Ngài. Những sứ giả trở về báo cáo với quan tổng trấn những điều họ đã nghe được, và quan tổng trấn, trong cơn thịnh nộ, đã sai một đội quân đến bắt riêng thánh Julian, – còn tu viện cùng tất cả những ai đang ở trong đó thì ra lệnh thiêu rụi. Vậy là, thánh Julian đã bị bắt, bị trói và bị dẫn vào ngục tối, còn các tu sĩ trong tu viện, với

---

[773] Cụm từ này được trích từ (Ê-sai 8:18). Đấng Mê-si-a, Đấng mà con cái Y-sơ-ra-ên phải đặt niềm tin vào, theo lời đảm bảo của nhà tiên tri, sẽ cứu họ khỏi những kẻ thù tạm thời và vĩnh cửu, và khi dẫn họ đến với Đức Chúa Trời, Chúa Tể trên trời, Ngài sẽ nói: *"Này, đây là tôi và những đứa con mà Đức Chúa Trời đã ban cho tôi*."

[774] Hoàng đế La Mã Đốc Liê-ti-an trị vì từ năm 284 đến năm 305 sau Công nguyên. Ở đây, "Maximian" ám chỉ con rể của Đốc Liê-ti-an – Maximian Galerius, đồng trị vì của ông ở phương Đông và là người kế vị ông (từ năm 306 đến năm 311).

[775] Cuộc đàn áp Kitô hữu dưới thời Diocletian bắt đầu vào năm 303. Nguyên nhân của cuộc đàn áp là do Maximian Galerius, người đã thuyết phục Diocletian ban hành một đạo luật chung chống lại Kitô hữu. Đạo luật này quy định: phá hủy các nhà thờ Kitô giáo, đốt các sách Thánh Kinh và tước bỏ mọi quyền công dân cũng như chức vụ của các Kitô hữu. Cuộc đàn áp dưới thời Diocletian nổi bật, thứ nhất, bởi sự tàn bạo của các hình thức tra tấn; thứ hai, bởi số lượng lớn các vị tử đạo bị giết cùng lúc – từ 10 đến 100 người hoặc hơn trong một ngày.

số lượng lên đến 10.000 người, cùng với các giám mục và linh mục đang có mặt tại đó, đã bị thiêu sống cùng với tu viện, như một của lễ thơm ngát dâng lên Thiên Chúa. Và trong một thời gian dài sau đó, tại nơi đó vẫn vang lên tiếng hát du dương của một dàn hợp xướng lớn, chính vào những giờ mà Thánh lễ thường được cử hành – vào giờ thứ nhất, thứ ba, thứ sáu và thứ chín. Cũng tại nơi đó, đã xảy ra vô số trường hợp được chữa lành khỏi các bệnh tật khác nhau – đặc biệt là đối với những người bệnh may mắn được nghe thấy tiếng hát nói trên.

Sáng hôm sau, Thánh Iulian bị đưa ra trước tòa án của quan tổng trấn. Người ta đã cố thuyết phục ngài bằng những lời lẽ xảo quyệt và sự nịnh nọt, rồi lại dọa nạt bằng nỗi sợ hình phạt, nhưng ngài không nghe theo cả những lời đe dọa lẫn sự thuyết phục. Lúc đó, họ bắt đầu đánh ngài không thương tiếc bằng những cây gậy có gai. Trong lúc tra tấn, một cây gậy vì sức mạnh của cú đánh đã gãy đôi, và một mảnh gậy bay trúng mắt một người thân của quan tổng trấn, làm tổn thương mắt người đó, khiến quan tổng trấn càng thêm phẫn nộ. Vị thánh chịu khổ nói với quan tổng trấn:

– Hãy nghe đây, Marcian! Hãy ra lệnh tập hợp tất cả các thầy tế tài giỏi nhất của ngươi, và để họ kêu cầu danh các vị thần và nữ thần của họ, khẩn cầu họ ban sự chữa lành cho người thân của ngươi. Nếu họ không thể làm được điều đó, thì ta, bằng cách kêu cầu danh Chúa Giê-su Ki-tô của ta, không chỉ sẽ trả lại cho ông ta con mắt thể xác đã mất, mà còn làm cho đôi mắt tâm hồn ông ta sáng suốt đến mức họ sẽ nhìn thấy sự thật.

Vị quan chấp nhận đề nghị đó và, sau khi tập hợp tất cả các thầy tế, ra lệnh cho họ đến đền thờ thần tượng gần nhất để dâng lễ vật và khẩn cầu các vị thần và nữ thần chữa lành con mắt cho người bị thương. Các thầy tế đi và làm theo lệnh, nhưng sau khi dâng rất nhiều lễ vật, họ nghe các vị thần của mình phán như sau:

– Hãy rời xa chúng ta, vì chúng ta đã bị phán vào lửa vĩnh cửu và đang sống trong bóng tối. Làm sao chúng ta có thể ban cho người mù được thị lực, khi chính chúng ta cũng chẳng thấy gì? Còn lời cầu nguyện của Iulian dâng lên Đức Chúa Trời Tối Cao lại mạnh mẽ đến nỗi, kể từ khi hắn bắt đầu bị tra tấn, sự đau khổ của chúng ta trong địa ngục đã trở nên nặng nề gấp trăm lần.

Khi những lời quỷ quái ấy vang lên trong đền thờ, tất cả các tượng thần – khoảng năm mươi tượng – lập tức ngã xuống và vỡ tan thành bụi.

Còn vị quan cai trị thì quát tháo thánh Julian:

– Tên phù thủy! Bùa chú của ngươi mạnh đến nỗi ngươi đã nghiền nát cả các vị thần của chúng ta! Nhưng chúng ta sẽ xem liệu ngươi có ban lại thị lực cho người mù như ngươi đã hứa hay không.

Và vị vua ra lệnh đổ chất bẩn lên người vị tử đạo đang trần truồng, để, như lời vị vua nói, sức mạnh phép thuật kỳ diệu của ngài sẽ tan biến. Nhưng mùi hôi thối của những chất bẩn ấy bỗng chốc biến thành một hương thơm kỳ diệu, lan tỏa khắp không gian, khiến mọi người đều kinh ngạc. Còn Thánh Julian, sau khi làm dấu thánh giá trên mắt người bị thương, đã kêu cầu danh Chúa; và ngay lập tức, người bệnh được chữa lành, và mắt anh ta lại nhìn thấy như xưa. Viên quan, bị mù quáng bởi sự thù hận, quy sự chữa lành này cho phép thuật chứ không phải sức mạnh của Đấng Christ, còn người được chữa lành thì lớn tiếng kêu lên:

– Quả thật, Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa Chân Thật, và chỉ có Ngài mới đáng được tôn kính và thờ phượng!

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh chém đầu người được chữa lành; và như vậy, người đã được mở mắt cả về thể xác lẫn tinh thần, sau khi được rửa tội bằng chính máu của mình, đã ra đi để chiêm ngưỡng Thiên Chúa vô hình.

Còn Thánh Giulián, tên Markian vô đạo đã ra lệnh xiềng xích tay chân ngài bằng những xiềng xích nặng nề, rồi ra lệnh dẫn ngài đi khắp thành phố để mọi người nhạo báng, và mỗi khi dừng lại trên đường phố, lại tra tấn ngài bằng đủ loại hình phạt. Trong lúc ngài bị tra tấn và nhạo báng, người rao tin đã hét lên:

– Đây chính là số phận của những kẻ không quỳ lạy các vị thần và khinh thường mệnh lệnh của hoàng đế!

Khi những kẻ tra tấn cùng vị thánh đến ngôi nhà nơi con trai duy nhất của quan tổng trấn, tên là Kelsius, đang theo học các môn khoa học, thì cậu thiếu niên, người cũng đang nhìn vị thánh, nói với các bạn mình rằng cậu thấy một điều kỳ diệu. Họ liền hỏi cậu thấy gì, và Kelsius đáp:

– Tôi thấy người Kitô hữu bị kết án kia, người đang bị lính trói tay dẫn đi, được bao quanh bởi vô số thiếu niên rực rỡ ánh sáng; – trong số đó, có người phục vụ và giúp đỡ anh ta, còn những người khác thì đội lên đầu anh ta một vương miện lấp lánh đến nỗi ánh sáng của nó còn vượt trội hơn cả ánh sáng mặt trời. Tôi nghĩ rằng thật tốt khi tin vào một Đức Chúa Trời như vậy và phụng sự Ngài, Đấng bảo vệ các tôi tớ của Ngài và ban cho họ vinh quang như thế; hãy tin tôi, các bạn của tôi, rằng tôi cũng muốn trở thành một tôi tớ như vậy, nếu Đức Chúa Trời của người Kitô hữu này vui lòng trở thành Đức Chúa Trời của tôi!

Nói xong, Celsius vứt bỏ sách vở và quần áo sang trọng, từ bỏ những gì thuộc về mình trên trần gian, rồi vội vã theo chân vị thánh. Quỳ xuống dưới chân vị tử đạo, ông thốt lên:

– Tôi muốn coi ngài là người cha thứ hai của mình; tôi hoàn toàn từ bỏ người cha trần tục vô đạo của mình, kẻ thù của những người công chính, kẻ hành hạ. Tôi gia nhập cùng ngài, tôi cũng mong muốn, giống như ngài, chịu khổ vì Chúa Kitô, Chúa và Đấng Cứu Thế của tôi, Đấng mà cho đến nay tôi vẫn chưa biết!

Các binh lính đã tra tấn Iulian rất ngạc nhiên, và cả thành phố đổ xô đến xem cảnh tượng lạ lùng này, họ kinh ngạc khi thấy con trai của quan tổng trấn ôm lấy vị tử đạo và hôn lên những vết thương của ngài. Rồi cậu thiếu niên nói với dân chúng:

– Hãy biết rằng tôi là con trai của quan tổng trấn; cùng với người cha vô đạo của mình, cho đến nay tôi đã từng bức hại các thánh vô tội. Nhưng tôi đã làm như vậy vì thiếu hiểu biết; còn bây giờ, khi đã nhận biết Thiên Chúa và được Ngài nhận biết, tôi từ bỏ các thần giả, từ chối cha mẹ và khinh bỉ của cải của mình; tôi xưng nhận Đức Kitô và tin vào Ngài, đồng thời tuyên bố rằng tôi là môn đệ của thánh Julián. Sao các ngươi còn chần chừ, hỡi các tôi tớ và binh lính? Hãy đi và báo cho cha mẹ tôi biết rằng tôi đã nhận biết Thiên Chúa chân thật và muốn ở cùng với vị tôi tớ trung thành của Ngài.

Khi tin này được báo cho cha mẹ của Kelsius, họ, khi nghe tin bất ngờ này, đã vô cùng đau buồn và lập tức sai người đi tìm cậu bé, để đưa cậu về từ chỗ Thánh Iulian và đưa về nhà. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng bảo vệ các trẻ thơ, đã khiến cho không ai có thể chạm vào cậu, vì bất cứ ai chạm vào cậu đều lập tức cảm thấy cơn đau dữ dội ở tay và vai; và vì thế, không ai dám bế cậu đi và tách cậu khỏi vị tử đạo. Khi biết được điều này, quan tổng trấn ra lệnh đưa cả hai đến trước mặt mình và nói với thánh Iulian:

– Ngươi đang dùng mưu mô để cướp đi mọi hy vọng của ta, và dùng những lời lẽ xấu xa để dụ dỗ trái tim non nớt của đứa trẻ, nhổ tận gốc tình yêu dành cho cha mẹ trong lòng nó!

Đúng lúc quan tổng trấn đang nói, mẹ của Kelsey chạy đến cùng một đám đông họ hàng cả nam lẫn nữ. Bà xé tóc, xé rách áo trên ngực, và tiếng khóc thét của bà kinh hoàng đến nỗi chính quan tổng trấn cũng xé rách áo mình và nói với vị tử đạo:

– Julian tàn nhẫn ơi! Hãy nhìn nỗi đau khổ của cha mẹ và tiếng khóc than của tất cả người thân, rồi hãy giải thoát cậu thiếu niên vô tội khỏi sức mạnh phép thuật của ngươi! Hãy trả lại cho chúng tôi đứa con trai duy nhất và đưa người thừa kế, chủ nhân của gia đình chúng tôi trở về. Khi đó, tôi sẽ cầu xin các vị vua tha thứ cho tội lỗi của ngài, và ngài sẽ được trả tự do mà không bị tổn hại gì cả.

Thánh Iulian đã trả lời như sau:

– Tôi không cần sự giúp đỡ của ngươi và cũng không tìm kiếm sự tha thứ từ các vị vua của ngươi, nhưng tôi chỉ khẩn cầu Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của tôi, rằng khi tôi hoàn thành cuộc tử đạo của mình, Ngài sẽ xếp tôi vào hàng ngũ những người bị thiêu sống, cùng với Chiên Con đã được sinh ra trong bụng con sói[776] , và cùng với tất cả những người tin Chúa. Trước mặt ngươi đây là người đã được sinh ra từ ngươi theo xác thịt, nhưng nay đã được tái sinh trong Thánh Linh, cùng với ta tin vào Đấng Christ. Chính cậu ấy đã trưởng thành rồi – hãy để cậu ấy tự trả lời ngươi, hãy để cậu ấy tự thương xót những giọt nước mắt của người mẹ và thương xót bầu vú đã nuôi dưỡng cậu ấy.

Nghe vậy, chàng trai cao thượng và sáng suốt bèn nói:

– Từ cây gai mọc ra hoa hồng, nhưng hoa hồng không mất đi hương thơm chỉ vì xuất phát từ cây gai, và cây gai sinh ra hoa hồng cũng không vì thế mà mất đi những chiếc gai nhọn của mình. Vậy thì, cha mẹ tôi ơi, các vị cứ tiếp tục, theo thói quen của mình, như những bụi gai, hành hạ những người vô tội, còn tôi, hãy để tôi, như bông hồng gai, tỏa hương thơm cho những người có đức tin; hãy để những ai đang đi trên con đường diệt vong vâng lời các vị, còn những ai khao khát chuyển từ vương quốc bóng tối sang vương quốc ánh sáng, hãy để họ theo tôi. Vì Chúa Giê-su Ki-tô của con, con từ bỏ các cha mẹ; còn các cha mẹ, vì lòng tôn kính các vị thần của mình, hãy hành hạ con trai các cha mẹ, vì qua cái chết tạm thời này, con muốn đạt đến sự sống đời đời. Con không thể đối xử tốt với cha mẹ mà lại đối xử tệ với chính mình, và con sẽ không đặt tình yêu dành cho cha mẹ lên trên những niềm vui vĩnh cửu. Sao còn chần chừ nữa, thưa cha? Hãy đối xử với con như Áp-ra-ham đã đối xử với con trai mình! Hãy cầm gươm lên và dâng con, con trai của cha, làm của lễ cho Đấng Christ. Nếu tình yêu thương tự nhiên của người cha cản trở cha làm điều đó, thì hãy giao con cho những kẻ tra tấn tàn bạo nhất, để con có thể chịu đau khổ vì Chúa của

[776] Tất nhiên là Celsus, con trai của nhà cai trị Marcian, một kẻ đàn áp Kitô hữu tàn bạo.

con, Đức Giê-su Ki-tô. Những tiếng khóc than và nước mắt của các vị là vô ích, vì chúng không thể buộc con từ bỏ đức tin của mình.

Nghe vậy, quan tổng trấn ra lệnh đưa Julian và Celsus vào một ngục tối hôi thối và u ám, nhưng khi họ bước vào đó, bóng tối trong ngục đã biến thành ánh sáng; và mùi hôi thối – thành hương thơm. Hai mươi chiến binh có mặt tại đó đã tin nhận Chúa Kitô, nhưng vì thánh Julian không phải là linh mục và không thể làm phép rửa cho những người đã tin, nên điều này khiến ngài rất buồn bã. Tuy nhiên, Thiên Chúa, Đấng thực hiện những ước nguyện của những ai kính sợ Ngài, đã sai một linh mục đến với họ.

Trong thành phố đó có một người thuộc dòng dõi rất cao quý, được các hoàng đế Diocletian và Maximian rất kính trọng vì là họ hàng của một trong những vị hoàng đế trước đây, Carinus[777] . Người này cùng cả gia đình đã tuyên xưng đức tin Kitô giáo. Ông và vợ đã qua đời trong đức tin và sự đạo đức, để lại bảy người con trai; dù còn trẻ về tuổi tác nhưng họ đã chín chắn về trí tuệ. Vì lòng kính trọng dành cho cha mẹ họ, các hoàng đế đã cho phép các con trai này theo đạo của cha mình và tự do tôn vinh Đấng Kitô của họ. Vì thế, họ có một vị linh mục riêng tên là Antôn, từ tay ngài họ đã rước các Bí tích Thánh. Chính qua một sự mặc khải đặc biệt, Thiên Chúa đã truyền cho họ cùng với vị linh mục của mình vào ngục tối để thăm viếng Julian và Celsus đang bị giam giữ ở đó. Khi họ đến đó vào ban đêm, có một Thiên thần đi trước họ; chỉ cần một cái chạm nhẹ của Ngài, cánh cửa ngục tối đã mở ra, và khi bước vào, họ đã hôn lên các thánh tù nhân và cùng họ cầu nguyện với Thiên Chúa. Vị linh mục đã làm phép rửa tội cho thiếu niên thánh thiện Kelios, con trai của quan tổng trấn, cùng hai mươi chiến binh; còn bảy anh em kia thì tràn đầy lòng nhiệt thành muốn cùng chia sẻ nỗi khổ vì Chúa Kitô với họ và không muốn rời khỏi ngục tối. Khi biết được điều này, quan tổng trấn ngạc nhiên rằng những người đã được các vị vua cho phép tự do tuyên xưng đức tin Kitô giáo lại tự nguyện đi vào xiềng xích và chịu cực hình; ông đã gọi các anh em đến và khuyên nhủ họ rất lâu rằng hãy về nhà và tôn vinh Đấng Kitô của họ theo ý muốn, vì họ đã được các vị vua ban cho sự cho phép đó. Nhưng họ lại khao khát xiềng xích và ngục tối, và không mong muốn tự do.

– Vàng chưa từng được nung chảy và tinh luyện trong lò rèn thì không xứng đáng với vương miện của nhà vua, – họ nói, – cũng vậy, chúng ta sẽ không xứng đáng với Đấng Kitô của mình, nếu đức tin của chúng ta vào Ngài không được thử thách như vàng. Cây chỉ có lá mà không kết trái thì chẳng có giá trị gì. Cũng vậy, chúng ta sẽ không làm đẹp lòng Đấng Kitô của chúng ta, nếu chúng ta không dâng lên Ngài những trái ngọt ngào của đức tin chúng ta.

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh thực hiện nguyện vọng của các thiếu niên, còn bản thân ông hứa sẽ tâu trình lên nhà vua về họ.

Vậy là, các thiếu niên thánh thiện không trở về nhà sau khi gặp quan tổng trấn, mà quay lại ngục tối, nơi có các thánh Iulian và Kelsius cùng hai mươi chiến binh, và linh mục Antony cũng đi cùng họ. Còn quan tổng trấn thì gửi báo cáo lên các vị vua về Iulian, về con trai mình là Kelsius, về các chiến binh và về bảy anh em ấy. Một thời gian ngắn sau, các vị vua ra lệnh thiêu sống tất cả những ai tỏ ra kiên cường không thể khuất phục; còn nếu họ, nhờ phép thuật của mình, thoát khỏi ngọn lửa, thì chính quan tổng trấn phải giết họ theo cách mà ông ta thấy thích hợp. Nhận được mệnh lệnh như vậy từ các vị vua, quan tổng trấn ra lệnh dựng một tòa án giữa lòng thành phố và, ngồi trước dân chúng, ra lệnh đưa Thánh Iulian cùng toàn bộ đoàn tùy tùng của ngài, bao gồm Kelsius, bảy anh em, linh mục Antony và hai mươi chiến binh, ra trước mặt mình. Ông ta bắt đầu khuyên nhủ họ thờ lạy các thần tượng, nhắc nhở họ về mệnh lệnh của các vị vua, yêu cầu phải xử tử họ nếu họ không ăn năn. Nhưng họ vẫn kiên định giữ vững đức tin chân chính, khẳng định rằng Đức Vua Trên Trời đã định sẵn sự diệt vong vĩnh viễn cho những kẻ thờ thần tượng nếu họ không ăn năn; và thế là một khoảng thời gian dài trôi qua trong những cuộc tranh cãi qua lại.

Lúc đó, người ta đang khiêng một thi thể qua trước tòa án để chôn cất, và quan tổng trấn, khi nhìn thấy thi thể đó, đã ra lệnh mang thi thể ấy đến trước mặt mình và đặt trước mặt ông. Dân chúng đều bối rối, không biết quan tổng trấn định làm gì với thi thể đó.

Và quan tổng trấn nói với thánh Iulian:

---

[777] Carin – con trai của hoàng đế La Mã Carus. Cùng với anh trai Numerian, khi Carus lên ngôi, ông được phong làm Caesar, và trong cuộc chinh phạt do Carus tiến hành chống lại người Parthia, ông đã cai trị các tỉnh phía tây với quyền hạn của một hoàng đế (283–284). Khi Carus qua đời và các binh sĩ tôn Diocletian làm hoàng đế, Karin đã nổi dậy chống lại ông ta, nhưng bị đánh bại và bị sát hại vào năm 285.

– Người ta kể rằng Thầy của ngài, là Đấng Kitô, trước khi bị đóng đinh, đã làm cho người chết sống lại. Vậy ngài hãy làm cho người chết này sống lại, như Thầy của ngài đã làm, và khi đó sẽ rõ ràng liệu Ngài có thực sự là Thiên Chúa hay không.

Thánh Julian đáp lại:

– Người mù thì có ích gì khi người ta nói với anh ta rằng mặt trời đang mọc?

– Đừng nói những câu tục ngữ nữa, – vị quan nói, – và nếu ngươi và Đức Chúa Trời của ngươi có quyền năng, thì hãy làm cho người chết này sống lại, như ta đã bảo ngươi.

Và Thánh Julian đáp lại:

– Dù sự vô tín của ngài không xứng đáng để chứng kiến phép lạ như vậy từ Chúa, nhưng ngài sẽ được thấy ngay bây giờ, vì đã đến lúc quyền năng thiêng liêng của Ngài phải hiển lộ, để ngài biết rằng Đức Chúa Trời có thể làm điều đó. Tôi hy vọng rằng Chúa sẽ ban cho tôi mọi điều mà tôi thành tâm cầu xin Ngài, và Ngài sẽ không làm tôi phải xấu hổ trước mặt các ngài.

Nói xong, Thánh Julian ngước mắt và lòng lên trời, rồi cầu nguyện trước mặt mọi người, trong khi khuôn mặt ngài rạng ngời ánh sáng.

Và ngài đã dâng lên lời cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Một thật sự của Thiên Chúa, – Ngài, Đấng được sinh ra từ Chúa Cha trước muôn thuở, và khi thời gian đã đến, đã nhận lấy xác phàm một cách vô sinh từ Đức Trinh Nữ Maria! Xin Ngài hãy nhìn xuống từ cõi cao trên trời, để những kẻ thù của Ngài phải xấu hổ và những người tin vào Ngài được vững mạnh! Xin Ngài hãy nghe lời con từ ngai vàng trên trời của Ngài và làm cho người chết này sống lại, để những người còn sống không chết về mặt tinh thần, còn những người đã chết về mặt tinh thần được sống lại, khi chứng kiến quyền năng vô biên của Ngài.

Ông cầu nguyện như vậy một lúc, rồi quay sang người đã chết và nói:

– Ta nói với ngươi, hỡi đất khô cằn, nhân danh Đấng đã làm cho La-xa-rơ, người đã chết bốn ngày, sống lại: hãy sống lại và đứng dậy đi.

Ngay khi vị thánh nói xong, người chết lập tức sống lại và đứng dậy, khiến cả đám đông kinh hoàng. Người được sống lại liền lớn tiếng tuyên bố:

– Ôi, lời cầu nguyện của tôi tớ Chúa và sự trinh khiết của ngài thật là toàn năng biết bao! Vì tôi đã bị mang đi đâu và từ đâu mà tôi được trở về?

Thống đốc Marcian chăm chú quan sát những gì đang diễn ra và cảm thấy ngạc nhiên, nhưng vì bị ma quỷ làm mù quáng, ông không nhìn thấy quyền năng của Đấng Christ ở đây, mà cho rằng tất cả chỉ là phép thuật. Sau đó, muốn chế giễu người đã sống lại, ông hỏi anh ta:

– Ngươi trở về từ đâu?

Nhưng người ấy bắt đầu trả lời ông một cách chi tiết bằng những lời như sau:

– Ta đã bị những người Ê-thi-ô-pi mà ta chưa từng biết, có vóc dáng khổng lồ, vẻ ngoài đáng sợ, đôi mắt rực lửa, răng như sư tử, móng vuốt như đại bàng, những kẻ mà rõ ràng không thể mong đợi sự khoan dung từ họ, dẫn đi. Với vẻ hân hoan, họ lôi tôi xuống địa ngục, nhưng khi tôi đã đứng ngay trước cửa vực thẳm, những người Ê-ti-ô-pi ấy bắt đầu chờ đợi việc chôn cất thi thể tôi, vốn đã được lấy từ đất. Nhưng bỗng chốc cả địa ngục chìm trong hỗn loạn và từ ngai vàng của Đức Chúa Trời vang lên tiếng phán:

– Vì người yêu dấu của Ta là Julian, hãy để linh hồn này trở về với thân xác của nó!

Và ngay lập tức, hai người mặc áo trắng xuất hiện, họ đã đưa tôi ra khỏi tay những kẻ ô uế và đưa tôi trở lại thế gian này, để qua Đấng đã làm cho tôi sống lại, tôi có thể nhận biết Đức Chúa Trời Chân Thật sau khi chết – Đấng mà tôi đã chối bỏ khi còn sống.

Nghe vậy, quan tổng trấn bối rối và không biết phải làm sao; nhưng sau đó, lo ngại đám đông sẽ náo loạn, ông ra lệnh đưa người đã sống lại cùng với Thánh Iulian và các thánh khác vào ngục tối, rồi niêm phong cửa ngục bằng chiếc nhẫn có khắc tên mình. Tại đó, trong ngục tối, Thánh Julian đã ra lệnh cho Linh mục Thánh Antony làm phép rửa tội cho người đã sống lại, và trong phép rửa tội thánh thiêng này, người đó đã được đặt tên là Anastasius, có nghĩa là "người đã sống lại" khi dịch từ tiếng Hy Lạp.

Sáng hôm sau, quan tổng trấn Marcian ra lệnh chuẩn bị ba mươi mốt thùng nhựa thông, tương ứng với số lượng các thánh tử đạo, và đổ đầy nhựa thông và lưu huỳnh vào mỗi thùng đến nửa thùng, đồng thời chuẩn bị một lượng lớn củi và cành cây để thiêu sống các thánh. Khi mọi thứ đã sẵn sàng, các vị tử đạo của Chúa Kitô bị trói chặt

được dẫn ra khỏi ngục tối, trong đó Julianus và Celsus bị trói lại với nhau. Nhiều người trong đám đông không kìm được nước mắt, thương xót khi thấy những thiếu niên còn rất trẻ và xinh đẹp phải đối mặt với cái chết, dù họ vô tội. Còn Thánh Julianus thì nói với họ:

– Đừng cản trở vàng đi qua lửa, để nó trở nên tinh khiết hơn nữa!

Vị vua không muốn chứng kiến cảnh con trai mình bị thiêu sống, điều khiến lòng ông đau đớn khôn nguôi; ông đã để lại cho quan tổng trấn thực thi mệnh lệnh của hoàng đế, rồi lặng lẽ lui đi trong nỗi buồn. Sau đó, mỗi vị thánh được đưa vào một thùng nhựa thông đã được chuẩn bị sẵn, rồi người ta chất đầy củi, rơm rạ và cành cây xung quanh các thùng, sau đó châm lửa đốt. Ngọn lửa từ những thùng này bốc cao tới ba mươi khuỷu tay, nhưng các thánh vẫn đứng giữa ngọn lửa, hát ca và ngợi khen Thiên Chúa. Khi các thùng và cả đống lửa đã cháy hết, người ta thấy các thánh vẫn còn sống, nguyên vẹn và không hề hấn gì, và khuôn mặt họ rạng ngời niềm vui. Toàn thể dân chúng, khi chứng kiến cảnh đó, đều kinh ngạc tột độ; và khi tin này được báo lên quan tổng trấn, ông vội vã đến tận mắt xác minh, và sau khi xác minh xong, ông hoàn toàn bối rối. Tuy nhiên, ông lại ra lệnh đưa các thánh vào ngục tối, nơi vợ ông, mẹ của Kelsius, đã vội vã đến sau khi biết tin con trai mình vẫn còn sống và không hề hấn gì. Khi nhìn thấy con trai, bà đã tin vào Chúa Kitô và được linh mục Antôn rửa tội ngay trong ngục tối. Tên bà là Marionilla. Còn vị thống đốc, khi sớm biết tin vợ mình đã nhận phép rửa Kitô giáo, liền ra lệnh giam cả bà vào ngục tối.

Sau đó, khi ngồi trên ghế xét xử, ông ra lệnh chém đầu hai mươi chiến binh thánh và bảy anh em thiếu niên; còn về Julianus và Celsius, cũng như linh mục Antonius, Anastasius và vợ mình là Marionilla, ông quyết định xét xử lại, nên vẫn giữ họ trong xiềng xích.

Khi ngày xét xử đến, các thánh giả vờ như tuân theo ý muốn của vua và lời khuyên của quan cai trị, và tỏ ra muốn thờ lạy các thần tượng. Vì lý do đó, họ được dẫn đến đền thờ thần tượng trong niềm hân hoan, nhưng khi đoàn người tiến gần đến đền thờ, thánh Iulian đã dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa – ngay lập tức, đền thờ sụp đổ và chôn vùi tất cả các thầy tế lễ cùng khoảng một nghìn người khác đang có mặt trong đó. Chính mặt đất nơi ngôi đền tọa lạc cũng nứt ra, và ngọn lửa bùng lên từ các khe nứt đã thiêu rụi những kẻ ngoại đạo đang tiến lại gần họ. Sau đó, các thánh lại bị đưa trở lại ngục tối, nơi trong lúc cầu nguyện, một đoàn đông đảo các vị tử đạo đã chịu khổ trước họ hiện ra trong ánh sáng rực rỡ; họ mặc áo trắng và hát những bài thánh ca thiên đàng. Giữa họ có hai mươi chiến binh và bảy anh em, những người mới đây đã bị chém đầu bằng gươm. Thánh Vasilissa cũng hiện ra cùng với toàn thể đoàn các trinh nữ thánh và báo cho Thánh Iulian biết rằng ngài sẽ sớm cùng đoàn tùy tùng của mình thực hiện một kỳ công, kết thúc cuộc đời và long trọng bước vào các nơi ở trên trời.

– Nước Trời đã mở ra cho ngươi – bà nói – và Chúa Giêsu Kitô của chúng ta sẽ đón nhận ngươi về với Ngài, cũng như những người đang ở cùng ngươi; các vị tổ phụ, các tiên tri, các tông đồ và các vị tử đạo sẽ ra đón các ngươi trong niềm hân hoan, và các ngươi sẽ ở cùng họ mãi mãi.

Nói xong, bà trở nên vô hình, và cùng với bà, tất cả các thánh đã hiện ra cũng rời đi, để lại các tù nhân trong niềm vui khôn tả và sự hân hoan trong tâm hồn.

Sau đó, tên tra tấn lại ngồi lên ghế xét xử và, sau khi dẫn các thánh ra, đã bắt họ chịu đủ loại hình phạt. Đầu tiên, hắn ra lệnh quấn các ngón tay và ngón chân của các thánh bằng sợi len tẩm dầu, rồi châm lửa đốt; nhưng sợi len trên tay và chân các thánh đã cháy rụi mà không gây ra bất kỳ tổn thương nào cho họ. Sau đó, hắn ra lệnh lột da đầu các thánh Iulian và Kelsi , còn đối với vị linh mục đáng kính Antonius và Anastasius thì ra lệnh móc mắt họ. Khi họ định tra tấn thánh Marionilla, tay các đao phủ bỗng tê liệt, và họ không thể chạm vào nàng. Sau đó, các thánh bị ném cho thú dữ ăn thịt, nhưng họ cũng được bảo vệ khỏi thú dữ nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời, Đấng đã bịt miệng các con thú lại. Cuối cùng, quan tổng trấn ra lệnh tập hợp tất cả các tội nhân bị kết án tử hình từ các ngục tối, để cùng với họ hành quyết các thánh tử đạo. Và khi mệnh lệnh này được thi hành, ông ra lệnh dẫn tất cả ra hành quyết, cùng với các vị tử đạo, không nương tay cả con trai và vợ mình. Như vậy, các thánh đã qua đời, bị chém bằng gươm cùng với các tù nhân[778] . Ngay sau khi họ bị hành quyết, một trận động đất đã xảy ra, phá hủy đến một phần ba các tòa nhà trong thành phố, và không một nơi nào có tượng thần nào còn nguyên vẹn. Đồng thời, chớp lóe sáng, sấm sét ầm ầm và mưa đá rơi xuống, khiến không ít người ngoại đạo thiệt mạng vì cơn bão. Thống

[778] Đó là vào năm 313, khi Ai Cập và châu Phi do Maximinus Daza (311–313) cai trị, người trước đây từng là đồng hoàng đế của Maximianus Galerius (từ năm 305). Vào thời điểm đó, ở phương Tây, Constantine Đại đế đã lên ngôi

đốc Marcian ban đầu suýt chết vì sợ hãi, rồi không lâu sau đó ông bị bệnh và thực sự qua đời: cơ thể ông bị sâu bọ gặm nhấm.

Đêm tiếp theo sau khi các thánh bị hành quyết, các linh mục cùng với những người đàn ông đạo đức đã đến để thu thập thi thể các vị tử đạo. Nhưng vì những thi thể thánh thiện này nằm giữa rất nhiều xác chết khác, nên họ không thể nhận ra chúng và đã quỳ gối xuống để cầu nguyện. Và rồi linh hồn các thánh hiện ra trước mặt họ dưới hình dạng các trinh nữ, mỗi linh hồn đều ở bên cạnh thi thể của mình. Nhờ đó mà nhận ra thi thể các thánh tử đạo, những người đến đã thu thập chúng và an táng trong nhà thờ, dưới bàn thờ. Còn Đức Chúa Trời, Đấng tôn vinh các thánh của Ngài, đã truyền cho một suối nước sống và chữa lành tuôn trào tại chính nơi các thi hài của các thánh tử đạo được an táng, và mọi bệnh tật đều được chữa lành nhờ dòng nước ấy cùng những lời cầu nguyện của các thánh, nhờ ân sủng của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men.

Lễ kỷ niệm Thánh Grigori Pechersky

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 1

Cũng như thành Neocaesarea tự hào về Thánh Grigorius, Đấng Làm Phép Lạ, thì Tu viện Pechersk vĩ đại cũng tự hào về vị Thánh Tông đồ cùng tên với vị thánh này. Khi Thiên Chúa tỏ lộ vinh quang của Ngài nơi các thánh của Ngài là Antôn và Theodosius, những vị đã nổi tiếng nhờ các phép lạ khác nhau, thì cùng lúc đó, Ngài cũng đã chọn vị tu sĩ Grigori để thực hiện các phép lạ, và đã kêu gọi ngài đến Tu viện thánh của Ngài. Vậy nên, vị thánh phúc lành này, vào thời điểm vị thánh tu sĩ Antôn đang sống đời ẩn tu trong hang động, đã đến gặp vị thánh tu sĩ Theodosius, người đang quản lý tu viện, và sau khi nhận lễ khấn tu sĩ từ ngài, ngài đã được củng cố trong sự không tham lam, sự trong sạch, sự khiêm nhường, sự vâng lời và các đức tính khác, nhưng trên hết là chuyên tâm vào việc cầu nguyện. Sau khi thực hiện nhiều việc thánh thiện trong một thời gian ngắn, ngài đã được ban ân sủng làm phép lạ và, trên hết, nhận được từ Thiên Chúa quyền năng trên các quỷ dữ, những kẻ ngay từ xa đã ghen tị với vị thánh và kêu lên:

– Hỡi Grigori! Ngươi sẽ đuổi chúng ta đi bằng lời cầu nguyện của ngươi.

Thật vậy, Grigori có thói quen đọc những lời cầu nguyện trừ tà sau mỗi thánh lễ. Kẻ thù bị đánh bại, bị đuổi đi khắp nơi, nhưng lại bắt đầu ấp ủ mưu đồ xấu xa chống lại vị thánh, mong muốn cản trở những việc làm đạo đức của ngài. Không có sức mạnh để tự mình làm điều đó, hắn đã xúi giục những kẻ xấu đi cướp bóc vị thánh, người vốn không có tài sản gì ngoài những cuốn sách chứa đựng những lời cầu nguyện và thánh ca. Vậy nên, một đêm nọ, bọn trộm đã đến phòng tu của Grigori và, sau khi ẩn nấp, chờ đợi thời điểm vị tu sĩ già đi dự thánh lễ sáng tại nhà thờ để lấy hết tài sản của ngài. Vị thánh đã biết được sự xuất hiện của chúng, bởi ngài đã thức trắng cả đêm, cầu nguyện với Chúa ngay giữa phòng tu. Ngài bắt đầu cầu nguyện cho họ bằng những lời như sau:

– Lạy Chúa! Xin ban giấc ngủ cho các tôi tớ của Ngài, những người đã mệt mỏi vô ích khi phục vụ kẻ thù.

Chúa đã nghe lời cầu nguyện của vị tu sĩ già, và bọn trộm đã ngủ li bì suốt năm ngày năm đêm, cho đến khi vị thánh, trước sự chứng kiến của nhiều anh em, đánh thức họ dậy và nói với họ như sau:

– Các ngươi còn canh gác vô ích đến bao giờ nữa, với ý định cướp bóc ta? Hãy mau về nhà đi!

Còn họ, khi tỉnh dậy, không thể nhúc nhích được, vì đã cạn kiệt sức lực do không ăn gì trong một thời gian dài như vậy. Lúc đó, vị thánh nhân đã mời họ ăn uống, và sau khi cho họ ăn no, ngài đã để họ ra về. Khi biết chuyện này, quan tổng trấn thành phố ra lệnh trừng phạt những người này, nhưng Grigory, vì buồn bã khi thấy họ phải chịu khổ vì mình, đã đến gặp quan tổng trấn, tặng ông ta vài cuốn sách của mình và tha bổng cho những tên trộm. Còn những cuốn sách khác, ông bán đi và dùng số tiền thu được để phân phát cho người nghèo, nói rằng:

– Mong rằng sẽ không còn ai phải gánh chịu tai họa vì bị cám dỗ bởi ý định trộm cắp của tôi! Vậy thì, xin cho lời phán của Chúa được thực hiện, Đấng đã phán: *"Hãy bán tài sản của các ngươi và bố thí. Hãy chuẩn bị cho mình những kho tàng không hư nát, của cải không cạn kiệt trên trời, nơi kẻ trộm không thể đến gần và nơi sâu bọ không gặm nhấm"* (Lc 12:33).

Còn những tên trộm kia, vì phép lạ đã xảy ra với họ, đã quay trở lại với công việc cũ của mình, nhưng đã ăn năn và, khi đến Tu viện Pechersk đó, đã bắt đầu làm việc cho các tu sĩ. Nhưng kẻ thù không từ bỏ những mưu đồ xấu xa của mình. Vì Thánh Grigori có một khu vườn nhỏ, nơi ngài gieo trồng rau củ và trồng cây ăn quả, nên một lần nọ, kẻ thù đã xúi giục những tên trộm khác lẻn vào khu vườn đó và nhét rau củ vào bao của chúng. Nhưng khi

họ vác những bao tải lên vai và định bỏ đi, họ lại không thể làm được điều đó, và suốt hai ngày hai đêm liền, họ phải đứng nguyên tại chỗ, chịu đựng sức nặng đè nén của những bao tải. Lúc đó, họ bắt đầu kêu lên:

– Thánh cha Grigori ơi! Xin hãy tha cho chúng con; chúng con sẽ sám hối về tội lỗi của mình và sẽ không bao giờ làm điều này nữa.

Nghe thấy tiếng la hét của họ, các tu sĩ đã xuất hiện và bắt giữ họ, nhưng không thể đưa họ ra khỏi chỗ đó. Lúc đó, họ hỏi bọn trộm:

– Các ngươi đến đây từ bao giờ?

Bọn trộm trả lời:

– Chúng tôi đã đứng ở đây hai ngày hai đêm rồi.

Các tu sĩ nói với họ:

– Nhưng chúng tôi đã đi qua đây bao nhiêu lần rồi mà vẫn không thấy các anh.

Bọn trộm đáp lại:

– Nếu chúng tôi thấy các vị đi ngang qua, chúng tôi đã khóc lóc van xin các vị cầu thay cho chúng tôi trước vị tu sĩ; nhưng chỉ khi đã kiệt sức hoàn toàn, chúng tôi mới bắt đầu la hét. Xin các vị cầu xin vị thánh làm phép lạ tha thứ cho chúng tôi.

Lúc đó, Grigory đến và nói với họ:

– Vì các ngươi đã dành cả cuộc đời để sống trong sự lười biếng, ăn cắp tài sản của người khác, mà bản thân lại không muốn lao động, nên từ nay trở đi, các ngươi sẽ phải đứng tại chính nơi này cho đến hết những ngày còn lại của cuộc đời.

Họ thì khóc lóc van xin vị tu sĩ tha cho họ và hứa sẽ không trộm cắp nữa.

Vị tu sĩ già thương xót họ và nói:

– Ta sẽ tha cho các ngươi, nếu các ngươi hứa sẽ làm việc và dùng sức lao động của chính mình để nuôi sống người khác.

Khi những tên trộm thề rằng sẽ không trái lời ông, Grigory nói với họ:

– Nguyện Chúa ban phước lành, ban sức mạnh cho các ngươi! Từ nay trở đi, các ngươi sẽ làm việc cho cộng đoàn thánh và dùng thành quả lao động của mình để cung cấp cho họ những gì họ cần.

Sau những lời đó, ngài thả họ ra. Còn những tên trộm, để chuộc lại tội ác mà họ đã gây ra trong khu vườn nhỏ ấy, đã siêng năng làm việc trong các vườn rau của Tu viện Pechersk và kết thúc cuộc đời mình với công việc đó.

Tuy nhiên, kẻ cám dỗ xảo quyệt đã lần thứ ba cố gắng làm hại vị thánh bằng một mưu kế tinh vi như vậy. Một lần nọ, có ba người đến xin giúp đỡ Grigori, họ giả vờ là những người cần sự giúp đỡ, với ý định thử thách vị thánh. Hai trong số họ, chỉ tay vào người thứ ba, nói dối như sau:

– Thưa Cha! Người bạn này của chúng con đang bị kết án tử hình. Chúng con xin Cha ban cho anh ta một thứ gì đó, để anh ta có thể nộp tiền chuộc mạng và thoát khỏi án tử.

Còn vị Thánh, khi nhận ra rằng câu chuyện bịa đặt này sẽ trở thành sự thật, đã rơi nước mắt vì đau buồn và nói:

– Khốn khổ cho người này, vì ngày diệt vong của anh ta đã đến!

Họ lại nói:

– Nếu cha ban cho anh ta thứ gì đó, thì anh ta sẽ không chết.

Họ nói vậy với ý định lừa lấy của ông thứ gì đó để chia chác cho nhau. Còn vị Thánh làm phép lạ, với sự sáng suốt của mình, đã nói:

– Dù tôi có cho đi chăng nữa, thì hắn cũng sẽ chết thôi! Nhưng mà, hãy nói cho tôi biết: hắn sẽ chết như thế nào?

– Hắn sẽ bị treo cổ trên cây, – bọn lừa đảo trả lời.

– Các ngươi nói đúng, – người có khả năng tiên tri nhận xét, – ngày mai chuyện đó sẽ xảy ra.

Nói xong, ông đi xuống hang động, nơi ông thường ẩn náu khỏi những ánh mắt tò mò và sự hối hả của thế gian, và cũng là nơi ông thường thực hiện các nghi lễ cầu nguyện của mình. Ông mang những cuốn sách còn lại ra khỏi đó, trao cho những người vừa đến và nói:

– Hãy nhận lấy đi, và nếu các anh không cần nữa, hãy trả lại cho tôi.

Họ cầm lấy những cuốn sách, rồi ra về và bắt đầu cười, nói:

– Chúng ta sẽ bán mấy cuốn này đi rồi chia nhau số tiền thu được.

Thấy những cây ăn quả thuộc về vị thánh, họ nói:

– Đêm nay chúng ta sẽ quay lại đây và hái những quả này.

Khi đêm xuống, ba tên trộm lại đến; lúc đó, Grigori đang cầu nguyện trong hang động của mình, và chúng chặn cửa hang động từ bên ngoài, nơi vị tu sĩ già đang cầu nguyện. Một trong số chúng, người được nhắc đến như kẻ bị kết án treo cổ, trèo lên cây và bắt đầu hái táo. Lúc đó, cành cây mà hắn đang bám vào bị gãy, và hắn ngã xuống, còn hai tên cướp khác đang canh chừng hắn thì hoảng sợ bỏ chạy. Còn người ngã xuống thì lúc đó bị treo lơ lửng trên một cành cây khác, và ở tư thế đó, hắn nhanh chóng bị ngạt thở, vì không có ai để giải cứu hắn.

Grigory, vì bị giam giữ, không thể tham dự thánh lễ sáng cùng các tu sĩ trong nhà thờ; vì vậy, khi các tu sĩ ra khỏi nhà thờ, họ đi xem tại sao vị thánh, trái với thói quen thường ngày, lại không đến dự thánh lễ sáng. Tại đó, họ nhìn thấy một thi thể đang treo lơ lửng trên cây và kinh hoàng tột độ. Ngay lập tức, họ tìm thấy cả Grigory, người đang bị nhốt trong hang động; khi bước ra khỏi hang, ngài ra lệnh tháo xác người bị treo xuống. Sau đó, khi nhìn thấy những người đồng sự của mình, những người đã đến cùng với những người khác và đang nhìn thi thể người chết, ngài nói với họ:

– Hãy nhìn xem, lời dối trá ghê tởm của các ngươi đã trở thành sự thật, vì *"Đức Chúa Trời không thể bị nhạo báng"* (Ga-la-ti 6:7). Nếu các ngươi không nhốt ta lại, thì ta đã đến giúp anh ta rồi, nhưng vì kẻ thù đã dạy các ngươi giữ lấy *những điều "vô ích và dối trá"*, nên các ngươi mới *"bỏ rơi Đấng Nhân Từ của mình"*.[779]

Những kẻ chế nhạo táo tợn, khi thấy lời của vị thánh đã ứng nghiệm, liền quỳ xuống dưới chân ngài, van xin sự tha thứ. Grigori đã kết án họ phải làm việc tại Tu viện Pechersk, để từ đó họ phải tự kiếm miếng ăn bằng mồ hôi công sức của mình, và có cơ hội nuôi sống bản thân cũng như người khác bằng công việc của chính tay mình. Và họ đã kết thúc cuộc đời như vậy, cùng con cái mình làm việc tại Tu viện Pechersk, phục vụ Đức Mẹ Đồng Trinh và là môn đệ của các vị Thánh Cha Antôn và Theodosius của chúng ta.

Nhưng đã đến lúc kể về cái chết đầy đau khổ của vị thánh.

Một lần nọ, một con vật ô uế lọt vào bình nước của tu viện, và vị thánh nhân, để tẩy uế nó, đã xuống sông Dnieper múc nước. Cùng lúc đó, Công tước Rostislav Vsevolodovich[780] cũng đến nơi này để cầu nguyện tại tu viện và nhận lời chúc phúc cho cuộc chiến chống lại người Polovtsian[781] , nơi ông đang trên đường đến cùng với anh trai mình là Vladimir Monomakh[782] . Các tôi tớ của Rostislav, bị kẻ thù cổ xưa xúi giục, bắt đầu chế nhạo vị tu sĩ già và quấy rối ông bằng những lời lẽ khiếm nhã. Còn vị tu sĩ, nhờ linh hồn tiên tri của mình, đã nhìn thấy cái chết đang rình rập họ, nên đã nói:

– Hỡi các con! Các con lẽ ra phải với lòng thành kính xin mọi người cầu nguyện cho mình, thế mà các con lại làm điều ác, điều đó trái với ý Chúa. Hãy khóc than về sự diệt vong của mình và sám hối về tội lỗi của mình, để các con có được chút an ủi trong ngày phán xét cuối cùng đầy kinh hoàng. Vì số phận của các con đã được định đoạt trong tòa án của Chúa, rằng các con sẽ chìm đắm cùng với vị công tước của mình.

Còn Hoàng tử Rostislav, khi nghe những lời của vị tu sĩ, đã không tin và, cho rằng ông ta chỉ đang đe dọa chứ không phải tiên tri, nên đã giận dữ nói với ông:

– Ngươi lại đi báo trước cho ta cái chết vì nước sao, trong khi ta bơi rất giỏi? Không, chính ngươi mới là người sẽ chết như vậy!

---

[779] Các bài thánh ca vào Thứ Bảy Lớn, bài thứ 6, so sánh (Giô-na 2:9).

[780] Rostislav Vsevolodovich, con trai của Vsevolod Yaroslavich và cháu nội của Yaroslav the Wise, cai trị tại Pereyaslav – một thành phố nằm ở phía nam Kiev, bên các con sông Alta và Trubezh. Hiện nay, Pereyaslav là một thị trấn huyện thuộc tỉnh Poltava.

[781] Người Polovtsi là một dân tộc du mục gốc Thổ Nhĩ Kỳ, sinh sống ở các thảo nguyên miền nam Nga từ nửa sau thế kỷ IX và trước cuộc xâm lược của người Tatar, họ đã liên tục thực hiện các cuộc tấn công tàn phá vào nước Nga. Các cuộc tấn công của họ diễn ra nhanh chóng và bất ngờ. Để chống lại người Polovtsi, các công tước Nga đã xây dựng các công sự biên giới và tiến hành các cuộc viễn chinh sâu vào lãnh thổ của người Polovtsi. Một trong những cuộc viễn chinh như vậy, được đề cập ở đây, đã được Đại công tước Kiev Sviatopolk Izyaslavich (từ năm 1093 đến năm 1113) tiến hành vào năm đầu tiên của triều đại Đại công tước của ông.

[782] Vladimir Monomakh là một trong những vị công tước Nga xuất sắc nhất trong thời kỳ trước khi người Mông Cổ xâm lược. Khi cha ông, Vsevolod, qua đời, mặc dù được người dân Kiev yêu mến, ông đã không lên ngôi Đại công tước Kiev, mà mời người anh em họ của mình là Sviatopolk Izyaslavich, người mà ông đã nhường ngôi Đại công tước cho với tư cách là người lớn tuổi nhất trong dòng họ. Lúc bấy giờ, ông cai trị tại Chernihiv và, hơn thế nữa, còn nắm quyền cai quản Công quốc Smolensk. Sau khi Sviatopolk qua đời, ông lên ngôi Đại công tước Kiev và cai trị tại đây cho đến khi qua đời (1113–1125).

Và ngay lập tức, quên mất sự kính sợ Đức Chúa Trời, ông ra lệnh trói tay chân vị tu sĩ già, đeo một hòn đá vào cổ ông và ném xuống nước.

Vị thánh già đã bị dìm chết như vậy!

Các tu sĩ đã tìm kiếm ngài suốt hai ngày nhưng không thể tìm thấy. Rồi đến ngày thứ ba, khi họ đến phòng tu của ngài với ý định lấy một vài vật dụng còn lại của vị thánh, họ bất ngờ phát hiện ngài đã qua đời trong phòng, tay chân vẫn bị trói và có một hòn đá treo trên cổ. Quần áo của ngài vẫn còn ướt, khuôn mặt rạng rỡ, còn toàn thân thì trông như vẫn còn sống. Các tu sĩ đều ngạc nhiên không biết ai và bằng cách nào đã mang vị tu sĩ già đến đây, vì phòng tu đã bị khóa kín; nhưng sau đó, họ ca ngợi Thiên Chúa, rồi long trọng rước thi hài kỳ diệu của vị thánh ra và an táng trong hang động, nơi thi hài ấy vẫn còn nguyên vẹn cho đến ngày nay.

Còn Rostislav, không coi trọng tội lỗi mình đã phạm, bị cơn thịnh nộ chi phối, thậm chí còn không thèm bước vào tu viện, trái với lời hứa của mình, để nhận lời chúc phúc – và ân sủng của Chúa đã rời xa ông. Chỉ có Vladimir Monomakh là đã đến tu viện để xin lời cầu nguyện và phước lành cho mình. Khi các công tước Nga đến gần Tripol[783] và vượt qua sông Stugna[784] , họ đã điều quân tiến đánh người Polovtsian. Các đạo quân của họ không trụ vững và bỏ chạy; Công tước Vladimir cũng bỏ chạy và lại vượt qua sông Stugna an toàn, nhờ những lời cầu nguyện và sự ban phước của các thánh ở Pechersk, còn Rostislav cùng toàn bộ quân đội của mình thì chìm xuống sông, và như vậy lời tiên tri của vị thánh đã ứng nghiệm: "Bằng thước đo nào mà kẻ sát nhân độc ác đã dùng để đo lường, thì người ta cũng sẽ dùng thước đo đó để đo lường lại cho hắn"[785] . Còn Thánh Grigori, vị thánh không hề ác ý, đã tìm thấy nguồn suối sự sống và, khi nếm trải dòng suối ngọt ngào vĩnh cửu bên *những dòng* nước *"cao hơn cả các tầng trời"* (Thánh vịnh 148:4), ngài ngợi khen danh Chúa, Đấng xứng đáng nhận vinh quang và tôn kính, mãi mãi và đến muôn đời. A-men.

Lễ kỷ niệm Thánh nữ Domnika

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 1

Thánh Domnika cùng với bốn thiếu nữ khác đã đến Constantinople từ Carthage vào thời trị vì của Hoàng đế Theodosius Đại đế, khi đó bà vẫn còn là một người ngoại đạo[786] . Bà tràn đầy khát khao mãnh liệt được nhận đạo Kitô và sống theo những nguyên tắc của đức tin thiên đàng thuần khiết. Thánh Nectarius, Tổng Giám mục Constantinople[787] , đã nhận được một sự mặc khải đặc biệt về cô. Vì vậy, khi tiếp nhận cô, ngài không chỉ ban phép rửa tội thánh cho cô, mà còn phong cô làm nữ phó tế[788] . Hoàng đế Leo đã ban tặng cho cô một mảnh đất nằm ngoài ranh giới thành phố. Trên mảnh đất này, Thánh Domnika đã thành lập một tu viện để tôn vinh Thánh Zacharias, tập hợp các trinh nữ xung quanh mình và sống cùng họ, tu hành bằng việc ăn chay. Bà đã thực hiện không ít phép lạ: ví dụ, bà đã cứu những thủy thủ đang gặp nạn vì bão trên biển bằng cách, với sự ban phước, đổ dầu xuống biển, nhờ đó sóng biển đã lắng xuống. Bà cũng có ân sủng tiên tri, vì bà đã biết trước và tiên đoán về cái chết của nhà vua. Một lần, bà đã chứng kiến một Thiên thần từ trời giáng xuống, thánh hóa bản chất của nước, đồng thời bà cũng

---

[783] Hiện nay là một thị trấn thuộc tỉnh Kiev.

[784] Sutgna – nhánh sông bên phải của sông Dnieper, chảy qua huyện Vasylkiv, tỉnh Kiev. Trước đây, nhánh sông này từng là một con sông khá lớn.

[785] (Mt 7:2) – đoạn này được dịch như sau: *"Vì các ngươi xét đoán người ta bằng tiêu chuẩn nào, thì các ngươi cũng sẽ bị xét đoán như vậy; các ngươi đo lường người ta bằng thước đo nào, thì người ta cũng sẽ đo lường các ngươi bằng thước đo đó*".

[786] Thánh Theodosius Đại đế – hoàng đế La Mã từ năm 379 đến năm 395. Trong triều đại của ngài, đức tin Kitô giáo đã được củng cố vững chắc trong Đế quốc La Mã.

[787] Thánh Tổng Giám mục Nectarius đã lãnh đạo Giáo hội Constantinopolis từ năm 381 đến năm 397. Lễ tưởng niệm ngài được cử hành vào Thứ Bảy trước Mùa Chay.

[788] Diakonia – từ tiếng Hy Lạp: người phục vụ. Đây là tên gọi dành cho một nhóm người đặc biệt trong Giáo hội, chức vụ này có nguồn gốc từ thời các Tông đồ (Rô-ma 16:1; xem 1 Ti-mô-thê 5:3–10). Chức vụ diaconia chủ yếu được bầu chọn từ những phụ nữ lớn tuổi (không dưới 40 tuổi), là những người còn trinh hoặc góa phụ. Nhiệm vụ của họ là hướng dẫn các phụ nữ và thiếu nữ mới tin Chúa về cách ứng xử trong lễ rửa tội, phụng sự giám mục trong lễ rửa tội của họ và thay mặt ngài thực hiện việc xức dầu cho các bộ phận cơ thể khác ngoài trán, giữ trật tự và đạo đức trong hàng ngũ phụ nữ trong các buổi Thánh lễ, thăm viếng người bệnh và những người bị giam cầm trong ngục tối, phục vụ các vị xưng tội và các vị tử đạo đang bị giam giữ, giúp đỡ những người nghèo khó, v.v. Về các nữ phó tế, có một số quy định giáo luật, cụ thể là: Điều 15 của Công đồng Đại kết lần thứ IV, Điều 14 của Công đồng Đại kết lần thứ IV và Điều 44 của Thánh Basil Cả.

nhận được những mặc khải khác về những mầu nhiệm thiêng liêng. Thánh nữ đã an nghỉ trong bình an khi đã cao tuổi, sống đến thời trị vì của các hoàng đế Lêô và Zênôn[789] , và bà đã tiên đoán thời điểm mình sẽ về với Chúa.

Lễ kỷ niệm Thánh George Hozevit

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 1

Thánh George Hozevit[790] sinh ra trên đảo Síp[791] trong một gia đình nổi tiếng về lòng đạo đức. Anh trai cả của ngài, Heraclides, đã lên đường đến Thánh thành Giê-ru-sa-lem khi cha mẹ còn sống. Sau khi đến đây để thờ lạy những nơi được thánh hóa bởi dấu chân và máu của Chúa Giêsu, ngài đã lui về Thung lũng Jordan[792] và định cư tại Tu viện Kolomana[793] , nơi ngài đã nhận tu hành. Còn Thánh George thì ở lại với cha mẹ, được nuôi dưỡng trong lòng sùng đạo và sự kính sợ Thiên Chúa.

Khi cha mẹ của Georgy qua đời, cậu thiếu niên mồ côi cùng toàn bộ tài sản mà cha mẹ để lại đã được một người họ hàng nhận nuôi. Người họ hàng này yêu quý cậu đến mức muốn gả con gái duy nhất của mình cho cậu. Nhưng vị thánh, vì chán ngán những lo toan trần tục và không muốn chung sống với vợ, đã lánh mình đến ở với một người họ hàng khác, người đang là vị tu viện trưởng của một tu viện. Người thân mà George đã bỏ lại, người mong muốn có được chàng trai hiền lành này làm con nuôi tinh thần của mình, đã biết được nơi ở của George; ông ta đến gặp vị tu viện trưởng, nơi George đang ẩn náu, và đòi ông ta phải trả lại chàng trai cho mình. Biết được điều này, Georgy đã bí mật rời khỏi tu viện đó và, lên một con tàu đang chuẩn bị ra khơi, lên đường từ Síp đến thành thánh Jerusalem. Sau khi hành hương tại các thánh địa, anh xuống thung lũng Jordan và đến gặp anh trai mình tại tu viện Koloman. Người anh trai ấy, thấy anh vẫn còn trẻ và chưa mọc râu, theo lời dạy của các vị thánh tổ, không muốn giữ anh lại trong tu viện cho đến khi anh mọc râu, mà đã đưa anh đến tu viện của Đức Mẹ Rất Thánh của chúng ta, được gọi là Khuziva[794] , và giao anh cho vị tu viện trưởng ở đó. Tại đây, Thánh George đã mặc áo tu sĩ và bước vào con đường tu hành. Làm việc vì vinh quang của Thiên Chúa và để cứu rỗi linh hồn mình, ngài đặc biệt rèn luyện đức khiêm nhường và vâng lời. Thiên Chúa đã tôn vinh vị thánh nhân của Ngài và ban cho ngài ân sủng làm phép lạ. Và toàn thể cộng đoàn không khỏi ngạc nhiên khi thấy sự hoàn hảo và lòng can đảm hướng về Thiên Chúa nơi một thiếu niên còn non nớt, lại mới bước vào đời tu. Tuy nhiên, vị Thánh, lo sợ bị cám dỗ bởi vinh quang hão huyền của thế gian này, đã bí mật rời khỏi tu viện và trở lại với anh trai mình tại tu viện Lavra.

Sau khi định cư tại đây, ngài cùng anh trai của mình ở trong cái gọi là Nhà thờ Cổ, và tại đây họ dành thời gian cho việc cầu nguyện, suy ngẫm về Thiên Chúa và các công việc của người ẩn tu. Các anh em không tự nấu thức ăn nóng cho mình, trừ những trường hợp có ai đó đến thăm họ.

Một lần nọ, Abba Iraklid nói với anh trai mình:

– Hãy cầm rìu lên, chúng ta đi chặt củi nào!

Và khi người em cầm lấy cái rìu, người anh cả ra lệnh cho anh chặt cây cọ không ra quả mọc gần phòng tu của họ. Sau khi cúi đầu chào người anh, George bắt đầu xin:

---

[789] Ở đây tất nhiên đề cập đến Hoàng đế Lêô II, người trị vì chưa đầy một năm (năm 474); Hoàng đế Zênôn trị vì từ năm 474 đến năm 491. Thánh Đô-mni-ca qua đời vào những năm đầu triều đại của Zênôn, khoảng năm 474. Vì bà đã đến Constantinopolis, ít nhất là trước năm 385, và vì vào thời điểm đó, bà chắc chắn đã không dưới 20 tuổi (vì Đức Thượng phụ Nectarius đã cho phép phong bà làm nữ phó tế ngay sau đó), nên Thánh Domnica qua đời khi đã hơn 100 tuổi.

[790] Các tu sĩ thuộc Tu viện Hozevit hoặc Tu viện Khuziv được gọi là Hozevit.

[791] Đảo Síp nằm ở góc đông bắc của Biển Địa Trung Hải, không xa bờ biển Syria.

[792] Thung lũng Jordan nằm dọc theo dòng sông Jordan; với những vùng đất thưa thớt dân cư, từ thời cổ đại nơi đây đã là điểm đến ưa thích của các ẩn sĩ. Chẳng hạn, Thánh Tiên tri Gioan Tiền Hô đã lui về đây và rao giảng về sự sám hối. Vào thời kỳ Kitô giáo, ở thung lũng này có không ít các tu viện thuộc nhiều dòng tu khác nhau.

[793] Tu viện Kolomanova nằm gần Biển Chết và sông Jordan.

[794] Tu viện Khuziv tọa lạc tại sa mạc Khuziv hay Khoseva, giữa Jerusalem và Jericho, ở phía bên phải con đường lớn mà các tín đồ hành hương thường đi qua từ Thành Thánh đến sông Jordan, và không xa lối xuống thung lũng Jordan thấp trũng. Tu viện này tọa lạc tại một vùng hoang dã. Các nhà thờ và phòng tu của các tu sĩ, nằm lơ lửng trên một khe núi ở độ cao 50 sažen, dường như được gắn chặt vào những vách đá gồ ghề. Tu viện Khuziv được thành lập vào thế kỷ V. Tên của vị sáng lập viên đầu tiên vẫn chưa được biết. Sau này, tu viện được gọi là Lavra và vào các thế kỷ VI, VII và VIII, khi nơi đây đặc biệt nổi tiếng với lối sống khắc khổ của các tu sĩ, tu viện đã đạt đến thời kỳ hưng thịnh rực rỡ. Vào thế kỷ XII, tu viện này vẫn còn tồn tại, nhưng không có thông tin gì về số phận sau này của nó. Gần đây nhất, tu viện này đã được khôi phục.

– Không, thưa cha, đừng chặt nó đi, biết đâu nó sẽ cho chúng ta lá cọ.

Nhưng người anh trai nói với giọng đe dọa:

– Hãy chặt nó đi; đã mấy năm nay nó không ra quả rồi, – tại sao nó lại chiếm chỗ làm gì?

Lúc đó, Georgy lại cúi đầu kính cẩn một lần nữa, rồi nói:

– Con đảm bảo rằng nó sẽ sớm ra quả thôi.

Sau những lời đó, Heraclides đã nhượng bộ, và kể từ đó, cây cọ bắt đầu kết trái rất nhiều và đẹp đẽ.

Vào thời đó, tại Giê-ri-cô có một chủ đất, người được các vị thánh anh em tu sĩ yêu mến. Con trai duy nhất còn nhỏ của ông đã qua đời. Sau khi đặt thi thể con trai vào một chiếc giỏ và phủ lên bằng những quả chín đầu mùa của mình, người cha vội vã mang nó đến tu viện. Khi bước vào phòng của Heraclius và George, ông đặt chiếc giỏ trước mặt người anh cả, xin ông ban phước lành cho những trái cây do mình trồng, rồi lập tức ra ngoài. Lấy trái cây ra khỏi giỏ và phát hiện thi thể đứa trẻ sơ sinh bên trong, Heraclius nói với người em trai:

– Hãy gọi người này lại, vì hắn muốn cám dỗ chúng ta, những kẻ tội lỗi.

Nhưng Georgy phản đối anh:

– Xin cha đừng buồn phiền hay giận dữ, nhưng hãy cùng nhau với lòng tin kêu cầu Đức Chúa Trời nhân từ và thương xót; và nếu Ngài nghe lời chúng con, những kẻ tội lỗi, và làm cho đứa trẻ sống lại, thì cha sẽ nhận nó từ tay chúng con khi còn sống như phần thưởng cho lòng tin của cha; còn nếu Đức Chúa Trời không muốn thực hiện điều này, thì chúng ta sẽ nói với người cha rằng, với tư cách là những kẻ tội lỗi, chúng ta chưa đủ can đảm để cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ trong cơn hoạn nạn của ông ấy.

Vị tu sĩ già nghe theo lời anh em mình, và cả hai cùng quỳ xuống cầu nguyện trong nước mắt và lòng ăn năn. Và Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, Đấng thực hiện ý muốn của những ai kính sợ Ngài, đã nghe lời họ và làm cho đứa trẻ sống lại. Sau đó, sau khi gọi cha của đứa trẻ đến, hai anh em trao đứa trẻ còn sống cho ông, và dặn dò ông đừng kể cho ai biết về phép lạ này.

Như vậy, các thánh Heraclius và George đã sống cùng nhau trong hòa bình và theo ý Chúa, với tất cả sự khiêm nhường và giản dị; không ai nghe thấy tranh cãi hay bất đồng giữa họ, cũng không ai thấy dù chỉ một chút khinh miệt nào từ họ dành cho nhau hay cho bất kỳ ai khác.

Sau một thời gian, Heraclius qua đời, thọ bảy mươi tuổi. Abba George, khi ở lại một mình trong phòng tu, đã khóc lóc và thương tiếc sự ra đi của người anh em mình, đồng thời dũng cảm noi gương cuộc đời và những công lao của anh. Và ai có thể kể lại những công đức tu hành trong sa mạc, những lời cầu nguyện không ngừng nghỉ và sự suy ngẫm về Thiên Chúa của ngài? Ai có thể kể về sự tiết độ và việc ăn chay của ngài? Nhờ cuộc đời tu hành của mình, vị tu sĩ già đã được phong chức phó tế, và với tư cách là phó tế, ngài thường phục vụ các vị linh mục trong các thánh lễ. Trong khi đó, vị tu viện trưởng tại tu viện đã qua đời, và một cuộc chia rẽ lớn cùng những bất đồng đã nổ ra liên quan đến việc bầu chọn vị tu viện trưởng mới. Lúc bấy giờ, Thánh George, không chịu đựng được sự hỗn loạn, đã buồn bã rời khỏi Koloman và trở lại định cư tại tu viện Khuzevit, trong một căn phòng riêng mà vị tu viện trưởng của tu viện đã dành cho ngài.

Tiếp tục tu hành tại nơi ẩn dật cũ, Thánh George không mua rượu, dầu, bánh mì hay quần áo, mà đi lượm những mảnh vải vụn từ các đống rác, khâu chúng lại để làm quần áo cho mình; giường ngủ của ngài cũng được làm từ những mảnh vải vụn đó. Ông xin các tu sĩ sống trong tu viện giữ lại cho ông trong một tuần những thức ăn thừa từ bàn ăn của các vị cha và khách viếng thăm, dù đó là rau củ, trái cây hay thậm chí là xương. Sau đó, ông giã tất cả những thứ đó trong cối đá, nặn thành những viên nhỏ và phơi khô dưới nắng; những viên này ông dùng làm thức ăn, cùng với nước, – sau hai hoặc ba ngày. Ngoài ra, vị tu sĩ cao niên còn xin các tu sĩ không nướng bánh mì khi không có ông, vì ông tin rằng những ai làm việc này tại những nơi thánh thiêng ấy sẽ được phần thưởng lớn lao trên thiên đàng, bởi ở Palestine có phong tục dùng phần bánh mì dư thừa để tiếp đãi những người lữ hành đến chiêm bái các thánh địa vĩ đại ở đó. Trong lò bánh, được ưu tiên hơn các công việc khác, , Thánh George đốt lò. Công việc này đặc biệt vất vả ở những nơi đó vào mùa hè, khi cái nóng gay gắt đến mức ngay cả những ngọn nến trên giá nến trong nhà thờ cũng tan chảy. Nhưng Thánh nhân Georgiy, bất chấp mọi cái nóng, vẫn miệt mài làm việc trong phòng nướng bánh hai đến ba lần mỗi ngày, nhóm lò và nướng bánh. Các tu sĩ khác không thể chịu đựng được công việc như vậy và liên tục thay phiên nhau. Vì vậy, mọi người đều ngạc nhiên trước sự cần cù không ngừng nghỉ của Georgiy và gọi ông là "người sắt".

Vị Thiên thần trần gian và con người thiên đàng này đã tu hành như vậy, lấy những việc làm cao cả của mình làm gương cho người khác.

Khi quân Ba Tư xâm lược Đất Thánh[795] , ông tạm thời rời Tu viện Khuzevit và ẩn náu tại Koloman; sau khi nguy hiểm qua đi, vị tu sĩ già lại trở về Khuziva. Tại đây, ông tiếp tục dấn thân vào những công việc tu hành và đồng thời giảng dạy cho tất cả những ai đến để lắng nghe những lời khôn ngoan của ông. Ông không bỏ sót ai mà không có những cuộc trò chuyện đầy bài học, nhưng luôn hướng dẫn mọi người theo Lời Chúa và sự đạo đức.

Sau khi sống một đời đạo đức và làm đẹp lòng Chúa, vị thánh George đã được rước về cõi thiên đàng, khi đã bước vào tuổi già. Về cái chết an lành của vị tu sĩ, đệ tử của ngài, vị thánh Anthony, kể lại như sau.

"Sau nhiều năm lao động vất vả, Thánh Cha chúng ta là Thánh George đã mắc bệnh, và chính căn bệnh đó đã khiến ngài qua đời. Vào buổi tối mà ngài qua đời, theo sự an bài của Đức Chúa Trời, có rất nhiều khách đến thăm, và tôi rất bận rộn với việc phục vụ. Một số anh em trong tu viện, những người đang ngồi bên cạnh vị trưởng lão, thường đến và nói với tôi:

– Vị trưởng lão đang hỏi anh rằng: 'Antony đâu rồi? Hãy gọi anh ấy đến đây, vì tôi sắp qua đời rồi.'

Tôi đã phân vân giữa hai việc: vừa muốn tuân lệnh, vừa muốn đến gặp vị trưởng lão. Và vị trưởng lão, biết được điều này bằng linh hồn, đã truyền đạt cho tôi qua những người được cử đến:

– Đừng buồn phiền và đừng lo lắng, con ơi, nhưng hãy làm tròn bổn phận của con, còn ta sẽ đợi cho đến khi con đến.

Và trong khi những vị khách đứng dậy sau bữa ăn và những người khác đến, thời gian trôi qua gần đến nửa đêm, và vị tu sĩ già vẫn còn sống. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ và tiễn những vị khách ra về, tôi đến gặp ngài. Khi ngài nhìn thấy tôi, ngài ôm chầm lấy tôi, hôn lên má tôi, ban phước lành, rồi quay mặt về hướng đông và nói:

– Hãy ra đi, hỡi linh hồn của ta, giờ đây về với Chúa, hãy ra đi.

Và sau khi nói điều đó ba lần, ngài đã trao linh hồn cho Chúa; ngài đã ra đi như vậy, bình an và lặng lẽ, rõ ràng là đã trao linh hồn vào tay Đức Chúa Trời, như đã chép: *"Còn linh hồn những người công chính thì ở trong tay Đức Chúa Trời, và sự đau khổ sẽ không chạm đến họ"* (Sách Khôn Ngoan 3:1), và lại nữa: *"Con đường trong mắt Chúa là cái chết của các thánh nhân Ngài"*.[796] Còn tôi, khi biết ngài đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa, đã ôm lấy ngực ngài và khóc lóc thảm thiết vì sự ra đi của vị cha thánh đáng kính. Và sau khi an táng thi hài ngài trong tiếng thánh vịnh, thánh ca và những bài hát thiêng liêng, chúng tôi đã an táng ngài trong lăng mộ của các vị cha thánh; và giờ đây ngài đang ở cùng các thánh, cầu nguyện cho chúng ta và cho cả thế giới". Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã hiện ra như một vầng sáng rực rỡ, thánh Giorgi, chiếu rọi ánh sáng thiêng liêng lên những ai trung thành kêu cầu Ngài: xin cầu thay cho chúng con trước Chúa Kitô, Đấng đã hiện ra trong dòng nước và soi sáng những người trần thế.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Carterius

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 1

Thánh Carterius sống dưới triều đại của Hoàng đế Diocletian[797] và là linh mục cũng như nhà giảng dạy đức tin Kitô giáo tại Caesarea Cappadocia, dưới thời quan tổng trấn[798] Urvan. Ngài đã xây dựng nhà thờ của Chúa, quy tụ xung quanh mình một đoàn chiên đông đảo, và dạy họ tôn kính Chúa Kitô cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần như là Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật. Một lời vu khống đã được gửi đến quan tổng trấn nhằm vào vị tôi tớ nhiệt thành của Đấng Christ; lúc đó, vị linh mục đáng kính đã ẩn náu để tránh sự bắt bớ. Nhưng Chúa đã hiện ra với ngài và phán:

– Hãy đi, Carterius, và ra trình diện trước quan tổng trấn. Ta sẽ ở cùng ngươi; ngươi sẽ phải chịu nhiều đau khổ vì danh Ta, và nhiều người sẽ tin và được cứu rỗi nhờ ngươi.

---

[795] Cuộc xâm lược của người Ba Tư diễn ra vào năm 614, dưới sự chỉ huy của Khosrow, vua Ba Tư (trị vì từ năm 580 đến năm 628).
[796] Thi thiên 115:6.
[797] Diocletian trị vì từ năm 284 đến năm 305.
[798] Quản lý (Procurator) thực chất là người phụ trách các vụ kiện tụng tại các tỉnh của Đế chế La Mã. Sau này, các quan quản lý được cử đến các tỉnh thuộc đế chế để thu thuế nộp vào kho bạc của hoàng đế. Các tỉnh nhỏ hơn do các quan quản lý trực tiếp cai quản.

Vị thánh, tràn ngập niềm vui lớn lao, đã tạ ơn Chúa và báo cho quan tổng trấn biết nơi ngài đang ở, sau đó ngài bị giam vào ngục tối. Khi thánh Carterius được dẫn đến trước mặt quan tổng trấn, người này ra lệnh cho ngài dâng lễ vật cho Serapis[799] . Sau lời cầu nguyện của vị thánh, bức tượng của vị thần giả dối này đã ngã sấp xuống đất; sau đó, theo lệnh của quan tổng trấn, mười sáu binh lính bắt đầu đánh vị chứng nhân của Đấng Kitô bằng gậy, trong khi bốn tên đầy tớ giữ ngài nằm sấp trên mặt đất. Rồi những kẻ tra tấn treo Thánh Carterius lên cây, dùng dao cạo cắt móng tay và móng chân ngài, rồi dùng móc sắt hành hạ thân thể ngài.

Lúc đó, Thiên Thần của Chúa hiện ra với vị thánh chịu khổ nạn và làm dịu bớt nỗi đau của ngài, và vị chiến sĩ của Chúa vẫn nguyên vẹn dù phải chịu những hình phạt tàn khốc đến vậy.

Theo lệnh của kẻ tra tấn, người ta đã tháo ngài xuống khỏi cây, đâm xuyên bàn chân ngài bằng những thanh sắt, đặt một lưỡi cày nung đỏ lên ngực ngài, bắt ngài ngồi trên một chiếc ghế sắt nung đỏ và dùng những thanh sắt nung đỏ kéo chân ngài. Sau đó, vị thánh chịu khổ này lại bị ném trở lại ngục tối.

Vào buổi tối, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã hiện ra với vị tử đạo dũng cảm của Ngài, giải thoát ngài khỏi xiềng xích và đưa ngài ra khỏi ngục tối. Lúc đó, nhiều người, khi thấy vị thánh tử đạo được chữa lành khỏi những vết thương do những kẻ bách hại gây ra, đã bắt đầu nhận phép rửa thánh, đồng thời được chữa lành khỏi những căn bệnh mà họ đang mắc phải.

Lại bị những kẻ hành hạ bắt giữ, Thánh Carterius phải chịu những hình phạt mới: những tảng đá nặng được treo vào tay và chân ngài, trong khi những kẻ hành hình đánh ngài bằng gậy vào bụng, thiêu đốt ngài bằng lửa, đổ lưu huỳnh và nhựa thông lên những vết thương hở, đổ chì nóng chảy vào miệng ngài, đội lên đầu ngài một chiếc mũ sắt nung đỏ rực, và cuối cùng, ném vị thánh tử đạo vào ngọn lửa. Trong khi hát những bài ca tạ ơn Chúa, Thánh Carterius đã bước ra khỏi ngọn lửa mà không hề hấn gì.

Lúc đó, một người Do Thái có mặt tại hiện trường tra tấn, trong cơn thịnh nộ, đã vồ lấy cây giáo và đâm một nhát chí mạng vào sườn vị thánh tử đạo; từ vết thương tuôn ra một lượng nước lớn đến nỗi ngập tràn đống lửa; sau đó máu chảy ra, và vị thánh tử đạo của Chúa Kitô đã dâng linh hồn thánh thiện của mình lên Thiên Chúa[800] .

Lễ kính Thánh Ilya, vị ẩn sĩ

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 1

Thánh Ilya đã bước vào đời sống tu hành từ thuở thiếu niên và dành bảy mươi lăm năm sống trong sự cô độc hoàn toàn tại một sa mạc hẻo lánh và khắc nghiệt gần Antinoe thuộc vùng Thebaid[801] . Không thể diễn tả bằng lời những công đức vĩ đại mà ngài đã thực hiện trên đỉnh ngọn núi hoang vu, nơi ngài chưa bao giờ rời khỏi để đến các khu dân cư, và nơi dẫn đến ngài là một con đường mòn hẹp được mở giữa những tảng đá nhọn, mà người ta hầu như không thể đặt chân lên được.

Những người viếng thăm tận tụy thường thấy vị tu sĩ già đang ngồi dưới mái đá của hang động, nơi bóng tối dày đặc đến mức khó có thể nhìn rõ hình dáng của ngài; vì tuổi già, toàn thân ngài run rẩy, bởi cuộc đời ngài đã kéo dài hơn một trăm mười năm. Các vị tu sĩ ẩn dật khác kể về Thánh Ilya rằng không ai còn nhớ được ngài đã định cư trên ngọn núi này từ bao giờ.

Khi về già, ông chỉ ăn ba miếng bánh mì nhỏ vào buổi sáng và cùng số lượng đó vào buổi tối, cùng với ba quả ô liu muối; còn khi còn trẻ, ông chỉ ăn một lần mỗi tuần. Ông dạy dỗ những người đến với ông để được hướng dẫn như sau: “Đừng để mình rơi vào quyền lực của Satan. Có ba biểu hiện của sức mạnh ma quỷ, được gây ra bởi những lỗi lầm của các tu sĩ. Thứ nhất là sự lơ là, thứ hai là sự lười biếng, thứ ba là dục vọng. Khi sự lơ là xâm chiếm một tu sĩ, sự lười biếng sẽ nảy sinh, từ đó dẫn đến dục vọng, và từ dục vọng, con người sa ngã. Còn nếu tu sĩ tỉnh táo và kính sợ Đức Chúa Trời, thì người ấy sẽ không có sự lười biếng cũng như những ham muốn xấu xa – chính vì thế, Satan không thể làm gì được trước người như vậy, hắn không đủ sức lôi kéo người ấy vào tội lỗi, và người ấy sẽ được cứu rỗi nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời”.

---

[799] Serapis – vị thần Ai Cập, được tôn kính cả trong Đế chế La Mã vào những năm cuối của thời kỳ đa thần giáo. Ngài được tôn vinh là vị thần của những linh hồn đã khuất và được cầu khẩn như vị cứu tinh khỏi bệnh tật và cái chết.

[800] Năm 304.

[801] Vùng Thebae được đặt tên theo thành Thebes – thành phố chính của Thượng Ai Cập. Gần thành phố Antinoe có không ít am tu và tu viện.

Là tấm gương sáng về đời sống tu hành chân chính, Thánh Ilya đã về với Chúa khi đã cao tuổi.

Lễ kính các thánh tử đạo Theophilus và Helladius

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 1

Các thánh tử đạo là phó tế Thêôphil và giáo dân Êlladi đã chịu tử đạo tại Livia[802] . Khi can đảm tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta là Thiên Chúa chân thật, các ngài đã lên án các thần giả dối của ngoại giáo và quở trách những kẻ thờ ngẫu tượng, vì thế mà bị quan tổng trấn bắt giữ và tra tấn. Các thánh chứng nhân của Đấng Kitô trước tiên bị đánh đòn tàn nhẫn, sau đó thân thể họ bị cạo bằng những mảnh gốm sắc nhọn; sau khi trói tay và chân họ lại, những kẻ hành hình đã dùng lửa thiêu đốt vùng háng của họ. Sau mỗi lần tra tấn như vậy, những kẻ hành hạ ép buộc các vị tử đạo phải chối bỏ Chúa Kitô và dâng lễ vật cho các thần tượng; nhưng các thánh Theophilus và Helladius vẫn kiên định trong tình yêu dành cho Chúa Kitô. Vì không chịu khuất phục, những kẻ tra tấn đã lôi kéo họ trên mặt đất một cách nhục mạ và đập vỡ xương họ bằng đá; sau đó, các vị tử đạo dũng cảm đã nhận được vương miện từ Chúa Kitô, Đấng mà họ đã chịu khổ vì Ngài[803] .

Lễ kính Thánh Emilian, Vị Chứng Nhân

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 1

Emilian, Giám mục Kizik[804] , đã chịu tử đạo vì việc tôn kính các bức tượng thánh vào năm 815, dưới triều đại của Hoàng đế Lê Armenia[805] . Ngày kỷ niệm thứ hai của ngài là ngày 8 tháng 8.

Ngày 22 tháng 1

Ngày 9 tháng 1 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Polyeuctus

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 1

Vào thời các hoàng đế La Mã Decius và Valerian[806] , tại thành phố Melitene, thuộc vùng Armenia[807] , có hai chiến binh được kính trọng là Nearch và Polyevkt, những người dành cho nhau một tình yêu thương hiếm có, ngay cả giữa những anh em cùng cha mẹ: mỗi người đều yêu thương bạn mình như chính cuộc sống và hơi thở của mình. Nearch là một Kitô hữu, vững vàng trong đức tin và trung thành tuân giữ luật Chúa, còn Polyeuctus là một người ngoại đạo, chưa được soi sáng bởi ánh sáng của đức tin chân chính. Tuy nhiên, người sau này sống theo các tập tục Kitô giáo và rèn luyện nhiều đức tính tốt, đến nỗi có thể gọi ông là "cây ô liu trĩu quả", và điều duy nhất ông còn thiếu là gia nhập Giáo Hội của Chúa. Nearch đã cố gắng dẫn dắt ông ta đến với đức tin Kitô giáo , thường xuyên đọc cho ông ta nghe các Thánh Kinh và nói về Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, đồng thời chỉ ra sự hư vô và sự ghê tởm của việc thờ lạy thần tượng. Nhưng giờ phút hoán cải và cứu rỗi dành cho Polyeuctus, do Đức Chúa Trời đã định sẵn, vẫn chưa đến. Chẳng bao lâu sau, tại các chợ và trên các đường phố, người ta bắt đầu công bố sắc lệnh vô thần của các vị vua bất chính, kêu gọi mọi người thờ lạy các vị thần ghê tởm của họ và đe dọa bằng đủ loại hình phạt và án tử hình đối với những ai không tuân theo sắc lệnh này. Nearch, với tư cách là một tôi tớ

---

[802] Livia – một vùng ở phía bắc châu Phi, phía tây Ai Cập.
[803] Đó là vào đầu thế kỷ IV.
[804] Kizik – một thành phố ở phía tây bắc Tiểu Á, trên bờ nam Biển Đá Cẩm Thạch.
[805] Lê V người Armenia – Hoàng đế Byzantine – trị vì từ năm 813 đến 820.
[806] Hoàng đế La Mã Decius trị vì từ năm 249–251, Valerian trị vì từ năm 253–259.
[807] Thành phố Melitene được xây dựng bởi Hoàng đế La Mã Trajan (98–117). Đây là thành phố chính của quốc gia cùng tên, nằm trong vùng Cappadocia thuộc Tiểu Á, vốn từng là phần phía bắc của Tiểu Armenia.

trung thành của Đấng Christ, bắt đầu chuẩn bị cho cái chết; nhưng đồng thời, ông cũng bắt đầu đau buồn vì người bạn của mình, Polyeuctus, vì cho rằng người mà ông hy vọng sẽ trở thành Kitô hữu do sợ hãi trước những lời đe dọa của nhà vua, sẽ vẫn là kẻ vô tín và vì thế sẽ mất đi sự cứu rỗi vĩnh cửu. Luôn luôn đau buồn vì điều này và khóc than về sự diệt vong đang chờ đợi người bạn của mình, Nearch thậm chí còn thay đổi cả nét mặt và toàn bộ dáng vẻ của ông đều bộc lộ sự xáo trộn trong tâm hồn. Polyeuctus, thấy người bạn của mình bối rối đến vậy, đã hỏi anh ta về nguyên nhân nỗi buồn ấy; và vì anh ta không nói gì, nên Polyeuctus cũng cảm thấy buồn bã, đồng cảm với nỗi đau đớn tột cùng của người bạn. Cuối cùng, Polyeuctus bắt đầu hỏi Nearchus một cách đặc biệt khẩn thiết:

– Có phải tôi đã xúc phạm anh điều gì chăng? Lỗi của tôi là gì? Tôi đã làm điều gì khủng khiếp đến nỗi anh không muốn tha thứ cho người bạn của mình?

Lúc đó, Nearkh, vừa khóc vừa thở dài từ tận đáy lòng, nói:

– Hỡi người bạn, mỗi khi tôi nghĩ rằng tình yêu và tình bạn của chúng ta sắp phải chấm dứt, tôi lại chán nản và đau buồn tận đáy lòng.

Nghe vậy, Polyeuctus vô cùng buồn bã và nói:

– Làm sao điều đó có thể xảy ra được, người bạn ơi? Tại sao anh lại nói những điều không thể như vậy? Tại sao tình yêu của chúng ta lại phải chấm dứt, khi mà ngay cả cái chết cũng không thể chia cắt nó?

– Người bạn thân mến nhất, – Nearch trả lời, – điều khiến tôi đau khổ tận đáy lòng chính là việc chúng ta phải chia ly sẽ còn tồi tệ hơn cả cái chết tự nhiên.

Polyeuctus, không hiểu Nearchus đang nói gì, ôm chặt người bạn của mình và càng khẩn thiết hơn nữa nài nỉ anh:

– Nói đi, Nearchus, và giải thích cho tôi biết sự chia ly của chúng ta sẽ diễn ra như thế nào? Tôi không thể chịu đựng sự im lặng của anh được nữa, và nếu anh tiếp tục im lặng mà không nói gì với tôi, thì ngay lập tức anh sẽ thấy tôi chết ngay trước mặt anh.

Lúc đó, Nearch nói với anh:

– Polyeuctus thân mến! Chính sắc lệnh của nhà vua, đang được công bố khắp nơi, sẽ chia cắt chúng ta; vì tôi thuộc về đức tin Kitô giáo, còn anh thì thuộc về tôn giáo ngoại đạo. Và khi tôi bị dẫn đi chịu chết, anh sẽ từ bỏ tôi và rời xa tôi.

Nghe vậy, Polyeuctus, người khôn ngoan, lập tức hiểu ý định của Nearchus, và được soi sáng bởi ân sủng của Đức Chúa Trời, ông bắt đầu suy ngẫm về những điều thiêng liêng. Ông nhớ lại giấc mơ mà mình đã thấy vài ngày trước đó và nói:

– Đừng sợ, người bạn thân yêu của ta, Nearchus! Chúng ta sẽ không phải chia ly, vì trong giấc mơ, tôi đã thấy Đấng Christ, Đấng mà anh đang phụng sự, Đấng đã đến gần tôi, cởi bỏ bộ quần áo cũ trên người tôi và mặc cho tôi một bộ quần áo khác, mới mẻ, tuyệt đẹp và quý giá, có những chiếc khuy bằng vàng, và hơn nữa, Ngài còn ban cho tôi một con ngựa có cánh.

Nearch, khi nghe điều này, đã vui mừng và giải thích giấc mơ theo nghĩa rằng việc cởi bỏ bộ quần áo cũ và mặc bộ quần áo mới biểu thị sự thay đổi cuộc sống theo hướng tốt đẹp hơn:

– Ngươi sắp phải – ông nói – từ bỏ sự vô đạo của ngoại giáo và mặc lấy Đức Kitô bằng đức tin chân chính; còn con ngựa có cánh tượng trưng cho sự chuyển sang thiên đàng một cách nhanh chóng.

Sau đó, ông nói:

– Này, ngươi đã nhận biết Đấng Christ, Thiên Chúa chân thật rồi!

Polyeuctus đáp lại:

– Lúc nào thì tôi lại không biết Ngài? Lòng tôi chẳng phải đã bừng cháy khi ngài kể cho tôi nghe về Ngài sao? Tôi chẳng phải đã kinh ngạc trước những lời của Ngài khi ngài đọc cho tôi nghe Thánh Phúc Âm sao? Tôi chỉ thiếu mỗi cái tên Kitô hữu mà thôi, còn về tâm hồn thì tôi đã là một Kitô hữu rồi, vì tôi luôn chỉ nghĩ đến việc làm sao để từ bỏ những thần tượng hư ảo và trở thành tôi tớ của Chúa Kitô. Vậy thì còn chần chừ gì nữa, Nearch? Hãy chứng tỏ lòng trung thành của chúng ta với Chúa Kitô bằng chính hành động!

Nearchus say mê trước lời nói của ông và vô cùng hân hoan; nhưng, lo sợ rằng người bạn của mình có thể sẽ nuối tiếc về tài sản, vợ con, cũng như chính mạng sống của mình, ông bắt đầu trò chuyện với anh ta về sự hư vô của thế gian này và miêu tả những ân huệ vô hình cùng vinh quang trên trời.

– Đối với tôi, Polyeuctus, – ông nói, – dù là của cải, danh vọng hay vinh quang quân sự, – không có điều gì trần thế nào quý giá và đáng khao khát bằng cuộc sống trong Chúa Giêsu Kitô: tôi chỉ khao khát điều đó, còn mọi thứ khác đối với tôi đều vô nghĩa.

Còn Polyeuctus, như thể đang thử thách ông, nói:

– Chẳng lẽ ngươi không coi trọng những vinh dự của chức tước quân sự của mình sao?

Nearch trả lời:

– Tôi nghĩ, Polyeuctus, rằng anh vẫn chưa hình dung được vinh dự và danh tiếng đích thực, cũng như sự hạnh phúc bất tận mà Chúa Kitô đã dành sẵn cho các tôi tớ của Ngài.

Polyeuctus đáp lại:

– Ngươi nghĩ rằng ta không biết gì về vinh quang, danh dự và hạnh phúc mà Chúa Kitô đã chuẩn bị sẵn cho chúng ta trên trời sao? Còn ta thì nghĩ rằng ta đã đi xa hơn ngươi trong vấn đề này, bởi vì như ta đã nói với ngươi, ta đã nhận được chiếc áo choàng hoàng gia trong một giấc mơ. Nhưng đây là điều tôi muốn hỏi anh: liệu có thể, mà không nhận các Bí tích Kitô giáo, đến với Chúa Kitô và trở thành chiến binh của Ngài không?

– Đừng nghi ngờ điều đó, người bạn trung thành ơi, – Nearch trả lời, – *"Đức Chúa Trời có thể làm cho những hòn đá này trở thành con cái của Áp-ra-ham"* (Mt 3:9), vì Ngài không đóng cửa lòng thương xót của Ngài trước bất kỳ ai tìm đến Ngài, và những ai đến vườn nho của Ngài muộn hơn, Ngài cũng trả công như những người đã làm việc cả ngày[808] . Thật vậy, Ngài đã mở cửa thiên đàng cho tên cướp bị đóng đinh trên thập tự giá, và chỉ vì lời xưng nhận đức tin ngắn gọn, Ngài đã ban cho phần thưởng mà những người khác phải vất vả rất nhiều mới có được.

Nghe vậy, Polyeuctus nói:

– Nguyện vinh quang thuộc về Đức Kitô, Thiên Chúa chân thật! Từ giờ phút này, tôi từ bỏ mọi sự phù phiếm của thế gian và xưng mình là tôi tớ của Đức Kitô, Đấng mà tôi sẽ phụng sự theo như Ngài truyền dạy. Bây giờ tôi sẽ đi đọc sắc lệnh của vua, được ban hành chống lại các Kitô hữu và chống lại Chúa và Thiên Chúa của tôi, là Đức Giêsu Kitô.

Nói xong, Polyeuctus đi ra quảng trường, đọc sắc lệnh của vua, rồi nhổ nước bọt vào đó và xé nát nó trước mặt dân chúng. Sau đó, khi thấy người ta đang khiêng các tượng thần vào đền thờ – những tượng mà mọi người thường quỳ lạy – ban đầu ông cười nhạo sự ngu muội ngoại đạo ấy, rồi giả vờ như muốn thờ lạy chúng, ông bắt đầu nắm lấy từng tượng thần một và đập vỡ chúng xuống đất như những chiếc bình đất sét; tổng cộng, ông đã đập vỡ mười hai vị thần ngoại đạo theo cách đó. Cũng ngay lúc đó, cha vợ của Polyeuctus, Felix, người được các vị vua giao nhiệm vụ truy lùng các Kitô hữu, đã đến nơi. Khi nhìn thấy cảnh Polyeuctus phá hủy các vị thần của mình, ông vô cùng đau buồn và thốt lên trong tiếng rên rỉ:

– Khốn khổ cho ta! Nay ta bất ngờ mất đi những đứa con của mình, vì chẳng có vị thần nào, cũng chẳng có con người nào sẽ tha thứ cho Polyeuctus, kẻ đã làm việc này.

Còn Polyeuctus, vui mừng trước sự phá hủy những tượng thần vô hồn, đã nói với cha vợ mình:

– Sao cha lại bối rối thế? Nay con đã chứng minh rõ ràng rằng các vị thần của cha vô lực đến mức nào; nếu cha còn những tượng thần như thế nữa, hãy mang chúng đến đây, và cha sẽ thấy các tôi tớ của Chúa Kitô sẽ sỉ nhục chúng ra sao.

– Các vị vua toàn năng của chúng ta – Felix đáp – đã ra lệnh phải xử tử ngay lập tức những kẻ như vậy, và ngươi đã cận kề cái chết, ngươi sẽ phải chịu án tử – không thể nào khác được, vì mệnh lệnh của nhà vua không thể bị hủy bỏ. Nhưng ta sẽ khoan hồng với ngươi một chút: ngươi có thể về nhà để từ biệt vợ con.

– Làm sao tôi có thể buồn bã vì vợ con, – vị thánh phản đối, – khi tôi đã từ bỏ những điều trần thế và tìm kiếm những điều trên trời, suy ngẫm về sự vĩnh hằng? Nếu con gái ngài muốn theo tôi, thì cô ấy sẽ được hạnh phúc; còn nếu không, cô ấy sẽ bị hủy diệt cùng với các vị thần của các ngài.

Nghe vậy, Felix bắt đầu khóc thương con rể mình và nói với anh ta:

– Khốn khổ cho ta, con trai yêu quý của ta, Polyeuctus! Ngay cả con cũng đã bị sức mạnh huyền diệu của Đấng Christ quyến rũ rồi.

Thánh Polyeuctus đáp lại:

[808] Xem dụ ngôn của Chúa về những người làm công trong vườn nho (Mt 20:1–16).

– Ta không giấu giếm rằng Chúa Kitô đã kêu gọi ta đến với sự thật. Bằng bàn tay phải toàn năng và thiêng liêng của Ngài, Ngài đã đưa ta ra khỏi bóng tối đến với ánh sáng, từ cái chết đến sự sống, dẫn dắt ta từ sự lầm lạc đến con đường chính trực và ban cho ta vinh dự được gia nhập vào hàng ngũ các chiến binh của Ngài.

Khi vị thánh nói xong, những kẻ tra tấn liền bắt lấy ngài và đánh vào miệng ngài, nhưng ngài không để ý đến điều đó. Lúc đó, vợ ngài cũng đến và khóc than cho ngài cùng với cha mình là Felix. Còn vị thánh thì nói với cha vợ mình như sau:

– Hỡi kẻ vô luật pháp, đầy tớ của những thần tượng xấu xa! Tại sao ngươi lại muốn dùng nước mắt của ngươi và nước mắt của con gái ngươi để dụ dỗ ta từ bỏ đức tin vào Đấng Kitô? Tại sao ngươi lại khóc thương cho Polyeuctus, trong khi ngươi đáng lẽ phải khóc thương cho chính mình nhiều hơn, bởi vì ngươi, khi phục vụ các vua trần gian, đang tự đưa mình vào lửa đời đời?

Còn vợ của vị thánh, tên là Pavlina, thì vừa khóc nức nở vừa nói với ông:

– Chuyện gì đã xảy ra với ngài vậy, người chồng yêu dấu của tôi, Polyeuctus? Điều gì đã cám dỗ ngài phá hủy mười hai vị thần của chúng ta?

Vị thánh mỉm cười nói với nàng:

– Nếu chỉ một mình ta đã chiến thắng và đánh bại mười hai vị thần của nàng, thì giờ đây nàng không còn ai để cầu cứu nữa: nàng đã không còn vị thần nào cả. Hãy nghe ta, Pavlina, và nhận biết Đấng Duy Nhất chân thật, Thiên Chúa ngự trên trời; hãy thờ lạy Ngài và đổi lấy cuộc sống vĩnh cửu thay cho cuộc đời này.

Khi nghe cuộc trò chuyện giữa vị thánh và người vợ, nhiều người ngoại đạo đang đứng xung quanh họ đã say mê những lời của ngài; khi nhận ra lẽ thật, tâm hồn họ được lay động và họ đã quay về với Chúa Kitô. Còn các quan tòa thành phố và tất cả các cố vấn, sau khi tập hợp lại, đã triệu tập thánh Polyeuctus ra tòa; họ luân phiên dùng lời ngọt ngào rồi lại đe dọa, cố gắng ép ngài quay trở lại thờ phượng các thần tượng. Khi những nỗ lực của họ đều thất bại, họ đã tuyên án tử hình đối với ngài, kết án ngài phải chịu hình chém bằng gươm.

Thánh nhân bước đi đón nhận cái chết với niềm vui khôn tả và nói với đám đông đi theo rằng ngài đang trò chuyện với một thiếu niên rạng ngời, người đang củng cố lòng tin cho ngài và bảo ngài hãy quên đi mọi điều trần tục; nhưng không ai, ngoài vị tử đạo, nhìn thấy thiếu niên ấy. Khi nhìn thấy trong đám đông có Thánh Nearkh, người bạn và người cha trong đức tin vào Đức Chúa Trời chân thật của mình, ngài đã kêu lên với ông:

– Tạm biệt, người bạn thân yêu của tôi, và hãy nhớ đến mối liên kết tình yêu đã được thắt chặt giữa chúng ta!

Nói xong những lời ấy, ngài cúi đầu thánh của mình xuống dưới lưỡi gươm và làm dấu thánh giá bằng chính máu của mình, khi bị hành quyết vì Chúa Giêsu Kitô[809] .

Thánh Polyeuctus là vị tử đạo đầu tiên tại thành phố Melitene của Armenia, và cái chết của ngài đã góp phần làm cho Giáo Hội Chiến Đấu ngày càng phát triển và làm phong phú thêm Giáo Hội Chiến Thắng, vì vinh quang và danh dự của Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng là Đầu của cả hai Giáo Hội, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần xứng đáng nhận mọi vinh quang và danh dự đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Philip, Tổng Giám mục Moscow

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 1

Thánh Tổng Giám mục Philip sinh ra[810] tại thành phố hoàng gia Moscow, trong một gia đình sùng đạo và quý tộc, thuộc dòng dõi danh giá của các quý tộc Kolychev. Cha ngài, tên là Stefan, là một trong những quý tộc thân cận của Đại Công tước Vasily Ioannovich; còn mẹ ngài, một người sùng đạo tên là Varvara, đã kết thúc cuộc đời mình trong tu viện với tên gọi Varsonofia. Nhờ cuộc sống sùng đạo của họ, như một minh chứng cho những đức tính cao đẹp của họ, Thiên Chúa đã ban phước cho họ bằng một thành quả tốt lành: từ họ đã sinh ra Thánh Philip, người được đặt tên là Theodor trong lễ rửa tội. Cha mẹ đã nuôi dạy ngài trong sự sùng đạo trọn vẹn. Khi ngài lớn lên một chút, ngài được gửi đi học chữ, và ngài đã tiến bộ với sự siêng năng đặc biệt, đồng thời tránh xa những trò chơi và vui đùa thường thấy ở lứa tuổi thiếu nhi. Nhờ vậy, Thêôđôr đã sớm thấu hiểu trọn vẹn sự khôn

[809] Đó là vào năm 295.
[810] Ngày 11 tháng 2 năm 1507.

ngoan từ sách vở và rèn luyện được thói quen đọc những tác phẩm có ích cho tâm hồn. Cha mẹ, khi thấy thái độ tốt đẹp của cậu, đã rất vui mừng về điều đó . Một thời gian sau, người ta cử những "cậu bé"[811] đến bên Theodor để dạy cậu cưỡi ngựa; nhưng cậu không hề chăm chỉ với việc đó, mà lại thích đọc sách hơn là cưỡi ngựa, trong những cuốn sách ấy cậu tìm thấy tiểu sử của các thánh và những bậc hiền nhân, và qua đó học hỏi để hoàn thiện các đức tính tốt đẹp. Sau đó, người ta bắt đầu dạy cậu cả nghệ thuật chiến đấu; nhưng điều này cũng không làm thay đổi tâm hồn đạo đức của cậu; cậu tránh xa những người cùng lứa tuổi và lối sống buông thả của họ, đến nỗi nhiều người phải ngạc nhiên trước lòng đạo đức của cậu.

Sau khi Đại công tước Vasili Ioannovich qua đời[812] , quyền trượng của vương quốc được truyền lại cho con trai ông là Đại công tước toàn Nga Ioann Vasiliovich[813] . Vào thời điểm đó, Feodor, người đã trưởng thành, được đưa vào triều đình để phụng sự nhà vua và đã kịp giành được tình yêu mến cùng sự ưu ái của Hoàng tử Ioann Vasiliovich còn nhỏ tuổi. Nhưng Feodor không phục vụ tại triều đình được lâu. Khi ông bước sang tuổi ba mươi, nhờ sự an bài đặc biệt của Đức Chúa Trời, Đấng đã quan tâm đến ông, ông tình cờ bước vào nhà thờ trong lúc Thánh lễ đang được cử hành. Tại đó, ông nghe thấy những lời trong Phúc Âm: *"Không ai có thể phục vụ hai chủ"* (Mt 6:24). Bị lay động bởi những lời này, anh suy ngẫm trong lòng rằng những lời ấy cũng áp dụng cho chính mình, và quyết tâm từ bỏ cuộc sống trần tục. Nhớ đến Tu viện Solovetsky[814] , nơi các tu sĩ đang tu hành một cách tận tụy, anh quyết định lên đường đến đó. Sau khi dâng lời cầu nguyện trước các thánh tích, trong nước mắt quỳ lạy trước các hòm thánh tích kỳ diệu của các thánh và chạm vào các thánh tích, Feodor lên đường với lời cầu nguyện, bí mật rời khỏi hoàng cung, quê hương và người thân, chỉ mang theo những bộ quần áo cần thiết nhất[815] . Ban đầu, anh đến vùng Veliky Novgorod, bên hồ Onega[816] , và ở lại làng Khizhakh tại nhà một người nông dân. Chủ nhà, thấy tính cách hiền lành và lòng khiêm nhường của anh, đã giao cho anh chăn đàn cừu của mình: đó là ý định của Chúa dành cho anh, để trước khi chăn dắt những con chiên biết nói, anh đã chăm sóc tốt những con chiên không biết nói. Trong khi đó, cha mẹ cậu đi khắp các thành phố để tìm kiếm cậu, nhưng không tìm thấy ở đâu, nên đã khóc lóc thảm thiết vì cậu. Còn chàng trai đạo đức ấy, sau khi sống một thời gian dài tại ngôi làng nói trên, đã rời khỏi đó để đến đảo Solovetsky và được vị tu viện trưởng của tu viện Solovetsky tiếp nhận; ngài đã ra lệnh cho cậu tham gia các công việc phục vụ tại tu viện. Còn anh, được sự kính sợ Chúa che chở, với lòng nhiệt thành và khiêm nhường, cùng sự đơn sơ trong lòng, đã tuân làm mọi điều được giao phó. Anh chặt củi, đào đất trong vườn, khiêng đá, thỉnh thoảng vác rác thải trên vai và thực hiện những công việc khác còn nặng nhọc hơn nữa. Nhiều lần, ông phải chịu những lời sỉ nhục và thậm chí là những trận đòn từ một số tu sĩ, nhưng ông không bao giờ nổi giận và luôn chịu đựng mọi thứ với niềm vui và lòng khiêm nhường, và không ai biết ông là ai và đến từ đâu.

Sau khi đã rèn luyện đức kiên nhẫn như vậy, Theodore xin vị tu viện trưởng cho ông thụ giới tu sĩ. Ông được thụ giới với tên là Philip. Ông được giao phó cho một tu sĩ giàu kinh nghiệm tên là Ion, người đã hướng dẫn ông về mọi đức tính tốt đẹp.

Sau đó, vị tu viện trưởng cử ông đến nhà bếp, và tại đó ông khiêm nhường phục vụ anh em tu sĩ, nhóm lửa và chặt củi. Sau một thời gian dài đảm nhận công việc đó, Philip chuyển sang làm việc tại xưởng rèn của tu viện, nơi ông cần mẫn lao động, vác củi và gánh nước.

Tất cả những người làm việc tại xưởng rèn đều khen ngợi anh vì những nỗ lực của mình. Lúc đó, để tránh sự nổi tiếng, anh rời tu viện vào sa mạc và ở đó, hướng tâm trí về Thiên Chúa, không ngừng tu tập chỉ trong việc cầu nguyện. Thánh Philip đã tu hành như vậy trong sa mạc, trong những khu rừng Solovetsky, rồi sau đó lại trở về tu viện để tiếp tục công việc của mình. Vị tu viện trưởng Alexius, thấy ngài siêng năng đến vậy trong các việc tu hành và được trang bị lòng khiêm nhường sâu sắc, đã rất hài lòng về ngài và giữ ngài bên mình làm trợ lý, giao phó

---

[811] Trong nước Nga cổ đại, "otroki" là tên gọi dành cho các thành viên trẻ tuổi trong đội quân của công tước, sau này trở thành những người hầu cận đáng tin cậy của công tước, phần lớn đều có kinh nghiệm trong nghệ thuật quân sự và thực hiện các nhiệm vụ khác nhau do chủ nhân giao phó. Các quý tộc cũng có những "otroki" riêng của mình.

[812] Vasili IV Ioannovich – Đại công tước Moskva từ năm 1505 đến 1533.

[813] Ioann IV Vasilyevich Grozny – từ năm 1533 là Đại công tước Moskva, năm 1547 nhận tước hiệu Sa hoàng và trị vì cho đến năm 1584.

[814] Tu viện Solovetsky hạng nhất trực thuộc Tòa Thánh nằm ở cực bắc, trên đảo Solovetsky thuộc Biển Trắng, cách Arkhangelsk 306 verst; tu viện này tồn tại từ thế kỷ XV và ngay từ những ngày đầu thành lập đã nổi tiếng nhờ lối sống tu hành nghiêm ngặt của các tu sĩ.

[815] Đó là vào giữa năm 1537.

[816] Hồ Onega nằm ở phía bắc nước Nga, thuộc tỉnh Olonets; đây là hồ lớn thứ hai ở châu Âu, chỉ sau hồ Ladoga.

cho ngài nhiệm vụ giám sát các tu sĩ tập sự mới. Thánh Philip đã thực hiện tất cả những việc này với lòng nhiệt thành và đã dành chín năm cho những công việc này, được hỗ trợ bởi những lời cầu nguyện và sự ban phước của vị Bề trên. Sau đó, vị Bề trên Alexius, do sức khỏe suy yếu vì tuổi già, đã từ chối việc quản lý tu viện và theo lời khuyên của các tu sĩ, đã bổ nhiệm Thánh Philip làm Bề trên[817] . Tuy nhiên, dù Thánh nhân đã nhận chức vụ lãnh đạo, ngài vẫn không hề thay đổi lối sống trước đây của mình. Ngược lại, ngài còn tăng cường các công việc tu hành và dấn thân vào những lao động thể xác vất vả hơn nữa; và khi thấy mình được khen ngợi và tôn kính vì điều đó, ngài coi đó là điều hư vô, bởi từ thuở thiếu thời, ngài đã được ban cho đức khiêm nhường. Vì vậy, ngài từ bỏ chức vụ Bề trên và lại lui về sa mạc, chỉ trở lại tu viện để rước Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. Chức vụ Bề trên được giao lại cho vị Bề trên cũ là Alexius, người đã qua đời một năm rưỡi sau đó. Lúc bấy giờ, theo lời thỉnh cầu của các tu sĩ, Thánh Philip lại nhận chức vụ Bề trên. Ngài dấn thân vào những việc thánh thiện còn vĩ đại hơn nữa và đạt đến sự hoàn hảo cao hơn nữa trong các đức tính. Tu viện Solovetsky dưới sự quản lý của ngài đã phát triển thịnh vượng và được trang hoàng lộng lẫy[818] . Trong khi đó, danh tiếng về Thánh Philip đã lan đến tai vị vua và hoàng tử đạo đức Ioann Vasilievich. Vào thời điểm đó, Tổng Giám mục toàn nước Nga Afanasy đã từ chức[819] . Nhà vua mong muốn Thánh Philip được tấn phong lên ngôi Tổng Giám mục của Giáo hội Nga – và thế là ngài đã triệu tập vị thánh này đến Moscow để "tham vấn về các vấn đề tâm linh"[820] . Lúc bấy giờ, dân chúng Chính Thống Giáo ban đầu vẫn sống trong hòa bình và tình yêu thương; nhưng kẻ thù (quỷ dữ), khi thấy điều đó và vốn từ xưa đã căm ghét sự thật, đã khơi dậy một cơn bão hỗn loạn, gieo rắc sự hận thù lẫn nhau thay vì tình yêu thương trong lòng các tín hữu Chính Thống Giáo. Tại triều đình, giữa các quý tộc bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, thù hận gay gắt và đủ loại âm mưu hãm hại lẫn nhau. Bằng mưu mô và sự chia rẽ nội bộ, họ đã khơi dậy cơn giận dữ và sự phẫn nộ tột độ ngay trong lòng chính vị vua. Từ những lời vu khống độc ác của các quý tộc, ngài bắt đầu nghi kỵ ngay cả những người hầu trung thành, họ hàng thân thiết và bạn bè của mình, và rơi vào cơn giận dữ không thể kiềm chế đối với các quý tộc, coi họ là kẻ thù và những kẻ phản loạn. Và thế là ngài chia vương quốc thành hai phần, thành lập cho mình một đội vệ sĩ đặc biệt mang tên "oprichniki", những người trực tiếp phục vụ bên cạnh nhà vua và hình thành một cơ quan quản lý riêng[821] . Các oprichniki lạm dụng quyền lực được trao, áp bức nhân dân, cướp đoạt tài sản, kèm theo những vụ cướp bóc là các vụ giết người và tra tấn. Còn Sa hoàng thì tin tưởng vào lòng trung thành và sự tận tụy của họ, nên không ai có thể kiểm soát được họ. Vào thời điểm đó, Sa hoàng đã triệu tập Philip từ tu viện Solovetsky. Sau khi tiếp đón ông một cách long trọng, Sa hoàng đã bày tỏ mong muốn thấy ông ngồi trên ngai tổng giám mục. Với lòng khiêm nhường của mình, Philip đã từ chối chức vụ cao quý này; nhưng sau đó, ông buộc phải nhượng bộ trước ý muốn kiên quyết của nhà vua và được tấn phong lên ngôi tổng giám mục[822] . Ban đầu, mọi việc diễn ra bình yên; nhà vua tôn trọng vị thánh và đối xử tốt với ông. Nhưng sau đó,

---

[817] Đó là vào năm 1548.

[818] Trong suốt 18 năm lãnh đạo tu viện Solovetsky, vị tu viện trưởng Philip đã hoàn toàn cải tạo lại nơi này; xây dựng tại đó hai nhà thờ bằng đá – Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời và Nhà thờ Chúa Biến Hình, thay thế các tấm kim loại dùng để tập hợp các tu sĩ tham dự thánh lễ bằng chuông, xây dựng các phòng tu hai và ba tầng cùng bệnh xá cho các tu sĩ; ông đã mở rộng và cải tiến các lò nấu muối – nguồn thu nhập chính của tu viện, xây dựng các cối xay nước, lập khu chăn nuôi gia súc và nuôi tuần lộc, nối các hồ với nhau bằng kênh mương và làm khô các đầm lầy, mở đường trong rừng và xây dựng các con đường. Trong cương vị Bề trên, Philip lại được Đại công tước Ioann Vasilievich biết đến và giành được sự ưu ái của ngài. Sa hoàng đã ban cho ngài các văn bản phong tước đối với các khu vực hành chính, làng mạc và các lãnh địa khác; tặng ngài những bộ lễ phục sang trọng thêu ngọc trai cùng hai tấm vải liệm cho thi hài của các vị thánh Solovetsky là Zosima và Savvatiy; và sau đó còn gửi đến một nghìn rúp để xây dựng Nhà thờ Preobrazhensky, hai quả chuông, hai cây thánh giá bằng vàng nạm đá quý và ngọc trai, cùng các văn bản phong tước mới để xác nhận các đặc quyền khác nhau của tu viện.

[819] Afanasy – Tổng Giám mục Moscow và toàn nước Nga, đã nắm giữ chức vụ Tổng Giám mục từ năm 1564 đến năm 1566.

[820] Điều này có nghĩa là Philip sẽ được phong chức Tổng Giám mục, đó là mong muốn và ý chí của Sa hoàng.

[821] Các thành viên Oprichnina được tuyển chọn từ các công tước, quý tộc và con cái của các boyar. Họ sở hữu các điền trang riêng tại các khu vực hành chính đặc biệt được dành riêng cho hệ thống Oprichnina; thậm chí còn có những thành phố đặc biệt được chỉ định để chu cấp cho họ; các thành viên Oprichnina có những quyền lợi và đặc quyền riêng. Phần còn lại của nước Nga được gọi là "zemshchina" và được giao cho các quý tộc địa phương quản lý các công việc chung của nhà nước và nhân dân.

[822] Khi từ chối nhận chức thánh cao quý, Philip đã nói: "Tôi không thể gánh vác một nhiệm vụ vượt quá khả năng của mình. Xin hãy tha cho tôi, vì danh Chúa, tại sao lại giao gánh nặng lớn lao cho một con thuyền nhỏ?" Khi nhà vua vẫn tiếp tục khăng khăng, Philip tuyên bố rằng ông sẽ tuân theo ý muốn của nhà vua, nhưng với điều kiện là phải xóa bỏ chế độ Oprichnina, thứ đang gây đau khổ cho đất nước Nga. Ioann trả lời rằng chế độ Oprichnina là cần thiết cho nhà vua và vương quốc, vì có những kẻ đang âm mưu chống lại ông. Thánh Philip đã được khuyên không nên can thiệp vào các việc của triều đình và lực lượng Oprichnina, cũng như không nên rời bỏ chức vụ tổng giám mục chỉ vì nhà vua chưa xóa bỏ lực lượng Oprichnina, mà hãy tham vấn với nhà vua, giống như các tổng giám mục trước đây đã

khi những hành vi tàn bạo của lính Oprichnik đã lên đến đỉnh điểm, Thánh Philip đã khẩn cầu nhà vua chấm dứt những hành động điên cuồng của họ và lên án chính nhà vua vì những vụ hành quyết đó. Lúc đó, nhà vua nổi cơn thịnh nộ dữ dội với vị thánh, đe dọa ngài bằng những hình phạt tàn khốc và lưu đày. Tuy nhiên, ngài vẫn kiên định như kim cương, phớt lờ những lời đe dọa của nhà vua và không ngừng nói lên sự thật[823] . Đáng buồn thay, ngay cả trong hàng giáo sĩ cũng có những kẻ phản bội, chỉ lo nịnh bợ nhà vua. Pimen, Tổng giám mục Novgorod, cùng một số người khác đi theo ông[824] , kết hợp với các cố vấn hoàng gia là Malyuta Skuratov[825] và Vasily Gryazny[826] cùng những kẻ đồng lõa, đã bày ra đủ mưu mô nhắm vào vị thánh, tìm cách lật đổ ngài khỏi ngai tòa và thuyết phục nhà vua không từ bỏ ý định của mình. Tuy nhiên, nhà vua không chỉ đơn thuần muốn lật đổ Philip khỏi ngai tòa tổng giám mục. Không lâu sau đó, dựa trên lời tố cáo của những nhân chứng dối trá, ông đã cử Giám mục Pafnutius của Suzdal và Công tước Vasili Temkin đến Solovki để điều tra về cuộc sống trước đây của Philip. Khi đến tu viện Solovetsky, những người được cử đi đã tìm cách hành động sao cho vừa lòng nhà vua. Họ đã thuyết phục một số tu sĩ bằng lời ngọt ngào và hối lộ, một số khác bằng lời hứa về những vinh dự tinh thần cao quý, và một số khác nữa bằng những lời đe dọa, để họ nói xấu vị thánh. Còn những vị tu sĩ trung thực, những người nói lên sự thật về Philip, thì bị đánh đập dã man, bị ép buộc phải nói những lời khiếm nhã về vị thánh. Tuy nhiên, với lòng sùng đạo sâu sắc, họ đón nhận mọi sự sỉ nhục đó với niềm vui và đồng lòng tiếp tục nói lên sự thật về Philip, rằng cuộc đời tu hành của ngài tại tu viện là trong sạch, theo ý Chúa. Nhưng các sứ giả của hoàng đế không thèm nghe điều đó, mà sau khi làm xong những gì họ cần, họ trở về Moscow. Khi đó, họ đã đưa theo vị tu viện trưởng Paissius của Solovki, người mà họ đã hứa sẽ phong chức giám mục, cùng với những kẻ vu khống khác, những kẻ đã làm chứng dối về Thánh Philip. Ngay lập tức, một hội đồng giám mục được triệu tập để xét xử vị thánh. Những kẻ vu khống từ Solovki đã trình lên nhà vua những cuộn giấy, trong đó ghi chép những lời khai giả dối của họ. Sau khi nghe về những lời khai bằng văn bản chống lại Thánh Philip – những điều làm hài lòng nhà vua – nhà vua đã ra lệnh công bố chúng trước toàn thể mọi người; sau đó, những kẻ làm chứng gian bắt đầu vu khống Thánh nhân bằng lời nói. Thánh nhân không tự bào chữa mà bắt đầu cởi bỏ tất cả các biểu tượng của chức vụ mình[827] , nhưng nhà vua ra lệnh phải chờ phán quyết của tòa án. Ngày hôm sau, khi Thánh Tổng Giám mục Philip đang cử hành thánh lễ tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời[828] , nhà vua đã cử quan đại thần Alexei Basmanov của mình đến đó cùng với một số lượng lớn lính Oprichnik. Khi bước vào nhà thờ, Basmanov ra lệnh công bố trước toàn thể dân chúng bản án phế truất Tổng Giám mục. Sau đó, các lính Oprichnik lao vào vị thánh như những con thú hoang, lột bỏ y phục thánh phẩm của ngài, mặc cho ngài bộ áo tu sĩ đơn sơ và rách rưới, rồi đuổi ngài ra khỏi nhà thờ trong sự sỉ nhục, sau đó đưa ngài lên một chiếc xe chở củi và chở đến Tu viện Bogoyavlensky, trong khi không ngừng chửi rủa và đánh đập ngài[829] . Sau đó, theo lệnh của nhà vua, Philip bị đày đến Tu viện Otroch ở Tver[830] , và vị thánh đã phải chịu đựng nhiều đau

---

từng làm. Như vậy, Thánh Philip đã giữ cho lương tâm mình sự tự do và nghĩa vụ phải thương xót những người vô tội bị bức hại, cũng như rao giảng lẽ thật của Phúc Âm – điều từ xưa đã là đặc ân của các vị thánh Nga.

[823] Những thành viên của lực lượng Oprichniki đã khơi dậy sự thù địch đối với Thánh Philip trong lòng Sa hoàng với sự cuồng nhiệt đặc biệt, họ vu khống vị thánh và củng cố niềm tin của Sa hoàng rằng tổng giám mục đang đứng về phía các quý tộc mà ông căm ghét và trở thành công cụ của họ. Khi những hành động điên cuồng của các thành viên Oprichnina ngày càng gia tăng, và nhà vua không hề sửa đổi, mà còn tiếp tục thực hiện những hành vi tàn ác và những cuộc hành quyết dã man, vị thánh, sau khi nhận thấy những lời khuyên nhủ bí mật dành cho nhà vua là không đủ, đã công khai lên tiếng trước toàn dân để vạch trần những sai trái của nhà vua và các thành viên Oprichnina.

[824] Trong số đó có Pafnuti, Giám mục Suzdal, Philotheos, Giám mục Ryazan, và đặc biệt là Linh mục trưởng Eustathius của Nhà thờ Truyền Tin, linh mục riêng của Sa hoàng, người đã bị Philip cấm chức vì một số hành vi sai trái và không ngừng tố cáo với Sa hoàng, cả công khai lẫn bí mật, những lời lẽ xúc phạm nhắm vào Đức Tổng Giám mục.

[825] Malyuta Skuratov-Belsky – một quý tộc thuộc Duma, là thành viên Oprichnik được Sa hoàng Ivan IV "Kẻ Đáng Sợ" sủng ái, nổi tiếng vì sự tàn bạo và đã tham gia vào hầu hết các hành vi tàn ác của "Kẻ Đáng Sợ". Ký ức về Malyuta Skuratov và những tội ác của ông vẫn còn lưu truyền trong các bài hát dân gian, và ngay cả tên của ông cũng đã trở thành một từ chỉ chung cho kẻ ác.

[826] Vasily Gryazny – là một thành viên được yêu mến và tin cậy trong đội Oprichniki của Sa hoàng Ivan IV "Người Khủng khiếp".

[827] Trước những lời vu khống trắng trợn của Paissiy, vị Thượng phụ chỉ nhẹ nhàng nhắc nhở ông ta: "Con ơi, gieo gì thì gặt nấy". Sau đó, quay sang Sa hoàng và toàn thể hội đồng, ngài tuyên bố rằng mình hoàn toàn không sợ chết và thà chết như một vị tử đạo vô tội còn hơn là trong chức vụ tổng giám mục phải im lặng chịu đựng những nỗi kinh hoàng và sự vô pháp vô thiên của thời đại này, rồi ngài bắt đầu cởi bỏ mũ trùm đầu trắng và áo choàng.

[828] Đó là ngày 8 tháng 11 năm 1568.

[829] Tại đây, Thánh Tổng Giám mục Philip đã phải ngồi trong ngục tối hôi thối suốt một tuần, bị xiềng xích nặng nề trói buộc và bị đói khát hành hạ. Sau đó, ngài được chuyển đến tu viện Thánh Nicholas, người làm phép lạ, còn được gọi là Tu viện Cổ. Không chỉ dừng lại ở những đau khổ mà Thánh Philip phải chịu, Sa hoàng còn ra lệnh tra tấn và hành quyết những con trai của các quý tộc phục vụ ngài; trong

khổ từ các quan cai ngục. Đã gần một năm trôi qua kể từ khi vị thánh bị giam cầm, phải chịu đựng đủ loại đau khổ do các quan cai ngục gây ra. Vào thời điểm đó, nhà vua, trong chuyến đi đến Novgorod[831] và khi đang đến gần Tver, đã nhớ đến Thánh Philip và cử Malyuta Skuratov, người đã được đề cập ở trên, đến gặp ngài. Malyuta bất ngờ bước vào phòng tu của vị thánh. Trong khi đó, ba ngày trước đó, vị thánh đã nói với những người từng ở bên cạnh ngài:

– Cuộc đời tu hành của ta sắp kết thúc rồi, – và ngài đã rước Mình Thánh và Máu Thánh của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. Bước vào phòng tu của Thánh Philip, Malyuta Skuratov với vẻ kính cẩn giả tạo đã quỳ xuống dưới chân vị thánh và nói:

– Thưa Đức Thánh Cha, xin ban phước lành cho nhà vua để ngài có thể lên đường đến thành Novgorod vĩ đại.

Nhưng vị Thánh đáp lại Malyuta:

– Ngươi cứ làm theo ý mình, nhưng ân huệ của Đức Chúa Trời không thể nhận được bằng sự lừa dối. Lúc đó, tên ác nhân vô tâm đã bóp cổ vị thánh nhân bằng chiếc gối[832] .

Trong khi đó, những kẻ thù của Thánh Philip, những người đã nổi loạn chống lại ngài, chẳng bao lâu sau đã phải hứng chịu sự trừng phạt của Đức Chúa Trời. Nhà vua, sau khi nhận ra sự bất công của mình đối với vị thánh nhân và sự xảo trá của những kẻ thù ngài, đã ra lệnh đưa họ đi lưu đày tại các tu viện khác nhau, còn một số khác thì bị xử tử[833] .

Sau khi Vua Ioann Vasilievich qua đời, ngai vàng của vương quốc Nga được kế vị bởi con trai ngài, vị vua sùng đạo và Đại công tước Feodor Ioannovich[834] . Vào năm thứ bảy của triều đại ông, tức năm thứ 21 kể từ khi Thánh Philip qua đời, vị tu viện trưởng tu viện Solovetsky là Iakov cùng các tu sĩ đã thỉnh cầu vị Sa hoàng sùng đạo cho phép chuyển thi hài của vị thánh từ tu viện Otroch sang tu viện Solovetsky. Nhà vua đã ban phép cho họ, và họ đã tìm thấy thi hài của vị thánh còn nguyên vẹn và không hề hư hại, đến nỗi sự mục nát thậm chí còn không chạm đến y phục của ngài, còn từ thi hài của vị thánh đã tuôn ra dầu thánh và lan tỏa hương thơm ngào ngạt khắp không gian. Các tu sĩ đã long trọng rước thi hài Thánh Philip về tu viện của mình và an táng tại chính nơi mà ngài đã tự tay chuẩn bị sẵn[835] . Trong triều đại của Hoàng đế Alexei Mikhailovich, người rất sùng đạo[836] , thi hài bất hoại của Thánh Tổng Giám mục Philip đã được Tổng Giám mục Nikon của Novgorod[837] rước về từ Tu viện

---

số họ hàng nhà Kolychev của ngài, mười người đã bị giết hại lần lượt. Đầu của một trong số họ, Ivan Kolychev, người được vị thánh đặc biệt yêu mến, nhà vua đã gửi đến cho ngài trong ngục tối. Vị thánh cúi đầu xuống đất trước cái đầu đó, ban phước lành cho nó, hôn lên nó với tình yêu thương và trao lại cho người mang đến.

[830] Tu viện Otrosh Uspensky hạng hai tọa lạc tại Tver, được thành lập trước thế kỷ XIII. Nơi thánh nhân bị giam cầm và chịu tử đạo là một căn hầm ẩm ướt, u ám, nơi luôn ngập tràn hơi ẩm, bóng tối và mùi mốc meo. Khi vào thế kỷ XVII, người ta muốn dựng một bàn thờ để tưởng nhớ vị thánh chịu khổ nạn này, họ đã dựng nó ở tầng hai, và chỉ đến năm 1833–1834, họ mới có thể xây dựng thêm một nhà thờ phụ ở tầng dưới mang tên Thánh Đại Tử Đạo Barbara; bàn thờ của nhà thờ phụ này nằm chính tại nơi dưới sàn nhà từng là nơi thánh nhân bị giam cầm. Gần nhà thờ chính, ở góc Tây Bắc, tại vị trí mộ thánh Philip, có một nhà nguyện được xây dựng. Trong nhà thờ chính có hòm thánh tích của thánh Philip với hình ảnh của ngài và một phần thánh tích.

[831] Đó thực chất là một cuộc tấn công tàn phá của Ivan Grozny vào Novgorod, khi có tin báo lên Sa hoàng rằng cư dân nơi đây sẵn sàng đầu hàng vua Ba Lan. Trong suốt sáu tuần, Sa hoàng đã tiến hành những cuộc hành quyết khủng khiếp tại Novgorod, khiến hàng nghìn người dân Novgorod và các làng mạc lân cận thiệt mạng; không chỉ nhà cửa của người dân, đặc biệt là những người giàu có, mà cả các tu viện và nhà thờ đều bị cướp bóc.

[832] Đó là ngày 23 tháng 12 năm 1569.

[833] Tổng giám mục Novgorod Pimen bị lật đổ khỏi chức vụ chỉ hai tuần sau khi Thánh Philip qua đời và phải chịu sự sỉ nhục tột độ, sau đó bị giam cầm tại tu viện Venevsky, nơi ông qua đời không lâu sau đó. Malyuta Skuratov, người được Sa hoàng sủng ái, ngay sau khi thực hiện hành vi tàn ác của mình đã bị những tù binh Crimea giết chết gần thành phố Torzhok, trong khi chính Sa hoàng cũng suýt nữa thì mất mạng. Vị tu viện trưởng Paissy bị giam cầm trên đảo Valaam và qua đời tại đó; tu sĩ Zosima cùng mười tu sĩ khác, những người cũng đã vu khống Thánh Philip, bị phân tán đến các tu viện khác nhau. Sự trừng phạt của Chúa tương tự cũng giáng xuống một số kẻ thù khác của vị thánh.

[834] Sa hoàng Feodor Ioannovich trị vì từ năm 1584 đến năm 1598.

[835] Đó là vào năm 1591. Thi hài của Thánh Philip ban đầu được an táng dưới hiên nhà thờ do chính ngài xây dựng, nơi mà khi còn là vị tu viện trưởng Solovetsky, ngài đã tự tay đào mộ cho mình bên cạnh mộ của vị thầy hướng dẫn là Trưởng lão Iona; và vào năm 1646, thi hài ngài được chuyển vào chính nhà thờ.

[836] Sa hoàng Alexei Mikhailovich trị vì từ năm 1645 đến năm 1676.

[837] Sau này, ngài trở thành vị Tổng Giám mục Toàn Nga nổi tiếng, người đã chỉnh sửa các sách phụng vụ và nghi thức.

Solovetsky đến thủ đô Moscow và được an táng trong một quan tài mới tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, nơi thi hài ngài vẫn được an nghỉ công khai cho đến ngày nay[838] .

Vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời của chúng ta, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Lễ tưởng niệm Thánh Evstrati

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 1

Thánh Evstrati sinh ra tại vùng Tarsis[839] trong một gia đình giàu có và sùng đạo, cha là Georgi và mẹ là Meghefa. Được cha mẹ nuôi dạy với những phẩm chất tốt đẹp, khi tròn hai mươi tuổi, ngài bừng cháy khát vọng phụng sự Đức Chúa Trời và, sau khi rời xa cha mẹ, đã chạy trốn lên núi Olympus[840] , đến tu viện Avgar, nơi hai người chú ruột bên mẹ ngài, Grigori và Vasil, trong đó người đầu tiên là vị tu viện trưởng của tu viện đó. Sau khi được họ tiếp nhận và cạo đầu, Evstrati bắt đầu bước vào cuộc sống tu hành gian khổ và được mọi người yêu mến vì sự khiêm nhường và hiền lành của mình. Anh hoàn toàn không bận tâm đến những điều trần tục – anh chẳng có gì ngoài một chiếc áo lông cừu và tấm da cừu mà anh dùng để ngủ. Anh thậm chí không có phòng riêng hay một nơi cụ thể nào có thể gọi là của mình, vì vậy anh thường ngủ ở bất cứ đâu có thể, và thậm chí chỉ ngủ rất ít. Các vị tu sĩ kể rằng, kể từ ngày thụ giới, khi ngủ ngài không bao giờ duỗi thẳng toàn thân, và trong suốt bảy mươi lăm năm đời tu hành, ngài cũng chưa bao giờ nằm nghiêng về phía bên trái. Khi ngài đang tu hành như vậy tại tu viện, các vị tu sĩ đáng kính đã được nhắc đến ở trên – Grigori và Vasil – đã qua đời, và theo những lời thỉnh cầu khẩn thiết đặc biệt của các tu sĩ, Thánh Evstrati đã phải đảm nhận việc quản lý tu viện. Nhưng rồi, một người mang tên con thú, Lev người Armenia[841] , đã chiếm đoạt quyền trượng hoàng gia một cách phi pháp, nổi dậy chống lại Sa hoàng Mikhail và trục xuất ông khỏi vương quốc. Vì hắn cố gắng khôi phục lại phong trào bài tượng đã tàn lụi, nên tất cả các tín hữu Chính Thống Giáo đều rời bỏ nhà cửa và tu viện, lẩn trốn khỏi sự truy đuổi của nhà vua; theo lời khuyên của Thánh Ioannikios Đại Đế, Thánh Eustratius cũng rời bỏ tu viện của mình và lang thang trong các ngọn núi và sa mạc, cho đến khi vị vua vô đạo đó bị giết. Khi vị vua đó qua đời, Giáo Hội Thánh lại được trang hoàng bằng các bức tượng thánh và tiếp tục thờ phượng chúng; lúc bấy giờ, cùng với các vị cha khác đã trở về tu viện của mình, vị thánh phúc Evstratius cũng trở về Tu viện Avgarov và tiếp tục siêng năng tu hành, cần mẫn làm việc trong các công việc của tu viện cùng với các tu sĩ. Lời cầu nguyện không bao giờ rời khỏi môi miệng ngài, và ngay cả trong lúc cử hành thánh lễ, khi đang ở trong bàn thờ thánh, ngài vẫn không ngừng lặp lại trong lòng: “Lạy Chúa, xin thương xót!”

Ngài cũng đã thực hiện nhiều phép lạ, những điều này chắc chắn chứng tỏ cuộc đời ngài được Chúa hài lòng. Và khi thời khắc ngài phải rời xa cõi đời này đã đến, ngài đã triệu tập các tu sĩ và nói với họ:

– Giờ ra đi của tôi đã đến; vì vậy, tôi khẩn khoản xin các con, những đứa con yêu dấu của tôi, hãy giữ gìn những truyền thống mà các con đã nhận lãnh, hãy biết rằng mọi ân huệ của cuộc đời này đều chóng qua; chúng chỉ là tạm thời, trong khi những ân huệ của cuộc sống mai sau thì vĩnh cửu. Các con hãy cố gắng để được kể vào số những người được cứu rỗi.

Nói xong, ngài cầu nguyện, rồi làm dấu thánh giá trên đầu họ, ngước mắt lên trời và thốt lên:

– Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài!

Với những lời ấy, ngài đã an nghỉ trong giấc ngủ bình an nơi Chúa. Sau khi sống trọn chín mươi lăm năm, ngài đã bước vào cuộc sống vĩnh cửu và được tôn vinh trong hàng ngũ các vị thánh.

---

[838] Việc di dời di cốt của Thánh Tổng Giám mục Philip được thực hiện vào năm 1652. Ngày kỷ niệm sự kiện này được ấn định vào ngày 3 tháng 7. Ngoài ra, ngày kỷ niệm Thánh Philip còn được tổ chức vào ngày 5 tháng 10 cùng với ngày kỷ niệm các Thánh Giám mục Moscow: Peter, Alexei và Ion.

[839] Khi nhắc đến vùng Tarsis ở đây, người ta ám chỉ đến Cilicia – tỉnh phía đông nam của Tiểu Á. Tên gọi Tarsis được đặt theo thành phố chính của vùng này – Tarsis, nằm ở phần phía nam của vùng, trên một đồng bằng trù phú bên sông Kidne, không xa nơi con sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải. Đây là một thành phố thương mại lớn và đông dân, vẫn giữ được tầm quan trọng về thương mại cho đến ngày nay.

[840] Núi Olympus nằm ở Bithynia, một tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á. Trên ngọn núi này có không ít các tu viện khác nhau.

[841] Hoàng đế Byzantine Lê V người Armenia, người chống lại việc thờ cúng hình tượng, trị vì từ năm 813 đến năm 820.

Lễ kính Thánh Tiên tri Samea

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 1

Thánh Tiên tri Samey của Đức Chúa Trời sinh ra tại Silô[842] vào thời vua Salômôn trị vì[843] . Dưới triều đại của con trai và người kế vị ông, là Roboam[844] , vương quốc Do Thái bị chia rẽ; trong đó, hai chi phái Giu-đa và Bê-ni-a-min vẫn trung thành với Roboam, còn mười chi phái còn lại thì công nhận Giê-rô-bô-am, con trai của Na-va-tô, làm vua. Lúc bấy giờ, Roboam tập hợp một đạo quân hùng hậu, với ý định dùng vũ lực để thu hồi quyền cai trị các chi phái Y-sơ-ra-ên đã bị Giê-rô-bô-am tách ra. Và Đức Giê-hô-va đã phán qua Sa-mê, người của Đức Chúa Trời:

– Hãy nói với Roboam, con trai của Sa-lô-môn, vua Giu-đa, và cả nhà Giu-đa và Bê-ni-a-min, cùng toàn thể dân chúng: Đức Giê-hô-va phán như vầy: Đừng đi và đừng gây chiến với anh em các ngươi, tức là con cái Y-sơ-ra-ên; mỗi người hãy trở về nhà mình, vì điều này xuất phát từ Ta.

Vua và dân chúng đều vâng theo mệnh lệnh của Đức Giê-hô-va, và cuộc chiến huynh đệ tương tàn đã được ngăn chặn (3 Vua 12:21–24; 2 Sử Ký 11:1–4).

Vào năm thứ năm triều đại của Rô-bô-am, vì ông đã lìa bỏ Đức Giê-hô-va, vương quốc Giu-đa phải hứng chịu cuộc xâm lược của Su-sa-kim[845] , vua Ai Cập; đạo quân hùng hậu của Pha-ra-ôn đã chiếm hết các pháo đài của Giu-đa và tiến đến gần Giê-ru-sa-lem. Lúc bấy giờ, tiên tri Sa-mê đến gặp Ro-vo-am và các quan trưởng Giu-đa, những người đang lánh nạn khỏi kẻ thù trong thành thủ đô, và tuyên bố với họ:

– Đức Giê-hô-va phán như vầy: Các ngươi đã bỏ Ta, vì thế Ta cũng sẽ phó các ngươi vào tay Susa-kim.

Nghe vậy, vua và các thủ lĩnh dân Giu-đa đã khiêm nhường và thưa rằng:

– Đức Giê-hô-va thật công bình!

Sau đó, Sa-mê-i, người của Đức Chúa Trời, nhận được một sự mặc khải mới, vì Đức Chúa Trời phán cùng ông rằng:

– Họ đã khiêm nhường; Ta sẽ không tiêu diệt họ, và sớm Ta sẽ ban cho họ sự giải cứu; cơn thịnh nộ của Ta sẽ không đổ xuống Giê-ru-sa-lem qua tay Su-sa-kim; tuy nhiên, họ sẽ trở thành tôi tớ của hắn, để họ biết sự khác biệt giữa việc phụng sự Ta và việc phụng sự các vương quốc trần gian.

Lời tiên tri đã ứng nghiệm. Susa-kim đã tàn phá Giê-ru-sa-lem rồi rút về Ai Cập, còn Rô-vô-am vẫn trị vì thêm mười hai năm nữa, và cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã rời khỏi ông (2 Sử Ký 12). Các ghi chép về triều đại của Rô-vô-am cũng được ghi lại dưới sự hướng dẫn của vị tiên tri thánh Sa-me.

Lễ kính Thánh Phêrô, Giám mục Sebaste

Ngày kỷ niệm: 9 tháng 1

Thánh Phêrô là em trai của Thánh Basil Cả, là con trai thứ mười và cũng là con út của cha mẹ ngài. Chị gái cả của ngài, Makrina, đã đóng vai trò quan trọng trong việc nuôi dạy Thánh Phêrô. Bà đã cho ngài một nền giáo dục cao quý nhất, từ khi còn là trẻ sơ sinh đã rèn luyện trí tuệ của ngài qua việc học Lời Chúa. Nhờ sự chăm sóc của Macrina, chàng trai trẻ đã đạt đến đỉnh cao của đức hạnh đến nỗi, theo lời anh trai ông là Grigori Nisski, "trong cuộc đời sau này, dường như ông không hề kém cạnh Thánh Basil Đại Đế về sự vượt trội của các đức tính". Khi Phêrô đến tuổi trưởng thành, Thánh Basil, lúc đó đã trở thành Giám mục thành Caesarea ở Cappadocia, đã phong chức linh mục cho anh. Sau đó, Thánh Phêrô được tấn phong làm giám mục thành Sebaste thuộc Armenia[846] . Với tư cách là giám mục, ngài đã tham dự Công đồng Đại kết lần thứ hai chống lại Macedonia[847] , diễn ra tại Constantinople vào năm 381. Ngài qua đời vào cuối thế kỷ IV.

---

[842] Silo – một thành phố thuộc vùng đất của chi phái Ephraim, ở Palestine; tại đây từng có Đền Tạm do Môi-se dựng lên.

[843] Từ năm 1020 đến năm 980 trước Công nguyên.

[844] Từ năm 980 đến năm 963 trước Công nguyên.

[845] Susakim, theo các biên niên sử Ai Cập là Sheshonq, là vị pharaoh đầu tiên của Vương triều XXII Bubastid.

[846] Sebaste của Armenia nằm ở phía đông bắc Tiểu Á.

[847] Macedonius là tổng giám mục Constantinopolis từ năm 341 đến 360, với một số khoảng thời gian gián đoạn. Ông là người sáng lập ra tà thuyết, dạy sai lầm về Đức Thánh Linh. Ông không công nhận Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời, mà coi Ngài là một thực thể được tạo dựng, không có phần trong Thần Tính và vinh quang của Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Công đồng Đại kết lần thứ II năm 381 đã

Ngày 23 tháng 1

10 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Grigori, Giám mục Nissa, vị Thánh Cha của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 1

Thánh Grêgôriô Nissus là em ruột của Thánh Basiliô Cả, người mà ngài kém tuổi rất nhiều. Điều này đã được thể hiện rõ qua việc Thánh Grêgôriô Nissus gọi Thánh Basiliô Cả là thầy và cha của mình. Về năm sinh của Thánh Grêgôriô, hiện vẫn chưa được biết. Người chăm sóc và giáo dục ngài từ thuở nhỏ chính là bà ngoại Makrina, một người rất sùng đạo, người cũng từng dạy Thánh Basil[848] , còn những bài học ban đầu về ngữ pháp và hùng biện thì ngài nhận được từ cha mình. Từ năm 12 tuổi, khi cha ngài qua đời, ngài tiếp tục theo học các thầy dạy hùng biện tại Caesarea. Những kiến thức mà Grigori thu được tại trường học ngoại giáo ở Caesarea sau đó đã được bổ sung bằng việc tự học và các bài giảng của Thánh Basil Đại Đế, người mà Grigori, theo lời ông, đã mang ơn rất nhiều. Với tài năng bẩm sinh và sự siêng năng trong việc học tập, Thánh Grigori đã thành công trong việc nghiên cứu nghệ thuật hùng biện[849] và triết học[850] , đồng thời chuẩn bị để trở thành một nhà hùng biện thế tục. Nhưng ý Chúa lại khác, và ngay trong tâm hồn Grigori – người lúc bấy giờ có xu hướng nghiêng về các hoạt động thế tục và việc học các môn khoa học thế tục – đã sớm xảy ra một sự thay đổi. Một lần nọ, tại điền trang của mẹ ông, người ta dự định tổ chức một lễ hội để kỷ niệm việc rước di cốt của bốn mươi vị tử đạo. Grigori, lúc đó đang theo học tại Caesarea, cũng được mời tham dự lễ hội gia đình này. Không hài lòng vì bị gián đoạn việc học và vì lễ hội không được hoãn lại đến một thời điểm khác thuận lợi hơn, Grigory đã nghe những bài thánh ca trong thánh lễ diễn ra trong vườn và kéo dài suốt đêm một cách thờ ơ, không chú ý, và cuối cùng, anh lui vào một trong những chòi nghỉ của mình rồi đi ngủ. Và trong giấc mơ, anh thấy mình muốn vào khu vườn, nhưng những chiến binh tỏa sáng nào đó không cho anh qua, và chỉ nhờ sự can thiệp của một trong số họ, anh mới thoát khỏi hình phạt. Giấc mơ đáng sợ này đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng Grigory, và ông, sau khi từ bỏ các công việc và học vấn trần tục, đã chuyển sang đọc các sách thánh và những cuốn sách cứu rỗi linh hồn, rồi không lâu sau đó đảm nhận nhiệm vụ của một người đọc Kinh Thánh, bao gồm việc đọc Kinh Thánh trong các buổi lễ thờ phượng. Tuy nhiên, tâm thế đó ban đầu chỉ tồn tại trong tâm hồn Grigori trong một thời gian ngắn. Sau khi Julianus Apostata[851] qua đời – người đã cấm các Kitô hữu làm thầy dạy hùng biện và ngữ pháp – Grigori lại quay trở lại với sở thích cũ, chọn cho mình sứ mệnh làm giáo viên hùng biện, điều này đã gây ra sự bất mãn từ phía bạn bè anh và những lời chỉ trích nghiêm khắc từ Thánh Grigori Thần học gia[852] . Tuy nhiên, Grigori không theo đuổi danh tiếng của một nhà hùng biện được bao lâu. Chẳng bao lâu sau, dưới ảnh hưởng của các thành viên trong gia đình và bạn bè có lối sống khổ hạnh, ông đã dốc hết tâm hồn vào việc nghiên cứu các tác phẩm về đức tin, từ bỏ thế gian và lui về sa mạc, định cư tại một tu viện do Thánh Basil Đại Đế thành lập bên bờ sông Iris. Không lâu sau đó, Thánh Basil, mong muốn có được trong

---

lên án tà thuyết này và xác nhận giáo lý chính thống về Đức Thánh Linh là Thiên Chúa Thật. Hơn nữa, tại công đồng này, Kinh Tin Kính Nicêa đã được sửa đổi. Bằng cách bổ sung vào đó 5 điều khoản mới (từ 8 đến 12), trong đó trình bày giáo lý về Thánh Thần, về Giáo Hội và các Bí tích, về đức tin vào sự sống lại của người chết và cuộc sống đời sau, – công đồng đã định hình cho nó hình thức mà nó vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay.

[848] Xem thêm về điều này, cũng như về cha mẹ của Thánh Grêgôriô Nissê, trong cuốn tiểu sử của Thánh Basiliô Cả vào ngày 1 tháng 1

[849] Nghệ thuật hùng biện – khoa học bao gồm các quy tắc về tài hùng biện.

[850] Triết học (dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "sự khôn ngoan") – khoa học về sự khôn ngoan – nghiên cứu, dựa trên những khám phá của lý trí con người, những vấn đề cao siêu và trừu tượng về sự tồn tại: về bản chất của sự tồn tại, về Thiên Chúa, về nguồn gốc và các quy luật của thế giới và con người, về sứ mệnh của con người và mục đích cuối cùng của sự tồn tại của thế giới, v.v.

[851] Julianus Apostata – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 361 đến năm 363. Mặc dù không phát động cuộc đàn áp công khai đối với các Kitô hữu, ông vẫn tìm cách tiêu diệt Kitô giáo và khôi phục đa thần giáo, và đã thực hiện mọi biện pháp để đạt được mục đích đó.

[852] Thánh Grêgôriô Thần Học (Nazianzen) – vị thầy vĩ đại của toàn thể Giáo hội, bạn và đồng sự của Thánh Basiliô Cả. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 25 tháng 1

Grigory một trợ thủ trung thành để chống lại tà thuyết Arian, đã phong ông làm giám mục thành phố Nissa[853] . Thánh Grigory đã hành động như một mục tử chân chính của Chúa Kitô, quản lý Giáo hội một cách dũng cảm và bảo vệ sự bình an của Giáo hội khỏi những mưu mô của kẻ thù. Chị gái đạo đức của ngài là Theozwa đã phục vụ bên cạnh ngài với tư cách là nữ phó tế và giúp đỡ anh trai rất nhiều trong các công việc của Giáo hội, đến nỗi sau này cái chết của chị đã trở thành một mất mát to lớn đối với ngài.

Trong triều đại của Hoàng đế Valens[854] , Thánh Grigoriô Nissê đã phải chịu sự đàn áp bất công từ phía các nhà cầm quyền – những người Arian[855] . Demosthenes, Tổng trấn Pontus[856] , đã triệu tập một công đồng tại Ancyra[857] gồm các giám mục tuân phục chính quyền, tại đó Grigoriô bị buộc tội sai trái về việc sử dụng tài sản Giáo hội và bị tước bỏ chức vụ. Theo lệnh của Demosthenes, vị thánh đã bị bắt giữ và bị áp giải về Ancyra, trên đường đi ngài phải chịu nhiều đau khổ do sự thô bạo của binh lính. Sau đó, ngài quyết định trốn thoát và, sau khi lẩn tránh được lính canh, đã ẩn náu tại một nơi an toàn. Năm sau, một công đồng mới gồm các giám mục từ Pontus và Galatia được triệu tập ngay tại Nissa; Thánh Grigoriô không có mặt tại phiên tòa và một lần nữa bị phế truất vắng mặt. Tuy nhiên, dù bị tước chức, Grigoriô không ngồi yên: ngài đi từ nơi này sang nơi khác để củng cố Đức Tin Chính Thống và an ủi các tín hữu Chính Thống. Sau khi Valens qua đời, Thánh Grêgôriô được phục chức và được đoàn chiên của mình chào đón nồng nhiệt. Không lâu sau đó, ngài đau buồn trước sự ra đi của Thánh Basil Cả[858] , người mà ngài vô cùng yêu mến và kính trọng như vị thầy của mình. Vào lễ kỷ niệm một năm ngày mất của ngài, ngài đã tưởng nhớ ngài bằng bài giảng tại mộ, và với lòng biết ơn và kính trọng dành cho ngài như một vị thầy, ngài đã hoàn thành phần mô tả về sáu ngày sáng tạo mà ngài Vasilios còn bỏ sót, nơi phần mô tả về con người chưa được đề cập và nơi những người khác mong muốn thấy một số vấn đề còn gây bối rối được giải quyết. Cùng năm đó, Thánh Grigorius Nissus đã tham dự Công đồng Antioch[859] . Tại công đồng này, người ta đã quyết định cử một vị có kinh nghiệm trong lĩnh vực đức tin đi thăm viếng các giáo hội ở Ả Rập và Palestine, nơi đức tin đang bị xúc phạm bởi các tà giáo Anti-Comarian – những người không tôn kính sự trinh khiết vô nhiễm của Đức Mẹ – và Colliridian – những người tôn kính Đức Mẹ như một vị thần. Thánh Grêgôriô đã được chọn để củng cố hòa bình và đức tin. Trước khi lên đường, ngài đã đến thăm chị gái cả của mình, Thánh Macrina[860] . Sau khi an táng chị, ngài đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao tại Công đồng Antiôkhia ở Ả Rập; nhưng tại Giê-ru-sa-lem, nơi ngài đã viếng thăm các thánh địa với niềm vui kính cẩn, ngài không thể hoàn thành tất cả những gì được giao phó, và với nỗi buồn, ngài đã viết rằng tội lỗi và những sai lầm vẫn tìm được chỗ dựa vững chắc trong lòng người dân nơi đó. Trong khi đó, trong thời gian Thánh Grêgôriô vắng mặt, tà thuyết Arian lại xâm nhập vào giáo phận của ngài, và ngài đã phải rất vất vả mới có thể dẹp tan nó khi trở về nhà. Đồng thời, ngài đã tham gia vào việc bầu chọn các giám mục cho Ivora và Sebaste[861] theo yêu cầu của người dân, những người lo ngại rằng những người kế vị các giám mục đã qua đời sẽ là những kẻ dị giáo. Khi vào triều đại của Hoàng đế Theodosius Đại đế[862] , Công đồng Đại kết lần thứ hai được triệu tập tại Constantinopolis để chống lại kẻ chống Giáo hội Macedonia[863] , thì Thánh Grigorius Nissus cũng có mặt tại đó, cùng với các vị Thánh Cha khác, là người bảo vệ đức tin, phản bác và vạch trần những kẻ đối lập bằng sức mạnh của chân lý dựa trên Kinh Thánh. Tại công đồng này, nhờ nỗ lực của Thánh Grêgôriô,

---

[853] Đó là vào đầu năm 372. Nissa là một thành phố ở phía tây bắc Cappadocia (một vùng rộng lớn ở phía đông Tiểu Á).

[854] Valens – hoàng đế của nửa phía Đông Đế quốc La Mã, trị vì từ năm 364 đến năm 378.

[855] Tà thuyết Arian lấy tên từ linh mục Arius ở Alexandria, người dạy rằng Con Thiên Chúa không được sinh ra từ Thiên Chúa Cha từ thuở đời đời, mà được Ngài tạo dựng từ hư vô trong thời gian, không đồng bản thể và không đồng vinh quang với Ngài. Tà thuyết này có xu hướng lật đổ toàn bộ Kitô giáo.

[856] Pontus – vùng phía đông bắc của Tiểu Á, nằm bên bờ Biển Đen, và chính từ đó mà vùng này có tên gọi của mình (Pontus – theo nghĩa đen từ tiếng Hy Lạp – có nghĩa là "biển", và Biển Đen trong thời cổ đại được gọi là Pontus Euxinus).

[857] Ankira – một thành phố cổ kính và thịnh vượng của Galatia (một tỉnh nhỏ thuộc Tiểu Á, nằm giữa Phrygia, Bithynia, Pontus và Cappadocia, ở phần trung tâm của Tiểu Á) – ngày nay là Ankara, cho đến nay vẫn là một trong những thành phố thương mại quan trọng nhất của Tiểu Á. Hội đồng tại Ankyra chống lại Thánh Grigori và việc phế truất ngài diễn ra vào năm 375.

[858] Năm 379,

[859] Công đồng Antioch được tổ chức vào năm 379.

[860] Kết quả của cuộc trò chuyện giữa vị thánh với người chị công chính đang hấp hối của ngài sau này đã dẫn đến tác phẩm của Grigori về "linh hồn" và "sự phục sinh".

[861] Ivora và Sebaste – là các thành phố thuộc Cappadocia.

[862] Theodosius Đại đế – hoàng đế La Mã – trị vì từ năm 379 đến năm 395; ông là người bảo trợ nhiệt thành cho Kitô giáo và là người đấu tranh cho chính thống giáo chống lại các tà giáo.

[863] Công đồng Constantinopolis II được tổ chức vào năm 381.

Tín điều Nicêa đã được bổ sung thêm điều khoản về Chúa Thánh Thần, đồng thời các điều khoản thứ chín, thứ mười, thứ mười một và thứ mười hai cũng được thêm vào Tín điều. Nói chung, Grêgôriô Nissus là một trong những nhân vật chủ chốt của công đồng.

Cùng với các giám mục khác, ngài cũng tham gia vào việc công nhận Thánh Grêgôriô Thần học và đã đọc cho ngài cũng như cho Thánh Giêrônimô nghe tác phẩm của mình chống lại Evnomius[864] . Khi một cuộc tranh cãi gay gắt nổ ra chống lại Thánh Grêgôriô Thần học từ phía một bộ phận giáo sĩ, những người đã bị nhiễm các giáo lý sai lầm dị giáo hoặc có thiện cảm với những kẻ dị giáo, khiến ngài phải rời khỏi Tòa Thượng phụ Constantinopolis, – Thánh Grêgôriô Nissê, cùng với nhiều người khác, đã cố gắng bằng mọi cách để dập tắt sự thù địch này, nhưng vì không thể làm được điều đó, ngài đã ban những lời khuyên về đức tin và ơn gọi mới cho người kế vị của Thánh Grêgôriô Thần Học là Nectarius[865] , người được bầu chọn từ số những người đã được rửa tội sơ bộ. Trong thời gian lưu lại tại Constantinople, Thánh Grêgôriô Nissê đã giảng hai bài giảng – một bài nhân dịp Thánh Grêgôriô Thần học được bầu làm giám mục thủ đô, bài còn lại là bài giảng tại lễ an táng của Mêlêtiô.

Ngay sau Công đồng Đại kết lần thứ Hai, Thánh Grêgôriô phải di chuyển từ nhà thờ này sang nhà thờ khác để khắc phục những rối loạn trong Giáo hội và củng cố chính thống giáo, bởi tại Công đồng Đại kết lần thứ Hai, ngài đã được công bố là một trong ba vị tổng giám mục bảo vệ chính thống giáo cho vùng Pontus. Năm 383, Thánh Grêgôriô Nissus đã tham dự Công đồng tại Constantinopolis, nơi ngài đã có bài giảng về Thần tính của Con và Thánh Thần. Năm 386, ngài lại có mặt tại Constantinopolis và tại đây, với tư cách là một nhà hùng biện lừng danh, ngài được giao nhiệm vụ đọc bài giảng bên linh cữu của Hoàng hậu Plakilla, người được mọi người yêu mến[866] . Năm 394, ngài lại tham dự Đại hội tại Constantinopolis, được triệu tập để giải quyết các vấn đề liên quan đến các công việc giáo hội ở Ả Rập[867] .

Thánh Grigorius, với tư cách là một mục tử trung thành và chân chính, đã tận tâm củng cố đức tin và lòng đạo đức cho đoàn chiên của mình; có những lúc ông giảng dạy cho họ liên tục trong nhiều ngày liền. Đồng thời, ngài là người bênh vực và bảo vệ những người khốn khổ trước các quan tòa, nổi bật bởi lòng trắc ẩn đối với người nghèo, sự kiên nhẫn, tính hiền hòa và sự chân thành. Khi đã cao tuổi, Thánh Grêgôriô đã an nghỉ trong Chúa[868] , để lại nhiều tác phẩm hữu ích và quý giá cho Giáo hội thánh[869] .

---

[864] Eunomius – thủ lĩnh tà giáo trong nửa sau thế kỷ IV, là đại diện cực đoan của chủ nghĩa Arian.

[865] Thánh Nectarius đã lãnh đạo Tòa Thượng phụ Constantinopolis từ năm 428 đến năm 431. Ngày kỷ niệm ngài được cử hành vào Thứ Bảy trước Mùa Chay.

[866] Placilla – phu nhân của Hoàng đế Theodosius Đại đế, được biết đến là một tín hữu Kitô sùng đạo, nổi tiếng với các hoạt động từ thiện Kitô giáo. Ngày tưởng niệm bà trong Giáo hội Hy Lạp được cử hành vào ngày 14 tháng 9.

[867] Công đồng địa phương Constantinopolis năm 394, dưới thời Thượng phụ Nectarius, đã được triệu tập để giải quyết tranh chấp giữa hai vị giám mục (Agapius và Bagadius), những người đều tuyên bố quyền sở hữu cùng một giáo phận (tại Bozra, Ả Rập).

[868] Thánh Grêgôriô Nissê qua đời vào cuối thế kỷ IV, không lâu sau Công đồng Constantinopolis năm 394.

[869] Thánh Grêgôriô Nissê đã để lại rất nhiều tác phẩm, trong đó ngài vừa là một nhà hùng biện thiêng liêng, vừa là một nhà thần học chuyên vạch trần các tà thuyết, vừa là người giải thích Kinh Thánh, vừa là một nhà giáo dục đạo đức. Tài hùng biện của ngài thể hiện rõ qua các bài điếu văn dành cho Meletius thành Antioch, Thánh Basil Đại Đế, Thánh Macrina, Thánh Tử đạo Theodorus Tyron, cũng như các bài giảng về Bí tích Rửa tội, Lễ Phục Sinh (5 bài), Lễ Thăng Thiên, Lễ Ngũ Tuần và Lễ Dâng Chúa. Trong số các tác phẩm giáo lý của Thánh Grêgôriô, những tác phẩm xuất sắc nhất là: 12 bài diễn văn chống lại Evnômios và Sách Giáo lý, trong đó hướng dẫn cách hành động khi truyền giáo cho người ngoại đạo và người Do Thái, cũng như cách bác bỏ các tà thuyết. Trong tác phẩm chống lại Evnomius, khi bác bỏ giáo lý của ông ta, Grigorius đã chứng minh Thần tính của Con Thiên Chúa, đồng thời giải thích một phần toàn bộ giáo lý Kitô giáo về Thánh Ba Ngôi. Chính giáo lý về Thánh Ba Ngôi và đặc biệt là về Thần tính của Thánh Thần, Thánh Grigorius đã bảo vệ khỏi những sai lầm đương thời qua nhiều tác phẩm khác, chẳng hạn như: bài giảng về Thánh Thần chống lại các tín đồ Macedonian, bài giảng về Thần tính của Con và Thánh Thần, thư gửi Simplicius về đức tin, thư gửi Avlalius về việc không có ba vị Thiên Chúa, thư gửi người Hy Lạp, và bài giảng chống lại Arius và Sabellius. Ngoài ra, trong số các tác phẩm giáo lý của Thánh Grêgôriô còn có tác phẩm "Sáu Ngày", nơi ngài giải quyết những vấn đề cao siêu về vũ trụ mà Thánh Basiliô Cả đã để lại chưa có lời giải đáp trong tác phẩm "Sáu Ngày" của ngài, "Chống lại các tín đồ Mani", "về sự sáng tạo con người", nghiên cứu "về những đứa trẻ qua đời mà chưa được rửa tội" và tác phẩm "về linh hồn và sự phục sinh". Để giải thích Kinh Thánh, Thánh Grêgôriô đã viết một số tác phẩm dưới dạng những suy tư: 8 bài giảng về 3 chương của Sách Giảng Viên, 15 bài giảng về "Ca Vịnh", 2 bài suy niệm về các chú thích của Thánh Vịnh và một bài giảng về Thánh Vịnh thứ sáu, 5 bài giảng về Kinh Lạy Cha, 8 bài giảng về tám điều răn của các Phúc Âm. Các tác phẩm về đạo đức và khổ hạnh bao gồm: ba bài nghiên cứu về sự hoàn hảo Kitô giáo, về mục đích của cuộc sống theo Chúa, về đời sống khổ hạnh đích thực, về sự trinh khiết, về tình yêu dành cho người nghèo, v.v. Ngoài ra, Thánh Grêgôriô còn để lại tới 28 lá thư.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Vị Giám mục Thánh thiêng liêng của Giáo hội và người truyền đạt sự khôn ngoan một cách chân thành, Thánh Grigoriô – người có trí tuệ minh mẫn từ Nissus – đang hân hoan cùng các Thiên thần và tận hưởng ánh sáng Thánh thiêng, không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng ta.

Bài ca Kondak khác, giọng 1:

Với con mắt tâm hồn luôn tỉnh thức, thánh nhân ơi, ngài đã hiện ra trước thế gian như một vị mục tử tỉnh táo, và bằng cây gậy khôn ngoan của ngài, cùng sự cầu bầu nồng ấm của ngài, ngài đã xua đuổi hết thảy những kẻ xấu xa như bầy sói, bảo vệ đàn chiên an toàn, Grigori, vị thánh toàn trí.

Lễ kính Thánh Dometian, Giám mục Melitene.

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 1

Thánh Dometian sinh ra dưới triều đại của Hoàng đế Justin II[870] trong một gia đình sùng đạo và giàu có, cha là Theodor và mẹ là Eudokia. Sau khi hoàn thành việc học, ngài kết hôn, nhưng khi vợ ngài qua đời không lâu sau đó, vì khao khát tìm kiếm sự khôn ngoan thiêng liêng và lòng yêu mến Thiên Chúa, ngài lập tức từ bỏ đời sống trần thế và dành cả cuộc đời để tu hành. Sau đó, theo ý muốn của Chúa, vào năm thứ ba mươi của cuộc đời, ngài được tấn phong làm giám mục của Giáo hội Melitina[871] . Ngài không chỉ là vị mục tử nhân từ đối với đoàn chiên của mình, mà còn là ngọn đèn soi sáng và người trợ giúp cho các dân tộc khác, đồng thời mang lại lợi ích to lớn cho toàn vương quốc Hy Lạp, với tư cách là người quan tâm đến hạnh phúc chung. Thánh nhân đã nhiều lần được vua Mauricius[872] cử sang Ba Tư[873] để giải quyết các công việc quản lý dân sự, làm trung gian trước mặt Khosrow, vua Ba Tư, và góp phần ký kết hiệp ước hòa bình giữa người Hy Lạp và người Ba Tư. Còn về một vị công tước tên là Varam, người đã nổi loạn chống lại Khosrow[874] và ngang nhiên mưu cầu ngôi vua ở Ba Tư, ngài đã tước quyền lực của ông ta, biến ông ta thành chư hầu của người Hy Lạp. Nhờ đó, Dometian đã trở thành người bạn thân thiết của vua Mauricius. Nhà vua đã ban tặng cho ông một lượng vàng lớn cùng nhiều tài sản, nhưng ông đã phân phát tất cả những thứ đó cho các nhà thờ thánh và các nhà trọ từ thiện để nuôi sống những người nghèo khổ. Khi đến thành phố hoàng gia Constantinople, ông đã sớm an lành về với Đức Chúa Trời trên trời[875] . Thi hài của ngài đã được an táng trong sự tôn kính cao cả trước sự chứng kiến của hoàng đế cùng triều đình và một đoàn thể đông đảo các linh mục, sau đó được rước về thành phố quê hương của ngài là Melitina. Thánh Dometian đã thực hiện nhiều phép lạ cả khi còn sống lẫn sau khi qua đời, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Cuộc đời của Thánh Markian

Ngày kỷ niệm: 10 tháng 1

Trong thời trị vì của Marcian và Pulcheria, một người đàn ông tuyệt vời, Thánh Marcian, gốc gác từ La Mã Cổ đại[876] , đã nổi tiếng nhờ những đức tính cao quý; ông có cha mẹ là những người sùng đạo, cao quý và giàu có.

---

[870] Justin II, hay còn gọi là Justin Trẻ, là hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 565 đến năm 578.
[871] Melitina, còn gọi là Melitene hoặc Melita, là thủ đô của Tiểu Armenia.
[872] Mauricius – hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 582 đến năm 602.
[873] Quốc gia này nằm ở châu Á, gần Vịnh Ba Tư. Ban đầu, đất nước này lần lượt nằm dưới sự thống trị của các dân tộc láng giềng khác nhau, nhưng kể từ khi triều đại Sassanid lên ngôi (từ năm 226 sau Công nguyên đến thế kỷ VII), người Ba Tư đã trở thành một dân tộc độc lập về chính trị và thường xuyên giao chiến với Đế chế Hy Lạp-La Mã. Hoạt động của Thánh Dometian cũng diễn ra trong giai đoạn này.
[874] Ở đây đề cập đến Khosrow II, vua Ba Tư, trị vì từ năm 590 đến năm 628.
[875] Thánh Dometian qua đời vào năm 601.
[876] Ở đây đề cập đến thủ đô của Đế chế Hy Lạp-La Mã và Vương quốc Ý ngày nay. Thành phố này được gọi là "Rôma cổ đại" – để phân biệt với Constantinopolis, nơi mà Thánh Constantine Đại Đế đã chọn làm thủ đô của mình, do đó sau này thành phố này được gọi là "Rôma mới".

Khi họ chuyển từ Rome cổ đại sang Rome mới, họ đã mang theo con trai mình là Marcian, người đã miệt mài học tập và được giáo dục trong những đức tính tốt đẹp. Vì cậu thích *"đứng ở ngưỡng cửa nhà Chúa"*[877] (Thi thiên 83:11), không bao giờ bỏ lỡ các thánh lễ, nên vị tổng giám mục lúc bấy giờ đã yêu mến cậu và nhận cậu làm linh mục phụ tá[878] . Một thời gian sau, thấy rằng dù còn trẻ về tuổi tác nhưng anh đã trưởng thành về trí tuệ và sự trong sạch trong đời sống, vì *"sự khôn ngoan là mái tóc bạc của con người, và đời sống vô tì vết – đó là tuổi già"* (Sách Khôn Ngoan 4:9)[879] , ngài đã công nhận anh xứng đáng với chức vụ linh mục, và sau đó bổ nhiệm anh làm quản lý[880] của nhà thờ lớn[881] . Khi cha mẹ ngài qua đời, ngài đã thừa hưởng rất nhiều tài sản, vì ngài là con một, nên toàn bộ tài sản của cha mẹ đều được truyền lại cho riêng mình. Ông không tiêu xài những tài sản này cho nhu cầu đời thường, mà dâng hiến tất cả cho Chúa – làm từ thiện cho người nghèo, tu sửa các nhà thờ cũ nát của Chúa và xây dựng cũng như trang hoàng những nhà thờ mới. Ông đã tốn kém rất nhiều để xây dựng một nhà thờ mới tuyệt đẹp mang tên Thánh Nữ Tử Đạo Anastasia. Khi một người bạn của ngài bày tỏ sự ngạc nhiên trước việc tiêu tốn nhiều vàng như vậy để xây dựng và trang trí nhà thờ này, vị thánh đã nói với người ấy:

– Nếu ngươi có một cô con gái và muốn gả nàng cho một người quý tộc nào đó, há ngươi lại không chi tiêu rất nhiều vàng để trang điểm cho nàng bằng những bộ trang phục quý giá sao? Vậy thì, giờ đây, khi đã quyết tâm xây dựng một nhà thờ cho cô dâu tuyệt đẹp của Đấng Kitô, người đã đính hôn với Đấng *"đẹp hơn con cái loài người"* (Thánh Vịnh 44:3)[882] và đã đổ máu mình vì Ngài, – làm sao tôi lại có thể tiếc của cải của mình và không càng quan tâm hơn đến việc trang hoàng này?

Vị Thánh Phúc này là một người hào phóng và sẵn lòng đóng góp cho sự lộng lẫy của các thánh đường; còn đối với bản thân, ngài lại keo kiệt và khắc nghiệt – không chỉ hoàn toàn từ chối việc trang trí y phục và chỉ khoác lên mình bộ áo quần tồi tàn, mà đôi khi ngài còn cởi bỏ ngay cả bộ áo quần tồi tàn và cần thiết nhất đó để trao cho những người xin, như có thể thấy qua câu chuyện sau đây. Khi nhà thờ Thánh Anastasia được xây dựng và trang hoàng lộng lẫy, lễ thánh hiến diễn ra đúng vào ngày kỷ niệm vị nữ tử đạo này, ngày 22 tháng 12, ngày mà xưa kia bà đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô. Đức Thượng phụ Gennadius cùng toàn thể hàng giáo sĩ, cùng với Hoàng đế cùng toàn thể hội đồng triều đình và dân chúng, đã tổ chức một cuộc rước long trọng đến nhà thờ này, để rước di cốt của Thánh Tử đạo Anastasia từ một nhà thờ nhỏ cũ nát sang nhà thờ mới lớn hơn, do Thánh Marcian xây dựng. Khi đang tham gia cuộc rước này, Thánh Markian cùng các linh mục khác đi phía trước cỗ xe chở di cốt của vị thánh, mặc chiếc áo choàng[883] , thì một người nghèo khó tiến lại gần và xin ngài bố thí. Ngài, không mang theo gì ngoài bộ áo này (suốt cuộc đời, ngài chưa bao giờ sở hữu đến hai bộ quần áo), và không muốn để người ăn xin ra về tay không, đã lặng lẽ tách khỏi mọi người và đi đến một nơi vắng vẻ; cởi bộ quần áo ra, ông trao nó cho người ăn xin, và chỉ còn mặc chiếc áo choàng che thân trần, thực hiện lời dạy của Chúa: *"Ai xin ngươi, hãy cho họ"* (Mt 5,42). Khi trở lại hàng ngũ của mình, ngài vẫn đi giữa các linh mục như trước đây, trong khi không ai biết về việc ngài

---

[877] Tức là ngài rất thích đến thăm nhà thờ của Chúa và ở lại đó.

[878] "Cleric" (giáo sĩ) – bắt nguồn từ từ "kleros", trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là: gia tài (của Chúa). Từ xa xưa, thuật ngữ này đã được dùng để chỉ hệ thống phẩm trật trong Giáo hội cùng với những người đảm nhận các chức vụ thấp hơn trong việc phụng sự tại nhà thờ (như ca viên, người đọc kinh, v.v.), bởi tất cả họ đều là những người đã hiến dâng bản thân cho việc phụng sự Thiên Chúa một cách đặc biệt và trực tiếp.

[879] Ý nghĩa của cụm từ này là tuổi thật (tinh thần) của con người không được xác định bởi số năm đã sống, mà bởi mức độ khôn ngoan và sự trong sạch đạo đức trong cuộc sống mà người đó đã đạt được. Sự hoàn thiện cao độ về cả hai khía cạnh này có thể đạt được ngay từ khi còn trẻ, cũng như ngược lại, mái tóc bạc của tuổi già có thể đi kèm với sự thiếu chín chắn của trẻ con và sự kém phát triển đạo đức nghiêm trọng.

[880] Chức vụ quản lý tài sản (iconoma) xuất hiện trong Giáo hội vào thế kỷ IV cùng với sự gia tăng tài sản của Giáo hội. Công đồng Đại kết lần thứ IV, trong điều luật số 26, đã đề cập đến chức vụ này như một chức vụ đã tồn tại từ lâu. Nhiệm vụ của người quản lý tài sản bao gồm việc quản lý tài sản của Giáo hội, đặc biệt là bất động sản, và công việc kinh tế của Giáo hội, dưới sự giám sát của giám mục. Cả các linh mục, phó tế, và thậm chí cả các giáo sĩ không có chức phẩm trong hệ thống phẩm trật cũng có thể được bầu vào chức vụ này, miễn là họ được biết đến với sự trung thực và khả năng quản lý.

[881] Tức là Nhà thờ Thánh Sophia ở Constantinople.

[882] Tức là Đấng tuyệt vời nhất trong số các con người, là Đức Kitô.

[883] Trong thời cổ đại, "felony" là tên gọi của một loại áo dài, không tay, che phủ toàn bộ cơ thể, giống như loại áo mà Chúa Kitô và các Tông đồ đã mặc (2 Tim 4:13), chính vì lý do đó mà Giáo hội đã đưa nó vào danh sách các y phục thánh. Tuy nhiên, ở Nga, để thuận tiện trong các nghi lễ thánh, phần trước của áo này được cắt bớt, còn ở Hy Lạp, cho đến nay nó vẫn giữ nguyên hình dáng cổ xưa, và Thánh Marcian có thể dùng nó để che phủ hoàn toàn sự trần truồng của cơ thể, cho đến khi cần phải dùng tay để thực hiện các nghi thức thờ phượng.

đã làm. Khi tất cả đã vào nhà thờ, cử hành lễ thánh hiến và long trọng an táng di cốt của thánh nữ tử đạo Anastasia, Đức Thượng phụ đã ra lệnh cho Thánh Markian cùng ngài cử hành Thánh lễ. Khi đến lúc rửa tay, Marcian che thân bằng chiếc áo choàng của mình, liếc nhìn xung quanh để không ai thấy ông đang trần truồng. Các linh mục và phó tế có mặt tại đó, khi nhìn ông, đã thấy dưới chiếc áo choàng là một bộ trang phục kỳ diệu, lấp lánh vàng, giống như chiếc áo choàng hoàng gia quý giá. Lúc đó, có người ngạc nhiên, có người phẫn nộ, thầm nghĩ rằng một linh mục không nên mặc trang phục như vậy để cử hành Thánh lễ. Đặc biệt, bộ trang phục kỳ diệu này, mà Thiên Chúa đã dùng để che đậy sự trần truồng của tôi tớ Ngài, đã được mọi người nhìn thấy rõ khi ngài tiến lên rước Mình Thánh Chúa. Một số linh mục đã kể lại điều này với Đức Thượng phụ Gennadius.

Đức Thượng phụ nói:

– Ta cũng đã thấy điều các ngươi nói.

Khi thánh lễ kết thúc, ngài gọi Thánh Markian vào phòng cất giữ các thánh vật[884] và bắt đầu khiển trách ngài, nói:

– Anh đang làm gì vậy, anh em, – ăn mặc lộng lẫy hơn mức thông thường sao? Anh có thấy thoải mái khi cử hành Thánh lễ trong bộ trang phục như vậy, vốn phù hợp với một vị vua hơn là một linh mục không?

Vị tu sĩ khiêm nhường quỳ xuống dưới chân ngài, nói:

– Xin tha thứ cho con, Thưa Đức Thượng phụ, – con không làm điều mà ngài nói. Từ thuở thiếu thời, con đã không quen mặc những bộ quần áo đẹp đẽ và quý giá, làm sao bây giờ con lại đi mặc chúng được?

– Tất cả chúng tôi đều đã thấy ngài mặc trang phục hoàng gia, – tại sao ngài lại chối cãi? – Đức Thượng phụ nói với ngài và ra lệnh cho người ta đỡ ngài đứng dậy.

Khi mở chiếc áo choàng ra, họ thấy thân thể trần truồng của anh và đều ngạc nhiên. Trước những câu hỏi của Đức Thượng phụ, vị thánh nhân buộc phải, dù không muốn, thành thật kể lại tất cả những gì đã xảy ra: cách anh đã dâng tặng bộ quần áo cuối cùng cho một người ăn xin, vì danh Chúa Kitô. Tất cả những ai nghe thấy điều này và nhìn thấy bộ áo hoàng gia dưới chiếc áo choàng của ngài đều ngợi khen Thiên Chúa, Đấng ban ân sủng bí ẩn như vậy cho những ai yêu mến Ngài. Kể từ đó, cuộc đời đầy lòng thương xót của ngài đã được nhiều người biết đến.

Vị thánh nhân đã tự nguyện sống trong cảnh nghèo khó và coi thường của cải đến mức, có lần, sau khi đi dạo đâu đó dưới mưa và làm ướt quần áo, ngài trở về phòng, khóa cửa lại, nhóm than hồng và bắt đầu phơi khô bộ quần áo ướt đó, vì ngài không có bộ nào khác để mặc hàng ngày. Lúc đó, Đức Thượng phụ tình cờ cần gọi người quản gia đến để giải quyết một số việc. Khi những người được cử đi gọi Markian, họ thấy phòng của ông bị khóa và đứng bên ngoài gọi ông mau chóng đến gặp Đức Thượng phụ. Ông hứa sẽ đến nhưng không đến, vì quần áo của ông vẫn chưa khô. Một trong số họ, nhìn qua khe cửa, thấy anh ta đang phơi quần áo trên than hồng, liền nói với những người đi cùng. Khi trở về, họ báo lại điều này cho Đức Thượng phụ.

– Đừng ngạc nhiên về điều này, – vị tổng giám mục nói, – Markian từ thuở thiếu thời đã học được sự nghèo khó tự nguyện và lòng khiêm nhường, dâng hiến trọn vẹn bản thân cho Đức Chúa Trời Duy Nhất; ông thực sự đang thực hành lời dạy của các Tông Đồ: "Có thức ăn và áo mặc, thì hãy bằng lòng với những điều đó" (1 Ti-mô-thê 6:8).

Những người nghe điều này đã ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng có những tôi tớ như vậy. Vì cuộc sống đạo đức như vậy, Đức Chúa Trời đã ban cho ngài ân tứ làm phép lạ – trừ quỷ và chữa lành người bệnh. Một lần nọ, khi đang cử hành lễ tại nhà thờ Thánh Anastasia và có rất đông người tụ tập, một người phụ nữ đang mang thai, vì trong nhà thờ quá chật chội, đã trèo lên mái nhà thờ, nhưng không may ngã xuống đất và qua đời. Thánh Marcian, không thể chịu đựng được cảnh lễ hội bị bao trùm bởi tiếng khóc than, đã giơ hai tay lên trời và thành kính cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Và người phụ nữ ấy bỗng nhiên sống lại, đứng dậy khỏe mạnh; đứa trẻ trong bụng bà cũng vẫn còn sống; còn dân chúng thì kinh ngạc trước phép lạ vĩ đại này.

Một lần nọ, tại Constantinople xảy ra một trận hỏa hoạn lớn, và khi ngọn lửa đã bao vây nhà thờ Thánh Anastasia, Thánh Marcian đã leo lên mái nhà thờ và giơ hai tay lên trời để cầu nguyện. Ngay lập tức, ngọn lửa quay ngược lại và kìm hãm được ngọn lửa dữ dội của mình; nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, như những dòng nước lớn, ngọn lửa đã được dập tắt hoàn toàn, không gây ra bất kỳ thiệt hại nào cho tòa nhà nhà thờ.

---

[884] Trong căn phòng nơi lưu giữ các đồ thánh dự phòng và các bộ lễ phục.

Thánh Marcian đã xây dựng một nhà thờ dành cho vị nữ tử đạo khác, Thánh Irina, tại nơi sát biển, nơi từng có một ngôi đền cũ nát và đang đổ nát được dựng lên để tôn vinh bà, đồng thời tu sửa lại các ngôi đền của Thánh Theodore và Thánh Isidore vốn nằm gần đó, và trang bị đầy đủ mọi thứ cần thiết cho chúng. Khi đã bước vào tuổi già, trước khi qua đời trong bình an, ngài thường đi dạo trên các con phố vào ban đêm – và mỗi khi thấy ai đó nằm chết, ngài lại tắm rửa và mặc quần áo cho họ. Lúc đó, ngài nói với người đã khuất:

– Hãy đứng dậy đi, anh em, chúng ta hãy hôn nhau!

Người chết, đứng dậy theo lời thánh nhân, hôn lên môi ngài rồi lại chìm vào giấc ngủ. Vị thánh đã cứu rỗi nhiều phụ nữ lầm lạc, lúc thì bằng lời khuyên nhủ, lúc thì bằng sự giúp đỡ hào phóng, khuyến khích họ chọn cho mình một người chồng và sống theo luật pháp; còn những người sa vào lối sống đó vì hoàn cảnh nghèo khó, ngài đã dẫn dắt họ trở về cuộc sống trong sạch, bí mật ban tặng và chu cấp cho họ từ những tài sản của cha mẹ đã được đề cập ở trên. Vị thánh phúc lành này đã được Thiên Chúa thu nhận làm của riêng, các Thiên thần ca ngợi, các vị thánh tôn kính, các vị vua kính sợ trước mặt ngài, các dân tộc kinh ngạc trước ngài và tôn vinh Thiên Chúa vì ngài; còn các quỷ dữ thì sợ hãi và tránh xa ngài. Thánh Marcian qua đời trước khi nhà thờ tôn vinh Thánh Irina được hoàn thành và thánh hiến. Khi lâm chung, ngài đã nói:

– Lạy Chúa! Con phó thác cả hai điều này vào tay Ngài: linh hồn mà chính Ngài đã tạo dựng, và nhà thờ mà con đã xây dựng theo ý muốn của Ngài.

Thi hài của Thánh Marcian đã được an táng trong vinh quang tại tu viện Thánh Gioan Tiền Hô, còn được gọi là Tu viện Đaniel, gần nhà thờ Thánh Tử đạo Mokia. Về việc hoàn thành việc xây dựng nhà thờ Thánh Irina, sau khi vị thánh đáng kính qua đời, Nữ hoàng Verina, người vợ đạo đức của Vua Lêô Đại Đế[885] , người lên ngôi sau Thánh Marcian và Pulcheria, đã lo liệu; bà đã hoàn tất công trình, trang trí mái nhà bằng vàng và trang hoàng bên trong nhà thờ với mọi sự lộng lẫy, để tưởng nhớ vị thánh Markian và để tôn vinh chính Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng được vinh quang cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời, amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Phaolô Komelsky.

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 1

Thánh Phaolô sinh ra và lớn lên tại thành phố Moscow vinh quang và uy nghi[886] . Cha mẹ muốn gả anh cho một cô gái, nhưng Thánh Phaolô không muốn điều đó và, sau khi bí mật rời khỏi nhà cha mẹ mà không mang theo bất cứ thứ gì, đã đi đến một vùng đất tên là Priluk, thuộc quyền quản lý của Tu viện Ba Ngôi Sáng Tạo[887] , do Thánh Sergius, vị thánh làm phép lạ ở Radonezh, thành lập. Tại đây, trong tu viện được đặt tên để tôn vinh Lễ Giáng Sinh của Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giêsu Kitô[888] , vị thanh niên đáng kính đã nhận lễ xuất gia. Sau một thời gian ngắn sống tại đây, Thánh Phaolô chuyển đến tu viện của Thánh Sergius, nơi ngài ở lại dưới sự hướng dẫn thiêng liêng của vị trưởng lão vĩ đại trong mười lăm năm, sống trong một căn phòng ẩn tu[889] . Sau đó, Thánh Phaolô đã xin sự ban phước của Thánh Sergius để lui về sa mạc và sống ở đó trong sự cô độc hoàn toàn, di chuyển từ nơi này sang nơi khác.

Sau đó, vị tu sĩ đáng kính này đã lên Hồ Trắng để gặp Thánh Kirill tại tu viện Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời[890] do ngài thành lập; tại đây, Thánh Phaolô đã sống một thời gian trong căn phòng ẩn dật và sau đó lại rút lui vào sa

---

[885] Lê I Đại Đế qua đời vào năm 474. Vì theo tiểu sử, Verina đã hoàn thành việc xây dựng nhà thờ khi chồng còn sống, và vì sự kiện dập tắt đám cháy nhờ lời cầu nguyện của Thánh Marcian được ghi nhận vào năm 471, nên có thể xác định thời điểm qua đời của vị thánh này nằm trong khoảng từ năm 471 đến 474.

[886] Khoảng năm 1367

[887] Ngày nay là Tu viện Troitsa-Sergiev.

[888] Tu viện Giáng Sinh Chúa Kitô, thuộc huyện Uglich, tại Priluka, vẫn được ghi nhận là trực thuộc Tu viện Thánh Ba Ngôi Sergiev trong thời gian sau này.

[889] Thánh Phaolô đã thực hiện các nhiệm vụ tu tập tại Tu viện Troitsko-Sergiev trong nhà bếp và phòng ăn. Khi ban phước cho Thánh Phaolô để ngài sống đời ẩn tu, Thánh Sergius đã trao cho ngài cây thánh giá ban sự sống, hiện vẫn được lưu giữ tại Tu viện Obnorsk của Thánh Phaolô.

[890] Tu viện Kirillov Belozersky, do Thánh Kirill (ngày kỷ niệm của ngài là ngày 9 tháng 6) thành lập, tọa lạc tại thị trấn Kirillov, tỉnh Novgorod, cách Novgorod 602 verst; vào thời Thánh Kirill và Thánh Phaolô, thành phố gần nhất trong vùng đó – Belozersk – cách tu viện 37 verst.

mạc, đến sông Odrol. Sau một thời gian ngắn ẩn dật tại đây, vị tu sĩ thánh Phaolô đã đến vùng Galich, tại sa mạc vĩ đại của Đức Mẹ Đồng Trinh[891] , và định cư trong một căn phòng ẩn dật, nhưng đã bị vị tu viện trưởng của sa mạc trục xuất khỏi đó và chuyển đến Gorodets, bên bờ sông Volga, nơi ngài cư ngụ tại Tu viện Feodorovsky[892] ; sau đó, ngài sống ẩn dật và tu hành tại nhiều nơi hoang vắng khác nhau, cho đến khi đến Rừng Komel[893] .

Tại đây, bên bờ con sông Gryazovitsa, vị thánh đã định cư trong một hốc cây linden lớn; vị thánh ẩn sĩ đã sống trong hốc cây này suốt ba năm, ngày đêm dành trọn cho việc cầu nguyện và ăn chay, phục vụ Chúa với những giọt nước mắt. Sau đó, Thánh Phaolô chuyển đến nơi mà ngày nay là tu viện thiêng liêng của ngài[894] ; ngài ở lại đó cho đến cuối đời, tuân giữ chế độ ăn chay nghiêm ngặt. Thức ăn của ngài chỉ là bánh mì và nước, với lượng rất ít; ngài dùng bữa vào ngày thứ Bảy và Chủ Nhật. Trong những ngày còn lại, Thánh Phaolô hoàn toàn không ăn uống gì, dành toàn bộ thời gian trong căn phòng ẩn dật của mình để ca ngợi Chúa qua lời cầu nguyện. Vị ẩn sĩ đáng kính này đã chịu đựng những thiếu thốn lớn lao vì danh Chúa Kitô và nhiều đau khổ do ma quỷ gây ra, nhưng ngài đã vượt qua tất cả nhờ ơn sủng của Thiên Chúa.

Một lần nọ, ma quỷ xâm nhập vào phòng tu của ngài và định phá hủy nó, nhưng Thánh Phaolô không hề sợ hãi trước mưu mô của ma quỷ và đã làm cho ma quỷ phải xấu hổ nhờ sức mạnh của Thập giá Chúa Kitô. Một lần khác, thánh nhân bị bọn cướp tấn công, chúng đánh đập ngài dã man, cướp bóc căn phòng tu hành rồi bỏ lại vị ẩn sĩ bị trói tay chân. Vị thánh nhân nằm bất động trong căn phòng tu hành suốt mấy ngày, cho đến khi những người tốt bụng, theo sự mách bảo của Thiên Chúa, đến sa mạc và giải thoát vị tu sĩ đáng kính. Vị thánh đã chịu đựng tất cả những điều này một cách cam chịu vì danh Chúa Kitô. Rất nhiều loài chim rừng tụ tập về căn phòng ẩn tu của vị ẩn sĩ; những con thú hoang dã khát máu cũng đến đây, nhưng chúng trở nên hiền lành nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh và tuân theo mọi mệnh lệnh của vị cha thánh.

Nhiều lần, Thánh Phaolô nghe thấy tiếng chuông nhà thờ vang lên tại chính nơi ngài đã định cư, và ngài thấy ánh sáng tỏa ra từ một nơi, nơi sau này đã được xây dựng thành nhà thờ mang tên Thánh Ba Ngôi. Được học trò Alexius tháp tùng, vị tu sĩ đã lên đường đến Moscow và kể lại sự mặc khải thiêng liêng này cho Đức Tổng Giám mục Photius. Đức Tổng Giám mục đã ban phước cho vị tu sĩ xây dựng nhà thờ trong sa mạc của ngài, phong Alexius làm linh mục, và sau khi ban tặng một khoản bố thí hào phóng để xây dựng nhà thờ, ngài đã tiễn vị thánh ra về trong bình an. Khi trở về sa mạc Komel, vị tu sĩ đã xây dựng một nhà thờ mang tên Ba Ngôi Thánh Tạo Hóa[895] , tập hợp các tu sĩ và thành lập một tu viện, trong đó ngài bổ nhiệm tu sĩ Alexei đã được đề cập ở trên làm viện trưởng. Còn vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta là Thánh Phaolô thì vẫn tiếp tục sống trong căn phòng ẩn dật của mình, chỉ đến tu viện vào ngày thứ Bảy và Chủ Nhật để giảng dạy các môn đệ; ngài sống theo các điều răn của Chúa và các quy tắc của các vị Thánh Tổ[896] .

---

[891] Tu viện Avraamiev ở Chukhlom (các sa mạc vĩ đại), nơi diễn ra lễ đeo dây thắt lưng của Đức Mẹ Đồng Trinh, tọa lạc tại huyện Galich, tỉnh Kostroma. Tu viện này được thành lập bởi Thánh Avraam của Galich. Ngay sau khi thành lập, Thánh Avraam đã rời tu viện này và thành lập Tu viện Voch cách đó 13 verst, nơi ngài qua đời vào năm 1375. Lễ kỷ niệm ngài được tổ chức vào ngày 20 tháng 7.

[892] Hiện nay là một tu viện không còn hoạt động thuộc huyện Balakhna, tỉnh Nizhny Novgorod, nằm gần làng (trước đây là thị trấn) Gorodets, trên bờ trái sông Volga; được Đại công tước Georgy Vsevolodovich thành lập vào năm 1164. Trong tu viện còn lưu giữ căn phòng nơi Alexander Nevsky qua đời vào ngày 4 tháng 11 năm 1263, khi ngài đang trên đường trở về từ Đế chế Mông Cổ.

[893] Rừng Komel ở xã Obnora trải dài khắp dải phía nam của tỉnh Vologda, được cắt ngang bởi các con sông Obnora, Nurma, Komela cùng vô số nhánh sông của chúng.

[894] Cách thị trấn huyện Gryazovets, tỉnh Vologda, 15 verst, trên bờ sông Nurma, một nhánh của sông Obnora, con sông chảy qua các tỉnh Vologda và Yaroslavl rồi đổ vào sông Kostroma.

[895] Sau khi xây dựng xong nhà thờ, Thánh Phaolô đã gửi thư xin Đức Tổng Giám mục Photius ban tặng tấm khăn thánh (antimins) để làm lễ thánh hiến nhà thờ, cũng như xin phép thành lập tu viện và quy tụ các tu sĩ. Đức Thánh Cha đã gửi cho ngài tấm khăn thánh kèm theo một bức thư, trong đó ngài ban phước lành cho việc thành lập tu viện và truyền đạt những lời dạy dỗ cho Thánh Phaolô cùng các tu sĩ. “Khi con còn ở với ta,” vị Thánh viết, “con còn nhớ không, con trai của ta, chính con đã nói rất nhiều về việc một vị Bề trên tinh thần phải như thế nào. Ông ấy phải là tấm gương cho tất cả mọi người: vào ngày Phán xét Lớn, ông ấy sẽ phải trả lời về những linh hồn được giao phó cho mình. Ta cũng viết về điều đó.” Trong những lời dạy dỗ dành cho các tu sĩ, vị Thánh khuyên nhủ họ phải tuân giữ các lời khấn tu viện một cách kiên định và bất di bất dịch.

[896] Thánh Phaolô đã dặn dò các tu sĩ phải tuân giữ các quy tắc cộng đồng của Thánh Pakhomius Đại Đế và Thánh Theodosius, vị trụ trì tu viện Kinon; ngài không cho phép các tu sĩ coi bất cứ thứ gì là của riêng mình, mà mọi thứ đều phải là của chung; trong phòng tu không được có gì ngoài các bức tượng thánh và sách vở, thậm chí cả rượu kvass; các tu sĩ phải giải khát tại phòng ăn; trong nhà thờ, phòng ăn và khi làm việc, vị thánh ra lệnh phải giữ im lặng, kiếm sống bằng chính sức lao động của mình và không được quên những người nghèo.

Vào thời điểm đó, người Tatar đã tấn công thành phố Kostroma, đốt cháy thành phố và tàn phá các làng mạc lân cận; rất nhiều tín hữu Chính Thống Giáo đã bị những kẻ ngoại đạo giết hại, còn những người khác bị bắt làm tù binh và bị đưa đi làm nô lệ cùng với vợ con[897] . Ngay sau đó, Thánh Phaolô đã về với Chúa từ những vất vả của cuộc đời tạm bợ này để bước vào sự an nghỉ vĩnh cửu và không thể diễn tả được, để lại trong lòng các môn đệ những kỷ niệm tươi sáng về ngài. Thánh nhân qua đời vào ngày 10 tháng 1 năm 1429; thánh nhân thọ 112 tuổi[898] .

Bài thánh ca, giọng 1:

Được thắp sáng bởi tình yêu thiêng liêng từ thuở thiếu thời, thánh Phaolô kính yêu, ngài đã ghét bỏ mọi điều trần tục trên thế gian, chỉ yêu mến một mình Chúa Kitô, và vì lý do đó, ngài đã dấn thân vào sa mạc nội tâm, sống cùng các loài thú để hiến dâng trọn vẹn cho Chúa Kitô. Chính vì thế, Đấng Toàn Tri, khi nhìn thấy những công lao của ngài, đã ban cho ngài ân sủng của các phép lạ và làm cho ngài trở nên giàu có ngay cả sau khi ngài qua đời. Vì vậy, chúng con kêu cầu ngài: xin ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con, những người luôn tôn vinh ký ức cao quý của ngài trong các bài thánh ca.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài đã hướng mọi khát vọng trí tuệ của mình về Thiên Chúa, và từ tận đáy lòng, Ngài đã theo Ngài một cách không thể quay lại, dọn về sống trong sa mạc, và ở đó, sống như các Thiên Thần, Ngài đã trở thành con đường dẫn nhiều người đến sự cứu rỗi: vì lý do đó, Đức Kitô đã tôn vinh Ngài và ban cho Ngài ân sủng của các phép lạ. Vì thế, tất cả chúng con cùng kêu lên với ngài: Hỡi Thánh Phaolô đáng kính, người sống trong sa mạc, xin hãy vui mừng.

Ngày 24 tháng 1

Ngày 11 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Theodosius Đại đế

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 1

Thánh Phê-ô-đô-xi-ô sinh ra tại làng Mogarion, thuộc Cappadocia[899] , trong một gia đình sùng đạo – cha là Proeresius và mẹ là Eulogia – và được nuôi dạy với đức hạnh và kiến thức sách vở. Khi thiếu niên này trưởng thành và đã nghiên cứu kỹ lưỡng Kinh Thánh, ngài được giao nhiệm vụ đọc trong nhà thờ những đoạn được chỉ định từ các sách phụng vụ, và ngài là người đọc có giọng hát ngọt ngào và điêu luyện hơn bất kỳ ai khác. Khi đọc những lời răn dạy mang lại lợi ích cho những người nghe, chính ngài cũng thu được nhiều lợi ích hơn từ đó cho bản thân. Khi lắng nghe Chúa, lúc thì Ngài ra lệnh cho Áp-ra-ham rời khỏi quê hương và họ hàng của mình (Sáng Thế Ký 12:1), lúc thì trong Phúc Âm, Ngài khuyên nhủ hãy từ bỏ cha, mẹ và anh em vì sự sống đời đời (Ma-thi-ơ 19:29), ông tràn đầy nhiệt huyết trong lòng và hừng hực tinh thần, khao khát từ bỏ mọi sự để theo Chúa Kitô trên con đường hẹp và đầy gian nan. Suy ngẫm về điều này, ông cầu nguyện với Thiên Chúa: *"Xin Chúa chỉ dẫn con trên con đường của Ngài, và con sẽ bước đi trong sự thật của Ngài"* (Thánh Vịnh 85:11).

---

[897] Người Tatar đã tàn phá Kostroma vào ngày 6 tháng 1 năm 1429. Chính vào ngày đó, khi các môn đệ đến gặp vị thánh, ngài thở dài và rơi lệ; khi được hỏi về lý do, Thánh Phaolô đã nói: "Vào ngày và giờ này, bọn người Tatar vô đạo đã chiếm thành Kostroma, thiêu rụi và tàn sát nơi đây, bắt nhiều người làm tù binh – và tất cả những điều này là do tội lỗi của chúng ta, vì chúng ta đã sống theo ý muốn của lòng mình."

[898] Thánh Phaolô được phong thánh tại Công đồng Moscow vào ngày 26 tháng 2 năm 1547; di cốt của ngài được an táng dưới nền nhà thờ chính tòa của Tu viện Obnora.

[899] Cappadocia – một vùng ở phía đông Tiểu Á. Năm 11 sau Công nguyên, vùng này đã được sáp nhập thành một tỉnh của Đế quốc La Mã dưới thời Hoàng đế Tiberius.

Sau đó, đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, ngài lên đường đến Giê-ru-sa-lem. Sự việc này xảy ra vào thời trị vì của Hoàng đế Marcian[900] , vào những năm cuối đời ông, khi Công đồng Đại kết lần thứ Tư[901] đang được triệu tập tại Chalcedon[902] để xét xử Dioscorus và Eutyches[903] . Khi đi qua Antioch[904] , Thánh Theodosius mong muốn được gặp Thánh Simeon và nhận được sự ban phước và lời cầu nguyện từ ngài. Ông đến gặp ngài và khi đang ở gần cột đá, ông nghe thấy giọng nói của Thánh Simeon:

– Ngươi đến đúng lúc rồi, người của Chúa, Thê-ô-đô-xi-ô!

Nghe thấy người chưa từng gặp mặt và không biết mình lại gọi tên mình, Thánh Theodosius rất ngạc nhiên, liền quỳ xuống và cúi đầu trước vị cha có khả năng thấu thị. Sau đó, theo lời mời của ngài, ngài leo lên cột đến chỗ vị thánh và quỳ xuống dưới chân ngài. Vị thánh nhân ấy ôm lấy và hôn chàng thanh niên được Thánh Thần soi dẫn, rồi tiên tri rằng chàng sẽ trở thành mục tử chăn dắt đàn chiên của Lời Chúa và cứu rỗi nhiều người khỏi con sói trong tâm trí[905] ; ngài còn tiên tri cho chàng nhiều điều khác nữa, rồi sau khi ban phước lành, ngài cho chàng ra về. Théodosius, được củng cố bởi lời chúc phúc của vị thánh và có những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài thay cho người hướng dẫn và người bảo vệ đồng hành, đã đi theo con đường đã định sẵn và đến được Giê-ru-sa-lem; đó là vào thời kỳ Thượng phụ Juvenal. Sau khi viếng thăm các thánh địa ở đó và cầu nguyện tại Mộ Thánh Chúa trong Nhà thờ Phục Sinh, ngài suy ngẫm xem nên bắt đầu lối sống nào: sống ẩn dật hay sống chung với những người khác đang tìm kiếm sự cứu rỗi? Và ngài đã đi đến kết luận rằng, việc sống cô độc trong im lặng, khi còn chưa học được cách chống lại các thần dữ, là không an toàn. “Nếu trong số các chiến binh trần thế không có ai ngu ngốc đến mức, ngay từ những ngày đầu nhập ngũ, khi còn non nớt và chưa được huấn luyện về nghệ thuật chiến đấu, lại vội vàng lao vào giữa trận chiến, thì làm sao tôi, – vị thánh tự nhủ – khi tay tôi chưa quen với vũ khí, ngón tay chưa quen với chiến trận, và chưa được trang bị sức mạnh từ trên cao, sao tôi lại dám một mình, trong cuộc sống ẩn dật, đứng lên chống lại các thế lực, các quyền lực và những kẻ cai trị thế giới tối tăm của thời đại này, chống lại các thần ác dưới trời (Ê-phê-sô 6:12). Trước hết, tôi phải gia nhập cùng các vị thánh tu hành và học hỏi từ các bậc cha già giàu kinh nghiệm cách chiến đấu với những kẻ thù vô hình; sau đó, theo thời gian, những thành quả nảy sinh từ sự ẩn dật và im lặng sẽ được gặt hái”. Sau khi suy xét điều này một cách khôn ngoan – vì trong ông, bên cạnh những đức tính khác, còn có sự khôn ngoan hoàn hảo, giúp ông suy luận thấu đáo về mọi việc – ông lập tức bắt đầu tìm kiếm một vị thầy hướng dẫn.

Vào thời đó, người nổi tiếng nhất trong số các vị cha sống tại Jerusalem và vùng lân cận là một vị tu sĩ già tên là Longin[906] , có phòng tu của mình bên cạnh cột đá, từ xa xưa được gọi là Cột của Đa-vít[907] ; ẩn dật tại đó, ngài miệt mài chưng cất mật ngọt của đức hạnh. Khi đến gặp ông, Thánh Theodosius đã bắt đầu cuộc sống tu hành và, gắn bó với vị tu sĩ già bằng cả tâm hồn, học hỏi từ ông mọi đức hạnh, vì vị tu sĩ đáng kính ấy vĩ đại cả về lời nói lẫn đời sống. Sau một thời gian khá dài, ngài được vị tu sĩ cao niên chuyển đến, dù trái với ý muốn của mình, đến một nơi được gọi là “ngôi nhà cũ”[908] . Điều này xảy ra vì lý do sau: một phụ nữ đạo đức, là góa phụ trung thực và là người phục vụ Chúa Kitô, tên là Glykeria, đã xây dựng tại nơi đó một nhà thờ thờ Đức Mẹ Đồng Trinh, và liên tục nài nỉ vị tu sĩ Longinus bằng nhiều lời thỉnh cầu chân thành, mong ngài cho phép Theodosius đến sống tại nhà thờ mới được xây dựng này. Mặc dù người môn đệ không muốn xa cách cha mình, nhưng theo lệnh của ngài, anh đã

---

900 Marcian – hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 450 đến năm 457.

901 Năm 451,

902 Thành phố chính của tỉnh La Mã Bithynia; nằm trên bờ châu Á của eo biển Bosphorus, đối diện với Byzantium.

903 Eutyches, người bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ IV, đã dạy rằng Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính – bản tính Thiên Chúa, trong khi Giáo hội Thánh luôn công nhận và vẫn công nhận nơi Chúa Giêsu Kitô hai bản tính không hòa trộn và không tách rời – bản tính Thiên Chúa và bản tính con người. Dioscorus – Thượng phụ Alexandria (ở Ai Cập), là người theo học thuyết của Eutyches, mà ông đã cố gắng khẳng định tại Công đồng năm 449.

904 Ở đây tất nhiên là Antioch thuộc Syria, còn được gọi là “Đại Antioch”, một thành phố bên sông Orontes, được Seleucus Nicator thành lập và đặt tên theo tên cha ông là Antiochus. Các vị vua thuộc dòng họ Seleucid đã thường trú tại đây, và vào thời các hoàng đế La Mã, thành phố này thậm chí còn là thủ đô của phương Đông. Tại Antioch, các môn đệ của Chúa Giê-su Christ lần đầu tiên được gọi bằng danh xưng “Kitô hữu”.

905 “Con sói” ở đây ám chỉ ma quỷ và từng kẻ tay sai của nó, những kẻ dụ dỗ người ta sa vào sự mê tín và bất kính. Cách diễn đạt này được mượn từ 1 Giăng 10:12.

906 Lễ kỷ niệm Thánh Longin (trong Giáo hội Hy Lạp) được cử hành vào ngày 17 tháng 11 và vào Thứ Bảy trước Lễ Giáng Sinh.

907 Ngọn tháp cổ trong pháo đài Jerusalem, gần Cổng Jaffa.

908 Trong tiếng Hy Lạp: kafisma, hay Nhà thờ Kafisma; nó nằm ở giữa chặng đường từ Jerusalem đến Bethlehem.

chuyển đến đó. Khi anh ở đó, tin đồn về đức hạnh của anh lan truyền khắp nơi. Đức hạnh cũng làm cho người sở hữu nó trở nên rõ ràng, giống như ngọn nến đang cháy làm lộ ra người cầm nó trong đêm. Và những người tìm kiếm sự an ủi cho tâm hồn bắt đầu đến với vị thánh, những người mong muốn noi gương cuộc đời ngài cũng bắt đầu tụ tập quanh ngài.

Sau khi sống ở đó một thời gian, vị thánh bắt đầu cảm thấy phiền lòng vì thiếu sự yên tĩnh, bởi ngài không chịu được sự tôn kính và những lời đồn đại của con người. Ngài rời khỏi đó và lên núi, nơi có một hang động; theo truyền thuyết cổ xưa, ba nhà thông thái đã nghỉ ngơi trên đường đi và qua đêm tại đó; họ là những người đã đến Bê-lem để gặp Đấng Christ với những món quà và trở về quê hương của mình bằng một con đường khác (Mt 2:1–12). Thánh Theodosius đã chuyển đến sống trong hang động từ "nơi cư ngụ cũ". Việc ngài chuyển đến đó là do sự quan phòng đặc biệt của Thiên Chúa – để tại nơi đó được xây dựng tu viện vinh quang[909] và các đạo binh các chiến binh thiêng liêng tụ họp về với Chúa Kitô, Thiên Chúa.

Khi thay đổi nơi cư ngụ, vị thánh này cũng đồng thời thay đổi cuộc đời mình, bắt đầu bước đi trên con đường hẹp nhất. Mong muốn của ngài là luôn tuân giữ mọi điều răn của Chúa; ông được tình yêu Thiên Chúa bao trùm đến nỗi không hướng mọi sức lực tâm hồn vào bất cứ điều gì trần thế, mà hoàn toàn dâng hiến cho Đấng Tạo Hóa duy nhất, để yêu mến Ngài bằng cả linh hồn, cả trái tim và mọi suy nghĩ, và để thể hiện tình yêu ấy qua chính những việc làm trong lao động và những kỳ công thể xác, mà không thể kể chi tiết hết được. Lời cầu nguyện của ngài không ngừng nghỉ, ngài thức trắng suốt đêm, nước mắt luôn tuôn trào từ đôi mắt ngài như những dòng suối chảy ra từ nguồn. Sự ăn chay của ngài vô cùng khắc khổ: trong ba mươi năm, ngài hoàn toàn không ăn bánh mì, chỉ ăn quả chà là, mật chà là[910] hoặc các loại cỏ và rễ cây trong sa mạc, và ngay cả những thứ đó ngài cũng chỉ dùng rất ít, chỉ đủ để không chết đói. Khi ngay cả những thức ăn đó cũng không có do sự khan hiếm của sa mạc, ngài ăn hạt chà là ngâm nước; còn tâm hồn ngài thì luôn được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa, được no nê bởi sự chiêm ngưỡng Thiên Chúa từ bên trong. Sống như vậy, ngài tỏa sáng như một ngôi sao rực rỡ và trở nên nổi tiếng với tất cả cư dân Palestine, vì "thành phố nằm trên đỉnh núi thì không thể che giấu được" (Mt 5:14). Một số người yêu mến đức hạnh đã đến với ngài, và họ chọn cuộc sống ẩn dật cùng ngài trong hang động thay vì cuộc sống thế tục đầy vui vẻ.

Ban đầu, vị thánh có bảy môn đệ. Biết rằng đối với những người mới bắt đầu sống theo đường lối của Chúa, không có gì hữu ích hơn là suy ngẫm về cái chết – điều được gọi là và được coi là sự khôn ngoan chân chính – vị thánh đã ra lệnh cho các môn đệ đào một ngôi mộ, để khi nhìn vào đó, họ học cách nhớ đến cái chết, như thể nó đang hiện ra trước mắt họ. Khi ngôi mộ đã sẵn sàng, vị thánh nhân đến xem và, đứng trên ngôi mộ, ngài nói với các đệ tử của mình, như thể mỉm cười, với đôi mắt tâm hồn nhìn thấu những điều sắp xảy ra:

– Này các con, ngôi mộ đã sẵn sàng; liệu trong số các con có ai sẵn sàng đón nhận cái chết để làm mới ngôi mộ này không?

Khi vị thánh nói xong, một trong những đệ tử đang đứng đó, tên là Vasily, vốn là một linh mục, lập tức, không chờ ai khác, quỳ xuống trước vị trưởng lão và, úp mặt xuống đất, xin được ban phước để chết và được chôn cất trong ngôi mộ đó.

– Xin cha ban phước, – anh ta nói, – để con làm mới ngôi mộ này, để con là người đầu tiên trong số các anh em đang học về cái chết, trở thành người đã khuất.

Vị tu sĩ cao niên đã chấp thuận lời thỉnh cầu của ông và ra lệnh cử hành lễ cầu nguyện cho Vasilii khi còn sống, như thể ông đã qua đời, theo luật lệ về việc cầu nguyện cho người đã khuất, vào ngày thứ ba, thứ chín và thứ bốn mươi. Khi tất cả các nghi thức tưởng niệm kết thúc, thánh Vasili cũng qua đời, không mắc bất kỳ bệnh tật nào; như thể chìm vào giấc ngủ ngọt ngào và an nghỉ, ngài đã về với Chúa. Sau bốn mươi ngày kể từ khi an táng ngài, vị tu sĩ cao niên đã thấy Vasili, người đã hiện ra giữa các tu sĩ trong giờ cầu nguyện và hát cùng với họ. Ông đã cầu nguyện với Chúa để mắt của những người khác cũng được mở ra, để họ cũng có thể nhìn thấy vị thánh hiện ra. Khi nhìn thấy ngài, một thành viên trong cộng đoàn tên là Aetius, vì quá vui mừng, đã vội vàng dang tay ra ôm ngài, nhưng vị thánh hiện ra lập tức biến mất và trở nên vô hình. Khi rời đi, ngài nói to cho mọi người nghe:

---

[909] Laura – (từ tiếng Hy Lạp, nghĩa là "một phần của thành phố, con hẻm") là một dãy các phòng tu sĩ, nằm trong khuôn viên bao quanh nơi ở của vị trụ trì, được bố trí theo hình thức các con hẻm trong thành phố. Từ thời cổ đại xa xưa, tên gọi "laura" đã được dùng để chỉ các tu viện đông đúc và quan trọng. Tên gọi này lần đầu tiên xuất hiện ở Ai Cập, sau đó lan sang Palestine.

[910] Nước luộc từ hạt ngũ cốc, đậu Hà Lan, đậu hoặc rau củ.

– Hãy cứu lấy mình đi, các cha và các anh em, hãy cứu lấy mình đi, còn tôi thì các vị sẽ không còn thấy tôi ở đây nữa!

Đó là bằng chứng đầu tiên về đức hạnh của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô – rằng ngài có một môn đệ như vậy, sẵn sàng hy sinh mạng sống theo lời dạy của ngài, và sau khi chết về thể xác, linh hồn ngài vẫn còn sống, theo lời Chúa trong Phúc Âm: "Ai tin vào Ta, dù có chết đi chăng nữa, cũng sẽ sống lại" (Ga 11:25). Còn những ân sủng kỳ diệu khác mà Thiên Chúa ban cho vị tu sĩ già này sẽ được thể hiện qua câu chuyện sau đây.

Lễ Phục Sinh của Chúa đang đến gần. Các môn đệ của vị thánh, lúc bấy giờ đã có mười hai người, đang buồn rầu vì họ chẳng có gì để ăn trong ngày lễ – chẳng có bánh mì, chẳng có dầu, cũng chẳng có gì để ăn, và hơn hết, họ buồn bã vì trong ngày lễ rực rỡ như vậy lại không thể cử hành Thánh lễ, bởi không có bánh thánh cũng như rượu nho để dâng lễ, khiến họ phải bỏ lỡ việc rước Mình Thánh Chúa. Họ đã thầm than phiền với nhau về vị thánh nhân. Còn ngài, với niềm tin vững chắc vào Thiên Chúa, đã ra lệnh cho các tu sĩ trang hoàng bàn thờ Thánh và đừng buồn rầu.

– Đấng ấy – ngài nói – – Đấng đã nuôi dưỡng dân Israel xưa kia trong sa mạc[911] và sau đó đã làm no lòng hàng ngàn người bằng những chiếc bánh nhỏ[912] , sẽ cũng chăm lo cho chúng ta: vì Ngài không hề suy yếu về quyền năng so với trước đây, cũng không giảm bớt lòng nhiệt thành trong việc chăm lo cho thế gian, nhưng Ngài là Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Vĩnh Cửu.

Và thế là, với niềm hy vọng, vị tu sĩ nói – và ngay lập tức những lời của ngài đã trở thành sự thật. Giống như trong thời cổ đại, Áp-ra-ham đã thấy một con cừu xuất hiện trong bụi rậm, sẵn sàng để dâng làm của lễ (Sáng Thế Ký 22:13), thì vị tu sĩ đáng kính này, nhờ sự an bài của Đức Chúa Trời, cũng đã có đủ mọi thứ cần thiết. Khi mặt trời lặn, có một người yêu mến Chúa đến hang động của họ, mang theo từ nhà mình trên hai con lừa nhiều loại thức ăn dành cho những người tu hành trong sa mạc, ngoài ra còn có bánh thánh và rượu để cử hành các Bí tích Thánh. Thấy vậy, các môn đệ của vị thánh nhân vui mừng và nhận ra ân sủng mà vị trưởng lão của họ đã được Chúa ban cho. Họ hân hoan cử hành Lễ Phục Sinh, và thức ăn mang đến đủ cho họ suốt mùa Lễ Ngũ Tuần. Sau đó, thức ăn lại cạn kiệt, và các tu sĩ, bị cơn đói hành hạ, lại rơi vào cảnh buồn rầu. Vào thời điểm đó, có một người giàu có thường làm nhiều việc từ thiện cho tất cả các tu viện ở Palestine – chỉ có duy nhất tu viện của Thánh Theodosius, nằm trong hang động, là không nhận được sự giúp đỡ, vì ông ta không biết đến tu viện này. Các tu sĩ đã nài nỉ vị tu viện trưởng hãy cho vị ân nhân này biết về họ và về tu viện, để cũng như các tu viện khác, họ có thể nhận được sự bố thí từ ông nhằm trang trải sinh hoạt. Thánh Theodosius, vốn không hề mong muốn được ai trong thế gian biết đến và không trông cậy vào con người, mà chỉ trông cậy vào Đức Chúa Trời, Đấng mở rộng bàn tay và ban sự no đủ cho mọi loài sống theo ý muốn của Ngài (Thi Thiên 144:16), đã an ủi các môn đệ của mình và dạy dỗ họ, để họ kiên nhẫn chờ đợi ân sủng của Đức Chúa Trời, đặt niềm tin vào Đấng, Đấng làm no lòng mọi linh hồn đang đói khát: nếu Ngài ban thức ăn cho súc vật không biết nói và cho chim non của quạ, những loài kêu cầu Ngài (Thánh vịnh 146:9), thì càng không thể nào Ngài lại tước đoạt thức ăn cần thiết khỏi loài người có lý trí và biết nói. Khi vị thánh đang an ủi các anh em đang nản lòng như vậy, có một người đến với họ, dắt theo một con lừa chở đầy lương thực. Người ấy không đi đến hang động của Thánh Theodosius, mà đang vận chuyển lương thực để phân phát ở một nơi nào đó khác. Khi người ấy đến gần hang động và định đi qua, con lừa bỗng dừng lại và không chịu di chuyển thêm bước nào; thậm chí sau khi bị chủ đánh đập nhiều lần, nó vẫn đứng im tại chỗ, cứng đờ như tảng đá. Người đàn ông ấy, nhận ra rằng con lừa của mình bị giữ lại và đứng im bởi ý muốn của Đức Chúa Trời và một sức mạnh vô hình, đã nới lỏng dây cương và để nó đi theo ý muốn của nó. Con ngựa, như thể được một bàn tay vô hình dẫn dắt, đi thẳng đến tu viện của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, nằm trong hang động, và người đàn ông ấy, khi nhận ra ân sủng của Chúa và sự quan phòng của Ngài đối với các tôi tớ của Ngài, đã dâng hết mọi vật dụng cho vị tu sĩ cao niên và các môn đệ của ngài. Và kể từ đó, các môn đệ của vị thánh không còn nhút nhát nữa, mà cố gắng trở thành những người nhiệt thành bảo vệ đức tin vững chắc và niềm hy vọng của vị cha thánh vào Đức Chúa Trời.

Số lượng các tu sĩ ngày càng tăng lên, bởi vì những nguồn ân sủng mà vị Thánh Cha tràn đầy đã thu hút nhiều linh hồn yêu mến đức hạnh, những người có thể được gọi là "những con nai khôn ngoan khao khát nước

---

[911] Ở đây, tất nhiên, chủ yếu đề cập đến manna, thức ăn kỳ diệu mà Chúa đã ban cho dân Do Thái trong thời gian họ lang thang trong sa mạc, trên đường đến Đất Hứa (Xuất Ê-díp-tô Ký 16).

[912] Tất nhiên, còn có phép lạ Chúa Giê-su Christ dùng năm chiếc bánh để nuôi hơn năm nghìn người (Ma-thi-ơ 14:15–21) và dùng bảy chiếc bánh để nuôi hơn bốn nghìn người (Ma-thi-ơ 15:32–38).

thiêng liêng" (Thánh Vịnh 41:2), trong đó có không ít người có địa vị và giàu có đến để sống cùng vị Thánh. Hang động trở nên chật chội để chứa đựng một số lượng người lớn như vậy. Khi đến gặp vị thánh, các tu sĩ bắt đầu làm phiền ngài bằng những lời thỉnh cầu, mong ngài thành lập một tu viện gần hang động và dựng lên một hàng rào rộng lớn cho "bầy chiên của Lời".

– Xin cha đừng lo lắng – họ nói – về kinh phí xây dựng tu viện; chỉ cần cha ra lệnh, – thì sức lực của chúng con sẽ đủ để hoàn thành công việc này.

Thánh nhân, thấy mình được kêu gọi làm mục tử cho một đàn chiên rất đông đảo, và sự im lặng của ngài bị phá vỡ, đã bối rối bởi những suy nghĩ khác nhau – lúc thì không muốn từ bỏ sự im lặng, như một người mẹ chân thành, lúc thì coi việc chăm lo cho các tu sĩ là việc không hề nhỏ, vì con người không chỉ sống cho riêng mình, mà còn vì người lân cận nhiều hơn nữa – như chính Chúa Kitô, Đấng đã quy tụ các môn đệ, trở thành Mục tử của đàn chiên bằng lời, và đã hiến dâng linh hồn Ngài vì họ. Suy ngẫm về điều này, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô bối rối không biết nên chọn điều gì: sự im lặng hay việc chăm lo cho sự cứu rỗi của anh em, và tâm trí ngài lúc nghiêng về điều này, lúc lại nghiêng về điều kia. Vậy vị thánh hạnh phúc này đã làm gì? Ngài phó thác tất cả cho Thiên Chúa, Đấng có thể kết hợp cả hai điều đó vì một lợi ích duy nhất, để không mất đi thành quả của sự im lặng và cũng không bị tước mất phần thưởng vì sự lãnh đạo và chăm sóc anh em; vì cuộc sống của tu sĩ không được củng cố nhờ sự cô lập về thể xác, mà nhờ sự kiên định trong việc làm lành và sự bình an trong lòng. Vị thánh còn ghi nhớ lời tiên tri của Thánh Simeon Cột, người đã tiên đoán rằng ngài sẽ chăn dắt những con chiên bằng lời nói. Tuy nhiên, ngài phó thác công việc mà ngài đã nhận lãnh cho ý muốn của Thiên Chúa và cầu nguyện cùng Ngài, xin Ngài cho biết nếu Ngài muốn thành lập tu viện, và chỉ dẫn bằng một dấu hiệu kỳ diệu nơi mà nền móng của tu viện nên được đặt. Ông cầm lư hương, đổ than lạnh vào đó, đặt hương vào mà không đốt, rồi đi vào sa mạc, cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Đấng đã củng cố lòng tin của dân Y-sơ-ra-ên bằng nhiều phép lạ vĩ đại và đã thuyết phục vị tôi tớ trung thành của Ngài là Môi-se, qua những dấu hiệu khác nhau, để ông nhận lấy gánh nặng lãnh đạo dân Ngài; Đấng đã biến cây gậy thành con rắn và biến cánh tay lành lặn thành cánh tay bị bệnh hủi trắng bệch, rồi sau đó lại làm cho nó lành lặn trở lại (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:3, 6:7); Đấng đã biến nước thành máu và dễ dàng biến máu trở lại thành nước (Xuất Ê-díp-tô Ký 7:20); Đấng đã ban cho Gê-đê-ôn dấu hiệu chiến thắng trên tấm da cừu (Các Quan Xét 6:37–38), Đấng Tạo Hóa của vạn vật và Đấng Toàn Năng; Đấng đã chỉ cho Ê-xê-chi-ên sự kéo dài cuộc đời bằng cái bóng lùi ngược lại trên các bậc thang (2 Vua 20:1–11; Ê-sai 38:7–8); Đấng đã nghe lời cầu nguyện của Ê-li và sai lửa từ trời xuống để khiến những kẻ gian ác ăn năn, và lửa ấy đã thiêu rụi củi, của lễ, đá và nước (3 Vua 18:38) Ngài vẫn là cùng một Đức Chúa Trời cho đến ngày nay, xin hãy nghe con, tôi tớ của Ngài, và chỉ cho con nơi nào Ngài ưng ý, để con có thể xây dựng đền thờ thánh cho Quyền Năng của Ngài và lập nơi ở cho các tôi tớ của Ngài, tức là các môn đệ của con. Xin chỉ cho con nơi đó, nơi mà Ngài sẽ khiến những than hồng này tự bùng cháy lên, để tôn vinh danh Ngài, để nhiều người nhận biết và rao giảng lẽ thật.

Trong khi cầu nguyện những lời này và những điều tương tự, ông đi thăm những nơi có vẻ thích hợp nhất để xây dựng tu viện. Ông đi sâu vào sa mạc và với những than hồng vẫn không cháy và lạnh lẽo trong lư hương, ông đã đến một nơi gọi là Kutilla, và bờ hồ Smolyanoye[913] . Khi thấy những than hồng vẫn không cháy và mong muốn của mình không thành hiện thực, ông quyết định quay trở lại hang động. Khi ngài đang trên đường trở về, và hang động đã ở rất gần (Ôi, ai có thể ca ngợi xứng đáng quyền năng của Ngài, hỡi Vua Bất Tử!), bỗng nhiên từ lư hương bốc lên làn khói thơm ngát, vì những than hồng đã bùng cháy dữ dội. Vị thánh nhận ra rằng đây chính là nơi, theo ý muốn của Thiên Chúa, một tu viện sẽ được xây dựng, được đánh dấu một cách kỳ diệu không phải bằng lời nói, mà bằng ngọn lửa. Các môn đệ của vị thánh lập tức bắt tay vào việc: sau khi đặt nền móng, họ xây dựng nhà thờ, các phòng tu và hàng rào, và chẳng bao lâu sau, nhờ ơn Chúa Toàn Năng, họ đã hoàn thành một tu viện rộng rãi.

Tu viện của Thánh Theodosius trở nên nổi tiếng và vinh quang, và tại đó đã được thiết lập một cộng đồng tu sĩ. Chúa đã ban cho tu viện này mọi sự dư dật, để những ai sống ở đó không chỉ được làm giàu bằng những của cải thiêng liêng từ những việc lành, mà còn không thiếu thốn những nhu cầu thiết yếu cho thân xác. Và không chỉ các tu sĩ, mà cả giáo dân, những người lữ hành và khách lạ, những người nghèo khó và khốn cùng, những người bệnh tật và yếu đuối, đều tìm thấy sự an ủi tại đó. Bởi vì Thánh Phê-ô-đô-xi-ô là người nhân từ, yêu thương con người và đầy lòng thương xót, trở thành người cha đầy lòng trắc ẩn đối với mọi người, người bạn thân thiện đối với tất cả,

[913] Đó là tên gọi của một phần sa mạc ở bờ tây Biển Chết, nơi đây được gọi là Biển Nhựa hoặc Biển Asphalt.

người tôi tớ và người phục vụ tận tụy đối với mọi người, rửa sạch vết loét và vảy mủ của người bệnh, lau chùi máu, băng bó vết thương bằng chính đôi tay mình và cung cấp cho họ mọi sự giúp đỡ cần thiết. Ngài cũng thể hiện tình yêu thương vĩ đại đối với những người đến từ khắp nơi, chiêu đãi họ, an ủi và cung cấp mọi thứ cần thiết. Vị Thánh là nơi nương tựa chung, là phòng khám chung, là ngôi nhà chung, là bữa tiệc chung, là kho báu chung cho những người ốm đau, đói khát, thiếu thốn và lữ hành; tất cả đều được an ủi bởi tình yêu, lòng thương xót và sự hào phóng của ngài, và ngài không khinh miệt ai cả. Những người phục vụ trong tu viện tại bữa ăn đã nhận thấy rằng đôi khi trong một ngày phải dọn ra tới một trăm bữa ăn cho những người đến thăm, những người lữ hành và những người ăn xin: vị tu sĩ đáng kính ấy quả thực rất yêu thương con người và hiếu khách. Đức Chúa Trời, Đấng chính là Tình Yêu (1 Giăng 4:8), khi thấy tình yêu thương của vị thánh nhân dành cho người lân cận, đã ban phước cho tu viện của ngài, đến nỗi ngay cả một lượng thức ăn ít ỏi cũng được nhân lên một cách kỳ diệu trong đó và làm no lòng vô số người.

Một lần nọ, tại Palestine xảy ra nạn đói, và vô số người ăn xin cùng những người nghèo khổ từ khắp nơi đã tụ tập trước cổng tu viện vào Tuần Lễ Hoa, để nhận phần bố thí thường lệ. Các môn đệ lo lắng vì không có đủ thức ăn để phân phát cho số người xin ăn đông đảo như vậy, và họ đã nói điều này với vị thánh. Ngài, sau khi nhìn họ với ánh mắt nghiêm khắc, đã quở trách họ vì sự thiếu lòng tin và nói:

– Mau mở cổng ra để tất cả đều vào!

Những người ăn xin và người nghèo khó, sau khi vào trong, ngồi thành hàng.

Vị thánh nhân ra lệnh cho các môn đệ phát bánh mì cho họ; các môn đệ đi đến lò bánh với lòng buồn bã, không hy vọng tìm thấy gì, nhưng khi mở cửa lò bánh ra, họ thấy rằng nó đầy ắp bánh mì, vì bàn tay của Đấng Tạo Hóa muôn loài – Thiên Chúa – đã làm đầy nó, vì lòng tin của tôi tớ Ngài. Các tu sĩ đã ngợi khen Đức Chúa Trời vì phép lạ này và kinh ngạc trước lòng tin cậy lớn lao vào Đức Chúa Trời của vị Thầy mình.

Một lần khác, vào lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, có rất nhiều người đến tu viện, thức ăn lại quá ít để chiêu đãi đám đông lớn như vậy, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, sau khi ngước mắt lên trời và ban phước cho vài ổ bánh nhỏ, đã ra lệnh dâng chúng lên, và dân chúng được no nê, vì Đức Chúa Trời đã làm cho những ổ bánh ấy nhân lên, giống như xưa kia – năm ổ bánh (Mt. 14:21; Lc 9:14); đến nỗi mỗi người còn lấy theo cho mình bao nhiêu tùy ý để dùng dọc đường. Các tu sĩ đã thu gom những mẩu bánh còn lại, chất đầy vào nhiều giỏ, phơi khô dưới nắng, và dùng làm thức ăn trong một thời gian khá dài. Và đã nhiều lần, một đám đông khổng lồ tụ tập tại tu viện, đến nỗi dường như ngay cả các giếng nước cũng không đủ để cung cấp nước uống cho số người đông đảo như vậy; tuy nhiên, bàn tay không bao giờ cạn kiệt của Đấng Nuôi Dưỡng muôn loài – Thiên Chúa – đã làm cho tất cả đều no nê.

Vị Thánh đã thành lập nhiều nhà trọ và các bệnh viện khác nhau, trong đó có một nơi đặc biệt dành cho các vị lãnh đạo và những người đã già yếu vì lao động. Ngoài ra, ngài còn đến thăm những người đang sống trên núi và trong hang động, chăm sóc và lo lắng cho họ bằng cả trái tim, như người cha đối với con cái. Ngài cung cấp cho họ mọi thứ cần thiết cho cả thân xác lẫn tâm hồn, đồng thời dạy dỗ và hướng dẫn họ, giải thoát nhiều người khỏi sự cám dỗ của Satan.

Vì trong tu viện của ngài, các tu sĩ không chỉ thuộc một dân tộc hay nói một ngôn ngữ duy nhất, mà đến từ nhiều dân tộc và ngôn ngữ khác nhau, nên ngài đã xây dựng thêm các nhà thờ khác, nơi mỗi dân tộc có thể ca ngợi Thiên Chúa bằng ngôn ngữ của mình. Ví dụ, tại nhà thờ lớn Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội – người Hy Lạp[914] , tại nhà thờ khác – người Iberia[915] , tại nhà thờ thứ ba – người Armenia[916] – họ hát các bài thánh ca theo nghi thức nhà thờ bằng ngôn ngữ của mình, bảy lần mỗi ngày, theo quy định của Thánh Đavít: "Bảy lần mỗi ngày," ngài nói, "con ngợi khen Ngài" (Thánh Vịnh 118:164); Có một nhà thờ riêng dành cho những người bệnh. Vào lúc rước Mình Thánh Chúa, toàn thể anh em từ các nhà thờ khác nhau đều tập trung về một nhà thờ lớn, nơi các tu sĩ Hy Lạp hát thánh ca, và tất cả cùng rước lễ. Tổng số các tu sĩ, những người con tinh thần của vị cha thánh, những người mà ngài đã làm sống lại về mặt tâm linh, nuôi dưỡng bằng sự dạy dỗ của người cha và hướng dẫn đến đức hạnh, là sáu trăm chín mươi ba người. Nhiều người trong số họ đã trở thành các vị mục tử tại các tu viện khác, sau khi học được cách quản lý tốt từ Thánh Theodosius, người tràn đầy sự khôn ngoan và trí tuệ tâm linh; Ngài chăn dắt đàn chiên

---

[914] Người Hy Lạp – một dân tộc từ thuở xa xưa đã chiếm phần lớn bán đảo Balkan ngày nay và các hòn đảo lân cận; vào thời kỳ Kitô giáo, họ luôn sinh sống với số lượng đáng kể tại Đất Thánh.

[915] Người Iberia, tức là những người gốc từ Iberia, nay là Gruzia.

[916] Người Armenia sống lân cận với Đất Thánh. Về cơ bản, Armenia giáp ranh ở phía bắc với Colchis, Iberia và Alabania, ở phía tây với Tiểu Á, ở phía nam với Mesopotamia, ở phía đông nam và phía đông với Media và Syria.

của mình, không dùng gậy để trừng phạt, mà giáo dục bằng lời nói – những lời thấm đẫm muối[917] , lay động tâm hồn, thấm sâu vào tận cùng những rung động nội tâm; cùng với lời nói, ngài còn dạy dỗ bằng hành động, tự mình trở thành gương mẫu cho đàn chiên. Vì thế, ngay cả khi dịu dàng khuyên răn ai đó, ngài vẫn khiến nhiều người e sợ, và khi quở trách ai đó, ngài lại tỏ ra thân thiện và lịch thiệp. Điều đáng ngạc nhiên ở ngài là, dù không được học hỏi sự khôn ngoan trần thế và không am hiểu các sách Hy Lạp, ngài vẫn trình bày các bài giảng một cách chi tiết đến mức không ai trong số những người đã dành cả đời nghiên cứu sách vở và thành thạo nghệ thuật hùng biện có thể sánh kịp. Bởi vì ngài giảng dạy không phải từ sự khôn ngoan của loài người, mà từ ân sủng của Thánh Thần, Đấng thầm thì với ngài như với một Giê-rê-mi khác: "Ta đã đặt lời Ta vào miệng ngươi" (Giê-rê-mi 1:9). Và vị thánh này còn nói nhiều điều bổ ích cho tâm hồn, có điều xuất phát từ chính ngài, có điều trích từ những lời dạy của các Tông đồ, những di huấn của các vị Thánh Tổ và những lời khuyên về việc ăn chay của Thánh Basil Đại Đế, người mà ngài noi gương và đặc biệt yêu mến những tác phẩm đầy sự khôn ngoan của Thiên Chúa. Trong số nhiều bài giảng vĩ đại của ngài, chúng ta nên ghi nhớ bài giảng ngắn sau đây:

"Tôi khẩn khoản nài xin anh em, vì tình yêu của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng đã hiến dâng chính mình vì tội lỗi chúng ta, hãy cùng nhau lo lắng cho linh hồn mình, hãy ăn năn về sự hư vô của cuộc đời đã qua và hãy nỗ lực vì tương lai, để tôn vinh Thiên Chúa và Con của Ngài; chúng ta đừng chìm đắm trong sự lười biếng và sự buông thả hiện tại, đừng để ngày hôm nay trôi qua trong u sầu và hoãn việc làm điều thiện sang ngày mai, để chúng ta không phải đứng trước Đấng Phán Xét linh hồn mình mà không có việc lành nào, không bị đuổi khỏi cung điện của niềm vui, không phải khóc than vô ích và tuyệt vọng vì đã sống một cuộc đời vô ích, khóc lóc vào lúc mà sự hối cải đã chẳng còn ích lợi gì nữa: bây giờ là thời điểm thuận lợi, bây giờ là ngày cứu rỗi. Thế giới hiện tại là thời kỳ của sự ăn năn, còn thế giới tương lai là thời kỳ của sự báo đáp; thế giới này là để làm việc, còn thế giới kia là để nhận phần thưởng; thế giới này là để chịu đựng, còn thế giới kia là để được an ủi. Hiện nay, Đức Chúa Trời là Đấng Cứu giúp cho những ai quay lưng lại với con đường gian ác, còn sau này Ngài sẽ là Đấng Phán xét đáng sợ đối với mọi việc làm, lời nói và ý nghĩ của loài người, không có gì có thể trốn tránh được Ngài. Hiện nay chúng ta được hưởng sự nhẫn nại của Ngài, còn sau này chúng ta sẽ nhận biết sự công bình của Ngài, khi một số người sẽ sống lại để chịu hình phạt đời đời, số khác để hưởng sự sống đời đời, và mỗi người sẽ nhận phần thưởng xứng đáng với việc làm của mình. Chúng ta còn chần chừ bao lâu nữa mới vâng phục Đấng Christ, Đấng đang kêu gọi chúng ta vào Nước Trời của Ngài? Đã đến lúc chúng ta phải tỉnh ngộ chưa? Chẳng phải đã đến lúc chúng ta phải từ bỏ cuộc sống phù phiếm để hướng về sự hoàn hảo theo Phúc Âm sao? Chúng ta sẽ nhìn nhận ngày phán xét kinh hoàng và đáng sợ của Chúa như thế nào, khi những ai đứng bên hữu[918] của Đức Chúa Trời và gần gũi với Ngài nhờ những việc lành sẽ được Nước Trời đón nhận, còn những ai đứng bên hữu[919] , bị loại trừ vì thiếu việc lành, sẽ bị giấu đi trong hỏa ngục, bóng tối vĩnh cửu và tiếng nghiến răng? Chúng ta nói rằng mình mong muốn Nước Trời, nhưng lại không quan tâm đến việc làm thế nào để đạt được nó. Không chịu bỏ chút công sức nào để tuân giữ các điều răn của Chúa, chúng ta lại hy vọng, theo sự hão huyền của tâm trí mình, sẽ được vinh quang ngang hàng với những người đã chiến đấu chống lại tội lỗi cho đến chết".

Khi giảng dạy các môn đệ như vậy, vị thánh nhân đã khích lệ họ hết lòng vì sự cứu rỗi. Dù ngài luôn hiền lành trong mọi việc, nhưng mỗi khi sự thánh thiện bị xâm phạm, ngài lại trở nên như ngọn lửa thiêu đốt, như chiếc rìu chém đứt, hay như vũ khí chiến tranh không thể chống lại.

Vào thời đó, Hoàng đế Anastasius[920] đang trị vì, người đã kế thừa ngai vàng sau Leo Đại đế[921] và Zeno[922] . Ban đầu, triều đại của ông dường như là một thiên đường ngọt ngào, nhưng sau đó lại trở thành một cánh đồng diệt vong. Ông đã trở nên giống như những người chăn chiên làm lạc mất và hủy hoại đàn chiên của mình, rồi cho chúng uống nước đục; vì ông đã sa vào tà thuyết của Eutyches và Severus "không đầu"[923] và gây rối loạn cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời bằng tà thuyết đó, bác bỏ Công đồng Chung Thứ Tư tại Chalcedon của các Thánh Phụ,

---

[917] Tức là bằng lời nói khôn ngoan, đầy tính răn dạy (Cô-lô-se 4:6).
[918] Tức là bên phải (Mt 25:34).
[919] Tức là bên trái (Mt 25:41).
[920] Anastasius I, Dikor, hay người Thrace, trị vì từ năm 491 đến năm 518.
[921] Trị vì từ năm 457 đến năm 474.
[922] Trị vì từ năm 474 đến năm 491.
[923] Những người Không Đầu (tiếng Hy Lạp: akephaloi) – những kẻ dị giáo thế kỷ VI, là các tín đồ của Severus của Alexandria. Họ không công nhận các giám mục, linh mục hay các bí tích, và là phe cực đoan của phái Monophysite.

trục xuất các giám mục Chính Thống khỏi ngai tòa của họ, và đặt những kẻ tà giáo vào vị trí của họ, và lôi kéo nhiều tín hữu Chính Thống giáo đồng thuận với mình – một số bằng đe dọa, số khác bằng vinh dự và quà tặng. Hắn đã dám dùng mưu mô nịnh hót xảo quyệt của mình để đụng chạm đến cột trụ vững chắc trong đức tin này, đó là vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Nỗ lực dụ dỗ đó thể hiện qua việc ông ta gửi cho vị thánh cha ba mươi lít[924] vàng – như thể để lo miếng ăn và áo quần cho người nghèo cùng những nhu cầu của người bệnh, nhưng thực chất là nhằm lấy lòng vị thánh cha, người mà cả Palestine đều lắng nghe và tuân theo sự khôn ngoan cùng lời khuyên của ngài. Vị Thánh Cha vĩ đại, thấu hiểu sự xảo trá của nhà vua, giống như một con đại bàng bay lượn trên mây, cao xa và không thể với tới, người mà chính Ngài có thể dễ dàng bắt được kẻ đang săn lùng mình. Ngài không từ chối số vàng được gửi đến, để không tỏ ra khinh thường đức tin của nhà vua một cách thiếu suy xét và không tạo cớ khiến nhà vua phẫn nộ; đồng thời, qua việc bố thí bằng số vàng đó, ngài mong cầu ơn lành từ Thiên Chúa cho nhà vua, để dẫn dắt ông ta vào con đường chân chính. Nhưng việc bố thí đó không mang lại kết quả nào, bởi vì số vàng đó không được gửi đến một cách chân thành, mà là với sự gian trá. Nhà vua đã nuôi hy vọng tìm thấy ở Theodosius một người đồng chí hướng, vì ngài đã nhận số vàng đó; nhưng hy vọng của ông đã tan thành mây khói.

Đã đến lúc nhà vua, qua các sứ giả của mình, bắt đầu yêu cầu vị thánh nhân tuyên xưng đức tin mà ông mong đợi, cụ thể là đức tin phù hợp với giáo lý của Eutyches và Severus. Vị thánh, sau khi tập hợp tất cả các ẩn sĩ, đã kiên quyết đứng lên, như một người đàn ông mạnh mẽ và thủ lĩnh của đạo quân thiêng liêng, chống lại sự mê tín dị đoan của tà giáo, còn với nhà vua, ngài đã trả lời bằng bức thư sau đây:

"Thưa Hoàng đế! Khi chúng tôi phải đối mặt với một trong hai lựa chọn: hoặc sống một cách bất chính, mất đi tự do khi theo những kẻ không có người lãnh đạo, hoặc chết một cách chính trực, tuân theo các tín điều chân chính của các vị Thánh Tổ – thì xin ngài hãy biết rằng chúng tôi chọn cái chết, vì chúng tôi không chấp nhận các tín điều mới, mà tuân theo các luật lệ của các vị Thánh Tổ đã sống trước đây. Còn những ai khẳng định điều gì khác ngoài điều này, chúng tôi sẽ từ chối một cách thánh thiện và nguyền rủa họ, và sẽ không chấp nhận bất kỳ ai được những kẻ không có người đứng đầu phong chức dưới sự ép buộc. Xin đừng để điều này xảy ra với chúng con, lạy Chúa Kitô, Vua của chúng con! Nếu có bất cứ điều gì tương tự xảy ra, thì, kêu cầu Đức Chúa Trời – Đấng hiện đang bị họ phỉ báng – làm chứng cho lẽ thật, chúng tôi sẽ chống lại cho đến chết. Vì tổ quốc cũng như vì Chính Thống Giáo, chúng tôi sẽ vui lòng hiến dâng linh hồn mình – ngay cả trong trường hợp chúng tôi thấy những thánh địa này bị thiêu rụi trong lửa. Vì lẽ nào chỉ cần cái tên gọi là "những nơi thánh" mà thôi, nếu trên thực tế nơi thánh này lại phải chịu sự lăng mạ từ những kẻ dị giáo? Chúng ta tuyệt đối không dám, không chỉ nói ra, mà ngay cả nghĩ đến bất cứ điều gì trái với các Công đồng Toàn cầu Thánh. Công đồng đầu tiên được tôn vinh bởi ba trăm mười tám vị Thánh Phụ, những người đã tụ họp tại Arius[925] và, sau khi tuyên bố kẻ đáng nguyền rủa đó bị vạ tuyệt thông, đã cắt đứt hắn khỏi thân thể Giáo Hội; vì hắn đã tách Con ra khỏi bản thể của Cha – theo bản chất – và đưa ra những giáo lý sai lầm. Công đồng thứ hai, theo sự hướng dẫn của Thiên Chúa, đã tụ họp tại Constantinople để đối phó với Macedonia, kẻ đã phỉ báng Thánh Thần. Công đồng thứ ba đã long trọng họp tại Ê-phê-sô[926] để đối phó với Nê-stô-ri-ô, kẻ nói năng báng bổ và vô đạo, đã phỉ báng xác thịt của Đấng Christ[927] được nhận từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm. Sau đó, có công đồng gồm sáu trăm ba mươi vị Thánh Phụ tại Halcidôn, những người đã tuyên bố phù hợp với các công đồng đầu tiên và giải thích những điều họ đã nói. Họ đã loại trừ Eutyches, kẻ đáng nguyền rủa và gian ác, cùng với Dioscorus, khỏi thân thể thánh thiêng của Giáo Hội, đồng thời xác nhận đức tin tông đồ; còn bất kỳ ai có tư tưởng trái ngược với đức tin ấy đều bị khai trừ khỏi Giáo Hội của Chúa Kitô. Vì chống lại các công đồng này, xin ngọn lửa thiêu đốt chúng tôi, xin thanh gươm sắc bén chém vào chúng tôi, xin cái chết khủng khiếp nhất

---

[924] Litra – một pound, đơn vị đo lường trọng lượng tương đương 72 zolotnik; giá trị của nó lên đến 42 rúp đối với bạc và 506 rúp đối với vàng.

[925] Công đồng Đại kết lần thứ nhất (Nicaea) diễn ra vào năm 325.

[926] Ê-phê-sô – thành phố nổi tiếng của Lydia (ở phía tây Tiểu Á), được coi là thủ đô của toàn bộ Tiểu Á. Trong một thời gian dài, đây là nơi cư ngụ của Thánh Tông đồ Gioan Thần Học. Công đồng Đại kết lần thứ III được tổ chức tại đây vào năm 431.

[927] Nestorius, cựu Tổng Giám mục Constantinopolis (từ năm 428 đến năm 431), theo gương Diodorus, Giám mục Tarsus, và Theodorus, Giám mục Mopsuestia, đã xuyên tạc giáo lý chính thống về sự kết hợp của hai bản tính trong Đức Giêsu Kitô. Ông dạy rằng Đấng được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria không phải là Đấng Thiên Chúa-Con Người, mà chỉ là một con người. Ngài được cho là đã sinh ra theo cách tự nhiên và hơn nữa, không miễn nhiễm với những đam mê và khuyết điểm. Theo giáo lý này, bản tính Thiên Chúa dường như chỉ kết hợp với con người Giêsu sau đó, khi Ngài đã hoàn toàn được củng cố trong sự thiện.

giáng xuống chúng tôi, và thậm chí, nếu có thể, thay vì chỉ một lần, xin cái chết giáng xuống chúng tôi vô số lần. Còn chúng tôi, trong bất kỳ trường hợp nào cũng sẽ không từ bỏ sự sùng kính chân chính và sẽ không làm ô uế bằng cách từ chối những gì các vị tổ phụ đã dũng cảm tiếp nhận. Hãy để mồ hôi và những công lao vĩ đại mà các ngài đã chịu đựng vì đức tin làm chứng cho điều này; nhưng điều này sẽ được chúng tôi và những ai coi là điều tốt lành khi noi theo Thiên Chúa và chúng tôi, gìn giữ một cách vững chắc và bất biến. Còn sự bình an của Đức Chúa Trời, vượt quá mọi sự hiểu biết (xem Phil. 4:7), xin hãy là Đấng bảo vệ và hướng dẫn vương quốc của ngài."

Qua bức thư này, vị tu sĩ đã rõ ràng thể hiện lòng nhiệt thành vĩ đại của mình đối với sự đạo đức. Sau khi đọc nó, nhà vua cảm thấy hổ thẹn và phần nào khiêm nhường lại, đồng thời tạm thời chấm dứt việc đàn áp những người Chính Thống Giáo trong vương quốc của mình. Ông đã viết thư trả lời vị tu sĩ với thái độ khiêm nhường, đồng thời đổ lỗi cho những người khác về sự hỗn loạn trong Giáo hội.

"Người của Chúa," ông viết, "chúng tôi không có lỗi trong sự đổi mới này. Chúng tôi mạnh dạn kêu gọi con mắt toàn tri của Chúa làm chứng: sự hỗn loạn này xuất phát từ những kẻ lẽ ra phải tôn kính các tín điều và các công đồng trong sự im lặng hơn bất kỳ ai khác. Còn họ thì ai nấy đều muốn tỏ ra cao hơn người khác về lời nói và phẩm giá, tấn công lẫn nhau và lôi kéo chúng tôi về phía họ. Ngài hẳn đã biết rằng một số tu sĩ và giáo sĩ, tự cho mình là những người có tư tưởng chính thống, đã gây ra những cám dỗ này, cố gắng, như chúng tôi đã nói, để thể hiện sự vượt trội của mình."

Tuy nhiên, nhà vua chỉ khiêm nhường trong một thời gian ngắn và sau một khoảng thời gian, ông lại nổi dậy chống lại Chính Thống Giáo. Và một lần nữa, khắp mọi nơi, ngay cả tại thánh thành Giê-ru-sa-lem, các sắc lệnh của nhà vua bác bỏ các công đồng thánh, đặc biệt là Công đồng Chalcedon, đã được công bố. Một lần nữa, vị chiến binh thiêng liêng, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, dù đã cao tuổi, lại thể hiện một hành động dũng cảm như thời thanh niên. Khi mọi người đều im lặng vì sợ hãi và rất nhiều người tỏ ra đồng tình, vị thánh đã từ tu viện của mình đến Jerusalem, rồi đứng trên bục cao trong Nhà thờ Lớn Jerusalem – nơi mà thông thường các linh mục đọc các bài đọc cho dân chúng – và sau khi ra hiệu im lặng bằng tay, ngài đã lớn tiếng tuyên bố:

– Ai không tôn kính bốn Công đồng Đại kết, cũng như bốn Phúc Âm, thì sẽ bị vạ tuyệt thông!

Nói xong, ngài, như một Thiên thần, đã làm cho dân chúng kinh ngạc, và không một ai trong số những kẻ chống đối dám phản đối điều gì. Sau đó, ngài triệu tập những môn đệ nhiệt thành nhất với đức tin, cùng họ đi khắp các thành phố và làng mạc lân cận, xóa bỏ những mê tín dị đoan và củng cố lòng sùng đạo. Nhà vua, khi nghe tin này, đã kết án ngài lưu đày – tên khốn kiếp ấy không biết rằng cái chết đã đứng ngay trước cửa nhà mình. Vị thánh nhân bị lưu đày, còn vua Anastasius chẳng bao lâu sau đã qua đời, sau đó vị chứng nhân của Đấng Christ là Theodosius cùng với những người khác, những người đã phải chịu lưu đày vì Đức Tin Chính Thống, đã ngay lập tức trở về tu viện của mình. Felix, Giám mục của Rôma cổ đại[928] , cũng như Ephrem, Giám mục Antioch[929] , đã viết thư cho ngài, ca ngợi vị thánh này bằng nhiều lời khen ngợi vì ngài đã thể hiện lòng nhiệt thành như vậy – chịu lưu đày vì đức tin chân chính và sẵn sàng đón nhận cái chết. Nhưng đã đến lúc chúng ta chuyển sang kể về những phép lạ của vị thánh.

Vào thời điểm sắc lệnh độc ác của vua Anastasius được công bố tại thành thánh Giê-ru-sa-lem, tất cả các vị tu sĩ từ các tu viện ở Palestine đã được tập hợp lại vì lý do này, và Thánh Theodosius, như chúng ta đã nói, cũng đã đến đó cùng các môn đệ của ngài. Và toàn bộ hội đồng này diễn ra tại một địa điểm có tên là Ierafion[930] . Nơi này chính là tòa thánh do Hoàng đế Constantine Đại đế xây dựng, nơi hàng năm diễn ra lễ tôn vinh Thánh Giá của Chúa.

Vào thời điểm đó, có một người phụ nữ mắc bệnh ở ngực, mà các bác sĩ gọi là "cancrum"[931] , đã chịu đựng đau đớn trong một thời gian dài mà không nhận được sự giảm nhẹ nào từ các bác sĩ, đã đến đó và đứng trong tình trạng kiệt sức, gần hình ảnh các vị thánh tổ. Bà tiến lại gần một trong số các vị (đó là Thánh Isidore, người sau này trở thành Bề trên tu viện Sukia[932]), bà khóc lóc kể cho ngài nghe về căn bệnh của mình và hỏi: "Trong nhà thờ đó

---

[928] Giám mục Felix của Rôma đã lãnh đạo Giáo hội Rôma từ năm 526 đến năm 530.

[929] Thánh Ephrem đảm nhiệm chức vụ Giám mục Antioch từ năm 528 đến năm 545.

[930] Tên gọi này được dùng để chỉ một nhà nguyện đặc biệt trong cái gọi là Martyrium, do Hoàng đế Constantine Đại đế xây dựng. Thánh Giá Ban Sự Sống đã được đặt tại đó từ cuối thế kỷ IV, và hàng năm, vào Tuần Thánh, chủ yếu là vào Thứ Sáu Tuần Thánh, người ta lại dựng lên Thánh Giá này. Nhà nguyện này luôn được khóa kín, và chìa khóa được giao cho một linh mục đặc biệt, được gọi là Stavrophylax (người giữ Thánh Giá).

[931] Ở đây, có lẽ cần hiểu là căn bệnh nan y, ngày nay được gọi là ung thư.

có Thánh Theodosius không, và ngài trông như thế nào?" Isidore chỉ tay về phía vị thánh. Cô tiến lại gần và đứng phía sau, giống như người phụ nữ bị chảy máu đã chạm vào gấu áo của Chúa (Mt 9:20–22), lén chạm vào áo tu sĩ mà vị thánh đang mặc, và ngay lập tức được chữa lành. Điều này không qua mắt được vị thánh, người đã quay sang người phụ nữ và nói:

– Hãy can đảm lên, con gái ơi, vì Chúa của ta đã phán: *"Lòng tin của con đã cứu con"* (Mt 9:22).

Thánh Isidore vội vã bước đến bên người phụ nữ, mong được chứng kiến phép lạ vừa xảy ra, và thấy rằng không còn dấu vết nào tại chỗ từng có vết loét không thể chữa lành.

Sau khi Vua Anastasius qua đời và vị Thánh Cha trở về từ nơi lưu đày, Thánh Theodosius có thói quen đến Bethlehem để cầu nguyện. Một lần nọ, muốn nghỉ ngơi sau những vất vả, ngài rẽ khỏi con đường chính để ghé thăm tu viện của Thánh Markian. Vị tu sĩ này, dù đã nồng nhiệt đón tiếp vị khách quý, lại không có gì để đãi ngài, vì lúc đó ngài không có cả bánh mì lẫn lúa mì. Khi hai người đã trò chuyện tâm linh với nhau khá lâu và đến giờ dùng bữa, Marcian ra lệnh cho các đệ tử nấu món cháo đậu và dọn ra cho họ. Còn Thánh Theodosius, thấy sự nghèo khó của ngài, liền bảo các đệ tử của mình lấy bánh mì ra khỏi túi và mời các đệ tử của ngài dùng bữa, đó là những chiếc bánh mì mà ngài đã mang theo từ nhà để dùng trên đường đi. Khi họ đang ăn, Thánh Markian nói với Thánh Theodosius:

– Xin cha đừng trách chúng con vì đã chuẩn bị bữa ăn đạm bạc này, và cũng đừng quở trách chúng con vì đã không dâng bánh mì, bởi vì chúng con đã trở nên rất nghèo khó và hoàn toàn không còn lúa mì nào cả.

Khi ngài vừa nói xong, vị Thánh Theodosius vĩ đại, nhìn vào bộ râu của Thánh Marcian, bỗng thấy một hạt lúa mì không biết từ đâu rơi vào đó. Ngài nhẹ nhàng và lặng lẽ nhặt nó lên bằng tay phải, rồi nói với nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt:

– Đây là lúa mì rồi, – sao các ngài lại nói là không có lúa mì?

Thánh Markian, vui mừng nhận lấy từ tay Thánh Theodosius hạt lúa mì vừa được lấy ra khỏi râu của mình, như một hạt giống màu mỡ, đã ra lệnh mang nó vào kho lúa, tin rằng nhờ sự ban phước của Thánh Theodosius, nó sẽ dễ dàng sinh ra trái ngọt nhiều hơn cả trên cánh đồng được canh tác, và điều đó đã thực sự xảy ra. Sau khi Thánh Theodosius ra đi, khi các môn đệ định mở cửa kho lúa vào buổi sáng, họ thấy kho đã đầy ắp lúa mì, đến nỗi thậm chí cửa cũng không mở được. Thánh Marcian đã sai người đến gặp Thánh Theodosius để báo tin về phép lạ vừa xảy ra và bày tỏ lòng biết ơn vì số lúa mì đã được nhân lên.

Thánh nhân đáp:

– Không phải tôi, mà chính ngài, thưa cha, đã làm lúa mì sinh sôi, vì hạt lúa mì đó được lấy từ râu của ngài.

Một phụ nữ nổi tiếng ở Alexandria[933] đã đến tu viện của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô cùng con trai mình, một cậu bé nhỏ, người khi nhìn thấy vị thánh từ xa và chỉ tay về phía ngài, đã reo lên với mẹ mình:

– Chính người này đã cứu con khỏi bị chìm trong giếng, nắm lấy tay con để con không bị chìm trong nước.

Người mẹ quỳ xuống dưới chân vị thánh và kể lại như sau:

– Cậu bé này – bà nói – khi đang chơi đùa với các bạn cùng lứa, vì bất cẩn đã rơi xuống một cái giếng rất sâu, và chúng tôi tưởng rằng nó đã bị thương nặng và chết đuối ở đó. Trong khi khóc than cho nó như thể nó đã chết, chúng tôi đã cử một người xuống giếng để vớt thi thể cậu bé lên khỏi mặt nước, nhưng lại phát hiện ra đứa trẻ vẫn còn sống trên mặt nước. Khi chúng tôi ngạc nhiên và hỏi làm sao cậu bé lại không bị chìm trong nước, cậu đã kể với chúng tôi: "Một vị tu sĩ già nào đó đã xuất hiện, nắm lấy tay tôi và giữ tôi nổi trên mặt nước."

Từ đó, tôi đã đưa cậu bé đi khắp các thành phố và làng mạc, núi non và sa mạc – cho đến khi tìm được vị cha ấy. Và giờ đây, tôi đã tìm thấy ngài, và đứa con của tôi, người đã được ngài cứu khỏi bị chìm, cũng đã nhận ra ngài.

Một người phụ nữ khác phải chịu đựng rất nhiều đau đớn khi sinh con; bà sinh ra những đứa trẻ đã chết và mỗi lần đều phải chịu đựng những cơn đau đớn tột cùng. Bà vừa là người sinh nhiều con, vừa là người không có con: sinh nhiều con – vì bà sinh con thường xuyên, không có con – vì những đứa trẻ đều chết ngay khi chào đời. Với nước mắt, bà khẩn cầu Thánh Phê-ô-đô-xi-ô cầu nguyện cho bà, để bà không còn sinh ra những đứa con chết

---

[932] Một trong những tu viện nổi tiếng nhất ở Palestine, do Thánh Chariton (ngày tưởng niệm là 28 tháng 9) thành lập, nằm ở phía nam Bethlehem.

[933] Trong thời cổ đại, có một số thành phố mang tên này. Ở đây, cần hiểu là thành phố Alexandria, thủ đô của Ai Cập, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải. Thành phố này nổi tiếng về sự uyên bác và sự giàu có, được Alexander Đại đế thành lập vào năm 332 trước Công nguyên.

nữa và để những đau đớn tàn khốc của bà được giảm bớt. Bà còn xin thêm rằng, khi bà sinh ra một bé trai, xin ngài cho phép đặt tên con theo tên ngài – Phê-ô-đô-xi-ô.

– Nếu ngài cho phép – cô nói – đặt tên con sắp chào đời của tôi theo tên ngài, thì tôi hy vọng đứa trẻ sẽ sống sót.

Vị tu sĩ đã đồng ý với lời thỉnh cầu của cô, thành tâm cầu nguyện với Chúa cho cô, và khi đến lúc người phụ nữ sinh nở, cô không còn phải chịu những cơn đau đớn như trước, việc sinh nở diễn ra dễ dàng hơn, và đứa trẻ chào đời khỏe mạnh, là con trai, và được đặt theo tên của vị tu sĩ. Khi thời gian cho con bú kết thúc và đứa trẻ đã lớn hơn một chút, người ta đưa em đến tu viện gặp vị tu sĩ và dâng em vào đời sống tu hành để phụng sự Chúa. Cũng có một người phụ nữ khác ở Bê-lem, đang đau buồn vì những đứa con sắp chết của mình, khi đặt tên đứa trẻ mới sinh theo tên vị thánh, nhờ đó đã cứu sống được đứa trẻ; cậu bé lớn lên khỏe mạnh và trở thành một người tài giỏi, vì đã trở thành một kiến trúc sư xuất sắc.

Một lần nọ, sâu bướm và châu chấu hoành hành tàn phá ở Palestine. Lúc bấy giờ, vị thánh nhân đã rất cao tuổi và không thể đi lại được. Tuy nhiên, ngài đã ra lệnh cho các đệ tử dẫn ngài ra cánh đồng, nơi hoa màu đang đứng trước nguy cơ bị hủy diệt, và tại đó, ngài đã ngăn chặn được châu chấu và sâu bướm, nói rằng:

– Đấng Chủ Tể chung của chúng ta ra lệnh cho các ngươi đừng hủy hoại công sức của con người và đừng ăn cắp thức ăn của những người nghèo.

Và ngay lập tức, đàn châu chấu tan biến như đám mây, còn những con sâu bướm thì chết hết.

Một lần nọ, các tu sĩ rất thiếu thốn quần áo và không có gì để che thân. Khi đến gặp vị thánh, họ làm phiền ngài bằng những lời thỉnh cầu. Ngài, không có tiền để mua quần áo, chỉ có thể chia buồn với họ, nhưng bằng những lời hứa của Chúa, ngài đã nói với họ:

– *"Đừng lo lắng về ngày mai: hãy tìm kiếm trước hết Nước Trời và sự công chính của Ngài, thì mọi điều ấy sẽ được ban cho các con; vì Cha các con biết các con cần gì, trước khi các con cầu xin"* (Mt 6:34, 33, 8).

Trong khi vị thánh đang an ủi các tu sĩ như vậy, có một người đàn ông đến, người mà không ai biết và cũng không tự giới thiệu mình là ai hay đến từ đâu. Ông đã tặng vị tu sĩ một trăm đồng vàng để dùng cho nhu cầu của tu viện rồi ra về. Vị thánh nhân, sau khi tạ ơn Thiên Chúa vì sự quan phòng của Ngài, đã dùng số vàng đó để mua áo quần cho các tu sĩ, và tất cả đều được cung cấp đầy đủ trong một thời gian dài.

Iulian, vị mục sư của nhà thờ Bostr[934] , người đã được vị tu sĩ dạy đọc sách từ thuở thiếu thời, đã kể lại về ngài như sau:

– Một lần nọ, – ông nói, – chúng tôi cùng vị tu sĩ đến Bostrum, và có một người phụ nữ, nổi tiếng vì tính hung ác đặc biệt, khi gặp chúng tôi, đã nhìn vị tu sĩ với ánh mắt giận dữ và gọi ngài là kẻ nịnh hót và dối trá, và ngay lập tức, hình phạt từ Đức Chúa Trời ập xuống: bà ta đột ngột ngã xuống và qua đời.

– Có lần, – ông cũng kể tiếp, – chúng tôi đi ngang qua một tu viện nơi có các tu sĩ mặc áo đen theo tà giáo phương Bắc. Thấy chúng tôi, họ bắt đầu gõ chuông nhà thờ[935] để tập hợp các tu sĩ trước giờ hát kinh thường lệ. Vị Thánh, nhận ra rằng họ đang âm mưu điều gì đó chống lại chúng tôi, bừng lên cơn giận chính nghĩa và nói lời tiên tri của Chúa:

– *"Sẽ không còn viên đá nào chồng lên viên đá nào ở đây; mọi thứ sẽ bị phá hủy"* (Mt 24:2).

Những lời này chẳng bao lâu sau đã trở thành sự thật: không lâu sau đó, những người Agaria[936] đã tấn công tu viện đó vào ban đêm; sau khi cướp bóc hết mọi thứ trong đó và bắt giữ tất cả các tu sĩ, họ đã đốt cháy tu viện và tàn phá nơi đó, đúng như lời tiên tri của vị thánh.

Tư lệnh quân đội Hy Lạp, được gọi là "Comit phương Đông", tên là Kirik, dũng cảm trong chiến trận nhưng kính sợ Thiên Chúa, khi chuẩn bị xuất quân chống lại người Ba Tư[937] , trước tiên đã đến Giê-ru-sa-lem để thờ lạy các thánh địa và cầu xin sự trợ giúp của Thiên Chúa chống lại kẻ thù. Ông cũng đã đến tu viện của Thánh

---

[934] Vostra hay Bostra – một thành phố ở Đất Thánh, trong thời cổ đại là một trong những thành phố của chi phái Lê-vi thuộc bán chi phái Ma-na-si, nằm bên kia sông Giô-đanh.

[935] Bilo, từ gốc "đánh", là một tấm ván gỗ hoặc kim loại mà người ta gõ vào để triệu tập các tín hữu đến tham dự thánh lễ chung. Ở nước ta, bilo đã được thay thế bằng chuông, nhưng ở Hy Lạp, chúng vẫn được sử dụng cho đến ngày nay.

[936] Tức là người Ả Rập. Họ là hậu duệ của Ismael, con trai của Áp-ra-ham và Ha-ga.

[937] Đất nước của họ giáp với Susiana ở phía tây, với Media và Parthia ở phía bắc, với Carmel ở phía đông, và tiếp giáp với Vịnh Ba Tư ở phía nam. Trước đây, người Ba Tư phụ thuộc vào người Mê-đi, người Hy Lạp và người Parthia, nhưng từ năm 226 sau Công nguyên, họ đã trở nên độc lập và thường xuyên giao chiến với Đế chế La Mã.

Theodosius, bởi vì danh tiếng về sự thánh thiện của vị tu sĩ đáng kính này đã lan rộng khắp nơi, thu hút mọi người đến với ngài. Trong cuộc trò chuyện với vị thánh, ngài đã nhận được nhiều lợi ích từ ngài: ngài nghe vị thánh dạy rằng không nên dựa vào cây cung của mình, cũng không nên trông cậy vào số lượng quân đội đông đảo, mà phải nhận biết Đấng Cứu Trợ duy nhất – Thiên Chúa – và đặt niềm tin vào sức mạnh bất khả chiến bại của Ngài, vì đối với Ngài, việc một người đuổi theo một ngàn kẻ thù, hay hai người khiến hàng ngàn kẻ thù phải tháo chạy là điều dễ dàng. Qua bài giảng và cuộc trò chuyện đó, vị bá tước này đã cảm nhận được tình yêu thương sâu sắc dành cho vị thánh và xin ngài chiếc áo lông cừu mà vị thánh đang mặc, để nó trở thành lá chắn cho ông trong trận chiến. Khi quân Hy Lạp chạm trán với quân Ba Tư và lao vào trận chiến khốc liệt, vị bá tước, mặc chiếc áo lông cừu của Thánh Theodosius như một bộ giáp, vẫn an toàn trước mũi tên, giáo và gươm, đồng thời thể hiện lòng dũng cảm phi thường. Sau khi chiến tranh kết thúc, ông trở về và lại đến gặp vị thánh, rồi thưa rằng:

– Trong trận chiến, – ông nói, – con đã thấy chính cha, thưa cha, đang giúp đỡ con và khiến con trở nên đáng sợ đối với kẻ thù, cho đến khi chúng con đánh bại quân Ba Tư.

Thánh Phê-ô-đô-xi-ô Vĩ Đại không chỉ hiện ra với vị quan này khi ông đang ở xa, mà Ngài còn hiện ra với nhiều người khác ở nhiều nơi, mang đến sự cứu giúp kịp thời: Ngài hiện ra để giải cứu khỏi tai ương, có lúc là những người đang gặp nạn trên tàu giữa sóng gió và bão táp, có lúc là những người lạc lối trong sa mạc, có lúc là những người rơi vào nanh vuốt của thú dữ: với một số người thì trong giấc mơ, với những người khác thì trong thực tế.

Ngài là người trợ giúp kịp thời không chỉ cho con người, mà còn cho cả những loài vật không biết nói. Có một người lữ hành đang đi, dắt theo một con lừa. Trên đường đi, ông gặp một con sư tử; con sư tử đó, không để ý đến con người, lao vào con lừa để xé xác và nuốt chửng nó. Trong cơn hoảng sợ, người đàn ông đã lớn tiếng kêu cầu danh hiệu của vị thánh, nói rằng:

– Thánh nhân Theodosius, xin hãy giúp con!

Và ngay lập tức, con sư tử, khi nghe thấy tên vị thánh, liền quay đầu lại và chạy vào sa mạc.

Hãy nhớ lại một sự việc liên quan đến khả năng tiên tri của vị thánh. Một lần nọ, không lâu trước khi qua đời, ngài ra lệnh gõ chuông để các tu sĩ tập hợp lại. Khi mọi người đã có mặt, ngài thở dài, rưng rưng nước mắt và nói:

– Các cha và các anh em ơi, chúng ta phải cầu nguyện, phải cầu nguyện, vì tôi thấy cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đang ập xuống vùng đất phương Đông.

Sau đó, khoảng sáu hoặc bảy ngày, người ta nghe tin một trận động đất lớn đã tàn phá thành Antioch – chính vào thời điểm mà vị thánh, khi nhìn thấy cơn thịnh nộ của Chúa, đã ra lệnh cho các anh em cầu nguyện.

Sau đó, vị cha thánh của chúng ta là Thánh Theodosius, khi sắp đến giờ lâm chung, đã nằm trên giường bệnh suốt một năm trời. Lời cầu nguyện không ngừng vang lên trên môi ngài, đến nỗi ngay cả khi ngài chìm vào giấc ngủ, đôi môi ngài vẫn cử động và thốt lên những bài thánh vịnh và lời cầu nguyện mà ngài đã quen thuộc. Và khi vị thánh thức dậy, trên môi Ngài vẫn là bài thánh vịnh, đến nỗi lời của Đa-vít đã ứng nghiệm nơi Ngài: *"Vào ban đêm, tôi hát ngợi khen Ngài"* (Thánh vịnh 41:9). Ngài thường giảng dạy về đức hạnh và an ủi các anh em. Ba ngày trước khi qua đời, ngài đã gọi ba vị giám mục mà ngài yêu mến, thông báo với họ về việc ngài sắp về với Chúa, rồi trao nụ hôn cuối cùng cho những người đang khóc lóc và than thở vì phải chia ly với ngài. Vào ngày thứ ba sau đó, trong lúc cầu nguyện với Chúa, ngài đã trút hơi thở cuối cùng, sau khi sống trọn vẹn một trăm lăm năm. Chúa đã tôn vinh sự ra đi của ngài bằng phép lạ sau đây: một người đàn ông tên là Stephanos, quê ở Alexandria, đã bị quỷ ám trong một thời gian dài. Sau khi vị thánh qua đời, người này, khi chạm vào giường của ngài, đã được giải thoát khỏi kẻ hành hạ mình và khỏi bệnh. Ngay lập tức, tin về sự ra đi của vị thánh lan truyền khắp nơi, và từ mọi thành phố, đông đảo dân chúng cùng các tu sĩ từ các tu viện đã tụ tập lại; Thượng phụ Giêrusalem Phêrô cùng các giám mục cũng đã đến, và họ đã an táng thi hài thánh thiện của cha chúng ta Thêôđôsiô một cách trang trọng trong hang động, nơi ngài từng sinh sống ban đầu, để tôn vinh Chúa Giêsu Kitô, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Được trồng trong vườn của Chúa, ngài đã nở rộ rực rỡ nhờ những đức hạnh cao quý của mình, và đã làm cho con cái ngài sinh sôi nảy nở trong sa mạc, được tưới mát bởi những đám mây nước mắt của ngài, vị chăn chiên của các cung điện thiêng liêng của Thiên Chúa. Vì thế, chúng con kêu lên: Hỡi Cha Thêôđôsiô, xin vui mừng.

Ngày tưởng niệm Thánh Theodosius thành Antioch

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 1

Thánh Theodosius, người ăn chay, xuất thân từ Antioch[938] ; cha mẹ ngài là những người đạo đức, và ngài đã nhận được sự dạy dỗ tốt lành về luật pháp của Chúa từ họ. Tuân theo điều răn cao cả nhất của Đấng Cứu Thế chúng ta (Lc 14:26, 27), Thánh Theodosius đã từ bỏ ngôi nhà thân yêu, người thân, của cải và những tiện nghi trần thế khác, lui về một vùng rừng rậm ven biển và tại đó xây dựng cho mình một căn phòng nhỏ, nơi ngài định cư. Tại đây, vị thánh đã sống một đời tu hành cao cả, mặc áo lông cừu và đeo những xiềng xích nặng nề – một số trên cổ, một số ở hông và một số khác trên cả hai tay. Thánh Theodosius dành toàn bộ thời gian của mình cho việc cầu nguyện và lao động, qua đó chế ngự những ham muốn xác thịt, sự kiêu ngạo và các dục vọng khác của con người. Tóc trên đầu ngài mọc dài đến mức che phủ cả đôi chân. Vị thánh tu hành này lúc thì đan dây thừng, lúc thì làm việc trong vườn rau, tự tay đào luống, gieo hạt và thu hoạch rau củ, những thứ sau đó được dùng làm thức ăn cho chính ngài và những vị khách đến thăm.

Danh tiếng về những việc làm cao cả của vị thánh Theodosius ngày càng lan rộng, và nhiều người đến thăm bắt đầu bày tỏ mong muốn định cư gần vị ẩn sĩ thánh thiện này để noi gương lối sống của ngài. Khi đón nhận họ, thánh Theodosius đã biến sa mạc của mình thành một nơi giống như thiên đàng. Một lần nọ, vùng đất nơi có tu viện của vị thánh đã bị người Agaria[939] xâm lược; sau khi tàn phá vùng lân cận, kẻ thù đã gây thiệt hại cho tu viện, nhưng đồng thời chúng cảm nhận được sự hiện diện của sức mạnh Thần thánh trong đó và nhanh chóng rút lui. Do cuộc xâm lược này, vị thánh đã rời sa mạc và trở về quê hương; tại đây, ngài xây dựng một căn phòng nhỏ và tiếp tục tu tập để đạt được sự cứu rỗi, được bao quanh bởi một số đệ tử của mình. Sau một thời gian ngắn sống tại nơi tu hành mới, Thánh Theodosius đã an nghỉ trong Chúa một cách bình an[940] .

Ngày tưởng niệm Thánh Michael Klopsky

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 1

Cách Veliky Novgorod mười lăm verst, bên bờ sông Veryazhi, có một tu viện mang tên Klopsky, và trong đó có một nhà thờ thờ Thánh Ba Ngôi Tạo Hóa[941] . Trong những năm trước, tu viện này ít người biết đến, nhưng sau đó đã trở nên nổi tiếng rộng rãi nhờ những phép lạ của Thánh Michael. Vị tu viện trưởng của tu viện này là Thánh Feodosiy, một người đàn ông đức hạnh; chính dưới thời ông, Thánh Michael đã đến tu viện Klopsky[942] .

Cho đến nay, vẫn chưa rõ Thánh Michael đến tu viện từ đâu và cha mẹ ngài là ai. Sự kiện này diễn ra vào mùa hè, vào thời điểm toàn thể cộng đoàn đang tham dự Thánh lễ Sáng; đến bài ca thứ chín của Thánh ca, vị linh mục đang chủ tế đã xông hương cho nhà thờ rồi đi xông hương trong phòng riêng của mình, nằm gần nhà thờ; thấy phòng tu mở cửa, trong khi ông đã khóa nó lại trước khi vào nhà thờ, vị tu sĩ đã bước vào và thấy một người đàn ông mặc áo tu sĩ đang ngồi đó; trước mặt ông ta có một ngọn nến đang cháy, và ông ta đang chép lại cuốn Sách Công Vụ Các Thánh Tông Đồ. Khi trở về nhà thờ, vị tu sĩ đã kể lại những gì mình thấy cho vị tu viện trưởng và các tu sĩ. Sau khi kết thúc Thánh lễ, họ đến phòng tu và thấy cửa đã bị khóa từ bên trong. Vị tu viện trưởng đã cầu nguyện, nhưng không có tiếng đáp lại nào từ trong phòng tu. Họ bắt đầu gõ cửa; nhưng cửa vẫn bị khóa. Lúc đó, vị tu viện trưởng ra lệnh tháo dỡ mái hiên; khi bước vào trong, họ phát hiện cả cánh cửa bên trong cũng bị khóa. Khi

---

[938] Có một số thành phố ở Tiểu Á và Syria mang tên này. Ở đây, tất nhiên là đề cập đến Antioch của Syria.

[939] Tức là người Ả Rập (sau này tên gọi này được người Ả Rập theo đạo Hồi tiếp nhận. – *Chú thích của biên tập viên AV*)

[940] Thánh Theodosius thành Antioch qua đời vào khoảng năm 412.

[941] Thời điểm thành lập tu viện này không được biết chính xác; nó nằm ở phía nam Novgorod, cách hồ Ilmen ba verst.

[942] Đó là ngày 23 tháng 6 năm 1408, dưới thời Đại công tước Vasili Dimitrievich (1389–1425) và Thánh Tổng giám mục Fotii.

theo lệnh của vị tu viện trưởng, cánh cửa được phá khóa và mọi người bước vào phòng, họ thấy vị tu sĩ già đang ngồi viết. Vị tu viện trưởng hỏi ông: "Hãy nói cho tôi biết, ông là người hay là linh hồn?" Vị tu sĩ già lặp lại những lời của vị tu viện trưởng. Vị tu viện trưởng đọc lời cầu nguyện, vị tu sĩ già cũng lặp lại những lời cầu nguyện giống hệt như vị tu viện trưởng. Lúc đó, vị tu viện trưởng bắt đầu làm dấu thánh giá và xông hương cho vị khách; còn vị tu sĩ già thì né tránh làn khói hương và cư xử như một người điên thánh.

Cùng với các tu sĩ, Thánh Michael bước vào nhà thờ dự Thánh lễ, trong đó ngài hát trên bục thánh ca cùng các ca viên tu viện. Vị Trưởng tu viện giao cho ngài đọc đoạn Thư Tông Đồ, và mọi người đều được an ủi tận đáy lòng bởi vẻ đẹp và sự say mê trong cách ngài đọc. Sau khi kết thúc bữa ăn, trong đó vị thánh đã thực hiện phần đọc theo quy định, vị Trưởng tu viện đã dẫn Thánh Michael vào phòng tu được chỉ định cho ngài, và kể từ đó, vị thánh này đã ở lại Tu viện Ba Ngôi Sáng Tạo, đảm nhận nhiệm vụ đọc kinh trong nhà thờ và tại bữa ăn, và tất cả những ai nghe ngài đọc đều cảm thấy vô cùng xúc động.

Tuy nhiên, cả vị tu viện trưởng lẫn các tu sĩ đều không thể biết được tên của vị tu sĩ mới đến, ông đến từ đâu và xuất thân ra sao. Một lần nọ, Hoàng tử Konstantin Dimitrievich[943] đã đến thăm tu viện Klopskaya; khi nghe Thánh Michael đọc kinh trong bữa ăn, hoàng tử đã tiến lại gần ông, nhận ra ông và nói:

– Đây là Michael, con trai của Maksimov.

Vị thánh nhân đáp lại:

– Chỉ có Đấng Tạo Hóa mới biết tôi là ai.

Lúc đó, vị tu viện trưởng nhận xét:

– Con ơi, sao con không nói tên mình ra?

Và vị thánh đã xác nhận rằng tên của ngài là Mikhail[944] .

Trong suốt thời gian sống tại tu viện Klopskaya, vị thánh Michael chỉ ăn bánh mì và uống nước, và chỉ một lần mỗi tuần với lượng rất ít. Khi cảm thấy mệt mỏi sau những giờ cầu nguyện miệt mài, ngài nghỉ ngơi bằng cách nằm thẳng trên mặt đất; trong phòng của ngài không có bất kỳ tài sản nào, cũng không có quần áo nào ngoài bộ quần áo đang che phủ cơ thể ngài. Không thể kể hết những công lao vĩ đại mà vị thánh đã thực hiện vì danh Chúa Kitô; nhờ những hành động tu hành và sự kiêng khem, thân thể ngài dường như trở nên mỏng manh như bóng mờ.

Vào thời điểm đó, tại thành phố Veliky Novgorod và các vùng lân cận đang xảy ra hạn hán kéo dài ba năm: không chỉ các con suối mà cả các con sông cũng cạn khô. Lúc bấy giờ, nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh Michael, gần tu viện đã xảy ra một trận động đất và một mạch nước dồi dào bắt đầu tuôn trào, mạch nước này cho đến nay vẫn phục vụ nhu cầu của các tu sĩ và những người đến thăm[945] . Sau đợt hạn hán, nạn đói ập đến vùng đất ấy, trong thời gian đó, những đám đông người nghèo bắt đầu đổ về tu viện để xin vài miếng bánh mì. Vị tu viện trưởng, lo ngại nguồn dự trữ sẽ cạn kiệt, không biết phải làm sao; nhưng Thánh Michael, nhắc lại rằng Chúa đã dùng bảy ổ bánh mì để nuôi sống bốn nghìn người, đã thuyết phục vị tu viện trưởng cho tất cả những người đói được ăn. Khi các tu sĩ phản đối điều đó, vị thánh đã dẫn họ cùng vị tu viện trưởng đến kho lúa mì, và họ kinh ngạc khi thấy rằng lượng lúa mì dự trữ, nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, không hề giảm đi. Thánh Michael đã nhiều lần tiên tri về việc chiếm được Veliky Novgorod[946] và, sau khi thực hiện nhiều phép lạ nhân danh Chúa Kitô, ngài đã an nghỉ trong Chúa một cách bình an[947] . Thi hài thánh thiện và đầy đau khổ của ngài đã được vị tu viện

---

[943] Con trai út của Đại công tước Dimitri Ioannovich Donskoy chào đời vào năm 1389, bốn ngày trước khi cha ông qua đời. Anh trai của ông, Đại công tước Vasili Dimitrievich, đã ban cho ông lãnh địa Tosha và Ustyuzhna, nhưng vào năm 1419, khi Konstantin Dimitrievich không tuân lệnh anh trai, người này đã tước bỏ lãnh địa đó, và Konstantin phải chạy trốn đến Novgorod, nơi trước đó, vào năm 1408, ông từng là quan đại diện của Đại công tước. Ông sống lưu vong trong hai năm; ông đã cho xây dựng một nhà thờ bằng đá tại Tu viện Klopsky để tôn vinh Thánh Ba Ngôi.

[944] Thánh Michael Klopsky xuất thân từ một gia tộc quý tộc.

[945] Cho đến nay, tại tu viện Klopsk vẫn còn lưu giữ một cái giếng, theo truyền thuyết, được đào từ chính nguồn suối mà Thánh Michael đã cầu nguyện để nước chảy ra trong thời kỳ hạn hán. Vào ngày 23 tháng 6, ngày Thánh Michael đến tu viện, người dân từ các làng xung quanh thường tổ chức một cuộc rước thánh giá đến đây.

[946] Một lần nọ, Thánh nhân Mikhail đang ở tu viện Vyazhitsky. Bất ngờ, ngài bỗng nhiên xuất hiện trên tháp chuông và bắt đầu rung tất cả các chiếc chuông. Trước những câu hỏi của dân chúng về ý nghĩa của việc này, vị thánh, với thái độ giả điên, đã trả lời: "Hiện nay ở Moscow đang tràn ngập niềm vui", và thêm rằng: "Hoàng tử Ivan đã chào đời, người sẽ trở thành cơn bão đối với các nước láng giềng, sẽ chiếm lĩnh Novgorod, thay đổi phong tục của họ, cướp lấy vàng của họ và hoàn toàn khuất phục họ dưới quyền lực của mình." Quả thực, ngày 22 tháng 1 năm 1440, Công tước Ivan Vasilyevich ra đời, người đã chinh phục Novgorod vào năm 1471. Novgorod chính thức được sáp nhập vào Nhà nước Moskva vào năm 1480.

trưởng cùng các tu sĩ an táng tại Tu viện Ba Ngôi Sống Động[948] , nơi Thánh Michael đã tu hành, và được đặt ở phía bên phải của nhà thờ chính tòa; thi hài ngài vẫn an nghỉ tại đó cho đến ngày nay, ban phát nhiều ân sủng chữa lành cho những ai đến với lòng tin, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Bài thánh ca, giọng 8:

Ngài, vì Chúa Kitô, đã tự nguyện sống trong sự khắc khổ trên trần gian, đã hoàn toàn ghét bỏ những vẻ đẹp của thế gian này; Ngài đã làm tàn lụi những ham muốn xác thịt bằng chay tịnh và khát khao, bằng việc ngủ ngoài trời; trước cái nóng và cái lạnh, trước mưa và tuyết, cũng như trước mọi gian khổ của thời tiết, Ngài chưa bao giờ lùi bước, Ngài đã thanh tẩy linh hồn bằng các đức hạnh, như vàng trong lò nung, hỡi Cha Thánh Michael, Đấng mang Chúa, và giờ đây Ngài đang đứng trước Ngai Tòa của Ba Ngôi Thánh trên Thiên Đàng. Nhưng vì có lòng can đảm lớn lao, xin cầu thay cho Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Bởi quyền năng của Thánh Thần, ngài đã trở nên giống như các vị tiên tri xưa kia, những người nói lên những điều chưa ai biết và bí ẩn, và khi thời điểm đến, những định mệnh của Thiên Chúa đã được thực hiện; ngài đã thực hiện nhiều phép lạ khác về Đức Kitô, khiến mọi người kinh ngạc, và ngài đã tổ chức lễ mừng, kêu lên: Vinh quang thuộc về Thiên Chúa, Đấng tôn vinh các thánh của Ngài.

Ngày 25 tháng 1

Ngày 12 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Tatiana

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Tatiana

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 1

Thánh nữ tử đạo Tatiana sinh ra tại La Mã cổ đại trong một gia đình quý tộc. Cha của bà, người từng ba lần giữ chức quan chấp chính, là một Kitô hữu bí mật và nổi tiếng là người kính sợ Thiên Chúa. Ông đã nuôi dạy con gái mình, thánh Tatiana, trong sự đạo đức và lòng kính sợ Thiên Chúa, đồng thời dạy bà về Kinh Thánh. Khi Thánh Tatiana đến tuổi trưởng thành, ngài mong muốn sống một cuộc đời trinh khiết và tiết độ; ngài là vị hôn thê của Chúa Kitô; bừng cháy tình yêu dành cho Ngài, ngài chỉ phục vụ một mình Ngài ngày đêm, dùng cầu nguyện và ăn chay để chế ngự xác thịt và khuất phục nó dưới sự cai trị của tinh thần. Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, bà được ân sủng để phục vụ Giáo Hội: bà được phong làm nữ phó tế và, giống như các Thiên Thần vô hình, bà đã phục vụ Thiên Chúa trong thân xác. Và Đức Kitô, Thiên Chúa, đã trao cho vị hôn thê của Ngài vương miện tử đạo. Bà đã chịu tử đạo như sau. Khi vị vua vô đạo Antoninus Heliogabalus[949] bị chính những người La Mã của mình giết chết và thi thể ông, bị lôi kéo khắp thành phố trong sự sỉ nhục, đã bị ném xuống sông Tiber[950] , Alexander[951] , một thiếu

---

[947] Tại Tu viện Klopsk, Thánh Michael đã sống 44 năm và qua đời vào năm 1452.
[948] Theo quyết định của Công đồng năm 1547, ngày kỷ niệm Thánh Michael được tổ chức rộng rãi trên khắp mọi nơi.
[949] Antoninus Heliogabalus, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 218 đến năm 222; là một con người cực kỳ đồi trụy, vì thế ông nhanh chóng bị binh lính khinh bỉ. Ông đã nhận người anh em họ của mình, quý tộc Alexander Severus, làm con nuôi, nhưng khi ông hối hận về việc này và bắt đầu âm mưu ám sát người này, ông đã bị binh lính giết chết.
[950] Tiber – con sông bắt nguồn từ dãy núi Apennine, bên bờ sông này là thành phố Rome.
[951] Alexander Severus trị vì từ năm 222 đến năm 235.

niên mười sáu tuổi, đã được đưa lên ngai vàng. Mẹ của cậu là một tín hữu Kitô giáo tên là Mammeia; từ bà, cậu đã học được cách tôn kính Chúa Kitô, nhưng không theo đúng đức tin Kitô giáo, vì cùng lúc đó, cậu vẫn tiếp tục phụng sự các thần tượng và thờ lạy chúng như những vị thần La Mã cổ đại. Trong cung điện của cậu có các bức tượng của Chúa Kitô và thần Apollon được những người ngoại đạo tôn kính[952] , Áp-ra-ham trong Cựu Ước và thần Orpheus của người ngoại đạo[953] cùng nhiều vị khác. Bản thân Alexander, với tư cách là con trai của một phụ nữ Kitô hữu, không đàn áp các Kitô hữu, nhưng các quan tổng trấn, các thống đốc vùng và các quan chấp chính của ông lại gây nhiều áp bức cho họ. Vì Alexander còn quá trẻ, nên việc điều hành nhà nước được giao cho một số thành viên trong hội đồng; người đứng đầu trong số họ là tổng trấn thành phố[954] Ulpian, một người tính tình cứng rắn và là kẻ thù lớn của các Kitô hữu. Những cố vấn này đã điều hành mọi việc nhân danh hoàng đế. Chính họ đã ban hành sắc lệnh khắp nơi, buộc những người Galilê (họ gọi người Kitô hữu như vậy) phải thờ lạy các vị thần La Mã, đồng thời đe dọa rằng nếu không tuân theo, họ sẽ phải chịu những hình phạt tàn bạo và thậm chí là cái chết. Để giám sát việc các Kitô hữu có tuân theo sắc lệnh này hay không, những kẻ thù tàn bạo nhất của Kitô hữu và những tay sai trung thành của quỷ dữ sau đây đã được chỉ định: Hầu tước[955] Vitalius, Quan Cuvicularius[956] Vass, Quan Domesticus[957] Caius. Khi đó, cả ở Rôma lẫn khắp các vùng đất của Đế quốc La Mã, máu của các Kitô hữu đã tuôn trào như nước. Họ không được tha thứ, mà bị tra tấn và xử tử.

Vào thời điểm đó, Thánh nữ Tatiana cũng bị những người ngoại đạo bắt giữ và dẫn đến đền thờ thần Apollo. Họ muốn ép buộc cô phải thờ lạy thần tượng này. Nhưng cô đã cầu nguyện với Thiên Chúa chân thật, và bỗng nhiên xảy ra một trận động đất: tượng thần Apollon đổ sập và vỡ tan thành từng mảnh, một phần của đền thờ cũng sụp đổ và đè chết nhiều người ngoại đạo và các thầy tế lễ. Ma quỷ ngự trong tượng thần, với tiếng la hét và khóc lóc thảm thiết, đã chạy trốn khỏi nơi đó; mọi người đều nghe thấy tiếng thét của nó và nhìn thấy bóng đen lao vút qua không trung.

Lúc đó, những kẻ vô đạo đã lôi cô gái thánh thiện ra xét xử và tra tấn. Đầu tiên, chúng đánh vào mặt cô và dùng những chiếc móc sắt móc vào mắt cô. Sau một thời gian dài tra tấn, chính những kẻ tra tấn cũng kiệt sức, vì thân thể của vị thánh nữ chịu khổ vì Chúa đối với những kẻ gây thương tích cho nàng cứng như một cái búa rèn, và chính những kẻ tra tấn phải chịu đau đớn nhiều hơn cả vị thánh nữ tử đạo. Và các Thiên thần đứng bên cạnh vị thánh một cách vô hình và giáng đòn vào những kẻ đang tra tấn Thánh Tatiana, đến nỗi những kẻ tra tấn phải kêu cầu vị quan tòa bất chính và xin ông ra lệnh cho chấm dứt sự tra tấn; họ nói rằng chính họ còn phải chịu đau khổ nhiều hơn cả vị trinh nữ thánh thiện và vô tội này. Còn Tatiana, trong khi dũng cảm chịu đựng những đau khổ, đã cầu nguyện cho những kẻ tra tấn mình và xin Chúa mở ra cho họ ánh sáng của sự thật. Và lời cầu nguyện của nàng đã được nhậm lời. Ánh sáng thiên đàng chiếu rọi những kẻ tra tấn, và đôi mắt tâm linh của họ bừng sáng. Họ nhìn thấy bốn Thiên thần vây quanh vị thánh nữ, nghe thấy tiếng nói từ trời phán với trinh nữ thánh thiện, và quỳ sấp xuống trước mặt nàng, rồi nài xin nàng:

– Xin tha thứ cho chúng con, người phục vụ Đức Chúa Trời chân thật, xin tha thứ, vì chúng con đã gây ra đau khổ cho chị không phải do ý muốn của chúng con.

Tất cả họ (tổng cộng tám người) đã tin vào Đấng Kitô và nhận phép rửa trong chính máu của mình, vì họ đã bị tra tấn dã man vì tuyên xưng Đấng Kitô, và cuối cùng, đầu họ bị chém rơi.

Ngày hôm sau, vị quan tòa bất chính, ngồi trên ghế xét xử, lại ra lệnh đưa thánh Tatiana đến để tra tấn. Cô xuất hiện trước mặt kẻ tra tấn mình trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh. Khuôn mặt cô bình thản và rạng rỡ. Vị quan tòa cố thuyết phục cô trinh nữ dâng lễ vật cho các thần tượng, nhưng mọi nỗ lực của ông đều vô ích. Lúc đó, hắn ra lệnh lột trần thánh nữ và dùng dao cạo cắt xẻo thân thể nàng. Thân thể trinh trắng của nàng trắng như tuyết,

---

[952] Apollon – một trong những vị thần ngoại giáo Hy Lạp-La Mã được tôn kính nhất; được tôn vinh là thần Mặt Trời và sự khai sáng trí tuệ, cũng như sự thịnh vượng và trật tự xã hội, người bảo vệ luật pháp và vị thần tiên tri tương lai.

[953] Orpheus – vị anh hùng ca sĩ trong thần thoại Hy Lạp, theo tín ngưỡng của người Hy Lạp, sức mạnh trong giọng hát của ông lớn đến mức có thể khiến cây cối và đá tảng chuyển động, đồng thời thuần hóa các loài thú hoang dã.

[954] Eparch – quan tổng trấn; đôi khi tên gọi này cũng được dùng để chỉ chỉ huy pháo đài, tức là chỉ huy trưởng. – Ulpian là một trong những quan đại thần thân cận nhất với hoàng đế.

[955] Ban đầu, "komiti" là tên gọi dành cho những người tháp tùng quan chức cấp cao nhất ở các tỉnh, sau này là những người tháp tùng các hoàng đế, tạo thành đoàn tùy tùng thân cận nhất của họ.

[956] Cuvicularius – người phụ trách giường ngủ của hoàng đế, người ngủ chung giường với hoàng đế.

[957] Domestici – đội vệ binh của các hoàng đế La Mã.

và khi họ bắt đầu cắt xẻo, từ những vết thương thay vì máu lại chảy ra sữa, đồng thời tỏa ra một mùi hương thơm ngát, như thể từ một bình đựng hương liệu. Còn vị thánh nữ, ngước mắt lên trời, vẫn cầu nguyện giữa những cực hình đó. Sau đó, họ trói cô nằm ngửa trên mặt đất theo hình chữ thập và đánh đập cô bằng gậy trong một thời gian dài, đến nỗi những kẻ tra tấn kiệt sức và phải thay phiên nhau liên tục. Bởi vì, cũng như trước đây, các Thiên thần của Chúa vẫn đứng bên cạnh vị thánh nữ một cách vô hình và gây thương tích cho những kẻ đang đánh đập vị thánh nữ tử đạo. Những tay sai của kẻ tra tấn kiệt sức, than thở rằng có ai đó đang đánh họ bằng những cây gậy sắt. Cuối cùng, chín người trong số họ đã chết, bị tay phải của Thiên Thần đánh trúng, còn những người còn lại ngã xuống đất, chỉ còn thoi thóp. Còn vị thánh nữ thì vạch trần quan tòa và các thuộc hạ của ông ta, và nói rằng các vị thần của họ chỉ là những tượng thần vô hồn. Vì trời đã gần tối, nên vị thánh nữ bị tống vào ngục tối. Tại đó, bà đã dành cả đêm để cầu nguyện cùng Chúa và ca ngợi Ngài. Ánh sáng thiên đàng chiếu rọi lên bà, và các Thiên thần của Chúa cùng ngợi khen với bà. Sáng hôm sau, bà lại bị dẫn ra tòa. Khi thấy vị thánh tử đạo vẫn hoàn toàn khỏe mạnh, với khuôn mặt còn xinh đẹp hơn trước, tất cả đều kinh ngạc và ngạc nhiên. Ban đầu, họ bắt đầu năn nỉ một cách dịu dàng và nịnh nọt, khuyên cô dâng lễ vật cho nữ thần vĩ đại của họ – Diana[958] . Nữ thánh giả vờ như đồng ý làm theo lời khuyên của họ. Cô được dẫn đến đền thờ Diana. Ác quỷ ngự trong tượng thần Diana cảm nhận được sự hiện diện của nữ thánh và bắt đầu kêu lên ầm ĩ:

– Khốn khổ cho ta, khốn khổ cho ta! Ta phải chạy trốn đâu khỏi Thánh Thần của Ngài, Đấng Trên Trời, vì ngọn lửa bùng lên từ mọi góc của ngôi đền này đang đuổi ta đi?

Thánh nữ, khi đến gần đền thờ, đã làm dấu thánh giá và, ngước mắt lên trời, bắt đầu cầu nguyện. Bỗng nhiên vang lên một tiếng sấm kinh hoàng và tia chớp lóe sáng: ngọn lửa rơi xuống từ trời đã thiêu rụi đền thờ cùng tượng thần, các vật tế lễ và các thầy tế; rất nhiều kẻ vô tín, bị tia chớp thiêu đốt, ngã xuống đất chết ngay lập tức. Sau đó, người ta dẫn thánh nữ Tatiana đến tòa án[959] , treo cô lên đó và tra tấn bằng những chiếc móc sắt, thậm chí còn xé rách vú cô. Sau đó, thánh nữ bị giam vào ngục tối, và một lần nữa, các Thiên thần rực rỡ từ trời cao hiện ra trước mặt vị thánh chịu khổ, chữa lành hoàn toàn những vết thương của bà và ca ngợi sự chịu đựng dũng cảm của bà. Sáng hôm sau, thánh Tatiana được dẫn đến đấu trường[960] và người ta thả một con sư tử hung dữ vào để nó xé xác bà. Nhưng con thú hung dữ ấy không hề động đến vị thánh. Con sư tử lại âu yếm đến gần bà và ngoan ngoãn liếm chân bà. Khi người ta định dẫn con sư tử trở lại chuồng trong nhà hát, nó bỗng nhiên lao vào một quan chức cao cấp tên là Evmenia và xé xác ông ta. Thánh Tatiana lại bị treo lên và họ lại bắt đầu cạo da thịt bà, nhưng một lần nữa, các Thiên thần vô hình đã giáng đòn vào những kẻ hành hạ bà và chúng ngã xuống chết. Sau đó, thánh nữ bị ném vào lửa, nhưng ngọn lửa cũng không làm hại bà: sức mạnh của ngọn lửa dịu đi, như thể đang tôn kính người tôi tớ của Chúa Kitô. Còn những kẻ vô đạo thì quy tất cả những dấu hiệu kỳ diệu này không phải cho quyền năng của Chúa Kitô, mà cho phép thuật; họ đã cạo trọc tóc của thánh nữ, hy vọng rằng bùa chú của bà sẽ không còn hiệu lực nữa. Họ cho rằng trong mái tóc của mình, thánh nữ có một sức mạnh phép thuật nào đó, đến nỗi không gì có thể làm hại được bà. Vì vậy, họ đã cạo trọc mái tóc của bà và giam bà trong đền thờ Zeus[961] . Những kẻ vô thần cho rằng vị thánh nữ không thể gây hại cho vị thần của họ nữa, bởi vì khi mất đi mái tóc, bà cũng mất đi sức mạnh phù phép. Vị thánh nữ đã trải qua hai ngày bị giam cầm trong ngôi đền đó. Ánh sáng thiên đàng, vốn luôn chiếu rọi trên nàng, cũng tràn ngập trong đền thờ, và các Thiên thần đã động viên và an ủi nàng. Vào ngày thứ ba, các thầy tế lễ cùng dân chúng đến để dâng lễ vật cho vị thần Zeus của họ. Khi mở cửa đền thờ, họ thấy tượng thần của họ đã ngã xuống và vỡ tan, còn thánh Tatiana thì đang tràn ngập niềm vui vì danh Chúa Trời. Sau đó, bà bị dẫn đến tòa án. Vị thẩm phán, không biết phải làm gì với bà nữa, đã tuyên án tử hình, và Thánh Tatiana bị chém đầu bằng gươm.[962] Cùng với bà, cha của bà cũng bị hành quyết, vì người ta phát hiện ra rằng ông cũng là một Kitô hữu. Ban đầu, những kẻ tra tấn đã tước bỏ danh hiệu danh dự của ông và tịch thu toàn bộ tài sản của ông. Bị kết án tử hình, ông đã

---

[958] Diana, hay còn gọi là Artemis, là nữ thần mặt trăng và săn bắn của Hy Lạp.

[959] Pretor – tòa án, nơi quan trưởng La Mã hoặc thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

[960] Circus là tên gọi của một quảng trường được rào bằng hàng ghế hoặc tường. Tại đó diễn ra các cuộc thi đấu giữa các võ sĩ với nhau và với thú dữ. Người ta cũng ném các tín đồ Kitô giáo vào quảng trường hay đấu trường này, rồi thả những con thú săn mồi được nuôi nhốt trong các chuồng đặc biệt tại rạp xiếc.

[961] Zeus, hay Jupiter, là vị thần Hy Lạp-La Mã được những người ngoại đạo tôn kính là chúa tể của trời và đất, là cha của tất cả các vị thần và loài người.

[962] Thánh nữ tử đạo Tatiana đã chịu khổ nạn trong cuộc đàn áp nhắm vào các Kitô hữu vào năm thứ tư triều đại của Alexander Severus, tức năm 226.

chết dưới lưỡi gươm cùng với con gái mình vì danh Chúa Kitô. Cả hai đều được Chúa ban cho vương miện tử đạo từ Chúa Kitô, Thiên Chúa; vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã tỏa sáng rực rỡ trong sự đau khổ của mình, hỡi người chịu khổ vì đức tin, được nhuộm đỏ bởi máu của chính mình, và như một con bồ câu đỏ thắm, Ngài đã bay lên Thiên Đàng, hỡi Tatiana: vì thế, xin hãy cầu nguyện mãi mãi cho những ai tôn kính Ngài.

Cuộc đời của Thánh Savva, Tổng Giám mục Serbia[963]

Ngày kỷ niệm: 12 tháng 1

Thánh Savva là con trai của vị sáng lập nổi tiếng của nhà nước Serbia độc lập, Đại công tước Serbia Stefan Nemanja, với tên tu sĩ là Simeon, được Giáo hội tôn vinh là thánh bảo trợ của Serbia. Stefan Nemanja sống vào thế kỷ thứ mười hai. Ông đã thống nhất phần lớn các vùng đất Serbia và mang lại độc lập chính trị cho chúng. Con trai ông, Thánh Savva, là người sáng lập Giáo hội Serbia độc lập.

Sava là con út trong số các con của Stefan Nemanja và vợ ông là Anna. Cha mẹ ông, khi đã có vài người con, đã cầu nguyện với Chúa để Ngài ban cho họ thêm một người con trai, người sẽ là người gieo rắc đức tin trong quê hương họ và làm rạng danh quê hương đó. Họ đã thề rằng sau đó sẽ sống trong sự trong sạch cho đến khi qua đời. Lời cầu nguyện của cha mẹ đã được đáp lại: họ sinh được một người con trai, người mà trong lễ rửa tội thánh, họ đặt tên là Rastko, hay còn gọi là Rostislav, như thể tiên đoán trước sự vinh quang thiêng liêng sẽ lớn lên, không chỉ cho con trai họ mà còn cùng với anh ta là quê hương thân yêu của họ.

Vui mừng trước ân sủng của Đức Chúa Trời, cha mẹ đã dốc hết sức lực để nuôi dạy con trai mình một cách tốt đẹp. Khi cậu bé qua khỏi tuổi thơ ấu, họ cho cậu ở trong những phòng riêng biệt, bố trí người trông nom và lo liệu việc dạy chữ cho cậu đúng thời điểm. Ân sủng của Đức Chúa Trời không rời bỏ cậu thiếu niên mà cha mẹ đã được ban tặng nhờ những lời cầu nguyện đặc biệt của họ: cậu lớn lên về thể chất và hoàn thiện về tinh thần, mang lại niềm an ủi khôn tả cho cha mẹ, sống một cuộc đời đạo đức và trong sạch.

Khi kết thúc quá trình giáo dục, cha mẹ đã trao cho cậu một vùng đất riêng, nơi cậu có thể sống tự lập cùng các người hầu của mình và giải trí bằng việc săn bắn cùng những thú vui khác, phù hợp với các thiếu niên quý tộc.

Chàng trai rời khỏi nhà cha mẹ. Nhưng những thú vui trần tục không làm chàng say mê. Tâm trí và trái tim anh hoàn toàn hướng về những điều khác. Anh thường xuyên nhớ đến những lời trong Thi thiên: *"Phúc cho người kính sợ Chúa"* – và những lời của Đấng Cứu Thế: *"Ai yêu cha mẹ hơn Ta thì không xứng đáng với Ta; và ai không vác thập tự giá mình mà theo Ta thì cũng không xứng đáng với Ta"* (Thi Thiên 111:1; Ma-thi-ơ 10:37–38). Cậu bị cuốn hút bởi *"con đường* của *Chúa"* – từ bỏ thế gian, trước hết tìm kiếm Nước Trời và sự công chính . Thay vì đắm chìm trong những trò giải trí vô bổ, Rastko dành thời gian suy ngẫm về đời sống tu hành và cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài chỉ cho anh con đường đúng đắn của Ngài. Rastko đã nghe nói về đời sống tu hành trên núi thánh Athos và khao khát được gặp một người có thể kể cho anh nghe tất cả những gì anh muốn biết. Và rồi Chúa đã sai đến cho cậu một vị tu sĩ, người rất am hiểu về ngọn núi thánh Athos. Đó là một tu sĩ người Nga đến từ tu viện Panteleimon của Nga trên núi Athos. Ông đã đáp ứng mọi mong muốn của chàng trai quý tộc, kể cho cậu nghe về tất cả các tu viện thánh trên núi Athos và mọi hình thức tu hành trên ngọn núi thánh này.

Những câu chuyện của vị tu sĩ khách qua đường hoàn toàn phù hợp với ý định và mong ước của chàng trai sùng đạo: ngay lúc đó, anh đã quyết định dứt khoát và thề hứa với Chúa rằng sẽ từ bỏ đời sống trần tục để tu hành trên núi Athos. Lúc đó, chàng trai mới chỉ mười bảy tuổi khi quyết định từ bỏ đời sống trần tục.

Sau khi thành kính cầu nguyện với Chúa, anh đã thuyết phục được một số người kính sợ Chúa giúp đỡ anh thực hiện ý định của mình và trở thành những người đồng hành, rồi ngay lập tức lên đường, trước hết là về nhà cha

[963] Cuộc đời của Thánh Savva được viết bởi một đệ tử của ngài, tu sĩ Dometian thuộc tu viện Hilandar. Tác phẩm này là nền tảng cho bản tóm tắt hiện tại. Được Danichich xuất bản trong cuốn sách "Cuộc đời của Thánh Simeon và Thánh Savva. Tại Belgrade. 1865". Còn có một cuốn tiểu sử khác của một tác giả vô danh, tuy nhiên được viết ngay sau cuốn tiểu sử của Dometian và chứa đựng một số thông tin bổ sung. Cuốn sách này cũng được Danichich xuất bản vào năm 1860 và đã được xem xét, cũng như cuốn tiểu sử của Thánh Simeon do Dometian viết.

mẹ. Cha mẹ vô cùng vui mừng trước sự trở về của người con trai yêu quý, họ đã tổ chức một bữa tiệc long trọng nhân dịp này và cố gắng thể hiện tình yêu thương dành cho anh bằng mọi cách.

Sau vài ngày ở lại thăm cha mẹ, Rastko xin phép họ được đi săn ở một vùng hoang dã khá xa, nơi có rất nhiều loại thú săn. Cha mẹ vui lòng đồng ý. Sau khi nhận được lời chúc phúc của cha mẹ, Rastko cùng những người trung thành của mình lên đường, nhưng không phải để săn thú trong sa mạc, mà là đến núi Athos thiêng liêng, để thực hiện những việc làm cao cả vì sự cứu rỗi tâm hồn.

Khi đến Athos an toàn, Rastko định cư tại Tu viện Panteleimon của người Nga, nơi một tu sĩ đã kể cho anh nghe chi tiết về cuộc tu hành trên núi thánh này từ trước đó.

Cha mẹ anh sớm nhận ra con trai mình đã mất tích. Nghi ngờ rằng con trai họ đã bị lôi cuốn bởi không ai khác ngoài một tu sĩ Nga và đến không nơi nào khác ngoài Athos, Stefan Nemanja lập tức cử một trong những tướng quân cao cấp nhất của mình dẫn theo một đội quân hùng hậu. Sau khi nhận được chỉ thị nghiêm khắc từ hoàng đế Hy Lạp Isaac Angelos[964] gửi đến protos (vị trụ trì) của núi Athos và tất cả các tu sĩ trên núi thánh, cùng với đội quân từ quan tổng trấn Thessaloniki được Stefan Nemanja ủy quyền, người này đã đến Athos và tìm thấy người trốn chạy quý tộc đang bị truy nã tại tu viện Thánh Panteleimon. Người đầy tớ trung thành của Nemanja vô cùng vui mừng vì đã tìm thấy người mình tìm kiếm nhanh chóng đến vậy, và hy vọng sớm đưa chàng trai trẻ trở về với cha mẹ, những người đang vô cùng lo lắng cho cậu, đồng thời nhận được phần thưởng xứng đáng cho việc này. Không hy vọng rằng người trốn chạy sẽ tự nguyện và sẵn lòng trở về quê hương, những người được cử đi đã không rời mắt khỏi chàng trai và canh chừng để anh ta không trốn thoát khỏi họ một lần nữa. Nhưng Rastko từ lâu đã quyết tâm, bất chấp mọi trở ngại, sẽ thọ giới tu sĩ tại Athos và ở lại đó. Ý định này đã được vị tu viện trưởng tu viện Panteleimon biết đến, và ngài đã quyết định giúp đỡ chàng trai dũng cảm này.

Một ngày thứ Bảy nọ, Rastko ra lệnh chuẩn bị một bữa tiệc thịnh soạn cho các chiến binh do cha cậu cử đến cùng với những người dân địa phương. Khi mọi người đã chìm vào giấc ngủ sau bữa tiệc, theo lệnh của vị tu viện trưởng, tiếng chuông vang lên, kêu gọi tất cả mọi người, theo truyền thống, tham dự buổi cầu nguyện ban đêm tại nhà thờ của Chúa. Không chỉ các tu sĩ, mà cả các chiến binh cũng phải đến nhà thờ. Do mệt mỏi vì bữa tiệc và buổi cầu nguyện kéo dài, các lính gác đã ngủ gật tại chỗ trên ghế ngồi của mình trong lúc đang đọc các bài thánh ca. Lợi dụng tình huống này, Rastko ra lệnh cho một trong những người hầu của mình mặc quần áo của ông và đứng thay chỗ ông cho đến khi buổi lễ kết thúc, còn bản thân ông thì đi vào bàn thờ thánh, tuyên thệ lời khấn tu sĩ tại đó và, sau khi thay trang phục, rời khỏi nhà thờ mà không ai nhận ra. Cùng với một vị tu sĩ cao niên, anh ta leo lên tháp và ẩn náu ở đó. Không chậm trễ, anh ta đã nhận lễ cắt tóc tu sĩ với tên Savva và mặc áo tu sĩ.

Buổi cầu nguyện ban đêm sắp kết thúc; khi trời sắp sáng, các lính gác tỉnh giấc và kinh hoàng khi phát hiện ra rằng chàng trai mà họ đang truy tìm lại biến mất. Với sự phẫn nộ tột độ, họ xông vào các tu sĩ trong tu viện và, đe dọa dùng bạo lực, yêu cầu giao nộp chàng trai hoặc chỉ ra nơi anh ta đã đi. Nghe thấy sự hỗn loạn lớn từ trên tháp và thương xót cho số phận các tu sĩ, những người có thể phải chịu nhiều khổ cực vì mình, người ẩn tu cúi người ra khỏi cửa sổ tháp và, chỉ vào đầu đã cạo trọc cùng bộ áo tu sĩ, anh ta hét lên:

– Tôi ở đây, nhưng không còn là Rastko nữa, mà là tu sĩ Savva: đây là mái tóc của tôi và bộ áo quần hoàng tử của tôi; hãy mang chúng về cho cha mẹ tôi làm bằng chứng cho những gì đã xảy ra với tôi.

Một nỗi đau đớn tột cùng ập xuống vị thống đốc già và những người đi cùng ông: mọi nỗ lực của họ đều trở nên vô ích; giờ đây, không thể nào đưa chàng trai trẻ trở về với cha mẹ như lúc chàng rời xa họ nữa, và cũng chẳng còn lý do gì để làm vậy: chàng đã từ bỏ thế gian này.

Với nỗi buồn, những người được Stefan Nemanja phái đi đã lên đường trở về quê hương.

Ở lại tu viện Thánh Panteleimon, tu sĩ mới xuất gia Savva bắt đầu những công việc tu hành của mình và đã đóng góp rất nhiều vàng để xây dựng tu viện Panteleimon của người Nga, nơi đã cưu mang anh.

Một thời gian ngắn sau đó, lễ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh đến, được tổ chức long trọng tại tu viện Vatopedi trên núi Athos. Tất cả các tu sĩ trên núi Athos đều được mời tham dự lễ này. Tu sĩ hoàng gia Savva cũng nhận được lời mời. Với niềm vui sướng và sự háo hức tột độ, ngài lên đường tham dự lễ hội vinh quang này, nơi quy tụ tất cả các tu sĩ Ẩn tu trên núi Athos, đứng đầu là vị Trưởng tu viện của các cư dân trên núi. Được các nhà chức trách trên núi Athos đón tiếp nồng hậu, Savva có cơ hội chứng kiến trọn vẹn lễ hội tôn giáo trên núi Athos, nơi thánh địa được Đức Mẹ Rất Thánh yêu mến. Ông đã bị ấn tượng sâu sắc bởi tất cả những gì mình nhìn thấy và

[964] Isaac Angel trị vì từ năm 1185 đến năm 1195.

nghe được, đến nỗi ngay lập tức quyết định ở lại tu viện Đức Mẹ Rất Thánh, và bắt đầu tha thiết xin vị Bề trên tu viện Vatopedi, Thánh Theostiriktos, nhận ông vào hàng ngũ các tu sĩ của tu viện. Lời thỉnh cầu chân thành của Savva đã được chấp nhận và đáp ứng: ông gia nhập hàng ngũ các tu sĩ bình thường và bắt đầu siêng năng thực hiện mọi nghĩa vụ và sự vâng phục của một tu sĩ. Ngay khi mới gia nhập Tu viện Vatopedi, Savva đã vội vàng đóng góp một khoản tiền lớn cho tu viện, nơi đã gây ấn tượng sâu sắc với ông và thỏa mãn những khát vọng đạo đức từ lâu của ông.

Trong khi đó, tin tức được những người do Stefan Nemanja cử đi tìm con trai ông mang về Serbia đã gây chấn động sâu sắc không chỉ đối với cha mẹ anh mà còn cả cả đất nước: chàng trai hoàng gia đã từ bỏ gia đình ruột thịt và mọi thứ trần tục để trở thành một tu sĩ! Ban đầu, cha mẹ ông buồn bã vì phải xa cách con trai, nhưng chẳng bao lâu sau, họ nhận ra rằng mọi sự đều theo ý Chúa; và với tư cách là những Kitô hữu sùng đạo, họ đã biến nỗi buồn thành niềm vui, khi nhìn thấy con trai mình là một người phục vụ Chúa và mong đợi từ anh những điều tốt lành cho cả bản thân họ lẫn tổ quốc.

Sau khi sắp xếp lại suy nghĩ và cảm xúc, cha mẹ đã gửi cho Savva một lá thư đầy nước mắt, trong đó, vừa bày tỏ sự tiếc nuối vì sự xa cách, vừa cùng nhau ngợi khen Chúa Trời, Đấng bằng sự khôn ngoan của Ngài sắp xếp mọi sự vì lợi ích chung, họ thuyết phục và nài nỉ con trai về thăm cha mẹ, trở về quê hương Serbia và mang lại sự an ủi cho mọi người, hứa rằng sau khi gặp mặt sẽ để anh trở lại ngọn núi thánh một cách suôn sẻ.

Cùng với bức thư, cha mẹ đã gửi cho con trai một số lượng vàng lớn, vừa để đáp ứng nhu cầu cá nhân của anh, vừa để phân phát cho các nhà thờ trên núi Athos và những người nghèo khó.

Thánh Savva đã được an ủi bởi bức thư của cha mẹ, nhưng ngài không muốn trở về quê hương: ngài khao khát được tu hành trên núi Athos, nơi ngài hằng mong ước và đã an cư lạc nghiệp tại đó.

Trong thời gian cư ngụ tại tu viện Vatopedi, Thánh Savva thường xuyên thực hiện những chuyến đi khắp núi Athos thiêng liêng, mong muốn được chiêm ngưỡng các tu viện thánh, cầu nguyện tại đó, gặp gỡ các vị tu sĩ vĩ đại, trò chuyện với họ và nhận được sự rèn luyện tâm linh. Chân trần, mặc trang phục giản dị, ngài đi khắp núi Athos, leo lên những vách đá dốc đứng và cao nhất, băng qua các khe núi sâu và dòng suối xiết, tìm kiếm những vị tu sĩ ẩn dật, đang trú ngụ như những chú chim trên những vách đá núi mà con người khó có thể tiếp cận. Khi thực hiện những chuyến đi như vậy, Savva không chỉ nhằm thỏa mãn mong muốn được chứng kiến và tìm hiểu cuộc sống tu hành trên núi Athos: ông còn mong muốn giúp đỡ về mặt vật chất cho những người nghèo khó, vốn thường là các tu sĩ ẩn dật đơn độc trên núi Athos. Để giúp đỡ họ, ông không tiếc những nguồn lực mà ông có dư dả.

Trong những chuyến du hành như vậy trên núi Athos, ông không ít lần phải đối mặt với những nguy hiểm lớn, nhưng Chúa đã giúp đỡ ông. Vào thời đó, núi Athos phải chịu nhiều đau khổ vì bọn cướp biển, những kẻ đổ bộ lên bờ, cướp bóc cả những tu viện và phục kích những người đi bộ cũng như người đi đường, cả trên biển gần bờ lẫn trên đất liền. Thánh Savva có thói quen thỉnh thoảng chuẩn bị bánh mì nóng hổi và đích thân mang chúng đi khắp các vùng hoang dã để phân phát cho những người tu hành đơn độc, những người không có thức ăn nóng hay nấu chín nào, mà chỉ ăn các loại thực vật khác nhau. Thánh Savva thích làm việc này vào các ngày thứ Bảy trong Mùa Chay Thánh. Vào một trong những ngày thứ Bảy như vậy, sáng sớm, sau khi chất bánh mì nóng hổi lên lưng lừa, ông vội vã lên đường, đi chân trần dẫn đầu đoàn và tràn đầy khát khao mang sự an ủi của Chúa Kitô đến cho các tu sĩ. Con đường chạy dọc theo bờ biển, Savva đi qua gần một nơi được gọi là Milopotam. Tại đây, bọn cướp đã tấn công và bắt giữ cả ông lẫn những người đi cùng. Savva vô cùng buồn bã vì hành trình của mình bỗng chốc bị cản trở. Từ tận đáy lòng, ông dâng lời cầu nguyện lên Chúa Trời xin được giải thoát, và Chúa đã cứu ông. Bọn cướp bắt đầu tra hỏi:

– Ngươi là ai và đến từ đâu?

Savva trả lời:

– Tôi là môn đệ của Cha Makari; ngài đã sai tôi đến Esfigmen hôm qua để lo một việc thuộc linh, nhưng các anh em đã giữ tôi lại đến sáng nay để gửi theo tôi những ổ bánh mì để các vị trưởng lão ban phước, vì các tu viện lớn có tập tục gửi bánh mì để an ủi những người ẩn tu, những người đang chịu khổ vì danh Chúa Kitô và không có sự an ủi nào khác ngoài lòng bác ái mà Thiên Chúa ban cho họ.

Lời nói của Thánh Savva đã làm mềm lòng những tên cướp tàn nhẫn; họ cảm động trước đức tin và thả Savva ra, nhờ đó anh kịp đến gặp vị tu sĩ già đúng lúc. Vừa mới bắt đầu cầu nguyện, bọn cướp đã xuất hiện tại tu viện: sau khi hối hận về những việc làm của mình, chúng đi theo Thánh Savva và, khi nhìn thấy vị tu sĩ già, đã xin ngài ban phước lành và kể lại tất cả những gì đã xảy ra với chúng trên đường đi. Vị tu sĩ già đã dạy dỗ họ bằng Lời

Chúa, và họ cảm động sâu sắc, đặt trọn niềm tin vào ngài. Những tên cướp biển này thuộc hàng những nhân vật danh giá và có tiếng tăm. Họ hỏi vị tu sĩ già:

– Xin hãy cho chúng tôi biết, vì danh Chúa Kitô, liệu vị tu sĩ này (tức là Savva) có thực sự là đệ tử của ngài không? Chúng tôi thấy trên người ông ấy có một dấu hiệu kỳ diệu nào đó.

Vị tu sĩ già đáp:

– Vì danh Chúa Kitô, ta sẽ nói cho các con nghe, hỡi các con của ta: tu sĩ này là môn đệ của Thiên Chúa, và đối với chúng ta, ông là một trong những anh em; ông là con trai của vị vua Serbia có đức tin vững vàng; Thiên Chúa toàn năng đã sai ông đến thăm các tôi tớ của Ngài: như các con thấy, anh ta đã từ bỏ vương quốc của mình và lang thang khắp sa mạc này, thăm viếng và an ủi, nuôi dưỡng và che chở những người đang chịu khổ vì Chúa Kitô trong các sa mạc, trên núi non, trong hang động và các khe núi sâu thẳm, giống như mặt trời chiếu sáng và ban ân sủng cho muôn loài, mong chờ sự thương xót và an ủi trong cuộc sống vĩnh cửu. Những tên cướp, nghe vậy, liền quỳ xuống dưới chân Thánh Savva và xin lời chúc lành. Sau khi nhận được lời chúc lành từ cả ngài lẫn vị tu sĩ già, họ hứa sẽ không còn làm cướp nữa và trở về nhà.

Một trường hợp tương tự khác đã xảy ra trong một lần Thánh Savva viếng thăm tu viện Thánh Athanasius trên núi Athos. Thánh Savva đang đi thuyền trên biển đến tu viện, cùng với một số tu sĩ. Khi họ sắp đến tu viện, bọn cướp đã tấn công và bắt giữ họ. Một trong những người đồng hành của Thánh Savva may mắn thoát khỏi tay bọn cướp, anh ta vội vã chạy về Tu viện Thánh Athanasius và báo cho vị tu viện trưởng biết về tai họa đã ập xuống họ. Vị tu viện trưởng và các tu sĩ, khi nghe tin này, đã vô cùng lo lắng và lập tức cử một tu sĩ trong số họ, người nổi tiếng vì sự thông minh, đi tìm Thánh Savva. Trong khi đó, Thánh Savva, đang bị bọn cướp bắt giữ, đã thầm cầu nguyện trong lòng xin Chúa cứu rỗi. Chẳng bao lâu sau, vị tu sĩ được cử đi từ tu viện đã đến và chào hỏi bọn cướp:

– Chúc mừng quý vị đã đến! Chào mừng quý vị đến tu viện, ở đó quý vị có thể nghỉ ngơi và nhận được mọi thứ cần thiết!

Nhìn thấy tu sĩ trẻ Savva, vị tu sĩ xảo quyệt ấy dường như nói với anh ta với vẻ giận dữ tột độ:

– Còn cậu thì đến đây làm gì? Vị tu viện trưởng có phải đã sai cậu đến nơi khác rồi không, mà cậu lại tự ý làm theo ý mình?

Và hắn như muốn đánh Savva. Savva thì, như vì sợ hãi, vội vàng lùi xa khỏi hắn, nhảy ra khỏi thuyền và chạy đi. Những tên cướp kinh ngạc đến mức như bị choáng váng trước tất cả những gì vừa xảy ra và không nói được lời nào. Chỉ đến sau này, tại tu viện nơi Savva ẩn náu, họ mới nhìn thấy anh, nhận ra anh là ai, và trong lòng vô cùng hối tiếc vì đã để tuột mất một báu vật quý giá khỏi tay mình.

Sau khi ở lại tu viện một thời gian, nhận được sự an ủi về tinh thần và thể xác cùng với vị tu viện trưởng và các tu sĩ, Thánh Savva đã trở về an toàn tại tu viện Vatopedi.

Sử dụng những nguồn lực nhận được từ cha mẹ đạo đức, Thánh Savva bắt tay vào việc xây dựng và trang hoàng các nhà thờ trong tu viện Vatopedi. Trước hết, ngài đã xây dựng nhà thờ kính Đức Mẹ Sinh Nhật, nằm trong pháo đài của tu viện, phía đông của nhà thờ chính. Sau đó, cũng tại pháo đài này, ngay bên cạnh nhà thờ nói trên, ngài bắt đầu xây dựng nhà thờ kính Thánh Gioan Vàng Miệng, với niềm hy vọng trong lòng rằng theo thời gian, cha ngài là Stefan Nemanja, vị vua đã cao tuổi, sẽ đến định cư tại đây.

Sau khi hoàn thành và trang trí hai nhà thờ mới này, Savva cũng không bỏ qua nhà thờ chính của Vatopedi, được dâng kính Đức Mẹ Truyền Tin: nhà thờ này ban đầu được lợp ngói; nhận thấy mái ngói không bền, Savva đã thay thế bằng mái thiếc, việc này đòi hỏi một khoản chi phí không nhỏ.

Sau đó, Thánh Savva còn xây dựng thêm một nhà thờ nữa – trong tháp tu viện, hay còn gọi là pirge, để tôn vinh Lễ Biến Hình của Chúa.

Ngoài những công trình chính này, Thánh Savva còn không tiếc chi phí cho việc trang trí nội thất và các vật dụng thờ cúng cho nhà thờ chính Vatopedi kính Đức Mẹ Truyền Tin; tất cả những báu vật này vẫn còn lưu giữ tại đây như một kỷ niệm dành cho hậu thế về vị ân nhân vĩ đại của Núi Athos, người đã đến từ xứ Serbia.

Ý nghĩ về việc mời cha mình, Thánh Stefan Nemanja, một người sùng đạo, đến Athos không ngừng ám ảnh Thánh Savva. Cuối cùng, ngài quyết định viết một bức thư đầy thuyết phục gửi cho cha mẹ mình, trong đó ngài khuyên cha hãy từ bỏ vương quốc trần gian và tìm đường vào Nước Trời, bằng cách mang lấy hình ảnh của các thiên thần và chuyển đến sống cùng ngài trên ngọn núi thánh.

Stefan Nemanjia đã suy nghĩ về điều này từ lâu; từ lâu ông đã mong muốn từ bỏ quyền lực trần thế và mọi thứ thuộc về thế gian để trở thành tu sĩ. Giờ đây, sau những lời thuyết phục đầy sức thuyết phục của con trai, ông đã

quyết tâm thực hiện ý định của mình. Sau khi tham vấn với người vợ đồng lòng và đạo đức của mình là Anna, Stefan Nemanja đã triệu tập con trai mình là Stefan và, trước sự chứng kiến của các quý tộc và quan chức từ khắp vương quốc, trao cho con quyền cai trị Serbia, phong con làm Đại Tể tướng, còn bản thân thì tuyên bố ý định từ bỏ thế gian. Khi chia tay các quý tộc và tôi tớ của mình, ông đã ban thưởng và tặng quà dồi dào cho tất cả mọi người, trao tự do cho những người bị nô lệ và đảm bảo cuộc sống cho những người nghèo khó. Sau khi cắt đứt mọi mối quan hệ trần tục như vậy, ông đã tuyên thệ tu hành và với tên gọi Simeon, ông đã nhận lễ xuất gia từ tay Giám mục Kallinikos tại nơi ẩn dật của mình, trong tu viện Studenica do chính ông xây dựng.

Vợ ông, Anna, đã noi gương ông và cũng được vị giám mục đó truyền giới tu sĩ, rồi định cư tại một trong những tu viện dành cho nữ tu.

Thời gian đầu sau khi thọ giới, vị tu sĩ hoàng gia mới Simeon đã sống tại tu viện Studenitsky, làm quen với luật tu viện và thực hiện những nhiệm vụ tu hành đầu tiên. Nhiều quan đại thần, muốn sánh ngang với lòng đạo đức của vị quân vương, không muốn ở lại đời thế tục, đã thọ giới tu sĩ và quyết định đồng hành cùng vị quân vương cũ của mình trên con đường mới; khi Simeon quyết định lên núi Athos, họ đã theo chân ngài.

Khi lên đường đến ngọn núi thánh, Simeon mang theo rất nhiều vàng, quần áo, ngựa và các loại dây cương, cùng nhiều vật dụng khác; và khi đến Tu viện Vatopedi, ông đã dâng tất cả những thứ đó làm lễ vật cho tu viện, nơi ông sẽ cư ngụ và nơi con trai ông là Savva đang chờ đợi.

Cảnh gặp gỡ giữa hai tu sĩ hoàng gia – Savva còn trẻ và người cha già nua của anh, nay mang tên Simeon – thật cảm động và kỳ diệu. Sự kiện phi thường này đã làm xôn xao cả núi Athos. Mọi người đều mong muốn được chiêm ngưỡng hai tu sĩ kỳ diệu này, từ vị tu viện trưởng của ngọn núi thánh cho đến những tu sĩ ẩn dật bình dị nhất: thậm chí tại Vatopedi, những tu sĩ ẩn dật và những người tu hành im lặng từ những khe núi và hang động hẻo lánh nhất, những nơi họ chưa bao giờ rời khỏi nơi ẩn náu của mình, cũng đổ xô đến, mong được chiêm ngưỡng cảnh tượng kỳ diệu và phi thường khi hai vị tu sĩ cao quý này đến núi của họ để tu hành cùng với họ.

Và không chỉ các tu sĩ Athos mới ngạc nhiên khi nghe tin và chiêm ngưỡng những tôi tớ của Chúa này: tin tức về họ tất nhiên cũng đã lan đến kinh đô, và không chỉ mọi người đều kinh ngạc trước sự kiện này, mà nhiều quan lại và quý tộc cũng đã noi gương họ.

Vị khách mới đến Athos, tu sĩ vương giả Simeon, ngay lập tức nhận ra tất cả những tu sĩ mà ngài đã biết từ lâu. Và ngài không bỏ sót ai mà không ban ân huệ và lòng nhân ái. Sau khi phân phát nhiều tiền bố thí cho người nghèo, ngài đã gửi những món quà bằng vàng và đồ thờ cúng đến tất cả các tu viện trên núi Athos như một kỷ niệm về bản thân. Đặc biệt, ngài đã ban tặng cho tu viện Vatopedi – nơi đã đón nhận ngài vào hàng ngũ anh em tu sĩ – một khoản vàng lớn cùng vô số áo lễ và các vật dụng nhà thờ khác cho nhà thờ, cũng như ngựa, lừa và dây cương để phục vụ nhu cầu của tu viện.

Lão tu Simeon, dù đã suy yếu vì bệnh tật nhưng vẫn mong muốn được nghe thánh lễ, đã cho xây thêm một căn phòng nhỏ bên cạnh bàn thờ của nhà thờ chính Truyền Tin, với một cửa sổ nhìn thẳng vào bàn thờ; qua cửa sổ đó, ngài có thể nhìn thấy và lắng nghe thánh lễ hàng ngày.

Trong khi đó, Thánh Savva, vừa chăm sóc cha mình vừa không bỏ bê các việc tu hành hàng ngày, đã mở rộng các hoạt động từ thiện và xây dựng trên ngọn núi thánh. Khi chú ý đến nhà thờ Thánh Stephano, vốn đã bị bọn cướp phá hủy và bỏ hoang, ngài đã trùng tu lại, trang bị đầy đủ mọi thứ cần thiết để các tu sĩ có thể sinh sống tại đó, và giao nơi ẩn náu tu hành này cho Tu viện Vatopedi quản lý. Trong quá trình xây dựng tu viện nhỏ này, ngài đã quan tâm đến việc xây dựng một pháo đài và tháp canh (pirga) để bảo vệ khỏi các cuộc tấn công của bọn cướp.

Có rất nhiều tín đồ từ các vùng lân cận và các nước xa xôi đến tu viện Vatopedi; cũng có rất nhiều người làm việc cho tu viện vì lòng nhiệt thành. Tất cả những người này thường không có gì và chỉ có thể sống nhờ vào sự bố thí của tu viện. Thánh Savva, người có lòng nhân ái, đã quan tâm sâu sắc đến hoàn cảnh khó khăn của những người này: ngài đã đóng góp một khoản tiền lớn vào quỹ của Tu viện Vatopedi để tất cả những người này không phải chịu cảnh thiếu thốn, luôn có thức ăn và nước uống, mà không gây gánh nặng cho tu viện.

Cũng có rất nhiều người đến tu viện chỉ vì nghe nói về những vị tu sĩ nổi tiếng với những việc làm phi thường, và muốn được chiêm ngưỡng họ. Thánh Savva đã đáp ứng nhu cầu của tất cả những người đó bằng chính tài sản của mình; có rất nhiều người xin giúp đỡ, và không ai bị bỏ rơi.

Thánh Savva đã xây dựng hai phòng tại Tu viện Vatopedi, một phòng mang tên cha ngài là Simeon, phòng kia mang tên ngài; những căn phòng này mãi mãi lưu giữ ký ức về họ.

Mọi thứ cũ nát và bị bỏ hoang trong tu viện, ngài đều tu sửa và khôi phục lại.

Thánh Savva, sau khi khảo sát nhiều metochion, tức là các vùng đất thuộc tu viện, trên núi Athos và trong khu vực lân cận, vốn đã hoang vắng và không ai canh tác, đã quyết định mua lại chúng cho Tu viện Vatopedi: sau khi xin phép hoàng đế Byzantine, ngài đã xây dựng, định cư và củng cố những vùng đất này cho tu viện đã cưu mang ngài và cha ngài.

Trong khi đó, vị tu sĩ cao niên Simeon, sau khi sống một thời gian tại Vatopedi, đã quyết định thực hiện ước nguyện từ lâu của mình – đi thăm quan toàn bộ ngọn núi thánh, viếng các nhà thờ thánh, ghé thăm các vị tu sĩ khổ hạnh và trò chuyện với họ.

Cùng với Thánh Savva, trước tiên họ đã đến tu viện Karyes, nơi vị Trưởng tu viện của núi Athos đang cư ngụ. Sau khi nhận được lời chúc phúc của ngài và dâng lễ tại các thánh tích, Simeon và Savva đã hào phóng tặng cho tu viện cả tiền bạc lẫn, đặc biệt là những vật phẩm quý giá: các đồ thánh lễ và các vật dụng khác, áo lễ, khăn phủ bàn thờ. Nhờ những đóng góp này, cả hai đã được ghi danh vĩnh viễn vào sổ ghi chép của tu viện với tư cách là những nhà hảo tâm thứ hai của tu viện, bởi vì nhà hảo tâm đầu tiên là Vua Michael của Hy Lạp, người đã xây dựng ngôi đền mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh để tạ ơn vì đã được chữa lành khỏi bệnh tật.

Tương tự như vậy, Simeon và Savva đã viếng thăm tu viện Đức Mẹ Iveron, còn được gọi là Portatissa, và tu viện vĩ đại của Thánh Athanasius của Athos. Các tu viện này cũng được làm giàu nhờ những đóng góp của họ, và tại đó, cả hai nhà hảo tâm người Serbia đều được ghi danh là những nhà tài trợ thứ hai.

Trong những chuyến viếng thăm các tu viện và các nơi ẩn tu, đồng thời thực hiện những khoản đóng góp hào phóng, Simeon và Savva đã ban tặng quà cho các tu sĩ ở khắp mọi nơi và hào phóng phân phát tiền bố thí cho tất cả những người nghèo khó.

Trong chuyến đi này, các tu sĩ Serbia đã tìm kiếm một địa điểm để có thể xây dựng tu viện của riêng họ. Tuy nhiên, để làm được điều đó, họ cần phải có sự cho phép của vua Hy Lạp. Cơ hội để xin phép này đã sớm xuất hiện.

Vị tu viện trưởng tu viện Vatopedi gặp phải một việc khẩn cấp buộc phải lên đường đến Tsargrad để gặp hoàng đế nhằm giải quyết các công việc của tu viện. Trong cuộc họp với các tu sĩ, vị tu viện trưởng đã nhờ Savva thay mặt mình đến Constantinople. Savva đã vui vẻ đồng ý.

Tại Constantinople, ông được hoàng đế Alexei[965] tiếp đón nồng hậu; hoàng đế này có quan hệ họ hàng với Stefan Nemanja. Hoàng đế, tất nhiên, từ lâu đã biết về việc Nemanja xuất gia và việc ông đang tu tại Athos, vì vậy ngài đã hỏi han chi tiết về cuộc sống của họ.

Sau khi dành cho Savva những vinh dự lớn lao, hoàng đế đã gửi những món quà quý giá đến cả Simeon.

Nhà vua đã hào phóng chấp thuận tất cả các yêu cầu của Tu viện Vatopedi. Nhân dịp này, Savva đã trình lên nhà vua một lời thỉnh cầu cá nhân: xin nhượng lại cho ông và cha ông trên núi Athos một tu viện nhỏ đã bị bỏ hoang, mang tên Hilandar. Nhà vua vui lòng đồng ý, ban tặng tu viện cùng tất cả các tu viện phụ thuộc và chính thức xác nhận điều này bằng sắc lệnh.

Khi trở về Athos, Savva hân hoan kể cho cha mình nghe về thành công của mình. Sau khi nhận được Hilandar vào quyền sở hữu, họ sáp nhập tu viện này vào tu viện Vatopedi, nơi họ đang sinh sống, và bắt tay vào việc xây dựng lại nó.

Việc mua lại này làm hài lòng cá nhân Simeon và Savva, nhưng lại không làm hài lòng những đồng bào người Serbia của họ, những người đã đổ xô đến Athos để hành hương tại thánh địa. Một trong những tín đồ sùng đạo đó đã đến gặp Thánh Savva và đề xuất việc xây dựng một tu viện trên núi Athos, nơi sẽ trở thành nơi nương tựa lâu dài và độc lập cho quê hương của họ, đồng thời là nơi những người từ Serbia có nguyện vọng có thể nhận lễ xuất gia và tu hành. Lời khuyên này rất hợp lòng Thánh Savva, người vô cùng yêu mến quê hương và luôn quan tâm đến lợi ích của nó. Ngài đã báo tin này cho vị trưởng lão Simeon, người cũng tán thành ý định này.

Thánh Sava đã đến gặp vị tu viện trưởng của Tu viện Vatopedi để xin nhượng lại một khu đất hoang vắng nhằm xây dựng các phòng tu cho người Serbia và thành lập một tu viện riêng dành cho họ. Tuy nhiên, vị tu viện trưởng, lo ngại rằng những nhà hảo tâm này sẽ rời khỏi Vatopedi, đã từ chối yêu cầu này. Lúc đó, Savva và Simeon đã trình bày yêu cầu của mình lên vị Protos của núi Athos và Hội đồng chung các tu viện Athos. Hội đồng, do vị Protos đứng đầu, đã sẵn lòng chấp thuận yêu cầu và đề nghị họ chọn bất kỳ khu đất trống nào để xây dựng tu viện cho người Serbia.

---

[965] Alexei Angel trị vì từ năm 1195 đến năm 1203.

Và thế là Simeon, người đã cao tuổi, cùng với Savva lại lên đường du hành khắp Athos. Do tuổi già không còn khả năng cưỡi ngựa, Simeon di chuyển trên một chiếc cáng được buộc chặt giữa hai con ngựa. Họ đã chiêm ngưỡng nhiều cảnh đẹp, nhưng cuối cùng vẫn không tìm được nơi nào tốt hơn Hilandar – nơi họ yêu mến nhất. Khi trở về từ chuyến đi và trình bày ý định của mình với vị tu viện trưởng Vatopedi, ông này lúc này đã đồng ý, vì lo sợ các tu sĩ hoàng gia sẽ phật lòng và rời bỏ tu viện Vatopedi hoàn toàn.

Khi đó, Thánh Savva bắt tay vào việc hoàn thiện tu viện. Trước hết, ngài đã trùng tu và mở rộng nhà thờ chính cổ kính của Hilandar, được đặt tên là Nhà thờ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh. Xung quanh tu viện, ngài xây dựng một bức tường thành với một tháp canh cao. Bên trong bức tường, ngài đã xây dựng những khu nhà rộng lớn làm nơi cư ngụ cho các tu sĩ. Với mong muốn mở rộng lãnh địa của tu viện, ngài đã xin phép vị tu viện trưởng và toàn thể cư dân Thánh núi cho phép sáp nhập thị trấn Maleu vào Hilandar.

Sau khi trang trí lộng lẫy tất cả các tòa nhà, Thánh Savva cùng với cha mình là Simeon đã chuyển từ Vatopedi đến sinh sống vĩnh viễn tại Hilandar, và cả hai bắt đầu tu hành tại đây.

Với mong muốn đảm bảo vững chắc hơn cho bản thân và cho Serbia về tu viện vừa được tái lập, Thánh Savva, sau khi tham vấn với cha mình, lại lên đường đến Tsargrad gặp hoàng đế Alexei. Được hoàng đế tiếp đón nồng hậu, ngài đã kể cho hoàng đế nghe về tất cả những gì họ đã xây dựng trên núi Athos, và xin hoàng đế một lần nữa củng cố quyền sở hữu tu viện này cho họ và cho quê hương Serbia của họ, đồng thời xin hoàng đế tham gia trực tiếp vào dự án này. Hoàng đế đã tỏ ra thông cảm, phê chuẩn tất cả những gì họ đã có được và từ phía mình, ngài ban tặng cho họ tu viện hoàng gia của mình trên núi Athos, có tên là Zig, đồng thời xác nhận điều này bằng một văn bản chính thức. Tu viện Hilandar cùng với tất cả các tài sản và ân tứ đi kèm đã được xếp vào hàng các tu viện hoàng gia trực thuộc, nhờ đó được hưởng một vị thế đặc biệt và ưu đãi trên núi Athos.

Niềm vui của Thánh Savva và cha ngài, vị tu sĩ cao niên Simeon, thật lớn lao khi Savva trở về từ hoàng đế với thành công rực rỡ và trao các sắc lệnh hoàng gia cho Protu và Hội đồng các tu sĩ trên Núi Athos; những người này, theo ý muốn của hoàng đế, đã chuyển giao tu viện Zig cho Hilandar quản lý. Chẳng bao lâu sau, những tài sản mới cũng được mua lại; tu viện Các Thánh Tử Đạo đã được mua lại từ Hội đồng các vị trưởng lão. Các nhà sáng lập đã ban tặng cho Hilandar nhiều metochion, hay các điền trang sinh lợi, tại quê hương Serbia của họ.

Như vậy, dưới tên chung là Hilandar, đã có tới mười bốn tu viện và lãnh địa riêng biệt trên núi Athos được hợp nhất lại, điều này, cùng với các khoản đóng góp tiền mặt, đã đảm bảo một cuộc sống khá giả cho hai trăm tu sĩ thuộc dân tộc Serbia. Để đảm bảo tu viện Hilandar thuộc về Serbia trong tương lai, các nhà sáng lập đã giao nó cho Đại tể tướng Serbia Stefan – con trai cả của Simeon và anh trai của Thánh Sava – quản lý, như một lãnh địa thừa kế của các vị vua Serbia.

Như vậy, những mong ước tha thiết của Thánh Simeon và Thánh Sava về việc thành lập một tu viện dành cho người Serbia trên núi Athos đã được thực hiện một cách suôn sẻ. Được đảm bảo về mặt vật chất và được tôn vinh nhờ những công lao của Simeon và Sava, Hilandar đã trở thành trung tâm giáo dục Kitô giáo trong một thời gian dài, không chỉ cho người Serbia mà còn cho các dân tộc Slav Chính thống giáo khác.

Thánh Savva đã tổ chức đời sống tu hành tại Hilandar theo các quy tắc của các tu viện cộng đồng và soạn thảo hiến chương riêng, để lại làm kim chỉ nam cho các thế hệ tu sĩ sau này.

Trên ngọn núi thánh không chỉ có các tu viện cộng đồng, mà còn có nhiều hình thức tu hành khác nhau. Nhiều tu sĩ đã chọn lối tu hành ẩn dật: tụ tập thành nhóm hai hoặc ba người, các tu sĩ dấn thân vào việc giữ im lặng và suy ngẫm về Thiên Chúa.

Thánh Savva, sau khi miệt mài nghiên cứu các hình thức tu hành khác nhau và cố gắng thử thách bản thân trong tất cả các hình thức đó, đã quyết tâm tu hành tại các am. Hình thức tu hành tại các am đặc biệt phổ biến quanh tu viện mang tên Karea. Tại đây, Thánh Savva đã mua một mảnh đất và lập nên một tu viện ẩn dật, hay còn gọi là "nơi tu hành im lặng", đồng thời xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Savva Được Thánh Hiến, người Jerusalem, để hai hoặc ba tu sĩ có thể cư ngụ tại đó. Tại cộng đồng tu hành này, chính ngài cũng đã sống một thời gian trong sự tu hành im lặng và suy ngẫm về Thiên Chúa, đồng thời soạn thảo quy chế cho đời sống tu hành tại đây; quy chế này đã trở thành kim chỉ nam cho các tu sĩ trong những thời kỳ sau này.

Trong khi đó, cha già của ngài là Thánh Simeon đang cận kề lúc lìa đời. Thánh Savva, người luôn dành sự chăm sóc không ngừng nghỉ cho cha mình, không rời xa ngài trước lúc lâm chung. Một lần nọ, suốt cả đêm, Savva thức trắng để cầu nguyện, vì ngài đã linh cảm được sự ra đi của vị trưởng lão. Ông để lại một tu sĩ bên giường cha mình, rồi tự mình đi dự thánh lễ buổi sáng. Chẳng bao lâu sau, ông được gọi về bên cha và thấy rằng cha đang

chuẩn bị ra đi. Thánh Savva bế cha xuống khỏi giường và, như một biểu hiện của lòng khiêm nhường sâu sắc, đặt cha xuống sàn nhà trên một tấm chiếu, rồi khiêng cha đến tiền sảnh nhà thờ, hay còn gọi là papert. Tại đó, vị tu sĩ cao niên Simeon, như vừa thức dậy khỏi giấc ngủ, bắt đầu ban phước lành cho con trai mình và các tu sĩ của Tu viện Hilandar đang tụ tập xung quanh. Lúc đó, có tiếng ồn vang lên và vị tu sĩ cao niên Simeon bắt đầu hát thánh vịnh: "Mọi sinh linh hãy ngợi khen Chúa", từ đầu đến cuối. Mọi người đều nghe thấy tiếng hát của các Thiên thần, còn vị tu sĩ già thì hát cùng với các Thiên thần – và sau đó ngài trút hơi thở cuối cùng. Tiếng khóc than vang lên trước sự ra đi của vị thánh nhân vĩnh cửu, còn Savva thì rơi nước mắt, vừa vui mừng vừa đau buồn: vui mừng vì được chứng kiến sự ra đi thanh thản của vị trưởng lão, còn đau buồn vì đã mất đi người cha và người đồng hành của mình.

Sau lễ an táng trang trọng, thi hài của người quá cố được an táng trong quan tài bằng đá cẩm thạch tại Nhà thờ Đức Mẹ Hilandar.

Trước khi qua đời, vị tu sĩ già đã di chúc cho con trai mình là Savva rằng sau này hãy chuyển hài cốt của ngài về quê hương Serbia, điều này sau đó đã được thực hiện.

Giờ đây, Thánh Savva lại một mình ở lại Athos và dấn thân vào những công việc tu hành, không ngừng tưởng nhớ người cha quá cố của mình trong những lời cầu nguyện. Không ít lần, trong những giấc mơ ban đêm, người đã khuất hiện ra với Savva, an ủi ông, tiết lộ về cuộc sống của mình tại các tu viện trên thiên đàng và tiên đoán rằng Savva sẽ phải lo liệu các công việc liên quan đến đức tin và sự sùng đạo tại quê hương của họ.

Như trước đây, và thậm chí còn với sự nhiệt thành hơn, Savva dốc lòng vào các công việc từ thiện. Ông không ngừng bố thí cho những người nghèo khổ và khốn cùng, giúp đỡ người nghèo, tìm kiếm những tu sĩ đang gặp khó khăn và hỗ trợ họ; ông không thể từ chối bất kỳ lời cầu xin giúp đỡ nào trong việc xây dựng, trùng tu và duy trì các nhà thờ và tu viện, không chỉ trên núi Athos mà còn ở những nơi khác, thường là những vùng xa xôi. Đôi khi nguồn tài chính thông thường của ngài – vốn được gửi đến từ quê hương theo nhiều cách khác nhau – cạn kiệt. Nhưng lúc đó, sự giúp đỡ từ trên cao lại đến với ngài. Đây là phép lạ đã xảy ra với Thánh Savva nhờ sự cầu bầu của Đức Mẹ Đồng Trinh.

Đã không ít lần Thánh Savva đến Constantinople và theo thông lệ, ngài đã bố thí cho các tu viện và nhà thờ. Đặc biệt, ngài dành tình yêu thương sâu sắc cho nhà thờ Đức Mẹ Evergetissa, hay còn gọi là Đức Mẹ Bố Thích. Ngay từ khi cha ngài còn sống, ngài đã đóng góp một khoản lớn để tưởng nhớ dòng họ của họ; sau đó, ngài cùng với cha mình bắt đầu đóng góp một khoản tiền hàng năm cho ngôi đền này; cuối cùng, Thánh Savva đã tự chi phí xây dựng một phần mở rộng trong tu viện để có nơi ở trong những lần đến thăm Constantinople. Trong một lần viếng thăm như vậy, có một người phụ nữ đạo đức và xinh đẹp đến gặp ngài và nói rằng, theo ý muốn của Thiên Chúa, bà được lệnh tiết lộ cho Thánh Savva biết rằng trên ngọn núi thánh thuộc lãnh địa của Tu viện Hilandar, tại hai địa điểm , có những kho báu được chôn giấu dưới lòng đất, mà ngài có thể sử dụng để đáp ứng nhu cầu của mình. Người viết tiểu sử của Thánh Savva cho rằng sự mặc khải này được Thánh Savva nhận được từ chính Đức Mẹ Đồng Trinh, nhưng vì lòng khiêm nhường, ngài đã không tiết lộ điều đó. Khi trở về núi thánh, Thánh Savva đã làm theo chỉ dẫn nhận được và thực sự đã khai quật được kho báu tại hai địa điểm, nhưng ngài không lấy chúng vì lợi ích cá nhân, mà để làm từ thiện cho những người nghèo khó và khốn cùng, cũng như để hỗ trợ các nhà thờ và các tu sĩ trên núi thánh.

Các tu viện trên núi Athos, đặc biệt là những tu viện ven biển, thường xuyên bị cướp biển, hay còn gọi là hải tặc, quấy rối và tàn phá. Có lần, chúng chiếm đóng tu viện Karakall, cướp bóc kho báu và bắt giữ các tu sĩ cùng với vị tu viện trưởng để bán làm nô lệ. Những tên cướp biển đã đưa các tù nhân đến Tu viện Thánh Athanasius trên núi Athos, với hy vọng nhận được tiền chuộc. Các tu sĩ tại Tu viện Thánh Athanasius đã chuộc họ khỏi tay bọn cướp, nhưng với điều kiện tu viện Karakall phải từ bỏ quyền tự trị và trở thành một tu viện phụ thuộc (metochion) của Tu viện Thánh Athanasius. Sau đó, vị tu viện trưởng và các tu sĩ đã được chuộc lại đã bị trục xuất một cách tàn nhẫn khỏi Karakall. Lúc đó, họ đã tìm đến vị ân nhân trung thành Savva, người đã cảm thông sâu sắc trước hoàn cảnh khốn khó của các tu sĩ, lại một lần nữa chuộc lại tu viện Karakall cùng tất cả các quyền lợi của nó từ tu viện Lavra, đưa những người bị trục xuất trở về đó, và sau khi khôi phục tu viện sau sự tàn phá của bọn cướp, đã cung cấp cho tu viện mọi thứ cần thiết để nối lại các nghi lễ thờ phượng và cuộc sống tu hành bình yên.

Cũng theo cách đó, ngài đã khôi phục tu viện Các Thánh Bốn Mươi Vị Tử Đạo, còn được gọi là Xiropotam, vốn đã hoang tàn do sự tàn phá của bọn cướp, trang trí tu viện này thật lộng lẫy bằng các bức tranh và cung cấp đầy

đủ mọi thứ cần thiết. Thánh Savva nhờ đó đã trở thành vị ân nhân mới của tu viện và thiết lập tại đây sự tưởng niệm vĩnh viễn về dòng dõi hoàng gia của ngài.

Năm này qua năm khác, Thánh Savva đều tổ chức tại Hilandar một buổi lễ tưởng niệm trang trọng dành cho cha mình vào ngày ông qua đời. Vào dịp đó, các tu sĩ từ tất cả các tu viện trên núi Athos, do vị tu viện trưởng dẫn đầu, đều tụ họp theo lời mời của ngài. Nhờ sự mặc khải từ trên cao, Thánh Savva biết rằng cha mình sau khi qua đời đã được gia nhập vào hàng ngũ các thánh và đang cầu xin Chúa ban vinh quang cho ngài trước mặt mọi người trên trần gian, với niềm hy vọng và niềm tin rằng mong muốn thánh thiện của ngài sẽ không trở nên vô ích.

Vào đêm trước một trong những lễ tưởng niệm hàng năm dành cho vị tu sĩ già Simeon, Thánh Savva, sau thánh lễ buổi tối, đã thỉnh cầu vị tu viện trưởng vào sáng hôm sau hãy cầu nguyện với Chúa bên quan tài của Simeon để ngài được tôn vinh, và trao cho ông chìa khóa nhà thờ, còn bản thân ngài cùng các đồng sự người Serbia thì lui về một nhà thờ khác trong tháp để tham dự thánh lễ buổi sáng. Trong lúc cử hành "Lời ngợi khen vĩ đại" tại thánh lễ sáng, một mùi hương kỳ diệu bất ngờ lan tỏa khắp nhà thờ, mang lại niềm vui thiêng liêng ngọt ngào cho tất cả những ai có mặt; và lúc đó, họ nhận ra rằng những xương khô của vị tu sĩ Simeon trong quan tài bằng đá cẩm thạch đang toát ra một loại dầu thơm quý giá. Họ báo tin này cho vị linh mục đang chủ tế Thánh Lễ Sáng, người đã vội vã báo lại cho Thánh Savva. Với niềm vui sướng tột độ, Savva cùng các anh em của mình vội vã đến bên quan tài của vị tu sĩ già Simeon và tận mắt chứng kiến ân sủng vĩ đại của Thiên Chúa, điều đã minh chứng một cách xứng đáng cho đức tin nồng nhiệt của ông. Với những giọt nước mắt xúc động, ngài đã hôn lên chiếc hòm thánh, nơi kỳ diệu tuôn ra dầu thơm đầy ân sủng. Nhiều người bệnh tật hoặc bị quỷ ám đã được chữa lành khi xức dầu thơm và chạm vào chiếc hòm thánh. Nhờ những phép lạ này, Hội đồng các tu sĩ Athos đã phong vị vị thánh làm phép lạ mới này vào hàng ngũ các thánh trước đó và quyết định tổ chức lễ kính ngài cùng với Thánh Simeon Đón Chúa. Hội đồng đã giao cho Thánh Savva soạn các bài thánh ca và kinh cầu, đồng thời ghi chép lại các phép lạ, và ngài đã hoàn thành nhiệm vụ này ngay sau đó.

Người ta đã tổ chức lễ kỷ niệm trong ba ngày tại Hilandar nhân dịp tôn vinh Thánh Simeon. Thánh Savva đã chuẩn bị một bữa tiệc thịnh soạn cho tất cả những người tụ tập tham dự lễ hội và tiễn họ ra về, tặng cho mỗi người những món quà hào phóng.

Thánh Savva đã tu hành được nhiều năm, nhưng vẫn giữ nguyên tư cách một tu sĩ bình thường. Cha Bề trên của Núi Thánh, Dometius, người đặc biệt kính trọng và yêu mến Savva, từ lâu đã thuyết phục ngài nhận chức thánh, nhưng Savva, cho rằng mình không xứng đáng, đã từ chối trong một thời gian dài. Cuối cùng, bị thuyết phục bởi những lý lẽ của Dometius, ngài quyết định nhận lễ tấn phong, trước tiên là chức phó tế, rồi đến chức linh mục, và việc này đã được thực hiện bởi Giám mục Nikolai của thành phố lân cận Ierissos, người được mời đến Hilandar và có quyền tấn phong linh mục trên núi Athos.

Một thời gian sau, Thánh Savva lên thành phố Thessaloniki để lo việc của tu viện, tại đó ngài dừng chân tại Tu viện Philokalia, nơi ngài là nhà hảo tâm và được coi là người bảo trợ. Tổng giám mục Thessaloniki Konstantin, người đã nghe nhiều về Thánh Savva từ Giám mục Nikolaos của Ierissos, sau nhiều cuộc trò chuyện, đã mời Thánh Savva phục vụ tại nhà thờ chính tòa cùng với ngài và các giám mục Nikolaos của Ierissos, Michael của Kassandra và Dimitrios của Adramyttium. Các vị giám mục trong hội đồng đã ban phước cho ngài được mặc áo thắt lưng và phong ngài lên chức archimandrite. Với vinh dự mới này, ngài trở về Hilandar.

Về tất cả những gì đã diễn ra tại Athos, vị thánh đã báo cáo chi tiết cho người anh em quyền lực của mình, đại tể tướng Stefan, ở Serbia; ngài cũng gửi cả dầu thánh từ quan tài của vị thánh mới được tôn vinh – cha của họ – cùng với bản tường thuật về các phép lạ và nghi thức thánh lễ.

Stefan, người có quyền lực, đã đón nhận những thông điệp này với niềm vui vô bờ; cả Serbia cũng cùng chia sẻ niềm vui với ngài. Stefan tha thiết mong muốn đưa thi hài của Simeon về Serbia, phù hợp với ý nguyện của chính vị thánh đã an nghỉ.

Trong thời kỳ hoạn nạn do cuộc nội chiến gây ra, do anh trai Volkan phát động chống lại ông, Stefan đã viết một bức thư dài cho Thánh Sava, tha thiết thuyết phục ngài đến Serbia và rước thi hài thánh Simeon, nơi tuôn trào dầu thánh, với niềm tin sâu sắc rằng sức mạnh đầy ân sủng của thi hài sẽ góp phần mang lại hòa bình cho quê hương nhờ những lời cầu nguyện của ngài.

Thánh Savva đã không chậm trễ trong việc đáp ứng lời thỉnh cầu của người anh em và đồng thời thực hiện di chúc của cha mình. Sau khi rước các thánh tích, ngài đã mang chúng về Serbia cùng với sự hộ tống của nhiều tu sĩ ân sủng từ núi Athos. Chưa đến biên giới Serbia, ngài đã báo trước cho người anh em về sự hiện diện của các

thánh tích. Stefan, cùng với các linh mục, quan chức và dân chúng, đã ra đón. Niềm vui chung trong cuộc gặp gỡ này thật lớn lao, khi mọi người chứng kiến sự trở về quê hương của di cốt được tôn vinh của vị cựu thống đốc vĩ đại – người cha, cùng người con tràn đầy đức hạnh của ông, Archimandrite Savva. Stefan đã hôn lên di cốt một cách nồng nhiệt và ôm chầm lấy người anh em sau một thời gian xa cách quá lâu.

Thánh tích của Thánh Simeon được an táng tại Tu viện Studenitsa do chính ngài xây dựng, nơi ngài đã thụ giới tu sĩ, và thánh tích này tuôn trào dồi dào dầu thánh, kỳ diệu chữa lành mọi bệnh tật và mang lại niềm vui thiêng liêng cho tất cả những ai với lòng tin thành kính đến đây.

Thánh Savva cùng với các tu sĩ Athos đi theo ngài cũng đã định cư tại Tu viện Studenitsa, mang lại niềm vui chung cho đồng bào của ngài.

Trong thời gian ở đây, cũng như khi đi thăm các tu viện, thành phố và làng mạc, Thánh Savva không ngừng giảng dạy mọi người về đức tin và sự đạo đức. Mọi người đều cảm thấy an ủi khi thấy hòa bình và yên tĩnh được thiết lập trên quê hương, đức tin và những phẩm chất tốt đẹp được củng cố. Mối thù hận giữa các anh em đã lắng xuống, và Volkan đã khuất phục trước người anh em của mình.

Theo thông lệ, Thánh Savva phân phát tiền bố thí, làm từ thiện cho các nhà thờ, tu sửa những ngôi nhà thờ cũ nát và xây dựng những ngôi mới, giống như ngài đã làm tại Athos – nơi mà giờ đây ngài vẫn khao khát được trở về, bất chấp những lợi ích rõ ràng mà ngài đã mang lại cho quê hương. Ông đã nhiều lần thỉnh cầu người anh trai đang nắm quyền là Stefan cho phép ông lên Núi Thánh; nhưng Stefan đã nhiệt thành thuyết phục em trai ở lại bên mình và phục vụ vì lợi ích của Giáo hội và đức tin. Ông đề nghị Thánh Savva đảm nhận chức vụ Bề trên tại Tu viện Studenets, điều mà ngài hoàn toàn có quyền làm, vì đã được tấn phong làm Archimandrite. Sau một thời gian do dự, Thánh Savva đã đồng ý quản lý tu viện – nơi vô cùng thân thương đối với cả hai anh em và toàn thể người Serbia – và dốc lòng vào công việc không ngừng nghỉ để xây dựng các nhà thờ cũng như truyền bá đức tin và lòng đạo đức khắp mọi nơi.

Cùng với người anh em Stefan của mình, Thánh Savva quyết định thành lập Tu viện Spas mới tại Žiča (để tôn vinh Lễ Thăng Thiên của Chúa), nơi sau này trở thành tu viện tổng giáo phận của Tổng giáo phận Serbia. Khi xây dựng tu viện này cũng như các tu viện khác, Thánh Sava đã áp dụng vào đó những truyền thống tu hành mà ngài đã chứng kiến tại Athos: các tu viện kiểu Kinon, Lavra và Sihastaria. Với mong muốn danh Chúa được tôn vinh khắp mọi nơi trên quê hương mình, Thánh Savva đã nỗ lực xây dựng càng nhiều nhà thờ càng tốt; còn ở những nơi không thể thực hiện được điều đó, ngài ít nhất cũng dựng lên Thánh Giá, để khi nhìn lên, mọi người đều nhớ đến Đấng Bị Đóng Đinh.

Ngay khi còn sống, Thánh Savva đã được ban ân sủng làm phép lạ. Chẳng hạn, một lần tại Tu viện Studenitsa, ngài thấy một người bị liệt, đang trong tình trạng bất lực, xin bố thí bên đường và hát các thánh vịnh của Đa-vít. Thánh Savva đã rơi lệ trước sự yếu đuối của con người, bế người bị liệt vào nhà thờ trước bức tượng Chúa Cứu Thế và dâng lên lời cầu nguyện nồng nhiệt cho người bệnh, xức dầu thánh từ hòm thánh tích của Thánh Simeon lên người anh ta và tha tội cho anh.

Người bị liệt đã đứng dậy khỏe mạnh. Tin tức về sự chữa lành kỳ diệu này lan truyền khắp nơi, những người bệnh từ nhiều nơi vội vã đến tu viện Studenica và cầu xin Thánh Savva cầu nguyện cho họ được chữa lành. Thánh Savva cầu nguyện, xức dầu thánh từ hòm thánh tích của cha mình lên những người bệnh, và họ đều được chữa lành.

Hoạt động của Thánh Savva và danh tiếng về vị thánh làm phép lạ mới Simeon đã thu hút sự chú ý đến Serbia và các nước lân cận. Trong những thời kỳ khó khăn lúc bấy giờ, nhiều người đã tìm đến Đại tể tướng Serbia Stefan để xin tị nạn và được bảo vệ. Lời cầu nguyện làm phép lạ của Thánh Savva cũng bao trùm cả những người đó.

Một quý tộc Bulgaria tên là Strez, họ hàng của vua Bulgaria Kaloyan – người đã tử trận trong cuộc chinh phạt Thessaloniki khi Constantinople bị người La Mã chiếm đóng – đã chạy trốn đến tìm sự bảo vệ của Đại tể tướng Serbia Stefan. Vua mới của Bulgaria, Boris (hay Boril), đã yêu cầu dẫn độ Strez với tư cách là họ hàng của vị vua tiền nhiệm. Stefan không những không giao nộp người tị nạn đang tìm kiếm sự bảo vệ này, mà còn ban cho ông ta mọi sự che chở và thậm chí trao quyền cai quản thành phố Prosek, trên sông Vardar, cùng với vùng lân cận. Tuy nhiên, Strez lại tỏ ra vô ơn và tàn nhẫn. Ông ta hành hạ thần dân của mình và cuối cùng đã phát động cuộc nổi dậy chống lại Stefan. Một trận chiến đẫm máu sắp xảy ra. Thánh Savva vô cùng đau buồn và đã dùng mọi biện pháp để ngăn chặn cuộc tàn sát. Ông dũng cảm đến trại của Strez và, điều đáng ngạc nhiên là, đã được vị vua tàn bạo này

tiếp đón nồng hậu – người từng gặp và biết ông tại triều đình của Stefan. Thánh Savva đã dùng mọi cách thuyết phục ông ta đừng đổ máu vô ích, từ bỏ ý định của mình, nhớ lại những ân huệ của Stefan và liên minh "anh em" đã được ký kết với ông trước Thánh Kinh trong nhà thờ. Strez vẫn cứng đầu. Lúc đó, Thánh Savva nói rằng chính Đức Chúa Trời sẽ phán xét giữa ông và Stefan, rồi ông rời đi. Vào ban đêm, Savva dâng lên Chúa một lời cầu nguyện nồng nhiệt, xin Ngài hướng vũ khí của Stres, kẻ vô ơn, chống lại chính hắn. Và ngay trong đêm đó, một chàng trai trẻ lạ mặt, vẻ mặt đáng sợ, xuất hiện trước mặt Stres, giật lấy vũ khí của hắn, đâm trúng hắn rồi biến mất. Strez thét lên và van xin gọi Savva đến, vì cho rằng kẻ đã đánh trúng mình là sứ giả của Savva. Nhưng Savva đã rời khỏi trại, và người ta không tìm thấy ông. Strez qua đời, còn quân lính của ông nhanh chóng tan rã; cuộc đổ máu đã được chấm dứt.

Thánh Savva đã làm được nhiều việc hữu ích và mang lại lợi ích cho quê hương của mình, nơi ông hết mực yêu thương. Nhưng tình yêu của ông dành cho ngọn núi thánh lại vô cùng mãnh liệt, khiến ông luôn khao khát và không ngừng mong muốn trở về đó. Nhiều lần ông bày tỏ mong muốn này với anh trai là Thánh Stefan, người đã lắng nghe những lời tâm sự đó với nỗi buồn và cố gắng bằng mọi cách để giữ Savva ở lại bên mình. Thánh Savva vẫn ở lại, nhưng sau đó lại nhiều lần xin phép được ra đi, và cuối cùng, ngài đã quyết định dứt khoát. Thánh Stefan, người có uy quyền, đã tiễn ngài đến biên giới Hy Lạp với nỗi buồn, nhưng vẫn không mất hy vọng rằng sự xa cách này sẽ chỉ là tạm thời; tất cả đồng bào của ngài cũng đều đau xót khi tiễn đưa Thánh Savva.

Cũng như lễ tiễn đưa Savva khỏi Serbia đầy buồn bã, cuộc gặp gỡ của ông tại Athos lại tràn ngập niềm vui, không chỉ với các tu sĩ của Tu viện Hilandar, mà còn với tất cả cư dân trên Núi Thánh.

Với lòng nhiệt thành mới, Savva lại tiếp tục tu hành trên ngọn núi thánh, đắm mình trong sự ẩn dật, im lặng và suy ngẫm về Chúa. Nhưng đồng thời, ông vẫn tiếp tục các công việc từ thiện, điều mà ông không thể sống thiếu ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào: ông lại chăm sóc những người nghèo khổ, bố thí cho người ăn xin, quyên góp cho các nhà thờ và giúp đỡ các tu sĩ.

Vài năm trôi qua như vậy. Tại Serbia, người ta tiếc nuối vì sự vắng mặt của Savva và mong ngài trở về. Anh em Stefan đã nhiều lần viết thư cho ngài về điều này. Tuy nhiên, Savva vẫn kiên quyết không thay đổi. Nhưng rồi một sự kiện đã xảy ra, khiến mọi người đặc biệt mong muốn Savva trở về quê hương: dòng nước thánh từ quan tài của Thánh Simeon bỗng dưng ngừng chảy. Mọi người đều coi đó là cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời và tha thiết mong muốn những lời cầu nguyện của Thánh Savva bên quan tài Thánh Simeon. Hoảng sợ, Thánh Stefan đã viết một bức thư thuyết phục gửi cho Thánh Savva, khẩn cầu ngài đến Serbia và cùng với ngài cũng như toàn thể dân chúng cầu nguyện bên quan tài của vị tu sĩ già Thánh Simeon – người từng chảy dầu thánh – để ân sủng của việc chảy dầu thánh được phục hồi. Thánh Savva đã đáp lại lời khẩn cầu này, nhưng lần này ngài cũng không đích thân đến Serbia, mà đã cử một tu sĩ tên là Ilarion, giao cho ông ta bức thư cầu nguyện nồng nhiệt gửi đến cha mình là Thánh Simeon, người đã an nghỉ trong Chúa, bức thư này phải được đọc trước mộ thánh nhân trước sự chứng kiến của Quốc vương Stefan và dân chúng sau thánh lễ và nghi thức cầu nguyện. Trong bức thư, người con ruột đã xưng hô với Simeon như một người cha đối với con trai thiêng liêng của mình, bởi vì khi còn sống, vị tu sĩ cao niên Simeon đã công nhận Savva là con trai thiêng liêng của mình, người đã thuyết phục ông từ bỏ thế gian và chọn con đường tu hành để đạt được sự cứu rỗi. Tu sĩ Ilarij đã thực hiện mọi việc đúng như Savva chỉ dẫn. Sau khi đọc xong bức thư của Savva bên quan tài của Simeon, bỗng nhiên một mùi hương thơm ngát lan tỏa khắp nhà thờ và dầu thánh đầy ân sủng lại bắt đầu chảy ra từ quan tài, ngay lập tức mang lại sự chữa lành cho những người đau ốm. Mọi người đều nhiệt thành tạ ơn Chúa Trời vì ân sủng vĩ đại của Ngài và kinh ngạc trước sức mạnh thiêng liêng của vị tu sĩ Savva. Phép lạ này đã mang lại sự an ủi và khích lệ cho toàn thể Serbia.

Vào thời kỳ đó, những sự kiện trọng đại đã diễn ra tại miền Đông Chính Thống Giáo, nơi đã phải hứng chịu những tổn thất nặng nề từ phía người La Mã. Thành phố hoàng gia Constantinople đã bị người La Mã chiếm đóng vào năm 1204. Vua Hy Lạp và Thượng phụ buộc phải tìm kiếm một nơi khác để nỗ lực khôi phục vương quốc bị tàn phá và củng cố đạo Chính Thống Giáo vốn đã chịu nhiều đau thương. Các quốc gia Chính thống giáo láng giềng là Bulgaria và Serbia cũng phải đối mặt với những khó khăn và nhu cầu riêng, và các vị vua Serbia và Bulgaria đã nỗ lực hết mình để bảo vệ cả độc lập của mình trong thời kỳ khó khăn này, lẫn sự thuần khiết của đạo Chính thống. Thánh Savva hiểu rõ hơn bất kỳ ai trong số các đồng thời người Slav của ngài về tình hình, những khó khăn và nhu cầu ở phương Đông Chính Thống Giáo. Cũng như trong những ngày thịnh vượng của vương quốc Hy Lạp, ngài thường xuyên đến Constantinople và duy trì quan hệ với các vị vua, thì giờ đây, trong thời kỳ hoạn nạn, ngài vẫn không ngừng duy trì liên lạc với vua Hy Lạp và tổng giám mục. Vua Theodoros Laskaris và tổng giám

mục khi đó đang cư ngụ tại Tiểu Á, ở thành phố Nicaea, nơi nổi tiếng vì đã từng là địa điểm tổ chức các Công đồng Đại kết lần thứ nhất và thứ bảy. Thánh Sava có không ít lý do để đến gặp nhà vua và tổng giám mục, cả về các vấn đề liên quan đến tu viện Hilandar trên núi Athos lẫn những nhu cầu từ quê hương Serbia. Ông quyết định lên đường đến Nicaea.

Hoàng đế Theodoros Laskaris có quan hệ họ hàng gần gũi với Đại tể tướng Serbia: con trai của Stefan, tức là cháu ruột của Thánh Sava, đã kết hôn với con gái của Hoàng đế Theodoros Laskaris. Dòng họ hoàng gia Serbia, bắt đầu từ Stefan Nemanja – người lúc bấy giờ đã được tôn vinh là Thánh Simeon – cùng với các vị vua tiền nhiệm, đều có quan hệ họ hàng và được các vị vua đó kính trọng. Giờ đây, mối quan hệ giữa các vị vua Serbia và Hy Lạp càng trở nên thân thiết hơn, cả về mặt quan hệ họ hàng lẫn những nhu cầu chung trong việc bảo vệ tự do và Chính Thống giáo khỏi người La Mã. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi Thánh Sava được vua và tổng giám mục tại Nicée tiếp đón không chỉ với sự thiện cảm mà còn vô cùng nồng nhiệt. Tất cả các yêu cầu của Thánh Sava liên quan đến các vấn đề của Tu viện Hilandar đều được đáp ứng đầy đủ.

Tuy nhiên, những suy nghĩ và mối quan tâm của Thánh Sava không chỉ giới hạn ở Tu viện Hilandar: chúng còn hướng đến những nhu cầu và lợi ích của tổ quốc, đến sự độc lập và tự chủ của đất nước, cả về mặt nhà nước lẫn giáo hội.

Thánh Savva, với sự khôn ngoan của mình, nhận thấy rằng giờ đây đã đến thời điểm thuận lợi để Serbia giành được sự tự chủ về mặt giáo hội.

Sau khi hoàn tất các công việc liên quan đến Tu viện Hilandar, Thánh Savva đã trình bày với Hoàng đế Theodoros một yêu cầu quan trọng liên quan đến Giáo hội Serbia. Ông đã trình bày một cách hùng hồn và chi tiết về tình trạng đức tin tại quê hương mình; chỉ ra những khó khăn và thành tựu trong việc bảo tồn và duy trì sự thuần khiết của Chính Thống giáo trong những thời kỳ khó khăn đó, khi tà thuyết Bogomil vô đạo đang lan rộng ở miền Đông Chính Thống giáo giữa các dân tộc Nam Slav và người Hy Lạp, và khi cả người Hy Lạp lẫn người Slav Chính Thống giáo đều phải đối mặt với sự xâm lấn từ phương Tây của người La Mã. Nhưng để những nỗ lực và thành tựu trong công cuộc bảo vệ đức tin này được bền vững, theo như Thánh Savva đã chứng minh, Serbia cần phải có không chỉ một giám mục do Thượng phụ Constantinople bổ nhiệm, như trước đây, mà phải có một tổng giám mục độc lập hay tự trị, người sẽ tự mình thành lập các giáo phận và bổ nhiệm các giám mục cho các giáo phận đó cùng với Hội đồng Tôn giáo Serbia. Yêu cầu quan trọng này ban đầu đã khiến nhà vua và tổng giám mục bối rối. Nhưng sau khi suy ngẫm và cân nhắc, cả nhà vua lẫn tổng giám mục đều nhận ra rằng, nếu đáp ứng yêu cầu này, họ sẽ mang lại lợi ích to lớn cho Serbia và cũng thu được lợi ích lớn cho chính mình: Serbia, khi có được một tổng giám mục độc lập và thành lập các giáo phận mới, sẽ dễ dàng hơn trong việc bảo vệ và củng cố Chính Thống giáo, không bị cám dỗ bởi chủ nghĩa La Tinh, đồng thời sẽ vươn lên giữa các quốc gia láng giềng; Hy Lạp, để tỏ lòng biết ơn trước ân huệ này, sẽ có được ở vị vua Serbia một người bạn và đồng minh trong cuộc chiến chống lại các kẻ thù của đế quốc.

Khi vấn đề quan trọng này về cơ bản đã được giải quyết có lợi cho Serbia, Thánh Sava đã đề nghị phong chức tổng giám mục Serbia cho một trong những vị tu sĩ cao niên từng đồng hành cùng ngài. Nhưng cả nhà vua lẫn tổng giám mục đều không thể chấp nhận đề nghị của Thánh Sava: họ nói rằng họ không muốn phong chức cao quý này cho ai khác ngoài chính người xin và người đề nghị. Diễn biến này hoàn toàn bất ngờ đối với Thánh Sava khiêm nhường: ngài thậm chí không hề nghĩ đến điều đó. Nhưng ý chí của nhà vua và tổng giám mục là không lay chuyển. Theo thông lệ, sau khi cầu nguyện với Chúa Trời và lắng nghe những lời thuyết phục từ cả nhà vua, tổng giám mục lẫn các bạn đồng hành, Savva nhận ra đây là ý muốn của Chúa và đồng ý. Nhà vua ra lệnh lấy từ kho bạc của mình mọi thứ cần thiết để phong chức tổng giám mục tự trị. Và vào ngày lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời năm 1222, tổng giám mục toàn cầu German đã tấn phong Savva làm tổng giám mục Serbia trước sự chứng kiến của nhà vua và các quan đại thần.

Được vinh danh, tôn kính nhờ chức tước cao quý và nhận được nhiều ân huệ từ nhà vua và tổng giám mục, Savva lên đường trở về. Ông đi đường biển đến núi Athos thiêng liêng. Tin tức về việc Savva được tấn phong làm tổng giám mục đã báo trước sự trở về của ông. Tất cả các tu sĩ trên núi Athos, từ vị protos cho đến vị ẩn sĩ cuối cùng, đều nỗ lực và vội vã đến để nhận lời chúc phúc từ vị tân tổng giám mục và chào đón ngài. Niềm vui đặc biệt lớn lao tại tu viện Hilandar, nhưng đồng thời cũng có nỗi buồn: có lẽ họ sắp phải chia tay mãi mãi với vị sáng lập vĩ đại của tu viện và vị lãnh đạo không thể thay thế của các tu sĩ. Các vị Bề trên và các vị Bề trên tu viện của tất cả các tu viện quan trọng nhất trên núi Athos lần lượt xin Thánh Savva đến thăm các tu viện của họ, cử hành thánh lễ

giám mục và phong chức cho một số người lên hàng phó tế và linh mục. Thánh Savva đã tận tâm đáp ứng những lời thỉnh cầu này: tâm hồn ngài cảm thấy an ủi khi được trở lại thăm những tu viện mà ngài vô cùng kính trọng và yêu mến, cũng như được cầu nguyện tại đó.

Sau khi lần cuối cùng khuyên nhủ các tu sĩ trong tu viện Hilandar của mình sống theo các quy tắc và di huấn của ngài, Thánh Savva lên đường về quê hương, được tháp tùng bởi một số lượng không nhỏ các tu sĩ là môn đệ và đồng hành, những người mà ngài dự định sau này sẽ bổ nhiệm vào các chức vụ tinh thần quan trọng tại Serbia. Thánh Savva cảm thấy buồn bã khi phải chia tay ngọn núi thánh mà ngài vô cùng yêu mến, nhưng ngài được an ủi bởi ý thức về tầm vóc cao cả của sứ mệnh mà ngài sắp đảm nhận tại quê hương.

Từ Athos, Thánh Savva tiếp tục hành trình đến thành phố nổi tiếng Thessaloniki. Tại đây, trước hết ngài đã đến chiêm bái di cốt của Thánh Tử đạo Dimitrios, người được biết đến với phép lạ chảy dầu, sau đó ngài đến gặp vị giám mục Thessaloniki, Đức Tổng giám mục Constantios, người mà ngài đã có mối quan hệ thân thiết và tình bạn bền chặt từ lâu. Cùng với vị Tổng giám mục này, Thánh Savva đã có nhiều cuộc trò chuyện về những vấn đề khó khăn trong việc quản lý Giáo hội và tìm kiếm lời khuyên cũng như chỉ dẫn từ ngài. Thánh Savva đã ở lại Thessaloniki một thời gian dài, sinh sống tại tu viện Philokalia của mình, nơi mà giờ đây ngài đã mang đến những món quà mới mẻ và phong phú.

Là một người có học thức, Thánh Savva đã dành thời gian ở đây cho công việc biên soạn sách vở: để quản lý một Giáo hội độc lập, ngài cần có các luật lệ giáo hội và dân sự. Ngài đã bắt tay vào việc thu thập những cuốn sách như vậy bằng tiếng Hy Lạp – ngôn ngữ mà ngài thông thạo – và dịch chúng sang tiếng Slav. Thành quả của những nỗ lực đó là việc xuất bản "Sách Hướng Dẫn" bằng tiếng Slav, cuốn sách sau này không chỉ được người Serbia mà cả người Bulgaria và người Nga sử dụng để quản lý giáo hội.

Sau khi chuẩn bị kỹ lưỡng cho chức vụ cao quý của mình, Savva trở về quê hương, trước đó đã gửi thư cho anh trai mình là Stefan, Đại Zhupan Serbia, thông báo về mọi chuyện đã xảy ra với ông và về việc ông trở về.

Stefan và toàn thể Serbia đều hân hoan trước sự trở về của Savva với tư cách là tổng giám mục. Một buổi đón tiếp long trọng đã được tổ chức dành cho ngài tại biên giới Serbia; tuy nhiên, Stefan không thể đích thân tham dự vì đang ốm và phải nằm trên giường. Được các quan đại thần và dân chúng đón tiếp trong niềm vui sướng tột độ, Savva đã đến gặp người anh trai và bằng lời cầu nguyện của mình, ngài đã giúp anh trai đứng dậy khỏi giường bệnh, ban phước lành và hôn lên má anh trai như người anh em thân thiết.

Ngay lập tức, hai anh em bắt tay vào việc xây dựng nhà thờ. Họ quyết định sớm hoàn thành tu viện Žiče đã được khởi công từ trước và thiết lập tòa tổng giám mục tại đó.

Sau khi gặp lại người anh em và thực hiện những biện pháp ban đầu cần thiết liên quan đến các công việc của Giáo hội, Thánh Savva đã lên đường đến tu viện Studenica để viếng mộ cha mình và các tu sĩ, những người mà ngài từng lãnh đạo với tư cách là tổng tu viện trưởng trước khi lên đường sang phương Đông.

Sau khi hôn lên mộ thánh Simeon, nơi tuôn trào dồi dào dầu thánh chữa lành, Thánh Savva bắt tay vào việc giảng dạy các tu sĩ và sắp xếp các công việc của Giáo hội.

Giờ đây, khi đã được trao quyền tổng giám mục, ngài quyết tâm hơn nữa trong việc tiếp tục công cuộc truyền bá đời sống tu hành tại Serbia theo mô hình tu hành của núi Athos. Ngài đã thiết lập trật tự và các quy chế liên quan đến cả thánh lễ chung của Giáo hội, cũng như nội quy tu viện và toàn bộ lối sống của các tu sĩ.

Trước đó, Thánh Sava cùng với anh trai là Stefan đã đặt nền móng cho một tu viện mới tại Žiče với nhà thờ lớn Thăng Thiên của Chúa. Nơi đây được chọn làm trụ sở tổng giám mục của Serbia. Sava đã đến đây và bắt tay vào việc nhanh chóng hoàn thiện việc xây dựng và trang trí tu viện.

Mối quan tâm đầu tiên và quan trọng nhất của Thánh Savva, người giờ đây đã trở thành tổng giám mục, là việc tổ chức Giáo hội Serbia. Thánh Savva đã chia toàn bộ lãnh thổ Serbia thành mười hai giáo phận và bổ nhiệm các giám mục cho các giáo phận này, chọn những người xứng đáng chủ yếu từ các môn đệ và đồng sự của mình. Ông đã dạy các giám mục mới được bổ nhiệm cách cai quản đoàn chiên đúng đắn, và trao cho họ các cuốn sách luật lệ để quản lý Giáo hội.

Một thời gian sau, Thánh Savva đã triệu tập một công đồng giáo hội chung của người Serbia, bao gồm các giám mục, giáo sĩ cấp cao và cấp thấp, cùng các giáo dân, nhằm củng cố đức tin Chính Thống giáo chân chính. Lúc bấy giờ, tại Serbia có nhiều rối loạn trong lĩnh vực đức tin: tồn tại tà thuyết Bogomil vô đạo, còn sót lại những tàn dư của đa thần giáo, và nói chung có rất nhiều rối loạn và tệ nạn khác nhau trong cộng đồng Kitô hữu. Tại hội đồng, Thánh Savva đã trình bày một bài giảng sâu rộng và hùng hồn về việc củng cố Chính Thống giáo. Tuyên xưng đức

tin Chính Thống đã được trình bày lại, các tà thuyết được thảo luận và các biện pháp được thông qua nhằm loại bỏ các mê tín dị đoan, rối loạn và tệ nạn khác nhau.

Ngoài ra, người ta còn phát hiện ra rằng có rất nhiều người đang sống chung như vợ chồng nhưng chưa được làm lễ cưới tại nhà thờ; nhiều người đã sống như vậy từ lâu và đã có con, thậm chí là những đứa con đã trưởng thành. Thánh Savva đã chọn ra những người xứng đáng trong số các môn đệ của mình, phong họ làm các linh mục trưởng và cử họ đi khắp đất nước để cử hành lễ cưới cho những cặp vợ chồng chưa được làm lễ, đồng thời ra lệnh phải cử hành lễ cưới cho cả những người con đã trưởng thành của họ cùng với cha mẹ. Các linh mục trưởng này cũng được giao nhiệm vụ loại bỏ những khuyết điểm khác trong đời sống tinh thần của đất nước.

Cho đến lúc đó, vị quân vương Serbia vẫn mang tước hiệu "Đại Zhupan", trong khi các vị quân vương láng giềng lại mang tước hiệu "vua" hoặc "hoàng đế". Anh trai của Thánh Sava là Stefan, tương xứng với sức mạnh và tầm quan trọng của quốc gia mình, mong muốn được đội vương miện hoàng gia. Điều này giờ đây hoàn toàn khả thi, vì Serbia đã có một vị giám mục độc lập, người có thể cử hành nghi lễ đăng quang. Thánh Sava đã thực hiện nghi lễ này tại nhà thờ chính tòa của tu viện Žiče. Vì các vị vua của các quốc gia láng giềng đều nhận vương miện từ Giáo hoàng La Mã, nên để được các nước láng giềng công nhận là vua, nhà vua Serbia thấy cần phải xin sự đồng ý của Giáo hoàng La Mã; sự đồng ý này đã được ban cho và thể hiện qua việc gửi vương miện; nhưng điều này không dẫn đến việc phụ thuộc vào Giáo hoàng và cũng không gây tổn hại cho Chính thống giáo.

Sự trỗi dậy của Serbia khiến Vua Vladislav của Hungary, nước láng giềng, cảm thấy khó chịu; ông sẵn sàng phát động chiến tranh chống lại Vua Stefan của Serbia, người vừa mới được đăng quang. Mong muốn tránh đổ máu, Stefan đã nhờ anh trai mình, Tổng Giám mục Savva, đến gặp Vua Hungary để giải quyết vấn đề một cách hòa bình. Thánh Savva lên đường và được tiếp đón nồng hậu; nhưng nhà vua không muốn nhượng bộ điều gì. Tuy nhiên, lời cầu nguyện kỳ diệu của Thánh Savva đã góp phần mang lại kết quả tốt đẹp. Một phép lạ đã xảy ra như sau. Cuộc đàm phán với nhà vua diễn ra vào một ngày nắng nóng. Kiệt sức vì nắng nóng và khát nước, Thánh Savva xin người ta mang đá lạnh đến. Nhưng đá trong hầm đã tan chảy hết. Lúc đó, Thánh Savva đã dâng lời cầu nguyện lên Chúa, và bỗng chốc một đám mây xuất hiện, tia chớp lóe sáng, sấm sét vang dội, và mưa đá dày đặc trút xuống, phủ kín mặt đất. Savva ra lệnh thu gom mưa đá vào một cái bình, sau khi làm dấu thánh, ngài tự mình nếm thử rồi dâng lên nhà vua, nói rằng:

– Vì băng của ngài đã tan chảy, nên tôi đã dâng lời cầu nguyện lên Chúa Trời, và Ngài đã ban cho chúng ta món quà mát mẻ này!

Mọi người đều kinh ngạc trước phép lạ này và bắt đầu kính trọng Thánh Savva. Nhà vua đã thay đổi thái độ đối với Serbia; ý định khai chiến đã bị gác lại. Hơn nữa, nhà vua đã dành cho Thánh Savva sự kính trọng và tôn kính đến mức mong muốn xưng tội với ngài và xin sự tha thứ từ ngài. Thánh Savva đã thực hiện điều này một cách cẩn trọng và thuyết phục nhà vua, không phải là không thành công, từ bỏ đạo La Tinh và quay trở lại với Chính Thống Giáo.

Khi trở về Serbia, Thánh Savva đã kể lại tất cả cho anh trai mình, và cả hai cùng tạ ơn Chúa vì những ân huệ này.

Vua Stefan Đệ Nhất đã bước vào tuổi già và thường xuyên mắc bệnh. Ông có khát khao mãnh liệt là trước khi qua đời, được nhận hình ảnh thiên thần và được anh trai Savva cạo đầu tu hành. Nhưng tổng giám mục đã từ chối lời thỉnh cầu này, nói rằng thời điểm đó chưa đến. Một lần nọ, Stefan bị ốm nặng, trong khi Thánh Savva đang đi xa. Người ta lập tức sai người đi tìm ngài. Savva vội vã đến bên người anh trai đang ốm; nhưng trên đường đi, ngài gặp một sứ giả khác, người này báo tin rằng nhà vua đã qua đời và không cần phải vội vàng nữa – ngài đã không còn trên cõi đời này. Nhưng Thánh Savva, trái lại, lại càng tăng tốc trên đường đi, đau buồn vì đã không kịp thời đưa anh trai mình vào hình hài thiên thần và cầu nguyện cùng Chúa để anh trai được sống sót. Và điều gì đã xảy ra? Khi Thánh Savva tiến đến giường bệnh của anh trai với lời cầu nguyện nồng nhiệt, ngài nhận thấy những dấu hiệu của sự sống nơi anh, và Stefan lập tức tỉnh dậy. Thánh Savva vui mừng khôn xiết, ban cho Stefan hình ảnh thiên thần vĩ đại với tên gọi " " Simeon và trao cho anh nụ hôn cuối cùng. Vua Stefan, với danh hiệu tu sĩ là Simeon, đã an nghỉ thanh thản trong vòng tay của anh trai mình, Thánh Savva. Tro cốt của ngài được an táng tại Tu viện Studenica, bên cạnh quan tài của cha ngài, Thánh Simeon Nemanja.

Ngai vàng Serbia được kế vị bởi con trai cả của Stefan Đệ Nhất, Radoslav, người đã được Thánh Sava long trọng đội vương miện.

Từ lâu, Thánh Savva đã khao khát được viếng thăm Đất Thánh, chiêm bái Mộ Thánh Chúa và đi thăm những nơi được tôn vinh bởi cuộc đời và cái chết của Đấng Cứu Thế chúng ta. Ngài cũng mong muốn được viếng thăm các tu viện nổi tiếng ở Palestine và chứng kiến cuộc sống của các tu sĩ Palestine. Giờ đây, Thánh Savva đã chia sẻ ý định và quyết định của mình với cháu trai, Vua Radoslav. Vua cảm thấy rất khó khăn khi phải chia tay người chú, người có thể là cố vấn và người dẫn dắt khôn ngoan của mình, nhưng ngài không dám từ chối lời thỉnh cầu của ông và đã cho phép ông lên đường, đồng thời trang bị cho ông một số lượng vàng lớn để phục vụ cho chuyến đi.

Thánh Savva lên đường qua vùng ven biển Adriatic thuộc Serbia, lên con tàu riêng của mình và hướng về Đất Thánh. Sau một chuyến hải trình suôn sẻ, ngài sớm đến được thành thánh Giê-ru-sa-lem, nơi ngài được Đức Thượng phụ A-pha-na-xi-ô của Giê-ru-sa-lem tiếp đón nồng hậu, và bắt đầu tham quan các thánh địa cũng như dâng lễ tại Giê-ru-sa-lem và các vùng lân cận. Cùng với Đức Thượng phụ, ngài đã cử hành thánh lễ tại Nhà thờ Phục Sinh vĩ đại, cũng như, với sự ban phước của Đức Thượng phụ, tại các nhà thờ nổi tiếng khác trên Núi Si-ôn, tại Bê-lem, Ghết-si-ma-ni, trên Núi Ô-li-ve và tại Bê-tha-ni. Tại tất cả các thánh đường này, cũng như tại các thánh địa khác mà ngài đã viếng thăm, Thánh Savva đã hào phóng ban phát bố thí và dâng lễ vật để duy trì, tu sửa và trang hoàng các thánh đường.

Thánh Savva đã đến sông Jordan để chiêm ngưỡng nơi Chúa Hiển Linh và nhà thờ hang động của Thánh Gioan Tẩy Giả, rồi từ đó trở lại Jerusalem qua tu viện của Thánh Gerasimos. Sau khi nghỉ ngơi một thời gian, ngài lên đường đến tu viện nổi tiếng mang tên vị thánh cùng tên với ngài, Thánh Savva Được Thánh Hiến, nơi ngài được các tu sĩ tiếp đón với sự kính trọng. Từ đó, ngài tiếp tục hành trình đến Biển Chết, viếng thăm các hang động của những người tu hành im lặng và trò chuyện với họ. Ngài cũng viếng thăm tu viện của Thánh Euphymius Vĩ Đại và Thánh Theodosius, vị Trưởng tu viện. Trở về Jerusalem, từ đó ngài lại tiếp tục hành trình đến nhiều nơi khác nhau: cả Nazareth lẫn núi Tabor.

Trong thời gian sống tại Giê-ru-sa-lem, khi đi thăm các tu viện và những địa điểm nổi tiếng khác, Thánh Savva đã nỗ lực thu thập những điều hữu ích cho bản thân cũng như cho quê hương mình. Ngài nghiên cứu các quy chế và luật lệ của Giáo hội, sưu tầm sách vở, và trò chuyện với các vị giám mục có học thức cùng các vị tu sĩ về các vấn đề quản lý Giáo hội và sự cứu rỗi linh hồn. Hơn nữa, vì tổ quốc của mình, ngài đã thu thập được nhiều thánh tích và đồ thờ cúng.

Sau khi tham quan Đất Thánh và dâng lễ kính các thánh tích, Thánh Savva đã lên đường đến gặp vua Hy Lạp Ioannes Vatatzes, người lúc bấy giờ vẫn đang ngự tại Nicaea – nơi trước đó Thánh Savva đã từng viếng thăm vị vua tiền nhiệm là Theodoros Laskaris, cha vợ của Vatatzes. Thánh Savva được nhà vua tiếp đón nồng hậu, đặc biệt là hoàng hậu, người trước đây đã từng gặp Thánh Savva khi còn ở bên cha mình và luôn dành cho ngài tình yêu thương và sự kính trọng sâu sắc. Nhà vua và hoàng hậu đã hào phóng ban tặng cho tổng giám mục Serbia những khoản tiền từ kho bạc và các vật dụng quý giá dành cho các nhà thờ thánh. Thánh Savva được tiễn đưa một cách trang trọng trên thuyền hoàng gia với sự hộ tống của quân đội. Ngài lên đường đến Núi Athos thiêng liêng, nơi ngài viếng thăm tu viện Vatopedi – nơi ngài đã thụ giới tu sĩ – tu viện Iver và các tu viện khác, nhưng chủ yếu ngài lưu lại tại tu viện Hilandar của người Serbia. Tất cả các tu sĩ trên núi Athos đều vui mừng khi được gặp lại người đồng hành và anh em cũ của mình. Theo truyền thống, Thánh Savva đã hào phóng bố thí cho các nhà thờ, các tu sĩ và người nghèo, cả từ tài sản riêng lẫn từ những món quà do vua và hoàng hậu Hy Lạp ban tặng.

Từ Núi Athos thiêng liêng, Thánh Savva đã lên đường đến thành phố Thessaloniki, nơi Theodoros thuộc dòng họ Angelos – người tự xưng là vua – đang nắm quyền lực độc lập với vua Nicaea. Việc duy trì hòa bình trong thời kỳ loạn lạc là điều quan trọng đối với cả vị vua này lẫn Serbia, và vì vậy Thánh Savva đã được Theodorus tiếp đón nồng hậu; chuyến viếng thăm Thessaloniki của Thánh Savva đã mang lại lợi ích không nhỏ cho Serbia.

Từ đó, Thánh Sava lên đường trở về quê hương. Tin tức này đã thúc đẩy vua Serbia Radoslav ra đón Thánh Sava, cùng với các giáo sĩ, các quan đại thần và dân chúng. Cuộc gặp gỡ này thật vui mừng đối với cả Thánh Sava lẫn dân tộc Serbia, dưới sự dẫn dắt của nhà vua.

Sau khi nghỉ ngơi sau chuyến hành trình dài tại Tu viện Studenica bên linh cữu của cha mình, Thánh Simeon Mirotočec, Tổng Giám mục Savva đã hăng hái bắt tay vào các công việc liên quan đến đức tin và Giáo hội.

Trước hết, ngài triệu tập một hội đồng giáo sĩ tại Tu viện Studenica để tưởng niệm ngày qua đời của anh trai mình, Stefan Pervovenchany, người mang tên tu sĩ là Simeon. Sau thánh lễ và buổi cầu nguyện đặc biệt, Thánh Savva ra lệnh mở quan tài của người quá cố, và trong đó người ta đã tìm thấy các di cốt không bị hư nát, lan tỏa

hương thơm ngào ngạt khắp nhà thờ. Niềm vui chung trước ân sủng mới của Thiên Chúa thật lớn lao. Ngay lúc đó, người ta quyết định long trọng chuyển di hài cốt thánh về nơi an nghỉ chung của Thánh Stefan Đệ Nhất và Thánh Savva tại Tu viện Chính tòa Žiča do chính hai ngài thành lập.

Sau đó, Thánh Savva lên đường thị sát các giáo phận trong toàn bộ tổng giáo phận Serbia của ngài, thực thi quyền phán xét của tổng giám mục, khắc phục những thiếu sót, giảng dạy về đức tin và sự đạo đức, hào phóng ban phát bố thí cho những người nghèo khó và khốn cùng, đồng thời làm việc thiện cho các nhà thờ và tu viện. Không ai trong chuyến hành trình này bị Thánh Savva bỏ qua mà không được dạy dỗ và hướng dẫn: từ các quý tộc, binh lính cho đến những người dân thường đều được nghe những bài học khôn ngoan về đời sống Kitô giáo từ ngài.

Tuy nhiên, Thánh Savva cũng phải trải qua những nỗi đau khổ nặng nề. Một cuộc xung đột nội bộ đã nổ ra giữa Vua Radoslav và em trai út của ông là Vladislav, người đã nổi loạn một cách phi pháp chống lại anh trai mình. Ban đầu, Vua Radoslav được dân chúng yêu mến, nhưng sau đó, do một số hành động không tốt, đặc biệt là trong đời sống gia đình, ngài đã khiến người ta bất mãn: nhiều quý tộc đã quay lưng lại với ngài và đứng về phía người em trai nổi loạn. Radoslav bị lật đổ khỏi ngai vàng, bị trục xuất và phải chạy trốn đến Drach bên bờ Biển Adriatic; tại đó, sau khi phải chịu sự ngược đãi từ một vị vua La Mã thuộc dòng Frank, ông lại phải tiếp tục chạy trốn. Ông tìm được nơi nương náu và sự che chở từ người chú của mình, Tổng Giám mục Savva, người đã thuyết phục ông, sau một cuộc đời trần tục đầy sóng gió, hãy tìm sự an lạc trong đời sống tu hành: Radoslav được Savva truyền giới tu sĩ với tên gọi Ioann và, sau một thời gian ngắn tu hành, đã qua đời.

Sau khi Radoslav qua đời, Thánh Savva đã trao vương miện vua Serbia cho cháu trai út của ông là Vladislav, người lúc này đã được toàn thể người Serbia công nhận. Vladislav luôn kính trọng người chú của mình, tuân theo những lời dạy dỗ của ông và nỗ lực noi gương cha và ông nội trong các việc đạo đức. Với sự ban phước của Thánh Savva, ông đã xây dựng cho mình một nơi an nghỉ, đó là ngôi đền vĩ đại Thánh Thăng Thiên tại Milesevo.

Thánh Savva đã làm việc không mệt mỏi và đầy tình yêu thương vì lợi ích của Giáo hội Serbia; ngài đã làm nhiều việc thiện và mang lại lợi ích to lớn với tư cách là vị Tổng Giám mục; nhưng tâm hồn ngài vẫn khao khát những nơi thánh thiêng xa xôi và những việc tu hành trong sự ẩn dật. Và thế là, theo tiếng gọi từ sâu thẳm tâm hồn, ngài quyết định từ bỏ gánh nặng của chức Tổng Giám mục và lại lên đường hành hương về phía đông. Ngài thẳng thắn bày tỏ ý định của mình với Vladislav, các giám mục và các quan đại thần. Tất cả đều tha thiết van nài ngài đừng bỏ rơi đoàn chiên của mình, nhưng Thánh Savva vẫn kiên quyết, ngài nói rằng ngài phải đến thăm những thánh địa mà ngài chưa từng đặt chân đến, và sau đó, khi trở về, ngài sẽ ở lại với họ cho đến cuối đời trong cuộc tu hành thầm lặng.

Sau khi triệu tập hội đồng giáo hội, ngài đã chọn vị môn đệ xứng đáng nhất của mình là tu sĩ Arsenius và tấn phong ngài làm tổng giám mục Serbia để kế vị mình, còn bản thân ngài, sau khi dặn dò đoàn chiên, lại tiếp tục lên đường cho chuyến hành trình xa xôi.

Lần này, ngài tiếp tục hành trình bằng đường biển từ Dalmatia. Lúc bấy giờ, trên các vùng biển khắp nơi đều có rất nhiều hải tặc. Có tin đồn rằng Thánh Savva đang mang theo những của cải khổng lồ. Bọn cướp biển đã mai phục con tàu của Thánh Savva và sẵn sàng tấn công, nhưng nhờ lời cầu nguyện tha thiết của ngài, các thủy thủ đã may mắn tránh được bọn cướp mai phục và cập bến an toàn tại Brindisi, Ý. Bọn cướp đã hối hận và, khi đến cùng bến cảng đó, đã xin tha thứ từ Thánh Savva. Tiếp tục hành trình, vị thánh lữ hành lại gặp phải một mối nguy hiểm mới. Một cơn bão khủng khiếp ập đến. Các thủy thủ từ chối điều khiển con tàu và chỉ còn biết trông chờ sự giúp đỡ từ trên cao. Tất cả họ đồng lòng hướng về Thánh Savva, cầu xin ngài cầu nguyện và che chở. Thánh Savva đã cầu nguyện tha thiết với Chúa Trời, giơ hai tay lên trời chống lại cơn gió, được các thủy thủ nâng đỡ. Và Chúa đã nghe lời cầu nguyện của ngài: đột nhiên cơn bão bắt đầu dịu xuống, và tất cả đều dâng lời tạ ơn lên Chúa Trời và Thánh Savva. Khi đến thành phố ven biển Acre của Palestine, Thánh Savva đã dừng chân tại khuôn viên tu viện Savva Thánh, nơi trước đó ngài đã mua lại từ người Frank. Tin tức về phép lạ Thánh Savva dùng lời cầu nguyện để xoa dịu cơn bão trên biển, vốn được các thủy thủ truyền lại, đã lan rộng trong dân chúng, và nhiều người đổ xô đến để được gặp vị tu sĩ kỳ diệu này và nhận lời chúc phúc từ ngài.

Từ Acre, Thánh Savva tiếp tục hành trình đến Jerusalem bằng đường biển trên một con tàu khác, qua Caesarea Magna và Joppa, hay còn gọi là Jaffa.

Tại Jerusalem, ngài dừng chân tại tu viện Thánh Gioan Thần Học, nơi mà trước đó ngài đã mua lại và giao cho các tu sĩ của Tu viện Thánh Savva Thánh Hóa quản lý. Cùng với các tu sĩ của tu viện này, những người đã hân

hoan đón tiếp ngài, ngài đã đến Nhà thờ Phục Sinh của Chúa Kitô để thờ lạy thánh tích. Tại đó, ngài đã gặp gỡ Đức Thượng phụ Athanasius của Jerusalem, người đã hỏi ngài chi tiết về chuyến hành trình, về quê hương của Thánh Savva, cũng như về chiến tranh và hòa bình ở các quốc gia mà ngài đã đi qua. Thánh Savva đã tham dự thánh lễ cùng với Đức Thượng phụ, người nhân dịp này đã nói với những người có mặt một cách tiên tri về những công đức, ân huệ và những phép lạ của Savva.

Tại Giê-ru-sa-lem, Thánh Savva đã được biết đến từ trước, và sự xuất hiện trở lại của ngài tại đây đã thu hút đông đảo người dân tìm đến ngài để xin lời cầu nguyện và ân huệ.

Sau khi định cư tại tu viện Thánh Gioan Thần Học, Thánh Savva đã viếng thăm các thánh địa, trò chuyện với các vị tu sĩ, trong đó có nhiều người ngài đã quen biết từ lâu, đặc biệt là tại tu viện Thánh Savva. Tuy nhiên, Thánh Savva không chỉ dừng lại ở việc tôn kính các thánh địa tại Giê-ru-sa-lem. Từ Giê-ru-sa-lem, ngài đã thực hiện một số chuyến đi xa. Chẳng hạn, ngài mong muốn viếng thăm thành Alexandria của Ai Cập.

Tại đây, ngài được Đức Thượng phụ Alexandria tiếp đón nồng hậu và trang trọng; vị Thượng phụ này vốn đã có một số thông tin về vị Tổng Giám mục Serbia nổi tiếng, và nay trong cuộc gặp gỡ trực tiếp, ngài đã hỏi han chi tiết về quê hương của Thánh Savva. Tại Alexandria, Thánh Savva đã viếng thăm các nhà thờ thánh, chiêm bái các thánh tích và dâng lễ vật khắp nơi; tại nhà thờ chính tòa của tổng giám mục, ngài đã ghi tên dòng họ mình vào sổ ghi chép của giáo hội và đóng góp một khoản tiền lớn. Ngài và tổng giám mục đã trao đổi những món quà quý giá với nhau.

Sau khi được Đức Thượng phụ giới thiệu những vị lãnh đạo đáng tin cậy và am hiểu trong số các tu sĩ, Thánh Savva đã lên đường du hành qua các sa mạc lân cận thành Alexandria để chứng kiến đời sống tu hành khổ hạnh và trò chuyện với các ẩn sĩ; ngài đã ghé thăm Mareote và các sa mạc Libya. Với lòng yêu mến và khiêm nhường, ngài tìm kiếm và tiếp thu những lời dạy từ các vị tu sĩ im lặng, những người mà lối tu hành của họ được mọi người ca ngợi là con đường hoàn hảo nhất dẫn đến sự cứu rỗi. Từ đó, ngài tiếp tục hành trình đến Fivaida và Núi Đen, nơi nổi tiếng với đời sống tu hành ẩn dật, ghé thăm một số địa điểm ở Syria và thậm chí cả Ba Tư, và cuối cùng trở về Jerusalem.

Sau một thời gian nghỉ ngơi, ngài lại lên đường cho một chuyến hành trình mới – đến núi Sinai. Đi qua thung lũng sông Jordan, ngài đến Babylon, nơi ngài đã cúi đầu trước mộ của ba thiếu niên: Ananias, Azarias và Misael. Vị sultan địa phương đã đối xử với ngài rất tử tế và cử những người dẫn đường đưa ngài đến gặp sultan Ai Cập, người cũng đã dành sự quan tâm đặc biệt cho Thánh Savva và dẫn ngài lên núi Sinai.

Tại Sinai, Thánh Savva được Giám mục Sinai tiếp đón nồng hậu và ngài đã định cư tại tu viện Đức Mẹ Đồng Trinh. Tại núi Sinai, Thánh Savva đã dành trọn cả Mùa Chay Thánh để thực hành các việc đạo đức, thờ lạy các thánh tích, tìm hiểu đời sống tu hành tại đó và cầu nguyện cho quê hương mình tại nơi thánh thiêng này.

Từ núi Sinai, Thánh Savva lại trở về Jerusalem. Sau khi nghỉ ngơi một thời gian, ngài lại viếng thăm và thờ lạy tất cả các thánh tích, rồi bắt đầu chuẩn bị cho chuyến hành trình mới. Sau khi chân thành chia tay với Đức Thượng phụ Athanasius của Jerusalem và vị Bề trên tu viện Thánh Savva là Thánh Nicholas, cũng như toàn thể hàng giáo sĩ thuộc Tòa Thượng phụ và các tu sĩ trong các tu viện, Thánh Savva lên đường đến thành phố Antioch, nơi ngài được Đức Thượng phụ Antioch tiếp đón nồng hậu. Sau khi viếng thăm các nhà thờ thánh tại chính thành phố Antioch, Thánh Savva đã thực hiện chuyến hành hương để chiêm bái quan tài của Thánh Simeon trên Núi Divna.

Từ Antioch, Thánh Savva tiếp tục hành trình đến Constantinople qua Armenia và Anatolia. Chuyến đi trên đất liền diễn ra suôn sẻ, nhưng trên biển, ngài lại mắc phải một căn bệnh nặng. Những người đồng hành lo lắng cho tính mạng của ngài, khuyên ngài nên ăn uống, vì đã mấy ngày nay ngài không ăn gì cả; nhưng Thánh Savva không thể ăn bất cứ thứ gì, ngoại trừ những thứ tươi sống. Tuy nhiên, bờ biển còn xa, và người lái tàu đã thô lỗ từ chối dừng lại vì lý do đó. Những người đồng hành của Savva đã báo cho ông biết điều này, nhưng ông trấn an họ, nói rằng mọi sự đều theo ý Chúa, và không nên than vãn. Bỗng lúc đó, một con sóng đã đánh dạt một con cá sống to lên tàu, ngay tại chỗ Savva đang nằm ốm. Savva chỉ vào con cá và nói:

– Này, Chúa đã ban cho chúng ta thứ cần thiết rồi!

Con cá được chế biến, và tất cả những người trên tàu đều được no nê. Thánh Savva, sau khi được bổ sung sức lực nhờ thức ăn tươi ngon, đã đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh, còn người lái tàu, cảm thấy xấu hổ vì sự việc vừa xảy ra, đã xin lỗi ngài.

Khi đến Constantinople, Thánh Savva trước hết đã đến tu viện Đức Mẹ Evergetissa, nơi ngài có chỗ ở riêng. Sau đó, từ đây ngài đi vào trung tâm thành phố đến nhà thờ Thánh Tông đồ Anrê, nơi ngài đã có các cuộc đàm phán về nhiều vấn đề với các quan chức Latinh đang cai trị Constantinople lúc bấy giờ.

Từ Constantinople, con đường thông thường của Thánh Savva dường như là lên Núi Thánh, để từ đó trở về quê hương. Nhưng ý Chúa đã định hướng con đường của ngài theo một hướng khác. Thánh Savva từ Constantinople đi thuyền đến thành phố Mesembria bên Biển Đen, rồi từ đó đi đến thủ đô của Bulgaria, thành phố Tarnovo, để gặp người mai mối của mình, Hoàng đế Bulgaria Ioann Asen, người có con gái kết hôn với Vua Serbia Vladislav, cháu trai của Thánh Savva. Vua Bulgaria đã tổ chức một buổi tiếp đón long trọng dành cho Thánh Savva và tiếp đón ngài với vinh dự cao quý tại thủ đô Tarnovo, đồng thời cho ngài sử dụng các cung điện và người hầu của mình. Vào đêm trước lễ Hiển Linh, Thánh Savva đã làm phép nước rửa tội tại nhà thờ chính tòa của Bốn Mươi Vị Tử Đạo, và sáng hôm sau, ngài đã cử hành thánh lễ cùng với Thượng phụ Bulgaria.

Chẳng bao lâu sau, nhà vua Bulgaria, sau khi nhận lời chúc phúc của Thánh Savva, đã rời thành phố để đi săn; trong khi đó, Thánh Savva lâm bệnh nặng và cảm nhận được cái chết đang đến gần.

Ngài tập hợp các môn đệ và những người đồng hành xung quanh mình và đưa ra những chỉ thị cuối cùng. Trong chuyến hành trình của mình qua phương Đông, ngài đã thu thập được rất nhiều thánh tích và vật quý giá cho quê hương: các thánh tích, đồ thánh, sách vở, áo lễ và các vật dụng nhà thờ khác; nhiều vật trong số này ngài nhận được dưới dạng quà tặng, nhiều vật khác ngài mua lại. Ngài đã phân chia chính xác tất cả những kho báu này, chỉ định rõ nơi nào nên trao tặng, và gửi chúng về quê hương trước khi ngài về với Chúa.

Trong khi đó, bệnh tình ngày càng nặng. Vào một buổi tối thứ Bảy, Thánh Savva đã gọi các môn đệ của mình lại và bảo họ nghỉ ngơi một lúc, vì sau đó họ sẽ phải thức trắng nhiều hơn. Vào nửa đêm, Thánh Savva tràn ngập niềm vui thiêng liêng đặc biệt và trong lời cầu nguyện nồng nhiệt dâng lên Chúa, ngài chờ đợi giây phút lâm chung, điều mà sau đó đã xảy ra ngay sau đó trước sự chứng kiến của các môn đệ.

Sau khi an táng thi hài của ngài một cách trang nghiêm, các môn đệ bắt đầu lo liệu việc chôn cất. Ngay lập tức, thông báo được gửi đến vua Bulgaria, người đã ra lệnh cho Thượng phụ Bulgaria Ioakim tổ chức lễ an táng long trọng cho Thánh Savva tại Nhà thờ Bốn Mươi Vị Tử đạo ở Ternovo, và việc này đã được thực hiện trong vinh quang và danh dự. Nhân dịp lễ an táng Tổng giám mục Serbia, nhà vua đã ra lệnh phân phát một số lượng lớn vàng từ kho bạc của mình cho những người nghèo khó và khốn cùng. Bản thân Thánh Savva trước khi qua đời cũng đã để lại di chúc, bao gồm cả tiền bạc, của cải và kho bạc, dành cho lễ an táng và lễ tưởng niệm của ngài tại Nhà thờ Bốn Mươi Vị Tử đạo.

Một vài năm sau khi Thánh Savva qua đời, người kế nhiệm ngài là Tổng Giám mục Serbia Arsenius cùng Vua Serbia Vladislav đã quyết định chuyển hài cốt của vị Tổng Giám mục Serbia đầu tiên đã qua đời từ Ternovo về quê hương. Nhà vua đã cử một phái đoàn đến gặp cha vợ để xin phép chuyển hài cốt của vị mục tử quá cố. Tuy nhiên, Sa hoàng Bulgaria Ioann, Thượng phụ và nhân dân tuyệt đối không muốn trả lại chiếc quan tài quý giá đối với họ. Họ trả lời rằng nếu chiếc quan tài bị bỏ bê, người Serbia có thể đòi chuyển hài cốt; trong khi đó, lăng mộ nằm trong nhà thờ chính, được trang trí lộng lẫy và được chăm sóc chu đáo mọi mặt.

Vladislav đã cử phái đoàn thứ hai, nhưng phái đoàn này cũng không thành công. Lúc đó, ông quyết định đích thân đến gặp cha vợ, cùng với các quý tộc và các giám mục. Tuy nhiên, ngay cả lời thỉnh cầu trực tiếp của Vladislav ban đầu cũng không thể thuyết phục được vua Bulgaria cho phép chuyển giao thi hài của Thánh Savva. Dù vua Ioan đã tiếp đón con rể mình một cách ân cần và kính trọng đến đâu, ông vẫn không muốn chia tay với chiếc quan tài quý giá đối với người Bulgaria. Chỉ có một giấc mơ ban đêm do Thượng Đế ban cho vua Ioan mới khiến ông không còn phản đối lời thỉnh cầu của vua Serbia và nhân dân. Sau giấc mơ, vua Ioan nhận ra rằng đây là ý muốn của Đức Chúa Trời, chứ không phải của con người.

Lễ rước di cốt Thánh Sava đã được cử hành long trọng. Khi mở quan tài để chuẩn bị nâng lên và rước đi, người ta phát hiện thi hài vẫn còn nguyên vẹn. Sau khi chuẩn bị kỹ lưỡng mọi thứ cho chuyến hành trình xa xôi, sau lễ cầu nguyện, họ đã nâng di cốt thánh lên và lên đường. Vua Vladislav ngạc nhiên trước việc mọi chuyện diễn ra nhanh chóng và thuận lợi đến vậy, bởi vì vua Bulgaria, dù được khích lệ bởi thị kiến và đã quyết định trả lại thi hài của Thánh Sava, nhưng vẫn chưa hoàn toàn gạt bỏ được sự bất mãn của mình.

Nhưng ngay sau khi di dời di thể, một tu sĩ bị liệt tên là Neofit đã nằm xuống trên những tấm ván gỗ từng đặt bên quan tài của Thánh Savva; việc chạm vào những tấm ván này đã mang lại cho ông sự chữa lành đột ngột. Phép lạ này đã mang lại niềm vui lớn lao cho dân tộc Bulgaria: sức mạnh làm phép lạ của Thánh Savva vẫn còn lưu

lại tại nơi an táng của ngài, ngay cả sau khi thi hài thánh của ngài đã được rước đi. Và sau đó, nhiều phép lạ đã xảy ra tại nơi từng đặt quan tài của Thánh Savva trong Nhà thờ Bốn Mươi Vị Tử Đạo.

Khi đoàn rước thánh tích tiến gần đến biên giới Serbia, Tổng Giám mục Arsenius, cùng các giám mục và các linh mục khác, cũng như các quý tộc và đông đảo dân chúng, đã ra đón, cất tiếng hát những bài thánh ca với niềm vui và sự hân hoan thiêng liêng.

Với niềm vui và sự an ủi sâu sắc, tất cả đều hôn lên di cốt bất hoại của Thánh Sava và long trọng rước chúng về tu viện Milesevo, vừa mới được Vua Vladislav của Serbia xây dựng như một công trình tưởng niệm của ngài. Tại đây, Vua Vladislav đã chuẩn bị sẵn một quan tài trang nghiêm để an táng di cốt của Thánh Savva, nơi mà đông đảo dân chúng từ khắp mọi miền đất Serbia đã đổ về.

Một thời gian ngắn sau đó, Thánh Savva đã hiện ra với một trong những môn đệ của ngài; Thánh Savva tuyên bố rằng kể từ khi Chúa rước ngài về khỏi thế gian này, ngài không nên nằm trong quan tài nữa, mà phải được an táng trong nhà thờ để mọi người đều có thể chiêm ngưỡng.

Sau đó, di cốt của ngài lại được lấy ra khỏi lòng đất, đặt vào một quan tài gỗ và an vị ngay giữa nhà thờ lớn.

Trong suốt cuộc đời thánh thiện và dài lâu của mình, Thánh Savva đã thực hiện nhiều việc thiện, không chỉ cho từng cá nhân mà chủ yếu là cho quê hương Serbia của ngài, củng cố đức tin và lòng sùng đạo tại đó, thiết lập hệ thống phẩm trật giáo hội và cơ chế quản lý giáo hội đúng đắn, đồng thời trở thành tấm gương và mẫu mực về đời sống tu hành. Ngài đã truyền lại tất cả những di huấn của mình qua vô số tác phẩm văn học.

Và những người sống cùng thời với ngài cũng như các thế hệ sau này, không chỉ riêng người Serbia mà cả toàn thể các tín hữu Chính Thống Giáo, đều đã và đang tôn kính vị thánh này – vị ân nhân vĩ đại và vị bảo trợ của đất nước Serbia cũng như toàn thể Giáo hội Chính Thống Giáo.

Bài thánh ca, giọng 3:

Ngài là Đấng dẫn dắt con đường đời, là người hướng dẫn, là vị Thượng phụ đầu tiên và là vị Thầy; vì Ngài đã đến trước Thánh Savva, Ngài đã soi sáng quê hương của Ngài, và nhờ Thánh Thần, Ngài đã sinh ra và trồng những con cái thánh thiện của Ngài như những cây ô liu trong vườn địa đàng thiêng liêng. Vì vậy, chúng con tôn kính Ngài như một vị Tông đồ và Thánh nhân đồng bàn thờ, và chúng con cầu xin: xin Ngài cầu thay cho chúng con trước Chúa Kitô, Thiên Chúa, để Ngài ban cho chúng con ân sủng vĩ đại.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Với tư cách là vị Thánh Tông Đồ vĩ đại và đồng sự của các Tông Đồ, Giáo Hội tôn vinh ngài, hỡi vị Thánh đáng kính, nhưng vì ngài có lòng can đảm trước mặt Chúa Kitô, xin ngài cứu chúng con khỏi mọi tai ương bằng những lời cầu nguyện của ngài, để chúng con có thể kêu lên với ngài: "Hãy vui mừng, Cha Savvo, người khôn ngoan trước mặt Thiên Chúa."

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Phêrô Avesalomit

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 1

Phaolô, còn được gọi là Avesalomit, người gốc từ vùng Eleutheropolis[966] , đã bị bắt giữ trong đợt đàn áp các Kitô hữu[967] tại thành phố Avlon[968] . Khi ngài bị dẫn đến trước quan tổng trấn Severus để thẩm vấn, vị quan này đã hỏi:

– Tên ngươi là gì?

---

[966] Eleutheropolis – một thành phố ở Palestine, nằm giữa Biển Địa Trung Hải và Biển Chết, về phía đông của Ascalon. Vào thế kỷ thứ 4, đây là một thành phố quan trọng, nhưng hiện nay không còn dấu vết nào của nó.

[967] Tất nhiên là cuộc đàn áp bắt đầu vào khoảng năm 303, vào cuối triều đại của Diocletian ở phía đông và Maximian ở phía tây (284–305).

[968] Một thành phố ở Macedonia với cảng sầm uất nằm bên vịnh cùng tên.

Petr trả lời:

– Tên cha tôi là Avesalomit, còn tên thánh mà tôi nhận được khi chịu phép rửa tội là Phêrô.

– Ngươi thuộc dòng họ nào? – vị thống đốc hỏi.

Petr trả lời:

– Tôi là người theo đạo Thiên Chúa.

– Anh mang tước hiệu gì? – vị thống đốc hỏi.

– Tôi không thể có chức vụ nào cao quý và tốt đẹp hơn chức vụ của một người theo đạo Kitô, – Phêrô trả lời.

– Anh có cha mẹ không? – vị quan hỏi.

– Không, – Phêrô trả lời.

– Anh đang nói dối, – vị quan nói, – vì tôi nghe nói anh có cha mẹ.

– Trong Phúc Âm, tôi đã được truyền lệnh – Phêrô đáp – phải từ bỏ mọi sự khi tôi đi rao giảng danh Chúa (Lc 14:26; Mt 10:37, 19:29; Mc 10:29–30; Lc 18:29–30).

– Ngươi có biết sắc lệnh của nhà vua không? – quan tổng trấn hỏi.

– Tôi biết, – Phê-rô đáp, – đó là điều mà Đức Chúa Trời của tôi, Vua chân thật và vĩnh cửu, đã truyền lệnh.

Vị quan nói:

– Các vị vua nhân từ[969] đã ra lệnh rằng tất cả các Kitô hữu phải dâng lễ vật cho các vị thần, nếu không sẽ bị tiêu diệt bằng các hình thức trừng phạt khác nhau.

Petrus đáp:

– Còn Đức Vua chân thật và vĩnh cửu đã truyền rằng: ai dâng lễ vật cho các thần tượng thay vì dâng cho Đức Chúa Trời hằng sống, thì sẽ bị diệt vong mãi mãi. Xin ngài hãy phán xét công bằng: liệu có thể vi phạm điều răn này của Đức Vua trên trời không?

– Hãy nghe ta đây, – vị quan cai trị nói, – hãy dâng lễ vật cho các vị thần và tuân theo mệnh lệnh của các vị vua chúng ta.

Phêrô đáp:

– Ta sẽ không dâng lễ vật cho những vật do tay người tạo ra – những vị thần bằng gỗ và đá, mà các ngươi cũng giống như vậy.

– Ngươi đang xúc phạm chúng ta, – vị quan phản đối. – Ngươi không biết rằng ta có thể xử tử ngươi sao?

– Ta không xúc phạm ngươi, – Phê-rô đáp, – nhưng ta đang nói điều đã được chép trong luật pháp của Chúa: *"Còn các thần tượng của chúng là bạc và vàng, là tác phẩm của bàn tay con người: chúng có miệng, mắt, lỗ mũi, tai, tay và chân, nhưng không nói; không thấy; không ngửi, không nghe, không sờ, không đi"*. Chúa phán trong Kinh Thánh: *"Những ai làm ra chúng và tất cả những ai trông cậy vào chúng sẽ giống như chúng"* (Thi Thiên 113:12–16).[970] Nếu Thánh Thần từ Chúa đã phán điều này qua miệng các tiên tri, thì sao ngươi lại nói rằng ta đã xúc phạm ngươi khi so sánh ngươi với những kẻ điếc câm, với những tượng thần bằng đá và gỗ – và thậm chí còn khuyên ta nên trở nên giống như ngươi.

Vị quan nói:

– Hãy nghe lời ta, hãy thương xót chính mình và dâng lễ vật cho các vị thần.

Phêrô đáp:

– Chính lúc đó tôi mới tự thương xót mình, nếu tôi không dâng lễ vật cho các vị thần của ngài và không từ bỏ lẽ thật. Nhưng vì ngài là kẻ vô tín, nên ngài không tin cả tôi lẫn luật pháp của Đức Chúa Trời – rằng ai dâng lễ vật cho các vị thần thì sẽ bị diệt vong. Nhưng sao ngài còn chần chừ? – Hãy làm theo lệnh đã được truyền.

– Ta vẫn đang chờ, – quan tổng trấn đáp, – cho đến khi ngươi thay đổi ý định, dâng lễ vật cho các vị thần và nhờ đó thoát khỏi những cực hình.

---

[969] Ngay sau khi lên ngôi, Diocletian đã chọn Maximian Herculus làm đồng trị vì, giao cho ông này cai quản nửa phía tây của đế chế, còn bản thân ông giữ nửa phía đông. Năm 292, ông chọn thêm hai trợ lý nữa để điều hành đế chế, với tước hiệu là các Caesar, đó là Constantius Chlorus và Galerius.

[970] Đoạn văn trên được trích dẫn với việc lược bỏ và thay đổi một số từ.

– Ngươi chờ đợi vô ích thôi, – Phêrô đáp; hãy làm điều ngươi đã định làm, hãy tuân theo ý muốn của cha ngươi – ma quỷ, vì ta sẽ không tuân theo ý muốn của các ngươi, và Chúa Giêsu Kitô của ta, Đấng mà ta tận tụy phụng sự, sẽ không cho phép ta làm điều đó.

Vị quan ra lệnh treo cổ ông, rồi nói với ông:

– Ngươi nói sao, Phêrô? – Ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần hay không?

– Hãy đưa những móng sắt đây, – vị Thánh đáp, – hãy tra tấn tôi đi, vì tôi đã không chỉ một lần nói với ngài rằng tôi sẽ không dâng lễ vật cho ai khác ngoài Đức Chúa Trời Duy Nhất của tôi, Đấng mà vì danh Ngài mà tôi đang chịu đau khổ.

Vị quan Sever đã ra lệnh tra tấn ngài một cách tàn nhẫn. Vị tử đạo dũng cảm của Đức Chúa Trời không thốt ra một tiếng rên rỉ nào, mà chỉ cất tiếng hát:

– *"Tôi chỉ xin Chúa một điều, và chỉ tìm kiếm điều đó, đó là được ở trong nhà Chúa suốt cả cuộc đời tôi"* (Thi Thiên 26:4)[971] .

Và ngài còn hát lên:

– *"Tôi sẽ nhận lấy chén cứu rỗi và kêu cầu danh Chúa"* (Thi Thiên 115:4)[972] .

Khi ông nói như vậy, quan tổng trấn càng tức giận hơn và gọi thêm những kẻ hành hình khác. Đám đông đứng xung quanh, nhìn thấy máu chảy tràn trên mặt đất, thương xót vị thánh, đã nói:

– Hãy thương xót chính mình và dâng lễ vật cho các vị thần, để thoát khỏi những cực hình khủng khiếp này.

– Những cực hình này – Thánh Phêrô đáp – chẳng là gì cả và cũng không gây cho tôi bất kỳ đau đớn nào. Còn nếu tôi chối bỏ Thiên Chúa của mình, thì lúc đó tôi mới thực sự rơi vào những cực hình nặng nề và vô tận.

Vị quan nói:

– Ngươi đang nói gì vậy, Phêrô? Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, để sau này không phải hối hận khi đã quá muộn.

– Tôi sẽ không hối hận và cũng sẽ không dâng lễ vật, – Thánh Phêrô đáp.

– Ta sẽ xử tử ngươi, – vị quan nói.

– Đó chính là điều tôi mong muốn – được chết vì Đức Chúa Trời của tôi, – Phê-rô đáp.

Khi đó, quan tổng trấn tuyên án tử hình như sau:

– Phê-rô, kẻ đã coi thường mệnh lệnh của các vị vua bất khả chiến bại vì luật pháp của Đức Chúa Trời mình, ta ra lệnh đóng đinh ngươi trên thập giá.

Vậy là vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô, khi hoàn tất công cuộc của mình, đã được vinh dự trở thành người cùng chia sẻ những đau khổ của Chúa[973] qua việc bị đóng đinh trên thập giá. Thánh Tử đạo của Chúa Kitô, Phêrô Avesalamit, đã chịu tử đạo tại thành phố Avlon, khi Maximian đang trị vì tại Rôma, còn trên hết mọi sự là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng đáng được vinh quang muôn đời, amen.

Lễ kính Thánh Tử đạo Mertius

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 1

Thánh Tử đạo Merti là một chiến binh dưới thời Đế vương Diocletian. Trong cuộc chinh phạt chống lại người Moor[974] , chỉ huy đã ép buộc ngài dâng lễ vật cho các thần tượng. Thánh Mertius đã từ chối tuân lệnh, vì thế ngài bị tra tấn dã man; ngài đã chịu đựng những cực hình đó một cách dũng cảm đến nỗi kẻ tra tấn, kinh hoàng và ngạc nhiên, đã rơi vào trạng thái điên loạn: những cực hình tiếp diễn cho đến khi trên thân thể thánh nhân không còn chỗ nào nguyên vẹn; toàn thân ngài đều phủ đầy sẹo do những cú đánh và vết thương. Sau đó, vị tử đạo của Chúa Kitô bị ném vào ngục tối, nơi ngài phải chịu đựng tám ngày trong cơn đói khát và sự tàn bạo của những người cai ngục. Sau đó, sau khi cầu nguyện với Chúa, vị thánh chịu khổ đã thốt lên: "Con phó thác linh hồn con vào tay Ngài, Con Thiên Chúa" – và ngài đã về với Chúa Kitô, Đấng mà vì Ngài, ngài đã anh dũng chịu khổ.

---

[971] Tức là, vị thánh tử đạo luôn hết lòng cầu nguyện với Chúa, xin Ngài đừng để ngài sa ngã khỏi Giáo Hội thánh.

[972] Vị thánh tử đạo áp dụng những lời trong Thánh vịnh cho chính mình theo nghĩa là ngài chấp nhận những đau khổ, xem chúng như phương tiện dẫn đến sự cứu rỗi của mình và dâng lời ngợi khen lên Thiên Chúa vì những đau khổ đó.

[973] Tức là ngài đã được ban ân sủng để chịu cùng một hình phạt (bị đóng đinh trên thập tự giá) mà Chúa Giêsu Kitô đã phải chịu.

[974] Người Moor – một dân tộc ở châu Phi, thuộc chủng tộc da đen.

Ngày 26 tháng 1

Ngày 13 tháng 1 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Hermila và Stratonica

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 1

Trong thời trị vì của Licinius[975] , một kẻ vô đạo và là người sùng bái thần tượng cuồng nhiệt, tất cả các Kitô hữu đều phải đối mặt với cái chết đau đớn. Họ bị truy lùng khắp các vùng đất, thành phố và làng mạc. Và bất cứ ai tìm thấy một Kitô hữu rồi báo cáo với hoàng đế, đều được hoàng đế ân sủng và nhận được những vinh dự lớn lao. Vì vậy, tất cả mọi người, để lấy lòng hoàng đế, đều bắt đầu truy lùng và bức hại các Kitô hữu.

Một lần nọ, khi Licinius đang ngự trên ngai vàng và chủ trì phiên tòa, một chiến binh tiến đến gần ngài và nói:

– Ở đây có một tín đồ Kitô giáo tên là Ermila, người đang giữ chức phó tế trong cộng đồng Kitô hữu; đã từ lâu ông ta phụng sự Chúa Kitô, ông ta chế giễu các vị thần của chúng ta và cả ngài, thưa hoàng đế, và không muốn biết đến ngài.

Nghe vậy, nhà vua ra lệnh tìm và bắt Ermil. Thánh nhân đang cầu nguyện, giơ tay lên hướng về Chúa, Thiên Chúa của ngài, thì những người được nhà vua sai đến đã đến gặp ngài. Khi biết rằng mình sẽ bị đưa ra xét xử và chịu cực hình vì Chúa Kitô, ngài đã vui mừng và hân hoan, rồi đi theo các binh lính không phải với tư cách là người bị ép buộc, mà với sự hăng hái và nhanh nhẹn, như thể ngài đang đi để nhận những vinh dự. Tràn đầy lòng dũng cảm cao thượng, ngài đã ra trình diện trước mặt nhà vua. Thấy ngài, Licinius hỏi:

– Hãy nói cho chúng ta biết, liệu ngươi có thực sự là người Kitô hữu như những gì chúng ta đã nghe nói về ngươi không?

– Tôi, – Hermil đáp, – không chỉ tự do thừa nhận mình là người Kitô hữu, mà còn tuyên bố rằng tôi đã được thánh hiến trước mặt Thiên Chúa vô hình và đang phục vụ Ngài với chức vụ phó tế.

– Vậy thì hãy làm phó tế, tức là người phục vụ[976] , và các vị thần của chúng ta, – nhà vua nói.

Trước đề nghị của nhà vua, vị tử đạo đáp lại với thái độ khinh bỉ:

– Theo tôi nghĩ, thưa vua, – ngài hoặc là điếc, hoặc là điên. Tôi đã nói với ngài rằng tôi phụng sự Đức Chúa Trời vô hình, chứ không phải những thần tượng của các ngài, những thứ dù có thể nhìn thấy nhưng bản thân chúng lại chẳng nhìn thấy gì cả và cũng không hiểu được ý nghĩa của việc làm phó tế là gì. Trong sự lầm tưởng, ngài tôn thờ chúng như các vị thần, trong khi thực ra chúng chỉ là những tảng đá và cây cối vô hồn, vô tri, là sản phẩm do bàn tay con người tạo ra, những thứ đáng bị chế giễu hơn là đáng được tôn thờ.

Vua không thể chịu đựng được những lời nói thẳng thắn của vị tử đạo nữa, nên ngay lập tức ra lệnh đánh vào hai má ông bằng những dụng cụ đồng đặc biệt, được chuẩn bị sẵn để tra tấn, đồng thời ra lệnh hô to:

– Hỡi Ermil, đừng có lời lẽ ngạo mạn nữa, hãy tôn kính nhà vua, dâng lễ vật lên các vị thần và giải thoát bản thân khỏi sự tra tấn.

Còn vị thánh, dường như không những không cảm thấy đau đớn nào trong những trận đòn tàn bạo nhất, mà còn cười nhạo sự bất lực của kẻ tra tấn. Sau đó, ngài cất cao giọng, nói lớn với nhà vua:

– Chính ngài sẽ phải hứng chịu vô số vết thương và nếm trải bàn tay khủng khiếp của Đức Chúa Trời vì đã bỏ rơi Đấng Tạo Hóa của mình để quay sang thờ phụng những vị thần điếc và câm, đặc biệt là vì ngài, như thể ghen tị với sự cứu rỗi của người khác, lại muốn ép buộc họ phải rơi vào cùng một số phận diệt vong.

---

[975] Ban đầu, Licinius là đồng trị vì cùng với hoàng đế phương Đông Maximianus Galerius, mang tước hiệu Augustus. Sau khi Galerius qua đời, sau khi loại bỏ các đối thủ của mình, ông trở thành hoàng đế phương Đông vào năm 312, trong khi Constantine Đại Đế trở thành hoàng đế phương Tây. Trong khi Constantine Đại đế bảo trợ cho các tín đồ Kitô giáo, Licinius lại đàn áp các thần dân Kitô giáo của mình, có lẽ vì nghi ngờ họ đồng cảm với Constantine. Sau đó, chiến tranh bùng nổ giữa Licinius và Constantine; Licinius bị đánh bại, tước quyền lực và cuối cùng bị hành quyết vào năm 324.

[976] Từ "diaconus" – khi dịch từ tiếng Hy Lạp – có nghĩa là "người phục vụ", chỉ chức vụ linh mục cấp thấp nhất.

Sau đó, nhà vua ra lệnh giam Thánh Hermil vào ngục tối ba ngày, hy vọng rằng ngài sẽ suy nghĩ lại và hối cải vì sự can đảm của mình. Còn vị tử đạo thì trên đường đi vẫn cất tiếng hát:

– *"Chúa ở cùng tôi – tôi không sợ hãi: con người có thể làm gì tôi?"* (Thánh vịnh 117:6). *"Tôi đặt niềm tin nơi Đức Chúa Trời, tôi không sợ hãi; xác thịt có thể làm gì tôi?"* (Thánh vịnh 55:5).

Khi bước vào ngục tối, ngài lại hát:

– *"Đấng Chăn Chiên của Y-sơ-ra-ên! Xin hãy lắng nghe; Đấng dẫn dắt Giô-sép như đàn chiên, Đấng ngự trên các chê-ru-bim, xin hãy hiện ra và đến cứu chúng con"* (Thi Thiên 79:2–3).

Và Chúa đã không quên tôi tớ của Ngài, nhưng đã sai một Thiên thần đến để an ủi và củng cố lòng ông; khi hiện ra, Thiên thần ấy đã nói với ông:

– Hermil! Hãy can đảm lên, hãy nói, đừng im lặng và đừng sợ hãi, vì chẳng bao lâu nữa ngươi sẽ chiến thắng những mưu đồ của kẻ hành hạ và sẽ nhận được vương miện thánh thiêng từ trên cao vì những đau khổ của ngươi.

Vậy, Đức Chúa Trời, sau khi trang bị cho chiến binh của Ngài để thực hiện chiến công, đã ban cho anh sức mạnh, củng cố đôi tay anh để chiến đấu và ban cho cơ bắp anh như một cây cung bằng đồng và tấm khiên cứu rỗi.

Sau ba ngày, nhà vua lại triệu tập Ermila ra tòa và nói với anh ta:

– Ngươi đã hối cải chưa và có đồng ý dâng lễ vật cho các vị thần để thoát khỏi những cực hình đang chờ đợi ngươi không? Hay ngươi vẫn còn bị điên loạn và tự chuốc lấy sự diệt vong cho chính mình?

Chiến binh của Đấng Christ, vì vinh quang của Chúa đã củng cố anh, đã dũng cảm trả lời:

– Thưa vua! Ta đã nói với ngài một lần rồi, và ngài lẽ ra nên hài lòng với những lời đầu tiên của ta và không hỏi ta thêm nữa. Ta có Đức Chúa Trời trên trời; chỉ nhờ Ngài mà ta còn sống, ta sẵn sàng dâng chính bản thân mình làm của lễ cho Ngài, và ta trông đợi nhận được sự giúp đỡ vĩ đại từ Ngài.

– Ta sẽ xem xem Đấng Sống trên trời có giúp ngươi được không – nhà vua nói, rồi ngay lập tức ra lệnh cho sáu chiến binh mạnh mẽ và tàn bạo kéo người ấy nằm xuống đất và đánh đập không thương tiếc.

Vị thánh kiên nhẫn chịu đựng sự tra tấn, – như thể người ta không đánh chính ông vậy, – và cầu nguyện với Đức Chúa Trời như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con! Vì con, Ngài đã chịu những vết thương và những trận đòn dưới thời Pontius Pilate[977] ; xin chính Ngài củng cố con trong những đau khổ của con vì Ngài, xin ban cho con sức mạnh để chịu đựng những cực hình này, để qua việc tham dự vào những đau khổ của Ngài, con trở nên xứng đáng được tham dự vào vinh quang vĩnh cửu của Ngài.

Khi vị Thánh đang cầu nguyện như vậy, bỗng nhiên có một tiếng nói từ trời vang lên, phán rằng:

– A-men, a-men, Ermyl! Ba ngày nữa, ngươi sẽ thoát khỏi những cực hình này và nhận được phần thưởng vĩ đại cho những đau khổ của ngươi.

Tiếng nói ấy đã ban cho vị tử đạo lòng dũng cảm và sức mạnh to lớn, còn những kẻ tra tấn thì rơi vào sự sợ hãi và run rẩy tột độ; họ ngã quỵ xuống đất và không thể làm gì được. Vua cũng run rẩy, nhưng không muốn thừa nhận quyền năng của Thiên Chúa. Theo lệnh của ông, vị thánh tử đạo lại bị đưa trở lại ngục tối.

Người canh gác ngục tối, người được giao nhiệm vụ trông chừng vị tử đạo, là Stratonik. Ông là một Kitô hữu bí mật và là bạn của thánh Hermil. Trái tim ông tan nát khi chứng kiến những đau khổ của vị tử đạo, nhưng đồng thời, trong thâm tâm, ông lại vui mừng trước sự dũng cảm và kiên định của ngài, chỉ là bản thân ông chưa dám tự mình chịu đựng những đau khổ như vậy.

Khi bước vào ngục tối, Thánh Hermil đã hát:

– *"Chúa là ánh sáng và sự cứu rỗi của con: con còn sợ ai nữa? Chúa là pháo đài của đời con: con còn e ngại ai nữa?"* (Thánh vịnh 26:1)

Ánh sáng thiên đàng từ trên cao chiếu rọi xuống ngài, và một lần nữa, một tiếng nói vang lên, kêu gọi ngài hãy can đảm chịu đựng những đau khổ và hứa hẹn rằng chúng sẽ chấm dứt sau ba ngày.

Sáng hôm sau, nhà vua lại triệu tập vị thánh đến tòa án. Ngài bước ra trước mặt nhà vua với khuôn mặt rạng rỡ, ánh mắt vui tươi và lòng tràn đầy niềm vui. Kẻ tra tấn lắc đầu và chế nhạo vị tử đạo, nói:

[977] Pontius Pilate là tổng trấn La Mã cai trị xứ Giu-đê, dưới thời ông, Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta đã chịu khổ hình và bị kết án tử hình.

– Hãy trả lời chúng ta, – ngục tối u ám đó đã mang lại lợi ích gì cho ngươi? Những đau khổ ngươi đã chịu đựng có thuyết phục ngươi tuân theo luật pháp của nhà vua và dâng lên các vị thần sự tôn kính xứng đáng với họ không? Hay chúng ta sẽ phải nghĩ ra thêm những hình phạt khác để đối phó với sự cứng đầu trong lòng ngươi?

– Cái ngục tối ấy, – vị tử đạo đáp, – đã soi sáng tâm hồn tôi; lòng tôi bình an, vui mừng và tràn ngập ánh sáng, điều đó mang lại cho tôi niềm hy vọng tốt lành về phần thưởng trong tương lai; và tôi thực sự ngạc nhiên tại sao bóng tối mà ngươi đang chìm đắm trong đó – thứ che khuất sự thật khỏi đôi mắt tâm hồn ngươi – lại không hề tan biến chút nào.

Khi vị thánh vạch trần sự lầm lạc của nhà vua như vậy, Licinius đã thốt lên:

– Rõ ràng ngươi chẳng có khả năng gì khác ngoài việc, vì sự buông thả của lưỡi, vì sự ngạo mạn và điên rồ, mà công khai chế nhạo ta. Hãy trả lời và nói thẳng ra: ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần và tuân theo mệnh lệnh của chúng ta, hay ngươi sẽ tự chuốc lấy những cực hình mà ngươi xứng đáng phải chịu?

– Bệ hạ đã nghe rõ lời đáp của tôi rồi, – vị tử đạo của Chúa Kitô là Hermil nói, – và ngài sẽ không nghe thêm gì từ tôi nữa; hãy làm theo ý ngài, hãy thực hiện những gì ngài đã định.

Licinus, trong cơn thịnh nộ, ra lệnh trói thánh nhân trần truồng nằm trên đất và đánh vào bụng bằng gậy. Giữa những cực hình, thánh nhân chỉ có một niềm vui – đó là niềm tin nơi Chúa Kitô, và ngài cầu nguyện, hướng đôi mắt tâm hồn lên Ngài:

– *"Hãy mau đến cứu con, lạy Chúa, hãy mau đến giúp con, lạy Chúa"* (Thánh vịnh 69:2).

Sự kiên nhẫn của vị thánh đã khiến kẻ tra tấn càng thêm phẫn nộ, và hắn ra lệnh dùng móng vuốt đại bàng để xé rách bụng ngài:

– Hãy để hắn nhìn thấy – hắn nói – bằng chính đôi mắt mình những bộ phận bên trong cơ thể mình.

Còn vị tử đạo thì nói:

– *"Trái tim và thân xác con hân hoan hướng về Đức Chúa Trời hằng sống"* (Thi Thiên 83:3). *"Linh hồn con được no nê như bằng bơ và dầu, và môi miệng con ngợi khen Ngài bằng tiếng vui mừng"* (Thi Thiên 62:6).

Stratonik, khi chứng kiến những cực hình không thể tưởng tượng nổi mà thánh Hermil, người bạn của mình, phải chịu đựng, cùng với việc ruột gan của ngài bị xé nát, đã bắt đầu khóc.

Thấy vậy, một số người xung quanh liền báo ngay cho vua, nói rằng:

– Người gác ngục Stratonik không che giấu sự tham gia của mình vào sự lầm lạc Kitô giáo và tình bạn với Hermil, bởi vì ông thương xót và khóc thương cho anh ấy.

Nhà vua gọi Stratonicus đến và hỏi: "Ngươi có phải là bạn của Hermylus không?" Stratonicus, với tư cách là một môn đệ của chân lý, không muốn nói dối, và thấy rằng đã đến lúc mình phải thực hiện một hành động anh hùng, nên đã tự xưng là bạn của Hermylus và là một Kitô hữu, lên án sự vô hồn của các thần tượng và sự điên rồ của những kẻ thờ phượng chúng, đồng thời ca ngợi Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa của trời và đất. Vị vua tức giận ra lệnh lột trần Stratonikos và đánh anh ta bằng gậy khắp cơ thể. Giữa những cực hình, người chịu khổ đã ngước mắt lên nhìn người bạn của mình, Thánh Hermylus, và nói:

– Hãy cầu nguyện cho tôi cùng Chúa Kitô, Hermylus, để Ngài giúp tôi kiên định và bất khuất trong đức tin, và vượt lên trên những kẻ hành hạ tôi.

Đồng thời, ông khuyên nhủ Licinius hãy ngừng thờ lạy những thần tượng mù quáng và vô hồn, và hãy sợ sự trừng phạt từ Đức Chúa Trời chân thật, vì rơi vào tay Ngài là điều đáng sợ (Hê-bơ-rơ 10:31).

Vị thánh bị đánh đập cho đến khi ngài im lặng vì kiệt sức do những vết thương. Sau đó, nhà vua ra lệnh giam cả hai – cả Stratonicus lẫn Hermilus – vào ngục tối. Thánh Stratonicus cầu nguyện và nói:

– *"Xin đừng nhớ đến tội lỗi của tổ tiên con"* (Thi Thiên 78:8).

Và cả hai cùng kêu cầu Thiên Chúa:

– *"Xin giúp chúng con, lạy Thiên Chúa, Đấng Cứu Độ của chúng con, vì vinh quang danh Ngài"* (Thánh Vịnh 78:9).

Đáp lại điều đó, một tiếng nói thiêng liêng vang lên, phán rằng:

– Các con đã hoàn thành cuộc đua, đã giữ vững đức tin, và vương miện công chính đã được chuẩn bị sẵn cho các con (xem 2 Tm 4:7–8), các con sẽ nhận được vào buổi sáng mai.

Khi sáng sớm, Hermylus lại bị dẫn ra trước tòa, và Licinius hỏi ông:

– Ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần không?

– Điều tôi đã nói với ngài trước đây, – vị thánh đáp, – tôi sẽ lặp lại ngay cả bây giờ. Hãy thiêu đốt, chém giết, và – tùy ý ngài – hãy tra tấn tôi, vì tôi đã quen không sợ những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết được linh hồn (xem Mt 10:28).

Kẻ tra tấn ra lệnh treo vị thánh lên cây và dùng dao rạch xé thân thể ngài. Giữa những cực hình tàn bạo, vị thánh không ngừng cầu nguyện và nói:

– Xin hãy là Đấng Cứu Giúp con, lạy Chúa, Đấng Cứu Rỗi của con!

– Đừng sợ: Ta, Thiên Chúa của ngươi, ở cùng ngươi! – ngài nghe thấy tiếng nói từ trên cao.

Sau đó, nhà vua kết án thánh Hermila phải bị dìm chết dưới dòng sông Ister[978] . Rồi ông ta cũng khuyên nhủ thánh Stratonikos dâng lễ vật cho các vị thần.

– Nếu không, ngươi, kẻ khốn nạn, – ông ta nói, – cũng sẽ phải chịu số phận giống như bạn ngươi.

Thánh Stratonik đáp lại:

– Quả thật, tôi sẽ là kẻ khốn nạn nếu tuân theo mệnh lệnh điên rồ của ngài. Làm sao tôi có thể mong muốn sống khi người bạn của tôi sẽ chết vì Chúa Kitô?

– Vậy thì sao? Ngươi có muốn chết cùng với Hermylos không? – Licinius hỏi.

Thánh Stratonikos đáp:

– Tôi rất muốn! Những người bạn chân chính cần phải cùng nhau chịu đựng hoạn nạn và cùng nhau tận hưởng những điều tốt lành. Còn điều gì có thể làm chúng ta vui sướng hơn là chịu đau khổ và chết vì Chúa Kitô?

Mất hết hy vọng thành công, Licinius đã kết án Thánh Stratonikos cùng chịu cái chết tương tự – bị dìm chết dưới nước cùng với Thánh Hermylos. Cả hai vị thánh tử đạo được dẫn đến bờ sông. Trên đường đi, họ hân hoan hát:

– *"Vinh quang thuộc về Thiên Chúa trên trời, bình an dưới đất, và ân sủng nơi loài người!"*[979]

Khi các binh lính dẫn họ đến sông Ister, họ đã bỏ hai vị vào lưới và ném xuống chỗ nước sâu; và như vậy, dòng sông đã đón nhận thi thể của các thánh tử đạo, còn Thiên Đàng đã đón nhận linh hồn họ vào nơi ở của Ngài[980] . Vào ngày thứ ba, các tín hữu đã tìm thấy thi thể thánh của họ trên bờ sông và an táng họ một cách trang trọng cách thành phố Singidon mười tám stade[981] . Họ được an táng trong cùng một quan tài, để mọi điều đều chung một: cùng tuyên xưng Đức Kitô, cùng chia sẻ ngục tù, cùng chịu đau khổ, cùng bị chìm xuống nước, lễ an táng chung cho thi hài của các ngài, và vinh quang chung trên trời nhờ ân sủng và lòng nhân ái của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, amen.

Cuộc đời của Thánh Giacôbê, Giám mục Nizibê

Ngày kỷ niệm: 13 tháng 1

Thánh Giacôbê sinh ra tại thành phố Nizibê[982] , nằm trong một vùng đất từng thuộc về người La Mã, rồi lại thuộc về người Ba Tư, và vào thời điểm vị thánh này ra đời, vùng đất đó thuộc về người La Mã. Khi trưởng thành, thánh Giacôbê lui về sa mạc và sống trên những ngọn núi cao. Mùa xuân, mùa hè và mùa thu, ngài sống trong rừng dưới bầu trời rộng mở, còn mùa đông thì ngài trú ngụ trong một hang động, nơi ngài trú ẩn khỏi cái lạnh. Thức ăn của ngài là những gì đất đai tự sinh ra mà không cần canh tác: ngài hái quả từ các cây trong rừng và những rễ cây ăn được, giống như rau trong vườn, và dùng chúng để nuôi dưỡng thân xác yếu ớt của mình chỉ vừa đủ để duy trì sự sống. Bằng cách kiềm chế thân xác như vậy, vị thánh nhân của Chúa đồng thời không ngừng nuôi dưỡng linh hồn mình bằng thức ăn thiêng liêng; ông đã chuẩn bị tâm trí mình qua sự thanh tẩy để chiêm ngưỡng Thiên Chúa, biến nó thành tấm gương của Thánh Thần, và, như Thánh Tông Đồ đã nói, khi ngước nhìn vinh quang của Chúa với khuôn mặt mở rộng, ông đã được biến đổi theo hình ảnh ấy, từ vinh quang này sang vinh quang khác, nhờ Thánh Thần của Chúa (2 Cr 3,18). Nhờ đó, lòng can đảm cầu nguyện của ngài trước mặt Thiên Chúa ngày càng gia tăng –

---

[978] Đó là tên gọi của sông Danube.

[979] Lời Tin Mừng của các thiên thần vào dịp Giáng sinh của Chúa Kitô. (Lc 2:14).

[980] Các thánh tử đạo Hermila và Stratonica qua đời vào khoảng năm 315.

[981] Singidunum – nay là Belgrade, một thành phố nằm trên bờ phải sông Danube, ở hạ lưu sông này, là thủ đô của Serbia.

[982] Nizibya, hay Nizibida, là một thành phố lớn và đông dân ở tỉnh Migdonia, thuộc Mesopotamia.

và mỗi khi ngài xin Thiên Chúa điều gì, ngài lập tức được ban cho: ngài tiên tri về tương lai, và được Thánh Thần ban ân sủng làm phép lạ. Trong số những phép lạ của ngài, chúng ta sẽ kể lại một vài điều và bày tỏ cho những ai chưa biết về ân sủng Thiên Chúa rực rỡ trong ngài.

Vào thời đó, những người thiếu khôn ngoan thờ lạy các thần tượng và dâng sự tôn kính dành cho Đức Chúa Trời lên những hòn đá vô hồn. Nhiều người không chỉ coi thường việc thờ phượng Thiên Chúa đích thực, mà thậm chí còn căm ghét những ai, nhờ hoàn thiện về đức hạnh, đã nhận biết chân lý và, từ chối thờ cúng thần tượng, đã chế giễu sự hư vô của các thần tượng và thờ phượng Đấng Tạo Hóa của muôn loài. Lúc bấy giờ, Thánh Giacôbê rời sa mạc, lên đường đến Ba Tư[983] để chiêm ngưỡng khu vườn đức tin thánh thiện mới được gieo trồng và tự mình, trong phạm vi có thể, nỗ lực truyền bá đức tin chân chính.

Một lần nọ, khi ngài đang băng qua một con suối trên đường đi, vài thiếu nữ đang giặt quần áo, để lộ đôi chân trần cao, đã nhìn vị ẩn sĩ mặc trang phục khác thường bằng ánh mắt vô liêm sỉ, không hề xấu hổ trước dáng vẻ trang nghiêm của ngài cũng như sự trần truồng của chính mình, và đứng trước mặt ngài một cách ngang nhiên, không che đầu. Khi chứng kiến sự vô liêm sỉ đó, vị thánh đã nổi giận, mong muốn thể hiện quyền năng của Đức Chúa Trời qua việc trừng phạt họ, đồng thời làm bẽ mặt sự thờ thần tượng của những kẻ vô đạo bằng cách thực hiện một phép lạ, ngài đã nguyền rủa nguồn suối mà dòng suối chảy ra; nguồn suối và dòng suối lập tức cạn khô, đến nỗi không còn một giọt nước nào trong đó . Ngài cũng đã nguyền rủa những thiếu nữ này và trừng phạt tuổi trẻ vô liêm sỉ của họ bằng sự già nua đột ngột. Theo lời phán kỳ diệu của vị thánh, mái tóc đen trên đầu các cô lập tức bạc trắng, và chính họ cũng bỗng chốc già nua, thay đổi giống như những chiếc lá trên những cây non khi bỗng nhiên bị sương giá tấn công. Khi chứng kiến nước biến mất đột ngột và tóc bạc xuất hiện trên đầu mỗi người, các thiếu nữ hoảng sợ tột độ và, khi trở về thành phố, đã kể lại chuyện này cho mọi người.

Chứng kiến phép lạ, người dân đã đến gặp vị thánh làm phép lạ vĩ đại, Thánh Giacôbê, và nài nỉ ngài thương xót họ và trả lại nước cho họ. Lời cầu xin của họ đã lay động lòng thánh nhân, ngài đã cầu nguyện với Chúa, và suối nước lại tràn đầy, dòng nước tiếp tục chảy như xưa. Người dân xin vị thánh hãy thương xót cả các thiếu nữ nữa, và thay vì sự già nua sớm, hãy trả lại tuổi trẻ cho họ. Thánh nhân sẵn lòng làm điều đó; nhưng khi ngài hỏi các thiếu nữ đang ở đâu, thì không thấy họ đâu, vì họ đã không đến gặp thánh nhân với lòng ăn năn. Vì sự không ăn năn đó, ngài đã để họ tiếp tục chịu hình phạt, để họ nhớ đến quyền năng kỳ diệu của Thiên Chúa, và để những người khác cũng học được từ đó về sự trong sạch và sự đoan trang.

Đó chính là phép lạ của vị Mô-sê mới này, mà ngài đã thực hiện không phải bằng một cú đánh bằng cây gậy, mà bằng dấu hiệu của Thánh Giá. Và hơn cả phép lạ, người ta nên ngạc nhiên trước sự hiền lành của ngài, cụ thể là việc ngài đã không sai, giống như vị tiên tri vĩ đại Ê-li-sê (2 Vua 2:24), những con gấu cái để xé xác những thiếu nữ vô liêm sỉ, mà bằng cách dạy dỗ họ về đạo đức và lòng kính sợ Thiên Chúa, ngài chỉ áp dụng một hình phạt nhẹ nhàng – làm giảm bớt vẻ đẹp bên ngoài của họ. Chúng ta nói điều này tuyệt đối không phải để hạ thấp cơn giận của vị tiên tri, mà chỉ để cho thấy rằng Thánh Giacôbê cũng có quyền năng làm phép lạ như vị tiên tri ấy, nhưng ngài đã thể hiện quyền năng đó theo tinh thần nhân từ của Đức Kitô và phù hợp với Tân Ước.

Một lần nọ, Thánh Giacôbê thấy một quan tòa Ba Tư đã kết án oan một người vô tội. Ngài cảm thấy buồn bã và, khi vạch trần sự bất công của quan tòa, đã ra lệnh cho một tảng đá lớn gần đó vỡ tan và hóa thành bụi. Tất cả những ai chứng kiến cảnh đó đều kinh hoàng. Ngay cả vị quan tòa bất công ấy cũng run sợ; ông đã ăn năn về tội lỗi của mình và thay đổi phán quyết thành một phán quyết công bằng. Và ở đây, vị thánh làm phép lạ đã hành động như vậy để noi gương Chúa của mình. Đức Kitô, muốn cho thấy rằng Ngài tự nguyện chịu đau khổ, và rằng nếu Ngài muốn, Ngài có thể dễ dàng tiêu diệt những kẻ giết Ngài, nhưng Ngài đã không tiêu diệt họ, mà đã tỏ lộ quyền năng của Ngài bằng cách khiến cây vả khô héo chỉ bằng một lời của Ngài (Mt 21,19). Và Thánh Giacôbê, noi gương lòng thương xót của Chúa, đã không giao nộp vị quan tòa bất công cho án tử, mà đập vỡ hòn đá và qua đó dạy cho vị quan tòa ấy về công lý. Những việc làm kỳ diệu như vậy của vị thánh đã mang lại cho ngài danh tiếng và sự kính trọng chung, và ngài, trái với ý muốn của mình, đã được cư dân thành phố quê hương Nizibê bầu làm giám mục; bản thân ngài không tìm kiếm chức vụ cao quý này, thậm chí còn từ chối nó, chỉ nhượng bộ trước những lời thỉnh cầu khẩn thiết của các tín hữu.

Sau khi từ bỏ cuộc sống ẩn dật, cô độc và đến định cư cùng đồng bào, Thánh Giacôbê vẫn giữ nguyên thói quen ăn uống và cách ăn mặc; tại nơi ở mới, ngài tiếp tục duy trì lối sống như trước và thậm chí còn làm việc chăm

[983] Nizibya nằm không xa biên giới Ba Tư, vì vậy việc đi đến Ba Tư không gặp nhiều khó khăn.

chỉ hơn trước. Bên cạnh việc ăn chay, quỳ lạy và mặc áo rách, giờ đây còn có thêm những lo toan vì con người – để nuôi dưỡng các góa phụ và trẻ mồ côi, bảo vệ những người bị áp bức, giúp đỡ mọi người và dạy dỗ mọi người về đức hạnh. Nhưng tại sao phải liệt kê chi tiết những công việc và lo toan dành cho con người vốn thuộc về chức vụ này? Những ai gánh vác gánh nặng này đều biết điều đó, đặc biệt là những người yêu mến và kính sợ Chúa Trời, Đấng giao phó cho họ nhiệm vụ chăn dắt đàn chiên bằng Lời Chúa. Càng làm việc chăm chỉ trong chức vụ giám mục, thánh Giacôbê càng thực hiện nhiều việc thiện, thì ngài càng thu nhận được nhiều ân sủng của Thánh Thần.

Một lần nọ, khi vị thánh đang trên đường đến một ngôi làng nào đó, có mấy người ăn xin tiến lại gần và xin tiền bố thí để lo tang lễ cho người đã khuất. Họ chỉ tay vào thi thể nằm bên đường, người mà thực ra vẫn còn sống và chỉ giả vờ chết mà thôi. Những người ăn xin này, khi nhìn thấy vị giám mục đang đi từ xa, đã bảo một trong số họ giả vờ chết, nhằm lợi dụng chiêu trò này để xin được nhiều tiền bố thí hơn từ vị giám mục. Vị thánh đã cho họ số tiền bố thí mà họ xin, cầu nguyện cho người đã khuất để Chúa tha thứ tội lỗi cho anh ta và cho linh hồn anh ta được an nghỉ cùng những người công chính, rồi tiếp tục đi trên con đường của mình. Sau khi vị thánh ra đi, những người bạn của người giả chết bắt đầu bảo anh ta đứng dậy; nhưng anh ta vẫn nằm bất động, vì thực ra anh ta đã chết và không còn hơi thở. Những người ăn xin, khi thấy lời nói dối của họ đã trở thành sự thật, liền chạy theo vị thánh và, quỳ xuống dưới chân ngài, ăn năn về tội lỗi của mình. Dùng sự nghèo khó làm lý do bào chữa, họ van xin ngài tha thứ và làm cho người chết sống lại. Vị thánh làm phép lạ, noi gương Chúa đầy lòng thương xót, đã tha thứ cho họ, và nhờ lời cầu nguyện của ngài, người chết đã sống lại. Điều này, như chúng ta thấy, tương tự như phép lạ của Thánh Phêrô, người đã khiến Ananias và Sapphira chết đột ngột vì đã đồng ý nói dối Thánh Thần và giấu bớt số tiền thu được từ việc bán tài sản ( ) (Công vụ 5:1). Và Thánh Giacôbê đã tước đi mạng sống của người đã giấu đi hơi thở của mình và giả vờ chết. Nhưng Thánh Phêrô đã kết án tử hình những kẻ giấu tiền, nhờ được Thánh Thần soi sáng và biết rõ về vụ trộm cắp; còn Thánh Giacôbê thì đã cướp đi mạng sống của người ăn xin này bằng lời cầu nguyện của mình, mà không biết về mưu mô của hắn, vì hắn đã giả vờ chết một cách dối trá. Thánh Phêrô không làm cho Ananias và Sapphira, những người đã qua đời, sống lại theo lời Ngài, vì khởi đầu của lời rao giảng cứu rỗi đòi hỏi phải răn đe những kẻ vô đạo – để những người khác cũng phải khiếp sợ; còn Thánh Giacôbê, nhờ ân sủng tông đồ, chỉ trừng phạt bằng cái chết tạm thời và sau đó an ủi họ bằng việc ban lại sự sống.

Ngay sau đó, Arius, kẻ phỉ báng lâu đời nhất về sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Chúa Cha và Thánh Thần, đã dùng lời lẽ xảo trá chống lại Đấng Tạo Hóa và gây rối loạn khắp Ai Cập. Lúc bấy giờ, Constantine – vị hoàng đế vĩ đại nhất trong số các vị vua Kitô giáo, người đã giải phóng vũ trụ khỏi ách nô lệ ngoại giáo, giống như một Zorobabel thứ hai (Zorobabel – hậu duệ của Đa-vít, là thủ lĩnh của dân Do Thái; dưới sự lãnh đạo của ông, dân Do Thái đã thoát khỏi cảnh lưu đày tại Babylon để trở về quê hương), đã giải phóng toàn thể vũ trụ khỏi ách nô lệ của các tôn giáo ngoại đạo, tái thiết và nâng cao các đền thờ của Đức Chúa Trời vốn đã bị phá hủy, đã triệu tập Công đồng Đại kết đầu tiên của các Thánh Cha tại Nicêa[984] . Trong số các vị Thánh Phụ tham dự Công đồng có Thánh Giacôbê, Giám mục Nizibê, người đã tham gia bảo vệ Chính Thống giáo và khai trừ Arius khỏi Giáo hội.

Nizibê, như chúng ta đã nói, lúc bấy giờ nằm dưới sự cai trị của các hoàng đế La Mã. Sau khi Hoàng đế Constantine Đại Đế qua đời[985] , vua Ba Tư Shapur[986] đã dẫn toàn bộ quân đội của mình đến, bao vây thành phố Nizibê và gây áp lực lên thành phố này trong một thời gian dài. Tuy nhiên, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Giám mục Giacôbê, những nỗ lực của ông ta đều vô ích, và ông ta không thể chiếm được thành phố. Lúc đó, Sapor đã dùng đá và đất để đắp đập chặn dòng sông chảy qua thành phố ở phía thượng nguồn, từ đó ngăn dòng chảy của nó lại. Khi nước đã dâng cao, ông ta đột ngột xả toàn bộ lượng nước đó xuống thành phố. Dưới sức ép mạnh mẽ của dòng nước, tường thành sụp đổ, một phần thành phố bị ngập lụt. Người dân trong thành hoảng sợ; còn người Ba Tư thì vui mừng, nghĩ rằng giờ đây thành phố đã nằm trong tay họ.

Tuy nhiên, họ không tấn công thành phố vào ngày hôm đó vì bị cản trở bởi trận lụt, và quyết định sẽ tiến hành một cuộc tấn công tổng lực vào sáng hôm sau. Khi đêm xuống, toàn thể dân chúng trong thành, được vị giám mục của họ khích lệ và truyền cảm hứng, đã bắt tay vào việc sửa chữa các bức tường thành; và nhờ những lời cầu

---

[984] Nicaea – một thành phố ở Bithynia, tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á. Được triệu tập bởi Hoàng đế Constantine, Công đồng Đại kết lần thứ nhất diễn ra vào năm 325 và đưa Kinh Tin Kính vào sử dụng trong Giáo hội, sau đó được bổ sung và hoàn thiện tại Công đồng Đại kết lần thứ hai, diễn ra tại Constantinopolis vào năm 381.

[985] Hoàng đế Constantine Đại đế, người được tôn vinh ngang hàng với các Tông đồ, qua đời vào năm 337.

[986] Sapor II, được biết đến với danh hiệu "Đại đế", là vị vua Ba Tư; trị vì từ năm 310 đến năm 381 sau Công nguyên; nổi tiếng với những cuộc chiến thắng lợi trước người La Mã, đồng thời là kẻ đàn áp tàn bạo đối với Kitô giáo.

nguyện của ngài, các bức tường đã được khôi phục đến mức không ai, dù là kỵ binh hay bộ binh, có thể xâm nhập vào thành nếu không có thang. Tuy nhiên, thành phố vẫn có thể dễ dàng bị chiếm nếu người dân không cầu xin sự giúp đỡ từ trên cao. Mọi người đều khẩn cầu Thánh Giám mục Giacôbê hãy leo lên tường thành và nguyền rủa quân địch. Thánh Giacôbê leo lên và, khi nhìn thấy vô số đạo quân Ba Tư, ngài bắt đầu cầu xin Thiên Chúa – hãy sai muỗi và ruồi chó[987] xuống trên họ, để họ nhận ra quyền năng của Thiên Chúa và dỡ bỏ cuộc vây hãm thành phố. Chúa đã nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài và ngay lập tức giáng xuống trại quân Ba Tư cả một đám mây muỗi và ruồi. Những vết cắn của chúng dữ dội đến mức ngựa và voi, không thể chịu đựng nổi, đã giật đứt dây cương và dây cương, rồi lao đi loạn xạ khắp nơi với sức mạnh không thể kiềm chế. Những con muỗi và ruồi này không chỉ không thể chịu đựng được đối với động vật, mà còn đối với chính người Ba Tư – còn tồi tệ hơn cả đám đông binh lính vũ trang. Chính vị vua vô đạo, khi thấy những nỗ lực của mình trở nên vô ích và quân đội của ông ta đang bị muỗi và ruồi đánh bại, đã rơi vào trạng thái bối rối và hoang mang tột độ. Hơn nữa, ông ta còn nhìn thấy trên tường thành vị Thánh nhân này, Giám mục Giacôbê, và lầm tưởng ông là vua, vì ông ta tưởng rằng ông đang mặc áo choàng hoàng gia màu tím và trên đầu ông tỏa sáng rực rỡ vương miện hoàng gia. Ông nổi giận với những kẻ do thám của mình, những người đã báo cáo rằng trong thành không có vua, và ra lệnh xử tử họ. Sau khi dỡ bỏ vòng vây khỏi thành phố, ông ta chạy trốn về đất nước mình, bị ruồi và muỗi đuổi theo. Chúa đã thực hiện phép lạ này nhờ lời cầu nguyện của vị thánh nhân của Ngài, người đã không cầu xin lửa từ trời rơi xuống thiêu đốt kẻ thù, như tiên tri Ê-li từng cầu xin lửa như vậy cho những người trong ngày Lễ Ngũ Tuần (2 Vua 1:10–12), cũng không cầu xin đất mở miệng nuốt chửng chúng (Dân Số Ký 16:31–33), mà chỉ cầu xin cho ruồi và muỗi được sai đến tấn công chúng, để chúng nhận biết quyền năng của Đức Chúa Trời. Và quả thực, một phép lạ vĩ đại đã được tỏ ra lúc bấy giờ, vì đạo quân Ba Tư hùng mạnh không thể chống lại những loài côn trùng nhỏ bé ấy, và sau khi bị chúng đánh bại, họ đã bỏ chạy trong nhục nhã. Ân sủng mà Thánh Giacôbê nhận được từ Thiên Chúa thật là lớn lao, và lòng can đảm của đức tin cũng thật là vĩ đại!

Khi đã bước vào tuổi già, vị thánh đáng kính này đã an nghỉ trong Chúa[988] . Một thời gian sau khi ngài qua đời, thành phố Nizibya rơi vào tay người Ba Tư. Khi rời khỏi thành phố, các tín hữu đã mang theo di cốt của vị bảo trợ và thủ lĩnh của họ, Thánh Giacôbê, người mà khi còn sống, thành phố này sẽ không bao giờ rơi vào tay bọn man rợ, vì ngài đã bảo vệ thành phố khỏi chúng bằng sức mạnh bất khả chiến bại của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được vinh quang muôn đời, amen.

Cuộc đời của vị thánh cha Irinarkh của chúng ta, vị ẩn sĩ tại Tu viện Borisoglebsky ở Rostov, nằm tại Ustye[989]

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 1

Thánh Irinarkh sinh ra tại vùng Rostov, trong làng Kondakove[990] . Cha mẹ ngài là nông dân, cha tên là Akindin, mẹ tên là Irina. Trong lễ rửa tội thánh, đứa trẻ được đặt tên là Ilya. Cha mẹ rất vui mừng khi thấy con trai

---

[987] Cụm từ "ruồi chó" ở đây ám chỉ loài ruồi hoặc côn trùng gây mủ, được cho là đặc biệt gây hại cho chó, hoặc nói chung là những loài côn trùng đặc biệt gây hại. Ruồi chó là hình phạt thứ tư giáng xuống người Ai Cập dưới thời Mô-sê.

[988] Đó là vào khoảng năm 350, ngày 11 tháng 7. Thánh Giacôbê thành Nisibis, nhờ vô số phép lạ Ngài đã thực hiện, được gọi là "người làm phép lạ", còn nhờ sự cao cả của trí tuệ thiêng liêng, Ngài được gọi là "người khôn ngoan". Hiện nay, người ta biết đến 18 lời dạy của Thánh Giacôbê bằng tiếng Armenia, do Ngài viết theo yêu cầu của Thánh Grêgôriô, vị truyền giáo của Armenia. Ngoài tầm quan trọng về mặt giáo lý và đạo đức, những lời dạy của Thánh Giacôbê còn có giá trị như một mẫu mực cho việc giải thích chính xác Kinh Thánh; một cách tự nhiên, không cần bất kỳ sự khéo léo hay nỗ lực nào, vị thầy cổ đại này đã rút ra từ Kinh Thánh cả những giáo lý cao cả lẫn những bài học răn dạy.

[989] Ở đây tất nhiên là Tu viện Borisoglebsky thuộc Giáo phận Yaroslavl, huyện Rostov, nằm bên sông Ustye, cách Rostov 18 verst theo đường đi đến thành phố Uglich. – Cuộc đời của Thánh Irinarkh được viết bởi môn đệ của ngài là Alexander, người đã sống cùng ngài trong ba mươi năm. Cuộc đời đích thực của ngài chỉ được biết đến qua các bản thảo, nhưng chưa từng được xuất bản. Đức Cha Amphilochius, cựu Trưởng tu viện Tu viện Borisoglebsky, vào năm 1863 đã xuất bản tại Moscow một bản tóm tắt về cuộc đời ngài, khá gần với các văn bản bản thảo, kèm theo các hình vẽ. Năm 1872, trên Tạp chí Giáo phận Yaroslavl đã in cuốn tiểu sử của Thánh Irinarh (của N. Korsunsky), cũng được biên soạn dựa trên các bản thảo và được xuất bản riêng tại Yaroslavl vào năm 1873. Nội dung tóm tắt này dựa trên cuốn tiểu sử gốc, mà chúng ta biết qua một số bản thảo.

[990] Làng Kondakovo hiện nay thuộc huyện Uglich, nằm bên sông Ustye, phía thượng nguồn so với Tu viện Borisoglebsky, cách Uglich 43 verst và cách Rostov cũng 43 verst.

lớn lên nhanh chóng: khi mới hai mươi tuần tuổi, em đã biết đứng và bắt đầu đi lại. Cha mẹ đã nuôi dạy con trai trong sự sùng đạo và sự trong sạch của đức tin Kitô giáo. Đứa trẻ không thích chơi đùa, nhưng yêu mến sự khiêm nhường và hiền lành, tính cách trầm lặng và đối xử ân cần với mọi người.

Khi mới chỉ sáu tuổi, một lần cậu bé nói với mẹ:

– Khi lớn lên, con sẽ cạo đầu và trở thành tu sĩ; con sẽ đeo xiềng xích và lao động vì Chúa, và sẽ trở thành thầy dạy cho mọi người.

Mẹ cậu ngạc nhiên trước những lời nói đó của đứa con trai nhỏ tuổi, nhưng đồng thời cũng rất vui mừng. Những lời tiên tri của đứa trẻ sáu tuổi này sau này đã trở thành sự thật một cách chính xác.

Cũng vào khoảng thời gian đó, cha của Ilya Akindin đã mời vị linh mục trong làng, tên là Vasily, đến dùng bữa trưa tại nhà mình. Trong bữa ăn, vị linh mục kể lại cuộc đời của Thánh Makari, vị thánh làm phép lạ ở Kalyazin[991] . Lắng nghe những lời kể của vị linh mục, Ilya bỗng nhiên nói:

– Con cũng sẽ trở thành một tu sĩ như vậy.

Linh mục Vasily rất ngạc nhiên khi thấy một đứa trẻ lại nói những lời lẽ chỉ phù hợp với người lớn, nên đã nghiêm khắc nói:

– Con ơi, sao con dám nói những lời như vậy?

Ilya đáp:

– Ai không sợ ngài thì mới dám nói như vậy.

Ilya lớn lên cùng cha mẹ. Nhưng rồi cả vùng lân cận đó bị nạn đói. Ilya, khi đã mười tám tuổi, chia tay cha mẹ và lên đường đi làm thuê ở Nizhny Novgorod.

Hai năm trôi qua, con trai vẫn không về nhà và cũng không có tin tức gì. Cha mẹ quyết định đi tìm con và cử hai người con trai lớn nhất – Andrei và David – đi. Hai anh em tìm thấy Ilya gần Nizhny, tại một ngôi làng, ở nhà một người nông dân mà cậu đang làm việc; vui mừng khi gặp lại em trai, họ ở lại cùng cậu tại nhà người nông dân đó thêm cả một năm nữa.

Trong thời gian ở nhà người nông dân đó, một lần nọ, khi đang ngồi cùng mọi người trong phòng, Ilya bỗng khóc nức nở không ngừng. Tất cả những ai chứng kiến cảnh đó đều kinh ngạc và, không thể an ủi được, họ buồn bã hỏi tại sao cậu lại khóc lóc thảm thiết như vậy. Cậu trả lời họ:

– Con thấy cảnh cha con qua đời; những chàng trai trẻ đang khiêng thi thể cha con đi an táng.

Tất cả những người xung quanh đều ngạc nhiên không hiểu làm sao anh có thể nhìn thấy cảnh cha mình qua đời từ cách xa ba trăm verst. Khi cùng năm đó anh trở về nhà và hỏi mẹ về cha, anh được biết rằng cha anh đã qua đời vào Mùa Chay Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời của năm đó. Lúc đó, anh nhớ lại hình ảnh mình đã thấy và nói với mẹ:

– Lúc đó con đã thấy cha mình: những chàng trai trẻ rạng rỡ đang khiêng cha đi an táng.

Và mẹ anh đã được an ủi khi nhìn thấy con trai mình và nghe những lời nói khác thường của cậu.

Giờ đây, sau khi cha qua đời, Ilya cùng mẹ và anh trai cả Andrei chuyển đến thành phố Rostov, mua một căn nhà và mở cửa hàng buôn bán, nhờ đó nhanh chóng làm giàu.

Ilya, người em út, luôn mang lòng kính sợ Chúa trong lòng, đã đặc biệt gắn bó với nhà thờ và làm việc thiện cho những người nghèo. Tuân thủ nghiêm ngặt sự trong sạch trinh khiết, anh mong muốn từ bỏ hoàn toàn cuộc sống trần tục và trở thành một thiên thần, bằng cách không ngừng đến nhà thờ của Chúa.

Anh ta làm quen với một người thuộc tầng lớp thương gia tên là Agafonik, người rất thích đọc sách; anh ta kết bạn với người này và thường xuyên trò chuyện về Kinh Thánh, với mong muốn tìm kiếm sự cứu rỗi cho tâm hồn.

Sau khi chuẩn bị như vậy, Ilya cầm lấy cây thánh giá, làm dấu thánh giá và chuẩn bị lên đường. Khi mẹ anh hỏi anh đang làm gì và định đi đâu, Ilya trả lời:

– Con đi đến tu viện của các thánh tử đạo Boris và Gleb ở Ustye để cầu nguyện.

Mẹ anh bắt đầu khóc, nhưng rồi bà nhớ lại rằng khi mới chỉ sáu tuổi, con trai bà đã từng nói rằng mình sẽ trở thành tu sĩ. Con trai cúi đầu chào mẹ, hôn lên má bà và lên đường.

Khi đến gần tu viện Boris và Gleb và nhìn thấy nó, Ilya vui mừng từ tận đáy lòng, tiến đến gặp vị tu viện trưởng, cúi chào và xin sự ban phước. Vị tu viện trưởng ban phước và hỏi:

---

[991] Tu viện Kalyazin cách Kondakovo 40 verst. Lễ kỷ niệm Thánh Makarii Kalyazin được tổ chức vào ngày 17 tháng 3 và 26 tháng 5.

– Con ơi, con đến đây để làm gì?

Ilya đáp:

– Thưa cha, con mong được nhận hình thức tu sĩ Thiên Thần. Xin cha hãy cạo đầu cho con vì danh Chúa, dù con chỉ là một người nông dân vô học, và xin cho con gia nhập vào đàn chiên được Chúa Kitô chọn lựa cùng với đoàn thể thánh thiện của cha!

Vị tu viện trưởng, bằng ánh mắt đầy tình thương, nhận ra rằng chàng trai trẻ này đến từ Chúa, nên đã đón nhận anh với niềm vui, cạo đầu cho anh theo hình ảnh các thiên thần và đặt cho anh tên tu sĩ là Irinarh.

Theo tập tục của tu viện, vị Trưởng tu viện đã giao Irinarh cho một vị tu sĩ cao niên hướng dẫn; tại đó, tu sĩ trẻ bắt đầu sống trong sự vâng phục và khiêm nhường, trong việc ăn chay và cầu nguyện.

Sau khi Irinarh hoàn thành tốt nhiệm vụ tuân phục đầu tiên, vị Trưởng tu viện, nhằm thử thách và rèn luyện lòng khiêm nhường, đã cử Irinarh đến lò bánh, nơi anh làm việc cho cộng đoàn ngày đêm trong tinh thần tuân phục và khiêm nhường, không hề bận tâm đến bất cứ điều gì thuộc về thể xác và không bao giờ bỏ lỡ việc đến nhà thờ của Chúa, nơi anh luôn đến trước tất cả các tu sĩ khác; khi đứng trong nhà thờ, anh không nói chuyện với ai; trong giờ đọc kinh, anh không ngồi xuống mà luôn đứng vững như tảng đá, và không bao giờ rời khỏi nhà thờ trước khi lễ kết thúc. Khi biết tin Ilya đã xuất gia, người bạn của ông là Agafonik đã đến tu viện thăm Irinarkh và ở lại với ông tại tu viện đó không ít ngày. Irinarkh tiễn người bạn ra khỏi tu viện khoảng hai verst, sau khi hôn tạm biệt, ông bắt đầu quay trở lại. Trên đường đi, ông suy ngẫm trong lòng về cách để được cứu rỗi, và hứa sẽ đến tu viện Kirillov Belozersky hoặc tu viện Solovetsky. Và bỗng nhiên, ông nghe thấy một giọng nói từ trên cao:

– Đừng đi Kirillov hay Solovki, ở đây ngươi sẽ được cứu rỗi!

Anh ta nghi ngờ về giọng nói đó, nhưng lại nghe thấy giọng nói ấy lần thứ hai:

– Ngươi sẽ được cứu rỗi ngay tại đây!

Irinarkh hoảng sợ, bắt đầu khóc và suy ngẫm xem điều đó có ý nghĩa gì. Và lần thứ ba, anh lại nghe thấy giọng nói đó:

– Ngươi sẽ được cứu rỗi ở đây!

Nhìn quanh, Irinarh không thấy ai cả và càng tin chắc rằng giọng nói đó là một sự mặc khải từ trên cao.

Khi trở về tu viện, anh lại tiếp tục làm việc trong nhiệm vụ cũ, dành cả đêm để cầu nguyện và thức trắng, chỉ ngủ một chút, và không phải trên giường mà ngay trên mặt đất.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ này, vị tu viện trưởng đã bổ nhiệm Irinarkh vào chức vụ người phụ trách nhà thờ, và anh đã thực hiện nhiệm vụ đó với niềm vui.

Một lần, Irinarkh thấy một người lữ hành đi chân trần; ông động lòng thương xót người ấy và dâng lên Chúa lời cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng trời đất và con người đầu tiên, tổ phụ Adam của chúng con, theo hình ảnh của Ngài, và đã ban cho ông sự ấm áp trong vườn địa đàng thánh thiêng, xin ý muốn thánh thiêng của Ngài được thực hiện nơi con, tôi tớ của Ngài: xin Chúa ban sự ấm áp cho đôi chân con, để con có thể thương xót người lữ hành này và cho anh ta đôi ủng của con để mang vào chân!

Và, cởi đôi ủng ra, Irinarh đã trao chúng cho người ăn xin. Kể từ lúc đó, Đức Chúa Trời đã ban cho ông sự kiên nhẫn và sự ấm áp: ông đi chân trần trong giá rét, như thể đang ở trong một căn phòng ấm áp. Cũng từ lúc đó, ông luôn mặc những bộ quần áo cũ nát.

Hành vi như vậy của Irinarh, do sự xúi giục của ma quỷ, đã không được vị tu viện trưởng ưng ý, nên ngài bắt đầu rèn luyện vị tu sĩ bằng nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn, ngài bắt anh ta đứng cầu nguyện trong giá rét khoảng hai giờ bên cửa sổ phòng tu của mình, rồi sau đó bắt anh ta phải đánh chuông báo tin trong tháp chuông trong thời gian dài. Irinarh đã chịu đựng tất cả những điều này với lòng khiêm nhường, nhớ lại lời Chúa *rằng: "Chúng ta phải trải qua nhiều gian khổ mới được vào Nước Thiên Chúa"* (Công vụ 14:22). Sau đó, vị tu viện trưởng giam Irinarh ba ngày và không cho ăn uống gì cả – tất cả chỉ để ép anh phải mặc quần áo mới và đi giày. Nhưng điều đó cũng không có tác dụng. Lúc đó, vị tu viện trưởng lại sai anh trở lại làm nhiệm vụ cũ. Irinarkh tiếp tục đi chân trần trong giá rét, noi gương sự kiên nhẫn của Isaac Pechersky, người mà đôi chân đã dính chặt vào đá, trong khi ông lại không cảm thấy lạnh.

Irinarh nghe nói rằng ở Rostov có một người sùng đạo đang bị các chủ nợ bắt giữ, nên ông muốn chuộc người đó ra khỏi cảnh bị bắt giữ. Với mục đích đó, ông đi chân trần đến Rostov, trong khi lúc đó trời đang rét buốt. Sau khi đi được bảy verst từ tu viện, ngón chân của Irinarkh bị tê cóng và vì quá lạnh, ông đành quay trở lại tu viện.

Trong ba năm, ông bị bệnh ở chân, trên đó xuất hiện những vết thương và chảy máu, nhưng ngay cả khi ốm đau, ông vẫn không từ bỏ quy luật tu hành của mình và tiếp tục lao động vì Chúa. Khi Chúa chữa lành bệnh cho Irinarkh, ông vẫn tiếp tục đi chân trần cả mùa đông lẫn mùa hè, và vị tu viện trưởng vẫn khiêm nhường ông vì điều này. Giờ đây, vị tu viện trưởng quyết định cử Irinarh đi làm việc bên ngoài tu viện. Việc bị tách khỏi hoặc đuổi ra khỏi Đền Thờ của Chúa đã khiến vị tu sĩ này vô cùng đau khổ: ông không thể chịu đựng được sự ngược đãi như vậy và quyết định rời khỏi Tu viện Borisoglebsky. Khi đi qua những khu rừng bao quanh tu viện vào thời đó, ông bị các loài thú săn mồi như sói và gấu tấn công, nhưng bằng cách làm dấu thánh giá và thầm cầu nguyện, ông đã xua đuổi chúng đi. Irinarh đã đến Rostov và hướng về Tu viện Avramiev Bogoyavlensky. Được vị archimandrite của tu viện đón tiếp nồng nhiệt, ông ở lại đây cùng các tu sĩ và chẳng bao lâu sau được bổ nhiệm làm người quản lý kho của tu viện. Với niềm vui, Irinarh bắt đầu phục vụ cho cộng đồng tu sĩ, đồng thời không bỏ sót bất kỳ nghi lễ nào của nhà thờ. Trong vai trò quản lý kho, ông chứng kiến các tu sĩ và những người phục vụ khác trong tu viện lấy các vật dụng của tu viện một cách vô độ và không kiềm chế, làm cạn kiệt tài sản của tu viện. Nhìn thấy tất cả những điều này, ông thở dài trong lòng và cầu nguyện:

– Thánh Avraam, con không phải là kẻ phá hoại tu viện của ngài!

Một lần trong giấc mơ, Irinarkh thấy: Thánh Avraam bước vào phòng tu của ông và nói:

– Sao ngươi lại buồn phiền, hỡi hạt giống được chọn và công chính, cư dân của thiên đàng thánh thiện – sao ngươi lại buồn phiền vì những khoản chi tiêu của tu viện? Hãy cho họ một cách vô điều kiện, vì họ muốn sống sung túc ở đây, còn ngươi thì khao khát và thiếu thốn; và ngươi sẽ sống sung túc trong vương quốc trên cao và thưởng thức thức ăn thiên đàng, còn họ sẽ đói khát mãi mãi. Còn về nơi này, ta đã khẩn cầu và nài nỉ Đấng Tạo Hóa Tối Cao, để ngôi nhà của ta không bao giờ thiếu thốn những nhu cầu của tu viện dành cho những người đói khát và đang sống ở đây.

Khi tỉnh giấc, Irinarkh không còn thấy ai nữa. Kể từ đó, ông đã tìm được sự an ủi và tiếp tục ban phát mà không hề do dự.

Một lần nọ, khi đang đứng trong nhà thờ dự lễ, vào lúc hát bài ca Cherubim, Irinarkh bỗng khóc nức nở khiến cả nhà thờ đều nghe thấy. Vị tu viện trưởng ngạc nhiên liền bước đến bên ông và hỏi:

– Sao ngài, vị tu sĩ đáng kính, lại khóc lóc và nức nở như vậy?

– Mẹ tôi đã qua đời! – Irinarkh trả lời.

Vị tu sĩ trưởng rất ngạc nhiên trước lời nói của ông và chính ông cũng rưng rưng nước mắt. Thánh lễ còn chưa kết thúc thì anh trai ông là Andrei đã đến và báo tin rằng mẹ của họ, bà Irina, đã qua đời. Sau khi nhận lời chúc phúc từ vị tu sĩ trưởng, vị tu sĩ cùng anh trai Andrei đã đến nhà mẹ đẻ và cử hành lễ an táng trang trọng.

Sau khi trở về Tu viện Avramiev sau lễ an táng mẹ, Irinarkh bắt đầu suy ngẫm về một con đường cứu rỗi khác: chức vụ quản lý tu viện dường như cao quý và danh dự, nhưng ông lại mong muốn tu tập trong sự khiêm nhường và hạ mình.

Rời Tu viện Avramiev Bogoyavlensky, Irinarkh chuyển đến Tu viện Thánh Lazarus ở Rostov[992] và ở đây, ông dọn vào một căn phòng ẩn dật, sống trong đó ba năm sáu tháng, suốt thời gian đó ông sống trong nước mắt và lời cầu nguyện, trong nỗi buồn và sự chật chội, chịu đựng cơn đói, không ăn gì trong nhiều ngày liền. Tại đây, Thánh nhân Ioann, người thánh thiện, thường đến thăm ông, và cả hai vị tu sĩ đều tìm thấy sự an ủi trong những cuộc trò chuyện tâm linh.

Thánh nhân Irinarkh không bao giờ bỏ lỡ việc đến nhà thờ của Chúa và thường xuyên đến nhà thờ chính tòa Đức Mẹ Đồng Trinh để cầu nguyện trong nước mắt.

Một lần, sau khi trở về từ thánh lễ, ngài ngồi trong phòng tu của mình và cầu nguyện trong nước mắt cùng những tiếng thở dài dành cho các vị Tử đạo của Chúa Kitô là Boris và Gleb, đồng thời kêu lên:

– Các thánh tử đạo Boris và Gleb cùng toàn thể anh em tu viện! Trong tu viện của các ngài có nhiều chỗ, còn tôi, kẻ tội lỗi, lại không có chỗ.

Trong lúc ngồi đó, ngài chợp mắt và trong giấc mơ mờ ảo, ngài thấy các vị Thánh Tử đạo đang tiến về tu viện Lazarev; ngài hỏi họ:

– Các vị Thánh Tử đạo Boris và Gleb ơi, các vị còn đi xa nữa không?

– Chúng tôi đang đi theo ngài, thưa vị tu sĩ già, – các ngài đáp, – hãy đến tu viện của chúng tôi!

---

[992] Hiện nay, tu viện đã không còn tồn tại từ lâu, mà thay vào đó là nhà thờ giáo xứ Thánh Lazarus.

Ông tỉnh giấc và nghe thấy có ai đó đang cầu nguyện bên cửa sổ. Mở cánh cửa sổ nhỏ của mình ra, ông thấy một vị tu sĩ già của tu viện Boris-Gleb, tên là Efrem, người đã nói:

– Thưa Cha, kiến trúc sư Varlaam đã sai con đến gặp Cha: xin Cha hãy đến tu viện của chúng con để thực hiện lời hứa của mình; kiến trúc sư hỏi: Cha có cần xe ngựa không, hay Cha sẽ tự mình đến tu viện?

Vị tu sĩ cao niên Irinarh trả lời:

– Xin Chúa ban bình an và phước lành cho ngài kiến trúc sư Varlaam, còn tôi sẽ tự mình đến tu viện vào lúc thích hợp.

Và vào thời điểm đó, ngài đã phải mang trên người những xiềng xích nặng nề và chân bị trói bằng dây xích.

Chẳng bao lâu sau, ông thu dọn hành lý và với niềm vui sướng tột độ, ông lên đường thực hiện lời hứa của mình đến tu viện Borisoglebsky. Trên đường đi, vì mệt mỏi vì sức nặng của xiềng xích, ông ngồi xuống nghỉ ngơi và chợp mắt một lát. Trong giấc mơ, ông thấy một con rắn bò đến gần và định cắn ông, nhưng ông đã dùng cây gậy của mình đập vào cổ họng con rắn, và con rắn bò đi. Vị tu sĩ già tỉnh giấc, đứng dậy, làm dấu thánh giá và tiếp tục đi mà không gặp bất kỳ nguy hiểm nào.

Khi nhìn thấy tu viện, ông vui mừng từ tận đáy lòng, tiến đến cổng và cầu nguyện một cách tha thiết. Bước vào tu viện, nơi lúc đó đang cử hành Thánh lễ, ông vào nhà thờ, đứng vào chỗ của mình, cầu nguyện và cúi chào người thợ xây. Người thợ xây Varlaam rất vui mừng trước sự xuất hiện của Irinarkh, ông đã hôn lên mặt ông với tình yêu thương và cho ông ngồi bên cạnh mình.

Vì lòng ghen tị quỷ quái, một vị tu sĩ già tên là Nikifor đã tiến lại gần và nói với người kiến trúc sư:

– Tại sao ngươi lại nhận vị tu sĩ già này: rõ ràng ông ta không nghe lời vị tu viện trưởng, mặc áo tu sĩ cũ nát và rách rưới, đi chân trần, và đeo nhiều đồ sắt trên người.

Nhưng nhà xây dựng Varlaam đã dùng cây gậy của mình đẩy lùi vị tu sĩ già này – người đang hành động theo lời xúi giục của quỷ dữ – và một lần nữa đón nhận Irinarkh vào tu viện với niềm vui, đồng thời cấp cho ông một phòng riêng.

Thánh nhân Irinarh không bao giờ bỏ lỡ việc đến nhà thờ, và đứng với lòng kính sợ và run rẩy, ông thành kính cầu nguyện trước các thánh tượng. Ông đặc biệt thường xuyên ngắm nhìn hình ảnh Chúa Giêsu Kitô bị đóng đinh và những đau khổ của Ngài. Một lần, khi đứng trước thánh tượng này, ông đã khóc và dâng lên lời cầu nguyện như sau:

– Mặt trời công chính, ánh sáng rực rỡ của chúng con, Chúa yêu thương loài người, Chúa Giêsu Kitô! Chúa ơi, Ngài đã phải chịu đựng những đau khổ vô cùng lớn lao: bị đóng đinh, bị sỉ nhục, bị nhổ nước bọt, bị tát vào má, bị ép uống giấm và mật đắng, và vì sự cứu rỗi của chúng con, Ngài đã chịu đựng tất cả những điều này từ chính loài người do Ngài tạo dựng, từ đám đông Do Thái vô lý và vô luật pháp, và từ lòng ghen tị của những người ấy! Giờ đây, lạy Chúa, xin chỉ cho con, một người dân quê tội lỗi và thiếu khôn ngoan, cách để được cứu rỗi và làm đẹp lòng Ngài, Đức Giêsu Kitô Duy Nhất, Con Thiên Chúa, Đấng đã bị đóng đinh và được tôn vinh trong Ba Ngôi cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần! Xin ý Chúa được thực hiện trên con, lạy Chúa!

Và ngay lúc đó, từ hình ảnh của Chúa, Irinarh nhận được lời truyền:

– Hãy về phòng tu của ngươi, sống đời ẩn tu và đừng ra ngoài: như vậy ngươi sẽ được cứu rỗi!

Irinarh đến gặp thợ xây Varlaam và xin ngài ban phước lành cho việc sống ẩn dật, tức là cầu nguyện không ngừng trong phòng tu, theo lời Chúa trong Phúc Âm: *"Chúng ta phải trải qua nhiều gian nan mới được vào Nước Thiên Chúa"* (Công vụ 14:22). *"Vì ai muốn cứu lấy linh hồn mình thì sẽ mất nó, còn ai mất linh hồn mình vì Ta và Tin Mừng thì sẽ cứu được nó"* (Mác 8:35). *""Phúc cho những ai hiện đang đói khát, vì các ngươi sẽ được no nê"* (Lc 6:21). Thánh Varlaam, vị kiến trúc sư, đã ban phước cho ngài sống ẩn dật, cầu nguyện không ngừng nghỉ trong phòng tu.

– Và Đức Chúa Trời đã tôn vinh đất nước Nga cùng ngôi nhà của các vị Tử đạo vĩ đại của Đấng Christ là Boris và Gleb, cùng các vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta là Theodor và Paul trong thời đại này! – nhà soạn thảo tiểu sử, tu sĩ Alexander, môn đệ của Irinarkh, thốt lên – Ngài đã tôn vinh họ như những người đàn ông đáng kính, những người chịu khổ, những nhà giáo dục và những người hướng dẫn!

Kể từ đó, Irinarh đã dũng cảm bắt tay vào một cuộc hành hương mới: ngài bắt đầu cầu nguyện không ngừng nghỉ trong phòng tu, tưởng nhớ các tu sĩ thời xưa và thời kỳ đầu tiên, những người đã sống trong các khu rừng hoang vu, trên các hòn đảo và trong các hang động, không yêu mến thế gian phù du và thậm chí không muốn nhìn vào sự hão huyền của nó.

Khi bắt đầu cuộc tu hành của mình, Irinarkh đã tự rèn cho mình một sợi xích sắt dài ba sa-jen và dùng nó để xích mình vào một chiếc ghế gỗ. Mọi cử động của ông đều bị giới hạn trong phạm vi của sợi xích này. Ngoài sợi xích này, ông còn tự đeo lên mình những vật nặng bằng sắt khác và lao động vất vả trong mồ hôi nhễ nhại. Ông đã phải chịu đựng biết bao sự sỉ nhục và chế giễu từ các tu sĩ, nhưng ông đã chịu đựng tất cả với lòng khiêm nhường và cầu nguyện cho họ cùng Đức Chúa Trời:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin đừng tính điều này là tội cho họ, vì họ không biết những gì các tôi tớ của Ngài đang làm, lạy Chúa!

Vào lúc đó, có một người tên là Alexei đến gặp Irinarkh và cảm thấy ngưỡng mộ lối sống của ông – với biết bao đau khổ, ăn chay và cầu nguyện, sự kiên cường và khiêm nhường, cùng những xiềng xích nặng nề mà ông không ngừng mang trên thân thể mình. Anh ta bắt đầu nài nỉ Irinarkh hãy nhận anh ta vào và dạy cho anh ta các điều răn của Chúa. Vị tu sĩ cao niên, thấy rằng lòng khao khát của người ấy xuất phát từ một trái tim trong sạch, đã đón nhận người khách mới với niềm vui và tình yêu thương; rồi ngài gọi linh mục và phó tế đến, ra lệnh cạo đầu cho người ấy và đặt tên cho người ấy là Alexander. Người tên Alexander này đã trở thành môn đệ đầu tiên của Irinarkh và sống suốt thời gian đó cùng ngài trong phòng tu dưới sự hướng dẫn của ngài, với lòng vâng phục sâu sắc và nhiệt thành trong việc ăn chay và cầu nguyện ngày đêm.

Một người bạn lâu năm của Irinarh, vị thánh thiện Gioan, người Rostov và Moscow, được gọi là "Mũ Lớn", đã đến thăm ngài tại nơi ẩn tu. Trong cuộc trò chuyện với vị tu sĩ, Gioan nói:

– Thầy Irinarh kính mến, xin hãy làm cho mình một trăm cây thánh giá bằng đồng, mỗi cây nặng nửa grivna (tức là một phần tư pound).

– Tôi, một người nghèo khó, không thể làm được nhiều như vậy, – Irinarh đáp: – Tôi đang sống trong cảnh nghèo khó.

Ioann phản bác:

– Đây không phải là lời của tôi, mà là từ Đức Chúa Trời: *"Trời đất sẽ qua đi, nhưng lời của Đức Chúa Trời sẽ không qua đi"* (Ma-thi-ơ 24:35), mọi điều đã nói sẽ thành hiện thực, Đức Chúa Trời sẽ giúp ông.

Và Gioan còn nói nhiều điều khác nữa với vị tu sĩ già.

– Đừng ngạc nhiên khi điều đó sẽ xảy ra với ngươi; không thể diễn tả hay ghi chép hết mọi điều bằng lời nói của con người. Đức Chúa Trời sẽ ban cho ngươi một con ngựa, và trên con ngựa do Đức Chúa Trời ban ấy, không ai ngoài ngươi có thể cưỡi được, cũng như không ai có thể ngồi vào chỗ của ngươi sau khi ngươi ra đi.

Những lời tiên tri ẩn dụ này của Gioan về những chiến công vĩ đại và gian khổ của Irinarh đã trở thành sự thật. Khi chia tay với Irinarh, Gioan còn tiên tri nói thêm điều sau:

– Chúa Trời đã truyền lệnh cho các môn đệ trung thành của Ngài, từ phương Đông đến phương Tây, phải hướng dẫn và dạy dỗ con người, đưa thế giới thoát khỏi thói say xỉn vô luật pháp. Vì thói say xỉn này, Chúa sẽ cho những kẻ ngoại tộc xâm chiếm đất nước chúng ta. Và những kẻ ngoại tộc ấy sẽ kinh ngạc trước những đau khổ to lớn của ngươi; gươm của chúng sẽ không làm hại ngươi, và chúng sẽ tôn vinh ngươi hơn cả những người trung thành. – Còn tôi sẽ lên Moscow gặp Sa hoàng để xin đất: ở đó, tại Moscow, tôi sẽ có nhiều quỷ dữ, cả hữu hình lẫn vô hình, đến nỗi khó mà cắm nổi những cây nho. Nhưng Thánh Ba Ngôi sẽ đuổi hết chúng đi bằng quyền năng của Ngài.

Đó là những lời Thánh Gioan đã nói về cái chết sắp đến của ngài và về cuộc xâm lược của người Litva vào Moscow.

Sau đó, vị tu sĩ già Irinarh, theo lời dạy của Thánh Gioan, đã làm việc và cầu nguyện siêng năng hơn nữa, và luôn nghĩ về những cây thánh giá bằng đồng. Một lần, ông mơ thấy một người bạn đến và trao cho ông một cây thánh giá bằng đồng, còn lần khác, ông mơ thấy một người bạn khác trao cho ông một cây gậy sắt. Và rồi sao? Vài ngày sau, quả thực có một người bạn – Ivan, một cư dân thành phố – đến gặp ông và mang theo, theo lời tiên tri của Thánh Gioan, một cây thánh giá chân chính, từ đó Irinarkh đã đúc ra một trăm cây thánh giá, đồng thời tạ ơn Thiên Chúa và Thánh Gioan. – Còn một người bạn khác, tên là Vasily, đã đến và tặng ông một cây gậy sắt; Irinarkh đã nhận lấy và thêm nó vào số "công việc" hay gánh nặng khác mà ông đang mang vác.

Tại tu viện Borisoglebsk có vị tu sĩ cao niên Leontius, ông ghen tị với đức hạnh và những khổ hạnh của tu sĩ cao niên Irinarkh; giống như ông ấy, ông tự trói mình bằng xiềng xích sắt và mang trên người ba mươi ba cây thánh giá bằng đồng. Ông đã trao những cây thánh giá này cho Alexander, đệ tử của Irinarkh, còn bản thân thì đến gặp

vị tu sĩ già để xin phép đi vào sa mạc. Vị tu sĩ già Irinarkh đã khuyên ông đừng đi vào sa mạc, để tránh bị bọn cướp giết hại. Nhưng Leontius vẫn không ngừng xin phép.

Không thể thuyết phục được anh, Irinarh đã ban phước lành, nhưng khi chia tay, ông nói với anh trong nước mắt:

– Con yêu quý của ta, Leontius! Con sẽ không bao giờ trở lại đây để lấy những cây thánh giá chân chính nữa.

– Nếu vậy, – Leontius đáp, – thì hãy để những cây thánh giá của con ở lại với cha!

Sau khi chia tay với Irinarh, Leontius lên đường đến huyện Pereyaslav, đến tu viện Đức Mẹ Đồng Trinh ở Kurbui, và tại đó, ông đã bị bọn cướp sát hại.

Irinarh đã ghép những cây thánh giá của Leontiy vào những cây thánh giá từ "công lao" của mình, và tổng số thánh giá của ông lên đến một trăm bốn mươi hai cây. Vị tu sĩ già đã lao động trong xiềng xích dài ba sa-zhen trong sáu năm; một tín hữu yêu mến Chúa từ thành phố Uglich đã gửi cho vị tu sĩ già một xiềng xích cũng dài ba sa-zhen, và trong hai xiềng xích này, Irinarkh đã lao động suốt 12 năm. Một vị tu sĩ tại Tu viện Borisoglebsky, tên là Theodoret, đã tự làm cho mình một sợi xích sắt dài ba sazhen và lao động trong đó suốt hai mươi năm và năm tuần, nhưng vị tu viện trưởng Hermogenes đã ra lệnh cho ông phải tham dự các nghi lễ của tu viện và phục vụ cộng đồng tu sĩ. Théodoret đã trao xích của mình cho Irinarh, nhờ đó xích của Irinarh trở thành chín sažen, và ông tiếp tục lao động trong chiếc xích đó. Tổng cộng, ông đã trải qua hai mươi lăm năm trong xích.

Cuộc sống khắc nghiệt của Irinarh và những lời răn dạy nghiêm khắc của ông đã trở thành lời cảnh tỉnh đối với những tu sĩ không cố gắng tuân giữ các lời thề tu hành, mà còn vi phạm chúng ở nhiều khía cạnh. Những tu sĩ như vậy thuộc cộng đoàn Borisoglebsk, bị xúi giục bởi những lời xúi giục của kẻ thù, đã đến gặp vị tu viện trưởng Hermogen, lên án lối sống của Irinarh và than phiền về ông.

– Vị tu sĩ cao niên Irinarh, – họ nói, – đang ở trong phòng tu kín và ăn chay, đeo trên người nhiều xiềng xích nặng nề, không uống rượu và ăn rất ít, đồng thời còn dạy các tu sĩ khác làm theo: phải sống "trong lao động" và ăn chay, không được chạm môi vào rượu, nói rằng đó là điều ác lớn nhất; ông nói rằng các tu sĩ phải giống như các Thiên thần, không được buồn phiền vì bất cứ điều gì và không được nuông chiều xác thịt của mình: *"Chúng ta phải trải qua nhiều gian khổ để được vào Nước Thiên Chúa"* (Công vụ 14:22); ông không cho phép các tu sĩ tham gia các nghi lễ, tức là các công việc của tu viện, mà lại bắt họ phải thực hiện những "công việc vất vả" lớn lao.

Dưới sự xúi giục của kẻ thù và vì lòng thiếu lòng thương xót của mình, vị tu viện trưởng Hermogenes đã nghe theo những lời vu khống này và trục xuất vị tu sĩ cao niên Irinarkh khỏi tu viện, không kính sợ Đức Chúa Trời và không tôn trọng những công đức và công lao của vị tu sĩ cao niên. Lão tu Irinarh khiêm nhường tuân theo, nhớ lại lời Chúa: *"Nếu các con bị đuổi khỏi nhà này, hãy đi đến nhà khác, và Ta sẽ ở cùng các con cho đến tận thế"* (Mt 10:23, 28:20).

Bị trục xuất khỏi tu viện Borisoglebsky, Irinarkh lại lên đường đến Rostov và một lần nữa định cư tại tu viện Thánh Lazarus, nơi ông đã ở lại một năm và hai tuần, không ngừng ăn chay và cầu nguyện, đồng thời suy ngẫm về giờ lâm chung.

Trong khi đó, vị tu viện trưởng Hermogenes đã nhận ra hành động bất công của mình đối với Irinarkh, đã sám hối trước các tu sĩ và cử một tu sĩ đến mời Irinarkh quay trở lại. Người được cử đi nói:

– Thưa Cha, xin đừng nhớ đến lỗi lầm của chúng con trước mặt Cha, xin hãy giữ lời hứa đến tu viện của chúng con, nơi thờ các Thánh Tử đạo Boris và Gleb.

Lão tu Irinarh trở về tu viện, vừa đi vừa cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin đừng tước đoạt những ân huệ vĩnh cửu của Ngài khỏi con, xin cho con, một vị tu sĩ già tội lỗi, được hoàn thành lời hứa của mình.

Gánh lấy toàn bộ lỗi lầm khiến mình bị đuổi khỏi tu viện, ông nói:

– Lạy Chúa, con đang sống trong ngục tối này trái với ý muốn của các anh em; họ là những người công chính và dâng lên Ngài những công việc công chính, còn con, kẻ hôi thối, lại thiếu đức hạnh.

Ông lại bước vào phòng tu của mình, một lần nữa tự gánh lấy những "công việc" sắt đá của mình và bắt đầu tu hành, cầu nguyện cho nhà vua và cho tất cả các Kitô hữu Chính Thống, đồng thời yêu thương những kẻ ghét mình như chính linh hồn mình.

Chúa đã ban cho Irinarh khả năng thấu hiểu và thấu tấu những bí ẩn của tâm hồn con người. Người ta từ nhiều thành phố khác nhau tìm đến ngài, xin và nhận được sự ban phước từ ngài. Nhiều người sùng đạo mang đến

cho ngài tiền bố thí; ngài nhận lấy và vui vẻ phân phát cho những người nghèo khổ và khách lữ hành, cung cấp cho họ thức ăn và quần áo.

Ngài dạy dỗ mọi người đến với mình về các điều răn, dẫn dắt họ tránh xa tội lỗi và vạch trần những lỗi lầm thầm kín; khi nhận được lời chúc lành của ngài, họ quay trở lại con đường tuân giữ các điều răn của Chúa.

Tại tu viện Borisoglebsk có một vị tu sĩ già tên là Tikhon. Sau khi suy ngẫm về cách làm đẹp lòng Chúa, ông tự tạo ra những "công việc khổ hạnh" cho mình, rèn một sợi xích sắt và ngồi trong những "công việc khổ hạnh" đó suốt bảy năm. Vào thời điểm đó, các quý tộc Ba Lan và Litva đã gây ra những tàn phá và hủy hoại trên đất Nga, cuộc xâm lược của họ đã được Thánh Irinarkh tiên đoán bởi vị thánh điên thánh thiện Gioan. Lão tu Tikhon lo sợ bị các quý tộc tấn công nên đã rời khỏi tu viện, còn sợi xích sắt của mình thì trao lại cho Irinarh; lúc đó, sợi xích của ông đã dài tới hai mươi sažen. Trong sợi xích dài đó, Irinarh tiếp tục lao động như trước đây, không cho đôi tay mình được nghỉ ngơi: lúc thì ông đan những cuộn tóc, lúc thì làm mũ trùm đầu, lúc thì may áo cho người ăn xin. Ông luôn bố thí cho người ăn xin, giúp đỡ những người khốn khó, bảo vệ những người yếu đuối khỏi sự áp bức của kẻ mạnh và cầu nguyện cho tất cả mọi người trước mặt Chúa. Thỉnh thoảng, ông không gặp ai trong một thời gian dài, và vì những công việc nặng nhọc, đôi khi ông lâm bệnh, nhưng ông luôn vui mừng và tạ ơn Chúa vì điều đó. Ông chỉ ngủ vào ban đêm, và cũng chỉ một, hai hoặc ba giờ, đồng thời tự đánh vào thân thể mình bằng cây gậy sắt trong khi cầu nguyện.

Ngay trước khi quân Litva xâm lược, trong lúc chìm vào giấc ngủ chập chờn, Irinarh đã có một thị kiến: thành phố Moscow bị quân Litva tàn phá, toàn bộ vương quốc Nga bị bắt làm tù binh và nhiều nơi bị thiêu rụi. Khi tỉnh dậy, ngài khóc lóc thảm thiết vì sự bắt làm tù binh và sự tàn phá sắp xảy ra đối với các thánh đường của Chúa. Khi ngài đã bớt khóc một chút, bỗng một luồng ánh sáng chiếu xuống từ trên cao, và từ ánh sáng đó vang lên một giọng nói:

– Hãy đến Moscow và nói cho họ biết rằng mọi chuyện sẽ diễn ra như vậy.

Ông làm dấu thánh giá và dâng lời cầu nguyện. Giọng nói ấy lại vang lên lần thứ hai:

– Sẽ xảy ra như vậy!

Vị tu sĩ già lại làm dấu thánh giá lần nữa và bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa! Xin thương xót con, kẻ tội lỗi, khỏi sự cám dỗ: con là tôi tớ của Cha, Con và Thánh Thần, và con không muốn thấy bất cứ điều gì trên cõi đời này.

Nhưng cùng một giọng nói ấy lại vang lên lần thứ ba:

– Đừng bất tuân và hãy làm theo tiếng nói này: mọi sự sẽ diễn ra như vậy đối với dòng dõi bất tuân này.

Vị tu sĩ già sợ hãi trước thị kiến và lời phán từ trên cao, liền gọi vị tu viện trưởng và kể lại tất cả cho ngài nghe. Vị tu viện trưởng ra lệnh cho ông đến Moscow và báo cho Sa hoàng Vasili Ioannovich[993] biết rằng vương quốc Moscow và toàn bộ đất nước Nga sắp phải chịu sự xâm lược của người Litva.

Vị tu sĩ già Irinarkh lên đường đến Moscow. Trên đường đi qua Pereyaslavl, ông dừng chân tại một ngã ba ở sân chuồng ngựa gần Tu viện Nikitsky và sai người đi tìm người bạn của mình là Phó tế Onufriy thuộc Tu viện Nikitsky, còn bản thân ông thì đi cầu nguyện với Thánh Nikita, vị thánh làm phép lạ của Pereyaslavl, và chạm vào di cốt của ngài. Lúc bấy giờ, Phó tế Onufri đang bị sốt nặng, đến nỗi vì run rẩy vì rét, ông phải chui vào lò sưởi để sưởi ấm. Người ta cho rằng căn bệnh này xuất phát từ mưu mô của quỷ dữ. Phó tế Onufriy, với sự ban phước của vị tu sĩ cao niên Irinarkh, đã chấm dứt việc thờ phụng mê tín đối với một tảng đá lớn ở Pereyaslav, nằm phía sau Tu viện Borisoglebsky Pereyaslavsky. Hàng năm, vào ngày lễ các Tông đồ Phêrô và Phaolô, đông đảo dân chúng, cả nam, nữ và trẻ em, đều tụ tập quanh tảng đá này để tỏ lòng tôn kính. Phó tế đã ra lệnh ném tảng đá xuống hố để từ đó về sau dân chúng không còn tụ tập quanh nó nữa. Hành động anh hùng này của Onufriy không được nhiều người hoan nghênh; vị phó tế đạo đức này đã phải chịu sự chỉ trích, chửi rủa và chế giễu từ nhiều người, thậm chí cả người thân và những người trong hàng giáo sĩ – thậm chí còn bị vu khống và phải gánh chịu tổn thất do các vụ kiện tụng; hơn nữa, bệnh tật cũng ập đến với ngài – nhưng tất cả những điều đó, phó tế Onufri đều chịu đựng và vượt qua với sự kiên định, không than vãn, đặt niềm tin vào lòng thương xót của Chúa và luôn nhớ đến giờ lâm chung, cũng không tìm đến những kẻ thù của Chúa hay các thầy lang để cầu xin sự chữa lành. Vừa mới bước vào phòng Irinarh, Onufri đã bị vị tu sĩ già nhận ra căn bệnh nặng của mình; ông hôn lên trán anh, trao cho anh một phần tư ổ bánh mì, ban phước lành và nói:

---

[993] Tất nhiên, đây chính là nơi Sa hoàng Vasili Ioannovich Shuysky, người trị vì từ năm 1606 đến năm 1610.

– Hãy khỏe mạnh nhờ món ăn này!

Và ngay lập tức, vị phó tế cảm thấy nhẹ nhõm và khỏi bệnh. Irinarkh cùng với đệ tử của mình, vị tu sĩ già Alexander, đã đến Moscow. Họ đến vào ban đêm, một giờ trước khi bình minh ló rạng. Sáng hôm sau, họ đến nhà thờ chính tòa Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời và cầu nguyện với Đức Mẹ cùng các vị thánh làm phép lạ là Tổng Giám mục Phêrô và Iona. Một người con trai của quan đại thần, tên là Simeon, đã đến gặp nhà vua và báo tin về sự có mặt của vị tu sĩ già. Nhà vua rất vui mừng và ra lệnh cho Irinarkh đến nhà thờ chính tòa Truyền Tin. Vị tu sĩ già đến nhà thờ, cầu nguyện với Đức Mẹ Đồng Trinh, ban phước cho nhà vua bằng Thánh Giá và hôn lên má nhà vua. Nhà vua cũng hôn vị tu sĩ già một cách thân ái và ngạc nhiên trước những "vết thương" lớn mà ngài đang mang trên người. Vị tu sĩ già nói với nhà vua Vasili Ioannovich:

– Chúa Trời đã mặc khải cho tôi, một vị tu sĩ già tội lỗi: tôi đã thấy thành phố Moskva bị người Ba Lan chiếm đóng, và toàn bộ Nhà nước Nga. Và thế là, sau khi rời khỏi ngục tối nơi tôi đã bị giam cầm nhiều năm, chính tôi đã đến gặp ngài để báo tin này. Và ngài hãy kiên định giữ vững đức tin vào Chúa Kitô bằng lòng dũng cảm và sự can đảm.

Nói xong, Irinarkh bước ra khỏi nhà thờ. Sa hoàng Vasili Ioannovich dìu vị tu sĩ già bằng một tay, còn học trò của ông là Alexander dìu bằng tay kia.

Hoàng đế bảo vị tu sĩ già hãy ban phước lành cho hoàng hậu nữa. Vị tu sĩ già không từ chối, cùng hoàng đế đi vào phòng hoàng hậu để ban phước lành cho hoàng hậu Maria Petrovna, rồi bước ra khỏi phòng. Hoàng hậu liền gửi theo vị tu sĩ già hai chiếc khăn, nhưng ông không muốn nhận. Hoàng đế Vasily khuyên nhủ ông:

– Xin hãy nhận lấy, vì danh Chúa!

Nhưng Irinarkh nói với nhà vua:

– Tôi đến đây không phải vì những món quà; tôi đến đây để báo cho ngài biết sự thật!

Hoàng đế tiễn Irinarh ra khỏi phòng của hoàng hậu và ra lệnh cho một quan đại thần trong cung chiêu đãi vị tu sĩ già. Sau đó, hoàng đế ra lệnh cho vị tu sĩ già một cỗ xe và một người chăn ngựa của mình, đồng thời cho người tiễn ông đến Tu viện Borisoglebsky. Sau khi dùng bữa tại nhà quan đại thần, Irinarh lên đường trở về, chỉ ở lại Moscow vỏn vẹn mười hai giờ.

Khi trở về Tu viện Boris-Gleb, Irinarkh bước vào phòng tu của mình và lại tiếp tục những công việc và việc tu hành của mình trong việc ăn chay và cầu nguyện, còn người chăm ngựa của nhà vua và người đánh xe thì ông cho về Moscow, đồng thời cầu nguyện để Chúa xoa dịu cơn giận của Ngài và thương xót Moscow, như xưa kia Ngài đã thương xót Ninive.

Một thời gian ngắn sau chuyến đi của Thánh Irinarkh đến Moscow và lời tiên tri về những tai họa, người Litva đã xuất hiện trên đất Nga – những kẻ độc ác, hung tợn và hay chửi rủa vô nhân đạo. Vào thời đó, người ta gọi chung tất cả các thần dân của Vương quốc Ba Lan-Litva là "người Litva": bao gồm người Ba Lan (hay còn gọi là Lyakh), người Litva chính gốc, và người Nga đến từ Belarus và Little Russia; trong số những người Little Russia này có rất nhiều người Cossack. Về mặt tôn giáo, hầu hết kẻ thù của chúng ta đều là người Công giáo hoặc Uniate, những kẻ không nương tay với các nhà thờ Chính thống giáo và các thánh địa khác. Họ bắt đầu xâm chiếm đất đai Nga và tàn sát dân chúng, chinh phục nhiều thành phố; chẳng hạn, họ đã thiêu rụi thành phố Dmitrov, làm ô uế các nhà thờ của Chúa, lật đổ các ngai thánh, cởi bỏ áo choàng trên đó, bóc lớp khung viền khỏi các bức tượng thánh, rồi ném vứt chính các bức tượng đó đi, cướp bóc sách vở, và thường xuyên đốt cháy cả các nhà thờ. Nhiều người Nga, vì sợ bị trừng phạt, đã công nhận quyền lực của chúng, nộp cống nạp và lương thực. Nhiều thành phố đã phải khuất phục trước chúng. Năm 1609, thành phố Rostov Veliky bị chiếm và thiêu rụi; nhà thờ chính tòa Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời bị ô uế, các hòm thánh cốt của các vị thánh làm phép lạ vĩ đại là Leontius và Isaiah cùng toàn bộ đồ thờ cúng và kho báu của nhà thờ đều bị cướp bóc. Rất nhiều người thuộc cả hai giới và mọi lứa tuổi đã bị chém giết. Người Chính thống giáo lúc bấy giờ phải chịu đựng rất nhiều vì gánh nặng thuế má, và do không thấy có dấu hiệu nào cho thấy tình hình sẽ được cải thiện, nhiều thành phố đã đóng cửa để tự bảo vệ khỏi kẻ thù. Đó là thời kỳ, dưới triều đại của Sa , Sa Vasilii Ioannovich Shuisky, kẻ thù của chúng ta đã đưa ra "Dmitri giả thứ hai" và yêu cầu phải tuân phục hắn hoặc người bảo trợ của hắn, Vua Ba Lan.

Với mục đích chiếm đoạt Moscow và ngai vàng hoàng gia, kẻ thù đã tập trung gần Moscow và từ đó tiến hành các cuộc cướp bóc và tàn phá khắp các vùng lân cận. Kẻ mạo danh thứ hai đã dựng trại gần làng Tushino.

Kẻ thù cũng không để yên cho Tu viện Boris-Gleb, nơi Thánh Irinarkh đang tu hành. Một tên chỉ huy quân địch tên là Mikulinsky, sau khi cướp phá thành phố Rostov, đốt cháy các khu định cư gần Yaroslavl, tàn phá thành

phố Uglich, đã đến tu viện ở Ustye để gặp Boris và Gleb. Tại đây, cùng với nhiều quan lại, hắn bước vào phòng của vị tu sĩ già và bắt đầu thử thách đức tin của ông:

– Ông tin vào ai?

– Tôi tin vào Chúa Ba Ngôi, Cha, Con và Thánh Thần, – vị tu sĩ cao niên đáp.

– Còn vị vua trần gian thì ngươi tin ai?

Và vị tu sĩ già đã lớn tiếng tuyên bố:

– Tôi tôn thờ Vua Vasili Ioannovich của Nga: tôi sống ở Nga, tôi tôn thờ Vua Nga, và tôi không tôn thờ ai khác, ở đâu khác cả.

Một trong những quý ông nói với vị tu sĩ già:

– Ông, vị tu sĩ già, là kẻ phản bội: ông không tin vào vua của chúng tôi, cũng không tin vào Dimitri.

Vị lão nhân đáp lại:

– Ta không hề sợ thanh gươm phù du của ngươi, và ta sẽ không phản bội đức tin của mình cũng như Sa hoàng Nga; nếu vì điều này mà ngươi chém ta, thì ta sẽ vui vẻ chịu đựng: máu của ta chẳng đáng gì đối với các ngươi, nhưng Đức Chúa Trời hằng sống của ta có một thanh gươm, sẽ chém các ngươi một cách vô hình, không thịt không máu, và sẽ gửi linh hồn các ngươi vào sự đau khổ vĩnh cửu.

Ông Mikulinski không khỏi ngạc nhiên: lòng tin của vị lão nhân ấy thật vĩ đại.

Một thời gian sau, các lực lượng Nga bắt đầu tập hợp để chống lại kẻ thù. Công tước Mikhail Skopin-Shuysky đến từ Novgorod cùng quân đội Nga và Thụy Điển, đóng quân tại Kalyazin, đối đầu với quân Litva. Từ khu vực tu viện Troitsa-Sergiev, ngài Sapieha dẫn quân tiến đến đối đầu với ông. Nhưng nhờ ơn Chúa, sự che chở của các vị thánh làm phép lạ vĩ đại và theo lời của vị tu sĩ già, quân đội Moscow đã đánh bại quân Litva, và Pán Sapieha cùng quân đội của mình phải rút lui và dừng chân cách Tu viện Borisoglebsky ở Ustye hai chặng đường đêm, với ý định đốt phá tu viện và tàn sát các tu sĩ. Trong tu viện, nỗi đau buồn và u sầu bao trùm, các tu sĩ chia tay nhau. Còn vị tu sĩ trưởng lão Irinarkh thì an ủi các đệ tử của mình là Alexander và Kornili:

– Chúng ta đừng sợ bị những kẻ khác đạo thiêu đốt hay chém giết: nếu họ thiêu đốt hay chém giết chúng ta, thì chúng ta sẽ trở thành những vị tử đạo mới và nhận được vương miện trên trời từ Đấng Christ, Thiên Chúa của chúng ta.

Sau đó, Irinarkh dâng lên Chúa Trời một lời cầu nguyện nồng nhiệt, xin Ngài giải thoát khỏi tai họa đang rình rập và ban lòng thương xót cùng sự cảm thông vào lòng kẻ thù đối với tu viện thánh thiêng. Lúc đó, ông Kirbitsky, một đại úy, đến tu viện và bước vào phòng của vị tu sĩ cao niên: ông xin được ngài ban phước lành và bày tỏ sự ngưỡng mộ trước những công lao của vị tu sĩ. Khi trở về gặp Sapieha, ông nói:

– Tại tu viện của Boris và Gleb, tôi đã thấy ba vị tu sĩ già bị xiềng xích.

Chính Sapieha cũng muốn gặp vị tu sĩ già và đã cử một quý ông đi trước để báo trước về sự ghé thăm của mình. Vị tu sĩ già nói với người được cử đi:

– Nếu quý ông muốn đến thăm, thì hãy tự nguyện đến với chúng tôi.

Nghe câu trả lời đó, Sapieha đến tu viện, bước vào phòng của vị tu sĩ già và nói với ông:

– Xin cha ban phước lành! Làm sao cha có thể chịu đựng được nỗi đau khổ lớn lao như vậy?

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Vì Chúa, con đang chịu đựng ngục tù và đau khổ này trong phòng tu của con.

Nhiều quý ngài bắt đầu nói với Sapieha:

– Vị tu sĩ này không cầu nguyện cho nhà vua của chúng ta và cho Dimitri, mà lại cầu nguyện cho Sa hoàng Shuisky.

Vị tu sĩ phản bác:

– Tôi sinh ra và được rửa tội ở Nga, nên tôi cầu nguyện cho Sa hoàng Nga và Chúa.

Sapieha nói:

– Lời cha nói rất đúng: sống ở đất nước nào thì phải phụng sự vị vua của đất nước đó.

– Ông bị cướp rồi sao, ông lão? – các quý ông hỏi.

Vị tu sĩ già trả lời:

– Tên quý tộc hung ác Sushinsky đã đến và cướp bóc toàn bộ tu viện, không chỉ riêng tôi, một lão tu tội lỗi này.

Sapega nói:

– Chính vì thế mà ngài Sushinsky đã bị treo cổ.

Sau đó, vị tu sĩ già đưa ra lời khuyên này cho ngài Sapieha:

– Xin ngài hãy trở về quê hương của mình: ngài đã chiến đấu đủ rồi ở Nga! Nếu ngài không rời khỏi Nga hoặc lại quay trở lại Nga mà không nghe theo lời Chúa, thì ngài sẽ bị giết ở Nga.

Ngài Sapieha cảm động sâu sắc trước những lời này và nói:

– Tôi nên tặng ngài món quà gì đây? Tôi chưa từng thấy một tu sĩ nào mạnh mẽ và dũng cảm như ngài, cả ở đây lẫn ở những vùng đất khác.

Vị tu sĩ già nói:

– Tôi không chống lại Thánh Thần, tôi được nuôi dưỡng bởi Thánh Thần. Và bất cứ điều gì Thánh Thần mách bảo ngài, ngài hãy làm theo.

Sapega nói:

– Xin tha thứ, thưa cha! – rồi ông cúi đầu chào và ra về trong bình an.

Sau đó, Sapieha gửi cho vị tu sĩ già năm rúp tiền bố thí và ra lệnh cho quân lính của mình không được làm hại tu viện dưới bất kỳ hình thức nào. Chẳng bao lâu sau, Sapieha cùng quân đội tiến về Pereyaslavl, còn tại tu viện thì tràn ngập niềm vui vì Chúa đã cứu họ khỏi sự tàn phá; còn vị tu sĩ già thì không ngừng khóc lóc cầu xin Chúa giải thoát toàn bộ đất nước Nga khỏi cảnh bị bắt làm tù binh.

Sau chiến thắng tại Kalyazin, Công tước Mikhail Shuysky bắt đầu truy đuổi quân Litva và từ Pereyaslav, ông đã gửi người đến gặp vị tu sĩ cao niên Irinarkh để xin lời chúc phúc. Irinarkh đã gửi cho ông lời chúc phúc, bánh thánh và cây thánh giá, đồng thời dặn dò:

– Hãy can đảm lên, và Chúa sẽ giúp đỡ ngươi!

Hoàng tử đã cử một đội quân đến khu định cư Aleksandrovskaya, và nhờ ơn Chúa, các chiến binh Nga đã đánh bại quân Litva. Chẳng bao lâu sau, chính hoàng tử cũng đến đó và dừng chân tại khu định cư. Kẻ thù bắt đầu tập hợp lực lượng chống lại ngài từ khu vực tu viện Troitsky đang bị vây hãm và từ phía Moscow. Hoàng tử biết được điều này và rất lo lắng. Ngài lại cử sứ giả đến gặp Thánh Irinarkh. Vị tu sĩ cao niên một lần nữa gửi cho ngài lời chúc phúc và bánh thánh, đồng thời dặn truyền lời:

– Hãy can đảm lên, Công tước Mikhail, và đừng sợ: Chúa sẽ giúp ngài.

Và hoàng tử đã đánh bại quân Litva. Sau đó, hoàng tử cử một trong các tướng quân đến Tu viện Troitsk cùng quân đội, và vị tướng quân đã an toàn tiến vào tu viện. Hoàng tử lại cử sứ giả đến gặp Thánh Irinarkh mang theo lễ vật, và vị tu sĩ cao niên, khi ban phước lành và bánh thánh, đã bảo ông ấy tiến về Tu viện Troitsa, và hoàng tử đã làm theo. Nghe tin này, Sapieha liền lên đường đến Dmitrov. Hoàng tử đã đến Tu viện Troitsa an toàn, bước vào tu viện và cầu nguyện trước Thánh Ba Ngôi và Thánh Sergius, ca ngợi vinh quang của Đức Chúa Trời, Đức Mẹ Đồng Trinh và các vị thánh làm phép lạ của Nga. Đội quân được cử đi chống lại Sapieha đã đánh tan quân của hắn tại Dimitrov, Sapieha bỏ chạy đến Tu viện Iosifov ở Volokolamsk. Cùng lúc đó, kẻ mạo danh thứ hai đã trốn chạy từ Tushin đến Kaluga, nơi sau này hắn bị giết. Sau những thành công này, Hoàng tử Mikhail từ Tu viện Troitsa đã đến Moscow, cầu nguyện tại Nhà thờ Chính tòa Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, hôn thánh ảnh Đức Mẹ Vladimir và các hòm thánh tích của các vị thánh làm phép lạ, rồi vui mừng trở về nhà.

Thánh nhân Irinarkh, người biết rõ tất cả những sự kiện này, đã cử đệ tử của mình là Alexander đến gặp Công tước Mikhail tại Moskva để lấy lại cây thánh giá thiêng liêng, vốn đã được trao cho ngài nhằm giúp đỡ và xua đuổi kẻ thù. Công tước đã trao lại cây thánh giá và gửi đến thánh nhân một bức thư cảm ơn cùng những món quà. Alexander đã chuyển tất cả những thứ này đến cho thầy của mình.

Sau khi vui mừng đón nhận cây thánh giá, vị thánh Irinarh đã dâng lên lời cầu nguyện như sau:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng Yêu Thương Loài Người, Chúa Giêsu Kitô, Con của Đức Chúa Trời, Đấng đã chịu đóng đinh và chết trên Thánh Giá vinh hiển và ban sự sống này vì sự cứu rỗi của chúng con, và đã tỏ lòng thương xót cùng những phép lạ từ Thánh Giá vinh hiển này cho dòng dõi chúng con, giúp đỡ Hoàng tử Mikhail trong cuộc chiến chống lại người Litva, để chiến thắng và đánh đuổi chúng, như xưa kia dưới thời Hoàng đế Constantine đã đánh đuổi kẻ thù.

Ngay sau khi Thánh Giá được gửi đi, Công tước Mikhail đã về với Chúa. Kẻ thù của loài người, bị Lão nhân Irinarkh làm cho bẽ mặt, đã âm mưu những mưu đồ mới chống lại ngài.

Tại Tu viện Borisoglebsky, Thượng phụ Hermogenes đã cử một vị tu viện trưởng mới tên là Simeon đến, người này tỏ ra tàn nhẫn, vô nhân đạo, không kiềm chế và sa vào thói nghiện rượu. Ông ra lệnh cho vị tu sĩ cao niên

Irinarh phải đến nhà thờ cầu nguyện; nhưng vị tu sĩ này, khi phải mang trên mình những "gánh nặng" bằng sắt nặng nề, thậm chí không thể di chuyển tự do ngay cả trong phòng tu của mình, ngày đêm tu luyện thân xác qua việc ăn chay và cầu nguyện. Vị tu viện trưởng Simeon tàn nhẫn, còn hung ác hơn cả những kẻ vô tín, đã cùng các tu sĩ đến phòng của vị tu sĩ già và không thương xót lấy đi tất cả những gì vị tu sĩ già đã tích trữ. Chỉ còn lại bốn puda mật ong chưa bị lấy đi, điều này đã được đệ tử Alexander báo cho vị tu sĩ già biết. Nhân dịp này, vị tu sĩ già nhớ lại câu chuyện về một vị tu sĩ ẩn dật nào đó, người đã bị bọn cướp cướp bóc nhưng chúng lại bỏ sót một vật gì đó; vị tu sĩ ẩn dật đã đuổi theo bọn cướp và nói rằng chúng chưa lấy hết; bọn cướp cảm động và đã trả lại tất cả cho vị tu sĩ ẩn dật. Giờ đây, khi theo lệnh của Irinarkh, đệ tử Alexander của ông báo cho vị tu viện trưởng biết rằng chưa lấy hết, thì vị tu viện trưởng lại tỏ ra không nhân từ hơn những tên cướp xưa kia và đã lấy đi phần còn lại.

Cùng tối hôm đó, vị tu sĩ già Irinarkh thấy một chàng trai mặc áo choàng trắng đứng gần mình, nhìn ông và nói về hành động thiếu lòng nhân từ của vị tu viện trưởng, rồi đột nhiên biến mất. Vị tu sĩ già đã dành cả đêm để cầu nguyện. Sáng hôm sau, vị tu viện trưởng lại đến phòng của vị tu sĩ già và ra lệnh đưa ông ra khỏi phòng: bốn người nắm lấy hai tay ông và lôi đi, còn vị tu viện trưởng cùng năm người khác thì kéo theo sợi xích sắt của ông. Khi lôi vị tu sĩ già đi, họ đã bẻ gãy tay trái của ông và quăng ông xuống cách nhà thờ ba sải. Vị tu sĩ già nằm trong tư thế đó suốt chín giờ, cầu nguyện với Chúa Trời rằng Ngài đừng để những kẻ bắt bớ ông sa vào tội lỗi, vì họ đang hoảng loạn một cách vô ích, không biết mình đang làm gì.

Hai đệ tử của vị tu sĩ cao niên, là Alexander và Cornelius, đã bị tách khỏi Irinarkh và được phân đi các phòng tu khác.

Khi Irinarkh nằm đó một mình, bị mọi người bỏ rơi, một chàng trai trẻ mặc áo choàng sáng màu xuất hiện trước mặt ông và nói:

– Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện và sự kiên nhẫn của ngài: nếu ngài xin điều gì, ngài sẽ được ban cho.

Sau những lời đó, chàng trai bỗng biến mất.

Trong khi đó, vào ban đêm, Alexander, đệ tử của Irinarh, đã trở về phòng tu cũ và dâng lời cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa! Lạy Chúa, chúng con còn phải ở trong nỗi đau khổ này với thầy của mình và chịu đựng những kẻ hung ác và say xỉn này đến bao giờ nữa? Nhưng xin ý muốn thánh thiêng của Ngài được thực hiện!

Và từ những cây thánh giá, có tiếng nói vang lên với anh:

– Hãy đến gặp vị tu viện trưởng và nói với ngài: tại sao ngài lại chống lại ý định của Đức Chúa Trời?

Lão tu sĩ Alexander đến nhà thờ gặp vị tu viện trưởng và nói với ông:

– Hãy cho vị tu sĩ cao niên Irinarkh trở về phòng tu của ngài, với lời hứa rằng ngài và các môn đệ của ngài sẽ không làm hư mất linh hồn mình bằng cách chống lại ý định của Chúa.

Vị Trưởng tu viện đã ban phước lành cho vị tu sĩ cao niên và cả hai đệ tử của ngài. Vị tu sĩ cao niên trở về phòng tu của mình, tạ ơn Chúa vì đã giải thoát ngài khỏi sự bắt bớ và cầu nguyện xin được ban cho lòng kiên nhẫn. Rồi từ trên cao, có tiếng phán với ngài:

– Hãy can đảm lên, người chịu khổ của Ta, Ta luôn ở bên con: Ta đã chờ đợi hành động anh hùng của con và các Thiên thần đã kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của con. Giờ đây, con sẽ không còn bị bắt bớ nữa, mà một chỗ đã được chuẩn bị sẵn cho con trong Nước Trời đang chờ đón con.

Lão tu Irinarh nghe thấy tiếng nói, nhưng không thấy ai cả, và trong sự run rẩy, ông chỉ biết cầu nguyện trong nước mắt:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin thương xót con là kẻ có tội và cứu con khỏi cám dỗ, – rồi ngài làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình.

Sau đó không lâu, vị tu viện trưởng Simeon bị trục xuất khỏi tu viện.

Trong khi đó, sau khi Công tước Mikhail Skopin-Shuysky qua đời, người Litva lại lấy lại tinh thần, kẻ thù lại tập trung quân trước cửa thành Moscow. Chính người dân Moscow, dưới sự lôi kéo của những lời nịnh hót từ kẻ thù, đã lật đổ Sa hoàng Vasili khỏi ngai vàng và cho phép người Ba Lan vào thành Moscow; những người này đã đày cựu Sa hoàng Vasili Shuysky sang Ba Lan. Moscow bị chiếm đóng và tàn phá.

Litva lại tiếp tục tàn phá các vùng đất xung quanh Moscow trên một phạm vi rộng lớn. Năm 1612, quân Litva tiến vào Rostov. Vì sợ hãi trước chúng, vị tu viện trưởng của Tu viện Borisoglebsky đã cùng toàn thể các tu sĩ chạy trốn đến Hồ Beloye, còn vị tu sĩ cao niên Irinarkh cùng các đệ tử của mình thì ở lại trong phòng tu của mình,

không ngừng cầu nguyện với Chúa. Quân Litva chiếm tu viện và ở lại đó mười tuần. Một quý tộc đã đến phòng tu của Irinarkh và nói:

– Xin cha ban phước lành! Và Sapieha đã bị giết dưới Moscow, đúng như lời cha đã nói!

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Các ngươi hãy về đất nước mình đi – thì sẽ được sống; còn nếu không rời khỏi đất nước chúng ta, thì các ngươi cũng sẽ bị giết!

Vị quý tộc đó ra về và truyền lại lời của Irinarh cho tất cả các quý tộc khác. Các quý tộc bắt đầu đến gặp vị tu sĩ già, và ông nói với họ:

– Hãy về quê hương của các ngươi; nếu không đi, các ngươi sẽ bị giết.

Con trai của thống đốc, tên là Voin, đến gặp vị tu sĩ già và xin được ban phước để trở về quê hương mình. Vị lão sư ban phước; con trai của thống đốc cúi đầu chạm đất, trở về gặp cha mình và kể lại về lời ban phước. Lúc đó, chính thống đốc Ioann Kamensky cũng đến gặp vị lão sư trong phòng tu, cúi đầu chạm đất và nói:

– Xin cha ban phước lành cho con để con trở về quê hương, như cha đã ban phước lành cho con trai con vậy.

Vị tu sĩ già ban phước lành cho ông và nói:

– Chỉ cần đừng động đến tu viện, các tu sĩ và thành phố Rostov.

Và ngài Kamenksy trở về quê hương mình, không động đến cả tu viện lẫn thành phố Rostov. Trong tu viện lại tràn ngập niềm vui vì đã thoát khỏi nguy hiểm.

Trong khi đó, cả ở Moscow lẫn khắp cả nước đều chìm trong sự hỗn loạn và đau buồn tột độ vì quân Litva đã chiếm đóng Moscow. Mọi người, đặc biệt là ở Nizhny Novgorod, đều cầu nguyện để Chúa Trời tỏ lòng thương xót, giải phóng thành phố Moscow khỏi kẻ thù và cứu đất nước khỏi nỗi đau khổ tột cùng.

Người dân Nizhny Novgorod biết đến Công tước Dmitry Mikhailovich Pozharsky, người đang cư ngụ gần Nizhny. Họ bắt đầu thỉnh cầu ông đến Moscow để giải phóng thành phố khỏi kẻ thù. Họ bắt đầu quyên góp và cung cấp cho ông nhân lực, tiền bạc và vật tư cho cuộc chiến. Họ đã chọn Kosma Minin, một quan chức thành phố Nizhny Novgorod, để hỗ trợ và giúp đỡ ông. Cả vị tướng quân lẫn quan chức địa phương đều đồng lòng trong suy nghĩ và làm mọi việc dựa trên sự bàn bạc và nhất trí chung. Và Chúa đã ban cho họ sự trợ giúp của Ngài. Họ tiến quân với toàn bộ lực lượng đã tập hợp được đến thành phố Yaroslavl và dừng chân tại đó. Từ khắp các thành phố, người dân Nga bắt đầu tụ tập về phía họ, những người mong muốn đứng lên bảo vệ đức tin và tổ quốc, và sẵn sàng hy sinh vì các thánh đường của Chúa.

Khi nghe tin Công tước Dimitrij Mikhailovich Pozharsky cùng quân đội đã đến Yaroslavl, một trong những chỉ huy của lực lượng dân quân Nga đang đóng quân gần Moscow, Công tước Dmitrij Timofeevich Trubetskoy, đã cử sứ giả đến yêu cầu họ nhanh chóng tiến về Moscow. Nhưng Hoàng tử Pozharsky và Kosma Minin lại e ngại việc tiến quân về Moscow: tại đó, trong hàng ngũ lực lượng dân quân Nga không có sự nhất trí, và một trong những chỉ huy của quân đội Nga, Ivan Zarutsky, đã giết chết một chỉ huy khác, Prokofy Petrovich Lyapunov, ngay tại Moscow.

Vị tu sĩ cao niên Irinarkh, người đã theo dõi mọi việc và thấu hiểu tất cả, đã gửi lời chúc phúc và bánh thánh cho Công tước Dimitrij Mikhailovich Pozharsky, đồng thời ra lệnh cho ông dẫn toàn bộ quân đội tiến về Moscow mà không cần sợ Ivan Zarutsky.

– Các con sẽ được chứng kiến vinh quang của Chúa, – vị tu sĩ già dặn dò truyền đạt lời này đến công tước.

Hoàng tử rất vui mừng trước những lời của vị tu sĩ, không chút sợ hãi, ông cùng toàn thể các chiến binh tiến về Moscow và dừng chân tại Rostov. Từ đây, Hoàng tử Pozharsky và Kosma Minin đã cố ý đến Tu viện Borisoglebsky để đích thân nhận lời chúc phúc từ vị tu sĩ Irinarkh. Vị tu sĩ cao niên đã ban phước lành cho họ trong cuộc hành quân tiến về Moscow và trao cho họ cây thánh giá của mình để làm vật trợ giúp. Sau khi nhận lời chúc phúc và cây thánh giá từ vị tu sĩ cao niên, hoàng tử hân hoan dẫn quân từ Rostov đến Pereyaslavl, rồi từ Pereyaslavl đến Troitsa, nơi ông dừng chân và dâng lời tôn kính lên Thánh Ba Ngôi và Thánh Sergius.

Từ Troitsa, Pozharsky đã cử quan chỉ huy là Công tước Dmitry Lopatin đến gần Moscow để gặp Công tước Trubetskoy. Trubetskoy rất vui mừng, còn Zarutsky thì bỏ chạy khỏi vùng ngoại ô Moscow.

Trong khi đó, những lực lượng mới cùng với nguồn tiếp tế đã tiếp cận quân Litva đang cố thủ tại Moscow. Nghe tin này, Công tước Trubetskoy đã cử sứ giả đến gặp Công tước Pozharsky, yêu cầu ông nhanh chóng dẫn toàn bộ quân đội đến cứu viện gần Moscow. Tướng quân Nizhny Novgorod lập tức xuất phát từ Troitsa tiến về

Moscow. Nhờ ơn Chúa và sự che chở của các vị thánh làm phép lạ ở Moscow, quân Nga đã đánh bại quân Litva. Sau đó, Công tước Pozharsky chiếm được Kitay-gorod, khiến quân Litva chỉ còn cố thủ trong Kremlin Moscow. Một thời gian ngắn sau, Kremlin cũng đầu hàng, và Công tước Dimitri Mikhailovich Pozharsky tiến vào Kremlin, dâng lời cầu nguyện lên Đức Mẹ Đồng Trinh và các vị thánh làm phép lạ của Moscow.

Và tại Moscow đã tràn ngập niềm vui lớn lao vì Chúa đã giải phóng Moscow khỏi quân Litva.

Trong khi đó, tại tu viện Borisoglebsky ở sông Ustye lại tràn ngập nỗi buồn sâu sắc: tu viện đã bị người Litva tàn phá và cướp bóc nhiều lần, trong tu viện không còn gì cả, nhưng họ vẫn bị yêu cầu nộp những khoản thuế nặng nề để nuôi sống binh lính. Vị Trưởng tu viện cùng các tu sĩ và nông dân thuộc tu viện đã đến gặp vị trưởng lão Irinarkh, để xin ngài ban phước cho đệ tử của ngài là Alexander được gửi đến Moscow. Vị trưởng lão đã chấp nhận lời thỉnh cầu của họ, để mọi việc tùy theo ý họ và cho phép đệ tử của mình lên đường đến Moscow cùng với bản thỉnh cầu. Ông ra lệnh cho anh ta nhận từ Công tước Pozharsky cây thánh giá thiêng liêng, được ban tặng để hỗ trợ chống lại kẻ thù.

Khi Alexander đến Moscow, nơi đây tràn ngập niềm vui lớn lao vì Vua Ba Lan đã rời thành phố Vyazma để trở về đất nước của mình.

Lão tu Alexander đến gặp Công tước Dmitri Mikhailovich Pozharsky và chuyển đến ông lời chúc phúc cùng bánh thánh từ lão tu Irinarkh. Công tước rất vui mừng trước sự có mặt của sứ giả từ Irinarkh, nên đã trao cho ông một văn thư, yêu cầu tu viện Borisoglebsky không cung cấp bất kỳ vật tư nào cho binh lính do tình trạng tàn phá của người Litva. Alexander nhận văn thư và cây thánh giá từ công tước rồi trở về tu viện.

Vị trụ trì rất vui mừng khi tu viện được hưởng đặc ân này, và Thánh Irinarkh cũng rất vui khi Alexander đến phòng của ngài, trả lại cây thánh giá và chuyển lời chào từ công tước.

Theo ý định của Đức Chúa Trời và theo quyết định của toàn thể các công tước, các quý tộc, các thống đốc, các tổng giám mục, các tu viện trưởng và các vị tu sĩ khác, vào năm 1613, hoàng tử trẻ Mikhail Feodorovich Romanov đã được bầu lên ngai vàng hoàng gia và được đăng quang tại Moscow với tư cách là người cai trị toàn bộ các vùng đất thuộc về Nga, đồng thời được đội vương miện hoàng gia. Toàn bộ đất nước Nga đều hân hoan chào đón vị Sa hoàng mới được mong đợi.

Tuy nhiên, tại nhiều nơi và thành phố, như Uglich, Vologda và các vùng lân cận khác, nỗi buồn sâu sắc vẫn bao trùm do tình trạng tàn phá vẫn tiếp diễn: chủ yếu là các đội quân Cossack đã làm đổ nhiều máu của người Kitô hữu và tàn phá các thành phố và làng mạc. Để thanh trừng đất nước khỏi những kẻ cướp bóc và tàn phá này, Sa hoàng Mikhail Feodorovich đã cử một quan đại thần và tổng trấn của mình, Công tước Boris Mikhailovich Lykov, cùng một đội quân hùng hậu. Công tước Lykov tiến về Yaroslavl.

Vào thời điểm đó, quân Litva và quân Cossack đã tiến vào làng Danilovskoye (nay là thành phố Danilov thuộc tỉnh Yaroslavl). Công tước Lykov đã cử vị tu sĩ Ioakim đến gặp vị tu sĩ Irinarkh để xin lời chúc phúc, giống như những vị tướng Nga trước đây vẫn làm. Vị tu sĩ đã gửi cho hoàng tử bánh prosphora và lời chúc phúc, đồng thời ra lệnh cho ông truy đuổi quân Litva. Hoàng tử rất vui mừng trước lời chúc phúc của vị tu sĩ và lên đường ra trận. Trong hai tuần, ông truy đuổi quân địch, bắt kịp chúng ở phía sau Kostroma, trước khi đến Nizhny, và nhờ ơn Chúa, đã đánh tan quân địch, bắt sống nhiều người và đưa họ về Moscow trình diện Sa hoàng. Từ đó, Lykov quay trở lại Vologda để chống lại những kẻ Cossack đang cướp bóc các huyện Vologda và Belozersk. Công tước đã cử quân truy đuổi những kẻ Cossack, những kẻ từ Belozersk đã tiến về Uglich, nơi chúng đóng quân trong hai tuần. Lykov đã cử các trung đoàn của mình đến đó, và chính những trung đoàn này đã đuổi những kẻ Cossack về phía Moscow. Bản thân Hoàng tử, trên đường tiến về Moscow để truy đuổi kẻ thù, đã ghé vào Tu viện Boris-Gleb, cầu nguyện trước các Thánh Tử đạo Boris và Gleb, và đích thân nhận lời chúc phúc từ vị tu sĩ cao niên Irinarkh. Tiếp tục tiến về Moscow, Hoàng tử Lykov đã đuổi kịp bọn Cossack, bắt giữ chúng và dẫn về trình diện trước Sa hoàng.

Niềm vui vô cùng lớn lao khi băng cướp Cossack đã bị tiêu diệt nhờ ân sủng của Chúa, sự che chở của Đức Mẹ Đồng Trinh và các vị thánh làm phép lạ ở Moscow, cùng với những lời cầu nguyện và nước mắt của vị ẩn sĩ Irinarkh.

Kể từ đó, đất nước Nga chìm trong bình yên. Còn vị tu sĩ già Irinarkh thì vẫn không ngừng cầu nguyện và rơi lệ, ăn chay, tiếp đón những người lữ hành và bảo vệ những người bị áp bức khỏi sự đàn áp của kẻ mạnh.

Ngay khi còn sống, Thiên Chúa đã tôn vinh vị thánh nhân Irinarh của Ngài bằng những phép lạ: nhờ những lời cầu nguyện của ngài, Thiên Chúa đã chữa lành những người bệnh tật và bị quỷ ám; lời chúc lành của ngài mang sức mạnh kỳ diệu đối với những ai đến với ngài bằng lòng tin. Người biên soạn tiểu sử của Irinarh, học trò của ngài

là Alexander, đã ghi chép lại chín phép lạ của Đức Chúa Trời, được thực hiện nhờ những lời cầu nguyện của vị ẩn sĩ và người chịu khổ tại Borisoglebsk khi ngài còn sống.

Những người mắc các bệnh khác nhau, đặc biệt là những người bị quỷ ám, đã tự tìm đến hoặc được đưa đến gặp Thánh Irinarh. Vị tu sĩ già cầu nguyện, đồng thời yêu cầu các bệnh nhân cũng phải cầu nguyện và ăn chay; ngài đặt cây thánh giá thiêng liêng của mình lên người họ, không ít lần đeo một đoạn xích của ngài lên người bệnh nhân hoặc ra lệnh cho họ nằm trên những sợi xích đó. Đôi khi, từ xa, người ta gửi những người bệnh đến với Thánh Irinarh để xin phước lành; ngài ban phước lành và cùng với đó gửi theo bánh thánh hoặc cây thánh giá, dùng để thánh hóa nước và cho người bệnh uống. Như vậy, vị thánh nhân đã chữa lành cho một người bị quỷ ám từ làng Davydova[994] bằng cách đặt thánh giá của mình lên người anh ta; một người bị quỷ ám khác từ Voshchadinikova[995] đã được chữa lành khi đệ tử Alexander, người có tính khí bốc đồng, đặt dây xích của vị thánh nhân lên người bệnh nhân và dẫn anh ta đến gặp vị thánh nhân cùng bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh. Đối với vị quan tỉnh trưởng bị mất trí tại Tu viện Borisoglebsk, con trai của quý tộc Matfei Tikhmenev, Thánh Irinarkh đã đặt thánh giá của mình lên người ông và buộc ông vào dây xích của mình, đồng thời cử hai chiến binh canh gác; người bệnh đã ở đó suốt cả đêm, và sáng hôm sau, vị tu sĩ già đã sai viên quan đi đến nhà thờ để cầu nguyện; sau thánh lễ, người bệnh trở về trong tình trạng khỏe mạnh, nhưng vị tu sĩ đã ra lệnh cho anh ta phải ăn chay suốt cả tuần, không được ăn thịt, cũng không được uống rượu vang hay bia. Cũng theo cách tương tự, Nikifor, một nông dân đã mất trí tại tu viện, cũng được chữa lành: vị tu sĩ già ra lệnh đặt cây thánh giá của mình lên người anh ta và buộc anh ta vào luống đất bằng xích; một giờ sau, vị tu sĩ già tháo thánh giá và xích ra, rồi ra lệnh cho người bệnh nằm trên chính những sợi xích đó, nơi anh ta đã ngủ suốt cả đêm – và khi thức dậy, anh ta đã hoàn toàn khỏe mạnh.

Nhờ uống hoặc được rảy nước thánh bằng cây thánh giá do Thánh Irinarkh gửi đến, một người con trai của quý tộc tên là Roman đã khỏi bệnh đau đầu, một người vợ nông dân khỏi bệnh về mắt, một phụ nữ bị quỷ ám ở Uglich, và vợ của một thư ký ở Moscow khỏi một căn bệnh nặng nào đó.

Đã đến lúc Đức Thánh Irinarh qua đời. Vị thánh nhân công chính và đầy đau khổ đã gọi các môn đệ của mình lại và nói với họ:

– Hỡi các anh em và những người đồng hành của tôi! Tôi xin các anh em: giờ đây tôi sắp rời bỏ cuộc đời này để về với Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của tôi: hãy cầu nguyện cho tôi cùng Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, để sau khi tôi qua đời, các Thiên Thần nhân từ sẽ đón nhận linh hồn tôi, và để tôi thoát khỏi những cạm bẫy của kẻ thù và những thử thách trên không trung, nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của các anh em, vì tôi là kẻ có tội. Còn các con, các con của ta, sau khi ta qua đời, hãy tiếp tục sống trong chay tịnh và cầu nguyện, trong lao động, trong sự thức trắng và nước mắt, cũng như trong tình yêu thương lẫn nhau mà không than vãn, trong sự vâng lời và tuân phục, vì các con biết điều răn của Đấng Christ về các phúc lành.

Vị Thánh đã nói hết những điều răn này và ban cho các môn đệ của Ngài nhiều lời dạy dỗ khác nữa.

Khi chứng kiến vị Thầy của mình trong những hơi thở cuối cùng, các môn đệ của ngài, Alexander và Cornelius, đã vô cùng xúc động và trong những giọt nước mắt đắng cay, họ kêu lên:

– Ôi vị Mục tử và Thầy lành của chúng con! Giờ đây chúng con đã thấy Ngài trút hơi thở cuối cùng: chúng con sẽ nương tựa vào ai, sẽ được ai dạy dỗ, ai sẽ chăm sóc cho những linh hồn tội lỗi của chúng con? Nhưng chúng con xin ngài, nếu ngài được ân sủng trước mặt Đức Chúa Trời, sau khi ngài rời khỏi cuộc đời này, xin ngài không ngừng cầu nguyện cho chúng con trước mặt Đức Chúa Trời và Đức Mẹ Đồng Trinh, theo ý muốn thánh thiện của ngài, vì ngài biết rõ mọi nỗi đau khổ thầm kín của chúng con.

Thánh nhân Irinarkh đã nói với các môn đệ của mình:

– Thân xác tôi sẽ rời xa các con, nhưng linh hồn tôi sẽ luôn gắn bó với các con.

Và ngài còn nói thêm:

– Nếu ai bắt đầu đàn áp tu viện này của tôi, nơi được Thiên Chúa ban tặng từ trên cao, đã được chuộc lại và xin được từ vị Bề trên và các tu sĩ, thì xin Thiên Chúa và Đức Mẹ Thiên Chúa phán xét họ.

Các tu sĩ trong tu viện cũng có mặt bên cạnh vị sắp ra đi. Sau khi ban sự tha thứ cho các tu sĩ và các môn đệ nhân danh Chúa Kitô, cùng trao nụ hôn cuối cùng, vị thánh nhân bắt đầu cầu nguyện, cầu nguyện rất lâu và lặng lẽ về với Chúa trong sự an nghỉ vĩnh hằng.

---

[994] Làng Davydovo nằm cách Tu viện Borisoglebsky 20 verst theo con đường dẫn đến Uglich.

[995] Làng Voshchadnikovo cách Tu viện Borisoglebsky 10 verst, nằm bên phải con đường dẫn đến Uglich.

Thánh nhân Irinarkh qua đời vào năm 1616, ngày 13 tháng Giêng, vào ngày kỷ niệm các thánh tử đạo Hermila và Stratonika, từ tối thứ Sáu sang sáng thứ Bảy, vào lúc chín giờ đêm. Theo sự ban phước và chỉ thị của Đức Tổng Giám mục Rostov và Yaroslavl Kirill[996] , lễ an táng của tu sĩ Irynarh được cử hành bởi Viện trưởng tu viện Borisoglebsky, Cha Petr, cùng với cha linh hướng của ngài là tu sĩ Tikhon, phó tế Tit và các môn đệ là các tu sĩ cao niên Alexander và Kornilii. Theo di chúc của Thánh Iriнapx, quan tài của ngài được an táng trong hang động do chính ngài chuẩn bị sẵn.

Sau khi vị tu sĩ cao niên Irinarh qua đời, những "tác phẩm" chính trực của ngài vẫn còn lại: một trăm bốn mươi hai cây thánh giá bằng đồng, bảy chiếc dây đeo vai, một sợi xích sắt dài hai mươi sazen mà ngài đeo quanh cổ, những chiếc cùm chân bằng sắt, mười tám chiếc còng bằng đồng và sắt mà ngài đeo trên tay và ngực, những sợi dây buộc mà ngài đeo trên thắt lưng, nặng một pud, một cây gậy sắt mà ngài dùng để khiêm nhường thân thể mình và xua đuổi những con quỷ vô hình[997] . Trong những "công việc" chính trực này, vị tu sĩ cao niên Irinarkh đã sống ba mươi tám năm và bốn tháng, còn khi còn sống trong thế gian thì ông đã sống ba mươi năm; tổng cộng, ông đã sống sáu mươi tám năm và bốn tháng.

Sau khi vị thánh Irinarh qua đời, đã xảy ra nhiều phép lạ tại quan tài của ngài. Người biên soạn tiểu sử, đệ tử của ngài là Alexander, đã ghi chép lại mười ba trường hợp chữa lành kỳ diệu cho các bệnh tật khác nhau, đặc biệt là chứng bị quỷ ám. Người ta thường đặt cây thánh giá mang lại sự sống – biểu tượng cho những công lao của Thánh Irinarh – lên người bệnh nhân, đôi khi là sợi xích của ngài hoặc những vật nặng khác mà ngài từng mang vác. Người ta cũng lấy đất từ mộ ngài và uống nước từ đó. Sau này, vẫn còn xảy ra không ít phép lạ.

Và cho đến ngày nay, không hiếm khi nhiều người đau khổ, trong lúc cầu nguyện dành cho Thánh Irinarh, đeo lên mình những vật nặng còn lại của ngài, tin tưởng vào sức mạnh chữa lành của chúng.

Ngày 27 tháng 1

Ngày 14 tháng 1 (theo lịch cũ)

Lần đầu tiên các vị thánh cha bị hành hạ tại Sinai và Raif

Ngày tưởng niệm 14 tháng 1

Vào ngày 14 tháng 1, người ta tưởng nhớ đến hai lần các tu sĩ bị hành hạ, những người đã tu hành tại các tu viện và hang động trên núi Sinai[998] và tại sa mạc Raife ven biển giáp với Sinai. Lần hành hạ đầu tiên diễn ra vào thế kỷ thứ tư. Sự kiện này được mô tả bởi Ammonius, một tu sĩ Ai Cập, người đã tận mắt chứng kiến sự việc. Ammonius kể lại sự việc như sau:

"Một lần nọ, khi tôi đang ngồi trong căn phòng khiêm tốn của mình, tại vùng Alexandria, ở một nơi gọi là Kanovo, tôi nảy ra ý định đi đến Palestine. Tôi không thể bình thản chứng kiến cảnh các Kitô hữu phải chịu đựng những đau khổ vô tận dưới tay những kẻ hành hạ vô đạo, và vị Thánh Cha của chúng ta, Đức Thượng Phụ Phêrô,

---

[996] Kirill IV được nhắc đến với tư cách là tổng giám mục Rostov vào thời điểm Sa hoàng Boris Godunov qua đời; ông bị Dimitri giả tước bỏ chức vụ; khi người kế nhiệm ông là Filaret, sau này trở thành tổng giám mục, bị bắt làm tù binh, người dân Rostov lại mời Kirill trở lại, và ông tiếp tục đảm nhiệm chức vụ này cho đến khi qua đời vào năm 1616.

[997] Phần lớn các sợi xích sắt và các vật nặng khác mà vị tu sĩ Irinarkh từng mang trên người, cho đến nay vẫn được lưu giữ tại Tu viện Borisoglebsk – một phần trong khuôn viên nhà thờ, nơi đặt quan tài của vị thánh, một phần trong một công trình gỗ riêng biệt tại vị trí cũ của phòng tu của ngài. Mô tả chi tiết và hình ảnh của những vật phẩm này có thể xem trong ấn phẩm đã đề cập ở trên của Đức Tổng Giám mục Amphilochius. Năm 1878, với sự ban phước của Đức Tổng Giám mục Nil của Yaroslavl và Rostov, một phần các sợi xích và các vật phẩm khác từ "các tác phẩm" của Thánh Irinarh đã được chuyển đến nhà thờ tại làng quê của ngài là Kondakov theo yêu cầu của người dân làng. Xem thêm về vấn đề này trong cuốn sách của N. N. Korsunsky đã được đề cập ở trên.

[998] Núi Sinai nằm ở trung tâm bán đảo Sinai; nó thực chất là một nhóm núi, bao gồm các vách đá granit, được cắt ngang và bao quanh bởi những thung lũng dốc đứng và gồ ghề; người Ả Rập ngày nay gọi nó là núi "Tur" hoặc "Jebel Tur-Sina". Trong Cựu Ước, tại núi Sinai, dân Y-sơ-ra-ên đã lập giao ước với Đức Chúa Trời và nhận được các điều răn của luật pháp từ Ngài (Xuất Ê-díp-tô Ký 20). Vào thế kỷ IV và V sau Công nguyên, núi Sinai nổi tiếng với số lượng lớn các tu sĩ ẩn tu Kitô giáo, những người sống trong các khe núi và hang động trên đó.

buộc phải lang thang từ nơi này sang nơi khác và ẩn náu, không thể vững vàng chăn dắt đoàn chiên của mình. Đồng thời, tôi mong muốn được viếng thăm các thánh địa tại Giê-ru-sa-lem, nơi mà Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta đã từng đi qua, khi Ngài thực hiện mầu nhiệm của sự quan phòng dành cho chúng ta. Khi đến đó, tôi vô cùng hân hoan trước mọi việc kỳ diệu của Thiên Chúa và nhiệt thành tạ ơn Chúa nhân từ, vì Ngài đã ban ân cho tôi được viếng thăm các thánh địa. Sau đó, tôi cùng một số tu sĩ lên sa mạc và, nhờ ơn Chúa, sau mười tám ngày đã đến được núi Sinai và viếng thăm các thánh địa tại đó. Trong thời gian ở đó, tôi tận hưởng sự giao lưu và những cuộc trò chuyện với các vị cha trên núi Sinai, những người giống như các thiên thần, và hàng ngày, vì lợi ích tâm linh của mình, tôi đến thăm phòng tu của từng vị. Họ tuân theo một quy tắc như sau: suốt ngày, họ ngồi im lặng trong phòng tu của mình; đến tối thứ Bảy, khi ngày Chúa Nhật bắt đầu, tất cả đều tụ họp tại nhà thờ và cùng nhau cử hành lễ canh thức suốt đêm; sau khi rước lễ vào buổi sáng trong Thánh lễ Thánh Thể bất tử của Chúa Kitô, mỗi người lại trở về phòng tu của mình. Dáng vẻ của họ giống như các Thiên thần: do sự kiêng khem nghiêm ngặt và việc thức trắng liên tục, thân thể họ đã kiệt quệ, và họ sống như những vị vô hình – không ăn bất cứ thứ gì có thể khơi dậy và nuôi dưỡng những dục vọng. Họ hoàn toàn không uống rượu, không dùng dầu, cũng không ăn bánh mì, mà chỉ hài lòng với một lượng nhỏ quả chà là hoặc quả sồi, và chỉ nhờ đó mà duy trì sự sống. Tuy nhiên, thỉnh thoảng vị tu viện trưởng cũng có bánh mì dành cho những người lữ hành.

Vài ngày sau đó, vùng đất này bất ngờ bị tấn công bởi một đám đông những kẻ man rợ, được gọi là người Vlemmians[999] . Chúng đã đánh đập tàn nhẫn tất cả các vị tu sĩ mà chúng tìm thấy trong vùng lân cận. Chúng tôi, những người sống gần tháp canh[1000] , đã hoảng hốt và lo lắng; chúng tôi vội vã tập trung tại một nơi kiên cố, cùng với vị cha bề trên thánh thiện của chúng tôi, tên là Dula – vì ngài thực sự là tôi tớ của Chúa Kitô, nổi bật giữa mọi người bởi sự kiên nhẫn và hiền lành đặc biệt, nên một số người còn gọi ngài là Mô-sê. Những kẻ man rợ nói trên đã đánh đập tất cả các vị cha sống tại Hori[1001] , tại Tefrovil; chúng đã giết hại nhiều vị thánh tại Kidar, đồng thời tàn phá các vùng lân cận khác của núi Sinai. Chúng tiến đến chỗ chúng tôi và, không gặp bất kỳ sự kháng cự nào, suýt nữa đã tiêu diệt chúng tôi. Nhưng Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, Đấng ban sự giúp đỡ cho những ai kêu cầu Ngài bằng cả trái tim, đã giáng xuống đỉnh núi một ngọn lửa vĩ đại, và chúng tôi thấy cả ngọn núi được bao phủ bởi khói, và từ đó bốc lên ngọn lửa vươn cao tới trời. Khi chứng kiến cảnh đó, chúng tôi run rẩy và suýt chết vì sợ hãi. Chúng tôi quỳ sấp xuống đất, cầu nguyện cùng Chúa để tai họa đang đe dọa chúng tôi được qua đi. Sự kinh hoàng ập đến với bọn man rợ khi chúng nhìn thấy ngọn lửa, và chúng lập tức bỏ chạy, thậm chí có kẻ còn vứt bỏ vũ khí và bỏ lại lạc đà, vì cảnh tượng ngọn lửa khủng khiếp ấy đối với chúng là điều hoàn toàn không thể chịu đựng nổi. Còn chúng tôi thì tạ ơn và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng không bao giờ bỏ rơi những ai tìm đến Ngài cho đến cùng. Sau đó, chúng tôi xuống khỏi bệ thờ và tìm thấy ba mươi tám vị cha đã bị giết bằng gươm ở nhiều nơi khác nhau, mỗi vị đều bị giết ngay tại chỗ mà họ bị bắt. Trên thi thể họ có vô số vết thương khác nhau – và ai có thể miêu tả được cảnh chết vì tử đạo của họ? Hai người trong số họ, Isaia và Savva, vẫn còn sống, nhưng bị thương rất nặng và thở thoi thóp. Chúng tôi ngay lập tức, trong nước mắt tuôn trào, đã chôn cất các vị cha đã bị giết và chăm sóc những người còn sống. Và ai lại có thể tàn nhẫn và vô nhân đạo đến mức không khóc than thảm thiết cho biết bao vị cha như vậy – những người đàn ông công chính và thánh thiện, đang nằm ngổn ngang trên mặt đất một cách thảm thương? Một người bị chặt đứt đầu hoàn toàn, một người khác đầu chỉ còn dính vào da ở một bên; một người bị chém làm đôi, người khác bị chặt đứt tay chân, một người bị móc mắt, người khác lại bị rạch làm đôi từ đầu đến chân. Và ai có thể mô tả chi tiết tất cả những gì chúng tôi đã chứng kiến khi thu dọn và chôn cất thi thể các thánh nhân? Hai anh em còn sống nằm đó, đang chịu đựng những đau đớn tột cùng. Một trong số họ, tên là Isaia, đã qua đời vào giờ thứ hai của đêm, còn người kia – Savva – vẫn còn sống, và có hy vọng anh sẽ bình phục, vì vết thương của anh không quá nặng. Anh tạ ơn Chúa vì những đau khổ của mình, nhưng lại buồn bã vì không được vinh dự chết cùng với các vị thánh cha, và anh khóc lóc nói rằng:

---

[999] Người Vlemmians – tức là người Bedouin ngày nay, một bộ tộc cướp bóc người Libya, từng sinh sống ở phía nam và phía tây Ai Cập; ngay cả các hoàng đế La Mã cũng e ngại những kẻ man rợ này, đến nỗi Diocletian đã phải dùng tiền bạc và nhượng đất để mua chuộc họ.

[1000] Pyrg – từ tiếng Hy Lạp, nghĩa là pháo đài, tháp canh; đây là tên gọi của những điểm canh gác được củng cố trong các tu viện.

[1001] Hô-rív – ngọn núi ở sa mạc Ả Rập, là phần cao nguyên phía tây của cùng một dãy núi, phần phía đông của dãy núi này là núi Si-nai. Chính tại đây, Đức Chúa Trời đã hiện ra với Môi-se trong bụi gai đang bốc cháy mà không bị thiêu rụi (Xuất Ê-díp-tô Ký 3). Gần ngọn núi này còn có Kê-đar và Tê-phro-vít được đề cập ở đây.

– Khốn cho tôi, kẻ tội lỗi! Khốn cho tôi, kẻ không được kể vào số các vị thánh tổ, những người đã chịu khổ và chết vì Chúa Kitô! Khốn cho tôi, kẻ tôi tớ vô dụng, bị từ chối vào giờ thứ mười một (xem Mt 20,6), người đã đứng ngay ngưỡng cửa Nước Trời cứu độ của Chúa Kitô, nhưng lại không được vào đó!

Với những giọt nước mắt, ông cầu nguyện cùng Thiên Chúa và thưa rằng:

– Lạy Thiên Chúa Toàn Năng, Đấng đã sai Con Một của Ngài xuống để cứu độ loài người, Đấng Yêu Thương Loài Người duy nhất và nhân từ, xin đừng tách rời con khỏi các vị thánh tổ đã qua đời trước đây, nhưng xin cho số lượng bốn mươi của họ được hoàn tất nhờ con! Xin hãy chấp nhận điều này, lạy Chúa Giêsu Kitô, vì từ khi mới sinh ra, con đã là môn đệ của Ngài và chỉ yêu mến một mình Ngài mà thôi!

Trong lúc đang cầu nguyện như vậy, vào ngày thứ tư sau khi các vị thánh tổ phụ bị đánh đập, ông đã trút hơi thở cuối cùng vào tay Chúa.

Khi chúng tôi vẫn còn đang than khóc và thương tiếc, có một người Izmail[1002] đến gặp chúng tôi và báo tin rằng tất cả các vị tu sĩ sống trong sa mạc nội địa, được gọi là Raifa[1003] , đã bị bọn man rợ giết hại. Sa mạc này, cách chúng tôi hơn hai ngày đường, nằm ở vùng ven biển, dọc theo bờ Biển Đen . Ở đó có mười hai suối nước và, như được ghi trong Sách Số (Số 33:9), bảy mươi cây cọ, số lượng sau này đã tăng lên rất nhiều. Chúng tôi đã hỏi người này về hoàn cảnh cụ thể cũng như số lượng các vị tu sĩ bị đánh đập, nhưng ông ta không thể kể gì thêm cho chúng tôi về điều đó, bởi chính ông ta cũng chỉ nghe từ người khác rằng tất cả các vị tu sĩ sống tại Raif – từ người lớn tuổi nhất đến người trẻ nhất – đều bị đánh đập không chừa một ai. Vài giờ sau, một người khác cũng xác nhận tin tức này với chúng tôi. Và vài ngày sau, một tu sĩ địa phương đã đến định cư trên Núi Sinai. Khi biết tin về ông, vị tu viện trưởng Núi Sinai, cha Dula, bắt đầu hỏi han kỹ lưỡng, mong muốn tìm hiểu chi tiết về tất cả những gì đã xảy ra với các vị thánh cha, cũng như cách thức mà chính ông đã thoát thân được. Lúc đó, vị tu sĩ kể lại như sau:

– Thưa các cha, con đã sống với họ một thời gian ngắn – chỉ khoảng hai mươi năm – nhưng ở đó cũng có những người đã sống rất lâu: có người bốn mươi năm, có người sáu mươi năm, và có người thậm chí bảy mươi năm. Khu vực này rất bằng phẳng và rộng lớn; chiều dài của nó trải dài bảy mươi po, phía đông được ngăn cách bởi một ngọn núi – như một bức tường vậy – cho đến tận Biển Đen[1004] . Ở đó có nhiều người ẩn dật, những người, theo lời của các Tông đồ (Hê-bơ-rơ 11:38), lang thang khắp các sa mạc và núi non, trong các hang động và khe núi trên đất. Dưới chân ngọn núi có một nhà thờ, nơi những người đàn ông thực sự thuộc về thiên đàng này tụ họp hàng tuần. Sống trên trần gian, họ giống các Thiên thần cả về tâm hồn lẫn lối sống. Họ làm kiệt sức thân xác mình – như thể đó không phải là thân xác của họ, mà là của người khác; còn tâm hồn thì họ trang điểm không chỉ bằng một đức tính nào đó, mà bằng rất nhiều đức tính. Với mong muốn miêu tả những đau khổ và cái chết của họ, nói chung là tất cả những cám dỗ mà ma quỷ gây ra cho họ, tôi không thể, hỡi những người thân yêu, kể lại theo thứ tự về tất cả các đức tính của họ. Nhưng tôi sẽ kể cho các bạn nghe về một hoặc hai vị cha, và điều đó sẽ đủ để các bạn có thể hình dung về cuộc đời và tất cả những người còn lại.

Trong số họ có một vị tu sĩ già tên là Mô-sê. Ông sinh ra ở xứ Pharan lân cận[1005] , và từ thuở thiếu thời đã yêu mến đời sống tu hành. Ông từng là vị trụ trì của các vị tu sĩ sống ở đó trước đây, và đã sống đời tu hành suốt bảy mươi ba năm. Sống trong một hang động gần tu viện, ông thực sự là một Ê-li người Tê-sê-vi thứ hai[1006] , vì Chúa ban cho ông mọi điều ông xin nơi Ngài. Bằng những dấu lạ kỳ diệu và việc chữa lành mọi bệnh tật, ngài đã dẫn dắt tất cả cư dân trong vùng Pharan, cũng như những người Izmail sống tại vùng đất này, trở lại với đạo Kitô. Khi chứng kiến những phép lạ và những phép chữa lành do Mô-sê thực hiện, mọi người đều tràn đầy đức tin vào Đấng Christ và, sau khi nhận phép rửa, họ gia nhập Giáo Hội thánh của Đấng Christ. Vị thánh phụ này cũng đã chữa lành rất nhiều người bị quỷ ám, bởi vì, nhờ ân sủng của Đấng Christ, ngài có quyền năng trên cả ma quỷ.

[1002] Dân Ismael – hậu duệ của Ismael, con trai của tổ phụ Áp-ra-ham.

[1003] Raifa – một địa điểm gần Pharan trên bờ đông Biển Đỏ, cách núi Sinai hai ngày đường.

[1004] Biển Đỏ, hay còn gọi là Biển Đỏ, là một eo biển dài và hẹp thuộc Biển Ấn Độ, ngăn cách Bán đảo Ả Rập với Ai Cập và châu Á với châu Phi.

[1005] Faran – là sa mạc và vùng đất núi non nằm giữa Palestine, Ai Cập, Idumea và bán đảo Sinai. Tại núi Faran, Đức Chúa Trời đã hiện ra trong Thánh Linh, ngự xuống trên 70 trưởng lão của Y-sơ-ra-ên (Số 9:10–30); cũng chính tại đây, Đa-vít đã ẩn náu.

[1006] Ê-li người Fesvi – vị tiên tri vĩ đại nhất trong Cựu Ước, quê quán tại thành phố Fesvi thuộc xứ Ga-li-lê – trong chi phái Nê-phali, là người sùng kính Đức Chúa Trời Chân Thật một cách nhiệt thành và là người lên án mạnh mẽ sự gian ác và sự thờ lạy thần tượng vào thời A-háp và I-ê-za-vel, nổi tiếng nhờ nhiều phép lạ. Ngài đã được vinh dự trò chuyện với Đức Chúa Trời trên núi Hô-ri-vê (3 Vua 19); sau khi vượt qua sông Giô-đanh một cách kỳ diệu, ngài được rước lên trời còn sống trên cỗ xe lửa, đồng thời truyền lại ân sủng và ân tứ làm phép lạ cho người kế vị là Ê-li-sê.

Ngay từ những ngày đầu của cuộc đời tu hành, ngài chưa từng nếm miếng bánh mì nào, dù ngài có một lượng nhỏ dành cho những người lữ hành; số bánh mì đó do những người Ai Cập đến thăm ngài mang lại. Riêng ngài chỉ ăn vài quả chà là và uống nước lọc; từ chính cây chà là đó, ngài còn tự may quần áo cho mình; ông dành thời gian trong sự im lặng nghiêm ngặt – hơn bất kỳ ai khác – chỉ phá vỡ sự im lặng đó khi có người đến với ông để xưng tội về những suy nghĩ của họ; ông tiếp đón họ với sự chú tâm và hiền lành. Ông ngủ rất ít, và chỉ ngủ sau thánh lễ buổi sáng, còn cả đêm thì thức trắng. Trong suốt Mùa Chay, cho đến tận Thứ Năm Tuần Thánh, ngài không nói chuyện với ai cả. Trong suốt thời gian đó, thức ăn của ngài chỉ gồm khoảng hai mươi quả chà là, nước uống là một cốc nước, và theo lời chứng của đệ tử ngài, lượng đó thường đủ cho ngài cho đến tận Lễ Phục Sinh[1007] . Một lần trong Mùa Chay, người ta dẫn Vedian – thủ lĩnh của một bộ tộc Ethiopia, người đang bị quỷ ám – đến gặp ngài để được chữa lành. Khi họ đến gần phòng tu của vị tu sĩ già cách đó một khoảng bằng chiều dài một sân thi đấu, con quỷ đã quật ngã Vedian xuống đất và bắt đầu kêu lên:

– Khốn khổ cho ta! Họ đang dẫn ta đến với ai vậy! Ta không thể cám dỗ và dụ dỗ người này dù chỉ một phút!

Sau những lời đó, nó rời khỏi thân thể Vedian và người này lập tức được chữa lành, tin nhận Chúa Kitô cùng với nhiều người khác, rồi sau đó được ban phép rửa tội thánh. Thật ra còn nhiều điều khác về vị thánh nhân này đáng lẽ phải kể cho các bạn nghe, nhưng vì thiếu thời gian nên đành phải im lặng. Ông đã qua đời dưới tay những kẻ man rợ tấn công chúng tôi.

Vị cha đáng kính và thánh thiện này có một môn đệ cùng tên với ngài, cũng tên là Mô-sê. Xuất thân từ vùng đất Thi-ba-id[1008] , ông đã sống bên cạnh ngài trong sự thinh lặng suốt bốn mươi sáu năm, không hề vi phạm bất kỳ quy tắc nào của cha mình, và trở thành tấm gương cho các tu sĩ trẻ khác. Ban đầu tôi cũng sống cùng với ngài, nhưng sau đó, vì lối sống kiêng khem đến mức cực đoan của ngài, tôi đã tách ra khỏi ngài. Cùng với các vị thánh cha, ngài cũng đã bị sát hại. Sẽ rất hữu ích nếu chúng ta nhớ lại và kể về cuộc đời cùng những đức tính của từng vị cha này. Tuy nhiên, do thời gian có hạn, tôi sẽ không đề cập đến những người khác mà chỉ nói về một vị thánh nhân nữa mà thôi.

Trong số họ có một vị cha tên là Giuse, quê ở Analitin. Sống cách biển hai dặm, ngài đã tự tay xây dựng nơi ở cho mình; ngài là người có đời sống thánh thiện và thực sự là một người khôn ngoan và đức hạnh. Ngài đã ở nơi đó khoảng ba mươi năm; đệ tử của ông không sống cùng ông, nhưng ở không xa ông trong một căn phòng khác. Một lần nọ, một trong những anh em đã đến gặp vị thánh Giuse này để xin lời dạy dỗ. Anh ta gõ cửa, nhưng không nghe thấy tiếng trả lời, nên nhìn qua ô cửa sổ nhỏ và thấy vị tu sĩ già đang đứng giữa căn phòng, dường như bốc cháy từ đầu đến chân. Anh ta ngã quỵ vì sợ hãi và nằm bất động, như người chết, suốt hai giờ đồng hồ. Khi tỉnh táo lại, anh ta ngồi xuống bên cửa phòng tu. Vị tu sĩ già đang đắm chìm trong suy ngẫm về Thiên Chúa nên không hay biết chuyện vừa xảy ra. Đến năm giờ, vị tu sĩ đó lại gõ cửa. Vị tu sĩ già mở cửa cho anh ta vào và hỏi:

– Con đến từ lúc nào, con trai?

– Khoảng bốn giờ hoặc hơn, – anh ta đáp, – đã trôi qua kể từ khi con đến, nhưng con chưa gõ cửa cho đến giờ để không làm phiền cha.

Vị tu sĩ thánh thiện đoán ra rằng vị tu sĩ kia biết chuyện đã xảy ra với mình; ngài không nói gì với anh ta về điều đó và, sau khi ban cho anh ta lời khuyên răn có ích cho tâm hồn, ngài đã tiễn anh ta ra về trong bình an. Nhưng sau khi vị tu sĩ kia ra đi, vị tu sĩ vĩ đại, vì e ngại danh vọng trần thế, đã rời khỏi phòng tu của mình và ẩn mình đi. Vài ngày sau, môn đệ của ngài là Gelasius, khi đến phòng tu của vị tu sĩ, đã không còn thấy ngài ở đó nữa. Dù sau đó anh ta có tìm kiếm ngài khắp sa mạc đến đâu, mọi nỗ lực đều vô ích. Với những giọt nước mắt đắng cay, anh ta trở về phòng tu của vị tu sĩ và ở lại đó, hy vọng ít nhất cũng tìm được sự an ủi cho tâm hồn mình.

Sáu năm trôi qua, và rồi một ngày nọ, vào lúc chín giờ sáng, có ai đó gõ cửa phòng tu. Bước ra, Gelasius bỗng thấy vị sư phụ của mình đang đứng gần phòng tu. Ngạc nhiên trước sự xuất hiện bất ngờ của ngài, anh tự hỏi liệu đó có phải là một linh hồn hay không, nhưng vẫn vui mừng nói với ngài:

– Xin cha hãy dâng lời cầu nguyện.

[1007] Tức là cho đến Thánh Lễ Sáng của Thứ Sáu Tuần Thánh, khi người ta tưởng niệm các cuộc khổ nạn, tức là những đau khổ của Chúa Kitô.

[1008] Phivaida – vùng đất của thành phố Thebes nổi tiếng từ thời cổ đại của Ai Cập; tên gọi này cũng được dùng để chỉ toàn bộ Ai Cập Thượng (Miền Nam), theo tên thành phố chính.

Vị tu sĩ già đã cầu nguyện, hôn lên má đệ tử rồi nói với anh:

– Con đã làm rất đúng, con trai của cha, khi trước tiên xin cha cầu nguyện, vì mưu mô của ma quỷ rất đa dạng.

Anh em nói với ông:

– Tại sao cha lại muốn rời xa các vị cha và bỏ lại con, con trai của cha, – khiến con phải sống trong đau khổ và nước mắt cho đến tận bây giờ?

– Con ơi! – vị tu sĩ già đáp – Lý do tại sao ta ra đi, chỉ có một mình Đức Chúa Trời mới biết. Tuy nhiên, con hãy biết rằng thực ra cho đến tận lúc này, ta chưa bao giờ rời khỏi nơi này hay rời xa con, và không có một tuần nào mà ta không rước lễ trong nhà thờ, cùng với các vị cha, Thánh Thể bất tử của Đức Chúa Trời, Chúa của chúng ta.

Anh em rất ngạc nhiên khi biết vị tu sĩ già đã sống giữa họ mà không ai nhìn thấy ông.

– Vậy tại sao bây giờ cha lại đến gặp con, đứa con của cha? – anh ta hỏi.

Vị tu sĩ già đáp:

– Con ơi, giờ đây đã đến lúc cha phải ra đi, và cha đã đến để con chôn cất cha.

Sau khi truyền lại cho anh em nhiều lời dạy bổ ích cho tâm hồn và củng cố lòng đạo đức của anh, vị tu sĩ già giơ hai tay lên trời, cầu nguyện cho anh và sau đó an nghỉ trong Chúa. Ngay sau khi anh em kể lại chuyện này cho chúng tôi, chúng tôi đã tập hợp lại, tay cầm cành cọ, và trong tiếng hát thánh ca, chúng tôi rước thi hài ngài vào nhà thờ; khuôn mặt của người đã an nghỉ tỏa sáng, giống như xưa kia – nơi nhà tiên tri Mô-sê (Xuất Hành 34:29–30, 35). Chúng tôi đã an táng ngài cùng với các thánh và các vị Cha Thánh đã qua đời trước đó. Tôi còn có thể kể cho các bạn nghe nhiều điều khác nữa, nhưng tôi sẽ không làm vậy, vì đã đến lúc phải bắt đầu kể về bọn man rợ: tôi thấy các bạn muốn biết chúng đã giết hại các vị Cha Thánh như thế nào.

Các vị tổ phụ phúc lành ấy thật là đạo đức, dù sống trong cảnh nghèo khó tột cùng, họ vẫn kiên cường chịu đựng mọi đau khổ vì Chúa và không ngừng cầu nguyện và suy gẫm về Thiên Chúa. Tất cả chúng tôi có bốn mươi ba người sống ở đó. Rồi một ngày nọ, có hai người lạ mặt đến và báo tin rằng từ xứ Ê-thi-ô-pi, một đoàn man di đông đảo đã vượt biển đến bằng thuyền.

– "Họ đã bắt giữ chúng tôi khi chúng tôi đang chèo thuyền," những người đến báo tin nói, "rồi bắt làm tù binh và ra lệnh: 'Hãy chỉ đường đến thành phố cho chúng tôi, và chúng tôi sẽ tha mạng cho các ngươi.' Chúng tôi, dù không muốn, cũng phải hứa, nhưng trong lòng vẫn chờ đợi xem liệu gió nam có thổi lên không để chúng tôi có thể trốn thoát khỏi tay họ." Nhờ ơn Chúa, ban đêm chúng tôi đã trốn thoát khỏi tay chúng bằng thuyền. Và giờ đây chúng tôi cảnh báo các bạn hãy cẩn trọng trong một thời gian – kẻo bọn man rợ này phát hiện ra nơi ẩn náu của các bạn và tàn sát các bạn; chúng có tới ba trăm người.

Khi biết tin này, chúng tôi đã bố trí những người canh gác bên bờ biển để họ báo cho chúng tôi biết khi nhìn thấy con tàu. Còn chúng tôi thì tập trung lại để cử hành thánh lễ suốt đêm và cầu nguyện xin Chúa ban cho chúng tôi những điều có lợi cho linh hồn chúng tôi.

Vào giờ đầu tiên của đêm, một con tàu với những cánh buồm căng phồng đã xuất hiện, đang hướng về phía chúng tôi. Những giáo dân sống ở Pharan đã chuẩn bị sẵn sàng cho trận chiến để bảo vệ vợ con của họ. Họ có hai trăm người, chưa kể phụ nữ và trẻ em. Còn chúng tôi thì tụ họp tại nhà thờ của mình, nơi được bao quanh bởi hàng rào. Con tàu chở bọn man rợ, dưới sự điều khiển của các thuyền trưởng, đã cập bến và neo đậu suốt đêm bên bờ phía tây, ẩn mình sau ngọn núi, gần các suối nước. Khi bình minh ló rạng, bọn man di trói các thuyền trưởng lại rồi đuổi họ đi, chỉ để lại một người trên tàu; và để ngăn không cho người này lái tàu bỏ trốn, chúng cử một đồng bọn ở lại canh chừng. Sau khi đổ bộ xuống khu vực các suối nước, chúng giao chiến với dân địa phương, và cả hai bên đều bắn ra vô số mũi tên. Những kẻ man rợ, do có kinh nghiệm bắn cung hơn, đã chiến thắng và khiến dân làng phải tháo chạy, giết chết 147 người trong số họ; những người còn lại thì chạy trốn – ai chạy đâu được thì chạy, trong khi những kẻ man rợ vô đạo đức đã bắt giữ vợ con của họ làm tù binh. Sau đó, chúng lao vào hàng rào của chúng tôi – như đã đề cập ở trên – như những con thú hoang, hy vọng tìm thấy nhiều vàng ở đó. Bao vây các bức tường hàng rào, chúng bắt đầu chửi rủa chúng tôi ầm ĩ, nhằm hù dọa bằng những tiếng la hét dữ dội. Giữa cơn hoạn nạn và đau khổ ấy, chúng tôi không biết phải làm gì – chỉ biết khóc lóc và kêu cầu Chúa. Một số người trong chúng tôi chịu đựng nỗi đau này một cách dũng cảm, một số khác khóc lóc, còn một số thì cầu nguyện và tạ ơn Chúa; nhưng tất cả cùng nhau, an ủi lẫn nhau, đồng thanh kêu lên:

– Lạy Chúa, xin thương xót!

Vị Bề trên của chúng tôi, Thánh Phaolô, đứng giữa nhà thờ và nói với chúng tôi:

– Hỡi các cha và anh em! Hãy lắng nghe tôi, kẻ tội lỗi và bất xứng nhất trong tất cả mọi người. Tất cả các bạn đều biết rõ rằng, vì tình yêu dành cho Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, chúng ta đã rời xa thế gian phù du này và, khi sống trong sa mạc khắc nghiệt này, đã được vinh dự mang lấy ách lành của Ngài trong cảnh đói khát và nghèo khó tột cùng. Chúng ta đã khinh bỉ mọi sự phù phiếm trần gian để được tham dự vào Nước Trời của Ngài, và chúng ta không mong muốn điều gì khác ngoài việc cái chết đến với chúng ta ngay lúc này. Vậy tại sao chúng ta lại phải chìm đắm trong buồn phiền và than khóc, nếu Chúa của chúng ta muốn sớm giải thoát chúng ta khỏi cuộc sống phù phiếm này và đưa chúng ta về với Ngài? Chẳng phải chúng ta nên vui mừng sao, ngược lại? Chúng ta phải vui mừng và tạ ơn Chúa, chứ tuyệt đối không được nản lòng! Còn điều gì có thể ngọt ngào và đáng yêu hơn đối với chúng ta, ngoài việc chiêm ngưỡng vinh quang của Chúa và được nhìn thấy Dung nhan Thánh thiêng của Ngài? Các vị Cha và anh em thân mến! Hãy nhớ lại, chúng ta đã luôn tôn vinh và ca ngợi các thánh tử đạo đã sống trước chúng ta như thế nào, và khi kể cho nhau nghe về những đau khổ của họ vì danh Chúa Kitô, lòng chúng ta đã bừng cháy khao khát được noi gương họ. Này, cuối cùng thì thời khắc đã đến, và khát vọng của chúng ta – được ở cùng các ngài trong cuộc sống mai sau – đang trở thành hiện thực. Vì vậy, đừng nản lòng, đừng buồn rầu và đừng sợ hãi, nhưng hãy tập trung hết sức lực và lấy lại tinh thần, hãy đón nhận cái chết với sự kiên định, và Đức Chúa Trời sẽ đón nhận các anh em vào Nước Trời của Ngài với tình yêu thương.

Các tu sĩ đồng thanh đáp lại:

– Như cha đã nói, thưa cha đáng kính, chúng con sẽ làm như vậy, vì *"chúng ta sẽ đền đáp Chúa* thế nào *cho mọi ân huệ Ngài đã ban cho chúng ta? Chúng ta sẽ nhận lấy chén cứu rỗi và kêu cầu danh Chúa"* (xem Tv 115:3–4).

Quay mặt về hướng đông và giơ tay lên trời, vị thánh cha của chúng ta đã cất tiếng:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa Toàn Năng, niềm hy vọng và sự trợ giúp của chúng con! Xin đừng quên chúng con, những tôi tớ bất xứng của Ngài, nhưng xin hãy nhớ đến hoạn nạn và nỗi đau buồn của chúng con, vì tâm hồn chúng con đang vô cùng đau khổ. Xin củng cố chúng con trong giờ phút hoạn nạn này, xin hãy nhận lấy linh hồn chúng con với lòng hài lòng, như một của lễ đẹp lòng, vì vinh quang và danh dự thuộc về Ngài, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời.

Và ngay khi mọi người vừa kịp nói: "A-men", thì ngay lập tức từ bàn thờ thánh, một tiếng nói vang lên cho tất cả mọi người nghe thấy:

– *"Hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, hãy đến với Ta, Ta sẽ cho các ngươi được an nghỉ"* (Mt 11,28).

Sự sợ hãi và kinh hoàng ập đến với chúng tôi trước tiếng nói ấy, đầu gối và trái tim ai nấy đều run rẩy, bởi dù tinh thần có tỉnh táo, như Chúa đã phán (Mt 26:41), nhưng xác thịt thì yếu đuối; đến nỗi chúng tôi đã tuyệt vọng về cuộc đời mình và chỉ còn ngước mặt lên trời. Trong khi đó, bọn man rợ, không gặp bất kỳ sự kháng cự nào, đã trèo qua tường rào của chúng tôi bằng những khúc gỗ dài. Mở cửa ra, chúng xông vào bên trong với những thanh gươm trần trong tay, giống như những con sói hoang và những con thú săn mồi. Tại cửa nhà thờ, có một vị thánh, trông rất trang nghiêm, một vị lão niên tên là Giê-rê-mi. Bắt lấy ông, chúng bắt đầu đòi hỏi:

– Hãy chỉ cho chúng tôi người đứng đầu của các ngươi!

Vị tu sĩ già, không hề nao núng trước những gương mặt hung tợn và những thanh kiếm trần trong tay chúng, nhìn thẳng vào chúng và nói:

– Các ngươi dọa nạt ta làm gì, hỡi những kẻ thù của Chúa Kitô? Ta sẽ không nói với các ngươi điều gì về những gì các ngươi đang hỏi ta.

Vị tu viện trưởng cũng đang đứng gần đó. Bọn man rợ ngạc nhiên trước sự dũng cảm của người đàn ông này – rằng ông không những không sợ chúng, mà còn khiến chúng càng thêm tức giận. Sự ngạc nhiên của chúng sau đó chuyển thành cơn thịnh nộ. Chúng trói tay chân ông, đặt ông trần truồng giữa đám đông, rồi bắt đầu bắn tên vào ông. Toàn thân vị thánh nhân bị thương đầy những vết tên. Bằng cách đó, ngài đã dũng cảm chống lại ma quỷ và đập tan đầu con rắn, ngài là người đầu tiên được ban vương miện tử đạo và trở thành tấm gương chịu khổ cho cả người già lẫn người trẻ.

Ngay sau đó, Thánh Phaolô, vị cha thánh của chúng ta, bước ra trước mặt bọn man rợ và, chỉ tay vào chính mình, ngài kêu lên:

– Đây, chính là người mà các ngươi đang tìm kiếm!

Và người tôi tớ dũng cảm của Chúa Kitô đã không sợ hãi mà tự nguyện giao mình cho kẻ thù. Ông không hề bận tâm đến những vết thương và cực hình mà bọn vô đạo sẽ gây ra cho ông trước khi giết chết ông.

– Hãy nói cho chúng tôi biết, – vàng của ngươi giấu ở đâu? – họ hỏi.

Anh ta trả lời họ một cách nhẹ nhàng và hiền lành, như cách anh ta vẫn thường nói:

– Hãy tin tôi, suốt cuộc đời mình, tôi chưa từng sở hữu bất cứ thứ gì trên trần gian này, ngoài những bộ quần áo cũ nát mà các ngươi đang thấy trên người tôi.

Nói xong, ông cầm những bộ quần áo lên và chỉ cho họ xem.

Lúc đó, bọn man rợ bắn tên đâm đầy khắp thân thể ông và dùng đá đập vỡ đầu ông, vừa la hét: "Hãy giao nộp của cải của ngươi ra!" Không đạt được gì, sau những cuộc tra tấn kéo dài, chúng chém đôi đầu ông, khiến hai nửa đầu treo lủng lẳng trên vai, một bên này, một bên kia. Sau khi chịu vô số vết thương khác, ngài nằm chết dưới chân vị cha đã bị giết trước đó – người chiến thắng ma quỷ thứ hai sau ngài. Còn tôi, kẻ không xứng đáng, khi chứng kiến cái chết đau đớn của các thánh, máu của họ và những thi thể nằm rải rác trên mặt đất, đã hoảng sợ và bắt đầu tìm chỗ ẩn náu để rồi sau đó trốn thoát. Thấy bên trái nhà thờ có những cành cây chà là nằm rải rác, tôi chạy đến đó và, trong lúc bọn man rợ đang bận rộn tra tấn vị thánh cha của chúng ta là Phaolô, tôi đã kịp trốn dưới đó. Lúc đó, tôi nghĩ rằng chắc chắn một trong hai điều sẽ xảy ra với tôi: hoặc tôi sẽ ẩn náu ở đây và thoát khỏi cái chết, hoặc họ sẽ tìm thấy tôi ở đây và giết tôi cùng với các vị thánh. Những kẻ man rợ vô đạo, sau khi bỏ lại hai vị cha đã qua đời, đã xông vào nhà thờ; vừa la hét điên cuồng vừa vung kiếm, chúng lao vào các vị cha và tàn sát không thương tiếc tất cả mọi người, không chừa một ai, từ già đến trẻ.

Khi kể lại chuyện này cho chúng tôi nghe, vị tu sĩ đã khóc lóc thảm thiết; câu chuyện của ngài – theo lời Ammonius – đã khiến chúng tôi cũng khóc lóc thảm thiết. Mọi người đều khóc rất nhiều. Nước mắt, như những dòng suối, tuôn trào từ đôi mắt chúng tôi và làm ướt đẫm áo quần.

– Hỡi các anh em, – vị tu sĩ ấy tiếp tục câu chuyện trong nước mắt, – làm sao tôi có thể diễn tả hay miêu tả hết những nỗi đau thương mà đôi mắt tôi đã chứng kiến! Ở đó có một vị cha đáng kính tên là Adam. Ông có một đệ tử trẻ tên là Sergius, khoảng mười lăm tuổi. Từ khi còn là trẻ sơ sinh, ông đã nuôi nấng cậu, dạy dỗ về đời sống tu hành và cách chiến đấu với ma quỷ. Bọn man rợ thương xót vẻ đẹp và tuổi trẻ của Sergius nên không giết cậu. Chúng dắt cậu ra ngoài và định mang cậu đi cùng. Chàng trai trẻ, khi thấy rằng chúng không muốn giết cậu cùng với các vị cha và anh em, mà bắt cậu phải đi theo bọn man rợ vô đạo, đã khóc lóc thảm thiết. Sau đó, với tinh thần bừng cháy và gạt bỏ mọi nỗi sợ hãi, anh dũng cảm chạy đến gần một tên man rợ, giật lấy thanh kiếm của hắn và đâm vào vai một tên man rợ khác; anh muốn kích động sự căm thù của bọn man rợ đối với mình, để chúng giết anh. Mong muốn của anh đã thành hiện thực. Trong cơn điên cuồng vì căm thù, bọn man rợ đã chém anh ta thành từng mảnh. Dưới những nhát kiếm, anh ta mỉm cười và nói:

– Ngợi khen Chúa, Đấng đã không phó thác chúng ta còn sống vào tay những kẻ tội lỗi, – rồi anh an nghỉ trong Chúa.

Tôi đã chứng kiến tất cả những điều này và cầu xin Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót và nhân từ, để những kẻ man rợ vô đạo không phát hiện ra tôi, và nhờ đó sẽ có người chôn cất thi thể các thánh nhân.

Thi thể các vị thánh cha bị sát hại đã làm tràn ngập máu khắp nhà thờ thánh. Họ đã đón nhận cái chết mà không sợ hãi hay đau buồn, mà vui mừng và tạ ơn Đức Chúa Trời vì số phận của mình. Tâm trí các ngài hướng về Chúa của mình. Nhờ đời sống công chính, các ngài đã biến chính mình thành những đền thờ cho Thánh Thần. Bỏ qua những cám dỗ và sự phù phiếm của trần gian, các ngài đã theo đuổi một mình Thiên Chúa và cuối cùng đã chết vì danh Ngài giữa muôn vàn hình thức tra tấn.

Trong khi đó, bọn man rợ, sau khi giết chết các vị cha, bắt đầu lục soát toàn bộ tu viện, hy vọng tìm thấy trong đó nhiều của cải đủ loại. Bọn vô đạo không biết rằng các vị thánh cha không màng đến việc tích lũy bất cứ thứ gì trần thế, nhưng dù sống trong thân xác, họ vẫn giống như các Thiên thần. Trong khi tất cả những điều đó đang diễn ra, tôi, dù trên người không dính một giọt máu nào, vẫn nằm đó như người chết. Tôi sợ rằng bọn man rợ, trong lúc tìm kiếm kho báu, có thể nhấc những cành cây lên. Tôi thường xuyên liếc nhìn từ dưới những cành cây đó và chờ đợi lúc nào chúng cuối cùng cũng đến chỗ tôi, rồi khi tìm thấy, sẽ giết tôi như những người khác. Cái chết hiện ra trước mắt tôi, và tôi cầu xin Chúa cứu rỗi tôi, nếu đó là ý muốn của Ngài. Quả thực, bọn man rợ đã tiến đến gần những cành cây, nhưng Chúa đã làm mù lòng và mắt chúng: thứ đó dường như không đáng để chúng quan tâm, và chúng đã bỏ đi. Sau đó, bỏ lại các vị thánh cha đã qua đời và không tìm thấy bất kỳ chiến lợi phẩm nào, chúng lại quay trở về bến cảng để tiếp tục hành trình trên biển. Nhưng khi đến nơi, chúng phát hiện con tàu của mình đã bị đắm, bởi người lái tàu được giao nhiệm vụ canh gác đã bí mật cắt đứt dây thừng của con tàu, mà không cho tên man rợ đi cùng biết. Gió đã đẩy con tàu vào bờ, và nó đâm vào bờ rồi vỡ tan, còn người lái tàu, sau khi giết tên man rợ

kia, đã bỏ trốn và ẩn náu trong núi. Mất tàu, bọn man rợ không biết phải làm gì và làm sao để trở về quê hương. Trong cơn tuyệt vọng và cơn giận dữ tột độ, họ xông vào những người bị bắt làm tù binh với những thanh kiếm và giết chết tất cả, kể cả phụ nữ và trẻ em, sau đó họ đốt lửa và thiêu rụi tất cả những cây chà là.

Trong khi đó, từ thành phố Faran đã có rất nhiều chiến binh tinh nhuệ, lên tới sáu trăm người, vì tin tức về vụ hành hung các vị thánh phụ tại Raif đã lan đến tai họ. Biết được điều này, bọn man di đã chuẩn bị cho trận chiến và khi mặt trời mọc, chúng đã giao chiến với quân địch trên bờ biển. Cả hai bên đều bắn ra vô số mũi tên; trong khi đó, người dân Faran, do đông hơn, bắt đầu chiếm thế thượng phong và đã tiêu diệt được rất nhiều kẻ man rợ. Vì những kẻ man rợ không còn hy vọng thoát thân, nên chúng cố thủ và chống cự cho đến giờ thứ chín. Chúng đã giết chết tám mươi bốn người dân Faran, chưa kể đến rất nhiều người bị thương. Còn bọn man rợ thì chết hết không còn ai, tuyệt đối không đầu hàng kẻ thù và không rời khỏi vị trí của mình. Trong khi sự việc đang diễn ra, tôi, sau khi dần lấy lại tinh thần, đã bò ra khỏi nơi ẩn nấp. Khi tôi sờ vào thi thể các thánh đã hy sinh, hóa ra tất cả đều đã qua đời, ngoại trừ ba người: Domna, Andrei và Orion. Trong số đó, Domna đang chịu đau đớn tột cùng vì vết thương nặng ở sườn. Andrei, dù có nhiều vết thương nhưng không quá nặng, nên vẫn còn sống. Còn Orion thì hoàn toàn không bị thương. Kẻ man rợ đã chém anh ta bằng thanh kiếm vào sườn phải, nhưng thanh kiếm, không hề chạm vào cơ thể anh, đã xuyên qua quần áo và ra khỏi bên trái. Kẻ man rợ, tưởng rằng Orion đã chết, bỏ anh ta lại và quay sang những người khác; còn Orion thì nằm giữa những người đã chết và nằm đó như thể đã chết. Giờ đây, khi đứng dậy, anh ta cùng tôi đi vòng quanh thi thể các thánh nhân, khóc lóc và than thở về thảm họa đã ập xuống đầu họ.

Sau đó, dân làng Faran, bỏ lại thi thể những kẻ man rợ bên bờ biển để cho thú dữ và chim săn mồi xé xác, đã thu gom thi thể những người bạn của họ và trong tiếng khóc than, chôn cất họ dưới bóng râm của ngọn núi, nơi có những suối nước. Rồi họ quay trở lại với chúng tôi; cùng đi với họ còn có vị công tước của họ là Vê-đi-an, người mà, như đã nói trước đó, thánh Mô-sê đã chữa lành khỏi chứng bị quỷ ám. Khi cùng ông bước vào nhà thờ, chúng tôi khóc nức nở, đập ngực và than khóc thảm thiết khi thấy đoàn chiên của Chúa Kitô bị quật ngã xuống đất – giống như những con cừu bị thú dữ xé xác. Các vị trưởng lão đáng kính, với mái tóc bạc trắng tượng trưng cho sự chính trực, trông trẻ trung như các Thiên thần, bởi vì đức hạnh trong cuộc đời họ tỏa sáng trên khuôn mặt, như ánh sáng bình minh. Các tôi tớ và các vị tử đạo của Chúa Kitô nằm đó, phủ đầy những vết thương khủng khiếp và nặng nề: một người có vết thương từ vai xuống bụng, một người khác nằm bị chém làm đôi; một người bị chặt đầu, một người khác bị móc mắt, người thứ ba bị chặt tay chân, người thứ tư bị giáo đâm xuyên tim. Tất cả họ đều qua đời với những vết thương khác nhau trên thân thể. Khi còn sống, họ luôn mang trong thân thể sự chết của Chúa Giê-su, để sự sống của Chúa Giê-su cũng được bày tỏ trong thân thể họ (2 Cô-rinh-tô 4:10). Sau một cuộc đời sống đẹp lòng Chúa, họ đã được chiếu sáng bằng chính máu của mình khi lâm chung và nhờ đó được kể vào hàng ngũ các thánh.

Chúng tôi đã tập hợp thi hài các thánh lại một nơi. Hoàng tử đạo đức Vê-di-an, cùng với những người khác, đã mang từ Pha-ran những bộ áo trắng, và chúng tôi đã an táng ba mươi chín vị thánh phụ. Tất cả những ai có mặt tại đó vào thời điểm đó đều cầm cành liễu và cành chà là, cùng nhau rước thi hài thiêng liêng của các thánh trong tiếng hát Thánh vịnh, cùng với những giọt nước mắt đắng cay. Tất cả đều được an táng chung, ngoại trừ Domnus. Domnus, người La Mã gốc như đã đề cập, lúc đó vẫn còn sống; đến chiều tối, ông cũng an nghỉ trong Chúa. Ông được an táng bên cạnh các vị thánh phụ. Các thánh tử đạo của Chúa Kitô đã qua đời vào ngày mười bốn tháng Giêng, lúc chín giờ sáng. Cha Andrei và cha Orion do dự, không biết nên quyết định thế nào – ở lại đó hay ra đi. Còn tôi thì không thể chịu đựng nổi nỗi buồn và khung cảnh hoang vắng của nơi này, không thể kìm nén được những giọt nước mắt vì các vị cha đã bị sát hại, và thế là tôi đã đến với các ngài, mặc dù vị thánh thiện Vedian đã khuyên nhủ tôi ở lại đó, hứa sẽ thường xuyên đến thăm tôi và mang đến cho chúng tôi mọi thứ cần thiết. Xin các cha, đến lượt mình, hãy kể cho tôi nghe về tất cả những gì đã xảy ra ở đây, giống như các cha đã nghe tôi kể chi tiết về mọi chuyện vậy.

– Chúng tôi – Ammonius nói – đã kể cho ngài nghe mọi chuyện đã xảy ra ở đây, và ngạc nhiên trước những định mệnh kỳ diệu của Thiên Chúa – rằng vào cùng một ngày, cùng một ngày tháng, các vị thánh cha đã bị sát hại cả ở đó lẫn ở đây – và một lần nữa, tất cả chúng tôi lại cùng nhau khóc lóc và than khóc. Vị thánh cha đáng kính của chúng tôi là Dula đứng dậy và nói:

– Hỡi những người thân yêu của ta! Các thánh tử đạo, với tư cách là những tôi tớ được chọn của Đấng Kitô, quả thực đã xứng đáng nhận được, khi đã ghi dấu những chiến công của mình bằng vương miện tử đạo, sự hạnh phúc trong Nước Trời, vinh quang và danh dự vĩ đại. Còn chúng ta, những người may mắn sống sót sau thảm họa

vừa qua, hãy chăm lo cho bản thân và xin các ngài cầu nguyện cho chúng ta trước mặt Chúa, để chúng ta cũng được cùng các ngài thừa hưởng Nước Trời; giờ đây, hãy dâng lên lời ca tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã cứu chúng ta khỏi tay bọn man rợ.

Bằng những lời ấy, ngài đã khích lệ tất cả chúng tôi, biến nỗi buồn trong lòng chúng tôi thành niềm vui và an ủi tâm hồn chúng tôi.

Tôi, Ammonius tội lỗi, nhờ ơn Chúa đã trở về Ai Cập và viết lại câu chuyện về tất cả những điều này. Tôi không trở lại nơi cũ, được gọi là Kanovo, mà đã định cư trong một căn phòng nhỏ gần Memphis[1009] . Sống ở đó, tôi thường xuyên với lòng kính sợ nhớ lại những đau khổ và những việc làm anh hùng của các vị tử đạo thánh thiện của Chúa Kitô. Cùng với các ngài, xin Chúa ban cho chúng con được xứng đáng tham dự vào Nước Trời của Ngài và được hưởng những ân huệ không thể diễn tả và bất diệt cùng với tất cả những ai yêu mến Ngài, vì Ngài xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, cùng với Cha Ngài là Đấng Vô Thỉ, và Thánh Thần Ngài là Đấng Toàn Thánh, Tốt Lành và Ban Sự Sống, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Lạy Thiên Chúa, Cha của chúng con, Đấng luôn hành động cùng chúng con theo lòng nhân từ của Ngài, xin đừng bỏ rơi ân sủng của Ngài khỏi chúng con, nhưng xin nhờ những lời cầu nguyện của họ trên trần gian, xin Ngài dẫn dắt cuộc đời chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Các ngài đã tránh xa những lời đồn đại trần gian và đến nơi nương náu yên tĩnh, được vinh quang bởi máu của sự tử đạo và công lao của sự kiêng ăn. Vì thế, các ngài đã tỏ ra là những vị tử đạo và những vị thánh đồng hành.

Lễ tưởng niệm lần thứ hai các vị thánh cha tại Sinai và Raif

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 1

Nhiều năm đã trôi qua kể từ cuộc tàn sát đầu tiên các vị cha thánh trên núi Sinai, và một lần nữa, vào thời của Thánh Nê-lô, người ăn chay, bọn man rợ đã tấn công núi Sinai. Họ du mục trong sa mạc trải dài từ Biển Đen, giữa Ả Rập và Ai Cập, cho đến sông Jordan, và không sống trong thành phố hay nhà cửa, mà sống trong lều trại. Khi di chuyển từ nơi này sang nơi khác, họ dừng chân lập trại trong thời gian dài hơn ở những nơi có nguồn nước tốt và đồng cỏ cho gia súc của mình. Họ kiếm sống không phải bằng nghề thủ công, buôn bán hay nông nghiệp, mà bằng cách săn bắn thú rừng, và chủ yếu là cướp bóc. Được trang bị gươm, cung và giáo, họ chỉ chuyên tấn công các làng mạc của người khác và cướp bóc trên các con đường.

Các vị tu sĩ, những người đã chọn cho mình một cuộc sống ẩn dật trong sa mạc Sinai để phụng sự Thiên Chúa, sống – một số trong các hang động và khe núi đá, một số khác trong những căn phòng nhỏ được xây dựng gần các nguồn nước, và một số khác nữa – gần nhà thờ. Họ ăn rễ cây sống và quả chà là, cũng như các loại rau củ có sẵn ở vùng đất đó. Hiếm ai trong số họ ăn bánh mì, vì họ sống trong sự kiêng khem lớn lao và ăn chay nghiêm ngặt: có người chỉ ăn mỗi ngày một lần, hai ngày hoặc ba ngày một lần, còn có những người chỉ bổ sung thức ăn cho thân xác yếu ớt của mình một lần mỗi tuần. Cuộc sống của tất cả họ giống như các Thiên thần. Như thể quên đi thân xác mình, họ chăm lo cho linh hồn và chỉ nghĩ đến việc làm đẹp lòng Chúa. Họ phụng sự Ngài một cách tận tụy và nhiệt thành, ngợi khen Ngài ngày đêm. Không ngừng cầu nguyện và hát các thánh vịnh, tất cả họ đều tụ họp tại nhà thờ vào ngày Chủ nhật, sau khi dành cả đêm để cầu nguyện, họ rước lễ vào buổi sáng và sau đó, trở về các phòng tu của mình, sống trong sự tĩnh lặng.

Trong số họ có cả Thánh Nil, người ăn chay. Trước đó, ngài từng giữ chức Giám mục[1010] tại Constantinople và, trong cuộc sống hôn nhân chung thủy, ngài có hai người con. Sau đó, với sự đồng ý của vợ, ngài

[1009] Memphis, hay Memphis, – thủ đô hùng mạnh cổ đại của Ai Cập; – tọa lạc tại Trung Ai Cập bên sông Nile, giữa dòng sông chính và nhánh sông chảy qua phía tây thành phố.

từ bỏ đời sống thế tục: vợ của Thánh Nil cùng con gái đã lui về Ai Cập và tại đó, trong một tu viện nữ, bà đã nhận lấy đời sống tu hành. Còn Thánh Nil cùng con trai là Theodulus thì lui về Núi Sinai; tại đây, ngài đã tận mắt chứng kiến thảm họa do bọn man rợ gây ra và sau đó đã ghi chép lại cuộc tàn sát các vị thánh phụ này. Khi sống trên núi, Thánh Nil thường hay đến thăm các vị cha sống ở vùng lân cận. Một lần nọ, ngài cùng con trai xuống núi và đến gặp các vị cha, lúc đó họ đang dùng bữa chung. Vị linh mục tại đó, Thánh Theodulus, đã nói, trong lúc dùng bữa:

– Ai biết được, liệu chúng ta có còn được tụ họp cùng nhau bên bàn ăn này một lần nữa trước khi chết hay không?

Ông nói vậy vì đã linh cảm được tai họa sắp ập đến. Ngày hôm sau, sau giờ kinh sáng, bọn man rợ bất ngờ tấn công nơi thánh địa. Giống như những con chó điên, chúng bao vây tu viện và, làm rung chuyển không khí bằng những tiếng la hét điên cuồng, cố gắng gieo rắc nỗi sợ hãi cho những người đang ở trong đó. Sau đó, chúng lao vào các kho lương thực, nơi đã dự trữ một ít thức ăn cho những người ăn chay và cất giữ rau củ sấy khô để dùng trong mùa đông, nhằm bổ sung sức lực cho các tu sĩ trong những công việc vất vả của họ. Trước hết, bọn man rợ cướp bóc số thực phẩm này, sau đó lao thẳng vào nhà thờ, nơi các vị cha đang tụ họp, lôi tất cả ra ngoài, xé toạc bộ quần áo cũ nát trên người họ và bắt những vị tu sĩ già nua phải đứng trần truồng thành hàng, để việc giết hại họ được thuận tiện hơn. Họ ra lệnh cho Thánh Theodulus, vị linh mục của thánh địa – người đã tiên đoán về cái chết vào ngày hôm trước – phải là người đầu tiên cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm; hai tên man rợ có vẻ mặt hung tợn đứng hai bên ông với những thanh gươm trần. Khi cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm, ông không tỏ ra sợ hãi chút nào, chỉ nhẹ nhàng nói:

– Ngợi khen Chúa!

Cả hai tên man rợ, lần lượt, chém vào ông; một vết thương từ cột sống xuống đến hàm, vết kia từ vai xuống ngực; vị thánh nhân ngã xuống đất. Sau đó, chúng bắt và giết cả vị tu sĩ già khác, người sống cùng với vị linh mục. Vị linh mục ở đó có một cậu bé phục vụ; những kẻ man rợ ra lệnh cho cậu nhặt những quả trái rải rác, đồng thời họ giả vờ như muốn tha mạng cho cậu, vì cho rằng cậu còn có thể phục vụ được. Nhưng khi cậu cúi xuống nhặt trái, một trong những kẻ man rợ đứng phía sau, lén rút kiếm ra, giáng một nhát đâm tàn nhẫn vào cậu và giết chết cậu.

Khi những vị tu sĩ khác cũng đang bị đánh đập, một số kẻ man rợ, rõ ràng là do sự tác động đặc biệt của Thiên Chúa, đã ra hiệu bằng tay cho các tu sĩ khác chạy trốn. Những ai có sức khỏe tốt hơn và có thể chạy trốn đã thực sự chạy đi, hướng về phía thung lũng để đến ngọn núi khó tiếp cận đối với bọn man rợ. Sau khi lấy lại sức lực, Thánh Nil cũng chạy theo họ, và nhờ đó ngài đã thoát khỏi cái chết. Còn con trai ngài là Theodulus thì bị rơi vào tay bọn man di. Vì cậu ta có khuôn mặt rất đẹp, nên chúng không giết cậu, mà trói lại và mang theo để dâng làm lễ vật cho bình minh, thứ mà chúng tôn thờ thay cho Đức Chúa Trời. Không biết đến Đức Chúa Trời chân chính, họ cũng không thờ lạy các thần tượng, không tôn kính bất kỳ vị thần ngoại đạo nào; họ chỉ phụng sự bình minh; và luôn dâng lên bình minh những chiến lợi phẩm tốt nhất, thường xuyên nhất là hiến tế những thiếu niên đẹp trai nhất trong số các tù binh để tôn vinh bình minh, và vì mục đích đó, họ đã tha mạng cho con trai của Thánh Nil.

Sau khi cướp phá các tu viện lân cận và giết hại nhiều vị thánh phụ tại nhiều nơi khác nhau, bọn man rợ đã bỏ đi.

Thánh Nê-lô, người ăn chay, từ đỉnh núi nhìn thấy con trai mình bị bắt làm tù binh và cái chết tàn bạo của các vị thánh phụ, đã khóc lóc thảm thiết và nói trong tiếng nức nở:

– Hỡi các vị cha đáng kính, đáng kính gấp ba lần! Giờ đây, những công lao kiêng khem của các ngài ở đâu? Sự chịu đựng đau khổ không ngừng nghỉ ở đâu? Các ngài đã nhận được vương miện cho biết bao công đức của mình chưa? Đây có phải là phần thưởng cho cuộc đời tu hành lâu dài không? Chẳng lẽ các ngài đã đi qua con đường trước mặt mình một cách vô ích sao? Có công bằng không khi phải chịu tai ương vì đức hạnh? Vì sự quan phòng của Thiên Chúa đã bỏ mặc các ngài khi các ngài bị giết; lẽ công chính đã không bảo vệ sự vô tội của các ngài trước những kẻ sát nhân, nhưng bàn tay ô uế đã dám tấn công vào thân thể thánh thiện của các ngài, và sự gian ác có thể tự hào rằng nó đã chiến thắng. Sao bụi gai không bùng lên ngọn lửa cổ xưa của nó và thiêu rụi bọn vô luật pháp (Xuất Hành 3:2)? Sao đất không mở miệng ra và nuốt chửng chúng, như xưa kia đã xảy ra với Korah cùng tất cả những kẻ đồng lõa với ông ta (Dân Số Ký 16:32)? Sao những tiếng kèn kinh hoàng, những tia chớp và tiếng sấm sét từng vang lên từ núi Si-nai (Xuất Ê-díp-tô Ký 19:16) – vốn có thể khiến những kẻ gian ác khiếp sợ – lại không vang lên? – Nhưng sự trừng phạt của Đấng Toàn Năng đã bị trì hoãn: Ngài không giáng họa từ trên cao xuống những kẻ

[1010] Eparch – người đứng đầu thành phố hoặc vùng.

sát nhân, cũng không dùng bàn tay toàn năng cứu rỗi những người bị giết – để bọn man rợ, khi chứng kiến những phép lạ, nhận ra sức mạnh bất khả chiến bại của Đức Chúa Trời. Vậy mà các vị tổ phụ thánh thiện đã ngã xuống một cách bất lực, như những con vật hiến tế câm lặng, giữa bụi gai[1011] , trên chính ngọn núi mà từ đó Luật pháp đã được ban xuống. Lúc đó, sức mạnh nào đã nhấn chìm dân Ai Cập xuống biển và chuẩn bị cho họ một nấm mồ dưới đáy biển (Xuất Hành 14:28)? Sức mạnh ấy, đã dùng mưa đá đánh tan quân thù của dân Y-sơ-ra-ên và ban chiến thắng cho dân Ngài mà không cần đổ máu hay vất vả (Giô-suê 10:11)? Đấng Tối Cao, Đấng đã bịt miệng những con sư tử để chúng không làm hại Đa-ni-ên (Đa-ni-ên 6:16), và Đấng đã dập tắt sức mạnh của ngọn lửa đối với các thiếu niên Ba-by-lôn để qua đó bày tỏ lòng kính sợ Đức Chúa Trời của họ (Đa-ni-ên 3:24), đã giấu sự giúp đỡ của Ngài ở đâu? Vậy thì làm sao Ngài lại có thể che giấu đức hạnh của những tôi tớ này, để họ phải đối mặt với nguy hiểm mà không được bảo vệ, như thể họ hoàn toàn không xứng đáng nhận sự giúp đỡ của Ngài?

Vị Thánh đã nói như vậy vì nỗi đau lòng và sự đau buồn tột cùng. Linh hồn khi bị những đau khổ nặng nề đè nặng, đôi khi có xu hướng nói nhiều điều mà không suy nghĩ kỹ; bởi vì sự giúp đỡ của Thiên Chúa không hiếm khi bỏ mặc những người công chính, phó thác họ vào tay những kẻ hành hạ để chịu đủ loại cực hình và cái chết oan uổng, và điều này nhằm mục đích – để đức hạnh của họ được thanh tẩy như vàng, đức tin của họ tỏa sáng như ngọn đèn, và để họ xứng đáng nhận được phần thưởng lớn lao hơn trên trời. Không còn nghi ngờ gì nữa, các vị thánh đáng kính này, cùng với các vị cha thánh đã được chọn trước đó, đã được xếp vào hàng ngũ các thánh tử đạo và hiện đang được tôn vinh trong Nước Trời của Đức Kitô.

Khi chiều tối buông xuống, vị thánh Nê-lơ và những người sống sót cùng ngài đã can đảm xuống núi để an táng thi thể các thánh đã bị giết. Họ tìm thấy vị linh mục thánh Thê-ô-đul vẫn còn thở và chỉ vừa đủ sức nói. Họ ngồi bên cạnh ngài suốt cả đêm và khóc lóc. Còn vị trưởng lão thì nói với họ:

– Đừng bối rối trước tai họa đã ập xuống chúng ta, vì Satan thường xin Đức Chúa Trời cho phép cám dỗ những ai đang cố gắng làm đẹp lòng Ngài; cũng như vậy, hắn đã xin phép giáng tai họa xuống Gióp, người mà hắn đã cướp đi cả con cái. Nhưng Chúa, Đấng ban ân sủng, biết rõ lý do tại sao Ngài lại phó thác các vị tu sĩ của Ngài vào tay kẻ thù: Ngài làm điều này để ban cho những người chịu đựng đau khổ phần thưởng vĩ đại nhất. Nếu Đức Chúa Trời đã ban cho Gióp gấp đôi những gì ông đã mất (Gióp 42:10), thì những ai yêu mến Ngài và chịu khổ vì Ngài sẽ được ban cho điều lớn lao hơn gấp bội – *"mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến"* (1 Cô-rinh-tô 2:9).

Nói xong những lời ấy và từ biệt những người xung quanh, vị tu sĩ già qua đời và được an táng cùng với các vị tu sĩ khác đã bị sát hại, trước khi mặt trời mọc. Trong khi đó, một chàng trai trẻ, người đã trốn thoát khỏi bọn man rợ , xuất hiện tại tu viện. Đó là nô lệ của quan đại thần Makedon, người lúc đó tình cờ có mặt ở vùng này để giải quyết công việc liên quan đến chính quyền dân sự. Những kẻ man rợ đã bắt giữ vị quý tộc này cùng con trai ông ở đâu đó trên đường. Sau khi cướp bóc tài sản của họ, chúng đã giết con trai trước mặt người cha, rồi sau đó cũng giết chết chính ông. Còn chàng trai trẻ, vốn là một trong số những nô lệ của ông, đã trốn thoát và chạy đến tu viện bị tàn phá, run rẩy vì sợ hãi, như thể bọn chúng đang đuổi theo và sắp bắt kịp anh ta. Thánh Nil bắt đầu hỏi chàng trai trẻ này làm thế nào anh ta có thể trốn thoát được. Anh ta kể lại:

– Tôi bị trói cùng với con trai ngài; hôm qua, bọn man rợ bắt đầu bàn tán và hội ý với nhau – như một trong những tù nhân biết tiếng của chúng đã bí mật kể cho tôi nghe – rằng khi bình minh ló rạng, chúng sẽ dâng cả hai chúng tôi – tôi và con trai ngài – làm lễ vật, và để làm điều đó, chúng đã dựng sẵn một bàn thờ bằng đá và chất củi lên trên. Tôi đã báo cho con trai ngài biết điều này và nói với cậu ấy rằng nếu chúng ta không trốn thoát được, thì chúng ta sẽ không còn được nhìn thấy mặt trời mọc nữa. Nhưng cậu ấy vì sợ bị bắt nên đã ở lại, nói rằng:

– Nếu đó là ý muốn của Thượng Đế, thì không thể tránh khỏi cái chết và lẩn trốn được – ngay cả khi ai đó ẩn náu ở những nơi khó tiếp cận và bí mật nhất.

Còn tôi, vào lúc nửa đêm, lợi dụng việc bọn man rợ đã say mèm từ tối và đang ngủ say sưa, đã cắt đứt những sợi dây trói mình và bò ra ngoài, như một con rắn, ra xa khỏi ranh giới trại của chúng, rồi đứng dậy, chạy thục mạng và, bị nỗi sợ hãi thúc giục, lao đi như có cánh. Tôi lo sợ rằng nếu họ phát hiện ra tôi trốn thoát, họ sẽ đuổi theo và bắt kịp tôi; ngay cả bây giờ, tôi vẫn không thể thoát khỏi nỗi sợ hãi và run rẩy: những cực hình tàn bạo mà bọn man rợ đã giáng xuống những người khác ngay trước mặt tôi vẫn còn in sâu trong tâm trí tôi, và tôi như thể đang nhìn thấy chúng bằng chính đôi mắt mình.

[1011] Cây gai – loại cây bụi gai, từ đó núi Sinai được đặt tên theo.

Và chàng trai trẻ kể lại về việc nhiều vị thánh cha đã bị sát hại.

– Tại một nơi hoang vắng, – anh ta nói, – nơi có nước, bọn man rợ dừng lại để nghỉ ngơi. Và rồi họ nhìn thấy một hang động nhỏ trên núi. Họ lao đến đó, lôi ra từ trong hang một vị tu sĩ già có vẻ ngoài trang nghiêm, rồi lôi ông xuống núi và ném đá vào ông. Sau đó, đi thêm một đoạn nữa, họ bắt giữ và ném đá vào một tu sĩ trẻ – người gầy gò và có khuôn mặt xanh xao. Sau đó, họ gặp một khu rừng rậm rạp với một hang động nhỏ, nơi có một vị ẩn sĩ đang lánh nạn; ông còn trẻ về tuổi tác, nhưng già dặn về những phẩm chất cao quý của tâm hồn. Khi bọn man rợ yêu cầu ông ra ngoài và giao nộp quần áo cho chúng, vị ẩn sĩ đáp lại:

– Nơi ở này, nơi tôi đã dành cả cuộc đời mình, hãy để nó trở thành quan tài của tôi; hãy giết tôi ngay tại đây. Còn quần áo của tôi, tôi sẽ không cởi ra, để không phải nhìn thấy sự trần truồng của mình, điều mà tôi chưa từng nhìn thấy cho đến giờ. Các ngươi hãy tự tay cởi nó ra khi giết tôi – lúc đó tôi sẽ chết và sẽ không còn biết gì về bản thân mình nữa.

Bọn man rợ lại quay sang ông và đòi ông chỉ ra những tu viện bí mật trong sa mạc đó, hứa sẽ tha mạng cho ông nếu ông làm vậy. Nhưng ông đáp:

– Dù tôi biết những nơi mà các vị thánh sống, nhưng tôi sẽ không nói cho các người biết, vì tôi không muốn trở thành kẻ phản bội các tôi tớ của Chúa.

Sự dũng cảm và can đảm của vị ẩn sĩ đã khiến bọn vô đạo nổi giận, và chúng xông vào hang động, chém ông thành từng mảnh bằng gươm. Tiếp tục đi sâu hơn vào sa mạc, chúng gặp ba vị tu sĩ và lao vào giết họ bằng gươm. Sau đó, họ nhìn thấy từ xa hai tu viện, nằm cách nhau một khoảng cách không xa. Chia thành hai đội, họ tiến về phía đó, nhưng những gì họ đã làm ở đó, cũng như họ đã giết những vị tu sĩ nào, thì tôi không biết (đó là lời kể của chàng trai trẻ đã trốn thoát); tôi chỉ nhìn thấy từ xa một tu sĩ đang chạy trốn, còn bọn man rợ đuổi theo và bắn anh ta bằng tên; sau đó, khi anh ta ngã quỵ vì kiệt sức, chúng đã giết anh ta bằng gươm và giáo. Đêm tiếp theo, tôi đã trốn thoát, như tôi đã kể với ngài trước đó. Chuyện gì đã xảy ra với con trai ngài – chỉ có Chúa mới biết. Tôi đã để anh ta sống sót, nhưng không còn hy vọng sống sót, vì khi bình minh ló rạng, anh ta chắc chắn sẽ chết, khi bị dâng làm của lễ cho bình minh.

Nghe vậy, Thánh Nil khóc lóc thảm thiết và than khóc về cái chết của con trai mình. Điều khiến ngài đau khổ nhất là con trai ngài phải bị những kẻ vô đạo giết làm của lễ. Ngài kêu cầu Thiên Chúa bằng những lời như sau:

– Lạy Chúa của con, lạy Chúa là Thiên Chúa của các tổ phụ! Vì Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã sinh ra Ngài, vì lòng nhân từ của Ngài, – xin đừng để con trai con phải chết dưới tay bọn man rợ!

Và nhờ sự quan phòng đặc biệt của Ngài, Đức Chúa Trời đã bảo vệ thiếu niên Theodulus khỏi mọi nguy hiểm. Bọn man rợ ngủ say sưa cho đến tận lúc mặt trời mọc. Khi tỉnh dậy và thấy sao mai đã lặn, cùng với việc một trong những thiếu niên được dành làm vật hiến tế đã trốn thoát, họ không tiến hành nghi lễ hiến tế như thường lệ, mà dẫn thiếu niên còn lại đi theo hướng của họ. Trong khi đó, cư dân Faran đã cử các sứ giả đến gặp công tước A-ma-nu của người A-ga-ri để khiếu nại về bọn cướp của ông ta – rằng chúng đã vi phạm hiệp ước hòa bình, tấn công các tu sĩ và gây ra những tổn hại nghiêm trọng cho họ. Vào thời điểm đó, Thánh Nil đã cùng các vị tu sĩ còn sống sót đi vào sa mạc, nhằm tìm kiếm thi thể các thánh nhân đã bị sát hại để an táng họ. Hóa ra, Proclus bị giết tại Vephram, Hypatius tại Ghephê, Isaac bị giết tại tu viện mang tên Salail, Macarius và Mark bị giết tại sa mạc lân cận, Benjamin – ở phía sau Elim, Eusebius tại Phôlê, Elijah tại Aze[1012] ; người cuối cùng này họ tìm thấy vẫn còn thở – nên đã mang về đặt trong phòng tu, còn bản thân họ thì quay lại để chôn cất những người khác. Khi quay lại, họ phát hiện ông đã qua đời bên cạnh một bình nước: vì khát khô cổ do nhiều vết thương, ngay khi vừa nếm được nước, ông lập tức ngã xuống và qua đời. Sau khi chôn cất tất cả những người họ tìm thấy, họ lên đường đến Faran để tìm hiểu tin tức mà những sứ giả do công tước Agarian cử đi mang về. Khi họ bước vào thành phố, thì cùng lúc đó, những người đưa tin nhanh cũng trở về với thông điệp hòa bình từ công tước. Trong thư, ông hứa sẽ lập tức trừng phạt và xử tử những tên cướp đã dám gây ra những tội ác như vậy; còn đối với cư dân Faran, ông ra lệnh cho họ hãy đến gặp ông mà không cần lo sợ và nhận lại những người bị bắt làm tù binh của mình mà không phải trả tiền chuộc, miễn là họ còn sống. Người dân Faran tập hợp lại và lên đường đến gặp vị công tước Agaryan; Thánh Nil cũng đi cùng họ để tìm hiểu về con trai mình – liệu cậu bé còn sống trong cảnh bị bắt làm tù binh, hay đã chết dưới tay bọn man rợ. Và ngài được biết rằng con trai mình vẫn còn sống. Cậu bé đã bị bán sang thành phố Emesa[1013] , và

[1012] Ở đây ám chỉ các vùng đất gần sa mạc Pharan và bán đảo Sinai, trên bờ đông Biển Đỏ.

[1013] Emesa – một thành phố ở Syria, nằm về phía đông sông Orontes, con sông chảy ra Biển Địa Trung Hải.

vị giám mục của thành phố này đã chuộc cậu về và nhận cậu làm linh mục của mình. Về tất cả những điều này, chính Thánh Nil, người ăn chay, đã kể lại chi tiết trong bài giảng của ngài. Khi đến đó, ngài thấy con trai mình vẫn an toàn và khỏe mạnh. Rất an ủi trước điều này, ngài đã tạ ơn Thiên Chúa. Vị giám mục đã đón tiếp ngài với tình yêu thương, thuyết phục ngài nhận chức linh mục, và sau đó đã tiễn cả hai người – Thánh Nil và con trai ngài là Theodulus – về nhà với sự tôn trọng. Họ lên Núi Sinai, trở về nơi cư ngụ cũ của mình, và sống ở đó không ít năm[1014] , tận tụy phụng sự Chúa của mình, Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà sau này họ được ân sủng cùng với các vị thánh cha, được hiện diện trên trời, ngợi khen Thiên Chúa muôn đời, amen.

Cuộc đời của Thánh Nina, người ngang hàng với các Tông đồ, nhà truyền giáo của Iveria

Ngày kỷ niệm: 14 tháng 1

Theo truyền thống đạo đức, vẫn được lưu giữ cho đến nay trong Giáo hội Iveria cũng như toàn thể Giáo hội Chính thống Đông phương, Iveria, còn được gọi là Gruzia[1015] , là vùng đất được Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội chọn: theo ý muốn đặc biệt của Thiên Chúa, Mẹ đã được chọn để rao giảng Tin Mừng của Con Mẹ và Chúa Giêsu Kitô tại đó nhằm cứu rỗi loài người.

Thánh Stephanos của Svyatogorsk kể lại rằng, sau khi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta lên trời, các môn đệ của Ngài, cùng với Mẹ Maria của Chúa Giêsu, đã ở lại phòng trên núi Si-ôn và chờ đợi Đấng An Ủi, theo lệnh của Chúa Kitô – không được rời khỏi Giê-ru-sa-lem, mà phải chờ đợi lời hứa từ Chúa (Lc 24,49; Cv 1,4). Các Tông đồ bắt đầu bốc thăm để biết ai trong số họ sẽ được Thiên Chúa chỉ định rao giảng Tin Mừng tại quốc gia nào. Đức Mẹ Maria đã nói:

– Con cũng muốn bốc thăm cùng các con, để Con không bị bỏ lại mà không có phần, nhưng để có được một vùng đất mà Thiên Chúa sẽ vui lòng chỉ định cho Con.

Theo lời Mẹ Thiên Chúa, họ đã bốc thăm trong sự kính sợ và tôn kính, và theo kết quả bốc thăm đó, Mẹ đã được giao phó vùng đất Iveria.

Nhận được kết quả bốc thăm này với niềm vui sướng, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội muốn ngay lập tức, sau khi Thánh Thần ngự xuống dưới hình dạng những lưỡi lửa, lên đường đến xứ Iveria. Nhưng Thiên Thần của Chúa đã nói với Mẹ:

– Bây giờ Mẹ đừng rời khỏi Giê-ru-sa-lem, mà hãy ở lại đây cho đến khi đến thời điểm thích hợp; phần đất mà Mẹ đã nhận được qua việc bốc thăm sẽ được soi sáng bởi ánh sáng của Đấng Christ sau này, và quyền cai trị của Mẹ sẽ tồn tại ở đó.

Đó là lời kể của Thánh Stefanus Svjatogorets. Sự tiền định của Thiên Chúa về việc truyền giáo cho Iveria đã được thực hiện ba thế kỷ sau khi Chúa Kitô lên trời, và Đấng thực hiện điều đó một cách rõ ràng và không thể nghi ngờ chính là Đức Mẹ Đồng Trinh, Đấng được chúc phúc vô cùng. Sau khoảng thời gian đã định, Mẹ đã sai Thánh Nữ Nina đến Iveria để rao giảng, với sự chúc lành và sự trợ giúp của Mẹ.

Thánh Nina sinh ra tại Cappadocia và là con gái duy nhất của một cặp vợ chồng quý tộc và đạo đức: Tướng quân La Mã Zavulon, người họ hàng của Thánh Đại Tử Đạo George, và Susanna, em gái của Thượng phụ Jerusalem. Khi mới mười hai tuổi, Thánh Nina cùng cha mẹ đến thành thánh Giê-ru-sa-lem. Tại đây, cha cô là Zavulon, tràn đầy tình yêu dành cho Thiên Chúa và mong muốn phụng sự Ngài qua đời sống tu hành, đã nhận được sự chúc lành từ Đức Thượng phụ Giê-ru-sa-lem, sau khi thỏa thuận với vợ mình; sau đó, trong nước mắt, ông chia tay cô con gái nhỏ Nina và phó thác cô cho Thiên Chúa, Đấng Cha của những đứa trẻ mồ côi và Đấng Bảo vệ các góa phụ, rồi ông ra đi và ẩn mình trong sa mạc Jordan. Và nơi thực hiện những việc đạo đức của vị thánh nhân này, cũng như nơi ông qua đời, vẫn là một bí ẩn đối với mọi người. Mẹ của Thánh Nina, Susanna, đã được anh trai bà – vị Thượng phụ – phong làm nữ phó tế tại ngôi thánh đường thánh thiêng, để phục vụ những người phụ nữ nghèo

[1014] Các vị thánh Nil và Theodulus đã qua đời trong bình an vào thế kỷ V. Thi hài của các ngài được Hoàng đế Justin II chuyển đến Constantinople và an táng tại Nhà thờ Các Thánh Tông đồ ở Orphanotrophion (nhà tạm trú).

[1015] Iveria, hay Gruzia, là một quốc gia ở vùng Transcaucasia, từng là một vương quốc độc lập trước khi sáp nhập vào Nga (ngày 18 tháng 1 năm 1801) và có các đường biên giới khác nhau tùy theo từng thời kỳ. Trong nghĩa hẹp, tên gọi Gruzia hiện nay thường được dùng để chỉ tỉnh Tiflis, nơi người Gruzia chiếm phần lớn dân số.

khó và ốm yếu; còn Nina thì được giao cho một bà lão đạo đức tên là Nianphora để nuôi dưỡng. Cô thiếu nữ thánh thiện này có những khả năng xuất sắc đến nỗi, chỉ sau hai năm, nhờ ơn sủng của Chúa, cô đã thấu hiểu và nắm vững các nguyên tắc của đức tin và sự đạo đức. Hàng ngày, với lòng nhiệt thành và lời cầu nguyện, cô đọc các Thánh Kinh, và trái tim cô bừng cháy tình yêu dành cho Chúa Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng đã chịu đau khổ trên thập giá và cái chết để cứu rỗi loài người. Khi cô đọc với nước mắt những câu chuyện trong Phúc Âm về sự đóng đinh của Đấng Cứu Thế và về tất cả những gì đã xảy ra dưới Thập Tự Giá của Ngài, suy nghĩ của cô dừng lại ở số phận của chiếc áo choàng của Chúa.

– Vậy thì chiếc áo choàng trần gian của Con Thiên Chúa hiện nay đang ở đâu? – cô hỏi người hướng dẫn của mình. – Không thể nào một thánh vật vĩ đại như vậy lại bị mất tích trên trần gian được.

Lúc đó, Nianphora đã kể cho Thánh Nina nghe – những điều mà chính bà biết được từ truyền thuyết, cụ thể là: về phía đông bắc Giê-ru-sa-lem có xứ Iveria và trong đó có thành phố Mtskheta[1016] , và chính nơi đó, chiếc áo choàng của Chúa Kitô đã được một người lính mang đến – người đã nhận được nó qua việc bốc thăm khi Chúa Kitô bị đóng đinh (Ga 19:24). Niamphora còn nói thêm rằng cư dân của đất nước này, được gọi là người Kartveli[1017] , cũng như người Armenia láng giềng và nhiều bộ tộc miền núi, cho đến nay vẫn chìm đắm trong bóng tối của sự lầm lạc ngoại đạo và sự vô đạo.

Những lời kể của bà lão ấy đã in sâu vào lòng Thánh Nina. Ngày đêm, bà dành trọn thời gian để cầu nguyện nồng nhiệt với Đức Mẹ Đồng Trinh, xin Mẹ ban cho bà được đặt chân đến xứ Iveria, tìm thấy và hôn lên chiếc áo choàng của Con Yêu Dấu của Mẹ là Chúa Giêsu Kitô, chiếc áo được chính tay Mẹ dệt nên, Đức Mẹ, và rao giảng danh thánh của Đấng Kitô cho những dân tộc nơi đó chưa biết Ngài. Và Đức Trinh Nữ Maria đã nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài. Bà hiện ra với cô trong một giấc mơ và phán:

– Hãy đi đến xứ Iveria, rao giảng Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô tại đó, và con sẽ được ân sủng trước mặt Ngài; còn Ta sẽ là Đấng Bảo Trợ của con.

– Nhưng làm sao – cô thiếu nữ khiêm nhường hỏi – một người phụ nữ yếu đuối như con lại có thể thực hiện sứ mệnh vĩ đại đến thế?

Đáp lại điều đó, Đức Trinh Nữ Rất Thánh, trao cho Nina một cây thánh giá đan từ cành nho, nói:

– Hãy nhận lấy cây thánh giá này. Nó sẽ là lá chắn và bức tường thành bảo vệ con trước mọi kẻ thù hữu hình lẫn vô hình. Nhờ sức mạnh của cây thánh giá này, con sẽ giương cao lá cờ cứu rỗi của đức tin vào Con Yêu Dấu của Ta và là Chúa, *"Đấng muốn cho mọi người được cứu rỗi và đạt đến sự hiểu biết chân lý"* (1 Tm 2:4).

Khi tỉnh dậy và thấy trong tay mình cây thánh giá kỳ diệu, Thánh Nina đã hôn lên nó với những giọt nước mắt vui sướng và hân hoan; sau đó, bà dùng tóc mình buộc chặt cây thánh giá lại và đi gặp người chú của mình, vị Thượng phụ. Khi vị Thượng phụ đáng kính nghe nàng kể về sự hiện ra của Đức Mẹ và lệnh truyền phải đến xứ Iveria để rao giảng Tin Mừng về sự cứu rỗi vĩnh cửu tại đó, ngài đã nhận ra đó là biểu hiện rõ ràng của ý muốn Thiên Chúa, nên không ngần ngại ban phước lành cho thiếu nữ trẻ để nàng thực hiện sứ mệnh rao giảng Tin Mừng. Và khi thời điểm thích hợp để lên đường đã đến, vị tổng giám mục dẫn Nina vào nhà thờ Chúa, đến trước bàn thờ thánh, rồi đặt bàn tay thánh của mình lên đầu cô và cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa, Đấng Cứu Rỗi của chúng con! Khi tiễn đưa cô gái mồ côi này – một thiếu nữ – đi rao giảng về Thần Tính của Ngài, con xin phó thác cô ấy vào tay Ngài. Xin Chúa Kitô, Thiên Chúa, hãy trở thành người đồng hành và người hướng dẫn cho cô ấy ở mọi nơi cô ấy rao giảng về Ngài, và xin ban cho lời nói của cô ấy sức mạnh và sự khôn ngoan đến nỗi không ai có thể chống lại hay phản đối được. Còn Ngài, Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, Đấng Cứu Giúp và Đấng Bào Chữa của mọi Kitô hữu, xin hãy ban cho thiếu nữ này, người mà chính Ngài đã chọn để rao giảng Tin Mừng của Con Ngài, Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng con, giữa các dân ngoại, sức mạnh từ trên cao để chống lại các kẻ thù hữu hình và vô hình. Xin hãy luôn là tấm khiên che chở và sự

[1016] Mtskheta – thủ đô cổ xưa của Gruzia, hiện là một làng nhỏ thuộc huyện Dusheti, tỉnh Tiflis, nằm tại điểm hợp lưu của sông Aragva và sông Kura, cách Tiflis 20 verst về phía tây bắc – là ga trên tuyến đường sắt Transcaucasia và tuyến đường quân sự Gruzia. Mtskheta đã tồn tại từ đầu thế kỷ IV và vẫn là nơi cư ngụ của các vị vua Gruzia cho đến cuối thế kỷ V, khi vua Vakhtang Gurg-Aslan chuyển thủ đô đến Tiflis. Cũng trong thế kỷ đó, Mtskheta trở thành nơi cư ngụ của tổng giám mục, người mang tước hiệu "Catholicos của Mtskheta". Nhiều lần, Mtskheta phải hứng chịu các cuộc xâm lược của kẻ thù, khiến thành phố bị phá hủy hoàn toàn, và do đó rơi vào tình trạng hoang tàn tuyệt đối. Những di tích còn lại chứng tỏ sự vĩ đại xưa kia của Mtskheta là Nhà thờ cổ kính mang tên 12 Tông đồ và Đền thờ Samtavri.

[1017] Người Kartveli – chính là người Gruzia và các dân tộc có quan hệ họ hàng thuộc bộ tộc Kavkaz.

bảo vệ bất khả chiến bại cho cô ấy, và xin đừng bỏ rơi cô ấy bằng lòng thương xót của Mẹ, cho đến khi cô ấy hoàn thành thánh ý của Mẹ!

Vào thời đó, từ thành thánh, có năm mươi ba trinh nữ – những người bạn thân – cùng với một công chúa là Ripsimia và người hướng dẫn của họ là Gaiaania, đã lên đường đến Armenia. Họ đã chạy trốn khỏi La Mã cổ đại để thoát khỏi sự đàn áp của hoàng đế vô đạo Diocletian, người muốn cưới công chúa Ripsimia, mặc dù nàng đã thề giữ trinh tiết và hứa hôn với Đấng Hôn Phu trên trời – Đức Kitô. Thánh Nina cùng với các trinh nữ thánh thiện này đã đến biên giới Armenia[1018] và thủ đô Vagharshapat[1019] . Các trinh nữ thánh thiện định cư bên ngoài thành phố, dưới một mái che được dựng lên trên vườn nho, và tự kiếm sống bằng chính sức lao động của mình.

Chẳng bao lâu sau, Diocletian tàn bạo biết được rằng Ripsimia đang ẩn náu tại Armenia. Ông đã gửi thư cho vua Armenia Tiridates – lúc bấy giờ vẫn còn là người ngoại đạo[1020] – yêu cầu ông ta tìm ra Ripsimia và đưa cô về Rome, hoặc nếu muốn, có thể lấy cô làm vợ, vì cô, – ông viết, – rất xinh đẹp. Các tôi tớ của Tiridatus nhanh chóng tìm thấy Ripsimia, và khi vị vua nhìn thấy cô, ông đã tuyên bố với cô rằng ông muốn lấy cô làm vợ. Còn vị thánh nữ thì dũng cảm nói với ông:

– Tôi đã đính hôn với Chú Rể trên trời là Đức Kitô; vậy mà ngài, kẻ vô đạo, sao dám động chạm đến cô dâu của Đức Kitô?

Tiridates, kẻ vô đạo, bị kích động bởi dục vọng thú tính, cơn giận và sự xấu hổ, đã ra lệnh tra tấn vị thánh nữ. Sau nhiều hình phạt tàn bạo, Ripsimia bị cắt lưỡi, móc mắt và thi thể bà bị xẻ thành nhiều mảnh. Số phận y hệt cũng ập xuống tất cả các thánh nữ bạn đồng hành của Thánh Ripsimia và người hướng dẫn của họ là Gaiania[1021] .

Chỉ có một mình thánh Nina thoát chết một cách kỳ diệu: được dẫn dắt bởi một bàn tay vô hình, bà ẩn mình trong bụi hoa hồng dại chưa nở. Bị chấn động bởi nỗi sợ hãi khi chứng kiến số phận của các bạn đồng hành , vị thánh ngước mắt lên trời cầu nguyện cho họ và nhìn thấy trên cao một Thiên thần rực rỡ ánh sáng, thắt lưng bằng dải lụa sáng chói. Với lư hương thơm ngát trong tay, được đoàn thiên thần đông đảo tháp tùng, ngài từ các tầng trời cao xuống; còn từ mặt đất – như thể để đón ngài – linh hồn các thánh nữ tử đạo bay lên, hòa vào đoàn thiên thần rực rỡ và cùng với họ bay lên các tầng trời cao.

Thấy cảnh ấy, Thánh Nina đã khóc nức nở và kêu lên:

– Lạy Chúa, lạy Chúa! Sao Ngài lại bỏ con một mình giữa những con rắn độc và rắn hổ mang này?

Đáp lại điều đó, Thiên thần nói với bà:

– Đừng buồn, nhưng hãy chờ một chút, vì con cũng sẽ được đưa vào Nước Trời vinh quang; điều đó sẽ xảy ra khi bông hồng gai góc và hoang dã bao quanh con được phủ đầy những bông hoa thơm ngát, giống như bông hồng được trồng và chăm sóc trong vườn. Bây giờ, hãy đứng dậy và đi về phía bắc, nơi mùa gặt bội thu đang chín muồi, nhưng lại thiếu người gặt (Lc 10,2).

Theo mệnh lệnh này, Thánh Nina đã một mình lên đường tiếp tục hành trình và, sau một chuyến đi dài, đã đến bờ một con sông mà nàng chưa từng biết, gần làng Khertvisi. Con sông đó chính là sông Kura, chảy từ phía tây sang phía đông nam, đến Biển Caspi, tưới mát toàn bộ vùng trung tâm Iveria[1022] . Tại bờ sông, bà gặp những người chăn cừu, họ đã cho người lữ hành mệt mỏi vì quãng đường dài một ít thức ăn. Những người này nói bằng phương ngữ Armenia; Nina hiểu tiếng Armenia: bà lão Nianfora đã dạy bà ngôn ngữ này. Bà hỏi một trong những người chăn cừu:

– Thành phố Mtskheta nằm ở đâu và cách đây xa không?

Anh ta trả lời:

[1018] Armenia – một quốc gia miền núi nằm giữa sông Kura và thượng nguồn các sông Tigris và Euphrates; nơi đây từng được cư trú bởi người Armenia, được đặt tên theo vua Aram; hiện nay Armenia bị chia cắt giữa Nga, Ba Tư và Thổ Nhĩ Kỳ.

[1019] Vagharshapat – từng là thủ đô của vương quốc Armenia (được thành lập bởi vua Vagharshak), hiện nay là một làng thuộc tỉnh Yerevan, huyện Echmiadzin, cách thành phố Yerevan 18 verst.

[1020] Tiridat lên ngôi vào năm 286 và ban đầu là kẻ bách hại tàn bạo đối với các Kitô hữu, sau đó được Thánh Tử đạo Grigori người Armenia (ngày kỷ niệm 30 tháng 9) dẫn dắt vào đạo Kitô và từ đó trở thành một Kitô hữu nhiệt thành. Năm 302, dưới triều đại của ông, toàn bộ Armenia cũng đã được dẫn dắt vào đạo Kitô.

[1021] Giáo hội Chính thống kỷ niệm các vị thánh nữ tử đạo này, những người mà cái chết của họ đã trở thành cơ duyên để Vua Tiridates và toàn thể Armenia quy y Chúa Kitô, vào ngày 30 tháng 9

[1022] Sông Kura là con sông lớn nhất của vùng Kavkaz; từ nguồn đến nơi hợp lưu với sông Araks đổ ra Biển Caspi, sông có chiều dài 1.244 verst.

– Cô có thấy con sông này không? Dọc theo hai bên bờ sông, xa về phía hạ lưu, là thành phố Mtskheta vĩ đại, nơi các vị thần của chúng tôi ngự trị và các vị vua của chúng tôi cai trị.

Tiếp tục hành trình từ đây, một ngày nọ, người nữ tu hành lang thang mệt mỏi bèn ngồi xuống một tảng đá và bắt đầu trầm ngâm: Chúa đang dẫn dắt nàng đi đâu? Thành quả của những nỗ lực của nàng sẽ ra sao? Và liệu cuộc hành trình xa xôi và gian nan này có phải là vô ích chăng? Trong lúc đang suy ngẫm như vậy, bà chìm vào giấc ngủ ngay tại chỗ và mơ thấy một người đàn ông có dáng vẻ uy nghiêm; mái tóc của ông xõa xuống vai, và trên tay ông cầm một cuộn sách viết bằng tiếng Hy Lạp. Sau khi mở cuộn sách ra, ông đưa nó cho Nina và ra lệnh cho bà đọc, còn bản thân ông thì bỗng chốc biến mất. Khi tỉnh giấc và thấy cuộn sách kỳ diệu trong tay, Thánh Nina đã đọc được những lời trong Phúc Âm sau đây: *"Thật, Ta nói cùng các ngươi: Bất cứ nơi nào trên khắp thế gian này Phúc Âm này được rao giảng, thì người ta sẽ kể lại để tưởng nhớ đến nàng và những việc nàng đã làm"* (người phụ nữ) (Mt 26:13). *"Không có phân biệt nam hay nữ, vì tất cả các ngươi đều là một trong Đức Kitô Giêsu"* (Gl 3,28). *"Đức Giêsu nói với các bà: 'Đừng sợ; hãy đi báo cho anh em Ta biết'"* (Mt 28,10). *"Ai tiếp đón các con, tức là tiếp đón Ta; và ai tiếp đón Ta, tức là tiếp đón Đấng đã sai Ta"* (Mt 10:40). *"Ta sẽ ban cho các con lời nói và sự khôn ngoan, mà tất cả những ai chống đối các con sẽ không thể phản bác hay chống lại được"* (Lc 21:15). *"Khi các con bị dẫn đến các hội đường, trước mặt các quan chức và những người có quyền thế, đừng lo lắng về việc phải trả lời thế nào hay nói gì, vì Thánh Thần sẽ dạy các con vào lúc đó những điều cần phải nói"* (Lc 12,11–12). *"Và đừng sợ những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết linh hồn"* (Mt 10:28). *"Vậy, hãy đi, dạy dỗ muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha, Con và Thánh Thần; và nầy, Ta sẽ ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế. A-men"* (Mt 28:19–20).

Được củng cố bởi sự hiện thấy và sự an ủi thiêng liêng này, Thánh Nina tiếp tục hành trình của mình với lòng hăng hái và nhiệt huyết mới. Vượt qua những gian khổ, đói khát và nỗi sợ hãi trước các loài thú dữ trên đường đi, bà đã đến được thành phố cổ Urbnise của Kartli[1023] , nơi bà ở lại khoảng một tháng, sinh sống trong các ngôi nhà của người Do Thái và tìm hiểu phong tục, tập quán cũng như ngôn ngữ của dân tộc mới mẻ đối với bà.

Một lần, khi biết rằng tất cả nam giới trong thành phố này, cũng như những người từ các vùng lân cận, đang chuẩn bị lên thủ đô Mtskheta để thờ phụng các vị thần giả dối của họ, thánh Nina cũng lên đường cùng họ. Khi họ sắp đến thành phố, gần cầu Pompeev, họ gặp đoàn xe của vua Mirian và hoàng hậu Nana; được một đám đông người dân đông đảo hộ tống, họ đang hướng về đỉnh núi nằm đối diện với thành phố để thực hiện nghi lễ thờ phụng một thần tượng vô hồn có tên là Armaz.

Cho đến trước buổi trưa, thời tiết vẫn trong xanh. Nhưng ngày hôm đó, vốn là ngày đầu tiên Thánh Nina đến đích của sứ mệnh cứu rỗi đất nước Iveria, lại chính là ngày cuối cùng của sự thống trị của vị thần tượng ngoại đạo nói trên tại đó. Được đám đông dân chúng dẫn dắt, Thánh Nina tiến về phía ngọn núi, đến nơi đặt bàn thờ thần tượng. Sau khi tìm được một chỗ đứng thuận tiện, từ đó bà nhìn thấy tượng thần chính Armaz. Tượng trông giống như một người đàn ông có vóc dáng cao lớn phi thường; được đúc từ đồng mạ vàng, tượng mặc áo giáp vàng, đội mũ sắt vàng trên đầu; một mắt của ngài là viên ngọc bích, còn mắt kia được làm từ ngọc lục bảo, cả hai đều có kích thước và độ sáng chói phi thường. Bên phải Armaz là một tượng thần nhỏ bằng vàng khác, tên là Katsi, còn bên trái là tượng thần bằng bạc, tên là Gaim.

Toàn thể đám đông dân chúng, cùng với vị vua của họ, đứng trong sự kính sợ và run rẩy điên cuồng trước các vị thần của mình, trong khi các thầy tế đang chuẩn bị dâng các lễ vật đẫm máu[1024] . Và khi mọi việc hoàn tất, hương trầm bốc lên, máu hiến tế chảy ra, kèn và trống vang dội, vua và dân chúng đều quỳ sấp mặt xuống đất trước những bức tượng vô hồn. Lúc đó, lòng trinh nữ thánh thiện bừng lên lòng nhiệt thành của tiên tri Ê-li. Thở dài từ tận đáy lòng và ngước mắt đẫm lệ lên trời, nàng bắt đầu cầu nguyện bằng những lời sau:

– Lạy Thiên Chúa Toàn Năng! Xin hãy dẫn dắt dân tộc này, nhờ vô vàn ân sủng của Ngài, đến với sự nhận biết Ngài, Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật. Xin hãy thổi bay những hình tượng này đi, giống như gió thổi bay bụi và tro khỏi mặt đất. Xin hãy nhìn xuống dân tộc này với lòng thương xót, dân tộc mà Ngài đã tạo dựng bằng bàn tay toàn năng của Ngài và tôn vinh bằng Hình Ảnh Thần Thánh của Ngài! Lạy Chúa và Đấng Tối Cao, Ngài đã yêu thương tạo vật của Ngài đến nỗi thậm chí đã hiến dâng Con Một duy nhất của Ngài để cứu rỗi loài người sa ngã

[1023] Theo truyền thuyết, thành phố Urbnisi được xây dựng bởi Uples, con trai của Mukhetos, chắt của Iafet, cách đây 2.340 năm trước Công nguyên.

[1024] Có truyền thuyết kể rằng cả trẻ sơ sinh và thanh niên cũng từng bị hiến tế cho các thần tượng.

– xin giải thoát linh hồn và những con người này của Ngài khỏi quyền lực hủy diệt của chúa tể bóng tối, kẻ đã làm mù mắt trí tuệ của họ, khiến họ không nhìn thấy con đường chân chính dẫn đến sự cứu rỗi. Xin Chúa thương ban cho đôi mắt con được chứng kiến sự hủy diệt hoàn toàn của những thần tượng đang ngạo mạn đứng đây. Xin Ngài làm cho dân tộc này và mọi miền đất cuối cùng đều nhận ra ơn cứu rỗi mà Ngài ban tặng, để cả phương Bắc lẫn phương Nam cùng hân hoan vì Ngài, và để mọi dân tộc đều thờ phượng Ngài, Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Hằng Hữu, trong Con Một của Ngài, Chúa Giê-su Christ, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời.

Chưa kịp kết thúc lời cầu nguyện thánh thiêng này, bỗng những đám mây giông bão trỗi dậy từ phương Tây và nhanh chóng cuốn theo dòng chảy của sông Kura. Nhận thấy nguy hiểm, nhà vua và dân chúng vội vã bỏ chạy; còn Nina thì ẩn náu trong khe núi. Đám mây kèm theo sấm sét và chớp nhoáng đã ập xuống ngay nơi đặt bàn thờ thần tượng. Những tượng thần trước đây từng ngạo nghễ sừng sững nay đã vỡ tan thành bụi, các bức tường của đền thờ cũng bị phá hủy thành tro bụi; dòng nước mưa đã cuốn chúng xuống vực thẳm, còn dòng sông thì cuốn trôi chúng theo dòng chảy; do đó, không còn dấu vết nào của các tượng thần và đền thờ dành riêng cho chúng. Còn Thánh Nina, được Thiên Chúa che chở, vẫn đứng nguyên vẹn trong khe núi và bình thản chứng kiến cảnh thiên nhiên bỗng chốc nổi cuồng nộ xung quanh mình, rồi mặt trời rực rỡ lại chiếu sáng từ bầu trời. Và tất cả những điều này xảy ra vào ngày Lễ Biến Hình vinh quang của Chúa – khi ánh sáng chân thật chiếu rọi trên núi Phavarô lần đầu tiên biến đổi bóng tối của tà giáo trên dãy núi Iveria thành ánh sáng của Đấng Kitô.

Vô ích thay, ngày hôm sau, vua và dân chúng đi tìm các vị thần của họ. Không tìm thấy, họ kinh hoàng và nói:

– Thần Armaz quả là vĩ đại, nhưng có một vị Thần khác, vĩ đại hơn Ngài, chính Ngài đã đánh bại thần Armaz. Chẳng lẽ đó là Đức Chúa Trời của Kitô giáo, Đấng đã làm bẽ mặt các vị thần cổ xưa của người Armenia và khiến vua Tiridates trở thành Kitô hữu sao? – Tuy nhiên, ở Iveria, không ai từng nghe nói gì về Chúa Kitô, và cũng không ai rao giảng rằng Ngài là Đức Chúa Trời cao hơn mọi vị thần. Vậy thì điều gì đã xảy ra, và điều gì sẽ xảy ra sau này?

Một thời gian dài sau đó, Thánh Nina đã vào thành phố Mtskheta dưới vỏ bọc của một người lữ hành, và tự xưng là một tù nhân. Khi bà đang trên đường đến vườn hoàng gia, vợ của người làm vườn, Anastasia, đã vội vã ra đón bà, như thể đón một người quen mà bà đã chờ đợi từ lâu. Sau khi cúi đầu chào thánh nữ, bà dẫn bà về nhà mình, rồi rửa chân cho bà và xức dầu lên đầu bà, sau đó mời bà dùng bánh mì và rượu. Anastasia cùng chồng đã nài nỉ Nina ở lại sống cùng họ như một người chị em, vì họ không có con và đang buồn bã vì sự cô đơn của mình. Sau đó, theo nguyện vọng của thánh Nina, chồng của Anastasia đã dựng cho bà một lều nhỏ ở góc vườn; chính tại nơi đó, cho đến ngày nay vẫn còn một nhà thờ nhỏ được xây dựng để tôn vinh thánh Nina, nằm trong khuôn viên Tu viện nữ Samtavr[1025] . Thánh Nina, sau khi đặt cây thánh giá mà Đức Mẹ đã trao cho bà vào lều này, đã dành cả ngày lẫn đêm ở đó để cầu nguyện và hát thánh vịnh.

Từ túp lều này, một chuỗi những việc làm cao cả và phép lạ của Thánh Nina đã bắt đầu, được thực hiện để tôn vinh Danh Chúa Kitô. Thành quả đầu tiên của Giáo Hội Chúa Kitô tại Iveria là một cặp vợ chồng đạo đức, đã cưu mang một tôi tớ của Chúa Kitô trong nhà mình. Nhờ lời cầu nguyện của Thánh Nina, Anastasia đã được giải thoát khỏi tình trạng vô sinh và sau này trở thành mẹ của một gia đình đông con và hạnh phúc, đồng thời cũng là người phụ nữ đầu tiên tại Iveria tin vào Chúa Kitô trước cả các nam giới.

Một người phụ nữ khóc lóc thảm thiết, bế đứa con đang hấp hối đi khắp các đường phố, kêu gọi mọi người giúp đỡ. Thánh Nina bế đứa trẻ ốm yếu, đặt nó lên chiếc giường được làm từ lá cây; sau khi cầu nguyện, bà đặt cây thánh giá làm từ cành nho lên người đứa bé, rồi trao trả lại cho người mẹ đang khóc lóc đứa con còn sống và khỏe mạnh.

Từ thời điểm đó, Thánh Nina bắt đầu rao giảng Tin Mừng một cách công khai và rộng rãi, kêu gọi những người ngoại đạo và người Do Thái ở Iveria ăn năn và tin vào Chúa Kitô. Cuộc đời đạo đức, công chính và trong sạch của bà được mọi người biết đến và thu hút ánh mắt, tai nghe và trái tim của dân chúng hướng về vị thánh. Nhiều người – đặc biệt là các bà vợ Do Thái – bắt đầu thường xuyên đến với Nina để lắng nghe từ đôi môi ngọt ngào của bà những giáo lý mới về Nước Trời và sự cứu rỗi vĩnh cửu, và họ bắt đầu bí mật tin nhận Đức Kitô. Trong số đó có: Sidonia, con gái của Aviafar, Thượng tế của người Do Thái ở Kartalin, và sáu phụ nữ Do Thái khác. Chẳng bao lâu sau, chính Aviafar cũng tin vào Đấng Christ – sau khi nghe Thánh Nina giải thích về những lời tiên

[1025] Tu viện nữ Samtavri, thuộc tỉnh Tiflis, cách thành phố Dusheti 31 verst, tại nơi sông Aragva đổ vào sông Kura.

tri cổ xưa về Chúa Giê-su Christ và cách chúng đã ứng nghiệm trên Ngài, với tư cách là Đấng Mê-si-a. Sau này, chính Aviafar đã kể lại điều này như sau:

– "Luật Mô-sê và các tiên tri đều dẫn đến Đấng Kitô, Đấng mà tôi đang rao giảng," Thánh Nina đã nói với tôi. "Ngài chính là sự kết thúc và sự viên mãn của Luật. Bắt đầu từ việc tạo dựng thế giới, như đã được ghi chép trong các sách của chúng ta, người phụ nữ kỳ diệu này đã kể cho tôi nghe về tất cả những gì Thiên Chúa đã sắp đặt để cứu rỗi loài người qua Đấng Mê-si-a đã được hứa." Chúa Giêsu quả thực là Đấng Mê-si-a, Con của Đức Trinh Nữ, theo lời tiên tri. Các tổ phụ của chúng ta, bị lòng ghen tị xúi giục, đã đóng đinh Ngài vào thập giá và giết chết Ngài, nhưng Ngài đã phục sinh, thăng thiên và sẽ trở lại trần gian trong vinh quang. Ngài chính là Đấng mà các dân tộc đang mong đợi và là Đấng tạo nên vinh quang của Israel. Nhờ danh Ngài, Thánh Nina đã thực hiện trước mắt tôi nhiều dấu lạ và phép lạ, những điều mà chỉ có quyền năng của Đức Chúa Trời mới có thể làm được.

Trong những lần trò chuyện với ông Aviafar này, Thánh Nina đã nghe ông kể lại câu chuyện sau đây về chiếc áo choàng của Chúa:

– Tôi nghe từ cha mẹ mình, còn họ lại nghe từ cha và ông nội của họ, rằng khi Hê-rốt trị vì tại Giê-ru-sa-lem, người Do Thái sống ở Mtskheta và khắp vùng Kartli[1026] đã nhận được tin rằng các vị vua Ba Tư đang đến Jerusalem, rằng họ đang tìm kiếm một Hài Nhi nam mới sinh, thuộc dòng dõi Đa-vít, được sinh ra bởi Mẹ mà không có cha, và họ gọi Ngài là Vua của dân Do Thái. Họ đã tìm thấy Ngài tại thành Bethlehem của vua Đa-vít, trong một hang đá nghèo nàn, và dâng lên Ngài những món quà là vàng hoàng gia, nhũ hương chữa bệnh và trầm hương thơm ngát; sau khi thờ lạy Ngài, họ trở về xứ sở của mình (Mt 2:11–12).

Ba mươi năm sau đó, ông cố của tôi là Ê-li-ô-z đã nhận được từ Giê-ru-sa-lem một lá thư của Thượng tế An-na với nội dung như sau:

"Đấng mà các vua Ba Tư đã đến thờ lạy cùng với những lễ vật của họ, nay đã đến tuổi trưởng thành và bắt đầu rao giảng rằng Ngài chính là Đấng Christ, Đấng Mê-si-a và Con Thiên Chúa.

Hãy đến Giê-ru-sa-lem để chứng kiến cái chết của Ngài, cái chết mà Ngài sẽ phải chịu theo luật Môi-se."

Khi Eliôz cùng với nhiều người khác chuẩn bị lên đường đến Giê-ru-sa-lem, mẹ ông, một bà lão đạo đức thuộc dòng dõi của Thượng tế Ê-li, đã nói với ông:

– Hãy đi đi, con trai của mẹ, theo lời kêu gọi của Đức Vua; nhưng mẹ van xin con, – đừng đứng về phía những kẻ vô đạo chống lại Đấng mà họ đã định giết; Ngài chính là Đấng mà các tiên tri đã báo trước, Đấng là một câu đố đối với các nhà thông thái, một bí mật được giấu kín từ thuở ban đầu, là ánh sáng cho các dân tộc và là sự sống đời đời.

Elios cùng với Longinus người Carene đã đến Giê-ru-sa-lem và chứng kiến việc Chúa Giê-su bị đóng đinh. Còn mẹ ông thì ở lại Mtskheta. Vào đêm trước Lễ Phục Sinh, bà bỗng cảm thấy trong lòng như những nhát búa đang đóng đinh, và bà đã thốt lên lớn tiếng:

– Vương quốc Israel nay đã diệt vong, vì họ đã kết án tử hình Đấng Cứu Thế và Đấng Giải Cứu của mình; từ nay trở đi, dân tộc này sẽ phải gánh chịu tội máu của Đấng Tạo Hóa và Chúa của họ. Khốn thay cho tôi vì đã không chết trước khi điều này xảy ra: tôi đã không phải nghe những tiếng đập kinh hoàng ấy! Tôi sẽ không còn được chứng kiến Vinh Quang của Israel trên đất này nữa!

Nói xong, bà qua đời. Còn Elios, người có mặt tại cuộc đóng đinh Chúa Kitô, đã mua lại chiếc áo choàng của Ngài từ một binh sĩ La Mã[1027] , người đã nhận được nó qua việc bốc thăm, và mang nó về Mtskheta. Sidonia, em gái của Elios, khi chào đón anh trai trở về an toàn, đã kể cho anh nghe về cái chết kỳ diệu và bất ngờ của mẹ, cùng những lời trăng trối của bà. Khi Elios xác nhận điềm báo của mẹ về việc Chúa Kitô bị đóng đinh, và cho em gái xem chiếc áo choàng của Chúa, Sidonia đã cầm lấy nó, hôn lên trong nước mắt, rồi ôm chặt vào ngực và ngay lập tức ngã xuống chết. Và không có sức mạnh nào của con người có thể giật lấy chiếc áo thánh thiêng liêng đó khỏi tay người đã khuất – ngay cả chính vua Aderki, người đã đến cùng các quan đại thần của mình để chứng kiến cái chết kỳ lạ của thiếu nữ và cũng muốn lấy chiếc áo của Chúa Giê-su khỏi tay cô. Một thời gian sau, Eliôz chôn cất thi thể em gái mình, đồng thời chôn cất cả chiếc áo choàng của Chúa Kitô cùng với cô, và việc này được thực

[1026] Kartalinia – đó là tên gọi của vùng đất dọc theo thung lũng sông Kura. Kartalinia từng là một phần của Vương quốc Iveria, cùng với Kakheti. – Người Do Thái đã sinh sống tại Iveria từ rất lâu đời, định cư ở đó sau cuộc lưu đày Babylon; trung thành với phong tục của mình, họ thường đến Jerusalem vào dịp lễ Phục sinh. Tại đó, họ đã nghe những câu chuyện về cuộc đời của Chúa Kitô, giáo lý và các phép lạ của Ngài.

[1027] Thánh lễ về chiếc áo của Chúa, tức là áo Chiton, bằng tiếng Gruzia.

hiện một cách bí mật đến mức cho đến tận bây giờ vẫn không ai biết nơi an táng của Sidonia. Một số người chỉ phỏng đoán rằng nơi đó nằm giữa khu vườn hoàng gia, nơi từ đó đến nay một cây tuyết tùng rợp bóng mát đã tự mọc lên và đứng sừng sững tại đó; các tín hữu từ khắp nơi đổ về cây này, tôn kính nó như một sức mạnh vĩ đại; chính tại đó, dưới gốc cây tuyết tùng, người ta tin rằng quan tài của Sidonia đang được an táng.

Khi nghe về truyền thuyết này, Thánh Nina bắt đầu đến đây vào ban đêm để cầu nguyện dưới gốc cây tuyết tùng này; tuy nhiên, bà vẫn nghi ngờ liệu chiếc áo choàng của Chúa có thực sự được giấu dưới gốc cây hay không. Nhưng những hình ảnh huyền bí mà bà nhìn thấy tại nơi này đã thuyết phục bà rằng nơi đây là thánh địa và sẽ được tôn vinh trong tương lai. Vậy là, một lần nọ, sau khi hoàn tất các lời cầu nguyện lúc nửa đêm, Thánh Nina đã thấy: từ khắp các vùng lân cận, những đàn chim đen bay tụ tập về khu vườn hoàng gia, rồi từ đó chúng bay đến sông Aragve[1028] và tắm mình trong dòng nước của nó. Một lúc sau, chúng bay lên cao, nhưng lúc này đã trắng như tuyết, rồi sau đó, khi đậu xuống cành cây tuyết tùng, chúng cất tiếng hót những bài ca thiên đàng vang vọng khắp khu vườn. Đó là một điềm báo rõ ràng rằng các dân tộc lân cận sẽ được soi sáng bởi nước thánh rửa tội, và tại nơi cây tuyết tùng từng đứng sẽ có một ngôi đền để tôn vinh Đức Chúa Trời chân chính, và trong ngôi đền này, Danh Chúa sẽ được tôn vinh mãi mãi. Thánh Nina còn thấy rằng dường như hai ngọn núi đối diện nhau, Armaz và Zadena, đã rung chuyển và sụp đổ. Bà cũng nghe thấy tiếng ồn ào của trận chiến và tiếng la hét của bầy quỷ dữ, dường như chúng đã xâm nhập vào thủ đô dưới hình dạng những chiến binh Ba Tư, cùng với một giọng nói đáng sợ, giống như giọng của vua Khosrow, ra lệnh tiêu diệt tất cả. Nhưng tất cả cảnh tượng kinh hoàng đó đã biến mất ngay khi Thánh Nina giơ thánh giá lên, vẽ dấu thánh giá trên không trung và nói:

– Im đi, lũ quỷ! Quyền lực của các ngươi đã chấm dứt: vì Đấng Chiến Thắng đã đến!

Được những dấu hiệu này xác nhận rằng Nước Trời và sự cứu rỗi của dân tộc Iveria đã gần kề, Thánh Nina không ngừng rao giảng Lời Chúa cho dân chúng. Cùng với bà, các môn đệ của bà – đặc biệt là Sidonia và cha của cô, Aviafar – cũng miệt mài làm việc trong công cuộc rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô. Vị cha này đã tranh luận một cách nhiệt thành và kiên trì đến mức với những người Do Thái đồng đạo cũ của mình về Chúa Giêsu Kitô, đến nỗi ông thậm chí còn bị họ bắt bớ và bị kết án ném đá; chỉ có vua Mirian mới cứu ông khỏi cái chết. Chính vị vua này cũng bắt đầu suy ngẫm trong lòng về đức tin vào Đấng Kitô, vì ngài biết rằng đức tin này không chỉ lan rộng đến vương quốc Armenia láng giềng, mà ngay cả trong Đế quốc La Mã, Hoàng đế Constantine cũng đã chiến thắng mọi kẻ thù của mình nhờ danh Đấng Kitô và sức mạnh của Thập tự giá Ngài, trở thành một Kitô hữu và là người bảo trợ cho các Kitô hữu[1029] . Lúc bấy giờ, Iveria nằm dưới sự cai trị của người La Mã, và con trai của Mirian, Bakar, lúc đó đang làm con tin tại Rome; vì vậy, Mirian không cản trở Thánh Nina rao giảng về Chúa Kitô ngay tại thành phố của mình. Chỉ có vợ của Mirian, Nữ hoàng Nana, là người nuôi dưỡng lòng thù hận đối với các Kitô hữu; bà là một người phụ nữ tàn nhẫn và là tín đồ cuồng nhiệt của những thần tượng vô hồn, người đã dựng tượng nữ thần Venus tại Iveria[1030] . Tuy nhiên, ân sủng của Thiên Chúa, "Đấng chữa lành những kẻ yếu đuối và bù đắp cho những ai thiếu thốn"[1031] , đã sớm chữa lành cả người phụ nữ đang đau khổ về tinh thần này. Nữ hoàng bắt đầu ốm nặng; và càng cố gắng chữa trị, bệnh tình lại càng trầm trọng hơn; nữ hoàng đã cận kề cái chết. Lúc đó, những người phụ nữ thân cận với bà, thấy nguy cơ lớn, bắt đầu nài nỉ bà hãy gọi người lữ hành Nina, người chỉ bằng lời cầu nguyện với Đức Chúa Trời mà bà rao giảng đã chữa lành mọi bệnh tật và đau ốm. Nữ hoàng ra lệnh đưa người phụ nữ lạ mặt này đến gặp mình: Thánh Nina, sau khi thử thách đức tin và lòng khiêm nhường của nữ hoàng, đã nói với những người được cử đi:

– Nếu nữ hoàng muốn được khỏe mạnh, xin hãy đến gặp tôi tại lều này, và tôi tin rằng bà sẽ được chữa lành tại đây nhờ quyền năng của Đấng Christ, Thiên Chúa của tôi.

Nữ hoàng vâng lời và ra lệnh cho người ta khiêng mình trên cáng vào lều của thánh nữ; theo sau bà là con trai bà là Rev và đông đảo dân chúng. Thánh Nina, sau khi ra lệnh đặt nữ hoàng đang ốm lên giường lá của mình, đã quỳ gối và thành kính cầu nguyện với Chúa, Đấng Chữa Lành cho linh hồn và thể xác. Sau đó, bà cầm thánh giá của mình, đặt lên đầu, chân và cả hai vai của người bệnh, và như vậy đã làm dấu thánh giá trên người bà. Ngay khi bà vừa làm xong điều đó, nữ hoàng lập tức đứng dậy khỏi giường bệnh với thân thể khỏe mạnh. Sau khi tạ ơn Chúa

---

[1028] Aragva – nhánh sông bên trái của sông Kura, đổ vào sông Kura tại Mtskheta; chiều dài của nó là 100 verst.

[1029] Hoàng đế Constantine Đại đế trị vì từ năm 306 đến năm 337.

[1030] Venus – nữ thần sắc đẹp và tình yêu trong thần thoại Hy Lạp-La Mã. Các lễ hội tôn vinh nữ thần này thường đi kèm với những hành vi vô độ và trụy lạc cực độ.

[1031] Trích từ lời cầu nguyện hoàn tất của bí tích chức thánh.

Giêsu Kitô, nữ hoàng ngay tại đó, trước mặt Thánh Nina và dân chúng – và sau đó tại nhà – trước mặt chồng mình là vua Mirian – đã công khai tuyên xưng rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật. Bà đã coi Thánh Nina là người bạn thân thiết và người trò chuyện thường xuyên của mình, nuôi dưỡng tâm hồn bằng những lời dạy thánh thiện của bà. Sau đó, nữ hoàng đã mời vị trưởng lão khôn ngoan Aviafar và con gái ông là Sidonia đến gần mình, và nhờ họ, bà đã học được nhiều điều về đức tin và sự đạo đức. Chính vua Mirian (con trai của vua Ba Tư Khosrow và là tổ tiên của triều đại Sassanid tại Gruzia) vẫn còn chần chừ trong việc công khai tuyên xưng Chúa Kitô là Thiên Chúa, mà ngược lại, ông còn cố gắng trở thành một kẻ sùng bái thần tượng cuồng nhiệt. Một lần, ông thậm chí còn có ý định tiêu diệt các tín hữu của Chúa Kitô cùng với Thánh Nina, và điều này xảy ra trong hoàn cảnh sau đây. Một người thân cận của vua Ba Tư, một học giả và tín đồ nhiệt thành của giáo lý Zoroaster, đã đến thăm Mirian và, sau một thời gian, bị mắc chứng điên loạn nghiêm trọng. Sợ sự phẫn nộ của vua Ba Tư, Mirian đã nhờ các sứ giả khẩn cầu Thánh Nina đến chữa lành cho hoàng tử. Bà ra lệnh đưa người bệnh đến cây tuyết tùng ở giữa vườn hoàng gia, đặt anh ta quay mặt về hướng đông với hai tay giơ cao và bảo anh ta lặp lại ba lần:

– Ta từ bỏ ngươi, Satan, và dâng mình cho Đấng Christ, Con Thiên Chúa!

Khi người bị quỷ ám nói xong, ngay lập tức linh hồn đó, sau một cơn chấn động, đã quật ngã anh ta xuống đất như một người chết; tuy nhiên, không thể chống lại những lời cầu nguyện của thánh nữ, nó đã rời khỏi người bệnh. Còn hoàng tử, sau khi bình phục, đã tin vào Chúa Kitô và trở về quê hương với tư cách là một Kitô hữu. Vụ việc này khiến Mirian sợ hãi hơn cả việc hoàng tử ấy qua đời, bởi ông lo sợ cơn thịnh nộ của vua Ba Tư – người thờ lửa – vì người thân của ông đã quy y Đức Kitô ngay tại nhà Mirian. Vua Ba Tư đe dọa sẽ xử tử thánh Nina và tiêu diệt tất cả các Kitô hữu đang có mặt trong thành phố vì lý do đó.

Bị những ý nghĩ thù địch như vậy đối với các Kitô hữu chi phối, vua Mirian đã lên đường đến khu rừng Mukhran[1032] để giải sầu bằng việc đi săn. Trong lúc trò chuyện với những người đi cùng tại đó, ông nói:

– Chúng ta đã tự chuốc lấy cơn thịnh nộ khủng khiếp của các vị thần vì đã cho phép những pháp sư Kitô hữu rao giảng đức tin của họ trên đất nước chúng ta. Tuy nhiên, chẳng bao lâu nữa ta sẽ dùng gươm tiêu diệt tất cả những ai thờ phượng Thập tự giá và Đấng bị đóng đinh trên đó. Ta sẽ ra lệnh cho hoàng hậu từ bỏ Đức Kitô; còn nếu bà ấy không tuân lệnh, ta sẽ tiêu diệt cả bà ấy cùng với những người Kitô hữu khác.

Nói xong, nhà vua leo lên đỉnh ngọn núi dốc đứng Thô-ti. Bỗng chốc, ngày sáng bừng bỗng chốc biến thành bóng tối dày đặc, và một cơn bão nổi lên, giống như cơn bão đã lật đổ tượng thần Armaz; ánh chớp lóa mắt làm mù mắt nhà vua, tiếng sấm sét khiến tất cả những người đi cùng ông tan tác. Trong cơn tuyệt vọng, nhà vua bắt đầu kêu cầu sự giúp đỡ từ các vị thần của mình, nhưng họ không đáp lại và cũng không nghe thấy. Cảm nhận được bàn tay trừng phạt của Đức Chúa Trời Hằng Sống đang giáng xuống, nhà vua kêu lên:

– Lạy Đức Chúa Trời của Nina! Xin xua tan bóng tối trước mắt con, và con sẽ xưng nhận và tôn vinh danh Ngài!

Và ngay lập tức, xung quanh trở nên sáng sủa, cơn bão cũng dịu xuống. Ngạc nhiên trước sức mạnh to lớn chỉ từ một cái tên của Đấng Christ, vị vua quay mặt về phía đông, giơ hai tay lên trời và khóc lóc kêu cầu:

– Lạy Đức Chúa Trời, Đấng mà tôi tớ của Ngài là Nina đã rao giảng! Chỉ có Ngài mới thực sự là Đức Chúa Trời trên hết mọi thần linh. Và giờ đây, con thấy được lòng nhân từ vĩ đại của Ngài dành cho con, và trái tim con cảm nhận được niềm vui, sự an ủi và sự gần gũi của Ngài với con, lạy Đức Chúa Trời đáng ngợi khen! Tại nơi này, con sẽ dựng cây thập tự[1033] , để dấu hiệu mà Ngài đã bày tỏ cho con hôm nay được ghi nhớ mãi mãi!

Khi nhà vua trở về kinh đô và đi dọc các con phố trong thành, ngài đã lớn tiếng kêu lên:

– Hỡi mọi người, hãy tôn vinh Đức Chúa Trời của Nina, là Đấng Christ, vì Ngài là Đức Chúa Trời vĩnh cửu, và chỉ một mình Ngài mới xứng đáng nhận mọi vinh quang đến muôn đời!

Vua tìm kiếm thánh Nina và hỏi:

– Nữ tu hành phương xa ấy, Đấng mà Đức Chúa Trời của nàng chính là Đấng Cứu Rỗi của ta, đang ở đâu?

Lúc đó, vị thánh đang dâng lời cầu nguyện buổi tối trong lều của mình. Nhà vua và hoàng hậu, người đã ra đón ông, cùng với đông đảo dân chúng, đã đến trước lều đó và khi nhìn thấy vị thánh, họ quỳ xuống dưới chân bà, trong khi nhà vua kêu lên:

[1032] Cách thành phố Mtskheta 20 verst về phía tây bắc.

[1033] Trên đỉnh núi Tkhot, cho đến nay vẫn còn đứng đó một nhà thờ do Mirian xây dựng.

– Ôi, mẹ ơi! Xin hãy dạy dỗ và làm cho con xứng đáng được kêu cầu danh Đức Chúa Trời vĩ đại của mẹ, Đấng Cứu Rỗi của con!

Đáp lại, những giọt nước mắt vui sướng tuôn trào không kìm nén được từ đôi mắt của Thánh Nina. Khi nhìn thấy những giọt nước mắt ấy, nhà vua và hoàng hậu cũng khóc theo, và ngay sau đó, toàn thể dân chúng có mặt tại đó cũng khóc nức nở. Sidonia, người chứng kiến và sau này là người ghi chép lại sự kiện này, đã nói:

– Mỗi khi tôi nhớ lại những khoảnh khắc thiêng liêng ấy, những giọt nước mắt của niềm vui thiêng liêng lại tuôn trào khỏi đôi mắt tôi một cách tự nhiên.

Sự quy y Đức Kitô của Vua Mirian[1034] là một quyết định dứt khoát và kiên định; Mirian đối với Gruzia cũng giống như Hoàng đế Constantine Đại đế đối với Hy Lạp và La Mã vào thời bấy giờ. Chúa đã chọn Mirian làm người dẫn dắt sự cứu rỗi cho tất cả các dân tộc Iveria. Ngay lập tức, Mirian đã cử các sứ giả đến Hy Lạp gặp vua Constantine với lời thỉnh cầu xin ngài cử một giám mục và các linh mục đến để rửa tội cho dân chúng, dạy họ đức tin vào Chúa Kitô, và thiết lập cũng như củng cố Giáo hội Thánh của Chúa tại Iveria. Trong khi chờ các sứ giả cùng các linh mục trở về, Thánh Nina không ngừng giảng dạy cho dân chúng về Tin Mừng của Chúa Kitô, qua đó chỉ ra con đường chân chính dẫn đến sự cứu rỗi linh hồn và việc thừa hưởng Nước Trời; bà cũng dạy họ cầu nguyện với Chúa Kitô, Thiên Chúa, qua đó chuẩn bị cho họ bước vào bí tích Rửa tội thánh thiêng.

Vua mong muốn xây dựng một nhà thờ của Chúa ngay trước khi các linh mục đến và đã chọn địa điểm theo chỉ dẫn của Thánh Nina, trong khu vườn của mình, chính xác là nơi từng có cây tuyết tùng vĩ đại đã được nhắc đến, và nói:

– Hãy để khu vườn phù du và chóng tàn này biến thành khu vườn bất diệt và thiêng liêng, sinh ra những trái cây dẫn đến sự sống đời đời!

Cây tuyết tùng đã bị chặt hạ, và từ sáu cành của nó, người ta đã đẽo thành sáu cột, rồi dễ dàng đặt chúng vào đúng vị trí đã định sẵn trong công trình. Khi các thợ mộc định nâng cột thứ bảy, được đẽo từ chính thân cây tuyết tùng, để đặt vào nền móng của ngôi đền, thì tất cả đều kinh ngạc, vì dù dùng bao nhiêu sức lực cũng không thể di chuyển nó khỏi chỗ đó. Khi chiều tối buông xuống, vị vua buồn bã trở về nhà, suy ngẫm không biết điều này có ý nghĩa gì. Dân chúng cũng lần lượt ra về. Chỉ có Thánh Nina ở lại suốt đêm tại công trường xây dựng, cùng các môn đệ của mình, cầu nguyện và khóc lóc bên gốc cây đã bị chặt. Sáng sớm hôm sau, một chàng trai kỳ diệu, thắt lưng bằng dải lửa, xuất hiện trước Thánh Nina và thì thầm vào tai bà ba từ bí ẩn nào đó; vừa nghe xong, bà ngã xuống đất và cúi đầu kính lạy chàng. Sau đó, chàng trai ấy bước đến cột gỗ, ôm lấy nó và nâng cao lên không trung. Cột gỗ lấp lánh như tia chớp , đến nỗi chiếu sáng cả thành phố. Nhà vua và dân chúng tụ tập về nơi này; vừa sợ hãi vừa vui mừng ngắm nhìn cảnh tượng kỳ diệu ấy, ai nấy đều ngạc nhiên không hiểu làm sao cây cột nặng nề này, không có ai đỡ, lúc thì bay lên cao khoảng hai mươi khuỷu tay[1035] so với mặt đất, lúc lại hạ xuống chạm vào gốc cây nơi nó mọc; cuối cùng, nó dừng lại và đứng yên tại chỗ. Từ chân cột, một loại dầu thơm và có tác dụng chữa bệnh bắt đầu chảy ra, và tất cả những ai đang mắc các bệnh tật và vết thương khác nhau, khi bôi loại dầu này với lòng tin, đều được chữa lành. Chẳng hạn, một người Do Thái bị mù bẩm sinh, ngay khi chạm vào cột phát sáng này, lập tức được sáng mắt và, sau khi tin vào Đấng Christ, đã ngợi khen Đức Chúa Trời. Mẹ của một cậu bé đã nằm liệt giường vì bệnh nặng suốt bảy năm đã đưa con đến cột sống lại và khẩn cầu Thánh Nina chữa lành cho con, đồng thời tuyên xưng rằng Chúa Giêsu Kitô mà bà rao giảng quả thực là Con Thiên Chúa. Ngay khi Thánh Nina chạm tay vào cột thánh, rồi đặt tay ấy lên người bệnh, cậu bé lập tức khỏi bệnh. Lượng người đổ xô đến cột thánh một cách đông đảo đã khiến nhà vua ra lệnh cho các thợ xây dựng dựng một hàng rào bao quanh nó. Kể từ đó, nơi này không chỉ được các Kitô hữu mà cả những người ngoại đạo cũng tôn kính. Không lâu sau, việc xây dựng nhà thờ gỗ đầu tiên ở xứ Iveria cũng được hoàn thành.

Các sứ giả do Vua Mirian cử đến gặp Vua Constantine đã được ngài tiếp đón với vinh dự và niềm vui lớn lao, và họ trở về Iveria với nhiều quà tặng từ ngài. Cùng đi với họ là Tổng Giám mục Eustathius của Antioch, người được vua cử đi, cùng với hai linh mục, ba phó tế và tất cả những vật dụng cần thiết cho việc cử hành thánh lễ. Lúc bấy giờ, vua Mirian ra lệnh cho tất cả các quan cai trị các vùng, các tướng quân và các quan triều đình phải đến gặp

---

[1034] Việc này diễn ra không sớm hơn năm 323 sau Công nguyên. Nhiều biên niên sử ghi chép các năm khác nhau, từ năm 276 đến năm 338. Vua Mirian trị vì từ năm 263 đến năm 342. Hoàng đế Constantine Đại đế, người mà Mirian đã cử phái đoàn ngoại giao đến để bàn về vấn đề giám mục, đã trở thành vị hoàng đế duy nhất cai trị cả phần phía tây và phía đông của Đế chế La Mã vào năm 323, sau khi lật đổ Licinius, người cai trị các vùng phía đông và là kẻ đàn áp Kitô hữu.

[1035] Lokot, hay lakot, là đơn vị đo chiều dài, tương đương với 10 1/2 vershok.

ngài tại kinh đô. Khi họ đã tập trung đầy đủ, vua Mirian[1036] , hoàng hậu và tất cả các con của họ ngay lập tức đã nhận phép rửa tội thiêng liêng trước sự chứng kiến của mọi người. Nơi rửa tội được dựng lên gần cây cầu bắc qua sông Kure, nơi trước đây từng là ngôi nhà của người Do Thái Elios, sau đó trở thành đền thờ của các thầy tế ngoại đạo; tại đó, vị giám mục đã rửa tội cho các tướng lĩnh và các quan đại thần hoàng gia, vì vậy nơi này được gọi là "Mtavarta sanatlavi", tức là "bể rửa tội của các quan đại thần". Cách nơi đó không xa, hai linh mục đã làm phép rửa tội cho dân chúng. Mọi người hăng hái và vui mừng đến nhận phép rửa tội; họ luôn ghi nhớ lời của Thánh Nina rằng: "Ai không được tái sinh bởi nước và Thánh Thần, thì sẽ không được thấy sự sống và ánh sáng vĩnh cửu, mà linh hồn họ sẽ bị hủy diệt trong bóng tối của địa ngục." Các linh mục đã đi khắp các thành phố và làng mạc lân cận để rửa tội cho dân chúng. Nhờ vậy, chẳng bao lâu sau, toàn bộ đất nước Kartli đã được rửa tội một cách hòa bình, ngoại trừ những người dân miền núi Caucasus, những người vẫn còn chìm đắm trong bóng tối của tà giáo trong một thời gian dài. Người Do Thái ở Mtskheta cũng không chịu rửa tội, ngoại trừ vị thượng tế của họ là Aviafar, người đã rửa tội cùng cả gia đình mình; cùng với ông, có năm mươi gia đình Do Thái cũng đã rửa tội, những người được kể là hậu duệ của tên cướp Barabbas (Mt 27:17). Vua Mirian, như một dấu hiệu của sự ân sủng vì việc họ đã nhận phép rửa thánh, đã ban tặng cho họ một vùng đất nằm cao hơn Mtskheta, được gọi là "Tsihe-didi".

Như vậy, nhờ ơn Chúa và sự xác nhận của Chúa đối với Tin Mừng Phúc Âm, Tổng Giám mục Eustathius thành Antioch, cùng với Thánh Nina, đã truyền bá đạo Kitô khắp xứ Iveria trong vòng vài năm. Sau khi thiết lập nghi thức thờ phượng bằng tiếng Hy Lạp, làm phép thánh hóa nhà thờ đầu tiên tại Mtskheta mang tên Mười Hai Tông Đồ – được xây dựng theo mẫu của nhà thờ tại Constantinople – và ban phước bình an cho Giáo Hội non trẻ của Chúa Kitô, Tổng Giám mục Eustathius đã trở về Antioch[1037] ; ông đã bổ nhiệm linh mục Gioan làm giám mục Iveria, người trực thuộc Tòa Thánh Antioch.

Vài năm sau, Vua Mirian, một vị vua sùng đạo, đã cử một phái đoàn ngoại giao mới đến gặp Hoàng đế Constantine, khẩn cầu ngài gửi càng nhiều linh mục đến Iveria càng tốt, để không ai trong vương quốc của ông bị tước đoạt cơ hội được nghe Lời cứu rỗi và để cánh cửa vào Nước Trời đầy ân sủng và vĩnh cửu của Chúa Kitô được mở rộng cho tất cả mọi người[1038] . Ông cũng xin gửi đến Gruzia những kiến trúc sư tài ba để xây dựng các nhà thờ bằng đá. Constantine Đại Đế đã đáp ứng lời thỉnh cầu của Mirian với tình yêu và niềm vui thánh thiện. Ngoài một lượng lớn vàng và bạc, ngài còn trao cho các sứ giả của Mirian một phần (chân) của Cây Thập Tự Thánh, vốn vào thời điểm đó (năm 326 sau Công nguyên) đã được Thánh Helena, mẹ của Constantine Đại Đế, tìm thấy; ông cũng trao cho họ một trong những chiếc đinh đã được dùng để đóng vào Thập tự giá ( ) đôi tay thanh khiết của Chúa. Họ còn được tặng thêm các cây thánh giá ([1039]), các bức tượng thánh của Đấng Cứu Thế và Đức Trinh Nữ Maria, cũng như – để làm nền móng cho các nhà thờ – các di vật của các thánh tử đạo. Cùng lúc đó, con trai của Mirian và người thừa kế của ông là Bakurii, người đang sống tại Rome với tư cách là con tin, đã được thả về với cha mình.

Các sứ giả của Mirian, trên đường trở về Iveria cùng với nhiều linh mục và kiến trúc sư, đã đặt nền móng cho nhà thờ đầu tiên tại làng Erusheti, ở biên giới vùng Kartli[1040] và để lại cho nhà thờ này[1041] một chiếc đinh từ Thập tự giá của Chúa[1042] . Ngôi đền thứ hai được họ xây dựng tại làng Manglisi, cách Tiflis 40 verst về phía nam, và tại đây họ đã lưu giữ phần của Cây Sự Sống đã được đề cập ở trên[1043] . Tại Mtskheta, họ đã xây dựng một nhà

[1036] Từ lịch sử Gruzia có thể thấy rằng người Gruzia, đặc biệt là tầng lớp thượng lưu, không thay đổi tên dân gian của mình ngay cả khi theo đạo Kitô.

[1037] Ở đây tất nhiên là Antioch của Syria – một trong những thành phố cổ xưa và giàu có nhất của Syria, đồng thời là thủ đô của nước này. Hiện nay, Antioch là một thị trấn nhỏ của Thổ Nhĩ Kỳ.

[1038] Một số người khác lại khẳng định rằng Mirian đã có cuộc gặp riêng với Hoàng đế Constantine Đại đế, rằng chính ông đã đích thân đến Jerusalem và xin được tại đó một khu đất – nơi từng có dấu hiệu của Lot – để xây dựng tu viện tôn vinh Thánh Giá của Chúa.

[1039] Việc nhận được những món quà vô giá này cho thấy một khoảng thời gian không được ghi chép trong các biên niên sử Gruzia – rằng các sứ giả của Mirian đã có mặt tại Constantinopolis trong khoảng thời gian từ năm 326 đến năm 330, trong đó vào năm đầu tiên Thánh Giá của Chúa đã được tìm thấy, còn vào năm cuối cùng, lễ thánh hiến Constantinopolis đã được cử hành và thủ đô được chuyển đến đây từ La Mã cổ đại.

[1040] Hiện nay – thuộc huyện Akhaltsikhe.

[1041] Nó đã nằm trong đống đổ nát từ lâu.

[1042] Vào giữa thế kỷ 13, chiếc đinh này đã được Vua David IX, con trai của Rusudani, gắn vào vương miện của mũ giám mục. Sau đó, vào năm 1681, chiếc mũ này đã được Vua Archil chuyển đến Moscow, nơi nó vẫn được lưu giữ tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời cho đến ngày nay.

thờ bằng đá mang tên Lễ Biến Hình của Chúa; theo ý muốn của nhà vua và chỉ thị của Thánh Nina, nhà thờ này được khởi công trong khu vườn hoàng gia, gần lều của Thánh Nina. Bà không kịp chứng kiến việc hoàn thành công trình nhà thờ vĩ đại này. Tránh xa vinh quang và những vinh dự mà cả vua lẫn dân chúng dành cho mình, với lòng khao khát cháy bỏng được phục vụ để tôn vinh danh Chúa Kitô nhiều hơn nữa, bà đã rời khỏi thành phố đông đúc để lên núi, đến những đỉnh núi khô cằn của Aragva, và tại đó, bà bắt đầu chuẩn bị bằng cầu nguyện và ăn chay cho những công việc truyền giáo mới ở các vùng lân cận Kartali. Tìm thấy một hang động nhỏ, ẩn sau những cành cây, bà đã đến sống ở đó. Tại đây, bà đã dùng những lời cầu nguyện đẫm nước mắt để làm cho nước chảy ra từ tảng đá. Từ nguồn suối này, cho đến tận bây giờ, những giọt nước vẫn nhỏ giọt như những giọt nước mắt, đó là lý do tại sao người dân gọi nó là "suối nước mắt"; người ta còn gọi nó là "suối sữa", vì nó cung cấp sữa cho những người mẹ có bầu vú khô cạn.

Vào thời điểm đó, cư dân Mtskheta đã chứng kiến một cảnh tượng kỳ diệu: trong suốt vài đêm liền, ngôi đền mới được xây dựng được tô điểm bởi một cây thánh giá sáng chói trên bầu trời, được bao quanh bởi vương miện sao. Khi bình minh ló rạng, bốn ngôi sao sáng nhất tách ra khỏi cây thánh giá đó và bay đi – một ngôi sao hướng về phía đông, một ngôi sao hướng về phía tây, ngôi sao thứ ba chiếu sáng nhà thờ, dinh thự của giám mục và toàn bộ thành phố, còn ngôi sao thứ tư, sau khi chiếu sáng nơi ẩn náu của Thánh Nina, bay lên đỉnh vách đá, nơi có một cây cổ thụ uy nghi mọc lên. Cả Giám mục Ioan lẫn nhà vua đều không thể hiểu được ý nghĩa của hình ảnh này. Nhưng Thánh Nina đã ra lệnh chặt cây đó, làm thành bốn cây thánh giá và dựng một cây trên vách đá đã nói đến[1044] , cây thứ hai – ở phía tây Mtskheta, trên núi Tkhot, – nơi mà vua Mirian ban đầu bị mù, sau đó được sáng mắt và quay về với Đức Chúa Trời chân chính; thập tự giá thứ ba, bà ra lệnh trao cho con dâu của vua, vợ của Reva, là Salome, để bà ấy dựng nó tại thành phố Ujarme của mình; còn thập tự giá thứ tư, bà dành cho làng Bodbi (Budi) – lãnh địa của Nữ hoàng Kakheti Soji (Sophia), người mà chính bà cũng sớm lên đường đến để dẫn dắt bà ấy theo đạo Kitô.

Mang theo linh mục Giacôbê và một phó tế, Thánh Nina đã lên vùng núi phía bắc Mtskheta, đến thượng nguồn các con sông Aragva và Iora[1045] và rao giảng Tin Mừng cho các làng mạc miền núi Caucasus. Những người dân miền núi hoang dã sinh sống tại Chaleti, Erzo, Tioneti và nhiều nơi khác, dưới sức mạnh thiêng liêng của Lời Phúc Âm và dưới ảnh hưởng của những dấu lạ kỳ diệu xảy ra nhờ lời cầu nguyện của vị nữ truyền giáo thánh của Chúa Kitô, đã chấp nhận Tin Mừng Nước Trời, phá hủy các thần tượng của mình và nhận phép rửa tội từ linh mục Giacôbê. Sau đó, sau khi đi qua Kokabeti và dẫn dắt tất cả cư dân theo đạo Kitô, vị nữ truyền giáo thánh thiện đã hướng về phía nam Kakheti và, khi đến làng Bodbi (Budi) – nơi đánh dấu ranh giới của những công trình thánh thiện và hành trình trần thế của bà – bà đã định cư tại đó. Sau khi dựng lều trên sườn núi và dành cả ngày lẫn đêm để cầu nguyện trước Thánh Giá, Thánh Nina nhanh chóng thu hút sự chú ý của người dân xung quanh. Họ bắt đầu tụ tập quanh bà thường xuyên để lắng nghe những bài giảng cảm động về đức tin vào Chúa Kitô và con đường dẫn đến sự sống đời đời. Vào thời điểm đó, tại Bodbi có Nữ hoàng Kakheti là Soja (Sophia) đang cư ngụ; bà cũng đến, cùng với những người khác, để lắng nghe vị nữ giảng sư tuyệt vời này. Một lần nọ, sau khi đến và say sưa lắng nghe bà, bà không còn muốn rời xa bà nữa: bà đã tràn đầy đức tin chân thành vào lời giảng cứu rỗi của Thánh Nina. Không lâu sau, Sofia, cùng với các quan lại trong triều và đông đảo dân chúng, đã nhận phép rửa tội thánh từ linh mục Giacôbê.

Sau khi hoàn thành như vậy tại Kakheti công việc cuối cùng của sứ vụ tông đồ tại xứ Iveria, Thánh Nina đã nhận được sự mặc khải từ Thiên Chúa về sự ra đi sắp tới của mình. Khi thông báo điều này trong thư gửi vua Mirian, Thánh Nina đã cầu xin cho ngài và vương quốc của ngài nhận được phước lành vĩnh cửu của Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ Maria, cùng sự che chở bởi sức mạnh bất khả chiến bại của Thập tự giá Chúa, và tiếp tục viết:

[1043] Thánh vật này được coi là đã mất tích; có lẽ trong thời kỳ loạn lạc của Gruzia, cây thánh giá này đã bị chia thành nhiều mảnh và dưới hình thức đó đã lọt vào các gia đình tư nhân. Và hiện nay, những phần đáng kể của cây thánh giá mang lại sự sống vẫn có thể được nhìn thấy trên các bức tranh thánh gia truyền của các hoàng tử Gruzia.

[1044] Sau đó, tại địa điểm này đã được xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Thánh Giá và một tu viện. Nhà thờ vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay; còn tu viện thì đã bị Tamerlan phá hủy vào thế kỷ XIV. Thánh Giá đã được chuyển đến Nhà thờ Chính tòa Mtskheta; vào năm 1725, nó được Vua Teimuraz II đúc lại bằng bạc và cho đến nay vẫn được đặt phía sau bàn thờ.

[1045] Iora là nhánh phụ bên phải của sông Alazani (nhánh phụ bên trái của sông Kura). Phần lớn dòng sông Iora nằm trong tỉnh Tiflis; trên sông Iora có thị trấn huyện Tionsti, được nhắc đến trong cuốn tiểu sử của Thánh Nina.

– Còn tôi, với tư cách là một người lữ hành và khách lạ, giờ đây sẽ rời khỏi thế gian này và đi theo con đường của các tổ phụ tôi. Tôi xin ngài, thưa vua, hãy cử Giám mục Gioan đến với tôi để chuẩn bị cho tôi bước vào hành trình vĩnh cửu, vì ngày tôi qua đời đã gần kề.

Bức thư được chính Nữ hoàng Sofia gửi đi. Sau khi đọc xong, Vua Mirian, toàn thể các quan lại trong triều và toàn thể hàng giáo sĩ, do Giám mục dẫn đầu, vội vã đến bên người đang hấp hối và thấy bà vẫn còn sống. Một đám đông người dân vây quanh giường bệnh của vị thánh, tưới ướt giường bằng những giọt nước mắt; nhiều người bệnh đã được chữa lành nhờ chạm vào giường của bà. Vào những giây phút cuối đời, trước lời nài nỉ không ngừng của các môn đệ đang khóc bên giường bệnh, Thánh Nina đã kể cho họ nghe về nguồn gốc và cuộc đời của mình. Salome của Ujar thì ghi chép lại những điều bà kể, nội dung được tóm tắt ngắn gọn ở đây (tất cả các truyền thuyết sau này về Thánh Nina đều được biên soạn dựa trên các ghi chép của Salome). Thánh Nina đã nói:

– Hãy ghi chép lại cuộc đời nghèo nàn và lười biếng của tôi, để nó được truyền lại cho con cháu các con, cũng như đức tin và tình yêu mà các con đã dành cho tôi. Ngay cả những hậu duệ xa xôi của các con cũng sẽ biết về những dấu hiệu của Thiên Chúa mà các con đã được chứng kiến bằng chính đôi mắt mình và mà các con là những nhân chứng."

Sau đó, bà đã giảng dạy một số lời dạy về cuộc sống vĩnh cửu, thành kính rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô từ tay vị giám mục, di chúc rằng thi thể bà được an táng ngay trong chính túp lều tồi tàn này, nơi bà đang ở, để Giáo hội Kakheti mới được thành lập không bị bỏ rơi, và trong bình an, bà đã trao linh hồn mình vào tay Chúa[1046] .

Nhà vua và vị giám mục, cùng với toàn thể dân chúng, đều vô cùng đau buồn trước sự ra đi của vị nữ tu vĩ đại, người đã cống hiến trọn đời cho đức tin và sự đạo đức; họ dự định chuyển thi hài quý báu của vị thánh đến Nhà thờ Chính tòa Mtskheta và an táng bên cột nước sống, nhưng dù đã cố gắng hết sức, họ vẫn không thể di chuyển quan tài của Thánh Nina khỏi nơi an nghỉ mà chính bà đã chọn. Thi hài của vị sứ giả Tin Mừng của Chúa Kitô đã được an táng tại chính nơi lều tranh khiêm tốn của bà ở làng Budi (Bodbi). Trên ngôi mộ của bà, Vua Mirian đã khởi công xây dựng, còn con trai ông, Vua Bakur, đã hoàn thành công trình[1047] và làm lễ thánh hiến nhà thờ này để tôn vinh Thánh George, vị thánh tử đạo vĩ đại, người thân của Thánh Nina. Ngôi thánh đường này đã được trùng tu nhiều lần, nhưng chưa bao giờ bị phá hủy; nó vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Tại ngôi thánh đường này, Tổng giáo phận Bodbi – tổng giáo phận cao nhất trong toàn bộ Kakheti – đã được thành lập, từ đó việc rao giảng Tin Mừng bắt đầu lan rộng đến tận sâu trong các dãy núi của Caucasus phía đông.

Đức Chúa Trời toàn năng đã làm cho thi hài của Thánh Nina không bị hư nát, được chôn cất theo lệnh của bà dưới lòng đất (và sau khi bà qua đời, ở Gruzia không có phong tục khai quật thi hài các thánh). Tại quan tài của bà, đã xảy ra vô số dấu hiệu và phép lạ liên tục. Những dấu hiệu đầy ân sủng này, cùng với cuộc đời thánh thiện và giống như thiên thần, cũng như những công việc tông đồ mà Thánh Nina đã khởi xướng và hoàn thành một cách vinh quang, đã thúc đẩy Giáo hội Iveria non trẻ, với sự chúc lành của Giáo hội Antioch, công nhận Thánh Nina là vị truyền giáo ngang hàng với các Tông đồ của Iveria, đưa bà vào hàng các thánh và thiết lập ngày lễ hàng năm vào ngày 14 tháng 1, ngày bà an nghỉ trong bình an. Mặc dù năm thiết lập ngày lễ này không được biết chính xác, nhưng rõ ràng nó đã được thiết lập không lâu sau khi Thánh Nina qua đời, bởi vì không lâu sau đó, tại Iveria đã bắt đầu xây dựng các nhà thờ mang tên Thánh Nina, người được coi ngang hàng với các Tông đồ. Cho đến nay , một nhà thờ đá nhỏ đối diện Mtskheta để tôn vinh Thánh Nina vẫn còn nguyên vẹn; nhà thờ này được Vua Vakhtang Gur-Aslan[1048] xây dựng trên ngọn núi mà tại đó Thánh Nina lần đầu tiên đã tiêu diệt thần tượng Armaz bằng lời cầu nguyện của mình.

Và Giáo hội Chính thống Nga, vốn đã đón nhận Giáo hội Iveria – vốn đang phải hứng chịu vô số cuộc tấn công từ các nước láng giềng theo tôn giáo khác – như một chiếc tàu cứu sinh, chưa bao giờ nghi ngờ việc tôn vinh Thánh Nina ngang hàng với các Tông đồ. Chính vì vậy, các vị giám mục của Giáo hội này, được bổ nhiệm đứng đầu việc quản lý Giáo hội Iveria với tước hiệu "Exarch của Gruzia"[1049] , đã làm lễ thánh hiến rất nhiều nhà thờ nhân danh Thánh Nina ngang hàng với các Tông đồ, đặc biệt là trong các tòa nhà của các trường nữ sinh. Một trong những cựu Exarch của Gruzia, sau này trở thành người đứng đầu Giáo hội Toàn Nga, Đức Tổng Giám mục Isidor,

[1046] Thánh Nina qua đời vào năm 335 sau Công nguyên.
[1047] Năm 342 sau Công nguyên
[1048] Ông trị vì ở Gruzia từ năm 446 đến năm 459 sau Công nguyên.
[1049] Exarch – tổng giám mục quản lý các nhà thờ của một vùng nhất định. Hiện nay tại Nga, tổng giám mục Gruzia mang tước hiệu exarch.

thậm chí còn dịch nghi thức thánh lễ dành cho Thánh Nina, người ngang hàng với các Tông đồ, từ tiếng Gruzia sang tiếng Slav và xuất bản vào năm 1860, với sự ban phước của Thánh Hội Đồng, để sử dụng trong Giáo hội.

Đúng như vậy, Giáo hội Iveria Chính thống, người chị cả của Giáo hội Nga, tôn vinh vị sáng lập của mình, Thánh Nina, như một vị thánh ngang hàng với các Tông đồ, người đã soi sáng cả đất nước Iveria bằng phép rửa thánh và dẫn dắt hàng ngàn linh hồn đến với Chúa Kitô. Vì nếu ai khiến một người tội lỗi từ bỏ con đường sai lầm của mình (Gia-cơ 5:20) và tìm ra điều quý giá từ điều vô giá trị (Giê-rê-mi 15:19) thì người ấy sẽ được coi như miệng của Đức Chúa Trời; thì – người đã dẫn dắt biết bao dân tộc, vốn trước đây chưa từng biết đến Thiên Chúa chân thật, thoát khỏi sự lừa dối chết chóc của ngoại giáo và quay về với Thiên Chúa, quả thực còn xứng đáng được gọi là "miệng lưỡi của Thiên Chúa" biết bao nhiêu lần hơn nữa! Người đã gia nhập vào đoàn thể các thánh trong Nước Trời của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, xứng đáng nhận được vinh quang, danh dự, lời tạ ơn và sự thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, A-men.

Cũng không thừa khi đề cập thêm điều sau đây. Trong phạm vi Gruzia ngày nay (bao gồm: Kakheti, Kartli, Imereti, Guria, Mingrelia, Abkhazia, Svaneti, một phần Ossetia, cũng như Dagestan), đặc biệt là dọc theo bờ tây Biển Caspi, đã có những tín hữu Kitô giáo, dù số lượng còn ít, ngay từ trước thời Thánh Nina; và chính Thánh Tông đồ Anrê, người được kêu gọi đầu tiên, là người đầu tiên rao giảng Tin Mừng về Đức Kitô Cứu Thế trên dãy núi Kavkaz; theo truyền thuyết, chính lời rao giảng của ngài đã lan tỏa đến cả vùng núi Kiev. Truyền thuyết cổ xưa, được ghi chép trong các biên niên sử Gruzia, phù hợp với câu chuyện trong "Chet'i-Minei" (ngày 30 tháng 11[1050]), kể rằng Thánh Tông đồ Anrê đã rao giảng về Chúa Kitô tại các địa điểm sau: ở Klarzheti, nằm không xa Akhaltsikhe, phía tây nam[1051] ; tại Adkhvera, ngày nay là làng Atskhury, gần lối vào hẻm núi Borjomi; tại Tskhum, ngày nay là thành phố Sukhum-Kale, ở Abkhazia, tại Mingrelia và ở Bắc Ossetia. Tại Atskhuri, vị Tông đồ đã thành lập một nhà thờ và để lại tại đó bức tượng Đức Mẹ có khả năng làm phép lạ, bức tượng này từ đó đến nay luôn được tôn kính sâu sắc không chỉ trong giới Kitô hữu mà còn cả những người dân miền núi chưa theo đạo; bức tượng vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay tại Tu viện Gaenat[1052] , nằm không xa thành phố Kutaisi và được gọi là Tu viện Atskhuri. Simon Cananit, người đồng hành của Thánh Tông đồ Anrê, đã rao giảng Tin Mừng Thánh cho những người Suan hoang dã (người Svan[1053]), và chính họ đã ném đá giết ông. Theo truyền thuyết địa phương, mộ của ông nằm ở thành phố cổ Nikopsia hay Anacopia.

Về Thánh Giá làm từ cành nho mà Đức Mẹ đã trao cho Thánh Nina, có những thông tin sau: cho đến năm 458 sau Công nguyên, Thánh Giá của Thánh Nina được lưu giữ tại Nhà thờ Chính tòa Mtskheta; sau đó, khi những kẻ thờ lửa phát động cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu, cây thánh giá đã được một tu sĩ tên là Andrei mang ra khỏi Mtskheta, chuyển đến vùng Taron, thuộc Armenia – nơi lúc bấy giờ Gruzia vẫn còn cùng đức tin – và ban đầu được lưu giữ tại nhà thờ các Thánh Tông đồ, được người Armenia gọi là Gazar-Vank (Nhà thờ Thánh Lazarus). Khi ở đây cũng bùng phát cuộc đàn áp từ phía các pháp sư Ba Tư, những kẻ đã tàn sát mọi thứ được người Kitô giáo tôn kính khắp nơi, Thánh giá của Thánh Nina lại được chuyển đi và cất giấu trong các pháo đài Armenia ở Kapofti, Vanake, Kars và thành phố Ani; tình trạng này kéo dài cho đến năm 1239 sau Công nguyên. Vào thời điểm đó, Nữ hoàng Gruzia Rusudan, cùng với các giám mục của mình, đã khẩn cầu Tướng quân Mông Cổ Charmagan – người lúc bấy giờ đang chiếm giữ thành phố Ani – để Thánh giá của Thánh Nina được trả lại cho Gruzia, nơi nó vốn thuộc về từ ban đầu. Và Thánh giá này lại được đặt trở lại trong Nhà thờ Chính tòa Mtskheta. Tuy nhiên, ngay cả ở đây, nó cũng không được yên ổn lâu: nhiều lần, Thánh giá của Nina, để tránh bị kẻ thù xúc phạm, đã được cất giấu trong núi, lúc thì tại Nhà thờ Thánh Ba Ngôi – nơi vẫn còn tồn tại trên ngọn núi nhỏ Kazbek cho đến ngày nay – lúc thì tại pháo đài Ananure, trong ngôi đền cổ kính của Đức Mẹ. Năm 1749, khi Tổng Giám mục Roman của Gruzia lên đường từ Gruzia sang Nga, ngài đã bí mật mang theo Thánh giá của Nina và trao nó cho Hoàng tử Bakar

---

[1050] Ngày kỷ niệm Thánh Tông đồ An-rê, người được kêu gọi đầu tiên, được tổ chức vào ngày 30 tháng 11

[1051] Asaltsikh – thị trấn thuộc huyện Akhaltsikh, tỉnh Tiflis.

[1052] Tu viện Gaenatsky – Tu viện nam Giáng sinh Đức Mẹ, thuộc Giáo phận Imereti, cách Kutaisi 8 verst; được thành lập vào đầu thế kỷ XII. Nơi này còn được biết đến với tên gọi địa phương là Gelati, hay Gelatsky.

[1053] Người Svan là một bộ tộc miền núi nhỏ ở Caucasus, từ rất lâu đời đã được biết đến với tên gọi Svan hoặc Suan, sinh sống dọc theo thượng nguồn sông Ingura, ở chân phía nam núi Elbrus và dọc theo nhánh phải của sông Kona là Tskhenis-Tskali. Vào thời cổ đại, người Svan chủ yếu sống bằng nghề cướp bóc và không chịu sự cai trị của bất kỳ vị vua láng giềng nào ở Mingrelia, Imereti và Gruzia. Chỉ đến cuối thế kỷ XV, các công tước Gruzia mới thành công trong việc thiết lập quyền lực của mình ở vùng hạ lưu Svaneti, cho đến khi giải phóng nông dân ở vùng Transcaucasia. Người Svaneti tự do lần đầu tiên chịu sự cai trị của người Nga vào năm 1853.

Vakhtangovich, người lúc bấy giờ đang cư ngụ tại Moscow. Sau đó, trong khoảng năm mươi năm, cây thánh giá này được lưu giữ tại làng Lyskov, tỉnh Nizhny Novgorod, trong khu đất của các hoàng tử Gruzia, hậu duệ của Vua Vakhtang, người đã di cư sang Nga vào năm 1724. Cháu trai của Bakar nói trên, hoàng tử Georgy Alexandrovich, đã dâng cây thánh giá của Thánh Nina cho hoàng đế Alexander Pavlovich vào năm 1801; hoàng đế đã vui lòng trả lại cho Gruzia vật thánh thiêng liêng vĩ đại này, vốn thuộc về nước này. Từ đó cho đến nay, biểu tượng này của công cuộc truyền giáo của Thánh Nina vẫn được lưu giữ tại Nhà thờ Chính tòa Sion ở Tiflis, gần cổng phía bắc của bàn thờ, trong một hòm thánh được bọc bạc. Trên tấm ván phía trên của hòm thánh này có hình chạm khắc Thánh Nina và những phép lạ được thực hiện qua bà nhờ sức mạnh của Thánh Giá Thánh Thiện và Ban Sự Sống.

Về chiếc áo choàng của Chúa, thứ mà Thánh Nina đã từ thành phố Jerusalem đến Iveria để tìm kiếm, các biên niên sử Gruzia chỉ đề cập đến nó một cách ngắn gọn. Từ những chứng cứ này, có thể thấy rằng Thánh Nina chỉ chắc chắn tìm ra nơi chiếc áo choàng của Chúa được giấu kín, tức là ngôi mộ, nơi chiếc áo choàng thánh của Chúa đã được chôn cùng với cô gái Sidonia đã qua đời. Mặc dù cây tuyết tùng mọc trên ngôi mộ này đã bị chặt hạ theo lệnh của Thánh Nina, nhưng gốc cây đó, nơi giấu quan tài của Sidonia và bên trong là áo choàng của Chúa, đã được để nguyên vẹn – như người ta tin – theo lệnh của một vị thánh nhân tỏa sáng, người đã hiện ra trước Nina và thì thầm vào tai bà ba từ bí ẩn, khi bà đang khóc lóc cầu nguyện bên gốc cây đó vào ban đêm. Người ta tin như vậy bởi vì kể từ thời điểm đó, Nina không bao giờ còn nghĩ đến việc dỡ bỏ gốc cây tuyết tùng và khai quật quan tài của Sidonia, cũng như không tìm kiếm ở bất kỳ nơi nào khác chiếc áo choàng của Chúa, thứ vô cùng quý giá đối với bà.

Một lần nọ, bà an ủi vua Mirian khi ông đang buồn bã vì các sứ giả của ông, sau khi nhận được từ vua Constantine một phần của Cây Thập Tự Thánh ban sự sống và một chiếc đinh, đã không mang chúng về Mtskheta, mà để lại phần đầu tiên ở Maigliss và chiếc đinh thứ hai ở Erusheti. Thánh nữ nói với ông:

– Xin đừng buồn, thưa vua! Điều đó là cần thiết – để biên giới vương quốc của ngài cũng được che chở dưới quyền năng thiêng liêng của Thập tự giá Chúa Kitô, và đức tin vào Chúa Kitô được lan rộng. Đối với ngài và thủ đô của ngài, ân sủng này đã là đủ rồi, đó là chiếc áo choàng thiêng liêng của Chúa đang ngự tại đây.

Sự hiện diện của chiếc áo choàng của Chúa dưới gốc cây tuyết tùng, cả khi Thánh Nina còn sống lẫn sau đó, được thể hiện qua việc một loại dầu thơm và có tác dụng chữa lành chảy ra từ cột và gốc cây; loại dầu này chỉ ngừng chảy vào thế kỷ 13, khi chiếc áo choàng được đào lên khỏi mặt đất; sự hiện diện của chiếc áo thánh cũng được thể hiện qua sự trừng phạt dành cho những kẻ vô tín, những người vì tò mò mà dám chạm vào nơi này.[1054] , Đức Thượng phụ Nikolai I, người lãnh đạo Giáo hội Gruzia vào giữa thế kỷ XII (năm 1150–1160), nổi tiếng về đời sống thánh thiện và sự khôn ngoan, khi nhận thấy rằng nhiều người vào thời của ngài nghi ngờ liệu chiếc áo choàng của Chúa có thực sự nằm dưới cột sống hay không, đã nói rằng mặc dù sự nghi ngờ của những người đó là điều tự nhiên, bởi vì áo choàng của Chúa chưa bao giờ được mở ra và không ai từng nhìn thấy nó, nhưng những dấu hiệu và phép lạ – cả những điều đã xảy ra trước đây lẫn những điều đang diễn ra trước mắt mọi người hiện nay – đều xuất phát từ áo choàng của Chúa, chỉ thông qua cột thánh chảy dầu mà thôi. Khi liệt kê những phép lạ từng xảy ra từ áo choàng của Chúa, Đức Thượng phụ Nikolai nhắc lại việc vợ của một vị sultan Thổ Nhĩ Kỳ đã bị thiêu rụi bởi ngọn lửa bùng lên từ lòng đất, người phụ nữ này vì tò mò đã muốn mở quan tài của Sidonia để nhìn thấy áo choàng của Chúa; còn những người đào mộ người Tatar do bà ta cử đi thì đã bị một sức mạnh vô hình đánh trúng.

– Đó là một phép lạ, – ngài nói, – nhiều người đã chứng kiến, và ai cũng biết đến nó.

Khoảng 40 năm trước khi Đức Thượng phụ Nikolai qua đời, Tbilisi và Mtskheta thực sự đã bị người Thổ Nhĩ Kỳ Seljuk chiếm đóng; sau đó, họ bị Vua David Người Phục hưng – người trị vì từ năm 1089 đến năm 1125 – đánh đuổi khỏi Gruzia. Đức Thượng phụ Nikolai đã chỉ ra dòng dầu chảy ra như một phép lạ liên tục, luôn luôn hiện diện và ai cũng có thể nhìn thấy.

– Mọi người đều thấy – ngài nói – hơi ẩm ở mặt phía đông của cột đá; vì thiếu hiểu biết, một số người đã cố gắng trát vôi lên chỗ đó, nhưng không thể ngăn được dòng nước thánh chảy ra. Và đã có bao nhiêu trường hợp được chữa lành nhờ nó – tất cả chúng ta đều là nhân chứng cho điều đó.

[1054] Catholicos (tiếng Hy Lạp: "toàn cầu") – là tước hiệu của các vị lãnh đạo tối cao trong Giáo hội Gruzia tự trị, được họ sử dụng sau khi Giáo hội này giành được độc lập khỏi Tòa Thượng phụ Antioch, dưới thời vua Vakhtang Gurg-Aslan (446–459). Khi Giáo hội Gruzia sáp nhập vào Giáo hội Nga, vị lãnh đạo tối cao của Giáo hội này từ năm 1811 được gọi là Exarch. Từ nửa sau thế kỷ VI, danh hiệu Catholicos cũng được áp dụng cho vị lãnh đạo tối cao của Giáo hội Armenia.

Đức Thượng phụ Nikolai đã soạn nghi thức thánh lễ để tôn vinh việc tìm thấy áo choàng của Chúa dưới cột thánh (sau này nghi thức này đã được các Đức Thượng phụ Vissarion và Antonios sửa đổi và bổ sung), đồng thời ngài nói:

– Cần phải trang hoàng bằng một lễ hội rực rỡ cho cột đá do chính Thiên Chúa dựng lên và chiếc áo choàng của Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô nằm dưới đó.

(Đây là phần kết thúc của những thông tin trích dẫn từ Đức Thượng phụ Nikolai).

Dòng nước thiêng liêng chảy ra từ cột sống lại nói trên đã ngừng lại khi, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, áo choàng của Chúa được lấy ra khỏi lòng đất.

"Điều đó đã xảy ra," một nhà văn Gruzia không rõ tên cho biết, "vào những năm tháng khốn khó đối với toàn bộ Gruzia khi các đạo quân man rợ của Tamerlan, hay đúng hơn là của Thành Cát Tư Hãn[1055] , khi chúng chiếm đóng Tiflis, tàn sát khoảng một trăm nghìn cư dân nơi đây, phá hủy tất cả các nhà thờ ở Tiflis và Nhà thờ Sion, làm ô uế tất cả các thánh tích Kitô giáo, cũng như bức tượng Đức Mẹ làm phép lạ ở Sion, mà chúng còn ép chính những người Kitô hữu phải dùng chân giẫm đạp lên. Sau đó, chúng ồ ạt tấn công thành phố Mtskheta, nơi cư dân cùng các giám mục của họ đã chạy trốn vào rừng và những khe núi hiểm trở. Lúc bấy giờ, một người sùng đạo, nhìn thấy trước sự diệt vong của Mtskheta và không muốn để ngôi đền thánh của mình rơi vào tay bọn man rợ, đã mở quan tài của Sidonia sau khi cầu nguyện với Chúa, lấy ra từ đó chiếc áo choàng thánh của Chúa, rồi trao nó cho vị tổng giám mục. Còn Đền thờ Mtskheta, công trình vĩ đại của Vua Vakhtang Gur-Aslan, lúc bấy giờ đã bị phá hủy hoàn toàn. Từ đó trở đi, chiếc áo choàng của Chúa được lưu giữ trong phòng thánh của các vị Catholicos, cho đến khi nhà thờ Mtskheta được Vua Alexander I – người trị vì Gruzia từ năm 1414 đến năm 1442 – khôi phục lại vẻ uy nghi như xưa (nơi mà nó vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay). Chiếc áo choàng của Chúa sau đó được đưa vào nhà thờ chính tòa này và để bảo quản tốt hơn, người ta đã giấu nó trong cây thánh giá của nhà thờ, và nó vẫn ở đó cho đến thế kỷ XVII. Năm 1625, Shah Abbas của Ba Tư, sau khi chinh phục và chiếm đóng vương quốc Iveria, nhằm lấy lòng triều đình Nga – vốn đã bảo trợ cho Gruzia vào thời điểm đó – đã lấy Áo choàng của Chúa từ Nhà thờ Mtskheta, đặt nó vào một hòm vàng được trang trí bằng đá quý, và kèm theo một bức thư đặc biệt, đã gửi nó như một món quà vô giá đến Đức Thượng phụ Filaret toàn Nga, cha của Sa hoàng Mikhail Feodorovich đang trị vì lúc bấy giờ. Sa hoàng Mikhail, người sùng đạo, và Đức Thượng phụ Filaret, đã vui mừng đón nhận món quà vĩ đại này, vượt xa vô cùng so với mọi món quà trần thế quý giá nhất, đã thu thập từ các giám mục Hy Lạp và các vị trưởng lão thông thái đang có mặt tại Moscow lúc bấy giờ những truyền thuyết mà họ biết về y phục của Chúa – chiếc áo choàng của Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giê-su Ki-tô (Ga 19:23–24); những truyền thuyết này phù hợp với những gì được trình bày ở đây. Sau khi cầu nguyện và ăn chay, nhờ được chứng thực – qua vô số phép lạ chữa lành xảy ra sau khi đặt bộ áo này lên những người bệnh – rằng đó thực sự là áo của Đấng Christ, hoàng đế và tổng giám mục đã ra lệnh xây dựng một gian phòng đặc biệt, được trang trí bằng những vật trang sức quý giá, ở góc phải phía tây của Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời tại Moscow và đặt áo choàng của Chúa Kitô tại đó. Cho đến nay, nó vẫn được lưu giữ tại đó; mọi người đều chiêm ngưỡng và tôn kính nó với lòng thành kính xứng đáng; từ đó, cho đến ngày nay, những phép chữa lành vẫn được ban cho người bệnh và sự giúp đỡ được trao cho tất cả những ai đến với lòng tin. Trong Giáo hội Nga, kể từ thời Đức Thượng phụ Thánh Philaret ( ), ngày 10 tháng 7[1056] đã được ấn định là lễ đặt áo choàng, tức là áo chiton của Chúa. Mặc dù trong Giáo hội Iveria, lễ áo chiton của Chúa vào ngày 1 tháng 10 chỉ được thiết lập vào thế kỷ thứ mười hai, tuy nhiên, có thể suy luận rằng tại Iveria, đặc biệt là ở Mtskheta, ngày lễ này đã được tổ chức long trọng – giống như cách tổ chức hiện nay – nếu không phải từ thời vị vua Kitô giáo đầu tiên Mirian, thì ít nhất cũng từ thế kỷ thứ năm, tức là từ thời kỳ trị vì huy hoàng của Vua Vakhtang Gur-Aslan; ngày này được tổ chức như một ngày trọng đại để thánh hiến ngôi đền Mtskheta mới, tráng lệ, do ông xây dựng trên nền của ngôi đền cổ xưa của Mirian.

[1055] Khoảng năm 1228, khi Nhà thờ Mtskheta bị phá hủy. Tamerlane xâm lược Gruzia vào năm 1387, khi Nhà thờ Mtskheta đã không còn tồn tại. Nhà thờ này được Vua Alexander I tái thiết lại vào thế kỷ XV.

[1056] Vì Áo choàng của Chúa được rước về Nga vào Mùa Chay, nên lễ kỷ niệm đã được dời sang ngày 10 tháng 7 (ngày trước lễ đăng quang của Vua Mikhail Feodorovich).

Bài thánh ca dành cho Thánh Nina:

Người phục vụ Lời Chúa, người đã noi gương Thánh Anrê, vị Tông đồ đầu tiên, và các Tông đồ khác trong việc rao giảng Tin Mừng, người truyền giáo cho Iveria và là người mang Thánh Thần, Thánh Nino, người ngang hàng với các Tông đồ, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Lễ kính Thánh Stephano

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 1

Thánh Stephano của Hinolak đã tỏa sáng bằng đời sống thánh thiện của ngài tại Palestine. Từ thuở thiếu thời, ngài đã khao khát sống đời tu hành, nên thường xuyên viếng thăm các tu viện của các vị thánh nhân dọc theo sông Jordan, cũng như các tu viện của các thánh nằm trong sa mạc, gần Jerusalem: Thánh Euphemia Vĩ đại, Thánh Savva Thánh hiến và Thánh Theodosius Vĩ đại; tại mỗi tu viện, ngài đều tu hành, tự mình trải nghiệm và làm quen với nội quy của từng nơi. Sau đó, vị thánh tu sĩ này đến Constantinople, dưới triều đại của Hoàng đế Leo Isaurian, và được Thánh Thượng phụ Germanos tiếp đón; ông đã ở lại với ngài một thời gian, học hỏi về đời sống thiêng liêng và đồng thời trở thành một cố vấn hữu ích cho vị thánh. Sau đó, Thánh Stephen đã thành lập tu viện Hinolakko[1057] , nơi quy tụ rất nhiều tu sĩ, những người mà vị thánh đã giáo dục bằng giáo lý của Chúa và những lời khuyên răn tốt lành, đồng thời dẫn dắt họ đến mức độ trưởng thành trong việc thực hành giáo lý của Chúa Kitô. Sau khi sống một cuộc đời đạo đức trên trần gian và nhờ cầu nguyện không ngừng mà đến gần các thiên thần, Thánh Stefan đã nhận được sự mặc khải rằng giờ phút ngài ra đi về các nơi ở trên trời đã gần kề. Sau khi lìa khỏi thân xác, linh hồn thánh thiện của ngài đã được Chúa đón nhận qua các Thiên thần trong vinh quang, vì linh hồn ấy tràn đầy sự thanh khiết; một số thành viên trong cộng đoàn đã được chứng kiến sự ra đi vinh quang của vị thánh về các nơi ở trên trời và đã kể lại điều này cho nhiều người.

Ngày 28 tháng 1

ngày 15 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Phaolô thành Thebes

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 1

Khi vị thánh Antôn sống cùng các môn đệ của mình trong sa mạc Ai Cập[1058] , một lần nọ, ngài chợt nghĩ rằng chưa có tu sĩ nào khác hoàn hảo như ngài, không ai đã định cư trong sa mạc trước ngài và chọn một cuộc sống ẩn dật đến vậy. Sau này, chính ông đã kể lại rằng khi có suy nghĩ đó, ông đã nghe thấy một giọng nói trong một giấc mơ, nói rằng:

– Antôn! Có một tôi tớ của Chúa đã đến đây trước ngươi và người ấy hoàn hảo hơn ngươi. Nếu ngươi muốn, ngươi có thể tìm thấy người ấy ở sa mạc xa xôi; chỉ cần mau mau đến gặp người ấy, trước khi người ấy về với Chúa.

Nghe xong và tỉnh táo lại, vị tu sĩ già lập tức cầm gậy lên và vội vã đi vào sa mạc, khao khát mãnh liệt được sớm tìm thấy người mà Ngài đã mặc khải cho ông. Đã đến giữa trưa, trời nóng đến mức ngay cả những hòn đá cũng nung nóng vì cái nắng gay gắt; thân thể vị tu sĩ già đã kiệt sức, nhưng tinh thần ông vẫn tỉnh táo, và ông không có ý định quay trở lại từ con đường đã chọn. Dù ông không biết phải đi tiếp về đâu, nhưng ông vẫn giữ vững lòng tin và nói:

– Tôi tin rằng Chúa sẽ chỉ cho tôi thấy, như Ngài đã hứa, người tôi tớ của Ngài.

[1057] Tức là "bên ao ngỗng". Từ này bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp: "ngỗng" và "ao". Tu viện này tọa lạc tại tỉnh Bithynia thuộc Tiểu Á (vùng tây bắc Tiểu Á), gần Chalcedon, đối diện với Constantinople.

[1058] Thánh Antôn Vĩ Đại – người sáng lập đầu tiên của đời sống tu hành. Lễ kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 17 tháng 1. Hang động nơi ngài tu hành nằm ở miền nam Ai Cập, tại vùng hoang dã và không có người ở của Phivaida, trên bờ đông sông Nile.

Khi băng qua sa mạc khắc nghiệt và hiểm trở này, vị tu sĩ già không thấy gì ngoài dấu vết của thú rừng; sau hai ngày lữ hành và dành cả đêm thứ hai để cầu nguyện, ông vẫn không biết phải đi tiếp về đâu. Vào lúc bình minh ngày thứ ba, ông bỗng thấy một con sói cái đang đi dọc sườn núi và tru lên. Theo dấu nó từ xa, ông đến gần một hang động, nơi vị thánh được Chúa yêu mến là Phaolô[1059] đang cư ngụ. Vị tu sĩ già vô cùng vui mừng khi nhìn thấy hang động; nhưng người cư ngụ trong đó, khi nhận ra Antôn đang đến gần, đã khóa cửa lại. Đến gần, vị tu sĩ gõ cửa, nhưng không có ai trả lời, và ông tiếp tục đứng bên ngoài gõ cửa mà không được. Thấy rằng người ta không mở cửa cho mình, ông quỳ xuống đất trước lối vào hang động và cầu nguyện cho đến tận giờ thứ sáu, để được phép bước vào bên trong và gặp người mà ông đã tìm kiếm với bao vất vả.

Vị thánh nói:

– Hãy mở cửa cho tôi, hỡi tôi tớ của Đấng Christ, hãy mở cửa đi! Vì ngài biết tôi là ai, từ đâu đến và vì sao tôi đến, bởi chính Đức Chúa Trời đã mặc khải điều đó cho ngài. Bản thân tôi cũng biết rằng mình không xứng đáng được chiêm ngưỡng dung nhan thánh thiện của ngài, nhưng dù vậy, tôi sẽ không rời khỏi đây cho đến khi được gặp ngài. Đừng che giấu mình nữa, nếu Thiên Chúa đã cho ta biết về ngươi: ngươi tiếp đón các loài thú – vậy tại sao lại từ chối con người? Ta đã tìm thấy ngươi sau một thời gian dài tìm kiếm, và giờ đây ta đang gõ cửa để ngươi mở cửa cho ta. Nếu ngươi không mở cửa, thì ta sẽ chết ngay trước ngưỡng cửa của ngươi, và ngươi sẽ phải chôn cất thi thể ta tại đây.

Anh ta còn nói với người ấy nhiều điều khác nữa trong nước mắt và trách móc sự khắc nghiệt của người ấy. Lúc đó, vị thánh nhân của Chúa đáp lại từ bên trong hang động và nói:

– Làm sao có thể xin xỏ bằng những lời đe dọa hay trách móc trong nước mắt được? Ngươi ngạc nhiên vì ta không mở cửa cho ngươi; đó là vì ngươi khoe khoang rằng mình đến đây để chết.

Nói xong, vị thánh mở cửa ra, và họ ôm chầm lấy nhau, hôn nhau, gọi tên nhau, vì Đức Chúa Trời đã mặc khải tên của người kia cho mỗi người. Khi họ ngồi xuống, Thánh Antôn nói:

– Hãy vui mừng đi, Phaolô, bình được chọn và cột lửa, cư dân của sa mạc này!

Thánh Phaolô đáp lại:

– Thật tốt là ngài đã đến, mặt trời chiếu sáng cả vũ trụ, người hướng dẫn những kẻ được cứu rỗi, miệng lưỡi của Đức Chúa Trời, Đấng đã cư ngụ trong sa mạc và xua đuổi ma quỷ khỏi nơi này! Nhưng tại sao ngài lại dấn thân vào công việc vĩ đại như vậy, đến với tôi, một con người tội lỗi và hèn mọn? Ngươi đang thấy trước mặt mình một lão già yếu ớt, tóc bạc rối bời, ngươi thấy một con người sắp hóa thành tro bụi và thối rữa. Nhưng tình yêu không biết đến chướng ngại – và ngài đã đến; xin hãy nói cho tôi biết – con người hiện nay sống ra sao, thế giới đang ở trong tình trạng nào? Liệu vẫn còn những kẻ thờ thần tượng, và liệu sự bắt bớ những người tin Chúa có còn tiếp diễn hay không?

– Nhờ những lời cầu nguyện của ngươi, – Antôn đáp, – thế gian đang được bình an, những cuộc bách hại đã chấm dứt, và Giáo Hội đang tôn vinh Thiên Chúa Chân Thật; nhưng vì ngươi đã nhắc đến những cuộc bách hại, nên ta xin ngươi, – hãy kể cho ta nghe, vì danh Chúa, về bản thân ngươi và hãy tiết lộ lý do tại sao ngươi lại rời bỏ thế gian để đến sa mạc xa xôi này?

– Tôi sinh ra[1060] tại Fivaid[1061] , – Thánh Phaolô bắt đầu câu chuyện của mình, – và tôi có một người chị gái, người mà cha mẹ tôi đã gả đi khi họ còn sống. Là những người Chính Thống giáo, họ không chỉ cho tôi một nền giáo dục thế tục mà còn dạy dỗ tôi về những chân lý của đức tin Chính Thống. Trước khi qua đời, họ đã chia tài sản phong phú của mình cho chúng tôi. Sau khi họ qua đời, chồng của em gái tôi, vì lòng tham, đã nảy sinh ý định chiếm đoạt phần tài sản vốn thuộc về tôi và định giao nộp tôi, với tư cách là một Kitô hữu, cho vị hoàng tử vô đạo để tra tấn, nhằm tiêu diệt tôi và chiếm đoạt phần thừa kế của tôi. Vào thời đó, Decius[1062] đang trị vì. Ông ta đàn áp

---

[1059] Hang động của Thánh Phaolô, trên núi Holzim, cách núi của Thánh Antôn không quá bốn verst theo đường chim bay, nhưng nó bị ngăn cách bởi một vách đá cao và dốc đến nỗi việc đi vòng quanh nó rất tốn thời gian, chính vì vậy Thánh Antôn đã phải mất khoảng hai ngày để hoàn thành toàn bộ chặng đường.

[1060] Năm sinh của Thánh Phaolô thành Thebes được xác định như sau dựa trên tiểu sử của ngài. Khi Thánh Antôn đến gặp Thánh Phaolô, ngài đã sống trong sa mạc được 91 năm, nơi ngài đã lui về từ năm 22 tuổi. Do đó, ngài lúc đó đã 113 tuổi. Thánh Antôn, sinh năm 251, đến gặp ngài khi đã 90 tuổi; do đó, Thánh Phaolô sinh khoảng năm 228.

[1061] Thung lũng Thebaid là khu vực của thành phố Thebes nổi tiếng trong thời cổ đại của Ai Cập; tên gọi này cũng được dùng để chỉ toàn bộ miền Thượng (miền Nam) Ai Cập, theo tên của thành phố chính.

[1062] Decius – hoàng đế La Mã, kẻ đàn áp tàn bạo đối với Kitô giáo, trị vì từ năm 249–251.

tất cả các Kitô hữu, và cả vùng Thebaea đều run rẩy vì sợ hãi trước những hình phạt tàn bạo do chính ông ta nghĩ ra. Vào thời điểm đó, một thanh niên Kitô hữu đã bị những kẻ bách hại vô đạo bắt giữ. Họ tra tấn anh ta trong một thời gian dài để ép anh ta từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô, nhưng đều vô ích. Cuối cùng, họ dẫn anh ta vào một khu vườn rực rỡ hoa lá và thơm ngát, rồi đặt anh nằm ngửa trên một chiếc giường sang trọng, dùng những sợi dây mềm buộc tay và chân anh vào đó. Khi mọi người đã rời khỏi khu vườn, họ cho một cô gái trẻ vào gặp chàng trai trẻ, với mục đích dụ dỗ anh phạm tội. Cô gái vô liêm sỉ ôm ấp và hôn chàng trai, tìm mọi cách để quyến rũ anh. Vậy người chịu khổ anh dũng ấy đã làm gì, sau khi đã phải chịu đựng biết bao đau khổ? – Thấy mình đang đối mặt với nguy cơ sa ngã về xác thịt, chàng đã cắn đứt lưỡi bằng răng và nhổ nó vào mặt ả gái điếm; bằng cơn đau khủng khiếp, chàng đã chế ngự được dục vọng trong lòng, phun máu lên mặt và quần áo của ả đàn bà dâm đãng, còn bản thân chàng, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, đã giữ vững sự trong sạch. Một thanh niên khác, vẫn kiên định trong đức tin Kitô giáo, sau nhiều cực hình đã bị lột trần, toàn thân được bôi đầy mật ong, rồi bị trói tay ở vai và đặt dưới cái nắng gay gắt; họ nghĩ rằng, khi bị ong, ong bắp cày và ong vò vẽ đốt, anh ta sẽ không chịu đựng nổi và đồng ý dâng lễ vật cho thần tượng. Nhưng người chịu khổ dũng cảm ấy, dù toàn thân bị cắn xé và đẫm máu đến mức không còn nhận ra hình dáng con người, vẫn không từ bỏ Đức Kitô. Chứng kiến tất cả những điều đó, cùng với sự hung ác ngày càng gia tăng của chồng chị gái tôi – người mà không những nước mắt của chị gái tôi, mà cả mối quan hệ huyết thống cũng không thể xoa dịu được – tôi đã bỏ lại tất cả cho anh ta và trốn chạy vào sa mạc này. Nhờ ơn Chúa, tôi dần dần đến được nơi này. Khi tìm thấy hang động này với nguồn nước bên trong, tôi nhận ra rằng chính Chúa đã chỉ định nơi này làm nơi cư ngụ cho tôi. Tôi đã định cư ở đây và sống bằng quả chà là, đồng thời tự may quần áo từ lá cây.

Khi vị thánh đang kể chuyện này, bỗng một con quạ bay đến, mỏ cắp một miếng bánh; nó nhẹ nhàng đặt miếng bánh trước mặt họ, rồi bay đi và biến mất trong không trung. Thấy sự ngạc nhiên của Thánh Antôn, Thánh Phaolô nói:

– Chính Chúa, Đấng đầy lòng thương xót và yêu thương loài người, đã sai bữa trưa này đến cho chúng ta, những tôi tớ của Ngài. Đã sáu mươi năm nay, tôi chỉ nhận được nửa ổ bánh mì. Nhưng nhân dịp anh đến, Chúa Kitô đã nhân đôi ân huệ và sai cả một ổ bánh mì cho các chiến binh của Ngài.

Nhận lấy chiếc bánh này, hai vị thánh nhân vĩ đại của Chúa bắt đầu xin nhau ban phước và bẻ bánh, mỗi người đều nhường nhịn người kia về mặt danh dự. Thánh Phaolô muốn tôn kính Thánh Antôn như một vị khách, còn Thánh Antôn thì muốn tôn kính Thánh Phaolô như chủ nhà và người lớn tuổi hơn; và họ đã tranh luận với nhau trong tình yêu thương suốt một thời gian dài. Cuối cùng, Thánh Phaolô đã cầm lấy một đầu ổ bánh mì, còn đầu kia thì trao vào tay Thánh Antôn: ổ bánh mì lập tức tự bẻ đôi ở giữa, và mỗi người nhận được một nửa.

Ngồi bên suối, các tôi tớ của Chúa đã ăn và no nê; sau đó, họ uống nước từ suối này, nơi có nước trong vắt và rất ngọt ngào. Sau khi dâng lời cầu nguyện tạ ơn, họ lại ngồi xuống và trò chuyện suốt đêm cho đến sáng. Khi trời sáng, Thánh Phaolô nói với Thánh Antôn:

– Từ lâu rồi, hỡi anh em của tôi, tôi đã biết rằng anh đang sống trong sa mạc này, và tôi mong muốn được sống cùng anh để cùng nhau phụng sự Chúa của chúng ta. Nhưng vì giờ phút ra đi của tôi đã đến – điều mà tôi luôn mong đợi với niềm vui, mong được *"được giải thoát và ở cùng Chúa Kitô"* (Pl 1,23) – nên Chúa đã sai anh đến với tôi, để anh an táng thi hài khiêm nhường của tôi và trả lại đất cho đất.

Nghe vậy, Antôn đã thốt lên trong nước mắt:

– Xin đừng bỏ con lại một mình, thưa cha, mà hãy đưa con đi cùng cha!

– Con không nên lo cho bản thân mình, – Thánh Phaolô đáp, – mà hãy lo cho lợi ích của người lân cận. Nếu điều tốt lành cho con là được giải thoát khỏi gánh nặng của xác thịt để theo Chiên Con lên trời, thì lợi ích của các anh em khác đòi hỏi con phải tiếp tục dạy dỗ và củng cố họ. Xin anh hãy mau về tu viện của mình và mang chiếc áo choàng mà Giám mục Athanasius đã tặng anh đến đây, để dùng nó che phủ thi thể tôi.

Thánh Phaolô xin điều này không phải vì ngài cần chiếc áo choàng. Ngài không bận tâm liệu thân xác phàm trần của mình – vốn đã được che phủ bằng lá cây chà là suốt bao lâu nay – sẽ được chôn cất trong đất trong tình trạng trần truồng hay được che phủ; ngài chỉ mong linh hồn mình được tách rời khỏi thân xác trong sự tĩnh lặng của sự cô độc, chính vì thế ngài mới đuổi Thánh Antôn trở về tu viện.

Thánh Antôn đã vô cùng ngạc nhiên khi nghe chuyện về Athanasius và chiếc áo choàng. Nhìn thấy trong Phaolô như thể chính Chúa Kitô và tôn kính Thiên Chúa ngự trong ngài, ngài không dám phản đối ngài nữa; ông im lặng rất lâu, nước mắt lưng tròng, hôn lên đôi mắt và đôi tay của ngài, rồi vội vã thực hiện mệnh lệnh: trái với ý

muốn của mình, ông lên đường đến tu viện, thân thể kiệt quệ nhưng tinh thần vẫn chiến thắng những yếu đuối của tuổi già. Khi ông đến gần phòng tu của mình, hai môn đệ ra đón và hỏi:

– Cha đã ở đâu lâu như vậy, thưa cha?

– Khốn khổ cho con, các con ơi, – Thánh Antôn đáp, – khốn khổ cho con, kẻ tội lỗi, kẻ tự xưng là tu sĩ. Bản thân con chỉ tự xưng là tu sĩ, nhưng con đã thấy Đấng thực sự là Ê-li, là Gioan trong sa mạc; con thực sự đã thấy Phaolô trong thiên đàng.

Các môn đệ muốn nghe chi tiết hơn về điều này và bắt đầu nài nỉ ông kể lại. Còn Antôn, che miệng bằng tay, nói:

– Mọi sự đều có thời: có thời để nói, và có thời để im lặng (Truyền Đạo 3:1–7).

Và cầm lấy áo choàng, không nghỉ ngơi chút nào, thậm chí không mang theo cả thức ăn cho chuyến đi, ông ra khỏi đó và lại vội vã lên đường về sa mạc, để kịp gặp thánh Phaolô khi ngài còn sống, vì ông lo sợ rằng nếu chậm trễ, ngài có thể qua đời mà không có ông bên cạnh.

Vào ngày hôm sau, vào giờ thứ ba, khi đang trên đường đi, Abba Antôn nhìn thấy trên không trung các hàng ngũ Thiên thần và hội đồng các tiên tri và tông đồ, còn ở giữa họ là linh hồn của Thánh Phaolô, đang tỏa sáng rực rỡ hơn cả mặt trời, bay lên trời. Thánh Antôn ngã quỵ xuống đất, rắc cát lên đầu và khóc nức nở thốt lên:

– Sao ngươi, Phaolô, lại bỏ ta đi? Sao ngươi lại ra đi mà không có nụ hôn từ biệt? – Ta đã không biết ngươi trong một thời gian dài, và ngay khi vừa mới nhận ra ngươi, ngươi lại bỏ ta đi!

Sau này, Thánh Antôn kể lại rằng ngài đã đi nốt quãng đường còn lại với tốc độ nhanh đến mức như thể đang bay trên đôi cánh giữa không trung, đến nỗi vì bước đi quá nhanh mà ngài thậm chí không cảm nhận được mặt đất dưới chân mình. Chẳng bao lâu sau, ông đến được hang động và khi bước vào, ông thấy vị thánh đang quỳ gối, hai tay giang rộng hướng lên trời và khuôn mặt cũng ngước lên cao. Nghĩ rằng ngài vẫn còn sống và đang cầu nguyện, Thánh Antôn cũng quỳ xuống cầu nguyện cùng ngài. Một giờ trôi qua, và vì không nghe thấy từ thánh Phaolô bất kỳ lời nào hay tiếng thở dài nào trong lời cầu nguyện, thánh Antôn tiến lại gần ngài hơn và, khi thấy ngài đã qua đời, ngài hiểu rằng thi thể của vị thánh nhân này, ngay cả sau khi chết, vẫn tiếp tục dâng lời thờ phượng lên Thiên Chúa, trước Dung Nhan của Ngài, mọi sự đều sống động. Ông đã khóc lóc thảm thiết trong một thời gian dài, hôn lên thi thể thánh thiện của vị thánh; sau đó, ông quấn thi thể ngài bằng chiếc áo choàng mang theo và theo phong tục Kitô giáo, bắt đầu hát những bài thánh vịnh thường dùng trong lễ an táng. Nhưng ông không biết phải làm thế nào để tiến hành lễ an táng cho vị thánh, vì ông không mang theo cái cuốc để đào huyệt.

– Có nên quay về tu viện để lấy dụng cụ không? – ông tự hỏi. – Nhưng đường về đó mất ba ngày. Hay nên ở lại đây? Nhưng không có cái xẻng, tôi chẳng thể làm gì được. – Thà tôi ở lại đây và chết một cách xứng đáng, trút hơi thở cuối cùng bên cạnh người chiến binh của Ngài, lạy Chúa Kitô!

Khi ông đang suy nghĩ về điều đó, bỗng từ sâu thẳm sa mạc, hai con sư tử xuất hiện, gầm rú và dường như đang khóc than cho sự ra đi của vị thánh. Thánh Antôn ban đầu hơi sợ hãi, nhưng sau đó, khi thấy những con thú hiền lành như những con chiên này nằm bên thi thể vị thánh và gầm rú thảm thiết, như thể đang khóc than, ông đã kinh ngạc trước sự hiền lành của chúng. Chúng bắt đầu dùng móng vuốt đào đất và, sau khi đào được một cái hố khá sâu, lại quỳ xuống bên thi thể vị thánh với tiếng gầm mạnh mẽ, như thể đang từ biệt ngài; sau đó, chúng tiến lại gần Thánh Antôn, liếm tay và chân ngài, như thể đang xin sự ban phước và lời cầu nguyện. Thánh nhân, thấy rằng ngay cả các loài thú cũng cúi đầu trước Thiên Chúa, đã ngợi khen Chúa Kitô và nói:

– Lạy Chúa, – không có ý muốn của Ngài thì không một chiếc lá nào rơi khỏi cây và không một con chim nào rơi xuống đất, – xin Ngài, theo ý Ngài, ban phước lành của Ngài cho những con thú này.

Sau đó, ngài chỉ tay về phía sa mạc và ra lệnh cho các loài thú đi về đó. Khi chúng đã khuất khỏi tầm mắt, Thánh Antôn đã an táng thi hài của vị thánh và vị cha đáng kính Phaolô, vị ẩn sĩ đầu tiên, người đã qua đời ở tuổi 113[1063] . Suốt đêm sau lễ an táng, Thánh Antôn đã thức trắng bên mộ vị thánh trong nước mắt và lời cầu nguyện; khi bình minh ló rạng, ngài trở về tu viện của mình, mang theo bộ áo choàng của vị thánh được đan từ lá cây chà là. Khi về đến tu viện, ngài đã kể lại chi tiết mọi chuyện cho các môn đệ của mình, nhằm làm gương cho họ; còn bộ áo

[1063] Thánh Phaolô thành Thebes qua đời vào năm 341. Thi hài của ngài, theo ý muốn của Hoàng đế Byzantine Manuel Komnenos (1146–1180), đã được chuyển đến Constantinopolis và an táng tại Tu viện Đức Mẹ Perivlepta; sau đó vào năm 1240, thi hài được chuyển đến Venice và cuối cùng là đến Ofen, Hungary; một phần đầu của ngài được lưu giữ tại Rome.

của Thánh Phaolô, ngài trân trọng và tôn kính đến mức chỉ mặc nó hai lần trong năm: vào Lễ Phục Sinh và Lễ Ngũ Tuần.

Nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của các vị thánh Phaolô và Antôn, xin Chúa Kitô, Chúa chúng ta, ban cho chúng ta được trở thành những người được Ngài ưa chuộng. Ngài, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được vinh quang và tôn kính muôn đời, amen.

Cuộc đời của Thánh Gioan Kuschnik[1064]

Ngày kỷ niệm: 15 tháng 1

Tại Constantinople, dưới triều đại của Hoàng đế Lêô Đại đế[1065] , có một quan chức quân sự giàu có và danh tiếng tên là Evtropi, sống cùng vợ là Theodora. Ông có ba người con trai, trong đó hai người đã gia nhập quân đội hoàng gia và đã đạt được những chức vụ cao, còn người con trai út tên là Ioannes, ông cho đi học các môn học khác nhau. Khi mới mười hai tuổi, Ioann đã nổi bật hẳn so với các bạn cùng lứa, đến nỗi ngay cả các thầy giáo cũng ngạc nhiên trước khả năng và sự phát triển vượt trội so với lứa tuổi của cậu. Nhưng cậu không chỉ thành công trong học vấn thế tục mà còn trong sự khôn ngoan thuộc linh. Dưới sự tác động đầy ân sủng của Thánh Thần, cậu lớn lên thành một cậu bé hiền lành, không ác ý và khiêm tốn; và sau giờ học, cậu không dành thời gian cho những trò chơi thường thấy ở lứa tuổi thiếu nhi, mà dành để đọc các cuốn sách thánh được Thánh Thần soi dẫn và siêng năng tham dự các thánh lễ tại nhà thờ. Trái tim cậu được sưởi ấm bởi tình yêu dành cho Thiên Chúa, và ngọn lửa của tình yêu ấy bắt đầu bùng cháy mãnh liệt trong tâm hồn cậu.

Trong khi Gioan đang tiến bộ vượt bậc trong đời sống đạo đức, có một lần, một tu sĩ bước vào ngôi nhà nơi vị thánh đang học. Thấy ngài, cậu bé hỏi:

– Thưa cha, cha từ đâu đến và đang đi đâu vậy?

– Tôi đến từ tu viện "những người không ngủ"[1066] , – vị tu sĩ trả lời, – và đang trên đường đến Giê-ru-sa-lem để thờ lạy các thánh địa.

Với trái tim tràn đầy nhiệt huyết, Gioan bắt đầu hỏi vị tu sĩ về đời sống tu hành, về việc cầu nguyện và ăn chay, về những bài thánh ca không ngừng vang lên, cũng như về những việc làm và công lao khác của các tu sĩ. Vị tu sĩ, thấy sự sùng đạo và sự sáng suốt của cậu bé, đã kể cho cậu nghe chi tiết về tất cả các tập tục và nội quy của tu viện mình.

Sau khi lắng nghe kỹ lưỡng những gì vị tu sĩ nói, John hỏi:

– Thưa cha, cha có trở về tu viện của mình không, hay sẽ ở lại Giê-ru-sa-lem?

– Tôi có – vị tu sĩ trả lời – lệnh của vị tu viện trưởng phải trở về, và sau khi, nếu Chúa cho phép, tôi đã cúi đầu kính lễ các thánh địa, tôi sẽ lập tức quay trở lại.

Lúc đó, Gioan nắm lấy tay phải của vị tu sĩ và nói:

– Thưa cha, con có một lời bí mật muốn nói với cha.

Sau đó, ông dẫn anh ta sang một bên và bắt đầu nói:

– Xin cha hãy nghe con, thưa cha, – con xin cha, – và hãy thương xót con. Con có khát khao mãnh liệt muốn từ bỏ thế gian phù du này để phụng sự Chúa Kitô. Nhưng cha mẹ con lại có suy nghĩ hoàn toàn khác về con. Vì yêu thương con hơn các anh trai, họ muốn tìm cho con một chức vụ cao quý nào đó và gả con đi. Còn con, khi thường xuyên lắng nghe Lời Chúa trong thánh đường và tự mình đọc các sách thánh, con đã hiểu rằng mọi sự trần thế đều hư vô, và chỉ có một điều hữu ích duy nhất – đó là từ bỏ thế gian, phụng sự Chúa Kitô theo lối sống tu sĩ của cha.

[1064] Thánh Gioan được gọi là "Kushchnik" vì vào cuối cuộc đời tu hành, ngài đã sống trong một "bụi cây", tức là trong một túp lều, trong cảnh nghèo khó tột cùng, gần ngôi nhà của cha mẹ giàu có và quý tộc của ngài, mà họ không nhận ra ngài – và ngài cũng được an táng ngay trong túp lều đó; sau này, cha mẹ ngài đã xây dựng một nhà thờ mang tên ngài tại chính nơi từng là "túp lều" ấy.

[1065] Lêô I Đại Đế – Hoàng đế Byzantine; trị vì từ năm 457–476.

[1066] Tu viện "Những người không ngủ", được đề cập ở đây, tọa lạc tại Bithynia (vùng tây bắc Tiểu Á) và được xây dựng theo mô hình của một tu viện tương tự từng tồn tại tại Constantinople, vốn được chuyển đến đó từ Mesopotamia và do Thánh Alexander thành lập vào cuối thế kỷ IV. Các quy tắc tu hành và lối sống tu sĩ của các cư sĩ trong tu viện này nổi bật bởi sự nghiêm ngặt đặc biệt. Tu viện này được đặt tên như vậy bởi vì các tu sĩ ở đây, được chia thành 24 ca theo số 24 giờ ngày và đêm, liên tục ca ngợi Chúa theo hai ca, hát những bài thánh vịnh của Đa-vít một cách du dương, đến nỗi việc thờ phượng tại tu viện này diễn ra liên tục và không bao giờ ngừng nghỉ. Một tu viện tương tự cũng được thành lập tại Bithynia, gần thành phố Sosthenula, bởi các môn đệ của Thánh Alexander, là Gioan và Marcellus.

Con khẩn cầu cha nhân danh Thiên Chúa, Đấng mong muốn sự cứu rỗi cho chúng ta, xin cha hãy nhận con khi cha trở về tu viện của mình.

Qua những lời này, vị tu sĩ cảm nhận được rằng chính Thiên Chúa đang kêu gọi cậu thiếu niên đến với Ngài. Ông đã thề hứa sẽ đưa cậu đi cùng khi trở về, và họ chia tay nhau như vậy.

Sau khi tu sĩ lên đường về Giê-ru-sa-lem, thánh Gioan, mong muốn sống theo Phúc Âm, đã xin cha mẹ mua cho mình một cuốn Phúc Âm, để qua việc học hỏi Lời Chúa trong đó, cậu có thể học cách thực hành những việc đẹp lòng Chúa Kitô. Cha mẹ cậu rất vui mừng khi thấy sự nhiệt thành của con trai đối với Kinh Thánh. Họ lập tức thuê một người chép kinh tài ba để người ấy sao chép một bản Kinh Thánh đẹp đẽ; sau đó, họ bọc nó bằng vàng và trang trí bằng đá quý, để con trai họ không chỉ bị cuốn hút vào việc đọc sách một cách siêng năng bởi sự ngọt ngào của những lời Chúa Kitô được ghi chép bên trong, mà còn bởi vẻ đẹp bên ngoài của cuốn sách. Sau khi hoàn thành cuốn Kinh Thánh đó, họ đã tặng nó cho con trai. Với niềm vui sướng khi nhận được cuốn sách thánh, Gioan bắt đầu say mê đọc nó; trái tim anh được an ủi bởi những lời của Chúa Kitô, và anh, ngày càng bừng cháy tình yêu dành cho Thiên Chúa, háo hức chờ đợi sự trở về từ Giêrusalem của vị tu sĩ, người mà anh đã chia sẻ bí mật trong lòng mình.

Sau một thời gian dài, vị tu sĩ ấy trở về và được Gioan đón tiếp với niềm vui vô bờ.

– Này, con trai của ta, ta đã trở về như đã hứa, – vị tu sĩ nói, – và nếu con muốn, ta sẽ đưa con đi cùng ta về tu viện.

Thánh Gioan đáp:

– Con tạ ơn Chúa đã cho cha trở về trong sức khỏe tốt lành, và đã ban cho con ân huệ được gặp lại cha. Con sẵn sàng lên đường. Nhưng chúng ta phải làm sao nếu cha mẹ không muốn để con đi? Mẹ con rất nhạy cảm, và khi bà biết con muốn rời xa họ, bà sẽ khóc lóc thảm thiết và giữ con lại, từ đó cản trở ý nguyện của con. Con xin cha, cha ơi, chúng ta hãy rời khỏi đây một cách bí mật, để không ai trong số người thân và bạn bè của con biết về sự ra đi của con, cũng như con đã đi theo con đường nào.

– Chúng ta sẽ làm theo ý con, con trai ạ, – vị tu sĩ nói, – và xin Chúa thực hiện điều con mong ước.

Vậy là họ đến bờ biển, đến bến tàu, và khi tìm thấy một con tàu, họ xin chủ tàu chở họ đến tu viện của những vị không ngủ. Nhưng người chủ tàu đòi họ phải trả rất nhiều vàng làm phí vận chuyển, vì ông ta nói rằng đang chờ một lô hàng lớn cho con tàu, cũng như để thuê nó cho chuyến trở về.

Giăng hỏi ông ta:

– Vậy chi phí vận chuyển một lô hàng đầy trên con tàu của ông là bao nhiêu?

– Một trăm đồng vàng, – người chủ tàu trả lời.

– Hãy đợi ba ngày nữa, anh em ơi, – Gioan nói, – rồi tôi sẽ thuê con tàu của anh.

Sau khi nói chuyện với ông ta, John và vị tu sĩ ra về. Khi chỉ còn lại một mình, John nói với vị tu sĩ:

– Chủ tàu đòi giá vận chuyển quá đắt; nhưng việc lén lút rời xa cha mẹ còn đắt giá hơn đối với tôi; vì vậy, tôi sẽ về gặp cha mẹ và xin họ cho tôi một ít vàng để trang trải một số nhu cầu.

– Hãy đi đi, con trai của ta, – vị tu sĩ đáp, – và xin Chúa thực hiện ý định của con, theo ý muốn của Ngài.

Khi về đến nhà, Ioann nói với mẹ:

– Con muốn xin mẹ một ân huệ, nhưng con không dám.

– Con cứ xin đi, con trai ơi, – mẹ đáp.

– Tất cả các bạn cùng lớp của con, – John nói, – không chỉ một lần hay hai lần, mà đã nhiều lần mời con đến nhà họ chơi, còn con thì chưa bao giờ mời họ đến nhà mình và cũng chưa đền đáp lại lòng hiếu khách của họ; con cảm thấy xấu hổ trước mặt họ, và con không còn dám đến trường vì xấu hổ nữa. Xin mẹ cho con số tiền đủ để chiêu đãi các bạn con.

– Hãy đợi đến sáng mai, – mẹ anh trả lời, – mẹ sẽ nói với cha con, và cha sẽ cho con những gì con cần.

Khi bà kể lại lời thỉnh cầu của Ioan cho chồng nghe, ông, vì tình yêu dành cho con trai, đã cho cậu một trăm đồng vàng, và điều này xảy ra nhờ sự an bài đặc biệt của Đức Chúa Trời, để ý định tốt đẹp của cậu thiếu niên được thực hiện.

Sau khi đưa vàng cho con trai, người cha giao cậu cho người đầy tớ trung thành trông nom, với lệnh phải để ý để cậu bé không tiêu tiền một cách vô ích. Ioan vui vẻ đi cùng người đầy tớ đến bờ biển, nói:

– Chúng ta hãy đi tìm và mua ít cá ngon.

Khi họ đến gần con tàu, cậu sai người đầy tớ về trường học và dặn dò:

– Cậu hãy đi xem các bạn đã tập trung chưa, rồi quay lại gặp tớ.

Sau khi người hầu ra đi, Ioann cùng vị tu sĩ lên thuyền; sau khi trả tiền cho thuyền trưởng, họ rời bờ biển và lên đường. Ioann mang theo cuốn Phúc Âm mà cha mẹ đã tặng cho cậu, và tìm thấy sự an ủi trên đường đi khi đọc nó.

Người hầu, sau khi trở về từ trường học, đã tìm kiếm Gioan trên bờ biển rất lâu, nhưng không thấy, nên nghĩ rằng cậu thiếu niên đã về nhà; lúc đó, anh ta đến gặp chủ nhân của mình và hỏi về Gioan. Ngay lập tức, họ vội vã đi tìm cậu khắp nơi. Nhưng dù đã tìm kiếm rất lâu ở cả Constantinople lẫn các vùng lân cận mà vẫn không có kết quả, và tại nhà của Eutropius, mọi người khóc lóc thảm thiết vì người con trai yêu quý là John. Trong khi đó, khi Gioan đang trên đường đi, Thiên Chúa đã rõ ràng giúp đỡ cậu: Ngài đã ban cho con thuyền một cơn gió thuận lợi, và những người lữ hành đã nhanh chóng cập bến tu viện của những người không ngủ. Tại đây, vị tu sĩ đã kể cho vị tu viện trưởng Markell và các tu sĩ khác nghe tất cả những gì ông biết về cậu bé Ioann, cũng như niềm tin và lòng nhiệt thành mà cậu hướng tới việc nhận lấy đời sống tu sĩ và phụng sự Chúa.

Thấy cậu thiếu niên còn quá trẻ, vị tu viện trưởng nói với cậu:

– Con ơi! Con sẽ không đủ sức để thực hành các việc tu hành và tuân giữ các kỳ chay nghiêm ngặt, vì con còn quá trẻ. Hơn nữa, chúng ta có truyền thống là không cạo đầu ngay lập tức cho mọi người tìm đến đời tu, mà chỉ sau khi đã thử thách kỹ lưỡng sự chân thành trong ý định và sự nhiệt thành của họ trong các việc tu hành. Vì vậy, nếu con muốn cùng chúng ta thực hành đời sống tu sĩ, thì trước tiên con phải sống ở đây một thời gian, chưa được cạo đầu, để quan sát cuộc sống của chúng ta và tự thử thách bản thân xem liệu con có đủ sức chịu đựng những công việc đó hay không.

Lúc đó, Thánh Gioan quỳ xuống dưới chân vị Bề trên và, khóc lóc thảm thiết, bắt đầu cầu xin:

– Con khẩn cầu cha, xin hãy cạo đầu cho con ngay bây giờ. Xin cha đừng nhìn vào tuổi trẻ của con, mà hãy nhìn vào lòng nhiệt thành của con, vì con khao khát bằng cả trái tim được xứng đáng nhận lấy hình ảnh Thiên Thần của cha. Xin cha đừng từ chối lời khẩn cầu của con, nhưng vì danh Thánh Ba Ngôi, Đấng Hợp Nhất và Ban Sự Sống, xin hãy nhận con làm tu sĩ trong tu viện của cha.

Vị Bề trên, cảm động trước lòng nhiệt thành và những giọt nước mắt của cậu thiếu niên, đồng thời cảm nhận sâu sắc ân sủng của Thánh Thần ngự trong lòng cậu, liền đồng ý nhận cậu vào và cạo đầu cho cậu; sau đó, ngài ra lệnh cho cậu phải kiên trì trải qua tất cả các giai đoạn tuân phục trong tu viện và học hỏi từ các vị tu sĩ giàu kinh nghiệm.

Khi ước nguyện của mình cuối cùng đã thành hiện thực, Gioan đã thực hiện mọi điều được giao phó với lòng nhiệt thành và khiêm nhường; dần dần tiến bộ trong các việc tu hành, chẳng bao lâu sau, cậu đã đạt đến mức hoàn hảo về đức hạnh đến nỗi vượt qua cả những người đã nhập tu trước cậu, và trở thành gương mẫu cho mọi người về sự cầu nguyện không ngừng, sự vâng lời hiền lành và sự kiên nhẫn chịu đựng những kỳ chay tịnh khắt khe nhất. Thường thì trong nhiều ngày liền, ngài không ăn gì cả – ngoại trừ việc rước Mình Thánh Chúa Kitô Thánh Khiết và Ban Sự Sống – và chỉ nhờ điều đó mà ngài duy trì sự sống. Ngay cả vị Bề trên cũng ngạc nhiên trước Gioan và nói với ngài:

– Con ơi! Tại sao khi còn trẻ như vậy, con lại dấn thân vào những việc làm vĩ đại như thế? Hãy cẩn thận đừng để sức lực suy yếu vì nhịn ăn quá độ, và đừng để sức khỏe bị tổn hại, khiến con không còn đủ khả năng thực hiện những việc làm vĩ đại tiếp theo cũng như phục vụ để tôn vinh Chúa Kitô.

Giăng, như thường lệ, khiêm nhường cúi đầu chào vị tu viện trưởng, rồi đáp:

– Xin tha thứ cho con, thưa Cha thánh, một tôi tớ bất xứng, và xin cầu nguyện cho con, kẻ lười biếng và thiếu can đảm, để Chúa ban cho con sức mạnh thực hiện những việc làm vĩ đại và giúp đỡ sự yếu đuối của con.

Trong những việc làm cao cả ấy, Thánh Gioan đã sống tại tu viện suốt sáu năm. Rồi kẻ thù và kẻ ghét mọi điều thiện – ma quỷ – đã nổi dậy chống lại ngài. Để làm suy yếu sức mạnh của Gioan trong những việc làm thánh thiện tiếp theo, để cản trở và ngăn chặn sự tiến bộ cao quý trong việc tuân giữ các điều răn của Chúa, nó đã khơi dậy trong lòng ông những suy nghĩ về cha mẹ và khiến trái tim ông đau đớn vì thương xót họ khi nhớ lại tình yêu vĩ đại mà cha mẹ dành cho ông. Hắn bắt đầu gieo rắc vào tâm trí Gioan những suy nghĩ như thế này: "Bây giờ cha mẹ con đang làm gì khi không có con ở bên? Họ đang đau khổ, buồn bã và khóc lóc vì con, bởi vì con đã rời khỏi nhà mà không cho họ biết! – Cha đang khóc, mẹ đang nức nở, các anh em đang đau buồn, người thân và bạn bè đều thương xót con, cả ngôi nhà của cha con đang chìm trong nỗi đau vì con." Kẻ xảo quyệt ấy còn gợi lại cho anh ta nhớ về sự giàu có và danh vọng của cha mẹ, những vinh dự mà các anh em anh ta đang hưởng, cùng đủ thứ của cải

trần thế phù du khác. Hắn không ngừng làm xao động tâm trí anh bằng những suy nghĩ ấy cả ngày lẫn đêm, đến nỗi cuối cùng, Giăng đã suy kiệt sức lực đến cùng cực và chỉ còn thoi thóp: vì sự kiêng khem khắc nghiệt, những công việc tu hành và nỗi dằn vặt nội tâm do những suy nghĩ ấy – sức lực của anh đã khô héo như mảnh gốm,[1067] , và thân xác ông trở nên giống như cây sậy, lay động trước gió[1068] .

Vị Trưởng tu viện, thấy Gioan ngày càng suy yếu, bèn nói với ông:

– Chẳng phải ta đã nói với con rồi sao, con trai ta, rằng Đức Chúa Trời không đòi hỏi các tôi tớ của Ngài phải lao động quá sức, nhưng Ngài muốn mỗi người phụng sự Ngài, vì vinh quang danh thánh của Ngài, theo khả năng của mình. Con, con trai ta, đã không nghe lời ta lúc đó, và giờ đây con đã kiệt sức vì ăn chay quá độ và lao động quá sức.

– Không phải việc ăn chay đã làm con kiệt sức, thưa cha, – Gioan đáp, – cũng không phải lao động đã làm con mệt mỏi, mà chính những ý nghĩ do kẻ xảo quyệt gieo rắc đang hành hạ con cả ngày lẫn đêm trong một thời gian dài rồi.

Lúc đó, Gioan đã thú nhận với vị tu viện trưởng về những suy nghĩ của mình về cha mẹ và ngôi nhà. Vị tu viện trưởng nói với anh:

– Chẳng phải ta đã từng nói với con trước đây sao, con trai ta, rằng những thử thách của đời tu là nặng nề, rằng các tu sĩ phải gánh vác nhiều điều: cả lao động vất vả, những cuộc tấn công của kẻ thù, lẫn những cám dỗ không thể diễn tả được.

Khi nói những lời này, vị tu viện trưởng đã rơi nước mắt và khóc rất lâu vì Gioan. Còn Đức Chúa Trời, Đấng biến mọi sự thành điều hữu ích, đã tác động một cách bí ẩn và đặc biệt vào lòng vị tu viện trưởng, khiến ngài không cản trở Gioan trở về với cha mẹ mình: Chúa muốn thực hiện những ý định kỳ diệu của Ngài nơi anh ta sau này[1069] . Vị tu viện trưởng đã ban phước cho Gioan đi bất cứ nơi nào anh muốn, chỉ khuyên anh phải hết sức đề phòng những cạm bẫy của kẻ thù và giữ gìn sự trong sạch trên đường đi.

– Dù con có về với cha mẹ, – Gioan đáp, – nhưng ngay cả ở đó, nhờ ơn Chúa và những lời cầu nguyện của các vị, con sẽ đập tan đầu kẻ thù của con và phơi bày sự bất lực của hắn.

Sau đó, Gioan trở về phòng tu của mình để chuẩn bị lên đường. Sự chuẩn bị ấy không nằm ở điều gì khác, mà chỉ là những lời cầu nguyện, những giọt nước mắt, những tiếng thở dài từ tận đáy lòng, kết hợp với việc quỳ gối – để Chúa không để kẻ thù chiến thắng, nhưng chính Ngài, theo sự hiểu biết và ý muốn của Ngài, sẽ dẫn dắt con đường của anh theo ý muốn tốt lành và toàn hảo của Ngài. Sáng hôm sau, khi đến gặp vị tu viện trưởng, Gioan quỳ xuống dưới chân ngài và bắt đầu nài nỉ ngài đừng giận dữ vì việc mình rời khỏi tu viện, mà hãy ban cho mình lời chúc phúc như người cha và những lời cầu nguyện thánh thiện.

Lúc đó, vị tu viện trưởng triệu tập tất cả các tu sĩ lại và, sau khi thông báo rằng Gioan muốn rời bỏ họ, ngài ra lệnh cho mọi người cầu nguyện cho anh. Còn bản thân Gioan, khi chia tay, đã nói với các tu sĩ:

– Tôi biết rằng ma quỷ muốn đuổi tôi ra khỏi nơi thánh thiêng này hoàn toàn dưới chiêu bài là để tôi về thăm cha mẹ. Nhưng tôi đặt niềm tin vào Chúa và vào những lời cầu nguyện thánh thiện của các anh em, rằng tôi sẽ được gặp lại cha mẹ, và sẽ đánh bại ma quỷ, chiến thắng sự cám dỗ của nó.

Sau đó, mọi người cùng đến nhà thờ và tại đó, họ đã khóc lóc cầu nguyện cho Gioan. Còn vị Bề trên, khi ban phước lành cho anh lên đường, đã nói:

– Hãy đi đi, con trai của ta, nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, và xin Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đồng hành cùng con và dẫn dắt con đường con đi theo ý muốn của Ngài.

Các vị tu sĩ khác cũng giơ tay lên ban phước lành cho anh. Gioan hôn tay tất cả họ và nói:

– Xin Chúa cứu rỗi các cha và các anh em, xin Ngài cứu rỗi các ngài – cộng đoàn được Ngài chúc phúc, những người tu hành tốt lành, những người đã đón nhận con vào cộng đoàn của các ngài với tình yêu thương, cộng đoàn mà giờ đây con phải rời xa, vì con không xứng đáng được sống cùng với những người đẹp lòng Chúa như các ngài.

Nói xong, ngài bước ra khỏi tu viện và lên đường.

[1067] Cụm từ này được trích dẫn từ (Thi thiên 21:16).

[1068] Cụm từ này được trích dẫn từ (Mt 11:7).

[1069] Cụm từ này được trích từ (Thi Thiên 15:3) (trong bản dịch tiếng Slav).

Khi đã đi xa tu viện một quãng đường bằng một "stade"[1070] , ông ngoái lại nhìn và, khi thấy tu viện, ông khóc nức nở. Ông quỳ gối xuống, vừa khóc nức nở vừa làm ướt đất bằng những giọt nước mắt, rồi bắt đầu cầu nguyện với Chúa. Sau đó, ông đứng dậy và tiếp tục lên đường, phó thác bản thân cho Chúa và đặt niềm tin vào sự quan phòng và sự che chở của Ngài. Trên đường đi, anh gặp một người ăn xin mặc quần áo rách rưới. Gioan quay sang người ấy và nói:

– Tôi thấy rằng, anh em ơi, quần áo của anh rất cũ nát và rách tả tơi; xin anh hãy cho tôi bộ quần áo đó, còn anh hãy lấy bộ quần áo tốt nhất của tôi.

Người ăn xin rất vui mừng và ngay lập tức cởi bộ quần áo rách rưới của mình ra, đưa cho Gioan, còn Gioan thì trao cho anh ta bộ quần áo tốt nhất của mình để đổi lại.

Khi Gioan đến gần Constantinople, nhìn thấy từ xa ngôi nhà của cha mẹ mình, ông sấp mặt xuống đất và cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin đừng bỏ rơi con!

Đã là buổi tối, và Thánh Gioan ở lại đó chờ đêm xuống. Đến nửa đêm, khi đến trước cửa nhà cha mẹ, ngài lại quỳ sấp mặt xuống đất và cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Đây là ngôi nhà của cha tôi, thứ mà tôi hằng mong mỏi được nhìn thấy. Nhưng xin đừng để vì nó mà tôi mất đi ân sủng của Ngài. Tôi cầu xin Ngài, Chúa ơi, hãy ban cho tôi sự trợ giúp từ trên cao và sức mạnh để chiến thắng sự cám dỗ của ma quỷ, đừng để nó chiến thắng tôi và khiến tôi sa ngã, nhưng xin cho tôi được kết thúc cuộc đời mình tại nơi này một cách anh dũng.

Ông đã cầu nguyện như vậy cho đến khi bình minh ló rạng. Khi ngày mới bắt đầu, cánh cửa mở ra và người quản gia của ngôi nhà, người đứng đầu các nô lệ khác, bước ra; khi thấy người ăn xin mặc quần áo rách rưới, ông ta hỏi:

– Ngươi là ai, từ đâu đến và sao lại dám đến đây? Mau rời khỏi đây đi, vì các chủ nhân của ta sắp ra ngoài rồi.

– Như ngài thấy đấy, – Gioan đáp lại một cách hiền lành, – tôi là một người ăn xin, không có nơi nào để gối đầu. Tôi xin ngài, thưa ngài, hãy thương xót tôi, đừng đuổi tôi đi, mà hãy cho phép tôi ở lại góc này. Tôi sẽ không làm hại ai cả, còn chính ngài cũng sẽ nhận được ân sủng từ Thiên Chúa nếu ngài thương xót tôi và cho phép tôi ở lại đây.

Vì thương xót người ăn xin, người quản gia đã để anh ta ở lại. Một lúc sau, cha mẹ của Gioan bước ra khỏi nhà, trên đường đến cung điện hoàng gia. Khi nhìn thấy họ, vị thánh đã khóc và thầm nghĩ trong lòng:

– Ước nguyện của tôi cuối cùng cũng thành hiện thực – tôi được gặp cha mẹ mình. Nhưng ngươi đừng hân hoan, hỡi ma quỷ, bởi vì nhờ ân sủng của Chúa tôi, tôi coi những mũi tên cháy bỏng của ngươi, vốn nhắm vào tôi, chẳng là gì cả.

Và một lần nữa, ngài lại khẩn cầu Thiên Chúa từ tận đáy lòng:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin đừng bỏ rơi con cho đến phút cuối cùng!

Thánh Gioan vẫn nằm bất động ở góc cổng, giống như Lazarô (Lc 16,20), hay như Giốp trên đống tro tàn (Giốp 2,8). Cha ông, khi thấy người ăn xin nghèo khổ nằm bên cổng, bắt đầu gửi thức ăn từ bàn ăn của mình cho anh ta, và nói:

– Người ăn xin này thật kiên nhẫn biết bao, – dù không có nơi trú ngụ, anh ta vẫn chịu đựng được cả mùa đông lẫn cái nóng oi bức, cả giá rét lẫn mưa gió; quả thật, chính những người như thế mới được thừa hưởng Nước Trời. Vì người ấy, có lẽ Đức Chúa Trời cũng sẽ cứu rỗi chúng ta, đó là lý do Ngài đã dẫn dắt người ấy đến với chúng ta – để khi chúng ta tỏ lòng thương xót với người ấy, nhờ đó chính chúng ta cũng sẽ được Ngài thương xót sau này. Ai biết được – có lẽ ngay lúc này, con trai yêu quý của chúng ta là Gioan cũng đang phải chịu cảnh nghèo khổ như vậy, người mà chúng ta thậm chí còn không biết đang ở đâu; chúng ta đối xử với người ăn xin này chính xác như những gì chúng ta mong muốn người khác đối xử với con trai mình trong hoàn cảnh tương tự.

Một lần nọ, mẹ của Gioan, khi bước ra khỏi nhà, đã thấy người ăn xin này đang nằm trên đống phân trong bộ quần áo rách rưới. Cảnh tượng đó khiến bà cảm thấy ghê tởm đến mức bà đã nói với những người hầu:

– Hãy lôi người ghê tởm này ra khỏi đây, vì tôi không thể bước vào đây chừng nào còn thấy anh ta nằm ở đây.

[1070] Đơn vị này tương đương với 87 1/2 sazen.

Những người hầu lập tức kéo anh ta đi chỗ khác. Vị Thánh giờ đây chỉ có thể nhìn từ xa về phía cổng nhà cha mình. Một lần nọ, khi thấy người quản gia bước ra khỏi cổng, ngài gọi ông ta lại và nói:

– Tôi xin ngài, thưa ngài, – như từ đầu ngài đã nhân từ với tôi, thì bây giờ xin hãy thương xót tôi và dựng cho tôi một cái lều nhỏ, để phu nhân của ngài không nhìn thấy tôi và để tôi có ít nhất một chỗ che chắn khỏi cái lạnh.

Người quản gia đã đáp ứng lời thỉnh cầu của Thánh Gioan và chẳng bao lâu sau đã dựng lên một túp lều nhỏ, nơi vị thánh ở lại, dành toàn bộ thời gian để cầu nguyện với Thiên Chúa. Mỗi ngày, cha quản gia đều gửi thức ăn từ bàn ăn của mình cho ngài; Gioan nhận lấy với lòng biết ơn, nhưng lại chia sẻ cho những người nghèo khác đến thăm ngài, còn bản thân ngài thì luôn chịu đói khát; và vì sự kiêng khem và ăn chay khắc nghiệt đến vậy, ngài gầy đi đến mức có thể đếm được từng khớp xương trên cơ thể.

Suốt ba năm liền, Gioan kiên nhẫn chịu đựng cuộc sống như vậy, giấu cha mẹ rằng mình là con trai của họ. Sau ba năm trôi qua, Đức Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng Tốt Lành và Nhân Ái của chúng ta, khi thấy sự kiên nhẫn và khiêm nhường của tôi tớ Ngài, đã quyết định chấm dứt những khổ nạn và gian khổ của anh. Ngài hiện ra với anh trong một thị kiến và phán:

– Hãy vui mừng, hỡi Gioan, người đã noi gương môn đệ yêu dấu của Ta là Gioan Trinh Giả[1071] , vì ngươi đã từ bỏ mọi sự để theo Ta trong sự trinh khiết. Giờ đây, cuộc đời ngươi sắp kết thúc, và những đau khổ lớn lao của ngươi cũng sắp chấm dứt: ba ngày nữa, ngươi sẽ đến với Ta và được hưởng sự bình an của những người công chính.

Khi tỉnh lại sau cơn hiện thấy, Gioan bắt đầu khóc lóc cầu nguyện cùng Chúa và nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, Thiên Chúa của con, vì Ngài muốn ban cho con, kẻ không xứng đáng này, sự bình an của những người công chính. Nhưng con khẩn cầu Ngài, lạy Chúa của con, xin hãy nhớ đến cha mẹ con, xin thương xót họ bởi lòng nhân từ vĩ đại của Ngài và tẩy sạch tội lỗi của họ, vì chỉ có Ngài mới là Đấng tốt lành và đầy lòng thương xót.

Sau lời cầu nguyện đó, ông gọi người đầy tớ của cha mẹ mình, người quản gia, đến và nói với anh ta:

– Từ thuở ban đầu cho đến nay, ngươi đã đối xử nhân từ với ta. Ta khẩn cầu ngươi, thưa chủ nhân, xin hãy tiếp tục nhân từ cho đến cùng. Tôi chỉ xin ngài một điều – hãy đi và nói với phu nhân của ngài như sau: người ăn xin mà phu nhân đã ra lệnh đuổi khỏi cổng, đang khẩn cầu phu nhân qua tôi bằng những lời này: vì danh Chúa Kitô, xin đừng khinh thường tôi, kẻ nghèo hèn này, nhưng xin hãy thương xót đến gặp tôi, vì tôi cần nói chuyện với phu nhân.

Người đầy tớ đã truyền lại lời của người ăn xin cho phu nhân. Bà ấy nói:

– Người ăn xin đó còn có chuyện gì để nói với tôi nữa? Tôi còn không thể nhìn mặt anh ta, vậy mà anh ta lại muốn trò chuyện với tôi.

Bà kể lại chuyện này cho chồng nghe, nhưng ông ấy liền khuyên nhủ bà:

– Hãy đi đi, vợ ơi, đừng khinh thường người ăn xin, vì chính Đức Chúa Trời đã chọn những người ăn xin.

Tuy nhiên, bà không nghe lời chồng và không muốn đi. Thánh Gioan lại sai người đến gặp bà với những lời như sau:

– Ba ngày nữa tôi sẽ qua đời, còn chị, nếu không muốn gặp và nói chuyện với tôi, sau này chị sẽ rất hối hận.

Bà bắt đầu do dự, không biết nên đi hay không, không phải vì thực sự muốn nghe lời người ăn xin, mà chủ yếu là tò mò muốn biết chính xác ông ta muốn nói gì với bà; chỉ khi nghe tin ông sắp qua đời và hy vọng sẽ biết được điều gì đó mới mẻ từ ông, bà mới vượt qua được sự do dự và quyết định đi. Cô bước ra khỏi nhà và ra lệnh cho các nô tì mang người ăn xin đến đặt trước mặt mình, vì Thánh Gioan, do bệnh nặng, không thể tự mình đến được. Để không bị nhận ra, ông che mặt lại và bắt đầu nói với cô như sau:

– Sắp đến lúc rồi, thưa phu nhân, tôi sẽ không còn cần đến nơi nương náu và sự giúp đỡ dành cho tôi nữa, và phần thưởng cho lòng từ thiện của bà đã được chuẩn bị sẵn, theo lời Chúa trong Phúc Âm: *"Vì các ngươi đã làm điều đó cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta , tức là đã làm cho Ta"* (Mt 25:40). Còn tôi, vì sự nghèo khó của mình mà không có tài sản gì, muốn để lại cho bà một lời chúc phúc, nhưng trước hết tôi xin bà: hãy thề với tôi rằng bà sẽ làm theo những gì tôi nói – và khi đó bà sẽ nhận được lời chúc phúc.

Cô ấy đã thề sẽ làm theo những gì ông nói. Rồi Thánh Gioan bắt đầu xin:

[1071] Tức là Thánh Gioan Thần Học.

– Tôi khẩn khoản xin bà, thưa bà, rằng sau khi tôi qua đời, xin bà hãy sắp xếp để chôn cất tôi tại chính nơi lều của tôi đang dựng. Xin đừng cho ai phủ lên người tôi bất kỳ bộ quần áo nào khác ngoài những mảnh vải rách rưới mà tôi đang mặc trên người, vì tôi không xứng đáng với nơi an nghỉ trang trọng hơn hay bộ quần áo tốt hơn.

Sau đó, ngài lấy cuốn Phúc Âm ra khỏi ngực và đưa cho bà, rồi nói:

– Xin cuốn sách này trở thành nguồn an ủi cho bà trong cuộc đời hiện tại và là con đường tốt lành dẫn bà cùng chồng bà, chủ nhân của tôi, đến cõi vĩnh hằng.

Nhận lấy cuốn Phúc Âm, bà bắt đầu xem xét nó, lật qua lật lại từng trang và thầm nghĩ:

– Cuốn Phúc Âm này trông giống hệt cuốn mà chủ nhân của tôi đã bìa lại cho con trai chúng tôi!

Rồi bà đi và cho chồng xem. Ông ấy nhận ra cuốn sách và nói:

– Đúng là cuốn Phúc Âm mà chúng ta đã tặng cho con trai yêu quý của chúng ta, chứ không phải cuốn nào khác. Hãy đi hỏi xem: tại sao nó lại có cuốn này, và liệu nó có biết gì về con trai chúng ta là Gioan không.

Hai vị cha mẹ cùng nhau đến gặp cậu và nói với cậu:

– Chúng tôi xin thề trước Thánh Ba Ngôi, Đấng ban sự sống, – hãy nói cho chúng tôi biết, anh lấy cuốn Phúc Âm này từ đâu và con trai chúng tôi là Gioan đang ở đâu?

Không thể kìm nén nỗi đau trong lòng và ngăn được nước mắt, cậu trả lời:

– Con chính là con trai của cha mẹ, Giăng, và đây chính là cuốn Phúc Âm mà cha mẹ đã tặng cho con; đúng là con có lỗi vì đã gây ra nỗi đau cho cha mẹ, nhưng cuốn Phúc Âm mà cha mẹ tặng cho con đã dạy con biết yêu mến Chúa Kitô và kiên nhẫn mang lấy ách lành của Ngài.

Nghe vậy, họ quỳ xuống bên giường con, ôm chầm lấy con và trong một thời gian dài, những giọt nước mắt tuôn trào ướt đẫm khuôn mặt con. Đồng thời, lòng họ tràn ngập cả niềm vui lẫn nỗi buồn: họ vui mừng vì cuối cùng đã tìm thấy người con trai yêu quý của mình, nhưng lòng họ cũng tan nát vì thấy anh trong cảnh nghèo khổ và túng thiếu như vậy, và vì đã không nhận ra anh khi anh nằm bên cổng. Tất cả hàng xóm, bạn bè và người quen đều tụ tập về nhà họ; tin tức về sự trở về của Gioan lan truyền khắp thành phố, và mọi người, vừa ngợi khen Thiên Chúa, vừa kinh ngạc trước điều này. Trong khi đó, thánh Gioan đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa[1072] . Đức Chúa Trời đã muốn rằng cuộc đời của Gioan, ngay cả khi lâm chung, vẫn được giữ nguyên vẹn, không bị ô uế bởi những vinh quang trần thế và đã từ bỏ tình yêu của cha mẹ; chính vì thế, Chúa đã vội vàng đón nhận ông về với Ngài, để ông được vào nơi ở thiên đàng, xa lánh thế gian và tình bạn trần tục.

Quên lời thề, người mẹ đã cởi bộ áo rách nát trên người ngài và mặc cho ngài những bộ áo quý giá dệt bằng vàng; nhưng ngay lập tức, bà bất ngờ bị liệt và lâm vào cơn bệnh nguy kịch. Còn Eutropius, cha của Gioan, đã nói:

– Chúng ta phải tuân theo ý muốn của con trai mình, vì nó không muốn được chôn cất trong những bộ quần áo đắt tiền như vậy.

Họ cởi bỏ những bộ quần áo thế tục khỏi thi thể vị thánh, lại mặc cho ngài những bộ quần áo rách rưới của người ăn xin, và Theodora, mẹ của Gioan, lập tức được chữa lành và trở lại khỏe mạnh như xưa. Cha mẹ ngài đã an táng thi hài thánh thiện và cao quý của thánh Gioan trong chính cái lều mà ngài từng sống. Trên ngôi mộ của ngài, họ sau đó đã xây dựng một nhà thờ và một nhà trọ lớn dành cho khách lữ hành, đồng thời hiến dâng toàn bộ tài sản của mình để nuôi dưỡng những người lữ hành và cung cấp thức ăn cho người nghèo. Không lâu sau đó, chính họ cũng qua đời trong bình an và được an táng tại chính nhà thờ mà họ đã xây dựng trên ngôi mộ của con trai mình.

Đó là cuộc đời của Thánh và Đấng đáng kính Gioan Kuschnik, đó là những công trạng và nỗ lực mà ngài đã trải qua vì Chúa Kitô, đó là cuộc chiến đấu của ngài với ma quỷ; sau khi chiến thắng ma quỷ, ngài nay được đội vương miện thiên đàng trong Hội Thánh của những người hân hoan, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

[1072] Thánh Gioan Kuschnik qua đời vào đầu nửa sau thế kỷ V. Dưới thời Giáo hoàng Formosus (năm 896), một nhà thờ đã được xây dựng tại Rome để tôn vinh ngài, nơi lưu giữ một phần di cốt của ngài. Năm 1200, hành hương giả Antony đã nhìn thấy di cốt của ngài tại cổng sân của ngài ở Constantinople. Dưới thời các Hiệp sĩ Thập tự chinh (1204–1261), đầu của ngài đã được chuyển từ Constantinopolis đến Besançon, còn di cốt của ngài hiện được lưu giữ tại nhà thờ mang tên ngài ở Rome, nhưng thời điểm chính xác mà chúng được chuyển đến đây từ Constantinopolis thì không rõ.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Pansofia

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 1

Thánh Pansophios là con trai của Nil, quan tổng trấn Alexandria ([1073]). Với gia tài dồi dào, Nil không tiếc chi phí để nuôi dạy con trai mình, và thánh Pansophios, nhờ những năng khiếu xuất sắc, đã được trang bị kiến thức vững chắc về các chân lý Kitô giáo cùng với nền giáo dục thế tục rộng rãi. Sau khi cha qua đời, vị thánh đã dùng tài sản của mình để giúp đỡ những người nghèo khó, sau đó ngài lui về sa mạc, từ bỏ những lo toan trần thế để tìm kiếm Chúa. Ngài đã sống 27 năm trong sự ẩn dật, hướng tâm trí mình từ những điều trần thế lên chiêm ngưỡng Nước Trời và luôn không ngừng cầu nguyện với Thiên Chúa. Danh tiếng về đời sống đạo đức của vị thánh ẩn sĩ đã đến tai quan tổng trấn Alexandria[1074] , người từng phục vụ dưới thời hoàng đế Decius – kẻ bách hại Kitô hữu. Khi bị đưa ra xét xử trước quan tổng trấn, Thánh Pansophios đã vạch trần sự dối trá trong các giáo lý ngoại giáo bằng chính những lời kể của những người ngoại giáo về các vị thần của họ, cùng với những bằng chứng đầy tính chân thực, ngài đã rao giảng rằng Chúa Kitô chính là Thiên Chúa, và qua đó đã làm bẽ mặt sự kiêu ngạo của kẻ hành hạ. Vì điều này, vị chứng nhân của Chúa Kitô đã phải chịu hình phạt đánh roi tàn bạo và nhờ đó đã nhận lấy vương miện tử đạo[1075] .

Ngày 29 tháng 1

Ngày 16 tháng 1 (theo lịch cũ)

Lễ tôn kính những sợi xích thiêng liêng của Thánh Tông đồ Phêrô.

Ngày tưởng niệm 16 tháng 1

Thánh Tông đồ Phêrô, theo lệnh của vua Hê-rô-đê[1076] , đã bị tống vào ngục tối và bị xiềng xích bằng hai sợi xích sắt.

Nhưng vào ban đêm, khi ông đang ngủ giữa hai người lính, Thiên thần của Chúa đã đánh thức ông bằng cách thúc vào sườn, rồi dẫn ông ra khỏi ngục tối; lúc đó, những xiềng xích sắt đã rơi khỏi tay vị tông đồ, như được kể lại trong sách Công vụ các Tông đồ (Công vụ 12:7). Tin tức về việc Phê-rô được giải thoát một cách kỳ diệu khỏi xiềng xích và ngục tối đã lan truyền khắp Giê-ru-sa-lem, – và một số tín hữu đã lén lấy những xiềng xích này, cất giữ chúng tại nhà mình, để khi nhìn vào chúng, họ như thấy trước mắt chính vị Tông đồ Trưởng Phêrô, người ngay sau khi ra khỏi ngục đã lên đường rao giảng Lời Chúa ở các vùng đất khác và không trở lại Giêrusalem. Những xiềng xích này đã nhận được sức mạnh chữa lành từ thi thể của vị tông đồ, người đã từng bị trói chặt bằng chúng. Người ta biết rằng những chiếc khăn quấn đầu và khăn choàng của Thánh Tông đồ Phaolô có thể chữa lành bệnh tật và xua đuổi các linh hồn ô uế, bởi vì chúng thấm đẫm mồ hôi của ngài (Công vụ 19:12); những xiềng xích của Thánh Phêrô cũng có tác dụng tương tự, bởi vì chúng từng siết chặt lấy thân thể của vị Tông đồ. Các tín hữu đã tôn kính những xiềng xích thiêng liêng này với lòng sùng kính sâu sắc, dâng lên sự thờ phượng và cất giữ chúng cẩn thận như một di sản quý giá, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác; mỗi lần như vậy, cha mẹ giải thích cho con cái, và con cái lại giải thích cho những người thừa kế của mình về vị tù nhân vĩ đại mà những xiềng xích này từng chạm vào, và thân thể của ai đã thánh hóa chúng. Như vậy, chúng đã được truyền lại cho Đức Thượng phụ Giê-ru-sa-lem Juvenal. Và khi Hoàng hậu Eudokia, vợ của Hoàng đế Theodosius Trẻ[1077] , trở về Constantinople từ Jerusalem – nơi bà đã xây dựng nhiều nhà thờ và trang hoàng các thánh địa bằng ngân quỹ hoàng gia trong thời

---

[1073] Proconsuls là những người cai quản các tỉnh của Đế quốc La Mã.

[1074] Prefect là quan trưởng thành phố.

[1075] Vào giữa thế kỷ III.

[1076] Ở đây tất nhiên là nói đến Hê-rốt Agrippa I, cháu nội của Hê-rốt Đại đế, vua Do Thái, người đã giết thánh Tông đồ Gia-cô-bê, con trai của Xê-đê-vi, bằng gươm và cũng muốn tiêu diệt cả Tông đồ Phê-rô; ông cai trị Giu-đê trong thời kỳ trị vì của các hoàng đế La Mã Caligula (năm 37–41) và Claudius (năm 41–54); ông qua đời vì một căn bệnh nặng, bị Thiên thần đánh trúng, ngay sau khi Thánh Phê-rô được giải thoát một cách kỳ diệu khỏi ngục tối.

[1077] Theodosius II Trẻ – Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 408–450.

gian lưu lại đó – thì Đức Thượng phụ Juvenal đã tặng bà không ít báu vật thiêng liêng khác nhau để tri ân lòng sùng đạo và tình yêu đối với thánh địa của bà. Trong số đó, ngài đã tặng bà những sợi xích thiêng liêng và có khả năng làm phép lạ của Thánh Tông đồ Phêrô[1078] . Khi trở về Constantinople, Eudokia đã dâng tặng một sợi xích làm lễ vật cho nhà thờ Thánh Tông đồ Phêrô, nằm bên trong Nhà thờ Thánh Sofia vĩ đại[1079] , còn sợi xích kia thì bà gửi đến Rome cho con gái mình là Eudoxia, người đã kết hôn với Hoàng đế La Mã Valentinian III.[1080] Eudoxia, một người sùng đạo giống như mẹ mình, đã nhận món quà quý giá này với tất cả tình yêu thương và, sau khi xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Tông đồ Phêrô trên Đồi Esquiline, bà đã đặt chiếc xiềng xích này tại đó cùng với chiếc xiềng xích khác của Thánh Tông đồ Phêrô được tìm thấy tại Rome, chiếc xiềng xích mà Nero đã dùng để trói ngài trong thời gian ngài chịu cực hình[1081] . Sau đó, người ta đã quy định tổ chức lễ tôn kính những sợi xích thiêng liêng này vào ngày 16 tháng 1[1082] , để tưởng nhớ và tôn vinh Thánh Tông đồ Phêrô, cũng như để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Bài thánh ca, giọng 4:

Ngài đã không bỏ rơi Rôma, mà đã đến với chúng con cùng những sợi xích thiêng liêng mà Ngài đã mang, hỡi vị Tông đồ đứng đầu. Chúng con, những người tôn kính Ngài bằng đức tin, cầu xin: nhờ những lời cầu nguyện của Ngài dâng lên Thiên Chúa, xin ban cho chúng con ân sủng lớn lao.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Đá là Đức Kitô, Đá của đức tin, rạng ngời tôn vinh các môn đệ của vị Thánh Tông Đồ đầu tiên: Ngài kêu gọi mọi người cùng mừng lễ, hỡi Phêrô, nhờ những xiềng xích thánh thiêng của ngài, và ban sự tha thứ cho các tội lỗi.

Kondak, giọng 2:

Chúng con ngợi khen Thánh Phêrô vĩ đại, vị Tông đồ tối cao và đầu tiên, môn đệ của Chân lý Thiên Chúa, và với lòng tin, chúng con hôn lên những xiềng xích của ngài, để được tha thứ tội lỗi.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Spevsippus, Eleusippus và Melevsippus, bà nội của họ là Leonilla và những người khác cùng với họ.

Ngày tưởng niệm 16 tháng 1

Thánh Polykarp, môn đệ của Thánh Tông đồ và Thánh Tông đồ Tin Mừng Gioan Thần Học, mong muốn, nhờ sự tác động của Chúa Thánh Thần, làm gia tăng số lượng đoàn chiên tin vào Chúa Kitô, đã sai các môn đệ của

---

[1078] Những sợi xích thiêng liêng của Thánh Tông đồ Phêrô được lưu giữ tại Giêrusalem cho đến năm 439, khi Nữ hoàng Eudoxia nhận chúng từ Đức Thượng phụ Juvenal.

[1079] Tất nhiên, đây chính là Nhà thờ Chính tòa ở Constantinopolis mang tên Thánh Sofia – Sự Khôn ngoan của Thiên Chúa, do Hoàng đế Constantine Đại đế xây dựng. Sau đó, nhà thờ này đã được Hoàng đế Justinian Đại đế trùng tu và mở rộng một cách hoành tráng vào năm 537; năm 1453, sau khi Constantinopolis bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng, nhà thờ này đã bị chuyển đổi thành thánh đường Hồi giáo. Nhà thờ Thánh Sofia thời Justinianus cho đến nay vẫn là một di tích kiến trúc Kitô giáo theo phong cách Byzantine tuyệt vời và uy nghi nhất, đại diện cho thời kỳ rực rỡ nhất trong lịch sử phát triển của nó.

[1080] Valentinian III – Hoàng đế La Mã; trị vì từ năm 423–455.

[1081] Nero – Hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 54–68; theo lệnh của ông, Thánh Phêrô đã bị hành hình (khoảng năm 67). – Những sợi xích mà Thánh Phêrô bị xiềng xích theo lệnh của Nero đã được phát hiện tại Rome vào thế kỷ II.

[1082] Lễ kỷ niệm những sợi xích tại La Mã đã tồn tại từ đầu thế kỷ II, dưới thời Giáo hoàng Alexander (109–119), để tưởng nhớ những sợi xích của Thánh Phêrô trong ngục tối La Mã, vốn được tôn kính và hôn kính; sau đó, lễ này được phục hồi nhờ những sợi xích được gửi đến từ Giêrusalem. Lễ này được cử hành tại Giáo hội La Mã vào ngày 1 tháng 8.

mình đến các quốc gia khác nhau, để họ có thể rao giảng Lời Chúa khắp nơi mà không sợ hãi. Khi biết rằng tại Gaul[1083] , việc bắt bớ Kitô hữu đang diễn ra khắp nơi theo sắc lệnh của hoàng đế, trong đó tất cả họ đều bị kết án tử hình , Thánh Polykarp đã sai hai linh mục của Chúa – Andochius và Venignus – cùng một phó tế là Firs đến đó. Họ là những con người thực sự đạo đức, trung thành với Thiên Chúa, nhiệt thành trong các việc lành, luôn sẵn sàng với tình yêu thương để lên đường thực hiện sứ vụ rao giảng Tin Mừng, dù là trên đất liền hay trên biển, khao khát chịu đau khổ và chết vì Chúa Kitô hơn là sợ hãi chúng. Sau khi nhận lệnh từ vị giám mục của mình, họ lập tức lên tàu. Khi tiễn đưa họ, Đức Giám mục thánh Polykarp đã khích lệ họ bằng những lời sau:

– Hãy đi đi, hỡi những người đàn ông dũng cảm, và nhờ ơn sủng của Chúa Kitô, hãy kiên định đứng vững vì Ngài. Qua việc tuyên xưng thánh danh chí thánh của Chúa Kitô, các con sẽ có được nhiều đồng đạo, và cùng họ hân hoan trong chiến thắng, các con sẽ đạt được vinh quang và những vinh dự vĩnh cửu. Xin cho những thành quả dồi dào từ công lao của các con được nhân lên gấp bội, và xin cho niềm vui trong những nơi ở thiên đàng của những người công chính được dâng cao khi chứng kiến những thành tựu thánh thiện của các con!

Được ban phước bởi những lời chúc lành này và nhiều lời chúc lành khác của Thánh Polykarp, họ lên tàu và chẳng bao lâu sau, theo sự chỉ dẫn đặc biệt của Thiên Chúa, đã đến bờ biển Massilia[1084] ; khi đặt chân lên đất liền, họ lập tức lên đường, và Thiên Thần của Thiên Chúa đi trước dẫn đường cho họ. Khi đến thành phố có tên là Edua[1085] , nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa dành cho họ, họ đã gặp Thượng nghị sĩ Faustus, một người vô cùng cao quý, người đã tiếp đón họ với lòng kính trọng và tình yêu thương. Khi ông biết các vị khách là các linh mục, ông đã nài nỉ họ hết lòng để họ dẫn dắt gia đình, người thân và bạn bè của ông đến với Chúa Kitô qua Bí tích Rửa tội; bản thân ông đã là một Kitô hữu, nhưng chỉ là một Kitô hữu bí mật vì sự bách hại đối với Kitô giáo. Ông cũng đưa con trai mình, chàng trai trẻ Symphorianus, đến gặp các vị; sau này, chàng trai này, nhờ sự dạy dỗ của các thánh, nhưng chủ yếu là do sự tiền định của Thiên Chúa, đã chịu khổ vì Chúa Kitô khi hoàn cảnh đòi hỏi. Sau khi giới thiệu chàng trai với các linh mục, Faust đã khẩn cầu Thánh Venign rửa tội cho con trai mình, và xin Thánh Andochia làm cha đỡ đầu cho cậu, và các tôi tớ của Chúa đã thực hiện mong muốn đạo đức của người cha.

Sau đó, nhớ đến em gái và các cháu của mình, Faustus nói:

– Tôi có một người em gái ruột tên là Leonilla, hiện đang sống tại một trong những thành phố thuộc vùng Lingonia[1086] . Bà ấy có ba đứa cháu – con của con trai bà, là cặp song sinh. Dù đã được giáo dục rất tốt, nhưng theo gương cha mình, các cháu vẫn còn theo đạo ngoại, thờ lạy các thần tượng. Còn bà nội của các cháu, tức là em gái tôi, mong muốn biến các cháu thành những chiến binh của Chúa Kitô và dâng hiến các cháu để phục vụ Ngài. Tôi khẩn khoản xin các ngài, các linh mục của Chúa, hãy giúp đỡ bà ấy và hoàn thành công việc đã bắt đầu: hãy soi sáng cả gia đình cao quý này.

Nghe vậy, các thánh quyết định chia nhau đi rao giảng: Andochius cùng với Firs đi đến làng Augustodoni[1087] , nơi sau khi dẫn dắt nhiều người trở lại đức tin Kitô giáo, ngài đã qua đời một cách tử đạo. Còn thánh Venignus, Faustus đã gửi ngài đến thành phố Lingon để gặp chị gái mình.

Leonilla, em gái của Faustus, đã đón tiếp Thánh Venigna với niềm vui vô bờ bến, như thể ngài là manna từ trời rơi xuống. Các cháu trai của bà vào ngày đó đang ở một làng tên là Pasmasia để dâng những lễ vật ô uế lên thần tượng nữ thần Nemesis[1088] , và khi trở về nhà, chúng mang phần thịt còn lại của lễ vật về cho bà ngoại. Nhưng bà,

---

[1083] Gaul – tức là nước Pháp ngày nay.

[1084] Massilia – thành phố ven biển ở miền nam Gaul, với một cảng được củng cố vững chắc, là một trong những trung tâm văn hóa La Mã quan trọng nhất ở miền nam Gaul; ngày nay là Marseille, thành phố chính của tỉnh "Cửa sông Rhône" thuộc Pháp, là thành phố thương mại hàng hải hàng đầu của Pháp với dân số hơn 300.000 người; nằm giữa cửa sông Rhône và Toulon, tại vịnh phía đông của Vịnh Lyon, dưới chân các sườn núi đá của dãy Alps Provence. Từ đây, vào thời cổ đại, Kitô giáo đã lan rộng khắp miền nam Gaul.

[1085] Édua – thành phố cổ của Gaul, nằm ở phía đông nam Paris, giữa hai con sông Loire và Saône.

[1086] Người Lingones – một dân tộc Celtic cổ đại, sinh sống ở vùng đất của người Belgae, giữa thượng nguồn sông Saône và khu vực nguồn sông Marne và Seine; thủ đô của họ là thành phố Andematum, nơi này hiện nay được gọi là Langres – một thành phố và pháo đài hạng nhất thuộc tỉnh Haute-Marne của Pháp.

[1087] Augustodon – thành phố chính của người Edui (một dân tộc Celtic ở Gaul): ngày nay là Autun thuộc tỉnh Loire-et-Saône.

[1088] Theo tín ngưỡng của người Hy Lạp cổ đại, Nemesis là nữ thần phân phát cho con người phần thưởng, hạnh phúc và bất hạnh tùy theo công đức của họ, ban thưởng hoặc trừng phạt dựa trên phán quyết đạo đức cho những hành vi đã thực hiện, đặc biệt là trả thù và trừng phạt những kẻ kiêu ngạo, làm dịu bớt sự kiêu ngạo của họ, đồng thời ban cho những ai được số phận ban quá nhiều hạnh phúc, những mất mát và bất hạnh, để sự công bằng được khôi phục và con người không quên đi số phận của mình.

vì ghê tởm những lễ vật ngoại giáo ô uế đó, đã ném số thịt ấy cho chó ăn, còn với các cháu trai, trước sự chứng kiến của vị linh mục thánh Venigne, bà đã nói những lời sau:

– Các cháu yêu quý của bà! Hãy nhận biết Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Thiên Chúa chân thật và hằng sống, Đấng mà các Thiên thần và muôn loài đều dâng lên sự thờ phượng xứng đáng, Đấng đã tạo dựng cả thế giới bằng Lời của Ngài, đã mở rộng bầu trời cao bằng mệnh lệnh của Ngài, đã trải rộng mặt đất, đã thu gom các vực thẳm biển cả và đã bao bọc chúng bằng cát, trang hoàng bầu trời bằng các vì sao, đặt trên đó hai thiên thể vĩ đại để chúng chiếu sáng mọi sự Ngài đã tạo dựng bằng ánh sáng của mình, làm cho nước đầy dẫy cá, phủ đất bằng cây cối và cỏ, và theo ý muốn của Ngài, tạo ra trên đó mọi loài thú vật. Sau đó, Ngài đã thương xót tạo dựng con người theo hình ảnh và giống như Ngài, và ban cho con người ân huệ đặc biệt của sự khôn ngoan, tri thức và lý trí, để con người siêng năng tìm kiếm Chúa – Đấng Tối Cao của muôn loài, và không tỏ ra thiếu tôn kính Ngài bằng cách coi thường việc nhận biết Ngài, để con người nhận biết điều thiện và học cách phân biệt nó với điều ác, để không chỉ không tôn kính những thần tượng vô tri vô giác, do ma quỷ bịa đặt ra để lừa dối loài người, mà còn từ chối chúng như những thứ ô uế, và tránh mọi sự tiếp xúc với chúng, vì những thần tượng này đã xuất hiện trên thế gian do mưu mô của ma quỷ, kẻ đã cám dỗ con người đầu tiên ngay từ khi còn ở vườn Địa Đàng. Các cháu yêu quý! Hãy từ bỏ mọi thần tượng ô uế và vững tin vào Đấng Tạo Hóa của muôn loài – Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta. Này, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, vị thánh nhân mà các con đang thấy trước mặt đây đã được sai đến từ xứ sở xa xôi. Hãy lắng nghe ngài, vì chính Đức Chúa Trời đang truyền đạt các điều răn của Ngài cho các con qua lời nói của ngài, và hãy học hỏi từ ngài những điều có thể góp phần vào sự cứu rỗi của các con.

Khi bà Leonilla đáng kính, cùng với thánh Venignus, khuyên nhủ các cháu trai của mình như vậy, ân sủng của Đức Chúa Trời đã thấm nhập một cách vô hình vào lòng các cháu. Các chàng trai ngạc nhiên lắng nghe lời bà nội, nhìn nhau và suy ngẫm, rồi tất cả cùng một giọng đáp lại bà:

– Sao bà lại im lặng trước mặt chúng cháu về một việc quan trọng đến thế cho đến bây giờ? Sao trong suốt thời gian dài như vậy, bà lại giấu chúng cháu con đường chân lý và ánh sáng rực rỡ ấy?

Ngước mắt lên, và thành kính giơ hai tay về phía trời, Leonilla tạ ơn Chúa vì các cháu trai của bà đang bắt đầu nhận biết sự thật, rồi bà nói với các cháu bằng tình yêu thương:

– Con trai của ta, còn các con – người cha của các con, người giờ đây đã xuống địa ngục, không có trí tuệ hay sự khôn ngoan nào, trái tim ông ta đã trở nên tàn nhẫn và chìm đắm trong bóng tối của sự vô đạo đến mức không chỉ không muốn tin vào Đức Kitô là Thiên Chúa, mà thậm chí còn không dám thốt lên danh thánh của Ngài. Lời Chúa có thể mang lại lợi ích gì cho kẻ mà trái tim hoàn toàn bị ám ảnh bởi sự thù hận của sự vô tín, đến nỗi, bị mù quáng bởi sự thờ thần tượng, hắn thậm chí không thể nhìn thấy ánh sáng của lẽ phải? Chính vì anh ta mà tôi đã im lặng và không nói với các bạn những điều có ích cho các bạn: tôi sợ rằng, bằng ảnh hưởng tai hại của mình, anh ta sẽ khiến các bạn mãi mãi lạc lối khỏi con đường chính đạo. Nhưng giờ đây, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, anh ta đã không còn trên cõi đời này nữa, nên mọi trở ngại đối với các bạn đã biến mất. Thời cơ thuận lợi đã đến – hãy mở rộng và hướng đôi mắt thể xác lẫn đôi mắt tâm hồn các con lên trời, và nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, hãy nhổ tận gốc mọi khuynh hướng thờ ngẫu tượng khỏi tâm hồn các con, để nhờ đó được tràn đầy niềm vui bất tận.

Thánh nữ Leonilla cùng với vị linh mục thánh thiện đã nói với các chàng trai nhiều điều khác nữa, và dưới ảnh hưởng của những lời nói ấy, các chàng trai bỗng nhớ lại những giấc mơ họ đã thấy vào đêm trước, những giấc mơ báo trước sự hoán cải của họ sang đức tin nơi Chúa Kitô, và họ bắt đầu kể cho nhau nghe.

– Tôi đã thấy, – người anh cả, Spevsipp, nói, – như thể tôi đang áp mặt vào ngực bà ngoại và bú những núm vú tràn đầy sữa, còn bà thì dịu dàng nói với tôi: "Hãy uống đi, Spevsipp, sữa cứu rỗi này, để sau khi được tiếp thêm sức mạnh từ nó, con có thể chống lại kẻ thù và giành được chiến thắng vinh quang."

– Còn tôi thì thấy, – Eleusipp nói, – một người đàn ông nào đó đang ngự trên ngai vàng trên trời và toả sáng với vinh quang không thể diễn tả, ánh sáng chói lòa đến nỗi mắt tôi mờ đi, và cả người tôi chìm trong sự kinh hoàng và sợ hãi. Người ấy quay khuôn mặt rực rỡ về phía tôi và nói: "Đừng sợ, vì ngươi sẽ được trao vương miện chiến thắng!"

Người anh thứ ba, Melepsipp, bắt đầu kể lại giấc mơ mà anh đã trải qua như sau:

– Tôi đã thấy – và chính tôi cũng không biết đó là ai – một Vị Đại Vương, tay cầm quyền trượng. Ngài đã tiếp nhận cả ba anh em chúng tôi vào quân đội của Ngài, trao cho chúng tôi những chiếc thắt lưng chiến binh và chuộc chúng tôi khỏi xiềng xích tù đày với giá đắt đỏ, ban cho chúng tôi tự do vĩnh cửu bằng những lời vàng ngọc,

đồng thời nói với tôi: "Meleusippus! Ta đã chỉ định các con, ba anh em, trở thành những người thân cận của Ta và ban cho các con những phần thưởng vĩnh cửu, bởi vì bà nội các con không ngừng – cả ngày lẫn đêm – cầu nguyện với Ta cho sự cứu rỗi của các con, để các con được dẫn dắt trên con đường chân chính của cuộc đời và, thoát khỏi những cám dỗ của tà linh, được ân sủng nhìn thấy ánh sáng của chân lý và thay vì cái chết, được thừa hưởng sự sống."

Những thị kiến của ba anh em thật kỳ diệu, đều báo hiệu sự trở lại với Chúa của họ! Dưới ấn tượng của những thị kiến này và dưới ảnh hưởng của những lời khuyên nhủ của Leonilla và vị linh mục, ba anh em cuối cùng đã tìm đến bà nội đáng kính của mình với những lời như sau:

– Xin hãy chỉ bảo chúng con phải làm gì để lời rao giảng của các ngài có thể dẫn dắt chúng con đến sự cứu rỗi, giải thoát chúng con khỏi những lầm lạc trước đây?

Thánh Leonilla và vị linh mục của Chúa đã rất vui mừng và, với lòng biết ơn Chúa trong tâm hồn, đã đáp lại:

– Hãy tuân giữ mọi điều răn của Thiên Chúa, hãy vững tin vào Vua của các vua – Đức Kitô, Thiên Chúa, và sau khi từ bỏ các thần tượng ô uế, hãy dâng hiến trọn vẹn bản thân để phụng sự Đấng Tạo Hóa của các con – Thiên Chúa.

Sau đó, vị linh mục thánh Venign, sau khi đã dạy dỗ kỹ lưỡng các thiếu niên về những chân lý của đức tin Kitô giáo, đã làm phép rửa tội cho họ và củng cố vững chắc lòng tin của họ vào Đức Kitô; còn ngài thì lui về một trong những thành phố thuộc vùng Divionia[1089] , nơi ngài đã dẫn dắt nhiều người trở về với Đức Kitô trong thời gian ngắn, rồi qua đời một cách tử đạo.

Ngay sau khi được củng cố trong đức tin Kitô giáo, ba anh em sinh đôi thánh đã lập tức sai các đầy tớ của mình đi với lệnh phá hủy bức tượng thần Némésis đã được đề cập ở trên, đồng thời chính họ cũng phá hủy mười hai bức tượng thờ trong nhà mình. Ngay lập tức, tin đồn lan truyền khắp xứ Lingonia rằng các cháu trai của Leonilla, những thanh niên có dòng dõi cao quý, đã tin vào Chúa Kitô và phá hủy các tượng thần. Dân chúng phẫn nộ chống lại họ, các quan chức nổi dậy, các thẩm phán và các thầy tế ngoại giáo bừng bừng giận dữ. Các quan chức từ khắp nơi tụ tập lại và bắt đầu thẩm vấn các chàng trai thánh thiện:

– Tại sao các ngươi lại bỗng dưng bị cơn điên loạn này xâm chiếm? Ai đã xúi giục các ngươi từ bỏ việc thờ phụng các vị thần mà tổ tiên các ngươi đã phụng sự từ thuở xa xưa? Chẳng lẽ các ngươi lại dễ dàng đến thế mà dám phớt lờ mệnh lệnh của nhà vua và coi Đấng Kitô – Đấng đã bị người Do Thái đóng đinh – là Thiên Chúa sao?

Được Thánh Thần đầy tràn, các thiếu niên đáp lại:

– Hỡi những kẻ mù lòng, chìm đắm trong bóng tối vĩnh cửu, cứng lòng trong tội lỗi và bị định đoạt phải chịu đau khổ và cái chết vĩnh viễn! Tại sao các ngươi, bị ma quỷ lừa dối, lại ép buộc chúng ta phải thờ lạy một hòn đá hay bất kỳ vật thể nào khác được tạc thành hình người? Chẳng phải đó là những tác phẩm do tay người tạo ra sao: chúng vô hồn, vô cảm và hèn mọn – thế mà các ngươi, trong cơn điên rồ của mình, lại tôn chúng lên làm thần linh. Còn Chúa Giêsu Kitô của chúng ta là Thiên Chúa hằng sống, đồng bản thể, theo giáo lý đức tin của chúng ta, với các Ngôi Vị khác của Thiên Chúa Ba Ngôi – Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa từ Thiên Chúa, Ánh Sáng từ Ánh Sáng, Tia Sáng từ Tia Sáng, Đấng đã luôn luôn hiện hữu, đang hiện hữu và sẽ mãi mãi hiện hữu, Đấng Tạo Hóa của muôn loài trên thế gian.

Những lời nói như vậy của các thánh huynh đã khiến những người ngoại đạo nổi giận dữ dội, đặc biệt là các thầy tế lễ và các thủ lĩnh của họ. Một trong số họ, tên là Kvadrat, không kìm nén được cơn giận và đã tát vào má Spevsipp và Elevsipp, bởi vì chỉ có hai thiếu niên này là đã lên tiếng chống lại những người ngoại đạo. Còn Melevsipp, khi thấy các anh em bị đánh đập, đã kêu lên:

– Sao ngươi không đánh ta như hai anh em? Sao lại tước đoạt ân huệ này khỏi ta? Kìa, họ đã bắt đầu chịu đựng những đau khổ mà tất cả chúng ta đều khao khát, còn ngươi lại không cho ta được chịu đựng sự đau khổ thánh thiện ấy, như thể ngươi coi ta là kẻ không tin vào Đấng Christ và là đồng minh của ngươi vậy. Tất cả chúng tôi đều tin tưởng vững chắc vào Chúa Kitô như nhau, đều khinh bỉ sự vô đạo ngoại giáo của các ngươi như nhau và hy vọng sẽ nhận được phần thưởng như nhau từ Chúa Kitô.

– Vì đã xúc phạm các vị thần của chúng ta, – Quadrat nói, – giờ đây chúng ta sẽ khiến các ngươi phải chịu những hình phạt khác nhau.

[1089] Vùng Divionia nằm ở phía đông Gaul.

Eleusippus đáp lại:

– Các ngươi càng chuẩn bị nhiều hình phạt cho chúng tôi, thì càng củng cố chúng tôi trong ân sủng của Đức Chúa Trời.

– Nếu không cắt tận gốc lưỡi của bọn chúng, – một thủ lĩnh vô đạo khác tên là Palmat nói, – chúng sẽ không ngừng xúc phạm chúng ta và các vị thần của chúng ta.

Spevsippus đáp lại:

– Nếu các ngươi, vì sự tàn ác của mình, cắt đứt lưỡi thể xác của chúng tôi, thì bằng lưỡi tâm hồn bên trong, chúng tôi sẽ ca ngợi vinh quang của Đức Chúa Trời, và sự độc ác của các ngươi sẽ không bao giờ khiến chúng tôi từ bỏ đức tin thánh thiện nơi Đấng Christ.

– Lũ khốn kiếp! – Palmat và viên quan thứ ba, Hermogenes, cùng thốt lên – các ngươi đang tự đưa mình vào án tử hình.

– Chết vì Chúa Kitô – Spevsipp đáp – chúng tôi coi đó là hạnh phúc cho chính mình, bởi vì nhờ đó chúng tôi sẽ sớm bước vào cuộc sống vĩnh cửu, nơi không có nỗi buồn nào, mà chỉ có niềm vui bất tận.

Lúc đó, các quan tòa Lingonius, Palmat, Quadrat và Hermogen, khi thấy sự kiên định bất khuất của các thiếu niên thánh thiện trong đức tin Kitô giáo, đã bàn bạc với nhau xem nên tra tấn họ bằng những hình phạt tàn bạo nhất nào để răn đe những người khác, và nên xử tử họ bằng hình phạt tàn nhẫn nhất nào. Tuy nhiên, ban đầu họ quyết định triệu tập Leonilla, người được mọi người kính trọng, đến để cố gắng thông qua sự can thiệp của bà, làm lung lay đức tin Kitô giáo của các thiếu niên và đưa họ trở lại với đạo ngoại.

Họ nói với bà:

– Nếu bà muốn cứu các cháu trai của mình khỏi đau khổ và thoát khỏi cái chết, thì hãy đi thuyết phục chúng dựng lại những vị thần mà chúng đã phá hủy, thờ phụng và dâng lên những lễ vật xứng đáng.

Trước những lời khuyên nhủ này và những lời tương tự khác của các quan tòa, Leonilla đáp lại:

– Tôi sẽ đi và cố gắng thuyết phục các cháu lo cho sự cứu rỗi của chính mình.

Khi bà đến gặp các cháu trai thánh thiện của mình và biết được sự kiên định của họ trong đức tin thánh thiện, bà đã vô cùng vui mừng. Bà hôn từng người trong số họ với tình yêu thương, khóc vì vui sướng và tạ ơn Đức Chúa Kitô, rồi sau khi cầu nguyện lâu dài với Ngài, bà nói với các cháu:

– Trong dòng họ các con, không có ai cao quý hơn, giàu có hơn, tốt đẹp hơn, hay được lòng Thiên Chúa hơn các con; bằng việc tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, các con đã soi sáng cả dòng họ mình, và dù còn trẻ, các con đã vượt trội về sự khôn ngoan so với tất cả những bậc trưởng bối trong dòng họ. Khi trở thành những chiến binh của Chúa Kitô, các con đã có được một kho tàng to lớn và vô giá. Vậy hãy kiên định và vững vàng trong luật thánh của Chúa Kitô, và khi được trang bị bằng đức tin vào Chúa Kitô, đừng sợ hãi trước những lời đe dọa và sự tra tấn. Các vương quốc hữu hình của thế gian này, cùng với cả cuộc sống hiện tại, đều vô nghĩa, và chúng sẽ sớm phải đối mặt với sự diệt vong. Còn Vương quốc vô hình của Thiên Chúa thì vĩnh cửu, và khao khát, hướng tới nó – đó là đặc trưng của sự khôn ngoan chân chính; nhờ những công lao ngắn ngủi, các con có thể đạt được nó, và qua những đau khổ thoáng qua, các con có thể sở hữu những niềm vui vĩnh cửu.

Thấy các chàng trai tràn đầy ân sủng của Đức Chúa Trời và vững vàng trong đức tin, bà, với những lời ấy, đã giao phó họ cho Đấng Christ và, trong sự an lòng, ra về.

Ngay sau đó, các quan tòa gọi các thánh đến và hỏi: "Các ngươi có đồng ý thờ lạy các vị thần và công khai tuyên bố điều đó trước toàn thể dân chúng đang tụ tập ở đây không?" Nhưng các thanh niên đã công khai trước mặt mọi người tuyên xưng đức tin vào Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật, cũng như sự sẵn sàng hoàn toàn của họ để vì tình yêu dành cho Ngài mà chịu mọi hình thức tra tấn và cái chết; đồng thời, họ đã từ chối các vị thần ngoại đạo giả dối và hèn mọn. Lúc đó, các vị thánh anh em bị trói tay chân, treo lên một cái cây và bị kéo căng như dây đàn, chặt đến nỗi xương trong cơ thể họ bắt đầu lồi ra khỏi khớp. Nhưng, được củng cố bởi sức mạnh ân sủng của Đức Kitô, họ kiên nhẫn chịu đựng những đau khổ khủng khiếp và cười nhạo những kẻ hành hạ họ – tức là các quan tòa.

Thánh Melepsipp đã nói với họ:

– Chúa và Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đức Giêsu Kitô, đã bị đóng đinh trên Thập giá để chuộc tội cho chúng ta; từ cây thánh ấy, chúng ta đã nhận được dấu Thánh Giá làm sự trợ giúp và bảo vệ cho chính mình. Còn chúng ta, ba tôi tớ của Ngài, khi treo trên chính cây này, trở thành các vị tử đạo vì danh Ngài. Phúc cho quả của cây ấy, cây đang nâng đỡ ba vị tử đạo, những người đã dâng mình làm của lễ cho Ba Ngôi Thánh.

Các quan tòa, thấy rằng các thanh niên thánh thiện không những không suy sụp tinh thần giữa những cực hình, mà dường như còn càng thêm vững vàng, bèn nói với họ:

– Các ngươi sẽ không chết trên cây này như các ngươi mong muốn, mà sẽ bị thiêu sống trong lửa.

– Niềm hạnh phúc của chúng con sẽ còn lớn lao hơn nữa, – Melepsipp lại đáp, – nếu chúng con được diện kiến Thiên Chúa sau khi được thanh tẩy bằng lửa và qua ngọn lửa ấy, chúng con sẽ bước từ bóng tối sang ánh sáng vĩnh cửu.

Lúc đó, các quan tòa ra lệnh thu gom củi, cành cây khô và các vật liệu dễ cháy khác, rồi đốt lên một đống lửa khổng lồ, và ném ba anh em thánh đang bị trói vào đó. Nhưng các thánh, nhờ sự trợ giúp của Đấng Cứu Thế – Đức Kitô, vẫn bình an giữa ngọn lửa; những sợi dây trói họ đã cháy rụi và tan rã, và họ, giống như ba thiếu niên Babylon xưa kia, đi lại giữa ngọn lửa và ngợi khen Thiên Chúa. Những kẻ vô đạo càng đốt lửa mạnh hơn, mong muốn thiêu rụi các tôi tớ của Đấng Kitô; nhưng lửa càng bùng lên dữ dội, vinh quang của các thánh càng trở nên rõ ràng hơn, và khi cuối cùng, sau một thời gian dài, ngọn lửa tắt đi, thì hóa ra các thánh vẫn còn sống, không hề hấn gì và thậm chí không bị bỏng chút nào. Họ chỉ cười nhạo những kẻ tra tấn và nói:

– Chúng tôi chỉ được ban quyền được về với Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng tôi, khi chính chúng tôi muốn; nhưng chúng tôi đã quyết định còn cười nhạo sự điên rồ của các ngươi trong cuộc đời này, dù sao thì chúng tôi cũng sẽ không chậm trễ trong việc đến dự tiệc trên trời.

Cuối cùng, ba anh em sinh đôi thánh thiện, khi nhìn thấy trước mặt mình đoàn thiên thần thánh thiện đang sẵn sàng hộ tống linh hồn họ về Nước Trời, đã quỳ gối xuống đất và, sau khi cùng nhau cầu nguyện, đã dâng hiến linh hồn thánh thiện của mình lên Thiên Chúa. Thi hài của các ngài được an táng cách thành phố hai poprishcha[1090] , tại một làng tên là Urvat, nơi sau này một nhà thờ đã được xây dựng để tôn vinh các ngài; tại đó, những phép lạ đã xảy ra và những người bệnh đã được chữa lành.

Sau khi các thánh tử đạo qua đời, một người phụ nữ tên là Iovilla, bừng cháy lòng nhiệt thành thiêng liêng và bất chấp chồng cùng đứa con trai duy nhất còn nhỏ của mình, đã thốt lên giữa đám người ngoại đạo vô tín:

– Tôi cũng là tôi tớ của Đấng Kitô, và tôi kiên định tuyên xưng Đấng Kitô, Thiên Chúa hằng sống và chân thật, còn những thần tượng ô uế và hèn mọn của các ngươi, tôi từ chối.

Ngay lập tức, họ bắt giữ bà, treo bà lên bằng tóc và bắt đầu tra tấn bà bằng đủ mọi hình thức. Khi bà vẫn không chịu từ bỏ Đức Kitô, dù phải chịu đựng những đau đớn đó, bà cùng với Thánh Leonilla, bà ngoại của các thánh thiếu niên, được dẫn đến làng Urvat đã được nhắc đến ở trên, và tại đó, cả hai đều bị chém đầu bằng gươm. Một người tên là Neón, người đã chứng kiến những hành động anh hùng của các thánh và ghi chép lại những đau khổ của họ, đã trao bản thảo của mình cho Turvon, còn bản thân ông thì công khai tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô và bị đánh đập cho đến khi qua đời một cách tử đạo, trao linh hồn mình cho Chúa. Còn chính Turvon, noi gương các thánh tử đạo, đã bước qua cái chết tử đạo để bước vào cuộc sống vĩnh cửu.

Tất cả những điều này xảy ra vào ngày 16 tháng Giêng dưới triều đại của Aurelius Verus, hay còn gọi là Antoninus[1091] , hay chính xác hơn là khi Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, đang cai trị thế gian; Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ngợi khen, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, amen.

Lễ kính Thánh Tử đạo Danakt, người đọc sách

Ngày tưởng niệm: 16 tháng Giêng

Thánh Tử đạo Danakt quê ở Illyria, thành phố Avlona[1092] , và là người đọc kinh trong nhà thờ. Trong thời kỳ quân ngoại đạo xâm lược, ngài đã lấy các đồ thánh để giấu khỏi bọn ngoại đạo, nhưng tại một nơi nào đó, ngài đã bị chúng bắt giữ. Những kẻ ngoại đạo ép buộc ngài phải dâng lễ vật cho thần Dionysus của họ[1093] . Nhưng Thánh Danakt không tuân theo họ và đã chịu cái chết tử đạo[1094] , bị đâm bằng gươm.

[1090] Poplis – đơn vị đo khoảng cách: tương đương với 690 sazen của chúng ta. Như vậy, hai poplis tương đương với 1.380 sazen (hơi hơn 2,5 verst).

[1091] Marcus Aurelius (hay còn gọi là Antoninus) – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 161 đến năm 180.

[1092] Illyria – một vùng thuộc Đế chế La Mã, bao trùm toàn bộ bờ biển phía đông của Biển Adriatic cùng các vùng đất phía sau nó (ngày nay là Dalmatia, Bosnia và Albania). – Avlon – một thành phố ở Illyria, nằm bên Biển Adriatic.

Ngày 30 tháng 1

17 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta, Thánh Antôn Vĩ Đại

Ngày tưởng niệm 17 tháng 1

Thánh Antôn xuất thân từ Ai Cập[1095] . Cha mẹ ngài là những người cao quý và nổi tiếng về lòng đạo đức Kitô giáo; họ đã nuôi dạy con trai mình sao cho cậu bé không biết ai khác ngoài cha mẹ và ngôi nhà của mình. Khi bước vào tuổi thiếu niên, ngài không vội vàng theo học hay kết bạn với các thiếu niên khác, mà ở lại trong nhà, giữ lòng trong sạch và nỗ lực tiến bộ trong đức tin. Không sa vào những trò giải trí của lứa tuổi thiếu niên, Antôn thích cùng cha mẹ đến nhà thờ Chúa và, khi lắng nghe những đoạn Kinh Thánh được đọc tại đó, cậu cố gắng rút ra từ đó mọi bài học có thể cho bản thân và sống đúng như những gì họ dạy. Cậu không xin người lớn những món ăn ngọt ngào như thói quen của trẻ con, và nói chung không để ý nhiều đến thức ăn, luôn bằng lòng với những gì được cho.

Cha mẹ của Thánh Antôn qua đời khi ngài khoảng hai mươi tuổi. Sau khi cha mẹ qua đời, ngài ở lại cùng em gái còn nhỏ, ban đầu ngài lo việc nhà và việc nuôi dạy em gái cho đúng đắn. Thường xuyên, theo thói quen của mình, khi đến nhà thờ, ông nghe từ những cuốn Kinh Thánh được đọc tại đó về việc các tông đồ đã từ bỏ mọi thứ để theo Chúa Cứu Thế, và theo lời chứng trong sách Công Vụ Các Tông Đồ, nhiều tín hữu Kitô đã bán tài sản của mình và đặt số tiền thu được dưới chân các tông đồ để phân phát cho những người nghèo khó (Công Vụ 4:34). Antonius suy ngẫm về đức tin vững chắc của những người này và phần thưởng vĩ đại nào đang chờ đợi họ trên thiên đàng. Với những suy nghĩ ấy, một ngày nọ ông đến nhà thờ và tại đó bỗng nhiên lại nghe thấy những lời của Chúa Kitô nói với chàng trai giàu có: *"Nếu con muốn nên hoàn hảo, hãy đi, bán tài sản của con và phân phát cho người nghèo; rồi con sẽ có kho tàng trên trời; và hãy đến và theo Ta"* (Mt 19,21). Antonius coi đó là lời nhắc nhở từ trên cao – như thể chính Chúa Kitô đã nói những lời ấy trực tiếp với riêng mình – và ngay khi bước ra khỏi nhà thờ, ông đã bán hết tài sản của mình, rồi phân phát số tiền lớn thu được từ việc bán đó cho những người nghèo, chỉ giữ lại một phần rất nhỏ cho người em gái yếu ớt và còn nhỏ tuổi của mình. Ông có ba trăm cây cọ rất tốt và trĩu quả, và ông đã tặng chúng cho hàng xóm để giải thoát cả bản thân lẫn em gái khỏi mọi lo toan về chúng.

Khi không lâu sau đó, anh lại đến nhà thờ và nghe lời Chúa trong Phúc Âm: *"Đừng lo lắng về ngày mai"* (Mt 6,34), anh liền ra khỏi đó ngay lập tức và phân phát phần tài sản còn lại cho những người nghèo khó. Không còn muốn sống trong ngôi nhà của mình nữa, ông giao em gái cho những trinh nữ trung thành và đáng tin cậy mà ông biết[1096] , những người đã hiến dâng bản thân để phục vụ Chú Rể – Đức Kitô, để em gái ông được nuôi dưỡng giữa họ nhờ gương sáng từ cuộc sống của họ, còn bản thân ông thì bắt đầu sống một cuộc đời tu hành khắc khổ và nghiêm ngặt.

Vào thời đó, ở Ai Cập vẫn còn rất ít tu viện và đời sống ẩn tu chưa phổ biến; nhưng bất cứ ai mong muốn phụng sự Chúa Kitô và được cứu rỗi đều rèn luyện đức hạnh bằng cách ẩn dật ở đâu đó gần làng của mình. Vào thời đó, cách làng của Antôn không xa có một vị tu sĩ già, người từ khi còn trẻ đã dấn thân vào đời sống ẩn dật và tu

---

[1093] Dionysus, hay còn gọi là Bacchus, – vị thần Hy Lạp-La Mã của nho và nghề làm rượu, người mang lại niềm vui cho con người qua món quà rượu vang và xua tan nỗi buồn cùng những lo âu. Ban đầu, những lễ hội khiêm tốn để tôn vinh ngài sau này đã mang tính chất buông thả và đi kèm với những cuộc ăn chơi thác loạn, say xỉn điên cuồng và đồi trụy, và chính Dionysus, hay Bacchus, đã trở thành hiện thân của vị thần say xỉn.

[1094] Thánh Danakt đã chịu tử đạo vào thế kỷ II.

[1095] Làng quê của Thánh Antôn là làng Koma, nằm ở biên giới phía bắc của Phivaida (vùng phía nam Ai Cập), thuộc khu vực Heracleopolis. – Thánh Antôn sinh năm 251. Cha mẹ ngài là những Kitô hữu Coptic.

[1096] Trong Giáo hội cổ đại, trước khi các tu viện nữ ra đời và trong giai đoạn đầu sau khi chúng xuất hiện, đã tồn tại một tầng lớp đặc biệt gồm những trinh nữ, những người dâng hiến trọn vẹn cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa và khấn giữ trinh tiết. Những người này được gọi là các trinh nữ, và họ được Giáo hội kính trọng sâu sắc, được xem là niềm vinh quang của Giáo hội. Họ tụ họp để thực hành sự im lặng, suy niệm về Thiên Chúa và cầu nguyện tại các ngôi nhà riêng dưới sự hướng dẫn của các nữ tu trưởng lão giàu kinh nghiệm trong đời sống thiêng liêng. Rất thường xuyên, Giáo hội giao phó việc hướng dẫn và giám sát họ cho những nữ phó tế được kính trọng nhất.

hành. Sau khi gặp gỡ vị ấy và nhận được sự lợi ích cho tâm hồn từ cuộc gặp gỡ đó, Antôn bắt đầu noi gương ngài và cũng tìm kiếm sự ẩn dật ở nhiều nơi khác nhau gần làng của mình. Nếu sau đó ông có nghe nói về một vị ẩn sĩ nào đó, ông, giống như con ong khôn ngoan, liền lên đường đi tìm người ấy và không quay trở lại cho đến khi tìm thấy người mình tìm kiếm, và qua cuộc gặp gỡ và trò chuyện với người ấy, ông thu được – giống như con ong thu được mật – một chút lợi ích cho bản thân.

Đó là những việc làm đầu tiên của vị thánh nhân; nhờ thành công trong những việc đó, ông ngày càng củng cố những suy nghĩ của mình theo hướng thiện. Đồng thời, ông kiếm sống bằng chính sức lao động của đôi tay mình, luôn ghi nhớ lời Kinh Thánh: "Ai không muốn làm việc thì cũng đừng ăn" (2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:10). Với số tiền thu được từ việc bán các sản phẩm của mình, ngài mua bánh mì và nuôi những người đói khát; tâm hồn ngài luôn ở trong sự hiệp thông cầu nguyện với Đức Chúa Trời, vì ngài biết từ Kinh Thánh rằng cần phải cầu nguyện không ngừng (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:17). Ông lắng nghe việc đọc Kinh Thánh với sự chú tâm sâu sắc đến nỗi không bao giờ quên bất cứ điều gì trong những gì được đọc, và nhờ tuân giữ nghiêm ngặt mọi điều răn của Chúa, trí nhớ của ông đã thay thế cho những cuốn sách thiêng liêng nhất. Đó là cách Thánh Antôn sống, và ngài được tất cả các anh em yêu mến, những người mà ngài đến thăm để nhận được sự an ủi tinh thần từ họ, và trong khi sống dưới sự hướng dẫn của họ, ngài học hỏi các đức tính từ họ – tùy theo đức tính nào mà mỗi người nổi bật nhất: ông cố gắng noi gương người này về sự tiết độ, người kia về sự hăng hái, người khác về sự hiền lành, người khác nữa về sự không ngủ nghỉ, và người khác về sự chú tâm khi đọc; từ người này, ông học được những việc làm cao cả trong việc ăn chay, từ người kia, ông ngạc nhiên trước việc nằm trên mặt đất trần, ca ngợi sự khiêm nhường của người này, sự kiên nhẫn của người kia. Sau khi giành được tình yêu mến chung của tất cả họ và thu được lợi ích từ mỗi người, ông trở về phòng tu của mình và ở đó, suy ngẫm về tất cả những gì đã chứng kiến, ông cố gắng tiếp thu và hòa hợp trong bản thân những đức tính của tất cả mọi người, hướng mọi nỗ lực của mình để không bị tụt lại phía sau trong bất kỳ đức tính nào đã được nhắc đến. Hành động như vậy, dù đã bắt đầu vượt trội hơn tất cả về danh tiếng, ông vẫn tiếp tục được mọi người yêu mến: những người hàng xóm và các tu sĩ mà ông thường ghé thăm, khi chứng kiến cuộc sống như vậy của Antôn, đã gọi ông là người yêu mến Thiên Chúa và yêu mến ông – một số như con trai, số khác như anh em.

Khi Antôn ngày càng tiến bộ và vững vàng trong việc làm lành, kẻ thù của danh hiệu Kitô giáo – ma quỷ, không thể chịu đựng được việc thấy những đức tính ấy nơi chàng trai trẻ, đã nổi dậy chống lại ông bằng mưu mô cổ xưa của mình và bắt đầu tìm cách lôi kéo ông rời xa những ý định tốt lành bằng sự cám dỗ, đồng thời dụ dỗ ông rời khỏi con đường chính đạo. Hắn gợi lại trong tâm trí cậu những suy nghĩ về tài sản đã bán đi và phân phát, về hoàn cảnh khó khăn của người em gái, về sự vinh quang của dòng họ, về danh vọng trần tục phù du, về những thú vui có thể có được từ các món ăn đa dạng và những điều quyến rũ khác của cuộc sống trần gian. Đồng thời, hắn vẽ ra trước mắt Antôn một con đường gian nan và kết cục bi thảm của đức hạnh, cùng với sự yếu đuối của thân xác và sự kéo dài của hành trình tu hành; bằng những suy nghĩ này và nhiều suy nghĩ khác, kẻ cám dỗ cố gắng làm mờ trí óc và làm hư hỏng trái tim anh. Khi quỷ dữ thấy mình bị Thánh Antôn đánh bại nhờ những lời cầu nguyện của ngài dâng lên Thiên Chúa, nhờ sự kiên nhẫn và đức tin, nó liền chuyển sang những cám dỗ thường thấy ở lứa tuổi thanh niên: bắt đầu làm ngài bối rối bằng những giấc mơ ban đêm, nỗi sợ hãi và những ảo ảnh, tiếng ồn, những giọng nói và tiếng la hét giữa đêm khuya, còn ban ngày thì bằng những cuộc tấn công công khai. Antonius kiên quyết chống lại ma quỷ: ma quỷ gieo rắc vào tâm trí ông những ý nghĩ ô uế, nhưng Antonius xua đuổi chúng bằng lời cầu nguyện không ngừng; ma quỷ tìm cách kích thích các giác quan của ông bằng sự kích thích tự nhiên và ham muốn xác thịt, nhưng ông bảo vệ thân thể mình bằng đức tin, sự tỉnh thức và việc ăn chay; quỷ dữ hóa thân thành hình dáng một người phụ nữ xinh đẹp vào ban đêm và bằng mọi cách cố gắng khơi dậy dục vọng trong lòng Antony, nhưng ông dập tắt nó bằng suy nghĩ về ngọn lửa không tắt ở địa ngục và con sâu không chết; quỷ dữ dụ dỗ chàng thanh niên Antôn bước vào con đường trơn trượt và dễ sa ngã, nhưng chàng, bằng cách nhắc nhở bản thân về những cực hình vĩnh cửu sau Ngày Phán Xét Cuối Cùng, đã kiên định giữ gìn sự trong sạch của tâm hồn giữa muôn vàn cám dỗ. Tất cả những điều này chỉ nhằm làm cho ma quỷ phải xấu hổ: tên khốn kiếp, kẻ đã mơ ước trở nên giống như Thiên Chúa, giờ đây lại bị một thiếu niên làm cho phải xấu hổ; kẻ nổi loạn chống lại xác thịt và huyết đã bị đánh bại bởi một con người mang xác thịt, bởi vì Chúa đã giúp đỡ tôi tớ của Ngài – Đấng đã nhập thể vì chúng ta và qua đó ban cho xác thịt sức mạnh để chiến thắng kẻ thù, để tất cả những ai bị cám dỗ theo cách này, từng người một, đều có thể – mỗi người lặp lại lời của vị tông đồ: *"Không phải tôi, nhưng là ân sủng của Đức Chúa Trời ở cùng tôi"* (1 Cô-rinh-tô 15:10).

Con rắn độc ác cuối cùng cũng nhận ra rằng nó không thể đánh bại Antôn bằng những cám dỗ xảo quyệt của mình, và khi thấy mình luôn bị xua đuổi, nó chỉ biết nghiến răng trong bất lực. Sau đó, nó hiện ra trước mặt ông dưới hình dạng một thiếu niên da đen và đáng sợ, người đã khóc lóc và nói bằng giọng người như sau:

– Ta đã dụ dỗ nhiều người, lừa gạt nhiều người, nhưng giờ đây, giống như các thánh nhân khác, ta cũng bị ngươi đánh bại nhờ những công đức của ngươi.

Thực ra, kẻ cám dỗ xảo quyệt đã nói điều đó với ý định khiến chàng trai khiêm nhường này tự cao tự đại.

– Ngươi là ai mà lại nói về bản thân như vậy? – Thánh Antôn hỏi hắn.

– Ta là kẻ dụ dỗ vào tội dâm dục – quỷ dữ đáp – bằng muôn vàn mưu mô xảo quyệt, ta cố gắng lôi kéo tất cả các thanh niên sa vào tội lỗi này, đó là lý do ta được gọi là linh hồn của tội dâm dục. Đã có bao nhiêu người từng thề giữ sự trong sạch mà ta đã lôi kéo họ sa vào tội lỗi này! Đã có bao nhiêu người, vốn đã bắt đầu sống tiết độ, mà ta đã lôi kéo trở lại cuộc sống ô uế như xưa! Ta chính là kẻ mà tiên tri Ô-sê đã quở trách những kẻ sa ngã, khi nói: "Vì thần dâm dục đã dẫn dắt họ vào sự lầm lạc " (Ô-sê 4:12), và quả thực, họ đã bị ta mê hoặc; còn ta cũng thường xuyên cám dỗ chính ngươi, nhưng mỗi lần đều bị ngươi xua đuổi.

Khi nghe điều này, Antôn đã tạ ơn Chúa và với sự can đảm còn lớn hơn trước, ông nói với kẻ thù:

– Ngươi đã bị bẽ mặt trong nhiều điều, bị sỉ nhục trong nhiều điều; chính vì thế mà màu đen của ngươi và hình dạng thiếu niên mà ngươi hóa thân chẳng qua chỉ là những dấu hiệu cho thấy sự bất lực của ngươi mà thôi. Giờ đây, ta không còn sợ ngươi nữa: *"Chúa là Đấng giúp đỡ ta: ta sẽ nhìn thẳng vào kẻ thù của ta"* (Thánh Vịnh 117:7).

Nghe những lời này của Antôn, bóng ma lập tức biến mất không để lại dấu vết. Đó là chiến thắng đầu tiên của Antôn trước ma quỷ, giành được nhờ sức mạnh ân sủng của Chúa Kitô. Tuy nhiên, Anthony không hề lơ là cảnh giác sau chiến thắng duy nhất này, và sức mạnh của ma quỷ cũng chưa suy yếu sau một thất bại, bởi vì nó *"đi rảo quanh như sư tử gầm thét, tìm kiếm ai để nuốt chửng"* (1 Phê-rô 5:8). Thánh Antôn, nhớ lời Kinh Thánh rằng ma quỷ thường dùng nhiều mưu mô, nên không ngừng rèn luyện bản thân qua những thử thách khắc nghiệt, suy luận rằng: dù Satan đã bị đánh bại khi cám dỗ bằng dục vọng xác thịt, thì hắn vẫn có thể đưa ra những cám dỗ còn nặng nề và nguy hiểm hơn nữa. Vì vậy, Thánh Antôn ngày càng làm kiệt sức và khuất phục thân xác mình, để sau khi chiến thắng trong một lĩnh vực, ông không để nó chiến thắng mình trong lĩnh vực khác. Dần dần làm quen với một cuộc sống khắc nghiệt hơn, ngài đã biến nhiều việc làm phi thường trong việc phụng sự Thiên Chúa thành thói quen, và những thói quen ấy dường như đã trở thành bản chất của ngài: mỗi ngày ngài ăn chay cho đến khi mặt trời lặn và dành cả đêm để cầu nguyện; đôi khi ngài chỉ ăn sau hai ngày và chỉ vào đêm thứ tư mới chợp mắt một chút. Thức ăn của ngài chỉ gồm bánh mì và muối, cùng một ít nước; giường ngủ là tấm chiếu cói hoặc áo lông cừu, và đôi khi là mặt đất trần. Ngài hoàn toàn không dùng dầu trong bữa ăn, còn thịt và rượu thì không cần phải nói đến, vì ngay cả những tu sĩ ít siêng năng hơn cũng không dùng những thứ đó. Vị Thánh đã nói rằng cơ thể trẻ trung không thể chiến thắng kẻ thù nếu nó bị làm mềm đi bởi vị ngọt của dầu, và rằng cần phải đặt lên cơ thể những thử thách nặng nề nhất có thể, để khi cơ thể suy yếu thì tinh thần lại trở nên mạnh mẽ hơn, theo lời của vị Tông đồ: *"Khi tôi yếu đuối, thì tôi mới mạnh mẽ"* (2 Cô-rinh-tô 12:10). Mỗi ngày, khi tự đặt lên mình những thử thách mới mẻ, ngài nhớ đến lời tiên tri Ê-li, người đã nói: *"Chúa hằng sống (hôm nay), Đấng mà tôi đang đứng trước mặt"* (3 Vua 18:15).[1097] Và ngài tự suy ngẫm với chính mình:

– Không phải vô cớ mà từ "hôm nay" được thêm vào đây trong Kinh Thánh, bởi vì Ê-li không đếm những công trạng của quá khứ, mà dường như mỗi ngày lại bắt đầu những công trạng mới, cố gắng hết sức để hiện diện trước mặt Đức Chúa Trời như một con người, theo quan điểm của ông, xứng đáng được chiêm ngưỡng Đức Chúa Trời, tức là – với trái tim trong sạch và sẵn sàng thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời.

Ông còn suy nghĩ thêm rằng, mỗi người tu hành đều phải noi gương vị thánh vĩ đại Ê-li và, lấy hình ảnh của ngài làm mẫu mực, để soi chiếu – như trước gương – cuộc đời mình. Vì vậy, ông đã đến những ngôi mộ nằm gần làng, trước đó đã nhờ một người quen mang thức ăn đến cho ông vào những ngày đã định. Người đó đã nhốt ông trong một trong những ngôi mộ đó, và ở đó, trong sự cô độc, vị thánh đã đắm mình trong sự im lặng. Thấy vậy, ma quỷ bắt đầu lo sợ rằng thánh Antôn sẽ dần dần trang bị cho mình sức mạnh chống lại nó nhờ đời sống tu hành ẩn dật: sau khi tập hợp các quỷ dữ, nó, theo sự cho phép của Thiên Chúa, đã hành hạ ngài một cách khủng khiếp đến nỗi vị thánh sau đó nằm bất động và câm lặng, điều mà chính ngài sau này đã nhiều lần kể lại; những cực hình mà

[1097] Những lời Kinh Thánh nêu trên thuộc về Thánh Tiên tri của Đức Chúa Trời Ê-li người Tê-sê-vi

ngài phải chịu vượt xa mọi nỗi đau khổ của con người. Nhưng nhờ lòng thương xót của Chúa, Đấng không bao giờ bỏ rơi những ai đặt niềm tin vào Ngài, Thánh Antôn đã không chết. Vài ngày sau, người quen của ngài đã được nhắc đến trước đó đến thăm Thánh Antôn, mang theo thức ăn như thường lệ. Khi mở cửa và thấy ông nằm bất động trên mặt đất, người ấy đã bế ông dậy và mang về làng của mình.

Khi tin đồn lan rộng, hàng xóm và họ hàng đã tụ tập lại bên cạnh Anthony và với nỗi đau buồn sâu sắc, họ bắt đầu cử hành lễ cầu siêu cho anh như thể anh đã qua đời. Nhưng vào nửa đêm, khi mọi người đã chìm vào giấc ngủ say vì mệt mỏi, Anthony bắt đầu dần tỉnh lại; anh thở dài và ngẩng đầu lên, nhận ra rằng chỉ có người đã mang anh về đây là vẫn còn thức. Gọi người đó lại gần, anh cầu xin người ấy, đừng đánh thức ai, hãy đưa anh trở lại chỗ cũ, và điều đó đã được thực hiện, và Antony lại tiếp tục sống trong sự cô độc. Vì vết thương mà không còn sức để đứng vững, anh cầu nguyện trong tư thế nằm sấp, và sau khi cầu nguyện, anh lớn tiếng kêu lên:

– Hỡi các quỷ dữ! Này, tôi, Antôn, đang ở đây. Tôi không trốn tránh cuộc chiến với các ngươi; hãy biết rằng nếu các ngươi làm bất cứ điều gì còn tồi tệ hơn trước đây, thì không gì có thể tách rời tôi khỏi tình yêu dành cho Chúa Kitô.

Trong lúc đó, vị Thánh đã hát:

– *"Dù cả một đạo quân nổi dậy chống lại tôi, lòng tôi cũng không sợ hãi"* (Thánh vịnh 26:3).

Lúc đó, kẻ thù ghét điều thiện – ma quỷ, ngạc nhiên vì Antôn dám quay trở lại đây sau những trận đòn như vậy, liền triệu tập lũ quỷ của mình và giận dữ nói với chúng:

– Các ngươi thấy chưa, – chúng ta đã không thể đánh bại hắn bằng cả tinh thần dâm dục lẫn những vết thương trên thân thể, – sau cả hai điều đó, hắn chỉ càng chế nhạo chúng ta với sự táo bạo hơn; vậy thì mỗi kẻ hãy trang bị cho mình để tham gia vào một cuộc chiến còn mạnh mẽ và dai dẳng hơn nữa với hắn, để hắn cảm nhận được mình đã thách thức ai.

Và ngay sau đó, cả đám quỷ dữ đều lao vào một cuộc hỗn loạn điên cuồng, bởi vì quỷ dữ có rất nhiều cách để chống lại con người. Bỗng nhiên vang lên một tiếng sấm rền đến nỗi nơi này rung chuyển tận nền móng, và các bức tường sụp đổ; và ngay lập tức, vô số quỷ dữ ùa vào và tràn ngập nơi ở của Antony, chúng hiện ra dưới hình dạng những bóng ma của sư tử, sói, rắn hổ mang[1098] , rắn, bọ cạp[1099] , linh miêu và gấu; và mỗi bóng ma trong số đó đều bộc lộ cơn thịnh nộ theo cách phù hợp với hình dạng của mình: con sư tử gầm rú, chuẩn bị nuốt chửng Antony, con trâu rừng dọa nạt bằng tiếng gầm và cặp sừng, con rắn uốn éo kèm theo tiếng rít, bầy sói lao tới như tên bắn, con linh miêu thì tìm cách tấn công theo cách riêng của nó; tất cả những bóng ma này đều vô cùng đáng sợ về ngoại hình, còn tiếng gầm rú của chúng thì thực sự kinh hoàng. Antonius, bị chúng làm cho kinh hoàng và dằn vặt, phải chịu đựng những đau khổ tột cùng, nhưng ông không hề nao núng và vẫn giữ được sự tỉnh táo cùng sự minh mẫn. Dù những vết thương trên cơ thể gây ra đau đớn cho ông, nhưng với tâm hồn kiên định, ông dường như chế nhạo kẻ thù và nói:

– Nếu các ngươi còn chút sức lực nào, thì chỉ cần một người trong số các ngươi cũng đủ để đối đầu với ta rồi – nhưng vì Chúa đã tước đi sức mạnh của các ngươi, nên các ngươi mới cố gắng dọa nạt bằng số lượng đông đảo; chính việc các ngươi đã hóa thân thành những con thú vô tri vô giác đã là dấu hiệu rõ ràng cho thấy sự yếu đuối của các ngươi.

Và một lần nữa, anh dũng cảm tiếp tục nói với chúng:

– Nếu theo ý Chúa, các ngươi có sức mạnh để tấn công và nuốt chửng ta, thì đây, ta đây – sao còn chần chừ? Còn nếu các ngươi không được ban cho sức mạnh ấy để đối phó với ta, – thì tại sao lại phải vất vả một cách vô ích? Dấu thánh giá và đức tin vào Chúa là bức tường phòng thủ bất khả xâm phạm đối với chúng ta.

Vậy nên, sau nhiều lần ám sát và những nỗ lực vô ích nhằm dọa nạt Thánh Antôn, lũ quỷ chỉ biết nghiến răng, bởi không những không ai trong số chúng đạt được thành công nào, mà ngược lại, chính chúng lại bị ngài đánh bại và làm nhục.

Chúa Giêsu đầy lòng thương xót, khi che chở cho tôi tớ của Ngài, đã không bỏ rơi ngài trong cuộc chiến cam go với các quỷ dữ. Ngước mắt lên, Thánh Antôn thấy vòm mộ mở ra phía trên ngài và một tia sáng rực rỡ đang chiếu xuống, xua tan bóng tối. Khi ánh sáng xuất hiện, không còn một con quỷ nào nữa, cơn đau thể xác lập tức dịu

---

[1098] Aspis – một loài rắn độc.

[1099] Loài động vật độc thuộc họ nhện-giáp xác, có nọc độc ở đuôi; thường xuất hiện ở các nước nóng và sống ở những nơi ẩm ướt, giữa các tảng đá, trong các khe nứt tường, trong hầm, v.v.

đi, còn ngôi mộ, vốn đã sụp đổ khi lũ quỷ xuất hiện, lại trở nên nguyên vẹn. Nhận ra đó là sự viếng thăm của Chúa, vị thánh nhân thở dài sâu thẳm từ tận đáy lòng và kêu lên, khuôn mặt hướng về ánh sáng đang chiếu rọi mình:

– Ngài đã ở đâu, lạy Chúa Giê-su đầy lòng thương xót? Ngài đã ở đâu và tại sao ngay từ đầu Ngài không hiện ra để chữa lành những vết thương của con?

Và có một tiếng nói vang lên với ngài:

– Antôn! Ta đã ở đây, nhưng Ta đã chờ đợi, mong muốn chứng kiến lòng dũng cảm của con; giờ đây, sau khi con đã kiên cường vượt qua cuộc chiến đấu, Ta sẽ luôn giúp đỡ con và tôn vinh con trên khắp thế gian.

Nghe vậy, Antôn đứng dậy và cảm thấy mình mạnh mẽ đến nỗi, dường như anh đã lấy lại được sức lực nhiều hơn cả những gì đã tiêu hao trong cuộc chiến. Lúc đó, Thánh Antôn được ba mươi lăm tuổi.

Sau đó, Antôn đến gặp vị tu sĩ cao niên đã được nhắc đến trước đó, người mà anh đã tìm đến xin chỉ dẫn ngay từ đầu, và nài nỉ ông cùng anh đi định cư trong sa mạc tại một nơi hẻo lánh nào đó. Khi vị tu sĩ từ chối – cả vì tuổi già lẫn vì lối sống tu hành này còn quá mới mẻ[1100] , Antôn đã dũng cảm một mình lên đường đến ngọn núi hoang vu xa xôi, nơi chưa từng được các tu sĩ biết đến. Nhưng kẻ thù, không ngừng cám dỗ ông và muốn cản trở ý định của ông, đã ném một chiếc đĩa bạc xuống đường đi của ông – nhằm cám dỗ ông bằng lòng tham bạc. Khi nhìn thấy chiếc đĩa, Anthony nhận ra mưu mô của kẻ thù và dừng lại một lát để suy ngẫm. Nhìn về phía chiếc đĩa, ông bắt đầu vạch trần kẻ dụ dỗ đang ẩn mình dưới hình hài của bạc và thầm nói với chính mình:

– Làm sao chiếc đĩa này lại có mặt ở sa mạc được? – Đây chỉ là con đường dành cho thú vật và chim chóc, ở đây thậm chí không có một dấu chân người nào; hơn nữa, nếu nó rơi ra khỏi túi, thì vì kích thước lớn của nó, người đánh rơi chắc chắn sẽ không thể không nhận ra, và người đó, dù sao đi nữa, cũng sẽ quay lại, tìm kiếm trên con đường đã đi qua và tìm thấy vật bị mất, vì nơi đây hoang vắng. Đó là mưu mô của ngươi, hỡi quỷ dữ, nhưng ngươi sẽ không cản trở được ý định của ta: *"Bạc của ngươi sẽ cùng ngươi bị hủy diệt"* (Công vụ 8:20).

Và ngay khi ông vừa dứt lời, chiếc đĩa lập tức biến mất, như làn khói tan biến khỏi ngọn lửa.

Một lần khác sau đó, anh ta nhìn thấy một lượng lớn vàng nằm rải rác trên đường đi. Anh ta nhanh chóng nhảy qua đống vàng ấy, như thể đang nhảy qua ngọn lửa, rồi vội vã chạy vào sa mạc. Sau khi băng qua con sông ở đó, anh ta tìm thấy trên núi một khu đất trống được rào kín, nơi này do bị bỏ hoang từ lâu nên đầy rẫy đủ loại bò sát độc và rắn. Antony định cư tại đây[1101] , và cả đàn bọ cạp, như thể bị ai đó xua đuổi, lập tức tản ra bốn phía. Anh ta dùng đá chặn lối vào; mang theo đủ bánh mì dùng trong sáu tháng – vì người Phivia có thói quen dự trữ bánh mì, và bánh mì của họ thường không bị hỏng trong suốt cả năm – và với một ít nước bên trong hàng rào, ông bắt đầu sống ở đó trong sự cô độc hoàn toàn, như một ẩn sĩ, không bao giờ tự mình ra ngoài và cũng không tiếp đón ai đến thăm. Chỉ hai lần trong năm, ông mới nhận bánh mì qua mái nhà, do một người bạn mang đến – người mà trước đó ông đã nhờ vả; nhưng ông không nói một lời nào với người mang bánh mì đến.

Khi nhiều người, mong muốn được gặp Antony để nhận được sự an ủi tinh thần, đến trước cửa nơi ở của ông, họ nghe thấy những tiếng nói của các linh hồn ô uế hướng về phía Antony, chúng la hét:

– Sao ngươi lại đến lãnh địa của chúng ta? Ngươi có chuyện gì ở sa mạc này? Hãy rời khỏi lãnh địa của người khác đi, ngươi không đủ sức để sống ở đây và chịu đựng những cuộc tấn công của chúng ta!

Trong cuộc chiến không ngừng nghỉ với các quỷ dữ và trong sự ẩn dật xa lánh con người như vậy, Thánh Antôn đã sống trọn vẹn hai mươi năm.

Khi đến lúc phải nỗ lực không chỉ vì sự cứu rỗi của chính mình mà còn vì lợi ích của người khác, nhiều người đã tụ tập trước nơi ở của Thánh Antôn, mong muốn noi gương đời sống tu hành của ngài, và họ đã dùng sức mạnh phá vỡ lối vào nơi ở của ngài. Thấy khuôn mặt ngài rạng rỡ và thân thể khỏe mạnh, họ ngạc nhiên không hiểu sao sau những lần ăn chay và những việc tu hành khắc khổ, cũng như sau cuộc chiến đấu với ma quỷ như vậy, ngài lại không hề thay đổi cả về khuôn mặt lẫn thân thể. Kể từ lúc đó, vị thánh trở thành người hướng dẫn, mục tử, thầy dạy đời sống tu hành và người dẫn đường trên con đường lên thiên đàng cho những người khác. Chúa đã giúp đỡ ngài đến mức sau này ngài có vô số môn đệ, những người mà ngài đã thuyết phục từ bỏ thế gian và chính bản thân họ. Trong một thời gian ngắn, nhiều tu viện đã được thành lập, nơi ngài với tình yêu thương đã hướng dẫn đời sống

---

[1100] Trước Thánh Antôn Vĩ Đại và người cùng thời với ngài, Thánh Phaolô thành Thebes, hình thức tu hành này – đời sống ẩn dật – vẫn chưa được biết đến.

[1101] Đó là vào năm 285.

tu hành cho các tu sĩ, cả những người mới lẫn những người cũ – cả về tuổi tác lẫn thời gian tu hành. Một lần nọ, các tu sĩ tụ họp lại và xin ngài ban cho họ quy tắc sống tu hành. Ngài cất cao giọng đáp:

– Để học cách tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa, chỉ cần các Sách Thánh là đủ; tuy nhiên, không thể không coi đó là việc rất tốt lành và đáng khen, nếu các anh em an ủi lẫn nhau bằng lời nói. Vì vậy, hãy chia sẻ với tôi, như con cái với cha, những gì các anh em biết; còn tôi, như với con cái, sẽ truyền đạt cho các anh em những gì tôi đã học được từ kinh nghiệm lâu năm. Trước hết, hãy lấy điều này làm nguyên tắc chung cho tất cả các con: – để không ai nản lòng trong công việc mà mình đã tự nguyện đảm nhận, nhưng mỗi người hãy luôn nỗ lực, như những người mới bắt đầu, để nhân lên và phát triển những gì đã khởi sự.

Tiếp tục bài giảng của mình, Thánh Antôn đã truyền đạt cho họ nhiều lời dạy hữu ích, như có thể thấy qua cuộc trò chuyện của ngài, được trình bày chi tiết trong cuốn tiểu sử về Thánh Antôn do Athanasius Đại đế biên soạn. Trong bài viết này, chỉ những nội dung quan trọng nhất từ cuộc trò chuyện đó sẽ được trích dẫn. Về cuộc sống vĩnh cửu, Thánh Antôn đã nói như sau:

– Trong cuộc đời hiện tại này, giá trị của một món hàng được mua thường bằng với giá trị thực của nó, và người bán không nhận được gì hơn thế. Nhưng lời hứa về cuộc sống vĩnh cửu lại được đổi lấy với một cái giá quá rẻ: nó được ban cho chúng ta để đổi lấy cuộc đời ngắn ngủi, mà Kinh Thánh đã chép rằng: *"Tuổi thọ của chúng ta là bảy mươi năm, và nếu khỏe mạnh hơn thì tám mươi năm; nhưng thời gian tốt nhất trong số đó lại là lao động và* bệnh tật*"* (Thánh Vịnh 89:10). Ngay cả khi chúng ta sống trọn tám mươi hay một trăm năm, thì trong cuộc sống tương lai, chúng ta sẽ không chỉ cai trị trong một khoảng thời gian giới hạn nào đó, mà sẽ trị vì muôn đời muôn kiếp trong khoảng thời gian đã nêu trên; hơn nữa, chúng ta sẽ không nhận được đất đai làm sở hữu, mà là thiên đàng; sau khi từ bỏ thân xác hư nát, chúng ta sẽ nhận lại thân xác ấy trong sự bất hủ. Vậy nên, hỡi các con của ta, đừng để mình chìm trong buồn phiền, bởi vì *"những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì so với vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng ta"* (Rô-ma 8:18).

Về những người từ bỏ thế gian và có xu hướng phóng đại tầm quan trọng của hành động của mình, ngài đã nói:

– Chớ ai trong số những người từ bỏ thế gian này lại tự cho rằng mình đã từ bỏ điều gì đó vĩ đại, bởi vì, so với những ân huệ trên trời, cả trái đất này đều hèn mọn và nhỏ bé. Nếu cả thế gian gộp lại cũng không sánh được với các nơi ở trên trời, thì mỗi người hãy suy ngẫm và hiểu rằng, khi từ bỏ vài vườn nho, hoặc ruộng đồng và nhà cửa, hoặc một lượng vàng nhỏ nhoi, người ấy không thể – vừa nói rằng mình đã từ bỏ điều vĩ đại, vừa than thở rằng phần thưởng mình nhận được sẽ nhỏ nhoi. Giống như người từ bỏ một đồng tiền đồng nhỏ để đổi lấy một trăm đồng tiền vàng – người từ bỏ cả thế gian, dù cả thế gian đó có nằm trong tay người ấy đi chăng nữa, thì trong Nước Trời, người ấy vẫn sẽ nhận được phần thưởng gấp trăm lần.

Về tính hư ảo của các của cải trần gian và lợi ích to lớn của các đức hạnh, vị thánh đã nói như sau:

– Chúng ta phải ghi nhớ thật vững chắc điều này: dù ai có không muốn từ bỏ của cải của mình đi chăng nữa, thì cái chết cũng sẽ buộc phải tách rời họ khỏi những thứ đó. Nếu vậy, tại sao chính chúng ta lại không làm điều tương tự vì đức hạnh? Tại sao không tự nguyện từ bỏ tài sản của mình vì Nước Trời, thứ mà dù sao chúng ta cũng sẽ mất đi vào cuối cuộc đời này? Hãy để các Kitô hữu đừng bận tâm đến những gì mà khi chết, họ không thể mang theo được. Thay vào đó, hãy dốc hết sức lực của tâm hồn để hướng tới việc đạt được những điều sẽ đưa chúng ta lên thiên đàng sau khi chết, như: sự khôn ngoan, sự trong sạch, công bằng, cuộc sống đạo đức, sự sáng suốt, lòng yêu thương người nghèo, đức tin vững chắc vào Chúa Kitô, sự nhẫn nại, và lòng hiếu khách. Khi hướng tới những điều này, chúng ta sẽ sống một cuộc đời thanh thản ngay trên trần gian[1102] .

Về việc phục vụ Chúa Kitô một cách nhiệt thành và không ngừng nghỉ, Thánh Antôn đã nói như sau:

– Chúng ta không nên quên rằng chúng ta là nô lệ của Chúa Kitô và phải phục vụ Ngài, Đấng Tạo Hóa của mình. Một nô lệ không thể từ chối thi hành các mệnh lệnh liên quan đến hiện tại hay tương lai, với lý do rằng mình đã làm việc trong quá khứ, và không dám nói rằng, vì đã mệt mỏi với công việc trước đây, nên bây giờ phải được tự do, – trái lại, mỗi ngày người ấy đều thực hiện cùng một công việc với sự tận tâm như nhau, vừa để làm vui lòng chủ nhân, vừa để bản thân không phải chịu đòn roi và hình phạt vì sự lười biếng. Cũng như vậy, chúng ta phải luôn

[1102] Trong tiểu sử đầy đủ về Thánh Antôn Vĩ Đại, do Thánh Athanasius thành Alexandria biên soạn, cụm từ cuối cùng này được diễn đạt phù hợp hơn với dòng suy nghĩ chung, cụ thể như sau: "Những thành quả này sẽ chuẩn bị cho chúng ta nơi nương náu trên đất của những người hiền lành (tức là trên thiên đàng) trước khi chúng ta đến đó".

tận tâm tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời, vững tin rằng Chúa là Đấng ban thưởng công bằng, và rằng con người sẽ bị kết án vì tội lỗi nào mà cái chết ập đến với họ. Ngài đã làm chứng rõ ràng về điều này qua lời của tiên tri Ê-xê-chi-ên: *"Người ấy sẽ chết vì sự bất chính mà người ấy đã phạm"* (Ê-xê-chi-ên 33:13). Đó là lý do tại sao Giu-đa khốn nạn, chỉ trong một đêm, vì tội ác mà hắn đã phạm, đã mất đi thành quả lao động của mình trong suốt thời gian trước đó. Vì vậy, chúng ta phải luôn nỗ lực tuân giữ các điều răn của Chúa với cùng một sự nhiệt thành, và chính Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ chúng ta trong việc đó, như đã chép: *"Mọi sự đều hiệp lại làm ích cho những ai yêu mến Đức Chúa Trời"* (Rô-ma 8:28).

Và để không sa vào sự lười biếng, Antôn khuyên chúng ta hãy luôn nhớ đến cái chết và trích dẫn lời của vị Tông đồ, người đã nói như vậy về việc ông chết đi mỗi ngày: *"Chúng ta phải đối mặt với nguy nan từng giờ. Tôi chết đi mỗi ngày"* (1 Cô-rinh-tô 15:30).

– Vì vậy, – Thánh Antôn tiếp lời, – chúng ta, những con người, hãy cố gắng sống công chính và, khi suy ngẫm về giờ lâm chung, đừng phạm tội. Khi thức dậy, đừng hy vọng sẽ sống đến tối, và khi đi ngủ, hãy nhớ rằng có thể chúng ta sẽ không sống đến sáng; chúng ta đừng quên rằng thời gian sống của mình là điều chúng ta không biết, và rằng chúng ta hoàn toàn nằm trong quyền năng của Đức Chúa Trời. Và khi sống như vậy mỗi ngày, chúng ta sẽ không phạm tội, không bị cám dỗ bởi bất kỳ ham muốn tai hại nào, không giận dữ với nhau, cũng không tích trữ của cải trần gian, nhưng, như những người luôn chờ đợi cái chết từng phút, chúng ta sẽ coi thường mọi thứ phù du: tình yêu của phụ nữ sẽ mất hết ý nghĩa đối với chúng ta, ngọn lửa dục vọng sẽ tắt lịm, và khi đó chúng ta sẽ tha thứ tội lỗi cho nhau, luôn giữ trong tâm trí hình ảnh Ngày Phán Xét Cuối Cùng; sự sợ hãi trước Ngày Phán Xét đó và sự run rẩy khi nghĩ đến những cực hình vĩnh viễn trong địa ngục sẽ loại bỏ trước sự dễ chịu của khoái lạc xác thịt và giữ cho linh hồn không sa vào vực thẳm tội lỗi.

Về Nước Trời, Thánh Antôn còn nói thêm:

– Người Hy Lạp, khi tìm kiếm sự khôn ngoan, đi ra biển khơi và hỏi han các thầy giáo ngoại quốc về những giáo lý trống rỗng; còn chúng ta thì hoàn toàn không cần phải đi từ nước này sang nước khác hay vượt biển để tìm kiếm Nước Trời, vì chính Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, đã phán trong Phúc Âm: *"Nước Thiên Chúa ở ngay trong các ngươi"* (Lc 17,21), và để đạt được nó, chúng ta chỉ cần có thiện chí mà thôi.

Về việc chiến đấu với ma quỷ, Thánh Antôn đã đưa ra những lời dạy sau đây:

– Chính Đức Chúa Trời đã chỉ dạy chúng ta phải luôn theo dõi một cách không lơ là những gì đang diễn ra trong tâm hồn mình, bởi vì chúng ta có những kẻ thù rất xảo quyệt trong cuộc chiến – tôi muốn nói đến các quỷ – và theo lời của vị Tông đồ (Ê-phê-sô 6:11–12), chúng ta phải không ngừng chiến đấu chống lại chúng. Chúng vô số bay lượn trong không trung, cả những đạo quân kẻ thù bao vây chúng ta từ mọi phía. Tôi không thể giải thích cạn kiệt cho các bạn mọi sự khác biệt giữa chúng; tôi chỉ nói ngắn gọn về những cách thức mà tôi biết, qua đó chúng cố gắng lừa dối chúng ta. Trước hết, chúng ta phải ghi nhớ vững chắc rằng Đức Chúa Trời không phải là nguồn gốc của sự ác, và rằng các quỷ dữ trở nên ác không phải theo ý muốn của Ngài: sự thay đổi đó trong chúng không phải do bản chất, mà phụ thuộc vào ý chí riêng của chúng. Được tạo dựng bởi Đức Chúa Trời nhân từ, ban đầu chúng là những linh hồn thiện lành, nhưng vì kiêu ngạo nên đã bị đuổi xuống từ trời xuống đất, nơi chúng, chìm đắm trong sự ác, đã lừa dối các dân tộc bằng những giấc mơ hão huyền và dạy họ thờ lạy tà thần; còn đối với chúng ta, những người Kitô hữu, chúng ghen tị vô cùng và không ngừng gây ra mọi điều ác chống lại chúng ta, vì lo sợ rằng chúng ta sẽ kế thừa vinh quang xưa kia của chúng trên trời. Mức độ sa đọa vào tội ác của chúng rất đa dạng và phong phú: một số trong số chúng đã sa ngã đến tận cùng trong vực thẳm của sự vô đạo, số khác có vẻ ít độc ác hơn, nhưng tất cả chúng, tùy theo khả năng của mình, đều chống lại mọi đức hạnh bằng nhiều cách khác nhau. Vì vậy, chúng ta cần những lời cầu nguyện mạnh mẽ và những hành động kiêng khem để nhận được từ Thiên Chúa ân sủng của sự phân biệt – để nhận ra sự khác biệt giữa các thần ác, để nhận biết trong từng trường hợp cụ thể những mưu mô và sự lừa dối đa dạng của chúng, và đẩy lùi tất cả bằng cùng một dấu hiệu Kitô giáo – Thánh Giá của Chúa. Sau khi nhận được ân sủng này, Thánh Tông Đồ Phaolô đã khuyên nhủ: *"để Satan không gây hại cho chúng ta, vì chúng ta không hề không biết những mưu đồ của nó"* (2 Cr 2,11). Chúng ta cũng cần noi gương vị Tông đồ và cảnh báo người khác về những gì chính mình đã trải qua, đồng thời – chung tay khuyên răn lẫn nhau. Về phần mình, tôi đã chứng kiến nhiều sự lừa dối xảo quyệt từ các quỷ dữ và nói với các con điều này như nói với những đứa trẻ, để khi đã được cảnh báo, các con có thể tự bảo vệ mình giữa những cám dỗ tương tự. Sự thù hận của ma quỷ đối với tất cả các Kitô hữu là rất lớn, đặc biệt là đối với các tu sĩ và các trinh nữ của Chúa Kitô: chúng rải rác những cám dỗ khắp nơi trong cuộc sống của họ, cố gắng làm hư hỏng lòng họ bằng những ý nghĩ chống lại Thiên Chúa và ô uế. Nhưng

đừng ai trong các con vì thế mà sợ hãi, vì bằng những lời cầu nguyện nồng nhiệt dâng lên Thiên Chúa và việc ăn chay, ma quỷ sẽ lập tức bị xua đuổi. Tuy nhiên, nếu chúng tạm ngừng tấn công trong một thời gian, đừng nghĩ rằng các con đã hoàn toàn chiến thắng, vì sau khi bị đánh bại, ma quỷ thường tấn công trở lại với sức mạnh còn lớn hơn. Bằng cách thay đổi thủ đoạn một cách xảo quyệt, nếu chúng không thể dụ dỗ con người bằng những ý nghĩ, thì chúng sẽ cố gắng lừa gạt hoặc dọa nạt người đó bằng những bóng ma, lúc thì hóa thân thành người phụ nữ, lúc thì thành con bọ cạp, lúc thì biến thành một người khổng lồ cao bằng ngôi đền, thành cả một đội quân chiến binh hoặc thành bất kỳ bóng ma nào khác, tất cả đều biến mất ngay khi người ta làm dấu thánh giá lần đầu tiên. Nếu người ta nhận ra mưu kế lừa dối của chúng, chúng sẽ tự xưng là những nhà tiên tri và cố gắng, giống như các nhà tiên tri trong , tiên đoán về những sự kiện trong tương lai. Nếu ngay cả trong trường hợp này chúng vẫn phải chịu sự sỉ nhục, chúng sẽ kêu gọi chính chúa tể của mình – nguồn gốc và trung tâm của mọi điều ác – đến giúp đỡ trong cuộc chiến.

Đã nhiều lần vị thánh cha của chúng ta, Thánh Antôn Vĩ Đại, kể lại về hình ảnh ma quỷ y hệt như vậy đã hiện ra trước mắt ngài, hình ảnh mà đôi mắt được Thiên Chúa soi sáng của Giốp đã từng chứng kiến: "Mắt hắn như lông mi của bình minh; từ miệng hắn phun ra những ngọn lửa, những tia lửa bắn tung tóe; khói bốc ra từ lỗ mũi hắn, như từ nồi hay chảo đang sôi sục. Hơi thở của hắn làm than hồng rực lên, và lửa bùng ra từ miệng hắn" (Giốp 41:9–10). Vị chúa tể quỷ dữ đã hiện ra dưới hình dạng đáng sợ như vậy. Hắn muốn hủy diệt cả thế giới ngay lập tức, nhưng thực tế hắn không có chút quyền năng nào: quyền năng toàn năng của Đức Chúa Trời chế ngự hắn, giống như con vật bị kiềm chế bởi dây cương, hay như sự tự do của kẻ bị giam cầm bị xiềng xích hủy diệt. Hắn sợ cả dấu thánh giá, cả cuộc sống đạo đức của những người công chính, và Thánh Antôn đã nói về điều này như sau:

– Cuộc sống trong sạch và đức tin vô tì vết nơi Thiên Chúa có sức mạnh to lớn chống lại ma quỷ, hỡi các anh em yêu dấu. Hãy tin vào kinh nghiệm của tôi: đối với Satan, điều đáng sợ nhất chính là sự tỉnh thức của những người sống theo ý muốn của Thiên Chúa, những lời cầu nguyện và việc ăn chay của họ, sự hiền lành, sự nghèo khó tự nguyện, sự khiêm tốn, sự khiêm nhường, tình yêu, sự tiết chế, và hơn hết – tình yêu chân thành của họ dành cho Chúa Kitô. Con rắn kiêu ngạo ấy tự biết rõ rằng nó bị định đoạt phải bị những người công chính giẫm đạp dưới chân, theo lời Đức Chúa Trời: *"Này, Ta ban cho các con quyền giẫm lên rắn và bọ cạp, và mọi quyền lực của kẻ thù"* (Lc 10:19).

Thánh Antôn đã kể lại điều này để mang lại lợi ích thiêng liêng cho những người nghe, và đây là những điều khác nữa:

– Đã bao lần ma quỷ tấn công tôi dưới hình dạng những chiến binh vũ trang, và hóa thân thành bọ cạp, ngựa, thú dữ và đủ loại rắn, bao vây tôi và lấp đầy căn phòng nơi tôi đang ở. Khi tôi bắt đầu hát chống lại chúng: *"Có kẻ bằng xe chiến, có kẻ bằng ngựa, còn chúng ta thì tự hào về danh Chúa, Thiên Chúa của chúng ta"* (Thánh Vịnh 19:8), thì nhờ ơn trợ giúp đầy ân sủng của Thiên Chúa, chúng đã phải bỏ chạy. Có lần, chúng thậm chí còn hiện ra dưới hình dạng rất sáng chói và nói: "Chúng tôi đến đây, Antôn, để ban ánh sáng cho ngài." Nhưng tôi nhắm chặt mắt lại để không nhìn thấy ánh sáng ma quỷ ấy, bắt đầu cầu nguyện thầm trong lòng với Chúa – và ánh sáng chống lại Chúa của chúng đã tắt lịm. Một lúc sau, chúng lại xuất hiện và bắt đầu hát trước mặt tôi, đồng thời tranh luận với nhau về Kinh Thánh – nhưng tôi như người điếc và không nghe chúng. Có lúc chúng làm rung chuyển cả tu viện của tôi, nhưng tôi vẫn cầu nguyện với Chúa bằng trái tim không hề run sợ. Thường xuyên xung quanh tôi vang lên những tiếng la hét, tiếng nhảy múa và tiếng chuông; nhưng khi tôi bắt đầu hát, những tiếng la hét của chúng biến thành những tiếng khóc than thảm thiết, và tôi ngợi khen Chúa, Đấng đã tiêu diệt sức mạnh của chúng và chấm dứt cơn điên cuồng của chúng.

– Hãy tin điều này, các con của ta, – Thánh Antôn tiếp tục, – điều mà ta sẽ kể cho các con nghe: một lần nọ, ta đã thấy ma quỷ dưới hình dạng một người khổng lồ phi thường, kẻ đã dám tự xưng về bản thân mình rằng:

– Ta là sức mạnh và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, – rồi nó quay sang ta và nói những lời này:

– Hãy xin ta, Antôn, bất cứ điều gì ngươi muốn, và ta sẽ ban cho ngươi.

Còn tôi, để đáp lại, đã nhổ vào miệng hắn và, nhờ danh Chúa Kitô, lao thẳng vào hắn; và gã khổng lồ đó ngay lập tức tan biến và biến mất trong tay tôi. Khi tôi đang ăn chay, hắn lại hiện ra trước mặt tôi dưới hình dạng một tu sĩ, người mang bánh mì đến và khuyên tôi ăn.

– Ngươi – hắn nói – là con người và không thể thoát khỏi sự yếu đuối của loài người, hãy nới lỏng một chút cho thân xác mình đi, nếu không ngươi có thể bị ốm.

Nhưng tôi nhận ra đó là sự cám dỗ xảo quyệt của con rắn xảo trá, và khi tôi dùng đến vũ khí quen thuộc của mình – dấu Thánh Giá của Chúa Kitô – nó lập tức biến thành một làn khói, trườn về phía cửa sổ rồi biến mất qua đó. Các quỷ thường cố gắng dụ dỗ tôi trong sa mạc bằng cách đột ngột hiện ra dưới hình dạng ảo ảnh của vàng, với hy vọng cám dỗ tôi hoặc bằng vẻ ngoài của nó, hoặc qua việc chạm vào nó. Tôi cũng không giấu giếm rằng các quỷ đã nhiều lần tìm cách đánh đập tôi. Nhưng tôi kiên nhẫn chịu đựng những trận đòn đó và chỉ thốt lên:

– Không ai có thể tách tôi khỏi tình yêu của Đấng Christ!

Nghe những lời ấy, chúng nổi cơn thịnh nộ chống lại lẫn nhau và cuối cùng bị xua đuổi không phải theo ý tôi, mà theo lệnh của Thiên Chúa, như lời Chúa Kitô đã phán: *"Ta đã thấy Satan rơi xuống từ trời như tia chớp"* (Lc 10,18).

Một lần nọ, một con quỷ gõ cửa tu viện. Khi bước ra ngoài, tôi thấy trước mặt mình một gã khổng lồ khổng lồ, cái đầu dường như chạm tới tận trời cao. Và khi tôi hỏi:

– Ngươi là ai?

Nó đáp:

– Ta là Sa-tan.

Tôi hỏi:

– Ngươi đến đây làm gì?

– Vô ích thôi, – hắn đáp, – tất cả các tu sĩ đều buộc tội tôi, – và tại sao tất cả các tín đồ Kitô giáo lại nguyền rủa tôi?

– Họ làm như vậy là đúng, – tôi đáp lại, – bởi vì họ thường bị ngươi lừa dối.

– Ta chẳng làm gì họ cả, – hắn đáp, – nhưng chính họ tự làm rối loạn lẫn nhau. Vì ta đã bị nguyền rủa và bị lật đổ, – còn ngươi có nghe trong Kinh Thánh rằng *"Kẻ thù đã hoàn toàn mất hết vũ khí, và Ngài đã phá hủy các thành phố"* (Thánh Vịnh 9:7) không? Và quả thật, giờ đây ta đã bị tước đoạt mọi chỗ đứng trên thế gian, không còn một thành phố nào dưới quyền cai trị của ta, và ta cũng không còn vũ khí nào cả; mọi dân tộc ở khắp các quốc gia đều xưng danh Chúa Kitô, các sa mạc đã tràn ngập các tu sĩ. Vậy thì hãy để họ tự lo cho mình, và đừng vô cớ nguyền rủa ta.

Sau khi ngạc nhiên trước ân sủng của Đức Chúa Trời, tôi đáp lại ông ta:

– Lời thừa nhận mới mẻ và chưa từng nghe thấy này từ ngươi, ta không quy cho sự chân thật của ngươi – thứ mà ngươi chẳng có chút nào – mà chỉ duy nhất là nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời; còn ngươi, với tư cách là cha của sự dối trá, lẽ ra phải thừa nhận sự thật, và lần này, trái với ý muốn của mình, ngươi đã nói ra sự thật, bởi vì Chúa Kitô, qua sự giáng lâm của Ngài, đã triệt hạ hoàn toàn quyền lực của ngươi, và khi bị tước bỏ vinh quang thiên thần, giờ đây ngươi đang sống một cuộc đời thảm hại và nhục nhã trong mọi sự ô uế.

– Và ngay khi tôi vừa dứt lời, con quỷ lập tức biến mất.

Như vậy, vị thánh nhân đã khuyên nhủ các tu sĩ đừng sợ sức mạnh của ma quỷ – vốn đã bị Chúa Kitô khuất phục và lật đổ – nhưng hãy can đảm, với sự trợ giúp của Thiên Chúa, chiến đấu chống lại chúng, củng cố lòng mình bằng đức tin vào Chúa Kitô. Nghe những lời ấy, các tu sĩ vui mừng và ghi nhớ những lời dạy của vị cha mình để làm lợi cho bản thân. Ở một số người, khát vọng hướng tới đức hạnh càng thêm mạnh mẽ; ở những người khác, đức tin vốn yếu đuối trước đây được củng cố; một số người được thanh tẩy khỏi những ảo tưởng sai lầm trong tư tưởng, trái tim những người khác được giải thoát khỏi sự chi phối của những bóng ma đáng sợ, nhưng tất cả đều tràn đầy sự sẵn sàng hăng hái để khinh thường những cám dỗ của ma quỷ và kinh ngạc trước ân sủng vĩ đại về sự hiểu biết và phân biệt các thần linh mà Thiên Chúa đã ban cho Thánh Antôn.

Trên ngọn núi nơi Thánh Antôn cư ngụ, đã mọc lên vô số tu viện, những tu viện ấy phủ kín ngọn núi như những lều trại, chật ních các đoàn thể thiêng liêng gồm những người hát thánh vịnh, những người đọc Kinh Thánh, những người cầu nguyện, những người ăn chay, những người vui mừng trông đợi những ân huệ tương lai và chỉ lao động để làm việc bác ái. Tình yêu thương và sự hòa thuận ngự trị giữa họ, và nơi ở của họ giống như một thành phố, xa lạ với những xáo trộn của thế gian này, chỉ tràn ngập lòng đạo đức và sự công chính. Trong số họ không có kẻ nào dâm đãng, chửi rủa, thù hận, vu khống hay than vãn; chỉ có vô số những người tu hành, đồng lòng phụng sự Đức Chúa Trời, đến nỗi ai từng được chứng kiến những tu viện này và lối sống của họ, đều không thể không thốt lên và lặp lại lời Kinh Thánh: *"Lều trại của ngươi thật đẹp đẽ, hỡi Gia-cốp; nơi ở của ngươi thật tuyệt vời, hỡi Y-sơ-ra-ên! Giống như những vườn cây bên bờ sông, như những cây tùng đỏ, được Chúa trồng"* (Sách Dân Số 24:5–6).

Thời gian trôi qua, và Thánh Antôn tiếp tục làm việc ngày càng hăng say hơn. Trong khi đó, một cuộc đàn áp tàn bạo nhằm vào Giáo hội của Chúa Kitô đã nổ ra dưới tay vị vua vô đạo Maximian[1103] .

Và khi các thánh tử đạo bị dẫn đến Alexandria, thì Thánh Antôn cũng theo chân các nạn nhân của Chúa Kitô, bỏ lại tu viện của mình để làm điều đó.

– Hãy đi, – ngài nói, – chúng ta hãy đến dự tiệc sáng ngời của các anh em mình, để hoặc chính chúng ta cũng được hưởng ân sủng ấy, hoặc để chứng kiến những người khác đang chiến đấu vì đức tin.

Bởi tình yêu và lòng tốt của mình, vị thánh đáng kính thực sự là một vị tử đạo. Nhưng dù ngài mong muốn chịu khổ vì danh Chúa Kitô, sự tử đạo lại không phải là số phận dành cho ngài, vì Chúa đã giữ lại vị thầy và người hướng dẫn Antôn để phục vụ cho đoàn chiên của Ngài. Ngài công khai bày tỏ lòng trung thành của mình đối với các vị thánh tử đạo: gắn bó với họ bằng sợi dây tình yêu không thể đứt đoạn, ngài phục vụ họ khi họ bị xiềng xích, tháp tùng họ ra tòa, xuất hiện trước mặt những kẻ tra tấn và, không giấu giếm việc mình là Kitô hữu, ngài dường như thẳng thắn tìm cách chịu khổ vì Chúa Kitô. Tuy nhiên, không ai dám giơ tay lên chống lại ngài, bởi vì đó là ý muốn của Thiên Chúa, Đấng đã gìn giữ mạng sống của Thánh Antôn, mạng sống ấy có ích cho loài người hơn là cái chết tử đạo của ngài. Sau khi Đức Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Alexandria, chịu tử đạo và cuộc bách hại chấm dứt, Thánh Antôn trở về tu viện cũ của mình và, trong suốt quãng đời còn lại, noi gương các thánh tử đạo về đức tin và hy vọng, ngài đã rèn luyện thân xác bằng những việc tu hành đặc biệt khắc khổ và sự tỉnh thức liên tục. Quần áo bên trong của ngài là áo lông cừu, bên ngoài là áo choàng da. Ngài không bao giờ tắm rửa cơ thể, trừ những trường hợp cần phải lội qua nước, và cho đến khi qua đời, không ai từng thấy ngài trong tình trạng trần truồng.

Một lần nọ, khi ngài đang sống ẩn dật và đóng cửa trong phòng tu của mình, không tiếp ai, thì tướng quân Martinian đã đến gặp ngài cùng với cô con gái bị quỷ ám. Ông gõ cửa và nài nỉ vị thánh ra ngoài để cầu nguyện và giúp đỡ cô con gái đang đau khổ của mình. Thánh Antôn, không mở cửa, đã nhìn ra từ trên cao và nói:

– Tại sao ngươi lại cầu xin sự giúp đỡ của ta? Ta cũng là người phàm như ngươi, cả hai chúng ta đều yếu đuối theo bản tính. Nếu ngươi tin vào Đấng Christ, Đấng mà ta đang phụng sự, thì hãy đi, cầu nguyện với Đức Chúa Trời theo đức tin của ngươi, và con gái ngươi sẽ được lành bệnh.

Martinian đã tin, kêu cầu danh Chúa Kitô và trở về nhà cùng con gái đã được chữa lành ngay lập tức. Chúa đã thực hiện nhiều phép lạ khác nữa qua người tôi tớ của Ngài là Antony. Trong Phúc Âm, Ngài đã hứa: *"Các con hãy xin, thì sẽ được ban cho"* (Mt 7,7), và theo lời hứa ấy, khi gặp được người xứng đáng với ân sủng của Ngài, Ngài đã không từ chối ban cho người ấy quyền năng làm phép lạ: có rất nhiều người bị quỷ ám nằm trước cửa phòng tu của ngài – vì cửa phòng đã bị khóa – và tất cả họ đều được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài. Thánh Antôn nhận thấy rằng số lượng đông đảo những người viếng thăm này cản trở Ngài duy trì sự tĩnh lặng mà Ngài yêu thích; mặt khác, Ngài lo ngại rằng chính tâm trí mình có thể bắt đầu kiêu ngạo vì sự dồi dào của những dấu lạ được thực hiện qua Ngài, – và thế là Ngài quyết định lên vùng Thượng Phai-va-đi, nơi Ngài sẽ không được ai biết đến. Ông lấy ít bánh mì, ngồi xuống bên bờ sông và chờ thuyền để sang bờ bên kia. Bỗng nhiên, ông nghe thấy một giọng nói từ trên cao hỏi:

– Antony! Ngươi đang đi đâu và vì sao?

Không hề bối rối, vì đây không phải là lần đầu tiên ông nghe thấy giọng nói như vậy, Antony bình tĩnh trả lời:

– Vì mọi người ở đây không để tôi được yên, nên tôi quyết định lên đường đến Thượng Phivaida, để họ không ép buộc tôi làm những việc vượt quá khả năng của mình, và để họ không phá vỡ sự tĩnh lặng của tôi.

– Nếu con đi đến Fivaida, – giọng nói tiếp tục, – thì con sẽ phải chịu đựng những khó khăn tương tự, thậm chí còn nhiều hơn nữa. Còn nếu con thực sự muốn tu hành trong sự ẩn dật nghiêm ngặt, thì hãy đi ngay vào sa mạc nội địa.

– Ai sẽ chỉ đường cho tôi đến đó, vì tôi chưa từng biết nơi này? – Antony hỏi.

Đáp lại, giọng nói chỉ cho ông thấy những người Saracen, những người thường đi con đường này đến Ai Cập để buôn bán. Lúc này họ đang trên đường trở về, và Antôn tiến lại gần, xin họ cho ông đi cùng và đưa ông đến sa mạc. Họ vui vẻ đồng ý, vì nhận ra ở Antôn một người bạn đồng hành do chính Thiên Chúa sai đến. Sau ba ngày ba đêm đồng hành cùng những người Saracen trên đường đi, Thánh Antôn gặp một ngọn núi rất cao, từ dưới chân

[1103] Maximinus Daza – hoàng đế La Mã phương Đông; ông cai trị Syria và Ai Cập, trị vì từ năm 306–313. Cuộc đàn áp tàn bạo mà ông phát động chống lại các Kitô hữu diễn ra vào năm 311.

núi có một suối nước ngọt chảy ra; ngọn núi được bao quanh bởi một đồng bằng nhỏ, nơi mọc vài cây cọ dại. Thánh Antôn rất ưng ý nơi này – như thể chính Thiên Chúa đã chỉ định cho ngài – và Đấng đã trò chuyện với ngài một cách vô hình bên bờ sông quả thực đã thúc đẩy ngài chọn ngọn núi này làm nơi cư ngụ. Sau khi nhận bánh mì từ các bạn đồng hành, ngài bắt đầu sống một mình trên ngọn núi ấy, và không ai sống cùng ngài. Những người Saracen, khi thấy cuộc sống tu hành của ngài, bắt đầu mang bánh mì đến cho ngài; thỉnh thoảng ngài cũng tìm được chút an ủi khiêm tốn từ những quả chà là hoang dã. Sau này, khi các tu sĩ biết được nơi ngài cư ngụ, họ bắt đầu gửi thức ăn cho ngài với tình yêu thương, như những đứa con gửi cho cha mình. Nhưng Antôn, thấy điều đó gây phiền hà cho các anh em và muốn giải thoát họ khỏi sự vất vả ấy, đã nhờ một người trong số những người đến mang cho ông một cái cuốc, một cái xẻng và một ít hạt giống. Khi người đó làm theo, Anthony đi vòng quanh ngọn núi và chọn một chỗ nhỏ, thích hợp để đào và gieo hạt, vì có thể dẫn nước từ trên cao xuống để tưới tiêu. Sau khi xới đất ở đó, ông gieo hạt, và từ đó trở đi, năm nào ông cũng có lúa mì của riêng mình; trong lúc làm việc, ông cảm thấy vui mừng vì không làm phiền ai mà vẫn có thể nuôi sống bản thân trong sa mạc bằng chính công sức của đôi tay mình. Nhưng vì ở đó cũng có nhiều người bắt đầu đến tìm ông, nên để chiêu đãi khách, ông đã gieo thêm một số loại rau củ: đậu, đậu Hà Lan và các loại khác. Ban đầu, các loài thú bắt đầu đến đây để uống nước, chúng dẫm nát và ăn hết các loại rau. Một lần nọ, khi chúng tụ tập ở đây như thường lệ, vị tu sĩ bắt một con trong số đó, vỗ nhẹ vào nó bằng một cây gậy, rồi nói với tất cả chúng:

– Tại sao các ngươi lại gây hại cho ta, trong khi chính các ngươi cũng không thấy ta làm gì để gây khó dễ cho các ngươi? Nhân danh Chúa, ta ra lệnh cho các ngươi: hãy rời xa ta và đừng đến đây nữa.

Và kể từ đó, lũ thú, tuân theo lệnh cấm, không còn đến nữa. Vị tu sĩ sống một cuộc đời ẩn dật như vậy, dành trọn thời gian cho việc cầu nguyện và những việc tu hành không ngừng nghỉ. Tuy nhiên, được thúc đẩy bởi tình yêu dành cho vị tu sĩ già, các tu sĩ đồng đạo vẫn đến thăm ngài và cố gắng phục vụ ngài bằng mọi cách có thể. Mỗi người trong số họ mang theo ô liu và dầu ô liu, hoặc đậu lăng và các loại rau củ khác, khẩn khoản xin ngài giúp bổ sung dinh dưỡng cho thân thể đã suy yếu vì tuổi già của họ. Vị thánh nhân đã phải chịu đựng biết bao nhiêu cuộc tấn công khi sống ở đó, điều mà chúng ta biết được từ những người đã đến thăm ngài!

Quả thật, những lời của vị Tông đồ đã ứng nghiệm trên ngài: *"Cuộc chiến của chúng ta không phải chống lại huyết và thịt, nhưng chống lại các thần linh của sự ác dưới trời"* (Ê-phê-sô 6:12). Bao nhiêu tiếng thét kinh hoàng đã vang lên ở đó, như tiếng la hét của đám đông và tiếng vũ khí – cả ngọn núi dường như chật ních ma quỷ! Nhưng Thánh Antôn giống như một pháo đài và một mình ngài đã chiến thắng tất cả, đẩy lùi mọi đạo quân quỷ dữ bằng lời cầu nguyện quỳ gối. Và quả thực thật đáng kinh ngạc, làm sao một con người có thể sống trong sa mạc hoang vắng, không sợ hãi trước những cuộc tấn công liên miên của quỷ dữ, cũng như trước vô số loài thú bốn chân và loài bò sát độc hại. Đa-vít đã ca ngợi một cách chính xác: *"Ai trông cậy vào Chúa, như núi Si-ôn, sẽ không lay chuyển: sẽ tồn tại mãi mãi"* (Thi Thiên 124:1).

Một đêm nọ, khi An-tô-ni đang cầu nguyện và thức trắng để phụng sự Chúa, bỗng nhiên ông thấy cả tu viện của mình và thậm chí cả sa mạc xung quanh đều chật ních thú dữ, chúng há miệng rộng một cách đáng sợ và nghiến răng ken két. Nhưng vị thánh nhân, ngay lập tức nhận ra đây là mưu mô của kẻ thù – ma quỷ, đã nói:

– Nếu Chúa ban cho các ngươi quyền lực trên ta, thì ta sẵn sàng để các ngươi nuốt chửng; còn nếu các ngươi xuất hiện do sự xúi giục của Satan, thì hãy chạy đi, vì ta là tôi tớ của Đấng Christ.

Và theo lời vị thánh, tất cả các con thú đều quay đầu bỏ chạy vội vã, bị sức mạnh của Đức Chúa Trời đuổi theo.

Vài ngày sau, một cuộc chiến mới lại diễn ra với chính kẻ thù đó. Thánh nhân có thói quen tặng một món quà kỷ niệm cho mỗi người đến với ngài mang theo lễ vật, và để làm điều này, ngài đang đan một chiếc giỏ. Khi kéo sợi dây mà ngài đang dùng để đan giỏ, ngài bỗng cảm thấy có ai đó đang nắm chặt nó. Vị thánh đứng dậy và thấy một con thú, phần thân từ thắt lưng trở lên có hình dáng con người, còn nửa thân dưới lại có hình dáng con lừa. Thánh Antôn làm dấu thánh giá rồi nói:

– Tôi là tôi tớ của Chúa Kitô; nếu ngươi được sai đến với tôi, thì đây, tôi đây – tôi sẽ không chạy trốn.

Và ngay lập tức, con quỷ đó, cùng với vô số quỷ dữ khác, bỏ chạy và biến mất.

Một thời gian sau, các tu sĩ nài nỉ vị thánh đến thăm họ. Được thúc đẩy bởi tình yêu thương như cha dành cho họ, Thánh Antôn đã cùng họ chất bánh mì và nước lên lưng lạc đà – vì họ sắp phải đi qua vùng đất khô cằn – rồi lên đường. Trên đường đi, nước mang theo đã cạn hết, và vì cái nóng gay gắt, những người lữ hành đứng trước nguy cơ chết khát. Họ đã tìm kiếm khắp vùng lân cận nhưng vô ích, hy vọng tìm thấy chút nước mưa còn sót lại

trong các hố sâu; ngay cả con lạc đà cũng đã kiệt sức vì khát và cái nắng gay gắt. Trong tình thế nguy cấp như vậy, vị tu sĩ già, như thường lệ, đã cầu nguyện xin sự giúp đỡ. Ông tách ra khỏi các bạn đồng hành một quãng ngắn, quỳ gối, giơ hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện. Ngay lập tức, tại chính nơi đó xuất hiện một suối nước. Sau khi giải khát và mang theo một lượng nước dự trữ, những người lữ hành đã an toàn trở về với những người anh em đang chờ đợi họ. Họ tụ họp lại, ra đón vị tu sĩ và, với lòng kính trọng, hôn lên tay ông, nhận lời chúc phúc từ ông; còn ông, như thể mang từ trên núi xuống luật pháp hay một món quà quý giá nào đó dành cho họ, đã ban cho họ thức ăn tinh thần – khen ngợi những việc làm cao đẹp của những người lớn tuổi và dạy dỗ những người trẻ tuổi.

Sau khi ở lại đây một thời gian, ngài sớm quay trở lại ngọn núi của mình. Với quyền năng trên các linh hồn ô uế, vị thánh đã chữa lành cho nhiều người bị quỷ ám, đuổi các quỷ ra khỏi họ. Athanasius Đại Đế đã kể chi tiết về điều này trong cuốn tiểu sử về Thánh Antony do ngài biên soạn. Vị thánh nhân còn chữa lành nhiều bệnh tật khác bằng lời cầu nguyện của mình; ngài cũng được ban cho ân sủng tiên tri – ngài có thể nhìn thấy tương lai và những điều ở xa như thể chúng đang hiện ra trước mắt ngài. Một lần nọ, có hai anh em đi từ xa đến gặp vị thánh; trên đường đi, họ đã cạn hết nước, và một trong hai người, theo ý Chúa, đã qua đời, còn người kia thì nằm kiệt sức trên mặt đất và chờ chết. Lúc đó, Thánh Antôn đang ở trên núi, liền vội vàng gọi hai tu sĩ đến và ra lệnh cho họ mang theo một bình nước, nhanh chóng đi theo con đường dẫn đến Ai Cập, đồng thời nói:

– Một anh em đang trên đường đến đây đã về với Chúa rồi; người kia cũng sẽ chết nếu các con không nhanh chóng đến giúp đỡ.

Các tu sĩ vội vã lên đường theo chỉ dẫn của ngài, và thấy mọi việc đúng như lời vị tu sĩ già đã nói. Họ cho người đang kiệt sức vì khát uống nước và đưa anh ta về cùng, còn người đã qua đời thì họ chôn cất. Một lần khác, ngài đang ngồi trên núi, ngước mắt lên trời thì thấy một linh hồn nào đó đang thăng thiên, được các Thiên thần vui mừng hộ tống. Ngạc nhiên trước cảnh tượng này, vị thánh nhân đã cầu nguyện để được mách bảo ý nghĩa của thị kiến này. Và có một tiếng nói vang lên:

– Đó là linh hồn của tu sĩ Ammonius, người từng sống ở Nitria.

Ammonius là một vị tu sĩ già, người đã sống một cuộc đời tu hành khắc khổ từ thuở thiếu thời cho đến khi qua đời, như được ghi chép trong cuốn tiểu sử của ngài (vào ngày 4 tháng 10); còn quãng đường từ ngọn núi nơi Thánh Antony cư ngụ đến Nitria mất mười ba ngày đi đường. Các môn đệ của Antôn, thấy vị tu sĩ già của mình đang vui mừng và ngạc nhiên, liền xin ngài giải thích lý do cho sự vui mừng và ngạc nhiên đó.

– Hôm nay Ammonius đã qua đời, – vị trưởng lão trả lời họ.

Họ biết Ammoni vì ông thường hay đến đây. Ghi nhớ ngày đó, các đệ tử của Thánh Antôn bắt đầu hỏi han các anh em đến thăm sau ba mươi ngày và được biết từ họ rằng Ammonius quả thực đã qua đời vào chính ngày và giờ mà vị tu sĩ cao niên đã chứng kiến linh hồn ông được rước lên trời[1104] . Cả hai nhóm đều vô cùng kinh ngạc trước sự trong sạch của tâm hồn Thánh Antôn, nhờ đó ngài có thể biết được sự kiện xảy ra ở nơi rất xa một cách nhanh chóng như vậy.

Một lần, vào khoảng chín giờ, vị thánh nhân, sau khi thức dậy để cầu nguyện trước bữa ăn, bỗng bị cuốn đi bởi tâm trí và thấy mình đang bay lượn trên không trung. Lúc đó, các quỷ dữ trên không cố gắng chặn đường và cản trở việc thăng thiên của ngài. Nhưng các Thiên thần đã chống lại chúng và yêu cầu nêu rõ lý do cản trở. Chúng bắt đầu liệt kê những tội lỗi của Thánh Antôn từ khi ngài mới chào đời. Nhưng các Thiên thần đã ngăn chúng lại và nói:

– Những gì xảy ra từ khi sinh ra, Chúa đã xóa bỏ; nhưng nếu các ngươi biết về bất kỳ tội lỗi nào của ông kể từ khi ông trở thành tu sĩ và dâng lời thề hứa với Chúa, thì các ngươi có thể nói về điều đó.

Lúc đó, những con quỷ, vì lòng thù hận, bắt đầu vu khống Anthony, buộc tội anh ta về những tội lỗi mà anh ta chưa từng phạm; và khi điều đó không dẫn đến kết quả gì, con đường tự do đã mở ra cho Anthony. Khi tỉnh táo lại, Anthony thấy mình vẫn đang đứng tại chỗ cũ. Bị chấn động bởi cảnh tượng đó, ông quên cả việc ăn uống và dành cả đêm để cầu nguyện nồng nhiệt, thở dài và suy ngẫm về việc con người có biết bao kẻ thù và con đường bay lên trời của linh hồn khó khăn đến nhường nào.

Một đêm nọ, anh nghe thấy một giọng nói từ trên cao phán với anh:

– Hãy đứng dậy, Antony, hãy ra ngoài và nhìn xem!

[1104] Thánh Ammonius, hay còn gọi là Ammon, đã sống ẩn dật trong sa mạc Nitrian trong suốt 22 năm; ngài qua đời vào khoảng năm 350. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 4 tháng 10

Anthony bước ra ngoài và, ngước mắt lên trời, thấy một sinh vật đáng sợ và cao đến mức đầu nó chạm vào mây; anh còn thấy những sinh vật khác, dường như có cánh, đang cố vươn lên trời, nhưng gã khổng lồ đáng sợ kia giơ tay ra và cố ngăn cản đường đi của chúng; có những con hắn thực sự tóm lấy và ném xuống dưới, còn những sinh vật khác thì lách qua hắn, dũng cảm bay vút lên cao, và trước những sinh vật ấy, hắn chỉ biết nghiến răng trong cơn giận dữ bất lực. Và một lần nữa, Antony lại nghe thấy giọng nói:

– Hãy cố gắng hiểu – những gì ngươi đang thấy!

Lúc đó, tâm trí ông bừng sáng, và ông bắt đầu hiểu rằng đó là những linh hồn con người đang bay lên trời, còn quỷ dữ thì cản trở họ; hắn có thể giữ lại những kẻ tội lỗi và để họ dưới quyền lực của mình, nhưng sức mạnh của hắn không thể vươn tới các thánh nhân, và hắn không thể giữ chân họ. Vị thánh nhân kể lại những sự mặc khải ấy cho các anh em không phải vì kiêu ngạo, mà là vì lợi ích của họ. Hơn nữa, chính họ, khi thấy ngài ngạc nhiên trước điều gì đó, cũng nài nỉ ngài kể lại cho họ nghe về những thị kiến mà ngài đã trải qua. Khuôn mặt ngài luôn được chiếu rọi bởi một ân sủng đặc biệt nào đó và rạng ngời, đến nỗi dù ai chưa từng gặp ngài trước đây, vẫn ngay lập tức nhận ra ngài giữa đám đông: sự trong sạch tâm hồn của vị thánh được phản chiếu qua nét vui tươi trên khuôn mặt ngài, và được chiếu rọi từ bên trong bởi sự chiêm ngưỡng Thiên Chúa, ngài luôn tràn đầy niềm vui, như đã được chép: *"Trái tim vui vẻ làm cho khuôn mặt rạng rỡ"* (Châm Ngôn 15:13).

Ngài không chỉ thân thiện về bề ngoài, mà còn trong sạch và kiên định một cách kỳ diệu trong đức tin; ngài không bao giờ đứng về phía những kẻ bội đạo khi thấy họ tự ý bóp méo đức tin, cũng không bao giờ trò chuyện thân mật với những người theo phái Manichean[1105] và các dị giáo khác, trừ những trường hợp họ tỏ ra sẵn sàng từ bỏ những lầm lạc trước đây; Ngài đã thẳng thắn khẳng định rằng tình bạn và những cuộc trò chuyện với những kẻ dị giáo gây hại cho linh hồn. Hơn hết, ngài tránh xa những người Arian, đồng thời cấm tất cả các tín hữu Chính Thống tiếp xúc với họ. Khi một số người Arian đến gặp ngài và qua cuộc trò chuyện, ngài nhận ra sự tà tín của họ, ngài lập tức chạy trốn khỏi họ xuống núi, nói rằng:

– Lời nói của họ còn độc hại hơn cả rắn.

Một lần nọ, khi những người Arian tung tin đồn sai sự thật rằng Thánh Antôn có cùng quan điểm với họ, vị thánh đã ngạc nhiên trước sự táo tợn của họ và, bừng lên cơn giận chính đáng, ngài đã đến Alexandria; tại đó, trước mặt tổng giám mục và toàn thể dân chúng, ngài đã nguyền rủa những người Arian, gọi họ là những người đi trước của Antichrist, và tuyên xưng Con Thiên Chúa không phải là một thụ tạo, mà là đồng bản thể với Cha, Đấng Tạo Hóa của thế giới[1106] ; và tất cả các Kitô hữu Chính Thống đều tràn ngập niềm vui lớn lao, vì tà thuyết chống Chúa đã bị một cột trụ của Giáo Hội như vậy nguyền rủa. Lúc bấy giờ, mọi người, không phân biệt giới tính và tuổi tác, không chỉ các Kitô hữu, mà cả những kẻ tà giáo, thậm chí cả những người ngoại đạo, đều tụ tập quanh vị thánh, nói rằng:

– Chúng tôi mong được gặp người của Chúa.

[1105] Thuyết Maniche – một tà giáo hình thành dưới ảnh hưởng của nỗ lực kết hợp Kitô giáo với các nguyên lý của tôn giáo Ba Tư là Zoroastrian, vốn rao giảng thuyết nhị nguyên, tức là sự tồn tại từ thuở khai thiên lập địa của hai nguyên lý hoặc vương quốc độc lập. Theo giáo lý của những người theo Manichaeism, Chúa Kitô chỉ là một eon (thần linh) sáng, xuất phát từ Cha của Ánh sáng qua quá trình tuôn trào. Một nửa của Ngài, theo như họ cho là vậy, đã bị vật chất nuốt chửng và trở thành linh hồn của thế giới hữu hình, tức là "Chúa Giê-su đau khổ"; nửa còn lại, nhờ sự trợ giúp của một eon khác là Thánh Thần Ban Sự Sống, đã thoát khỏi vật chất và ngự trong mặt trời; đó chính là "Chúa Giê-su vô cảm". Sự nhập thể của Đấng Christ, theo giáo lý của những người Maniche, là sự giáng lâm từ Mặt Trời của Chúa Giê-su Vô Cảm để giải thoát Chúa Giê-su Đau Khổ, những hạt ánh sáng của Ngài mà Sa-tan, dường như, đã thu thập và, để dễ dàng kiểm soát chúng hơn, đã giam cầm trong hình hài con người. Theo giáo lý này, sự nhập thể của Đấng Christ chỉ là ảo ảnh (Docetism). Về mặt đạo đức, Manichaeism rao giảng cuộc đấu tranh chống lại vật chất để giải thoát khỏi nó, thông qua việc dần dần tiêu diệt bản tính xác thịt trong chính mình. Tà thuyết Manichaeism đặc biệt phổ biến vào thế kỷ IV và V.

[1106] "Con Thiên Chúa," thánh Antôn nói, "không phải là thụ tạo và cũng không thuộc về những gì được sinh ra, nhưng là Lời và Trí Tuệ hằng hữu của bản thể Cha. Đừng có bất kỳ sự giao thiệp nào với những người Arian, vì làm sao ánh sáng lại có thể giao thiệp với bóng tối (2 Cr 6,14). Nếu các con giữ lòng đạo đức, thì các con là Kitô hữu; còn những ai gọi Con Thiên Chúa và Lời hiện hữu từ Chúa Cha là thụ tạo, thì chẳng khác gì những người ngoại đạo, vì họ thờ phượng thụ tạo hơn là Thiên Chúa Đấng Tạo Hóa. Hãy tin tôi, – Thánh Antôn tiếp lời, – chính các nguyên tố của thế gian cũng phẫn nộ, và mọi loài thọ tạo đều than thở về sự điên rồ của phái Arian, khi thấy Chúa của mình – Đấng nhờ Ngài mà muôn vật được tạo dựng – bị so sánh ngang hàng với chính chúng. – Lúc bấy giờ, Thánh Antôn đã 104 tuổi. Ngay từ trước đó, khi tà thuyết Arian bùng phát, Thánh Antôn đã trở thành người bảo vệ chân lý: vào năm 335, ngài đã viết những lá thư vạch trần sai lầm gửi cho Giám mục Arian Grigori và quan tổng trấn Alexandria – cũng là một kẻ dị giáo; đồng thời, ngài đã gửi thư thỉnh cầu Hoàng đế Constantine can thiệp cho Thánh Athanasius của Alexandria, người lúc bấy giờ bị truất phế khỏi ngôi vị.

Mọi người đều gọi Thánh Antôn như vậy, và danh tiếng của ngài lan rộng đến mức phi thường, đến nỗi ai nấy đều mong muốn được chạm vào dù chỉ là gấu áo của ngài, hy vọng qua đó sẽ nhận được ân huệ lớn lao cho bản thân. Không thể kể xiết được có bao nhiêu người bị quỷ ám và mắc các bệnh tật khác nhau đã được chữa lành vào thời điểm đó, có bao nhiêu đền thờ thần tượng đã bị đóng cửa, có bao nhiêu người ngoại đạo đã gia nhập đoàn chiên của Đấng Christ – nhờ sự hiện diện của Thánh Antôn trong thành phố, những lời dạy và phép lạ của ngài[1107] . Một số người, cho rằng đám đông quá đông đúc làm phiền vị thánh, đã bắt đầu xua đuổi đám đông khỏi ngài; nhưng ngài đã nhẹ nhàng nói với họ rằng:

– Số người đến với tôi không nhiều hơn đám quỷ dữ, những kẻ mà chúng ta đang không ngừng chiến đấu trên núi.

Người biên soạn cuốn tiểu sử này, Thánh Athanasius Đại Đế, kể lại: Khi Thánh Antôn trở về nơi ở của mình, và chúng tôi đi tiễn ngài, thì có một người phụ nữ la lên từ phía sau:

– Xin chờ đã, người của Chúa, con van xin ngài – xin chờ đã! Con gái con đang bị quỷ ám hành hạ dã man. Con van xin ngài – xin chờ lại, để con, khi chạy theo ngài, cũng không phải chịu tai họa!

Cảm động trước những lời này và những lời cầu xin của chúng tôi, vị tu sĩ vĩ đại đã dừng lại và không đi tiếp. Khi người phụ nữ tiến lại gần, trong khi con gái bà đang bị tà linh quăng xuống đất, Thánh Antôn thầm cầu nguyện trong lòng với Chúa Giêsu Kitô – và ngay lập tức, tà linh rời khỏi người bệnh. Mẹ cô bé và cả đám đông đều tạ ơn Thiên Chúa; chính Thánh Antôn cũng vui mừng vì được trở về sa mạc yêu dấu của mình.

Còn có một điều đáng ngạc nhiên nữa ở vị thánh nhân này là, dù không được học chữ, ngài vẫn rất khôn ngoan và sáng suốt. Một lần nọ, hai nhà triết học ngoại đạo, gốc Hy Lạp, đến gặp Thánh Antôn để thử thách và, nếu có thể, đánh bại ngài về mặt trí tuệ. Ngài đang ở trên đỉnh núi và khi nhìn thấy họ, ngài đã nhận ra ngay từ cái nhìn đầu tiên họ là ai, nên tự mình ra đón và hỏi qua người phiên dịch:

– Tại sao các vị hiền triết lại tự mình vất vả đi từ xa đến gặp một kẻ thiếu lý trí và muốn tranh luận với một người thiếu suy nghĩ?

– Chúng tôi không cho rằng ngài là kẻ ngu dốt, mà ngược lại, ngài là người vô cùng thông thái, – họ đáp.

– Nếu các vị đến gặp một kẻ thiếu trí tuệ, – vị thánh lại mạnh dạn nói với họ, – thì công sức của các vị là vô ích. Còn nếu, như các ngài nói, tôi là người khôn ngoan, thì các ngài phải noi gương người mà các ngài gọi là bậc hiền triết, bởi vì cần phải noi gương những người khôn ngoan và đạo đức. Nếu tôi đến với các ngài, thì tôi sẽ phải noi gương các ngài; nhưng vì các ngài đã đến với tôi, với tư cách là một bậc hiền triết, thì hãy trở thành những người Kitô hữu như tôi.

Và các nhà triết học ra về, vừa kinh ngạc trước sự sắc sảo của trí tuệ ngài, vừa kinh ngạc trước việc ngài trừ tà, điều mà họ đã tận mắt chứng kiến.

Cũng có những nhà học giả khác, giống như các nhà triết học này, đến gặp ông với ý định chế giễu ông như một người thiếu học thức và mù chữ. Nhưng ông đã làm họ xấu hổ và buộc họ phải im lặng bằng lập luận sau:

– Hãy trả lời tôi, – Người nói, – cái nào xuất hiện trước – trí tuệ hay chữ viết, và cái nào đã tạo ra cái kia: liệu chữ viết có tạo ra trí tuệ hay trí tuệ đã tạo ra chữ viết?

– Trí tuệ đã phát minh ra và truyền lại chữ viết, – họ trả lời.

Lúc đó, Antony nói:

– Vậy thì, ai có trí tuệ minh mẫn thì không cần đến chữ viết.

Cũng vậy, lần thứ ba, những người đã nghiên cứu mọi loại trí tuệ trần thế và vượt trội hơn tất cả những người cùng thời về học vấn đã đến gặp ông. Bằng những câu hỏi tinh vi, họ bắt đầu tra hỏi ông về nền tảng của đức tin chúng ta vào Đấng Christ, – với mục đích rõ ràng là chế nhạo Thập tự giá của Đấng Christ. Sau khi im lặng một lát và thương xót trước sự lầm lạc của họ, vị tu sĩ già bắt đầu nói với họ qua một thông dịch viên thông thạo tiếng Hy Lạp như sau:

– Điều gì tốt đẹp và xứng đáng hơn: tôn kính Thập tự giá của Chúa Kitô, hay ca ngợi những hành vi ngoại tình, giết con và loạn luân của các vị thần các ngươi? Nên tôn vinh sự khinh miệt cái chết và đức hạnh cao cả nhất đã được bày tỏ qua Thập tự giá của Chúa Kitô, hay ca ngợi những hành vi đồi bại mà đức tin sai lầm của các ngươi dạy dỗ? Còn điều gì tốt đẹp hơn là tuyên xưng và tin rằng Lời Chúa đã mặc lấy xác phàm, để qua sự hiệp nhất với

[1107] Theo lời chứng của Thánh Athanasius thành Alexandria, chỉ trong vài ngày ngài ở Alexandria, số người ngoại đạo quy y Kitô giáo đã vượt quá số người được cải đạo trong suốt cả một năm.

bản tính phàm trần của chúng ta, Ngài đưa chúng ta lên trời và kết hiệp chúng ta với những điều thiêng liêng, thần thánh? Vậy mà các ngươi lại dám chế giễu đức tin Kitô giáo – rằng Chúa Kitô, Con Thiên Chúa, mà không làm tổn hại gì đến bản tính của Ngài, đã trở thành điều mà Ngài chưa từng là[1108] , và vẫn là điều mà Ngài đã trở thành[1109] , – trong khi chính các ngươi, khi hạ linh hồn xuống từ trời, lại đặt nó không chỉ vào thân xác con người, mà còn vào rắn và các loài thú, rồi di chuyển nó từ nơi này sang nơi khác, và khẳng định rằng nó đôi khi nhập vào con người, đôi khi vào loài thú, đôi khi vào chim chóc hay bất kỳ sinh vật sống nào khác? Đức tin Kitô giáo, khi tuyên xưng quyền năng vô biên và lòng thương xót của Thiên Chúa, chính vì thế mà coi việc Thiên Chúa nhập thể là điều có thể, tuy nhiên, vinh quang này không loại trừ vinh quang kia[1110] . Còn các ngươi thì nói suông rằng linh hồn, khi tuôn trào từ nguồn suối tinh khiết nhất của Thần tính, sau đó lại sa xuống thấp, và các ngươi dám khẳng định rằng, khi bị hạ thấp, nó phải chịu những biến đổi và sự biến hình. Tuy nhiên, ở đây chúng ta cần nói về Thập tự giá của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. Chẳng phải chịu Thập tự giá hay bất kỳ cái chết nào khác còn tốt hơn là, khi tin vào những điều bịa đặt vô lý của các ngươi, lại đi thờ phụng nữ thần Ai Cập Isis, người đang than khóc cho Osiris, vừa là anh trai vừa là chồng của bà ta sao? Hãy hổ thẹn đi, tôi xin các ngươi đừng tin vào con quỷ Typhon độc ác, anh trai của vị thần Osiris của các ngươi[1111] . Hãy cảm thấy xấu hổ vì những hành động trốn chạy của Thần Saturn[1112] , vì việc ngài nuốt chửng con cái một cách trái tự nhiên. Hãy xấu hổ vì sự khát máu và đồi trụy của Thần Zeus, sự dâm đãng của ngài, điều mà chính những truyền thuyết cổ xưa của các bạn đã kể lại. Đây chính là những gì các bạn tin tưởng, đây chính là các vị thần của các bạn, đây chính là những vật trang trí trong các đền thờ của các bạn! Các bạn đang chế nhạo Thập Tự Giá và những đau khổ của Chúa. Nhưng tại sao các ngươi lại im lặng về sự Phục Sinh của Ngài? Tại sao các ngươi không chú ý đến những phép lạ của Ngài: ban lại thị lực cho người mù, thính lực cho người điếc, chữa lành cho người què, thanh tẩy người phong cùi, đi trên mặt biển, trừ quỷ, làm cho người chết sống lại và nhiều phép lạ khác, qua đó quyền năng và vinh quang Thần thánh của Ngài được bày tỏ một cách rõ ràng? Và nếu các ngươi gạt bỏ thành kiến đang tràn ngập trong lòng, thì ngay lập tức các ngươi sẽ nhận ra rằng Chúa Giê-su Ki-tô chính là Thiên Chúa chân thật, Đấng đã nhập thể vì sự cứu rỗi của chúng ta.

Bằng những lập luận này và nhiều lập luận khác, vị thánh đã làm cho những người đối thoại – các nhà triết học – phải xấu hổ đến mức họ không thể thốt lên được một lời nào để đáp lại. Ai quan tâm đều có thể tìm hiểu chi tiết về tất cả những điều này qua cuốn "Cuộc đời Thánh Antôn" do Thánh Athanasius Đại Đế biên soạn, trong đó cuộc đối thoại này được trình bày đầy đủ. Còn chúng ta, do nội dung câu chuyện quá rộng lớn, sẽ bỏ qua bài giảng của vị thánh dành cho người Hy Lạp, và giờ đây sẽ nói ngắn gọn về những việc làm của chính vị thánh, những việc có ý nghĩa nổi bật trong cuộc đời ngài và mang lại lợi ích lớn nhất cho chúng ta.

Điều đáng ngạc nhiên ở Thánh Antôn là, mặc dù ngài sống ở vùng biên viễn nhất của thế giới lúc bấy giờ, nhưng Hoàng đế Constantine cùng hai con trai là Constans và Constantius[1113] đã yêu mến ngài một cách nồng nhiệt dù chưa từng gặp mặt, và trong những lá thư gửi cho con trai mình, họ đã khẩn khoản xin ngài đến gặp gỡ họ.

[1108] Tức là – Đấng Thiên Chúa-Con Người, điều mà Con Thiên Chúa chưa từng là trước khi nhập thể.

[1109] Tức là – Con Thiên Chúa đã nhập thể, vì Chúa Kitô đã lên trời và ngự bên hữu Chúa Cha cùng với bản tính con người được tôn vinh của Ngài.

[1110] Tức là – Thần tính không bị giới hạn bởi điều này và không bị tổn hại đến vinh quang của Ngài, bản tính con người cũng không mất đi các đặc tính thiết yếu của mình, cũng không bị biến đổi theo nghĩa là được thần thánh hóa.

[1111] Osiris, vị thần Ai Cập, người cùng với Isis được tôn kính trên khắp đất nước, theo tín ngưỡng của người Ai Cập cổ đại, là chồng và đồng thời là anh trai của Isis. Nhưng anh trai của ông, Typhon, đã xảo quyệt nhốt ông vào một chiếc hòm, đóng đinh lại, đổ chì vào và ném xuống sông Nile; Isis đã tìm thấy quan tài và giấu đi, nhưng vào ban đêm, Typhon đã mở nó ra và xé xác ông thành 14 mảnh, rồi rải rác khắp mọi hướng; Isis đã thu thập chúng lại và chôn cất, còn Typhon, sau một cuộc chiến kéo dài, đã bị đánh bại hoàn toàn. Trong khi Isis tượng trưng cho vùng đất sông Nile, Osiris là vị thần thụ tinh của sông Nile; ở ý nghĩa rộng hơn, hình tượng Isis được tôn thờ như đất mẹ sinh ra vạn vật, còn Osiris, ngược lại, đại diện cho sức mạnh sinh sản của mặt trời, hiện thân trong đất; ông được tôn kính đồng thời là vị thần của sông Nile và mặt trời. Cuộc chiến chống lại Typhon tượng trưng cho cuộc đấu tranh chống lại sức mạnh sinh sản của mặt trời vốn thuộc về đất đai. Qua hình tượng Typhon, những người theo đạo đa thần đã thần thánh hóa một con quái vật đáng sợ nào đó, được giải thích là cơn lốc hủy diệt và cơn gió thiêu đốt, hoặc là hơi nước bốc lên từ lòng đất với sức mạnh tàn phá, từ những ngọn núi phun lửa.

[1112] Sa-tơn, hay Kro-nos, là vị thần Hy Lạp-La Mã, được tôn kính là con trai của U-ran (bầu trời) và Gê-a (đất); sau khi lật đổ ngai vàng của cha mình, theo tín ngưỡng của những người ngoại đạo cổ đại, ông đã tự xưng quyền cai trị thế giới; ông đã kết hôn với em gái mình là Rhea, nhưng vì có lời tiên tri rằng ông sẽ bị chính các con mình lật đổ khỏi ngai vàng, nên ông đã nuốt chửng chúng ngay sau khi chúng chào đời; sau đó, ông bị chính con trai mình là Zeus lật đổ.

[1113] Constantius và Constans – hai con trai và người kế vị của Constantine Đại đế. Constans cai trị nửa phía tây của Đế chế La Mã từ năm 337 đến năm 350; Constantius trị vì ở phía đông từ năm 337 đến năm 361, và từ năm 363 trở đi, ông cũng cai trị cả phía tây.

– Tôi có nên đến gặp các vị hoàng đế hay không? – ngài hỏi các đệ tử của mình.

– Nếu ngài đi, – các môn đệ đáp, – ngài sẽ là Antony; còn nếu ngài không đi, ngài sẽ là Abba Antony[1114].

– Vậy thì, – vị thánh nhân nói, – nếu tôi đi mà không còn là Abba nữa, thì thà tôi không đi còn hơn, – và ngài đã không đi.

Sau đó, các vị vua bắt đầu nài nỉ ngài rằng, dù sao đi nữa, xin ngài hãy ban phước lành và an ủi họ qua những lá thư của mình. Đáp lại, vị thánh nhân quả thực đã gửi cho họ một lá thư, trong đó, sau khi khen ngợi họ vì đã tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, ngài khuyên nhủ họ đừng kiêu ngạo vì quyền lực trong cuộc đời này, mà dù có ngồi trên ngai vàng, cũng đừng quên rằng họ cũng chỉ là con người, và hơn hết, hãy nhớ đến Ngày Phán Xét Cuối Cùng, khi họ sẽ phải trả lời về cách mình đã sử dụng quyền lực. Vị thánh khuyên họ hãy nhân từ với mọi người, thực thi công lý, và trở thành những người cha đối với những người nghèo khổ và những đứa trẻ mồ côi bất hạnh.

Một lần nọ, khi đang ngồi giữa các tu sĩ để làm việc, ngài dường như chìm trong trạng thái say mê, ngước mắt nhìn lên bầu trời một cách chăm chú rồi thở dài; sau đó, ngài quỳ gối cầu nguyện và khóc lóc thảm thiết trong một thời gian dài. Những người có mặt đều hoảng sợ và bắt đầu nài nỉ ngài kể lại những gì ngài đang thấy.

– Thà chết đi còn hơn, các con ơi, trước khi thảm họa đang đến gần ập xuống, – vị tu sĩ già đáp lại với nỗi đau buồn sâu sắc.

Vì họ lại tiếp tục nài nỉ ông về điều đó, Thánh Antôn, trong nước mắt, đã nói:

– Một thảm họa không thể diễn tả đang ập xuống Giáo Hội của Chúa Kitô, và Giáo Hội sẽ bị giao phó cho những kẻ giống như loài súc vật câm nín. Ta đã thấy bàn thờ trong Đền Thờ Chúa, và trên đó có vô số con lừa; chúng vây quanh ngai thánh, hung hăng lật đổ mọi thứ đặt trên đó, rồi vung vãi xuống sàn và giẫm đạp bằng chân; và ta đã nghe một tiếng nói phán rằng: "Bàn thờ của Ta sẽ bị ô uế!" Đó chính là lý do khiến ta thở dài và khóc than.

Lời tiên tri của vị thánh này đã ứng nghiệm hai năm sau đó, khi cuộc đàn áp tàn bạo của phái Arian bùng nổ: các nhà thờ của Đức Chúa Trời bị cướp bóc, các đồ thánh bị ô uế, và các Bí tích Thánh bị những bàn tay ô uế của những kẻ ngoại đạo chạm vào. Hàng loạt bọn vô đạo lúc bấy giờ đã nổi dậy chống lại Đấng Christ và dùng vũ lực ép buộc các tín hữu Chính Thống phải vào nhà thờ với những cành cây trên tay. Điều này được giải thích bởi việc những người ngoại đạo ở Alexandria có phong tục bước vào đền thờ của họ với những cành cọ trên tay, và những người Arian, mong muốn lôi kéo họ về phía mình để chống lại các tín hữu Chính Thống, đã bắt chước họ và cũng bắt đầu mang theo cành cây khi vào nhà thờ của mình; khi đồng ý hợp tác chống lại đức tin Kitô giáo Chính Thống, họ bắt đầu bắt chước lẫn nhau trong các phong tục – những người Arian bắt chước người ngoại đạo và người ngoại đạo bắt chước những người Arian. Người Chính Thống cũng bị ép buộc phải tuân theo phong tục bất chính này để họ đứng về phía những người Arian. Ôi kinh hoàng! Ôi sự vô luật pháp! Phụ nữ và các thiếu nữ bị làm ô uế, máu của những người Chính Thống Giáo đổ ra trong các nhà thờ và bắn tung tóe lên các ngai thánh, các bồn rửa tội bị làm ô uế bởi sự dâm dục của những người ngoại đạo. Lúc bấy giờ, mọi người đều nhận ra rằng đây chính là sự ứng nghiệm của thị kiến của Thánh Antôn – rằng những con lừa đang chà đạp lên bàn thờ của Thiên Chúa. Và lúc bấy giờ, nhiều người yếu đuối, vì sợ hãi trước những người Arian, đã chuyển sang phe tà giáo của họ.

Khi nói về tai họa sắp xảy ra, Thánh Antôn đồng thời an ủi các anh em và nói:

– Đừng nản lòng, hỡi các con: như Chúa đã nổi giận, thì Ngài cũng sẽ thương xót sau đó, và Giáo Hội sẽ lại được phục hồi vẻ đẹp rực rỡ cùng sức mạnh của mình, còn những ai đã kiên định giữ vững đức tin vào Đấng Kitô giữa những cuộc bách hại sẽ tỏa sáng bằng ánh sáng của ân sủng. Lúc đó, những con rắn sẽ trở về hang ổ của chúng, và lòng đạo đức sẽ càng được nhân lên gấp bội. Các con chỉ cần tự cảnh giác, đừng có sự giao du tai hại với những người Arian, vì giáo lý của họ không phải là giáo lý của các Tông đồ, mà là của ma quỷ và cha của chúng là Satan; chính vì lý do này mà trong thị kiến, họ đã được mô tả dưới hình dạng những con vật ngu muội.

Vào thời đó, ở Ai Cập có một vị tướng quân tên là Valaki, người này, dưới sự xúi giục của những kẻ Arian độc ác, đã truy bức các Kitô hữu một cách tàn nhẫn. Hắn tàn bạo đến mức công khai lột trần và đánh đập cả các thiếu nữ lẫn các tu sĩ ngay giữa quảng trường. Thánh Antôn đã gửi cho hắn một lá thư với nội dung như sau:

[1114] Abba – cha, người đứng đầu tu viện, được các tu sĩ kính trọng như cha ruột. Câu trả lời của các đệ tử thể hiện mong muốn rằng Antôn không rời đi, mà vẫn tiếp tục là người cha tinh thần và người lãnh đạo được họ kính trọng sâu sắc như trước đây.

– Ta thấy cơn thịnh nộ của Thiên Chúa đang giáng xuống ngươi. Hãy ngừng đàn áp các Kitô hữu, và như vậy, sự diệt vong đang đến gần ngươi sẽ lùi xa.

Kẻ vô đạo, sau khi đọc bức thư, chỉ cười nhạo nó; hắn nhổ nước bọt vào bức thư rồi ném nó xuống đất, trừng phạt một cách nhục nhã những người được Thánh Antôn sai đi, đồng thời chửi rủa vị thánh và thốt ra những lời đe dọa độc ác chống lại ngài. Nhưng chẳng bao lâu sau, theo lời tiên tri của vị thánh, sự trừng phạt của Thiên Chúa đã ập xuống đầu kẻ vô đạo đó. Vào ngày thứ năm sau đó, hắn cùng với quan tổng trấn Ai Cập Nestorius lên đường đến một nơi tên là Hereum, thuộc thành Alexandria; họ cưỡi những con ngựa hiền lành và điềm tĩnh nhất. Bất ngờ, những con ngựa bắt đầu nhảy nhót dưới thân họ, lao vào nhau; và con ngựa mà Nestorius đang cưỡi đột ngột cắn chặt Valakius bằng hàm răng, hất hắn xuống đất và bắt đầu gặm nhấm những phần mềm trên cơ thể hắn. Sau đó, thi thể ông được mang về thành phố, và đến ngày thứ ba, linh hồn bất chính của ông đã lìa đời. Mọi người đều thấy rằng đây chính là sự ứng nghiệm của lời tiên tri của Antony, một kết cục xứng đáng dành cho kẻ bách hại.

Nhưng đã đến lúc phải nói về sự ra đi của vị thánh nhân. Ông có thói quen từ đỉnh núi, nơi ông thường ở, xuống thăm các anh em sống ở chân núi. Trong một lần viếng thăm như thường lệ, ông đã nói với họ về cái chết sắp đến của mình, điều mà Thiên Chúa đã mặc khải cho ông.

– Đây là lần cuối cùng ta đến với các con, hỡi các con của ta, – ngài nói, – ta không còn hy vọng được gặp các con nữa trong kiếp này, và đã đến lúc ta phải từ giã cõi đời này để an nghỉ, vì ta đã sống được một trăm lăm năm rồi.

Nghe những lời ấy, các tu sĩ chìm trong nỗi buồn sâu sắc, họ khóc và hôn lên mặt vị tu sĩ già, như thể ngài sắp rời xa cõi đời này. Còn ngài thì khuyên nhủ họ hãy siêng năng làm việc với lòng nhiệt thành không suy giảm, đừng nản lòng trong những nỗ lực tu hành, nhưng hãy sống – như thể mỗi ngày đều chuẩn bị cho cái chết – để bảo vệ linh hồn khỏi những ý nghĩ ô uế, noi gương các thánh nhân, đừng giao du với những kẻ ly giáo – những người Meletian, đừng tiếp xúc với những kẻ vô đạo Arian; ngược lại, ngài khuyên nhủ họ hãy bám sát các truyền thống của các vị tổ phụ và giữ gìn trọn vẹn đức tin thánh thiện nơi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, như họ đã được dạy dỗ từ Kinh Thánh và qua những lời dạy dỗ nhiều lần của ngài.

Sau đó, các anh em đã nài nỉ ngài một cách khẩn thiết để ngài ở lại với họ, vì tất cả đều mong muốn được vinh dự chứng kiến giây phút ngài trút hơi thở cuối cùng. Nhưng ngài đã không đồng ý, bởi vì ngài biết họ mong muốn tôn vinh thi thể ngài sau khi qua đời bằng một lễ an táng long trọng. Thậm chí còn tránh cả sự tôn vinh và vinh quang mà con người dành cho ngài sau khi qua đời, vị thánh nhân vội vã rời khỏi họ và ẩn mình trong sự cô độc: sau khi từ biệt các anh em, ngài lên đỉnh núi đến nơi ở yêu thích của mình, nơi ngài đã thực hiện những công đức. Vài tháng sau, ngài lâm bệnh nặng. Lúc đó, ngài gọi đến bên mình hai tu sĩ đã cùng tu hành với ngài trong mười lăm năm qua và chăm sóc ngài vì tuổi già, rồi nói với họ:

– Hỡi các con của ta! Như đã chép (3 Vua 2:2. So sánh với Giô-suê 23:14), *'tôi sắp ra đi theo con đường của cả thế gian'*, Chúa đang gọi tôi về với Ngài, và tôi hy vọng sẽ được nếm trải những ân huệ trên trời. Nhưng các con yêu dấu của tôi, tôi khẩn khoản xin các con – đừng để mất đi thành quả của sự kiêng khem lâu năm của các con, mà hãy tiếp tục những công việc các con đã bắt đầu một cách nhiệt thành và thành công. Các con biết rõ ma quỷ đã đặt ra bao nhiêu chướng ngại vật khác nhau cho chúng ta, nhưng đừng sợ sức mạnh hèn mọn của chúng. Hãy đặt niềm tin vào Chúa Giê-su Ki-tô, hãy tin tưởng vững chắc vào Ngài bằng cả trái tim mình, và mọi ma quỷ sẽ phải chạy trốn khỏi các con. Hãy ghi nhớ tất cả những gì cha đã dạy các con, hãy cố gắng sống một cuộc đời đạo đức – và chắc chắn các con sẽ nhận được phần thưởng trên trời. Hãy tránh mọi sự giao du với những kẻ ly giáo, dị giáo và những người theo phái Arian; các con biết rằng ta chưa bao giờ trò chuyện thân thiện với họ, vì những mưu đồ xấu xa và tà thuyết chống lại Chúa Kitô của họ. Hơn hết, hãy cố gắng tuân giữ các điều răn của Chúa, để các thánh nhân đón nhận các con sau khi các con qua đời vào những nơi ở vĩnh cửu, như những người thân và bạn bè. Hãy ghi nhớ, suy ngẫm và luôn suy tư về điều này. Và nếu các con thực sự quan tâm đến ta, yêu thương ta như cha, và sẵn sàng thực hiện ý muốn của ta, thì đừng để ai đưa thi hài ta sang Ai Cập, để ở đó người ta không tổ chức lễ an táng hoành tráng cho thân xác ta, vì chính lý do này, chủ yếu là vậy, mà ta đã lui về ngọn núi này. Hãy tự tay chôn cất ta, các con của ta, xuống đất và tuân theo điều răn sau đây của người già này: đừng để ai, ngoài các con, biết được ngôi mộ nơi thi thể ta sẽ được chôn cất, thi thể mà, theo đức tin của ta vào Chúa, sẽ sống lại không hư nát trong ngày Phục sinh chung của những người đã khuất. Hãy chia sẻ quần áo của ta như sau: chiếc áo choàng[1115] và

[1115] Milot – áo khoác ngoài, áo choàng, áo choàng dài.

chiếc áo lót đã cũ nát mà ta đang nằm trên đó, hãy trao cho Giám mục Athanasius[1116] ; chiếc áo choàng còn lại hãy trao cho Giám mục Serapion[1117] ; còn chiếc áo lông cừu thì các con hãy giữ lại cho mình. Tạm biệt, các con yêu quý của ta! Anthony sắp ra đi, và ông sẽ không còn ở bên các con trong cuộc đời này nữa.

Khi nghe những lời này, các môn đệ đã hôn từ biệt ngài; Antony duỗi thẳng hai chân ra, trên khuôn mặt toát lên niềm vui thanh thản, ngước nhìn các Thiên thần đến đón linh hồn ngài như những người bạn thân thiết, rồi ngài trút hơi thở cuối cùng và được an nghỉ cùng các vị thánh tổ phụ[1118] . Các môn đệ của vị thánh, theo di chúc của ngài, đã mặc áo cho thi thể và an táng ngài; và cho đến nay, ngoài họ ra, không ai biết nơi an táng của Thánh Antôn.

Athanasius, sau khi nhận được từ các môn đệ những bộ quần áo cũ kỹ và sự ban ơn của vị thánh, đã coi những món quà này như chính Thánh Antôn vậy. Như thể được ban cho một gia tài quý giá, ngài luôn ngắm nhìn những bộ quần áo ấy với niềm vui kính trọng, để gợi lại trong lòng hình ảnh thánh thiện của ngài.

Đó là cuộc đời và sự ra đi của Thánh Antôn, người mà tình yêu và danh tiếng đã lan tỏa khắp các quốc gia. Ngài không được tôn vinh nhờ những tác phẩm được soạn thảo khéo léo[1119] , cũng không phải nhờ sự khôn ngoan trần tục, hay dòng dõi quý tộc, hay của cải khổng lồ, mà là nhờ cuộc sống đạo đức. Và lời của Đấng Cứu Thế đã ứng nghiệm trên ngài: *"Ta sẽ tôn vinh ai tôn vinh Ta"* (1 Sa-mu-ên 2:30). Ngài không sống ở một nơi nổi tiếng nào mà ai cũng biết; trái lại, ngài đã lui về gần như tận cùng thế giới, trong một sa mạc hoang vu không thể vượt qua. Tuy nhiên, ngay từ nơi đó, ngài đã trở nên nổi tiếng ở Tây Ban Nha, ở châu Phi, ở Ý, ở Illyria, và thậm chí ngay tại chính La Mã Cổ đại. Thánh Antôn, người cố tình ẩn mình khỏi mọi người trên núi, không mong muốn cũng không tìm kiếm sự vinh quang ấy. Nhưng chính Chúa đã mặc khải và cho mọi người thấy ngọn đèn của đức tin và sự đạo đức này, để khi chiêm ngưỡng ngài, họ học được các đức tính tốt đẹp, và khi kinh ngạc trước cuộc đời thánh thiện của ngài, họ ngợi khen Cha Trên Trời, Đấng cùng với Con Một của Ngài và Thánh Thần Toàn Thánh, được tôn vinh, vinh quang, tạ ơn và thờ phượng muôn đời, amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Học theo gương đạo đức của Thánh Ê-li, bước theo con đường chính trực của Thánh Giăng Tẩy Giả, thưa Cha An-tô-ni, ngài đã sống trong sa mạc và đã củng cố vũ trụ bằng những lời cầu nguyện của ngài. Vì vậy, xin ngài cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Bỏ qua những lời đồn đại trần thế, ngài đã kết thúc cuộc đời trong thinh lặng, noi gương Thánh Giăng Tẩy Giả trong mọi phương diện, hỡi vị thánh đáng kính, chúng con tôn kính ngài cùng với ngài, hỡi vị thủ lĩnh các vị thánh, Cha Antôn.

[1116] Tức là Thánh Athanasius Đại Đế, Tổng Giám mục Alexandria.

[1117] Ở đây tất nhiên là Thánh Serapion, Giám mục Tmunt (ở Ai Cập). Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 24 tháng 5.

[1118] Thánh Antôn Vĩ Đại qua đời vào ngày 17 tháng 1 năm 356, thọ 105 tuổi. – Xác thánh của Thánh Antôn được khai quật và chuyển đến Alexandria vào năm 561 dưới triều đại Hoàng đế Byzantine Justinian (527–565), sau đó, khi Ai Cập bị người Saracen chiếm đóng, được chuyển đến Constantinople vào khoảng năm 635, từ đó vào khoảng năm 980 được chuyển đến giáo phận Vienne (tại Gaul, nay là Pháp), năm 1491 – đến Arles (thành phố chính của Provence, ở miền đông nam Pháp), tại nhà thờ Thánh Julian, nơi di hài của ngài vẫn được an nghỉ cho đến ngày nay.

[1119] Mặc dù Thánh Antôn Vĩ Đại không được học hành chính quy, nhưng Kinh Thánh và thiên nhiên chính là trường học của ngài, còn ân sủng của Chúa Kitô là vị thầy, ngày càng soi sáng tâm hồn ngài khi ngài ngày càng từ bỏ bản ngã qua những việc làm thánh thiện. Trong số các tác phẩm của Thánh Antôn, những tác phẩm còn lưu truyền đến ngày nay bao gồm: 1) 20 bài giảng của ngài; các bài giảng này bàn về các đức tính tu sĩ, về đức tin vào Chúa Kitô, về sự đơn sơ và trong sáng, khiêm nhường, trong sạch, kiên nhẫn, đạo đức, sự trinh khiết, v.v.; tất cả các bài giảng đều ngắn gọn nhưng chứa đựng đầy đủ giáo huấn của Thiên Chúa. 2) Các thư – bảy thư gửi đến các tu viện khác nhau và các vị bề trên của họ về khát vọng hướng tới sự hoàn thiện đạo đức và cuộc chiến thiêng liêng, được viết khi vị thánh đã ở tuổi rất cao và toát lên tinh thần răn dạy của các Tông đồ; 13 lá thư khác có nội dung và tính chất tương tự. 3) Các quy tắc sống cùng những lời khuyên răn và châm ngôn dành cho các tu sĩ.

Ngày 31 tháng 1

Ngày 18 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Cha chúng ta Athanasius, Tổng Giám mục Alexandria

Ngày tưởng niệm 18 tháng 1

Thánh Athanasius Vĩ Đại – hình ảnh sống động và bất tử của đức hạnh và đời sống thánh thiện – đã sinh ra tại Alexandria, thủ đô nổi tiếng của Ai Cập[1120] . Cha mẹ ngài là những Kitô hữu – những người đạo đức và có đức hạnh. Ngay từ thuở thiếu thời, một sự kiện đã báo trước hoạt động thánh thiện vĩ đại trong tương lai của Athanasius.

Một lần nọ, Athanasius đang chơi đùa cùng các bạn cùng lứa tuổi bên bờ biển. Các em bắt chước những gì đã thấy trong nhà thờ, tái hiện qua trò chơi hình ảnh các vị linh mục của Chúa và các nghi lễ nhà thờ. Các em đã bầu Athanasius làm giám mục; còn ông thì phong cho một số em làm linh mục, số khác làm phó tế. Những người này dẫn những đứa trẻ khác – những đứa trẻ ngoại đạo, chưa được rửa tội – đến với cậu. Athanasius đã rửa tội cho chúng bằng nước biển, đọc những lời quy định cho bí tích rửa tội, như cậu đã nghe từ linh mục trong nhà thờ; cùng với đó, cậu còn giảng dạy cho chúng, phù hợp với lứa tuổi trẻ thơ của mình. Cùng thời điểm đó, Thánh Alexander[1121] đang giữ chức Tổng Giám mục Alexandria. Tình cờ nhìn ra từ cửa sổ ngôi nhà của mình, nằm trên một vị trí cao, gần biển, hướng ra bờ biển và thấy cảnh trẻ em đang chơi đùa, ngài đã ngạc nhiên theo dõi nghi thức rửa tội mà Athanasius đang thực hiện. Ngay lập tức, ngài ra lệnh đưa tất cả các em nhỏ đến gặp mình. Sau khi hỏi han kỹ lưỡng các em nhỏ, Đức Thượng phụ cố gắng tìm hiểu xem chính xác họ đã rửa tội cho ai, những câu hỏi nào đã được đặt ra trước khi rửa tội và các em đã trả lời ra sao, và ngài nhận ra rằng trong trò chơi của mình, các em đã thực hiện mọi việc đúng theo quy định của Giáo hội. Sau đó, sau khi tham vấn với các linh mục của mình, ngài công nhận lễ rửa tội mà Athanasius đã thực hiện cho các em nhỏ ngoại đạo là hợp lệ và hoàn tất nghi thức bằng việc xức dầu thánh; rồi ngài gọi các bậc cha mẹ của các em – những người đã đóng vai trò như các linh mục – và khuyên họ hãy nuôi dạy các em để trở thành linh mục. Còn đối với cha mẹ của Athanasius, sau khi gọi họ đến, Thánh Alexander đã giao phó cho họ nhiệm vụ nuôi dạy cậu trong sự sùng đạo và học vấn, và sau này, khi cậu đến tuổi trưởng thành, hãy đưa cậu đến gặp ngài để dâng hiến cậu cho Thiên Chúa và Giáo hội thánh thiện.

Khi Athanasius đã học đủ các môn học và có được nền giáo dục trí tuệ rộng rãi[1122] , cha mẹ đã đưa cậu đến gặp Thánh Thượng phụ Alexander và, giống như Anna đã từng dâng Samuel (1 Sa-mu-ên 1), họ đã dâng cậu làm của lễ cho Thiên Chúa. Ngay sau đó, Thượng phụ đã bổ nhiệm cậu làm giáo sĩ và phong chức phó tế cho Giáo hội Alexandria[1123] . Về việc ngài đã dũng cảm chiến đấu chống lại các kẻ dị giáo như thế nào trong chức vụ này từ thuở

[1120] Thánh Athanasius thành Alexandria sinh khoảng năm 297, không lâu trước cuộc đàn áp tàn bạo của Diocletian đối với các Kitô hữu, tuy nhiên, ngài không còn ký ức cá nhân nào về sự kiện này.

[1121] Thánh Alexander, Giám mục Alexandria, người bảo vệ nhiệt thành cho Chính Thống giáo trước phe Arian, đã lãnh đạo Giáo hội Alexandria từ năm 312 đến năm 326.

[1122] Alexandria, nơi sinh của Thánh Athanasius, đã cung cấp cho ngài nhiều điều kiện thuận lợi để trau dồi trí tuệ, và ngài đã thu thập được nhiều kiến thức đa dạng: ngài học luật, làm quen với các tác phẩm của các nhà hiền triết và thi sĩ Hy Lạp thời ngoại giáo; nói tóm lại, theo cách diễn đạt của người viết tiểu sử Thánh Athanasius, ngài đã nghiên cứu "vòng tròn các khoa học", tức là theo cách hiểu của các học giả Alexandria; nhưng ông chỉ dành ít thời gian cho việc này, như Thánh Grêgôriô Thần Học đã chứng thực. Sự chú ý chính của ông được dành cho việc nghiên cứu Kinh Thánh dưới sự hướng dẫn của các vị thầy giàu kinh nghiệm; và Thánh Athanasius đã nghiên cứu tất cả các sách của Cựu Ước và Tân Ước một cách sâu sắc, đến mức không ai khác có thể nghiên cứu được dù chỉ một cuốn. Theo như có thể suy luận từ một trong những tác phẩm đầu tiên của Thánh Athanasius, đó là các thầy dạy tại Trường Giáo lý ở Alexandria. Sự giáo dục trí tuệ của Athanasius được hoàn thiện trong cộng đồng các vị tu sĩ khổ hạnh, những người mà ngài yêu mến và luôn tìm cách làm quen; ngài đã nhiều lần gặp Thánh Antôn Vĩ Đại, và chính Athanasius cũng được coi là một trong số các vị tu sĩ khổ hạnh nhờ lối sống nghiêm khắc của mình.

[1123] Người ta biết rằng Athanasius, khi còn là một cậu bé, đã trở thành thành viên được yêu mến trong gia đình của Thánh Alexander, sống cùng ngài "như con trai với cha", và nhờ đó đã trải qua vài năm đầy thành quả tại trung tâm hoạt động của Giáo hội, dưới sự che chở của vị Tổng Giám mục, người được hơn một trăm giám mục ở Ai Cập, Libya và Pentapolis công nhận uy tín. Athanasius dường như đã trở thành trợ lý và thư ký riêng trong các công việc thư tín liên quan đến các vấn đề của Giáo hội. Thánh Athanasius được phong chức phó tế vào

thiếu thời và những gì ngài đã phải chịu đựng từ họ – thật không thể kể hết; nhưng cũng không thể không nhắc đến một số chiến công và hành động đáng chú ý nhất của ngài. Vào thời đó, Arius, kẻ vô đạo, đang lan truyền tà thuyết điên rồ của mình và làm lung lay toàn thể Giáo hội bằng những giáo lý độc hại của hắn. Mặc dù hắn đã bị nguyền rủa tại Công đồng Đại kết đầu tiên của các Thánh Phụ tại Nicêa[1124] , bị khai trừ khỏi sự hiệp thông với Giáo hội của Chúa Kitô và bị kết án lưu đày, nhưng dù đã bị lật đổ và gần như kiệt sức, hắn vẫn không ngừng cuộc chiến chống lại Chính thống giáo. Hắn bắt đầu hành động thông qua các môn đệ và những người cùng chí hướng, lan truyền chất độc của tà thuyết khắp mọi nơi. Với sự ủng hộ của nhiều người can thiệp trước mặt hoàng đế, đặc biệt là Eusebius, Giám mục Nicomedia[1125] , cùng với các giám mục khác cũng theo cùng tà thuyết đó, Arius đã nhờ họ xin ân xá từ Constantine Đại đế, để được thả khỏi nơi lưu đày và được phép trở về Alexandria. Eusebius đã xảo quyệt thuyết phục hoàng đế rằng Arius không đưa ra bất kỳ giáo lý nào trái với Chính Thống Giáo và không rao giảng điều gì mâu thuẫn với giáo lý của Giáo hội, mà chỉ vì ghen tị nên phải chịu đựng sự xảo trá của các giám mục, và rằng tranh cãi giữa họ không phải về đức tin, mà chỉ vì những lời lẽ trống rỗng, trừu tượng[1126] . Nhà vua, với lòng chân thành và tính cách hiền lành, không nghi ngờ gì về mưu mô và sự xảo trá của tà giáo , đã tin vào những lời đảm bảo dối trá và ra lệnh chấm dứt tranh cãi, không nên tranh luận vì những từ ngữ, để tránh gây ra sự chia rẽ giữa các Giáo hội. Không điều tra kỹ lưỡng vụ việc, ngài, với lòng nhân từ của mình, đã cho phép Arius trở về Alexandria. Và thế là tên dị giáo vô đạo này, gây ra thảm họa chung cho Giáo hội, đã trở lại Alexandria. Sự việc này vô cùng nặng nề và đau buồn đối với các tín hữu Chính Thống, đặc biệt là đối với Thánh Athanasius, với tư cách là chiến binh của Chúa Kitô và người bảo vệ kiên định các truyền thống chân chính của Chính Thống giáo. Vào thời điểm đó, ngài đã được phong chức phó tế trưởng. Vị chiến binh của Chúa Kitô này đã truy đuổi kẻ dị giáo, kẻ đã xâm nhập vào Giáo hội của Chúa Kitô như một con sói, bằng cách vạch trần những ý đồ xấu xa của hắn qua các tác phẩm và bài giảng của mình. Đồng thời, Athanasius đã khuyến khích Đức Tổng Giám mục Alexander viết thư gửi nhà vua, và chính ngài cũng cùng ngài soạn thảo, chỉ ra sự ngây thơ khiến nhà vua, vì tin vào những lời dụ dỗ và những câu chuyện hoang đường của tà giáo, hiện nay lại chấp nhận Arius, người đã quay lưng lại với Giáo Hội Chính Thống, bị chính Thiên Chúa và tất cả các thánh tổ phụ từ chối, và cho phép hắn lung lay các quy định của các bậc tiền bối. Nhưng nhà vua, dưới sự xúi giục của Eusebius, đã trả lời họ bằng một bức thư còn gay gắt hơn, đe dọa rằng nếu họ không im lặng, họ sẽ bị tước chức. Vị vua đạo đức và nhân từ ấy đã hành động như vậy không

---

năm 319. Ngay từ thời điểm đó, Athanasius đã trở nên nổi tiếng nhờ các tác phẩm của ngài: "Chống lại những người ngoại đạo" và "Về sự nhập thể của Đức Chúa Trời Lời"; đây là những tác phẩm đầu tiên của ngài, được viết từ rất sớm; nhưng chúng đã cho thấy ngài là người hứa hẹn nhiều điều.

[1124] Công đồng Đại kết lần thứ nhất tại Nicêa (một thành phố ở Bithynia, phía tây bắc Tiểu Á) diễn ra vào năm 325. Tại đó, tà thuyết của linh mục Arius ở Alexandria đã bị vạch trần và lên án; ông này dạy rằng Con Thiên Chúa không được sinh ra từ bản thể của Thiên Chúa Cha từ thuở đời đời, mà được Ngài tạo dựng từ hư vô trong thời gian, không đồng bản thể với Ngài và không đồng vinh quang; trong tà thuyết này ẩn chứa sự phủ nhận quyết liệt về Thần tính của Chúa Giêsu Kitô và sự cứu chuộc của Ngài dành cho chúng ta, nói tóm lại – sự lật đổ toàn bộ Kitô giáo. Khi sự bất kính của Arius bị phơi bày, Athanasius đã tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh của Thánh Alexander, Tổng Giám mục Alexandria, chống lại Arius và do đó đã khiến những người theo phái Arius chống lại mình. Điều đó đã xảy ra trước khi Công đồng Toàn cầu diễn ra; còn tại Công đồng Nicaea, Thánh Athanasius, lúc bấy giờ đang giữ chức phó tế trưởng của Giáo hội Alexandria và tháp tùng Thánh Alexander đến công đồng, đã bác bỏ Arius một cách thắng lợi, mang lại sự an ủi cho các vị cha trong công đồng.

[1125] Eusebius, Giám mục Nicomedia, là bạn và người ủng hộ Arius, đồng thời bảo trợ cho ông ta. Tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất, ông đã bênh vực Arius, và mặc dù đồng ý ký vào Kinh Tin Kính được soạn thảo tại công đồng, nhưng ông không đồng ý với việc khai trừ Arius khỏi Giáo hội; vì lý do này, cũng như vì có quan hệ với vị thủ lĩnh dị giáo đã bị khai trừ, chính ông cũng bị lưu đày. Tuy nhiên, nhờ sự bảo trợ của Constance, em gái hoàng đế, Eusebius đã được gọi trở lại từ nơi lưu đày và, sau khi tái nhậm chức, ông bắt đầu hành động chống lại những người Chính thống.

[1126] Tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất, những kẻ ủng hộ tà thuyết, do thiếu sự công bằng về phía mình, đã tìm cách tự cứu vãn bằng mưu mô, đề xuất với các thành viên khác của Công đồng một Tuyên xưng Đức tin, trong đó sự mơ hồ của các thuật ngữ về Con Thiên Chúa đã tạo cơ hội cho những diễn giải sai lệch của phe Arian. Nhưng các Thánh Tổ, khi tuyên xưng Con Thiên Chúa là Đấng "được sinh ra từ bản thể của Cha" và "cùng bản thể với Cha", đã đưa những cách diễn đạt này vào Tín điều của mình, và qua đó khẳng định đức tin cổ xưa "vào Thiên Chúa chân thật từ Thiên Chúa chân thật". Tất cả các thành viên của Công đồng, kể cả những người theo phe Arian, đều đã ký tên vào Kinh Tin Kính này, dù chỉ là một cách không chân thành; đồng thời, họ đọc thuật ngữ Hy Lạp "omoousios" – chỉ bản thể đồng nhất của Con Thiên Chúa – thành "omiousios" – tức là "tương tự về bản thể", hoặc ít nhất là hiểu theo nghĩa sau. Eusebius muốn trình bày với hoàng đế rằng giữa những người Chính thống và những người Arian chỉ có sự hiểu lầm và tranh cãi do cách hiểu khác nhau về các thuật ngữ và biểu đạt trong Tín điều, chứ không phải do bản chất của đức tin, và rằng Arius hoàn toàn đồng ý với Tín điều của Công đồng Nicaea.

phải để thỏa mãn cơn giận của mình, cũng không phải vì ông có thiện cảm với chủ nghĩa Arian, mà vì lòng nhiệt thành – dù không hoàn toàn hợp lý – nhằm tránh sự chia rẽ giữa các Giáo hội. Với trái tim hiền lành yêu chuộng hòa bình, vị vua đã tìm kiếm hòa bình ở nơi mà hòa bình hoàn toàn không thể tồn tại: vì làm sao tà giáo có thể chung sống hòa bình với Chính Thống Giáo được?

Ngay sau đó, Đức Thánh Alexander đã qua đời; Athanasius được toàn thể các tín hữu Chính Thống nhất trí bầu làm người kế vị ngài trên ngai tòa Alexandria, như một khí cụ xứng đáng với thế giới này[1127] . Lúc bấy giờ, những kẻ gieo rắc tà thuyết bí mật – những người Arian – tạm thời im lặng, không công khai đối đầu với Athanasius; nhưng sau đó, dưới sự xúi giục của ma quỷ, họ đã bộc lộ sự xảo trá của mình và công khai phơi bày chất độc ẩn náu trong lòng thù hận của họ, bởi vì Thánh Athanasius đã không chấp nhận Arius, kẻ vô đạo, vào cộng đồng Giáo hội, mặc dù người này có sắc lệnh của hoàng đế về việc đó. Khắp nơi, những người Arian bắt đầu kích động thù hận đối với vị thánh vô tội và lan truyền những lời vu khống độc ác, cố gắng để người xứng đáng với các nơi ở trên trời không chỉ bị lật đổ khỏi ngai thánh trên trần gian, mà còn bị trục xuất khỏi thành phố. Nhưng Athanasius vẫn kiên định, cùng với Đa-vít ca ngợi: *"Dù cả một đạo quân nổi dậy chống lại tôi, lòng tôi cũng không sợ hãi"* (Thi Thiên 26:3).

Người đứng đầu âm mưu xảo quyệt này là Eusebius, kẻ chỉ mang danh nghĩa đạo đức[1128] , nhưng thực chất lại là một bình chứa sự gian ác. Cùng với những kẻ đồng lõa, ông đã lợi dụng lòng nhân từ của nhà vua và cho rằng thời cơ đã chín muồi, nên đã xúi giục mọi người lật đổ Athanasius khỏi ngai vàng. Eusebius nghĩ rằng nếu lật đổ được Athanasius, thì sau đó ông sẽ dễ dàng đánh bại những người Chính Thống khác và thiết lập giáo lý Arian. Ông ta bắt đầu lan truyền những lời vu khống bất công và dối trá nhằm vào vị thánh nhân, những lời vu khống mà các kẻ dị giáo cho là đáng tin cậy. Để làm điều này, ông ta đã thuê bằng tiền Ision, một môn đồ của Meletius[1129] , người đã thành thạo trong mưu mô của Eudomon và đầy lòng thù hận của Callinicus. Các cáo buộc chống lại Athanasius bao gồm những điều sau:

1) rằng ông ép buộc người Ai Cập phải nộp thuế để mua lễ phục linh mục, áo lanh, rèm bàn thờ, vải vóc và các vật dụng nhà thờ khác;

2) rằng ông ta có ác cảm với nhà vua và coi thường các sắc lệnh của nhà vua;

3) rằng ông tham lam và đã gửi một chiếc rương đầy vàng cho một người bạn của mình để cất giữ. Ngoài ra, còn có cáo buộc liên quan đến tên linh mục giả mạo Ishir[1130] , kẻ xảo trá, gian xảo và độc ác; tự xưng là linh mục mà không qua lễ phong chức theo nghi thức, hắn đã gây ra vô số hành vi xấu xa, phi pháp và tội ác, đến mức không chỉ xứng đáng bị phế truất và sỉ nhục, mà còn phải chịu hình phạt nghiêm khắc. Sau khi biết rõ mọi chuyện về Iskhir, Thánh Athanasius, người luôn cẩn trọng và thận trọng trong việc giải quyết những vụ việc như vậy, đã cử linh mục Macarius đến Mareota[1131] để điều tra toàn bộ các hành vi vi phạm pháp luật của Iskhir. Còn Ishir, vì sợ

[1127] Thánh Alexander thành Alexandria qua đời năm tháng sau khi ngài trở về từ Công đồng Đại kết lần thứ nhất. Lúc đó, Athanasius không có mặt tại Alexandria. Khi rời bỏ đoàn chiên của mình, vị trưởng lão đang hấp hối đã nhìn quanh với ánh mắt lang thang, tìm kiếm người để giao phó đoàn chiên cho. "Athanasius, Athanasius!" – Thánh Alexander kêu lên – "Ngươi nghĩ rằng ngươi có thể trốn thoát ư? Không! Ngươi sẽ không trốn thoát được đâu." Quả thực, Athanasius đã không thể thoát khỏi số phận mà Đấng Tối Cao đã định sẵn cho ngài. Được vị mục tử đã qua đời và lòng mong muốn của đoàn chiên chọn trước, ngay khi ông vừa đặt chân đến Alexandria, dân chúng đã không ngừng yêu cầu các giám mục có mặt tại đó tấn phong Athanasius làm giám mục, và họ không chịu yên lòng cho đến khi đạt được điều mong muốn, dù điều đó đi ngược lại ý muốn của chính Athanasius.

[1128] Eusebius, từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là: người sùng đạo.

[1129] Meletius, giám mục Lycopolis (tại Thebaid), đã phản đối việc những người đã từ bỏ Giáo hội trong thời kỳ bách hại dưới triều đại Diocletian quay trở lại Giáo hội. Thánh Phêrô, tổng giám mục Alexandria, với tư cách là vị mục tử tối cao của toàn Ai Cập, đã tỏ ra khoan dung hơn đối với những người sa ngã, nhưng vì lý do này, ngài đã khai trừ ông khỏi Giáo hội. Tuy nhiên, Meletius, cùng với các giám mục đồng chí hướng, đã tự xưng là giám mục trưởng vùng và không công nhận quyền lực của những người kế vị Thánh Phêrô. Tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất, sự ly giáo của Meletius đã bị lên án, nhưng các giám mục thuộc phái Meletius vẫn tồn tại cho đến giữa thế kỷ V. Năm 326, Meletius và những người cùng quan điểm đã cản trở việc bầu chọn Thánh Athanasius vào chức vụ Giám mục Alexandria; và khi việc bầu chọn này diễn ra trái với ý muốn của họ, họ bắt đầu lan truyền lời vu khống rằng Athanasius được bầu một cách bất hợp pháp bởi sáu hoặc bảy giám mục, trong bí mật mà không cho những người khác biết. Như vậy, những người theo Meletius là những kẻ chống đối Athanasius, ngang hàng với những người Arian, phe mà họ ủng hộ.

[1130] Iskhir không phải là linh mục. Thật ra, ông đã được Colluf phong chức linh mục khi Thánh Alexander còn tại vị; Colluf là người đã tự ý chiếm đoạt quyền giám mục cho mình; nhưng tại Công đồng Alexandria năm 324, Colluf đã bị phế truất với tư cách là kẻ tự xưng, và tất cả những người do ông phong chức đều không được công nhận là đã được phong chức hợp lệ.

bị thẩm vấn và vạch trần, đã bỏ trốn khỏi đó và, khi đến Nicomedia, bắt đầu vu khống Athanasius trước mặt Eusebius. Eusebius và những đồng phạm của ông đã tiếp đón Ishir, kẻ bội đạo và vi phạm các quy tắc thiêng liêng, như một linh mục chân chính, và đối xử với ông ta với sự kính trọng: bởi lẽ bản chất con người là yêu mến những ai giống mình, dù là trong sự độc ác hay trong đức hạnh. Chính họ, vì lòng căm ghét tột độ và đang bừng bừng giận dữ với Athanasius, đã đón tiếp Ishir với niềm vui sướng tột độ. Họ khuyến khích sự ngang tàng và trơ trẽn của hắn, và hứa sẽ phong cho hắn chức giám mục, miễn là hắn có thể gán cho vị thánh nhân đó bất kỳ lời vu khống hay cáo buộc nào. Iskhir, vốn xảo quyệt và thành thạo trong những việc như vậy, đã cố gắng gán ghép những cáo buộc lên Afanasius, người vô tội. Hắn nói rằng theo lệnh của Athanasius, linh mục Macarius đã xông vào nhà thờ một cách côn đồ, với cơn thịnh nộ tột độ, lôi ông ra khỏi ngai thánh, lật đổ ngai thánh, đập vỡ chén đựng Mình Thánh Chúa và đốt cháy các sách thánh. Sau khi coi lời vu khống của Ishira là sự thật và kết hợp nó với những lời vu khống khác, những kẻ thù của Athanasius đã đến gặp hoàng đế Constantine, vu khống thánh Athanasius. Đặc biệt, họ cố gắng kích động cơn giận của hoàng đế bằng cách cáo buộc Athanasius phớt lờ các chỉ thị bằng văn bản của hoàng đế, không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, và từ chối tiếp nhận Arius vào cộng đồng Giáo hội. Ngoài ra, họ còn vu khống vị thánh này về một "cái tay chết", rằng Athanasius, dường như, đã dùng nó để thực hiện những phép lạ và bùa chú một cách huyền bí (trong khi chính họ mới là những kẻ thực sự đáng nguyền rủa và rõ ràng là những pháp sư); còn bàn tay đó được cho là thuộc về một giáo sĩ nào đó tên là Arsenius, và đã bị chặt đứt do mưu mô của Athanasius.

Sau khi xem xét vụ việc, nhà vua cảm thấy bối rối: ông hiểu rõ đức hạnh của Afanasy, nhưng đồng thời những cáo buộc nhằm vào ông ta cũng có vẻ ít nhiều đáng tin. Vì vậy, ông đã chọn con đường trung dung: không kết án Afanasy, nhưng cũng không từ chối việc điều tra vụ việc của ông ta. Và vì vào thời điểm đó, tại Jerusalem đang diễn ra lễ kỷ niệm việc trùng tu Đền thờ Phục sinh của Chúa Kitô, và các giám mục từ khắp các quốc gia đều tụ họp về đây[1132] , nên nhà vua đã nhân cơ hội này, ra lệnh cho các giám mục tập trung tại Tyre[1133] để điều tra kỹ lưỡng các cáo buộc chống lại Athanasius Đại đế, cũng như xem xét vụ việc của Arius, liệu ông ta có thực sự, như chính ông ta khẳng định, giảng dạy theo giáo lý của đức tin thánh thiện và tuân giữ các truyền thống Chính thống chân chính hay không: nếu ông ta bị phế truất vì lòng ghen tị, thì hãy để ông ta được hàng giáo phẩm và công đồng tiếp nhận trở lại, và được kết nạp, như một thành viên, vào thân thể Giáo hội; còn nếu ông ta tin theo những điều trái với giáo lý của Giáo hội và giảng dạy một cách bất kính, thì hãy để ông ta bị xét xử theo các luật thánh và nhận hình phạt xứng đáng với những việc làm của mình. Về vụ việc của Arsenius, hoàng đế đã ra lệnh tiến hành điều tra trước tiên, để nếu Athanasius bị kết tội, thì sẽ đưa ông ta ra xét xử theo luật định. Để điều tra vụ việc này một cách xác thực, Constantine đã cử một trong những quan quản gia của mình, tên là Archelaus, cùng với công tước Phoenicia Nonos. Khi những người này đến Tyre (lúc đó Athanasius đang ở đó, chờ đợi để được minh oan trước những lời vu khống được dựng lên chống lại ông về việc chặt tay và thực hành phù thủy), họ đã hoãn cuộc điều tra lại cho đến khi những kẻ vu khống được mong đợi từ Alexandria đến, những người khẳng định rằng họ đã tận mắt chứng kiến hành vi phạm pháp của Athanasius (việc chặt tay Arsenius và thực hành phù thủy). Sự hoãn điều tra này đã xảy ra theo ý định của Thiên Chúa, như kết cục của vụ việc đã cho thấy rõ ràng. Bởi vì Thiên Chúa, từ trên cao nhìn xuống tất cả và giải cứu người bị hại khỏi những kẻ làm hại họ, đã kéo dài thời gian để chính Arsenius kịp đến Tyre. Arsenius là một trong những giáo sĩ của Giáo hội Alexandria, giữ chức vụ người đọc kinh; sau khi phạm một tội ác nghiêm trọng, ông lẽ ra phải chịu sự xét xử nghiêm khắc và hình phạt tàn nhẫn; vì sợ hãi điều này, ông đã bỏ trốn và ẩn náu trong một thời gian dài – không ai biết ông ở đâu. Còn những kẻ thù xảo quyệt của Athanasius, sau khi bày ra đủ mưu mô và hoàn toàn không mong đợi Arsenius sẽ bao giờ xuất hiện vì sợ hãi và xấu hổ về tội lỗi mình đã phạm, đã ngang nhiên viết rằng có một bàn tay chết của Arsenius, và lan truyền tin đồn khắp nơi rằng Athanasius đã phạm tội ác ghê tởm này. Khi tin đồn rằng Afanasy đang bị xét xử vì đã chặt tay Arseniy lan rộng khắp các vùng đất, tin này cũng đến tai chính Arseniy, người đang ẩn náu ở những nơi không ai biết. Với lòng

---

[1131] Vùng Mareotia nằm ở phía tây bắc Ai Cập, phía nam Alexandria, dọc theo bờ vịnh, và về mặt giáo hội, thuộc quyền quản lý của Giám mục Alexandria.

[1132] Các giám mục đã tụ họp tại Giê-ru-sa-lem nhân lễ khánh thành ngôi đền vĩ đại kỷ niệm sự Phục sinh của Chúa Kitô do Hoàng đế Constantine Đại đế chủ trì, tọa lạc ngay trên nơi an táng Thân thể Đấng Cứu Thế và nơi Ngài Phục sinh. Ngôi đền được khánh thành vào ngày 13 tháng 9 năm 335.

[1133] Thành phố Tyre tọa lạc trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải. Đây là một trong những thành phố thương mại ven biển cổ xưa nhất, được củng cố vững chắc và đẹp nhất của Phoenicia, đồng thời cũng là thủ đô của vùng này.

thương tiếc dành cho cha và ân nhân của mình, cùng nỗi đau xót trong lòng vì sự thật bị dối trá đánh bại một cách bất công, ông đã bí mật đến Tyre và tìm đến chính Athanasius, quỳ xuống dưới chân ông. Thánh Athanasius, vui mừng trước sự xuất hiện của Arsenius, đã ra lệnh cho ông không được lộ diện trước bất kỳ ai cho đến khi phiên tòa diễn ra.

Đó là năm thứ ba mươi dưới triều đại của Hoàng đế Constantine[1134] , khi các giám mục từ nhiều thành phố khác nhau tụ họp tại Tyre[1135] . Linh mục Macarius bị lính áp giải đến; trong số họ có cả quan tổng trấn, người muốn cùng các giám mục tiến hành phiên tòa, cũng như một số quan chức thế tục khác; những kẻ vu khống cũng có mặt, và phiên tòa bắt đầu. Sau đó, Athanasius cũng được triệu tập. Ban đầu, ông bị vu khống về việc sử dụng áo lễ bằng vải lanh và màn che, cũng như về lòng tham; nhưng ngay lập tức, sự dối trá của những lời vu khống này đã bị vạch trần, và sự độc ác của những kẻ vu khống trở nên rõ ràng với tất cả mọi người.

Trong khi đó, lòng thù hận độc ác của những kẻ chống đối Athanasius vẫn không hề suy giảm; họ vẫn chưa chán ngấy những lời vu khống giả dối nhắm vào Athanasius, mà còn tiếp tục thêm mưu mô này vào mưu mô kia, thêm lời dối trá này vào lời dối trá khác. Những kẻ dị giáo vô đạo đã hối lộ một người phụ nữ vô liêm sỉ để vu khống Athanasius rằng, khi ở nhà cô ta, ông đã cưỡng bức cô ta trái với ý muốn của cô.

Khi phiên tòa bắt đầu, các thẩm phán ngồi vào chỗ của mình và những kẻ vu khống được đưa ra, người phụ nữ này cũng được dẫn vào. Trong tiếng khóc lóc, cô ta tố cáo Athanasius, người mà cô ta chưa bao giờ gặp mặt, thậm chí còn không biết ông trông như thế nào.

– Vì danh Chúa, tôi đã đón nhận anh ta vào nhà mình – cô ta nói về Afanasy – như một người chồng đáng kính và thánh thiện, mong muốn phước lành cho bản thân và gia đình tôi. Thế mà, trái lại, tôi lại phải chịu đau khổ vì anh ta. Khi đồng hồ điểm nửa đêm, lúc tôi đang ngủ trên giường, anh ta đến bên tôi và cưỡng hiếp tôi, vì không ai giải cứu tôi khỏi tay anh ta, bởi tất cả mọi người trong nhà đều đã chìm vào giấc ngủ say.

Trong khi người phụ nữ vô liêm sỉ đó đang nói xấu và vu khống trong nước mắt, người bạn của Afanasy, mục sư Timôthê, đang đứng cùng ông ấy bên ngoài cửa và nghe thấy những lời vu khống đó, đã phẫn nộ trong lòng và bất ngờ bước vào phòng xét xử, vội vã đứng trước mặt người phụ nữ vu khống ấy, như thể chính ông là Athanasius vậy; ông dũng cảm quay sang cô ta và nói những lời sau:

– Phải chăng chính tôi đã cưỡng hiếp bà, hỡi người phụ nữ, vào ban đêm, như bà nói? Phải chăng là tôi?

Còn người phụ nữ ấy, với sự trơ trẽn còn lớn hơn, đã thét lên với các thẩm phán:

– Người đàn ông này là kẻ làm ô uế và xâm phạm sự trong trắng của tôi; chính hắn, chứ không phải ai khác, khi ở nhà tôi, đã trả ơn sự tốt bụng của tôi bằng sự lạm dụng.

Nghe vậy, các thẩm phán đều bật cười, còn những kẻ chống đối Athanasius thì vô cùng xấu hổ, vì sự dối trá của họ đã bị vạch trần rõ ràng. Mọi người đều ngạc nhiên trước lời vu khống trơ trẽn như vậy và công nhận Afanasius hoàn toàn vô tội trước tội danh bị gán ghép. Nhưng những kẻ thù của Afanasius bắt đầu buộc tội vị thánh nhân này về tội phù thủy và giết hại Arsenius; họ mang ra trước mặt mọi người một bàn tay chết trông rất đáng sợ, rồi vô liêm sỉ vung vẩy nó về phía vị thánh, đồng thời hét lên:

– Bàn tay này đang thét lên một cách im lặng chống lại ngươi, Afanasy, bàn tay này đang vạch trần ngươi; nó bắt giữ ngươi và siết chặt ngươi lại, để ngươi không thể trốn tránh sự kết án; ngươi sẽ không thể thoát khỏi lời chứng của nó bằng lời nói, mưu mẹo hay bất kỳ thủ đoạn nào. Mọi người đều biết Arsenius, người mà ngươi đã chặt đứt bàn tay này một cách bất công và không chút lòng thương xót. Vậy thì, hãy nói cho chúng ta biết đi, rốt cuộc ngươi làm điều đó vì lý do gì và với mục đích gì mà ngươi đã chặt đứt nó?

Còn Athanasius thì kiên nhẫn lắng nghe họ, noi gương Chúa Kitô, Đấng của ngài, người xưa kia đã bị người Do Thái kết án nhưng không phản kháng, không kêu la, mà *"như con chiên bị dẫn đi giết"* (Is 53,7); ban đầu ngài im lặng, sau đó, khi trả lời cáo buộc, ngài đã nói với sự hiền lành:

[1134] Tại đây, thời gian trị vì của Hoàng đế Constantine Đại đế không được tính từ khi ông trở thành nhà vua duy nhất, mà từ ngay khi ông lên ngôi (từ năm 306–324, ông cai trị nửa phía tây của đế chế, và từ năm 324–337, ông cai trị toàn bộ đế chế).

[1135] Công đồng tại Tyre diễn ra vào năm 335, dưới sự giám sát của quan chức hoàng gia Dionysius. Có tổng cộng khoảng sáu mươi giám mục tham dự công đồng. Thánh Athanasius đến cùng với 48 giám mục từ Ai Cập. Tại đây còn có sự hiện diện của các giám mục thuộc các giáo phận danh tiếng: Flacillus của Antioch, Maximus của Jerusalem và Alexander của Thessalonica. Khi vừa đến, Thánh Athanasius muốn ngồi vào chỗ dành cho ngài theo phẩm trật của giáo phận mình, nhưng chủ tọa công đồng là Eusebius, giám mục thành Caesarea (một nhà sử học Giáo hội nổi tiếng, người ủng hộ phái Arian), đã ra lệnh cho ngài phải đứng như một bị cáo. Các phiên họp của Công đồng diễn ra một cách thiên vị, ủng hộ Arius và những người cùng quan điểm với ông, đồng thời gây bất lợi cho Thánh Athanasius.

– Có ai trong các ngươi thực sự quen biết Arsenius không? Có ai có thể nhận diện chính xác liệu đây có phải là bàn tay của ông ấy không?

Khi nhiều người đứng dậy khỏi chỗ ngồi, khẳng định rằng họ biết rõ chính Arsenius và bàn tay của ông, Athanasius lập tức vén bức màn mà Arsenius đang ẩn sau đó, và ra lệnh cho ông đứng giữa hội trường. Và thế là Arsenius đứng giữa hội trường, khỏe mạnh và sống động, với cả hai tay đều nguyên vẹn. Vị Thánh, nhìn những kẻ vu khống với ánh mắt giận dữ, đã nói:

– Chẳng phải đây là Arsenius sao? Chẳng phải đây là người mà, như các vị nói, đã bị chặt mất một tay sao? Chẳng phải đây là người mà tất cả dân thành Alexandria đều biết sao?

Và, sau khi ra lệnh cho Arseniy giơ cao tay phải trước, rồi đến tay trái, ông lớn tiếng kêu lên, như thể đang kêu gọi những người còn xa rời sự thật:

– Này các người, đây chính là Arsenius! Đây là hai bàn tay của anh ta, vốn chẳng hề bị chặt đứt chút nào! Vậy thì các người hãy chỉ ra Arsenius của các người đi, nếu thực sự có người như vậy, và hãy nói cho biết bàn tay bị chặt đứt kia thuộc về ai, bàn tay đang lên án chính các người vì đã phạm tội ác này.

Khi phiên tòa đang diễn ra như vậy, một bức thư từ hoàng đế được gửi đến hội đồng, mạnh mẽ vạch trần những kẻ vu khống, đồng thời ra lệnh tha bổng cho Athanasius khỏi cáo buộc bất công và nhân từ mời ông đến gặp hoàng đế. Sự việc diễn ra như sau. Hai linh mục của Giáo hội Alexandria, Apis và Macarius (không phải người đã bị trói và dẫn ra tòa, mà là một người khác cùng tên), khi đến Nicomedia, đã kể cho nhà vua nghe tất cả về Athanasius, về cách những kẻ thù đã gán cho vị thánh nhân những cáo buộc sai trái và tổ chức một phiên tòa bất công. Vua, sau khi nhận ra sự thật và những lời vu khống xuất phát từ lòng ghen tị, đã viết một bức thư gửi các giám mục tại phiên tòa ở Tyre; khi bức thư được đọc tại phiên tòa, những người ủng hộ Eusebius bỗng chốc hoảng sợ và không biết phải làm gì; tuy nhiên, bị thúc đẩy bởi lòng ghen tị mãnh liệt, họ không ngừng nổi loạn, không chịu chấp nhận việc đã bị đánh bại và làm nhục một lần, mà lại chuyển sang những cáo buộc giả dối khác, vu khống Makariô, người đang bị đưa ra tòa. Kẻ vu khống là Ishir, còn những nhân chứng giả mạo là các tín đồ của Eusebius, những người mà Athanasius trước đó đã bác bỏ vì là những kẻ dối trá và không đáng tin cậy. Athanasius mong muốn có một cuộc điều tra xác thực về Ishir, xem liệu ông ta có thực sự là một linh mục chân chính hay không, và chỉ khi đó ông mới hứa sẽ trả lời về những cáo buộc được gán ghép cho mình. Các thẩm phán không đồng ý với điều này và tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử Macarius. Sau khi những kẻ vu khống đã dùng cạn mọi lời vu khống của mình, phiên tòa bị hoãn lại vì cần phải tiến hành điều tra tại chính nơi mà Macarius được cho là đã lật đổ bàn thờ, tức là ở Mareotes. Thấy rằng chính những kẻ vu khống đó – những người mà ngay từ đầu ông đã bác bỏ là những kẻ dối trá – lại được cử đến Mareotes để thực hiện việc này, Athanasius, không thể chịu đựng được sự bất công đang diễn ra, đã không ngừng kêu lên:

– Sự thật đã tắt lịm, lẽ phải bị chà đạp, công lý đã sụp đổ, việc điều tra hợp pháp và xem xét cẩn trọng các vụ án đã biến mất khỏi tay các quan tòa! Làm sao có thể hợp pháp khi người muốn minh oan lại bị giam cầm trong xiềng xích, còn việc xét xử toàn bộ vụ án lại được giao cho những kẻ vu khống và kẻ thù, và chính những kẻ vu khống lại là người xét xử người mà họ đang vu khống?

Thánh Athanasius Vĩ Đại đã lên tiếng về điều này trước mặt mọi người và làm chứng trước toàn thể hội đồng. Nhưng khi thấy mình sẽ không đạt được kết quả gì, do số lượng kẻ thù và những kẻ ghen tị ngày càng gia tăng, ngài đã bí mật đến gặp nhà vua. Và ngay lập tức, hội đồng đó – hay đúng hơn là đám đông xảo trá – đã kết án Athanasius khi ngài vắng mặt. Sau khi cuộc điều tra bất công tại Mareotes về vụ việc nêu trên kết thúc – cuộc điều tra được tiến hành theo ý muốn và mong muốn của những kẻ thù của Thánh Athanasius – các thẩm phán, những người đáng lẽ phải bị phế truất, đã quyết định rằng Athanasius phải bị phế truất vĩnh viễn. Sau đó, họ lên đường đến Giê-ru-sa-lem, nơi những người vốn chỉ giả vờ giữ đức tin trên lời nói và đã giả tạo ký vào tín điều về sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Thiên Chúa Cha tại Công đồng Ni-ki-a trước đây, đã tiếp nhận Arius – kẻ chống lại Thiên Chúa – vào cộng đồng Giáo hội. Nhưng những ai giữ vững đức tin Chính thống cả trong lòng lẫn lời nói, sau khi suy ngẫm kỹ lưỡng những lời nói và luận điệu của Arius và xem xét chúng một cách thận trọng, đã nhận ra sự lừa dối ẩn giấu đằng sau lớp vỏ bọc của nhiều lời nói và luận điệu ấy; và khi đã vạch trần nó, như bắt được một con cáo, họ đã vạch trần hắn như kẻ thù của chân lý. Lúc đó, một sứ điệp khác từ nhà vua được gửi đến (lúc đó Athanasius vẫn chưa kịp đến gặp nhà vua), ra lệnh cho Athanasius cùng tất cả những người biện hộ và các thẩm phán của ông phải lập tức đến gặp nhà vua. Điều này đã gây ra nỗi sợ hãi lớn lao trong các thành viên của hội đồng, bởi vì những kẻ thù của Athanasius, những người đã tiến hành phiên tòa bất hợp pháp, lo sợ rằng sự dối trá

của họ sẽ bị vạch trần; vì vậy, nhiều người trong số họ đã tản mác về các vùng đất của mình. Còn Eusebius và Theognis, giám mục thành Nicaea[1136] , cùng một số người khác, đã tìm cách bịa ra một số lý do nghe có vẻ hợp lý để trì hoãn việc lên đường từ Tyre, nên họ ở lại đây khá lâu, và chỉ trả lời nhà vua qua thư từ. Trong khi đó, Athanasius, khi đến gặp hoàng đế tại Nicomedia, đã minh oan cho mình trước cáo buộc tham lam được gán ghép lên ông. Và trong khi những người ủng hộ Eusebius chần chừ và không vội vàng đến gặp hoàng đế, thì hoàng đế đã cử Athanasius đến Giáo phận Alexandria cùng với bức thư của mình, trong đó khẳng định rằng tất cả những lời vu khống nhắm vào vị thánh đều vô căn cứ và bất công.

Khi Thánh Athanasius đang điều hành giáo phận của mình như vậy, trong khi Arius đang ở Alexandria, những người theo phái Arius đã gây ra sự hỗn loạn và những lời đồn đại lớn trong dân chúng. Thánh Athanasius, không thể chứng kiến việc Arius đang gây rối và làm lung lay không chỉ riêng Alexandria mà cả Ai Cập, đã gửi thư báo cáo tất cả những điều này cho hoàng đế, khuyên ngài trừng phạt kẻ chống lại Thiên Chúa và kẻ gây rối dân chúng. Đáp lại điều này, hoàng đế ngay lập tức ra lệnh gửi đến Alexandria yêu cầu đưa Arius bị trói đến để xét xử trước tòa hoàng gia. Trên đường từ Alexandria đến gặp nhà vua, khi đến Caesarea, Arius đã gặp gỡ những người cùng chí hướng với mình: Eusebius, Giám mục Nicomedia, Theognis của Nicaea và Marius, Giám mục Chalcedon[1137] ; sau khi bàn bạc với nhau, họ đã dựng lên những lời vu khống mới chống lại Athanasius, không sợ Chúa, cũng không thương xót người vô tội, mà chỉ có một mong muốn duy nhất – che đậy sự thật bằng dối trá, như lời Tiên tri Isaia Thánh thiêng đã nói: "Họ khởi sự điều ác và sinh ra sự gian ác" – đó là những kẻ đã nói: *"Vì chúng ta đã lấy sự dối trá làm nơi ẩn náu cho mình, và bằng sự lừa dối, chúng ta sẽ che đậy chính mình"* (Is 59:4, 28, 15).[1138] Những kẻ dị giáo vô luật pháp đã nỗ lực như vậy để lật đổ Thánh Athanasius khỏi ngai tòa Thượng phụ và chiếm quyền lực trên các tín hữu Chính Thống. Và thế là họ đã đến gặp nhà vua – Arius, với mong muốn tự bào chữa cho mình, còn Eusebius và các đồng phạm của ông ta – để hỗ trợ cho việc làm bất công của Arius, và công khai làm chứng dối chống lại lẽ thật và Athanasius. Khi họ ra trình diện trước nhà vua, họ lập tức bị chất vấn về Công đồng đã diễn ra tại Tyre, về những gì họ đã quyết định tại đó và bản án nào đã được tuyên đối với Athanasius. Họ đáp lại nhà vua:

– Thưa Bệ hạ! Chúng tôi không quá đau buồn vì những sai lầm của Athanasius, nhưng chúng tôi tràn ngập nỗi buồn và lòng ghen tị vì bàn thờ mà ông ta đã phá hủy, vì chén Thánh Thể mà ông ta đã đập vỡ và làm tan tành, cũng như vì việc ông ta đã cấm và ngăn cản việc gửi lúa mì từ Alexandria đến Constantinople như thường lệ[1139] : điều này khiến chúng tôi đặc biệt đau buồn, điều này làm tổn thương tâm hồn chúng tôi. Những người làm chứng cho những hành vi tàn ác đó của ông là các giám mục: Adamantius, Anuvion, Arvestion và Peter[1140] ; bị họ vạch trần về tất cả những điều này, Athanasius đã trốn tránh được phiên tòa, vốn là điều ông xứng đáng phải chịu theo công lý vì những việc làm của mình, tuy nhiên ông không thể tránh khỏi việc bị phế truất, mà đã bị toàn thể công đồng nhất trí phế truất vì đã dám thực hiện những hành vi phi pháp như vậy.

[1136] Théognis, Giám mục thành Nicaea, cùng với Eusebius của Nicomedia, – là những người đầu tiên chấp nhận giáo lý của Arius, ủng hộ ông ta tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất; sau đó, mặc dù đã ký vào Kinh Tin Kính Chính Thống, nhưng vì có quan hệ với Arius nên đã bị lưu đày; khi Arius trở về, Theognus cũng được triệu hồi từ nơi lưu đày. Rõ ràng ông đã từ bỏ tà thuyết, nhưng vẫn bí mật bảo trợ cho những người theo Arius.

[1137] Marius, Giám mục Chalcedon, cũng giống như Theognis của Nicaea và nhiều người khác, đã đồng tình với học thuyết của Arius, đã buộc tội Athanasius tại Công đồng Tyre và nằm trong số những người điều tra vụ án Mareot, cùng với Theognis và những người cùng quan điểm với Arius.

[1138] Vị Tiên tri ở đây đang nói về những người mà tội lỗi của họ khiến họ xa cách Thiên Chúa. Những kẻ cáo buộc Athanasius cũng hành động giống như những tội nhân ấy, che đậy sự thật bằng dối trá.

[1139] Từ xa xưa, Ai Cập, nổi tiếng với sự màu mỡ, đã gửi đến Rôma qua Alexandria một hạm đội chở đầy lúa mì để phân phát cho những người dân đang gặp khó khăn. Khi Constantine Đại đế thành lập thủ đô mới tại Byzantium vào năm 330, được đặt tên theo ông là Constantinople, hay còn gọi là Tsargrad, thì với mong muốn tăng cường dân số và nguồn lực để duy trì thành phố, ông đã thay đổi mục đích của hạm đội này: ân huệ phân phát lúa mì được dành riêng cho Constantinople. Tổng lượng lúa mì được phân phát lên tới 80.000 mer. Những kẻ thù của Athanasius đã tính toán rằng, bằng cách lan truyền lời vu khống mới này, họ sẽ khơi dậy cơn giận của hoàng đế, đồng thời gây ra sự phẫn nộ trong dân chúng tại thủ đô. Đám đông, vốn bất mãn với Athanasius, có thể nổi loạn và trong lúc đó, như những vị giám mục thù địch với Athanasius hy vọng, sẽ giết chết vị thánh này. "Làm sao tôi có thể làm điều đó (ngăn chặn việc vận chuyển lúa mì) – Athanasius phản bác lại lời vu khống mới này – tôi chỉ là một người bình thường và nghèo khó?" Eusebius của Nicomedia đáp lại: "Không, Athanasius là người quyền thế, giàu có; ông ta có đủ khả năng làm mọi việc!"

[1140] Tất cả họ đều là các giám mục theo chủ nghĩa Arian, những người ủng hộ Eusebius của Nicomedia.

Khi nghe những lời này, nhà vua ban đầu im lặng, lòng đầy bối rối; sau đó, vì không thể ngăn cản những kẻ vu khống, ngài đã ra lệnh tạm thời đưa vị thánh nhân này đến Gaul[1141] , – không phải vì ngài tin vào những lời vu khống hay bị cơn giận chi phối, mà là để xoa dịu Giáo hội (như lời chứng của những người đã biết rõ ý định của nhà vua). Hoàng đế đã thấy có bao nhiêu giám mục nổi dậy chống lại Athanasius, và sự hỗn loạn lớn lao đã nảy sinh từ đó trong dân chúng Alexandria và Ai Cập. Và thế là, mong muốn xoa dịu cơn bão táp ấy, chấm dứt những lời đồn đại và chữa lành những nỗi đau khổ của biết bao giám mục, ngài đã ra lệnh cho vị thánh nhân tạm thời rời khỏi thành phố[1142] .

Sau đó, chính Hoàng đế Constantine, vào năm thứ 31 của triều đại, đã qua đời ở tuổi sáu mươi lăm. Khi lâm chung, ông để lại ba người con trai làm người thừa kế vương quốc: Constantine, Constantius và Constans; theo di chúc, ông đã chia vương quốc cho ba người con trai này, đồng thời chỉ định cho người con trai cả là Constantine phần lớn vương quốc. Tuy nhiên, vì khi Constantine Đại Đế qua đời, không có người con trai nào của ông có mặt, nên ông đã giao di chúc của mình cho một linh mục[1143] , người vốn là tín đồ bí mật của Arius. Trong khi bí mật ôm ấp tà thuyết trong lòng, vị linh mục này cũng giấu kín di chúc của hoàng đế; khi nhiều người hỏi ông rằng hoàng đế có lập di chúc trước khi qua đời hay không, ông không nói gì về điều đó. Ông ta còn có một số hoạn quan của hoàng gia làm đồng phạm bí mật trong việc này. Trong khi người con trai cả là Constantine chậm trễ trong việc đến bên cha mình khi ông qua đời, thì Constantius vội vã rời Antioch càng sớm càng tốt và đến trước tất cả mọi người. Vị linh mục nói trên đã bí mật trao cho ông di chúc của cha mình; và để tỏ lòng biết ơn, vị linh mục ấy không đòi hỏi bất kỳ phần thưởng nào, ngoài việc ông phải chuyển sang phe Arian và giúp đỡ họ; ông ta muốn Constantius, thay vì tạ ơn Đức Vua Christ bất tử vì vương quốc trần gian của mình, lại điên cuồng phủ nhận Ngài không phải là Đức Chúa Trời và Chúa Tể của muôn loài, cũng không phải là Đấng Tạo Hóa, mà chỉ là một tạo vật! Eusebius nói trên và tất cả đồng phạm của ông ta đã tiếp tay cho việc này, hân hoan vì thời khắc mà họ hằng mong đợi đã đến; họ hy vọng sẽ lan truyền và củng cố giáo lý dị giáo Arian chỉ khi nào vị hoàng đế mới công nhận quyết định giam cầm Athanasius là công bằng và hoàn toàn hợp pháp. Vào thời điểm đó, họ đã lôi kéo được quan thái giám[1144] , người đang ở trong cung điện hoàng gia và có cùng quan điểm với họ, vào tà thuyết của mình; và qua ông ta, căn bệnh tà thuyết Arian đã xâm nhập vào các thái giám khác[1145] , những người vốn dĩ rất dễ tiếp thu và lan truyền mọi điều xấu xa cho người khác. Sau đó, cả hoàng hậu, sau khi dần dần bị hư hỏng bởi những lời nói phạm thượng, cũng bị nhiễm phải chất độc dị giáo đó.

Cuối cùng, chính nhà vua, bị mê hoặc bởi những lý luận giả dối của Arian, đã nổi loạn chống lại Đấng Christ, Chúa và Chủ Tể của mình, đến nỗi những lời của Tiên tri Giê-rê-mi thánh thiêng đã ứng nghiệm trên Ngài: *"Các mục tử đã lìa xa Ta"* (Giê-rê-mi 2:8).[1146] Và Constantius đã ra lệnh công khai rằng giáo lý sai lầm của Arian

---

[1141] Gaul – tức nước Pháp ngày nay.

[1142] Thánh Athanasius bị đày đến thành phố Trèves – nay là Trier – một thành phố sầm uất, thịnh vượng, là thủ phủ của vùng đông bắc Gaul cổ đại (còn gọi là Belgica). Chính Hoàng đế Constantine Đại đế cũng từng thường xuyên cư ngụ tại đây khi ngài chỉ nắm quyền cai trị nửa phía tây của đế chế; lúc bấy giờ, Constantine – con trai cả của hoàng đế, người đã trở thành thống đốc của Gaul, Tây Ban Nha và Britannia vào năm 335 – đang cư ngụ tại đó. Vào thời điểm đó, Giám mục Trier là Maximinus, người bảo vệ chính thống giáo. Ông đã đón tiếp Thánh Athanasius với tình yêu thương và sự kính trọng, và Thánh Athanasius cũng dành cho ông tình cảm gắn bó tương tự. Còn Constantine con, với lòng kính trọng dành cho vị thánh, đã cố gắng xoa dịu nỗi đau của cuộc lưu đày. Thánh Athanasius đã ở Trier trong hai năm và bốn tháng.

[1143] Linh mục Arian Eudoxius, chính là người đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến Constance, em gái của Hoàng đế Constantine Đại đế, trong việc đưa Arius và những người cùng quan điểm với ông trở về từ nơi lưu đày.

[1144] Prepositus – người đứng đầu hoàng cung và đội ngũ hoạn quan. Hoạn quan Eusebius, một tín đồ Arian, đặc biệt được Nữ hoàng Constance tin tưởng.

[1145] Trong thời cổ đại, người ta gọi những người phục vụ tại các triều đình hoàng gia với vai trò là lính gác tại phòng ngủ của các hoàng hậu và công chúa là "hoạn quan". Phần lớn, các hoạn quan đều là những người đã bị thiến. Tại triều đình Byzantine, chức vụ hoạn quan rất được tôn trọng; họ thường là những quan lại cao cấp trong triều đình và có ảnh hưởng lớn đến các vị vua cũng như việc điều hành đất nước. Constantine Đại Đế bắt đầu bổ nhiệm họ vào các chức vụ thấp hơn để hạn chế ảnh hưởng của họ; nhưng dưới triều đại của Constantius, các hoạn quan lại có vị thế rất mạnh mẽ tại triều đình.

[1146] Câu Kinh Thánh này được diễn giải chi tiết như sau: Các thầy tế lễ không hỏi: "Chúa ở đâu?", các thầy dạy luật không nhận biết Ta, các mục tử đã lìa bỏ Ta, và các tiên tri đã tiên tri nhân danh Ba-anh và đi theo những kẻ không giúp ích gì. Tại đây, nhân danh Chúa, tiên tri Giê-rê-mi đã vạch trần các thầy tế lễ, các nhà cai trị và các tiên tri của Y-sơ-ra-ên, những người đã quên ân sủng của Đức Chúa Trời và lìa xa Ngài. Người viết tiểu sử Thánh Athanasius thành Alexandria đã áp dụng những lời này theo nghĩa bóng để chỉ Constantine và các giám mục theo phái Arian, những người đã xa rời đức tin chân chính vào Đức Kitô là Thiên Chúa.

phải được công nhận, và tất cả các giám mục phải suy luận giống như ông; còn những ai không tuân lệnh thì phải bị thuyết phục bằng những lời đe dọa.

Giữa cơn bão táp và hỗn loạn lớn lao ấy, những vị mục tử chân chính dẫn dắt các Giáo hội chính là các vị tổng giám mục sau đây: Maximô của Giêrusalem[1147] , Alexandre của Constantinopolis và Athanasiô của Alexandria (người mà chúng ta đang đề cập đến), người dù đang bị giam cầm nhưng vẫn không buông bỏ tay lái của Giáo hội, tiếp tục khẳng định Chính Thống Giáo qua lời nói và các thư tín của mình. Còn Eusebius của Nicomedia cùng những người đồng chí hướng đã dốc hết sức lực để truyền bá giáo lý dị giáo sai lầm của mình, khơi mào cuộc chiến chống lại những người Chính Thống và đàn áp Giáo hội của Chúa Kitô. Đặc biệt, họ đã tấn công Giáo hội một cách quyết liệt sau cái chết thảm khốc của Arius. Eusebius, kẻ xảo quyệt và gian trá, đã đón tiếp Arius vào Constantinople với sự vinh dự lớn lao, nhằm gây ra sự mê hoặc và cám dỗ lớn lao cho các tín hữu; bởi vì lúc bấy giờ không có ai ở đó có thể chống lại Arius, sau khi nhiều quan chức đã gia nhập phe ông ta, vì Athanasius đang bị giam cầm. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng toàn năng từ trên cao sắp đặt mọi sự, đã phá hủy mưu đồ của họ, chấm dứt sự độc ác và cuộc đời của Arius. Và với sức mạnh mà lưỡi hắn đã phun ra những lời phỉ báng đối với Chính Thống Giáo khi còn sống, thì với sức mạnh tương tự, thậm chí còn lớn hơn, bụng hắn đã vỡ tung, nội tạng hắn tuôn ra, và hắn, kẻ khốn nạn, nằm lăn lộn trong vũng máu của chính mình tại những nơi ô uế[1148] . Như vậy, sự phán xét xứng đáng đã được thực hiện đối với cái lưỡi không kiềm chế và cái thân xác độc ác, ngập tràn mủ hôi thối của tà giáo, đó chính là Arius!

Sau khi tên thủ lĩnh dị giáo này hủy hoại linh hồn và thân xác một cách khủng khiếp như vậy, Eusebius và những đồng phạm của hắn đã gánh vác toàn bộ công việc bảo vệ và lan truyền dị giáo, gây ra sự hỗn loạn khắp nơi, với sự trợ giúp nhiệt thành của các hoạn quan – như thể chính tay họ vậy. Họ đặc biệt cố gắng như thể bịt miệng Athanasius, người đang bị lưu đày, để ông không thể phổ biến các thông điệp của mình nhằm bảo vệ Chính Thống Giáo. Nhưng Sự Sắp Đặt của Thiên Chúa đã làm lay động lòng thương xót của người con trai cả của Constantine Đại Đế, cũng tên là Constantine[1149] , người vốn đã là người đứng đầu trong số các anh em cả về tuổi tác lẫn tư cách con trưởng. Người này đã giải phóng Thánh Athanasius khỏi nơi lưu đày và cử ông cùng bức thư của mình đến Alexandria, đến tòa giám mục. Trong bức thư đó có viết: "Constantine, người chiến thắng, mong muốn Giáo hội và dân chúng Alexandria được vui mừng. Tôi tin rằng trong số các bạn không có ai là không biết về những gì vừa xảy ra với vị giảng sư vĩ đại của Chính Thống giáo và vị thầy của Lời Chúa – Athanasius, về việc những kẻ thù của lẽ thật đã phát động một cuộc chiến chung chống lại ngài, và về việc ngài đã được thông báo rằng phải ở lại với tôi tại Gaul để có thể tạm thời tránh khỏi những tai họa đang rình rập ngài; nhưng ngài không bị kết án lưu đày vĩnh viễn. Chúng tôi đã đối xử với ngài với tất cả sự quan tâm chu đáo, lo lắng để ngài không gặp phải bất kỳ rắc rối bất ngờ nào, mặc dù ngài thực sự kiên nhẫn hơn bất kỳ ai khác; được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành vì Chúa, ngài có thể dễ dàng chịu đựng mọi gian khổ. Cha chúng tôi, Constantine, mong muốn sớm đưa ngài trở lại ngai tòa Thượng

---

[1147] Thánh Maximus III, Tổng Giám mục Giêrusalem, đã nắm giữ chức vụ từ năm 333 đến năm 350. Ngài đã chịu khổ vì danh Chúa Kitô và là một vị tử đạo. Khi tại Công đồng Tyre, những người theo phái Arian yêu cầu các giám mục Chính thống ký vào bản án phi pháp chống lại Athanasius, thì Paphnutius, giám mục thành phố Taïs ở thượng lưu sông Nile, một vị chứng nhân đã chịu khổ vì Đức Kitô dưới triều đại của Maximian II, đã nắm tay Maxim, dẫn ngài ra khỏi hội trường và nói: "Đối với chúng ta, những người chứng đạo, việc tham gia vào một công đồng như thế này là không xứng đáng." – Lễ kỷ niệm Thánh Maximus được cử hành trong Giáo hội Hy Lạp vào ngày 17 tháng 11.

[1148] Các nhà sử học Giáo hội Hy Lạp thế kỷ V là Socrates và Sozomen đã mô tả cái chết của Arius như sau. Vào buổi sáng định mệnh ấy, khi theo lệnh của Hoàng đế Constantine Đại đế, Arius phải được tiếp nhận vào cộng đồng Giáo hội, ông ta – với thái độ kiêu ngạo hơn thường lệ và liên tục buông ra những lời bình luận vô nghĩa – đang trên đường đến nhà thờ, được bao quanh bởi những người theo phái Eusebian cùng chí hướng và một đám đông tò mò, huyên náo. Nhưng đột nhiên, ông bị một cơn đau bụng dữ dội ập đến và phải đi vào nhà vệ sinh phía sau Quảng trường Constantine. Ngay sau đó, ông ngất xỉu tại đó, và cùng với phân, các cơ quan nội tạng của ông trào ra ngoài, bao gồm ruột, gan và lá lách, kèm theo một lượng máu chảy ra dồi dào, khiến ông chết gần như ngay lập tức. Trong khi đó, những người đi cùng anh ta đã chờ đợi khá lâu. Cuối cùng, khi đến chỗ anh ta để gọi, họ đã bị sốc trước cảnh tượng kinh hoàng. Bụng của Arius (lúc đó ông đã hơn 80 tuổi) đã vỡ tung, và ông nằm đó, ngập trong vũng máu của chính mình, tạo nên một cảnh tượng rùng rợn. Cái chết kinh hoàng của Arius không khỏi khiến người ta liên tưởng đến cái chết của Giu-đa, kẻ phản bội. Nó đã gây ra sự chán nản sâu sắc trong hàng ngũ những người ủng hộ ông và, tất nhiên, được những người Chính thống giáo coi là bản án tối thượng đối với toàn bộ sự nghiệp của ông. Và quả thực, dù cái chết của Arius có thể là do nguyên nhân tự nhiên, thì dù sao đi nữa, đó cũng là một cái chết đột ngột và kinh hoàng, và người ta không thể không nhìn thấy trong đó sự phán xét tối cao của Đức Chúa Trời.

[1149] Constantine II – con trai cả của Constantine Đại Đế; khi đế chế được phân chia, với tư cách là hoàng đế, ông đã được giao quản lý Gaul và phần phía tây của Bắc Phi.

phụ, nhưng vì đã qua đời mà chưa kịp thực hiện ý định của mình về ngài, nên đã giao việc này cho tôi, người kế vị của ngài, đồng thời để lại di chúc cuối cùng về vị thánh này. Vì vậy, chúng tôi ra lệnh cho các ngươi hãy đón tiếp ngài ngay lúc này với mọi sự tôn kính và một buổi đón tiếp long trọng".

Với bức thư hoàng gia này, Thánh Athanasius đã đến được Alexandria, và tất cả các tín hữu Chính Thống Giáo đều hân hoan chào đón ngài[1150] . Còn những kẻ theo tà thuyết Arian thì bắt đầu tổ chức những cuộc tụ họp đầy ác ý giữa họ, một lần nữa khơi dậy cuộc đàn áp chống lại vị thánh và gây ra sự hỗn loạn trong dân chúng; họ bịa đặt đủ loại lý do để vu khống vị thánh: rằng ngài đã trở lại ngai tòa tổng giám mục mà không qua phiên tòa công đồng và tự ý bước vào nhà thờ[1151] ; họ cũng cáo buộc ngài là nguyên nhân gây ra các cuộc hỗn loạn, vụ giết người và việc lưu đày, đồng thời gán cho ngài những cáo buộc khác, cả cũ lẫn mới. Cùng lúc đó, dân chúng bị ảnh hưởng nặng nề bởi tà thuyết Arian đã nổi dậy chống lại Thánh Athanasius; có lần, một đám đông đã vây quanh vị thánh, chửi rủa ngài bằng những lời lẽ xúc phạm và giơ tay lên để xé xác và giết chết ngài. Athanasius chỉ vừa kịp thoát thân và lén lút rời khỏi thành phố. Trong khi đó, các giám mục Arian, bằng cách gửi thư đi khắp nơi, tuyên bố rằng Athanasius – người đã bị phế truất một cách hợp pháp theo quyết định của Công đồng – lại chiếm lại ngai tòa Alexandria mà không có quyết định của Công đồng; đồng thời, họ tung tin về những hành vi bạo lực được cho là đã xảy ra khi ngài trở về Alexandria. Như vậy, họ đã chặn đường ông vào các thành phố và nhà thờ ở mọi nơi. Trong khi đó, Constantine, người bảo trợ của Athanasius, đã qua đời: ông bị các binh sĩ giết hại tại Aquileia[1152] . Những kẻ thù của Athanasius đã lợi dụng điều này và kích động hoàng đế Constantius, người từng bảo trợ cho ông, nổi cơn thịnh nộ đến mức ông hứa sẽ ban tặng của cải và vinh dự cho bất kỳ ai chỉ ra nơi ở của Athanasius, nếu ông còn sống, hoặc mang đến cho ông cái đầu của vị tổng giám mục đã bị sát hại. Còn Athanasius thì đã ẩn náu trong một thời gian khá dài tại một hố sâu, khô cạn và không có nước của một cái giếng bỏ hoang, và không ai biết về ông, ngoại trừ một người sùng đạo, người đã nuôi dưỡng và bảo vệ ông tại nơi đó[1153] . Sau đó, khi một số người bắt đầu nghi ngờ về sự hiện diện của Athanasius tại đây – bởi vì người ta đang tìm kiếm ông khắp nơi một cách kỹ lưỡng và hỏi han về ông, và đã định bắt giữ ông vào một buổi sáng – thì ông, được dẫn dắt bởi Sự Sắp Đặt Thần Thánh, đã rời khỏi hố vào ban đêm và chuyển đến một nơi khác; lo sợ rằng ở đó họ cũng sẽ tìm thấy và bắt giữ mình, ngài đã rời khỏi các vùng đất phương Đông để đến lãnh thổ của Đế quốc phương Tây.

Vào thời điểm đó, ở phương Tây, sau khi Constantine II qua đời, Constantine, con trai út của Constantine Đại đế, đang trị vì. Khi đến châu Âu, Thánh Athanasius đã đến Rome và, sau khi gặp Giáo hoàng Julius[1154] cũng như chính Hoàng đế Constantine, đã kể chi tiết cho họ nghe về bản thân mình. Trong khi đó, tại Antioch lúc bấy giờ đang diễn ra hội đồng các giám mục phương Đông, tụ họp để làm lễ thánh hiến nhà thờ[1155] , công trình mà Constantine Đại đế đã khởi công xây dựng và được con trai ông là Constantius hoàn thành. Để thực hiện việc này, tất cả các giám mục phương Đông đã tập trung tại đó, trong số đó có không ít người theo phái Arian. Những người thuộc phái Arian này, lợi dụng sự bảo trợ của hoàng đế, đã triệu tập một hội đồng bất hợp pháp và một lần nữa tuyên bố Thánh Athanasius – người lúc đó đang ở phương Tây – bị phế truất; họ đã viết trong thư gửi cho Giáo

---

[1150] Đó là vào cuối năm 338.

[1151] Các kẻ thù của Athanasius viện dẫn rằng, theo nghị quyết của Công đồng Tyre, ông đã bị phế truất và hiện đang nắm giữ chức vụ giám mục theo lệnh của chính quyền thế tục, trái với các quy định của Giáo hội.

[1152] Aquileia – trong thời cổ đại là một thành phố lớn và quan trọng ở miền Bắc Ý, nằm phía bắc Biển Adriatic. – Tại đây, vào tháng 3 năm 340, đã xảy ra trận chiến nội chiến giữa Constantine và Constans, trong đó Constantine bị giết, còn Constans trở thành người thống trị toàn bộ phương Tây.

[1153] Tại nơi ẩn náu bí mật của mình, Thánh Athanasius đã viết một lời kêu gọi mạnh mẽ gửi đến các giám mục của tất cả các giáo hội, trong đó ngài mô tả tất cả những nỗi kinh hoàng của sự vô đạo đức đã diễn ra trước mắt ngài, và khẩn cầu sự giúp đỡ cho Giáo hội Alexandria vinh quang, đang bị những kẻ dị giáo chà đạp. Nhưng các vị mục tử đạo đức chỉ biết khóc than và cầu xin sự giúp đỡ từ trên cao: sự hỗn loạn do đoàn quân Arian ồ ạt tràn vào Alexandria gây ra quá lớn, và không có ai để cầu cứu, vì sự ngang ngược của những kẻ dị giáo được Hoàng đế Constantius bảo trợ hoàn toàn.

[1154] Thánh Julius – Giáo hoàng Rôma, người bảo vệ nhiệt thành cho Chính thống giáo trước các tín đồ Arian, là vị thánh bảo trợ của Athanasius, đã tại vị từ năm 337 đến năm 352.

[1155] Được gọi là "Nhà thờ Vàng", công trình này được Hoàng đế Constantine Đại đế khởi công xây dựng một cách hoành tráng và được Hoàng đế Constantius hoàn thiện. Chính tại đây, Công đồng Antioch đã diễn ra vào tháng 1 năm 341. Có tới chín mươi vị giám mục tham dự công đồng này. Các vị cha trong công đồng đã bác bỏ Tín điều của Công đồng Toàn cầu, đồng thời, dù không thống nhất với nhau, họ lần lượt ban hành ba tín điều riêng (bán Arian), rồi sau đó là tín điều thứ tư, và trong không một tín điều nào họ muốn đưa vào cụm từ xác định rõ ràng Chính thống giáo: "cùng bản thể". Sau khi giải quyết vấn đề đức tin theo cách riêng của mình, họ chuyển sang bàn về các vấn đề của Giáo hội Alexandria.

hoàng những lời vu khống nhắm vào Athanasius, nhằm thúc đẩy Giáo hoàng công nhận ông bị phế truất. Tại Alexandria, họ ban đầu bầu Eusebius của Emesa[1156] – người nổi tiếng về tài hùng biện – lên ngai Thượng phụ, nhưng ông đã từ chối, vì biết người dân Alexandria kính trọng vị Thượng phụ Athanasius của họ đến mức nào. Sau đó, họ bổ nhiệm một người tên là Grigori, gốc Cappadocia[1157] , lên ngai tòa Thượng phụ Alexandria; nhưng ông ta chưa kịp đến Alexandria thì Athanasius đã từ Roma đến nơi. Sự việc diễn ra như sau.

Đức Giáo hoàng Julius, sau khi xem xét kỹ lưỡng những lời vu khống nhằm vào Athanasius, đã nhận định chúng là sai sự thật, và vì thế lại cho phép ngài trở lại Tòa Thượng phụ Alexandria cùng với một bức thư của ngài, trong đó ngài đã lên án gay gắt, kèm theo những lời đe dọa, những kẻ đã dám lật đổ ngài. Vị Thánh đã được các tín hữu Chính thống giáo tại Alexandria đón nhận với niềm vui lớn lao. Còn những kẻ đối địch với ngài, khi biết tin này (người đứng đầu của họ, Eusebius của Nicomedia, lúc này đã qua đời[1158]), đã vô cùng bối rối và ngay lập tức xúi giục hoàng đế cử một đạo quân đến Alexandria cùng với Gregory, nhằm đưa ngài lên ngai tòa Thượng phụ. Và thế là hoàng đế đã cử một quan tổng trấn tên là Sirian, cùng với một đội quân đông đảo, đi cùng với Grigori – kẻ dị giáo đã được những kẻ dị giáo bầu lên làm tổng giám mục – và ra lệnh cho ông ta giết Athanasius, đồng thời đưa Grigori lên ngôi tổng giám mục. Một ngày nọ, vào đêm trước một ngày lễ, khi tại Nhà thờ Chính tòa Alexandria đang diễn ra buổi cầu nguyện suốt đêm và tất cả các tín hữu Chính thống giáo đang cầu nguyện trong nhà thờ cùng vị mục tử của họ là Athanasius và hát các bài thánh ca, thì đột nhiên Sirian xông vào cùng với những chiến binh vũ trang. Hắn đi vòng quanh nhà thờ, chỉ tìm duy nhất Athanasius để giết ông. Nhưng vị thánh, được sự che chở của Chúa, đã lén lút rời khỏi nhà thờ, được đám đông bao quanh; và vì lúc đó bóng tối đêm đã buông xuống, ngài đã lẻn qua một cách lặng lẽ giữa sự hỗn loạn chung và đám đông đông đúc, nhờ đó thoát khỏi cái chết, như con cá thoát ra từ chính giữa lưới, sau đó ngài lại trở về Rôma. Sau đó, Grigoriô, kẻ vô đạo, đã chiếm lấy ngai tòa Alexandria như một con thú săn mồi. Dân chúng nổi dậy mạnh mẽ đến nỗi những kẻ nổi loạn thậm chí còn đốt cháy một ngôi đền mang tên Dionysius.

Thánh Athanasius ở lại Rôma trong ba năm, được hoàng đế Constantius và Giáo hoàng Julius kính trọng sâu sắc. Tại đó, ngài có người bạn là Thánh Phaolô, Tổng Giám mục Constantinopolis, người cũng bị những kẻ dị giáo vô đạo lật đổ khỏi ngai tòa của mình. Cuối cùng, theo sự đồng thuận chung của hai vị hoàng đế: Constantius và Constans, tại Sardica[1159] đã được triệu tập một công đồng gồm các giám mục phương Đông và phương Tây để thảo luận về vấn đề tuyên xưng đức tin, cũng như vụ việc của Athanasius và Paul[1160] . Trong số đó, có hơn ba trăm giám mục phương Tây và hơn bảy mươi giám mục phương Đông, trong đó có cả Ishir đã được đề cập trước đó, lúc bấy giờ đã là giám mục Mareot[1161] . Các giám mục đến từ các giáo hội châu Á[1162] thậm chí còn không muốn gặp gỡ các giám mục phương Tây cho đến khi những người này loại bỏ Phaolô và Athanasius khỏi hội đồng. Còn các giám mục phương Tây thì thậm chí không muốn nghe đến điều đó. Lúc đó, các giám mục phương Đông quay trở về và, khi đến thành phố Philippopolis thuộc Thrace[1163] , họ đã tổ chức tại đó một công đồng của riêng mình, hay

---

[1156] Eusebius của Emesa nổi tiếng về học vấn; ông từng học tại Alexandria, sau đó học với Eusebius của Caesarea. Ông được gọi là "của Emesa" theo tên thành phố (Emesa – một thành phố ở Syria, phía nam Antioch), nơi ông từng làm giám mục. Ông là người được Constantius sủng ái và thường tháp tùng ông trong các cuộc chinh phạt.

[1157] Grigorius Cappadociensis (Cappadocia – vùng phía đông Tiểu Á) được giáo dục tại Alexandria và từng được Thánh Athanasius ưu ái. Grigorius là người có tính cách thô lỗ và bốc đồng.

[1158] Eusebius của Nicomedia qua đời vào năm 342.

[1159] Sardica nằm trên biên giới lãnh thổ của cả hai anh em: Constantius và Constans, tại Illyria – nay là Sofia – thủ đô của Bulgaria hiện nay.

[1160] Constantius đã đồng ý triệu tập công đồng, nhượng bộ trước yêu cầu của người anh em theo Chính Thống Giáo của mình, người đã được các giám mục phương Đông thỉnh cầu, và người này, với lòng kính trọng sâu sắc dành cho Thánh Athanasius, mong muốn ông được minh oan. Công đồng diễn ra vào năm 344. Công đồng này 1) đã phê chuẩn Tín điều Nicêa, 2) sau khi xem xét vụ việc, đã minh oan cho Athanasius và 3) tuyên bố các thủ lĩnh của phái Arian bị phế truất, cấm các tín hữu Chính thống giáo giao tiếp với họ và tuyên bố những người bị kết án bị vạ tuyệt thông.

[1161] Iskhir được những người theo phái Arian bổ nhiệm làm giám mục.

[1162] Các giám mục vùng Á-si, tức là vùng Đông; trong số đó, những người chủ chốt là Theodorus của Heraclea, Narcissus của Neropolis, Menophantus của Ephesus, Stephen của Antioch, Akakios của Caesarea và George của Laodicea.

[1163] Philippopolis – một thành phố ở Thrace, nằm về phía đông nam của Sardica. – Công đồng Philippopolis diễn ra dưới sự chủ tọa của Thánh Stephanos của Antioch. Công đồng này một lần nữa lên án Athanasius, Phaolô của Constantinopolis, Julius của Roma, Protogenes của Sardica và các giám mục Chính thống khác. Constantius ủng hộ quyết định của Công đồng Philippopolis, và Athanasius, cùng với những người bị bức hại khác, buộc phải tiếp tục sống lưu vong. – Ông lui về Naissus, ở Dacia.

nói đúng hơn là một cuộc họp phi pháp , và công khai tuyên bố tuyệt thông đối với những người đồng bản thể; họ đã gửi quyết định bất chính này bằng văn bản đến tất cả các giáo hội thuộc quyền quản lý của họ. Khi biết được điều này, các vị thánh phụ tụ họp tại Sardica trước hết đã tuyên bố vạ tuyệt thông đối với cuộc họp báng bổ này cùng với tuyên xưng dị giáo và bất chính của họ[1164] ; sau đó, họ đã truất phế những kẻ vu khống theo phe Athanasius khỏi các chức vụ giáo phẩm mà họ đang nắm giữ, đồng thời, sau khi xác nhận Tuyên ngôn Đức tin được soạn thảo tại Nicaea, đã tuyên xưng một cách rõ ràng và chính xác rằng Đức Chúa Con đồng bản thể với Đức Chúa Cha.

Sau tất cả những chuyện đó, hoàng đế phương Tây Constant, trong bức thư gửi cho anh trai mình là Constantius về Paul và Athanasius, đã khẩn khoản xin anh cho phép họ trở lại ngai vàng của mình. Khi Constantius cứ trì hoãn việc cho họ trở về, hoàng đế Constant lại viết thư cho anh ta với giọng điệu gay gắt hơn. "Nếu ngươi," ông viết, "không tự nguyện nghe theo ta, thì dù không có sự đồng ý của ngươi, ta cũng sẽ đưa mỗi người trong số họ trở lại ngai vàng của mình, vì khi đó ta sẽ dẫn quân tiến đánh ngươi." Sợ hãi trước lời đe dọa của anh trai, Constantius đã tiếp nhận Paul, người đã đến trước đó, và tiễn ông trở về ngai vàng của mình một cách trang trọng. Sau đó, qua một bức thư được viết với tinh thần khiêm nhường, ông đã mời Thánh Athanasius từ Roma đến gặp mình và, sau khi trò chuyện với ngài, ông nhận ra rằng đây là một vị thánh vô cùng khôn ngoan và được Thánh Thần soi dẫn. Ngạc nhiên trước sự khôn ngoan vĩ đại của Athanasius, Constantius đã dành cho ngài sự tôn kính cao cả và đưa ngài trở lại ngai tòa tổng giám mục trong vinh quang; đồng thời, ông viết thư gửi cho dân chúng thành Alexandria và tất cả các giám mục cùng các vị công tước đang ở Ai Cập, gửi cho ngài Nestorius[1165] và các vị thống đốc đang ở Thebaid và Libya[1166] , để họ đón tiếp Athanasius với sự tôn kính và kính trọng cao cả. Được trao bức thư hoàng gia nói trên, vị thánh đã đi qua Syria và Palestine, và viếng thăm Thành Thánh Giê-ru-sa-lem, nơi ngài được Đức Thánh Tối Cao Maximus, vị Tử đạo, tiếp đón với tình yêu thương; họ đã chia sẻ với nhau về những gian nan và thử thách mà họ đã phải chịu đựng vì Chúa Kitô. Sau khi triệu tập các giám mục miền Đông – những người trước đây, vì sợ hãi trước phe Arian, đã đồng ý với việc phế truất ngài – Athanasius đã thuyết phục họ đạt được sự đồng lòng và hiệp thông với ngài; và họ đã dành cho ngài sự tôn vinh xứng đáng; còn ngài thì với lòng vui mừng đã tha thứ cho họ về những lỗi lầm mà họ đã gây ra chống lại ngài. Đây là lần trở lại thứ ba của Thánh Athanasius trên ngai tòa Thượng phụ sau ba lần bị lưu đày[1167] . Và sau vô số vất vả, đau buồn và bệnh tật, ngài cuối cùng cũng được nghỉ ngơi một chút và dự định dành phần thời gian còn lại để thư giãn và an nghỉ. Tuy nhiên, những biến động mới và những tai ương tàn khốc lại đang ập đến với ngài. Vào thời điểm đó, Magnentius, một kẻ vô đạo, chỉ huy quân đội La Mã, đã cùng những kẻ đồng lõa lập mưu ám sát Constant, vị hoàng đế của mình[1168] . Lúc bấy giờ, những người Arian đã ngẩng cao đầu và phát động một cuộc chiến tàn bạo chống lại Giáo hội của Chúa Kitô. Những lời vu khống và cuộc đàn áp lại bắt đầu nhắm vào Athanasius, và mọi điều ác trước đây lại tái diễn. Lại xuất hiện các sắc lệnh và lời đe dọa của hoàng đế nhắm vào Athanasius; một lần nữa, Athanasius phải trải qua cảnh lưu vong và sợ hãi; một lần nữa, người ta truy lùng ông khắp cả nước và trên khắp biển cả. Hoàng đế đã cử George, người Cappadocia[1169] , đến Alexandria để đảm nhận ngai tòa Thượng phụ; khi đến Alexandria, ông đã gây chấn động Ai Cập, làm lung lay Palestine và đẩy toàn bộ phương Đông vào tình trạng hỗn loạn. Một lần nữa, các vị này bị lật đổ khỏi ngai tòa của mình: Thánh Maximô khỏi ngai tòa Giêrusalem, Thánh Phaolô khỏi ngai tòa Constantinopolis. Còn về những gì đã xảy ra tại Alexandria vào thời điểm đó[1170] , chính Thánh Athanasius đã kể lại như sau: "Một lần nữa, một số người, với ý định giết chúng tôi," Thánh Athanasius kể lại, "đã đến Alexandria, và những thảm họa còn tàn khốc hơn trước đó đã ập đến. Các binh lính bất ngờ bao vây nhà thờ, và thay vì những lời cầu nguyện, tiếng la hét, tiếng kêu gào và sự hỗn loạn vang lên; tất cả những điều này diễn ra trong Mùa Chay Thánh. Sau khi chiếm

---

[1164] Công đồng Philippopolis đã soạn thảo một tín điều mới, mang tính Arian hơn so với các tín điều của Công đồng Antioch.

[1165] Augustalius – quan tổng trấn hoàng gia tại một tỉnh La Mã.

[1166] Phivaida – vùng phía nam Ai Cập; Libya – ở phía bắc châu Phi, phía tây Ai Cập.

[1167] Đó là vào năm 348.

[1168] Magnentius đã xúi giục quân đội của Constant nổi loạn chống lại ông, và họ đã lật đổ ông khỏi ngai vàng; Constant bỏ trốn, nhưng trên đường đi đã bị Magnentius giết chết. Sự việc này xảy ra vào đầu năm 350.

[1169] Người tên George này là một người không có học thức, tính cách thô lỗ và ban đầu là người cung cấp thịt cho quân đội. George đã làm giám mục giả khoảng bốn năm (357–361) và trong thời gian đó đã gây ra nhiều đau khổ và áp bức không chỉ cho Giáo hội Alexandria và dân chúng Chính thống giáo, mà còn cho cả những người ngoại đạo.

[1170] Điều này xảy ra trong thời gian Athanasius vắng mặt.

được ngai tòa Thượng phụ, Georgius Cappadocianus, người được người Macedonia và những người Arian bầu chọn, đã làm cho tình hình trở nên tồi tệ hơn nữa. Sau Tuần Phục Sinh, các thiếu nữ bị xiềng xích, các giám mục bị lính trói lại và dẫn đi, nhà cửa của trẻ mồ côi và góa phụ bị cướp bóc, và trong thành phố diễn ra những vụ cướp bóc tàn bạo nhất. Vào ban đêm, các Kitô hữu phải rời khỏi thành phố, các ngôi nhà bị niêm phong; các giáo sĩ thì đau khổ vì các anh em của mình; tất cả những điều này quả thực vô cùng thảm khốc, nhưng một tai họa còn khủng khiếp hơn gấp bội đã xảy ra ngay sau đó. Sau Lễ Ngũ Tuần, dân chúng ăn chay và tụ tập cầu nguyện tại mộ thánh tử đạo Phêrô, vì ai nấy đều ghê tởm Georgi và tránh xa ông ta. Biết được điều này, Georgi xảo quyệt đã xúi giục viên chỉ huy quân đội[1171] Sebastiano, người theo tà giáo Manichaeism, chống lại họ. Sebastian, cùng với một đoàn binh lính đông đảo, trang bị gươm trần, cung và tên, đã xông thẳng vào nhà thờ và tấn công những người đang có mặt ở đó, nhưng chỉ thấy rất ít người đang cầu nguyện, vì phần lớn đã ra về do đã muộn. Với những người còn ở lại trong nhà thờ, Sebastiano đã gây ra nỗi đau đớn tột cùng. Hắn ra lệnh đốt một đống lửa khổng lồ và, sau khi đưa các trinh nữ đến gần ngọn lửa, ép buộc họ phải tuyên xưng tà giáo Arian. Nhưng khi Thánh Sebastiano thấy mình không thể ép buộc họ làm điều đó – vì nhận ra rằng họ hoàn toàn không để ý đến ngọn lửa hay những lời đe dọa – ngài đã lột trần họ và ra lệnh đánh đập không thương xót; khuôn mặt họ bị đánh đến mức, sau một thời gian dài, ngay cả người thân cũng khó lòng nhận ra họ. Còn bốn mươi người đàn ông, ông ta đã bắt họ chịu hình phạt mới: những kẻ tra tấn đã đánh họ bằng những cành cây chà là vừa mới chặt, cứng và có gai, khiến da thịt họ bị lột ra khỏi vai, đến nỗi một số người phải phẫu thuật cắt bỏ một phần cơ thể nhiều lần vì những chiếc gai đã đâm sâu vào da thịt; còn những người khác, không chịu nổi cơn đau, đã chết vì những vết loét. Tất cả những thiếu nữ bị tra tấn với sự tàn bạo đặc biệt, hắn đã gửi đi lưu đày tại ốc đảo vĩ đại[1172] , còn thi thể những người bị giết, hắn không cho phép cả người Chính Thống lẫn người của mình mang đi, mà các binh lính đã giấu chúng ở một nơi mà không chôn cất, nghĩ rằng bằng cách đó, sự tàn bạo này sẽ không ai biết đến; họ đã hành động như vậy vì đã mất trí và bị suy giảm lý trí. Còn những người Chính Thống thì vui mừng vì các vị tử đạo của mình nhờ sự kiên định trong việc tuyên xưng đức tin Chính Thống, nhưng đồng thời cũng khóc than vì thi thể của họ đang nằm ở một nơi không ai biết. Và qua điều này, sự vô đạo và tàn bạo của những kẻ hành hạ lại càng bị vạch trần rõ ràng hơn. Ngay sau đó, các giám mục từ Ai Cập và Libya đã bị lưu đày: Ammonius, Moin, Gaius, Philo, Hermias, Pavlin, Psinosir, Linamon, Agathon, Agamfa, Mark, cùng những người khác là Ammonius và Mark, Dracontius, Adelphius, Athinodorus, và các linh mục Ierax và Dioscorus; những kẻ tra tấn đã đàn áp họ một cách tàn nhẫn đến nỗi một số người đã chết trên đường đi, còn những người khác thì chết tại nơi lưu đày. Còn những người theo phái Arian đã kết án hơn ba mươi giám mục phải chịu lưu đày vĩnh viễn; bởi vì lòng độc ác của họ, giống như A-ha-vơ[1173] , mạnh mẽ đến mức nếu có thể, họ sẵn sàng xua đuổi và tiêu diệt lẽ thật khỏi mặt đất này".

Trong khi đó, sau khi anh trai mình là vua Constantus qua đời, vua Constantius, sau khi đánh bại Magnentius, đã nắm quyền cai trị cả phương Đông lẫn phương Tây[1174] . Cả ở phương Đông lẫn phương Tây, ông bắt đầu lan truyền tà thuyết Arian, dùng mọi cách để lôi kéo các giám mục phương Tây – bằng cả sự đe dọa lẫn sự nịnh nọt, quà tặng và các cám dỗ khác nhau – nhằm khiến họ đồng ý với tuyên bố tín lý của phe Arian và chấp nhận tà thuyết của họ. Với mục đích này, ông ra lệnh triệu tập một công đồng tại thành phố Mediolanum[1175] ở Ý – nhằm lật đổ Athanasius: ông cho rằng chủ nghĩa Arian chỉ có thể được củng cố khi Athanasius bị lật đổ hoàn toàn và bị xóa sổ khỏi thế gian. Lúc bấy giờ, có rất nhiều người cùng chí hướng với hoàng đế; một số chấp nhận chủ nghĩa Arian vì sợ hãi, số khác thì bị thu hút bởi những vinh dự hoàng gia; còn những ai kiên định với Chính Thống Giáo thì đã tẩy chay công đồng phi pháp này[1176] . Đó là: Eusebius, giám mục Vercelli, Dionysius của Milan, Rodan của

---

[1171] Stratilat – chỉ huy quân sự, tổng trấn.

[1172] Oasis, hay Oasis vĩ đại của Libya, nằm về phía tây sa mạc Thebaid, ở phần phía đông của sa mạc Sahara ngày nay – một thuộc địa Hy Lạp cổ đại, thường được dùng làm nơi lưu đày.

[1173] A-háp – vị vua thứ tám của Y-sơ-ra-ên, dưới sự thúc ép của vợ mình là I-ê-za-vel, một người phụ nữ độc ác, tham quyền và đồi bại, đã lan truyền việc thờ thần tượng trong dân Y-sơ-ra-ên và hung hăng đàn áp những người phụng sự Đức Chúa Trời chân chính.

[1174] Trong ba năm rưỡi sau khi Constantus qua đời, Magnentius vẫn giữ danh hiệu Caesar ở phương Tây. Constantius đã đánh tan các thuộc hạ của ông ta, và Magnentius cuối cùng đã tự sát. Toàn bộ đế chế sau đó đã được thống nhất dưới sự lãnh đạo của Constantius, cho đến khi ông qua đời vào năm 361.

[1175] Mediolan – thành phố cổ thuộc vùng được gọi là Gaul Cisalpina hay miền bắc Ý ngày nay – là trung tâm phát triển rực rỡ của khoa học và nghệ thuật; ngày nay là Milan – thành phố sầm uất nhất của vùng Lombardia, Ý, với dân số đông đúc.

[1176] Công đồng được triệu tập theo yêu cầu của Đức Giáo hoàng Thánh Liberius, người kế vị Julius, vào năm 355. Có tới 300 giám mục phương Tây tham dự công đồng. Những người theo phái Arian đòi hỏi phải lên án Athanasius tại công đồng này, nhưng các giám mục

Toulouse, Pavlin của Triviri và Lucifer của Calari[1177] ; họ đã không ký vào nghị quyết phế truất Athanasius, vì cho rằng việc phế truất ông là sự từ chối đức tin chân chính và lẽ thật. Do đó, họ bị lưu đày đến Ariminum[1178] ; còn các giám mục khác, tụ họp tại Mediolanum, đã kết án Athanasius phải bị phế truất. Ở đây cần phải nói về việc Eusebius và Dionysius đã không ký vào nghị quyết của công đồng phi pháp này. Khi các giám mục Arian tụ họp tại Mediolanum và, không chờ đợi các giám mục Chính thống khác, đã tổ chức công đồng và ký tên vào nghị quyết phế truất Athanasius, Dionysius của Milan, người mới được tấn phong làm giám mục và còn trẻ tuổi, đã bị các giám mục Arian thuyết phục ký vào quyết định của hội đồng: bởi vì ngài cảm thấy xấu hổ trước sự hiện diện của quá nhiều giám mục có uy tín và đã cống hiến lâu năm, nên đã ký tên mình cùng với họ trái với ý muốn. Sau đó, Giám mục Chính thống Vercelli là Eusebius, một vị cao niên đáng kính, đã đến Milan (khi hội đồng bất chính đó đã kết thúc bằng việc ký tên) và hỏi Dionysius về những gì đã diễn ra tại hội đồng. Dionysius, khi kể lại phiên tòa phi pháp đã diễn ra đối với Thánh Athanasius, đã thú nhận tội lỗi của mình với nhiều nuối tiếc và hối hận, rằng ông đã bị lừa dối và ký tên đồng ý với việc phế truất Athanasius. Và Thánh Eusebius đã khiển trách ông vì điều đó, như một người cha đối với con trai: bởi vì Dionysius coi Eusebius như một người cha thiêng liêng, một phần vì tuổi già của ngài, một phần vì ngài đã làm giám mục được nhiều năm; hơn nữa, về địa vị, Giám mục Vercelli còn cao hơn Giám mục Mediolanum[1179] . Thấy sự ăn năn chân thành của Dionysius, Eusebius không để ông phải buồn phiền: "Ta biết," ngài nói, "ta phải làm gì để tên ngươi được xóa khỏi hàng ngũ của họ." Và điều sau đây đã xảy ra.

Các giám mục Arian, khi biết tin Eusebius đến, đã mời ông tham dự cuộc họp của họ và, sau khi trình cho ông bản cáo trạng do họ soạn thảo nhằm phế truất Athanasius – có chữ ký của họ – họ muốn ông cũng ký tên vào bản quyết định đó. Còn Eusebius, giả vờ đồng ý với hội đồng của họ, và như thể muốn ký tên, ông cầm bản văn lên và bắt đầu đọc tên các giám mục đã ký. Khi đọc đến tên Dionysius, – như thể bị xúc phạm, ông thốt lên:

– Tôi sẽ ký tên mình ở đâu? Dưới tên Dionysius ư? Không đời nào! Dionysius không được đứng trên tôi! Các ngài nói rằng Con Thiên Chúa không thể ngang hàng với Thiên Chúa Cha: vậy tại sao các ngài lại ưu tiên con trai tôi hơn tôi?

Và vị trưởng lão từ chối ký tên cho đến khi tên của Dionysius bị xóa khỏi vị trí cao nhất. Các giám mục Arian, rất mong muốn có được chữ ký của Eusebius và muốn xoa dịu ông, đã ra lệnh xóa tên của Dionysius. Dionysius đã tự tay xóa chữ ký của mình khỏi văn kiện, như thể nhường vị trí cao nhất cho vị giám mục cao niên nhất là Eusebius của Vercelli, còn bản thân ông thì dường như muốn ký tên dưới tên vị ấy. Khi tên của Dionysius đã bị tẩy xóa đến mức không còn dấu vết nào của chữ viết, Đức Evsevius đã ngừng giả vờ đồng ý với hội đồng Arian và công khai tuyên xưng lẽ thật, chế giễu những người Arian.

– Tôi sẽ không để mình bị ô uế bởi những điều bất chính của các ngươi, – ngài nói, – và tôi cũng sẽ không cho phép con trai tôi là Dionysius tham gia vào sự bất chính của các ngươi, vì việc ký tên vào bản án bất chính nhằm lật đổ một vị giám mục vô tội là trái pháp luật – điều này bị cấm bởi luật của Thiên Chúa và các quy tắc của Giáo hội. Mọi người hãy biết rằng Eusebius và Dionysius sẽ không bao giờ ký vào bản án của các ngươi nữa, bản án đầy thù hận và bất chính. Tạ ơn Chúa, Đấng đã giải thoát Dionysius khỏi việc đồng lõa với các ngươi và dạy chúng ta cách xóa bỏ tên của ngài khỏi danh sách các ngươi, cái tên đã bị ký một cách bất chính.

Khi thấy mình bị Evsevius và Dionysius chế giễu, Ariane đã giơ tay đánh họ với ý định hành hung, đồng thời lăng mạ họ bằng vô số lời chửi rủa, rồi đày cả hai đi lưu đày, mỗi người một nơi; họ đã hành hạ thánh Evsevius tàn nhẫn đến mức ngài đã qua đời trong đau đớn tại nơi lưu đày. Khi nghe tin đó và biết rằng các binh lính của tổng giám mục, theo lệnh của hoàng đế, đang trên đường đến để bắt ngài, Thánh Athanasius, được một sự hiện ra thiêng liêng nào đó soi sáng, đã rời khỏi tòa giám mục vào nửa đêm và ẩn náu tại nhà một thiếu nữ đức hạnh, người đã hiến dâng mình cho Thiên Chúa và sống như một tôi tớ chân chính của Đức Kitô. Ngài ẩn náu tại đó cho đến khi Hoàng đế Constantius qua đời, và không ai biết gì về ngài cả, ngoại trừ Thiên Chúa và chính cô gái đó, người đã

---

phương Tây kiên quyết bảo vệ bản gốc của Kinh Tin Kính Nicêa. Lúc đó, Constantius, người đã nghe tất cả các cuộc thảo luận của các vị cha công đồng từ phòng bên cạnh, bước vào phòng họp với thanh kiếm trên tay và tuyên bố rằng chính ông ta sẽ buộc tội Athanasius. Những ai từ chối ký vào bản kết án Athanasius sẽ bị đe dọa lưu đày, vì vậy một số người đã ký, còn những người không đồng ý thì bị lưu đày.

[1177] Vercelli – một thành phố ở phía tây bắc Ý; Toulouse – nằm bên sông Garonne, ở miền nam Pháp; Trier (còn gọi là Trevi hoặc Trivirium) – nằm bên sông Moselle, ở miền đông Pháp; Calaria – nằm trên đảo Sardinia (trên Biển Địa Trung Hải).

[1178] Arimin, ngày nay là Rimini, là thành phố cổ kính và thịnh vượng nhất của Umbria, nằm ở phía đông bắc Ý, bên bờ Biển Adriatic.

[1179] Tức là, về mặt thứ bậc, Tòa Giám mục Vercelli được coi là cao hơn Tòa Giám mục Mediolanum.

tự tay phục vụ ngài và mang đến cho ngài những cuốn sách mà ngài yêu cầu từ những người khác; trong thời gian ở đó, Athanasius đã viết nhiều tác phẩm chống lại các tà giáo[1180] .

Trong khi đó, dân chúng thành Alexandria đang tìm kiếm vị mục tử của mình, Thánh Athanasius, đi khắp nơi với mục đích này; tất cả đều vô cùng thương tiếc ngài và tìm kiếm ngài với sự nhiệt thành đến mức mỗi người đều sẵn sàng vui lòng hy sinh mạng sống để tìm ra ngài – và Giáo Hội thánh thiện chìm trong nỗi buồn sâu thẳm. Còn tà thuyết Arius thì ngày càng lan rộng không chỉ ở phương Đông mà còn ở phương Tây. Theo sắc lệnh của hoàng đế, tại Ý và khắp phương Tây, những vị giám mục nào không đồng ý ký vào "tuyên ngôn dị giáo" – giáo lý sai lầm cho rằng Con Thiên Chúa là một thực thể khác với Chúa Cha – đều bị phế truất khỏi ngai tòa của mình. Vào thời điểm đó, Thánh Liberius, Giáo hoàng Rôma, người kế vị Thánh Julius – người kế vị Thánh Sylvester – cũng bị truất khỏi ngai tòa Rôma vì sự trung thành với Chính Thống Giáo; thay vào đó, một kẻ dị giáo tên là Felix[1181] đã được bầu lên. Sau khi Giáo Hội Thánh từ khắp nơi bị đàn áp và bức hại trong một thời gian dài, ngày qua đời của Hoàng đế Constantius đã đến gần. Khi đang ở giữa Cappadocia và Cilicia, tại một nơi được gọi là "Suối Mopsuestia", ông đã mất cả vương quốc lẫn mạng sống tại đó[1182] . Tương tự, vị "giám mục giả" Alexandria do những kẻ dị giáo lập lên cũng phải hứng chịu sự phán xét của Đức Chúa Trời: "Kẻ vô đạo sẽ bị diệt vong trong tiếng ồn ào", khi bị dân Hy Lạp giết chết – những người đã nổi loạn vì một khu đất ở Alexandria thuộc sở hữu của hắn, mà Thánh George muốn thu hồi[1183] .

Sau khi Constantius qua đời, Julian lên ngôi hoàng đế[1184] , người này bắt đầu bãi bỏ các sắc lệnh và luật lệ của Constantius, đồng thời cho phép tất cả những người bị lưu đày trở về. Athanasius cũng biết được điều này, nhưng ông lo ngại rằng những người Arian có thể lôi kéo Julian vào sự bất chính của họ (lúc bấy giờ sự bội đạo của Julian và việc ông hoàn toàn từ bỏ Đức Kitô vẫn chưa được phơi bày). Tuy nhiên, vào giữa đêm khuya, Thánh Athanasius đã rời khỏi ngôi nhà của cô gái nói trên – nơi ông đang ẩn náu – và xuất hiện ngay giữa nhà thờ Alexandria. Ai có thể miêu tả được niềm vui tràn ngập trong lòng tất cả các tín hữu Chính Thống – khi họ từ khắp nơi đổ về để được nhìn thấy ngài, với niềm hân hoan vô bờ bến, các linh mục, cư dân và toàn thể dân chúng đã ngắm nhìn ngài và ôm chầm lấy ngài với tình yêu thương?! Sự xuất hiện của ngài đã khơi dậy lòng dũng cảm trong lòng các tín hữu Chính Thống, và họ lập tức trục xuất những người Arian khỏi Alexandria, đồng thời giao phó thành phố và chính bản thân họ cho Athanasius, vị mục tử và thầy dạy của họ.

Trong khi đó, Julian, kẻ vô luật pháp, trước đây là một người ngoại đạo bí mật, giờ đây đã công khai thể hiện sự chối bỏ của mình. Sau khi củng cố quyền lực trên ngai vàng, ông đã công khai từ bỏ Chúa Kitô trước mặt

---

[1180] Thánh Athanasius Đại Đế là một trong những nhà văn nổi tiếng nhất của Giáo hội cổ đại. Ngài nổi bật nhờ kiến thức sâu rộng về Kinh Thánh và tài năng thần học. Vì ngài đã dành cả cuộc đời để đấu tranh chống lại những người Arian, nên các tác phẩm của ngài mang dấu ấn của cuộc đấu tranh này và chủ yếu nhắm vào những người Arian. Các tác phẩm quan trọng nhất của Thánh Athanasius bao gồm: 1) bốn bài luận chống lại phái Arian, trong đó Athanasius bác bỏ hoàn toàn mọi phản đối của họ; 2) thư gửi Epictetus, Giám mục thành Corint – về bản tính Thần thánh và bản tính con người trong Đức Giêsu Kitô; 3) bốn lá thư gửi Thánh Serapion, Giám mục Tmuit, trong đó ngài chứng minh Thần tính của Thánh Thần và sự bình đẳng của Ngài với Chúa Cha và Chúa Con, nhằm phản bác các nhà Macedonia, những người dạy rằng Thánh Thần là một thụ tạo phục vụ, không tham dự vào Thần tính và vinh quang của Chúa Cha và Chúa Con, 4) Thư về các quyết định của Công đồng Nicaea nhằm bảo vệ giáo lý về bản thể đồng nhất, 5) Cuốn sách về Thánh Thần. Trong nhiều tác phẩm của mình, Thánh Athanasius đã mô tả những xáo trộn và hoạt động của phái Arian, kèm theo những nhận xét ủng hộ chân lý của Đức Kitô; ví dụ như cuốn Lịch sử phái Arian của ngài, được viết dành cho các tu sĩ. Một mẫu mực cao quý về sự biện hộ (bảo vệ) mục vụ chính là bức thư của Thánh Athanasius gửi Hoàng đế Constantius. Ngoài ra, còn có các tác phẩm của Thánh Athanasius liên quan đến việc giải thích Kinh Thánh; trong số đó, trước hết, bức thư Phục Sinh của Thánh Athanasius thu hút sự chú ý, rất quan trọng ở chỗ nó liệt kê các sách của Cựu Ước và Tân Ước, cùng với bức thư gửi cho Marcellinus về các Thánh Vịnh; cũng còn lưu lại những đoạn trích ngắn về các bài giải thích của ngài về Sách Gióp và Ca Vịnh, cũng như về Phúc Âm theo Thánh Matthêu và Thánh Luca. Trong số các tác phẩm răn dạy đạo đức có thư ngài gửi cho Ammun, phản đối những người chỉ trích hôn nhân, và thư gửi cho Rufinianus về cách tiếp nhận những người dị giáo vào Giáo Hội. Một trong những tác phẩm có giá trị giáo dục nhất của Thánh Athanasius là cuốn tiểu sử về Thánh Antôn Cả; Thánh Chrysostom khuyên mọi người, bất kể địa vị nào, đều nên đọc cuốn tiểu sử này.

[1181] Thánh Silvestro đã lãnh đạo Giáo hội từ năm 314 đến năm 335. (Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 2 tháng 1; người kế vị trực tiếp của ngài là Thánh Marcô (năm 336), sau đó là Thánh Julius (337–362), người bảo vệ Athanasius và là người bảo vệ nghiêm ngặt chính thống giáo, và cuối cùng là Thánh Liberius (352–366). Felix II đảm nhận chức vụ này sau khi bị Hoàng đế Liberius cách chức (năm 355–356) và đồng thời với ông – đó là lý do tại sao ông còn được gọi là "anti-pope".

[1182] Ở phần đông nam của Tiểu Á. Constantius qua đời khi đang trên đường trở về từ phương Đông, sau cuộc chiến với vua Ba Tư Sapor, vào ngày 3 tháng 11 năm 361.

[1183] Đó là vào tháng 12 năm 361.

[1184] Julianus Apostata, cháu trai của Constantine Đại đế.

mọi người và phỉ báng Danh Thánh của Ngài, thờ lạy các thần tượng, xây dựng đền thờ khắp nơi và ra lệnh dâng những của lễ ghê tởm cho các thần vô đạo: khắp nơi đều dựng lên các bàn thờ, mùi hôi thối và khói bốc lên, các con vật bị giết mổ, và máu của chúng đổ ra. Bị các cột trụ vĩ đại và các vị thầy của Giáo hội vạch trần, Julian đã phát động một cuộc bách hại tàn bạo chống lại Giáo hội, và ngay từ đầu cuộc bách hại, ông đã nhắm vào Thánh Athanasius. Khi hoàng đế tham vấn với những người cùng chí hướng và các nhà chiêm tinh uyên bác của mình, đồng thời còn hỏi ý kiến các pháp sư và phù thủy về cách tiêu diệt Kitô giáo khỏi mặt đất, tất cả đều nảy ra ý nghĩ rằng cần phải tiêu diệt và hủy diệt Athanasius khỏi mặt đất. Họ lập luận như sau: "Nếu nền tảng bị lật đổ, thì sẽ dễ dàng phá hủy từng phần còn lại của đức tin Kitô giáo." Một phiên tòa phi pháp khác lại được tổ chức chống lại Athanasius, quân đội lại được phái đến Alexandria, và thành phố lại chìm trong hỗn loạn. Nhà thờ bị bao vây và rung chuyển bởi bàn tay của những chiến binh vũ trang, nhưng họ chỉ tìm kiếm duy nhất Athanasius để giết ông. Còn ông, như trước đây, được sự che chở của ân sủng Thiên Chúa, đã đi qua giữa đám đông, thoát khỏi bàn tay những kẻ truy lùng và vào ban đêm đã đến được sông Nile. Khi vị thánh lên một con thuyền với ý định ra khơi đến Thê-ba, những người yêu mến ông đã đuổi kịp và trong nước mắt thốt lên:

– Thưa Cha, sao Cha lại bỏ chúng con đi nữa? Cha để chúng con lại cho ai, như những con chiên không có người chăn dắt?

Thánh nhân đáp:

– Đừng khóc, các con ơi, vì cuộc nổi loạn mà chúng ta đang chứng kiến này sẽ sớm chấm dứt.

Nói xong, ngài lên đường. Trong khi đó, một vị tướng quân đang vội vã đuổi theo ngài, người mà tên tra tấn[1185] đã ra lệnh phải giết Athanasius ngay lập tức, ngay khi bắt kịp ngài. Khi một người trong số những người đi cùng Athanasius nhìn thấy từ xa vị tướng quân đó đang chèo thuyền theo sau con tàu và sắp đuổi kịp họ, và nhận ra rõ ràng đó là ai, người ấy liền khuyên các tay chèo chèo nhanh hơn để trốn thoát khỏi những kẻ truy đuổi. Nhưng Thánh Afanasius, sau khi chần chừ một lát và nhìn thấu những gì sắp xảy ra với mình, đã ra lệnh cho các tay chèo điều khiển con thuyền quay trở lại Alexandria. Khi họ do dự về điều này và sợ không dám tuân lệnh Afanasius, ngài đã bảo họ hãy can đảm lên. Lúc đó, sau khi rẽ tàu sang phải, họ đã tiến thẳng về phía Alexandria, đối đầu trực tiếp với những kẻ truy đuổi; khi họ đến gần, ánh mắt của bọn man di dường như bị che phủ bởi một lớp sương mù, khiến chúng nhìn mà không thấy, và thế là họ đã lướt qua. Thánh Athanasius liền hỏi họ:

– Các ngươi đang tìm ai?

Họ đáp:

– Chúng tôi đang tìm Athanasius: các anh có thấy ông ấy ở đâu không?

– Ông ấy đang chèo thuyền, – Athanasius đáp, – ở phía trước các ngươi một chút, như thể đang chạy trốn khỏi những kẻ truy đuổi nào đó: hãy nhanh lên, và các ngươi sẽ sớm đuổi kịp ông ấy.

Nhờ vậy, vị thánh đã thoát khỏi tay những kẻ sát nhân. Khi đến Alexandria, ngài bước vào thành phố, và tất cả các tín hữu đều vui mừng trước sự trở về của ngài, tuy nhiên ngài vẫn ẩn náu cho đến khi Julian qua đời[1186] . Khi vị hoàng đế vô đạo đó qua đời không lâu sau đó, Iovinian, một Kitô hữu sùng đạo, đã lên ngôi hoàng đế. Và một lần nữa, Athanasius đã dũng cảm trở lại ngôi vị của mình, cai quản Giáo hội một cách chu đáo. Nhưng Iovinianus cũng chỉ trị vì trong thời gian ngắn – chỉ vỏn vẹn bảy tháng[1187] – rồi qua đời tại Galatia. Valentinus[1188] , người bị ảnh hưởng bởi tà thuyết Arian, đã lên ngôi. Những tai họa lại ập xuống Giáo hội. Vị vua vô đạo, sau khi nắm quyền, không quan tâm đến hòa bình chung hay những chiến thắng trước kẻ thù, mà lại bắt đầu tìm cách lan truyền và củng cố tà thuyết Arian. Các giám mục Chính Thống không chấp nhận tà thuyết của ông đã bị ông phế truất khỏi chức vụ. Như vậy, trước hết ông đã trục xuất Thánh Meletius, Tổng Giám mục Antioch[1189] . Khi cuộc đấu tranh nội bộ này, đang gây áp lực khắp nơi lên Giáo hội của Chúa Kitô, lan đến Alexandria và theo lệnh của tổng trấn, binh lính phải bắt giữ Thánh Athanasius, – vị thánh này đã bí mật rời khỏi thành phố và ẩn náu trong hầm mộ gia đình, ở đó suốt bốn tháng, – và không ai biết ngài ở đâu. Lúc bấy giờ, toàn thể thành Alexandria, đang than

---

[1185] Tức là hoàng đế Julian.

[1186] Julian đã bị giết trong một trận chiến với người Ba Tư vào ngày 26 tháng 6 năm 363.

[1187] Iovinian qua đời vào ngày 17 tháng 2 năm 364.

[1188] Sau khi Iovinian qua đời, vào ngày 26 tháng 2, quân đội đã bầu Valentinian làm người kế vị ông; một tháng sau đó, Valentinian đã trao nửa phía đông của đế chế cho anh trai mình là Valent, một tín đồ Arian cuồng nhiệt. Valent trị vì từ năm 364 đến năm 378.

[1189] Meletius, tổng giám mục Antioch, giữ chức vụ từ năm 358 đến năm 381. Ông là người bảo vệ chính thống giáo, vì lý do đó, do âm mưu của những người Arian, ông đã nhiều lần bị cách chức.

khóc và thương tiếc Thánh Athanasius, đã nổi dậy một cuộc nổi loạn lớn, vì bị các vị vua gây ra những nỗi đau khổ to lớn và vô số. Người dân Alexandria đã muốn ly khai khỏi Valens và chuẩn bị vũ khí để nổi dậy.

Biết được điều này, vị vua, lo sợ họ sẽ ly khai, cũng như lo ngại về sự can đảm của họ và nguy cơ nội chiến, đã cho phép Athanasius, dù trái với ý muốn của mình, được tự do quản lý Giáo hội Alexandria mà không bị đe dọa. Như vậy, Athanasius, một chiến binh già của Chúa Kitô, sau những nỗ lực lâu dài và nhiều chiến công vì Chính Thống Giáo, trước khi qua đời, đã sống một thời gian ngắn trong sự yên tĩnh và bình an trên ngai giám mục của mình, rồi an nghỉ trong Chúa[1190] và đoàn tụ với các tổ phụ, các tổng giám mục, các tiên tri, các tông đồ, các vị tử đạo và các vị tuyên xưng đức tin, những người mà ngài đã noi gương để sống đời thánh thiện trên trần gian. Ngài đã đảm nhiệm chức vụ giám mục trong bốn mươi bảy năm[1191] và để lại người kế vị trên ngai tòa Alexandria là Phêrô[1192] , người bạn đáng kính của ngài, người đã đồng hành cùng ngài trong mọi gian nan. Còn ngài thì đã an nghỉ để nhận lấy những vương miện sáng ngời và phần thưởng là những ân huệ khôn tả từ Chúa Kitô, Chúa của ngài; xin vinh quang, quyền năng, danh dự và sự thờ phượng thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 3:

Ngài là trụ cột của Đức Tin Chính Thống, củng cố Giáo Hội bằng các tín điều thiêng liêng, Thánh A-pha-na-si, vị lãnh đạo thiêng liêng: Bằng việc rao giảng rằng Con là đồng bản thể với Cha, Ngài đã làm cho A-ri-a phải xấu hổ. Thưa Cha đáng kính, xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, ban cho chúng con ân sủng vĩ đại.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã gieo trồng giáo lý Chính Thống, nhổ bỏ gai góc của sự phỉ báng, làm nảy nở hạt giống đức tin nhờ sự tưới gội của Thánh Thần, hỡi vị Thánh đáng kính. Vì thế, chúng con ca ngợi Ngài, Athanasius.

Tháng Hai

1 tháng 2

19 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Macarius, phó tế của Tu viện Pechersk[1193] .

Cuộc đời của vị thánh cha Makari của chúng ta, người Ai Cập

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 1

Thánh Macarius xứ Ai Cập[1194] sinh ra tại Ai Cập, trong một ngôi làng có tên là Ptinapor[1195] . Cha mẹ ngài mang tên giống như các tổ phụ thánh cổ đại – Áp-ra-ham và Sa-ra, bởi vì cha của Thánh Macarius tên là Áp-ra-

[1190] Thánh Athanasius Đại đế qua đời vào ngày 2 tháng 5 năm 373.
[1191] Trong số đó, ngài đã trải qua hơn 20 năm trong cảnh lưu đày.
[1192] Phêrô II, Thượng phụ Alexandria, lãnh đạo Giáo hội từ năm 373 đến năm 380.
[1193] Ngài sống và tu hành vào thế kỷ XII. Xác thánh của ngài được an táng tại hang động của Thánh Antôn.
[1194] Thánh Macarius được gọi là "Ai Cập" để phân biệt với một vị tu sĩ cùng tên và cùng thời với ngài, người sinh ra và dành phần lớn cuộc đời tại thành phố Alexandria, và vì vậy được gọi là "Alexandria" hoặc "thành thị". Nhờ sự thánh thiện và trí tuệ của mình, Macarius Ai Cập được gọi là "Vĩ đại". Ngài sinh ra vào khoảng năm 301.

ham (ông là một linh mục), còn mẹ ngài tên là Sa-ra. Vì cuộc hôn nhân của cha mẹ Thánh Macarius không có con cái, nên họ quyết định sống một cuộc đời khiết tịnh, tuy nhiên, không xa cách nhau mà vẫn sống chung với nhau. Và như vậy, trong nhiều năm, cha mẹ Thánh Macarius đã sống gắn bó với nhau bằng sự hiệp nhất thiêng liêng, chứ không phải bằng sự hiệp nhất xác thịt. Họ làm đẹp cuộc đời mình bằng sự tiết độ và ăn chay, những lời cầu nguyện thường xuyên, sự thức trắng không ngừng nghỉ, việc bố thí hào phóng, lòng hiếu khách và nhiều đức tính tốt đẹp khác. Vào thời điểm đó, theo ý định của Đức Chúa Trời, những kẻ man rợ đã tấn công Ai Cập và cướp bóc hết tài sản của người dân nơi đây. Cũng như những người khác, cha mẹ của Macaria đã mất hết tài sản, vì thế họ thậm chí còn muốn rời bỏ quê hương để đến một quốc gia khác. Nhưng vào một đêm nọ, khi cha của Macaria – Áp-ra-ham đang ngủ, Thánh Tổ phụ Áp-ra-ham đã hiện ra trong giấc mơ của ông, dưới hình dáng một vị lão niên đáng kính, tóc bạc phơ, mặc áo choàng lấp lánh. Thánh tổ phụ hiện ra đã an ủi Áp-ra-ham trong cảnh khốn khó, truyền cho ông hãy đặt niềm tin vào Chúa và đừng rời khỏi đất Ai Cập, mà hãy chuyển đến định cư tại làng Ptinapor, cũng nằm trong cùng đất nước đó. Cùng lúc đó, Thánh Tổ phụ Áp-ra-ham đã tiên tri cho cha của Ma-ca-ri rằng Đức Chúa Trời sẽ sớm ban phước cho ông bằng việc sinh ra một người con trai, giống như Ngài đã từng ban phước cho chính Thánh Tổ phụ Áp-ra-ham khi ông là người ngoại kiều tại xứ Ca-na-an, ban cho ông một người con trai khi đã cao tuổi (Sáng Thế Ký 21:2). Khi tỉnh giấc, linh mục Áp-ra-ham đã kể lại giấc mơ mình vừa thấy cho vợ là Sa-ra, và cả hai cùng ngợi khen Đức Chúa Trời. Ngay sau đó, Áp-ra-ham và Sa-ra chuyển đến làng Ptinapor như đã được chỉ định, nơi nằm cách sa mạc Nitrian không xa. Tất cả những điều này đều xảy ra theo ý định của Đức Chúa Trời, để người con trai sắp chào đời của họ – vị thánh Macari – càng yêu mến đời sống ẩn tu hơn, mà như chúng ta sẽ thấy sau này, ông đã dâng hiến cả tâm hồn mình cho đời sống ấy. Trong thời gian cha mẹ của Makari cư ngụ tại làng Ptinapor, cha của Makari – Áp-ra-ham – đã lâm bệnh nặng đến mức suýt chết. Một đêm nọ, khi ông đang nằm trên giường bệnh, ông thấy trong một giấc mơ như thể Thiên Thần của Chúa bước ra từ bàn thờ trong nhà thờ, nơi Áp-ra-ham đang phục vụ, và khi đến gần ông, Thiên Thần nói:

– Áp-ra-ham, Áp-ra-ham! Hãy đứng dậy khỏi giường bệnh của ngươi.

Áp-ra-ham đáp lại Thiên Thần:

– Thưa ngài, tôi đang ốm nên không thể đứng dậy được.

Lúc đó, Thiên Thần nắm lấy tay người bệnh và nhẹ nhàng nói với ông:

– Đức Chúa Trời đã thương xót ngươi, Áp-ra-ham: Ngài sẽ chữa lành bệnh tật cho ngươi và ban cho ngươi ân sủng của Ngài, vì vợ ngươi là Sa-ra sẽ sinh một con trai, mang tên là "Phúc lành". Đứa trẻ ấy sẽ là nơi ngự của Thánh Thần, vì nó sẽ sống trên đất dưới hình dạng Thiên Thần và sẽ dẫn dắt nhiều người đến với Đức Chúa Trời.

Khi tỉnh dậy sau giấc mơ ấy, Áp-ra-ham cảm thấy mình hoàn toàn khỏe mạnh; tràn ngập sự kính sợ và niềm vui, ông lập tức kể cho vợ mình là Sa-ra nghe tất cả những gì ông đã thấy trong giấc mơ và những lời Thiên Thần đã nói với ông. Sự chân thật của giấc mơ này được chứng thực qua việc ông đột ngột được chữa lành khỏi căn bệnh nặng nề. Cả hai, Áp-ra-ham và Sa-ra, đều tạ ơn Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót. Không lâu sau đó, Sa-ra thụ thai dù đã cao tuổi, và sau một thời gian nhất định, bà sinh ra một đứa con trai, được đặt tên là Ma-ca-ri, có nghĩa là "hạnh phúc", và được rửa tội theo nghi thức thánh.

Khi thiếu niên Macari đạt đến tuổi trưởng thành và đã hiểu biết Kinh Thánh, cha mẹ cậu, dường như đã quên đi lời tiên tri về cậu do Thiên Thần hiện ra trong giấc mơ cho Áp-ra-ham, đã mong muốn Macari kết hôn, mặc dù bản thân Macari không hề có ý định đó. Ngược lại, cậu đã chống đối quyết liệt trước sự thuyết phục của cha mẹ, mong muốn chỉ đính hôn với một vị hôn thê bất diệt – đó là cuộc sống trinh khiết và vô tì vết. Tuy nhiên, tuân theo ý muốn của cha mẹ, Macarius đã vâng lời họ, phó thác toàn bộ bản thân vào tay Chúa và hy vọng rằng Ngài sẽ chỉ dẫn cho cậu con đường sống tiếp theo. Sau khi tiệc cưới kết thúc, khi cặp đôi mới cưới được dẫn vào phòng tân hôn, Makarius giả vờ ốm và không chạm vào cô dâu của mình, từ tận đáy lòng cầu nguyện với Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, đặt niềm tin vào Ngài, để Chúa sớm ban cho anh được từ bỏ cuộc sống trần thế và trở thành một tu sĩ. Vài ngày sau, một người thân của Makarius có việc phải lên núi Nitrius[1196] để mang về từ đó muối nitrat, thứ tồn tại ở đó với số lượng khổng lồ, chính vì vậy mà ngọn núi này được gọi là "Nitrius". Theo ý muốn của cha mẹ,

[1195] Ptinapor hay Pezhizvir – một làng nằm trên bờ tây sông Nile, thuộc tỉnh Menouf hay Menufia của Ai Cập ngày nay, ở phần phía nam của Thung lũng sông Nile, trong khu vực được gọi là Hạ Ai Cập. Hiện nay, nơi đây chỉ còn lại những đống đổ nát.

[1196] Sa mạc Nitria – nơi Thánh Giê-rô-ni-mô gọi là "thành phố của Thiên Chúa" vì sự thánh thiện của các tu sĩ ẩn tu sinh sống tại đó – là một sa mạc rộng lớn, giáp ranh với Livia và Ê-thi-ô-pi. Tên gọi này bắt nguồn từ ngọn núi lân cận, nơi các hồ nước chứa rất nhiều nitrat.

Macarius cũng đi cùng người thân đó. Trên đường đến Hồ Nitria, Macarius tách khỏi những người đồng hành để nghỉ ngơi một chút sau chặng đường dài, và rồi chìm vào giấc ngủ. Bỗng nhiên, trong giấc mơ, một người đàn ông kỳ diệu, toát lên ánh sáng rực rỡ, hiện ra trước mặt anh và nói với Macarius:

– Makari! Hãy nhìn những vùng đất hoang vu này và quan sát chúng thật kỹ, vì con được định sẵn sẽ định cư tại đây.

Khi tỉnh giấc, Makari bắt đầu suy ngẫm về những lời được nói với mình trong giấc mơ và cảm thấy bối rối không biết điều gì sẽ xảy ra với mình. Vào thời điểm đó, chưa có ai định cư trong sa mạc, ngoại trừ Thánh Antôn Vĩ Đại và một vị ẩn sĩ vô danh tên là Phaolô thành Thebes, người đang tu hành ở đâu đó trong sa mạc sâu thẳm và chỉ được chính Thánh Antôn nhìn thấy. Khi Makarius cùng các bạn đồng hành trở về nhà sau chuyến hành trình ba ngày đến Núi Nitria, ông thấy vợ mình đang sốt cao đến mức gần như sắp qua đời. Chẳng bao lâu sau, bà qua đời ngay trước mắt Macarius, ra đi về cõi vĩnh hằng với tư cách là một trinh nữ trong sạch. Macarius tạ ơn Chúa vì Ngài đã cho ông được chứng kiến giây phút cuối cùng của vợ mình, và để răn dạy chính mình, ông suy ngẫm về cái chết của bản thân như sau:

– Hãy tự cảnh giác, Macarius ơi, – ông nói, – và hãy lo lắng cho linh hồn mình, vì chẳng bao lâu nữa, chính ngươi cũng sẽ phải rời bỏ cuộc sống trần gian này.

Và kể từ lúc đó, Macarius không còn bận tâm đến bất cứ điều gì trần thế nữa, luôn ở trong nhà thờ của Chúa và dành thời gian đọc Kinh Thánh. Cha mẹ của Macarius, khi thấy lối sống của con trai mình, không dám nhắc đến tên phụ nữ trước mặt anh, nhưng lại rất vui mừng vì lối sống trong sạch của anh. Trong khi đó, Áp-ra-ham, cha của Ma-ca-ri, đã bước vào tuổi xế chiều và mắc bệnh nặng, đến nỗi vì tuổi già và bệnh tật mà ông đã mất thị lực. Thánh Ma-ca-ri đã chăm sóc cha già ốm yếu của mình với tình yêu thương và sự tận tụy. Chẳng bao lâu sau, vị lão nhân đã về với Chúa, và sáu tháng sau khi ông qua đời, bà Sara, mẹ của Macarius, cũng đã an nghỉ trong Chúa. Thánh Macarius đã an táng cha mẹ mình theo nghi thức Kitô giáo thông thường và hoàn toàn giải thoát khỏi những ràng buộc của xác thịt, bằng cách phân phát toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo sau lễ an táng, để cầu nguyện cho linh hồn những người đã khuất. Trong lòng Thánh Macarius tràn ngập nỗi buồn sâu sắc, vì giờ đây ngài không còn ai để chia sẻ bí mật của mình và nhận được lời khuyên tốt lành cho cuộc sống làm đẹp lòng Chúa. Vì vậy, ngài đã siêng năng cầu nguyện với Chúa, xin Ngài sai đến cho ngài một vị thầy tốt lành, người sẽ dẫn dắt ngài trên con đường cứu rỗi.

Một thời gian sau, đến ngày kỷ niệm một vị thánh, theo truyền thống của cha mẹ mình, Makari cũng muốn tổ chức một bữa tiệc. Vì vậy, anh đã chuẩn bị bữa trưa, dành không phải cho hàng xóm của mình, mà chủ yếu là cho những người ăn xin và người nghèo khổ. Khi tham dự Thánh lễ tại nhà thờ vào ngày hôm đó, Makari đã nhìn thấy một vị tu sĩ cao niên đáng kính bước vào nhà thờ. Vị tu sĩ này có mái tóc và bộ râu dài bạc phơ, dài gần chạm đến thắt lưng; khuôn mặt ông tái nhợt vì đã nhịn ăn lâu ngày; nhưng dáng vẻ của ông thật trang nghiêm, bởi vì tâm hồn bên trong ông cũng được tô điểm bởi vẻ đẹp của các đức tính. Vị tu sĩ già này sống không xa làng Ptinapor, tại một nơi hoang vắng, nơi ông có một căn phòng ẩn tu. Ông chưa bao giờ xuất hiện trước mặt ai, và chỉ đến ngày hôm nay, theo sự an bài của Thiên Chúa, ông mới đến nhà thờ trong làng để rước Mình Thánh Chúa. Sau khi Thánh Lễ kết thúc, Macarius đã nài nỉ vị tu sĩ này đến nhà ông để cùng dùng bữa. Sau bữa ăn, khi tất cả những người được Makari mời đã về nhà, Makari giữ vị tu sĩ lại, dẫn ông đến một nơi vắng vẻ, quỳ xuống dưới chân vị trưởng lão và nói với ông:

– Thưa Cha! Xin cho con được đến gặp Cha vào sáng mai, vì con muốn xin lời khuyên đầy kinh nghiệm của Cha về cuộc đời con trong tương lai!

– Hãy đến đi, con ơi, – vị trưởng lão đáp, – bất cứ khi nào con muốn, – và nói xong, ngài rời khỏi Makari.

Sáng sớm ngày hôm sau, Macarius đến gặp vị tu sĩ già và bộc bạch với ngài điều thầm kín trong lòng mình, rằng anh muốn dốc hết sức lực để phục vụ Chúa, đồng thời tha thiết xin vị tu sĩ già chỉ dạy anh phải làm gì để cứu rỗi linh hồn mình. Suốt cả ngày, vị tu sĩ già đã giữ Makari ở lại bên mình qua những cuộc trò chuyện mang lại lợi ích cho tâm hồn, và khi mặt trời lặn, họ cùng ăn một ít bánh mì với muối, rồi vị tu sĩ già bảo Makari đi ngủ. Còn vị tu sĩ thì bắt đầu cầu nguyện, hướng tâm trí lên trời cao; khi đêm đã khuya, ngài rơi vào trạng thái hân hoan và thấy một đoàn tu sĩ mặc áo trắng, có cánh. Họ đi vòng quanh Makari đang ngủ và nói:

– Hãy thức dậy, Makari, và bắt đầu sứ vụ mà Đức Chúa Trời đã chỉ định cho ngươi; đừng trì hoãn việc này sang lúc khác, vì kẻ lười biếng hành động thiếu khôn ngoan, còn người siêng năng sẽ nhận được phần thưởng xứng đáng.

Sáng hôm sau, vị thánh lão đã kể lại giấc mơ này cho Makari và, khi tiễn anh ra về, đã dặn dò anh như sau:

– Con ơi! Điều gì con định làm, hãy làm ngay đi, vì Chúa đang kêu gọi con để cứu rỗi nhiều người. Vì vậy, từ nay trở đi, đừng lười biếng trong những việc làm đẹp lòng Chúa!

Sau khi còn dạy dỗ Makari thêm về việc cầu nguyện, thức đêm và ăn chay, vị tu sĩ già đã tiễn anh ra về trong bình an. Khi trở về nhà từ chỗ vị tu sĩ già, thánh Macarius đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo, không giữ lại cho mình bất cứ thứ gì, ngay cả những nhu cầu thiết yếu nhất. Sau khi giải thoát bản thân khỏi mọi lo toan trần thế và trở thành một người ăn xin, Macarius lại đến gặp vị tu sĩ già để toàn tâm toàn ý dâng mình cho việc phụng sự Chúa mà anh đã hằng mong ước từ lâu. Vị tu sĩ già đã đón nhận chàng trai khiêm nhường với tình yêu thương, chỉ cho anh những bước đầu của đời sống tu hành thầm lặng và dạy anh nghề thủ công truyền thống của tu sĩ – đan giỏ. Đồng thời, vị tu sĩ già đã sắp xếp cho Makari một phòng tu riêng cách phòng của mình không xa, vì chính ngài cũng thích sống trong sự tĩnh lặng để phụng sự Chúa. Ngài dẫn người đệ tử mới của mình đến căn phòng vừa được sắp xếp, và một lần nữa truyền dạy cho cậu những chỉ dẫn cần thiết về cầu nguyện, ăn uống và nghề thủ công. Như vậy, với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, Thánh Macarius đã bắt đầu bước vào con đường tu hành đầy gian nan và ngày càng tiến bộ trong các việc tu hành. Một thời gian sau, vị giám mục của vùng đất ấy tình cờ ghé qua làng Ptinapor; khi nghe người dân làng kể về những công đức của Thánh Macari, ngài đã triệu tập ngài đến và, bất chấp ý muốn của ngài, bổ nhiệm ngài làm linh mục của nhà thờ địa phương, dù lúc đó Thánh Macari vẫn còn rất trẻ. Nhưng Thánh Macarius, cảm thấy nặng nề với chức vụ linh mục – vốn đã phá vỡ cuộc sống thầm lặng của ngài – nên sau vài ngày, ngài đã bỏ trốn khỏi đó và định cư tại một nơi hoang vắng gần một làng khác. Tại đó, một người đàn ông kính Chúa thuộc tầng lớp bình dân đã tìm đến ông và bắt đầu phục vụ Macarius, bằng cách bán các sản phẩm thủ công của ông và dùng số tiền thu được để mua thức ăn cho ông. Kẻ thù ghét mọi điều thiện – ma quỷ, khi thấy mình bị vị tu sĩ trẻ này đánh bại, đã nảy sinh mưu đồ chống lại ông và bắt đầu chiến đấu quyết liệt với ông, bày ra đủ loại mưu mô chống lại ông, lúc thì gieo rắc những ý nghĩ tội lỗi vào tâm trí ông, lúc thì tấn công ông dưới hình dạng những con quái vật đáng sợ. Khi Makari thức trắng đêm để cầu nguyện, ma quỷ làm rung chuyển căn phòng của ngài đến tận nền móng, và đôi khi, biến thành con rắn, bò trên mặt đất và lao vào vị thánh với sự giận dữ. Nhưng vị thánh Makari, tự bảo vệ mình bằng lời cầu nguyện và dấu thánh giá, không hề để ý đến những mưu mô của ma quỷ, và thốt lên như vua Đa-vít xưa kia:

– *"Ngươi sẽ không sợ những điều kinh hoàng trong đêm, mũi tên bay vào ban ngày, hay dịch bệnh rình rập trong bóng tối"* (Thánh vịnh 90:5).

Lúc bấy giờ, quỷ dữ, không thể đánh bại được người bất khả chiến bại, đã nghĩ ra một mưu kế mới để chống lại anh ta. Một người dân trong ngôi làng mà Makari đang tu hành gần đó có một cô con gái; một chàng trai trẻ, cũng sống trong ngôi làng ấy, đã cầu hôn cô gái này. Nhưng vì chàng trai đó rất nghèo và lại xuất thân từ tầng lớp bình dân, nên cha mẹ cô gái không đồng ý gả con gái cho anh ta, dù bản thân cô gái lại yêu chàng trai đó. Một thời gian sau, cô gái mang thai. Khi cô hỏi chàng trai nên trả lời cha mẹ mình thế nào, thì chàng trai, bị quỷ dữ – kẻ thầy của sự ác – xúi giục, đã nói với cô:

– Hãy nói rằng chính vị ẩn sĩ sống gần nhà chúng ta đã làm điều đó với con.

Cô gái nghe theo lời khuyên xảo quyệt đó và dùng lời nói sắc nhọn như rắn độc để vu khống vị tu sĩ vô tội. Và khi cha mẹ cô nhận ra rằng cô sắp làm mẹ, họ đã đánh đập cô và tra hỏi xem ai là thủ phạm khiến cô sa ngã. Cô gái liền trả lời:

– Kẻ có lỗi trong chuyện này chính là vị ẩn sĩ của các người, người mà các người coi là thánh. Hồi đó, khi tôi đang ở ngoài làng và đi đến nơi ông ta sống, vị ẩn sĩ đã gặp tôi trên đường và cưỡng hiếp tôi, còn tôi vì sợ hãi và xấu hổ nên cho đến giờ vẫn chưa nói với ai về chuyện này.

Bị những lời nói của cô gái đâm thấu lòng như những mũi tên, cha mẹ và họ hàng của cô cùng nhau xông đến nơi ở của vị thánh với những tiếng la hét ầm ĩ và những lời chửi rủa. Họ lôi Makari ra khỏi phòng tu, đánh đập ông ta một hồi lâu, rồi dẫn ông về làng. Tại đó, họ thu gom vô số đồ gốm vỡ và mảnh vỡ, buộc chúng lại bằng dây thừng, treo lên cổ vị thánh, rồi dẫn ông đi khắp làng, hành hạ ông không thương xót, đánh đập, xô đẩy, giật tóc và đá vào người ông. Trong lúc đó, họ la hét:

– Tên tu sĩ này đã làm ô uế cô gái của chúng ta, tất cả hãy đánh hắn đi!

Đúng lúc đó, có một người khôn ngoan đi ngang qua. Thấy cảnh tượng đang diễn ra, ông nói với những kẻ đang đánh vị thánh:

– Các ngươi còn đánh vị tu sĩ lang thang vô tội này đến bao giờ nữa, mà chưa xác minh rõ ràng liệu cáo buộc chống lại ngài có công bằng hay không? Ta nghĩ rằng ma quỷ đang cám dỗ các ngươi.

Nhưng họ, không nghe lời người đàn ông ấy, vẫn tiếp tục hành hạ vị thánh. Trong khi đó, người đàn ông đã phục vụ Macarius vì Chúa bằng cách bán những món đồ thủ công của ông, đang đi cách xa vị thánh và khóc lóc thảm thiết, không thể ngăn cản việc đánh đập vị thánh cũng như giải cứu Macarius khỏi tay những kẻ *"đã vây quanh ông như bầy chó"* (Thánh Vịnh 21:17). Còn những kẻ đang đánh vị thánh, quay lại, lao vào người đàn ông ấy với những lời chửi rủa và đe dọa.

– "Đây là những gì hắn đã làm," họ la lên, "kẻ ẩn sĩ mà ngươi đang phục vụ!" – và tiếp tục đánh Macarius bằng gậy cho đến khi thỏa mãn cơn thịnh nộ và giận dữ của mình; còn Macarius thì nằm bất tỉnh trên đường. Còn cha mẹ cô gái thì vẫn không chịu buông tha cho ông, mà nói:

– Chúng tôi sẽ không thả anh ta ra cho đến khi anh ta đưa ra những người bảo lãnh, đảm bảo rằng anh ta sẽ chu cấp cho con gái chúng tôi, người mà anh ta đã làm ô danh.

Vừa thở hổn hển, Makari xin người hầu của mình:

– Bạn ơi! Hãy làm người bảo lãnh cho tôi.

Người này, sẵn sàng hy sinh cả mạng sống vì vị thánh, đã đứng ra bảo lãnh cho anh ta, rồi bế Makari – người đã kiệt sức vì vết thương – với tất cả sức lực còn lại, đưa anh ta về phòng tu. Sau khi hồi phục phần nào từ những vết thương, Makari bắt đầu làm việc chăm chỉ hơn với nghề thủ công của mình, tự nhủ với bản thân như sau:

– Giờ đây, Makari, ngươi đã có vợ con, vì thế ngươi cần phải làm việc ngày đêm để lo cho họ có đủ thức ăn.

Anh làm những chiếc giỏ, rồi bán chúng qua người được chỉ định, và gửi số tiền thu được về để nuôi cô gái. Khi đến lúc cô sinh con, cô đã phải hứng chịu sự phán xét công bằng của Đức Chúa Trời vì đã vu khống một vị thánh vô tội. Cô ấy không thể sinh con trong một thời gian dài và phải chịu đựng nhiều ngày đêm, khóc lóc thảm thiết vì cơn đau dữ dội. Khi chứng kiến những đau đớn của cô, cha mẹ cô cũng đau khổ cùng cô và trong sự bối rối, họ hỏi cô:

– Chuyện gì đã xảy ra với con vậy?

Lúc đó, cô gái, dù rất không muốn, nhưng buộc phải nói ra sự thật. Với những tiếng thét lớn, cô nói:

– Ôi, khốn khổ cho con, kẻ tội lỗi này! Con xứng đáng nhận hình phạt khủng khiếp vì đã vu khống người công chính, nói rằng ông ấy là thủ phạm khiến con sa ngã. Không phải ông ấy là thủ phạm, mà là chàng trai đã muốn cưới con.

Nghe tiếng thét của cô gái, cha mẹ và họ hàng của cô đang ở bên cạnh đều vô cùng kinh ngạc trước những lời nói đó; nỗi sợ hãi dữ dội ập đến với họ, và họ cảm thấy vô cùng xấu hổ vì đã dám xúc phạm một tu sĩ vô tội, người phục vụ Chúa. Trong nỗi sợ hãi, họ kêu lên: "Khốn khổ cho chúng ta!" Trong khi đó, tin tức về sự việc đã lan truyền khắp ngôi làng, và tất cả cư dân nơi đây, từ già đến trẻ, đều đổ xô đến ngôi nhà nơi cô gái đang sống. Nghe tiếng kêu khóc của cô gái rằng vị ẩn sĩ vô tội trước sự ô nhục của cô, mọi người tự trách mình rất nhiều và vô cùng đau buồn vì đã đánh vị thánh nhân mà không có lòng thương xót. Sau khi bàn bạc với cha mẹ cô gái, tất cả họ quyết định đến gặp Thánh Macarius và quỳ xuống dưới chân ngài trong nước mắt, xin tha thứ, để tránh bị cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống vì đã xúc phạm một người vô tội. Khi biết được quyết định đó của họ, người chồng phục vụ Thánh Macarius – người đã đứng ra bảo lãnh cho ngài – vội vã chạy đến gặp ngài và vui mừng nói:

– Hãy vui mừng, thưa Cha Macarius! – Hôm nay là ngày hạnh phúc và vui mừng đối với chúng ta, vì hôm nay Đức Chúa Trời đã biến sự sỉ nhục và ô nhục trước đây của ngài thành sự vinh quang. Và tôi không còn cần phải làm người bảo lãnh cho ngài nữa, vì ngài đã chứng tỏ mình là một người chịu khổ vô tội, vô tư, công chính và vinh quang. Hôm nay, sự phán xét của Đức Chúa Trời đã giáng xuống người phụ nữ đã vu khống và bôi nhọ ngài một cách oan ức. Cô ta không thể thoát khỏi gánh nặng đó và đã thú nhận rằng không phải ngài là nguyên nhân khiến cô sa ngã, mà là một chàng trai trẻ. Giờ đây, tất cả cư dân trong làng, từ già đến trẻ, đều muốn đến với ngài để sám hối, nhằm tôn vinh Đức Chúa Trời vì sự trong sạch và lòng kiên nhẫn của ngài, đồng thời xin ngài tha thứ, để họ không phải hứng chịu bất kỳ hình phạt nào từ Chúa vì đã xúc phạm ngài một cách bất công.

Makarios khiêm nhường đã lắng nghe những lời của người đàn ông ấy với lòng buồn bã: ông không mong muốn vinh dự và danh tiếng từ con người, vì đối với ông, việc chịu sự sỉ nhục từ người ta còn dễ chịu hơn nhiều so với việc nhận vinh dự; vì vậy, khi đêm xuống, ông đứng dậy và rời khỏi nơi đó, trước tiên đi đến Núi Nitria, nơi ông từng có một giấc mơ tiên tri. Sau khi sống ở đó ba năm trong một hang động, ông đã đến gặp Thánh Antôn Vĩ

Đại, người đang tu hành khổ hạnh trong sa mạc Pharan[1197] , bởi vì Makariô đã nghe nói về ngài từ lâu, ngay cả khi ông còn sống trong thế gian, và rất mong được gặp ngài. Được Thánh Antôn tiếp đón với tình yêu thương, Macarius trở thành môn đệ chân thành nhất của ngài và sống cùng ngài trong một thời gian dài, nhận được những lời dạy dỗ để sống một cuộc đời đạo đức hoàn hảo và cố gắng noi gương cha mình trong mọi việc. Sau đó, theo lời khuyên của Thánh Antôn, Macarius đã lui về sống ẩn dật trong sa mạc Skete[1198] , nơi ngài tỏa sáng rực rỡ nhờ những công đức và thành công vượt bậc trong đời sống tu hành, đến nỗi vượt trội hơn nhiều anh em tu sĩ và được họ gọi là "người trẻ tuổi nhưng già dặn", bởi dù còn trẻ nhưng ngài đã thể hiện một đời sống hoàn toàn giống như một vị tu sĩ già. Tại đây, Macarius phải chiến đấu với ma quỷ cả ngày lẫn đêm. Đôi khi, các quỷ dữ hiện hình thành những hình dạng đáng sợ, hung hăng lao vào vị thánh; đôi khi lại dưới hình dạng những chiến binh vũ trang, cưỡi ngựa và phi nước đại vào trận chiến; với những tiếng la hét lớn, những tiếng gào thét kinh hoàng và tiếng ồn ào, chúng lao vào vị thánh, như thể định giết chết ngài. Còn có lúc, lũ quỷ lại dấy lên một cuộc chiến vô hình chống lại vị thánh, gieo rắc vào lòng ngài những ý nghĩ đam mê và ô uế, bằng đủ mọi mưu mô xảo quyệt nhằm lung lay bức tường vững chắc do Chúa Kitô dựng nên và phá hủy nó. Tuy nhiên, chúng không thể nào đánh bại được vị chiến binh dũng cảm của lẽ thật này, người có Thiên Chúa làm trợ thủ và, giống như Đa-vít, đã thốt lên:

– *"Có kẻ dùng xe chiến (với vũ khí), có kẻ dùng ngựa, còn tôi thì tự hào về danh Chúa, Thiên Chúa của chúng ta: chúng đã lung lay và ngã xuống, với Thiên Chúa, tôi sẽ tỏ ra mạnh mẽ"* (Tv 19:8–9, 59:14) và Ngài sẽ tiêu diệt tất cả kẻ thù của tôi – những con quỷ đang tấn công tôi một cách dữ dội như vậy.

Một đêm nọ, khi Makari đang ngủ, một đám quỷ dữ vây quanh anh, đánh thức anh dậy và nói:

– Hãy thức dậy, Macarius, và hát cùng chúng ta, đừng ngủ nữa.

Vị thánh nhân, nhận ra đó là sự cám dỗ của ma quỷ, không đứng dậy, mà vẫn nằm đó và nói với lũ ma quỷ:

– *"Hãy đi khỏi Ta, hỡi những kẻ bị nguyền rủa, vào lửa đời đời, đã được chuẩn bị sẵn cho cha các ngươi là Ma Quỷ"* (Mt 25:41) và cho các ngươi nữa.

Nhưng chúng nói:

– Tại sao ngươi lại xúc phạm chúng ta, Makari, khi dùng những lời như vậy để sỉ nhục chúng ta?

– Làm sao có thể – vị thánh nhân phản bác – mà một con quỷ nào lại có thể đánh thức ai đó để cầu nguyện và ngợi khen Đức Chúa Trời, hay hướng dẫn họ sống một cuộc đời đạo đức được chứ?

Nhưng lũ quỷ vẫn tiếp tục kêu gọi ngài cầu nguyện, và trong một thời gian dài chúng không thể làm được điều đó. Lúc đó, tràn đầy cơn thịnh nộ và không chịu nổi sự khinh miệt từ Makari, chúng ùa đến bao vây ngài và bắt đầu đánh đập ngài. Vị thánh liền kêu cầu Chúa:

– Xin giúp con, lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa của con, và *"Ngài bao bọc con bằng niềm vui của sự giải thoát, vì bầy chó đã vây quanh con, há miệng ra cắn xé con"* (Tv 31:7, 21:14, 17–18).

Và đột nhiên, cả đám quỷ dữ biến mất trong tiếng ồn ào lớn.

Một lần khác, Makari đã hái được nhiều cành cọ trong sa mạc để đan giỏ và mang chúng về phòng tu của mình. Trên đường đi, hắn gặp ma quỷ cầm liềm và muốn đánh vị thánh, nhưng không thể. Rồi hắn nói với Makari:

– Macarius! Vì ngươi mà ta phải chịu nỗi đau khổ lớn lao, bởi ta không thể đánh bại ngươi. Này, ta cũng làm tất cả những gì ngươi làm. Ngươi ăn chay, ta cũng không ăn gì cả; ngươi thức trắng, ta cũng không bao giờ ngủ. Tuy nhiên, có một điều mà ngươi vượt trội hơn ta.

– Đó là điều gì? – vị thánh nhân hỏi ông.

– Sự khiêm nhường của ngươi, – quỷ đáp, – đó chính là lý do tại sao ta không thể chống lại ngươi.

Khi Thánh Macarius tròn bốn mươi tuổi, ngài đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng làm phép lạ, tiên tri và quyền năng trên các thần ô uế. Cùng lúc đó, ngài được phong chức linh mục và được bổ nhiệm làm vị trụ trì (avva) của các tu sĩ sống trong tu viện. Về việc ăn uống của ngài, tức là cách ngài ăn chay, thì không cần phải nói nhiều, bởi vì ngay cả những tu sĩ yếu ớt nhất trong tu viện của ngài cũng không thể bị trách móc vì ăn quá nhiều hay dùng bất kỳ món ăn sang trọng nào. Mặc dù điều này một phần là do thiếu thốn các món ăn sang trọng ở những nơi đó, nhưng chủ yếu là vì sự cạnh tranh giữa các tu sĩ sống tại đó, những người không chỉ cố gắng noi gương nhau trong việc ăn chay, mà còn cố gắng vượt trội hơn nhau. Về những công đức khác của Makari, con người thiên đàng này,

---

[1197] Faran – vùng đất hoang vắng và đồi núi nằm giữa Palestine, Ai Cập, Idumea và bán đảo Sinai.

[1198] Sa mạc Skit nằm cách núi Nitria một quãng đường đi trong một ngày (25–30 verst), ở phía tây bắc Ai Cập. Đó là một sa mạc khô cằn và đầy đá, nơi ưa thích của các ẩn sĩ Ai Cập, nổi tiếng nhờ những hành động khổ hạnh của các tu sĩ đã tìm đến đây để tu hành.

có nhiều truyền thuyết khác nhau lưu truyền giữa các vị cha. Người ta kể rằng vị thánh nhân không ngừng hướng tâm trí lên cõi cao và dành phần lớn thời gian để hướng tâm trí về Thiên Chúa, hơn là về những sự vật của thế gian này. Makari thường đến thăm vị thầy của mình là Thánh Antôn Vĩ Đại và nhận được nhiều lời dạy dỗ từ ngài, đồng thời có những cuộc trò chuyện thiêng liêng với ngài. Cùng với hai môn đệ khác của Thánh Antôn, Makari đã được hân hạnh chứng kiến giây phút an nghỉ thanh thản của ngài và, như một di sản quý giá nhất, đã nhận được cây gậy của Thánh Antôn, thứ mà ngài dùng để chống đỡ thân thể yếu ớt của mình trên đường đi, vốn đã bị suy kiệt bởi tuổi già và những công việc khổ hạnh. Cùng với cây gậy của Thánh Antôn, Thánh Macari đã tiếp nhận trọn vẹn cả tinh thần của Thánh Antôn Vĩ Đại, giống như ngày xưa tiên tri Ê-li-sê đã tiếp nhận tinh thần ấy từ tiên tri Ê-li (2 Vua 2:9).[1199] Nhờ sức mạnh của tinh thần ấy, Thánh Macari đã thực hiện nhiều phép lạ kỳ diệu, và bây giờ chúng ta sẽ chuyển sang kể về những phép lạ đó.

Có một người Ai Cập vô đạo đã nảy sinh tình yêu bất chính đối với một người phụ nữ xinh đẹp đã có chồng, nhưng không thể nào thuyết phục được bà phản bội chồng, vì bà là người trong sạch, đức hạnh và yêu thương chồng mình. Với khao khát mãnh liệt muốn chiếm đoạt nàng, người Ai Cập này đã tìm đến một pháp sư và cầu xin ông ta dùng phép thuật của mình để khiến người phụ nữ ấy yêu mình, hoặc khiến chồng nàng ghét bỏ và đuổi nàng đi. Sau khi nhận được những món quà quý giá từ người Ai Cập đó, thầy phù thủy đã sử dụng những phép thuật thông thường của mình, cố gắng dùng sức mạnh phép thuật để dụ dỗ người phụ nữ trong sạch phạm phải hành vi xấu xa. Không thể làm lung lay tâm hồn kiên định của người phụ nữ để khiến cô sa vào tội lỗi, pháp sư đã yểm bùa vào mắt tất cả những ai nhìn người phụ nữ ấy, khiến cô trông không còn giống một người phụ nữ mang hình dáng con người, mà giống một con vật có hình dáng con ngựa. Chồng của người phụ nữ ấy, khi về đến nhà, đã kinh hoàng khi thấy thay vì vợ mình lại là một con ngựa, và vô cùng ngạc nhiên khi thấy một con vật đang nằm trên giường của mình. Anh ta gọi cô ấy nhưng không nhận được bất kỳ câu trả lời nào, chỉ nhận thấy rằng cô ấy đang nổi giận. Biết rằng đó hẳn là vợ mình, anh ta hiểu rằng điều này là do sự ác ý của ai đó gây ra; vì vậy, anh ta vô cùng đau khổ và rơi nước mắt. Sau đó, anh ta mời các trưởng lão đến nhà và cho họ xem vợ mình. Nhưng họ không thể nhận ra rằng trước mặt họ là con người chứ không phải con vật, vì mắt họ cũng bị mê hoặc và họ chỉ thấy con vật. Đã ba ngày trôi qua kể từ khi người phụ nữ này trở nên giống như một con ngựa trong mắt mọi người. Trong suốt thời gian đó, cô không ăn uống gì, vì không thể ăn cỏ khô như loài vật, cũng không thể ăn bánh mì như con người. Lúc đó, chồng cô nhớ đến Thánh Macarius và quyết định đưa cô đến sa mạc gặp vị thánh. Sau khi đeo dây cương cho cô ấy, như thể cô ấy là một con vật, anh ta đi đến nơi ở của Thánh Macarius, dắt theo người vợ có hình dáng con ngựa. Khi anh ta đến gần phòng của vị thánh, các tu sĩ đang đứng gần đó đã phẫn nộ với anh ta, hỏi tại sao anh ta lại muốn dẫn một con ngựa vào tu viện. Nhưng anh ta nói với họ:

– Tôi đến đây để con vật này, nhờ những lời cầu nguyện của thánh Macarius, được Chúa ban ân sủng.

– Chuyện gì xấu đã xảy ra với cô ấy vậy? – các tu sĩ hỏi.

– Con vật mà các anh thấy đây – người đàn ông trả lời – chính là vợ tôi. Tại sao cô ấy lại biến thành con ngựa, tôi không biết. Nhưng đã ba ngày trôi qua kể từ khi chuyện đó xảy ra, và suốt thời gian đó cô ấy không ăn uống gì cả.

Sau khi nghe câu chuyện của ông, các tu sĩ lập tức vội vã đến gặp Thánh Macarius để kể lại sự việc, nhưng ngài đã nhận được sự mặc khải từ Thiên Chúa và đang cầu nguyện cho người phụ nữ ấy. Khi các tu sĩ kể lại cho vị thánh về những gì đã xảy ra và chỉ cho ngài con vật được dẫn đến, vị thánh đã nói với họ:

– Chính các con cũng giống như loài thú, vì đôi mắt các con chỉ nhìn thấy hình dạng của loài vật. Còn nàng, vốn được tạo dựng là người phụ nữ, thì vẫn là người phụ nữ, không hề thay đổi bản chất con người của mình, mà chỉ trông giống loài vật trong mắt các con, những đôi mắt đã bị mê hoặc bởi bùa chú ma thuật.

Sau đó, vị thánh nhân đã thánh hóa nước và với lời cầu nguyện, ngài đổ nước ấy lên người phụ nữ đó, và ngay lập tức, nàng lấy lại hình dáng con người bình thường của mình, đến nỗi tất cả những ai nhìn nàng đều thấy một người phụ nữ có khuôn mặt con người. Sau khi ra lệnh cho người ta mang thức ăn đến cho cô, vị thánh đã chữa lành cô hoàn toàn. Lúc đó, cả chồng, vợ và tất cả những ai chứng kiến phép lạ kỳ diệu này đều tạ ơn Chúa. Thánh Macarius đã khuyên nhủ người phụ nữ được chữa lành rằng cô nên đến nhà thờ của Chúa thường xuyên nhất có thể và rước Mình Thánh Chúa.

– Điều này xảy ra với chị – vị thánh nói – là vì đã năm tuần rồi chị chưa rước Mình Thánh Chúa.

[1199] Điều này được thể hiện trong nghi lễ tưởng niệm Thánh Macarius (xem Sách Lễ Hàng Tháng – Ikos theo bài ca thứ 6 của Thánh ca).

Sau khi khuyên nhủ người chồng và người vợ, vị thánh đã tiễn họ ra về trong bình an.

Cũng theo cách tương tự, Thánh Makari đã chữa lành cho một thiếu nữ, người đã bị một pháp sư biến thành con lừa và được cha mẹ đưa đến gặp ngài trong hình dạng đó. Còn một thiếu nữ khác, người đang bị thối rữa vì vết thương và vảy, cơ thể đầy giun, ngài đã làm cho cô hoàn toàn khỏe mạnh bằng cách xức dầu thánh lên người cô.

Rất nhiều người thuộc đủ mọi tầng lớp đã tìm đến Thánh Macarius – một số xin ngài cầu nguyện, ban phước lành và những lời khuyên dạy như người cha, số khác thì mong được chữa lành các bệnh tật của mình. Do có quá nhiều người đến với ngài, Thánh Macarius có rất ít thời gian để suy ngẫm về Thiên Chúa trong sự tĩnh lặng. Vì vậy, ngài đã đào một hang động sâu dưới phòng tu của mình, dài khoảng nửa stade[1200] , nơi ngài ẩn náu để tránh những người liên tục đến tìm ngài và làm gián đoạn việc suy ngẫm về Thiên Chúa cũng như lời cầu nguyện của ngài.

Thánh Macarius đã nhận được từ Thiên Chúa một ân sủng mạnh mẽ đến nỗi ngài có thể làm cho cả người chết sống lại. Và thế là, một kẻ dị giáo tên là Ierakit, người dạy rằng sẽ không có sự sống lại của người chết, đã từ Ai Cập đến sa mạc và làm xáo trộn tâm trí các tu sĩ đang sinh sống ở đó. Sau đó, hắn đến gặp Thánh Macarius và, trước sự chứng kiến của đông đảo các anh em, đã tranh luận với ngài về đức tin. Vì bản thân hắn rất giỏi ăn nói, nên hắn đã chế giễu sự đơn sơ trong lời nói của Thánh Macarius. Thánh Macarius nhận thấy các anh em bắt đầu dao động trong đức tin vì những lời nói của tên dị giáo này, nên ngài đã nói với hắn:

– Tranh luận bằng lời nói có ích gì, khi điều đó chỉ khiến những người nghe cuộc tranh luận của chúng ta thêm dao động, hơn là củng cố đức tin? Hãy đến những ngôi mộ của các anh em đã an nghỉ trong Chúa, và ai trong chúng ta được Chúa ban ân sủng để làm cho người chết sống lại, thì lúc đó mọi người sẽ tin chắc rằng đức tin của người ấy là chính đáng và được chính Thiên Chúa chứng thực.

Các anh em đồng ý với những lời của vị thánh, và tất cả cùng đi đến nghĩa trang. Tại đó, Thánh Macarius bảo Ierakit hãy gọi một người đã qua đời trong số các anh em ra khỏi quan tài. Nhưng Ierakit nói với Macarius:

– Trước tiên, ngài hãy làm điều đó đi, vì chính ngài đã đề ra thử thách này.

Lúc đó, Thánh Macari quỳ xuống cầu nguyện với Chúa, và sau một thời gian dài cầu nguyện, ngài ngước mắt lên trời và kêu cầu Chúa:

– Lạy Chúa! Chính Ngài hãy tỏ ra ngay bây giờ, ai trong hai chúng con có đức tin (vào Ngài) đúng đắn hơn, xin hãy tỏ ra điều đó bằng cách khiến một trong những người đã khuất đang nằm đây trỗi dậy khỏi quan tài.

Sau khi cầu nguyện như vậy, vị tu sĩ đã gọi tên một tu sĩ mới được chôn cất gần đây, và người chết lập tức đáp lại tiếng gọi của ngài từ trong mộ. Lúc đó, các tu sĩ vội vã đào mộ lên và thấy người anh em của mình đã sống lại. Sau khi tháo các dải băng quấn trên người anh ta, họ đưa anh ta còn sống ra khỏi mộ. Khi chứng kiến phép lạ kỳ diệu đến vậy, Ierakit hoảng sợ đến mức bỏ chạy. Tất cả các tu sĩ đuổi theo anh ta như đuổi kẻ thù, và đẩy anh ta ra xa khỏi vùng đất đó.

Một lần khác, Thánh Macarius cũng đã làm sống lại một người đã chết khác, như Abba Siso đã kể lại.

– Lúc đó, – ông kể lại, – tôi đang ở cùng Thánh Macari tại một tu viện nhỏ. Đúng vào thời điểm đó là mùa gặt lúa mì. Bảy vị tu sĩ trong cộng đoàn đã được thuê để gặt lúa. Trong lúc gặt, có một góa phụ đang nhặt những bông lúa rơi rải rác phía sau chúng tôi và khóc không ngừng. Thánh Macari gọi chủ ruộng lại và hỏi ông ta:

– Chuyện gì đã xảy ra với người phụ nữ này, và tại sao bà ấy lại khóc không ngừng như vậy?

Chủ ruộng kể với vị tu sĩ rằng chồng của người phụ nữ ấy đã nhận tiền gửi từ một người khác để cất giữ, nhưng đột ngột qua đời mà chưa kịp nói cho vợ biết đã cất số tiền đó ở đâu. Vì vậy, người cho vay muốn bắt người phụ nữ này cùng các con của bà làm nô lệ. Lúc đó, Makari nói với ông ta:

– Hãy bảo người phụ nữ ấy đến gặp chúng ta tại nơi chúng ta nghỉ trưa.

Khi bà làm theo lời vị thánh nhân và đến gặp ngài, thánh nhân Makari đã hỏi bà:

– Tại sao bà cứ khóc mãi thế, thưa bà?

– Bởi vì – người góa phụ trả lời – chồng tôi đã đột ngột qua đời, và trước khi chết không lâu, ông ấy đã nhận vàng từ một người để giữ giúp nhưng không nói cho tôi biết đã cất số vàng đó ở đâu.

– Hãy chỉ cho chúng tôi nơi chồng chị được chôn cất, – Thánh Macari nói.

Cùng các tu sĩ, vị thánh nhân đi đến nơi được chỉ định. Khi đến bên mộ chồng của người góa phụ đó, vị thánh nhân nói với cô:

[1200] Một “stadia” tương đương với 87 1/2 “sazhen” của chúng ta.

– Hãy về nhà đi, người phụ nữ!

Sau đó, sau khi cầu nguyện, Makari gọi người đã khuất, hỏi ông ta đã cất số vàng đó ở đâu. Lúc đó, người đã khuất trả lời từ trong mộ:

– Tôi đã giấu nó trong nhà mình, dưới chân giường.

– Hãy an nghỉ tiếp đi, – Abba Makarios nói với người ấy, – cho đến ngày Phục sinh chung!

Các tu sĩ, khi chứng kiến phép lạ này, vì quá kinh hãi nên đã quỳ sấp xuống dưới chân vị thánh. Vị trưởng lão nói với các tu sĩ để làm gương:

– Tất cả những điều này không phải vì tôi, vì tôi chẳng là gì cả, nhưng vì người góa phụ này và các con của bà mà Đức Chúa Trời đã thực hiện phép lạ này. Hãy biết rằng Đức Chúa Trời ban ân cho linh hồn vô tội, và bất cứ điều gì linh hồn ấy xin Ngài, đều được ban cho.

Sau đó, vị thánh nhân đến gặp người góa phụ và chỉ cho bà nơi cất giấu số vàng mà chồng bà đã lấy đi. Bà lấy kho báu đã giấu kín đó và trả lại cho chủ nhân của nó, nhờ đó giải thoát cả bản thân lẫn các con mình khỏi cảnh nô lệ. Nghe tin về phép lạ kỳ diệu này, mọi người đều ngợi khen Đức Chúa Trời.

Linh mục Rufin[1201] còn kể lại câu chuyện về việc Thánh Macarius làm sống lại người chết thứ ba. Ông kể rằng, có lần, một người vô tội bị buộc tội giết người, vụ án xảy ra ngay tại khu vực có phòng tu của vị thánh. Người bị cáo buộc đã chạy đến nơi ở của Thánh Macarius, nơi những người muốn bắt giữ anh ta với tội danh giết người và đưa ra xét xử trước tòa án hợp pháp cũng đã theo đến. Anh ta thề thốt rằng mình vô tội trước cái chết của nạn nhân, nhưng những người buộc tội vẫn cố gắng chứng minh anh ta có tội. Khi cả những người buộc tội lẫn bị cáo đã tranh cãi với nhau trong một thời gian dài, Thánh Macarius hỏi:

– Người bị giết được chôn cất ở đâu?

Sau khi biết được nơi chôn cất, vị thánh đứng dậy và cùng những người đến gặp ngài đi đến đó. Sau khi quỳ gối cầu nguyện rất lâu bên mộ, vị thánh nói với những người cáo buộc đang đứng trước mặt:

– Chính Chúa sẽ tỏ ra ngay bây giờ, liệu người này, người mà các vị cáo buộc tội giết người, có thực sự phạm tội hay không.

Sau đó, ngài Makariô cất tiếng gọi to, gọi tên người bị giết. Người ấy đáp lại tiếng gọi của ngài từ trong mộ, và vị tu sĩ hỏi người ấy:

– Nhân danh Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, tôi ra lệnh cho ngươi phải trả lời chúng tôi: liệu ngươi có bị người đang bị dẫn đến đây giết hay không?

Ngay lập tức, người chết đã trả lời bằng giọng nói rõ ràng từ trong mộ rằng anh ta không bị người này giết, và người đó bị buộc tội giết người một cách oan uổng. Tất cả những người có mặt tại ngôi mộ, kinh ngạc trước phép lạ kỳ diệu này, đều quỳ sụp xuống đất. Sau đó, họ quỳ dưới chân vị tu sĩ và nài nỉ ông hãy hỏi lại người chết xem ai là kẻ đã giết anh ta. Nhưng vị tu sĩ Macarius đáp lại:

– Ta sẽ không hỏi về điều đó, vì đối với ta, việc cứu một người vô tội khỏi cái chết đã là đủ rồi; còn kẻ có tội thì ta sẽ không giao cho tòa án xử lý.

Palladius ở Lausaika[1202] còn kể lại câu chuyện sau đây về vị thánh Makari.

Có lần, một chàng trai trẻ bị quỷ ám được mẹ đưa đến gặp vị tu sĩ. Cậu ta bị trói lại và được hai người đàn ông khỏe mạnh giữ chặt. Một con quỷ tham ăn đã nhập vào cậu ta: cậu ta ăn hết ba ổ bánh mì khổng lồ và uống cạn một bình nước lớn, rồi nôn hết ra ngoài, biến tất cả những gì đã ăn và uống thành một thứ hơi nước hay khói. Thức ăn và nước uống bị thiêu đốt trong người cậu, như thể bị lửa đốt vậy. Nếu người mẹ của cậu thanh niên đó không cho phép cậu ăn uống quá nhiều như vậy, thì cậu thậm chí còn ăn cả phân của chính mình. Bà khóc lóc van xin Thánh Macarius hãy thương xót con trai bà và chữa lành cho cậu khỏi cơn ám ảnh kinh hoàng này. Vị thánh bắt đầu

---

[1201] Rufinus – linh mục tại Aquileia – sinh khoảng năm 345, qua đời năm 410 – là một nhà văn giáo hội. Trong số các tác phẩm của ông, có những tác phẩm nổi tiếng như: "Lịch sử đời tu", "Lịch sử Giáo hội", "Bản bào chữa cho Thánh Giê-rô-ni-mô" (2 quyển).

[1202] Palladius của Helenopolis (368–430), môn đệ của Thánh Dorotheus, sinh ra ở Gaul, năm 388 đến Alexandria, từ đó sau đó ông lui về sa mạc lân cận, nơi Thánh Dorotheus cũng từng tu hành, và sau đó chuyển đến Bethlehem. Năm 390, ngài được bầu làm giám mục Hê-lê-nô-pô-li, thuộc Bithynia, Tiểu Á. Sau đó, Hoàng đế Arcadius đã đày ông, với tư cách là người ủng hộ Thánh Gioan Kim Khẩu, đến Thượng Ai Cập; từ đó, vào năm 408, ông được chuyển đến Antinoe, và vào năm 412, ông được trở lại giáo phận của mình tại Hêlenopolis. Theo yêu cầu của quan tổng trấn Cappadocia là Lavs, vào năm 420, ngài đã biên soạn một tuyển tập các tiểu sử các thánh và những câu chuyện về các ngài, được đặt tên là "Lavsaik" để vinh danh ngài. Do tính chất răn dạy và giáo huấn của tuyển tập này, theo quy định của Giáo hội, các đoạn trích từ tuyển tập này được đọc trong các thánh lễ sáng của Mùa Chay.

cầu nguyện hết lòng với Chúa cho chàng trai, và sau hai ngày, chàng trai đã cảm thấy nhẹ nhõm hơn, và cậu ấy cũng ít đòi ăn uống hơn. Lúc đó, vị thánh hỏi mẹ của chàng trai:

– Bà muốn con trai bà ăn bao nhiêu?

– Mười lít[1203] bánh mì, – người phụ nữ trả lời.

Nhưng vị tu sĩ đã nói với bà bằng giọng trách móc:

– Tại sao bà lại muốn nhiều như vậy, thưa bà?

Sau bảy ngày ăn chay và cầu nguyện sốt sắng với Chúa, vị tu sĩ đã trừ tà khỏi chàng trai – và nhờ những lời cầu nguyện của ngài, chàng trai chỉ cần ba lít bánh mì mỗi ngày là đã no nê. Sau khi khuyên nhủ chàng trai đừng sống một cuộc đời nhàn rỗi mà hãy sống bằng sức lao động của chính mình, vị thánh, nhờ ân sủng của Chúa, đã chữa lành hoàn toàn cho chàng, giao chàng lại cho mẹ và tiễn cả hai ra về trong bình an.

Trong phần mở đầu về vị thánh Macarius còn kể thêm điều sau đây. Một lần nọ, vị thánh đang trên đường đi và khi đêm xuống, ngài bước vào một nghĩa trang của những người ngoại đạo để nghỉ qua đêm tại đó. Tìm thấy ở đó một chiếc xương cũ của một người ngoại đạo đã qua đời, vị thánh đặt nó ở đầu giường của mình. Các quỷ, thấy hành động táo bạo đó của Macarius, đã xông vào tấn công ngài và, với ý định dọa nạt ngài, bắt đầu la hét, gọi chiếc xương đó bằng một cái tên nữ giới:

– Đi tắm trong nhà tắm đi.

Trước lời kêu gọi đó, con quỷ đang ẩn náu trong chiếc xương chết mà Thánh Macarius đã đặt dưới đầu đã lên tiếng.

– Tôi có một người lữ hành ở trên mình, – nó nói, – nên không thể đến được.

Vị thánh không hề nao núng trước những mưu mô của lũ quỷ, mà với sự can đảm, ngài bắt đầu đập vào chiếc xương mà ngài đã lấy, nói:

– Hãy đứng dậy và đi đi, nếu ngươi có thể.

Vừa dứt lời, lũ quỷ liền gào thét ầm ĩ và hét lên với ngài:

– Ngươi luôn chiến thắng chúng ta trong mọi việc, Makari, – rồi chúng lùi lại khỏi vị thánh, cảm thấy xấu hổ.

Một lần khác, Thánh Macarius đang đi qua sa mạc thì tìm thấy một chiếc sọ người khô héo nằm trên mặt đất. Khi dùng cây gậy của mình lật chiếc sọ lại, ngài nghe như thể nó phát ra một âm thanh nào đó. Lúc đó, Macarius hỏi chiếc sọ:

– Ngươi là ai?

– Ta, – cái sọ đáp, – từng là thủ lĩnh của các thầy tế ngoại đạo sống tại nơi này. Khi ngài, Abba Makarios, được tràn đầy Thánh Thần của Đức Chúa Trời, thương xót những linh hồn đang chịu đau khổ trong địa ngục và cầu nguyện cho chúng tôi, thì chúng tôi mới được một chút an ủi.

– Các ngươi được sự nhẹ nhõm nào vậy, – Makari hỏi, – và những cực hình của các ngươi ra sao, hãy kể cho ta nghe?

– Cõi trời cách cõi đất bao xa, – cái sọ trả lời trong tiếng rên rỉ, – thì ngọn lửa mà chúng tôi đang chìm đắm trong đó cũng lớn bấy nhiêu, thiêu đốt chúng tôi từ đầu đến chân từ mọi phía. Trong khi đó, chúng tôi không thể nhìn thấy khuôn mặt của nhau. Nhưng khi ngài cầu nguyện cho chúng tôi, chúng tôi có thể nhìn thấy nhau một chút, và điều đó mang lại cho chúng tôi một chút an ủi.

Nghe câu trả lời đó, vị tu sĩ rưng rưng nước mắt và nói:

– Nguyền rủa ngày mà con người đã vi phạm các điều răn của Đức Chúa Trời.

Và một lần nữa, ngài hỏi chiếc sọ:

– Có còn hình phạt nào khác, tàn khốc hơn những hình phạt của các con không?

– Dưới kia, sâu hơn rất nhiều so với nơi chúng tôi đang ở, còn có rất nhiều cực hình khác nữa, – cái sọ trả lời.

– Ai là những người phải chịu những cực hình tàn khốc nhất đó? – Makari hỏi.

– Là chúng tôi, những kẻ chưa từng biết đến Đức Chúa Trời, – chiếc sọ trả lời, – dù vẫn còn cảm nhận được một chút lòng thương xót của Đức Chúa Trời. Còn những kẻ đã biết danh Đức Chúa Trời nhưng lại từ chối Ngài

[1203] Litra – là một đơn vị cân nặng của Byzantine, tương đương với 72 zolotnik.

và không tuân giữ các điều răn của Ngài, thì đang phải chịu những cực hình nặng nề và tàn khốc hơn nhiều ở dưới chúng tôi.

Sau đó, Thánh Macarius cầm chiếc sọ ấy, chôn nó xuống đất rồi rời khỏi nơi đó.

Thánh Macarius – Rufinus còn kể thêm về ngài – sống trong một sa mạc rộng lớn, có một căn phòng nhỏ ở đó, còn tu viện của ngài nằm ở phía dưới, trong một sa mạc khác; ở đó có rất nhiều anh em tu sĩ. Một lần nọ, Macarius đang ngồi trên con đường dẫn đến tu viện. Bỗng nhiên, ngài thấy ma quỷ đang đi dưới hình dạng con người, mặc áo lông xù và người đầy những quả bí ngô. Thánh Macarius hỏi hắn:

– Ngươi đang đi đâu vậy, kẻ thở ra sự ác độc?

– Ta đi cám dỗ các tu sĩ, – hắn đáp.

– Tại sao ngươi lại mang theo những quả bí ngô này trên người? – Makari hỏi.

– Ta mang theo – con quỷ đáp – thức ăn cho các tu sĩ.

– Trong tất cả các quả bí ngô đều có thức ăn sao? – vị thánh hỏi.

– Tất cả đều có, – quỷ đáp, – nếu ai đó không thích món này, ta sẽ đề nghị món khác, món thứ ba, v.v., để ai cũng được nếm thử ít nhất một món.

Nói xong, con quỷ bỏ đi.

Còn vị tu sĩ thì vẫn đứng lại trên đường, mong được thấy con quỷ quay trở lại. Thấy nó quay lại, Makari hỏi:

– Chuyến đi đến tu viện có suôn sẻ không?

– Không tốt, – quỷ đáp, – làm sao tôi có thể thành công được chứ?

– Tại sao vậy? – vị tu sĩ hỏi.

– Bởi vì tất cả các tu sĩ đều chống lại tôi, – quỷ dữ đáp, – và không ai chấp nhận tôi cả.

– Chẳng lẽ ngươi không có một tu sĩ nào nghe lời ngươi sao? – Thánh Macarius lại hỏi.

– Tôi chỉ có một người thôi, – quỷ đáp, – người đó nghe lời tôi. Khi tôi đến gặp anh ta, anh ta quay vòng quanh tôi như một con quay.

– Tên hắn là gì? – vị thánh nhân hỏi.

– Feopempt! – con quỷ đáp; và sau khi nói xong, nó bỏ đi.

Lúc đó, Abba Makari đứng dậy và đi vào sa mạc xa xôi, đến tu viện đã được nhắc đến. Các tu sĩ, nghe tin vị thánh nhân đang đến với họ, đã cầm cành cọ ra đón, và mỗi người trong số họ đều chuẩn bị sẵn phòng của mình, nghĩ rằng vị thánh nhân sẽ muốn ở lại đó. Nhưng Makari hỏi các tu sĩ:

– Ai trong các con tên là Theopemptus?

Khi họ chỉ ra Theopemptus, ngài bước vào phòng của ông. Theopemptus đón tiếp vị thánh với niềm vui vô bờ. Khi chỉ còn lại một mình với Theopemptus, vị thánh Macarius hỏi ông:

– Anh khỏe không, anh ơi?

– Tốt lắm, – người ấy đáp, – nhờ những lời cầu nguyện của cha!

– Có phải anh đang bị cám dỗ – vị tu sĩ hỏi – bởi những ý nghĩ tội lỗi nào không?

Xấu hổ khi phải bộc lộ những ý nghĩ tội lỗi của mình, vị tu sĩ trả lời:

– Không! Bây giờ không có gì cám dỗ tôi cả.

Lúc đó, vị tu sĩ Makari thở dài và nói:

– Đã bao nhiêu năm nay tôi tu hành bằng việc ăn chay và cầu nguyện, đến nỗi mọi người đều kính trọng tôi, nhưng dù đã cao tuổi, tôi vẫn bị ma quỷ cám dỗ mạnh mẽ về việc ngoại tình.

Nghe vậy, Thánh Feopempt nói:

– Quả thật vậy, thưa cha, con cũng đang bị tinh thần dâm dục chi phối rất mạnh.

Vị thánh nhân cũng hỏi tu sĩ về những tội lỗi khác đang làm xao xuyến tâm hồn anh ta, cho đến khi anh ta xưng thú hết mọi tội lỗi của mình. Sau đó, vị thánh nhân hỏi tu sĩ:

– Con ăn chay được bao lâu rồi?

– Đến giờ thứ chín, – người tu sĩ trả lời.

– Hãy ăn chay cho đến tối, – vị thánh nhân nói, – và hãy học hỏi từ Thánh Phúc Âm và các sách thánh khác, để luôn rèn luyện tâm hồn hướng về Thiên Chúa. Nếu có bất kỳ ý nghĩ tội lỗi nào xâm chiếm anh, hãy chiến đấu chống lại chúng và đừng bao giờ để tâm trí sa xuống nơi thấp hèn, nhưng hãy luôn hướng tâm trí lên cao, và Chúa sẽ giúp đỡ anh.

Sau khi khích lệ Theopemptus như vậy, vị thánh trở về sa mạc của mình. Tại đó, khi đang ngồi bên đường, ngài lại thấy ma quỷ đang đi về phía tu viện. Vị thánh hỏi hắn:

– Ngươi đi đâu vậy?

– Ta đi cám dỗ các tu sĩ, – quỷ dữ đáp.

Và nói xong, nó tiếp tục đi. Khi nó quay trở lại, vị thánh nhân hỏi nó:

– Ngươi thấy các tu sĩ thế nào?

– Bây giờ tất cả đều chống lại ta, – quỷ đáp, – ngay cả người trước đây từng là bạn ta và luôn vâng lời ta, giờ đây, ta không hiểu sao lại bị ai đó làm hư hỏng và hoàn toàn không nghe lời ta nữa. Ngược lại, giờ đây anh ta chống đối ta còn hơn cả những tu sĩ khác. Và giờ đây, tôi đã thề sẽ không bao giờ quay lại tu viện đó nữa, trừ khi phải sau một thời gian rất lâu.

Nói xong, quỷ dữ bỏ đi. Còn Thánh Macarius thì trở về phòng tu của mình.

Một lần nọ, có hai người lữ hành đến thăm Thánh Macarius tại tu viện – một người có râu, người kia trẻ hơn – chỉ có ria mép. Những người đến hỏi Thánh Macarius:

– Phòng tu của Thánh Makarios ở đâu?

– Các ngươi muốn gì ở ngài? – vị thánh nhân hỏi họ.

Họ trả lời:

– Chúng tôi đã nghe nhiều về ngài và cuộc đời ngài từ các vị tu sĩ trong tu viện, nên đã đến đây để được gặp ngài.

Lúc đó, vị tu sĩ nói với họ:

– Chính tôi đây.

Họ cúi đầu chào ngài xuống đất, rồi nói:

– Chúng tôi mong muốn được định cư tại đây.

Thánh nhân, thấy họ còn trẻ và là những người giàu có, bèn đáp lại:

– Các con sẽ không thể sống được ở đây.

Nghe vậy, người trẻ nhất phản đối:

– Nếu ngài không cho phép chúng tôi ở lại đây, chúng tôi sẽ đi nơi khác.

Thánh Macarius bấy giờ nghĩ thầm: "Tại sao tôi lại đuổi họ đi, để rồi họ lại sa ngã? Thà tôi nhận họ vào, và chính họ sẽ tự mình chạy trốn khỏi nơi này vì những công việc vất vả trong sa mạc." Ngài quay sang họ và nói:

– Hãy định cư ở đây và, nếu có thể, hãy tự xây cho mình một căn phòng nhỏ.

Rồi ngài đưa cho họ một cái rìu, một giỏ bánh mì và muối, dẫn họ vào sâu trong sa mạc, chỉ cho họ một nơi đầy đá và nói:

– Hãy xây cho mình một căn phòng ở đây, bằng cách mang cây từ đồng cỏ về, và sống ở đây.

Tuy nhiên, vị tu sĩ nghĩ rằng họ sẽ không chịu nổi những khó khăn của cuộc sống ẩn tu và sẽ bỏ trốn khỏi đó. Những chàng trai trẻ hỏi Makari:

– Các tu sĩ thường làm những công việc thủ công gì?

– Họ đan giỏ, – vị thánh nhân trả lời.

Rồi ngài cầm những cành cây chà là, bắt đầu đan thành dây thừng và nói:

– Từ thứ này người ta đan giỏ. Các con cũng hãy làm như vậy và mang những chiếc giỏ đã đan xong đến cho những người trông coi nhà thờ. Họ sẽ mang bánh mì và muối đến cho các con.

Và vị tu sĩ để họ lại một mình.

Các chàng trai bắt đầu kiên nhẫn thực hiện mọi điều mà vị tu sĩ Makari đã truyền dạy, và không đến gặp ngài trong suốt ba năm. Nhớ đến họ, vị tu sĩ nghĩ: "Hai chàng trai này đang làm gì và tại sao không đến gặp ta để bày tỏ tâm tư? Có nhiều người từ xa đến, còn họ sống gần đây mà lại không đến gặp ta." Điều này xảy ra bởi vì hai chàng trai ấy không đi đâu cả, chỉ đến nhà thờ (nơi họ đứng trong im lặng) để rước Mình Thánh Chúa Kitô. Trong suốt một tuần, vị thánh nhân cầu nguyện với Thiên Chúa mà không ăn uống gì cả; ngài xin Chúa cho ngài biết những việc làm của hai anh em ấy. Sau một tuần, vị thánh Makari đi đến gặp họ, muốn xem họ sống ra sao. Khi ngài đến và gõ cửa phòng tu của họ, họ mở cửa cho ngài và, khi thấy vị thánh, đã cúi đầu chào ngài xuống đất. Còn vị thánh, sau khi dâng lời cầu nguyện, ngồi xuống. Người anh ra hiệu cho người em, và người em bước ra khỏi phòng, còn người anh thì ngồi xuống và bắt đầu đan giỏ, không nói một lời nào. Vào lúc chín giờ sáng, người em gõ cửa rồi bước vào, chuẩn bị một ít thức ăn luộc, dọn bữa ăn ra với ba lát bánh mì, rồi im lặng ngồi xuống.

– Hãy lại đây, – vị thánh nhân nói, – và chúng ta hãy cùng ăn bánh mì.

Và họ ăn, tạ ơn Chúa. Sau đó, vị tu sĩ trẻ mang nước đến, và họ uống. Khi chiều tối buông xuống, các tu sĩ hỏi vị tu sĩ đáng kính:

– Thưa Cha! Cha có định rời khỏi đây không?

Nhưng ngài đáp lại:

– Không! Con sẽ ngủ lại đây.

Rồi họ trải một tấm chiếu cho vị tu sĩ ở một góc phòng, còn họ thì nằm trên tấm chiếu ở góc kia. Đêm xuống. Vị tu sĩ Makari đứng dậy và cầu nguyện với Chúa, xin Ngài cho ngài thấy đức hạnh của hai chàng trai trẻ. Đến nửa đêm, mái nhà tu viện bỗng nhiên mở ra, và một ánh sáng chói lọi bừng lên. Nhưng hai anh em kia không nhìn thấy ánh sáng đó; nghĩ rằng vị tu sĩ đang ngủ, người anh đẩy người em, và cả hai cùng đứng dậy, thắt lưng lại, giơ tay lên trời và thầm cầu nguyện. Vị tu sĩ nhìn thấy vô số quỷ dữ, chúng vây quanh người em như đàn ruồi; một số quỷ muốn đậu lên môi anh ta, số khác lại muốn đậu lên mắt. Nhưng Thiên Thần của Chúa đã hiện ra, tay cầm thanh gươm lửa, dùng nó để bảo vệ anh ta và xua đuổi lũ quỷ khỏi anh. Còn đối với người anh cả, lũ quỷ thậm chí không dám lại gần. Đến sáng, cả hai anh em lại nằm xuống và chìm vào giấc ngủ. Sáng hôm sau, Thánh Macarius giả vờ như vừa mới thức dậy. Và tất cả họ đều đứng dậy. Người anh cả hỏi vị thánh:

– Thưa Cha! Cha có muốn chúng con đọc mười hai thánh vịnh không?

– Ta muốn vậy, – vị tu sĩ đáp.

Đầu tiên, người em bắt đầu hát, và sau mỗi câu thơ, từ miệng anh ta như có một ngọn nến lửa bay lên trời. Sau đó, người anh bắt đầu hát; từ miệng anh ta, ngọn lửa như một sợi dây dài vươn lên trời. Sau khi kết thúc nghi thức buổi sáng, vị tu sĩ muốn lui về nơi ở của mình. Khi ngài ra đi, ngài nói với các tu sĩ:

– Hãy cầu nguyện cho tôi, các anh em.

Đáp lại lời ngài, họ im lặng cúi đầu chào ngài đến tận đất; và vị thánh nhân rời khỏi họ. Như vậy, thánh nhân Macarius đã biết rằng người anh cả đã đạt đến sự hoàn hảo trọn vẹn trong các đức tính, còn người em út thì kẻ thù là ma quỷ vẫn đang đấu tranh với anh ta. Một thời gian ngắn sau khi Thánh Macarius đến thăm các anh em, người anh cả đã về với Chúa, và ba ngày sau khi ông qua đời, người em út cũng an nghỉ. Sau này, mỗi khi có vị cha đáng kính nào đến gặp Thánh Macarius, ngài đều dẫn họ đến phòng tu của hai anh em ấy và nói:

– Hãy đi, chúng ta hãy đến xem nơi mà những tôi tớ vĩ đại của Chúa Kitô đã tu hành.

Một lần nọ, khi Thánh Macarius đang cầu nguyện, có một tiếng nói vang lên:

– Macarius! Ngươi vẫn chưa đạt đến mức hoàn hảo trong đời sống đạo đức như hai người phụ nữ đang sống cùng nhau ở thành phố gần đây.

Sau khi nhận được sự mặc khải ấy, vị thánh nhân cầm gậy lên và đi đến thành phố đó. Tìm thấy ngôi nhà nơi hai người phụ nữ ấy đang sống, Makari gõ cửa. Ngay lập tức, một trong hai người phụ nữ ra mở cửa và, khi nhìn thấy vị thánh nhân, đã đón tiếp ngài vào nhà với niềm vui sướng vô cùng. Gọi cả hai người phụ nữ lại, vị thánh nhân nói với họ:

– Vì các chị mà tôi đã dấn thân vào một hành trình vĩ đại như thế này, từ sa mạc xa xôi đến đây, bởi tôi muốn biết những việc thiện mà các chị đã làm; xin các chị hãy kể cho tôi nghe, đừng giấu diếm điều gì cả.

– Xin cha hãy tin chúng con, thưa cha đáng kính, – các phụ nữ đáp lại, – rằng đêm qua chúng con vẫn còn chung chăn gối với chồng mình: vậy cha muốn tìm thấy đức tính nào ở chúng con đây?

Nhưng vị tu sĩ vẫn khăng khăng đòi họ kể cho ngài nghe về cuộc sống của mình. Rồi, sau khi bị ngài thuyết phục, các phụ nữ nói:

– Trước đây chúng tôi không phải là họ hàng với nhau, nhưng sau đó chúng tôi đã kết hôn với hai anh em ruột, và đến nay đã mười lăm năm chúng tôi sống chung với nhau trong cùng một ngôi nhà; trong suốt thời gian chung sống, chúng tôi chưa từng nói với nhau một lời cay độc hay xấu xa nào và cũng chưa bao giờ cãi vã với nhau. Nhưng cho đến nay, chúng tôi vẫn sống trong hòa bình và hòa thuận với nhau, và gần đây đã nhất trí quyết định từ bỏ những người chồng trần tục của mình để gia nhập vào hàng ngũ các trinh nữ thánh thiện, những người phụng sự Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thuyết phục được các chồng mình cho phép chúng tôi ra đi, dù đã nài nỉ họ với sự kiên trì tột độ và vô vàn nước mắt. Không nhận được sự cho phép như mong muốn, chúng tôi đã lập giao ước với Chúa và với nhau – không thốt ra một lời trần tục nào cho đến khi chết.

Sau khi nghe câu chuyện của họ, Thánh Makarios nói:

– Quả thật, Thiên Chúa không tìm kiếm trinh nữ, người đã có chồng, tu sĩ hay giáo dân, mà là ý chí tự do, Ngài chấp nhận điều đó như chính bản thân việc làm ấy, và ban ân sủng của Thánh Thần cho ý chí tự nguyện của mỗi con người – Thánh Thần hành động trong con người và hướng dẫn cuộc đời của ai khao khát được cứu rỗi.

Trong những ngày còn sống của vị thánh Macari Ai Cập này, một vị thánh khác – Macari thành Alexandria – cũng đã tỏa sáng bằng đời sống đạo đức tại chính những vùng sa mạc nơi Macari Ai Cập từng sinh sống. Ông là linh mục tại tu viện mang tên "[1204] ". Khu vực này nằm trong sa mạc giữa Nitria và Skete. Vị thánh Makariô thành Alexandria này thường đến thăm vị thánh Makariô Ai Cập và nhiều lần họ cùng nhau đi dạo trong sa mạc, vì họ dành cho nhau tình yêu thương sâu đậm. Khi hoàng đế vô đạo Valent, người theo phái Arian[1205] , lên ngôi, ông đã phát động một cuộc đàn áp vô cùng tàn bạo đối với những người Chính Thống. Theo lệnh của hoàng đế, Lucius, một giám mục Arian[1206] , đã đến Alexandria cùng một đạo quân hùng hậu, và lật đổ Đức Thánh Cha Phêrô, người kế vị Thánh Athanasius Đại Đế, khỏi ngai giám mục. Ngoài ra, Giám mục Lucius còn cử binh lính vào sa mạc để bắt giữ và đày ải tất cả các vị thánh cha ẩn sĩ. Trong số những người đầu tiên bị bắt có cả hai vị thánh Makarios. Các binh lính bắt họ vào ban đêm, đưa lên thuyền và chở đến một hòn đảo xa xôi, nơi cư dân không biết đến Thiên Chúa chân chính mà chỉ thờ lạy các thần tượng. Một trong những thầy tế thần tượng trên hòn đảo đó có một cô con gái bị quỷ ám. Khi cảm nhận được sự xuất hiện của các vị thánh cùng các vị cha khác trên hòn đảo, cô gái này đã chạy ra đón họ, lớn tiếng kêu lên:

– Các ngài đến đây để làm gì? Đảo này vốn là nơi chúng tôi đã sinh sống từ lâu rồi.

Các vị thánh nhân, sau khi dâng lời cầu nguyện, đã trừ quỷ khỏi cô gái, và cô trở nên hoàn toàn khỏe mạnh. Thấy điều đó, cha cô, vị thầy tế thần tượng, lập tức tin nhận Chúa Kitô và lãnh nhận phép rửa thánh. Cũng vậy, tất cả cư dân trên hòn đảo đó đều quay về với Chúa Kitô và biến ngôi đền ngoại giáo của họ thành nhà thờ Kitô giáo. Khi biết được chuyện đã xảy ra, giám mục vô đạo Lucius cảm thấy vô cùng hổ thẹn vì đã đuổi những vị cha thánh vĩ đại ấy ra khỏi tu viện của họ. Vì vậy, ông đã bí mật ra lệnh đưa các thánh Macarius và tất cả các vị cha thánh đi cùng họ trở lại nơi cư ngụ cũ của họ. Như vậy, Thánh Macarius Ai Cập lại trở về sa mạc Skete, còn Thánh Macarius Alexandria trở về nơi đã nêu trên là Keli; các vị cha thánh đáng kính khác cũng trở về các tu viện của mình.

Trong khi đó, rất đông người từ khắp nơi đổ về gặp Thánh Macarius Ai Cập: một số vì lợi ích tâm linh, để nhận lời dạy dỗ từ ngài; số khác để được chữa lành các bệnh tật của mình, và có vô số người đau ốm đã tìm đến ngài. Do đó, nảy sinh nhu cầu xây dựng một nhà trọ, nơi những người lữ hành và bệnh nhân có thể tìm được chỗ nương náu. Thánh Macarius đã thực hiện điều này. Mỗi ngày, ngài có thói quen chữa lành cho một bệnh nhân, bằng cách xức dầu thánh lên người họ và cho họ về nhà trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh. Thánh nhân hành động như vậy với mục đích khôn ngoan là để những người bệnh khác, những người chưa được chữa lành ngay lập tức, có thể ở lại với ngài một thời gian và nhờ đó được chữa lành không chỉ về thể xác mà còn về tâm hồn, khi lắng nghe những lời giảng dạy được Thánh Thần soi dẫn của ngài trong thời gian đó. Để phục vụ tại nhà trọ, vị thánh đã chỉ định một tu sĩ. Tu sĩ này, bị ma quỷ xúi giục, đã sa vào lòng tham, và để thỏa mãn lòng tham đó, anh ta bắt đầu giấu đi từng chút một số tiền được phân phát để nuôi dưỡng những người nghèo. Thánh Macarius biết được điều này, liền gọi tu sĩ đó đến và răn dạy anh ta, nói rằng:

– Anh em Gioan ơi! Hãy nghe lời tôi và tiếp nhận lời khuyên răn này, để nó trở thành điều có ích cho anh. Kẻo anh đang bị cám dỗ bởi tinh thần tham lam – vì điều này đã được bày tỏ cho tôi – và tôi biết rằng nếu anh chấp nhận lời khuyên răn của tôi và ngừng phạm tội, thì anh sẽ kết thúc cuộc đời mình trong sự kính sợ Đức Chúa Trời, sẽ thành công trong những việc lành, và sẽ được tôn vinh tại nơi này, *"và bệnh tật sẽ không đến gần nhà anh"* (Thi Thiên 90:10). Còn nếu ngươi không nghe lời ta và không từ bỏ tội lỗi, thì ngươi sẽ phải chịu số phận như Giê-xi, người mà ngươi đang bị ám ảnh bởi đam mê của ông ấy (2 Vua 6:15–16, 20–27).

[1204] Ở đây tất nhiên là sa mạc Keli, nằm cách núi Nitria khoảng 7 verst về phía đông nam. Đó là một sa mạc rộng lớn, nơi các túp lều của các ẩn sĩ nằm rải rác, cách nhau đủ xa để không thể nhìn thấy hay nghe thấy nhau. Những người ưa thích sự cô độc từ núi Nitrian thường lui về sa mạc Kelii sau khi đã ổn định cuộc sống tu hành. Tại đây, họ sống một cuộc đời tĩnh lặng hơn, và các túp lều của họ cách xa nhau đến mức không có ánh mắt hay tiếng động nào làm phiền bởi sự chung sống gần gũi của các tu sĩ khác. Các tu sĩ có quy định không được vào phòng của người khác một mình, để không làm xáo trộn sự tĩnh lặng. Chỉ vào các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật, họ mới tụ họp tại nhà thờ để tham dự thánh lễ chung. Sa mạc Kelia được quản lý bởi các linh mục, trong số đó nổi tiếng nhất là Thánh Macarius thành Alexandria.
[1205] Hoàng đế Valens trị vì từ năm 364 đến năm 378.
[1206] Lukius, một tín đồ Arian, đã kế nhiệm chức vụ Thượng phụ Alexandria sau Thánh Athanasius Đại đế.

Nhưng Gioan không nghe lời vị thánh và vẫn tiếp tục làm điều ác. Mười lăm hoặc hai mươi năm sau khi vị thánh Macaria qua đời trong bình an, trong suốt thời gian đó, vị tu sĩ nói trên vẫn tiếp tục làm việc dưới sự chi phối của lòng tham bạc của Giu-đa, chiếm đoạt một phần tiền trợ cấp dành cho người nghèo, thì đột nhiên toàn thân ông bị bệnh hủi tấn công, và ông ta đã chết, không chỉ đánh mất tài sản mà ông ta đã thu thập một cách tội lỗi, mà còn cả linh hồn của mình nữa.

Một lần nọ, Thánh Macarius rời tu viện để lên Núi Nitria cùng một trong những đệ tử của ngài. Khi họ đã gần đến chân núi, Thánh Macarius nói với đệ tử của mình:

– Hãy đi trước ta một chút.

Đệ tử đi trước vị thánh và gặp một thầy tế ngoại đạo đang vội vã đi về phía anh ta và mang theo một khúc gỗ lớn. Thấy người đó, vị tu sĩ hét lên:

– Nghe thấy chưa, nghe thấy chưa, hỡi con quỷ! Ngươi đang đi đâu vậy?

Vị linh mục dừng lại và đánh nhà tu sĩ một trận tơi bời, đến mức anh ta suýt chết. Sau đó, vị linh mục nhặt lấy khúc gỗ bị vứt lại rồi bỏ chạy. Một lúc sau, ông gặp vị tu sĩ Makari, người đã nói với ông:

– Hãy chạy đi, người siêng năng ơi, hãy chạy đi.

Ngạc nhiên trước những lời của vị tu sĩ, vị linh mục dừng lại và hỏi:

– Ngài thấy điều gì tốt đẹp ở tôi mà lại chào đón tôi bằng những lời như vậy?

– Ta thấy ngươi đang làm việc chăm chỉ, – vị thánh nhân đáp.

Lúc đó, vị linh mục nói:

– Lời của ngài đã làm tôi cảm động, thưa cha, vì qua đó tôi thấy ngài là người của Chúa. Vừa nãy, trước mặt ngài, tôi đã gặp một tu sĩ khác, người đó đã mắng chửi tôi, và tôi đã đánh anh ta đến chết.

Và nói xong, vị linh mục quỳ xuống dưới chân vị tu sĩ, ôm lấy chân ngài và nói:

– Con sẽ không rời xa cha, thưa cha, cho đến khi cha dẫn dắt con trở thành Kitô hữu và cho con trở thành tu sĩ.

Và ông ta đi cùng với Thánh Macarius. Đi được một đoạn, họ đến nơi vị tu sĩ bị vị tư tế đánh đập đang nằm và thấy ông ta còn thoi thóp. Họ bế ông ta lên và mang đến nhà thờ nằm trên núi Nitria. Các vị tu sĩ sống ở đó, khi thấy vị thầy tế ngoại đạo đi cùng với Thánh Macarius, đã vô cùng ngạc nhiên. Sau đó, họ làm phép rửa tội cho anh ta, rồi phong anh ta làm tu sĩ, và nhờ anh ta mà rất nhiều người ngoại đạo đã cải đạo sang Kitô giáo. Còn Abba Macarius thì nhân dịp này đã đưa ra lời dạy như sau:

– Lời nói xấu xa, – ngài nói, – khiến người tốt trở nên xấu xa, còn lời nói tốt lành thì biến người xấu thành người tốt.

Một lần nọ, Thánh Macarius đến tu viện của Abba Pamva. Tại đây, các vị trưởng lão thỉnh cầu ngài:

– Xin cha hãy nói một lời để răn dạy anh em.

Đồng ý với lời thỉnh cầu của họ, Makari bắt đầu nói như sau:

– Xin tha thứ cho con, vì con là một tu sĩ kém cỏi; nhưng con đã từng thấy các tu sĩ khác. Vào một ngày nọ, con đang ngồi trong phòng riêng tại tu viện, bỗng nảy sinh ý nghĩ muốn đi vào sa mạc bên trong để xem ở đó có gì. Trong suốt năm năm, tôi đã đấu tranh với ý nghĩ đó, cho rằng đó là sự cám dỗ của ma quỷ. Nhưng khi năm năm trôi qua mà ý nghĩ ấy vẫn ám ảnh tôi, tôi quyết định lên đường đến sa mạc sâu thẳm. Khi đến nơi, tôi thấy một đầm lầy rộng lớn, giữa đó có một hòn đảo. Lúc đó, các loài thú hoang dã đến uống nước. Giữa bầy thú, tôi nhìn thấy hai người trần truồng, và toàn thân tôi run rẩy, vì tôi nghĩ rằng mình đang nhìn thấy những linh hồn vô hình. Thấy tôi rất sợ hãi, những người này nói với tôi:

– Đừng sợ, vì chúng tôi cũng là con người, giống như anh vậy.

Rồi tôi hỏi họ:

– Các anh đến sa mạc này từ đâu?

– Chúng tôi đến từ Kinovia, – họ trả lời, – sau khi bàn bạc với nhau, chúng tôi quyết định đến đây. Và đã ba mươi năm rồi kể từ khi chúng tôi rời khỏi tu viện. Một trong số chúng tôi là người Ai Cập, người kia là người Libya.

Sau đó, họ cũng hỏi tôi:

– Thế giới hiện nay đang trong tình trạng ra sao? Các con sông có còn được các con suối đổ về không? Đất đai có còn trù phú với các loại trái cây quen thuộc không?

Tôi trả lời họ: “Có.” Rồi tôi lại hỏi họ:

– Làm thế nào để tôi có thể trở thành một tu sĩ?

Họ trả lời tôi:

– Nếu một người không từ bỏ tất cả những gì thuộc về thế gian, thì người đó không thể trở thành tu sĩ được.

Nghe vậy, tôi nói:

– Tôi yếu đuối, nên không thể trở thành như các vị được.

– Nếu anh không thể trở thành như chúng tôi, – họ nói, – thì hãy ngồi trong phòng tu của anh và sám hối về những tội lỗi của mình.

Và tôi lại hỏi họ:

– Khi mùa đông đến, các vị có bị lạnh buốt không? Tương tự như vậy, khi mùa hè nóng nực đến, thân thể các vị có bị thiêu đốt bởi cái nóng không?

Họ trả lời tôi rằng:

– Đức Chúa Trời đã ban cho chúng tôi những thân thể như vậy, nên chúng tôi không phải chịu đựng cái lạnh vào mùa đông, cũng không phải chịu đựng cái nóng oi bức vào mùa hè.

– Đó là lý do tại sao tôi đã nói với các anh em, – Thánh Macarius kết thúc bài giảng của mình, – rằng tôi chưa trở thành tu sĩ, nhưng đã từng gặp các tu sĩ.

Một lần nọ, các vị tu sĩ trong tu viện đã hỏi Thánh Macarius rằng làm thế nào ngài lại có thể giữ cho thân thể mình luôn gầy gò như vậy? Bởi vì không chỉ khi ngài ăn chay, mà ngay cả khi ngài dùng bữa, thân thể ngài vẫn luôn gầy gò.

Thánh Macari đã trả lời những người hỏi như sau:

– Giống như cái xẻng dùng để lật củi và cành cây đang cháy trong lò, luôn bị lửa thiêu đốt, thì người nào luôn hướng tâm trí về Chúa và luôn ghi nhớ những cực hình khủng khiếp trong lửa địa ngục – nỗi sợ hãi ấy không chỉ gặm nhấm thân thể, mà còn làm khô cạn xương cốt.

Sau đó, các tu sĩ lại hỏi vị Thánh:

– Xin cha chỉ dạy cho chúng con, phải cầu nguyện như thế nào?

Vị thánh nhân đã dạy họ như sau:

– Cầu nguyện không cần nhiều lời, nhưng cần giơ hai tay lên cao và nói: “Lạy Chúa! Theo ý Ngài và theo như chính Ngài biết, xin thương xót con.” Nếu kẻ thù khơi dậy cuộc chiến tội lỗi trong tâm hồn, chỉ cần thốt lên: “Lạy Chúa, xin thương xót.” Chúa biết điều gì có lợi cho chúng ta và sẽ ban ân sủng cho chúng ta.

Một lần khác, Abba Isaia đã thỉnh cầu vị thánh nhân:

– Xin cha hãy chỉ dạy con một điều gì đó có ích cho tâm hồn.

– Hãy tránh xa mọi người, – vị thánh Makari trả lời.

– Tránh xa mọi người nghĩa là sao? – Abba Isaia hỏi.

Vị thánh nhân đáp lại:

– Hãy ngồi trong phòng tu của con và sám hối về những tội lỗi của mình.

Còn với đệ tử của mình là Paphnutius[1207] , vị thánh nhân nói:

– Đừng làm tổn thương ai, đừng vu khống ai cả, – nếu làm như vậy, con sẽ được cứu rỗi.

Ngoài ra, vị thánh nhân còn đưa ra lời dạy như sau:

– Đừng qua đêm trong phòng của người anh em có tiếng xấu.

Một tu sĩ khác đến gặp vị thánh và hỏi:

– Thưa Thầy, con phải làm gì để được cứu rỗi?

– Hãy đến nghĩa trang và chửi rủa những người đã khuất, – vị thánh nhân trả lời.

Vị tu sĩ ấy đi đến nghĩa trang và, như vị thánh nhân đã dặn, chửi rủa những người đã khuất ở đó, dùng đá đập vỡ các ngôi mộ của họ, rồi khi trở về, kể lại tất cả cho vị thánh nhân nghe. Vị thánh nhân hỏi anh ta:

– Những người đã khuất có nói gì với con không?

– Không, họ không nói gì cả, – vị tu sĩ trả lời.

Lúc đó, vị tu sĩ nói:

– Hãy đi lại lần nữa, và lần này hãy ca ngợi họ.

Tu sĩ đi và bắt đầu ca ngợi những người đã khuất bằng nhiều lời khen ngợi khác nhau:

[1207] Paphnutius, linh mục; ông cùng với Thánh Macarius chia sẻ trách nhiệm quản lý các tu sĩ tại các tu viện ẩn dật.

– Các Tông đồ, các thánh và các người công chính, – anh ta nói.

Sau đó, khi trở lại gặp vị tu sĩ, anh ta kể lại rằng mình đã ca ngợi những người đã khuất.

– Và lần này những người đã khuất có trả lời gì với con không? – vị tu sĩ hỏi.

– Không, họ không trả lời, – anh ta đáp.

Lúc đó, vị tu sĩ đã dạy dỗ anh ta như sau:

– Ngươi thấy đó, – ngài nói, – rằng dù khi ngươi mắng chửi những người đã khuất, họ cũng không đáp lại ngươi điều gì, và dù khi ngươi ca ngợi họ, họ cũng không đáp lại ngươi điều gì. Vậy thì ngươi cũng vậy, nếu muốn được cứu rỗi, hãy sống như người chết: đừng tức giận khi bị sỉ nhục, đừng kiêu ngạo khi được ca ngợi. Hành động như những người chết ấy, ngươi sẽ được cứu rỗi.

Các anh em còn kể lại điều sau đây về Thánh Macarius. Nếu có ai trong số các anh em đến gặp ngài như một vị thánh và một bậc vĩ nhân, thì ngài không nói gì với người đó cả. Nhưng nếu có một tu sĩ nào đó, không hề kính trọng ngài, nói với ngài rằng:

– Thưa Thầy! Khi Thầy còn là người chăn lạc đà và tự ý lấy muối nitrat để bán, lúc đó các bậc trưởng lão có đánh Thầy không?

Và mỗi khi có ai đó trò chuyện với vị tu sĩ theo cách như vậy, ngài đều vui vẻ trò chuyện với người đó và sẵn lòng trả lời mọi câu hỏi của họ.

Một lần nọ, các vị tu sĩ cao niên sống trên Núi Nitria đã gửi lời thỉnh cầu đến tu viện của Thánh Macarius như sau:

– Thưa Cha! Để không làm phiền đông đảo các anh em phải đến gặp Cha, xin chính Cha, trước khi về với Chúa, hãy đến với chúng con.

Thánh nhân đã đáp ứng lời thỉnh cầu của họ và đến Núi Nitria. Khi biết tin ngài đến, tất cả các tu sĩ đang sống ở đó đều tụ tập lại, và các vị trưởng lão tha thiết xin ngài nói vài lời để răn dạy anh em. Thánh nhân, với đôi mắt đẫm lệ, đã nói như sau:

– Hỡi anh em! Hãy khóc đi, và hãy để những giọt nước mắt tuôn trào từ đôi mắt chúng ta, thanh tẩy chúng ta trước khi chúng ta bước sang nơi mà những giọt nước mắt sẽ thiêu đốt thân xác chúng ta trong đau khổ.

Lắng nghe lời dạy của vị thánh, tất cả đều rơi lệ và quỳ sấp xuống, khẩn cầu ngài:

– Thưa Cha! Xin cầu nguyện cho chúng con trước mặt Chúa.

Một lần nọ, khi còn đang sống tại Ai Cập, vị thánh Makari đã bắt gặp một tên trộm đang lấy cắp đồ đạc trong phòng tu của ngài. Bên ngoài, gần phòng tu, có một con lừa bị buộc lại, và tên trộm đang chất những đồ đã lấy cắp lên lưng nó. Thánh nhân, khi thấy cảnh đó, đã không để tên trộm biết rằng mình là chủ nhà, mà tỏ ra như một người lạ. Không những không cản trở tên trộm, ngài còn tự mình giúp hắn lấy đồ và chất lên lưng con lừa. Sau đó, ngài để hắn ra đi trong hòa bình, thầm suy ngẫm:

– Chúng ta không mang theo gì khi đến thế gian này, – vì thế rõ ràng là chúng ta cũng không thể mang theo gì khi ra đi. Chúa đã ban cho chúng ta mọi thứ, và mọi việc đều diễn ra theo ý Ngài. Nguyện Chúa được ngợi khen trong mọi sự!

Về vị thánh Macari này, các vị cha đã kể lại rằng ngài dường như đã trở thành một vị thần trần gian, bởi vì, giống như Đức Chúa Trời, dù Ngài nhìn thấy cả thế gian nhưng không trừng phạt những kẻ có tội, thì vị thánh Macari cũng che chở những yếu đuối của con người mà ngài nhìn thấy. Và ngài là người nhìn thấy những điều mà người khác dường như không thấy, và nghe thấy những điều mà người khác dường như không nghe thấy.

Có lần, một trong những đệ tử của Thánh Macarius đã lên thành phố để bán những sản phẩm thủ công: giỏ và chiếu. Tại thành phố, anh gặp một người phụ nữ lăng loàn; khi nhìn thấy chàng trai trẻ đẹp trai, bà ta bị cám dỗ và gọi anh vào nhà mình, như thể muốn mua những chiếc giỏ mà anh đang bán. Vị tu sĩ, không hiểu được mưu đồ xảo trá của bà ta, đã bước vào nhà bà. Sau khi cầm một chiếc giỏ lên, người phụ nữ đó bắt đầu hỏi vị tu sĩ: anh muốn bán nó với giá bao nhiêu. Nhưng chẳng bao lâu sau, cô ta bắt đầu nói những lời dâm đãng với anh, tìm cách dụ dỗ anh phạm tội, giống như cách người phụ nữ Ai Cập xưa kia đã cố quyến rũ Giô-sép, người sống trong sự trong sạch. Vị tu sĩ, nhận ra mình đang lâm vào cảnh nguy khốn, vì anh đã suýt phạm tội, liền hướng tâm trí lên trời và cầu nguyện:

– Lạy Chúa Kitô, Vua của con! Đấng đã giải cứu vị tiên tri của Ngài khỏi bụng cá voi, xin hãy giải cứu con khỏi tội lỗi này và cái chết thiêng liêng nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh được Ngài yêu mến, cha Macarius của con.

Ngay lập tức, anh ta được một bàn tay vô hình nâng lên, giống như ngày xưa tiên tri Habacuc được Thiên Thần nâng lên, và được đặt trở lại giữa căn phòng tu của mình. Tại đó, anh ta thấy vị thánh Makariô, người đang thành kính cầu nguyện với Thiên Chúa cho anh ta, để Ngài cứu đệ tử của ngài khỏi tai họa đang ập xuống, vì vị thánh đã biết chuyện gì đã xảy ra với tu sĩ. Bằng đôi mắt tâm linh, ngài nhìn thấy những điều xa xôi rõ ràng như thể chúng ở ngay trước mắt. Khi nhìn thấy đệ tử của mình, vị thánh nói:

– Con ơi! Hãy dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời, Đấng Yêu Thương Loài Người, vì Ngài đã giải cứu con khỏi miệng rắn và khỏi cửa địa ngục, bằng quyền năng thiêng liêng của Ngài đã cứu con khỏi sự sa ngã và đưa con về phòng tu của con, giống như xưa kia Ngài đã đưa Tông đồ Phi-líp của Ngài đến A-zót (Công vụ 8:39).

Lời cầu nguyện của Thánh Macarius trước mặt Đức Chúa Trời có sức mạnh như vậy. Một lần khác, chính vị Thánh cũng được nâng lên không trung và được đưa qua một quãng đường rất xa đến nơi Ngài cần đến. Ngài đang mang những giỏ từ tu viện và, vì mệt mỏi sau chặng đường dài, đã ngồi xuống nghỉ ngơi. Lúc đó, Ngài cầu nguyện với Chúa:

– Lạy Chúa! Ngài biết con đã kiệt sức rồi.

Ngay lập tức, vị thánh nhân đã xuất hiện bên bờ con sông mà ngài cần phải đến.

Đây cũng là lúc thích hợp để kể về cái chết thanh thản của vị tu sĩ đáng kính này, điều mà Serapion, người viết tiểu sử của ngài, đã thuật lại như sau.

Cuối cùng, Thánh Macarius, với tư cách là một con người phàm trần, cũng phải chịu sự chi phối của cái chết, vì ngài đã bước vào tuổi xế chiều, lúc đó đã chín mươi bảy tuổi. Thời điểm qua đời không phải là điều bí ẩn đối với ngài. Không lâu trước khi ngài trút hơi thở cuối cùng, hai vị thánh nhân vinh quang đã hiện ra trong giấc mơ và nói với ngài:

– Hãy vui mừng, Macarius!

Một trong hai người hiện ra là Thánh Antôn, vị thầy và người đứng đầu các tu sĩ ẩn dật, còn người kia là Thánh Pachomius, người khai sinh ra đời sống tu hành chung. Sau đó, hai vị ấy nói với Makari:

– Chúa Giêsu Kitô đã sai chúng tôi đến để báo cho ngài biết về cái chết đầy hân hoan của ngài. Vào ngày thứ chín kể từ hôm nay, ngài sẽ bước vào cuộc sống vĩnh cửu. Vào ngày đó, chúng tôi sẽ lại đến với ngài và vui mừng đưa ngài đi cùng chúng tôi, để cùng nhau trình diện trước Ngai Tòa của Chúa và hưởng thụ cuộc sống bất tử.

Sau đó, các vị thánh nói: "Bình an cho ngài", rồi bỗng chốc biến mất khỏi tầm mắt của Macarius. Lúc đó, Thánh Macarius gọi các môn đệ của mình và nói với họ:

– Hỡi các con! Đã đến lúc cha phải rời khỏi nơi này, và cha giao phó các con cho lòng nhân từ của Thiên Chúa. Vậy nên, hãy tuân giữ các quy tắc của cha và truyền thống của những người ăn chay.

Ngoài ra, đối với một số người mà vị thánh biết là hoàn hảo hơn những người khác trong đời sống đạo đức, ngài đã giao phó cho họ trách nhiệm chăm sóc những người mới gia nhập đời tu, những người còn non nớt về mặt tâm linh. Sau đó, ngài đặt tay lên các môn đệ của mình, dạy dỗ họ đầy đủ và cầu nguyện cho họ, rồi vị thánh bắt đầu chuẩn bị cho cái chết của mình. Khi đến ngày thứ chín kể từ lúc các vị thánh Antôn và Pahôm hiện ra, một vị Cherubim cùng với đông đảo các Thiên thần đã hiện ra trước mặt vị thánh Macari và nói với ngài:

– Hãy đứng dậy, hỡi môn đệ của Chúa, và cùng chúng tôi bước vào cuộc sống vĩnh cửu. Hãy ngước mắt lên và nhìn xem, Đấng Toàn Năng đã sai bao nhiêu vị thánh vô hình đến để dẫn dắt ngài về với Ngài. Hãy nhìn xem: đây là hội đồng các Tông đồ, đây là đoàn thể các nhà tiên tri, đây là vô số các vị tử đạo, các vị thánh, các vị tu hành, các vị thánh nhân và các bậc công chính. Bây giờ, hãy trao linh hồn ngươi cho ta, linh hồn mà Đức Chúa Trời đã truyền cho ta phải gìn giữ trong suốt cuộc đời trần thế của nó; và khi linh hồn ấy đã được giải thoát khỏi xiềng xích xác thịt, như một kho tàng quý giá, ta sẽ đón nhận nó với vinh dự, và sau khi vượt qua các thế lực chống đối, ta sẽ dâng nó lên Ngai Vàng Thần Thánh, để nó được hân hoan muôn đời cùng tất cả các thánh nhân, những vị đang đứng trước Ngai Thiên Chúa từ thuở khai thiên lập địa.

Sau những lời ấy của Thiên Thần Cherubim, Thánh Macarius đã từ biệt tất cả những ai có mặt tại đó và cầu nguyện cho họ cùng Thiên Chúa; rồi ngài ngước mắt lên trời và giang hai tay ra, ngài thốt lên:

– Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài!

Và với những lời ấy, ngài đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình cho Chúa, để lại các môn đệ trong nỗi đau buồn sâu sắc vì sự ra đi của ngài.

Người ghi chép tiểu sử của Thánh Serapion[1208] bổ sung thêm điều sau đây, mà ông đã nghe từ Thánh Paphnutius, một trong những môn đệ của Thánh Macarius. Khi linh hồn thánh thiện của Macarius được các Thiên thần Cherubim đón nhận và đưa lên trời, một số vị tu sĩ đã nhìn thấy bằng con mắt tâm linh rằng những ác quỷ trên không đang đứng ở xa và la hét:

– Ôi, ngươi đã được hưởng vinh quang nào vậy, Macarius!

Thánh nhân đáp lại các quỷ rằng:

– Ta sợ hãi, vì ta không biết mình đã làm điều thiện nào cả.

Sau đó, những con quỷ đang ở cao hơn trên con đường mà linh hồn Thánh Macarius đang đi qua đã la lên:

– Quả thật ngươi đã thoát khỏi tay chúng ta rồi, Makari!

Nhưng ngài nói:

– Không, nhưng ta vẫn còn phải trốn thoát thêm nữa.

Và khi vị thánh nhân đã đến cổng thiên đàng, lũ quỷ gào thét dữ dội:

– Hắn đã thoát khỏi bọn ta, đã thoát rồi.

Lúc đó, Makari đã trả lời lũ quỷ bằng giọng nói vang dội:

– Đúng vậy! Được che chở bởi quyền năng của Chúa Kitô của tôi, tôi đã thoát khỏi những mưu mô của các ngươi.

Đó là cuộc đời, cái chết và sự chuyển sang cuộc sống vĩnh cửu của vị thánh cha Makari của chúng ta[1209] .

Kết thúc câu chuyện về cuộc đời của vị thánh, chúng ta hãy tôn vinh Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng được các thánh của Ngài tôn vinh muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Trong nhà Chúa, Ngài đã thực sự đặt ngài làm biểu tượng của sự tiết độ, như một ngôi sao không phai mờ, soi sáng khắp bốn phương, Cha của các cha, Thánh Makarios kính yêu.

Bài ca Kondak khác, giọng 1:

Sau khi kết thúc cuộc đời hạnh phúc với những dấu ấn của sự tử đạo, ngài xứng đáng được an nghỉ trong đất của những người hiền lành, thánh Macarius, người mang Chúa trong lòng, và ngài đã biến sa mạc thành một thành phố, nhận được ân sủng từ Đức Chúa Trời của những phép lạ: vì thế, chúng con tôn kính ngài.

Cuộc đời của vị thánh cha Makarios của chúng ta tại Alexandria

Ngày kỷ niệm: 19 tháng 1

Thánh Macarius thành Alexandria xuất thân từ thành phố Alexandria[1210] . Trong những năm đầu đời, ngài là một người buôn bán rau củ và đã nhận phép rửa tội khi đã bốn mươi tuổi. Sau đó, từ bỏ đời sống thế tục, ngài trở thành tu sĩ và, sau khi đã nỗ lực đủ trong các việc tu hành và lao động, ngài được ban chức thánh, cùng với đó là quyền lãnh đạo tu viện mang tên Kelia, tọa lạc tại sa mạc Ai Cập giữa Nitria và Skete. Ngài là người bạn chân thành

---

[1208] Serapion – Giám mục Tmuit (ở Hạ Ai Cập), một trong những nhân vật nổi bật của Giáo hội vào đầu thế kỷ IV. Ông là tác giả của "Các quy tắc tu hành". Cũng được biết đến là các "Thư gửi các tu sĩ", "Cuộc đời của Thánh Macarius Ai Cập" (bằng tiếng Coptic) và một số tác phẩm khác của ngài. Serapion là một người đấu tranh nhiệt thành cho Chính Thống Giáo, do đó ngài thậm chí còn bị lưu đày.

[1209] Thánh Macarius qua đời vào khoảng năm 391. Nơi Thánh Macarius đã thực hiện các công đức cho đến nay vẫn được gọi là sa mạc Macarius và tại đó có một tu viện mang tên ngài. Xác thánh của ngài hiện được lưu giữ tại thành phố Amalfi, Ý. – Di sản quý giá của sự khôn ngoan dày dặn từ kinh nghiệm của Thánh Makarios bao gồm năm mươi lời dạy, bảy bài giảng và hai bức thư. Chủ đề của các cuộc trò chuyện và bài giảng của Thánh Makarios là đời sống tâm linh nội tại, chủ yếu dưới hình thức được thực hành trên con đường tu tập chiêm niệm và ẩn dật. Mặc dù đề tài sâu sắc và khó hiểu, những cuộc trò chuyện và lời dạy của vị thầy giàu kinh nghiệm này lại rõ ràng và dễ hiểu: những điều thuộc linh, vốn còn xa lạ với nhiều người trong chúng ta, qua lời của Thánh Macarius lại trở nên gần gũi với trái tim và trí óc. Những điều lẽ ra sẽ trở nên mờ mịt vì tính cao siêu của đời sống tâm linh, dưới ngòi bút của Thánh Macarius lại trở nên dễ hiểu nhờ những so sánh và hình ảnh, vốn luôn đơn giản và vì thế càng gây ấn tượng mạnh mẽ.

[1210] Chính vì vậy mà tu viện này được gọi là "Alexandria" hay "tu viện thành thị". Tu viện này được thành lập vào năm 295.

nhất của Thánh Macarius Ai Cập; cùng với ngài ấy – vào thời trị vì của Hoàng đế Valens – do âm mưu của Lucius, vị giám mục giả mạo theo phái Arian ở Alexandria, ngài đã bị trục xuất khỏi quê hương. Ngài đã nhiều lần cùng sống chung với vị Thánh Macarius này. Cả hai vị Macarius đều rất giống nhau về tính cách và lối sống, và có cùng một vị thầy và người hướng dẫn – Thánh Antôn Cả, từ người mà họ, với tư cách là môn đệ, đã nhiều lần nhận được những lời dạy dỗ để hoàn thiện đời sống đạo đức. Thánh Macarius Ai Cập lớn tuổi hơn và là người đầu tiên về với Chúa. Còn vị thánh Macari thành Alexandria này đã sống thêm vài năm nữa sau khi Macari người Ai Cập qua đời. Giám mục Palladius ở Lausaica đã viết về vị thánh Macari thành Alexandria như sau:

– Tôi đã gặp người từng là bạn và là người cùng tranh đua trong sự đạo đức với Thánh Macari Ai Cập – người cũng mang cùng một tên. Tôi muốn nói đến Thánh Macari thành Alexandria, người từng là linh mục tại vùng đất gọi là Keli, nơi tôi cũng đã cư ngụ trong chín năm. Trong số đó, tôi đã sống cùng Thánh Macari ba năm; những việc làm và dấu lạ của đời sống thánh thiện ấy, một số tôi đã tận mắt chứng kiến, còn những điều khác thì tôi được nghe kể lại từ những người từng sống chung với ngài trước đó. Một lần, khi thấy Đức Cha Antôn Vĩ Đại đang thu thập những cành cây chà là để đan dây thừng và làm giỏ, Thánh Macari đã xin ngài một bó cành đó; Đức Cha Antôn đã trả lời ngài như sau:

– Có lời chép rằng: *"Chớ thèm muốn của người lân cận ngươi"* (Đệ Nhị Luật 5:21).

Nhưng ngay khi ngài vừa thốt ra những lời ấy, tất cả những cành cây bỗng chốc khô héo, như thể bị lửa thiêu đốt vậy. Thấy điều đó, Thánh Antôn nói với Thánh Macari:

– Này, Thánh Thần đã ngự xuống trên ngươi, và ngươi sẽ là người kế thừa công việc của ta sau này.

Một thời gian sau, Thánh Macarius đang trên đường đi trong sa mạc và vì chuyến đi kéo dài nên đã kiệt sức rất nhiều. Bỗng nhiên, ma quỷ hiện ra trước mặt ông và nói:

– Ngươi đã nhận được ân sủng của Antony, vậy tại sao ngươi không tận dụng nó và cầu xin Chúa ban cho thức ăn và sức mạnh trên đường đi?

Vị thánh nhân đáp lại:

– Chúa là sức mạnh và vinh quang của con, xin đừng cám dỗ tôi tớ của Chúa.

Lúc đó, ma quỷ bắt đầu cám dỗ vị thánh bằng những ảo ảnh – vị thánh thấy một con lạc đà được chất đầy đủ loại thức ăn và đang lang thang trong sa mạc. Khi vị thánh nhận thấy con lạc đà dường như đang tiến lại gần mình và hiểu rằng đó là ảo ảnh, ngài liền bắt đầu cầu nguyện – và đột nhiên, ảo ảnh đó bị đất nuốt chửng.

Một lần nọ, Thánh Macarius thành Alexandria đến gặp Thánh Macarius Ai Cập, người đang ở trong một tu viện nhỏ. Và khi cả hai lên đường và muốn băng qua sông Nile, họ phải đi trên một chiếc phà lớn, trên đó cũng có hai tribune (chỉ huy ngàn quân) với vẻ uy nghiêm và hào nhoáng, đi cùng một cỗ xe ngựa bằng đồng, những con ngựa có dây cương mạ vàng, cùng đoàn tùy tùng gồm binh lính, người mang vũ khí và vệ sĩ, được trang trí bằng dây xích và thắt lưng vàng. Khi những quan tribune này nhìn thấy hai vị tu sĩ cao niên, mặc áo quần rách rưới và đang đứng ở góc thuyền, họ đã ca ngợi lối sống khiêm nhường và nghèo khó của hai vị, và một trong những quan tribune nói với các vị tu sĩ:

– Các ngài thật hạnh phúc – những người khinh thường thế gian.

Thánh Macarius thành Alexandria đáp lại:

– Quả thật chúng tôi khinh thường thế gian, còn thế gian thì đang chế giễu các ngài. Hãy biết rằng những lời ngài vừa nói không phải do ý muốn của ngài, mà là lời tiên tri, bởi vì cả hai chúng ta đều mang tên Macarius, tức là "những người hạnh phúc".

Cảm động trước những lời nói của Thánh Macarius thành Alexandria, viên quan sau khi trở về nhà đã cởi bỏ y phục, phân phát tài sản của mình cho người nghèo, và chọn cuộc sống ẩn dật.

Có lần, Thánh Macarius thành Alexandria nhận được một mẻ quả mọng tươi ngon, và ngài muốn ăn chúng. Nhưng sau đó, với ý định chiến thắng ham muốn của mình bằng sự kiêng khem, ngài đã gửi số quả mọng đó cho một vị tu sĩ yếu đuối hơn, người cũng đang khao khát món ăn tương tự. Nhưng người anh em đó, sau khi nhận được món quà, cũng làm y như vậy, dù bản thân đang rất đói. Khi những quả mọng này được chuyển từ người này sang người khác và đi qua tay nhiều anh em, chúng lại trở về với Thánh Macarius từ người anh em cuối cùng, và như một món quà quý giá, chúng được trả lại nguyên vẹn, bởi vì không ai muốn nếm thử chúng. Khi Thánh Macarius biết rằng những quả mọng đó đã được chuyền qua tay toàn thể các tu sĩ, ngài vô cùng ngạc nhiên và, sau khi tạ ơn Chúa vì đức tính kiêng khem cao quý của toàn thể cộng đoàn, ngài cũng không nếm thử chút nào.

Khi vị tu sĩ biết rằng ai đó thực hiện một việc làm cao cả nào đó, ngài tự mình cố gắng hết sức để noi gương người đó và cẩn thận làm theo y hệt. Chẳng hạn, khi biết về các tu sĩ sống tại Tu viện Tavenk[1211] rằng trong suốt Mùa Chay Lớn, họ không ăn bất cứ món nào được nấu trên lửa, ngài đã tự đặt ra quy tắc trong suốt bảy năm không ăn bất cứ thứ gì được nấu trên lửa – dù là món nướng hay món luộc. Không chỉ vậy, Thánh Makari còn nâng cao mức độ tu hành của mình đến mức không ăn bánh mì hay thức ăn nấu chín nào, ngoại trừ hạt kê cứng hoặc một số loại hạt ngâm nước. Ngài đã sống trong sự kiêng khem như vậy suốt bảy năm liền. Một lần, nghe nói về một tu sĩ khác, người chỉ ăn một pound bánh mì mỗi ngày, và mong muốn noi gương người ấy, Thánh Macarius đã bẻ nhỏ bánh mì thành những miếng nhỏ rồi cho vào một cái bình có miệng rất hẹp, đến nỗi hầu như không thể thò tay vào được. Cùng với đó, vị tu sĩ Makari đã tự đặt ra quy tắc là trong ngày chỉ được ăn lượng bánh mì bằng với lượng mà bàn tay có thể lấy được khi thò vào chiếc bình đó một lần.

Điều này đã trở thành một sự chế ngự xác thịt vô cùng mạnh mẽ đối với Thánh Macarius, như Palladius đã kể lại ở trên. Bởi vì sau này, Thánh Macarius đã kể lại với nụ cười:

– Tôi đã cố vươn tay vào bình để lấy nhiều lát bánh mì, nhưng do cổ bình quá hẹp nên không thể rút chúng ra được. Như vậy, chiếc bình của tôi không cho phép tôi ăn nhiều như tôi mong muốn!

Sống trong cảnh đói khát như vậy, Makari đã trải qua ba năm, mỗi ngày chỉ ăn một miếng bánh mì nhỏ, và uống nước cũng với lượng tương tự. Còn dầu ăn, ông chỉ dùng một sextarius[1212] cho cả năm. Một lần, với mong muốn chiến thắng cơn buồn ngủ một lần và mãi mãi, ông đã không vào trong căn phòng tu của mình suốt hai mươi ngày đêm, mà ở bên ngoài nó vào ban ngày dưới cái nắng như thiêu đốt, còn ban đêm thì run rẩy vì lạnh, đồng thời dốc hết sức lực để không ngủ gật. Và, như chính ngài sau này đã kể lại để làm gương cho người khác, do hành động phi thường đó mà não bộ của ngài đã khô cạn, và nếu ngài còn không vào phòng tu và không ngủ thêm một thời gian nữa, thì ngài đã phát điên. Vị Thánh nhân còn nói thêm:

– Trong phạm vi sức lực của mình, tôi đã chiến thắng cơn buồn ngủ, nhưng bản tính con người, vốn cần giấc ngủ, thì tôi không thể chiến thắng được, và vì thế tôi buộc phải tuân theo nó.

Một lần nọ, vị thánh Macarius bị quỷ dâm dục cám dỗ rất dữ dội. Để chiến thắng kẻ thù này, Macarius quyết định ngồi trần truồng trong sáu tháng tại một đầm lầy thuộc tu viện, nằm ở sa mạc xa xôi. Nơi đó có vô số muỗi to như ong bắp cày, có thể cắn thủng cả da lợn rừng. Thánh nhân bị những con muỗi này cắn đến mức nhiều người còn nghi ngờ liệu ngài có bị bệnh hủi hay không. Khi ngài trở về phòng tu sau sáu tháng, các đệ tử chỉ nhận ra đó là Abba Makarios của họ nhờ giọng nói. Nhưng Thánh Makarios lại tự nguyện chịu đựng sự hành hạ tương tự từ lũ muỗi một lần nữa. Chuyện này xảy ra sau khi một lần ngài giết một con muỗi đang quấy rầy ngài dữ dội trên chân, khiến nó chảy ra rất nhiều máu. Sau đó, ngài hối hận và tự trách mình như một kẻ giết người và kẻ báo thù, cho đến khi tự mình "trả thù" bằng cách để cơ thể trần truồng chịu sự cắn xé của muỗi.

Một lần khác, vị tu sĩ muốn đến thăm khu vườn và ngôi mộ được gọi là "Kipotafion", nơi chôn cất Ianni và Iambri, hai nhà chiêm tinh Ai Cập sống vào thời các pharaoh (Xuất Hành 7:11, 22, 8:7), để chiến đấu với các quỷ dữ tại đó; vì người ta đồn rằng nơi đó có vô số ác quỷ hung dữ nhất, những kẻ đã bị các nhà chiêm tinh nói trên tập hợp lại bằng phép thuật của họ. Những nhà chiêm tinh đó là anh em ruột với nhau và nhờ sự xảo quyệt cùng tài năng phép thuật siêu việt, họ được pharaoh vô cùng kính trọng và nắm giữ quyền lực rất lớn trên khắp Ai Cập. Tại một nơi hẻo lánh trong sa mạc, họ đã dùng những tảng đá hình vuông để tạo nên một khu vườn, và trong đó, họ đã xây dựng cho mình một lăng mộ với kỹ thuật điêu luyện, nơi họ cất giữ vô số vàng; xung quanh lăng mộ, họ trồng rất nhiều loại cây khác nhau, và đào một cái giếng lớn, vì nơi đó là vùng trũng và có nhiều nước. Các nhà chiêm tinh đã sắp xếp tất cả những điều này vì họ tin chắc rằng sau khi qua đời, họ sẽ sống vĩnh viễn tại đó, tận hưởng như thể đang ở thiên đàng, tất cả những điều tốt lành có ở nơi ấy. Vì Thánh Makari không biết đường đến nơi nói trên, nên ngài đã đi bộ, dựa vào các vì sao để định hướng, giống như cách các thủy thủ vượt biển, và nhờ đó đã đi bộ qua

---

[1211] Tu viện Tavenna là tu viện cộng đồng đầu tiên, tọa lạc tại Tavenna, thuộc Ai Cập Thượng (Nam), phía bắc thủ đô cổ đại của nó là Thebes, bên bờ sông Nile. Được thành lập vào khoảng năm 340 bởi Thánh Pachomius Đại Đế (ngày tưởng niệm ngài là 15 tháng 5), tu viện này đã thiết lập một hiến chương tu viện cộng đồng nghiêm ngặt, nhanh chóng lan rộng trong thế giới Kitô giáo. Tu viện Tavenna có ý nghĩa to lớn trong lịch sử đời tu Kitô giáo cổ đại, và thành công của quy chế do Pachomius đề ra lớn đến mức ngay trước khi ngài qua đời, đã có khoảng 7.000 tu sĩ tụ tập tại Tavenna và các vùng lân cận. Và sau này, Tavena – tên gọi ban đầu chỉ một hòn đảo trên sông Nile, sau đó được mở rộng sang các vùng ven sông lân cận, nơi Pachomius và các môn đệ của ngài định cư – đã nổi tiếng với các tu viện của mình.

[1212] Sextarius – đơn vị đo lường chất lỏng cổ đại của La Mã, có dung tích tương đương hai chai rượu thực sự.

toàn bộ sa mạc. Trong suốt hành trình, Makari đã mang theo vài nhụy hoa và sau mỗi quãng đường đã đi qua[1213], ngài cắm một nhụy hoa xuống đất, để có thể dựa vào những dấu hiệu này mà quay trở lại. Khi ngài, sau chín ngày băng qua toàn bộ sa mạc, đến gần khu vườn được nhắc đến và khi đêm xuống, ngài muốn nghỉ ngơi một chút sau chặng đường dài nên đã chìm vào giấc ngủ, thì quỷ dữ, – kẻ thù muôn đời của các vị tu sĩ theo Chúa Kitô – đã thu gom tất cả những nhụy hoa mà Makariô dùng để đánh dấu đường đi, rồi trong lúc vị thánh đang ngủ, đặt chúng bên cạnh đầu ngài. Khi Makariô thức dậy, ngài thấy tất cả những nhụy hoa đó nằm bên cạnh mình và được buộc thành một bó. Điều này xảy ra theo ý định của Thiên Chúa, nhằm củng cố công đức của vị thánh, để ngài không đặt niềm tin vào những nhụy hoa, mà là vào sự giúp đỡ của Thiên Chúa, Đấng đã từng dẫn dắt dân Israel bằng cột lửa trong suốt bốn mươi năm qua sa mạc mênh mông này (Xuất Hành 14:19–20). Sau này, Thánh Macarius đã kể lại về cuộc hành trình của mình như sau:

– Khi tôi đến gần khu vườn nho, – ngài nói, – tức là nơi được gọi là nghĩa địa, có đến bảy mươi con quỷ dưới nhiều hình dạng khác nhau đã chạy ra đón tôi; một số trong số chúng la hét ầm ĩ, số khác nghiến răng vào tôi với sự hung ác đáng sợ, số khác lại bay lượn như những con quạ, lao vào mặt tôi và gào thét:

– Ngươi tìm gì ở đây, Makari? Tại sao ngươi lại đến với chúng ta? Chẳng lẽ chúng ta đã từng cám dỗ ai trong số các tu sĩ của các ngươi sao? Hãy cai quản nơi ngươi ở, cùng với những kẻ giống ngươi, những thứ vốn thuộc về chúng ta trước đây. Vì ngươi đang cai quản sa mạc, nơi ngươi đã đuổi những con quỷ giống chúng ta ra khỏi đó. Còn chúng ta thì chẳng có gì chung với ngươi cả. Sao ngươi lại đến vùng đất của chúng ta? Là một ẩn sĩ, hãy tự mãn với sa mạc đi, chính những người đã lập ra nơi này đã trao nó cho chúng ta. Ngươi không thể ở lại đây. Tại sao ngươi lại muốn xâm nhập vào lãnh địa của chúng ta, nơi mà chưa một người sống nào từng đặt chân đến kể từ khi chúng ta tổ chức lễ an táng cho những anh em đã lập ra nơi này?

Và khi lũ quỷ gào thét và la hét dữ dội, thánh Macarius đã nói với chúng:

– Tôi chỉ vào xem qua rồi sẽ đi ngay!

Những con quỷ nói với anh ta:

– Hãy hứa với chúng tôi điều đó bằng lương tâm của anh.

Người tôi tớ của Chúa Kitô đáp:

– Tôi sẽ làm như vậy.

Và lũ quỷ biến mất. Khi Thánh Macarius bước vào vườn nho, một con quỷ trông rất đáng sợ, tay cầm thanh gươm trần, xuất hiện và chặn đường ông. Thánh Macarius nói với con quỷ:

– Ngươi tiến đến ta với thanh gươm, còn ta tiến đến ngươi nhân danh Chúa Sabaoth, nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên (1 Sa-mu-ên 17:45).

Và con quỷ liền chạy trốn khỏi ngài. Khi bước vào bên trong khu vườn, vị thánh đã quan sát kỹ mọi thứ ở đó, cụ thể là: một cái giếng, trong đó chỉ treo lơ lửng một cái chậu đồng cũ được buộc vào một sợi xích sắt; những quả lựu rỗng tuếch bên trong vì đã khô héo dưới nắng; và một ngôi mộ đẹp đẽ, được trang trí lộng lẫy bằng vàng. Sau khi xem xét mọi thứ kỹ lưỡng, vị thánh đã ra khỏi đó một cách suôn sẻ và không gặp trở ngại nào, rồi sau hai mươi ngày, ngài quay trở lại phòng tu của mình. Trên đường về, ngài đã dùng hết bánh mì và nước mà ngài mang theo. Makari bắt đầu suy yếu vì đói và khát, đến mức suýt ngã quỵ. Lúc đó – như chính ngài sau này kể lại – một bóng ma của một thiếu nữ mặc áo trắng xuất hiện trước mặt ngài, đang mang theo một xô nước trong vắt ở khoảng cách khá xa – khoảng một verst. Thường xuyên dừng lại, cô gái chỉ cho ông thấy nước và gọi ông đến gần, hứa sẽ cho ông uống. Tuy nhiên, vị thánh không đủ sức để đi đến chỗ cô. Dù vậy, bị cuốn hút bởi cơ hội được giải khát, ông đã dốc hết sức lực để đi theo cô suốt ba ngày, trong suốt thời gian đó cô gái luôn xuất hiện phía trước ông. Rồi một đàn bò cái xuất hiện (ở vùng đó có rất nhiều), trong đó có một con đang dắt theo một con bê nhỏ, đứng trước mặt vị tu sĩ già đã mệt mỏi và kiệt sức; sữa chảy ra từ vú của nó. Lúc đó, vị tu sĩ nghe thấy một giọng nói từ trên cao:

– Hãy lại đây, Makari, và uống sữa của nó đi.

Ông tiến lại gần, uống sữa trong một thời gian dài và cơ thể ông được phục hồi.

Thánh Makari còn kể thêm như sau: "Chúa của con, mong muốn tỏ lộ lòng thương xót lớn lao hơn nữa trên con và dạy cho sự yếu đuối của con chỉ trông cậy vào sự an bài tốt lành của Ngài, đã thực hiện phép lạ này. Theo lệnh của Ngài, tôi đã ra lệnh cho con bò cái đó đi theo tôi đến phòng tu của tôi và nuôi dưỡng tôi suốt chặng đường.

[1213] Một "poprishe" tương đương với 690 sažen của chúng ta.

Con bò cái vâng lời, theo lệnh của Đấng Tạo Hóa, thực sự đã đi theo tôi và không cho con bê bú vú của mình, để chỉ nuôi dưỡng riêng tôi mà thôi."

Có lần, vị thánh nhân kỳ diệu này đang đào giếng để lấy nước uống cho các tu sĩ. Tại nơi vị thánh nhân đang đào, có rất nhiều cành cây khô và bụi gai, từ đó một con rắn độc bò ra và cắn vị thánh nhân.

Lúc đó, vị thánh nhân đã dùng hai tay nắm chặt cả hai hàm của con rắn độc, xé nát nó và nói:

– Vì Chúa của ta không sai ngươi đến với ta, vậy mà ngươi dám đến gần ta và cắn ta sao?

Và, thật kỳ diệu! Vết cắn của con rắn độc không gây ra bất kỳ tổn thương nào cho vị thánh.

Khi nghe nói lần thứ hai về những người Tavennisio rằng họ có một quy tắc sống rất nghiêm ngặt, vị thánh Makari đã thay bộ áo tu sĩ bằng trang phục thế tục và lên đường đến với họ. Sau mười lăm ngày hành trình qua sa mạc, vị thánh đã đến tu viện Tavennisio, trông như một người thế tục. Tại đây, ngài mong được gặp Thượng phụ Pahomius[1214] , một người giàu kinh nghiệm và sáng suốt, có ân sủng tiên tri, nhưng lúc đó Thiên Chúa vẫn chưa mặc khải cho ông biết Makarios là ai. Khi bước vào gặp Pahomius, Makarios nói:

– Thưa Cha, con khẩn cầu Cha, xin hãy nhận con vào tu viện của Cha, vì con mong muốn trở thành một tu sĩ tại đây.

Pachomius đáp:

– Con không thể trở thành tu sĩ được, vì con đã già và không còn sức lao động. Các anh em ở đây từ thuở thiếu thời đã quen với những công việc của tu sĩ, còn con, đã cao tuổi, sẽ không chịu nổi những thử thách, và khi suy yếu, con sẽ rời khỏi đây và nói xấu chúng tôi.

Và Pachomius đã không nhận ông vào ngày đầu tiên, cũng không nhận vào ngày thứ hai – và cứ thế cho đến ngày thứ bảy. Trong suốt thời gian đó, Macarius đã tuân giữ chay tịnh nghiêm ngặt, và đến ngày thứ bảy, ông nói với vị tổng tu viện trưởng:

– Thưa Abba, xin hãy nhận con vào! Nếu con không ăn chay và làm những việc giống như các anh em khác, thì lúc đó ngài hãy ra lệnh trục xuất con khỏi tu viện.

Lúc đó, Thánh Pahomius bảo các tu sĩ hãy nhận anh ta vào. Các tu sĩ lúc đó có một nghìn bốn trăm người, và Makari đã được họ đón nhận vào tu viện. Sau đó một thời gian, mùa chay Mùa Chay Thánh bắt đầu, và Makari thấy mỗi tu sĩ đều ăn chay theo khả năng của mình. Người này ăn vào buổi tối, người kia – sau hai ngày, người khác ăn sau năm ngày, người khác lại thức suốt đêm để cầu nguyện, còn ban ngày thì ngồi làm việc. Học theo gương họ, chính Makariô cũng nhúng những cành chà là vào nước, rồi đứng ở một góc và trong suốt Mùa Chay cho đến Lễ Phục Sinh, ngài không ăn bánh mì hay uống nước, ngoại trừ một lượng nhỏ lá bắp cải khô mà ngài ăn vào các ngày Chủ nhật. Và ngài làm điều này chỉ để các tu sĩ khác thấy rằng ngài vẫn ăn uống, nhằm tránh sa vào tội kiêu ngạo. Trong khi đứng ở góc đó, Thánh Makarios không ngừng làm việc và không ngừng nghỉ, suốt thời gian đó ngài không một lần ngồi xuống hay nằm xuống. Nếu vì cần thiết mà ngài phải rời khỏi chỗ của mình, thì khi trở lại, ngài lại đứng đó, không mở miệng, không nói chuyện với ai, mà trong im lặng, bằng cả trái tim mình, ngài dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa. Thấy hành động cao cả như vậy của vị thánh, các tu sĩ trong tu viện đó đã nổi giận với vị tu viện trưởng của họ và bắt đầu nói với ngài:

– Sao ngài lại đưa một người vô thực thể như vậy đến với chúng tôi, khiến chúng tôi phải xấu hổ? Hoặc là đuổi người ấy đi, hoặc là chúng tôi sẽ rời khỏi tu viện.

Sau khi nghe những lời đó từ các tu sĩ và biết về việc ăn chay nghiêm ngặt của Macarius, vị thánh Pachomius bắt đầu cầu nguyện với Chúa, xin Ngài cho ngài biết người khách đó là ai. Và ngài được mách bảo rằng đó chính là Macarius. Lúc đó, Thánh Pachomius nắm lấy tay Thánh Macarius, dẫn ngài vào nhà thờ và ôm ngài một cách thân ái, rồi nói:

– Chào mừng ngài đã đến, thưa Cha đáng kính! Con biết ngài là Macarius, nhưng ngài chưa từng tiết lộ danh tính của mình cho con. Suốt nhiều năm qua, con đã nghe nói về ngài và rất mong được gặp ngài. Con cảm ơn ngài vì đã dạy các con cái của con về sự khiêm nhường, để chúng không kiêu ngạo trong tâm trí, tự hào về những việc làm và việc ăn chay của mình; ngài đã mang lại cho chúng con rất nhiều lợi ích.

Các anh em khác cũng nghe tin về Makari và từ khắp nơi đổ về đông đảo, họ thân ái hôn ngài và xin ngài cầu nguyện cho họ. Thánh Makari, sau khi giảng dạy cho mọi người, đã trở về chỗ của mình.

Vị tu sĩ vô tư này, Thánh Macarius, còn kể về bản thân như sau:

[1214] Tức là Thánh Pachomius Đại Đế.

– Một lần nọ, tôi mong muốn hướng tâm trí mình sao cho, không suy nghĩ về bất cứ điều gì trần thế, nó luôn ở trong sự chiêm ngưỡng không ngừng nghỉ về Đức Chúa Trời Duy Nhất, không rời xa Ngài dù chỉ một khoảnh khắc. Để thực hành sự suy ngẫm về Đức Chúa Trời này, tôi đã dành ra năm ngày cho mình. Và thế là, sau khi đóng cửa phòng tu và sân của tôi lại để không ai có thể vào gặp tôi, và tôi cũng không thể trò chuyện với ai, tôi bắt đầu từ thứ Hai, đã ra lệnh cho tâm trí mình như sau: "Hãy nhìn xem! Đừng rời khỏi thiên đàng! Ngươi có ở đó cùng với các Thiên thần, các Tổng lãnh thiên thần, các Cherubim, các Seraphim, tất cả các thế lực trên trời và Đấng Tạo Hóa của họ là Thiên Chúa. Vậy nên, hãy ở lại trên trời và đừng xuống thế gian, để ngươi không sa vào những suy nghĩ trần tục. Khi tôi đứng như vậy suốt hai ngày hai đêm, hướng tâm trí lên cao, tôi đã chọc giận ma quỷ đến mức hắn biến thành ngọn lửa, thiêu rụi mọi thứ trong phòng tu của tôi, đến nỗi ngay cả tấm chiếu mà tôi đang đứng cũng bốc cháy, và tôi tưởng rằng chính mình cũng sẽ bị thiêu rụi. Sợ hãi trước điều đó, vào ngày thứ ba, tôi đã từ bỏ ý định của mình; vì không còn đủ sức để giữ tâm trí mình trong những suy nghĩ về thiên đàng, tôi đã hạ mình, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, xuống những suy nghĩ trần tục, để không sa vào tội kiêu ngạo.

Về vị thánh Macarius này, Giám mục Palladius cũng kể lại như sau:

– "Một lần, khi đến gặp ngài," ông kể, "tôi thấy trước phòng tu của ngài có một vị linh mục nông thôn, đầu ông ta bị một căn bệnh gọi là hoại tử ăn mòn đến mức từ phía sau gáy có thể nhìn thấy miệng ông ta." Ông ta đến gặp Thánh Macarius để xin được chữa lành; nhưng vị thánh không cho ông ta vào gặp mình, không muốn nói chuyện với ông ta. Lúc đó, tôi cũng bắt đầu nài nỉ vị thánh, nói rằng:

– Xin ngài thương xót người bất hạnh này và trả lời anh ta đi.

Nhưng vị thánh đã nói với tôi:

– Hắn không xứng đáng được chữa lành, vì đây là hình phạt mà Chúa giáng xuống cho hắn. Nếu ngươi muốn hắn được chữa lành, thì hãy khuyên hắn từ nay trở đi đừng cử hành thánh lễ nữa.

Tôi hỏi vị thánh:

– Tại sao vậy?

Ngài đáp:

– Hắn đã cử hành Thánh lễ sau khi phạm tội ngoại tình và vì thế mà bị trừng phạt như vậy. Nếu hắn kính sợ Đức Chúa Trời và từ bỏ thói xấu mà hắn đã phạm một cách vô tư, thì Đức Chúa Trời sẽ chữa lành cho hắn.

Khi tôi – Palladius tiếp tục – kể lại chuyện đó cho vị linh mục ấy nghe, thì ông ta đã thề hứa sẽ không cử hành thánh lễ nữa. Sau đó, Thánh Macarius dẫn vị linh mục ấy đến và nói với ông ta:

– Ngươi có tin rằng có một Đức Chúa Trời, đối với Ngài không có điều gì là bí mật không?

Vị linh mục trả lời:

– Vâng, thưa cha, con tin và xin cha – hãy cầu nguyện cho con, kẻ tội lỗi này.

Lúc đó, Makari hỏi:

– Vậy ngươi không thể che giấu điều gì trước mặt Đức Chúa Trời sao?

– Vâng, không thể, – người ấy đáp.

– Nếu con xưng tội của mình và nhận thức được sự trừng phạt của Đức Chúa Trời dành cho tội đó, – Makari tiếp tục, – thì từ nay trở đi, hãy sửa đổi bản thân.

Và vị linh mục đã thú nhận tội lỗi của mình, hứa sẽ không phạm tội nữa và không cử hành các nghi lễ thánh, mà sẽ sống như một người phàm trần. Sau đó, Thánh Macarius đặt tay lên người ông và cầu nguyện với Chúa cho ông; vài ngày sau, vị linh mục được chữa lành khỏi bệnh hoại tử; tóc trên đầu ông mọc lại, và ông trở về nhà trong tình trạng khỏe mạnh, ngợi khen Chúa và tạ ơn vị thánh vĩ đại Macarius.

Thánh Macarius có vài căn phòng ở những nơi khác nhau: một ở tu viện nằm trong sa mạc nội địa, một ở Libya, một ở nơi gọi là Kelia, và một ở núi Nitria. Không một căn phòng nào của ngài có cửa ra vào hay cửa sổ. Và Thánh Macarius đã ở trong những căn phòng này trong bóng tối suốt những ngày của Mùa Chay Thánh. Một trong những căn phòng của ngài chật hẹp đến mức không thể duỗi chân ra, căn phòng khác rộng rãi hơn, và tại đó ngài trò chuyện với những người đến thăm; đồng thời, ngài đã chữa lành cho vô số người đang chịu đựng sự hành hạ của các linh hồn ô uế.

Palladius kể lại câu chuyện về một thiếu nữ quý tộc, người đã bị liệt trong nhiều năm và được đưa từ Thessaloniki đến gặp Thánh Macarius[1215] . Ngài đã chữa lành cho cô bằng cách xức dầu thánh trong suốt hai mươi ngày và cầu nguyện với Chúa, rồi cho cô trở về thành phố quê hương trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh. Sau khi được chữa lành, cô đã phân phát những khoản bố thí hào phóng cho các tu viện.

Một lần khác, một cậu bé bị quỷ ám, người bị phù nề toàn thân do bệnh phù thũng, được đưa đến gặp vị thánh. Vị thánh đặt tay phải lên đầu cậu bé và tay trái lên tim cậu, rồi bắt đầu cầu nguyện với Chúa. Bất ngờ, cậu bé hét lên bằng giọng lớn, và ngay lập tức một lượng nước khổng lồ trào ra khỏi cơ thể cậu. Sau đó, cơ thể cậu bé trở lại trạng thái bình thường như trước đây. Sau khi xức dầu thánh và rảy nước thánh lên người cậu bé, vị thánh nhân đã giao cậu lại cho cha cậu. Đồng thời, ngài dặn dò cậu bé rằng trong vòng mười bốn ngày, cậu không được ăn thịt và uống rượu. Như vậy, vị thánh nhân đã chữa lành cho cậu bé.

Ác quỷ, kẻ thù truyền kiếp của loài người, đã vô cùng tức giận với vị thánh Macarius vì lối sống khổ hạnh nghiêm ngặt của ngài và vì đã chữa lành cho nhiều người bệnh đến với ngài. Lúc đó, nó bắt đầu cám dỗ tâm trí ngài bằng sự kiêu ngạo. Trong tâm trí vị thánh bắt đầu nảy sinh những ý nghĩ rằng ngài cần phải rời khỏi phòng tu và lên đường đến Rôma. Đồng thời, tâm trí ngài vẽ ra tất cả những lý do chính đáng cho việc đó, chỉ ra rằng vị thánh, người được ban ân sủng dồi dào và ân tứ trừ tà, có thể mang lại nhiều lợi ích cho những người đau khổ ở Rôma. Vị thánh đã đấu tranh trong một thời gian dài với những ý nghĩ cám dỗ ấy, dù chúng tấn công ngài rất dữ dội. Cuối cùng, ngã xuống ngưỡng cửa phòng tu của mình, ngài duỗi chân ra ngoài phòng và nói:

– Hãy lôi ta đi, hỡi các quỷ dữ, nếu các ngươi có thể, còn bản thân ta sẽ không đi!

Vậy là, trên ngưỡng cửa, vị thánh nhân nằm đó cho đến tận tối muộn.

Vào ban đêm, những ý nghĩ ấy lại tấn công ngài với sức mạnh khủng khiếp. Lúc đó, vị thánh nhân cầm lấy một cái giỏ có dung tích hai chetverik, đổ đầy cát vào đó, rồi vác lên vai và bắt đầu đi lang thang trong sa mạc. Tại đó, ngài gặp tu sĩ Theosevius, người gốc Antioch, người đã hỏi ngài:

– Thưa Cha! Cha đang vác gì vậy? Hãy giao gánh nặng đó cho con, còn Cha thì đừng vất vả nữa.

– Con đang đè bẹp kẻ đang làm con mệt mỏi, – Makari trả lời, – khi hắn chìm đắm trong sự lười biếng và nhàn rỗi, hắn lại xúi giục con đi lang thang.

Như vậy, sau một thời gian dài lao động vất vả, vị thánh trở về phòng tu của mình, dù thân thể đã kiệt sức, nhưng đã chiến thắng được những ý nghĩ xảo trá.

Đệ tử của vị thánh Makari, thánh Paphnutius, kể lại câu chuyện sau đây về vị thánh.

– Một lần nọ, vị thánh nhân đang ngồi trong sân; bỗng nhiên một con linh cẩu chạy đến, mang theo con non của nó trong miệng, con non đó bị mù; chạy đến gần Makari, con linh cẩu ném con non xuống chân ngài. Vị thánh nhặt con non lên, nhổ nước bọt vào mắt nó, cầu nguyện với Chúa – và con non bỗng nhiên sáng mắt. Con chó rừng bế con non của mình rồi chạy đi. Sáng hôm sau, nó lại chạy đến chỗ vị thánh, mang theo một tấm da cừu khổng lồ; khi nhìn thấy tấm da đó, vị thánh nói với con chó rừng:

– Con lấy tấm da này ở đâu ra vậy, hay là con đã ăn thịt con cừu của ai đó? Nếu con lấy được nó bằng bạo lực, thì ta sẽ không nhận đâu.

Con linh cẩu liền cúi đầu xuống đất, quỳ gối, rồi đặt tấm da mang đến dưới chân vị thánh. Nhưng vị thánh nói với con thú:

– Ta đã nói là sẽ không nhận cho đến khi ngươi hứa với ta rằng sẽ không còn làm hại những người nghèo bằng cách ăn thịt cừu của họ nữa.

Lúc đó, con linh cẩu cúi đầu xuống, như thể đồng ý với lời vị thánh và hứa sẽ vâng lời ngài. Sau đó, vị thánh Macarius nhận lấy tấm da từ con linh cẩu và trao nó cho Thánh Melania người La Mã (ngài qua đời vào ngày 31 tháng 12), người thường xuyên đến thăm các vị thánh cha trong sa mạc. Kể từ đó, tấm da này được gọi là "món quà của con linh cẩu". Và điều đáng ngạc nhiên ở những người đã từ bỏ thế gian, đó là ngay cả một con thú, khi nhận được ân huệ vì vinh quang của Đức Chúa Trời và để tôn vinh các thánh của Ngài, cũng đã hiểu điều đó và mang món quà đến dâng cho vị thánh phúc lành. Đấng đã thuần hóa những con sư tử cho tiên tri Đa-ni-ên (Đa-ni-ên 14:31) cũng đã ban cho con hyena sự hiểu biết về ân huệ đã nhận được và dạy nó biết ơn.

Palladius, người đã được nhắc đến ở trên, một lần đến gặp vị thánh này, đang bối rối vì những suy nghĩ và sự chán nản (như chính ông sau này đã kể lại), đã hỏi:

– Tôi phải làm gì đây, thưa Abba Macarius, vì những suy nghĩ đang vây hãm tôi, nói rằng: "Anh chẳng làm gì ở đây cả – hãy rời khỏi đây đi!"

Thánh phụ Macari đã trả lời ông:

– Hãy nói với những suy nghĩ của con rằng: 'Ta đang canh giữ những bức tường này vì Chúa Kitô.'

Để răn dạy Palladius, Thánh Macarius đã kể về Thánh Mark (ngày tưởng niệm là 5 tháng 3), về việc ngài đã rước Mình Thánh Chúa từ chính các Thiên thần. Thánh Macarius đã tận mắt chứng kiến điều đó khi ngài ban Thánh Thể cho các tu sĩ trong Thánh lễ.

– Tôi chưa bao giờ – ngài nói – truyền dạy các Bí tích Thánh cho vị tu sĩ Mark, nhưng một Thiên thần từ bàn thờ đã truyền dạy cho ngài một cách vô hình, còn tôi chỉ nhìn thấy những ngón tay của người trao Bí tích mà thôi.

Vị tu sĩ Mark này, khi còn là một thiếu niên, đã thuộc lòng toàn bộ Cựu Ước và Tân Ước; ông cũng rất hiền lành và tiết độ.

– Một ngày nọ, khi không có việc gì làm trong phòng tu của mình, – Thánh Macari kể lại, – tôi đến gặp ông, lúc đó đã cao tuổi, và ngồi bên cửa phòng tu của ông. Tôi coi ngài là một bậc cao quý nhất trong loài người, đúng như ngài thực sự là vậy, và muốn biết (lúc đó tôi vẫn còn – Thánh Macari lưu ý – ngây thơ và thiếu hiểu biết) rằng vị tu sĩ già đang làm gì hay đang trò chuyện về điều gì. Còn ngài, đang ở trong phòng tu, đang chiến đấu với chính mình và với ma quỷ, dù đã trăm tuổi, đến nỗi răng ngài cũng đã rụng hết. Ngài tự nói với chính mình:

– Rốt cuộc thì ngươi muốn gì, lão già độc ác kia? Ngươi đã uống rượu và nếm dầu thánh rồi. Ngươi còn muốn gì nữa, tên nô lệ tham lam của dạ dày, trong tuổi già này?

Còn với quỷ dữ, Mark nói:

– Hãy tránh xa ta ra, quỷ dữ! Ngươi đã già đi trong cuộc chiến với ta. Ngươi đã khiến ta suy nhược về thể xác, khiến ta phải uống rượu và nếm dầu; ngươi đã biến ta thành kẻ ham mê khoái lạc. Chẳng lẽ ta còn nợ ngươi điều gì nữa sao? Ngươi sẽ không tìm thấy ở ta bất cứ thứ gì để ngươi có thể cướp đi. Kẻ thù của loài người! Hãy lui xa khỏi ta đi.

Thánh Macarius đã kể lại điều này cho Palladius, người đã ghi chép lại những lời đó. Còn Linh mục Rufinus thì bổ sung thêm điều sau đây vào cuốn tiểu sử của vị thánh Macarius thành Alexandria này.

Vào một đêm nọ, ma quỷ gõ cửa phòng tu của Macarius và nói:

– Hãy thức dậy, Abba Macarius, và chúng ta hãy đến nhà thờ chính để hát thánh ca.

Nhưng ngài, được tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa, đã nhận ra mưu mô của kẻ thù và đáp lại:

– Hỡi kẻ dối trá và kẻ thù ghét điều thiện! Ngươi có liên hệ gì và tình bạn nào với hội thánh các thánh?

– Chẳng lẽ ngài không biết sao, Makari, – quỷ dữ đáp lại, – rằng không có chúng ta thì không có bài thánh ca nào được cất lên và không có cuộc họp tu sĩ nào diễn ra? Hãy đi đi, ngài sẽ thấy những việc làm của chúng ta.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Nguyện Chúa ngăn cản ngươi, con quỷ xảo quyệt!

Rồi, sau đó, ông quay sang cầu nguyện với Chúa và xin Ngài cho ông biết – liệu những điều mà con quỷ đã khoe khoang có đúng sự thật hay không. Và khi đến giờ hát nửa đêm, Makari đi vào nhà thờ và lại thầm cầu nguyện với Chúa, xin Ngài cho ông biết – liệu những lời con quỷ nói có đúng sự thật hay không. Một lúc sau, vị thánh nhân nhìn thấy trong nhà thờ, dưới hình dạng những cậu bé nhỏ người, những người Ethiopia da đen, đang chạy nhanh qua lại, như thể đang bay vậy. Trong tu viện có một tập tục là chỉ có một tu sĩ đọc thánh vịnh, trong khi tất cả các tu sĩ khác ngồi nghe. Và những cậu bé người Ethiopia này lần lượt ngồi cạnh từng tu sĩ và cười cợt; nếu chúng dùng hai ngón tay chạm vào mắt ai đó, thì tu sĩ đó lập tức bắt đầu ngủ gật, còn nếu chúng đặt ngón tay lên môi ai, người đó sẽ nhanh chóng tỉnh táo lại. Trước mặt một số người, chúng hiện ra dưới hình dạng phụ nữ, còn trước mặt những người khác, chúng giả vờ như muốn tạo ra, mang đến hoặc sắp xếp các việc khác nhau. Và những gì ma quỷ thể hiện khi chế giễu ai đó, thì chính các tu sĩ cũng nghĩ đến điều đó trong lòng mình. Tuy nhiên, đối với một số tu sĩ, nếu các quỷ bắt đầu làm trước mặt họ những điều tương tự như đã nói ở trên, chúng đột ngột bị một sức mạnh nào đó xua đuổi, bị đẩy ra ngoài một cách vội vã và không còn dám dừng lại trước mặt những người đó, cũng như không dám đi ngang qua họ nữa. Còn đối với những anh em yếu đuối nhất, những người không chú tâm chút nào vào việc cầu nguyện, chúng đã lăng mạ họ, ngồi lên cổ và vai họ. Thấy vậy, Thánh Macarius thở dài nặng nề và, trong nước mắt, bắt đầu cầu nguyện với Đức Chúa Trời:

– Lạy Chúa! Xin hãy nhìn xuống và đừng im lặng! Xin hãy thức dậy, lạy Chúa, để kẻ thù của Ngài tan rã và chạy trốn khỏi sự hiện diện của Ngài, vì linh hồn chúng con đã tràn ngập sự sỉ nhục.

Sau khi kết thúc thánh lễ, Abba Makari bắt đầu gọi từng tu sĩ đến một và tra hỏi xem họ đã suy nghĩ điều gì trong lúc hát thánh ca. Mỗi người đều thú nhận với ngài những suy nghĩ của mình, và như vậy, rõ ràng đã lộ ra rằng suy nghĩ của mỗi người chính xác là những điều mà lũ quỷ đã chế nhạo và trình bày trước mặt họ.

Chính vị Thánh Macari này còn kể lại một điều khác, kỳ diệu và kinh hoàng hơn, đó là vào thời điểm các tu sĩ bước vào Bí tích Thánh Thể và giơ tay ra để rước Mình Thánh Chúa Kitô (lúc bấy giờ người ta chưa dùng thìa để rước lễ, mà rước Mình Thánh Chúa Kitô bằng tay, giống như cách rước bánh thánh ngày nay, còn Máu Thánh thì uống từ chén; điều này diễn ra cho đến thời Thánh Zlatoust, như đã được ghi chép trong cuốn tiểu sử của Thánh Theoktista), thì vị thánh đáng kính nhận thấy rằng một số tu sĩ người Ethiopia đã đặt những than hồng đang cháy vào tay họ, còn Thân Thể Chúa Kitô do tay linh mục trao ban lại quay trở về bàn thờ. Còn đối với những ai xứng đáng rước Thánh Thể, ma quỷ thì chạy trốn xa. Trong khi đó, bên cạnh bàn thờ, cùng với linh mục, có một Thiên Thần của Chúa đứng đó và cùng với linh mục, Ngài giơ tay ra để phân phát các Bí Tích Thánh.

Như vậy, Thánh Macari, với khả năng thấu thị, đã phân biệt được những ai xứng đáng và không xứng đáng, đồng thời đoán trước được những ý nghĩ của con người do ma quỷ xúi giục.

Thánh Macari còn kể nhiều câu chuyện khác nhằm mang lại lợi ích và bài học cho anh em tu sĩ; ngài răn dạy những người lười biếng và thực hiện nhiều phép lạ. Sau khi sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa như vậy, Thánh Macari đã an lành về với Chúa, thọ một trăm tuổi kể từ khi sinh ra[1215] .

Hiện nay, ngài cùng với các vị thánh phụ khác trong cuộc sống vĩnh cửu đang tôn vinh Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi; xin Ngài cũng nhận được vinh quang, danh dự và sự thờ phượng từ chúng con, những kẻ tội lỗi, cho đến muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Euphrasia

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 1

Thánh trinh nữ Euphrasia xuất thân từ thành phố Nicomedia[1216] và sống dưới triều đại của Hoàng đế Maximian[1217] . Bà thuộc dòng dõi quý tộc, xinh đẹp, đạo đức và phụng sự Chúa Kitô như một tôi tớ trung thành của Ngài. Trong thời kỳ bách hại Kitô hữu, Thánh Euphrasia đã bị những kẻ thờ ngẫu tượng bắt giữ và ép buộc phải dâng lễ vật cho ma quỷ. Khi bà từ chối tuân theo, họ đã đánh đập bà một cách tàn nhẫn; nhưng bà đã can đảm chịu đựng những trận đòn đó. Sau khi bị tra tấn, Thánh Euphrasia bị giao cho một tên man rợ để làm nhục; hắn đã bắt bà và đưa về nhà mình. Thánh nữ không ngừng cầu nguyện cùng Đấng Hôn Phu Tinh Khiết của mình là Chúa Kitô, để Ngài bảo vệ bà khỏi mọi tổn hại. Và khi tên man rợ vô đạo dẫn thánh nữ vào phòng ngủ, Euphrasia đã xin hắn chờ một lát, hứa sẽ cho hắn một loại cây thần kỳ.

– Nếu ngươi luôn mang theo loại cây này bên mình, – bà nói, – thì không có vũ khí nào của kẻ thù có thể làm hại ngươi được.

Vị thánh nữ nói như vậy, tự coi mình như một nữ phù thủy.

Nhưng tên man rợ nói với bà:

– Sau này cô sẽ đưa cho tôi loại cây này chứ.

Cô gái khôn ngoan đáp:

– Loại cây này không thể được người phụ nữ chạm vào, mà chỉ có trinh nữ chưa kết hôn mới có thể hái nó. Nếu không phải trinh nữ hái, thì nó sẽ không có bất kỳ sức mạnh nào.

Lúc đó, tên man rợ đồng ý sẽ không động đến Euphrasia cho đến khi cô hái được loại cây đó cho hắn. Đến vườn và tìm thấy một loại cây nào đó, vị thánh hái nó lên và đưa cho tên man rợ xem. Hắn hỏi cô:

– Làm sao tôi biết được những gì cô nói với tôi có phải là sự thật không?

– Để trả lời, thánh nữ Euphrasia đặt cây vừa hái lên cổ mình và nói với hắn:

– Hãy cầm thanh kiếm sắc bén, vung lên bằng cả hai tay và chém vào cổ ta mạnh nhất có thể, lúc đó ngươi sẽ thấy rằng thanh kiếm của ngươi sẽ không làm ta bị thương chút nào.

[1215] Thánh Macarius thành Alexandria qua đời vào khoảng năm 395 – Giống như Thánh Macarius người Ai Cập, Thánh Macarius thành Alexandria cũng là một nhà văn giáo hội. Cho đến nay, người ta vẫn biết đến những tác phẩm sau đây mang tên ngài: 1) Quy tắc tu viện gồm 30 chương; 2) bức thư gửi các tu sĩ; 3) bài giảng về sự ra đi của linh hồn và tình trạng sau khi chết.

[1216] Nicomedia – một thành phố sầm uất thuộc vùng Bithynia, nằm bên bờ Biển Đá Cẩm Thạch, ở phía tây bắc Tiểu Á.

[1217] Maximianus Galerius, con rể và đồng trị vì của Hoàng đế Diocletianus (284–305), sau đó trở thành hoàng đế của nửa phía đông Đế quốc La Mã (từ năm 305–311).

Kẻ man rợ, tin vào lời thánh nữ, liền cầm thanh kiếm lên, vung mạnh và chém rất mạnh, chặt đứt cái đầu trong sạch của thánh nữ Euphrasia, và bà ngã xuống chết[1218] . Thấy mình bị thánh nữ chế giễu, kẻ man rợ liền nghiến răng ken két. Còn trinh nữ khôn ngoan ấy đã ra đi trong sự trong sạch về với Chàng Rể của mình – Đức Kitô, để lại cho chúng ta gương mẫu về việc giữ gìn sự trinh khiết, vì bà thà chết còn hơn là đánh mất sự trinh khiết của mình.

Lễ kính Thánh Arsenius, Tổng Giám mục Kerkyra.

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 1

Thánh Arsenius, Tổng Giám mục Kerkyra[1219] , xuất thân từ Palestine, con của những bậc cha mẹ đạo đức. Từ thuở thiếu thời, ngài đã dâng hiến cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa và nhận lễ xuất gia. Sống một đời tu hành nghiêm ngặt, thánh nhân vẫn nổi bật nhờ trình độ học vấn cao. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được phong chức linh mục, và sau đó không lâu, được tấn phong làm Tổng Giám mục Kerkyra. Trong cương vị Tổng Giám mục, ngài nổi tiếng nhờ sự khôn ngoan, tài giảng dạy[1220] và nhiều lần bênh vực những người vô tội trước các nhà cầm quyền. Vì vậy, khi đã cao tuổi, ngài đã lên đường đến Constantinopolis để can thiệp cho đoàn chiên của mình, những người đang bị đe dọa bởi cơn thịnh nộ bất công của Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus[1221] . Trên đường trở về từ Constantinopolis, Arsenius đã lâm bệnh tại Corinth[1222] và đã an lành trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[1223] .

Ngày 2 tháng 2

ngày 20 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Evfimii Vĩ đại

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 1

Thánh Euphimius xuất thân từ thành phố Melitene, ở Armenia, gần sông Euphrates[1224] . Cha mẹ ngài là Pavel và Dionisia, cả hai đều là Kitô hữu, xuất thân từ dòng dõi quý tộc và được trang bị những đức tính cao quý. Trong nhiều năm, họ không thể có con và không có con cái, điều này khiến họ vô cùng đau buồn. Khi đến nhà thờ Thánh Tử đạo Polyeuctus nằm gần thành phố, họ luôn cầu nguyện với Chúa để được giải thoát khỏi cảnh vô sinh. Và rồi, vào một đêm nọ khi họ đang cầu nguyện sốt sắng, một thị kiến thiêng liêng đã hiện ra với họ, và họ nghe thấy:

– Hãy an ủi lòng, vì Chúa sẽ ban cho các ngươi một người con trai, mang tên "[1225] " (nghĩa là "sự an ủi"), bởi khi đứa trẻ chào đời, Chúa sẽ ban sự an ủi cho các Hội Thánh của Ngài.

[1218] Thánh nữ Euphrasia qua đời vào năm 303.

[1219] Đảo Kerkyra – nay là Corfu, trên Biển Ionia, gần bờ biển phía tây của miền bắc Hy Lạp. – Thánh Arsenius là tổng giám mục đầu tiên trên đảo Corfu.

[1220] Thượng phụ Photius của Constantinopolis, người nổi tiếng về học vấn, đã trao đổi thư từ với Thánh Arsenius; trong các bức thư gửi ngài, ngài bày tỏ sự ngạc nhiên sâu sắc trước một con người có đời sống thiêng liêng cao cả, đồng thời am hiểu cả văn học Hy Lạp. – Thánh Arsenius còn được biết đến với tư cách là một nhà văn: ngài đã soạn thảo kinh cầu cho nghi thức xức dầu, bài ca ngợi Thánh Tông đồ Anrê và bản tường thuật về cái chết đầy đau khổ của Thánh Nữ Tử đạo Barbara.

[1221] Constantine Porphyrogenitus, Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 780 đến năm 797.

[1222] Corinth – thành phố cổ xưa, nổi tiếng và giàu có nhất của Achaea; tọa lạc trên một đồng bằng xinh đẹp và trù phú ở góc đông nam của Vịnh Corinth, giữa Biển Ionia và Biển Aegean. Hiện nay, những tàn tích của thành phố cổ Corinth nằm gần thành phố Corinth ngày nay, được gọi là Koronto.

[1223] Thánh Arsenius qua đời vào cuối thế kỷ VIII.

[1224] Armenia là một quốc gia miền núi, nằm ở phía nam dãy Caucasus và phía đông Tiểu Á; nước này được chia thành hai phần: Armenia lớn hay Armenia phía đông, và Armenia nhỏ hay Armenia phía tây. Thành phố Melitina, nay là Malatya, nằm ở phần phía nam của Armenia nhỏ, trên một trong những nhánh sông của sông Euphrates.

Sau thị kiến đó, Dionysia mang thai một con trai, người mà ngay từ trước khi chào đời, cha mẹ đã hứa dâng hiến cho Đức Chúa Trời. Và rồi đứa con trai chào đời, họ đặt tên cho cậu là Euphimius. Vào thời điểm đó, ở phương Đông, vua Valentinus đang trị vì, còn ở phương Tây là cháu trai của ông, Gratianus[1226] . Đối với các Hội Thánh của Đấng Christ, đang bị những người Arian gây rối, vẫn chưa có hòa bình và yên tĩnh. Từ thời vua Constantius, con trai của Constantine, cho đến khi Valentus qua đời, các tín hữu Chính Thống đã phải chịu đựng sự đàn áp và bạo lực trong gần bốn mươi năm. Khi Thánh Euphemius chào đời, mọi nỗi đau khổ của các Giáo hội thánh thiện đã biến thành sự an ủi và niềm vui: chưa đầy năm tháng sau khi Thánh Euphemius chào đời, hoàng đế vô đạo Valent đã bị đánh bại bởi các bộ tộc man rợ đang tàn phá Thrace; trong lúc tháo chạy, ông ta ẩn náu trong một ngôi làng gần Adrianople[1227] , trong một chuồng trại, và đã bị thiêu sống. Như vậy, tên vô đạo này đã chết một cách thảm khốc trong ngọn lửa tạm thời, vốn dường như là tiền đề cho ngọn lửa vĩnh cửu dành cho hắn. Cùng với sự sụp đổ của vị vua vô đạo này, toàn bộ thế lực Arian cũng tan rã, và chẳng bao lâu sau, khi Theodosius Đại đế[1228] lên ngôi, sự bình yên và hòa bình đã trở lại với các thánh đường.

Sau một thời gian không lâu, cha của Euthymius qua đời. Còn Dionisia, thực hiện lời thề của mình, đã đưa cậu bé Euphimius đến gặp anh trai mình, linh mục Eudoxius, người là cha linh hướng của Giám mục Otrias thuộc Giáo hội Melitene[1229] , và dâng con trai mình cho Thiên Chúa, giống như Anna đã từng dâng Samuel (1 Sa-mu-ên 1). Còn Eudoxius thì đưa cậu bé đến gặp giám mục và kể cho ngài nghe tất cả về cậu: rằng sau một sự hiện ra và tiếng phán của Đức Chúa Trời, cậu đã được ban cho đôi vợ chồng vô sinh nhờ những lời cầu nguyện khẩn thiết của họ, và rằng ngay từ trước khi chào đời, cậu đã được hứa dâng cho sự phục vụ Chúa. Giám mục Otriy, khi nghe điều này và ngạc nhiên trước những gì được kể, đã nói:

– Quả thật, Thánh Thần của Thiên Chúa ngự trên đứa trẻ này.

Sau khi nhận cậu bé làm con nuôi thay cho con trai mình, Otriy đã hết lòng chăm lo cho việc học hành của cậu, giao phó nhiệm vụ này cho hai vị thầy thuộc hàng giáo sĩ là Akakiy và Synodiy – những người khôn ngoan và đức hạnh, và sau này, mỗi người đều lần lượt trở thành giám mục của chính Giáo hội Melitina. Khi Thánh Euphemius đã học thuộc lòng các sách Thánh, vị giám mục đã phong cậu làm người đọc kinh, còn mẹ cậu, Thánh Dionisia, người luôn tận tụy phụng sự Thiên Chúa, thì được phong làm nữ phó tế của Giáo hội. Sau đó, Thánh Euphimius, người từ thuở thiếu thời đã nổi tiếng vì đời sống đạo đức và sự trinh khiết, sau khi trải qua tất cả các bậc chức vụ thấp hơn trong Giáo hội và đã từng là tu sĩ, được tấn phong làm linh mục. Đồng thời, mặc dù ngài không muốn đảm nhận chức vụ lãnh đạo, ngài vẫn được giao phó việc chăm sóc các tu viện nằm trong thành phố đó, bởi vì từ thuở nhỏ ngài đã vô cùng yêu mến đời sống tu hành và sự tĩnh lặng. Vì vậy, Thánh Euphimius thường xuyên lưu lại tại tu viện của Thánh Tử đạo Polyeuctus, nằm cách xa thành phố một khoảng cách nhất định. Vào những ngày của Mùa Chay, ngài lui về một ngọn núi hoang vắng và ở đó sống trong sự tĩnh lặng giữa những công việc và nỗ lực mà chỉ có Đức Chúa Trời mới biết. Nhận thức rằng việc làm tu viện trưởng và quản lý các tu viện cản trở sự im lặng của mình, đồng thời muốn tránh sự vinh quang của loài người, vị thánh, khi mới hai mươi tuổi, đã bí mật lên đường đến Giê-ru-sa-lem[1230] . Sau khi thờ lạy Thánh Giá, Mộ Thánh Chúa Kitô và các thánh địa khác, ngài đã viếng thăm các vị thánh phụ đang sống trong sa mạc lân cận, và sau khi quan sát cuộc đời cùng đức hạnh của từng vị, ngài đã nỗ lực noi gương họ. Sau đó, ngài đến Tu viện Faran[1231] , cách thành thánh sáu dặm, và khi tìm thấy một căn phòng trống ở nơi hẻo lánh bên ngoài tu viện, ngài đã định cư tại đó mà không có gì cả; sau khi học được nghề đan giỏ, ngài tự nuôi sống mình bằng công việc của đôi tay. Và như vậy, thoát khỏi mọi lo toan trần thế, ngài chỉ có một mối bận tâm duy nhất – làm sao để làm đẹp lòng Chúa.

[1225] Euphimius – bắt nguồn từ động từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "vui mừng, an ủi" – khi dịch ra có nghĩa là: hiền lành, vui vẻ.

[1226] Valens trị vì từ năm 364–378, Gratian trị vì từ năm 375–383.

[1227] Thrace – một vùng thuộc Đế chế Byzantine, nằm ở phía đông bắc bán đảo Balkan. Adrianople – thành phố nằm bên sông Gebre (Maritsa); ngày nay là một thành phố lớn và đông dân, là thủ phủ của vilayet (tỉnh) Thổ Nhĩ Kỳ cùng tên.

[1228] Hoàng đế Theodosius Đại đế trị vì từ năm 379–395.

[1229] Otriy, Giám mục Melitene, đã tỏa sáng tại Công đồng Constantinopolis lần thứ 2 năm 381; sau đó ngài được phong thánh. Lễ kính ngài được cử hành ở phương Đông vào ngày 17 tháng 4.

[1230] Lúc đó, Thánh Euphimius khoảng 29 tuổi. Đó là vào năm 406.

[1231] Tu viện Faran, hay còn gọi là Fare, được Thánh Chariton (ngày kỷ niệm của ngài là ngày 28 tháng 9) thành lập vào nửa đầu thế kỷ IV, cách Jerusalem 6 miliaria (khoảng 8 verst) về phía đông, trên đường đi đến Jericho.

Thánh Euphymius có một người hàng xóm và bạn thân là vị tu sĩ đáng kính Theoktist; hai người gắn bó với nhau bằng tình yêu thiêng liêng đến nỗi cả hai đều có cùng một ý chí, cùng một khát vọng hướng về Chúa, và cùng một công việc thánh thiện. Họ chia sẻ những suy nghĩ của mình với nhau, và mỗi người dường như được bao bọc trong tâm hồn của người kia: bất cứ điều gì người này mong muốn, người kia cũng hướng tới, như thể trong hai thân xác chỉ có một linh hồn. Hàng năm, sau ngày thứ tám của Lễ Hiển Linh, Thánh Euphymius và Thánh Theoktist lui về sa mạc Kutilli[1232] và ở lại đó cho đến Tuần Lễ Hoa[1233] , kiệt sức thân xác bằng việc ăn chay và lao động, nhưng nuôi dưỡng tâm hồn bằng thức ăn thiêng liêng. Sau đó, mỗi người trở về phòng tu của mình với kho tàng đức hạnh dồi dào, mà họ dâng lên Đức Kitô Phục Sinh. Sống như vậy tại Tu viện Faran, một ngày nọ, Thánh Euphimius cùng với Thánh Theoktist đã lên đường đến sa mạc Kutilli[1234] vào giờ thường lệ. Khi đi qua sa mạc, họ đến một vách đá, gần đó có một khe núi hoang dã, ở sâu trong khe có một con suối chảy qua; phía bắc con suối, trên vách đá có một hang động, nơi các loài thú hoang sinh sống và chỉ có thể chui vào được một cách khó khăn bằng cách bám theo vách đá. Vui mừng như thể chính Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn nơi này cho họ, họ định cư tại đó, sống bằng các loại cỏ mọc xung quanh, và không bao giờ quay trở lại tu viện nữa.

Sau một thời gian, khi Đức Chúa Trời thương xót cho các vị thánh nhân hiện ra để mang lại lợi ích cho các tín hữu, thì theo sự an bài của Ngài, một số người chăn cừu từ Lazarus[1235] đã dẫn đàn gia súc của họ đến con suối này. Và khi họ ngước mắt lên nhìn về phía ngọn núi nơi có hang động, họ bất ngờ nhìn thấy hai người đàn ông đang đi trên vách đá, và vì sợ hãi, họ đã bỏ chạy. Các vị thánh cha liền dùng giọng nói hiền lành gọi theo họ:

– Đừng sợ, anh em ơi, đừng sợ: vì chúng tôi cũng là con người, nhưng vì tội lỗi của mình mà phải sống ở nơi này.

Lúc đó, những người chăn cừu, lấy lại can đảm, đã đến gần họ và bước vào hang động; không tìm thấy ở đó bất cứ thứ gì cần thiết cho cuộc sống trần thế, họ vô cùng ngạc nhiên và sau đó trở về nhà, kể lại chuyện về các vị thánh cho người thân của mình. Sau đó, cư dân thành Lazarus bắt đầu đến thăm các vị thánh Euphimius và Theoktistus, mang theo những thứ cần thiết cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Trong khi đó, các vị tu sĩ ở Pharan, nhận thấy các vị thánh không trở về, đã tìm kiếm họ trong sa mạc suốt một thời gian dài, cho đến khi biết được họ đang ở đâu, và sau khi tìm thấy họ, họ bắt đầu thường xuyên đến thăm. Sau đó, một số người mong muốn định cư cùng với họ; những người đầu tiên đến với các vị thánh Euphimius và Theoktistus mà không quay trở lại tu viện là Marin và Luca[1236] . Sau đó, những người khác cũng bắt đầu đổ về, vì danh tiếng về vị thánh Euphimius trong thời gian ngắn đã lan rộng khắp nơi, và nhiều người mong muốn được gặp ngài và tu hành dưới sự hướng dẫn của ngài. Còn ngài, khi tiếp đón những người đến, thì giao phó họ cho sự hướng dẫn của người bạn mình, vị thánh phúc Theoktistos, vì bản thân ngài yêu thích sự ẩn dật hơn tất cả. Không lâu sau, một tu viện cộng đồng đã được thành lập trong sa mạc[1237] , và hang động được biến thành nhà thờ. Thánh Euphimius là vị bác sĩ tâm linh của tất cả mọi người: mỗi anh em đều mở lòng trước ngài, xưng thú những suy nghĩ của mình; còn ngài, với kinh nghiệm tâm linh sâu rộng, đã hướng dẫn mỗi người một cách hữu ích, vừa dạy dỗ vừa khuyên nhủ, vừa răn đe như người cha vừa an ủi. Đối với tất cả các anh em, Thánh Euphimius đã nói:

– Hỡi các anh em! Mục đích mà các anh em đã rời bỏ thế gian, hãy nỗ lực vì điều đó, và đừng lơ là việc cứu rỗi của mình, nhưng hãy tỉnh thức từng giờ, theo lời Chúa: *"Hãy tỉnh thức và cầu nguyện, để khỏi sa vào cám dỗ"* (Mt 26,41); trước hết, hãy biết rằng những ai từ bỏ thế gian và mong muốn sống đời tu hành thì không được có ý chí riêng, mà phải luôn tuân giữ sự vâng lời và lòng khiêm nhường, đồng thời luôn ghi nhớ trong tâm trí về sự chết và giờ phán xét, phải sợ hãi lửa đời đời và khao khát vinh quang của Nước Trời.

[1232] Sa mạc Kutilli nằm về phía đông bắc Giê-ru-sa-lem, cách Giê-ri-cô không xa, ở phía dưới Tu viện Thánh Savva Thánh Hóa hướng về Biển Chết, cách Giê-ru-sa-lem về phía đông 12 verst.

[1233] Tức là, các vị thánh Euphimius và Theoktistus đã lui vào sa mạc sau lễ Hiển Linh của Chúa và ở lại đó cho đến lễ Chúa vào thành Giê-ru-sa-lem, hay còn gọi là Chủ nhật Lá (Tuần Lễ Hoa, hay còn gọi là Tuần Lễ Vai).

[1234] Đó là vào năm 411.

[1235] Ngày nay, đó là làng El-Azaria, gần sa mạc Kutilli.

[1236] Marin và Luca là những môn đệ nổi tiếng của Thánh Euphimius. Sau khi được ngài huấn luyện theo lối tu hành, họ đã trở thành những người tu hành sống đời ẩn dật; vài năm sau, họ tỏa sáng tại các vùng lân cận làng Metopa (nay là Khirbet Jubb er-Rum, trên con đường từ Giê-ru-sa-lem đến tu viện của Thánh Savva Thánh) và thành lập các tu viện; họ đã dẫn dắt Thánh Theodosius Đại Đế đạt đến sự hoàn hảo trong đời sống tu hành; ngài là người đứng đầu cộng đồng tu viện trong sa mạc này và là Archimandrite của cộng đồng tu viện.

[1237] Kinovia – ký túc xá, tu viện cộng đồng.

Ngài còn dạy rằng các tu sĩ, trong khi suy gẫm về Thiên Chúa trong lòng, phải lao động cả về thể xác, đặc biệt là những người trẻ, để kìm chế xác thịt, hầu cho xác thịt phục tùng tinh thần, và phải noi gương Thánh Phaolô, Đấng đã lao động ngày đêm, không chỉ tránh sự lười biếng, mà còn phục vụ cả bản thân lẫn người khác, như chính Ngài đã nói: *"Chính đôi tay này của tôi đã phục vụ cho nhu cầu của tôi và nhu cầu của những người ở cùng tôi*" (Công vụ 20:34). Vì nếu các giáo dân phải gánh vác biết bao công việc vất vả và chịu đựng, không ngừng lao động để nuôi sống vợ con, và từ chính công việc đó, họ dâng lễ vật lên Thiên Chúa, thực hành việc bố thí và nộp thuế: thì chẳng phải chúng ta, hơn thế nữa, phải lao động để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của thân xác, nhằm tránh sự lười biếng và không sống nhờ công sức của người khác, theo lời răn của vị Tông đồ (2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:10) sao?

Vậy, vị cha thánh của chúng ta là Thánh Euphimius, khi dạy dỗ anh em, đã khuyến khích họ siêng năng lao động. Ngài ra lệnh không được nói chuyện trong nhà thờ – trong lúc cử hành thánh lễ, cũng như trong bữa ăn – khi anh em dùng bữa, mà phải giữ im lặng khắp mọi nơi, lắng nghe Lời Chúa. Khi ngài thấy ai trong các tu sĩ, đặc biệt là những người trẻ, muốn ăn chay nghiêm ngặt hơn các tu sĩ khác, ngài không tán thành điều đó và không cho phép tu sĩ ấy làm theo ý riêng, mà yêu cầu người đó phải tuân thủ thời gian kiêng ăn và thời gian dùng bữa chung với mọi người; Thánh nhân dạy rằng anh em phải ăn uống tại bàn ăn một cách tiết độ, không làm no bụng, mà chỉ ăn ít hơn mức cần thiết, để như vậy che giấu việc ăn chay của mình, không công khai nói ra, mà âm thầm trang bị cho mình để chống lại những dục vọng ngày càng gia tăng. Được soi sáng bởi những lời khuyên răn và giáo huấn của Thánh Euphymius, các tu sĩ đã nỗ lực tu hành và gặt hái được thành quả xứng đáng với danh hiệu của mình.

Giờ đây, chúng ta cần nói về Aspévet và Terevon, hai thủ lĩnh của người Saracen, về cách họ được Thánh Euphimius dẫn dắt trở về với Thiên Chúa.

Tại Ba Tư có một người Hy Lạp tên là Aspévet, có một người con trai trẻ tên là Terevon, người này bị quỷ ám, khiến toàn bộ bên phải cơ thể cậu, từ đầu đến chân, đều teo tóp; và không ai có thể chữa khỏi cho cậu, dù người ta đã đưa cậu đến gặp rất nhiều bác sĩ giỏi nhất. Sau đó, Aspévet cùng con trai ốm yếu của mình di cư sang Ả Rập. Sự việc diễn ra như sau. Vào đầu cuộc đàn áp Kitô hữu do các pháp sư ở Ba Tư lúc bấy giờ khởi xướng[1238] , vào cuối triều đại của Izdegerd[1239] , tất cả các tướng lĩnh, trong đó có cả Aspévet, đều nhận lệnh phải canh gác cẩn mật mọi con đường, để không một Kitô hữu nào có thể trốn khỏi Ba Tư sang vùng đất của người Hy Lạp. Lúc bấy giờ, Aspévet, khi chứng kiến sự thù hận tột độ dành cho những người Kitô hữu vô tội, đã thương xót họ và không những không cản trở họ trốn khỏi đất Ba Tư, mà còn tự mình giúp đỡ họ hết sức có thể, bảo vệ họ khỏi nguy hiểm và cái chết. Do đó, ông đã bị những kẻ vô tín vu khống trước mặt vua Izdegerd. Lo sợ bị tra tấn, Aspévet đã đưa con trai, tài sản và tất cả người thân trong nhà, vội vã trốn khỏi Ba Tư sang lãnh thổ vương quốc Hy Lạp. Vua Hy Lạp, sau khi tiếp nhận ông, đã giao cho ông quyền chỉ huy những người Saracen đang sống dưới sự cai trị của người Hy Lạp tại Ả Rập. Khi Aspévet định cư tại đó, con trai ông là Terevon đã thấy trong giấc mơ hình ảnh của Thánh Euphymius, người hứa hẹn sẽ chữa lành cho cậu nếu cậu quy y Chúa Kitô. Khi tỉnh dậy, Terevon kể cho cha nghe về giấc mơ của mình; người cha liền lập tức đưa cậu bé đi, cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo, đến tu viện của các vị thánh Euphimius và Theoktistus. Các tu sĩ, khi thấy đoàn người Saracen đông đảo, đã hoảng sợ. Còn Thánh Theoktistus, bước ra gặp những người Saracen, đã hỏi họ:

– Các ngươi đến đây tìm gì?

Họ đáp:

– Chúng tôi đang tìm người tôi tớ của Chúa là Euphymius.

Thánh Theoktistos nói với họ:

– Người mà các ngươi đang tìm đang sống ở đây, nhưng cho đến ngày thứ Bảy, ngài không gặp ai cả, vì ngài đang giữ im lặng.

Còn Aspévet, nắm lấy tay Théoctiste, chỉ cho ông thấy con trai mình đang ốm và bảo chính cậu bé kể hết mọi chuyện về bản thân.

Cậu bé bắt đầu nói:

[1238] Các pháp sư ở Ba Tư – là thành viên của đẳng cấp tư tế, thuộc một dòng dõi đặc biệt của người Mê-đi. Toàn bộ nền giáo dục khoa học đều tập trung trong tay họ; họ phụ trách các nghi lễ tôn giáo và đóng vai trò có ảnh hưởng lớn trong đời sống nhà nước. Người ta cũng gán cho họ nghệ thuật chiêm tinh (dự đoán số phận con người qua quỹ đạo của các vì sao), bói toán và phù phép, nhất là khi tôn giáo ngoại giáo của người Ba Tư kết hợp với đủ loại mê tín dị đoan.

[1239] Vua Ba Tư Izdegerd I trị vì từ năm 399 đến năm 420. Cuộc nổi dậy do các pháp sư Ba Tư phát động chống lại người Kitô giáo diễn ra vào năm 419.

– Cách đây một năm, tôi bị vết loét này ở Ba Tư và, sau khi trải qua sự điều trị của các bác sĩ cùng những câu thần chú của các pháp sư, tôi không thấy có chút cải thiện nào, mà bệnh tình còn nặng hơn. Khi đến đây, tại xứ Ả Rập, và vẫn không cảm thấy chút nhẹ nhõm nào, vào một đêm nọ, khi nằm trên giường, tôi suy ngẫm xem liệu mình có bao giờ được chữa lành hay không, và tự nhủ: "Ôi, Terevon! Nơi đâu là y thuật của người Hy Lạp và người Ba Tư? Phép thuật và bùa chú đâu rồi? Sức mạnh của các thần tượng của chúng ta đâu rồi, và chúng có ích gì? Những lý thuyết của các nhà chiêm tinh, những câu chuyện thần thoại trong giáo lý của chúng ta và những lời cầu khấn vô ích dành cho các vị thần của chúng ta đâu rồi? Quả thực, tất cả những điều này chỉ là những ảo tưởng đáng cười, vì chúng hoàn toàn không giúp ích gì cho ai cả, nếu không có sự cho phép của Đấng Thượng Đế Duy Nhất và Chân Thật." Suy ngẫm như vậy, tôi quay sang cầu nguyện và khóc lóc thầm thì: "Lạy Đức Chúa Trời vĩ đại và đáng kính, Đấng đã tạo dựng trời và đất, nếu Ngài thương xót con và giải thoát con khỏi căn bệnh quái ác này, thì con sẽ trở thành một Kitô hữu, từ bỏ mọi điều gian ác và lầm lạc của đức tin Hy Lạp." Sau khi cầu nguyện như vậy, tôi chìm vào giấc ngủ và thấy trong mộng một vị tu sĩ tóc hoa râm, râu dài; ông nói với tôi: "Con đang chịu khổ vì điều gì?" Khi tôi chỉ cho ông thấy căn bệnh của mình, ông hỏi: "Con có thực hiện lời hứa với Đức Chúa Trời không?" Tôi đáp: "Con sẽ thực hiện, nếu được giải thoát khỏi căn bệnh này." Lúc đó, vị tu sĩ già nói với tôi: "Ta là Euphimius, đang sống trong sa mạc phía đông, cách Jerusalem mười dặm, gần con đường dẫn đến Jericho. Vậy nên, nếu con muốn được chữa lành, hãy đến gặp ta, và Đức Chúa Trời sẽ chữa lành cho con qua ta." Tôi đã kể lại tất cả những điều mình đã thấy và nghe trong giấc mơ cho cha tôi nghe – và thế là chúng tôi đã đến đây theo lệnh của vị đã hiện ra với tôi trong giấc mơ. Chúng tôi xin ngài, hãy chỉ cho chúng tôi vị thầy thuốc do Đức Chúa Trời sai đến.

Thánh Phêôctist đã đến và kể lại cho Thánh Euphimius vĩ đại nghe tất cả những gì ngài đã nghe được. Ngài, sau khi suy xét rằng không nên chống lại mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, đã phá vỡ sự im lặng của mình, đến bên người bệnh, cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho anh ta, làm dấu thánh giá trên người anh ta – và ngay lập tức Terevon đã khỏi bệnh, như thể anh ta chưa bao giờ bị bệnh vậy. Những người ngoại đạo, kinh ngạc trước sự chữa lành đột ngột của Terevon, đã tin vào Chúa Kitô, và tất cả đều quỳ sấp xuống đất, xin được rửa tội. Còn Thánh Euphemius, vị thánh làm phép lạ, thấy họ đã tin vào Thiên Chúa bằng cả trái tim, đã cử hành nghi thức giảng đạo và rửa tội cho họ, trước tiên là Aspevet, người mà ngài đặt tên là Phêrô[1240] , tiếp theo là Marina, em trai của vợ Aspevet, rồi đến Terevon, cũng như tất cả những người Saracen đi cùng anh ta. Sau khi giữ họ lại tại tu viện trong bốn mươi ngày, vị thánh đã khai sáng cho họ bằng Lời Chúa và, sau khi củng cố đức tin của họ, đã cho họ trở về quê hương. Còn Marina, chú của Terevon, thì không rời khỏi tu viện, mà đã nhận lễ xuất gia tại đó và ở lại đây cho đến khi qua đời; ông đã làm nhiều việc đẹp lòng Chúa và trở thành vị tu viện trưởng của tu viện đó sau Thánh Phêôctist, như sẽ được đề cập chi tiết hơn trong phần sau. Còn về khối tài sản đáng kể mà ông đã dâng tặng cho tu viện, thì một phần được phân phát cho người nghèo, một phần được dùng để xây dựng và mở rộng tu viện.

Trong khi đó, sau khi tin đồn về phép lạ chữa lành cho Terevon lan truyền khắp nơi, vô số người bệnh từ khắp nơi bắt đầu đổ về với Thánh Euphimius, vị bác sĩ không lấy tiền, và tất cả đều nhanh chóng được chữa lành và trở về trong tình trạng khỏe mạnh.

Do đó, danh tiếng của vị thánh không chỉ lan rộng khắp Palestine mà còn đến các vùng lân cận. Còn vị thánh, khi thấy sự im lặng của mình bị phá vỡ, đã buồn bã và đau khổ vì có quá nhiều người đến ca ngợi ngài; ngài nhớ lại sự im lặng trước đây của mình và âm thầm nghĩ đến việc rút lui vào sa mạc được gọi là Ruva[1241] . Thánh Phêôctist, khi biết được điều này, đã thông báo cho các tu sĩ. Và thế là tất cả mọi người đã tụ họp lại, đến và quỳ xuống dưới chân Thánh Euphymius, nài nỉ ngài trong nước mắt đừng bỏ rơi họ. Ngài, với mong muốn an ủi họ, đã hứa ban đầu sẽ không rời khỏi đó, nhưng sau vài ngày, bị thôi thúc bởi khát khao sống trong sự im lặng không ngừng và không còn chịu đựng nổi những lời đồn đại trần tục, vào ban đêm, ngài đã lén rời tu viện, mang theo một đệ tử tên là Dometian, người có đời sống đạo đức, cũng xuất thân từ Melitina như vị thánh, và đi đến Ruva. Khi đi qua sa mạc phía nam gần Biển Chết, ngài leo lên một ngọn núi cao, tách biệt với các ngọn núi khác, có tên là Marda[1242] , và khi tìm thấy trên đó một cái giếng có nước cùng một túp lều đổ nát, ngài đã xây dựng lại nó, định

[1240] Sau đó, Phêrô, người mang tên Aspévet, đã trở thành giám mục đầu tiên của Saracens và tham dự Công đồng Êphêsô (Công đồng Đại kết lần thứ 3) năm 431.

[1241] Ruva – sa mạc nằm ở bờ tây bắc Biển Chết, giữa Biển Chết, con đường dẫn đến Jerusalem ngày nay và tu viện của Thánh Savva Thánh.

[1242] Marda – hay còn gọi là Mores – là một ngọn núi gần Biển Chết.

cư tại đó và sống một thời gian, ăn các loại cỏ hoang dã. Sau đó, vị thánh nhân đã đi vào sa mạc Zif, nằm gần làng Aristovultady[1243] , với mong muốn được chiêm ngưỡng hang động nơi vua Đa-vít từng ẩn náu khi trốn chạy khỏi Sa-ul. Khi nhìn thấy nơi đó, thánh nhân Evfimiy đã lập một tu viện tại đó.

Lý do dẫn đến việc xây dựng tu viện là như sau. Con trai của trưởng làng Aristovultady bị quỷ ám và đã lớn tiếng kêu gọi tên Euphimius, vì đó là điều mà Đức Chúa Trời đã bí mật truyền lệnh cho cậu. Cha của cậu bé cùng các thân nhân đã tìm hỏi khắp nơi về Thánh Euphimius, xem ngài là ai và đang ở đâu. Khi biết ngài đang ở trong hang động của David, nằm giữa Kaparvarih[1244] và Aristovultada, cha của người bệnh đã dẫn con trai bị quỷ ám đến gặp ngài. Ngay khi cậu bé nhìn thấy vị thánh, con quỷ lập tức quật cậu xuống đất và rời khỏi người cậu. Khi tin tức về phép lạ lan truyền, nhiều người từ các làng mạc lân cận đã đến gặp vị thánh và xây dựng cho ngài một tu viện. Các tu sĩ tụ họp xung quanh ngài, và Thiên Chúa đã ban cho họ thức ăn. Tại đó, vị thánh đã dẫn dắt nhiều người thuộc tà giáo Manichaeism trở lại Chính Thống Giáo, thuyết phục họ lên án và nguyền rủa thủ lĩnh tà giáo Manes. Sau đó, cảm thấy phiền lòng vì có quá nhiều khách viếng thăm, ngài nói với đệ tử Dometian của mình:

– Hãy đi nào, con yêu, chúng ta sẽ đến thăm Thánh Phêôctist và các tu sĩ.

Và họ lên đường. Khi đến gần tu viện, Thánh Euphimius đã tìm thấy trên núi một nơi mà ngài ưng ý, và sau này tu viện của ngài được xây dựng tại đó: nơi này bằng phẳng, hẻo lánh, và không khí trong lành. Ông dừng chân tại một hang động nhỏ tình cờ gặp được, nơi sau này, sau khi ngài qua đời, thi hài của ngài đã được an táng[1245] . Thánh Phêôctist, khi biết tin Thánh Evfimii đến, vội vã ra đón và khẩn khoản mời ngài đến ở cùng các tu sĩ tại tu viện của mình. Nhưng Thánh Euphimius không đồng ý và chỉ hứa sẽ đến dự thánh lễ vào mỗi Chủ nhật. Aspévet, hay còn gọi là Phêrô, khi nghe tin Thánh Euphimius đã trở về nơi ở của mình, đã rất vui mừng và đến gặp ngài cùng với một đoàn người Saracen cùng vợ con, xin ngài giảng cho họ lời cứu rỗi. Vị tu sĩ già, sau khi giảng dạy cho họ, đã dẫn dắt tất cả những người đến cùng với Aspévet trở về với Chúa Kitô; đưa họ đến tu viện dưới chân núi, ngài đã ban phép rửa thánh cho họ và ở lại với họ bảy ngày, giảng dạy và củng cố đức tin cho họ. Sau đó, khao khát sự tĩnh lặng, ngài trở về hang động của mình.

Aspevet Phêrô, thấy vị tu sĩ cao niên không có phòng tu mà sống trong một hang động nhỏ, đã gọi thợ xây đến và xây cho vị thánh ba phòng tu, một nhà thờ nhỏ và một lò bánh; sau đó, ông làm một hồ nước hai miệng và cung cấp cho vị tu sĩ cao niên mọi thứ cần thiết, để ngài không phải chịu thiếu thốn điều gì. Những người Saracen mới được rửa tội không muốn rời xa vị thánh nhân nữa, mà mong muốn luôn được thấm nhuần những lời dạy của ngài, nên đã xin vị thánh cho phép họ được sống gần ngài. Nhưng Thánh Euphemius không đồng ý điều này, vì lo sợ rằng sự im lặng của ngài sẽ bị phá vỡ hoàn toàn; tuy nhiên, ngài đã dẫn họ đến một nơi thuận tiện khác, ra lệnh cho họ tự xây dựng phòng tu và nhà thờ cho mình, đồng thời bổ nhiệm các linh mục và phó tế cho họ. Hàng ngày, số người tụ họp ngày càng đông, vì có rất nhiều người Saracen đến và nhận phép rửa tội. Vị thánh thường xuyên đến thăm họ, giảng dạy Lời Chúa. Khi làng của họ trở nên giống như một thành phố lớn, vị thánh đã thỉnh cầu Đức Thượng phụ Giêrusalem Juvenal[1246] phong chức giám mục cho Phêrô, cha của Terevon, để chăm sóc các tín hữu Saracen mới được rửa tội. Và Phêrô đã được phong làm giám mục, đáp ứng nhu cầu thiêng liêng của đông đảo người Saracen đã chấp nhận đức tin thánh thiện.

Thánh Euphemius không muốn có đồng tu tại nơi ngài tu hành trong im lặng, nên ngài không thành lập tu viện hay tu viện lớn nào, mà chỉ gửi những người đến xin thọ giới về tu viện dưới chân núi của Thánh Theoktistos; cũng như nếu ai mang đến cho ngài bất cứ thứ gì để đáp ứng nhu cầu vật chất, ngài đều gửi tất cả những thứ đó về tu viện của các tu sĩ Theoktistos. Khi Đức Chúa Trời thương xót cho nơi đó có nhiều tu sĩ sinh sống, Ngài đã truyền lệnh cho Thánh Euphimius vĩ đại trong một thị kiến rằng đừng xua đuổi những người đến với ngài vì sự cứu rỗi. Một lần nọ, có ba anh em ruột, gốc gác từ Cappadocia, được nuôi dưỡng tại Syria, là Cosmas, Chrysippus và

[1243] Sa mạc Zif là một phần của sa mạc Giu-đa, nằm ở phía nam Giê-ru-sa-lem và phía đông nam Hê-bron. Phía tây và phía đông của nó có những hang động, trong đó có một hang mà Đa-vít đã ẩn náu để trốn tránh sự truy đuổi của Sau-lơ (1 Sử ký, chương 18 trở đi). – Aristovulia – một làng gần Hê-bơ-rôn.

[1244] Kaparzarich – nay là Beni-Naim – là một tu viện từng tọa lạc ở phía đông nam Hebron, trong sa mạc dọc theo dòng sông Jordan, không xa con sông này.

[1245] Ngày nay là Der-Mukelik. Tu viện của Thánh Euphymius nằm cách đó 3.000 bước (khoảng 4 verst về phía nam so với tu viện dưới, bên phải con đường dẫn đến Jericho).

[1246] Thánh Juvenal, Tổng Giám mục Giêrusalem, người bảo vệ Chính Thống giáo chống lại các tà giáo, đã nắm giữ chức vụ từ năm 420 đến năm 458.

Gabriel, đã đến gặp ngài; họ tràn đầy nhiệt huyết hướng tới sự hoàn thiện tâm linh. Nhưng vị tu sĩ già không muốn nhận họ, một phần vì ngài yêu thích sự tĩnh lặng, một phần vì họ còn trẻ, và đặc biệt là vì người em út trong số các anh em, Gabriel, từ khi còn trong bụng mẹ đã là người vô sinh và rất trẻ, khuôn mặt lại giống phụ nữ. Rồi vào ban đêm, vị tu sĩ đã được chứng kiến một sự hiện ra thiêng liêng, trong đó có một tiếng nói vang lên:

– Hãy nhận hai anh em này, vì Chúa đã sai họ đến, và từ nay trở đi, đừng từ chối bất cứ ai mong muốn được cứu rỗi.

Sau đó, vị thánh đã tiếp nhận họ và nói với người anh cả trong số họ là Kosmas:

– Này, ta tiếp nhận các ngươi, như Đức Chúa Trời đã truyền cho ta; vậy ngươi cũng hãy làm theo điều ta ra lệnh: đừng cho người em út ra khỏi phòng, để không ai trong số các anh em khác nhìn thấy anh ta; vì không xứng đáng cho một người có khuôn mặt như phụ nữ sống trong tu viện, để tránh gây ra sự tranh cãi với ai đó.

Sau đó, vị thánh đã tiên đoán cho anh ta những điều sắp xảy ra.

– Theo tôi nghĩ, – ngài nói, – ngươi sẽ không ở lại đây lâu: vì Đức Chúa Trời muốn trao cho ngươi chức giám mục tại Giáo hội Skifopol[1247] .

Lời tiên tri này sau đó quả thực đã thành hiện thực.

Sau đó, vị thánh bắt đầu tiếp đón tất cả những ai đến. Ông đã tiếp đón Domnin, người gốc Antioch[1248] , cháu trai của Gioan, Tổng Giám mục Antioch[1249] ; cũng tiếp nhận ba anh em khác từ Melita, là các cháu trai của vị Thượng phụ đã từng cùng với Akakios làm thầy dạy cho Euphymius, tên là Stephanos, Andreas và Gaios; sau đó là Gioan, linh mục tại Raif[1250] , Anatolius và Falassius, cũng như Kyrion từ Tiberiada[1251] , linh mục của nhà thờ Thánh Tử đạo Basil tại Skifopolis; Sau khi tiếp đón tất cả họ, ngài ra lệnh cho Giám mục Phêrô xây dựng cho họ những phòng nhỏ và trang hoàng nhà thờ với mọi sự lộng lẫy. Như vậy, ngài đã xây dựng tu viện theo mô hình của tu viện Faran. Và Đức Thượng phụ Giêrusalem Juvenal đã đến tu viện cùng với Thánh Passarion[1252] , lúc bấy giờ là phó giám mục[1253] , và Isichius[1254] , linh mục và nhà giảng dạy giáo lý, và đã làm phép thánh hóa nhà thờ của tu viện[1255] . Lúc đó, Euthymius đã năm mươi hai tuổi. Thượng phụ cũng bổ nhiệm hai phó tế cho tu viện là Dometian và Domnin; còn các linh mục là Gioan và Kirion. Thánh Euphimius vĩ đại đã vui mừng trong lòng vì lễ thánh hiến tu viện của mình, đặc biệt là vì đã được gặp gỡ Đức Thượng phụ, Đức Thánh Passarion và nhà thần học Isichius, những người đều là những ngọn đèn rực rỡ. Nhưng Thánh Passarion đã qua đời chưa đầy bảy tháng sau đó, khi ngài đã ở tuổi già cao.

Trong năm đầu tiên sau khi tu viện được thánh hiến, khi các tu sĩ cùng với Thánh Euphimius gặp nhiều khó khăn về nhu cầu vật chất, ban đầu, Dometian[1256] được bổ nhiệm làm quản lý. Một lần nọ, một đoàn người Armenia đang trên đường từ Thành Thánh đến sông Jordan đã rẽ phải khỏi con đường chính và đến tu viện, vì Chúa đã sắp đặt như vậy để đức hạnh và đức tin của vị cha vĩ đại này được tỏa sáng rực rỡ hơn nữa. Số người trong đoàn không dưới bốn trăm người. Thấy họ và nhận ra rằng họ đang đói, vị thánh nhân đã gọi quản lý Dometian và nói:

– Hãy dọn thức ăn cho những người này.

Dometian đáp lại:

[1247] Scythopolis – một thành phố ở phía bắc Jerusalem. Vào thời đó, đây là một thành phố thịnh vượng và đông đúc. Ngày nay, nơi đây chỉ còn là một ngôi làng nghèo (Besan) nằm giữa sa mạc cằn cỗi.

[1248] Antioch – thủ đô cổ xưa của Syria, nằm ở phía bắc Palestine, bên bờ sông Orontes, chảy ra Biển Địa Trung Hải.

[1249] Giăng, tổng giám mục (tổng giám mục) Antioch, nắm giữ chức vụ từ năm 423 đến năm 440.

[1250] Raifa – nay là et-Tor – là một làng nằm trên bờ đông của bán đảo Sinai, bên Biển Đỏ.

[1251] Tiberiada – nay là Tiberias – là một thành phố nằm trên bờ tây của Hồ Gennesaret hay Hồ Tiberiada (còn gọi là Biển Galilee), ở phía bắc Palestine.

[1252] Lễ tưởng niệm Thánh Passarion được cử hành vào Thứ Bảy Phô mai.

[1253] Trong Giáo hội cổ đại, ngoài các giám mục thành phố và giáo phận, còn có các giám mục làng, những người (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "làng") được gọi là "chorepiscopoi". Họ hoạt động dưới sự giám sát của giám mục thành phố, phụ trách một khu vực nhất định gồm các nhà thờ nông thôn, tuyển chọn các giáo sĩ cấp thấp cho các nhà thờ thuộc quyền quản lý của mình, dâng các lễ vật thiêng liêng và phân phát tiền bố thí từ tài sản của Giáo hội, nhưng không có quyền phong chức cho các linh mục và phó tế. Trong hoạt động của mình, họ báo cáo trực tiếp với giám mục trưởng của thành phố và là những trợ lý trực tiếp của ngài. Sau này, chức vụ này đã bị bãi bỏ.

[1254] Sau này, Isichius được phong thánh. Ngày kỷ niệm của ngài là vào Thứ Bảy trước Lễ Phục Sinh.

[1255] Năm 429.

[1256] Quản lý – người phụ trách công việc kinh tế của tu viện.

– Thưa Cha! Người quản kho[1257] không có gì để nuôi sống mười người: vậy thì con lấy bánh ở đâu ra để nuôi sống đám đông như vậy?

Vị thánh, đầy ân sủng tiên tri, đã nói:

– Hãy đi và làm theo điều Ta truyền cho con, vì Thánh Thần phán rằng những người này sẽ ăn no nê, và chúng ta sẽ còn lại thức ăn dồi dào.

Dometian đi đến phòng chứa bánh, nơi chỉ có một ít bánh, nhưng không thể mở cửa được, vì ân sủng của Thiên Chúa đã làm cho căn phòng đầy ắp đến tận trần. Ông gọi một số anh em đến, nhờ họ giúp đỡ mà đạp tung cánh cửa ra, và bánh mì tràn ra khỏi phòng. Phước lành tương tự cũng xảy ra với rượu và dầu, vì các bình chứa bỗng chốc đều đầy ắp. Mọi người đều ăn và no nê. Suốt ba tháng liền, họ không thể lắp cửa trở lại vị trí cũ vì bánh mì quá dồi dào: bánh mì không hề giảm bớt, giống như xưa kia, thùng bột và bình dầu của người góa phụ hiếu khách ở Sarepta, Sidon, cũng không bao giờ cạn kiệt (3 Vua 17:14)[1258] . Dometian, kinh ngạc trước phép lạ đó, đã quỳ xuống dưới chân vị thầy, xin tha thứ. Vị tu sĩ già, sau khi giải thích cho anh ta hiểu, đã giảng dạy về lòng hiếu khách và niềm hy vọng nơi Đức Chúa Trời.

Từ đó, tu viện bắt đầu phát triển, được ban phước với mọi sự dư dật và mở rộng các tòa nhà phòng tu; và Thánh lễ được cử hành hàng ngày trong nhà thờ. Quản lý tu viện buộc phải mua gia súc để phục vụ nhu cầu của tu viện và hỗ trợ các tu sĩ. Trong tu viện có một tu sĩ tên là Avksentii[1259] , quê ở Á Châu, rất phù hợp với công việc này. Quản lý đã yêu cầu anh ta trông coi và chăn dắt ngựa và lừa của tu viện, nhưng anh ta không vâng lời. Lúc đó, quản lý đã tìm đến các linh mục Gioan và Kirion và cùng với họ khuyên nhủ Avksentius nhận nhiệm vụ này; nhưng anh ta cũng không vâng lời họ. Khi ngày thứ Bảy đến, khi có cơ hội trò chuyện với vị thánh vĩ đại Evfimii về các công việc của tu viện, quản lý đã kể cho vị thánh về sự không vâng lời của Avksentii. Vị thánh, sau khi gọi Avksentii đến, đã nói với anh ta:

– Hãy nghe lời chúng ta, con ơi, và hãy chấp nhận sự vâng lời được giao phó cho con.

Anh ta đáp lại:

– Con không thể, thưa Cha kính mến, – có ba lý do cản trở con thực hiện điều này: thứ nhất là con là người ngoại quốc và không thể nói được tiếng địa phương; thứ hai là nỗi sợ sa ngã vào tội lỗi; thứ ba là vì phải chăm sóc gia súc, con sẽ không còn có thể ngồi trong phòng tu để suy ngẫm về Chúa và giữ im lặng nữa.

Thánh Euphimius vĩ đại đáp lại:

– Chúng ta hãy cầu xin Chúa để con không phải chịu bất kỳ tổn hại nào từ tất cả những điều đó, vì Chúa biết rằng vì lòng kính sợ Ngài mà con đang phục vụ các tôi tớ của Ngài. Hãy lắng nghe Chúa phán: *"Con Người không đến để được phục vụ, mà để phục vụ"* (Mt 20,28) và còn nữa: *"Ta không tìm kiếm ý muốn của Ta, mà là ý muốn của Cha đã sai Ta"* (Ga 6,30).

Nhưng ngay cả sau những lời khuyên nhủ như vậy, vị thánh Avksenti vẫn cứng lòng và không vâng lời. Lúc đó, vị thánh, trong cơn giận dữ, đã nói:

– Hỡi con, chúng ta khuyên con điều có lợi cho con, nhưng con lại không nghe; con sẽ thấy phần thưởng cho sự bất tuân là như thế nào.

Và ngay lập tức, Avksenti ngã xuống đất trong cơn điên loạn, run rẩy và co giật; các vị cha có mặt tại đó đã cầu xin vị thánh cho anh ta, và vị thánh, sau khi được nài nỉ, đã nâng anh ta dậy, làm dấu thánh giá, và chữa lành cho anh ta. Khi tỉnh lại, Avksenti quỳ xuống dưới chân vị thánh và xin tha thứ. Vị thánh nói với anh ta:

– Sự vâng lời là một đức tính cao quý, vì Thiên Chúa đòi hỏi sự vâng lời hơn cả của lễ; còn sự bất tuân thì dẫn đến cái chết.

Sau đó, sau khi dâng lời cầu nguyện cho Avksentii, Thánh Euphimius ban phước lành cho anh ta và nói:

– *"Ngươi đã được chữa lành; đừng phạm tội nữa, kẻo điều tồi tệ hơn sẽ xảy ra với ngươi"* (Giăng 6:14).

Sau đó, Auxentius đã chấp nhận nhiệm vụ được giao phó và bắt đầu thực hiện nó với lòng nhiệt thành.

Hai anh em, Maron và Klimati, vì không chịu nổi cuộc sống khắc nghiệt trong tu viện, đã âm mưu trốn chạy vào ban đêm; và khi họ đã chuẩn bị sẵn sàng, ý định của họ đã bị Thánh Euphimius phát hiện: ngài đã thấy trong

---

[1257] Kelar – người giữ và phân phát các vật tư của tu viện.

[1258] Chvanets – một chiếc bình nhỏ, giống như một cái bình nước.

[1259] Asia – phần phía tây của Tiểu Á; vùng đất này được gọi như vậy sau khi bị người La Mã chinh phục từ trước Công nguyên. Sau đó, tên gọi Asia được mở rộng để chỉ toàn bộ lục địa; trong trường hợp này, tất nhiên là chỉ phần phía tây của Tiểu Á.

một thị kiến con quỷ đang đeo dây cương vào cổ họ và lôi kéo họ vào những cái bẫy chết chóc. Ngay lập tức, vị thánh nhân gọi hai người đến và có một cuộc trò chuyện dài với họ, giảng dạy về lòng kiên nhẫn, thuyết phục và khuyên nhủ họ từ bỏ ý định tai hại đó. Ngài nói rằng chúng ta phải tự giữ mình cẩn trọng: A-đam, khi còn ở trong vườn Ê-đen, đã vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời; còn Giốp thì đã tuân giữ điều răn ấy, dù đang ngồi trên đống phân. Bên cạnh lời khuyên nhủ này, ngài còn nói thêm như sau:

– Chúng ta không được để những ý nghĩ xảo trá xâm nhập, gieo rắc nỗi buồn hay lòng căm ghét đối với nơi chúng ta đang sống, hay đối với những người cùng chung sống; không nên nghe theo những ý nghĩ khuyên chúng ta chuyển đến nơi khác; nhưng chúng ta cần phải tỉnh táo từng giây từng phút và hướng tâm trí mình tránh xa những mưu mô của ma quỷ, để khi chuyển đi, nguyên tắc của chúng ta không bị phá vỡ, vì cây cối nếu thường xuyên bị chuyển chỗ thì sẽ không kết trái. Nếu ai muốn làm điều tốt tại nơi mình đang sống mà không thể, thì đừng nghĩ rằng mình có thể làm được điều đó ở nơi khác: vì việc làm tốt không phụ thuộc vào nơi chốn, mà phụ thuộc vào ý chí và đức tin. Hãy nghe một câu chuyện mà tôi đã nghe từ các tu sĩ Ai Cập. Có một tu sĩ sống tại Ai Cập trong một tu viện, người này thường hay nổi giận và lo âu, miệng luôn thốt ra những lời chửi rủa; khi rơi vào trạng thái chán nản, ông rời khỏi tu viện và sống ẩn dật, cho rằng nếu không có ai để trò chuyện, ông sẽ thoát khỏi thói quen hay nổi giận của mình. Một ngày nọ, khi anh ta múc nước vào một cái bình vì một nhu cầu nào đó, cái bình bị lật đổ; anh ta múc nước vào lần thứ hai, nhưng cái bình lại bị lật đổ; điều tương tự cũng xảy ra lần thứ ba. Vị tu sĩ, bị ma quỷ xúi giục, đã nổi giận với cái bình, nắm lấy và đập vỡ nó.

Khi Thánh Euphimius nói điều này, Klimatius đã cười lớn. Vị tu sĩ già nhìn anh ta và nói:

– Anh em ơi, chẳng lẽ anh cũng bị ma quỷ mê hoặc mà lại cười điên dại như vậy sao? Chẳng lẽ anh chưa nghe nói rằng Chúa coi những kẻ cười cợt là những kẻ bị ruồng bỏ, còn những kẻ khóc lóc thì được Ngài ban phước sao?

Nói xong, vị thánh quay lưng lại với Klimati và đi vào phòng riêng của mình. Klimati lập tức quỳ sấp xuống, run rẩy, vì một nỗi sợ hãi và kinh hoàng nào đó ập đến với anh ta. Lúc đó, Dometian đang có mặt ở đó; ông tập hợp một số vị cha và, bước vào gặp vị thánh, xin tha thứ cho Klimati.

Nghe theo lời họ, vị thánh bước ra, đỡ người đang nằm dậy và dùng dấu thánh giá chữa lành cho anh ta, đồng thời nói:

– Từ nay trở đi, hãy tự răn mình và đừng coi thường những lời dạy dỗ của các vị cha, hãy đón nhận chúng như thể là Lời của Thiên Chúa, và hãy trở nên như đôi mắt, như chúng ta đã nghe nói về các Thiên Thần Cherubim. Hãy cẩn trọng bảo vệ bản thân từ mọi phía, vì ngươi đang đi giữa những cái bẫy.

Sau khi khiển trách người anh em và răn dạy cả hai người đã âm mưu bỏ trốn, vị thánh đã cho họ trở về phòng tu của mình với lòng tin được củng cố.

Vào thời kỳ đó, Công đồng Đại kết lần thứ III đã được triệu tập tại Ê-phê-sô để đối phó với Nestorius, kẻ vô đạo[1260] . Lúc bấy giờ, vị Thượng phụ nói trên đã từ Melitene đến Palestine để tham dự, người này, cùng với Akakios, từng là thầy dạy của vị thánh khi ngài còn trẻ. Tại tu viện của Thánh Euphymius có ba người cháu trai đã được nhắc đến ở trên: Stephan, Andrew và Gaius, Synodius đã đến đó và, sau khi hôn lên mặt vị thánh Euthymius, đã kể cho ngài nghe về tà thuyết vô đạo của Nestorius, người mà, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, đã từng là tổng giám mục Constantinople trong một thời gian và đã gây xáo trộn cả thế giới bằng những giáo lý sai lầm của mình; ông đã kể cho ngài nghe về lòng nhiệt thành bảo vệ Chính Thống Giáo của Thánh Cyril, Tổng Giám mục Alexandria[1261] , và Akakios, Giám mục Melitene, người từng là thầy dạy của ông. Vị thánh nhân đã vui mừng vì họ. Đối với Phêrô, người trước đây có tên là Aspévet, lúc bấy giờ đã là Giám mục Saracens, người cùng với các Giám mục Palestine khác đang trên đường đến Công đồng Êphêsô, vị thánh nhân đã ra lệnh cho ông phải tuân theo giáo lý của Cyril và Akakios và bảo vệ họ bằng mọi cách. Sau khi công đồng kết thúc và Nestorius bị phế truất, Phêrô trở về và kể chi tiết cho vị tu sĩ cao niên nghe về mọi sự đã xảy ra tại công đồng; vị tu sĩ cao niên vui mừng vì sự khẳng định của Chính Thống Giáo, nhưng lại buồn bã vì Gioan, Tổng Giám mục Antioch, người dù là người Chính Thống Giáo nhưng lại bênh vực Nestorius.

[1260] Năm 431.

[1261] Lễ tưởng niệm Thánh Cyril thành Alexandria (năm 444) được Giáo hội cử hành vào ngày 9 tháng 6 và 18 tháng 1, cùng với Thánh Athanasius thành Alexandria

Phó tế Domnin, vì thương xót người chú của mình, đã xin vị Thánh Cha vĩ đại cho phép ông trở về Antioch để khuyên răn người chú. Nhưng vị Thánh đã nói với ông:

– Đừng đi, con ơi: nếu con ở lại nơi mà con được kêu gọi, và không nghe theo ý nghĩ muốn lôi kéo con ra khỏi sa mạc, thì con sẽ thành công trong đức hạnh và được vinh hiển trước mặt Thiên Chúa; còn nếu con không nghe lời ta mà đi, thì con sẽ nhận lấy ngai vàng của chú con, nhưng không phải vì lợi ích gì, và con sẽ không được tôn kính trên đó lâu dài, vì nó sẽ sớm bị những kẻ ác cướp mất khỏi tay con.

Nhưng Domnin, không vâng theo lời răn của cha mình, đã lên đường đến Antioch mà không có sự chúc phúc của ngài – và mọi điều mà Thánh[1262] đã tiên đoán đều ứng nghiệm trên người ông; sau đó, ông quay trở lại gặp vị tu sĩ già, vừa khóc lóc vừa ăn năn, và kinh ngạc trước sự sáng suốt của vị thánh.

Về vị cha thánh đáng kính của chúng ta là Euthymius, thánh Cyriacus, một ẩn sĩ và là môn đệ của ngài, đã làm chứng như sau: "Chúng tôi chưa bao giờ thấy ngài ăn uống, trừ ngày thứ Bảy và Chủ Nhật, cũng chưa bao giờ thấy ngài trò chuyện với ai, trừ khi có sự cần thiết lớn lao, hay ngủ nằm nghiêng, mà chỉ thỉnh thoảng chợp mắt khi đang ngồi; thỉnh thoảng ngài nắm chặt sợi dây được giăng ở góc phòng tu bằng cả hai tay và như vậy, vì nhu cầu thể xác, ngài chợp mắt một chút, tuân theo lời dạy của vị thánh vĩ đại Arsenius về giấc ngủ: 'Hãy đến đây, hỡi nô lệ xấu xa!' Vì ngài noi gương cuộc đời của Thánh Arsenius và say sưa lắng nghe những câu chuyện về ngài từ các anh em đến từ Ai Cập".

Có một người tên là Anastasius, người trông coi các thánh vật của Nhà thờ Thánh Phục Sinh[1263] , mong muốn được gặp vị thánh vĩ đại Euphimius và cùng với các bạn bè của mình, những giáo sĩ ở Jerusalem, đã đến tu viện của ngài. Thánh Euphimius, bằng linh hồn đã tiên tri được sự đến của họ, đã gọi người quản lý tu viện Chrysippus và nói với ông:

– Hãy chuẩn bị đón tiếp khách, vì Đức Thượng phụ Giêrusalem đang đến.

Khi các vị khách đến, vị thánh đã tiếp đón Anastasius như một vị tổng giám mục và trò chuyện với ngài như với một vị tổng giám mục. Tất cả những người có mặt đều ngạc nhiên; còn quản lý Chrysippus, tiến lại gần, thì thầm vào tai vị thánh:

– Thưa cha, ở đây không có vị tổng giám mục nào cả; đây là Thánh Anastasius, vị bảo vệ các thánh tích.

Vị thánh, đầy ngạc nhiên, nói:

– Hãy tin ta, con ơi, cho đến nay ta vẫn thấy ngài mặc y phục của tổng giám mục. Và quả thực ta không lầm: vì điều gì Thiên Chúa đã định trước, thì Ngài sẽ thực hiện như vậy.

Lời nói của vị thánh này được thốt ra trước mọi người và đã trở thành sự thật vào đúng thời điểm, khi Anastasius được tấn phong làm tổng giám mục[1264] .

Terevon nói trên, con trai của Giám mục Phêrô, người được gọi là Aspeveta, đã lấy vợ trong dòng họ mình và sống với nàng một thời gian dài, nhưng không có con, vì nàng vô sinh. Ông đưa nàng đến gặp vị thánh làm phép lạ Evfimiy và cầu xin ngài, nói rằng:

– Con biết, thưa Cha, rằng Thiên Chúa sẽ nhậm lời cầu nguyện của Cha, vì Ngài thực hiện ý muốn của những ai kính sợ Ngài. Vậy, con khẩn cầu sự thánh thiện của Cha: xin cầu nguyện cho chúng con cùng Thiên Chúa Yêu Thương Loài Người, để Ngài ban cho chúng con một đứa con.

Vị thánh đã làm dấu Thánh Giá ba lần cho ông và vợ, rồi nói với họ:

– Nguyện Chúa ban cho các con khả năng sinh con, và các con sẽ có ba người con trai.

Có một tu sĩ trong tu viện tên là Emilian, vào một đêm nọ, lúc bình minh ngày Chủ nhật, do bị ma quỷ ám ảnh, anh ta bốc cháy vì dục vọng xác thịt và bị xao động bởi những ý nghĩ ô uế, cảm thấy trong lòng khao khát tội lỗi. Tình cờ, Thánh Evfimii, trên đường đi dự thánh lễ sáng tại nhà thờ, đi ngang qua nơi vị tu sĩ đang đứng, bị cám dỗ bởi dục vọng; ngửi thấy mùi hôi thối của ác quỷ dâm dục và hiểu rõ điều đang xảy ra, vị thánh nói:

– Nguyện Chúa trừng phạt ngươi, hỡi linh hồn ô uế đáng nguyền rủa.

Và ngay lập tức, anh em ấy ngã xuống đất, sùi bọt mép và điên cuồng. Các anh em tụ tập lại, người ta mang đến một ngọn nến, – và vị thánh nói với các anh em:

[1262] Domnin giữ chức Thượng phụ tại Antioch từ năm 441 đến năm 448.

[1263] Nhà thờ Thánh Phục Sinh ở Jerusalem được Constantine Đại đế xây dựng và làm lễ thánh hiến vào ngày 13 tháng 9 năm 335. Nhà thờ này được xây dựng trên hang động Mộ Thánh và nổi bật với những trang trí lộng lẫy và phong phú. Trong nhà thờ có rất nhiều đồ thờ cúng được đính đá quý, và Anastasius chính là người giữ kho báu (tiếng Hy Lạp: skevophylax) của những vật phẩm này.

[1264] Anastasius giữ chức Thượng phụ tại Jerusalem từ năm 458 đến năm 478.

– Các anh em có thấy vị tu sĩ này không? Từ thuở thiếu thời cho đến nay, anh ta đã sống đạo đức, giữ gìn sự trong sạch về thể xác; nhưng giờ đây, khi anh ta chỉ trong chốc lát bị cuốn vào dục vọng xác thịt, suy nghĩ với sự thèm khát và đắm chìm trong những ý nghĩ ô uế ấy, thì ác quỷ đã chiếm hữu anh ta. Vậy chúng ta hãy rút ra bài học từ nỗi đau khổ này của anh ta, và ai nấy hãy biết rằng: nếu ai đó, dù không chạm vào thân thể người khác và không phạm tội ô uế, nhưng trong tâm trí lại dâm dục, bị cuốn theo những ý nghĩ ô uế, giữ chúng lại, chấp nhận chúng và đắm chìm trong chúng – thì người ấy là kẻ dâm đãng, và ma quỷ đã chiếm hữu người ấy.

Cùng với điều này, vị tu sĩ già còn kể thêm câu chuyện sau đây:

– Hãy nghe đây, anh em, – ngài nói, – câu chuyện mà một số vị cha ở Ai Cập đã kể cho tôi nghe về một anh em, người mà mọi người đều coi là thánh nhân, nhưng trong lòng lại làm phật lòng Đức Chúa Trời, vì bị cuốn theo những ý nghĩ bất chính và phạm tội dâm dục trong tâm trí. Khi anh ta sắp qua đời, có một vị tu sĩ thông tuệ đến đó và nghe nói anh ta đang ốm nặng sắp chết, rồi thấy tất cả cư dân nơi đó đang khóc lóc và nói: "Nếu vị thánh này qua đời, thì chúng ta không còn hy vọng được cứu rỗi nữa, vì tất cả chúng ta đều được cứu rỗi nhờ những lời cầu nguyện của ngài." Nghe vậy, vị tu sĩ có khả năng thấu thị vội vã đến bên người bệnh, mong nhận được lời chúc phúc từ vị thánh giả mạo này; và khi đến gần nơi ở của ông, ông thấy đông đảo dân chúng cầm nến, cùng các linh mục và phó tế, đang chờ đợi giám mục đến để cử hành lễ an táng long trọng cho vị thánh ấy. Khi bước vào căn phòng, vị tu sĩ già thấy người ấy vẫn còn thở, và khi nhìn bằng con mắt tâm linh, ông thấy một con quỷ đang cầm cây đinh ba; bằng cây đinh ba đó, con quỷ đâm xuyên qua trái tim người sắp chết và đang dùng vô vàn cực hình để lôi linh hồn anh ta ra. Lúc đó, vị thánh nghe thấy một tiếng nói từ trời phán: "Như linh hồn người ấy chưa từng mang lại sự bình an cho Ta dù chỉ một ngày, thì ngươi cũng hãy không ngừng hành hạ người ấy và lôi linh hồn người ấy ra khỏi thân xác." Vậy là vị tu sĩ ấy đã qua đời trong đau đớn, bởi bề ngoài người ấy trông như một vị thánh, nhưng trong lòng lại làm phật lòng Thiên Chúa." "Hãy lưu ý điều này, hỡi các anh em," vị thánh Euphimius tiếp tục, "hãy cẩn trọng tránh xa những ý nghĩ làm ô uế linh hồn: vì khi linh hồn lìa khỏi thân xác, những ai mơ mộng về sự dâm dục sẽ phải chịu cùng một cực hình như những kẻ thực sự phạm tội đó. Nhưng chúng ta hãy cầu nguyện cho anh em Emilián này cùng Đức Chúa Trời, Đấng trừng phạt anh ta nhưng không giết chết anh ta, để Ngài giải thoát anh ta khỏi ma quỷ và những dục vọng xác thịt.

Khi vị thánh cầu nguyện xong, con quỷ liền thoát ra, la lên: "Ta là linh hồn của sự dâm dục" và làm cho cả nơi đó ngập tràn mùi hôi thối như mùi lưu huỳnh đang cháy. Kể từ đó, Emilian được giải thoát khỏi những ham muốn ô uế và trở thành bình thánh được Chúa chọn.

Vào thời điểm đó, trời không mưa, và xảy ra một trận hạn hán lớn, và lời Kinh Thánh đã ứng nghiệm: *"Và bầu trời của ngươi, ở trên đầu ngươi, sẽ trở thành đồng, và đất dưới chân ngươi sẽ trở thành sắt"* (Đệ Nhị Luật 28:23). Và tất cả mọi người đều lâm vào nỗi đau khổ tột cùng vì hạn hán. Các tu sĩ cùng với Thánh Phêôctist đã xin Thánh Evfimii cầu nguyện với Chúa và xin mưa, vì họ biết lời cầu nguyện của ngài có sức mạnh lớn lao trước mặt Chúa; nhưng ngài không đồng ý. Lễ Hiển Linh của Chúa đã đến, và ngày mà Thánh thường lui vào sa mạc cho đến tận Tuần Hoa đang đến gần. Rất đông người dân từ thành thánh và các làng mạc lân cận đã tụ tập tại tu viện, mang theo thánh giá và kêu lên: "Lạy Chúa, xin thương xót!" Họ đến gặp Thánh Evfimii vĩ đại, không cho ngài lên sa mạc cho đến khi ngài cầu xin Chúa ban mưa xuống. Nghe thấy tiếng kêu than, vị thánh ra gặp họ và nói:

– Các con tìm gì ở một con người tội lỗi như ta? Hỡi các con, ta không dám cầu xin điều này với Chúa, vì ta là kẻ có tội và còn cần đến lòng thương xót của Ngài hơn ai hết, nhất là trong thời điểm Ngài đang giận dữ này. Những tội lỗi của chúng ta đã chia cách chúng ta khỏi Ngài, chúng ta đã làm lu mờ hình ảnh của Ngài, làm ô uế nhà thờ của Ngài, phục vụ cho những dục vọng và các đam mê khác nhau, sống trong lòng tham và ghen tị, và xứng đáng bị ghét bỏ, vì chúng ta ghét nhau; vì lý do đó, Ngài đã giáng xuống chúng ta hình phạt này, để qua đó chúng ta được thức tỉnh và ăn năn; khi chúng ta sửa đổi bản thân bằng sự ăn năn, thì Ngài sẽ lắng nghe chúng ta, vì có chép rằng: *"Chúa gần gũi với tất cả những ai kêu cầu Ngài trong sự chân thật"* (Thánh Vịnh 144:18).

Khi vị thánh nói như vậy với dân chúng, tất cả dường như cùng một lúc kêu lên:

– Chính cha hãy cầu nguyện cho chúng con; chúng con tin rằng Đức Chúa Trời sẽ nghe lời cầu nguyện của cha, vì Ngài thực hiện ý muốn của những ai kính sợ Ngài.

Được những lời ấy lay động, vị thánh nhân, cùng các vị cha đi theo, đã vào nhà thờ, ra lệnh cho dân chúng cũng cầu nguyện. Ngã sấp mặt xuống trong nhà thờ, ngài đã khóc lóc cầu xin Thiên Chúa thương xót tạo vật của Ngài, ban ơn lành và ân sủng xuống trần gian, và tưới đẫm đất đai bằng mưa. Khi ngài đang cầu nguyện, bỗng

nhiên gió nam thổi lên, bầu trời phủ đầy mây, sấm sét vang dội và mưa lớn trút xuống. Lúc đó, vị thánh đứng dậy, kết thúc lời cầu nguyện, bước ra và nói với dân chúng:

– Này, Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện của các ngươi, Ngài sẽ ban phước cho mùa hè này hơn các năm khác. Vì vậy, các ngươi hãy cố gắng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, Đấng đã ban ân sủng cho các ngươi, bằng những việc lành.

Nói xong, vị thánh cho dân chúng giải tán. Mưa vẫn tiếp tục đổ xuống như trút nước trong nhiều ngày liền, đến nỗi vị thánh không thể theo thói quen của mình mà lên sa mạc lớn. Và mùa hè năm đó đã được ban phước với sự dồi dào của hoa màu hơn hẳn các năm khác, đúng như lời vị thánh đã nói.

Vào năm thứ bảy mươi lăm của cuộc đời vị thánh Euphymius, Công đồng Chung thứ tư đã được tổ chức tại Chalcedon để chống lại Dioscorus, vị tổng giám mục vô đạo của Alexandria[1265] . Tại công đồng này, một số môn đệ của vị thánh, những người đã được phong chức giám mục, cũng có mặt: Thánh Stefan, giám mục Iamnia[1266] , và Thánh Gioan, giám mục Saracens, người kế vị Thánh Phêrô Aspévet; sau khi ghi chép các quyết định của Công đồng Chalcedon, họ đã báo cáo lại cho vị sư phụ của mình, Thánh Euphimius. Ngài đã chấp nhận tuyên xưng đức tin được trình bày tại Công đồng Chalcedon và công nhận nó là chính thống – và tin đồn nhanh chóng lan truyền khắp sa mạc Palestine và giữa tất cả các tu sĩ, trong đó nhiều người có niềm tin không chính thống, rằng vị thánh vĩ đại Euphimius sẽ tuân theo Công đồng Chalcedon. Vào thời điểm đó, một kẻ dị giáo tên là Theodosius đã đến Palestine; bề ngoài là một tu sĩ, nhưng thực chất là một kẻ vô đạo, đầy rẫy những giáo lý sai lầm của Eutyches; hắn đã phỉ báng Công đồng Chalcedon thánh thiện, khẳng định rằng tại đó, giáo lý chính thống đã bị bác bỏ và tà thuyết của Nestorius đã được phục hồi, đồng thời lan truyền nhiều lời nói khiếm nhã và sai trái khác. Lúc bấy giờ, tại Palestine có Hoàng hậu Eudokia, vợ của vị vua đạo đức Theodosius II[1267] ; sau khi chồng qua đời, bà sống tại các thánh địa. Và kẻ dị giáo Theodosius nói trên trước tiên đã lôi kéo Hoàng hậu Eudokia từ chối Công đồng Chalcedon; sau đó, hắn đã lây lan tà thuyết của mình cho nhiều vị tu sĩ ẩn dật và biến họ thành những người đồng chí hướng với mình. Sau đó, cùng với đông đảo các tu sĩ bị lôi kéo, hắn đã kích động một cuộc nổi loạn chống lại Thượng phụ Juvenalius: hắn không ngừng thuyết phục ngài từ chối các quyết định của Công đồng Chalcedon; khi ngài từ chối, hắn đã lật đổ ngài khỏi ngai Thượng phụ, – và Juvenalius đã rời đi đến Constantinople gặp Hoàng đế Marcian.

Còn Theodosius, nhờ sự ủng hộ của hoàng hậu Eudokia và sức mạnh của các tu sĩ bị tà thuyết làm mù quáng đang giúp đỡ ông, đã lên ngôi tổng giám mục[1268] và gây ra nhiều điều ác cho những người Chính thống; các giám mục và giáo sĩ không muốn hiệp thông với ông, thì có người bị phế truất, có người bị tra tấn và giết hại, và ông đã lôi kéo tất cả các tu sĩ Palestine theo mình, ngoại trừ những người đang ở trong các tu viện của Thánh Euphymius: với tấm gương của cha mình – vị thánh vĩ đại Euphymius – trước mắt, họ vẫn kiên định giữ vững đức tin chính thống. Giả Thượng phụ Theodosius đã dốc nhiều công sức để lôi kéo Thánh Euthymius vào sự hiệp thông với mình, không ngừng sai người đến gặp ngài, vừa van nài vừa đe dọa, và bằng mọi cách cố gắng lôi kéo ngài vào tà thuyết của mình. Nhưng vị thánh không sa vào lưới của kẻ thù và không hề dao động trước mưu mô xảo quyệt của hắn, như một cột trụ vững chắc và một bức tường bất động. Bị áp lực bởi những lời yêu cầu xảo trá mà Theodosius gửi đến hàng ngày, ngài đã triệu tập các tu sĩ và, sau khi ra lệnh cho họ phải hết sức cảnh giác trước các tà thuyết và kiên định giữ vững chính thống giáo, ngài đã lui về sa mạc rộng lớn. Nhiều tu sĩ khác cũng làm theo, tránh sự đàn áp từ phía những kẻ dị giáo, và noi gương vị cha của mình, họ đã lên sa mạc.

[1265] Công đồng Đại kết lần thứ tư tại Chalcedon diễn ra vào năm 451. Tổng Giám mục Alexandria, Dioscorus, giữ chức vụ này từ năm 441 đến năm 451. Cùng với Eutyches, một vị tu viện trưởng của một tu viện tại Constantinopolis, ông đã giảng dạy sai lầm rằng trong Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính duy nhất – bản tính Thiên Chúa (do đó, tà thuyết này được gọi là "Monophysitism", từ tiếng Hy Lạp: "một" và "bản tính", ý nói rằng bản tính nhân loại đã bị bản tính Thiên Chúa nuốt chửng sau khi nhập thể). Tại công đồng, giáo lý sai lầm này đã bị lên án, và người ta được ra lệnh phải tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô "trong hai bản tính, không hòa trộn, không thay đổi, không tách rời, không thể tách biệt… không bị chia cắt hay phân chia thành hai nhân vị, nhưng là Con Một duy nhất và đồng nhất, là Lời Thiên Chúa duy nhất".

[1266] Iamnia – một thành phố ở Palestine, được người Philistine thành lập từ thời cổ đại, nằm gần Jaffa (Ioppia cổ đại), ven Biển Địa Trung Hải, cách Jerusalem 12 giờ đi về phía tây bắc.

[1267] Theodosius II hay Theodosius Trẻ trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[1268] Vào mùa xuân năm 452.

Vào thời điểm đó, tại sa mạc Jordan[1269] có một ẩn sĩ tên là Gerasim, người vừa mới đến từ Lycia[1270] không lâu trước đó; ông đã tuân thủ trọn vẹn các quy tắc đời sống tu sĩ và chiến thắng các linh hồn ô uế. Tuy nhiên, trong khi đang chiến thắng và xua đuổi những ác quỷ vô hình, ông lại bị những ác quỷ hữu hình – tức những kẻ dị giáo – bắt bớ và lôi kéo, vì ông đã sa vào tà thuyết của Eutyches. Khi nghe nói về vị thánh Euthymius, danh tiếng về đời sống đạo đức của ngài đã lan rộng khắp nơi, Gerasimus liền đến gặp ngài tại sa mạc Ruva, nơi ngài đang cư ngụ lúc bấy giờ. Khi gặp ngài, ông đã nhận được nhiều ân huệ thiêng liêng; sau một thời gian dài ở cùng vị thánh Euphimius, Gerasim, được nuôi dưỡng bởi những cuộc trò chuyện bổ ích từ lời nói ngọt ngào của ngài và những lời dạy về Chính Thống Giáo, đã từ bỏ tà thuyết và quay về với đức tin Chính Thống, đồng thời ăn năn sâu sắc về sự lầm lạc trước đây của mình.

Sự hỗn loạn do những kẻ dị giáo gây ra tại Palestine thông qua Theodosius đã kéo dài suốt một năm. Sau đó, vị vua đạo đức Marcian ra lệnh bắt giữ giả tổng giám mục Theodosius để ông ta phải chịu xét xử và trừng phạt vì những tội lỗi của mình; nhưng khi biết tin này, ông ta đã trốn lên núi Sinai[1271] và biến mất – không ai biết ông ta đã đi đâu. Khi đó, Thánh Euphimius trở về từ sa mạc đến tu viện của ngài.

Một lần nọ, khi vị thánh đang cử hành Thánh lễ, Terevon, một người Saracen, và hoạn quan Gabriel, anh trai của Chrysippus, trong lúc hát bài ca Ba Lần Thánh, đã nhìn thấy ngọn lửa từ trời giáng xuống và bao quanh vị thánh; và vị thánh đứng trước bàn thánh trong cột lửa cho đến khi thánh lễ kết thúc. Chính vị Thánh nhân đôi khi cũng kể lại cho một số anh em trong tu viện rằng ngài thường thấy một Thiên thần cùng cử hành Thánh lễ với ngài. Ngài còn có ân sủng đặc biệt là qua vẻ bề ngoài, ngài có thể nhìn thấu những chuyển động bên trong của tâm hồn và nhận biết những ý nghĩ của con người, dù là ác hay thiện. Khi các tu sĩ rước Mình Thánh Chúa, ngài thấy ai rước Thánh Thể với tâm hồn ra sao: ngài thấy một số người được thánh hóa nhờ việc rước Thánh Thể, những ai đến rước một cách xứng đáng; còn những người khác thì trở nên u ám, khuôn mặt như thể đã chết, vì họ dám rước Thánh Thể một cách không xứng đáng. Vì vậy, vị thánh nhân không ngừng dạy dỗ mọi người bằng những lời của các Tông đồ:

– Hỡi anh em, hãy chú ý kỹ lưỡng cách các anh em rước lễ: *"Mỗi người trong các anh em hãy tự xét mình, rồi hãy ăn bánh này và uống chén này. Vì ai ăn và uống mà không xứng đáng, thì người ấy ăn và uống sự phán xét cho chính mình"* (1 Cô-rinh-tô 11:28–29), vì sự thánh thiêng này được dọn sẵn cho các thánh, chứ không phải cho những kẻ ô uế – và nếu các anh em có lương tâm trong sạch, thì *"ai ngước mắt lên nhìn Ngài, sẽ được soi sáng, và khuôn mặt họ sẽ không phải hổ thẹn"* (Thi Thiên 33:6).

Khi Đức Thánh Cha Juvenal trở lại ngai tòa và bắt đầu khắc phục những rối loạn nảy sinh trong Giáo hội, Hoàng hậu Eudokia, bị Theodosius nói trên lôi kéo vào tà thuyết của Eutyches, đã dao động trong suy nghĩ, không biết nên theo tín điều nào, và đã gửi thư đến Antioch để gặp Thánh Simeon Cột, xin ngài lời khuyên hữu ích và sự hướng dẫn. Ngài đã viết cho bà như sau:

– Hãy biết rằng ma quỷ, khi thấy sự phong phú của các đức tính nơi ngươi, đã xin *"được gieo"* ngươi *"như lúa mì"* (Lc 22,31), và qua tên hủy diệt Theodosius ấy, nó đã làm hư hỏng linh hồn yêu mến Thiên Chúa của ngươi; nhưng hãy can đảm lên: vì đức tin của ngươi chưa hề suy giảm. Còn tôi thì rất ngạc nhiên vì, dù có nguồn nước ngay gần đó, ngươi lại coi thường nó, và lại cố gắng múc cùng một loại nước đó từ xa: ngươi có Thánh Euphymius, người mang ơn Chúa, ở đó, hãy tuân theo giáo huấn của ngài – và ngươi sẽ được cứu rỗi.

Sau khi nhận được bức thư này từ Thánh Simeon, hoàng hậu lập tức bắt đầu tìm hiểu về Thánh Euphymius. Khi biết rằng ngài không bao giờ rời sa mạc để vào thành phố, bà nảy ra ý định xây dựng một cột tu ở sa mạc phía đông, trên một ngọn đồi cao, cách tu viện Euphimius[1272] ba mươi stadia, để có thể thường xuyên gặp vị thánh và thưởng thức những lời giảng dạy của ngài; sau khi xây xong cột tu đó, bà đã an cư trong đó một cách ẩn dật. Bà đã sai Anastasius, người đã được đề cập ở trên – lúc bấy giờ là phó tu viện trưởng kế nhiệm Passarion – và Cosmas,

---

[1269] Sa mạc Jordan nằm ở phía tây sông Jordan, từ Jericho đến Jerusalem, và trải dài về phía nam dọc theo bờ tây Biển Chết – một vùng đất hoang vu, đầy đá, khô cằn và cằn cỗi.

[1270] Lý-ki-a là một vùng ở phía nam Tiểu Á.

[1271] Núi Sinai nằm ở phía tây bắc Ả Rập, phía đông Biển Đen hay Biển Đỏ. Ngọn núi này, là một dãy núi gồm các vách đá granit, bị cắt xẻ và bao quanh bởi những thung lũng dốc đứng và gồ ghề, được người Ả Rập gọi là núi Tur hoặc Jebel Tur Sina; nó nằm giữa các nhánh của Biển Đỏ, tạo thành bán đảo Sinai.

[1272] Cột đá, hay chính xác hơn là lâu đài, đã được Nữ hoàng Evdokia xây dựng trên ngọn núi cao nhất trong toàn bộ sa mạc phía đông, nay là Muntar. (30 stadia tương đương với 5 versta.)

người giữ Thánh Giá, đến gặp vị thánh Euthymius, khẩn cầu ngài cho phép bà được gặp ngài; nhưng khi họ đến, lại không thấy ngài ở tu viện, vì ngài đã rời đi đến Ruva từ lâu. Họ rủ Thánh Phêôctist đi cùng, rồi cùng ngài đến sa mạc đó; khi tìm thấy ngài, họ nài nỉ rất nhiều để ngài đến gặp hoàng hậu, cứu rỗi linh hồn lạc lối của bà – và chỉ sau nhiều khó khăn họ mới thuyết phục được vị tu sĩ cao niên đến gặp bà. Khi nhìn thấy vị thánh vĩ đại Euphymius, hoàng hậu vô cùng vui mừng và, quỳ xuống trước đôi chân thánh thiện của ngài, bà nói:

– Nay tôi đã nhận ra rằng Đức Chúa Trời đã đoái thương đến sự bất xứng của tôi.

Vị tu sĩ già, sau khi đã giảng dạy bà đầy đủ về Chính Thống Giáo, đã khuyên bà phải tuân theo bốn Công đồng Đại kết Thánh: Công đồng Nicaea, được triệu tập để chống lại Arius, Công đồng Constantinopolis – chống lại Macedonia, Công đồng Ephesus – chống lại Nestorius và Công đồng Chalcedon – chống lại Dioscorus và Eutyches, đồng thời ra lệnh cho bà hòa giải với Thượng phụ Juvenal, người mà trước đây bà đã đối đầu; sau khi nói thêm nhiều điều có lợi cho bà, ngài ban phước lành cho bà, cầu nguyện cho bà rồi ra đi. Nữ hoàng đã đón nhận những lời của ngài như thể chúng được thốt ra từ chính miệng Đức Chúa Trời, và cố gắng thực hiện chúng trong thực tế; ngay lập tức bà lên Thành Thánh để hòa giải với Đức Thánh Cha Juvenal và công khai bác bỏ tà thuyết, bà đã tái nhập vào sự hiệp thông với Giáo Hội Chính Thống. Thấy điều đó, rất nhiều giáo dân và tu sĩ, những người trước đây đã bị Theodosius lôi kéo, đã noi gương nữ hoàng để quay về với Chính Thống Giáo.

Vào năm thứ 82 của cuộc đời, Euphemia[1273] đã đến tu viện của Thánh Savva, người lúc đó vẫn còn rất trẻ; vị tu sĩ cao niên này, sau khi tiếp nhận cậu, đã gửi cậu xuống tu viện phía dưới để ở cùng Thánh Phêôctist và tiên đoán rằng trong thời gian ngắn, cậu sẽ tỏa sáng trong đời sống tu hành hơn những người khác, điều này đã trở thành sự thật, như có thể thấy trong tiểu sử của Thánh Savva. Cũng vào thời điểm đó, Thánh Euphimius còn đón tiếp Martirius, người gốc Cappadocia, và Elijah, người gốc Ả Rập. Sau khi Vua Marcian bị ám sát, Timotheus Elur[1274] đã gây ra hỗn loạn và nổi loạn tại Ai Cập; trong thời gian đó, Đức Thánh Proterius, Tổng Giám mục Alexandria[1275] cũng đã bị sát hại; không thể chịu đựng được cuộc nổi loạn này, Martirius và Ilias đã rời khỏi Ai Cập và tìm đến vị thánh vĩ đại Euphimius, như một bến đỗ bình yên. Vị thánh đã dành cho họ tình yêu thương và sự kính trọng: ngài đã tiên đoán rằng cả hai sẽ, vào thời điểm thích hợp, đảm nhận ngai tòa của Thánh Tông đồ Giacôbê, anh em của Chúa, tại Giêrusalem. Ngài đã dẫn họ theo mình đến sa mạc Kutilli và sa mạc Ruvii, cùng với Thánh Gerasim, và ở lại đó với họ, theo thói quen của ngài, cho đến Tuần Lễ Lá; mỗi ngày Chủ Nhật, vị thánh đáng kính cử hành Thánh Lễ, và các vị tổ phụ vĩ đại ấy đã rước Mình Thánh Chúa từ tay ngài.

Ngay sau đó, dưới triều đại của Vua Lêô[1276] – người yêu mến Chúa Kitô và lên ngôi sau Markian – Đức Thượng phụ Juvenal đã qua đời. Sau khi ngài qua đời, qua sự đồng thuận chung của toàn thể, Đức Thượng phụ Anastasius[1277] – người trước đây từng là người giữ các thánh vật và phó giám mục – đã được bầu chọn nhất trí . Và lời tiên tri của Thánh Euphymius đã ứng nghiệm, lời tiên tri mà ngài đã phán ra khi Anastasius đến thăm ngài và vị thánh với đôi mắt sáng suốt đã nhìn thấy ngài trong bộ áo choàng tổng giám mục. Nhớ lại điều này, Anastasius đã cử các giáo sĩ đáng kính đến gặp vị thánh với những lời sau: "Thưa Cha, lời tiên tri của Cha nay đã ứng nghiệm: con xin Cha cho phép con đến gặp Cha – để kính viếng thánh địa của Cha."

Thánh Euphimius đã trả lời như sau:

– Con luôn mong được gặp Đức Thánh Cha và được hưởng lợi từ những cuộc trò chuyện của ngài; nhưng vì lần đầu tiên ngài đến thăm con trong cảnh nghèo nàn này đã diễn ra lặng lẽ và chỉ có ít người tháp tùng, còn chức vụ hiện tại của ngài đòi hỏi phải có đông đảo tùy tùng đi cùng, nên việc Đức Thánh Cha đến thăm vượt quá sức lực yếu ớt của con. Vì vậy, con xin Đức Thánh Cha đừng vất vả đến thăm nơi khiêm nhường của con. Nếu Đức Thánh Cha vẫn muốn đến, con sẽ vui mừng đón tiếp, nhưng khi đó con sẽ phải tiếp đón cả những người khác nữa, và do đó con sẽ không thể ở lại nơi này được, vì sự xáo trộn do quá nhiều người đến thăm.

[1273] Năm 458.

[1274] Timôthê, biệt danh là Elur, là một linh mục tại Alexandria, một kẻ dị giáo (thuộc phái Monophysite), người ủng hộ Dioscorus

[1275] Proterius, đã làm tổng giám mục tại Alexandria từ năm 451 đến 457; sau khi Markian qua đời, ông bị những người theo phái Monophysite sát hại vì là người bảo vệ Công đồng Chalcedon (ngày tưởng niệm ông là 28 tháng 2). Sau ông, Timôthê Elur được phong làm tổng giám mục và giữ chức vụ này cho đến năm 460, phế truất các giám mục và đàn áp tất cả những ai chấp nhận các quyết định của Công đồng Chalcedon

[1276] Thánh Lê I trị vì từ năm 457–474.

[1277] Anastasius I giữ chức Thượng phụ từ năm 458 đến năm 478.

Nghe điều này và suy ngẫm trong lòng, Đức Thượng phụ tự nhủ: "Nếu tôi đi, tôi sẽ xúc phạm vị tu sĩ già. Vậy thì, tôi sẽ không đi." Tuy nhiên, một thời gian sau, vì hoàn cảnh cấp bách, ngài đã đến gặp vị tu sĩ và trò chuyện với ngài, chuyện này sẽ được kể sau.

Còn Nữ hoàng Evdokia, người được tôn vinh, đã xây dựng rất nhiều nhà thờ cùng vô số tu viện, trại từ thiện và nhà trọ cho khách lữ hành, đến nỗi khó mà kể hết được. Tại nhà thờ Thánh Phêrô do bà xây dựng, cách Tu viện Evfimiev khoảng hai mươi stade, bà đã ra lệnh đào một hồ nước lớn và sâu dành cho những người đến viếng. Vào những ngày Lễ Ngũ Tuần, chính bà đã đến đó để xem tiến độ công việc và sai người đến gặp vị thánh, xin ngài đến gặp bà, để bà được hưởng ân sủng từ lời cầu nguyện và sự ban phước của ngài, cũng như được lắng nghe lời giảng dạy của ngài; đồng thời, bà còn muốn dâng cúng cho vị thánh để hỗ trợ các nhu cầu chung của tu viện. Vị thánh vĩ đại Euphymius đã trả lời bà qua những người được sai đi:

– Đừng mong đợi được gặp ta trong thân xác này nữa. Con ơi, sao con lại bận tâm đến nhiều điều như vậy? Ta nghĩ rằng trước khi mùa đông đến, con sẽ về với Chúa. Vì vậy, con hãy cố gắng chuẩn bị cho sự ra đi trong mùa hè này; còn khi con vẫn còn trong thân xác, đừng cố nhớ đến ta, dù bằng văn bản hay bằng lời nói, cũng đừng nghĩ đến việc ban tặng hay xin xỏ gì từ chúng ta. Nhưng khi con về với Chúa Tể của muôn loài, thì ở đó hãy nhớ đến ta, để Ngài cũng đón nhận ta trong bình an, khi lòng nhân từ của Ngài muốn như vậy.

Nghe những lời này, thánh nữ Evdokia vô cùng đau buồn, đặc biệt là trước những lời: "đừng cố nhớ đến tôi, dù bằng văn bản hay không", vì bà muốn để lại cho ông một khoản thu nhập lớn qua di chúc. Bà vội vã đến Thành Thánh Giê-ru-sa-lem và truyền đạt những lời của thánh Euphymius cho Thượng phụ Anastasius. Vào thời điểm đó, hoàng hậu đang xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, và khi công trình vẫn chưa hoàn thành, bà đã ra lệnh làm lễ thánh hiến vào ngày 15 tháng 7, đồng thời dành cho nhà thờ này một khoản thu nhập lớn. Sau đó, bà đã đi thăm tất cả các nhà thờ do bà xây dựng, tham dự lễ thánh hiến của từng nhà thờ và dành cho mỗi nhà thờ một khoản thu nhập đủ dùng. Bốn tháng sau khi các nhà thờ được làm phép, Nữ hoàng Eudokia, người đầy đức tin, đã trao linh hồn mình vào tay Chúa[1278] .

Vào năm thứ chín mươi của cuộc đời vị thánh vĩ đại Euphymius, vị thánh Theoktistus mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo. Thánh Euphymius đã đến thăm Theoktistus đang ốm nặng để trao cho ngài nụ hôn cuối cùng và ở lại tu viện đó vài ngày, chờ đợi sự ra đi của người bạn và đồng hành thiêng liêng của mình, để an táng thi thể ngài; trong cơn bệnh đó, vị thánh phúc Theoktist đã qua đời vào ngày 3 tháng 9 năm[1279] . Đức Thượng phụ Anastasius, khi biết tin về sự ra đi của Theoktist và việc Thánh Euphimius đang có mặt tại đó, đã vội vã đến cùng các linh mục của mình, với lý do là muốn an táng vị thánh phúc Theoktist, nhưng thực ra là để được gặp và hôn Thánh Euphimius. Khi nhìn thấy ngài, Đức Thượng phụ nắm lấy tay ngài và hôn lên đó, nói:

– Từ lâu tôi đã mong được hôn lên đôi bàn tay thánh thiện này, và nay Chúa đã ban ơn cho tôi. Và giờ đây, con xin ngài, thưa Cha đáng kính, hãy cầu nguyện cho con trước mặt Chúa, để lời tiên tri của ngài đã ứng nghiệm trên con được duy trì đến cùng; còn ngài hãy thường xuyên viết thư cho con, hướng dẫn con cách điều hành Giáo hội của Chúa Kitô, vì con thấy trong ngài sự hoạt động của các ân sủng của Chúa, và chính con đã trải nghiệm sức mạnh của chúng trên bản thân mình.

Vị thánh nhân khiêm nhường đáp lại:

– Xin tha thứ cho con, thưa Đức Thánh Cha, con xin ngài hãy nhớ đến con trong những lời cầu nguyện của ngài dâng lên Thiên Chúa.

Sau khi cùng nhau an táng thi hài đáng kính của Thánh Phêôctist và tận hưởng cuộc trò chuyện thân mật với nhau, họ chia tay nhau.

Marin, chú của gia đình Terevonov, một người sống đạo đức, đã được bổ nhiệm làm vị tu viện trưởng của tu viện Feoktistova; nhưng hai năm sau, ông qua đời, và Thánh Evfimiy, khi đến nơi, đã an táng ông bên cạnh Thánh Feoktist; còn vị trí của Marin thì được giao cho Longin, một người có đức hạnh, làm tu viện trưởng. Cùng với Longin này, vào một ngày tháng Giêng, Thánh Savva đã đến tu viện để gặp Thánh Evfimiy, nhằm tiễn ông lên đường đến sa mạc vĩ đại. Thấy sự sẵn sàng của Savva, Evfimiy đã đưa ông theo mình để cùng thực hiện những thử thách của đời sống ẩn tu. Khi họ đi qua những vùng đất khô cằn ở Ruve, Thánh Savva khát khô cổ vì vất vả và

[1278] Hoàng hậu Eudokia qua đời vào năm 460; bà được an táng tại Nhà thờ Thánh Stephen.
[1279] Thánh Phêôctist qua đời vào năm 467.

không thể đi tiếp được nữa, vì đã kiệt sức vì khát. Lúc đó, Thánh Evfimiy, thương xót ngài, đã cầu nguyện và làm cho nước tuôn trào từ đất khô cằn, như đã được ghi chép trong cuốn tiểu sử của Thánh Savva.

Sau vô số những công lao của mình, Thánh Euphimius đã đến gần giờ lâm chung hạnh phúc, điều mà ngài đã được báo trước qua sự mặc khải của Thiên Chúa. Vào một năm nọ, khi đến thời điểm ngài thường lui về sa mạc, vào ngày thứ tám của lễ Hiển Linh Chúa, tức ngày 14 tháng Giêng, các tu sĩ đã tụ họp lại và đến gặp vị thánh, một số muốn tiễn ngài, số khác mong được đi cùng ngài; trong số đó có Martirius và Elijah, những người đến từ Nitria. Thấy vị thánh không chuẩn bị lên đường và cũng không đưa ra bất kỳ chỉ thị nào về việc ai trong các tu sĩ sẽ đi cùng ngài và ai sẽ ở lại tu viện, họ hỏi ngài:

– Thưa Cha kính mến, ngày mai Cha không đi vào sa mạc sao?

Thánh nhân đáp:

– Tuần này con sẽ ở lại với các con tại tu viện, đến nửa đêm thứ Bảy, con sẽ chia tay các con.

Thánh nhân nói điều này để báo trước cho các tu sĩ về thời điểm ngài sẽ về với Chúa, nhưng họ không hiểu ý ngài. Vào ngày thứ ba, 17 tháng Giêng, là ngày kỷ niệm Thánh Antôn Vĩ Đại, vị cha đáng kính của chúng ta, và Thánh Euphimius đã ra lệnh cử hành thánh lễ suốt đêm trong nhà thờ. Sau khi thánh lễ kết thúc, ngài triệu tập các linh mục của tu viện đến trước bàn thờ và nói với họ:

– Từ nay trở đi, hỡi các anh em, tôi sẽ không cử hành lễ canh thức nào cùng các anh em nữa, vì Thiên Chúa đã gọi tôi rời khỏi cuộc đời tạm bợ này. Vì vậy, hãy cho Dometian đến gặp tôi, và sáng mai, hãy cho tất cả các anh em tập trung tại đây.

Nghe vậy, các linh mục đã khóc nức nở, và ngay lập tức các anh em được biết những lời mà vị thánh vĩ đại Evfimii đã nói. Sáng hôm sau, tất cả đều tụ họp trước mặt vị thánh, và ngài bắt đầu nói với họ như sau:

– Các cha, các anh em và các con của tôi, những người được Chúa yêu thương, tôi sắp lên đường theo bước các tổ phụ của tôi; còn các con, nếu yêu mến tôi, hãy tuân giữ các điều răn của tôi: trên hết, hãy trau dồi tình yêu thuần khiết, đó chính là sự kết hợp của sự hoàn hảo. Và cũng như không thể ăn bánh mà thiếu muối, thì cũng không thể duy trì đức hạnh mà thiếu tình yêu, vì mọi đức hạnh chỉ trở nên vững chắc và bền vững nhờ tình yêu và sự khiêm nhường: sự khiêm nhường nâng người thực hành nó lên đỉnh cao của các đức hạnh, còn tình yêu giữ chặt và không để người ấy rơi xuống từ đỉnh cao ấy; vì *"tình yêu không bao giờ chấm dứt"* (1 Cô-rinh-tô 13:8), và rằng tình yêu cao hơn sự khiêm nhường – điều này rõ ràng qua gương của chính Chúa chúng ta, vì vì tình yêu dành cho chúng ta, Ngài đã tự nguyện hạ mình và trở thành con người, giống như chúng ta. Vì vậy, chúng ta phải không ngừng xưng tội với Ngài và dâng lên những lời ngợi khen, đặc biệt là chúng ta, những người đã từ bỏ thế gian đầy loạn lạc này. Mỗi người trong anh em hãy tự xét mình, hỡi anh em, và hãy giữ gìn sự trong sạch cho cả thân xác lẫn linh hồn. Đừng bao giờ bỏ lỡ các buổi họp thường lệ của Hội Thánh, hãy cẩn thận tuân giữ mọi truyền thống và quy tắc của tu viện, và hãy giúp đỡ những người đang gặp hoạn nạn theo khả năng của mình. Nếu có ai trong các anh em đang đấu tranh với những ý nghĩ ô uế, hãy không ngừng hướng dẫn, dạy dỗ và củng cố người ấy, để người ấy không bị ma quỷ cám dỗ và không sa ngã. Tôi còn ban cho các con một điều răn cuối cùng này: cổng tu viện đừng bao giờ đóng lại với những người đến, mà hãy luôn mở rộng đón tiếp những người lữ hành; chính mái nhà của các con cũng phải chung với những người lữ hành, và tất cả những gì các con có, hãy chia sẻ cho những người thiếu thốn. Khi đó, từ trên cao, Thiên Chúa sẽ ban cho các con ân sủng dồi dào.

Sau khi truyền lại tất cả những điều này cho các tu sĩ, Thánh Euphimius hỏi họ rằng họ muốn ai làm mục tử của mình sau khi ngài qua đời. Họ đồng thanh đề cử Dometian. Nhưng vị thánh nói:

– Điều đó là không thể, vì sau khi tôi qua đời, Dometian sẽ không còn sống lâu trên cõi đời này nữa, mà vào ngày thứ bảy, anh ấy sẽ theo tôi mà đi.

Bị ấn tượng bởi lời tiên tri táo bạo và rõ ràng như vậy của vị thánh, các tu sĩ đã bầu chọn Ilya, người gốc từ Jericho, là quản lý của tu viện dưới[1280] . Thánh Euphymius quay sang ông và nói:

– Này, tất cả các vị cha đã chọn ngươi làm mục tử và người hướng dẫn cho họ: vì vậy, hãy chăm lo cho bản thân và cả đàn chiên của ngươi.

Sau khi truyền đạt cho ông nhiều lời dạy dỗ và hướng dẫn về việc lãnh đạo các tu sĩ, vị thánh đã tiên tri về một số sự kiện sẽ xảy ra tại các tu viện của ông sau khi ông qua đời; rồi ông nói lời cuối cùng như sau:

[1280] Tức là tu viện của Thánh Phêôctist.

– Nếu tôi được ân sủng trước mặt Thiên Chúa, trước hết tôi sẽ xin Ngài ban ân sủng, để tôi luôn ở cùng các con bằng tinh thần, cùng với những ai mong muốn tu hành tại đây sau các con cho đến muôn đời.

Nói xong, vị thánh nhân cho tất cả ra về, chỉ còn lại Dometian. Ngài ở lại trong nhà thờ ba ngày và an nghỉ trong bình an vào đêm thứ Bảy, rồi được đoàn tụ với các bậc tiền bối, sau khi đã sống trên trần gian chín mươi bảy năm. Đó là ngày 20 tháng 1 năm[1281] . Ngay lập tức, tin tức về sự ra đi của vị thánh Euphymius lan truyền khắp Palestine, và các tu sĩ từ mọi tu viện và sa mạc đã đổ về, trong số đó có cả vị vĩ đại Gerasimus, và một đám đông lớn đã tụ tập. Đức Thượng phụ Anastasios cũng đã đến cùng toàn thể hàng giáo sĩ của ngài. Do đám đông quá đông, không thể tiến hành lễ an táng thi hài đáng kính của vị thánh cho đến giờ thứ chín, cho đến khi cuối cùng, theo lệnh của Đức Thượng phụ, các binh lính đã giải tán đám đông – và thi hài của vị thánh được an táng một cách trang trọng. Mọi người đều khóc than vì phải chia ly với ngài; đặc biệt là Martirius và Elias, những người đến từ Nitria, đã khóc lóc thảm thiết vì ngài; sau này, họ đã kế vị ngai tòa Thượng phụ tại Jerusalem, theo lời tiên tri của vị thánh: vì sau Anastasius, Martirius lên ngôi, sau Martirius là Sallustius, và sau ông là Elias[1282] , như đã được ghi chép trong cuốn tiểu sử của Thánh Savva. Còn Thánh Dometian, môn đệ của Thánh Euphimius Vĩ Đại, đã không rời khỏi quan tài của vị Thánh Cha mình suốt sáu ngày đêm; đến ngày thứ bảy, vào ban đêm, Thánh Euphimius đã hiện ra với ngài trong một giấc mơ, với vẻ mặt rạng rỡ và tràn đầy niềm vui, và nói với ngài:

– Hãy đến với nơi an nghỉ đã được chuẩn bị sẵn cho con, vì Chúa Kitô đã cầu xin để con được ở cùng Ta.

Tràn ngập niềm vui khôn tả, Dometian đã báo tin này cho các anh em, rồi vui vẻ đến nhà thờ, dâng linh hồn mình cho Chúa, và được an táng bên cạnh quan tài của cha mình. Sau khi vị thánh cha Euphimius của chúng ta qua đời, nhiều phép lạ đã xảy ra tại mộ ngài và nhiều người được chữa lành[1283] để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh trong các thánh của Ngài, Cha, Con và Thánh Thần. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Hãy vui mừng hỡi sa mạc không sinh con, hãy hân hoan hỡi người không đau khổ, vì Ngài đã ban cho ngươi nhiều con cái, những người đàn ông khao khát những điều thiêng liêng, được nuôi dưỡng bằng lòng đạo đức, được rèn luyện bằng sự tiết chế để đạt đến sự hoàn hảo trong các đức tính. Nhờ những lời cầu nguyện của Ngài, lạy Chúa Kitô, xin hãy làm cho cuộc sống chúng con được bình an.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Trong ngày sinh nhật thánh thiện của ngài, muôn loài đã tìm thấy niềm vui, và trong ngày tưởng niệm thiêng liêng của ngài, hỡi vị thánh đáng kính, sự an lành từ nhiều phép lạ của ngài thật đáng mến: xin ngài ban phát dồi dào những ân sủng ấy vào tâm hồn chúng con, và thanh tẩy những vết nhơ của tội lỗi, để chúng con có thể hát lên: Alleluia.

Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Vassa, Eusebius, Eutychius và Vasilida

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 1

Các thánh tử đạo Vass, Eusebius, Eutychius và Vasilid đã chịu tử đạo dưới triều đại của Diocletian. Ban đầu, họ phục vụ tại triều đình hoàng gia, giàu có và là thành viên của Hội đồng Hoàng gia ([1284]). Khi chứng kiến sự đau khổ của Thánh Tử đạo Theopemptus, Giám mục Nicomedia, họ đã tin vào Chúa Kitô và nhận phép Rửa tội thánh. Do đó, họ bị dẫn đến trước mặt vị hoàng đế vô đạo để chịu tra tấn và đã chịu tử đạo cùng với năm nô lệ của

---

[1281] Thánh Euphymius Đại Đế qua đời vào năm 473. – Tại Constantinople, dưới thời Thượng phụ Mine (536–552), có một tu viện mang tên Thánh Euphymius. Vào đầu thế kỷ XII, vị tu viện trưởng người Nga Daniel đã nhìn thấy di cốt của Thánh Euphymius tại tu viện của ngài ở Palestine, dường như vẫn còn sống trong thân xác.

[1282] Martirius giữ chức Thượng phụ tại Jerusalem từ năm 478–486, Sallustius từ năm 486–494, và Ilya II từ năm 494–517.

[1283] Kirill Skifopolsky – một tu sĩ tại Tu viện Lavra, là người cùng thời với Thánh Euphymius và các môn đệ của ngài: Thánh Savva Người Được Thánh Hiến và Thánh John Người Im Lặng – đã viết chi tiết về họ trong cuốn sách kể lại cuộc đời của vị thánh này.

[1284] Synklitos – cơ quan chính quyền quân sự và dân sự gồm những cố vấn và quan chức hoàng gia quan trọng nhất.

mình. Thánh Vass bị chôn sống đến nửa người trong một cái hào và, sau khi bị chém đứt khắp thân thể, đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa. Thánh Eusebius bị treo ngược đầu xuống và bị xẻ thành nhiều mảnh. Thánh Eutychius bị trói tay chân, bị kéo căng giữa bốn cột và bị xé xác. Thánh Vasilides bị đâm chết bằng dao. Và như vậy, tất cả họ đều đã nhận được vương miện tử đạo[1285] .

Lễ kính các thánh tử đạo Inna, Pinna và Rimma

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 1

Các thánh tử đạo Inna, Pinna và Rimma[1286] xuất thân từ Scythia, một vùng đất phía bắc[1287] , là môn đệ của Thánh Tông đồ Anrê Đầu Tiên. Họ rao giảng về danh Chúa Kitô và đã rửa tội cho nhiều người ngoại đạo sau khi dẫn dắt họ trở về với đức tin chân chính. Vì lý do này, họ đã bị vị vua của các bộ tộc man di bắt giữ, nhưng không thể bị ép buộc từ bỏ Chúa Kitô và dâng lễ vật cho các thần tượng. Lúc bấy giờ đang là mùa đông khắc nghiệt; các con sông bị băng giá đóng cứng đến mức không chỉ con người mà cả ngựa và xe ngựa cũng có thể đi lại trên băng. Vị thủ lĩnh ra lệnh đặt những khúc gỗ lớn, to như cả cây, xuống băng và trói các thánh vào đó. Vậy nên, khi nước dâng lên và băng dần dày lên, đến mức ngập đến cổ các thánh, họ, bị hành hạ bởi cái lạnh khủng khiếp, đã dâng linh hồn hạnh phúc của mình lên Chúa[1288] .

Ngày 3 tháng 2

Ngày 21 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha tối cao của chúng ta, Thánh Maximus, vị Tuyên xưng đức tin.

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 1

Không chỉ vĩ đại về danh xưng "[1289] " mà còn cả trong cuộc đời, Thánh Maxim sinh ra tại thành phố hoàng gia vĩ đại Constantinople. Xuất thân từ một gia đình có địa vị cao và sùng đạo, ngài đã nhận được nền giáo dục học thuật bài bản. Ngài đã nghiên cứu sâu rộng về triết học và thần học, đạt được danh tiếng lẫy lừng nhờ sự thông thái của mình và được kính trọng ngay cả trong cung điện hoàng gia. Hoàng đế Heraclius[1290] , khi thấy trí tuệ và lối sống chính trực của ngài, đã vinh danh ngài, bất chấp ý muốn của ngài, bằng chức vụ Thư ký trưởng và đưa ngài vào hàng ngũ các cố vấn của mình. Thánh Maxim được các quan lại triều đình yêu mến và kính trọng, đồng thời đóng góp rất nhiều cho toàn bộ thành phố hoàng gia.

Vào thời điểm đó, tà thuyết Monothelitism đã nảy sinh, những người theo tà thuyết này chỉ thừa nhận trong Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, chỉ có một ý chí và một ý muốn duy nhất[1291] . Tà thuyết này phát triển từ tà thuyết

---

[1285] Các thánh tử đạo Vass, Eusebia, Eutychius và Vasilid đã tử đạo cùng với 5 nô lệ tại Nicomedia vào năm 303.

[1286] Theo bản chú giải tiếng Serbia thế kỷ XIII, các vị tử đạo này được gọi là: Enen, Niren và Pen.

[1287] Đây tất nhiên là vùng được gọi là Tiểu Scythia, trải dài từ cửa sông Danube đến Thrace. Các thánh Inna, Pinna và Rimma thuộc về một bộ tộc nông nghiệp của người Slav miền Nam, sinh sống ở bờ phải sông Danube và dọc theo bờ tây Biển Đen.

[1288] Họ đã chịu tử đạo vào thế kỷ II.

[1289] Maxim – tiếng Latinh là Maximus – tương ứng với từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là "vĩ đại nhất". Sự tương ứng giữa tên của Thánh Maxim với những phẩm chất cá nhân và cuộc đời của ngài đã được đệ tử của ngài, Thánh Anastasius, chỉ ra trong bức thư gửi cho Thánh Theodorus, linh mục tại Gangra. – Thánh Maxim sinh khoảng năm 580. Trong lần thẩm vấn thứ hai tại Constantinopolis vào năm 655, ngài cho biết mình đã 75 tuổi.

[1290] Hoàng đế Heraclius lên ngôi vào năm 600 và trị vì đến năm 641.

[1291] Tà thuyết Monotelet xuất hiện vào đầu thế kỷ VII và là sự tiếp nối của tà thuyết Monophysite. Những người theo Monotelet thừa nhận trong Đức Kitô chỉ có một ý chí và một hành động của Thiên Chúa, và do đó đã bóp méo tín điều về sự nhập thể của Thiên Chúa Lời. Theo giáo lý Chính Thống, ý chí là thuộc tính của bản tính, chứ không phải của bản thể; do đó, Chúa Giêsu Kitô, với tư cách là Thiên Chúa về bản tính và con người về bản tính, đã có cả ý chí Thiên Chúa lẫn ý chí con người. Nếu thiếu ý chí con người này, Ngài sẽ không phải là con người hoàn hảo về bản tính.

Eutychian trước đó, vốn một cách liều lĩnh chỉ thừa nhận trong Chúa Kitô một bản tính duy nhất, trái với tín điều Chính Thống, đòi hỏi phải thừa nhận trong Chúa của chúng ta, Thiên Chúa nhập thể, hai bản tính và hai ý chí, hai ý muốn và hành động, riêng biệt cho mỗi bản tính, nhưng được kết hợp trong một Ngôi Vị của Đức Kitô, vì Đức Kitô là Thiên Chúa, không bị chia thành hai Ngôi Vị, nhưng được nhận biết một cách không hòa trộn trong hai bản tính. Những người bảo vệ và truyền bá tà thuyết Monothelite ban đầu là: Kyr, Thượng phụ Alexandria, Sergius của Constantinople[1292] và thậm chí chính Hoàng đế Heraclius, người đã bị họ lôi kéo vào tà thuyết này. Sau khi triệu tập các công đồng địa phương – Kyr tại Alexandria và Sergius tại Constantinople – họ đã công nhận tà thuyết này, gửi quyết định của mình đi khắp nơi và làm sa ngã toàn bộ phương Đông. Chỉ có một mình Thánh Sofronius, Tổng Giám mục Giêrusalem, là người chống lại tà thuyết, không chấp nhận những giáo lý sai lầm. Thánh Maxim, khi thấy tà thuyết đã xâm nhập vào cả cung điện hoàng gia và làm sa ngã chính hoàng đế, đã lo sợ rằng mình cũng có thể bị lôi kéo vào tà thuyết theo gương của nhiều người. Vì vậy, ngài từ bỏ chức tước và mọi vinh quang trần thế, rồi đến một tu viện nằm xa thành phố, có tên là Chrysopolis[1293] , nơi ngài trở thành tu sĩ, vì ngài thà *"đứng ở ngưỡng cửa nhà Chúa, còn hơn là sống trong lều trại của sự gian ác"* (Thánh Vịnh 83:11).[1294] Tại đó, sau vài năm, nhờ cuộc sống đạo đức của mình, ông đã được bầu làm vị trụ trì (avva).

Trong khi đó, Thượng phụ Sergius đã thuyết phục Hoàng đế Heraclius viết bản tuyên xưng về đức tin sai lầm của họ. Bản tuyên xưng này, chứa đầy tà thuyết Monothelite, được hoàng đế gọi là "ekphesis", tức là bản trình bày[1295] , và ra lệnh cho tất cả mọi người trong vương quốc của mình phải tin theo như vậy, dẫn đến việc Giáo hội của Chúa Kitô bị xé nát bởi sự hỗn loạn. Thánh Abba Maxim, khi chứng kiến sự hỗn loạn mà các nhà thờ ở Constantinople và khắp phương Đông đang phải trải qua, cũng như thấy các kẻ dị giáo ngày càng gia tăng và củng cố thế lực, trong khi Chính Thống Giáo lại suy yếu và bị lung lay bởi cơn bão của sự bắt bớ, đã đau buồn trong lòng, thở dài và khóc rất nhiều. Khi nghe tin rằng ở phương Tây, tà thuyết này không tìm được tín đồ và bị bác bỏ hoàn toàn, bởi vì Giáo hoàng Severinus[1296] đã không chấp nhận "bản tuyên bố" của hoàng đế, còn người kế vị ngài trên ngai vàng Rôma, Giáo hoàng Gioan[1297] , đã tuyên bố "bản tóm tắt" này bị vạ tuyệt thông tại công đồng, Thánh Maxim đã rời tu viện của mình và lên đường đến các nước phương Tây. Ngài muốn tìm nơi nương náu tại Rome cổ, vì không thể ở lại Jerusalem do cuộc tấn công của người Saracen vào Palestine[1298] . Ông đã đến Rome, chọn sống cùng những người Chính Thống giáo, những người kiên định giữ vững đức tin. Trên đường đi, ông ghé thăm các giám mục châu Phi tại những thành phố nằm trên lộ trình của mình và, qua những cuộc trò chuyện với họ, ông củng cố đức tin cho họ, dạy họ cách tránh những mưu mô của kẻ thù và cách thoát khỏi những cái bẫy xảo quyệt của chúng[1299] ; còn với một số người ở xa, ngài gửi thư, giảng dạy về đức tin chân chính và khuyên nhủ họ bằng mọi cách phải đề phòng tà giáo.

Vào thời điểm đó, Thượng phụ Sergius của Constantinople qua đời, và vị trí của ngài được thay thế bởi Pyrrhus, một người theo cùng tà thuyết đó[1300] ; tương tự, Thượng phụ Cyril của Alexandria cũng qua đời, và sau đó

[1292] Kyr giữ chức Thượng phụ tại Alexandria từ năm 630 đến 640. Sergius I là Thượng phụ Constantinopolis từ năm 610 đến 638.

[1293] Tu viện Chrysopolis tọa lạc trên bờ đối diện của eo biển Constantinople, nay là Skutari, gần Chalcedon. Nơi đây nổi tiếng với đời sống đạo đức của các tu sĩ. Tại đây, Thánh Maximus đã nhận lễ xuất gia, và sau đó được bầu làm Abba. Từ "Abba" có nguồn gốc từ tiếng Syria, có nghĩa là "cha". Danh hiệu này được dùng để chỉ người đứng đầu tu viện.

[1294] Người hát Thánh vịnh thà "nằm ở ngưỡng cửa" nhà Chúa, còn hơn là sống xa hoa trong các cung điện của những kẻ tội lỗi.

[1295] Bản tuyên xưng đức tin này, được ban hành dưới dạng sắc lệnh hoặc chỉ thị bắt buộc đối với tất cả mọi người, đã cấm mọi tranh luận về một hay hai ý chí trong Đức Kitô, nhưng đồng thời cũng tuyên bố giáo lý về một ý chí là giáo lý đúng đắn. Tuy nhiên, ngay cả sau đó, những tranh luận vẫn tiếp tục gây xáo trộn trong Giáo hội Đông phương.

[1296] Severinus – Giáo hoàng từ năm 638–640.

[1297] Giáo hoàng Gioan IV nắm giữ ngôi vị Giáo hoàng từ năm 640–642.

[1298] Đế quốc Đông La Mã vào đầu thế kỷ thứ 7 phải hứng chịu những cuộc tấn công liên miên từ người Avar và đặc biệt là người Ba Tư, đồng thời cũng luôn bị đe dọa bởi người Ả Rập, hay còn gọi là người Saracen. Trong giai đoạn 637–640, Syria, Palestine và Ai Cập đã rơi vào tay người Saracen. Điều này phần lớn do sự tiếp tay của những người Monophysite, những người vì lòng thù địch với Giáo hội Chính thống nên luôn sẵn sàng đầu hàng kẻ thù. Chỉ riêng tại Ai Cập, số lượng người theo phái Monophysite đã lên tới 6 triệu người, trong khi số người Chính Thống ở đó chỉ khoảng 300 nghìn. Hoàng đế Heraclius đã cố gắng bằng mọi cách để hòa giải giữa những người theo phái Monophysite với Giáo hội Chính Thống. Vì mục đích này, ông đã ban hành sắc lệnh Ephesis.

[1299] Thánh Maximus đến châu Phi vào khoảng năm 640. Trước đó, từ năm 633 đến năm 640, ngài đã củng cố đức tin Chính Thống tại Alexandria, Constantinople, Síp, Tiểu Á và các quốc gia khác. Tại Bắc Phi, ngài đã sống năm năm, từ năm 640 đến năm 645.

[1300] Pyrrhus kế vị Sergius vào năm 639. Tại công đồng do ông triệu tập, ông đã phê chuẩn "bản tuyên bố" (ekphesis) của Sergius và nhiệt thành tiếp tục công cuộc bảo vệ tà thuyết.

chính hoàng đế cũng qua đời. Tuy nhiên, trước khi qua đời, khi thấy rằng nhiều vị giám mục vĩ đại và thánh thiện cùng các vị cha thánh thông thái không chỉ bác bỏ bản tuyên xưng đức tin của ông, mà còn tuyên bố ông bị vạ tuyệt thông, hoàng đế đã vô cùng xấu hổ và công bố rộng rãi rằng đây không phải là tuyên xưng của ông, mà là của vị tổng giám mục Sergius tiền nhiệm, người đã tự tay soạn thảo "bản tuyên xưng" đó và chỉ thuyết phục nhà vua ký tên vào mà thôi. Khi hoàng đế Heraclius qua đời, người kế vị ông là con trai ông, Constantine[1301] , nhưng người này, sau khi trị vì chỉ bốn tháng, cũng qua đời do bị mẹ kế là Martina đầu độc bí mật; bà ta, với sự giúp sức của tổng giám mục[1302] , đã đưa con trai mình là Heraclion lên ngai vàng. Nhưng sáu tháng sau, tất cả các quan chức cao cấp đã nổi dậy chống lại Heraclion; họ bắt giữ ông, cắt mũi ông cũng như mẹ ông là Martina, rồi đuổi họ đi lưu đày trong nhục nhã. Họ đưa con trai của Constantine, cháu nội của Heraclius, tên là Constans, lên ngai vàng; từ người này sau này sinh ra Constantine, được gọi là Pogonatus[1303] . Sau khi Constans lên ngôi, Thượng phụ Constantinopolis lúc bấy giờ là Pyrrhus, người đồng chí hướng với Martina và theo dư luận là đã cùng bà đầu độc con trai của Heraclius – Constantine, cha của vị vua mới được phong là Constans – đã vô cùng hoảng sợ. Ông tự ý từ bỏ chức vụ Thượng phụ và trốn sang lưu đày ở châu Phi. Sau ông, ngai tòa Thượng phụ Constantinopolis được kế vị bởi Phaolô[1304] , cũng là một kẻ dị giáo theo phái Monotelet. Vị hoàng đế cũng bị cuốn vào tà thuyết này và trở thành người ủng hộ và truyền bá nhiệt thành nhất của nó.

Khi vị thánh còn ở đất nước châu Phi, Pyrrhus, tổng giám mục Constantinople, người đã bỏ trốn khỏi ngai tòa của mình, đã đến đó và đi vòng quanh các thành phố để lôi kéo các tín hữu Chính Thống giáo theo tà thuyết của mình. Ông ta hẳn đã gây ra nhiều tai hại cho Giáo Hội của Đấng Christ tại đó, nếu không có vị đối thủ là Thánh Maximus; mỗi khi gặp nhau, hai người đã tranh luận về đức tin suốt nhiều giờ liền. Các giám mục châu Phi buộc phải tập trung tại Carthage để lắng nghe cuộc tranh luận về đức tin giữa hai người, vì đó là mong muốn của Grigori[1305] , một quý tộc và là người cai trị vùng đất đó. Khi công đồng được triệu tập và các cuộc tranh luận bắt đầu, Thánh Maximus, người khôn ngoan trước mặt Thiên Chúa, đã chiến thắng Pyrrhus, bác bỏ các lập luận của ông dựa trên các Sách Thánh và các tín điều của các Thánh Tông Đồ[1306] . Ngài đã chứng minh rằng, cũng như trong Đức Kitô là Thiên Chúa có hai bản tính, thì trong Ngài cũng phải có hai ý chí, hai ý muốn và hai hành động – tuy nhiên, chúng không thể tách rời và hợp nhất trong một nhân vị duy nhất. Bị đánh bại trong cuộc tranh luận, Pyrrhus gia nhập Giáo hội Chính thống và được Giáo hội đón nhận với tình yêu thương và sự tôn kính, cùng tước hiệu Thượng phụ. Ngay lúc đó, ông cũng soạn thảo cuốn sách tuyên xưng đức tin Chính thống. Sau đó, ông lên đường đến Rôma gặp Giáo hoàng Theodorus, người kế vị Gioan. Đức Giáo hoàng đã tiếp đón ông với sự tôn kính, như một Thượng phụ Chính thống của Constantinopolis. Khi tin đồn lan truyền ở Constantinopolis rằng Pyrrhus đã gia nhập phe Chính thống, thì đám đông những kẻ dị giáo đã chìm trong sự ghen tị. Sau khi bịa đặt một câu chuyện giả dối, họ đã lan truyền tin đồn trong dân chúng rằng các giám mục châu Phi và Đức Giáo hoàng đã ép buộc Pyrrhus, trái với ý muốn của ông, phải đồng thuận với họ. Tin đồn này đã đến tai chính nhà vua. Nhà vua lập tức cử một quan đại thần của mình, một kẻ dị giáo tên là Olimpia, sang Ý để khiến Pyrrhus quay trở lại tín điều Monophysite. Olimpia, sau khi đến Ý , đã dừng chân tại thành phố Ravenna[1307] và, sau khi triệu tập Pyrrhus từ Rome đến, đã thuyết phục ông quay trở lại tà giáo cũ. Còn Pyrrhus, giống như con chó quay lại ăn phân của chính mình, đã trở thành đối tượng bị vạ tuyệt thông, và sau đó đã bị các vị thánh phụ tuyên án cùng với những người đồng chí hướng của mình.

[1301] Constantine III là hoàng đế Byzantine vào năm 641.

[1302] Theo lời đồn đại, Thượng phụ Pyrrhus bị cho là đồng lõa với Martina, mẹ kế của Hoàng đế Constantine, trong vụ đầu độc vị hoàng đế này. Lo sợ sự phẫn nộ của dân chúng, ông đã trốn sang Bắc Phi vào năm 641 và từ bỏ ngai tòa tổng giám mục. Cho đến năm 650, ông sống đầu tiên ở châu Phi, sau đó ở Rome.

[1303] Constans trị vì từ năm 641–668, còn Constantine IV Pogonatus trị vì từ năm 668–685.

[1304] Phaolô II giữ chức Thượng phụ tại Constantinopolis từ năm 641 đến năm 654.

[1305] Trong Đế chế Hy Lạp-La Mã, các quan cai trị các vùng thường được gọi là "Patrician"; những người có dòng dõi quý tộc nói chung cũng được gọi như vậy. Patrician Grigori là thống đốc của Carthage. Carthage nằm ở phía đông bắc Tunisia. Thành phố này được thành lập bởi Dido, nữ hoàng của Tyre, vào khoảng năm 860 trước Công nguyên. Năm 148 trước Công nguyên, nó bị Đế chế La Mã chinh phục. Bị người Vandals chinh phục vào năm 439 sau Công nguyên, thành phố này đã được Belisarius trả lại cho Đế chế La Mã vào năm 533. Năm 697, người Ả Rập đã phá hủy nó hoàn toàn.

[1306] Cuộc tranh luận công khai giữa Thánh Maximus và Pyrrhus diễn ra vào tháng 7 năm 645.

[1307] Ravenna – với bến cảng bên Biển Adriatic, được xây dựng bởi người Hy Lạp Thessaly. Nhiều hoàng đế La Mã đã lấy nơi đây làm nơi cư ngụ chính, và vì vậy tỉnh này đôi khi được gọi là Romania. Hoàng đế Augustus đã duy trì hạm đội tại đây.

Cùng thời gian đó, hoàng đế Constance, dưới sự xúi giục của Thượng phụ Constantinopolis, kẻ dị giáo Paul, đã viết, giống như ông nội mình là Heraclius, người đã soạn thảo "bản tóm tắt", – bản tuyên xưng đức tin đầy dẫy tà giáo của mình, và gọi nó là "typos" (mẫu mực), rồi gửi đi khắp nơi, ra lệnh phải tin theo như vậy[1308] . Mẫu mực đức tin này đã đến được Rôma khi Đức Giáo hoàng Théodore đang nằm trên giường bệnh. Sau khi ngài qua đời, người kế vị ngài là Đức Thánh Martin. Hoàng đế mong muốn vị Giáo hoàng mới nhậm chức cũng chấp nhận "mẫu tín điều" do ông soạn thảo, nhưng Giáo hoàng đã từ chối, nói rằng:

– Dù cả thế giới có muốn chấp nhận giáo lý mới này, trái với Chính Thống giáo, thì tôi cũng sẽ không chấp nhận và sẽ không từ bỏ giáo lý Phúc Âm và Tông Đồ, cũng như các truyền thống của các Thánh Tổ Phụ, cho dù tôi phải chịu chết.

Thánh Maxim, vị tu sĩ trưởng của Tu viện Chrysopolis, lúc bấy giờ đang ở Rome[1309] , đã khuyên Đức Giáo hoàng Martin đáng kính triệu tập Công đồng địa phương và lên án bản tuyên xưng của hoàng đế, được gọi là "tiopos", là dị giáo và trái với giáo lý của Giáo hội Chúa Kitô. Và điều đó đã được thực hiện[1310] . Đức Giáo hoàng, sau khi triệu tập 105 vị giám mục của mình, trong số đó có cả Abba Maxim, đã đưa ra thảo luận về những sai lầm của Cyrus, Sergius, Pirrus và Phaolô, cũng như bản tuyên xưng dị giáo của hoàng đế – đã tuyên bố các giáo lý sai lầm đó là dị giáo và gửi thư đến khắp nơi cho tất cả các tín hữu, củng cố đức tin chính thống của họ, giải thích các sai lầm dị giáo và cảnh báo họ phải hết sức đề phòng những điều này. Nhà vua, khi nghe tin này, đã tràn ngập cơn giận dữ và sự phẫn nộ tột độ, liền cử tổng trấn của mình là Theodoros Kalliopos đến Ý, giao nhiệm vụ bắt giữ Giáo hoàng Martin – sau khi đưa ra các cáo buộc chống lại ngài: rằng ngài đã kết giao với người Saracen, xúi giục họ xâm lược Đế quốc La Mã-Hy Lạp và tiến hành chiến tranh chống lại nhà vua; rằng ngài không tuân giữ đúng đức tin do các Thánh Tổ truyền lại, đồng thời còn xúc phạm Đức Mẹ Đồng Trinh. Khi đến Rome, quan đại diện của hoàng đế đã công khai đưa ra những cáo buộc này chống lại Đức Giáo hoàng. Thánh Martin, không có tội trong bất kỳ tội danh nào được gán cho ngài, đã tự bào chữa trước những lời vu khống ác ý.

– Với người Saracen, – ngài nói, – tôi chưa bao giờ ký kết bất kỳ thỏa thuận nào, mà chỉ gửi tiền bố thí cho các anh em Chính Thống giáo đang sống giữa người Saracen trong cảnh nghèo khó và khốn cùng tột độ. Còn ai không tôn kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, không xưng nhận và không thờ phượng Mẹ, thì người ấy sẽ bị nguyền rủa trong đời này và đời sau. Còn đức tin thánh thiện, được các thánh tông đồ và các thánh tổ truyền lại, thì không phải chúng ta, mà chính những kẻ tự cho mình là khôn ngoan lại đang bảo vệ một cách sai lầm.

Thống đốc của Sa hoàng, không thèm nghe những lời bào chữa của Đức Giáo hoàng, đã kết tội ngài về mọi tội danh, đồng thời còn cáo buộc ngài đã lên ngôi một cách bất hợp pháp. Sau đó, vào ban đêm, ông ta đã bí mật bắt giữ Đức Giáo hoàng bằng vũ lực và đưa ngài đến gặp Sa hoàng. Đức Giáo hoàng bị giam cầm tại Chersonesos, nơi ngài qua đời[1311] .

Vài ngày trước khi Giáo hoàng bị bắt, Thánh Maximus cùng với môn đệ Anastasius của ngài đã bị bắt tại Rome và bị xiềng xích đưa đến Constantinople. Điều này được thực hiện theo lệnh của hoàng đế, bởi vì hoàng đế biết rằng chính nhờ lời khuyên và sự xúi giục của ai mà công đồng đã được triệu tập để kết án các tín đồ Monothelite và các thông điệp của ngài. Khi vị tu sĩ đến Byzantium bằng đường thủy, những người do hoàng đế

[1308] Thượng phụ Phaolô, người kế nhiệm Pyrrhus, theo gương của Sergius, đã thuyết phục Constantine ban hành vào năm 648 một sắc lệnh tín lý mới mang tên "Mẫu mực của Đức Tin" (typos). Sắc lệnh này quy định rằng đối với các vấn đề gây tranh cãi – về các bản tính của Chúa Kitô – phải giữ im lặng tuyệt đối, và chỉ chấp nhận những gì đã được xác nhận tại năm Công đồng Đại kết đầu tiên.

[1309] Thánh Maximus đến Rôma vào cuối năm 645 và sống ở đây mười năm, từ năm 645 đến năm 655.

[1310] Thánh Giáo hoàng Martin trước đây từng là apokrysiarios (tức là đại diện) của vị tiền nhiệm là Giáo hoàng Theodoros tại triều đình Byzantine và đã sống lâu năm tại Constantinopolis. Khi ngài lên ngôi Giáo hoàng vào tháng 5 năm 649, ngài đã nhận được một sắc lệnh hoàng gia (typos) từ Constantinopolis với mệnh lệnh phải tuân theo. Thánh Martin đã từ chối và cùng với Thánh Maximus bắt đầu tìm kiếm các biện pháp để loại trừ tà giáo. Vào cuối năm 649, ngài đã triệu tập tại Roma cái gọi là Công đồng Lateran, gồm 150 giám mục, với sự tham gia của Thánh Maximus. Tại công đồng này, giáo lý chính thống về hai ý chí và hai hành động trong Đức Giêsu Kitô đã được xác nhận, còn những người ủng hộ tà thuyết – Theodorus của Faras, Sergius của Constantinopolis, các tổng giám mục Pyrrhus và Paul, và cuối cùng là Kyr của Alexandria, cũng như bản tuyên bố của Heraclius và bản mẫu của Constans, đều bị vạ tuyệt thông, và các "biên bản" của công đồng đã được gửi đến hoàng đế Constans.

[1311] Đức Giáo hoàng Thánh Martin đã bị bắt giam vào năm 653 và, theo lệnh của Hoàng đế Constans, bị đưa đến Constantinopolis. Cùng với Thánh Maximus, ngài đã đến Constantinopolis vào tháng 9 năm 654. Số phận của họ trong suốt hành trình kéo dài một năm đó vẫn chưa được biết rõ. Thánh Martin, bị buộc tội phản bội tổ quốc và xúc phạm uy quyền hoàng gia, đã bị lưu đày đến Chersonesos, nơi ngài qua đời vào ngày 16 tháng 9 năm 655, sau khi bị bỏ đói đến chết.

cử đến đã xuất hiện trước mặt ngài, ánh mắt họ đã bộc lộ sự thù địch mãnh liệt. Họ đã táo tợn bắt giữ vị tu sĩ, người đang đi chân trần, không mặc áo quần và bị xiềng xích, rồi lôi kéo ngài đi khắp các con phố, cùng với đệ tử đau buồn của ngài. Sau khi đưa ngài vào một căn phòng tối tăm, họ nhốt ngài một mình, không cho đệ tử của ngài ở cùng, người này bị giam riêng trong một ngục tối khác. Vài ngày sau, vị tu sĩ được dẫn đến cung điện hoàng gia để thẩm vấn trước toàn thể Thượng viện, nhưng không có nhà vua chủ tọa. Khi ngài bước vào, ánh mắt của tất cả mọi người, tràn ngập sự thù hận và ác cảm, đều đổ dồn về phía ngài. Việc thẩm vấn được giao cho một quan đại thần, người giữ kho bạc[1312] . Đó là một người đàn ông giỏi tranh luận, hùng biện, rất giỏi trong việc đưa ra những cáo buộc sai trái và biến sự thật thành dối trá; trong việc bóp méo sự thật, ông ta là người am hiểu nhất. Ông ta đã thể hiện biết bao sự thù hận và vô liêm sỉ, đã ném ra biết bao lời trách móc và sỉ nhục! Ông ta không hề e ngại trước tuổi già đáng kính của vị thánh, người lúc đó đã hơn bảy mươi tuổi, không hề nao núng trước ân sủng tỏa sáng trong ánh mắt của ngài, cũng không nương tay trước tính cách hiền lành, điềm đạm, cởi mở và đầy tình yêu thương, hay trước danh hiệu "Đức Cha" của ngài. Trong khi kẻ buộc tội bất chính nói ra nhiều điều về người vô tội, những điều đó hoàn toàn không phù hợp với sự thật cũng như lẽ phải, và bộc lộ trong những lời lẽ dài dòng của mình sự xảo trá đầy ác ý, sự ngang ngược và tính cách gian xảo, thì chính bằng cách đó, hắn đã thể hiện sự vô liêm sỉ và thiếu lý trí tột độ trong mọi lời nói của mình. Tất nhiên, hắn không thể phản bác một cách thấu đáo trước những lập luận thuyết phục, tràn đầy sự hiền lành và khôn ngoan của vị tu sĩ, mà chỉ bộc lộ sự liều lĩnh và lộn xộn trong lời nói của mình, và chính vì thế mà hắn đã bị đánh bại. Cụ thể, những gì đã được nói và làm vào thời điểm đó, những cáo buộc nào đã được gán cho người vô tội, cũng như cách những kẻ dối trá cố gắng trình bày sự dối trá của mình dưới vỏ bọc của sự thật – tất cả đã được mô tả chi tiết bởi một môn đệ khác của Thánh Maximus, cũng tên là Anastasius, người từng là thư ký ngoại giao ([1313]) của Giáo hội Rôma. Chúng tôi sẽ trích dẫn ở đây một phần nhỏ từ câu chuyện dài của ông để làm kỷ niệm.

Ngay khi kẻ cáo buộc bất chính, vốn là quan thủ quỹ, đứng trước mặt vị thánh, hắn lập tức bắt đầu lăng mạ ngài – người vô tội – bằng những lời lẽ thô tục và dọa nạt, gọi ngài là kẻ vô lương tâm, kẻ phản bội tổ quốc, kẻ thù của hoàng đế, đồng thời gán cho ngài mọi điều ô nhục và tội ác. Khi vị thánh hỏi kẻ buộc tội rằng tại sao hắn lại gán cho ngài những cáo buộc như vậy và buộc tội ngài về hành vi phản bội nào, thì quan chức đó đã tung ra những lời vu khống gây phẫn nộ và đưa ra những nhân chứng rõ ràng là giả mạo. Hắn cáo buộc vị thánh rằng ngài đã phản bội nhiều thành phố lớn cho bọn man rợ: cụ thể là, bằng cách tách Alexandria, toàn bộ Ai Cập và Pentapolis[1314] ra khỏi biên giới quê hương, ngài đã sáp nhập chúng vào lãnh thổ của người Saracen, những người mà ngài có quan hệ thân thiện và thiện chí. Vị thánh đã giải thích rằng cáo buộc nhằm vào ngài là sai sự thật và đáng cười.

– Tôi có liên quan gì, hỡi tu sĩ, – ngài nói, – đến những kẻ chinh phục các thành phố, và làm sao tôi, với tư cách là một Kitô hữu, lại có thể giao du với người Saracen được? Ngược lại, tôi luôn chỉ mong muốn một điều duy nhất có lợi cho các thành phố Kitô giáo.

Nhưng kẻ vu khống vô liêm sỉ đã chuyển sang những lời dối trá khác, bịa đặt chúng như những giấc mơ, và, nâng giọng lên đến mức vô lễ, la hét rằng Thánh Maxim đã phỉ báng vị vua phương Đông, đồng thời cho rằng các vị vua phương Tây xứng đáng được tôn kính hơn. Trong khi đó, hắn còn viện dẫn những nhân chứng giả. Vị thánh nhân thở dài nặng nề, rồi đáp lại:

– Tôi tạ ơn Thiên Chúa của tôi vì đã phó thác tôi vào tay các ngài và để tôi phải chịu những cực hình vì những tội danh bất công, nhằm thanh tẩy những lỗi lầm tự nguyện và những thói hư tật xấu trong cuộc đời tôi. Nhưng để trả lời ngắn gọn về những cáo buộc sai trái của các ngươi, trước hết ta sẽ hỏi các ngươi: liệu các ngươi có nghe chính từ miệng ta những lời phỉ báng vị vua mà các ngươi đang nói đến, hay là ai đó khác đã kể cho các ngươi nghe về điều đó?

Họ đáp:

– Chúng tôi nghe từ những người khác, những người đã nghe điều đó từ chính miệng ngài.

Khi vị thánh yêu cầu triệu tập họ để họ làm chứng trực tiếp, những người buộc tội nói rằng họ đã qua đời.

Vị thánh đáp lại:

[1312] Thủ quỹ – theo tiếng Hy Lạp là gazophylax. Từ này bắt nguồn từ tiếng Ba Tư "gaza" – tài sản, của cải – và tiếng Hy Lạp "phylakō" – bảo quản. Gazophylakia – kho báu công cộng – là kho bạc hoàng gia hoặc kho bạc của Giáo hội (Mác 12:41; Giăng 8:20).

[1313] Apokrisiarion – từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là người bào chữa, luật sư về các vấn đề giáo hội – tại triều đình hoàng gia.

[1314] Lý do dẫn đến cáo buộc này là việc Grigori, tổng trấn châu Phi, người từng có thiện cảm với thánh Maximus, đã ly khai khỏi Đế quốc vào khoảng năm 650. – Pentapolis – phần phía tây của Libya, giáp với Ai Cập.

– Nếu các ngươi nói rằng những người đã nghe lời phỉ báng từ miệng ta đã qua đời, vậy tại sao các ngươi không triệu tập ta ra xét xử sớm hơn, khi họ còn sống? Lúc đó, các ngươi đã khỏi phải tốn công vô ích, còn ta sẽ chịu hình phạt cho tội lỗi rõ ràng của mình. Nhưng có một điều chắc chắn: những lời vu khống mà các ngươi gán cho ta là sai trái, và những kẻ đã đưa ta ra tòa cũng không có Đức Chúa Trời – Đấng thử thách lòng người – trước mắt họ. Xin đừng để tôi xứng đáng được chứng kiến sự tái lâm của Chúa và tôi sẽ không còn tự xưng là Kitô hữu nữa, nếu như tôi từng dù chỉ một lần nghĩ đến giấc mơ giả dối "[1315] " do các ngài bịa đặt, hoặc kể lại nó cho ai đó, hay nghe ai đó kể lại!

Sau đó, họ triệu tập một nhân chứng giả tên là Grigori, người khẳng định rằng đã nghe thấy tại Roma, học trò của Maxim là Anastasius gọi vị vua là "linh mục", và rằng anh ta đã học điều này từ thầy mình là Maxim. Thánh Maxim, khi phản bác Grigori, đã dũng cảm bác bỏ lời vu khống dối trá của hắn. Ngài nói:

– Khi Grigori ở Roma, ông ta chỉ trò chuyện với chúng tôi về sự nhất trí, đề nghị chúng tôi chấp nhận một tác phẩm giáo lý có tên là "tipos". Nhưng chúng tôi đã từ chối điều đó, vì ưu tiên những gì có ích cho linh hồn chúng tôi. Những điều mà các ngươi đang nói bây giờ, tôi không biết, và môn đệ của tôi cũng chưa bao giờ nói – Thiên Chúa là chứng nhân cho điều này! Tuy nhiên, tôi nhớ rằng lúc đó tôi đã nói với chính Grigori, chứ không phải với môn đệ của mình, như sau: việc nghiên cứu và xác định các giáo lý đức tin là nhiệm vụ của các linh mục, chứ không phải của các hoàng đế, bởi vì họ được trao quyền xức dầu cho vua, đặt tay lên vua, cử hành Bí tích Thánh Thể, đứng trước bàn thờ, và cử hành tất cả các Bí tích thiêng liêng và vĩ đại khác. Đó là những gì tôi đã nói lúc bấy giờ và hiện nay tôi vẫn nói. Ngay cả chính Grigori cũng sẽ không từ chối nhắc lại những lời này của tôi, và nếu ông ấy từ chối, thì ông ấy sẽ từ chối chính bản thân mình. Về tất cả những điều này, ai cũng có thể buộc tội hoặc bào chữa cho tôi trước tòa.

Không biết phải làm gì, những người buộc tội, vốn trông cậy vào sức mạnh của lời làm chứng dối trá, đã lôi vị thánh nhân ra khỏi hội trường. Sau đó, học trò của ngài là Anastasius được đưa vào. Họ cố gắng làm anh ta bối rối bằng những lời lẽ nghiêm khắc và những lời đe dọa gay gắt, thuyết phục anh ta xác nhận những lời vu khống nhắm vào thầy mình. Họ ép buộc anh ta làm chứng rằng thầy mình đã đối xử tàn nhẫn với Pyrrhus tại Rome khi tranh luận với anh ta về đức tin. Anastasius dũng cảm khẳng định rằng thầy của mình không những không làm hại Pyrrhus chút nào, mà còn đối xử với anh ta với sự kính trọng đặc biệt. Vì sự thẳng thắn đó, họ bắt đầu đấm Anastasius vào cổ, mặt và đầu, mong muốn bằng cách đó dùng bạo lực để đánh bại sự thật – rồi sau đó đưa anh ta trở lại nhà tù cũ. Sau đó, không hài lòng với cáo buộc sai trái trước đó và cuộc thẩm vấn thiên vị, họ lại triệu tập Thánh Maximus và tìm cách đánh bại sự kiên định của ngài bằng những lời vu khống mới. Lời vu khống đó cho rằng Thánh Maximus là tín đồ của học thuyết Origen[1316] và đồng tình với ông ta về mọi mặt. Thánh nhân đã dễ dàng và tự tin bác bỏ những cáo buộc sai trái đó vì chúng hoàn toàn không có bằng chứng. Về Origen, ngài mô tả ông ta là người bị tách khỏi sự hiệp thông với Chúa Kitô và với các Kitô hữu, còn những người theo học thuyết của ông thì ngài coi là xứng đáng chịu sự phán xét của Thiên Chúa. Sau đó, họ lại tiếp tục chất vấn Thánh Maximus về Pyrrhus và về những lý do khiến ngài tách khỏi Đức Thượng phụ Constantinopolis và không muốn hiệp thông với ngài. Họ còn thử thách vị thánh bằng những câu hỏi khác, đề nghị ngài chấp nhận "ti-pos" của hoàng đế và đối xử với văn bản này với sự kính trọng đặc biệt, như một bản tóm tắt tín lý hoàn hảo và bắt buộc. Thánh nhân đã phản đối họ, còn họ thì quấy rối ngài bằng nhiều lời trách móc gay gắt. Tuy nhiên, khi thấy mình bị Thánh Maximus đánh bại trong mọi cuộc tranh luận và tự sa vào những cái bẫy do chính mình giăng ra, họ đã giải tán cuộc họp và vội vã đến gặp hoàng đế để làm chứng về lòng dũng cảm bất khả chiến bại của vị tu sĩ Chrysopolis.

– Maxim, – họ nói, – là người bất khả chiến bại trong tranh luận, và không ai có thể thuyết phục ngài trở thành đồng minh của chúng ta, – ngay cả khi có ai đó tra tấn ngài đi chăng nữa!

[1315] Về giấc mơ này, được cho là trùng khớp về thời gian với sự nổi loạn của Grigori, tổng trấn châu Phi, sẽ được đề cập chi tiết trong phần tiểu sử dưới đây. Trong một trong những phiên thẩm vấn sau đó, Thánh Maximus lại bị cáo buộc đã xúi giục Grigori nổi loạn thông qua giấc mơ được gán cho ngài.

[1316] Origen – nhà giảng dạy Kitô giáo nổi tiếng nhất của thế kỷ III. Trong vô số tác phẩm của mình – những tác phẩm mà ngay cả những vị Giáo phụ vĩ đại nhất cũng dành sự kính trọng sâu sắc – Origen vẫn đưa ra một số quan điểm mang tính phi chính thống và dị giáo; chính vì vậy, những quan điểm này đã bị lên án là dị giáo, mặc dù Origen không bao giờ trình bày những quan điểm phi chính thống của mình như những chân lý bất di bất dịch. Đó chính là giáo lý của ông về sự tồn tại trước của linh hồn, đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ V vào năm 553.

Sau đó, vị thánh lại bị giam vào ngục tối. Một thời gian ngắn sau, những người đối thoại khác đến gặp ngài, cho rằng nếu thường xuyên tranh luận với ngài và dọa nạt ngài bằng những lời lẽ đáng sợ, thì sẽ dễ dàng thuyết phục ngài theo đức tin của họ hơn. Những người đến tuyên bố rằng họ được tổng giám mục phái đến, rồi bắt đầu hỏi vị thánh:

– Ngươi thuộc Giáo hội nào: Byzantine hay Rôma, Antioch, Alexandria hay Jerusalem? Vì tất cả các Giáo hội này cùng với các vùng lãnh thổ trực thuộc đều đang sống trong sự hiệp nhất. Do đó, nếu ngươi cũng thuộc về Giáo hội Công giáo, thì hãy ngay lập tức hiệp thông với chúng ta – trừ khi ngươi muốn phải chịu sự trục xuất nặng nề và trải qua những điều mà ngươi không ngờ tới.

Trước điều đó, người công chính đã trả lời họ một cách rất khôn ngoan:

– Chúa Kitô đã gọi Giáo hội Công giáo là Giáo hội chứa đựng lời tuyên xưng đức tin chân chính và cứu rỗi. Chính vì lời tuyên xưng này mà Ngài đã gọi Phêrô là người có phúc, và hứa sẽ xây dựng Giáo hội Toàn cầu trên nền tảng của ông[1317] . Tuy nhiên, tôi muốn biết nội dung lời tuyên xưng của các ngươi, dựa trên đó mà tất cả các Giáo hội, như các ngươi nói, đã hiệp thông với nhau. Nếu nó không trái với lẽ thật, thì tôi cũng sẽ không từ bỏ nó.

Các sứ giả trả lời ngài:

– Dù chúng tôi không được giao nhiệm vụ nói chuyện này với ngài, nhưng chúng tôi vẫn sẽ nói. Chúng tôi tuyên xưng hai hành động trong Đức Kitô do sự khác biệt giữa hai bản tính, và một hành động do sự kết hợp của cả hai bản tính trong một Ngôi Vị.

Thánh nhân đáp lại:

– Nếu các ngài nói về hai hành động, rằng chúng đã trở thành một hành động duy nhất do sự kết hợp của hai bản tính trong một Ngôi Vị, thì điều đó có nghĩa là, ngoài hai hành động đó, các ngài còn thừa nhận một hành động mới, hành động thứ ba, hành động hợp nhất, hay hành động Thần-Nhân.

– Không, – các sứ giả đáp, – chúng tôi thừa nhận hai hoạt động, nhưng nói về một hoạt động duy nhất do sự kết hợp của chúng.

Vị Thánh phản bác lại như sau:

– Chính các vị đang tự tạo ra cho mình một niềm tin lung lay và tuyên xưng rằng Thiên Chúa có thể tồn tại mà không có sự hiện hữu. Bởi vì, nếu các bạn gộp hai hành động thành một, do sự kết hợp của hai bản tính trong một Ngôi Vị, rồi sau đó chia hành động duy nhất đó thành hai, do sự khác biệt của hai bản tính, thì sẽ không có sự thống nhất cũng như sự phân đôi của các hành động, vì sự phân đôi và sự thống nhất loại trừ lẫn nhau; không những thế, những mưu mẹo này còn làm cho chính đối tượng mà các hành động tồn tại (tức là Thần-Nhân) trở nên hoàn toàn vô hiệu – thậm chí loại bỏ nó hẳn đi, như thể nó không có sự biểu lộ vốn có theo bản tính, thứ không thể bị tước đoạt khỏi bản tính cũng như không thể bị thay đổi. Nếu không, bản tính, vì không tự biểu lộ qua những hành động vốn thuộc về nó, theo quan điểm của các Thánh Phụ, sẽ mất đi toàn bộ sự hiện hữu[1318] . Nhưng tôi không thể thừa nhận điều này, và cũng chưa được các Thánh Phụ dạy để tin như vậy. Còn các ngài, với tư cách là những người có quyền hành, hãy làm với tôi bất cứ điều gì các ngài muốn.

Họ, không biết phải phản bác thế nào, đã nói rằng kẻ không tuân theo họ phải chịu án vạ tuyệt thông và phải chấp nhận cái chết đã định sẵn cho mình. Vị thánh đã đáp lại một cách hiền lành và khiêm nhường:

– Xin ý Chúa được thực hiện trên con, để tôn vinh danh thánh của Ngài.

Sau đó, các sứ giả đến gặp tổng giám mục và tóm tắt lại tất cả những gì vị thánh đã nói. Nhà vua, sau khi tham vấn với tổng giám mục – giống như Pilate xưa kia đã tham vấn với người Do Thái – đã kết án vị thánh phải bị lưu đày đến một thị trấn nhỏ, nằm ở Thrace, có tên là Visia[1319] . Tương tự như vậy, họ cũng đã đày đệ tử của ngài là

[1317] Xem Mt 16,17–18

[1318] Theo sự hiểu biết của các Thánh Tổ, không có bản tính nào có thể tồn tại hay được nhận thức nếu không thể hiện chính mình qua những hành động phù hợp với bản tính đó. Do đó, nếu thừa nhận chỉ có một ý chí trong Chúa Giêsu Kitô, thì một trong hai bản tính sẽ phải mất đi sự hiện hữu của mình và không còn tồn tại nữa. Cùng với đó, bản tính Thần-Người cũng sẽ biến mất. Như vậy, giáo lý về sự nhập thể đã bị những người theo phái Monoteletism bóp méo.

[1319] Thrace giáp dãy núi Carpathian ở phía bắc, từ Illyria; ở phía nam, các biên giới của nó là: Macedonia, Biển Aegean (Quần đảo) và Propontis (Biển Marmara), còn ở phía đông là Biển Đen. Như vậy, Thrace cổ đại bao gồm: phần phía đông của Hungary, Transylvania, Moldova, Wallachia, Bulgaria, Serbia và phần phía đông của Rumelia. Vizia – một thị trấn nhỏ ở phía đông Thrace, gần Biển Đen. Đây từng là thủ phủ của một quận nhỏ có tên là Astikos. Người dân nơi đây thường cướp bóc những người gặp nạn đắm tàu gần thành phố của họ.

Anastasius đến một vùng biên giới xa xôi của Vương quốc Hy Lạp, tại một nơi vô cùng khắc nghiệt, được gọi bằng tiếng man di là Pervera[1320] . Điều tương tự cũng xảy ra với một đệ tử khác của vị thánh, cũng tên là Anastasius, người từng là sứ giả tại Rome, và sau này đã viết cuốn tiểu sử về vị thánh Maximus. Ông bị lưu đày đến Mesembria[1321] , một thành phố ở Thrace.

Cùng thời gian đó, Đức Thánh Martin, Giáo hoàng Rôma, được đưa đến Constantinopolis và sau nhiều đau khổ, ngài bị lưu đày đến Chersonesos[1322] . Trước khi ngài bị lưu đày, khi ngài còn ở Constantinopolis, Đức Thượng phụ Pavlô của Constantinopolis đã qua đời. Sau đó, Pyrrhus[1323] , người đã được đề cập ở trên, được bổ nhiệm làm tổng giám mục, nhưng ông cũng qua đời chỉ bốn tháng sau đó. Lúc bấy giờ, Phêrô[1324] , một tín đồ kiên định của cùng một tà thuyết Monothelite, đã lên ngôi tổng giám mục.

Thời gian trôi qua, một lần nữa, nhân danh hoàng đế và Thượng phụ Phêrô, những vị quan chức đáng kính lại được cử đến gặp Thánh Maximus: Thượng phụ Theodosius của Caesarea Bithynia[1325] , cùng hai quan tổng trấn – Phaolô và Theodosius – nhằm thuyết phục ngài theo quan điểm của họ. Họ đã dùng nhiều cách khác nhau để thuyết phục vị thánh, lúc thì nịnh hót ngài, lúc thì đe dọa, lúc thì thử thách đức tin của ngài, lúc thì chất vấn. Khi họ xuất hiện cùng với giám mục Visium và ra lệnh cho vị thánh ngồi xuống, giám mục Theodosius đã nói với ngài như sau:

– Ngài khỏe không, thưa ngài, Abba Maxim?

Ngài đáp:

– Đúng như Chúa đã biết trước và định sẵn từ thuở đời đời về hoàn cảnh cuộc đời tôi, được bảo tồn nhờ sự quan phòng của Ngài.

Théodose phản bác lại:

– Sao lại thế được? Chẳng lẽ Thiên Chúa đã biết trước và định sẵn từ thuở đời đời mọi hành động của mỗi người chúng ta sao?

Thánh nhân đáp:

– Đức Chúa Trời đã biết trước những ý nghĩ, lời nói và hành động của chúng ta, những điều phụ thuộc vào ý chí của chúng ta; còn những điều sẽ xảy ra với chúng ta, nhưng không còn nằm trong quyền lực của chúng ta nữa mà thuộc về ý chí thiêng liêng của Ngài, thì Ngài đã định sẵn và sắp đặt từ trước.

Giám mục Theodosius hỏi:

– Vậy điều gì nằm trong quyền lực của chúng ta và điều gì không?

Thánh Maxim trả lời:

– Ngài đều biết rõ điều đó rồi, thưa ngài, và chỉ đang thử thách tôi, người tôi tớ của ngài, nên mới hỏi vậy thôi.

Giám mục đáp lại:

– Thật sự thì tôi không biết điều này, và tôi muốn hiểu rõ sự khác biệt giữa những gì thuộc quyền của chúng ta và những gì không thuộc quyền của chúng ta, cũng như điều này liên quan đến sự tiên tri của Đức Chúa Trời như thế nào, còn điều kia liên quan đến sự tiền định như thế nào?

Thánh Maxim trả lời:

– Tất cả những việc thiện và ác của chúng ta đều phụ thuộc vào ý chí của chúng ta; còn những hình phạt và tai ương ập đến với chúng ta, cũng như những điều ngược lại với chúng, thì không nằm trong quyền lực của chúng ta. Thật vậy, chúng ta không có quyền lực đối với căn bệnh làm kiệt sức chúng ta hay đối với sức khỏe, mà chỉ có quyền lực đối với những điều kiện gây ra bệnh tật hoặc duy trì sức khỏe. Cũng như sự thiếu tiết độ là nguyên nhân gây bệnh, còn sự tiết độ là điều kiện để có sức khỏe tốt, thì việc tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời cũng là điều kiện để đạt được Nước Trời, còn việc không tuân giữ chúng là nguyên nhân khiến ta bị ném vào hỏa ngục.

Vị Giám mục nói với anh ta:

[1320] Pervera – một thành phố nằm trong các thung lũng hẹp của núi Olympus, giữa Macedonia và Thessaly.

[1321] Mesembria – một thành phố ở phía đông Thrace, bên bờ Biển Đen.

[1322] Đó là vào năm 655. – Chersonesos ở phía đông bán đảo Taurica.

[1323] Phaolô qua đời vào năm 655.

[1324] Phêrô lãnh đạo Tòa Thượng phụ Constantinopolis từ năm 655 đến năm 666.

[1325] Bithynia giáp Biển Đen ở phía bắc, giáp Mysia ở phía tây, giáp Phrygia và Galatia ở phía nam, và giáp Paphlagonia ở phía đông. Ngày nay, vùng đất này nằm ở phần phía bắc của Anatolia.

– Tại sao ngươi lại tự hành hạ mình bằng sự lưu đày này, khi đã phạm phải những điều xứng đáng với tai họa như vậy?

– Con cầu xin Chúa, – vị thánh đáp, – để Ngài, khi trừng phạt con bằng tai họa này, sẽ tha thứ cho con những tội lỗi đã phạm khi vi phạm các điều răn thánh của Ngài.

Vị Giám mục phản bác lại:

– Chẳng phải nhiều người gặp phải tai họa là để thử thách sao?

– Các thánh nhân cũng bị thử thách, – vị thánh đáp, – để những đức tính thầm kín của họ được bộc lộ trước mọi người, như đã xảy ra với Giốp và Giô-sép. Và quả thực, Giốp đã bị thử thách để bộc lộ lòng dũng cảm mà không ai biết trong ông, còn Giô-sép đã phải chịu tai ương để sự trong sạch và tiết độ của ông – những điều làm nên một vị thánh – được bộc lộ rõ ràng. Và mỗi vị thánh, nếu phải chịu đau khổ một cách bất đắc dĩ trên thế gian này, thì chính là để nhờ những tai ương mà Thiên Chúa cho phép xảy ra, họ có thể chiến thắng kẻ phản bội kiêu ngạo, ma quỷ – con rắn; chính sự kiên nhẫn nơi mỗi vị thánh là kết quả của sự thử thách.

Nghe vậy, Giám mục Theodosius nói:

– Quả thật, ngài nói hay và đầy ý nghĩa, và tôi mong muốn luôn được trò chuyện với ngài về những điều như thế này, – nhưng vì tôi và các bạn đồng hành của tôi, những quý tộc đáng kính, đã đến gặp ngài, bất chấp quãng đường xa xôi, vì một việc khác, nên chúng tôi xin ngài: hãy chấp nhận điều chúng tôi đề nghị, và mang lại niềm vui cho cả vũ trụ.

– Cụ thể là gì, thưa ngài? – vị thánh hỏi. – Và tôi là ai, đến từ đâu, mà việc tôi đồng ý với đề nghị của các ngài lại có thể mang lại niềm vui cho cả thế giới?

Vị giám mục nói:

– Cũng như những lẽ thật bất di bất dịch của Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi, thì những điều mà tôi sắp nói với ngài, cũng như các cộng sự của tôi, các quý tộc đáng kính, cũng là những điều chúng tôi đã nghe trực tiếp từ Đức Thượng phụ và vị vua đạo đức của chúng tôi.

– Vậy xin các ngài hãy nói đi, thưa các ngài, – Thánh Maxim đáp lại, – các ngài muốn gì và đã nghe được điều gì?

Lúc đó, Theodosius bắt đầu nói:

– Trước hết, Hoàng đế và Đức Thượng phụ muốn biết từ ngài: tại sao ngài lại cắt đứt quan hệ với Tòa Thượng phụ Constantinopolis?

Thánh Maxim trả lời:

– Các ngài biết những cải cách đã được thông qua vào năm thứ sáu của chu kỳ vừa qua[1326] . Chúng bắt đầu tại Alexandria thông qua việc công bố chín điều khoản do Cyrus, vị tổng giám mục từng tại vị ở đó, đưa ra, đã được Tòa Thánh Constantinopolis phê chuẩn và xác nhận. Ngoài ra còn có những thay đổi và bổ sung khác (ekphesis và typus), làm sai lệch các quyết định của công đồng. Những cải cách này do các đại diện đầu tiên của Giáo hội Byzantine – Sergius, Pyrrhus và Paul – thực hiện và được tất cả các Giáo hội biết đến. Đó là lý do tại sao tôi, tôi tớ của quý vị, không tham gia hiệp thông với Giáo hội Constantinopolis. Xin cho những cám dỗ này, do những vị được nêu trên đưa vào Giáo hội, bị tiêu diệt – xin cho những kẻ đã đưa chúng vào bị loại bỏ – và con đường cứu rỗi được thanh tẩy khỏi mọi chướng ngại, để các ngài có thể bước đi trên con đường Phúc Âm bằng phẳng, được thanh tẩy khỏi mọi tà thuyết! Khi nào tôi thấy Giáo hội Constantinople trở lại như xưa, thì lúc đó tôi cũng sẽ quay về với Giáo hội ấy, như trước đây tôi từng là con của Giáo hội ấy, và sẽ hiệp thông với Giáo hội ấy mà không cần bất kỳ lời khuyên nhủ nào từ con người. Chừng nào trong Giáo hội ấy còn tồn tại những cám dỗ dị giáo và các giám mục dị giáo, thì không lời nói hay hành động nào có thể thuyết phục tôi để tôi bao giờ tái thiết lập mối hiệp thông với họ.

– Nhưng điều gì xấu xa – Giám mục Theodosius hỏi – trong sự tuyên xưng đức tin của chúng tôi, mà ngài không muốn hiệp thông với chúng tôi?

Thánh Maxim trả lời:

[1326] Theo lịch La Mã, "indikt" có nghĩa là khoảng thời gian, hay một chu kỳ 15 năm. Năm đầu tiên trong chu kỳ này được gọi là "indikt thứ nhất", năm thứ hai là "indikt thứ hai", v.v. Trong các lịch tháng của Hy Lạp và Slav, ngày 1 tháng 9 được ghi là: "sự khởi đầu của indikt, tức là mùa hè mới". Trong đoạn trích từ cuốn tiểu sử Thánh Maximus, cụm từ: "Indict thứ sáu của chu kỳ đã qua" cần được hiểu là "chín năm trước", tức là vào năm 648.

– Các ngài tuyên xưng rằng Đấng Cứu Thế có một hành động duy nhất của Thần Tính và Nhân Tính; – trong khi đó, nếu tin theo các vị Thánh Phụ, những người khẳng định rằng ai có một hành động duy nhất, thì người đó cũng chỉ có một bản tính, thì quý vị đang tuyên xưng Thánh Ba Ngôi không phải như Ba Ngôi, mà như Tứ Ngôi, như thể sự nhập thể đồng bản thể với Lời và đã rời xa sự đồng nhất với bản tính con người, vốn là bản tính mà chúng ta có và Đức Trinh Nữ Maria cũng đã có; và khi rời xa sự đồng bản thể vốn thuộc về loài người, dường như một bản thể mới đã được hình thành, đồng bản thể với Lời ở mức độ tương tự như Lời đồng bản thể với Cha và Thánh Thần; do đó, đây không còn là Ba Ngôi, mà là Tứ Ngôi. Tương tự như vậy, khi các ngươi phủ nhận các hành động và khẳng định rằng Thần Tính và Nhân Tính của Đấng Kitô chỉ có một ý chí duy nhất, các ngươi đang làm suy giảm sự tự do hành động của Ngài trong việc làm điều thiện. Vì nếu cả hai bản tính đều không có hành động riêng, vốn thuộc về chính nó, thì dù Ngài có muốn ban ơn cho ai đi chăng nữa, Ngài cũng không thể làm được, bởi vì khả năng làm điều thiện đã bị tước đoạt khỏi Ngài. Thật vậy, nếu không có khả năng hành động và không có hành động vốn thuộc về bản tính, thì không có sự vật nào có thể tạo ra hay làm được điều gì cả. Mặt khác, khi thừa nhận sự nhập thể của Đức Kitô, các ngươi tuyên xưng một ý chí trong hai bản tính, nhưng như vậy các ngươi thừa nhận rằng chính Xác thịt của Ngài, theo ý chí riêng của mình, đã là Đấng sáng tạo ra muôn thuở và muôn loài, cùng với Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần; trong khi đó, theo bản tính, chính Xác thịt ấy lại được tạo dựng. Hoặc nói đúng hơn: xác thịt theo ý chí của chính mình là vô thủy – vì ý chí của Thiên Chúa là vô thủy, cũng như Thiên Tính không có khởi đầu – còn theo bản tính của mình, xác thịt được tạo dựng trong thời gian. Nhưng tuyên xưng như vậy không chỉ là điên rồ, mà còn là vô thần, vì các ngươi không chỉ nói về một ý chí duy nhất trong Đức Kitô, mà còn gọi nó là Thần Thánh, trong khi ý chí Thần Thánh không thể có khởi đầu hay kết thúc, cũng như chính Thần Tính. Các ngươi cũng tước đoạt khỏi Chúa Kitô mọi biểu hiện và thuộc tính nhờ đó Thần Tính và Nhân Tính của Ngài được nhận biết, khi các ngươi, bằng cách phủ nhận và loại trừ, đòi hỏi không được nói về một hay hai ý chí trong Ngài, cũng như về các hành động của Ngài. Ý chí này không phải là duy nhất, bởi vì các ngươi chia nó thành hai bằng cách đặt ý chí con người dưới sự chi phối của ý chí Thần Thánh; nhưng nó cũng không phải là hai, bởi vì các ngươi hợp nhất chúng thành một.

Khi Thánh Maximus nói điều này và nhiều điều khác nữa – được môn đệ của ngài là Anastasius thuật lại chi tiết – thì Theodosius và các quý tộc bắt đầu nhận ra sự lầm lạc của mình. Tuy nhiên, vị giám mục đã nói:

– Hãy chấp nhận bản mẫu do hoàng đế soạn thảo không phải như một tín điều khẳng định, mà như một phương thức giải quyết những vấn đề còn nghi vấn. Ông ấy viết nó không phải với tư cách là luật lệ, mà là để giải thích đức tin.

Thánh Maxim trả lời:

– Nếu bản mẫu không phải là luật lệ khẳng định sự thống nhất giữa ý chí và hành động của Chúa chúng ta, thì tại sao các ngài lại đày tôi đến xứ sở của những kẻ man rợ và những người ngoại đạo không biết Chúa? Tại sao tôi lại bị kết án phải ở lại đây tại Visia? Tại sao các cộng sự của tôi lại bị trục xuất: một người đến Pervera, còn người kia đến Mesembria?

Khi đó, khi người ta nhắc lại về Công đồng địa phương đã được Đức Giáo hoàng Martin, vị thánh đáng kính, triệu tập tại Rôma để lên án các tín đồ Monothelite, Giám mục Theodosius đã nói:

– Hội đồng này không có giá trị, vì nó không được triệu tập theo sắc lệnh của hoàng đế.

Vị thánh trả lời:

– Nếu chỉ công nhận các nghị quyết của các công đồng được triệu tập theo sắc lệnh của hoàng đế, thì không thể có đức tin Chính Thống. Hãy nhớ lại các công đồng được triệu tập theo sắc lệnh của hoàng đế chống lại giáo lý "đồng bản thể", nơi đã thiết lập giáo lý phạm thượng rằng Con Thiên Chúa không đồng bản thể với Thiên Chúa Cha. Các công đồng đó là: công đồng thứ nhất tại Tyre, thứ hai tại Antioch, thứ ba tại Seleucia, thứ tư tại Constantinople dưới thời Eudoxius, người theo phái Arian, thứ năm tại Nicaea, thứ sáu tại Sirmium, và sau một thời gian dài – công đồng thứ bảy tại Ephesus do Dioscorus chủ tọa. Tất cả các công đồng này đều được triệu tập theo sắc lệnh của hoàng đế; tuy nhiên, tất cả đều bị bác bỏ và bị vạ tuyệt thông, vì tại đó đã được soạn thảo những tuyên tín vô thần và chống lại Thiên Chúa. Hơn nữa, tại sao các ngươi không bác bỏ công đồng đã kết án Phaolô Samosata và tuyên bố vạ tuyệt thông đối với ông? Bởi vì đứng đầu công đồng này là: Dionysius, Giáo hoàng Rôma, Dionysius thành Alexandria và Grigorius Thánh, người đã chủ tọa công đồng này. Công đồng này diễn ra mà không có sắc lệnh của hoàng đế; tuy nhiên, nó vẫn vững chắc và không thể bác bỏ. Giáo hội Chính thống chỉ công nhận những công đồng nào thiết lập các tín điều chân chính và bất di bất dịch là chân chính và thánh thiện.

Và quả thực, như Đức Thánh Cha cũng biết và đang dạy dỗ những người khác, các quy tắc giáo luật quy định – ở mỗi quốc gia Kitô giáo phải triệu tập các công đồng địa phương hai lần mỗi năm – vừa để bảo vệ đức tin cứu rỗi của chúng ta, vừa để sửa chữa những gì cần được sửa chữa; tuy nhiên, các quy tắc giáo hội không đề cập đến các sắc lệnh của hoàng đế.

Sau một cuộc trò chuyện kéo dài và cuộc tranh luận gay gắt từ cả hai phía, miệng của Thánh Maximus tràn đầy sự khôn ngoan và tài hùng biện của Thiên Chúa, và lời nói của ngài, được Thánh Thần thúc đẩy, đã chiến thắng những kẻ đối địch. Những người này ngồi im lặng trong một thời gian dài, cúi đầu và hạ mắt xuống. Sau đó, họ cảm động và bắt đầu khóc, rồi đứng dậy và cúi đầu kính lễ vị thánh, cũng như ngài đã làm với họ. Sau khi cùng nhau cầu nguyện, họ vui mừng đồng ý với giáo lý chân chính của Thánh Maximus và với lòng yêu mến đã tiếp nhận giáo lý ấy, đồng thời chính họ cũng hứa sẽ tin theo giáo lý đó và hy vọng sẽ thuyết phục được nhà vua làm theo. Để khẳng định lời hứa của mình, họ đã hôn lên Phúc Âm Thánh, Thánh Giá và các bức tượng thánh của Đấng Cứu Thế và Đức Mẹ Đồng Trinh. Sau đó, sau khi trò chuyện đủ về những điều có ích cho linh hồn, họ trao nhau nụ hôn trong Chúa và, sau khi chúc nhau bình an, Giám mục Theodosius cùng hai quý tộc đã trở về Byzantium. Khi họ tường thuật lại cho hoàng đế tất cả những điều đã nói và đã làm, hoàng đế đã nổi giận dữ dội. Lúc đó, Thêôđôsiô và hai vị quý tộc, vì sợ cơn thịnh nộ của hoàng đế, lại quay về với tà giáo. Sau đó, quý tộc Phaolô lại được cử đến Visia với nhiệm vụ đưa Thánh Maximus về Constantinopolis, nhưng phải được đối xử với sự tôn kính. Khi Thánh Maximus được đưa về, ngài được lệnh phải sống tại tu viện Thánh Phêrô[1327] .

Sáng hôm sau, hoàng đế cử hai quý tộc là Epiphanius và Troilus đến gặp vị thánh. Họ xuất hiện cùng với nhiều quý tộc, một đội quân và các tôi tớ, trong sự xa hoa và vinh quang hão huyền. Cùng đi với họ còn có Giám mục Theodosius đã được nhắc đến ở trên; Thánh Maximus đang chờ đợi ngài và hy vọng ngài sẽ thực hiện lời hứa của mình, theo đó không chỉ bản thân ngài phải tin tưởng chân thành, mà cả nhà vua và tất cả các đại diện khác của dân chúng cũng phải quay trở lại với Chính Thống Giáo. Nhưng Theodosius đã nói dối, thà nịnh bợ vị vua trần gian và thế giới hư ảo, hơn là theo Vua Thiên Đàng và Giáo Hội Thánh của Ngài. Khi mọi người đã ngồi xuống và thuyết phục vị thánh tu sĩ ngồi xuống, quý tộc Troilus bắt đầu cuộc trò chuyện.

– Bệ hạ, vị Chúa tể của vũ trụ, – ông bắt đầu, – đã sai chúng tôi đến đây để truyền đạt điều mà quyền lực hoàng gia của Ngài, được Thiên Chúa xác nhận, mong muốn, nhưng trước tiên hãy cho chúng tôi biết: ngài có tuân theo ý muốn của bệ hạ hay không?

Thánh Maxim trả lời:

– Trước tiên, thưa ngài, tôi sẽ lắng nghe những gì Bệ hạ ra lệnh cho tôi, và tôi sẽ trả lời ngài dựa trên điều đó. Vì làm sao tôi có thể trả lời về điều mà tôi chưa biết?

Còn Troil thì vẫn khăng khăng nói:

– Chúng tôi sẽ không nói cho ngài biết lý do chúng tôi đến đây cho đến khi ngài trả lời chúng tôi rằng ngài có tuân theo lệnh của nhà vua hay không.

Vị thánh nhân, thấy các sứ giả đòi hỏi khăng khăng, nhìn với ánh mắt đầy thù hận và dùng lời lẽ gay gắt chất vấn ngài liệu ngài có tuân theo ý muốn của nhà vua hay không, bèn đáp:

– Vì các ngươi không muốn nói cho ta, kẻ tôi tớ của các ngươi, biết điều gì làm vừa lòng chúa tể của chúng ta, nhà vua, nên ta tuyên bố với các ngươi, trước mặt chính Đức Chúa Trời và các Thiên Thần thánh của Ngài, như sau: nếu nhà vua ra lệnh cho ta làm điều gì đó mang tính tạm thời và thoáng qua, đồng thời không trái với ý Chúa và không gây hại cho sự cứu rỗi vĩnh cửu của linh hồn, thì ta sẽ sẵn lòng tuân theo.

Khi vị thánh nói xong, quý tộc Troilus lập tức đứng dậy và định ra về, nói:

– Tôi ra về, vì tôi thấy người này sẽ không tuân theo ý muốn của nhà vua.

Nhưng ngay lập tức, một tiếng ồn ào bùng lên và sự hỗn loạn dữ dội bắt đầu nổ ra giữa đám đông người dân đã tụ tập tại đây. Lúc đó, Giám mục Theodosius nói:

– Hãy thông báo ý chỉ của bệ hạ cho ngài ấy và lắng nghe câu trả lời của ngài, vì không nên ra về mà không nói gì với ngài và cũng không nghe câu trả lời của ngài.

Sau đó, quý tộc Epiphanius bắt đầu nói với vị thánh:

– Đây là điều hoàng đế ra lệnh thông báo cho ngài: vì cả phương Đông và những người ở phương Tây, những kẻ đã sa vào cám dỗ, khi nhìn vào ngài, họ gây ra hỗn loạn và xáo trộn, trở thành những kẻ bội đạo và dàn

[1327] Đó là vào năm 655. – Tu viện của Thánh Tử đạo Theodoros tọa lạc ở ngoại ô Constantinopolis.

dựng mưu mô, đồng thời không muốn có sự hiệp thông với chúng tôi trong vấn đề đức tin, thì xin Chúa làm dịu lòng ngài bằng sự hiền lành, để ngài hiệp thông với chúng tôi, chấp nhận bản mẫu mà chúng tôi đã ban hành. Còn chúng tôi, sau khi đón nhận ngài với tình yêu thương, sẽ với vinh dự và vinh quang lớn lao đưa ngài vào Hội Thánh và đặt ngài bên cạnh chúng tôi, nơi mà các vị vua thường đứng, và cùng với ngài, chúng tôi sẽ tham dự Mầu Nhiệm Thánh Thể và Máu Thánh của Đức Kitô, Đấng Vô Nhiễm và Ban Sự Sống. Sau đó, chúng tôi sẽ tôn vinh ngài là cha của chúng tôi, và niềm vui sẽ tràn ngập không chỉ trong toàn thành phố yêu mến Chúa của chúng tôi, mà còn trên khắp thế giới Kitô giáo. Vì chúng tôi tin chắc rằng, khi ngài gia nhập vào sự hiệp thông với Giáo hội Thánh Constantinopolis , thì tất cả những ai vì ngài và dưới sự lãnh đạo của ngài mà đã rời bỏ sự hiệp thông với chúng tôi cũng sẽ trở lại với chúng tôi.

Thánh Abba Maxim, quay sang Giám mục Theodosius, đã nói trong nước mắt:

– Thưa Đức Cha, tất cả chúng con đều đang chờ đợi Ngày Phán Xét Lớn. Ngài còn nhớ những điều vừa được nói và hứa trước Thánh Kinh, Thánh Giá ban sự sống, và các thánh tượng của Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô cùng Mẹ Ngài, Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và Luôn Trinh.

Vị Giám mục, với ánh mắt hướng xuống đất, nhẹ nhàng nói:

– Tôi có thể làm gì được khi vị vua đạo đức lại muốn điều khác?

Thánh Abba Maxim trả lời ngài:

– Vậy tại sao ngài và những người đi cùng lại chạm vào Thánh Kinh, khi các ngài không có ý định vững chắc để thực hiện lời hứa? Quả thật, dù tất cả các thế lực trên trời có đến cũng không thể thuyết phục tôi làm điều các ngài đề nghị. Bởi vì, tôi sẽ trả lời thế nào – không phải với Thiên Chúa, mà là với lương tâm của chính mình – nếu vì danh vọng hão huyền và ý kiến của loài người, những thứ chẳng đáng giá gì, mà tôi từ chối đức tin chân chính, vốn cứu rỗi những ai yêu mến nó?

Khi vị thánh nói xong, ngay lập tức tất cả đều đứng dậy, tràn đầy cơn giận dữ và điên cuồng, rồi xông tới ông, không chỉ chửi rủa ông bằng những lời thô tục, mà còn giơ tay đánh ông. Họ túm lấy ngài, đánh đập bằng tay, hành hạ, lôi ngài qua lại trên sàn nhà, xô đẩy và giẫm đạp lên người ngài, và ai nấy đều cố gắng vươn tay ra để đánh ngài. Chắc chắn họ đã giết chết vị thánh nếu không có Đức Giám mục Theodosius can thiệp để dập tắt cơn thịnh nộ và xoa dịu sự hỗn loạn của họ. Khi ngừng đánh đập và hành hạ vị thánh, họ bắt đầu nhổ nước bọt vào ngài, và nhổ đầy người của Đức Chúa Trời từ đầu đến chân. Mùi hôi thối bốc lên từ những đốm nước bọt ghê tởm của họ, làm bẩn hết cả quần áo của ngài.

Lúc đó, vị giám mục nói với họ:

– Các ngươi không nên làm như vậy; chỉ cần lắng nghe lời đáp của ngài rồi tâu lại với hoàng đế là được, vì những việc thuộc phạm vi quy tắc của Giáo hội thì được xét xử theo cách khác.

Với nhiều khó khăn, vị giám mục mới thuyết phục được họ ngừng ồn ào và ngồi xuống lại. Họ ngồi xuống, nhưng vẫn không ngừng lăng mạ vị thánh bằng những lời chửi rủa thô tục và những lời trách móc xúc phạm.

Lúc đó, quý tộc Epiphanius, đầy phẫn nộ, đã giận dữ quát tháo vị thánh:

– Nói cho chúng ta nghe đi, lão già độc ác, kẻ bị quỷ ám! Tại sao ngươi lại nói những lời như vậy? Ngươi có coi tất cả chúng ta, thành phố của chúng ta và vị vua của chúng ta là những kẻ dị giáo không? Hãy biết rằng chúng ta là những Kitô hữu và những người Chính thống giáo chân chính hơn ngươi. Chúng ta thừa nhận nơi Đức Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, cả ý chí thần thánh lẫn ý chí con người, cùng linh hồn có lý trí; vì mọi sinh vật có lý trí đều luôn có sức mạnh tự do ý chí, theo bản chất tự nhiên của nó, và khả năng hành động. Nói chung, sự chuyển động là đặc tính của sinh vật sống, còn ý chí là đặc tính của trí tuệ. Chúng tôi thừa nhận rằng Chúa không chỉ có quyền năng ý chí trong bản tính Thần thánh mà còn trong bản tính con người, và đặc biệt, chúng tôi không phủ nhận hai ý chí và hai hành động của Ngài.

Abba Maxim trả lời:

– Nếu các ngươi tin theo như Giáo Hội của Đức Chúa Trời dạy, và như xứng đáng với một sinh vật có lý trí, thì tại sao các ngươi lại ép buộc tôi phải chấp nhận "ti-pos", thứ hoàn toàn phủ nhận những gì các ngươi đang nói bây giờ?

Epiphanius phản bác:

– "Tipos" được viết ra nhằm làm rõ những chân lý chưa hoàn toàn dễ hiểu, để dân chúng không sa vào lầm lạc do sự tinh tế đặc biệt trong cách diễn đạt của chúng.

Trước điều đó, Abba Maxim đã trả lời:

– Điều đó đi ngược lại đức tin, trong khi đó, mỗi người đều được thánh hóa nhờ việc tuyên xưng đức tin một cách đúng đắn.

Lúc đó, quý tộc Troilus phản bác:

– "Típos" không phủ nhận hai ý chí trong Đức Kitô, mà chỉ yêu cầu im lặng về chúng vì sự hòa bình của Giáo Hội.

Abba Maxim đã nói về điều này:

– Im lặng về một lời, tức là phủ nhận lời đó, như Thánh Thần đã phán qua miệng vị tiên tri: *"Không có ngôn ngữ nào, không có phương ngữ nào mà tiếng nói của họ không được nghe thấy"* (Thánh Vịnh 18:4). Vì vậy, nếu một lời nào đó không được thốt ra, thì đó hoàn toàn không phải là lời.

Lúc đó, Troil nói:

– Hãy giữ trong lòng bất kỳ đức tin nào anh muốn; không ai cấm anh cả.

Thánh Maxim phản bác:

– Nhưng sự cứu rỗi trọn vẹn không chỉ phụ thuộc vào đức tin trong lòng, mà còn phụ thuộc vào việc xưng nhận đức tin ấy, vì Chúa phán: *"Ai chối bỏ Ta trước mặt người ta, thì Ta cũng sẽ chối bỏ người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời"* (Mt 10,33). Tương tự, vị Tông đồ Thánh cũng dạy: *"Người ta tin bằng lòng để được công chính, và xưng ra bằng miệng để được cứu rỗi"* (Rm 10,10). Nếu Đức Chúa Trời cùng các vị tiên tri và sứ đồ thánh thiêng truyền lệnh phải xưng nhận bằng lời nói và ngôn ngữ về mầu nhiệm đức tin, vốn mang lại sự cứu rỗi cho cả thế gian, thì không thể ép buộc ai phải im lặng về việc xưng nhận ấy, để sự cứu rỗi của loài người không bị suy giảm.

Nghe vậy, Epiphanius đã thét lên bằng giọng điệu cay độc:

– Ngươi có ký vào các nghị quyết của công đồng đã diễn ra tại Rôma không?

– Tôi đã ký, – vị thánh đáp.

Rồi Epiphanius tiếp tục:

– Sao ngươi dám ký tên và tuyên bố tuyệt thông những người tuyên xưng đức tin theo cách xứng đáng với những sinh linh có lý trí và theo như Giáo Hội Công Giáo dạy dỗ? Quả thật, bằng chính tòa án của chúng ta, chúng ta sẽ đưa ngươi vào thành phố và trói ngươi lại ở quảng trường, tập hợp tất cả các diễn viên hài, các gái điếm và toàn thể dân chúng, rồi bắt họ tát vào má ngươi và nhổ nước bọt vào mặt ngươi.

Nghe vậy, vị Thánh đáp lại:

– Xin hãy làm như ngươi đã nói. Nếu ngươi khẳng định rằng chúng ta đã tuyên bố tuyệt thông những ai thừa nhận hai bản tính hợp nhất trong Chúa chúng ta, cũng như hai ý chí và hai hành động tương ứng với mỗi bản tính trong Chúa Kitô, Đấng theo bản tính Thiên Chúa là Thiên Chúa thật, còn theo bản tính con người là con người thật, thì hãy đọc, thưa ngài, cuốn sách ghi lại các nghị quyết của công đồng này, và nếu ngài tìm thấy điều ngài đã nói, thì hãy làm theo ý ngài. Vì tôi cùng các cộng sự của tôi, và tất cả những ai đã ký tên vào các nghị quyết của công đồng, đã lên án những kẻ, giống như Arius và Apollinaris[1328] , chỉ thừa nhận trong Chúa một ý chí và một hành động duy nhất, và không tuyên xưng Chúa chúng ta và Thiên Chúa là Đấng có hai bản tính, trong đó Ngài ngự trị, cũng như có quyền năng ý chí và hành động, nhờ đó Ngài thực hiện sự cứu rỗi của chúng ta.

Lúc đó, những người bạn của Epiphanius, các quý tộc, và tất cả những ai đi cùng họ, bắt đầu bàn tán với nhau:

– Nếu chúng ta tiếp tục nghe hắn nói, thì chúng ta sẽ không được ăn uống gì cả. Vì vậy, hãy đi dùng bữa trưa trước, rồi sau đó chúng ta sẽ báo cáo với nhà vua và tổng giám mục những điều chúng ta đã nghe. Các bạn thấy đó, tên khốn kiếp này đã bán mình cho Satan rồi.

Sau đó, họ đứng dậy và ra về để dùng bữa trưa. Hôm đó là ngày tiền lễ Nâng Thánh Giá và đã gần đến giờ thánh lễ suốt đêm. Sau khi ăn trưa xong, họ trở về thành phố với tâm trạng vô cùng bất mãn.

Ngày hôm sau (ngày 14 tháng 9), vào sáng sớm, quý tộc Theodosius đến gặp Thánh Maximus, lấy đi tất cả các cuốn sách mà vị thánh đang có, và nói thay mặt nhà vua:

– Vì ngươi không muốn nhận vinh dự, nên hãy đi vào cuộc lưu đày mà ngươi xứng đáng nhận.

[1328] Apollinaris, Giám mục Laodicea, đã dạy rằng Con Thiên Chúa, khi nhập thể, đã nhận lấy bản tính con người không trọn vẹn, mà chỉ có linh hồn và thân xác con người, còn trí tuệ con người của Ngài thì được thay thế bởi Thần tính. Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ 2.

Vị thánh già ngay lập tức bị binh lính bắt giữ và đưa đến Selembria trước tiên, nơi ngài ở lại hai ngày. Trong thời gian đó, một binh lính từ Selembria, khi lên đường nhập ngũ, đã lan truyền tin đồn trong trại lính, kích động dân chúng chống lại vị thánh già bằng những lời như: "Có một tu sĩ đã đến với chúng ta, người này phỉ báng Đức Mẹ Đồng Trinh." Tư lệnh quân đội đã triệu tập các giáo sĩ quan trọng nhất của thành phố Selemvria, cùng với các linh mục, phó tế và các tu sĩ đáng kính nhất, rồi sai họ đến gặp Thánh Maximus – để tìm hiểu xem liệu những điều người ta nói về ngài, rằng ngài phỉ báng Mẹ Thiên Chúa, có đúng sự thật hay không? Khi họ đến, vị thánh đứng dậy và cúi đầu xuống đất, bày tỏ sự kính trọng đối với chức vụ của họ. Họ cũng cúi đầu chào vị thánh, rồi tất cả cùng ngồi xuống. Lúc đó, một trong những người đến, một vị tu sĩ cao niên rất đáng kính, đã hỏi vị thánh Maximus một cách rất hiền lành và tôn kính:

– Thưa Cha, vì có một số người đã bị lừa dối về sự thánh thiện của Cha, khẳng định rằng Cha không công nhận Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, là Mẹ của Thiên Chúa, nên con xin thề trước Thánh Ba Ngôi Đồng Bản Thể để Cha nói cho chúng con biết sự thật và xóa bỏ sự lừa dối khỏi lòng chúng con, để chúng con cũng không phạm tội khi suy nghĩ sai lầm về Cha.

Thánh Maximus quỳ xuống đất theo hình chữ thập, rồi đứng dậy, giơ hai tay lên trời và trang trọng tuyên bố trong nước mắt:

– Ai không xưng nhận Đức Mẹ của chúng ta, Đấng được ca ngợi muôn đời, Trinh Nữ Thánh Khiết và Vô Nhiễm, Đấng cao quý nhất trong mọi loài hữu tình, là Mẹ thật sự của Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng trời đất, biển cả và muôn loài trong đó, thì người ấy sẽ bị nguyền rủa bởi Chúa Cha, Chúa Con, và Thánh Thần, Ba Ngôi đồng bản thể và siêu nhiên, cũng như từ mọi quyền năng trên trời, từ các thánh tông đồ và các tiên tri, từ vô số các vị tử đạo, và từ mọi linh hồn công chính đã qua đời trong đức tin, ngay bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời!

Nghe vậy, mọi người đều rơi lệ và gửi lời chúc phúc đến ngài như sau:

– Xin Chúa củng cố cha, và xin Chúa ban cho cha được hoàn thành sứ mệnh của mình một cách xứng đáng và suôn sẻ!

Sau đó, rất nhiều binh lính tụ tập tại đó để lắng nghe những lời giảng đạo đức của các vị cha, những người đang trò chuyện với nhau. Lúc đó, một trong những cận thần của tổng tư lệnh quân đội, thấy đám đông binh lính tụ tập đông đảo, chăm chú lắng nghe lời thánh nhân và chỉ trích chính quyền vì đã trục xuất ngài, liền ra lệnh lập tức đưa thánh nhân ra khỏi đó và dẫn ngài đi thêm hai chặng đường[1329] , cho đến khi những người được giao nhiệm vụ đưa ngài đến Pevera để bị lưu đày chuẩn bị xong. Các giáo sĩ, được thúc đẩy bởi tình yêu Thiên Chúa, đã đi bộ quãng đường hai sân thi đấu đó để tiễn đưa vị thánh. Khi các binh lính đến để dẫn ngài đi lưu đày, các giáo sĩ đã cõng vị thánh trên tay và đặt ngài lên lưng ngựa. Sau đó, họ ôm lấy ngài trong nước mắt, chia tay ngài, rồi trở về thành phố của mình. Còn vị thánh thì bị dẫn đến Pervera và bị giam trong ngục tối tại đó.

Thời gian trôi qua rất lâu[1330] , và nhà vua lại ra lệnh đưa Thánh Maximus cùng hai môn đệ của ngài từ nơi lưu đày về Constantinople. Khi họ cập bến thành phố trên con thuyền, vào lúc mặt trời lặn, hai chỉ huy đội lính canh cùng mười chiến binh xuất hiện; họ dẫn các vị ra khỏi thuyền trong tình trạng nửa trần truồng và không mang giày dép, rồi tách họ ra và giam giữ mỗi người riêng biệt. Vài ngày sau, họ được dẫn đến cung điện hoàng gia. Cả hai môn đệ đều bị bỏ lại trong sân dưới sự canh gác, còn vị tu sĩ già thì được dẫn vào trong, nơi các quan chức cao cấp và nhiều nhân vật danh giá đang tụ họp. Thánh nhân được đặt giữa các vị lãnh đạo đang ngồi. Lúc đó, quan thủ quỹ hoàng gia, với giọng nói đầy bực bội, đã hỏi ngài:

– Ngươi có phải là người Kitô hữu không?

Vị tu sĩ già đáp:

– Nhờ ân sủng của Chúa Kitô, Thiên Chúa của muôn loài, tôi là người Kitô hữu.

Người quản lý kho bạc nổi giận và nói:

– Ngươi đang nói dối.

Vị thánh đáp:

– Ngươi nói rằng ta không phải là người Kitô hữu, nhưng Thiên Chúa phán rằng ta luôn luôn là người Kitô hữu.

[1329] "Poprište" là đơn vị đo khoảng cách, tương đương với 690 "sazhen" của chúng ta. Như vậy, hai "poprište" tương đương với khoảng 2 *2₃ verst.*

[1330] Chính xác là năm năm.

– Nhưng nếu ngươi là người Kitô hữu, – viên quản lý kho bạc phản bác, – thì tại sao ngươi lại căm ghét nhà vua?

– Làm sao người biết được điều đó? – vị thánh hỏi. – Vì lòng căm ghét là cảm xúc thầm kín trong tâm hồn, cũng giống như tình yêu vậy.

– Qua những việc làm của ngươi, – người quản lý kho bạc đáp, – ai cũng biết rằng ngươi là kẻ thù của nhà vua và vương quốc của ngài. Vì chính ngươi là người đã phản bội Ai Cập, Alexandria, Pentapolis, Tripoli và châu Phi cho bọn Saracen.

– Vậy bằng chứng xác thực về điều này ở đâu? – vị thánh hỏi.

Lúc đó, người ta dẫn vào một người tên là Gioan, từng là quan quản lý kho bạc[1331] của Thánh Phêrô – vào thời điểm Thánh Phêrô đang làm tổng trấn Numidia thuộc châu Phi[1332] . Người tên Gioan này nói:

– Hai mươi hai năm trước, ông nội của đức vua chúng ta đã ra lệnh cho thánh Phêrô dẫn quân đến Ai Cập để chống lại người Saracen. Phêrô, vì tin tưởng ngài như một tôi tớ của Chúa, đã viết thư cho ngài để xin lời khuyên hữu ích. Nhưng ngài đã trả lời rằng việc giúp đỡ vua Heraclius và các người thừa kế của ông ấy là điều không đẹp lòng Chúa.

Lúc đó, vị thánh nói với ông:

– Nếu ngài nói thật và có bức thư của Phêrô gửi cho tôi cùng bức thư của tôi gửi cho Phêrô, thì hãy đưa ra; hãy để họ đọc, và tôi sẽ chấp nhận hình phạt xứng đáng theo luật pháp.

Giăng đáp lại:

– Tôi không có những lá thư của các ngài, và thậm chí không biết liệu các ngài có viết thư cho nhau hay không, nhưng lúc đó trong trại, mọi người đều bàn tán về chuyện này.

Vị thánh phản bác:

– Nếu cả đạo quân đều bàn tán về chuyện này, vậy tại sao chỉ có một mình ngươi vu khống ta? Ngươi đã từng thấy ta bao giờ chưa, hay ta đã từng thấy ngươi?

– Không, – Gioan đáp. – Tôi chưa bao giờ gặp ngài.

Lúc đó, vị thánh quay sang hội chúng và nói:

– Các vị hãy tự phán xét: liệu có công bằng khi lấy những người như vậy làm nhân chứng không? Vì đã có lời chép rằng: *"Các ngươi phán xét người ta thế nào, thì các ngươi cũng sẽ bị phán xét như vậy; các ngươi đo lường người ta bằng thước nào, thì người ta cũng sẽ đo lường các ngươi bằng thước đó"* (Mt 7:2). Từ Đức Chúa Trời, Đấng Phán Xét công bình của muôn loài.

Sau đó, người ta dẫn Sergius Maguda vào. Ông nói:

– Cách đây chín năm, vị thánh Avva Thomas, người đến từ Rôma, đã kể cho tôi nghe điều sau đây: Ngài nói rằng, Đức Giáo hoàng Theodoros đã sai tôi đến gặp Grigorius, tổng trấn châu Phi – vùng đất lúc bấy giờ đã tách khỏi Đế quốc Hy Lạp – để nói với ngài ấy rằng đừng sợ quân đội Hy Lạp, vì tôi tớ của Đức Chúa Trời, Abba Maxim, đã có một giấc mơ, trong đó ngài thấy các thiên thần đứng trên trời, cả ở phía đông lẫn phía tây. Trong số đó, những vị ở phía đông đã hô to: "Constantine Augustus, ngài sẽ chiến thắng!" Còn những vị ở phía tây thì hô to: "Gregory Augustus, ngài sẽ chiến thắng!" Lúc đó, giọng nói của các thiên thần phía tây rõ ràng và to hơn so với phía đông.

Khi Maguda kể lại điều này, quan thủ quỹ nói với vị thánh:

– Chính Thiên Chúa đã dẫn ngài đến thành phố này để bị thiêu sống.

Thánh nhân đáp:

– Con tạ ơn Chúa, Đấng thanh tẩy những tội lỗi tự nguyện của con bằng những hình phạt bất đắc dĩ. Nhưng *"Khốn cho thế gian vì những cám dỗ; vì cám dỗ ắt phải đến; nhưng khốn cho người nào làm cám dỗ đến"* (Mt 18,7). Quả thật, không nên nói điều này trước mặt các Kitô hữu, huống chi là để những kẻ chỉ nói và nghĩ những điều làm vừa lòng con người – những người hôm nay còn sống, ngày mai đã không còn – mà không bị trừng phạt. Tất cả những điều này lẽ ra phải được công bố khi Grigori còn sống. Lúc đó, lẽ ra phải mời quý tộc Phêrô, tu sĩ Phêrô và Đức Giáo hoàng Thánh Thêôđôrô đến đây; trước mặt tất cả họ, tôi sẽ nói với quý tộc Phêrô: "Xin hãy nói

---

[1331] Sakellarios – từ "saccilus" (túi) – cũng có nghĩa là người quản lý kho bạc. Có hai chức vụ Sakellarios – của hoàng đế và của tổng giám mục.

[1332] Numidia nằm ở Bắc Phi. Ngày nay, nó là phần phía đông của Algeria.

cho tôi biết, thưa ngài, ngài có bao giờ viết thư cho tôi về những điều mà thư ký của ngài làm chứng hay không, hay có lẽ chính tôi đã viết thư cho ngài?" Tương tự, tôi cũng sẽ nói với Đức Giáo hoàng Thánh thiện: "Xin ngài hãy nói, thưa Đức Thánh Cha, liệu tôi có bao giờ kể cho ngài nghe về giấc mơ đó không?" Nhưng nếu ngay cả Đức Giáo hoàng cũng buộc tội tôi về giấc mơ đó, thì đó là lỗi của ngài, chứ không phải của tôi, vì giấc mơ là điều không tự chủ, còn luật pháp chỉ trừng phạt những hành vi phụ thuộc vào ý chí tự do của con người.

Bên cạnh đó, còn có những lời vu khống và cáo buộc bất công khác nhắm vào vị thánh vô tội này, đặc biệt là về việc phỉ báng nhà vua – như thể ngài và các môn đệ của ngài đã chỉ trích nhà vua tại Roma. Tuy nhiên, vị thánh, khi chứng minh sự vô tội của mình, đã bác bỏ tất cả những lời vu khống đó bằng những lời nói hiền lành, khiêm nhường, khôn ngoan và đầy cảm hứng.

Sau đó, môn đệ của ngài là Anastasius được dẫn vào riêng. Họ ép buộc anh ta phải nói điều gì đó xấu xa về thầy mình, và khi anh ta không chịu nói dối về vị thánh nhân chính trực ấy, họ đã đánh đập anh ta bằng nắm đấm, rồi đưa anh ta và thầy của anh ta, mỗi người một ngả, về các phòng giam riêng biệt.

Vào buổi tối ngày hôm sau, quý tộc Troilus và Sergius Euphratas, người đứng đầu phòng ăn hoàng gia, đã đến gặp vị thánh trong ngục tối. Họ ngồi xuống và, sau khi bắt vị thánh phải ngồi, đã hỏi:

– Hãy nói cho chúng tôi biết, thưa Abba, ngài đã có những cuộc trò chuyện nào ở châu Phi và tại La Mã với Pyrrhus, và ngài đã dùng những lập luận nào để thuyết phục ông ta từ bỏ tín điều của chính mình và chấp nhận tín điều của ngài?

Thánh nhân đáp:

– Nếu tôi có mang theo những cuốn sách của mình, trong đó tôi đã ghi chép lại những cuộc trò chuyện và tranh luận giữa tôi và Pyrrhus khi ở đó, thì tôi sẽ kể lại cho các ngài nghe một cách chi tiết; nhưng vì những cuốn sách đó đã bị tịch thu, nên tôi sẽ chỉ kể lại những gì tôi còn nhớ được.

Sau đó, vị thánh kể lại theo thứ tự tất cả những gì ngài còn nhớ, và kết luận như sau:

– Tôi không có bất kỳ tín điều riêng nào, mà chỉ có tín điều chung của toàn thể Giáo Hội Công Giáo; tôi không đưa vào lời tuyên xưng của mình một từ mới nào, để nó có thể được gọi là của riêng tôi.

Sau đó, những người được cử đến hỏi ngài:

– Vậy tại sao ngài không hiệp thông với Tòa Thánh Constantinople?

– Không, – vị thánh đáp.

– Tại sao vậy? – họ hỏi.

– Bởi vì, – vị Thánh đáp, – các vị đứng đầu Giáo hội này đã bác bỏ các quyết định của bốn Công đồng Thánh, chấp nhận "chín điều khoản" được ban hành tại Alexandria làm nguyên tắc, sau đó chấp nhận bản Tuyên ngôn do Thượng phụ Sergius của Constantinople soạn thảo, và cuối cùng là bản Tuyên ngôn mẫu vừa được công bố gần đây. Mặt khác, tất cả những gì đã được xác nhận trong bản tuyên xưng, họ lại bác bỏ trong bản quy tắc và nhiều lần tự tách mình ra khỏi Giáo hội, đồng thời tự vạch trần sự sai lầm trong tư tưởng của mình. Không chỉ vậy, sau khi tự tách mình khỏi Giáo hội, họ đã bị phế truất và tước bỏ chức thánh tại Công đồng Địa phương vừa diễn ra gần đây tại Rôma. Vậy thì họ có thể cử hành bí tích nào được? Hay Thánh Thần nào sẽ ngự xuống trên những người được họ truyền chức?

– Vậy nghĩa là chỉ có một mình ngươi được cứu rỗi, – họ phản bác, – còn tất cả những người khác sẽ bị hủy diệt sao?

Vị thánh đáp lại:

– Khi tất cả mọi người ở Ba-by-lôn đều thờ lạy tượng vàng, ba thiếu niên thánh thiện không lên án ai phải hư mất cả. Họ không bận tâm đến việc người khác làm gì, mà chỉ lo cho chính mình, để không sa ngã khỏi sự sùng kính chân chính (Đa-ni-ên 3). Cũng giống như vậy, Đa-ni-ên, khi bị ném xuống hố, đã không kết án bất kỳ ai trong số những người, khi tuân theo luật của Đa-ri-út, không muốn cầu nguyện với Đức Chúa Trời, mà chỉ nghĩ đến bổn phận của mình và thà chết còn hơn là phạm tội và phải chịu sự trừng phạt trước lương tâm vì vi phạm Luật pháp của Đức Chúa Trời (Đa-ni-ên 14:31). Và xin Chúa đừng để tôi lên án ai, hay nói rằng chỉ mình tôi sẽ được cứu rỗi. Tuy nhiên, tôi thà chết còn hơn là, nếu lùi bước trong bất cứ điều gì khỏi đức tin chân chính, phải chịu sự dằn vặt của lương tâm.

– Nhưng ngài sẽ làm gì – những sứ giả nói với ngài – khi người La Mã liên minh với người Byzantine? Hôm qua, hai sứ giả từ La Mã đã đến, và ngày mai, vào ngày Chủ Nhật, họ sẽ rước Mình Thánh Chúa cùng với Đức Thượng Phụ.

Vị thánh trả lời:

– Dù cả vũ trụ này có cùng rước lễ với Đức Thượng phụ đi chăng nữa, tôi cũng sẽ không rước lễ cùng ngài. Vì tôi biết từ các thư của Thánh Tông đồ Phaolô rằng Thánh Thần sẽ lên án ngay cả các Thiên thần, nếu họ rao giảng Tin Mừng theo cách khác, đưa vào bất cứ điều gì mới mẻ (Gl 1,8).

Lúc đó, những người được cử đi hỏi:

– Thật sự có cần thiết phải tuyên xưng hai ý chí và hai loại hoạt động trong Đức Kitô không?

– Hoàn toàn cần thiết, – vị thánh đáp, – nếu chúng ta muốn suy nghĩ một cách đạo đức, vì không có sinh vật nào bị tước đoạt hoạt động tự nhiên. Các vị Thánh Tổ đã nói rõ rằng không có thực thể nào có thể tồn tại hay được nhận biết nếu không có hoạt động vốn có của chính nó. Nếu không có điều đó và nếu bản tính không được bộc lộ qua hoạt động, thì làm sao chúng ta có thể công nhận Chúa Kitô là Thiên Chúa thật theo bản tính và là con người thật?

Họ đáp lại:

– Chúng tôi thấy rằng đây là sự thật đích thực, tuy nhiên – xin đừng làm phật lòng vị vua, người vì hòa bình của Giáo Hội đã soạn thảo bản mẫu không phải để phủ nhận bất kỳ thuộc tính nào được công nhận nơi Đức Kitô, mà là vì sự bình an của Giáo Hội, ra lệnh im lặng về những điều gây ra sự bất đồng.

Lúc đó, vị thánh nhân, quỳ sấp xuống đất, đã đáp lại trong nước mắt:

– Đức vua nhân từ và kính mến Thiên Chúa chớ nên buồn phiền vì sự bất xứng của tôi, vì tôi không muốn làm phật lòng Thiên Chúa bằng cách im lặng về những điều Ngài đã truyền phải công nhận và tuyên xưng. Vì nếu, theo lời của vị Tông đồ Thánh, chính Ngài đã đặt *"trong Hội Thánh, trước hết là các Tông đồ, thứ hai là các Tiên tri, thứ ba là các Giáo sư"* (1 Cô-rinh-tô 12:28), thì rõ ràng chính Ngài đang phán qua họ. Từ toàn bộ Kinh Thánh, từ các tác phẩm của các vị thánh giáo sư và từ các quyết định của các công đồng, chúng ta học được rằng Đức Giêsu Kitô, Đấng đã nhập thể, là Chúa và Thiên Chúa của chúng ta, có quyền năng muốn và hành động theo cả bản tính Thiên Chúa lẫn bản tính con người. Vì Ngài hoàn toàn không thiếu bất kỳ thuộc tính nào giúp nhận biết Ngài là Thiên Chúa hay là con người, ngoại trừ tội lỗi. Nếu Ngài hoàn hảo trong cả hai bản tính và không thiếu bất cứ điều gì thuộc về chúng, thì quả thật, ai không công nhận trong Ngài chính bản thể của cả hai bản tính cùng với các thuộc tính tương ứng – những bản tính mà qua đó và trong đó Ngài hiện hữu – thì người ấy đang hoàn toàn bóp méo mầu nhiệm Nhập Thể của Ngài.

Khi vị thánh trình bày điều này cùng nhiều điều khác, những người có mặt đã ca ngợi sự khôn ngoan của ngài và không tìm ra điều gì để phản bác. Còn Thánh Sergius thì nói:

– Chính ngài là người duy nhất khiến mọi người buồn phiền – bởi vì chính vì ngài mà nhiều người không muốn có mối quan hệ với Giáo hội nơi đây.

Thánh Maximus phản bác:

– Nhưng ai có thể khẳng định rằng tôi đã ra lệnh cho ai đó không được hiệp thông với Giáo hội Byzantine? Nghe vậy, Sergius đáp lại:

– Chính việc ngươi không hiệp thông với Giáo hội này mới là điều khiến nhiều người chán ghét việc hiệp thông với Giáo hội ấy nhất. Vị Thánh của Chúa nói tiếp:

– Không có gì nặng nề và buồn bã hơn tình trạng khi lương tâm lên án chúng ta về điều gì đó, và không có gì quý giá hơn sự bình an và sự chấp thuận của lương tâm. Sau đó, Troil, lưu ý rằng "ti-pos" của hoàng đế Constant đã bị vạ tuyệt thông trên khắp phương Tây, nói với vị thánh:

– Có phải là điều tốt khi lời giải thích của vị quân vương đạo đức của chúng ta lại bị bôi nhọ như vậy không? Vị thánh đáp:

– Xin Chúa tha thứ cho những kẻ đã xúi giục hoàng đế và để ngài ban hành sắc lệnh này!

Troil hỏi:

– Vậy ai đã xúi giục và ai đã để cho điều đó xảy ra?

Thánh nhân đáp:

– Các vị lãnh đạo Giáo hội đã dạy dỗ, còn các quan chức thì đã để cho điều đó xảy ra, và như vậy, sự ô nhục của sự cám dỗ này đổ xuống đầu vị vua vô tội và không dính dáng gì đến bất kỳ tà thuyết nào. Tuy nhiên, xin hãy khuyên nhà vua làm điều mà ông nội của ngài, Hoàng đế Heraclius, người đã qua đời trong sự an lành, từng làm. Khi ngài biết rằng nhiều vị cha ở phương Tây không chấp nhận "bản tóm tắt" đức tin, mà còn vạch trần và lên án tà thuyết đang lan tràn ở đó, – ngài đã tự giải thoát mình khỏi lời chỉ trích về điều này, bằng cách gửi đi khắp nơi các

thông điệp của mình và khẳng định trong đó rằng "bản tóm tắt" đó không phải do ngài soạn ra, mà là của cựu tổng giám mục Sergius. Xin vị hoàng đế đang trị vì hiện nay cũng hãy làm như vậy, và khi đó ngài sẽ được giải thoát khỏi mọi lời chỉ trích.

Họ im lặng một lúc lâu, lắc đầu, rồi nói:

– Thật khó khăn, thậm chí là không thể thực hiện tất cả những gì ngài khuyên, thưa Abba.

Sau khi trò chuyện thêm khá lâu về nhiều chủ đề khác nhau, họ chào tạm biệt và chia tay trong không khí thân thiện.

Một tuần sau cuộc trò chuyện đó, vào thứ Bảy tiếp theo, vị thánh và cả hai môn đệ của ngài lại bị triệu tập đến cung điện hoàng gia để thẩm vấn. Trước tiên, môn đệ đầu tiên của ngài là Anastasius được dẫn vào, còn Anastasius kia, cựu đại diện của Giáo hội Rôma, thì bị giữ lại bên ngoài cung điện. Khi Anastasius đầu tiên được dẫn vào đại sảnh, nơi hai vị tổng giám mục đang ngồi giữa các thành viên Thượng viện: Thôma, Tổng giám mục Constantinopolis, và một vị khác, thì ngay lập tức những kẻ vu khống, những người đang gán cho Thánh Maximus những cáo buộc sai trái, cũng bước vào. Những người có mặt tại đó ép Anastasius phải xác nhận những lời vu khống nhằm vào thầy của mình. Nhưng ông đã dũng cảm vạch trần sự dối trá, mạnh dạn phản đối trước các tổng giám mục và Thượng viện. Khi được hỏi liệu ông có lên án "Tipos" hay không, ông trả lời rằng không chỉ lên án mà còn viết một cuốn sách chống lại nó. Lúc đó, các chức sắc hỏi:

– Vậy thì sao? Ngươi không thừa nhận rằng mình đã làm điều sai trái sao?

– Xin Chúa đừng để tôi – Anastasius đáp – coi điều tôi đã làm đúng theo luật giáo hội là sai trái. Sau đó, khi họ hỏi ông về nhiều vấn đề khác, ông trả lời nhờ ơn Chúa giúp đỡ. Sau đó, ông bị dẫn ra ngoài, và vị tu sĩ cao niên Maxim được đưa vào. Patrician Troilus nói với ông:

– Hãy nghe đây, thưa vị tu sĩ, hãy nói sự thật, và Chúa sẽ thương xót ngài. Bởi vì nếu chúng tôi thẩm vấn ngài theo thủ tục pháp lý và chỉ cần một trong những cáo buộc chống lại ngài được chứng minh là đúng, thì ngài sẽ bị xử tử theo luật pháp. Vị tu sĩ cao niên đáp:

– Tôi đã nói với các ngài rồi và giờ tôi sẽ nói lại: khả năng ít nhất một cáo buộc là đúng sự thật cũng giống như khả năng Satan trở thành Đức Chúa Trời; nhưng vì Satan không phải là Đức Chúa Trời và không thể trở thành Ngài, do là kẻ phản bội, nên những cáo buộc đó – vốn hoàn toàn sai sự thật – cũng không thể trở thành sự thật. Vì vậy, các ngươi muốn làm gì thì cứ làm; còn tôi, với lòng kính sợ Đức Chúa Trời, không sợ bị xúc phạm.

Trước điều đó, Troilus phản bác:

– Nhưng chẳng phải ngươi đã tuyên bố loại hình đó là dị giáo sao?

Vị tu sĩ già đáp:

– Tôi đã nói nhiều lần rồi rằng tôi đã lên án.

– Nhưng nếu ngài – Troil nói – đã tuyên bố tuyệt thông "ti-po", thì theo đó, ngài cũng đã tuyên bố tuyệt thông cả nhà vua sao?

– Tôi không lên án nhà vua, – vị tu sĩ đáp, – mà chỉ lên án bản hiến chương lật đổ đức tin Chính thống và đức tin Giáo hội mà thôi.

– Vậy ngài đã tuyên bố tuyệt thông ở đâu? – Troil hỏi.

– Tại Công đồng địa phương, ở Rome, – Thánh Maxim trả lời, – trong nhà thờ Đấng Cứu Thế và Đức Mẹ Đồng Trinh.

Lúc đó, chủ tọa quay sang ngài và hỏi:

– Ngài có gia nhập vào sự hiệp thông với Giáo hội của chúng tôi hay không?

– Không, tôi sẽ không gia nhập, – vị thánh trả lời.

– Tại sao vậy? – Chủ tịch hỏi.

– Bởi vì Giáo hội này, – vị thánh đáp, – đã bác bỏ các quyết định của các công đồng Chính thống.

– Nhưng nếu Giáo hội của chúng ta đã bác bỏ các công đồng, – chủ tịch phản bác, – thì tại sao chúng lại được ghi chép trong cuốn lịch phụng vụ "[1333] "?

– Có ích gì – vị thánh đáp – khi chỉ nhắc đến tên gọi và tưởng nhớ chúng, nếu các tín điều của các công đồng đó đã bị bác bỏ?

[1333] "Diptych" có nghĩa là sổ ghi tên, sổ danh sách. Đó là hai tấm bảng xếp chồng lên nhau như hai tấm bia, trên đó ghi tên những người còn sống và đã qua đời. Trong các cuốn diptych hàng tháng, những sự kiện quan trọng nhất của đời sống Giáo hội cũng được ghi lại.

– Ngài có thể – chủ tọa hỏi – chỉ ra rõ ràng rằng Giáo hội hiện nay đã bác bỏ các tín điều của các công đồng thánh trước đây không?

– Nếu ngài không giận và cho phép, – vị tu sĩ già đáp, – thì tôi có thể chứng minh điều đó một cách dễ dàng.

Khi mọi người im lặng, người quản lý kho bạc quay sang hỏi ông:

– Tại sao ngài lại yêu mến người La Mã và ghét người Hy Lạp đến vậy?

Vị thánh đáp:

– Chúng ta có điều răn từ Thiên Chúa là không được ghét ai cả. Tôi yêu mến người La Mã vì họ cùng chung đức tin với tôi, còn người Hy Lạp thì vì họ nói cùng một ngôn ngữ với tôi.

– Ông bao nhiêu tuổi rồi? – người quản lý kho bạc hỏi.

– Bảy mươi lăm tuổi, – vị thánh đáp.

– Còn học trò của ngài đã theo ngài được bao nhiêu năm rồi? – người quản lý kho tiếp tục hỏi.

– Ba mươi bảy năm, – vị thánh đáp.

Lúc đó, một trong những giáo sĩ thốt lên:

– Cầu Chúa ban phước cho ngài vì tất cả những gì ngài đã làm cho thánh Pirro.

Vị thánh không trả lời vị giáo sĩ này.

Trong suốt những cuộc thẩm vấn khá dài này, không một vị tổng giám mục nào có mặt tại đó lên tiếng. Khi những tin đồn về công đồng đã diễn ra tại Rome bắt đầu lan truyền, một người tên là Demosthenes tuyên bố:

– Công đồng này không hợp lệ, vì nó được triệu tập bởi Martin, vị Giáo hoàng đã bị vạ tuyệt thông.

Thánh Maximus đáp lại:

– Đức Giáo hoàng Martin không bị vạ tuyệt thông, mà chỉ bị bách hại mà thôi.

Sau đó, sau khi đuổi vị thánh ra ngoài, họ bàn bạc xem nên làm gì với ngài? Những kẻ tra tấn vô nhân đạo cho rằng việc để ngài tiếp tục sống trong cảnh giam cầm như trước đây là quá khoan dung, và tốt hơn là nên khiến ngài phải chịu những cực hình còn khủng khiếp hơn cả cái chết. Vì vậy, họ đã giao ngài cho quan tổng trấn thành phố. Quan tổng trấn ra lệnh đưa Thánh Maxim và các môn đệ của ngài đến dinh tổng trấn[1334] . Tại đó, tên tra tấn vô pháp, trước hết, đã lột trần vị thánh già và quật ngài xuống đất, rồi ra lệnh đánh ngài bằng những sợi gân bò sắc nhọn, không hề nể nang tuổi già hay dáng vẻ trang nghiêm của ngài – cũng không hề động lòng trước hình hài tiều tụy của ngài do những cuộc tu hành khổ hạnh. Vị thánh bị đánh đập dã man đến nỗi mặt đất nhuốm đỏ bởi máu của ngài, còn thân thể ngài bị chém rạch tơi tả đến mức không còn một chỗ nào nguyên vẹn. Sau đó, con thú hung ác với cơn thịnh nộ đã quay sang các môn đệ của vị thánh và đánh đập họ không kém phần tàn bạo. Khi họ bị đánh, người tuyên bố đã hét lên:

– Những kẻ không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và vẫn tiếp tục bất tuân xứng đáng phải chịu những đau khổ như thế này.

Sau đó, họ, gần như đã chết, bị ném vào ngục tối.

Sáng hôm sau, vị thánh và vị tu sĩ đáng kính cùng với đệ tử đầu tiên của ngài là Anastasius lại bị dẫn từ ngục tối ra trước tòa án. Vị thánh vẫn còn sống nhưng toàn thân đầy vết thương, đến nỗi không ai có thể nhìn vị lão giả đáng kính, vị thánh ăn chay, vị thầy thông thái và nhà thần học, người đang bị máu nhuộm đỏ và đầy những vết thương sâu hoắm, không còn chỗ nào trên người từ đầu đến chân là nguyên vẹn, mà không cảm thấy xót xa. Tuy nhiên, những kẻ tra tấn tàn nhẫn không hề thương xót ngài, mà lại càng trở nên hung hăng hơn. Họ đã cắt đứt cái lưỡi hùng biện của ngài – cái lưỡi tuôn trào những dòng suối giáo lý khôn ngoan và nhấn chìm những suy luận dị giáo – ngay sâu trong cổ họng, không chút thương xót, nhằm bịt miệng vị thánh đang giảng dạy thần học. Họ cũng làm như vậy với Anastasius, một môn đệ trước đó của ngài, rồi lại giam cả hai vào ngục tối. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng đã từng khiến những đứa trẻ sơ sinh có thể ngợi khen danh thánh của Ngài, cũng như ban cho người câm khả năng nói, cũng đã ban cho những tôi tớ chân chính và trung thành của Ngài – Thánh Maximus, vị Tuyên xưng và Tử đạo, cũng như môn đệ của ngài là Thánh Anastasius – khả năng nói hay hơn và rõ ràng hơn trước đây, ngay cả khi không còn lưỡi. Lúc bấy giờ, những kẻ dị giáo khốn nạn đã xấu hổ biết bao khi biết được điều này! Bùng lên cơn giận dữ còn dữ dội hơn, chúng đã chặt đứt tay phải của ngài và ném xuống đất. Cũng y như vậy, chúng đã chặt đứt tay của môn đệ ngài, Thánh Anastasius. Còn một môn đệ khác của ngài, cũng tên là Anastasius, từng là người phụ trách các văn thư của Giáo hội Rôma, thì chúng đã tha mạng, vì thỉnh thoảng ông ta làm thư ký cho các vị vua.

[1334] Praetoria là nơi diễn ra các phiên tòa. Trước Praetoria, việc đánh đòn cũng thường xuyên diễn ra.

Sau đó, Thánh Maximus và môn đệ của ngài bị lôi ra khỏi dinh tổng trấn, rồi bị lôi lê lết khắp thành phố trong sự sỉ nhục – họ cho toàn dân xem những chiếc lưỡi và bàn tay bị chặt đứt của hai người, đồng thời la hét và chế nhạo bằng những giọng nói ghê tởm. Sau sự hành hạ vô nhân đạo và sự sỉ nhục nhục nhã đó, cả ba người đều bị đày đi lưu đày xa xôi, mỗi người một nơi, mà không được chăm sóc gì cả, không có thức ăn và quần áo, trần truồng và chân trần. Họ đã phải trải qua nhiều tai ương và đau khổ trên đường đi. Thánh Maxim, do những vết thương nặng nề, không thể ngồi trên lưng ngựa hay trong xe ngựa. Các binh lính đã đan một cái giỏ giống như chiếc giường, rồi đặt vị tu sĩ già đang chịu đau đớn tột cùng vào đó, và với rất nhiều khó khăn, họ mới có thể khiêng ngài đến nơi lưu đày. Sau khi đưa ngài đến một vùng đất xa xôi của người Scythia, nơi mà ở châu Âu được gọi là Alania[1335] , họ đã giam ngài trong ngục tối, tại thành phố Shemari. Còn vị môn đệ đáng kính của ngài là Anastasius, người đã bị cắt lưỡi và tay, thì ngay trên đường đi đã an nghỉ với thân xác đầy gian khổ và đau đớn, còn linh hồn ngài đã về với Thiên Chúa trong cuộc sống bất tử.

Thánh Maximus, trong lần lưu đày cuối cùng, đã sống thêm ba năm nữa giữa những đau khổ tột cùng. Bị giam cầm trong ngục tối, ngài không nhận được từ ai sự giúp đỡ cần thiết cho tuổi già, cũng như sự chăm sóc nhân ái nào. Khi Đức Chúa Trời muốn chấm dứt những bệnh tật và đau khổ của ngài, và đưa ngài ra khỏi ngục tối để đến với không gian vĩnh cửu và niềm vui của Nước Trời, Ngài đã an ủi ngài trước tiên bằng một sự hiện ra thiêng liêng trên đất, rồi sau đó báo cho ngài biết giờ lâm chung. Vị thánh tử đạo đầy phúc lành tràn ngập niềm vui lớn lao, và dù luôn sẵn sàng đón nhận cái chết, ngài vẫn bắt đầu chuẩn bị một cách tận tâm cho giây phút ấy. Khi giờ phút ra đi đầy hân hoan ấy đến, ngài đã vui mừng phó thác linh hồn mình vào tay Đức Kitô, Đấng mà ngài đã yêu mến từ thuở thiếu thời và vì Đấng ấy mà ngài đã chịu biết bao đau khổ.

Như vậy, vị chứng nhân của Chúa Kitô và vị tử đạo đã hoàn tất hành trình đời mình[1336] và bước vào niềm vui của Chúa mình. Ngài được an táng tại chính thành phố đó. Sau khi an táng vị thánh, trên mộ ngài xuất hiện ba ngọn đèn kỳ diệu , tỏa sáng với ngọn lửa rực rỡ khôn tả và chiếu sáng cả khu vực đó. Vị thánh, người khi còn sống đã là ánh sáng cho thế gian, và sau khi qua đời vẫn không ngừng chiếu sáng, và cho đến nay vẫn chiếu sáng cho tất cả mọi người bằng gương mẫu về cuộc đời đạo đức và đầy đau khổ, cùng lòng nhiệt thành vĩ đại dành cho Thiên Chúa. Ba ngọn đèn được nhìn thấy trên quan tài của vị thánh là dấu hiệu rõ ràng cho thấy vị thánh được Chúa hài lòng đã nhập vào những nơi cư ngụ rực rỡ của Chúa Ba Ngôi, không bao giờ tắt trong Nước Trời, nơi ngài tỏa sáng cùng những người công chính như mặt trời, và tận hưởng việc chiêm ngưỡng ánh sáng của Chúa Ba Ngôi. Sau khi Thánh Maximus qua đời, một môn đệ khác của ngài là Anastasius, người phụ trách ghi chép, vẫn còn sống trong sự ẩn dật riêng biệt; sau này, ông đã mô tả một cách chi tiết đặc biệt về cuộc đời, những công đức và những đau khổ của cha và thầy mình. Từ bản tường thuật này, chúng tôi trích dẫn ở đây một cách tóm tắt những gì đủ để mang lại lợi ích cho chúng ta, để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng được các thánh ca ngợi, là Cha, Con và Thánh Thần; Đấng mà ngay cả chúng ta, những kẻ tội lỗi, cũng xin dâng lên sự tôn kính, vinh quang và sự thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

[1335] Alania nằm ở Sarmatia châu Á, ở phần phía tây dãy núi Caucasus, không xa Biển Đen.

[1336] Các tác phẩm của Thánh Maximus không bị thất truyền. Công đồng Đại kết lần thứ sáu (năm 680) đã tôn vinh vị Tử đạo một cách xứng đáng và tuyên bố tuyệt thông đối với những kẻ dị giáo cùng giáo lý của họ. – Những tác phẩm xuất sắc nhất của Thánh Maximus là những tác phẩm miêu tả đời sống thiêng liêng, đặc biệt là những tác phẩm sau: 1) Về tình yêu dành cho Linh mục Elpidius, gồm 400 chương; 2) Giáo lý tu hành, dưới dạng hỏi đáp dành cho chính Elpidios; 3) Về đức hạnh và tội lỗi, gồm 500 chương; 4) Thư gửi Giám mục George về sự kiêu ngạo; 5) Gửi Tu sĩ John – về tình yêu và nỗi buồn vì Chúa. Trong tất cả các tác phẩm giáo lý, Thánh Maximus hầu như chỉ đề cập đến các nhà Monothelite và Monophysite, những người mà ngài đã đấu tranh hết sức nhiệt thành trong suốt cuộc đời mình. Ngài đã viết chống lại các tín đồ Monotelet: 1) Hai tập giáo lý gửi cho Marinus ở Síp; 2) Về hai ý chí trong Đức Kitô, về các hành động và ý chí trong Đức Kitô, cũng gửi cho Marinus, cùng nhiều bài viết khác ngắn hơn. Chống lại các nhà Monophysite, ngài đã viết: 1) Về các giáo lý đúng đắn của đức tin và chống lại Severus; 2) Về hai bản tính trong Đức Kitô. Ngài cũng là tác giả của 5 bài giảng về Thánh Ba Ngôi và một lá thư gửi cho linh mục Marinus "về nguồn gốc của Chúa Thánh Thần". Thánh Maximus cũng dành khá nhiều thời gian cho việc giải thích Kinh Thánh. Ngài để lại một số tác phẩm giải thích Kinh Thánh: 1) những lời giải đáp về các đoạn Kinh Thánh gây nghi vấn; 2) những lời giải đáp ngắn gọn về các chủ đề khó hiểu; 3) lời giải thích về Thánh vịnh 59; 4) lời giải thích về kinh "Lạy Cha chúng con"; 5) lời giải thích về sách "Ca Vịnh". Ngoài ra, Thánh Maximus còn để lại một tác phẩm về nghi lễ – lời giải thích về Thánh lễ hay nghi thức bí tích – cùng một số tác phẩm khác: về linh hồn, về phẩm chất, v.v. – Các tác phẩm của Thánh Maximus chứa đựng những tư tưởng cao cả về giáo lý và đạo đức.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Thánh Maximus, người bảo vệ Đức Thánh Ba Ngôi và vĩ đại, đã dạy rõ ràng về đức tin thiêng liêng, rằng phải tôn vinh Chúa Kitô trong hai bản tính, hiện hữu trong ý chí và hành động, qua những bài ca xứng đáng và trung thành, chúng ta kính cẩn kêu lên: Hỡi nhà truyền giáo của đức tin, xin vui mừng.

Bài ca Kondak khác, giọng 6:

Ánh sáng Ba Ngôi, ngự trong linh hồn ngài, đã tỏ ra ngài là bình chứa được chọn, hỡi vị thánh hạnh phúc, ngài đã bày tỏ sự Thánh Thần, giải thích những điều khó hiểu, hỡi vị thánh hạnh phúc, và rao giảng rõ ràng về Ba Ngôi cho mọi người, hỡi Maximus, Đấng Hằng Hữu, Đấng Vô Khởi.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Neophytus

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 1

Tại thành phố Nicêa thuộc Bithynia[1337] có một người đàn ông tên là Theodulus, có vợ là Florentia. Cả hai đều là những Kitô hữu kính sợ Thiên Chúa và tuân giữ các điều răn của Ngài một cách thành kính. Họ sinh được một người con trai, mà họ đặt tên là Neophytus. Sau khi cho con trai chịu phép rửa tội thánh, họ nuôi dạy con theo đạo Kitô. Khi cậu bé lớn lên cả về tuổi tác lẫn trí tuệ, và khi sắp tròn mười tuổi, cậu bắt đầu đi học, thì ân sủng của Chúa đã ngự xuống trên cậu, khiến lời ngợi khen Chúa Kitô phát ra từ miệng các trẻ thơ (xem Tv 8:3; Mt 21:16), vì "Thánh *Thần thổi nơi nào Người muốn"* (Ga 3:8): cậu bé đã trở thành người làm phép lạ. Cậu có thói quen như thế này: khi các em nhỏ được tan học về nhà, cậu bé thánh thiện Neofit thường đưa những đứa trẻ nghèo nhất, cùng lứa tuổi với mình, về nhà và chia sẻ với chúng phần thức ăn mà cậu nhận được từ cha mẹ cho bữa trưa – còn bản thân cậu thì vẫn đói. Sau đó, cậu đi đến cổng phía đông của thành phố, dùng ngón tay vẽ dấu thánh giá ở đó và, trong khi cúi đầu thờ lạy, cầu nguyện với Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng đã chịu đóng đinh trên Thập giá vì chúng ta. Còn các bạn cùng lứa của cậu, sau khi no nê nhờ bữa trưa của cậu, lại đến gặp cậu vào lúc cậu đang cầu nguyện tại cổng phía đông. Ở đó, trên tường có một tảng đá. Bằng cách đập tay vào tảng đá đó, thánh Neophyt đã làm cho nước chảy ra cho các bạn đồng hành của mình, như từ một suối nước – và họ uống. Thánh thiếu niên này làm điều đó mỗi ngày, nuôi dưỡng các bạn cùng lứa bằng bữa trưa và kỳ diệu cung cấp nước uống từ tảng đá. Đồng thời, ngài cấm họ nói với ai về điều này, và họ không kể lại. Như vậy, trong năm đó, không ai biết về những phép lạ của cậu, ngay cả cha mẹ cậu cũng không, mà chỉ có những cậu bé nghèo khó nhất ấy mà thôi.

Năm sau, mẹ của Neophytus ở Florence, người tràn đầy tình yêu đặc biệt dành cho Thiên Chúa, đã được Thiên Chúa mặc khải trong một giấc mơ rằng con trai bà đang làm nước chảy ra từ tảng đá, giống như Mô-sê, và cho những cậu bé khát nước uống. Bà thức dậy khỏi giấc ngủ và cầu nguyện với Thiên Chúa, xin Ngài mặc khải cho bà biết chi tiết mọi điều về con trai bà, Neophytus. Và rồi, từ trên cao trời, một con bồ câu trắng bay xuống, tỏa sáng với ánh sáng không thể tả xiết. Đậu xuống giường của Neofit, con bồ câu nói với cậu bằng giọng người:

– Ta được Đấng Cứu Thế sai đến, – nó nói, – để giữ cho giường ngủ của con được trong sạch.

Nghe vậy, mẹ cậu ngã quỵ vì kinh hoàng. Ngay lập tức, tin tức lan truyền khắp thành phố Nicaea rằng Florence, vợ của Theodoros, đã qua đời đột ngột. Ngay lập tức, một đám đông người – nam nữ, hàng xóm và bạn bè – tụ tập tại nhà người quá cố, và tất cả đều bối rối không hiểu chuyện gì đã xảy ra với bà, tại sao bà lại qua đời đột ngột như vậy. Theodor, chồng bà, lúc đó đang ở ngoài đồng. Ông lập tức được báo tin về cái chết đột ngột của vợ mình. Trong cơn đau buồn, ông xé rách áo quần và vội vã chạy về nhà, khóc nức nở. Neofit, gặp ông ở cổng, nói:

– Sao cha lại buồn bã thế, thưa cha? Mẹ con không chết đâu, mà chỉ đang ngủ say thôi.

Sau đó, khi cùng cha vào nhà, cậu nắm lấy tay mẹ và nói:

– Hãy thức dậy đi, mẹ ơi; mẹ đã chìm vào giấc ngủ say.

Bà, như vừa thức dậy khỏi giấc ngủ, ôm chầm lấy con trai và hôn lên má cậu với tình yêu thương. Thấy cảnh đó, tất cả những người có mặt trong nhà đều ngợi khen Đức Chúa Trời. Còn Florence thì kể lại cho chồng

[1337] Bithynia – vùng tây bắc của Tiểu Á. Nicaea – nay là İznik – xưa là thành phố giàu có và thịnh vượng, nay nghèo nàn và thưa thớt dân cư. Tại Nicaea đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ I và lần thứ VII.

nghe từng chi tiết những gì đã xảy ra với bà trong giấc mơ và trong thực tế. Ngay lúc đó, mọi người cũng biết đến phép lạ rằng Neofit đã làm cho nước chảy ra từ tảng đá. Mọi người đều vô cùng kinh ngạc trước điều này, và nhiều người ngoại đạo có mặt tại đó, khi nghe kể lại tất cả những điều này và kinh ngạc trước ân sủng của Đức Chúa Trời ngự trong thiếu niên Neofit trong sạch và vô tì vết, đã tin nhận Chúa Giê-su Christ của chúng ta.

Trong khi đó, con bồ câu luôn hiện ra bên giường của vị thánh và, khi đậu trên giường, nó nói bằng giọng người. Một lần, nó nói với vị thánh:

– Hãy ra khỏi nhà cha con, Neofit, và đi theo ta.

Thánh thiếu niên đứng dậy, từ biệt cha mẹ và đi theo con chim bồ câu. Con chim bồ câu dẫn cậu đến núi Olympus[1338] , đến một khe nứt trên vách đá, rồi bay vào hang động ở đó. Neofit đi theo vào trong, thấy ở đó có một con sư tử khổng lồ và nói với nó:

– Hãy ra khỏi đây và tìm cho mình một hang động khác, vì Chúa đã truyền cho tôi phải sống ở đây.

Nghe vậy, con sư tử dùng lưỡi liếm bụi bẩn trên chân ngài rồi bỏ đi. Thánh nhân ở lại sống trong hang sư tử và được Thiên thần nuôi dưỡng. Sau một năm, theo lệnh của Đức Chúa Trời, vị thánh lại trở về thành phố Nicaea gặp cha mẹ mình, những người đã gần kề cái chết, và sau khi trao cho họ nụ hôn vĩnh biệt, ngài tiễn họ về với Đức Chúa Trời; còn bản thân ngài, sau khi phân phát tài sản còn lại của cha mẹ cho những người nghèo, lại trở về núi Olympus, nơi ngài từng cư ngụ trước đây. Ngài ở lại đó suốt thời gian cho đến khi tròn mười lăm tuổi, giống như một Thiên thần, ngợi khen Đức Chúa Trời và nhận thức ăn từ tay Thiên thần.

Vào thời điểm đó, ở phương Đông và phương Tây, hai kẻ bách hại là Diocletian và Maximian đang trị vì[1339] , còn tại vùng Bithynia, Decius là người cai trị cùng với phụ tá của ông là Uar. Giáo hội của Chúa Kitô bị những kẻ thờ thần tượng vô đạo bách hại khắp cả thế giới. Cũng vào lúc đó, Decius đến thành Nicêa, và người rao truyền của ông ra lệnh cho tất cả công dân thành phố cùng cư dân vùng lân cận tập trung lại để dâng lễ vật cho các vị thần. Một ngày đã được ấn định cho lễ hội ghê tởm này. Cùng lúc đó, các vị vua cũng đang có mặt tại vùng Bithynia; họ cũng đã đến thành Nicêa. Khi lễ hội ma quỷ này bắt đầu và mọi người đang dâng lễ vật cho các thần tượng, các Thiên thần của Đức Chúa Trời đã đưa Thánh Neophytus từ núi Olympus xuống, đặt ngài giữa quảng trường Nicêa, với khuôn mặt rạng ngời, giống như Mô-sê. Thánh nhân đã lớn tiếng kêu lên:

– Ta đã tự hiện ra trước những ai không tìm kiếm Ta và xuất hiện trước những ai không hỏi về Ta, để vạch trần những sai lầm và sự lừa dối của đức tin vô đạo.

Đám đông đang tham gia lễ hội, cùng với quan tổng trấn Decius, khi nhìn thấy một chàng trai trẻ rạng rỡ đột ngột xuất hiện giữa họ và đang nói to, đã vô cùng ngạc nhiên và hỏi xem anh ta là ai và đến từ đâu. Và ngay lập tức, người dân nhận ra đó chính là Neophytus, con trai của Theodorus và Florentia. Lúc đó, quan tổng trấn Decius ra lệnh cho anh ta cũng phải dâng lễ vật lên các vị thần của họ cùng với mọi người. Thánh nhân mở miệng một cách dũng cảm và bắt đầu nói:

– Kẻ vô pháp và kẻ hút máu, ngươi đang làm gì mà dẫn dắt biết bao linh hồn con người đến chỗ diệt vong? Ngươi chẳng biết sao rằng vì tất cả những người mà ngươi dẫn dắt đến lễ tế ma quỷ, ngươi sẽ phải gánh chịu trách nhiệm khủng khiếp và sẽ bị hành hạ vĩnh viễn trong hỏa ngục?

Thống đốc Decius vô cùng tức giận trước lời vạch trần này và ra lệnh lột trần vị thánh trẻ, rồi trói tay anh ta, treo lên cây và đánh đập không thương xót bằng dây da bò, sau đó nhúng anh ta vào giấm trộn với muối. Vị thánh đã dũng cảm chịu đựng những đau khổ và cất tiếng kêu lớn hướng về đám đông đang đứng xung quanh:

– Hỡi những người bị sự vô thần chi phối và đang chìm trong bóng tối, hãy ăn năn và thoát khỏi bóng tối này; hãy đến với Ánh Sáng chân thật, là Đức Kitô Thiên Chúa, và hãy dâng mình qua Bí tích Rửa tội thánh thiêng để được hưởng sự sống đời đời!

Vị quan, khi nghe những lời ấy của vị thánh trẻ, lại càng nổi cơn thịnh nộ và ra lệnh treo ngài lên cây một lần nữa, rồi dùng dao cạo vào xương sườn ngài. Dù bị tra tấn như vậy, Thánh Neophyt vẫn không nói gì khác ngoài những lời:

– Con của Đức Chúa Trời, xin thương xót con!

Lúc đó, một trong những cận thần của vị vua bước đến trước mặt ngài và nói:

[1338] Olympus – ngọn núi ở Tiểu Á, nằm trên biên giới giữa Phrygia và Bithynia.

[1339] Diocletian – hoàng đế La Mã, trị vì ở nửa phía đông của đế chế; Maximian – trị vì ở nửa phía tây từ năm 284 đến năm 305.

– Sao ngươi lại điên cuồng như vậy, Neofit, mà dám chống lại mệnh lệnh của nhà vua? Hãy hứa sẽ dâng lễ vật cho các vị thần, – và ngươi sẽ ngay lập tức được giải thoát khỏi hình phạt tàn bạo này.

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Ta dâng lên Thiên Chúa trên trời của lễ ngợi khen, còn những thần tượng vô hồn và những quỷ dữ ngự trong chúng thì ta sẽ không bao giờ thờ lạy.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh cho các thuộc hạ dùng dao cạo da vị thánh trên khắp cơ thể một cách tàn nhẫn hơn nữa, luân phiên nhau. Các thuộc hạ thay nhau cạo da ngài không thương xót, đến nỗi xương ngài lộ ra ngoài. Còn vị thánh, được Thiên Chúa củng cố, trong lúc chịu những cực hình ấy, đã hát: *"Dù tôi đi qua thung lũng bóng tối của cái chết, tôi cũng không sợ điều ác, vì Ngài ở cùng tôi"* (Thánh Vịnh 22:4), lạy Chúa.

Vị quan, thấy rằng mọi nỗ lực đều vô ích, đã ra lệnh ngừng tra tấn vị thánh và tháo ngài xuống khỏi cây, đồng thời an ủi ngài rằng:

– Nhìn thấy tuổi trẻ của ngươi và thương xót sức khỏe của ngươi, ta sẽ không áp đặt lên ngươi những cực hình nặng nề hơn nữa, nhưng khuyên ngươi hãy thờ lạy các vị thần của chúng ta. Khi đó, các vị vua sẽ cử những bác sĩ tài giỏi nhất đến với ngươi, những người sẽ sớm chữa lành những vết thương này cho ngươi.

Vị tử đạo đáp lại:

– Ta có một Bác sĩ khác, là Chúa của ta, Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà vì Ngài mà ta đang chịu khổ; ta đặt niềm tin vào Ngài.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh trói anh ta lại và giam vào ngục tối. Sáng hôm sau, quan tổng trấn đến cung điện hoàng gia và kể cho các vị vua nghe về Neophytus.

– Hôm qua, – ông nói, – tôi đã tra tấn một thanh niên Kitô hữu sau khi trói anh ta lại, vì anh ta không chịu thờ lạy các vị thần. Tuy nhiên, anh ta coi thường những cực hình và không ngừng kêu cầu Đấng Kitô của mình.

Các vị vua ra lệnh thiêu sống cả chàng trai trẻ này lẫn tất cả những ai tuyên xưng Đức Kitô. Thống đốc Decius và trưởng lão Uar rời khỏi cung điện và đến một nơi gọi là "trường học của Hercules"[1340] . Tại đây có đặt các bức tượng của các vị vua, và Decius ra lệnh dẫn chàng trai Neophytus từ ngục ra. Khi vị thánh được dẫn đến, thống đốc nói với anh ta như sau:

– Neofit, hãy đến đây và dâng lễ vật cho thần Hercules; khi đó ngươi sẽ được các vị thần ưng ý, và được các vị vua cũng như chúng ta yêu mến.

Thánh nhân đáp lại:

– Tôi cầu nguyện với Đức Chúa Trời của tôi, là Chúa Giê-su Ki-tô, để được Ngài hài lòng và ưng ý.

Sau đó, theo lệnh của kẻ tra tấn, lò lửa đã được nung đỏ rực để thiêu sống thánh Neofit. Ngài bị ném vào lò, và cửa lò bị đóng kín trong ba ngày ba đêm, để không còn lại cả xương cốt của vị tử đạo. Nhưng vị thánh tử đạo Neophyt, giữa ngọn lửa được làm mát bởi sương thần thánh, vẫn vui vẻ như đang ở nơi yên bình, cất tiếng hát: *"Chúa là Mục tử của tôi; tôi sẽ không thiếu thốn điều gì: Ngài cho tôi nằm nghỉ trên đồng cỏ xanh tươi"* (Thánh vịnh 22:1–2). Ngài vẫn hoàn toàn vô sự, giống như ba thiếu niên Ba-by-lôn bị ném vào lò lửa (Đa-ni-ên 3).

Sau ba ngày, các đầy tớ của kẻ hành hình đến để mở lò và đổ tro ra; họ nghĩ rằng lò đã tắt và thi thể của vị tử đạo đã bị thiêu rụi. Nhưng ngay khi họ vừa mở nắp lò, một ngọn lửa khổng lồ bất ngờ bùng lên từ trong lò và thiêu đốt vô số kẻ gian ác đã đến đó, đến nỗi hầu như không ai còn nguyên vẹn. Còn vị Thánh thì cất tiếng kêu lớn:

– Ngợi khen Chúa, Thiên Chúa của con, Đấng gìn giữ con được lành lặn và vô sự giữa những cực hình, Đấng giải thoát con khỏi mưu mô của những kẻ hành hạ, Đấng biến lửa thành sương mai cho con và dùng ngọn lửa thiêu đốt những kẻ xứng đáng với ngọn lửa vĩnh cửu và không bao giờ tắt! Con cầu xin Ngài, lạy Chúa, xin đừng làm con, tôi tớ của Ngài, phải hổ thẹn cho đến cùng, cho đến khi con hoàn thành công việc của mình nhờ sự giúp đỡ của Ngài.

[1340] Hercules hay Heracles – anh hùng trong truyền thuyết Hy Lạp cổ đại, theo tín ngưỡng của người Hy Lạp cổ đại, sở hữu sức mạnh siêu nhiên, là hiện thân của sức mạnh thể chất con người và sau này được họ tôn kính như một trong những vị thần được yêu mến nhất. Với tư cách là hiện thân của sức mạnh thể chất, Hercules được tôn kính như người đứng đầu và vị thần bảo trợ của tất cả các gymnasium (trường công lập Hy Lạp cổ đại, nơi đặc biệt chú trọng vào các bài tập thể dục) và các palestra (trường tập thể dục do tư nhân quản lý, nơi các cậu bé được rèn luyện thể chất). Các trường học này thường được dâng hiến cho Hercules và được trang trí bằng các bức tượng của ngài. Thường thì các bài tập thể dục cũng như các cuộc thi thể thao và điền kinh được tổ chức ngoài trời, tại những địa điểm được dành riêng cho mục đích này và được dâng hiến cho Hercules.

Sau đó, vị thánh bước ra khỏi lò lửa vẫn khỏe mạnh, không hề hấn gì bởi ngọn lửa. Những tên đầy tớ vô đạo, những kẻ còn sót lại sau khi bị thiêu đốt, đã bắt ngài và dẫn ngài đến trước mặt quan tổng trấn. Tất cả những kẻ ngoại đạo đều kinh ngạc trước phép lạ này và, vì sự vô đạo của mình, họ quy nó cho phép thuật phù thủy, trong khi chính họ lại đầy dẫy những phép thuật ma quỷ: sự độc ác đã làm mù quáng họ, và họ không thể hiểu được quyền năng của Đức Kitô.

Sau đó, vị thánh bị kết án cho thú dữ xé xác. Một bục cao đã được dựng sẵn; vị thánh bị lột trần được trói vào một cột gỗ được gia cố trên đó, rồi người ta thả một con gấu vào. Con thú gầm rú lao về phía vị thánh, nhưng khi đến gần, nó dừng lại, nhìn ngài rồi quay trở về chỗ cũ. Vị quan và tất cả những người tụ tập xem cảnh tượng này đều ngạc nhiên trước điều đó. Sau đó, họ thả con gấu cái hung dữ nhất, con gấu này chỉ được thả ra đấu trường hai lần một năm, vì nó rất dữ tợn và đã giết chết nhiều người. Con gấu chạy đến, quỳ xuống dưới chân vị thánh, tôn kính ngài như một vị thánh của Chúa, rồi quay trở lại chỗ của nó. Khi điều đó đang diễn ra, những người chăn cừu dẫn đến trước mặt vị quan một con sư tử khổng lồ và vô cùng hung dữ, mà theo lời họ, họ đã bắt được nó trong sa mạc năm ngày trước và hoàn toàn không cho nó ăn gì. Vị quan vui mừng ra lệnh đưa con sư tử này vào trong đấu trường, nơi vị thánh tử đạo đang bị trói trần truồng vào cột. Mọi người đều kinh hoàng khi nhìn con sư tử này, vì nó rất to lớn và hung dữ. Con sư tử tiến lại gần vị thánh, nhìn ngài, dừng lại, cúi đầu xuống và từ đôi mắt nó tuôn ra những giọt nước mắt, như những dòng sông chảy từ suối nguồn, rồi bắt đầu liếm chân vị thánh. Đó chính là con sư tử mà thánh Neophyt đã tìm thấy trên núi Olympus, trong một hang đá, và đã đuổi nó đi nơi khác, còn bản thân ngài thì dọn vào ở trong hang đó. Nhận ra con sư tử, vị thánh ra lệnh cho nó trở về nơi ở ban đầu của mình trên núi Olympus, nơi mà nó đã nhường lại cho vị thánh; đồng thời, vị thánh cấm nó không được gây hại cho con người bao giờ. Con sư tử, sau khi cúi đầu chào vị tử đạo, rời khỏi đó với tiếng gầm kinh hoàng, đập vỡ cánh cửa đấu trường và nhanh chóng đi qua giữa đám đông. Mọi người đều bỏ chạy, sợ hãi trước sự hung dữ của con thú, nhưng nó không động đến ai và chạy vào sa mạc, theo lệnh của vị thánh, trở về nơi ở cũ của mình. Kẻ tra tấn, tràn ngập sợ hãi và kinh hoàng, không biết phải làm gì nữa, đã ra lệnh giết vị tử đạo. Tại đó có một người ngoại tộc, trông giống thú dữ và tính tình hung tợn, đang cầm một cây giáo trong tay. Hắn lao vào vị thánh và, đâm cây giáo vào ngực ngài, đã xuyên thủng qua người ngài. Vậy là vị thánh tử đạo Neofit, bị giết như một con chiên, đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa của ngài vào ngày 21 tháng Giêng năm[1341] , sau khi sống được mười lăm năm và bốn tháng kể từ khi chào đời. Nay ngài, được hưởng sự sống vĩnh cửu, đang ngợi khen Đấng Nguồn Sống là Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Nữ Tử đạo Agnia

Ngày kỷ niệm: 21 tháng 1

Thánh nữ tử đạo Agnia sinh ra tại La Mã cổ đại và được cha mẹ nuôi dưỡng trong đức tin Kitô giáo. Vào năm thứ mười ba của cuộc đời, ngài đã thoát khỏi cái chết vĩnh cửu nhờ cái chết tạm thời và đạt được sự sống vĩnh cửu, bởi vì ngài đã yêu mến Đấng Ban Sự Sống duy nhất và gắn bó với Ngài từ thuở thiếu thời. Cô còn trẻ về tuổi tác nhưng già dặn về trí tuệ – trẻ về thân xác nhưng tâm hồn cô đã bạc màu vì sự khôn ngoan (Sách Khôn Ngoan 4:9), khuôn mặt xinh đẹp nhưng đức tin sâu sắc còn đẹp hơn cả. Bị thắp sáng bởi tình yêu dành cho Đức Giêsu Ngọt Ngào Nhất, Đấng sinh ra từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, cô đã hứa hôn với Ngài bằng sự trinh khiết của mình và, ngoài Ngài ra, không muốn ai khác làm chồng mình. Có xuất thân cao quý và khuôn mặt xinh đẹp, nàng đã dùng vẻ đẹp của mình thu hút ánh mắt và trái tim của một chàng trai trẻ, con trai của quan tổng trấn Symphronius, đến nỗi khi chàng thấy nàng trở về từ trường nữ sinh, anh ta ngay lập tức bừng cháy tình yêu dành cho cô; sau đó, sau khi tìm hiểu về cô và biết được địa chỉ nhà cha mẹ cô, anh ta bắt đầu gửi đến cô những món quà dồi dào, hứa hẹn sẽ tặng nhiều hơn nữa và nài nỉ cô đồng ý trở thành vị hôn thê của anh ta và kết hôn với anh ta. Thánh Agnia đã từ chối tất cả những món quà đó, coi chúng như rác rưởi, không hề coi trọng chúng chút nào; còn về bản thân, cô nói rằng cô đã đính hôn với Chàng Rể tuyệt vời nhất và nhận được từ Ngài những món quà tốt đẹp và quý giá hơn: với tư cách là vị hôn thê của Ngài, cô không thể bỏ rơi Ngài hay phản bội lòng trung thành và tình yêu dành cho Ngài. Nhưng chàng trai này ngày càng nung nấu tình yêu mãnh liệt dành cho nàng và tự nhận mình là người cao

[1341] Thánh Neophytus đã chịu khổ nạn và tử đạo trong cuộc bách hại của Diocletianus, diễn ra vào các năm 303–305.

quý và xứng đáng hơn hẳn so với tất cả các chàng trai quý tộc khác. Cho rằng cô gái mong muốn những món quà tốt nhất từ anh ta, anh ta đã chuẩn bị nhiều hơn và những viên đá quý cùng ngọc trai quý giá hơn, những đồ dùng và trang phục sang trọng, rồi tự tay mang đến cho cô, nài nỉ cô, lúc thì trực tiếp, lúc thì qua những người quen, bạn bè và hàng xóm, để cô đừng chọn ai khác hơn anh ta. Anh ta nhấn mạnh đến dòng dõi cao quý của mình, đến của cải, nhà cửa, đất đai thừa kế mà cô sẽ sở hữu nếu đồng ý đính hôn với anh ta. Lúc đó, vị thánh nữ bắt đầu nói rõ ràng hơn:

– Hãy tránh xa ta đi, kẻ thổi bùng ngọn lửa tội lỗi, kẻ say mê sự ô uế, món ăn dành sẵn cho cái chết vĩnh hằng! Hãy lùi xa khỏi ta, vì Chàng Rể khác đã cảnh báo ngươi rồi, Đấng đã ban cho ta những món trang sức quý giá hơn nhiều và đeo cho ta chiếc nhẫn của đức tin Ngài. Ngươi không thể sánh ngang với Ngài, dù về nguồn gốc hay địa vị. Ngài đã ban cho ta những nét đẹp thiêng liêng khác biệt. Ngài đã đeo lên tay phải và cổ ta những viên đá quý vô giá, đeo vào tai ta những đôi bông tai làm từ ngọc lục bảo vô giá, thắt quanh eo ta chuỗi ngọc trai sáng lấp lánh, đặt dấu ấn trên khuôn mặt ta để ta không bao giờ chọn bất kỳ vị hôn phu nào khác ngoài Ngài, mặc cho ta bộ áo dệt bằng vàng và trang điểm cho ta bằng vô số chuỗi vòng cổ; hơn nữa, Ngài đã chỉ cho tôi thấy kho báu vô giá mà Ngài hứa sẽ ban cho tôi, nếu tôi giữ vững đức tin nơi Ngài. Chính vì thế, tôi không thể nhìn ai khác, để khỏi làm ô danh Chàng Rể đầu tiên của mình, cũng không thể rời xa Đấng mà tôi đã gắn bó chặt chẽ bằng mối dây tình yêu. Danh dự của Ngài là cao quý nhất, quyền năng là vững chắc nhất, vẻ đẹp là lộng lẫy nhất, tình yêu là ngọt ngào nhất, vượt trội hơn mọi ân sủng; Ngài đã chuẩn bị sẵn cho tôi một cung điện. Giọng nói của Ngài thật êm ái đối với tôi; đôi môi Ngài đã tuôn ra mật ong và sữa cho tôi; nhờ vòng tay trong sạch của Ngài, tôi đã gắn bó chân thành với Ngài; xác thịt Ngài đã hòa làm một với xác thịt tôi, và máu Ngài đã tô điểm khuôn mặt tôi. Mẹ Ngài là Trinh Nữ, còn Cha Ngài chưa từng biết vợ. Các Thiên Thần phụng sự Ngài; mặt trời và mặt trăng đều kinh ngạc trước vẻ đẹp của Ngài; theo lệnh Ngài, người chết sống lại; nhờ chạm vào Ngài, người bệnh được chữa lành; của cải của Ngài không bao giờ cạn kiệt, và kho tàng của Ngài không bao giờ trống rỗng. Tôi chỉ đặt niềm tin vào một mình Ngài và phó thác trọn vẹn bản thân cho Ngài. Với Ngài là chồng, tôi sẽ mãi là trinh nữ; yêu Ngài, tôi sẽ vô tì vết; chạm vào Ngài, tôi sẽ vẫn trong sạch; từ cuộc hôn nhân này không sinh ra con cái; việc sinh nở trong đó không đau đớn, và thành quả của sự chung sống ngày càng nhân lên.

Sau những lời ấy, chàng trai điên dại càng bùng cháy tình yêu nồng nàn dành cho nàng hơn nữa, và vì trái tim bị thương bởi vết thương tình yêu, chàng đã lâm vào cơn bệnh nặng vì đau khổ và buồn bã. Khi chàng nằm trên giường bệnh và thở dài nặng nề từ tận đáy lòng, các bác sĩ đã nhận ra vết thương trong lòng chàng. Cha anh, khi nghe tin về tất cả những điều này và tìm hiểu nguyên nhân bệnh tật qua những câu hỏi, đã lập tức cử người đến gặp cô gái và cha mẹ cô, mong muốn hứa hôn cô cho con trai mình. Còn cô, cũng như lần đầu tiên, đã từ chối, nói rằng:

– Tôi sẽ không bao giờ phản bội vị hôn phu đầu tiên của mình.

Vị quan trưởng tỉnh tức giận đã cố gắng điều tra kỹ lưỡng xem ai có thể sánh ngang với con trai ông và làm nhục danh dự của dòng họ ông? Lúc đó, một trong những người có mặt đã giải thích rằng Agnia – từ thuở nhỏ đã là một tín đồ Kitô giáo và bị mê hoặc bởi phép thuật Kitô giáo đến mức coi Chúa Kitô, Đấng mà các tín đồ Kitô giáo công nhận là Thiên Chúa, là Chồng của mình. Khi biết được điều này, quan trưởng tỉnh rất vui mừng, vì với tư cách là quan tòa, ông có thể kết án cô đáng bị tử hình vì đã xúc phạm các vị thần của mình; hơn nữa, ông hy vọng sẽ dùng quyền lực của mình để ép buộc cô kết hôn với con trai mình. Ngay lập tức, ông sai các đầy tớ đến bắt cô về và bắt đầu phiên tòa bất chính của mình đối với cô. Ban đầu, ông ta dùng những lời ngọt ngào, rồi sau đó là những lời đe dọa để khiến cô từ bỏ Đức Kitô và sự trinh khiết đã hứa dâng cho Ngài. Tuy nhiên, trinh nữ của Đức Kitô không bị cám dỗ bởi những lời ngọt ngào cũng không sợ hãi trước những lời đe dọa, mà với tinh thần dũng cảm, cô đã chế nhạo cả những lời ngọt ngào lẫn những lời đe dọa. Thống đốc Symphronius, khi thấy sự dũng cảm của cô gái, đã tìm đến cha mẹ cô và nói chuyện rất nhiều với họ về việc đính hôn; và vì họ xuất thân từ dòng dõi quý tộc, nên ông không dám để xảy ra việc cưỡng ép đối với họ, chỉ khuyên họ nên dùng mọi cách để thuyết phục con gái mình kết hôn. Nhưng họ từ chối, nói rằng:

– Thưa ngài, chúng tôi không thể thuyết phục được cô ấy, bởi vì từ khi còn nhỏ chúng tôi đã hiểu rõ ý chí của cô ấy, cô ấy sẽ không bao giờ làm điều đó và cũng sẽ không bao giờ từ bỏ ý định của mình.

Lúc đó, vị vua lại ra lệnh đưa cô gái đến trước mặt ngài để xét xử, đồng thời nói với cô rất nhiều về tình yêu xác thịt và hôn nhân; khi tất cả những lời lẽ dịu dàng và nịnh nọt đều vô hiệu, cuối cùng ngài nói:

– Hãy chọn một trong hai điều này: hoặc kết hôn với con trai ta, hoặc, nếu muốn giữ trinh tiết, hãy dâng hiến bản thân để phụng sự nữ thần Vesta[1342] mãi mãi, vì nữ thần ấy đòi hỏi những thiếu nữ như vậy.

Nghe những lời đó, thánh nữ Agnia đáp lại:

– Nếu tôi khinh thường con trai ngài, dù hắn có bị đam mê điên cuồng làm hư hỏng, nhưng – một con người sống, lại còn có trí tuệ, có khả năng nghe, nhìn, đi lại và hưởng thụ những ân huệ của thế gian này – nếu con thậm chí không thể nhìn vào anh ta, vì lời thề với Chúa Kitô của con, thì càng không thể tôn kính một pho tượng câm điếc, vô hồn và vô tri. Để không xúc phạm đến Đức Chúa Trời toàn năng, tôi sẽ không cúi đầu trước hòn đá vô tri vô giác, vì tôi biết chắc chắn rằng không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đấng đã tạo dựng trời và đất qua Con của Ngài, Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, Đấng đã nhập thể vì chúng ta, chịu khổ nạn và bị chôn cất, vào ngày thứ ba đã sống lại và hiện đang ngự trị trên trời với vương quốc vô tận. Chỉ một mình Ngài, tôi mới thờ lạy và phụng sự, như Đức Chúa Trời Chân Thật và Hằng Sống, còn nữ thần dối trá của ngươi và tất cả các vị thần ghê tởm của các ngươi, tôi đều nguyền rủa.

Nghe xong những lời đó, quan tổng trấn Symphronius nói:

– Vì thương xót tuổi trẻ của ngươi, ta tha thứ cho những lời phỉ báng mà ngươi đã thốt ra đối với các vị thần của chúng ta, vì ta thấy rằng ngươi còn non nớt về trí tuệ; vậy thì ngươi cũng hãy thương xót chính mình và đừng làm các vị thần phật lòng.

Thánh Agnia đáp lại:

– Tại sao ngài lại khinh thường tuổi trẻ của tôi, vốn dĩ thiếu lý trí, và tại sao ngài lại nghĩ rằng tôi đang tìm kiếm sự khoan dung nào đó từ ngài? Hãy biết rằng phẩm giá của đức tin không phụ thuộc vào số năm sống hay tuổi tác thể xác, mà phụ thuộc vào trí tuệ; và Đức Chúa Trời toàn năng tôn vinh con người bởi trí tuệ hơn là bởi tuổi tác, và ban ân huệ qua trí tuệ nhiều hơn là qua tuổi thọ. Còn các vị thần của ngươi, những vị mà ngươi cảnh báo ta về cơn thịnh nộ của họ, hãy để họ yên; hãy để chính họ nổi giận với ta, hãy để chính họ lên tiếng, hãy để chính họ ra lệnh cho ta tôn kính và thờ phụng họ.

Thống đốc vùng đó đáp lại:

– Hãy chọn một trong hai điều này: hoặc cùng với các thiếu nữ khác, để cứu vãn danh dự cho gia đình mình, dâng lễ vật lên nữ thần Vesta, hoặc, để mang lại sự ô nhục vĩnh viễn cho dòng họ mình, ngươi sẽ đến nhà chứa với những người phụ nữ vô liêm sỉ.

Thánh Agnia đã dũng cảm trả lời ông ta:

– Nếu ngài biết Đức Chúa Trời của tôi là ai, ngài sẽ không nói như vậy. Còn tôi, vì biết quyền năng của Chúa Giê-su Ki-tô, tôi không coi trọng những lời đe dọa của ngài, vì tôi hoàn toàn tin chắc rằng tôi sẽ không thờ lạy các vị thần của ngài , và trinh tiết của tôi sẽ được giữ gìn trong sạch và nguyên vẹn. Ta có Đấng bảo vệ thân thể ta, đó là Thiên Thần của Đức Chúa Trời. Còn Chúa của ta, là Đức Giê-su Ki-tô, Con Một của Đức Chúa Trời, Đấng mà ngươi không biết. Ngài là pháo đài bất khả xâm phạm, là người canh gác không mệt mỏi, là Đấng bảo vệ luôn luôn sẵn sàng của tôi – không giống như các vị thần của các ngươi, vốn chỉ là những mảnh đồng dùng để đúc nồi, hữu ích trong sinh hoạt gia đình, hoặc những hòn đá dùng để lát đường. Thần Thánh không ngự trong đá, mà ngai vàng của Ngài là trời cao; Ngài cũng không ngự trong đồng, hay bất kỳ vật gì quý giá hơn, mà ngự trong vương quốc trên cao, được mọi loài thọ tạo tôn vinh và kính trọng. Còn ngươi và những kẻ giống như ngươi, nếu không từ bỏ việc thờ thần tượng để quay về với Đức Chúa Trời Chân Thật, thì cùng với các thần của ngươi – những vị được các thợ đúc đúc trong lửa và tan chảy trong lửa – các ngươi sẽ phải chịu đau khổ trong lửa vĩnh cửu.

Thống đốc vùng đó nổi giận dữ dội, ra lệnh lột trần vị thánh nữ và dẫn nàng trần truồng vào nhà đồi trụy, còn người rao tin phải hô to:

– Agnia, trinh nữ vô đạo, kẻ đã phỉ báng các vị thần, đang bị dẫn vào nhà đồi trụy như một ả điếm.

Nhưng trong lúc vị trinh nữ thánh thiện bị lột trần để làm nhục, Đức Chúa Trời đã không bỏ rơi nàng trong niềm hy vọng của nàng và không để cho cô dâu của Ngài bị chế giễu và sỉ nhục. Theo ý muốn của Đức Chúa Trời, ngay lập tức mái tóc trên đầu nàng mọc dài đến mức che phủ toàn bộ thân thể nàng, như một bộ áo quần dày dặn, và không ai có thể nhìn thấy sự trần truồng của nàng. Khi nàng bước vào nhà các gái điếm, nàng thấy Thiên Thần của Đức Chúa Trời, sẵn sàng bảo vệ sự trinh khiết của nàng, Người đã bao phủ nàng bằng một ánh sáng rực rỡ không thể tả xiết, đến nỗi vì ánh sáng chói lòa ấy, đôi mắt của những chàng trai vô liêm sỉ và bất kính không thể nhìn thẳng vào nàng. Cả căn phòng bừng sáng rực rỡ như mặt trời tỏa sáng trong vẻ đẹp trọn vẹn của nó, và mỗi khi ai đó cố nhìn cô bằng ánh mắt tò mò, đôi mắt họ lập tức bị mờ đi vì ánh sáng thiêng liêng vô hình ấy. Khi thiếu nữ bắt đầu cầu nguyện, nàng thấy trước mặt mình một bộ áo trắng, được dệt không phải bởi bàn tay con người, mà bởi bàn tay các Thiên thần. Sau khi mặc bộ áo đó và thấy mình được trang phục phù hợp với lứa tuổi, vị thánh đã thốt lên:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa của con, Đức Giêsu Kitô, vì Ngài đã nhận con vào số các nữ tỳ của Ngài và ban cho con bộ áo này!

Từ đó, ngôi nhà tội lỗi trở thành ngôi nhà cầu nguyện, nơi vui chơi của ma quỷ trở thành nơi ngự trị vinh quang của Đức Chúa Trời, ngôi nhà ô uế của những người điếm trở thành cung điện tráng lệ, nơi cô dâu của Đấng Christ cùng với Thiên Thần hiện ra với nàng ca ngợi và tôn vinh Đức Chúa Trời. Nhiều người đã đến đây, với tâm trí sa đọa và bị dục vọng thiêu đốt, nhưng khi e sợ vinh quang bao quanh cô gái và nhìn thấy quyền năng Thần thánh bảo vệ sự trinh khiết của cô, họ trở nên trong sạch và, sau khi cúi đầu kính cẩn, họ ra về. Chính chàng trai trẻ đó, kẻ gây ra điều ác, đầy dẫy dục vọng ô uế, cũng đã đến cùng với những người bạn cùng lứa tuổi. Hắn muốn cưỡng hiếp cô trinh nữ thánh thiện và, khi thấy những người khác đã vào trước hắn rồi ra về mà không đạt được điều gì, hắn đã chế nhạo họ, gọi họ là những kẻ hèn mọn và yếu đuối. Với ý định táo tợn, hắn bước vào căn phòng nơi vị thánh nữ đang cầu nguyện; khi nhìn thấy ánh sáng thiên đàng, hắn không tôn vinh vinh quang của Chúa mà lại liều lĩnh lao tới vị hôn thê của Đấng Kitô. Nhưng trước khi tay hắn chạm vào nàng, một con quỷ lập tức chiếm lấy thân thể hắn, dùng sức mạnh quật hắn xuống đất và siết cổ hắn đến chết. Những chàng trai đi cùng hắn, thấy hắn ở lại trong phòng quá lâu, liền nghĩ rằng hắn đang làm điều tội lỗi. Lúc đó, một trong những người bạn thân nhất của hắn, muốn khen ngợi và chúc mừng hắn vì đã thực hiện và đạt được điều mình mong muốn, đã bước vào phòng và, khi thấy hắn đã tắt thở, liền la lên thật to:

– Hỡi các quý ông La Mã, xin hãy giúp đỡ! Nữ phù thủy này đã dùng phép thuật giết chết con trai của quan tổng trấn.

Ngay lập tức, một đám đông người đổ xô đến. Khi chứng kiến sự việc, một số người gọi bà là phù thủy, trong khi những người khác lại cho rằng bà vô tội trong cái chết của chàng trai trẻ. Biết được chuyện này, cha của người đã khuất vội vã đến giữa đám đông và, khi thấy con trai mình nằm bất động, ông đã khóc lóc và quay sang thánh nữ:

– Hỡi người phụ nữ vô nhân đạo và tàn nhẫn nhất trong tất cả các phụ nữ! Tại sao ngươi lại giết con trai ta? Ngươi không thể dùng phép thuật của mình lên ai khác sao? Khốn khổ cho ta! Ngươi đã làm gì vậy? Hãy kể lại, ngươi đã giết nó như thế nào?

Vị thánh nữ nhẹ nhàng đáp lại:

– Kẻ mà nó muốn tuân theo ý muốn, kẻ thù truyền kiếp của loài người, kẻ có quyền lực trên những kẻ dâm đãng và những kẻ không kính sợ Đức Chúa Trời, đặc biệt là trên những kẻ làm ô uế trinh tiết, chính kẻ đó đã giết nó. Bởi vì tất cả những ai đã vào đây trước hắn đều còn sống và khỏe mạnh, vì họ đã tôn vinh Đức Chúa Trời, Đấng đã sai Thiên Thần của Ngài mặc cho con bộ áo choàng của lòng thương xót này và giữ trinh tiết của con nguyên vẹn, trinh tiết đã được hứa dâng cho Đấng Christ từ khi còn trong nôi. Khi nhìn thấy ánh sáng rực rỡ của Thiên Thần, tất cả họ đều quỳ lạy và ra khỏi đây mà không bị tổn hại gì, còn con trai ngươi, vì vô liêm sỉ và không kính sợ Đức Chúa Trời, ngay khi vừa bước vào đã bắt đầu hung hăng và điên cuồng, và khi hắn vô liêm sỉ giơ tay ra để chạm vào ta, Thiên thần của Đức Chúa Trời ngay lập tức giao hắn cho Satan để chịu cái chết cay đắng và nhục nhã mà ngươi đang chứng kiến. Như vậy, không phải do phép thuật của ta như ngươi nghĩ, mà là bởi quyền năng và mệnh lệnh của Thiên thần Đức Chúa Trời, hắn đã bị giết chết.

Nghe vậy, vị quan nói:

– Chỉ khi nào ngươi cầu xin Thiên Thần của ngươi làm cho con trai ta sống lại, thì lúc đó mới rõ ràng rằng ngươi không dùng phép thuật để làm điều này.

Vị thánh đáp lại:

– Dù các ngươi không xứng đáng nhận được phép lạ này vì lòng không tin của mình, nhưng vì đã đến lúc quyền năng của Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của tôi, được bày tỏ và tôn vinh, nên tất cả hãy ra khỏi đây, và tôi sẽ dâng những lời cầu nguyện thường lệ lên Thiên Chúa của tôi.

Và trong khi bà đang cầu nguyện, nằm sấp trên mặt đất, Thiên Thần của Đức Chúa Trời hiện ra, nâng bà đang khóc lên và làm cho chàng trai đã chết sống lại. Chàng trai ấy, khi bước ra khỏi nhà, bắt đầu kêu lên bằng giọng lớn:

– Chỉ có một Đức Chúa Trời trên trời, dưới đất và trên biển, đó là Đức Chúa Trời của người Kitô hữu; còn các vị thần khác đều là hư vô, chỉ là sự lừa dối và sai lầm, mang lại sự hủy diệt vĩnh viễn cho những ai tin vào chúng!

Thấy và nghe điều đó, nhiều người trong dân chúng đã tin vào ngày hôm ấy, tổng cộng một trăm sáu mươi người, và họ đã chịu phép rửa tội. Một thời gian sau, những kẻ ngoại đạo đã chặt đầu họ và cả chàng trai được hồi sinh.

Trước phép lạ này, các thầy tế và pháp sư ngoại đạo đã vô cùng hoang mang. Sau khi lan truyền tin đồn về phép lạ và gây ra sự xôn xao mạnh mẽ trong dân chúng, họ đã lớn tiếng kêu lên, hướng về phía quan tòa:

– Hãy tiêu diệt nữ phù thủy này khỏi giữa chúng ta, hãy giết nữ pháp sư ấy, người không chỉ giết chết thân xác mà còn gây ra sự đảo lộn trong tâm hồn và trái tim!

Symphronius, khi chứng kiến phép lạ này, đã cảm thấy bối rối: ông muốn thả thánh nữ ra, nhưng vì lo sợ sự phẫn nộ của các thầy tế lễ đối với mình, thậm chí là bị trục xuất khỏi quê hương, nên đã để lại người đại diện của mình, tên là Aspasia, nhằm xoa dịu sự phẫn nộ của dân chúng, còn bản thân ông thì ra đi trong nỗi buồn vì không thể giải thoát được cô gái thánh thiện sau khi con trai ông đã được hồi sinh. Aspasia, sau khi nắm quyền, đã ra lệnh đốt một đống lửa giữa thành phố và ném thánh nữ Agnia vào đó để thiêu sống. Khi thánh nữ bị ném vào lửa, ngay lập tức ngọn lửa chia làm hai phần và dành cho nàng một khoảng trống rộng rãi và mát mẻ ngay giữa lòng lửa; ngược lại, ngọn lửa lao vào những người đứng xung quanh và thiêu đốt họ. Còn dân chúng, khi thấy thiếu nữ không bị thiêu đốt, lại cho rằng đó không phải là quyền năng toàn năng của Thiên Chúa, mà là sức mạnh của phép thuật; họ bàn tán về điều này, xôn xao và la hét những lời lăng mạ lên tận mây trời. Trong khi đó, vị thánh tử đạo, đứng giữa ngọn lửa và giơ hai tay lên cao, đã cầu nguyện:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng Toàn Năng, Đấng được mọi người xưng nhận và tôn vinh là Cha của Chúa Giêsu Kitô, Đấng nhờ đó Ngài đã giải thoát con khỏi tay những kẻ bất chính, bảo vệ linh hồn con khỏi sự ô uế và giữ cho thân xác con được trong sạch! Và ngay lúc này, nhờ sương trời từ Thánh Thần, ngọn lửa đang dịu mát đối với con, ngọn lửa chia rẽ, và toàn bộ sức mạnh của ngọn lửa đổ dồn vào những kẻ đầy tớ đang cố thiêu đốt con. Con tạ ơn Ngài, Thiên Chúa đáng được tôn vinh, vì ngay giữa ngọn lửa, Ngài vẫn ban cho con con đường an toàn để đến với Ngài. Con đã thấy điều con tin tưởng đã thành hiện thực; điều con hy vọng, con đã có, và điều con mong ước, con đã nhận được. Con xưng tụng Ngài bằng môi miệng và trái tim; con đã hướng về Ngài bằng tất cả các giác quan, và nay con đang tiến đến với Ngài, Đức Chúa Trời Hằng Sống và Chân Thật, cùng với Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng con, và Đức Thánh Linh, Đấng hằng sống và cai trị muôn đời, a-men.

Khi lời cầu nguyện này được vị thánh nữ thốt lên và ngọn lửa trên đống lửa đã tắt hẳn, Aspasius, lo sợ sự hỗn loạn của dân chúng sẽ tiếp diễn, đã ra lệnh đâm thanh gươm vào cổ họng của vị thánh nữ. Như vậy, vị tử đạo của Chúa Kitô là Agnia, nhuốm đỏ trong chính máu của mình, đã bước vào lễ cưới với Chú Rể Bất Tử[1342] . Cha mẹ của thánh Agnia đã vui mừng đón nhận thi hài trong sạch của con gái mình và an táng tại cánh đồng của gia đình, gần thành phố, bên con đường mang tên Numantana. Tại đây, nhiều tín hữu tụ tập để cầu nguyện, đặc biệt là vào ban đêm, vì lo sợ những kẻ ngoại đạo, những kẻ rình rập cả ở đó lẫn trên đường đi, gây ra nhiều sự đàn áp cho các tín hữu. Một lần nọ, chúng bất ngờ tấn công, ném đá làm nhiều người bị thương và đuổi tất cả mọi người đi; chỉ còn lại một thiếu nữ, bạn cùng lứa tuổi với Thánh Agnia, tên là Emerentiana. Cô, tràn đầy lòng can đảm, đã mắng mỏ bọn cướp, nói rằng:

– Tại sao các ngươi, những kẻ tàn nhẫn, lại ném đá vào những người vô tội? Các ngươi đã tìm thấy tội lỗi gì ở những người tôn vinh Đức Chúa Trời Duy Nhất và bằng những lời cầu nguyện của mình, xin cho các ngươi nhiều ân huệ?

Những kẻ ngoại đạo, trong cơn thịnh nộ, đã ném đá cô. Như vậy, trong khi cầu nguyện bên quan tài của Thánh Agnia, cô đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Ngay lập tức, một trận động đất mạnh, những tia chớp và những tiếng sấm sét kinh hoàng ập đến; phần lớn những kẻ sát nhân đã ngã xuống chết, bị trừng phạt từ trên cao. Từ đó trở đi, những kẻ ngoại đạo không còn dám đàn áp các tín hữu đến viếng mộ vị tử đạo của Chúa Kitô nữa. Còn cha mẹ của Thánh Agnia, vào ban đêm cùng các linh mục, đã rửa sạch thi hài thánh thiện đẫm máu của Thánh Emerentiana và an táng gần Thánh Agnia; còn bản thân họ thì luôn túc trực bên quan tài của người con gái yêu quý, thức trắng và khóc than suốt đêm. Vào một đêm nọ, họ nhìn thấy hình ảnh những thiếu nữ đi ngang qua họ – mặc những bộ áo choàng sáng chói dệt bằng vàng và toả sáng vinh quang thiên đàng; và giữa họ, họ cũng nhìn thấy con gái mình, Thánh Agnia, cũng toả sáng như họ và có Chiên Con – trắng hơn cả tuyết – ở bên phải. Cô quay sang các bạn của mình, bảo họ dừng lại và chờ một lát, rồi nói với cha mẹ:

[1342] Thánh tử đạo Agnia đã chịu tử đạo vào năm 304.

– Xin đừng khóc thương con như người đã khuất, nhưng hãy vui mừng và hân hoan cùng con, vì con đã cùng các trinh nữ này nhập vào những nơi ở rực rỡ, và giờ đây con đã được hiệp nhất trên trời với Đấng mà con đã yêu mến hết lòng khi còn ở trần gian.

Nói xong, cô biến mất khỏi tầm mắt.

Nhiều năm sau, Constantine Đại Đế lên ngôi. Con gái ông, Constantius, mắc bệnh nặng. Toàn thân cô phủ đầy những vết loét mưng mủ, không còn chỗ nào lành lặn trên cơ thể, từ đầu đến chân. Các bác sĩ không thể làm gì để giúp cô. Lắng nghe lời khuyên tốt lành, cô đã đến bên quan tài của thánh tử đạo Agnia vào ban đêm; tại đó, sau khi cầu nguyện với đức tin vững chắc và nước mắt, cô chìm vào giấc ngủ và thấy thánh Agnia trong giấc mơ, người đã nói với cô:

– Hãy can đảm lên, Constance, và hãy tin vào Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, nhờ đức tin vào Ngài mà giờ đây con đang được chữa lành khỏi những vết thương của mình.

Khi tỉnh dậy, Constance cảm thấy khỏe mạnh như thể cô chưa từng bị bệnh. Trở về nhà, cô kể cho cha và các anh em nghe về cách Thánh Agnia đã chữa lành cho cô. Niềm vui lớn tràn ngập trong hoàng cung; cả thành phố cũng hân hoan, ngợi khen Thiên Chúa vì phép lạ vĩ đại này. Nhiều người bắt đầu đến viếng quan tài của vị thánh tử đạo và được chữa lành nhiều bệnh tật. Sau đó, công chúa Constance đã nài nỉ cha mình xây dựng một nhà thờ mang tên vị thánh tử đạo Agnia tại nơi an táng của ngài. Sau khi dọn đến sống tại đó, cô vẫn giữ trinh tiết cùng với nhiều thiếu nữ quý tộc và danh giá khác cho đến khi qua đời. Như vậy, tu viện nữ tu đã được thành lập tại nhà thờ của trinh nữ và cô dâu của Chúa Kitô, thánh Agnia, để tôn vinh và ca ngợi ngài, vì vinh quang của Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.

Lễ kính các thánh tử đạo Valerian, Candidus, Eugenius và Aquila

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 1

Các thánh tử đạo vinh hiển này đã chịu khổ hình dưới triều đại của Diocletian và Maximian, dưới tay quan cai trị Lysias. Trước hết, Valerian, Candidus và Aquila đã bị bắt giữ tại dãy núi Trapezunt, bởi khi cuộc bách hại khốc liệt ập đến, họ đã bỏ lại nhà cửa, tất cả tài sản và mọi sự phù phiếm của thế gian, rồi lang thang trong núi, thà sống cùng thú vật còn hơn là sống chung với những kẻ thờ thần tượng chống lại Thiên Chúa. Ba vị tử đạo bị bắt giữ này trước tiên bị bọn vô đạo gửi đến xứ Lasius, tại một thị trấn nhỏ tên là Pina, để chịu cảnh giam cầm khắc nghiệt trong ngục tối ở đó; sau đó, một thời gian sau, họ được đưa đến Trapezunt[1343] và trình diện trước quan tổng trấn Lysius. Khi các thánh, khi bị thẩm vấn về đức tin vào Chúa Kitô và bị ép buộc dâng lễ vật cho thần tượng, đã từ chối tuân theo, thì trước tiên họ bị đánh bằng dây thừng khi đang trần truồng, sau đó bị treo lên và bị cào xé bằng móng vuốt sắt, đồng thời bị thiêu đốt bằng những ngọn nến đang cháy. Các thánh tử đạo được củng cố bởi sức mạnh thiêng liêng, vốn hiện diện vô hình trong họ giữa những cực hình. Sức mạnh ấy bỗng nhiên khiến những kẻ tra tấn kinh hoàng đến mức , đến nỗi họ ngã sấp mặt xuống như người chết. Thấy vậy, Lysius kinh hoàng và ra lệnh đưa các thánh tử đạo vào ngục tối. Vài ngày sau, thánh Eugenius cũng bị bắt và phải chịu những trận đòn tàn bạo vì đã tuyên xưng danh Chúa Giêsu Kitô. Khi quan tổng trấn đến đền thờ thần tượng, thánh Eugenius cũng bị dẫn theo. Vừa bước vào đền thờ, vị thánh đã cầu nguyện với Thiên Chúa, và ngay lập tức các thần tượng đổ sụp và vỡ tan thành tro bụi. Sau đó, theo lệnh của kẻ hành hình, các thuộc hạ của hắn đã trói tay và chân vị thánh bằng dây thừng, rồi kéo ngài nằm sấp xuống đất và đánh đập ngài trong một thời gian dài bằng những cây gậy to. Tiếp theo, họ treo ngài lên trong tình trạng trần truồng, cào xé thân thể ngài bằng những móng vuốt sắt, thiêu đốt ngài bằng nến và đổ giấm đặc trộn với muối lên các vết thương của ngài. Sau đó, cả bốn vị thánh tử đạo cùng bị ném vào lò lửa, và khi họ bước ra khỏi đó mà không hề hấn gì, họ bị chém đầu bằng gươm[1344] . Như vậy, những đau khổ của các vị thánh này đã kết thúc.

[1343] Trebizond – một thành phố ở phía đông Pontus, – một vùng phòng thủ của Tiểu Á, nằm bên bờ biển.
[1344] Vào đầu thế kỷ IV.

Ngày 4 tháng 2

Ngày 22 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, người ta tưởng nhớ Thánh Tử đạo Anastasios, phó tế của Pechersk, người đã qua đời vào cuối thế kỷ XII và được an táng trong hang động của Thánh Antony.

Cuộc đời của Thánh Tông đồ Timôthê

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 1

Thánh Tông đồ Timôthê xuất thân từ vùng Lycaonia[1345] , và được nuôi dưỡng cũng như giáo dục tại thành phố nổi tiếng Lystra[1346] , nơi không chỉ nổi tiếng vì sự phong phú của các loại hoa quả trần gian, mà còn vì cành cây trĩu quả do chính Thiên Chúa trồng. Tuy nhiên, chồi non này lại mọc lên từ một gốc rễ không hoàn toàn lành mạnh: bởi vì cũng như bông hồng thơm ngát mọc lên từ bụi gai, Thánh Timôthê cũng xuất thân từ một người Hy Lạp vô tín, người này nổi tiếng vì sự vô đạo của người ngoại giáo và sa lầy vào các tệ nạn đến mức, sau này, con trai ông lại vượt trội hơn tất cả mọi người về đức hạnh và đạo đức cao cả. Còn mẹ và bà ngoại của Thánh Timôthê đều là người Do Thái, cả hai đều là những người thánh thiện và công chính, được tô điểm bởi những việc lành, như Thánh Tông đồ Phaolô đã làm chứng trong những lời sau: *"Tôi mong được gặp anh, khi nhớ đến những giọt nước mắt của anh, để lòng tôi tràn ngập niềm vui, khi nhớ lại đức tin chân thành của anh, vốn đã từng ngự trong bà nội anh là Loïda và mẹ anh là Evnika; tôi tin chắc rằng đức tin ấy cũng đang ngự trong anh"* (2 Tm 1:4–5).

Ngay từ khi còn là một thiếu niên, Thánh Timôthê, được mẹ nuôi dưỡng không chỉ bằng thức ăn thể xác mà còn bằng Lời Chúa, đã bằng mọi cách tránh xa những lầm lạc của người ngoại giáo và người Do Thái, rồi sau đó đã tìm đến Thánh Tông đồ Phaolô, người được gọi là "chiếc kèn của Giáo hội do chính Thiên Chúa ban cho". Sự việc diễn ra như sau. Thánh Tông đồ Phaolô cùng với môn đệ và Tông đồ của Chúa Kitô là Barnaba đã đến Lystra, như Thánh Luca đã thuật lại trong Sách Công Vụ Tông Đồ: *"Họ đã đi đến các thành phố Lycaonia là Lystra và Derbe, cùng các vùng lân cận,"* (Công Vụ 14:6). Khi đến nơi, Thánh Tông đồ Phaolô đã thực hiện một phép lạ vĩ đại: Ngài đã chữa lành một người què bẩm sinh chỉ bằng một lời nói. Thấy điều đó, dân thành phố vô cùng ngạc nhiên và nói: *"Các vị thần dưới hình dạng con người đã xuống với chúng ta*." Khi họ biết rằng đó không phải là các vị thần, mà là con người, được gọi là các tông đồ và những người rao giảng về Đức Chúa Trời Hằng Sống, hơn nữa họ còn là những người chống lại các thần giả, và chính vì lý do đó mà họ được sai đến để dẫn dắt mọi người từ sự lầm lạc của ma quỷ trở về với Đức Chúa Trời Chân Thật, Đấng không chỉ có thể chữa lành cho những người què, mà còn có thể làm cho người chết sống lại, thì nhiều người đã từ bỏ sự lầm lạc của mình để quay về với đức tin (Công vụ 14:8–18). Trong số đó có cả mẹ của vị tông đồ phúc lành Timôthê này, người đã trở thành góa phụ sau khi chồng qua đời. Bà đã vui mừng đón tiếp Thánh Tông đồ Phaolô vào nhà mình, lo liệu mọi nhu cầu và sự tiện nghi cho ngài, và cuối cùng, đã giao con trai mình, Thánh Timôthê, cho ngài dạy dỗ, như một món quà để tạ ơn về phép lạ đã xảy ra tại thành phố của họ và về ánh sáng của đức tin chân chính mà họ đã nhận được từ ngài. Thánh Timôthê khi đó còn rất trẻ, nhưng rất thông minh và đã sẵn sàng để tiếp nhận hạt giống Lời Chúa. Thánh Phaolô, khi đón nhận cậu thiếu niên này, không chỉ thấy ở cậu sự hiền lành và lòng hướng thiện, mà còn nhận ra ân sủng của Chúa nơi cậu; chính vì thế, ngài đã yêu thương cậu thậm chí còn hơn cả cha mẹ ruột của cậu[1347] . Nhưng vì Thánh Timôthê còn rất trẻ và không thể chịu đựng được những vất vả của cuộc hành trình, nên Thánh Tông đồ Phaolô đã để cậu ở lại nhà mẹ, và cử những thầy dạy giỏi đến bên cậu để dạy cậu Kinh Thánh, như chính ngài đã hồi tưởng lại trong thư gửi cho Timôthê: *"Ngươi đã biết Kinh Thánh từ thuở nhỏ"* (2 Tm 3:15). Còn chính Thánh Tông đồ Phaolô, do bị người Do Thái xúi giục nên bị dân chúng ném đá, đã được kéo ra ngoài thành, sau đó ngài đi đến các thành phố khác.

Vài năm sau, khi Thánh Tông đồ Phaolô rời Antiôkhia và muốn thăm các anh em tại tất cả các thành phố mà trước đây ngài đã rao giảng Lời Chúa, ngài đã đưa Silas theo cùng và đến Lystra[1348] , nơi Thánh Timôthê đang

---

[1345] Lycaonia – vùng phía đông nam của Tiểu Á. Đạo Kitô đã được Thánh Tông đồ Phaolô truyền bá tại đây

[1346] Lystra – một thành phố ở Lycaonia, nằm trên biên giới giáp với Isauria. Ngày nay, tại vị trí của Lystra là làng Latik hoặc Ladik.

[1347] Điều này thể hiện qua việc Thánh Tông đồ Phaolô luôn gọi ông là con trai của mình (1 Cr 4,17; 1 Tm 1,2, 18; 2 Tm 1,2, 2,1). Từ đó cũng thấy rõ rằng, việc Thánh Tông đồ Timôthê trở thành Kitô hữu là nhờ ân sủng của Thánh Tông đồ Phaolô.

sinh sống. Thấy rằng ông đã trưởng thành và tiến bộ trong mọi đức hạnh, đồng thời được tất cả các Kitô hữu nơi đó kính trọng sâu sắc, Thánh Phaolô đã nhận ông vào hàng ngũ sứ vụ tông đồ và làm cho ông trở thành người đồng hành thường trực của mình trong mọi công việc cũng như cộng sự viên trong việc phụng sự Chúa. Khi ngài định ra khỏi thành phố, vì một số người Do Thái đang sinh sống đông đảo tại đó và các vùng lân cận, ngài đã cắt bì cho Timôthê theo luật Môsê (Công vụ 16:3), – không phải vì điều đó là cần thiết cho sự cứu rỗi, bởi vì ân sủng mới được ban thay cho việc cắt bì qua phép rửa thánh, mà là để người Do Thái không bị cám dỗ vì ông, vì tất cả họ đều biết ông có nguồn gốc từ dân ngoại. Rời khỏi Lystre, Thánh Tông đồ Phaolô đi qua các thành phố và làng mạc, giảng dạy và rao giảng Nước Trời, đồng thời soi sáng mọi người bằng ánh sáng của đức tin. Theo sau ngài, như ngôi sao theo sau mặt trời chiếu sáng từ tầng trời thứ ba, là Thánh Timôthê[1349] , người tiếp nhận ánh sáng bất diệt của sự đạo đức, giáo lý rao giảng Tin Mừng của Đấng Kitô, và học hỏi những việc làm cao cả cùng đời sống đạo đức, như chính Thánh Tông đồ Phaolô đã làm chứng: *"Anh đã noi gương tôi trong giáo lý, lối sống, thái độ, đức tin, lòng quảng đại, tình yêu thương, sự kiên nhẫn, trong những cuộc bách hại và đau khổ"* (2 Tm 3:10, 11).

Như vậy, Thánh Timôthê đã tiếp thu mọi đức hạnh từ "vật chứa được chọn" là Thánh Phaolô, và đã noi gương ngài, vì Chúa Kitô, sống cuộc đời nghèo khó của một tông đồ. Không tích lũy cho mình bất kỳ của cải nào, dù là vàng, bạc hay bất kỳ tài sản vật chất nào khác, ngài lang thang từ nơi này sang nơi khác, rao giảng Tin Mừng Nước Trời. Ngài đã thấm nhuần thói quen đáp lại điều ác bằng điều thiện; khi bị quở trách – ngài chúc lành, khi bị bách hại – ngài nhẫn nại, khi bị sỉ nhục – ngài vui mừng trong Thánh Thần, và trong mọi sự, ngài đều tỏ ra là tôi tớ của Đức Chúa Trời, là người noi gương chân chính của vị Thầy mình. Thánh Tông đồ Phaolô, khi thấy môn đệ của mình tiến bộ vượt bậc trong các đức tính, đã phong ngài làm phó tế trước tiên, rồi linh mục, và cuối cùng là giám mục[1350] , dù ngài còn rất trẻ. Sau khi được phong làm người phục vụ các Bí tích của Chúa Kitô qua nghi thức đặt tay của các Tông đồ, Thánh Timôthê đã trở thành người noi gương tận tụy nhất trong những gian khổ và vất vả của các Tông đồ, không hề thua kém các Tông đồ khác về sự đau khổ và vất vả trong thời gian rao giảng giáo lý của Chúa Kitô. Cả tuổi trẻ lẫn sự yếu đuối về thể xác đều không bao giờ cản trở ngài trong việc thực hiện sứ mệnh mà ngài đã tự nguyện gánh vác. Trong mọi hoạt động của mình , ngài đã thể hiện sự vĩ đại của tinh thần, như lời chứng của vị thầy ngài, Thánh Tông đồ Phaolô, trong Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô: *"Nếu Timôthê đến với anh em, hãy lo cho ngài được an toàn nơi anh em, vì ngài đang làm công việc của Chúa, cũng như tôi. Vì vậy, đừng ai coi thường ngài"* (1 Cr 16,10–11). Trước đó không lâu, khi khen ngợi ông, Thánh Tông đồ Phaolô đã viết: *"Tôi đã sai Timôthê, con trai yêu dấu và trung thành của tôi trong Chúa, đến với anh em, để nhắc nhở anh em về những con đường của tôi trong Đức Kitô"* (1 Cr 4,17). Tương tự như vậy, trong các thư khác của mình, ngài cũng gọi Thánh Timôthê là anh em của mình, khi nói: *"Phaolô, người bị giam cầm vì Đức Giêsu Kitô, và Timôthê, anh em"* (Phm 1:1), *"Phao-lô, Sứ đồ của Đức Giê-su Ki-tô theo ý muốn của Đức Chúa Trời, và Ti-mô-thê, anh em"* (2 Cô-rinh-tô 1:1), *"Phao-lô, sứ giả của Đức Giê-su Ki-tô theo ý muốn của Đức Chúa Trời, và Ti-mô-thê, anh em"* (Cô-lô-se 1:1). Và ông còn viết: *"Chúng tôi đã sai Ti-mô-thê, anh em chúng tôi và là tôi tớ của Đức Chúa Trời, cũng là đồng sự của chúng tôi trong việc rao giảng Tin Mừng của Đấng Christ, để củng cố và an ủi anh em trong đức tin của anh em"* (1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:2). Những lời chứng này và nhiều lời chứng khác ca ngợi thánh Ti-mô-thê đều có trong các thư của sứ đồ Phao-lô. Tuy nhiên, Thánh Timôthê không tự cao tự đại vì điều đó, mà sống trong sự khiêm nhường và nghiêm khắc tự kiềm chế khỏi tội lỗi; nhờ những nỗ lực không ngừng và việc ăn chay, ngài đã làm kiệt

---

[1348] Điều này xảy ra trong chuyến truyền giáo thứ hai của Thánh Phaolô.

[1349] Từ Lystra, Thánh Timôthê đã tháp tùng Thánh Phaolô trong tất cả các chuyến hành trình tiếp theo của ngài và tận tụy thực hiện mọi nhiệm vụ mà ngài giao phó. Ông đã tháp tùng ngài trong chuyến hành trình thứ hai từ Lystra đến Troad, và từ đó qua các thành phố ở Macedonia đến Hy Lạp – Athens và Corint. Trong chuyến hành trình thứ ba của Thánh Phaolô, Thánh Timôthê đã đồng hành cùng ngài tại Êphêsô, nơi vị Tông đồ lưu lại trong một thời gian dài, và từ đó vị Tông đồ đã sai ngài đến Macedonia để quyên góp tiền bố thí, rồi đến Cô-rinh-tô, nơi vị Tông đồ lưu lại ba năm, và ông đã đồng hành cùng ngài cả ở Macedonia lẫn Hy Lạp, đồng thời tháp tùng ngài trên đường trở về Troad và Á Châu. Sau đó, Thánh Tông đồ Timôthê đã ở cùng Thánh Phaolô tại Rôma và cùng ngài bị giam cầm, nhưng sau đó được trả tự do. Sau đó, ngài lại tháp tùng Thánh Phaolô trong chuyến hành trình mà ngài thực hiện để thăm các Giáo hội ở Tiểu Á và Macedonia; chính trong thời gian này, ngài được tấn phong làm Giám mục Giáo hội Ê-phê-sô, trở thành vị Giám mục đầu tiên của Giáo hội Ê-phê-sô. Trong thời gian xa cách Thánh Tông đồ Timôthê, Thánh Tông đồ Phaolô đã viết cho ngài hai thư mang tính chất mục vụ.

[1350] Theo lời Thánh Phaolô, việc phong chức Thánh Timôthê vào chức vụ mục vụ đã được báo trước bởi những lời tiên tri về ngài (1 Tm 1,18), và chính lễ tấn phong được thực hiện sau khi ngài tuyên xưng đức tin (1 Tm 6,12), kèm theo việc đặt tay linh mục, đồng thời ngài được ban cho ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa để có thể thi hành các nhiệm vụ một cách xứng đáng (1 Tm 4,12–16), mà ngài đã được kêu gọi.

sức chính mình đến nỗi ngay cả vị thầy của ngài, khi chứng kiến những công lao và việc ăn chay của ngài, cũng vô cùng thương xót ngài. Ngài khuyên Thánh Timôthê đừng chỉ uống nước, mà hãy dùng thêm một chút rượu vì lợi ích cho dạ dày và những cơn bệnh thường xuyên của ngài (1 Tm 5,23); mặc dù thân xác ngài luôn phải gánh chịu những gánh nặng ấy, nhưng sự trong sạch của tâm hồn ngài vẫn được giữ nguyên vẹn và không bị tổn hại bởi bất cứ điều gì. Thánh Timôthê cùng với vị Thầy của mình đã đi khắp bốn phương trời: lúc thì ở Êphêsô, lúc thì ở Cô-rinh-tô, lúc thì ở Ma-cê-đô-ni-a, lúc thì ở Ý, lúc thì ở Tây Ban Nha, họ rao giảng Lời Chúa, đến nỗi người ta có thể nói về họ một cách hoàn toàn chính xác rằng: *"Tiếng của họ vang khắp cả đất, và lời của họ đến tận cùng vũ trụ"* (Thánh Vịnh 18:5). Đồng thời, Thánh Timôthê có tư duy sắc sảo, phản ứng nhanh nhạy – trong việc rao giảng Lời Chúa – là một nhà hùng biện tài ba, trong việc giải thích Kinh Thánh – là một nhà giải thích lôi cuốn, trong việc quản lý Giáo hội và bảo vệ các chân lý của đức tin – là một vị mục tử xứng đáng nhất. Điều đặc biệt đáng chú ý là ngài đã nhận được ân sủng dồi dào, bởi vì ngài đã tiếp thu giáo lý từ hai nguồn: ngài không chỉ có Thánh Phaolô làm thầy, mà còn được học hỏi từ Thánh Gioan, môn đệ yêu dấu của Chúa Kitô[1351] . Khi Thánh Gioan bị Hoàng đế La Mã Domitian[1352] đày ải đến đảo Patmos[1353] , thì Timôthê đã thay thế ngài làm giám mục thành Êphêsô, nơi mà không lâu sau đó, ngài đã chịu tử đạo vì làm chứng cho Chúa Giêsu Kitô như sau.

Một lần nọ, tại Ê-phê-sô diễn ra một lễ hội đặc biệt long trọng, được gọi là "Catagogium", trong đó những kẻ thờ thần tượng, cả nam lẫn nữ, mặc lên mình những hình tượng của các sinh vật kỳ lạ, cầm theo các tượng thần và gậy gộc, rồi nhảy múa một cách trơ trẽn dọc các con phố trong thành phố. Trong lúc đó, họ hát những bài ca bằng giọng hát chói tai và lao vào những người đi ngược chiều như những tên cướp, thậm chí còn giết chết nhiều người. Họ còn thực hiện nhiều hành vi phạm pháp tồi tệ khác, mà họ cho là để bày tỏ sự tôn kính đối với các vị thần ghê tởm của mình. Nhìn thấy cảnh đó, Thánh Timôthê bừng cháy bởi ngọn lửa ghen tuông thiêng liêng, và khi xuất hiện trước cảnh tượng phạm thánh đó, ngài đã công khai và dũng cảm rao giảng về Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, là Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta – ngài đã chỉ rõ những lầm lạc và ảo tưởng của họ về các vị thần của mình, đồng thời tự do bày tỏ nhiều điều hữu ích để thuyết phục họ. Còn họ, đang lạc lối trong bóng tối của những lầm lạc ngoại giáo, đã không hiểu và không thấu được những lời của vị tông đồ; nhưng, đồng lòng xông vào chống lại ngài, họ đã đánh đập ngài dã man bằng những cây gậy trong tay, kéo lê ngài trên mặt đất một cách tàn nhẫn và vô nhân đạo, giẫm đạp lên người ngài, và cuối cùng, họ đã tra tấn ngài đến chết[1354] . Những người Kitô hữu đến sau đó đã tìm thấy ngài đang thở thoi thóp. Họ mang ngài ra ngoài thành, và khi ngài qua đời, họ chôn cất ngài tại một nơi được gọi bằng tiếng Hy Lạp là Pion, tức là "nơi màu mỡ". Sau một thời gian dài, thi hài thiêng liêng của Thánh Tông đồ Timôthê, theo lệnh của Hoàng đế Constantius, con trai của Constantine Đại đế, đã được Thánh Tử đạo Artemius[1355] từ Êphêsô chuyển đến Constantinopolis và an táng tại Nhà thờ Các Thánh Tông đồ cùng với thi hài của Thánh Tông đồ Luca và Thánh Anrê Tông đồ Đầu tiên. Điều đó đã đẹp lòng Thiên Chúa, vì trong cuộc đời của các ngài, mọi sự đều chung một: tính cách, giáo lý và việc rao giảng Tin Mừng. Vì thế, một ngôi mộ chung cũng xứng đáng với các ngài sau khi qua đời, nhất là khi sự an nghỉ của các ngài trên trời – cũng là chung trong Nước của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần ngự trị muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài đã học được lòng nhân từ và luôn tỉnh táo trong mọi việc, được bao bọc bởi lương tâm trong sạch một cách trang nghiêm, đã múc lấy những điều không thể diễn tả từ bình thánh được chọn, và giữ vững đức tin, đã hoàn thành cuộc đời bình an, Thánh Tông Đồ Timôthê, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

[1351] Vào những năm 60 sau Công nguyên, Thánh Tông đồ Gioan đã rời khỏi Giêrusalem, nơi ngài đã ở lại cho đến khi Đức Mẹ lên trời, và rao giảng Lời Chúa tại Tiểu Á, đặc biệt là tại Êphêsô, nhờ đó ngài có thể trực tiếp hướng dẫn Tông đồ Timôthê trong chức vụ mục vụ của ông.

[1352] Hoàng đế La Mã Domitian, kẻ bách hại Kitô giáo tàn bạo, trị vì từ năm 81 đến năm 96.

[1353] Đó là vào năm 96. Patmos – một hòn đảo trơ trọi, cằn cỗi, đầy đá ở Biển Aegean (Quần đảo), nằm ở phía tây nam của Ê-phê-sô, được xếp vào nhóm các đảo được gọi là Quần đảo Sporades.

[1354] Thánh Tông đồ Timôthê đã chịu tử đạo vào khoảng năm 97.

[1355] Ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử Đạo Artemius được Giáo hội cử hành vào ngày 20 tháng 10. Lễ rước di cốt các thánh tông đồ: Thánh Luca, tác giả Phúc Âm; Thánh Anrê, người được kêu gọi đầu tiên; và Thánh Timôthê đã được cử hành vào ngày 24 tháng 6 năm 356.

Bài ca Kondak, giọng 1:

Chúng ta hãy cùng nhau ca ngợi Thánh Timôthê, môn đệ và người đồng hành của Thánh Phaolô, đồng thời tôn kính Thánh Anastasius khôn ngoan, người đã tỏa sáng như một vì sao từ xứ Ba Tư, và xua tan những đam mê trong tâm hồn cũng như những bệnh tật trên thân thể chúng ta.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Anastasios người Ba Tư.

Ngày tưởng niệm 22 tháng 1

Khi thành thánh Giê-ru-sa-lem bị vua Ba Tư Khosrow[1356] chiếm đóng và những thánh địa nơi Chúa Giê-su, Chúa của chúng ta, đã từng ngự, nơi ghi dấu những đau khổ tự nguyện, sự đóng đinh, cái chết, sự an táng và sự phục sinh của Ngài, đã bị những kẻ man rợ vô đạo chiếm đoạt, – khi Cây Thập Tự ban sự sống của Chúa cũng bị bắt làm tù binh và được mang đi cùng với chiến lợi phẩm phong phú[1357] về Ba Tư, thì tại xứ sở này, vinh quang danh Chúa Kitô bắt đầu tỏa sáng như mặt trời qua những phép lạ phát xuất từ Cây Thập Tự ban sự sống. Dù chính nó đang bị bắt làm tù binh, nó vẫn thu phục tâm hồn con người về với Thiên Chúa, và giống như một chiếc lưới, nó bắt giữ con người, dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô, soi sáng họ bằng sự hiểu biết về chân lý và thắp sáng trái tim họ bằng tình yêu Thiên Chúa. Lúc bấy giờ, thánh tử đạo Anastasius, người mà chúng ta sắp kể lại câu chuyện, cũng đã quay về với sự hiểu biết về Chúa Kitô.

Ông là người Ba Tư gốc, đến từ làng Rasnuni, nằm trong vùng được gọi là Razi. Tên Ba Tư ban đầu của ông trong thời kỳ ngoại đạo là Magundat. Ông là con trai của một pháp sư tên là Vava, một bậc thầy rất nổi tiếng trong nước về khoa học phù thủy, người đã dạy con trai mình thành thạo môn học này ngay từ khi còn rất trẻ. Khi Magundat đến tuổi thanh niên trưởng thành, ông cùng với nhiều thanh niên khác gia nhập quân ngũ và ở lại thủ đô, phụng sự vua Ba Tư Khosrow. Khi nghe nói về vinh quang và quyền năng của Thập tự giá – thứ đã khiến toàn bộ các vùng đất Ba Tư kinh ngạc và khiến người ta khiếp sợ bởi những phép lạ phi thường, đến nỗi ai nấy đều nói: "Thiên Chúa của người Kitô hữu đã đến Ba Tư" – Magundat bắt đầu tìm hiểu kỹ lưỡng về điều này. Bất chợt, tâm hồn anh bừng cháy trong thầm lặng bởi ngọn lửa mà Đức Kitô đã đến *để "đem xuống trần gian"* (Lc 12,49). Chàng trai trẻ tuyệt vời này không ngừng tìm đến nhiều người để hỏi han, mong muốn biết chắc chắn cây thánh giá ấy là gì mà lại có sức mạnh làm phép lạ vĩ đại đến thế. Khi các tín hữu giải thích cho anh rằng đó chính là Thập tự giá mà Đức Chúa Giê-su ( ) đã bị đóng đinh trên đó, vì sự cứu rỗi loài người, tức là Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng được các Kitô hữu tuyên xưng và tôn kính, thì khát khao bên trong anh càng bùng cháy mãnh liệt hơn để đạt được sự hiểu biết trọn vẹn nhất về Con Thiên Chúa. Anh ta đặt câu hỏi này đến câu hỏi khác, và trong những lời giải đáp, anh ta tìm thấy động lực để tiếp tục tìm hiểu, với lòng nhiệt thành muốn biết: làm thế nào Thiên Chúa đã xuống từ trời, làm thế nào Ngài trở thành con người, tại sao và bởi ai mà Ngài bị kết án tử hình trên thập giá, và khi nào Ngài lại thăng thiên trở về nơi Ngài đã xuống. Ông lắng nghe những lời giải thích của các tín hữu Kitô giáo về mầu nhiệm thần thánh của sự nhập thể của Đức Kitô, và đôi tai ông đã đón nhận hạt giống đức tin với tình yêu thương, còn tâm hồn ông dần dần nảy mầm đức tin và được khơi dậy để noi gương Đức Kitô. Magundat có một người họ hàng ruột thịt, và cả hai đều phục vụ trong quân đoàn của vị tướng lừng lẫy Sain. Khi vị tướng này được vua Ba Tư phái đi cùng quân đội tham chiến tại vùng Hy Lạp và đến được thành phố Kitô giáo lừng lẫy Chalcedon[1358] , Magundat, người đang phục vụ trong quân đoàn cùng với người họ hàng của mình, cũng đã đến đó. Vị vua Hy Lạp sùng đạo Heraclius[1359] đã đứng lên chống lại người Ba Tư. Lúc đó, tướng Ba Tư Sain vội vã rút quân về cùng trung đoàn của mình. Còn Magundat, sau khi rời bỏ trung đoàn và người thân, đã chọn sống cùng người Kitô giáo trong cảnh

---

[1356] Vua Ba Tư Khosrow II trị vì từ năm 590 đến năm 628.

[1357] Đó là vào năm 614. Thánh tích Thánh Giá của Chúa đã nằm trong tay người Ba Tư trong 14 năm cho đến năm 628, khi Hoàng đế Byzantine Heraclius, sau chiến thắng trước Ba Tư, đã đưa nó trở lại Jerusalem.

[1358] Chalcedon – một thành phố ở Tiểu Á, nằm trên bờ châu Á của eo biển Bosphorus, đối diện với Constantinople. Năm 451, Công đồng Đại kết lần thứ IV đã diễn ra tại đây.

[1359] Hoàng đế Byzantine Heraclius trị vì từ năm 610 đến năm 641.

nghèo khó và vô danh, thay vì sống trong giàu sang và vinh quang tại quê hương mình giữa những người không biết đến Thiên Chúa. Ban đầu, ông đến Ierapol[1360] . Tại đó, ông gặp một người gốc Ba Tư, theo đạo Kitô và làm nghề thợ kim hoàn. Sau khi ở lại nhà người ấy, Magundat đã học nghề kim hoàn. Tay ông bận rộn với công việc, nhưng tâm trí ông luôn hướng về Chúa Kitô, Đấng mà ông cháy bỏng tình yêu. Ông nài nỉ thầy mình chuẩn bị cho ông lãnh nhận phép rửa thánh; nhưng mong muốn của ông không thể thành hiện thực, vì phép rửa thánh bị hoãn lại vô thời hạn do lo ngại chiến tranh từ phía người Ba Tư. Trong khi đó, mỗi khi cùng thầy mình đến nhà thờ cầu nguyện, cậu thường nhìn thấy trên các bức tường nhà thờ những bức tranh miêu tả những đau khổ và phép lạ của các thánh tử đạo. Cậu hỏi thầy mình rằng điều đó có ý nghĩa gì? Thầy giáo kể cho cậu nghe về những chiến công và cuộc đời của các thánh: cách họ dũng cảm đón nhận cái chết vì Chúa Kitô và nhiệt thành hiến dâng linh hồn mình cho Ngài, những gì họ đã phải chịu đựng từ tay những kẻ tra tấn vì Chúa Kitô, và những phần thưởng nào họ đã được ban cho từ Ngài trên trời. Lắng nghe tất cả những điều đó với sự chú tâm, Magundat vừa ngạc nhiên vừa kinh hoàng; trái tim anh càng bừng cháy hơn bởi lòng nhiệt thành thiêng liêng. Sau khi ở lại Hierapolis một thời gian, anh lên đường đến Jerusalem để nhận phép rửa tội tại đó.

Khi đến thành thánh Giê-ru-sa-lem, Magundat, người sau này được đặt tên là Anastasius, đã ở lại nhà một người đàn ông yêu mến Chúa, cũng là một thợ kim hoàn. Ông đã bày tỏ với người ấy khát khao trong lòng mình – đó là được hiệp nhất với Chúa Kitô qua phép rửa thánh. Người này đã dẫn anh đến gặp Thánh Ê-li, linh mục của Nhà thờ Phục Sinh vĩ đại. Thánh Ê-li, đón nhận ông với tình yêu thương, đã báo tin về ông cho Đức Thượng phụ Modestus, và dưới sự ban phước của ngài, đã làm phép rửa tội cho người Ba Tư Magundat, đặt tên cho ông là Anastasius trong phép rửa tội thánh, sau đó giữ ông lại ở bên mình trong tám ngày. Thánh Ê-li đã hỏi anh ta: anh muốn chọn lối sống nào cho mình – đời sống thế tục hay đời sống tu hành? Thánh An-ta-xi-ô không chỉ khẳng định bằng lời nói, mà còn thể hiện qua tính cách hiền lành của mình rằng anh mong muốn danh hiệu và đời sống tu hành. Sau tám ngày, khi anh cởi bỏ bộ áo trắng đã được mặc trong lễ rửa tội, vị linh mục đã gửi anh đến một trong những tu viện ở Giê-ru-sa-lem, vào năm thứ mười triều đại của Hoàng đế Heraclius. Tại đó, anh được giao phó cho một vị tu sĩ cao niên khôn ngoan và đức hạnh, người sau đó không lâu đã trở thành vị trụ trì của tu viện đó. Dưới sự hướng dẫn của vị trưởng lão này, Thánh Anastasius không chỉ học được tiếng Hy Lạp, mà còn hiểu được Thánh Vịnh và các sách thánh khác, đồng thời nhận được sự dạy dỗ về nhiều việc tu hành phù hợp với đời sống tu sĩ. Chính vì thế, ngài được mọi người yêu mến, đặc biệt là vị thầy của mình, người dựa trên những trải nghiệm ban đầu trong đời sống tu hành của ngài, dự đoán con đường tu hành tương lai của ngài, đã truyền giới tu sĩ cho ngài và nhận ngài làm con tinh thần của mình.

Thánh Anastasios là một tu sĩ đạo đức, khiêm nhường, hiền lành và siêng năng. Ngài sẵn lòng thực hiện mọi công việc trong tu viện – từ nhà bếp, lò bánh, vườn rau cho đến các nhiệm vụ khác; đồng thời, ngài không bao giờ bỏ lỡ các thánh lễ hay việc đọc các quy tắc tu viện. Tay ngài luôn bận rộn với công việc, còn miệng thì luôn ngợi khen Thiên Chúa. Ngoài ra, ngài còn đọc Kinh Thánh, tiểu sử các vị Thánh Cha, và đặc biệt là những câu chuyện về sự chịu khổ của các vị Thánh Tử Đạo. Khi đọc những câu chuyện đó, ngài làm ướt trang sách bằng nước mắt và, với trái tim rực lửa, ngài bày tỏ sự đồng cảm sâu sắc với sự kiên nhẫn của họ. Ông dường như cũng chịu đau khổ cùng với họ và trong thâm tâm, ông noi gương lòng nhiệt thành của họ, ngưỡng mộ cái chết của họ và kinh ngạc trước sự dũng cảm của họ, đồng thời khẩn thiết cầu xin Chúa Kitô ban cho ông được chịu những đau khổ tương tự vì Ngài, được chết như họ và gia nhập vào hàng ngũ các vị tử đạo. Trong khi đó, kẻ thù của linh hồn con người, phẫn nộ vì thấy ngài ngày càng vững vàng trong đức hạnh, bắt đầu gợi lại cho ngài ký ức về cuộc đời trước đây ở Ba Tư, những của cải ngài đã bỏ lại, danh vọng, nghệ thuật phù thủy của cha ngài, những vinh dự quân sự và những điều phù phiếm khác, với ý định làm xáo trộn sự bình an trong tâm hồn ngài và khiến ngài xa lánh tu viện cũng như cuộc sống chung với các vị thánh phụ. Nhưng nhờ ơn Chúa, Đấng mà Thánh Anastasius đã tìm được chỗ dựa vững chắc để chống lại kẻ thù, cũng như nhờ những lời cầu nguyện và sự hướng dẫn của vị thầy và cha linh hướng của ngài – người mà ngài đã tâm sự mọi suy nghĩ của mình – ngài vẫn bất khả chiến bại và bất động trước mọi cám dỗ của kẻ thù.

Sau khi Thánh Anastasius đã sống trong tu viện bảy năm và tích lũy được kho tàng thiêng liêng dồi dào của các đức tính, ngài đã được Chúa kêu gọi nhận vương miện tử đạo qua một thị kiến như sau. Ngay trước thềm lễ Phục Sinh rạng ngời của Chúa Kitô, vào buổi tối Thứ Bảy Thánh, ngài nằm nghỉ ngơi một chút sau những công

[1360] Hierapolis – một thành phố giàu có ở Phrygia, vùng phía tây Tiểu Á.

việc ban ngày và, khi chìm vào giấc ngủ, ngài thấy mình đang đứng trên một ngọn núi cao. Một người đàn ông rạng ngời ánh sáng tiến lại gần ngài, tay cầm một chiếc chén vàng được trang trí bằng đá quý và đầy rượu. Người đàn ông đó đưa chén cho ngài và nói: "Hãy cầm lấy và uống đi." Ngài cầm lấy và uống cạn. Linh hồn ông ngay lập tức tràn ngập niềm vui khôn tả, và ngay trong giấc mơ, ông đã nhận ra rằng đó là điềm báo về cái chết tử đạo mà ông hằng mong ước, điều mà Chúa đang kêu gọi ông[1361] . Khi tỉnh dậy, tràn đầy niềm vui và hân hoan, ông vội vã đến nhà thờ để tham dự thánh lễ Phục Sinh của Chúa Kitô. Tại đó, trong phòng thánh, ngài gọi riêng cha linh hướng và người hướng dẫn của mình – người lúc bấy giờ đã là vị tu viện trưởng – ra một góc, rồi quỳ xuống dưới chân ngài, nước mắt tuôn trào, khẩn cầu ngài cầu nguyện cho mình trước Chúa Kitô, Đấng Tối Cao, vì ngày ngài ra đi khỏi cõi đời này đã gần kề. Ngài nói:

– Con biết, thưa Cha thánh, những vất vả mà Cha đã gánh chịu vì con và con đã lạm dụng sự quan tâm như người cha của Cha dành cho con biết bao lần. Nhờ Cha, đôi mắt con đã nhìn thấy ánh sáng chân thật và nhờ Cha, con đã được giải thoát khỏi bóng tối dày đặc; xin Cha đừng ngừng cầu nguyện cho con, người tôi tớ của Cha, trước mặt Chúa Tối Cao.

Vị cha linh hướng nói với cậu:

– Có chuyện gì vậy, con yêu quý của cha? Làm sao con biết rằng trong những ngày tới, con sẽ rời bỏ chúng ta để bước sang một cuộc sống khác?

Anastasius kể cho ngài nghe về giấc mơ ấy với lòng xúc động sâu sắc và khẳng định một cách kiên quyết rằng trong những ngày tới, con nhất định sẽ phải chết, hoặc là cái chết chung của mọi người, hoặc là một cái chết nào đó khác; còn về mong muốn được chết như một vị tử đạo vì Chúa Kitô, cậu lại e ngại không dám nói ra, sợ rằng vị tu sĩ già sẽ cấm cậu làm điều đó, và như vậy ngọn lửa nhiệt thành của cậu dành cho Chúa Kitô sẽ tắt lịm, và cậu sẽ mất đi vương miện của người chịu khổ vì Chúa. Vị cha linh hướng đã an ủi anh ta rất lâu bằng những lời dịu dàng. Khi ngày đó đến, Thánh Anastasius đã rước Mình Thánh Chúa trong Thánh Lễ và dùng bữa chung với các tu sĩ. Đêm hôm sau, sau khi chợp mắt một chút từ tối, anh ta vội vàng thức dậy, vì khát vọng nội tâm không thể diễn tả được về việc chịu tử đạo đã không cho anh ta ngủ. Ông thức dậy lén lút, không cho ai biết, rồi rời khỏi tu viện, không mang theo gì ngoài bộ áo tu sĩ đang mặc trên người.

Sau khi rời tu viện, Thánh Anastasius trước tiên đi đến Diospolis ở Palestine[1362] , rồi từ đó lên ngọn núi có tên là Harizim để cầu nguyện. Sau khi đi qua nhiều địa danh nổi tiếng khác, ngài đến Cêsarea thuộc Palestine[1363] và ở lại đó hai ngày tại nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Sau đó, ngài đến viếng nhà thờ Thánh Euphemia, vị nữ tử đạo vĩ đại và đáng ca ngợi, nằm tại chính thành Cêsarea đó. Vào thời điểm đó, Palestine đang nằm dưới sự cai trị của người Ba Tư, và có rất nhiều người Ba Tư ở đây. Khi đi ngang qua nhà của một người Ba Tư, vị thánh đã tình cờ chứng kiến những trò ảo thuật do người Ba Tư biểu diễn. Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành thiêng liêng, ngài tiến lại gần họ và nói với giọng giận dữ:

– Tại sao các ngươi lại tự lầm lạc, rồi lại lừa dối người khác, lôi kéo linh hồn họ vào cùng một sự lầm lạc ấy? Họ ngạc nhiên trước sự dũng cảm của ngài và hỏi:

– Ngươi là ai mà dám nói với chúng ta như vậy?

Ngài đáp lại:

– Ngày xưa, ta cũng từng mắc phải cùng một sự lầm lạc như các ngươi. Ta từng am hiểu môn khoa học bất chính này và rất thành thạo trong việc lừa dối.

Nói xong, vị thánh đã lên án sự vô thần của họ trong một thời gian dài, đồng thời làm rõ rằng sự xảo quyệt và sự lừa dối của họ ghê tởm trước mặt Đức Chúa Trời và gây hại cho con người đến mức nào. Ngài kể cho họ nghe cách ngài đã đạt được sự hiểu biết về chân lý và quay về với Đức Chúa Trời, đồng thời khuyên nhủ họ hãy lấy ngài làm gương mẫu, cũng tìm hiểu chân lý, từ bỏ thuật phù thủy, và quay về với Đức Chúa Giê-su Kitô với lòng ăn năn. Còn họ thì không những không muốn nghe lời vị thánh, mà còn khẩn khoản thuyết phục ngài đừng lên án những

---

[1361] Từ "chén" trong ngôn ngữ Kinh Thánh và trong quan niệm của các Kitô hữu cổ đại được dùng để diễn tả một cách sinh động những đau khổ hay thử thách mà Thiên Chúa dành cho ai đó. Từ đó, Thánh Anastasius đã coi chiếc chén mà ngài thấy trong giấc mơ như một điềm báo về chén đau khổ và cái chết đau đớn mà ngài sắp phải nếm trải.

[1362] Diospol – một thành phố ở Palestine, nằm về phía tây bắc của Jerusalem.

[1363] Césarea – một thành phố ở Palestine nằm trên bờ đông Địa Trung Hải, được vua Herod của Do Thái xây dựng trên nền tảng của thành phố cổ Straton và được đặt tên để vinh danh Caesar Augustus (hoàng đế La Mã Octavius Augustus). Thành phố này đã nhiều lần bị tàn phá, và hiện nay tại vị trí đó chỉ còn lại những đống đổ nát, phủ đầy cây cỏ hoang dã.

kiến thức phù thủy vốn được người Ba Tư ca ngợi, cũng như đừng vạch trần họ trước dân chúng. Lúc đó, vị thánh bỏ họ lại, tiếp tục đi theo con đường của mình, vội vã đến ngôi đền thánh của vị nữ tử đạo được mọi người ca ngợi. Chỉ vừa mới vị thánh rời xa họ một chút, các chiến binh Ba Tư đang ngồi ở cổng tòa án đã nhìn thấy ngài. Khi vị thánh đi ngang qua họ, họ trò chuyện với nhau bằng tiếng Ba Tư và nói về ngài như sau:

– Đó là một gián điệp.

Vị thánh, hiểu rõ lời họ nói vì chính ngài cũng là người Ba Tư, đã nhìn họ với ánh mắt giận dữ và nói:

– Các ngươi đang nói gì vậy? Ta không phải là gián điệp, mà là tôi tớ của Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của ta; ta còn cao quý hơn các ngươi nhiều, vì ta đã được ân sủng để phục vụ Đấng đã hạ mình xuống từ trời vì những kẻ có tội. Ta hiểu ngôn ngữ của các ngươi, vì chính ta cũng từng phục vụ trong quân đội giống như các ngươi hiện nay.

Lúc đó, các binh lính bắt giữ ngài và báo cáo với chỉ huy của họ, người đang ở trong tòa án. Sau khi tra hỏi ngài về danh tính và xuất thân, vị chỉ huy ra lệnh giam giữ ngài trong nhà tù dưới sự canh gác nghiêm ngặt. Trong thời gian bị giam cầm, vị thánh đã ba ngày liền không ăn uống gì. Ngài không muốn nhận bất cứ thứ gì từ tay những kẻ vô đạo, mà chỉ nuôi sống mình bằng niềm mong đợi những đau khổ vì Chúa Kitô mà ngài đã khao khát từ lâu. Vào thời điểm đó, một vị hoàng tử Ba Tư tên là Marzavan đã đến Cêsarea Palestine. Khi biết tin về vị thánh tù nhân, ông ra lệnh đưa ngài đến dinh thự của mình trong tình trạng bị trói để thẩm vấn. Khi vị thánh được dẫn đến, Marzavan đang bận rộn với nhiều việc khác, còn Thánh Anastasius thì đứng cách đó một khoảng, bị trói chặt. Tại đó cũng có một người Kitô hữu. Người này, sau khi nhận ra vị thánh – vì đã từng thấy ngài trong nhà thờ Đức Trinh Nữ Maria – liền tiến lại gần và khẽ hỏi tại sao ngài lại bị bắt, bị trói và bị dẫn đến tòa án.

Vị thánh đã chia sẻ với người ấy về khát vọng trong lòng mình – đó chính là mong muốn chịu khổ và chết vì Chúa Kitô. Nghe vậy, người Kitô hữu ca ngợi vị thánh vì ý định tốt lành của ngài và an ủi ngài bằng những lời trong Kinh Thánh, khuyên ngài đừng sợ những cực hình và đừng khiếp sợ cái chết vì danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, nhưng hãy kiên định và dũng cảm trả lời những câu hỏi của Marzavan, nhớ đến những lời Chúa đã phán trong Phúc Âm: *"Ai kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu rỗi"* (Mt 10,22). Sau đó, khi Thánh Anastasius bị đưa ra xét xử trước Marzavan, ngài đã không quỳ lạy ông ta và cũng không bày tỏ sự kính trọng xứng đáng. Trong khi đó, người Ba Tư có phong tục quỳ gối trước các vị vua của họ vì địa vị của họ. Nhưng vị thánh nhân đã không làm điều đó, qua việc không cúi đầu và ánh mắt không hề nao núng, ngài đã bộc lộ sự dũng cảm và sự vĩ đại trong tâm hồn mình. Marzavan nhìn ngài chằm chằm rồi hỏi:

– Ngươi là ai, từ đâu đến và tên ngươi là gì?

Vị thánh đáp lại một cách dũng cảm:

– Tôi là một Kitô hữu, – còn nếu ngài muốn biết về nguồn gốc của tôi, thì tôi là người Ba Tư, đến từ vùng Raza, làng Rasnuni. Tôi từng là một pháp sư và chiến binh, nhưng đã từ bỏ bóng tối và đến với ánh sáng chân thật; tên cũ của tôi là Magundat, còn bây giờ theo tên Kitô giáo, tôi được gọi là Anastasius.

Marzavan nói với ông:

– Hãy từ bỏ sự lầm lạc đó và quay trở lại đức tin cũ của ngươi. Ta sẽ cho ngươi ngựa, tiền bạc và nhiều của cải khác nữa.

Vị thánh nhìn ông ta và nói:

– Xin đừng để điều đó xảy ra với con, Đức Vua Kitô, để con phải từ bỏ Ngài!

Lúc đó, Marzavan hỏi:

– Ngươi có thích bộ quần áo mà ngươi đang mặc không?

Vị thánh đáp:

– Bộ áo này đặc biệt làm tôi hài lòng, vì nó là áo của các Thiên thần; hơn nữa, nó còn mang lại vinh dự cho tôi hơn cả chức tước của ngài.

Marzavan nổi giận và nói:

– Trong người ngươi có quỷ ám, và ngươi chỉ nói những điều mà quỷ ám dạy ngươi mà thôi.

Vị Thánh đáp:

– Khi tôi còn theo lầm lạc và sự vô đạo của người Ba Tư, lúc đó tôi có một con quỷ điên cuồng ngự trong mình, còn bây giờ Đấng Cứu Thế Kitô của tôi đang ngự trong tôi, Đấng đang xua đuổi những con quỷ của ngươi.

Marzavan liền hỏi ngài:

– Vậy thì sao? Ngươi không sợ nhà vua sao, người mà khi biết về ngươi, sẽ ra lệnh đóng đinh ngươi lên thập tự giá?

– Tại sao tôi phải sợ một con người – vị thánh đáp – cũng phù du như ngươi? Dù ông ta có giết thân xác tôi đi chăng nữa, thì cũng không thể dùng bất kỳ mưu mô nào để bắt giữ linh hồn tôi.

Không thể chịu đựng được những lời nói như vậy, Marzavan ra lệnh trói vị thánh bằng xiềng xích sắt – một cái quanh cổ, một cái quanh chân – rồi dẫn ngài đến chỗ những người đục đá và bắt ngài cùng với các tù nhân khác phải liên tục vác đá trên người. Tại đó, vị thánh chịu khổ đã phải trải qua vô số những gian khổ tột cùng. Một số người đến từ quê hương của ngài ở Cesarea, cùng làng Rasnuni, là những người Ba Tư, từng quen biết, là bạn bè và hàng xóm của ngài, khi chứng kiến những gì xảy ra với ngài, đã cảm thấy xấu hổ vì ngài và coi những khổ nạn của ngài là sự ô nhục đối với chính họ. Họ đã lăng mạ vị thánh, nói rằng:

– Ngươi đã làm gì vậy? Tại sao ngươi lại làm ô uế sự cao quý vốn có của dòng dõi mình bằng cách trở thành Kitô hữu, và mang đến cho chúng ta sự ô nhục như thế này? Ngươi bị xiềng xích và bị kết án tử hình như một tên ác nhân, điều mà mắt chúng ta không thể nhìn thấy. Chưa bao giờ có ai trong đất nước chúng ta là Kitô hữu, vậy mà ngươi lại gây ra sự sỉ nhục lớn lao như thế này cho chúng ta.

Trong khi thốt ra những lời trách móc như vậy, bọn vô đạo thường đặt tay lên người vị thánh vô tội, đánh đập ngài không thương xót, giật râu ngài, xé rách áo quần ngài, và không chỉ gây ra những nỗi đau đớn như vậy cho ngài, mà còn đặt lên vai và cổ ngài những tảng đá nặng đến mức bốn người mới có thể khiêng nổi. Vậy là, bị xiềng xích quanh cổ và chân, lại còn phải gánh nặng những tảng đá, vị thánh của Đức Chúa Trời vẫn miệt mài lao động. Thánh nhân phải chịu đủ mọi hình thức ngược đãi từ những người Ba Tư quen biết trong suốt thời gian đó, nhưng ngài vẫn chịu đựng tất cả với niềm vui vì danh Chúa Giê-su Christ.

Một thời gian sau, hoàng tử Marzavan lại ra lệnh dẫn vị thánh đến trước mặt mình và hỏi ngài:

– Nếu ngươi thực sự là con trai của một pháp sư và thông thạo nghệ thuật pháp thuật, thì hãy cho chúng ta biết điều gì đó trong lĩnh vực này, để chúng ta cũng có thể biết được khả năng của ngươi.

Vị thánh đáp:

– Xin Chúa che chở con, đừng để điều gì tương tự như thế thoát ra khỏi miệng con! Con không muốn làm ô uế tâm trí mình bằng ký ức về những mưu mẹo phù thủy, cũng không muốn làm ô uế lưỡi mình bằng lời nói về chúng.

Lúc đó, vị hoàng tử nói với ngài:

– Tại sao ngươi vẫn còn là Kitô hữu? Hãy quay trở lại đức tin cũ của ngươi; nếu không, hãy biết rằng ta sẽ báo cáo về ngươi với vua Khosrow.

Thánh nhân đáp lại:

– Ngươi cứ làm gì tùy ý. Ta nghĩ rằng ngươi đã viết thư cho ngài ấy và đã nhận được thư trả lời rồi chăng?

Vị công tước đáp:

– Ta chưa viết thư, nhưng ta định viết ngay bây giờ, và bất cứ điều gì ngài ấy ra lệnh cho ta về ngươi, ta sẽ làm theo. Thánh Anastasius đáp lại:

– Hãy viết bất cứ điều xấu nào ngươi muốn về ta. Ta là người Kitô hữu, và ta xin nhắc lại một lần nữa: ta là người Kitô hữu.

Lúc đó, Marzavan ra lệnh trói Thánh nhân nằm sấp xuống đất và đánh đập ngài cho đến khi ngài đồng ý làm theo những gì họ ra lệnh. Nhưng khi các đầy tớ định trói tay chân vị tử đạo để đánh ngài, Thánh nhân nói với họ:

– Hãy để tôi như thế này: không cần phải trói và giữ tôi lại, vì tôi không phải chịu đau khổ vì Chúa Kitô của tôi một cách miễn cưỡng, mà là tự nguyện. Tôi khao khát chịu đau khổ vì Ngài cũng như người khác khát nước lạnh trong ngày nắng gắt.

Nói xong, ngài làm dấu thánh giá và quỳ sấp xuống đất, để cho những vết thương ập đến. Lúc đó, họ bắt đầu đánh ngài dã man bằng gậy; nhưng vị thánh quay sang những kẻ đánh mình và nói: – Hãy chờ một lát và cởi bỏ áo tu sĩ trên người tôi; đừng để danh hiệu tu sĩ phải chịu sỉ nhục! Hãy đánh vào thân thể trần truồng của tôi, nhưng hãy biết rằng những vết thương các ngươi gây ra cho tôi, tôi coi như một trò đùa. Bởi vì, dù các ngươi có xé nát tôi thành từng mảnh, tôi cũng sẽ không bao giờ chối bỏ Chúa Giêsu Kitô của tôi.

Nhưng ngay cả khi bị đánh đập trong tình trạng trần truồng, vị thánh vẫn dũng cảm chịu đựng những cực hình, nằm bất động mà không ai giữ chặt, chỉ nhờ ý chí tốt lành của chính mình để chịu khổ vì Chúa, nhờ đó ngài đã chiến thắng cả bản tính tự nhiên của chính mình. Vị công tước và tất cả những người có mặt tại đó đều kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của ngài, bởi vì trong suốt thời gian bị đánh đập kéo dài và đau đớn, ngài không hề quay đầu,

không kêu la, cũng không rên rỉ. Tâm trí ngài chỉ hướng về Đức Chúa Trời, Đấng mà ngài đang chịu khổ vì Ngài. Sau đó, vị công tước ra lệnh ngừng đánh vị thánh và lại đe dọa ngài bằng danh nghĩa của nhà vua.

– Ta sẽ viết thư – ông nói – gửi cho nhà vua, và ngài sẽ ra lệnh xử tử ngươi.

Vị thánh đáp lại:

– Hãy viết bất cứ điều gì ngài muốn.

Vị công tước phản bác:

– Ngươi không sợ vua sao?

Vị thánh đáp:

– Tại sao tôi phải sợ vua của ngài? Chẳng phải ngài cũng chỉ là một con người phàm trần như ngươi sao? Chẳng phải ngài cũng sẽ phải đối mặt với sự hư nát như ngươi sao? Tại sao ngươi lại khiến ta phải sợ hãi một người cũng chỉ là tro bụi trần gian như ngươi? Chẳng phải ta nên kính sợ Chúa Giê-su Ki-tô của ta hơn sao, Đấng đã tạo dựng trời đất, biển cả và muôn vật trong đó – Đấng bất diệt muôn đời?

Marzavan kiêu ngạo, ngạc nhiên trước câu trả lời của vị tử đạo, ra lệnh đưa ông trở lại ngục tối. Một lúc sau, ông lại gọi vị thánh đến và bắt đầu nói chuyện với ông một cách dịu dàng, hy vọng sẽ dụ dỗ ông bằng những lời ngọt ngào. Ông nói với vị thánh:

– Hãy nhớ lại phép thuật của ngươi và dâng lễ vật cho các vị thần, để khỏi phải chết trong đau đớn và không bị tước mất ánh sáng trần gian này.

Vị thánh nhân đáp lại:

– Tôi phải dâng lễ vật cho vị thần nào đây: mặt trời, mặt trăng, lửa, biển, núi non hay tất cả các nguyên tố tự nhiên khác? Xin Chúa đừng để con bao giờ phải thờ lạy những hình tượng của các ngài! Bởi vì tất cả những gì con vừa liệt kê đều do Đức Kitô, Con Thiên Chúa, tạo dựng ra để phục vụ và đáp ứng nhu cầu của chúng ta, những sinh vật có lý trí. Còn các ngươi thì đang lầm lạc khi thờ phượng ma quỷ và các loài thú bốn chân, cùng mọi loài sinh vật hữu hình khác, như thể không phải chúng được tạo ra để phục vụ nhu cầu của chúng ta, mà là chúng ta được tạo ra để phục vụ chúng. Thật kỳ lạ và vô lý khi các ngươi gọi chúng là các vị thần! Các ngươi được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, – nhưng lại không biết Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của mình. Nếu các ngươi nhận biết Đấng Christ, Đấng đã tạo dựng các ngươi, thì các ngươi sẽ quay về với ánh sáng chân thật và thoát khỏi quyền lực của ma quỷ.

Nói những lời này và nhiều điều khác nữa, vị thánh đã khiến Marzavan và tất cả những người nghe phải kinh ngạc. Marzavan, thấy rằng dù dùng lời ngọt ngào hay đe dọa cũng không thể khuất phục vị thánh, đã ra lệnh đưa ngài trở lại ngục tối, cho đến khi nhận được chỉ thị từ nhà vua về việc phải xử lý ngài thế nào. Như vậy, ban đêm vị tử đạo bị giam trong ngục tối, còn ban ngày thì bị dẫn ra ngoài trong xiềng xích để làm việc – vác đá cùng với các tù nhân khác.

Trong khi đó, tin tức về thánh Anastasia đã lan truyền đến cả tu viện nơi ngài đã xuất gia. Tất cả các vị tu sĩ và anh em, khi nghe tin ngài đang chịu đau khổ nặng nề vì Chúa Kitô, đều tràn ngập niềm vui khôn tả – đặc biệt là vị Bề trên, người cha thiêng liêng và thầy dạy của ngài, người tự coi mình như thể bị trói buộc cùng với người môn đệ yêu quý của mình, và nghĩ rằng chính mình cũng đang chịu đau khổ trong thân xác của ngài. Nhưng vì bản thân ngài không thể đến gặp môn đệ của mình, do đang là vị trụ trì tu viện, nên ngài đã sai hai tu sĩ mang theo một lá thư đầy ắp lời an ủi, dặn dò họ rằng khi bí mật đến thăm vị tử đạo, hãy khích lệ ngài can đảm chịu đựng những đau khổ. Còn bản thân ngài cùng các vị cha khác thì ngày đêm cầu nguyện với Thiên Chúa cho vị tử đạo ấy, để Thiên Chúa giúp vị tử đạo can đảm chịu đau khổ vì Danh Ngài cho đến cùng, và trở thành người chiến thắng, được đội vương miện trong hàng ngũ các thánh tử đạo. Cùng lúc đó, vị thánh tử đạo Anastasios, đang bị giam trong ngục tối, không ngừng ngày đêm ngợi khen Thiên Chúa toàn năng. Cùng với ngài còn có một tù nhân khác, một thiếu niên trong số các tôi tớ của Marzavan, bị kết án vì một tội nào đó. Anh ta bị xiềng xích cùng với vị thánh – một sợi xích quanh cổ, và một sợi khác quanh chân. Điều này khiến vị thánh cảm thấy vô cùng khổ sở, bởi mỗi khi ngài thức dậy vào nửa đêm để cầu nguyện, ngài buộc phải, trái với ý muốn của mình, đánh thức cả người bạn tù. Ngài coi việc làm phiền người bạn – người đã quá mệt mỏi vì những vất vả ban ngày, việc khiêng đá, và sau đó đã chìm vào giấc ngủ ngon lành – là một tội lỗi đối với người lân cận. Vì vậy, rất nhiều lần khi muốn thực hiện các lời cầu nguyện lúc nửa đêm, ông không dám đứng dậy để không đánh thức người bạn và không làm xáo trộn giấc ngủ của anh ta. Ông đặt chân mình sát bên chân người bạn và nghiêng cổ về phía cổ anh ta, rồi thực hiện những lời cầu nguyện thường lệ của mình dâng lên Thiên Chúa. Ở đó còn có những tù nhân khác không bị xiềng xích. Trong số đó có một người

Do Thái, xuất thân từ gia đình chính trực và tính tình hiền lành. Anh ta, khi thấy Thánh Anastasius ban ngày vất vả khiêng đá, còn ban đêm dành thời gian để ngợi khen Thiên Chúa, đã ngạc nhiên và tự nhủ: "Đây là người như thế nào và cái chết của ông ta sẽ ra sao?"

Một đêm nọ, khi vị thánh đang cầu nguyện với Chúa theo thói quen của mình, người Do Thái ấy, nằm trên sàn nhà, vẫn chưa ngủ. Bỗng nhiên nhìn thấy ánh sáng trong ngục tối, anh ta hướng mắt về phía vị thánh và nhận thấy những người đàn ông mặc áo trắng lấp lánh đang bước vào qua cánh cửa ngục và vây quanh vị thánh tử đạo. Ánh sáng rực rỡ tỏa ra từ họ chiếu sáng cả ngục tối bằng một ánh sáng không thể tả xiết, mà không một tù nhân nào nhìn thấy, vì tất cả đều đang ngủ. Chỉ có người Do Thái duy nhất còn thức đó là người nhìn chằm chằm vào cảnh tượng ấy và thầm nghĩ với sự ngạc nhiên tột độ: "Lạy Thiên Chúa Thánh Thiện, đó là các Thiên Thần!"

Tiếp tục quan sát kỹ hơn những người đàn ông ấy, anh ta thấy họ mặc áo omophorion và cầm thánh giá trên tay. Lúc đó, anh ta nghĩ: "Đây là các giám mục." Sau đó, khi nhìn về phía vị thánh tử đạo, anh ta thấy một chàng trai trẻ rạng rỡ đang đứng trước Anastasius với một lư hương bằng vàng, chứa đầy than hồng đang cháy. Sau khi bỏ hương vào lư hương, chàng thắp hương xung quanh vị tử đạo. Chứng kiến cảnh đó, người tù đang thức đã dùng tay lay thức người tù khác đang ngủ bên cạnh mình – một Kitô hữu từng là quan tòa ở Skifopolis. Anh ta muốn người kia cũng được chứng kiến phép lạ kỳ diệu và rõ ràng đến thế, nhưng không thể đánh thức anh ta ngay được, vì anh ta đang chìm trong giấc ngủ say. Khi người kia cuối cùng cũng tỉnh dậy và hỏi có chuyện gì và tại sao lại đánh thức anh ta, người Do Thái chỉ vào cảnh tượng đang diễn ra và nói:

– Hãy nhìn kìa, hãy nhìn kìa!

Nhưng ngay khi ông vừa thốt ra lời đó, cảnh tượng ấy đã biến mất. Lúc đó, người Do Thái kể lại cho người Kitô hữu nghe với niềm hân hoan đặc biệt và sự xúc động chân thành về tất cả những gì ông đã chứng kiến, và cả hai cùng nhau ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa.

Chẳng bao lâu sau đó, hoàng tử Marzavan, sau khi nhận được thư trả lời từ vua Khosrow của mình, đã sai người đến gặp vị thánh tử đạo Anastasius trong ngục tối, nói rằng:

– Vua ra lệnh cho ngươi phải nói một câu duy nhất: "Ta không phải là Kitô hữu", – và ngay lập tức ngươi sẽ được thả ra, sau đó hãy đi đâu tùy ý: hoặc đến với các Kitô hữu và các tu sĩ, hoặc về quê hương – để tiếp tục phục vụ trong quân ngũ. Vị tử đạo của Chúa Kitô đáp lại:

– Xin đừng để điều đó xảy ra với tôi, rằng tôi sẽ chối bỏ Chúa Kitô của tôi bằng tâm trí hay lời nói!

Lúc đó, hoàng tử lại sai quan đại diện của mình đến gặp vị thánh, nói rằng:

– Ta biết ngươi xấu hổ trước mặt nhiều người, nhất là những người quen biết, nên không muốn chối bỏ Chúa Kitô của ngươi trước mặt họ; nhưng vì mệnh lệnh của hoàng đế phải được tuân theo, bởi không ai có thể chống lại nó, nên nếu ngươi muốn, hãy nói riêng, chỉ trước mặt ta và hai vị cố vấn khác của ta, rằng ngươi từ bỏ Chúa Kitô, và ta sẽ thả ngươi ngay lập tức. Thật ra, ngươi sẽ mất mát gì khi chỉ thốt ra lời từ bỏ bằng miệng, trong khi trái tim ngươi, không đồng ý với lời nói, vẫn tin vào Đức Chúa Trời của mình?

Vị tử đạo đáp:

– Chớ để điều đó xảy ra với tôi! Dù trước mặt ngài hay trước mặt người khác, tôi cũng sẽ không từ bỏ Chúa của tôi – dù công khai, dù bí mật, hay thậm chí trong giấc mơ, và không ai bao giờ có thể ép buộc tôi làm điều đó bằng bất cứ cách nào.

Khi quan tổng trấn trở về báo cáo với hoàng tử những điều đã nghe từ vị tử đạo, hoàng tử ra lệnh đưa ông đến trước mặt mình và nói:

– Hoàng đế đã ra lệnh đưa ngươi, bị xiềng xích, đến gặp ngài tại Ba Tư.

Thánh tử đạo Anastasius đáp lại:

– Nếu ngài chịu thả tôi ra, thì chính tôi, không cần xiềng xích, sẽ tự mình đến gặp vua của ngài. Có cần gì phải xiềng xích tôi, người đang tự nguyện chịu khổ và mong muốn chịu đựng vì Chúa Kitô, Đấng tôi yêu mến?

Vị hoàng tử, thấy rằng dù bằng cách nào đi chăng nữa: dù bằng lời ngọt ngào hay lời đe dọa, cũng không thể khiến vị tử đạo từ bỏ đức tin Kitô giáo để theo sự vô đạo của người Ba Tư, nên đã ra lệnh đưa ngài cùng hai tù nhân khác, cũng là Kitô hữu, bị kết án oan uổng vì một cáo buộc bất công nào đó, sau năm ngày sẽ được gửi đến Ba Tư để ra trước mặt vua xét xử; sau đó, vị thánh lại bị đưa trở lại ngục tối. Vào thời điểm đó, lễ Kính Thánh Giá Thánh và Ban Sự Sống của Chúa đang đến gần. Tại thành phố này có một người được kính trọng và danh giá, là Kitô hữu cả về đức tin lẫn lối sống. Ông đã thỉnh cầu Công tước Marzavan thả tu sĩ Anastasius ra khỏi ngục để ông có thể về nhà dự lễ, nhằm cùng các Kitô hữu cử hành lễ trọng đại này. Marzavan, vì kính trọng vị công dân danh giá

này, đã ra lệnh chấp thuận lời thỉnh cầu, và thánh Anastasius được thả về với các tín hữu Kitô giáo vào ngày đó, tuy nhiên vẫn bị xiềng xích bằng sắt. Sau khi đón nhận ngài, vị nam nhân đạo đức này đã dẫn ngài đến nhà thờ để tham dự Thánh Lễ. Đối với tất cả các tín hữu, việc được chiêm ngưỡng vị tử đạo, người đang mang xiềng xích nặng nề vì Đấng Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng đã chịu khổ nạn trên Thập giá, là một niềm vui lớn lao và một lễ hội kép. Xung quanh ngài, nam nữ đều rơi những giọt nước mắt nồng nàn vì vui sướng và với lòng cảm động, họ hôn lên xiềng xích của ngài, ca ngợi những đau khổ mà ngài đã chịu vì Chúa Kitô. Sau khi Thánh Lễ kết thúc, người đàn ông đã cầu thay cho ngài đã dẫn ngài về nhà mình cùng với hai tu sĩ được gửi từ tu viện đến để bí mật an ủi vị tử đạo và mang thức ăn cho ngài. Sau khi đã tiếp đãi họ nồng hậu, đến giờ, ông lại đưa Thánh Anastasius trở lại ngục tối. Năm ngày sau, vị thánh, cùng với hai tù nhân khác đang mang xiềng xích, được đưa đi sang Ba Tư. Nhiều tín hữu Kitô đã tiễn đưa ngài với những giọt nước mắt vui mừng. Hai tu sĩ kia cũng tiễn đưa ngài. Một trong hai người sau đó trở về tu viện, còn người kia được vị tu viện trưởng ra lệnh đi cùng Thánh Anastasius để phục vụ ngài, chứng kiến giây phút ngài trút hơi thở cuối cùng và khi trở về sẽ kể lại những kỳ công về sự chịu khổ và tử đạo mà ngài đã thực hiện.

Khi đến Ba Tư, thánh tử đạo Anastasios bị giam vào ngục tối tại thành phố có tên là Vithsalia ([1364]), cùng với nhiều tù nhân khác; trong số đó, có người bị kết án vì một tội nào đó, còn những người khác là tù binh, chủ yếu là các Kitô hữu. Một tu sĩ đi cùng ngài đã trú ngụ tại nhà của một người tên là Kortakt, con trai của Esdin; còn Esdin là quan tổng quản hoàng gia cao cấp nhất, đồng thời là một Kitô hữu bí mật. Vài ngày sau, vua Khosrow cử một trong các quan tòa cùng với một quan tribune đến thẩm vấn Thánh Anastasius. Vị thẩm phán, khi đến gặp vị thánh, đã hỏi: "Ngài là ai, đến từ đâu và vì lý do gì mà từ bỏ đức tin Ba Tư để trở thành Kitô hữu?" Thánh Anastasius, vị tử đạo của Chúa Kitô, đã trả lời ông ta qua người phiên dịch, vì ngài không muốn nói tiếng Ba Tư nữa, do ghê tởm cả đức tin vô đạo của người Ba Tư lẫn chính ngôn ngữ của họ. Vị thánh nói:

– Các ngài đang lầm lạc khi tôn thờ ma quỷ thay vì Thiên Chúa. Xưa kia, tôi cũng từng chìm đắm trong sự lầm lạc của các ngài, nhưng giờ đây tôi tin tưởng và thờ phượng Chúa Giêsu Kitô toàn năng, Đấng đã tạo dựng trời đất, biển cả và muôn loài trong đó. Tôi biết rõ rằng đức tin của các ngươi là sự lừa dối của ma quỷ, dẫn các ngươi đến sự hủy diệt.

Thẩm phán đáp lại:

– Hỡi kẻ khốn nạn! Chẳng phải người Do Thái đã đóng đinh Đấng Kitô mà ngươi tôn kính sao? Sao ngươi lại sa vào lầm lạc, từ bỏ đức tin của mình và trở thành Kitô hữu?

Vị thánh đáp:

– Ngươi nói đúng rằng Chúa Giêsu của ta đã bị người Do Thái đóng đinh, nhưng tại sao ngươi lại không nói thêm rằng Ngài, bởi ý muốn thần thánh của Ngài, đã tự nguyện chịu đóng đinh vì sự cứu rỗi của chúng ta? Ngài là Đấng Tạo Hóa của vạn vật, đã từ trời xuống đất và nhập thể từ Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội nhờ sức mạnh của Chúa Thánh Thần. Ngài đã tự nguyện chịu đóng đinh để cứu loài người khỏi sự lừa dối của ma quỷ. Còn các ngươi thì tôn kính ma quỷ và thờ lạy mặt trời, mặt trăng, lửa và mọi loài thụ tạo khác, chứ không phải Đấng Tạo Hóa của mình.

Thẩm phán nói với ông:

– Tại sao ngươi lại nói nhiều điều vô nghĩa như vậy? Này, nhà vua sẽ ngay lập tức ban cho ngươi những vinh dự lớn lao, tặng ngươi những chiếc thắt lưng vàng, những con ngựa tốt và nhiều của cải khác; ngươi sẽ trở thành một trong những quan đại thần cao quý của ngài, chỉ cần ngươi quay trở lại đức tin cũ của mình.

Thánh Anastasius phản bác:

– Những món quà của vị vua các ngươi, của cải, vinh dự và danh vọng, cùng mọi điều các ngươi ưa thích và khao khát, từ lâu ta đã khinh bỉ và căm ghét. Tất cả những điều đó đối với ta đều ghê tởm như rác rưởi và phân bón. Sau khi chọn lối sống tu sĩ và yêu mến nó, ta nuôi dưỡng niềm hy vọng về những ân huệ vĩnh cửu, mà nhờ ân sủng của Đức Kitô, Thiên Chúa của ta, ta tin rằng mình sẽ nhận được. Chức vụ tu sĩ chân chính này và chiếc áo choàng cũ kỹ này là bằng chứng chắc chắn cho điều đó. Vậy thì làm sao bây giờ tôi lại có thể khinh bỉ và từ bỏ điều mà tôi đang trông đợi, và vì điều đó mà tôi đã dốc hết công sức và nỗ lực hết mình? Làm sao tôi có thể bị mê hoặc bởi những ân huệ của một vị vua tạm thời và sắp phải diệt vong?

[1364] Còn được gọi là Barceloe – Sergiopolis ở Assyria, cách Dastager khoảng 8 verst, nơi mà lúc bấy giờ là thủ đô của vương triều Khosrow.

Nghe vậy, quan tòa đã tâu lại mọi chuyện với nhà vua. Nhà vua nổi giận và ra lệnh vào sáng hôm sau phải tra tấn vị thánh. Khi sáng sớm, vị quan tòa đó lại đến theo lệnh của nhà vua, dẫn vị thánh ra khỏi ngục tối, trước tiên đánh ông không thương tiếc bằng gậy, rồi đặt hai ống chân của ông vào giữa hai khúc gỗ nặng, ra lệnh cho những người đàn ông khỏe mạnh nhảy lên hai đầu khúc gỗ phía trên, nhằm nghiền nát chúng. Sau khi tra tấn vị thánh trong một thời gian dài và thấy sự kiên định của ngài, quan tòa ra lệnh tống ngài trở lại ngục tối, còn bản thân thì đi báo cáo với nhà vua về những gì đã xảy ra. Còn vị quan cai ngục, người đứng đầu nhà tù, lại là một Kitô hữu bí mật. Ông phục vụ các tù nhân đang chịu khổ vì Chúa Kitô, đối xử với họ bằng mọi sự khoan dung. Ông cùng với vị tu sĩ đi cùng vị thánh, khi vào thăm ngài trong ngục tối, đã an ủi và khích lệ người chịu khổ. Cùng với họ, còn có những tín hữu khác của Chúa Kitô, trong đó có các con trai của Esdin – người quản gia hoàng gia, một Kitô hữu bí mật – đã được nhắc đến ở trên. Họ quỳ xuống dưới chân vị tử đạo, hôn lên xiềng xích của ngài và xin ngài cầu nguyện cho họ trước mặt Chúa. Còn vị thánh, với lòng khiêm nhường, đã từ chối lời thỉnh cầu của họ, tự nhận mình là kẻ có tội và không xứng đáng, cần đến lời cầu nguyện và sự giúp đỡ của người khác. Lúc đó, họ lấy sáp và áp vào xiềng xích của ngài để dấu vết của xiềng xích in lên sáp. Họ giữ những mảnh sáp đó làm vật ban phước, để chữa lành các bệnh tật khác nhau, đồng thời gửi sáp đó cho nhau như một món quà quý giá. Một thời gian ngắn sau, chính vị quan tòa đó, lại được vua sai đến, đã đến nhà tù gặp vị tử đạo của Chúa Kitô và, sau khi tra hỏi ngài, nhận ra ngài là kẻ đối lập kiên quyết với ý muốn của vua: lúc đó, ông ta đã đánh đập vị thánh một cách tàn nhẫn bằng gậy. Điều tương tự cũng xảy ra lần thứ ba sau vài ngày. Vị quan tòa đó, khi đến nhà ngục, đã đánh đập vị thánh, rồi còn áp dụng thêm một hình phạt tàn bạo mới: ông ta móc một tay vị thánh vào dây và buộc một tảng đá khổng lồ vào chân, sau đó treo cổ vị thánh lên. Vị thánh chịu khổ nạn đã bị treo như vậy trong hai giờ. Sau đó, ông ta tháo vị thánh ra, ném ngài vào ngục tối, còn bản thân thì đi báo cáo với nhà vua về lòng dũng cảm bất khuất của vị tử đạo. Đồng thời, ông ta khuyên nhà vua nên nhanh chóng xử tử vị thánh, để vương quốc Ba Tư vĩ đại không còn bị một người Kitô hữu làm ô nhục và sỉ nhục thêm nữa. Mười lăm ngày sau, nhà vua đã kết án tử hình vị tử đạo Anastasius cùng với nhiều tù nhân khác đang bị giam chung với ngài trong ngục tối.

Vào đêm trước ngày qua đời, vị thánh tử đạo Anastasius, khi đang ngồi trong ngục tối và tiên đoán được cái chết sắp đến, đã nói với một số bạn tù của mình:

– Hỡi anh em, sáng mai tôi sẽ qua đời cùng với nhiều người đang ở đây và sẽ chuyển từ cuộc sống này sang cõi vĩnh hằng. Còn các anh em sẽ sống sót và sau vài ngày, các anh em sẽ được trả tự do, vì vị vua vô đạo này sẽ sớm bị giết.

Khi sáng sớm, quan tòa cùng các binh lính đến và dẫn ra khỏi ngục để hành quyết, cùng với Thánh Anastasius, khoảng bảy mươi tù nhân, trong đó phần lớn là những Kitô hữu trung thành. Trong số họ có cả hai tù nhân đã bị xiềng xích cùng với Thánh Anastasius và bị đưa từ Cêsarea sang Ba Tư, cũng là những Kitô hữu. Một số tù nhân khác vẫn bị giam lại trong ngục tối, trong đó có những người mà vị thánh đã tiên đoán sẽ sớm được giải thoát và về ngày vua băng hà. Những người bị dẫn ra khỏi ngục tối để hành quyết được đưa ra ngoài thành, đến bờ sông, và tại đó, từng người một, bị buộc dây thừng vào cổ họng rồi bị siết cổ một cách đau đớn. Sau khi siết cổ từng người, những kẻ tra tấn quay sang thánh Anastasius và nói:

– Chẳng lẽ ngài cũng muốn chết như họ lúc này sao? Chẳng phải tốt hơn là ngài nên tuân theo ý muốn của nhà vua, sống sót lại để nhận được những món quà, vinh dự và danh tiếng từ nhà vua sao?

Thánh nhân ngước mắt lên trời, tạ ơn Thiên Chúa, rồi đáp lại họ:

– Ta mong muốn được các ngươi xé xác vì Đấng Kitô của ta. Cái chết này đối với ta chẳng là gì cả, và ta tạ ơn Chúa của ta, vì qua nỗi đau khổ nhỏ nhoi này, Ngài ban cho ta cơ hội được bước vào vinh quang vĩ đại và không thể diễn tả của các thánh tử đạo.

Vậy là vị thánh tử đạo Anastasios, sau tất cả các tù nhân, đã vui vẻ đón nhận cái chết khi bị siết cổ vào ngày 22 tháng 1 năm[1365] . Để chứng minh trước mặt vua rằng Anastasios đã chết, các binh lính đã chặt đầu thánh nhân và mang đến cho vua, còn thi thể của ngài, cùng với thi thể của những người khác bị siết cổ, đã bị ném cho chó ăn. Nhưng lũ chó, dù đang ngấu nghiến xác chết của những người khác một cách thèm khát, không những không đụng đến thi thể của vị thánh, mà còn bắt đầu canh giữ nó một cách rõ rệt, để không ai khác dám động vào. Khi viên quan trấn giữ nhà tù định lấy thi thể trong sạch của vị thánh tử đạo, những chiến binh canh gác từ xa đã không cho phép, vì nhiều người trong số họ theo đạo Do Thái. Khi đêm xuống, vị tu sĩ đáng kính, được cử từ tu viện đến với Thánh

[1365] Thánh Tử đạo Anastasios đã chịu tử đạo vào năm 528.

Anastasius để chứng kiến giây phút lâm chung của ngài, đã nhận những nô lệ từ các con trai của Esdin, cùng nhiều vàng và những tấm vải liệm sạch, rồi đi đến nơi thi thể thánh nhân vẫn còn nguyên vẹn nằm giữa những thi thể khác đang bị chó ăn thịt. Sau khi hối lộ các lính canh bằng vàng, ông tiến đến thi hài của vị tử đạo Chúa Kitô, trên đó có một ngôi sao rực rỡ tỏa sáng từ trời cao, rồi bế thi hài ấy mang đến tu viện nhỏ của Thánh Sergius, vị tử đạo, nằm không xa đó. Tại đó, ông đã an táng với đầy đủ nghi lễ thi hài đầy đau khổ của vị tử đạo Chúa Kitô là Anastasius, còn bản thân ông thì ở lại tu viện đó cho đến khi vua Khosrow bị sát hại. Khi vua bị giết, những tù nhân mà vị thánh đã tiên đoán điều này trong ngục tối trước khi qua đời cũng được trả tự do. Như vậy, lời tiên tri kép của vị thánh đã ứng nghiệm: về việc vua Khosrow sắp bị sát hại và về việc các tù nhân được phóng thích. Khi quân đội Hy Lạp tiến vào các vùng đất Ba Tư, con đường trở về tu viện của vị tu sĩ tháp tùng vị thánh đã được thông thoáng. Ông trở về và kể lại chi tiết mọi chuyện về vị thánh tử đạo Anastasia cho vị trụ trì và toàn thể cộng đoàn tu sĩ. Mọi người đều ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban sức mạnh cho tôi tớ của Ngài thực hiện hành động chịu khổ. Vị tu viện trưởng ngay lập tức cử vị tu sĩ đó cùng một số người khác đi, và họ đã rước thi hài của vị môn đệ yêu quý của ngài, vị tử đạo của Chúa Kitô, về tu viện đó với sự tôn kính[1366] . Từ di cốt của vị thánh tử đạo, nhiều phép lạ đã xảy ra và các bệnh tật được chữa lành – để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, Đấng được tôn vinh muôn đời. Amen.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Manuil, Georgios, Petr, Leontios, Sionios, Gavriil, Ioannis, Leontas, Parod và những người khác, tổng cộng 377 vị, những người đã chịu khổ cùng với các ngài

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 1

Các thánh tử đạo này xuất thân từ các vùng khác nhau của Đế quốc La Mã và sinh sống tại Adrianople[1367] dưới triều đại của Hoàng đế Lêô người Armenia[1368] . Vào thời điểm đó, vua Krum của Bulgaria đã tàn phá Thrace và Macedonia, tiến đến tận Constantinople; sau đó, sau ba tháng vây hãm, ông chiếm được Adrianople[1369] và bắt làm tù binh tất cả cư dân còn sống sót sau cuộc tàn sát, lên đến bốn mươi nghìn người; trong số đó có cả vị giám mục địa phương, người mà vị vua ngoại đạo đã ra lệnh ném xuống đất một cách tàn nhẫn và giẫm đạp lên. Krum đã chết một cái chết thảm khốc; người kế vị ông là Dukum qua đời ngay sau đó, và Ditseng, một vị vua đáng sợ và vô nhân đạo, đã lên ngôi cai trị người Bulgaria. Ông ra lệnh xẻ đôi Giám mục Manuil của Adrianople và chặt đứt hai tay của vị thánh này đến tận vai, sau đó thi hài thiêng liêng của ngài bị ném cho chó ăn. Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã giáng xuống kẻ ác quỷ đó bằng sự mù lòa, và chẳng bao lâu sau, Diceng bị chính thần dân của mình giết chết. Người kế vị ông là Murtagon, kẻ đã tàn bạo đàn áp những Kitô hữu không tuân theo mệnh lệnh của ông – từ bỏ Đức Kitô; ông giam cầm các tôi tớ trung thành của Đức Kitô trong ngục tối, tra tấn họ và kết liễu mạng sống họ bằng những hình phạt vô nhân đạo. Các thánh giám mục Georgii Develtsky[1370] và Peter, những người đã củng cố đoàn chiên của mình trong đức tin vào Chúa Kitô, đã bị tên tra tấn vô nhân đạo đánh đập dã man bằng gậy, rồi sau đó chém đứt những cái đầu cao quý của họ bằng gươm; bảy tín hữu Kitô giáo cũng phải chịu cùng hình phạt với các vị thánh giám mục; các tướng quân Kitô giáo Ioann và Leont cũng bị chém đứt đầu bằng gươm; Thánh Leontius – một vị giám mục thiến, Giám mục thành Nicaea – đã bị những kẻ ngoại đạo đâm xuyên bụng bằng gươm; Gabriel và Sionius cũng đã chịu cái chết tử đạo dưới lưỡi gươm; Parod, một linh mục đầy lòng kính sợ Thiên Chúa, đã bị ném đá đến chết. Còn rất nhiều tôi tớ trung thành khác của Chúa Kitô cũng bị đánh đập và giam cầm trong ngục tối vào thời điểm đó. Không chỉ Murtagon tàn bạo, mà cả những người kế vị ông trên ngai vàng Bulgaria cũng đã tàn nhẫn đàn áp các Kitô hữu, những người đã giành được vương quốc vĩnh cửu cho mình qua những hình thức tra tấn đa dạng và cái chết đau đớn.

[1366] Sau đó, di cốt của Thánh Tử đạo Anastasios người Ba Tư đã được chuyển đến Palestine, từ đó đến Constantinople, và từ Constantinople đến Rome, nơi chúng vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay (một phần tại một trong những tu viện ngoại ô, phần còn lại tại Nhà thờ Thánh Thập Tự).

[1367] Adrianople – một thành phố ở Thrace (Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu), nằm tại điểm hợp lưu của hai con sông Tundzha và Maritsa.

[1368] Lêô người Armenia – hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[1369] Năm 814.

[1370] Develt – nay là Zagara, nằm bên bờ Biển Đen.

Ngày 5 tháng 2

Ngày 23 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Tử đạo Clément, Giám mục Ancyra, Thánh Tử đạo Agathangel và những người khác cùng với họ

Ngày tưởng niệm 23 tháng 1

Hai trăm năm mươi năm sau khi Chúa Giê-su Ki-tô giáng sinh, vào thời trị vì của Hoàng đế Valerian[1371] , thành phố Ankira[1372] – thủ phủ của Galatia – đã sinh ra vị thánh tử đạo Clément từ một gia đình đạo đức, như một cành nho non mọng nước, tràn đầy những chùm nho là vô vàn ân sủng thiêng liêng. Nhưng cha mẹ cô không cùng đức tin: cha là người ngoại đạo, thờ phụng các thần tượng, còn mẹ là người Kitô hữu, xuất thân từ gia đình Kitô hữu và được nuôi dưỡng trong lòng đạo đức Kitô giáo cùng những thói quen tốt đẹp. Tên bà là Euphrosyne. Bà bị ép buộc phải kết hôn và không theo ý muốn của mình đã kết hôn với người chồng không cùng đức tin, vì cha mẹ bà hy vọng lời của Thánh Tông Đồ sẽ ứng nghiệm: *"Người chồng không tin sẽ được thánh hóa nhờ người vợ tin Chúa"* (1 Cr 7,14). Nhưng mọi việc đã không diễn ra như họ mong đợi, vì người chồng vẫn chìm đắm trong sự vô đạo và bị bao trùm bởi bóng tối của việc thờ thần tượng. Anh ta không những không muốn quay về với ánh sáng của Đấng Christ, mà còn bằng mọi cách cố gắng lôi kéo người vợ Euphrosyne của mình vào con đường vô đạo của mình. Cô cũng cố gắng dẫn dắt anh ta vào con đường chân lý, ngày đêm thuyết phục anh ta và chỉ cho anh ta con đường sống cứu rỗi bằng chính gương sáng của mình, nhưng không đạt được kết quả gì, vì trái tim anh ta đã chai sạn. Bà cầu nguyện cùng Chúa Kitô xin Ngài ban ơn lành cho họ – để họ, vốn đã kết hợp với nhau bằng mối liên kết thể xác, cũng được kết hợp với nhau bằng tinh thần trong đức tin thánh thiện; còn nếu điều đó không thể, thì xin cho họ chia ly cả về thể xác, vì họ không có sự đồng lòng trong đức tin. Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, khi nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài và thương xót nàng, đã sớm giải thoát nàng khỏi ách của người chồng ngoại đạo: Ngài đã hoàn toàn từ chối hắn, một kẻ vô đạo đức, lòng dạ cứng cỏi, và ra lệnh cho hắn bước vào cõi vĩnh hằng. Kẻ ngoại đạo ấy đã qua đời, để lại cho vợ mình đứa con trai đầu lòng còn nhỏ, vẫn đang nằm trong nôi. Người mẹ thánh thiện của đứa trẻ, bà Euphrosyne, đã nuôi dưỡng con bằng lòng đạo đức hơn là bằng sữa mẹ, rồi sau đó đưa con đến với Chúa Kitô, ban cho con phép rửa tội thánh. Bà đặt tên cho cậu là Clément, có nghĩa là "cành nho non" trong tiếng Hy Lạp[1373] . Bà đã đặt tên cho cậu một cách rất khôn ngoan, như một nữ tiên tri, tiên đoán rằng cậu sẽ là con của Cây Nho Thật, là Đức Kitô, người sẽ mang lại nhiều chùm nho chín mọng – những linh hồn con người được dẫn dắt đến với Đức Kitô. Chính qua cái tên đó, bà đã tiên đoán rằng cậu sẽ trở thành một người làm chứng lừng lẫy cho danh thánh của Chúa Giêsu Kitô, sẽ đổ máu và hiến dâng linh hồn mình vì Ngài, và sẽ trở thành người chịu khổ và tử đạo vì Chúa Kitô. Bà dạy con trai mình đọc các sách thánh và cách cư xử tốt, đồng thời hướng dẫn cậu về mọi đức tính tốt đẹp. , trong khi cậu bé lớn lên cả về tuổi tác lẫn trí tuệ và đã bước sang tuổi mười hai, mẹ của cậu, Thánh Euphrosyne, đang tiến gần đến giây phút an nghỉ vĩnh hằng. Biết trước về điều này và khi đã nằm trên giường bệnh, bà mong muốn con trai mình không chỉ là người thừa kế những tài sản vật chất ít ỏi của bà, mà còn là người thừa kế những giá trị tinh thần, những đức hạnh cao quý của bà. Với tình yêu thương của người mẹ, bà dạy dỗ cậu, ôm ấp và hôn lên trán cậu:

– Con yêu dấu của mẹ, con yêu quý của mẹ, đứa con mồ côi từ khi còn trong nôi và đã biết mình mồ côi trước cả khi biết về cha mình! Tuy nhiên, con không hề mồ côi, con trai của mẹ, vì Cha của con chính là Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng làm cho con trở nên giàu có nhờ những ân huệ của Ngài. Mẹ đã sinh ra con, con trai của mẹ,

---

[1371] Valerian – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 253 đến năm 259.

[1372] Galatia – một vùng nhỏ ở phần trung tâm của Tiểu Á. Ankyra – nay là Angora – một thành phố thịnh vượng và đông đúc của Galatia, cho đến nay vẫn giữ vai trò thương mại quan trọng đối với Tiểu Á.

[1373] Từ tiếng Hy Lạp κλημα – cành non bị gãy, chồi non, cành nho.

bằng xác thịt, còn Đức Kitô là Thiên Chúa đã tái sinh con bằng Thần Khí. Vì thế, hãy biết rằng Ngài là Cha của con; hãy nhận mình là con của Ngài và hãy cố gắng để việc con được nhận làm con nuôi của Thiên Chúa không trở nên vô ích. Hãy phụng sự Đức Kitô, Chúa duy nhất, và đặt niềm hy vọng của con nơi Đức Kitô, vì Ngài thực sự là sự cứu rỗi của chúng ta và là nguồn suối sự bất tử. Ngài đã từ trời xuống với chúng ta để đưa chúng ta lên trời cùng Ngài; Ngài đã làm cho chúng ta trở thành những đứa con yêu dấu của Ngài và thiết lập sự hiệp thông của chúng ta với Thiên Chúa. Ai phụng sự Đấng Chủ Tể này sẽ được giải thoát khỏi mọi mưu mô của ma quỷ, tiêu diệt rắn rết và bọ cạp, và chiến thắng mọi thế lực thù địch. Người ấy không chỉ làm bẽ mặt các vua, các công tước và những kẻ hành hạ vô đạo, những kẻ thờ lạy các thần tượng và ma quỷ, mà còn đập tan đầu chính những con ma quỷ mà họ tôn sùng.

Trong khi trò chuyện, mẹ của vị thánh đã khóc rất nhiều, được tràn đầy ân sủng thiêng liêng và bắt đầu tiên tri về những điều sắp xảy ra với con trai mình.

– Con ơi, con yêu dấu của mẹ, – bà nói, – mẹ van xin con, hãy ban cho mẹ một ân huệ duy nhất để đền đáp cho tất cả những bệnh tật và sự lo toan của mẹ dành cho con, vì thời kỳ gian nan đang đến gần. Sự bắt bớ đã cận kề, mang theo cơn thịnh nộ và những lời đe dọa đáng sợ. Vì vậy, hãy sẵn sàng, như Chúa chúng ta đã phán, rằng con sẽ bị dẫn đến trước các quan chức và vua chúa vì Ngài (Mt 10,18). Con ơi, hãy ban cho mẹ vinh dự này: hãy đứng lên vì Chúa Kitô một cách can đảm và dũng cảm, và hãy giữ vững và không lay chuyển việc tuyên xưng danh Ngài. Còn ta thì đặt niềm tin vào Đấng Kitô của ta, hỡi con yêu dấu của ta! Sắp tới, vương miện tử đạo sẽ nở rộ trên con, để vinh danh ta và cứu rỗi nhiều linh hồn. Hãy chuẩn bị lòng mình cho cuộc hành trình chịu đau khổ, để thời khắc của những thử thách không bắt gặp con trong tình trạng chưa sẵn sàng. Hãy biết rằng, việc bị thử thách bởi những tai ương là điều có ích, giống như vàng trong lò nung. Nhưng con đừng sợ: sự đau khổ chỉ là tạm thời, còn phần thưởng cho nó thì vĩnh cửu; nỗi buồn sẽ sớm qua đi và niềm vui sẽ kéo dài mãi mãi; sự sỉ nhục ở đây chỉ là nhất thời, nhưng vinh quang vĩnh cửu đang chờ con nơi Thiên Chúa. Những mưu mô của những kẻ hành hạ và những vết thương chỉ kéo dài trong một ngày nào đó, trong khi cơn thịnh nộ của các vua trần gian bị các vị tử đạo chế giễu, vinh quang của họ tàn lụi, ngọn lửa mà họ chuẩn bị cho các vị tử đạo của Chúa Kitô cũng tắt lịm. Gươm của chúng bị rỉ sét ăn mòn, sức mạnh của chúng suy tàn. Vì vậy, không có gì có thể tách ngươi khỏi Chúa Kitô; còn ngươi, hãy ngước nhìn lên trời và từ đó mong đợi phần thưởng vĩ đại, dồi dào và vĩnh cửu từ Thiên Chúa. Hãy kính sợ sự vĩ đại của Ngài, hãy kinh hoàng trước sự phán xét của Ngài, hãy run rẩy trước con mắt toàn tri của Ngài, vì những ai từ chối Ngài sẽ thừa hưởng ngọn lửa không thể dập tắt và sự đau khổ do con sâu không bao giờ ngủ gây ra. Còn những ai, sau khi nhận biết vinh quang của Thần Tính Ngài, không bao giờ lìa xa Ngài, thì sẽ được hưởng niềm vui, sự hân hoan và sự an ủi không thể diễn tả cùng với các thánh tử đạo. Xin cho con, con trai yêu dấu nhất của mẹ, trở thành phần thưởng cho những cơn đau đớn khi sinh con và những vất vả trong việc nuôi dạy con, để con, người đã ra khỏi lòng mẹ, sẽ trở thành vị chứng nhân của Chúa, còn mẹ sẽ được gọi là mẹ của vị tử đạo và được vinh quang nhờ con trai mình, người đã chịu khổ vì Chúa Kitô. Vì vậy, hãy cố gắng chịu đựng vì Đấng đã chịu khổ vì chúng ta, và con sẽ được hưởng nhiều ân huệ từ Ngài, còn mẹ, vì con, sẽ được hiệp thông với các thánh. Này, con trai yêu dấu của mẹ, mẹ đang đứng trước ngưỡng cửa cái chết; đối với mẹ, ánh sáng hữu hình này sẽ không còn chiếu sáng vào ngày mai nữa – nhưng con chính là ánh sáng của mẹ về Đấng Kitô và là sự sống của mẹ nơi Chúa! Vì vậy, con ơi, mẹ khẩn khoản xin con đừng làm mẹ thất vọng trong những niềm hy vọng mà mẹ đang có, nhưng xin cho mẹ được cứu rỗi, theo lời của Thánh Tông Đồ, vì cớ việc sinh con (1 Tm 2:15). Mẹ đã sinh ra con, con trai của mẹ, để chịu đau khổ trong con, như trong chính thân thể của mẹ vậy. Hãy đổ máu mà con đã nhận từ mẹ, đừng nương tay, để mẹ cũng được vinh dự nhờ máu ấy. Hãy dâng thân thể con cho những vết thương, để mẹ cũng được vui mừng về những vết thương ấy trước mặt Chúa chúng ta, như thể chính mẹ là người đã chịu đau khổ vì Ngài vậy.

Có một người phụ nữ Do Thái xưa kia đã dâng bảy người con trai lên Đức Chúa Trời làm những vị tử đạo vì đức tin, và bằng một tâm hồn duy nhất trong bảy thân thể của các con trai mình, bà đã trở nên bất khả chiến bại[1374] . Còn con, chỉ cần một mình con là đủ cho mẹ để được vinh quang trước mặt Chúa của mẹ, nếu con siêng năng chiến đấu vì đức tin. Giờ đây , ta sẽ rời xa con và sẽ đến trước mặt Đức Chúa Trời trước con. Ta ra đi bằng thân xác, nhưng sẽ ở lại với con bằng tinh thần, để cùng con được đến trước ngai vàng của Đấng Christ, ca ngợi trước mặt

[1374] Ở đây đề cập đến bà Solomonia, mẹ của các thánh tử đạo nhà Maccabees: Anima, Antonina, Guria, Eleazar, Eusebon, Alina và Markella. Lễ kỷ niệm các ngài được cử hành vào ngày 1 tháng 8.

Ngài những đau khổ của con và được vinh quang nhờ những công đức của con, vì gốc cây ẩn dưới đất cũng được tưới bằng cùng một giọt sương như những cành cây hiện rõ trên mặt đất.

Vậy nên, suốt cả ngày hôm đó, người mẹ phúc lành, trước khi qua đời một cách thánh thiện, đã dạy dỗ người con yêu dấu của mình, ôm ấp và hôn lên đầu, khuôn mặt, đôi mắt, đôi môi, ngực và đôi tay của cậu.

– Ôi, giờ đây con thật hạnh phúc, – bà nói, – vì con đang hôn lên các bộ phận cơ thể của vị tử đạo!

Sau những lời dạy dỗ dồi dào như vậy, bà cúi đầu, phó thác linh hồn mình vào tay Chúa và an nghỉ trong bình an.

Sau khi người mẹ ruột của Clément qua đời trong sự an lành và được an táng, cậu bé Clément trở thành trẻ mồ côi hoàn toàn, chỉ còn một mình Thiên Chúa là Cha của mình. Thiên Chúa, Đấng quan phòng chung cho tất cả, Đấng chăm sóc những đứa trẻ mồ côi và người nghèo, đã ban cho thánh Clément, lúc bấy giờ vẫn còn là một đứa trẻ, một người mẹ khác. Tại chính thành phố đó, có một người phụ nữ quý phái, chính trực và giàu có tên là Sofia, là bạn của mẹ Clément, thánh nữ Euphrosyne. Sophia sống theo ý Chúa, dành cả ngày lẫn đêm để cầu nguyện. Vì không có con, bà đã nhận cậu thiếu niên thánh thiện này, Thánh Clément, về làm con nuôi thay cho con trai mình, và yêu thương cậu như con ruột, chăm sóc cậu bằng mọi cách. Vào thời điểm đó, tại Galatia đang xảy ra một trận đói lớn. Những kẻ ngoại đạo vô đạo đã bỏ rơi con cái mình bên đường, vì không có gì để nuôi chúng và chính họ cũng đang chết đói. Lúc bấy giờ, Thánh Clément đã đưa những đứa trẻ đó về nhà Sofia, người mẹ thứ hai của mình, và nuôi dưỡng chúng bằng của cải của bà – cho chúng mặc quần áo, dạy dỗ và dẫn dắt chúng đến với Bí tích Rửa tội. Như vậy, ngài đã biến ngôi nhà của Sofia thành một trại mồ côi và trường học, còn chính bà đã trở thành người mẹ theo ý Chúa cho nhiều đứa trẻ, tốt hơn nhiều so với những người mẹ ruột thịt của chúng, vì bà đã sinh ra chúng về mặt thiêng liêng, nuôi dạy chúng trong đức tin Kitô giáo.

Thánh Clément, dù còn rất trẻ về tuổi tác nhưng đã sở hữu trí tuệ của một người đàn ông hoàn hảo, từ thuở thiếu thời đã bắt đầu chế ngự xác thịt bằng việc ăn chay và kiêng khem, sống như một tu sĩ. Ngài kiêng ăn thịt, chỉ ăn bánh mì và ngũ cốc; nước là thức uống duy nhất của ngài. Về điểm này, ngài giống như ba thiếu niên thánh, thân thể của họ, nhờ việc ăn chay, đã không bị tổn hại bởi ngọn lửa kép – cả ngọn lửa bên trong là dục vọng tự nhiên lẫn ngọn lửa bên ngoài là lò lửa đang cháy[1375] . Đối với số ít Kitô hữu sống tại đất nước này vào thời đó, Thánh Clément dường như là một vì sao thiêng liêng, soi sáng mọi người bằng ánh sáng của sự nhận biết Thiên Chúa. Nhưng đã đến lúc ngọn đèn rực rỡ này được đặt lên giá đèn – Thánh Clément, người tỏa sáng bằng các đức hạnh, bước lên bậc thánh hóa, để bằng sự soi sáng cho càng nhiều người càng tốt, dẫn dắt họ vào con đường cứu rỗi. Theo sự an bài và ý muốn của Thiên Chúa, cũng như sự bầu chọn nhất trí của tất cả các Kitô hữu tại Galatia, ngài trước tiên được bổ nhiệm làm người đọc sách, sau đó là phó tế và linh mục. Hai năm sau, ngài được tấn phong lên chức giám mục khi còn rất trẻ: lúc đó ngài chưa đầy hai mươi tuổi. Ngài trở thành một Đaniel thứ hai, người dù còn trẻ nhưng đã vượt trội hơn các bậc trưởng lão về trí tuệ và đức hạnh, và chứng tỏ rằng tuổi già không được xác định bởi số năm, mà bởi cuộc sống đạo đức và sự khôn ngoan. Sau khi nhận chức giám mục, Thánh Clément không chỉ trở thành người thầy của trẻ em – ngài tập hợp chúng lại đông đảo và dạy dỗ qua các sách vở – mà còn là người thầy của cả những bậc cao niên: bằng cách dẫn dắt những người ngoại đạo đến với đức tin Kitô giáo và rửa tội cho họ, ngài ngày càng làm cho Giáo Hội của Chúa Kitô phát triển.

Sau đó, lời tiên tri của người mẹ đáng kính của ngài là bà Euphrosyne bắt đầu ứng nghiệm, và vương miện tử đạo bắt đầu được dệt nên cho ngài. Đức Diocletian, kẻ bách hại Kitô hữu, sau khi lên ngôi hoàng đế La Mã, vào năm đầu tiên của triều đại, đã ban hành các sắc lệnh đến khắp các vùng của Đế quốc La Mã, gửi đến các hoàng tử, các quan chức, các tổng trấn, các thống đốc, các tướng quân và các quan thành trưởng, ra lệnh giết hại và tiêu diệt bằng đủ mọi hình thức tử hình tất cả những ai xưng danh Chúa Kitô. Trong các thông điệp của mình, ông đe dọa sẽ xử tử tất cả những quan chức và hoàng tử nào dám không tuân thủ một cách tận tụy sắc lệnh tiêu diệt Kitô hữu của ông, và áp đặt lên họ những hình phạt và hình thức tử hình tương tự như đối với các Kitô hữu; còn những ai nhiệt thành hơn trong việc tra tấn thì ông hứa hẹn sẽ ban cho của cải và vinh dự. Khi đó, trên khắp các vùng và thành phố, các quan tổng trấn và quan chức hoàng gia, một số vì lo sợ cơn thịnh nộ của hoàng đế, số khác vì mong muốn làm vừa lòng ngài và nhận được vinh dự từ ngài, đã bắt đầu dốc hết sức lực để xóa sổ ngay cả cái tên "Kitô hữu" khỏi vương quốc. Cùng thời gian đó, , tổng trấn Domitian của hoàng đế đã đến Galatia và theo lệnh hoàng đế,

[1375] Ở đây đề cập đến ba thiếu niên Do Thái: Anania, Azaria và Misael, những người không bị thiêu cháy trong lò lửa Babylon đang bùng cháy. Xem Đa-ni-ên 1:3.

ông ta hăng hái truy lùng các Kitô hữu – với mục đích tiêu diệt họ. Các ngoại đạo đã vu khống Thánh Clément, giám mục Ancyra, rằng ngài cấm nhiều người thờ phượng các vị thần vĩ đại và dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô. Domitian lập tức ra lệnh bắt ngài và đưa đến trước mặt mình. Ban đầu, ông ta cố gắng dùng những lời lẽ ngọt ngào và nịnh hót để lôi kéo vị thánh vào con đường vô đạo của mình. Ông ta nói:

– Ta hoàn toàn không coi những lời vu khống nhắm vào ngươi là sự thật, bởi vì dung mạo, ánh mắt chân thật và tính cách hiền lành của ngươi cho thấy ngươi là một con người xứng đáng, cao thượng, khôn ngoan và sáng suốt, còn tất cả những gì người ta nói về ngươi chỉ bộc lộ sự điên rồ trẻ con của những kẻ vu khống mà thôi. Hãy tự kể cho chúng tôi nghe về chính ngài: chúng tôi sẽ dễ dàng nhận ra sự thật từ chính ngài hơn, nếu ngài chia sẻ với chúng tôi dù chỉ một chút gì đó từ sự khôn ngoan của ngài.

Vị giám mục thánh thiện đã trả lời ông ta:

– Sự khôn ngoan và trí tuệ của chúng ta chính là Đức Kitô, Con của Thiên Chúa Cha, Đấng mà nhờ Lời của Ngài mà muôn loài được tạo thành. Chính từ Ngài, chúng ta nhận được ân sủng của lời nói và sự hiểu biết.

– Này, – kẻ tra tấn ngắt lời anh, – anh đã vô tình xúc phạm chúng tôi, vượt quá mọi sự mong đợi, khi ngay từ đầu đã bắt đầu nói những lời vô nghĩa; nhưng tôi khuyên anh: hãy bỏ qua những lời nói vô ích này và dâng lễ vật cho các vị thần của chúng tôi. Hãy biết rằng, ai xúc phạm các vị thần sẽ phải chịu cực hình, còn ai tôn kính và thờ phụng các vị thần sẽ được vinh danh. Ngươi có thể thấy ví dụ về điều này ở chúng ta: nhờ tôn kính các vị thần này, chúng ta đã đạt được địa vị cao quý như vậy và chúng ta tạ ơn các vị thần vì những ân huệ của họ, bằng cách ban vinh dự cho những ai tôn kính họ và trừng phạt những kẻ không chịu thờ phụng họ.

Nghe những lời này của quan tổng trấn, vị thánh mỉm cười và nói:

– Thưa quan tổng trấn, chúng tôi lại nghĩ hoàn toàn ngược lại với những lời ngài nói. Chúng tôi coi những món quà của ngài là vô nghĩa, sự tôn vinh của ngài là sự ô nhục, còn địa vị cao quý ấy – chỉ là công việc của kẻ bị giam cầm. Ngược lại, sự ô nhục, những lời đe dọa, những cực hình lại mang đến cho chúng tôi niềm vui và sự an ủi, và hơn hết, chúng sẽ gắn kết chúng tôi với Đức Chúa Trời. Biết được điều này, ngài đừng hy vọng có thể khiến chúng tôi từ bỏ đức tin – dù bằng lời hứa về vinh dự và quà tặng, hay bằng những lời đe dọa về cực hình.

Những lời nói ấy của vị thánh đã khơi dậy cơn giận của Domitian. Nhìn chằm chằm vào vị thánh, ông ta nói:

– Như ta thấy, ta đã khơi dậy lòng kiêu ngạo trong ngươi khi trò chuyện một cách ôn hòa với ngươi, và điều đó không có gì đáng ngạc nhiên, vì theo như ta nghe nói, ngươi luôn ở bên cạnh trẻ em, nên cũng giống như chúng, ngươi có trí tuệ của một đứa trẻ. Tuy nhiên, hãy biết rằng nếu ngươi không làm hài lòng các vị thần bằng những lễ vật, thì ngươi sẽ bị xử tử, và không phải bằng cái chết mà ngươi hy vọng sẽ sớm đến, mà trước tiên ngươi sẽ phải chịu nhiều hình phạt khác nhau, rồi sau đó, trong đau đớn, ngươi sẽ chết dưới hình phạt tàn khốc nhất. Vậy nên, với tư cách là kẻ vô đạo, ngươi sẽ phải chịu đau khổ tột cùng và trở thành bài học cho người khác, để họ cũng rút ra bài học cho chính mình từ cái chết kinh hoàng của ngươi.

Thánh Clément đã trả lời như sau:

– Vì ngươi đã nhắc ta về những đứa trẻ, thì hãy biết rằng ta đã nỗ lực dạy dỗ chúng về sự khôn ngoan mà ngay cả những người già nhất và khôn ngoan nhất trong các ngươi cũng không biết, bởi vì sự khôn ngoan chân chính của Đức Chúa Trời được giấu kín khỏi những người khôn ngoan và thông minh của thế gian này, nhưng lại được bày tỏ cho những đứa trẻ. Còn tôi thì tự hào khẳng định rằng tôi dâng lên Đức Chúa Trời của tôi những của lễ bằng trí tuệ và lời nói, chứ không phải như các thầy tế lễ của các ngươi dâng lên những dòng máu, khói lửa và mọi thứ ghê tởm, để làm vừa lòng các vị thần mà các ngươi tôn kính. Khi tôi đổ máu mình vì Đức Chúa Trời của tôi và dâng nó làm của lễ cho Ngài, thì dù không trọn vẹn, ít nhất cũng phần nào đền đáp lại cho Chúa của tôi vì Ngài đã đổ máu vì tôi, vì Đấng Christ, Vua của tôi, đã chuộc tội cho tôi bằng chính máu thánh của Ngài.

Khi vị tử đạo dũng cảm trình bày bài diễn văn này, quan tổng trấn đã bỏ đi vẻ hiền lành giả tạo và bộc lộ rõ bản chất thật của mình – sự hung tợn và điên cuồng. Ông ra lệnh treo vị thánh lên cây trong tình trạng trần truồng, rồi dùng các dụng cụ sắt sắc nhọn để cạo và cắt xẻ thân thể ngài. Khi thi hành mệnh lệnh, các thuộc hạ la hét với vị tử đạo rằng ông không được coi thường lệnh của vua. Họ rạch những vết rãnh sâu trên thân thể vị thánh, giống như trên cánh đồng, đến nỗi thân thể ông rơi ra từng mảnh: nội tạng của ông đã lộ rõ; chính những kẻ tra tấn cũng không thể thờ ơ khi chứng kiến cảnh đó. Còn ngài thì không hề dao động chút nào trong tâm trí, không thay đổi nét mặt, không thốt ra một tiếng nào trước cơn đau không thể chịu đựng nổi, không nói một lời than vãn nào, thậm chí không rên rỉ trước những cực hình nặng nề đến thế. Ngài mạnh mẽ và dũng cảm hơn cả những kẻ đang

chứng kiến những cực hình đó của ngài. Dường như ngài còn ít đau khổ hơn cả những kẻ hành hạ ngài. Ngài bình thản tạ ơn Đấng Cứu Rỗi – Đức Kitô, Thiên Chúa, với khuôn mặt rạng ngời hướng về trời cao và nói: "Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô, ánh sáng và sự sống của con, hơi thở và niềm vui của con! Con tạ ơn Ngài, Đấng Ban Sự Sống, vì đã ban cho con ơn cứu độ này. Linh hồn con hân hoan trên con đường tuân giữ các điều răn của Ngài. Mọi sự đau khổ vì tình yêu của Ngài đều là niềm vui đối với con . Vinh quang thuộc về Ngài, vì Ngài đã củng cố con bằng sự kiên nhẫn! Ngài đã giang tay toàn năng của Ngài ra với con, kẻ tội lỗi, giải thoát con khỏi cơn thịnh nộ của quan tổng trấn và khỏi tay những kẻ hành hạ con, vì chính Ngài là nơi nương tựa cho mọi người đang đau khổ".

Khi vị thánh cầu nguyện như vậy, những kẻ tra tấn ngài đã suy yếu và ngừng tra tấn. Thấy các đầy tớ không hành động, quan tổng trấn nói với vị tử đạo:

– Ngươi có nghĩ rằng ta đã bị đánh bại bởi sự kiên nhẫn của ngươi rồi chăng, khi mà chỉ trong một giờ, các đầy tớ của ta đã mệt mỏi?

Vị thánh đáp:

– Tôi không nghĩ như vậy, nhưng tôi tin tưởng và đặt hy vọng vào Đấng Kitô ngự trong tôi, vì Ngài đã chiến thắng, đang chiến thắng và sẽ chiến thắng mọi kẻ thù.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh cho những người hầu khác tiến đến gần vị thánh và tra tấn thân thể ngài dữ dội hơn những người trước. Họ cũng tra tấn vị thánh bất khả chiến bại này trong một thời gian dài, cho đến khi chính họ cũng kiệt sức và trở nên như người chết. Thống đốc, nhìn thấy cảnh đó, lúc thì ngạc nhiên, lúc thì xấu hổ vì sự bất lực của các thuộc hạ, đã ra lệnh tháo vị thánh tử đạo xuống khỏi cây. Vị thánh trông đáng sợ đến mức không ai dám nhìn thẳng vào ngài, huống chi là chạm tay vào. Thân thể ngài hoàn toàn trần trụi, như thể không còn một mảnh vải che phủ; chỉ còn lại những chiếc xương lấp lánh trong vũng máu, và người ta hầu như không thể nhận ra ngài là một con người. Thấy rằng tra tấn chẳng mang lại kết quả gì, quan tổng trấn lại bắt đầu trò chuyện với vị tử đạo bằng những lời lẽ ôn hòa. Nhưng vị ấy, với tinh thần kiên cường phản bác kẻ tra tấn – đúng như phẩm chất của một chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô – lại khiến hắn nổi giận. Lúc đó, Domitian lớn tiếng thốt lên:

– Quả thật, người này thật là ngạo mạn! Hãy đánh vào mặt và miệng hắn, vì những bộ phận đó trên cơ thể hắn vẫn còn nguyên vẹn; chính vì thế mà chúng mới đáp lại một cách ngạo mạn như vậy. Hãy để chúng cũng giống như toàn bộ cơ thể hắn. Hãy đánh chúng không thương tiếc.

Lúc đó, các đầy tớ bắt đầu dùng lòng bàn tay đánh mạnh vào mặt và miệng vị thánh, đến nỗi ngài ngã xuống đất vì những cú đánh dữ dội; nhưng ngay cả khi ngài đã nằm trên đất, họ vẫn không thương xót mà dùng đá đánh vào miệng ngài và làm vỡ răng ngài. Còn vị tử đạo, trong niềm vui, đã nói:

– Ngài, vị quan, đang ban cho tôi vinh dự hơn là hành hạ tôi, vì chính Chúa Giêsu Kitô của tôi cũng đã bị đánh vào miệng và tát vào má, và tôi, kẻ không xứng đáng, nay cũng được hưởng ân huệ ấy. Thánh Stefano, vị tử đạo đầu tiên, đã bị ném đá, và tôi cũng được vinh dự như vậy. Điều mang lại sự an ủi cho tôi trong những đau khổ này là tôi thấy mình đang noi gương những đau khổ của Chúa Kitô của tôi. Mọi đau khổ của tôi cũng trở nên nhẹ nhàng hơn khi tôi được hân hạnh chia sẻ cùng một vinh dự cao cả với những bậc vĩ đại và cao quý hơn tôi, bằng cách tham gia vào những đau khổ tương tự.

Kẻ tra tấn, kinh ngạc trước sự vĩ đại của tinh thần vị tử đạo, đã ra lệnh đưa ngài vào ngục tối. Nghĩ rằng ngài sẽ không thể tự đi được, vì toàn thân ngài chỉ toàn là vết loét, hắn ra lệnh cho các đầy tớ khiêng ngài bằng tay và chân. Nhưng vị thánh đã đẩy những người định đỡ ông ra, đứng dậy và tự mình bước đi, được củng cố bởi sức mạnh của Chúa Kitô, đồng thời hát lên những lời trong Thánh vịnh: *"Đây là dầu thơm quý giá nhất, sẽ không làm tổn hại đến đầu tôi"* (Thánh vịnh 140:5). Thấy vậy, quan tổng trấn nói với những người xung quanh:

– Ôi, sự kiên nhẫn và lòng dũng cảm của người này thật đáng kinh ngạc! Các chiến binh hoàng gia lẽ ra phải như vậy, để họ vượt lên trên mọi tai ương. Tôi không nên xét xử ông ta lần nữa; tôi sẽ gửi ông ta đến hoàng đế Diocletian, vì chỉ có chính ông ta mới có thể chế ngự được vị hoàng đế ấy, bởi ngài rất tinh thông trong việc tra tấn. Ngài luôn nghĩ ra những hình thức tra tấn và tử hình khiến cả thành Rome phải run sợ trước sự phán xét của ngài.

Vài ngày sau, khi đang ở trong ngục tối, vị thánh đã được chữa lành vết thương nhờ ân sủng của Chúa Kitô và trở nên khỏe mạnh. Lúc đó, quan tổng trấn đã gửi ngài đến Roma, gặp vua Diocletianus, đồng thời viết thư trình bày chi tiết về ngài. Khi vị thánh rời khỏi thành phố, được các binh lính áp giải, ngài đã cầu nguyện với Thiên Chúa như sau: "Lạy Thiên Chúa, Vua của trời và đất cùng cả vũ trụ, Đấng Duy Nhất, Đấng tràn ngập muôn loài và không bỏ sót một nơi nào mà không chăm sóc! Con phó thác thành phố này vào tay Ngài; xin hãy bảo vệ nó và linh hồn

của tất cả những ai tin tưởng vào Ngài. Xin hãy bảo vệ Hội Thánh của Ngài khỏi bị tổn hại, để chó và sói không xua đuổi đàn chiên nhỏ bé của Ngài trong thành phố này. Xin đừng để số lượng chiên theo Lời Ngài bị diệt vong hay suy giảm, nhưng xin hãy làm cho chúng gia tăng hơn nữa vì vinh quang của Danh Thánh Ngài. Xin đừng tách con ra khỏi thành phố này hoàn toàn, nhưng xin ở cùng con trên đường đi và trong những lúc con chịu đau khổ, xin đưa con trở lại đây một lần nữa, như xưa Ngài đã đưa Gia-cốp trở về nhà cha mình và giải cứu ông khỏi tay Ê-sau, như xưa Ngài đã truyền cho dân Ngài mang xương cốt Giô-sép ra khỏi Ai Cập và đặt chúng vào quan tài của cha ông (Sáng Thế Ký 36; Xuất Hành 13:19), để Danh Ngài được tôn vinh đến muôn đời."

Sau lời cầu nguyện này, vị thánh được đưa lên đường. Khi ngài được dẫn đến Rôma và đưa ra trước mặt vị vua vô đạo, nhà vua vô cùng ngạc nhiên khi thấy ánh sáng rạng ngời trên khuôn mặt vị tử đạo và sức khỏe dẻo dai của ngài. Ông không muốn tin vào bức thư của Đô-mi-ki-a-nô, trong đó kể lại những đau khổ mà người Kitô hữu này đã phải chịu đựng. Ông thấy vị thánh này thân thể khỏe mạnh và nét mặt rạng rỡ, như thể chưa từng phải chịu bất kỳ tai ương nào. Ông hỏi:

– Có phải ngươi là Clément vĩ đại, người đã chịu đựng những cực hình khủng khiếp đến vậy không?

Sau đó, ông ra lệnh dâng lên vị thánh từ hai phía nhiều thứ khác nhau, hoàn toàn trái ngược nhau: một bên là vàng bạc dồi dào, các sắc lệnh hoàng gia ban tặng cho vị đại tử đạo những vinh dự cao quý, y phục quý giá, mọi loại của cải và đặc ân; còn bên kia là các dụng cụ tra tấn: kìm sắt và móng vuốt sắt, giường sắt có đinh, dao cạo sắc nhọn, than hồng, nồi và mũ sắt nung đỏ rực, cọc nhọn, bánh xe, xích nặng và vô số dụng cụ tra tấn khác. Khi điều này được đề nghị với vị tử đạo, nhà vua, sau khi nhìn ngài và chỉ tay vào vàng cùng những món quà quý giá, đã nói:

– Đây là những món quà mà các vị thần của chúng ta ban tặng cho ngươi, nếu ngươi quay về với họ và bắt đầu tôn kính họ bằng sự thờ phụng và dâng lễ vật.

Vị thánh đã quay mặt đi khỏi những món quà đó, coi chúng như những thứ tầm thường, bẩn thỉu và hôi thối, thậm chí không xứng đáng để nhìn ngắm, và thở dài nói:

– Cầu cho những món quà của các vị thần các ngươi này trở thành tai họa cho các ngươi!

Lúc đó, nhà vua liếc nhìn với ánh mắt dữ tợn, chỉ tay vào các dụng cụ tra tấn và nói với vị thánh:

– Đây là những gì dành cho những kẻ không tin vào các vị thần của chúng ta.

Nghe vậy, vị tử đạo dũng cảm của Chúa Kitô đáp lại:

– Nếu ngươi cho rằng những hình phạt do ngươi nghĩ ra là đáng sợ, thì tại sao ngươi lại coi thường những hình phạt mà Thiên Chúa đã dành sẵn cho những kẻ không tin vào Ngài? Tương tự như vậy, nếu những ân huệ của các ngươi có vẻ hấp dẫn, đáng kinh ngạc và đáng kính trọng đối với những ai tìm kiếm những phước lành trần gian, thì những ân huệ trên trời mà Đức Chúa Trời đã dành sẵn cho những ai yêu mến Ngài, *"mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến"* (1 Cô-rinh-tô 2:9). Vàng và bạc chỉ là đất cằn cỗi và được con người khai thác để trang trí bên ngoài. Chúng bị lửa và sắt biến đổi, bị rỉ sét ăn mòn, bị ma sát phá hủy; chúng bị cướp bóc và trộm cắp. Quần áo sáng màu là công trình của sâu tằm và thức ăn cho bọ mọt; chúng được dệt từ len, thứ mà người ta buộc phải lấy từ những loài vật không biết nói. Những người làm ra quần áo đáng được ngạc nhiên hơn cả các bạn, những người dùng chúng để trang điểm, vì nhờ một nghệ thuật nào đó, họ tạo ra vật phẩm, biến điều tồi tệ thành điều tốt đẹp; trong khi đó, những nghệ nhân như vậy lại bị khinh thường như những con người tầm thường và hèn mọn. Ngược lại, những người trang điểm bản thân bằng những sản phẩm đó lại tự hào và khoe khoang, dù họ mượn sự lộng lẫy của mình từ những loài vật vô ngôn tầm thường. Còn những ân huệ của Đức Chúa Trời nhân từ của chúng ta thì không mượn từ ai cả, mà là những tài sản riêng và bất biến của Ngài, tồn tại trong Ngài theo ý muốn của Ngài, chứ không phải do nghệ thuật của con người. Chúng có vinh quang vô biên và phẩm giá vĩnh cửu; chúng không sợ bất kỳ sự thay đổi nào do thời gian trôi qua; chúng không bị sâu bọ gặm nhấm hay bị sự mục nát làm hư hại, và ngay cả trong vô số thế kỷ, chúng cũng không thể phai mờ. Diocletian đã nói với ông về điều này:

– Ngươi nói hay, nhưng lại hiểu sai. Chính vì thế mà ta cố gắng dẫn dắt ngươi đến sự hiểu biết về các vị thần, và vì mục đích đó mà ta nhẹ nhàng trò chuyện với ngươi, thuyết phục ngươi đừng đặt niềm tin vào con người phàm trần, rằng Đấng mà các ngươi tôn kính là Chúa Kitô, sau khi phải chịu vô số cực hình từ người Do Thái, cuối cùng đã bị giết và chết đi, còn các vị thần của chúng ta thì luôn bất tử và chưa bao giờ phải chịu đau khổ.

Vị thánh đáp lại:

– Bệ hạ nói đúng, các vị thần của ngài bất tử và vô cảm, vì làm sao họ có thể chết được nếu họ chưa bao giờ sống? Làm sao họ có thể chịu đau khổ nếu họ vô cảm? Chẳng lẽ ngài không biết rằng sau khi bị đập, rèn, cắt và

mài, họ đã ra đời từ bàn tay con người sao? Thật vậy, các vị thần bằng đá của các ngài được đục đẽo bằng rìu và đục, các vị thần bằng gỗ được chạm khắc bằng dao và cưa, còn các vị thần bằng đồng và sắt thì được rèn bằng búa; họ đã phải chịu biết bao sự sỉ nhục, đòn roi và xúc phạm – thế mà vẫn vô cảm. Thật vậy, chúng bất tử, bởi vì chúng chưa bao giờ sống, và chúng bị nghiền nát như thể trước đây chúng chưa từng tồn tại. Còn Chúa và Thiên Chúa của tôi, Đức Giêsu Kitô, theo bản tính con người, đã tự nguyện chịu chết trong thân xác để cứu độ thế gian và tiêu diệt chính cái chết bằng quyền năng thần thánh của Ngài. Sau khi làm điều đó, Ngài đã phục sinh vào ngày thứ ba và ban chính bản thân Ngài cho chúng ta để có sự sống đời đời.

Diocletian, khi nghe bài diễn thuyết tự do và táo bạo của vị thánh, đã nổi giận dữ dội và ra lệnh trói ngài vào bánh xe trong tình trạng trần truồng, quay bánh xe và đánh vị thánh bằng những cây gậy sắt. Khi bánh xe quay, mỗi khi vị thánh ở phía trên, người ta đánh ngài bằng gậy; còn khi ngài ở phía dưới – nơi cố ý được thiết kế với không gian quá chật hẹp – ngài bị hành hạ dữ dội bởi một cây cọc nhọn, đến nỗi xương ngài gãy vụn, còn thân thể ngài – vốn đã lành lại sau những cực hình ban đầu – lại bị xé toạc ra. Trong suốt nhiều giờ bị tra tấn, vị tử đạo của Chúa Kitô đã cầu nguyện như sau: "Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin giúp con và làm dịu bớt nỗi đau khổ của con, xin xua tan cơn đau dữ dội này, vì đặt niềm tin nơi Ngài, con đã tự nguyện chịu những vết thương này. Xin giúp con, như xưa kia Ngài đã giúp Thánh Tông đồ Phaolô của Ngài, và xin Ngài nhìn xuống thân xác con, đang bị thương tích nặng nề! Con mong được nguyên vẹn và khỏe mạnh để tôn vinh và làm chứng cho Danh Thánh của Ngài, cũng như để chịu những cực hình lớn lao vì Ngài – nhằm làm nhục và phơi bày sự ô nhục của những kẻ vô đạo. Xin củng cố con vì Danh Ngài, vì con đã đặt niềm tin vào Ngài, Đấng Ban Sự Sống!"

Trong khi vị thánh cầu nguyện như vậy, bánh xe bỗng dừng lại bất động, còn những kẻ đang quay nó thì mệt mỏi và kiệt sức. Còn vị thánh, được giải thoát bởi một bàn tay vô hình, lại trở nên toàn vẹn về thể xác và khỏe mạnh. Nhiều người tụ tập ở đó, khi chứng kiến cảnh này, đã thốt lên đầy kinh ngạc:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Còn thánh Clêmentê, cành nho chân chính của Đức Kitô, đã thấu hiểu trong thâm tâm rằng từ những hành động chịu khổ của ngài sẽ sinh ra nhiều chùm nho, nên ngài đã lớn tiếng ngợi khen Thiên Chúa, kêu lên: "Con tạ ơn Ngài, lạy Thiên Chúa, Cha trên trời, vì Ngài đã ban cho con ân sủng được chịu khổ trong thành phố vĩ đại này vì Con Một duy nhất của Ngài, Đấng đã chịu khổ vì chúng con và đổ máu quý báu của Ngài để cứu chuộc chúng con – Đấng mà tại đây Thánh Phêrô đã rao giảng, Thánh Phaolô đã rao giảng, Thánh Clêmentê – người cùng tên với con – đã tôn vinh, và Thánh Onisimô cũng đã làm chứng. (Ở đây ám chỉ các thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, cùng với hai vị trong số bảy mươi Tông đồ: Đức Giáo hoàng Clêmentê (lễ kính vào ngày 25 tháng 11) và Onisimô (lễ kính vào ngày 15 tháng 2)). Họ đã chịu khổ vì Ngài và đã qua đời, nhưng giờ đây được tôn vinh trên trời, được nhiều người trên đất kính trọng, và sẽ sớm được một số lượng lớn người tôn vinh hơn cả các vua trần gian. Chính các vị vua trung thành cũng sẽ thờ lạy họ".

Vị thánh đã nói những lời này, báo trước thời kỳ sắp đến, khi sự thờ phượng các thần tượng sẽ biến mất như bóng tối, còn đức tin vào Đức Kitô sẽ chiếu sáng như mặt trời và soi rọi cả vũ trụ. Những lời của vị thánh này thiêu đốt trái tim của kẻ hành hình Diocletian như ngọn lửa, và khơi dậy trong lòng hắn cơn thịnh nộ còn dữ dội hơn nữa. Không thèm để ý đến phép lạ do quyền năng của Thiên Chúa thực hiện và bị che mờ bởi cơn giận dữ, hắn càng trở nên hung bạo hơn trong việc tra tấn. Hắn ra lệnh đánh vào miệng vị thánh bằng những cây gậy sắt dày và đập vỡ răng của ngài. Tuy nhiên, ngay cả trong lúc bị tra tấn này, vị thánh vẫn không ngừng nói, khiến kẻ tra tấn tức giận, dù các thuộc hạ đã cấm ngài và ra lệnh phải im lặng. Nhưng cũng giống như đồng, càng bị đập mạnh thì âm thanh phát ra càng trong trẻo, vị tử đạo của Chúa Kitô, càng bị cấm nói, miệng và răng càng bị nghiền nát bằng sắt, thì tiếng kêu của ngài càng vang dội, nói những lời mang lại vinh quang cho Thiên Chúa và làm bẽ mặt kẻ tra tấn kiêu ngạo. Cuối cùng, khi chính Diocletian đã mệt mỏi và kiệt sức vì cơn thịnh nộ, ông ra lệnh trói vị tử đạo bằng xiềng xích sắt và ném vào ngục tối dành cho dân thường.

Khi vị thánh đang ngồi trong ngục, vào buổi tối, một đám đông người dân đã đến với ngài, gồm những người đàn ông và những người phụ nữ khôn ngoan cùng con cái, những người đã có mặt tại quảng trường lúc hành hình và chứng kiến sự dũng cảm của vị thánh. Họ đồng lòng quỳ xuống dưới chân thánh của ngài và xin được rửa tội. Thánh nhân tạ ơn Thiên Chúa vì giữa cơn bách hại khốc liệt như vậy, số người làm chứng cho Ngài lại ngày càng gia tăng. Ngài lập tức bắt đầu giảng dạy cho họ về đức tin thánh thiện nơi Đức Kitô và rửa tội cho tất cả, từ trẻ đến già, vì trong ngục tối này có đủ nước. Trong lúc đó, ngài hân hoan hát lên: *"Phúc cho ai được tha tội lỗi, và tội lỗi của họ được che đậy"* (Thánh Vịnh 31:1). Khi đến nửa đêm, một ánh sáng rực rỡ từ trời chiếu sáng nhà

ngục này, và tất cả những ai ngước nhìn lên đều thấy một thiếu niên xinh đẹp, mặc áo choàng lấp lánh như tia chớp, với đôi cánh dang rộng đang bay xuống gặp vị thánh tử đạo. Khi đến gần ngài, chàng trai trao vào tay ngài bánh tinh khiết và chén rượu, rồi ngay lập tức biến mất. Thánh Clément, nhận ra đó chính là Mình và Máu Chúa Kitô, đã dâng những lời cầu nguyện thông thường và ban Thánh Thể cho tất cả những người mới được rửa tội, khi bình minh đã ló rạng. Các tín hữu tiếp tục đến với ngài trong những ngày tiếp theo, mang theo nhiều người khao khát được rửa tội. Cứ thế, đàn chiên của Chúa Kitô ngày càng đông đảo, còn nhà tù dường như đã trở thành một nhà thờ, nơi người ta dâng lên những lời ngợi khen Thiên Chúa. Thấy vậy, các lính canh đã báo cáo sự việc này lên vua. Và rồi, khi vào ban đêm, một đám đông tín hữu tụ tập để tham dự Thánh lễ, theo lệnh của vua, các binh lính đã đến, bắt giữ tất cả và dẫn họ ra ngoài thành, như những con chiên bị dẫn đi giết. Trước khi chém đầu mỗi người, họ hỏi:

– Ngươi có từ bỏ Chúa Kitô để được sống không?

Và không có ai sợ hãi cái chết; ngược lại, tất cả đều thà chết vì Chúa của mình. Lúc bấy giờ, rất nhiều người đàn ông, phụ nữ và trẻ em đã bị chém đầu vì Chúa Kitô. Chỉ có một thiếu niên thoát khỏi tay những kẻ hành hình, không phải vì sợ chết, mà vì mong muốn chịu đựng những cực hình lớn lao vì Đức Chúa Trời chân thật. Tên của thiếu niên này, người mà chúng ta sẽ đề cập dưới đây, là Agathangel.

Sau đó, Diocletian lại triệu tập vị thánh đến tòa án và bắt ngài phải chịu những hình phạt kéo dài và tàn bạo: trước tiên, họ lột trần và quăng ngài xuống đất, rồi dùng dây da bò đánh đập ngài lâu dài và dữ dội; sau đó, họ treo ngài lên và dùng móng sắt cạo da cho đến khi xương lộ ra và toàn thân bị cạo sạch. Vị thánh bèn nói với kẻ tra tấn:

– Thân xác mà các ngươi đang cạo này – không phải là thân xác đã ra khỏi lòng mẹ; thân xác đó từ lâu đã bị tổng trấn Domitian lột sạch khỏi xương cốt rồi. Chính Chúa Kitô, Đấng Tạo Hóa của tôi, đã mặc cho tôi thân xác mới này. Và vì các ngươi đang cố gắng cạo nó khỏi xương của ta, nên ta tin vào Chúa Kitô của ta rằng Ngài sẽ lại mặc cho ta một thân xác như thế này nhờ quyền năng vô biên của Ngài: nhưng thực ra, liệu người thợ gốm có thiếu đất sét chăng? Ngược lại, chẳng phải ông ta sẽ có dư dả nguyên liệu sao?

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh dùng nến thiêu đốt hai bên sườn ngài, nhưng vị thánh vẫn vui vẻ chịu đựng tất cả vì Đức Giêsu Ngọt Ngào Nhất. Đế chế Diocletian, ngạc nhiên trước sự kiên nhẫn và dũng cảm của vị tử đạo, đã nói với những người xung quanh:

– Ta đã tra tấn biết bao kẻ tội lỗi trong số các Kitô hữu, nhưng chưa từng thấy ai bất khả chiến bại như thế này. Giờ đây, ta sẽ gửi người này đến Nicomedia gặp Maximian, như một điều mới lạ, chưa từng thấy và chưa từng nghe. Hãy để ông ta cũng phải kinh ngạc trước sự bất khả chiến bại của thân xác này trong cơn đau đớn! Ta nghĩ rằng ông ta cũng chưa từng gặp ai có trí tuệ kiên định và thân thể cường tráng đến thế.

Ông ra lệnh trói vị thánh lại, đưa lên tàu và chở đến Nicomedia gặp vị hoàng đế khác là Maximian[1376] , đồng thời viết thư cho ông ta kể lại tất cả những gì Thánh Clément đã phải chịu đựng dưới tay ông ta tại Rome, và trước đó là dưới tay Domitian tại Ancyra. Khi vị thánh chuẩn bị lên tàu, Agathangel – người đã trốn thoát vào ban đêm khỏi tay những binh lính đang dùng gươm giết hại đoàn chiên của Chúa Kitô ngoài thành – đã lén lút lên tàu trước đó và chờ đợi Thánh Clément. Khi vị thánh đã được dẫn vào, anh ta quỳ xuống dưới chân ngài và, sau khi tự giới thiệu rằng mình đã được vị thánh này rửa tội, đã kể cho ngài nghe tất cả về sự tử nạn của các tín hữu và về cuộc trốn chạy của mình, đồng thời giải thích rằng anh ta đã đến với vị thánh này để cùng ngài chịu mọi cực hình vì Chúa Kitô và cùng nhau chết. Thánh Clément đã rất vui mừng trước vị thánh hạnh phúc Agathangel, khi thấy lòng nhiệt thành và tình yêu của anh dành cho Chúa Kitô, và coi chính sự hiện diện của anh như sự giáng lâm của một Thiên Thần của Thiên Chúa. Ngài dâng lời tạ ơn Đấng Tối Cao và cầu xin Ngài ban sức mạnh và sự trợ giúp, để Ngài ban cho chàng trai trẻ lòng dũng cảm và sức mạnh để chịu đựng đến cùng và được xứng đáng nhận vương miện tử đạo.

Trong suốt chuyến đi biển, các thánh luôn cầu nguyện ngày đêm và hoàn toàn không ăn uống gì. Thánh Clément hoàn toàn không bận tâm đến điều này và nói:

– Tôi có bánh trong lòng mình, chính là Đức Giêsu Kitô, nên tôi không đói; tôi có nước hằng sống, ân sủng của Đức Kitô, nên tôi không khát mãi mãi.

Các binh lính, thấy Clément và Agathangel không ăn uống gì trong nhiều ngày, đã thương xót họ và đề nghị cho họ bánh mì và nước. Họ đã khen ngợi các binh lính vì việc làm tốt lành này, nhưng không nhận thức ăn và nước uống từ họ, mà nói rằng chính Đức Chúa Trời, Đấng Quan Phòng của muôn loài, đang nuôi dưỡng họ: Thiên

[1376] Maximian II Galerius, con rể và đồng trị vì của Hoàng đế Diocletianus cho đến năm 305, sau đó tự mình trị vì cho đến năm 311.

Thần của Chúa mang thức ăn từ trời xuống cho họ vào ban đêm và ban sức mạnh cho họ. Sau một chuyến hải trình dài, họ cập bến đảo Rhodes[1377] . Trong khi nhiều người xuống tàu vào thành phố để mua thức ăn, các thánh đã khẩn cầu những chiến binh còn lại cho phép họ đến nhà thờ Kitô giáo để rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, vì hôm đó là ngày Chúa Nhật. Giám mục của hòn đảo này, ngài Photin, người yêu mến Thiên Chúa, sau khi nghe tin về Thánh Clément, đã đến cùng với hàng giáo sĩ và các Kitô hữu khác, và xin chỉ huy quân đội tháo xiềng xích cho Clément và cho phép ngài cùng với môn đệ của ngài là Agathangelos đến với họ trong một thời gian ngắn. Ngài hứa sẽ đưa họ trở lại tàu ngay lập tức. Thánh Clément được thả theo lời thỉnh cầu của vị giám mục. Các thánh được dẫn vào một nhà thờ nhỏ, vì lúc bấy giờ trên hòn đảo này cũng chỉ có ít tín hữu Kitô giáo. Khi vị giám mục ra lệnh cho đọc đoạn Kinh Thánh, vị linh mục đã mở sách ra và bắt đầu đọc những lời hiện ra trước mắt như sau: *"Đừng sợ những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết linh hồn"* (Mt 10,28). Nghe vậy, các thánh ngước mắt lên trời và thở dài, còn các tín hữu đang đứng trong nhà thờ, nhìn thấy cảnh đó, bỗng khóc nức nở, khiến cả nhà thờ tràn ngập tiếng than khóc và tiếng kêu la. Lúc đó, vị giám mục xin thánh Clément cử hành Thánh lễ. Khi vị thánh cử hành Thánh lễ, một số linh mục và thậm chí cả những người bình thường xứng đáng đã nhìn thấy trên đĩa thánh một than hồng lớn, nóng rực và đang bốc cháy. Từ đó tỏa ra một ánh sáng rực rỡ không thể tả xiết, chiếu sáng Thánh nhân và những người tham dự, còn trên bàn thờ, người ta thấy các Thiên thần thánh thiện đang lơ lửng trên không trung. Những ai chứng kiến phép lạ này đều quỳ sấp xuống đất và không dám ngước nhìn Thánh nhân. Sau khi lễ nghi kết thúc, Giám mục Photin đưa các thánh nhân và các Kitô hữu khác về nhà mình và đãi họ bữa tiệc. Nhiều người bệnh được đưa đến và dâng lên Thánh Clément, không chỉ từ những người có đức tin mà còn từ cả những người ngoại đạo. Vị tử đạo của Chúa Kitô đã chữa lành tất cả họ bằng lời cầu nguyện và dấu thánh giá. Vì vậy, rất nhiều người ngoại đạo bắt đầu công khai tuyên xưng rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa Chân Thật, và xin được rửa tội. Các binh lính, thấy đám đông đổ xô đến với Thánh Clément, đã lo sợ rằng dân chúng sẽ cướp tù nhân khỏi tay họ và tấn công họ. Vì vậy, họ bắt Thánh nhân, dẫn ngài lên tàu và lại xiềng xích ngài lại. Các tín hữu tiễn biệt ngài trong nước mắt và tiếng khóc nức nở, không muốn chia tay ngài. Cuối cùng, sau khi chia tay vị thánh và hôn lên xiềng xích của Thánh Clément, họ quay trở lại, vì các binh lính thúc giục phải nhanh chóng rời khỏi đó. Nhờ gió thuận, họ đã vượt qua Biển Aegean và đến được Nicomedia.

Vị vua vô đạo Maximian, đang sống tại Nicomedia, sau khi nhận được thư của Diocletian và nhìn thấy vị tử đạo, đã không khỏi ngạc nhiên trước sự kiên nhẫn phi thường và lòng dũng cảm không thể khuất phục trước bất kỳ hình phạt nào của ông.

Nhưng bản thân ông lại sợ tra tấn vị thánh này, để khỏi bị bẽ mặt, nên đã giao vị thánh cho tướng Agrippinus để tra tấn; còn bản thân ông thì giả vờ bận rộn với các công việc quốc gia khác. Agrippinus, sau khi triệu tập các thánh đến tòa án, đã hỏi Clément:

– Ngươi có phải là Clément không?

– Tôi là tôi tớ của Đấng Christ, – vị tử đạo đáp.

Tổng trấn ra lệnh dùng nắm đấm đánh vào miệng ông, nói:

– Tại sao ngươi không tự xưng là nô lệ của hoàng đế, mà lại là nô lệ của Chúa Kitô?

Vị thánh, dù đang bị đánh đập, vẫn đáp lại:

– Các vị vua của các ngươi cũng nên là tôi tớ của Chúa Kitô; khi đó, triều đại của họ sẽ được bình an, và Chúa Kitô của tôi sẽ khiến mọi dân tộc phục tùng quyền lực của họ.

Lúc đó, quan tổng trấn nhìn vị thánh Agathangel và hỏi:

– Còn ngươi là ai? Trong thư của Diocletian không có ghi gì về ngươi cả.

Agathangelus ngước mắt lên trời và nói:

– Tôi là một Kitô hữu, và tôi đã được ban cho danh hiệu Kitô hữu nhờ vị tôi tớ của Chúa là Clément.

Thống đốc đáp lại:

– Vậy thì chính ông ta là kẻ khiến ngươi lầm lạc và phải đối mặt với cái chết khủng khiếp đang chờ đợi ngươi.

Sau đó, ông ra lệnh treo cổ Thánh Clément trong tình trạng trần truồng và dùng dao cạo rạch xé thân thể ngài, còn Thánh Agathangel, cũng trong tình trạng trần truồng, thì bị đánh đập dã man bằng dây thừng. Trong lúc

[1377] Rhodes là một hòn đảo lớn ở phía tây nam Biển Aegean (Quần đảo Aegean), chỉ cách bờ biển phía nam của vùng Caria thuộc Tiểu Á bởi một eo biển khá hẹp.

chịu cực hình, Thánh Clément cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài ban sức mạnh cho Thánh Agathangel trong những đau khổ của ngài. Sau những cực hình này, quan tổng trấn ra lệnh tống cả hai vị tử đạo vào ngục tối. Trong ngục có rất nhiều tù nhân khác, bị kết án vì những tội lỗi khác nhau. Họ, khi thấy các thánh cầu nguyện sốt sắng với Thiên Chúa và chứng kiến các Thiên thần của Thiên Chúa viếng thăm và an ủi các tôi tớ của Đức Kitô, đã cảm động trong lòng và, quỳ xuống dưới chân các ngài, xin các ngài dẫn dắt họ đến với Thiên Chúa của mình. Theo ý định của Đức Chúa Trời, tại đó có đủ nước để làm phép rửa tội. Sau khi dạy dỗ họ về đức tin Kitô giáo, Thánh Clément đã làm phép rửa tội cho tất cả mọi người, rồi mở cửa ngục bằng lời cầu nguyện và thả họ ra, nói rằng:

– Hãy ra đi, hỡi các con, và thoát khỏi tay những kẻ vô đạo. Nguyện Chúa Giêsu Kitô gìn giữ các con!

Sáng hôm sau, quan tổng trấn Agrippin, khi biết tin các tù nhân được giải thoát, đã vô cùng tức giận với vị thánh và, sau khi dựng một bục cao, đã ném họ cho thú dữ xé xác. Nhưng thú dữ không gây hại gì cho các thánh; trái lại, chúng còn quấn quýt bên họ như những con chó nhà quấn quýt chủ nhân của mình. Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh dùng những cây xiên sắt nung đỏ xoay từng ngón tay trên bàn tay các vị tử đạo cho đến tận khuỷu tay. Nhìn thấy cảnh đó, dân chúng không thể chịu đựng nổi sự tra tấn tàn bạo này và đã đe dọa, yêu cầu quan tổng trấn thả những người vô tội. Nhưng viên quan lại càng tức giận hơn và ra lệnh dùng những dụng cụ nhọn hoắt nung đỏ khác để xoay tay các vị thánh cho đến tận vai. Lúc đó, đám đông phẫn nộ đã nhặt đá ném vào viên quan và đồng thanh hô to:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Thống đốc, vì sợ sự náo động và tiếng oán thán của dân chúng, đã bỏ chạy và ẩn náu trong nhà mình, còn các thánh tử đạo thì hoàn toàn tự do đi lên ngọn núi tên là Pyramis, nơi mà những người ngoại đạo thường dâng lễ vật cho các vị thần của họ. Tại đó, khi bước vào đền thờ ngoại đạo, họ đã dùng lời cầu nguyện để phá hủy các tượng thần và xua đuổi ma quỷ ra khỏi nơi đó. Vài ngày sau, quan tổng trấn biết được nơi ở của các thánh và dẫn theo các thầy tế lễ cùng quân lính của mình đến đó. Tại đó, ông ta đánh đập các vị thánh tử đạo một cách tàn nhẫn bằng những cây gậy to, làm gãy xương họ, rồi ra lệnh cho mỗi người được nhét riêng vào một cái bao cùng với những hòn đá đã được bỏ sẵn vào đó, rồi ném từ trên núi xuống biển. Các thánh, sau khi lăn xuống dốc núi trong những chiếc bao, đã rơi xuống biển và chìm sâu trong vực thẳm. Mọi người đều cho rằng họ đã chết. Một số tín hữu, khi biết tin các thánh bị ném xuống biển, đã đi dọc bờ biển với hy vọng rằng biển, vốn thường trôi dạt xác chết lên bờ, cũng sẽ trôi dạt thi thể các thánh tử đạo lên. Chẳng bao lâu, họ phát hiện hai chiếc bao đang trôi nổi trên biển, liền lên thuyền chèo đến gần. Khi mở các chiếc bao ra, họ thấy các thánh vẫn nguyên vẹn, không hề hấn gì, và đã ngợi khen Thiên Chúa. Các thánh đã nghỉ ngơi trên bờ biển trong đêm đó. Các thiên thần của Đức Chúa Trời đã đến thăm họ và tiếp sức cho họ bằng thức ăn. Khi sáng sớm, các thánh Clément và Agathangel đã vào thành phố, đứng giữa quảng trường và nói với mọi người về sự vĩ đại của Đức Chúa Trời, sau đó, giơ tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện: "Chúng con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã không bỏ rơi chúng con, những kẻ đặt niềm tin nơi Ngài, nhưng đã giải thoát chúng con khỏi những cực hình khủng khiếp và không để kẻ thù của chúng con hả hê vì chúng con, mà đã tôn vinh Danh Thánh của Ngài nơi chúng con."

Tại đó có hai người mù; ngoài ra, còn có một người bị teo tay và một người bị liệt. Các thánh đã chữa lành cho họ ngay lập tức bằng cách đặt tay lên họ. Thấy vậy, dân chúng bắt đầu đưa những người bệnh và những người bị quỷ ám đến với các ngài. Tất cả họ đều được chữa lành nhờ lời cầu nguyện và sự chạm tay của các vị tử đạo. Danh Chúa Giê-su Ki-tô được dân chúng ca ngợi vang dội. Nghe tin này, quan tổng trấn Agrippin bỗng hoảng sợ và, trong sự bối rối, đã lên đường báo cáo mọi chuyện đã xảy ra cho vua. Vua cũng vô cùng ngạc nhiên khi biết rằng các thánh nhân, vốn được cho là đã chết trên biển, lại còn sống. Khi biết rằng Thánh Clément là người gốc Ancyra, vua ra lệnh đưa ngài cùng với môn đệ của ngài về Ancyra, và nói:

– Thành phố đã sinh ra và nuôi dưỡng ngài hãy nhận ngài về và xử tử theo ý muốn.

Sau đó, ông viết thư về Thánh Clément cho Công tước Kurikios của Ankyra; còn các binh lính thì dẫn hai vị thánh, đang bị trói, về Ankyra.

Thánh tử đạo Clément, khi bước vào thành phố quê hương, đã nói với niềm vui sướng:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Thiên Chúa, vì Ngài đã nghe lời khiêm nhường của con! Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa Kitô, vì Ngài đã cho con được nhìn thấy thành phố quê hương!

Cả hai vị thánh đều được dẫn đến trước mặt Công tước Kurikios. Sau khi tra hỏi họ, ông ta bắt đầu tra tấn. Trước hết, ông ta ra lệnh dùng những tấm ván sắt nung đỏ rực để thiêu đốt hai bên sườn của Thánh Clément, rồi

sau đó, trói ngài vào cột và đánh đập không thương xót, đến nỗi thân thể ngài bị xé thành từng mảnh. Còn Thánh Agathangel, ông ta ra lệnh treo cổ và cạo da bằng những móng vuốt sắt. Trong khi đó, ông ta mỉm cười hỏi họ:

– Các ngươi có cảm thấy đau đớn trong thân thể mình không?

Thánh Clément đã đáp lại bằng những lời của các Tông đồ: *"Dù thân xác bên ngoài của chúng ta có bị hủy hoại đi chăng nữa, thì phần bên trong vẫn được đổi mới từng ngày"* (2 Cô-rinh-tô 4:16).

Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh nung đỏ rực chiếc mũ sắt rồi đội lên đầu Thánh Clément. Khi việc đó được thực hiện, khói dày đặc bắt đầu bốc ra từ lỗ mũi, tai và miệng của vị thánh. Ngài, trong khi phải chịu đựng những cực hình không thể tả xiết, đã kêu cầu Chúa của mình: "Nguồn suối vô tận, nước sự sống, cơn mưa cứu rỗi! Xin chữa lành con bằng sương ân sủng của Ngài. Ngài đã giải cứu chúng con khỏi nước; xin cũng giải cứu các tôi tớ của Ngài khỏi lửa."

Trong khi vị thánh đang cầu nguyện như vậy, chiếc mũ sắt trên đầu ngài lập tức nguội lạnh. Thấy vậy, hoàng tử Kurikiy kinh hoàng và, không biết phải làm gì với họ nữa, đã cho đưa họ vào ngục tối, đồng thời viết thư chi tiết cho vua Maximian, báo cáo về những gì đã xảy ra. Vào ban đêm, thánh nữ Sofia, người mẹ thứ hai của Clément, đã đến nhà ngục. Bà hôn lên mặt ngài với niềm vui sướng tột độ và những giọt nước mắt, hân hoan vì người con trai được hứa hôn của mình, người đã chứng tỏ là một vị tử đạo xứng đáng của Chúa Kitô và là người chiến thắng vinh quang trước những cực hình. Bà hôn lên những vết thương và xiềng xích của các thánh; sau đó, bà rửa sạch và lau khô máu trên người họ, rồi băng bó vết thương bằng những chiếc khăn sạch. Trong lúc đó, bà hỏi han chi tiết Thánh Clément: ngài đã chịu đau khổ như thế nào, ở đâu và bởi ai. Bà mang thức ăn đến cho họ và tiếp thêm sức mạnh cho họ. Trong những ngày tiếp theo, bà vẫn đến và phục vụ các tù nhân của Chúa Kitô.

Một thời gian sau, nhà vua ra lệnh cho Công tước Kurikios chuyển các thánh tử đạo đến một thành phố khác tên là Amisia[1378] , đến tay một kẻ tra tấn tàn bạo hơn, đó là quan tổng trấn của nhà vua tên là Domitius. Thánh nữ Sofia đã tiễn các thánh tử đạo đi một quãng đường xa cùng với những đứa trẻ mà thánh Clément đã tập hợp về nhà bà trong thời kỳ đói kém và được bà nuôi dưỡng, sau đó chúng trở thành như con ruột của bà. Một số trong số chúng không muốn xa rời các thánh tử đạo và đã đi theo họ, gắn bó với họ bằng tình yêu thương chân thành. Trên đường đi, theo lệnh của hoàng đế, các em đã bị binh lính đâm chết, và việc này ngay lập tức được báo cáo lên hoàng đế. Tại Amisia, các vị thánh tử đạo đã bị Domitius ném vào vôi sôi vào thứ Sáu, lúc hai giờ chiều, nhưng đến thứ Bảy, lúc ba giờ chiều, các em lại xuất hiện, vẫn còn sống và khỏe mạnh. Thấy điều đó, hai chiến binh đã tin vào Chúa Kitô và công khai tuyên xưng mình là Kitô hữu; vì thế, ngay trong ngày thứ Bảy đó, ngày 7 tháng Chín, họ đã bị những kẻ vô đạo đóng đinh. Tên của họ là Fengon và Evkarpi. Còn đối với các thánh Clément và Agathangel, kẻ tra tấn đã ra lệnh lột da ở vai họ và đánh bằng gậy trong một thời gian dài. Sau đó, hắn ra lệnh đặt họ lên những chiếc giường sắt nung đỏ và thiêu đốt họ dữ dội, đồng thời tưới lên người họ lưu huỳnh và nhựa cây. Còn các thánh, nằm yên bình như trên chiếc giường hoàng gia êm ái, chìm vào giấc ngủ ngọt ngào và trong giấc mơ, họ thấy Chúa Kitô cùng vô số các Thiên thần thánh của Ngài. Chúa từ trên cao ngự xuống với họ và phán:

– Đừng sợ. Ta ở cùng các con.

Khi tỉnh dậy, họ vui mừng kể cho nhau nghe về giấc mơ ấy. Các thánh bị tra tấn trên những chiếc giường sắt nung đỏ trong một thời gian dài. Khi Domitian thấy rằng lửa không gây hại gì cho họ, ông bối rối không biết phải làm gì với họ: ông ra lệnh đưa họ xuống và giam vào ngục tối. Các thánh đã ở trong ngục tối đó một thời gian dài, rồi lại bị đưa trở lại trước mặt hoàng đế Domitian, người lúc bấy giờ đang cư ngụ tại Tarsus. Trên đường đi, họ khát khô cổ, còn những binh lính dẫn đường cho họ thì kiệt sức hơn cả, vì vùng đất ấy hoang vắng và khô cằn. Nhờ lời cầu nguyện của mình, các thánh đã làm cho một suối nước sống tuôn trào từ đất khô cằn. Mọi người đều uống và được giải khát; còn các binh lính thì lấy theo lượng nước cần thiết cho hành trình. Trong suốt hành trình đó, thánh Clêment đã sốt sắng cầu nguyện với Đức Kitô Thiên Chúa, xin Ngài cho ngài được chịu khổ vì Danh Thánh của Ngài trong suốt những ngày còn lại của cuộc đời. Lúc bấy giờ, ngài nhận được sự mặc khải từ Thiên Chúa rằng, tính cả những năm đã qua, ngài còn phải sống thêm hai mươi tám năm trong những đau khổ liên miên cho đến khi hoàn tất việc làm chứng tử đạo. Thánh nhân vô cùng vui mừng trước điều này, vì ngài hoàn toàn chìm đắm trong tình yêu khôn tả dành cho Đức Kitô, Thiên Chúa của ngài. Ngài mong muốn được chịu những cực hình dữ dội vì Đức Kitô trong một thời gian dài và chết đi sống lại nhiều lần trong suốt cuộc đời.

[1378] Một thành phố ở Pontus, phía bắc Tiểu Á.

Khi các thánh được dẫn đến trước mặt vua Maximian, ông vô cùng ngạc nhiên vì sao họ vẫn còn sống và bất khuất sau bao nhiêu cực hình như vậy. Sau khi tra hỏi lại và thấy họ vẫn kiên định, ông ra lệnh đốt lò lửa, giống như Nebuchadnezzar từng làm ở Babylon, rồi ném các chiến binh của Chúa Kitô vào đó. Các thánh ở trong lò lửa ấy suốt ngày đêm và vẫn sống sót, không hề hấn gì. Chứng kiến phép lạ này, nhiều người trong dân chúng đã tin vào Chúa Kitô. Sau đó, các thánh nhân bị ném vào ngục tối và ở đó suốt bốn năm. Vị vua vô đạo hy vọng rằng các thánh nhân, sau khi mệt mỏi vì bị giam cầm lâu dài và phải chịu nhiều tai ương trong ngục tối, sẽ sớm quay trở lại với đức tin ngoại giáo.

Sau bốn năm bị giam cầm trong ngục tối, nhà vua, một mặt coi họ như những kẻ không xứng đáng với tòa án hoàng gia của mình, nhưng mặt khác lại cảm thấy xấu hổ trước sự vĩ đại bất khuất của tinh thần mà chính họ đã thể hiện qua hành động, nên đã giao họ cho một quan cai trị cực kỳ tàn bạo tên là Sakerdon, kẻ đã hủy diệt vô số tín đồ Kitô giáo bằng những hình phạt dã man và cái chết kinh hoàng. Hắn phải ép buộc các thánh tù nhân phải thờ lạy các vị thần ngoại đạo. Không thể thuyết phục được các thánh tử đạo Clément và Agathangelus bằng cả lời nịnh hót lẫn lời đe dọa, hắn ra lệnh trói họ trần truồng vào cây, đánh đập dã man và cạo da thịt họ đến mức vai và lưng các thánh bị cạo trọc hoàn toàn đến tận xương. Xương và khớp đã lộ ra, còn thịt thì đã rụng hết. Kẻ tra tấn, tưởng rằng họ sẽ chết ngay lập tức, đã ra lệnh tháo dây trói và đưa họ vào ngục tối. Nhưng khi thấy các thánh vẫn đứng vững trên đôi chân của mình và trông rất tỉnh táo, lại còn tự đi vào ngục tối, hắn cảm thấy vô cùng xấu hổ và vì cơn giận dữ lẫn sự xấu hổ ấy mà thân thể hắn kiệt quệ. Hắn gần như đã chết, đến nỗi phải được các tôi tớ khiêng từ tòa án về nhà. Trên người các thánh nhân đang đi vào ngục tối, da thịt bong tróc từng mảng cùng với máu chảy ra khỏi thân thể họ. Các tín hữu thu nhặt những mảnh da thịt đó dọc đường cùng với cát và cất giữ như một kho báu quý giá nhất. Khi nhà vua biết được sự suy yếu về thể xác của Sakerdon, ông ta đã cười lớn và nói:

– Này, Sakerdon vĩ đại, người đã đánh bại nhiều Kitô hữu, giờ đây lại bị hai người đánh bại!

Lúc đó, có một vị công tước tên là Maxim đang đứng trước mặt nhà vua. Ông ta nài nỉ nhà vua giao các thánh tử đạo cho mình, khoe khoang rằng ông ta sẽ hoặc ép buộc họ dâng lễ, hoặc hành hạ họ đến chết. Khi nhà vua đồng ý, ông ta đưa các thánh về nơi mình, nhưng không lập tức tra tấn họ, mà trước tiên, trong nhiều ngày liền, ông ta trò chuyện thân mật với họ, khuyên nhủ họ thờ lạy các vị thần – rồi một ngày nọ, ông ta gọi họ đến và nói:

– Hãy vui mừng đi, các ngươi, – các vị thần bất tử yêu thương các ngươi như những người con đích thực của họ và luôn quan tâm đến các ngươi. Họ đã nhiều lần nói với ta về các ngươi trong giấc mơ và trả lời rõ ràng cho những câu hỏi của ta rằng các ngươi sẽ quay về với họ. Chính vì thế mà họ đã ngăn cản những kẻ tra tấn các ngươi, để họ không giết chết các ngươi, bởi vì các vị thần đang chờ đợi sự quay về của các ngươi, điều đó đã gần kề rồi. Chính đêm qua, vị thần vĩ đại nhất trong các vị thần là Bacchus[1379] , đã hiện ra với tôi và nói: "Hãy dẫn hai người đàn ông đó đến gặp ta." Giờ đây, hỡi các anh em, đền thờ Bacchus đã mở cửa, bàn thờ đã được trang hoàng, lễ vật đã được chuẩn bị sẵn; hãy đến và dâng lễ vật lên ngài.

Các vị thánh đáp lại:

– Ngài đang nói dối một cách trơ trẽn, thưa quan tòa! Bởi vì các vị thần của ngài, như ai cũng biết, là câm; và trong giấc mơ, họ cũng không thể nói được gì. Hơn nữa, vị Bacchus nào đã nói với ngài? Chẳng phải ở đây các ngài có hai tượng thần Bacchus sao: một bằng đá, còn một bằng đồng. Nếu tượng đá đã nói, thì chúng tôi tiên tri rằng sẽ sớm đến lúc nó bị đập vỡ thành từng mảnh, hoặc bị xếp cùng với những viên đá khác vào bức tường đang được xây bằng đá, hoặc cuối cùng sẽ bị ném vào lửa và biến thành cát. Còn nếu tượng Bacchus bằng đồng đã nói với ngươi, thì chẳng bao lâu nữa nó sẽ bị chế tác thành những chiếc bình và các đồ đựng tầm thường khác.

Không thể chịu đựng được những lời nói đó, Maxim bắt đầu tra tấn họ một cách tàn bạo. Hình thức tra tấn như sau: ông ra lệnh cắm xuống đất các dụng cụ sắt sắc nhọn khác nhau: xiên, dao, đinh, cây đinh ba và những vật sắc nhọn khác mà ông có thể nghĩ ra – với phần mũi nhọn hướng lên trên và cách nhau một khoảng cách rất gần. Chiều cao của những mũi nhọn này bằng chiều dài một bàn chân. Hắn ra lệnh đặt Thánh Clément trần truồng, nằm ngửa, lưng hướng xuống những mũi nhọn đó và đánh ngài bằng những cây gậy to, còn Thánh Agathangel thì bị đổ chì nóng chảy lên đầu. Trong khi Thánh Clément bị đánh bằng gậy vào ngực và khắp cơ thể, từ đầu đến chân, toàn bộ cơ thể ngài từ phía dưới đã bị xé toạc và rạch nát bởi những dụng cụ sắc nhọn đó; một số mũi nhọn bằng sắt đâm sâu đến tim, một số đến ngực, một số đến ruột dạ dày, và một số khác, cuối cùng, xuyên qua cơ thể và lộ rõ ở phía

[1379] Bacchus (hay Bacchus, người Hy Lạp gọi là Dionysus) được người Hy Lạp và La Mã cổ đại tôn sùng là vị thần của nho và nghề làm rượu, là nguồn ban tặng rượu vang, mang lại niềm vui cho lòng người và xua tan nỗi buồn cùng những lo âu.

trên. Khi sau một thời gian dài đánh đập, kẻ tra tấn ra lệnh đưa vị tử đạo ra khỏi nơi đó, thì chỉ có vài người mới có thể với rất nhiều nỗ lực giải thoát ngài khỏi đó. Maximus bối rối và kinh ngạc trước sự kiên nhẫn vĩ đại đến thế, nhất là khi không có cực hình nào có thể khiến các vị tử đạo quay lưng lại với các vị thần, cũng như không thể giết chết họ. Chính Đức Chúa Trời Toàn Năng đã gìn giữ linh hồn họ, không để chúng tách rời khỏi thân xác, nhằm tôn vinh danh thánh của Ngài và làm nhục những kẻ vô đạo. Các thánh lại bị ném vào ngục tối.

Khi biết tin này, vua Maximian đã kết án các thánh phải chịu tù chung thân, trong đó họ sẽ phải chết một cách tự nhiên. Lúc bấy giờ, một quan đại thần khác tên là Aphrodisius, gốc Ba Tư, là kẻ giỏi nghĩ ra đủ loại hình tra tấn tàn bạo nhất dành cho các Kitô hữu, đã thỉnh cầu vua cho phép ông ta đưa các vị tử đạo này đi, với hy vọng tiêu diệt họ. Sau khi được đồng ý, ông ta dẫn họ về nhà mình và, sau khi dọn ra một bữa tiệc thịnh soạn, hy vọng sẽ chiêu đãi họ. Ông ta thuyết phục họ ăn, uống và vui chơi cùng mình. Nhưng họ đáp lại:

– Chúng tôi được nuôi dưỡng bằng thức ăn và nước uống từ trời. Ai ăn và uống những thứ đó sẽ không bao giờ đói khát, và sẽ mãi mãi sống trong niềm vui.

Aphrodisius, coi sự từ chối của họ là sự sỉ nhục đối với mình, nói:

– Ngày mai ta sẽ dọn cho các ngươi một bữa tiệc khác, chính là cái chết tàn khốc nhất mà các ngươi đang tìm kiếm.

Khi sáng sớm, Aphrodisius ra lệnh mang đến hai hòn đá cối xay và, sau khi treo chúng lên cổ các thánh nhân, lôi họ đi khắp thành phố để sỉ nhục họ. Khi các thánh bị lôi kéo khắp thành phố, nhiều người trong dân chúng, vì điên cuồng, đã cầm đá ném vào những người đang bị lôi kéo, còn những người khác, ngạc nhiên trước những đau khổ kéo dài và tàn khốc của họ, đã coi họ là bất tử và quay về với Chúa Kitô. Sau đó, theo sắc lệnh của hoàng đế, các thánh bị giam cầm suốt đời trong ngục tối với ý định rằng họ sẽ chết vì kiệt sức do bị giam cầm quá lâu. Các thánh đã chịu xiềng xích trong ngục tối suốt nhiều năm, cho đến khi thời gian chịu khổ 28 năm của họ sắp kết thúc – điều này đã được Thiên Chúa mặc khải cho thánh Clément ngay từ khi còn ở Tarsus, lúc ngài bị dẫn đến trước mặt vua. Nhiều vị thánh chứng nhân của Chúa Kitô, những người đã bắt đầu hành trình chịu khổ, đã kết thúc cuộc đời mình, nhưng hai vị thánh này vẫn tiếp tục con đường tử đạo và thực hiện những việc làm anh hùng của mình.

Sau vua Maximian, vua Maximin lên ngôi[1380] . Vào thời điểm đó, rất nhiều máu của các Kitô hữu đã bị đổ một cách tàn nhẫn. Các lính canh ngục, chán ngán việc canh giữ Clément và Agathangel, những người đã bị giam giữ trong ngục quá lâu, đã đến gặp vua Maximin và nói:

– Ngài có lệnh gì về hai tù nhân này, những người đã bị nhiều vị vua và quan chức tra tấn trong nhiều năm, thậm chí bằng những hình thức tra tấn tàn bạo nhất, mà vẫn chưa chết? Họ vẫn còn sống và đang bị xiềng xích. Dù không được chăm sóc hay nuôi dưỡng cần thiết cho sự sống, nhưng họ vẫn khỏe mạnh và khuôn mặt rạng rỡ. Chúng tôi cho rằng họ bất tử.

Đáp lại điều này, vua Maximinus trước tiên đã phỉ báng các vị thần của mình bằng nhiều lời lẽ nhục mạ, vì các vị thần đó không thể tước đi cuộc sống tạm bợ của những tù nhân đó. Sau đó, ông hỏi về họ: họ là ai và đến từ đâu? Khi biết họ đến từ Galatia, thành phố Ancyra, ông ra lệnh ngay lập tức đưa họ về đó gặp Công tước Lucius, người lúc bấy giờ đang cai quản Ancyra. Các thánh, khi biết tin này, đã vô cùng vui mừng, vì Thánh Clément rất mong muốn kết thúc chặng đường đời tu hành của mình tại quê hương. Ngài đã cầu nguyện về điều này với Chúa Kitô và được toại nguyện. Khi các thánh được đưa về thành phố Ankyra và được dẫn ra trước Công tước Lucius để thẩm vấn, ông ta không ngay lập tức tra hỏi họ, mà trước tiên đã giam họ vào ngục tối; đồng thời, ông ra lệnh đóng chân các ngài vào cọc gỗ, đeo xiềng sắt vào cổ, tay và khắp cơ thể, cũng như treo những hòn đá nặng lên người các ngài, đến nỗi các ngài không thể cử động cơ thể hay duỗi chân ra được. Ngày hôm sau, ông ra lệnh dẫn một vị thánh tử đạo là Agathangelus ra xét xử. Ban đầu, hắn dùng những lời ngọt ngào dụ dỗ vị thánh trong một thời gian dài, cố gắng lôi kéo ngài vào con đường tà đạo; nhưng khi thấy sự kiên định trong niềm tin của ngài, hắn bắt đầu tra tấn ngài: hắn xỏ lỗ tai ngài bằng những chiếc vòng sắt được nung đỏ trên lửa, dùng những ngọn nến đang cháy rực thiêu đốt xương sườn ngài và cuối cùng, chém đứt đầu thánh của ngài bằng thanh gươm. Thi thể thánh thiện của vị tử đạo đã được thánh nữ Sofia, người được gọi là mẹ của Clément, như đã đề cập ở trên, thu nhận; bà quấn thi thể ngài bằng những tấm vải lụa tinh khiết, xức dầu thơm lên, rồi an táng ngài trong một hang

[1380] Hoàng đế Maximinus Daza trị vì ở nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 305 đến năm 313, ban đầu cùng với Maximinus II Galerius, người đã qua đời vào năm 311.

động, nơi có một nhà thờ Kitô giáo nhỏ. Do sự đàn áp dữ dội từ phía những kẻ vô đạo, các tín hữu không thể có một nhà thờ riêng, nhưng họ đã dựng lên một nhà thờ nhỏ trong hang động và tại đó cử hành các nghi lễ thờ phượng Thiên Chúa. Như vậy, thánh tử đạo Agathangelus đã phải chịu đau khổ dưới tay nhiều kẻ hành hạ: hai vị hoàng đế là Diocletianus và Maximianus, cùng các quan chức: Agrippinus, Curicius, Domitius, Sacerdon, Maximus, Aphrodisius và Lucius. Ngài đã hoàn tất cuộc hành trình chịu khổ vào ngày 5 tháng 11.

Thánh Clêmentê, khi biết tin về sự ra đi của môn đệ và người đồng hành trong đức tin của mình, vị thánh tử đạo Agathangel, đã tràn ngập niềm vui khôn tả, vì ngài đã gửi người ấy đến với Chúa trước mình với tư cách là người cầu thay. Nằm sấp trên mặt đất và gánh chịu sức nặng của xiềng xích, ngài dâng lên Thiên Chúa lời tạ ơn sâu sắc về Thánh Agathangelus, vì Thiên Chúa đã ban ân cho ngài hoàn tất chặng đường đời, giữ vững đức tin, can đảm chịu đựng mọi cực hình và được ghi danh vào hàng ngũ các thánh tử đạo đang hân hoan trên thiên đàng. Ngài cũng cầu nguyện cho chính mình, để Chúa ban ơn cho ngài chịu đựng đến cùng, đánh bại kẻ thù xảo quyệt và bước vào các nơi ở thiên đàng mà ngài hằng khao khát một cách vinh quang.

Sau khi hành quyết Thánh Agathangel, tên tra tấn Lucius ra lệnh hàng ngày tra tấn Thánh Clement trong ngục tối. Hình thức tra tấn như sau: bằng những cây gậy đính đầy cành cây sắc nhọn, chúng đánh vào mặt và đầu vị tử đạo, mỗi ngày gây ra trên thân thể ngài một trăm năm mươi vết thương. Thánh nhân bị tra tấn như vậy từ ngày 5 tháng 11 đến ngày 5 tháng 1. Trong khi ban ngày, thánh nhân bị thương tích nặng nề đến nỗi cả ngục tối nhuốm đỏ bởi máu của ngài, thì ban đêm, ân sủng của Thiên Chúa, được ban xuống cho ngài qua các Thánh và các Thiên Thần, đã chữa lành những vết thương của ngài. Những kẻ ngoại đạo vô cùng bối rối: mỗi ngày họ đến và thấy ngài vẫn khỏe mạnh, họ càng kinh ngạc và đánh đập ngài càng tàn nhẫn hơn; họ gây thương tích cho đầu và mặt ngài bằng những cú đánh mạnh và sâu, lên đến một trăm năm mươi cú. Khi lễ Hiển Linh của Chúa sắp đến, một quan tổng trấn khác tên là Alexander được nhà vua cử đến thành Ankiru, thay thế cho Lucius, người đã bị triệu hồi về triều đình. Khi đêm xuống, đúng lúc lễ canh thức suốt đêm mừng lễ Hiển Linh sắp diễn ra, thánh nữ Sofia đã tập hợp các tín hữu Kitô giáo, cùng với các tôi tớ và những thiếu niên nam nữ do bà nuôi dạy, rồi cùng họ đến nhà tù thăm thánh Clément. Thiên Chúa, Đấng hỗ trợ những ý định của những ai tin tưởng vào Ngài, đã khiến các lính canh chìm vào giấc ngủ say. Chỉ có một người lính gác là không ngủ, nhưng anh ta là một Kitô hữu bí mật; chính anh ta đã mở cửa ngục cho những người đến. Các tín hữu, cùng với Thánh Sofia đầy khôn ngoan, bước vào bên trong, giải thoát vị thánh khỏi xiềng xích và dẫn ngài đến nhà thờ nằm trong hang động. Tại đó, họ hân hoan cử hành lễ, tạ ơn Thiên Chúa. Khi trời sáng, Thánh Clément cử hành Thánh Lễ, và tất cả đều rước Mình Thánh Chúa từ đôi tay thánh thiện của vị mục tử. Vị Giám mục của Chúa đã giảng một bài giảng sâu rộng cho những người có mặt, trong đó ngài tiên báo về cái chết của mình. Ngài tiên đoán rằng mình sẽ sớm bị giết, và an ủi họ bằng những lời:

– Đừng sợ, anh em ơi, không ai trong các con sẽ chết hay bị tổn thương. Không một ai trong các con sẽ bị bầy sói bắt đi; chỉ có tôi cùng hai linh mục sẽ hiến dâng linh hồn mình vì Đấng Giám mục vĩ đại là Đức Kitô, Đấng đã hiến dâng linh hồn Ngài vì chúng ta.

Ông cũng đã tiên đoán rằng sự đàn áp sẽ sớm chấm dứt, sự thờ lạy thần tượng sẽ biến mất và đức tin thánh thiện sẽ nở rộ, vì Vua trên Trời sẽ lập lên trên đất một vị vua, người mà sau khi được soi sáng bởi phép rửa tội thánh, sẽ soi sáng cả các vùng đất của đế quốc La Mã và xây dựng nên một La Mã mới, sau đó lòng đạo đức sẽ tỏa sáng khắp nơi. Sau khi tiên tri điều này cho đoàn chiên tinh thần của mình, vị thánh tử đạo Clément đã làm cho tâm hồn những người nghe tràn đầy niềm vui. Sau đó, ngài đến nhà người mẹ được gọi là Sofia, người đã mời tất cả những người có mặt trong nhà thờ đến nhà mình và chiêu đãi họ một bữa tiệc thịnh soạn. Thánh Clément ở lại nhà bà cho đến ngày 23 tháng Giêng. Trong suốt thời gian đó, tổng trấn Alexander xem xét các vấn đề khác nhau liên quan đến dân chúng và việc quản lý. Cuối cùng, ông nhận được tin báo rằng Giám mục Kitô giáo Clément đã trốn khỏi ngục vào ban đêm. Lúc đó, họ bắt đầu truy lùng ngài. Khi ngày Chủ nhật đến, vị Giám mục của Chúa, Thánh Clément, đã đến nhà thờ trong hang động để cử hành Thánh Lễ. Những kẻ vô đạo biết được điều này và báo cho quan tổng trấn. Tổng trấn lập tức đích thân dẫn theo binh lính đến; khi bước vào bên trong nhà thờ, ông thấy Thánh Clément đang đứng trước bàn thờ Chúa và dâng lễ vật không đổ máu. Tổng trấn ra lệnh cho một binh lính rút gươm ra và chém vào gáy vị giám mục từ phía sau. Khi người lính vung kiếm, đầu của Thánh Tử đạo Clément rơi xuống Bàn thờ Thánh và lên các Món Quà Thánh đã được chuẩn bị[1381] . Như vậy, Lễ Vật Không Máu và toàn bộ bàn thờ thánh đã nhuốm đỏ bởi máu của ngài. Tất cả các tín hữu đều rơi vào nỗi sợ hãi và kinh hoàng tột độ: họ cũng nghĩ rằng mình sắp chết; tuy nhiên, họ không thương xót cho bản thân, mà thương xót cho vị mục tử của mình, và vì thế

họ bắt đầu khóc lóc thảm thiết. Viên quan lập tức ra khỏi đó, không gây hại gì cho những người có mặt, và chỉ có hai linh mục bị chém chết trong bàn thờ cùng với Thánh Clément. Tên của họ là Christopher và Chariton, cả hai đều là phó tế. Thánh nữ Sofia, trong nước mắt và niềm vui, đã chuẩn bị an táng thi hài đáng kính của người con nuôi yêu quý của mình, người thực sự là cha thiêng liêng và mục tử của bà. Bà khóc vì đã mất ông trên trần gian, nhưng lại vui mừng vì ông, sau khi đã tận tụy bước qua chặng đường đau khổ, đã về với Chúa Kitô. Vị thánh đã được an táng với đầy đủ nghi lễ cùng với hai phó tế, nhờ sự tận tâm của Sofia và toàn thể cộng đồng Kitô hữu có mặt tại đó, gần quan tài của vị thánh tử đạo Agathangel, trong nhà thờ hang động, vào ngày 23 tháng 1.

Như vậy, Thánh Tử đạo Clément đã kết thúc cuộc hành trình chịu khổ dài đằng đẵng của mình, chịu đựng vô số những cực hình không thể tả xiết vì Chúa Kitô trong suốt hai mươi tám năm. Nhà sử học Hy Lạp Nikiforos[1381] đã nói về ngài như sau: "Kể từ khi thế giới được tạo dựng, tất cả những ai đã chịu đau khổ vì Chúa dưới bất kỳ hình thức tra tấn nào, cụ thể là: lửa, sắt, đá, treo cổ trên cây, cũng như những người đã chiến đấu với thú dữ trong rạp xiếc, hoặc bị tra tấn bởi sự giam cầm kéo dài trong xiềng xích, hoặc qua đời vì những cái chết khác nhau dưới nước, trong đất và trên không, hoặc bị hủy diệt bởi giá rét khắc nghiệt, hoặc bởi cái nóng oi bức, hoặc mất mạng vì bất kỳ hình thức tra tấn và hành hình nào khác – tất cả những vị tử đạo như vậy, Thánh Clément cùng với Agathangelus đã vượt xa họ rất nhiều bằng những đau khổ của mình. Ngài đã chịu khổ nạn tại nhiều thành phố dưới tay mười một kẻ hành hình: tại Ancyra dưới tay tổng trấn Galatia là Domitian, tại Rome dưới tay hoàng đế Diocletian, tại Nicomedia dưới tay tổng trấn Agrippina, rồi lại tại Ancyra dưới tay công tước Curicius; tại Amisus dưới tay quan tổng trấn hoàng gia Domitius, tại Tarsus dưới tay hoàng đế Maximianus, cũng tại đó dưới tay quan cai trị Sacerdon, rồi dưới tay công tước Maximus và quý tộc Aphrodisius, một lần nữa tại Ancyra dưới tay công tước Lucius và cuối cùng là dưới tay tổng trấn Alexander. Tất cả những kẻ tra tấn lúc bấy giờ đều chuyển giao ông từ người này sang người khác, như một phép lạ chưa từng có, bởi vì trong suốt bao nhiêu năm và qua biết bao hình thức tra tấn tàn bạo khác nhau, ông vẫn không thể bị khuất phục hay lay chuyển, cùng với môn đệ của mình là Agathangelus." Vì vinh quang của Danh Thánh Ngài, Thiên Chúa, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, xứng đáng nhận được vinh quang, danh dự và sự thờ phượng từ mọi loài thụ tạo, đã củng cố ngài. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Cành nho của sự thánh thiện và thân cây của sự chịu khổ, bông hoa thánh thiêng nhất và trái cây do Thiên Chúa ban tặng, Ngài đã được ban cho những người trung thành, thánh thiêng vô cùng, mãi mãi tươi đẹp; nhưng với tư cách là người đồng cảm với các vị tử đạo và là vị lãnh đạo thiêng liêng của các vị đồng tế, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài là cành nho chính trực của Chúa Kitô, thánh Clêmentê đáng ca ngợi, người chịu nhiều đau khổ, đã hiện ra và cùng những người đau khổ kêu lên: Ngài là niềm vui sáng ngời của các vị tử đạo trong Chúa Kitô.

Cuộc đời của Thánh Pavlin Nhân Từ, Giám mục Nolan

Ngày kỷ niệm: 23 tháng 1

Thánh Pavlin, người được Thiên Chúa yêu mến, xuất thân từ Aquitaine[1382] . Trong thời gian còn sống đời thế tục, ngài là một trong những thượng nghị sĩ cao cấp dưới triều đại hoàng đế La Mã. Ngài sống đời đạo đức và kính sợ Thiên Chúa[1383] . Vợ ngài, tên là Tarasia, về đức tin và các đức tính, giống như chồng mình và cũng rất đạo đức. Vì không có con ruột, họ nhận nuôi những đứa trẻ mồ côi nghèo khó và chăm sóc chúng như con ruột của

[1381] Nikifor Kallist – nhà sử học Giáo hội Hy Lạp thế kỷ XIV.
[1382] Aquitaine – phần phía tây của Gaul cổ đại (nay là Pháp).
[1383] Thánh Pavlin đã nhận phép rửa tội vào năm 26 tuổi, vào năm 389.

mình, nuôi nấng và dạy dỗ chúng biết kính sợ Đức Chúa Trời. Ngày qua ngày, họ ngày càng tiến bộ trong mọi đức hạnh và hào phóng bố thí cho người nghèo. Cuối cùng, vì muốn làm đẹp lòng Chúa, chính họ cũng mong muốn trở thành những người nghèo khó. Họ đã bán đi tài sản khổng lồ của mình và, sau khi phân phát hết cho những người cần giúp đỡ, họ tự nguyện sống trong cảnh nghèo khó, giống như những người khốn cùng, và đặt trọn niềm tin vào sự quan phòng của Chúa. Một lần, khi họ đã trở nên vô cùng nghèo khó, có một người ăn xin đến xin bố thí; nhưng họ chẳng còn gì ngoài một ổ bánh mì. Thánh Pavlin khuyên vợ mình hãy dành cả ổ bánh mì cuối cùng đó cho người ăn xin.

– Chúa sẽ giúp đỡ chúng ta – ngài nói – và chúng ta sẽ không ngần ngại cho người xin vì danh Chúa.

Tuy nhiên, Tarasia không cho, mà giữ lại ổ bánh mì đó để dùng cho nhu cầu của chính mình, vì hôm đó họ chẳng có gì để ăn trưa cả. Lúc đó, một người được một người bạn giàu có của Thánh Pavlin sai đến gặp ngài – mang theo tin báo rằng người bạn này đã gửi cho ngài rất nhiều lương thực bằng đường biển, và con tàu cuối cùng, chính là con tàu chở lương thực đó, đã chìm và bị cuốn trôi trong sóng biển. Nghe tin này, Pavlin nói với vợ mình:

– Em thấy chưa, nếu em đã cho người nghèo miếng bánh mì cuối cùng, thì con tàu chở thực phẩm cuối cùng đó đã không bị chìm trên biển. Chính vì sự keo kiệt của nhiều người mà Đức Chúa Trời đã hủy diệt tài sản của họ.

Sau đó, bỏ lại cả tài sản, danh vọng trần thế lẫn mọi mối quan tâm của thế gian này, họ rời Rome đến vùng Campania[1384] , vì ở đó họ còn giữ lại một điền trang nhỏ để sinh sống. Họ định cư tại một thị trấn tên là Nola[1385] , gần mộ của thánh nữ tử đạo Felicita, và ở đó họ phục vụ Chúa, ẩn mình khỏi thế gian. Nhưng đức hạnh của Pavlina không thể giấu kín được lâu. Vì bà, ngài đã bị ép buộc phải lên ngôi giám mục của Giáo hội Nola, và bất đắc dĩ phải nhận chức giám mục[1386] . Ngài cai quản đoàn chiên của mình một cách thánh thiện và không ngừng nghỉ, như một người quản gia trung thành và khôn ngoan, *"người mà chủ đã đặt làm người cai quản các đầy tớ của mình"* (Lc 12:42)[1387] . Ngài không chỉ nuôi dưỡng các con chiên của mình bằng lương thực thiêng liêng, bằng cách dạy dỗ và hướng dẫn họ, đồng thời dẫn dắt những người tội lỗi đến sự ăn năn và đưa mỗi người trở lại con đường chân lý, mà còn quan tâm đến lương thực vật chất và mọi nhu cầu của các con chiên mình – nuôi dưỡng và cung cấp quần áo cho những người nghèo khó, những người mồ côi và góa phụ, đồng thời chuộc những người bị bắt làm tù binh để họ được tự do.

Trong những năm đó, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, đã xảy ra cuộc xâm lược của người Vandal[1388] vào Ý, những kẻ đã chinh phục toàn bộ đất nước này. Họ cũng tiến vào vùng Campania, nơi có thành phố Nola. Sau khi tàn phá nhiều làng mạc và thành phố, họ xâm nhập vào giáo phận của Pavlin, nơi họ lặp lại những hành động tương tự: họ bắt giữ rất nhiều người và đưa họ qua biển, về đất nước châu Phi của họ. Lúc bấy giờ, Đức Giám mục Pavlin, vị thánh đáng kính, đã dùng tất cả những gì ngài có trong giáo phận để chuộc những người bị bắt làm tù binh và cung cấp lương thực cho những người lâm vào cảnh nghèo đói do cuộc xâm lược của bọn man rợ, đến nỗi ngài không còn lại gì cả. Khi những chiến binh Vandal, với bản tính hung ác và vô nhân đạo, tra tấn các Kitô hữu, đòi họ chỉ ra những kho báu được chôn giấu dưới đất, Thánh Pavlin đã đồng cảm bằng trái tim người có đức tin và khẩn cầu cùng Thiên Chúa: "Lạy Chúa, xin hãy để con bị tra tấn vì vàng và bạc. Vì Ngài biết con đã giấu của cải của mình ở đâu – chính là trong tay những người ăn xin và những nô lệ nghèo khổ của Ngài."

Một lần nọ, có một góa phụ nghèo đến gặp ngài, khóc lóc thảm thiết:

– Con trai tôi đã bị bọn Vandal bắt làm tù binh, và tôi được biết rằng nó đang ở với con rể của vua Vandal là Riga, tại châu Phi. Tôi khẩn cầu sự thánh thiện của ngài: xin hãy cho tôi thứ gì đó để chuộc lại con trai, niềm hy vọng duy nhất để tôi nuôi sống bản thân và chỗ dựa cho tuổi già của tôi.

Người của Chúa, sau khi tìm kiếm kỹ lưỡng xung quanh với hy vọng có thể tìm thấy thứ gì đó để cho người phụ nữ đang cầu xin, nhưng không tìm thấy gì ngoài chính bản thân mình, đã nói với người góa phụ nghèo khổ:

[1384] Campania – một vùng cổ đại ở miền trung Ý, phía nam Rome, gần Biển Tyrrhenian.

[1385] Nola – một trong những thành phố cổ nhất của Campania, vẫn tồn tại cho đến ngày nay.

[1386] Đó là vào năm 409. Trước đó, ngài từng là linh mục (từ năm 393) tại Barcelona, Tây Ban Nha.

[1387] Sự so sánh này được lấy từ dụ ngôn của Đấng Cứu Thế về người quản gia trung thành và khôn ngoan, người chăm lo cho các đầy tớ và luôn sẵn sàng trình bày báo cáo trước chủ nhân của mình.

[1388] Người Vandal là một bộ tộc German, ban đầu sinh sống ở miền trung nước Đức, sau đó ở miền nam Tây Ban Nha và rồi ở Bắc Phi, từ đó họ tiến hành các cuộc cướp bóc tàn phá các nước láng giềng ven biển

– Này bà, tôi thực sự chẳng có gì để cho bà cả, ngoài chính bản thân tôi. Hãy nhận lấy tôi, tôi tự nguyện phó thác mình vào quyền lực của bà, như một nô lệ. Hãy bán tôi đi và chuộc lại con trai bà, hay hãy đưa tôi đi làm nô lệ để đổi lấy con trai bà.

Người phụ nữ, khi nghe những lời này từ miệng một người như vậy, đã nghĩ rằng đó là sự chế giễu hơn là lòng thương xót. Nhưng ngài, với tài hùng biện và sự khôn ngoan, đã dùng những lời lẽ của mình thuyết phục người phụ nữ đang nghi ngờ rằng ngài không nói để chế giễu, mà hoàn toàn chân thành với bà. Ông thuyết phục bà tin vào lời ông và đừng sợ bán vị giám mục làm nô lệ để đổi lấy tự do cho con trai mình. Sau đó, cả hai cùng lên đường đến châu Phi và, khi đến nơi của người Vandal, họ dừng chân trước cổng dinh thự của vị công tước – con rể của nhà vua – nơi con trai của người góa phụ nghèo đang sống. Khi vị công tước ra khỏi nhà đi đâu đó, người góa phụ quỳ sấp xuống dưới chân ông và khóc lóc van xin ông thả con trai bà ra. Nhưng tên man rợ, vì tính kiêu ngạo, không những không chịu thả con trai bà, mà thậm chí còn không thèm nghe lời cầu xin của bà. Lúc đó, người góa phụ chỉ tay vào vị tôi tớ của Chúa là Pavlin và nói:

– Tôi sẽ dâng người này thay cho con trai tôi; xin ngài hãy thương xót, thả con trai tôi ra, vì nó là con duy nhất của tôi.

Vị công tước, sau khi nhìn kỹ người của Chúa, đã hỏi ông:

– Ngươi biết nghề gì?

Thánh Pavlin trả lời:

– Tôi không biết nghề nào cả, chỉ biết trồng vườn rất giỏi mà thôi.

Nghe vậy, hoàng tử rất vui mừng, vì ông chính xác là đang cần một người như thế, nên đã giao con trai mình cho người góa phụ. Bà cùng con trai trở về nhà, còn Thánh Pavlin ở lại làm việc, chăm sóc các khu vườn và bắt đầu làm việc một cách tận tụy. Chủ nhân của ông bắt đầu thường xuyên đến vườn và trò chuyện với người làm vườn của mình về đủ thứ chuyện. Khi nhận thấy kiến thức sâu rộng và thông thái của ông, ngài trò chuyện với ông về mọi thứ, nhiều lần bỏ lại gia đình và bạn bè để thưởng thức những cuộc trò chuyện với người đầy tớ của mình. Thánh Pavlin hàng ngày mang đến cho ngài các loại rau củ từ vườn để dùng bữa trưa, và sau khi nhận bánh mì từ tay ngài, ông lại quay trở lại với công việc của mình.

Một lần nọ, khi chủ nhân đang trò chuyện với ngài, Thánh Pavlin nói với ngài:

– Này, ngài sắp phải đi vắng một thời gian. Trong lúc đó, ngài cần phải lo liệu việc tiếp nhận vương quốc của người Vandal, vì vị vua ấy, tức là cha vợ của ngài, sẽ đột ngột qua đời một cách bất ngờ. Nếu ngài đi vắng, thì người khác sẽ chiếm đoạt quyền lực hoàng gia khi không có ngài.

Hoàng tử, sau khi nghe những lời này từ người làm vườn của mình, đã không giấu diếm chuyện này, mà đi báo cho nhà vua biết, vì ngài hoàn toàn trung thành với nhà vua và chính vì điều đó mà ngài được nhà vua yêu mến hơn ai hết. Nhà vua nghi ngờ và nói:

– Ta muốn gặp người đàn ông mà ngươi đang nói đến.

Con rể của vua đáp lại:

– Ngay bây giờ tôi sẽ ra lệnh cho anh ta mang rau từ vườn về để dọn bữa trưa cho ngài, và ngài sẽ được gặp anh ta.

Khi nhà vua ngồi vào bàn ăn, Pavlin bước vào, mang theo rau củ theo lệnh chủ nhân để dâng lên bữa tiệc hoàng gia. Khi nhà vua nhìn thấy anh ta, lập tức run rẩy và, gọi chủ nhân của mình – tức con rể – đến, đã tiết lộ cho ông ta bí mật mà ông muốn giấu diếm.

– Điều đó quả thực đúng – nhà vua nói – như ngươi đã nghe từ người đàn ông ấy, bởi vì đêm qua, trong giấc mơ, ta đã thấy nhiều vị công tước ngồi trên ngai vàng và xét xử ta. Người ấy cũng ngồi giữa các vị thẩm phán đó. Tòa án của họ đã tước đi cây gậy và quyền lực mà ta từng được trao. Hãy hỏi anh ta xem anh ta là ai. Ta không nghĩ người đàn ông này là một người bình thường, vì ta đã thấy ông ta trong một chức tước cao quý.

Lúc đó, con rể của nhà vua kéo Thánh Pavlin sang một bên và hỏi ông:

– Ông là ai?

Người của Chúa đáp lại:

– Tôi là tôi tớ của ngài, người mà ngài đã nhận làm con thay cho con trai của góa phụ.

Còn vị công tước thì liên tục tra hỏi ông, đòi ông phải giải thích không phải về thân phận hiện tại của ông, mà là về thân phận của ông khi còn ở quê hương. Ông ta khẩn khoản van nài vị thánh và thề thốt yêu cầu ông không được giấu diếm bí mật của mình, mà phải tiết lộ toàn bộ sự thật. Người của Chúa, bối rối trước những câu hỏi và

không thể vi phạm lời thề, đã nói rằng mình là một giám mục. Nghe vậy, vị hoàng tử rất sợ hãi và khiêm tốn nói với ông:

– Hãy xin ta bất cứ điều gì ngươi muốn, rồi hãy trở về quê hương với những món quà quý giá.

Thánh nhân Pavlin nói với ông ta:

– Tôi chỉ xin ngài một ân huệ duy nhất mà ngài có thể ban cho: hãy thả tự do cho tất cả những người bị bắt làm tù binh từ thành phố và đất nước của tôi, những người đã bị đưa đến đây, để họ trở về quê hương.

Ngay lập tức, nhờ sự nhiệt thành của vị công tước này, những người Kitô hữu bị bắt làm tù binh từ vùng Campania đã được tìm kiếm khắp cả châu Phi và đưa đến gặp Thánh Pavlin. Vị mục tử thánh thiện được tiễn đưa trong vinh dự cùng với tất cả các con chiên thuộc đoàn chiên của ngài, cùng với nhiều lễ vật quý giá và lương thực dồi dào. Họ trở về quê hương trên những con tàu trong niềm vui và hân hoan. Vài ngày sau, đúng như lời tiên tri của vị thánh, Riga, vua của người Vandal, qua đời, và con rể của ông lên ngôi thay thế.

Như vậy, Thánh Pavlin, bằng cách tự nguyện trở thành nô lệ, đã giải thoát nhiều người khỏi ách nô lệ để được tự do, noi gương Chúa Kitô, Đấng đã mang lấy hình hài nô lệ và giải thoát loài người khỏi ách nô lệ của ma quỷ. Sau khi thoát khỏi ách nô lệ dưới tay người Vandal, Thánh Pavlin đã sống nhiều năm, và như một vị mục tử nhân từ, sẵn sàng hy sinh mạng sống vì đàn chiên, ngài đã cai quản đàn chiên được giao phó một cách xuất sắc, và không tiếc bản thân, đã ban phát nhiều ân huệ cho những anh em nghèo khó. Sau đó, ngài đã về với Đấng Chăn Chiên Tối Cao là Đức Kitô, Chúa của ngài[1389] , Đấng mà từ Ngài, ngài hiện đang nhận phần thưởng gấp trăm lần và thừa hưởng sự sống đời đời, ngợi khen Ngài muôn đời. Amen.

Cuộc đời của vị thánh cha Gennadius Kostromsky[1390]

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 1

Thánh Gennadius, được đặt tên là Grigori trong lễ rửa tội, là con trai duy nhất của một quý tộc tên là Ioann và vợ ông là Elena, sống tại vùng đất Litva[1391] . Từ thuở nhỏ, Grigori đã rất thích đến nhà thờ của Chúa và luôn ở bên cạnh các linh mục, tham dự tất cả các thánh lễ. Cha mẹ không hài lòng với hành vi này của con trai và nói với anh:

– Sao con lại làm như vậy? Con là người gác nhà thờ à? Con làm cha mẹ xấu hổ trước mặt mọi người. Con chỉ cần đi nhà thờ cùng chúng ta là đủ rồi, còn thời gian còn lại hãy ở nhà và giao lưu với bạn bè cùng lứa tuổi; đặc biệt là đừng tự làm mất đi sự yên tĩnh vào ban đêm.

Nhưng Grigory trả lời:

– Thưa cha mẹ thân yêu, xin đừng làm phiền con bằng những lời như thế: con không muốn chơi những trò trẻ con. Chúa làm điều Ngài muốn, còn con người làm điều mình có thể; còn Thánh Thần thì dẫn dắt mọi người vào con đường chân lý.

[1389] Thánh Phaolô qua đời vào ngày 22 tháng 6 năm 431. Xác thánh của ngài được an táng tại Nhà thờ Thánh Phêrô ở Roma. Ngài được biết đến như một nhà văn và nhà giảng dạy của Giáo hội, chủ yếu là với tư cách một nhà thơ Kitô giáo. Ngài để lại 35 bài thánh ca và khoảng 50 lá thư, đặc biệt quan trọng nhờ lòng đạo đức sâu sắc của chúng. Trong đó, ngài miêu tả một cách sinh động đỉnh cao của sự hoàn hảo Kitô giáo và dạy cách phải gìn giữ trái tim mình; mô tả những đức tính của sự khiêm nhường theo Phúc Âm, tình yêu đối với Thiên Chúa và người lân cận; nêu rõ bổn phận của vợ chồng và những lời an ủi ngọt ngào dành cho những người bất hạnh. Ba bài thánh ca là những lời cầu nguyện tuyệt đẹp dâng lên Thiên Chúa, ba bài còn lại là những bản diễn giải của ba Thánh vịnh: Thánh vịnh 1, Thánh vịnh 2 và Thánh vịnh 136. Ngoài ra, trong các thư và thánh ca của Thánh Pavlin còn đề cập đến sự quan phòng của Thiên Chúa, tội nguyên tổ, Thánh Thể, lời cầu bầu của các thánh cho hòa bình, lời cầu nguyện cho người đã khuất và việc tôn kính các thánh tượng. Thánh Pavlin còn được biết đến nhờ lòng yêu mến việc trang hoàng các nhà thờ do ngài xây dựng bằng các thánh tượng; truyền thuyết cũng gán cho ngài việc phát minh ra chuông nhà thờ, được cho là vào khoảng năm 400.

[1390] Cuộc đời của Thánh Gennadius và nghi thức thánh lễ dành cho ngài được viết bởi tu sĩ Alexius, một đệ tử của ngài và là vị tu viện trưởng của tu viện do Thánh Gennadius thành lập. Cuộc đời của ngài được lưu giữ trong nhiều bản thảo; trong một số bản có lời đề nghị của người ghi chép xin được trình tác phẩm này lên Sa hoàng Feodor và Tổng giám mục Dionysius để xem xét, do đó cuốn sách này được viết trong khoảng thời gian từ năm 1584 đến năm 1587. Thánh lễ, bài ca ngợi và cuốn tiểu sử cùng với lời dạy trước khi qua đời đã nhiều lần được xuất bản tại các nhà in của Hội đồng Giám mục ở Saint Petersburg và Moscow bằng chữ Slav, ví dụ như tại Moscow năm 1888. Cuộc đời, mô tả các phép lạ, lời dạy và câu chuyện về việc tìm thấy di cốt đã được xuất bản đầy đủ dựa trên các bản thảo trong Tạp chí Giáo phận Yaroslavl năm 1873 và dưới dạng một tập sách nhỏ riêng biệt tại Yaroslavl cũng trong năm 1873.

[1391] Trong câu chuyện về việc tìm thấy di cốt của Thánh Gennadius vào năm 1644, có đề cập rằng ngài xuất thân từ thành phố Mogilev.

Từ đó, Grigory bắt đầu suy nghĩ về cách làm thế nào để đến xứ Nga, định cư tại một tu viện thánh nào đó và thực hành những việc thiện.

Và thế là, khi thấy thời cơ thuận lợi, anh rời xa cha mẹ, cởi bỏ bộ áo sáng màu và tặng cho người nghèo, rồi lấy từ họ những bộ quần áo rách rưới và mặc vào.

Khi đi qua vùng đất Litva, những sa mạc, làng mạc và thành phố với tư cách là một người lữ hành và khách lạ, ông đã phải chịu đựng nhiều khổ cực và tai ương từ những kẻ ác. Tuy nhiên, được Chúa che chở, ngài đã đến được đất Nga, đặt chân đến thành phố vĩ đại và lừng lẫy là Moscow, và đi vòng quanh thành phố này, đến viếng các ngôi mộ của các thánh làm phép lạ, thâm nhập vào các tu viện thánh thiện và suy ngẫm xem nên xuất gia và dâng mình cho việc cầu nguyện ở đâu.

Tại Moscow, ông đã tìm được một người bạn tên là Feodor, một thanh niên trẻ nhưng kính sợ Chúa và cũng đang tìm kiếm việc xuất gia. Từ Moscow, họ cùng nhau lên đường đến Veliky Novgorod và tại đó, họ đã đi thăm các thánh địa, các nhà thờ và các tu viện.

Từ Novgorod, họ lên sông Svir, vào sa mạc để gặp vị tu sĩ ẩn dật thánh Alexander và tha thiết thỉnh cầu ngài:

– Thưa Thánh Cha, chúng con mong được cầu nguyện cùng Chúa: xin Ngài, vì danh Chúa Kitô, ban cho chúng con áo tu sĩ.

Thánh Alexander trước tiên quay sang người bạn của Grigory, là Feodor, và nói:

– Con ơi, Feodor, con sẽ dẫn dắt con thú đầu trắng.

Còn với Grigori, ngài nói:

– Còn con, Grigori, con sẽ tự mình làm người chăn dắt đàn chiên bằng lời nói và là người hướng dẫn cho đông đảo các tu sĩ. Hãy đi, con ơi, đến Rừng Komel gặp Thánh Kornili, ngài ấy sẽ dạy con cách cầu nguyện với Chúa và cách chăn dắt đàn chiên tu sĩ, còn ở sa mạc của chúng ta thì những thiếu niên trẻ không thể sống được. Tuy nhiên, các con hãy nghỉ ngơi ở đây bao nhiêu ngày tùy ý.

Họ ở lại sa mạc với vị thánh Alexander mười bốn ngày, rồi sau khi nhận được lời chúc phúc từ ngài, họ lên đường đến khu rừng Komel thuộc thành phố Vologda. Họ đi vào sâu trong sa mạc đến gặp vị thánh Kornilii Komelsky[1392] và gõ cửa với lời cầu nguyện của Chúa Giêsu.

Thánh Kornili, khi mở cửa, đã nói với họ:

– Hỡi các con, các con đã vượt qua những chặng đường hiểm trở như thế nào và tại sao lại vào khu rừng hoang vắng này? Các con đang tìm kiếm điều gì?

Họ đáp lại:

– Thưa Đức Cha, thánh Cornelius kính mến, chúng con đang tràn ngập khát khao mãnh liệt được khoác lên mình áo tu sĩ. Vì danh Chúa Kitô – xin hãy nhận chúng con vào đàn chiên được Chúa chọn của ngài.

Thánh Cornelius nói với Grigory:

– Con ơi, Grigori, hãy vào tu viện nghèo nàn của ta, còn con ơi, Feodor, con hãy ở lại đời sống thế tục, lấy vợ và sinh con.

Thánh Kornilius đã cho Grigori trải qua thử thách tu sĩ theo truyền thống của các vị Thánh Tổ. Grigori đã trải qua thử thách này trong một thời gian dài, sau đó Thánh Kornilius bước vào nhà thờ, cạo đầu cho Grigori theo nghi thức tu sĩ và đọc cho cậu nghe lời trong Thánh Kinh: *"Ai từ bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha, mẹ, vợ, con cái, hay ruộng đất vì danh Ta, thì sẽ được gấp trăm lần và được hưởng sự sống đời đời. Nhưng nhiều người đứng đầu sẽ trở thành kẻ cuối cùng, và kẻ cuối cùng sẽ trở thành người đứng đầu"* (Mt 19:29–30). Sau đó, vị tu sĩ cao niên đã trao đổi với người mới được thụ giới về những vấn đề mang tính cha con và đặt cho anh ta tên mới thay cho Grigori – đó là Gennadi. Cuối cùng, ngài nói:

– Hãy tiếp thu, con yêu dấu, trí tuệ của các vị thánh tổ tiên xưa: sự kiên nhẫn, tình yêu thương và lòng khiêm nhường, đặc biệt là việc cầu nguyện chung hay cầu nguyện cộng đoàn, cũng như cầu nguyện riêng trong phòng tu, và hãy nỗ lực thực hành những việc đạo đức chân thành.

Người bạn của Gennadius là Feodor, theo lời tiên tri của các vị thánh phụ Alexander và Cornelius, đã sống cuộc đời mình trong thế gian và qua đời tại Moscow khi đã cao tuổi.

[1392] Thánh Kornilii Komelsky qua đời vào năm 1537; ngày kỷ niệm của ngài được tổ chức vào ngày 19 tháng 5.

Thánh Gennadius, theo sự ban phước của Thánh Cornelius, đã siêng năng tu hành trong cầu nguyện và lao động, đặc biệt là trong các công việc kinh tế của tu viện như nhà bếp, lò bánh và các công việc khác. Nhiều tu sĩ đã bất bình với Gennadius vì những việc làm đó và than phiền.

Nghe thấy những lời phàn nàn đó, Thánh Kornilius đã động viên vị thánh, nói rằng:

– Con yêu mến Gennadius ơi, đừng buồn phiền vì điều này đối với anh em, vì họ nói như vậy là do sự xúi giục của ma quỷ.

Sau đó, ma quỷ – kẻ thù của điều thiện – đã khơi dậy sự bất mãn trong hàng tu sĩ và ngay cả đối với chính Thánh Cornelius. Thấy vậy, vị thánh nhân đã kìm nén cơn giận, rồi cùng đệ tử Gennadius của mình rời khỏi tu viện mới thành lập, đi vào vùng Kostroma, vào khu rừng hoang dã bên hồ Surskoe, cách tu viện đầu tiên của ngài sáu mươi verst. Cách đó chưa đầy một verst là nơi sinh sống của những nông dân thuộc hoàng gia, những người làm nghề nuôi ong theo chế độ nộp thuế. Những người nông dân này rất vui mừng khi Cornelius và Gennadius đến, họ đã xây cho hai vị một căn phòng nhỏ, mang đến bánh mì, mật ong và những thứ cần thiết khác, vì gần đó có khu đất nuôi ong.

Các vị thánh Kornili và Gennadi đã tu hành trong cầu nguyện và ăn chay, không ngừng lao động: chặt gỗ, cày ruộng và đào bốn ao.

Một lần nọ, Đại công tước Chính thống Vasili Ioannovich đã quyết định thực hiện chuyến hành trình vất vả đến Hồ Bêlo để cầu nguyện theo lời hứa của mình về sự bình an. Khi Đại công tước đến sa mạc của Thánh Kornili và thấy ngài đã rời khỏi đó đến một nơi khác, ngài rất buồn bã với các tu sĩ và nói với họ:

– Chính vì sự than vãn và sự bất tuân của các ngươi mà Cha Kornili không còn sống trong tu viện của mình nữa.

Và ngay lập tức, ngài sai các tôi tớ của mình đến thỉnh cầu vị tu sĩ trở lại nơi tu hành ban đầu. Vị tu sĩ Kornili đã đến trước mặt Đại công tước Vasili[1393] , quỳ xuống dưới chân ngài và xin tha thứ vì đã rời khỏi nơi ẩn tu. Vị công tước đạo đức đã nâng ngài dậy và nói:

– Người thân yêu của ta, Cha Cornelius, xin ngài cầu nguyện với Đức Chúa Trời nhân từ cho chúng ta, để Chúa ban cho chúng ta thành quả của sự thánh thiện làm gia tài cho dòng dõi chúng ta, để xây dựng các tu viện chính trực, củng cố vương quốc Nga và khẳng định đức tin Kitô giáo.

Sau đó, Đại công tước nói với Thánh Kornili:

– Xin Cha hãy ở lại đây, trong công việc và nỗ lực đầu tiên của Cha, tại nơi ẩn tu này; theo lệnh của chúng ta, xin Cha ban phước lành cho đệ tử mà Cha muốn.

Khi Đại công tước lui ra, Thánh Kornilius đã ban phước cho đệ tử của mình là Gennadius tại sa mạc mới này và ra lệnh cho anh ta xây dựng một nhà thờ tại đó để tôn vinh sự Biến hình thiêng liêng của Chúa.

Thánh Gennadius, nhờ sự ban phước của Cha Cornelius và theo lệnh của Đại công tước, đã sắp xếp mọi việc trong sa mạc: ngài đã xây dựng nhà thờ của Chúa, trang trí nó bằng các bức tranh thánh, sách thánh và mọi vật trang nghiêm của nhà thờ.

Khi số tu sĩ trong sa mạc ngày càng đông, ngài đã xây dựng thêm một nhà thờ thứ hai, ấm cúng, mang tên Thánh Sergius, vị thánh làm phép lạ ở Radonezh, và trang trí nó giống như nhà thờ đầu tiên.

Còn chính vị Thánh Tông đồ, luôn miệt mài lao động, đã làm gương về sự khiêm nhường và kiên nhẫn cho các tu sĩ; ngài đã sắp xếp những nơi ở tiện nghi cho các tu sĩ; ban ngày chặt củi, ban đêm vác chúng trên vai đi phân phát đến các phòng tu của các tu sĩ, làm việc trong bếp và lò bánh, giặt áo lông cừu cho các tu sĩ, làm nến, nấu cháo ngũ cốc, nướng bánh thánh – và đặc biệt xuất sắc trong các nghi lễ nhà thờ, việc ăn chay và cầu nguyện. Ngoài ra, ngài còn đeo trên người những xiềng xích và thánh giá bằng sắt cùng những sợi xích nặng nề. Vị thánh đáng kính đã mang gánh nặng to lớn ấy để chế ngự xác thịt.

Nhờ đó, ân sủng của Thánh Ba Ngôi đã ngự trên ngài; được ban ân sủng ấy, vị thánh nhân hướng tới những công đức ngày càng vĩ đại hơn, trở thành tấm gương cho các môn đệ trong mọi tập tục và đạo đức, vì ngài dạy họ không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động, thể hiện những điều đã nêu trên.

"Ai có thể miêu tả hết mọi chi tiết về cuộc đời ngài, mọi công đức và sự kiên nhẫn, hay ai có thể liệt kê hết những bệnh tật, những vất vả và sự chăm sóc của ngài dành cho anh em!" Người biên soạn cuốn tiểu sử của ngài, đệ tử Alexius, đã thốt lên như vậy; và sau đó, để ca ngợi Thánh Gennadius, nhưng hơn hết là để tôn vinh Thiên

[1393] Đại công tước Vasili IV Ioannovich trị vì từ năm 1505 đến năm 1533.

Chúa, ông đã kể lại những phép lạ mà ngài đã thực hiện, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, cả khi còn sống lẫn sau khi qua đời.

Dưới đây là một số phép lạ trong số đó. Một lần nọ, Thánh Gennadius đến thành phố Moscow cùng với các môn đệ của ngài là Serapion và Uar. Ngài được bà Iuliania Feodorovna, vợ của Roman Yuryevich, tiếp đón với sự tôn kính. Iuliana xin Thánh Gennadius ban phước lành cho các con trai của bà là Daniil, Nikita và con gái Anastasia. Khi vị thánh ban phước lành cho Anastasia, ngài đã nói:

– Con là cây nho tuyệt đẹp và cành trĩu quả, con sẽ trở thành nữ hoàng trung thành của chúng ta.

Nghe những lời này, quý bà Iuliania cùng các con và tất cả những người có mặt tại đó đều ngạc nhiên không hiểu tại sao Gennadi lại nói những lời khó hiểu như vậy và những lời đó được truyền cho ngài từ đâu.

Bà quý tộc Iuliania đã hào phóng chu cấp cho Gennady, và điều này kéo dài không chỉ một năm.

Tất cả những lời tiên tri mà vị tu sĩ già đã nói đều trở thành sự thật: Anastasia Romanovna đã trở thành nữ hoàng, người vợ đầu tiên của Ivan Vasilyevich Grozny[1394] . Bà nuôi dưỡng niềm tin sâu sắc và lòng kính trọng đối với Đấng Cứu Thế đầy lòng thương xót và đối với Thánh Gennady, bà đã gửi cho ngài những bức tượng thánh và áo lễ trang nghiêm cùng những vật dụng cần thiết khác cho các nghi lễ nhà thờ.

Một lần nọ, quý tộc Boris Paletsky, khi bị bệnh, đã đến tu viện Biến Hình của Chúa để cầu nguyện. Thánh nhân Gennady rất vui mừng trước sự hiện diện của hoàng tử, liền triệu tập các tu sĩ và đón tiếp vị khách tại cổng thánh với lời cầu nguyện trang nghiêm, rồi trao cho ông cây gậy của mình. Kể từ lúc đó, hoàng tử đã khỏe mạnh trở lại và ngợi khen Đức Chúa Trời, và mọi người đều vui mừng vì sự bình phục của hoàng tử. Sau khi ban phát một khoản bố thí xứng đáng cho vị thánh và các tu sĩ, hoàng tử trở về nhà cùng với tất cả mọi người. Chiếc gậy, là lời chúc phúc của vị tu sĩ cao niên, hoàng tử đã giao cho linh mục Vasili, người từng đi cùng ngài, mang theo. Không hiểu vì lý do gì, vị linh mục này lại nổi giận với hoàng tử và, sau khi phỉ báng lời chúc phúc của vị thánh, đã ném chiếc gậy đó xuống sông Kostroma. Hoàng tử vô cùng buồn bã khi mất đi lời chúc phúc của vị tu sĩ. Khi vị linh mục nói trên trở về nhà, ông phát hiện vợ mình đã qua đời, và không lâu sau đó, chính ông cũng mắc phải một căn bệnh nặng. Lúc đó, ông bắt đầu ăn năn về tội lỗi của mình, vì đã chế giễu vị công tước và vị tu sĩ cao niên về cây gậy, và hứa sẽ xuất gia tại Tu viện Spasov dưới sự hướng dẫn của tu sĩ Gennady.

Một thời gian ngắn sau, vị linh mục này đến Tu viện Spasov, quỳ xuống trước vị tu sĩ đáng kính và, sau khi kể lại những gì đã xảy ra, xin tha thứ cho sự ngạo mạn của mình và khẩn cầu vị thánh nhận ông vào đàn chiên được Chúa chọn của ngài. Vị thánh nhân, sau khi ban phước lành cho ông, đã nói: "Anh em ơi, Chúa Kitô đã phán: *'Ai đến với Ta, Ta sẽ không đuổi đi'* (Ga 6,37)."

Sau đó, ngài ra lệnh cho người này được thụ giới tu sĩ và đặt tên cho anh là Varlaam. Varlaam đã tu hành trong một thời gian khá dài tại Tu viện Biến Hình của Chúa, và sau đó, với sự ban phước của vị thánh trưởng lão Gennadius, anh trở thành vị tu viện trưởng tại Tu viện Hiển Linh ở thành phố Kostroma.

Hoàng tử Boris Paletsky nói trên đã cúng dường một chiếc chuông quý giá cho Tu viện Spas, thuộc Tu viện Gennadiyev.

Có lần, Đức Giám mục Cyprian của Vologda và Đại Perm lâm vào cơn bệnh nặng. Với lòng sùng kính dành cho Tu viện Biến Hình Chúa, cũng như tình yêu thiêng liêng dành cho vị tu sĩ cao niên Gennadius, ngài đã sai một trong những người hầu của mình đi tìm vị tu sĩ cao niên Gennadius, xin ngài đến thăm nhân dịp ngài bị bệnh. Vị tu sĩ kính yêu đã đến thành phố Vologda cùng các đệ tử của mình, các tu sĩ Misail và Alexei, và xin sự ban phước từ Giám mục Kiprian. Đức Giám mục rất vui mừng trước sự hiện diện của vị thánh trưởng lão và, dù trước đó không thể nào rời khỏi giường, ngài đã đứng dậy để đón vị thánh, ban phước lành cho ngài cùng các môn đệ bằng dấu thánh giá, rồi nắm tay vị thánh trưởng lão và dẫn ngài vào phòng riêng. Đức Giám mục đã trò chuyện với vị thánh trưởng lão trong một thời gian dài. Còn mọi người, khi thấy Đức Giám mục bớt đau bệnh nhờ chuyến viếng thăm của vị tu sĩ đáng kính, đã vô cùng ngạc nhiên và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng thực hiện những phép lạ vĩ đại qua các vị thánh của Ngài. Sau cuộc trò chuyện, cả hai cùng nếm bánh thánh. Ngày hôm sau, trước mặt mọi người, Đức Giám mục xin vị tu sĩ đáng kính:

– Thầy hướng dẫn trong sa mạc, Cha Thánh Gennadius kính mến, xin cầu nguyện cho chúng con cùng Thiên Chúa nhân từ, để Ngài làm dịu bớt bệnh tật thể xác của con và chữa lành chứng đau chân của con.

Vị thánh nhân nói với vị thánh:

[1394] Vị Sa hoàng đầu tiên của Nga; ngài cai trị đất nước từ năm 1533 đến năm 1584 (năm 1547, ngài nhận tước hiệu Sa hoàng).

– Đức Chúa Trời yêu thương loài người sẽ giúp đỡ chúng ta thoát khỏi nỗi đau khổ, chữa lành những bệnh tật về tâm hồn và thể xác, đồng thời làm dịu bớt sự yếu đuối của những người đang đau khổ – và việc vĩ đại này không thuộc về chúng ta. Thưa ngài, thánh nhân, mọi sự đều có thể từ Thiên Chúa, còn từ loài người thì chẳng có gì cả. Này ngài, giờ đây ngài đã khỏi khỏi nỗi đau thể xác chung, nhưng chân ngài hãy để nó nhắc nhở ngài về giờ phút cuối cùng và sẽ không được chữa lành cho đến hơi thở cuối cùng của ngài. Bình an cho ngài, thưa ngài, thánh phụ kính mến!

Sau đó, Đức Thánh Cha còn sống thêm năm năm nữa rồi về với Chúa.

Người ghi chép tiểu sử của Thánh Gennadius, tức Alexius – môn đệ và người kế vị ngài trong chức vụ Bề trên – đã kể lại về bản thân như sau. Sau khi bị các tu sĩ trong tu viện "Đấng Cứu Thế Toàn Năng" của Thánh Gennadius xúc phạm, Alexius đã rời khỏi đó đến thành phố Kostroma và định cư tại tu viện "Lễ Hiển Linh của Chúa". Nhưng chẳng bao lâu sau, ông lâm bệnh nặng và không thể đứng trong nhà thờ được nữa. Vì lý do này, ông chuyển từ Kostroma đến sa mạc Adrianova gần Poshekhony. Tuy nhiên, bệnh tật vẫn không thuyên giảm. Theo sự mặc khải của Đức Chúa Trời, ngài quay trở lại tu viện Thánh Cứu Thế Toàn Lòng Thương Xót của Thánh Gennadius, và khi chạy đến quỳ trước quan tài của Thánh Gennadius để cầu xin, ngài đã xin tha thứ vì sự thiếu can đảm của mình và được chữa lành.

Trong số vô số phép lạ sau khi qua đời của Thánh Gennadius, chúng ta xin đề cập thêm những điều sau đây.

Một người con trai của quý tộc tên là Ivan Likharev đã hiến tặng một ngôi làng của mình cho Tu viện Spas của Thánh Gennadiy, nhưng sau đó lại đổi ý và chuyển ngôi làng đó cho Tu viện Troitsa-Sergiev. Ngay sau đó, con trai ông là Alexey đột ngột qua đời, còn vợ ông thì mắc phải một căn bệnh nặng. Hàng xóm và bạn bè bắt đầu bàn tán rằng chồng bà đã hành động không đúng khi bỏ Tu viện Spas và trao ngôi làng cho một tu viện khác, đồng thời khuyên bà nên viết thư cho chồng, người đang ở Pereyaslav-Zalessky. Người vợ đã viết thư và ngay lập tức cảm thấy nhẹ nhõm. Trong khi đó, tại Pereyaslav, Ioann cũng lâm bệnh: ông bị một nỗi sợ hãi nào đó ám ảnh và khuôn mặt ông trở nên méo mó. Những người xung quanh cũng trách móc ông tại sao lại rời bỏ tu viện Spasova. Lúc đó, Ioann đã nghe theo lời nhắn của vợ và lời khuyên của những người thân cận, trả lại ngôi làng cho tu viện của Thánh Gennadius và hứa sẽ không rời xa bà nữa. Chẳng bao lâu sau, ông đã được chữa lành khỏi căn bệnh của mình. Những người cầu nguyện trước quan tài của Thánh Gennadius với lòng tin và sự sốt sắng đã được chữa lành khỏi nhiều loại bệnh tật: từ đau răng, bệnh về mắt, chứng liệt, đặc biệt là chứng mất trí và bị quỷ ám.

Cũng từng xảy ra một phép lạ như thế này. Một phó tế tu sĩ tại tu viện Gennadius đã đánh cắp những cuốn sách và khăn trải bàn của nhà thờ; nhưng khi mới đi được vài verst đến sông Andoma, ông bỗng cảm thấy cơ thể mềm nhũn và không thể cử động được tay chân. Người ta báo cho vị tu viện trưởng biết, và ngài đã sai người đi tìm vị phó tế đó, người sau đó được đưa về tu viện cùng với những cuốn sách. Phó tế đã thú nhận tội lỗi của mình, quỳ xuống trước quan tài của Thánh Gennadius, cầu xin sự tha thứ và sự chữa lành cho tay chân. Và nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Gennadius, Đức Chúa Trời đã thương xót ông và ban lại sức khỏe cho ông.

Luka Gustyshov, một quan chức thành phố Kostroma, không tin vào những phép lạ của Thánh Gennadius và quyết định không đến tu viện Spasova cũng như không đến viếng quan tài của ngài.

Khi được chọn làm người thu thuế tại hải quan (tức là thành viên ban thu thuế), ông cùng các đồng nghiệp lên đường thu tiền cho nhà vua. Nhưng đột nhiên, ông bị mắc một căn bệnh nặng: má sưng tấy, đầu đau nhức không chịu nổi, và ông rơi vào trạng thái mê sảng. Người thân đưa ông về nhà, nơi ông nằm trong tình trạng hấp hối. Khi tỉnh lại, ông nhớ ra tội lỗi của mình, hứa sẽ đến tu viện Spasov và đến trước quan tài của Thánh Gennadius. Sau khi cử hành lễ cầu nguyện tại đó, nhờ lời cầu nguyện của Thánh Gennadius, ông đã được chữa lành.

Một quý bà thuộc quận Galitsky, xã Korezh, dòng họ Laptev, có bốn người con trai; trong số đó, một người tên là Kirill muốn xuất gia tại tu viện Thánh Gennadius và muốn hiến phần tài sản thừa kế của mình từ gia sản cha cho tu viện. Người mẹ, khi biết chuyện này, đã mắng chửi con trai và không cho phép anh ta dâng phần tài sản của mình cho tu viện. Bất ngờ, bà bị một cơn đau đầu dữ dội và không thể chịu đựng nổi. Trong cơn đau đớn, bà nhớ lại tội lỗi của mình, hứa sẽ đến tu viện Spas để cầu nguyện trước quan tài của Thánh Gennadius và dâng phần tài sản của con trai. Ngay lúc đó, bà cảm thấy bệnh tình thuyên giảm và chẳng bao lâu sau đã thực hiện lời hứa của mình. Con trai bà đã xuất gia với tên gọi Kornili, còn bà thì ngợi khen Đức Chúa Trời vì đã ban cho bà sự chữa lành.

Trước khi qua đời, Thánh Gennadius đã để lại một bài giảng, trong đó ngài trình bày những suy nghĩ và lời dạy của mình về đời sống tu hành, dành cho cả các môn đệ lẫn toàn thể tín hữu Chính Thống Giáo. Dưới đây là bài giảng đơn giản và đầy ý nghĩa đó.

"Gửi đến Tu viện Ipatia thuộc Tu viện vĩ đại của Ba Ngôi Tạo Hóa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, gửi đến anh em trong Chúa Kitô và vị mục tử vĩnh cửu của đoàn chiên lời Chúa, Bề trên Vassian, cũng như gửi đến Tu viện Spasova, người xây dựng đàn chiên của chúng ta, Thánh Giuse, và toàn thể anh em trong tu viện của chúng ta. Ta nói với các con, những anh em thiêng liêng và những người đồng hành của ta: đối với ta, ngày đã gần tàn và rìu đã đặt sẵn bên gốc cây, vì ta sắp ra đi đến tòa án của Đấng Christ. Vì điều răn thánh của Chúa, xin đừng quên ta khi các con cầu nguyện, nhưng khi nhìn thấy quan tài của ta, hãy nhớ đến tình yêu của ta và cầu nguyện với Đấng Christ, để Ngài cho linh hồn ta được ở cùng những người công chính. Còn các con, những đứa con của ta, hãy kính sợ Thiên Chúa, vâng lời các vị thầy của các con trong mọi sự, theo lời Thánh Tông Đồ. Hãy tôn kính Vua Chính Thống, tôn vinh các Thánh, vì tất cả các vị Bề Trên đều vâng phục họ theo lương tâm thiêng liêng. Còn các con, những người con của ta đang sống tại Tu viện Spasova, hãy vâng lời vị tu viện trưởng sẽ được giao phó đàn chiên của chúng ta, và hãy tuân phục ngài trong mọi việc với lòng vâng lời. Đặc biệt, ta khẩn khoản xin các con và di chúc rằng các con đừng rời khỏi nơi này mà không có sự ban phước của vị tu viện trưởng. Đừng gây ra những lời cãi vã giữa anh em với nhau, hãy hướng về ánh sáng và từ bỏ bóng tối. Hãy để cuộc sống của các con được sống theo truyền thống của các vị thánh tổ và phù hợp với những gì Thánh Kornilii đã viết cho chúng ta[1395] cũng như theo lối sống tu viện đã được thiết lập tại tu viện của chúng ta. Còn ngài, vị Bề trên đạo đức Vassian, tôi khẩn cầu, xin đừng bỏ tu viện này vì đức tin của ngài. Còn các anh em và các con của tôi, đừng phá hoại truyền thống chung của chúng ta và đừng xa rời Hội đồng Giáo hội, vì điều ghê tởm nhất đối với các tu sĩ là không đến nhà thờ; mà khi đã đến nhà thờ, hãy đứng nghiêm trang, đừng bàn tán vô ích, và trên hết, đừng lơ là trong việc cầu nguyện riêng tư, để thân xác cùng linh hồn các con không suy yếu, và để công lao của các con không bị uổng phí; vì qua sự xúi giục của sự lười biếng, Satan xảo quyệt muốn lôi kéo tu sĩ xuống địa ngục ngay khi còn sống. Tôi khẩn khoản xin các anh em và các bạn đồng tu của tôi, đừng lười biếng trong mọi công việc tu viện, đừng than vãn hay nản lòng trong công việc của mình, vì công việc của các anh em là để có thể ăn và uống. Dù trong hoàn cảnh nào cũng đừng phàn nàn về vị mục tử, vì tu sĩ nào phàn nàn là đang tự chuốc lấy sự diệt vong cho chính mình. Tương tự như vậy, hãy lắng nghe lời dạy dỗ một cách chú tâm và thực hiện những việc lành và tốt đẹp; hãy khích lệ những người lười biếng tham gia phụng vụ và cầu nguyện; đừng xa lánh các thánh tích của Chúa: nếu một tu sĩ sáu tuần liền không rước lễ, thì người ấy không phải là tu sĩ. Tôi còn khẩn khoản xin các anh em, đừng trộm cắp đồ dùng của tu viện, dù là bánh mì hay rau củ, và đừng mang bất cứ thứ gì ra khỏi tu viện vì những ham muốn cá nhân. Hãy mặc quần áo như nhau, đừng dự trữ thức ăn trong các phòng riêng, đừng mang bánh mì ra khỏi bàn ăn, trừ khi có nhu cầu cấp bách hoặc khi ốm đau. Hãy dùng bữa tại phòng ăn chung và thức ăn phải được phân phát công bằng cho tất cả mọi người; hãy ăn uống vào thời điểm thích hợp ; khi dùng bữa, đừng ăn quá no hay uống say, vì điều đó là ghê tởm trước mặt Đức Chúa Trời, và gây gánh nặng cũng như bệnh tật cho thân xác. Cũng không xứng đáng khi các con gây thù hận lẫn nhau, vì những kẻ gieo rắc thù hận và nói lời tục tĩu sẽ không được thừa hưởng Nước Trời; cũng như những kẻ giả hình xảo trá, những kẻ sai anh em mình đi khắp nơi, còn bản thân thì chẳng thèm động tay vào việc gì. Ôi, thật bi thảm! Vực thẳm địa ngục đắng cay đang tràn ngập những tu sĩ lơ là, còn những người công chính, sau khi chịu đựng một chút và tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời, sẽ được vui mừng muôn đời. Đức Kitô đón nhận những người đồng lòng vào nhà Ngài. Vậy thì các con, hỡi các con của ta, hãy cố gắng đi qua cánh cửa hẹp và con đường đầy gian nan, để đạt được sự sống đời đời. Còn đối với các đầy tớ và những người lao động khác, ta ra lệnh: đừng giận dữ và đừng gây thù oán lẫn nhau; hãy vâng lời và tuân theo vị Bề trên trong mọi việc, đừng xúc phạm anh em bằng lời nói hay hành động, đừng gây ra những hành vi khiếm nhã, mà hãy cố gắng làm hài lòng mọi người. Phải bảo quản các dụng cụ của tu viện và đồ dùng trong nhà, để không có thứ gì bị hư hỏng. Đừng động đến tài sản của người khác và tuyệt đối không được trộm cắp bất cứ thứ gì, vì việc tích trữ tài sản riêng gây hại lớn cho tu sĩ, và đẩy linh hồn vào ngọn lửa không thể dập tắt cùng những cực hình vĩnh cửu. Và các con, những đứa con của ta, hãy tránh xa những điều ác và sự điên rồ ấy, đồng thời nhắc nhở mọi người về những lời dạy này của chúng ta. Các công việc trong tu viện cần được thực hiện mà không than vãn, không lười biếng và không nổi loạn, để không trở thành những kẻ đạo đức giả và nịnh bợ người đời, chỉ làm việc trước mặt người khác, mà hãy cố gắng làm đẹp lòng Chúa, làm việc trong thầm lặng bằng đức tin và sự chân thật. Đừng ngược đãi nông dân bằng bạo lực và đừng tự cao tự đại giữa các vị khách, hãy ngồi ở những chỗ cuối cùng, và điều quan trọng nhất –

[1395] Thánh Kornilii Komelsky đã soạn thảo nội quy tu viện cho tu viện của mình, nơi Thánh Gennadiy từng tu học. Nội quy này được in trong cuốn "Lịch sử Giáo hội Nga" và được tái bản riêng vào năm 1812.

đừng thù hận ai và đừng nói những lời dối trá về anh em tu sĩ hay vị Bề trên. Hỡi các anh em của ta, hãy nhanh chóng làm điều thiện và học hỏi Lời Chúa trong Phúc Âm thánh và các Thư Tông Đồ. Hãy cất giữ trong Nhà Chúa những cuốn sách mà chúng ta đã mua; các con ơi, các con hãy nghiên cứu kỹ lưỡng và dốc trí tuệ để hiểu chúng: ở đây có các tác phẩm của các vị Thánh Cha. Ai tuân giữ các điều răn của Chúa và đức tin nơi Đức Kitô, người ấy sẽ được vui mừng muôn đời".

Thánh Gennadius qua đời vào ngày 23 tháng 1 năm 1565; sự ra đi thanh thản và bình an của ngài diễn ra sau một thời gian ngắn bị bệnh.

Đệ tử và người kế vị của Thánh Gennadius, Tu viện trưởng Alexius, trong bài điếu văn ca ngợi vị thánh này đã liệt kê các đức tính của ngài và nhấn mạnh rằng chính nhờ những đức tính đó mà ngài được cả hoàng gia kính trọng: ông là cha đỡ đầu cho con gái của Sa hoàng Ioann Vasilievich Grozny từ người vợ đầu tiên của ông, Anastasia Romanovna, người mà trước đó ông đã tiên đoán sẽ kết hôn với Sa hoàng và sinh con. Theo lời của vị tu sĩ cao niên Antony, một tu sĩ của Tu viện Iosifov-Volokolamsk, Alexy còn kể thêm một sự việc khác về Thánh Gennady. Một lần nọ, khi Thánh Gennadi đang cử hành thánh lễ tại một nhà thờ ở Moscow, nơi có các quan lại hoàng gia và phu nhân của các quý tộc đang hiện diện, thì một người phụ nữ nghèo khổ cùng các con bước vào; một số đứa trẻ khóc nức nở trong vòng tay bà, số khác nằm bên cạnh bà. Nhìn thấy cảnh đó, các phu nhân quý tộc thở dài cầu khẩn Chúa và Đức Mẹ Đồng Trinh, thầm nghĩ trong lòng: "Chúa đã ban con cái cho những người nghèo khổ này, những người không có gì để nuôi chúng, còn chúng ta, những người có điều kiện nuôi dạy con cái nhờ tiền lương của hoàng gia, thì Chúa lại không ban cho khả năng sinh con, chắc chắn là vì tội lỗi của chúng ta." Thánh Gennady hiểu được suy nghĩ của họ và nói với họ:

– Xin các phu nhân đừng buồn phiền: nếu các phu nhân sống đạo đức trong hoàn cảnh của mình, thì theo ý Chúa, từ nay trở đi các phu nhân sẽ sinh con.

Theo lời tiên tri của vị thánh, điều này đã thành hiện thực không chỉ với một, mà với rất nhiều phụ nữ quý tộc. Và tại các thành phố khác, Thánh Gennadius cũng đã tiên tri cho nhiều phụ nữ đạo đức rằng họ sẽ được ban phước có con.

Việc tìm thấy di cốt của Thánh Gennadius diễn ra vào năm 1644, dưới triều đại của Sa hoàng đạo đức Mikhail Feodorovich và dưới thời Thượng phụ Joseph, khi ngôi thánh đường gỗ cũ kỹ của Lễ Biến Hình Chúa được tháo dỡ để xây dựng lại bằng đá; trong quá trình đào hào, người ta đã tìm thấy quan tài chứa thi hài không hư nát cùng các bộ lễ phục của ngài.

Ngày tưởng niệm Thánh Mavsima Sirin

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 1

Thánh Mavsima là người Syria, quê ở vùng lân cận thành phố Kira[1396] ; sau khi được giáo dục đơn sơ tại làng quê, ngài đã tỏa sáng trong mọi đức hạnh. Sau khi nổi tiếng nhờ đời sống riêng tư, ngài được bổ nhiệm làm người lãnh đạo tinh thần tại một làng nhỏ gần thành phố. Trong khi cử hành các nghi lễ thánh và chăn dắt đàn chiên của Chúa, ngài vừa nói vừa làm theo những gì Luật Thánh truyền dạy. Ngài chỉ có duy nhất một bộ quần áo; khi bộ quần áo đó rách nát vì cũ kỹ, vị thánh nhân đã vá lên đó những miếng vá mới liên tiếp để che đi sự trần truồng của mình. Thánh Mavsima chăm lo cho những người lữ hành và người nghèo đến mức cửa nhà ngài luôn rộng mở đón tiếp mọi người đến. Người ta kể rằng ngài có hai bình: một bình đựng hạt lúa mì, một bình đựng dầu, từ đó ngài chia sẻ cho tất cả những ai đang gặp khó khăn. Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, Đấng đã ban phước cho góa phụ thành Sarepta, cũng đã ban phước lành tương tự cho các bình đựng của Thánh Mavsima: *"Ngài là Đấng tốt lành, nhân từ và đầy lòng thương xót đối với tất cả những ai kêu cầu Ngài"* (Thi Thiên 85:5); khi ra lệnh để bột trong thùng và dầu trong bình không bao giờ cạn kiệt – chính từ đó người góa phụ đã nuôi dưỡng vị tiên tri vĩ đại[1397] – Chúa cũng ban cho vị thánh kỳ diệu Mavsima sự dư dật tương xứng với lòng quan tâm của ngài dành cho

[1396] Syria là quốc gia nằm ở phía bắc Palestine; ở phần phía bắc của nước này, giáp với Tiểu Á, có tỉnh Kiretik, với thành phố chính là Kir.

[1397] Khi đến cổng thành Sarepta thuộc Sidon theo lệnh của Đức Chúa Trời, thánh tiên tri Ê-li đã xin một góa phụ đang nhặt củi mang cho ngài một miếng bánh mì. Bà trả lời rằng bà chỉ còn lại một nắm bột trong thùng và một ít dầu trong bình. "Tôi sẽ đi," bà nói, "chuẩn bị món này cho tôi và con trai tôi; chúng tôi sẽ ăn xong rồi chết." Lúc bấy giờ, do hạn hán, đất nước Israel đang lâm vào nạn đói. Thánh tiên tri nói với người góa phụ: "Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vầy: Bột trong thùng sẽ không cạn, dầu trong bình sẽ không hết cho

người nghèo. Sau khi sống một cuộc đời đạo đức và đẹp lòng Chúa cho đến tuổi già, vị thánh đã an lành về với Chúa[1398] .

Ngày tưởng niệm Thánh Salaman, vị thánh im lặng

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 1

Vị thánh cha Salaman của chúng ta xuất thân từ làng Kapersana, nằm trên bờ tây sông Euphrates[1399] . Yêu thích sự ẩn dật, ngài đã tìm thấy một túp lều nhỏ bên kia bờ sông và tự giam mình trong đó, bịt kín cửa ra vào và cửa sổ; mỗi năm một lần, ngài ra ngoài qua một đường hầm đào dưới tường để dự trữ thức ăn. Vị giám mục địa phương, khi biết về đời sống đạo đức của vị thánh, đã muốn phong chức linh mục cho ngài. Đến nơi ở của vị thánh với mục đích này, vị giám mục đã ra lệnh phá dỡ một phần bức tường, sau đó mới bước vào căn phòng. Sau khi phong chức linh mục cho vị thánh tu sĩ Salaman, vị giám mục đã giảng dạy cho ngài về ân sủng của chức thánh; trong suốt thời gian ở lại trong phòng tu, vị thánh giám mục không nghe thấy từ vị thánh tu sĩ im lặng ấy một lời nào và đã ra về, ra lệnh lấp lại phần tường đã bị phá dỡ. Người dân trong làng quê của Thánh Salamán, mong muốn có một người của Chúa trong cộng đồng mình, một đêm nọ đã lội qua sông, đưa vị thánh đi – người không tranh cãi, không chống cự, nhưng cũng không bày tỏ sự đồng ý – và đưa ngài về phía họ; tại đây, dân làng đã dựng cho vị thánh một túp lều giống như trước đây và nhốt ngài ở đó; Thánh Salaman vẫn tiếp tục giữ im lặng, không ai nghe được từ ngài một lời nào. Chẳng bao lâu sau, cư dân của ngôi làng nằm ở bờ bên kia, nơi vị thánh từng lánh nạn trước đó, đã đến ngôi nhà mới của ngài vào ban đêm và nghe thấy ngài đang dâng lời cầu nguyện như sau: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin thương xót con và tất cả những ai phụng sự danh Ngài và thờ phượng Ngài, Thiên Chúa Chân Thật của chúng con."

Người dân trong làng đã dỡ bỏ căn phòng tu hành và đưa vị thánh về nhà họ; vị thánh thầm lặng này lần này cũng không hề chống cự hay đòi họ để mình lại. Bằng cách đó, ngài đã tự coi mình như đã chết đối với cuộc đời này, *và* theo đúng nghĩa đen, ngài có thể lặp lại lời của các tông đồ: *"Không còn là tôi sống nữa, mà là Đấng Kitô sống trong tôi. Và bây giờ, khi tôi còn sống trong xác thịt, tôi sống nhờ đức tin vào Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu thương tôi và hiến dâng chính mình vì tôi"* (Gl 2,20). Với mức độ cao cả hơn bất kỳ ai khác, sau khi đã làm chết đi con người xác thịt trong chính mình, vị thánh hạnh phúc Salaman đã hoàn thành công trình của mình cho đến cùng và, trong niềm hân hoan, đã chuyển đến các nơi ở trên trời[1400] .

Kỷ niệm Công đồng Toàn cầu lần thứ VI

Ngày kỷ niệm: 23 tháng 1

Công đồng Đại kết lần thứ VI được tổ chức vào năm 680 dưới triều đại Hoàng đế Constantine Pogonatus[1401] tại Constantinople, nhằm chống lại phái Monophelites, những người, để hòa giải giáo lý Monophysite với giáo lý Chính Thống, đã công nhận trong Chúa Giêsu Kitô hai bản tính giống như người Chính Thống, nhưng, giống như phái Monophysite, họ chỉ thừa nhận trong Ngài một ý chí duy nhất – Ý chí Thần thánh[1402] . Sự lan truyền của học thuyết này đã gây ra những xáo trộn lớn trong Giáo hội và khơi dậy sự phản đối quyết liệt từ phía những người bảo vệ nhiệt thành của Chính Thống giáo, những người đã công khai lên tiếng

---

đến ngày Đức Chúa Trời cho mưa xuống đất." Người phụ nữ đã cho người của Đức Chúa Trời ăn, và lượng bột cùng dầu của bà không cạn kiệt trong suốt thời gian đói kém (3 Vua 17:8–16).

[1398] Vào cuối thế kỷ IV.

[1399] Sông Euphrates bắt nguồn từ dãy núi Armenia, ở đoạn hạ lưu hợp lưu với sông Tigris, sau đó với tên gọi Shatt al-Arab đổ ra Vịnh Ba Tư. Kapersana (Parsa hoặc Persana) nằm gần Samosata (nay là Samsat), thành phố chính của tỉnh Commagene thuộc Syria.

[1400] Khoảng năm 400.

[1401] Hoàng đế Byzantine Constantine IV Pogonatus trị vì từ năm 688 đến năm 695.

[1402] Tại Alexandria, nơi chủ nghĩa Monophysite đặc biệt mạnh mẽ, người đại diện cho học thuyết phi Chính thống này là Kir, Tổng Giám mục Alexandria (giữ chức từ năm 630 đến năm 640). Tổng Giám mục Constantinopolis Sergius (610–638) và Giáo hoàng Honorius (625–638) cũng không thấy có gì trái với Chính Thống giáo trong giáo lý của những người theo chủ nghĩa Monophelite và đã trở thành những người theo chủ nghĩa này, mặc dù để ngăn chặn những xáo trộn mới trong Giáo hội, họ đã quyết định kiềm chế không đưa ra bất kỳ tuyên bố dứt khoát nào về vấn đề này, vốn vẫn chưa được Giáo hội xác định rõ ràng.

chống lại chủ nghĩa Monophelitism, coi đó chỉ là một hình thức che đậy của chủ nghĩa Monophysitism[1403] . Các sắc lệnh của các vị quân vương, mặc dù công khai thừa nhận chỉ có một ý chí trong Đức Kitô, nhưng đồng thời, nhằm chấm dứt những xáo trộn, đã ra lệnh phải tránh các cách diễn đạt về "ý chí duy nhất" và "hai ý chí" trong Đức Kitô[1404] , thậm chí còn ra lệnh nghiêm khắc nhất là phải chấm dứt vô điều kiện mọi tranh luận về vấn đề gây tranh cãi này, dưới sự đe dọa truy tố dân sự đối với những kẻ bất tuân[1405] , đã chỉ tạo ra lý do để gây thêm sự bực bội và thậm chí còn khiến những người bảo vệ chính thống giáo dũng cảm trở thành các vị tử đạo[1406] . Trong bối cảnh đó, các vị Giáo phụ và đại diện các Giáo hội phương Đông và phương Tây đã chia rẽ, bởi trong số những người phương Đông có nhiều người theo thuyết Monotelet, trong khi Giáo hội phương Tây đã công khai lên tiếng chống lại tà thuyết và đứng ra bảo vệ giáo lý Chính thống. Điều này cuối cùng đã thúc đẩy Hoàng đế Constantine Pogonatus triệu tập Công đồng Toàn cầu, được khai mạc vào năm 680, sau khi đã có sự trao đổi trước với Rôma. Có 170 vị cha tham dự công đồng, trong đó có hai vị tổng giám mục phương Đông đích thân có mặt: George của Constantinople[1407] và Macarius của Antioch[1408] , cả hai đều là những người theo thuyết Monophysite; còn Giáo hoàng Agathons của Rôma đã cử các đại diện thay mặt mình. Bản thân hoàng đế cũng có mặt tại các phiên họp của công đồng, kéo dài khoảng một năm. Sự cuồng tín của những người theo phái Monothelite đã lên đến mức điên cuồng đến nỗi một tu sĩ người Thrace tên là Polychronius đã tự nguyện đứng ra trước công đồng để chứng minh tính chính thống của phái Monothelite bằng cách làm cho người chết sống lại, nhưng trong cuộc thử nghiệm công khai được phép tiến hành, ông đã bị bẽ mặt một cách tàn nhẫn. Sau nhiều cuộc tranh luận gay gắt, Công đồng đã quyết định công nhận hai ý chí trong Đức Giêsu Kitô: ý chí Thần tính và ý chí Nhân tính, tương ứng với hai bản tính. Thượng phụ Georges của Constantinople đã thừa nhận mình đã lầm lạc và được đón nhận trở lại vào sự hiệp thông với Giáo hội. Tuy nhiên, Thượng phụ Makarios của Antioch vẫn kiên quyết bám giữ tà thuyết Monothelitism, do đó ngài đã bị vạ tuyệt thông cùng với tất cả những người theo tà thuyết Monothelitism trước đó. Công đồng, bắt đầu vào ngày 7 tháng 11 năm 680, đã kết thúc vào ngày 16 tháng 9 năm 681.

Ngày 6 tháng 2

ngày 24 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Mẹ Thánh Xenia, tên thế gian là Eusebia

Ngày tưởng niệm 24 tháng 1

Tại Rôma có một vị quý tộc đáng kính, thuộc tầng lớp thượng nghị sĩ cao cấp, là người theo đạo Kitô, rất sùng đạo, có một đứa con duy nhất mà ông yêu thương như con ngươi mắt – đó là cô con gái tên là Evsevia. Khi cô gái đến tuổi trưởng thành, một quý tộc khác, cũng thuộc tầng lớp thượng nghị sĩ, đã xin cha mẹ Evsevia gả con gái cho con trai ông. Cha mẹ Evsevia, sau khi bàn bạc với nhau, đã hứa gả cô cho chàng trai quý tộc, ngang hàng với họ về danh dự và của cải, và ngày tổ chức lễ cưới hợp pháp đã được ấn định. Tuy nhiên, cô gái, tràn đầy tình yêu dành cho Thiên Chúa, mong muốn mãi mãi là cô dâu của Chú Rể bất diệt, Đấng tuyệt vời nhất trong tất cả con cái loài người nhờ những sự hoàn hảo của Ngài, chính là Chúa Kitô, và giữ trọn trinh tiết của mình mãi mãi. Tuy nhiên, cô đã giấu kín nguyện vọng này với cha mẹ, vì cô biết rằng nếu họ đoán ra ý định của cô, họ sẽ không muốn nghe nói đến chuyện đó. Họ sẽ tìm mọi cách cản trở cô, lúc thì bằng lời nịnh hót và sự âu yếm, lúc thì bằng những

---

[1403] Đứng đầu trong số họ là Thánh Sofronius, Thượng phụ Giêrusalem (634–644) và Thánh Maximus Confessor, những người mà quý vị có thể tìm hiểu thêm trong tiểu sử của ngài vào ngày 20 tháng 1.

[1404] Đó chính là "Ekthesis", tức là bản tuyên xưng đức tin của Hoàng đế Heraclius, trong đó đồng thời khẳng định một sự thật không thể chối cãi rằng trong Đức Kitô chỉ có một ý chí duy nhất.

[1405] Tất nhiên, còn có cái gọi là "Tipo của Đức tin", được ban hành bởi người kế vị Heraclius, Hoàng đế Constans.

[1406] Trong số họ, đặc biệt đáng chú ý là Thánh Maximus Confessor và Giáo hoàng Martin I (giữ chức vụ từ năm 649 đến năm 653). Xem chi tiết hơn về điều này trong tiểu sử của Thánh Maxim vào ngày 20 tháng 1.

[1407] Giorgi I, Thượng phụ Constantinopolis, nắm giữ chức vụ từ năm 678 đến năm 683.

[1408] Thánh Macarius, Thượng phụ Antioch, đã nắm giữ chức vụ từ năm 653 đến năm 680.

mệnh lệnh, để ép cô phải kết hôn, nhất là khi cô là người thừa kế duy nhất của toàn bộ tài sản họ; họ mong muốn được an ủi qua cuộc hôn nhân của cô và những đứa con của cô.

Thánh Evsevia có hai người tớ gái trung thành, những người đã lớn lên cùng cô từ thuở nhỏ và phục vụ cô với tất cả sự tận tụy và trung thành. Khi ở riêng với họ, cô nói:

– Ta muốn tiết lộ cho các con một bí mật, nhưng trước hết, ta xin thề trước Chúa Trời rằng các con đừng nói với ai về những gì các con sẽ nghe từ ta: ta muốn chia sẻ với các con ý nghĩ thầm kín và khát vọng trong lòng ta. Hãy cẩn thận đừng để bất kỳ người phàm nào biết được bí mật của ta; sẽ tốt hơn nữa nếu chính các con cũng đồng ý với ta. Khi đó, các con sẽ cứu rỗi linh hồn mình, và cũng giúp đỡ cho sự bất xứng của ta.

Các nữ tỳ đáp lại:

– Bất cứ điều gì bà ra lệnh cho chúng tôi, thưa bà chủ, chúng tôi sẽ tuân theo, nhất là khi kế hoạch của bà cũng sẽ mang lại lợi ích cho linh hồn chúng tôi. Chúng tôi thà chết vì bà còn hơn là nói với ai về những điều bà sắp tiết lộ cho chúng tôi.

Rồi cô gái nói với họ:

– Các chị biết rằng cha mẹ tôi muốn gả tôi đi; nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện kết hôn. Việc mà cha mẹ khuyên tôi làm thật quá nặng nề đối với tôi. Cuộc sống như vậy đối với tôi là gì? Chỉ là ảo ảnh, sương mù và giấc mơ. Hãy nghe tôi đây: chúng ta hãy cùng nhau quyết tâm sống một cuộc đời trong sạch, và nếu ý Chúa ban phước cho ý định của tôi, còn các anh nghe theo lời khuyên của tôi và giữ kín những gì tôi đã nói với các anh – thì chúng ta sẽ suy nghĩ kỹ về tất cả những gì chúng ta cần làm. Hãy tin tôi, rằng nếu cha mẹ tôi biết được chuyện này và muốn ép buộc tôi kết hôn, thì với sự giúp đỡ của Chúa, họ sẽ không bao giờ có thể thay đổi ý định của tôi, ngay cả khi họ ném tôi vào lửa, đưa tôi ra chém bằng gươm hay ném tôi cho thú dữ.

Nghe xong, hai người hầu gái nói:

– Xin ý Chúa được thực hiện! Chúng tôi đồng ý với ý định của cô và cũng khao khát điều mà cô đang hướng tới, thưa phu nhân. Chúng tôi thà chết cùng cô còn hơn là làm nữ hoàng mà không có cô.

Nghe những lời ấy từ các tỳ nữ của mình, thánh Evsevia đã ngợi khen Thiên Chúa. Sau đó, cả ba thiếu nữ, cùng chung một tình yêu dành cho Chúa Kitô, không ngừng suy ngẫm xem phải làm gì để ước nguyện của họ có thể thành hiện thực. Và họ cầu xin Thiên Chúa ban cho họ lời khuyên tốt lành.

Kể từ ngày họ dâng hiến bản thân với tình yêu cho Chúa, quyết tâm sống đời độc thân, Evsevia đã bí mật phân phát cho những người nghèo khó, qua tay các thiếu nữ của mình, tất cả những gì bà có: vàng, bạc và mọi vật quý giá. Các thiếu nữ cũng phân phát tài sản của chính mình, chuẩn bị sống trong cảnh nghèo khó vì tình yêu dành cho Chúa Kitô. Khi ngày cưới đã gần kề và mọi người đang chuẩn bị cho lễ cưới, Thánh Evsevia, sau khi bàn bạc với các trinh nữ của mình, đã cùng họ mặc trang phục nam giới và, mang theo một ít vật dụng cần thiết từ tài sản, lén lút rời khỏi nhà cùng họ, vì cánh cửa không bị khóa. Sau khi làm dấu thánh giá, họ hướng về Chúa Kitô, Thiên Chúa, và cầu nguyện:

– Xin hãy ở cùng chúng con, Con Thiên Chúa, và chỉ cho chúng con con đường mà chúng con phải đi, vì vì tình yêu dành cho Ngài, chúng con rời bỏ ngôi nhà và tất cả những gì trong đó, và quyết tâm lang thang và sống trong đau khổ, hướng về Ngài và mong muốn tìm thấy Ngài.

Họ đã cầu nguyện như vậy trong nước mắt khi bước ra khỏi nhà, rồi lên đường, vừa khóc vừa vui mừng cùng một lúc.

Trên đường đi, thánh Eusebia quay sang các nữ tỳ của mình và nói:

– Từ nay trở đi, các con hãy là chị em và là chủ nhân của tôi; tôi sẽ phục vụ các con suốt cả cuộc đời mình. Chỉ có điều, thưa các chủ nhân của tôi, chúng ta hãy từ bỏ mọi sự vì Chúa và đừng tìm kiếm điều gì khác trên trần gian này ngoài sự cứu rỗi cho linh hồn chúng ta. Chúng ta hãy tránh xa mọi lo toan trần tục vô nghĩa, có hại cho linh hồn; chúng ta hãy tin tưởng vào Chúa, Đấng đã phán: *"Ai từ bỏ nhà cửa, cha mẹ hay ruộng đất vì danh Ta, sẽ được gấp trăm lần và được hưởng sự sống đời đời"* (Mt 19,29). Vâng, các chị em của tôi, chúng ta hãy lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn chúng ta.

Trong khi vị thánh nữ đang trò chuyện với họ như vậy, họ đã đến bờ biển và, khi tìm thấy một con tàu sẵn sàng khởi hành đến Alexandria, họ đã trả tiền và lên tàu. Vì có gió thuận chiều, nên chỉ sau vài ngày, họ đã đến được Alexandria. Sau khi rời tàu, họ đến một hòn đảo tên là Koya, cách thành phố Halicarnassus thuộc vùng Caria[1409] mười lăm nghìn bước chân. Họ di chuyển từ nơi này sang nơi khác, mong tìm được một vùng đất hoang vắng mà không ai biết đến, để tránh bị cha mẹ tìm thấy. Khi ở trên hòn đảo này mà không còn lo sợ bị truy lùng,

họ lại biến hình từ nam sang nữ và thuê một căn nhà nhỏ hẻo lánh, sống ở đó nhờ ơn Chúa, Đấng mà họ không ngừng cầu nguyện, xin Ngài sai đến một vị tu sĩ có chức thánh, người có thể ban cho họ áo tu và chăm sóc linh hồn họ. Thánh Eusebia đã thuyết phục các bạn của mình, nói rằng:

– Tôi xin các chị em, vì danh Chúa: hãy giữ kín bí mật của chúng ta và đừng nói với ai về quê hương của chúng ta, về lý do khiến chúng ta rời khỏi nhà, cũng như về tên của tôi, để cha mẹ tôi không tìm thấy tôi qua cái tên mà tôi đang dùng và qua quê hương mà chúng ta đã rời bỏ. Tôi khẩn khoản xin các chị nhân danh Thiên Chúa, hãy giữ kín tất cả những điều này cho đến cuối đời tôi và đừng nói với ai bất cứ điều gì về những gì đã xảy ra với chúng ta hay những gì sắp xảy ra. Nếu có ai hỏi các chị về tên tôi, hãy nói rằng tôi tên là Ksenia, có nghĩa là "người lạ xứ"[1409] ; vì, như các chị thấy, tôi đang lang thang, đã rời bỏ nhà cửa và cha mẹ vì Thiên Chúa. Từ nay trở đi, các chị cũng đừng gọi tôi là Evsevia nữa, mà hãy gọi là Ksenia, vì tôi không có nơi cư trú cố định ở đây, mà đang lang thang cùng các chị trong cuộc đời này, tìm kiếm tương lai.

Đáp lại lời nói này của Thánh Evsevia dành cho các bạn thân, họ hứa sẽ giữ kín mọi điều bà đã nói với họ, và kể từ đó, vị hôn thê thánh thiện của Chúa Kitô được gọi là Ksenia thay vì Evsevia.

Một lần nọ, bà quỳ gối cùng các bạn thân, bắt đầu khóc và nói:

– Lạy Chúa, xin ban cho chúng con, những kẻ lữ hành và nghèo hèn, lòng thương xót vĩ đại của Ngài, như Ngài đã ban cho tất cả các thánh của Ngài. Xin Chúa, Đấng Tối Cao, hãy sai đến cho chúng con một người đẹp lòng Ngài, nhờ người ấy mà chúng con, những kẻ khiêm nhường, cũng có thể được cứu rỗi.

Sau khi cầu nguyện như vậy, Thánh Xenia cùng các chị em rời khỏi ngôi nhà nơi họ đang ở – và bỗng họ thấy một vị lão nhân tóc bạc, dáng vẻ trang nghiêm, đang đi từ bến cảng, mặc áo tu sĩ, khuôn mặt giống như khuôn mặt của một Thiên thần. Tiến lại gần ông, cô gái thánh thiện quỳ xuống dưới chân ông và, trong nước mắt, bắt đầu nói:

– Hỡi người của Chúa, xin đừng khinh thường kẻ lang thang trên đất khách, đừng từ chối người ăn xin khốn khổ này, đừng ghê tởm lời khẩn cầu của kẻ tội lỗi, nhưng xin hãy noi gương Thánh Tông đồ Phaolô và trở thành người hướng dẫn và thầy dạy cho chúng con, như ngài đã từng là đối với Thánh Thekla. Xin hãy nhớ đến phần thưởng mà Đức Chúa Trời đã dành sẵn cho những người công chính, và xin cứu rỗi con cùng với hai chị em này.

Nghe vậy, vị tôi tớ của Đức Chúa Trời cảm thấy thương xót và, nhìn thấy những giọt nước mắt của họ, ngài hỏi:

– Con muốn gì và ta phải làm gì cho các con?

Cô đáp:

– Xin hãy làm cha và thầy dạy chúng con theo ý Chúa. Xin dẫn chúng con đến nơi chúng con có thể được cứu rỗi; chúng con là những người lữ hành và không biết phải đi đâu; chúng con xấu hổ khi phải lộ diện trước mọi người.

Ông liền hỏi:

– Các con đến từ đâu và tại sao lại cô đơn như vậy?

Thánh nữ đáp:

– Chúng con đến từ một đất nước rất xa xôi, hỡi người tôi tớ của Chúa Kitô. Chúng con đã đồng ý cùng nhau rời bỏ quê hương và đến vùng đất này. Chúng con đã cầu nguyện với Chúa ngày đêm, xin Ngài sai đến cho chúng con một người có thể giúp chúng con được cứu rỗi. Và đây, Chúa đã chỉ cho chúng con ngài, vị cha thiêng liêng, người có thể đón nhận những yếu đuối của chúng con.

Vị thánh già đáp lại:

– Hãy tin tôi, các chị em, – tôi cũng là một lữ khách ở đây, như các chị em thấy. Tôi đang trên đường trở về từ những thánh địa; sau khi thờ lạy tại đó, tôi sẽ trở về quê hương của mình.

Nữ tu hỏi

– Cha tinh thần ơi, ngài đến từ nước nào vậy, thưa ngài?

Ngài đáp:

– Tôi đến từ xứ Karia, thành phố Milas.

Rồi nữ tu lại hỏi ông:

[1409] Từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "người lạ", "người ngoại quốc".

– Con xin thỉnh cầu Đức Thánh Cha: xin hãy cho chúng con biết chức tước của ngài là gì, vì con nghĩ rằng ngài là một vị giám mục.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Xin chị tha thứ cho tôi! Tôi là một người tội lỗi và không xứng đáng với chức vụ tu sĩ. Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, tôi là một linh mục và là vị tu viện trưởng của một cộng đoàn nhỏ các tu sĩ, tại tu viện Thánh Tông đồ An-rê vinh quang; tên tôi là Phao-lô.

Nghe vậy, người nữ tỳ của Chúa Kitô đã ngợi khen Thiên Chúa, nói rằng:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa, vì Ngài đã nghe lời con, một kẻ hèn mọn, và đã sai Thánh Phaolô cùng hai chị em này đến với con, giống như Ngài đã từng sai Thánh Têcla đến với Thánh Têcla xưa kia.

Sau đó, cô quay sang vị tu sĩ cao niên và nói:

– Tôi khẩn cầu ngài, người tôi tớ của Đức Chúa Trời, xin đừng từ chối chúng tôi, những người lữ hành, mà hãy làm cha của chúng tôi theo ý Chúa.

Thánh Phaolô đáp lại:

– Ta đã nói với các con rằng ta cũng là một người lữ hành, và ta không biết mình có thể làm điều gì tốt cho các con ở đây? Nếu các con muốn đến thành phố của ta, thì ta hy vọng Chúa sẽ ban ân sủng của Ngài cho các con, còn ta, trong khả năng của mình, sẽ chăm sóc các con.

Các thiếu nữ, trong nước mắt, cúi đầu trước vị lão nhân và nói:

– Vâng, tôi tớ của Chúa! Xin hãy đưa chúng con đi cùng ngài. Chúng con sẽ đi đến bất cứ nơi nào ngài chỉ dẫn, nhưng xin hãy thương xót những người lữ hành này và dẫn dắt chúng con đến cuộc sống vĩnh cửu.

Người của Chúa đã dẫn các trinh nữ thánh đi cùng và cùng họ đến thành phố Milas. Tại đó, ngài đã tìm cho họ những nơi ở tại một nơi vắng vẻ, nằm gần nhà thờ. Cô gái thánh thiện đã mua những nơi ở đó bằng số tiền mang theo từ nhà, sau đó xây dựng một nhà thờ nhỏ mang tên Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, và chẳng bao lâu sau, bà đã thành lập một tu viện nữ, tập hợp một số cô gái và dâng hiến họ cho Chúa Kitô. Vị tu viện trưởng, Thánh Phaolô, đã chăm sóc họ. Chính ngài đã truyền giới tu sĩ cho Thánh Xenia cùng hai người hầu gái của cô. Không ai và chưa bao giờ biết, cho đến tận lúc bà qua đời, rằng cô gái thánh thiện này đến từ đâu, vì lý do gì mà bà rời bỏ quê hương, và tên thật của bà là gì, trong khi bà tự xưng là Xenia, tức là "người lữ hành". Còn Thánh Phaolô, khi có người hỏi về những cô gái này, đã nói:

– Tôi đã đón họ từ đảo Koi và đưa họ đến đây.

Vì thế, mọi người đều cho rằng họ đến từ đó. Chính vì lý do đó mà tu viện ấy được đặt tên theo tên hòn đảo Koi.

Một thời gian sau, Kirill, giám mục của thành phố đó, đã an nghỉ trong Chúa, và Thánh Pavel, vị tu viện trưởng của Tu viện Andreevsky, được bầu chọn để kế nhiệm. Sau khi nhận chức giám mục, ngài đã đến tu viện nữ và phong Ksenia, bất chấp ý muốn của cô, làm nữ phó tế, vì cô hoàn toàn xứng đáng với chức vụ này. Bởi vì, ngay khi còn sống trong thân xác phàm trần, cô đã sống một cuộc đời như thiên thần. Mặc dù là con gái của một thượng nghị sĩ, được nuôi dưỡng trong sự xa hoa và mọi tiện nghi, nhưng cô lại hướng tới một cuộc sống đầy gian khổ và tu hành, và rõ ràng đã tự mình khám phá ra những con đường hoàn toàn mới mẻ, khác thường và gian nan để đạt đến sự hoàn hảo trong việc ăn chay . Ngay cả các quỷ dữ cũng phải khiếp sợ trước sự kiêng khem của bà; bị đánh bại bởi việc ăn chay và những hành động hy sinh của bà, chúng bỏ chạy, không dám đến gần bà. Bà chỉ ăn vào ngày thứ hai hoặc thứ ba, và nhiều lần cả tuần liền không ăn gì. Khi đến giờ ăn, bà không ăn rau xanh, đậu, rượu, dầu, rau củ từ vườn, hay bất kỳ món ăn bổ dưỡng nào khác, mà chỉ ăn một ít bánh mì được tưới bằng chính nước mắt của mình. Bà lấy tro từ lư hương và rắc lên bánh mì. Bà làm điều này suốt cả cuộc đời mình, thực hiện lời tiên tri: *"Ta ăn tro như bánh, và nước uống của ta được hòa tan bằng nước mắt"* (Thánh Vịnh 101:10). Tuy nhiên, bà đã cố gắng hết sức để che giấu sự kiêng khem này khỏi các chị em khác, và chỉ có hai người tớ gái sống cùng bà mới lén lút quan sát những gì bà làm, rồi tự mình noi gương cuộc sống đạo đức của bà. Dù vậy, bà luôn giữ được sự hăng hái đến mức từ tối đến sáng sớm, bà đứng suốt đêm để cầu nguyện, giơ hai tay lên cao. Các chị em đã lén lút quan sát bà như vậy trong suốt những ngày còn sống. Đôi khi, bà quỳ gối từ chiều tối và cầu nguyện cho đến sáng, rơi những giọt nước mắt dạt dào. Bà luôn phụng sự Chúa như vậy và làm điều đó với lòng khiêm nhường đến mức dường như bà tự coi mình là người kém cỏi nhất trong tất cả mọi người.

Nhưng ai có thể liệt kê hết tất cả những đức tính khác của bà? Lời nào mới đủ để miêu tả hết những việc làm cao cả của bà! Trước hết, phải nói gì về sự hiền lành của bà? Chưa ai và chưa bao giờ thấy bà nổi giận; không có sự

kiêu ngạo hay tự cao nào làm u ám cuộc đời bà. Khuôn mặt bà luôn khiêm nhường, trí tuệ không hề kiêu ngạo, dung mạo không chút trang điểm, thân thể gầy gò vì những công việc khổ hạnh, trái tim bà thì thanh thản, không bị xáo trộn bởi bất kỳ sự nghi ngờ nào. Cô ấy sở hữu biết bao đức tính cao quý! Những phẩm chất vốn có của cô ấy là: sự tỉnh thức không ngừng, sự tiết chế phi thường, sự khiêm nhường không thể tả xiết, và tình yêu vô bờ bến. Cô ấy giúp đỡ người nghèo, thể hiện lòng trắc ẩn với những người đau khổ, nhân từ với những kẻ phạm tội, và hướng dẫn những ai sa ngã trở lại con đường sám hối. Về trang phục của bà thì chẳng cần phải nói: bà mặc những bộ quần áo rất tồi tàn – một chiếc váy và một chiếc áo sơ mi, nhưng ngay cả những thứ đó bà cũng tự cho là mình không xứng đáng. Cả cuộc đời bà trôi qua trong sự xúc động chân thành và những dòng nước mắt không ngừng tuôn trào. Thà rằng người ta có thể thấy những suối nước dồi dào cạn khô trong mùa nắng nóng, còn hơn là đôi mắt bà ngừng rơi lệ. Luôn hướng mắt về Đấng Hôn Phu yêu dấu là Đức Kitô, đôi mắt bà tuôn trào những dòng nước mắt dạt dào. Bà khao khát được nhìn thấy Ngài mặt đối mặt và nói cùng Đavít: *"Khi nào tôi đến và hiện diện trước mặt Thiên Chúa"*, trước mặt Đấng Hôn Phu ngọt ngào nhất của tôi? *"Nước mắt tôi là bánh của tôi ngày và đêm"* (Thánh Vịnh 41:3–4).

Khi thời khắc ra đi khỏi cuộc đời trần thế này đã đến gần đối với trinh nữ đáng kính này, cô dâu vô tì vết của Đấng Kitô, thì lễ kỷ niệm Thánh Ephrem, vị giám mục từng phục vụ tại thành phố đó, cũng diễn ra. Đức Giám mục Phaolô đáng kính đã cùng toàn thể hàng giáo sĩ của mình lên đường đến một làng có tên là Levkin. Ở đó có nhà thờ của Thánh Giám mục Ephrem, và trong đó an nghỉ thi hài thánh thiện của ngài. Vào ngày đó, Thánh nữ Xenia đã triệu tập tất cả các chị em của mình đến nhà thờ tu viện và bắt đầu nói với họ:

– Các chị em thân mến! Tôi biết các chị đã dành cho tôi tình yêu thương như thế nào – cách các chị đã kiên nhẫn chịu đựng những yếu đuối của tôi và giúp đỡ tôi, một người lữ hành. Giờ đây, tôi khẩn cầu các chị: hãy tiếp tục dành tình yêu thương cho tôi, người tôi tớ của các chị, cho đến phút cuối cùng; hãy nhớ đến tôi, kẻ nghèo hèn, tội lỗi và lữ hành này, trong những lời cầu nguyện của các chị, để cầu xin Thiên Chúa thương xót tôi, hầu cho những tội lỗi của tôi không cản trở tôi, nhưng nhờ những lời cầu nguyện của các chị, tôi có thể bình an bước đến với Đấng Kitô của tôi. Giờ đây, giờ phút lâm chung của tôi đã gần kề; linh hồn tôi đang đau khổ và buồn bã vô cùng, vì tôi phải rời bỏ thân xác này mà không có sự chuẩn bị xứng đáng. Hiện tại, Đức Cha và Chúa của chúng ta, Đức Giám mục Phaolô, không có mặt ở đây. Vì vậy, thay mặt tôi, các con hãy nói với ngài khi ngài đến: "Người nữ khốn khổ Ksenia đã nói như thế này: 'Vì danh Chúa, thưa Cha đáng kính, xin hãy nhớ đến con, người lữ hành này: chính Cha đã chỉ dẫn con trên con đường và đưa con vào cuộc sống này – xin hãy cầu nguyện cho con, để Chúa không làm con phải hổ thẹn trong niềm hy vọng của con'."

Nghe vậy, tất cả các chị em đều khóc và thốt lên:

– Thưa bà, người mẹ thiêng liêng và người dẫn dắt tâm hồn chúng con! Bà đang bỏ lại chúng con trong cảnh mồ côi và đầy tai ương. Ai sẽ dẫn dắt chúng con trên con đường chân chính của cuộc đời? Ai sẽ dạy dỗ chúng con? Ai sẽ cầu nguyện cho chúng con trong lúc chúng con đang chán nản? Không, thưa bà. Xin đừng bỏ rơi chúng con vào lúc này. Xin hãy nhớ lại chính Ngài đã tập hợp chúng con vào nơi này. Xin hãy chăm sóc linh hồn chúng con, thưa Nữ chủ, và khẩn cầu Đức Chúa Trời, xin Ngài ban cho Ngài thêm một chút thời gian vì chúng con, những kẻ khốn khổ này, để Ngài có thể dẫn dắt chúng con trên con đường cứu rỗi.

Hai nữ tỳ của bà cũng bắt đầu quỳ xuống dưới chân bà và khóc lóc thảm thiết, nói rằng:

– Bà đã bỏ chúng tôi rồi, thưa bà chủ, và rời khỏi đây mà không có chúng tôi. Chúng tôi, những kẻ khốn khổ, sẽ làm gì đây nếu không có bà? Chúng tôi, những người lữ hành, sẽ làm gì ở xứ người? Ôi, thật là đau khổ cho chúng tôi, những kẻ khốn khổ, nghèo nàn và lữ hành. Chúng tôi đã không lo cho bản thân mình, và vì thế bà muốn bỏ lại chỉ mình chúng tôi, thưa bà chủ của chúng tôi. Xin hãy nhớ lại những nỗi đau mà chúng con đã cùng chia sẻ với Người. Xin hãy nhớ lại hành trình lưu lạc chung của chúng ta, trong đó chúng con đã là những người bạn đồng hành của Người. Xin hãy nhớ lại rằng chúng con luôn tận tụy phụng sự Người. Xin hãy nhớ đến chúng con và cầu nguyện cho chúng con trước mặt Chúa; xin hãy mang cả chúng con theo cùng Người, để chúng con không phải xa cách Người, thưa Nữ chủ của chúng con.

Khi đó, tiếng khóc nức nở vang lên và sự hỗn loạn xảy ra, chính Ksenia cũng bắt đầu nói trong nước mắt:

– Các chị em thân mến, các chị em có biết rằng từ lâu trước đây, Thánh Tông đồ Phêrô đã tuyên bố: *"Chúa không chậm trễ trong việc thực hiện lời hứa, như một số người cho là chậm trễ; nhưng Ngài kiên nhẫn với chúng ta, không muốn ai phải hư mất, mà muốn mọi người đều ăn năn. Ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm ban đêm"* (2 Phê-rô 3:9–10). Biết điều này, các chị em thân mến, chúng ta đừng lười biếng trong khoảng thời gian ngắn ngủi

này, nhưng hãy tỉnh thức. Hãy thắp sáng những ngọn đèn của chúng ta, đổ đầy dầu vào những bình của chúng ta, và chuẩn bị để đón Chàng Rể, vì chúng ta không biết vào giờ nào Chúa sẽ gọi chúng ta: bởi vì mùa gặt đang đến và những người gặt đã sẵn sàng, nhưng chỉ đang chờ lệnh của Chúa.

Khi vị thánh nữ nói xong, mọi người đều khóc lóc và quỳ sấp xuống dưới chân bà; bà giơ hai tay lên trời, nước mắt tuôn trào, rồi bắt đầu cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Đấng đã chăm sóc cuộc lữ hành trần gian của con cho đến ngày hôm nay! Xin hãy nghe lời con, người tôi tớ nghèo hèn và tội lỗi của Ngài: xin hãy thương xót những tôi tớ nữ này của Ngài, những chị em của con. Xin hãy bảo vệ và cứu rỗi họ khỏi mọi mưu mô của ma quỷ, vì vinh quang và uy quyền của Danh Thánh Ngài. Con cầu xin Ngài, lạy Thiên Chúa của con: xin hãy nhớ đến hai chị em của con, những người đã đồng hành cùng con vì tình yêu của Ngài. Cũng như trong cuộc đời tạm bợ này họ không bao giờ xa cách con, xin đừng để chúng con xa cách nhau trong Nước Trời của Ngài, nhưng xin cho tất cả chúng con cùng được vào cung điện của Ngài.

Sau khi cầu nguyện như vậy, bà xin tất cả các chị em ra ngoài một lát và để bà ở lại một mình để suy gẫm trong cầu nguyện. Khi mọi người đã ra khỏi nhà thờ, bà tự nhốt mình lại trong đó một mình, còn hai người hầu gái của bà, đứng trước cửa, nhìn vào bên trong qua một khe hở. Họ thấy bà đang cầu nguyện, quỳ gối xuống đất, rồi giữa lúc cầu nguyện, bà nằm sấp trên mặt đất, tay chân dang rộng thành hình thánh giá. Khi bà nằm như vậy khá lâu, bỗng nhiên một luồng ánh sáng rực rỡ, trông giống như tia chớp, chiếu sáng trong nhà thờ; cùng lúc đó, một mùi hương thơm ngát bắt đầu tỏa ra từ nhà thờ. Hai chị em vội vã bước vào trong và định đỡ cô ấy dậy, nhưng đã thấy cô ấy an nghỉ trong Chúa. Đó là ngày 24 tháng 1 năm[1410] , vào ngày thứ Bảy, lúc sáu giờ chiều. Hai chị em này khóc lóc bước ra khỏi nhà thờ và kêu gọi những người khác, nói rằng:

– Hỡi các Mẹ và các chị em của chúng ta! Hãy cùng nhau khóc than vì cảnh mồ côi chung của chúng ta. Hãy cùng nhau khóc than cho sự ra đi của người đã từng là trụ cột của chúng ta. Chúng ta đã mất đi người Mẹ đáng kính của mình. Người Thầy của chúng ta đã rời xa chúng ta, và chúng ta đã ở lại một mình. Thánh Xenia, Mẹ của chúng ta, đã an nghỉ.

Khi bước vào nhà thờ, mọi người đều thấy bà đã rời bỏ cuộc sống trần gian này để sang thế giới bên kia. Lúc đó, tiếng khóc và tiếng than khóc thảm thiết bắt đầu vang lên. Đức Chúa Trời, Đấng yêu thương loài người, muốn cho mọi người thấy kho báu nào đã được giấu kín khỏi tất cả mọi người trên đất, nên đã hiển lộ trên trời một điềm báo vĩ đại và thánh thiêng. Chính vào giờ phút đó, khi Thánh nữ Ksenia phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa, vào buổi chiều, trong thời tiết hoàn toàn trong xanh và sáng sủa, trên bầu trời, phía trên tu viện nữ, xuất hiện một vương miện sáng chói làm bằng các vì sao, có một cây thánh giá ở giữa, tỏa sáng rực rỡ hơn cả mặt trời. Dấu hiệu này được tất cả mọi người nhìn thấy. Các công dân Milas, lúc đó đang cùng với vị giám mục của họ, Thánh Phaolô, tại làng Levki, khi nhìn thấy điềm báo trên bầu trời, đã ngạc nhiên và bối rối hỏi nhau: "Điều này có thể có ý nghĩa gì?" Vị giám mục thánh thiện Phaolô, sau khi thấu hiểu ý nghĩa của điềm báo bằng linh hồn, đã nói với toàn thể đám đông:

– Bà Ksenia của chúng ta đã qua đời, và nhân dịp này, dấu hiệu vương miện đã xuất hiện.

Ngay sau khi Thánh lễ kết thúc, ngài trở về thành phố cùng toàn thể dân chúng đã tham dự lễ hội, và tại đó, người dân đã tìm thấy, đúng như Đức Giám mục đã nói với họ, Thánh Xenia đã an nghỉ.

Ngay lập tức, một đám đông rất lớn tụ tập tại tu viện nữ, gồm nhiều người đàn ông, phụ nữ và trẻ em, bị thu hút bởi điềm báo hiển hiện trên bầu trời. Họ đồng thanh reo lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, vì Ngài có vô số thánh nhân, những người thầm lặng làm đẹp lòng Ngài! Vinh quang thuộc về Ngài, Con Thiên Chúa đã nhập thể và tự nguyện chịu đóng đinh vì chúng con, những kẻ tội lỗi – vì Ngài đã tỏ lộ cho mọi người kho báu vĩ đại của Ngài, vốn từ trước đến nay vẫn được giấu kín tại đây! Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa Tể, vì Ngài đã ban ân cho thành phố nghèo nàn Milas trở thành nơi cư ngụ và nơi cất giữ kho báu này của Ngài. Ngài đã gìn giữ trong đó cho đến nay viên ngọc quý giá, hạt ngọc vô giá, là Cô Dâu thánh thiện của Ngài! Sau khi đón nhận nàng vào cung điện thiên đàng của Ngài, Ngài đã để lại thân thể tinh khiết và thánh thiện của nàng cho thành phố của Ngài để gìn giữ.

Vậy là tất cả mọi người, vừa khóc vừa thốt lên và ngước nhìn vương miện cùng cây thánh giá hiện ra trên trời. Lúc đó, toàn thể dân chúng yêu mến Chúa Kitô, đặc biệt là các phụ nữ, tràn đầy lòng nhiệt thành, đã cất tiếng kêu lớn hướng về Đức Giám mục thánh Phaolô:

[1410] Thánh Xenia qua đời vào nửa sau thế kỷ V.

– Xin đừng che giấu vinh quang của thành phố chúng con, thưa Đức Giám mục đáng kính! Xin đừng im lặng về vinh quang của chúng con, xin đừng giấu đi viên ngọc quý mà Thiên Chúa đã ban cho chúng con. Xin hãy cho mọi người thấy ngọn nến rực rỡ, vốn từ trước đến nay vẫn bị che giấu và tỏa sáng trong bí mật. Xin hãy cho mọi người thấy, để ngay cả kẻ thù của chúng con cũng nhìn thấy và nhận ra rằng chúng con đang phụng sự Đấng Chủ Tể nào. Hãy để những kẻ ngoại đạo nhìn thấy và phải xấu hổ; hãy để những người Do Thái nhìn thấy mầu nhiệm Thập tự giá và nhận ra rằng Đấng mà họ đã đóng đinh chính là Thiên Chúa. Hãy để tất cả những ai thù địch với Thập tự giá của Đức Kitô nhìn thấy điều này và khóc than. Hãy để họ thấy rằng ngay cả sau khi chết, Chúa của các Thiên thần vẫn tôn vinh các tôi tớ của Ngài. Hãy để họ thấy rằng cô dâu của Ngài, Thánh Xenia – người mà mọi người từng coi là một người lữ hành vô danh và một tù nhân – được Chúa Kitô, Thiên Chúa, ban cho vinh quang như thế nào. Hãy để tất cả mọi người thấy rằng thành phố nghèo nàn của chúng ta đã được ban cho ân sủng và ân huệ lớn lao đến nhường nào!

Khi dân chúng tha thiết kêu cầu như vậy với vị giám mục, ngài cùng các linh mục đã tiến đến thi hài tôn kính của thánh Xenia. Sau khi đặt thi hài lên cáng một cách trang nghiêm, thắp nhiều ngọn nến và đốt hương trầm, vị giám mục cúi đầu kính cẩn rồi cùng các linh mục nâng cáng lên vai, sau đó họ rước cáng đi trong tiếng hát đến giữa thành phố. Mọi người đều kinh ngạc trước phép lạ vinh quang đang diễn ra, bởi vì khi cáng chở thi hài thánh nữ được rước đi, trên cáng cũng xuất hiện một vương miện có thánh giá từ trên trời. Khi chiếc giường được đặt giữa thành phố, vương miện cũng dừng lại phía trên chiếc giường. Lúc đó, vô số người từ các làng mạc lân cận đã tụ tập lại, những người đã chứng kiến dấu hiệu kỳ diệu trên trời. Toàn bộ thành phố chật cứng vì dòng người đổ về, và nơi đây trở nên vô cùng chật chội. Đức Giám mục Phaolô đáng kính, cùng với dân chúng, đã ở lại bên cạnh vị thánh suốt đêm Chủ nhật đó, thức trắng và hát thánh ca cho đến sáng. Có rất nhiều trường hợp được chữa lành nhờ di cốt của ngài: bất cứ ai đang mắc phải bệnh tật nào, chỉ cần chạm vào giường của vị thánh là lập tức được chữa lành.

Khi ngày Chủ nhật đến, thi hài của Thánh Ksenia được phủ bằng những tấm vải sạch và được rước đi trong tiếng hát các bài ca tang lễ đến một nơi nằm ở lối vào phía nam của thành phố, được gọi là "Sikiniya" (vườn cây vả): đó là nơi mà trước khi qua đời, vị thánh đã di chúc rằng thi hài của mình sẽ được an táng tại đó. Toàn thể dân chúng lại chứng kiến rằng, trong lúc rước thi hài của bà cùng với cáng, một vương miện có thánh giá làm bằng các vì sao, hiện rõ trên bầu trời, đã đi theo sau cáng. Và một lần nữa, khi cáng được đặt xuống, vòng hoa cũng dừng lại ở trên cao. Khi lễ an táng diễn ra, những người đứng gần đã chia những tấm vải phủ trên thi hài thánh thành những mảnh nhỏ và cất giữ chúng với lòng tin – để chữa lành các bệnh tật khác nhau. Vị Giám mục, sau khi xức dầu thánh theo nghi thức lên thi hài của Thánh nữ Xenia, đã đặt thi hài vào quan tài mới. Ngay khi lễ an táng trang nghiêm kết thúc, vương miện sao có thánh giá đang tỏa sáng trên bầu trời lập tức biến mất. Đồng thời, nhiều phép chữa lành đã được ban phát từ quan tài thánh cho tất cả những ai đến đó với lòng tin.

Một thời gian ngắn sau, một trong những nữ tỳ của Thánh nữ Xenia qua đời; rồi không lâu sau đó, người nữ tỳ còn lại cũng ra đi về cõi vĩnh hằng. Cả hai đều được an táng dưới chân vị thánh nữ chủ nhân của mình. Khi người nữ tỳ kia lâm chung, tất cả các nữ tu đều đến bên cô và khẩn khoản van nài, cầu xin cô kể lại cho họ nghe về tất cả những việc làm của vị thánh nữ chủ nhân Xenia. Cô, khi thấy mình đã nằm trên giường bệnh, đã kể cho họ nghe chi tiết về vị thánh: cô đến từ đâu, cha mẹ cô là ai, vì lý do gì cô đã bỏ trốn khỏi nhà và quê hương cùng với hai người hầu gái của mình, – cũng như cách cô đã giấu tên thật của mình; vì tên thật của bà là Evsevia, nhưng bà tự xưng là Ksenia, bởi vì bà lang thang vì tình yêu dành cho Thiên Chúa. Nhờ vậy, mọi người đều biết được cuộc đời trước đây chưa từng được biết đến của Ksenia, vị hôn thê của Chúa Kitô.

Vị thánh nữ đã làm đẹp lòng Chúa như vậy: đối với thế gian, bà là người lữ hành, còn đối với thiên đàng, bà là công dân; bà hiện hữu trong thân xác, nhưng sánh ngang với các Thiên thần vô hình; bà đã thoát khỏi thân xác như cởi bỏ áo quần, và đạp nát ma quỷ như con rắn; bà coi mọi sự trần gian như rác rưởi, nhưng đã giữ gìn sự trinh khiết của mình như một kho tàng vô tận; nhờ tình yêu của mình, bà đã trở thành cô dâu của Chúa Kitô, được đội vương miện bằng đức tin, và những gì bà hy vọng thì đã nhận được, và giờ đây bà đang hân hoan trong cung điện của Chàng Rể bất tử của mình. Bằng những lời cầu nguyện của mình, bà giúp đỡ rất nhiều cho các tín hữu, vì cái chết không hủy diệt sức mạnh của bà và cũng không giới hạn phạm vi những việc lành của bà. Vì bà đã thực hiện nhiều đức hạnh vì Chúa Kitô, nên vì bà, Chúa Kitô cũng ban cho chúng ta nhiều ân sủng, khi Ngài nhận lời cầu nguyện thánh thiện của vị hôn thê yêu dấu của Ngài.

Vài năm sau khi Thánh Xenia qua đời, Đức Giám mục Phaolô, vị cha linh hướng của bà, cũng đã an nghỉ trong Chúa. Ngài cũng đã làm đẹp lòng Chúa cho đến cuối đời, bởi nhờ những lời cầu nguyện của ngài mà các quỷ dữ bị xua đuổi và mọi bệnh tật đều được chữa lành. Ngài được an táng tại nhà thờ Thánh Tông đồ An-rê, nơi trước đây ngài từng là vị tu viện trưởng, và linh hồn thánh thiện của ngài đã được đưa về trước mặt Thiên Chúa trong vinh quang của các thánh. Nhờ sự cầu bầu nồng nhiệt của ngài trước mặt Thiên Chúa, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Evsevia, người đã nhận tên là Xenia, và nhờ sự cầu thay của cả hai nữ thánh này, xin Chúa ban cho chúng con được hưởng ân sủng của Ngài, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Khi tưởng niệm ngày lễ đặc biệt của ngài, Ksenia, những ai kính mến ngài bằng tình yêu thương, chúng con ca ngợi Đức Kitô, Đấng ban cho ngài mọi sức mạnh chữa lành; xin ngài luôn cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Vavila xứ Sicily và các môn đệ của ngài là Timôthê và Agapius

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 1

Thánh Vavila xuất thân từ phương Đông, từ thành phố vinh quang Antioch[1411] ; cha mẹ ngài là những người quý tộc và đạo đức.

Tại quê hương, ngài đã được giáo dục và được hướng dẫn về các điều răn của Chúa, nhanh chóng và kỹ lưỡng nghiên cứu Kinh Thánh, vốn luôn dẫn dắt con người đến với Thiên Chúa. Từ thuở thiếu thời, vị thánh đã yêu mến Chúa Kitô và từ bỏ thế gian; ngài sớm rời khỏi nhà cha mẹ, phân phát tài sản của mình cho người nghèo, trẻ mồ côi và góa phụ, rồi từ bỏ mọi sự hão huyền trần thế, ngài định cư trên đỉnh núi, nơi ngài sống trong sự im lặng; cùng với ngài có hai môn đệ là Agapius và Timotheus; vị thánh sống trong im lặng này đã được phong chức linh mục và kính trọng ân sủng của chức thánh được ban cho ngài. Khi những kẻ ngoại đạo cứng đầu và khát máu định giao nộp ngài cho quan tổng trấn vùng, vị thánh cùng các môn đệ đã rời Rôma và lui về Sicily[1412] , nơi ngài đã sống trong một năm. Tại đây, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, ngài đã khai sáng cho nhiều người và dẫn dắt họ đến sự hiểu biết về chân lý của Đức Kitô.

"Thành phố không thể ẩn mình khi nằm trên đỉnh núi" (Mt 4,14), và tin tức về Thánh Vavilo đã đến tai quan tổng trấn Sicily; ông ta ra lệnh bắt giữ vị thánh cùng hai môn đệ của ngài. Khi nghe thấy người tôi tớ dũng cảm của Ngài đã xưng nhận Chúa Kitô với lòng can đảm ra sao, viên quan đã ra lệnh đánh đòn và tra tấn ngài cùng các môn đệ; các thánh tử đạo, người nào cũng đẫm máu, bị dẫn đi khắp các thành phố ở Sicily, bị chế nhạo một cách vô nhân đạo bằng mọi cách; bằng cách này, tên tra tấn vừa muốn dọa nạt dân chúng, vừa muốn xoa dịu cơn thịnh nộ của chính mình. Còn các thánh tử đạo thì càng thêm vững vàng, khi chiêm ngưỡng những ân huệ vĩnh cửu trong tương lai. Cuối cùng, những kẻ hành hình đã chém các vị tử đạo phúc lành bằng gươm và ném thi thể họ vào lửa; nhưng ngọn lửa không hề chạm đến thi hài thiêng liêng của các ngài, một số tín hữu đã thu nhặt thi hài và an táng một cách trang trọng ngay trên hòn đảo Sicily đó[1413] .

Lễ kính Thánh Macedonia, vị ẩn sĩ

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 1

Thánh Macedonia đã chọn các đỉnh núi làm nơi và sân khấu cho những hành động thánh thiện của mình, không dừng lại ở đâu quá lâu, mà liên tục di chuyển từ nơi này sang nơi khác trong phạm vi Phoenicia, Syria và Cilicia[1414] , để tránh những cuộc trò chuyện với những người đến thăm. Vị thánh đã sống như vậy trong bốn mươi

[1411] Antioch nằm bên sông Orontes và trước đây là thủ đô của Syria.
[1412] Sicily – một hòn đảo trên Biển Địa Trung Hải, nằm ở phía nam bán đảo Apennine.
[1413] Vào cuối thế kỷ III.

lăm năm, không có lều hay trại, mà chỉ sống trong một hang động sâu thẳm. Khi Thánh Macedonia đã cao tuổi, ngài xin những người hành hương đến thăm mình xây cho ngài một căn phòng nhỏ, nơi ngài sống trong hai mươi lăm năm, không ra ngoài gặp gỡ cả các tu sĩ sống gần đó lẫn những người ngoài. Tổng cộng, Thánh Macedonia đã tu hành bảy mươi năm; hơn bốn mươi năm, ngài chỉ ăn hạt giống nghiền nát và ngâm nước; sau đó, do sức khỏe suy yếu, ngài bắt đầu ăn một ít bánh mì với nước. Chúa đã ban cho ngài ân sủng làm phép lạ: vị thánh đã trừ tà, chữa lành các bệnh tật khác nhau và thực hiện nhiều phép lạ khác. Một lần, người ta dẫn một người phụ nữ đến gặp Thánh Macedonia, người này mắc chứng bệnh khiến bà ăn uống quá độ: mỗi ngày bà ăn hết ba mươi con gà. Người thân của bà đã khóc lóc van xin vị thánh giúp đỡ người bệnh. Nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, người phụ nữ này đã được chữa lành và sau đó thậm chí không thể ăn nổi một phần tư con gà mỗi ngày. Sau khi sống một cuộc đời thánh thiện trên trần gian, được ban ân sủng tiên tri và được ban ân sủng chức thánh, Thánh Macedonia đã an nghỉ trong Chúa một cách bình an[1415] .

Ngày 7 tháng 2

Ngày 25 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Grêgôriô Thần học, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 1

Quê hương của Thánh Grêgôriô Thần học là Cappadocia thứ hai, hay Cappadocia phía nam, thành phố Nazianzus[1416] , và chính từ tên thành phố này mà ngài được gọi là Nazianzus. Cha mẹ ngài là những người quý tộc và đáng kính: cha cũng tên là Grigori, còn mẹ là Nonna. Tuy nhiên, cha ngài trước đây không tin Chúa, vì ngài xuất thân từ cha mẹ không tin Chúa: cha là người ngoại đạo và mẹ là người Do Thái. Trong đức tin, ngài đã noi gương cả hai, bám giữ cả sự lầm lạc của ngoại đạo lẫn sự vô tín của người Do Thái. Đây chính là cái gọi là tà thuyết Ipsistarian[1417] . Còn mẹ của Thánh Grigori, bà Nonna đáng kính, xuất thân từ cha mẹ Kitô hữu và bản thân bà cũng là một Kitô hữu đạo đức. Từ thuở ấu thơ, bà đã được nuôi dưỡng trong sự đạo đức và được dạy dỗ một cách hoàn hảo về sự kính sợ Thiên Chúa, vốn là khởi đầu của mọi sự khôn ngoan. Theo sự an bài của Thiên Chúa, bà đã kết hôn với một người chồng không tin Chúa, để dẫn dắt ông đến với đức tin thánh thiện: *"Vì người chồng không tin Chúa được thánh hóa,"* như lời Thánh Tông Đồ, *"bởi người vợ tin Chúa"* (1 Cr 7,14). Và điều đó đã xảy ra. Nonna, bằng những lời khôn ngoan từ Chúa và luôn cầu nguyện hết lòng cho chồng trước mặt Chúa, đã dẫn dắt anh ta, nhờ ơn Chúa, đến với đức tin Kitô giáo. Chồng bà đã được Chúa ban cho một thị kiến trong giấc mơ: ông cảm thấy như mình đang hát những lời trong Thánh vịnh của Đa-vít, những lời mà ông chưa bao giờ thốt ra từ miệng mình, mà chỉ từng nghe từ người vợ của mình, người thường xuyên cầu nguyện. Bản thân ông chưa bao giờ cầu nguyện: ông không biết cách cầu nguyện và cũng không muốn làm điều đó. Những lời mà ông hát trong giấc mơ đó là như sau: *"Tôi vui mừng khi người ta nói với tôi: 'Hãy đến nhà Chúa'* (Thánh vịnh 121:1). Trong lúc hát bài này , ông cảm nhận được một sự ngọt ngào đặc biệt trong lòng; khi tỉnh dậy, ông vui mừng và sau đó kể lại điều này cho

---

[1414] Các quốc gia này nằm dọc theo bờ biển Đông Bắc của Địa Trung Hải; chúng được bao bọc dọc theo bờ biển bởi dãy núi Li-băng ở phía nam và dãy núi A-man (Alma-Dag) ở phía bắc.

[1415] Khoảng năm 420.

[1416] Cappadocia Thứ hai hay Cappadocia Lớn – là một vùng đất rất rộng lớn ở trung tâm phần phía đông của Tiểu Á, phía tây thượng nguồn sông Euphrates; trước đây, Cappadocia từng là một trong những quốc gia quan trọng của châu Á, nhưng sau đó đã mất độc lập và trở thành một tỉnh của Đế chế La Mã (vào năm 17 hoặc 18 sau Công nguyên). – Nazianzus – một thị trấn nhỏ ở phía tây nam Cappadocia; ngày nay, tại vị trí của Nazianzus chỉ còn lại những tàn tích trên vùng đất cằn cỗi, đầy rẫy các mỏ đá.

[1417] Những người Ipsistarian được đặt tên như vậy vì họ thờ phụng Đức Chúa Trời như một "Đấng Tối Cao" (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là cao nhất, tối cao nhất). Họ tự coi mình là những người được soi sáng từ trên cao, và đã pha trộn các tà thuyết ngoại giáo (Ba Tư) và Do Thái vào các quan điểm Kitô giáo. Từ chối các thần tượng và lễ tế, những người Ipsistarian thờ phụng Đức Chúa Trời dưới các biểu tượng của ánh sáng và lửa. Họ dành riêng và tuân giữ ngày thứ bảy thay vì ngày thứ nhất, đồng thời chấp nhận các quy tắc của người Do Thái về thực phẩm tinh khiết và ô uế. Nhìn chung, có rất ít thông tin còn lưu lại về giáo phái này.

vợ mình. Bà hiểu rằng chính Đức Chúa Trời đang kêu gọi chồng mình đến với Hội Thánh thánh thiện của Ngài – nên bà bắt đầu dạy dỗ ông về đức tin Kitô giáo một cách siêng năng hơn và dẫn dắt ông vào con đường cứu rỗi. Vào thời điểm đó, Thánh Leontius, Giám mục thành Caesarea ở Cappadocia, đang trên đường đến Công đồng Đại kết lần thứ nhất được triệu tập tại Nicaea[1418] , đã ghé qua thành phố Nazianzus. Bà Nonna, người được chúc phúc, đã dẫn chồng mình đến gặp ngài, và Grigory đã được Thánh Leontius làm phép rửa tội. Sau khi nhận phép rửa tội, anh bắt đầu một cuộc sống chính trực và thánh thiện, xứng đáng với một Kitô hữu chân chính và hoàn hảo. Anh đã tiến bộ đến mức xuất sắc trong việc rao giảng Tin Mừng và làm việc thiện, đến nỗi sau này anh được bầu làm giám mục tại chính thành phố Nazianzus (điều này sẽ được đề cập chi tiết hơn ở phần sau).

Sống trong mối quan hệ hôn nhân trong sạch với người chồng như vậy, Thánh Nona mong muốn được làm mẹ của một đứa con trai. Bà dâng lên những lời cầu nguyện tha thiết đến Đấng Ban Phát mọi ân huệ, xin Ngài ban cho bà một người con trai, và ngay từ trước khi thụ thai, bà đã hứa, giống như Anna đã hứa với Samuel[1419] , rằng sẽ dâng con trai mình để phục vụ Thiên Chúa. Chúa, Đấng thực hiện ý muốn của những ai kính sợ Ngài và lắng nghe lời cầu nguyện của họ, đã đáp ứng lời khẩn cầu từ tận đáy lòng của người vợ đạo đức này và trong một giấc mơ ban đêm, qua sự mặc khải của Ngài, đã báo trước cho bà về đứa con trai sắp chào đời. Và Thánh Nonna đã thấy, ngay trước khi con trai chào đời, khuôn mặt của cậu bé sẽ ra sao, và đã biết trước tên của cậu. Khi bà sinh ra một bé trai[1420] , bà đã đặt tên cho con theo tên cha là Grigori, đúng như điều đã được báo trước trong giấc mơ. Bà dâng lên Thiên Chúa lời tạ ơn sâu sắc và phó thác đứa trẻ mới sinh cho sự quan phòng của Ngài; với lòng thành kính trọn vẹn, bà dâng lên Thiên Chúa món quà mà bà đã nhận được từ Ngài nhờ lời cầu nguyện. Tuy nhiên, đứa trẻ sơ sinh không được rửa tội ngay lập tức. Vào thời đó, nhiều Kitô hữu có phong tục tự nguyện hoãn lễ rửa tội cho đến khi trưởng thành và đến năm mà Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, đã được Gioan rửa tội tại sông Jordan – thường là đến ba mươi ba tuổi rưỡi[1421] . Sau này, vì những lý do chính đáng, phong tục này đã bị bãi bỏ bởi chính Thánh Grêgôriô Thần Học, Thánh Basiliô Cả, Thánh Grêgôriô Nyssa và các vị Thánh Cha vĩ đại khác. Do đó, Thánh Grêgôriô không được rửa tội ngay sau khi sinh, mà theo phong tục cổ xưa được các Kitô hữu chấp nhận, lễ rửa tội của ngài đã được hoãn lại cho đến khi ngài đạt đến độ tuổi của Chúa Kitô.

Cậu bé được nuôi dạy theo các tập tục Kitô giáo. Khi đến tuổi đi học, cậu ngay lập tức được bắt đầu học các sách vở. Cùng với sự trưởng thành về tuổi tác, Grigori cũng ngày càng trưởng thành về trí tuệ. Phù hợp với tên gọi của mình là "[1422] ", ngài là người sáng suốt, tinh thần minh mẫn, siêng năng trong học tập và vượt trội về trí tuệ so với các bạn cùng lứa. Ngay cả những năm tháng thiếu niên cũng không cản trở ngài hiểu được những điều mà những người đã đạt đến độ tuổi trưởng thành và trí tuệ hoàn thiện đang được học. Ngay từ thuở ấu thơ, cậu đã bộc lộ những phẩm chất thường thấy ở những bậc trưởng lão. Cậu ghét những trò chơi trẻ con, những trò giải trí vô bổ và mọi loại hình giải trí, mà thay vào đó, cậu rèn luyện bản thân theo những điều tốt đẹp hơn và dành thời gian cho việc học hành, chứ không phải cho sự lười biếng. Khi cậu bước vào tuổi thiếu niên, người mẹ đạo đức đã dạy dỗ cậu về đức tin qua nhiều lời khuyên nhủ đầy tình mẫu tử. Bà kể cho cậu nghe rằng cậu là thành quả của những lời cầu nguyện của bà, rằng bằng những lời cầu nguyện sốt sắng, bà đã xin Chúa ban cậu và ngay từ trước khi thụ thai, bà đã định sẵn cho cậu con đường phụng sự Chúa. Chàng trai hiền lành ấy ghi nhớ những lời mẹ dạy trong lòng và tâm hồn được soi sáng bởi đức tin, niềm hy vọng và tình yêu dành cho Đấng Christ, Thiên Chúa chân thật. Hơn hết, chàng yêu mến sự trong sạch của tâm hồn và sự thanh khiết của thân xác, đồng thời tự đặt ra cho mình luật lệ phải giữ gìn sự trinh khiết của mình một cách cẩn trọng cho đến khi qua đời. Anh được hướng dẫn về điều này một phần nhờ những lời dạy dỗ chân thành và lặp đi lặp lại của mẹ, một phần nhờ giấc mơ anh từng thấy trong những năm thiếu niên. Về điều sau này, chính anh, nhiều năm sau đó, đã kể lại như sau: một lần, trong giấc ngủ, anh thấy hai thiếu nữ mặc áo trắng đang đứng gần mình. Cả hai đều có khuôn mặt xinh đẹp; tuổi tác và niên kỷ của họ giống hệt nhau. Trên người họ không có bất kỳ đồ trang sức nào: không vàng, không bạc, không ngọc trai, không đá quý, cũng không có những chuỗi vòng cổ đắt tiền; họ cũng không được trang điểm bằng những bộ áo lụa mềm mại hay

---

[1418] Năm 325.

[1419] Sách Các Vua 1, chương 1

[1420] Thánh Grêgôriô Thần học gia sinh ra vào khoảng năm 329, tại Arians, điền trang của cha mẹ ngài, nằm không xa Nazianzus về phía nam.

[1421] Vào thế kỷ IV, người ta thường có thói quen hoãn lễ rửa tội cho đến khi trưởng thành, đôi khi thậm chí, như trường hợp của Constantine Đại đế, cho đến khi già nua, bởi vì nỗi lo sợ chết mà chưa được rửa tội dường như ít hơn nỗi sợ sa vào tội trọng sau khi rửa tội.

[1422] Grigori – từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "tỉnh táo" – có nghĩa là: người tỉnh táo, minh mẫn.

thắt lưng vàng; họ không tự hào về nhan sắc, đôi lông mày quyến rũ, mái tóc xõa , hay bất kỳ đặc điểm nào khác mà các thiếu nữ trần tục thường dùng để thu hút và chinh phục trái tim các chàng trai. Chỉ mặc những bộ quần áo trắng tinh khiết và thắt lưng một cách khiêm tốn, họ không chỉ che đầu mà cả khuôn mặt cũng được che bằng những tấm khăn mỏng. Đôi mắt họ hướng xuống dưới; gò má ửng hồng vì sự e thẹn của thiếu nữ và chứng tỏ sự trong trắng; đôi môi mang sắc đỏ rực rỡ như hoa hồng; bằng sự im lặng, họ thể hiện sự khiêm nhường tột bậc. Thánh Grêgôriô, khi nhìn ngắm họ, cảm nhận trong lòng niềm vui lớn lao và nghĩ rằng đây không phải là những sinh linh trần thế, mà là những thực thể cao cả, vượt xa bản tính con người. Họ, thấy ngài rất hài lòng khi chiêm ngưỡng họ, đã yêu mến ngài và ôm lấy ngài như ôm đứa con của mình. Rồi ngài hỏi họ: "Các ngươi là ai và đến từ đâu?" Người đầu tiên nói rằng nàng là Sự Trong Sạch, còn người kia tự xưng là Sự Trinh Khiết. Đồng thời, họ giải thích rằng họ đang đứng trước ngai vàng của Đức Vua vinh quang là Đức Kitô và đang đắm chìm trong vẻ đẹp của các trinh nữ thiên đàng. Họ nói:

– Hỡi con yêu dấu, hãy đồng lòng với chúng ta; hãy kết hợp trí tuệ của con với trí tuệ của chúng ta và hãy làm cho dung mạo của con trở nên giống như dung mạo của chúng ta. Khi đó, chúng ta sẽ đưa con, người đang toả sáng với ánh sáng vĩ đại nhất, lên thiên đàng và đặt con gần bên Ánh sáng Ba Ngôi bất tử.

Nói xong, họ bắt đầu bay lên trời và, như những con chim, bay vút lên cao. Thiếu niên Grigori tiễn họ bằng ánh mắt hân hoan, cho đến khi họ biến mất trên bầu trời. Khi tỉnh dậy, cậu cảm thấy một niềm vui khôn tả, và trái tim cậu tràn ngập sự hân hoan. Kể từ lúc đó, cậu bừng cháy lòng nhiệt thành trong việc gìn giữ trinh tiết của mình một cách cẩn trọng. Cậu cố gắng tuân giữ điều đó bằng sự kiêng khem tuyệt đối, tránh xa mọi thức ăn ngon, rượu chè và sự no nê.

Sau khi Thánh Grigori ra đời, Thánh Nona lại sinh thêm một người con trai tên là Cesaria và một người con gái tên là Gorgonia. Bà nuôi dạy các con trong sự sùng đạo và học vấn. Trong khi đó, Thánh Grigori, mong muốn trau dồi tài hùng biện, kiến thức học thuật và mọi môn học Hy Lạp thế tục, đã lên đường đến Cesarea ở Palestine[1423] , nơi lúc bấy giờ nổi tiếng với các trường học và nền học thuật. Tại đó, ngài có thầy dạy hùng biện là Fespesius. Sau đó, ngài chuyển đến Alexandria[1424] , thu thập kho tàng tri thức từ nhiều bậc hiền triết và trau dồi trí tuệ. Tiếp theo, ngài mong muốn đến Athens[1425] và lên một con tàu của Aegina[1426] cùng với những người ngoại đạo. Khi họ đi ngang qua đảo Samos[1427] , một cơn bão dữ dội nổi lên trên biển. Mọi người đều tuyệt vọng về việc cứu lấy mạng sống và khóc lóc trước cái chết thể xác. Còn Grigori thì khóc vì sợ cái chết thuộc linh, bởi vì ông chưa được rửa tội, mà chỉ mới được nghe giảng đạo. Anh nhớ lại những phép lạ của Đức Chúa Trời đã từng xảy ra trên mặt nước: việc dân Y-sơ-ra-ên vượt qua Biển Đỏ và việc Giô-na được cứu khỏi bụng cá voi. Anh khóc lóc cầu nguyện với Đức Chúa Trời, xin Ngài cứu anh khỏi cái chết trong sóng biển. Những tai họa mà anh gặp phải

---

[1423] Césarea (nằm trên bờ đông Địa Trung Hải) lúc bấy giờ là một trong những thành phố quan trọng nhất của Palestine và là nơi cư ngụ của giám mục. Tại đó có một trường học Kitô giáo nổi tiếng, được thành lập bởi nhà văn và học giả Giáo hội nổi tiếng thế kỷ III Origen, và sau đó được dẫn dắt bởi các nhà thần học Kitô giáo xuất sắc như nhà sử học Giáo hội nổi tiếng Eusebius, Giám mục Caesarea, và Linh mục Pamphilus – người được ca ngợi vì sự uyên bác và đời sống thánh thiện, đã kết thúc cuộc đời bằng cái chết tử đạo (ngày kỷ niệm của ngài là 16 tháng 2); ngoài trường học, nhờ công lao của vị này mà một thư viện đồ sộ gồm ba mươi nghìn quyển sách đã được thành lập, nhờ đó nhiều vị Thánh Cha và các nhà giảng dạy của Giáo hội đã trau dồi được kiến thức. – Nhưng trước khi theo học tại Caesarea thuộc Palestine, Thánh Grêgôriô Nazianzen đã theo học các môn khoa học tại Caesarea thuộc Cappadocia.

[1424] Tại Alexandria, trung tâm của nền giáo dục ngoại giáo, từ lâu đã có một viện bảo tàng nổi tiếng về các khoa học ngôn ngữ, toán học và triết học. Tuy nhiên, song song với nền giáo dục ngoại giáo, ngay từ thời các Tông đồ, đã xuất hiện một trường học Kitô giáo, được gọi là "Trường Giáo lý" hay "Trường Rửa tội", có ảnh hưởng đa chiều và vô cùng to lớn đối với tương lai của Kitô giáo. Truyền thống đã tôn kính gán việc thành lập trường này cho chính Thánh Tông đồ và Thánh Tin Mừng Mác-cô. Ban đầu, tại đây chỉ giảng dạy những giáo lý cơ bản cho những ai mong muốn nhận phép rửa tội, điều này đã được thể hiện ngay qua chính tên gọi "Trường Giáo lý" của Trường Alexandria, đồng thời cũng là nơi đào tạo chính các giáo lý viên. Nhưng sau đó, Trường Giảng dạy Alexandria, nhờ vị trí của mình tại trung tâm của nền giáo dục và học thuật toàn cầu, đã trở thành một cơ sở giáo dục thần học và học thuật, đạt đến đỉnh cao rực rỡ, chủ yếu nhờ những công trình của Pantænus nổi tiếng, người học trò và người kế vị không kém phần xuất sắc của ông là Clément d'Alexandrie, và đặc biệt hơn nữa là Origène.

[1425] Mặc dù Athens – thủ đô cổ đại nổi tiếng của Hy Lạp – vào thời điểm đó chỉ còn là cái bóng của vinh quang xưa, nhưng các trường phái của các nhà triết học và hùng biện ngoại giáo vẫn còn thịnh vượng ở đó, mang lại cho thành phố một phần nào đó vinh quang như xưa.

[1426] Aegina – một hòn đảo trong Vịnh Saronic, nằm ở phía đông Hy Lạp, giữa miền trung và miền nam Hy Lạp.

[1427] Samos – một trong những hòn đảo chính của Biển Aegean (Quần đảo Aegean), gần bờ biển phía tây Tiểu Á, đối diện với Mũi Micale, được ngăn cách với mũi này bởi một eo biển hẹp.

trong chuyến đi biển này đã được cha mẹ anh biết đến qua một giấc mơ. Họ lập tức bắt đầu cầu nguyện và tuôn rơi những giọt nước mắt nồng nàn trước mặt Chúa , xin Ngài giúp đỡ người con đang lâm nạn trên biển. Chúa, Đấng đã gìn giữ tôi tớ của Ngài là Grigori vì lợi ích của nhiều người và chuẩn bị cho ông trở thành một trong những cột trụ của Giáo Hội, đã xoa dịu cơn bão dữ dội và ra lệnh cho gió im lặng; biển cả bỗng chốc trở nên tĩnh lặng hoàn toàn. Tất cả những người trên tàu, khi thấy mình được cứu thoát khỏi cái chết một cách ngoài sức tưởng tượng và như thể được giải thoát khỏi xiềng xích của cái chết, đã ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa. Họ biết rằng chỉ nhờ việc Grigori kêu cầu danh thánh toàn năng của Ngài trong lời cầu nguyện mà biển cả mới được xoa dịu. Hơn nữa, một chàng trai trẻ, người bạn đồng hành của vị thánh trong chuyến đi, đã thấy trong giấc mơ ban đêm, giữa lúc sóng gió cuồng nộ, rằng mẹ của Grigori, bà Nonna đáng kính, đã vội vã đến trên biển, nắm lấy con tàu đang chìm và đưa nó vào bờ. Khi sóng gió lắng xuống, anh kể lại giấc mơ cho mọi người nghe, và tất cả đều xưng nhận Đức Chúa Trời của Grigori là Đấng Cứu Giúp vĩ đại – họ tạ ơn Ngài và tin nhận Ngài. Ngoài ra, cha của Grigori, người đã khóc lóc cầu nguyện tại Nazianzus cho con trai mình và sau đó chìm vào giấc ngủ sau khi cầu nguyện, cũng có một giấc mơ khác. Ông thấy một con quỷ hung dữ tên là Erinna, đang tìm cách hủy diệt Grigori trên biển, nhưng Grigori đã tóm lấy nó bằng hai tay và đánh bại nó. Từ giấc mơ này, cha của Grigori biết được rằng con trai mình đã được cứu khỏi cái chết và cùng vợ dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời.

Chuyến hành trình tiếp theo trên biển của Thánh Grigori đã diễn ra suôn sẻ và ngài đã đến được Athens. Tại đó, khi theo học các môn khoa học thế tục, ngài đã khiến mọi người kinh ngạc bởi trí tuệ sắc sảo phi thường và lối sống trong sạch của mình. Không lâu sau, Thánh Basil cũng đến Athens để trau dồi kiến thức thế tục. Cả hai – Grigori và Vasil – đã trở thành những người bạn chân thành và sống chung một nhà. Họ có chung một mái nhà, chung một bữa ăn, chung một tinh thần, chung một trí tuệ, chung một tính cách – y như những người anh em cùng cha mẹ. Cả hai đều trở nên nổi tiếng và được kính trọng tại Athens, bởi trong một thời gian ngắn, họ đã vượt qua các thầy của mình; từ những người học trò, họ đã trở thành thầy của chính các thầy mình. Cùng thời điểm đó, khi Constantius, con trai của Constantine Đại đế, trị vì người Hy Lạp và La Mã, Julian – người sau này trở thành hoàng đế và kẻ bội đạo – đang theo học triết học tại Athens. Grigory thường nói về ông ta như sau:

– Đất nước Hy Lạp và La Mã đã nuôi dưỡng một điều ác lớn lao biết bao!

Ông đã tiên đoán được những gì sắp xảy ra.

Grigori và Vasil đã sống ở Athens nhiều năm, nghiên cứu tất cả các ngành khoa học[1428] và trau dồi chúng đến mức chính họ đã vượt lên trên toàn bộ trí tuệ của Athens. Sau đó, Vasili đã lên đường đến Ai Cập để học hỏi sự khôn ngoan thiêng liêng từ những bậc hiền nhân được Thượng Đế soi sáng, như được kể lại trong cuốn tiểu sử của ông, còn người dân Athens đã thuyết phục Grigori bằng những lời thỉnh cầu của họ để ông nhận chức vụ giảng dạy. Sau khi ở lại đó không lâu sau khi Vasili ra đi, Grigori nghe tin cha mình đã được tấn phong làm giám mục tại Nazianzus. Ngay lập tức, ông trở về quê hương với cha mình, khi đó đã tròn ba mươi tuổi, và nhận phép rửa tội thiêng liêng từ tay cha. Ông muốn ngay lập tức từ bỏ thế gian và đi vào sa mạc, nhưng vì bị cha ngăn cản, nên ông vẫn ở lại nhà với cha. Ông tự đặt ra cho mình một nguyên tắc – không bao giờ thề thốt và không gọi danh Chúa một cách vô cớ, và ông đã tuân giữ nguyên tắc này cho đến cuối đời. Ông không ngừng đọc các sách Thánh và dành cả ngày lẫn đêm để suy ngẫm về Chúa; nhiều lần ông đã chiêm ngưỡng Chúa Kitô trong những thị kiến. Cha ông, dù không muốn, đã phong ông làm linh mục, và sau đó muốn tấn phong ông làm giám mục, nhưng Thánh Grêgôriô, từ chối chức vụ và vinh dự đó, đồng thời khao khát sự im lặng của đời tu, đã bí mật trốn khỏi nhà và đến Pontus gặp người bạn của mình, Thánh Basil. Thánh Basil lúc đó cũng đã là linh mục và đã thành lập một tu viện tại Pontus, nơi thu hút rất nhiều tu sĩ. Ngài đã viết thư cho Thánh Grigorius từ Pontus, nồng nhiệt mời ngài đến ở cùng. Như vậy, họ lại bắt đầu sống chung với nhau, giống như trước đây tại Athens, mỗi người lấy người kia làm gương về đức hạnh và noi gương lẫn nhau. Cùng nhau, họ soạn thảo các quy tắc sống kiêng khem dành cho các tu sĩ. Thánh Grêgôriô đã sống cùng Thánh Basiliô như vậy trong một thời gian khá dài.

Trong khi đó, anh trai của Grigori là Cesari đã qua đời. Cha mẹ ông đã khóc thương ông rất nhiều. Nhân dịp này, cha ông đã viết thư cho Grigori, trong nước mắt khẩn khoản thuyết phục ông trở về nhà để giúp đỡ cha trong tuổi già. Thánh Grigoriô, một phần vì e ngại không vâng lời cha, một phần vì nhận thấy nhu cầu của Giáo Hội

[1428] Họ học ngữ pháp, lịch sử, hình học, thiên văn học, số học và toán học, những kiến thức cơ bản về y học, triết học và logic. Việc nghiên cứu văn học cổ điển (La Mã và Hy Lạp) chiếm rất nhiều thời gian. Nhiều Kitô hữu coi thường việc đọc các tác phẩm của các nhà văn ngoại giáo vĩ đại, nhưng Thánh Grêgôriô Nazianzen và Thánh Basiliô Cả đã vượt lên trên định kiến hẹp hòi đó.

– lúc bấy giờ đang bị xáo trộn nghiêm trọng bởi tà thuyết Arius, – mà chính cha của Grigoriô, do chưa được đào tạo thần học, cũng đã phần nào bị lôi kéo vào, nên ngài đã trở về từ Pontus đến Nazianzus. Tại đây, ngài giúp đỡ cha mình, người đã cao tuổi, trong việc quản lý Giáo hội và các công việc sinh hoạt, giải thích cho cha thấy sự nguy hại của tà thuyết Arian và củng cố niềm tin của cha vào Chính thống giáo.

Sau khi vua Constantius, con trai của Constantine[1429] , qua đời, Julian lên ngôi, và lúc đó lời tiên tri của Grigori về ông đã ứng nghiệm: kẻ vô pháp này đã mang đến tai họa lớn lao; ông ta công khai từ bỏ Chúa Kitô và phát động cuộc bách hại chống lại Giáo hội của Chúa Kitô. Thánh Grigori đã chống lại hắn bằng nhiều tác phẩm đầy sự khôn ngoan của Thiên Chúa, vạch trần những sai lầm, những đam mê ngoại giáo tai hại và những huyền thoại Hy Lạp giả dối của hắn. Kẻ phạm luật này trị vì không lâu và đã chết trong nhục nhã[1430] . Sau ông, vị hoàng đế sùng đạo Iovian[1431] lên ngôi, và đức tin vào Chúa Kitô lại nở rộ. Sau Iovian, Valent, một người theo phái Arian, đã lên ngôi[1432] , và tà thuyết Arian lại bắt đầu lan rộng; những người Chính thống giáo bị đàn áp khắp nơi. Cùng thời điểm đó, tại Caesarea Cappadocia, tà thuyết Arian đã lôi kéo nhiều người sa vào lầm lạc và gây ra hỗn loạn trong Giáo hội của Chúa Kitô. Ngay cả Giám mục Eusebius[1433] , người chưa đủ am hiểu về Kinh Thánh, cũng bắt đầu dao động và để xảy ra những sai lệch so với đức tin chân chính. Khi biết được điều này, Thánh Grêgôriô đã viết thư cho ngài, khuyên ngài nên nài nỉ Abba Basil trở về Cêsarea để chống lại những sai lầm. Ngài cũng viết thư cho chính Thánh Basil, với lời khuyên thân tình và khẩn cầu ngài hãy gác lại cơn giận trước đây đối với Eusebius, đến Cæsarea để giúp đỡ các tín hữu Chính thống và một lần nữa củng cố Giáo hội đang bị những người Arian lung lay. Như vậy, Thánh Grêgôriô, nhờ những lá thư của mình, đã hòa giải mối quan hệ giữa Giám mục Eusebius và Thánh Basil, tạo điều kiện cho Thánh Basil trở về Cêsarea Cappadocia. Ngay sau khi ngài trở về, những người Arian đã bị bẽ mặt; một số im lặng, số khác thì bỏ trốn. Giám mục Eusebius rất vui mừng khi Thánh Basil trở lại. Sau một thời gian sống trong tình bạn với ngài, ông qua đời, và Thánh Basil Đại Đế đã được các tín hữu Chính Thống phong lên ngai giám mục thay thế ông, bất chấp ý muốn của ông. Những kẻ dị giáo, phẫn nộ vì điều này và đầy oán hận, đã gây ra sự ly khai của thành phố Tiana khỏi Caesarea. Lúc bấy giờ, tại Tiana[1434] có Giám mục Anphim, người giả vờ là người Chính thống nhưng thực chất là kẻ dị giáo. Ông cùng với các giám mục đồng quan điểm đã tách khỏi Thánh Basil và trở thành Tổng giám mục Tiana. Như vậy, ông đã gây ra sự chia rẽ vùng Cappadocia thành hai phần, dẫn đến những tranh cãi kéo dài về ranh giới giáo phận. Thánh Basil, khi thấy một số thành phố và làng mạc tách khỏi giáo phận của mình, đã nảy ra ý định giải quyết vấn đề như sau: giữa Caesarea và Tiana có một thành phố nhỏ bé và ít người biết đến tên là Sasima[1435] . Tại đó, Thánh Basil đã quyết định thành lập một tòa giám mục mới và bổ nhiệm một vị giám mục đạo đức làm người đứng đầu; ngài hy vọng qua đó vừa chấm dứt tranh chấp, vừa giữ được nhiều người trong con đường đạo đức. Không tìm được ai có kinh nghiệm cho mục đích này, ngài đã viết thư cho người bạn của mình, Thánh Grêgôriô, xin ngài nhận chức giám mục tại Sasima, vì không ai khác có khả năng củng cố đức tin ở đó bằng chính ngài. Thánh Grêgôriô đã kiên quyết từ chối trong các bức thư. Vasilios đã nhiều lần viết thư cho ngài, nhưng không đạt được điều mong muốn, nên ngài đã đích thân đến thành phố Nazianzus và tại đó, sau khi tham vấn với Thánh Grigorius già, Giám mục Nazianzus, cha của Thánh Grigorius, ngài đã cùng với ông ấy thuyết phục người bạn Grigorius của mình nhận chức Giám mục. Như vậy, Grigori đã buộc phải đảm nhận chức vụ giám mục tại thành phố Sasima. Khi Anphim, tổng giám mục Tiana – người coi Sasima thuộc phạm vi giáo phận của mình – biết được điều này, ông đã dẫn quân đến đó với mục đích ngăn cản Grigori đảm nhận chức vụ; ông đã mai phục Grigori trên đường đi của ngài. Thánh Grigori, khi đang trên đường đi đã biết được âm mưu của Anphim và việc ông ta dẫn quân đến, liền lui vào một tu viện và ở đó chăm sóc những người bệnh, sau đó ông lui về sống trong sa mạc, tìm kiếm sự tĩnh lặng mà ông hằng mong ước. Một thời gian ngắn sau, theo lời thỉnh cầu

---

[1429] Đó là vào năm 361.

[1430] Năm 363.

[1431] Ngài trị vì từ năm 363–364.

[1432] Valens trị vì từ năm 364 đến năm 378.

[1433] Evsevius Pamphilus, Giám mục thành Caesarea, nổi tiếng về sự uyên bác, đã viết Lịch sử Giáo hội, một cuốn sách về các vị tử đạo Palestine, và miêu tả cuộc đời của Constantine Đại đế; nhưng, dù có học vấn uyên bác, đáng tiếc là ngài đã lệch khỏi chính thống giáo và theo chủ nghĩa Arian, mặc dù ngài không trực tiếp ly khai khỏi Giáo hội Chính thống.

[1434] Tiana – một thành phố cổ ở Cappadocia, nằm dưới chân dãy núi Taurus, gần các hẻm núi của Cilicia.

[1435] Sasima nằm ở ranh giới giữa hai giáo phận mới được thành lập do việc phân chia các vùng, cách Tiana năm mươi verst và cách Nazianzus ba mươi sáu verst.

của cha mẹ, ông lại trở về Nazianzus. Cha mẹ ngài đã già yếu và do tuổi cao, họ rất cần sự giúp đỡ của ngài, nhất là khi họ không còn con cái nào khác ngoài ngài. Cesarius, người con trai khác của họ, đã qua đời, như đã đề cập trước đó – và con gái Gorgonia cũng đã về với cõi vĩnh hằng[1436] . Thánh Grêgôriô, người anh em của họ, đã cử hành lễ an táng cho cả hai với những lời điếu văn trang trọng. Sau đó, ngài ở lại một mình với cha mẹ, như con ngươi trong mắt, và ngài không thể nào từ chối lời thỉnh cầu của cha mẹ mình. Ngài phải phục vụ cha mẹ trong tuổi già và sau khi họ qua đời, ngài phải cử hành lễ an táng theo nghi thức thông thường cho họ.

Khi Thánh Grêgôriô trở về từ sa mạc đến Nazianzus, cha ngài là Grêgôriô, lúc bấy giờ đã kiệt sức vì tuổi già, vẫn mong muốn trong khi còn sống sẽ sắp xếp cho con trai mình đảm nhận chức vụ giám mục tại Nazianzus. Ông không chỉ thuyết phục và nài nỉ con trai, mà còn dùng lời thề để thúc giục anh. Mặc dù anh không từ chối trách nhiệm chăm lo cho sự phát triển của Giáo hội, cũng không muốn bất tuân mệnh lệnh của cha, nhưng anh tuyệt đối không muốn nhận ngôi giám mục.

– Thưa cha, con không thể – anh nói – nhận ngôi giám mục của cha khi cha vẫn còn sống và chưa về với cõi vĩnh hằng.

Người cha, không còn ép buộc con trai phải lên ngôi nữa mà chỉ giao phó cho con trách nhiệm chăm lo cho Giáo hội, đã nói:

– Chừng nào cha còn sống, con ơi, hãy là chỗ dựa cho cha trong tuổi già, còn sau khi cha qua đời, con hãy làm theo ý mình.

Không lâu sau, cha của Thánh Grêgôriô, vị giám mục già của Nazianzus, đã qua đời[1437] , sau khi tại vị trên ngai giám mục suốt bốn mươi lăm năm. Ông đã sống trọn một trăm năm. Ngài được an táng trong một lễ tang long trọng, với sự tham dự của Thánh Basil Đại Đế, người đã đến dự lễ an táng. Nonna, mẹ của Thánh Grigori và là bạn của Basil, vẫn còn sống, nhưng bà cũng sớm về với Chúa, cũng đã sống đến tuổi trăm năm[1438] . Sau khi an táng cha mẹ đạo đức của mình, Thánh Grigorius không còn phải lo lắng về họ nữa; nhưng ngài còn muốn thoát khỏi cả danh vọng, nhất là khi cư dân thành phố quê hương ép ngài phải kế vị cha mình trên ngai giám mục. Ngài bí mật lên đường đến Seleucia[1439] và ở lại đó tại nhà thờ Thánh nữ Tử đạo đầu tiên Thekla. Từ đó, ngài được Thánh Basil Đại Đế mời gọi bằng những lời thỉnh cầu thân thiện, và khi trở về, ngài đã đảm nhận việc chăm sóc các trại mồ côi và bệnh viện. Thánh Basil, để cung cấp nơi trú ẩn cho những người không có chỗ ngả đầu, đã xây dựng những tòa nhà rộng lớn và, sau khi tập hợp những người ăn xin, bệnh nhân, góa phụ, trẻ mồ côi và những người lữ hành đến đó, ngài lo liệu thức ăn hàng ngày cho họ, đồng thời giao phó việc chăm sóc họ cho người bạn thân yêu của mình. Như vậy, Thánh Grigorius đã trở thành người nuôi dưỡng những người nghèo, người phục vụ những người bệnh, và người an ủi những người lữ hành.

Vào thời điểm đó, từ tà thuyết Arian – vốn đã gây rối loạn cho Giáo Hội của Đức Chúa Trời trong nhiều năm – một tà thuyết mới đã nảy sinh, giống như một cái đầu mới mọc ra từ con quái vật Hydra[1440] , và đã lôi kéo nhiều người. Đó là tà thuyết Macedonia, tà thuyết phỉ báng Đức Thánh Linh. Những người Arian tuyên xưng rằng Đức Chúa Cha là Đức Chúa Trời không được tạo dựng, hằng hữu từ thuở ban đầu, còn Đức Chúa Con thì được tạo dựng, hơn nữa không đồng bản thể và cũng không đồng bản tính với Đức Chúa Cha; còn những người theo phái Macedonia thì công nhận Con ngang hàng với Cha, nhưng lại phỉ báng Đức Thánh Linh, trong đó một số người nói rằng Ngài là thụ tạo, không phải là Đức Chúa Trời, còn những người khác thì không công nhận Ngài là Đức Chúa Trời cũng không phải là thụ tạo. Thánh Grêgôriô gọi họ là những người bán Arian, vì họ tôn kính Con, nhưng lại hạ thấp Đức Thánh Thần. Tà thuyết này lan rộng đặc biệt mạnh mẽ ở Byzantium. Theo lời khuyên của Thánh Basil Đại Đế và theo sự đồng thuận chung của nhiều giám mục Chính Thống khác tham dự công đồng, Thánh Grigoriô, với tư cách là một người có trí tuệ sâu sắc và tài hùng biện xuất sắc, đã phải lên đường đến Byzantium để bác bỏ những luận điệu dị giáo và bảo vệ các tín điều chính thống của đức tin thánh thiện. Nhưng trước khi ngài lên đường

---

[1436] Đó là vào năm 368.

[1437] Grigori, Giám mục Nazianzus, cha của Thánh Grigori Thần học, đã qua đời vào năm 374. Sau khi tưởng nhớ ngài bằng bài giảng tại lễ an táng, Thánh Grigori Thần học, theo lời hứa đã hứa với cha mình, đã tiếp tục quản lý giáo đoàn Nazianzus trong một thời gian.

[1438] Mẹ thánh Grêgôriô Thần Học, một người phụ nữ công chính, cũng qua đời cùng năm 374, giống như chồng bà. Bà được phong thánh; ngày kỷ niệm của bà được cử hành vào ngày 5 tháng 8.

[1439] Selêucia là tên gọi của nhiều thành phố, phần lớn do Selêucus I thành lập. Ở đây cần hiểu là Selêucia của Isauria, nằm ở vùng núi phía đông nam Tiểu Á.

[1440] Hydra, theo thần thoại Hy Lạp cổ đại, là một quái vật giống rắn có 9 cái đầu, những cái đầu này sẽ mọc lại khi bị chặt đứt.

đến Byzantium, Thánh Basil, sau một thời gian ngắn lâm bệnh, đã qua đời[1441] . Như vậy, ngọn đèn đức tin chiếu sáng khắp thế giới đã tắt lịm. Thánh Grêgôriô đã khóc thương ngài rất nhiều và, sau khi cử hành lễ an táng, ngài lên đường thực hiện sứ mệnh của mình. Khi ngài đến thành phố hoàng gia Byzantium, ngài được các Kitô hữu sùng đạo đón tiếp nồng nhiệt. Ngài thấy Giáo Hội của Chúa Kitô đã suy tàn đến mức tột cùng. Số lượng tín hữu rất dễ đếm, vì phần lớn dân thành phố đã theo các tà giáo. Tất cả các thánh đường của Chúa, uy nghi và trang hoàng lộng lẫy, đều nằm trong tay những kẻ tà giáo. Chỉ có một thánh đường nhỏ bé và cũ nát của Thánh Anastasia, bị những kẻ tà giáo ruồng bỏ, là còn thuộc về những người Chính Thống. Thánh Grigori lập tức, giống như vua Đa-vít xưa kia đã dùng súng cao su chống lại dân Phi-li-tin, đã dùng Lời Chúa để chống lại những kẻ dị giáo, chiến thắng họ trong các cuộc tranh luận và phá tan những sai lầm giáo lý của họ, như thể xé tan một mạng nhện. Hàng ngày, ngài dẫn dắt nhiều người từ sự lầm lạc trở về với Chính Thống Giáo nhờ những lời giảng đầy sự khôn ngoan và được Thánh Thần soi dẫn; và trong một thời gian ngắn, ngài đã làm tăng số lượng các tín hữu trong Giáo Hội của Đức Kitô đến mức không thể đếm xuể; còn số lượng những kẻ dị giáo thì ngày càng giảm sút, đến nỗi lời chép trong Thánh Kinh về nhà Đa-vít và nhà Sau-lơ đã trở thành sự thật: *"Nhà Đa-vít ngày càng mạnh mẽ hơn, còn nhà Sau-lơ thì ngày càng suy yếu"* (2 Sa-mu-ên 3:1). Chưa kịp nguôi ngoai những tai họa mà các phái Arian và Macedonia gây ra cho Giáo Hội, thì một kẻ dị giáo mới từ Syria đã xuất hiện, đó là Apollinaris, người đã suy diễn sai lầm về sự nhập thể của Chúa. Ông ta phủ nhận sự nhập thể là không thật: dường như Đức Kitô không có linh hồn, mà thay vào đó là Thần Tính. Với tài hùng biện và am hiểu sâu sắc về triết học Hy Lạp, ông đã lôi kéo nhiều người theo tà thuyết của mình, còn các môn đệ của ông thì tản mác khắp nơi, lợi dụng những người thiếu hiểu biết về thần học để dụ dỗ họ, như thể dùng một cái bẫy, dẫn họ vào con đường diệt vong. Lúc bấy giờ, vị thánh Grêgôriô, một vị thánh nhân hiền lành và tận tụy với đức tin, đã thực hiện một công trình vĩ đại: ngài bước vào cuộc chiến chống lại những kẻ dị giáo, vạch trần những ai đã sa ngã khỏi đức tin chân chính, khẩn cầu, răn đe họ; đồng thời củng cố đức tin cho một số người và giúp những người khác hồi sinh sau khi sa ngã. Cùng lúc đó, các môn đệ của Apollinaris, lẩn quẩn giữa dân chúng, đã vu khống Thánh Grigorius, cho rằng ngài chia Chúa Kitô thành hai nhân vị. Bằng cách rải rác những lời dối trá đó khắp nơi một cách hăng hái, họ đã khơi dậy cơn giận dữ và sự thù hận của dân chúng chống lại vị thánh: bởi vì ngay cả một giọt nước, nếu rơi liên tục, cũng có thể khoét thủng đá. Những người không thể hiểu được những lời lẽ dị giáo đầy mưu mô và không thấu hiểu được chiều sâu của mầu nhiệm Nhập Thể của Chúa Kitô, đã tôn kính những kẻ dị giáo như những mục tử chân chính và công nhận họ là những nhà giảng dạy Chính Thống; trong khi đó, vị mục tử chân chính, người rao giảng Tin Mừng, lại bị coi là kẻ dị giáo. Sau khi kích động đám đông, họ ném đá vào vị thánh, giống như ngày xưa người Do Thái đã ném đá vào thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên; tuy nhiên, họ không thể giết được ngài, vì Thiên Chúa đã bảo vệ vị thánh nhân của Ngài. Không thể thỏa mãn cơn giận dữ của mình, họ đã tấn công ngài một cách tàn bạo và đưa ngài ra trước quan trưởng thành phố để xét xử, như thể ngài là một kẻ nổi loạn, thủ phạm gây ra hỗn loạn và bất ổn. Vị thánh, vốn vô tội trước mọi tội lỗi, lại còn nổi bật bởi sự hiền lành và khiêm nhường, giữa cơn hoạn nạn và cuộc tấn công vô cớ của dân chúng, chỉ cầu nguyện với Đức Chúa Trời, Đấng Christ của Ngài: "Lạy Đấng Christ, vì danh Ngài, *'Dù con đi qua thung lũng bóng tối của cái chết, con cũng không sợ điều ác, vì Ngài ở cùng con'* (Thánh Vịnh 22:4). Viên quan, biết rõ sự vô tội của ngài và chứng kiến sự ác độc bất công của con người, đã thả ngài tự do. Như vậy, ngài đã trở thành vị tử đạo, nhưng không có vết thương hay sự tra tấn; là vị được đội vương miện, nhưng không có vết loét, và chỉ có một khát vọng duy nhất – chịu khổ vì Chúa Kitô.

Nhờ những chiến công và cuộc đấu tranh kiên cường chống lại các tà giáo, Thánh Grêgôriô đã trở nên nổi tiếng khắp nơi; sự khôn ngoan của ngài được ca ngợi khắp mọi nơi, và nhờ đó, ngài đã được toàn thể Giáo Hội Chính Thống Thánh Thiện ban cho một danh hiệu mới, danh hiệu "nhà thần học", giống như vị thần học gia đầu tiên, Thánh Gioan Trinh Nữ, môn đệ yêu dấu của Chúa Kitô. Danh hiệu "nhà thần học" này, mặc dù vốn thuộc về tất cả các vị thầy vĩ đại và các vị thánh, vì tất cả họ đều nghiên cứu thần học, tôn vinh Thánh Ba Ngôi một cách xứng đáng, nhưng đối với Thánh Grigori, danh hiệu này đã được gắn liền với ngài một cách đặc biệt và trở thành tên gọi bổ sung của ngài. Danh hiệu này được Giáo Hội ban tặng như một dấu hiệu cho sự chiến thắng và vinh quang của ngài trước nhiều kẻ dị giáo lớn. Kể từ thời điểm đó, mọi người đều gọi ngài là "Thần học gia". Ngài được các tín hữu Chính Thống giáo yêu mến sâu sắc. Toàn thể cộng đồng những người đạo đức đều mong muốn thấy ngài ngồi trên ngai Thượng phụ. Hơn nữa, Thượng phụ Alexandria Phêrô[1442] , người kế vị ngai tòa sau Thánh

[1441] Thánh Basil qua đời vào năm 379.

Athanasius Vĩ đại, đã viết thư cho Thánh Grêgôriô Nhà Thần Học, giao phó cho ngài ngai tòa Thượng phụ Constantinopolis, vì ngài là người xứng đáng nhất và đã cống hiến nhiều công lao cho lợi ích của Giáo hội Chúa Kitô. Nhưng ngay lập tức, những kẻ độc ác đã gây ra trở ngại cho việc này.

Tại Constantinopolis có một nhà triết học Hy Lạp thuộc trường phái Khắc kỷ[1443] , tên là Maxim, gốc Ai Cập. Ông ta nổi tiếng vì sự xảo quyệt, gian trá, đạo đức giả và những ý đồ độc ác. Khi đến gặp vị Mục tử Thánh thiện, Grêgôriô Thần học gia, ông đã từ bỏ sự vô thần của người Hy Lạp và sau khi chịu phép rửa tội, đã gia nhập vào lòng Giáo Hội Thánh. Tuy nhiên, ông sống trong sự hão huyền của thế gian và giả dối che đậy bản thân bằng sự sùng kính, giống như mặc áo cừu nhưng trong lòng vẫn là sói, điều này chẳng bao lâu sau đã lộ ra. Thánh Grêgôriô, không nghi ngờ sự xảo trá của ông ta, mà coi việc ông ta từ bỏ ngoại giáo để theo Kitô giáo là một việc lớn lao, đã cưu mang ông ta như một người cùng sống và bạn bè, cho ông ta cùng dùng bữa và sau đó – trở thành thành viên của hàng giáo sĩ. Nhưng hắn lại noi gương Giu-đa – âm mưu phản bội thầy và cha linh hồn của mình, rồi bắt đầu cuộc đấu tranh chống lại ngài. Để thực hiện mưu đồ của mình, hắn đã tìm được một đồng minh là một linh mục, người không kính sợ Thiên Chúa và rất giỏi trong những âm mưu xảo quyệt. Liên minh với người này, Maxim bắt đầu hành động một cách xảo quyệt và bí mật, với mục đích chiếm đoạt ngai tòa Thượng phụ tại Constantinople. Nhưng vì để thành công trong việc này cần rất nhiều tiền, nhằm dùng hối lộ và quà tặng để lôi kéo đa số về phe mình, nên trước hết họ bắt đầu lo liệu về tiền bạc. Với sự giúp đỡ của Satan, họ nhanh chóng đạt được điều mong muốn như sau. Một linh mục tên là[1444] đã đến Byzantium từ đảo Phasos, mang theo một số tiền lớn để mua những tấm đá cẩm thạch được vận chuyển từ Prokonnisos[1445] dùng cho việc xây dựng nhà thờ. Sau khi dụ dỗ ông ta bằng những lời hứa viển vông, những kẻ âm mưu đã chiếm đoạt số tiền đó – vốn đủ để thực hiện mưu đồ xảo trá của chúng – và bí mật gửi nhiều lễ vật quý giá đến Alexandria cho Thượng phụ Phêrô, cũng như các giám mục và giáo sĩ của ngài, đồng thời khẩn khoản xin gửi các giám mục đến Byzantium để tấn phong Maximus lên ngai Thượng phụ. Phêrô, bị mê hoặc bởi những món quà và dường như đã quên đi lá thư trước đó của mình gửi cho Thánh Grêgôriô, lập tức đồng ý với yêu cầu của họ. Ông đã cử các giám mục Ai Cập đến Constantinopolis, và họ đã đến đó ngay lập tức. Không gặp gỡ ai cả, dù là mục tử Grigori, các linh mục, hay bất kỳ vị lãnh đạo nào, họ đã cùng với Maxim xuất hiện tại nhà thờ trong lúc cử hành thánh lễ sáng và đã bắt đầu nghi thức tấn phong, với ý định phong Maxim làm tổng giám mục. Thánh Grigori Thần Học lúc đó đang ốm. Chuyện này lập tức lan truyền đến tai mọi người. Các linh mục, các thành viên giáo sĩ và đông đảo dân chúng – cả những người Chính Thống lẫn những kẻ dị giáo – lập tức tụ tập tại nhà thờ. Tất cả, vừa ngạc nhiên trước mưu mô tinh vi và lễ tấn phong trái phép này, vừa bùng lên cơn giận dữ và la hét vào mặt các giám mục vừa đến, cố gắng bằng mọi cách ngăn cản họ thực hiện việc làm hoàn toàn trái pháp luật này. Bị đuổi ra khỏi nhà thờ trong sự nhục nhã, họ đến nhà một nghệ sĩ sáo và tại đó hoàn tất lễ tấn phong sai trái, sau đó tuyên bố Maxim là Thượng phụ Constantinopolis với sự hỗ trợ của các phụ tá, bao gồm cả các chức sắc tôn giáo lẫn những người thế tục. Một số trong số họ bị khai trừ khỏi Giáo hội vì tội lỗi, một số khác được thuê với tiền công, còn một số lại bị dụ dỗ bằng những lời hứa về quà tặng và vinh dự; tất cả những người như vậy đều là những người ủng hộ Maxim và đứng về phía ông. Còn đa số, đặc biệt là những công dân có uy tín nhất, đã bùng lên cơn giận dữ và chỉ trích Maxim bằng những lời quở trách gay gắt; họ bày tỏ sự bất mãn ngay cả với chính Thánh Grigorius Thần Học vì ngài đã chấp nhận một người như vậy làm bạn đồng hành và ban cho ông ta tình bạn của mình.

Thánh nhân đáp lại họ:

– Xin các anh em đừng giận tôi vì đã làm ơn cho người này mà không lường trước được sự độc ác của anh ta; lẽ nào chúng ta lại có lỗi vì không thể lường trước được sự độc ác của ai đó sao? Chỉ có một mình Thiên Chúa mới biết được bí mật của đời sống nội tâm con người. Hơn nữa, chẳng phải chính Lề Luật đã truyền dạy chúng ta – với tình cha và lòng yêu thương – hãy mở rộng vòng tay đón nhận mọi người đến với chúng ta sao: *"Ai đến với*

[1442] Phêrô II, Tổng Giám mục Alexandria, đã lãnh đạo Giáo hội từ năm 373 đến năm 380.

[1443] Người đàn ông vô danh này ở Alexandria thực ra thuộc loại tồi tệ nhất trong số những kẻ ham phiêu lưu trong hàng giáo sĩ. Ông là sự pha trộn tồi tệ giữa một giáo dân hời hợt, một Kitô hữu đạo đức giả và một nhà triết học khoe khoang. Bề ngoài, ông tự xưng là một người tu khổ hạnh và mặc áo choàng của các nhà triết học Cynic (những nhà triết học thể hiện sự khinh miệt hoàn toàn đối với các của cải trần thế và đặt mục tiêu giảm thiểu tối đa các nhu cầu thể xác; do đó, khi đi đến cực đoan, họ mặc quần áo rách rưới và từ chối mọi tiện nghi đời thường, dù thường là một cách đạo đức giả).

[1444] Phazos, ngày nay là Thasos, là một hòn đảo thuộc Biển Aegean (Quần đảo Aegean), nằm gần bờ biển Thrace.

[1445] Prokonnis – một hòn đảo quan trọng trên Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch); nổi tiếng với các mỏ đá cẩm thạch.

Ta," – Đấng Cứu Thế phán, *"Ta sẽ không đuổi đi"* (Ga 6,37). Đối với tôi, điều quan trọng là Maxim đã từ sự lầm lạc của người Hy Lạp đến với phép Rửa tội thánh và, thay vì thờ phụng Hercules[1446] , đã bắt đầu thờ phụng Thánh Ba Ngôi. Hơn nữa, anh ta có vẻ đạo đức, dù chỉ là giả dối – nhưng sự giả dối và lòng ác độc của anh ta chỉ mới bộc lộ rõ ràng lúc này. Chúng ta không được phép điều tra những việc như vậy; chúng ta không thể thấu hiểu những suy nghĩ của con người, cũng không biết được tương lai, trừ khi chính Đức Chúa Trời mặc khải cho chúng ta. Chúng ta chỉ nhìn thấy bề ngoài, còn Đức Chúa Trời mới thấy được lòng người.

Những lời này đã xoa dịu lòng dân chúng, và từ đó họ càng yêu mến Thánh Grêgôriô Thần học gia hơn nữa. Còn Maxim thì cùng với hội đồng các giám mục Ai Cập, những người đã tấn phong ông làm giám mục, lên đường đến gặp vị hoàng đế đạo đức Theodosius Đại đế[1447] , lúc bấy giờ đang đóng quân tại Thessaloniki[1448] , và xin được công nhận quyền của mình đối với ngai tòa Constantinople. Là một kẻ bị ruồng bỏ, ông ta không thể được công nhận dựa trên các quy chế của Giáo hội, và vì thế ông ta muốn giành quyền cai quản Giáo hội theo sắc lệnh của hoàng đế, với ý định hành hạ hơn là thi hành chức vụ thánh. Vị hoàng đế đạo đức đã vô cùng tức giận và đã đuổi Maxim cùng các giám mục đi cùng ông ta ra khỏi triều đình với những lời đe dọa. Sau đó, tất cả họ đều lên đường đến Alexandria, và tại đó, Maxim bắt đầu dàn dựng những mưu đồ tương tự. Sau khi hối lộ một số tiền lớn cho các giáo sĩ của Giáo hội Alexandria, Maxim đã ngang nhiên và trơ trẽn nói với Thượng phụ Peter: "Hoặc ngài hãy can thiệp để tôi được lên ngôi Thượng phụ Constantinople, hoặc tôi sẽ không từ bỏ ngôi của ngài". Sử dụng những thủ đoạn xảo quyệt, hắn đã đào hố bẫy cho Đức Thượng phụ, và chắc chắn đã thực hiện được mưu đồ độc ác của mình nếu như quan trưởng thành phố không sớm phát hiện ra. Lo ngại rằng dân chúng sẽ nổi loạn, ông đã trục xuất Maxim khỏi Alexandria trong sự nhục nhã.

Trong khi đó, Thánh Grêgôriô Thần Học tại Constantinopolis lại bị bệnh tật hành hạ đến mức phải từ bỏ việc quản lý Giáo hội Constantinopolis và muốn trở về quê hương của mình, tại Nazianzus. Ngài quyết định nói lời cuối cùng với dân chúng, trong đó khuyên họ hãy nhiệt thành giữ vững đức tin và làm những việc thiện. Dân chúng hiểu rằng ngài muốn rời khỏi Constantinopolis. Tiếng kêu than và tiếng khóc nức nở vang lên trong nhà thờ. Mọi người đồng thanh nói:

– Thưa Cha! Khi rời xa chúng con, Cha cũng mang theo giáo lý về Thánh Ba Ngôi. Không có Cha, thành phố này sẽ không còn sự tuyên xưng đúng đắn về Thánh Ba Ngôi nữa. Cùng với Cha, Chính Thống Giáo và lòng đạo đức cũng sẽ rời khỏi thành phố này.

Nghe những tiếng kêu than và tiếng khóc than của dân chúng, Thánh Grigori đã hoãn lại ý định của mình và hứa sẽ ở lại với họ cho đến khi hội đồng giáo hội gần nhất được triệu tập. Lúc bấy giờ, người ta mong đợi rằng các giám mục sẽ sớm tụ họp và bầu chọn một vị xứng đáng lên ngôi tổng giám mục. Thánh Grigoriô cũng mong đợi điều này: chỉ khi thấy một vị mục tử xứng đáng ngồi trên ngai Thượng phụ, ngài mới có ý định trở về quê hương. Trong khi đó, hoàng đế sùng đạo Theodosius đang tiến hành cuộc chiến chống lại các bộ tộc man rợ và, sau khi chiến thắng họ, đã trở về Constantinopolis trong sự hân hoan. Những người Arian vẫn tiếp tục kiểm soát nhà thờ chính tòa của tổng giám mục và có Demophilus, một người Arian, làm tổng giám mục của họ; còn những người Chính Thống thì chỉ còn lại một nhà thờ nhỏ và cũ nát của Thánh Anastasia. Hoàng đế đã triệu tập Demophilus và thuyết phục ông – hoặc chấp nhận tín điều Chính Thống, hoặc nhường vị trí của mình cho người khác. Demophilus, với lòng đầy thù hận, thà từ bỏ ngai vàng còn hơn là từ bỏ những sai lầm của mình. Lúc đó, nhà vua đã trao cho Thánh Grigorius Thần học và toàn thể cộng đồng Chính thống giáo nhà thờ chính tòa mà phe Arian đã chiếm giữ trong bốn mươi năm, cũng như tất cả các nhà thờ khác. Khi Đức Thánh Grigorius, vị Giám mục của Chúa, cùng với hàng giáo sĩ và dân chúng muốn bước vào nhà thờ, đám đông những người Arian, trang bị vũ khí như thể chuẩn bị ra trận, đã bao vây xung quanh nhà thờ, chặn lối vào của những người Chính Thống, đồng thời đe dọa giết chết vị thánh. Những người Arian đã thuê một thanh niên dũng cảm và liều lĩnh, để hắn lén lút tiếp cận Grigori và đâm kiếm vào bụng ngài; nhưng Đức Chúa Trời đã cứu người tôi tớ trung thành của Ngài. Lúc đó, tiếng la hét, ồn ào và xôn xao bùng lên trong hàng ngũ những người Arian. Chắc chắn họ đã gây ra bạo lực và điều ác đối với những người Chính Thống nếu như chính hoàng đế không xuất hiện và dẫn vị thánh giám mục vào nhà thờ.

[1446] Hercules – anh hùng trong truyền thuyết Hy Lạp cổ đại, theo tín ngưỡng của người Hy Lạp cổ đại, sở hữu sức mạnh siêu nhiên, là hiện thân của sức mạnh thể chất con người và sau này được họ tôn kính như một trong những vị thần được yêu mến nhất.

[1447] Trị vì từ năm 379–395.

[1448] Thessaloniki, hay còn gọi là Solun, là một thành phố cổ rất quan trọng của Macedonia, nằm sâu trong Vịnh Solun hay Vịnh Thrace lớn thuộc Biển Aegean (Quần đảo).

Còn những người Chính Thống thì với niềm vui sướng và hân hoan tột độ, họ reo hò ca ngợi Thiên Chúa, rơi lệ vì sung sướng và giơ tay lên trời. Quả thực, sau bao nhiêu năm, họ đã lấy lại được thánh tích của mình! Trong lúc đó, họ đồng thanh kêu gọi nhà vua, xin phong Thánh Grigorius Thần Học lên ngai Thượng phụ. Thánh Grigorius, vì quá suy yếu do những căn bệnh mãn tính và không còn sức để phát biểu trước dân chúng, trước tiếng hô vang dội của mọi người, đã tuyên bố qua một trong các linh mục của ngài:

– Hỡi các con! Giờ là lúc tạ ơn và tôn vinh Thiên Chúa Duy Nhất, trong Ba Ngôi, Đấng đã ban cho chúng ta ân sủng được đón nhận lại Giáo Hội thánh thiêng của Ngài. Vì vậy, hôm nay chúng ta hãy ca ngợi những ân sủng vĩ đại của Ngài, còn về ngai tòa Thượng phụ, chúng ta sẽ suy nghĩ sau, vào một thời điểm khác.

Dân chúng, sau khi nghe câu trả lời của vị thánh, đã ngừng la hét. Sau đó, khi Thánh lễ kết thúc, mọi người tản ra, ca ngợi Thiên Chúa; còn những người Arian thì im lặng, cảm thấy xấu hổ.

Hoàng đế đức tin Theodosius rất kính trọng Thánh Grêgôriô Thần Học như cha ruột của mình, nhưng ngài không thường xuyên đến gặp hoàng đế, vì luôn ghi nhớ lời của vua Salômôn: *"Đừng thường xuyên đến nhà bạn mình, kẻo bạn ấy chán ngán và ghét bỏ ngươi"* (Châm Ngôn 25:17). Thánh nhân luôn hết lòng giảng dạy dân chúng, thăm viếng và chữa trị cho người bệnh, giúp đỡ những người bị áp bức, bảo vệ những người yếu đuối, và thanh tẩy đoàn chiên của mình khỏi những sai lầm dị giáo. Thỉnh thoảng ngài cũng lui về các làng mạc, yêu thích sự tĩnh lặng và cố gắng chữa lành những căn bệnh thường xuyên của mình bằng cách nghỉ ngơi, để cơ thể có thể tiếp tục những công việc sau này. Dù sở hữu tài sản lớn của Giáo hội, ngài không chiếm đoạt cho mình dù chỉ một đồng bạc nào, cũng không tra hỏi những người xây dựng nhà thờ về số tiền họ đã thu được và chi tiêu bao nhiêu. Ngài coi việc này không phải là nhiệm vụ của một giám mục, mà là của một nhà cai trị thế tục. Ngài khuyên răn mọi người hãy giữ lương tâm trong sạch. Do kiệt sức vì những công việc không ngừng nghỉ và tuổi tác đã cao, một lần ngài bị ốm và phải nằm trên giường. Dân chúng, khi biết tin này, đã đến thăm ngài. Ngài ngồi dậy trên giường và hỏi:

– Các con muốn gì? Tại sao các con lại đến gặp ta?

Những người đến đã cúi đầu chào ngài và cảm ơn ngài vì tất cả những công lao của ngài, vì đã thanh tẩy thành phố khỏi tà giáo, – vì đã trả lại các thánh đường, vốn nằm trong tay những người Arian nhiều năm, cho những người Chính thống, – vì đã ban ân huệ dồi dào cho mọi người bằng cả giáo lý và sự chăm sóc mục vụ của ngài.

– "Giờ đây, thưa Cha," họ nói, "nếu Cha sắp về với Chúa, xin hãy cầu nguyện cho đoàn chiên của Cha, cho vị vua trung thành và cho toàn thể Giáo hội."

Thánh nhân tuyên bố rằng bệnh tình của ngài không phải là bệnh chết người, rồi sau đó, sau khi giảng dạy họ theo thông lệ, ngài cho họ ra về. Khi họ bắt đầu tản ra, chỉ còn lại một chàng trai trẻ, người này nắm chặt chân thánh nhân, vừa khóc vừa nức nở van xin ngài – hãy tha thứ cho tội lỗi của mình. Thánh nhân hỏi tội lỗi của cậu là gì, nhưng chàng trai không trả lời gì cả, chỉ khóc nức nở và xin tha thứ. Một người có mặt ở đó nói với thánh nhân:

– Đây chính là kẻ đã định giết ngài, thưa Cha! Dưới sự xúi giục của bọn dị giáo, hắn đã định đâm kiếm vào bụng ngài, nhưng Chúa Kitô đã bảo vệ ngài. Giờ đây, hắn đang ăn năn và xin tha thứ.

Vị thánh nói với chàng trai:

– Xin Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, thương xót con, hỡi con yêu dấu, và tha thứ cho con những tội lỗi của con. Chỉ cần từ nay trở đi, con hãy thuộc về chúng ta; hãy từ bỏ tà giáo, quay về với Chúa Kitô là Thiên Chúa và trung thành phụng sự Ngài.

Vậy là ngài đã tha thứ và cho chàng trai ra về. Cả thành phố, khi biết chuyện này, đều kinh ngạc trước lòng nhân từ của ngài và càng thêm yêu mến ngài hơn nữa. Không lâu sau đó, các giám mục bắt đầu tụ họp tại Byzantium, một phần để tấn phong tổng giám mục tại thành phố hoàng gia, một phần để lên án các tà thuyết tại Công đồng Đại kết lần thứ hai[1449] . Khi 150 giám mục Chính thống giáo đã tụ họp đầy đủ, Thánh Meletius của Antioch được bầu làm chủ tọa công đồng. Cũng vào thời điểm đó, Thánh Grêgôriô Thần Học, mặc dù trái với ý muốn của mình và trong nỗi buồn, khi đang ốm, đã nhận ngôi Thượng phụ, đồng ý trước những lời thỉnh cầu của hoàng đế và toàn thể dân chúng. Vài ngày sau, Thánh Meletius, tổng giám mục Antioch, lâm bệnh và về với Chúa. Ngay sau đó, các giám mục từ Ai Cập và Macedonia đã đến và bày tỏ sự bất mãn về việc bổ nhiệm Grigori làm

[1449] Công đồng Đại kết lần thứ hai bắt đầu vào năm 381 và kéo dài ba năm.

tổng giám mục, nhất là khi ngài được bầu trong lúc họ vắng mặt. Họ khẳng định rằng việc bổ nhiệm này là sai trái, vì Grigori không được bổ nhiệm bởi Thượng phụ Alexandria mà là bởi Thượng phụ Antioch; trong khi đó, ngai Thượng phụ Alexandria là ngai thứ nhất sau ngai Rôma, và việc bổ nhiệm Thượng phụ Constantinopolis phải xuất phát từ ngai này. Giữa các giám mục đã nảy sinh những bất đồng, xáo trộn và tranh chấp lớn: một số cho rằng việc bổ nhiệm Grigori là đúng đắn, trong khi số khác phản đối; đồng thời, các giám mục còn cãi vã lẫn nhau. Thánh Grigori Thần Học, khi thấy những tranh chấp và cãi vã giữa các giám mục do mình gây ra, đã lên tiếng trước toàn thể họ tại công đồng như sau:

– Thưa các vị mục tử thánh thiện và đáng kính, – ngài nói, – tôi không hề tìm cách nắm quyền cai quản Giáo hội Constantinopolis; nhưng nếu Giáo hội này đã phát triển và được củng cố vững chắc nhờ công lao và nỗ lực của tôi, thì đối với tôi, chỉ cần làm đẹp lòng Thiên Chúa là đủ, và tôi sẽ trông đợi phần thưởng từ Ngài. Chỉ có tình yêu của đoàn chiên tinh thần tôi và phán quyết chung của các vị thánh nhân mới buộc tôi phải nhận ngôi vị này; nhưng giờ đây, tôi thấy sự thù địch của nhiều người đối với tôi. Hãy biết rằng tôi không tìm kiếm của cải, địa vị cao sang hay vinh dự; tôi không mong muốn mang danh hiệu Thượng phụ Constantinopolis và sẵn sàng từ bỏ chức giám mục mà không hề oán trách; còn các ngươi hãy bàn bạc với nhau và làm theo ý muốn của các ngươi. Từ lâu, tôi đã thấy ưng ý với cuộc sống ẩn dật trong sa mạc, và những kẻ tước đoạt ngai tòa của chúng ta không thể tước đoạt Đức Chúa Trời khỏi chúng ta.

Nói xong, ngài ra đi và rời khỏi dinh Thượng phụ. Ngài dọn đến sống trong một căn nhà nhỏ, nằm cách xa nhà thờ, tránh những cuộc trò chuyện và tranh cãi với những người đến gặp ngài. Tuy nhiên, nhiều người trong dân chúng, khi đến gặp ngài, đã khẩn cầu ngài hãy tỏ lòng thương xót đối với đoàn chiên của mình và đừng bỏ rơi họ, sau khi ngài đã nuôi dưỡng và phát triển họ bằng biết bao công sức và mồ hôi.

– Xin cha hãy tỏ lòng thương yêu đối với các con cái của cha, những người mà cha đã vất vả vì họ biết bao; xin cha hãy dành phần đời còn lại của mình cho họ, để chúng con, những người đã được cha soi sáng bằng lời dạy của cha, có thể được an ủi sau khi cha qua đời.

Thánh Grêgôriô, như một người cha yêu thương con cái, lòng mềm lòng và, không biết phải làm gì, đã cầu xin Thiên Chúa chỉ cho ngài con đường sống.

Khi số lượng các giám mục tụ họp ngày càng đông, nhưng những mâu thuẫn và bất đồng giữa họ vẫn tiếp diễn, Thánh Grêgôriô, đứng giữa hội đồng, đã lên tiếng nói với họ:

– Hỡi các anh em và các đồng mục tử của tôi trong việc chăn dắt đoàn chiên thánh của Chúa Kitô! Thật đáng xấu hổ cho các ngài, những người dạy người khác giữ hòa bình, lại gây ra mâu thuẫn giữa chính mình! Làm sao các ngài có thể thuyết phục người khác đạt đến sự đồng thuận và nhất trí, nếu chính các ngài còn không thể hòa giải với nhau? Nhưng tôi khẩn cầu các ngài, trước mặt Ba Ngôi Thánh đồng bản thể và chí thánh, hãy thiết lập hòa bình và thể hiện tình yêu thương lẫn nhau, để các ngài có thể điều hành các công việc của Giáo hội trong sự nhất trí trọn vẹn. Nếu tôi là nguyên nhân gây ra sự bất đồng và chia rẽ giữa các bạn, thì tôi chẳng xứng đáng hơn tiên tri Giô-na chút nào. Hãy ném tôi xuống biển – và lúc đó sóng gió sẽ chấm dứt đối với các bạn. Dù tôi vô tội trong cơn bão này, nhưng tôi sẵn sàng chịu khổ nếu các bạn muốn. Chỉ cần các ngài hòa giải với nhau và đồng lòng; hãy lật đổ tôi khỏi ngai vàng, trục xuất tôi khỏi thành phố, nhưng hãy yêu mến sự thật và hòa bình, như tôi nói cùng với tiên tri Xa-cha-ri (Xa-cha-ri 8:19). Chúc các ngài mạnh khỏe, các vị mục tử thánh thiện! Xin đừng quên những công lao của tôi!

Khi ngài nói xong bài diễn văn này, tất cả những kẻ chống đối ngài đều cảm thấy xấu hổ và cảm động trước những lời của ngài. Còn vị thánh, sau khi rời khỏi hội đồng, đã quyết định trở về quê hương và đi xin nhà vua cho phép ngài trở về quê hương.

Ngài nói với nhà vua:

– Thưa Đức Vua! Nguyện Chúa Kitô ban thưởng cho ngài vào Ngày Phán Xét vì tất cả những ân huệ ngài đã ban cho Giáo Hội. Nhưng xin đừng từ chối tôi, thưa vị quân vương uy quyền, ân huệ mà tôi đang xin ngài lúc này: tôi không xin ngài về của cải hay người thân; tôi không tìm kiếm những tấm khăn phủ quý giá cho bàn thờ, mà chỉ mong được giảm bớt những vất vả trong công việc của mình. Xin cho sự ghen tị của nhiều người chấm dứt nhờ điều này; xin cho các giám mục đạt được sự hòa hợp nhờ sự nỗ lực của ngài! Ngài, Đấng đã dẹp tan sự ngang ngược của bọn man di, xin hãy dẹp tan cả những mâu thuẫn giữa các vị thánh. Xin hãy tô điểm cho vương quyền chiến thắng của Ngài bằng điều duy nhất này: để các giám mục đạt được hòa bình và sự hòa hợp với nhau. Điều

này sẽ thành hiện thực nếu Ngài cho phép tôi trở về quê hương. Tôi xin Ngài ban ân huệ này; xin hãy ban cho tôi ân huệ cuối cùng này.

Nhà vua vô cùng xúc động trước những lời của vị thánh và không kìm được nước mắt. Các quan lại có mặt tại đó cũng rơi lệ. Mọi người đều cảm nhận được tình yêu thương sâu sắc dành cho vị thánh và không muốn để ngài ra đi. Còn ngài, lúc thì viện cớ tuổi già và bệnh tật triền miên, lúc thì chỉ ra những mâu thuẫn giữa các giám mục do ngài gây ra, vẫn tiếp tục khẩn cầu nhà vua và cuối cùng đã thuyết phục được ngài – đừng giữ ngài lại, mà hãy để ngài đi đến nơi ngài muốn, để ngài có thể sống những ngày còn lại trong bình an và nghỉ ngơi sau bao nhiêu vất vả. Được nhà vua cho phép ra đi, ngài đã từ biệt mọi người và ban lời chúc bình an cho các tín hữu của mình. Khi ngài rời khỏi thành phố, toàn thể dân chúng tiễn đưa ngài và khóc nức nở. Ngay lập tức, một số giám mục, những người yêu mến Thánh Grêgôriô và thương tiếc ngài, cũng rời khỏi thành phố; họ rời khỏi hội đồng giám mục và mỗi người trở về nơi mình đang phục vụ. Đó là: Grigori Nisski, anh trai của Basil Đại đế, – Amphilochius Iconian, Eulogius Edessian, Helladius Caesarean, Otrian Melitian và nhiều vị khác. Còn các giám mục ở lại công đồng đã bầu thượng nghị sĩ Nektarios[1450] làm tổng giám mục.

Thánh Grêgôriô Thần Học đã lui về vùng Cappadocia và định cư tại quê hương mình, làng Arianz. Tại đó, ngài nghỉ ngơi vì sức khỏe rất yếu. Tuy nhiên, ngài không ngừng làm việc để tôn vinh Thiên Chúa: ngài phát hiện ra thành phố quê hương Nazianzus của mình đang bị nhiễm tà thuyết Apollinarian và đã cố gắng thanh tẩy nó bằng cả những lời khuyên nhủ trực tiếp lẫn các bức thư của ngài. Khi người dân xin ngài nhận lại ngôi vị giám mục, ngài đã từ chối, và thay vào đó, ngài đã bổ nhiệm một linh mục tên là Evlalius làm giám mục cho họ – một người nhiệt thành trong đức tin và đạo đức. Còn ngài thì sống trong sự ẩn dật hoàn toàn tại làng Arianzê. Tại đó, sau khi sống một thời gian và để lại nhiều tác phẩm răn dạy[1451] , ngài, khi đã cao tuổi, đã về với cuộc sống vĩnh hằng vào ngày 25 tháng 1[1452] . Ngài được an táng với đầy đủ nghi lễ tại thành phố Nazianzus. Nhiều năm sau, vị hoàng đế đạo đức Constantine Porphyrogenitus đã chuyển di hài cốt thiêng liêng của ngài từ Nazianzus đến Constantinople và an

---

[1450] Thánh Nectarius giữ chức Tổng Giám mục từ năm 381 đến năm 397.

[1451] Các tác phẩm của Thánh Grêgôriô Thần học được Giáo hội Chúa Kitô tôn kính vô cùng. Chúng là đối tượng của những nghiên cứu kỹ lưỡng nhất và rất nhiều lời giải thích. Các tác phẩm của Thánh Grêgôriô bao gồm các bài giảng, thư từ và thơ ca. Năm bài giảng về Thần học thể hiện rõ nhất Grêgôriô là một nhà thần học như thế nào. Trong bài giảng vào Lễ Ngũ Tuần, Thánh Grêgôriô miêu tả các hoạt động của Chúa Thánh Thần và qua những hoạt động đó, Ngài giúp chúng ta nhận ra Thiên Chúa chân thật. Trong các tác phẩm khác, Grêgôriô giải thích tín điều về Ba Ngôi, đồng thời đề cập đến các chủ đề khác của đức tin. Nói chung, các bài giảng của Thánh Grigoriô là vô song về nhiều mặt. Cả về hình thức lẫn giọng điệu, các bài giảng của ngài không phải là những cuộc trò chuyện, mà đúng nghĩa là những bài diễn thuyết. Trong số 45 bài giảng của ngài, có 5 bài ca ngợi, 9 bài dành cho các ngày lễ, còn lại là các bài biện hộ và vạch trần. Trong số các bài giảng lễ của Thánh Grigori, hiện nay người ta biết đến các bài giảng: về Lễ Giáng Sinh, Lễ Rửa Tội hay Ngày Ánh Sáng, Lễ Phục Sinh, Lễ Ngũ Tuần, Lễ Anti-Phục Sinh, về Thánh Mamant, về các vị Maccabees, và về các vị tử đạo trong Tuần Lễ Các Thánh. Một số đoạn trong các bài giảng của ngài đã được đưa vào Kinh Phục Sinh của Thánh Gioan Damascene, và từ đó hình thành nên một trong những bài thánh ca Phục Sinh hiện đang được cử hành trong Giáo Hội, cùng với một số bài thánh ca trong Kinh Phục Sinh; Một số lời trong các bài giảng của ngài cũng được đưa vào các nghi lễ của Giáo hội vào Lễ Giáng Sinh, Lễ Ngũ Tuần và Lễ Phục Sinh Ngược. Trong số các bài diễn văn bảo vệ và vạch trần của Thánh Grêgôriô Thần Học, nổi tiếng nhất là tác phẩm được gọi là "Tuyên ngôn" gửi Julian – hai bài diễn văn trong đó sự vô đạo đức của Julian được khắc họa một cách không thể phai mờ cho hậu thế. Các bức thư của Grigori được coi là những tác phẩm văn chương xuất sắc nhất. Phần lớn chúng đều ngắn gọn, nhưng chính trong điều này, Grigori lại thấy được giá trị của thư từ. Các bài thánh ca của Thánh Grigori được chia thành ba loại: về giáo lý, về đạo đức và về lịch sử; trong số các bài thuộc loại sau, phần lớn ngài hát về chính bản thân mình, về những yếu đuối và nỗi đau khổ của mình. Các bài thánh ca cầu nguyện của ngài cũng rất đáng chú ý, chẳng hạn như các bài vào buổi sáng và buổi tối, những bài thơ về cuộc sống, đức hạnh, sự phù du của cuộc đời; tất cả đều xứng đáng chiếm vị trí hàng đầu trong số những tác phẩm xuất sắc nhất. – Giáo hội đã tôn vinh Thánh Grigori bằng chính danh hiệu mà Giáo hội đã dùng để tôn vinh một trong những vị cao quý nhất trong số các Tông đồ và các nhà truyền giáo, đó là Thánh Gioan. Tên gọi này được trao cho ngài bởi vì, sau vị Thần học gia đầu tiên, Thánh Grêgôriô đã thấu hiểu những chiều sâu của Thần tính bằng những suy tư cao cả và chính xác đến mức mà con người có thể thấu hiểu, dưới ánh sáng của Mạc khải; đặc biệt, toàn bộ tư tưởng của ngài, cũng như của vị Thần học gia đầu tiên, đều hướng về Lời Hằng Hữu. Sự cao cả của những suy tư vươn lên nơi thánh điện nội tại (trong phạm vi có thể tiếp cận được) của bản tính Thiên Chúa – đó là đặc điểm nổi bật của Thánh Grêgôriô, mà không ai khác sở hữu được ở mức độ tương đương với ngài.

[1452] Thánh Grêgôriô Thần học gia qua đời vào năm 389. Tại Constantinopolis, một nhà thờ đã được xây dựng để tưởng nhớ ngài bởi một người tên là Patricius dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius II vào nửa đầu thế kỷ V. Xác thánh của Thánh Grêgôriô, được chuyển đến Constantinopolis vào năm 960 dưới triều đại Hoàng đế Constantine VI Porphyrogenitus, đã được chia làm hai phần: một phần được an táng tại Nhà thờ Các Tông đồ, phần còn lại tại Nhà thờ Thánh Anastasia. Hiện nay, một phần xác thánh của ngài cũng được lưu giữ tại Nhà thờ Thánh Phêrô Tông đồ ở Rome.

táng tại Nhà thờ Các Thánh Tông đồ – để cầu xin sự trợ giúp và bảo vệ cho thành phố, cũng như để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Tiếng sáo mục vụ của thần học ngài đã chiến thắng tiếng kèn của các nhà hùng biện: vì ngài đã thấu hiểu những điều sâu thẳm của Thánh Thần, và đã được ban cho ân sủng của lời giảng dạy. Nhưng xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, hỡi Thánh Grêgôriô, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Bằng ngôn ngữ thần học của ngài, ngài đã phá vỡ những mưu mô hùng biện một cách vinh quang, và bằng áo choàng Chính Thống Giáo được dệt từ trên cao, ngài đã trang hoàng cho Giáo Hội; và giờ đây, khi mặc lấy áo choàng ấy, ngài cùng với chúng con kêu gọi các con cái của ngài: Hãy vui mừng, thưa Cha, bậc thầy thần học vĩ đại nhất.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Felicita và bảy người con trai của bà.

Ngày tưởng niệm 25 tháng 1

Thánh Grêgôriô, Giáo hoàng Rôma[1453] , dạy chúng ta về vị thánh tử đạo Felicita này trong bài giảng về Phúc Âm bằng những lời sau đây[1454] . “Khi người Do Thái nói với Chúa: *‘Này, Mẹ Ngài và các anh em Ngài đang đứng ngoài kia, muốn nói chuyện với Ngài’* (Mt 12,47), Chúa đã gọi những ai tin vào Danh Ngài và thực hiện ý muốn của Cha Ngài trên trời là anh em, chị em và Mẹ của Ngài, không phải theo quan hệ huyết thống, mà theo sự hiệp nhất trong Thánh Thần. Thánh Felicita này là người La Mã, xuất thân từ một gia đình giàu có; bà có bảy người con trai. Sau khi yêu mến Chúa Kitô, bà đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo và tuyên xưng trước mặt vị vua ngoại giáo và các quan tòa rằng bà là người Kitô hữu[1455] . Trong khi chịu đựng sự khắc nghiệt của cuộc bách hại, bà đã củng cố lòng yêu mến quê hương trên trời trong lòng các con mình. Về mặt đức tin, bà là tôi tớ của Chúa Kitô, còn các con trai bà được gọi là anh em của Chúa Kitô nhờ sự hiệp nhất trong đức tin và sự kiên nhẫn dũng cảm”. “Chúng ta đã thấy – vị thánh phụ tiếp tục – lòng dũng cảm của người nam trong lòng người nữ: bà đã can đảm đối diện với cái chết, qua đó dạy dỗ về sự nhận biết chân thật về Thiên Chúa. Vì vậy, tôi đã gọi người phụ nữ này không chỉ là vị tử đạo, mà còn hơn cả một vị tử đạo, bởi vì bà đã chứng kiến những đau khổ của bảy người con trai mình và bản thân bà, khi phải chịu tra tấn, chỉ mong muốn rằng các con sẽ vào Nước Trời trước bà và không chệch khỏi con đường dẫn đến đó; người mẹ thánh thiện – vị tử đạo – lo lắng cho những đứa con còn sống, vui mừng cho những đứa con đang hấp hối và được tôn vinh bởi việc bảy người con trai của bà đã vào Nước Trời trước bà, nơi mà chính bà, người thứ tám, cũng theo sau họ, chấp nhận cái chết tử đạo cùng với các con của mình vì Danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta”[1456] .

Lễ kỷ niệm Thánh Poplius.

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 1

[1453] Thánh Grêgôriô Đôi Lời; ngày kỷ niệm của ngài là ngày 12 tháng 3

[1454] Đây tất nhiên là Bài giảng thứ III, được ngài trình bày trước dân chúng tại Nhà thờ Thánh Felicita vào ngày bà chịu tử đạo.

[1455] Các thầy tế lễ đã tố cáo Thánh Felicita trước hoàng đế rằng, bằng việc truyền bá Kitô giáo, bà đã xúc phạm các vị thần. Hoàng đế đã giao người mẹ thánh cùng các con của bà cho quan tổng trấn Publius.

[1456] Các con trai của Thánh Felicita có tên là: Januarius, Felix, Philip, Silvanus, Alexander, Vitalis và Martial. Những đau khổ của các vị tử đạo này diễn ra vào thời Hoàng đế Antoninus, người trị vì từ năm 138 đến năm 161. Người con trai cả của Thánh Felicita bị đánh đập dã man rồi bị ném vào ngục tối; người thứ hai bị đánh bằng những thanh chì; người thứ ba và thứ tư bị giết bằng gậy, người thứ năm bị ném xuống từ nơi cao; người thứ sáu và thứ bảy bị chém bằng gươm, sau đó mẹ của họ cũng bị chặt đầu.

Thánh Poplius thuộc tầng lớp thượng nghị sĩ[1457] và xuất thân từ thành phố Zeugma[1458] , bên bờ sông Euphrates. Sau khi chọn một nơi trên ngọn núi cao, cách thành phố ba mươi verst, Thánh Poplius đã xây dựng một túp lều nhỏ và sau đó phân phát toàn bộ tài sản nhận được từ cha mẹ cho những người nghèo; còn bản thân ngài thì sống một cuộc đời đạo đức và khổ hạnh, danh tiếng về điều này đã lan rộng khắp nơi. Rất nhiều người mong muốn được chia sẻ những việc làm cao cả của ngài đã bắt đầu đổ về với vị thánh; ngài ra lệnh cho họ dựng những căn phòng nhỏ chật hẹp, nơi ngài thường xuyên đến thăm các đệ tử của mình, nghiêm khắc giám sát để đảm bảo trong phòng của họ không có gì ngoài những thứ thiết yếu nhất; lượng bánh mì mà các tu sĩ có, Thánh Poplius cân trên cân, và nếu ai có nhiều hơn một lượng nhất định, ngài gọi người đó là kẻ ham ăn, quá quan tâm đến thân xác mình; còn những ai bị phát hiện có thức ăn đã chế biến sẵn, ngài gọi là những kẻ nếm thử sự ô uế. Vào ban đêm, vị thánh phụ không tìm kiếm sự yên tĩnh cho riêng mình, mà đi vòng quanh các phòng của các môn đệ, dừng lại bên ngoài cửa mỗi phòng. Vị thánh phụ lặng lẽ rời đi nếu bắt gặp người ở trong phòng đang cầu nguyện; còn nếu người đó đang ngủ, thánh Poplius sẽ đập tay vào cửa và nghiêm khắc quở trách vị tu sĩ lười biếng. Nhờ sự giao lưu liên tục của vị thánh với các môn đệ, nhiều người trong số họ đã noi gương ngài trong đời sống tu hành; hai trong số đó, là Theoktinos và Avfonios, sau khi Thánh Poplius qua đời, đã đảm nhận trách nhiệm chăm sóc anh em tu sĩ và quản lý tu viện do vị thánh tu hành này thành lập. Còn vị Thánh Phước Poplius đã hoàn thành một cách bình an công trình vĩ đại của mình và về với Chúa[1459] .

Ngày tưởng niệm Thánh Mara Ca sĩ.

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 1

Thánh Mar từ thuở thiếu thời đã nổi bật với vẻ ngoài đẹp đẽ và sở hữu giọng hát hay; trong các lễ hội tôn vinh các thánh tử đạo, ngài đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một ca sĩ. Hơn hết, ngài yêu mến Thiên Chúa và tuân giữ các điều răn của Ngài một cách thánh thiện. Dù phải đối mặt với nhiều cám dỗ, Thánh Mar vẫn giữ cho thân xác mình trong sự trinh khiết nguyên sơ, còn linh hồn thì trong sự thanh khiết và trong sáng. Sau khi từ chối những cám dỗ trần tục, chàng trai trẻ đã lui về làng Omiru[1460] và dựng cho mình một túp lều nhỏ, nơi ngài đã sống suốt ba mươi bảy năm; trong túp lều này, vị thánh đã phải chịu nhiều khổ cực vì độ ẩm cao, điều này ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của ngài, nhưng ngài không muốn rời bỏ túp lều của mình và đã sống ở đó cho đến cuối đời. Thánh nhân Mar nổi tiếng vì sự giản dị và không dung thứ cho sự gian dối, đồng thời coi sự nghèo khó là phúc lành lớn nhất. Sống đến chín mươi tuổi, ngài chỉ mặc những bộ quần áo làm từ lông dê, và để duy trì sức khỏe thể chất, ngài chỉ ăn một ít bánh mì với muối. Từ lâu, vị thánh đã ấp ủ trong lòng khát khao mãnh liệt được tham dự Thánh lễ. Khi vị linh mục cử hành Bí tích vĩ đại và cứu rỗi này tại nơi ngài, Thánh Mar nói rằng linh hồn ngài tràn ngập một sự ngọt ngào không thể diễn tả, và ngài đã đắm chìm trong suy ngẫm rất lâu, trong sự bối rối sâu sắc đến nỗi không dám ngước nhìn lên trời. Sau khi hoàn thành cuộc hành trình dài và cứu rỗi của mình, vị thánh đã thanh thản trao linh hồn cho Thiên Chúa và hiện đang hưởng phúc trong những nơi ở vĩnh cửu.

Ngày 8 tháng 2

Ngày 26 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của các vị thánh Xenophon và Maria cùng hai con trai của họ là Gioan và Arcadius.

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 1

[1457] Các thượng nghị sĩ – thành viên của cơ quan nhà nước cao nhất trong Đế chế La Mã.
[1458] Tại Syria, thuộc tỉnh Euphratesia của Đế chế La Mã.
[1459] Khoảng năm 380.
[1460] Gần thành phố Kyra, thuộc tỉnh Кyrестика của Syria.

Thánh Xênofont là một trong những quan chức cao cấp nhất tại Constantinople. Ngài giàu có về của cải trần gian, nhưng còn giàu có hơn nữa về những kho tàng nội tâm: đức tin, lòng đạo đức và sự tuân giữ nghiêm túc mọi điều răn của Chúa. Dù có địa vị cao quý và xuất thân danh giá, ngài còn nổi bật hơn nữa nhờ lòng đạo đức và cuộc sống đầy đức hạnh. Dù được vinh danh đến đâu, ông vẫn giữ tâm hồn khiêm nhường; ông không bao giờ tự cao tự đại trước người khác và cũng không tự hào về danh vọng trần thế tạm bợ của mình. Ông tích lũy kho tàng trên trời, bằng cách gửi những của cải của mình đến đó qua bàn tay của những người nghèo khó. Ông có một người bạn đời tên là Maria, người luôn noi gương ông trong mọi việc thiện và có tính cách hoàn toàn giống ông. Xenophon sống với bà một cách đạo đức, làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, tuân giữ mọi điều răn một cách hoàn hảo và tuân theo lẽ thật của Đức Chúa Trời. Khi hai con trai của họ, Gioan và Arkadiy, chào đời, họ đã nuôi dạy các con bằng những lời dạy dỗ tốt lành và không chỉ truyền đạt kiến thức sách vở, mà còn dạy các con lòng kính sợ Thiên Chúa – nguồn gốc của mọi sự khôn ngoan – cũng như rèn luyện cho các con mọi đức tính tốt đẹp. Họ mong muốn thấy ở các con không chỉ là những người thừa kế gia tài giàu có của mình, mà chủ yếu là những người noi gương cuộc sống thánh thiện của họ . Họ đã gửi các con đi học tri thức Hy Lạp tại thành phố Berytus thuộc Phoenicia[1461] , nơi nổi tiếng vào thời đó với các trường học của mình. Khi họ sống ở đó một thời gian để học tập, Xenophon bị bệnh nặng và đã chuẩn bị đón nhận cái chết. Maria, không còn hy vọng chồng sẽ bình phục, đã viết thư từ Berit gửi các con trai về căn bệnh nặng của cha và xin các con mau chóng trở về nhà – trước khi cha qua đời. Bà muốn các con được nhận lời chúc phúc cuối cùng từ cha và tham dự lễ an táng của ông. Các con vội vã trở về nhà. Khi nhìn thấy các con, cha rất vui mừng, và vì niềm vui đó, bệnh tình của ông đã thuyên giảm. Ông bảo các con ngồi bên giường mình và bắt đầu dạy dỗ các con như sau:

– Theo ta thấy, các con yêu quý của ta, ta đang đến gần cuối cuộc đời; còn các con, nếu yêu thương ta, người cha của các con, hãy làm theo những điều ta truyền lại cho các con. Trước hết, hãy kính sợ Thiên Chúa và sống cuộc đời mình theo các điều răn thánh của Ngài. Tiếp theo, những điều ta sẽ nói với các con sau đây, ta không nói vì sự kiêu ngạo, mà nhằm hướng dẫn các con đi trên con đường đức hạnh: nếu các con lấy cuộc đời ta làm gương mẫu cho mình, thì ta nghĩ các con sẽ không cần đến thầy dạy nào khác, vì bài học gia đình, được thể hiện qua lời nói và hành động, hữu ích hơn rất nhiều so với bất kỳ bài học nào khác. Hãy biết rằng, tôi đã sống đến ngày hôm nay nhờ luôn giữ lòng kính sợ Thiên Chúa và sự đơn sơ trong lòng. Tôi được mọi người kính trọng và yêu mến không phải vì chức tước cao quý, mà vì tính hiền lành và phẩm chất tốt đẹp: tôi chưa từng làm tổn thương ai hay điều gì, chưa bao giờ trách mắng ai, chưa từng vu khống, ghen tị, nổi giận vô cớ, hay gây thù oán với ai. Tôi yêu thương tất cả mọi người và sống hòa thuận với mọi người; tôi không bao giờ bỏ lỡ việc đến nhà thờ của Chúa, dù là buổi tối hay buổi sáng; tôi không khinh miệt người ăn xin, người lữ hành hay người đang đau buồn, mà an ủi mỗi người bằng lời nói và hành động; tôi thường xuyên thăm viếng những người đang bị giam cầm, đã chuộc nhiều tù nhân và trả tự do cho họ. Cũng như tôi đã kiềm chế đôi môi mình để không nói điều gì xấu xa và gian dối, tôi cũng đã tự đặt ra lời thề cho đôi mắt mình – để không nhìn ngắm vẻ đẹp của người khác và không nảy sinh ham muốn đối với họ. Chúa đã gìn giữ tôi, và tôi không biết người vợ nào khác ngoài mẹ các con, nhưng ngay cả với bà ấy, tôi cũng chỉ sống trong mối quan hệ xác thịt cho đến khi các con chào đời; sau đó, chúng tôi đã thỏa thuận sẽ giữ khoảng cách với nhau về mặt xác thịt và duy trì sự trong sạch về thể xác trước mặt Chúa cho đến nay. Hỡi các con, hãy noi gương cuộc sống của cha mẹ, hãy noi theo đức tin, sự kiên nhẫn và lòng hiền lành của chúng ta, và hãy sống sao cho đẹp lòng Đức Chúa Trời; khi đó, Đức Chúa Trời sẽ ban cho các con một cuộc đời trường thọ. Hãy bố thí cho người nghèo, bảo vệ các góa phụ và trẻ mồ côi, thăm viếng người bệnh và những người đang bị giam cầm, giải cứu những người bị oan ức và bị kết án oan khỏi tai ương, và giữ hòa bình với mọi người. Hãy trung thành với bạn bè, làm ơn cho kẻ thù mà không trả thù ác bằng ác; đối với mọi người, hãy tỏ ra nhân từ, hiền lành, thân thiện và khiêm nhường. Hãy giữ sự trong sạch về tâm hồn và thể xác; và nếu Đức Chúa Trời ban phước cho các con bằng hôn nhân, thì giường chiếu của các con chớ để bị ô uế. Hãy làm từ thiện cho các nhà thờ của Chúa và các tu viện; hãy tôn kính các linh mục và tu sĩ, vì nhờ họ mà Chúa tỏ lòng thương xót cho cả thế gian. Đặc biệt, đừng quên những người lang thang vì Chúa trong sa mạc, trên núi, trong các hang động và vực thẳm của trái đất, nhưng hãy cung cấp cho họ những thứ cần thiết cho cuộc sống. Hãy cho người nghèo ăn uống đầy đủ, và các con sẽ không trở

[1461] Beryt – nay là Beirut – là thành phố cổ của Phoenicia nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải; vào thế kỷ V, thành phố này từng thịnh vượng và nổi tiếng với trường học danh tiếng về hùng biện, thi pháp và luật pháp; hiện nay là thành phố hành chính chính của vùng Syria thuộc Thổ Nhĩ Kỳ và là trung tâm thương mại quan trọng nhất trên bờ biển Syria.

nên nghèo khó. Các con biết rằng nhà của ta chưa bao giờ thiếu thốn, dù thường xuyên có những bữa ăn được dọn ra cho người nghèo. Hãy cầu nguyện thường xuyên và lắng nghe những lời dạy dỗ của các vị thánh. Hãy tôn kính mẹ các con như đáng được và vâng lời bà với lòng kính sợ Chúa, luôn tuân theo ý muốn của bà và không bao giờ trái lệnh bà. Hãy nhân từ với những người làm công, yêu thương họ như thành viên trong gia đình và con cái của các con; hãy trả tự do cho những người già và cung cấp thức ăn cùng mọi thứ cần thiết cho họ cho đến khi họ qua đời. Nói tóm lại, ta nhắc lại với các con: những gì các con đã thấy ta làm, hãy tự mình làm theo – và các con sẽ được hưởng vinh quang và danh dự của các thánh. Hãy luôn nhớ rằng thế gian này sẽ sớm qua đi và vinh quang của nó sẽ tan biến. Hỡi các con, hãy tuân giữ các điều răn của Chúa và những lời dạy dỗ của ta, và xin Thiên Chúa của bình an ở cùng các con!

Nghe những lời này, Gioan và Arcadius đã khóc và nói:

– Xin cha đừng bỏ chúng con, nhưng xin cầu khẩn Thiên Chúa ban cho cha thêm một thời gian nữa để sống cùng chúng con. Chúng con tin rằng nếu cha muốn, cha sẽ cầu khẩn được Thiên Chúa: Thiên Chúa sẽ nghe lời cha. Đối với chúng con, những người còn trẻ, sự hiện diện của cha ở đây là vô cùng cần thiết, để cha có thể hướng dẫn chúng con làm những việc lành một cách hoàn hảo nhất và chính cha sẽ sắp xếp cuộc sống của chúng con cho đúng đắn.

Cha thở dài nặng nề, nước mắt lưng tròng, rồi nói:

– Kể từ khi Chúa giáng bệnh này xuống cho con và con phải nằm trên giường bệnh, con đã cầu nguyện rất nhiều và vẫn đang cầu xin Chúa rằng, vì tuổi trẻ của các con, Ngài hãy ban cho con thêm một chút thời gian để sống trên trần gian này, cho đến khi con được thấy các con trở nên hoàn hảo trong mọi mặt.

Ngay đêm hôm sau, Thánh Xenophon đã nhận được một sự mặc khải trong giấc mơ, rằng Chúa truyền lệnh cho ông phải tiếp tục ở lại cõi đời này. Ông đã báo tin này cho vợ và các con, và tất cả đều vui mừng và ngợi khen Chúa. Người bệnh bắt đầu dần dần hồi phục khỏi căn bệnh. Ông nói với các con trai:

– Các con ơi, hãy lên đường và hoàn tất việc học hành, rồi khi xong việc thì hãy trở về ngay lập tức: cha sẽ lo liệu việc cưới hỏi chính thức cho các con.

Sau đó, ông đưa các con lên tàu, trang bị đầy đủ mọi thứ cần thiết, rồi tiễn các con trở lại Berit.

Khi họ lên đường ra khơi, ban đầu chuyến đi diễn ra thuận lợi vì có gió thuận. Nhưng rồi đột nhiên gió ngược nổi lên, và trên biển ập đến một cơn bão bất ngờ cùng những con sóng dữ dội. Các thủy thủ nhanh chóng buông bánh lái, và con tàu bị cơn bão cuốn đi không biết đến đâu, ngày càng chìm sâu trong sóng biển. Tất cả những người trên tàu đều tuyệt vọng về việc cứu lấy mạng sống và dưới ảnh hưởng của thảm họa cùng nỗi sợ hãi cái chết, họ khóc lóc thảm thiết. Hai anh em, Ioann và Arkadiy, cũng khóc lóc và dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời.

“Lạy Chúa toàn năng và Đấng quan phòng muôn loài! – họ cầu nguyện. – Xin đừng khinh dể các tạo vật của Ngài, xin nhớ đến những việc lành của cha mẹ chúng con và vì họ mà xin đừng bỏ rơi chúng con: xin đừng để chúng con chết trước thời hạn trong những năm tháng thanh xuân rực rỡ của chúng con. Xin cơn bão biển hãy tha thứ cho chúng con và đừng để vực sâu biển cả nuốt chửng chúng con. Xin Ngài nhớ đến lòng thương xót và sự hào phóng của Ngài, xin Ngài nhìn xuống từ đỉnh cao vinh quang thánh thiêng của Ngài và nhìn thấy nỗi khốn khổ của chúng con. Xin Ngài lắng nghe tiếng rên rỉ và tiếng kêu khóc của chúng con! Với trái tim tan nát và tinh thần khiêm nhường, chúng con cầu xin Ngài: xin Ngài giang tay phải toàn năng của Ngài ra để cứu chúng con khỏi cái chết; xin đừng để chúng con phải chết vì danh Ngài, nhưng xin hãy đối xử với chúng con theo lòng thương xót và sự nhân từ vô biên của Ngài. Xin cứu chúng con khỏi bị chìm đắm vì vinh quang của Ngài, vì những người đã chết sẽ không ngợi khen Ngài, cũng như những người xuống âm phủ (xem Tv 113:25), nhưng chính chúng con, những người còn sống, sẽ tôn vinh danh thánh vĩ đại của Ngài.”

Những người lái tàu, thấy rằng sóng gió dữ dội không ngừng lại mà còn càng lúc càng mạnh hơn, đến nỗi con tàu không thể tránh khỏi bị chìm, – như muốn giúp đỡ con tàu đang gặp nạn, đã xuống một chiếc thuyền nhỏ, được thiết kế đặc biệt, có mái che phía trên và không bị chìm, rồi vội vã rời xa con tàu, trôi theo hướng sóng đưa. Họ hy vọng rằng sóng sẽ đưa họ vào bờ ở đâu đó. Hai chàng trai trẻ, Ioan và Arkadiy, ở lại trên tàu cùng với các nô lệ của mình, đã chứng kiến cảnh các thủy thủ bỏ chạy và sự diệt vong không thể tránh khỏi của con tàu, vì lúc đó con tàu đã bắt đầu vỡ tan và, khi nước tràn vào, đang chìm dần trong sóng biển. Họ hoàn toàn tuyệt vọng về việc cứu lấy mạng sống và cởi bỏ quần áo để bơi lội dễ dàng hơn, nhằm tránh bị chìm ngay lập tức và chết chìm trong

vực thẳm. Trong lúc chờ đợi sự chia ly vĩnh viễn và cái chết, họ khóc lóc và bằng giọng nói đầy xúc động, kêu gọi cha mẹ mình, những người đang ở xa trong nhà, như thể họ đang hiện diện ở đây vậy.

– Chúng con cầu chúc cho cha, – họ nói, – hãy mạnh khỏe, người cha thân yêu nhất! Mẹ cũng hãy mạnh khỏe, người mẹ thân yêu nhất! Các vị sẽ không còn được gặp lại chúng con nữa, cũng như chúng con sẽ không còn được gặp lại các vị; chúng con sẽ không còn được cùng các vị tận hưởng những phúc lành trần gian trong ngôi nhà này nữa.

Sau đó, họ bắt đầu nói với nhau:

– Khốn khổ cho chúng ta, người anh em yêu dấu! Khốn khổ thay, ánh sáng của đôi mắt ta! Ôi, chia ly thật là đau đớn biết bao! Giờ đây, những lời cầu nguyện của cha mẹ đâu rồi? Những ân huệ dành cho người nghèo đâu rồi? Những khoản bố thí dành cho các tu sĩ và sự kính trọng dành cho họ đâu rồi? Phải chăng không một lời cầu nguyện nào của cha mẹ dành cho chúng ta đã đến được với Chúa, hay dù có đến, nó vẫn vô hiệu, vì đã bị lấn át bởi vô số tội lỗi của chúng ta, khiến chúng ta không còn xứng đáng để sống nữa? Khốn khổ cho chúng ta, những người mới đây còn khóc than vì cái chết sắp đến của cha, mà giờ đây lại trở thành nguyên nhân khiến cha mẹ phải khóc than không nguôi và than khóc vô tận! Ôi cha ơi! Người, người đã tận tâm lo lắng cho việc giáo dục chúng con và xây dựng cuộc sống tốt đẹp cho chúng con, sẽ không được nhìn thấy chúng con, ngay cả khi chúng con đã qua đời. Ôi mẹ ơi, người đã hy vọng được chứng kiến đám cưới của các con trai mình và đã chuẩn bị những căn phòng lộng lẫy từ rất sớm! Mẹ sẽ không được nhìn thấy cả quan tài của các con mình nữa. Quả thật, thật đau đớn cho cha mẹ khi phải chứng kiến con cái mình qua đời và chôn cất chúng – còn đối với các bậc cha mẹ thân yêu của chúng con, nỗi đau khi mất con sẽ còn nặng nề biết bao, khi các vị không được chứng kiến cái chết của chúng, thậm chí còn không thể nhận được tin tức nào về cái chết bất ngờ và cay đắng của chúng! Các vị đã hy vọng rằng chúng con sẽ chôn cất các vị khi các vị đã cao tuổi, nhưng giờ đây, ngay cả chúng con cũng không được vinh dự được các vị chôn cất.

Sau đó, họ ôm lấy nhau và, trong lúc chia tay, nói với nhau:

– Hãy giữ lấy mạng sống, anh ơi, và tha thứ cho em!

Trong lúc đó, họ lại một lần nữa kêu cầu Chúa:

– Lạy Vua và Chúa Tể của muôn loài! Ngài đã để cho chúng con phải chịu cái chết như thế này sao! Nếu vì những định mệnh không thể diễn tả của Ngài mà chúng con không thể thoát khỏi nó, thì ít nhất xin đừng chia lìa chúng con khi đang hấp hối. Hãy để một con sóng che phủ chúng con và hãy để bụng con thú biển trở thành quan tài của chúng con!

Họ cũng quay sang các nô lệ của mình:

– Hãy tự cứu lấy mình đi, những người anh em và bạn bè tốt bụng, và xin hãy tha thứ cho chúng tôi.

Khi con tàu cuối cùng cũng vỡ tan, mỗi người trong số họ bám lấy tấm ván đầu tiên mà họ bắt gặp, và như vậy, họ bị sóng cuốn đi tứ phía, xa cách nhau. Nhưng nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, tất cả đều được cứu khỏi bị chìm và chết chìm, chỉ bị cuốn trôi đến những nơi khác nhau: các nô lệ bị sóng đánh dạt vào bờ ở Tyre[1462] , Gioan bị dạt vào một nơi gọi là Malmefetan[1463] , còn Arkadius thì bị dạt vào Tetrapyrgia[1464] . Mỗi người trong số họ, không biết gì về việc anh trai mình đã thoát khỏi cái chết, không phải là vui mừng vì còn sống, mà là đau buồn vì cái chết của anh trai.

Khi lên đến bờ, Ioann tự nhủ với chính mình như sau: “Giờ tôi sẽ đi đâu đây? Tôi xấu hổ khi phải xuất hiện trước mặt mọi người trong tình trạng trần truồng. Thà tôi vào tu viện, nơi các tu sĩ kính Chúa đang sống, và ở đó tôi sẽ phụng sự Đức Chúa Trời, Đấng đã cứu tôi khỏi cái chết, trong sự nghèo khó và khiêm nhường còn tốt hơn là trong sự giàu có của thế gian này. Tôi nghĩ rằng lý do Đức Chúa Trời không nhậm lời chúng tôi khi chúng tôi cầu nguyện với Ngài trên con tàu là vì cha mẹ chúng tôi muốn gả cưới chúng tôi và để lại cho chúng tôi của cải cùng những tài sản lớn. Chúng tôi đã có thể chết trong sự phù phiếm của thế gian này sớm hơn là trên biển. Đức Chúa Trời Toàn Tri, trong khi sắp đặt cho chúng ta một cuộc sống tốt đẹp hơn, đã để cho tai họa này xảy ra với chúng ta, và mọi việc đã diễn ra đúng như ý Ngài. Ngài, Đấng Tốt Lành, biết tất cả những gì có lợi cho chúng ta,

[1462] Tir – thủ đô cổ đại của Phoenicia – tọa lạc trên bờ đông Biển Địa Trung Hải, phía bắc Palestine.

[1463] Malmefetan – một địa danh ở Mesopotamia.

[1464] Tetrapyrgia – một thành phố ở Mesopotamia, gần sông Euphrates.

còn chúng ta thì chẳng biết gì về những gì sẽ xảy ra với mình. Ngài biết tất cả và hành động theo ý muốn của Ngài, chuẩn bị sự cứu rỗi cho linh hồn mỗi người".

Sau đó, ngài giơ tay lên cầu nguyện với Đức Chúa Trời như sau: "Lạy Chúa của con, lạy Chúa, Đấng đã cứu con khỏi sóng biển và cái chết! Xin hãy cứu cả tôi tớ của Ngài, anh em tôi là Arkady. Xin giải thoát anh ấy khỏi cái chết đau đớn, như Ngài đã giải thoát tôi nhờ lòng thương xót của Ngài; và nếu Ngài đã giữ anh ấy sống sót và đưa anh ấy lên bờ, thì xin mở lòng trí anh ấy, để anh ấy suy ngẫm và khao khát đời sống tu hành, và xin cho anh ấy được ân sủng để làm đẹp lòng Ngài. Xin hãy cứu các tôi tớ đã đi cùng chúng con, để không ai trong số họ phải chết trên biển, nhưng nhờ sự cứu rỗi của tất cả họ, danh thánh của Ngài sẽ được tôn vinh!"

Trong khi đi dọc theo bờ biển, ông tiếp tục cầu nguyện: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Một của Thiên Chúa! Xin Ngài nhậm lời cầu xin của tôi tớ Ngài và dẫn dắt bước chân con đi theo các điều răn của Ngài, xin dạy dỗ con theo ý muốn thánh thiện của Ngài, vì Ngài biết, lạy Chúa, rằng ngoài Ngài ra, con không có ai khác để nương tựa vào lúc này."

Sau khi đi một quãng đường không ngắn, anh ta tìm thấy một tu viện và gõ cửa cổng. Người gác cổng mở khóa và thấy anh ta đang trần truồng. Ông cởi áo khoác ngoài của mình ra, đưa cho anh ta mặc, rồi dẫn anh ta vào phòng của mình và mời anh ta ăn bánh mì và rượu nho. Khi họ đứng dậy sau bữa ăn, người gác cổng mặc áo tu sĩ hỏi:

– Anh đến từ đâu vậy, anh em?

Anh ta đáp:

– Tôi là một lữ khách, thưa ngài, và là một người nghèo khổ, đã thoát chết trên biển. Khi con tàu bị đắm và chìm xuống nước, tôi bám vào những tấm ván và bị sóng cuốn trôi. Nhờ những lời cầu nguyện của các ngài, Chúa đã giữ tôi sống sót, và tôi đã trôi dạt đến đất nước của các ngài.

Người gác cổng mặc áo đen, khi nghe vậy, đã cảm động và ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi những ai đặt niềm tin nơi Ngài. Sau đó, ông hỏi Gioan:

– Anh muốn đi đâu vậy, anh em?

Giăng trả lời:

– Bất cứ nơi nào Đức Chúa Trời chỉ dẫn. Tôi muốn trở thành một tu sĩ, nếu như Đức Chúa Trời nhân từ, bỏ qua những tội lỗi của tôi, ban cho tôi ân sủng để mang lấy ách tốt lành của Ngài.

Vị tu sĩ nói với anh:

– Quả thật, con ơi, con đang khao khát làm việc lành, và con sẽ được hạnh phúc nếu con hết lòng phụng sự Đức Chúa Trời.

Rồi Gioan quay sang thưa với ngài như sau:

– Con xin thưa với cha, xin cha cho con biết: con có thể ở lại đây với các cha được không?

Vị tu sĩ trả lời:

– Hãy chờ một lát, ta sẽ báo với cha Bề trên của chúng ta về con. Liệu ngài có nhận được sự mặc khải từ Đức Chúa Trời về con không? Sau đó, con hãy làm theo những gì ngài truyền dạy, và con sẽ được cứu rỗi.

Người gác cổng đi gặp vị tu viện trưởng và kể lại chi tiết mọi chuyện về chàng trai trẻ. Vị tu viện trưởng ra lệnh đưa chàng đến gặp mình, và khi nhìn thấy chàng, ngài nhận ra trong số phận của chàng có sự kêu gọi của Đức Chúa Trời. Nhìn thấy cuộc đời tốt lành của chàng, ngài nói:

– Ngợi khen Thiên Chúa của cha mẹ con, Đấng đã cứu con khỏi cái chết trên biển và dẫn con đến đây!

Sau đó, ngài đã dạy dỗ cậu chi tiết về đời sống tu hành cứu rỗi, làm dấu thánh giá trên đầu cậu và ra lệnh cho cậu ở lại tu viện. Không lâu sau, ngài đã truyền giới tu sĩ cho Gioan theo hàng tu sĩ Thiên Thần. Như vậy, thánh Gioan đã tu hành trong cầu nguyện và ăn chay, cũng như trong mọi công việc tu viện, tuân giữ các mệnh lệnh. Nhưng ngài luôn đau buồn vì người anh em Arkadius của mình, nghĩ rằng anh ấy đã chết trong sóng biển.

Arcadios cũng vậy, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, vẫn còn sống sót và, khi lên bờ tại Tetrapyrgia, đã quỳ sấp mặt xuống và cầu nguyện với Đức Chúa Trời như sau: "Lạy Chúa, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, Đức Chúa Trời của cha con! Con tạ ơn Ngài vì đã giải thoát con khỏi sóng gió và bão táp, đã cứu con khỏi cái chết để ban cho con sự sống mà con không còn mong đợi nữa, và đã đặt chân con lên đất liền. Nhưng như Ngài, Đấng đầy lòng thương xót, đã cứu con khỏi bị chìm đắm, xin hãy cứu cả tôi tớ của Ngài, anh trai con là Gioan. Con cầu xin Ngài, lạy Chúa của con, lạy Chúa, – xin hãy bảo vệ anh ấy bằng lòng thương xót của Ngài, để anh ấy không bị sóng và bão cuốn trôi, và không bị vực thẳm nuốt chửng. Xin hãy

nghe lời con, lạy Chúa, vì lòng thương xót của Ngài thật lớn lao, và xin cho con được gặp lại anh trai con. Xin hãy nhớ đến những việc làm của cha chúng con và đừng để Gioan chìm xuống vực thẳm dưới đáy biển. Xin đừng để thiếu niên này phải chịu cái chết sớm và bất ngờ. Xin cho con được gặp lại anh ấy trước, rồi sau đó mới chết".

Trong khi cầu nguyện như vậy, anh khóc nức nở và thậm chí kiệt sức vì khóc; sau đó, anh đứng dậy, đi đến một ngôi làng gần đó, nơi một người yêu mến Chúa đã gặp anh và cho anh bộ quần áo cũ nát. Anh mặc vào và, sau khi xin một ít bánh mì, đã tiếp thêm sức lực cho cơ thể kiệt quệ của mình. Sau đó, anh ta đi đến nhà thờ ở đó và, một lần nữa cầu nguyện trong nước mắt cho người anh em của mình, tựa lưng vào một cột đá bên cạnh nhà thờ rồi chìm vào giấc ngủ. Ngay lập tức, trong giấc mơ, anh ta thấy người anh em Gioan của mình đang nói với anh ta:

– Anh Arcadius ơi! Sao anh lại khóc than thảm thiết vì em và đau khổ như vậy? Nhờ ân sủng của Chúa Kitô, em vẫn còn sống; vì thế, đừng buồn phiền vì em.

Khi tỉnh dậy, Arcadius tin chắc rằng giấc mơ đó là thật; anh tràn ngập niềm vui lớn lao và tạ ơn Chúa. Đồng thời, anh tự hỏi bản thân: mình nên làm gì đây?

"Liệu mình có nên," anh nghĩ, "về với cha mẹ không? Họ, khi không thấy anh trai tôi đi cùng, sẽ buồn bã vì sự trở về của tôi. Nếu tôi lại đi học và, sau khi hoàn thành các môn triết học, trở về với cha mẹ, thì cũng sẽ không làm họ vui lòng. Khi chỉ thấy một mình tôi, họ sẽ khóc lóc thảm thiết. Tôi không biết phải làm gì. Tôi nhớ cha tôi luôn ca ngợi đời sống tu sĩ, gắn liền với sự im lặng và đưa con người đến gần Chúa. Vậy thì, tôi sẽ vào tu viện và trở thành một tu sĩ."

Sau khi suy ngẫm như vậy trong lòng, Arkady dâng lời cầu nguyện và lên đường đến Jerusalem. Sau khi chiêm bái các thánh địa nơi Chúa đã ban ơn cứu rỗi cho thế gian, anh rời khỏi thành phố và định tìm một tu viện nào đó trên đường đi. Tiếp tục đi, anh gặp một tu sĩ đáng kính, tóc đã bạc phơ, là người có đời sống thánh thiện và có khả năng thấu hiểu. Bước đến gần ông, chàng trai quỳ xuống dưới chân ông, hôn lên chân ông và nói:

– Xin cha cầu nguyện cùng Chúa cho con, thưa cha thánh thiện, vì con đang chìm trong nỗi chán nản sâu sắc và đang đau khổ.

Vị tu sĩ già nói với chàng:

– Đừng buồn, con ơi! Anh trai con, người mà con đang lo lắng, vẫn còn sống như con vậy. Tất cả những người khác từng ở cùng các con trên con tàu, nhờ được Chúa che chở, đã thoát khỏi tai họa và vào tu viện để sống đời tu hành. Anh trai con, Gioan, đã nhận lễ khấn đầu tiên rồi. Sẽ có lúc con được gặp lại anh trai bằng chính đôi mắt mình, vì lời cầu nguyện của con đã được lắng nghe.

Arkady, khi nghe những lời của vị trưởng lão vĩ đại, đứng đó kinh ngạc và thán phục sự thấu hiểu của vị thánh, rồi lại quỳ xuống dưới chân ngài và nói:

– Vì Chúa đã không giấu ngài điều gì về những gì đã xảy ra với con, nên xin ngài đừng từ chối con – con khẩn cầu ngài. Bằng cách nào đi chăng nữa, xin ngài cứu rỗi linh hồn hèn mọn của con và dẫn dắt con vào đời sống tu hành.

Vị trưởng lão nói với anh ta:

– Nguyện Chúa được ngợi khen! Hãy theo ta, con yêu quý của ta.

Vị tu sĩ già dẫn chàng đến tu viện Thánh Chariton, nơi được gọi là Sukiyskaya[1465] trong tiếng Syria. Tại đó, ngài đã cạo đầu cho chàng trai trở thành tu sĩ và trao cho chàng một căn phòng tu, nơi trước đây một trong những vị tổ phụ vĩ đại đã tu hành suốt năm mươi năm. Vị tu sĩ già sáng suốt này đã ở cùng Arcadius trong một năm, hướng dẫn cậu về các quy tắc của đời sống tu sĩ và dạy cậu cách chiến đấu và chống lại những kẻ thù vô hình. Khi hết năm đó, vị tu sĩ già đã lên sa mạc, để lại Arkady một mình trong phòng tu và hứa sẽ gặp lại cậu sau ba năm. Arkady, sau khi nhận được những lời dạy dỗ từ vị tu sĩ già, đã tuân thủ chúng một cách tận tụy, phụng sự Chúa cả ngày lẫn đêm.

Hai năm sau khi con tàu bị đắm, Xenophon, không biết chuyện gì đã xảy ra với các con mình trên biển, đã cử một trong những nô lệ của mình đến Berit, giao nhiệm vụ tìm kiếm Ioann và Arkadius và tìm hiểu chi tiết về họ: liệu họ có khỏe mạnh không và liệu họ có sớm hoàn thành khóa tu học của mình hay không. Cha mẹ vô cùng ngạc nhiên khi trong suốt khoảng thời gian dài như vậy, các con chưa một lần báo tin về mình và cũng không gửi cho cha mẹ dù chỉ một lá thư. Người nô lệ, khi đến Beryt và biết rằng các con của chủ nhân mình là Xenophon không có mặt ở thành phố này, đã nghĩ: liệu chúng có thay đổi ý định và đã đến Athens chăng? Vì vậy, anh ta đã lên đường

[1465] Ngày tưởng niệm Thánh Hariton được cử hành vào ngày 28 tháng 9. Tu viện Sukia do ngài thành lập tọa lạc tại Palestine, phía nam Bethlehem.

đến Athens để tìm kiếm họ. Không tìm thấy họ ở đó và cũng không thể thu thập được thông tin gì về họ ở bất kỳ đâu, anh ta đành quay trở lại Byzantium với tâm trạng bối rối. Khi đang nghỉ ngơi tại một nhà trọ trên đường đi, một vị tu sĩ lang thang cũng ghé vào đó để nghỉ ngơi. Trong lúc trò chuyện, vị tu sĩ kể rằng ông đang trên đường đến Jerusalem để hành hương các thánh địa. Nô lệ của Xenophon, sau khi quan sát kỹ vị tu sĩ, dần dần nhận ra đó chính là người bạn cũ của mình, một trong những nô lệ từng được chủ nhân cử đi cùng các con đến Beryt. Nô lệ hỏi vị tu sĩ:

– Chẳng phải tên ngươi là thế sao? – rồi sau khi gọi tên anh ta, người nô lệ nói:

– Anh là nô lệ của chủ nhân chúng tôi, Xenophon, người đã cùng với Ioann và Arkadiy đến Berit.

Vị tu sĩ trả lời:

– Đúng là tôi đây, còn anh là bạn đồng hành của tôi, vì chúng ta đều là nô lệ của cùng một chủ nhân.

Lúc đó, người đầy tớ hỏi:

– Chuyện gì đã xảy ra với cậu mà cậu lại trở thành một tu sĩ? Còn các chủ nhân của chúng ta là Ioann và Arkadiy thì ở đâu? Hãy kể cho tôi nghe, tôi xin cậu, – vì tôi đã vất vả tìm kiếm họ rất nhiều mà không thấy ở đâu cả.

Vị tu sĩ thở dài nặng nề và với đôi mắt ngập tràn nước mắt, bắt đầu kể lại cho anh ta nghe từng chi tiết.

– Ngươi phải biết, bạn ơi, rằng các ngài của chúng ta đã遇难 trên biển, cũng như tất cả những người đi cùng họ. Theo tôi nghĩ, chỉ có mình tôi là người duy nhất thoát khỏi tai họa đó. Tôi quyết định thà ẩn mình trong tu viện còn hơn là trở về nhà và mang tin dữ đến cho ngài chủ nhân, phu nhân và tất cả những người trong nhà. Vì vậy, tôi đã trở thành một tu sĩ và đang trên đường đến Jerusalem để hành hương.

Người đầy tớ, nghe xong, liền kêu lên thảm thiết và khóc lóc thảm thiết. Anh ta gào thét vì thương xót, đập ngực và nói:

– Ôi, thật là đau đớn cho tôi, thưa các ngài! Chuyện gì đã xảy ra với các ngài vậy? Tôi nghe tin gì về các ngài thế này! Các ngài đã phải chịu đựng những đau khổ như thế nào! Cái chết cay đắng nào đã ập đến với các ngài! Ai sẽ báo tin cho cha mẹ các ngài về cái chết khủng khiếp này? Đôi mắt nào có thể nhìn thấy những giọt nước mắt của cha và nỗi đau của mẹ! Làm sao có thể nghe tiếng khóc, tiếng nức nở và tiếng thét gào của họ mà không rùng mình! Ôi, thật đáng thương cho tôi, các ngài chủ nhân tốt bụng của tôi! Các ngài đã ra đi, niềm hy vọng của chúng tôi! Chúng tôi đã hy vọng rằng các ngài, khi trở thành người thừa kế sau cha mẹ mình, sẽ mang lại hạnh phúc cho chúng tôi, những người tôi tớ, sẽ ban phát ân huệ cho những người khốn khó, an ủi những người lữ hành, giúp đỡ những người ăn xin, trang hoàng các thánh đường của Chúa, cung cấp những thứ cần thiết cho các tu viện – nhưng giờ đây, ôi nỗi đau của chúng tôi! Tất cả hy vọng của chúng tôi đều tan vỡ. Tôi không biết phải làm sao. Nếu tôi trở về nhà gặp chủ nhân của mình, tôi sẽ không dám kể cho ngài nghe những tin tức đau buồn đến thế. Thật vậy, làm sao có thể báo cho cha mẹ biết rằng các con trai của họ đã chết trên biển? Nghe tin này, liệu họ có ngã quỵ ngay lập tức, kiệt sức vì nỗi đau đớn tột cùng trong lòng không? Vì vậy, tôi sẽ không về nhà, để tránh việc các chủ nhân của tôi qua đời trước thời hạn vì tin dữ mà tôi mang đến, và tôi không trở thành kẻ gây ra cái chết của họ.

Khi người nô lệ này nói như vậy và khóc lóc, không muốn quay về với chủ nhân của mình là Xenophon, những người lữ hành và dân làng có mặt ở đó đã khuyên anh ta ngừng khóc và khuyên anh ta nên về nhà để kể lại mọi chuyện cho các chủ nhân của mình, để họ không nguyền rủa anh ta.

– Nếu ngươi không báo cho các chủ nhân biết về nỗi đau của họ, – họ nói, – và chính ngươi lại đột ngột biến mất, thì ngươi sẽ không có lối thoát.

Người đầy tớ nghe theo lời khuyên của họ và trở về Constantinople. Khi bước vào nhà chủ nhân, anh ta ngồi xuống, cúi đầu, khuôn mặt hốc hác, và im lặng trong sự bối rối.

Bà chủ của anh ta, Maria, nghe tin người đầy tớ được cử đi gặp các con đã trở về, liền gọi anh ta đến và hỏi:

– Các con của chúng ta sống ra sao?

– Không sao, tôi khỏe, – người nô lệ trả lời.

Bà chủ tiếp tục hỏi:

– Thư của họ đâu rồi?

– Tôi đã làm mất chúng trên đường đi, – người nô lệ trả lời.

Lúc đó, lòng bà bắt đầu bối rối, và bà quay sang người nô lệ:

– Tôi thề trước Chúa, hãy nói cho tôi biết sự thật. Tâm hồn tôi vô cùng bối rối, và tôi cảm thấy kiệt sức.

Lúc đó, anh ta thốt lên thành tiếng, khóc nức nở và bắt đầu kể ra sự thật.

– Khốn khổ cho tôi, thưa phu nhân! – anh ta nói. – Cả hai ngôi sao sáng của phu nhân đều đã tắt lịm trên biển: con tàu đã đắm, và tất cả đều đã chết đuối.

Thật là dũng cảm biết bao, vượt xa mọi sự mong đợi, khi bà chủ nghe tin này! Với niềm tin vững chắc vào Chúa, thay vì ngã quỵ xuống đất vì kiệt sức và đau khổ rồi khóc lóc trong tuyệt vọng, bà im lặng một lát vì kinh ngạc, rồi nói:

– Ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã sắp đặt tất cả những điều này! Theo ý muốn của Chúa, Ngài đã làm như vậy. Nguyện danh Chúa được ngợi khen từ nay cho đến muôn đời!

Còn với người đầy tớ đã mang tin này đến cho bà, bà nói:

– Hãy im lặng và đừng nói với ai về chuyện này: Chúa đã ban cho, Chúa cũng đã lấy đi; chính Ngài biết điều gì là tốt nhất cho chúng ta.

Khi đã qua ba giờ và ngày dần nghiêng về chiều, Xenophon trở về nhà từ cung điện hoàng gia. Ông trở về một cách trang trọng, được nhiều người đi trước và tháp tùng. Bước vào nhà và cho những người đi cùng ông ra về, ông ngồi xuống dùng bữa. Ông chỉ ăn một bữa mỗi ngày, và đó là vào buổi tối. Khi ông vừa ngồi xuống bàn ăn, vợ ông là Maria liền nói với ông:

– Thưa ngài, ngài có biết rằng người hầu của chúng ta đã trở về từ Berita không?

Xenophon đáp lại:

– Nguyện Chúa được ngợi khen! Người đầy tớ trở về đang ở đâu?

Bà chủ nói với ông:

– Anh ta đang ốm và đang nghỉ ngơi.

Lúc đó, Xenophon hỏi:

– Anh ấy có mang thư của các con về cho chúng ta không?

Bà đáp lại:

– Hôm nay cứ để đó đi, thưa ngài! Bây giờ chúng ta sẽ dùng bữa, còn ngày mai ngài sẽ được xem những lá thư đó. Người nô lệ sẽ kể cho chúng ta nghe nhiều điều về chúng.

Nhưng Xenophon vẫn khăng khăng:

– Hôm nay, ngay lập tức, hãy bảo người ta mang thư đến. Tôi sẽ đọc và biết được: các con chúng ta có khỏe không? Còn những gì anh ta muốn kể bằng miệng, hãy để ngày mai nói.

Lúc đó, Maria, không kìm nén được nỗi đau trong lòng, đã khóc nức nở và không thể trả lời được gì vì tiếng nức nở. Xenophon, thấy bà khóc dữ dội như vậy, liền ngạc nhiên và hỏi:

– Có chuyện gì vậy, thưa phu nhân Maria? Sao bà lại khóc nhiều thế? Phải chăng các con chúng ta bị ốm?

Cô chỉ vừa đủ sức thốt lên:

– Thà chúng bị ốm còn hơn, nhưng những đứa con yêu quý của chúng ta đã chết trên biển rồi.

Xenophon thở dài thảm thiết và, với đôi mắt đẫm lệ, nói:

– Nguyện danh Cha và Con và Thánh Thần được chúc tụng muôn đời, amen! Xin đừng buồn, thưa phu nhân. Tôi tin rằng Chúa sẽ không để các con chúng ta chết hoàn toàn, và tôi hy vọng rằng sự quan phòng đầy lòng thương xót của Ngài sẽ không gây đau khổ cho tôi, một người đã bạc tóc, cũng như tôi chưa bao giờ dám xúc phạm đến lòng nhân từ của Ngài. Vậy thì chúng ta hãy cầu nguyện xin lòng thương xót vĩ đại của Ngài suốt cả đêm nay, và hãy hy vọng rằng Chúa sẽ cho chúng ta biết về các con của chúng ta: liệu chúng còn sống hay đã chết?

Sau đó, họ lập tức đứng dậy, đóng cửa trong phòng cầu nguyện và dành cả đêm đó để cầu nguyện, khẩn cầu Đức Chúa Trời với những giọt nước mắt tuôn trào và đức tin vững chắc. Khi trời bắt đầu sáng, họ nằm xuống nghỉ ngơi, mỗi người một chỗ, trên những tấm áo rách bằng lông thú thô ráp. Và cả hai đều có cùng một giấc mơ. Họ tưởng như thấy cả hai con trai mình đang đứng trước Chúa Kitô trong vinh quang lộng lẫy: Gioan có ngai vàng đã được chuẩn bị sẵn cho mình, cây quyền trượng và vương miện hoàng gia, được trang trí bằng những hạt ngọc quý và đá quý; còn Arcadius thì có vương miện làm từ các vì sao, cây thánh giá trong tay phải và một chiếc giường sáng ngời, được chuẩn bị sẵn để nghỉ ngơi. Khi họ thức dậy và kể cho nhau nghe về giấc mơ của mình, họ nhận ra rằng các con trai của họ vẫn còn sống và được Chúa thương xót che chở. Họ vô cùng vui mừng, và Xenophon nói với vợ mình:

– Maria ơi, anh nghĩ các con chúng ta đang ở Giê-ru-sa-lem. Chúng ta hãy đến đó và thờ lạy các thánh địa. Biết đâu ở đó chúng ta sẽ tìm thấy các con của mình.

Sau khi bàn bạc với nhau như vậy, Xenophon và Maria chuẩn bị lên đường; họ đã giao phó mọi việc liên quan đến nhà cửa và tài sản cho các quản gia, phân phát rất nhiều tiền bố thí và mang theo một lượng vàng đủ để làm từ thiện cũng như dâng cúng tại các thánh địa, rồi lên đường đến Jerusalem. Khi đến nơi, họ đã đi thăm tất cả các thánh địa, vừa cầu nguyện vừa phát bố thí. Sau đó, họ bắt đầu đi thăm tất cả các tu viện nằm trong vùng lân cận Giê-ru-sa-lem, tìm kiếm các con của mình, nhưng không tìm thấy chúng ở đâu cả. Trên đường đi, tại một nơi nào đó, họ tình cờ gặp lại một trong những người hầu của mình, người đã từng đi cùng các con họ trên con tàu và giờ đây đã trở thành một tu sĩ. Họ ôm chầm lấy anh ta, hôn anh ta và cúi đầu chào. Tu sĩ, đến lượt mình, cũng cúi đầu chào họ và nói:

– Tôi xin các ngài, vì danh Chúa, đừng cúi lạy tôi: không xứng đáng cho các ngài, những vị chủ nhân của tôi, lại cúi lạy tôi, một nô lệ của các ngài, như vậy.

Xenophon nói với anh ta:

– Chúng tôi tôn kính hình ảnh thánh thiện của một tu sĩ, vì thế chúng tôi mới cúi đầu chào. Ngươi đừng buồn vì điều này, mà hãy kể cho chúng tôi nghe, chúng tôi van xin ngươi – các con trai của chúng tôi đang ở đâu? Hãy nói cho chúng tôi biết, vì danh Chúa, hãy nói đi!

Vị tu sĩ rơm rớm nước mắt và nói:

– Khi con tàu bị đắm trên biển, mỗi người chúng tôi nắm lấy một tấm ván nào có thể nắm được, rồi trôi dạt riêng rẽ, bị cơn bão cuốn đi. Tôi không biết gì thêm nữa. Tôi không biết có ai thoát khỏi cái chết hay không. Chỉ có tôi là bị sóng đánh dạt vào bờ biển nước Tyre.

Biết được điều này, Xenophon và Maria đã tiễn nhà tu lên đường, hào phóng ban cho ông những món quà từ thiện, để ông cầu nguyện cho họ và các con của họ. Họ lên đường đến vùng đất Jordan, để ở đó cũng cầu nguyện và phân phát số vàng còn lại. Khi họ đang đi theo con đường đã định, thì nhờ sự an bài của Đức Chúa Trời, họ đã gặp vị thánh nhân già – người có khả năng thấu thị – chính là người đã cho con trai họ, Arcadius, mặc áo tu sĩ. Họ quỳ xuống dưới chân vị thánh nhân và xin ngài cầu nguyện cho họ trước mặt Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã mặc khải cho vị thánh nhân già biết tất cả về họ. Sau khi dâng lời cầu nguyện, ngài nói với họ:

– Ai đã dẫn Xenophon và Maria đến Giê-ru-sa-lem?

Không ai cả – ngoài tình yêu dành cho con cái.

Nhưng các con đừng buồn: con cái các con vẫn còn sống, và Thiên Chúa đã bày tỏ cho các con trong giấc mơ vinh quang mà Ngài đã chuẩn bị sẵn cho chúng trên trời. Hãy đi đi, những người trồng nho của Chúa, đến nơi các con đang hướng tới, và khi các con hoàn tất những lời cầu nguyện ở đó, thì khi trở về thành thánh, các con sẽ được gặp lại con cái mình.

Sau khi trò chuyện như vậy, họ chia tay nhau: Xenophon cùng Maria đi về phía sông Jordan, còn vị tu sĩ già có khả năng tiên tri thì đi về phía thành thánh, và sau khi viếng thăm Nhà thờ Phục Sinh của Chúa Kitô, ngài ngồi xuống đất gần Núi Golgotha thánh thiêng và nghỉ ngơi. Khi vị tu sĩ thánh thiện đang ngồi đó, tu sĩ trẻ Gioan, con trai của Xenophon, người vừa từ tu viện Malmefetan đến Giê-ru-sa-lem để hành hương, đã nhìn thấy vị tu sĩ thánh thiện và cúi đầu chào ông xuống đất. Vị tu sĩ già đã chào đón cậu với tình yêu thương, ban phước lành và hỏi:

– Cho đến giờ con đã ở đâu, hỡi thưa ngài Gioan? Cha mẹ con đang tìm con đây, vậy mà con lại đến đây để tìm anh trai mình.

Giăng ngạc nhiên vì vị tu sĩ vĩ đại này biết tất cả mọi chuyện. Nhận ra rằng đây là một vị thánh có khả năng thấu thị, anh quỳ xuống dưới chân vị thánh và nói:

– Con xin thỉnh cầu cha, vì danh Chúa, xin hãy cho con biết anh trai con đang ở đâu. Linh hồn con đang kiệt quệ vì khao khát được gặp anh ấy. Con đã nỗ lực rất nhiều, cầu nguyện với Chúa để Ngài cho con biết: liệu anh trai con còn sống hay đã qua đời? Nhưng Chúa chưa ban ơn cho con biết điều đó cho đến nay – trừ khi bây giờ là nhờ cha, thánh phụ ơi!

Vị tu sĩ già nói với anh ta:

– Hãy ngồi bên cạnh tôi; con sẽ sớm được gặp anh trai mình.

Khi họ ngồi được một lát, một tu sĩ khác bước đến, đó là Arcadius trẻ tuổi, với thân hình tiều tụy và khuôn mặt hốc hác. Đôi mắt anh trũng sâu vì ăn chay và kiêng khem quá mức. Sau khi cúi đầu trước các thánh tích, anh nhanh chóng nhìn thấy vị tu sĩ già đang ngồi đó, chạy đến bên ông và quỳ xuống dưới chân ông, nói:

– Thưa Cha, Cha đã bỏ mặc cánh đồng của mình và đã ba năm nay không ghé thăm nó; nhiều gai góc và cỏ dại đã mọc lên khi không có Cha, và Cha sẽ phải vất vả lắm mới dọn sạch được nó.

Vị tu sĩ già nói với cậu:

– Hãy biết rằng, con yêu quý, ta đã đến thăm ruộng của mình hàng ngày, và ta tin tưởng vào Chúa rằng không phải gai góc hay cỏ dại mọc lên trên đó, mà là lúa mì chín mọng, xứng đáng với bữa tiệc của Vua các vua. Hãy ngồi bên cạnh ta.

Arcadius ngồi xuống. Vị tu sĩ im lặng một lúc rồi quay sang nói với Ioann:

– Anh đến từ đâu, anh Ioann?

Ioann đáp:

– Thưa cha, con là một người nghèo khó và lữ hành. Con xin ân sủng của Chúa và lời cầu nguyện thánh thiện của cha để thực hiện một điều ước duy nhất trong lòng con.

Vị tu sĩ già nói với anh ta:

– Đúng vậy. Nhưng hãy kể cho ta nghe, ngươi thuộc dòng dõi nào, thành phố nào là quê hương của ngươi, và cuộc đời ngươi ra sao – để danh Chúa được tôn vinh.

Giăng bắt đầu kể lại mọi chuyện theo thứ tự: rằng anh xuất thân từ Constantinople, là con trai của một quan chức cao cấp, có một người anh trai tên là Arkady, người mà anh đã cùng được gửi đến Berit để học tập; rằng trên biển, trong một cơn bão lớn, con tàu đã bị đắm và tất cả mọi người đều chết đuối, ngoại trừ anh.

Arcadius, người đang lắng nghe câu chuyện này, chăm chú nhìn vị tu sĩ và cuối cùng nhận ra đó chính là anh trai mình. Được thúc đẩy bởi tình yêu thương ruột thịt, anh không thể tiếp tục nghe câu chuyện mà vị tu sĩ đang kể nữa và thốt lên:

– Quả thật, thưa cha, đó chính là anh trai tôi, Ioann!

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Tôi cũng biết, nhưng đã im lặng để hai người tự nhận ra nhau.

Họ vội vã lao vào ôm chầm lấy nhau, ôm hôn nhau trong niềm vui và nước mắt, rồi đứng dậy, ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã cho phép họ được gặp lại nhau khi còn sống, trong hình ảnh thánh thiện của các tu sĩ và trong cuộc đời đạo đức, hiến dâng cho Thiên Chúa.

Hai ngày sau, Xenophon và Maria từ sông Jordan trở về. Sau khi cầu nguyện tại Golgotha và thờ lạy Mộ Thánh đầy sự sống của Chúa chúng ta, họ đã phân phát rất nhiều vàng tại nơi thánh thiêng này để tôn vinh Đức Chúa Trời. Khi nhìn thấy vị tu sĩ già thánh thiện và có khả năng tiên tri ở đó, họ nhận ra ngài và quỳ xuống dưới chân ngài, xin ngài cầu nguyện cho họ. Sau khi cầu nguyện, họ nói với vị tu sĩ già:

– Vì danh Chúa, thưa cha, xin cha thực hiện lời hứa của mình và chỉ cho chúng con thấy các con của chúng con.

Cả hai con trai của họ, Gioan và Arkadi, đang đứng gần vị tu sĩ, nhưng ngài ra lệnh cho các con không được nói một lời nào và thậm chí không được ngước mắt lên, mà phải nhìn xuống để không bị nhận ra. Các con đã nhận ra cha mẹ mình và vui mừng trong lòng, còn cha mẹ thì không thể nhận ra các con, một phần vì họ đang mặc áo tu sĩ, một phần vì vẻ đẹp trên khuôn mặt họ đã phai nhạt do sự kiêng khem kéo dài. Lúc đó, vị tu sĩ thánh thiện nói với thánh Xênofont và thánh Maria:

– Hãy về nhà trọ của các con và chuẩn bị bữa ăn cho chúng ta. Ta sẽ đến cùng các môn đệ của ta, và sau khi dùng bữa cùng các con, ta sẽ cho các con biết con cái các con đang ở đâu.

Các bậc cha mẹ vô cùng vui mừng, vì vị thánh phụ đã hứa sẽ chỉ cho họ thấy con cái mình, và sau khi về, họ nhanh chóng chuẩn bị một bữa ăn thịnh soạn. Vị thánh lão nói với các môn đệ của mình:

– Chúng ta hãy đến nơi cha mẹ các con đang ở, nhưng các con hãy cố gắng đừng nói gì cả cho đến khi ta bảo.

Cả hai anh em đều thưa với ngài:

– Theo lời cha dạy, chúng con sẽ làm như vậy.

Rồi vị thánh nhân tiếp tục:

– Chúng ta sẽ dùng bữa và trò chuyện cùng họ. Điều này sẽ không cản trở sự cứu rỗi của các con. Hãy tin ta rằng, dù các con có nỗ lực đến đâu vì đức hạnh, các con cũng không thể đạt đến mức độ hoàn hảo như cha mẹ các con.

Sau đó, họ đến nhà trọ nơi Xenophon đang trú ngụ và ngồi vào bàn ăn được dọn sẵn. Họ cùng nhau dùng bữa và trò chuyện về những điều có ích. Sau đó, hai vị thánh Xenophon và Maria quay sang vị tu sĩ già và hỏi:

– Thưa Cha thánh, các con của chúng con hiện đang sống ra sao?

Vị thánh đáp:

– Chúng đang nỗ lực hết mình vì sự cứu rỗi của mình.

Cha mẹ liền thưa:

– Xin Thiên Chúa, Đấng sắp đặt sự cứu rỗi cho mọi người, ban cho các con trở thành những người trồng nho đích thực của Đức Kitô!

Sau đó, Xenophon lại quay sang vị tu sĩ già và nói:

– Ôi, các đệ tử của cha thật là tốt đẹp làm sao! Ước gì con cái chúng tôi cũng được như vậy! Linh hồn chúng tôi đã vô cùng yêu mến những tu sĩ trẻ này. Ngay khi nhìn thấy họ, lòng chúng tôi đã tràn ngập niềm vui, như thể chúng tôi đang nhìn thấy chính con cái mình vậy.

Lúc đó, vị tu sĩ già nói với Arkadiy:

– Hãy kể cho chúng tôi nghe, con ơi, con sinh ra ở đâu, được nuôi dạy thế nào, và làm sao con đến được đây?

Arkadiy bắt đầu kể như sau:

– Thưa cha, con và người anh em này của con đều xuất thân từ Byzantium, là con trai của một trong những quan đại thần hàng đầu trong hoàng cung. Chúng con được nuôi dạy trong sự sùng đạo. Cha mẹ đã gửi chúng con đến Beryt để học hỏi trí tuệ Hy Lạp. Khi chúng con đang trên đường đi, con tàu của chúng con bị đắm vì sóng gió dữ dội, và mỗi người trong chúng con, bám vào một mảnh ván từ con tàu bị đắm, trôi dạt theo hướng mà sóng biển đưa đẩy. Nhờ lòng thương xót của Chúa, chúng con vẫn còn sống sót và được biển đánh dạt vào bờ.

Khi anh ta còn đang nói, cha mẹ đã nhận ra đó là con cái của họ, và ngay lập tức reo lên:

– Đây rồi, con cái của chúng ta! Đây là thành quả từ lòng mẹ chúng ta! Đây là ánh sáng trong mắt chúng ta!

Họ lao vào ôm chầm lấy các con, hôn lên mặt chúng với tình yêu thương và khóc vì sung sướng. Vị tu sĩ già cũng rưng rưng nước mắt. Sau đó, mọi người đứng dậy, ngợi khen và tạ ơn Chúa, rồi vui mừng ca ngợi sự quan phòng vĩ đại và kỳ diệu của Chúa.

Sau đó, Xenophon cùng người bạn gái của mình xin vị tu sĩ thánh thiện cạo đầu cho họ theo nghi thức tu sĩ. Bằng bàn tay của vị cha có khả năng thấu thị, Xenophon và Maria được cạo đầu và được chính ngài dạy dỗ các quy tắc tu hành. Vị tu sĩ già ra lệnh cho họ không được sống chung với nhau, mà mỗi người phải sống riêng rẽ. Một thời gian ngắn sau, tất cả họ đều chia tay nhau. Maria vào tu viện dành cho các nữ tu, còn Ioann và Arkadiy, sau khi chia tay cha mẹ, đã theo vị tu sĩ già vào sa mạc. Còn Xênofont, sau khi gửi người đến Byzantium, đã ra lệnh bán ngôi nhà và toàn bộ tài sản của mình, phân phát tất cả cho những người nghèo khó, giải phóng các nô lệ, còn bản thân ông, sau khi tìm được một căn phòng nhỏ trong sa mạc, đã sống trong sự im lặng.

Tất cả họ đều phụng sự Thiên Chúa cho đến cùng và được Ngài ban cho những ân huệ vĩ đại: Gioan và Arcadius tỏa sáng giữa các ẩn sĩ như những vì sao, và sau khi sống nhiều năm, họ đã biết trước về cái chết của mình và về với Chúa. Thánh nữ Maria đã thực hiện nhiều phép lạ, chữa lành cho người mù, trừ tà, và sau khi qua đời trong bình an, bà đã được rước lên trời. Thánh Xê-no-phôn cũng nhận được từ Thiên Chúa ân sủng làm phép lạ và khả năng tiên tri: ngài đã tiên đoán tương lai và là người chiêm ngắm những mầu nhiệm vĩ đại, rồi sau đó ngài ra đi để chiêm ngắm những điều mà mắt người phàm không thể thấy, và tận hưởng việc chiêm ngắm Dung Nhan Thiên Chúa. Như vậy, Thánh Xê-no-phôn, Thánh Maria và các con thánh của họ, Giăng và Arcadius, những người đã hết lòng yêu mến Thiên Chúa, đã tận tụy phụng sự Chúa bằng cuộc sống công chính và đẹp lòng Thiên Chúa[1466] , và được Đức Thánh Cha, Đấng Cứu Thế Kitô của chúng ta, đưa vào hàng các thánh. Nguyện vinh quang, danh dự và sự thờ phượng thuộc về Ngài, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Đã thoát khỏi biển đời, Thánh Xê-nô-phôn công chính cùng người vợ trung thành đang hân hoan trên thiên đàng cùng các con cái, ca ngợi Chúa Kitô.

[1466] Các vị thánh Xenophon và Maria cùng các con trai của họ, Gioan và Arcadius, đã sống và tu hành vào thế kỷ V.

Kỷ niệm Thánh Simeon Cổ.

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 1

Thánh Simeon, được gọi là "Cổ" ([1467]), từ thuở thiếu thời đã sống đời ẩn tu, định cư trong một hang động nhỏ ở Syria, trong sự cô độc tuyệt đối. Cuộc đời ngài trôi qua trong sự ăn chay nghiêm ngặt, cầu nguyện không ngừng và suy gẫm về Thiên Chúa. Thức ăn của ngài chỉ là những loại cỏ mọc xung quanh hang động. Ngài đã tu hành như vậy trong suốt nhiều năm. Khi những người muốn gặp ngài bắt đầu đổ xô đến và qua đó làm xáo trộn sự tĩnh lặng của ngài, ngài đã rời khỏi hang động và chuyển đến núi Aman[1468] ; nhưng ngay cả ở đây, ngài cũng không tìm được sự bình an vì có quá nhiều người tìm đến. Sau đó, ông lui về núi Sinai[1469] . Nhưng Đức Chúa Trời không cho phép vị thánh nhân ở lại Sinai, vì ông cần phải phục vụ cho sự cứu rỗi của người khác tại chính nơi ông từng tu hành trước đây. Vì vậy, Simeon đã trở lại Aman. Dưới sự lãnh đạo của ngài, trong thời gian ngắn, hai tu viện đã được thành lập tại đây: một ở đỉnh núi, một ở dưới chân núi. Trong khi quản lý các tu viện, vị thánh Simeon đã chăm sóc những người tu hành được giao phó cho ngài, khích lệ và củng cố họ trong các việc thực hành đạo đức, cảnh báo họ về những cuộc tấn công và mưu mô của kẻ thù cản trở sự cứu rỗi của chúng ta, đồng thời hướng dẫn họ trong cuộc chiến chống lại kẻ thù đó; ngài khơi dậy sự chú tâm nội tâm, khuyến khích họ sống hiền lành, khoan dung với người lân cận và rộng lượng với kẻ thù. Nhờ những công đức không ngừng nghỉ của mình, vị thánh đã nhận được ân sủng từ Thiên Chúa để có thể ra lệnh ngay cả cho những con thú dữ tợn. Sau khi sống một cuộc đời đẹp lòng Thiên Chúa, vị thánh đã an nghỉ trong bình an nơi Chúa khi đã cao tuổi[1470] .

Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Ananias, linh mục; Phêrô, người giữ chìa khóa ngục tối; và bảy chiến binh cùng với ngài

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 1

Thánh Anania từ thuở ấu thơ đã nổi bật bởi lòng đạo đức. Được gửi đi học chữ, khi còn là thiếu niên, ngài đã siêng năng đọc các sách Thánh. Vì vậy, khi trưởng thành, ngài đã được dân chúng bầu làm phó tế, dù ngài không muốn, và sau đó là linh mục, bất chấp tuổi đời còn trẻ. Trong cuộc bách hại của Đế vương Diocletian, Anania, với tư cách là một Kitô hữu, đã bị đưa ra tòa. Bất chấp những lời thuyết phục và đe dọa, ngài vẫn kiên định và công khai tuyên xưng Đức Kitô, chế giễu các vị thần ngoại đạo trong đền thờ, chỉ bằng một hơi thở đã lật đổ các tượng thần và phá hủy chính ngôi đền đó. Sau đó, Anania bị giam vào ngục tối, nơi vào ngày thứ bảy, ngài được Chúa Kitô hiện ra, và vào ngày thứ mười hai – Thánh Thần hiện ra dưới hình dạng một con chim bồ câu. Sau những thị kiến này, người canh ngục tên là Phê-rô đã tin nhận Chúa Kitô, và cả hai được dẫn đến gặp vị quan mới , người đã ra lệnh đặt Ananias lên chảo sắt nung đỏ, sau đó cạo da và rắc muối lên thân thể ông, còn Phê-rô thì bị ném vào than hồng; sau đó họ bị nhốt trong một phòng tắm được đốt nóng dữ dội, nhưng ba ngày sau được tìm thấy vẫn nguyên vẹn. Trước phép lạ này, bảy chiến binh đã quy y Chúa Kitô và vì thế bị đánh đập dã man bằng roi. Sau đó, cả chín người đều bị ném vào lửa, nhưng sau khi Thánh Thần hiện ra với họ dưới hình dạng một con chim bồ câu, họ vẫn nguyên vẹn. Anania bị ném cho thú dữ, nhưng vẫn nguyên vẹn. Cuối cùng, tất cả họ đều bị ném xuống biển. Trên đường đi, Anania đã rửa tội cho bảy chiến binh đã quy y. Thi thể các thánh tử đạo được sóng biển đưa vào bờ, được các tín hữu Kitô giáo an táng một cách trang trọng, đồng thời tỏa ra nhiều phép lạ chữa lành[1471] .

Lễ kính Thánh Giuse thành Thessalonica

Ngày kỷ niệm: 26 tháng 1

[1467] Ngài được gọi là "Cổ xưa" hoặc "Thời xưa" khi so sánh với Thánh Simeon Cột, người đã tu hành sau ngài cũng tại Syria.

[1468] Aman – đỉnh núi Anti-Lebanon, ở phía bắc Palestine, phía đông Biển Địa Trung Hải.

[1469] Núi Sinai thực chất là một nhóm núi, bao gồm các vách đá granit, được cắt ngang và bao quanh bởi những thung lũng dốc đứng; người Ả Rập ngày nay gọi nó là núi Tur hoặc Jebel Tur-Sina; nằm gần như ở giữa các nhánh nổi tiếng của Biển Đỏ, tạo thành bán đảo Sinai. Nó bao gồm ba dãy núi. Ngọn núi Sinai thực sự, nơi dân Israel đã lập giao ước với Đức Chúa Trời, là đỉnh cao nhất của dãy núi giữa.

[1470] Thánh Simeon Cổ đã qua đời vào khoảng năm 390.

[1471] Sự tử đạo của các thánh tử đạo Ananias, Phêrô và bảy chiến binh cùng với họ đã diễn ra tại Phoenicia. Họ qua đời vào đầu thế kỷ IV.

Thánh Giuse, Tổng Giám mục Thessalonica, anh trai của Thánh Phêrô Studite, từ thuở thiếu thời đã cùng anh trai tu hành dưới sự hướng dẫn của người chú là Thánh Platon, người đã thành lập tu viện tại Sakudion[1472] . Cùng với anh trai mình, Thánh Giuse đã vạch trần cuộc hôn nhân bất hợp pháp của Hoàng đế Constantine[1473] . Sau khi bị đưa về Constantinople, ngài bị bỏ đói và cuối cùng bị đày đến một hòn đảo hoang vắng, nơi ngài bị giam trong ngục tối. Hoàng đế Michael Kuropalates[1474] đã cho phép Thánh Giuse trở về từ nơi lưu đày. Dưới triều đại của Leo người Armenia[1475] , Thánh Giuse đã phải chịu sự đàn áp vì việc tôn kính các bức tượng thánh. Lê đã tra tấn ngài cùng với anh trai ngài là Phê-ô-đô-rô Studit, rồi giam ngài vào ngục tối; một thời gian sau, hoàng đế yêu cầu họ ký vào bản tuyên xưng đức tin chống lại việc thờ phượng các hình ảnh thánh. Giuse từ chối, và ngài bị ném vào một ngục tối hôi thối khác. Sau đó, Michael Lưỡi Cứng[1476] đã giải thoát Thánh Giuse cùng với các tu sĩ khác, những người đã chịu khổ vì việc tôn kính các bức tranh thánh. Thánh Giuse đã qua đời trong bình an tại Tu viện Studion, nơi ngài đã dành những năm cuối đời[1477] .

Ngày 9 tháng 2

27 tháng 1 (theo lịch cũ)

Lễ rước di cốt của Thánh Cha Gioan Kim Khẩu

Ngày tưởng niệm 27 tháng 1

[1478]Sau khi đã trôi qua ba mươi năm, thậm chí hơn thế, kể từ khi vị Thầy vĩ đại của toàn thể Giáo hội, Thánh Gioan Vàng Miệng, qua đời tại thành phố Komana[1479] , – Đức Thánh Proclus, người từng là môn đệ của ngài, sau đó trở thành người kế vị ngài[1480] , khi cử hành thánh lễ tưởng niệm ngài vào mùa hè tại Nhà thờ Lớn Constantinople, đã có bài giảng trước dân chúng, ca ngợi vị thánh của Chúa bằng nhiều lời khen ngợi.

"Không ai có thể," ngài nói, "ca ngợi Thánh Gioan một cách xứng đáng, trừ khi có một vị Gioan khác xuất hiện ngày nay. Giống như dòng sông tràn đầy nước, ký ức về ngài, được tạo nên từ những công trình, chiến công và lời dạy vô số của ngài, tưới mát tâm hồn các tín hữu. Trong ngài, những tia sáng ân sủng của Thiên Chúa chiếu rọi: đối với người này, mặt trời Thần tính hiện ra rõ ràng; đối với người khác, sự thanh tẩy của Chính Thống Giáo khỏi các tà thuyết được bày tỏ; đối với người khác nữa, sự diệt vong của các thần tượng được phơi bày; đối với người khác, sự dối trá của những lầm lạc được vạch trần; người khác lại thấy sự củng cố đức tin và sự cải thiện đạo đức;

[1472] Sakudion – sau này trở thành tu viện nổi tiếng ở Bithynia, vùng tây bắc Tiểu Á.

[1473] Hoàng đế Constantine VI Porphyrogenitus trị vì từ năm 780 đến năm 797. Do sa đà vào những đam mê và dâm dục, ông đã ép buộc vợ mình là Maria phải xuất gia và thay vào đó, ông lấy một người vợ khác là Theodota, người là họ hàng của cha ông.

[1474] Michael I Kuropalates hay Rangav trị vì từ năm 811 đến năm 813.

[1475] Lê V người Armenia, người chống lại việc thờ cúng hình tượng, trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[1476] Michael II, người nói lắp, trị vì từ năm 820 đến năm 829.

[1477] Thánh Giuse, Tổng Giám mục Thessalonica, qua đời vào năm 830. Sau khi ngài qua đời, còn lại một số bài giảng, trong đó đặc biệt nổi bật là bài giảng nhân lễ Nâng Thánh Giá. Tuy nhiên, Giuse được biết đến nhiều hơn với tư cách là tác giả các bài thánh ca. Theo các bản danh mục của Triodion thế kỷ XI, tên của Thánh Giuse được đặt ở vị trí đầu tiên trong số hai bài ba thánh ca ban ngày của Triodion Mùa Chay, không tính các bài ba thánh ca của Tuần Thánh; một số bài thánh ca dành cho những ngày này cũng do ngài sáng tác. Các bài thánh ca ba bài và các bài thánh ca của Thánh Giuse một phần bao gồm lời cầu nguyện cảm động dâng lên các Thiên thần, Thánh Gioan Tiền Hô, Đức Mẹ, các Tông đồ và Thánh Nicôlaô, một phần thể hiện tinh thần chay tịnh và lời cầu nguyện sám hối dâng lên Đấng Thẩm Phán Biết Rõ Lòng Người. Các bài thánh ca của Thánh Giuse, đặc biệt là bài ca trong tuần lễ Người Con Hoang Đàng, hoàn toàn phù hợp với những ngày chay tịnh, toát lên sự ăn năn sâu sắc về tội lỗi.

[1478] Komana – một thành phố thuộc tỉnh Pontus, ở phía đông bắc Tiểu Á, hiện nay chỉ còn lại những tàn tích.

[1479] Thánh Gioan Vàng Miệng qua đời vào năm 407, khi ngài khoảng 60 tuổi. Ngài đã giữ chức Tổng Giám mục Constantinopolis trong sáu năm rưỡi, và trải qua ba năm ba tháng trong cảnh bị giam cầm. (Nhân dịp lễ Nâng Thánh Giá, Giáo Hội cử hành lễ tưởng niệm Thánh Gioan Vàng Miệng không chỉ vào ngày 14 tháng 9, ngày ngài qua đời, mà còn vào ngày 13 tháng 11. Ngoài ra, ngày tưởng niệm Thánh Gioan Vàng Miệng còn được cử hành vào ngày 30 tháng 1 cùng với Thánh Basil Đại Đế và Thánh Grêgôriô Thần Học (Xem phần giải thích vào ngày 30 của tháng này).

[1480] Từ năm 437 đến năm 445 – Giáo hội kỷ niệm ngài vào ngày 20 tháng 11.

còn đối với người khác, những vương miện thiên đàng rực rỡ tỏa sáng. Ôi vị Giám mục, ký ức về ngài giống như làn gió tràn ngập hương thơm! Ôi danh hiệu Gioan, xứng đáng với những việc làm của ngài! Ôi danh hiệu "Zlatoust", rõ ràng cho thấy ngài đã ra sao trong việc rao giảng Lời Chúa! Ôi, lưỡi nói cao quý nhất trên trời! Ôi, vị Thầy truyền bá những tiếng sấm của Phúc Âm! Đó chính là Gioan, giống như Gioan Tiền Hô của Chúa, Đấng đã rao giảng sự sám hối. Người kia là nhà rao giảng, còn người này là chiếc kèn vang lên Lời Chúa. Người kia bất khuất, còn người này bất khả chiến bại. Người kia là người sống trong sự trinh khiết, còn người này là người bảo vệ sự trong sạch. Người kia làm phép rửa trong sa mạc, còn người này giăng những lưới tinh thần trong thành phố. Người kia vạch trần kẻ ngoại tình, còn người này nghiêm khắc vạch trần những kẻ cướp bóc. Người kia bị ném vào ngục tối, còn người này bị giam cầm trong cảnh lưu đày. Người kia bị chém bằng gươm, còn người này mong muốn chịu cùng một cái chết vì lẽ thật. Ngài đã lập nhiều công trạng trên trần gian; nhiều vương miện đã được chuẩn bị sẵn cho ngài trên thiên đàng. Giăng giờ đây cùng với Thánh Tông đồ Phaolô kêu lên: "Tôi là hương thơm của Đấng Christ" (2 Cô-rinh-tô 2:15), vì tôi đã thanh tẩy mọi nơi khỏi những lầm lạc, như thể loại bỏ mùi hôi thối: tại Ê-phê-sô, tôi đã loại bỏ những sự lừa dối của Mithras; tại Phrygia, tôi đã khiến "mẹ của các thần giả" trở nên vô sinh; tại Cêsarê, tôi đã phá hủy những nơi sa đọa của dân chúng; tại Syria, tôi đã xóa bỏ những hội tụ chống lại Thiên Chúa; tại Ba Tư, tôi đã gieo hạt giống của lòng đạo đức. Tôi đã gieo rễ đức tin Chính Thống khắp mọi nơi; nhờ giáo lý của mình, tôi đã soi sáng cả thế giới bằng sự hiểu biết về Thiên Chúa. Qua việc soạn thảo các tác phẩm, tôi đã giăng rộng những mạng lưới cứu rỗi khắp nơi. Cùng với Thánh Gioan Thần Học, tôi đã bàn luận về Lời của Chúa Cha. Cùng với các ngư dân, tôi đã thả những lưới Chính Thống giáo ra khắp thế giới. – Hỡi Gioan! Cuộc đời ngài quả thực đầy đau khổ, nhưng cái chết của ngài thật vinh quang, quan tài của ngài thật huy hoàng, phần thưởng của ngài thật vĩ đại!"

Khi Thánh Proclus đang nói như vậy trong nhà thờ, dân chúng, với lòng yêu mến nồng nàn dành cho Thánh Gioan Vàng Miệng, không thể chờ đợi đến khi bài giảng kết thúc, mà tất cả, như thể cùng một miệng, đã cất tiếng kêu lớn lên với Đức Thánh Proclus, xin ngài hãy nhanh chóng đưa thi hài thánh Gioan từ Comana về Constantinopolis. Những tiếng hô vang dội trong nhà thờ kéo dài đến mức Đức Thượng phụ không thể kết thúc bài giảng của mình. Ngay sau khi kết thúc thánh lễ, Đức Thánh Proclus đã đến gặp Hoàng đế Theodosius[1481] , con trai của Arcadius, cháu nội của Theodosius Đại đế, và xin ngài chuyển di hài cốt thiêng liêng của Thánh Gioan Vàng Miệng, nói rằng:

– Hỡi hoàng đế, xin hãy trả lại cho Ngài, Đấng đã sinh ra ngài theo Phúc Âm qua phép rửa thánh và bằng đôi tay thánh thiện đã đưa ngài vào Giáo hội, giống như xưa kia lão nhân Simeon đã làm với Chúa. Giáo hội đang kêu cầu ngài: "Vẻ đẹp của ta đã phai tàn, đôi môi đã im lặng, vinh quang đã bị che mờ." Con lợn rừng hung dữ đã xé nát các mục tử của đàn chiên Thánh Gioan Vàng Miệng, và những con thú khát máu đã hủy diệt thành quả từ đôi môi của con.

Sự ghen tị đã làm ô uế thánh địa của vị thừa tác viên của con; như trong rừng sồi, chúng đã dùng rìu chặt đứt mối liên kết giữa ngài và con, rồi nhốt ngài vào quan tài của sự im lặng. Những kẻ bạn bè của bọn dị giáo đã thì thầm với nhau: "Hãy bịt miệng kẻ đã nói nhiều điều chống lại chúng ta. Hãy làm nhục những lời nói của ông ấy, vì sẽ không ai còn có thể giảng dạy như vậy nữa và cũng không ai còn dám phản đối chúng ta." Đến bao giờ nữa, hỡi Vua, kẻ thù mới ngừng sỉ nhục con vì Zlatoust? Xin hãy trả lại cho con người đã từng là hình ảnh của Chú Rể của con, là Đấng Christ. Xin ban cho con, mẹ của ngài, vị cha thiêng liêng của ngài. Dù mẹ xác thịt của ngài đã tách ngài khỏi con, nhưng xin đừng theo trái tim vô tình và ý định xấu xa của bà ấy, mà hãy ghen tị với sự thánh thiện của Thánh Thần, mà không có nó, không ai có thể nhìn thấy Chúa. Vinh quang của Eudoxia[1482] đã qua đi, còn Giáo Hội thì mãi mãi tồn tại. Ta là mẹ của con mãi mãi. Hãy cho ta cơ hội loan báo niềm vui về sự trở về của Thánh Zlatoust khắp nơi, và con sẽ có nơi ta một người cầu thay cho con trước mặt Thiên Chúa. Hãy đón nhận linh hồn Thánh Zlatoust làm người cầu nguyện cho con. Hãy là con của sự công chính, được củng cố bởi lời cầu nguyện của cha mẹ!

Sau khi nói nhiều điều nhân danh Giáo Hội, ngài đã thuyết phục được nhà vua đồng ý. Những người đáng kính nhất đã được cử đến Comana cùng với một chiếc hòm bạc, để rước thi hài thánh Gioan Zlatoust về với sự tôn

[1481] Hoàng đế Theodosius II Trẻ trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[1482] Eudoxia – vợ của Hoàng đế Arcadius; bà đặc biệt thù địch với Thánh Gioan Vàng Miệng, ghét ông vì những bài giảng vạch trần tội lỗi của ông. Nhờ sự nỗ lực và mưu mô của bà, Thánh Gioan đã bị tước bỏ chức Tổng Giám mục và bị lưu đày đến Komana.

kính cao cả. Khi họ đến nơi và trình thư của nhà vua cho giám mục Komany cùng toàn thể dân chúng, một nỗi đau buồn sâu sắc đã tràn ngập trong lòng mọi người, cùng với sự thương tiếc và tiếng khóc than vì phải mất đi một báu vật vĩ đại như vậy. Dân chúng không muốn giao nộp các di vật thánh. Họ đã bàn luận rất nhiều về vấn đề này; tuy nhiên, họ không thể chống lại mệnh lệnh của nhà vua. Khi những người được nhà vua phái đi định lấy các di vật thánh ra khỏi quan tài, chúng lập tức trở nên nặng hơn cả đá và mọi vật nặng khác, đến nỗi dù cố gắng thế nào cũng không thể di chuyển chúng khỏi chỗ đó. Những người được cử đi đã rất vất vả, nhưng không đạt được kết quả gì. Nhận ra từ điều này rằng vị thánh không cho phép di cốt của ngài bị lấy đi khỏi đó, họ lập tức báo cáo bằng văn bản cho nhà vua. Nhà vua, sau khi tham vấn với Đức Thượng phụ và các vị thánh nhân khác, đã nhận ra sai lầm của mình – cụ thể là ông đã ra lệnh, chứ không phải cầu xin, để lấy di cốt của Thánh Gioan từ Komana. Ngài nảy ra ý định viết một bức thư gửi ngài, như thể ngài vẫn còn sống, xin tha thứ cho sự táo bạo của mình và khẩn cầu ngài hãy thương xót trở về ngai vàng của mình để an ủi đoàn chiên của ngài. Ngài đã tự tay viết như sau:

"Gửi vị Thầy của toàn thể nhân loại và là Cha thiêng liêng của con, Thánh Gioan Vàng Miệng, từ Hoàng đế Theodosius: Thân xác cao quý của ngài, hỡi vị Cha cao quý nhất, khi nhận thấy dường như đã không còn linh hồn, giống như thân xác của những người đã khuất khác, con đã ra lệnh chuyển ngay về đây, nhưng không đạt được điều mong muốn vì sự bất xứng của con. Giờ đây, tôi gửi lời thỉnh cầu do chính tay tôi viết này đến ngài, như thể ngài vẫn còn sống, và với lòng tin, tôi xin ngài tha thứ cho tôi và những người của ngài. Xin ngài tha thứ cho hành động táo bạo mà tôi đã thực hiện, và che chở nó bằng sự khôn ngoan sâu sắc của ngài. Ngài, Đấng đã dạy mọi người ăn năn, xin hãy tha thứ cho kẻ đang ăn năn. Như những đứa con yêu mến cha, xin hãy trả lại cha cho chúng con và làm vui lòng những ai yêu mến Ngài bằng sự hiện diện của Ngài. Ngoài sự khẩn thiết tột cùng, con tha thiết van nài Ngài hãy đến với chúng con, chứ không phải ra lệnh. Xin đừng làm con xấu hổ lần thứ hai, hỡi vị Cha chân chính nhất! Xin hãy ban chính Ngài cho những ai khao khát được gặp Ngài: hãy trở về với bình an, và những người của Ngài sẽ đón nhận Ngài với tình yêu thương."

Sau khi viết xong bức thư này, nhà vua đã giao nó cho các sứ giả và ra lệnh rằng, sau khi mở quan tài của vị thánh, hãy đặt bức thư lên ngực ngài, rồi tiến hành lễ cầu nguyện suốt đêm. Khi bức thư của nhà vua được gửi đến Komany được đặt lên ngực Thánh Gioan và khi các quan lại của nhà vua chạm vào các di cốt thiêng liêng sau khi hoàn tất lễ canh thức suốt đêm, vị thánh lập tức trao mình cho họ: ngài trở nên nhẹ nhàng một cách tự nhiên, y như trước đây. Những người được cử đến rất vui mừng, họ lấy thi hài thánh từ quan tài và đặt vào hòm thánh của nhà vua. Tại đó có một người nghèo khổ, bị tê liệt một chân do bị rắn cắn và sống lang thang quanh các nhà thờ để xin bố thí. Ông lấy một mảnh vải nhỏ từ quan tài của vị thánh và dùng nó lau chân mình. Ngay lập tức, chân anh ta trở nên khỏe mạnh như chân kia, và anh ta bắt đầu đi lại, ngợi khen Thiên Chúa. Toàn thể dân chúng tụ tập với những ngọn nến để thờ lạy di cốt thiêng liêng của vị thánh và tiễn đưa chúng trong lúc chuyển đi với những giọt nước mắt tuôn trào và tiếng khóc nức nở. Đoàn tùy tùng của hoàng gia lên đường và, sau khi đi qua một quãng đường dài mà không gặp trở ngại nào, đã đến bến cảng Chalcedon[1483] . Đón rước thánh tích là nhà vua cùng toàn thể hội đồng hoàng gia, tổng giám mục cùng các linh mục, và vô số dân chúng đã lên tàu. Một con tàu hoàng gia đặc biệt đã được chuẩn bị để đón nhận thánh tích của Thánh Gioan, và hòm đựng thánh tích đã được đặt lên đó. Khi đang trên đường trở về Constantinople, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, một cơn bão bất ngờ nổi lên trên biển. Tất cả các con tàu đều bị cuốn trôi tứ tung; còn con tàu chở hòm đựng di cốt của vị thánh, sau khi mất bánh lái, đã trôi dạt một cách tự do, được điều khiển một cách vô hình không phải bởi bàn tay con người, mà bởi quyền năng của Đức Chúa Trời. Con tàu đó đã cập bến tại chính nơi có vườn nho của người góa phụ, nơi mà Thánh Gioan Vàng Miệng đã phải chịu biết bao tai ương và cả sự lưu đày. Như vậy, ngay cả sau khi qua đời, ngài vẫn thể hiện lòng nhiệt thành vì lẽ phải và vạch trần sự bất công đã gây ra. Ngay lập tức, biển lặng xuống, các con tàu tụ lại một chỗ mà không hề hấn gì, và không ai bị thương do sóng biển.

Khi hòm thánh tích được chuyển từ tàu lên bờ, cả thành phố đều đứng dậy và đổ ra đường với nến, lư hương và những bài thánh ca. Các giáo sĩ cầm hòm thánh tích, trước tiên rước vào nhà thờ Thánh Tông đồ Tôma, rồi đến nhà thờ Irina, còn được gọi là Nhà thờ Hòa bình của Chúa Kitô. Tại đây, nhà vua và tổng giám mục đã mở hòm thánh tích và thấy thi hài Thánh Gioan giống như một cây nho, nở rộ vẻ đẹp bất hoại và tỏa ra hương thơm tuyệt vời. Nhà vua cởi áo choàng đỏ của mình ra, trải lên trên thánh tích, rồi quỳ xuống trước ngực thánh nhân, nước mắt lưng tròng, thốt lên:

[1483] Chalcedon nằm đối diện với Constantinopolis, trên bờ châu Á của eo biển Bosphorus.

– Xin tha thứ, thưa Cha, cho tội lỗi do lòng ghen tị gây ra cho Ngài. Xin đừng coi con là đồng phạm trong tội lỗi của mẹ con, và xin đừng để con phải chịu hậu quả vì sự thiếu kiềm chế của cha mẹ. Dù con là con trai của kẻ đã bức hại Ngài, nhưng con vô tội trước tai họa đã giáng xuống Ngài. Xin Cha tha thứ tội lỗi cho mẹ con, để con cũng được giải thoát khỏi lời trách móc đang đè nặng lên mẹ. Con cúi đầu trước chân Cha và dâng trọn quyền năng của con để phục tùng lời cầu xin của Cha. Xin hãy tha thứ cho người đã xúc phạm Ngài bằng hành động bạo lực thiếu suy nghĩ, vì bà ấy đã hối hận về những gì đã làm với Ngài và đang cầu xin sự tha thứ, khiêm nhường thưa với Ngài qua đôi môi con như thế này: xin hãy nhớ lại, thưa Cha, lời dạy của Ngài về việc không ghi nhớ điều ác, và chính Ngài hãy quên đi sự oán hận của con. Con muốn đứng dậy sau khi ngã, nhưng xin Ngài hãy giơ tay ra giúp con, Đấng đã phán: "Nếu ai ngã một lần, hãy đứng dậy, và người ấy sẽ được cứu rỗi." Con không thể chịu đựng được sự bất mãn của Ngài đối với con; ngay cả quan tài của con cũng rung chuyển, nghiền nát xương cốt con. Con sợ cả hình phạt vĩnh cửu, lẫn việc bị loại khỏi vị trí bên tay phải trong Ngày Phán Xét Đáng Sợ của Đấng Christ. Ngài đã cứu rỗi nhiều người bằng những lời dạy của Ngài; xin đừng để con là người duy nhất bị tước đoạt sự cứu rỗi ấy. Xin đừng bỏ rơi con, người đang kêu cầu Ngài; nhưng xin hãy báo thù cho con trước kẻ thù của con – ma quỷ, vì chính nó đã dạy con xúc phạm Ngài, như xưa kia nó đã dạy Ê-va phạm tội chống lại Đức Chúa Trời. Xin đừng giận con, Đấng không hề oán hận; Đấng đã không giữ lòng oán hận trong cuộc đời phù du này, xin cũng đừng giữ lòng oán hận trong cuộc đời vĩnh cửu. Nếu con, khi còn sống cuộc đời tạm bợ này, đã gây ra điều ác cho Ngài, thì xin Ngài, Đấng đang sống cuộc đời vĩnh cửu, hãy làm ơn cho linh hồn con. Vinh quang của con đã qua đi, và chẳng điều gì giúp được con; vậy xin Ngài, thưa Cha, hãy giúp con bằng vinh quang của Ngài, mà Ngài đã nhận lãnh từ Thiên Chúa, và trước khi con bị phán xét trong Ngày Phán Xét Đáng Sợ của Đức Kitô, xin tha thứ cho con, kẻ không biết đáp lại.

Nói những lời này thay cho mẹ mình, nhà vua không ngừng khóc, mà còn tưới ướt thi hài của vị thánh bằng nước mắt và hôn lên thi hài với lòng kính sợ. Cũng vậy, Đức Thánh Proclus, trong khi hôn thi hài của vị thánh với tình yêu thương, đã kêu lên:

– Xin vui mừng, hỡi vị Cha yêu mến Chúa Kitô, vị Thầy ngọt ngào nhất! Con là con cái của Ngài, được nuôi dưỡng bằng sữa thiêng liêng của Ngài. Như ngài đã từng là mục tử của con trước đây, thì nay ngài vẫn là mục tử: đàn chiên của con chính là của ngài; đàn chiên của ngài vẫn được nuôi dưỡng trên đồng cỏ của ngài cho đến nay và, khao khát hướng về ngài, không muốn theo các mục tử khác. Xin hãy hiện ra trước mặt chúng con và một lần nữa cho chúng con được nghe tiếng nói của ngài.

Toàn thể dân chúng đều khao khát được chạm vào ít nhất là chiếc hòm thánh thiêng liêng và không rời khỏi đó ngày đêm. Sáng hôm sau, thi hài của vị thánh được đặt lên cỗ xe hoàng gia và được rước đi trong vinh quang và uy nghi đến Nhà thờ Chính tòa các Thánh Tông đồ. Khi quan tài được rước vào trong và đặt trên ngai của Đức Thượng phụ, toàn thể dân chúng đồng thanh reo lên như thể bằng một miệng:

– Xin ngài hãy ngự lên ngai của ngài, thưa Cha!

Lúc đó, Thượng phụ Proclus, cùng với nhiều vị cao quý khác, đã thấy Thánh Gioan, như thể còn sống, mở đôi môi đã cứng đờ của mình và thốt lên lời chúc lành của Tổng Giám mục:

– Bình an cho mọi người!

Trong lúc cử hành Thánh lễ, nhiều phép lạ chữa lành đã được ban phát từ thi hài thánh Zlatoust cho những người đau ốm, và quan tài của hoàng hậu Eudoxia cũng ngừng rung lắc sau một thời gian dài. Các linh mục đã an táng thi hài thánh Gioan trong bàn thờ, dưới bàn hiến tế, trong niềm hân hoan và vui mừng ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 2:

Lòng nhân từ của ngài, như ánh sáng rực rỡ của ngọn lửa, đã chiếu sáng khắp vũ trụ: ngài không tìm kiếm của cải trần gian vì lòng tham bạc, mà đã chỉ cho chúng con con đường khiêm nhường. Nhưng bằng những lời dạy của ngài, thưa Cha Gioan Vàng Miệng, xin ngài cầu thay cho Lời của Đức Kitô Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 1:

Hãy vui mừng, hỡi Giáo hội thánh thiện và huyền bí, vì sự trở về của di cốt thánh thiện của ngài; và khi cất giữ di cốt ấy như vàng quý giá, Giáo hội ban phát ân sủng chữa lành dồi dào qua những lời cầu nguyện của ngài cho những ai ca ngợi ngài, hỡi Thánh Gioan Vàng Miệng.

Ngày 10 tháng 2

Ngày 28 tháng 1 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Theodosius Totemsky

Cuộc đời của vị thánh cha Efrem Sirin[1484]

Ngày tưởng niệm 28 tháng 1

Thánh Ephrem xuất thân từ Mesopotamia, thành phố Nizibis[1485] . Ngài sinh ra dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Đại đế, trong một gia đình Kitô hữu[1486] và sống đến triều đại của Hoàng đế Theodosius Đại đế[1487] . Ngay từ khi còn trẻ, Thánh Ephrem đã từ bỏ thế gian và lui vào sa mạc, nơi ngài trở thành một tu sĩ[1488] . Ngài đã nhận được ân sủng của sự khôn ngoan từ Thiên Chúa; ân sủng tuôn trào từ miệng ngài, như một dòng sông ngọt ngào làm lay động tâm hồn tất cả những ai lắng nghe những lời giảng dạy của ngài. Điều này đã được báo trước cho ngài ngay từ khi còn rất nhỏ. Khi ngài còn là một đứa trẻ, cha mẹ ngài đã mơ thấy giấc mơ sau đây về ngài: một cây nho mọc lên trên lưỡi cậu bé và, khi lớn lên, đã tràn ngập cả bầu trời bằng cành lá và chùm nho. Các loài chim trời tụ tập lại và ăn những quả nho, và dù chúng ăn bao nhiêu, số lượng nho cũng tăng lên bấy nhiêu. Sau đó, khi Thánh Ephrem tu hành trên một ngọn núi hoang vắng, tràn đầy lòng cảm động sâu sắc và sự ăn năn chân thành, một trong các vị Thánh Phụ đã thấy trong giấc mơ một người đàn ông rạng rỡ, tỏa sáng như các Thiên thần. Ông cầm trên tay một cuộn giấy được viết đầy chữ và hỏi:

– Ai có thể nhận lấy và giữ gìn cuộn giấy này?

Giọng nói từ trên cao đáp lại:

– Không ai khác ngoài Ephrem, người được Ta yêu mến.

Ephrem đang đứng trước người đàn ông vừa hiện ra. Ông mở miệng ra, và người đàn ông đó đặt cuộn giấy vào miệng ông. Thánh Ephrem đã nuốt cuộn giấy đó, và ngay sau đó, ngài bắt đầu nói và viết những bài giảng răn dạy, khiến ai đọc hay nghe cũng đều cảm động. Những lời ấy có thể khơi dậy lòng kính sợ Chúa trong mỗi người và dẫn dắt họ vào con đường sám hối, như đã được thể hiện rõ trong những cuốn sách được Thánh Thần soi dẫn của ngài. Tương tự như vậy, một vị trưởng lão vĩ đại và thánh thiện khác cũng có một giấc mơ tương tự về Thánh

---

[1484] Thánh Ephrem được gọi là "Syrian", tức là người Syria, bởi vì Mesopotamia, nơi ngài sinh ra, trong thời cổ đại được coi là thuộc Syria.

[1485] Nizibya (hay Nizibida) – một thành phố lớn và đông dân ở tỉnh Magdonia thuộc Mesopotamia – nằm ở biên giới giữa Đế quốc La Mã và Vương quốc Ba Tư.

[1486] Về cha mẹ mình, Thánh Ephrem viết như sau: "Những người sinh ra tôi theo xác thịt đã truyền cho tôi lòng kính sợ Chúa. Tổ tiên tôi đã xưng nhận Đức Kitô trước quan tòa; tôi là họ hàng của các vị tử đạo. Các ông nội tôi, những người đã sống sung túc, là những người làm ruộng. Cha mẹ tôi cũng làm nghề đó."

[1487] Hoàng đế Theodosius Đại đế trị vì từ năm 379 đến năm 395

[1488] Những năm tháng tuổi trẻ của Efrem không trôi qua mà không gặp phải một số trở ngại. Tính cách bốc lửa bẩm sinh, ông, như chính ông thừa nhận, hay cáu kỉnh: "Vì những chuyện vặt vãnh mà gây gổ, hành động thiếu suy nghĩ, sa vào những mưu đồ xấu xa và những ý nghĩ dâm dục..." Tuổi trẻ của tôi suýt nữa đã khiến tôi tin rằng những gì xảy ra với chúng ta trong cuộc đời chỉ là ngẫu nhiên. Nhưng Sự Sắp Đặt của Chúa đã khai sáng cho tuổi trẻ nồng nhiệt ấy". Efrem bị vu khống là đã trộm cừu và bị tống vào ngục tối; sau đó, hai người khác cũng bị giam giữ, và họ cũng vô tội như Efrem. "Sau bảy ngày, vào ngày thứ tám, tôi thấy trong giấc mơ, – Thánh Ephrem kể lại sau này – rằng có ai đó nói với tôi: 'Hãy sống đạo đức thì ngươi sẽ hiểu được ý định của Chúa; hãy suy ngẫm lại những điều ngươi đã nghĩ và đã làm, và chính ngươi sẽ nhận ra rằng những người này không phải chịu khổ một cách oan ức, nhưng những kẻ có tội cũng không thể thoát khỏi hình phạt'." – Tất cả những điều này Efrem đã chứng kiến, như ngài kể lại chi tiết trong một trong những tác phẩm của mình. – Những sự kiện này đã gây ấn tượng sâu sắc đến mức Efrem sớm từ bỏ đời sống thế tục và lui về núi sống cùng các ẩn sĩ, nơi ngài trở thành đệ tử của Thánh Giacôbê, vị thánh của Nizib (ngày kỷ niệm của ngài là 13 tháng 1).

Ephrem. Ông thấy một đoàn thiên thần từ trời xuống theo lệnh của Đức Chúa Trời, tay cầm một cuộn giấy được viết đầy cả bên trong lẫn bên ngoài. Họ nói với nhau:

– Ai có thể nhận lấy cuộn sách này?

Đáp lại, một số người nhắc đến một cái tên, số khác lại nhớ đến một cái tên khác, còn một số người thì nói:

– Quả thật, những người được nhắc đến đều thánh thiện và công chính, nhưng không ai trong số họ có thể nhận cuộn giấy này, mà chỉ có Efrem, người hiền lành và khiêm nhường trong lòng.

Sau đó, vị tu sĩ già thấy cuộn giấy này được trao cho Ephrem. Sáng hôm sau, khi thức dậy, ông nghe thấy thánh Ephrem đang giảng dạy những bài học răn dạy cho các tu sĩ. Như thể một suối nguồn tuôn trào từ miệng ông! Từ đó phát ra những lời nói tràn đầy lợi ích to lớn. Ông tin chắc rằng mọi điều phát ra từ miệng thánh Ephrem đều được Thánh Thần soi dẫn, và ông ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng ban ân sủng như vậy cho các tôi tớ của Ngài.

Năm 363, Nizibê rơi vào tay người Ba Tư, và nhiều tín hữu Kitô giáo đã rời bỏ Nizibê. Lúc bấy giờ, Thánh Ephrem cũng quyết định rời khỏi đây để đến thành phố Edessa[1489] . Ngài đã dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin cho con được chiêm ngưỡng thành phố của Ngài, và khi con bước vào đó, xin hãy sai một người đến đón con, người sẽ trò chuyện với con về Kinh Thánh để mang lại lợi ích cho con.

Khi ông cầu nguyện xong, đang tiến gần đến thành phố và bước qua cổng thành, một người phụ nữ đã ra đón ông. Thấy bà, tôi tớ của Chúa cảm thấy buồn bã và thầm cầu nguyện với Chúa:

– Lạy Chúa, Ngài đã phớt lờ lời cầu xin của tôi tớ Ngài. Vì làm sao người phụ nữ này có thể trò chuyện với con về sự khôn ngoan trong Kinh Thánh được?

Còn người phụ nữ thì đứng đó và nhìn ngài. Thánh Ephrem quay sang hỏi bà:

– Này cô gái, sao cô lại đứng đó nhìn tôi vậy?

Người phụ nữ đáp:

– Tôi nhìn anh vì người phụ nữ được lấy từ người chồng, còn anh đừng nhìn tôi, mà hãy nhìn xuống đất, nơi anh được tạo ra từ đó.

Nghe vậy, Ephraim ngạc nhiên trước câu trả lời của nàng và ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho người phụ nữ ấy trí tuệ như vậy. Ông hiểu rằng Chúa đã không bỏ qua lời cầu nguyện của ông. Vào thành, ông sống ở đó rất lâu[1490] .

Tình cờ, gần ngôi nhà mà vị thánh đang cư ngụ, có một người phụ nữ khác, một kẻ dâm đãng, từng là hàng xóm của ông. Bị sự xúi giục của ma quỷ, bà ta muốn sỉ nhục vị thánh già. Mở cửa sổ nhỏ, từ đó có thể nhìn thấy nơi ở của vị thánh, bà ta thấy Ephrem đang đứng nấu ăn cho mình. Người phụ nữ lớn tiếng nói với ông:

– Xin ngài ban phước lành!

Vị thánh nhìn ra cửa sổ nhỏ và, nhận thấy cô ta đang quan sát, ngài nói với cô ta:

– Xin Chúa ban phước lành cho chị.

Rồi người phụ nữ tiếp tục:

– Chị còn thiếu gì để nấu cơm không?

Vị thánh đáp:

– Cần ba viên đá và một ít cát để bịt kín ô cửa sổ mà cô đang nhìn vào đây.

Người phụ nữ vô liêm sỉ đáp lại:

[1489] Edessa – một thành phố ở Mesopotamia; nằm trên ranh giới giữa sa mạc đầy vách đá và vùng đất màu mỡ – miền nam Mesopotamia. Thành phố này, – như Thánh Ephrem đã nói, – "đã được Đấng Cứu Thế chúc phúc bằng chính lời nói của Ngài qua môn đệ Thánh Phaddeus"; tại đây có bức chân dung không do tay người tạo ra của Đấng Cứu Thế và di cốt thánh của Thánh Phaddeus.

[1490] Để kiếm sống tại Edessa, Thánh Ephrem đã làm thuê cho chủ một nhà tắm công cộng và dành thời gian rảnh rỗi để rao giảng Lời Chúa cho những người ngoại đạo; sau đó, theo lời khuyên của vị thánh trưởng lão Julian, ngài đã lui về ngọn núi hoang vắng Edessa để tu hành. Chẳng bao lâu sau, một thị kiến đã mặc khải cho vị tu sĩ Ephrem rằng ông chính là người duy nhất trong số các đồng bào đương thời được trao cuốn sách để khai sáng cho mọi người. Ephrem bắt đầu viết bản chú giải về Ngũ Kinh. Trải nghiệm đầu tiên này trong việc chú giải bằng tiếng Syriac đã thu hút nhiều người dân Edessa đến với Ephrem, và Ephrem muốn trốn tránh đám đông. "Ê-phra-im! Ngươi đang chạy đi đâu vậy?" – Thiên thần hiện ra hỏi. "Con muốn sống trong sự tĩnh lặng và đang chạy trốn khỏi những lời đồn đại và sự cám dỗ của thế gian," – Ê-phra-im đáp. Thiên thần nói: "Hãy cẩn thận, kẻo lời Kinh Thánh này ứng nghiệm trên ngươi: 'Ê-phra-im giống như con bò tơ muốn thoát khỏi ách trên cổ' (Ô-sê 10:11). Sau đó, Ê-phra-im quay trở lại với chức vụ mà mình đã được kêu gọi. Kể từ lúc đó, ông bắt đầu giảng dạy về đức tin và sự đạo đức bằng lời nói và văn bản. Để thành công trong công việc đạo đức của mình, ông đã mở một trường học tại Ê-đê-sa, nơi sau này đã đào tạo ra những nhà giảng dạy nổi tiếng của Giáo hội Syria.

– Tôi là người đầu tiên nói chuyện với ngài, và ngài đã trả lời tôi. Tôi muốn ngủ với ngài, nhưng ngài lại từ chối ngay từ lời đầu tiên.

Người của Chúa đáp lại cô ta:

– Nếu nàng muốn ngủ với ta, thì hãy đến nơi mà ta chỉ cho nàng.

Người đàn bà lăng loàn nói:

– Hãy chỉ cho tôi nơi đó, và tôi sẽ đến.

Rồi vị thánh nói:

– Nếu nàng đã chọn ta, thì nàng không thể nằm cùng ta ở bất kỳ nơi nào khác, ngoài ngay giữa thành phố.

Người phụ nữ lăng loàn ngạc nhiên:

– Chẳng phải chúng ta sẽ bị người ta chế giễu sao?

Vị thánh đáp:

– Nếu chúng ta xấu hổ trước mặt mọi người, thì chúng ta càng phải xấu hổ, và đồng thời phải kính sợ Đức Chúa Trời, Đấng biết tất cả những bí mật của loài người! Vì Ngài sẽ phán xét cả thế gian và ban thưởng cho mỗi người theo việc làm của họ.

Nghe vậy, người phụ nữ lăng loàn cảm động trước những lời của Thánh Ephrem. Cô đến và quỳ xuống dưới chân ngài, khóc lóc và nói:

– Hỡi tôi tớ của Đức Chúa Trời! Xin hãy chỉ dẫn con trên con đường cứu rỗi, để con có thể thoát khỏi những việc làm xấu xa của mình.

Thánh Ephrem, sau khi giảng dạy cho nàng nhiều lời dạy từ Kinh Thánh, đã củng cố lòng sám hối của nàng và, sau khi đưa nàng vào tu viện nữ, đã cứu rỗi linh hồn nàng khỏi những điều gian ác và tội lỗi.

Sau đó, một người phụ nữ lăng loàn khác, khi thấy Thánh Ephrem đang đi đâu đó, đã tiến lại gần ngài và dụ dỗ ngài phạm tội, ít nhất là để làm ngài tức giận, vì chưa ai từng thấy ngài nổi giận bao giờ.

Thánh nhân nói với nàng:

– Hãy đi theo ta.

Người phụ nữ đi theo ngài. Khi họ đến một nơi đông người, vị thánh nói với cô ta:

– Chúng ta sẽ nằm xuống đây và phạm tội.

Còn cô ta, khi nhìn thấy đám đông, bèn nói với ngài:

– Làm sao có thể dừng lại ở đây được khi xung quanh có nhiều người như vậy! Chẳng phải là xấu hổ sao?

Vị thánh đáp lại:

– Nếu em xấu hổ trước mặt người đời, thì chúng ta càng phải xấu hổ trước mặt Đức Chúa Trời, Đấng biết rõ những bí mật thầm kín trong lòng.

Vậy là người phụ nữ đó đã rời xa ngài trong sự xấu hổ, không thể dụ dỗ vị thánh phạm tội, cũng không thể khơi dậy cơn giận trong ngài, vì ngài là một người thực sự không hề ác ý, hiền lành và hoàn toàn không thể nổi giận.

Người ta kể lại câu chuyện sau đây về lòng nhân ái của ngài. Khi ngài đang ăn chay trong sa mạc, đệ tử của ngài thường mang thức ăn đến cho ngài vào giờ cố định. Một lần nọ, khi đang mang thức ăn, anh ta vô tình làm vỡ chiếc bình đựng thức ăn trên đường đi. Anh ta sợ vị tu sĩ già sẽ nổi giận, nhưng khi thấy đệ tử đang bối rối, ngài nói:

– Đừng buồn, anh em ạ, – nếu thức ăn không muốn đến với chúng ta, thì chúng ta sẽ đến với nó.

Sau đó, ngài bước lại gần, ngồi xuống bên chiếc bình vỡ và vừa nhặt thức ăn vừa ăn. Ngài thật sự không hề oán hận! Người ta kể rằng, kể từ khi trở thành tu sĩ, ngài chưa bao giờ nổi giận với ai cả.

Một lần nọ, Thánh Ephrem đã nhận được một sự mặc khải về Thánh Basil Đại Đế. Trong giấc mơ, ngài thấy một cột lửa vươn cao tới trời và nghe thấy một giọng nói:

– Ê-phra-im, Ê-phra-im! Cột lửa mà ngươi thấy chính là Thánh Ba-si-li-ô.

Lúc đó, Efrem mong muốn được gặp Thánh Basil. Mang theo một thông dịch viên – vì ngài không biết nói tiếng Hy Lạp – Thánh Efrem đã lên đường đến Caesarea Cappadocia[1491] . Ngài tìm thấy Thánh Basil đang giảng dạy mọi người trong nhà thờ và bắt đầu ca ngợi ngài bằng giọng nói vang dội, nói rằng:

– Quả thật, Basil là một vị thánh vĩ đại! Quả thật, ngài là cột lửa! Quả thật, Thánh Thần đang phán qua miệng ngài!

[1491] Cappadocia – một tỉnh của Đế quốc La Mã, nằm ở phía đông Tiểu Á. Caesarea – thành phố chính của Cappadocia.

Lúc đó, một số người trong đám đông bắt đầu nói:

– Người lữ hành này là ai mà lại ca ngợi tổng giám mục như vậy? Chẳng phải ông ta đang nịnh hót ngài để mong nhận được điều gì đó từ tay ngài sao?

Sau khi lễ kết thúc, khi Thánh Ephrem bắt đầu trò chuyện thân mật với Thánh Basil, ngài hỏi ông:

– Tại sao ngài lại ca ngợi tôi như vậy?

Thánh Ephrem đáp:

– Bởi vì tôi đã thấy một con bồ câu trắng đậu trên vai phải của ngài và thì thầm vào tai ngài những điều mà ngài đang truyền đạt cho mọi người. Hơn nữa, một lưỡi lửa đã phát ra từ miệng ngài.

Nghe vậy, Thánh Basil nói với ngài:

– Quả thật, giờ đây ta thấy chính những điều ta đã nghe nói về ngươi, hỡi người sống trong sa mạc và yêu thích sự tĩnh lặng! Như lời tiên tri Đa-vít đã chép: *"Ê-phê-rêm là pháo đài của Đầu Ta"* (Thi thiên 59:9). Quả thật, những lời tiên tri này dành cho ngươi, vì ngươi đã dẫn dắt nhiều người vào con đường đức hạnh và củng cố họ trong đó. Sự hiền lành và lòng không ác của ngươi tỏa sáng cho mọi người như ánh sáng.

Sau đó, Thánh Basil Cả đã nói:

– Tại sao, thưa Cha đáng kính, ngài không nhận chức linh mục, trong khi ngài xứng đáng với chức vụ đó?

– Bởi vì con là kẻ có tội, thưa Đức Cha! – Efrem trả lời qua người phiên dịch.

– Ôi, giá như tôi cũng có những tội lỗi như ngài! – Thánh Basil nói, rồi thêm: – Chúng ta hãy cúi đầu xuống đất.

Khi cả hai quỳ xuống đất, Thánh Basil đặt tay lên đầu Thánh Ephrem và đọc lời cầu nguyện theo nghi thức phong chức phó tế. Sau đó, vị tu sĩ Efrem ở lại với Thánh Vasili trong ba ngày, tràn ngập niềm vui thiêng liêng. Vasili phong ngài làm phó tế, còn thông dịch viên của ngài thì phong làm linh mục, rồi sau đó cho họ ra về trong bình an.

Thánh Ephrem có tình yêu thương sâu sắc dành cho Thánh Avramius, vị ẩn sĩ, ngày kỷ niệm của ngài là ngày 29 tháng 10. Họ thường xuyên thăm viếng lẫn nhau và cảm động trước những cuộc trò chuyện thân tình, đầy ý nghĩa. Và khi Thánh Maria, cháu gái của Thánh Avramius, bị kẻ thù cám dỗ, Thánh Ephrem đã góp phần rất lớn vào việc cứu rỗi cô ấy nhờ những lời cầu nguyện của mình. Ngài luôn đau lòng vì những người phạm tội và hết lòng lo lắng cho việc họ được cải tà quy chính.

Thánh Ephrem lúc thì ở trong sa mạc[1492] , trong sự thinh lặng phụng sự Thiên Chúa, và tại đó ngài đã thu nhận được rất nhiều môn đệ; lúc khác, theo lệnh của Thiên Chúa, ngài sống tại thành phố Edessa, dẫn dắt nhiều người đến sự sám hối và cứu rỗi những linh hồn lạc lối cho Thiên Chúa nhờ những bài giảng của ngài. Ngài tràn đầy những lời dạy có ích cho tâm hồn và được tràn ngập ân sủng của Đức Chúa Trời đến nỗi nhiều lần thanh quản của ngài kiệt sức vì phải căng giọng, còn lưỡi thì mỏi mệt vì phải thốt ra lời; tuy nhiên, những bài giảng của ngài không hề ngắn lại, nhất là khi trí tuệ của ngài tràn ngập sự khôn ngoan và lý trí sâu sắc[1493] . Hơn nữa, ngài tràn đầy

---

[1492] Vị thánh này, trong số những nơi khác, cũng từng ở các sa mạc Ai Cập; ngài đã ở lại một thời gian trên núi Nitria. Nhà biên niên sử người Syria kể rằng Ephrem đã gặp gỡ tại đây vị tu sĩ được Chúa chọn là Paisius, "vị cha vĩ đại trong số các tu sĩ Syria". "Ở đây chúng tôi có một người của Chúa, người Syria, một vị trưởng lão vĩ đại trong số các vị cha, được soi sáng cả về trí tuệ lẫn trái tim," – đó là lời của Ioann Kolov.

[1493] Thánh Ephrem đã để lại rất nhiều tác phẩm. Trong một số tác phẩm, ngài là nhà giải thích Kinh Thánh; (theo lời Thánh Grêgôriô, Thánh Ephrem đã viết các bài giải thích, bắt đầu từ sự sáng tạo thế giới cho đến cuốn sách ân sủng cuối cùng); trong những tác phẩm khác, ngài là người vạch trần các tà thuyết và là người sáng tác thánh ca cho Giáo hội; còn trong một số tác phẩm khác nữa, ngài là vị thầy về đời sống Kitô hữu và đặc biệt là nhà giảng thuyết về sự ăn năn từ tận đáy lòng. Những tác phẩm thuộc loại sau này dường như là dấu ấn của tâm hồn Thánh Ephrem và đồng thời là vinh quang của ngài cho muôn đời. Thánh Grêgôriô Nissê nói rằng: "Đối với Efrem, khóc lóc cũng giống như việc hít thở không khí đối với người khác – ngày đêm nước mắt tuôn trào trên khuôn mặt ngài; nhưng khuôn mặt Efrem vẫn rạng rỡ và toả sáng niềm vui, trong khi những dòng nước mắt vẫn tuôn trào từ đôi mắt ngài. Nhưng ngay cả khi Efrem nói về sự ăn năn, ngài vẫn hướng tâm hồn lên lòng nhân từ của Thiên Chúa, dâng lên lời tạ ơn và ngợi khen Đấng Tối Cao". Tất cả những lời dạy đạo đức của ngài đều toát lên sự cảm động chân thành. Không ít lời dạy của Ephrem bắt đầu như thế này: "Hãy ăn năn, hỡi linh hồn ta; hãy ăn năn vì những ân huệ mà ngươi đã nhận từ Đức Chúa Trời và đã phung phí. Hãy ăn năn vì những việc ác mà ngươi đã làm. Hãy ăn năn vì tất cả những điều mà Đức Chúa Trời đã tỏ lòng nhẫn nại đối với ngươi. Hãy đến đây, hỡi anh em của ta, hỡi các tôi tớ của Đấng Christ, chúng ta hãy ăn năn trong lòng và khóc lóc trước mặt Ngài ngày đêm. Hãy đến đây, chúng ta hãy suy ngẫm về ngày phán xét kinh hoàng và đáng sợ ấy, cùng sự kết án sẽ đến sau đó." Trong tâm trạng ăn năn này, những chủ đề thường được Thánh Ephrem đề cập bao gồm: sự sám hối, sự nhớ đến cái chết và ngày phán xét, sự kính sợ Đức Chúa Trời, sự tự kiểm điểm, sự khiêm nhường, chống lại sự kiêu ngạo, v.v. – Nhờ những lời giảng dạy cao cả của mình, Thánh Ephrem đã được đồng bào gọi là "Nhà tiên tri xứ Syria". Thánh Giê-rô-ni-mô viết:

lòng khiêm nhường sâu sắc, và bằng mọi cách tránh né sự tôn vinh của con người cũng như vinh quang tạm thời. Có lần, dân chúng muốn bắt ông và ép ông làm giám mục. Khi biết chuyện này, Ephrem giả vờ như một người điên và bắt đầu chạy vòng quanh quảng trường, kéo theo quần áo của mình như một kẻ mất trí, – ông vồ lấy bánh mì và rau củ đang được bán rồi ăn. Thấy vậy, mọi người cho rằng ngài bị điên, còn ngài thì chạy trốn khỏi thành phố và ẩn náu cho đến khi một giám mục khác được bổ nhiệm vào vị trí mà họ muốn đặt ngài vào. Thánh nhân không ngừng cầu nguyện – cả ngày lẫn đêm. Sở hữu ân sủng của lòng thương xót và nước mắt, ngài luôn khóc lóc khi nhớ đến Ngày Phán Xét, điều mà ngài đã viết và nói rất nhiều. Ngài ngủ rất ít, ăn rất ít – chỉ đủ để không kiệt sức và không chết vì đói khát và thiếu ngủ. Ngài hoàn toàn không ham của cải và yêu mến sự nghèo khó hơn sự giàu có, như chính ngài đã tự nói về mình trong di chúc:

– Ephrem chưa bao giờ sở hữu vàng, bạc hay bất kỳ kho tàng nào, tuân theo ý muốn của Đấng Thầy Tốt Lành là Đức Kitô, Đấng đã truyền dạy: "Đừng tích trữ gì trên đất này" (xem Mt 6,25 và các câu tiếp theo).

Vào những năm đó, có một kẻ dị giáo tên là Apollinaris, người đã đưa ra những luận điệu sai lầm về sự nhập thể của Chúa. Hắn rất hùng biện và thông thạo tri thức Hy Lạp, do đó đã gây rối loạn nghiêm trọng cho Giáo Hội của Đức Chúa Trời và lôi kéo nhiều người vào tà thuyết của mình. Kẻ dị giáo này đã dốc hết công sức và nỗ lực của mình, từ thuở thiếu thời cho đến khi về già, để làm sa ngã các tín hữu Chính Thống và lôi kéo họ vào sự lầm lạc của mình. Hắn đã viết nhiều cuốn sách chống lại các tín hữu Chính Thống, trong đó có hai cuốn đặc biệt đáng chú ý, vì trong đó thể hiện đầy đủ nhất toàn bộ giáo lý độc hại của hắn. Hắn đã sử dụng chúng như vũ khí, tiến hành cuộc chiến với các tín hữu Chính Thống thông qua các cuộc tranh luận bằng lời nói. Những cuốn sách này của hắn đã được giao cho một người phụ nữ, người sống chung với hắn, để cất giữ. Thánh Ephrem, khi biết về những cuốn sách này, đã nghĩ ra một mưu kế còn kỳ diệu hơn để đối phó với sự xảo quyệt của kẻ dị giáo: ngài bí mật đến gặp người phụ nữ đó và hết lời ca ngợi Apollinaris, đồng thời tự xưng là môn đệ của ông ta. Như thể muốn học hỏi sự khôn ngoan mà ông chưa biết, ông xin người phụ nữ cho mượn tạm thời những cuốn sách của Apollinaris mà bà đang cất giữ, để từ đó chép lại tóm tắt những đoạn hay nhất. Người phụ nữ, tin chắc rằng đây thực sự là đệ tử của bạn mình, đã đưa cho ông cả hai cuốn sách với điều kiện ông phải trả lại càng sớm càng tốt và không được nói với ai về chúng. Thánh Ephrem nhận lấy những cuốn sách, mang về tu viện của mình và, sau khi chuẩn bị keo, ông lần lượt gập từng trang lại và dán chúng lại với nhau, cho đến khi cuối cùng dán chặt tất cả lại đến mức những cuốn sách trở nên như một khối gỗ hay một tảng đá, và không thể tách rời bất kỳ trang nào khỏi trang khác. Sau đó, ông mang những cuốn sách trả lại cho người phụ nữ. Cô ta nhận lấy, nhưng không mở ra xem, mà đặt lại vào chỗ cũ. Sau đó, xảy ra cuộc tranh luận giữa những người Chính Thống với Apollinaris, một kẻ dị giáo đã về già. Không

---

"Ê-phra-im, phó tế thành Ê-đê, đã đạt đến danh tiếng đến nỗi trong một số nhà thờ, các tác phẩm của ngài được đọc công khai sau Thánh Kinh." "Tôi cần phải tôn vinh – thánh Grêgôriô thành Nissus nói – người mà mọi Kitô hữu đều nhắc đến, đó là Ê-phra-im người Syri, vị Ê-phra-im mà cuộc đời và những lời dạy của ngài tỏa sáng khắp thế giới." – Thánh Ephrem đã để lại rất nhiều tác phẩm về giáo lý. Tất cả đều được viết để chống lại những sai lầm của thời đại đó. Đó là: a) 80 lời chống lại những kẻ thử thách ngang ngược, tức là chống lại những người theo Aetian và Eunomian; b) 56 bài giảng chống lại các tà thuyết, kèm theo những lời vạch trần và khuyên răn dành cho những người theo Vardesan (các tín đồ của kẻ dị giáo Vardesan), những người theo Marcion và những người theo Messalian; c) "Về viên ngọc trai", hay về việc hai bản tính được kết hợp trong một con người là Chúa Giêsu Kitô, chống lại Marcion và Manes; d) ba bài giảng về đức tin và chống lại người Do Thái; e) về tự do chống lại những người ủng hộ thuyết định mệnh mù quáng; về sự sám hối, trong đó ngài phản bác Novatian về quyền năng của Giáo hội trong việc tha thứ tội lỗi và bác bỏ học thuyết "vương quốc ngàn năm"; về chức tư tế; về thiên đàng và ngày phán xét. – Là người bảo vệ nghiêm khắc cho đức tin và sự đạo đức, Thánh Ephrem không thể thờ ơ trước những xáo trộn do các giáo phái của Bardesanes và Arius gây ra tại Edessa và Mesopotamia. Để chống lại những kẻ dị giáo, những người trình bày những sai lầm của mình dưới hình thức thơ ca và, bằng cách thu hút những người thiếu kinh nghiệm bằng vẻ đẹp của vần điệu, dễ dàng và lâu dài cắm rễ nội dung dị giáo của họ, Thánh Ephrem cũng bắt đầu trình bày, dựa trên Kinh Thánh, giáo lý chân chính về Thiên Chúa và mối quan hệ của Ngài với chúng ta, cũng dưới hình thức thơ ca. Dân chúng háo hức lắng nghe những bài thánh ca của vị thánh ẩn sĩ và dần quên đi những bài hát dị giáo. Những kẻ dị giáo tức giận trước những thành công của Thánh Ephrem đến mức đã từng tấn công ngài bằng đá và vũ khí, suýt nữa đã giết chết ngài; nhưng điều đó không làm suy giảm chút nào lòng nhiệt thành của ngài đối với đức tin. Tất cả những tác phẩm này đều được Thánh Ephrem sáng tác dưới dạng những suy ngẫm đầy lòng kính sợ. Ngài dành chúng cho người dân sử dụng, một phần để hát trong nhà thờ, và được viết dưới dạng thơ. Thánh Ephrem cũng để lại nhiều lời cầu nguyện cảm động và những bài thánh ca cầu nguyện. Điển hình là các bài thánh ca của ngài về Lễ Giáng Sinh, nổi bật bởi sự trang nghiêm đặc biệt; ngài cũng là tác giả của những bài thánh ca sâu sắc và cảm động, được hát trong lễ an táng; trong số các lời cầu nguyện do ngài soạn, đặc biệt nổi tiếng là lời cầu nguyện cảm động và lay động lòng người, được đọc trong những ngày Mùa Chay: "Lạy Chúa và Đấng cai trị cuộc đời con! Xin đừng để tinh thần lười biếng, kiêu ngạo, và lời nói suông chi phối con. Xin ban cho con, tôi tớ của Ngài, tinh thần tiết độ, khiêm nhường, kiên nhẫn và tình yêu thương. Lạy Chúa, Đấng Chủ Tể, xin ban cho con khả năng nhìn thấy những lỗi lầm của chính mình, và đừng lên án anh em của con; xin được chúc tụng đến muôn đời. Amen."

còn sự nhanh trí như xưa trong các cuộc tranh luận và trí nhớ yếu do tuổi già, ông ta muốn giành chiến thắng trước những người Chính Thống nhờ vào những cuốn sách đó; nhưng khi cầm chúng lên, ông không thể mở ra được, vì các trang giấy đã bị dính chặt vào nhau và hóa đá. Ông cảm thấy vô cùng xấu hổ và rời khỏi hội đồng trong tư thế thất bại và nhục nhã; sau đó không lâu, vì đau buồn và sự xấu hổ tột độ, ông đã qua đời, để lại linh hồn tội lỗi của mình trong sự ô nhục.

Thánh Ephrem, vị cha đáng kính của chúng ta, sau khi sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa trong nhiều năm và dẫn dắt nhiều người đến sự cứu rỗi, đã tiên liệu trước sự ra đi của mình và viết một di chúc đầy bài học cho các môn đệ. Sau một thời gian ngắn bị bệnh, ngài đã về với Chúa trong tuổi già cao niên[1494] . Thi hài thánh thiện của ngài được an táng tại tu viện của ngài, nằm trong sa mạc, thuộc vùng Edessa, ở Syria, còn linh hồn thánh thiện của ngài hiện đang đứng trước ngai vàng của Chúa, cầu thay cho chúng ta, để chúng ta được tha thứ tội lỗi, nhờ những lời cầu nguyện, ân sủng và lòng thương xót của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Bằng dòng nước mắt của ngài, ngài đã biến sa mạc cằn cỗi thành đất màu mỡ, và từ sâu thẳm những tiếng thở dài, ngài đã sinh hoa kết trái qua trăm công lao, và ngài là ngọn đèn soi sáng vũ trụ, tỏa sáng những phép lạ, hỡi Ephrem, cha của chúng con. Xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Nhìn thấy giờ phán xét vĩnh cửu, ngài đã khóc than thảm thiết, hỡi Ephrem, như một người thầm lặng, nhưng ngài lại là một vị thầy năng động trong các việc làm, hỡi vị thánh đáng kính. Vì vậy, hỡi vị cha của toàn thế giới, ngài đã khơi dậy lòng ăn năn nơi những kẻ lười biếng.

Cuộc đời của Thánh Ephrem Pechersky, Giám mục Pereyaslav.

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 1

Sau Thánh Varlaam, con trai của một quý tộc, Thánh Ephrem, một hoạn quan, một người thuộc dòng dõi quý tộc và xuất thân cao quý, được Công tước Izyaslav[1495] vô cùng yêu mến và được giao phó quản lý toàn bộ gia sản của ngài, đã rời khỏi cung điện hoàng gia để đến gặp vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta là Thánh Antony và xin ngài, thay vì phục vụ Công tước, hãy cho ngài gia nhập hàng ngũ các tôi tớ của Vua Trời và trao cho ngài hình ảnh thánh thiện của các thiên thần trong hàng tu sĩ. Thánh Antôn, sau khi giảng dạy cho ông về sự cứu rỗi linh hồn, đã giao phó cho Thánh Nikon cạo đầu cho ông. Theo lệnh này, Nikon đã cạo đầu cho Thánh Ephrem và mặc cho ông áo tu sĩ. Nhưng kẻ thù ghét điều thiện, tức ma quỷ, đã gây ra nỗi đau khổ lớn lao cho các vị thánh vì việc cạo đầu vị thánh phúc Efrem này, cũng như việc cạo đầu vị thánh phúc Varlaam, điều này được ghi chép trong tiểu sử của các vị thánh Antony và Nikon. Thật vậy, chúa tể bóng tối, khi thấy mình bị đánh bại bởi cộng đồng thánh thiện đang tụ họp trong hang động tối tăm, và nhận ra rằng từ nay nơi này sẽ được tôn vinh, đã đau khổ vì sự diệt vong của chính mình. Hắn bắt đầu dùng những mưu mô thù địch của mình để kích động lòng căm ghét của Hoàng tử Izyaslav đối với các vị thánh, xúi giục ông ta giải tán đoàn thánh. Tuy nhiên, hắn không thể đạt được điều đó và chính hắn cũng bị xua đuổi bởi những lời cầu nguyện của các vị thánh; hắn rơi xuống chính cái hố mà hắn đã đào sẵn. Thật vậy, vị thánh tu sĩ Nikon, người đã truyền giới tu cho vị thánh Efrem, đã bị dẫn đến trước mặt hoàng tử và bị vạch trần một cách gay gắt; còn vị thủ lĩnh của cộng đoàn, thánh tu sĩ Antony cùng các tu sĩ, do cơn giận của hoàng tử, đã bị trục xuất khỏi hang động; nhưng ngay sau đó, nhờ sự can thiệp của hoàng hậu trước mặt hoàng tử Izyaslav, hay nói đúng hơn – nhờ những lời cầu nguyện của Nữ Vương Thiên Đàng, Đức Mẹ Đồng Trinh, trước Vua vinh quang, Đức Kitô Thiên Chúa, các tu sĩ đã trở về hang động của mình, như những chiến binh dũng cảm

[1494] Thánh Ephrem đã qua đời trong bình an tại thành phố Edessa vào năm 373.
[1495] Izyaslav Yaroslavich – Đại công tước Kiev; trị vì từ năm 1054 đến năm 1068.

từ chiến trường, sau khi đã đánh bại kẻ thù của mình – ma quỷ. Sau đó, họ luôn ở lại trong hang động, ngợi khen và chúc tụng Thiên Chúa.

Sau tất cả những gì đã xảy ra, vị cha thánh của chúng ta là Efrem, khi thấy kẻ thù đã gây ra bao đau khổ cho toàn thể đoàn thánh, đã trang bị cho mình một cách mạnh mẽ để chống lại nó bằng cuộc sống thánh thiện trong hang động, bằng lời cầu nguyện không ngừng, bằng việc ăn chay và canh thức suốt đêm. Tuân theo mọi lời khuyên của cha và người hướng dẫn của mình, vị thánh Antony ( ), ngài đã thể hiện sự nhiệt thành lớn lao trong việc noi gương tất cả các đức tính của ngài. Chính vì thế, noi gương Thánh Antôn, người đã thực hiện những chuyến hành hương từ Nga đến Núi Athos thiêng liêng, vị Thánh Cha Efrem của chúng ta cũng tràn đầy nhiệt huyết, khao khát hướng về những thánh địa. Ngài mong muốn được tận mắt chứng kiến cuộc sống thánh thiện như thiên thần của các vị Thánh Cha trên Núi Athos, để được truyền cảm hứng bởi tình yêu dành cho những công việc đạo đức của họ. Vì vậy, ngài đã khẩn cầu Thánh Antôn ban phước lành cho chuyến hành trình đến xứ Hy Lạp. Vị Thánh, không muốn tước đi phần thưởng cho cuộc hành hương của ngài, đã tiễn ngài đi với lời chúc phúc và lời cầu nguyện, giống như xưa kia Nô-ê đã thả con bồ câu ra khỏi con tàu để nó mang về cành ô-liu. Lúc bấy giờ, vị Thánh Cha Ephrem của chúng ta, đón nhận lời chúc phúc và lời cầu nguyện như đôi cánh chim bồ câu, đã dấn thân vào con đường phía trước và đến được Constantinople. Trên khắp chặng đường, ngài quan sát cuộc sống của những người thánh thiện, viếng thăm nơi ở của các ẩn sĩ – những Thiên thần trần gian – và được no nê dồi dào bởi thức ăn thiêng liêng, những cuộc trò chuyện cứu rỗi linh hồn cùng những lời dạy dỗ của các vị Thánh Phụ. Chính vì thế, ngài đã chậm lại đôi chút trong hành trình của mình. Khi tình yêu quê hương lại thôi thúc ông quay về, để không phải trở về "chiếc hòm thiêng" trong tâm hồn mình mà không mang theo bất kỳ cành ô liu nào, ông đã sao chép Hiến chương của Tu viện Studion[1496] và mang về Tu viện Pechersk; chính vì lý do này, khi ông còn ở Hy Lạp, vị tu viện trưởng phúc lành Theodosius thay mặt cho Thánh Antony. Sau khi trở về từ các thánh địa, ngài chỉ ở lại Tu viện Pechersk trong thời gian ngắn, nhưng đã trở thành tấm gương về nhiều đức tính tốt đẹp, mang lại lợi ích tinh thần cho các tu sĩ, đến nỗi mọi người đều tạ ơn Chúa vì ngài. Vào thời điểm đó, Đức Giám mục Phêrô của Pereyaslav, người được Chúa ban phước, đã qua đời. Nhờ ân sủng của Chúa, theo lời khuyên của mọi người và theo ý muốn của Đại công tước Vsevolod Yaroslavich[1497] , vị cha đáng kính của chúng ta là Efrem đã được Đức Tổng Giám mục Ioann của Kiev tấn phong làm Giám mục Pereyaslav.

Sau khi nhận chức thánh cao quý, ngài bắt đầu thể hiện lòng nhiệt thành sâu sắc trong việc xây dựng các nhà thờ trong giáo phận của mình. Ngài coi đây là công việc vinh dự và quý giá nhất đối với bản thân, với mục đích làm rạng danh Danh Thánh của Đức Chúa Trời. Chúa đã ban ơn giúp đỡ ngài trong công việc này: chỉ sau vài năm, ngài đã xây dựng một nhà thờ bằng đá lớn và uy nghi thờ Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael, và đã chọn nơi này làm nhà thờ chính tòa của giáo phận Pereyaslav; sau đó, ngay tại cổng nhà thờ này, ngài xây dựng nhà thờ Thánh Phêrô, và cuối cùng, trước cổng nhà thờ bằng đá, ngài xây dựng nhà thờ Thánh Anrê Tông đồ. Ngài cũng đã làm đẹp thành phố Pereyaslav bằng nhiều công trình nhà thờ khác nhau, hơn nữa đều là nhà thờ bằng đá, điều mà trước đây chưa từng có[1498] . Tất cả những công trình này, sau một thời gian ngắn, đã bị phá hủy khi, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, như một hình phạt cho những tội lỗi của chúng ta, vị hoàng tử Tatar độc ác Baty đã xâm lược đất nước Nga[1499] . Lúc đó, số phận cũng đã ập xuống thành phố Pereyaslav lừng lẫy.

Thánh Ephrem, trong thời gian làm giám mục, cũng đã chứng kiến lễ rước di cốt thiêng liêng của vị thánh cha của chúng ta, Thánh Theodosius của Pechersk. Sau khi sống một cuộc đời đạo đức và đẹp lòng Chúa, ngài đã an nghỉ khỏi cuộc sống trần thế, còn linh hồn ngài thì thăng lên ngai vàng của Chúa, nơi không do tay người tạo nên[1500] . Thi hài thiêng liêng của ngài được an táng một cách trang trọng trong nhà thờ do chính ngài xây dựng, nơi

---

[1496] Hiến chương Studite được soạn thảo bởi Thánh Phê-ô-đô-rô Studite, người sáng lập tu viện tại Constantinople vào đầu thế kỷ IX. Vào cuối thế kỷ XI, Hiến chương này được đưa vào làm quy tắc hướng dẫn của Giáo hội Nga và được duy trì cho đến giữa thế kỷ XIV, khi nó bắt đầu nhường chỗ cho Hiến chương Giê-ru-sa-lem; tuy nhiên, ở một số nơi, nó vẫn còn hiệu lực lâu hơn nhiều và tại một số tu viện của Nga, nó thậm chí còn được áp dụng cho đến tận thời gian gần đây.

[1497] Vsevolod-Andrei Yaroslavich – Công tước Pereyaslav (Pereyaslav-Yuzhny; Công quốc Pereyaslav giáp ranh với Công quốc Kiev) – sau này trở thành Đại công tước Kiev (1078–1093).

[1498] Ngoài ra, tại Suzdal – một vùng xa xôi nhưng thuộc quyền cai quản của công tước Pereyaslav – Thánh Ephrem cũng đã xây dựng hai nhà thờ.

[1499] Hãn Bát-tê của người Tatar – cháu nội của Thành Cát Tư Hãn. Cuộc xâm lược của Bát-tê bắt đầu vào năm 1237 và kết thúc vào năm 1240 với việc chiếm đóng Kiev và chinh phục vùng đất Nga.

[1500] Thánh Ephrem Pereyaslavsky qua đời vào năm 1096. Xác thánh của ngài được an táng trong các hang động của Thánh Antony.

ngài đã thiết lập ngai giám mục của Giáo phận Pereyaslavl. Xin cho chúng ta cũng được xứng đáng đứng trước ngai vàng của Chúa, Vua Trời, giống như những con chiên được quy tụ bởi tiếng cầu nguyện của vị Thánh Cha đáng kính Efrem của chúng ta, để cùng với ngài tôn vinh Đấng Mục Tử Tối Cao là Chúa Giêsu, và trong Ngài cũng như cùng với Ngài, Thiên Chúa Cha và Thánh Thần, cho đến muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Ephrem của Novotorzhsk.

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 1

Vào thời các Đại công tước đạo đức, các Thánh Tử đạo Nga Boris và Gleb, ở Nga có ba anh em cùng cha mẹ: Efrem, ngày tưởng niệm ngài được cử hành vào ngày 28 tháng 1, Georgy và Moses. Tất cả họ đều xuất thân từ vùng đất Ugria[1501] và tất cả đều mang tước vị boyar, phục vụ các Đại công tước Boris và Gleb. Khi Thánh Boris bị sát hại trên sông Alte[1502] , quý tộc Efrem may mắn không có mặt tại đó cùng với Đại công tước Boris. Chính vì vậy mà ông đã thoát khỏi cái chết, còn anh trai ông là Georgiy thì bị giết cùng với Thánh Boris: ông ngã xuống bên cạnh chủ nhân của mình, và những kẻ sát nhân đã chặt đầu ông, chỉ vì món trang sức bằng vàng mà Thánh Boris đã đeo lên người ông. Còn người anh em thứ ba, Mô-sê[1503] , người đã ở bên cạnh hoàng tử vào lúc vụ ám sát xảy ra, đã thoát chết bằng cách chạy trốn, và sau đó, vì sự trong sạch của mình, ông đã phải chịu đựng từ một người phụ nữ Ba Lan nhiều hơn cả những gì Giô-sép từng phải chịu từ Pentefria. Cuối cùng, ông trở thành một tu sĩ thánh thiện tại Tu viện Pechersk ở Kiev, như được ghi chép trong cuốn tiểu sử của ông. – Chính vị thánh Ephrem này, sau khi vị công tước Boris đáng kính bị sát hại, đã đến nơi xảy ra vụ giết người phi pháp đó, và trong tiếng khóc than thảm thiết, ông tìm kiếm thi thể của anh trai mình – nhưng chỉ tìm thấy cái đầu, mà ông đã cất giữ cho đến khi qua đời. Bỏ lại tước vị và dinh thự của một quý tộc, ngài đến thành phố Torzhok[1504] và, sau khi tìm thấy một nơi rất đẹp gần thành phố, bên bờ sông Tvertsa, ngài đã xây dựng tại đó một nhà thờ để tôn vinh các vị quân vương của mình, các đại công tước, các thánh tử đạo Boris và Gleb, rồi tập hợp nhiều tu sĩ, thành lập một tu viện, còn bản thân ngài trở thành vị tu viện trưởng[1505] . Sau khi tận tụy tu hành trong việc ăn chay và cầu nguyện, ngài đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và qua đời vào năm 1053. Sau khi ngài qua đời, tại quan tài của ngài[1506] đã xảy ra nhiều phép lạ và những người đau ốm được chữa lành; những phép lạ này vẫn tiếp tục xảy ra cho đến ngày nay đối với những ai đến với lòng tin, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. A-men.

Lễ kỷ niệm Thánh Palladius, vị ẩn sĩ.

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 1

Thánh Palladius đã làm đẹp lòng Thiên Chúa bằng đời sống ẩn tu. Ngài đã xây cho mình một túp lều nhỏ trên một ngọn núi và tự giam mình trong đó, chuyên tâm vào việc thức đêm không ngừng, cầu nguyện và ăn chay. Nhờ những công đức ấy, Thiên Chúa đã ban cho ngài ân sủng làm phép lạ. Một lần nọ, một thương gia mang theo nhiều vàng đã bị sát hại, và thi thể của kẻ giết người vào ban đêm bị vứt trước cửa túp lều của vị thánh. Khi bình minh ló rạng và tội ác được phát hiện, mọi người đều đổ lỗi cho vị thánh về cái chết của thương gia. Bị đám đông vây hãm, vị thánh đã cầu nguyện và bằng lời cầu nguyện, ngài đã làm cho người chết sống lại. Khi tỉnh dậy, người này đã chỉ ra những kẻ đã giết mình và chứng minh rằng vị thánh vô can trong vụ án mạng. Vị thánh còn thực hiện nhiều phép lạ khác nữa. Với những đức hạnh cao cả, Thánh Palladius đã an lành về với Chúa, để lại cho Giáo hội những tác phẩm bổ ích cho linh hồn[1507] .

[1501] Vùng đất Ugor, hay còn gọi là Hungary, là một quốc gia rộng lớn nằm dọc theo trung lưu sông Danube, gần dãy núi Carpathian; hiện nay thuộc Đế quốc Áo-Hung.

[1502] Vụ ám sát Thánh Công tước Boris diễn ra vào năm 1015.

[1503] Thánh Mô-sê Ugrin, vị thánh làm phép lạ ở Pechersk; ngày kỷ niệm của ngài là ngày 26 tháng 7

[1504] Torzhok – hiện là thành phố huyện thuộc tỉnh Tver.

[1505] Tu viện Borisoglebsky ở Novotorzhsk được vị thánh này thành lập vào năm 1038.

[1506] Xác thánh của vị tu sĩ Efrem hiện được an táng tại Tu viện Borisoglebsky ở Novotorzhsk trong một quan tài bằng bạc sang trọng – và bên cạnh đó là đầu của anh trai ngài là Georgy, được đặt trong quan tài của ngài, theo di chúc của ngài.

Ngày 11 tháng 2

Ngày 29 tháng 1 (theo lịch cũ)

Lễ rước di cốt Thánh Tử đạo Ignatius, Đấng Mang Chúa.

Ngày tưởng niệm 29 tháng 1

Sau khi Thánh Ignatius, Đấng Mang Thiên Chúa, theo lệnh của Hoàng đế Trajan, bị thú dữ xé xác tại Rôma vì Chúa Kitô[1508] , như được kể lại trong cuốn tiểu sử của ngài, vẫn còn lại một số xương lớn hơn. Các tín hữu có mặt tại Rome vào thời điểm đó đã thu thập những mảnh xương này và an táng chúng một cách tôn kính tại một nơi trang nghiêm trong cùng thành phố; sau đó, dưới triều đại của chính Hoàng đế Trajan, họ đã chuyển di chúng đến Antioch – để bảo vệ thành phố, để chữa lành cho những người đau ốm, an ủi toàn thể đoàn chiên tinh thần của ngài và để tôn vinh Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng mà vì danh Ngài, ngài đã chịu đau khổ một cách nhiệt thành[1509] . Thông tin chi tiết hơn về điều này được trình bày trong cuốn tiểu sử của ngài vào ngày 20 tháng 12.

Cuộc đời của vị thánh cha Lavrentiy, vị ẩn sĩ ở Pechersk

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 1

Sau khi các vị ẩn sĩ thánh thiện Isaak và Nikita tại Pechersk phải đối mặt với cám dỗ, Thánh Laurentius, người đã tu hành tại cùng Tu viện Pechersk thánh thiện đó, đã trở nên nổi tiếng. Ngài cũng đã can đảm, như một chiến binh trung thành của Chúa Kitô, chỉ bằng chính sức lực của mình để chiến đấu chống lại kẻ hủy diệt linh hồn – ma quỷ, kẻ thù của các vị tu sĩ. Ngài mong muốn dâng hiến bản thân cho việc cầu nguyện trong sự ẩn tu nghiêm ngặt, tin chắc rằng chính về đời sống ẩn tu này mà Chúa đã nói trong lời: *"Còn ngươi, khi cầu nguyện, hãy vào nhà mình, đóng cửa lại và cầu nguyện với Cha ngươi, Đấng ở nơi kín đáo; và Cha ngươi, Đấng thấy những điều kín đáo, sẽ thưởng cho ngươi một cách công khai"* (Mt 6:6). Nhưng các vị cha thánh đã kiên quyết khuyên ông đừng làm điều đó tại Tu viện Pechersk thánh thiêng, nơi ma quỷ thường giăng bẫy nhiều nhất đối với các vị cha đang tìm kiếm sự cứu rỗi. Họ nhớ lại cách kẻ thù đã đánh bại Isaak và Nikita tại đây, những người đã chiến đấu với nó một mình trong sự ẩn dật; cả hai người chỉ được đưa trở lại tỉnh táo sau rất nhiều lời cầu nguyện. Lúc đó, Laurentius, sau khi từ biệt các anh em, đã đến tu viện Thánh Đại Tử Đạo Dimitri, được Công tước Izyaslav xây dựng[1510] , và tại đó, ngài tu hành trong sự khép kín. Ông bắt đầu sống một cuộc đời cực kỳ khắc khổ và thể hiện lòng nhiệt thành tột bậc đối với sự cứu rỗi của mình, mỗi ngày đều gánh vác những công việc ngày càng nặng nhọc hơn, dập tắt mọi ham muốn xác thịt bằng sự kiêng khem và nhịn đói, nhổ tận gốc chúng bằng thanh gươm thiêng liêng, tức là sức mạnh của lời cầu nguyện, và dập tắt những mũi tên bốc lửa của kẻ thù bằng dòng nước mắt của mình. Nhờ ân sủng của Thiên Chúa, ngài không chỉ tự mình tránh được những mũi tên của ma quỷ, mà còn nhận được từ Chúa, Đấng Rộng Lượng, ân sủng chữa lành kỳ diệu các vết loét và bệnh tật của con người, cũng như trừ tà.

Một lần, trong số rất nhiều người khác, có một người bị quỷ ám từ Kiev được đưa đến gặp Thánh Laurentius để được chữa lành; con quỷ ám trong người ấy hung dữ và mạnh mẽ đến nỗi cây gỗ mà mười người mới có thể khiêng nổi, thì một mình hắn ta dễ dàng nhấc bổng và ném đi xa. Vị ẩn sĩ đáng kính, mong muốn tôn vinh ân

---

[1507] Thánh Palladius, một ẩn sĩ, đã tu hành tại Antioch thuộc Syria vào cuối thế kỷ IV.

[1508] Vào năm 107, ngày 20 tháng 12

[1509] Lần rước di cốt đầu tiên của Thánh Ignatius, Đấng Mang Chúa, diễn ra vào năm 108, lần thứ hai từ vùng ngoại ô vào chính thành Antioch vào năm 438. Sau đó (vào thế kỷ VII), di cốt của ngài được rước đến Rome, nơi hiện đang được lưu giữ tại Nhà thờ Thánh Clement.

[1510] Tu viện Thánh Đại Tử đạo Dimitrius thành Thessaloniki tọa lạc gần Tu viện Pechersk. Năm 1128, tu viện này được sáp nhập vào Tu viện Pechersk.

sủng dành cho quê hương thiêng liêng của mình, Tu viện Thánh Pechersk, đã ra lệnh đưa người này đến đó. Lúc đó, người bị quỷ ám bắt đầu la hét:

– Ngươi đang gửi ta đến với ai? Ta thậm chí không dám đến gần hang động, vì ở đó có nhiều thánh nhân an nghỉ. Còn trong chính tu viện thì có ba mươi vị tu sĩ mặc áo đen, những người mà ta sợ hãi – còn với những người khác thì ta đang chiến đấu.

Khi người bị quỷ ám kể lại điều này về ân sủng ngự trị tại Tu viện Pechersk thánh thiện, vị thánh nhân lại ra lệnh đưa anh ta đến đó bằng vũ lực, để xác minh kỹ hơn mọi điều anh ta đã nói. Những người dẫn người bị quỷ ám, biết rằng anh ta chưa bao giờ đến Tu viện Pechersk và không quen biết ai ở đó, đã hỏi anh ta:

– Những vị tu sĩ mà ngươi sợ là ai?

Lúc bấy giờ, tổng số tu sĩ tại Tu viện Pechersk là một trăm mười tám người.

Người bị quỷ ám đã kể tên ba mươi người trong số họ và nói:

– Chỉ cần một lời của họ là có thể đuổi tôi đi.

Lúc đó, những người dẫn dắt anh ta lại nói với anh ta:

– Chúng tôi muốn nhốt anh trong hang động.

Hắn đáp lại họ rằng:

– Chiến đấu với những người đã chết thì có ích gì cho tôi? Vì họ có lòng can đảm hơn nhiều để cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho các tu sĩ của họ và cho tất cả những ai đến với họ. Nếu các ngươi muốn thấy khả năng chiến đấu của ta, thì hãy dẫn ta đến tu viện: ngoài ba mươi người đã nêu tên, ta có thể chiến đấu với tất cả những người còn lại.

Sau đó, ngài bắt đầu thể hiện khả năng của mình bằng cách nói bằng tiếng Do Thái, tiếng La Mã, tiếng Hy Lạp, nói tóm lại là bằng tất cả các ngôn ngữ mà ngài chưa từng nghe thấy. Những người tiễn đưa ông đều kinh hãi và vô cùng ngạc nhiên trước sự thay đổi trong cách nói và khả năng nói nhiều ngôn ngữ khác nhau của ông. Sau đó, trước khi họ bước vào tu viện, tà linh đã rời khỏi người bị quỷ ám; người được chữa lành bắt đầu suy luận một cách có lý lẽ, và những người đi cùng ông đều tràn ngập niềm vui. Sau đó, tất cả cùng nhau bước vào nhà thờ thánh Pechersk đầy phép lạ để ngợi khen Đức Chúa Trời. Khi biết tin này, vị tu viện trưởng đã cùng toàn thể các tu sĩ đến nhà thờ. Người được chữa lành không nhận ra vị tu viện trưởng, cũng như bất kỳ ai trong số ba mươi người đàn ông mà anh ta đã gọi tên khi còn bị quỷ ám. Lúc đó, họ bắt đầu hỏi anh ta:

– Ai đã chữa lành cho anh?

Anh ta, nhìn lên bức tượng thánh của Đức Mẹ Đồng Trinh, đã trả lời:

– Cùng với Mẹ, ba mươi vị thánh nhân đã đón tiếp chúng tôi, và tôi đã được chữa lành.

Dù vậy, anh ta nhớ rõ tên của tất cả họ, nhưng không nhận ra khuôn mặt của ai cả.

Lúc đó, tất cả cùng nhau ngợi khen Thiên Chúa, Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm Nguyên Tội và các thánh nhân của Ngài.

Như vậy, thánh địa của Tu viện Pechersk đã trở nên nổi tiếng nhờ sự an bài của Thiên Chúa, được vị ẩn sĩ phúc lành Laurentius loan báo; sau một thời gian, ngài đã rời Tu viện Pechersk và được tấn phong làm Giám mục Turov[1511] . Sau khi Thánh Laurentius qua đời trong ân sủng[1512] , thi hài của ngài đã được rước về Tu viện Kiev-Pechersk và được an táng một cách trang trọng trong các hang động, nơi mà cho đến nay các di cốt làm phép lạ của ngài vẫn còn nguyên vẹn, để tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi, Đấng nhìn thấy trong bí mật nhưng ban ân sủng công khai cho các ẩn sĩ, Đấng được tôn vinh muôn đời. A-men.

Lễ tưởng niệm các thánh tử đạo: Giám mục Silvanus, Phó tế Luca và Đọc giả Mokias

Ngày tưởng niệm 29 tháng 1

Dưới triều đại của Hoàng đế La Mã Numerianus[1513] , đã xảy ra một cuộc bách hại lớn đối với các Kitô hữu; lúc bấy giờ, quan tổng trấn thành phố Emesa[1514] nhận được đơn tố cáo nhắm vào vị giám mục địa phương, Thánh

[1511] Turov – một thành phố thuộc tỉnh Minsk ngày nay. Thánh Laurentius là giám mục Turov từ năm 1182.
[1512] Ngài qua đời vào cuối thế kỷ XII.

Silvanus; vị thánh cùng với phó tế Luca và người đọc sách Mokia, bị trói lại, đã phải ra trước quan tòa. Sau khi xác nhận rằng họ tuyên xưng Đức Kitô là Thiên Chúa chân thật, không tôn thờ mà còn phỉ báng các thần tượng, quan tổng trấn đã nổi giận. Không thể thuyết phục các vị chứng nhân của Đức Kitô thờ lạy thần tượng bằng những lời nịnh hót, quan tòa đã ra lệnh đánh đòn họ, sau đó giam họ vào ngục tối; các thánh đã phải chịu đựng trong đó một thời gian dài, cho đến khi quan tòa triệu tập họ trở lại. Ông ra lệnh để các vị tử đạo phải chịu đói khát, sau đó kết án giao họ cho thú dữ xé xác. Khi các thánh tử đạo được dẫn đến nơi hành hình và các loài thú dữ được thả ra tấn công họ, các chiến binh của Chúa Kitô đã cầu nguyện xin Chúa cho họ được chết tại nơi này. Lời cầu nguyện của họ đã được nhậm lời, và Chúa đã đón nhận linh hồn thánh thiện của họ; các loài thú tiến lại gần thi hài thánh thiện của họ, nhưng không đụng chạm đến; còn các Kitô hữu thì vào ban đêm đã bí mật thu thập thi hài các vị thánh tử đạo và an táng họ, đồng thời dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa.

Lễ kính các thánh tử đạo Roman, Giacôbê, Philôphê, Iperich, Aviv, Iulian và Parigoria

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 1

Tất cả các vị thánh tử đạo này, khi chiến đấu vì Chúa Kitô, đã vạch trần trước công chúng những lầm lạc của đạo ngoại, vì thế mà họ phải chịu những hình phạt tàn bạo: vai và đầu gối của họ bị nghiền nát; sau đó, họ bị đánh đập không thương tiếc, bị đeo những xiềng xích sắt nặng nề vào cổ và bị tống vào ngục tối; sau đó lại bị lôi ra khỏi ngục, thân thể họ lại bị cạo da, rồi bị treo cổ và đầu họ bị đóng đinh vào thập tự giá. Trong những cực hình như vậy, họ đã dâng linh hồn mình lên Thiên Chúa[1515] .

Ngày 12 tháng 2

ngày 30 tháng 1 (theo lịch cũ)

Lễ kính ba vị Thánh Giáo phụ vĩ đại của toàn thể Giáo hội: Thánh Basil Cả, Thánh Grêgôriô Thần học gia và Thánh Gioan Vàng miệng.

Ngày tưởng niệm 30 tháng 1

Trong triều đại của vị hoàng đế trung thành và yêu mến Chúa Alexei Komnenos[1516] , người đã kế vị ngai vàng sau Nikiforos Botanates[1517] , đã nổ ra một cuộc tranh luận lớn tại Constantinople về ba vị thánh này giữa các nhà thông thái tài giỏi nhất về hùng biện. Một số người coi Thánh Basil Đại Đế cao quý hơn các vị thánh khác, gọi ngài là bậc tu từ vĩ đại nhất, vì ngài vượt trội hơn tất cả về lời nói và hành động; họ còn xem ngài là một con người chỉ kém các Thiên thần một chút, có tính cách kiên định, không dễ dàng tha thứ cho tội lỗi và xa lánh mọi điều trần tục; còn Thánh Gioan Vàng Miệng thì được xếp dưới ngài, vì ngài có những phẩm chất khác biệt so với những người đã nêu: ngài có lòng thương xót đối với những người tội lỗi và nhanh chóng cho phép họ được sám hối. Ngược lại, một số người khác lại tôn vinh Thánh Gioan Vàng Miệng như một con người đầy lòng nhân ái, thấu hiểu sự yếu đuối của bản tính con người, và như một nhà hùng biện tài ba, đã hướng dẫn mọi người đến sự sám hối bằng vô số lời nói ngọt ngào như mật ong; chính vì vậy, họ tôn kính ngài cao hơn cả Thánh Basil Đại Đế và Thánh Grêgôriô Thần Học. Cuối cùng, một số người khác lại ủng hộ Thánh Grêgôriô Thần Học, khẳng định rằng ngài, nhờ sức thuyết phục trong lời nói, sự giải thích tinh tế về Kinh Thánh và sự tinh tế trong cách xây dựng bài giảng, đã vượt trội hơn tất cả những đại diện lừng lẫy nhất của trí tuệ Hy Lạp, cả những người đã sống trước đó lẫn những

[1513] Numerius và Carnicus trị vì vào các năm 283 và 284.
[1514] Emesa – nay là Gems hoặc Goms, nằm ở Phoenicia, bên bờ sông Orontes, ở vùng ven biển của Syria ngày nay (Thổ Nhĩ Kỳ châu Á).
[1515] Họ đã chịu tử đạo vào năm 297 dưới thời Hoàng đế Diocletian tại thành phố Samosata (ở Syria, bên bờ sông Euphrates).
[1516] Hoàng đế Byzantine Alexius I Komnenos trị vì từ năm 1081 đến năm 1108.
[1517] Nikifor III Botanias trị vì từ năm 1078 đến năm 1081.

người cùng thời với ngài. Như vậy, một số người ca ngợi danh tiếng của Thánh Grêgôriô, trong khi những người khác lại hạ thấp tầm quan trọng của ngài. Điều này đã gây ra sự bất hòa giữa nhiều người, trong đó một số tự xưng là những người theo Thánh Gioan, một số khác là những người theo Thánh Basil, và một số khác nữa là những người theo Thánh Grêgôriô. Những người tài giỏi nhất về hùng biện và trí tuệ đã tranh luận về những tên gọi này.

Một thời gian sau khi những tranh cãi này nảy sinh, các vị thánh vĩ đại này đã hiện ra, ban đầu mỗi vị một mình, rồi cả ba cùng lúc – và điều này không phải trong giấc mơ, mà là trong thực tế, – với Gioan, Giám mục Evchait, một học giả uyên bác, rất am hiểu về triết học Hy Lạp (như các tác phẩm của ngài đã chứng minh), đồng thời nổi tiếng nhờ đời sống đạo đức cao đẹp[1518] . Họ cùng nhau nói với ngài:

– Chúng tôi bình đẳng trước mặt Thiên Chúa, như ngài thấy; chúng tôi không có sự chia rẽ, cũng không có sự đối kháng nào với nhau. Mỗi người trong chúng tôi, vào thời điểm riêng của mình, được Thánh Thần thúc đẩy, đã viết những lời giảng dạy phù hợp để cứu rỗi loài người. Những gì chúng tôi đã học được một cách thầm kín, chúng tôi đã truyền đạt một cách rõ ràng cho mọi người. Giữa chúng tôi không có ai là người thứ nhất hay thứ hai. Nếu ngươi đề cập đến một người, thì hai người kia cũng đồng ý về điều đó. Vì vậy, hãy ra lệnh cho những ai đang tranh cãi về chúng tôi ngừng tranh luận, bởi vì cả khi còn sống lẫn sau khi qua đời, chúng tôi đều quan tâm đến việc mang lại hòa bình và sự đồng lòng cho muôn loài trên vũ trụ. Vì lý do đó, xin ngài hãy gộp việc tưởng niệm chúng tôi vào cùng một ngày và, như lẽ ra phải thế, hãy soạn một thánh lễ long trọng cho chúng tôi, đồng thời truyền đạt cho những người khác rằng chúng tôi có phẩm giá ngang nhau trước mặt Thiên Chúa. Còn chúng tôi, những ai tưởng niệm chúng tôi, sẽ trở thành những người đồng hành trên con đường cứu rỗi, vì chúng tôi hy vọng rằng mình có một chút công đức trước mặt Thiên Chúa.

Nói xong những lời đó với vị giám mục, họ bắt đầu bay lên trời, tỏa sáng bằng ánh sáng không thể diễn tả và gọi tên nhau. Vị giám mục thánh thiện Gioan ngay lập tức đã dùng nỗ lực của mình để hàn gắn hòa bình giữa những người từng thù địch, vì ngài là một người vĩ đại về đức hạnh và nổi tiếng về sự khôn ngoan. Ngài đã thiết lập lễ kính ba vị Thánh, như các thánh đã truyền dạy, và di chúc cho các nhà thờ cử hành lễ này với sự long trọng xứng đáng[1519] . Điều này đã thể hiện rõ sự khôn ngoan của vị thánh nhân vĩ đại này, bởi ngài đã nhận ra rằng vào tháng Giêng, người ta kỷ niệm cả ba vị Thánh, cụ thể là: vào ngày đầu tiên là Thánh Basil Đại Đế, ngày 25 là Thánh Grigori Thần Thánh, và ngày 27 là Thánh Zlatoust – nên ngài đã gộp ba ngày này lại vào ngày 30 cùng tháng, và làm cho lễ kỷ niệm của các ngài trở nên trọn vẹn bằng các kinh ca, thánh ca và lời ngợi khen, đúng như lẽ phải.

Cần phải bổ sung thêm điều sau đây về các ngài. Thánh Basil Đại Đế không chỉ vượt trội về học thức so với các bậc thầy cùng thời, mà còn so với cả những bậc tiền bối xa xưa nhất: ngài không chỉ nắm vững toàn bộ môn hùng biện đến từng chi tiết nhỏ nhất, mà còn nghiên cứu sâu sắc triết học, đồng thời thấu hiểu cả môn học dạy về hoạt động Kitô giáo chân chính. Sau đó, khi sống một cuộc đời đạo đức, tràn đầy lòng không tham lam và sự trong sạch, đồng thời hướng tâm trí lên để chiêm ngưỡng Thiên Chúa, ngài đã được tấn phong lên ngai giám mục khi mới bốn mươi tuổi, và trong hơn tám năm, ngài đã là người đứng đầu Giáo hội.

Thánh Grêgôriô Thần Học vĩ đại đến nỗi, nếu có thể tạo ra một hình tượng con người và một trụ cột được ghép từ tất cả các đức tính, thì hình tượng đó sẽ giống như vị Thánh Grêgôriô vĩ đại. Tỏa sáng bằng cuộc đời thánh thiện của mình, ngài đã đạt đến đỉnh cao trong lĩnh vực thần học, đến nỗi ngài đã chiến thắng tất cả mọi người bằng sự khôn ngoan của mình, cả trong các cuộc tranh luận bằng lời nói lẫn trong việc giải thích các tín điều của đức tin. Chính vì vậy mà ngài được gọi là "Thần học gia". Ngài đã làm Thượng phụ tại Constantinople trong mười hai năm, củng cố Chính Thống Giáo. Sau đó, ngài chỉ tại vị trên ngai Thượng phụ trong một thời gian ngắn (như được ghi chép trong tiểu sử của ngài), rồi từ bỏ ngai vàng vì tuổi già và, khi đã sáu mươi tuổi, ngài lui về các tu viện trên núi.

[1518] Giăng, Tổng giám mục Evkhait, là một trong những nhà văn và nhà soạn thánh ca xuất sắc của Giáo hội Đông phương thế kỷ XI (qua đời vào cuối thế kỷ XI). Ông đã viết rất nhiều tác phẩm. Trong số các tác phẩm của ông, có những tác phẩm nổi tiếng sau: 1) các bài ca ngợi, tổng cộng 15 bài, trong đó nổi bật là: hai bài nhân ngày kỷ niệm chiến thắng trước Sviatoslav, công tước Nga; ba bài nhân ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử đạo Theodoros Tyron; các bài ca ngợi ba vị Thánh Tông đồ; 2) các bài thơ và thánh ca: trong số các thánh ca, nghi thức thờ phượng trọn vẹn dành cho Ba Thánh Tổ, bài ca ngợi Thiên Thần Hộ Mệnh, cùng hai bài ca ngợi Thánh Theodoros Tyron vẫn được sử dụng trong các nghi thức thờ phượng cho đến ngày nay. Trong các nghi lễ còn có: trong số 27 bài ca ngợi dành cho Đấng Cứu Thế – một bài ca ngợi Chúa Giêsu Ngọt Ngào Nhất; trong số 67 bài ca ngợi Đức Mẹ – sáu bài; trong số 11 bài ca ngợi Thánh Gioan Tiền Hô – hai bài. Đặc biệt xuất sắc là các bài ca ngợi của ngài dành cho Chúa Giêsu Ngọt Ngào Nhất và Thiên Thần Hộ Mệnh.

[1519] Lễ kính ba vị Thầy và Thánh nhân toàn cầu: Thánh Basil Đại đế, Thánh Grêgôriô Thần học gia và Thánh Gioan Vàng miệng

Về Thánh Zlatoust, có thể nói một cách công bằng rằng ngài đã vượt trội hơn tất cả các nhà hiền triết Hy Lạp về trí tuệ, sức thuyết phục trong lời nói và sự trau chuốt trong ngôn từ; Ngài đã giải thích và diễn giải Kinh Thánh một cách vô song; cũng như vậy, trong đời sống đạo đức và sự chiêm ngưỡng Thiên Chúa, ngài đã vượt xa tất cả mọi người. Ngài là nguồn suối của lòng thương xót và tình yêu, tràn đầy lòng nhiệt thành trong việc giảng dạy. Ngài đã sống tổng cộng sáu mươi năm; làm mục tử của Giáo Hội Chúa Kitô trong sáu năm. Nhờ những lời cầu nguyện của ba vị thánh này, xin Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, hãy dẹp tan những tranh chấp dị giáo, và xin bảo vệ chúng ta trong hòa bình và sự đồng lòng, và xin ban cho chúng ta được vào Nước Trời của Ngài, vì Ngài được chúc tụng muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Là những vị ngang hàng với các Tông đồ và là những vị thầy của toàn thể nhân loại, xin cầu nguyện cùng Chúa Tể muôn loài, ban bình an cho toàn thể nhân loại và ban ân sủng lớn lao cho linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Hỡi các nhà rao giảng thánh thiện và được Thiên Chúa soi sáng, những bậc thầy cao quý nhất, lạy Chúa, Ngài đã đón nhận họ vào sự hưởng thụ các ân huệ của Ngài và sự an nghỉ: vì Ngài đã chấp nhận công lao và cái chết của họ hơn mọi sự sinh sôi nảy nở, Đấng Duy Nhất, xin hãy tôn vinh các thánh của Ngài.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Theophilus Mới

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 1

Thánh Theophilus sinh ra và lớn lên tại Constantinople dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus và mẹ ngài là Thánh Irene[1520] . Trong thời kỳ xâm lược của người Ả Rập[1521] , ngài được bổ nhiệm làm Tổng tư lệnh quân đội Hy Lạp; nhờ lòng dũng cảm và tài năng quân sự, ngài đã đánh chìm nhiều tàu địch và không ít lần đánh bại quân Ả Rập. Theo ý định của Thiên Chúa, một lần hạm đội của ngài bị bao vây bởi số lượng tàu địch đông hơn, và Thánh Theophilus bị bắt làm tù binh. Khi được dẫn đến trước vị vua Ả Rập, vị vua này, bị ấn tượng bởi vẻ đẹp và sự dũng cảm của Thánh Theophilus, đã cố thuyết phục ngài từ bỏ đức tin Kitô giáo; nhưng dù là những lời hứa ban tặng mọi vinh dự hay những lời đe dọa của kẻ chiến thắng cũng không làm lay chuyển được vị tướng Kitô giáo dũng cảm này. Khi ngài thấy các chiến binh của mình đã bị giết hết, ngài liền quở trách bọn man rợ vì sự tàn bạo của chúng và vạch trần đức tin vô đạo của chúng. Sau khi bị đưa về đất nước của chúng, Thánh Theophilus bị giam cầm trong ngục tối; bốn năm sau, nhân dịp người Ả Rập tổ chức một lễ hội tôn giáo nào đó, vị thánh chịu khổ nạn này bị lôi ra khỏi nhà tù và bị ép buộc phải tham gia lễ hội; khi Thánh Theophilus từ chối tuân theo, đầu ngài bị chém rơi, và như vậy, vị chiến binh của Chúa Kitô đã nhận lấy vương miện tử đạo[1522] .

Lễ kính các thánh tử đạo Hippolytus, Kensorin, Savinus, trinh nữ Chrisia và hai mươi vị tử đạo khác

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 1

Các vị tử đạo Hippolytus, Kensorin, Savin và Chrisia đã sống dưới triều đại của Claudius[1523] , khi Ulpius, người La Mã, đang giữ chức Hegemon, tức là tổng trấn. Kensorin là cố vấn hàng đầu tại Thượng viện, với chức vụ magistrus[1524] . Sau khi bị thẩm vấn do bị tố cáo, ông đã tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô và vì thế bị tống giam

[1520] Họ cùng nhau cai trị từ năm 780 đến năm 797.
[1521] Vào thời điểm đó, người Ả Rập đã hình thành một đế chế hùng mạnh, bao gồm toàn bộ Ả Rập, Syria, Ai Cập và Bắc Phi.
[1522] Trên đảo Síp (gần Tiểu Á) vào năm 784.
[1523] Claudius II – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 268–270.

vào ngục tối. Tại đó, ông đã thực hiện nhiều phép lạ nhờ quyền năng của Chúa Kitô và thậm chí còn hồi han một người đã chết. Các binh lính có mặt tại đó, khi chứng kiến những phép lạ, đã tin vào Chúa Kitô, và vì điều này, hai mươi người trong số họ đã bị chém đầu. Cô gái thánh thiện Chrisia cũng bị thẩm vấn với tư cách là một Kitô hữu. Các binh lính đã treo cô lên, đánh cô bằng gân bò và dùng lửa thiêu đốt xương sườn cô, rồi sau đó tống cô vào ngục tối. Vài ngày sau, họ lại lôi cô ra khỏi ngục, dùng đá đập vỡ hàm cô và dùng búa thiếc đập vào vai cô, rồi buộc một tảng đá vào cổ cô và ném cô xuống đáy biển. Như vậy, trinh nữ thánh đã kết thúc cuộc khổ nạn vì Chúa Kitô. Thánh Savin cũng bị đánh vào thân thể bằng búa nặng và, sau khi bị treo lên cây, bị thiêu đốt bằng nến. Trong khi chịu đựng những cực hình như vậy và tạ ơn Thiên Chúa, ngài đã trao linh hồn mình cho Ngài. Khi biết được tất cả những điều này, Thánh Hippolytus vĩ đại, vị thánh của Giáo hội Rôma, đã đến gặp vị thống đốc và lên án sự tàn bạo và vô nhân đạo của ông ta, gọi ông ta là kẻ hút máu. Đồng thời, ngài đã can đảm tuyên xưng Đức Kitô là Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của vũ trụ. Vì điều này, ngài bị các đầy tớ của thống đốc đánh vào mắt ; những kẻ vô đạo còn áp đặt lên ngài những cực hình khác nữa, và cuối cùng, sau khi trói tay chân ngài lại, họ đã ném ngài xuống biển. Sau khi chịu đựng những cực hình này, Thánh Hippolytus đã trở thành người thừa kế Nước Trời[1525] .

Lễ kính Thánh Zinon

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 1

Vị cha thánh phúc lành của chúng ta là Zinon xuất thân từ Pontus[1526] ; sau khi bỏ lại ở đó một gia tài khổng lồ, ngài đã thấm nhuần những nguồn suối giáo lý của Thánh Basil Đại Đế[1527] , vốn tưới mát cho Cappadocia, và đã mang lại những thành quả xứng đáng với giáo lý ấy. Ngài từng phục vụ tại triều đình Hoàng đế Valens[1528] trong số các chiến binh được cử đi chuyển giao các sắc lệnh hoàng gia; sau khi vị hoàng đế này qua đời, Thánh Zinon đã từ chối của cải và tước hiệu danh dự, rồi định cư trong một ngôi mộ[1529] nằm trên núi, gần Antioch, và tại đây ngài sống trong sự ẩn dật, thanh tẩy tâm hồn. Vị thánh ẩn sĩ này không có tài sản nào ngoài bộ quần áo rách nát mà ngài mặc; Thánh Zinon nhận thức ăn từ một người quen, người này mang đến cho ngài một ổ bánh mì nhỏ đủ dùng trong hai ngày, còn nước thì ngài tự mang về từ xa. Là tấm gương về sự khiêm nhường sâu sắc nhất, Thánh Zinon đã đạt đến sự hoàn hảo cao cả trong việc thực hành các công đức tu hành; ông đã dành bốn mươi năm để ăn chay, mỗi Chủ nhật đều đến thánh đường, nơi ông lắng nghe Lời Chúa, chú tâm vào những bài giảng của các nhà thuyết giáo và rước các Bí tích Thánh của Chúa Kitô; sau đó, vị thánh trở về nơi ẩn dật của mình, nơi không có ổ khóa cũng không có người canh gác, bởi vì nơi đó nằm ngoài tầm với của những kẻ ác và hoàn toàn an toàn. Một thời gian sau khi rút lui khỏi thế gian, vị thánh đã cử một người quen về quê hương của mình để bán tài sản còn lại từ cha mẹ và trao phần thuộc về anh trai của ngài. Sau khi hoàn thành việc này, người được cử đi đã mang phần tài sản đó đến cho vị thánh; từ số tài sản đó, vị thánh Zinon bắt đầu làm từ thiện cho những người nghèo khó; khi cảm thấy cái chết đang đến gần, ngài đã mời Giám mục Alexandria, Alexander[1530] , đến gặp mình và nói với ngài:

[1524] Magister – về mặt nghĩa đen có nghĩa là: thầy giáo. Tuy nhiên, danh hiệu magister tại triều đình hoàng gia Byzantine lại chỉ một trong những chức vụ cao cấp nhất trong triều đình.

[1525] Các thánh tử đạo Hippolytus, Kensorin, Savin và Chrisia đã chịu tử đạo vào năm 269. Thánh tử đạo Hippolytus là giám mục của cảng Ostia, gần Rome, nơi ngài đã bị dìm chết. Hiện nay, di cốt của ngài được lưu giữ tại Rome, trong nhà thờ thánh tử đạo Laurentius và Giáo hoàng Damasus. – Hippolytus là một trong những nhà thần học Kitô giáo uyên bác nhất và là một nhà văn đa tài, sáng tác phong phú. Phần lớn các tác phẩm của ngài dành để tranh luận chống lại các tà giáo cổ đại – Noetian, Theodotian, Alogian, Montanist, Marcionist, v.v. Trong số các tác phẩm của ngài hiện còn được biết đến có: “Kinh Thánh Phục Sinh”, “Chống lại người Do Thái”, “Chống lại Platon”, “Chống lại các tà giáo”, “Chống lại Veron và Helicus”, cùng tác phẩm về Đấng Kitô và Anti-Christ. Một nhóm tác phẩm khác của Hippolytus bao gồm vô số các bài chú giải về Kinh Thánh, trong đó phần lớn chỉ còn lại những đoạn trích. Ông đã viết các bài chú giải về Sách Sáng Thế, Sách Xuất Hành, Sách Châm Ngôn, Sách Truyền Đạo, Ca Vịnh, các Phúc Âm theo Matthêu, Luca và Gioan, các sách tiên tri Isaia, Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên, Xa-cha-ri, Thánh Vịnh và Khải Huyền. Các bài giảng của ông cũng rất đáng chú ý, như những mẫu mực của sự giảng dạy trong Giáo hội cổ đại; trong số đó, chỉ còn lưu giữ được toàn văn bài giảng về Lễ Hiển Linh và về nhà tiên tri Đa-ni-ên.

[1526] Pontus – một tỉnh ở phía đông bắc Tiểu Á, giáp Armenia ở phía đông và Cappadocia ở phía nam.

[1527] Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 1 tháng 1

[1528] Valens trị vì từ năm 364 đến năm 378.

[1529] Các lăng mộ ở phía nam thời xưa được đục khoét trong núi và có hình dạng như hang động; trong các cuộc xâm lược của kẻ thù, chúng thường bị cướp bóc; sự yên nghỉ của những người đã khuất cũng bị xâm phạm bởi bọn cướp tìm kiếm kho báu trong các lăng mộ. Thánh Zinon đã định cư trong một trong những lăng mộ bị tàn phá đó.

– Vì tôi sắp phải rời bỏ cuộc đời này, nên tôi di chúc cho ngài điều này: những gì có thể, tôi đã tự tay phân phát theo cách mà tôi cho là tốt nhất; phần còn lại này tôi chưa kịp phân phát, nên tôi chỉ định ngài làm người quản lý số tài sản này, và tôi xin Thiên Chúa làm chứng.

Sau đó, sau khi hôn lên mặt vị thánh, vị thánh phúc lành đã trao linh hồn mình cho Thiên Chúa.

Ngày 13 tháng 2

31 tháng 1 (theo lịch cũ)

Tháng Hai

Ngày tưởng niệm các thánh làm phép lạ và các thánh không tham lam là Kira và Ioann, cùng thánh tử đạo Afanasia và ba con gái của bà là Feoktista, Feodotia và Evdoksia

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 1

Thánh Kir, người được Chúa yêu mến, sinh ra và lớn lên tại Ai Cập, ở thành phố Alexandria do Alexander Đại đế xây dựng. Với kiến thức của mình, ngài là một bác sĩ nổi tiếng và chữa lành các bệnh thể xác hoàn toàn miễn phí, còn bằng những lời nói được Thánh Thần soi dẫn và gương sống đạo đức của mình, ngài đã chữa lành những bệnh tật tâm hồn của con người. Khi đến thăm người bệnh, ngài không truyền đạt những lời khuyên của Galen hay Hippocrates[1531] , mà là những lời dạy dỗ của các thánh tông đồ và các tiên tri về cách tự bảo vệ mình khỏi những căn bệnh do tội lỗi gây ra, vốn là nguyên nhân dẫn đến các bệnh tật về thể xác: các bệnh về tâm hồn – thực chất là những căn bệnh nặng nề hơn so với tất cả các bệnh về thể xác; khi tâm hồn phải chịu đựng những tội lỗi nặng nề, thì thường xảy ra rằng thân thể cũng phải chịu bệnh tật nghiêm trọng, do Thiên Chúa cho phép như một hình phạt cho những tội lỗi đó. Bằng cách dạy dỗ những người bệnh như vậy, đồng thời rao giảng cho họ giáo lý thiêng liêng, Thánh Kyr đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo đến với sự nhận biết về Thiên Chúa chân thật và biến họ thành Kitô hữu, chữa lành cả tâm hồn lẫn thân xác họ bằng tài năng y học phi thường của mình.

Vào thời điểm đó, vị vua vô đạo Diocletian đang trị vì và đã phát động cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu. Thánh Cyril, vị bác sĩ lừng danh của Alexandria, đã bị cáo buộc trước quan chức thành phố rằng ngài là Kitô hữu và đang hướng dẫn nhiều người theo đức tin Kitô giáo; quan chức đó đã ra lệnh bắt giữ ngài ngay lập tức. Thánh Kyr, khi biết tin này, đã trốn khỏi thành phố và rời khỏi đất nước Ai Cập để đến Ả Rập. Ngài làm điều này không phải vì sợ hãi sự tra tấn hay cái chết vì Chúa Kitô, mà một phần là để tuân theo lời Chúa Kitô: *"Khi các con bị đuổi khỏi một thành phố, hãy chạy sang thành phố khác"* (Mt 10,23), một phần vì mong muốn tiếp tục giúp đỡ anh em, và một phần vì muốn chuẩn bị tốt hơn cho những đau khổ vì Chúa của mình trong đời sống tu sĩ. Vì lý do đó, khi đến Ả Rập, ngài ngay lập tức nhận lấy hình ảnh tu sĩ thánh thiện. Chính việc ngài đến Ả Rập là do sự an bài đặc biệt của Thiên Chúa, để ngài cũng có thể dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô tại đó, giải thoát họ khỏi việc thờ phượng các thần tượng tội lỗi và hướng dẫn họ trên con đường cứu rỗi. Ngài cũng từ bỏ nghề y ở đó, vì đã nhận được ân sủng làm phép lạ từ Thiên Chúa, và không còn chữa bệnh bằng thuốc men nữa, mà chữa lành mọi bệnh tật bằng lời cầu nguyện và lời giảng dạy. Nhờ những phép lạ này, danh Chúa Kitô được tôn vinh, và vô số người thờ ngẫu tượng đã từ bỏ những lầm lạc của mình để quay về với Chúa Kitô, Thiên Chúa Chân Thật.

Vào thời điểm đó, tại Edessa[1532] có Thánh Gioan, một Kitô hữu đạo đức, người từng giữ một chức vụ quân sự danh dự. Khi cuộc bách hại Kitô hữu dưới thời Đế vương Diocletian bắt đầu, ngài đã từ bỏ chức vụ quân sự và

[1530] Ngài đảm nhận chức vụ Giám mục tại Antioch từ năm 413 đến năm 420.

[1531] Galen – một nhà khoa học và bác sĩ Hy Lạp nổi tiếng, sinh năm 131 sau Công nguyên và qua đời vào đầu thế kỷ III, ông từng là bác sĩ riêng tại triều đình dưới thời các hoàng đế La Mã cùng thời với ông. Galen có ảnh hưởng to lớn đối với các bác sĩ trên toàn thế giới, và uy tín của ông vẫn không thể lay chuyển trong mắt họ cho đến tận thế kỷ XVI. – Hippocrates – một bác sĩ Hy Lạp nổi tiếng khác, sống trước Galen rất lâu (từ năm 460 đến năm 356 trước Công nguyên); ông để lại một số tác phẩm, và Galen cũng được đào tạo dựa trên những tác phẩm đó.

[1532] Edes – một thành phố ở Cilicia, vùng đông nam của Tiểu Á.

vinh quang trần thế, quê hương, ngôi nhà và người thân, của cải của mình – coi tất cả những điều đó là hư vô, và đến Giê-ru-sa-lem, nơi mà sau một thời gian, ngài nghe nói về Thánh Ky-rô và những phép lạ mà ngài thực hiện, danh tiếng của những phép lạ đó đã lan rộng khắp nơi. Ông nảy sinh khao khát mãnh liệt được gặp Thánh Kyra và sống cùng vị thánh nhân vĩ đại của Chúa ấy. Để thực hiện điều này, Gioan trước tiên đã lên đường đến Alexandria, tìm kiếm Thánh Kyra, nhưng không tìm thấy ngài ở đó, nên đã hỏi han khắp nơi để biết ngài đang ở đâu. Sau đó, khi biết rằng Thánh Kyra đang sống ở Ả Rập, Gioan vội vã lên đường đến đó và, khi tìm thấy ngài, đã gắn bó với ngài bằng cả tâm hồn, vừa là người tận mắt chứng kiến những phép lạ của ngài, vừa là người siêng năng noi gương cuộc sống đạo đức của ngài.

Cùng thời gian đó, một người phụ nữ sùng đạo tên là Athanasia cùng ba cô con gái của bà: Theoktista, Theodotia và Eudoxia, đã bị bắt để tra tấn vì danh Chúa Kitô, và bị đưa đến thành phố Canopus[1533] , nơi có vị thầy tế ngoại giáo Cassian cư ngụ, còn người cai trị thành phố là Sirian. Khi nghe tin này, các thánh Kir và Gioan lo ngại rằng các thiếu nữ trẻ này có thể từ bỏ Chúa Kitô, hoặc vì sợ hãi trước những lời đe dọa tra tấn, hoặc vì bị cám dỗ bởi những lời hứa ngọt ngào – nhất là khi họ còn rất trẻ: người lớn tuổi nhất là Theoktiste mới mười lăm tuổi, người thứ hai là Theodotia mười ba tuổi, còn người nhỏ nhất là Eudoxia mười một tuổi. Thánh Kir cũng nghi ngờ về sự kiên định của người mẹ của các em, bà Afanasiya, lo ngại rằng bà, vì các con gái – để không phải để các con phải chịu những cực hình nặng nề và không phải chứng kiến máu của các con bị đổ một cách tàn nhẫn – có thể sẽ khuất phục trước sự vô đạo của những kẻ ngoại đạo; vì ai cũng biết rằng, theo bản năng tự nhiên, người mẹ luôn đau lòng vì con cái mình. Vì vậy, ngài đã lên đường đến thành phố đó để củng cố lòng tin vào Đức Kitô cho các thiếu nữ và người mẹ của họ, đồng thời chuẩn bị cho họ can đảm và dũng cảm chịu đựng những cực hình. Thánh Giô-an cũng theo chân Thánh Ki-rô, cả hai cùng lên đường đến thành phố Ca-nôp. Khi đến gặp Athanasius cùng các cô gái đang bị giam giữ, họ đã dùng những bài giảng sâu sắc và đầy cảm hứng để củng cố lòng yêu mến Chúa Giêsu Kitô nơi họ, đồng thời thuyết phục họ nhiệt thành hiến dâng linh hồn mình vì Ngài. Chuyện này lập tức được báo cáo lên quan tổng trấn Sirianus. Một người ngoại đạo đến gặp ông và nói:

– Trong thành phố chúng ta đã xuất hiện một số người mới, không ai biết họ là ai: một người mặc áo tu sĩ, còn người kia mặc quân phục. Họ thuyết phục các thiếu nữ hiện đang bị giam giữ đừng thờ lạy các vị thần của chúng ta, mà hãy giữ vững đức tin vô đạo của họ, đồng thời cũng không tuân theo các mệnh lệnh của hoàng đế. Họ thuyết phục các cô gái chỉ tôn kính một người nào đó tên là Giê-su và dâng lên Ngài những vinh quang thuộc về Thiên Chúa, bất chấp cái chết.

Nghe tin này, Si-ri-an nổi giận và ra lệnh bắt ngay lập tức cả hai người đàn ông đó và đưa đến trước mặt mình. Các thánh Kir và Gioan lập tức bị bắt và được đưa đến trước quan tòa vô đạo Si-ri-an để thẩm vấn. Nhìn họ, ông ta hỏi:

– Có phải các ngươi, những kẻ thù đáng nguyền rủa của các vị thần chúng ta, đang cố gắng dụ dỗ các thiếu nữ và dùng mọi mưu mẹo để gia tăng số lượng Kitô hữu nhằm làm nhục vị vua của chúng ta không? Nếu cho đến nay các ngươi vẫn còn điên rồ, thì ít nhất bây giờ hãy từ bỏ đức tin giả dối đầy những mê tín dị đoan của các ngươi, và hãy cố gắng làm hài lòng các vị thần bằng lời cầu nguyện và lễ vật, để không chỉ thoát khỏi những cực hình đã được chuẩn bị cho các ngươi, mà còn được chúng ta ban tặng những vinh dự. Nếu các ngươi không làm điều đó, thì các ngươi sẽ phải nếm trải cơn thịnh nộ và sự phẫn nộ không khoan nhượng không chỉ của Sirian hay Diocletian, mà còn của chính các vị thần mà các ngươi đang phỉ báng – các ngươi sẽ phải đối mặt với các vị thần, dù họ có là những kẻ trừng phạt đầy lòng thương xót nhất đối với sự bất kính của các ngươi đi chăng nữa.

Trước điều đó, các thánh Kyr và Gioan đã đáp lại:

– Chúng tôi không có thói quen nói nhiều. Hãy biết chắc chắn rằng chúng tôi sẽ không bao giờ muốn những sự tôn vinh hão huyền của các ngươi, cũng không từ chối Chúa Kitô, dù có phải chịu đau khổ vì Ngài đi chăng nữa.

Lúc đó, Sirian bùng lên cơn thịnh nộ còn dữ dội hơn, nghiến răng và nói:

– Các ngươi, những kẻ vô đạo, lẽ ra phải biết ơn vị quan tòa vì lòng nhân từ của ngài. Nếu trong các ngươi còn chút lý trí nào, hãy từ bỏ sự lầm lạc của mình để thoát khỏi hình phạt khủng khiếp. Nhưng vì ta không thấy ở các ngươi điều gì khác ngoài sự kiêu ngạo, bất tuân và sự tự cao tự đại hão huyền, nên không cần phải nói nhiều; cần phải nhanh chóng hành động. Khi đó, các ngươi sẽ nhận được phần thưởng mà các ngươi hằng mong ước, và dù miễn cưỡng, các ngươi cũng phải tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế.

[1533] Canopus – một thành phố ở Hạ Ai Cập (miền Bắc).

Nói xong, ông ra lệnh dẫn các thiếu nữ cùng mẹ họ đến và bắt đầu tra tấn các thánh tử đạo Kira và Ioann trước mặt họ bằng đủ mọi cách: đánh họ bằng roi, đập nát xương bằng những cây gậy to, thiêu đốt bằng nến, rồi đổ giấm lên những bộ phận bị bỏng và rắc muối, sau đó chà xát họ bằng những vết sẹo nhọn của áo lông cừu, – còn chân thì tưới nhựa cây đang sôi. Sử dụng mọi hình thức tra tấn do cơn thịnh nộ nghĩ ra, hắn không bỏ qua bất kỳ ai trong số họ, một phần để trả thù họ vì sự dũng cảm và làm suy yếu lòng can đảm của họ, một phần để dọa nạt các thiếu nữ trẻ và mẹ của họ, những người đang chứng kiến những cực hình tàn bạo. Nhưng tên kẻ tra tấn đáng ghê tởm ấy chẳng đạt được thành công nào: hắn không làm lung lay được lòng dũng cảm của các thánh tử đạo, cũng không thể dọa nạt được các thiếu nữ và mẹ của họ. Lúc đó, hắn ra lệnh tháo trói các thánh và bắt đầu tra tấn thánh Athanasia cùng các con gái của bà. Sau những cực hình kéo dài, hắn cảm thấy vô cùng xấu hổ, bởi vì phái nữ yếu đuối trong việc chịu đựng đau khổ một cách dũng cảm chẳng khác gì các vị thánh nam kiên cường và bất khuất – Kira và Gioan. Họ có cùng một đức tin và tình yêu dành cho Đấng Christ, đã chịu đựng những cực hình tương tự vì Ngài, và với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, họ đã thể hiện cùng một lòng dũng cảm. Họ chịu đau khổ như thể trong một thân xác khác, hoàn toàn không để ý đến những cực hình. Họ hướng ánh mắt về phía Chàng Rể yêu dấu của mình, Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng đang nhìn xuống từ đỉnh cao vinh quang của Ngài những đau khổ của các cô dâu Ngài và ban cho họ sự trợ giúp của Ngài. Kẻ tra tấn, sau khi ra lệnh tháo các thánh nữ tử đạo khỏi các dụng cụ tra tấn, đã kết án họ bị chém đầu bằng gươm. Họ bước vào cái chết với niềm vui, như thể đang đi dự lễ cưới. Tất cả họ: người mẹ phúc lành Athanasia và ba người con gái được chúc phúc của bà: Theoktiste, Theodotia và Eudoxia – đều bị chém đứt những cái đầu trong sạch của mình bằng gươm.

Sau khi các thánh nữ tử đạo bị hành quyết, các thánh Kir và Gioan lại bị tra hỏi. Kẻ tra tấn đã nói với họ một bài diễn văn dài dòng, như thể tỏ ra quan tâm đến sức khỏe của họ, đưa ra những món quà, hứa hẹn những hình phạt mới và cuối cùng là đe dọa bằng án tử hình. Khi thấy rằng công sức của mình đã uổng phí, hắn đã đưa ra phán quyết cuối cùng như sau:

"Kir, môn đệ của Thầy người Galilê, và Gioan, người cùng đức tin với ngài, những kẻ đã khinh thường mệnh lệnh của hoàng đế và từ chối dâng lễ vật cho các vị thần vĩ đại, chúng ta ra lệnh chém đầu các ngươi theo luật pháp hoàng gia."

Các binh lính bắt các vị tử đạo và chém đầu họ ngay tại chính nơi mà các trinh nữ thánh cùng mẹ của họ đã hiến dâng linh hồn mình vì Chúa, vào ngày 31 tháng Giêng năm[1534] . Các tín hữu Kitô giáo bí mật đã thu nhận thi hài thánh của họ và an táng với sự tôn kính tại nhà thờ Thánh Tông đồ và Nhà truyền giáo Mác-cô, trong những quan tài riêng biệt: một quan tài dành cho các thánh tử đạo Kyra và Gioan, còn quan tài kia dành cho thánh Athanasia cùng các con gái. Nhiều năm sau, dưới triều đại của vị vua đạo đức Theodosius II[1535] , Thánh Cyril, Tổng Giám mục Alexandria, theo lệnh của Đức Chúa Trời qua một Thiên thần, đã chuyển di hài cốt của các thánh tử đạo Kyra và Gioan đến một làng có tên là Manufin[1536] , để xua đuổi vô số quỷ dữ khỏi nơi đó, vì vinh quang của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời, amen.

Bài ca Troparion, giọng 5:

Lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa, Đấng đã ban cho chúng con bức tường bất khả xâm phạm là các thánh tử đạo của Ngài: xin nhờ lời cầu nguyện của các ngài, Ngài phá tan các mưu đồ của các dân tộc, củng cố các vương trượng của các vương quốc, vì Ngài là Đấng Duy Nhất Tốt Lành và Yêu Thương Loài Người.

[1534] Sự tử đạo của Thánh Cyrus và Thánh John diễn ra vào năm 311.

[1535] Hoàng đế Theodosius II, hay còn gọi là Theodosius Trẻ, trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[1536] Manufin, hay Manuf, nằm gần Canopus. – Sau đó, di cốt của các thánh Kira và Ioann đã được chuyển đến Rome, và từ đó đến Munich.

Kondak, giọng 3:

Nhận lãnh ân sủng thần thánh là ân huệ của các phép lạ, các thánh nhân hằng làm phép lạ không ngừng, bằng bàn tay vô hình cắt đứt mọi đam mê của chúng con, cùng với Thánh Kire, người khôn ngoan trước mặt Chúa, và Thánh Gioan vinh quang: vì các ngài là những vị bác sĩ thần thánh.

Cuộc đời của Thánh Nikita, Giám mục Novgorod.

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 1

Những chiến binh dũng cảm, những người có thói quen chiến đấu với kẻ thù không phải trong đội hình chung, mà là từng người một lao thẳng vào kẻ thù, xứng đáng được tôn kính hơn ai hết. Dù Chúa có để cho họ nhiều lần tạm thời gục ngã, để họ không kiêu ngạo, nhưng Ngài không bao giờ bỏ rơi họ đến cùng mà không ban ơn trợ giúp, mà luôn phục hồi họ và khiến họ trở nên bất khả chiến bại. Một trong những chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô ấy, chính là Thánh Nikita, đã trở nên nổi tiếng đặc biệt sau Thánh Isaak, vị ẩn sĩ. Về ngài, Thánh Polikarp đáng kính đã thuật lại như sau, dựa trên lời kể của Thánh Simon.

Khi Thánh Nikon còn là vị tu viện trưởng, một tu sĩ thuộc Tu viện Pechersk tên là Nikita đã đến xin vị tu viện trưởng ban phước lành để ngài được tu hành một mình và ẩn dật trong nơi tĩnh lặng.

– Con ơi! Ở tuổi trẻ như con, việc ngồi không sẽ chẳng mang lại lợi ích gì cho con. Sẽ tốt hơn nhiều nếu con ở lại với các anh em và cùng nhau làm việc, để không đánh mất phần thưởng của mình. Chính con cũng đã thấy anh em chúng ta Isaak, người sống trong hang động, đã bị ma quỷ cám dỗ trong nơi ẩn tu và suýt nữa thì chết, nếu không được ân sủng vĩ đại của Đức Chúa Trời cứu rỗi nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh cha Antony và Theodosius của chúng ta.

Nikita đáp lại:

– Thưa cha, con sẽ không bao giờ sa ngã trước bất kỳ cám dỗ nào. Con quyết tâm kiên cường chống lại những cám dỗ của ma quỷ và sẽ cầu xin Đức Chúa Trời, Đấng Yêu Thương Loài Người, ban cho con ân sủng làm phép lạ, như Ngài đã từng ban cho Isaac, vị ẩn sĩ, người cho đến nay vẫn thực hiện nhiều phép lạ.

Lúc đó, vị tu viện trưởng nói với anh ta một cách khẩn thiết hơn:

– Mong muốn của con vượt quá khả năng của con. Hãy cẩn thận, con trai của ta, đừng để con sa ngã vì sự kiêu ngạo của mình. Ta ra lệnh cho con phải phục vụ anh em tốt hơn, và nhờ sự vâng lời đó, con sẽ được Đức Chúa Trời ban thưởng.

Tuy nhiên, Nikita không muốn tuân theo lời khuyên của vị tu viện trưởng: anh ta không thể chiến thắng được lòng khao khát mãnh liệt đối với cuộc sống ẩn tu trong lòng mình. Vì vậy, điều anh ta khao khát, anh ta đã thực hiện: anh ta tự giam mình trong hang động, chặn kín lối vào và ở lại cầu nguyện một mình, không ra ngoài đâu cả. Tuy nhiên, chỉ sau vài ngày, anh ta không thể tránh khỏi những mưu mô của ma quỷ: trong lúc hát kinh cầu nguyện, anh ta nghe thấy một giọng nói đang cầu nguyện cùng mình và cảm nhận được một mùi hương ngọt ngào không thể tả xiết. Bị cám dỗ bởi điều này, ngài tự nhủ với lòng mình: "Nếu đó không phải là Thiên Thần, thì người ấy sẽ không cầu nguyện cùng tôi, và cũng sẽ không có hương thơm của Thánh Thần ở đây."

Ông bắt đầu cầu nguyện siêng năng hơn nữa, nói rằng:

– Lạy Chúa! Xin Ngài hiện ra trước mặt con một cách rõ ràng, để con được nhìn thấy Ngài.

Tiếp theo là một giọng nói:

– Ta sẽ không hiện ra với con, vì con còn trẻ; nếu không, con sẽ kiêu ngạo và có thể sa ngã.

Người ẩn tu tiếp tục khẩn cầu trong nước mắt:

– Lạy Chúa, con sẽ không bao giờ sa ngã. Vị tu viện trưởng đã dạy con đừng để ý đến những cám dỗ của ma quỷ, – nhưng con sẽ làm theo mọi điều Ngài truyền dạy.

Lúc đó, con rắn hủy diệt linh hồn, sau khi chiếm được quyền lực trên anh ta, đã nói:

– Con người mang thân xác không thể nhìn thấy ta. Vì vậy, ta sẽ sai Thiên Thần của ta đến ở cùng con, và con hãy làm theo ý muốn của ngài.

Ngay lập tức, một con quỷ hiện ra trước mặt anh ta dưới hình dạng một Thiên thần. Nikita quỳ xuống đất và cúi đầu trước nó như trước một Thiên thần. Con quỷ nói với anh ta:

– Từ nay trở đi, ngươi đừng cầu nguyện nữa, mà hãy đọc sách. Bằng cách đó, ngươi sẽ trò chuyện với Thiên Chúa và sẽ ban những lời dạy hữu ích cho những ai đến với ngươi, còn ta sẽ luôn cầu xin Đấng Tạo Hóa của muôn loài cho sự cứu rỗi của ngươi.

Người ẩn tu tin vào những lời đó và, bị lừa dối, không còn cầu nguyện nữa, mà bắt đầu say mê đọc sách. Trong khi đó, ông thấy con quỷ luôn cầu nguyện cho mình và cảm thấy vui mừng, nghĩ rằng đó là Thiên thần đang cầu nguyện thay cho ông. Với những người đến gặp ông, ông đã trò chuyện rất nhiều dựa trên Kinh Thánh về lợi ích cho linh hồn; ông thậm chí còn bắt đầu tiên tri. Danh tiếng của ông lan rộng khắp nơi, và mọi người đều ngạc nhiên trước sự ứng nghiệm của những lời tiên tri của ông. Một lần, ông sai người đến gặp Công tước Izyaslav[1537] với thông báo: "Hôm nay, Công tước Gleb Svyatoslavich[1538] đã bị sát hại; hãy lập tức cử con trai ngài là Svyatopolk[1539] lên ngai vàng tại Novgorod". Điều ông nói đã trở thành sự thật. Quả thực, vài ngày sau, tin tức về vụ sát hại Công tước Gleb đã được truyền đến. Kể từ lúc đó, người ta càng nói nhiều hơn về vị ẩn sĩ, rằng ông là một nhà tiên tri, và cả các hoàng tử lẫn các quý tộc đều hoàn toàn tin tưởng ông. Thực ra, con quỷ tất nhiên không biết trước tương lai, nhưng những gì chính nó đã làm – ví dụ như nếu nó xúi giục những kẻ ác giết người hay trộm cắp – thì nó cũng sẽ báo trước. Cũng giống như vậy, khi những người tìm đến vị ẩn sĩ để xin lời an ủi, con quỷ – vốn được họ tôn sùng như một vị Thiên thần – đã kể lại cho ông ta nghe tất cả những gì đã xảy ra với họ. Nikita đã tiên tri, và mọi điều ông ta tiên đoán đều trở thành sự thật.

Đồng thời, không ai có thể sánh ngang với Nikita về kiến thức về các sách Cựu Ước; ông thuộc lòng tất cả: Sách Sáng Thế, Xuất Hành, Lê-vi, Dân Số, Các Quan Xét, Các Vua, cùng tất cả các lời tiên tri theo thứ tự. Nói chung, anh ta biết rất rõ tất cả các sách của Cựu Ước, nhưng đối với các sách Phúc Âm và các thư của các Tông Đồ – những sách được ban cho chúng ta nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời để cứu rỗi và củng cố chúng ta trong điều thiện – anh ta không bao giờ muốn nhìn thấy, nghe nói, huống chi là đọc; anh ta cũng không muốn trò chuyện với ai về Tân Ước. Từ đó, mọi người đều nhận ra rằng ông đã bị ma quỷ cám dỗ. Buồn bã vì điều này, các vị tu sĩ đáng kính đã đến gặp người bị cám dỗ: Tu viện trưởng Nikon, Gioan – người sau này kế nhiệm ông làm tu viện trưởng, Pimen người ăn chay, Isaia – người sau này trở thành Giám mục Rostov, Matthêu người có khả năng tiên tri, Isaac, người ẩn tu; Agapitus, vị bác sĩ; Gregory, vị thánh làm phép lạ; Nicholas, người sau này trở thành Giám mục Tmutarakan; Nestor, nhà biên niên sử; Gregory, người soạn thảo các điều luật; Theoktist, người sau này trở thành Giám mục Chernigov; Onisifor, người có khả năng tiên tri[1540] . Tất cả họ, những người được ca ngợi vì đức hạnh, khi đến nơi đã dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa cho Nikita và xua đuổi con quỷ khỏi anh ta, đến nỗi Nikita không còn nhìn thấy nó nữa. Sau đó, khi đưa anh ta ra khỏi hang động, họ yêu cầu anh ta kể lại cho họ nghe bất cứ điều gì từ Cựu Ước. Nhưng anh ta lại thề rằng mình chưa bao giờ đọc những cuốn sách đó, dù mới đây anh ta còn thuộc lòng chúng; hơn nữa, giờ đây anh ta không còn nhớ nổi một từ nào trong đó. Giờ đây, người ta hầu như không thể dạy anh biết chữ được nữa. Dần dần, nhờ những lời cầu nguyện của các vị cha thánh, anh đã tỉnh táo lại, xưng tội và ăn năn sâu sắc về tội lỗi của mình. Sau đó, anh tự đặt ra cho mình những giới luật và việc tu hành đặc biệt, bắt đầu sống một cuộc đời nghiêm khắc và khiêm nhường, và vượt trội hơn những người khác về đức hạnh. Đức Chúa Trời nhân từ, khi thấy những việc làm cao cả của Thánh Nikita, không từ chối những đức hạnh trước đây của ông – những điều ông đã rèn luyện từ thuở thiếu thời – đã chấp nhận sự sám hối chân thành của ông, và cũng giống như xưa kia khi chấp nhận sự sám hối của Thánh Phêrô, người đã ba lần chối bỏ Ngài, Ngài đã phán với ông: "Hãy chăn dắt chiên của Ta"[1541] , và Ngài cũng ban cho vị thánh phúc Nikita này một dấu hiệu tương tự về việc chấp nhận sự sám hối. Vì tình yêu vô bờ bến của ngài, được thể hiện qua việc tuân giữ các điều răn, Chúa đã lập ngài làm mục tử cho đoàn chiên Lời của Ngài, đưa ngài lên ngai giám mục Novgorod[1542] . Tại đó, để chứng thực

---

[1537] Izyaslav Yaroslavich – Đại công tước Kiev từ năm 1054–1068.

[1538] Gleb Sviatoslavich – Công tước Novgorod, con trai cả của Đại công tước Kiev Sviatoslav, đã bị người Phần Lan sát hại vào năm 1078.

[1539] Sviatopolk II (Mikhail) Izyaslavich, con trai của Đại công tước Kiev Izyaslav, từ năm 1078 là Công tước Novgorod, từ năm 1093–1114 là Công tước Kiev.

[1540] Ngày tưởng niệm Thánh Nikon Pechersky: 23 tháng 3; Thánh Ioann, còn gọi là Vetkhopeschernik: 19 tháng 4; ngày tưởng niệm Thánh Pimen Postnik: 27 tháng 8; Thánh Isaia, Giám mục Rostov: 15 tháng 5; ngày tưởng niệm Thánh Matthêu, người có khả năng tiên tri – ngày 5 tháng 10; Thánh Agapit – ngày 1 tháng 6; Thánh Grigori – ngày 8 tháng 8; ngày tưởng niệm Thánh Feoktist, Giám mục Chernigov – ngày 6 tháng 8; ngày tưởng niệm Thánh Onisifor, người có khả năng tiên tri – ngày 9 tháng 11.

[1541] Giăng 21:16–17.

[1542] Thánh Nikita được tấn phong làm Giám mục Novgorod vào năm 1096.

cho những người được ngài chăn dắt và khiến họ hoàn toàn tin tưởng vào sự tha thứ của Chúa đối với cám dỗ mà vị thánh đã trải qua, Chúa đã tôn vinh cuộc đời đạo đức của ngài bằng ân sủng làm phép lạ. Chẳng hạn, có lần trong thời kỳ hạn hán, vị thánh đã cầu nguyện với Chúa và mưa đã rơi xuống từ trời; lần khác, ngài đã dập tắt đám cháy trong thành phố bằng những lời cầu nguyện của mình; và ngài còn thực hiện nhiều phép lạ khác nữa. Sau khi cai quản tốt đoàn chiên tinh thần của mình, ngài đã về với Chúa để hưởng sự sống vĩnh cửu vào ngày 30 tháng 1 năm 1108. Ngài đã làm giám mục trong mười ba năm. Ngài được an táng với đầy đủ nghi lễ tại nhà nguyện phụ của nhà thờ lớn thánh Gioakim và Anna, cha mẹ Đức Mẹ. Thi hài của Thánh Nikita được an táng trong quan tài suốt bốn trăm năm mươi năm, và sau đó vào năm 1558, dưới triều đại của Sa hoàng đạo đức Ioann Vasilievich, người thống trị toàn cõi Nga, dưới thời Tổng Giám mục Makarii và Tổng Giám mục Novgorod Feodosii, xác thánh của Thánh Nikita đã được tìm thấy còn nguyên vẹn và hoàn toàn không bị hư hại[1543] . Cho đến ngày nay, chúng vẫn ban phát nhiều phép lạ chữa lành cho những ai đến với lòng tin. Vinh quang thuộc về Thiên Chúa của chúng ta, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Hỡi vị Thánh Khôn Ngoan, Ngài đã tận hưởng sự tiết độ và kiềm chế những ham muốn xác thịt, Ngài đã ngự trên ngai thánh chức, và như một ngôi sao rực rỡ, soi sáng lòng những người trung thành bằng ánh sáng của những phép lạ của Ngài, hỡi Thánh Nikita, Cha của chúng con, xin Ngài cầu thay cho chúng con trước Chúa Kitô, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 6:

Được tôn vinh với chức vụ Giám mục và đứng trước Đấng Tinh Khiết Nhất, ngài đã siêng năng dâng lời cầu nguyện cho dân ngài, như ngài đã làm mưa xuống bằng lời cầu nguyện, và cũng đã dập tắt những cơn mưa đá thiêu đốt. Và giờ đây, thánh Nikita, xin ngài cầu xin Đức Kitô, Thiên Chúa, cứu rỗi những người của ngài đang cầu nguyện, để tất cả chúng con cùng kêu lên với ngài: Hỡi vị thánh cha vĩ đại, xin vui mừng.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Victorinus, Victor, Nikiforos, Claudius, Diodorus, Serapion và Papias.

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 1

Tất cả các thánh tử đạo này đã chịu khổ vì đức tin vào Chúa Kitô dưới triều đại của Đế vương Decius. Victorinus, Victor và Nikiforos bị nhốt vào cối đá và bị nghiền nát bằng chày đá; Claudius qua đời sau khi bị chặt tay và chân; Diodorus bị thiêu sống; Serapion bị chém đầu; Papias bị ném xuống biển[1544] .

Lễ kính Thánh nữ tử đạo Triphena.

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 1

Thánh nữ tử đạo Triphena xuất thân từ thành phố Kizika[1545] ; bà là con gái của hai tín hữu Kitô giáo: Anastasia, người thuộc dòng Synklitika[1546] và mẹ là Socratia. Thánh nữ đã tự nguyện dâng mình chịu khổ hình. Bà đã công khai vạch trần sự lầm lạc của việc thờ thần tượng và những kẻ cuồng tín tôn sùng thần tượng như các vị thần, đồng thời thuyết phục họ từ bỏ sự thờ phượng hão huyền và quay về với Thiên Chúa chân thật. Vì điều này,

---

[1543] Từ rất lâu trước khi di cốt của Thánh Nikita, Giám mục Novgorod, được khai quật, ngài đã được tôn kính như một vị thánh; ngay từ nửa đầu thế kỷ XIII, ngày kỷ niệm ngài đã được tổ chức. Hiện nay, di cốt bất hoại của ngài được an táng công khai tại Nhà thờ Thánh Sofia ở Novgorod.

[1544] Các thánh tử đạo Victorin, Victor, Nikifor, Claudius, Diodorus, Serapion và Papias đã chịu tử đạo tại Corint vào năm 251.

[1545] Kizik – một thành phố thuộc Phrygia, nằm trên bờ tây của Tiểu Á, trên một trong những bán đảo của Biển Đá Cẩm Thạch.

[1546] Synklitik – quan cao cấp nhất trong triều đình, chức vụ trong Hội đồng Nhà nước.

quan tổng trấn thành Cesarea đã ra lệnh ném bà vào lò lửa đang cháy rực, nhưng vị thánh tử đạo đã bước ra khỏi đó mà không hề hấn gì; sau đó, bà bị treo lên một cây cao và bị ném xuống từ trên cao xuống những chiếc đinh nhọn, rồi bị ném cho thú dữ xé xác, nhưng chúng không hề động đến bà; cuối cùng, bà bị một con bò đực điên cuồng xé xác bằng sừng. Có truyền thuyết kể rằng, tại nơi máu của bà chảy xuống, một suối nước đã tuôn trào, từ đó nhiều người đã nhận được sự giúp đỡ và được chữa lành.

Ngày 14 tháng 2

Ngày 1 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ vị thánh cha của chúng ta là Phêrô Galatia, người đã qua đời vào khoảng năm 429. Ngài cũng được tưởng nhớ vào ngày 22 tháng 2 và 25 tháng 11 với danh hiệu Phêrô Cột và Phêrô Im Lặng.

Ngày chịu khổ nạn của Thánh Tử đạo Trifon

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 2

Thánh Trifon sinh ra tại xứ Phrygia, trong làng Kampsad, gần thành phố Apamea[1547] . Ngay từ thuở ấu thơ, ân sủng của Thiên Chúa đã ngự trên ngài và Chúa đã ban cho ngài quyền năng làm phép lạ[1548] , để không chỉ từ miệng đứa trẻ này, mà còn qua những việc làm kỳ diệu của ngài, Ngài được tôn vinh. Trong cuốn "Các Thánh Lịch Lớn" ([1549]) có kể rất nhiều về những lần chữa lành mọi bệnh tật do thánh thiếu niên Trifon thực hiện, cũng như việc ngài trừ tà khỏi những người tìm đến ngài. Trước tiên, chúng ta sẽ kể về một trong vô số phép lạ của ngài, minh chứng cho ân sủng vĩ đại của Thiên Chúa ngự trên ngài, và sau đó sẽ kể về sự chịu khổ của ngài vì đức tin vào Đức Kitô.

Năm 238, Hoàng đế Gordian[1550] lên ngôi tại Rome; mặc dù là người thờ thần tượng, nhưng ông không đàn áp các Kitô hữu. Vị hoàng đế này có một cô con gái đã trưởng thành tên là Gordiana – một thiếu nữ nổi bật về trí tuệ và nhan sắc, đến nỗi nhiều vị hoàng tử vĩ đại và lừng lẫy đều mong muốn gả cô cho con trai mình. Nhưng cô gái này, cùng với cả gia đình cô, đã phải chịu một tai họa lớn: theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, ma quỷ đã nhập vào cô, hành hạ cô một cách tàn nhẫn, ném cô vào lửa và nước; các bác sĩ nổi tiếng về sự khôn ngoan được đưa đến bên cô gái đang ốm nặng cũng không thể giúp được cô. Nhưng rồi, chính linh hồn ô uế đang ngự trong cô gái, theo lệnh của Đức Chúa Trời, đã lên tiếng:

– Không ai có thể đuổi ta ra khỏi đây, ngoại trừ cậu bé Trifon.

Nhà vua lập tức ra lệnh tìm kiếm Trifon khắp nơi. Rất nhiều người mang cùng tên đó đã được đưa đến trước mặt nhà vua, nhưng không ai trong số họ có thể trừ tà khỏi công chúa. Cuối cùng, người ta đưa thiếu niên thánh Trifon đến trước mặt vua; cậu được tìm thấy ở Phrygia, tại làng Kampsade, nơi cậu đang chăn ngỗng bên một hồ nước; lúc đó cậu mới mười bảy tuổi. Khi vị thánh tiến gần đến Rome, ma quỷ, sau khi biết tin về sự xuất hiện của cậu và bắt đầu hành hạ cô gái dữ dội hơn, đã hét lớn:

– Ta không thể sống ở đây nữa, vì Trifon đang đến gần và sẽ đến đây vào ngày thứ ba, ta không thể chịu đựng được nữa.

[1547] *Phrygia* – một trong những vùng lớn của Tiểu Á. *Apamea* – thành phố quan trọng nhất của Phrygia, với hoạt động thương mại sôi động.

[1548] Theo các sách cầu nguyện Hy Lạp, một lần nọ, nhờ lời cầu nguyện của Thánh Trifon, cư dân Kampsada đã được cứu khỏi nạn đói, khi những loài bò sát và côn trùng gây hại xuất hiện và ăn hết các loại ngũ cốc, lá cây và mọi loại rau xanh. Thánh Trifon, thương xót trước thảm họa này, đã giang tay lên Chúa và cầu nguyện, xin Ngài sai Thiên Thần của Ngài đến tiêu diệt các loài côn trùng gây hại; đồng thời, vị thánh tử đạo này còn tự mình buộc chúng phải thề rằng chúng sẽ rút lui về những nơi khó tiếp cận, vốn được chỉ định làm nơi cư ngụ của chúng.

[1549] *Tập "Minei-Chetii vĩ đại"* được soạn thảo bởi Tổng Giám mục Makarii của Moscow vào thế kỷ XVI. Ngoài các tiểu sử các thánh, tập sách này còn bao gồm toàn bộ Kinh Thánh, nhiều bài giảng và các bài viết khác nhau về nội dung tâm linh. Dựa trên tập "Minei-Chetii" của Makarii, tập "Minei-Chetii" của Thánh Dimitri Rostovsky đã được biên soạn.

[1550] *Gordian* trị vì từ năm 238 đến năm 244.

Sau khi hét lên như vậy, tà linh đã rời khỏi cô gái.

Vào ngày thứ ba, Thánh Trifon đến thành phố và ngay lập tức được dẫn vào cung điện hoàng gia, nơi ngài được nhà vua tiếp đón rất nồng hậu, bởi vì nhà vua nhận ra ngài chính là Trifon mà quỷ dữ đã nhắc đến khi rời khỏi cô gái. Nhưng để chắc chắn hơn rằng chính Thánh Trifon đã chữa lành cho con gái mình, nhà vua đã nài nỉ ngài cho thấy quỷ dữ bằng mắt thường, để có thể nhìn thấy nó bằng mắt thịt. Thánh nhân đã đồng ý với lời thỉnh cầu của nhà vua và trong sáu ngày liền, ngài kiêng ăn và cầu nguyện; sau đó, ngài nhận được từ trên cao một quyền năng lớn lao và mạnh mẽ hơn nữa đối với các linh hồn ô uế. Vào ngày thứ bảy, khi mặt trời mọc, nhà vua cùng toàn thể triều thần đến gặp vị thánh, mong được nhìn thấy ma quỷ. Lúc đó, Trifon, được tràn đầy Thánh Thần và dùng đôi mắt thiêng liêng nhìn thẳng vào linh hồn ác độc vô hình, đã nói với nó rằng:

– Ta bảo ngươi đây, hỡi linh hồn ô uế, nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô của ta, hãy hiện ra trước mặt những người đang có mặt ở đây, và cho họ thấy hình dạng ghê tởm và vô liêm sỉ của ngươi, đồng thời bộc lộ sự yếu đuối của ngươi.

Và ngay lập tức, ma quỷ hiện ra trước mặt mọi người dưới hình dạng một con chó đen, có đôi mắt rực lửa, và đầu thì lê lết trên mặt đất.

Vị thánh quay sang hỏi nó:

– Ai đã sai ngươi, hỡi quỷ dữ, đến đây để nhập vào cô thiếu nữ này, và sao ngươi lại dám nhập vào một người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, trong khi chính ngươi lại xấu xí, yếu đuối và đầy dẫy mọi sự ghê tởm như vậy?

Quỷ Satan đáp lại:

– Ta được cha ta – Satan, thủ lĩnh của mọi điều ác, đang ngự tại địa ngục – sai đến, và ta đã nhận lệnh từ ngài để hành hạ thiếu nữ này.

Lúc đó, vị thánh lại hỏi hắn:

– Ai đã ban cho ngươi quyền xâm phạm đến tạo vật của Đức Chúa Trời?

Con quỷ, dù không muốn nhưng bị sức mạnh vô hình của Đức Chúa Trời ép buộc, đành phải nói ra sự thật.

– Chúng tôi không có quyền lực đối với những ai – hắn nói – biết Chúa và tin vào Con Một của Ngài – Đức Kitô, Đấng mà Phêrô và Phaolô đã hy sinh mạng sống tại đây – chúng tôi run sợ và chạy trốn khỏi những người ấy, và chỉ khi được phép, chúng tôi mới gây ra cho họ những cám dỗ nhẹ nhàng. Còn những ai không tin vào Đức Chúa Trời và Con Một của Ngài, và vì vâng theo dục vọng của mình mà làm những việc vừa lòng chúng tôi, thì đối với những người đó, chúng tôi có toàn quyền để hành hạ họ. Những việc làm làm vừa lòng chúng tôi là: thờ ngẫu tượng, phỉ báng, ngoại tình, phù phép, ghen tị, giết người, kiêu ngạo; bởi những việc làm này và những việc tương tự, con người như bị vướng vào lưới, xa cách Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của mình, và tự ý trở thành bạn của chúng tôi, rồi cùng với chúng tôi chịu những cực hình vĩnh cửu.

Nghe những lời này, nhà vua và những người xung quanh đều kinh hoàng và run rẩy; nhiều người đã từ bỏ sự gian ác và tin nhận Chúa Kitô; còn những người đã tin thì càng được củng cố thêm trong đức tin và ngợi khen Thiên Chúa.

Vua đã ban tặng cho vị thánh những món quà hào phóng, rồi cho ngài về nhà trong bình an; nhưng vị thánh đã phân phát tất cả những gì nhận được từ vua cho những người nghèo dọc đường; còn bản thân ngài, sau khi trở về quê hương, lại tiếp tục những công việc thường ngày của mình, chữa lành cho những người bệnh tật và làm đẹp lòng Thiên Chúa bằng đời sống thánh thiện và vô tì vết.

Sau Gordian, ngai vàng La Mã được Philip[1551] lên nắm quyền, người này trị vì không lâu vì bị chính binh lính của mình sát hại; còn sau ông, Decius[1552] , một vị vua tàn bạo, lên ngôi và phát động cuộc đàn áp khốc liệt đối với các Kitô hữu; trong thời kỳ đàn áp này, vô số Kitô hữu đã bị giết hại, trong đó nhiều người nhút nhát, vì sợ những cực hình khủng khiếp, đã quay lưng lại với Chúa Kitô và sa vào việc thờ lạy thần tượng. Vị hoàng đế này đã ra lệnh cho các tổng trấn và quan cai trị khắp nơi truy lùng các Kitô hữu và giết họ không thương tiếc. Tại phương Đông vào thời điểm đó, tổng giám mục là một người tên Akilin; ông được báo cáo rằng Trifon đang tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô và, khi đi qua các vùng đất khác nhau, chữa lành cho những người đau ốm như một bác sĩ rất giỏi, đồng thời dạy mọi người tin vào Chúa Kitô và nhờ đó thu hút được nhiều người; còn Trifon thì

[1551] *Philip* (người Ả Rập) trị vì từ năm 244 đến năm 249.

[1552] *Decius* trị vì từ năm 249 đến năm 251.

không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, mà còn chế nhạo tất cả các vị thần. Ngay lập tức, quân lính được phái đi truy lùng Trifon, và họ đã nhanh chóng tìm thấy ngài: bởi vì ngọn đèn đang bừng cháy bởi lòng nhiệt thành hướng về Thiên Chúa và tỏa sáng bởi đức tin cùng những việc lành không thể nào ẩn náu được. Nhưng chính vị thánh, khi biết mình đang bị truy lùng, đã không chạy trốn vào sa mạc hay ẩn náu trong núi non và các khe núi, mà trang bị bằng lời cầu nguyện và dấu thánh giá, ngài dũng cảm bước ra gặp những người đang tìm kiếm mình, tự nguyện giao mình vào tay họ, và với niềm vui sướng, ngài đến gặp tổng trấn Aquilinus, người lúc bấy giờ đang ở tại Nicêa[1553] . Khi Aquilinus, được vây quanh bởi các lính cận vệ, các quan chức, các đầy tớ và đông đảo dân chúng, ngự trên ngai xét xử, Pompinianus, một quan chức cấp cao thuộc dòng Skriniari[1554] , đã nói với ngài:

– Đây là một thiếu niên đến từ thành phố Apamea, được cử đến trước Bệ hạ, để ra trước tòa án sáng suốt của quyền lực ngài.

Akilin nói:

– Hãy để người đang đứng trước mặt chúng ta nói cho chúng ta biết tên, quê quán và số phận của mình[1555] .

Vị thánh đáp:

– Tên tôi là Trifon, quê hương tôi là làng Kampsada, gần thành phố Apamea; còn về số phận, chúng tôi không tin vào điều đó, vì chúng tôi tin rằng mọi sự đều diễn ra theo sự an bài của Thiên Chúa và sự khôn ngoan không thể diễn tả của Ngài, chứ không phải do số phận, và cũng không phụ thuộc vào vận hành của các vì sao hay sự ngẫu nhiên, như các ngài vẫn tin. Trong cuộc sống, tôi hành động theo ý chí tự do của mình, chỉ phục vụ duy nhất Chúa Kitô. Chúa Kitô là đức tin của tôi, Chúa Kitô là lời ca ngợi của tôi và là vương miện vinh quang của tôi.

Giám mục bèn nói với vị thánh rằng:

– Có lẽ cho đến ngày hôm nay, ngươi vẫn chưa hề nghe nói về sắc lệnh của hoàng đế, theo đó bất cứ ai tự xưng là Kitô hữu mà không thờ lạy các vị thần đều phải chịu cái chết tàn khốc; vậy nên, hãy tỉnh ngộ và từ bỏ đức tin nịnh hót của ngươi, để khỏi bị ném vào lửa.

Nhưng Trifon kêu lên:

– Ôi, giá như tôi được ân sủng qua lửa và mọi cực hình để được chết vì danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa và Thiên Chúa của tôi!

Thống đốc tiếp tục:

– Trifon, ta khuyên ngươi hãy dâng lễ vật cho các vị thần, vì ta thấy rằng, dù thân thể ngươi còn trẻ, nhưng ngươi có trí tuệ hoàn hảo, và ta không muốn ngươi phải chết một cái chết thảm khốc!

– Tôi sẽ có trí tuệ hoàn hảo – vị thánh đáp lại – khi tôi dâng lên Thiên Chúa của tôi lời tuyên xưng hoàn hảo, và nếu tôi giữ vững, như một kho tàng quý giá, đức tin thánh thiện nơi Ngài, và trở thành của lễ dâng lên Đấng đã tự hiến mình làm của lễ vì tôi.

Lúc đó, tổng giám mục, đe dọa vị thánh, đã gầm lên đầy giận dữ:

– Ta sẽ ném thân xác ngươi vào lửa, còn linh hồn ngươi thì ta sẽ tra tấn bằng những hình phạt tàn bạo nhất.

– Ngươi đe dọa ta bằng ngọn lửa tàn lụi, – Trifon đáp lại, – sau đó chỉ còn lại tro tàn; còn ta, ta đe dọa các ngươi, những kẻ vô tín, bằng ngọn lửa vĩnh cửu, không bao giờ tắt; hãy từ bỏ đức tin hão huyền của ngươi và nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, để sau này ngươi không phải hối hận khi rơi vào ngọn lửa vĩnh cửu.

Nhưng Akilin, bùng lên cơn giận dữ tột độ, ra lệnh đánh đập vị thánh, treo ngài lên cây. Nghe lệnh đó, Trifon tự tay cởi bỏ y phục và vui vẻ giao thân thể mình cho những kẻ hành hình để họ tra tấn. Những kẻ hành hình đã treo ngài lên cây với hai tay bị trói ra sau lưng, rồi tra tấn ngài một cách tàn nhẫn trong suốt ba giờ đồng hồ. Nhưng vị thánh đã dũng cảm chịu đựng sự tra tấn, không thốt ra một tiếng kêu la hay rên rỉ nào trong suốt thời gian bị đánh đập. Khi việc tra tấn kết thúc, Akilin lại quay sang khuyên nhủ ngài:

– Hãy suy nghĩ lại đi, Trifon, hãy từ bỏ sự điên rồ của ngươi, hứa sẽ thờ lạy các vị thần, vì không ai từ chối tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế mà có thể thoát khỏi cái chết khủng khiếp được.

Vị thánh đáp lại một cách dũng cảm:

[1553] *Nicaea* – một thành phố giàu có và thịnh vượng trong thời cổ đại – thuộc Bithynia (ở Tiểu Á), ngày nay rất nghèo và thưa dân. Tại thành phố này đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ I và lần thứ VII.

[1554] *Skriniarius* – quan quản lý kho bạc tại triều đình, có quyền lực lớn dưới quyền eparch (thống đốc tỉnh), chính vì vậy mà ông được hoàng đế đặc biệt tin tưởng và được giao phó nhiều chức vụ quan trọng.

[1555] *Fortuna* – nữ thần số phận và hạnh phúc của người La Mã.

– Và tôi cũng nói với ngài rằng, không ai từ chối Đức Vua trên trời là Chúa Kitô thì có thể được hưởng sự sống đời đời, mà sẽ bị ném vào lửa đời đời, không bao giờ tắt.

Thống đốc liền nói:

– Không có vị vua trên trời nào khác ngoài Zeus, con trai của Saturn[1556] , ngài là cha của cả các vị thần lẫn loài người, và ai không quỳ lạy ngài thì không thể sống sót; ngươi cũng hãy quỳ lạy ngài đi, nếu muốn tận hưởng sự ngọt ngào của cuộc đời này.

Lúc đó, vị thánh, mong muốn soi sáng người ngoại đạo bằng ánh sáng của chân lý và vạch trần mọi sự ghê tởm của tà giáo, đã nói với Aquilinus:

– Hãy để tất cả những ai thờ phụng và đặt niềm tin vào thần Zeus của ngươi trở nên giống như ngài; và người ta kể rằng ngài là vị pháp sư vô luật pháp đầu tiên và là phù thủy tai hại, cha đẻ của mọi sự gian ác và vô thần; sau khi ngài qua đời, những người muốn noi theo những việc ác của ngài đã dựng lên những tượng thần bằng vàng và bạc, gọi ngài là thần; và họ làm điều đó để tự bào chữa cho chính mình trong sự ô uế và vô luật pháp của họ, để không ai có thể trách móc họ về những việc đáng xấu hổ, bởi vì thần của họ cũng giống như vậy; tương tự như vậy, những kẻ ghê tởm và đầy ác ý khác cũng được những kẻ bắt chước họ tôn lên hàng thần thánh[1557] ; còn các ngươi, vì tin vào những truyền thuyết cổ xưa vô đạo và những câu chuyện ngụ ngôn giả dối ấy, nên đã thờ lạy những thần tượng vô hồn và câm lặng, quên mất Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng đã lập nên trời, đặt nền đất trên nước và tuôn ra không khí; Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng mọi loài và ban cho chúng hình dạng hữu hình, đã đặt con người – được tạo dựng sau cùng – làm chủ tể trên muôn loài; nhưng con người, vì lòng ghen tị của ma quỷ, đã bị con rắn xảo quyệt dụ dỗ (Sáng Thế Ký 3), nên đã sa vào vô số tai họa; khi đó, Đức Chúa Trời – Lời, vì thương xót loài người, theo ý muốn của Ngài, đã tự nguyện nhập thể, hiện ra dưới hình dạng con người, chịu chết trên Thập tự giá, được chôn cất, vào ngày thứ ba sống lại, thăng thiên và ngự bên hữu Đức Chúa Trời Cha, cho đến khi mọi loài thọ tạo đều nhận biết Ngài; khi ấy Ngài sẽ trở lại với quyền năng và vinh quang vĩ đại, và sẽ ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ. Ngài là Đức Chúa Trời của các thần, là Vua của các vua, là Đấng Phán Xét của kẻ sống và kẻ chết; còn các thần mà các ngươi tôn thờ sẽ bị dùng làm củi để đốt trong lửa đời đời cùng với tất cả những ai thờ lạy chúng.

Sau đó, tổng trấn Akilin, khi đi săn, đã ra lệnh bắt cả Thánh Trifon, ra lệnh trói ngài vào lưng ngựa và dẫn theo sau. Thánh nhân đã phải chịu những cực hình khủng khiếp: các ngón chân của ngài bị bong ra, bởi vì trong cái lạnh khủng khiếp, chân ngài đi chân trần, còn con ngựa thì dẫm lên và nghiền nát chúng bằng những chiếc chân của nó – và lòng bàn chân ngài nứt nẻ, nhưng vị tử đạo, hướng ánh mắt thiêng liêng về phía Thiên Chúa và bừng cháy trong tình yêu dành cho Ngài, đã coi thường những đau khổ này và hát lên những lời của Đavít: *"Xin củng cố bước chân con trên các nẻo đường của Ngài, để chân con không bị lung lay"* (Thánh vịnh 16:5), và những lời khác: *"Xin củng cố chân con trong Lời Ngài và đừng để bất kỳ sự gian ác nào chi phối con"* (Thánh vịnh 118:133).

Đồng thời, ngài cũng lặp lại những lời của thánh tử đạo đầu tiên, phó tế thượng phẩm Stephano:

– *"Lạy Chúa, xin đừng quy tội này cho họ"*[1558] (Công vụ 7:60). Khi trở về sau cuộc săn bắn, tổng trấn đã gọi vị tử đạo đến và nói với ông:

– Giờ đây, hỡi kẻ khốn khổ, ngươi đã chăng nghĩ đến việc khôn ngoan dâng lễ vật cho các vị thần, hay vẫn còn đắm chìm trong sự điên rồ trước đây của mình?

Thánh nhân đáp lại:

– Chính ngươi, bị ma quỷ làm mù quáng, tràn đầy sự điên rồ và ngu dốt, bởi vì ngươi không thể nhận biết Đấng Tạo Hóa của muôn loài và thờ lạy Ngài; còn ta vẫn là người khôn ngoan, không rời bỏ lẽ thật cứu rỗi ta.

Thống đốc ra lệnh đưa vị thánh vào ngục tối; còn bản thân ông thì lên đường đến những vùng biên giới gần nhất của đất nước, và ở lại đó một thời gian.

Khi trở về Nicêa, tổng giám mục xuất hiện tại tòa án, lại triệu tập Trifon và nói với ông ta:

[1556] *Zeus* (hay Jupiter) – vị thần Hy Lạp-La Mã, được những người theo đạo ngoại giáo tôn sùng là chúa tể của trời và đất, cha của tất cả các vị thần và loài người.

[1557] Nói chung, theo tín ngưỡng của họ, các vị thần Hy Lạp và La Mã cũng có những đam mê và khuynh hướng tội lỗi giống như con người.

[1558] Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ đầu tiên, Phó tế trưởng Stephano, người đã bị người Do Thái ném đá đến chết, được Giáo hội kỷ niệm vào ngày 27 tháng 12.

– Chẳng lẽ thời gian dài bị xiềng xích đã không dạy ngươi phải tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và quay về với các vị thần sao?

– Đức Chúa Trời của con và Chúa Giê-su Ki-tô, – vị thánh đáp lại, – Đấng mà con phụng sự bằng tâm hồn trong sạch, đã dạy dỗ, hướng dẫn và củng cố con, để con có thể giữ vững đức tin nơi Ngài một cách bất biến và không lay chuyển: vì vậy, tôi chỉ vâng phục và nương tựa vào Ngài, Đấng Vua và Đức Chúa Trời chân thật duy nhất; còn sự kiêu ngạo của ngươi và của nhà vua, tôi khinh bỉ, và tôi từ chối các vị thần mà các ngươi tôn thờ.

Thống đốc, trong cơn giận dữ tột độ, đã hét lên với các thuộc hạ:

– Hãy đóng những chiếc đinh nhọn vào chân hắn và, dẫn hắn đi khắp thành phố, đánh đập hắn.

Các đầy tớ lập tức thi hành mệnh lệnh của kẻ hành hạ. Vị Thánh bị lôi đi, hay đúng hơn là bị kéo lê khắp thành phố, phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn, và ngài đã chịu đựng những đau khổ khủng khiếp – cả từ những chiếc đinh đóng vào chân lẫn từ cái lạnh buốt giá của mùa đông khắc nghiệt. Nhưng vị thánh chịu khổ vĩ đại, với ánh mắt tâm linh hướng về Chúa Kitô và hướng tới phần thưởng trong tương lai, đã chịu đựng tất cả với lòng kiên nhẫn và niềm vui lớn lao; khi ngài lại bị dẫn đến trước quan tổng trấn, tên tra tấn, ngạc nhiên trước sự kiên nhẫn của vị thánh, đã nói với ngài với sự bực bội tột độ:

– Đến bao giờ nữa, Trifon, ngươi mới bớt vô cảm trước những cực hình, và khi nào ngươi mới cảm nhận được hết nỗi đau khủng khiếp của những cực hình này?

Thánh nhân đáp:

– Khi nào ngươi cũng nhận ra quyền năng của Đấng Kitô đang ngự trong ta; khi nào ngươi, kẻ khốn nạn, ngừng cám dỗ Thánh Thần?

Lúc đó, bừng bừng cơn giận dữ tột độ, tên tra tấn ra lệnh treo ngài lên cây một lần nữa và đánh đập không thương tiếc bằng sắt, đồng thời dùng nến đang cháy rực thiêu đốt hai bên sườn ngài. Các đầy tớ đã thi hành tất cả những điều đó với sự tận tâm cao độ; nhưng đột nhiên, ánh sáng thiên đàng chiếu rọi lên vị thánh, và một vương miện tuyệt đẹp từ trời cao hạ xuống trên đầu ngài; những kẻ tra tấn, kinh hoàng trước cảnh tượng ấy, đã ngã quỵ xuống đất vì sợ hãi. Còn Thánh Trifon, cảm nhận được sự trợ giúp từ trên cao, tràn ngập niềm vui và hân hoan, và trong khi cầu nguyện, ngài nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì Ngài đã không bỏ rơi con trong tay kẻ thù, nhưng đã che chở con trong ngày chiến trận và ban cho con sự cứu rỗi, và bàn tay Ngài đã nâng đỡ con. Và giờ đây con cầu xin Ngài, lạy Chúa, xin đừng bỏ rơi con, xin củng cố và bảo vệ con, và xin ban cho con được hoàn thành việc làm anh hùng này một cách trọn vẹn, để con xứng đáng nhận được vương miện công chính cùng với tất cả những ai yêu mến danh thánh của Ngài, vì chỉ có Ngài mới được tôn vinh muôn đời. Amen.

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh tháo trói vị thánh đang bị trói và gọi ngài lại gần, rồi bắt đầu khuyên nhủ ngài một cách dịu dàng, nói rằng:

– Trifon, hãy dâng lễ vật lên thần Zeus vĩ đại và cúi lạy bức tượng hoàng đế, thì ta sẽ thả ngươi ra.

Nhưng Trifon, với nụ cười, đáp lại:

– Nếu ta đã khinh miệt chính nhà vua và phớt lờ những mệnh lệnh bất chính của ngài, thì làm sao ta lại có thể thờ lạy bức tượng vô hồn của ngài được? Điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. Còn về Zeus và các vị thần giả dối khác, ngươi hãy hỏi chính các nhà thông thái của ngươi; họ sẽ kể cho ngươi nghe những câu chuyện bịa đặt về các vị thần ấy nhằm che đậy những hành vi đồi bại của họ, bằng cách gán tên của họ cho những vật khác: gọi bầu trời là Zeus, không khí là Hera, đất là Ceres, biển là Poseidon, mặt trời là Apollo, mặt trăng là Diana[1559] . Chính những kẻ bịa đặt chuyện cổ tích này cũng đã dùng tên các vị thần của các ngươi để đặt tên cho những thói quen xấu xa và những đam mê của con người, bịa ra vị thần của cơn giận và chiến tranh là Mars, còn gọi đam mê dâm dục là Venus[1560] . Và thế là, các ngươi, sau khi bỏ rơi Đấng Tạo Hóa của muôn loài, là Đức Chúa Trời, đã điên cuồng lấp

---

[1559] *Hera* (Juno) được người Hy Lạp và La Mã cổ đại tôn kính là em gái và vợ của Zeus, là nữ thần được kính trọng nhất trong số các nữ thần; bà được coi là nữ thần của đất đai, là vị thần bảo trợ cho hôn nhân và sinh nở. *Ceres* (hay Demeter) – nữ thần của đất đai và sự màu mỡ trong thần thoại La Mã và Hy Lạp. *Poseidon* (Neptune) được tôn kính như anh trai của Zeus và là vị chúa tể toàn quyền của biển cả, sông ngòi cùng mọi nguồn nước và hồ chứa. *Apollo* (Phoebus) – một trong những vị thần ngoại giáo được người Hy Lạp và La Mã cổ đại tôn kính nhất, được coi là vị thần của mặt trời và sự khai sáng trí tuệ, đồng thời là người bảo vệ luật pháp. *Diana* (Artemis) – nữ thần ngoại giáo nổi tiếng của người Hy Lạp và La Mã, được họ tôn sùng đặc biệt; Diana được coi là nữ thần mặt trăng và thường được miêu tả là một thiếu nữ thợ săn xinh đẹp, rạng rỡ.

đầy cả vũ trụ bằng các thần tượng và chọn loài thụ tạo thay vì Đấng Tạo Hóa; và không chỉ bản thân các ngươi, khi đã mất đi lý trí và lạc lối khỏi con đường chân chính, đang lao đầu xuống vực thẳm hủy diệt tâm hồn, mà các ngươi còn cố gắng lôi kéo chúng ta theo cùng, để biến chúng ta thành những kẻ đồng lõa trong sự diệt vong của các ngươi; nhưng hỡi những kẻ nịnh hót, các ngươi sẽ không bao giờ thành công! Vì các ngươi sẽ chẳng bao giờ có thể lôi kéo những ai đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống ra khỏi con đường chân chính và khiến họ sùng bái các thần tượng của các ngươi.

Nghe những lời này, Akilin ngạc nhiên trước sự táo bạo của vị thánh và, trong cơn giận dữ, ra lệnh đánh đập ngài không chút thương xót; các binh lính bắt vị thánh lại và tra tấn ngài trong nhiều giờ liền bằng những cách tàn bạo nhất.

Cuối cùng, kẻ tra tấn, thấy rằng mình không thể lay chuyển được cột trụ đức tin vững chắc ấy và khiến ngài quay lưng lại với Chúa Kitô, đã đưa ra bản án cuối cùng như sau:

– Trifon thành Apamea, kẻ chống lại mệnh lệnh của hoàng đế và sau khi chịu đủ mọi hình thức tra tấn vẫn không chịu dâng lễ vật cho các vị thần, phải bị xử tử bằng cách chém đầu.

Và ngay lập tức, các binh lính bắt vị tử đạo, dẫn ông ra khỏi thành phố đến nơi hành quyết. Thánh Trifon, quay mặt về hướng đông, đã dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Vua của các vị vua, Đấng thánh thiện hơn tất cả các thánh! Con tạ ơn Ngài vì đã ban cho con ân sủng để hoàn thành việc này mà không vấp ngã. Và giờ đây con cầu xin Ngài: xin đừng để bàn tay bắt giữ của kẻ thù vô hình xảo quyệt chạm đến con, để hắn không lôi con xuống vực thẳm hủy diệt, nhưng xin dẫn con vào những nơi ở yêu dấu cùng với các Thiên Thần thánh của Ngài, và xin ban cho con trở thành người thừa kế vương quốc đáng khao khát của Ngài; xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an; còn tất cả những ai sẽ tưởng nhớ danh của tôi tớ Ngài và dâng lên Ngài những của lễ thánh để tưởng nhớ con, xin Ngài hãy lắng nghe từ nơi cao thánh của Ngài; và xin Ngài nhìn xuống họ từ nơi ngự thánh của Ngài, ban cho họ những ân huệ dồi dào và bất diệt, vì chỉ có Ngài là Đấng Ban Ơn tốt lành và hào phóng muôn đời muôn kiếp.

Thánh nhân đã cầu nguyện như vậy. Và ngay khi các binh lính chưa kịp chém đầu ngài, Chúa đã đón nhận linh hồn ngài; còn thi thể cao quý của Trifon vẫn nằm bất động trên mặt đất. Các Kitô hữu ở Nicêa đã quấn thi thể ngài bằng những tấm vải liệm tinh khiết và xức dầu thơm, dự định chôn cất ngài tại đó để bảo vệ thành phố của họ. Nhưng vị thánh, sau khi hiện ra với họ trong một giấc mơ, đã ra lệnh chuyển thi hài của ngài đến làng Kampsadu, quê hương của ngài – và mệnh lệnh của ngài đã được thực hiện[1561] .

Vậy, Thánh Trifon, người từ thuở thiếu thời đã hiến dâng mình cho Thiên Chúa, đã dẫn dắt vô số người đến với Đức Kitô và chữa lành bệnh tật cho nhiều người trong số họ, sau những đau khổ lớn lao vì giữ vững chân lý, đã được Cha, Con và Thánh Thần – Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi – ban cho vương miện bất diệt; vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen[1562] .

[1560] *Mars* (hay Ares) – vị thần chiến tranh của Hy Lạp và La Mã. *Venus* – nữ thần sắc đẹp và tình yêu của Hy Lạp và La Mã. Các lễ hội tôn vinh bà thường đi kèm với những hành vi buông thả và trụy lạc cực độ.

[1561] Một phần di cốt của Thánh Trifon được lưu giữ tại Moscow, trong nhà thờ mang tên ngài ở khu Naprudnaya. Có một truyền thuyết gắn liền với lịch sử của ngôi thánh đường này. Một lần nọ, trong chuyến đi săn của Sa hoàng Ivan Vasilyevich Grozny, do một sơ suất nào đó của quan thợ săn Trifon Patrikeev, con chim ưng yêu quý của ông đã bay mất; Sa hoàng ra lệnh cho quan thợ săn này bằng mọi giá phải tìm lại con chim ưng trong vòng ba ngày, nếu không sẽ bị xử tử. Người quản lý chim ưng đã lùng sục khắp cả khu rừng, nhưng cuộc tìm kiếm không mang lại kết quả gì. Kiệt sức và mệt mỏi, vào ngày thứ ba, ông dừng chân gần khu rừng Maryina (ở làng Naprudnaya) và vì quá kiệt sức nên đã chìm vào giấc ngủ say dưới gốc cây. Trước đó, Patrikeev đã thành kính cầu nguyện xin sự giúp đỡ từ Thánh Tử đạo Trifon, người mà ông, ngay từ chính cái tên của mình, đã coi là vị thánh bảo trợ và người dẫn dắt đáng tin cậy nhất. Và người thợ săn chim ưng đã mơ thấy một giấc mơ kỳ diệu: một chàng trai trẻ oai phong trên lưng ngựa trắng hiện ra trước mặt ông, tay cầm con chim ưng hoàng gia. "Hãy cầm lấy," chàng nói, "con chim mà ngươi đã mất, hãy lên đường với sự che chở của Chúa đến gặp nhà vua và đừng buồn phiền." Người quản lý chim ưng tỉnh dậy và thấy rằng trên tay mình quả thực có con chim ưng hoàng gia đang đậu, ông đã mang nó đến gặp Grozny và kể lại cho nhà vua nghe về giấc mơ của mình. Cơn giận trước đây của nhà vua và tai họa khủng khiếp đang đe dọa người thợ săn chim ưng đã được thay thế bằng ân huệ của nhà vua; và vị quý tộc sùng đạo Trifon Patrikeev, để tạ ơn trước mặt Chúa và vị thánh tử đạo Trifon – người được Chúa yêu mến – vì đã cứu mạng sống mình, đã ngay lập tức xây dựng trước tiên một nhà nguyện tại chính nơi anh ta tìm thấy con chim ưng của mình, sau đó, như người ta kể lại, thậm chí với sự hỗ trợ của chính nhà vua, ông đã xây dựng gần nhà nguyện này một nhà thờ bằng đá mang tên Thánh Tử đạo Trifon, ngay tại chính nơi mà hiện tượng được mô tả ở trên về vị Thánh Tử đạo này đã xảy ra với ông.

[1562] Trong "Sách Nghi lễ Lớn" (chương 60) có ghi "Nghi thức được cử hành trên đồng ruộng, vườn nho hoặc vườn cây ăn quả, nếu xảy ra thiệt hại do loài bò sát hoặc các loài khác gây ra". "Nghi thức" này được cử hành trong trường hợp xuất hiện "những loài gây hại và tàn

Bài ca Troparion, giọng 4:

Thánh Tử đạo của Ngài, lạy Chúa, là Trifon, trong sự đau khổ của mình đã nhận được vương miện bất diệt từ Ngài, Thiên Chúa của chúng con: vì nhờ sức mạnh của Ngài, ngài đã đánh bại những kẻ hành hạ, nghiền nát sự ngạo mạn yếu ớt của ma quỷ. Xin nhờ lời cầu nguyện của ngài, xin cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Bằng sự kiên định của Ba Ngôi, ngài đã phá hủy tà giáo từ tận cùng, được vinh quang vô cùng, sống thánh thiện trong Đức Kitô, và sau khi chiến thắng những kẻ hành hạ trong Đức Kitô Cứu Thế, ngài đã nhận được vương miện tử đạo của mình và ân sủng chữa lành thần thánh, như một vị bất khả chiến bại.

Lễ kỷ niệm Thánh Vendimian, vị ẩn sĩ ở Bithynia

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 2

Thánh Vêndimian, quê quán tại Mi-zi-a[1563] , khi còn trẻ đã đến với Thánh Avxentius tại tu viện do ngài thành lập trên núi Oxi-a gần Hal-ki-đôn[1564] . Sau khi tiếp nhận ngài, Avxentius không sống được bao lâu. Sau khi ngài qua đời, Thánh Vendimian đã dựng một căn phòng tu hành ở vị trí thấp hơn một chút so với căn phòng của Thánh Avksentius, nhưng sau khi sống ở đó được 5 năm, ngài muốn rời đi vì điều kiện sống khó khăn tại nơi này. Chúa Giêsu Kitô đã hiện ra với ngài và củng cố lòng tin của ngài, và ngài đã sống thêm 37 năm nữa tại đây, thực hiện nhiều phép lạ trong suốt cuộc đời. Thánh Vendimian qua đời vào khoảng năm 512.

Lễ kính Thánh Tử đạo Perpetua cùng các thánh thiếu niên Satyrus, Revocatus, Saturninus, Secundus và Thánh Felicitas, vợ của ngài

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 2

Thánh Perpetua xuất thân từ một gia đình quý tộc và sống tại thành phố Carthage[1565] . Bà đã bí mật nhận phép rửa tội trước sự không hay biết của cha mình, một người ngoại đạo, và bất chấp những lời van xin và khuyên nhủ đầy nước mắt của ông, bà vẫn kiên định trong đức tin chân chính. Khi mới 22 tuổi, Perpetua đã góa chồng, phải một mình nuôi nấng đứa con còn bú mà chính bà tự tay cho bú. Anh trai bà là Satyr, người hầu gái Felicitata và các thanh niên: Revocat (người hầu), Satornil và Secundus (thuộc tầng lớp quý tộc) cũng đang chuẩn bị lãnh nhận phép

---

phá ruộng lúa, vườn nho, vườn cây ăn quả và vườn hoa" như "các loài thú đa dạng, sâu bọ, sâu bướm, bọ cánh cứng và châu chấu, chuột, chuột cống và chuột đồng, cùng các loài ruồi và ruồi nhỏ khác nhau" v.v. Trong "Nghi thức" nêu trên có ghi: "nên cử hành Thánh lễ và thắp nến của Thánh Trifon, hoặc Thánh Eustathius, hoặc Thánh Julianus Livius, hoặc cả hai", và sau Thánh lễ "lấy dầu từ những ngọn nến, cùng nước Thánh Hiển Linh, rồi rảy theo hình thánh giá 'lên ruộng lúa, vườn nho hoặc vườn cây ăn quả, đồng thời đọc các lời cầu nguyện'". Trong cùng "Nghi thức" này còn có "lời cầu khấn của Thánh Tử đạo Trifon", được soạn thảo nhân danh vị thánh đáng kính này. Với niềm tin rằng Thánh Trifon, người khi còn sống đã xua đuổi "chỉ bằng sự hiện diện của mình những linh hồn xảo trá" và bằng những lời cầu nguyện của mình đã ngăn chặn những tai họa xã hội, – và sau khi an nghỉ trong Chúa, ngài vẫn không ngừng giúp đỡ những ai cầu khẩn ngài, "lời cầu nguyện" nói trên "lời cầu khấn" này nhằm xua đuổi côn trùng và loài bò sát gây hại cho vương quốc thực vật, và được đọc nhân danh Thánh Trifon, với tư cách là một vị thánh được Chúa yêu mến, người có vinh quang lớn lao trước mặt Chúa và có thể với sự can đảm lớn lao ra lệnh cho chúng nhân danh Chúa "rời khỏi nơi này và các vùng lân cận của các tôi tớ Chúa".

[1563] Mysia – vùng phía tây bắc của Tiểu Á.

[1564] Chalkidon – một thành phố ở Tiểu Á, nằm bên bờ eo biển Constantinopolis (bên kia eo biển là Constantinopolis). Chalkidon nổi tiếng trong lịch sử Giáo hội vì là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ IV.

[1565] *Carthage* – thuộc địa cổ xưa và nổi tiếng nhất của người Phoenicia ở miền bắc châu Phi, đã đạt đến đỉnh cao quyền lực trong thời cổ đại và bị phá hủy vào năm 146 trước Công nguyên; trên đống đổ nát của Carthage cổ đại, dưới thời các hoàng đế La Mã đầu tiên, một Carthage mới đã mọc lên, tồn tại rực rỡ trong một thời gian rất dài. Tại Carthage, tín ngưỡng ngoại giáo Hy Lạp-La Mã với tất cả những mê tín dị đoan của nó đã phát triển rất mạnh mẽ.

rửa tội. Tất cả họ, cùng với Perpetua, đã bị các quan tòa ngoại đạo bắt giữ và giam vào một ngục tối chật hẹp. Cha của thánh Perpetua đã đến đây và cố gắng làm lung lay sự kiên định trong đức tin của cô bằng cách khơi dậy tình yêu của vị tử đạo dành cho đứa con sơ sinh của mình; nhưng tình yêu dành cho Chúa Kitô trong lòng thánh Perpetua cao hơn tất cả những gắn bó trần thế.

Trước khi chịu khổ nạn, Thánh Perpetua đã được ban cho một thị kiến như sau[1566] , mà chính bà đã mô tả khi đang ở trong ngục tối.

"Tôi đã thấy," thánh Perpetua nói, "một chiếc thang vàng, cao vô cùng, vươn từ mặt đất lên tận trời; nó hẹp đến mức chỉ có thể leo lên từng người một; hai bên thành cầu thang này treo đầy và cắm chật kín những thanh kiếm sắc nhọn, dao, giáo, dao găm, đinh, móc và những vật sắc nhọn tương tự. Ở chân cầu thang có một con rắn đáng sợ đang ẩn nấp, sẵn sàng lao vào những ai dám leo lên đó. Không để ý đến con rắn đó, Satir dũng cảm bước lên cầu thang trước tiên. Khi đã an toàn đến bậc thang cuối cùng, anh ta quay sang tôi và nói: "Perpetua! Ta đang đợi ngươi, nhưng hãy cẩn thận kẻo con rắn nuốt chửng ngươi."

– Tôi không sợ nó, – Perpetua đáp lại.

Và ngay lập tức, cô quyết tâm, nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, bước lên cầu thang. Khi đến gần cầu thang, điều đầu tiên cô làm là dẫm lên đầu con rắn, như thể đó là bậc thang đầu tiên. Và khi leo lên đến đỉnh cầu thang, cô nhìn thấy những ngôi làng thiên đàng tuyệt đẹp với vô số cư dân sinh sống trong đó. Khi thánh Perpetua kể lại thị kiến này cho các đồng đạo của mình, tất cả họ đều hiểu đó là lời tiên tri về cuộc tử đạo của họ. Kể từ lúc đó, họ hoàn toàn từ bỏ mọi ràng buộc trần thế và tập trung mọi suy nghĩ vào cõi vĩnh hằng.

Sau nhiều đau khổ trong ngục tối, các thánh tử đạo cuối cùng đã bị kết án tử hình. Các thanh niên bị ném vào rạp xiếc để bị thú dữ xé xác[1567] , còn các thánh nữ Perpetua và Felicitas thì bị thả một con bò điên cuồng và hung dữ vào, nhằm để nó húc chết họ bằng sừng. Nhưng các con thú không xé xác các vị thánh tử đạo, vì vậy sau đó tất cả đều bị chém chết bằng gươm và dao. Khi hành quyết thánh Perpetua, tay người thi hành án trong một thời gian dài không thể chém trúng cổ họng bà; lúc đó, chính Perpetua đã đưa thanh gươm của người thi hành án lên cổ mình và như vậy, bà đã anh dũng trút hơi thở cuối cùng vì Chúa Kitô[1568] .

Ngày 15 tháng 2

Ngày 2 tháng 2 (theo lịch cũ)

Truyền thuyết về Lễ Dâng Chúa

Ngày tưởng niệm 2 tháng 2

Sau bốn mươi ngày kể từ ngày Chúa Giêsu Kitô của chúng ta giáng sinh và sau khi hoàn tất thời gian thanh tẩy theo luật định, Đức Trinh Nữ Maria, cùng với Thánh Giuse, vị hôn phu của Người, đã từ Bê-lem đến Giê-ru-sa-lem, đến Đền Thờ của Đức Chúa Trời, mang theo Hài Nhi Chúa Giê-su được bốn mươi ngày tuổi để tuân giữ luật Mô-sê. Theo luật này, trước hết, sau khi sinh con, người phụ nữ phải được thanh tẩy bằng cách dâng lên Thiên Chúa của lễ xứng đáng và qua lời cầu nguyện của linh mục; – và thứ hai, phải dâng đứa con đầu lòng lên trước mặt Chúa và trả tiền chuộc cho nó theo mức giá đã định (Lv 12,7). Đó là điều Đức Chúa Trời đã truyền cho Môi-se trong Cựu Ước; trong các sách về luật thanh tẩy dành cho người mẹ, có chép như sau: *"Nếu một người phụ nữ thụ thai và sinh ra một đứa trẻ trai, thì nàng sẽ bị ô uế trong bảy ngày; đến ngày thứ tám, đứa trẻ sẽ được cắt bì; và nàng phải ở nhà trong ba mươi ba ngày để thanh tẩy máu của mình; cô ấy không được chạm vào bất cứ vật thánh nào và không được vào nơi thánh cho đến khi hết thời gian thanh tẩy. Khi hết thời gian thanh tẩy, cô ấy phải dâng*

[1566] Các ghi chép về những đau khổ này được chính các thánh tử đạo: Perpetua và Saturninus, ghi lại trong ngục tối. Phần còn lại được bổ sung bởi những người chứng kiến và dành cho những người chứng kiến; vì có lời chép rằng: "Và chúng tôi, những người đã nghe và tận mắt chứng kiến, xin loan báo cho anh chị em, để anh chị em, những người đã có mặt tại đó, một lần nữa nhớ lại vì vinh quang của Thiên Chúa."

[1567] Một trong các vị tử đạo – Secundus – đã qua đời ngay trong ngục tối.

[1568] Tất cả các vị tử đạo này đều qua đời vào khoảng năm 203.

một con chiên con một tuổi làm của lễ thiêu và một con bồ câu non hoặc chim bồ câu làm của lễ chuộc tội. Nếu nàng không đủ khả năng dâng con chiên, thì hãy lấy hai con chim bồ câu hoặc hai con chim bồ câu non, một con làm của lễ thiêu, và con kia làm của lễ chuộc tội; thầy tế lễ sẽ làm lễ thanh tẩy cho nàng, và nàng sẽ được thanh tẩy" (Lê-vi 12:7–8, 12:2–4).

Về việc dâng những đứa con trai đầu lòng cho Đức Chúa Trời, luật pháp có chép như sau: *"Hãy dâng cho Ta mọi đứa con trai đầu lòng, là đứa đầu tiên ra khỏi lòng mẹ"* (Xuất Ê-díp-tô Ký 13:2)[1569] . Và ở một đoạn khác: *"Hãy dâng cho Ta đứa con trai đầu lòng trong số các con trai của ngươi"* (Xuất Ê-díp-tô Ký 22:29). Điều này được yêu cầu để đáp lại ân huệ vĩ đại của Đức Chúa Trời tại Ai Cập, khi Đức Chúa Trời, trong khi giết các con đầu lòng của người Ai Cập, đã tha cho các con đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên (Xuất Ê-díp-tô Ký 11:5–7). Vì vậy, dân Y-sơ-ra-ên đã dâng các con đầu lòng của mình lên đền thờ, hiến dâng chúng cho Đức Chúa Trời như một lễ vật bắt buộc theo luật định. Và họ lại chuộc lại các em bé đó từ Đức Chúa Trời với mức giá đã được quy định, được gọi là "bạc chuộc", và nộp cho các người Lê-vi phục vụ tại đền thờ của Đức Chúa Trời, như đã được ghi chép trong Sách Dân Số (Sách Dân Số 3:49–51). Giá chuộc đã được quy định gồm năm si-cơ thánh theo đơn vị cân của Đền Thờ, và mỗi si-cơ thánh tương đương với hai mươi pe-na-ze[1570] . Tuân theo luật pháp của Chúa, Mẹ Thiên Chúa nay đã đến Đền Thờ cùng với Đấng Lập Luật. Ngài đến để thanh tẩy, dù không cần phải thanh tẩy, vì Ngài là Đấng vô nhiễm, không tì vết, bất hoại, và vô cùng thanh khiết. Vì Đấng đã thụ thai mà không cần chồng và không do dục vọng, và sinh con mà không bị bệnh tật hay làm tổn hại đến sự trinh khiết của mình, không có sự ô uế vốn có ở những người phụ nữ sinh con theo luật tự nhiên: vì Đấng đã sinh ra Nguồn suối của sự tinh khiết, làm sao sự ô uế có thể chạm đến được? Đức Kitô được sinh ra từ Mẹ, như trái chín từ cây; và cũng như cây, sau khi sinh ra trái của mình, không bị hư hại hay ô uế, thì Đức Trinh Nữ, sau khi sinh ra Đức Kitô, trái chín được chúc phúc, vẫn còn nguyên vẹn và không bị ô uế. Đức Kitô xuất phát từ Mẹ, như tia nắng mặt trời đi qua kính hoặc pha lê. Tia nắng mặt trời đi qua kính hoặc pha lê không làm vỡ hay hư hại chúng, mà còn chiếu sáng chúng rực rỡ hơn. Mặt Trời của Sự Công Chính – Đức Kitô – cũng không làm tổn hại đến sự trinh khiết của Mẹ Ngài. Và cánh cửa của sự sinh ra theo tự nhiên, được đóng dấu bằng sự trong sạch và được bảo vệ bởi sự trinh khiết, Ngài cũng không làm ô uế bằng những cơn kinh nguyệt thông thường của phụ nữ, nhưng khi đi qua một cách siêu nhiên, Ngài đã làm cho sự trong sạch ấy càng thêm rực rỡ, thánh hóa nó bằng nguồn gốc của Ngài, và chiếu sáng nó bằng ánh sáng thần thánh của ân sủng. Hoàn toàn không cần bất kỳ sự thanh tẩy nào đối với Đấng đã sinh ra Lời Thiên Chúa mà không hề hư nát. Nhưng để không vi phạm luật pháp, mà là để tuân giữ luật pháp, Người đã đến để thanh tẩy, dù Người hoàn toàn tinh khiết và không có bất kỳ khuyết điểm nào. Cùng với điều đó, tràn đầy lòng khiêm nhường, Mẹ không tự hào về sự trong sạch bất diệt của mình, nhưng đã đến, như thể là người ô uế, để đứng cùng với những người phụ nữ ô uế trước cửa đền thờ Chúa – và xin được thanh tẩy, không khinh bỉ những người ô uế và tội lỗi. Ngài cũng dâng lễ vật, nhưng không như những người giàu có, những người dâng một con chiên con một tuổi không tì vết, mà như những người nghèo, những người dâng hai con chim bồ câu hoặc hai con chim non, trong mọi việc đều thể hiện sự khiêm nhường và tình yêu đối với sự nghèo khó, đồng thời tránh xa sự kiêu ngạo của những người giàu có. Bởi vì từ số vàng mà các nhà chiêm tinh dâng tặng (Mt 2:11), Bà chỉ lấy một ít và phân phát cho những người nghèo khó và khốn cùng, chỉ giữ lại cho mình những thứ cần thiết nhất cho hành trình đến Ai Cập. Sau khi mua hai con chim nói trên, Bà dâng chúng làm của lễ theo luật pháp, và cùng với chúng, Bà cũng dâng cả Hài Nhi đầu lòng của mình. *"Họ đem Hài Nhi đến Giê-ru-sa-lem để dâng lên trước mặt* Chúa" (Lc 2,22) – Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, đã ghi lại như vậy, tức là để trả lại " " (Hài Nhi thuộc về Chúa) cho Thiên Chúa, vì trong Luật Chúa có chép rằng mọi trẻ sơ sinh nam, khi mới chào đời, đều phải được dâng hiến cho Chúa (Xh 13,2). Giữ Đấng Mới Sinh trong vòng tay, Đức Trinh Nữ Maria quỳ gối trước mặt Chúa và với lòng kính sợ sâu sắc, như dâng một món quà quý giá, Người dâng và trao Hài Nhi cho Thiên Chúa, nói rằng:

– Này, đây là Con của Ngài, Cha Hằng Hữu, Đấng mà Ngài đã sai đến nhập thể từ con để cứu độ loài người! Ngài đã sinh ra Ngài trước muôn đời mà không cần Mẹ, còn con, nhờ ân sủng của Ngài, khi đã đến tuổi trưởng thành, đã sinh ra Ngài mà không cần chồng; đây là trái tim đầu lòng của con, được Thánh Thần thụ thai trong lòng

---

[1569] Theo quy định của luật này, để tưởng nhớ việc vào đêm trước khi dân Do Thái ra khỏi Ai Cập, Thiên Thần Hủy Diệt đã tiêu diệt tất cả các con đầu lòng của người Ai Cập, nên tất cả các con đầu lòng của người Do Thái đều phải được dâng hiến cho một chức vụ đặc biệt phụng sự Đức Chúa Trời, tức là để phục vụ tại nơi thánh. Khi sau này chỉ có chi phái Lê-vi được chọn cho nhiệm vụ này, thì người ta quy định phải nộp một khoản tiền chuộc là năm si-cơ bạc cho mỗi con đầu lòng.

[1570] Một siclus thánh tương đương với khoảng 5 kopeck theo tiền của chúng ta.

con, và theo cách không thể diễn tả được, như chỉ một mình Ngài mới biết, đã ra đời từ con: Ngài là Con Trưởng của con, nhưng trước hết là của Cha, đồng bản thể và đồng nguyên thủy với Cha, là Con Trưởng xứng đáng chỉ thuộc về một mình Cha, vì Ngài là Đấng đã hạ sinh từ Cha, mà không rời xa Thần Tính của Cha. Xin hãy đón nhận Con Trưởng, Đấng mà Ngài đã dùng để tạo dựng muôn đời (Hê-bơ-rơ 1:2) và cùng với Đấng ấy, Ngài đã ra lệnh cho ánh sáng chiếu sáng: xin hãy đón nhận Lời của Ngài đã nhập thể từ Ta, Đấng mà Ngài đã dùng để củng cố trời, lập nên đất, và tập hợp các dòng nước lại với nhau: xin hãy nhận lấy từ Con, Đấng Con dâng lên Ngài trong dịp trọng đại này, để Ngài sắp xếp cho Ngài và Con theo ý Ngài muốn, và để Ngài cứu chuộc loài người bằng xác thịt và huyết của Ngài, đã được nhận từ Con.

Nói xong những lời ấy, Mẹ đã trao Con yêu dấu của Mẹ vào tay vị thượng tế, như là đại diện của Thiên Chúa, như thể đang trao Ngài cho chính Thiên Chúa vậy. Sau đó, Mẹ đã chuộc Ngài theo như luật định, với số tiền quy định – năm đồng shekel thánh, con số này dường như báo trước năm vết thương thánh trên thân thể Đức Kitô, mà Ngài đã chịu trên Thập giá, nhờ đó cả thế giới được cứu chuộc khỏi lời thề theo luật và khỏi công việc của kẻ thù[1571] .

Cũng chính vào lúc Đức Mẹ mang Hài Nhi Giêsu đến Đền Thờ để thực hiện nghi thức theo luật định, thì ông Simeon, một người công chính và đạo đức, được Thánh Thần dẫn dắt, đã đến Đền Thờ; ông đang mong chờ niềm an ủi của Israel, vốn sẽ đến cùng với sự xuất hiện của Đấng Mê-si-a[1572] . Ông biết rằng Đấng Mê-si-a được mong đợi đã gần kề, vì quyền trượng đã chuyển từ chi tộc Giu-đa sang Hê-rốt, và lời tiên tri của tổ phụ Gia-cóp đang được ứng nghiệm, người đã tiên báo rằng "vị vua từ chi tộc Giu-đa sẽ không bao giờ thiếu vắng, cho đến khi Đấng được các dân tộc mong đợi, là Chúa Kitô, đến" (Sáng Thế Ký 49:10). Cũng chính như vậy, bảy tuần lễ của Đa-ni-ên đã kết thúc, sau đó, theo lời tiên tri, Đấng Mê-si-a sẽ đến. Đồng thời, chính Thánh Si-mê-ôn cũng đã được Thánh Thần hứa rằng ông sẽ không chết trước khi được thấy Đấng Ki-tô, Chúa của chúng ta. Si-mê-ôn, khi nhìn lên Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm và Hài Nhi đang nằm trong tay Mẹ, đã thấy ân sủng của Thiên Chúa bao trùm Mẹ và Hài Nhi; và khi được Thánh Thần mặc khải rằng Đấng này chính là Đấng Mêsia được mong đợi, ngài vội vã tiến lại gần, đón nhận Ngài với niềm vui khôn tả và lòng kính sợ thánh thiêng, rồi dâng lên Thiên Chúa lời tạ ơn vĩ đại. Ông, với mái tóc bạc phơ như con thiên nga trước lúc lâm chung, đã cất lên bài ca tiên tri: *"Giờ đây, lạy Chúa, xin cho tôi tớ Ngài ra đi trong bình an, theo lời Ngài phán*."

"Tôi đã không có," – như thể ông đang nói vậy, – "sự bình an trong tâm trí mình, suốt những ngày qua luôn mong chờ Ngài, và suốt những ngày ấy tôi sống trong nỗi buồn cho đến khi Ngài đến: nhưng giờ đây, khi đã được thấy Ngài, tôi đã nhận được ân huệ, và được giải thoát khỏi nỗi buồn, tôi ra đi từ đây với tin mừng đến với các tổ phụ của tôi: tôi sẽ loan báo về sự giáng lâm của Ngài trên thế gian cho tổ phụ A-đam và Áp-ra-ham, Môi-se và Đa-vít, Ê-sai và các tổ phụ thánh cùng các tiên tri khác; tôi sẽ mang đến cho họ niềm vui khôn tả, những người cho đến nay vẫn còn chìm trong nỗi buồn; xin hãy cho con được về với họ, để họ, sau khi gác lại nỗi buồn, được vui mừng vì Ngài – Đấng Cứu Chuộc của họ. Xin hãy cho tôi, tôi tớ của Ngài, sau bao năm lao nhọc, được an nghỉ trong lòng Áp-ra-ham: đôi mắt tôi đã được chiêm ngưỡng sự Cứu rỗi của Ngài, được chuẩn bị cho tất cả loài người; đôi mắt tôi đã được chiêm ngưỡng Ánh sáng, được chuẩn bị để xua tan bóng tối, để soi sáng các dân tộc, để mặc khải cho họ những Mầu nhiệm Thần thánh mà họ chưa từng biết , – Ánh Sáng đã chiếu rọi để tôn vinh dân Israel của Ngài, Đấng mà Ngài đã hứa qua tiên tri Isaia, khi phán: *"Ta sẽ ban sự cứu rỗi cho Si-ôn, vinh quang của Ta cho Israel"* (Is 46,2).

Giuse và Đức Trinh Nữ Maria, khi nghe tất cả những gì Simêon nói về Hài Nhi, đã rất ngạc nhiên; hơn nữa, họ thấy rằng Simêon không nói với Hài Nhi như nói với một đứa trẻ, mà như nói với "người già cả" ([1573]), và khi

---

[1571] Theo lời kể của Thánh Dimitri Rostovski, các vị thánh phụ cho biết thêm rằng Thánh Tiên tri Zacharia, cha của Thánh Gioan Tiền Hô, khi thấy Đức Trinh Nữ Maria cùng Hài Nhi đến đền thờ để làm lễ thanh tẩy, đã không cho Người đứng ở chỗ dành cho các bà vợ đến làm lễ thanh tẩy, mà cho Người đứng ở chỗ dành cho các thiếu nữ, nơi mà các bà vợ đã có chồng không được phép đứng. Và khi các kinh sư và người Pha-ri-si, khi chứng kiến cảnh này, bắt đầu bày tỏ sự phẫn nộ, Zacharia, đứng trước mặt họ, đã tuyên bố rằng Mẹ này, ngay cả sau khi sinh con, vẫn là một Trinh Nữ tinh khiết. Khi họ không tin điều này, Zacharia nói rằng bản tính con người, cũng như mọi loài thụ tạo, phải phục vụ Đấng Tạo Hóa của mình, và trong bàn tay toàn năng của Ngài là sự sắp đặt các loài thụ tạo theo ý muốn của Ngài – cũng như sự sắp đặt để Đức Trinh Nữ sinh con, và sau khi sinh vẫn giữ nguyên sự trinh khiết: "Vì thế, tôi cũng không loại bỏ Mẹ này," ông nói, "khỏi vị trí dành cho các trinh nữ, bởi vì Mẹ cao quý hơn tất cả các trinh nữ."

[1572] Lời tiên tri về *70 tuần* được ghi lại trong sách Đa-ni-ên (Đa-ni-ên 9).

[1573] Dưới hình ảnh *của "Người Cổ Xưa",* tức là một vị lão niên cao cả, nhà tiên tri Đa-ni-ên đã nhìn thấy Đức Chúa Trời (Đa-ni-ên 7:9–13). Trong Kinh Thánh, tuổi già đôi khi là biểu tượng *của sự vĩnh cửu* của Đức Chúa Trời.

cầu nguyện, ông không hướng đến Ngài như hướng đến một con người, mà như hướng đến Thiên Chúa, Đấng có quyền trên sự sống và cái chết, và có thể ngay lập tức cho người già ấy ra đi sang cõi khác hoặc giữ lại trong cõi đời này. Simeon cũng ban phước lành cho họ, ca ngợi và tôn vinh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, Đấng đã sinh ra Thiên Chúa và con người cho thế gian, đồng thời chúc phúc cho Thánh Giuse, người cha nuôi, Đấng đã được ân sủng trở thành người phục vụ cho mầu nhiệm cao cả này. Sau đó, khi quay sang Đức Maria, Mẹ của Ngài, chứ không phải Thánh Giuse – vì ông nhìn thấy trong Người, bằng chính đôi mắt mình, một Mẹ không chồng – Simeon đã thốt lên:

– Điều này sẽ dẫn đến sự sa ngã và sự trỗi dậy của nhiều người ở Israel: sự sa ngã đối với những ai không muốn tin vào lời Ngài, và sự trỗi dậy đối với những ai sẽ đón nhận lời rao giảng thánh thiện của Ngài với lòng yêu mến – sự sa ngã của các kinh sư và người Pha-ri-si, những kẻ bị sự thù hận làm mù quáng, và sự trỗi dậy của những ngư dân bình dị và những người không khôn ngoan. Ngài sẽ chọn những người không khôn ngoan, còn những người khôn ngoan của thế gian này sẽ bị Ngài làm cho hổ thẹn – sẽ là nguyên nhân khiến hội đồng Do Thái thời Cựu Ước sụp đổ, và là nguyên nhân khiến Hội Thánh đầy ân sủng của Đức Chúa Trời trỗi dậy. Ngài sẽ trở thành lá cờ gây tranh cãi[1574] , vì sẽ có sự chia rẽ lớn trong lòng người vì Ngài: một số sẽ gọi Ngài là Đấng tốt lành, còn những người khác sẽ nói rằng Ngài lừa dối con người, và họ sẽ đóng đinh Ngài – theo lời tiên tri Giê-rê-mi: *"như mục tiêu cho các mũi tên"* (Khóc than 3:12), treo Ngài trên cây thập tự, đâm thấu Ngài bằng những mũi tên, đinh và giáo. Vào lúc đó, Mẹ hiền lành, – vị tu sĩ già tiếp lời, – linh hồn Mẹ sẽ bị xuyên thấu bởi vũ khí của nỗi buồn và đau đớn trong lòng, khi Mẹ nhìn thấy Con của Mẹ bị đóng đinh trên Thập tự giá, khi Mẹ với nỗi đau đớn tột cùng trong lòng và những tiếng khóc nức nở sẽ tiễn đưa khỏi cõi đời này Đấng mà Mẹ đã sinh ra trên thế gian này một cách bình an.

Cũng tại nhà thờ này có nữ tiên tri Anna, con gái của Phanuel, thuộc chi phái Assir. Bà là một góa phụ đã rất cao tuổi – bà đã tám mươi bốn tuổi; bà chỉ sống với chồng được bảy năm, và sau khi góa bụa, bà đã sống một đời thánh thiện, không rời khỏi đền thờ, mà ngày đêm phụng sự Đức Chúa Trời bằng việc ăn chay và cầu nguyện. Khi đến đền thờ vào giờ đó, Anna đã tiên tri nhiều điều về Hài Nhi được dâng vào đền thờ của Đức Chúa Trời, dành cho tất cả những ai đang mong chờ sự cứu rỗi tại Giê-ru-sa-lem[1575] .

Nghe và thấy tất cả những điều này, các kinh sư và người Pha-ri-si bừng bừng giận dữ trong lòng và phẫn nộ với Si-mê-ôn và Anna vì những lời chứng của họ về Đấng Thiếu Nhi. Họ không im lặng, mà đã báo cáo với vua Hê-rốt về tất cả những gì đã xảy ra và những lời đã được nói trong đền thờ[1576] . Ngay lập tức, ông sai lính đi với lệnh tìm kiếm Hài Nhi Thánh Chúa Kitô và giết Ngài; nhưng họ không còn tìm thấy Ngài nữa: theo lệnh đã được ban cho Giuse trong giấc mơ, Ngài đã được đưa đến Ai Cập. Thánh Giuse cùng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, sau khi hoàn tất mọi thủ tục theo luật định tại đền thờ, không trở về Bêlem, mà đi đến Galilê, về thành Nazareth của mình[1577] , và từ đó nhanh chóng lánh sang Ai Cập (Mt 2:13–14). Còn Đứa Trẻ thì lớn lên và mạnh mẽ về tinh thần, tràn đầy sự khôn ngoan, và ân sủng của Thiên Chúa ngự trên Người (Lc 2:40).

Lễ Hiển Linh được thiết lập dưới triều đại của Hoàng đế Justinian; trước đó, mặc dù Lễ Hiển Linh đã được tưởng niệm trong Giáo hội[1578] , nhưng chưa được cử hành long trọng. Hoàng đế Justinian, một vị vua sùng đạo, đã thiết lập việc cử hành lễ này như một lễ trọng của Chúa và Đức Mẹ, cùng với các lễ trọng khác . Động lực để thiết lập ngày lễ này xuất phát từ những hoàn cảnh đặc biệt. Trong thời trị vì của Justinian tại Byzantium và các vùng lân cận, trong vòng ba tháng, bắt đầu từ những ngày cuối tháng Mười, đã xảy ra một trận dịch bệnh khủng khiếp,

---

[1574] Về đối tượng tranh cãi, về lá cờ gây tranh cãi – hình ảnh này được lấy từ lá cờ quân sự trong trận chiến, mà một bên cố gắng đánh chiếm, còn bên kia cố gắng bảo vệ. Chúa đã trở thành lá cờ tranh chấp theo cùng ý nghĩa đó: một bên – những kẻ không tin – đã cố gắng tiêu diệt Ngài (và họ tưởng rằng đã đạt được điều đó qua việc đóng đinh Con Thiên Chúa), còn bên kia – những người tin – đã và đang đứng dưới lá cờ này và đấu tranh vì nó.

[1575] Từ đó có thể thấy rằng vào thời điểm đó tại Giê-ru-sa-lem có khá nhiều người sống với niềm hy vọng về sự xuất hiện sắp tới của Đấng Mê-si-a Hứa Hẹn, những người Do Thái chân chính, những người chắc chắn đã tràn ngập niềm vui lớn lao khi nghe tin những kỳ vọng và lời cầu nguyện của họ đã được ứng nghiệm.

[1576] *Hê-rốt,* người được lịch sử gọi *là "Đại",* con trai của An-ti-pa-trô, vua của dân Do Thái, ban đầu là thống đốc xứ Ga-li-lê, nhưng dưới triều đại của hoàng đế La Mã đầu tiên là Ô-cta-vi-ô Au-gút, vào năm 40 trước Công nguyên, ông đã được phong tước vua Do Thái và cai trị toàn bộ xứ Do Thái, nơi lúc bấy giờ thuộc quyền cai trị của Đế quốc La Mã.

[1577] Lu-ca 2:39. *Bê-lem* là một thị trấn nhỏ, nằm không xa Giê-ru-sa-lem về phía nam, và từ *Na-xa-rét,* một thành phố ở Ga-li-lê, Bê-lem cách đó khoảng ba ngày đường hoặc hơn một chút.

[1578] Có những ghi chép về lễ hội này trong các tác phẩm của các Giáo phụ thuộc các thế kỷ III, IV và V.

đến nỗi ban đầu có tới năm nghìn người chết mỗi ngày, sau đó là mười nghìn người; thậm chí thi thể của những người giàu có và có địa vị cao cũng không được chôn cất, vì tất cả người hầu và nô lệ đều đã chết hết, không còn ai để chôn cất chính các chủ nhân của họ. Còn tại Antioch[1579] , ngoài dịch hạch do tội lỗi của con người, còn có một hình phạt khác của Đức Chúa Trời – một trận động đất kinh hoàng, khiến tất cả những ngôi nhà lớn, các tòa nhà cao tầng và đền thờ đều sụp đổ, và rất nhiều người đã thiệt mạng dưới những bức tường đổ nát; trong số những người thiệt mạng có Euphrasius[1580] , Giám mục Antioch, bị đè chết khi nhà thờ sụp đổ. Trong thời kỳ khủng khiếp và đầy tai ương ấy, một người đạo đức đã nhận được sự mặc khải, theo đó lễ kỷ niệm long trọng Lễ Gặp Mặt Chúa sẽ được thiết lập, giống như các lễ hội lớn khác của Chúa và Đức Mẹ. Và khi ngày Lễ Chúa Giáng Sinh đến, vào ngày 2 tháng 2, khi người ta bắt đầu cử hành lễ với thánh lễ suốt đêm và cuộc rước thánh giá[1581] , dịch bệnh chết chóc, nạn đói và động đất lập tức chấm dứt, nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa và nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Xin vinh quang, danh dự, sự thờ phượng và lòng biết ơn thuộc về Mẹ cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng sinh ra từ Mẹ, đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Hãy vui mừng, Đức Trinh Nữ Maria đầy ân sủng, vì từ Mẹ, Mặt Trời Công Chính là Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, đã chiếu sáng, soi rọi những ai đang ở trong bóng tối. Hãy vui mừng, hỡi vị trưởng lão công chính, khi được Đấng Giải Phóng linh hồn chúng ta ôm vào lòng, Đấng ban cho chúng ta sự phục sinh.

Kondak, giọng 1:

Ngài đã thánh hóa tử cung của Đức Trinh Nữ bằng sự giáng sinh của Ngài, và đã chúc lành cho đôi tay của Simeon, như lẽ phải, trước khi Ngài đến, và nay Ngài đã cứu rỗi chúng con, Chúa Kitô, Thiên Chúa: nhưng xin hãy làm cho cuộc sống trong chiến tranh được bình an và củng cố Hoàng đế, Đấng mà Ngài đã yêu thương, Đấng Duy Nhất Yêu Thương Loài Người[1582] .

Ngày 16 tháng 2

Ngày 3 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Tử đạo Iador, người đã chịu tử đạo dưới thời Hoàng đế Decius[1583] .

Kỷ niệm Thánh Simeon, người đón nhận Đức Chúa Trời, vị thánh công chính.

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 2

Theo lời chứng của Phúc Âm Thánh, cụ Simeon là một người công chính và đạo đức, đang chờ đợi Đấng An Ủi của Israel, và Thánh Thần ngự trên ngài. Ngài đã được Đức Chúa Trời báo trước về sự giáng sinh sắp tới của

---

[1579] Ở đây tất nhiên là *Antioch – một* trong những thành phố cổ xưa và giàu có nhất của Syria, đồng thời là thủ đô của nước này; thành phố này nằm bên sông Orontes, cách nơi sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải khoảng 10 verst. Đối với Giáo hội Kitô giáo, Antioch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là trung tâm lớn thứ hai của Kitô giáo sau Jerusalem, và là "mẹ" của các Giáo hội Kitô giáo được thành lập từ các tín hữu ngoại giáo. Hiện nay, Antioch chỉ còn là một thị trấn nhỏ và nghèo, với dân số khoảng 10.000 người.

[1580] *Euphrasius* là Giám mục Antioch từ năm 523 đến năm 527.

[1581] Để tưởng nhớ việc chấm dứt dịch bệnh từng xảy ra tại Constantinopolis và trận động đất kinh hoàng tại Antioch, tại một số nơi, Giáo hội có truyền thống tổ chức *lễ rước thánh thể* trước Thánh lễ *bên ngoài các tu viện*, và trong suốt cuộc rước thánh giá này, người ta hát các bài thánh ca lễ và kinh ca theo truyền thống; sau khi trở về nhà thờ, *Thánh lễ* được cử hành.

[1582] Trong bài ca Kondak nhân lễ Hiển Linh, Giáo hội tưởng nhớ việc được giải thoát khỏi những tai ương đã ập xuống Giáo hội Đông phương và nhờ ân sủng của Thiên Chúa, những tai ương đó đã chấm dứt dưới triều đại của Hoàng đế Justinian.

[1583] *Decius* trị vì từ năm 249–251.

Đấng Mê-si-a chân chính trên thế gian (Lc 2:2). Các nhà sử học cổ đại kể lại việc ông Simeon nhận được lời báo trước này như sau. Theo lệnh của vua Ptolemy của Ai Cập, người ta đã tiến hành dịch Luật Mô-sê và các sách tiên tri từ tiếng Do Thái sang tiếng Hy Lạp. Để thực hiện công việc này, bảy mươi người thông thái nhất trong toàn thể dân Do Thái đã được chọn[1584] . Trong số đó có cả Simeon, một người khôn ngoan và am hiểu Kinh Thánh. Khi dịch sách tiên tri Ê-sai, Simeon đã đến đoạn có câu*: "Này, một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh ra một Con Trai"* (Ê-sai 7:14). Khi đọc những lời ấy, ông đã nghi ngờ, cho rằng không thể nào một người phụ nữ chưa có chồng lại có thể sinh con được. Simeon đã cầm dao lên và định gạch bỏ những lời này trong cuộn sách, đồng thời thay từ "trinh nữ" bằng từ "người vợ". Nhưng ngay lúc đó, Thiên Thần của Chúa hiện ra với ông, nắm lấy tay ông và nói: "Hãy tin vào những lời đã được chép, và chính ông sẽ được chứng kiến sự ứng nghiệm của chúng, vì ông sẽ không phải chết trước khi được thấy Đấng Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng sẽ được sinh ra từ Trinh Nữ tinh khiết."

Sau khi tin tưởng vào những lời của Thiên Thần và các tiên tri, Simeon háo hức mong chờ sự giáng sinh của Đấng Kitô. Ông sống một cuộc đời công chính và trong sạch, tránh xa mọi điều ác và luôn ở trong Đền Thờ của Thiên Chúa. Tại đó, Simeon cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài thương xót thế gian của Ngài và giải thoát loài người khỏi ma quỷ xảo quyệt.

Khi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, sau bốn mươi ngày kể từ ngày Ngài sinh ra, được Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ Maria bế đến đền thờ theo tập tục luật định (Xuất Hành 13:2), thì vào lúc đó, ông Simêon công chính, được Thánh Thần Chúa dẫn dắt, cũng đến nơi đó. Khi nhìn thấy Hài Nhi Vĩnh Cửu và Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm đã sinh ra Ngài, ông nhận ra rằng Đấng này chính là Đấng Mê-si-a đã được hứa, và Đức Trinh Nữ này chính là Đấng mà lời tiên tri của Ê-sai phải ứng nghiệm và đã ứng nghiệm. Thấy Người được ánh sáng thiên đàng bao phủ và rạng ngời bởi những tia sáng Thần Thánh, Simeon với lòng kính sợ và hân hoan đã tiến đến gần Người, bế Đấng Hài Nhi Thánh[1585] lên tay và thốt lên: *"Lạy Chúa, giờ đây xin cho tôi tớ Chúa được ra đi trong bình an, theo lời Chúa đã hứa, vì mắt tôi đã được thấy sự cứu rỗi của Chúa, là điều Chúa đã chuẩn bị trước mặt muôn dân, là ánh sáng soi đường cho các dân ngoại và là vinh quang của dân Israel, dân của Chúa"* (Lc 2:29–32)[1586] .

Sau đó, ông đã tiên tri về những đau khổ của Đức Kitô và việc Ngài bị đóng đinh, cũng như về Đức Mẹ, rằng linh hồn Mẹ sẽ bị lưỡi gươm đau buồn và thương xót đâm thấu khi Mẹ nhìn thấy Con Mẹ bị treo trên Thập giá (Lc 2:34–35).

Khi đã cao tuổi, Simeon đã về với Chúa[1587] . Người ta viết rằng ông đã sống tổng cộng ba trăm sáu mươi năm, vì Chúa đã muốn kéo dài cuộc đời của vị thánh già này, để ông có thể sống đến năm được mong đợi từ muôn

---

[1584] Ptolemy II, Philadelphus, con trai và người kế vị của Ptolemy Lages (285–247 trước Công nguyên), là một trong những vị vua vĩ đại nhất của Ai Cập. Ông đặc biệt nổi tiếng với tình yêu khoa học đầy khai sáng. Nhờ nỗ lực của ông, Thư viện Alexandria đã được thành lập. Với mong muốn sáp nhập Syria vào lãnh thổ của mình, ông đã chinh phục cả Judea – vùng đất nằm trên con đường dẫn đến Syria – và đưa nó vào quyền cai trị của mình. Sau khi chiếm được Giê-ru-sa-lem, hàng ngàn người Do Thái từ Giê-ru-sa-lem và các vùng lân cận, cũng như từ Sa-ma-ri, đã bị bắt làm tù binh và đưa sang Ai Cập; nhưng vì nhà vua đối xử nhân từ với người Do Thái và thậm chí còn ban cho họ quyền lợi ngang bằng với người Ma-kê-đô-ni ở Alexandria, nên nhiều người Do Thái đã tự nguyện di cư đến đất nước này. Khi nghe nói rằng Luật Do Thái có nguồn gốc từ Đức Chúa Trời và chứa đựng sự khôn ngoan cao cả nhất cùng những điều răn thánh thiêng nhất, nhà vua mong muốn có bản dịch tiếng Hy Lạp của nó. Với bản dịch này, ngài muốn bổ sung vào thư viện phong phú của mình tại Alexandria, và có lẽ cũng muốn giúp đỡ người Do Thái, trong số đó nhiều người, do sống lâu năm tại Alexandria, đã bắt đầu quên đi ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Một phái đoàn đã được cử đến Giê-ru-sa-lem cùng với những món quà quý giá dành cho đền thờ. Trong thư gửi cho Thượng tế, nhà vua yêu cầu ông cử đến những bậc trưởng lão am hiểu luật pháp dân tộc, những người có thể dịch Kinh Thánh sang tiếng Hy Lạp một cách chính xác. Vào thời điểm đó, Thượng tế là Eleazar, cháu nội của Aduy. Ông đã chọn ra sáu vị trưởng lão từ mỗi trong 12 chi tộc của Israel, trao cho họ bản sao chính xác nhất của các sách thánh, được viết bằng chữ vàng trên giấy da mỏng nhất, rồi gửi họ đến Alexandria. Tại đây, họ được đón tiếp rất nồng hậu. Người ta đã dành cho họ một ngôi nhà trên đảo Pharos, nơi họ miệt mài dịch thuật mỗi ngày cho đến chín giờ sáng hoặc ba giờ chiều. Bản dịch được hoàn thành sau bảy mươi ngày, được đọc trước sự chứng kiến của cộng đồng Do Thái tại Alexandria và được họ chấp thuận. Chính bản dịch các sách thánh này được gọi là "bản dịch của bảy mươi (hay chính xác hơn là 72) nhà giải thích", hay các dịch giả; bản dịch này vẫn được sử dụng cho đến nay trong Giáo hội Chính thống Đông phương, và chính từ bản dịch này mà "Bản dịch Slavơ của Cựu Ước" của chúng ta được biên soạn.

[1585] Chính vì vậy, Thánh Simeon được gọi là "Người Đón Chúa".

[1586] Lời cầu nguyện trước khi qua đời của Thánh Simeon Người Đón Chúa: "Lạy Chúa, giờ đây xin Chúa cho tôi tớ của Ngài được ra đi" – được lặp lại hàng ngày trong nhà thờ, trong thánh lễ chiều, để buổi chiều mỗi ngày nhắc nhở mỗi tín hữu về buổi chiều của cuộc đời mình, tức là cái chết sắp đến với họ. Thánh Simeon, vị tu sĩ cao niên, khi được giải thoát khỏi những ràng buộc của xác thịt, đã vui mừng bước sang thế giới bên kia, khi ngài ôm vào lòng mình Hài Nhi Thánh, Đấng Cứu Thế của thế gian. Như vậy, mỗi tín hữu trong những giây phút lâm chung, sau khi thành tâm rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, sẽ vui mừng rời bỏ thế giới đầy biến động và hư vô này.

đời, khi Con Trẻ Vô Tội được sinh ra từ Đức Trinh Nữ, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời, amen[1588] .

Bài ca Kondak, giọng thứ 4:

Hôm nay, vị thánh nhân đã từ bỏ những xiềng xích của cuộc đời phù du này, và được Đấng Tạo Hóa và Chúa Giêsu Kitô đón nhận vào vòng tay.

Lễ kính Thánh Anna, Nữ Tiên Tri

Thánh Anna, nữ tiên tri, được nhắc đến trong Phúc Âm, cùng với Thánh Simeon, người đón Chúa, đã gặp Chúa Giêsu trong đền thờ và rao giảng về Ngài rằng Ngài chính là Đấng Mê-si-a được mong đợi – Đấng Ki-tô[1589] .

Lễ kính Thánh Vlas, vị tử đạo[1590]

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 2

Thánh Vlasius là một người chăn cừu, quê quán tại Caesarea Cappadocia[1591] . Khi cuộc đàn áp bùng nổ và người ta truy lùng các Kitô hữu, Vlasius, với tư cách là một Kitô hữu, cũng bị truy lùng khắp các vùng lân cận. Biết được điều này, Thánh Vlasius tự nguyện nộp mình vào tay những kẻ tra tấn, những kẻ đã trói chặt và đánh đập ngài bằng dây gân bò. Nhưng Thiên Chúa đã chữa lành các bệnh tật và làm lành các vết thương của ngài. Khi biết được điều này, quan tổng trấn đã gọi phép lạ đó là phù phép và ra lệnh sau những cực hình đó, ném vị thánh vào nồi nước sôi. Trước sự kinh hoàng của tất cả những người có mặt, vị tử đạo vẫn bình an vô sự và trong nồi nước sôi, ngài còn trò chuyện với đám đông xung quanh, bởi vì các Thiên thần của Chúa đã hiện ra và bảo vệ ngài khỏi mọi tổn thương. Ngay sau đó, theo lệnh của quan tổng trấn, các binh lính đến để lôi vị thánh tử đạo ra khỏi nồi; khi thấy ngài đang hát cùng các Thiên thần, các binh lính cũng tuyên xưng mình là Kitô hữu. Biết được điều này, quan tổng trấn đã cử những binh lính khác đến, nhưng khi đến nơi, họ cũng tự xưng là Kitô hữu. Sau đó, chính vị quan tổng trấn cũng đích thân đến đây và thấy vị thánh đang ở trong nước sôi. Nghĩ rằng nước đã nguội, vị quan tổng trấn rửa mặt bằng nước đó và ngay lập tức bị bỏng mặt, rồi qua đời vì vết bỏng đó. Sau khi dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô nhờ những phép lạ của mình, Thánh Vlas đã cầu nguyện với Thiên Chúa và dâng linh hồn thánh thiện của mình lên Ngài. Những người có mặt lúc ngài qua đời đã thấy một con bồ câu bay lượn trên thi thể ngài. Còn cây gậy chăn cừu của Thánh Vlasiy, khi được cắm xuống đất, đã mọc thành một cây cổ thụ khổng lồ, với những cành lá che phủ bàn thờ của nhà thờ được xây dựng trên di cốt của vị thánh[1592] .

[1587] Thánh tích của Thánh Simeon Người Đón Chúa đã được chuyển đến Constantinople dưới triều đại Hoàng đế Justin II (565–578) và được an táng tại Nhà thờ Chalkoprateios, trong nhà nguyện dành cho Thánh Giacôbê, anh em của Chúa, do vị hoàng đế này xây dựng. Hộp đựng thi hài của Thánh Simeon Người Đón Chúa cũng đã được vị hành hương người Nga của thế kỷ XII, Tổng Giám mục Novgorod Antony, chiêm ngưỡng tại đây.

[1588] Về Thánh Simeon, người đã đón nhận Hài Nhi Giêsu được dâng vào đền thờ vào lòng mình và ban phước lành cho Đức Mẹ Maria và Thánh Giuse, nhiều người cho rằng ngài là một linh mục tại đền thờ Giêrusalem, giống như Thánh Zacharia, người trước đó đã đón nhận Hài Nhi Maria – người sẽ trở thành Mẹ của Chúa Giêsu – khi bà được đưa vào đền thờ. Các vị sau đây đã đề cập đến điều này: Thánh Athanasius Đại Đế – trong cuốn sách về bản tính chung của Chúa Cha và Chúa Con; Thánh Cyril thành Jerusalem – trong bài giảng về Lễ Dâng Chúa; Thánh Epiphanius – trong giáo lý về các tổ phụ Cựu Ước, và những vị khác. Phúc Âm không đề cập đến chức vụ cụ thể của thánh Simeon, nhưng trong các bài thánh ca của Giáo Hội, ngài được gọi là "linh mục", "người thánh hiến", "người thi hành chức vụ thánh", "người dâng các của lễ theo luật định" và "người thanh tẩy dân Israel bằng các của lễ bằng máu". Chính những hành động của Thánh Simeon trong lễ Dâng Chúa (Lc 2:23–37) cũng cho thấy ngài là một linh mục.

[1589] Lc 2:36–38. – Để biết thêm chi tiết về Thánh Anna, nữ tiên tri, xin xem trong Truyền thuyết về Lễ Dâng Chúa

[1590] Ngài còn được gọi là Vukol, bắt nguồn từ từ Hy Lạp βουκυλος – người chăn cừu.

[1591] Cappadocia nằm ở phía đông Tiểu Á; Caesarea là thành phố chính của Cappadocia.

[1592] Thánh Tử đạo Vlasy đã sống và qua đời vào thế kỷ III.

Lễ kính các thánh tử đạo Adrian và Evvul

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 2

Các thánh tử đạo Adrian và Evvul xuất thân từ thành phố Vannia[1593] . Tràn đầy tình yêu dành cho những người làm chứng cho Chúa Kitô, họ đã lên đường đến thành phố Caesarea[1594] và tại đó, qua những lời nói và lối sống trong sạch của họ, người ta nhận ra rằng họ là Kitô hữu. Vì vậy, họ bị bắt giữ và đưa ra xét xử trước quan tổng trấn vùng Firmilian. Theo lệnh của quan này, họ bị đánh vào vai và sườn, đồng thời phải chịu những hình phạt tàn bạo khác nhằm ép buộc họ từ bỏ Đức Kitô. Nhưng vì họ vẫn kiên định trong đức tin, nên Firmilian và những người có mặt tại đó đã nổi giận, và quyết định ném các thánh cho thú dữ xé xác. Thánh Adrian là người đầu tiên bị ném xuống. Bị sư tử bắt được, ngài đã dũng cảm chiến đấu với nó, sau đó bị chém đầu bằng gươm. Còn Thánh Evbul thì người ta vẫn cố gắng thuyết phục ngài từ bỏ đức tin bằng đủ mọi lời khuyên nhủ và cám dỗ, nhưng ngài vẫn kiên quyết không lay chuyển, vì thế ngài cũng bị ném cho thú dữ. Ngài cũng đã chiến đấu với con sư tử và qua đời, bị chém đầu bằng gươm, giống như Thánh Adrian.

Cuộc đời của Thánh Công tước Roman, vị thánh làm phép lạ ở Uglich[1595]

Ngày kỷ niệm: 3 tháng 2

Thánh Công tước Roman Uglich, người có đức tin vững vàng, đã sống trong thời kỳ khó khăn khi người Tatar xâm lược đất Nga. Ông là con trai thứ hai của Công tước Vladimir Konstantinovich, Công tước thứ hai của Uglich, và là cháu nội của Konstantin Vsevolodovich, ban đầu là Công tước của Rostov, Yaroslavl và Uglich, sau đó trở thành Đại Công tước của Vladimir[1596] . Vladimir Konstantinovich đã được phong lãnh địa Ugliche, hay thành phố Uglich, từ khi còn nhỏ[1597] . Sau khi kết hôn với công chúa Fotini, ông có hai người con trai là Andrei và Roman[1598] .

Trong thời gian Vladimir trị vì tại Uglich, một cơn bão khủng khiếp đã ập xuống vùng đất Nga, và cả Uglich cũng không ngoại lệ: Baty, sau khi tàn phá Moscow và Vladimir cũng như thảm sát gia đình Đại công tước tại đây, đã tiến quân qua sông Volga, nơi Đại công tước Yuri Vsevolodovich đã rút lui để tập hợp quân đội. Trên đường đi, người Tatar đã đặt tất cả các thành phố mà họ đi qua dưới sự thống trị của mình, còn những thành phố không chịu khuất phục thì bị tàn phá và dân cư bị tàn sát. Trước nguy cơ rõ ràng và không thể tránh khỏi, Công tước Vladimir của Uglich quyết định không chống cự một cách vô ích, mà cứu lấy thành phố và dân cư bằng cách

---

[1593] Thành phố Vannia, hay Vann, nằm trên bờ đông của hồ hiện nay mang cùng tên đó, tại Armenia.

[1594] Thành phố Caesarea nằm ở Palestine và tọa lạc bên bờ Biển Địa Trung Hải. Nơi đây từng là nơi cư ngụ của các quan chức La Mã cai quản vùng Palestine.

[1595] Năm 1605, kể từ ngày 3 tháng 2, những phép lạ bắt đầu xảy ra từ di cốt của Thánh Công tước Roman Uglichsky. Vào thời điểm đó, Đức Thượng phụ Iov đã giao nhiệm vụ cho Đức Tổng Giám mục Kazan Hermogenes (sau này trở thành Đức Thượng phụ) đến Uglich để kiểm tra di cốt của Thánh Công tước và xác minh thông tin về các phép lạ. Với sự ban phước của Thượng phụ Iov, Tỉnh trưởng Semen Romanovich Olferiev và tu sĩ Sergiy thuộc Tu viện Danilov ở Pereyaslav đã soạn thảo tiểu sử, nghi thức thánh lễ và mô tả các phép lạ (từ ngày 3 tháng 2 năm 1605) của Thánh Công tước Roman. Sau khi thành phố Uglich bị quân Litva tàn phá vào năm 1609, cuốn tiểu sử mới được viết này, cũng như các ghi chép về các phép lạ từ ngày 3 tháng 2 đến ngày 2 tháng 3 năm 1605, đã không thể tìm thấy; người ta chỉ sao chép lại nghi thức thánh lễ và các ghi chép về các phép lạ từ ngày 2 tháng 3. Dựa trên bản thảo được lưu giữ tại Nhà thờ Preobrazhensky ở Uglich, câu chuyện về các phép lạ của Thánh Công tước Roman đã được in trong Tạp chí Giáo phận Yaroslavl, năm 1873, số 46–48 và dưới dạng một cuốn sách nhỏ riêng biệt: “Câu chuyện về các phép lạ của Thánh Công tước Roman, vị thánh làm phép lạ ở Uglich”. Yaroslavl. 1874. Nghi thức thánh lễ và câu chuyện về các phép lạ này cũng được biết đến qua một số bản thảo khác. Sau khi bản tiểu sử được viết vào năm 1605 bị thất lạc, sau đó, vào thế kỷ XVIII, tại Nhà thờ Chính tòa Preobrazhensky ở Uglich, một bản tiểu sử mới và chi tiết đã được biên soạn “dựa trên các sử gia cổ đại và các nhà địa lý lịch sử đáng tin cậy”; theo danh mục thế kỷ XVIII, cuốn tiểu sử này đã được in trong Tạp chí Giáo phận Yaroslavl năm 1889, số 48–49 và dưới dạng một tập sách riêng: “Tiểu sử của Thánh và Công tước Roman Vladimirovich, vị Thánh làm phép lạ ở Uglich”. Yaroslavl. 1890. Các thông tin trong “Câu chuyện” và “Cuộc đời” được đề cập ở đây đã được kiểm chứng trong bài viết này dựa trên các tài liệu tham khảo từ các biên niên sử và các nguồn chứng cứ khác.

[1596] Konstantin là con trai của Đại công tước Vsevolod III Yuryevich “Bolshoye Gnezdo”, sinh năm 1185; từ năm 1207, ông là công tước cai trị các vùng Rostov, Yaroslavl và Uglich, và từ năm 1216 là Đại công tước Vladimir; ông qua đời vào năm 1219.

[1597] Ông sinh khoảng năm 1214.

[1598] Công tước Vladimir kết hôn vào năm 1232; công tước Andrei sinh năm 1233, còn Roman sinh ngày 1 tháng 10 năm 1235.

bày tỏ sự khuất phục trước người Tatar. Tuy nhiên, bản thân ông cùng gia đình không muốn chịu nhục nên đã tìm cách thoát thân về phía bắc, rút lui vào lãnh thổ Novgorod. Sau trận chiến thảm khốc trên sông Siti và cái chết của Đại công tước Yuri, các công tước Nga buộc phải công nhận quyền lực của người Tatar và nộp cống phẩm cho họ. Công tước Uglich cũng phải chấp nhận số phận này; sau khi Batyu rút quân về phía nam, giống như các công tước khác, khi nguy hiểm qua đi, ông trở về Uglich và tiếp tục cai trị, nhưng với tư cách là một phụ tá của khan. Không rõ liệu Công tước Vladimir có đến triều đình Hồi giáo để bày tỏ sự phục tùng đối với Khan hay không, như những gì được yêu cầu và như tất cả các công tước có quyền lực khác đều phải làm. Truyền thuyết được ghi chép trong cuốn tiểu sử dài dòng cho biết, Vladimir không đến trại của Hãn, nhưng để tránh trách nhiệm, ông cũng không ở lại Uglich, mà sống lang thang ở các thành phố khác và qua đời tại Vladimir vào ngày 27 tháng 12 năm 1249. Thi hài của ngài ngay sau đó đã được vợ và các con đưa về Uglich và an táng tại Nhà thờ Chính tòa Preobrazhensky.

Thời thơ ấu của Công tước Roman, cũng như của anh trai cả Andrei, đã trôi qua trong những lo âu và tai ương khủng khiếp, phần lớn là trong cảnh lưu đày và lang thang, hơn là được sống yên bình bên cha mẹ tại Uglich.

Sau khi Vladimir qua đời, con trai cả của ông là Andrei, khi đó mới 16 tuổi, đã trở thành Công tước Uglich. Tuy nhiên, mẹ ông vẫn ở bên cạnh và là người trực tiếp chăm sóc các con. Andrei qua đời vào năm 1261 mà không để lại con cái, và ngôi vị Công tước Uglich được truyền lại cho em trai ông là Roman, khi đó mới 26 tuổi.

Lớn lên trong gia đình sùng đạo của Công tước Vladimir Konstantinovich giữa những lo âu và thử thách khủng khiếp, sau khi dành không ít thời gian lang thang khắp nơi, Công tước Roman nổi bật bởi lòng sùng đạo và không có xu hướng thích cuộc sống ồn ào hay vui chơi. Là người có học thức, ông dành thời gian đọc sách, yêu mến các nhà thờ của Chúa, các vị linh mục và các nghi lễ thánh. Trong thời kỳ trị vì của ông, nhiều nhà thờ đã được xây dựng tại Uglich và trên lãnh thổ công quốc Uglich, nơi dưới sự cai trị của ông đã được hưởng hòa bình, trong chừng mực có thể trong thời kỳ khó khăn dưới ách thống trị của người Tatar. Quyền lực của Công tước Roman, ngoài Uglich, còn mở rộng sang các thành phố khác: Kashin, Vezhetsky Verkh, Ustyuzhna, Dmitrov, Zvenigorod. Ông cũng là người đã xây dựng thành phố mới Romanova trên bờ cao bên trái sông Volga, đối diện với khu định cư Borisoglebskaya.

Công tước Roman nổi tiếng với lòng từ thiện, luôn quan tâm đến việc thành lập các trại cứu tế và nhà trọ cho khách lữ hành.

Năm 1265, Công tước Roman kết hôn với Công chúa Alexandra, nhưng không có con cái. Cùng sống với ông tại Uglich là mẹ ông, Công nương Fotini, một người sùng đạo; khi về già, bà đã xuất gia với pháp danh Evdokia, qua đời năm 1278 và được an táng tại Uglich bên cạnh chồng mình. Năm 1281, Công tước Roman mất cả người vợ Alexandra và sống những năm tháng cuối đời trong cô độc, dành trọn tâm huyết cho các việc làm và hành động thể hiện lòng sùng đạo. Ngài qua đời trong bình an vào ngày 3 tháng 2 năm 1285, khiến các thần dân và các vị công tước họ hàng – những người yêu mến và kính trọng ngài – vô cùng thương tiếc. Thi hài của Công tước Roman được an táng tại Nhà thờ Chính tòa Biến Hình Chúa, bên cạnh lăng mộ của cha, mẹ, anh trai và vợ ông.

Đúng 200 năm sau khi Công tước Roman qua đời, tức là vào năm 1485, Công tước Andrei Vasilyevich của Uglich[1599] đã bắt tay vào việc xây dựng một nhà thờ Chính tòa Biến Hình Chúa mới, bằng đá, trong pháo đài của thành phố Uglich. Trong khi đào hào để làm nền móng cho nhà thờ mới, Chúa đã ban cho Công tước Andrei được tìm thấy thi hài bất hoại của Công tước Roman; thi hài này sau đó được an táng trong nhà thờ mới xây dựng và nằm yên tại đó, nguyên vẹn và không hư hại, trong hơn một trăm hai mươi năm. Từ thi hài bất hoại này, đã xảy ra vô số phép lạ chữa lành các bệnh tật khác nhau. Cả cư dân Uglich lẫn các vùng lân cận đều kính trọng và tôn vinh di cốt của vị hoàng tử thánh, nhưng không có sự công nhận chính thức từ phía các nhà chức trách Giáo hội.

Sau khi Hoàng tử Dmitri bị sát hại tại Uglich vào cuối thế kỷ XVI và những năm đầu thế kỷ XVII, những phép lạ chữa lành kỳ diệu dành cho những người bệnh đổ xô đến thánh tích của Thánh Công tước Roman bắt đầu diễn ra đặc biệt thường xuyên. Danh tiếng về những phép lạ này lan rộng khắp nơi, và Đức Thượng phụ Iov đã giao nhiệm vụ cho Đức Tổng Giám mục Hermogenes của Kazan đến tận nơi để kiểm chứng các di vật thánh và những câu chuyện về các phép lạ. Sau cuộc kiểm chứng này, Đức Thượng phụ Iov đã ban phước cho việc soạn thảo tiểu

[1599] Andrei Vasilyevich, con trai của Đại công tước Vasily Vasilyevich "Người Mù" và là anh trai của Đại công tước Ioann Vasilyevich III, cai trị tại Uglich từ năm 1462; năm 1422, ông bị Ioann III giam cầm tại Pereyaslavl, nơi ông qua đời vào năm 1494.

sử, các bài thánh ca và kinh cầu dành cho Thánh Roman, cũng như bản tường thuật về các phép lạ kể từ ngày 3 tháng 2 năm 1605[1600] .

Năm 1609, thành phố Uglich phải hứng chịu một thảm họa lớn, giống như toàn bộ nước Nga thời bấy giờ: cuộc tàn phá của người Litva. Thành phố Uglich bị chiếm đóng, rất nhiều cư dân bị giết hại, còn các ngôi nhà, pháo đài và các thánh đường của Chúa thì bị cướp bóc và đốt cháy. Kẻ thù cũng xông vào Nhà thờ Chính tòa Preobrazhensky, cướp bóc và đốt phá nhiều thứ, đồng thời cố tình phá hủy các di cốt của Thánh Công tước Roman, vốn được an táng tại đó. Những tín đồ sùng kính Thánh Roman đã thu thập những mảnh xương bị cháy của di cốt ngài: đầu, xương sườn, tay và chân, đặt vào một hòm thánh mới và lại an táng tại Nhà thờ Chính tòa Biến Hình, nơi chúng vẫn được an nghỉ cho đến ngày nay.

Lễ kính Thánh Tiên tri Azaria.

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 2

Thánh Azaria, con trai của Oded, đã tiên tri vào thời vua Asa của Giu-đa[1601] . Nhân dịp chiến thắng lẫy lừng của vua Asa trước vua Zara của Ê-thi-ô-pi, Azaria, được Thánh Thần của Đức Chúa Trời soi dẫn, đã thuyết phục vua và dân chúng từ bỏ việc thờ lạy thần tượng và trung thành phụng sự Đức Chúa Trời Chân Thật. Được khích lệ bởi lời tiên tri của A-xa-ri-a, vua và dân chúng đã loại bỏ các thần tượng khỏi khắp xứ Giu-đa và Bê-ni-a-min. Nhiều người trong số dân Y-sơ-ra-ên lúc bấy giờ cũng quay về với Đức Chúa Trời Chân Thật, và sau khi tụ họp tại Giê-ru-sa-lem, họ đã lập giao ước với Đức Chúa Trời, thề hứa sẽ không bao giờ xa lìa Ngài. Và Đức Chúa Trời đã ban phước cho họ bằng sự bình an lâu dài[1602] .

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Papias, Diodorus và Claudianus

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 2

Các thánh tử đạo Papias, Diodorus và Claudian đã chịu tử đạo dưới triều đại của hoàng đế Decius[1603] tại thành phố Attalia thuộc Pamphylia[1604] . Họ chăn nuôi gia súc trên quê hương mình và, với tư cách là những Kitô hữu, đã truyền bá đức tin vào Chúa Kitô cho những người ngoại đạo. Do đó, họ bị tố cáo, và theo lệnh của quan tổng trấn vùng Pavlin, họ bị bắt giữ và đưa đến trước mặt ông để xét xử. Trong buổi thẩm vấn, họ can đảm tuyên xưng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật và, với đức tin vững chắc nơi Ngài, họ khẳng định rằng Ngài là Đấng Tạo Hóa của trời đất và mọi sự trên đó, và rằng ngoài Ngài ra, không có Thiên Chúa nào khác. Nghe vậy, quan tổng trấn vùng nổi giận và ra lệnh tra tấn các thánh nhân bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhưng vì không thể ép buộc họ từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô bằng những hình thức đó, nên ông đã ra lệnh chém đầu họ bằng gươm. Như vậy, các thánh tử đạo đã qua đời vì Chúa Kitô và nhận được vương miện tử đạo từ Ngài. Các tín hữu Kitô giáo đã an táng thi hài các ngài một cách trang trọng để tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Ngày 17 tháng 2

ngày 4 tháng 2 (theo lịch cũ)

[1600] Cuộc đời của Thánh Roman và mô tả về những phép lạ đầu tiên của ngài đã bị thất lạc trong cuộc tàn phá của người Litva. Chỉ còn lưu giữ lại, cùng với nghi thức thánh lễ dành cho Thánh Roman, mô tả về những phép lạ từ di cốt của ngài kể từ ngày 2 tháng 3 cùng năm 1605.

[1601] Vào thế kỷ X trước Công nguyên.

[1602] Câu chuyện về nhà tiên tri Azaria được ghi lại trong 2 Sử ký 15:1–19.

[1603] Hoàng đế Decius là một trong những kẻ bách hại Kitô hữu tàn bạo nhất, với mục đích tiêu diệt hoàn toàn Kitô giáo trong Đế quốc La Mã. Ông trị vì trong hai năm, từ năm 249 đến năm 251.

[1604] Pamphylia nằm ở phía nam Tiểu Á, bên bờ Biển Địa Trung Hải. Phía bắc giáp với Pisidia, phía tây giáp với Lycia, còn phía đông giáp với Cilicia. Thành phố Attalia, nay là Adalia, là thành phố ven biển của tỉnh và là nơi cư ngụ của quan tổng trấn.

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Đại Công tước Georgy Vsevolodovich, người có đức tin vững vàng[1605] .

Kỷ niệm Thánh Isidor Pilusiotsky, vị cha đáng kính của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 2

Thánh Isidor xuất thân từ Alexandria[1606] . Ngài sinh ra trong một gia đình quý tộc và sùng đạo, đồng thời là họ hàng của Thánh Theophilus, Tổng Giám mục Alexandria, và Thánh Cyril, người kế vị Thánh Theophilus. Sau khi học thành công các môn khoa học thế tục và trau dồi sự khôn ngoan thiêng liêng, Isidor mong muốn cống hiến cuộc đời mình để phụng sự Đức Chúa Trời. Ngay từ khi còn trẻ, ngài đã từ bỏ danh vọng và của cải trần gian, coi thường dòng dõi quý tộc của mình và xem mọi thứ như tro bụi, rồi lên núi Pilusiot[1607] . Tại đó, sau khi thụ phong tu sĩ, ngài đã sống một đời tu hành khắc khổ[1608] . Sự khôn ngoan thiêng liêng và lối sống nghiêm khắc của Isidore đã thu hút nhiều người nhiệt thành với đức tin đến với ngài, và chính họ đã bầu chọn ngài làm vị trụ trì và linh mục[1609] . Nhờ những việc tu hành nghiêm ngặt và trình độ học vấn cao, Thánh Isidore đã giành được sự kính trọng đến mức không chỉ các giám mục và quý tộc, mà cả hoàng đế và các tổng giám mục Alexandria cũng tìm đến ngài để xin lời khuyên và chỉ dẫn, và ngài được mọi người kính trọng sâu sắc.

Nhà sử học Giáo hội Evagrius[1610] , khi nhắc đến Isidore, đã nói như sau: "Trong triều đại của Theodosius[1611] , Isidore Pilusiotsky được tôn vinh vô cùng; danh tiếng của ngài, với tư cách là một người đàn ông đức hạnh và có tài giảng dạy, đã lan rộng khắp nơi, và tên tuổi của ngài được mọi người ca ngợi. Ông đã làm việc đến mức kiệt sức đến nỗi cuộc đời ông dường như là cuộc đời của một vị thiên thần trên trần gian. Ông là tấm gương sống về đời sống tu hành và sự suy ngẫm về Thiên Chúa, đồng thời đã viết rất nhiều tác phẩm hữu ích để hướng dẫn người khác."

Nhà sử học Nikifor[1612] , khi làm chứng về cuộc đời đạo đức của Isidor, đã nói: "Isidor Thánh từ thuở thiếu thời đã đổ biết bao mồ hôi trong những công việc tu hành và đã tự chế ngự xác thịt mình đến mức ấy, đồng thời nuôi dưỡng linh hồn bằng những giáo lý huyền bí và cao cả, đến nỗi trong mắt mọi người, ngài dường như đang sống một cuộc đời theo gương Phúc Âm một cách trọn vẹn. Ngài là trụ cột sống động và tràn đầy linh hồn của các quy tắc tu viện và của sự chiêm niệm thiêng liêng, và như thể là mẫu mực cao nhất để noi theo và học hỏi về đời sống thiêng liêng. Isidore đã viết rất nhiều lời dạy hữu ích và đa dạng. Sau khi ngài qua đời, còn lại tới mười nghìn bức thư gửi cho nhiều người khác nhau, tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa và sự khôn ngoan của con người, trong đó ngài giải thích toàn bộ Kinh Thánh và uốn nắn đạo đức cho mọi người".

Từ những chứng từ này, có thể thấy rõ Thánh Isidore là một vị thánh vĩ đại của Thiên Chúa. Mặc dù không còn lưu giữ được cuốn tiểu sử chi tiết về ngài, nhưng chỉ cần những lời tóm tắt của các nhà sử học cũng đủ để nhận

---

[1605] Ngài đã hy sinh trong trận chiến với người Tatars trên sông Siti vào ngày 4 tháng 3 năm 1238. Xác thánh của ngài được an táng tại Nhà thờ Chính tòa Vladimir.

[1606] *Alexandria* – một thành phố ở miền bắc Ai Cập, nằm tại cửa sông Nile; được Alexander Đại đế thành lập vào năm 331 trước Công nguyên. Nơi đây từng là trung tâm khoa học ngoại giáo và là thành phố thương mại hàng đầu trên thế giới. Vào đầu thế kỷ thứ 4, thành phố này trở thành trung tâm giáo dục Kitô giáo và là nơi cư ngụ của tổng giám mục. Hiện nay, Alexandria là một trong những cảng được củng cố vững chắc nhất và là một trong những trung tâm thương mại quan trọng nhất ở vùng Địa Trung Hải.

[1607] *Núi Pilusiotskaya* nằm ở Hạ Ai Cập, gần sông Nile. – *Pilusia,* hay *Pelusa* – là một trong những thành phố ở miền Bắc Ai Cập.

[1608] Sống tại đây trong sự ẩn dật sâu sắc, Isidore đã tận tâm dấn thân vào những việc làm cao cả của đời sống tu hành. Ông mặc áo làm từ lông cứng và chỉ ăn rễ cây và cỏ dại. Từ đây, Thánh Isidore đã lên đường đến Constantinople để được gặp và nghe Thánh Gioan Vàng Miệng giảng dạy. Những gì Isidor đã thấy và nghe được từ Thánh Vàng Miệng, cũng như các tác phẩm của ngài, đã trở thành đối tượng nghiên cứu kỹ lưỡng và nguồn cảm hứng cho Isidor trong suốt quãng đời còn lại, đến nỗi sự sáng suốt, sự giản dị và lòng nhiệt thành của Thánh Vàng Miệng đã trở thành một phần trong con người Isidor và in dấu ấn sâu đậm trong mọi hành động của ông. Khi trở về tu viện Pilusiot, ngài tiếp tục cuộc sống tu hành của mình, không ngần ngại vạch trần những kẻ đạo đức giả và những kẻ gây tổn thương: ngài đã vạch trần vị giám mục của mình vì đã định giá các chức vụ, và các quan chức dân sự vì sự thiên vị của họ.

[1609] Sự khiêm tốn trong trang phục, giữ im lặng, ăn uống đạm bạc, làm từ thiện cho người nghèo – đó là những nguyên tắc mà Thánh Isidore truyền dạy cho các tu sĩ của mình và được minh chứng bằng chính tấm gương sống động của cuộc đời ngài.

[1610] *Evagrius* – nhà sử học Giáo hội thế kỷ thứ 6.

[1611] *Theodosius II* Trẻ, cháu nội của Theodosius Đại đế, là Hoàng đế Byzantine từ năm 408 đến năm 450.

[1612] *Nikifor Kallist,* sống vào thế kỷ 14, đã viết cuốn "Lịch sử Giáo hội".

ra sự thánh thiện và sự khôn ngoan của ngài, vì ngài là tấm gương về đời sống đạo đức cho mọi người và đã làm tràn ngập vũ trụ bằng những tác phẩm đầy sự khôn ngoan của Thiên Chúa. Ngài là người bảo vệ vĩ đại của Thánh Gioan Vàng Miệng, người đã bị tước bỏ chức giám mục một cách bất công, và ngài đã viết nhiều thư gửi cho Thượng phụ Theophilus của Alexandria và Hoàng đế Arcadius[1613] , khuyên nhủ họ từ bỏ hành động xấu xa của mình; và mặc dù không đạt được thành công, nhưng ngài đã vạch trần sự độc ác và sự dối trá của họ. Và sau khi Thánh Zlatoust qua đời, ngài đã thuyết phục bằng văn bản Thánh Cyril của Alexandria, người kế nhiệm Thánh Theophilus, ghi tên John vào danh sách các thánh của Giáo hội[1614] với tư cách là một vị chứng nhân vĩ đại, người đã phải chịu nhiều đau khổ vì lẽ thật dưới tay những kẻ ác.

Ngài cũng đã viết thư cho Hoàng đế Theodosius, khuyên nhủ ngài hãy quan tâm đến hòa bình trong Giáo hội. Và ngài đã thúc giục ông triệu tập Công đồng Đại kết lần thứ ba tại Ê-phê-sô[1615] để chống lại những kẻ dị giáo gian ác; vì chính ngài là một người nhiệt thành bảo vệ đức tin, là kẻ thù mạnh mẽ của những kẻ dị giáo, sẵn sàng chịu khổ và chết vì đức tin Chính thống, như có thể thấy qua những lời của ngài. Trong thư gửi cho một kẻ phỉ báng tên là Phê-ra-si-ô, ngài nói:

"Ta hỏi ngươi, kẻ đang chế giễu chúng ta và tự cho mình là vị thẩm phán sắc sảo và nghiêm khắc trước mặt chúng ta: nếu nhà vua đặt ngươi trên tường thành, ra lệnh canh gác và bảo vệ thành phố, và ngươi thấy kẻ thù đang đào hầm và phá hủy tường thành để dễ dàng xâm nhập vào thành phố hơn – thì ngươi có chống cự lại không, bằng mọi loại vũ khí và công cụ, ngăn chặn việc phá hủy tường thành và không cho kẻ thù xâm nhập; chắc chắn ngươi sẽ làm như vậy, để bảo vệ thành phố và chính mình khỏi kẻ thù, đồng thời thể hiện lòng trung thành và sự tuân phục tận tụy đối với nhà vua. Chẳng phải chúng ta, những người mà Thiên Chúa đã đặt làm thầy trong Hội Thánh của Ngài, cũng phải kiên quyết chống lại Arius[1616] , kẻ không chỉ tấn công bầy chiên của Đức Kitô bằng lời lẽ, mà còn hủy diệt nhiều người sao? Tôi coi việc chịu đựng mọi hoạn nạn vì sự nghiệp này là điều không đáng kể, và tôi không mong muốn điều gì hơn là chịu đựng mọi khổ nạn vì đức tin chân chính".

Từ những lời này của vị thánh, ta có thể thấy rõ lòng nhiệt thành của ngài đối với sự đạo đức; nhưng qua các thư tín của ngài, ta cũng có thể nhận ra những đức tính khác của ngài.

Sự trinh khiết, mà chính Isidore là người bảo vệ nghiêm ngặt, ngài ca ngợi nó hơn hẳn các đức tính khác, gọi nó là "nữ hoàng" mà mọi người đều phải tôn kính, dù ngài cũng không hạ thấp giá trị của cuộc hôn nhân trong sạch. Trong thư gửi cho Antony, nhà thần học, ngài viết: "Những ai giữ trinh tiết nên được so sánh với mặt trời, những góa phụ sống trong sự trong sạch – với mặt trăng, còn những ai sống trung thực trong hôn nhân – với các vì sao, giống như Thánh Tông đồ Phaolô đã nói: *'Vinh quang của mặt trời khác với vinh quang của mặt trăng, và khác với vinh quang của các vì sao; và mỗi vì sao lại khác nhau về vinh quang'* (1 Cô-rinh-tô 15:41). Ông khuyên nhủ những người say mê khoa học thế tục nên học cách sống đạo đức hơn là học nghệ thuật hùng biện. Trong thư gửi cho một tu sĩ tên là Patrid, ngài viết: "Tôi nghe nói về anh rằng anh có trí tuệ sắc sảo và tài năng bẩm sinh, nên đang miệt mài học nghệ thuật hùng biện để trở nên hùng hồn; nhưng con đường đời sống thiêng liêng chỉ có thể đi qua một cách an lành khi thực hiện những việc lành, chứ không phải nhờ vào tài hùng biện; vì vậy, nếu anh mong muốn nhận được phần thưởng bất tử, thì đừng bận tâm đến tài hùng biện, mà hãy chú tâm thực hiện những việc thiện với sự tận tâm".

[1613] *Arcadius* – con trai và người kế vị của Hoàng đế Theodosius Đại đế, trị vì từ năm 395 đến năm 408.

[1614] *Diptych* (từ tiếng Hy Lạp: "hai lần" và "gấp lại") – là hai bảng, trong đó một bảng ghi tên những người còn sống, còn bảng kia ghi tên những người đã qua đời. Ở nước ta, chúng được gọi là *"sách danh sách thánh lễ" (synodikon),* hoặc đơn giản là "danh sách tưởng niệm" và "sách tưởng niệm". Trong Giáo hội sơ khai, các Kitô hữu coi việc được ghi tên vào diptych của Giáo hội là một vinh dự; ngược lại, việc tên của ai đó không được ghi vào hoặc bị xóa khỏi diptych lại là điều đáng xấu hổ.

[1615] *Công đồng Đại kết lần thứ ba* được triệu tập vào năm 431 để giải quyết vấn đề dị giáo của Nestorius, Tổng Giám mục Constantinopolis, người đã gây rối loạn cho Giáo hội bằng giáo lý sai lầm về Bản thể của Chúa Giêsu Kitô, khi khẳng định rằng trong Ngài, Thiên tính không kết hợp với Nhân tính ngay trong chính sự Nhập thể, và vì thế gọi Ngài là "Đấng mang Thiên Chúa" chứ không phải "Đấng Thiên Chúa-Người", còn Đức Trinh Nữ Rất Thánh thì gọi là "Người sinh ra Chúa Kitô" chứ không phải "Mẹ Thiên Chúa". Sau khi lên án Nestorius và giáo lý của ông là dị giáo, các vị Thánh Phụ của Công đồng Đại kết lần thứ ba đã long trọng khẳng định giáo lý Chính thống rằng chúng ta phải tuyên xưng trong Chúa Giêsu Kitô của chúng ta một Ngôi Vị duy nhất và hai bản tính, đồng thời tôn vinh Mẹ Ngài là Đấng Trinh Nữ Vô Nhiễm, là Mẹ Thiên Chúa đích thực.

[1616] *Arius* (sống vào đầu thế kỷ IV) đã hạ thấp Con Thiên Chúa bằng học thuyết bất kính của mình, gọi Ngài là thụ tạo cao nhất, qua đó Thiên Chúa đã tạo dựng cả thế giới. Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất.

Tương tự như vậy, Isidore viết thư cho Giám mục Apollonius: "Vì không phù hợp và không nên ép buộc những người được tạo dựng với ý chí tự do, những người không bày tỏ ý muốn của mình và chống đối, phải theo đạo đức, nên ngài phải quan tâm đến việc soi sáng những ai đang ở trong bóng tối bằng những lời dạy tốt lành, cuộc sống tốt đẹp và những phẩm chất tốt đẹp."

Vị thánh này cũng dạy rằng người có đức hạnh không nên tự hào về những việc làm tốt của mình, mà phải khiêm nhường khi nghĩ về bản thân: "Người có một đức hạnh," ngài nói, "sẽ có một vương miện sáng chói; còn người thực hành nhiều đức hạnh nhưng tự nghĩ rằng mình đã làm ít điều tốt, nhờ quan điểm khiêm nhường đó về bản thân, sẽ có một vương miện sáng chói hơn nữa; khi nói đến đức hạnh, chính suy nghĩ trong lòng rằng mình đã làm được ít ỏi cũng xứng đáng được khen ngợi không kém gì chính những đức hạnh đã thực hiện; nhưng tôi xin nói một cách chân thật: ai giữ được suy nghĩ khiêm nhường, thì các đức hạnh của người ấy cũng sẽ rực rỡ hơn; còn ai không có suy nghĩ ấy, thì các đức hạnh rực rỡ của người ấy sẽ trở nên u ám, và những đức hạnh vĩ đại sẽ bị lu mờ. Vì vậy, ai mong muốn các đức hạnh của mình trở nên vĩ đại, hãy đừng coi chúng là vĩ đại, và chúng sẽ thực sự trở nên vĩ đại".

Khi dạy dỗ người khác như vậy, Thánh Isidore chính là người đầu tiên thực hành những điều mình dạy. Trong điều này, ngài noi gương Chúa, Đấng trước tiên tự mình thực hành, rồi sau đó mới dạy dỗ. Thánh Isidore không tự hào về những việc lành của mình, mà luôn sống khiêm nhường; và ngài kết hợp sự khiêm nhường với sự trong sạch, như đôi bò đang làm việc, kéo chiếc ách thánh thiện của Chúa Kitô.

Sự trong sạch của Thánh Isidore được thể hiện qua bức thư gửi cho Palladius, Giám mục thành Helenopolis[1617] , trong đó ngài khuyên nhủ rất nhiều về việc phải tuyệt đối tránh các cuộc trò chuyện với phụ nữ. "Nếu có những cuộc trò chuyện nào, – như Kinh Thánh đã chép – làm hư hỏng các thói quen tốt lành (1 Cô-rinh-tô 15:33), thì chính là những cuộc trò chuyện với phụ nữ, dù có lịch sự đến đâu, bởi vì chúng có thể làm hư hỏng con người bên trong một cách bí mật, thông qua những ý nghĩ xấu xa, và dù thân thể có được giữ trong sạch, linh hồn vẫn sẽ bị ô uế. Vì vậy, Thánh Isidore đã đưa ra lời khuyên cho vị giám mục này, người có thói quen hướng dẫn phụ nữ những điều hữu ích qua các cuộc trò chuyện trực tiếp – và tự hào rằng mình không cảm thấy bất kỳ ham muốn nào trong lòng. "Hãy tránh," ngài viết, "các cuộc trò chuyện với phụ nữ càng nhiều càng tốt, hỡi người đàn ông tốt lành! Bởi vì những ai mang trên mình chức thánh phải thánh thiện và trong sạch hơn cả những người ẩn dật trên núi và trong sa mạc. Những người trước lo lắng cho cả bản thân lẫn dân chúng, còn những người sau chỉ lo cho bản thân mình. Hơn nữa, những người trước được đặt ở vị trí vinh dự đến mức mọi người đều theo dõi và soi xét cuộc sống của họ, còn những người sau thì sống trong hang động, hoặc chữa lành vết thương của mình, hoặc suy ngẫm về khuyết điểm của bản thân, và có người còn tự đan vòng hoa cho mình. Nếu buộc phải gặp gỡ phụ nữ, hãy cúi mắt xuống, và dạy dỗ những người mà ngươi đến thăm phải giữ ánh mắt trong sạch. Và sau một cuộc trò chuyện ngắn gọn, đủ để củng cố và soi sáng tâm hồn họ, hãy lập tức ra về nhanh chóng, để cuộc gặp gỡ kéo dài không làm suy yếu và xáo trộn sức mạnh của ngươi, và, khi đã chiếm lĩnh ngươi như một con sư tử oai phong và uy nghiêm, không cắt đi bộ lông bờm – thứ thực sự làm nên con sư tử và bảo vệ phẩm giá hoàng gia của nó. Nếu ngươi muốn được phụ nữ kính trọng (và điều này đặc biệt cần được người đàn ông có đức hạnh quan tâm), thì đừng kết giao thân thiết với họ, và khi đó ngươi sẽ được họ kính trọng. Bởi vì điều đó thường trở nên khả thi nhất khi ta ít mong đợi nó nhất. Con người thường coi thường những ai phục vụ mình, nhưng lại kính trọng những ai không nịnh hót. Tính cách phụ nữ lại càng dễ mắc phải tật xấu này hơn cả. Khi được nịnh hót, người phụ nữ trở nên khó chịu; nhưng họ lại càng kính trọng và kinh ngạc trước những ai cư xử với họ một cách tự do và uy quyền. Nhưng anh nói rằng anh có những cuộc trò chuyện kéo dài với phụ nữ và không chịu bất kỳ tổn hại nào. Cứ cho là như vậy đi. Nhưng ai cũng biết rằng nước có thể mài mòn đá, và những giọt mưa rơi không ngừng lên chúng sẽ khoét thủng chúng. Hãy suy ngẫm xem, cái nào mềm mại hơn: nước hay những giọt nước? Tuy nhiên, tác động không ngừng của chúng còn vượt qua cả bản chất tự nhiên. Nếu một chất gần như không thể vượt qua được lại bị khuất phục – và

[1617] *Palladius của Helenopolis* (368–430), môn đệ của Thánh Dorotheus, người gốc Gaul, vào năm 388 đã đến Alexandria, từ đó sau đó ông lui về sa mạc lân cận, nơi Thánh Dorotheus cũng từng tu hành, và sau đó chuyển đến Bethlehem. Năm 399, ngài được bầu làm Giám mục Hê-lê-nô-pô-li, thuộc Bithynia, Tiểu Á. Sau đó, Hoàng đế Arcadius đã đày ngài đến Antinoe vì là người ủng hộ Thánh Gioan Vàng Miệng, nhưng vào năm 412, ngài được trở lại giáo phận của mình tại Hê-lê-nô-pô-li. Theo yêu cầu của quan tổng trấn Cappadocia là Lavs, vào năm 420, ngài đã biên soạn một tuyển tập các tiểu sử các thánh và những câu chuyện về các ngài, được đặt tên là "Lavsaik" để vinh danh ông. Do tính chất răn dạy và giáo huấn của tuyển tập này, theo quy định của Giáo hội, các đoạn trích từ đó được đọc trong các thánh lễ sáng của Mùa Chay.

ngay cả một thứ chẳng là gì so với nó cũng phải chịu đựng và suy yếu – thì liệu ý chí con người, vốn dễ dao động, có thể không bị khuất phục và sa ngã dưới tác động kéo dài hay không?"

Khi khuyên nhủ Giám mục Palladius như vậy, Thánh Isidore cũng dạy dỗ tất cả chúng ta về lối sống tiết độ, để chúng ta không chỉ bảo vệ thân xác khỏi sự sa ngã xác thịt, mà còn giữ cho linh hồn trong sạch khỏi những ý nghĩ tội lỗi.

Thánh Isidore đã để lại trong các tác phẩm của mình nhiều lời dạy về mọi đức tính, và qua những cuộc trò chuyện trực tiếp, ngài đã dạy dỗ mọi người về những đức tính này, sống đến tuổi thọ cao, và sau khi làm đẹp lòng Thiên Chúa, ngài đã an nghỉ trong bình an[1618] .

Bài ca Kondak, giọng 4:

Nhà thờ đã tìm thấy một bình minh mới đầy vinh quang, được chiếu sáng bởi những tia chớp từ lời dạy của ngài, và kêu lên: Hãy vui mừng, thánh Isidore, người khôn ngoan trước mặt Chúa.

Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Nicôlao, vị tu viện trưởng tu viện Studion

Ngày kỷ niệm: 4 tháng 2

Thánh Cha của chúng ta, Thánh Nicholas, sinh ra[1619] trên đảo Crete[1620] , tại một làng tên là Kidonia, cũng là quê hương của Thánh Tử đạo Vasilides, người đã chịu tử đạo cùng với mười vị tử đạo khác trên đảo Crete. Cha mẹ của Thánh Nicholas là những người Kitô hữu. Từ thuở ấu thơ, ngài đã được gửi đi học Lời Chúa. Khi cậu bé tròn mười tuổi và đã đủ thành thạo trong việc đọc các sách thánh, cha mẹ ngài đã gửi ngài đến Constantinople, đến với người chú của ngài, vị thánh phúc Theophanes, người đang là tu sĩ tại Tu viện Studion[1621] . Théophane đã nồng nhiệt đón nhận cháu trai mình và đưa cậu đến gặp vị tu viện trưởng của Tu viện Studion, Thánh Phêrô. Thánh Theodoros, nhận thấy cậu thiếu niên này sẽ trở thành một khí cụ được Chúa chọn, đã ban phước lành cho cậu và

[1618] Thánh Isidore qua đời vào khoảng năm 436. Thánh Isidore, dựa trên các tác phẩm của ngài, được coi là một trong những vị Giáo phụ vĩ đại của Giáo hội. Các tác phẩm của ngài chủ yếu là những bức thư. Số lượng các bức thư này, theo các ghi chép, từng lên tới 10.000, nhưng hiện nay không vượt quá 2.090. Những người cùng thời coi Thánh Isidore là *một nhà giải thích* Kinh Thánh giàu kinh nghiệm và thường xin ngài giải thích về những câu Kinh Thánh này hay câu Kinh Thánh kia. Thánh Isidore đã đáp ứng những mong muốn của những người cùng thời qua các bức thư. Số lượng thư của ngài với nội dung như vậy lên tới 3.000. Trong số các bức thư của Thánh Isidore còn được biết đến ngày nay, phần lớn chứa đựng những lời giải thích về Kinh Thánh, nơi Thánh Isidore được xem là môn đệ xuất sắc nhất của Thánh Gioan Vàng Miệng. Thánh Isidore không có nhiều thư về giáo lý. Tuy nhiên, giống như Thánh Gioan Vàng Miệng, ngài là một vị thầy thực tiễn. *"Triết học thực tiễn, theo lời ngài, là nền móng của tòa nhà và chính tòa nhà đó; logic là sự trang trí; sự chiêm niệm là vương miện." "Đức hạnh là sự hài hòa của tâm hồn."*

[1619] Năm 793

[1620] *Đảo Crete* (hay còn gọi là *Candia)* nằm ở phần phía đông của Biển Địa Trung Hải. Nhờ diện tích rộng lớn và đất đai màu mỡ, nơi đây trước đây được mệnh danh là "nữ hoàng của các hòn đảo" ở Biển Địa Trung Hải. Đạo Kitô đã bắt đầu ở đây từ thời các Tông đồ; những nền tảng đầu tiên của nó được đặt bởi những người chứng kiến sự kiện Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các Tông đồ, vì lúc đó cũng có người Crete hiện diện (Công vụ 2:11). Sau đó, đạo Kitô đã được củng cố và truyền bá tại đây bởi Thánh Phaolô, như có thể thấy trong thư ngài gửi cho Tít, người mà Thánh Phaolô đã bổ nhiệm làm giám mục tại Crete (Tít 1:5). Vào thế kỷ XVII, đảo Crete rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ.

[1621] *Tu viện Studion* là một trong những tu viện cổ xưa và nổi tiếng nhất tại Constantinopolis. Tu viện này được xây dựng (dành riêng cho Thánh Gioan Tẩy Giả) bởi quý tộc Studion, người đã di cư từ Roma đến Constantinopolis dưới thời Hoàng đế Constantine Đại Đế; tu viện được đặt tên là "Studion" theo tên của ông. Tại tu viện này, các tu sĩ đã sinh sống cho đến thời trị vì của Hoàng đế Copronymus, tuân thủ hiến chương của "Những người không ngủ". (Các tu sĩ này được gọi là "những người không ngủ" vì họ được chia thành ba nhóm, duy trì việc thờ phượng liên tục trong nhà thờ). Nhưng Copronymus, kẻ độc ác, đã khuấy động Giáo hội của Chúa bằng phong trào chống thánh tượng, trục xuất tất cả các tu sĩ khỏi Byzantium, và tu viện Studion trở nên hoang vắng. Sau thời Copronymus, các tu sĩ lại bắt đầu sinh sống tại nhà thờ Studion, nhưng với số lượng rất ít. Tu viện Studion, trong suốt thời gian tồn tại cho đến khi Constantinopolis thất thủ, đã được hưởng danh tiếng và đặc ân phi thường nhờ những đóng góp của các tu sĩ không ngừng nghỉ và dũng cảm dành cho Nhà nước và Giáo hội, đặc biệt là trong thời kỳ chống thánh tượng, khi các tu sĩ Studion đã chứng tỏ mình là những chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô. Nổi tiếng suốt nhiều thế kỷ, tu viện Studion hiện nay chỉ còn là đống đổ nát: chính tu viện đã bị biến thành một tu viện Hồi giáo, còn nhà thờ thì trở thành một thánh đường Hồi giáo.

bảo cậu tạm thời ở bên ngoài tu viện, trong một tòa nhà riêng biệt, nơi có trường học dành cho các thiếu niên. Khi Nikolai đã trưởng thành, vị tu viện trưởng, thấy cậu có sự khôn ngoan, cùng tính cách hiền lành và khiêm nhường, đã cho cậu vào sống trong tu viện và truyền giới tu sĩ cho cậu. Sau vài năm sống đạo đức trong tu viện, vị tu viện trưởng đã khuyên Nikolai nhận chức linh mục. Cũng tại tu viện Studion này, anh trai ruột của Nikolai, tên là Tit, đã đến gặp anh. Anh ta đã trốn chạy khỏi đảo Crete sau cuộc tấn công của người Saracen vào đảo[1622] , và đến gặp anh trai với tin buồn rằng cha mẹ họ đã bị bắt làm tù binh. Tít đã truyền đạt tin tức này cho anh trai trong nỗi đau buồn tột cùng và nước mắt. Nikolai, khi nhận được tin buồn như vậy, dù lòng đau xót vì cha mẹ, nhưng vẫn cố gắng an ủi em trai, khuyên nhủ anh đừng quá đau buồn.

– Đó là ý muốn của Đức Chúa Trời, – anh nói với em trai, – vì nếu không có ý muốn của Ngài, thì không một sợi tóc nào trên đầu chúng ta cũng không rụng (xem Mt 10:30; Lc 12:7). Ngài biết phải làm gì cho lợi ích của con người. Vì vậy, chúng ta hãy phó thác nỗi buồn và sự lo âu về cha mẹ cho Ngài. Còn chúng ta thì cần tự lo liệu để không bị chi phối bởi những ham muốn xác thịt và những cám dỗ của thế gian này, và để bàn tay của những kẻ thù vô hình không dẫn dắt chúng ta vào cõi tối tăm và bóng tối không lối thoát.

Tít cảm động và được an ủi bởi những lời của người anh em này, và theo lời khuyên nhủ của anh, ông đã xuất gia và trở thành một tu sĩ tốt lành.

Vào thời điểm đó, Giáo hội của Đấng Christ, dưới sự lãnh đạo của các mục tử tốt lành, đang sống trong hòa bình và yên tĩnh, nhưng sự bình yên ấy bỗng chốc bị phá vỡ bởi cơn bão phẫn nộ do những kẻ dị giáo chống thánh tượng gây ra, đứng đầu là vị vua độc ác Lê-vê người Armenia[1623] . Lêv người Armenia từng là một quý tộc[1624] dưới triều đại của vị vua sùng đạo Michael, được gọi là Rangav[1625] , nhưng bằng mưu mô, ông đã lật đổ Michael khỏi ngai vàng và tự mình lên ngôi. Để đạt được mục đích này, ông đã lợi dụng cuộc chiến giữa người Hy Lạp và người Bulgaria. Khi lên đường ra trận, nhà vua đã bổ nhiệm Lev làm chỉ huy các đơn vị phía đông trong quân đội của mình, mà không hề nghi ngờ rằng hắn đang âm mưu lật đổ ngài khỏi ngai vàng bằng mưu mô. Khi trận chiến nổ ra, quân Hy Lạp bắt đầu chiếm ưu thế và quân Bulgaria đã sẵn sàng tháo chạy. Nhưng Lev, sau khi đã thỏa thuận trước với các tướng lĩnh của mình – những người mà chính hắn đã hối lộ – đã bất ngờ ra lệnh cho các đơn vị của mình tháo chạy, dù không có ai truy đuổi. Người Bulgaria, khi thấy quân Hy Lạp rút lui vô cớ, ban đầu nghi ngờ họ đang lừa gạt, nhưng sau đó, khi thấy quân Hy Lạp không ngừng chạy trốn, họ đã lấy lại tinh thần, tiến công và truy đuổi họ trong một thời gian dài, tiêu diệt một số lượng lớn binh lính Hy Lạp, khiến vua Michael phải chịu thất bại hoàn toàn. Lêv đã đạt được mục đích của mình, bởi vì quân đội và dân chúng đều coi vị vua là kẻ hèn nhát và thiếu dũng khí, không biết cách chỉ huy trận chiến. Ông vội vàng tận dụng tâm lý chống đối vị vua này của dân chúng và quân đội. Sau thất bại, Michael trở về Constantinople. Còn Lê-v, sau khi ở lại Bithynia[1626] cùng quân đội để bảo vệ biên giới, đã ngay lập tức bắt tay vào thực hiện âm mưu độc ác mà ông đã ấp ủ từ lâu chống lại nhà vua. Ông tung tin đồn rằng người Hy Lạp phải chịu thất bại chỉ vì sự nhút nhát và hoàn toàn thiếu kinh nghiệm của nhà vua trong lĩnh vực quân sự. Bằng cách này, ông ta đã kích động toàn bộ quân đội chống lại Michael; quân đội này từ chối công nhận Michael là vua và tuyên bố chính Leo là vua. Khi tin đồn về hành động đó của Lê-vô đến tai Mi-khail, vị vua này, bất chấp lời khuyên của những người xung quanh, đã từ chối chống lại ông ta, nói rằng ngài không muốn vì mình mà dù chỉ một giọt máu Kitô hữu nào phải đổ ra trong cuộc nội chiến. Ông đã bí mật gửi cho Lê vương miện hoàng gia và áo choàng tím, đồng thời nói với ông ta: "Ta nhường vương quốc cho ngươi, hãy đến Constantinople mà không sợ hãi và trị vì đi."

Nhưng Lê-v đã đối xử vô cùng tàn nhẫn với Mi-khail, người đã nhường ngôi cho ông một cách khiêm nhường như vậy. Sau khi tiến vào Constantinople trong sự hoành tráng, ông lập tức giam cầm Mi-khail và vợ ông ta trên một hòn đảo; còn hai con trai của ông là Thê-ô-phi-la-ct và I-gna-ti-a – ông ra lệnh thiến họ.

[1622] *Người Saracen* là cư dân của Ả Rập. Ban đầu, tên gọi này dùng để chỉ một bộ tộc du mục chuyên cướp bóc, nhưng sau đó các nhà văn Kitô giáo đã áp dụng tên gọi này cho tất cả người Ả Rập và người Hồi giáo nói chung.

[1623] *Lê V người Armenia* – Hoàng đế Byzantine – người chống thờ hình tượng, trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[1624] Trong Đế chế La Mã và Đế chế Đông La Mã (Byzantine), những người thuộc tầng lớp thượng lưu, tương đương với tầng lớp quý tộc có dòng dõi cao quý của chúng ta, được gọi là *Patricii*.

[1625] *Mikhail I Rangav* – Hoàng đế Byzantine – trị vì từ năm 811 đến năm 813.

[1626] *Bithynia* – tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á, nằm dọc theo bờ Biển Đen, eo biển Bosphorus và eo biển Constantinople. Vào thế kỷ XIV, Bithynia đã bị người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục và hiện nay vẫn nằm dưới sự cai trị của họ.

Một thời gian sau khi lên ngôi, Lev, kẻ vô đạo, đã nổi loạn chống lại chính Đức Kitô Thiên Chúa và Giáo Hội Thánh của Ngài. Ông triệu tập một hội đồng vô đạo chống lại việc tôn kính các thánh tượng, và ra lệnh vứt bỏ các thánh tượng ra khỏi các nhà thờ của Thiên Chúa. Đức Thượng phụ Nikifor cùng với hội đồng các giám mục và tu sĩ trưởng đạo đức, cùng tất cả các vị cha được Thánh Thần soi dẫn, đã chống lại sự gian ác của vị vua này, khuyên can ông đừng làm tổn thương và đừng gây rối loạn cho Giáo hội của Đấng Christ bằng tà giáo. Nhưng vị vua vô đạo đã đuổi tất cả mọi người ra khỏi các điện thờ, nơi cuộc họp đạo đức đang diễn ra, một cách nhục nhã, và gửi họ đi lưu đày đến các quốc gia khác nhau.

Thánh Theodoros Studites cùng với môn đệ của ngài, Thánh Nicholas, đã phải chịu nhiều đau khổ dưới tay của hoàng đế Leo độc ác, bởi vì họ đã kiên quyết và dũng cảm chống lại sự độc ác của vị hoàng đế này. Ban đầu, cả hai cùng bị hoàng đế đày đến một vùng đất gần hồ Apolloniad, tại pháo đài Metopus[1627] . Dù bị giam cầm trong ngục tối suốt một năm, họ vẫn tiếp tục rao giảng giáo lý chân chính về việc tôn kính các thánh tượng và đã thuyết phục được nhiều người từ bỏ tà giáo. Nghe tin này, nhà vua đã trục xuất họ sang các nước phương Đông, đến thị trấn Vonita[1628] . Tại đây, họ lại bị giam giữ trong ngục tối, nơi theo lệnh của nhà vua, họ bị giám sát cực kỳ nghiêm ngặt, đến nỗi không ai được phép vào thăm và họ cũng không thể trò chuyện với ai. Nhưng các vị chứng nhân, do không thể giảng dạy đức tin cho mọi người bằng lời nói, đã truyền bá giáo lý của mình qua văn bản. Họ gửi các thông điệp từ ngục tù đến các tín hữu và, bằng cách đó, như những chiếc kèn vang dội, đã phá tan các giáo lý dị giáo, giống như những bức tường thành Giê-ri-cô, đồng thời sửa chữa và khôi phục các giáo lý đạo đức đang bị những kẻ dị giáo phá hoại. Khi biết được điều này, nhà vua đã cử một chiến binh tàn bạo tên là Anastasius đến để trừng phạt họ. Anastasius, khi đến nơi, đã tra tấn các vị chứng nhân một cách dã man, gây ra cho họ những vết thương khủng khiếp bằng những trận đòn roi, khiến thân thể họ bị xé nát thành từng mảnh. Trước khi trở về, tên tra tấn lại nhốt các vị thánh vào ngục tối, chặn hoàn toàn lối vào, và ra lệnh để họ chết đói. Các thánh tù nhân phải chịu đựng những cực hình khủng khiếp không chỉ từ những vết thương kinh hoàng, mà còn từ cả đói khát, bởi vì lính canh chỉ cung cấp cho họ một lượng rất ít bánh mì và nước – và thậm chí chỉ sau ba, bốn ngày, đôi khi là bảy ngày, đồng thời ném thức ăn qua cửa sổ kèm theo những lời chửi rủa và chế nhạo. Các vị tù nhân đã bị giam giữ trong ba năm. Nhưng chưa kịp để các vết thương trên cơ thể họ lành hẳn, họ đã phải chịu đựng những cực hình còn khủng khiếp hơn từ một kẻ tra tấn mới do nhà vua cử đến. Sứ giả này đến để điều tra về bức thư đã bị chặn lại và chuyển đến nhà vua. Bức thư được viết gửi cho các tín hữu Chính Thống Giáo nhân danh Thánh Phê-ô-đô-rô, do chính tay Thánh Ni-cô-la viết. Thông điệp này chứa đựng lời lên án gay gắt nhất đối với sự tàn ác của nhà vua và tà thuyết bài tượng hủy hoại linh hồn, đồng thời cũng chứa đựng những lời dạy dỗ tuyệt vời và đầy tính giáo huấn về đức tin. Đại sứ đã gọi các tù nhân ra khỏi ngục tối, cho họ xem bức thư và hỏi liệu họ có nhận ra đó là thư của mình hay không; các vị tử đạo đã trả lời một cách công khai rằng Thánh Theodor đã trình bày bằng lời nói, còn Thánh Nicholas đã viết nó bằng chính tay mình. Lúc đó, vị đại sứ tức giận đã bắt đầu tra tấn các tù nhân. Đầu tiên, ông ta tra tấn Thánh Nicholas. Theo lệnh của kẻ tra tấn, quần áo của Thánh Nikolai bị lột sạch, rồi ông bị lột trần, quăng xuống đất và bị đánh đập trong một thời gian dài. Sau khi bỏ lại Thánh Nikolai trong tình trạng bị đánh đến nửa sống nửa chết, hắn bắt đầu tra tấn Thánh Theodor, người bị đánh đập khắp người đến mức suýt nữa thì xương cốt cũng vỡ nát. Sau khi bỏ lại Theodor trong tình trạng nửa sống nửa chết, kẻ tra tấn lại quay sang Thánh Nicholas, mong dùng lời ngọt ngào để thuyết phục ngài đồng tình với nhà vua. Nhưng vị thánh không nghe theo lời hắn và cũng không khuất phục trước sự nịnh nọt của hắn, vẫn kiên định trong đức tin. Bị cơn thịnh nộ tột độ chi phối, kẻ tra tấn ra lệnh tra tấn Nikolai một cách tàn bạo nhất. Họ đánh đập khắp cơ thể ông trong một thời gian dài và, sau khi gây ra vô số vết thương, để ông trần truồng, nằm sấp trên mặt đất suốt cả đêm; lúc đó là mùa đông, trời lạnh giá, vì đang là tháng Hai. Nhưng vị thánh nhân vẫn kiên nhẫn chịu đựng mọi cực hình, đồng thời tạ ơn Chúa. Sau đó, tên tra tấn lại nhốt cả hai vị chứng nhân vào ngục tối, khóa chặt cửa lại rồi quay về báo cáo với nhà vua. Còn các vị thánh cha thì phải chịu những đau đớn khủng khiếp do vô số vết thương gây ra, vì những vết loét trên thân thể họ ăn sâu đến tận xương, còn da thì bị xé rách đến nỗi chỉ còn treo lủng lẳng trên người như những mảnh vải rách. Hình ảnh những người chịu khổ bị xé nát đến mức kinh hoàng đến nỗi khơi dậy lòng trắc ẩn ngay cả trong những trái tim thô lỗ của các chiến binh đang canh gác họ. Vì thương xót, các chiến binh đã mang nước ấm và dầu đến cho họ.

[1627] Hồ này nằm gần *Apollonia* – một thành phố cổ ở Illyria. *Mesopotia* hay *Metopa* – là pháo đài của Apollonia.
[1628] *Vonita* hay Bonita – nằm ở Anatolia, hay còn gọi là Tiểu Á.

Những người đau khổ dùng miếng vải thấm nước để rửa vết thương và bôi dầu lên đó, nhờ vậy vết thương của họ dần dần lành lại; còn phần da lỏng lẻo, không dính chặt vào cơ thể, họ đã cắt bỏ bằng một con dao nhỏ.

Nhưng khi đã trôi qua chín mươi ngày, kể từ khi các vị thánh nhân phải chịu đựng trong ngục tối, và những vết tích của những vết thương khủng khiếp vẫn còn trên thân thể họ, thì vị vua độc ác đã triệu tập họ đến vùng Smyrna[1629] và tại đó, sau khi lại tra tấn họ một cách tàn nhẫn, ông ta ra lệnh giam họ vào ngục tối, xiềng chân họ vào cùm. Tại đây, các vị thánh đã phải chịu đựng trong suốt hai mươi tháng, giữa những nỗi đau khổ và sự áp bức. Và Đức Chúa Trời đã nghe thấy các tôi tớ của Ngài kêu cầu Ngài ngày đêm; Ngài đã quan tâm đến những người bị giam cầm và đã cho phép vị vua độc ác phải chết: Lê-vơ đã bị chính các chiến binh của mình giết chết trong đền thờ. Sau khi Lê-v được chôn cất, vương trượng của vương quốc Hy Lạp được trao cho Mi-khail, người có tên là Valvos[1630] . Vị vua này, dù bản thân có thiên về phe chống thánh tượng, nhưng không bắt bớ các tín hữu vì việc tôn kính các thánh tượng, và cho phép mỗi người được tin theo ý muốn của mình. Ông thậm chí còn ban chiếu chỉ phóng thích tất cả những ai bị giam cầm trong ngục tối vì việc tôn kính thánh tượng. Vào thời điểm đó, Thánh Nicholas cùng với Thánh Theodore vĩ đại, sau khi được thả khỏi ngục tối, đã đến Chalcedon[1631] để gặp Thượng phụ Nikiforos, người đang bị giam cầm tại đây. Thánh Nikiforos đã vô cùng an ủi trước sự xuất hiện của họ và, khi nhìn thấy những vết thương đau đớn trên thân thể họ, đã tôn kính họ ngang hàng với các thánh tử đạo. Sau khi ở lại Chalcedon một thời gian, họ cùng với Đức Thượng phụ Nikiforos lên đường đến Constantinople, với mục đích thuyết phục chính hoàng đế từ bỏ chủ nghĩa chống thánh tượng và hướng ngài về con đường đạo đức. Tuy nhiên, các vị thánh tuyên xưng đức tin này đã không thành công trong công việc thiện lành của mình, bởi vì hoàng đế, do sự u mê sâu sắc của mình, đã không nghe theo những lời khuyên nhủ của họ và không chịu tôn kính các thánh tượng, mặc dù ông vẫn không cấm người khác thờ phượng chúng. Tuy nhiên, dù không cấm việc treo các thánh tượng ở các vùng lân cận và ngoại ô, nhà vua lại nghiêm cấm việc này ngay trong chính kinh thành. Vì lý do này, các vị thánh phụ Theodor và Nikolai, sau khi từ biệt tổng giám mục, đã rời khỏi Constantinople để có thể tự do duy trì lòng sùng đạo của mình, cùng với việc tôn kính các bức tượng thánh. Họ định cư tại Akrit[1632] , gần nhà thờ thánh tử đạo Trifon. Tại đây, sau một thời gian, Thánh Theodorus đã kết thúc cuộc đời trần thế và an nghỉ trong bình an trước mặt Thiên Chúa[1633] . Còn Thánh Nikolaus, sau khi ở lại bên linh cữu của vị cha thiêng liêng, đã tiếp tục sống đời tu hành với những công việc thánh thiện.

Sau khi Michael qua đời, con trai ông là Theophilus lên ngôi[1634] . Vị vua này là một người chống thánh tượng cuồng nhiệt và đã bắt đầu đàn áp những người tín hữu một cách tàn bạo vì việc tôn kính các thánh tượng. Một lần nữa, những người tín hữu lại phải chịu sự đàn áp và tra tấn từ những kẻ chống thánh tượng. Trong thời gian này, hai anh em ruột và đồng đạo, các vị thánh phụ Theodor và Theophan, những người đã thề nguyện, đã phải chịu nhiều đau khổ. Lúc đó, Thánh Nikolai cũng rời khỏi nơi ở bên cạnh quan tài của vị cha thiêng liêng của mình là Theodor và lang thang từ nơi này sang nơi khác, cho đến khi vị vua chống thánh tượng Theophil qua đời.

Sau khi Theophilus qua đời, quyền lực hoàng gia được chuyển giao cho vợ ông, Hoàng hậu Theodora đạo đức, người đã cùng con trai mình là Michael cai trị đất nước[1635] . Trong Giáo hội của Chúa Kitô, do Thánh Phêrô, Tổng Giám mục tại Constantinople, lãnh đạo, sự bình yên lại trở lại, và lòng đạo đức một lần nữa tỏa sáng. Cũng vào thời điểm đó, Thánh Nikolai đã đến tu viện Studion. Tại đây, sau khi Thánh Navkratios, vị chứng nhân đức tin[1636] qua đời, dưới thời Thánh Ignatius, vị Thượng phụ kế nhiệm Thánh Methodius, ngài được bổ nhiệm làm Bề trên tu viện. Ba năm sau, Thánh Nikolai, sau khi trao chức vụ tu viện trưởng cho Thánh Sofronius, một người đàn ông đức hạnh, đã tự mình lui về sống ẩn dật, nơi ngài sống trong sự im lặng. Nhưng sau bốn năm, ngay khi Thánh

---

[1629] Đó là vào năm 819. *Smyrna* – thành phố thương mại cổ đại nổi tiếng trên bờ tây Tiểu Á; hiện nay là một trong những thành phố thịnh vượng nhất của Tiểu Á, với dân số hơn 120.000 người.

[1630] *Michael II Traulian (Balba)*, tức là "người nói lắp", trị vì từ năm 820 đến năm 829.

[1631] *Chalkidon* – thành phố chính của Bithynia, nằm trên bờ tây bắc Tiểu Á, ở đầu phía nam eo biển Constantinople, đối diện với Constantinople. Chalkidon nổi tiếng trong lịch sử Giáo hội vì là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ 4 (năm 451)

[1632] *Akrit* – một mũi đất ở Bithynia, gần Nicomedia, đối diện với Constantinople.

[1633] Thánh Theodoros Studites qua đời ở tuổi 67 vào ngày 11 tháng 11 năm 826.

[1634] *Hoàng đế Theophilus* trị vì từ năm 829 đến năm 842.

[1635] *Hoàng đế Michael III* (từ năm 842–867) lên ngôi khi mới 4 tuổi, vì vậy cho đến năm 865, đất nước được cai trị bởi mẹ ngài, Nữ hoàng Thánh Theodora

[1636] *Navkratios Studites,* vị thánh tử đạo, qua đời vào ngày 18 tháng 4 năm 848. Trong Giáo hội Hy Lạp, ngày tưởng niệm ngài là ngày 8 tháng 6.

Sofronius qua đời[1637] , các tu sĩ đã đến gặp Thánh Nicholas và sau nhiều lời thỉnh cầu, họ đã thuyết phục ngài nhận lại chức vụ tu viện trưởng. Sau đó, Thánh Nicholas tiếp tục đảm nhiệm chức vụ này trong vài năm.

Trong khi đó, hoàng đế Mikhail, khi đã trưởng thành, trở nên vô cùng đồi trụy về đạo đức. Theo lời khuyên của chú ruột mình, anh trai của mẹ, tên là Varda, ông đã đuổi mẹ mình, Thánh nữ Theodora, ra khỏi cung điện hoàng gia và ép bà phải xuất gia tại một tu viện nữ, còn bản thân ông thì mời chú Varda đồng trị vì. Hành động của nhà vua đối với mẹ đã gây ra sự phẫn nộ mạnh mẽ trong dân chúng. Sự cám dỗ càng trở nên mạnh mẽ hơn, bởi vì chính người đồng trị vì của nhà vua – Varda – cũng đã phạm phải một tội ác kinh hoàng, khi bỏ vợ mình và lấy vợ của con trai mình thay thế. Đức Thượng phụ Ignatius, mong muốn sửa chữa sự suy đồi của các vị vua và chấm dứt tội ác của Varda, đã không ngừng khuyên răn họ, nhưng không thu được kết quả nào. Một lần nọ, vua Varda xuất hiện vào ngày lễ với ý định rước Mình Thánh; nhưng Đức Thượng phụ không những không cho phép ông rước Mình Thánh, mà còn trước mặt toàn thể dân chúng, vạch trần sự vi phạm pháp luật của ông và khai trừ ông khỏi Giáo hội. Varda bùng lên cơn giận dữ tột độ đối với vị tổng giám mục và xúi giục cả Michael chống lại ông: cả hai vị vua, sau khi thống nhất ý kiến, đã tước bỏ ngai tòa của vị tổng giám mục, đày ông đi lưu đày, và thay thế ông bằng Photius Asyncritus làm tổng giám mục[1638] .

Thấy tình trạng hỗn loạn như vậy trong Giáo hội, Thánh Nicholas đã rời tu viện của mình và, cùng với người anh em của mình, đi đến một làng tu viện trên đảo Prikonisse[1639] , và ở đó, ngài sống một cuộc đời im lặng, không muốn nghe bất cứ điều gì về sự bất chính của các vị vua. Nhưng ngài không ở đó lâu, vì đã bị trục xuất khỏi nơi này. Một lần nọ, cả hai vị vua đang đi thuyền qua nơi vị thánh đang cư ngụ. Biết rằng Nicholas, với tư cách là một người đàn ông đức hạnh, được dân chúng kính trọng, họ đã ghé lại gặp ngài, nhằm dùng lời ngọt ngào để thuyết phục ngài đồng tình với họ, để ngài xác nhận bằng lời nói của mình rằng việc trục xuất vị tổng giám mục là công bằng, cũng như công nhận cuộc hôn nhân phi pháp của Varda. Nhưng ngài không những không tán thành những hành vi ác độc của họ, mà còn tiên đoán rằng họ sẽ phải chịu một cái chết bất ngờ và thảm khốc nếu không ăn năn về những việc làm xấu xa của mình, và điều đó sau này đã trở thành sự thật. Nghe những lời này từ vị thánh, các vị vua càng thêm phẫn nộ với ngài và trục xuất ngài khỏi đó; theo lệnh của họ, một người khác được bổ nhiệm làm vị trụ trì tu viện Studion. Và thế là, vào những năm cuối đời, Thánh Nicholas lại bị buộc phải lang thang từ nơi này sang nơi khác[1640] . Nhưng ngay cả sau đó, những vị vua vô pháp vẫn không để ngài được yên. Theo lệnh của họ, ngài lại bị bắt và bị xiềng xích dẫn về tu viện, nơi ngài phải chịu cảnh giam cầm trong ngục tối suốt hai năm[1641] , cho đến khi cả hai vị vua thực sự chết một cách thảm khốc: Varda bị các thuộc hạ của Michael giết trong một cuộc cãi vã giữa hai vị vua, khi họ đang tham gia cuộc chinh phạt chống lại người Saracen trên đảo Crete, còn Michael bị chính những người trong cung đình của mình sát hại ngay tại cung điện.

Sau khi Mikhail qua đời, ngai vàng được kế vị bởi Vasilij, một vị vua sùng đạo[1642] . Ông lập tức phục chức cho Ignatius trở lại ngôi vị tổng giám mục, còn Thánh Nikolai được thả ra khỏi ngục tối. Nhà vua triệu ông đến và thuyết phục ông tiếp quản lại việc quản lý tu viện của mình. Thánh Nikolai, do tuổi già, không mấy mong muốn điều này, và chỉ sau khi nhà vua nài nỉ khẩn thiết, ngài mới đồng ý tiếp quản tu viện. Nhà vua thường xuyên mời vị thánh đến gặp mình, trò chuyện với ngài, học hỏi lối sống đạo đức từ những lời dạy của ngài, và dành cho vị thánh sự tôn kính sâu sắc.

Chúa đã ban cho vị thánh của Ngài ân sủng chữa lành bệnh tật cho con người. Vợ của nhà vua, bà Evdokiya, mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo, đến nỗi bà không nhận được sự giúp đỡ nào từ các bác sĩ và hoàn toàn tuyệt vọng về việc chữa lành, nên đã chuẩn bị tinh thần cho cái chết sắp đến. Nhưng rồi một ngày nọ, trong giấc ngủ say, bà thấy một vị tu sĩ già mặc áo tu sĩ, toát lên ánh sáng vinh quang. Bước đến gần bà, vị tu sĩ già nói:

– Hãy tin cậy vào Chúa, vì hôm nay con sẽ không chết, mà sẽ được chữa lành và khỏe mạnh.

Khi thức dậy, bà lập tức kể lại những gì đã thấy trong giấc mơ cho chồng nghe và nài nỉ ông mời các vị tu sĩ cao niên, những người nổi tiếng về đời sống đạo đức, từ tất cả các tu viện đến gặp bà. Cùng với các vị tu sĩ cao niên khác được mời đến phòng của hoàng hậu, Thánh Nicholas cũng có mặt, khuôn mặt ngài tỏa sáng như Mô-sê. Nữ

[1637] *Sofronius* là vị tu viện trưởng của Tu viện Studion từ năm 851 đến năm 854.

[1638] *Thánh Photius* giữ chức Tổng Giám mục từ năm 857 đến năm 867. (*Asinkrit* – một chức vụ cận thần trong triều đình.)

[1639] Hòn đảo này nằm gần Kizik – một thành phố ở phía tây bắc Tiểu Á, trên bờ nam Biển Đá Cẩm Thạch.

[1640] Vào thời điểm đó, ngài cũng đã từng ở Mytilene (trên đảo Lesbos) và bán đảo Chersonesos.

[1641] Dưới thời vị tu viện trưởng Savva của tu viện Studion.

[1642] *Vasili I người Macedonia* trị vì từ năm 867 đến năm 886.

hoàng nhận ra ngài chính là vị tu sĩ mà bà đã thấy trong giấc mơ, liền đứng dậy cúi đầu chào ngài, và ngay lập tức bà đã hoàn toàn khỏe mạnh trở lại.

Một người phụ nữ khác tên là Elena, vợ của quý tộc Manuil, cũng mắc bệnh nặng không kém. Bà đã cận kề cái chết, và người thân đã chuẩn bị sẵn quần áo tang lễ cho bà; nhưng Thánh Nicholas, vội vã đến nhà bà, đã làm dấu thánh giá bằng tay lên đầu và khắp cơ thể bà, và người phụ nữ đang hấp hối đã đứng dậy khỏi giường bệnh, hoàn toàn khỏi bệnh nặng. Chồng bà, Manuil, cũng mắc bệnh nặng. Mất hết hy vọng vào việc hồi phục, vì các bác sĩ không thể giúp được gì, Manuel đã chờ đợi cái chết đến gần. Trước khi qua đời, ông mong muốn được thụ phong tu sĩ; ông đã đến xin Thánh Nicholas cho phép ông thụ phong. Nhưng lần này, Thánh Nicholas đã từ chối thực hiện mong muốn của ông và tiên đoán rằng Chúa sẽ chữa lành cho ông, rằng ông sẽ đảm nhận chức vụ cao nhất tại triều đình, hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách xứng đáng, và sau đó, khi đã nhận lễ xuất gia, ông sẽ ra đi sang thế giới bên kia với những việc làm thiện lành. Lời tiên tri đó đã thành hiện thực. Manuel sớm bình phục, đảm nhận các chức vụ cao nhất tại triều đình và sau đó, vào những năm cuối đời, khi lâm bệnh nặng, sau khi được Thánh Nicholas cạo đầu, ông đã về với Chúa trong hàng tu sĩ.

Một quý tộc khác tên là Theophilus Melissen cùng vợ đang chìm trong nỗi đau buồn sâu sắc, bởi vì tất cả các con của họ, sau khi chào đời, đều đột ngột qua đời. Một lần, khi họ sinh được một cô con gái, họ đã mang đứa trẻ sơ sinh đến gặp vị thánh và xin ngài làm cha đỡ đầu cho con bé từ khi rửa tội, tin rằng những lời cầu nguyện của vị thánh sẽ cứu con bé khỏi cái chết. Vị thánh đã từ chối làm cha đỡ đầu, nhưng ngài đặt tay lên đứa trẻ, cầu nguyện với Chúa và nói với vị quý tộc:

– Thánh Thần phán: Con gái các ngươi sẽ sống, và các ngươi sẽ được thấy con cháu của nó.

Và mọi điều đã ứng nghiệm đúng như lời tiên tri của ngài: con gái họ lớn lên khỏe mạnh, và khi đã trở thành một thiếu nữ xinh đẹp, cô sớm được gả chồng và sinh ra những đứa con ngoan.

Vào những ngày cuối đời, Thánh Nicholas lâm bệnh.

Khi tất cả các tu sĩ vây quanh giường bệnh của ngài, vị thánh đã hỏi các tu sĩ:

– Hãy nói cho tôi biết, các anh em, hiện tại các anh em còn thiếu điều gì?

Họ ngạc nhiên trước câu hỏi đó và trả lời:

– Chúng con không có lúa mì.

Thánh nhân nói với họ:

– Đức Chúa Trời, Đấng đã nuôi dưỡng dân Y-sơ-ra-ên trong sa mạc, sẽ không bỏ rơi các anh em đâu: vào ngày thứ ba, sau khi tôi qua đời, Ngài sẽ ban cho các anh em lúa mì dồi dào.

Sau khi bổ nhiệm Clement, người trước đây là quản lý tài chính, làm tu viện trưởng, Thánh Nicholas đã an nghỉ trong bình an vào ngày 4 tháng 2, thọ 75 tuổi, và được an táng với đầy đủ vinh dự[1643] .

Vào ngày thứ ba, đúng như lời tiên tri của vị thánh, một con tàu chở lúa mì do Sa hoàng Vasili gửi đến đã cập bến tu viện. Clement vui mừng nhận món quà của Sa hoàng và nói với các tu sĩ:

– Này, các cha và anh em, vị thánh cha Nikolai của chúng ta đã thực hiện lời hứa của mình, gửi cho chúng ta lúa mì dồi dào.

Trong cùng tu viện đó có một tu sĩ tên là Antony, người đã phải chịu đựng căn bệnh chảy máu trong nhiều năm. Mất hết hy vọng vào các bác sĩ, anh ta đã cận kề cái chết. Vị tu viện trưởng ra lệnh cho anh ta dọn vào căn lều của vị thánh cha Nikolai, nơi anh ta sẽ ở lại cho đến khi qua đời. Và thế là, khi Antony bước vào căn lều đó, nằm xuống và chìm vào giấc ngủ, vị thánh Nikolai hiện ra trước mặt anh ta và hỏi:

– Con ơi, Antony, con bị bệnh gì vậy?

Anh kể cho ngài nghe về căn bệnh của mình. Vị thánh nói:

– Đừng sợ, từ giờ trở đi con sẽ khỏe mạnh.

Tỉnh dậy ngay lập tức, Anthony không phải trong giấc mơ, mà là trong thực tế, đã thấy vị thánh bước ra khỏi túp lều, nơi vẫn còn lưu lại mùi hương thơm ngát. Anh lập tức cảm nhận được sự chữa lành và đứng dậy với sức khỏe hoàn toàn. Sau đó, Anthony sống thêm mười bốn năm và không mắc bất kỳ bệnh tật nào nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh Nicholas. Nhờ sự cầu bầu của ngài, xin cho chúng ta cũng được giải thoát khỏi mọi bệnh tật, cả về tâm hồn lẫn thể xác, nhân danh Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta, Đấng được vinh quang muôn đời. Amen.

[1643] Thánh Nicholas qua đời vào ngày 4 tháng 2 năm 868.

Lễ kính Thánh Cyril, vị làm phép lạ ở Novoezersk

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 2

Thánh Cyril sinh ra trong một gia đình sùng đạo và giàu có tại thành phố Galich[1644] . Ngay từ khi còn là một thiếu niên, Cyril đã cảm thấy khao khát mãnh liệt muốn trở thành một tu sĩ. Sau khi bí mật rời khỏi nhà cha mẹ, Cyril đã rời Galich đến sông Obnora[1645] , đến tu viện của Thánh Cornelius[1646] , nơi mà ngài đã nghe cha mẹ kể lại[1647] . Trên đường đi, Kirill gặp một vị tu sĩ già tóc bạc phơ. Khi vị tu sĩ hỏi cậu đang đi đâu, Kirill trả lời rằng cậu đang trên đường đến tu viện của Thánh Kornilii. Vị tu sĩ già tán thành ý định của cậu và bảo cậu đi cùng mình đến đó. Ngày hôm sau, hai người cùng nhau đến tu viện của Thánh Kornili. Khi còn cách tu viện một quãng ngắn, vị tu sĩ già đã dặn dò cậu thanh niên, cầu nguyện cho cậu trong một thời gian dài, rồi chỉ tay về phía tu viện và nói:

– Hãy đi đi, con ơi, đến với Thánh Kornili, còn ta sẽ xin Thánh Kornili nhận con vào hàng tu sĩ.

Sau đó, vị tu sĩ già ban phước lành cho cậu thiếu niên rồi bỗng chốc biến mất. Nhìn quanh mà không thấy vị tu sĩ già đâu, Kirill nhận ra đó là sự viếng thăm của Đức Chúa Trời, và đã tạ ơn Ngài vì điều đó. Khi đến tu viện, cậu thiếu niên đã khóc lóc van nài Thánh Kornilius nhận cậu làm tu sĩ trong tu viện của ngài. Nhận ra trong cậu là một khí cụ được chọn của Thánh Thần, Thánh Cornelius đã đón nhận cậu với tình yêu thương và cắt tóc cho cậu theo nghi thức tu sĩ[1648] . Tu sĩ trẻ đã dâng hiến trọn vẹn bản thân cho Chúa và với tình yêu nồng nhiệt, cậu bắt đầu thực hành những việc làm cao cả của đời sống tu sĩ.

Cha mẹ của Cyril đã tìm kiếm con trai khắp nơi trong một thời gian dài, nhưng không thấy đâu, nên đã khóc than vì mất con. Vài năm sau, cha mẹ mới biết rằng Cyril đang ở tu viện của Thánh Cornelius. Vào năm thứ 12 Kirill ở đó, cha anh đã đến tu viện và xuất gia với tên Varsonofi, và một thời gian sau, họ nhận được tin về mẹ của Kirill rằng bà, sau khi sống một cuộc đời đạo đức và sùng đạo, cũng đã qua đời trong đời tu với tên Elena. Cha của Kirill, sau ba năm sống trong tu viện với việc ăn chay và cầu nguyện, đã về với Chúa.

Sau khi cha mẹ qua đời, Thánh Kirill đã tu hành còn siêng năng hơn nữa, không ngừng nỗ lực, vừa làm việc trong nhà bếp, vừa làm việc trong lò bánh, đồng thời tham gia đầy đủ các nghi lễ của tu viện.

Với khát vọng vươn tới sự hoàn hảo cao nhất, Thánh Kirill quyết định sống đời ẩn tu trong những khu rừng hoang vắng. Nhờ sự ban phước của Thánh Kornili, ngài lên đường về phía bắc để lang thang trong các sa mạc; thức ăn của ngài lúc thì là các loại cỏ và rễ cây, lúc thì là vỏ cây thông; ngài thường gặp thú rừng hơn là con người. Từ đó, thỉnh thoảng ngài trở về vùng Novgorod và Pskov, đến các thánh địa để thờ phượng và cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài chỉ cho ngài một nơi để định cư lâu dài.

Theo chỉ dẫn từ trời, Thánh Kirill đã lên đường từ đó đến hồ Beloezer[1649] , rồi tiếp tục đến tu viện Tikhvin[1650] , được đặt tên theo Đức Mẹ Đồng Trinh, nơi ngài đã cầu nguyện với Chúa và Mẹ Ngài trong ba ngày. Trong giấc mơ, Đức Mẹ Đồng Trinh đã hiện ra và truyền cho ngài đi đến hồ Novoye. Từ núi Kobylina, vị thánh nhân nhìn thấy hòn đảo Krasny nằm giữa hồ, được bao phủ bởi rừng cây. Trên hòn đảo này, Kirill nhìn thấy một cột lửa tại chính nơi mà ngày nay tu viện đang tọa lạc, từ đó ngài hiểu rằng nơi này đã được Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm chỉ định cho ngài.

Khi đến hòn đảo đó, vị thánh đã định cư dưới một cây thông cao, dùng cành cây để dựng cho mình một túp lều. Tại đây, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với ngài trong giấc mơ và nói rằng nơi này đã được Chúa dành sẵn cho ngài. Khi tỉnh giấc, vị thánh đi dạo quanh hòn đảo và thấy những dấu chân người gần túp lều của mình. Theo những dấu chân đó, ngài đi đến làng Shidnem và xin phép những người nông dân trong làng cho phép ngài định cư trên hòn đảo đó; sau khi được chấp thuận, ngài đã xây dựng cho mình một căn phòng tu tại đó. Năm sau, ngài

---

[1644] Hiện nay là một thị trấn thuộc tỉnh Kostroma, nằm trên bờ đông nam thấp trũng của hồ Galich

[1645] *Sông Obnora* chảy qua các tỉnh Vologda và Yaroslavl rồi đổ vào sông Kostroma.

[1646] *Thánh Kornilii* đã thành lập một tu viện trong rừng Komel thuộc Vologda, cách thành phố Gryazovets 5 verst. Tu viện này được biết đến với tên gọi Tu viện Vvedensky của Kornilii ở Komel. Thánh Kornilii qua đời vào ngày 19 tháng 5 năm 1537; thi hài thánh của ngài cũng được an táng tại đó. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 19 tháng 5.

[1647] Tu viện này nằm cách thành phố Galich 80 verst.

[1648] Lúc đó, Kirill khoảng 20 tuổi.

[1649] *Belo-Ozero* nằm ở tỉnh Novgorod, trên biên giới giữa các huyện Kirillovsk và Belozer.

[1650] Tu viện Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời Tikhvin nằm tại thành phố Tikhvin, tỉnh Novgorod. Tu viện được thành lập tại nơi hiện ra bức tượng Đức Mẹ, được biết đến với tên gọi Tikhvinskaya.

xây dựng tại đây hai nhà thờ nhỏ: một nhà thờ mang tên Sự Phục Sinh của Chúa Kitô, và nhà thờ kia mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh Odigitria.

Trong thời gian lưu lại trên đảo, vị thánh nhân đã siêng năng tu hành bằng việc ăn chay và cầu nguyện, phải chịu đựng nhiều thử thách và đau khổ từ ma quỷ và những kẻ ác. Theo thời gian, nhiều tu sĩ đã tụ tập xung quanh Kirill và một tu viện được thành lập trên Đảo Đỏ, được biết đến với tên gọi Novoezerskaya[1651] .

Khi đã bước vào tuổi già, Thánh Kirill được Chúa ban cho ân sủng của sự tiên tri và phép lạ. Trước khi qua đời, ngài đã tiên đoán về những thảm họa sắp ập xuống đất nước Nga.

– Sẽ có, – ngài nói, – trên đất nước chúng ta sẽ xảy ra nổi loạn giữa con người và những tai họa lớn lao, cơn thịnh nộ dữ dội của Chúa sẽ trút xuống, nhiều người sẽ ngã xuống dưới lưỡi gươm, còn những người khác sẽ bị bắt làm tù binh.

Khi đó, đệ tử của ngài là Dionysius tiến lại gần và hỏi vị thánh nhân: "Xin cha hãy nói cho chúng con biết, sau đó sẽ ra sao?", vị thánh nhân đáp lại: – Sau đó, con đã thấy Đức Vua ngự trên Ngai vàng, và trước mặt Ngài là hai thiếu niên đội vương miện trên đầu. Và Chúa đã ban cho họ vũ khí để chống lại kẻ thù, – và tất cả các vương quốc trần gian sẽ quỳ lạy Đấng Ngự trên Ngai Vàng, còn vương quốc của chúng ta sẽ được bình an và được Chúa sắp đặt. Còn các vị, các cha và anh em, – vị thánh thêm vào, – hãy cầu nguyện với nước mắt lên Chúa và Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm về quyền lực của vương quốc Nga.

Sau khi rước Thánh Thể và làm dấu thánh giá, Thánh Kirill đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa vào ngày 4 tháng 2 năm 1532, và được an táng tại tu viện do chính ngài thành lập[1652] .

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Avrami, Giám mục Arvil.

Kỷ niệm Thánh Tử đạo Avrami, Giám mục Arvil[1653]

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 2

Thánh Avramius đã bị bắt theo lệnh của thủ lĩnh các pháp sư[1654] vào năm thứ năm của cuộc bách hại nhằm vào các Kitô hữu tại Ba Tư[1655] . Thủ lĩnh các pháp sư ép buộc vị thánh từ bỏ Chúa Kitô và thờ lạy mặt trời[1656] , nhưng thánh Avramius đã nói với ông ta:

– Hỡi kẻ vô đạo đáng thương! Sao ngươi lại tự làm khổ mình khi ra lệnh cho ta làm việc vô luân như vậy? Thật là điên rồ khi bỏ Đấng Tạo Hóa mà đi thờ lạy loài thụ tạo! Kẻ ngu ngốc! Chẳng phải mặt trời cũng là tác phẩm của Thiên Chúa của ta sao?

Những lời này đã khiến tên tra tấn vô đạo nổi cơn thịnh nộ khủng khiếp, và hắn lập tức ra lệnh lột trần vị thánh, quăng ngài xuống đất và đánh khắp thân thể bằng những cây gậy có gai. Thánh Avramius dũng cảm chịu đựng những đau khổ và cầu nguyện cho những kẻ tra tấn mình, nói rằng:

– Lạy Chúa, xin đừng quy tội này cho họ, vì họ không biết mình đang làm gì.

Thấy vậy, thủ lĩnh của bọn phù thủy ra lệnh chém đầu vị thánh bằng gươm. Thánh Tử đạo Avramius đã đón nhận cái chết tử đạo tại một làng tên là Felman.

[1651] *Tu viện Kirillov-Novoezersky* tọa lạc trên Đảo Đỏ của Hồ Mới, cách thành phố Belozersk, tỉnh Novgorod 30 verst. Trong phòng thánh của tu viện có một cây thánh giá đặt trên bàn thờ, được cho là, theo truyền thuyết, được chạm khắc từ tấm ván quan tài của Thánh Kirill.

[1652] *Xác thánh của Thánh Kirill* đã được phát hiện vẫn còn nguyên vẹn vào năm 1649, khi xây dựng nhà thờ mới theo lời thề của quý tộc Morozov, người đã được cứu khỏi tai họa. Theo quyết định của Công đồng, các di cốt này đã được Tổng Giám mục Markell của Vologda xác nhận; và vào ngày 22 tháng 8 năm 1662, chúng được chuyển trong một quan tài đến nhà thờ mới, nơi hiện nay các di cốt vẫn an nghỉ và tiếp tục ban phát các phép lạ. Ngày tìm thấy di cốt của Thánh Cyril được kỷ niệm vào ngày 7 tháng 11.

[1653] Thành phố Arvil hay Arbel nằm trong lãnh thổ *của* Vương quốc Assyria cổ đại, ở phía đông sông Tiber, tại thượng nguồn của con sông này.

[1654] Các nhà chiêm tinh hay pháp sư ở Ba Tư vừa là thầy tế, vừa là những người bảo tồn các nghi lễ tôn giáo.

[1655] Cuộc bách hại này được vua Sapor II phát động sau khi người Ba Tư nổ ra chiến tranh với người La Mã, vào khoảng năm 343. Nguyên nhân của cuộc bách hại là do Sapor coi các Kitô hữu là những đồng minh bí mật của người La Mã. Năm thứ năm của cuộc bách hại diễn ra vào khoảng năm 348–352.

[1656] Người Ba Tư thờ phụng lửa và mặt trời. Mặt trời, với tên gọi Mnery, là vị thần tối cao của họ.

Kỷ niệm về một vị ẩn sĩ kính sợ Thiên Chúa

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 2

Vào ngày này, người ta tưởng nhớ đến một vị ẩn sĩ kính sợ Thiên Chúa và đạo đức, người đã sống trên một ngọn núi hoang vắng nằm trong phạm vi thành phố Antinoe của Ai Cập[1657] ; nhiều người đến với ngài đã được rèn luyện đức tin qua những cuộc trò chuyện và việc làm tốt lành của ngài. Kẻ thù của loài người đã ghen tị với cuộc sống đạo đức của vị ẩn sĩ và, lợi dụng lòng kính sợ Thiên Chúa của ông, đã gieo vào tâm trí ông ý nghĩ như sau: "Không xứng đáng để người khác làm việc hay phục vụ ngươi, vì ngươi không chỉ không xứng đáng để ai đó phục vụ mình, mà chính ngươi cũng không xứng đáng để phục vụ ai cả; vì vậy, hãy chỉ làm việc cho chính mình. Vậy thì, hãy vào thành phố và bán những chiếc giỏ mà ngươi làm, mua tất cả những thứ cần thiết cho bản thân và rời khỏi đây, để không trở thành gánh nặng cho người khác." Ma quỷ đã gieo ý nghĩ này vào tâm trí vị ẩn sĩ vì ghen tị với sự im lặng và những việc làm cao cả của ông, từ đó những người khác cũng nhận được nhiều lợi ích thiêng liêng, bởi vì kẻ thù của loài người luôn tìm cách lôi kéo tất cả vào lưới của mình. Và thế là, vị ẩn sĩ , người được mọi người kính trọng và ca ngợi vì cuộc sống đạo đức của mình, đã nghe theo lời khuyên độc ác này như thể đó là điều tốt lành, bước ra khỏi phòng tu của mình mà không nhận ra những mưu mô xảo quyệt của quỷ dữ. Một thời gian sau, vị ẩn sĩ gặp một người phụ nữ và sau cuộc trò chuyện kéo dài với nàng, do sự lơ là trong tâm hồn, ngài đã bị dục vọng lôi cuốn. Sau đó, dưới sự xúi giục của ma quỷ, ngài đến một nơi vắng vẻ bên bờ sông, và cuối cùng ngài mới nhận ra rằng mình đã sa vào tội lỗi, mang lại niềm vui cho kẻ thù của mình – ma quỷ. Trong cơn tuyệt vọng vì đã làm buồn lòng Thánh Thần, các Thiên Thần và các vị Thánh Tổ, trong số đó có nhiều người dù sống giữa thành thị vẫn chiến thắng ma quỷ, vị ẩn sĩ định nhảy xuống dòng nước xiết, quên rằng Chúa luôn sẵn sàng đến cứu giúp tất cả những ai đặt niềm tin vào Ngài và mong muốn được chữa lành khỏi những tội lỗi của mình. Vì nỗi đau khổ tinh thần ấy, vị ẩn sĩ đã kiệt sức về thể xác, khiến ma quỷ vô cùng hân hoan. Và nếu Đức Chúa Trời Toàn Lòng Thương Xót không đến giúp đỡ ông, thì ông đã chết mà không được sám hối, khiến ma quỷ vui mừng. Sau đó, khi tỉnh táo lại, vị tu sĩ bắt đầu suy ngẫm xem nên thực hiện hành động sám hối và kiên nhẫn Kitô giáo nào khó khăn nhất để làm hài lòng Đức Chúa Trời – bằng nước mắt và lòng ăn năn chân thành. Và thế là anh ta lại trở về phòng tu của mình, chặn lối vào, rồi cầu nguyện với Đức Chúa Trời và than khóc vì tội lỗi của mình, tuôn rơi những giọt nước mắt như thể đang khóc cho một người đã chết, đồng thời nhịn ăn, đau khổ và làm cho thân xác mình kiệt quệ; nhưng dù làm tất cả những điều đó, anh ta vẫn không hy vọng có thể xóa bỏ được tội lỗi nặng nề của mình.

Khi các anh em, theo thông lệ, đến thăm ông để được an ủi tinh thần và gõ cửa phòng ông, ông đáp lại họ rằng:

– Tôi không thể mở cửa cho các anh, vì tôi đã thề sẽ sám hối suốt cả năm; còn các anh thì đang cầu nguyện cho tôi, kẻ không xứng đáng này.

Người ẩn sĩ trả lời họ như vậy, không biết phải nói gì với họ, vì sợ sẽ làm họ sa ngã nếu kể cho họ nghe về sự sa ngã của mình, bởi vì ông được mọi người biết đến như một tu sĩ nghiêm khắc và tài giỏi. Ông đã sống như vậy suốt cả năm, ăn chay nghiêm ngặt và sám hối về tội lỗi của mình.

Khi lễ Phục Sinh sắp đến, vào chính đêm trước ngày Chúa Kitô Phục Sinh, vị ẩn sĩ lấy một ngọn đèn mới, đổ dầu vào đó, đặt nó vào một chiếc bình mới, đậy nắp lại, rồi từ tối đã bắt đầu cầu nguyện và thốt lên:

– Lạy Chúa hào phóng và nhân từ, Đấng mong muốn cứu rỗi cả những người ngoại đạo và dẫn dắt họ đến với lẽ thật! Con nương tựa vào Ngài, Đấng Cứu Rỗi linh hồn chúng con: xin thương xót con, kẻ đã làm Ngài phẫn nộ sâu sắc và đã làm nhiều điều để làm vui lòng kẻ thù, đến nỗi giờ đây, vì nghe theo kẻ thù, con đã trở nên như một người chết. Nhưng Ngài, lạy Chúa, Đấng thương xót cả những kẻ bất chính và vô nhân từ, và dạy chúng con phải thương xót người lân cận, xin hãy thương xót và tha thứ cho sự tội lỗi của con, vì với Ngài, Đấng Toàn Năng và Nhân Từ, mọi sự đều có thể. Xin ban ân sủng cho con, vì Ngài là Đấng tốt lành và nhân từ đối với tạo vật của Ngài, và Ngài còn muốn phục sinh cả những thân xác đã mục nát vào Ngày Phục Sinh. Xin hãy nghe con, lạy Chúa, vì tinh thần con đang u sầu, linh hồn khốn khổ của con đã tan nát, và thân xác con – mà con đã làm ô uế – đã kiệt

[1657] *Antinoia* – một thành phố khá quan trọng trong thời cổ đại ở Trung Ai Cập.

quệ; con không thể sống nổi, vì con không xứng đáng. Nay con chạy đến cùng Ngài với lòng sám hối và cầu xin sự tha thứ cho những tội lỗi của con. Con đã phạm tội nặng nề, vì con đã sa ngã và tuyệt vọng; nhưng xin hãy làm sống lại con, kẻ đang tan nát lòng, và hãy khiến ngọn đèn này bừng sáng bởi ngọn lửa của Ngài, để từ đó con nhận ra rằng Ngài, Đấng vĩ đại trong lòng nhân từ, ban sự tha thứ cho những tội lỗi của con. Suốt quãng đời còn lại mà Ngài, lạy Chúa, ban cho con, con sẽ sống trong sự kính sợ Ngài, tuân giữ các điều răn của Ngài.

Trong khi cầu nguyện như vậy vào đêm Phục Sinh của Đấng Christ với vô vàn nước mắt, vị ẩn sĩ đứng dậy để xem ngọn đèn có được thắp sáng hay không, và khi mở bình ra, ông thấy ngọn đèn vẫn chưa được thắp sáng. Lúc đó, ông lại sấp mặt xuống đất và cầu xin Chúa, nói rằng:

– Con biết, lạy Chúa, rằng con đáng lẽ phải được vinh quang nhờ việc lành, nhưng con đã không tuân giữ các điều răn của Ngài, vì bị cám dỗ bởi dục vọng xác thịt, và vì thế con phải chịu hình phạt cùng với những kẻ vô đạo; nhưng xin Chúa thương xót con, kẻ đã phạm tội với Ngài và đang xưng tội trước mặt tất cả các Thiên thần và các vị thánh. Và nếu con người không bị cám dỗ, thì con đã xưng tội của mình trước toàn thể thế gian. Xin Chúa thương xót con, kẻ đang ăn năn về sự sa ngã của mình, xin ban sự sống lại cho con, để con có thể hướng dẫn những người khác.

Sau khi cầu nguyện như vậy ba lần, lời cầu nguyện của ông đã được nhậm. Khi đứng dậy sau khi cầu nguyện, vị ẩn sĩ thấy ngọn đèn đang cháy sáng rực rỡ, ông vô cùng vui mừng vì điều đó và được củng cố bởi niềm hy vọng tốt lành nơi Đức Chúa Trời. Ông kinh ngạc trước ân sủng vĩ đại của Thiên Chúa và lòng nhân từ của Chúa, và tâm hồn ông tràn ngập niềm vui vì Thiên Chúa đã tha thứ tội lỗi cho ông và lắng nghe lời cầu xin khiêm nhường của ông, rồi ông thốt lên:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì trong cuộc đời tạm bợ này, Ngài đã thương xót con, kẻ không xứng đáng, và qua dấu lạ vĩ đại và mới mẻ này, Ngài đã ban cho con sự can đảm để đến gần Ngài: vì Ngài với lòng thương xót tha thứ cho các linh hồn do chính Ngài tạo dựng.

Khi ông dâng lời tạ ơn này lên Đức Chúa Trời, trời bừng sáng, và vị ẩn sĩ vui mừng vì Đức Chúa Trời, đến nỗi vì quá vui sướng mà ngày hôm đó ông đã quên cả việc ăn uống. Còn ngọn lửa của chiếc đèn ấy, ông đã giữ gìn suốt phần đời còn lại, thường xuyên đổ dầu vào để ngọn lửa không tắt. Và một lần nữa, Thánh Thần của Đức Chúa Trời ngự cùng ông; một lần nữa, mọi người đều biết đến ông và nhận được sự dạy dỗ từ ông. Khi ông sắp qua đời, vài ngày trước khi lìa đời, ông đã biết trước giờ phút mình sẽ ra đi và an nghỉ trong bình an, phó thác linh hồn mình vào tay Đức Chúa Trời.

- Cùng ngày đó là ngày tưởng niệm Thánh Đại Công tước Georgy Vsevolodovich, người có đức tin vững vàng.

Ngày 18 tháng 2

Ngày 5 tháng 2 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Agafia

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 2

Dưới triều đại của hoàng đế độc ác Decius[1658] , vào thời điểm mà Quintianus – người do ông ta bổ nhiệm – đang nắm quyền cai trị Sicily[1659] , một sắc lệnh vô đạo đã được ban hành khắp các vùng đất, ra lệnh hành quyết tất cả các tín đồ Kitô giáo. Vào thời điểm đó, tại thành phố Panorma[1660] có một thiếu nữ tên là Agathia, con gái của một gia đình quý tộc và giàu có, được nuôi dạy trong đức tin Kitô giáo. Khi nghe tin về sắc lệnh vô đạo của những kẻ bách hại liên quan đến việc hành hạ các Kitô hữu, Agathia bừng lên lòng nhiệt thành dành cho Chúa Kitô, Đấng mà nàng đã hiến dâng trinh tiết trong sự thanh khiết của mình. Cô đã từ bỏ tình yêu đối với quê hương mình, coi

[1658] Decius trị vì từ năm 249 đến năm 251.

[1659] Sicily – một trong những hòn đảo lớn nhất của Địa Trung Hải, nằm gần bán đảo Apennine.

[1660] Panorum (ngày nay là Palermo) nằm trên bờ biển phía bắc đảo Sicily, bên vịnh cùng tên; đây là một thành phố rất cổ xưa và quan trọng, được người Phoenicia thành lập từ rất lâu.

thường địa vị cao quý của dòng họ, khinh bỉ của cải mà cha mẹ để lại, cũng như mọi vinh quang của thế gian này, và bắt đầu chuẩn bị chịu khổ vì Chúa Kitô. Hê-gê-môn Kintian, khi nghe nói về nhan sắc, phẩm giá và sự giàu có của trinh nữ thánh thiện này, đã nảy sinh lòng ham muốn bất chính đối với nàng và toan tính gặp gỡ nàng để dụ dỗ nàng vào dục vọng tội lỗi của mình, đồng thời chiếm đoạt tài sản của nàng. Khi biết cô tin vào Chúa Kitô, hắn lập tức sai lính từ thành phố Catania[1661] đến Panorm để đưa vị thánh này ra tòa với tư cách là một Kitô hữu. Những người được sai đi, khi đến gặp thánh Agathia, đã muốn bắt cô và hứa sẽ đưa cô về gặp chỉ huy của họ một cách tôn trọng, nếu cô hứa sẽ thờ lạy các vị thần của họ. Sau khi xin họ chờ một lát, Agathia bước vào căn phòng trên lầu trong nhà, đóng cửa lại, giơ hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện, nói rằng:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Ngài biết lòng con và tâm hồn con, tình yêu và đức tin của con dành cho Ngài! Xin hãy là người dẫn dắt và trợ giúp con chống lại kẻ thù, kẻ mà con, nhân danh Ngài, Thiên Chúa của con, đã đạp nát và tiêu diệt rồi. Và giờ đây, lạy Chúa, con cầu xin Ngài, xin đừng để cho kẻ xấu xa và độc ác tột cùng, kẻ tôi tớ của ma quỷ, làm ô uế thân thể con, nơi mà cho đến nay con vẫn sống trong sự trong sạch và chính trực; xin hãy mau chóng và khẩn trương đánh bại ma quỷ và tôi tớ của nó là Kintian, để hắn không nói rằng: "Thần của nàng đâu?" (xem Tv 78,10) Xin hãy nhận lấy những giọt nước mắt của con như của lễ và dâng hiến, tỏa hương thơm ngát, vì chỉ có Ngài là Thiên Chúa duy nhất và vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Sau khi cầu nguyện như vậy, nàng rời khỏi thành phố cùng với các chiến binh, được một số công dân, hàng xóm và bạn bè tháp tùng; nàng bước đi với sự sẵn sàng trọn vẹn để dũng cảm đứng vững vì Chúa của mình, như một bức tường bất khả xâm phạm; và nàng suy ngẫm trong lòng: "Trước đây, tôi đã từng chiến đấu với ma quỷ, cố gắng giữ gìn sự trinh khiết của mình và chiến thắng những dục vọng xác thịt, mà tôi đã chiến thắng nhờ ân sủng của Đấng Kitô, Chúa của tôi, và đã đạp đổ kẻ thù đang chiến đấu chống lại loài người qua những dục vọng và ham muốn; giờ đây, tôi đang bước vào trận chiến thứ hai, trong đó tôi phải hiến dâng linh hồn mình vì Đấng Kitô. Nhưng hỡi ma quỷ, ngươi sẽ không vui mừng vì ta, mà chính ngươi sẽ càng bị sỉ nhục hơn: vì ta đặt niềm tin vào Đức Kitô, Thiên Chúa của ta, rằng Ngài sẽ từ trên cao nhìn xuống công trình của ta cùng với vô số các Thiên Thần thánh của Ngài, và sẽ giúp đỡ ta, kẻ yếu đuối này".

Trong khi suy ngẫm như vậy trong lòng, nàng đã rửa mặt bằng những giọt nước mắt nồng nàn. Khi nàng tiếp tục bước đi, dây buộc của đôi dép nàng bị tuột ra; để buộc lại, nàng đặt chân lên một tảng đá và nhìn quanh, nhưng nàng không còn thấy ai trong số những người hàng xóm đã tiễn đưa nàng nữa: tất cả đều bỏ nàng lại và quay về. Vì thế, nàng lại khóc nhiều hơn nữa và dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, nói rằng:

– Lạy Chúa Toàn Năng, vì những người dân của con, những người đã không tin rằng con muốn chịu khổ vì Danh Thánh của Ngài, xin hãy hiện ra một phép lạ nào đó tại nơi này!

Và ngay lập tức, một cây ô liu hoang dã, không ra quả mọc lên, tượng trưng cho tâm hồn hoang dã của những người dân Panormo.

Khi Thánh Agathia đến thành phố Catania, vị tướng quân ra lệnh đưa bà về ở trong nhà của một phụ nữ giàu có tên là Aphrodisia. Bà ta có năm cô con gái trẻ, và vị tướng quân ra lệnh cho các cô, bằng những lời ngọt ngào và đủ loại thú vui, phải dụ dỗ tâm trí Agathia sa vào tình dục trần tục và thuyết phục bà dâng lễ vật cho các vị thần. Họ lúc thì ca ngợi và tôn vinh bà, hứa hẹn nhiều điều, lúc thì dùng lời đe dọa, cố gắng lôi kéo Thánh Agathia tuân theo ý muốn của Quintianus, nhưng không thành công: dù bằng lời nói hay hành động, họ cũng không thể khiến bà từ bỏ tình yêu thiêng liêng để theo đuổi tình yêu trần tục. Họ trang điểm cho nàng bằng những bộ quần áo đắt tiền, dâng tặng quà cáp cùng các món ăn và tiệc tùng sang trọng, tổ chức các vở kịch và điệu múa, kèm theo tiếng nhạc của các nhạc công, và thực hiện trước mắt nàng đủ thứ hành vi vô luân và những điều lố bịch. Nhưng nàng, thậm chí không thèm nhìn ngó những điều đó, đã nói:

– Hãy biết rằng trí tuệ và tâm tư của ta đã được củng cố trên đá và không thể bị lôi kéo khỏi tình yêu của Đấng Christ: còn những lời nịnh hót của các ngươi giống như gió, việc ban tặng những niềm vui trần thế – chẳng qua chỉ là cơn mưa; còn những lời đe dọa của các ngươi – đó là những dòng sông, dù có tràn vào đền thờ của ta, nhưng cũng không thể lay chuyển được nó, vì nó đứng trên nền tảng vững chắc, như thể trên tảng đá, chính là Đức Kitô, Con Thiên Chúa Hằng Sống.

[1661] Catania – một thành phố cổ trên bờ đông của Sicily – hiện nay là một thành phố đông đúc, phát triển mạnh về giáo dục và thương mại, với dân số hơn 100.000 người.

Nói như vậy, nàng để những dòng nước mắt tuôn trào ướt đẫm ngực mình: vì như con nai khát khao tìm suối nước (xem Tv 41:2), nàng cũng khao khát chịu đau khổ vì Chúa của mình.

Aphrodisia, thấy sự kiên định và bất khuất trong lòng Agathia, đã đến gặp tướng quân Quintianus và nói với ông:

– Thà nghiền nát đá và biến sắt thành thiếc còn dễ hơn là thuyết phục và khiến thiếu nữ này từ bỏ Đức Kitô; chính tôi và các con gái tôi đã dành cả ngày lẫn đêm chỉ để khuyên nhủ nàng đồng lòng với chúng tôi – lúc thì bằng lời ngọt ngào và van nài, lúc thì bằng lời đe dọa: tôi đã bày ra trước mặt cô ấy những chuỗi vòng cổ và mặt dây chuyền quý hiếm, những bộ trang phục đắt tiền, vàng và đá quý, tặng cô ấy nô lệ và cả những người hầu của tôi, nhưng cô ấy coi tất cả những thứ đó như bụi bặm bị chà đạp dưới chân.

Lúc đó, vị tướng quân Kintian đầy giận dữ đã ra lệnh đưa Thánh Agathia vào phòng riêng bí mật của mình; tại đó, ngồi trên ngai vàng, ông ta, với những ý nghĩ dơ bẩn, đã hỏi cô gái rằng cô thuộc dòng dõi nào. Thánh Agathia đáp:

– Tôi xuất thân từ dòng dõi quý tộc và có những người thân giàu có và danh giá.

Kintian nói với cô:

– Nếu cô thuộc dòng dõi quý tộc, tại sao lại mặc quần áo nghèo nàn như một nô tì?

– Tôi là nô tì của Chúa Kitô, – thánh nữ đáp, – và vì thế tôi mang dáng vẻ của một nô tì.

Còn Kintian thì nói:

– Sao cô lại tự gọi mình là nô lệ, trong khi cô là người tự do, là con gái của những bậc cha mẹ quý tộc?

– Sự cao quý và tự do của chúng ta nằm ở chỗ – vị thánh đáp – là phục vụ Chúa Kitô.

Tướng quân hỏi:

– Chẳng lẽ chúng tôi, những người không phục vụ Chúa của các chị và chối bỏ Ngài, lại không được tự do sao?

Agafia đáp:

– Các ngài đang bị giam cầm và nô lệ đến mức không chỉ trở thành nô lệ của tội lỗi, mà còn là những kẻ thờ lạy những thần tượng ghê tởm và vô cảm, tôn sùng gỗ và đá như thần thánh.

– Nếu ngươi tiếp tục thốt ra những lời phỉ báng như vậy, – Kintian nói với nàng, – thì ngươi sẽ phải chịu nhiều cực hình; nhưng hãy nói cho ta biết, tại sao ngươi lại chối bỏ các vị thần của chúng ta?

– Tôi từ chối họ, – Agafia đáp, – vì họ không phải là các vị thần, mà là những con quỷ, những hình tượng mà các ngươi tạc từ đồng và đá cẩm thạch, rồi mạ vàng lên khuôn mặt chúng.

Kintian nói:

– Hãy nghe lời khuyên tốt lành này, cô gái, và dâng lễ vật để tránh phải chịu đủ loại cực hình, cũng như không làm ô nhục và mang lại sự sỉ nhục cho dòng dõi cao quý của cô; sau đó, dù là bất đắc dĩ, cô cũng sẽ phải thờ phụng các vị thần, những vị chúa tể của vũ trụ.

Thánh Agathia đáp lại:

– Cầu mong vợ ngươi giống như Aphrodite[1662] , nữ thần của ngươi; còn chính ngươi hãy giống như Zeus[1663] , vị thần của ngươi.

Khi thánh nữ vừa dứt lời, Kintian ra lệnh tát vào mặt bà và nói:

– Đừng xúc phạm vị tướng quân. Thánh nữ Agafia đáp lại:

– Trí tuệ của ngươi ở đâu, vị tướng quân? Ta mong ngươi được giống như vị thần của ngươi, nhưng ngươi lại không muốn giống ngài và chính ngươi cũng xấu hổ về các vị thần của mình: vì vậy, hãy cùng ta từ bỏ họ.

Tướng quân nói:

– Ngươi xứng đáng phải chịu nhiều cực hình, và ta sẽ lập tức trừng phạt ngươi nếu ngươi không tuân theo mệnh lệnh.

– Ta không sợ gì cả, – thiếu nữ đáp; – Nếu ngươi ném ta cho thú dữ ăn thịt, thì khi chúng nhìn thấy ta và nghe danh Chúa Kitô, chúng sẽ dịu lại; nếu ngươi ném ta vào lửa, thì các Thiên thần từ trời sẽ làm mát ta bằng

---

[1662] Aphrodite – nữ thần tình yêu và sắc đẹp của Hy Lạp. Các lễ hội tôn vinh bà thường đi kèm với những hành vi buông thả và trụy lạc tột độ.

[1663] Zeus được người Hy Lạp tôn sùng là vị thần tối cao, cha của tất cả các vị thần và loài người. Các thần thoại Hy Lạp gán cho Zeus nhiều thói hư tật xấu về xác thịt, những đam mê bất chính và các tội ác.

sương; nếu ngươi gây ra vết thương và đau đớn cho ta, ta có Thánh Thần Chân Lý đến giúp đỡ, Đấng sẽ giải thoát ta khỏi tay ngươi.

Sau đó, vị tướng quân ra lệnh đưa Thánh Agathia vào một ngục tối u ám và hôi thối; còn vị thánh thì bước vào đó như đến dự tiệc và vui chơi, phó thác bản thân cho Chúa của mình. Sáng hôm sau, Quintianus lại triệu tập Thánh Agathia ra tòa, hỏi nàng liệu nàng đã suy nghĩ đủ về sức khỏe của mình chưa. Thánh Agathia đáp:

– Sức khỏe của con chính là Đức Kitô.

Nhưng quan trưởng nói:

– Hãy từ bỏ Chúa Kitô, để ngươi không phải chết khi còn trẻ.

– Chính ngươi hãy từ bỏ các vị thần của ngươi – thánh nữ đáp lại – những vị thần đó chẳng qua chỉ là đá và gỗ mà thôi, và hãy đến với Thiên Chúa chân thật, Đấng đã tạo dựng ngươi, để ngươi không phải chịu những cực hình vĩnh cửu.

Lúc đó, tên tra tấn tức giận ra lệnh treo Agathia trần truồng lên cây và đánh đập. Khi vị thánh bị đánh, tên tra tấn nói với bà:

– Hãy thay đổi suy nghĩ và thờ lạy các vị thần, để ngươi được sống.

Còn bà thì đáp lại:

– Nhờ những cực hình này, tôi đạt được hạnh phúc và vui mừng giữa chúng, cũng như người đã tìm được những kho báu vĩ đại: những cực hình tạm thời này có ích cho tôi. Cũng như người ta không thu lúa mì vào kho mà không loại bỏ cỏ dại, linh hồn tôi cũng không thể vào thiên đàng nếu thân xác không trước tiên bị hành hạ bởi những cực hình.

Tướng quân ra lệnh cho các thuộc hạ tra tấn Agathia dữ dội hơn, rồi ra lệnh dùng kìm sắt xé rách và cắt đứt vú của nàng. Khi lệnh được thi hành, vị nữ tử đạo nói với tướng quân:

– Kẻ tra tấn vô thần và vô nhân đạo! Ngươi không thấy xấu hổ khi cắt vú của một người phụ nữ, những cái vú mà chính ngươi đã bú sữa từ mẹ mình; nhưng ta có những cái vú khác trong tâm hồn ta, mà ngươi không thể chạm tới, vì chúng đã được dâng hiến cho Thiên Chúa từ thuở thiếu thời.

Sau đó, vị thánh nữ bị ném vào ngục tối. Vào nửa đêm, Thánh Tông đồ Phêrô hiện ra với nàng, dưới hình dáng một vị lão nhân uy nghiêm, tay cầm nhiều phương thuốc chữa lành dành cho nàng; đi trước ngài là một chàng trai trẻ tuấn tú cầm ngọn nến đang cháy; vị thánh nữ nghĩ rằng đó là một vị bác sĩ nào đó đã đến. Thánh Tông đồ nói với nàng:

– Kẻ tra tấn vô đạo, dù đã hành hạ ngươi bằng những vết thương, nhưng chẳng đạt được kết quả gì; ngược lại, ngươi đã chiến thắng hắn bằng lòng dũng cảm của mình; hắn ra lệnh không chỉ hành hạ mà còn cắt đứt vú của ngươi: vì điều này, linh hồn hắn sẽ phải chịu đau khổ vĩnh viễn. Vào lúc ngươi đang chịu cực hình, ta đã đứng đó quan sát và suy nghĩ rằng có thể chữa lành vú của ngươi, vì thế mà ta đã đến đây.

Thánh nữ tử đạo Agafia đáp:

– Con chưa bao giờ dùng bất kỳ phương thuốc nào cho thân thể mình; con nghĩ rằng ngay cả bây giờ cũng không nên phá vỡ thói quen tốt đẹp này, vốn đã được rèn luyện từ thuở thiếu thời.

– Nhưng tôi cũng là một Kitô hữu, – vị tu sĩ già nói, – và tôi đã đến đây với hy vọng chữa lành cho chị; vì vậy, xin đừng ngần ngại với tôi.

Thánh nữ đáp lại:

– Ngài là nam giới, còn tôi là thiếu nữ, làm sao tôi có thể cởi bỏ y phục trước mặt ngài mà không cảm thấy xấu hổ; thà tôi chịu đựng cơn đau từ những vết thương của mình còn hơn là cởi bỏ y phục trước mắt một người đàn ông. “Con cảm ơn cha, vị cha đáng kính, vì cha đã đến đây với ý định chữa lành những vết loét của con; nhưng xin cha biết rằng, sự chữa trị từ bàn tay con người sẽ không bao giờ chạm đến thân thể con.”

Ông lão nói với cô:

– Tại sao con lại không muốn cha chữa lành cho con?

Thánh nữ đáp:

– Con có Chúa Giêsu Kitô của con, Đấng chỉ bằng một cử chỉ là chữa lành mọi thứ và chỉ bằng một lời là phục hồi những kẻ sa ngã; nếu Ngài muốn, Ngài có thể chữa lành con, một tôi tớ bất xứng của Ngài.

Vị Tông đồ rất vui mừng trước đức tin vĩ đại của vị thánh tử đạo và, với nụ cười, nói với cô:

– Ngài đã sai tôi đến với con, hỡi thiếu nữ, vì tôi là Tông đồ của Ngài: hãy nhìn xem – con đã được chữa lành rồi.

Nói xong, ngài bỗng biến mất. Lúc đó, thánh nữ tử đạo Agathia, khi nhận ra người vừa hiện ra với mình là ai, đã tạ ơn Thiên Chúa và nói:

– Con cảm tạ Ngài, Chúa của con, Đức Giêsu Kitô, vì đã nhớ đến con và sai Tông đồ của Ngài đến chữa lành cho con.

Nhìn xuống thân thể mình, bà thấy vú mình vẫn nguyên vẹn và các vết thương đã lành; và suốt đêm, một ánh sáng kỳ diệu tràn ngập nhà ngục, chiếu sáng nơi đó; các lính canh hoảng sợ trước cảnh tượng này, bỏ chạy và để lại nhà ngục không khóa. Những tù nhân khác có mặt ở đó, khi thấy điều này, đã nói với vị thánh:

– Cửa đã mở rồi, chẳng có ai canh gác cả: hãy ra ngoài và chạy đi.

– Tôi không muốn mất vương miện tử đạo, – thánh Agathia đáp, – và gây tai họa cho những người canh gác; với sự trợ giúp của Chúa Giêsu Kitô, Con của Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng đã chữa lành cho tôi, tôi sẽ ở lại đây đến cùng, làm chứng cho Ngài.

Sau bốn ngày, vào ngày thứ năm, kẻ tra tấn lại ngồi trên ghế xét xử và gọi thánh nữ Agathia đến, rồi nói với nàng:

– Đến bao giờ ngươi mới chịu tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế? Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, nếu không ngươi sẽ phải chịu cái chết tàn khốc nhất.

Thánh nữ đáp lại:

– Lời nói của ngươi thật hão huyền, và mệnh lệnh của vua ngươi thật bất công, đến nỗi làm ô uế cả không khí; hãy nói cho ta biết, hỡi kẻ khốn nạn và điên rồ, ai lại đi tìm sự giúp đỡ từ cây cối và hòn đá vô tri vô giác? Còn ta, ta dâng lễ vật ngợi khen lên Đấng đã chữa lành vú ta và chữa lành thân thể ta.

Kẻ tra tấn ra lệnh mở vú của bà ra và, khi thấy chúng vẫn nguyên vẹn và không bị tổn thương như trước, liền hỏi:

– Ai đã chữa lành cho ngươi?

Nữ tử đạo đáp:

– Chúa Giê-su Ki-tô, Con của Đức Chúa Trời Hằng Sống.

Kintian thốt lên:

– Ngươi lại nhắc đến Đấng Christ, Đấng mà ta thậm chí không muốn nghe đến!

Và ông ra lệnh rải những mảnh ngói sắc nhọn đã được nung đỏ trên mặt đất, rắc than hồng lên trên, rồi ném vị thánh nữ trần truồng lên đó để thiêu đốt và tra tấn. Khi họ đang thi hành lệnh đó, bỗng nhiên một trận động đất xảy ra không chỉ gần nơi đó mà còn lan khắp thành phố; đất nứt ra và nuốt chửng Vulteus, bạn của Kintian, cùng người bạn thân của ông ta là Theophilus, những người đã xúi giục Kintian thực hiện hình phạt tàn bạo này. Tất cả cư dân, hoảng sợ vì trận động đất, đã chạy đến dinh thự của Kintian, la hét yêu cầu ông ta ngừng tra tấn cô gái vô tội, người mà vì cô mà trận động đất đã xảy ra. Kintian, hoảng sợ trước trận động đất và sự phẫn nộ của dân chúng, đã ra lệnh đưa vị thánh nữ vào ngục tối. Khi đến ngục tối, vị thánh nữ giơ hai tay lên trời và nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì Ngài đã ban cho con ân sủng được chịu khổ vì danh thánh của Ngài, và sau khi xóa bỏ trong con khát vọng về cuộc sống trần thế, Ngài đã ban cho con lòng kiên nhẫn. Xin Ngài hãy lắng nghe con trong giờ phút này và thương xót, để con có thể rời bỏ thế gian này và bước vào lòng thương xót dồi dào và vĩ đại của Ngài.

Sau khi cầu nguyện như vậy, bà đã phó thác linh hồn mình vào tay Đức Chúa Trời[1664] . Khi biết tin này, dân chúng vội vã đến, rước thi hài thánh thiện của bà và rước đi một cách trang trọng để an táng. Bất ngờ, một chàng trai trẻ tuấn tú, người mà không ai trong thành phố biết mặt, bước đến bên thi hài của vị thánh tử đạo; cùng đi với chàng là một trăm thiếu niên xinh đẹp. Sau khi đưa thi hài của vị thánh tử đạo đến nơi an táng, chàng đặt vào quan tài một tấm đá nhỏ, trên đó có khắc dòng chữ:

– Tâm hồn trong sạch, sự hiến dâng tự nguyện cho Thiên Chúa và sự cứu rỗi cho tổ quốc.

Sau khi đặt tấm đá có dòng chữ đó bên đầu vị thánh tử đạo, chàng trai ấy lập tức biến mất; và mọi người đều hiểu rằng đó chính là Thiên Thần của Chúa.

Sau đó, quan tổng trấn Kintian dẫn theo binh lính của mình đến thành phố Panorm để chiếm đoạt của cải của thánh nữ tử đạo Agathia và chiếm đoạt toàn bộ tài sản của bà. Trên đường đi, ông phải vượt qua một con sông sâu. Ông cùng với ngựa lên phà và bắt đầu vượt sông. Những con ngựa bỗng dưng nổi điên với ông; một con cắn xé

[1664] Thánh Agathia qua đời vào năm 251.

khuôn mặt ông bằng răng, làm biến dạng hoàn toàn, còn con kia thì dùng chân đá ông, và tiếp tục đá cho đến khi hất ông xuống sông, nơi ông chìm xuống và chết đuối, kết thúc cuộc đời độc ác của mình bằng một cái chết tàn bạo. Người ta đã tìm kiếm thi thể ông rất lâu nhưng không tìm thấy: nó đã tiêu tan cùng với linh hồn. Sau đó, không một vị vua nào dám gây hại cho họ hàng của Thánh Agathia nữa. Danh tiếng của bà lan rộng khắp nơi, và một nhà thờ đã được xây dựng trên di cốt của bà; bộ quần áo mà vị thánh từng mặc đã được đặt trên quan tài của bà để nhắc nhở về sự khiêm nhường của bà[1665] .

Một năm sau khi thánh tử đạo Agathia qua đời, núi Etna[1666] , gần thành phố Catania, bắt đầu phun trào nham thạch nóng bỏng, chảy ra từ miệng núi như một dòng sông khổng lồ, kèm theo tiếng ồn ào dữ dội, và những tảng đá nóng chảy rơi xuống từ trên cao như sáp. Người dân Catania vô cùng hoảng sợ, lo lắng cho sự diệt vong của thành phố mình. Lúc đó, không chỉ các Kitô hữu mà cả những người ngoại đạo – tất cả đều tụ tập tại nhà thờ Thánh Tử đạo Agathia, lấy áo của ngài, đứng chắn trước ngọn lửa đang ập về phía thành phố, và dùng chiếc áo ấy như một tấm khiên để tự vệ trước ngọn lửa hủy diệt và đáng sợ. Ngọn lửa, như thể xấu hổ trước bộ áo của vị thánh tử đạo, đã quay ngược lại và tắt lịm. Khi chứng kiến phép lạ này, người dân vô cùng vui mừng, ngợi khen Thiên Chúa và tôn vinh Thánh Tử Đạo Agathia. Phép lạ này xảy ra vào ngày mùng 5 tháng Hai, ngày mà vị thánh tử đạo đã chịu khổ vì Chúa Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Kondak, giọng 4:

Hôm nay, Giáo Hội hãy được trang hoàng bằng tấm áo choàng tím vinh quang, thấm đẫm máu trong sạch của vị tử đạo Agathia: Hãy vui mừng, hỡi tiếng kêu cầu, niềm vinh quang của Catania.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Theodulia

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 2

Vào thời trị vì của Diocletian và Maximian, các hoàng đế La Mã[1667] , người cai trị thành phố Anazarve[1668] là một người tên Pelagius, kẻ bách hại Kitô hữu một cách tàn bạo. Ông ra lệnh cho các tôi tớ của mình đi tìm kiếm các Kitô hữu khắp vùng lãnh thổ của ông, để bắt họ và đưa đến trước mặt ông để xét xử, nơi mà sau khi nghe lệnh của hoàng đế, họ phải thờ lạy các thần. Các thuộc hạ, sau khi lên đường thi hành mệnh lệnh, đã bắt được một phụ nữ Kitô hữu tên là Theodulia. Bà, không phải vì sợ những cực hình, mà vì lo sợ bị những kẻ ngoại đạo làm ô uế, đã đề nghị cho họ rất nhiều vàng, xin họ thả bà ra. Nhưng họ không nhận vàng, mà dẫn Theodulia đến gặp quan tổng trấn của mình, và kể với ông ta rằng cô đã muốn hối lộ họ bằng vàng để được tha. Vị quan trưởng đã khen ngợi những người hầu không nhận vàng và không thả cô ta ra, và vì điều đó đã thưởng cho họ những món quà. Còn bản thân ông, sau khi ngồi lên ghế xét xử và cho người phụ nữ phúc lành này đứng trước mặt, đã hỏi cô ta tên là gì. Cô ta trả lời:

– Tôi là một tín đồ Kitô giáo.

Thống đốc Pelagius nói:

– Trước khi ta bắt đầu tra tấn ngươi, hãy nói cho chúng ta biết tên ngươi.

Thánh nữ đáp:

– Tôi đã nói rồi và không nói dối, rằng tôi là một Kitô hữu. Đó là danh hiệu vinh dự và vĩnh cửu của tôi, còn mọi người gọi tôi là Theodulia. Tôi sinh ra trong một gia đình Kitô hữu và được giáo dục tốt theo giáo lý Kitô giáo.

Vị quan nói:

– Ta thấy ngươi đang trả lời ta một cách điên rồ.

– Chính ngài mới là người điên rồ, – Thánh nữ Theodulia đáp lại, – bởi vì ngài đã bỏ Chúa để thờ lạy hòn đá.

[1665] Hài cốt của Thánh Agafia vào năm 1040 được chuyển đến Constantinople, nhưng vào năm 1126 đã được đưa trở lại Catania.

[1666] Etna – ngọn núi lửa trên đảo Sicily, gần thành phố Catania.

[1667] Diocletian (ở phương Đông) và Maximian (ở phương Tây) trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[1668] *Anazarv – một thành phố* ở Cilicia, phía đông nam Tiểu Á.

Vị quan tiếp tục:

– Ta khuyên nhủ ngươi như một người chị em, – hãy dâng lễ vật cho các vị thần, rồi hãy đến tận hưởng cuộc sống trong điền trang của ta, và ngươi sẽ được tôn vinh vô cùng.

Thánh nữ Theodulia đáp lại:

– Chính ngài hãy tự mình tận hưởng tại điền trang của mình cùng với cha ngài – Satan, và cả hai sẽ phải chịu những cực hình vĩnh viễn.

Nghe vậy, vị quan nói:

– Ta biết các ngươi – những người phụ nữ – hay nóng nảy và dễ giận, hay gây rắc rối cho chính quyền; nhưng ta không dễ nổi giận, và ta khuyên nhủ ngươi một cách hiền lành, để ngươi vâng lời ta, dâng lễ vật lên các vị thần, và đừng để linh hồn mình bị hủy diệt.

Thánh nữ đáp lại:

– Khi sống trong sự xưng tội với Đức Chúa Trời, tôi không hủy hoại linh hồn mình, mà cứu rỗi nó, còn thân xác tôi sẽ trở về với đất; vậy nên, tôi không nói với ngài như một kẻ điên rồ: hãy hành hạ thân xác tôi, nếu ngài muốn. Còn Đức Chúa Trời, khi thấy sự kiên nhẫn của tôi và sự sẵn sàng hoàn toàn của tôi để chịu khổ vì Ngài, sẽ ban cho tôi sự giúp đỡ của Ngài, vì chính Ngài cũng đã chịu khổ vì chúng ta trên Thập tự giá, để sắp đặt sự cứu rỗi cho dân Ngài.

Pelagius đáp lại:

– Ngươi nghĩ rằng bằng những lời này ngươi có thể khơi dậy cơn thịnh nộ trong ta, để ta mau chóng tiêu diệt ngươi; nhưng hãy biết rằng ta sẽ tra tấn ngươi trong một thời gian dài, cắt từng bộ phận trên cơ thể ngươi một, cho đến khi ta tiêu diệt ngươi.

– Con sói xảo quyệt và hung ác, – vị thánh đáp lại, – làm sao ngươi có thể tiêu diệt một con chiên có Đấng Christ, Đấng Tạo Hóa của muôn loài, làm Mục Tử của mình; làm sao ai có thể cướp tôi khỏi tay Ngài được?

Lúc đó, tên tra tấn, vì tức giận, ra lệnh lột trần vị thánh nữ, treo nàng lên cây bách bằng tóc và tra tấn nàng bằng những chiếc móc sắt nung đỏ, thiêu đốt núm vú của nàng. Trong cơn đau đớn, vị thánh nữ nói:

– Ngài thấy đó, thưa quan tổng trấn, tôi không cảm thấy đau đớn – còn ngài, theo tôi thấy, lại đang đau khổ hơn và đã bị tôi đánh bại.

Vị quan trả lời bà như sau:

– Các vị thần của chúng ta nhân từ và biết rằng ngươi sẽ quay về với họ, vì vậy, để thương xót ngươi, họ đã loại bỏ cơn đau khỏi ngươi, để ngươi không cảm thấy sự đau đớn.

Còn vị Thánh nữ thì nói:

– Các vị thần của ngài, những vị đang thương xót tôi, đang ở đâu? Hãy chỉ cho tôi thấy họ, để tôi có thể dâng lên họ sự tôn kính.

Nghe những lời này, vị quan rất vui mừng và ra lệnh nhanh chóng cởi trói cho bà và dẫn bà đến đền thờ Hadrian, người mà họ tôn sùng như một vị thần còn sống và toàn năng[1669] . Khi bước vào đền thờ này, vị thánh nhìn thấy tượng thần Adrian và, sau khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời Chân Thật, bà thổi một hơi vào tượng thần, và ngay lập tức nó ngã xuống như bị sét đánh, vỡ thành ba mảnh. Ra khỏi đó, vị thánh nói với quan tổng trấn:

– Hãy vào trong và cứu giúp vị thần của ngài đi, vì ngài ấy đã ngã xuống và vỡ tan rồi.

Khi bước vào, quan tổng trấn thấy tượng thần nằm trên mặt đất, vỡ thành ba mảnh, và ông khóc lóc thảm thiết vì nó. Tin đồn về việc tượng thần Adrian bị phá hủy đã đến tai các vị vua; họ cử một người đại diện đến thành phố Anazarv để xác minh sự thật của tin đồn này, và nếu nó là sự thật, thì sẽ giao quan tổng trấn thành phố cho thú dữ ăn thịt. Biết được điều này, quan tổng trấn quỳ xuống trước Thánh Theodulia trong nước mắt, van nài bà làm

---

[1669] Tất nhiên, ở đây có một đền thờ với tượng thần hoặc hình ảnh của hoàng đế La Mã Hadrian (*trị vì từ* năm *117–138*). Như đã biết, người La Mã coi các hoàng đế đã qua đời của họ là một phần của đoàn thể các vị thần (*được gọi là "tôn giáo* các Caesar"), họ dành cho họ những vinh dự thần thánh, dâng lễ vật và các nghi lễ khác. Việc tôn kính các hoàng đế này bắt đầu từ thời Augustus và tiếp tục tồn tại trong suốt thời kỳ Đế chế La Mã đa thần. Người ta không chỉ thần thánh hóa các Caesar đã qua đời (tức là các hoàng đế), mà thậm chí cả những người còn sống. Sự tôn kính này là bắt buộc đối với tất cả mọi người. Người ta coi là bắt buộc phải có hình ảnh của hoàng đế đương nhiệm ngay trong nhà, đặt giữa các vị thần hộ gia đình (Penates). Việc tuân thủ nghi lễ thờ cúng các Caesar trong Đế chế La Mã được giám sát rất nghiêm ngặt, và bất kỳ ai, do sơ suất hay thiếu tôn trọng, không muốn bày tỏ sự tôn kính đối với hoàng đế, đều bị đối xử *như* một tội phạm tột cùng. Các nhà cầm quyền La Mã cũng yêu cầu cả những người Kitô hữu phải tuân theo hình thức tôn kính hoàng đế mang tính tôn giáo này.

cho vị thần của họ trở lại nguyên vẹn và hứa sẽ trở thành Kitô hữu nếu ông thấy vị thần đó đứng lại đúng nơi ban đầu.

Thánh nữ, sau khi dâng lời cầu nguyện tha thiết lên Thiên Chúa toàn năng, đã ra lệnh cho tượng thần đứng nguyên vẹn tại chỗ của nó, và tượng thần lập tức đứng dậy nguyên vẹn, đi đến và đứng tại chính nơi nó từng đứng trước đó. Người được các vị vua phái đi, khi đến và thấy tượng thần vẫn nguyên vẹn, đã quay trở lại báo cáo với các vị vua mà không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho vị thánh. Sau đó, các vị vua ra lệnh cho Pelagius phải tra tấn Theodulia bằng nhiều hình thức khác nhau và xử tử bà. Còn Pelagius thì không những không thực hiện lời hứa trở thành Kitô hữu, mà còn quên cả ân huệ của thánh Theodulia, nên lại bắt nàng ra tra tấn, ra lệnh dùng những cây gậy sắt nung đỏ đâm xuyên qua chân nàng. Khi họ đang thi hành hình phạt đó trên nàng, một quan chức tên là[1670] Elladius tiến đến gần Pelagius và nói:

– Kính thưa ngài, xin hãy giao thiếu nữ này cho tôi, tôi sẽ thuyết phục nàng thờ lạy các vị thần; nếu tôi không làm được điều đó, xin ngài hãy chặt đầu tôi.

Vị quan đã giao thánh nữ cho quyền lực của ông ta. Ông ta liền lấy năm chiếc đinh dài, đóng một chiếc vào tai trái của cô đến mức nó xuyên qua tai phải, và đóng chiếc đinh khác vào tai phải đến mức nó xuyên qua tai trái; chiếc đinh thứ ba được đóng vào trán cô, còn hai chiếc đinh còn lại thì đâm xuyên qua hai núm vú của cô. Còn vị thánh nữ, ngước mắt lên trời, cầu xin Thiên Chúa ban cho nàng sự kiên nhẫn – và ngay lập tức nàng nhận được sự trợ giúp và sự chữa lành từ Thiên Chúa: những chiếc đinh rơi ra và nàng trở nên lành lặn. Hê-la-di-ô đưa vị thánh về nhà mình và bắt đầu nịnh nọt, khuyên nhủ bà hãy cùng ông thờ lạy các vị thần, "để tôi," ông nói, "cũng được quan tổng trấn ban vinh dự, còn bà sẽ được chính các vị vua ban cho vinh quang lớn lao."

Còn vị thánh nữ thì đáp lại ông:

– Tốt hơn là chính ngài hãy tự thuyết phục bản thân và trở thành Kitô hữu, để được hưởng vinh dự không phải tạm thời, mà là vĩnh cửu trong Nước Trời của Chúa Giêsu Kitô, Đấng sẽ phán xét kẻ sống và kẻ chết, và ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ.

Lúc đó, Elladius nói với bà:

– Hãy nói hết sự thật đi, hỡi tôi tớ của Đấng Kitô, vì lòng tôi đã bừng cháy lên bởi những lời của chị.

Rồi Theodulia bắt đầu nói với ông:

– Thế gian này cùng mọi của cải và vinh quang của nó đều phù du, còn đời sau thì vô tận: ai làm điều thiện ở đây sẽ nhận được phần thưởng tốt lành trong đời sau; còn những ai làm điều ác trong thế gian này sẽ bị hành hạ mãi mãi ở đó; còn những ai thờ lạy các thần tượng, như các ngươi, sẽ đặc biệt phải chịu những cực hình vĩnh viễn.

Bằng những lời dạy dỗ ấy, thánh nữ Feodulia đã dẫn dắt Elladius đến với sự hiểu biết về chân lý, và anh ta, với lòng tràn đầy xúc động, đã nói với bà:

– Xin bà, thưa bà Theodulia, xin đừng nhắc lại điều ác mà tôi đã gây ra cho bà, nhưng xin bà cầu nguyện với Đức Chúa Trời của bà cho tôi, để tôi cũng trở thành một Kitô hữu.

Khi trời sáng, Elladius cùng với Thánh Theodulia đến gặp quan tổng trấn và nói:

– Tôi không thể lôi kéo người tôi tớ của Đức Chúa Trời Chân Thật ra khỏi con đường chính đáng và hạnh phúc, mà ngược lại, chính bà ấy đã dẫn dắt tôi vào con đường chính đáng, giải thoát tôi khỏi bóng tối của sự vô minh và đưa tôi đến với Đức Kitô, Đức Chúa Trời Chân Thật, Đấng mà tôi tin tưởng không chút nghi ngờ, xưng danh thánh của Ngài và thờ phượng Ngài một cách tận tâm.

Nghe những lời ấy của ông, quan tổng trấn ra lệnh lập tức chém đầu ông bằng gươm, rồi ném thi thể ông xuống biển. Như vậy, cuộc tử đạo của ông đã diễn ra vào ngày thứ hai mươi bốn tháng Giêng. Còn Thánh Theodulia thì bị ném vào lò lửa đang cháy rực, nhưng vẫn không hề hấn gì. Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh đốt nóng chảo cho Thánh Theodulia, đặt bà nằm trên chảo đó và đổ nhựa cây sôi sục, sáp và dầu lên người bà; nhưng chiếc chảo, do ngọn lửa đốt cháy, đã vỡ tan thành từng mảnh, trong khi tia lửa và ngọn lửa thiêu đốt nhiều người trong đám đông xung quanh; còn chính viên tổng trấn, bị ngọn lửa bao trùm, đã chết một cái chết khủng khiếp, còn Thánh Feodulia lại một lần nữa không hề hấn gì.

Khi chứng kiến phép lạ này, rất nhiều người đã tin vào Chúa Kitô, trong đó có hai công dân danh giá là Macarius và Evagrius.

[1670] *Commentarius* – quan chức giám sát tù nhân và ghi chép hồ sơ của họ.

Sau đó, những kẻ vô tín lại đốt lò lên, ném Thánh Theodulia vào đó cùng với Macarius và Evagrius, cũng như rất nhiều người đã tin vào Chúa Kitô. Và tất cả, sau khi cầu nguyện tại đó, đã qua đời, bước vào cuộc sống vĩnh hằng, nơi họ được đội vương miện chiến thắng và hân hoan cùng tất cả các thánh, tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, Tổng Giám mục Chernihiv

Ngày kỷ niệm: 5 tháng 2

Thánh Theodosius, Tổng Giám mục Chernihiv, về nguồn gốc thuộc dòng họ quý tộc Uglitsky ở vùng Zadniprovsk[1671] . Cha của Thánh Theodosius, tên là Nikita, là một linh mục tại Malorossiya, còn mẹ ngài tên là Mariya. Cha mẹ đã nuôi dạy con trai mình trong sự kính sợ Thiên Chúa và lòng đạo đức Kitô giáo; dưới ảnh hưởng của những lời dạy dỗ của họ, ngay từ thuở ấu thơ, ngài đã bộc lộ những phẩm chất đạo đức, vốn trở thành nét đẹp tô điểm cho cả cuộc đời sau này của ngài. Bản tính hiền lành, vâng lời và nhạy cảm, từ thuở thiếu thời, Thánh Feodosiy đã tràn đầy tình yêu nồng cháy dành cho Chúa và lòng nhiệt thành đối với nhà thờ của Ngài. Sau khi nhận được sự giáo dục ban đầu trong gia đình và học được cách đọc viết tại đó, Thánh Feodosiy được cha gửi đến Trường Epiphany ở Kiev-Bratsk[1672] để tiếp tục học tập. Tại đây, dưới sự ảnh hưởng và hướng dẫn của các vị thầy đạo đức, thông qua việc nghiên cứu Kinh Thánh và các tác phẩm của các Thánh Phụ, vị thánh đã nỗ lực sắp xếp cuộc đời mình theo gương của họ; tại đây, ngài trưởng thành và được củng cố về tinh thần trong việc nhận thức những chân lý của đức tin Chính Thống và trong những việc làm đạo đức. Và cũng tại đây, trong thời gian học tập tại trường, trong lòng cậu bé Theodosius đã nảy sinh khát vọng noi gương, trong khả năng của mình, lối sống thánh thiện như thiên thần của các vị thánh Antony và Theodosius cùng các vị tu sĩ khổ hạnh khác tại Pechersk – những bậc cầu nguyện vĩ đại và những vị bảo trợ trên trời của Kiev cổ kính, dưới sự che chở đầy ân sủng của các ngài, cậu đã sống và được nuôi dưỡng, và cậu luôn chiêm ngưỡng trước mắt mình những di cốt bất hoại, được tôn vinh của các ngài. Trong những giờ rảnh rỗi, những hoạt động yêu thích của Theodosius là cầu nguyện, suy ngẫm về Chúa và đọc Lời Chúa. Cũng tại đây, Thánh Feodosiy đã làm quen sâu sắc với nghệ thuật hát thánh ca theo phần, tại trường dạy hát do Đức Cha Lazar Baranovich thành lập. Nói chung, Trường Epiphany ở Kiev-Bratsk, được thành lập để duy trì và bảo vệ đức tin Chính Thống Giáo trước các cuộc tấn công của giới tu sĩ Công giáo Ba Lan và các tu sĩ Dòng Tên[1673] , đã tiến hành toàn bộ việc giảng dạy theo tinh thần Kitô giáo Chính Thống nghiêm ngặt, tinh thần này đã thấm nhuần vào tâm hồn trẻ trung của các học sinh; và trong số các thầy giáo của trường có những bậc thầy thực sự của nền giáo dục tâm linh Chính Thống Giáo. Không còn nghi ngờ gì nữa, Thánh Theodosius cũng đã nhận được tại đó nền giáo dục cao nhất và tốt nhất vào thời điểm đó, điều này chắc chắn đã góp phần vào sự phát triển toàn diện của tất cả những năng khiếu phong phú trong tâm hồn ngài.

Ngay sau khi hoàn thành quá trình học tập tại Trường Epiphany ở Kiev-Bratsk, Thánh Theodosius đã thụ phong tu sĩ, điều mà tâm hồn ông – vốn khao khát mãnh liệt những hành động thiêng liêng – đã hướng tới ngay từ khi còn đi học. Và thế là, khi còn trẻ, vị tu sĩ chân chính của Chúa Kitô này đã coi thường mọi của cải trần gian, rời bỏ thế giới đầy xáo trộn và hư ảo, và nhận lễ cắt tóc tu sĩ tại Tu viện Kiev-Pechersk với tên gọi Theodosius, để vinh danh vị tu sĩ vĩ đại của Tu viện Kiev-Pechersk và là người khai sinh ra đời sống tu viện cộng đồng tại Nga – Thánh Phê-ô-đô-xi-a, người mà ngài vô cùng kính trọng và thường xuyên cầu xin sự chuyển cầu của ngài ngay từ thời còn theo học tại Kiev. Từ thời điểm đó, cuộc sống tu hành nghiêm ngặt của Theodosius bắt đầu, và chẳng bao lâu sau, điều này đã mang lại cho ngài danh tiếng không chỉ trong giới tu sĩ mà còn trong giới giáo dân.

[1671] Theo truyền thuyết, họ này được đặt cho một trong những tổ tiên của Thánh Theodosius vì những đóng góp xuất sắc trong việc đẩy lùi quân địch khỏi thành Uglich.

[1672] Đây là trường học nổi tiếng lâu đời nhất ở Nga, có nguồn gốc từ cuối thế kỷ XVI; hiện nay là Học viện Thần học Kiev, tọa lạc tại Tu viện Bratsky, ở Podol, Kiev.

[1673] Trường Bogoyavlensky Kiev-Bratsky, với vai trò là trung tâm giáo dục chính cho toàn bộ miền nam Nga Chính thống giáo, đồng thời đã đào tạo ra không ít những chiến sĩ nổi tiếng bảo vệ đức tin Chính thống giáo trong phạm vi Giáo hội miền Nam Nga, vốn phải hứng chịu những cuộc tấn công không ngừng từ phía kẻ thù – những người Công giáo và những người Uniate đồng quan điểm với họ, những kẻ đã khinh miệt đức tin Chính thống giáo và công nhận quyền tối cao của Giáo hoàng, cùng với những tu sĩ Dòng Tên còn xảo quyệt hơn nữa, những tu sĩ thuộc dòng tu Công giáo, những người đã đặt mục tiêu bằng mọi giá phải thiết lập đạo Công giáo và quyền tối cao của Giáo hoàng khắp mọi nơi.

Sự khiêm nhường và lối sống gương mẫu của vị tu sĩ trẻ đã thu hút sự chú ý của Đức Tổng Giám mục Dionysius[1674] (Valaban) của Kiev lúc bấy giờ, người đã bổ nhiệm ngài làm Tổng phó tế tại Nhà thờ Thánh Sophia ở Kiev, nơi ngài đã phục vụ một cách tận tụy cho đến khi Đức Tổng Giám mục Dionysius rời khỏi Kiev, sau đó ông được bổ nhiệm làm người quản lý nhà thờ chính tòa của tổng giám mục. Tuy nhiên, bị xáo trộn bởi những ồn ào trần tục, cuộc sống tại Kiev không thể thỏa mãn khát khao nội tâm của vị tu sĩ khiêm nhường này đối với sự tĩnh lặng và mong muốn được ở trong sự hiệp thông cầu nguyện liên tục với Thiên Chúa. Vì vậy, Thánh Theodosius, được thúc đẩy bởi tình yêu dành cho những việc làm đạo đức và sự tĩnh lặng của đời tu, chẳng bao lâu sau đã rời Kiev và định cư tại tu viện Krupitsky-Baturinsky nhỏ bé và hẻo lánh[1675] , từ lâu đã nổi tiếng với lối sống tu hành nghiêm ngặt, nơi ngài được tấn phong làm tu sĩ linh mục. Tuy nhiên, dù vị tu sĩ có học thức, đạo đức và năng động này có cố gắng ẩn mình khỏi thế gian đến đâu, ngài vẫn không thể không được các vị lãnh đạo tinh thần cấp cao chú ý. Thánh Theodosius tu hành tại Tu viện Krupitsky không lâu; ngài nổi bật hẳn so với các tu sĩ khác nhờ sự khôn ngoan thiêng liêng cùng lối sống tu hành nghiêm ngặt và đạo đức, vì vậy sau một thời gian ngắn, ngài được bổ nhiệm làm Bề trên Tu viện Korsun, thuộc Giáo phận Kiev. Chức vụ mới của Thánh Theodosius đã thỏa mãn những khát vọng nội tâm của ngài. Tu viện Korsun[1676] , tọa lạc trên một hòn đảo giữa sông Ros, xa lánh những nơi cư ngụ của thế gian, trong một khung cảnh thơ mộng, hoàn toàn phù hợp với khát vọng của vị thánh về sự ẩn dật và những việc làm đạo đức xa rời sự hối hả của đời thường. Chính ngài cũng đã trở thành tấm gương sáng cho các tu sĩ tại đây nhờ cuộc sống đạo đức và thực sự tu hành, đồng thời thể hiện khả năng quản lý tu viện một cách khôn ngoan. Vì vậy, không lâu sau đó, ngài được bổ nhiệm làm viện trưởng của tu viện Vydubychi nổi tiếng ở Kiev[1677] . Tu viện cổ kính này trước đó không lâu đã rơi vào tay những người Uniate và người Ba Lan Công giáo, và bị họ tàn phá. Phần lớn các tu sĩ đã tản mác, vì không ai muốn đến sinh sống tại một tu viện bị tàn phá; các tòa nhà tu viện đang trong tình trạng xuống cấp, một số đất đai của tu viện bị chiếm đoạt một cách bất công. Nói chung, tu viện cần được tu sửa cả bên trong lẫn bên ngoài , và cần rất nhiều sức lực cùng sự khéo léo để khôi phục lại nó như xưa. Nhưng Thánh Theodosius không nản lòng và, nhờ ơn Chúa, đã hoàn thành xuất sắc công việc của mình, đưa ngôi tu viện cổ kính nổi tiếng này trở lại vẻ đẹp và sự trật tự như xưa. Ông đã thỉnh cầu với Hetman của Tiểu Nga để củng cố đất đai tại các khu vực khác nhau và xin phép Sa hoàng cho phép cứ sau năm năm lại cử các tu sĩ của mình đến Moscow để quyên góp và cầu xin ân sủng của Sa hoàng, điều mà họ đã nhận được với số lượng hào phóng. Đồng thời, ngài đã trùng tu các tòa nhà và nhà thờ của tu viện, đồng thời khôi phục toàn diện cảnh quan bên ngoài của tu viện; ngài đặc biệt quan tâm đến sự trang nghiêm và vẻ đẹp của các nghi lễ thờ phượng trong tu viện: với kiến thức sâu rộng về thánh ca, Thánh Theodosius đã thành lập tại tu viện của mình một dàn hợp xướng tuyệt vời đến nỗi không chỉ nổi tiếng ở Kiev và khắp vùng Little Russia, mà còn được biết đến ở Moscow; chính vì vậy, theo yêu cầu từ Moscow, Thánh Theodosius đã cử các ca sĩ đến đó để hướng dẫn việc hát thánh ca. Tuy nhiên, những công lao đáng chú ý hơn nữa của vị tu sĩ chân chính này là việc phục hồi kỷ luật tu viện và sắp xếp lại đời sống nội bộ của Tu viện Vydubytsia. Với tinh thần tận tụy thực hiện nghĩa vụ của đời sống tu sĩ, ngài đã trở thành tấm gương cao quý về đời sống tu hành nghiêm khắc cho các tu sĩ, thu hút rất nhiều người tìm kiếm sự cứu rỗi đến tu viện của ngài. Đồng thời, với mong muốn thấm nhuần sâu sắc hơn tinh thần tu hành chân chính vào các tu sĩ của Tu viện Vydubytsia, vị Thánh đã lập nên một tu viện nhỏ trên đất của tu viện, tại huyện Mozyr[1678] , dành cho những tu sĩ trong cộng đoàn đang tìm kiếm sự ẩn dật hoàn toàn và những hành động khổ hạnh khắc nghiệt.

Mặc dù sau đó, theo lời của Đấng Cứu Thế: *"Các con sẽ gặp gian nan trong thế gian; nhưng hãy can đảm: Ta đã chiến thắng thế gian"* (Ga 16:33), Thánh Theodosius, người làm việc trung thành trong vườn nho của Chúa Kitô, đã phải chịu đựng nhiều nỗi đau khổ và buồn phiền bất công[1679] do sự vu khống và lòng đố kỵ của con người

---

[1674] Tổng giám mục Dionysius chỉ quản lý Tổng giáo phận Kiev trong vòng không quá nửa năm. Ông được bổ nhiệm vào chức vụ này vào tháng 2 năm 1658 và rời Kiev vào tháng 7 năm 1658, mặc dù trên danh nghĩa vẫn được coi là Tổng giám mục Kiev.

[1675] Gần thị trấn Baturina, hiện nay thuộc tỉnh Chernihiv, cách thành phố Konotop 30 verst; được thành lập vào thế kỷ XVI.

[1676] Nằm trong huyện Koniev, tỉnh Kiev. – Thánh Theodosius được bổ nhiệm làm viện trưởng tu viện Korsun vào khoảng năm 1661.

[1677] Đó là vào năm 1664. Tu viện Kiev-Vydubychi là một trong những tu viện cổ xưa và quan trọng nhất của giáo phận Kiev; được thành lập vào cuối thế kỷ XI; vào đầu thế kỷ XVII, trong thời kỳ thống trị của Ba Lan, tu viện này đã bị ép gia nhập Liên hiệp Công giáo, nhưng sau đó lại được trả về dưới sự quản lý của Tổng giám mục Kiev; hiện nay – là tu viện nam hạng hai.

[1678] thuộc tỉnh Minsk. Tại đó có hòn đảo "Mikhailovshchina", thuộc sở hữu của Tu viện Kiev-Vydubychi, nơi vào năm 1680, Thánh Theodosius đã thành lập và xây dựng một tu viện nhỏ, với vị tu sĩ nghiêm khắc của Tu viện Vydubychi, tu sĩ Iov Opalinsky, được bổ nhiệm làm người quản lý.

– nhưng cuộc đời tu hành và sự lãnh đạo khôn ngoan của ngài đối với các tu sĩ đã mang lại cho ngài sự kính trọng của toàn thể người dân Kiev. Đặc biệt, Đức Thánh Phê-ô-đô-xi-ô được Đức Tổng Giám mục Tạm quyền Tổng giáo phận Kyiv lúc bấy giờ, Đức Tổng Giám mục Lazar Baranovich của Chernihiv[1680] – người trước đây từng là thầy giáo và Hiệu trưởng của ngài tại Trường Anh em Kyiv-Bogoyavlen – dành cho sự ưu ái và quan tâm đặc biệt. Trong một bức thư thuộc thời kỳ này, Đức Tổng Giám mục Lazar đã tiên tri bày tỏ mong muốn rằng "tên của ngài (Thánh Theodosius) sẽ được ghi danh trên trời". Với tư cách là người tạm thời điều hành Tổng giáo phận Kiev, Thánh Lazar đã bổ nhiệm Theodosius, khi đó vẫn là Archimandrite của Vydubychi, làm người đại diện của ngài tại Tổng giáo phận[1681] . Sau đó, khi Malorossiya bầu Giám mục Gedeon của Lutsk làm Tổng giám mục Kiev[1682] , Thánh Lazar Baranovich đã cử Thánh Feodosiy, với tư cách là người đã cống hiến nhiều cho Giáo hội Malorossiya[1683] , cùng với một vị tu viện trưởng đáng kính khác, đến để xin phê chuẩn sự lựa chọn này. Bằng cách này, Thánh Lazar và các chức sắc tôn giáo cũng như thế tục của Tiểu Nga rõ ràng muốn đề cử Thánh Feodosiy như một người đặc biệt xứng đáng và có năng lực để đảm nhận chức vụ cao nhất. Cùng thời điểm đó, tại Moscow, Thánh Feodosiy đã xin được sắc lệnh của Sa hoàng cho phép Tu viện Vydubitsky gửi người đến Moscow để quyên góp. Kể từ thời điểm đó, mỗi khi có cơ hội thích hợp, người ta lại đề cử Thánh Feodosiy Uglitsky như một ứng viên xứng đáng đảm nhận vị trí cao nhất. Chẳng hạn, sau khi Tổng giám mục Kiev Gedeon qua đời, Thánh Feodosiy là một trong những ứng viên cho chức vụ Tổng giám mục Kiev. Trước đó nữa, theo ý muốn của Đức Tổng Giám mục Lazar Baranovich, người đã trở về Chernihiv từ Kiev để lo việc giáo phận của mình, ông được triệu tập đến Chernihiv và được bổ nhiệm làm Archimandrite của Tu viện Yelets thuộc Chernihiv[1684] để thay thế vị trụ trì đã qua đời của tu viện này, đó là Ioannikii Golyatovskii nổi tiếng[1685] .

Tu viện Yelets vào thời điểm đó rất nghèo khó và thiếu thốn. Tài sản và các nguồn thu từ hoạt động kinh tế của tu viện rất ít, và nói chung, các tu sĩ phải chịu cảnh thiếu thốn nghiêm trọng về mặt sinh hoạt. Vị trụ trì mới đã tích cực bắt tay vào việc tổ chức lại tu viện được giao phó. Ngay sau khi nhậm chức, ngài đã đến gặp Hetman Mazepa của Tiểu Nga[1686] và trình bày rằng: "Tu viện Yelets thiếu thốn lương thực, đặc biệt là củi, khiến các tu sĩ gặp nhiều khó khăn trong sinh hoạt, mà lại không có gì để giúp đỡ, vì trong lãnh địa của tổng giám mục có rất ít thần dân", – và Mazepa, người vốn không nổi tiếng là hào phóng đối với các chức sắc tôn giáo và tu viện, đã đáp ứng lời thỉnh cầu của Thánh Theodosius, xuất phát từ sự kính trọng đặc biệt dành cho ngài, và trao làng Moschonk

---

[1679] Thánh Theodosius đã phải chịu nhiều đau khổ, do âm mưu của Mephodius, Giám mục Mstislav và Orsha, người đã tranh giành ngai tòa Tổng giám mục Kiev, và vì mục đích cá nhân, đã vu khống vị thánh cùng với các vị trụ trì của các tu viện khác ở Kiev về việc dính líu vào các âm mưu chính trị và phản bội chính quyền Moscow; nhưng sự thật đã ngay lập tức chiến thắng, và sự vô tội của Thánh Feodosiy đã được chứng minh rõ ràng ngay lúc đó.

[1680] Lazar Baranovich – Hiệu trưởng Trường Anh em Kiev-Bogoyavlen, từ năm 1657 là Tổng giám mục Chernigov, một nhân vật chính trị và văn học nổi bật ở miền nam Nga, là nhà thuyết giáo và nhà tranh luận chống lại người Công giáo và người Uniate; ông được những người cùng thời rất kính trọng; Thánh Dimitri Rostovski gọi ông là "cột trụ vĩ đại của Giáo hội".

[1681] Vào thời điểm đó, Tổng giáo phận Kiev đã trống vị trí khá lâu do những biến động chính trị, do đó việc quản lý tạm thời đã được giao cho vị tổng giám mục được kính trọng nhất ở miền nam Nga, đó chính là Lazar Baranovich.

[1682] Gedeon (Svyatopolk – Chetvertinsky) – Giám mục Lutsk, từ năm 1686 trở thành Tổng Giám mục Kiev, qua đời năm 1690, nổi tiếng với các văn thư và thư từ gửi đến các chức sắc tôn giáo khác nhau.

[1683] Thánh Feodosiy, với tư cách là một trong những nhân vật tôn giáo được kính trọng nhất, đã là đại diện của phái đoàn mà Hội đồng Giám mục – cơ quan bầu chọn tổng giám mục – đã cử đi vào năm 1685 để gặp vị tổng giám mục mới được bầu, nhằm thông báo về kết quả bầu cử và mời ngài nhận chức tổng giám mục Kiev. Cùng năm đó, vị tu viện trưởng "đáng kính" và "có công lao trong Giáo hội Tiểu Nga", cùng với vị tu viện trưởng Pereyaslav Ieronym Dubina, đã được cử đến gặp các Sa hoàng Ioann và Petr Alekseevich cùng với Thượng phụ Ioakim để xin phê chuẩn vị tổng giám mục do Tiểu Nga bầu chọn. Cần lưu ý rằng vào thời điểm đó, người ta cử những nhân vật được lựa chọn từ Little Russia đến Moscow không chỉ để họ chuyển giao các đơn thỉnh cầu này hay đơn thỉnh cầu kia và đóng vai trò là người trung gian khi cần thiết, mà còn với mục đích giới thiệu họ trước mặt Sa hoàng và Thượng phụ như những nhân vật có năng lực và được đề cử cho các chức vụ cao cấp. Người ta cũng nhìn nhận vấn đề này như vậy tại Moskva, và tại đó, cả hai đại diện của phái đoàn, các vị tu viện trưởng – Vydubitsky và Pereyaslavsky – đều được tiếp đón như những "người có công với Giáo hội Malorossiya". Kết quả của phái đoàn này là sự kiện vĩ đại khi Giáo hội miền Nam Nga sáp nhập vào Tòa Thượng phụ Moskva.

[1684] Tu viện Uspensky hạng nhất ở Yelets, thuộc Chernihiv, được thành lập vào năm 1060 bởi Đại công tước Chernihiv Sviatoslav Yaroslavich.

[1685] Ioannikii Golyatovskii – nhà thuyết giáo và nhà văn tranh luận nổi tiếng của miền Nam Nga thế kỷ XVII, ban đầu là hiệu trưởng Học viện Kiev-Mohyla, sau đó là đại tu viện trưởng Tu viện Yeletsk ở Chernihiv.

[1686] Ivan Mazepa – Hetman của Tiểu Nga từ năm 1687 đến năm 1709, khi ông phản bội Peter Đại đế và Nga, chuyển sang phe Vua Thụy Điển Karl XII; ông qua đời cùng năm đó.

cho tu viện quản lý. Cũng như vậy, những người giàu có khác, nhờ sự kính trọng dành cho Theodosius, đã được thúc đẩy để làm từ thiện cho tu viện Yelets.

Như vậy, dưới thời Thánh Feodosii, trong vòng hai đến ba năm, tu viện Yelets đã đạt được sự thịnh vượng, đủ để đảm bảo sự tồn tại của nó. Bên cạnh việc quan tâm đến việc xây dựng cơ sở vật chất bên ngoài của tu viện, Thánh Feodosiy cũng không kém phần quan tâm đến sự thịnh vượng nội tại của tu viện, cũng như việc củng cố và duy trì lối sống tu hành chân chính tại đó. Về mặt này, chính những hành động cá nhân của ngài đã trở thành tấm gương sáng chói, mang tính giáo dục cao cho các tu sĩ tại Yelets trong việc thực hành đời sống tu hành.

Bên cạnh những công việc tu viện này và các công việc khác, Thượng phụ Theodosius đồng thời còn là trợ tá tích cực của Tổng Giám mục Lazarus trong công tác rao giảng; và theo ý muốn của vị Tổng Giám mục, ngài còn phụ trách các công việc tài chính cũng như một phần công việc giáo phận của Tòa Giám mục. Theo thời gian, Đức Tổng Giám mục Lazar nhận thấy rằng Archimandrite Feodosiy Uglitsky đang điều hành công việc được giao phó một cách thận trọng và khôn ngoan, và hoàn toàn tin tưởng rằng ngài có thể là trợ tá tốt nhất của ngài trong việc quản lý giáo phận Chernigov; do đó, với sự đồng ý của Hetman của Little Russia, ngài đã đề nghị ông lên đường đến Moscow gặp Thượng phụ Adrian[1687] để xin ngài bổ nhiệm ông làm trợ tá của mình. Đó là vào năm 1691. Tại Moscow, người ta đã nghe nói từ lâu về cuộc sống đạo đức và sự khôn ngoan tâm linh của Thánh Theodosius, vì vậy Đức Thượng phụ đã sẵn lòng đáp ứng nguyện vọng của vị thánh già Chernihiv được mọi người kính trọng, đồng thời thông báo điều này cho Hetman của Little Russia qua một văn thư chính thức của ngài, trong đó ngài đã ca ngợi Thánh Theodosius.

Tuy nhiên, sự giúp đỡ này vẫn chưa đủ đối với vị thánh trưởng lão đang ở những ngày cuối đời. Tràn đầy lòng biết ơn đối với Thánh Feodosiy vì sự tham gia nhiệt thành của ngài trong việc quản lý đoàn chiên, Đức Thượng phụ Lazar mong muốn còn trong đời mình được chứng kiến Thánh Feodosiy được phong chức thánh, để chuẩn bị cho ngài trở thành người kế vị xứng đáng với mình.

Năm 1692, ngài cùng với Hétman đã gửi đơn thỉnh cầu bằng văn bản đến Moscow, gửi tới các Sa hoàng Ioann và Petr Alekseevich cũng như Đức Thượng phụ Adrian, đề nghị phong chức Tổng Giám mục cho Archimandrite Feodosiy Uglitsky của Yelets[1688] , và cả hai đều xác nhận nhân danh mình rằng "vị đại tu sĩ đáng kính là một người tốt lành, được trang bị những đức tính của đời sống tu hành mà ngài đã theo đuổi từ thuở thiếu thời; có kinh nghiệm trong việc quản lý các tu viện, tràn đầy lòng kính sợ Chúa và sự khôn ngoan thiêng liêng, có học thức, rất tận tụy với sự vinh quang của Giáo hội, có khả năng quản lý Tòa Tổng Giám mục và Giáo phận Chernihiv". Đơn thỉnh cầu của vị thánh nhân đáng kính đã được chấp thuận, và cùng năm đó, Thánh Theodosius lên đường đến Moscow để dự lễ tấn phong. Tại đây, vào ngày 11 tháng 9, ngài được phong làm giám mục, và vào ngày 18 cùng tháng, ngài được tấn phong làm tổng giám mục. Tổng giám mục mới được tấn phong đã ở lại Moscow khoảng hai tháng, theo mong muốn của Đức Thượng phụ, người rất kính trọng Thánh Phê-ô-đô-xi và đã tận dụng cơ hội thuận lợi này để giữ ngài lại Moscow nhằm trao đổi và cùng cử hành Thánh lễ.

Niềm vui của vị Tổng Giám mục cao niên Chernigov, Lazar Baranovich, thật lớn lao khi ngài nhìn thấy vị phụ tá yêu quý của mình trong phẩm trật thánh nhân. Cộng đoàn giáo dân, những người kính yêu và tôn trọng Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, cũng vô cùng vui mừng trước sự kiện này. Như vậy, Giáo hội Chernihiv đã được hạnh phúc dưới sự lãnh đạo của hai vị giám mục lừng danh – những trụ cột của Chính Thống giáo, những người luôn khẩn cầu lòng thương xót của Thiên Chúa cho hòa bình trên toàn thế giới và cho sự thịnh vượng của cộng đoàn giáo dân được Thiên Chúa cứu rỗi. Trong khi đó, ngay cả khi đã được tấn phong làm Thánh Phụ, Thánh Phêrô vẫn tiếp tục giúp đỡ Đức Thánh Cha Lazarus, và thường xuyên thay thế ngài hoàn toàn, nhưng vẫn giữ trọn vẹn tình yêu và lòng trung thành vô bờ bến của một người con đối với ngài, thể hiện sự vâng phục tuyệt đối đối với ân nhân của mình, không làm gì mà không có sự đồng ý của Tổng Giám mục Chernihiv, luôn cố gắng hành động theo chỉ dẫn và ý muốn của ngài trong việc quản lý đoàn chiên.

Nhưng Chúa đã không cho phép hai trụ cột vĩ đại và lừng lẫy của Chính Thống Giáo cùng đứng canh giữ đoàn chiên Chernihiv trong thời gian dài. Ngày 3 tháng 9 năm 1693, vị trưởng lão vĩ đại, vị tổng giám mục, đã qua

---

[1687] Adrian – vị tổng giám mục toàn Nga cuối cùng (thứ 10 theo thứ tự), lãnh đạo Giáo hội từ năm 1690 đến năm 1700.

[1688] Về việc Feodosiy ngay lập tức được tấn phong lên chức *tổng giám mục,* điều này có thể giải thích là do Đại hội đồng Moscow năm 1667 đã chính thức thành lập *Tổng giáo phận* tại Chernihiv*, và* Tòa tổng giám mục Chernihiv khi đó đã được xếp hạng đầu tiên trong số các tổng giáo phận của Giáo hội Nga.

đời một cách thanh thản và bình an. Ngài đã lãnh đạo Giáo phận Chernihiv trong ba mươi sáu năm. Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã tổ chức lễ an táng long trọng cho ngài, cùng với toàn thể hàng giáo sĩ Chernihiv và các giáo sĩ từ các nơi khác đến, tại Nhà thờ Chính tòa Thánh Boris và Gleb ở Chernihiv, phía sau dàn hợp xướng bên trái.

Trước khi thông báo cho Sa hoàng và Thượng phụ về sự ra đi của Đức Cha Lazar, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã đến gặp Hết-man của Tiểu Nga để báo tin về sự kiện đau buồn này. Cùng với ông, ngài đã cử tu sĩ Pahomii và một số người khác đến Moscow để báo cáo với Sa hoàng và Thượng phụ về sự ra đi và lễ an táng của Đức Cha Lazar; trong thư, Hetman viết rằng ông đã từng đau buồn và tiếc nuối trước sự ra đi của Lazar, nhưng giờ đây ông tìm thấy sự an ủi và niềm vui vì, sau khi ngài qua đời, Ngài Theodosius Uglitsky đã nhanh chóng kế vị ngôi giám mục, người có thể làm rạng rỡ Giáo hội bằng những đức tính cao quý của mình và điều hành các công việc quản lý Giáo hội một cách khéo léo và sáng suốt.

Trong thư trả lời, Sa hoàng viết rằng ngài sẽ ban cho Thượng phụ Theodosius ân sủng hoàng gia tương tự như những gì Thượng phụ Lazarus đã từng được hưởng; còn Đức Thượng phụ đã viết thư cho Hetman rằng việc tấn phong Đức Tổng Giám mục Theodosius khi Đức Tổng Giám mục Lazarus còn tại thế là một sự an bài đặc biệt của Thiên Chúa, mang lại ân huệ cho đoàn chiên Chernihiv, và ngài đã xin Hetman, với tư cách là con cái của Giáo hội, hãy giúp đỡ Đức Tổng Giám mục Theodosius trong những lo toan của ngài dành cho Giáo hội thánh thiện. Đồng thời, Đức Thượng phụ đã gửi một văn thư "trên bàn thờ" để chính thức phê chuẩn Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đảm nhận chức vụ Tổng Giám mục Chernihiv với tư cách là vị Tổng Giám mục độc lập, trong đó, ngài còn ca ngợi ngài là một người đàn ông đức hạnh, từ thuở thiếu thời đã sống đời tu sĩ đầy đức hạnh và giỏi giang trong việc quản lý các tu viện chính trực, tràn đầy lòng kính sợ Thiên Chúa và sự hiểu biết thiêng liêng, người yêu mến sự khôn ngoan, người tận tụy nhất trong việc xây dựng vẻ đẹp của Giáo hội, hoàn toàn xứng đáng được giao phó việc quản lý nhà thờ và giáo phận Chernihiv.

Khi trở thành vị Tổng Giám mục duy nhất của Chernihiv, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã chăm lo cho sự thịnh vượng của đoàn chiên mình với lòng nhiệt thành như người cha, đồng thời, hơn bao giờ hết, ngài đã thể hiện trước mắt mọi người sự thánh thiện trong đời sống, tình yêu chân thành dành cho đời sống tu hành, lòng thương xót Kitô giáo và tình yêu dành cho tất cả những ai tìm đến ngài. Bằng những việc làm tốt lành và các đức tính Kitô giáo, ngài đã tỏa sáng không chỉ đối với đoàn chiên Chernihiv, mà còn vượt xa ngoài ranh giới của giáo phận này.

Ngay tại Moscow, tên tuổi của ngài từ lâu đã được nhắc đến với sự kính trọng đặc biệt, bởi ngài nổi bật giữa các vị giám mục Nga thời bấy giờ nhờ sự khôn ngoan thiêng liêng và những phẩm chất đạo đức cao quý. Trong khi cải tổ các công việc của Giáo hội Chernihiv, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô chính bản thân ngài đã trở thành tấm gương cho các tín hữu về đức tin sâu sắc vào sự an bài của Thiên Chúa, sự tận tâm trong cầu nguyện và phụng vụ Giáo hội, sự nhẫn nại dịu dàng trước những yếu đuối của người lân cận và lòng cảm thông trước những nhu cầu của họ; chính vì thế, ngài đã nhận được tình yêu và sự kính trọng chân thành, nhất trí từ đoàn chiên. Cho đến những giây phút cuối cùng của cuộc đời, ngài, như một chiến binh chân chính và một người tu hành của Chúa Kitô, đã nỗ lực vì vinh quang của đức tin Chính Thống thánh thiện và vì lợi ích của những người lân cận. Theo lời của vị Tông đồ, ngài *"phục vụ Chúa với lòng nhiệt thành"* (Rô-ma 12:11); và đối với tất cả những người xung quanh, ngài là *"ngọn đèn đang cháy và chiếu sáng"* (Giăng 6:35).

Cộng đoàn Chernihiv nhận thức rõ rằng vị Tổng Giám mục của họ, Thánh Theodosius, là một tôi tớ chân chính của Đức Chúa Trời, một người xây dựng trung thành trong nhà Đức Chúa Trời, một người canh gác Giáo Hội luôn tỉnh thức, một người lao động không mệt mỏi, một người cầu nguyện và là Đấng cầu thay đáng tin cậy cho tất cả mọi người trước mặt Chúa. Đặc biệt, vị Thánh thu hút trái tim mọi người bằng sự phán xét công bằng và nhân từ của mình; Ngài đầy lòng trắc ẩn đối với những người yếu đuối và mồ côi, những người mà Ngài tận tâm tìm kiếm những gì công lý đòi hỏi, cũng như thể hiện lòng từ thiện hào phóng theo tinh thần Phúc Âm và lòng thương xót Kitô giáo.

Nói chung, ngài là một trong những nhà hoạt động xã hội mà chỉ có trong Nước Chúa Kitô, những người đã làm được cho lợi ích chung nhiều hơn rất nhiều so với những người vĩ đại và quyền lực của thế gian này. *"Hãy đồng lòng với nhau; đừng tự cao tự đại, nhưng hãy noi gương những người khiêm nhường; đừng tự cao tự đại"* (Rm 12,16).

Với sự tận tâm và chu đáo nhất, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã nỗ lực củng cố trong đoàn chiên của mình lòng yêu mến đời sống tu hành, điều mà ngài đã hết mực yêu mến từ thuở thiếu thời và chính bản thân ngài đã trở thành tấm gương cao quý cho mọi người noi theo. Với mục đích này, ngài đã nỗ lực không chỉ duy trì các tu viện vốn đã

tồn tại từ trước trong giáo phận của mình, mà còn thành lập thêm các tu viện mới. Chẳng hạn, ngài đã thành lập tu viện nữ được gọi là Tu viện Pechenik[1689] . Bằng chứng rõ ràng nhất về sự quan tâm của Thánh Theodosius trong việc xây dựng và phát triển các tu viện chính là lá thư chúc phúc của ngài, được ban cho các nữ tu tại Tu viện Pechenik. Khi ban phước với tình yêu thương của người cha cho tu viện mới được thành lập, vị thánh đã dạy các nữ tu phải tuân giữ "đức khiêm nhường và sự vâng phục trọn vẹn" đối với vị trụ trì của mình, như nguồn gốc của sự bình an và là bảo đảm cho phước lành của ngài cũng như của Thiên Chúa.

Ngay sau đó, dưới sự ban phước của vị Thánh, một tu viện khác đã được thành lập, cách thành phố Lyubech hai verst[1690] . Đồng thời, bên cạnh việc quan tâm đến sự phát triển đời sống tu hành và việc xây dựng các tu viện trong Giáo phận Chernihiv, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô còn tận tâm lo lắng cho việc xây dựng và trang hoàng các nhà thờ của Chúa[1691] . Với mong muốn đảm bảo sự thịnh vượng về đạo đức cho giáo phận của mình, ngài tập trung chủ yếu vào hàng giáo sĩ, cố gắng chọn những người xứng đáng và có năng lực vào các chức vụ linh mục, đồng thời bằng mọi biện pháp tăng cường hoạt động mục vụ và giáo dục của hàng giáo sĩ giáo xứ.

Thánh Phê-ô-đô-xi-ô cũng đã cống hiến rất nhiều công sức trong thời gian quản lý Giáo phận Chernihiv, cũng như cho sự nghiệp Chính Thống giáo tại Tiểu Nga, nhằm chống lại ảnh hưởng tai hại của chủ nghĩa Uniate-Công giáo Ba Lan tại đây và củng cố bản sắc dân tộc Nga ở vùng đất này. Ngài cũng mang lại không ít lợi ích cho nhà nước Nga nhờ luôn biết cách, nhờ ảnh hưởng đạo đức, tài hùng biện và tinh thần hòa bình Kitô giáo của mình, xoa dịu những cơn bùng phát nóng nảy và ngang bướng của người Ukraine, qua đó bảo vệ nhà nước khỏi những biến động có hại và nguy hiểm.

Tuy nhiên, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô chỉ tại vị tại Giáo phận Chernihiv trong một thời gian ngắn. Ngài chỉ sống tại Chernihiv khoảng 8 năm: 5 năm với tư cách là Archimandrite của Yelets, 3 năm 4 tháng với tư cách là Tổng Giám mục, trong đó ngài tự mình quản lý giáo đoàn khoảng hai năm sau khi Đức Tổng Giám mục La-xa-ri-ô Ba-ra-nô-vi-ch qua đời. Cảm nhận được cái chết đang cận kề, vị thánh đã triệu tập đến Chernihiv người đại diện của Tu viện Bryansk-Svensk, tu sĩ Giăng Maksimovich[1692] , và vào giữa năm 1695, ngài đã tấn phong ông làm Archimandrite của Tu viện Yelets, nơi mà cho đến thời điểm đó ngài vẫn tiếp tục trực tiếp quản lý, nhằm chuẩn bị cho vị Archimandrite mới trở thành người kế vị xứng đáng cho ngài trên cương vị này. Không lâu sau đó, ngọn đèn vĩ đại của Giáo hội Nga đã tắt lịm. Thánh Feodosiy qua đời vào ngày 5 tháng 2 năm 1696. Được đoàn chiên mồ côi thương tiếc sâu sắc, Thánh Feodosiy được an táng tại Tu viện Borisoglebsk, nhà thờ chính tòa Chernigov, phía sau hàng ghế ca đoàn bên phải.

Sau khi hoàn tất sứ mệnh trần thế của mình, Thánh Theodosius không rời bỏ đoàn chiên của mình, mà an nghỉ với thân thể bất hoại trong nhà thờ chính tòa; và ngay từ những ngày đầu tiên sau khi ngài qua đời, ngài vẫn tiếp tục ban phước lành cho tất cả những ai tìm đến sự giúp đỡ của ngài, ban ân sủng của Thiên Chúa qua những phép lạ chữa lành dồi dào cho những ai tìm kiếm sự cầu bầu của ngài trước mặt Thiên Chúa. Một loạt những biểu hiện kỳ diệu của ân sủng Thiên Chúa, được thể hiện qua sự cầu bầu của Thánh Theodosius, đã bắt đầu ngay sau khi ngài an nghỉ trong bình an, bằng phép chữa lành đầy ân sủng dành cho vị kế nhiệm ngài tại Tòa Giám mục Chernihiv, Đức Tổng Giám mục Ioann Maksimovich, người đang mắc bệnh nặng. Đức Tổng Giám mục Ioann bị sốt nặng; bệnh tình nhanh chóng trở nên trầm trọng hơn, ngài bắt đầu mê sảng. Bất ngờ, ngay giữa cơn bệnh, ngài gọi người hầu phòng đến và ra lệnh phải lập tức cử người đến phòng ngài để cử hành Thánh Lễ Chiều và đọc kinh lễ cho ngài, đồng thời vào sáng hôm sau phải chuẩn bị mọi thứ để ngài cử hành Thánh Lễ tại nhà thờ. Những người xung quanh vị Tổng Giám mục đang ốm nghĩ rằng ngài đang mê sảng, nhưng họ buộc phải nhượng bộ trước yêu cầu khẩn thiết của ngài và thực hiện mong muốn của ngài. Ngày hôm sau, trước sự ngạc nhiên của mọi người, Đức Tổng Giám mục, đã hoàn toàn khỏe mạnh, đã cử hành Thánh Lễ. Sau đó, ngài thông báo với những người xung quanh rằng vào đêm hôm trước, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã hiện ra với ngài và nói: "Hãy cử hành Thánh Lễ vào ngày

---

[1689] Tu viện này được xây dựng bởi bà góa của Đại tá Starodubets, Mariya Sulimova, trên mảnh đất mà bà cùng chồng quá cố đã mua, có tên là "Pechniki"; từ đó tu viện này lấy tên; hiện nay tu viện này không còn tồn tại.

[1690] Lyubech – hiện là một thị trấn thương mại thuộc huyện Gorodnya, tỉnh Chernihiv, cách Chernihiv 52 verst.

[1691] Chính ngài đã làm lễ thánh hiến ngôi thánh đường uy nghi tôn vinh Thánh Ba Ngôi gần Tu viện Ilinsky, và ngôi thánh đường mang tên Lễ Giáng Sinh của Đức Mẹ Đồng Trinh tại Tu viện nam Domnitsky (cách Chernihiv 35 verst).

[1692] Ioann Maksimovich – sau này trở thành Tổng Giám mục Tobolsk và toàn Siberia, nơi ngài đã cống hiến nhiều công sức cho việc truyền bá Kitô giáo giữa các dân tộc thiểu số; ngài qua đời vào năm 1716. Ký ức về ngài được tôn kính tại địa phương với lòng sùng kính, như một vị thánh nhân của Chúa.

mai, và ngài sẽ được khỏe mạnh." Để tạ ơn sự chữa lành tức thì và kỳ diệu khỏi căn bệnh hiểm nghèo, Đức Tổng Giám mục Ioann Maksimovich ngay lập tức soạn một bài "ca ngợi"[1693] , trong đó ngài gọi ngài là "Thiên thần trần gian và vị thánh ngự trong đoàn chiên Seraphim". Theo chỉ thị của ngài, trên quan tài của Thánh Theodosius, lúc bấy giờ đã được xây dựng một hang đá trong nền móng của Nhà thờ Chính tòa Boris và Gleb, với lối vào qua một cầu thang xoắn ốc.

Phép lạ chữa lành đáng kinh ngạc của Đức Cha Ioann Maksimovich đã đánh dấu sự khởi đầu cho việc tôn vinh Thánh Feodosiy như một vị thánh làm phép lạ đầy ân sủng và là người được Chúa yêu mến. Theo thời gian, sự tôn vinh này đã lan rộng xa ngoài ranh giới tỉnh Chernihiv, nhờ những biểu hiện dồi dào mới của ân sủng Chúa từ di cốt chữa lành của Thánh Feodosiy. Những phép lạ này càng trở nên rõ ràng và ấn tượng hơn bởi thường đi kèm với việc Thánh Theodosius hiện ra với những người đau ốm trong giấc mơ, và ngài ra lệnh cho họ cầu nguyện, ăn chay, cử hành lễ cầu nguyện, v.v., đồng thời hứa hẹn sự chữa lành; đôi khi ngài cũng dạy dỗ, khuyên răn và quở trách một cách đầy tình cha con những ai tìm đến ngài mà đã phạm tội trong bất kỳ điều gì. Chẳng hạn, Thánh nhân hiện ra trong giấc mơ cho một người câm và nói: "Hãy đến nhà thờ chính tòa và cử hành lễ cầu nguyện, thì ngươi sẽ được lành bệnh". Ngày hôm sau, người câm, trong sự ngạc nhiên của mình, bắt đầu nói được, và sau đó, khi nhìn thấy bức chân dung của vị thánh trong nhà thờ chính tòa, anh ta nhận ra đó chính là vị thánh đã hiện ra với mình trong giấc mơ. "Ta ban phước và tha thứ," – vị thánh nói với vị linh mục, người đã xưng tội trước mặt ngài trong giấc mơ và cầu nguyện xin chữa lành cho con trai mình, đồng thời hứa sẽ chữa lành cho đứa trẻ, và ngày hôm sau đứa trẻ đã khỏi bệnh. Với người phụ nữ đang chịu đau khổ tột cùng, đã kêu cầu vị thánh giúp đỡ và khóc lóc cầu nguyện với ngài trong Mùa Chay, ngài nói, vừa nhẹ nhàng quở trách vừa khuyên nhủ: "Chị đã không ăn chay, điều đó không tốt. Chị sẽ không xứng đáng được nếm Lễ Phục Sinh. Hãy cố gắng rước lễ vào Thứ Bảy Lớn." Với một người phụ nữ khác, người đã khóc lóc cầu xin Thiên Chúa và kêu gọi vị thánh cầu nguyện cho chồng mình được khỏi bệnh, vị thánh làm phép lạ đã dịu dàng nói, an ủi và mang lại hy vọng cho bà: "Đừng khóc, tôi sẽ cầu xin Thiên Chúa, và chồng chị sẽ khỏe lại." Và ngay sau đó, chồng bà, người đã phải chịu đựng căn bệnh đau đớn trong khoảng một năm, đã hoàn toàn bình phục. Thánh nhân đến gặp một người bệnh đã kêu cầu ngài, và chỉ nói với bà một lời duy nhất: "Hãy bình tĩnh lại", – và những đau khổ tinh thần của bà chấm dứt hoàn toàn. Thật khó để liệt kê hết những phép chữa lành kỳ diệu do sự cầu bầu của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô: chỉ cần nói rằng, từ khắp mọi miền đất Nga, những phép lạ này đã thu hút vô số tín hữu đến viếng mộ ngài.

Lần đầu tiên, thi hài của Thánh Theodosius được phát hiện vẫn còn nguyên vẹn sau 76 năm kể từ khi ngài an nghỉ trong bình an vào ngày 14 tháng 2 năm 1772, khi đó, theo sự ban phước của Giám mục địa phương Theophilus, thi hài đã được chuyển sang một quan tài gỗ mới, còn quan tài bằng gỗ tuyết tùng đầu tiên của vị thánh nhân này đã được chia thành từng phần và trao cho các tín hữu. Kể từ đầu thế kỷ trước, việc tôn kính Thánh Theodosius của Uglich, với tư cách là vị thánh làm phép lạ đầy ân sủng, đã ngày càng được đẩy mạnh. Danh tiếng về ngài và những phép lạ phát xuất từ thi hài của ngài vào thời điểm này đã lan rộng xa ngoài ranh giới tỉnh Chernihiv, đến với các tín hữu Chính Thống Giáo thuộc mọi tầng lớp và địa vị. Năm 1824, tại quan tài của Thánh Theodosius, đã xảy ra một phép lạ chữa lành căn bệnh hiểm nghèo cho Gorbunov, một thương gia ly giáo ở Chernihiv; sau đó, ông đã chuyển sang theo Chính Thống Giáo và để tưởng nhớ phép lạ chữa lành kỳ diệu này, ông đã tự bỏ tiền túi xây dựng một quan tài mới để lưu giữ di cốt bất hoại của vị thánh. Theo thời gian, tại Nhà thờ Chính tòa, người ta dần dần bắt đầu ghi chép một cách tương đối chính xác và liên tục về những trường hợp được chữa lành nhờ di cốt của Thánh Feodosiy, những trường hợp này đã được kiểm chứng và xác nhận đầy đủ. Từ năm 1850, tại Nhà thờ Chính tòa Chernihiv đã bắt đầu ghi chép liên tục và chi tiết về các phép lạ nhờ lời cầu nguyện dâng lên Thánh Theodosius, cũng như tại một số địa điểm khác.

Trong khi đó, dòng người hành hương đổ về quan tài chứa di cốt của Thánh Theodosius ngày càng đông đúc, cùng với sự chật chội và bất tiện khi vào đó, đã buộc vào năm 1856 phải xây thêm một gian phụ hình bán nguyệt với cầu thang thuận tiện ở phía nam, phía trước tiền sảnh của Nhà thờ Boris và Gleb, đồng thời mở rộng và làm cho hang động trở nên sáng sủa hơn.

Vào cuối thế kỷ vừa qua, danh tiếng của Thánh Feodosy, với tư cách là một vị thánh vĩ đại của Chúa, người bảo vệ khỏi tai ương và hoạn nạn, người giải thoát khỏi mọi hoàn cảnh xấu xa và là người cầu nguyện chân thành

[1693] Bài "Ca ngợi" này được viết dưới bức tranh miêu tả Thánh Theodosius tại Nhà thờ Chính tòa Boris và Gleb ở Chernihiv, phía trên lối vào lều đá, nơi lưu giữ di cốt của ngài.

trước mặt Chúa, đã được biết đến khắp nước Nga; và mặc dù tại quan tài của ngài chỉ diễn ra các lễ cầu siêu, nhưng trong dân chúng, ngài đã được tôn kính như một vị thánh đã được phong thánh. Sự tôn kính của dân chúng dành cho Thánh Feodosy như một vị thánh, cùng với vô số trường hợp chữa lành kỳ diệu từ thi hài bất hoại của ngài, đã thu hút sự chú ý của chính quyền dân sự, điều này được thể hiện trong bản báo cáo hết sức trung thành của Thống đốc Chernihiv năm 1889, và bản báo cáo này, đến lượt nó, đã thu hút sự chú ý của Hoàng đế Alexander Alexandrovich, người đã an nghỉ trong Chúa. Xét thấy điều này, Thánh Hội Đồng đã cho rằng đã đến lúc tiến hành xác nhận về sự bất hoại của thi hài vị thánh đã an nghỉ và về những hiện tượng kỳ diệu xảy ra tại quan tài của ngài[1694] . Thi hài của vị thánh, mặc dù đã nằm trong hang động gần 200 năm, nơi không phải là nơi khô ráo, nhưng vẫn được phát hiện là bất hoại; đồng thời, nhiều trường hợp chữa lành kỳ diệu nhờ cầu nguyện kêu xin Thánh Theodosius cũng đã được điều tra một cách thích hợp, được chính những người được chữa lành, người thân của họ và các nhân chứng xác nhận dưới lời thề[1695] . Do đó, Thánh Hội Đồng đã quyết định – "để tưởng nhớ Thánh Theodosius đã an nghỉ, Tổng Giám mục Chernihiv, được phong thánh, và công nhận thi hài bất hoại của ngài – được tôn vinh nhờ ân sủng của Thiên Chúa – là thánh tích", đồng thời tiến hành lễ khai quật long trọng; và Hoàng đế Nikolai Alexandrovich đã nhanh chóng đồng ý với quyết định này.

Lễ khai quật long cốt của Thánh Feodosiy diễn ra vào ngày 9 tháng 9 năm 1896. Lễ được chủ tế bởi Đức Tổng Giám mục Ioannikiy của Kiev, cùng với sáu vị giám mục, đông đảo các vị tu sĩ cấp cao và các vị tu viện trưởng, cùng các linh mục khác. Trong dịp này, di cốt của vị thánh nhân đã được chuyển từ Nhà thờ Boris và Gleb sang Nhà thờ Chúa Cứu Thế Biến Hình và được an táng lại trong một quan tài mới làm bằng gỗ tuyết tùng cùng một hòm bạc quý giá; tại đây, dưới ánh sáng của vô số ngọn đèn thánh, di cốt được đặt ở phía bên phải của nhà thờ, nơi mà hiện nay ngài vẫn an nghỉ. Trong suốt những ngày lễ tôn vinh vị thánh mới được công nhận của Chúa, một đám đông khổng lồ lên tới một trăm năm mươi nghìn người đã tràn ngập thành phố, họ dâng lên Thánh Theodosius những lời cầu khẩn nồng nhiệt, xin ngài cầu thay trước mặt Chúa và vội vã đến chạm vào di cốt thánh thiêng, bất hoại của ngài. Lễ tôn vinh này được đánh dấu bằng vô số phép lạ chữa lành kỳ diệu và đã để lại ấn tượng sâu sắc không chỉ đối với các tín hữu Chính Thống Giáo, mà còn cả những người ly giáo. Vinh quang thuộc về Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài!

Bài thánh ca, giọng 4:

Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, vị Giám mục đáng kính, ngài đã là ngọn đèn soi sáng cho đoàn chiên của ngài, và nay đã về với nơi ở vĩnh cửu: xin ngài cầu thay trước Ngai Vàng của Vua Vinh Quang để chúng con được giải thoát khỏi những điều ác đang đè nặng lên chúng con và linh hồn chúng con được cứu rỗi, hỡi vị thánh, nhờ những lời cầu nguyện của ngài.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã phục vụ Chúa Kitô, Đấng Chăn Chiên Tối Cao, thánh Theodosius ơi, bằng cách nuôi dưỡng đàn chiên thiêng liêng của ngài trên đồng cỏ thiêng liêng bằng Lời Chúa, và ngài đã nhận được từ Chúa Kitô Cứu Thế ân sủng chữa lành để chữa lành mọi bệnh tật về thể xác và tâm hồn cho những ai với lòng tin đến với di vật thánh thiêng của ngài. Xin ngài, thánh nhân, cầu thay cho những linh hồn chúng con, những ai kêu cầu danh ngài, được cứu thoát khỏi những lời vu khống của kẻ thù.

Ngày 19 tháng 2

Ngày 6 tháng 2 (theo lịch cũ)

[1694] Việc kiểm tra được tiến hành bởi Đức Tổng Giám mục Ioannikiy, Tổng Giám mục Kiev, cùng với Giám mục địa phương Antony, Hiệu trưởng Học viện Thần học Chernihiv, một linh mục cao cấp – thành viên của Hội đồng Thần học Kiev và hai linh mục cao cấp thuộc ban mục vụ nhà thờ chính tòa địa phương.

[1695] Đã có 49 trường hợp như vậy được kiểm tra.

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Fausta cùng với Evilasia và Maxima

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 2

Dưới triều đại của vua Maximian vô đạo, tại thành phố Kizik[1696] , có một thiếu nữ tên là Fausta. Cô là con gái của một gia đình Kitô hữu giàu có, những người đã nuôi dạy cô theo tinh thần giáo lý Kitô giáo; nhưng khi mới mười ba tuổi, cô đã mồ côi cha mẹ. Sau khi cha mẹ qua đời, thiếu nữ Fausta dành toàn bộ thời gian cho việc ăn chay, cầu nguyện và đọc Kinh Thánh.

Giữ gìn sự trinh khiết một cách nghiêm ngặt, cô khinh bỉ mọi sự quyến rũ của thế gian này: cả của cải, sự xa hoa lẫn mọi thú vui xác thịt, và đi trên con đường đời chật hẹp và đầy gian khổ – chính vì thế mà cô nhanh chóng được mọi người biết đến và ca ngợi; bởi vì một cuộc đời đạo đức như vậy không thể giấu diếm khỏi con người, theo lời Chúa: *"Các con là ánh sáng của thế gian. Một thành phố nằm trên đỉnh núi không thể bị che khuất"* (Mt 5,14). Tin tức về Fausta đã lan đến tận tai vua Maximian. Maximian lập tức cử vị tư tế trưởng của mình, tên là Evilasia, đến Kizik để tìm và bắt cô dâu của Chúa Kitô. Khi đó, nhà vua nói với ông ta:

– Nếu nàng đồng ý dâng lễ vật cho các vị thần, thì hãy ban phước cho nàng; còn nếu không, hãy ném nàng xuống vực sâu.

Khi đến Kizik, Evilasio thấy Fausta còn rất trẻ về tuổi tác, nhưng lại hoàn toàn trọn vẹn về đức tin và trí tuệ. Lên bục xét xử, ông ta bắt đầu ép buộc cô dâng lễ vật cho các vị thần giả dối. Nhưng vị thánh nữ đã đáp lại như sau:

– Tôi sẽ không dâng lễ vật cho những vị thần vừa điếc, vừa mù, và chẳng qua chỉ là tác phẩm do bàn tay con người tạo ra. Tôi có Cha và Chồng trên trời – là Đức Giêsu Kitô – và tôi không thể bỏ Ngài, – không thể từ bỏ gia tài mà tôi có nơi Chúa của tôi.

Lúc đó, Evilasiy nói với nàng:

– Fausta, hãy dâng lễ vật cho các vị thần, để ngươi khỏi phải chết một cái chết tàn khốc và đau đớn.

Thánh nữ đáp lại:

– Đừng coi tôi là người phụ nữ thiếu khôn ngoan: dù tôi còn trẻ, nhưng trái tim tôi dũng cảm và hoàn hảo.

Lúc đó, Evilasiy, trong cơn thịnh nộ, ra lệnh cạo trọc đầu thánh nữ để làm nhục và sỉ nhục bà, rồi treo bà lên cây và đánh đập bà không thương tiếc. Còn Fausta, bị tra tấn dã man, ngước mắt lên trời và bắt đầu cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Khi cô đang cầu nguyện, bỗng một tia sét khủng khiếp lóe lên, khiến nhiều người bị giết chết. Thấy vậy, Evilasiy hoảng sợ tột độ, liền gọi thánh nữ lại và nói với cô:

– Nàng ơi, hãy nói cho ta biết, nàng là ai? Vì ta thấy nàng đang làm những việc kỳ diệu.

Thánh nữ đáp:

– Hãy nghe tôi đây, Evilasiy, hãy ra lệnh cho họa sĩ vẽ chân dung của tôi, đồng thời vẽ lại tất cả những đau khổ mà tôi đang phải chịu đựng.

Khi yêu cầu của nàng được thực hiện, Fausta nói với hắn:

– Ngươi hãy biết rằng, cũng như bức tranh này không phải chịu đựng những cực hình được vẽ ở đây, thì thân xác ta cũng không cảm nhận những đau khổ mà ngươi đang gây ra cho ta: linh hồn ta đã hoàn toàn vững chắc trong Chúa của ta; còn ngươi muốn làm gì với ta nữa, hãy mau thực hiện đi.

Lúc đó, Evilasiy ra lệnh đặt thánh Fausta vào một chiếc hòm gỗ, đóng đinh gỗ lại, rồi cưa đứt. Các đầy tớ hăng hái thi hành mệnh lệnh, còn vị thánh trong hòm thì cất tiếng hát, ngợi khen Chúa. Các đầy tớ đã cưa chiếc hòm này trong một thời gian dài, nhưng không thể cưa đứt được: lưỡi cưa không thể chạm vào vị tử đạo, như thể chạm vào một viên kim cương cứng rắn. Cuối cùng, vì kiệt sức, các đầy tớ gần như ngã quỵ. Lúc đó, họ đến gặp Evilasiy và nói:

– Thưa ngài, người phụ nữ mà ngài đã giao cho chúng tôi để tra tấn, chúng tôi đã cưa chiếc hòm giam giữ bà ấy từ giờ thứ nhất đến giờ thứ sáu, nhưng chẳng làm được gì cả: chúng tôi đã thay sáu chiếc cưa, nhưng chúng thậm chí còn không chạm được vào bà ấy; chúng tôi đã châm lửa đốt chiếc hòm đó để thiêu sống cô ta bên trong, nhưng ngọn lửa không những vô hiệu trước cô ta, mà thậm chí còn không làm cháy xém chiếc hòm. Còn bà ấy thì suốt

[1696] Kizik – một thành phố trên một trong những bán đảo của Propontis (Biển Cẩm thạch).

thời gian đó vẫn hát: *"Dù con có đi qua nước, Ta sẽ ở cùng con; dù qua sông, chúng cũng không nhấn chìm con; dù con đi qua lửa, con sẽ không bị bỏng, và ngọn lửa cũng không làm con bị cháy xém"* (Ê-sai 43:2).

Nghe xong những lời đó, Evilasiy cảm thấy vô cùng bối rối, ông gọi vị thánh nữ lại và nói với bà:

– Ngươi làm ta rất ngạc nhiên khi thực hiện những phép lạ như vậy! Ta đã tám mươi tuổi rồi, nhưng chưa bao giờ thấy điều gì tương tự. Ta thề bằng Đức Chúa Trời mà ngươi tin tưởng, hãy nói cho ta biết toàn bộ sự thật.

Thánh nữ Fausta đáp lại:

– Tôi xin ngài, thưa ngài, hãy lắng nghe kỹ những gì tôi sắp nói: chính sức mạnh của Đức Chúa Trời đã giữ gìn tôi giữa những đau khổ, như chính ngài đã thấy; và nếu bây giờ ngài lắng nghe tôi một cách chú ý, thì chẳng bao lâu nữa ngài cũng sẽ quy y theo đức tin của tôi.

Nghe vậy, Evilasiy nói với bà:

– Hãy nhanh chóng nói ra sự thật, tôi sẽ lắng nghe.

Rồi vị thánh nữ nói với ngài:

– Đức Chúa Trời bất tử và vĩnh cửu, mọi việc Ngài làm đều chân thật, sự phán xét của Ngài thánh thiện và công chính, và Ngài luôn gìn giữ các tôi tớ của Ngài, những người sống công chính và thánh thiện, và thực hiện những việc làm anh hùng của mình; Ngài bảo vệ tất cả những ai đã làm cho ma quỷ phải xấu hổ bằng chính cuộc đời mình, đã từ chối và khinh bỉ những thần tượng mà các ngươi tôn thờ như thần linh, và đã chiến thắng cái ác của thế gian này. Đức Chúa Trời Tối Cao bảo vệ khỏi mọi điều ác những ai, sau khi khinh bỉ mọi sự trần thế, hướng về cõi thiên đàng và, sống đạo đức, tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời một cách vô tì vết. Và đó là bởi vì những người như vậy đã nhận biết Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất và tin chắc rằng không có vị thần nào khác ngoài Đấng đã từ trời xuống đất, ngự vào lòng Đức Trinh Nữ Thánh Khiết và Vô Nhiễm, và đã vui lòng sinh ra từ Mẹ một cách không thể diễn tả được; và sau đó, khi đã trưởng thành, Ngài đã thực hiện nhiều việc vinh quang và kỳ diệu, và sau khi dạy dỗ loài người về lẽ thật, Ngài đã tự nguyện chịu đóng đinh trên Thập tự giá và chịu đau khổ vì chúng ta, để cứu rỗi chúng ta; sau khi được an táng, vào ngày thứ ba, Ngài đã phục sinh và trong vinh quang, Ngài đã thăng thiên lên trời, để vào ngày tận thế, Ngài sẽ lại hiện ra, phán xét người sống và người chết, và ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ. Đó là lý do tại sao chúng ta theo Chúa Kitô, dâng hiến chính mình vì Nước Trời, chịu những vết thương và đau khổ, để chúng ta không phải hư mất đời đời; chúng ta chết ở đây, trên đất này, nhưng ở đó, chúng ta sẽ sống một cuộc sống vĩnh cửu.

Nghe những lời này, Evilasio đã nhận ra quyền năng vĩ đại của Đức Chúa Trời Hằng Sống. Lòng ông cảm động, và ông đã thay đổi theo hướng tốt đẹp hơn. Ông tháo xiềng xích cho thánh nữ tử đạo Fausta và trao cho bà sự tự do hoàn toàn.

Lúc bấy giờ, một trong những nô lệ của Evilasiy đến gặp vua Maximian và nói với ông:

– Thưa Bệ hạ, Evilasio đã làm tổn hại lòng tin của ngài dành cho hắn và giờ đây hắn muốn trở thành Kitô hữu; vì vậy, trước khi hắn chính thức theo đạo Kitô, xin ngài hãy cố gắng ngăn cản hắn khỏi sự lầm lạc này.

Vua nghe vậy, vô cùng buồn bã. Ngài lập tức triệu tập tổng trấn của mình là Maximus, người nổi tiếng vì sự tàn bạo và vô nhân đạo, rồi sau khi thề trước các vị thần, ngài sai ông ta đến Kizik gặp Evilasio.

Khi đến Kizik, Maxim, với cơn thịnh nộ tột độ, đã tra hỏi Thánh Evilas như sau:

– Nói cho ta biết, hỡi kẻ ác độc, sao ngươi dám bỏ các vị thần vĩ đại của chúng ta, khinh thường họ, lại tin vào những kẻ Kitô hữu điên rồ và kết giao với chúng?

Evilasius đáp lại:

– Ta thề bằng chính đầu mình rằng, nếu ngươi chịu lắng nghe cô gái Favsta, thì chẳng bao lâu nữa ngươi cũng sẽ nhận biết được Đức Chúa Trời chân thật và cảm thấy mình được hạnh phúc.

Lúc đó, tổng giám mục Maxim, vì vô cùng tức giận, đã ra lệnh treo Evilasio lên cây và đánh đập ông một cách tàn nhẫn[1697] . Và tại đó, vị thánh tử đạo đã bị hành hạ trong một thời gian dài; giữa những đau khổ của mình, ông đã cầu nguyện với Đức Kitô Thiên Chúa như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa toàn năng, Đấng đã giúp đỡ tôi tớ của Ngài là Faustus trong mọi cực hình mà bà phải chịu đựng và đã cho đôi mắt con được chiêm ngưỡng những phép lạ của Ngài, xin cứu con, kẻ khiêm nhường này, khỏi vị tổng giám mục hung ác và tàn bạo này, vì con đã yêu mến Ngài, lạy Chúa, nhờ những phép lạ nhiều và vĩ đại của Ngài.

[1697] Vào thời điểm đó, Evilasius khoảng 80 tuổi.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh dùng những ngọn nến đang cháy để thiêu đốt hai bên sườn của vị thánh tử đạo; khi bị thiêu đốt như vậy, vị thánh tử đạo đã xin Fausta, người đang đứng đó và chứng kiến những đau khổ của ngài, hãy cầu nguyện cho ngài trước mặt Chúa.

Thánh nữ, vì lòng thương xót ngài, đã cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, xin Ngài tỏ lòng nhân từ và nhậm lời con, tôi tớ của Ngài: xin hãy đón nhận Evilasi vào vòng bảo vệ của đoàn chiên Lời Ngài và xếp ngài vào hàng ngũ những người công chính của Ngài, vì Ngài được chúc tụng muôn đời, amen.

Sau đó, tổng trấn ra lệnh đưa Thánh Phavsta ra trước tòa án bất công của mình, vì bà đã thuyết phục Evilasi trở thành Kitô hữu.

– "Người phụ nữ vô đạo," Maxim nói với bà, "sao ngươi dám khiến vị tư tế vinh quang của chúng ta là Evilasius từ bỏ các vị thần vĩ đại và quay về với Đức Chúa Trời của ngươi?"

Thánh Fausta đáp lại:

– Tôi đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời nhân từ và đầy lòng thương xót của tôi, Đấng đã kêu gọi Evilasi trở thành con của ánh sáng, rằng Ngài cũng sẽ kêu gọi ngài đến với sự thờ phượng và nhận biết Ngài.

– Fausta, – vị tổng giám mục phản bác, – đừng coi tôi là kẻ điên rồ như Evilas, người đã nghe theo lời cô.

Và ngay lập tức, ông ra lệnh trói bà lại và đóng những chiếc đinh sắt vào chân bà.

Khi các đầy tớ hăng hái thi hành mệnh lệnh này, vị thánh hoàn toàn không cảm thấy đau đớn. Tổng trấn Maxim, thấy rằng thánh Fausta thậm chí còn không để ý đến những vết thương này, đã triệu tập một đội lính và bảo họ rằng ai có thể thì hãy tìm ra cho nàng một hình phạt còn tàn bạo hơn nữa.

Lúc đó, một người lính tên là Claudius đã nói:

– Thưa ngài, nếu ngài muốn giết bà ta nhanh chóng, thì hãy giao bà ta cho thú dữ ăn thịt.

Thống đốc lập tức ra lệnh thi hành điều đó, và vị thánh bị dẫn đi trần truồng đến nơi thường dùng để ném các Kitô hữu cho thú dữ xé xác.

Tại đó, người ta thả một con sư tử cái vào, nhưng con sư tử cái ấy, sau khi nhẹ nhàng tiến lại gần, đã cúi đầu trước vị thánh nữ. Sau đó, người ta thả nhiều loài thú khác vào với thánh nữ Fausta, nhưng tất cả chúng, khi quỳ xuống dưới chân bà, đều cúi đầu trước bà.

Thị trưởng, khi chứng kiến cảnh đó, đã vô cùng ngạc nhiên và ra lệnh trói chân bà lại, buộc bằng dây thừng rồi lôi bà lê trên mặt đất. Khi vị thánh bị lôi lê trong tình trạng trần truồng như vậy, bà đã kêu lên cùng Chúa:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin che chở tạo vật của Ngài, để đôi mắt của những kẻ vô liêm sỉ và bất kính không nhìn thấy sự trần truồng của thân thể cô dâu Ngài.

Và ngay lập tức, một đám mây từ trên cao hạ xuống, che phủ vị thánh nữ như một bộ áo quần tuyệt đẹp.

Sau đó, một người lính khác tên là Eusebius lại nói với tổng giám mục Maximus:

– Nếu ngài cho phép, xin hãy giao nàng cho tôi.

Thống đốc đáp lại:

– Hãy đưa nàng đi và tra tấn nàng theo cách ngài có thể và muốn.

Người lính đó tóm lấy vị thánh nữ tử đạo, dẫn bà đến chỗ thợ rèn và ra lệnh cho ông ta làm nhiều chiếc đinh sắt dài, rồi ra lệnh đóng chúng vào đầu, trán, mắt, ngực, cẳng chân và khắp cơ thể bà.

Còn vị thánh nữ lúc đó thì cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, con tạ ơn Ngài, vì Ngài là Đấng thấu hiểu lòng người, là vinh quang và vương miện của những người công chính! Xin ban cho con, tôi tớ khiêm nhường và không xứng đáng của Ngài, được bước đi trên con đường dẫn đến nơi nương náu bình an nơi Ngài, và xin dẫn dắt Maxim, giám mục, đến với đức tin thánh thiện và tình yêu của Ngài, củng cố lòng kính sợ Ngài trong lòng ông, và đưa ông vào hàng ngũ những người tuyên xưng Ngài, Đức Chúa Trời Chân Thật, để mọi người đều nhận biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất, và rằng Ngài xứng đáng nhận được vinh quang và danh dự thiêng liêng đến muôn đời. A-men.

Còn Eusebius, khi thấy cô trinh nữ trẻ tuổi, toàn thân đầy vết thương do đinh đâm, máu chảy ròng ròng, nhưng đồng thời lại không đau đớn và dường như không cảm thấy đau đớn, liền ra lệnh mang đến một cái nồi lớn, đổ đầy nhựa cây và lưu huỳnh vào đó, rồi đốt cháy, ném thánh Fausta cùng với thánh Evilas vào đó, và đốt một ngọn lửa lớn dưới đáy nồi.

Các thánh tử đạo, đứng trong cái nồi đó như ở một nơi tuyệt đẹp và mát mẻ, đã hát ca và ngợi khen Thiên Chúa. Và ngay lập tức, ngọn lửa tắt lịm, còn cái nồi thì nguội lạnh.

Lúc đó, tổng giám mục Maxim, khi thấy đức tin và sự kiên nhẫn của các thánh, đã nói:

– Lạy Thiên Chúa vĩnh cửu, Đấng đã giúp Evilasius trở thành người đồng chia sẻ những đau khổ vì Ngài, cùng với nữ tớ tớ của Ngài là Fausta! Xin hãy đón nhận cả con, kẻ khốn khổ và tội lỗi này, và xin cho con được hiệp thông cùng với hai vị ấy, để con, kẻ kém cỏi và nhỏ bé nhất trong số họ, hoàn thành con số ba, theo hình ảnh của Thánh Ba Ngôi. Lạy Chúa, Thiên Chúa của các quyền năng! Xin Ngài tỏ lòng nhân từ trên con, tôi tớ bất xứng của Ngài, và mau chóng thương xót con, để qua con, Ngài được tôn vinh hơn nữa!

Vừa dứt lời, trời bỗng mở ra, và trên trời hiện ra Con Thiên Chúa cùng với các Thiên Thần và Tổng Lãnh Thiên Thần, cùng với hội thánh các thánh, rực rỡ như ánh sáng. Nhìn thấy hiện tượng đáng sợ và kinh hoàng này, Maxim đã kêu lên bằng giọng lớn hướng về Thiên Chúa:

– Lạy Chúa, xin hãy đón nhận con, như Ngài đã đón nhận tôi tớ của Ngài là Evilas, và xin đừng nhớ đến những tội lỗi và sự bất chính của con, nhưng xin tha thứ cho tôi tớ tội lỗi và không xứng đáng của Ngài, và xin tha thứ cho con, như Ngài đã từng tha thứ cho tên cướp ngày xưa.

Nói xong, ông lập tức chạy đến cái nồi nơi các thánh Faust và Evilas đang ở, ngước mắt lên trời, làm dấu thánh giá và nói:

– Nhân danh Cha, Con và Thánh Thần – con cũng ở cùng các ngài!

Sau đó, anh ta cởi bỏ quần áo và, một lần nữa làm dấu thánh giá trên toàn thân, lao mình vào nồi.

Lúc đó, thánh nữ và người được chúc phúc Fausta, tràn ngập niềm vui và hân hoan tột độ vì Chúa đã nghe lời cầu nguyện của bà và dẫn dắt Maxim đến với đức tin thánh thiện, đã thốt lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, vì Ngài không muốn ai phải hư mất, nhưng mong muốn tất cả được cứu rỗi và đến với sự hiểu biết về chân lý! Này, con đang ở giữa hai tôi tớ của Ngài, như cành nho sinh ra chùm nho, và như sợi dây *"bện ba"* (Truyền Đạo 4:12), không thể tách rời khỏi họ, vì Ngài đã phán: *"Nơi nào có hai hoặc ba người tụ họp nhân danh Ta, thì Ta ở giữa họ"* (Ma-thi-ơ 18:20). Trong khi vị thánh nữ đang thốt lên những lời ấy, có tiếng từ trời vang lên: *"Hãy đến với Ta, hỡi tất cả những ai đang vất vả* trong cuộc chiến thiêng liêng *và gánh nặng* đau khổ vì danh Ta, *Ta sẽ cho các ngươi được nghỉ ngơi"* (Mt 11,28) trong Nước Trời của Ta.

Các thánh nhân, khi nghe tiếng nói ấy, tràn ngập niềm vui khôn tả và, sau khi tạ ơn Chúa, đã an nghỉ trong bình an; điều này xảy ra vào ngày thứ sáu của tháng Hai năm[1698] .

Nhờ những lời cầu nguyện của các ngài, lạy Chúa, xin tha thứ cho chúng con những lỗi lầm của chúng con và, ban cho chúng con lòng thương xót của Ngài, xin cho chúng con được dự phần vào sự sống đời đời, vì Ngài được chúc tụng cùng với Cha và Thánh Thần, và được tôn vinh muôn đời. Amen.

Cuộc tử đạo của Thánh Nữ Tử Đạo Dorothea cùng với Christina, Callista và Theophila

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 2

Tại xứ Cappadocia, trong thành phố Caesarea[1699] , có một trinh nữ đạo đức tên là Dorothea. Cô dành toàn bộ thời gian để phụng sự Thiên Chúa, với lòng khiêm nhường và hiền lành, trong sự trong sạch, tỉnh táo về tinh thần và tiết độ. Đồng thời, cô là một thiếu nữ vô cùng thông thái, đến nỗi ngay cả những người học rộng cũng không thể sánh bằng cô. Và tất cả những ai biết cô đều ca ngợi danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng có một trinh nữ như vậy làm tôi tớ của Ngài: ánh mắt cô tràn đầy lòng kính sợ Chúa, đời sống thánh thiện, sự khôn ngoan vô song, và sự trinh khiết không tì vết. Trong tình yêu của Chúa Kitô, cô hoàn hảo đến mức hoàn toàn xứng đáng với cung điện thiên đàng. Nhưng vì Ngài, nàng còn nâng cao công đức của mình lên gấp bội. Chiến thắng xác thịt và ma quỷ, thánh Đô-rô-phê đã dệt cho mình một vương miện kép: vương miện trinh khiết và vương miện tử đạo; rồi trong niềm hân hoan, nàng đã về với Chú Rể của mình là Đức Kitô. Còn về việc nàng đã chịu khổ vì Ngài như thế nào – điều đó sẽ được kể tiếp trong phần sau.

[1698] Ngài qua đời vào khoảng năm 305–311.

[1699] Cappadocia – tên cổ của một vùng đất ở phía Đông Tiểu Á, nằm giữa dãy núi Taurus của Cilicia, sông Euphrates, Biển Đen và sông Gadis. Caesarea – thành phố chính của Cappadocia.

Khi danh tiếng về Thánh Đô-rô-phê lan truyền giữa mọi người, tin tức về bà đã đến tai Hê-gê-môn Sa-prik-ki – kẻ bách hại Kitô hữu. Ông ta lập tức lên đường đến thành Cêsarê, bắt giữ cô trinh nữ thánh thiện và ra lệnh đưa bà ra trước tòa án bất công của mình.

Còn Thánh Đô-rô-phê-a, khi đứng trước vị quan tòa vô đạo, đã thầm cầu nguyện trong lòng cùng Chúa và kêu cầu sự giúp đỡ của Thiên Chúa và Đấng Cứu Thế của mình.

Sapricius hỏi cô:

– Hãy nói cho ta biết, tên ngươi là gì?

Thánh nữ đáp:

– Tên tôi là Dorothea.

– Ta đã triệu tập ngươi đến đây – Sapricius tiếp lời – để ngươi, theo lệnh của các vị vua vĩ đại của chúng ta, dâng lễ vật lên các vị thần vĩ đại.

Thánh nữ Dorothea đáp:

– Đức Chúa Trời, – Vua của các tầng trời, đã truyền lệnh cho tôi chỉ phục vụ một mình Ngài mà thôi. Như Kinh Thánh đã chép: *"Bấy giờ, Đức Chúa Jêsus phán cùng nó rằng: Hãy lui ra khỏi Ta, Sa-tan ơi! Vì có chép rằng: Hãy thờ phượng Đức Chúa Trời của ngươi và chỉ phục vụ một mình Ngài mà thôi"* (Ma-thi-ơ 4:10).*""Hãy nói với họ như vầy: Những vị thần không tạo dựng trời và đất sẽ biến mất khỏi mặt đất và khỏi dưới trời"* (Giê-rê-mi 10:11). Vì vậy, chúng ta phải suy xét: chúng ta nên vâng lời mệnh lệnh của vị vua nào hơn – vua trần gian hay vua trên trời? Và chúng ta nên nghe theo ai – Đức Chúa Trời hay con người? Các vua là gì? – chẳng qua chỉ là những con người phàm trần; các vị thần của các ngươi, những thần tượng mà các ngươi thờ phượng, cũng vậy thôi.

– Nếu ngươi muốn được sống, khỏe mạnh và không bị ô uế, – Sapricius phản bác, – hãy từ bỏ Kitô giáo và dâng lễ vật cho các vị thần; còn nếu không, theo luật pháp, ngươi sẽ bị tra tấn dã man, và sẽ trở thành một bài học kinh hoàng cho những người khác.

Thánh nữ đáp lại:

– Ta sẽ là tấm gương về sự kính sợ Thiên Chúa cho tất cả các tín hữu, – để họ kính sợ Thiên Chúa, còn những kẻ tàn ác thì đừng sợ; vì họ hành động như những con chó dữ: một cách vô nghĩa và vô thức, chúng hành hạ những người vô tội, điên cuồng, nổi giận, sủa vang và dùng răng cắn xé những người đi ngang qua.

– Theo như tôi thấy, – Sapricius nói, – cô đã quyết tâm kiên định bám giữ niềm tin vô đạo này và muốn cùng những người khác chịu một cái chết đau đớn như vậy. Hãy nghe tôi, hãy dâng lễ vật cho các vị thần, – và cô sẽ thoát khỏi những cực hình khủng khiếp.

Vị thánh nữ đáp lại:

– Những đau khổ của ngươi chỉ là tạm thời, còn những đau khổ ở địa ngục thì vĩnh cửu. Vậy nên, để tránh khỏi những đau khổ vĩnh cửu, ta sẽ không sợ những đau khổ tạm thời! Ta nhớ lời Chúa của ta: *"Đừng sợ những kẻ giết thân xác mà không thể giết linh hồn; nhưng hãy sợ Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác trong địa ngục"* (Mt 10:28).

Lúc đó, Sapricius nói:

– Chính vì thế mà ngươi phải kính sợ các vị thần, để họ đừng nổi giận với ngươi: nếu ngươi không dâng lễ vật cho họ, họ sẽ hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác ngươi.

– Ta đã nói với ngươi rồi, Sapricius, – Thánh Dorothea đáp lại, – rằng ngươi không thể nào thuyết phục ta dâng lễ vật cho những quỷ dữ ngự trong những tượng thần hư ảo được.

Nghe vậy, Sapricius vô cùng tức giận và quay sang các đầy tớ đã sẵn sàng thi hành án, ông ra lệnh:

– Hãy đưa nàng đến nơi hành hình, để nàng, vì sợ hãi những cực hình, sẽ đồng ý trở thành nữ tỳ của các vị thần chúng ta.

Lúc đó, nữ tớ tớ của Đức Chúa Trời là Dorothea, đứng tại nơi hành hình, đã dũng cảm và không sợ hãi nói với quan tòa của mình:

– Sao ngươi còn chần chừ trong việc tra tấn? Hãy làm điều ngươi muốn làm – để ta sớm có cơ hội được gặp Đấng mà vì tình yêu dành cho Ngài, ta không sợ cả đau khổ lẫn cái chết.

– Nhưng Đấng mà ngươi khao khát đến vậy là ai? – Sapricius hỏi.

Thánh Dorothea đáp:

– Chúa Kitô – Con Thiên Chúa.

– Vậy Đấng Kitô ấy ở đâu? – vị thống đốc hỏi.

Thánh nữ đáp:

– Nhờ quyền năng toàn năng của Thần tính Ngài, Ngài hiện diện khắp mọi nơi; còn với tư cách là loài người, chúng ta tuyên xưng Ngài đang ngự trên trời và ngồi bên hữu Cha Ngài; cùng với Ngài, cùng với Thiên Chúa Cha và cùng với Chúa Thánh Thần, Ngài là một Thần tính duy nhất. Chính Ngài là Đấng kêu gọi chúng ta vào thiên đàng của niềm vui vĩnh cửu; ở đó, các vườn cây luôn trĩu quả; ở đó hoa huệ, hoa hồng và những loài hoa tuyệt đẹp khác luôn nở rộ; đồng ruộng, núi non và đồi núi trong thiên đàng ấy mãi mãi xanh tươi, còn các suối nước thì ngọt ngào; linh hồn các thánh nhân trong Đức Kitô ở đó luôn hân hoan không ngừng. Hỡi Sapricius, nếu ngươi tin vào lời ta, thì ngươi sẽ tránh được sự diệt vong và được vào thiên đàng hạnh phúc vô biên này cùng với Thiên Chúa.

Lúc đó, Sapricius nói với nàng:

– Ngươi cần phải từ bỏ sự lầm lạc này và dâng lễ vật cho các vị thần, rồi hãy kết hôn và tận hưởng cuộc sống của mình, để ngươi không phải chịu sự diệt vong như cha ông ngươi đã chết vì sự điên rồ của họ.

Thánh Dorothea đáp lại:

– Tôi sẽ không dâng lễ vật cho ma quỷ, vì tôi là người Kitô hữu, và tôi cũng sẽ không kết hôn, vì tôi đã là cô dâu của Chúa Kitô. Và đó chính là đức tin của tôi; đức tin ấy sẽ dẫn tôi vào thiên đàng và cung điện của Chàng Rể tôi.

Và lúc đó, thánh nữ đã bị tra tấn dã man.

Sau những cuộc tra tấn, Sapricius ra lệnh đưa Thánh Dorothea đến gặp hai người phụ nữ – là hai chị em ruột – tên là Christina và Calliste; ban đầu họ là những người Kitô hữu, nhưng sau đó, vì sợ hãi những cực hình, họ đã chối bỏ Chúa Kitô và, trong tuyệt vọng, bắt đầu sống một cuộc đời vô đạo, đắm chìm trong sự xa hoa và những điều phù phiếm của thế gian; vì sự phản bội Chúa Kitô của họ, họ đã được những kẻ thờ ngẫu tượng ban cho của cải. Sapricius đã cử thánh nữ Dorothea đến gặp hai người phụ nữ này; đồng thời, ông ra lệnh cho cô nói với họ:

– Giống như các ngươi đã từ bỏ sự lầm lạc và phép thuật Kitô giáo, dâng lễ vật cho các vị thần bất khả chiến bại và nhận được quà tặng từ chúng ta, thì hãy khiến người phụ nữ điên rồ này từ bỏ sự điên rồ Kitô giáo và hướng về các vị thần của chúng ta; và nếu các ngươi làm được điều đó, chúng ta sẽ ban cho các ngươi những món quà còn lớn lao hơn nữa.

Những người phụ nữ ấy, sau khi đưa cô gái thánh thiện về nhà mình, đã bắt đầu thuyết phục cô như sau:

– Hãy phục tùng quan tòa và nghe theo lời khuyên của ông ấy; giống như chúng tôi, hãy tự cứu mình khỏi sự đau khổ: vì điều quan trọng nhất là phải lo lắng để không làm hỏng cuộc đời tạm bợ và tươi đẹp này trong đau khổ, và không chết trước thời hạn.

Thánh Dorothea đáp lại:

– Ôi, giá như các chị nghe theo lời khuyên của tôi, ăn năn về lễ vật dâng cho thần tượng mà các chị đã dâng, và quay trở lại với Chúa Kitô! Các chị sẽ cứu lấy mình khỏi sự đau khổ của địa ngục; vì Chúa chúng ta là Đấng nhân từ, giàu lòng quảng đại và thương xót những ai quay về với Ngài bằng cả trái tim.

Lúc đó, Christina và Callista nói với bà:

– Vì chúng tôi đã hư mất, đã lìa xa Chúa Kitô, thì làm sao chúng tôi có thể quay trở lại với Ngài được?

Thánh nữ đáp lại:

– Tội lỗi lớn hơn nhiều khi tuyệt vọng về lòng thương xót của Thiên Chúa, hơn là thờ lạy các thần tượng; vì vậy, đừng tuyệt vọng và đừng nghi ngờ về vị Bác sĩ đầy lòng thương xót và tài giỏi của chúng ta: Ngài có thể chữa lành mọi vết thương của các con. Không có vết thương nào mà Ngài không muốn chữa lành. Chính vì thế mà Ngài được gọi là Đấng Cứu Rỗi, vì Ngài cứu rỗi tất cả mọi người; chính vì thế mà Ngài là Đấng Chuộc Tội, vì Ngài chuộc tội cho tất cả mọi người; chính vì thế mà Ngài được gọi là Đấng Giải Phóng, vì Ngài ban tự do cho tất cả mọi người. Chỉ cần các con hướng về Ngài bằng cả trái tim với lòng sám hối, thì chắc chắn các con sẽ được tha thứ.

Lúc đó, hai chị em này – Christina và Callista – quỳ xuống dưới chân vị thánh, khóc lóc và nài xin bà cầu nguyện cho họ trước Thiên Chúa đầy lòng thương xót, để Ngài chấp nhận sự ăn năn của họ và ban cho họ sự tha thứ.

Sau đó, vị thánh nữ, với đôi mắt đẫm lệ, đã kêu cầu Chúa như sau:

– Lạy Thiên Chúa, Đấng đã phán: *"Ta không muốn kẻ có tội phải chết, nhưng muốn kẻ có tội từ bỏ con đường của mình và được sống. Hãy quay lại, hãy quay lại khỏi những con đường xấu xa của các ngươi; tại sao các ngươi lại phải chết?"* (Ê-xê-chi-ên 33:11)?[1700] Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã loan báo cho chúng con rằng*: "Trên*

trời sẽ có niềm vui lớn hơn vì một người tội lỗi ăn năn, hơn là vì chín mươi chín người công chính không cần phải ăn năn" (Lc 15,7). Xin Ngài ban ân sủng của Ngài cho những con chiên này của Ngài, những người mà ma quỷ đã muốn bắt cóc và tách khỏi Ngài, và xin đưa họ trở lại chuồng của Ngài, về với đàn chiên của Ngài; và, hỡi Đấng Chăn Chiên nhân lành, xin cho tất cả những ai đã xa lìa Ngài đều được trở lại theo gương của họ!

Sau một thời gian, quan tổng trấn Sapricius ra lệnh triệu tập Christina và Callista đến gặp mình cùng với thánh Dorothea; khi họ đến, ông hỏi riêng hai chị em:

– Các con có thuyết phục được Dorothea tin vào các vị thần của chúng ta không?

Lúc đó, Christina và Callista đã trả lời vị thống đốc bằng giọng nói vang dội:

– Chúng con đã phạm tội và hành động rất sai trái khi, vì sợ những cực hình tạm thời, đã dâng lễ vật cho các thần tượng. Vì vậy, chúng con đã khẩn cầu thánh nữ Dorothea, và ngài đã khuyên răn chúng con ăn năn, để chúng con có thể nhận được sự tha thứ cho các tội lỗi của mình từ Chúa Kitô, Chúa của chúng con.

Sapricus xé rách áo mình, tràn đầy cơn thịnh nộ tột độ; ông ra lệnh trói hai chị em lại với nhau, buộc lưng họ vào nhau, rồi ném họ vào một cái thùng đã được tẩm nhựa thông, sau đó chất củi dưới đáy thùng và thiêu sống họ.

Lúc đó, hai chị em thánh nhân đã cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin hãy chấp nhận sự ăn năn của chúng con và ban cho chúng con sự tha thứ.

Khi những trinh nữ này đang bị thiêu đốt như vậy, thánh Dorothea, nhìn thấy cảnh đó, đã vui mừng và kêu lên:

– Hãy đi trước con, hỡi các chị em, và hãy tin chắc rằng tội lỗi của các chị đã được tha thứ; hãy nhận biết rằng vương miện tử đạo mà các chị đã đánh mất ban đầu, nay chắc chắn các chị đã lấy lại được; và giờ đây, Cha nhân từ của các chị sẽ ra đón các chị, như thể đang vui mừng trước sự trở về của người con hoang đàng; Ngài sẽ ôm các chị vào lòng và tôn vinh các chị như những người con gái chân thành của Ngài, và tôn cao các chị trước các Thiên thần của Ngài, và đưa các chị vào hàng ngũ các thánh nữ tử đạo.

Và như vậy, các thánh nữ Christina và Callista, hai chị em cùng mẹ, đã qua đời trong đau khổ nhưng với lòng sám hối, nhận được từ Chúa Kitô, cùng với sự tha thứ, cả vương miện chiến thắng.

Sau đó, Sapricius ra lệnh bắt lại thánh Dorothea để tra tấn, treo cô lên và hành hạ như trước đây.

Tuy nhiên, giữa những cực hình khủng khiếp như vậy, vị thánh lại tràn ngập niềm vui đến nỗi dường như bà đã bước vào cung điện của Chàng Rể yêu dấu của mình – Chúa Kitô.

Lúc đó, Sapricius nói với bà:

– Điều này có nghĩa là gì, sao trên khuôn mặt ngươi dường như toát lên niềm vui, và ngươi, dù đang chịu đau khổ, lại có vẻ rất hạnh phúc?

Thánh Đô-rô-phê-a đáp:

– Trong suốt cuộc đời mình, tôi chưa bao giờ vui mừng như lúc này, và trên hết, tôi vui mừng vì những linh hồn mà qua ngươi, ma quỷ đã cướp khỏi Thiên Chúa, nhưng giờ đây Chúa Kitô đã đón nhận họ trở lại. Hiện nay trên trời đang tràn ngập niềm vui lớn lao; vì các Thiên thần đang vui mừng vì những linh hồn ấy, các Tổng lãnh thiên thần đang hân hoan, và cùng với họ, tất cả các Thánh Tông đồ, các vị Tử đạo và các Tiên tri cũng đang hân hoan. Vậy thì, Sapricius, hãy mau chóng thực hiện điều ngươi đã định, để ta cũng có thể sớm được bước vào sự hạnh phúc của các trinh nữ thánh và cùng vui mừng trên trời với những người mà ta đã khóc cùng trên đất.

Lúc đó, Sapricius ra lệnh dùng những ngọn nến đang cháy để thiêu đốt vị thánh tử đạo. Còn bà, càng thêm hân hoan, với khuôn mặt rạng rỡ và vui mừng, đã cất tiếng nói với quan tòa của mình như sau:

– Ngươi cùng với những thần tượng của ngươi – chẳng là gì cả!

Sau những lời đó, kẻ tra tấn ra lệnh tháo thánh Dorothea xuống khỏi cây và đánh bà bằng tay.

– Hãy đánh đi, – hắn nói, – khuôn mặt đang mắng chửi ta.

Khi thánh nữ bị đánh, bà vẫn không ngừng vui mừng, và những kẻ đánh bà đã kiệt sức.

Lúc đó, quan tổng trấn đã tuyên án tử hình như sau:

– Cô gái kiêu hãnh Dorothea, người đã không muốn dâng lễ vật cho các vị thần bất tử và tiếp tục sống, mà thà chết vì một Người nào đó không ai biết tên, được gọi là Chúa Kitô, – chúng ta ra lệnh chém đầu bằng gươm.

Thánh nữ Dorothea, khi nghe điều này, đã lớn tiếng kêu lên:

– Con cảm tạ Ngài, Đấng Yêu Thương Linh Hồn là Chúa Kitô, vì Ngài đã kêu gọi con vào Nước Trời của Ngài và dẫn con vào Cung Điện Thánh Thiêng của Ngài.

Và khi vị thánh tử đạo bị dẫn đi chịu chết và đang bước ra khỏi dinh tổng trấn, – một học giả kiêm cố vấn của tổng trấn, tên là Theophilus, – đã chế nhạo và nói với nàng:

– Này, cô dâu của Chúa Kitô, hãy gửi cho tôi từ thiên đàng của Chú Rể cô một quả táo và những bông hoa hồng.

Thánh Dorothea đáp lại:

– Thật vậy, tôi sẽ làm điều đó.

Khi họ đến nơi hành hình, vị tử đạo đã nài nỉ người hành hình cho phép bà được cầu nguyện với Chúa của mình một chút. Và khi bà kết thúc lời cầu nguyện, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra trước mặt bà dưới hình dáng một thiếu niên vô cùng đẹp đẽ; trên tấm vải trắng tinh, ngài mang theo ba quả táo tuyệt đẹp và ba bông hoa hồng.

Lúc đó, vị thánh tử đạo nói với cậu:

– Xin ngài hãy mang tất cả những thứ này đến cho Theophilus và nói với anh ấy: "Đây, giờ anh đã có những gì anh đã xin rồi."

Nói xong, nàng cúi đầu thánh thiện của mình xuống dưới lưỡi gươm và, sau khi bị chém đứt đầu, trong niềm hân hoan, nàng đã về với Chúa Kitô, Đấng Hôn Phu của mình, Đấng mà nàng đã yêu mến từ thuở thiếu thời, và giờ đây, trong cung điện thiên đàng, nàng đã nhận lấy vương miện chiến thắng từ tay Ngài.

Còn Theophilus, chế giễu lời hứa của trinh nữ thánh Dorothea, đã nói với các bạn mình:

– Hôm nay, khi thánh Dorothea – người tự xưng là cô dâu của Chúa Kitô và khoe khoang rằng mình sẽ vào thiên đàng của Ngài – bị dẫn đi chịu tử đạo, tôi đã nói với bà: "Hãy nghe tôi đây, cô dâu của Chúa Kitô, khi bà vào thiên đàng của Chàng Rể mình, hãy gửi cho tôi từ đó vài bông hoa hồng và vài quả táo."

Và cô ấy đáp lại:

– Quả thật, ta sẽ gửi cho ngươi.

Nói xong, Thêôphil và các bạn của ông đã cười lớn. Và bỗng chốc, một Thiên thần hiện ra trước mặt ông với ba quả táo tuyệt đẹp và ba bông hoa, rồi nói với ông:

– Theo lời hứa của mình, trinh nữ thánh Đô-rô-phê đã gửi tất cả những thứ này cho ngươi từ thiên đàng của Chàng Rể.

Lúc đó, Theophilus, khi nhìn thấy những quả táo và những bông hoa, cầm chúng lên tay, đã lớn tiếng reo lên:

– Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật, và trong Ngài không có lấy một điều dối trá nào!

Bạn bè và đồng đội nghe vậy liền nói với anh ta:

– Này, Theophilus, anh đang điên dại hay đang chế giễu vậy?

Anh ta trả lời họ:

– Tôi không điên cũng không đùa cợt, nhưng lý trí sáng suốt khiến tôi tin vào Đức Chúa Trời chân thật, là Chúa Giê-su Christ.

– Nhưng sự thay đổi đột ngột này của anh có ý nghĩa gì vậy? – họ hỏi anh.

– Hãy nói cho tôi biết, bây giờ là tháng nào? – Theophilus hỏi các bạn của mình.

– Tháng Hai, – họ trả lời.

– Vào mùa đông này, – Theophilus nói tiếp, – toàn bộ Cappadocia đều chìm trong sương giá và băng tuyết, và không có một cây cối hay loài thực vật nào còn lá; vậy thì, các bạn nghĩ sao, – những bông hoa và những quả táo có cành lá này từ đâu ra?

Nói xong, ông chỉ cho họ xem những quả táo và những bông hoa hồng. Những người bạn của Theophilus, khi nhìn thấy những quả này và ngửi thấy hương thơm tuyệt vời của chúng, đã nói:

– Ngay cả vào mùa hoa quả và hoa nở thông thường, chúng tôi cũng chưa từng thấy thứ gì giống như thế này.

Nghe vậy, Theophilus đáp lại:

– Khi thánh nữ Dorothea bị dẫn đi chịu tử đạo, tôi đã cho rằng cô ấy điên rồ, vì cô ấy gọi Chúa Kitô là vị hôn phu của mình và luôn nói về Thiên đàng của Ngài. Lúc đó, với giọng mỉa mai, tôi đã nói với cô ấy như thể cô ấy là người điên: "Khi cô đến Thiên đàng của vị hôn phu mình, hãy gửi cho tôi từ đó những quả táo và hoa." Cô ấy đáp lại tôi: "Tôi thực sự sẽ làm điều đó." Lúc đó tôi đã cười nhạo những lời của cô ấy, nhưng giờ đây, ngay sau khi cô ấy bị chém đầu, một cậu bé nhỏ bé – khoảng bốn tuổi và có vẻ đẹp không thể tả xiết – bỗng nhiên xuất hiện

trước mặt tôi; tôi không nghĩ rằng cậu bé ấy thậm chí còn biết nói, nhưng sau khi đẩy tôi một cái, cậu bé ấy bắt đầu nói như một người đàn ông trưởng thành:

– Nữ thánh Dorothea, – cậu bé nói với tôi, – đúng như lời hứa, Người đã gửi cho ngài những món quà từ thiên đàng của Chàng Rể Người.

Nói xong, cậu bé trao tất cả những gì được gửi đến vào tay tôi rồi biến mất. Nói xong, Theophilus thốt lên:

– Phúc cho những ai tin vào Đấng Christ và chịu khổ vì danh thánh của Ngài, vì Ngài là Đức Chúa Trời chân thật, và ai tin vào Ngài thì quả thật là người khôn ngoan!

Sau những lời kêu gọi như vậy và những lời tương tự của Theophilus, một số người đã đến gặp quan tổng trấn và nói với ông ta:

– Cố vấn của ngài là Thêôphil, người trước đây căm ghét các Kitô hữu và tìm cách tiêu diệt họ bằng cái chết tàn khốc, giờ đây lại công khai ca ngợi và chúc tụng danh của một người nào đó tên là Giêsu Kitô, và nhiều người trong số những người nghe lời ông đã tin vào Đấng này.

Thống đốc lập tức ra lệnh cho người ta dẫn Theophilus đến trước mặt mình và hỏi ông ta:

– Ngươi vừa nói gì trước mặt mọi người vậy?

Théophile trả lời:

– Tôi đã ca ngợi Đấng Christ, Đấng mà trước đây, cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn luôn phỉ báng.

Thống đốc nói với ông:

– Ta thật ngạc nhiên về ngươi, một người thông minh, rằng giờ đây ngươi lại tôn vinh danh Ngài, Đấng mà trước đây ngươi đã từng bắt bớ những người tôn kính Ngài.

– Chính vì thế mà tôi đã tin vào Chúa Kitô như là Thiên Chúa chân thật, – Theophilus đáp, – vì Ngài đã đột ngột dẫn dắt tôi từ sự lầm lạc trở về con đường chân lý và đã thương xót cho tôi được nhận biết Ngài, Thiên Chúa Chân Thật.

Lúc đó, vị thống đốc nói:

– Tất cả những ai có khuynh hướng tìm kiếm sự khôn ngoan đều ngày càng tiến bộ hơn trong sự khôn ngoan, còn ngươi thì từ một người khôn ngoan bỗng chốc trở thành kẻ điên rồ, gọi Đấng mà người Do Thái đã đóng đinh là Đức Chúa Trời, như chính ngươi đã nghe từ chính những người Kitô hữu.

Theophilus đáp lại:

– Tôi đã nghe nói rằng Chúa Kitô đã bị đóng đinh, và tôi đã lầm lạc khi không coi Ngài là Thiên Chúa và hàng ngày xúc phạm Ngài. Nhưng giờ đây, tôi ăn năn về những lầm lạc và lời xúc phạm trước đây của mình, và tuyên xưng Ngài là Thiên Chúa Chân Thật.

– Vậy thì anh đã trở thành Kitô hữu ở đâu và khi nào? – vị Igemon hỏi anh ta – nếu như cho đến tận ngày hôm nay anh vẫn còn dâng lễ vật cho các vị thần?

– Chính vào giây phút đó, – Theophilus đáp, – khi tôi tin vào Chúa Kitô và tuyên xưng Ngài, – thì lúc đó tôi đã trở thành Kitô hữu; và giờ đây, từ tận đáy lòng, tôi tin vào Đấng Kitô bất tử, Con Thiên Chúa, rao giảng danh hiệu chân thật của Ngài, danh hiệu thánh thiện, danh hiệu vô tì vết – danh hiệu mà trong đó không có sự giả dối, cũng không có sự lầm lạc nào như những gì ngự trị trong các thần tượng.

Lúc đó, vị thống đốc nói:

– Vậy thì, có nghĩa là các vị thần của chúng ta là sự lầm lạc sao?

– Làm sao có thể không có sự dối trá trong những tượng thần ấy – Theophilus đáp – mà bàn tay con người đã làm ra từ gỗ, rèn từ đồng và sắt, và đúc từ thiếc – nơi những con cú làm tổ, nhện dệt mạng, còn bên trong thì đầy chuột? Và nếu bây giờ tôi nói dối, thì xin cho tôi trở thành kẻ dối trá; còn chính ngài hãy tự xem xét xem liệu tôi có đang nói sự thật hay không? Và vì tôi không nói dối, nên chính ngài cũng sẽ sớm đồng ý với sự thật và từ bỏ sự dối trá. Bởi vì ngài, với tư cách là một quan tòa, người xét xử sự dối trá của người khác, cũng phải tự mình quay lưng lại với sự dối trá để hướng về sự thật – đó là Đức Kitô, Thiên Chúa.

Lúc đó, vị thống đốc nói:

– Vậy thì, các vị thần của chúng ta không phải là những sinh vật sống sao?

– Trong các tượng thần, chúng ta thấy hình dáng giống con người, – Theophilus đáp lại, – nhưng chúng vô tri vô giác; còn Đức Chúa Trời là Đấng vô hình, hằng sống và là Đấng ban phát mọi sự sống. Các tượng thần, nếu được làm từ vật liệu quý giá, thường được canh giữ cẩn thận để tránh bị trộm cắp; còn Đức Chúa Trời trên trời thì không ai canh giữ Ngài, nhưng chính Ngài là Đấng bảo vệ tất cả, chăm sóc cho toàn thể tạo vật của Ngài.

Lúc đó, vị thống đốc thốt lên:

– Hỡi Theophilus khốn nạn! Ta thấy ngươi muốn chết một cái chết thảm khốc.

– Tôi khao khát đạt được cuộc sống tốt lành, – vị thánh Theophilus đáp lại.

Sau đó, vị thống đốc nói:

– Hãy biết rằng, nếu ngươi vẫn giữ vững sự điên rồ này, ta sẽ khiến ngươi phải chịu những cực hình khủng khiếp, rồi sau đó ra lệnh xử tử ngươi một cách tàn nhẫn.

– Bây giờ điều duy nhất tôi mong muốn là được chết vì Chúa Kitô, – Thánh Theophilus đáp lại.

– Hãy nhớ đến ngôi nhà, vợ, con cái và họ hàng của ngươi, – vị thống đốc nói, – và đừng dại dột tự đưa mình vào cái chết tàn bạo, vì quả thực đó là sự điên rồ – tự nguyện chịu những cực hình và hình phạt mà thường chỉ dành cho những kẻ ác.

Nghe vậy, vị thánh tử đạo đáp lại:

– Đó không phải là sự điên rồ, mà là sự khôn ngoan vĩ đại, – ai vì những ân huệ vô cùng và vĩnh cửu cùng sự sống đời đời mà chấp nhận cái chết sớm, không màng đến những đau khổ ngắn ngủi và tạm thời này.

Lúc đó, quan tổng trấn nói:

– Vậy là ngươi thà chọn đau khổ cho mình hơn là sự bình an, và thà chết còn hơn là sống sao?

– Ta cũng sợ những cực hình, – Theophilus đáp lại, – và run rẩy trước cái chết, – nhưng ta sợ những cực hình không có hồi kết, và kinh hoàng trước cái chết dẫn đến sự trừng phạt vĩnh cửu. Những cực hình mà ngài có thể giáng xuống cho tôi sẽ sớm chấm dứt, còn hình phạt dành cho những kẻ thờ thần tượng thì sẽ không bao giờ kết thúc!

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh treo Thánh Theophilus trần truồng lên cây và đánh đập ngài dã man. Khi họ bắt đầu đánh Thánh nhân, ngài đã thốt lên:

– Nay con đã trở thành một Kitô hữu trọn vẹn, vì con bị treo trên cây, và cây ấy giống như Thánh Giá. Vậy nên, con tạ ơn Ngài, Chúa Kitô, vì Ngài đã ban cho con ân sủng được treo trên dấu hiệu của Ngài.

– Kẻ khốn nạn, – vị quan tổng trấn nói, – hãy thương xót thân xác ngươi đi!

– Kẻ khốn nạn kia, hãy thương xót linh hồn mình đi! – Thêôphil đáp lại. – Ta không thương xót cuộc đời tạm bợ này, nhưng bù lại, linh hồn ta sẽ được cứu rỗi muôn đời.

Lúc đó, tên tra tấn, càng thêm phẫn nộ, ra lệnh dùng móng vuốt sắt cào xé vị tử đạo và dùng nến thiêu đốt ngài. Còn vị Thánh, dường như không cảm nhận được nỗi đau, lại vui mừng trong chính những cực hình của mình và chỉ thốt lên:

– Lạy Chúa Kitô, Con Thiên Chúa, con tuyên xưng Ngài, – xin hãy đưa con vào hàng ngũ các thánh của Ngài!

Khuôn mặt ngài lúc đó tràn đầy niềm vui.

Sau khi các thuộc hạ của kẻ tra tấn kiệt sức vì công việc, quan tổng trấn Sapricius đã tuyên án tử hình đối với vị thánh như sau:

– Đối với Thánh Theophilus, người cho đến nay vẫn chưa dâng lễ vật cho các vị thần bất tử, mà giờ đây đã sa ngã và thậm chí còn quay lưng lại với các vị thần của chúng ta để theo đoàn thể Kitô hữu, – chúng ta ra lệnh chém đầu bằng gươm.

Thánh Theophilus, khi nghe điều này, đã thốt lên:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Kitô, Thiên Chúa của con!

Và, trong niềm hân hoan, ngài cúi đầu thánh của mình xuống dưới lưỡi gươm. Sau khi bị chém đầu, ngài đã được đội vương miện tử đạo và, khi về với Chúa vào giờ thứ mười một của cuộc đời, đã nhận được phần thưởng ngang bằng với những người đầu tiên (Mt 20:1–16), – trong Nước Trời của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta; xin dâng lên Ngài, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, vinh quang và tôn kính muôn đời, amen.

Lễ kính Thánh Tử đạo Iulian.

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 2

Thánh Tử đạo Iulian xuất thân từ thành phố Emesa[1700] . Sau khi học tập kỹ lưỡng nghệ thuật y khoa từ thuở thiếu thời, ngài không chỉ chữa lành thân xác con người mà còn chữa lành tâm hồn họ: bởi khi chữa trị bệnh tật, ngài đã dạy họ tin vào Chúa Kitô và đã dẫn dắt nhiều người ngoại giáo trở về với Chúa Kitô, Thiên Chúa.

Khi các thánh tử đạo là Giám mục Siluan, Phó tế Luca và Đọc giả Moki – những vị được tưởng niệm vào ngày 29 tháng 1 – bị bắt và bị dẫn ra khỏi ngục để làm mồi cho thú dữ, Julian đã quỳ xuống trước các thánh tử đạo này, hôn lên họ và khẩn cầu họ đừng sợ cái chết vì Chúa.

Sau đó, ông bị những người ngoại đạo bắt giữ và giam vào một hang động; tại đó, họ đóng một chiếc đinh dài vào đầu ông, đồng thời dùng đinh đâm xuyên qua tay và chân ông; sau đó, ông trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa.

Lễ kính Thánh Vukol, Giám mục Smyrna

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 2

Thánh Vukol, người được Chúa yêu mến, ngay từ thuở ấu thơ đã nổi bật bởi lòng nhân từ và sự trong sạch, và được tràn đầy Thánh Thần.

Thánh Gioan Thần Học, môn đệ đáng khen ngợi và được yêu mến của Chúa Kitô, cũng là người bạn thân thiết của Ngài, khi thấy ngài là người có kinh nghiệm và xứng đáng trong đời sống thiêng liêng, đã bổ nhiệm ngài làm giám mục Giáo hội Smyrna[1701] ; đối với các Kitô hữu Smyrna, sự bổ nhiệm này đến rất đúng lúc, và Thánh Vukol, vị thánh của Chúa Kitô, đã làm được nhiều điều hữu ích cho họ. Được Thánh Thần soi sáng, ngài tỏa sáng như ngọn đèn trên giá đèn (Mt 5:15): ngài soi sáng những ai đang chìm trong bóng tối của sự lầm lạc và sự cám dỗ của thần tượng bằng ánh sáng thiên đàng, và qua phép rửa thánh, ngài biến họ thành con cái của ánh sáng (Ga 12:36), và bảo vệ tất cả khỏi những con thú vô số, vô hình, nhưng hung dữ và không thể khuất phục, những con thú luôn rình rập để nuốt chửng ai đó (1 Phê-rô 5:8).

Trước khi qua đời, Thánh Vukol[1702] đã giao phó đoàn chiên tinh thần của mình cho Thánh Polikarp và rời bỏ cuộc sống trần thế để bước vào cõi vĩnh hằng. Sau khi thi hài của vị thánh được an táng, Thiên Chúa đã ban ân sủng cho cây myrrh[1703] mọc lên bên quan tài của ngài, loại cây này nổi tiếng với khả năng chữa lành cho những người bệnh.

Ngày tưởng niệm các thánh nữ tử đạo Martha và Maria cùng anh trai của họ là thánh tử đạo Licarius, thiếu niên.

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 2

Các vị tử đạo này sống tại xứ Á Châu[1704] , vào thời kỳ Giáo Hội của Đức Kitô phải hứng chịu sự bách hại từ các vua chúa và các lãnh chúa vô đạo, những kẻ thờ ngẫu tượng.

Martha và Maria, khi còn trinh nữ, chỉ lo làm đẹp lòng Chúa và khao khát được chết vì Ngài.

Một lần nọ, một quan quân vô đạo đi ngang qua nhà họ. Ngay lúc đó, Martha mở cửa nhà, cùng với em gái mình, đã kêu lên, hướng về phía quan quân:

– Chúng tôi là những người Kitô hữu!

[1700] Emesa – một thành phố ở Syria, nằm về phía đông sông Orontes, con sông chảy ra Biển Địa Trung Hải ở phía tây bắc Syria.

[1701] Smyrna – thành phố thương mại nổi tiếng của Ionia trên bờ đông Biển Aegean (Quần đảo), cách Ephesus khoảng 66 verst, tại cửa sông Meles, là một trong những thành phố cổ xưa nhất của Tiểu Á; Giáo hội đã được Thánh Tông đồ Gioan Thần Học thành lập tại Smyrna. Hiện nay Smyrna thuộc về người Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng cho đến nay, đức tin Kitô giáo vẫn được duy trì và phát triển mạnh mẽ tại đó. Thành phố này vẫn là một trong những thành phố thịnh vượng nhất của đế chế.

[1702] Ngài qua đời vào khoảng năm 100.

[1703] Mirsina – cây myrtle. Loài cây này mọc ở châu Á, châu Mỹ, châu Phi – tại Ai Cập, và ở miền nam châu Âu, dọc theo bờ biển Địa Trung Hải. Vào các ngày lễ, người ta dùng cành cây này để trang trí nhà cửa; những vòng hoa myrtle được đội lên đầu trong các bữa tiệc, đặc biệt là tiệc cưới. Cây myrtle được người xưa tôn vinh như một biểu tượng chung của tình yêu và hạnh phúc bình yên, là hình ảnh của những sự kiện vui vẻ trong hiện tại và những hy vọng tươi sáng trong tương lai.

[1704] Asia – một tỉnh của Đế chế La Mã, nằm ở phía tây bán đảo Tiểu Á, với thành phố chính là Ephesus.

Vị tướng quân, cùng với các thuộc hạ của mình, nghe những lời này nhưng không để ý và đi qua. Lúc đó, hai chị em lại kêu lên theo sau vị tướng quân:

– Chúng tôi là những người Kitô hữu!

Nghe vậy, quan tổng trấn nói với họ:

– Ta tha thứ cho các ngươi vì các ngươi còn trẻ: ta không muốn phải giết các ngươi.

Nghe vậy, Thánh Martha kêu lên:

– Hỡi quan tổng trấn, cái chết vì đạo không phải là cái chết, mà là sự sống!

Nghe vậy, quan tổng trấn nổi giận dữ dội và ra lệnh bắt thánh nữ.

Lúc đó, Maria cũng bước ra khỏi nhà và nói với quan tổng trấn:

– Những gì chị tôi đã nói, tôi cũng sẽ nói như vậy.

Sau đó, một cậu bé, em trai của hai vị tử đạo, tên là Licarion, cũng bước ra khỏi nhà và kêu lên:

– Những gì Ma-phê và Ma-ri đã nói, tôi cũng nói như vậy, vì tôi là người Kitô hữu.

Và quan tổng trấn ra lệnh treo cổ cả ba người trên thập tự giá. Mẹ của họ cũng đứng đó và nói với các con:

– Hãy được cứu rỗi, các con yêu dấu của mẹ, và hãy nhận lấy vương miện từ Chúa Kitô.

Và Ma-ri-a, khi đang bị treo trên thập tự giá, đã nói:

– Xin mẹ chúng con cùng thai nhi trong bụng mẹ cũng được cứu rỗi, vì mẹ đã dâng chúng con cho Chúa Kitô.

Sau đó, Martha và Maria bị đâm chết trên thập tự giá, còn Licarion bị một chiến binh chém chết bằng gươm.

Ngày 20 tháng 2

ngày 7 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Phêrô, Giám mục Lampsacus.

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 2

Cùng tên với Trinh nữ[1705] , Thánh Parthenius sinh ra tại Melitopol[1706] . Cha ngài, tên là Christopher, là phó tế tại một trong những nhà thờ của thành phố này. Parthenius từ nhỏ không được học chữ, nhưng nhờ lắng nghe Lời Chúa trong nhà thờ, ngài đã học được rất nhiều điều từ đó đến mức có thể sánh ngang với bất kỳ nhà thông thái nào. Khi còn trẻ, ông thường đến một hồ nước gần đó; ông câu cá ở đó rồi bán đi, và dùng số tiền thu được để bố thí cho người nghèo. Ngay từ thuở ấu thơ, ông đã tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa; đến năm mười tám tuổi, nhờ danh thánh của Chúa Kitô, ông bắt đầu trừ quỷ khỏi con người và thực hiện nhiều phép lạ.

Sau khi danh tiếng về Thánh Parthenius lan truyền rộng rãi trong dân chúng, Philip, Giám mục Melitopol, đã triệu tập ngài đến gặp mình. Sau khi tìm hiểu kỹ lưỡng mọi điều ngài đã nghe về vị thanh niên thánh thiện này và xác minh tất cả những điều đó, ngài đã kinh ngạc trước đức hạnh của ngài cũng như ân sủng của Chúa trong ngài, và ra lệnh cho người ta dạy ngài nghệ thuật học thuật. Sau đó không lâu, Giám mục Philip đã bổ nhiệm Thánh Parthenius, trái với ý muốn của ngài, làm linh mục và giao phó cho ngài việc chăm sóc một trong những nhà thờ. Trong chức vụ linh mục, Thánh Parthenius càng nỗ lực hơn nữa trong việc thực hành các đức hạnh. Nhận được từ Chúa ân sủng đặc biệt về sự thánh thiện và khả năng làm phép lạ, ngài đã chữa lành mọi bệnh tật và nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, ngài đã thực hiện nhiều phép lạ kỳ diệu. Trong số những dấu lạ kỳ diệu đó, có một sự kiện như sau.

Một lần nọ, trên đường đi, vị thánh làm phép lạ gặp một người đàn ông bị một thanh niên nào đó móc mắt; con mắt bị thương lủng lẳng trên má, và người đàn ông ấy, vừa đau đớn vừa khóc lóc, phải dùng tay đỡ lấy nó.

[1705] Từ tiếng Hy Lạp “parthenos”, có nghĩa là “cô gái”, “trinh nữ”.

[1706] Melitopol – một trong những thành phố của Mizia, tỉnh phía tây bắc Tiểu Á.

Thánh Parthenius cầm con mắt bị móc ra trong tay, đặt nó trở lại vị trí cũ và rửa sạch bằng nước; ba ngày sau, người bệnh đã hoàn toàn khỏi bệnh.

Một lần khác, một người phụ nữ bị mắc một căn bệnh dữ dội và không thể chữa khỏi trên cơ thể, đã đến gặp Thánh Parthenius và xin ngài chữa lành; khi vị thánh làm dấu thánh giá trên trán bà, bà lập tức được chữa lành.

Một lần, Thánh Parthenius đi thăm một người bệnh; khi ngài đi ngang qua nhà một quan đại thần nào đó, một con chó to, thoát khỏi dây xích, lao thẳng về phía ngài và, dùng hai chân trước bám vào vai ngài, định cắn vào mặt ngài. Nhưng vị thánh đã thổi một hơi vào con chó, làm dấu thánh giá, và ngay lập tức con chó chết ngay tại chỗ; sau đó, Thánh Parthenius đã gạt xác nó ra khỏi vai mình.

Khi nghe tin về những phép lạ như vậy, Tổng Giám mục Achillius của Kyzikos đã triệu tập Thánh Parthenius đến và phong ngài làm Giám mục Lampsacus[1707] . Khi đến giáo phận được giao phó, Thánh Parthenius thấy tất cả cư dân nơi đây đều sùng bái các thần tượng Hy Lạp vô đạo, trong khi số lượng Kitô hữu lúc bấy giờ ở đó rất ít. Vị mục tử nhân lành của Chúa Kitô đã vô cùng đau buồn vì điều đó. Trước hết, ngài bắt đầu khuyên răn, vạch trần và khẩn cầu những người trong đoàn chiên của mình; bằng cách chỉ cho họ con đường chân lý và thực hiện những phép lạ nhân danh Chúa Kitô, ngài đã chữa lành cho những người bệnh và nhờ đó dẫn dắt nhiều người đến với sự nhận biết về Thiên Chúa chân thật. Cuối cùng, khi thấy cư dân thành phố ấy ngày càng vững mạnh trong đức tin và việc thờ cúng thần tượng bị từ chối, Thánh Parthenius đã nảy ra ý định phá hủy những đền thờ tà ác ở đó, và thay vào đó xây dựng những nhà thờ thánh đẹp đẽ của Đức Chúa Trời. Để thực hiện điều này, Thánh Parthenius đã đến gặp vị hoàng đế vĩ đại Constantine để xin ngài ban quyền thực hiện việc đó. Được vị hoàng đế sùng đạo và yêu mến Chúa Kitô tiếp đón với sự tôn trọng và vô cùng nồng hậu, vị thánh của Chúa đã nhận được điều mình mong muốn: Thánh Constantine Đại Đế đã ban cho ngài sắc lệnh hoàng gia về việc phá hủy các đền thờ tà thần, đồng thời trao cho vị thánh nhiều vàng để xây dựng các nhà thờ thánh của Chúa, rồi tiễn ngài ra về trong bình an.

Khi trở về Lampsacus, Thánh Phêrênius của Chúa ngay lập tức phá hủy tận gốc rễ tất cả các đền thờ ngoại đạo và chẳng bao lâu sau đã xây dựng một nhà thờ rộng lớn và tuyệt đẹp của Chúa ngay giữa lòng thành phố; chính ngài đã trực tiếp tham gia vào việc xây dựng và dùng chính đôi tay mình giúp đỡ các thợ xây.

Trong khi ngôi thánh đường này đang được xây dựng, có một người bị quỷ ám đến gặp Thánh Parthenius; con quỷ đã ám vào người anh ta từ lâu, nhưng anh ta không nhận ra điều đó. Và người bị quỷ ám này, khi đến gần Thánh Parthenius, đã chào hỏi ngài bằng những lời lẽ ân cần. Tuy nhiên, vị Thánh của Chúa Kitô, khi nhận ra sự hiện diện của tà linh trong người đó, đã không đáp lại lời chào.

Lúc đó, con quỷ trong người đàn ông ấy, cảm thấy bị sỉ nhục, liền nói với vị thánh:

– Ta muốn gặp ngươi, nên mới chào ngươi; vậy mà sao ngươi lại không đáp lại lời chào của ta?

– Ngươi đã thấy ta rồi, vậy thì ngươi muốn gì? – Thánh Parthenius đáp lại.

– Ta đã thấy và nhận ra ngươi rồi, – con quỷ nói.

– Nếu ngươi, sau khi nhìn thấy, thực sự nhận ra ta, – Thánh Parthenius đáp lại, – thì ngươi đã rời khỏi tạo vật của Đức Chúa Trời này rồi.

Nghe vậy, con quỷ nói:

– Tôi xin ngài, đừng đuổi tôi ra khỏi nơi ở của tôi, nơi mà tôi đã cư ngụ từ rất lâu rồi.

– Ngươi đã ở trong con người này bao lâu rồi? – vị thánh hỏi.

– Từ khi anh ta còn nhỏ, – con quỷ đáp, – và cho đến nay chưa ai phát hiện ra tôi, chỉ có mình ngài thôi; và bây giờ, như tôi thấy, ngài đang đuổi tôi đi; nhưng nếu vậy, thì ngài sẽ bảo tôi đi đâu đây?

– Ta sẽ chỉ cho ngươi một nơi để ngươi cư ngụ, – Thánh Parthenius đáp.

– Tôi nghĩ chắc chắn ngài sẽ ra lệnh cho tôi nhập vào đàn lợn, – con quỷ nói.

– Không, ta sẽ chỉ cho ngươi một con người để ngươi nhập vào, chỉ cần ngươi rời khỏi thân xác này là được, – Thánh Parthenius đáp.

– Nhưng ngài thực sự muốn làm điều đó, hay chỉ nói suông thôi? Hãy nói cho tôi biết đi, – con quỷ hỏi Thánh Parthenius.

– Ta đang nói sự thật với ngươi, – vị thánh nói, – rằng ta biết một người mà nếu ngươi muốn, ngươi có thể nhập vào, – chỉ cần ngươi mau chóng rời khỏi đây thôi.

Sau đó, con quỷ, bị thuyết phục bởi những lời của vị thánh, bắt đầu xin ngài chỉ cho nó một người như vậy.

[1707] Lampsacus – một thành phố quan trọng của Mizia, được người Phoenicia thành lập, nằm ở vùng tây bắc Tiểu Á.

Lúc đó, Thánh Parthenius mở miệng và nói với con quỷ:

– Chính người này đây: hãy vào và ngự trong ta.

Quỷ dữ, như bị lửa thiêu đốt, kêu lên:

– Khốn khổ cho ta! Nếu ngài, sau một thời gian dài như vậy, lại đuổi ta ra khỏi một người xa lạ, thì ngài sẽ gây ra bao nhiêu điều ác cho ta nữa, nếu ta nhập vào trong ngài? Và làm sao ta có thể bước vào nhà của Đức Chúa Trời được?

Nói xong, con quỷ biến mất vào những nơi hoang vắng và hiểm trở; còn người đàn ông ấy, nhờ ân sủng của Chúa, đã được lành bệnh và ngợi khen Chúa.

Sau khi chính tòa nhà nhà thờ đã hoàn thành, Thánh Parthenius bắt đầu lo việc xây dựng ngai thánh trong bàn thờ, để trên đó cử hành Thánh lễ.

Lúc bấy giờ, ngài tìm thấy một tảng đá lớn trong một đền thờ thần tượng đã bị phá hủy; về hình dáng, tảng đá này rất thích hợp để xây dựng ngai thánh, và thế là vị thánh của Chúa đã ra lệnh cho các thợ đá gia công nó thật kỹ lưỡng và chuẩn bị để cử hành Thánh lễ trên đó.

Các thợ, sau khi đã gia công và chuẩn bị xong tảng đá này, đã đặt nó lên xe một cách cẩn thận và cột những con bò mạnh mẽ vào xe để chở nó đến nhà thờ.

Ma quỷ, vì tức giận vì hòn đá bị lấy từ đền thờ, đã làm cho những con bò kéo xe hoảng sợ, và chúng đột ngột lao đi nhanh đến mức không ai có thể ngăn cản được. Người đánh xe đi bên cạnh và điều khiển chúng, tên là Evtikhián, do tác động của ma quỷ, đã ngã ngửa xuống dưới bánh xe; và chiếc xe ngựa nặng trĩu vì tảng đá, khi lăn qua người ngã, đã nghiền nát xương và đè bẹp anh ta; người đánh xe đã chết ngay lập tức.

Khi biết tin này, Thánh Phêrô của Đức Chúa Trời đã nói:

– Sự độc ác của ma quỷ đã gây ra chuyện này, nhưng hỡi ma quỷ, đừng cản trở công việc của Đức Chúa Trời!

Ngay lập tức, ngài đứng dậy, dẫn theo những người đàn ông đạo đức đi cùng mình và vội vã đến nơi xảy ra tai nạn đáng thương này. Khi nhìn thấy thi thể người chết, ngài quỳ gối thánh thiện xuống để cầu nguyện và trong nước mắt, ngài thành kính cầu nguyện với Chúa như sau:

– Lạy Thiên Chúa toàn năng, Đấng ban sự sống và sự chết, Ngài biết rõ tại sao kẻ thù độc ác đã dùng mưu mô của mình để cướp đi mạng sống của tạo vật Ngài; nhưng, lạy Đấng Tối Thiện, như mọi khi, ngay cả lúc này, xin Ngài làm cho ý đồ xấu xa của hắn trở nên vô ích và ban sự sống trở lại cho tôi tớ Ngài là Evtichian, qua đó tỏ cho các tín hữu thấy quyền năng bất khả chiến bại của Ngài – vì Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất và vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men.

Trong khi thánh Parthenius vẫn đang đọc lời cầu nguyện này, người đã chết trước mặt toàn thể dân chúng bỗng sống lại và kêu lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, vì Ngài làm cho cả người chết cũng sống lại!

Và ngay lập tức, sau khi khỏe mạnh trở lại như trước, ông đã dắt bò và dùng chúng để chở hòn đá đến tận nhà thờ.

Lúc bấy giờ, tất cả những ai chứng kiến phép lạ này và sự sống lại đột ngột của người chết đều dâng vinh quang và ngợi khen lên Thiên Chúa Tối Thánh, và họ bắt đầu từ khắp nơi đưa những người ốm đau và những ai đang chịu khổ vì các thần ô uế đến đây; và tất cả họ, nhờ lời cầu nguyện của Thánh Parthenius, đã được chữa lành bởi ân sủng và quyền năng của Thiên Chúa, và vào thời điểm đó, hầu như không ai còn tìm đến y thuật nữa, vì họ cho rằng điều đó hoàn toàn không cần thiết, và dân chúng ngừng tìm đến các bác sĩ, bởi vì mọi bệnh tật, nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, đều được vị thánh của Chúa chữa lành một cách vô điều kiện.

Trong số những người bệnh khác, Thánh Parthenius đã chữa lành trong ba ngày cho cô con gái tên là Daphne của một người tên là Dionysius, thuộc dòng dõi hoàng gia, người bị quỷ ám.

Một lần khác, ngài đã chữa lành cho con gái của Công tước Mamalia ở Smyrna, tên là Agalmatiya; cô cũng bị quỷ ám và thường xuyên lăn lộn trên mặt đất; bọt mép chảy ra từ miệng cô, và bản thân cô đôi khi trông như thể đã chết.

Thánh Parthenius cũng đã giúp đỡ một phụ nữ quý tộc tên là Zoile, người trước đây bị ám bởi tinh thần vô tín, điều này khiến cô vô cùng đau khổ.

Một lần nọ, một thanh niên tên là Nikon, con trai của một linh mục, được đưa đến gặp vị thánh được Chúa yêu mến; cậu cũng bị quỷ ám và phải chịu đựng những đau khổ tột cùng. Cha mẹ cậu đã quỳ gối trước chân Thánh Parthenius, khẩn cầu ngài thương xót và giải thoát con trai họ khỏi con quỷ ô uế.

Lúc đó, vị Thánh của Chúa đã nói với họ:

– Con trai các vị không xứng đáng được chữa lành, và tà linh này được ban cho nó như một hình phạt, vì nó là kẻ giết cha: chính các vị, khi thường xuyên phải chịu sự sỉ nhục và tổn thương từ nó, trong nỗi đau khổ của tâm hồn đã cầu nguyện để nó bị Chúa trừng phạt; vậy hãy để nó trong căn bệnh này – hình phạt này là cần thiết cho nó.

Còn họ, với tư cách là những bậc cha mẹ yêu thương con cái, lòng đau xót vì con trai mình, nước mắt lưng tròng, đã kêu lên với vị thánh:

– Xin ngài cầu nguyện với Chúa cho con trai chúng tôi, thánh nhân của Chúa, để nó được giải thoát khỏi con quỷ dữ tợn!

Lúc đó, Thánh Phêrêniô, khi thấy những giọt nước mắt của cha mẹ, đã thương xót họ; ngài đã cầu nguyện hết lòng với Chúa, và con quỷ lập tức rời khỏi chàng trai trẻ. Còn cha mẹ, khi thấy con trai mình khỏe mạnh trở lại, đã trở về nhà, ca ngợi và chúc tụng Chúa.

Cũng có một người phụ nữ tên là Alexandra, cư ngụ tại thành phố Arisva, được đưa đến gặp Thánh Phêrô; người phụ nữ này, dưới sức mạnh của quỷ dữ, bị ám như thể bởi linh hồn của một con rắn: thỉnh thoảng bà ta rít lên giống như loài bò sát đó và trong lúc đó đã giết chết nhiều người. Thánh nhân của Chúa Kitô, sau khi trừ tà khỏi người phụ nữ ấy, đã chữa lành cho cô và cho cô trở về với gia đình trong tình trạng khỏe mạnh.

Một lần khác, Thánh Parthenius đã dùng việc đặt tay và lời cầu nguyện để chữa lành cho một thiếu nữ được cha mẹ đưa đến gặp ngài, con gái của Sinodios, một công dân thành Avidenia, người cũng bị quỷ ám và lang thang trên núi.

Cùng lúc đó, vị thánh nhân của Chúa cũng đã thực hiện một phép lạ đối với một chiến binh tên là Aksan. Toàn thân người này đều bị liệt, nhưng vị thánh nhân của Chúa đã rửa sạch cho anh ta bằng nước, rồi sau khi cầu nguyện cho anh ta, đã cho anh ta ra về trong tình trạng khỏe mạnh.

Một người tên là Alan, gốc Syria, dưới ảnh hưởng của tà linh ngự trong người, đã tự thắt cổ tự tử trong nhà thờ do Thánh Parthenius xây dựng và treo lơ lửng trong tiền sảnh dành cho những người đang học đạo; khi biết tin này, vị thánh đã đến bên thi thể anh ta và, bằng lời cầu nguyện của mình, đã trục xuất ma quỷ ra khỏi anh ta, rồi làm cho anh ta sống lại từ cõi chết.

Eutropius, một cư dân của Pareia – thành phố nằm giữa Lampsacus và Cyzicus – đã đưa người vợ bị quỷ ám của mình đến gặp Thánh Parthenius. Vị thánh của Chúa Kitô, sau khi thổi vào mặt người phụ nữ đang đau khổ và dâng lời cầu nguyện trên đầu cô, đã lập tức chữa lành cho cô.

Ngoài ra, vị thánh của Chúa còn chữa lành cho một người phụ nữ khác bị quỷ ám, tên là Akakiya, được đưa đến từ làng Feleia.

Cùng lúc đó, Thánh Parthenius đã chữa lành cho một người phụ nữ tên là Evcheria, vợ của quý tộc Agapitus; sau khi cầu nguyện cho bà và cho bà uống dầu thánh, ngài đã chữa lành cho bà ngay lập tức, trong khi trước đó, do bị đầu độc, bà đã phải chịu đựng những cơn đau đớn tột cùng và bị hành hạ bởi chất độc chết người.

Một thanh niên tên là Maxim, đến từ thành phố Visa, khi đang ở Lampsacus, đã phục vụ cho một trong các phó tế. Một lần, anh mắc bệnh dạ dày, không thể chữa khỏi và đã qua đời. Cha mẹ, khi biết tin con trai mình qua đời, đã từ Visa đến Lampsacus để an táng anh; sau khi mang thi thể của Maxim từ giường bệnh ra, họ vừa khóc vừa rước thi thể vào nhà thờ và trên đường đi, họ đặt thi thể anh tại chính nơi mà Thánh Phêrô, vị thánh của Đức Chúa Trời, dự định sẽ đi qua. Khi đến nơi này và nhìn thấy thi thể người chết đang nằm đó cùng cha mẹ anh ta đang khóc lóc, vị thánh nhân của Chúa đã rơi lệ, quỳ gối xuống và cầu nguyện với Chúa cho anh ta – và ngay lập tức, Maxim sống lại, đứng dậy, ngồi xuống và bắt đầu nói chuyện. Thánh Parthenius giơ tay ra, đỡ anh ta dậy và trao trả anh ta cho cha mẹ trong tình trạng khỏe mạnh. Tất cả cư dân thành phố này đều vô cùng kinh ngạc trước phép lạ vĩ đại này và ca ngợi Chúa.

Người ta cũng đưa đến vị thánh được Chúa yêu mến này – nữ phó tế Theophila, từ làng Asermia, và cùng với cô, từ cùng làng đó, là thiếu nữ Rufina; cả hai đều bị liệt do sức mạnh của ma quỷ. Parthenius, sau khi rảy nước thánh lên họ và cầu nguyện cho họ, đã chữa lành cả hai.

Ngoài ra, vị thánh của Chúa còn dùng lời cầu nguyện của mình để chữa lành cho một người tên là Felasius, con trai duy nhất của linh mục Hilarius; người bệnh này, do tác động của Satan, đã bị mất trí.

Một lần khác, ngài đã chữa lành cho một bà lão ăn xin tên là Kalliope và cô gái trẻ Kyriakia; cả hai đều bị quỷ ám; sau khi cho họ tiền để sinh sống, ngài đã tiễn họ về trong tình trạng khỏe mạnh.

Ngoài những phép lạ này và nhiều phép lạ khác không thể kể xiết của vị thánh, còn có sự việc sau đây xảy ra.

Trong ngôi nhà nơi người ta dệt áo choàng hoàng gia và trang phục cho các quan đại thần, ma quỷ đã nhập vào và gây ra nhiều tai họa cho những người thợ: nó phá hủy công việc của họ và dọa nạt họ bằng những hồn ma. Vì điều này, mọi người đều vô cùng đau khổ, còn những người giám sát họ thì lo sợ cơn thịnh nộ của nhà vua và thậm chí là án tử hình vì đã lãng phí quá nhiều hàng hóa. Thánh Phêrô, khi biết được chuyện này, theo lời thỉnh cầu của các quan cai quản, đã lập tức đến đây và trục xuất con quỷ bằng danh hiệu thánh thiêng và đáng sợ của Chúa Kitô. Con quỷ bị trục xuất, trước mặt , đã la hét và nói rằng một ngọn lửa thiêng liêng nào đó đang đuổi nó xuống địa ngục lửa; và kể từ đó, mọi mưu mô của ma quỷ trong ngôi nhà này đều chấm dứt.

Một lần khác, linh hồn ô uế bắt đầu quấy rối các ngư dân: mỗi khi họ thả lưới xuống nước, dưới sự xúi giục của ma quỷ, họ luôn tưởng rằng đã bắt được rất nhiều cá, nhưng khi họ vất vả kéo lưới lên bờ, họ lại không tìm thấy con cá nào trong đó; và như vậy, các ngư dân đã lao động vô ích trong một thời gian dài. Điều này không chỉ xảy ra ở Lampsacus, mà còn ở tất cả các thành phố và vùng lân cận của đất nước đó. Và thế là các ngư dân từ khắp nơi đã tụ tập lại với Thánh Parthenius và xin ngài cầu nguyện với Chúa cho họ, để công sức của họ không trở nên vô ích. Khi vị thánh của Chúa cầu nguyện với Chúa cho họ trong nước mắt, Chúa đã mặc khải cho ngài biết rằng những mưu mô mà các ngư dân đang phải chịu đựng là do ma quỷ gây ra. Ngay lập tức, vị thánh đứng dậy, đi dọc theo tất cả các bờ biển và bến cảng, vừa cầu nguyện vừa xua đuổi ma quỷ đang ẩn náu trong nước khỏi mọi nơi; sau đó, ngài bảo các ngư dân thả lưới xuống nước trước mặt ngài. Khi họ vui mừng làm theo, nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, số cá họ bắt được nhiều đến nỗi vì quá nhiều cá mà họ gần như không thể kéo lưới lên bờ được, và kể từ đó, cũng như trước đây, lượng cá họ bắt được luôn dồi dào.

Một lần nọ, trong lúc đang đánh cá, Thánh Parthenius đang ngồi tại bến cảng Kataptelia, thì một con cá lớn, được gọi là finnos (cá ngừ), bị mắc vào lưới của các ngư dân. Con cá nhảy ra khỏi lưới và rơi xuống chân vị thánh. Sau khi làm dấu thánh giá trên con cá, ngài ra lệnh mổ nó ra và chia cho các anh em cùng ăn để tôn vinh Thiên Chúa.

Sau đó, vị thánh của Chúa đã chữa lành cho một người què tên là Callista, người sau đó đã có thể đi lại bình thường.

Cũng trong thời gian đó, ngài đã chữa lành cho một người khác tên là Lezviya; từ đầu đến chân, người này bị bao phủ bởi những vết loét, đến nỗi trông chẳng khác gì một người bị bệnh hủi: sau khi xức dầu thánh lên người anh ta và cầu nguyện cho anh ta trong ba ngày liên tiếp, vị thánh đã cho anh ta ra về trong tình trạng khỏe mạnh.

Một lần nọ, Thánh Phêrêniô của Chúa, vì những nhu cầu của Giáo hội, đã lên đường đến Thrace; khi đến thành phố Heraclea[1708] , ngài đã viếng thăm Tổng Giám mục Hypatian, người lúc bấy giờ đang ốm nặng, và trong lúc trò chuyện với ông, ngài đã hỏi về nguyên nhân căn bệnh của ông. Cùng đêm đó, Chúa đã mặc khải cho vị thánh nhân của Ngài là Parthenius rằng Tổng giám mục Ipatian đang mắc phải căn bệnh nặng nề do lòng tham tiền và tính keo kiệt của ông, bởi vì ông đã chiếm đoạt cả tài sản và của cải của cả những người ăn xin và những người nghèo khổ.

Sáng hôm sau, Thánh Parthenius lại đến gặp Tổng Giám mục và nói:

– Hãy đứng dậy đi, vị tổng giám mục vĩ đại, vì ngài không bị bệnh tật về thể xác, mà đang bị trừng phạt vì sự yếu đuối trong tâm hồn: hãy gạt bỏ nó đi, và ngài sẽ được khỏe mạnh.

Nghe vậy, người bệnh đáp lại:

– Chính tôi cũng tự nhận mình là kẻ có tội, đó là lý do tại sao Chúa trừng phạt tôi, nhưng xin ngài hãy cầu nguyện cho tôi, để tôi được thanh tẩy khỏi những tội lỗi của mình.

Lúc đó, Thánh Parthenius nói với người ấy:

[1708] Iraqulia – một trong những thành phố của Thrace, một vùng thuộc Đế chế Byzantine, nằm ở phía đông bắc bán đảo Balkan.

– Nếu ai phạm tội với người lân cận, thì lời cầu nguyện của người ấy sẽ không được nhậm, nhưng ngươi đã phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời: – vậy thì, những gì thuộc về người nghèo, hãy trả lại cho Đức Chúa Trời, và ngươi sẽ được lành mạnh cả về tâm hồn lẫn thể xác.

Bị lay động bởi những lời này, tổng giám mục nói:

– Thưa Cha, con đã phạm tội trước mặt Chúa của con, – Ngài chính là Đấng Phán Xét Công Chính!

Và ngay lập tức, ngài gọi người quản lý đến và ra lệnh mang đến số bạc mà ông ta đã thu thập từ tài sản của những người nghèo. Thấy số bạc nhiều như vậy, ngài cầu xin Thánh Parthenius hãy trao tất cả số bạc đó cho những người nghèo. Nhưng vị thánh được Chúa yêu mến đã khuyên ngài tự tay phân phát những gì thuộc về những người nghèo.

Lúc đó, vị tổng giám mục đang ốm đã ra lệnh cho người ta đặt ngài lên xe ngựa và đưa đến nhà thờ Thánh Tử đạo Glykeria: tại đó, sau khi tập hợp những người ăn xin và người nghèo lại, ngài đã phân phát toàn bộ số bạc của mình cho họ. Còn Đức Chúa Trời nhân từ và đầy lòng thương xót, Đấng đã không khinh dể hai đồng tiền của bà góa và những giọt nước mắt của người phụ nữ tội lỗi, và đã chấp nhận sự ăn năn của người thu thuế, – cũng đã chấp nhận sự ăn năn của vị tổng giám mục này và sau ba ngày đã chữa lành ông hoàn toàn. Còn Thánh Parthenius, hàng ngày đi vòng quanh các nhà thờ ở Heraclea, thực hiện những lời cầu nguyện thường lệ của mình tại đó.

Một lần nọ, ngài bước vào một nhà thờ nào đó; tại đó, ngài thấy một người bệnh nằm đó, cơ thể đã khô héo hoàn toàn. Động lòng thương xót người ấy, vị thánh của Đức Chúa Trời quỳ gối xuống và trong nước mắt cầu nguyện cho người ấy trước Đức Chúa Trời chí thánh; sau đó, đứng dậy sau khi cầu nguyện, ngài xức dầu thánh lên người bệnh, và ngay lập tức chữa lành cho người ấy, rồi giúp người ấy đứng dậy và bảo người ấy đi. Và người được chữa lành, ca ngợi Chúa, đã trở về nhà trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh.

Khi biết về phép lạ phi thường này, dân chúng thành Heraclius, dù đang mắc phải bất kỳ căn bệnh hay chứng bệnh nào, đều đổ xô đến với vị thánh nhân của Đức Chúa Trời, và nhờ quyền năng của Chúa Giêsu Kitô, qua những lời cầu nguyện của vị thánh, tất cả đều trở về trong tình trạng khỏe mạnh.

Trong khi Thánh Parthenius, nhờ ân sủng và quyền năng của Đấng Christ, đang thực hiện những phép lạ này, chữa lành các bệnh tật khác nhau, thì có một phó tế trưởng của Giáo hội Heraclea ở bên cạnh ngài; ông cũng có cùng tên với tổng giám mục, là Hypatian.

Vị phó tế trưởng này, khi chứng kiến những phép lạ mà Thánh Parthenius thực hiện, đã quỳ xuống dưới chân vị thánh của Chúa và với đôi mắt đẫm lệ, thưa với ngài rằng do hạn hán, hạt giống đã gieo trồng cùng mọi loại thực vật, đồng ruộng, vườn tược và vườn nho ở làng của ông đều đã chết héo.

– Thưa Cha kính mến, – ông nài nỉ, – xin Cha hãy đến đó, nhìn xem mọi thứ đã khô héo ở đó và cầu nguyện với Chúa, để Ngài ban mưa xuống đất, giúp cả vùng đất của chúng con thoát khỏi nạn đói.

Thánh Parthenius vội vã đi đến các cánh đồng, vườn cây và vườn nho; khi thấy tất cả những gì đã gieo trồng và các vườn cây đều khô héo, ngài rơi nước mắt, quỳ gối xuống và với đôi mắt đẫm lệ, ngài cầu nguyện lâu dài với Đức Chúa Trời Yêu Thương Loài Người, xin Ngài ban mưa xuống đất để mọi loài thực vật đều nảy mầm.

Đức Chúa Trời, Đấng thực hiện ý muốn của những ai kính sợ Ngài, ngay trong lúc Thánh nhân đang cầu nguyện, đã phủ kín bầu trời bằng những đám mây mưa, và một cơn mưa lớn đã trút xuống, tưới đẫm mặt đất đến mức dư dật.

Ở lại qua đêm cùng với phó tế trưởng tại làng của ông, Thánh Parthenius dành toàn bộ thời gian để cầu nguyện; đến sáng, ngài nói với phó tế trưởng:

– Anh em ơi, hãy cẩn trọng với bản thân, vì anh em biết rằng tổng giám mục của anh em đã bị Thiên Chúa trừng phạt bằng căn bệnh nặng nề vì lòng tham tiền của ngài; và đêm nay, Chúa đã mặc khải cho tôi rằng chỉ vài ngày nữa, ngài sẽ ra đi khỏi cuộc đời tạm bợ này, còn anh sẽ thay thế ngài trở thành Tổng Giám mục Heraclea; vậy nên, hãy nhớ rằng anh phải luôn quan tâm đến những người nghèo khó, vì điều này làm đẹp lòng Chúa hơn hết thảy.

Sau đó, Thánh Parthenius, sau khi ban phước cho các cánh đồng, vườn cây và vườn nho của phó tế trưởng, và bằng lời cầu nguyện cùng lời chúc phúc của mình đã khiến chúng trổ sinh hoa trái dồi dào, ngài trở về thành phố và ở đó trước hết đến gặp tổng giám mục để chào hỏi ngài, rồi sau đó lên thuyền ra khơi. Đức Tổng Giám mục, sau khi nồng nhiệt đón tiếp vị thánh nhân của Đức Chúa Trời, đã hôn lên má ngài; và khi hai người ngồi xuống và bắt đầu trò chuyện với nhau, Thánh Parthenius nói với ngài:

– Tôi xin báo cho ngài biết, thưa Đức Tổng Giám mục, rằng trong vài ngày nữa, ngài sẽ từ bỏ thân xác này để về với Chúa, vì Đức Kitô, Thiên Chúa Chân Thật của chúng ta, đang kêu gọi ngài; còn ngài, khi về với Thiên Chúa, như Chúa đã mặc khải cho tôi, sẽ để lại người kế vị là Ipatian, phó tế trưởng của ngài, một người tốt lành.

Tổng giám mục đáp lại:

– Xin ý Chúa được thực hiện!

Và sau khi trao nhau nụ hôn thánh, họ chia tay nhau. Thánh Parthenius, sau khi rời Heraclea, vài ngày sau đã về đến thành phố Lampsacus của ngài; còn Tổng Giám mục Heraclea, sau một thời gian lại lâm bệnh, đã an nghỉ trong Chúa; thay thế ngài là Ipatian, cựu phó tế trưởng, và như vậy lời tiên tri của vị thánh đã ứng nghiệm.

Khi mùa gặt và thu hoạch các loại trái cây đến, Tổng Giám mục Ipatian đã đến các điền trang của mình, những cánh đồng lúa mì và vườn nho vốn trước đây đã khô héo vì hạn hán, và thấy ở đó một sự dồi dào trái cây vô cùng, nhiều hơn tất cả các năm trước – đó là nhờ những lời cầu nguyện và sự ban phước của Thánh Parthenius.

Tổng giám mục đã chất đầy một con tàu lớn bằng lúa mì, rượu vang và đủ loại trái cây, rồi lên đường đến Lampsacus để gặp vị thánh làm phép lạ, nhằm bày tỏ lòng biết ơn đối với sự ban phước của ngài.

Thánh Parthenius đã tiếp đón Tổng Giám mục một cách nồng hậu, nhưng ngài không muốn nhận những món quà được mang đến, và nói:

– Hãy tạ ơn Chúa về mọi sự, còn những thứ này hãy phân phát cho các anh em.

Sau một cuộc trò chuyện khá dài và thân mật với vị thánh, Tổng giám mục Ipatián, khi trở về nhà, theo lệnh của vị thánh, đã phân phát cho các anh em của mình rất nhiều lúa mì, rượu vang và đủ loại trái cây , và cho đến tận lúc lâm chung, ngài vẫn rao giảng trước mọi người về những phép lạ vĩ đại của Thiên Chúa, những điều mà Chúa đã thực hiện qua người tôi tớ của Ngài là Thánh Parthenius.

Như vậy, vị thánh nhân của Chúa và vị thánh làm phép lạ vĩ đại – Thánh Parthenius, với cuộc đời rực rỡ như các thiên thần, đã dẫn dắt nhiều người từ bỏ sự thờ lạy thần tượng để quay về với Đức Chúa Trời chân chính và chữa lành cho vô số người bệnh khỏi các chứng bệnh khác nhau; cuối cùng, chính ngài cũng lâm bệnh và, được Chúa gọi về, đã qua đời vào ngày thứ bảy của tháng Hai, an nghỉ trong bình an ở tuổi già cao cả. Khi các thành phố và làng mạc lân cận hay tin về sự ra đi thanh thản của vị thánh, các giám mục từ khắp nơi – giám mục Heraclea, Kizik, Melitopol, Paros và nhiều giám mục cùng linh mục khác. Tất cả họ, như thể đã hẹn trước, đã đến thành phố Lampsak và tổ chức một lễ an táng long trọng cho vị thánh; trong tiếng hát các thánh vịnh và các bài thánh ca khác, họ an táng thi hài tôn kính của ngài gần nhà thờ chính tòa, trong nhà nguyện do chính ngài xây dựng[1709] .

Và tại quan tài của Thánh Parthenius, đã xảy ra nhiều phép lạ chữa lành cho những người bệnh tật: không chỉ khi còn sống, mà ngay cả sau khi qua đời, vị bác sĩ vô tư và làm phép lạ này vẫn tiếp tục thanh tẩy những người bị bệnh hủi, trừ tà khỏi con người; và cho đến nay, ngài vẫn chữa lành và cứu rỗi linh hồn và thân xác chúng ta bằng những lời cầu nguyện của ngài, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, xin được vinh quang muôn đời, amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Ngài đã nhận được ân sủng thần thánh qua các phép lạ, Thánh Phêrô, vị linh mục khôn ngoan của Thiên Chúa, vị làm phép lạ mang danh Thiên Chúa, thanh tẩy mọi đam mê của các tín hữu, và xua đuổi tinh thần gian dối, lạy Cha. Vì lý do này, chúng con ca ngợi Ngài, như vị giữ bí tích vĩ đại của ân sủng Thiên Chúa.

Cuộc đời của vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta, Luca thành Ê-phê-sô

[1709] Thánh Parthenius qua đời vào năm 318.

Cuộc đời của vị Thánh Cha Luca của chúng ta tại Hy Lạp

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 2

Thánh Luca sinh ra tại Hy Lạp[1710] ; cha mẹ ngài là những người di cư từ xứ lạ: họ đến đây từ hòn đảo tên là Aegina, nằm bên bờ Biển Aegean[1711] . Không chịu nổi những cuộc xâm lược liên miên của người Ả Rập, họ đã rời bỏ quê hương, di cư vào lãnh thổ Hy Lạp, lang thang ở đó, và cuối cùng định cư tại một vùng đất tên là Kastoria[1712] . Chính tại đây, Thánh Luca đã chào đời; tên cha mẹ ngài là Stefan và Euphrosyne.

Ngay từ thuở ấu thơ, Thánh Luca, dù sống giữa đám trẻ con, lại không hề bộc lộ chút gì giống trẻ con; ngài sẵn lòng từ bỏ mọi trò chơi và thú vui của trẻ em. Ngay từ tuổi thiếu niên, ngài đã tỏ ra là một người đàn ông hoàn hảo: yêu thích sự tĩnh lặng, sự cô độc và nổi bật bởi sự khiêm nhường.

Và điều đáng ngạc nhiên nhất là, ở độ tuổi đó, ngài đã là một người ăn chay và kiêng khem nghiêm ngặt. Anh không chỉ kiêng thịt, mà còn kiêng cả sữa, phô mai và trứng; anh thậm chí không đụng đến táo và các loại trái cây vườn khác, vốn đặc biệt ngọt ngào và hấp dẫn đối với các thiếu niên: anh chỉ ăn bánh mì, nước và rau xanh từ vườn. Vào các ngày thứ Tư và thứ Sáu, cho đến khi mặt trời lặn, anh không ăn gì cả.

Nhưng điều đáng ngạc nhiên hơn nữa là, dù tuân giữ chế độ ăn chay và kiêng khem như vậy, Luca lại không có người hướng dẫn hay thầy dạy nào; chính ông, nhờ ân sủng của Thiên Chúa hoạt động trong ông, ngày qua ngày đã vươn tới những thành tựu ngày càng cao hơn: – ông tránh ăn quá no và các món ngọt, – yêu thích việc ăn chay kết hợp với lao động, sự thiếu thốn trong mọi thứ, ngay cả những thứ cần thiết, và nói chung là tất cả những gì giúp chế ngự xác thịt: – trong những việc tu hành này, ông chỉ tập trung rèn luyện mà thôi. Và tất cả những gì đối với người khác dường như ngọt ngào, vui vẻ và dễ chịu đến thế, – tất cả những điều đó đối với Thánh Luca lại là điều nặng nề, đáng ghét và khó chịu; còn những gì hầu như tất cả mọi người đều coi là nặng nề, khó chịu và không thể chịu đựng được trong cuộc sống, thì đối với ngài lại là điều dễ chịu và đáng khao khát.

Cha mẹ của Thánh Luca, khi nhận thấy lối sống khác thường như vậy ở một thiếu niên, đã rất ngạc nhiên, nhưng đặc biệt ngạc nhiên trước việc ăn chay và kiêng khem của cậu. Nghĩ rằng điều này không xuất phát từ lòng đạo đức nào cả, mà chỉ do sự bồng bột của tuổi trẻ, họ đã nảy ra ý định thử thách cậu như sau: họ nấu thịt và cá chung trong một nồi, rồi dọn món ăn này lên bàn ăn; người cha lấy miếng cá và đưa cho Thánh Luca. Người này, không biết rằng con cá đó đã được nấu chung với thịt, ban đầu định ăn, nhưng khi nếm thử và nhận ra cách chế biến của con cá, ông vô cùng buồn bã và lập tức nôn ra những gì đã ăn; và như thể đã tự mình phạm phải một tội lỗi lớn lao, ông khóc lóc và thở dài, thậm chí không muốn nếm miếng bánh mì nào, và trong tình trạng khóc lóc và ăn chay như vậy, ông đã trải qua ba ngày. Lúc đó, cha mẹ cậu, thấy rằng khát khao sống đạo đức ấy không phải do sự bồng bột của trẻ con, mà là nhờ ân sủng của Thiên Chúa ban cho cậu, nên từ đó về sau, họ để cậu sống theo ý muốn tốt lành của mình.

Còn Thánh Luca thì vâng lời cha mẹ trong mọi việc, tận tâm thực hiện mọi điều họ truyền dạy: ngài chăn cừu; khi đến tuổi trưởng thành, ngài bắt đầu cày cấy ruộng vườn, và thỉnh thoảng làm việc nhà, kìm chế thân xác trẻ trung và chế ngự các dục vọng. Ngài rất nhân từ với những người nghèo khó, đến nỗi vì họ mà ngài thường tự tước bỏ mọi thứ cần thiết cho bản thân. Khi ngài ra khỏi nhà để làm việc gì đó, ngài phân phát hết thức ăn mang theo cho những người nghèo, còn bản thân thì phải chịu đói. Cũng với lòng nhiệt thành và tình yêu thương lớn lao, ngài chia sẻ cả quần áo của mình cho họ, và không ít lần trở về nhà trong tình trạng trần truồng; vì điều này, cha mẹ ngài đã trách mắng, chửi mắng và thậm chí trừng phạt, còn có lúc họ còn để cậu đi lang thang trần truồng và trong một thời gian dài không cho cậu mặc gì cả, với hy vọng rằng cậu sẽ xấu hổ vì sự trần truồng của mình và ngừng chia sẻ quần áo cho những người nghèo. Nhưng chàng trai đức hạnh ấy không ngừng thực hiện những việc bác ái: anh không xấu hổ vì sự trần truồng và cũng không sợ bị trừng phạt; đối với anh, sự trần truồng vì những người nghèo khó chính là áo choàng hoàng gia, còn sự trừng phạt và đòn roi vì họ, anh coi đó là vinh dự và lời khen ngợi dành cho mình – và sau đó, anh còn làm từ thiện cho những người nghèo khó nhiều hơn nữa.

Một lần nọ, Thánh Luca đang đi ra đồng gieo lúa mì thì gặp những người nghèo trên đường; lúc đó, ngài chia lúa mì cho họ, còn bản thân chỉ giữ lại một ít để gieo trồng. Chúa, Đấng ban thưởng gấp trăm lần cho lòng bác

---

[1710] Trong thời cổ đại, phần trung tâm của Hy Lạp được gọi là Hellas.

[1711] Aegina – một trong những hòn đảo thuộc Quần đảo Hy Lạp. Biển Aegean – còn gọi là Vịnh Thessaloniki, nằm ở phía tây bắc của Quần đảo Hy Lạp.

[1712] Kastoria – một làng ở Attica, vùng phía đông nam của Hellas hay miền trung Hy Lạp.

ái đối với người nghèo, đã chúc lành cho vụ gieo trồng ít ỏi này: vào mùa hè năm đó, ruộng lúa mì của ngài cho thu hoạch nhiều hơn các năm trước, đến nỗi khi đến mùa gặt, họ thu hoạch được lượng lúa mì nhiều hơn bao giờ hết.

Khi Thánh Stefan, cha của Thánh Luca, lâm bệnh và qua đời, người của Chúa đã từ bỏ nghề nông để dấn thân vào việc học tập. Đặc biệt siêng năng trong việc suy ngẫm về Thiên Chúa và học hỏi các lời cầu nguyện, chàng trai thánh thiện này đã tiến bộ đến mức, khi hướng tâm trí lên Thiên Chúa, đôi khi thân thể anh cũng bay lên khỏi mặt đất, như mẹ anh là Euphrosyne đã từng chứng kiến rõ ràng một lần. Một lần, khi nhận thấy con trai mình ở trong phòng quá lâu, bà, muốn biết cậu đang làm gì, đã lén nhìn qua khe cửa và thấy cậu đang cầu nguyện: tâm trí cậu hướng về Thiên Chúa, còn toàn thân cậu thì lơ lửng trên không, hoàn toàn không chạm đất và cách mặt đất khoảng một khuỷu tay; Euphrosyne đã chứng kiến cảnh này không chỉ một lần, mà đến hai hoặc ba lần, và bà vô cùng ngạc nhiên; sau đó, bà đã kể lại chuyện này cho người khác nghe với lời thề.

Từ lâu, chàng thanh niên phúc lành này đã ấp ủ mong muốn rời bỏ thế gian đầy xáo trộn để dấn thân vào sự tĩnh lặng của đời tu và những việc tu hành. Một lần nọ, khi đang suy nghĩ về điều này, anh, với khát khao mãnh liệt được trở thành tu sĩ, đã lén lút rời khỏi nhà, định rời khỏi Hy Lạp; trên đường đi, anh gặp những người lính và lính gác, những người đang bắt những nô lệ trốn chạy khỏi chủ nhân của họ và tống họ vào ngục tối.

Thấy chàng trai trẻ ăn mặc tồi tàn, họ nghĩ rằng đó là một trong những nô lệ trốn chạy và liền bắt giữ anh; họ hỏi anh là nô lệ của ai, từ đâu đến và đang trốn chạy đi đâu. Chàng trai trẻ đáp lại rằng anh là nô lệ của Chúa Kitô và đang trên đường đến cầu nguyện với các thánh tổ phụ. Nhưng những người lính không tin anh; họ nghĩ rằng anh muốn che giấu thân phận nô lệ và việc trốn chạy của mình trước mặt họ, nên đã đánh đập chàng trai vô tội một cách tàn nhẫn; sau đó, họ giam anh vào ngục tối – cho đến khi anh khai ra mình là nô lệ của ai và đã trốn khỏi chủ nhân như thế nào. Thánh Luca coi tất cả những điều này như một cám dỗ từ kẻ thù ghen tị, kẻ đang cản trở ý định tốt lành của ngài. Nhưng sau một thời gian, thánh nhân được một số người nhận ra; nhờ lời chứng của họ, thánh Luca đã được giải thoát khỏi xiềng xích.

Khi người tôi tớ của Chúa Kitô trở về nhà, ngài không chỉ phải chịu những lời quở trách và trách móc từ người nhà, mà thậm chí còn bị đánh đập. Ngày đêm, vị thánh cầu nguyện với Thiên Chúa, xin Ngài thương xót chấp nhận ngài vào đời sống tu hành, và chẳng bao lâu sau, ngài đã đạt được điều mong ước như sau.

Hai tu sĩ từ thành Rome cổ đại đã đến vùng đất đó; khi nhìn thấy họ, Luca lập tức nhớ lại ý định của mình, và lòng ông càng bừng cháy tình yêu dành cho Thiên Chúa. Trong lúc trò chuyện với họ, anh hỏi họ đang đi đâu. Họ trả lời rằng đang trên đường đến Giê-ru-sa-lem. Lúc đó, thánh Luca bắt đầu nài nỉ họ cho anh đi cùng trên hành trình và nhờ đó được tham gia vào đời sống tu hành của họ. Nhưng họ từ chối nhận anh, viện cớ rằng anh còn quá trẻ, mới vừa tròn mười bảy tuổi và chưa quen với cuộc hành trình dài ngày, hoặc vì họ sợ cha mẹ anh, lo rằng họ sẽ gặp rắc rối từ phía cha mẹ anh khi những người này biết chuyện và đuổi theo để bắt họ. Thánh Luca thì nói với họ rằng mình là trẻ mồ côi và người lữ hành, không ai theo dõi mình, và nài nỉ các tu sĩ đó nhận mình vào. Tuy nhiên, họ đã bí mật rời khỏi vùng đất đó cùng anh, và khi đến Athens, họ đến cầu nguyện tại nhà thờ Đức Mẹ Đồng Trinh tuyệt đẹp ở đó, rồi qua đêm tại tu viện. Khi lên đường về Giê-ru-sa-lem, các tu sĩ đã để Thánh Luca lại tại tu viện đó.

– Nơi đây, chàng trai trẻ ạ – họ nói với anh – là nơi tốt để thực hiện ý định của anh, ở đây anh có thể đạt được điều mình mong muốn và sớm được gia nhập vào hàng ngũ các tu sĩ cao quý.

Sau khi giao phó cậu cho vị tu viện trưởng, họ tiếp tục lên đường.

Vị tu viện trưởng đã hỏi anh ta vài lần rằng anh ta đến từ đâu và thuộc dòng họ nào, nhưng không thể biết được gì: người tôi tớ của Chúa đã giấu kín quê hương và gia đình mình, và không muốn tiết lộ thân phận cho ai cả. Tuy nhiên, thấy rằng anh ta là một chàng trai có phẩm chất tốt, hiền lành, nhu mì, khiêm nhường và vâng lời, vị tu viện trưởng đã cạo đầu cho anh ta vào hàng tu sĩ mới nhập môn.

Còn mẹ của Thánh Luca thì vô cùng đau buồn vì con trai: bà không thể chịu đựng được sự xa cách với người con trai yêu quý của mình, người mà bà xem như niềm an ủi duy nhất trong cuộc sống góa bụa và như nguồn an ủi trong nỗi buồn, và bà đã khóc lóc thảm thiết vì con, kêu cầu cùng Chúa:

– Ôi, lạy Chúa! Đấng chứng kiến cảnh góa bụa và mồ côi của con, – trước tiên Ngài đã khiến con đau buồn khi cướp đi người bạn đời mà Ngài đã se duyên cho con, rồi sau đó lại khiến con phải chịu cảnh khốn khổ của người góa phụ, điều mà đối với con còn khủng khiếp hơn cả cái chết, – Giờ đây, Ngài lại cất đi khỏi tầm mắt con người đã là nguồn an ủi cho con giữa những nỗi khổ lớn lao ấy, và giờ đây con không biết nơi nào có thể gặp lại anh ấy – tia sáng duy nhất trong cuộc đời đầy đau khổ của con. Giờ đây, con phải cùng với Đa-vít thốt lên: *"Trái*

tim con run rẩy; sức mạnh của con đã rời bỏ con, và ánh sáng của đôi mắt con – con cũng không còn nữa" (Thi Thiên 37:11). Và tại sao chàng trai ấy lại rời xa chúng con đến thế? Chẳng lẽ chúng tôi đã cấm cản cậu ấy không được không ngừng phụng sự Ngài, Chúa của chúng tôi? Hay là chúng tôi đã ra lệnh cho cậu ấy làm những công việc nhà nào đó, khiến cậu ấy vì thế mà bỏ bê những lời cầu nguyện thường lệ của mình? Chẳng lẽ tôi đã dạy cậu ấy yêu thích những điều thuộc về xác thịt hơn là thuộc linh, những điều trần gian hơn là thiên đàng, những điều tạm thời hơn là vĩnh cửu? Tôi đã học được từ cha mẹ mình cách làm mẹ không chỉ về thể xác mà còn về tinh thần, và tôi mong muốn con trai mình trở nên hoàn hảo trong các đức tính; tôi dành cho con nhiều thời gian để cầu nguyện hơn là để phục vụ tôi; đối với tôi, đó là niềm vui – được nhìn thấy đứa con yêu quý của mình, nếu không phải lúc nào cũng vậy, thì ít nhất cũng trong một khoảng thời gian nào đó; chỉ cần nghe hàng xóm khen ngợi tính cách tốt đẹp của con cũng đủ để an ủi tâm hồn buồn bã của tôi. Vậy nên, lạy Chúa Tể, xin đừng khinh thường những giọt nước mắt của con, nhưng xin hãy lắng nghe chúng và thương xót xoa dịu nỗi buồn lớn lao của con; Ngài sẽ xoa dịu nỗi buồn ấy khi Ngài lại cho đôi mắt người mẹ được nhìn thấy đứa con yêu dấu: khi đó, tôi, khi tìm lại được con trai mình, sẽ tập hợp mọi người lại và tuyên xưng vinh quang của Ngài, và sẽ ngợi khen Ngài suốt cả cuộc đời tôi.

Sau khi cầu nguyện trong nỗi đau buồn ấy, người mẹ góa bụa đã phó thác mình vào lòng thương xót của Đức Chúa Trời nhân từ, và điều bà xin đã được ban cho.

Chúa, Đấng làm mọi sự chỉ bằng một cái phất tay, đã ban cho vị tu viện trưởng của tu viện nơi thánh Luca mới bắt đầu tu hành một giấc mơ: trong giấc mơ, ông thấy người mẹ đang khóc lóc, người đã kêu lên với ông như thế này:

– Tại sao ngài lại làm tổn thương tôi, một góa phụ? Tại sao ngươi lại thêm nỗi buồn này vào những đau khổ của ta? Tại sao ngươi lại tước đoạt khỏi ta niềm an ủi duy nhất trong cuộc sống góa bụa của ta một cách tàn nhẫn như vậy? Tại sao ngươi lại cướp đi con trai ta, chỗ dựa trong tuổi già của ta? Trong nỗi đau buồn này, ta sẽ không ngừng cầu khẩn Đức Chúa Trời và Vua của muôn loài, và kêu gào lên chống lại ngươi.

Bị kinh hãi bởi hình ảnh trong giấc mơ và những lời nói đó, vị tu viện trưởng ban đầu nghĩ rằng đó chỉ là ảo giác do ma quỷ gây ra, nhưng khi vào đêm tiếp theo và đêm thứ ba, ông lại thấy người vợ ấy trong giấc mơ và nghe từ cô ta những lời giận dữ y hệt, lúc đó ông mới hiểu rằng đây không phải là sự lừa dối của ma quỷ, mà là một hiện tượng do Đức Chúa Trời sai đến.

Sáng hôm sau, vị tu viện trưởng gọi cậu thanh niên Luca – người đang trong giai đoạn tu tập ban đầu tại tu viện – đến bên mình và nói với giọng giận dữ:

– Tại sao ngươi lại định giấu diếm mọi chuyện về bản thân, dù ta đã hỏi ngươi nhiều lần rằng ngươi là ai và đến từ đâu? Tại sao ngươi lại nói rằng ngươi không có cha mẹ hay họ hàng? Và làm sao ngươi dám gia nhập hàng tu sĩ thánh thiện này và sống chung với chúng ta, khi lòng ngươi đầy dẫy sự nịnh hót và dối trá, như chính sự việc đã chứng minh về ngươi? Nếu ngay từ đầu ngươi đã nói sự thật với chúng ta, thì giờ đây, trái với ý muốn của ngươi, sẽ không có sự vạch trần nào về ngươi cả. Vậy nên, hãy rời xa chúng ta và tất cả các tu sĩ, rồi trở về với người đã sinh ra ngươi; vì người ấy đang vô cùng đau khổ, nên đã ba đêm nay ta cũng phải chịu đựng nỗi đau đớn vô cùng.

Trong khi vị tu viện trưởng đang nói như vậy, thánh Luca, vô cùng sợ hãi, đứng đó như bị sững sờ; anh ta nhìn xuống đất, và đôi mắt anh ta tuôn trào nước mắt: anh ta không muốn phải xa rời cộng đoàn thánh thiện này. Vị tu viện trưởng, thấy những giọt nước mắt và sự khiêm nhường của anh ta, đã cảm động và bắt đầu nhẹ nhàng trò chuyện với anh ta như sau:

– Không được đâu, con ơi, bây giờ con phải trở về với mẹ mình, còn sau này con vẫn có thể sống trong tu viện; hãy làm như vậy đi, cha khuyên con; vì rõ ràng là lời cầu nguyện của mẹ con có sức mạnh lay động lòng Chúa và vượt xa lời cầu nguyện của con rất nhiều.

Nghe xong những lời đó, Thánh Luca không phản đối gì lời của vị tu viện trưởng; sau khi cúi đầu chào ông, cậu chỉ xin ông cầu nguyện và ban phước lành. Và thế là, dù cậu thậm chí không muốn rời khỏi tu viện, nhưng vẫn buộc phải lên đường về với mẹ mình, tại làng Kastoria.

Khi bước vào nhà, ông thấy mẹ mình đang than thở, nhưng khi bà nhìn thấy ông, lòng bà tràn ngập niềm vui và xúc động, song bà không vội vàng chạy đến ôm con trai mình ngay lập tức: với tư cách là một người phụ nữ có tinh thần mạnh mẽ và kính sợ Chúa, trước hết bà ngước mắt lên trời và giơ hai tay lên, dâng lời tạ ơn lên Ngài, vì nhờ sự giúp đỡ của Ngài, giờ đây bà lại được đón nhận người con trai yêu quý mà trước đó bà đã mất.

– Ngợi khen Chúa, – bà nói, – Đấng đã nghe lời cầu nguyện của con và không tước đi ân sủng của Ngài khỏi con.

Vậy là Luca, theo ý định của Đức Chúa Trời, đã được trở về với mẹ; cậu phục vụ bà như một người con và ở bên bà trong bốn tháng. Sau đó, thánh Luca, với lòng khao khát hướng về Đức Chúa Trời và cuộc sống thánh thiện trong sự thinh lặng theo ý Chúa, lại nảy sinh ý định rời xa mẹ mình. Lần này, bà không còn cản trở ý định tốt lành của cậu nữa và cũng không ngăn cản cậu trên con đường ấy, vì bà biết rằng con trai bà, cũng như bất kỳ ai khác, phải tôn kính Đức Chúa Trời hơn cả cha mẹ.

Vậy là, Thánh Luca, được những lời cầu nguyện của mẹ đồng hành như một người dẫn đường tốt lành, chẳng bao lâu đã đến một ngọn núi ven biển, được gọi là Núi Gioan; ở đó có một nhà thờ mang tên các thánh bác sĩ Cosmas và Damian, những vị thánh không ham tiền bạc. Tại đó, sau khi dựng cho mình một căn phòng nhỏ, ngài bắt đầu sống theo ý Chúa. Những công lao ngài đã thực hiện ở đây, khi chiến đấu với ma quỷ và chế ngự xác thịt – không thể kể chi tiết hết, nhưng cũng không thể im lặng về tất cả; vậy nên, trong số rất nhiều điều, chúng ta sẽ chỉ kể một vài điều, để biết vị thánh nhân của Chúa này đã sống như thế nào.

Vị thánh có một đệ tử, người này đã nghi ngờ về vị thầy của mình: anh ta cho rằng vị thánh đang giả dối khi không ngừng cầu nguyện. Thấy vị ấy không làm gì cả: không đọc các sách Thánh, cũng không nghiên cứu các tác phẩm của các vị Thánh Tổ, đệ tử này cho rằng vị thầy của mình, với tư cách là một người ít học và không am hiểu Kinh Thánh, đã dành cả đêm không phải để thức cầu nguyện, mà là để ngủ và lười biếng. Và rồi, một đêm khuya nọ, khi vị tu sĩ già đã đóng cửa phòng tu của mình, đệ tử của ông ngồi bên ngoài cửa, cúi đầu sát vào đó và bắt đầu lắng nghe xem vị tu sĩ già làm gì vào ban đêm – đang nghỉ ngơi hay đang cầu nguyện? Và trong khi nghe lén như vậy, anh ta ở lại bên cửa suốt cả đêm cho đến sáng. Về những gì anh ta nghe được ở đó, sau này chính anh ta đã kể lại. "Tôi đã nghe thấy," anh ta nói, "vị thánh quỳ gối, đập đầu xuống đất và với mỗi lần cúi đầu, ngài thành kính thốt lên: 'Lạy Chúa, xin thương xót!'" Sau đó, được thắp lên bởi lòng sùng kính Chúa còn mãnh liệt hơn, ngài bắt đầu cúi đầu thường xuyên hơn, và khẩn cầu còn tha thiết hơn: "Lạy Chúa, xin thương xót!" Và ngài cầu nguyện như vậy cho đến khi thân thể kiệt sức; nhưng dù đã ngã sấp xuống đất, tinh thần ngài vẫn không suy sụp, vì ngay cả khi nằm đó, ngài vẫn tiếp tục kêu cầu Thiên Chúa trong lời cầu nguyện. Rồi, khi đứng dậy, ông quỳ gối và tiếp tục làm như vậy, và trong lời cầu nguyện ấy, ông đã dành trọn cả đêm, cho đến tận bình minh. Sau đó, người môn đệ này, khi đã tin chắc vào những việc làm cao cả của cha mình, đã hối hận về sự nghi ngờ trước đây của mình và sau khi vị thánh qua đời, ông đã thề thốt thú nhận tất cả những điều này trước mặt mọi người.

Nhưng vị thánh nhân không chỉ chế ngự xác thịt bằng việc quỳ gối vào ban đêm, mà còn bằng những công việc vất vả vào ban ngày. Ngài đã tự tay làm một khu vườn nhỏ và bắt đầu trồng các loại cây khác nhau cùng gieo mọi loại hạt giống ở đó, nhưng không phải để phục vụ nhu cầu cá nhân hay để bán, mà là để kìm chế xác thịt; bởi mỗi ngày ngài đều làm việc trong vườn của mình cho đến khi mồ hôi ướt đẫm mặt, và nếu có trái cây từ cây cối và hạt giống của ngài, ông lại chia sẻ chúng cho những người đến thăm; đôi khi, sau khi chất đầy một giỏ lớn, ông mang nó đến những cánh đồng lân cận của người khác và để lại ở đó; như vậy, Thánh Luca nuôi dưỡng người khác bằng công sức của mình, còn bản thân ông thì luôn giữ chay.

Có lần, những con nai bắt đầu vào vườn của ngài; chúng vừa ăn vừa dẫm nát, làm hư hại vườn rất nặng. Thánh nhân đã xua đuổi chúng, nhưng khi ngài trở về phòng tu, chúng lại quay trở lại đó; và chuyện này lặp lại vài lần. Lúc đó, thánh nhân, vì bực bội, đã bước ra gặp những con nai và nói với một con trong số chúng – con to lớn hơn những con khác – như thể đang nói với một sinh vật có trí tuệ và biết nói:

– Tại sao các ngươi lại làm phiền ta và phá hoại công sức của ta, trong khi ta chưa bao giờ làm hại các ngươi? Chẳng phải chúng ta đều là tôi tớ của Đấng Chúa Tể Duy Nhất và là tạo vật của Đức Chúa Trời Duy Nhất sao? Hơn nữa, ta được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời và có quyền cai trị trên mọi loài thọ tạo, vì Đấng Tạo Hóa đã ban cho loài người quyền cai trị trên muôn loài. Vậy nên, theo lệnh của Chúa, đừng rời khỏi chỗ ngươi đang đứng, mà hãy nhận lấy hình phạt xứng đáng.

Và ngay khi vị thánh vừa dứt lời, con nai, như thể bị trúng một mũi tên nào đó, ngã xuống đất và nằm bất động, trong khi những con nai còn lại thì bỏ chạy. Những thợ săn đang đi trong sa mạc đã tình cờ chứng kiến tất cả cảnh tượng này; họ vội vã tiến lại gần con nai và hân hoan kéo con mồi bất ngờ này đi để giết mổ. Còn vị thánh nhân, thương xót con nai, đã nói với họ:

– Hỡi các anh em, các anh không có quyền lấy con nai này: không phải các anh đi săn nó, cũng không phải các anh bắt được nó, mà chỉ đến gần con mồi đã bị bắt và giờ đây muốn giết nó. Các anh lẽ ra phải thương xót nó, vì nó ngã xuống do kiệt sức và giờ đây đang nằm đó, không còn ý định chạy trốn nữa.

Nghe vậy, các thợ săn bỏ con nai lại, ngạc nhiên trước lòng thương xót của vị thánh. Còn vị thánh thì thả con nai về sa mạc, vẫn nguyên vẹn và khỏe mạnh.

Dù là một tu sĩ có đời sống hoàn hảo đến vậy, vị thánh cha Luca của chúng ta vẫn chưa được mặc áo tu sĩ trọn vẹn. Nhưng ngài rất khao khát điều đó và siêng năng cầu nguyện với Chúa, xin Ngài ban cho ngài hình ảnh thánh thiện như thiên thần ấy; và lời cầu nguyện của ngài đã được nhậm lời: ngài đã đạt được điều mình mong ước.

Một lần nọ, từ đâu không rõ, có hai vị tu sĩ già đến gặp ngài, với mái tóc bạc trắng trang nghiêm và khuôn mặt thánh thiện: họ nói rằng đang trên đường đến Rome cổ đại; chính những vị tu sĩ này, sau khi dâng lời cầu nguyện, đã trao cho Thánh Luca bộ áo tu sĩ trọn vẹn; sau khi dạy dỗ ngài, họ bắt đầu chuẩn bị lên đường. Thánh Luca, vì không có gì để tiễn biệt họ – bởi ngài nghèo khó cả về thể xác lẫn tinh thần, thậm chí không có cả thức ăn cần thiết – nên đã tiễn họ đi, và trên đường đi, ngài nuôi dưỡng tâm hồn bằng những cuộc trò chuyện mang lại lợi ích thiêng liêng với họ. Khi đến một bờ biển, các hành hương viên ngồi xuống nghỉ ngơi một chút và đã định chia tay Thánh Luca tại đó, sau khi trao cho ngài một nụ hôn nhân danh Chúa. Nhưng khi họ còn đang ngồi đó, bỗng nhiên một con cá lớn nhảy vọt lên từ biển và rơi xuống bờ biển ngay trước chân họ; sau đó một con khác cũng nhảy lên, và cả hai con đều quẫy đạp trên mặt đất, như thể tự nguyện dâng mình vào tay họ vậy. Điều này xảy ra nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Luca; vì ngài, không có thức ăn cần thiết để đãi những ân nhân của mình trên đường đi, đã bằng lời cầu nguyện thầm kín và chân thành, khẩn cầu Chúa, Đấng Quan Phòng của muôn loài, ban cho họ thức ăn trên đường đi. Và Đấng đã từng sai con quạ mang bánh mì và thịt đến cho Ê-li, chính Đấng ấy cũng đã sai thức ăn từ biển cả đến cho các vị cha thánh này. Và họ, sau khi lấy hai con cá, đã tạ ơn Thiên Chúa, Đấng mở rộng bàn tay và nuôi dưỡng mọi loài sinh vật.

Còn vị Thánh Cha Luca của chúng ta, sau khi đạt đến hàng ngũ Thiên thần hoàn hảo, đã bắt đầu một cuộc sống thánh thiện còn cao cả hơn nữa; ngài càng nỗ lực tu hành hơn, thêm vào những công việc tu hành trước đây những thử thách còn gian khổ hơn, và tăng cường sự sùng kính của mình bằng những giọt nước mắt và những đêm thức trắng cầu nguyện. Thức ăn của ngài là bánh lúa mạch, thỉnh thoảng là rau xanh sống và nước; còn giấc ngủ thì ngài hiếm khi chìm vào – vì thế, trong phòng tu của mình, ngài đã đào một cái hố giống như quan tài; ngài làm điều này để luôn ghi nhớ về cái chết. Và khi cần phải ngủ vào ban đêm, ngài nằm xuống chiếc quan tài đó, như thể đang chết và được chôn cất; và sau khi nghỉ ngơi một chút, ngài lập tức đứng dậy để cầu nguyện, đọc lời của tiên tri Đa-vít: *"Ngài giang tay ra và làm cho mọi loài sống được no nê theo ý muốn của Ngài"* (Thi Thiên 144:16). *"Tôi thức dậy trước bình minh và kêu cầu; tôi trông cậy vào Lời Ngài. Mắt con thức dậy trước giờ canh sáng, để con suy ngẫm Lời Ngài"* (Thánh Vịnh 118:147–148). Khi Thánh Luca ( ) bắt đầu sống cuộc đời như vậy, chẳng bao lâu danh tiếng về đức hạnh của ngài đã lan rộng khắp các cư dân lân cận, và người dân từ khắp nơi bắt đầu đổ về với ngài.

Một lần nọ, hai anh em ruột đến gặp vị thánh và kể cho ngài nghe rằng trước khi qua đời, cha của họ đã chôn giấu tất cả vàng, bạc và tiền của mình xuống đất ở một nơi không ai biết, và khi lâm chung, ông đã không chỉ cho họ biết nơi chôn giấu kho báu đó. "Vậy nên, thưa cha," họ nói, "xin cha cầu nguyện với Chúa, để Ngài chỉ cho chúng con nơi chôn giấu bí mật ấy, và khi đó những cuộc cãi vã hàng ngày giữa chúng con sẽ chấm dứt. Bởi vì chúng con, là anh em ruột thịt, lại nghi ngờ lẫn nhau rằng một trong hai người đã đánh cắp gia tài của cha và giấu riêng cho mình." Vậy, xin cha hãy cầu nguyện để nhờ lời cầu nguyện của cha, sự thù hận giữa chúng con sẽ được xoa dịu, và cảnh nghèo khó của chúng con sẽ chấm dứt nhờ kho báu được tìm thấy.

Vị Thánh nhân từ chối và đuổi hai anh em đi, nói rằng lời cầu nguyện của ngài không thể nài xin Chúa về điều đó. Nhưng họ, thường xuyên đến thăm, đã làm phiền ngài bằng những lời thỉnh cầu của mình và cuối cùng đã lay động lòng thương xót của ngài.

Vị Thánh, sau khi cầu nguyện cho họ trước mặt Đức Chúa Trời Toàn Tri và qua sự mặc khải biết được nơi mà cha của hai anh em này đã giấu kho báu của mình, đã chỉ cho họ biết. Lúc đó, họ lên đường đến đó, bắt đầu đào đất tại chỗ đó và chẳng bao lâu sau đã tìm thấy vàng và bạc của cha mình, rồi ca ngợi phép lạ này khắp các làng mạc lân cận. Còn kẻ thù ghét điều thiện – ma quỷ, dù luôn bị vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô này đánh bại, nhưng lại một lần nữa nảy sinh ý định gây chiến chống lại ngài. Muốn xúc phạm và gây hại cho ngài, hắn đã dùng mưu mô của mình dàn dựng sự việc như sau.

Theo sự xúi giục của hắn, ba người phụ nữ từ một làng lân cận đã đến gặp vị thánh; họ quỳ xuống dưới chân ngài trong tiếng khóc lóc thảm thiết, thú nhận những tội lỗi nặng nề của mình và cầu xin ngài dùng lời khuyên tốt lành cùng lời cầu nguyện để chữa lành linh hồn họ. Thánh Luca, muốn tránh sự quấy rầy của họ bằng mọi cách và lánh xa họ, đã gửi họ đến các linh mục, vì chính ngài không có chức thánh đó, mà chỉ là một tu sĩ bình thường chưa được thụ phong; tuy nhiên, những người phụ nữ này không nghe lời thánh nhân, và ngài đã nghe họ xưng thú những tội lỗi kinh hoàng nhất của phụ nữ.

Khi những người phụ nữ tội lỗi này ra về, kẻ thù của loài người, kẻ bắn vào lòng những người ngay thẳng (Thánh Vịnh 10:2), lại tấn công vị thánh bằng những ý nghĩ dâm dục và khơi dậy cuộc chiến tội lỗi trong những chi thể đã chết của ngài. Lúc đó, Thánh Luca, nhận ra mưu mô của ma quỷ, đã trang bị cho mình vũ khí cầu nguyện để chống lại nó. Sau ba ngày đứng yên tại một chỗ và không ngừng cầu nguyện cùng Thiên Chúa, ngài đã chiến thắng mưu mô của ma quỷ, dùng cơn mưa nước mắt dập tắt ngọn lửa dục vọng khủng khiếp ấy, và nhờ ơn Chúa, đã đập tan đầu con rắn địa ngục.

Sau ba ngày cầu nguyện, khi thân thể vị thánh đã hoàn toàn kiệt sức, ngài chợp mắt một chút; lúc đó, trong một thị kiến, một Thiên thần hiện ra trước mặt ngài dưới hình dáng một thiếu niên xinh đẹp; trong tay chàng cầm một cây cần câu, rồi bắt đầu đưa nó vào miệng và cổ họng ngài; và dường như Thánh Luca đã nuốt trọn cây cần câu đó, và nó đã đi sâu vào tận ruột gan ngài; sau đó, chàng trai hiện ra đã rút cây cần câu ra khỏi ngài và dùng nó để lấy ra một phần cơ thể ngài, phần thịt và máu, rồi ném nó đi và nói với ngài:

– Hãy can đảm lên và đừng sợ.

Ngay lập tức tỉnh giấc, vị thánh nhận ra rằng Chúa đã giải thoát ngài khỏi dục vọng tội lỗi của xác thịt và ngài đã tạ ơn Đấng Cứu Rỗi và Đấng Giải Cứu của mình.

Thánh Luca, nhờ lối sống trong sạch, còn sở hữu ân sủng thấu thị và có thể tiên đoán tương lai: chẳng hạn, ngài đã báo trước về cuộc xâm lược của quân đội Bulgaria vào đất Hy Lạp, điều này đã trở thành sự thật vào thời điểm đó, như sẽ được đề cập dưới đây.

Vị thánh tu hành này còn nhìn thấu cả những bí mật trong lòng con người. Thánh nhân có một người em gái tên là Gali; cô không chỉ là em gái của ngài về huyết thống mà còn về tinh thần: noi gương anh trai trong mọi việc, cô đã sống cuộc đời trong sự trinh khiết, tiết độ và những việc tu hành. Thỉnh thoảng, cùng với các nữ tu tập sự, cô từ tu viện của mình đến thăm anh trai và ở đây phục vụ anh khi cần thiết – đôi khi cô còn chăm sóc vườn của anh, trồng và tỉa cành cây.

Một lần, vị thánh nhân nói với cô và những người đi cùng cô:

– Có một người đang đến với chúng ta, vác trên vai một gánh nặng lớn, nên trông rất mệt mỏi.

Nói xong, ngài để lại những người phụ nữ đã đến gặp ngài và tự mình lên núi của mình. Còn họ, không hiểu những lời ngài nói và cảm thấy ngạc nhiên, băn khoăn suy ngẫm xem những lời vị thánh nhân nói có ý nghĩa gì: ai là người đang gánh nặng và gánh nặng đó là gì? Và rồi, sau một lúc, có một người đàn ông đến đây, người này không chỉ không mang gánh nặng nào, mà thậm chí còn chẳng mang theo thứ gì cả, và bắt đầu hỏi về vị thánh: "Tôi cần gặp ngài vì một việc nào đó," – anh ta nói. Em gái của vị thánh trả lời người đàn ông đó:

– Ngài không có ở đây, ngài đã tạm thời đi vào sa mạc, và nếu anh muốn gặp ngài, thì hãy đợi cho đến khi ngài trở về.

Người đàn ông đó nói:

– Tôi sẽ không đi cho đến khi gặp được ngài, – và trong lúc chờ đợi vị thánh, anh ta ngồi bên cạnh phòng tu của ngài suốt bảy ngày. Sau bảy ngày, vị thánh trở về từ sa mạc, và khi nhìn thấy người đàn ông này, ngài không còn vẻ hiền lành thường ngày mà thậm chí còn trừng mắt nhìn anh ta, rồi với giọng điệu nghiêm khắc, ngài nói:

– Tại sao ngươi lại đến sa mạc này? Tại sao, bỏ lại các thành phố, ngươi lại lánh vào núi? Tại sao, khinh thường mục tử và các linh mục trong nhà thờ, ngươi lại đến với chúng ta, những người dân quê mù chữ? Và sao ngươi dám xuất hiện trước mặt chúng ta, không sợ sự trừng phạt của Đức Chúa Trời, trong khi ngươi đã phạm phải những tội ác vô cùng tày trời?

Bị những lời của vị thánh làm cho kinh hãi, người đàn ông ấy bật khóc và vì sợ hãi mà không thể thốt ra được một lời nào. Lúc đó, thánh Luca lại quay sang hỏi anh ta:

– Sao ngươi lại im lặng? – ngài hỏi. – Sao ngươi không xưng thú những việc làm của mình và không nói về vụ giết người mà ngươi đã gây ra, – để, khi ăn năn về mọi tội ác của mình, dù chỉ một chút cũng có thể làm nguôi lòng Đức Chúa Trời?

Lúc đó, người đàn ông ấy, dù đang khóc lóc thảm thiết đến mức khó có thể nói được, đã thưa với vị thánh:

– Hỡi người của Chúa! Ngài còn muốn tôi kể gì thêm nữa? Được soi sáng bởi ân sủng của Chúa ngự trong ngài, chính ngài, trước khi tôi xưng tội, đã nói về tội lỗi nặng nề của tôi. Như tôi thấy, ngài biết rõ mọi điều tôi đã làm trong bí mật. Tuy nhiên, nếu ngài ra lệnh, tôi sẽ kể công khai về tội lỗi của mình.

Và người ấy bắt đầu kể lại chi tiết trước mặt mọi người về việc mình đã giết bạn mình trên đường đi như thế nào, ở đâu và vì lý do gì, xưng tội này trong tiếng khóc nức nở và lòng khiêm nhường; sau đó, quỳ xuống dưới chân thánh Luca, anh ta bắt đầu van xin vị thánh đừng bỏ mặc anh ta chìm đắm trong lưới ma quỷ. Còn vị thánh, sau khi dạy dỗ người ấy nhiều điều và chỉ dẫn anh ta trên con đường cứu rỗi, đã gửi anh ta đến các linh mục.

Tất cả những điều này được kể lại để cho thấy sự sáng suốt của Thánh Luca, cách ngài đã nhìn thấu ngay cả những tội lỗi thầm kín của con người.

Xin cho phép kể thêm một trường hợp tương tự khác.

Một người thuyền trưởng tên là Dimitri, thường xuyên đưa thuyền của mình cập bến gần nơi ở của vị thánh, nên đã trở nên thân thiết với ngài; mỗi khi đến thăm, ông đều được hưởng ân sủng từ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài và say mê những cuộc trò chuyện với ngài.

Một lần nọ, khi cập bến và định đến gặp vị thánh, anh ta nghĩ rằng không nên đến tay không, mà nên mang theo một thứ gì đó từ mẻ cá của mình; anh ta thường câu cá ở bến tàu đó, nhưng lần này, dù cùng các thủy thủ thả cần câu xuống biển, anh ta lại không câu được gì và cả ngày làm việc vất vả đều vô ích. Nhưng đến tận tối muộn, khi nhớ đến Thánh Luca, ông thả cần câu nhân danh ngài và bắt được một con cá to đến nỗi ông gần như không thể kéo nó lên khỏi mặt nước; sau đó, ông thả cần câu lần thứ hai nhân danh vị thánh, và bắt được một con cá khác, giống con đầu tiên nhưng chỉ nhỏ hơn một chút. Khi đến gặp vị thánh, anh mang theo con cá nhỏ hơn, còn con cá lớn thì giữ lại cho mình. Thánh Luca, với khả năng thấu thị, đã biết rõ mọi chuyện đã xảy ra, nhưng ngài vẫn tiếp đón vị khách và món quà mà anh mang đến một cách nồng hậu. Nhưng trong lúc trò chuyện với anh ta, ngài đã nhắc nhở anh ta, trong số những điều khác, về việc Ananias đã phạm tội trước mặt Thiên Chúa khi giấu đi một phần số tiền bán mảnh đất ở ngoại ô, và cách Thánh Tông đồ Phêrô đã biết được điều đó (Công vụ Tông đồ 5:1–5). Nghe xong, Dimitri nhận ra rằng những lời của vị thánh cũng liên quan đến mình, vì ông đã giấu con cá lớn; ông kinh hoàng trước khả năng thấu thị của vị cha thánh và xấu hổ vì tội lỗi của mình bị vạch trần, nên đã quỳ xuống dưới chân ngài, xưng tội và ăn năn, xin ngài tha thứ. Thánh Luca, sau khi khuyên răn anh ta một cách hiền từ, đã tha thứ cho anh ta; còn con cá được mang đến, ngài ra lệnh cho môn đệ của mình nấu chín và phân phát cho các anh em đến thăm ngài, vì chính ngài không ăn cá. Và nhiều lần, khi ngài biết trước rằng các anh em sắp đến với mình, ngài đã báo trước cho môn đệ và ra lệnh cho anh ta chuẩn bị thức ăn và bánh mì cho họ.

Bảy năm sau khi Thánh Luca cư ngụ trên ngọn núi của mình, quân đội Bulgaria bắt đầu xâm lược đất nước Hy Lạp, điều mà vị thánh đã tiên báo từ trước. Người dân bỏ chạy, có người vào các thành phố và các pháo đài, có người sang đảo Euboea và bán đảo Peloponnese[1713] ; lúc đó, vị thánh Luca cũng rời ngọn núi của mình, lên thuyền và lên đường đến Corinth[1714] . Tại đó, khi nghe nói về một vị tu sĩ sống trên cột đá đang tu hành tại Patras[1715] , ngài đã đến gặp vị ấy và ở lại với ngài mười năm, phụng sự ngài với sự vâng phục và tận tụy trọn vẹn, như con trai đối với cha mình. Về vị tu sĩ sống trên cột đá này, một vị linh mục đã bắt đầu nói xấu và, nhằm dụ dỗ những người nghe, đã phỉ báng và vu khống người công chính ấy. Thánh Luca, khi nghe những lời phỉ báng nhắm vào cha mình, đã gác lại sự hiền lành vốn có của mình và, trái ngược với vị linh mục đó, bắt đầu ca ngợi vị tu sĩ, đồng thời vạch trần những lời dối trá của vị linh mục ấy, kiên quyết bảo vệ sự vô tội của vị thầy mình. Còn vị linh mục, một người tàn nhẫn, đã tát vào má Thánh Luca – và ngay lập tức, sự trừng phạt của Thiên Chúa ập xuống: trong cơn điên loạn, ông ta ngã xuống đất và nằm đó cho đến khi qua đời, bị giao cho Satan để thân xác bị hao mòn, nhằm cứu rỗi linh hồn (1 Cr 5,5).

Sau mười năm, Thánh Luca lại trở về quê hương của mình, Hy Lạp, và định cư tại nơi ngài từng ở lần đầu tiên trên núi Ioannova.

[1713] Euboea – một hòn đảo dài, trải dài từ tây bắc sang đông nam dọc theo bờ biển của các vùng Boeotia và Attica thuộc miền trung Hy Lạp. – Peloponnese – miền nam Hy Lạp.

[1714] Corinth – thành phố cổ xưa, nổi tiếng và giàu có nhất của Hy Lạp cổ đại; tọa lạc trên eo đất Corinth, nối bán đảo Peloponnese với phần còn lại của Hy Lạp, trên một đồng bằng xinh đẹp và trù phú ở bờ đông nam Vịnh Corinth, giữa Biển Ionia và Biển Aegean; hiện nay, di tích của thành phố Corinth cổ đại nằm gần thành phố Corinth ngày nay, được gọi là Koronto và chỉ có khoảng 5.000 cư dân.

[1715] Patras – một thành phố cổ nằm trên bờ bắc bán đảo Peloponnese.

Một lần nọ, vị Giám mục thành Cô-rinh-tô tình cờ đi ngang qua ngọn núi của vị thánh khi đang trên đường đến Constantinople, và ngài dừng lại nghỉ ngơi ngay gần căn phòng tu hành của vị thánh; khi biết tin này, Thánh Luca liền đến chào hỏi ngài và mang theo những món quà từ thành quả lao động của mình – trái cây, củ quả từ vườn rau và rau xanh. Vị giám mục đã tiếp đón ngài một cách nồng hậu, rồi đi xem căn phòng của ngài; khi chứng kiến cuộc sống ẩn dật và tĩnh lặng của ngài, khu vườn và những thành quả lao động của ngài, ngài đã vô cùng ngạc nhiên và rút ra được nhiều bài học quý báu từ đó. Ngài nảy ra ý định ban bố tiền bố thí cho vị ẩn sĩ và ra lệnh cho mỗi người đi cùng ngài đóng góp vài đồng tiền, còn bản thân ngài cũng tự tay tặng thêm vàng; nhờ vậy, một số tiền lớn đã được quyên góp, và ngài định trao số tiền đó cho vị ẩn sĩ; nhưng Thánh Luca không chịu nhận.

– Thưa Đức Thánh Cha, – ngài nói, – con không tìm kiếm và xin vàng, mà là những lời cầu nguyện thánh thiện và những lời dạy dỗ của ngài; và tại sao con lại cần vàng, khi con đã chọn sự nghèo khó và cuộc sống khiêm nhường này? Vậy, xin hãy ban cho con điều con xin và mong muốn: xin dạy con, một người đơn sơ, làm thế nào để được cứu rỗi?

Vị giám mục buồn bã, nghĩ rằng Thánh Luca không phải từ chối và khinh thường sự bố thí, mà là chính bản thân ngài, nên đã nói với vị thánh:

– Tại sao ngươi lại từ chối ân huệ của chúng ta, và đồng thời cũng từ chối chính chúng ta? Chẳng phải tôi cũng là một Kitô hữu trung thành, dù là kẻ có tội; một vị giám mục, dù là kẻ không xứng đáng sao? Và tại sao ngài, dù noi gương Chúa Kitô trong mọi sự, lại không noi gương Ngài trong việc này: vì chính Ngài cũng đã nhận sự bố thí do những người đạo đức dâng tặng; vậy thì, nếu ngài không cần vàng, hãy nhận lấy và phân phát cho những người nghèo khó. Nếu ngài coi việc làm từ thiện là điều không cần thiết, thì ngài đang tước đi của những người ăn xin những thứ họ cần và không công nhận sự cứu rỗi của những người bố thí: vì người ăn xin, nếu không nhận được sự bố thí, thì lấy đâu ra những thứ cần thiết cho họ, còn chúng ta, nếu không bố thí, thì làm sao được cứu rỗi?

Bị thuyết phục bởi những lời này của vị giám mục, vị tu sĩ đã nhận lời bố thí, nhưng không phải toàn bộ số vàng, mà chỉ một đồng tiền thôi, và vị giám mục, sau khi ban phước lành cho ngài, đã lên đường.

Thánh Luca có thói quen vào tuần Lễ Hoa, sáng sớm leo lên đỉnh núi và, tay cầm thánh giá, hát lên: "Lạy Chúa, xin thương xót." Một lần nọ, khi ngài đang leo lên núi theo thói quen thường lệ, một con rắn độc bò ra từ hang và, dưới sự xúi giục của ma quỷ, cắn vào ngón chân cái của ngài rồi bám chặt vào đó. Vị thánh cúi xuống, nắm lấy con rắn, đẩy nó ra khỏi chân và nói với nó:

– Ngươi đừng làm hại ta, ta cũng sẽ không làm hại ngươi, nhưng mỗi người hãy đi theo con đường riêng của mình: vì chúng ta đều là tạo vật của Đấng Tạo Hóa Duy Nhất và không thể làm gì mà không có ý muốn và mệnh lệnh của Đấng Tạo Hóa chúng ta.

Và con rắn echidna bò về hang của nó, còn vị thánh thì tiếp tục con đường lên núi, hoàn toàn không bị tổn thương gì từ vết cắn của con rắn echidna.

Một quan triều đình, người phụ trách kho báu hoàng gia, từng được nhà vua cử đi đến một quốc gia ở châu Phi; khi ông đang ở Corinth, mang theo rất nhiều vàng hoàng gia, thì đã xảy ra một vụ trộm , và toàn bộ số vàng hoàng gia đã bị mất. Trong quá trình truy tìm số vàng bị đánh cắp, nhiều người đã bị tra tấn và xử tử, nhưng vẫn không tìm thấy vàng, và quan đại thần đó rơi vào nỗi buồn sâu sắc. Các quý tộc trong thành phố đã đến an ủi ông, nhưng không thể làm ông nguôi ngoai: tuyệt vọng vì không tìm thấy vàng, ông không còn muốn sống nữa, vì sợ cơn thịnh nộ của nhà vua. Lúc đó, một người có mặt tại đó bước ra giữa đám đông và nói:

– Không ai có thể chỉ ra nơi cất giấu số vàng bị đánh cắp, ngoại trừ tu sĩ Luca, người mà qua đó Đức Chúa Trời đã thực hiện nhiều phép lạ.

Nghe vậy, những người còn lại đều nói: "Quả thật là vậy" – và tất cả bắt đầu nói về ngài, ca ngợi cuộc đời đạo đức của ngài và ân sủng của Chúa trong ngài. Còn quan đại thần của vua, khi nghe điều đó, đã sai người đến gặp vị thánh với lời khẩn cầu như sau:

– Hãy noi gương Đấng, vì sự cứu rỗi loài người, đã không từ chối xuống trần gian, và hãy đến thành phố của chúng tôi trong một thời gian ngắn để thăm viếng những người đang chìm trong nỗi đau khổ tột cùng.

Thánh Luca ban đầu không muốn đi, vì muốn tránh sự kiêu ngạo và vinh dự của loài người, nhưng sau đó, vì lợi ích của nhiều người đang đau khổ vì số vàng bị đánh cắp, ngài đã đi; khi đến thành phố, ngài được quan đại thần và dân chúng đón tiếp với vinh dự hoàng gia, và trước hết ngài ra lệnh chuẩn bị bữa tiệc:

– Trước hết, chúng ta hãy lo cho cái bụng đã, – ngài nói với quan đại thần, – rồi hãy vui mừng để tôn vinh Thiên Chúa: Đấng đã cho chúng ta uống rượu của lòng cảm động, chính Ngài cũng có thể pha cho chúng ta một cách nhân ái chén niềm vui.

Khi họ đang ngồi dùng bữa – thực ra, tâm hồn họ được nuôi dưỡng bởi những lời dạy tốt lành của vị thánh còn hơn là thân xác được no nê bởi thức ăn – Thánh Luca, sau khi nhìn thấy một trong những người đang đứng hầu và phục vụ họ, gọi tên người ấy, ra hiệu cho người ấy lại gần và nói:

– Tại sao ngươi suýt nữa đã tự chuốc lấy cái chết, và gây ra tai họa lớn lao cho chủ nhân mình, khi dám trộm vàng của nhà vua? Hãy mau đi và mang vàng mà ngươi đã chôn giấu dưới đất đến đây, nếu ngươi muốn được ban ơn thương xót và sự tha thứ.

Nghe vậy, người đầy tớ vô cùng sợ hãi, đứng im lặng, toàn thân run rẩy: kẻ mà ngay cả lương tâm cũng đang lên án, giờ đây không thể thốt ra được một lời nào; rồi anh ta quỳ sấp xuống đất, ôm lấy chân vị thánh, kể ra toàn bộ sự thật, vừa khóc vừa xin tha thứ, và đã được tha thứ. Vị thánh không chỉ muốn vạch trần vết thương tội lỗi của anh ta, mà còn muốn chữa lành nó. Ngay lập tức, tên trộm đó ra ngoài rồi nhanh chóng quay lại, mang theo số vàng đã trộm còn nguyên vẹn, và đặt nó trước mặt mọi người; và niềm vui lớn lao tràn ngập cả quan đại thần của nhà vua lẫn tất cả những người đi cùng ông, và những ai lo lắng về số vàng đều được an lòng. Còn ma quỷ, kẻ đã xúi giục vụ trộm này, đã cảm thấy xấu hổ vì tên trộm được tha thứ, và mọi người đều ca ngợi Chúa Giêsu. Còn vị thánh, không hề tự nhận lấy sự ca ngợi từ những người xung quanh, mà quy hết vinh quang của phép lạ này cho một mình Thiên Chúa, rồi trở về nhà.

Một thời gian sau, Thánh Luca đến một tu viện nằm ở thành phố Thebes[1716] , để thăm vị tu viện trưởng Antony: ngài có thói quen đến gặp những người được Thánh Thần soi dẫn và trò chuyện với họ về những điều cứu rỗi linh hồn. Trong thời gian ngài ở với vị tu viện trưởng Antony, con trai của một công dân danh giá bỗng lâm bệnh nặng. Người công dân này, khi nghe tin Thánh Luca đã đến tu viện của họ, liền lập tức đến đó và, quỳ xuống dưới chân ngài, khóc lóc van nài ngài đến nhà mình để thăm cậu thiếu niên đang ốm nặng và giờ đây đã sắp qua đời: ông tin rằng sau khi vị thánh được Chúa yêu mến đến thăm, con trai ông sẽ được khỏe mạnh trở lại. Vị thánh khiêm nhường từ chối, nói rằng:

– Tôi là ai chứ? Và các vị thấy điều gì vĩ đại ở tôi, sao lại có ý kiến như vậy về tôi? Chỉ có một Bác sĩ của linh hồn và thể xác, Đấng có thể cứu chúng ta khỏi cái chết, đó là Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng chúng ta; con người tội lỗi và phàm trần không thể làm được điều gì như vậy.

Và người dân đó ra về trong nỗi đau buồn, khóc lóc và tuyệt vọng về cuộc sống của con trai mình. Buổi tối, vị tu viện trưởng, khi trò chuyện riêng với vị thánh nhân, đã nói với ngài:

– Tôi nghĩ, thưa cha đáng kính, rằng cha đã làm không đúng khi không đến thăm người bệnh và không an ủi người cha đang đau buồn; vì như vậy, chúng ta cũng sẽ phải nghe lời Chúa Kitô phán: *"Ta đau ốm và bị giam cầm, mà các ngươi không đến thăm Ta"* (Mt 25,43).

Nghe vậy, Thánh Luca đáp lại:

– Chữa lành cho người bệnh là việc thuộc về quyền năng của Đức Chúa Trời, còn an ủi những người đau buồn thì phù hợp với những ai có lời nói và sự khôn ngoan trên môi miệng; còn tôi thì cách xa điều thứ nhất, và hoàn toàn thiếu điều thứ hai, vì tôi là một người đơn sơ và không được học hành; nhưng nếu anh đồng ý và cho rằng điều đó sẽ đẹp lòng Thiên Chúa, thì hãy đi trước và làm người dẫn đường cho tôi, còn tôi sẽ theo sau anh.

Và ngay lập tức, khi trời đã khuya, cả hai cùng lên đường vào thành phố. Khi đến nhà người công dân ấy, họ thấy cậu thiếu niên đang trong tình trạng nửa sống nửa chết và không còn nói được nữa, còn tất cả những người trong nhà thì đang chờ đợi cái chết của cậu. Cha của cậu bé, cùng với tất cả những người có mặt trong nhà, quỳ xuống dưới chân vị thánh, nước mắt lưng tròng, nài nỉ ngài cầu nguyện cho con trai mình đang hấp hối, để cậu được cứu khỏi cửa tử. Được cha của cậu bé cầu xin tha thiết và được Bề trên Antôn thuyết phục, vị thánh nhân giơ hai tay lên cầu nguyện cho cậu bé ốm yếu, và ngay sau khi cầu nguyện xong, ngài lập tức trở về tu viện; và ngay khi ánh bình minh ló rạng, ngài vội vã lên núi của mình; đó là cách ngài tránh xa sự vinh quang của loài người. Khi sáng sớm, vị tu viện trưởng Antony đã sai người hầu của mình vào thành phố để tìm hiểu tình hình của cậu thiếu niên ốm nặng: liệu những lời cầu nguyện của vị thánh Luca có mang lại kết quả gì không. Và người hầu này, trở về gần như ngay lập tức, đã kể cho vị tu viện trưởng nghe một điều kỳ lạ và diệu kỳ:

[1716] Thebes – thành phố chính của Boeotia, một vùng trung tâm của Hy Lạp cổ đại.

– Cậu bé, người đêm qua suýt chết – người hầu nói – tôi đã gặp cậu ấy đang cưỡi ngựa và đi tắm hơi.

Nghe vậy, vị tu viện trưởng ngạc nhiên và ngợi khen Đức Chúa Trời.

Nhiều người, khi đến gặp Thánh Luca vì những nhu cầu của họ và làm xáo trộn sự tĩnh lặng quý giá đối với ngài, đã làm phiền ngài, và ngài đã nảy sinh ý định rời đi đến một nơi hoang vắng hơn. Nhưng ngài không thực hiện ý định đó ngay lập tức, mà trước tiên đã sai đệ tử của mình là German đến Corint, gặp một vị tu sĩ giàu kinh nghiệm và được Thánh Thần soi dẫn tên là Theophylact, để xin lời khuyên tốt lành: liệu ngài nên ở lại một chỗ, trên núi Gioan, và chịu đựng sự quấy rầy từ những người đến thăm, hay nên chuyển đến một nơi khác, mà không ai biết đến? Théophylact đã gửi cho ông câu trả lời, vốn từng được ban xuống từ trời cho Thánh Arsenius Vĩ Đại:

– Hãy tránh xa con người, và ngươi sẽ được cứu rỗi.

Thánh Luca vui mừng tiếp nhận lời khuyên này và cùng với đệ tử của mình rời khỏi núi Ioannova, định cư gần biển, tại một nơi hoang vắng nào đó có tên là Kalavie; khi ở đây, ngài tự kiếm thức ăn bằng chính sức lao động của mình: thánh nhân đào đất, gieo lúa mì và xay lúa mì trên cối đá để làm bánh mì cho mình.

Một lần nọ, có mấy thủy thủ đi thuyền ngang qua và cập bến gần am của vị thánh; khi bước vào trong, họ không thấy ai ở đó, vì Thánh Luca cùng với đệ tử của mình đã đi đâu đó rồi. Thấy một hòn đá cối xay tốt, họ đã lấy nó và mang lên thuyền. Chẳng bao lâu sau, vị thánh trở về phòng tu và khi thấy hòn đá của mình không còn, ngài đã đến gặp các thủy thủ, xin họ trả lại hòn đá. Nhưng họ cãi lại và khẳng định rằng họ không lấy nó. Lúc đó, Thánh Luca nói với họ:

– Nếu các ngươi không lấy nó, thì hãy ra khơi; còn nếu nó đang ở trong tay các ngươi, thì Chúa sẽ trừng phạt các ngươi theo ý Ngài.

Nói xong, vị thánh ra đi, và ngay lập tức, người đã lấy viên đá đó ngã xuống và chết. Sau đó, tất cả các thủy thủ đều vô cùng kinh hãi, họ đến xin vị thánh tha thứ và trả lại viên đá. Còn vị thánh của Chúa thì vô cùng đau buồn trước cái chết bất ngờ của người thủy thủ và đã khóc thương anh ta trong nhiều ngày.

Ba năm sau khi vị thánh sống tại nơi này, vùng đất Hy Lạp bị người Ả Rập xâm lược, và ngài đã chuyển đến một hòn đảo hoang vắng, không có nguồn nước, tên là Ampil; tại đó, ngài đã phải chịu đựng cả đói khát trong một thời gian khá dài, và từ đó, ngài lại chuyển đến một vùng đất màu mỡ, tên là Sotiri. Sau khi trục xuất khỏi vùng đất này con quỷ muốn dọa nạt ngài bằng những ảo ảnh, ngài đã ở lại đây cho đến khi qua đời trong bình an; các tu sĩ đã tụ họp về đây với ngài, và một tu viện nhỏ được thành lập. Quan tổng trấn của vùng đất ấy, tên là Krinet, người rất kính mến vị thánh, đã xây dựng trong tu viện một nhà thờ mang tên Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara; và vị thánh đã ở lại tu viện này trong sự ăn chay và cầu nguyện, không ngừng làm việc cho Thiên Chúa và phục vụ sự cứu rỗi của loài người: bởi vì qua những lời giảng dạy và lối sống của mình, ngài mang lại lợi ích thiêng liêng cho linh hồn các anh em tu sĩ, còn bằng lời cầu nguyện, ngài chữa lành các bệnh tật thể xác. Ngài đã chữa lành tu sĩ Grigori, người hầu như luôn bị đau dạ dày, chỉ bằng một lời nói. Ngài cũng đã chữa lành cho một quý bà sống tại Thebes; bà bị ám ảnh bởi một căn bệnh dữ dội và kéo dài, và đã tuyệt vọng trước sự giúp đỡ của các bác sĩ; ngài đã sai đệ tử của mình là Pankratios đến với bà, người này khi đến đã xức dầu thánh lên bà, và người phụ nữ ấy bỗng chốc được chữa lành. Nói chung, vị thánh này mang lại sự chữa lành nhanh chóng cho mọi bệnh tật, và thậm chí còn tiên đoán tương lai cho nhiều người. Sau khi sống tại nơi đó bảy năm, Thánh Luca đã gần đến lúc lâm chung.

Trước khi ngài qua đời, đã xảy ra sự việc sau đây. Trong số các môn đệ của vị thánh, có một người tên là Theodosius, người có anh trai ruột là Philip, một giáo dân. Một lần, anh ta nảy ra ý định đến tu viện của vị thánh, một phần để thăm anh trai, một phần để gặp Thánh Luca, người mà anh ta đã nghe nói nhiều điều tốt đẹp. Vị thánh, đã lường trước được sự đến của anh ta, bèn nói với Theodosius:

– Hãy chuẩn bị, anh em ơi, mọi thứ cần thiết cho bữa ăn ngon lành; anh trai của anh sẽ đến dùng bữa tối với chúng ta.

Théodosius, vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, đã cẩn thận chuẩn bị thức ăn và thường xuyên ra ngoài cổng, nhìn ra con đường và háo hức chờ đợi anh trai đến. Buổi tối, Philip đến và mang theo rất nhiều thứ cần thiết cho bữa ăn. Ông được vị thánh tiếp đón với tình yêu thương, và vào buổi tối, mọi người cùng nhau dùng bữa tối, thưởng thức tất cả những món đã được dọn ra, để tôn vinh Đức Chúa Trời. Trong bữa ăn này, vị thánh đã ăn và uống nhiều hơn bình thường – và ông làm điều đó vì món quà tiếp đãi của Philip. Sau bữa tối và những lời cầu nguyện trước khi đi ngủ như thường lệ, Philip đi ngủ; nhưng trên giường, anh ta nảy sinh ý nghĩ xấu về vị thánh được Chúa yêu mến là Luca: anh ta nghĩ: "Vị tu sĩ già này là kẻ đạo đức giả; ông ta ăn uống nhiều, mà chỉ giả vờ ăn chay và thánh

thiện mà thôi". Sau đó, khi đã chìm vào giấc ngủ, Philip thấy trong giấc mơ hai chàng trai rạng rỡ, đang nhìn anh bằng ánh mắt giận dữ; khuôn mặt họ đầy phẫn nộ, và họ nói những lời khắc nghiệt:

– Tại sao ngươi lại suy nghĩ bất kính như vậy về vị thánh nhân? Và tại sao ngươi lại lên án một người vô tội và thánh thiện? Hãy ngước đôi mắt của ngươi, vốn chỉ nhìn thấy những điều trần tục, và hãy nhìn xem, người mà theo ngươi là kẻ đạo đức giả và lừa dối đã được ban cho vinh quang vĩ đại đến nhường nào.

Philip, khi ngước nhìn, đã thấy một nơi vô cùng huy hoàng, toàn bộ được lát bằng đá porphyry, và tại đó, vị thánh Luca đang đứng: ngài tỏa sáng vinh quang Thần thánh, như mặt trời. Tỉnh dậy khỏi giấc mơ, Philip hoảng sợ và kể lại tất cả những điều này cho anh trai mình là Theodosius và các tu sĩ khác, rồi với lòng sám hối, ông đã xưng tội với chính Thánh Luca; sau khi xin ngài tha thứ, ông ra về với lợi ích thiêng liêng to lớn cho bản thân.

Nhận thấy mình sắp ra đi về với Chúa, Thánh Luca đã đi thăm tất cả các vị cha đang ở trong sa mạc đó và hôn tạm biệt từng người một.

– Hãy cầu nguyện cho tôi, hỡi các anh em, – ngài nói với họ, – hãy cầu xin Chúa Kitô, vì không biết liệu chúng ta có gặp lại nhau sau này hay không.

Sau khi đi thăm tất cả mọi người, ngài rút lui vào phòng tu của mình và trong ba tháng liền, ngài chuẩn bị cho giờ phút lâm chung. Cuối cùng, tám ngày trước khi qua đời, Thánh Luca lâm bệnh; khi ngài đã hoàn toàn ốm yếu và nằm trên mặt đất, Linh mục Grigori hỏi ngài:

– Ngài có di chúc gì về việc an táng của mình không? Và ngài muốn thi thể mình được an táng ở đâu?

Thánh nhân đáp lại:

– Hãy trói chân tôi lại bằng xích, rồi ném tôi vào rừng rậm, để tôi, người đã không còn ích lợi gì cho ai nữa, ít nhất cũng có thể làm thức ăn cho thú rừng.

Lúc đó, vị linh mục bắt đầu nài nỉ vị thánh hãy sắp xếp khác đi về thi thể của mình và chỉ định nơi an táng. Một lúc sau, vị thánh nói:

– Hãy chôn cất tôi ngay tại chính nơi tôi đang nằm đây: Chúa muốn tôn vinh nơi này để làm rạng danh Thánh Danh của Ngài.

Nói xong, vị thánh, khi mặt trời đã lặn, ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài!

Và ngài đã chìm vào giấc ngủ của cái chết tạm thời; đó là vào ngày thứ bảy của tháng Hai; còn linh hồn thánh thiện của ngài đã về với Chúa, để hưởng sự sống bất tử.

Khi bình minh ló rạng, tất cả các tu sĩ và người thế tục từ các vùng lân cận đều tụ tập về tu viện thánh này, và có một đám đông rất lớn; mọi người đều khóc than vì thế giới đã mất đi một ngọn đèn sáng vĩ đại như vậy. Người được Chúa yêu mến đã được an táng một cách trang trọng ngay tại chính nơi mà ngài đã chỉ định – trong căn phòng tu hành mà ngài đã tu tập.

Sáu tháng sau, một tu sĩ tên là Kosma, người hoạn quan, đang trên đường từ xứ Paphlagonia[1717] đến Ý, đã nhận được một thị kiến từ Chúa; trong thị kiến đó, ngài được truyền phải đến nơi an nghỉ của Thánh Luca và phải luôn túc trực bên quan tài của ngài. Khi đến nơi này và định cư tại đó, tu sĩ Kosma đã đào lên từ lòng đất một chiếc hòm chứa di cốt bất hoại của vị thánh, rồi đặt nó lên trên ngôi mộ, bao quanh chiếc hòm thánh này bằng ván gỗ và lưới sắt, đồng thời biến chính căn phòng của mình thành một nhà thờ; và đã xảy ra những phép lạ vĩ đại từ những di cốt thánh này: từ đó tuôn ra dầu thơm, và những ai được xức dầu bằng nó đều được chữa lành: những người què được chữa lành, những người mù được sáng mắt, những người bị bệnh hủi được thanh tẩy, và ma quỷ bị trục xuất khỏi con người, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Luca, và nhờ quyền năng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, đến muôn đời, amen.

Kỷ niệm các thánh tử đạo một nghìn ba người, đã chịu tử đạo tại Nicomedia.

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 2

[1717] Paphlagonia – một vùng núi hiểm trở ở phía bắc Tiểu Á.

Trong thời trị vì của hoàng đế Diocletianô, một vị vua tàn bạo và vô đạo, Giáo Hội của Đấng Christ đã phải hứng chịu một cuộc bách hại lớn: vào thời điểm đó, khắp nơi, các Kitô hữu vì danh Chúa Kitô đều bị giam cầm trong ngục tối và bị giết hại. Trong số họ, các tôi tớ của Chúa Kitô cũng đã chịu khổ nạn, gồm Giám mục Theopemptus và Theonas, người từng là thầy phù thủy, cùng bốn quan đại thần của hoàng đế: Vass, Eusebius, Eutychius và Vasilid, những người được giao cho thánh tử đạo Phêrô, người hầu phòng của Diocletian, trông coi; cùng với các phu nhân của những quan chức đó, những người sau khi chấp nhận đức tin thánh thiện, đã kiên định trong việc tuyên xưng Đức Kitô và hiến dâng linh hồn mình vì Chúa. Sau khi các vị tử đạo này qua đời, những người trong gia đình họ, tất cả các đầy tớ, nô lệ và những người tự do, sau khi bàn bạc với nhau, đã đồng lòng nói:

– Này, các chủ nhân của chúng ta, những người đã cai quản chúng ta trong thế gian này, vì đức tin thánh thiện nơi Chúa Kitô mà đã khinh bỏ cuộc sống tạm bợ này, đã tìm được Nước Trời cho mình và nhờ việc khinh bỏ những điều trần thế, giờ đây đang hưởng thụ những ân huệ trên trời: vậy tại sao chúng ta lại không noi gương các chủ nhân của mình? Chúng ta hãy đến gặp hoàng đế Diocletian và nói với ngài rằng: chúng ta là những người Kitô hữu và mong muốn cùng với các chủ nhân của chúng ta, những người đã cai quản chúng ta trong cuộc đời này, được nhận vương miện bất diệt trong cuộc sống mai sau.

Sau khi thống nhất quyết định này và tất cả đều đồng lòng chấp nhận, họ đếm số người, bao gồm cả vợ con, và hóa ra có tổng cộng một nghìn ba người.

Tất cả cùng lên đường, họ đứng trước tòa án của tên bạo chúa vô đạo Diocletian và đồng thanh kêu lên:

– Chúng tôi cũng là Kitô hữu và sẽ noi gương các bậc cha ông và các bậc thầy của chúng tôi, những người đã đổ máu vì Chúa Kitô: chúng tôi không tuân theo ma quỷ, cũng không thờ lạy các thần tượng mù, điếc, câm và vô hồn!

Nhà vua, khi thấy họ đông đảo như vậy, bừng lên cơn thịnh nộ; tuy nhiên, ban đầu ông giả vờ hiền lành, rồi bắt đầu dụ dỗ họ bằng những lời ngọt ngào. Ông nói với họ:

– Tại sao các ngươi lại hành động thiếu lý trí như vậy và tự nguyện đẩy mình vào cảnh diệt vong? Tốt hơn hết là hãy vâng lời ta, như một người cha chỉ mong muốn điều tốt lành cho các ngươi, và dâng lễ vật lên các vị thần; nhờ đó, các ngươi sẽ tránh được sự điên rồ mà Eusebius và các bạn của ông ta đã sa vào, và chính vì điều đó mà họ đã phải chịu một cái chết khủng khiếp như vậy. Còn các con, nếu nghe lời ta và dâng lễ vật lên các vị thần bất tử, các con sẽ được ta ban cho vinh dự lớn lao và những món quà quý giá, và nhờ ân sủng của chúng ta, các con sẽ trở nên vô cùng giàu có.

Các thánh nhân đáp lại kẻ tra tấn:

– Chúng tôi không xin ân huệ của ngươi, cũng không sợ lời đe dọa của ngươi, nhưng chúng tôi cố gắng dâng lễ vật ngợi khen lên Thiên Chúa Hằng Sống và Chân Thật; còn ngươi, muốn làm gì thì hãy làm với chúng tôi đi: đối với chúng tôi, không có gì quý giá hơn Đức Kitô.

Sau khi nghe những lời đó của các thánh tử đạo, Diocletian hoảng sợ, lo rằng họ có thể gây ra sự hỗn loạn trong dân chúng, vì ông thấy họ bảo vệ đức tin vào Chúa Kitô với sự can đảm phi thường; bằng một cái vẫy tay, ông ra lệnh cho binh lính cầm vũ khí sẵn sàng bao vây toàn bộ hội thánh Kitô giáo này; trong đó có rất nhiều trẻ nhỏ, được các bà mẹ bế trên tay: có em mới một tuổi, có em mới hai hoặc ba tháng tuổi.

Khi đội quân vũ trang đã bao vây các Kitô hữu, nhà vua nói với họ:

– Vậy thì, bây giờ hãy nghe theo lời khuyên của ta và tuyên bố rằng các ngươi đồng ý dâng lễ vật cho các vị thần và thờ lạy họ, để các ngươi có thể trở về nhà an toàn và vô sự; hãy thương xót chính mình và các con nhỏ của các ngươi, như ta đang thương xót các ngươi, để cả các ngươi lẫn con cái các ngươi không phải chết vì sự điên rồ; vì nếu các ngươi không nghe lời ta, thì ngay cả Đấng Kitô của các ngươi cũng chẳng thể giúp gì được các ngươi cả.

Nghe vậy, các thánh nhân đáp lại:

– Chúng tôi đã học cách thờ phượng Đức Chúa Trời Duy Nhất ngự trên trời, Con Một của Ngài và Lời, là Chúa Giê-su Ki-tô của chúng tôi, Đấng nhờ Ngài mà muôn vật được tạo thành, cùng Thánh Thần của Ngài; vì vậy, đừng dụ dỗ chúng tôi bằng bất kỳ lời hứa nào về lòng nhân từ hão huyền của ngươi: ngươi sẽ không thuyết phục được chúng ta bằng những ân huệ của ngươi, cũng không dọa nạt được chúng ta bằng những lời đe dọa, để chúng ta từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, và thờ lạy những thần tượng vô hồn mà ngươi tôn kính: không có gì quý giá và đáng mong ước hơn Chúa Kitô, Đấng sống đời đời.

Lúc đó, Diocletian, trong cơn thịnh nộ, lại ra lệnh cho binh lính phải giết hết tất cả họ ngay lập tức. Và họ, như những con thú dữ tợn, đã ập vào các Kitô hữu từ mọi phía và giết chết các thánh tử đạo của Chúa Kitô; họ không tha thứ cho ai, ngay cả những đứa trẻ đang bú sữa mẹ, và trong số một nghìn ba người, không còn ai sống sót[1718] .

Vậy, các thánh tử đạo của Đức Kitô đã hoàn thành công trình chịu khổ vì lòng trung thành chân chính với Đức Kitô, vào ngày 13 của tháng mà người Ai Cập gọi là Mehir – tương ứng với ngày 7 tháng 2 theo lịch của chúng ta – tại Nicomedia, tổng giáo phận vùng Bithynia[1719] , dưới triều đại của hoàng đế Diocletian; – còn trên chúng ta lúc bấy giờ, cũng như hiện nay và mãi mãi, là Đức Giêsu Kitô, Thiên Chúa Chân Thật và Đấng Cứu Độ của chúng ta, Đấng đang ngự trị và sẽ ngự trị muôn đời. Xin vinh quang và ngợi khen thuộc về Ngài cùng với Thiên Chúa Cha và Thánh Thần, Đấng Thánh, Đấng Tốt Lành và Đấng Ban Sự Sống, đến muôn đời muôn thuở, amen.

Ngày 21 tháng 2

Ngày 8 tháng 2 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử đạo Theodoros Stratilates.

Ngày tưởng niệm 8 tháng 2

Vua vô đạo Licinius[1720] , sau khi lên ngôi kế vị vị vua vô đạo Maximian và noi gương ông ta trong mọi việc, đã ngay lập tức phát động một cuộc bách hại lớn đối với những người nổi bật về đức tin; sắc lệnh về mệnh lệnh vô đạo này đã được ông ta gửi đi khắp các thành phố và các vùng đất. Vào thời điểm đó, rất nhiều chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô đã bị giết: Licinius đã hành quyết bốn mươi vị tử đạo tại Sebaste, cũng như những chiến binh và hoàng tử danh tiếng trong triều đình của mình, và cuối cùng đã giết ba trăm người đàn ông đến từ Macedonia.

Khi Licinius vô đạo thấy rằng hầu như tất cả các Kitô hữu, bỏ qua mệnh lệnh của hắn, tự nguyện hiến dâng mạng sống vì đức tin thánh thiện, thì hắn ra lệnh chỉ tìm kiếm những người nổi tiếng và cao quý nhất trong số họ, tức là chỉ những ai đang phục vụ trong quân đội của hắn hoặc sống trong các thành phố, và chỉ ra lệnh (mà không quan tâm đến đông đảo dân thường) ép buộc họ phải thờ thần tượng; ông hy vọng dùng sự sợ hãi để thuyết phục tất cả những ai nằm dưới quyền cai trị của mình tiếp tục trung thành với việc thờ thần tượng.

Trong khi khắp nơi người ta bắt đầu tìm kiếm những Kitô hữu nổi tiếng nhất một cách rất cẩn thận, Licinius, lúc đó đang ở Nicomedia, được biết rằng tại Heraclea[1721] , gần Biển Đen, có một vị thánh tên là Theodore Stratelates đang sinh sống, rằng ông là Kitô hữu và đang dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô.

Thánh Theodorus gốc gác từ Evchait[1722] , nằm không xa thành phố Heraclea; ông là người dũng cảm và kiên cường, ngoại hình rất đẹp; ngoài ra, ông còn nổi bật bởi sự thông thái và tài hùng biện xuất sắc, đến nỗi người ta gọi ông là "vrioritor", tức là nhà hùng biện tài ba nhất[1723] . Theo sắc lệnh của hoàng đế, ông được bổ nhiệm làm stratilates, tức là tổng chỉ huy quân sự, và thành phố Heraclea được giao cho ông quản lý; đây là phần thưởng dành cho lòng dũng cảm của ông, điều mà mọi người đều biết đến sau khi ông giết con rắn khổng lồ ở Euchaita.

Không xa thành phố Evkhait, về phía bắc của nó, có một cánh đồng hoang vắng, và ở đó có một vực thẳm lớn, bên trong có một con rắn khổng lồ đang sống. Khi nó chui ra khỏi vực thẳm đó, mặt đất ở chỗ đó rung chuyển; và khi đã chui ra, nó nuốt chửng mọi thứ mà nó bắt gặp, cả người lẫn thú.

[1718] Họ qua đời vào năm 303.

[1719] Bithynia – vùng phía tây bắc của Tiểu Á. Nicomedia – thành phố thủ phủ của Bithynia, nơi ở yêu thích của Hoàng đế Diocletian.

[1720] Licinius – hoàng đế La Mã cai trị nửa phía đông của đế chế, trị vì từ năm 307 đến năm 324.

[1721] Heraclea – một thành phố ở Pontus, phía bắc Tiểu Á.

[1722] Euchaita – một thành phố ở phía bắc Tiểu Á, gần Heraclea, ngày nay là Marsivan.

[1723] Từ tiếng Hy Lạp "rithor" – nhà hùng biện, người nói hay, và "vri" – âm tiết không thể tách rời, làm tăng ý nghĩa của từ đi kèm với nó.

Nghe tin này, vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô, Thánh Phêrô, lúc đó vẫn còn ở trong quân đội, không nói với ai về ý định của mình, đã một mình ra đối mặt với con rắn hung dữ đó.

Ngài chỉ mang theo vũ khí thông thường của mình, còn trên ngực thì đeo một cây thánh giá quý giá. Ngài tự nhủ:

– Ta sẽ đi và giải cứu quê hương ta khỏi con rắn dữ tợn này bằng sức mạnh của Chúa Kitô.

Khi ngài đến cánh đồng đó, ngài thấy cỏ cao, liền xuống ngựa và nằm nghỉ ngơi. Trong vùng đất này có một người phụ nữ đạo đức tên là Evsevia. Bà đã cao tuổi; vài năm trước đó, bà đã xin được thi hài của Thánh Theodoros Tyron, người đã chịu tử đạo dưới triều đại của Maximian và Maximin, rồi an táng thi hài ấy cùng với hương liệu trong ngôi nhà của bà tại Evchaïtes, và hàng năm bà đều tổ chức lễ tưởng niệm ngài. Người phụ nữ này, khi nhìn thấy vị Thêôđôr thứ hai này, một chiến binh của Đấng Kitô, được gọi là "Stratilates", đang ngủ trên cánh đồng này, đã tiến lại gần ông với lòng kính sợ sâu sắc, rồi nắm lấy tay ông và đánh thức ông dậy, nói rằng:

– Hãy đứng dậy, anh em ơi, và mau rời khỏi nơi này đi: vì anh không biết rằng tại nơi này, nhiều người đã phải chịu cái chết thảm khốc; vậy nên, hãy mau đứng dậy và tiếp tục con đường của mình.

Vị tử đạo trung thành của Chúa Kitô là Thêôđôr, sau khi đứng dậy, đã nói với bà:

– Mẹ đang nói đến nỗi sợ hãi và kinh hoàng nào vậy?

Nô tì của Chúa là Evsevia đáp lại:

– Con ơi, ở nơi này có một con rắn khổng lồ đang ẩn náu, vì thế không ai được phép đến đây: mỗi ngày, con rắn này, khi ra khỏi hang ổ của nó, đều tìm thấy ai đó – dù là người hay thú – và ngay lập tức giết chết rồi nuốt chửng họ.

Thánh Theodore, chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô, đáp lại:

– Hãy lùi lại và đứng xa khỏi nơi này, rồi bà sẽ thấy quyền năng của Chúa Kitô của tôi.

Người phụ nữ, sau khi rời khỏi nơi này, đã quỳ sụp xuống đất, khóc lóc và thốt lên:

– Lạy Thiên Chúa của các Kitô hữu, xin hãy giúp đỡ anh ấy trong giờ phút này!

Lúc đó, vị thánh tử đạo Theodore, sau khi làm dấu thánh giá, đã vỗ vào ngực mình và, ngước mắt lên trời, bắt đầu cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng tỏa sáng từ Bản Thể của Cha, Đấng đã giúp đỡ con trong các trận chiến và ban cho con chiến thắng trước kẻ thù, – Ngài vẫn là Đấng ấy, lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa: vậy xin hãy ban cho con sức mạnh từ nơi cao thánh của Ngài, để con có thể đánh bại kẻ thù này – con rắn.

Sau đó, ông trò chuyện với con ngựa của mình như thể đang nói chuyện với một con người, và nói:

– Chúng ta biết rằng quyền năng và sức mạnh của Thiên Chúa hiện diện trong muôn loài, cả con người lẫn súc vật; vậy xin hãy giúp con, nhờ ơn Chúa Kitô, – để con có thể đánh bại kẻ thù.

Con ngựa, sau khi nghe lời chủ nhân, đã dừng lại, chờ đợi con rắn xuất hiện. Lúc đó, vị tử đạo của Chúa Giêsu, tiến lại gần vực thẳm, đã lớn tiếng kêu gọi con rắn:

– Ta nói với ngươi và ra lệnh cho ngươi nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng đã tự nguyện chịu đóng đinh vì loài người, hãy ra khỏi hang ổ của ngươi và bò đến với ta.

Con rắn, nghe thấy giọng nói của vị thánh, bỗng động đậy, và ngay lập tức mặt đất tại chỗ đó rung chuyển. Thánh Theodore, sau khi làm dấu thánh giá, leo lên lưng ngựa; con ngựa ấy, vừa cắn xé vừa giẫm đạp con rắn vừa chui ra, rồi đứng lên đè lên nó bằng cả bốn móng.

Lúc đó, chiến binh của Chúa Kitô là Thánh Phêrô đã chém con rắn bằng thanh gươm và, sau khi giết chết nó, ngài thốt lên:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã nghe lời con vào giờ phút này và ban cho con chiến thắng trước con rắn!

Sau đó, ông an toàn trở về với quân đoàn của mình, vui mừng và ngợi khen Đức Chúa Trời. Người dân Evkhait và những người dân lân cận, khi nghe tin này, đã ra cánh đồng đó và khi thấy con rắn bị Thánh Theodor giết chết, họ kinh ngạc và kêu lên:

– Đức Chúa Trời của Thánh Theodor thật vĩ đại!

Lúc bấy giờ, rất nhiều người trong dân chúng, đặc biệt là các chiến binh, đã tin vào Đức Kitô; và tất cả họ, sau khi chịu phép rửa, đã trở thành một đoàn chiên duy nhất của Đức Kitô, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Sau đó, Thánh Theodor, khi đang cư ngụ tại Heraclea, đã rao giảng về Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật, và nhiều người ngoại đạo đã quay về với Chúa Kitô. Hàng ngày, dân chúng tụ tập để chịu phép rửa tội, và gần như toàn bộ Heraclea đã chấp nhận đức tin thánh thiện.

Nghe tin về tất cả những điều này, vua Licinius vô đạo đã vô cùng tức giận và từ Nicomedia – nơi ông đang ở lúc bấy giờ – đã cử các quan chức cùng với vệ sĩ của mình đến Heraclea, để họ bắt Thánh Theodoros Stratilates và đưa ngài về gặp ông một cách trang trọng.

Khi họ đến Heraclea, thánh Theodoros đã tiếp đón họ một cách trang trọng: ngài đã chiêu đãi họ và tặng mỗi người một món quà, như những người hầu của vua. Sau đó, họ bắt đầu mời thánh nhân đến gặp Licinius:

– Hãy đi, – họ nói, – đến Nicomedia, gặp vị vua rất yêu mến ngài; vì ngài ấy, sau khi nghe về lòng dũng cảm, vẻ đẹp và sự khôn ngoan của ngài, rất mong được gặp ngài, với ý định tôn vinh sự dũng cảm của ngài bằng những vinh dự và quà tặng xứng đáng.

Thánh Theodorus đáp lại họ:

– Xin ý muốn của hoàng đế và của các ngươi được thực hiện; hôm nay các ngươi cứ vui vẻ và hân hoan đi, còn ngày mai chúng ta sẽ làm những gì cần phải làm.

Đã ba ngày trôi qua, nhưng trong khi đó, bất chấp những lời thuyết phục của các sứ giả rằng Thánh Phê-ô-đô-rô nên đi cùng họ đến gặp nhà vua, ngài vẫn ở lại thành phố của mình. Sau đó, sau khi giữ lại một số người trong số các sứ giả của nhà vua tại chỗ, Thánh Phê-ô-đô-rô đã cho những người còn lại trở về gặp nhà vua cùng với một lá thư, trong đó ngài nói rằng ngài không thể rời khỏi thành phố của mình vào thời điểm mà dân chúng đang rơi vào tình trạng hỗn loạn lớn như vậy: bởi vì "nhiều người," ngài viết, "đã từ bỏ các vị thần tổ tiên để thờ phượng Đấng Christ, và gần như toàn thành phố, sau khi quay lưng lại với các vị thần, đang tôn vinh Đấng Christ, và có nguy cơ là Heraclea sẽ ly khai khỏi vương quốc của ngài"; "vì vậy," ông tiếp tục, "xin bệ hạ hãy bận tâm và đích thân đến đây, mang theo các bức tượng của những vị thần vinh quang hơn – hãy làm điều này vì hai lý do:

1) để trấn an dân chúng đang nổi loạn và

2) để khôi phục lòng sùng kính cổ xưa; vì khi chính ngài cùng chúng tôi dâng lễ vật trước mặt toàn dân, thì dân chúng, khi thấy chúng tôi thờ phụng các vị thần vĩ đại, sẽ noi gương chúng tôi và củng cố đức tin truyền thống của tổ tiên."

Thánh Phê-ô-đô-rô đã viết bức thư này gửi cho hoàng đế Lycinius, nhằm khuyến khích ngài đến Heraclea: vị thánh mong muốn chịu khổ nạn tại chính thành phố của mình, để thánh hóa nơi đó bằng chính máu của ngài đã đổ ra vì Chúa Kitô, và bằng hành động chịu khổ và dũng cảm của mình, củng cố đức tin thánh thiện cho những người khác.

Hoàng đế Licinius đã nhận được bức thư này của Thánh Stratilates và, sau khi đọc xong, ông rất vui mừng.

Không chậm trễ chút nào, ông dẫn theo khoảng tám nghìn binh sĩ và những công dân danh giá nhất của Nicomedia, hân hoan lên đường cùng các hoàng tử và quan chức của mình đến Heraclea; ông còn mang theo cả những tượng thần được dân chúng tôn kính nhất – cả bằng vàng lẫn bằng bạc.

Cùng đêm đó, khi Thánh Theodor, theo thông lệ, đang cầu nguyện, ngài đã có một thị kiến: ngài tưởng như mình đang ở trong một ngôi đền, mái vòm của ngôi đền bỗng mở ra, và từ đó, ánh sáng thiên đàng chiếu rọi, như từ một thiên thể vĩ đại nào đó, và soi sáng đầu ngài; rồi bỗng có tiếng nói vang lên:

– Hãy can đảm lên, Theodore, Ta ở cùng ngươi!

Sau đó, thị kiến chấm dứt.

Lúc đó, Thánh Theodore hiểu rằng đã đến lúc ngài phải chịu đau khổ vì Chúa Kitô, và ngài vui mừng, lòng tràn đầy nhiệt huyết. Nghe tin nhà vua đang tiến gần đến thành phố, ngài bước vào phòng cầu nguyện của mình và khóc lóc cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa Toàn Năng, Đấng không bỏ rơi những ai trông cậy vào lòng thương xót của Ngài, nhưng luôn che chở họ, xin hãy thương xót con và bảo vệ con bằng sự che chở của Ngài khỏi sự lừa dối của kẻ thù, – để con không gục ngã trước mặt kẻ thù và kẻ thù của con không được vui mừng vì con; xin hãy hiện diện cùng con, Đấng Cứu Rỗi của con, trong cuộc chiến sắp tới mà con khao khát được gánh vác vì danh thánh của Ngài; xin củng cố và làm vững chắc con, và ban cho con sức mạnh để can đảm, cho đến khi đổ máu, đứng lên vì Ngài và hiến dâng linh hồn con vì tình yêu dành cho Ngài, cũng như Ngài, vì yêu thương chúng con, đã hiến dâng linh hồn Ngài trên thập tự giá vì chúng con.

Sau khi cầu nguyện trong nước mắt như vậy, thánh Phê-ô-đô-rô rửa mặt. Rồi, mặc áo trắng, ngài lên con ngựa mà trước đây ngài đã dùng để giết con rắn ở Evkhait, và cùng với quân đội và dân chúng của mình, ngài ra đón vua; như lẽ ra phải thế, ngài cúi đầu chào vua và, chào đón ngài với sự kính trọng, ngài nói:

– Xin chào mừng, Đức Vua Thần Thánh, Đấng Tự Trị Quyền Năng Tối Cao!

Nhà vua cũng tiếp đón Thánh Theodoros một cách rất nồng hậu; ngài hôn lên má ông và nói:

– Chúc mừng ngươi nữa, chàng trai tuyệt mỹ, chiến binh dũng cảm, tướng quân oai hùng và rực rỡ như mặt trời – người bảo vệ khôn ngoan nhất của luật pháp tổ tiên và xứng đáng đội vương miện! Ngươi xứng đáng trở thành vua kế vị ta.

Trong khi trò chuyện thân mật và vui vẻ như vậy, dưới tiếng trống và kèn, họ tiến vào thành phố và cả hai đều vui vẻ nghỉ ngơi vào ngày hôm đó.

Sáng hôm sau, khi ngai vàng hoàng gia đã được dàn dựng trên bục cao ở quảng trường giữa thành phố, vua Licinius cùng toàn bộ đoàn tùy tùng và Thánh Theodoros Stratelates đã đến. Ngồi lên ngai vàng, ngài bắt đầu ca ngợi thành phố, các công dân của nó và Thánh Stratelates, nói rằng:

– Quả thật, nơi này xứng đáng được gọi là ngai vàng của Đức Chúa Trời: nó phải được tôn kính như một thiên đàng khác dành cho loài người; thành phố này vừa rộng lớn, vừa có đông dân cư, hơn nữa tất cả họ đều sùng đạo và trung thành với các vị thần của mình. Quả thật, không có nơi nào khác tôn kính các vị thần vĩ đại của chúng ta như ở đây; và cũng không có nơi nào thích hợp và thuận tiện hơn nơi này để thờ phụng các vị thần vĩ đại; chính vì thế mà Heracles, vị thần kỳ diệu và dũng mãnh nhất của chúng ta, con trai của vị thần vĩ đại Dia và nữ thần Alcmene[1724] , đã yêu mến nơi này và đặt tên thành phố này là Heraclea theo danh hiệu của ngài; và quả thật, Theodor, nơi này xứng đáng trở thành lãnh địa của ngươi: ngươi xứng đáng sở hữu thành phố kỳ diệu này và chỉ có ngươi mới xứng đáng cai trị dân tộc như vậy. Bởi vì ngươi tôn kính các vị thần của chúng ta, và toàn bộ tình yêu của ngươi đều hướng về họ; ngày đêm ngươi không làm gì khác ngoài việc lo lắng để làm hài lòng các vị thần Hy Lạp cổ đại. Vì vậy, ngay lúc này, hãy thể hiện tình yêu của ngươi dành cho các vị thần và dâng lễ vật kèm theo sự tôn kính, để toàn thể dân chúng thấy được lòng thành kính của ngươi đối với các vị thần và nhận ra rằng ngươi là người bạn chân thành của các vị thần vĩ đại và được nhà vua ưng ý.

Licinus đã nói như vậy, nhằm dụ dỗ và nịnh nọt vị thánh. Thánh Theodore đã trả lời nhà vua như sau:

– Xin bệ hạ sống lâu. Xin ý ngài được thực hiện, chỉ xin ngài hôm nay cho tôi mang về nhà những hình tượng của các vị thần Hy Lạp vĩ đại mà ngài đã mang theo, cả bằng vàng lẫn bạc, để trong đêm nay và đêm tiếp theo, trước hết tôi sẽ tôn kính các vị ấy tại nhà mình, bằng lễ vật, hương trầm và hương thơm; rồi sau đó, nếu ngài ra lệnh, tôi sẽ dâng lễ vật cho các vị ấy công khai trước toàn dân.

Nhà vua nghe vậy, rất vui mừng. Ngài lập tức ra lệnh mang những tượng thần bằng vàng và bạc đến. Thánh Theodor mang chúng theo, trở về nhà và ở đó, vào ban đêm, ngài đập vỡ chúng thành những mảnh nhỏ, rồi phân phát những mảnh đó cho những người nghèo.

Hai ngày sau, nhà vua sai người đến gặp vị thánh, ra lệnh cho ngài phải thực hiện lời hứa và trong cùng ngày đó, trước mặt toàn thể dân chúng, dâng lễ vật lên các vị thần. Thánh Theodor, sau khi hứa sẽ thực hiện tất cả những điều đó, vội vã lên đường đến gặp nhà vua; và nhà vua, cùng với ngài, đã đến quảng trường nằm giữa thành phố, rồi tại đó, ngự trên ngai vàng của mình, nhà vua nói với Thánh Theodor:

– Thánh Theodor khôn ngoan nhất, vị tướng quân vĩ đại, được các vị vua tiền nhiệm kính trọng! Hôm nay là ngày dâng lễ vật và lễ hội. Vậy, hãy dâng lễ vật cho các vị thần trước mặt toàn dân, để tất cả cư dân đều thấy lòng thành kính của ngài đối với các vị thần, và nhờ đó họ sẽ càng siêng năng và tận tâm hơn trong việc dâng lễ vật của mình.

Trong khi nhà vua đang nói những lời đó, một trong những sĩ quan chỉ huy đang đứng ở đó, tên là Maxentius, đã nói với ngài:

– Tôi thề trước các vị thần vĩ đại, thưa bệ hạ, hiện nay ngài đang bị tên Theodorô vô đạo này lừa dối. Bởi vì hôm qua tôi đã thấy chiếc đầu bằng vàng của nữ thần Artemis[1725] trong tay một người ăn xin, người đang đi và tỏ ra

---

[1724] Heracles hay Hercules – anh hùng trong truyền thuyết Hy Lạp cổ đại, là hiện thân của sức mạnh thể chất của con người và sau này được người Hy Lạp cổ đại tôn sùng như một trong những vị thần được yêu mến nhất. Zeus được người Hy Lạp cổ đại tôn sùng là cha của các vị thần và loài người, người cai trị trời và đất, người gửi sấm sét xuống trần gian. Theo thần thoại Hy Lạp, Alcmene là một người phụ nữ phàm trần, người đã thụ thai và sinh ra Heracles từ Zeus.

[1725] Artemis hay Diana, theo tín ngưỡng của người Hy Lạp cổ đại, là nữ thần mặt trăng và săn bắn.

vui mừng. Tôi hỏi: "Ngươi tìm thấy nó ở đâu?" Và anh ta nói với tôi rằng Theodorô Stratelates đã tặng nó cho anh ta.

Nghe vậy, hoàng đế Licinius rùng mình và, trong sự bối rối, im lặng một lúc lâu.

Lúc đó, Thánh Theodoros nói với ông:

– Đây chính là sức mạnh của Chúa Kitô đối với tôi: tất cả những gì viên trung úy Maxentius đã nói với ngài, thưa hoàng đế, – tất cả đều là sự thật, và tôi đã làm đúng khi đập vỡ các thần tượng của ngài. Bởi vì, nếu chính chúng còn không thể tự cứu mình khi bị đập vỡ, thì làm sao chúng có thể giúp đỡ ngài được?

Sau khi nghe câu trả lời của Thánh Theodor, Licinius im lặng một lúc, như thể một người câm và mất trí. Ngồi trong nỗi buồn sâu thẳm, tựa đầu vào tay phải, than thở và oán trách, cuối cùng ông thốt lên:

– Khốn khổ cho ta, khốn khổ cho ta! Ta đã bị sỉ nhục biết bao! Giờ đây ta phải nói gì, phải làm gì – ta không biết. Là vị vua quyền lực nhất và đã tập hợp được một đội quân hùng hậu như vậy, ta đã đến gặp người bất hạnh này, và giờ đây ta bị tất cả kẻ thù chế giễu, đặc biệt là vì tên khốn kiếp này đã đập vỡ những vị thần chiến thắng của ta và phân phát chúng cho những người nghèo khổ.

Sau đó, quay sang vị thánh, ông nói:

– Theodore, đây có phải là cách ngươi đền ơn các vị thần vì những ân huệ họ đã ban cho ngươi không? Đây có phải là điều ta mong đợi khi đã ban cho ngươi những vinh dự to lớn đến thế không? Và có phải vì điều đó mà ta đã rời bỏ Nicomedia để đến gặp ngươi hôm nay không? Hỡi kẻ độc ác và đồi bại! Quả thật, ngươi là con của sự xảo trá và là nơi trú ngụ tồi tệ của sự gian dối, đã dùng lời nịnh hót để lôi kéo ta đến đây. Nhưng, ta thề với ngươi bằng quyền năng của các vị thần vĩ đại của ta, ta sẽ không dung thứ điều này, và mưu mô của ngươi sẽ không kết thúc tốt đẹp cho ngươi đâu.

Vị thánh đáp lại Licinius:

– Hỡi vị vua điên rồ, sao ngươi lại giận dữ như vậy? Hãy tự mình nhìn xem và nhận ra sức mạnh của các vị thần của ngươi. Nếu họ thực sự là các vị thần, thì tại sao họ lại không tự giúp chính mình? Tại sao họ không nổi giận với ta khi ta đánh bại họ, và không giáng lửa từ trời xuống để thiêu rụi ta? Nhưng họ chỉ là những vật vô hồn và vô lực, dễ dàng bị tay người chém nát như vàng và bạc. Ngươi, hỡi vị vua, đang giận dữ và phẫn nộ, còn ta thì thấy sự điên rồ của ngươi thật nực cười. Ngài giận dữ và nổi cơn thịnh nộ, còn tôi thì can đảm và không để ý đến cơn thịnh nộ của ngài. Ngài buồn bã, còn tôi thì vui mừng trước sự diệt vong của các vị thần của ngài. Ngài chống lại Chúa, còn tôi thì ngợi khen Ngài. Ngài phỉ báng Đức Chúa Trời chân thật, còn tôi thì ca ngợi Ngài qua những bài thánh ca. Ngươi thờ lạy các vị thần đã chết, còn ta thờ lạy Đức Chúa Trời Hằng Sống. Ngươi phụng sự Serapis xấu xa[1726] , còn ta phụng sự Chúa Kitô, Chúa của ta, Đấng thanh khiết và chính trực nhất, ngự trên các Seraphim tinh khiết nhất. Ngươi tôn kính Apollon ghê tởm[1727] , còn ta tôn kính Đức Chúa Trời hằng sống muôn đời. Ngươi là than đá Thrace[1728] , còn ta là hoàng tử La Mã; – ngươi là Licinius – kẻ khuấy động, còn ta là Theodore – ân huệ của Đức Chúa Trời[1729] . Vậy nên, bệ hạ, xin đừng giận dữ và đừng nổi cơn thịnh nộ; hành động như vậy, ngài chỉ bộc lộ nỗi đau khổ bên trong của mình và sẽ trở nên giống như một con lừa hay một con la nào đó.

Lúc đó, vua Licinius càng tức giận hơn, ra lệnh trói thánh nhân trần truồng theo hình chữ thập và đánh đập dữ dội bằng những sợi gân bò tươi.

Và các chiến binh đã đánh vị thánh tử đạo không thương xót, thay phiên nhau, lúc thì ba người, lúc thì bốn người cùng đánh, và trong thời gian đó, thánh Theodorus đã phải chịu sáu trăm nhát đòn vào lưng và năm trăm nhát vào bụng.

Còn hoàng đế Licinius thì chế nhạo ngài, nói rằng:

– Thê-ô-đô-rơ, hãy kiên nhẫn một chút, cho đến khi Đức Chúa Kitô, Thiên Chúa của ngươi, đến với ngươi, Đấng sẽ giải thoát ngươi khỏi tay kẻ hành hạ.

Thánh nhân đáp lại:

[1726] Serapis – vị thần Ai Cập của linh hồn người chết, được cầu khấn như vị cứu tinh khỏi bệnh tật và cái chết. Sau này, sự tôn kính dành cho ngài cũng lan sang Hy Lạp và La Mã, nơi nó trở nên rất phổ biến.

[1727] Apollon – vị thần Mặt Trời và sự khai sáng trí tuệ của Hy Lạp-La Mã.

[1728] Biệt danh Licinius, ám chỉ nguồn gốc thấp kém của ông từ Thrace.

[1729] Tên Licinius, khi dịch từ tiếng Latinh, có nghĩa là "người thổi gió"; còn Theodorus, từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là "món quà của Thượng Đế".

– Hãy làm với tôi bất cứ điều gì ngài muốn, và đừng ngừng lại: vì chẳng có nỗi đau, sự chật chội, vết thương, thanh gươm, hay bất kỳ hình phạt nào khác có thể tách tôi khỏi tình yêu của Chúa Kitô.

Lúc đó, nhà vua, bùng lên cơn thịnh nộ còn dữ dội hơn, nói:

– Ngươi vẫn còn xưng nhận Đức Kitô sao?

Và ông ra lệnh đánh vị thánh tử đạo vào lưng bằng những cây gậy thiếc một cách tàn nhẫn, rồi dùng móng sắt cào xé thân thể ngài, thiêu đốt bằng những ngọn nến đang cháy, và chà xát vết thương của ngài bằng những mảnh gốm sắc nhọn.

Vị thánh, trong khi kiên cường chịu đựng tất cả những điều đó, không nói gì khác ngoài: "Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Thiên Chúa của con!" Sau tất cả những cực hình đó, nhà vua ra lệnh giam Thánh Theodor vào ngục tối, trói chân ngài lại và không cho ngài ăn uống trong suốt năm ngày. Sau năm ngày, ông ra lệnh chuẩn bị cây thập tự và đóng đinh vị thánh lên đó.

Và thế là, cũng như ngày xưa Chúa Kitô, Chúa chúng ta, đã bị Philatô đóng đinh, thì giờ đây Thánh Theodor cũng bị Lycinius đóng đinh trên thập giá, tay và chân ngài đều bị đóng đinh.

Nhưng những kẻ tra tấn tàn nhẫn còn tìm cách gia tăng thêm nỗi đau khổ và cực hình của vị thánh. Chúng đóng vào người ngài một chiếc đinh dài và nhọn, rồi dùng dao cạo rạch xé thân thể ngài; còn những thanh niên và thiếu niên thì giương cung và bắn vào mặt ngài, đến nỗi đồng tử mắt ngài bị mũi tên xuyên thủng.

"Tôi," – người ghi chép lại những đau khổ của ngài, "thư ký[1730] Uar," – khi chứng kiến tất cả những cực hình khủng khiếp này và như thể nghe thấy những tiếng rên rỉ đau đớn từ sâu thẳm tâm hồn ngài, đã ném cuốn sách mà tôi đang ghi chép tất cả những điều này, rồi quỳ sụp xuống dưới chân ngài trong nước mắt và nói:

– Xin ngài ban phước cho tôi, thưa ngài, xin ngài ban phước cho tôi! Xin hãy nói với tôi, người tôi tớ của ngài, lời cuối cùng!

Còn ngài của tôi, chiến binh của Chúa Kitô là Theodore, đã nói với tôi bằng giọng nói nhẹ nhàng:

– Uar, đừng bỏ nhiệm vụ của ngươi và đừng ngừng quan sát những đau khổ của ta; hãy ghi chép lại chúng, ghi chép cả cái chết của ta và ghi rõ ngày tháng của nó.

Sau đó, kêu cầu Chúa, vị thánh nói:

– Lạy Chúa, trước đây Ngài đã phán với con: "Ta ở cùng con." Vậy mà giờ đây sao Ngài lại bỏ rơi con? Hãy nhìn xem, lạy Chúa, vì Ngài mà bầy thú dữ đã xé nát con tơi tả: tròng mắt con bị đâm thủng, thân thể con tan nát vì vết thương, khuôn mặt con bị rách nát, răng con bị nghiền nát; chỉ còn những chiếc xương trần trụi treo lơ lửng trên thập tự giá; xin hãy nhớ đến con, lạy Chúa, kẻ đang chịu khổ trên thập tự giá vì Ngài: vì Ngài mà con đã chịu đựng cả sắt, lửa và đinh; giờ đây xin hãy đón nhận linh hồn con, vì con sắp rời khỏi cõi đời này rồi.

Quả thực, toàn thân Thánh Phê-ô-đô-rô đã bị xé nát.

Licinus, tưởng rằng vị tử đạo đã qua đời, nên để ngài treo trên thập giá. Nhưng vào ca gác đầu tiên của đêm đó, Thiên Thần của Chúa đã đưa vị thánh tử đạo xuống khỏi thập giá và làm cho ngài trở lại nguyên vẹn và khỏe mạnh như trước; khi chào đón ngài, Thiên Thần nói với ngài:

– Hãy vui mừng và được củng cố bởi ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta; này, Chúa ở cùng ngươi; sao ngươi lại nói rằng Ngài đã bỏ rơi ngươi? Vậy, hãy hoàn thành đến cùng công việc anh hùng của ngươi, và ngươi sẽ đến với Chúa để nhận vương miện bất tử đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi.

Nói xong những lời đó với vị thánh tử đạo, Thiên thần bỗng biến mất. Sau đó, vị thánh tử đạo Théodore, tạ ơn Thiên Chúa, bắt đầu ngợi khen như sau: *"Con sẽ tôn vinh Ngài, lạy Thiên Chúa của con, lạy Vua [của con], và chúc tụng danh Ngài đến muôn đời muôn kiếp"* (Thánh vịnh 144:1).

Còn Licinius, kẻ vô đạo, trước khi trời sáng, đã sai hai viên trung úy của mình là Antiochus và Patricius, ra lệnh cho họ:

– Hãy đi và mang về cho ta thi thể của Thánh Phêrô, người đã qua đời trong đau khổ: ta sẽ đặt thi thể ấy vào một chiếc hòm thiếc và ném xuống đáy biển, để những kẻ Kitô hữu điên rồ kia không thể lấy được.

Khi họ đi và đến gần nơi Theodorus bị đóng đinh, họ thấy cây thập tự giá, nhưng vị tử đạo bị đóng đinh trên đó đã không còn ở đó nữa. Antiochus bèn nói với Patricius:

[1730] Notary – người ghi chép nhanh. Vào thời kỳ đầu sau Công nguyên, thuật ngữ này thường được dùng để chỉ các thư ký hoàng gia, những người chịu trách nhiệm chứng thực các văn bản.

– Người Galilê nói đúng[1731] , rằng Đấng Kitô của họ đã sống lại từ cõi chết. Chính Ngài, theo tôi nghĩ, đã làm cho người tôi tớ của Ngài là Theodor sống lại.

Lúc đó, Patricius tiến lại gần cây thập tự, thấy thánh Theodor đang ngồi trên đất và ngợi khen Chúa. Rồi Patricius lớn tiếng reo lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, và không có thần nào khác ngoài Ngài!

Sau đó, cả hai viên trung úy đều tiến lại gần vị thánh và nói:

– Chúng tôi khẩn cầu ngài, vị tử đạo của Chúa Kitô, xin hãy đón nhận chúng tôi, vì từ giờ phút này, chúng tôi cũng là Kitô hữu.

Và cả hai viên trung úy này cùng với bảy mươi chiến binh đã tin vào Chúa Kitô vào ngày hôm đó.

Khi Licinius biết tin này, ông đã sai quan tổng trấn của mình là Sixtus cùng ba trăm binh sĩ đi để giết hết những ai đã tin vào Chúa Kitô.

Khi những người lính này đến và thấy những phép lạ mà Thánh Theodor đã thực hiện nhờ quyền năng của Chúa Kitô, họ lập tức tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Và một đám đông vô số người đã đổ về nơi này, và tất cả đều kêu lên:

– Chỉ có một Thiên Chúa, Thiên Chúa của người Kitô hữu, và không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ngài!

Và còn nữa:

– Kẻ tra tấn Licinius là ai? Hãy ném đá vào hắn! Đối với chúng ta, chỉ có một Đức Chúa Trời và một Vua – đó là Chúa Kitô, Đấng mà Thánh Theodor đã rao giảng!

Và trong đám đông bùng lên tiếng ồn ào và hỗn loạn, thậm chí còn xảy ra đổ máu.

Một chiến binh tên là Leander, với thanh gươm trần, chạy đến nơi này và lao thẳng vào Theodorus, định chém ông bằng gươm. Sixtus, quan tổng trấn của hoàng đế, đã giữ anh ta lại, giật thanh gươm khỏi tay anh ta và chém anh ta. Một chiến binh khác tên là Mirpos, người gốc Ugrian[1732] , đã lao vào quan tổng trấn hoàng gia Sixtus và giết chết ông ta.

Thánh Theodoros, muốn xoa dịu cuộc nổi loạn của dân chúng, đã lớn tiếng nói:

– Hãy dừng lại đi, hỡi những người thân yêu! Chúa Giêsu Kitô của tôi, khi bị treo trên Thập giá, đã ngăn cản các Thiên thần, để họ không trừng phạt loài người.

Sau khi vị tử đạo Phê-ô-đô-rô nói như vậy với dân chúng, khẩn cầu và khuyên nhủ họ, – tiếng ồn ào và sự hỗn loạn của dân chúng đã chấm dứt.

Lúc đó, vị thánh tử đạo đi ngang qua nhà tù, và cả dân chúng lẫn binh lính đều theo sau ngài; còn những tù nhân đang ngồi trong nhà tù thì lớn tiếng kêu lên với vị thánh:

– Xin thương xót chúng con, tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao!

Thánh nhân bằng lời nói của mình đã giải thoát họ khỏi xiềng xích, mở cửa ngục và nói với họ:

– Hãy ra đi trong bình an, hỡi các anh em, và hãy nhớ đến tôi.

Và cả thành phố đều tụ tập lại, tất cả đều từ bỏ việc thờ lạy thần tượng và tôn vinh Đức Kitô – Thiên Chúa Duy Nhất.

Lúc bấy giờ, những người bệnh tật được chữa lành, còn ma quỷ thì bị trục xuất khỏi con người. Bất cứ ai được vị thánh chạm vào bằng bàn tay của ngài, hay thậm chí chỉ cần chạm vào áo của ngài, đều lập tức được chữa lành.

Lúc đó, một trong những người thân cận của Licinius, thấy những điều đang xảy ra, đã đến gặp ngài và nói:

– Cả thành phố, bỏ các vị thần, theo giáo lý và phép thuật của Thánh Theodorus, đã tin vào Chúa Kitô.

Nhà vua, tràn đầy cơn thịnh nộ, lập tức sai một binh sĩ đến chém đầu thánh Theodorus. Dân chúng, khi thấy người lính đó, lại nổi lên tiếng ồn ào và nổi loạn: họ nổi dậy chống lại Licinius, muốn giết người đầy tớ của ông. Lúc đó, vị thánh bắt đầu khuyên nhủ dân chúng từ bỏ ý định đó. Ông nói:

– Hỡi anh em và các bậc cha ông! Đừng nổi loạn chống lại Licinius: vì hắn là đầy tớ của cha hắn là ma quỷ, còn tôi bây giờ phải về với Chúa Giêsu Kitô của tôi.

[1731] Đó là cách những người ngoại đạo gọi các Kitô hữu với thái độ khinh miệt, vì họ cho rằng Chúa Kitô xuất thân từ Galilê, một vùng đất vốn đã có tiếng xấu ngay cả trong cộng đồng người Do Thái.

[1732] Người Ugrin là tên gọi dành cho những người Slav có nguồn gốc từ vùng đất Ugria hay Chervonnaya Rus, nay là miền tây Ukraine.

Nói xong, ngài bắt đầu cầu nguyện với Thiên Chúa và sau một thời gian cầu nguyện khá lâu, ngài ban phước lành cho dân chúng.

Sau đó, ngài làm dấu thánh giá, rồi nói với người đầy tớ của mình là Uar:

– Con yêu quý của ta, Uar, hãy ghi chép lại ngày ta qua đời, và chôn cất thi thể ta tại Evchait, trong điền trang của cha mẹ ta; khi con cũng sắp đến lúc lâm chung, hãy dặn dò chôn cất con bên trái ta.

Sau đó, vị tử đạo của Chúa Kitô lại cầu nguyện và cuối cùng, sau khi thốt lên lời "A-men", ngài cúi đầu thánh thiện và cao quý của mình xuống dưới lưỡi gươm và bị chém đứt đầu.

Sự việc này xảy ra vào ngày 8 tháng Hai, vào ngày thứ Bảy, lúc ba giờ chiều[1733] .

Sau khi bị chém đầu, toàn thể dân chúng đã dành cho vị tử đạo sự tôn kính cao cả: cầm nến và lư hương, các tín hữu Kitô giáo đã đặt thi hài ngài tại một nơi trang trọng, và sau đó, vào ngày 8 tháng 6, thi hài ngài được rước về Evchaiti trong một lễ nghi long trọng, và tại đó đã xảy ra vô số phép lạ, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa, – Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và thờ phượng muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Bằng lời chiến đấu chân thật, hỡi vị tử đạo, ngài là vị tướng quân cao quý của Vua Trời, hỡi Thêôđôrô: vì ngài đã khôn ngoan trang bị vũ khí của đức tin, và đã đánh bại các đạo quân ma quỷ, và ngài đã tỏ ra là vị tử đạo chiến thắng. Vì thế, chúng con luôn ca ngợi ngài bằng đức tin.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Với lòng dũng cảm, ngài đã bám chặt vào đức tin, và cầm Lời Chúa như cây giáo trong tay, ngài đã đánh bại kẻ thù, Thánh Theodora vĩ đại, xin đừng ngừng cầu nguyện cùng các vị tử đạo cho tất cả chúng con trước mặt Chúa Kitô.

Kỷ niệm Thánh Tiên tri Zacharias Serpovidts.

Ngày 8 tháng 2

Như một tiếng chuông vui mừng vang lên đối với những người Do Thái đang bị lưu đày tại Babylon, sắc lệnh của vua Cyrus nước Ba Tư về việc giải phóng[1734] ; và những người trong số họ, những người đang chịu đựng cảnh lưu đày ở xứ lạ, như *"trong bóng tối và bóng chết, bị xiềng xích bởi nỗi đau khổ"* (Thi Thiên 106:10), đã vội vã trở về đất tổ tiên của họ. Mang theo các đồ thánh đã bị Nebuchadnezzar cướp đi khi phá hủy Giê-ru-sa-lem (1 Ê-xơ-ra 1:7–8), những người di cư, dưới sự lãnh đạo của công tước Xô-ro-ba-bên, thuộc dòng dõi vua Đa-vít (1 Ê-xơ-ra 1:8, 2:2; 1 Sử ký 3:19, 9–17), đã trở về quê hương. Vào tháng thứ bảy sau khi trở về, họ đã dựng lại bàn thờ từ đống đổ nát (1 Ê-xơ-ra 3:1–6), rồi bắt tay vào việc tái thiết đền thờ đã bị phá hủy. Vào tháng thứ hai của năm thứ hai, lễ đặt viên đá nền cho đền thờ mới đã được tiến hành theo luật lệ của Đa-vít, *"và cả dân chúng đều reo hò vang dội, ngợi khen Đức Giê-hô-va vì nền móng của nhà Đức Giê-hô-va đã được đặt"* (1 Ê-xơ-ra 3:11); nhưng nhiều bậc trưởng lão, những người đã từng chứng kiến đền thờ cũ, không kìm được nước mắt, vì biết rằng, với hoàn cảnh nghèo khó của những người trở về, đền thờ thứ hai sẽ không thể lộng lẫy như xưa; họ khóc nức nở, xen lẫn tiếng nức nở với những tiếng reo hò vui mừng (1 Esdras 3:12–13). Tuy nhiên, việc xây dựng Đền Thờ, dù ban đầu nhận được dòng tiền quyên góp dồi dào, lại diễn ra vô cùng chậm chạp. Đất nước đang bất ổn; bọn cướp hoành hành khắp nơi, khiến việc gieo trồng và thu hoạch lúa mì không thể diễn ra bình thường; gánh nặng của chế độ cai trị bởi các quan chức Ba Tư (Nê-hê-mi 9:36–37), những đợt hạn hán thường xuyên, nạn đói (A-gô-sê 1:6, 10–11) đã làm kiệt quệ dân chúng. Thêm vào đó là mối thù địch với người Sa-ma-ri[1735] . Với đền thờ của riêng mình trên núi

[1733] Thánh Phê-ô-đô-rơ đã bị chém đầu bằng gươm vào năm 319.

[1734] Ông trị vì từ năm 559 đến năm 530 trước Công nguyên. Lòng nhân từ của Cyrus đối với người Do Thái được giải thích là do tiên tri Đa-ni-ên đã chỉ cho ông thấy lời tiên tri của Ê-sai (Ê-sai 44:28, 45:1), trong đó hơn một trăm năm rưỡi trước đã tiên đoán rằng người Do Thái sẽ được giải phóng khỏi cảnh lưu đày nhờ Cyrus.

Garizim và coi Palestine đã là lãnh thổ của họ, họ tỏ ra cực kỳ thù địch với người Do Thái, đặc biệt là sau khi những người này từ chối đề nghị của họ về việc tham gia xây dựng đền thờ; bằng những lời vu khống khác nhau trước chính quyền Ba Tư, người Samari đã khiến công việc xây dựng bị đình trệ gần mười lăm năm[1736] .

Những trở ngại này đã làm suy yếu lòng nhiệt thành sùng đạo của người Do Thái trong việc khôi phục thánh địa của dân tộc; để khơi dậy tinh thần tôn giáo của dân tộc được chọn, cần phải có những người đàn ông có tinh thần đặc biệt mạnh mẽ; chính Chúa đã dựng nên những người như vậy qua các vị tiên tri của Ngài là Haggai và Zachariah, người mà chúng ta sẽ nói đến sau đây.

Thánh tiên tri Xa-cha-ri[1737] , người được gọi là "người thấy hình lưỡi liềm"[1738] , xuất thân từ chi phái Lê-vi; ông là con trai của Ba-ra-hi-a và cháu nội của A-đa hay Ít-đô[1739] ; người sau này đã trở về cùng với Xô-ro-ba-bên từ cuộc lưu đày ở Ba-by-lôn và trong sách Nê-hê-mi được gọi là thủ lĩnh của dòng họ tư tế[1740] . Kinh Thánh không lưu giữ những thông tin chi tiết và cụ thể về cuộc đời của tiên tri Xa-cha-ri; Kinh Thánh chỉ thỉnh thoảng vén bức màn để tiết lộ một vài mẩu tin rời rạc về cuộc đời của vị tiên tri của Đức Chúa Trời. Chẳng hạn, Kinh Thánh không đề cập đến thời gian và địa điểm sinh của tiên tri Xa-cha-ri, mà bắt đầu câu chuyện về cuộc đời ông từ khi ông bắt đầu sứ vụ tiên tri. Ngài đã được Đức Chúa Trời kêu gọi vào chức vụ tiên tri khi còn trẻ (Xa-cha-ri 2:4), vào tháng thứ hai của năm thứ hai triều đại vua Đa-ri-ô con của Hystaspes (Xa-cha-ri 1:1) – chỉ hai tháng sau tiên tri A-gê (A-gê 1:1). Nhờ hoạt động tiên tri chung, các thánh Haggai và Zacharia đã khiến dân Do Thái ngừng nghĩ đến những nhu cầu riêng của mình và hăng hái bắt tay vào việc xây dựng đền thờ. "*Tiên tri Haggai và tiên tri Zacharia, con trai của Adda*," như Ê-xơ-ra đã làm chứng, *"đã nói những lời tiên tri nhân danh Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên cho dân Do Thái đang ở tại Giu-đê và Giê-ru-sa-lem. Lúc bấy giờ, Xô-rô-ba-bên, con trai của Sa-la-phi-ên, và Giê-su, con trai của Giô-sê-đê-cô, đã đứng lên và bắt đầu xây dựng Đền Thờ của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem, cùng với các tiên tri của Đức Chúa Trời, những người đã khích lệ họ"* (1 Ê-xơ-ra 5:1–2). *"Các trưởng lão Do Thái đã xây dựng và thành công, theo lời tiên tri của tiên tri Haggai và Xa-cha-ri, con trai của Adda" (1 Esdras 6:14).*

Sứ vụ của tiên tri Xa-cha-ri có lẽ vẫn tiếp tục ngay cả sau khi đền thờ được xây dựng xong; trong những lời nói cuối cùng của ông, tạo nên nội dung cuốn sách của ông từ chương 9 đến cuối, không còn những lời khuyên nhủ về việc hoàn thành việc xây dựng đền thờ một cách không chậm trễ nữa, và có thể suy đoán rằng vào thời điểm những lời nói này được phát biểu, đền thờ đã hoàn tất[1741] . Truyền thuyết kể rằng vị tiên tri thánh Zacharias đã sống đến tuổi thọ cao và được an táng gần Giê-ru-sa-lem, bên cạnh tiên tri Haggai.

Sau khi tiên tri Xa-cha-ri qua đời, ngài để lại một di sản quý giá – cuốn sách chứa đựng những khải tượng và lời tiên tri của ngài. Đặc điểm nổi bật trong nội dung sách tiên tri Xa-cha-ri là sự phong phú của các lời tiên tri về Đấng Mê-si: không có tiên tri nào khác cung cấp nhiều chi tiết về những ngày cuối cùng trong cuộc đời Đấng Cứu Thế của chúng ta như tiên tri Xa-cha-ri. Cuốn sách của tiên tri Xa-cha-ri có thể được chia thành hai phần theo nội dung: phần thứ nhất (từ Xa-cha-ri 1:1–21 đến Xa-cha-ri 6:1–15) chứa các khải tượng, và phần thứ hai (từ Xa-cha-ri 7:1–14 đến cuối sách) – các bài giảng. Tổng cộng có tám khải tượng; phần lớn trong số đó được Thiên Thần của Đức Chúa Trời giải thích cho nhà tiên tri; mục đích của chúng là để đảm bảo với dân Do Thái về sự che chở của

---

[1735] Dân Samari là một dân tộc hỗn hợp, hình thành từ sự hợp nhất giữa những người di cư đã chiếm lĩnh vùng đất của vương quốc Mười Chi phái Israel sau khi nó bị người Assyria phá hủy, với những người còn sót lại của dân Israel bị bắt làm tù binh. Tại xứ lạ, những người di cư vẫn tiếp tục thờ phượng các thần cũ của họ, nhưng khi Đức Chúa Trời sai bầy sư tử đến tấn công họ vì điều đó, thì người Samari, để xua đuổi tai họa, đã thiết lập việc thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật, đồng thời vẫn không từ bỏ việc thờ thần tượng (2 Vua 17:27–34)

[1736] (1 Esdras 4:1–3) Người Do Thái đã từ chối người Samari, coi họ là những kẻ hai lòng.

[1737] Từ tiếng Do Thái: "ký ức của Đức Chúa Trời".

[1738] Đó là cách một số vị Giáo phụ gọi tiên tri Xa-cha-ri, dựa trên một sự mặc khải mà ông đã nhận được, trong đó ông thấy một cuộn sách bay lơ lửng trên không trung, có lẽ uốn cong giống như lưỡi liềm (Xa-cha-ri 5:1–2).

[1739] Xa-cha-ri 1:1. Trong các sách Thánh Kinh, tiên tri Xa-cha-ri được gọi là con trai của A-đa; điều này có thể giải thích là do phong tục của người Do Thái khi ghi gia phả thường nêu tên những tổ tiên nổi tiếng hơn, hoặc có thể là do sau khi cha qua đời, tiên tri Xa-cha-ri được ông nội nuôi dưỡng; quan điểm sau thuộc về Thánh Ky-ri-lô thành Alexandria

[1740] Nê-hê-mi 12:16. Dưới thời Thượng tế Giô-a-kim, con trai của Thượng tế Giê-su (*Xa-cha-ri chương 3*), tiên tri Xa-cha-ri đã là một thầy tế lễ và có lẽ là người đứng đầu dòng dõi do cha ông qua đời sớm. (Nê-hê-mi 12:12–16).

[1741] Việc xây dựng đền thờ được hoàn thành vào năm thứ sáu triều đại của vua Darius con của Hystaspes (1 Esdras 6:15). Darius trị vì từ năm 521 đến năm 486; do đó, năm xây dựng đền thờ rơi vào năm 515 trước Công nguyên.

Đức Chúa Trời. Trong khải tượng *đầu tiên* về những kỵ sĩ đã đi khắp mặt đất và thấy nó đang bình an, Đức Chúa Trời mặc khải rằng các dân tộc đang thịnh vượng – những kẻ áp bức dân Do Thái – sẽ bị đánh bại bởi cơn thịnh nộ của Ngài, còn Giê-ru-sa-lem sẽ được phục hồi và các thành phố của Giu-đa sẽ được tôn vinh (Xa-cha-ri 1:7–17). Số phận của các dân ngoại sẽ ra sao được giải thích qua khải tượng *thứ hai* về bốn thợ rèn, những người đang tiến đến để chặt đứt các sừng – biểu tượng của các dân tộc đã phân tán dân Do Thái và phá hủy Giê-ru-sa-lem (Xa-cha-ri 1:18–21). Sau khi những kẻ áp bức dân Do Thái, những kẻ cản trở việc xây dựng thành phố và đền thờ, bị đánh bại, Giê-ru-sa-lem sẽ lại được dân cư sinh sống; điều này được tiết lộ trong khải tượng *thứ ba* về Thiên Thần của Đức Chúa Trời, Đấng mang theo dây đo để đo đạc Giê-ru-sa-lem, vì thành phố này sẽ mở rộng do dân số đông đúc, và chính Đức Chúa Trời sẽ là bức tường lửa bảo vệ nó (Xa-cha-ri 2:1–13). Những tội lỗi của dân chúng sẽ không còn cản trở sự ngự trị của Chúa trên Si-ôn nữa, bởi vì chúng sẽ được tha thứ, như được cho thấy trong khải tượng *thứ tư*: nhà tiên tri thấy Thượng tế Giê-su mặc áo quần dơ bẩn – biểu tượng của sự ô uế do tội lỗi gây ra, và Sa-tan đã buộc tội Ngài; nhưng Đức Chúa Trời xưng công chính cho ngài, và từ vị Thượng tế, người đại diện cho dân tộc, những bộ áo quần dơ bẩn được cởi bỏ và thay thế bằng áo quần tinh sạch, điều này báo trước công việc vĩ đại của ân điển Đức Chúa Trời trong tương lai – việc xóa bỏ tội lỗi của cả thế gian trong một ngày bởi Đấng Mê-si-a (Xa-cha-ri 3:1–10). Trong khải tượng *thứ năm*, nhà tiên tri được chỉ cho thấy một đèn vàng (biểu tượng của Hội Thánh – Khải Huyền 1:13, 20), có bảy ngọn đèn, được đổ đầy dầu từ hai cây ô-liu đứng hai bên; điều này có nghĩa là chính Đức Chúa Trời đang canh giữ đền thờ và dân sự, còn hai cây ô-liu – Xô-rô-ba-bên và Giê-su – là những công cụ của sự quan phòng Ngài (Xa-cha-ri 4:1–14). Nhưng dân Do Thái sẽ không được hưởng ân sủng của Đức Chúa Trời, như đã được đề cập trong năm khải tượng trước đó, trong thời gian dài: họ sẽ lại sa ngã và một lần nữa phải chịu hình phạt; ý tưởng này được tiết lộ trong khải tượng *thứ sáu* về cuộn sách chứa lời nguyền rủa dành cho những kẻ trộm cắp và những kẻ phạm thề (Xa-cha-ri 5:1–4), và – trong khải tượng *thứ bảy* về ephah (đơn vị đo lường chất lỏng) với người phụ nữ ngồi trong đó – biểu tượng của sự gian ác – bị hai người khác mang đi đến Sennaar hay Babylon (Xa-cha-ri 5:5–10).

Vào thời điểm mà nhà tiên tri chiêm ngưỡng, như những khải tượng thứ năm và thứ sáu cho thấy, sự suy đồi của dân được chọn sẽ đạt đến đỉnh điểm; khi đó, lời nguyền rủa sẽ lan tràn khắp xứ Giu-đa và giáng xuống những kẻ bất chính, cho đến khi mức độ bất công của dân tộc này được lấp đầy và họ phải hứng chịu hình phạt cuối cùng; người phụ nữ gian ác – đó là dân Do Thái; ephah – là thước đo những điều bất chính đã gây ra lời nguyền rủa. Những người ngoại đạo cũng sẽ không thoát khỏi sự trừng phạt, như được thể hiện trong khải tượng *thứ bảy* cuối cùng về bốn cỗ xe ngựa với những con ngựa lông màu khác nhau – biểu tượng của các Thiên thần của Chúa, những Đấng sẽ đi khắp mặt đất để phán xét các kẻ thù của Đức Chúa Trời. Sau khi thế giới ngoại đạo bị hủy diệt, vương quốc của Đấng Mê-si-a sẽ đến, điều mà nhà tiên tri miêu tả qua hành động tượng trưng sau đây: ông đội lên đầu Thượng tế Giê-su hai vương miện bằng vàng và bạc – biểu tượng cho phẩm giá Thượng tế và vương quyền của Đấng Mê-si-a sắp đến, – cùng với lời tiên tri rằng Chồi non (Đấng Mê-si) sẽ đến, xây dựng đền thờ và trở thành Thượng tế: khi điều này thành hiện thực, thì các dân tộc xa xôi cũng sẽ đến xây dựng đền thờ cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (Xa-cha-ri 6:1–15).

Phần thứ hai (từ Xa-cha-ri 7:1–14 đến hết) chứa đựng các bài giảng của tiên tri Xa-cha-ri. Trong bài giảng đầu tiên, trước câu hỏi của những người cùng thời với ngài về việc liệu có nên tuân giữ các ngày ăn chay được thiết lập để tưởng nhớ những sự kiện đau buồn của thời kỳ lưu đày hay không, nhà tiên tri dạy rằng việc ăn chay phải đi kèm với những việc làm công chính và tình yêu thương đối với người lân cận; khi đó, những ngày ăn chay sẽ biến thành những ngày lễ hội, và trên dân Y-sơ-ra-ên sẽ ngự xuống phước lành của Đức Chúa Trời cùng niềm vui của sự cứu rỗi, vốn sẽ bao trùm cả các dân ngoại (Xa-cha-ri 7:1–14, 8:1–23). Trong bài giảng thứ hai, vị tiên tri tiên báo về sự diệt vong của các dân tộc thù địch với Y-sơ-ra-ên, còn Giê-ru-sa-lem sẽ được đặt dưới sự che chở đặc biệt của Đức Chúa Trời, và sẽ không còn kẻ áp bức nào có thể xâm phạm thành phố này nữa. Sau đó, vị tiên tri kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên hãy vui mừng, vì Vua công chính và hiền lành đang đến với họ; Ngài sẽ thiết lập công chính trên đất và cứu chuộc dân Ngài, tiêu diệt sự kiêu ngạo và tự mãn của loài người. Ngài sẽ khai mở vương quốc của mình bằng cách vào thủ đô trên lưng một con lừa và một con lừa con, những con vật hiền lành, là biểu tượng của hòa bình[1742] . Vương quốc của Đấng Mê-si-a – vương quốc của hòa bình – sẽ lan rộng từ Giu-đa ra khắp mặt đất;

[1742] Các thánh sử, khi thuật lại về cuộc rước long trọng của Chúa vào Giê-ru-sa-lem, đã trích dẫn đoạn văn này từ sách tiên tri Xa-cha-ri, qua đó liên hệ nó với Đấng Cứu Thế Giê-su (Mt 21:4–6; Ga 12:14–16)

Vị Vua sẽ thu hút mọi người vào vương quốc ấy không phải bằng vũ lực, mà bằng của lễ đổ máu mà Ngài sẽ dâng lên cho tất cả loài người để hòa giải họ với Đức Chúa Trời. Dân Hy Lạp – kẻ thù của dân sự Đức Chúa Trời – được tiên tri sẽ bị đánh bại, còn dân Do Thái – sẽ nhận được phước lành về sự màu mỡ và sinh sôi nảy nở. Sau khi miêu tả số phận tươi sáng đang chờ đợi Israel trong tương lai không xa, nhà tiên tri chuyển sang miêu tả sự từ chối sắp xảy ra đối với dân Do Thái: nhà tiên tri kêu gọi Li-băng mở cửa cho kẻ thù, kẻ sẽ tàn phá toàn bộ Giu-đê. Nguyên nhân của thảm họa này được tiên tri Xa-cha-ri giải thích qua câu chuyện tượng trưng về hai cây gậy của Đấng Chăn Chiên Trên Trời. Trên một cây gậy có dòng chữ *"lòng nhân từ",* còn trên cây gậy kia có dòng chữ *"xiềng xích";* khi bầy chiên, dù Đấng Chăn Chiên đã chăm sóc chúng, vẫn không chịu sửa đổi, thì Ngài đã bẻ gãy cây gậy có dòng chữ *"lòng nhân từ",* điều này báo hiệu sự chấm dứt giao ước giữa Đức Chúa Trời và dân Ngài; sau đó, Ngài đòi nhận thù lao cho công lao chăn dắt của mình, nhưng dân Do Thái chỉ định giá công việc của Ngài bằng 30 đồng bạc; Người Chăn Chiên đã ném những đồng bạc này cho người thợ gốm trong Đền Thờ của Chúa[1743] . Ngay sau đó, Người Chăn Chiên đã bẻ gãy cây gậy khác – *"dây trói"* – như một dấu hiệu cho thấy tình huynh đệ giữa Giu-đa và Y-sơ-ra-ên đã bị hủy bỏ. Khi Đấng Chăn Chiên Tốt Lành bị từ chối, đàn chiên đã rơi vào tay những kẻ lính đánh thuê (Xa-cha-ri 9:1–17, 10:1–12, 11:1–17).

Trong bài giảng cuối cùng, vị tiên tri loan báo rằng tất cả các dân tộc trên thế giới sẽ nổi dậy chống lại Giê-ru-sa-lem, nhưng chính Chúa sẽ bảo vệ thành và tiêu diệt những kẻ tấn công; còn đối với dân Do Thái, Chúa sẽ tuôn đổ Thánh Thần của ân sủng và lòng thương xót, và dân Do Thái sẽ ngước nhìn Đấng mà họ đã đâm thâu, và sẽ khóc than cho Ngài như khóc than cho con một của mình[1744] . Lúc bấy giờ, một suối nước sẽ tuôn trào cho nhà Đa-vít, rửa sạch tội lỗi của họ, và mọi ký ức về các thần tượng và các tiên tri giả sẽ bị xóa bỏ; Đấng Chăn Chiên sẽ bị đánh đập, và bầy chiên sẽ tản mác[1745] . Chúa sẽ thiết lập một vương quốc đầy ân sủng, tuy nhỏ về số lượng, chỉ chiếm một phần ba số người sống trên đất, nhưng lại là một dân tộc đã được thử thách và thánh khiết. Cuối cùng, các dân ngoại giáo sẽ một lần nữa vây hãm Giê-ru-sa-lem, nhưng Chúa sẽ đứng lên bảo vệ và đánh bại chúng, và khi đó sẽ có một ngày duy nhất, chỉ có Chúa mới biết: ánh sáng sẽ tắt, các vì sao sẽ lùi xa, sẽ không còn ngày cũng chẳng còn đêm; chỉ đến chiều tối, ánh sáng mới xuất hiện[1746] . Nước sống sẽ tuôn trào từ Giê-ru-sa-lem, thành phố này sẽ trở thành trung tâm của vương quốc mới, nơi chỉ có những người công chính cư ngụ – sẽ không còn điều gì ô uế trong đó nữa. (Xa-cha-ri 12:1–14, 13:1–19, 14:1–21)[1747] .

Ngày 22 tháng 2

Ngày 9 tháng 2 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Nicifor

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 2

Tại thành Antioch vĩ đại của Syria, có một vị linh mục tên là Sapricius và một công dân bình thường tên là Nicifor. Họ yêu thương nhau và thân thiết đến mức một số người còn cho rằng họ là anh em ruột.

Sau nhiều năm tình bạn như vậy, ma quỷ – kẻ ghét mọi điều thiện lành – đã ghen tị với họ và gieo rắc những mầm mống thù hận vào lòng họ, đến nỗi họ thậm chí không muốn gặp nhau trên đường: họ đã ghét nhau đến mức

---

[1743] Thánh Mát-thêu, khi thuật lại quyết định của Tòa Công luận dùng số bạc mà Giu-đa đã phản bội để mua mảnh đất của người thợ gốm nhằm chôn cất những người lạ, đã nhận ra đây là sự ứng nghiệm của lời tiên tri Xa-cha-ri, nhưng lại gọi đó là lời tiên tri của Giê-rê-mi, có lẽ vì cuộn sách chứa các sách tiên tri mà vị Thánh Tông đồ đang có sẵn bên mình được ghi tên tiên tri Giê-rê-mi ở đầu

[1744] Thánh Tông đồ Gioan, khi thuật lại việc lời tiên tri này được ứng nghiệm nơi Đức Giêsu Kitô, đã trích dẫn nguyên văn chính lời tiên tri đó (Ga 19:34–37).

[1745] Chính Chúa đã áp dụng lời tiên tri này cho chính Ngài, khi sau Bữa Tiệc Ly, trên đường đến Ghết-sê-ma-ni, Ngài báo trước cho các Tông đồ rằng họ sẽ sớm bỏ rơi Ngài (Mt 26:31; Mc 14:27).

[1746] Tại đây, ta có thể thấy lời tiên tri về hiện tượng nhật thực xảy ra trong lúc Chúa Giê-su bị đóng đinh (Lu-ca 23:44–45).

[1747] Một số đoạn trong sách tiên tri Xa-cha-ri được đọc trong giờ kinh chiều như các bài đọc. Chẳng hạn, Xa-cha-ri 9:9–14 được đọc vào tuần Va'i; Xa-cha-ri 11:10–13 – vào Thứ Sáu Tuần Thánh; Xa-cha-ri 8:7–17, 19–23 – vào Thứ Sáu ăn phô mai của Tuần Thánh; Xa-cha-ri 14:4, 8–11 (nơi nói về sự hiện ra của Chúa trên núi Ô-li-ve) – vào Lễ Thăng Thiên của Chúa, diễn ra trên ngọn núi này.

đó; và cũng như trước đây tình yêu và tình bạn từng ngự trị giữa họ, thì sau đó, dưới sự tác động của Satan, lòng căm ghét và thù hận đã bùng lên dữ dội giữa họ.

Sau khi sống trong sự căm ghét và thù hận lẫn nhau trong một thời gian khá dài, Nikifor, khi tỉnh táo lại và nhận ra rằng chính quỷ dữ đang gieo rắc sự thù hận này, đã cầu xin bạn bè và hàng xóm của mình đến gặp linh mục Saprikiy và nài nỉ ngài tha thứ cho anh, người đang ăn năn, và yêu thương anh như xưa; nhưng vị linh mục không muốn từ bỏ sự thù địch đối với anh.

Lúc đó, Nikifor lại cử những người bạn khác đến với cùng lời thỉnh cầu ấy, nhưng vị linh mục thậm chí còn không thèm lắng nghe họ. Ông cũng từ chối cả những người được cử đến lần thứ ba và không nghe theo lời khẩn cầu của họ; do đó, ông không chịu mở lòng thương xót để tha thứ cho người anh em đang khiêm nhường cầu xin sự tha thứ. Ngược lại, ông đã làm cứng lòng mình, vẫn kiên quyết không nhượng bộ, quên đi lời của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng đã phán: *"Hãy tha thứ, thì các ngươi sẽ được tha thứ"* (Lc 6,37); và còn nữa: *"Vậy, nếu anh em đem lễ vật của mình đến bàn thờ mà ở đó nhớ ra rằng anh em mình có điều gì bất bình với anh em, thì hãy để lễ vật của mình lại trước bàn thờ, đi làm hòa với anh em mình trước, rồi hãy trở lại dâng lễ vật của mình... Vì nếu các con tha thứ cho người ta những lỗi lầm của họ, thì Cha các con ở trên trời cũng sẽ tha thứ cho các con"* (Mt 5:23–24, Mt 6:14).

Lúc đó, Nikifor, thấy linh mục Saprikius không muốn chấp nhận lời cầu thay cho mình, liền tự mình đến gặp ông, quỳ xuống dưới chân ông và nói:

– Xin tha thứ cho con, thưa cha, vì danh Chúa, xin tha thứ cho con.

Còn Sapricius thì thậm chí còn không thèm nhìn ngài; ông là một người thiếu lòng thương xót và không có cả tình yêu lẫn sự kính sợ Chúa; dù là một Kitô hữu và là linh mục, ông lẽ ra phải tha thứ cho anh em mình ngay cả khi không được xin tha thứ. Không được tha thứ, Nikifor rời khỏi ông trong sự xấu hổ và bị ruồng bỏ.

Vào thời điểm đó – dưới triều đại của Valerian và Gallienus[1748] – Sapricius cũng bị bắt vì là Kitô hữu và bị đưa đến trước quan tổng trấn để tra tấn.

Igemon hỏi:

– Tên ngươi là gì?

– Tôi tên là Sapricius, – người đó trả lời.

– Ngươi thuộc dòng dõi nào? – quan tổng trấn hỏi.

– Tôi là người Kitô hữu, – Sapricius đáp.

– Cậu là giáo sĩ à? – vị thống đốc lại hỏi.

– Tôi là linh mục, – Sapricius trả lời. Lúc đó, vị thống đốc nói:

– Các vị hoàng đế của chúng ta, những vị thống trị đất nước này và toàn bộ lãnh thổ La Mã, Valerian và Gallien, đã ra lệnh rằng những ai tự xưng là Kitô hữu phải dâng lễ vật cho các vị thần bất tử; còn ai khinh thường và từ chối mệnh lệnh của hoàng đế, thì hãy biết rằng, sau khi chịu đủ mọi hình phạt, người đó sẽ bị kết án tử hình một cách tàn khốc.

Sau những lời đó, Sapricius, đứng trước vị thống đốc, nói:

– Hỡi ngài thống đốc! Chúng tôi, những người Kitô hữu, có một Vua – đó là Đức Kitô, Thiên Chúa, vì chỉ Ngài mới là Thiên Chúa Chân Thật và Đấng Tạo Hóa của trời và đất, biển cả và mọi sự vật trong đó; còn các vị thần ngoại giáo chỉ là những ác quỷ, và xin cho chúng bị tiêu diệt khỏi mặt đất này; vì là sản phẩm của bàn tay con người, chúng không thể giúp đỡ ai cả.

Lúc đó, vị thống đốc tức giận ra lệnh trói ông vào bánh xe và tra tấn không thương xót. Giữa những cực hình đó, Sapricius nói với vị thống đốc:

– Ngài có quyền trên thân thể tôi, nhưng đối với linh hồn tôi thì ngài không có quyền gì cả: chỉ có một Đấng đã tạo dựng nó, là Chúa Giê-su Ki-tô, mới có quyền trên linh hồn tôi.

Sau đó, Sapricius đã dũng cảm chịu đựng mọi cực hình giáng xuống mình.

Thấy ông vẫn kiên định, vị quan tòa tàn nhẫn đã tuyên án tử hình như sau:

"Chúng ta ra lệnh chém đầu linh mục Sapricius, kẻ đã coi thường mệnh lệnh của hoàng đế, không chịu dâng lễ vật cho các vị thần bất tử và từ bỏ sự lầm lạc của đạo Kitô."

[1748] Valerian trị vì từ năm 253 đến năm 259, con trai ông là Gallien trị vì từ năm 260 đến năm 268. Ngay khi cha ông còn sống, ông đã được cha phong làm Caesar và đồng trị vì.

Trong khi Sapricius đang trên đường đến nơi hành quyết, với hy vọng nhận được vương miện tử đạo trên trời, Thánh Nikifor, khi nghe tin này, đã vội vã chạy ra đón ông và, quỳ xuống dưới chân ông, nói:

– Hỡi vị Tử đạo của Chúa Kitô, xin tha thứ cho con, con đã phạm tội trước mặt ngài!

Nhưng ngài không trả lời gì cả, vì lòng ngài vẫn còn bị sự thù hận của ma quỷ chi phối.

Trên chặng đường tiếp theo đến nơi hành hình, Thánh Nikifor lại quỳ xuống dưới chân Saprikiya và nói:

– Vị Tử đạo của Chúa Kitô, xin tha thứ cho con, con đã phạm tội gì trước mặt ngài, với tư cách là một con người; đây, ngài được ban cho vương miện từ Chúa Kitô trên trời, vì ngài đã không chối bỏ Ngài, mà đã xưng danh thánh của Ngài trước mặt nhiều người.

Còn Sapricius, bị lòng hận thù làm mờ mắt và lòng dạ tàn nhẫn đến mức không thể tha thứ, vẫn cứng rắn không lay chuyển, hoàn toàn không tỏ ra có ý định tha thứ cho anh ta. Ông thậm chí không thốt lên một lời nào với người anh em đang van xin mình, đến nỗi chính những kẻ tra tấn cũng phải ngạc nhiên trước sự tàn nhẫn của Sapricius và nói với Nikiforos:

– Chúng tôi chưa từng thấy ai điên rồ như ngươi: giờ đây hắn sắp phải chết rồi, mà ngươi vẫn còn khẩn khoản van xin hắn: lẽ nào sau khi chết hắn còn có thể làm hại ngươi được gì? Và tại sao ngươi lại cần phải hòa giải với kẻ sắp chết này?

Trước lời đó, Thánh Nikifor đã trả lời họ:

– Các ngươi không biết ta đang xin điều gì từ vị chứng nhân của Đấng Kitô, nhưng Thiên Chúa biết.

Khi họ đến nơi mà Saprikia sẽ bị chém đầu, Thánh Nikifor lại quay sang nói với ông ta:

– Tôi xin ngài, vị tử đạo của Chúa Kitô, – ngài nói, – xin tha thứ cho tôi nếu tôi đã phạm tội gì trước mặt ngài, với tư cách là một con người. Kinh Thánh có chép: *"Hãy xin, thì sẽ được ban cho"* (Mt 7,7), – vậy nên tôi khẩn cầu ngài, – xin hãy ban cho tôi sự tha thứ.

Nhưng Sapricius, người bạn lòng dạ tàn nhẫn của ông, đã không lay động trước những lời khẩn cầu ấy; ông ta không nhớ đến lời Chúa: *"Chúa Giê-su phán cùng người rằng: Hãy yêu mến Chúa là Đức Chúa Trời ngươi hết lòng… hãy yêu mến người lân cận như chính mình"* (Mt 22:37, 39); nhưng, bịt kín tai lòng và tai thân xác, hắn vẫn như con rắn điếc, từ chối lời khẩn cầu của người đang van xin hắn. Vậy nên, Sapricius đã không tuân theo lời dạy trong Phúc Âm rằng: "Ai tha thứ cho người lân cận mình, thì chính người ấy cũng sẽ được tha thứ,*"* và không nghe theo lời Chúa: *"Các ngươi dùng thước nào để đo, thì người ta cũng sẽ dùng thước ấy để đo lại cho các ngươi"* (Mt 7:2). Chính vì thế, Chúa, Đấng Phán Xét Công Chính, theo sự phán xét công bằng của Ngài, đã tước bỏ ân sủng của Ngài khỏi Sapricius, và ngay lập tức, người ấy đã sa ngã khỏi Chúa và mất đi vương miện tử đạo mà chính mình đã dệt nên.

Khi những kẻ tra tấn nói với Saprikiya: "Hãy quỳ gối xuống để chúng tôi có thể chém đầu ngươi", ông đã nói với họ:

– Tại sao các ngươi muốn chém đầu ta?

Các binh lính đáp lại:

– Vì ngươi không chịu dâng lễ vật cho các vị thần và đã bất tuân mệnh lệnh của nhà vua vì một người nào đó tên là Đấng Kitô.

Nghe vậy, Sapricius khốn khổ nói với họ:

– Đừng giết tôi, vì tôi sẽ tuân theo mệnh lệnh của các vị vua: tôi sẽ thờ lạy các vị thần và dâng lễ vật cho họ.

Thế là lòng hận thù đã làm mù quáng trái tim Sapricius! Nó đã tách ông khỏi ân sủng của Thiên Chúa, và ông, người trước đây từng chịu đau khổ mà không từ chối Chúa Kitô, giờ đây, thay vì nhận lấy vương miện vinh quang của người tử đạo, lại từ bỏ sự sống đời đời và trở thành kẻ bội đạo.

Nghe những lời điên rồ của Sapricius, Nikifor đã khóc lóc van nài ông:

– Đừng làm điều đó, hỡi người anh em yêu dấu! Đừng từ chối Chúa Giêsu Kitô của chúng ta! Đừng đánh mất vương miện thiên đàng mà ngươi đã tự dệt nên cho mình giữa những đau khổ! Này, Chúa Kitô đang đứng trước cửa, Người sẽ lại hiện ra với ngươi, và ban cho ngươi sự sống đời đời để đền bù cho cái chết tạm thời này, mà ngươi đã đến đây để đón nhận.

Nhưng Sapricius không nghe theo những lời khẩn cầu của ngài: ông vội vã tiến đến cái chết vĩnh cửu, đồng thời đánh mất cả cuộc sống vô tận mà ông lẽ ra sẽ nhận được chỉ bằng một nhát gươm.

Còn Thánh Nikifor, khi thấy Sapricius đã hoàn toàn sa ngã khỏi đức tin thánh thiện và từ chối Chúa Kitô – Thiên Chúa Chân Thật, đã cất tiếng kêu lớn với những kẻ hành hình như sau:

– Tôi là người Kitô hữu và tin vào Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà Sapricius đã từ chối; vậy thì, hãy chém tôi thay cho Sapricius.

Các binh lính, không dám giết ông mà không có lệnh của quan chỉ huy, đã vô cùng ngạc nhiên khi thấy ông tự nguyện hiến dâng mạng sống mình cho cái chết, và hoàn toàn tự do kêu lên:

– Tôi là một Kitô hữu và sẽ không dâng lễ vật cho các vị thần của các ngươi!

Lúc đó, một trong những kẻ tra tấn đã đến gặp vị thống đốc và báo cáo rằng Sapricius đã hứa sẽ dâng lễ vật cho các vị thần, nhưng có một người, anh ta nói thêm, muốn chết vì cái gọi là Chúa Kitô, và vì thế đã lớn tiếng kêu lên:

– Tôi là người Kitô hữu, tôi sẽ không dâng lễ vật cho các vị thần của các ngài và cũng sẽ không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế!

Nghe vậy, quan tổng trấn ra lệnh thả Sapricius tự do, còn Nikifor thì bị chém đầu thay cho ông. Vậy là vị thánh tử đạo đã bị giết vì Đấng Christ, vào ngày thứ chín của tháng Hai năm[1749] , và trong niềm hân hoan, ngài đã về với Chúa Kitô, để nhận lấy vương miện chiến thắng từ tay phải Ngài và hiện diện trước mặt Ngài trong hàng ngũ các thánh tử đạo, những người tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Ngài được vinh quang và sự thờ phượng, vinh hiển và quyền năng muôn đời, A-men.

Bài ca Kondak, giọng 1:

Được kết nối bởi tình yêu, hỡi Nikifor, ngài đã phá tan sự ác độc của lòng thù hận, và ngài đã bị chém đứt đầu bằng gươm, vị tử đạo của Đấng Cứu Thế đã nhập thể, xin ngài cầu thay cho chúng con, những người đang ca ngợi kỷ niệm vinh quang của ngài.

Bài ca Kondak khác, giọng 3:

Với lòng tin tưởng vào tình yêu của Chúa, ngài đã vác Thánh Giá vinh quang của Ngài trên vai, làm bẽ mặt những mưu mô của ma quỷ, chịu đau khổ cho đến chết và trở thành người chiến thắng, chiến binh và người giữ bí mật của ân sủng Thiên Chúa.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Markell, Giám mục Sicily, và Philagrius, Giám mục Síp

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 2

Các thánh tử đạo Marcellus và Philagrius là môn đệ của Thánh Tông đồ Phêrô. Trong thời gian Chúa Giêsu còn tại thế, thánh Marcellus sống tại thành phố Antiôkhia. Nghe tin về các phép lạ của Chúa, ngài đã từ Antiôkhia đến Giêrusalem để được gặp Ngài, và tại đó ngài đã làm quen với Thánh Tông đồ Phêrô. Sau khi Chúa Kitô phục sinh, Thánh Markell được Thánh Tông đồ Phêrô tấn phong làm Giám mục tại Sicily và đã chịu tử đạo tại đó sau khi dẫn dắt nhiều người ngoại giáo trở về với Chúa Kitô. Còn Thánh Philagri là Giám mục trên đảo Síp, đã nhiệt thành rao giảng đức tin vào Chúa Kitô và, sau khi chịu nhiều cực hình vì điều đó, đã về với Chúa.

Ngày 23 tháng 2

Ngày 10 tháng 2 (theo lịch cũ)

[1749] Thánh tử đạo Nicifor đã chịu khổ hình và qua đời vào khoảng năm 257.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Haralambos, Giám mục Magnesia, cùng các vị tử đạo Porphyrius và Vaptos, và ba nữ tử đạo.

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 2

Trong thời trị vì của vị hoàng đế La Mã vô đạo Severus[1750] , khi Giáo hội của Chúa Giêsu Kitô đang lan rộng, sự phụng sự ma quỷ bắt đầu suy tàn và chính việc thờ ngẫu tượng cũng dần chấm dứt. Vào thời điểm đó, tại thành phố Magnesia[1751] , có vị giám mục thánh Haralambos đang sinh sống. Ngài hướng dẫn mọi người trên con đường cứu rỗi và giảng dạy Lời Chúa cho họ; ngài nói: "Đức Vua của tôi là Chúa Giêsu Kitô, nhờ Thánh Thần, đã sai các tông đồ và các ngôn sứ đến, để mọi người, nhờ được khai sáng bởi lời rao giảng thánh thiện của các ngài, sẽ kiên định bước đi trên con đường công chính. Còn vị vua của các ngươi là Severus thì dùng những hình phạt tàn bạo để ép buộc mọi người dâng lễ vật cho những thần tượng vô hồn, và chính điều đó đã đẩy linh hồn họ vào cái chết vĩnh cửu. Chúa Giê-su Ki-tô, Vua của tôi, qua các tiên tri và tông đồ, đã ban cho chúng ta những lời của sự sống trên trời – và nhờ lời rao giảng này, kẻ thù của chúng ta bị xua đuổi, con rắn bị đạp nát, sự vô tín được biến đổi thành đức tin, giáo lý của ma quỷ bị tiêu diệt, và toàn bộ sức mạnh của kẻ thù sụp đổ trong sự sụp đổ thảm khốc của nó. Vậy, tốt hơn hết là nên tin vào những lời dạy dẫn dắt con người đến con đường sự sống vĩnh cửu, hơn là ủng hộ việc gây ra sự hủy diệt vĩnh viễn."

Sau những lời ấy, vị giám mục thánh thiện đã bị những kẻ vô tín bắt giữ và đưa ra tra tấn cùng xét xử trước quan tổng trấn Lucian và tướng quân Lucius.

Khi vị thánh tử đạo Charalampios lặp lại những lời đó trước mặt họ, vị thống đốc nói với ngài:

– Ngươi nói những lời thiếu suy nghĩ vì lòng quá nồng nhiệt, không phân biệt được thiện ác. Nhưng, vị lão nhân đáng kính, đừng nghĩ rằng ngươi sẽ không bị tra tấn vì những lời này. Vì vậy, hãy nghe theo lời khuyên của chúng ta, hãy cư xử như một vị lão nhân đáng kính, và sau khi suy nghĩ kỹ lưỡng, hãy dâng lễ vật lên các vị thần, để chúng ta không phải gây ra cho ngươi những cực hình mà ngươi không thể nào tưởng tượng nổi.

Thánh Haralambos đáp lại:

– Tôi đã già và sắp kết thúc cuộc đời tạm bợ này, tôi sẽ không bao giờ khinh thường những ân huệ thiên đàng đang chờ đợi tôi.

Lúc đó, các quan tòa nổi giận, bắt đầu chuẩn bị mọi thứ cho những hình phạt tàn bạo, đồng thời nói với ngài:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần đi, hỡi kẻ ác độc! Thánh Haralambos đáp lại:

– Ta sẽ không dâng lễ vật cho ma quỷ. Các ngươi thấy rõ rằng những con quỷ mà các ngươi tôn thờ đang run rẩy và khiếp sợ trước dấu thánh giá của Chúa Kitô.

Sau đó, các quan tòa ra lệnh lột bỏ y phục thánh của Haralambos và bắt đầu tra tấn người đàn ông giống như thiên thần này trong tình trạng trần truồng. Sau khi treo cổ vị thánh tử đạo, hai tên đầy tớ bắt đầu xé xác ngài bằng những móng sắt, và tiếp tục như vậy cho đến khi lột sạch da từ đầu đến chân.

Còn Thánh Haralambos, dù đã bị xé nát tơi tả, vẫn nói với những kẻ hành hạ ngài như sau: "Tôi cảm ơn các anh em, vì bằng cách xé nát thân xác phù du này, các anh em đã làm mới lại linh hồn tôi, linh hồn đang khao khát bước vào cuộc sống mới, cuộc sống vĩnh cửu."

Sau những lời đó của vị thánh, cả hai chiến binh đang tra tấn ngài đều kinh hoàng và họ nói với các quan tòa: "Sự sỉ nhục mà các ngài gây ra cho người này lại trở thành vinh quang cho ngài, còn những cực hình lại trở thành niềm vui. Chẳng phải chính Người là Đấng Kitô sao? Lấy hình dạng của một vị lão nhân, chẳng phải Người đã đến Á Châu để quy phục tất cả cư dân nơi đây sao? Thân xác Người, bị những móng sắt xé rách, lại trở nên cứng hơn sắt, đến nỗi những móng sắt cắm sâu vào Người, nhưng chính thân xác Người vẫn nguyên vẹn."

Khi các chiến binh nói xong, viên quan tổng trấn nghiến răng và thét lên: "Hỡi lũ nô lệ độc ác và lười biếng nhất trong việc thi hành mệnh lệnh! Không tuân theo lệnh đã ban, các ngươi còn dám bênh vực kẻ bị kết án chịu cực hình!"

[1750] Hoàng đế La Mã Septimius Severus trị vì từ năm 193 đến năm 211.

[1751] Magnesia – một thành phố ở Thessaly, vùng đông bắc của Hy Lạp cổ đại.

Còn những chiến binh đã tra tấn Thánh Haralambos thì cuối cùng cũng kiệt sức hoàn toàn và bắt đầu công khai xưng nhận và tôn vinh quyền năng của Đấng Christ, Đấng đã ban sức mạnh cho người chịu khổ, và vì thế ngay lập tức cả hai đều bị chém đầu vì danh Chúa; tên của họ là Porphyrius và Vaptos.

Cũng tại đây, ba người phụ nữ chứng kiến cảnh đau khổ của vị tử đạo đã tin nhận Chúa Kitô. Họ bắt đầu tôn vinh danh thánh và toàn năng của Ngài, và vì thế mà bị tra tấn đến chết.

Sau đó, tướng quân Lucius đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cầm lấy dụng cụ tra tấn của các đao phủ, rồi tự tay tra tấn thánh Charalampios, hành hạ tàn nhẫn khắp cơ thể ngài. Ngay lập tức, hai cánh tay của ngài bị tách khỏi khuỷu tay, như thể bị chém đứt bằng gươm, và dính chặt vào thân thể vị tử đạo, lủng lẳng trên người ngài.

Luki, không còn hai tay, ngã xuống đất và kêu lên: "Người này là phù thủy! Xin ngài giúp tôi, ngài Igemon!"

Igemon bước lại gần, nhìn thấy đôi tay của vị tướng quân mình đang treo lủng lẳng trên thân thể vị tử đạo, liền nhổ nước bọt vào mặt Thánh Haralambos; ngay lúc đó, đầu của Igemon quay ngoắt lại và khuôn mặt ông ta đã hướng về phía sau.

Lúc đó, những người Magnesia, bị bao trùm bởi nỗi kinh hoàng tột độ, bắt đầu van xin vị thánh tử đạo, thốt lên: "Xin hãy bỏ cơn giận và xua đuổi sự trừng phạt của Đức Chúa Trời! Vì chính ngài đã được truyền dạy rằng đừng trả thù ác bằng ác."

Thánh Haralambos đáp lại: "Chúa Trời hằng sống chứng giám, trong lòng tôi không có sự thù hận, còn trên môi tôi không có lời nịnh hót! Chính các ngươi cũng thấy rằng Đức Kitô, Thiên Chúa, đã trừng phạt những vị quan vô luật pháp này; chính Ngài sẽ ban cho chúng ta sự sống đời đời, còn những kẻ bất chính thì sẽ bị hủy diệt."

Lúc đó, mọi người cùng kêu lên với Chúa: "Lạy Chúa, xin đừng hủy diệt chúng con, những kẻ đã phạm tội với Ngài! Này, giờ đây, lạy Thiên Chúa, Ngài đã trừng phạt các quan chức của chúng con, để dẫn dắt chúng con đến với ánh sáng và làm cho chúng con xứng đáng với sự sống đời đời."

Và tại đó, một đám đông lớn đã tin vào Đấng Christ.

Sau đó, Lu-ki nói: "Hỡi người của Đức Chúa Trời, Thiên Thần của Chúa, xin thương xót tôi, kẻ đang chịu đau khổ tột cùng; đôi tay tôi đang treo lủng lẳng trên thân thể ngài, gây gánh nặng cho ngài: xin hãy đưa chúng trở lại vị trí cũ, khi đó ngài sẽ thoát khỏi gánh nặng, còn tôi sẽ được chữa lành khỏi bệnh tật của mình, và nếu ngài làm được điều đó, tôi sẽ tin vào Đức Chúa Trời của ngài."

Lúc đó, vị thánh, dâng lời cầu khẩn lên trước mặt Chúa, đã kêu lên: "Varuch, Manu'id, Maron-Afa, Ravvuni, tức là Đấng được chúc phúc, Đức Chúa Trời ở cùng chúng con, Chúa của chúng con, Đấng đã nhập thể làm người, Thầy của con, xin hãy nhìn xuống sự khiêm nhường của những kẻ bị xiềng xích, xin giải thoát khỏi xiềng xích của sự trừng phạt – những quan tòa của con đây – và chữa lành cho con – người làm chứng cho Ngài đang đầy vết thương!"

Và bỗng có tiếng từ trời vang lên, phán rằng: "Haralambos – ngọn đèn trần gian, chiếu sáng cả trời cao, tôi tớ của các Thiên thần, người đồng hành với các tiên tri, bạn của các tông đồ, đồng đội của các vị tử đạo và xứng đáng được Ta trò chuyện, Ta đã nghe lời cầu nguyện của con và chấp nhận những lời từ miệng con, xin cho lời cầu xin này trở thành sự chữa lành cho những người đang đau khổ này."

Và ngay lập tức, Lucius và quan tổng trấn Lucian đã được chữa lành khỏi bệnh tật của mình.

Lúc đó, Lucius quỳ xuống dưới chân vị thánh tử đạo và xin được rửa tội, và ngài đã sớm được ban phép rửa tội; còn quan tổng trấn thì ngừng việc bắt bớ các Kitô hữu: "Cho đến khi," ông nói, "tôi báo cáo tất cả những điều này cho nhà vua."

Sau đó, nhiều người đến gặp vị thánh, sau khi xưng tội, đã được rửa tội, còn những người mắc các bệnh tật khác nhau thì được chữa lành.

Còn Igemon Lucian, sau khi lên đường đến gặp Hoàng đế Severus, người lúc đó đang ở Antioch thuộc Pisidia[1752] , đã kể lại cho ngài nghe tất cả những gì đã xảy ra tại Magnesia: "Một người thuộc cộng đồng người Galilê đã đến với chúng tôi," ông nói, "người ấy bắt đầu khiến mọi người quay lưng lại với các vị thần, đồng thời ban sự chữa lành cho những người bệnh; tướng quân Lucius, sau khi được chữa lành, đã tin vào Đấng Christ, và gần như toàn bộ Magnesia cũng đã chấp nhận đức tin của ngài; còn tôi, cũng đã khỏi bệnh, đã đến đây để báo cáo tất cả những điều này cho Bệ hạ."

[1752] Antiochia Pisidia – nằm ở phía tây Tiểu Á, giáp biên giới với Phrygia.

Nghe vậy, Sever, tràn đầy cơn giận, thốt lên: "Ôi các vị thần vĩnh cửu, đã bị những kẻ vô đạo làm ô nhục! Tại sao giáo lý của những kẻ dối trá này lại lan rộng khắp trần gian đến thế!"

Ngay lập tức, ông sai ba trăm chiến binh tàn bạo và vô nhân đạo đi bắt Thánh Charalampios. Ông ra lệnh cho họ trước tiên phải tra tấn Thánh nhân, rồi sau đó đưa ngài từ Magnesia về Antioch.

Khi trở về gặp vua, các chiến binh đã dẫn theo vị tử đạo của Chúa Kitô; họ đóng một chiếc đinh sắt nhọn vào thân thể ngài, rồi luồn một sợi dây thừng vào bộ râu khá dài của ngài, quấn sợi dây quanh cổ và lôi thánh nhân đi trên đường đến gặp vua.

Và khi họ đã đi được mười lăm stade từ Magnesia[1753] , con ngựa đi bên phải bỗng quay lại nhìn các binh lính và cất tiếng nói rõ ràng bằng giọng người: "Hỡi ba trăm binh lính, các ngươi là những đầy tớ của ma quỷ, xấu xa gấp ba lần! Chẳng lẽ các ngươi không thấy Đức Kitô, Thiên Chúa và Thánh Thần đang hiện diện cùng người này sao? Tại sao các ngươi lại làm tất cả những điều này với ngài? Hỡi những kẻ lòng dạ tàn nhẫn! Hãy thả người mà các ngươi không thể trói buộc, để chính các ngươi cũng được giải thoát khỏi xiềng xích."

Các chiến binh vô cùng kinh hãi trước những lời nói mang giọng người phát ra từ con ngựa, nhưng vẫn tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, tiếp tục lôi vị thánh tử đạo về Antioch.

Lúc bấy giờ, ma quỷ, hóa thân thành một vị lão nhân, xuất hiện trước mặt vua Severus và nói với ông: "Ôi, thật đáng thương cho tôi, hỡi đức vua! Chính ta là chúa tể của người Scythia, nhưng có một người tên là Haralambos – một pháp sư vĩ đại – đã đến xứ sở của ta, và đã khiến toàn bộ quân đội của ta quay lưng lại với ta, còn toàn thể dân chúng thì gia nhập vào các đạo quân của ta. Và giờ đây, bị mọi người bỏ rơi, ta đã đến để cảnh báo ngài, để điều tương tự không xảy ra với ngài."

Vừa dứt lời, quỷ dữ nói xong, thánh Haralambos, bị các chiến binh lôi kéo, đã được dẫn đến trước mặt nhà vua. Vua vừa nhìn thấy ngài liền đâm ngay ba cây cọc nhọn vào ngực ngài, rồi ra lệnh mang củi đến, châm lửa và thiêu đốt vị tử đạo từ từ, để ngài không chết ngay lập tức mà phải chịu đựng cực hình lâu hơn.

Khi Thánh Haralambos đang bị tra tấn như vậy trong một thời gian dài, một người phụ nữ đang đứng đó lúc bấy giờ, vì muốn lấy lòng nhà vua, đã lấy than hồng rải lên đầu, mặt và râu của vị tử đạo, nói: "Chết đi, lão già, chết đi; thà ngươi chết còn hơn là cám dỗ chúng ta bằng giáo lý nịnh hót của ngươi."

Người phụ nữ ấy là một phi tần của vua. Chị gái của bà đã nói với bà: "Hay là ngươi, kẻ khốn nạn, không sợ Thiên Chúa sao? Khi tuân theo ý muốn của vua, ngươi đang làm Thiên Chúa phẫn nộ. Miền Bắc sẽ không cứu được ngươi khi Đức Kitô phẫn nộ với ngươi."

Rồi, quay sang vị tử đạo, bà thốt lên: "Người của Chúa ơi, tuổi già của ngài thật cao quý, và Chúa ở cùng ngài; chính Ngài là Đấng mà tôi cũng mong muốn tin tưởng và được giải thoát khỏi tội lỗi của mình."

Sau đó, khi ngọn lửa đã tắt hẳn, và những tên đầy tớ đã tra tấn vị thánh đã kiệt sức, dù chính vị tử đạo vẫn nguyên vẹn và hoàn toàn khỏe mạnh, nhà vua phán: "Hãy ngừng tra tấn người này đi: hãy để ông ta trả lời những câu hỏi của ta."

Và khi vị thánh tử đạo được dẫn đến gần nhà vua, Severus nói với ngài:

– Hilarion, khi trò chuyện với vua Scythia vào sáng sớm, ta đã nổi giận và nói xấu ngươi; nhưng giờ đây, sau khi chịu đựng sự tra tấn này, ngươi sẽ vẫn được chúng ta tôn kính, miễn là ngươi trả lời những điều ta sẽ hỏi. Ngươi bao nhiêu tuổi rồi?

Thánh Haralambos đáp:

– Ta đã trải qua rất nhiều thời gian trong cuộc đời phù du này: ta đã sống được một trăm mười ba năm.

– Vậy mà, đã sống lâu đến thế, – Sever nói, – sao đến giờ ngươi vẫn chưa nhận biết các vị thần bất tử? Thánh tử đạo đáp:

– Sống lâu như vậy, thưa hoàng đế, tôi đã thu được kiến thức vĩ đại: khi nhận biết Đấng Christ – Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, tôi đã tin vào Ngài.

Sau đó, nhà vua hỏi ngài rằng ngài có vợ hay không.

Vị thánh đáp:

– Tôi đã có được Trinh Nữ trên Thiên Đàng, tức là vương quốc của Đấng Kitô của tôi; còn trên trần gian thì tôi không có vợ. Lúc đó, nhà vua hỏi ông:

– Ngài có thể làm cho người chết sống lại không?

[1753] Khoảng 2 2/3 verst, theo cách tính của chúng ta.

– Điều đó không thuộc quyền năng của con người, – vị thánh đáp, – mà thuộc quyền năng của Chúa Kitô.

Lúc đó, nhà vua ra lệnh dẫn đến một người đã lâu bị quỷ ám; suốt ba mươi lăm năm, ma quỷ đã hành hạ người này: với ý định hủy diệt anh ta, linh hồn độc ác lúc thì đuổi người khốn khổ ấy lang thang khắp sa mạc và núi non, lúc thì đẩy anh ta vào rừng rậm, đầm lầy và những khe nứt trên mặt đất.

Khi người này được dẫn đến gần vị thánh, ngửi thấy hương thơm tỏa ra từ vị thánh, hắn liền kêu lên: "Xin ngài, tôi tớ của Chúa, đừng hành hạ tôi trước thời hạn! Nhưng xin ngài ra lệnh cho tôi ra khỏi đây, và nếu ngài muốn, tôi sẽ kể cho ngài nghe làm sao tôi nhập vào người này."

Vị thánh đồng ý, và quỷ Satan kể lại như sau: "Người này muốn cướp bóc người láng giềng, nhưng hắn tự nhủ: 'Nếu ta không giết người thừa kế của hắn trước, thì ta sẽ không thể chiếm đoạt tài sản của hắn được.' Và sau khi giết người láng giềng, hắn đã định chiếm đoạt gia tài của người đó; khi thấy hắn trong tình trạng như vậy, ta đã nhập vào người hắn, và đến nay đã ba mươi lăm năm ta cư ngụ trong người hắn."

Lúc đó, Thánh Haralambos nói với ma quỷ: "Hãy ra khỏi người này và đừng gây hại cho anh ta nữa."

Và ngay lập tức, quỷ dữ rời khỏi anh ta, và người bị quỷ ám đã được chữa lành.

Sau đó, nhà vua reo lên:

– Quả thật, Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Ba ngày sau, có một chàng trai trẻ qua đời; nhà vua ra lệnh mang thi thể người chết đến trước mặt mình, rồi nói với Thánh Haralambos:

– Xin ngài cầu nguyện với Đức Chúa Trời của ngài, để người chết này được sống lại.

Thánh nhân cầu nguyện xong, đã làm cho người chết sống lại, và nhờ đó, rất nhiều người đã tin vào Đấng Kitô; chính nhà vua cũng kinh ngạc khi chứng kiến những phép lạ như vậy.

Lúc bấy giờ, tại triều đình có một tổng trấn tên là Crisp; trong cuộc họp với Severus, ông ta nói với nhà vua: "Hãy xóa sổ kẻ này khỏi mặt đất – hắn là một pháp sư và tạo ra những phép lạ bằng bùa chú."

Vua tin lời Crisp và thay đổi tình cảm tốt đẹp trước đây dành cho vị tử đạo, bèn nói với ngài:

– Hilarion, hãy dâng lễ vật lên các vị thần, thì ngươi sẽ thoát khỏi tay kẻ sát nhân.

Thánh nhân đáp lại:

– Những đau khổ này mang lại cho tôi lợi ích to lớn: cơ thể tôi càng đầy vết thương, thì linh hồn tôi trong lòng càng vui mừng.

Lúc đó, nhà vua nổi giận, ra lệnh ném đá vào miệng vị thánh, còn những kẻ đánh đập ngài thì la lên: "Hãy phục tùng nhà vua, để ngươi khỏi phải chết oan uổng."

Cuối cùng, nhà vua nói với các binh lính: "Hãy cầm những ngọn đuốc đang cháy và đốt râu của ngài, rồi thiêu cháy khuôn mặt ngài."

Và khi các binh lính đưa ngọn đuốc đến gần râu của vị thánh, một ngọn lửa lớn bùng lên từ đó, lao vào những người đang đứng xung quanh và thiêu cháy đến bảy mươi kẻ vô đạo.

Thấy vậy, Sever, tràn đầy cơn thịnh nộ, nói: "Vua Scythia đã nói đúng với ta rằng Haralambos là một pháp sư và rằng hắn cũng muốn khiến quân đội của ta quay lưng lại với ta."

Rồi, quay sang các quan đại thần của mình, ông hỏi họ:

– Các ngươi có thể cho ta biết Đấng Kitô mà Haralampius tin tưởng là ai không?

– Đấng Christ là Con của Đức Mẹ Maria, – Crisp trả lời, – Ngài được sinh ra từ mối quan hệ ngoại tình của bà.

Lúc đó, một người tên là Aristarchus nói với Crispus:

– Đừng nói bừa; ngươi nghe được bí mật này từ đâu và tại sao ngươi lại biết Maria và Đấng Christ là ai?

Nghe vậy, Crisp tức giận nói:

– Ngươi có khôn ngoan hơn ta chăng?

– Vâng, tôi biết nhiều hơn anh, – Aristarchus đáp lại. Lúc đó, vua Severus thốt lên:

– Hỡi kẻ độc ác! Ngươi dám phản đối ta sao?

Aristarchus đáp lại:

– Không, thưa vua, tôi không muốn phản đối ngài hay bất kỳ ai khác; tôi chỉ đang bảo vệ Chúa Kitô mà thôi.

Sau đó, nhà vua, trong cơn thịnh nộ, cầm lấy cây cung, giương cung lên và bắn mũi tên lên trời, rồi nói: "Đức Kitô ơi, nếu Ngài đang sống trên trời, hãy xuống với chúng tôi và dựng lều của Ngài trên đất; này, ta đang

chuẩn bị chiến tranh chống lại Ngài và có đông đảo quân đội để nổi dậy chống lại Ngài; vậy thì, hãy xuống trần gian và đối đầu với ta. Còn nếu Ngài không xuống, ta sẽ lật đổ trời cao, dập tắt mặt trời và chính tay ta sẽ bắt giữ Ngài."

Trong lúc nhà vua đang nói những lời phỉ báng táo tợn và vô liêm sỉ như vậy đối với Chúa Kitô, đất liền rung chuyển, và nỗi sợ hãi tột độ ập xuống tất cả mọi người. Chúa phẫn nộ, làm rung chuyển mặt đất như một chiếc lá; từ trên cao vang lên những tiếng sấm sét kinh hoàng, và những tia chớp lóe sáng, đến nỗi tất cả những ai đang đứng đó đều như chết lặng vì sợ hãi. Còn vị vua cùng với giám mục Crisp, bị trói buộc bởi những sợi dây vô hình nào đó, bỗng bay lên khỏi mặt đất và dường như lơ lửng giữa không trung.

Lúc đó, nhà vua kêu lên với vị tử đạo: "Haralampius ơi, tất cả những điều này xảy ra là do tội lỗi của ta, và ta đang phải chịu sự đau khổ này một cách công bằng; nhưng ngươi hãy cầu nguyện với Đức Chúa Trời của ngươi, để ta được giải thoát khỏi sự đau khổ này – và ta sẽ tôn vinh danh Ngài và danh ngươi khắp thành phố, vì ta đang bị bao trùm bởi nỗi kinh hoàng lớn lao từ Đấng Christ của ngươi."

Lúc đó, công chúa tên là Galina bước đến gần họ và nói với Sever: "Thưa cha, không ai có thể chống lại Đức Chúa Trời: vì đối với các Kitô hữu, Ngài là niềm hy vọng, còn đối với những kẻ vô đạo – Ngài là Đấng hủy diệt. Hãy tin vào Ngài, và Ngài sẽ bảo vệ ngài và giải thoát ngài khỏi những xiềng xích vô hình mà hiện nay ngài đang bị Ngài trói buộc: Đấng đã trói buộc ngài chính là Thiên Chúa vĩnh cửu và toàn năng."

Quỳ trước vị thánh tử đạo, thánh nữ Galina nói: "Con xin ngài, tôi tớ của Đức Chúa Trời, hãy cầu nguyện với Chúa Kitô và bằng lời cầu nguyện của ngài, xin giải thoát cha con khỏi những xiềng xích vô hình này."

Và ngay khi thánh Haralambos vừa cầu nguyện xong, sự trừng phạt khủng khiếp của Đức Chúa Trời liền chấm dứt, và nhà vua, cùng với giám mục, được tha khỏi án tử hình, đứng dậy trên mặt đất và nói: "Chúa tể của trời và Đấng Tạo Hóa của đất, xin thương xót con! Đấng ngự trên trời, xin hãy nhìn xuống trần gian với lòng thương xót!"

Sau đó, nhà vua cùng với giám mục và tất cả các quan đại thần của mình trở về cung điện và không ra khỏi đó trong ba ngày, suốt thời gian đó ông suy ngẫm về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời và về sự trừng phạt đáng sợ vừa rồi của Ngài.

Trong thời gian đó, con gái của nhà vua – Galina – đã có một thị kiến, và cô đã kể lại cho Thánh Charalampios nghe: "Tôi có cảm giác," cô nói, "rằng mình đang đứng ở một vùng đất được tưới tiêu dồi dào; và bỗng nhiên tôi thấy một khu vườn rộng lớn được rào kín, trong đó trồng đủ loại cây cối thơm ngát; giữa chúng mọc lên một vườn nho tuyệt đẹp, và trong vườn nho đó có một cây tuyết tùng cao vút, dưới gốc cây có một suối nước chảy róc rách. Gần nơi đó có một người lính gác đáng sợ, không cho phép ai vào khu vườn này. Từ gần đó, tôi thấy cha tôi và giám mục Crispus, những người đang bị người canh gác khu vườn này dùng thanh gươm lửa của mình đuổi khỏi nơi này. Lúc đó, tôi bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi tột độ và chỉ biết cầu nguyện để người canh gác này cho phép tôi ở lại đó. Lúc đó, ông ta nói với tôi: "Hãy đến đây, và ta sẽ vác em trên vai (vai. – *Biên tập viên*) của ta vào khu vườn này một cách trang trọng." Và khi tôi đang ở trong đó, dưới gốc cây tuyết tùng, bên suối nước, tôi nghe thấy ai đó nói: "Nơi này dành cho con và những người giống con." Đó là giấc mơ mà tôi đã thấy, và bây giờ tôi xin ngài – Galina kết thúc – hãy cho tôi biết nó có ý nghĩa gì?"

Lúc đó, Thánh Haralambos nói với cô: "Giấc mơ của cô có ý nghĩa như sau: nước dồi dào chính là ân sủng của Thánh Thần, còn khu vườn được rào chắn chính là thiên đàng. Vườn nho tượng trưng cho sự an nghỉ của những người công chính trong thiên đàng, còn những cây tỏa hương thơm là hình ảnh của các Thiên Thần thánh thiện. Cây tuyết tùng cao tượng trưng cho vinh quang Thập tự giá của Đấng Kitô, còn suối nước là sự sống đời đời, được ban cho loài người nhờ Thập tự giá. Còn người canh gác đã cõng con trên vai chính là Chúa Kitô, Đấng đã bỏ lại chín mươi chín con chiên trên núi để đi tìm con chiên lạc, và khi tìm thấy, Ngài đã cõng nó trên vai (Lc 15:4–5). Còn cha ngươi cùng với giám mục sẽ bị đuổi khỏi vườn địa đàng của Đức Chúa Trời, vì họ – dù hiện nay đang biết ơn Đức Chúa Trời – nhưng chẳng bao lâu nữa sẽ lại bất tuân Ngài, sa vào lưới của ma quỷ".

Quả thực, không lâu sau hình phạt khủng khiếp của Đức Chúa Trời, vua Sever lại sa vào lầm lạc và, bỏ Đức Chúa Trời – Đấng mà ông vừa mới nhận biết sức mạnh vĩ đại của Ngài – lại quay về với các thần tượng. Gọi vị tử đạo đến trước mặt, ông nói với ông ta:

– Hilarion, hãy nghe lời khuyên của ta, hãy thờ lạy các vị thần – và ngươi sẽ được chúng ta tôn vinh.

Thánh nhân đáp lại:

– Không thể nào một tôi tớ của Đức Chúa Trời lại bị lừa dối bởi những lời của kẻ hành hình; quả thật, thưa hoàng đế, những lời của ngài thật là thiếu suy nghĩ và vô lý.

Lúc đó, Sever nổi giận và nói:

– Hỡi kẻ điên rồ, ngươi lại cho rằng lời ta là vô lý sao!

Và ông ra lệnh móc một cái lưỡi câu vào môi vị thánh, rồi dẫn ông đi khắp thành phố.

Còn con gái nhà vua, tiến đến bên cha mình, nói: "Thưa cha, cha đang làm gì vậy? Tại sao cha lại hành hạ người công chính này? Tại sao cha lại sa vào lưới ma quỷ và, bỏ qua điều thiện, lại chọn điều ác? Tại sao, từ chối sự sống, cha lại chọn cái chết? Tại sao cha lại nổi giận như kẻ hành hạ mà đối xử tàn nhẫn với người tôi tớ của Chúa Kitô này? Hãy nghe con, thưa cha, và như trước đây cha đã theo đuổi điều ác, thì bây giờ hãy siêng năng làm mọi điều thiện; vì ai gieo điều ác thì sẽ gặt điều ác, còn ai gieo với lời chúc lành thì sẽ gặt điều thiện. Hãy nhớ lại hình phạt của Đức Chúa Trời đã giáng xuống ngài trước đây, khi ngài bị trói bằng những sợi dây vô hình và, treo lơ lửng trên không trung, ngài đã xưng nhận Đức Chúa Trời chân thật; nhưng bây giờ, khi đã được giải thoát khỏi xiềng xích, ngài lại chối bỏ Ngài; cũng như nhiều vị vua chúa, khi chịu hình phạt của Chúa, đã nhận biết quyền năng của Ngài, nhưng khi được giải thoát khỏi hình phạt, lại một lần nữa quên mất Chúa của mình."

Nghe xong những lời đó, vua Sever không hề hối cải, mà càng nổi giận hơn, nói:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần đi, Galina!

– Bất cứ điều gì cha muốn, con sẽ làm hết, thưa cha, – nàng đáp lại.

Lúc đó, nhà vua vui mừng nói:

– Hãy tha cho Haralampius, vì con gái ta đã đồng ý dâng lễ vật lên các vị thần.

Khi vị thánh tử đạo được dẫn đến trước mặt vua, Sever nói với ông: "Này, con gái chúng ta, Galina, đã từ bỏ đức tin của ngươi để theo đức tin của chúng ta, và giờ đây cô ấy muốn dâng lễ vật lên các vị thần. Hãy vào cùng cô ấy, Haralampius, vào đền thờ các vị thần của chúng ta và làm theo những gì chúng ta mong muốn."

Vì Haralampios không trả lời gì, nên nhà vua nghĩ rằng ông đã đồng ý.

Trong khi đó, Galina đến đền thờ Diya và Apollon và nói với các thầy tế lễ ở đó: "Với lòng sám hối, tôi đến đây để cầu xin các vị thần, những vị mà tôi đã làm phật lòng khi tin vào Đấng Christ."

Các thầy tế lễ liền kêu lên:

– Hỡi vị thần vĩ đại Diy! Hỡi Apollon toàn năng! Đấng sáng tạo bầu trời và là vua của muôn chúa tể, xin hãy nhìn xuống Galina và vì vua phương Bắc mà hãy thương xót nàng!

Còn Galina, người được ân sủng, khi bước vào đền thờ thần tượng, đã gọi các thầy tế lại gần và hỏi họ:

– Tượng thần nào tôi nên lật đổ trước tiên – tượng thần Diy hay tượng thần Hercules và Apollon?

– Không, Galina, – các thầy tế lễ đáp, – đừng toan tính điều ác như vậy và đừng chế nhạo những vị cứu tinh của chúng ta, nếu không, khi nổi giận, họ sẽ lật đổ bầu trời và nghiền nát cả trái đất.

Lúc đó, Galina cầm tượng thần Diya lên và nói với nó:

– Nếu ngươi là thần, sao đến giờ này ngươi vẫn không thấy rằng ta đã đến để đập tan ngươi?

Nói xong, Galina đập mạnh tượng thần xuống đất, và nó vỡ thành ba mảnh; sau đó, cô nắm lấy tượng thần Apollon và cũng đập vỡ nó, đồng thời nói:

– Ngươi cũng hãy ngã xuống đất đi, Satan, lão già gù lưng kia, vì ngươi chỉ là bụi đất mà thôi!

Và nàng đã đập vỡ tất cả các tượng thần. Lúc đó, các thầy tế lễ đến gặp vua Severus và nói với ông:

– Hỡi đức vua, hy vọng của chúng tôi đã tan tành, giờ đây mặt trời cũng sẽ tắt lịm, và thế giới sẽ diệt vong, vì các vị thần của chúng tôi đã chết. Đức vua ngạc nhiên, hỏi:

– Những lời các ngươi nói có ý nghĩa gì?

– Galina, con gái của ngài, đã đập tan các vị thần của chúng tôi, – họ trả lời.

Lúc đó, Sever nói:

– Hãy đi và triệu tập đến gặp ta đêm nay năm mươi thợ rèn; hãy phục hồi các tượng thần, đặt lại vào đền thờ của chúng và nói rằng chúng đã sống lại, giống như người Galilê nói về Đấng Christ của họ, rằng Ngài đã sống lại từ cõi chết.

Các thầy tế lễ đã thực hiện tất cả những điều đó một cách rất cẩn thận; sáng hôm sau, khi đến gặp công chúa, họ nói với cô:

– Hãy đến đền thờ và ngắm nhìn các vị thần đã sống lại của chúng ta.

– Các vị thần đã sống lại sao? – Galina hỏi, – Vậy thì tôi sẽ đi xem họ! Các thầy tế lễ nói:

– Quả thực là một phép lạ vĩ đại: hôm qua còn bị làm nhục và sỉ nhục, hôm nay họ lại tỏa sáng với vinh quang và danh dự còn lớn lao hơn.

Sáng hôm sau, thánh nữ Galina nói:

– Đối với tôi, phá hủy những thần tượng mới còn dễ hơn phá hủy những thần tượng cũ.

Và, quay sang tượng thần Diya, cô nói thêm:

– Jupiter đã sống lại từ cõi chết, ta ra lệnh cho ngươi: hãy quay trở lại với những người đã khuất!

Nói xong, Galina lại đập vỡ tất cả các thần tượng.

Lúc đó, các thầy tế, tràn đầy cơn thịnh nộ, lại một lần nữa báo cáo với nhà vua về sự diệt vong của các vị thần của họ.

Sever, gọi con gái mình lại, nói với cô:

– Tại sao con lại đập vỡ các vị thần của chúng ta?

Galina đáp:

– Các ngài gọi chúng là các vị thần của mình chỉ vì bị lừa dối bởi những giáo lý sai lầm: chúng chẳng qua chỉ là những vật vô hồn mà thôi.

Nghe vậy, nhà vua thốt lên:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần đi, con gái bất hiếu, chứ đừng dâng lên dòng dõi của ta!

Nghe vậy, thánh nữ Galina, như thể đang chế giễu cha mình, nói:

– Con đã dâng lễ vật cho chúng rồi, trong khả năng của con, nhưng nếu cha muốn, con cũng có thể làm điều tương tự với những vị thần còn lại của cha.

Lúc đó, nhà vua tức giận bỏ con gái mình sang một bên và quay lại việc tra tấn vị thánh tử đạo Haralambos: ông giao ông ấy cho một góa phụ để bà ta sỉ nhục.

Khi Thánh Haralambos bước vào nhà người góa phụ ấy, ngài cúi mình xuống một cột trụ đang đứng ở đó, và ngay lập tức cột trụ ấy biến thành một cây lớn, che phủ cả ngôi nhà của người phụ nữ ấy bằng những cành cây của mình.

Thấy phép lạ ấy, người góa phụ kinh hãi và nói: "Hãy rời xa tôi đi, Haralambos, tôi không xứng đáng đón nhận một người đàn ông như ngài; tôi nghĩ rằng ngài là Đấng Kitô, hoặc là Thiên Thần, hoặc là nhà tiên tri, hoặc là tông đồ; tôi van xin ngài, hãy rời xa tôi: tôi không xứng đáng đón nhận ngài dưới mái nhà của mình."

Nghe vậy, vị thánh tử đạo đáp lại: "Hãy can đảm lên, con gái ơi, vì con đã được ân sủng nơi Chúa. Chỉ cần tin rằng Ngài là *'Chúa vĩ đại'*, đầy lòng thương xót, *'và đáng ca ngợi'* (Thánh vịnh 47:2, 95:4)*."*

Sáng hôm sau, những người hàng xóm, khi nhìn thấy cây cao và rậm lá, tán cây che phủ ngôi nhà của người góa phụ, đã nói với nhau:

– Đây là phép lạ gì vậy?

Một số người trả lời:

– Đó là vì thánh Haralambos đang ở đó: chính vì thế mà cột đá này đã biến thành cây cao như vậy.

Khi bước vào nhà, những người hàng xóm thấy vị thánh đang ngồi và giảng dạy cho người góa phụ; ngài nói với bà:

– Ngươi thật có phúc vì đã tin vào Đấng Christ, ngươi thật có phúc, vì tội lỗi của ngươi đã được tha thứ: vì Chúa chấp nhận những ai ăn năn.

Và những người dân đến đó nói với Ngài:

– Sao ngài không nói cho chúng tôi biết, liệu ngài có thực sự là Đấng Kitô không?

Thánh Haralambos đáp:

– Xin tha thứ cho tôi, hỡi các con, tôi là tôi tớ của các con và là nô lệ của Đấng Kitô, và tôi làm tất cả những điều này nhân danh Ngài.

Lúc đó, người góa phụ, với lòng can đảm, bằng giọng nói vang dội, đã kêu lên như thế này:

– Hỡi Haralambos, xin vui mừng, Đấng luôn tỏa sáng bằng ánh sáng bất diệt[1754] , hỡi Haralambos, xin vui mừng, Đấng dẫn dắt bằng ân sủng, hỡi Haralambos, xin vui mừng, ngọn đèn chiếu sáng khắp nơi.

[1754] Tên "Haralambos" khi dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là: "tỏa sáng trong niềm vui".

Trong khi bà đang nói những lời ấy, những người hàng xóm của bà đã đến, tin nhận Chúa Kitô bằng cả trái tim, quỳ xuống trước chân thánh Haralambos, công khai tuyên xưng Chúa Kitô, và tất cả đều nhận phép rửa cứu rỗi.

Ngày hôm sau, nhà vua ra lệnh đưa vị thánh đến tòa án; còn những người đã tin vào Chúa Kitô, khi đến gặp nhà vua trước đó, đã báo cho ngài biết về phép lạ vừa xảy ra, rằng cột đá đã nảy mầm và trở thành một cây lớn.

Severus vô cùng ngạc nhiên, còn tổng giám mục Crisp thì nói với ông: "Tâu bệ hạ, nếu ngài không ra lệnh chém chết vị pháp sư này, chẳng bao lâu nữa mọi người sẽ bị mê hoặc bởi những phép lạ của hắn, và bỏ các vị thần của chúng ta cùng chúng ta để theo hắn."

Lúc đó, nhà vua đã kết án vị thánh phải bị chém đầu. Nghe tin này, vị tử đạo Haralambos đã hân hoan hát lên bài thánh vịnh của Đa-vít: *"Con sẽ ca ngợi lòng thương xót và sự công bình của Ngài, lạy Chúa. Con hát và hiểu rõ trên con đường vô tội: 'Khi nào Ngài sẽ đến với con?'* (Thi thiên 100:1–2 và đến hết thi thiên).

Khi đến nơi mà ngài sẽ kết thúc cuộc đời trần thế của mình với niềm vui, thánh Haralambos đã nói: "Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Đức Chúa Trời, vì Ngài đã thương xót và hào phóng với con như vậy; Ngài, lạy Chúa Giê-su, Đấng đã đánh bại kẻ thù, chế ngự địa ngục và chữa lành những căn bệnh chết người, xin hãy nhớ đến con, lạy Chúa là Đức Chúa Trời của con, trong Nước Trời của Ngài."

Khi ngài đang cầu nguyện như vậy, trời bỗng mở ra và chính Chúa đã ngự xuống cùng vị tử đạo, cùng với vô số các Thiên thần thánh thiện; một ngai vàng ngọc lục bảo tuyệt đẹp được dựng lên, và Vua vinh quang, ngự trên đó, đã phán với Thánh Haralambos:

– Hãy đến đây, Hilarion, người đã chịu nhiều đau khổ vì Ta, hãy xin Ta điều gì ngươi muốn, và Ta sẽ ban cho ngươi. Vị thánh tử đạo đáp lại:

– Đối với con, lạy Chúa, chỉ riêng việc Ngài cho con được chiêm ngưỡng vinh quang lộng lẫy của Ngài đã là ân sủng lớn lao rồi; nhưng, lạy Chúa, nếu Ngài thấy phù hợp, xin hãy tôn vinh danh Ngài: xin cho nơi mà thi hài con được an nghỉ và nơi người ta tưởng nhớ đến con, ở đó đừng có đói kém, dịch bệnh, hay gió độc làm hư hại hoa màu, mà xin cho hòa bình, thịnh vượng, lúa mì và rượu vang dồi dào ngự trị tại nơi đó; và xin Chúa cứu rỗi linh hồn những con người ấy; vì chính Ngài biết rằng con người là xác thịt và máu huyết, vậy xin hãy tha thứ tội lỗi cho họ và ban cho họ sự dồi dào của hoa màu đất đai, để họ, khi được no đủ và tận hưởng thành quả lao động của mình, sẽ tôn vinh Ngài, Thiên Chúa của họ – Đấng ban phát mọi ân huệ; còn sương từ trời rơi xuống xin hãy trở thành phương thuốc chữa lành cho họ. Lạy Chúa, Thiên Chúa của con! Xin hãy tuôn đổ ân sủng của Ngài xuống trên tất cả mọi người!

Sau khi vị thánh đọc xong lời cầu nguyện này, Chúa phán:

– Nguyện điều con cầu xin được thực hiện, hỡi chiến binh dũng cảm của Ta!

Sau đó, Chúa trở về trời, được các Thiên thần của Ngài vây quanh, và linh hồn của thánh Charalampios cũng theo sau Ngài.

Sau đó, các chiến binh lên đường và tâu báo với nhà vua về vinh quang mà vị tử đạo đã được ban cho: cách Chúa hiện ra với ngài, cách ngài qua đời mà không hề bị gươm chém, và cách họ đã chứng kiến linh hồn ngài thăng lên thiên đàng. Vua Sever rất ngạc nhiên trước tất cả những điều này và rơi vào cơn sợ hãi tột độ. Thánh nữ Galina, con gái của nhà vua, đã xin cha mình thi thể của vị tử đạo; sau khi nhận được, nàng quấn thi thể ấy bằng những tấm vải liệm tinh khiết, xức lên bằng các loại hương liệu và dầu thơm quý giá, rồi trong khi ngợi khen Chúa, nàng đặt thi thể ấy vào một quan tài bằng vàng. Vua không dám xét xử và trừng phạt con gái mình; khi thấy Chúa ở cùng nàng, ông đã để nàng được sống trong đức tin Kitô giáo, theo ý muốn của nàng.

Vị thánh tử đạo vĩ đại, bất khả chiến bại và bất khả khuất phục này, thánh Haralambos, người hiện đang cầu thay cho cả thế giới, đã chịu tử đạo vào tháng Hai, ngày mười[1755] ; đứng bên hữu ngai Thiên Chúa, ngài không ngừng cầu nguyện cho chúng ta cùng Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang và vương quốc thuộc về Ngài, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, amen.

[1755] Thánh Tử đạo Haralambos qua đời vào năm 202.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Được ban ân sủng chức thánh, hỡi vị thánh vinh hiển, Ngài đã làm rạng ngời Giáo Hội bằng sự chịu khổ thần thánh, vì Ngài đã dũng cảm đón nhận sự chịu khổ vì Chúa Kitô với lòng vui mừng, hỡi Thánh Haralambos, ngọn đèn sáng chói của toàn thế giới, xin chiếu sáng khắp các phương trời, như Đấng bất khả chiến bại.

Cuộc đời của Thánh Prochorus, vị làm phép lạ ở Pechersk.

Ngày kỷ niệm: 10 tháng 2

Chúa, Đấng giàu lòng nhân từ và thương xót, thường gửi những tai ương đến con người, để qua những hình phạt như vậy, dẫn dắt họ đến với lẽ thật và hướng họ đến những việc lành. Dù Ngài có cho phép con người phải chịu đau khổ và dằn vặt, thì Ngài cũng sẽ không chậm trễ trong việc thương xót họ và ban sự chữa lành cho những vết thương của họ – như chúng ta thấy trong cuộc đời của vị thánh Prokhor này.

Trong thời kỳ trị vì của Công tước Sviatopolk Izyaslavich[1756] , người dân Kiev đã phải chịu đựng nhiều bạo lực từ vị công tước này, người thậm chí còn tiêu diệt cả những người quý tộc vô tội ngay tại chính cung điện của mình và tịch thu tài sản của họ; đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời đã cho phép kẻ thù của Rus lúc bấy giờ trở nên hùng mạnh đến vậy: các đạo quân hùng mạnh của người Polovtsian đã nổi dậy chống lại Sviatopolk[1757] ; hơn nữa, giữa các công tước còn bùng nổ cuộc nội chiến, và lúc bấy giờ trên đất Nga đã xảy ra nạn đói lớn và sự khan hiếm. Vào thời điểm đó, Thánh Prokhor đã từ Smolensk đến Tu viện Pechersk gặp vị tu viện trưởng Ioann[1758] và nhận lễ xuất gia từ ngài. Tại tu viện, ngài đã siêng năng tu tập các đức hạnh và tuân giữ sự tiết chế đến mức thậm chí từ chối ăn cả bánh mì thông thường; ngài hái cây lebed và, sau khi xoa nắn bằng tay, làm thành bánh mì để nuôi sống bản thân. Vào mùa hè, ngài dự trữ loại bánh mì này cho cả năm và khi mùa hè lại đến, ngài lại làm như vậy cho năm tiếp theo, đến nỗi ngài hoàn toàn không cần đến bánh mì, và vì thế ngài được đặt biệt danh là "người ăn cây lebed"; ngoài bánh thánh, ngài không ăn gì khác, ngài thậm chí không bao giờ ăn rau củ, mà chỉ ăn cây lebed, và không uống gì khác ngoài nước. Còn Chúa, khi thấy sự kiên nhẫn của vị thánh trong sự kiêng khem vĩ đại như vậy, đã biến vị đắng của bánh làm từ cây lebednik thành một niềm vui ngọt ngào cho ngài, và vị thánh của Chúa đã sống trọn vẹn những ngày đời mình không trong buồn phiền và thiếu thốn, mà trong niềm vui: Thánh Prokhor không bao giờ buồn rầu, mà luôn làm việc cho Chúa trong niềm hân hoan. Ngài không bao giờ sợ hãi trước những cuộc tấn công của kẻ thù, vì ngài sống như một con chim, không có gì ngoài cây lúa mạch. Ngài không thể tự hào như người giàu có trong Phúc Âm: *"Hỡi linh hồn! Ngươi có nhiều của cải dự trữ cho nhiều năm: hãy nghỉ ngơi, ăn, uống, vui chơi"* (Lc 12,19); nhưng ngay cả với cỏ khô dự trữ cho cả năm, ngài cũng tự trách mình, nói rằng: "Prokhor, *'đêm nay linh hồn ngươi sẽ bị cất đi; vậy thì những gì ngươi đã dự trữ sẽ thuộc về ai?'*" (Lc 12,20). Thánh nhân đã thực sự làm theo lời Chúa này: *"Hãy nhìn các loài chim trên trời: chúng không gieo, không gặt, cũng không thu thập vào kho lúa; mà Cha các con trên trời nuôi dưỡng chúng"* (Mt 6,26). Giống như các loài chim, Thánh Prokhor dễ dàng đi đến nơi mọc cây lúa mạch, và từ đó mang nó về tu viện trên vai, như thể trên đôi cánh vậy. Ngài đã nuôi sống mình như chim trời, bằng thức ăn không được gieo trồng, từ mảnh đất chưa từng được cày xới. Vào thời điểm đó, tại nước Nga, do những cuộc chiến tranh liên miên, một nạn đói lớn đã bùng phát, đến nỗi cái chết đang rình rập mọi người.

Nhưng Đức Chúa Trời, mong muốn tôn vinh vị thánh nhân của Ngài và cứu người dân khỏi cái chết, đã ban phước cho vụ mùa cây lebed trong năm đó, khiến nó mọc nhiều hơn so với những năm trước. Lúc bấy giờ, Thánh Prokhor lại càng làm việc chăm chỉ hơn . Ông không ngừng hái loại cỏ này, dùng tay nghiền nát hạt của nó, rồi dùng bột đó làm bánh mì, phân phát cho những người nghèo và những người đang chết đói.

Một số người, khi thấy Thánh Prokhor thu hái cây lebed, cũng bắt đầu dự trữ nó để làm thức ăn trong thời kỳ đói kém, nhưng vì vị đắng nên họ không thể ăn loại bánh mì này. Lúc đó, tất cả những người khốn khó đều tìm đến Thánh Prokhor; ngài không từ chối ai miếng bánh mì làm từ cây lebed của mình. Và với tất cả mọi người,

---

[1756] Ngài trị vì từ năm 1093 đến năm 1113.

[1757] Người Polovtsi – một dân tộc du mục hoang dã thuộc bộ tộc Thổ Nhĩ Kỳ, từ nửa sau thế kỷ XI đã di cư từ các thảo nguyên bên kia Biển Caspi đến các thảo nguyên miền nam Nga và thường xuyên thực hiện những cuộc tấn công tàn phá các công quốc miền nam Nga.

[1758] Trong khoảng thời gian từ năm 1089 đến năm 1108, khi Ioann là tu viện trưởng của Tu viện Pechersk.

hương vị của loại bánh mì này đều rất ngon, như thể nó được trộn với mật ong vậy. Do đó, người dân thích ăn bánh mì làm từ cây lebed được Thánh Prokhor tự tay nướng hơn là bánh mì làm từ lúa mì. Và điều đặc biệt kỳ diệu là: loại bánh mì này chỉ có vị trong lành và ngọt ngào khi được Thánh Prokhor trao tặng kèm theo lời chúc phúc; nhưng nếu ai đó lấy nó mà không có lời chúc phúc của ngài, thì nó sẽ trở nên đen như đất và đắng như cây ngải. Vậy nên, một tu sĩ trong cộng đoàn đã lén lấy bánh của vị thánh mà không có lời chúc phúc, rồi bắt đầu ăn. Nhưng bánh đó trong tay anh ta lại cứng như đất và đắng đến mức không thể ăn được. Và điều này đã xảy ra vài lần. Nhưng vị tu sĩ này xấu hổ không dám thú nhận tội lỗi của mình với vị thánh và xin ngài cho bánh mì đã được ban phước. Tuy nhiên, vì đã phải chịu đói khát quá lâu, anh ta không còn chịu đựng nổi nữa và, khi thấy cái chết không thể tránh khỏi đang cận kề, anh ta đã đến gặp vị tu viện trưởng Ioann, kể lại tất cả những gì đã xảy ra và xin ngài tha thứ. Vị tu viện trưởng, không tin điều đó, đã ra lệnh cho một tu sĩ khác lén lấy bánh từ Thánh Prochorus để xác minh xem liệu điều đó có thật hay không. Khi bánh được mang đến, điều mà tu sĩ đầu tiên đã nói đã được xác nhận: vì vị đắng, không ai có thể ăn được nó. Giữ lại ổ bánh mì đó, vị tu viện trưởng lại sai người đến thánh Prochorus xin bánh mì với sự ban phước của ngài; "và khi rời khỏi ngài," ông nói, "hãy lén lấy thêm một ổ bánh mì nữa." Sau khi những ổ bánh mì này được mang đến, ổ bánh mì lấy lén đã biến đổi ngay trước mặt họ, trở nên đen như đất và đắng như cây ngải, giống hệt ổ bánh mì đầu tiên; còn ổ bánh mì được lấy với sự ban phước của Thánh Prokhor thì lại trong sạch và ngọt ngào như mật ong. Nhờ phép lạ này, Thánh Prokhor được ca ngợi khắp nơi và, bằng cách nuôi sống nhiều người, đã mang lại lợi ích to lớn cho họ. Vào thời điểm đó, Công tước Sviatopolk Izyaslavich của Kiev đã rơi vào cuộc nội chiến với David Igorevich, Công tước Vladimir-Volyn. Ông đã đối đầu với David Igorevich trong vụ mù mắt Công tước Vasilko Rostislavich tại Trebovlia; theo lời xúi giục của David Igorevich, Công tước Svyatopolk đã ra lệnh mù mắt Vasilko. Cùng lúc đó, Sviatopolk Izyaslavich cũng bắt đầu cuộc nội chiến với Vladimir Rostislavich, anh trai của Vasilko, Công tước Peremyshl, và thậm chí cả với chính Vasilko – để giành lại lãnh địa của cha mình là Izyaslav, vốn đã bị dòng họ Rostislavich chiếm đoạt[1759] .

Hoàng tử Sviatopolk đã đuổi David sang vùng đất của người Lyakh và, sau khi đưa con trai mình là Mstislav lên cai trị thành Vladimir, chính ông cũng trở về Kiev từ cuộc chinh phạt. Tuy nhiên, ông không thể đánh bại Vladimir, và Vasylko đã cử Yaroslav, con trai khác của mình, cùng với người Ugria, tiến đánh họ. Trong thời kỳ hỗn loạn xã hội trầm trọng và nạn cướp bóc vô pháp này, người ta đã cấm các thương nhân từ Galich và Peremyshl đi qua Kiev; hậu quả là gần như toàn bộ vùng đất miền Nam Nga đều cạn kiệt muối, và dân chúng phải đối mặt với một thảm họa lớn.

Thấy thảm họa này, Thánh Prokhor đã thu thập trong phòng tu của mình rất nhiều tro từ tất cả các phòng tu khác, và sau khi cầu nguyện với Chúa, ngài bắt đầu phân phát nó cho tất cả những ai cần muối: nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, tro đó đã biến thành muối tinh khiết. Và càng phân phát nhiều, muối càng nhân lên gấp bội; muối dồi dào không chỉ đủ cho tu viện, mà cả những giáo dân, khi đến với Thánh Prokhor đông đảo, cũng lấy muối về cho mình. Và vì tất cả những điều này, Thánh Prokhor không nhận lấy gì cả: ngài phân phát muối của mình miễn phí cho tất cả mọi người, ai cần bao nhiêu thì cho bấy nhiêu, đến nỗi người ta thường thấy chợ vắng tanh, trong khi tu viện của ngài lại chật kín người đến để nhận muối.

Vào thời điểm đó, ma quỷ đã khơi dậy lòng căm thù mãnh liệt đối với Prokhor từ phía những người bán muối ở chợ, những người giờ đây không còn thu được lợi nhuận như mong đợi. Họ tưởng rằng vào những ngày đó, họ sẽ kiếm được của cải khổng lồ nhờ muối, nhưng họ đã lầm to, bởi vì thứ mà ban đầu họ bán với giá cao, sau đó chẳng ai thèm mua nữa, dù có cho không. Tụ tập lại với nhau, tất cả những người buôn muối đã đến gặp Công tước Svyatopolk và bắt đầu vu khống vị thánh, nói rằng: "Prokhor, tu sĩ mặc áo đen của Tu viện Pechersk, đã cướp đi của chúng tôi một khối tài sản khổng lồ, vì ông ta đã thu hút tất cả mọi người đến mua muối từ ông ta, còn chúng tôi, những người nộp thuế cho ngài, lại không thể bán được muối của mình, và vì thế đã lâm vào cảnh khánh kiệt."

Sau khi nghe họ nói, hoàng tử nảy ra ý định vừa dập tắt tiếng oán than của các thương nhân, vừa thu về của cải cho bản thân. Ông quyết định cùng các cố vấn của mình tăng giá muối, nhằm tước đoạt muối khỏi tay Prokhor để tự mình bán qua tay các thuộc hạ. Hoàng tử nói với những thuộc hạ phản loạn này: "Vì các ngươi, ta sẽ cướp bóc vị tu sĩ này."

[1759] Tất cả những sự kiện này diễn ra vào năm 1099

Dường như muốn làm vừa lòng các thương nhân, nhưng trong lòng ông chỉ ấp ủ ý định thu lợi; còn bản thân ông, vì lòng ghen tị, chỉ muốn gây hại cho họ: bởi vì lòng ghen tị không thể chấp nhận điều gì có lợi cho người khác.

Vậy là, Svyatopolk ra lệnh thu hồi toàn bộ muối từ Prokhor. Và khi muối được mang đến, ông ta đích thân đi xem cùng với những kẻ phản loạn đã vu khống vị thánh nhân. Và tất cả những người có mặt đều thấy rằng trước mắt họ chỉ là bụi. Lúc đó, hoàng tử ra lệnh cho một số người nếm thử số muối này, nhưng khi nếm thử thì hóa ra nó cũng chỉ là bụi. Tất cả họ đều kinh ngạc trước sự thay đổi này và không hiểu nổi.

Sau đó, vị công tước, muốn biết chắc chắn điều kỳ diệu này sẽ kết thúc ra sao, đã ra lệnh giữ lại lớp bụi đó trong ba ngày. Trong khi đó, rất nhiều người dân đến gặp Thánh Prokhor để xin muối từ ngài, nhưng khi biết tin muối đã bị cướp sạch, họ đành quay về tay không, nguyền rủa kẻ đã gây ra chuyện này.

Còn Thánh Prokhor đã nói với họ: "Khi hoàng tử vứt muối này đi, lúc đó các ngươi hãy đến và thu lượm nó về cho mình."

Quả thực, vị công tước, sau khi giữ số muối đó trong ba ngày mà không thấy gì khác ngoài bụi, đã ra lệnh vứt bỏ nó. Nhưng sau khi nó được đổ ra, nó lại biến thành muối. Người dân, khi biết chuyện này, đã đổ xô đến nơi đó và hân hoan thu lượm muối. Khi phép lạ kỳ diệu này xảy ra, vị công tước, người đã gây ra sự xúc phạm như vậy cho vị thánh, đã kinh hoàng. Ông không thể che giấu phép lạ này, vì nó đã xảy ra trước mặt cả thành phố, và thế là ông bắt đầu điều tra xem điều đó có ý nghĩa gì. Lúc đó, người ta kể cho ông nghe tất cả những gì Thánh Prokhor đã làm – không chỉ về muối được biến ra từ bụi, mà còn về những chiếc bánh làm từ cây lúa mạch, mà ngài đã dùng để nuôi sống rất nhiều người, và cách những chiếc bánh đó trở nên ngọt ngào khi được lấy từ tay ngài với lời chúc phúc của ngài, và ngược lại, chúng lại có vị đắng khi ai đó lấy trộm chúng.

Nghe xong tất cả những điều đó, Công tước Sviatopolk cảm thấy hổ thẹn vì hành động của mình; ông đến Tu viện Pechersk và làm hòa với Viện trưởng Ioann. Trước đó, ông từng có mối thù với vị tu viện trưởng này vì những lời chỉ trích về lòng tham vô độ và việc áp bức dân chúng. Vì lý do đó, ông thậm chí còn giam cầm Ioann tại Turov[1760] , nhưng vì lo sợ sự can thiệp của Công tước Vladimir Monomakh, người yêu mến Chúa Kitô, nên không lâu sau đó, ông đã trả tự do cho ông với đầy đủ danh dự và đưa ông trở lại Tu viện Pechersk.

Sau phép lạ này, Sviatopolk bắt đầu dành lòng sùng kính sâu sắc đối với Đức Mẹ Đồng Trinh và các vị thánh cha Antony và Theodosius của Pechersk; còn đối với vị thánh Prokhor, ông vô cùng kính trọng và tôn vinh, coi ngài là tôi tớ chân chính của Chúa: ông đã hứa với ngài sẽ không gây ra bất kỳ hành vi bạo lực nào đối với ai nữa; đồng thời, ông củng cố lời hứa này bằng thỏa thuận sau: "Nếu, theo ý Chúa, ta qua đời trước ngươi, thì ngươi hãy tự tay đặt thi thể ta vào quan tài, để tỏ lòng không oán hận của ngươi đối với ta; còn nếu ngươi qua đời trước ta, thì ta sẽ vác quan tài của ngươi lên vai, tự tay đưa ngươi vào hang động, để xin Chúa tha thứ cho tội lỗi nặng nề của ta đối với ngươi."

Sau lời thỏa thuận đó, Thánh Prokhor đã sống thêm nhiều năm, dẫn một cuộc đời trong sạch và đầy gian khổ theo ý Chúa, rồi sau đó ngài lâm bệnh. Vào thời điểm đó, Hoàng tử đã lên đường chinh phạt người Polovtsian. Lúc bấy giờ, Thánh Prokhor gửi tin cho Hoàng tử rằng giờ phút lâm chung của ngài đã gần kề.

"Nếu ngài muốn thực hiện lời hứa của mình," ngài thông báo, "và được Thiên Chúa tha thứ tội lỗi, hãy đến với tôi, chúng ta sẽ tha thứ cho nhau, và ngài sẽ chính tay đặt tôi vào quan tài. Vậy nên, ta đang chờ ngài đến. Nếu ngài chậm trễ và ta qua đời mà không có ngài bên cạnh, thì đó không phải là lỗi của ta, và cuộc chiến của ngài sẽ không kết thúc tốt đẹp như khi ngài đến gặp ta."

Nghe vậy, Sviatopolk bỏ lại quân đội, lập tức lên đường đến gặp Prokhor đang ốm nặng. Vị thánh đã giảng dạy công tước rất nhiều về lòng bác ái, về ngày phán xét tương lai, về cuộc sống vĩnh cửu và những cực hình vô tận, ban cho ông sự tha thứ tội lỗi và lời chúc phúc của mình, rồi từ biệt tất cả những người xung quanh công tước; rồi, giơ hai tay lên trời, ngài trút hơi thở cuối cùng vào tay Chúa. Công tước Svyatopolk, cùng với các tu sĩ, đã mang thi hài của vị thánh về hang động và chính tay đặt vào quan tài.

Sau đó, ngài lên đường chinh chiến và giành được chiến thắng hoàn toàn trước người Polovets; ngài bắt gần như toàn bộ cư dân vùng Polovets làm tù binh và đưa họ về đất nước mình. Chiến thắng này, do Chúa ban cho đất nước Nga, đã được giành được nhờ lời tiên tri của vị thánh cầu nguyện cho đất nước – Thánh Prokhor. Kể từ đó, mỗi khi Công tước Svyatopolk ra trận chống lại kẻ thù hay đi săn, ngài luôn ghé qua Tu viện Pechersk để xin phước

[1760] Đó là vào khoảng năm 1107. Xác thánh của Thánh Prokhor hiện nay được lưu giữ tại hang động Thánh Antony.

lành, và tại đó, trong Nhà thờ do Chúa tạo dựng, ngài đã thành kính và biết ơn dâng lời thờ phượng trước bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Đồng Trinh, cũng như trước lăng mộ của các vị thánh Theodosius và Prochorus, và chỉ sau đó ngài mới lên đường.

Và từ đó, triều đại của Công tước Sviatopolk trôi qua trong bình an, sau khi trải qua nhiều thử thách khắc nghiệt, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Prokhor, đã nhận được ân sủng của Thiên Chúa. Chính Công tước Sviatopolk Izyaslavich, người yêu mến Chúa Kitô, đã công khai làm chứng trước mọi người về những phép lạ và dấu hiệu của vị thánh được Thiên Chúa yêu mến này.

Nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của Thánh Prokhor, vị làm phép lạ ở Pechersk, xin Chúa Kitô giải thoát tất cả chúng ta khỏi mọi tai ương và hoàn cảnh xấu xa, vì Ngài xứng đáng nhận mọi vinh quang cùng với Cha Ngài là Đấng Vô Thỉ và Thánh Thần Ngài là Đấng Thánh Khiết, Tốt Lành và Ban Sự Sống, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời.

Kỷ niệm các thánh Ennafa, Valentina và Pavla.

Ngày tưởng niệm 10 tháng 2

Các thánh nữ tử đạo Ennafa, Valentina và Pavla đã chịu tử đạo dưới tay Firmilian, quan tổng trấn vùng Palestine. Thánh Ennafa xuất thân từ Gaza[1761] , còn thánh Valentina – từ vùng lân cận thành phố Caesarea[1762] . Cả hai đều là những trinh nữ. Đầu tiên, Thánh Ennafa được dẫn đến trước tòa của Firmilian. Trong buổi thẩm vấn, bà dũng cảm tuyên bố mình là người Kitô hữu, và vì điều này, theo lệnh của quan tổng trấn, bà bị đánh đập dã man trước tiên, sau đó bị treo lên cột và cơ thể bà bị cạo da. Sau đó, Thánh Valentina được dẫn đến trước Firmilian. Bà bị buộc tội không tôn kính các vị thần ngoại đạo, và quan tổng trấn ra lệnh cho bà dâng lễ vật cho các thần tượng. Với mục đích đó, bà được dẫn đến một ngôi đền ngoại đạo nằm gần nơi xét xử. Nhưng khi thánh nữ được dẫn vào đền thờ, thay vì dâng lễ vật cho các thần tượng, bà đã dũng cảm ném một hòn đá lên bàn thờ và quay lưng lại với ngọn lửa đang bùng cháy trên đó. Lúc đó, Firmilian nổi giận và ra lệnh đánh đập cô không thương tiếc vào hai sườn, sau đó kết án cô, cùng với thánh Ennafa, phải bị chém đầu bằng gươm. Cuối cùng, thánh Paula cũng bị dẫn ra chịu hình phạt. Theo lệnh của quan tổng trấn, bà phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn, nhưng nhờ ơn sủng của Chúa Kitô, bà đã chịu đựng những đau khổ đó với lòng dũng cảm phi thường, và kẻ tra tấn đã ra lệnh chém đầu bà bằng gươm. Trước khi bị hành quyết, bà đã dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa và, sau khi cúi chào các Kitô hữu có mặt tại hiện trường, bà đã cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm và như vậy đã trao linh hồn mình cho Thiên Chúa[1763] .

Ngày 24 tháng 2

Ngày 11 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Vlasiy, Giám mục Sebaste, cùng những người khác đã chịu khổ cùng ngài

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 2

Vào những thời cổ xưa ấy, khi những kẻ vô đạo thờ phượng các thần tượng và nhiều người tôn thờ những tạo vật cùng công trình do chính tay mình làm ra, thì đức tin của nhiều vị thánh đã tỏa sáng, và trong số đó, lòng

---

[1761] Gaza nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải; trong thời cổ đại, đây là một trong năm thành phố nổi tiếng nhất của người Philistine và từng là ranh giới phía nam của người Canaan ở Palestine. Từ thế kỷ IV, Gaza đã là một thành phố Kitô giáo, và vào thế kỷ VII, nó bị người Hồi giáo chinh phục. Hiện nay, từ thành phố Gaza nổi tiếng xưa kia chỉ còn lại những đống đổ nát, xung quanh đó là một thành phố mới cùng tên – một trong những thành phố khá thịnh vượng của Palestine.

[1762] Caesarea – một thành phố lớn ở Palestine, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải, nơi các quan tổng trấn La Mã – đại diện cho quyền lực đế quốc La Mã – từng cư ngụ. Hiện nay, tại vị trí của Caesarea chỉ còn lại những tàn tích, bị cây cỏ hoang dại bao phủ.

[1763] Thành phố này đã bị tàn phá dưới thời Maximinus II Galerius vào năm 308.

đạo đức của Thánh Vlas, vị tử đạo vinh hiển, đã nở rộ. Vị thánh này, tránh xa mọi việc ác, đã sống cả cuộc đời mình một cách hiền lành và công chính, đẹp lòng Chúa và không tì vết. Đồng bào của ngài – cư dân thành phố Sebaste, nằm ở Cappadocia[1764] – là những người đạo đức, mong muốn Vlasius được bổ nhiệm làm giám mục của họ, và mong muốn của họ đã được thực hiện. Vị mục tử mới đã tận tụy chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô vào thời điểm Giáo Hội của Ngài phải hứng chịu những cuộc bách hại liên miên, và nhiều người, sau khi trải qua những thử thách đau khổ, đã được ban tặng vương miện tử đạo. Vào thời đó, dưới triều đại của Diocletian[1765] , thánh đại tử đạo Eustratius – một trong năm vị tử đạo – cùng với các bạn đồng hành của mình[1766] đã thực hiện những việc làm tốt lành; ngài đã kiên quyết bảo vệ đức tin vào Chúa Kitô đến mức đổ máu và vì thế bị giam vào ngục tối. Tại đó, thánh Vlasy đã đến thăm ngài vào ban đêm, sau khi hối lộ lính canh ngục bằng một số lượng lớn vàng. Thánh Vlasius đã an ủi vị tử đạo của Chúa Kitô, người đã can đảm chịu đựng những đau khổ. Thánh Eustratius đã trao cho Thánh Vlasius di chúc của mình, được soạn thảo trước khi qua đời, trong đó ngài đưa ra những chỉ dẫn về thi thể và tài sản của mình, như được kể lại trong cuốn tiểu sử của ngài. Thánh Vlasius đã lẩn trốn khỏi tay những kẻ hành hạ, điều mà nhiều vị thánh khác lúc bấy giờ cũng làm, không tự nguyện chịu cực hình nếu không có sự cho phép đặc biệt của Thiên Chúa; lúc bấy giờ chỉ có rất ít Kitô hữu sống trong thành phố, và ngay cả những người đó cũng là những tín hữu bí mật của Chúa Kitô; phần lớn, vì sợ hãi những cực hình, đã chạy trốn vào sa mạc, núi non và các hang động; còn một số người, vì không thể chịu đựng được sự tra tấn, đã tạm thời thờ lạy các thần tượng. Cũng vậy, Thánh Vlasy không chỉ trong triều đại của Diocletian, mà cả trong triều đại của Licinius[1767] (chính dưới triều đại vị hoàng đế này, ngài đã chịu khổ nạn) đã ẩn náu khỏi những cuộc bách hại tàn bạo trên một ngọn núi hoang vắng có tên là Argeos[1768] ; tại đây, ngài sống trong một hang động và tu hành trong sự im lặng và ăn chay, không ngừng dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa. Các loài thú hoang dã thường đến với ngài, và nếu bắt gặp vị thánh đang cầu nguyện trong im lặng, trò chuyện với Thiên Chúa, thì chúng, như những sinh vật có trí tuệ, không làm gián đoạn sự suy ngẫm về Thiên Chúa của ngài, mà đứng trước hang động, chờ đợi cho đến khi vị thánh, sau khi kết thúc lời cầu nguyện, bước ra gặp chúng, và chúng không rời đi cho đến khi vị thánh, sau khi bước ra và đặt tay lên chúng, ban phước lành cho chúng; còn nếu có con thú nào cảm thấy ốm đau, thì nó sẽ đến gặp vị thánh và nhờ việc vị thánh đặt tay lên mà được chữa lành.

Vào thời điểm đó, thống đốc Agricolas đã tìm mọi cách để tiêu diệt càng nhiều Kitô hữu càng tốt, bằng cách tra tấn họ bằng những hình phạt khủng khiếp: một số bị chém đầu, một số khác bị thiêu sống, một số bị ném xuống sông, và một số khác bị ném cho thú dữ ăn thịt. Để thực hiện mục đích cuối cùng này, ông ra lệnh cho các thợ săn của mình bắt càng nhiều thú dữ càng tốt. Thực hiện mệnh lệnh này, các thợ săn đã lên đường đi săn và, sau khi đi qua các ngọn núi và sa mạc, họ cũng đến được núi Argeos, nơi Thánh Giám mục Vlasy đang ẩn náu; khi đến gần hang động của vị thánh và thấy trước mặt có rất nhiều thú dữ đang tung tăng chơi đùa, họ nói với nhau: “Hãy đi xem chuyện gì đang xảy ra ở đó.”

Khi đến gần, họ thấy Thánh Vlasy đang ngồi trong hang động của mình, như thể trong một cung điện nào đó, và dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện tha thiết. Không nói gì với vị giám mục thánh, họ trở về nhà và kể lại tất cả những gì đã thấy cho Igemen Agrikolai; ngài ra lệnh cho một số lượng lớn binh lính đi cùng với các thợ săn, bắt những người Kitô hữu đang ẩn náu ở đó và đưa họ đến gặp ngài. Khi đến ngọn núi đó và bước vào hang động, các binh lính được cử đi chỉ thấy có một mình Thánh Vlasiy, người đang dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa và tôn vinh danh thánh của Ngài.

– Hãy ra khỏi đây, – họ nói với Thánh Vlasiy, – và đi cùng chúng tôi về thành phố: quan tổng trấn đang gọi ngài.

Nghe vậy, vị thánh vui mừng và nói:

[1764] Cappadocia là một vùng rộng lớn ở nửa phía đông của Tiểu Á. Sebaste là một thành phố thuộc Cappadocia, nằm ở biên giới với Tiểu Armenia, thuộc phần đông bắc của vùng này.

[1765] Ngài trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[1766] Giáo hội tưởng niệm các ngài vào ngày 3 tháng 12.

[1767] Trị vì từ năm 307 đến năm 324.

[1768] Argeos – hay còn gọi là Argei – là ngọn núi lớn ở Tiểu Á, thuộc dãy Anti-Taurus, nằm ở phía tây bắc Cappadocia, đỉnh núi luôn phủ tuyết vĩnh cửu, còn chân núi được bao phủ bởi những khu rừng tuyệt đẹp.

– Được rồi, các con của ta, chúng ta hãy cùng đi; Chúa đã nhớ đến ta: Ngài đã hiện ra với ta ba lần trong đêm nay, phán rằng: "Hãy đứng dậy và dâng lễ vật cho Ta, như xứng đáng với chức vụ giám mục của ngươi." Vậy thì, các con ơi, hôm nay các con đã đến đây đúng lúc, Chúa của con, Đức Giêsu Kitô, xin ở cùng các con."

Trên đường đi, những người ngoại đạo, khi thấy sự hiền lành của vị thánh và lắng nghe lời giảng dạy của ngài, cũng như kinh ngạc trước những phép lạ của ngài, đã quay về với Đức Chúa Trời chân thật; vì nhờ những lời cầu nguyện của ngài, nhiều người đau ốm đã được Chúa chữa lành, không chỉ con người mà cả loài vật nữa; khi người ta mang hoặc dẫn những người bệnh đến với ngài, ngài đặt tay lên họ, dâng lời cầu nguyện cho họ và cho họ ra về hoàn toàn khỏe mạnh. Có một người phụ nữ có một người con trai duy nhất; trong lúc ăn, một chiếc xương cá mắc kẹt trong cổ họng cậu bé, khiến cậu không thể thốt ra lời nào và đã gần như chết; người mẹ, bế cậu bé đang trong tình trạng nửa sống nửa chết, mang đến gặp vị thánh và đặt cậu dưới chân ngài, khóc lóc thảm thiết và kêu lên: "Xin thương xót con trai tôi, tôi tớ của Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô, nó là con duy nhất của tôi."

Cùng lúc đó, bà kể cho Thánh Vlasia nghe chuyện đã xảy ra với con trai mình. Vị Thánh của Chúa, đặt tay lên cổ cậu thiếu niên và ngước mắt lên trời, bắt đầu cầu nguyện với Chúa như sau: "Đấng Cứu Rỗi của con! Ngài giúp đỡ tất cả những ai kêu cầu Ngài với lòng tin: xin hãy nghe lời cầu nguyện của con, và bằng quyền năng vô hình của Ngài, xin hãy lấy ra chiếc xương mắc kẹt trong cổ họng cậu thiếu niên này và chữa lành cho cậu ấy. Và trong những lúc khác, nếu có chuyện gì xảy ra với con người hay động vật và họ nhắc đến tên con, nói rằng: 'Lạy Chúa, xin giúp đỡ nhờ lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài là Vlasia', thì Ngài, lạy Chúa, Đấng nhanh chóng đến giúp đỡ, xin hãy giúp đỡ họ và ban sự chữa lành để tôn vinh và làm rạng danh Thánh Danh của Ngài'.

Cầu nguyện như vậy, ngài đã chữa lành cho cậu bé và trả lại cho mẹ cậu, người trong niềm vui sướng tột độ không ngừng dâng lời ngợi khen lên Đức Chúa Trời. Nhờ những phép lạ như vậy, danh tiếng của Thánh Vlasia không chỉ lan rộng ở Sebaste, mà còn cả ở Nicopolis[1769] . Khi vị thánh còn đang trên đường, không xa Sebaste, thì điều sau đây đã xảy ra.

Một góa phụ nghèo không có gì ngoài một con heo con; một con sói lén lút đến và bắt mất con heo con đó. Người phụ nữ khốn khổ bắt đầu khóc nức nở; khi thấy vị thánh đang đi tới, bà lao đến bên ngài và trong nước mắt kể cho ngài nghe về nỗi đau khổ của mình. Vị thánh mỉm cười và nói với bà: "Đừng để nỗi buồn chi phối, hỡi người phụ nữ, đừng khóc: chú heo con của bà sẽ được trả lại cho bà còn sống và nguyên vẹn."

Nói xong, vị thánh tiếp tục lên đường, còn con sói kia thì chạy đến bên người góa phụ nghèo khổ, ngậm con heo con của bà trong miệng; nó thả con heo con xuống trước mặt bà mà không hề hấn gì rồi chạy trở lại sa mạc; còn người góa phụ thì bế con heo con của mình lên, vừa vui mừng vừa ngợi khen Đức Chúa Trời.

Khi Thánh Vlasius đến Sebaste, quan tổng trấn Agricolaus, sau khi biết tin, liền ra lệnh giam ngài vào ngục tối. Ngày hôm sau, khi ngồi trên ghế xét xử, Agricolaus ra lệnh đưa vị thánh của Đức Chúa Trời đến trước mặt mình; khi nhìn thấy ngài, quan tổng trấn ban đầu đã nói với ngài bằng những lời nịnh hót như sau: "Hãy vui mừng đi, Vlasiy, người bạn yêu quý của các vị thần của chúng ta và của chúng ta!"

Nghe vậy, vị thánh đáp lại: "Ngài cũng hãy vui mừng đi, ngài thống đốc quyền uy, nhưng đừng gọi những con quỷ là các vị thần, vì chúng sẽ bị ném vào lửa đời đời cùng với những ai thờ lạy chúng."

Trong cơn giận dữ, quan tổng trấn ra lệnh đánh đập vị thánh một cách tàn nhẫn; sau một thời gian dài bị tra tấn, vị thánh lại nói với quan tổng trấn: "Kẻ lừa dối điên rồ của các linh hồn loài người, ngài thực sự nghĩ rằng những cực hình này có thể khiến tôi từ bỏ Đức Chúa Trời chân thật sao? Không, điều đó là không thể, vì ta đặt niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô, Đấng ban cho ta sức mạnh; tuy nhiên, ngươi cứ làm theo ý ngươi."

Thấy đức tin bất khuất của vị thánh, viên quan đã ra lệnh đưa ngài trở lại ngục tối.

Lúc đó, người góa phụ nghèo khổ ấy, bị lay động bởi những đau khổ anh dũng mà Thánh Vlas đã chịu đựng vì Chúa Kitô, cùng với sự kiên định vững chắc của ngài trong đức tin thánh thiện, đã giết con heo con của mình – con heo mà bà đã cứu sống nguyên vẹn khỏi hàm sói – luộc đầu và chân, rồi bày lên đĩa; cô còn thêm vào đó hạt giống, các loại trái cây và rau củ từ vườn, bao nhiêu tùy theo khả năng của người nghèo; sau khi giấu tất cả vào giỏ và thắp một ngọn nến, cô mang chiếc giỏ nhỏ này đến cho vị thánh trong ngục tối; quỳ xuống dưới chân vị tử đạo, cô nài nỉ ngài hãy nhận lấy thức ăn này và nếm thử. Sau khi ngợi khen Thiên Chúa, vị thánh đã nếm thử thức ăn được mang đến; rồi, sau khi ban phước lành cho người góa phụ, ngài nói với bà: "Hỡi người phụ nữ, hãy cử hành lễ tưởng niệm tôi như thế này mỗi năm, thì trong nhà chị sẽ không bao giờ thiếu thốn điều gì cần thiết; còn nếu ai khác

[1769] Nikopol – một thành phố ở Tiểu Armenia, nằm gần biên giới, gần sông Likus, ngày nay là Enderes.

noi gương chị và cử hành lễ tưởng niệm tôi, người ấy sẽ nhận được ân huệ dồi dào của Thiên Chúa, và phước lành của Chúa sẽ ở cùng người ấy suốt cả cuộc đời."

Người góa phụ đạo đức, sau khi nhận được lời dạy dỗ ấy từ vị thánh, đã trở về nhà mình, ngợi khen Thiên Chúa; và câu nói trong Phúc Âm này rất phù hợp với bà: *"Trên khắp thế gian, người ta sẽ nhắc đến bà và những việc bà đã làm"* (Mt 26,13).

Trong khi đó, tên tra tấn vô đạo, sau khi ngồi lại trên ghế xét xử lần thứ hai, đã ra lệnh dẫn thánh Vlasius đến để tra tấn.

– Vlasiy, – hắn nói với vị tử đạo, – ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần không? Nếu vậy, ngươi sẽ được sống. Hay là ngươi muốn tự chuốc lấy cái chết đau đớn?

Thánh nhân đáp lại:

– *"Các vị thần, những kẻ không tạo dựng trời và đất, sẽ biến mất khỏi mặt đất và khỏi dưới bầu trời"* (Giê-rê-mi 10:11), còn cái chết mà ngươi đe dọa sẽ ban cho ta sự sống đời đời.

Thấy vị thánh kiên định như vậy trong đức tin, viên quan đã ra lệnh lột trần, treo ngài lên cây và dùng các dụng cụ sắt tra tấn dã man. Sau một thời gian dài chịu cực hình, vị thánh tử đạo nói với viên quan:

– Hỡi kẻ vô đạo và đầy dẫy sự ô uế, ngươi thực sự muốn dọa nạt ta bằng những vết thương sao, trong khi Chúa Giêsu Kitô đang giúp đỡ ta? Ta không sợ những cực hình hữu hình của ngươi, vì ta đang hướng mắt về những ân huệ vô hình trong tương lai, đã được hứa ban cho những ai yêu mến Thiên Chúa.

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh tháo ngài xuống khỏi cây và đưa ngài trở lại ngục tối. Khi thánh Vlasius bị dẫn đi giam cầm, có bảy người phụ nữ đạo đức và kính sợ Thiên Chúa đi theo sau ngài; họ hứng lấy máu từ thân thể thánh nhân đang nhỏ giọt xuống đất và xức lên mình. Những người hầu đi cùng thánh nhân, khi thấy cảnh đó, đã bắt họ và dẫn đến trước mặt vị thống đốc, nói:

– Những người phụ nữ này cũng là môn đệ của Đấng Kitô. Lúc đó, quan tổng trấn quay sang các bà và nói:

– Hãy suy nghĩ lại, hãy dâng lễ vật cho các vị thần, và các ngươi sẽ nhận được những vinh dự lớn lao từ ta.

Những người phụ nữ trung thực và thánh thiện đáp lại:

– Nếu ngài, ngài thống đốc, muốn chúng tôi thờ lạy các vị thần của ngài và dâng lễ vật cho họ, thì trước hết chúng tôi cần phải thanh tẩy bản thân; vậy thì, chúng ta hãy đến hồ nước gần nhất và rửa mặt cùng toàn thân theo phong tục: xin hãy cho mang các vị thần của ngài đến đó; sau khi rửa sạch, chúng tôi sẽ thờ lạy họ bên bờ hồ đó.

Vui mừng, vị thống soái ra lệnh mang các tượng thần của mình đến; sau khi cho chúng vào bao và niêm phong bằng thiếc, vị thống soái giao chúng cho các phụ nữ; sau đó, ông ra lệnh cho binh lính hộ tống các phụ nữ cùng các tượng thần đến bờ hồ và từ đó đưa họ trở về một cách trang trọng. Các phụ nữ vác những bao tải chứa tượng thần lên vai và mang chúng đến bờ hồ; khi đến nơi hồ rất sâu, họ xin các chiến binh lùi lại, như thể xấu hổ khi phải cởi áo trước mặt họ, và chờ một lát cho đến khi họ hoàn tất nghi thức tắm rửa. Khi những người lính đã lui ra, mỗi người phụ nữ ném vị thần tượng mà mình đang mang xuống hồ, và những thần tượng xấu xa ấy nhanh chóng chìm xuống nước như chì. Thấy vậy, các chiến binh tức giận bắt giữ họ, dẫn đến trước mặt vị chỉ huy và kể lại việc các thần tượng bị ném xuống hồ. Khuôn mặt của vị thống đốc biến sắc vì cơn thịnh nộ và ông gầm lên với các chiến binh như một con sư tử: "Lũ đầy tớ độc ác, tại sao các ngươi không giữ được các vị thần, tại sao các ngươi không ngăn cản những người phụ nữ ném chúng xuống đáy hồ?"

Đáp lại, các chiến binh nói: "Thưa ngài Igemon vĩ đại, những người phụ nữ này đã lừa dối ngài và với ý đồ xảo quyệt đã lấy đi các vị thần của ngài; không biết được mưu mô của họ, chúng tôi đã không giữ họ lại."

Lúc đó, các vị thánh nữ nói với vị lãnh chúa: "Thượng Đế chân chính không biết đến sự nịnh hót của loài người, còn các vị thần của ngài, được tạc từ đá và gỗ vô hồn, vàng và bạc, đã bị chúng tôi lừa lấy và ném xuống nước; chúng không thể tự giải thoát khỏi tay chúng tôi, cũng không thể tự cứu mình khỏi bị chìm: vậy làm sao chúng có thể cứu rỗi và giải thoát người khác khỏi tai ương?"

Tràn ngập cơn thịnh nộ, vị thống đốc ra lệnh đốt lò, nung chảy thiếc, mang đến những chiếc lược sắt và cây đinh ba, cùng bảy tấm đồng nung đỏ rực được làm giống như quần áo; ông ra lệnh đặt tất cả những thứ đó sang một bên, còn bên kia thì đặt những bộ quần áo mềm mại và các loại trang sức phụ nữ, rồi nói với những người phụ nữ thánh thiện ấy: "Hãy chọn một trong hai điều này: hoặc là thờ lạy các vị thần và dâng lễ vật cho họ, thì các ngươi sẽ được sống sót, được mặc những bộ quần áo sáng màu và đeo những món trang sức quý giá; còn nếu các ngươi không làm theo, thì hãy chịu đựng tất cả những cực hình này, đã được chuẩn bị sẵn cho các ngươi."

Một trong những người phụ nữ đó, người có hai con trai còn nhỏ, đã nắm lấy bộ quần áo sáng màu và ném nó vào lò lửa, nơi nó bị thiêu rụi; còn hai cậu bé thì van xin mẹ mình, nói rằng: "Mẹ yêu quý của chúng con, xin đừng bỏ mặc chúng con phải chết trên cõi đời này, nhưng như mẹ đã nuôi nấng chúng con bằng sữa ngọt ngào của mẹ trên trần gian, xin hãy giúp chúng con đạt đến Nước Trời."

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh treo cổ họ trong tình trạng trần truồng và dùng những chiếc lược sắt cạo da thịt họ. Lúc bấy giờ, các binh lính thấy rằng thay vì máu, sữa chảy ra từ những vết thương của họ, và thân thể họ trở nên trắng như tuyết; các Thiên thần của Chúa, từ trời cao hạ xuống, đã củng cố tinh thần các thánh nữ giữa những cực hình và an ủi họ như sau: "Đừng sợ, nhưng hãy tiếp tục cuộc chiến của các con, giống như người nông dân tốt lành, người đã bắt đầu mùa gặt thì sẽ hoàn thành nó; sau khi hoàn thành công việc, anh ta nhận được lời cảm ơn và phần thưởng từ chủ nhân của mình và trở về nhà trong niềm vui. Các con cũng hãy chiến đấu như vậy để nhận được cuộc sống hạnh phúc vĩnh cửu từ Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giêsu Kitô."

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh tháo họ xuống khỏi cây đó và ném vào lò lửa. Khi họ bị ném vào đó, ngọn lửa lập tức tắt ngấm, và họ bước ra khỏi lò mà không hề hấn gì. Lúc đó, quan tổng trấn nói với họ:

– Hãy từ bỏ phép thuật của các ngươi và dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta.

Các thánh nữ đồng thanh đáp lại:

– Ngươi sẽ chẳng được điều lành nào đâu, con trai của ma quỷ, chúng ta sẽ không từ bỏ Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, chúng ta sẽ không quỳ lạy trước đá và gỗ, trước những thần tượng giống như ngươi, những thứ điếc và vô cảm, vì chúng ta đã được kêu gọi vào Nước Trời.

Nghe vậy, quan tổng trấn ra lệnh chém đầu các bà bằng gươm. Khi các bà bị dẫn đến nơi sẽ chịu tử hình, các bà xin các binh lính:

– Xin chờ một lát, để chúng tôi cầu nguyện với Đức Chúa Trời.

Họ quỳ gối xuống và cầu nguyện như sau: "Vinh quang thuộc về Ngài, Thiên Chúa vĩ đại và đáng tôn vinh của chúng con; vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô, Đấng ngự trị muôn đời và đã kêu gọi chúng con bước vào con đường cứu rỗi, vì ai vĩ đại bằng Ngài, Đấng đã thúc đẩy chúng con từ bỏ bóng tối và bước vào ánh sáng chân thật của Ngài! Chúng con xin Ngài, lạy Chúa, hãy ghi tên chúng con vào hàng ngũ của vị nữ tử đạo đầu tiên của Ngài là Thánh Thekla; xin hãy nhận lời cầu nguyện cho chúng con từ vị cha thánh và mục tử thánh thiện của chúng con là Thánh Vlas, Đấng đã dẫn dắt chúng con vào con đường chân chính."

Sau khi cầu nguyện như vậy và đứng dậy khỏi mặt đất, họ giang tay lên trời, ngước mắt lên, và với lòng trong sạch, đồng thanh kêu cầu cùng Thiên Chúa: "Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng Christ, Thiên Chúa của chúng con, vì đã cho phép chúng con đứng tại nơi này, như những con chiên chờ bị giết, vì danh thánh của Ngài: chúng con mong muốn trở thành của lễ dâng lên Ngài, xin hãy nhận linh hồn chúng con lên bàn thờ thiên đàng của Ngài."

Hai thiếu niên được nhắc đến đã đến bên mẹ mình và nói với bà:

– Mẹ ơi, những vương miện từ Chúa trên trời đã sẵn sàng dành cho mẹ, còn chúng con xin giao phó cho vị thánh tử đạo tốt lành, Đức Giám mục Vlasiy.

Lúc đó, tên đao phủ tiến đến, chém đứt những cái đầu cao quý của bảy vị thánh nữ; đó là cách họ qua đời.

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh dẫn Thánh Vlasius ra khỏi ngục tối và hỏi ngài:

– Ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần ngay bây giờ hay không?

– Hỡi kẻ mù lòa đáng nguyền rủa, – vị thánh đáp lại, – ngươi không thấy ánh sáng chân thật sao: ai trong số những người đã nhận biết Đức Chúa Trời Hằng Sống lại dâng lễ vật hay thờ lạy những thần tượng vô hồn? Hãy biết rằng, hỡi kẻ bị che mờ và vô đạo, ngươi đã bỏ Đức Chúa Trời Hằng Sống mà đi thờ lạy hòn đá vô tri; ta không sợ những lời đe dọa của ngươi, hãy hành hạ ta tùy ý ngươi, – này, vì Đấng Christ, ta dâng thân thể ta cho ngươi, chỉ có một Đức Chúa Trời mới có quyền trên linh hồn ta.

Lúc đó, quan tổng trấn nói với vị thánh:

– Nếu ta ra lệnh ném ngươi xuống hồ, thì Đấng Kitô mà ngươi thờ phượng có thể giúp ngươi được chăng?

– Hỡi kẻ mù quáng và dại dột, – vị thánh đáp lại, – ngươi tôn thờ các thần tượng và tự cho mình là được cứu rỗi; còn ta, khi tôn thờ Chúa Kitô, há chẳng cho ngươi thấy quyền năng của Thiên Chúa ta trên mặt nước sao?

Lúc đó, vị thống đốc ra lệnh dẫn ngài đến hồ và ném xuống vực sâu; còn vị thánh, khi đến bờ hồ, đã làm dấu thánh giá trên mặt nước, đi trên mặt nước như đi trên đất khô, và khi đến giữa hồ, ngài ngồi trên mặt nước như ngồi trên đất, rồi quay sang nói với những chiến binh và đầy tớ của kẻ hành hạ đang đứng trên bờ như sau:

– Nếu các ngươi có các vị thần, thì hãy chứng tỏ sức mạnh của họ: hãy đi trên mặt nước đi.

Lúc đó, sáu mươi tám người đàn ông, sau khi kêu tên các vị thần của họ, đã bước xuống hồ với ý định đi trên mặt nước, nhưng tất cả bỗng chìm xuống nước như chì và đều chết. Còn Thiên thần của Chúa, từ trời xuống với vị thánh, đã nói với ngài: "Vị giám mục tràn đầy ân sủng của Chúa, hãy bước lên khỏi mặt nước và nhận lấy vương miện mà Chúa đã chuẩn bị sẵn cho ngài."

Khi xuống đất, vị thánh với khuôn mặt rạng ngời như tuyết sáng, đã đến gặp quan tổng trấn và bắt đầu quở trách ông ta. Lúc đó, quan tổng trấn ban ra sắc lệnh tử hình đối với Vlasiy với nội dung như sau: "Vlasiy không tuân lệnh ta, khinh miệt nhà vua, phỉ báng các vị thần của chúng ta, đã dùng phép thuật của mình để giết chết sáu mươi tám người đàn ông dưới nước – vì tất cả những điều này, hắn phải bị chém đầu cùng với hai thiếu niên."

Cùng với hai thiếu niên, Vlasy bị dẫn ra khỏi dinh thự của vị thống đốc. Khi đến nơi hành quyết, ông cầu nguyện cho những lỗi lầm của mình, cho toàn thể thế giới, và đặc biệt là cho những ai sẽ tưởng nhớ đến ông; ông cầu nguyện cho những người đó để họ không bị bệnh tật nào đụng đến, để nhà cửa họ tràn đầy mọi ân huệ và để những lời cầu nguyện của họ được lắng nghe. Lúc bấy giờ, một đám mây sáng từ trên cao hạ xuống, bao phủ lấy ngài, và từ đám mây ấy vang lên tiếng Chúa Kitô: "Ta sẽ đáp ứng mọi lời cầu xin của con, hỡi vị tu sĩ yêu dấu của Ta."

Sau đó, đao phủ đã chém đứt đầu thánh của ngài, rồi đến lượt hai thiếu niên nói trên, tất cả đều bị chém trên cùng một vách đá bên ngoài tường thành thành Sebaste; sự việc này xảy ra vào ngày mười một tháng Hai năm[1770] .

Một người phụ nữ đạo đức tên là Elissa đã thu nhận thi hài thánh của các vị tử đạo và an táng họ một cách trang trọng tại chính nơi đó; từ ngôi mộ của các thánh, những người đau ốm đã được chữa lành.

Khi biết tin về cái chết đầy đau khổ của Thánh Vlasius, vị thánh của Chúa Kitô, người phụ nữ nói trên – vốn chỉ có một con heo con – đã tôn vinh kỷ niệm của vị thánh bằng cách mời hàng xóm và bạn bè đến nhà mình, và Thiên Chúa đã ban phước lành cho gia đình bà với mọi sự sung túc. Học theo gương bà, những người sùng đạo khác cũng bắt đầu hàng năm cử hành lễ tưởng niệm Thánh Vlas, mang nến và hương đến nhà thờ, tụ họp tại nhà của những người cùng đạo và bố thí cho người nghèo và khốn khó. Kể từ đó, phong tục sùng đạo này đã bắt đầu, và cho đến nay vẫn còn một số người duy trì, cụ thể là: tưởng niệm Thánh Tử đạo Vlasius theo gương người góa phụ, người đầu tiên thực hiện nghi thức tưởng niệm này, và nghi thức tưởng niệm này được cử hành để tôn vinh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng được tôn vinh và thờ phượng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 2:

Hoa nở thiêng liêng, bông hoa không tàn phai, cành nho của Đấng Kitô, cành nho đầy đau khổ, Thánh Vlasie mang Thánh Thần, xin hãy ban tràn đầy niềm vui cho những ai tôn kính kỷ niệm của ngài bằng đức tin, và xin ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Bài ca Kondak khác, giọng 8:

Ngài đã được tôn vinh bằng sự xức dầu và được trang hoàng bằng máu, hỡi Thánh Vlasie vinh quang, và Ngài đang chiếu sáng khắp nơi trên các tầng trời, hân hoan và nhìn xuống chúng con, những người đã đến đền thờ của Ngài và không ngừng kêu cầu Ngài trong đó: xin hãy bảo vệ tất cả chúng con.

Lễ kỷ niệm Thánh Hoàng hậu Theodora.

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 2

Thánh Theodora là vợ của Hoàng đế Theophilus, người chống thánh tượng[1771] , nhưng bà không chia sẻ tà thuyết chống thánh tượng của chồng mình. Hoàng đế – người chống thánh tượng – đã trục xuất Thượng phụ

[1770] Thánh Tử đạo Vlasius đã chịu khổ nạn và qua đời vào khoảng năm 316. Xác thánh của ngài đã được chuyển sang phương Tây trong thời kỳ các cuộc Thập tự chinh; một phần thi hài của ngài hiện được lưu giữ tại nhiều quốc gia châu Âu.

[1771] Hoàng đế Theophilus, người chống lại việc thờ phượng các bức tranh thánh, trị vì từ năm 829 đến năm 842.

Methodius của Constantinople khỏi thủ đô, bổ nhiệm Annius thay thế và đốt cháy các thánh tượng. Nữ hoàng Theodora đầy nhiệt huyết, dù rõ ràng không dám thờ phượng các thánh tượng, nhưng bà vẫn bí mật giữ chúng trong phòng ngủ của mình và thức trắng đêm để cầu nguyện, khẩn cầu Thiên Chúa ban ân sủng của Ngài cho những người Chính Thống. Bà có một người con trai tên là Michael, người mà bà đã nuôi dạy theo đức tin Chính Thống. Sau khi chồng qua đời, Thánh Theodora đã phục chức Thánh Methodius lên ngai Tòa Thượng phụ Constantinopolis và triệu tập một Công đồng Thánh, tại đó những kẻ chống thánh tượng bị nguyền rủa, Annius bị phế truất khỏi ngai vàng, và các thánh tượng được đưa trở lại các nhà thờ của Chúa[1772] . Sau khi tham vấn với toàn thể Hội đồng Thánh các vị Cha, Nữ hoàng Theodora đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho chồng mình, xin Ngài giải thoát ông khỏi sự đau khổ vĩnh cửu, để ông có thể nhận được sự sống vô cùng. Sau đó, Hoàng hậu Thánh Theodora đã sống một đời thánh thiện và không lâu sau đó, bà đã dâng linh hồn mình lên Thiên Chúa, Đấng mà bà hằng hướng về, đồng thời để lại vương quốc cho con trai mình là Michael[1773] .

Lễ kỷ niệm Thánh Dimitri Prilutsky, vị thánh làm phép lạ ở Vologda

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 2

Thánh Dimitri, vị cha thánh thiện và đầy ân sủng của chúng ta, xuất thân từ thành phố Pereyaslavl[1774] , là con của những bậc cha mẹ đạo đức. Từ thuở thiếu thời, ngài đã được rèn luyện trong việc học tập và rèn luyện kỹ năng đọc các sách Thánh; ngài vượt trội hơn nhiều bạn cùng lứa về trí tuệ và nổi bật giữa họ bởi lòng khiêm nhường, điều mà ngài luôn giấu kín trong lòng. Vị Thánh này thường suy ngẫm về thế giới tương lai, về sự phán xét của Đức Chúa Trời, về việc mỗi người sẽ được báo đáp xứng đáng với việc làm của mình, về Nước Trời, niềm vui của những người công chính và sự hạnh phúc thiên đàng. Sau khi nghiên cứu Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước, vị thánh đã nhận ra rằng cuộc sống trần gian này chỉ là tạm bợ. Vì vậy, ngài sớm từ bỏ thế giới hư ảo này và, với tâm hồn tràn đầy lòng kính sợ Thiên Chúa, đã nhập tu tại Tu viện Nagorny Borisoglebsky ngay tại Pereyaslavl. Tại đây, ngài siêng năng tu tập trong đời sống đạo đức, rèn luyện sự tỉnh táo thiêng liêng và cầu nguyện, nổi bật bởi sự trong sạch, lòng khiêm nhường tột bậc và tình yêu thiêng liêng dành cho mọi người. Như vậy, vị tu sĩ siêng năng và không mệt mỏi này, ngày đêm học hỏi Lời Chúa, đã đạt được thành quả của sự cứu rỗi, nhờ sự trong sạch và trái tim thuần khiết mà tìm kiếm Chúa và sống một đời sống thánh thiện như các thiên thần. Các tu sĩ và dân chúng đều yêu mến vị thánh này vì đức hạnh vĩ đại của ngài. Sau một thời gian, Đức Chúa Trời đã ban ân cho Thánh Dimitri được thụ phong chức linh mục. Vào thời điểm đó, Thánh Sergius, vị thánh làm phép lạ ở Radonezh, đã xây dựng một tu viện mang tên Thánh Ba Ngôi gần Radonezh và, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, đã thành lập một cộng đồng tu sĩ tại đó. Thánh Dimitri thường xuyên đến thăm Thánh Sergius để trao đổi về đời sống thiêng liêng, về cách quản lý cộng đồng tu sĩ sao cho tốt nhất và dẫn dắt những người được chọn đến với Chúa. Sau đó, Thánh Dimitri đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Nicholas, Vị Thánh Làm Phép Lạ, và thành lập một tu viện bên cạnh nhà thờ đó trên bờ hồ Pereyaslav[1775] , đồng thời ngài cũng đảm nhận chức vụ Bề trên tại tu viện đó. Nhiều tu sĩ và giáo dân, mong muốn sống trong tu viện của ngài để được lợi ích thiêng liêng, đã đổ về với vị Thánh, và ngài đã đón nhận họ, giảng dạy với lòng khiêm nhường và cạo đầu cho các giáo dân để họ gia nhập hàng ngũ tu sĩ thánh thiện. Như vậy, ngài đã quy tụ được một đàn chiên lớn của Chúa, những con chiên của Đấng Kitô. Không lâu sau đó, vị thánh đã thiết lập một khu nội trú trong tu viện của mình, và ban hành những quy tắc nghiêm ngặt cho nơi này. Các tu sĩ tuân theo vị thánh trong mọi việc với tình yêu và sự vâng phục, như đối với một Thiên Thần của Chúa và một vị thầy chân chính, đặc biệt là như một người trung gian dẫn dắt họ đến Nước Trời. Sau đó, để tránh danh vọng trần thế[1776] , Thánh Dimitri đã rời khỏi đây để đến Vologda; tại đó, không xa thành phố, vị thánh đã yêu thích một nơi hẻo lánh bên cạnh một khúc sông[1777] , được tạo thành bởi khúc cong của sông Vologda, Ngài đã xây

[1772] Nhờ đó, việc tôn kính các bức tượng thánh đã được khôi phục tại Công đồng Constantinopolis năm 842. Để kỷ niệm sự kiện này, vào thời điểm đó, Giáo hội đã thiết lập một "nghi thức Chính thống giáo" đặc biệt, vẫn được cử hành cho đến ngày nay vào Chủ nhật đầu tiên của Mùa Chay.

[1773] Hoàng đế Michael III trị vì từ năm 855 đến năm 867.

[1774] Pereyaslavl-Zalessky, phía bắc, – hiện là một thị trấn cấp huyện thuộc tỉnh Vladimir.

[1775] Ngày nay – được gọi là "Nikolsky na Bolote" – là một tu viện không thuộc hệ thống chính thức tại Pereyaslavl-Zalessky.

dựng tại đây một nhà thờ mang tên Đấng Cứu Thế Toàn Lòng Thương Xót và thành lập một tu viện cộng đồng[1778] . Khi tin đồn về việc vị thánh định cư tại Priluki lan truyền, nhiều đệ tử đã rời Pereyaslavl để đến với vị thầy kính yêu của họ tại Priluki; rất nhiều người khao khát cuộc sống tu hành từ nhiều vùng đất khác nhau cũng tìm đến vị thánh. Như vậy, tu viện cộng đồng Priluki đã được hình thành. Và tại đây, vị thánh Dimitri đã tập hợp được một cộng đoàn tu sĩ đông đảo[1779] . Sau khi chăn dắt tốt đẹp đàn chiên của Chúa – những con chiên tinh thần được giao phó cho sự hướng dẫn của ngài – vị thánh đã an nghỉ trong Chúa vào ngày 11 tháng 2 năm 1392[1780] .

Bài thánh ca, giọng 1:

Từ trên cao, thưa vị thánh, ngài đã nhận được ân sủng thiêng liêng từ Thiên Chúa và nhờ Ngài mà ngài được nhận biết, hỡi vị thánh hạnh phúc. Chính vì thế, ngài đã nhận biết bằng tinh thần nơi ở tốt đẹp nhất của Ngài trong thế giới tương lai, và đã rèn luyện bản thân qua việc ăn chay tại các tu viện của mình. Và giờ đây, khi đang hân hoan cùng các Thiên thần, xin Thánh Dimitri cầu nguyện cho tất cả chúng con trước mặt Đấng Cứu Thế, để tất cả chúng con cùng kêu lên: vinh quang thuộc về Đấng đã ban cho ngài sức mạnh, vinh quang thuộc về Đấng đã trao vương miện cho ngài, vinh quang thuộc về Đấng hành động qua ngài để chữa lành cho tất cả mọi người.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Từ thuở thiếu thời, thưa vị thánh đáng kính, ngài đã vác thập giá của mình, theo chân Chúa Kitô, trong những lời cầu nguyện và việc ăn chay, trong những đêm thức trắng và những đau khổ, làm kiệt sức thân xác ngài. Vì thế, Đấng Toàn Tri đã nhìn thấy những công lao của ngài, ngợi khen những phép lạ của ngài, và dạy mọi người kêu cầu ngài: Hãy vui mừng, thánh phụ Dimitri, nguồn an ủi của những người ăn chay.

Ngày tưởng niệm Thánh Công tước Vsevolod, người được đặt tên là Gabriel trong lễ rửa tội.

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 2

Thánh Công tước Vsevolod, người được đặt tên là Gabriel trong lễ rửa tội, là con trai của Đại công tước Mstislav, con trai của Vladimir Monomakh lừng danh[1781] . Năm 1117, Vladimir Monomakh, khi đã cao tuổi, đã bỏ

[1776] Tin đồn về cuộc đời cao thượng của Thánh Dimitri đã đến tai Đại công tước Dimitri Ioannovich Donskoy của Moscow, và ngài đã mời vị thánh này đến để làm cha đỡ đầu cho các con của mình. Vị thánh đã đáp ứng mong muốn của đại công tước và nhận được từ ông những món quà hào phóng dành cho tu viện. Sau đó, ngài quyết định rời tu viện Pereyaslav và lui về một nơi hẻo lánh.

[1777] "Luka" có nghĩa là khúc quanh, đường cong, bờ sông uốn lượn, hoặc mũi đất được dòng sông ôm trọn.

[1778] Đó là vào năm 1371. Tu viện Spaso-Prilutsky (hạng hai) nằm cách Vologda 15 verst. Khi tu viện được thành lập, các chủ đất đã vui lòng nhượng lại mảnh đất của mình cho vị tu sĩ. Người dân Vologda cũng thể hiện lòng nhiệt thành sâu sắc. Mọi người đều hối hả dâng hiến cho vị tu sĩ những gì có thể để xây dựng nhà thờ. Đại công tước Dimitri Donskoy, khi biết tin vị tu sĩ Dimitri thành lập tu viện Spaso-Prilutsky mới, đã gửi tặng khoản đóng góp từ phía mình cho tu viện.

[1779] Với những hành động cao cả và đức hạnh của mình, vị tu sĩ đã trở thành tấm gương sáng và hình mẫu cho các tu sĩ tụ họp tại tu viện của ngài, đồng thời không ngừng giảng dạy và hướng dẫn họ. Ngài nổi bật với lòng yêu thương người nghèo và tinh thần từ thiện. Bản thân ngài, luôn chỉ hài lòng với bánh thánh và nước ấm, đã đi khắp các khu đất của tu viện và lo liệu để mọi thứ cần thiết cho bữa ăn của các tu sĩ được cung cấp đúng giờ. Quần áo của ngài mùa đông và mùa hè chỉ có một bộ – chiếc áo khoác lông cừu sờn rách; mùa hè thì ngài ướt đẫm mồ hôi vì nóng, còn mùa đông thì phải chịu đựng cái lạnh buốt giá. Nhưng vì các tu sĩ, ngài vẫn cùng họ đi làm việc. Để người khác không nhìn thấy những lời cầu nguyện đầy nước mắt của mình, ngài thường lui về một nơi vắng vẻ bên trái nhà thờ – nơi đã được xây thêm một gian nhà gỗ dành riêng cho việc này – để cầu nguyện. Nhờ những hành động cao cả của sự hy sinh và từ bỏ bản thân, vị thánh đã đạt đến sự hoàn thiện tâm linh cao cả và được ban cho ân sủng của sự thấu thị.

[1780] Thi hài của Thánh Dimitri được an táng tại Nhà thờ Spasskaya do chính ngài xây dựng. Tại quan tài của ngài và nhờ sự cầu bầu của ngài, đã xảy ra nhiều phép lạ và các trường hợp chữa lành khác nhau. Và cho đến nay, di cốt của Thánh Dimitri Prilutsky vẫn được an nghỉ tại chính ngôi thánh đường đó, nơi cũng lưu giữ bức tượng thánh có phép lạ của vị thánh này, từng đồng hành cùng Đại công tước Ioann III trong cuộc chinh phạt Kazan của ngài.

[1781] Vladimir Monomakh, cháu nội của Yaroslav the Wise, là hình mẫu lý tưởng của một vị công tước Nga cổ đại, được biết đến đặc biệt với tư cách là người hòa giải các công tước đang xung đột; từ năm 1114 đến năm 1125 – Đại công tước Kiev.

nhiệm con trai mình là Mstislav làm công tước tại Belgorod thuộc Kiev[1782] , để có người trợ giúp mình, còn cháu trai của ông, con trai của Mstislav, tức Công tước Vsevolod Đáng kính, thì được bổ nhiệm làm công tước thay thế ông tại Novgorod. Hoàng tử Vsevolod, người được tôn vinh, đã sống một cuộc đời hiến dâng cho Chúa và cai trị công bằng vương quốc được giao phó, đúng như những gì xứng đáng với các hoàng tử Chính thống giáo. Ông nổi bật bởi mọi việc thiện và tính cách tốt đẹp: kính sợ Chúa, trung thực, hiền lành và khiêm nhường, đồng thời dành tình yêu chân thành và không giả dối cho tất cả mọi người. Hoàng tử Vsevolod rất yêu thích việc xây dựng các nhà thờ của Chúa, yêu mến hàng giáo sĩ và tu sĩ, ban phát cho họ những khoản bố thí hào phóng và tôn kính họ như anh em của Chúa. Một minh chứng cho lòng nhiệt thành của ngài trong việc xây dựng nhà thờ là ngôi thánh đường tráng lệ mang tên Thánh Gioan Tiền Hô, cùng với một nhà thờ phụ, được ngài xây dựng tại khu Petryatin, trên quảng trường thương mại Novgorod ( ), nơi đây được trang bị những bức tranh thánh quý giá, cuốn Phúc Âm vô cùng quý hiếm và tất cả các sách phụng vụ; bằng một sắc lệnh đặc biệt, ngài đã đảm bảo nguồn tài chính cho nhà thờ và hàng giáo sĩ, một phần từ các khoản thuế thu được từ mọi mặt hàng buôn bán, trong đó một phần đáng kể cũng được dùng để duy trì Nhà thờ Thánh Sofia. Vị công tước đạo đức này là người bảo trợ cho các góa phụ và trẻ mồ côi, nhân từ với người nghèo, chăm sóc những người ốm yếu và phân phát thức ăn dồi dào. Năm 1132, cha của vị công tước thánh thiện Vsevolod, Mstislav[1783] , qua đời tại Kiev, và ngai vàng vĩ đại của Kiev được anh trai Mstislav là Yaropolk kế vị; người này đã trao cho Vsevolod thành Pereyaslav phía nam, nơi được coi là thành phố quan trọng thứ hai sau Kiev[1784] . Người dân Novgorod đã để Vsevolod ra đi trong sự bất mãn; trong khi đó, các con trai út của Monomakh, chú ruột của Vsevolod, đã nổi dậy tranh giành Pereyaslavl chống lại Đại công tước, cho rằng ông muốn lập cháu trai mình làm người kế vị ngai vàng Kiev. Một trong số các công tước này, Yuri Vladimirovich[1785] , đã cầm vũ khí chống lại Vsevolod và muốn chiếm Pereyaslavl. Còn vị thánh, sau khi nghe tin này và để tránh nội chiến, đã rời Pereyaslavl về Novgorod mà không gây đổ máu, để lại Pereyaslavl cho công tước Yuri.

Trong thời gian đó, người dân Novgorod tự do đã quên mất sự cai trị nhân từ của Vsevolod và ban đầu không muốn đón nhận ngài, nhưng sau đó họ đã suy nghĩ lại và mời vị công tước đã ban phát nhiều ân huệ cho họ trở về. Ngay sau đó, theo yêu cầu của người dân Novgorod, công tước Vsevolod được tôn vinh đã buộc phải cùng họ tiến quân đến Suzdal và Rostov[1786] . Một trận chiến đẫm máu đã diễn ra, nhưng người Suzdal và Rostov đã giành chiến thắng, mặc dù số thương vong của họ nhiều hơn so với người Novgorod. Cùng năm đó, vị công tước thánh thiện cùng với vị tổng giám mục đạo đức Nifont đã khởi công xây dựng một nhà thờ đá tráng lệ mang tên Thánh Clement, nhưng ông không kịp hoàn thành công trình này. Vào tháng 5 năm 1136, một cuộc nổi loạn bùng phát tại Novgorod. Những người dân Novgorod kiêu ngạo và ngang bướng, trong cơn giận dữ vì không thể tự hào về chiến thắng trước người Suzdal, đã nổi dậy chống lại vị hoàng tử thánh thiện Vsevolod và tuyên bố ông bị phế truất. “Chúng tôi không cần sự giúp đỡ của ngài,” – họ nói với vị thánh và trục xuất ngài khỏi Novgorod.

Sau đó, Công tước Vsevolod đã đến Kiev gặp chú của mình, Đại công tước Yaropolk, con trai của Vladimir Monomakh. Yaropolk giao cho Vsevolod quyền cai quản Vyshgorod[1787] , nhưng vị Công tước thánh thiện này chỉ ở đó một thời gian ngắn. Người dân Pskov, vì quý trọng những việc thiện và phẩm chất cao quý của Vsevolod, đã

[1782] Belgorod – một thị trấn nhỏ thuộc Công quốc Kiev, tuy nhiên, dưới thời trị vì của các người thừa kế Vladimir Đại đế, nơi đây từng có một giám mục và trong một thời gian ngắn từng là một lãnh địa riêng. Ngày nay – một làng thuộc tỉnh và huyện Kiev, nằm trên sông Irpen, thuộc sở hữu của Tổng giám mục Kiev, với 1.900 desyatina đất và hơn *112.000 cư dân, cùng một nhà thờ giáo xứ.*

[1783] Mstislav Vladimirovich, cha của Thánh Công tước Vsevolod, là Đại công tước Kiev từ năm 1125 đến năm 1132. Người kế vị ông là em trai ông, Yaropolk, trị vì tại Kiev từ năm 1132 đến năm 1138.

[1784] Công quốc Pereyaslav được coi là công quốc lớn thứ hai sau Đại công quốc Kiev. Pereyaslav-Nam – hiện là một thị trấn cấp huyện thuộc tỉnh Poltava, nằm bên các con sông Alye và Trubezhe.

[1785] Yuri (Georgy) Vladimirovich Dolgoruky, con trai út của Vladimir Monomakh, công tước Suzdal, sau này trở thành đại công tước Kiev từ năm 1148 đến năm 1150; sau đó bị Izyaslav Mstislavich trục xuất, nhưng sau một thời gian, ông lại chiếm lại đại công quốc Kiev, dù chỉ trong thời gian ngắn.

[1786] Sự việc diễn ra như sau. Izyaslav Mstislavich, nhờ ân huệ của Công tước Yuri Dolgoruky ham quyền lực, đã từ Turov đến Novgorod để cầu cứu chống lại Yuri, người đã ngang nhiên sỉ nhục dòng họ Mstislavich. Người dân Novgorod xôn xao, tự nguyện đứng ra bảo vệ Izyaslav chống lại Yuri. Công tước Vsevolod, người được tôn vinh, không muốn dính líu đến người chú của mình, còn Thánh Michael đã khuyên can người dân Novgorod không nên tiến hành cuộc chinh phạt, chỉ ra những nguy hiểm của một cuộc hành quân vào mùa đông. Tuy nhiên, cuối cùng, Vsevolod buộc phải tuân theo ý muốn của người dân Novgorod và dẫn quân ra trận chống lại người Suzdal và người Rostov.

[1787] Vyshgorod – một thị trấn nhỏ gần Kiev.

cử các đại diện đến Vyshgorod với lời thỉnh cầu tha thiết, mong ngài đến cai trị cho họ: lúc bấy giờ Pskov không có công tước. Thánh Vsevolod đã đồng ý và lên đường đến Pskov để cai trị. Trên đường đi, khi ngài đi ngang qua Polotsk[1788] , Công tước Vasilko của Polotsk, sau khi nghe tin về sự đến của vị thánh, đã vội vã ra đón ngài, chào đón ngài bằng nụ hôn anh em trên trán và lời chào theo truyền thống Kitô giáo, tặng ngài nhiều quà tặng và tiễn ngài với một lễ nghi long trọng. Trong khi đó, cư dân Pskov đã ra đón vị công tước thánh thiện Vsevolod, dẫn đầu là các giáo sĩ, mang theo những cây thánh giá trang nghiêm, và như vậy đã đón ngài vào thành phố. Và tại Pskov đã tràn ngập niềm vui lớn lao nhân dịp vị thánh đến. Tương tự, vị thánh cũng hân hoan vì đã đến Pskov, như thể đến Giê-ru-sa-lem trên trời, vì ngài đã tiên tri bằng linh hồn rằng di cốt thiêng liêng của ngài sẽ được an táng tại đây. Và ngay lập tức, ngài bắt đầu trị vì, cai quản người dân Pskov một cách công bằng cho đến khi qua đời. Vị công tước đạo đức ngay lập tức khởi công xây dựng một nhà thờ bằng đá mang tên Thánh Ba Ngôi, hoàn thành vào năm sau. Các dân tộc theo đạo La Tinh đều sợ hãi chính cái tên của vị thánh và không dám tấn công Pskov. Vị thánh công tước Vsevolod trị vì tại Pskov được hơn một năm. Sau đó, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, ngài mắc phải một căn bệnh nặng; sau khi rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô trước khi linh hồn ngài ra đi, và sau khi ban bình an cho gia đình cùng toàn thể cư dân Pskov, ngài đã về với Chúa và đoàn tụ với các tổ phụ của mình, nơi tất cả các thánh đều an nghỉ. Ngày qua đời của Hoàng tử Vsevolod-Gabriel đã diễn ra vào thứ Năm của Tuần Lễ Phô Mai, ngày 11 tháng 2 năm 1138. Thi hài của vị thánh được toàn thể cư dân Pskov, các vị tu viện trưởng và đông đảo giáo sĩ tiễn đưa trong sự tôn kính, rồi an táng tại Nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Dimitri Solunsky. Còn thanh gươm và tấm khiên của Hoàng tử Phúc lành Vsevolod thì được đặt trên quan tài của ngài, như một lời ca ngợi và khẳng định cho thành phố Pskov, nơi chúng vẫn còn được lưu giữ cho đến ngày nay tại Nhà thờ Thánh Ba Ngôi. 52 năm sau khi Hoàng tử Phúc lành Vsevolod-Gabriel qua đời, thi hài của ngài được phát hiện vẫn còn nguyên vẹn. Năm 1192, vị hoàng tử thánh đã hiện ra trong một giấc mơ cho một người kính sợ Chúa và nói: “Hãy thông báo cho các nhà chức trách để họ chuyển di hài cốt của ta đến Nhà thờ Thánh Ba Ngôi: ta muốn an nghỉ tại đó. Chúa Giêsu Kitô đã giao phó thành phố Pskov cho ta để ta bảo vệ nó”.

Ngay lúc đó, thi hài thánh của ngài đã được rước một cách tôn kính đến Nhà thờ Thánh Ba Ngôi[1789] . Kể từ đó, tại quan tài của vị hoàng tử phúc lành Vsevolod, nhiều phép lạ chữa lành đã bắt đầu xảy ra đối với những ai đến trước thi hài thánh của ngài với lòng tin, để tôn vinh Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng xứng đáng được vinh quang bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài đã tỏ mình ra từ thuở thiếu thời, Hoàng tử Gabriel khôn ngoan trước mặt Chúa, là bình thánh của Thiên Chúa, được Chúa chọn lựa, được nuôi dưỡng trong sự đạo đức, giữ vững đức tin trong sạch và đã xây dựng nhiều thánh đường, Ngài đã phải chịu sự trục xuất từ chính đồng bào mình, cũng như tổ tiên của Ngài đã phải chịu sự sát hại từ anh em vì sự trong sạch. Cùng với họ, ngài đang đứng trước Thánh Ba Ngôi, xin cầu nguyện để Đế quốc Nga được bảo tồn và tất cả chúng ta được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài đã khôn ngoan chuyển đến thành Pskov, hỡi Công tước Gabriel đáng chúc tụng, Ngài là trái ngọt dâng lên Thiên Chúa trong cuộc đời này, luôn nở rộ các đức tính, và như vua Đa-vít với lòng nhân từ: vì thế, Ngài đã nhận được sự sống đời đời trên Thiên Đàng, luôn chiêm ngưỡng Thánh Ba Ngôi. Xin cầu thay cho chúng con được thoát khỏi mọi tai ương, để chúng con có thể kêu lên với Ngài: “Vui mừng đi, Đấng củng cố thành phố của chúng con.”

[1788] Polotsk – hiện là một thị trấn huyện thuộc tỉnh Vitebsk, nằm tại nơi sông Polota đổ vào sông Dvina Tây. Công quốc Polotsk chiếm phần lớn lãnh thổ tỉnh Vitebsk, cùng một phần của các tỉnh Mogilev, Minsk và Vilnius.

[1789] Đó là vào năm 1192.

Ngày 25 tháng 2

Ngày 12 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Cha Meletius, Tổng Giám mục Antioch.

Ngày kỷ niệm: 12 tháng 2

Thánh Meletius ban đầu là Giám mục Sebaste ở Armenia[1790] , nhưng sau đó đã được tấn phong lên ngôi Tổng Giám mục Antioch theo cách sau đây. Tổng giám mục Antioch Eudoxius[1791] , một tín đồ của tà thuyết Arian, bị cám dỗ bởi sự giàu có của ngai tòa Constantinople, đã muốn chuyển đến đó, vì vị tổng giám mục trước đó tại Constantinople là kẻ bất chính và kẻ dị giáo Macedonius[1792] đã bị phế truất, và dưới triều đại của Constantius[1793] , con trai của Constantine Đại đế, Giáo hội Constantinopolis tràn ngập vô số kho báu và giàu có hơn nhiều so với Giáo hội Antioch và các giáo hội khác; vì vậy, Eudoxius, coi thường ngai tòa Antioch, đã bắt đầu nhăm nhe ngai tòa Constantinopolis. Khi biết được âm mưu của tổng giám mục mình, người dân Antioch đã vô cùng phẫn nộ với Eudoxius, lên án ông vì đã khinh thường Giáo hội của họ, và vì thế đã trục xuất ông. Sau khi đến Constantinopolis, Evdoksiy đã được phong làm tổng giám mục tại đó[1794] ; còn người dân Antioch, sau khi triệu tập một công đồng, đã cùng nhau bàn bạc xem nên chọn ai để thay thế Evdoksiy; tại công đồng này, phần lớn những người tham dự là những người Arian, lúc bấy giờ đang rất hùng mạnh; còn số người Chính thống thì không nhiều; hơn nữa, họ còn bị khinh miệt và gọi là những người Eustathian, theo tên của Thánh Eustathius, người khi còn là tổng giám mục Antioch đã bị trục xuất vì đức tin Chính thống. Tên của Thánh Meletius được nhắc đến trên môi mọi người tham dự công đồng đó; tất cả đều mong muốn ngài trở thành tổng giám mục của họ, nhưng những người Arian lại đặc biệt khao khát điều này: bởi họ coi ngài là đồng chí hướng và hy vọng rằng, dù là người Eustaphian, ngài cũng sẽ bị lôi kéo theo học thuyết của họ và truyền bá sai lầm Arian cho toàn bộ Antioch. Vậy là, tại công đồng, Thánh Meletius đã được bầu làm Tổng Giám mục bằng sự nhất trí chung; tất cả đã xác nhận nghị quyết của công đồng bằng chữ ký của mình và giao nó cho Thánh Eusebius, Giám mục Samosata, một người theo Chính Thống Giáo, người đã có mặt tại công đồng đó, để lưu giữ. Sau đó, họ gửi lời thỉnh cầu đến Thánh Meletius kèm theo sắc lệnh của hoàng đế, và với sự vinh dự lớn lao cùng sự tụ tập đông đảo của dân chúng, họ đã rước ngài về Antioch; Giám mục Theodoret[1795] đã mô tả sự kiện vị thánh này đến thành phố như sau: “Khi Thánh Meletius vĩ đại, người được hoàng đế triệu tập, đang tiến gần đến Antiôkhia, tất cả những ai mang chức linh mục, các thừa tác viên Giáo hội và toàn thể công dân đều ra đón ngài: ở đó có cả người Do Thái và những người không tin, tất cả đều mong muốn một điều – được chiêm ngưỡng Thánh Meletius vinh quang nhất.”

Đó là cách Theodoret mô tả sự kiện này. Vậy là, Thánh Meletius đã được tấn phong lên ngôi Tổng Giám mục tại Antioch, bởi ngài là một người xứng đáng, vô cùng khôn ngoan và tràn đầy sự thánh thiện; Thánh Epiphanius, người sống cùng thời với ngài, cũng làm chứng về điều này. Trong khi dành cho ngài những lời khen ngợi, ngài viết như sau: “Người ấy (Thánh Meletius) được chúng tôi vô cùng kính trọng, danh tiếng tốt đẹp của ngài lan tỏa khắp nơi; trong cuộc đời, ngài kiên định, chính trực, các thói quen của ngài đáng khen ngợi; dân chúng yêu mến ngài vì cuộc sống trong sạch; mọi người đều vô cùng ngưỡng mộ ngài.”

Đó là những lời Thánh Epiphanius nói về Meletius. Mức độ người dân yêu mến ngài thể hiện rõ qua việc, trong lễ tấn phong của ngài, ai nấy đều cố gắng mời ngài đến nhà mình, mong rằng sự hiện diện của vị thánh sẽ mang lại phước lành cho họ.

[1790] Sebaste của Armenia – nằm ở phía đông bắc Tiểu Á.

[1791] Evdoksiy giữ chức Thượng phụ tại Antioch từ năm 357 đến năm 358.

[1792] Macedonius I, tổng giám mục Constantinopolis, đã nắm giữ chức vụ tổng giám mục vào năm 341; sau đó, ông bị phế truất vì bị coi là dị giáo, nhưng đã nhiều lần giành lại quyền lực tổng giám mục cho đến năm 360. Macedonius đã giảng dạy một cách bất kính về Đức Thánh Linh, rằng Ngài chỉ là một thụ tạo phục vụ, không có phần trong Thần Tính và vinh quang của Cha và Con.

[1793] Hoàng đế Constantius trị vì từ năm 337 đến năm 361.

[1794] Eudoxius làm tổng giám mục tại Constantinople từ năm 360 đến năm 370.

[1795] Théodoret, Giám mục đảo Síp, là một trong những nhà giảng dạy xuất sắc nhất của Giáo hội và là nhà sử học Giáo hội nổi tiếng của thế kỷ V. Sự kiện nêu trên được ngài mô tả trong tác phẩm Lịch sử Giáo hội của mình.

Sau khi lên ngôi Giám mục Antioch, Thánh Meletius đã nhiệt thành dạy dỗ mọi người về lối sống đạo đức và những thói quen tốt đẹp, đồng thời chuẩn bị trong lòng họ con đường dẫn đến đức tin chân chính; bởi vì vị thánh tin rằng ngài có thể gieo mầm đức tin chính thống vào tâm hồn đoàn chiên của mình một cách thành công hơn, nếu trước tiên ngài sửa đổi những thói hư tật xấu của con người, nhổ bỏ gai góc và cỏ dại khỏi cánh đồng tâm hồn họ. Lúc bấy giờ, Thánh Meletius đã phong chức phó tế cho Thánh Basil vĩ đại, người đã từ Antioch đến Jerusalem. Một nhân vật nổi tiếng khác của thời kỳ đó, Thánh Gioan Vàng Miệng, lúc bấy giờ vẫn còn là một thiếu niên; ngài đã nhận phép rửa tội từ vị thánh này, nằm trong số những người dân ra đón Mêlêtiô, và trong thời gian Thánh Basiliô lưu lại tại Antiôkhia, ngài đã theo học các môn học Kinh Thánh; sau này, trong bài diễn văn ca ngợi Thánh Meletius, ngài đã mô tả việc vị thánh này bị các kẻ dị giáo tước quyền tham dự Thánh lễ trong ba mươi ngày. Sự việc diễn ra như sau. Toàn thể dân chúng muốn biết rõ vị tổng giám mục mới của họ theo tín điều nào; khi được hỏi về điều này, Thánh Meletius đã hướng về dân chúng trong nhà thờ để giảng Lời Chúa, trong đó ngài ca ngợi đức tin Chính thống đã được xác lập tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất tại Nicêa; ngài cũng tuyên xưng rằng Con Thiên Chúa đồng bản thể, cùng bản thể, ngang hàng với Đức Chúa Cha, rằng Ngài không phải là tạo vật, mà là Đấng Tạo Hóa của muôn loài. Vị thánh đã giảng dạy dân chúng một cách hùng hồn như vậy; nghe thấy điều này, phó tế trưởng của Giáo hội Antioch, người theo học thuyết tà giáo của Arius, đã tiến đến gần tổng giám mục của mình và táo bạo dùng tay bịt miệng vị thánh lại, để ngài không thể tuyên xưng đức tin chân chính, cũng như không thể giảng dạy về Chính Thống Giáo. Mặc dù bàn tay của phó tế đã cản trở Meletius nói, nhưng ngài đã giơ tay về phía dân chúng và dùng các ngón tay để tuyên xưng Thánh Ba Ngôi một cách rõ ràng hơn cả lời nói: trước tiên, ngài giơ ba ngón tay, tượng trưng cho Ba Ngôi của Thiên Chúa; sau đó, ngài gập hai ngón lại, chỉ để lại một ngón, nhằm chỉ ra rằng Thiên Chúa là Một trong Ba Ngôi. Thấy vậy, phó tế trưởng buông miệng vị thánh ra, rồi nắm lấy bàn tay của ngài, bàn tay đang diễn tả Ba Ngôi một cách rõ ràng như thế. Sau khi được thả ra, vị thánh bắt đầu dùng lời nói để tuyên xưng và tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi Duy Nhất, đồng thời khuyên nhủ dân chúng đang lắng nghe hãy kiên định và không lay chuyển trong việc tuân giữ tín điều đã được xác lập tại Công đồng Nicaea: "Bất cứ ai," ngài nói, "từ chối các tín điều của Công đồng Nicaea, đều xa rời sự thật." Và tình trạng này kéo dài trong một thời gian dài: vị phó tế nói trên hoặc bịt miệng vị thánh, không cho ngài nói, hoặc giữ chặt tay ngài, ngăn cản ngài dùng các ngón tay diễn tả Ba Ngôi, trong khi vị thánh thì lúc thì bằng miệng, lúc thì bằng các ngón tay của mình, vẫn rao giảng rõ ràng đức tin Chính Thống cho dân chúng. Lúc bấy giờ, những người Chính Thống, bị gọi là những kẻ dị giáo "Eustathian", đã tràn ngập niềm vui lớn lao khi thấy trên ngai Tông Đồ có một vị giám mục đạo đức như vậy, và trong sự hân hoan, họ đã reo hò, ủng hộ sự tuyên xưng chân chính của vị mục tử của mình; còn những người từng theo phái Arian thì vô cùng buồn bã. Họ đã trục xuất vị giám mục của Chúa ra khỏi nhà thờ và bắt đầu vu khống ngài khắp nơi, khẳng định rằng ngài là kẻ dị giáo, người theo học thuyết của Sabellius[1796] : họ cũng xúi giục hoàng đế Constantius kết án Meletius và đày ngài về quê hương Armenia. Vào ban đêm, vị thánh được dẫn ra khỏi Antiôkhia và bị đưa về Armenia, còn người thay thế ngài là một người tên Evzoi, tín đồ của Arius, người lúc Meletius được bầu làm giám mục vẫn còn là phó tế.

Thánh Evsevius, Giám mục Samosata, khi thấy Giáo hội Antioch đang trải qua sự xáo trộn do những kẻ dị giáo gây ra – những kẻ đã trục xuất vị Giám mục vô tội của họ là Thánh Meletius – đã vô cùng đau xót trước điều này. Ngài đứng dậy, rời khỏi Antiôkhia mà không báo cho ai biết, và trở về thành phố của mình. Khi biết tin Thánh Evsevius đã ra đi, những người theo phái Arius chợt nhớ ra rằng ngài đang giữ bản sắc lệnh phong chức tổng giám mục cho Thánh Meletius, được soạn thảo và ký tên bởi toàn thể công đồng: họ lo sợ rằng Thánh Eusebius có thể sẽ lên án họ tại một công đồng nào đó trong tương lai, vì chính họ đã nhất trí bầu chọn vị tổng giám mục, rồi lại tự tay trục xuất ngài: vì vậy, họ đã khẩn cầu nhà vua, người lúc đó đang ở Antioch, ra lệnh cử người đi tìm Eusebius và thu hồi văn kiện đó từ tay ngài.

Nhà vua lập tức cử một kỵ sĩ đi tìm Thánh Evsevius, với mục đích bắt kịp vị giám mục càng sớm càng tốt. Khi người được cử đi bắt kịp Thánh Evsevius và truyền đạt mệnh lệnh của nhà vua, vị giám mục thánh thiện đã trả lời: "Hiện tại tôi không thể giao lại văn bản này, mà chỉ giao lại khi tất cả những người đã giao phó nó cho tôi tập hợp lại với nhau."

[1796] Savelio đã giảng dạy sai lầm về mầu nhiệm Ba Ngôi Thánh, khẳng định rằng Thiên Chúa là một Ngôi Vị duy nhất: với tư cách là Cha – Ngài ở trên trời, với tư cách là Con – ở dưới đất, với tư cách là Thánh Thần – ở trong các thụ tạo.

Vậy là người được cử đi đã trở về báo cáo với nhà vua mà không đạt được kết quả gì. Lúc đó, nhà vua nổi giận dữ dội và đã viết một bức thư gửi đến thánh Eusebius; trong bức thư đó có nói rằng, nếu Eusebius không giao nộp văn kiện, tay phải của ông sẽ bị chặt đứt. Vua viết như vậy chỉ để dọa thánh nhân, nhưng ông đã cấm sứ giả thực hiện lời đe dọa đó. Khi sứ giả của vua lần thứ hai đến gặp vị giám mục thánh và trao cho ngài bức thư đe dọa, Eusebius, sau khi đọc xong, đã giơ cả hai tay lên và nói: "Các ngươi có thể chặt không chỉ tay phải mà cả tay trái của ta, nhưng ta sẽ không giao nộp bản văn, vì nó rõ ràng vạch trần sự độc ác và sự vô pháp của những người Arian."

Một lần nữa, sứ giả lại phải trở về tay không. Nghe câu trả lời như vậy của vị thánh, hoàng đế vô cùng ngạc nhiên trước lòng dũng cảm không nao núng và sự kiên định bất di bất dịch của Eusebius, và sau đó, trước mặt nhiều người, ngài đã ca ngợi ông hết lời.

Sau khi Thánh Meletius bị lật đổ khỏi ngai tổng giám mục, những người Chính Thống đã tách khỏi phe Arian; họ chiếm một nhà thờ nằm bên ngoài tường thành, tại nơi gọi là Palea, và tại nhà thờ đó, linh mục Pavlin cử hành các nghi lễ cho họ theo nghi thức của Giáo hội Chính Thống. Vài năm sau, hoàng đế Constantius qua đời, và Julianus Apostata[1797] lên ngôi thay thế. Vào đầu triều đại của mình, Julianus giả vờ tỏ ra sùng đạo, phóng thích tất cả các giám mục đang bị lưu đày và ra lệnh cho họ trở về ngai tòa của mình. Lúc bấy giờ, theo sắc lệnh của hoàng đế, Thánh Meletius cũng trở về từ nơi lưu đày tại Antioch. Ngài phát hiện ra rằng tại thành phố này, Giáo hội Chính thống đã chia rẽ thành hai phe : một phe mong chờ ngài, Thánh Meletius, trở lại ngai tòa tổng giám mục, còn phe kia, không chờ đợi ngài, đã bầu vị linh mục Pavlinus nói trên làm giám mục; nhóm sau lúc bấy giờ được gọi là những người theo Pavlin, còn nhóm trước là những người theo Meletius: nguyên nhân của sự chia rẽ còn nằm ở chỗ những người theo Pavlin không chấp nhận những tín đồ theo học thuyết Arius – những người đã quay trở lại Chính Thống Giáo thông qua giáo lý của Thánh Meletius – vào cộng đồng của họ, và họ không chấp nhận những người này vì hai lý do: thứ nhất, những người này đã được rửa tội bởi những người Arian; thứ hai, bởi chính Thánh Meletius cũng đã được bầu làm Tổng Giám mục Antioch bởi những người Arian, những người chiếm đa số so với những người Chính Thống tại Công đồng: cả hai phe này đều tuân thủ các tín điều Chính Thống như nhau, nhưng nguyên nhân dẫn đến sự chia rẽ chỉ là những hoàn cảnh đã được mô tả. Khi trở về, vị thánh đã tận tâm lo lắng để hàn gắn lại đoàn chiên của Chúa Kitô vốn đã bị chia rẽ. Vị tổng giám mục hiền lành và khiêm nhường trong lòng không phủ nhận chức giám mục của Pavlin, mà công nhận chức vụ đó, đồng thời tự mình chăn dắt đàn chiên mới – chính là những người đã từ bỏ Arian giáo để trở về Chính Thống giáo, những người mà lúc bấy giờ phe Pavlin không chấp nhận vào cộng đoàn. Khi Julianus, vị hoàng đế vô pháp, sau khi củng cố ngai vàng, đã công khai từ bỏ Chúa Kitô và bắt đầu thờ lạy các thần tượng, thì Thánh Meletius lại một lần nữa bị trục xuất khỏi Antioch. Trên khắp vương quốc rộng lớn của Julianus, cuộc bách hại đối với các Kitô hữu đã bùng phát, và đặc biệt dữ dội tại Antioch. Vị vua vô đạo, khi dẫn toàn bộ quân đội đi chinh phạt Ba Tư, đã ghé qua Antioch: tại đây, ông ta dâng nhiều lễ vật cho thần tượng Apollon, đang đứng tại một địa điểm gọi là Daphne: nơi này nằm ở vùng ngoại ô Antioch: nơi đây cũng là nơi an táng di cốt của Thánh Tử đạo Vavila cùng ba đứa trẻ sơ sinh. Một lần nọ, vị vua hỏi vị thần dối trá của mình là Apollon – vị thần từng ban lời đáp cho con người – rằng liệu ông có đánh bại được người Ba Tư hay không? Tượng thần không trả lời gì cả, bởi vì kể từ khi di hài của Thánh Vavila được chuyển đến nơi đó, ác quỷ đã bỏ chạy khỏi đó: kể từ lúc đó, tượng thần, vốn trước đây hay tiên tri, đã ngừng đưa ra lời đáp, bởi vì chính ác quỷ này đã tiên tri qua tượng thần. Vua rất buồn bã vì tượng thần sẽ không còn đưa ra lời tiên tri nữa: sau khi biết từ các thầy tế lễ ở đó rằng di cốt của Thánh Vavila chính là nguyên nhân khiến tượng thần Apollon im lặng, ông ra lệnh cho những người Galilê – ông gọi họ là Kitô hữu – mang những di cốt đó đi khỏi đó. Ngay khi các di vật được mang đi, lửa từ trời đổ xuống đền thờ Apollon và thiêu rụi cả đền thờ lẫn tượng thần: điều này khiến các thầy tế lễ vô đạo vô cùng đau buồn và xấu hổ, nên họ quyết định trả thù các Kitô hữu. Để làm điều đó, họ đã nói với nhà vua rằng những người Galilê vì lòng thù hận đã đốt cháy đền thờ Apollon vào ban đêm. Lúc đó, nhà vua nổi cơn thịnh nộ với các Kitô hữu: ông ra lệnh truy lùng và trục xuất họ; cùng lúc đó, Đức Tổng Giám mục thánh Meletius cũng bị trục xuất khỏi thành phố; những Kitô hữu khác, tự nguyện bỏ trốn khỏi Antiôkhia, ẩn náu trong các nơi ẩn náu bí mật. Lúc bấy giờ, hai vị linh mục thánh thiện của Antiôkhia là Eugenius và Macarius, cùng với Thánh Artemius, cũng phải chịu tra tấn. Khi vị hoàng đế ghét Chúa là Julian chết một cách thảm khốc, vị hoàng đế đạo đức và yêu mến Chúa Kitô là Iovian[1798] đã lên ngôi. Lúc đó, Thánh Meletius lại trở thành mục tử và thầy

[1797] Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363.

dạy của Giáo hội Chính thống tại Antioch, và hoàng đế Iovian rất kính trọng và yêu mến vị thánh này. Chính vì thế mà những người Arian bắt đầu sợ hãi vị thánh này. Một số giám mục trong số họ thậm chí còn giả vờ ủng hộ tín điều Chính Thống, với mong muốn lấy lòng hoàng đế và Tổng giám mục Antioch là Meletius.

Vào thời điểm đó, Công đồng Địa phương tại Antioch đã được triệu tập bởi Thánh Meletius và Thánh Eusebius của Samosata. Tại công đồng này, những người Arian đã tuyên xưng Con đồng bản thể với Cha và thừa nhận đức tin chính thống đã được xác nhận tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất tại Nicaea; nhưng lời tuyên xưng đó của họ là không chân thành và giả dối, bởi vì khi Vua Iovian qua đời không lâu sau đó và Vua Valent[1799] lên ngôi, những kẻ dị giáo đã chứng tỏ rõ ràng rằng họ vẫn chưa từ bỏ tà thuyết của mình; họ thậm chí còn lôi kéo cả nhà vua vào sự lầm lạc của mình thông qua vợ ông là Domnica. Khi đó, việc đàn áp Giáo hội Chính thống lại bắt đầu, các mục tử của Giáo hội lại bị trục xuất: vị vua vô đạo Valent này đã ở lại Antioch trong một thời gian dài, củng cố và truyền bá tà thuyết Arian tại đó; dưới sự xúi giục của những kẻ dị giáo, ông đã trục xuất cả Đức Tổng Giám mục Meletius; và vị thánh này đã sống lưu vong cho đến khi Valent qua đời.

Sau Valent, vị vua sùng đạo Gratian đã lên ngôi[1800] ; lúc bấy giờ, theo sắc lệnh của nhà vua, các giám mục Chính thống giáo đã được trả tự do khỏi nơi lưu đày và trở lại đảm nhận chức vụ của mình một cách suôn sẻ. Lúc bấy giờ, Thánh Meletius cũng đã trở về Antioch lần thứ ba để lên ngôi, nhưng mâu thuẫn giữa các tín hữu vì hai vị giám mục – Pavlinus và Meletius – vẫn còn tiếp diễn: một số người vẫn coi một vị là giám mục, trong khi những người khác lại coi vị kia là giám mục, và cả hai phe đều xa lánh lẫn nhau; vị thánh đã dốc hết sức mình để hòa giải giữa hai bên. Lúc bấy giờ, hoàng đế Gracian – một vị vua đạo đức và yêu mến Chúa Kitô – đã ban hành một sắc lệnh trên toàn vương quốc, theo đó tất cả các nhà thờ phải được thu hồi từ tay những người Arian và trả lại cho những người Chính Thống. Với sắc lệnh hoàng gia này, một vị công tước tên là Sapor đã đến Antioch. Trước mặt sứ giả của hoàng đế, Thánh Meletius đã quay sang nói với Giám mục Pavlin như sau: "Vì Chúa đã giao phó cho tôi nhiệm vụ chăm sóc đàn chiên này, còn ngài đã nhận một phần trong số họ về dưới sự hướng dẫn của ngài, nhưng bản thân các con chiên thì không có sự khác biệt nào về tín ngưỡng, vậy thì chúng ta hãy hợp nhất đàn chiên lại, hỡi anh em của tôi, chấm dứt mọi tranh cãi về quyền ưu tiên, cùng nhau chăn dắt đàn chiên của Lời Chúa, và cùng nhau chăm sóc chúng. Nếu việc nắm giữ ngai tòa tổng giám mục gây ra mâu thuẫn giữa chúng ta, thì tôi sẽ cố gắng xóa bỏ nó: tôi sẽ đặt Phúc Âm Thánh lên ngai này, và chúng ta sẽ làm như thế này: cả hai chúng ta sẽ ngồi hai bên Phúc Âm, và nếu tôi là người đầu tiên kết thúc cuộc đời mình, thì chỉ mình anh sẽ chăn dắt đàn chiên; còn nếu anh là người đầu tiên dâng linh hồn mình cho Đức Chúa Trời, thì tôi sẽ dùng hết sức mình để chăm sóc đàn chiên". Đó là đề nghị của Thánh Meletius, người nổi tiếng với lòng hiền lành phi thường, nhưng Pavlin đã không đồng ý với đề nghị đó. Khi đó, Công tước Sapor đã tâu trình việc này lên nhà vua và, sau khi nhận được thư trả lời từ nhà vua, ông đã thu hồi nhà thờ chính tòa cùng các nhà thờ khác từ tay những người Arian và trao lại cho Đức Thánh Mêlêtiô, còn Pavlin tiếp tục chăn dắt những con chiên mà trước đây ông đã nhận từ Mêlêtiô. Vậy là, vị Tổng Giám mục thánh thiện đã nhận lấy ngai tòa mà ngài được bầu chọn nhất trí theo nghị quyết của Công đồng. Với lòng nhiệt thành và sự khôn ngoan, ngài đã chăn dắt đoàn chiên của mình trong hòa bình và yên tĩnh cho đến khi qua đời một cách an lành. Những người Arian không còn có thể vươn lên và gây ra sự đàn áp đối với Giáo Hội của Đức Kitô và các mục tử tốt lành của Ngài nữa: đặc biệt là họ không còn có thể bức hại Thánh Meletius, người tỏa sáng như mặt trời, chiếu rọi Giáo Hội và xua tan bóng tối của các tà thuyết. Tuân theo những lời dạy của ngài, nhiều người Antioch đã tiến bộ trong các đức tính và đức tin chính thống, và giống như ngài, họ đã trở thành những ngọn đèn sáng chói của Giáo hội. Đó là Flavius[1801] , người đã kế vị ngai tòa của Thánh Meletius sau khi ngài qua đời; Akakios, người sau này trở thành Giám mục Veria; Diodorus của Tarsus; Elpidius, người phụ tá của Thánh Meletius, người sau này đảm nhận chức vụ Giám mục tại Laodicea. Đặc biệt nổi tiếng là Thánh Gioan, sau này được gọi là "Miệng Vàng", người đã được Thánh Meletius phong chức phó tế, và người bạn của Gioan là Basilius – không phải Basilius của Caesarea, mà là một người khác cùng tên với vị đó, nhưng trẻ hơn, sinh ra tại Antioch và lớn lên cùng với Thánh Gioan. Họ cùng nhiều người khác sau này đã làm rạng rỡ và soi sáng Giáo Hội của Chúa Kitô, mỗi người tại vị trí của mình, giống như những ngọn nến trong giá nến. Vào thời đó, tại xứ Syri, nơi có thành

[1798] Iovian trị vì từ năm 363 đến năm 364.
[1799] Valens trị vì từ năm 364 đến năm 378.
[1800] Gratian trị vì từ năm 383 đến năm 392.
[1801] Flavian giữ chức Tổng Giám mục từ năm 381 đến năm 404.

Antioch, Thánh Simeon[1802] cũng bắt đầu cuộc đời tu hành của mình; sau này ngài leo lên cột, nhưng ban đầu ngài tự trói mình bằng xích sắt trên một ngọn đồi cao, như được kể lại trong cuốn tiểu sử của ngài. Nghe tin đó, Thánh Meletius đã đến gặp ngài và, khi thấy ngài đang bị xiềng xích, đã nói: "Con người có thể tự chủ mà không cần xiềng xích, không cần dây xích sắt, mà chỉ bằng ý chí và lý trí của mình để tự trói mình vào một nơi."

Nghe những lời này, Thánh Simeon đã tiếp thu lời khuyên đó; ngài tháo xiềng xích ra và tự trói mình bằng ý chí tự do, để trở thành tù nhân tự nguyện của Chúa Giêsu Kitô.

Không lâu trước khi Thánh Meletius an nghỉ trong Chúa, vị vua đạo đức Theodosius[1803] lên ngôi; ông vốn là một tướng quân lừng lẫy dưới triều vua Gratian và được kính trọng vì lòng dũng cảm, bởi ông thường xuyên đánh bại các đạo quân man rợ một cách oai hùng. Chính vị Theodosius này, trước khi lên ngôi hoàng đế, đã từng một lần thấy trong giấc mơ vị Tổng Giám mục Antioch, Thánh Meletius; trước đó, ông chưa bao giờ gặp ngài trong thực tế, mà chỉ nghe nói về ngài mà thôi. Trong giấc mơ, Theodosius thấy như thể Meletius đứng bên cạnh mình và khoác lên người ông chiếc áo choàng hoàng gia cùng vương miện. Khi tỉnh dậy, Theodosius kể lại giấc mơ của mình cho một người trong gia đình và tự hỏi điều đó có ý nghĩa gì; không lâu sau đó, giấc mơ ấy đã trở thành hiện thực. Hoàng đế Gratian, sau khi nhận ra rằng một mình ông không thể cai trị cả phương Đông lẫn phương Tây do đế chế quá rộng lớn, và thấy rằng các bộ tộc man rợ đang đe dọa từ mọi phía, đã chọn Thống đốc Theodosius làm phụ tá để cùng cai trị đất nước, vì ông là một người có đức hạnh, dũng cảm và theo Chính thống giáo: ông đã giao phó toàn bộ nửa phía đông của đế chế – vốn trước đây thuộc về Hoàng đế Valens – cho ông ta, còn bản thân thì nắm giữ phần phía tây. Sau khi tiếp quản nửa phía đông và đánh bại quân Goth đang tiến công vào Thrace, Theodosius đã đến Constantinople và mong muốn được gặp Thánh Meletius, người mà theo như ông đã thấy trong một giấc mơ, đã phong vương cho ông. Vào thời điểm đó, với sự đồng thuận của các vị Thánh Tổ phụ vĩ đại, các giám mục Chính thống, và theo ý muốn của các vị hoàng đế đạo đức Gracian và Theodosius, Công đồng Đại kết lần thứ II[1804] bắt đầu được triệu tập tại Constantinopolis. Các giám mục từ khắp nơi trên thế giới được triệu tập đến công đồng này qua các sắc lệnh của hoàng đế. Lúc bấy giờ, Đức Tổng Giám mục Meletius của Antioch cũng đã đến Constantinople. Hoàng đế Theodosius ra lệnh cho các quan đại thần và những người trong hoàng cung rằng không ai được chỉ ra Thánh Meletius cho ngài: chính ngài muốn tự mình nhận ra ngài, dựa trên khuôn mặt mà ngài đã thấy trong giấc mơ, và chắc chắn rằng chính Meletius, chứ không phải một vị giám mục nào khác, là người đã phong vương cho ngài trong giấc mơ. Khi đoàn giám mục hùng hậu bước vào điện hoàng gia, nhà vua, khi nhìn họ, lập tức nhận ra Thánh Meletius. Bỏ lại mọi người và tiến lại gần, ngài quỳ xuống dưới chân Thánh Meletius và bắt đầu hôn tay, ngực, mắt, môi, và đầu của vị thánh, như thể một người con hiếu thảo đang gặp lại cha mình, người mà ngài đã mong ngóng từ lâu. Trước mặt mọi người, nhà vua kể lại cách vị thánh này đã hiện ra với ngài trong một giấc mơ, đội vương miện và khoác áo porphyry lên đầu ngài, đồng thời ưu ái ngài hơn tất cả các giám mục khác. Tại hội đồng đó, Thánh Meletius đã khiến mọi người kinh ngạc bởi một dấu hiệu kỳ diệu sau đây. Khi những người Arian đưa ra những luận điệu sai lầm về Thánh Ba Ngôi và làm suy đồi đức tin chân chính bằng giáo lý độc ác của họ, thì vị thánh nhân này đã đứng dậy, chỉ cho những người đang xin ngài giảng dạy ba ngón tay để biểu thị Ba Ngôi của Thánh Ba Ngôi; sau đó, ngài ghép hai ngón tay lại và uốn cong một ngón, rồi ban phước lành cho mọi người. Lúc đó, một ngọn lửa như tia chớp bao trùm lấy ngài, và vị thánh đã lớn tiếng kêu lên: "Chúng ta hiểu về Ba Ngôi và nói về Một Thực Thể."

Như vậy, Thánh Meletius đã khiến mọi người kinh ngạc, làm bẽ mặt những kẻ dị giáo, và củng cố đức tin Chính Thống cho các tín hữu Chính Thống: ngài cũng đã xác nhận Thánh Grêgôriô Thần Học lên ngai Tòa Thượng Phụ Constantinopolis. Ngay sau đó, khi công đồng vẫn chưa diễn ra và chưa phải tất cả các giám mục đều tập trung tại Constantinopolis, Thánh Meletius bị ốm nhẹ, rồi thanh thản trao linh hồn mình cho Chúa[1805] , khiến nhà vua,

---

[1802] Tất nhiên là Thánh Simeon, vị tu sĩ cột đầu tiên, ngày kỷ niệm của ngài được Giáo hội tổ chức vào ngày 1 tháng 9.

[1803] Theodosius Đại đế lên ngôi vào năm 379 và trị vì cho đến năm 395.

[1804] Năm 381, tại Công đồng này, tà thuyết Macedonia đã bị lên án, và Kinh Tin Kính Nicêa đã được bổ sung và hoàn thiện bằng năm điều khoản mới.

[1805] Thánh Meletius, Tổng Giám mục Antioch, qua đời vào năm 381 trong thời gian diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ II. Thánh Grêgôriô Nissus, trước mặt Công đồng, đã tưởng nhớ Thánh Meletius bằng một bài diễn văn ca ngợi, còn Thánh Chrysostom cũng làm điều tương tự khi ngài được tấn phong linh mục. Từ Thánh Meletius còn lưu lại một bài giảng, chủ yếu bàn về sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Thiên Chúa Cha, và một bức thư gửi Hoàng đế Jovian, trong đó ngài bày tỏ niềm tin vào Thánh Ba Ngôi. Xác thánh của Thánh Meletius đã được chuyển từ Constantinople về Antioch.

các giám mục và toàn thể dân chúng Chính Thống Giáo chìm trong nỗi đau buồn sâu sắc. Mọi người đã an táng vị tổng giám mục vinh quang này một cách trang trọng và rước thi hài ngài về Antioch: tại đây, thi hài thánh thiện của ngài được an táng gần vị thánh tử đạo Vavila để bảo vệ thành phố, vì vinh quang của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 6:

Kẻ bội đạo ở Macedonia run sợ trước sự can đảm thiêng liêng của ngài nên bỏ chạy; còn các tôi tớ của ngài, khi cử hành nghi lễ cầu nguyện, chúng con hân hoan chạy đến với tình yêu, hỡi Meletius, người bạn đồng hành của các Thiên thần, thanh gươm lửa của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng con, xin hãy tiêu diệt mọi kẻ vô thần: chúng con ca ngợi ngài, ngọn đèn đã soi sáng muôn loài.

Cuộc đời của Thánh Phụ Alexius, Tổng Giám mục Moscow và toàn Nga, vị làm phép lạ

Ngày kỷ niệm: 12 tháng 2

Thánh Alexius, vị làm phép lạ, Tổng Giám mục Nga, xuất thân từ một gia đình quý tộc. Cha mẹ ngài là Feodor và Maria, là các quý tộc của Công quốc Chernigov. Thánh Alexius sinh ra tại Moscow[1806] dưới thời Công tước Moscow Daniil Alexandrovich[1807] , con trai và người thừa kế của ngài là Công tước Ioann Daniilovich[1808] , lúc đó vẫn còn là một thiếu niên, đã làm cha đỡ đầu cho Alexius trong lễ rửa tội, và đứa trẻ được đặt tên là Eleutherius. Khi lớn lên, cậu được gửi đến các thầy giáo để học chữ. Một lần nọ, khi Eleftherios được mười hai tuổi, cậu đang giăng lưới bắt chim trên cánh đồng. Lúc đó, cậu bé vô tình chìm vào giấc ngủ và nghe thấy một giọng nói: "Tại sao, Alexei, con lại vất vả một cách vô ích như vậy? Ta sẽ biến con thành người săn người."

Khi tỉnh giấc, cậu bé không thấy ai xung quanh và vô cùng ngạc nhiên trước những gì mình vừa nghe. Kể từ lúc đó, cậu bắt đầu suy ngẫm nhiều về ý nghĩa của giọng nói ấy. Yêu mến Thiên Chúa từ khi còn trẻ, cậu rời bỏ cha mẹ, từ chối kết hôn và, mong muốn phụng sự Đấng Chúa Kitô Duy Nhất, cậu đến Tu viện Hiển Linh ở Moscow và tại đây, cậu được thụ phong làm tu sĩ; trong lễ thụ phong, cậu được đặt tên là Alexei[1809] – chính là cái tên mà cậu đã nghe thấy trong giấc mơ. Lúc bấy giờ, vị tu viện trưởng của Tu viện Hiển Linh là Thánh Stefan, anh trai của vị thánh làm phép lạ vĩ đại Sergius Radonezhsky; chính ngài đã cạo đầu cho Thánh Alexius, người khi đó vừa tròn hai mươi tuổi.

Từ thời điểm đó cho đến khi tròn bốn mươi tuổi, Thánh Alexius không ngừng lao động; ngài ăn chay, cầu nguyện mỗi đêm và tu tập các việc tu hành khác, đến nỗi nhiều người phải kinh ngạc trước lòng nhiệt thành của ngài. Nhờ cuộc đời thánh thiện của mình, Thánh Alexius được mọi người kính trọng và ngưỡng mộ; ngay cả Đại công tước Moskva Simeon Ioannovich[1810] và Tổng giám mục Theognost[1811] cũng rất yêu mến ngài. Nhờ nhiều đức hạnh, ngài được bổ nhiệm làm Giám mục thành Vladimir[1812] .

[1806] Cha của Thánh Alexius, Tổng Giám mục, là Boyar Theodore Byakont, đã chuyển đến Moscow vì vùng Chernigov, vốn đã bị Batu tàn phá, vẫn không ngừng hứng chịu các cuộc tấn công từ những cuộc cướp bóc hung hãn. Dưới sự bảo vệ của Công tước Đaniel Aleksandrovich, một vị lãnh chúa kiên cường và sùng đạo, ngài đã tìm được cuộc sống bình yên và thanh thản. Thánh Alexei sinh năm 1300.

[1807] Công tước Daniil Aleksandrovich, con trai út của Thánh Aleksandr Nevsky, người sáng lập Công quốc Moskva độc lập và là tổ tiên của các công tước Moskva (1261–1303) – Sau này, ngài được Giáo hội Nga phong thánh, và di cốt của ngài, được phát hiện vẫn còn nguyên vẹn vào năm 1652, cho đến nay vẫn được an táng công khai trong nhà thờ của Tu viện Danilov do chính ngài xây dựng bên bờ sông Moskva.

[1808] Sau đó, Đại công tước Moskva Ioann Daniilovich Kalita, từ năm 1328 đến năm 1340.

[1809] Đó là vào năm 1320. Tu viện Bogoyavlensky (hạng nhất) ở Moscow được thành lập vào năm 1296 dưới thời Công tước Moscow Daniil Alexandrovich.

[1810] Đại công tước Moskva Simeon Ioannovich Gordi trị vì từ năm 1340 đến năm 1353.

[1811] Thánh Feognost lãnh đạo Giáo hội Nga từ năm 1328 đến năm 1353. Ngài đã chính thức xác lập việc các tổng giám mục Nga đặt trụ sở tại Moscow thay vì tại Vladimir.

Khi Tổng giám mục Theognost qua đời, Đại công tước Moskva Ioann Ioannovich[1813] — người đã tiếp quản quyền cai trị sau khi anh trai mình là Đại công tước Simeon qua đời — theo quyết định của Công đồng đã bầu Thánh Alexius làm Tổng giám mục và cử ngài đến Constantinople để được phong chức bởi Đức Thượng phụ Philotheus[1814] . Thánh Philotheus đã tấn phong Thánh Alexius làm Tổng Giám mục Kiev và toàn cõi Nga. Sau khi trở về từ Constantinople, Thánh Alexius đã đảm nhận việc điều hành Giáo hội Nga[1815] và càng nỗ lực hơn nữa, nối tiếp những công đức này bằng những công đức khác, trở thành ngọn đèn soi sáng cho mọi người, làm gương bằng lời nói, hành động và cuộc sống, bằng đức tin và sự trong sạch, bằng tinh thần và tình yêu thương.

Danh tiếng về Thánh Alexius không chỉ lan rộng trong giới tín hữu Kitô giáo, mà còn cả trong số những người Hồi giáo chưa tin, những người chưa biết đến Chúa Kitô. Vợ của Khan Tatar Janibek, bà Taidula, đã bị mù cách đây ba năm. Nghe nói rằng Đức Chúa Trời đã thực hiện nhiều phép lạ nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Alexius, Janibek đã gửi thư đến Đại công tước Moskva Dimitri Ioannovich[1816] với lời thỉnh cầu, mong ngài cử người của Đức Chúa Trời này đến với ông, để người ấy cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho hoàng hậu của ông được sáng mắt trở lại. Đồng thời, Janibek còn nói thêm:

"Nếu hoàng hậu được chữa lành nhờ lời cầu nguyện của người ấy, ngài sẽ có hòa bình với ta. Còn nếu ngài không gửi người ấy đến cho ta, thì ta sẽ tàn phá đất nước ngài bằng lửa và gươm."

Khi lời thỉnh cầu của Janibek đến Moscow, Thánh Alexius đã rất đau buồn, vì cho rằng đây là việc vượt quá khả năng của mình. Tuy nhiên, trước những lời khẩn cầu của Đại công tước Dimitri, ngài vẫn quyết định lên đường đến gặp Khan Janibek. Trước khi rời Moscow, ngài cùng các linh mục đã cử hành nghi thức thánh ca tại nhà thờ chính tòa để tôn vinh Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Trong lúc cử hành nghi thức này, ngọn nến bên quan tài của Thánh Phêrô, vị thánh làm phép lạ, bỗng tự bốc cháy, và mọi người đều chứng kiến phép lạ này. Từ đó, Thánh Alexius hiểu rằng Chúa đã ban ân sủng cho ngài để báo trước rằng chuyến đi của ngài sẽ diễn ra bình an. Sau khi lấy một ít sáp từ ngọn nến đó và làm thành một ngọn nến nhỏ, vị thánh cùng với các linh mục của mình bắt đầu chuẩn bị lên đường, đặt trọn niềm tin vào lòng thương xót của Chúa.

Ngay trước khi vị thánh đến thủ đô của người Mông Cổ, nữ hoàng đã thấy trong giấc mơ hình ảnh Thánh Alexius của Chúa mặc áo lễ giám mục, được các linh mục tháp tùng. Khi tỉnh dậy, bà lập tức ra lệnh may những bộ lễ phục quý giá cho giám mục và các linh mục theo mẫu mà bà đã thấy trong giấc mơ. Khi Thánh Alexius tiến gần đến thủ đô của người Tatar, Janibek đã ra đón ngài với sự tôn kính cao độ và dẫn ngài vào cung điện của mình. Vị thánh, sau khi bắt đầu hát kinh cầu nguyện, đã ra lệnh thắp ngọn nến nhỏ mà ngài mang theo. Sau một thời gian cầu nguyện dài, ngài rảy nước thánh lên hoàng hậu, và bà lập tức được sáng mắt. Khan cùng các quan đại thần và tất cả những người có mặt tại đó đều vô cùng kinh ngạc trước phép lạ kỳ diệu và vinh quang này, và họ dâng lời ngợi khen lên Thiên Chúa. Sau khi bày tỏ lòng kính trọng đối với Alexius[1817] và những người đi cùng ngài, đồng thời ban thưởng hào phóng cho họ, Janibek đã cho họ ra về trong bình an.

Sau khi trở về từ Đế chế Mông Cổ, Thánh Alexius, sau một thời gian, buộc phải lên đường trở lại Đế chế Mông Cổ. Khan Janibek đã qua đời, và con trai ông là Berdibek – một kẻ tàn bạo và khát máu – đã lên ngôi. Sau khi giết chết mười hai người anh em của mình, hắn định dẫn quân xâm lược đất nước Nga. Lúc bấy giờ, theo lời thỉnh cầu của Đại công tước Ioann, Thánh Alexius đã lên đường đến Đế chế Mông Cổ gặp Berdibek và bằng những lời nói ôn hòa, khôn ngoan, ngài đã xoa dịu cơn thịnh nộ của vị Khan tàn bạo. Sau khi cầu xin vị lãnh chúa đáng sợ ban hòa bình cho các Kitô hữu, Thánh Alexius trở về Moscow, bởi vì Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Kiev, đã chuyển

---

[1812] Vladimir trên sông Klyazma, nơi từng là tòa tổng giám mục trước thời các thánh Phêrô và Feognost. Thánh Alexius được tấn phong làm giám mục Vladimir vào cuối năm 1352. Trước đó 12 năm, Tổng giám mục Theognostus đã ra lệnh cho Alexius sống trong dinh thự của ngài và phụ trách các vụ việc pháp lý của Giáo hội; nhờ đó, thông qua những tiếp xúc trực tiếp và thường xuyên với vị thánh người Hy Lạp, Thánh Alexius đã có cơ hội và điều kiện để làm quen sâu sắc với tiếng Hy Lạp.

[1813] Đại công tước Moskva Ioann II Ioannovich trị vì từ năm 1353 đến năm 1359.

[1814] Thượng phụ Philotheos lãnh đạo Giáo hội Constantinopolis từ năm 1354 đến năm 1355, và sau đó lần thứ hai từ năm 1362 đến năm 1376.

[1815] Thánh Alexius, Tổng Giám mục Moscow, đã lãnh đạo Giáo hội Nga từ năm 1354 đến năm 1378.

[1816] Dimitri V.V. Ioannovich, Đại công tước Don, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1350; từ năm 1362, ông lên nắm quyền Đại công tước; đã xây dựng Kremlin bằng đá tại Moscow; trị vì 27 năm, thọ 40 năm. Ông đã đánh bại Khan Mamai trên sông Don vào ngày 8 tháng 9 năm 1380; qua đời vào ngày 19 tháng 5 năm 1389.

[1817] Để tỏ lòng biết ơn, vị khan đã tặng vị thánh nhân một chiếc nhẫn như một dấu hiệu tôn vinh, chiếc nhẫn này cho đến nay vẫn được lưu giữ trong phòng bảo tàng của tổng giám mục.

Tòa Tổng Giám mục Kiev đến đây do những cuộc chiến tranh liên miên và các cuộc xâm lược của các dân tộc man rợ.

Khi Đại công tước Ioann qua đời, trách nhiệm chăm sóc Công tước Moscow Dimitrij Ioannovich, người lúc đó còn chưa thành niên, đã được giao phó cho vị thánh. Công tước Suzdal Dimitri Konstantinovich[1818] đã xin được quyền lực của Đại công tước từ Đế chế Mông Cổ. Thánh nhân lẽ ra phải ban phước cho Công tước Suzdal lên ngôi Đại công tước, nhưng ngài đã kiên quyết từ chối yêu cầu của Đại công tước về việc sống tại Vladimir, đồng thời tiếp tục đóng vai trò người cha bảo trợ cho Công tước trẻ Dimitri Ioannovich. Trong khi đó, tại Đế chế Mông Cổ đang xảy ra hỗn loạn; mỗi năm lại xuất hiện vài vị khan, tiêu diệt lẫn nhau; năm 1362, có hai vị khan đối địch xuất hiện. Dimitri trẻ tuổi đã xin được từ một trong số họ tước hiệu Đại công tước Nga và buộc Dimitri Konstantinovich phải rời khỏi Vladimir. Thánh Alexius đã vui mừng ban phước lành cho người con nuôi của mình trên cương vị Đại công tước bằng bức tượng Đức Mẹ Vladimir có phép lạ. Ngài là người tư vấn và hỗ trợ đắc lực cho Công tước Dimitri; nhờ những nỗ lực của Thánh nhân, quyền lực của Đại công tước Moscow ngày càng phát triển và vững mạnh.

Trong khi đó, Thánh Alexius bận rộn với việc xây dựng các tu viện. Cụ thể, ngài đã xây dựng một nhà thờ mang tên Chúa Giêsu Kitô của chúng ta bên bờ sông Yauza, để tôn vinh Hình ảnh Không do Tay Người Tạo Ra của Ngài; đồng thời, ngài cũng lập một tu viện bên cạnh nhà thờ này và ban hành nội quy sinh hoạt chung tại đó[1819] . Ngài đã trao quyền lãnh đạo tu viện mới này cho Andronikos[1820] , đệ tử của Thánh Sergius, vị thánh làm phép lạ. Ngoài tu viện này, Thánh Alexius còn xây dựng thêm nhiều nhà thờ và tu viện khác tại Moscow cũng như các thành phố khác của Nga. Chẳng hạn, ngài đã xây dựng tại Moscow một nhà thờ bằng đá mang tên Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, để vinh danh phép lạ vĩ đại của ngài đã xảy ra tại Khonekh[1821] , và thành lập một tu viện, đến nay vẫn được gọi là Tu viện Chudov[1822] ; đồng thời, vị thánh đã di chúc rằng thi hài của ngài sẽ được an táng tại đây. Thánh Alexius đã thực hiện nhiều việc đáng ghi nhớ, vinh quang và kỳ diệu khác để tôn vinh Thiên Chúa, và đã chăn dắt đoàn chiên tinh thần của mình một cách tốt đẹp cho đến tận lúc lâm chung.

Biết trước về việc mình sắp về với Chúa, vị thánh đã cử hành Thánh lễ và rước Mình Thánh Chúa. Sau khi chúc mọi người được bình an, ngài trao nụ hôn vĩnh biệt cho tất cả và thanh thản dâng linh hồn mình lên Chúa vào ngày 12 tháng 2 năm 1378[1823] . Vị Thánh này đã đảm nhiệm ngôi vị Thánh trong 24 năm, và tổng cộng cuộc đời ngài kéo dài 85 năm. Thi hài ngài đã được an táng với đầy đủ vinh dự tại nhà thờ do chính ngài xây dựng, mang tên Tổng Lãnh Thiên Thần Michael, trong nhà nguyện Truyền Tin của Đức Trinh Nữ Maria.

Nhiều năm sau, các di cốt thánh thiêng và có khả năng chữa lành của ngài đã được tìm thấy, vẫn hoàn toàn nguyên vẹn[1824] . Ngay cả áo lễ trên thi hài vị thánh đã an nghỉ cũng vẫn còn nguyên vẹn, như thể vừa mới được mặc vào ngày hôm trước. Sau đó, các di cốt thánh thiêng này đã được chuyển đến nhà thờ được xây dựng để tôn vinh vị thánh nhân này.

[1818] Dimitri Konstantinovich là Đại công tước từ năm 1359 đến năm 1363.

[1819] Tu viện này là một tu viện được lập ra để thực hiện lời thề. Khi Thánh Alexius lên đường đến Constantinople để được tấn phong làm Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga, thì trên đường trở về từ đó, ngài đã gặp phải tai họa, đến mức chính mạng sống của ngài cũng lâm nguy: trên biển nổi lên một cơn bão khủng khiếp, và con tàu cứ mỗi phút lại có nguy cơ chìm trong sóng biển. Tất cả những người đi cùng tổng giám mục đều tuyệt vọng về việc được cứu sống. Trong khi đó, vị thánh đã cầu nguyện hết lòng với Chúa, đồng thời hứa sẽ xây dựng một nhà thờ mang tên vị thánh mà ngày lễ của ngài trùng với ngày những người bơi lội lên bờ. Chúa đã nghe lời cầu nguyện của vị thánh. Bão tố dịu xuống, và con tàu cập bến vào ngày 16 tháng 8. Để thực hiện lời thề này, Đức Tổng Giám mục Alexius đã thành lập tu viện nói trên vào khoảng năm 1360, để tôn vinh Đấng Cứu Thế Toàn Năng, Hình Tượng Không Do Tay Người Tạo Ra. Trong việc xây dựng tu viện, vị thánh đã nhận được sự giúp đỡ lớn từ vị thánh nhân Andronik, đệ tử của thánh Sergius, chính vì vậy tu viện này mới được đặt tên là Tu viện Spaso-Andronikov (Androniev); hiện nay, đây là một tu viện hạng hai. Tại tu viện này, cho đến nay vẫn còn lưu giữ Hình ảnh Đấng Cứu Thế Không do Tay Người Tạo Thành, được Thánh Alexius mang về từ Constantinople, được trang trí bằng một chiếc áo lễ lộng lẫy.

[1820] Lễ tưởng niệm Thánh Andronikos được cử hành vào ngày 13 tháng 6. Xác thánh của ngài được an nghỉ tại Tu viện Spaso-Andronikov, nơi ngài đã cùng Thánh Alexius thành lập.

[1821] Ngày kỷ niệm phép lạ xảy ra tại Khone được tổ chức vào ngày 6 tháng 9.

[1822] Tu viện Chudov (Tu viện Chính tòa) được thành lập vào năm 1365 để kỷ niệm sự chữa lành kỳ diệu của hoàng hậu người Tatar Taidula.

[1823] Trong văn học tôn giáo, Thánh Alexius, Tổng Giám mục, đã để lại các văn bản, bài giảng và bản dịch. Tại Tu viện Chudov ở Moscow, người ta lưu giữ cuốn Phúc Âm do ngài dịch từ tiếng Hy Lạp và tự tay chép lại.

[1824] Đó là ngày 20 tháng 5 năm 1431.

Từ những di cốt này, cho đến nay vẫn tuôn trào, như từ một nguồn suối không bao giờ cạn, nhiều phép chữa lành, và nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, sự giúp đỡ được ban cho tất cả những ai với lòng tin thành kính đến nương tựa vào chúng, nhờ lòng thương xót vô biên của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Như vị đồng bàn với các Tông đồ, vị bác sĩ tuyệt vời, và người phục vụ đầy ân sủng, chúng con hân hoan chạy đến trước bàn thờ cao quý của ngài, Thánh Alexius, người khôn ngoan trước mặt Chúa, vị làm phép lạ, chúng con tụ họp lại đây, với tình yêu thương, hân hoan kỷ niệm ngày lễ của ngài, vui mừng trong những bài ca và tiếng hát, và ngợi khen Đấng Kitô, Đấng đã ban cho ngài ân sủng chữa lành và sự củng cố vĩ đại cho thành phố của ngài.

Bài thánh ca khác, giọng 4:

Kính nhớ Thánh Alexius, vị bảo vệ các tín điều của các Tông đồ, vị mục tử và thầy dạy của Giáo hội Nga, chúng con ca ngợi Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng con, bằng những bài ca xứng đáng, Đấng đã ban cho chúng con vị thánh nhân của Ngài, như một suối nguồn dồi dào tuôn trào sự chữa lành, và mang lại vinh quang cùng sự củng cố cho thành Moscow.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Thánh nhân của Đức Kitô, Đấng thiêng liêng và đáng kính, vị Thánh Alexius, vị làm phép lạ mới, tất cả chúng ta hãy cùng hát lên với lòng yêu mến, như vị Mục tử vĩ đại, vị Phục vụ và vị Thầy đầy khôn ngoan của đất nước Nga. Hôm nay, nhân ngày tưởng niệm ngài, chúng ta hãy hân hoan cất tiếng hát ngợi khen Đấng mang Thánh Thần: vì ngài có lòng can đảm trước mặt Thiên Chúa, đã giải thoát chúng ta khỏi muôn vàn hoàn cảnh khó khăn, nên chúng ta kêu lên với ngài: Hỡi ngài, xin vui mừng, là sự củng cố cho thành phố của chúng ta.

Cuộc đời của Thánh Maria, người đã tu hành dưới hình dạng nam giới với tên gọi Marina, và cha của bà là Thánh Evgeni

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 2

Tại Bithynia[1825] có một người đàn ông đạo đức tên là Evgeni. Vợ ông cũng là người kính sợ Chúa và luôn giữ lòng kính sợ Chúa trong lòng. Họ có một cô con gái duy nhất là Maria. Khi mẹ cô qua đời, Evgeni đã nuôi dạy con gái mình theo các điều răn của Chúa. Khi cô gái trưởng thành, người cha nói với cô:

– Con gái yêu quý của cha, cha sẽ nhường lại toàn bộ tài sản của mình cho con, còn cha sẽ vào tu viện để cứu rỗi linh hồn mình.

Cô gái liền phản đối cha mình:

– Thưa cha, cha muốn cứu rỗi chính mình, nhưng cha lại không quan tâm đến việc cứu rỗi con sao? Cha biết rằng Chúa đã phán trong Phúc Âm: *"Người chăn chiên tốt lành sẽ hy sinh mạng sống mình vì đàn chiên"* (Ga 10,11); vì ai cứu rỗi linh hồn người khác, thì cũng như là tạo dựng lại linh hồn ấy.

Nghe vậy, Evgeni rất vui mừng vì con gái mình thật đạo đức. Còn cô gái trẻ Maria, trong khi trò chuyện với cha, đã khóc nức nở.

– Con gái yêu quý của cha, – Evgeni nói, – cha không biết phải làm thế nào với con đây. Vì con là con gái, còn cha thì sẽ vào tu viện dành cho nam giới. Làm sao con có thể ở đó cùng với cha được? Ma quỷ có thể lợi dụng hình dáng của con để dụ dỗ ai đó phạm tội.

Nghe vậy, cô gái trẻ nói:

[1825] Tỉnh Tây Bắc của Tiểu Á.

– Thưa cha, con sẽ không vào tu viện nam với tư cách là một người vợ. Con sẽ cắt tóc, mặc áo nam, cùng cha vào tu viện, và sẽ không ai biết con là vợ cả.

Nghe vậy, Thánh Eugenius càng vui mừng hơn; sau khi phân phát toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo, người khốn khó, trẻ mồ côi và góa phụ, ngài đã cạo đầu cho con gái, trao cho cô bộ áo nam và đặt tên cô là Marin thay vì Maria.

– Con gái của cha, – ông nói với cô, – con phải giữ gìn bản thân và che giấu giới tính của mình; con biết rằng phụ nữ không được vào tu viện, con sẽ ở giữa những người đàn ông, như thể ở giữa ngọn lửa vậy; hãy giữ gìn sự trinh khiết của con. Nếu chúng ta thực hiện lời hứa của mình, thì chúng ta sẽ được xứng đáng trở thành những người thừa kế Nước Trời.

Sau khi cầu nguyện với Chúa, Evgeni cùng con gái mình, người đang mặc trang phục nam giới, bước vào tu viện. Cả hai bắt đầu tu hành cùng các tu sĩ khác. Con gái ông ngày càng tiến bộ hơn trong đời sống đạo đức. Cô nổi bật bởi sự vâng lời, khiêm nhường và luôn khao khát thực hiện những việc làm cao cả. Vài năm trôi qua. Các tu sĩ trong tu viện đó coi cô là một hoạn quan, vì cô không có ria mép và râu, và giọng nói của cô rất cao vút. Những người khác lại cho rằng giọng nói như vậy của Marina là do những việc làm vĩ đại và việc ăn chay của cô, vì Marina chỉ ăn rất ít và không phải hàng ngày, mà cách ngày một lần.

Một thời gian sau, Thánh Evgeni đã về với Chúa trong tư cách một tu sĩ, khiến con gái ngài là Maria, hay còn gọi là thiếu nữ Marin, trở thành trẻ mồ côi. Kể từ đó, cô càng nỗ lực tu hành hơn nữa, rèn luyện thân xác bằng vô vàn công việc vất vả và sự kiêng khem. Nhờ ân sủng của Chúa, cô đã tiến bộ đến mức hoàn hảo trong các đức hạnh, đến nỗi thậm chí còn có quyền năng chế ngự các linh hồn ác quỷ: những người bị các linh hồn ô uế hành hạ thường được đưa đến gặp cô; vị thánh đặt tay lên họ, dùng lời cầu nguyện của mình để trừ tà khỏi họ, và những người bệnh liền được chữa lành hoàn toàn.

Trong tu viện này có tổng cộng 40 tu sĩ, được trang bị mọi đức hạnh và sự khôn ngoan thiêng liêng. Hàng tháng, từ số tu sĩ đó, có 4 người được cử đi làm vườn để phục vụ nhu cầu của tu viện, vì tu viện này có những cánh đồng nằm cách xa tu viện một khoảng cách đáng kể. Giữa đường đi từ tu viện đến các vườn rau, có một nhà trọ, nơi các tu sĩ ghé vào nghỉ ngơi khi đi làm hoặc trên đường trở về. Chính chủ nhân của nhà trọ ấy đối xử với các tu sĩ bằng tình yêu thương, dành riêng cho họ một phòng đặc biệt và chăm sóc họ chu đáo. Kẻ thù của loài người, không thể chịu đựng được lối sống đạo đức cao đẹp của cô thiếu nữ trẻ trong hình hài nam giới, tình yêu của cô dành cho Chúa, sự siêng năng trong lao động và những việc làm tu hành, cùng sự kiên nhẫn không lay chuyển, đã nổi dậy chống lại cô. Hắn muốn cản trở cô trong hành trình tu hành và làm ô danh cô. Bằng mưu mô xảo quyệt, hắn đã dàn dựng sự việc như sau. Một ngày nọ, vị tu viện trưởng của tu viện đó gọi tu sĩ Marin đến và nói với anh ta : "Anh Marin, tôi biết cuộc sống đạo đức của anh, biết rằng anh đang tu hành trong sự vâng lời, đừng từ chối, hãy đi làm các công việc của tu viện. Bởi vì một số tu sĩ không hài lòng khi thấy anh luôn ở trong tu viện mà không bao giờ ra vườn làm những công việc cần thiết cho cộng đoàn của chúng ta. Hãy đi đến đó, con ơi, và con sẽ nhận được phần thưởng dồi dào từ Đức Chúa Trời toàn năng, vì chính Ngài cũng không ngần ngại phục vụ các môn đệ của Ngài." Nghe vậy, Marin quỳ sấp xuống trước mặt vị tu viện trưởng và nói: "Xin cha ban phước lành cho con, thưa cha đáng kính: con sẽ đi đến nơi cha chỉ định."

Cùng với ba tu sĩ khác, Marin lên đường làm việc cho tu viện. Trên đường đi, anh nghỉ đêm tại nhà trọ đã nói đến. Chủ nhà trọ đó có một cô con gái, đã trưởng thành. Một người lính nào đó, khi nghỉ đêm tại nhà trọ đó, đã cưỡng hiếp cô, và cô mang thai. Chính người lính đó đã xúi giục cô nói với cha mẹ rằng Marin là người phải chịu trách nhiệm về việc cô sa ngã. Khi cha mẹ cô hỏi con gái mình ai đã dụ dỗ cô, cô đã chỉ vào Marin. Cha cô vô cùng đau buồn. Ông đến tu viện và giận dữ hét lên:

– Kẻ Kitô hữu gian xảo và dối trá, tự xưng là tu sĩ, đang ở đâu trong đây?

Người quản lý tu viện bước ra và nói:

– Ngài đến đúng lúc lắm, nhưng sao ngài lại buồn bã thế, tại sao ngài lại la hét với cơn giận dữ như vậy? Xin ngài hãy bình tĩnh lại.

Người khách đáp lại:

– Cái giờ mà tôi làm quen với tu viện của các vị thật là đáng nguyền rủa. Khốn khổ cho tôi! Chuyện bất hạnh gì đã xảy ra với tôi vậy. Tôi không biết phải làm sao đây.

Vị Trưởng tu viện, nghe thấy điều đó, đã gọi vị khách đến và hỏi xem chuyện gì đã xảy ra với anh ta, tại sao anh ta lại buồn bã đến vậy, và anh ta mong muốn điều gì.

– Tôi muốn gì ư? – vị khách nói, – tôi muốn rằng tôi sẽ không bao giờ, ở bất cứ đâu, nhìn thấy hay nói chuyện với bất kỳ tu sĩ nào nữa.

Khi vị tu viện trưởng hỏi tại sao anh ta lại nói như vậy, người khách trọ trả lời:

– Tôi có một cô con gái duy nhất. Tôi tưởng rằng con bé sẽ an ủi tôi khi về già – và đây là điều mà Marin, người mà các vị coi là một Kitô hữu tốt bụng và đạo đức, đã làm với con bé – hắn đã làm nhục con gái tôi, và con bé đã mang thai con của hắn.

Nghe vậy, vị tu viện trưởng rất ngạc nhiên và đáp lại người khách trọ:

– Tôi phải làm gì đây: hiện tại Marin không có mặt trong tu viện, vì anh ta vẫn chưa trở về sau khi làm việc cho tu viện. Khi anh ta về, tôi sẽ lập tức đuổi anh ta ra khỏi tu viện.

Trong khi đó, Marin đã trở về tu viện cùng với ba tu sĩ khác. Vị tu viện trưởng lập tức gọi anh ta lại và nói:

– Anh em ơi, đây có phải là cách sống của anh, có phải là việc làm của anh không: khi ngủ lại ở nhà trọ, anh đã làm hư hỏng con gái chủ nhà trọ đó, và giờ cô ấy đã mang thai. Cha cô ấy đã đến đây và chửi rủa chúng tôi đủ kiểu vì anh.

Nghe vậy, Marin quỳ xuống dưới chân vị tu viện trưởng và nói với ngài:

– Thưa Cha, xin tha thứ cho con, kẻ tội lỗi này, xin tha thứ vì danh Chúa, con đã phạm tội như một con người.

Lúc đó, vị tu viện trưởng, vô cùng tức giận vì chuyện này, đã đuổi Marin ra khỏi tu viện một cách nhục nhã.

Sau khi bị trục xuất khỏi tu viện, Marin, người vô tội, vẫn ở lại trước cổng tu viện; ngồi đó không mặc quần áo, anh kiên nhẫn chịu đựng cả nắng nóng lẫn giá lạnh. Những người vào hoặc ra khỏi tu viện đều hỏi anh:

– Tại sao, thưa cha, cha lại ngồi đây trần truồng, chịu đựng những gian khổ này?

– Con đã phạm tội, – Marin trả lời, – và vì thế mà bị đuổi khỏi tu viện.

Trong khi đó, con gái của chủ quán trọ đã sinh ra một đứa trẻ; cha cô, bế đứa bé này, đến tu viện và, khi thấy Marin đang ngồi trước cổng, đã ném đứa bé xuống trước mặt ông rồi bỏ đi. Nhận lấy đứa bé, Marin vừa khóc vừa nói: "Ôi, khốn khổ cho tôi, kẻ tội lỗi và bị ruồng bỏ. Quả thật, ta, kẻ xấu xa này, đang nhận lấy điều xứng đáng với những việc làm của mình, nhưng tại sao đứa trẻ tội nghiệp này lại phải chịu khổ và chết trong tay ta?"

Marin bắt đầu xin sữa từ những người chăn cừu và cho đứa trẻ bú như một người cha thực sự. Không chỉ phải chịu đựng nắng nóng và đói khát liên miên, những lời chế giễu và sự thiếu thốn về mọi mặt, mà ngay cả việc chăm sóc đứa trẻ cũng mang lại cho ông nhiều vất vả và lo toan. Thường xuyên đứa trẻ làm bẩn quần áo của ông, nhưng Thánh Marin đã chịu đựng tất cả những điều đó một cách cam chịu trong suốt 3 năm, vừa chịu đựng vừa tạ ơn Chúa. Sau ba năm, các tu sĩ bắt đầu thương xót Marin. Các tu sĩ tập hợp lại, đến gặp vị tu viện trưởng và nói với ngài: "Thưa Cha đáng kính, sự sám hối của Marin đã đủ rồi ; giờ đây chúng con xin ngài, hãy nhận anh ấy vào tu viện. Vì anh ấy đã ăn năn và kể lại trước mặt mọi người về sự sa ngã của mình".

Nhưng vị tu viện trưởng không muốn nghe theo lời thỉnh cầu của họ và không muốn nhận Marina trở lại. Lúc đó, các tu sĩ lại tiếp tục nài nỉ ngài và nói:

– Nếu ngài không nhận anh em Marina vào tu viện, thì tất cả chúng tôi cũng sẽ ra đi. Vì làm sao chúng tôi có thể cầu xin Chúa tha thứ tội lỗi của chúng tôi, trong khi chính chúng tôi lại không tha thứ cho anh em mình, người đã phải chịu đựng ba năm liền mà không có chỗ trú ẩn trước cổng tu viện của chúng ta.

Nghe vậy, vị tu viện trưởng đáp lại các tu sĩ:

– Quả thật, vì tội lỗi mà Marin đã phạm, anh ta không xứng đáng được vào đây, nhưng vì tình yêu thương và lời thỉnh cầu của các anh em, tôi sẽ nhận anh ta vào.

Sau khi gọi Marin đến, vị tu viện trưởng đã nói với anh ta trước mặt tất cả các tu sĩ:

– Anh em ơi, vì tội lỗi mà anh đã phạm, anh không xứng đáng giữ lại vị trí đầu tiên như trước đây trong hàng tu sĩ. Nhưng vì tình yêu thương của các anh em, những người đã cầu xin tôi vì anh, tôi sẽ dành cho anh vị trí cuối cùng trong tu viện – và anh phải là người cuối cùng trong số các tu sĩ.

Với những giọt nước mắt, Marin nói với vị tu viện trưởng:

– Thưa cha kính mến, đối với con, chỉ cần cha cho phép con được vào tu viện, nơi con có thể phục vụ toàn thể anh em, như vậy đã là quá đủ rồi.

Sau khi nhận Marin vào, vị tu viện trưởng ra lệnh cho anh thực hiện những công việc vất vả nhất và thấp kém nhất trong tu viện. Thánh Marin thực hiện chúng với sự cẩn trọng tột độ, trong lòng đầy xót xa, với sự khiêm nhường trọn vẹn. Cùng với anh còn có một cậu bé, người luôn theo sát Marin, gọi anh như cha và xin anh thức ăn.

Thánh Marin đã chăm lo cho việc giáo dục cậu thiếu niên. Khi cậu lớn lên, nhờ những lời cầu nguyện của người cha nuôi, cậu đã tiến bộ trong sự khiêm nhường và cầu nguyện: được mọi người yêu mến vì đức hạnh của mình và đã nhận chức tu sĩ. Nhưng điều này xảy ra sau khi Thánh Marin qua đời, và cái chết an lành của ngài diễn ra như sau.

Đức Kitô đã nhìn thấy đức tin và sự kiên nhẫn của vị hôn thê của Ngài, người đã vất vả vì danh Ngài trong hình hài nam giới, đã chịu đựng biết bao thử thách và đau khổ lớn lao. Và Chúa đã muốn an ủi nàng trong những nỗi buồn, ban cho nàng sự bình an sau bao vất vả, và đưa nàng vào các nơi ở thiên đàng. Theo ý muốn của Đức Chúa Trời, bà đã qua đời trong phòng tu của mình – và không ai biết điều đó. Vị Trưởng tu viện, thấy rằng Marin đã ba ngày không đến nhà thờ và không tham gia các công việc của tu viện, bèn hỏi các tu sĩ: "Đã ba ngày trôi qua mà tôi không thấy Marin. Anh ấy luôn là người đầu tiên đến dự thánh lễ, nhưng giờ đây lại vắng mặt. Các anh hãy đến phòng tu của anh ấy và xem liệu anh ấy có bị ốm hay không."

Các tu sĩ đi đến đó thì phát hiện ra rằng Marin đã dâng linh hồn mình lên Chúa; bên cạnh anh ta là một cậu bé đang khóc. Các tu sĩ lập tức báo cho vị tu viện trưởng biết rằng Marin đã qua đời. Nghe tin này, vị tu viện trưởng ngạc nhiên và nói:

– Linh hồn anh ta đã rời khỏi thân xác; anh ta sẽ trả lời Chúa thế nào về những tội lỗi của mình?

Sau đó, ngài ra lệnh, theo thông lệ, chuẩn bị thi thể của Marin để an táng. Lúc này, các tu sĩ mới phát hiện ra rằng anh em Marin thực ra là một phụ nữ. Họ kinh hoàng và đồng thanh kêu lên: "Lạy Chúa, xin thương xót!"

Vị tu viện trưởng, nghe thấy tiếng kêu của họ, bỗng ngạc nhiên và nói:

– Chuyện gì vậy? Họ đáp lại:

– Anh em Marin của chúng con – thực chất là một người phụ nữ.

Vị Trưởng tu viện tiến lại gần vị thánh nữ, nhìn thấy điều kỳ diệu và bất ngờ này, liền quỳ sụp xuống đất và, chạm vào chân vị thánh, kêu lên: "Xin tha thứ cho con, lạy Chúa Giêsu Kitô, vì trong sự thiếu hiểu biết của mình, con đã phạm tội và gây ra biết bao nỗi buồn cho vị hôn thê thánh thiện và trong sạch của Ngài."

Và một lần nữa, quỳ sấp xuống chân vị thánh nữ, ngài kêu lên: "Con sẽ chết ngay tại đây, dưới chân thánh thiện của ngài, hoặc sẽ tiếp tục cầu xin cho đến khi được tha thứ những tội lỗi mà con đã xúc phạm đến ngài."

Anh ta khóc lóc và nức nở như vậy rất lâu. Bỗng nhiên, một tiếng nói vang lên từ trời: "Nếu ngươi làm điều này một cách cố ý, thì ngươi sẽ không được tha thứ, nhưng ngươi đã phạm tội trong sự vô minh, vì vậy giờ đây tội lỗi của ngươi được tha thứ."

Lúc đó, vị tu viện trưởng đứng dậy khỏi di thể thánh, sai người báo cho vị khách: "Hãy đến gặp chúng tôi ngay lập tức, tôi có điều muốn nói với ngươi."

Khi người quản lý nhà trọ đến tu viện, vị tu viện trưởng nói với anh ta:

– Anh em Marin đã qua đời.

Anh ta đáp lại:

– Cầu Chúa tha thứ tội lỗi cho anh ấy! Nhưng vị tu viện trưởng ngắt lời anh ta, nói:

– Hãy sám hối đi, anh em ơi, vì anh đã phạm tội trước mặt Chúa và đã lừa dối tôi bằng những lời nói của mình, và tôi cũng đã phạm tội vì anh. Marin – vợ!

Nghe vậy, người khách kinh hoàng và im lặng, như thể bị câm vậy. Còn vị tu viện trưởng, nắm lấy tay anh ta, dẫn anh ta đến nơi thi hài thánh thiện của thánh nữ Maria đang an nghỉ, và nói với anh ta rằng anh ta đã vô cớ đổ lỗi cho Marin về việc làm hư hỏng con gái mình. Chứng kiến phép lạ kỳ diệu ấy, người chủ nhà trọ bắt đầu khóc lóc và ăn năn về sự oán hận mà trước đây anh ta từng dành cho vị thánh nữ. Trong khi đó, vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ, trong tiếng hát các bài thánh ca tang lễ, đã trang trọng an táng thi hài trinh khiết của vị cô dâu vô nhiễm của Chúa Kitô tại tu viện, ở một nơi đã được chuẩn bị sẵn. Con gái của chủ nhà trọ, người đang bị quỷ ám, cũng đến đây. Cô đã công khai kể lại toàn bộ sự thật trước mặt mọi người. Khi cô được dẫn đến quan tài của Thánh Maria, tà linh lập tức rời khỏi cô, và từ giây phút đó, cô trở nên hoàn toàn khỏe mạnh. Tất cả những ai chứng kiến phép lạ này đều ngợi khen Thiên Chúa đầy lòng thương xót và vị thánh nữ Maria, người đã giữ bí mật cho đến khi qua đời mà không ai hay biết, và đã chịu đựng biết bao gian khổ vì Nước Trời[1826] .

Hỡi anh em, chúng ta hãy noi gương sự chịu khổ, sự kiên định và lòng nhẫn nại của bà; khi đó, trong cuộc sống tương lai, chúng ta cũng sẽ nhận được ân sủng từ Thiên Chúa vĩ đại và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa

[1826] Thánh nữ Maria, người đã đổi tên thành Marin, cùng với cha của bà là Evgeni, đã qua đời vào đầu thế kỷ VI.

Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang và quyền năng thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Antôn, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 2

Quê hương của Thánh Antôn là châu Á, nhưng cả cuộc đời ngài, từ thuở ấu thơ cho đến khi an nghỉ trong bình an, đều trôi qua tại thủ đô của Đế quốc Hy Lạp là Constantinopolis[1827] . Tại thành phố này, vị thánh đã được nuôi dưỡng, trải qua những năm tháng thơ ấu và tuổi trẻ, nhận được sự giáo dục và cuối cùng trở thành giám mục. Có rất nhiều điềm báo về chức vụ cao quý của ngài trong Giáo hội với tư cách là giám mục. Trong số đó, khi còn là một đứa trẻ sơ sinh, ngài đã quan sát kỹ lưỡng cách cử hành nghi thức thánh hóa bánh và rượu, cách cầm lư hương, cũng như cách cử hành Thánh lễ trong nhà thờ. Như vậy, ân sủng của Thiên Chúa đã chuẩn bị cho vị thánh này ngay từ thuở ấu thơ để thực hiện các nghi lễ thờ phượng. Khi đến tuổi trưởng thành, Thánh Antôn đã nhập tu tại một trong những tu viện ở Constantinopolis và dũng cảm thực hành những công việc tu hành. Nhờ sự nghiêm khắc trong các việc tu hành, ngài nhanh chóng thu hút sự chú ý và, trái với ý muốn của mình, được phong chức linh mục trước tiên, rồi theo lệnh của Đức Thượng phụ, được bổ nhiệm làm Bề trên. Vào thời điểm đó, cha của vị thánh cũng gia nhập hàng tu sĩ. Trong khi đảm nhận những nhiệm vụ mới của chức vụ tu viện trưởng, Thánh Antôn vẫn không ngừng tiếp tục những việc tu hành thường ngày của mình, luôn tỉnh thức, ăn chay và cầu nguyện không ngừng. Sống như vậy, ngài còn dành thời gian để tự tay phân phát tiền bố thí cho người nghèo. Và vào thời điểm đó, khi vị tu sĩ vĩ đại này đang trải qua cuộc đời tu hành đầy gian khổ và thực hiện những việc làm từ thiện, có một lần, ai đó mang đến cho ngài một bao vàng và khi trao nó, người ấy nói: "Hãy nhận lấy để phân phát cho những người nghèo."

Khi nghe những lời đó, vị thánh chỉ thấy một bàn tay cầm túi vàng, còn người đưa túi thì vô hình. Kể từ lúc đó, vị thánh bắt đầu phân phát bố thí dồi dào cho tất cả những ai xứng đáng nhận.

Đến lúc ngôi vị Thượng phụ tại Constantinople trống, và Thánh Antôn, nhờ sự bầu chọn nhất trí của Hội đồng Giám mục và Hoàng đế, đã được tấn phong lên ngôi Thượng phụ Constantinople[1828] . Lúc bấy giờ, ngài đã ở tuổi cao niên, nhưng bất chấp sự suy yếu do tuổi già, nhờ được củng cố bởi sức mạnh của Thánh Thần, ngài đã đi thăm tất cả các nhà thờ trong giáo phận của mình, vượt qua những bệnh tật tạm thời của mình, trong phạm vi có thể ở tuổi của ngài, nhờ sức mạnh của lời cầu nguyện. Thấy hoàn cảnh khó khăn của các linh mục do thiếu thốn vật chất, vị thánh đã giúp họ thoát khỏi khó khăn bằng những khoản trợ cấp tiền mặt dồi dào. Mỗi khi bước vào nhà thờ, ngài luôn được hàng ngàn người ăn xin chào đón, và ngài đều ban phát tiền bố thí cho tất cả họ. Nói chung, đối với nhiều người, ngài là một người phục vụ trong nhiều khía cạnh. Sau khi thực hiện vô số phép lạ, Thánh Antôn đã về với Chúa khi đã ở tuổi rất cao.

Ngày 26 tháng 2

Ngày 13 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Martinian của chúng ta, và ngày tưởng niệm các thánh nữ Zoe và Photinia.

Ngày tưởng niệm 13 tháng 2

[1827] Thánh Antôn sinh khoảng năm 829.

[1828] Thánh Antôn II (có biệt danh là Kavlei) lên ngôi Thượng phụ Constantinopolis vào năm 893 và giữ chức vụ này cho đến khi qua đời vào năm 895.

Tại Palestine, gần thành phố Caesarea[1829] , có một ngọn núi được gọi là "Nơi Cất Giữ Hòm Giao Ước". Nhiều ẩn sĩ đã tu hành trên đó, và trong số họ có vị tu sĩ đáng kính và đáng ngưỡng mộ, tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa – Thánh Martinian. Từ khi còn trẻ, ngài đã yêu mến Thiên Chúa và bắt đầu sống đời tu sĩ. Thánh Martinian, một người có vẻ đẹp tâm hồn, khi mới mười tám tuổi, đã rời bỏ thành phố, người thân, từ bỏ những lo toan trần tục và lên ngọn núi này để sống một cuộc đời thầm lặng và ẩn dật. Sống cuộc đời giống như các Thiên thần vô hình, ngài đã ở lại đây 25 năm. Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, ngài đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng chữa lành các bệnh tật. Nhiều người, nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, đã được chữa lành khỏi các bệnh tật khác nhau; nhiều người bị quỷ ám, khi đến gặp ngài trên ngọn núi này, đã được giải thoát khỏi mưu mô của ác quỷ. Chúa đã thực hiện nhiều phép lạ khác nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh nhân của Ngài. Ngày qua ngày, Martinian càng ngày càng thành công hơn trong những việc làm thánh thiện của mình; danh tiếng về cuộc đời đạo đức của ngài lan rộng xa ngoài biên giới đất nước đó; tất cả những ai nghe nói về ngài đều tìm đến ngài để tìm kiếm sự an ủi cho tâm hồn. Nhưng ma quỷ, kẻ thù của loài người, không thể chịu đựng được cuộc sống đạo đức của vị tu sĩ trẻ tuổi này, người đã tô điểm cho bản thân bằng những công đức thiêng liêng. Ban đầu, hắn tìm mọi cách cám dỗ Thánh Martinian và cố gắng dọa nạt ngài bằng nhiều thủ đoạn khác nhau. Sau đó, kẻ ghen tị cổ xưa của loài người đã sử dụng chính vũ khí mà xưa kia hắn đã dùng để đuổi A-đam ra khỏi vườn Địa Đàng, với ý định đuổi vị tu sĩ này ra khỏi sa mạc tĩnh lặng của ngài và tước đoạt hạnh phúc vĩnh cửu của ngài.

Một lần nọ, khi Thánh Martinian đang hát các thánh vịnh của Đa-vít, ma quỷ hóa thân thành một con rắn khổng lồ, tiến lại gần tường phòng tu của vị thánh và bắt đầu đào đất một cách dữ dội. Hắn muốn đào hầm dưới đất để làm sập phòng tu xuống đè lên vị thánh. Nhưng Martinian, không hề sợ hãi hay bối rối, sau khi hát xong, ngài nhìn ra qua ô cửa nhỏ của phòng tu và nói với con rắn ấy:

– Quả thật, ngươi đáng phải bò lê trên mặt đất; sao ngươi lại vất vả vô ích như vậy? Những mưu mô của ngươi không thể làm ta sợ hãi. Vì Chúa Giêsu Kitô của ta đang giúp đỡ ta: Ngài sẽ đánh bại những mưu mô của ngươi và làm nhục sức mạnh của ngươi.

Nghe vậy, ma quỷ biến thành một cơn lốc u ám, chạy trốn trong sự xấu hổ, nói:

– Chờ đã, chờ đã; ta biết cách đánh bại ngươi. Ta sẽ biến ngươi thành nô lệ của ta, ta sẽ phá tan mọi hy vọng của ngươi. Ta sẽ giáng xuống ngươi một cám dỗ mà ngươi không thể chịu đựng nổi; ta sẽ lôi ngươi ra khỏi phòng tu của ngươi, quăng ngươi đi như chiếc lá bị gió cuốn. Lúc đó ta sẽ xem ai sẽ giúp ngươi.

Nói xong, quỷ dữ biến mất. Còn Martinian thì vững vàng trong đức tin đến nỗi vẫn bình thản, không hề sợ hãi, như thể ông không nhìn thấy bất kỳ bóng ma nào. Ông chỉ ngợi khen Chúa, chuyên tâm suy niệm về Chúa và đọc, suy ngẫm Lời Chúa.

Sau đó, chuyện sau đây đã xảy ra. Một số cư dân thành Cêsarea nọ đang trò chuyện với nhau về cuộc sống đạo đức của Martinian. Họ rất ngạc nhiên trước lòng dũng cảm và sự kiên nhẫn của ông. Một người phụ nữ lăng loàn tình cờ nghe được cuộc trò chuyện này. Dưới sự xúi giục của quỷ dữ, bà ta tiến đến những người đàn ông đó và nói:

– Tại sao các ông lại ngạc nhiên đến thế về cuộc đời của vị tu sĩ này? Chẳng lẽ ông ta đã vững vàng trong đức hạnh đến vậy sao? Nếu tôi muốn, tôi có thể làm lung lay ông ta, như gió làm lay động chiếc lá trên cây. Và các ông đã tìm thấy điều gì đáng khen ngợi ở ông ta? Chẳng phải là vì anh ta, giống như một con thú hoang, đã lui vào sa mạc, không đủ sức chống chọi với dục vọng xác thịt và những cám dỗ trần tục trong thành phố sao? Và có gì đáng ngạc nhiên nếu anh ta vẫn giữ được sự vô tư, khi chưa từng nhìn thấy một người phụ nữ nào? Chính các ngươi cũng biết rõ rằng rơm không thể cháy nếu không có lửa; nhưng sẽ thật kỳ lạ nếu rơm được đặt gần lửa mà không bốc cháy. Cũng nên suy luận như vậy về người đàn ông này. Nếu tôi đến gặp anh ta, và anh ta vẫn giữ được sự vô tư như vậy, không bị quyến rũ bởi vẻ đẹp của tôi, thì anh ta sẽ vĩ đại không chỉ trước mặt mọi người, mà còn trước mặt Đức Chúa Trời và các Thiên thần của Ngài.

Sau những lời đó, nàng đã cá cược tiền với những người đàn ông ấy rồi trở về nhà mình. Tại đó, nàng cởi bỏ những bộ trang phục sang trọng, mặc vào những bộ quần áo rách rưới và tồi tàn, che đầu bằng một mảnh vải rách và thắt lưng bằng sợi dây thừng. Còn tất cả những bộ quần áo sang trọng, nhẫn và bông tai, nhẫn vàng, chuỗi hạt và mọi thứ làm say đắm tâm trí và đôi mắt của các chàng trai – bà đều cho vào một cái túi và mang theo bên mình.

[1829] *Césarée* – một thành phố lớn ở Palestine, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải; đó là nơi cư ngụ của các quan tổng trấn La Mã.

Buổi tối, bà rời khỏi Cêsarê và vào ban đêm, bà đến ngọn núi trong sa mạc, nơi vị thánh sống. Đêm đó mưa gió ào ạt. Khi đến gần phòng tu của Martinian, người phụ nữ ấy giả vờ rên rỉ và cầu xin vị thánh:

– Xin thương xót con, tôi tớ của Chúa! Xin đừng bỏ mặc con, kẻ tội lỗi này, để làm mồi cho thú dữ. Con đã lạc lối trong sa mạc và không biết phải đi đâu. Xin hãy thương xót, hãy cảm thông cho con trong cơn hoạn nạn này và đừng ghê tởm con, kẻ tội lỗi, vì con cũng là tạo vật của Chúa. Con van xin ngài, thánh phụ kính mến, xin đừng bỏ mặc con mà không giúp đỡ.

Cô ta nói những lời này và nhiều điều tương tự trong tiếng khóc lóc và than van. Thánh Martinian mở cửa sổ nhỏ của mình, nhìn ra và khi thấy cô ta trong bộ quần áo tồi tàn, đang đứng dưới cơn mưa xối xả, ngài thầm nghĩ:

– Ôi, khốn khổ cho tôi, kẻ tội lỗi khốn nạn. Giờ đây tôi đang phải đối mặt với cám dỗ: hoặc tôi phải tuân theo điều răn của Chúa, truyền dạy phải thương xót, hoặc phải vi phạm lời thề tu sĩ của mình. Nếu tôi không đón người phụ nữ này, đang trong tình trạng khốn cùng như vậy, vào phòng tu của mình, thì cô ấy sẽ bị thú dữ ăn thịt hoặc chết vì giá rét khắc nghiệt. Khi đó, tôi sẽ làm ô uế linh hồn mình và trở nên giống như một kẻ sát nhân. Còn nếu tôi đưa cô ấy vào phòng tu của mình, thì tôi lại lo sợ rằng cám dỗ sẽ ập đến với tôi. Khi đó, tôi sẽ làm ô uế cả thân xác lẫn linh hồn mình, và trở thành một kẻ dâm đãng ô uế trước mặt Chúa của tôi. Tôi không biết phải làm thế nào.

Và giơ hai tay lên trời, Thánh Martinian đã kêu lên:

– *"Lạy Chúa, con dâng linh hồn con lên Ngài"* (Thánh vịnh 24:1), xin đừng để con sa vào cám dỗ và trở thành nô lệ của ma quỷ xảo quyệt. Nhưng xin bảo vệ con trong giờ phút này và che chở con khỏi những lời vu khống của kẻ thù, vì Ngài được chúc tụng muôn đời.

Sau khi cầu nguyện xong, ngài mở cửa, mời người phụ nữ ấy vào phòng tu, rồi nhóm lửa mời bà sưởi ấm, sau đó mang đến những quả chà là vừa hái từ cây đứng gần phòng tu của ngài, đưa cho bà và nói:

– Này người phụ nữ! Hãy ăn đi và sưởi ấm bên đống lửa này, rồi sáng mai hãy ra khỏi phòng tu của tôi trong bình an.

Sau đó, ông để bà ở phần ngoài của phòng tu, còn bản thân thì vào phần trong và khóa cửa lại. Vào giờ thứ ba của đêm, theo thói quen thường lệ, ông bắt đầu hát các thánh vịnh và cầu nguyện. Sau đó, ông nằm xuống đất và chìm vào giấc ngủ. Nhưng Satan đã cám dỗ ông trong đêm đó bằng dục vọng xác thịt. Vào nửa đêm, người vợ thức dậy, lấy hết đồ trang sức của mình ra khỏi túi và đeo lên người để quyến rũ vị thánh. Sau khi cất bộ quần áo nghèo nàn của mình vào túi, cô chờ đợi cho đến khi Martinian bước ra gặp cô. Sáng hôm sau, vị thánh bước ra khỏi phòng của mình, định cho người phụ nữ ra khỏi phòng tu. Thấy nàng mặc trang phục lộng lẫy và đeo đầy trang sức, ngài không nhận ra nàng. Ngài sững sờ đứng lại và im lặng một lúc lâu. Cuối cùng, ngài nói với nàng:

– Ngươi là ai, từ đâu đến, và tại sao lại mặc những bộ trang phục quỷ quái như vậy?

Cô trả lời rằng cô chính là người phụ nữ mà chính ngài đã cho vào phòng tu của mình.

– Vậy tại sao cô lại thay đổi trang phục? – Martinian hỏi cô. – Tối qua cô còn mặc bộ quần áo rách rưới, giờ lại mặc trang phục sang trọng.

Rồi cô nói:

– Tôi đến từ Cêsarea ở Palestine; tôi đã nghe nói nhiều về ngài, về vẻ đẹp của ngài, và trái tim tôi đã bừng cháy tình yêu dành cho ngài. Tôi đã đi một chặng đường xa xôi như vậy chỉ vì ngài. Sự kiêng khem của anh để làm gì, tại sao lại hành hạ thân thể mình bằng việc ăn chay khắc nghiệt như vậy? Trong những cuốn sách nào các anh đã tìm thấy điều răn rằng không được uống, không được ăn, và không được kết hôn? Chẳng phải Thánh Phaolô đã nói: *"Hôn nhân của mọi người phải được giữ trong sự trong sạch, và giường ngủ phải được giữ trong sự thanh khiết"* (Hê-bơ-rơ 13:4) sao?

Có vị tiên tri nào bị tước mất Nước Trời chỉ vì có vợ không? Chẳng phải Ê-nóc vĩ đại và kỳ diệu đã từng kết hôn sao? Thế mà ông đã được rước lên trời và cho đến ngày nay vẫn chưa nếm trải cái chết (Sáng Thế Ký 5:24; Hê-bơ-rơ 11:5). Tổ phụ Áp-ra-ham ( ) có ba người vợ, và thậm chí còn được gọi là bạn của Đức Chúa Trời; không chỉ vậy, ông còn được ân sủng đón tiếp chính Đức Chúa Trời trong Ba Ngôi dưới mái nhà mình (Sáng Thế Ký 18). I-sa-ác, hình bóng của Đấng Christ, cũng đã kết hôn (Sáng Thế Ký 24:67). Gia-cốp có hai vợ và hai thiếp, nhưng ông đã dám đấu tranh với Thiên Thần và được chiêm ngưỡng vinh quang của Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 22). Mô-sê vĩ đại, vị tiên tri tối cao và tôi tớ của Đức Chúa Trời, chẳng phải cũng đã kết hôn sao (Xuất Ê-díp-tô Ký 2)? Thế mà ông đã trò chuyện với Đức Chúa Trời, giải phóng dân Do Thái khỏi ách nô lệ nặng nề của các dân ngoại

và được hưởng Nước Trời. Cũng như Đa-vít, các tiên tri khác và các bậc thánh nhân đều có vợ hợp pháp, có con cái – và tất cả họ đều được an nghỉ trong Nước Trời".

Nói như vậy, người phụ nữ tội lỗi cố gắng làm cho vị thánh bối rối và lung lay lòng tin của ngài; nàng nắm lấy tay ngài và bắt đầu lôi kéo vị thánh vào con đường diệt vong.

– Nhưng nếu tôi lấy chị làm vợ, – Martinian nói, – thì tôi phải làm sao với chị đây? Làm sao tôi có thể nuôi sống chị khi tôi chẳng có gì cả? Chị thấy cuộc đời tôi rồi đó, từ thuở thiếu thời, tôi chưa bao giờ cố gắng kiếm lấy bất kỳ của cải trần tục nào cả.

Nghe vậy, người phụ nữ ấy đáp lại:

– Thưa ngài, ngài chỉ cần ở lại với tôi và cho phép tôi tận hưởng vẻ đẹp của ngài, còn những chuyện khác thì đừng bận tâm. Tôi có nhà cửa, nhiều tài sản: cả vàng, bạc lẫn nô lệ nam và nữ. Ngài sẽ là chủ nhân của tất cả những thứ đó.

Nghe những lời mà người vợ này nói – hay đúng hơn là chính quỷ dữ, kẻ sát nhân cổ xưa, đang nói qua miệng nàng – Martinian bắt đầu do dự, suy nghĩ về việc phạm tội. Cuối cùng, ông nói với người vợ:

– Chờ một lát: thường có người đến gặp ta để xin phước lành. Ta sẽ ra xem có ai ở đó không, để tránh bị người ta nhìn thấy. Chúng ta không thể giấu tội lỗi của mình trước mặt Đức Chúa Trời; nhưng ít nhất hãy giấu nó khỏi con người, để họ không phỉ báng và sỉ nhục chúng ta.

Nói xong, ông bước ra khỏi phòng và đứng trên tảng đá ở đó, bắt đầu quan sát con đường một cách cẩn thận. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng Yêu Thương Loài Người, không muốn ai phải hư mất. Ngài cũng không bỏ qua những công lao của thánh Martinian, những việc ông đã thực hiện từ thuở thiếu thời; Ngài nhớ đến những lời cầu nguyện của ông, ban cho ông sự trợ giúp của Ngài và biến ý nghĩ xấu xa của ông thành ý nghĩ tốt lành. Khi bước xuống khỏi tảng đá, Martinian tìm thấy một bó cành khô, nhặt nó lên và mang vào phòng tu của mình. Đặt nó vào giữa phòng, ngài châm lửa lên. Khi ngọn lửa bùng lên dữ dội, vị thánh cởi đôi dép ra, bước vào trong lửa và đứng đó cho đến khi ngọn lửa bắt đầu thiêu đốt toàn thân ngài. Sau đó, ngài bước ra khỏi ngọn lửa và nói, như thể tự trách mình:

– Này, Martinian, ngọn lửa tạm thời này có tốt không? Sự đau khổ này có dễ chịu không? Nếu ngươi có thể chịu đựng được nó, thì hãy đến với người vợ này đi. Chính nàng, hoặc ma quỷ thông qua nàng, sẽ chuẩn bị cho ngươi ngọn lửa vĩnh cửu. Không, không phải nàng có tội, mà là quỷ dữ đã gieo rắc ý nghĩ này vào lòng nàng – hắn làm vậy vì muốn lôi kéo ngươi vào vực thẳm diệt vong. Hãy suy ngẫm đi, Martinian hèn hạ, về nỗi đau khổ đang chờ đợi ngươi, hãy nhớ đến ngọn lửa vĩnh cửu; ngọn lửa tạm thời này có thể dập tắt bằng nước. Trong đó còn có ánh sáng. Còn ngọn lửa địa ngục thì không có chút ánh sáng nào, không thể dập tắt nó bằng tất cả các biển và sông, dù có bao nhiêu đi chăng nữa dưới bầu trời này. Nếu ngươi có thể chịu đựng được ngọn lửa không thể dập tắt này, thì hãy đến với vợ ngươi và thực hiện điều ngươi mong muốn.

Anh ta tự nhủ với chính mình như vậy. Khi cơn đau của anh ta bắt đầu dịu đi một chút, anh ta lại bước vào ngọn lửa và đứng đó rất lâu, cho đến khi còn có thể chịu đựng được. Bước ra khỏi đống lửa, anh ta ngã xuống đất và với trái tim tan nát, thở dài và khóc lóc, anh ta kêu cầu Chúa:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, xin thương xót con, kẻ tội lỗi, xin tha thứ cho sự mờ mịt trong tâm trí con và sự ham muốn phạm tội của con. Ngài, Đấng thấu hiểu lòng người và những ý nghĩ thầm kín, cũng biết rõ lòng con; Ngài biết rằng con đã yêu mến Ngài từ thuở thiếu thời và vì Ngài mà con đã thiêu đốt thân xác mình trong lửa. Xin tha thứ cho con, Chúa là Chúa của con, vì chỉ có Ngài là Đấng tốt lành và nhân từ, vì Ngài được chúc tụng muôn đời.

Thánh nhân đã cầu nguyện như vậy, nằm sấp mặt xuống đất: vì những vết bỏng nặng nề nên ngài không thể đứng dậy được. Sau đó, ngài bắt đầu ngợi ca: *"Lạy Chúa, Ngài thật tốt lành đối với dân Y-sơ-ra-ên, đối với những ai có lòng trong sạch! Còn con thì đôi chân suýt nữa đã lung lay, đôi bàn chân suýt nữa đã trượt ngã"*[1830] (Thi Thiên 72:1–2).

Thấy cảnh đó, người vợ ngạc nhiên vì vị thánh, vì sự cứu rỗi của chính mình, đã tự nguyện dấn thân vào ngọn lửa. Bản thân bà cũng nhớ lại những tội lỗi của mình và tinh thần bừng tỉnh, như vừa thức dậy khỏi giấc ngủ.

[1830] Tức là tôi có nguy cơ từ bỏ những suy nghĩ lành mạnh và nâng đỡ tôi, và phải đối mặt với cám dỗ lớn nhất. – Nhà tiên tri gọi "chân và bàn chân" – như Thánh Theodoret giải thích – là những suy nghĩ.

Bà xé bỏ quần áo và tất cả đồ trang sức, ném chúng vào lửa, rồi mặc lại bộ áo rách rưới, quỳ xuống dưới chân thánh Martinian và trong nước mắt bắt đầu nói với ngài:

– Xin tha thứ cho con, kẻ khốn khổ và tội lỗi này, tôi tớ của Chúa; ngài biết rõ, thưa ngài, mưu mô và sự quyến rũ của ma quỷ mạnh mẽ và đa dạng đến nhường nào. Chính hắn đã gieo vào lòng con ý định cám dỗ ngài. Xin ngài cầu nguyện cho con, thưa Thánh Cha, để nhờ những lời cầu nguyện của ngài, con – một tội nhân lớn – cũng có thể được cứu rỗi. Xin ngài hãy biết rằng, thưa Thánh Cha, con sẽ không bao giờ trở lại thành phố nữa, không bước vào nhà mình, cũng không gặp lại người thân và bạn bè. Không, con đã quyết tâm từ bỏ những việc xấu xa của mình, con sẽ chỉ lo cho sự cứu rỗi của linh hồn khốn khổ này mà thôi. Xin ngài cũng hãy biết điều này, thưa ngài: nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, con sẽ chiến đấu với ma quỷ bằng chính cách mà hắn đã xúi giục con chống lại ngài. Và tôi hy vọng sẽ làm cho hắn phải xấu hổ: tên nịnh hót cổ xưa này, khi xúi giục tôi chống lại ngài, thực ra đã tự chống lại chính hắn. Hắn muốn dùng tôi để đánh bại ngài, nhưng nhờ sự giúp đỡ của Chúa chúng ta, Đấng kêu gọi cả những người điếm cũng phải ăn năn, chính hắn sẽ bị tôi đánh bại.

Nàng nói vậy, nước mắt tuôn trào. Còn vị Thánh thì đáp lại nàng:

– Chúa tôi và Thiên Chúa xin tha thứ cho chị, hỡi người phụ nữ, tội lỗi của chị. Hãy ra đi trong bình an và lo lắng, như chị đã nói, cho sự cứu rỗi linh hồn mình. Hãy chiến đấu với những đam mê, tự áp đặt sự sám hối lên mình, và như vậy chị sẽ làm cho kẻ xảo quyệt phải xấu hổ.

Đáp lại điều đó, nàng nói với vị thánh:

– Con xin và khẩn cầu cha, xin hãy chỉ dẫn con trên con đường cứu rỗi; xin cha hãy nói cho con biết làm thế nào để được cứu rỗi?

Ngài đáp lại:

– Hãy đến Bê-lem, tìm ở đó một trinh nữ thánh tên là Pavla[1831] , người đã xây dựng một nhà thờ thánh tại đó. Khi đến gặp bà ấy, hãy kể cho bà ấy nghe tất cả những gì đã xảy ra và tìm sự cứu rỗi nơi bà ấy.

Người phụ nữ đứng dậy, cúi đầu chào ngài và nói:

– Xin cha cầu nguyện cho con, một kẻ tội lỗi!

Vị thánh, đang bị cơn đau dữ dội hành hạ, phải rất vất vả mới có thể đứng dậy khỏi mặt đất. Ông cho người phụ nữ một ít quả chà là để làm đường, dẫn cô ra khỏi phòng tu và chỉ đường đến Giê-ru-sa-lem, rồi nói:

– Hãy đi bình an, cứu rỗi linh hồn mình và hãy nỗ lực trong sự sám hối. Hãy nhớ, đừng quay lại: *"Ai đã đặt tay lên cày mà còn ngoái lại phía sau, thì không xứng đáng với Nước Thiên Chúa"* (Lc 9,62). Hãy tự giữ mình để không bị kẻ thù làm nhục lần nữa, hãy luôn sống trong sự sám hối, vì Thiên Chúa đón nhận những ai sám hối.

Nghe vậy, người phụ nữ khóc lóc dữ dội hơn và nói:

– Và tôi đặt niềm tin vào Đấng mà các dân tộc đã đặt niềm tin và không hề hổ thẹn. Tôi tin chắc và hy vọng rằng từ nay trở đi, ma quỷ sẽ không còn tìm thấy tôi là tôi tớ của nó nữa.

Thánh Martinian, sau khi làm dấu thánh giá cho bà, nói:

– Chúa là Thiên Chúa của con xin gìn giữ linh hồn chị và bảo vệ chị cho đến cùng.

Người phụ nữ ấy, sau khi cúi đầu kính lễ vị thánh, đã ra đi, còn vị thánh thì trở về phòng tu, nơi ngài bắt đầu cầu nguyện với Chúa trong nước mắt. Trong khi đó, người phụ nữ ấy tiếp tục đi, vừa đi vừa khóc lóc cầu xin Chúa dẫn dắt bà trên con đường cứu rỗi. Đêm đã buông xuống, nhưng bà vẫn tiếp tục đi trong sa mạc. Tại đó, bà dừng lại để nghỉ qua đêm. Sáng hôm sau, cô lại tiếp tục hành trình, vừa cầu nguyện vừa rơi lệ. Mãi đến tối muộn ngày hôm sau, cô mới đến được Bê-lem. Bước vào tu viện do Thánh Phaolô xây dựng, cô cúi đầu chào bà và kể lại tất cả những gì đã xảy ra. Nghe câu chuyện của cô, Thánh nữ Pavla đã ngợi khen Đức Chúa Trời yêu thương loài người, vui mừng đón nhận cô vào tu viện của mình và mỗi ngày đều dạy dỗ và hướng dẫn cô trên con đường cứu rỗi. Người phụ nữ này đã tu hành và ăn chay đến mức nhiều lần Thánh nữ Pavla phải nói với cô:

– Hãy thương xót thân xác con đi, hỡi con, để nó không kiệt sức; hãy cố gắng để con có thể kiên trì tu hành và ăn chay cho đến cùng.

Nhưng bà không hề giảm bớt những nỗ lực tu hành của mình. Không lâu trước khi qua đời, Thánh nữ Zoia – đó là tên của người phụ nữ ấy – đã cầu xin Chúa cho bà biết liệu sự sám hối của bà có được chấp nhận hay không. Để tỏ lòng thương xót của Ngài, Đức Chúa Trời nhân từ đã ban cho bà ân sủng chữa lành. Một người phụ nữ bị

[1831] Góa phụ của Thánh *Phaolô* đã sống đời tu hành tại Bêlem trong 20 năm, kể từ năm 384; bà qua đời vào ngày 26 tháng 1 năm 404.

bệnh mắt nặng đã đến tu viện đó, hy vọng được chữa lành. Thánh nữ Pavla, muốn biết về sự sám hối của Zoia, đã nói với bà:

– Hãy cầu nguyện cho người phụ nữ này đi, con yêu: biết đâu nhờ lời cầu nguyện của con, Chúa sẽ ban cho chị ấy sự chữa lành.

Một thời gian ngắn sau, khi Zoya cầu nguyện cho người phụ nữ đang đau ốm, người ấy đã được chữa lành. Để tỏ lòng biết ơn vì đã được chữa lành, người phụ nữ ấy đã xuất gia tại tu viện đó và bắt đầu tu hành với lòng nhiệt thành trong các việc tu hành của một nữ tu.

Trong mười hai năm, thánh nữ Zoya đã tu hành trong sự kiêng khem và đã an lành trao linh hồn mình cho Chúa. Trong suốt thời gian sám hối, bà không uống rượu, không dùng dầu, cũng không ăn rau củ, mà chỉ ăn một ít bánh mì và uống nước. Bà chỉ ăn một bữa vào buổi tối mỗi ngày, đôi khi thậm chí hai ngày mới ăn một lần, và bà ngủ trên mặt đất trần. Đó là cuộc đời tu hành của vị thánh, và đó cũng là cách bà qua đời.

Nhưng hãy quay trở lại câu chuyện về vị thánh hạnh phúc Martinian.

Thánh Martinian chỉ khỏi vết bỏng sau bảy tháng. Sau đó, ngài bắt đầu suy ngẫm như sau:

– Nếu tôi không rời khỏi đây để đến một nơi nào khác, kẻ thù xảo quyệt sẽ không buông tha tôi và không cho tôi được yên ổn. Hơn nữa, tôi nên sống ở một nơi mà phụ nữ hoàn toàn không thể tiếp cận được.

Sau khi suy nghĩ như vậy, ngài đứng dậy và cầu nguyện với Đức Chúa Trời:

– Lạy Chúa tể trời đất và Đấng Tạo hóa biển cả! Xin hãy làm điều gì có lợi cho con, xin đừng bỏ rơi con, xin đừng để con phải hư mất cho đến cuối cùng, xin hãy là người trợ giúp và bảo trợ cho con. Lạy Chúa của sức mạnh! Xin chỉ cho con con đường cứu rỗi.

Sau khi làm dấu thánh giá, vị thánh nhân bước ra khỏi phòng tu và đi về phía biển. Thấy vị tu sĩ đã rời khỏi nơi này, ma quỷ gào thét:

– Danh ta sẽ được tôn vinh, vì ta đã đuổi ngươi, Martinian, ra khỏi phòng tu, thiêu đốt thân thể ngươi, biến ngươi thành kẻ chạy trốn và tù nhân của ta. Sao vậy, Martinian, ngươi lại chạy trốn khỏi đây? Nhưng hãy biết rằng, dù ngươi đi đâu, ta cũng sẽ theo ngươi khắp mọi nơi; như ta đã đuổi ngươi khỏi nơi này, ta cũng sẽ đuổi ngươi khỏi mọi nơi, dù ngươi định cư ở đâu; ta sẽ không buông tha ngươi cho đến khi hoàn toàn khuất phục ngươi và biến ngươi thành nô lệ của ta. Vị thánh phúc lành đáp lại:

– Hèn nhát và khốn nạn! Chẳng lẽ ngươi, bản thân chẳng có chút sức mạnh nào, lại nghĩ rằng đã đuổi ta khỏi căn phòng này, hay nghĩ rằng ta đã rời khỏi đây trong tuyệt vọng sao? Không, ta ra khỏi đây chính là để chiến đấu với ngươi tốt hơn và đánh bại ngươi. Nếu hai cám dỗ mà ngươi đã giáng xuống ta vẫn chưa đủ, thì hãy cứ tiếp tục cố gắng cám dỗ ta đi. Nhờ sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời của ta, ta đã tiêu diệt mưu mô xảo trá của ngươi và chịu đau khổ không phải vì ngươi, mà là vì danh Đức Chúa Trời của ta. Thậm chí chính người vợ mà ngươi đã xúi giục để cám dỗ ta, giờ đây cũng đã nhận ra sự hèn mọn của ngươi và so sánh ngươi với làn khói: nàng đã dẫm nát những mưu mô bất chính và độc ác của ngươi, đến nỗi ngươi không dám đến gần ngay cả bóng của nàng.

Nghe những lời này của vị thánh, ma quỷ liền biến mất. Còn vị thánh thì bắt đầu hát thánh vịnh: *"Xin Đức Chúa Trời hãy trỗi dậy, và kẻ thù của Ngài sẽ tan rã; những kẻ ghét Ngài sẽ chạy trốn khỏi mặt Ngài"* (Thánh vịnh 67:2). Trong khi hát Thánh vịnh này, ngài đi về phía biển. Khi đến một bến cảng, ngài gặp một người thuyền trưởng kính sợ Đức Chúa Trời và nói với ông ta:

– Anh ơi! Anh có biết trên biển có hòn đảo nhỏ nào hoang vắng không?

Chủ tàu trả lời:

– Sao anh lại hỏi chuyện đó? Anh cần nó để làm gì?

– Tôi muốn rời xa thế giới phù du này và thực hành cuộc sống im lặng, – Martinian trả lời, – nhưng tôi không biết nơi nào thích hợp cho việc đó.

Người đàn ông đó nói:

– Có một nơi như vậy, nhưng nó rất đáng sợ: giữa biển có một vách đá cao, từ đó thậm chí không thể nhìn thấy đất liền.

– Nơi như vậy rất thích hợp với tôi, – vị thánh nhân đáp, – tôi muốn định cư ở đó, vì phụ nữ không thể đến được nơi đó.

– Nhưng ai sẽ mang thức ăn đến cho ngài? – người thuyền trưởng hỏi.

Martinian nói:

– Tôi muốn nhờ anh điều này. Anh sẽ mang thức ăn đến cho tôi, còn tôi sẽ cầu nguyện cho anh. Nếu anh mang cành cọ đến, tôi sẽ dệt thành đồ thủ công; mỗi lần ghé qua, anh sẽ lấy những món đồ thủ công của tôi đi bán; rồi dùng số tiền đó mua bánh mì cho tôi; anh cũng hãy mang nước trong bình đến cho tôi. Tôi xin anh hãy đến thăm tôi với bánh mì và nước hai hoặc ba lần một năm.

Nghe vậy, người thuyền trưởng nhận ra rằng trước mặt mình là một vị thánh nhân; ông hứa sẽ làm theo mọi điều mà vị thánh nhân yêu cầu. Sau khi lên thuyền, họ ra khơi đến nơi hoang vắng ấy. Nhờ có gió thuận, đến chiều tối họ đã đến được tảng đá đó. Thấy tảng đá ấy, vị thánh nhân vui mừng trong lòng và ngợi khen Thiên Chúa. Sau khi ban phước cho người thuyền trưởng, ngài bước lên vách đá và cất tiếng hát: *"Tôi đã đặt trọn niềm tin nơi Chúa, và Ngài đã nghiêng mình xuống với tôi và nghe tiếng kêu cầu của tôi; Ngài đã cứu tôi khỏi hố sâu đáng sợ, khỏi đầm lầy bùn lầy, và đặt chân tôi trên đá, làm vững chắc bước chân tôi"* (Thánh vịnh 39:2). (Theo lời giải thích của Thánh Athanasius, "hố sâu của các đam mê" chính là tội lỗi và sự vô minh. Còn "bùn lầy" ám chỉ sự mê muội, vì trong tội lỗi, con người bị vướng mắc như bị lún sâu trong bùn lầy).

Sau khi đọc xong bài Thánh vịnh, ngài cầu nguyện và nói với người lái thuyền:

– Hãy đi bình an, anh em, và mang cho tôi bánh mì, nước và cành cây để tôi có thể đan giỏ.

– Nếu anh muốn, – người lái thuyền đáp, – tôi sẽ mang cả gỗ về nữa. Chúng ta sẽ dựng cho anh một túp lều nhỏ ở đây.

Nhưng vị thánh nhân không muốn điều đó: ngài ở lại sống trên tảng đá này dưới bầu trời rộng mở, kiên nhẫn chịu đựng cả cái nóng ban ngày lẫn cái lạnh ban đêm. Mỗi năm hai hoặc ba lần, người thuyền trưởng mang bánh mì và nước đến cho ngài, theo lời thánh nhân đã xin. Sống trên vách đá, vị thánh Martinius rất vui mừng vì đã thoát khỏi những lo toan trần tục. Ngày đêm, ngài ngợi khen Thiên Chúa và không ngừng suy gẫm về Thiên Chúa. Nhưng ma quỷ xảo quyệt cũng không muốn để vị thánh yên ở đây và tìm mọi cách để quấy rối ngài. Một đêm nọ, nó gây ra một cơn bão lớn trên biển và dấy lên một con sóng khổng lồ ngay trên đầu vị thánh. Con sóng đó cao hơn vách đá mười lăm khuỷu tay. Lúc đó, quỷ dữ gào thét:

– Giờ ta sẽ nhấn chìm ngươi, Martinian!

Vị thánh nhân thì bình tĩnh đáp lại:

– Ngươi, kẻ yếu đuối và khốn nạn, đang phí công vô ích: những mưu mô của ngươi không làm ta sợ hãi, những thủ đoạn của ngươi không làm ta nao núng. Ta đặt niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô của ta, và nhân danh Ngài, ta sẽ làm ngươi bẽ mặt.

Nói xong, vị thánh bắt đầu hát: *"Xin cứu con, lạy Chúa, vì nước đã dâng đến linh hồn [con]. Con bị sa lầy trong đầm lầy sâu, không có chỗ đứng; con đã lặn sâu vào dòng nước, và dòng chảy xiết đang cuốn con đi"* (Thánh vịnh 68:2).

Sau khi hát xong thánh vịnh này, Martinian bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, – ngài kêu lên, – Con Một của Cha vô hình, Ngài đã xuống trần gian vì sự cứu rỗi của chúng con, Ngài cai trị cả biển cả, và điều khiển các cơn gió. Mọi sự đều kính sợ và vâng lời Ngài. Xin hãy nghe con, lạy Chúa, vào giờ phút này và xin dẹp tan cơn bão này, xin làm cho ma quỷ phải hổ thẹn, kẻ muốn hủy diệt con; mọi sự đều có thể đối với Ngài, lạy Chúa; mọi sự đều nằm trong quyền năng của Ngài. Nghe những lời này, ma quỷ liền biến mất. Cơn bão đã chấm dứt mà không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho vị thánh. Sau đó, vị thánh ở lại trên tảng đá ấy thêm sáu năm nữa, chịu đựng cả mưa, lạnh và nóng vì sự cứu rỗi của mình. Nhưng ma quỷ không ngừng những mưu mô của nó. Nó đưa vị thánh vào một cám dỗ khác, còn khắc nghiệt hơn, và khiến ngài phải đối mặt với một tai họa còn lớn hơn.

Một lần nọ, quỷ dữ thấy có một con tàu đang lênh đênh trên biển, trên đó có cả đàn ông lẫn phụ nữ. Hắn gây ra cơn bão, và cơn gió mạnh đã đẩy con tàu vào một tảng đá, khiến nó vỡ tan. Tất cả những người trên tàu đều bị chìm, chỉ có một thiếu nữ kịp bám vào một tấm ván và trôi dạt đến tảng đá nơi Martinian đang sống. Bám chặt vào tảng đá, thiếu nữ bắt đầu kêu lên:

– Xin thương xót con, tôi tớ của Chúa, xin hãy đưa tay ra giúp con, cứu con và đừng để con phải chết.

Thấy rằng không ai ngoài mình có thể cứu được cô gái trẻ, vị thánh nói:

– Đây cũng là mưu kế của ma quỷ, nhưng giờ đây, ma quỷ ơi, ngươi không thể đánh bại ta được.

Suy ngẫm về điều này, vị thánh nói:

– Ôi, khốn khổ cho tôi, kẻ tội lỗi, vì một lần nữa tôi lại phải đối mặt với cám dỗ: tôi phải làm sao đây? Nếu tôi không đưa tay ra giúp cô gái trẻ và không kéo cô ấy lên khỏi mặt nước, thì cô ấy sẽ chết đuối, và một tội lỗi nặng

nề sẽ đè nặng lên tâm hồn tôi, vì khi đó tôi sẽ trở thành kẻ giết người của cô ấy. Còn nếu ta cứu cô ấy lên, thì ta không thể ở lại đây với cô ấy. Khi đó, ta sẽ gặp tai họa, còn lớn hơn cả tai họa trước. Trước đây, khi còn ở trần gian, ta có thể chạy trốn, nhưng bây giờ – ta chạy trốn đi đâu đây? Bởi vì ở đây chỉ có một tảng đá nhỏ, xung quanh toàn là biển cả.

Sau đó, giang hai tay lên trời, vị thánh nhân bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa, xin đừng để con phải chết, nhưng xin sắp xếp mọi việc sao cho có lợi cho linh hồn con.

Nói xong, ông đưa tay ra cho cô gái và dắt cô lên tảng đá từ biển. Thấy cô rất xinh đẹp, Martinian nói:

– Quả thật, rơm rạ và lửa không thể ở cùng nhau; không thể nào em và tôi sống chung ở đây được. Em hãy ở lại đây và đừng sợ gì cả: ở đây có bánh mì và nước; một người thuyền trưởng nào đó mang chúng đến đây. Hai tháng nữa, ông ấy sẽ đến đây. Hãy kể cho ông ấy nghe mọi chuyện đã xảy ra, và ông ấy sẽ đưa em qua biển.

Sau đó, vị thánh làm dấu thánh giá trên mặt biển và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Ngài đã ra lệnh cho những cơn gió, những cơn gió luôn vâng lời Ngài với lòng kính sợ, xin hãy nhìn xuống và thương xót con, đừng để con phải chết. Nhân danh Ngài, con sẽ nhảy xuống biển, vì thà con chết trong sóng biển còn hơn là bị dục vọng xác thịt đối với người phụ nữ thiêu đốt.

Sau đó, quay sang cô gái trẻ, Martinian nói:

– Hãy chạy đi, cô gái ơi; Chúa sẽ bảo vệ linh hồn cô khỏi mọi lời vu khống của kẻ thù và che chở cô cho đến cùng!

Nói xong, anh ta lao xuống biển và bơi đi. Theo ý Chúa, hai con cá heo đã nâng anh lên lưng và mang đi. Thấy vậy, cô gái cứ nhìn theo anh cho đến khi anh khuất khỏi tầm mắt. Những con cá heo đã đưa vị thánh lên đất liền. Khi lên bờ, Martinian bắt đầu tạ ơn Chúa:

– Con ngợi khen Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của con, vì Ngài đã tỏ lòng thương xót kỳ diệu trên con, một tôi tớ tội lỗi và không xứng đáng của Ngài. Xin đừng bỏ rơi con cho đến cuối cùng.

Sau đó, ông bắt đầu suy ngẫm như sau:

– Tôi không biết phải làm gì đây? Kẻ thù không buông tha tôi, dù là trên núi hay trong sa mạc. Ngay cả trên biển, hắn cũng không buông tha tôi. Nhưng con phải luôn ghi nhớ trong lòng những lời trong Phúc Âm: *"Khi người ta bắt bớ các con ở một thành phố nào, hãy chạy sang thành phố khác. Vì Thầy bảo thật các con: các con chưa kịp đi hết các thành phố của Israel thì Con Người đã đến rồi"* (Mt 10,23).

Nói xong, vị thánh bắt đầu đi từ nơi này sang nơi khác, từ thành phố này sang thành phố khác và nói như sau:

– Hãy chạy đi, Martinian, để khỏi bị tai họa ập đến.

Vậy, Ngài đã dành cả cuộc đời mình để lang thang không ngừng. Trong suốt hành trình đó, Ngài không mang theo cây gậy, túi xách, bánh mì, hai bộ quần áo, hay tiền bạc – nói tóm lại là không mang theo bất cứ thứ gì cần thiết cho cuộc sống của chúng ta. Khi vào một thành phố hay làng mạc nào đó, Ngài hỏi xem ai trong số cư dân nơi đó nổi tiếng về lòng đạo đức, rồi ở lại nhà người ấy và dùng bữa tại đó. Ông ngủ lại ở bất cứ nơi nào đêm buông xuống: trong sa mạc hay trên đồng ruộng; và khi đó, ông chỉ nằm nghỉ ngơi trong một khoảng thời gian rất ngắn. Trong hai năm lang thang như vậy, ngài đã ghé thăm 164 thành phố và cuối cùng đến Athens[1832] . Đức Chúa Trời đã ban ơn cho vị giám mục của thành phố đó được biết tất cả về thánh Martinian. Tại đây, cảm nhận được cái chết đang đến gần, vị thánh, lúc đó đã ốm yếu, bước vào nhà thờ, nằm xuống đất và nói với những người xung quanh:

– Hãy mau gọi giám mục đến đây!

Những người xung quanh nghĩ rằng ngài đã mất trí. Nhưng khi Martinian lại tiếp tục xin họ, họ đã vâng lời, đi tìm giám mục và nói với ngài:

– Có một người đang nằm trong nhà thờ; chúng tôi không biết ông ấy có bị điên hay là chuyện gì khác. Ông ấy đã yêu cầu chúng tôi mời ngài đến gặp ông ấy.

Vị giám mục đáp lại:

– Các ngươi gọi người này là điên là vô cớ: ông ấy tốt hơn và cao quý hơn tôi nhiều!

Đứng dậy, vị giám mục đi đến nhà thờ. Khi thấy vị giám mục, vị thánh nhân không thể đứng dậy được. Ông giơ hai tay về phía ngài, muốn bày tỏ lòng kính trọng xứng đáng đối với vị giám mục của Chúa. Vị giám mục cũng cố gắng bày tỏ lòng kính trọng đối với ông và nói:

[1832] Một thành phố ở Hy Lạp; hiện nay là thủ đô của vương quốc Hy Lạp; trong thời cổ đại, thành phố này nổi tiếng về sự uyên bác.

– Ngày xưa, Thiên Chúa đã hứa với tôi rằng Ngài sẽ cho tôi thấy một tôi tớ của Ngài. Giờ đây, lời hứa của Ngài đã được ứng nghiệm. Khi ngài được hưởng Nước Trời, xin hãy nhớ đến tôi.

Vị Thánh đáp lại:

– Xin cha ban phước lành cho con, và cầu nguyện cùng Chúa cho con, để con được đứng trước tòa án công chính của Ngài mà không bị kết án.

Nói xong, vị thánh ngước mắt lên trời và thưa:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Con phó thác linh hồn con vào tay Ngài!

Rồi ngài làm dấu thánh giá và nói với vị giám mục:

– Xin cha an táng con, vì danh Chúa!

Lúc đó, khuôn mặt của vị thánh rạng ngời nụ cười, – và như thế, ngài đã dâng linh hồn mình lên Chúa[1833] . Như vậy, thánh Martinian đã kết thúc cuộc đời trần thế của mình một cách vinh quang, giữ vững đức tin và xứng đáng nhận được vương miện đã được chuẩn bị sẵn cho ngài trong Nước Trời. Vị Giám mục đã an táng thi hài thánh thiện của ngài tại chính nhà thờ đó với vinh dự cao cả.

Ai mà không ngạc nhiên trước vị tu sĩ này, ai mà không tôn vinh ký ức của ngài! Ngài đã nỗ lực đến tận ngày cuối cùng để cứu rỗi linh hồn mình. Thậm chí, chính ngài còn tự nguyện chịu đựng những cực hình. Lúc bấy giờ, cuộc bách hại đối với các Kitô hữu vẫn chưa bùng nổ, nhưng vị thánh đã tự tạo ra cuộc tử đạo cho chính mình. Ngài đã chiến thắng ma quỷ và phá vỡ mọi mưu mô của nó. Chính ngài là kẻ bách hại chính mình và tự nguyện gánh chịu những đau khổ. Quả thật, ngài xứng đáng được gọi là vị tử đạo và người chịu khổ vì đức tin; bằng ngọn lửa tạm thời, ngài đã chiến thắng ngọn lửa vĩnh cửu. Ma quỷ đã dùng người vợ để cám dỗ ngài, nhưng vị thánh này đã dẫn dắt bà ấy trở lại con đường chính trực và thiện lành.

Nhưng hãy quay lại với cô gái trẻ mà Martinian đã để lại trên vách đá, và chúng ta sẽ thấy rằng lời cầu nguyện của vị thánh đã giúp đỡ cô rất nhiều.

Ở lại trên vách đá, Fotinia – đó là tên của thiếu nữ này – đã sống bằng bánh mì và nước, như vị thánh đã chỉ dẫn. Theo thông lệ, hai tháng sau, người lái thuyền lại đến vách đá, mang theo bánh mì và nước cho vị thánh. Khi đến gần vách đá, ông thấy thiếu nữ thay vì vị tu sĩ và nghĩ rằng đó là hồn ma. Trong cơn hoảng sợ, anh ta bắt đầu chèo thuyền rời khỏi vách đá. Fotini liền hét lên với anh ta:

– Đừng sợ gì cả, tôi thực sự là một người phụ nữ và là một tín đồ Kitô giáo; đừng bỏ đi, hãy lại gần và lắng nghe những gì tôi sẽ kể cho anh nghe.

Nhưng người lái thuyền không tin cô. Lúc đó, cô khẩn khoản van nài anh ta và nói:

– Tôi thề với anh nhân danh Chúa Kitô rằng tôi là một tín đồ Kitô giáo; hãy đến đây mà đừng sợ và lắng nghe câu chuyện của tôi.

Lúc đó, người thuyền trưởng, khi đã cập vào tảng đá, nói với cô:

– Người tu sĩ mặc áo đen từng ở đây giờ đang ở đâu? Làm sao và đi đâu mà ông ta có thể rời khỏi đây được? Ai đã đưa cô đến và bỏ cô lại trên tảng đá này?

Sau khi làm dấu thánh giá, Fotini bắt đầu kể lại tất cả những gì đã xảy ra với cô. Nghe câu chuyện của cô, người đàn ông ấy vô cùng ngạc nhiên và nói với cô:

– Đi nào, tôi sẽ chở cô từ đây vào đất liền để cô có thể về thành phố của mình.

– Không, anh ơi, – cô đáp lại, – xin anh đừng đưa em đi khỏi đây, nhưng hãy thương xót em: hãy xuống làng, mang về cho em bộ quần áo nam bằng lông cừu; mang cho em bánh mì và nước, như anh đã làm cho người chồng thánh thiện ấy, và anh sẽ nhận được phước lành của Chúa mà ông ấy đã hứa. Vì không có sự phân biệt giữa nam và nữ, như Thánh Tông Đồ đã nói: *"Không còn người Do Thái hay người ngoại giáo; không còn nô lệ hay người tự do; không còn nam hay nữ: vì tất cả các ngươi đều là một trong Đức Kitô Giêsu"* (Gl 3,28). Xin đừng khinh bỉ em, một người tội lỗi, vì em cũng muốn được cứu rỗi. Có lẽ, Đức Chúa Trời, vì muốn cứu rỗi tôi, đã bằng sự quan phòng khôn ngoan của Ngài, thương xót cho tôi được ở trên tảng đá này. Xin đừng bỏ rơi tôi chỉ vì tôi là phụ nữ; xin hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng A-đam và Ê-va, và chính Ngài đã thương xót sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria. Hãy phục vụ con như ngươi đã phục vụ vị thánh nhân ấy, và mang đến cho con mọi điều con đã xin ngươi. Hãy mang theo cả len nữa, để con có thể làm thủ công. Hãy để vợ ngươi cũng đến đây cùng ngươi: nàng sẽ mặc cho con áo quần nam giới, và con sẽ làm những việc nàng bảo con làm. Chúa và Thiên Chúa của con xin

[1833] Thánh Martinian qua đời vào cuối thế kỷ IV hoặc đầu thế kỷ V.

ở cùng anh suốt cuộc đời anh, và ban cho anh ân sủng, lòng thương xót và sự tha thứ tội lỗi trong đời này cũng như đời sau.

Người thuyền trưởng đáp lại cô:

– Tôi sẽ làm tất cả những gì cô yêu cầu, chỉ cần cô hãy vững lòng và can đảm, thì Đức Chúa Trời sẽ thực hiện điều cô mong muốn.

Nói xong, ông lên thuyền về nhà; hai ngày sau, ông trở lại đây cùng với vợ, mang theo tất cả những gì cô gái đã xin. Khi bước xuống thuyền, vợ ông leo lên vách đá đến gặp thánh nữ Fotini. Bà hôn thánh nữ và cúi đầu chạm đất. Sau đó, bà mang từ thuyền lên cho thánh nữ quần áo và bánh mì. Sau khi nhờ người lái thuyền lùi lại một chút, Thánh nữ Fotini cởi bỏ y phục nữ giới, đồng thời gạt bỏ cả sự yếu đuối của phái nữ , rồi mặc y phục nam giới và thắt lưng bằng sự khôn ngoan cùng sức mạnh dũng cảm. Trong lúc đó, bà cầu nguyện, khẩn cầu:

– Lạy Chúa Trời! Ngài từ thuở đời đời đã lắng nghe lời cầu nguyện của tất cả các thánh của Ngài, xin hãy nghe cả con, kẻ tội lỗi này, xin giúp con sống một cách yên lặng và đạo đức tại nơi này trong bộ trang phục nam giới; xin bảo vệ linh hồn con, củng cố trái tim con, làm vững chắc thân thể con và dẫn dắt con trên con đường cứu rỗi; xin ban phần thưởng xứng đáng cho những người sẽ phục vụ con. Vì Ngài được chúc tụng và tôn vinh muôn đời. Amen.

Sau đó, bà nói với người vợ:

– Thưa phu nhân, con xin ngài: xin hãy mang đến cho con cả len cùng với bánh mì và nước, để con không phải ăn bánh mì của ngài mà không được đền đáp, còn những bộ quần áo này, xin ngài hãy giữ lấy làm kỷ niệm về sự khiêm nhường của con.

Sau đó, bà đã tiễn họ ra về trong bình an. Đến tháng thứ ba, người thuyền trưởng cùng vợ lại đến gặp Fotini và mang theo bánh mì cho bà.

Trong thời gian ở trên đảo, vị trinh nữ thánh thiện đã ngợi khen Chúa vì cuộc đời mình. Hàng ngày, bà dâng lên Chúa 12 lời cầu nguyện, còn mỗi đêm, bà lại tăng cường việc đạo đức này và cầu nguyện với Chúa hai mươi bốn lần. Một pound bánh mì đủ làm thức ăn cho cô trong hai ngày. Nhờ ơn Chúa, cô đã sống trọn cuộc đời mình. Khi cô định cư trên tảng đá này, cô mới hai mươi lăm tuổi, và cô đã tu hành trên tảng đá đó trong sáu năm; vì thế, cô đã an lành dâng hiến linh hồn trong sạch và thánh thiện của mình cho Chúa. Chỉ hai tháng sau khi bà qua đời, khi người thuyền trưởng cùng vợ đến đúng hẹn, họ thấy thánh nữ Fotini đã an nghỉ; hai tay bà chắp lại thành hình thánh giá, khuôn mặt rạng ngời: trông bà như đang chìm trong giấc ngủ. Sau khi cúi đầu kính lễ thi hài thánh thiện của bà và mang thi hài đi, họ đặt thi hài lên tàu và ra khơi về thành Cesarea ở Palestine. Tại đây, người thuyền trưởng đã đến gặp Giám mục Cesarea và kể cho ngài nghe tất cả về cuộc đời đạo đức của Thánh Fotinia. Cùng với toàn thể hàng giáo sĩ, vị giám mục đã tổ chức lễ an táng thi hài của bà một cách trang trọng, vừa hát những bài thánh vịnh được Thánh Thần soi dẫn, vừa dâng lên vinh quang và tôn kính cho Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, bây giờ, muôn đời và đến muôn đời. Amen.

Bài thánh ca, giọng 8:

Ngài đã dập tắt ngọn lửa cám dỗ bằng dòng nước mắt, hỡi người được chúc phúc, và đã xoa dịu sóng biển, kiềm chế sự hung dữ của thú dữ, và kêu lên: Ngài thật đáng ca ngợi, Đấng Toàn Năng, Đấng đã cứu con khỏi lửa và bão tố.

Bài ca Kondak, giọng thứ 2:

Như một người tu hành thành thạo trong sự sùng đạo, một người chịu khổ vì ý chí chính trực, một cư dân sa mạc và người sống ẩn dật, chúng ta hãy ca ngợi xứng đáng Martinian, người luôn được tôn kính, trong những bài ca: vì ngài đã đạp nát con rắn.

Lễ kỷ niệm Thánh Simeon Mirotochivy, Vua Serbia[1834]

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 2

Thánh Simeon từng là vị vua của Serbia, nhưng ngài đã từ bỏ vương quốc trần gian và dành cả cuộc đời để tìm kiếm Vương quốc bất diệt trên trời. Ngài đã xây dựng rất nhiều tu viện trên đất nước mình và bên bờ sông Studenica, ngài đã cho xây dựng một ngôi đền tráng lệ để tôn vinh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ra lệnh lát đá cẩm thạch từ nền đến trần nhà và trang trí bằng vàng. Luôn cung cấp cho người nghèo mọi thứ cần thiết, Thánh Simeon cuối cùng đã phân phát toàn bộ tài sản khổng lồ của mình cho những người nghèo: sau đó, ngài tự nguyện chuyển giao quyền quản lý tất cả các vùng đất từng thuộc quyền cai trị của mình cho con trai là Stefan, ngài lập tức từ bỏ đời sống thế tục và theo chân con trai mình, vị tu sĩ Savva, người không lâu trước đó đã xuất gia tại một trong những tu viện trên núi Athos. Khi đến ngọn núi thánh, vị thánh, với sự giúp đỡ của con trai mình, đã khôi phục lại tu viện cùng nhà thờ đã bị bỏ hoang ở đây, được gọi là Hilandar, và bắt đầu tu hành tại đó. Sau khi học được lòng kính sợ Thiên Chúa và kiên trì tuân giữ các quy tắc đời tu về cầu nguyện và ăn chay, Thánh Simeon đã đạt đến sự vô dục, khuất phục tâm trí tội lỗi của mình và, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, trở thành một vị tu sĩ vĩ đại. Trong việc kiêng khem và ăn chay, ngài đã đạt đến đỉnh cao đến nỗi được so sánh với các Thiên thần.

Chính vì thế, ngay khi ngài còn tại thế, đã có vô số tu sĩ từ khắp các quốc gia đổ về tu viện của ngài để tôn vinh Thiên Chúa, và đối với nhiều người trong số họ, ngài là người hướng dẫn và dẫn dắt trên con đường dẫn đến sự cứu rỗi. Sau khi sống một cuộc đời đạo đức tại đó, Thánh Simeon, khi đã ở tuổi già nua, đã vui mừng và với niềm hy vọng sáng ngời về hạnh phúc vĩnh cửu, đã về với Chúa, Đấng mà ngài đã hết lòng yêu mến trong suốt cuộc đời mình[1834] .

Sau khi vị thánh qua đời, Chúa đã ban cho ngài ân sủng làm phép lạ như một phần thưởng cho những đức hạnh vĩ đại của ngài. Thi hài của ngài bắt đầu toát ra dầu thánh, và nhờ quyền năng của Thiên Chúa, nhiều phép lạ đã xảy ra qua thi hài ấy. Sau đó, con trai của vị thánh, Thánh Savva, đã rước thi hài cha mình về Serbia và an táng với sự tôn kính tại nhà thờ mang tên Đức Mẹ Rất Thánh, bên bờ sông Studenica – con sông mà chính Thánh Simeon đã tự tay xây dựng bằng chính tài sản của mình với tất cả tình yêu thương. Và cho đến ngày nay, các Kitô hữu sùng đạo vẫn lấy dầu thánh từ hòm thánh, nơi an nghỉ của di cốt Thánh Simeon, xức lên người khi mắc các bệnh tật khác nhau và được chữa lành.

Lễ kính Thánh Evlogius, Tổng Giám mục Alexandria

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 2

Thánh Evlogi ban đầu là vị tu viện trưởng của Tu viện Đức Mẹ Justina ở Antioch. Hoàng đế Tiberius[1835] đã bổ nhiệm ngài vào chức vụ Tổng Giám mục Alexandria. Tại đây, Thánh Evlogius đã chống lại các tà giáo với lòng nhiệt thành không mệt mỏi[1836] , và lần lượt gửi các tác phẩm của mình đến các tu viện ở Ai Cập, nơi bị ảnh hưởng nặng nề bởi chủ nghĩa Eutychian. Ngài cũng phải đấu tranh với những người Samaria, những người lúc bấy giờ coi một người tên là Dositheus là vị tiên tri mà Mô-sê đã nói đến. Thánh nhân đã triệu tập một công đồng để giải quyết vấn đề này. Thánh Evlogius qua đời ở tuổi rất cao vào khoảng năm 608, ngày 18 tháng 2[1837] .

Ngày 27 tháng 2

ngày 14 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, kỷ niệm Thánh Cyril, vị thánh ngang hàng các Tông đồ, vị thầy của người Slovenia

---

[1834] Thánh Simeon qua đời ở tuổi 86, vào ngày 13 tháng 2 năm 1200.

[1835] Hoàng đế Tiberius II trị vì từ năm 578 đến năm 582.

[1836] Trong các bức thư của Thánh Grêgôriô Đôi Lời gửi cho Thánh Êvlogiô, chúng ta đọc được những chứng từ quý giá về hoạt động mang lại nhiều thành quả của vị Tổng Giám mục Alexandria. Theo lời Thánh Grêgôriô, giáo lý của Thánh Êvlogiô "đã làm giảm đáng kể số lượng kẻ thù của Giáo hội và làm gia tăng đoàn chiên của Chúa".

[1837] Các tác phẩm của ngài hiện nay hầu như chỉ được biết đến qua các trích dẫn của Thượng phụ Photius. Hầu hết các tác phẩm này đều được viết nhân các cuộc tranh luận đương thời: 1) về sự kết hợp của hai bản tính trong Chúa Giêsu Kitô; 2) sáu cuốn sách chống lại Novatian; 3) ba cuốn sách chống lại người Samari, và các tác phẩm khác. Trong số nhiều bài giảng của Thánh Evlogius, chỉ có một bài duy nhất còn lưu truyền đến ngày nay dưới dạng hoàn chỉnh – bài giảng về Tuần lễ Vai.

Cuộc đời của vị thánh cha đáng kính Avksentius

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 2

Trong thời trị vì của Hoàng đế Theodosius II[1838] , tại Constantinople, trong triều đình hoàng gia, có một người đàn ông đạo đức, con trai của Adda người Ba Tư, tên là Auxentius, đảm nhiệm một chức vụ quan trọng. Ông được mọi người kính trọng như một quý tộc , am hiểu Kinh Thánh cũng như các môn học thế tục, và là người nổi tiếng với những việc làm thiện lành. Vị Avksenti này quen biết với Thánh Markian, người sau này trở thành quản lý tại Nhà thờ Lớn, đồng thời cũng quen biết với tu sĩ đạo đức Gioan, người sống tại nhà thờ Thánh Gioan Tiền Hô ở ngoại ô Constantinople, nơi được biết đến với tên gọi "Eudoma", và duy trì mối quan hệ thân thiết với nhiều vị thánh nhân khác. Mong muốn noi gương lối sống của họ, Avksenty đã từ bỏ những hão huyền, danh vọng và xáo trộn của thế gian, và trở thành chiến binh của Đức Vua Thiên Đàng là Chúa Kitô, bằng cách nhận lễ cắt tóc tu sĩ. Ban đầu, ngài phụng sự Chúa với chức vụ phó tế, sau đó là chức linh mục, và được ban cho quyền năng chế ngự ma quỷ đến mức có thể trừ tà khỏi con người, nhờ đó mà mọi người ở Constantinople đều ca ngợi ngài. Nhưng Thánh Avksenti không tìm kiếm vinh quang trần thế: điều đó là gánh nặng đối với ngài; khao khát một cuộc sống tĩnh lặng, ngài đã rời bỏ thành phố đông đúc, lên đường đến Bithynia và đến một ngọn núi hoang vắng tên là "Oxia", nằm cách Chalcedon mười stade. Ngài rất ưng ý nơi đó; ngài leo lên ngọn đồi và, giơ đôi tay thánh thiện lên, bắt đầu ngợi khen Thiên Chúa tại đó, nói rằng: *"Vì chỉ có Ngài, lạy Chúa, mới ban cho con được sống an lành"* (Thánh Vịnh 4:9).

Vị thánh đã định cư trên ngọn núi đó, sau này được đặt tên theo ngài là "Avksenti", tên gọi này cũng được nhắc đến trong tiểu sử của Thánh Stephanos, người đã chịu khổ vì phe chống thánh tượng và sau này cũng sống trên ngọn núi này.

Trong thời gian cư ngụ trên ngọn núi này, vị thánh Avksenti đã được những người chăn cừu tìm thấy; họ đang tìm kiếm những con cừu bị lạc của mình, và nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, họ đã tìm thấy chúng. Kể từ đó, danh tiếng về vị thánh này lan truyền rộng rãi, khiến nhiều người bắt đầu tìm đến ngài: một số để được chữa lành thể xác, vì nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh mà họ khỏi mọi bệnh tật; số khác thì để tìm sự an ủi cho tâm hồn. Sau đó, những người sùng đạo từ các làng mạc lân cận đã tập hợp lại và xây dựng cho vị thánh một căn phòng tu hành ngay trên đỉnh núi. Ẩn mình trong đó, vị thánh trò chuyện với những người đến gặp ngài qua một ô cửa sổ nhỏ, giảng dạy về đức hạnh và chữa lành cho những người bệnh tật, vì ngài như một suối nước chữa lành, tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa, đến nỗi người dân từ các thành phố khác nhau đều tìm đến ngài như một vị bác sĩ không lấy tiền. Một lần nọ, từ Nicomedia, vợ của một quan tổng trấn nào đó[1839] , người đã mất thị lực, đến gặp Avksentiy và bắt đầu khẩn cầu ngài:

– Xin thương xót con, tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao!

Nghe vậy, vị thánh nhân đáp lại, đồng thời nói với tất cả những người có mặt tại đó:

– Tôi là một con người tội lỗi; cũng như các bạn, tôi cũng bị chi phối bởi những dục vọng. Nếu các bạn tin rằng Đấng đã chữa lành người mù bẩm sinh sẽ không khinh miệt người phụ nữ này, thì tất cả chúng ta hãy cùng nhau thành tâm cầu nguyện cho cô ấy trước mặt Chúa.

Khi mọi người đang cầu nguyện, vị thánh chạm vào mắt cô và nói:

– Chúa Giê-su Ki-tô, Ánh Sáng Thật, đang chữa lành cho chị.

Ngay lập tức, người phụ nữ ấy được sáng mắt, và mọi người đều ca ngợi Thiên Chúa. Để tỏ lòng biết ơn vì đã được chữa lành, bà đã ban phát một khoản bố thí hào phóng cho những người ăn xin đang ở chân ngọn núi ấy và xin bố thí từ những người đến gặp vị thánh; còn chính ngài cũng chăm lo cho họ, phân phát bánh mì mà mọi người mang đến cho ngài qua các môn đệ của mình. Ngoài ân sủng chữa lành, vị thánh còn có một ân sủng khác – ân sủng thấu thị. Một lần nọ, có hai người đến gặp ngài, một người theo Chính Thống Giáo, người kia là tín đồ của những kẻ dị giáo; vị thánh đã tiếp đón người theo Chính Thống Giáo với lòng nhân ái và trò chuyện lâu dài với anh ta về

[1838] *Theodosius II* trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[1839] Ban đầu, *"comites"* là tên gọi dành cho những người tháp tùng quan chức cấp cao nhất trong tỉnh, và sau này là những người tháp tùng các hoàng đế, tạo thành đoàn tùy tùng thân cận nhất của họ. Kể từ thời Constantine Đại đế, danh hiệu này được áp dụng cho tất cả các quan lại triều đình và quan chức nhà nước, dù họ có thuộc đoàn tùy tùng hoàng gia hay không.

những điều có ích cho tâm hồn, còn với kẻ dị giáo thì ngài không nói một lời nào, vì đã thấu thấy sự vô tín của hắn. Khi họ rời khỏi vị thánh, kẻ dị giáo kia bắt đầu phỉ báng và chỉ trích vị thánh, gọi ngài là kẻ đạo đức giả. Chưa kịp về đến nhà, trên đường đi, kẻ dị giáo gặp một người hầu, người này báo cho hắn biết rằng con gái hắn đã bị quỷ ám và hiện đang bị quỷ hành hạ dữ dội. Tin tức này khiến kẻ dị giáo vô cùng đau buồn; ông ta hối hận về những tội lỗi của mình, đưa con gái bị quỷ ám đến gặp Thánh Auxentius và khiêm nhường cầu xin vị thánh chữa lành cho con gái mình. Cuối cùng, cô gái được giải thoát khỏi sự hành hạ của quỷ dữ, còn người cha thì được giải thoát khỏi sự mê tín của mình.

Một lần khác, hai người bị bệnh hủi đến gặp Thánh Avksentius, xin ngài chữa lành cho họ. Thánh nhân hỏi họ:

– Các con đã phạm những tội lỗi gì mà Thiên Chúa lại giáng xuống các con hình phạt như thế này?

Họ cúi đầu trước vị thánh và cầu xin:

– Xin thương xót chúng con, tôi tớ của Chúa Kitô, và cầu nguyện cho chúng con được chữa lành.

Nghe vậy, vị thánh đáp lại:

– Hỡi các anh em, các anh em mắc bệnh này là vì các anh em đã quen thề thốt và thề danh Chúa quá nhiều, khiến cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống trên các anh em.

Nghe những lời này của vị thánh, họ vô cùng kinh ngạc vì vị thánh biết rõ những tội lỗi của họ; họ quỳ xuống trước mặt vị thánh và ăn năn về tội lỗi của mình. Auxentius thương xót họ, xức dầu thánh từ đầu đến chân cho họ và nói:

– Chúa Giêsu Kitô chữa lành các con, còn bản thân tôi chỉ là một con người tội lỗi.

Ngay lập tức, những người bị bệnh hủi được chữa lành khỏi căn bệnh của mình.

Một lần nọ, người ta đưa một người bị liệt, đang nằm trên giường, đến gặp vị thánh trên một cỗ xe ngựa; cha mẹ của người này, quỳ xuống trước mặt vị thánh, khóc lóc nói với ngài:

– Con trai chúng tôi bị liệt là do vô số tội lỗi của chúng tôi.

Lúc đó, Thánh Avksenti hỏi họ:

– Các ngươi có tin rằng Đức Chúa Trời có thể dùng chính ta, một kẻ tội lỗi, để chữa lành cho con trai các ngươi không?

Họ đáp lại rằng:

– Quả thật, ngài là Thiên thần được sai xuống để cứu rỗi chúng tôi, và chúng tôi tin rằng với Đức Chúa Trời, mọi sự đều có thể.

Nghe vậy, vị thánh nhân đáp:

– Nhờ đức tin của các ngươi, điều đó sẽ xảy ra cho các ngươi.

Rồi ngài lấy dầu thánh, xức lên khắp thân thể người bị liệt; người ấy lập tức đứng dậy, hoàn toàn khỏe mạnh; tất cả những ai chứng kiến phép lạ này đều ngợi khen Chúa Trời. Còn về tất cả những trường hợp mà vị thánh đã trừ tà, thì không thể kể hết được: vô số người đã được giải thoát khỏi các linh hồn ô uế nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, đến nỗi luôn có một số lượng lớn những người bị quỷ ám từ các vùng đất khác nhau, thậm chí từ những vùng xa xôi, tìm đến vị thánh, và một số người khác bị ép buộc phải đưa đến gặp ngài, và tất cả họ đều được giải thoát khỏi các linh hồn ô uế nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài. Vị tu sĩ thánh thiện này đã nhận được từ Thiên Chúa quyền năng và uy quyền vĩ đại như vậy đối với ma quỷ.

Thánh Avksenti cũng được triệu tập tham dự Công đồng Các Thánh Phụ Toàn cầu lần thứ Tư, diễn ra tại Chalcedon[1840] ; tại đây, ngài đã cống hiến rất nhiều công sức để chống lại tà thuyết của Eutyches và tà giáo của Nestorius, vì thế ngài đã phải chịu nhiều sự đàn áp từ phía những kẻ tà giáo. Tuy nhiên, ngài được vị hoàng đế đạo đức Marcian vô cùng kính trọng, và tất cả các vị Thánh Phụ đều rất yêu mến ngài; quả thực, ngài là một thành viên nổi tiếng của Công đồng, nổi bật nhờ sự khôn ngoan, các phép lạ và đức tin chính thống của mình; không ai có thể tranh luận thắng ngài, vì ngài thông thạo toàn bộ Kinh Thánh. Nói tóm lại, những lời sau đây rất phù hợp với ngài: *"Người ấy là một tiên tri, mạnh mẽ trong việc làm và lời nói trước mặt Thiên Chúa và toàn thể dân chúng"* (Lc 24,19).

Sau khi cùng các vị thánh phụ khác khẳng định đức tin Chính Thống chân chính tại công đồng này, Thánh Avksenti lại trở về ngọn núi hoang vắng của mình, vào căn phòng ẩn dật. Trên đường đến Chalcedon, cả khi đi lẫn

[1840] Công đồng Đại kết lần thứ 4 diễn ra vào năm 451.

khi về, ngài đã thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại, trừ quỷ khỏi con người, chữa lành mọi bệnh tật và đau ốm. Ngay cả khi ở trong căn phòng tu hành của mình, ngài vẫn mang lại lợi ích to lớn cho toàn thể nhân loại, bằng tấm gương sống đạo đức, cũng như qua những bài giảng thiêng liêng, mà tất cả những ai từ các quốc gia khác nhau đến với ngài đều say mê lắng nghe, đồng thời cũng kinh ngạc trước những phép lạ mà ngài thực hiện. Với đôi mắt thấu thị, Thánh Avksenti có thể nhìn thấy những điều xa xôi với sự rõ ràng như thể chúng đang ở ngay trước mặt ngài – ngài còn có thể nhìn thấy cả những linh hồn thánh thiện vô hình và linh hồn của những người công chính. Vậy, một lần nọ, khi đã đóng cửa trong phòng tu của mình để nghỉ đêm, ngài bắt đầu dâng những lời cầu nguyện thường lệ lên Thiên Chúa, còn các môn đệ và những người đến thăm vị thánh thì đang ở bên ngoài phòng tu và chưa kịp đi ngủ; bỗng nhiên, vị thánh, trái với thói quen thường ngày, mở cánh cửa sổ nhỏ và cất tiếng nói lớn:

– Ngợi khen Chúa! Ngợi khen Chúa! Ngợi khen Chúa!

Nói xong, ngài thở dài nặng nề và cúi đầu xuống đất. Khi mọi người đều đứng im và không dám hỏi ngài, ngài nói:

– Hỡi các con! Ngôi sao phương Đông, cha chúng ta là Simeon, đã về với Chúa

Nói xong, ông khóc nức nở; rồi, một lúc sau, ông lại nói:

– Cha thánh của chúng ta, trụ cột và nền tảng của chân lý – Thánh Simeon Cột Đá đã an nghỉ; linh hồn vô tì vết và trong sạch của ngài, khi đi ngang qua, đã không khinh bỉ mà chào đón tôi, kẻ tội lỗi và hèn hạ.

Nghe những lời này, mọi người đều kinh ngạc và thán phục sức mạnh của sự thấu thị nơi ngài, đồng thời ghi nhớ thời khắc mà vị thánh đã báo tin này cho họ; sau đó, tin tức về sự ra đi của Thánh Simeon Cột Đá được truyền đến Hoàng đế Lêô, người đã lên ngôi sau Markian, và tin đồn này lan truyền khắp nơi. Lúc bấy giờ, các môn đệ của thánh Avksenti, khi biết tin về sự ra đi của vị thánh đáng kính, lại một lần nữa được xác nhận sự chân thật trong lời dạy của vị thánh thầy mình: thời điểm ngài qua đời thực sự trùng khớp với thời điểm vị thánh đã tiên đoán.

Không lâu sau khi Thánh Simeon Cột Trụ qua đời, Thánh Auxentius, người đã bước vào tuổi xế chiều, cũng sắp sửa an nghỉ trong Chúa; khi đó, vị thánh nhân này, người đã sống một cuộc đời đạo đức và làm đẹp lòng Chúa, đã an lành về với Chúa; ngài đã dùng lời chúc phúc của mình để thành lập nhiều tu viện ở các nơi khác nhau, là người lãnh đạo tinh thần của toàn vùng Bithynia và đã dẫn dắt nhiều người vào con đường cứu rỗi[1841] .

Bài ca Troparion, giọng 1:

Ngài là người ẩn tu, là Thiên Thần trong thân xác, là Đấng làm phép lạ, Cha Avksentiy kính yêu của chúng con: nhờ việc ăn chay, thức đêm và cầu nguyện, ngài đã nhận được ân sủng từ trời, chữa lành những người bệnh tật và những linh hồn chạy đến với ngài bằng đức tin. Vinh quang thuộc về Đấng đã ban cho ngài sức mạnh, vinh quang thuộc về Đấng đã phong vương cho ngài, vinh quang thuộc về Đấng hành động qua ngài để chữa lành mọi người.

Cuộc đời của Thánh Isaak, vị ẩn sĩ ở Pechersk

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 2

Con người không thể tránh khỏi những cám dỗ; nếu kẻ cám dỗ đã dám đến gần chính Chúa trong sa mạc (Mt 4:3), thì càng dám cám dỗ tôi tớ của Chúa; nhưng cũng giống như vàng được tinh luyện bằng lửa sẽ tỏa sáng trước mặt mọi người như mặt trời, thì con người, dù bị cám dỗ bởi những tai ương của kẻ thù và bị ném vào lửa đời đời, cũng sẽ tỏa sáng trước mặt Thiên Chúa nhờ những việc lành của mình, như ánh sáng rực rỡ của mặt trời ban ngày. Sự thật này đã được thể hiện rõ ràng nơi vị thánh cha của chúng ta là Isaak, vị ẩn sĩ ở Pechersk. Vị thánh phụ này khi còn ở đời là một thương gia giàu có ở Toropets[1842] ; khi quyết tâm trở thành tu sĩ, ngài đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho những người nghèo khó và các tu viện, rồi đến hang động của Thánh Antony và xin ngài nhận mình vào hàng ngũ các tu sĩ. Thánh Antôn, nhìn thấy trước rằng người đàn ông này sẽ tu hành trong các đức hạnh như các Thiên thần và chính bản thân ông cũng sẽ trở nên giống các Thiên thần, đã đáp ứng nguyện vọng của ông.

[1841] Thánh Avksenti qua đời dưới triều đại của Lê Vĩ Đại, vào khoảng năm 470.

[1842] *Toropets* – một thị trấn cấp huyện thuộc tỉnh Pskov.

Sau khi trở thành tu sĩ, Thánh Isaak đã yêu mến cuộc sống khắc khổ: ông không chỉ mặc áo lông dê, mà còn ra lệnh mua một con dê và lột da nó; từ tấm da đó, khi còn ướt và chưa khô, ngài làm thành một chiếc áo choàng và mặc nó bên ngoài áo lông dê, đến nỗi tấm da ấy khô dần trên cơ thể ngài. Ngay lúc đó, Isaac tự giam mình trong một hang động chật hẹp, có kích thước chỉ khoảng bốn khuỷu tay[1843] , và ở đó ngài cầu nguyện với Chúa trong nước mắt; thức ăn của ông chỉ có một miếng bánh thánh, nhưng ông cũng chỉ ăn nó cách ngày; ông giải khát bằng nước, và cũng chỉ với một lượng rất ít. Thức ăn và nước uống được Thánh Antôn mang đến và đưa qua một ô cửa sổ hẹp đến mức chỉ vừa đủ cho một bàn tay lọt qua; hơn nữa, Thánh Isaak không bao giờ nằm trên giường, mà chỉ ngồi nghỉ ngơi bằng những giấc ngủ ngắn. Như vậy, giữa những công đức vĩ đại, ngài đã sống suốt bảy năm mà không bước ra khỏi căn phòng chật hẹp của mình.

Một lần nọ, khi chiều tối buông xuống, theo thói quen, ngài bắt đầu quỳ gối, hát thánh vịnh cho đến nửa đêm; khi ngài mệt mỏi, ngài thổi tắt ngọn nến rồi ngồi xuống chỗ của mình. Bất ngờ, một ánh sáng rực rỡ, chói lọi như mặt trời, chiếu sáng hang động, và hai con quỷ, dưới hình dạng những chàng trai trẻ đẹp đẽ, tiến đến gần vị thánh; khuôn mặt họ tỏa sáng như mặt trời; họ nói với vị thánh:

– Isaac! Chúng tôi là các Thiên thần, và đây, Đức Kitô đang đến với ngài cùng các thế lực trên trời.

Isaac đứng dậy và thấy vô số quỷ; khuôn mặt chúng tỏa sáng như mặt trời; nhưng có một người trong số chúng tỏa sáng hơn tất cả, và những tia sáng phát ra từ khuôn mặt người ấy; lúc đó, lũ quỷ nói với Isaac:

– Isaac! Đây là Đấng Kitô; hãy quỳ xuống trước Ngài và thờ lạy Ngài.

Không nhận ra mưu mô của lũ quỷ và quên làm dấu thánh giá, vị thánh đã quỳ lạy con quỷ đó như thể đó là Chúa Kitô.

Ngay lập tức, lũ quỷ đồng thanh hét lên:

– Isaac – giờ ngươi là của chúng ta rồi!

Chúng đặt ông ngồi xuống, rồi tự mình ngồi xung quanh ông; cả căn phòng và con đường hang động gần căn phòng đó đều chật ních ma quỷ. Lúc đó, một trong những con quỷ, kẻ giả danh Chúa Kitô, nói:

– Hãy lấy sáo, đàn gu-sli và trống tim-pa ra và chơi đi, còn Isaak thì hãy nhảy múa trước mặt chúng ta.

Ngay lập tức, lũ quỷ bắt đầu gõ sáo, trống và đàn hạc; chúng túm lấy Isaak và nhảy nhót cùng anh ta trong một thời gian dài; sau khi làm vị thánh mệt lả, để lại anh ta gần như chết đi sống lại và như vậy đã sỉ nhục anh ta, lũ quỷ biến mất.

Ngày hôm sau, khi đến giờ mà thường thì Isaak dùng bữa, vị thánh Antony như thường lệ bước đến cửa sổ và nói:

– Xin cha Isaak ban phước.

Không có bất kỳ câu trả lời nào; ngạc nhiên, Thánh Antôn tự hỏi liệu Thánh Isaak có phải đã qua đời rồi chăng? Rồi ngài sai người về tu viện gọi Thánh Theodosius và các tu sĩ khác. Khi đến nơi, các tu sĩ đã đào hang ra và đưa Isaak ra ngoài, tưởng rằng ngài đã qua đời, rồi đặt ngài trước cửa hang; nhưng lúc đó họ mới nhận ra rằng Isaak vẫn còn sống. Lúc đó, vị tu viện trưởng, Thánh Theodosius, nói:

– Quả thật, điều đã xảy ra với ngài là việc do ma quỷ gây ra.

Sau đó, họ đặt Isaak trên giường, và chính Thánh Antôn đã đích thân chăm sóc ngài. Vào thời điểm đó, tình cờ Công tước Izyaslav của Kiev đang trên đường trở về Kiev từ Ba Lan; Công tước Izyaslav bắt đầu tức giận với Thánh Antôn vì Vseslav, Công tước Polotsk, người đã từng nắm giữ ngai vàng Kiev trong một thời gian khi Thánh Antôn còn sống. Lúc bấy giờ, Công tước Sviatoslav của Chernihiv đã cử người đến Chernihiv vào ban đêm để đón Thánh Antony; khi đến Chernihiv, ngài đã yêu mến một nơi gọi là Núi Boldynska; sau khi đào một hang động, vị tu sĩ đã định cư tại đó, nơi mà ngày nay tu viện vẫn còn tồn tại. Khi biết Thánh Antôn đã đến Chernihiv, vị tu viện trưởng đáng kính Theodosius đã đưa Isaak đến phòng tu của mình và chăm sóc ông, – lúc bấy giờ Isaak đã suy nhược cả về tinh thần lẫn thể xác, đến nỗi không thể ngồi, đứng, hay thậm chí lật người sang bên kia, mà chỉ nằm nghiêng một bên, đến nỗi thường xuyên có giòi bọ sinh sôi dưới người ông. Chính vị tu sĩ Theodosius đã tự tay tắm rửa và chăm sóc cho anh ta, phục vụ anh ta như vậy suốt hai năm liền, trong suốt thời gian Isaak nằm liệt giường. Điều đáng ngạc nhiên là trong suốt hai năm đó, Isaak không ăn bánh mì, không uống nước, không ăn rau củ hay bất kỳ thức ăn nào khác, nhưng vẫn sống sót, nằm trên giường bệnh của mình trong tình trạng câm và điếc. Thánh Phê-ô-đô-xi-ô không ngừng cầu nguyện cho ngài, ngày đêm không ngừng, cho đến khi vào năm thứ ba, Isaak bắt

[1843] Lokot hoặc lakot – đơn vị đo chiều dài, tương đương 10,5 vershok.

đầu nói được; lúc đó, ngài xin được đứng dậy và bắt đầu đi lại như một đứa trẻ; nhưng ngài không muốn đến nhà thờ, nên người ta phải ép ngài đến đó, và sau đó ngài tự mình đến nhà thờ. Sau đó, cậu bắt đầu tham dự bữa ăn, nơi cậu được ngồi riêng biệt với các tu sĩ; người ta đặt bánh mì trước mặt cậu, nhưng cậu không muốn chạm vào nó; các tu sĩ định đặt bánh mì vào tay cậu, nhưng Thánh Theodosius đã nói:

– Hãy đặt bánh mì trước mặt cậu ấy, nhưng đừng đưa vào tay cậu ấy, để cậu ấy tự ăn.

Suốt cả tuần liền, ông không cho các tu sĩ đặt bánh mì vào tay Isaak; cuối cùng, nhìn theo những người khác, anh ta bắt đầu tự mình nếm thử bánh mì và nhờ đó đã học được cách ăn. Như vậy, Thánh Theodosius đã giải thoát anh ta khỏi những mưu mô và sự cám dỗ của ma quỷ.

Khi Thánh Theodosius qua đời và Thánh Stephen trở thành vị tu viện trưởng thay thế ngài, Isaac lại tiếp tục sống một cuộc đời khắc khổ, và nói với kẻ cám dỗ:

– Ngươi đã lừa dối ta, ma quỷ, khi ta đang ẩn dật trong hang động, nhưng giờ đây ta sẽ không còn tự giam mình nữa, mà sẽ cố gắng, nhờ ơn Chúa, đánh bại ngươi bằng cách lao động trong tu viện.

Sau đó, Isaak lại mặc áo lông cừu, bên ngoài áo lông cừu, ông khoác thêm một chiếc áo dày[1844] và bắt đầu giúp đỡ các đầu bếp, phục vụ anh em tu sĩ, vào nhà thờ dự lễ sáng sớm hơn tất cả mọi người và đứng bất động tại vị trí của mình trong nhà thờ. Khi mùa đông đến, ông vẫn đứng trong nhà thờ, bất chấp cái lạnh buốt giá, với đôi giày rách nát, đến nỗi đôi chân ông thường bị dính chặt vào đá, nhưng ông không di chuyển chân cho đến khi thánh lễ kết thúc. Sau thánh lễ sáng, ngài là người đầu tiên đến nhà bếp, chuẩn bị lửa, củi và nước; chỉ sau đó các tu sĩ khác, những người được giao nhiệm vụ này, mới đến.

Một lần nọ, một trong những tu sĩ đó, cũng tên là Isaak, nói với vị thánh nhân một cách chế giễu:

– Isaak! Kìa, có con quạ đang ngồi kia, đi bắt nó đi.

Sau khi cúi đầu chạm đất, vị tu sĩ khiêm nhường ấy tiến lại, bắt con quạ và mang nó vào nhà bếp cho các tu sĩ. Mọi người đều ngạc nhiên trước việc làm đó và kể lại cho vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ khác; từ đó, các tu sĩ bắt đầu kính trọng ngài. Nhưng không mong muốn danh tiếng từ con người, vị thánh đã tự nguyện đóng vai người điên và bắt đầu xúc phạm lúc thì vị tu viện trưởng, lúc thì các tu sĩ, lúc thì giáo dân, đến nỗi nhiều người thậm chí còn đánh đập ông. Sau khi trở thành người điên, ông lại trở về nơi ông từng ở trước đây – hang động của Thánh Antôn, người đã qua đời từ lâu. Ngài tập hợp các em nhỏ lại và mặc cho các em áo tu sĩ. Vì điều này, ngài đã bị vị tu viện trưởng lúc bấy giờ là Thánh Nikon trừng phạt, và đôi khi còn bị cha mẹ của những đứa trẻ đó đánh đập; nhưng ngài chịu đựng tất cả những điều đó với niềm vui, chấp nhận cả những trận đòn, sự trần truồng và cái lạnh.

Một đêm nọ, Thánh Isaak đã đốt lò trong hang động; lò đó rất mỏng manh, và khi lửa bùng lên, ngọn lửa bắt đầu bốc lên qua các khe nứt; không có gì để che những khe hở đó, Isaak đã đặt đôi chân trần lên ngọn lửa và đứng đó cho đến khi lò cháy rụi; sau đó ngài bước xuống mà không hề hấn gì. Isaac còn thực hiện nhiều điều kỳ diệu khác nữa. Cuối cùng, ngài đã có được quyền năng đến mức không còn sợ hãi ma quỷ, cũng không e ngại những lời đe dọa và sự quấy rối của chúng; trong khi ma quỷ thường xuyên gây phiền toái cho ngài và nói:

– Ngươi là của chúng ta, Isaac, vì ngươi đã thờ lạy chúa tể của chúng ta.

Ông đáp lại chúng:

– Chúa tể của các ngươi là quỷ vương – Beelzebub; còn ta thì sợ hắn như sợ một con bọ (đó là cách giải thích tên của hắn)[1845] ; tôi cũng không sợ các ngươi, những kẻ nô lệ của hắn; nếu trước đây các ngươi đã lừa dối tôi, vì tôi không biết mưu mô và sự xảo trá của các ngươi, thì giờ đây, nhờ quyền năng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi, và nhờ lời cầu nguyện của các vị thánh cha Antôn và Thêôđôxiô, tôi sẽ chiến thắng các ngươi.

Nói xong, ngài làm dấu thánh giá và xua đuổi chúng đi như vậy. Đôi khi, lũ quỷ cố gắng gieo rắc nỗi kinh hoàng cho vị thánh bằng cách đến gặp ngài vào ban đêm, thành một đám đông đông đảo, mang theo cuốc[1846] và xẻng, rồi nói:

– Chúng ta sẽ đào hang của ngươi lên và chôn ngươi dưới đống đổ nát.

Còn những con quỷ khác thì nói với ngài:

– Hãy ra ngoài đi, Isaak: chúng muốn lấp sống ngươi trong hang động.

[1844] *"Svita"* hoặc *"svitka"* – là loại áo khoác ngoài đơn giản, dệt thô.

[1845] *Beelzebub* – vị thần Akkaron ở Palestine, người cai quản các kho lúa và lương thực, có nhiệm vụ xua đuổi ruồi và các loài côn trùng khác. Trong Ma-thi-ơ 12:24 và Lu-ca 11:15, ngài được gọi là "vua của các quỷ".

[1846] *Cái cuốc* – là cái cuốc, cái xẻng, cái xẻng sắt.

Nghe vậy, vị thánh nhân đáp lại họ:

– Nếu các ngươi là con người, thì các ngươi sẽ đi lại vào ban ngày; nhưng các ngươi là con cái của bóng tối, nên các ngươi đi lại trong bóng tối.

Khi đó, ngài làm dấu thánh giá, như mọi lần khi bị quỷ ám, và lũ quỷ lập tức biến mất. Đôi khi, muốn dọa ngài, chúng hiện ra dưới hình dạng gấu hay sư tử và các loài thú dữ khác, rồi bò đến gần ngài dưới hình dạng rắn, cóc, chuột và các loài bò sát khác, nhưng chưa kịp làm gì, cuối cùng chúng nói:

– Isaak, ngươi đã đánh bại chúng ta!

Anh đáp lại:

– Các ngươi cũng từng đánh bại ta khi hiện thân dưới hình dạng của Chúa Giêsu Kitô và các Thiên thần, dù không xứng đáng với hình dạng ấy; giờ đây các ngươi hiện ra dưới hình dạng thật của mình, dưới hình dạng thú vật và gia súc, rắn và các loài bò sát, vì bản chất các ngươi vốn là như vậy.

Và kể từ đó, lũ quỷ không thể gây ra bất kỳ tai họa nào cho vị thánh; ông đã chiến đấu với chúng trong ba năm kể từ khi ông trở lại sống trong hang động lần thứ hai, theo chính lời chứng của ông. Sau đó, ông bắt đầu sống một cuộc đời khắc khổ hơn nữa, thể hiện sự kiêng khem nhiều hơn, ăn chay nghiêm ngặt hơn và tu hành siêng năng hơn. Giữa những công đức ấy, giờ phút lâm chung của ngài đã đến; ngài lâm bệnh nặng trong hang động của mình. Các tu sĩ đã đưa người bệnh về tu viện; tại đây, ngài nằm bệnh tám ngày và trong sự xưng tội chân thành, ngài đã về với Chúa[1847] . Vị Trưởng tu viện Gioan cùng toàn thể các tu sĩ, sau khi tẩm táng thi hài của vị thánh, đã an táng ngài một cách trang trọng trong hang động, nơi cũng an nghỉ của các vị thánh cha khác. Như vậy, vị chiến binh tốt lành của Chúa Kitô này, ban đầu bị kẻ thù đánh bại, nhưng sau đó chính ngài đã chiến thắng ma quỷ và được ban ơn hưởng Nước Trời. Nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, xin cho chúng ta cũng được, sau khi chiến thắng những kẻ thù của linh hồn mình, cùng ngự trị với Đấng chiến thắng địa ngục, là Chúa Giêsu, Vua vinh quang, Đấng xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng cùng với Cha Ngài, Đấng vô thủy, và Thánh Thần, Đấng Thánh Khiết, Tốt Lành và Ban Sự Sống, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời, A-men.

Lễ kính Thánh Maron

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 2

Thánh Maron đã chọn cho mình con đường sống khổ hạnh. Với mục đích đó, ngài đã leo lên đỉnh một ngọn núi, nơi từng được một số người ngoại đạo tôn kính, tìm thấy ở đó một ngôi đền ngoại đạo đã bị bỏ hoang, và sau khi dâng hiến nó cho Thiên Chúa, ngài bắt đầu sống trong đó[1848] . Sau đó, ngài dựng cho mình một túp lều nhỏ, nhưng hiếm khi sử dụng nó. Bản thân vốn yếu ớt, ngài nhường túp lều đó cho những người bệnh khác, những người đã đến với ngài rất đông đảo. Và Đức Chúa Trời, Đấng ban ân sủng, đã củng cố vị thánh tu hành này bằng ân sủng của Ngài và nhờ những lời cầu nguyện của ngài, Ngài đã chữa lành cho những người đến với ngài để được chữa lành. Chẳng bao lâu sau, vị thánh tu hành này trở nên nổi tiếng vì chỉ bằng lời cầu nguyện, ngài đã chữa lành các cơn sốt, sốt cao và nhiều bệnh tật khác, cũng như trừ tà. Trong suốt cuộc đời, ngài đã thành lập nhiều tu viện và nhờ những công đức từ việc ăn chay, ngài đã giúp nhiều tu sĩ trở nên đẹp lòng Đức Chúa Trời. Như vậy, bằng cách siêng năng tu tập các đức hạnh, Thánh Maron đã chữa lành cả thân xác lẫn linh hồn của con người. Sau khi trải qua nhiều căn bệnh khác nhau, vị thánh này, sau một thời gian ngắn bị bệnh, đã rời bỏ cuộc đời này và an lành về với Chúa[1849] .

Lễ kính Thánh Áp-ra-ham, Giám mục thành Carri

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 2

[1847] Thánh Isaak qua đời vào thế kỷ XII. Xác thánh của ngài được an táng công khai trong các hang động của Thánh Antôn, và một phần trong số đó đã được tu viện trưởng Kudin của tu viện chuyển từ Kiev đến Toropets vào năm 1711.

[1848] Ngọn núi này nằm gần thành phố Kirra ở Syria, cách Antioch hai ngày đường, thuộc giáo phận Euphrates.

[1849] Ngài qua đời vào thế kỷ IV. – Các môn đệ của Maron là: Giacôbê Ẩn sĩ, Limni – ngày 22 tháng 2, Domnina – ngày 1 tháng 3.

Thánh Abraham sống dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius Đại đế[1850] . Nơi ngài sinh ra và lớn lên là đảo Síp[1851] . Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đã phân phát tài sản của mình cho các tu viện, gia nhập đời tu tại một trong số đó và dấn thân vào các việc tu hành. Bằng việc thức trắng đêm, đứng cầu nguyện và ăn chay, ngài đã làm kiệt sức cơ thể mình đến mức mất khả năng vận động trong một thời gian dài, và hoàn toàn không thể đi lại được. Khi biết rằng trên dãy núi Li-băng[1852] có một nơi thích hợp cho việc tu hành ẩn dật, Thánh Áp-ra-ham đã rời tu viện và đến đó. Ngài dựng một căn phòng nhỏ và dành thời gian cho cuộc sống ẩn dật. Trong sự im lặng tuyệt đối, ngài ở trong căn phòng đó suốt ba ngày và chỉ đến ngày thứ tư, ngài mới lặng lẽ bước ra khỏi đó. Thánh nhân đã phải chịu đựng nhiều đau khổ tại nơi này. Những kẻ ngoại đạo, khi biết về ngài, ban đầu đã rải cát lên người ngài, sau đó lại gây ra những hành vi bạo lực khác nhằm ép ngài phải rời xa nơi này. Ngoài ra, những người nông dân nghèo từ làng lân cận cũng gây phiền toái cho ngài rất nhiều, vì họ thường xuyên đến gặp ngài và xin bố thí. Nhưng vị thánh nhân kiên nhẫn chịu đựng tất cả, và để thoát khỏi những sự trêu chọc đau khổ, ngài đã trao cho những người xin bố thí tất cả những gì mà một số vị khách sùng đạo đã cung cấp cho ngài. Lòng nhân ái của vị tu sĩ đã làm cho dân làng kinh ngạc đến mức họ đã xây dựng một nhà thờ, và vì họ là những người Kitô hữu, nên họ đã nài nỉ ngài nhận chức linh mục và trở thành mục tử của họ. Thánh Áp-ra-ham đã đáp ứng nguyện vọng của họ và, sau khi củng cố đời sống đạo đức cho đoàn chiên, ngài đã để lại một linh mục khác thay thế mình, còn bản thân thì trở lại tu viện. Chẳng bao lâu sau, ngài nổi tiếng nhờ những công đức vĩ đại và, với tư cách là một người có đức hạnh cao cả, ngài được tấn phong làm giám mục thành phố Karra[1853] . Bằng gương sáng của những việc làm nghiêm khắc và những lời dạy được Thánh Thần soi dẫn, ngài đã nhanh chóng dẫn dắt đoàn chiên của mình đến một cuộc sống thánh thiện. Trong suốt thời gian đảm nhận chức vụ linh mục, Thánh Áp-ra-ham chưa bao giờ ăn bánh mì, thức ăn nấu trên lửa, hay rau củ luộc hoặc ngâm trong nước; thức ăn của ngài chỉ gồm rau sống, quả dại và những thứ tương tự. Khi tin tức về Thánh Abraham đến tai Hoàng đế Theodosius II[1854] , vị hoàng đế này đã mời ngài đến gặp mình. Vị thánh đã lên đường đến Constantinopolis và, sau một thời gian ngắn sinh sống tại đó, đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Theo lệnh của vị hoàng đế đạo đức, thi hài của ngài đã được rước long trọng từ Constantinopolis về thành phố Carr và được an táng tại đó.

Lễ rước di cốt của Thánh Công tước Mihaïl Vsevolodovich Chernigov và quan đại thần Feodor của ngài

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 2

Các vị tử đạo này đã chịu khổ hình dưới tay Baty vào ngày 20 tháng 9 năm 1244. Xác thánh của các ngài được rước từ Chernigov về Moscow vào ngày 14 tháng 2 năm 1578 và được an táng tại Kremlin, trong nhà thờ được xây dựng để tưởng nhớ các ngài, gần Cổng Taynitsky; ngày 25 tháng 8 năm 1770, di cốt được chuyển đến Nhà thờ Sretensky, nằm trong cung điện tại khu "Senya"; ngày 21 tháng 11 năm 1774, di cốt được an táng tại Nhà thờ Archangel, nơi các ngài vẫn an nghỉ cho đến ngày nay.

Ngày 28 tháng 2

15 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, người ta tưởng nhớ Thánh Paphnutius và con gái ngài là Euphrosyne

---

[1850] Thánh Theodosius I Đại Đế trị vì từ năm 379 đến năm 395. Ngài cai trị phần phía đông của Đế quốc La Mã.

[1851] Đảo Síp nằm ở phần phía đông của Biển Địa Trung Hải; đây là một hòn đảo nhiều núi, xưa kia rất màu mỡ. Trong các chuyến truyền giáo của Thánh Phaolô (Công vụ Tông đồ 13:4–12). Từ thế kỷ XVI, hòn đảo này nằm dưới sự cai trị của người Thổ Nhĩ Kỳ.

[1852] Dãy núi Li-băng trải dài dọc theo bờ Biển Địa Trung Hải từ biên giới phía bắc của Palestine về phía bắc.

[1853] Thành phố Carr nằm ở Mesopotamia, ở thượng nguồn sông Euphrates, bên bờ một trong những nhánh sông của nó (Hovare), cách thành phố Edessa một chút về phía nam.

[1854] Hoàng đế Theodosius II Trẻ trị vì từ năm 408 đến năm 450.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Ô-ni-si-mô, một trong số bảy mươi tông đồ

Ngày tưởng niệm 15 tháng 2

Vào thời các Tông đồ, tại thành phố Colossae thuộc Phrygia[1855] , có một Kitô hữu thuộc dòng dõi quý tộc tên là Philemon; sau này, ngài được phong chức giám mục và được xếp vào danh sách bảy mươi vị Tông đồ. Trước khi trở thành Tông đồ, Philemon có một nô lệ tên là Onesimus. Vì đã phạm lỗi với chủ nhân và lo sợ bị trừng phạt, Ô-ni-xim đã bỏ trốn và đến Rô-ma[1856] , nơi ông gặp Thánh Tông đồ Phao-lô đang bị giam cầm; sau khi nghe ngài giảng đạo thánh và được dạy dỗ về đức tin vào Chúa Giê-su Ki-tô, ông đã được Thánh Tông đồ Phao-lô rửa tội và tận tụy phục vụ ngài cùng với Thánh Ti-chi-cô. Thánh Tông đồ Phaolô, khi sai Thánh Tích-cô mang thư của ngài đến cho các tín hữu ở Cô-lô-se, đã cho Thánh Ô-ni-xim đi cùng làm bạn đồng hành, như chính ngài đã viết ở phần cuối bức thư: *"Tích-cô, người anh em yêu dấu, người đầy tớ trung thành và đồng sự trong Chúa, sẽ kể cho anh em nghe mọi điều về tôi; tôi đã sai ông ấy đến với anh em để tìm hiểu tình hình của anh em và an ủi lòng anh em, cùng với Ô-ni-xim, người anh em trung thành và yêu dấu của chúng ta, người xuất thân từ anh em. Họ sẽ kể cho các anh em nghe mọi điều ở đây"* (Cô-lô-se 4:7–9).

Sứ đồ đã viết thư cho các tín hữu Cô-lô-se qua Tích-cô, còn qua Ô-ni-xim, ngài đã gửi một bức thư đặc biệt đến Phi-lê-môn, chủ của anh ta; trong bức thư này, Sứ đồ đã xin Phi-lê-môn tha thứ cho Ô-ni-xim về lỗi lầm của anh ta và đón nhận anh ta không phải như một nô lệ, mà như chính bản thân ngài, Sứ đồ Phao-lô. Trong thư của mình, Sứ đồ Phao-lô gọi Ô-ni-si-ma là con trai của mình: *"Tôi xin anh vì con trai tôi là Ô-ni-si-ma, người mà tôi đã sinh ra trong xiềng xích của mình: trước đây anh ta không xứng đáng với anh, nhưng bây giờ anh ta xứng đáng với cả anh lẫn tôi; tôi đang gửi anh ta trở lại; còn anh, hãy đón nhận anh ta như chính trái tim tôi vậy"* (Phi-lê-môn 1:10–12). Với niềm vui, Philemon đã làm theo lời khuyên của Thánh Tông đồ: ông không chỉ đón nhận Ô-ni-sim với tình yêu thương, mà còn ban cho anh ta tự do và lại gửi anh ta trở lại Rô-ma với Thánh Tông đồ Phao-lô, để Ô-ni-sim phục vụ Thánh Tông đồ tại đó, vì đó là điều Thánh Phao-lô mong muốn: "Tôi đã muốn giữ anh ấy lại bên mình, để anh ấy thay anh phục vụ tôi trong cảnh bị xiềng xích vì Tin Mừng; nhưng tôi không muốn làm gì mà không có sự đồng ý của anh, để việc làm tốt lành của anh không phải là do bị ép buộc, mà là do tự nguyện" (Phm 1,13–14).

Vậy, Thánh Tông đồ Ô-ni-xim đã ở Rô-ma, phục vụ các Tông đồ cho đến khi các ngài qua đời; ngài đã được các ngài tấn phong làm giám mục để rao giảng Lời Chúa. Sau khi các Thánh Tông đồ qua đời, ngài rời Rôma, đi qua nhiều thành phố và quốc gia, rao giảng về Chúa Kitô tại Tây Ban Nha[1857] , tại Cô-rinh-tô, tại Cô-lô-se, tại Pát-ra[1858] , rồi kế vị ngai tòa tại Ê-phê-sô[1859] sau Thánh Timôthê và Thánh Gioan Thần Học. Việc ngài làm giám mục tại Ê-phê-sô được Thánh Ignatius, Người Mang Thiên Chúa, chứng thực rõ ràng trong thư ngài gửi cho các tín hữu Ê-phê-sô từ Smyrna; khi ngài bị dẫn từ Antiôkhia đến Rô-ma để bị ném cho thú dữ ăn thịt, Thánh Onesimus

---

[1855] Colossae – một thành phố ở phía tây nam của Phrygia, thuộc vùng Tiểu Á, bên bờ sông Lycus, gần Laodicea và Hierapolis. Vào năm thứ 10 triều đại của Nero (năm 64 sau Công nguyên) Colossae đã bị phá hủy bởi một trận động đất; sau đó thành phố được xây dựng lại, nhưng không bao giờ lấy lại được vinh quang xưa. Sau này, thành phố được gọi là *Choni.* Ngày nay, đây là một ngôi làng nhỏ nằm trên một trong những sườn núi Chonas, nơi vẫn còn lưu giữ những tàn tích của thành phố cổ. Một trong những thư của Thánh Tông đồ Phaolô được viết gửi cho cư dân của thành phố này.

[1856] Thành phố thủ đô của Đế chế La Mã; nằm ở vùng trung tâm Ý, trải dài hai bên bờ sông Tiber tại nơi sông này đổ ra biển.

[1857] Trong thời cổ đại, Tây Ban Nha bao gồm cả lãnh thổ của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ngày nay. Phía bắc, nước này được ngăn cách với Pháp bởi dãy núi Pyrenees; phía đông giáp Biển Địa Trung Hải; phía nam giáp Biển Địa Trung Hải và eo biển Gibraltar; phía tây giáp Đại Tây Dương.

[1858] Patras – một thành phố cổ nằm trên bờ biển phía bắc bán đảo Peloponnese; từng là một trong 12 thành phố tự trị của vùng Achaea; được Hoàng đế Augustus biến thành thuộc địa La Mã; trong giai đoạn 1205–1408, đây là thủ phủ của Công quốc Achaea thuộc người Frank; năm 1463, thành phố rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ; hiện nay, thành phố này thuộc Vương quốc Hy Lạp, nằm gần lối vào Vịnh Lepanto (Vịnh Corinth).

[1859] Ephesus, nằm bên bờ Biển Aegean, là một thành phố thương mại quan trọng của Tiểu Á. Vị trí ven biển, khí hậu ôn hòa, cảng biển tuyệt đẹp cùng đền thờ Diana nổi tiếng đã khiến nơi đây trở thành một trong những thành phố giàu có và nổi tiếng nhất ở Tiểu Á. Thánh Tông đồ Phaolô đã rao giảng Tin Mừng tại đây.

đã gặp ngài trên đường đi tại Smyrna cùng với một số cư dân Ê-phê-sô. Thánh Ignatius đã viết về điều này cho các tín hữu Ê-phê-sô như sau:

– Nhân danh Thiên Chúa, tôi đã đón nhận cộng đoàn đông đảo của các bạn qua (hình ảnh) Onisimos, người đàn ông có lòng yêu thương vô bờ bến, là giám mục của các bạn trong thân xác. Hãy yêu mến ngài, tôi khẩn cầu các bạn nhân danh Chúa Giêsu Kitô, và tất cả hãy noi gương ngài; vì Đấng đã ban cho các bạn ân sủng xứng đáng có được một giám mục như vậy thật là đáng chúc tụng. Trong thư gửi cho các tín hữu Antiôkhia, ngài lại viết:

– Onisimos, vị mục tử của Ê-phê-sô, gửi lời chào các anh chị em.

Từ đây, chúng ta biết rằng Thánh Ô-ni-si-mô, sau khi đi qua nhiều quốc gia và thành phố, đã đến Ê-phê-sô khi đã là một vị cao niên; tại đó, ngài chăn dắt Hội Thánh của Đức Chúa Trời trong một thời gian, sau đó bị những kẻ vô tín bắt giữ và đưa từ thành phố đó đến Rô-ma, sự việc này xảy ra dưới triều đại của Hoàng đế Trajan[1860] ; tại Rô-ma, ngài bị giao cho tổng giám mục Tertillus để tra tấn. Thống đốc hỏi vị thánh:

– Ngươi là ai?

Ô-ni-sim trả lời:

– Tôi là một Kitô hữu.

Rồi vị tổng giám mục lại hỏi:

– Ngài thuộc tầng lớp nào?

Nghe vậy, vị thánh đáp:

– Ngày xưa tôi từng là nô lệ của một người chủ, nhưng giờ đây tôi là nô lệ trung thành của Chúa và Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đức Giêsu Kitô.

Thống đốc tiếp tục tra hỏi Ô-ni-sim:

– Tại sao ngươi lại chuyển sang phục vụ một chủ khác?

Ô-ni-sim trả lời:

– Bởi vì tôi đã nhận biết lẽ thật và ghét bỏ việc thờ lạy thần tượng.

Rồi vị giám mục hỏi:

– Ngươi đã bị bán cho chủ mới với giá bao nhiêu?

Ô-ni-sim trả lời:

– Con Thiên Chúa là Đức Giêsu Kitô đã cứu chuộc tôi khỏi sự diệt vong bằng chính máu thánh của Ngài, và đưa tôi vào sự bất diệt, như đã được chép trong Kinh Thánh của chúng ta: *"Các ngươi không được chuộc khỏi cuộc sống hư không, vốn được truyền lại từ tổ tiên, bằng bạc hay vàng hư nát, nhưng bằng Máu quý báu của Đấng Christ, như Chiên Con vô tì vết và tinh khiết"* (1 Phi-e-rơ 1:18–19).

Giám mục hỏi:

– Hãy nói cho chúng tôi biết, cuộc sống nào được các sách thánh của các ngươi gọi là hư vô?

– Cuộc sống hư vô là sự ngoại tình vô luật pháp, thứ vì chút khoái lạc xác thịt mà chuẩn bị lửa đời đời cho những kẻ ham mê tội lỗi; nó còn thể hiện qua lòng tham tiền, vì nó mà người ta làm hại người lân cận, qua việc phù phép, khi giao du với ma quỷ – điều ác sau cùng này là gốc rễ của mọi sự vu khống và lừa gạt; nó là sự kiêu ngạo, khi người ta tự cao tự đại hơn người khác, – sự ghen tị, thứ đã dạy Ca-in và nhiều người khác giết anh em mình, – sự nói xấu và lời nói không kiềm chế, lan truyền sự chế giễu khắp nơi như đám mây; nó là sự đạo đức giả và dối trá, kẻ thù của chân lý, đồng lõa của ma quỷ, qua đó kẻ thù đầy ác ý đã cám dỗ Ê-va; nó là cơn giận dữ, xúi giục lời nguyền rủa và khơi dậy những cuộc cãi vã cùng việc giết cha mẹ, – sự say xỉn, đi kèm với sự buông thả và sinh ra dục vọng, xúi giục nói lời tục tĩu; trong đó không có ý nghĩ tốt lành nào, chỉ toàn là sự xấu xa. Tất cả những tệ nạn này chính là cuộc sống phù du. Nguồn gốc của lối sống ấy và là mẹ của mọi điều chính là việc thờ phượng các thần tượng mà các ngươi đang thực hành; đó là nền tảng của tội tà dâm, là thầy dạy sự vô minh về Đức Chúa Trời, là sự mù quáng của trí tuệ, là kẻ khơi dậy những dục vọng dâm đãng; trong đó không có danh dự, nó chiến đấu chống lại Chúa Tể của muôn loài, cố gắng phá hủy sự thờ phượng Đức Chúa Trời chân chính; sự thờ phượng này – là thủ lĩnh của cái chết, là đầy tớ của con rắn, là thức ăn của những kẻ ác, là kẻ thù của đức hạnh, nó chạy trốn sự hư nát; nó là người rao giảng luật pháp hủy diệt của các ngươi, là người ủng hộ nhiệt thành của bóng tối và u ám, là bạn của sự đổ máu, là chúa tể của hận thù; nó lừa gạt những người đơn sơ chưa biết Chúa, xa lạ với ân sủng sáng ngời, trói buộc các tôi tớ của nó bằng những hành vi ô nhục, dạy dỗ sự kiêu ngạo; nó làm ô uế những vị lão niên

[1860] Từ năm 98 đến năm 117

tóc bạc, xúi giục họ nhảy múa theo tiếng kèn của các thầy tế; nó hủy hoại sự trinh tiết của các thiếu nữ; nó làm tan rã các lễ hội của mình bằng gươm và sắt, bằng việc đổ máu động vật và những ô uế của chúng; nó phô trương sự ô uế của sự vô liêm sỉ; nó ép buộc các người chồng phơi bày thân thể giữa thành phố và cho vợ họ thấy họ trần truồng; nó đi kèm các nghi lễ của mình với những vụ giết người và ngoại tình; nó làm xáo trộn tâm trí con người bằng đủ loại hình thức thờ thần tượng, như những con thuyền: lúc thì ra lệnh cho các thầy tế của mình nếm thử rắn độc, lúc thì khuyên họ ăn thịt các vị thần của người khác, lúc thì xúi giục họ giết bò, lúc thì dâng bò làm lễ vật, dâng cừu làm lễ vật, coi cùng một thứ là thần và là gia súc[1861] , lúc thì giết người để dâng làm của lễ cho một hình tượng người làm bằng đá và gỗ, đến nỗi thay vì làm điều thiện, nó lại gây ra tội giết người, dâng những sinh linh có linh hồn làm của lễ cho những vật vô hồn. Nhưng tôi nói nhiều làm gì? Sự mê tín của các ngươi thậm chí còn tôn vinh tỏi như một vị thần, để trong sự mù quáng và vô minh tột độ, đẩy con người xuống địa ngục. Sau khi xem xét lối sống phù phiếm, bất kính và đồi bại như vậy, mà các ngươi đang theo đuổi trong sự thờ phượng tà thần của mình – lối sống đã bị Kinh Thánh vạch trần, tôi đã chạy trốn khỏi nó như chạy trốn khỏi biển động, và đã đến được bến đỗ an lành – đó là lối sống công chính và thánh thiện, được thể hiện qua đức tin thánh thiện vào Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, cùng đức tin và tình yêu thương đối với người lân cận. Và tôi khuyên nhủ anh, Tertill, hãy tuân giữ luật yêu thương, luật truyền dạy phải yêu thương người lân cận như chính mình; khi đó, anh cũng sẽ, giống như tôi, nhận ra lẽ thật, từ bỏ những điều phù du tạm thời và mọi thứ trên thế gian này trôi qua như giấc mơ hay bóng mờ; khi đó, anh sẽ đến với Đấng Tạo Hóa của muôn loài và được cứu rỗi, khi đạt đến sự sáng suốt chân chính; Đức Chúa Trời không vui mừng trước cái chết của những kẻ làm Ngài phẫn nộ, nhưng Ngài hân hoan trước sự ăn năn và trở lại của họ, và tha thứ cho những tội lỗi trước đây của họ.

Lúc đó, Giám mục Tertill đã đáp lại:

– Vậy là ngươi không chỉ không muốn tự mình thờ phụng các vị thần, bất chấp những cực hình, mà còn muốn lôi kéo cả chúng ta vào con đường lầm lạc của ngươi nữa.

– Những hình phạt của ngươi không thể làm ta sợ hãi, – thánh Onisim đáp lại, – dù chúng có dữ dội đến đâu đi chăng nữa, bởi vì ta, được an ủi bởi niềm hy vọng về những ân huệ tương lai và được củng cố bởi sức mạnh của Đấng Kitô của ta, sẽ dễ dàng chịu đựng những đau khổ mà ngươi sẽ giáng xuống cho ta.

Khi đó, tổng trấn ra lệnh giam Onisim vào ngục tối; vị thánh đã ở đó 18 ngày, và ngục tối đối với ngài không phải là nơi giam cầm đáng sợ, mà là một thiên đường rực rỡ, tràn ngập niềm vui thiêng liêng, nơi ngài ở đó, hân hoan vì Chúa của mình. Các tín hữu đến thăm ngài, ca ngợi sự chịu khổ của vị thánh và bằng những lời nói của mình, họ khích lệ ngài tiếp tục hành trình thánh thiện. Vị thánh rao giảng Lời Chúa cho những người chưa tin, những người đến đây cùng với các Kitô hữu, và dẫn dắt họ đến với đức tin chân chính nơi Đức Kitô. Sau đó, tổng giám mục, muốn tỏ ra nhân từ trước dân chúng, đã không kết án tử hình vị thánh, mà gửi ngài đi lưu đày tại Putiola[1862] . Ngay cả ở đó, vị Thánh Tông Đồ vẫn nhiệt thành rao giảng giáo lý của Chúa Kitô và dẫn dắt nhiều người vào con đường chân chính. Tertill, khi biết được điều này, lại bắt ngài và ra lệnh đưa ngài đến trước mặt mình trong xiềng xích để xét xử. Ông tra hỏi ngài và biết rằng vị thánh, như trước đây, vẫn kiên định tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Lúc đó, tổng trấn ra lệnh quỳ ngài xuống và đánh đập tàn nhẫn bằng bốn cây gậy. Những kẻ tra tấn đã đánh đập vị thánh chịu khổ này một cách tàn nhẫn và kéo dài, làm gãy xương ống chân và các xương khác của ngài, cuối cùng chém đứt đầu ngài bằng gươm. Như vậy, thánh Onisimus đã qua đời[1863] . Một người phụ nữ thuộc dòng dõi hoàng gia đã nhận thi hài thánh của ngài, đặt vào quan tài bằng bạc và cử hành lễ tưởng niệm vị tử đạo. Nhờ đó, bà đã được Chúa ghi nhớ trong Nước Trời nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Tông Đồ Onisimus; xin Chúa Giêsu Kitô cũng ban ơn này cho chúng ta, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

[1861] Thánh Onisimus đã chỉ ra tại đây một trong những mâu thuẫn nghiêm trọng tồn tại trong tôn giáo ngoại giáo, khi xem xét một cách tổng quát mà không phân biệt địa điểm hay thời gian: ở một vùng, người ta tôn sùng một loài động vật như thần linh, trong khi ở vùng khác, họ lại không coi nó khác biệt so với các loài bốn chân khác và dâng nó làm lễ vật cho một vị thần nào đó.

[1862] Putioli – một thành phố ven biển thuộc Campania, một vùng ở miền trung Ý.

[1863] Khoảng năm 109.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Như tia sáng, ngài đã chiếu rọi khắp vũ trụ, như bình minh rạng ngời của mặt trời, hỡi thánh Phaolô toàn sáng, Đấng đã soi sáng thế gian: vì thế, chúng con tôn kính ngài, hỡi thánh Ô-ni-sim vinh quang.

Lễ kỷ niệm Thánh Evsevius, vị ẩn sĩ

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 2

Không còn lưu lại bất kỳ thông tin nào về nơi sinh và cha mẹ của vị thánh này. Chỉ biết rằng ban đầu ngài gia nhập một tu viện, nhưng sau đó đã rời khỏi đó, leo lên đỉnh núi, gần đó có một làng tên là Asikha[1864] , và tại đó, ngài đã xếp những hòn đá khô thành một hàng rào cho mình, rồi bắt đầu hành xác. Suốt cuộc đời, ngài không mặc gì khác ngoài áo da, và chỉ ăn đậu và đậu lăng lên men. Bỏ qua sự suy yếu của cơ thể, vị thánh nhân vẫn tiếp tục sống như vậy cho đến khi đã rất già, khi tất cả răng của ngài đã rụng hết, đến nỗi không thể nhai thức ăn được nữa, và ngài dũng cảm chịu đựng mọi thời tiết khắc nghiệt, không bao giờ sống trong nhà. Khuôn mặt ngài nhăn nheo và các bộ phận cơ thể gầy gò đến mức thắt lưng không thể giữ chặt trên người: đôi chân và phần eo của ngài đã gầy còm đến thế. Vì có nhiều người đến tìm ngài, nên ngài, vì sợ danh tiếng, đã lui về một tu viện gần đó và, sau khi dựng một hàng rào nhỏ bên tường tu viện, tiếp tục những việc tu hành thường ngày của mình. Việc ăn chay của vị thánh nhân nghiêm ngặt đến mức trong suốt bảy tuần của Mùa Chay Lớn, ngài chỉ ăn 15 quả sung. Sống một cuộc đời ăn chay khắc khổ như vậy, vị thánh nhân Eusebius đã sống hơn 90 năm và sau một cơn bệnh nặng, ngài đã về với Chúa[1865] .

- Cùng ngày này, người ta tưởng nhớ Thánh Paphnutius và con gái ngài là Euphrosyne. Cuộc đời của họ được kỷ niệm vào ngày 25 tháng 9.

Tháng Ba

1 tháng 3

Ngày 16 tháng 2 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm mười hai vị tử đạo, trong đó có Thánh Pamphilus, linh mục, và những người khác cùng với ngài

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 2

Mười hai vị thánh tử đạo này, được ban ân sủng tiên tri và tông đồ, và số lượng ngang bằng với 12 Tông đồ, đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô tại Cêsarêa thuộc Palestine[1866] , dưới triều đại của Diocletian. Trong số đó, người cao cấp nhất về chức vụ và là người đầu tiên chịu khổ nạn là Thánh Pamphilus, linh mục tại Caesarea. Ngài gốc gác từ Berytus[1867] , và từ thuở thiếu thời đã được học hỏi tri thức ngoại giáo; đồng thời, Pamphilus cũng tràn đầy sự khôn ngoan thiêng liêng[1868] và tỏa sáng nhờ đời sống đạo đức của mình. Sau đó, ông trở nên nổi tiếng nhờ việc can

---

[1864] Tại Syria.

[1865] Thánh Eusebius qua đời vào khoảng năm 400.

[1866] Césarea – một thành phố lớn ở Palestine, bên bờ Địa Trung Hải.

[1867] Beryt – nay là Beirut – là thành phố chính của tỉnh Syria thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, một trung tâm thương mại quan trọng nhất trên bờ biển Syria giữa Said và Tarabulus Yaripolis.

[1868] Một trong những công việc chính của Thánh Pamphilus là đối chiếu và hiệu đính các bản thảo Kinh Thánh, văn bản của nó vào thời điểm đó đã bị các người chép tay làm hư hỏng đáng kể. Nhờ sự quan tâm và nỗ lực của ngài, một thư viện đồ sộ đã được xây dựng tại

đảm làm chứng cho danh Chúa Kitô. Vị tử đạo thứ hai là Valens, phó tế của Giáo hội Ê-li – một người đã cao tuổi. Ông cũng là người uyên bác và đặc biệt nổi bật nhờ sự am hiểu sâu sắc về Kinh Thánh. Người thứ ba là Phaolô – tràn đầy đức tin nơi Chúa Kitô, ngài bừng cháy lòng nhiệt thành vì sự đạo đức. Ngài xuất thân từ thành phố Iamnia[1869] và trước đó đã từng chịu hình phạt thiêu đốt vì Chúa Kitô. Ba vị tử đạo này, sau khi chịu đủ mọi hình phạt vì danh Chúa Kitô do tổng trấn Urban gây ra, đã bị giam vào ngục tối. Tại đó, họ phải chịu đựng suốt 2 năm, cho đến khi Firmilian lên thay Urban làm tổng trấn. Dưới thời cai trị của vị tổng trấn này tại Ai Cập, 130 vị chứng nhân của Chúa Kitô đã bị kết án lưu đày: họ bị đưa đến Cilicia[1870] để khai thác quặng vàng. Vào thời điểm đó, có một số thanh niên, những người anh em không chỉ về huyết thống mà còn về tinh thần, sau khi tiễn đưa các vị tử đạo từ Ai Cập đến Cilicia, lại quay trở về quê hương Ai Cập của họ và đang tiến gần đến Cêsarea, vì con đường của họ đi qua thành phố này; số lượng họ là năm người. Khi họ bước vào cổng thành, lính gác hỏi họ là ai và đến từ đâu. Các vị tử đạo, không giấu giếm sự thật, trả lời rằng họ là Kitô hữu và coi Giêrusalem trên trời là quê hương của mình. Lúc đó, họ bị bắt giữ như những kẻ ác và bị ném vào ngục tối. Ngày hôm sau – chính xác là ngày 16 tháng 2 – những thanh niên này được dẫn ra khỏi ngục cùng với các vị chứng nhân của Chúa Kitô đã được nhắc đến ở trên là Pamphilus, Valentus và Paul, và cùng với họ, họ phải ra trước tòa án của tên bạo chúa vô đạo Firmilian. Ban đầu, Hê-gô-môn cố gắng dụ dỗ các thiếu niên Ai Cập bằng cách đe dọa họ với đủ loại hình phạt. Ông ta đặt một trong số họ – người lớn tuổi nhất – vào giữa và hỏi: "Ngươi là ai?" Vị thánh tử đạo can đảm trả lời rằng cả anh và các bạn đồng hành đều là Kitô hữu. Khi vị thống đốc hỏi tên của họ là gì, chàng trai này tự xưng là Ê-li, người thứ hai là Giê-rê-mi, người thứ ba là Ê-sai, người thứ tư là Sa-mu-ên, người thứ năm là Đa-ni-ên. Bởi vì những thiếu niên thánh thiện này, sau khi từ bỏ những tên ngoại giáo mà cha mẹ họ – những người không tin vào Đấng Kitô – đã đặt cho, đã tự gọi mình bằng tên các vị tiên tri thay thế. Bằng cách này, họ muốn rõ ràng thể hiện rằng họ là tôi tớ của Đức Chúa Trời của Israel, không chỉ qua hành động mà còn qua chính tên gọi của mình. Không biết những tên đó, quan tổng trấn Firmilian bắt đầu hỏi họ về quê hương.

Lúc đó, Ê-li, nhớ lại lời của Sứ đồ Phao-lô: "Giê-ru-sa-lem trên trời là thành tự do; đó là mẹ của tất cả chúng ta" (Ga-la-ti 4:26), và những lời khác của ngài: *"Nhưng các anh em đã đến núi Si-ôn và thành của Đức Chúa Trời hằng sống, đến Giê-ru-sa-lem trên trời và vô số thiên sứ, đến hội thánh hân hoan và hội thánh của những người đầu tiên"* (Hê-bơ-rơ 12:22), đã tự xưng mình là công dân của Giê-ru-sa-lem trên trời, hiểu rằng thành phố này là quê hương thiêng liêng của mình, chứ không phải quê hương trần thế. Còn Hê-gê-môn Phir-mi-li-an thì không biết thành Giê-ru-sa-lem này là thành nào và nằm ở đâu. Bởi vì vào thời đó, thành thánh không được gọi là Giê-ru-sa-lem, mà là Ê-li. Tên gọi này do hoàng đế La Mã vô đạo Hadrian đặt cho. Ông đã xây dựng một thành phố mới trên nền của Giê-ru-sa-lem cũ, vốn đã bị Tít phá hủy, và đặt tên thành phố đó theo tên mình, vì ông tên là Ê-li-a A-dria-nô. Khi đặt tên Giê-ru-sa-lem là Ê-li-a, A-dria-nô đã làm ô uế tất cả các thánh địa ở đó, lấp đầy Mộ Chúa bằng cát và đá, và dựng lên khắp nơi những tượng thần tà ác. Sau đó, ông ra lệnh rằng mọi người chỉ được gọi thành phố này là Ê-li mà thôi. Ông làm tất cả những điều này vì muốn xóa sổ khỏi mặt đất ngay cả ký ức về danh xưng của Chúa Giêsu Kitô. Kể từ đó, trong suốt hai trăm năm, những kẻ vô đạo và thờ ngẫu tượng đã không gọi thành phố này là Giê-ru-sa-lem và coi thường nó. Tình trạng này kéo dài cho đến thời vua Constantine đạo đức và mẹ ông là Helena. Chính vì thế mà quan tổng trấn Firmilian, người sống ở Palestine dưới triều đại của Diocletian, đã không biết thành phố mang tên Giê-ru-sa-lem – mà vị thiếu niên thánh thiện đã nói với ông – nằm ở đâu. Ông ra lệnh trói tay phía sau cho chàng thanh niên thánh thiện, người tự xưng là Ê-li, treo cổ anh ta trong tình trạng trần truồng tại nơi tra tấn và đánh đập dã man, nhằm ép anh ta phải nói rõ thành phố Giê-ru-sa-lem là gì và nằm ở quốc gia nào.

Chàng thanh niên đạo đức đáp lại rằng Giê-ru-sa-lem là quê hương duy nhất của những người Kitô hữu và không một người ngoại đạo nào có thể vào được đó, và rằng thành phố này được xây dựng ở phương Đông, nơi mặt trời bắt đầu chiếu những tia nắng đầu tiên xuống mặt đất. Vị thánh đã nói với quan tổng trấn về Giê-ru-sa-lem thiêng liêng trên trời, không màng đến những cực hình, như thể ngài không có thân xác vậy. Còn vị quan tổng trấn, không hiểu rằng vị thánh đang nói với ông về Giê-ru-sa-lem thiêng liêng, đã nghĩ rằng những người Kitô hữu đã xây dựng cho mình một thành phố ở đâu đó và muốn chống lại người La Mã. Vì vậy, ông ra lệnh tra tấn vị thánh

---

Caesarea. Thánh Giê-rô-ni-mô rất kính trọng vị tử đạo Pamphilus và, khi tìm thấy một số bản thảo của ngài, ngài tự coi mình giàu có hơn cả Crésus.

[1869] Tên Hy Lạp của thành phố Iavneia thuộc Philistia, nằm giữa Ekron và biển; ngày nay, đây là một làng lớn mang tên Ievna.

[1870] Cilicia – vùng ven biển phía đông nam của Tiểu Á.

thiếu niên thậm chí còn tàn bạo hơn nữa, để anh ta kể chi tiết hơn về thành phố Kitô giáo đó và chỉ ra nơi nó tọa lạc. Nhưng khi quan tổng trấn không thể nghe được gì thêm từ cậu ngoài việc cậu xưng danh Chúa Kitô, ông ra lệnh chém đầu vị thánh thiếu niên bằng gươm. Sau đó, ông ra lệnh tra tấn các thiếu niên khác: Giê-rê-mi, Ê-sai, Sa-mu-ên và Đa-ni-ên. Nhưng khi nghe họ cũng nói y hệt như người đầu tiên, ông ra lệnh chém đầu cả họ bằng gươm. Sau khi điều tra và biết rằng vị linh mục thánh Pamphil, phó tế Valent và Phaolô đã bị người tiền nhiệm của ông là quan tổng trấn Urban giam giữ trong ngục tối suốt hai năm trước đó, Firmilian không muốn tra tấn họ thêm nữa. Ông chỉ ra lệnh hỏi họ xem liệu họ có tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế hay không; và khi biết rằng họ vẫn kiên quyết không khuất phục, ông cũng kết án tử hình họ.

Một trong những người hầu của Pamphilus, tên là Porphyrius, một thanh niên mười tám tuổi, rất được chủ nhân của mình là Thánh Linh mục Pamphilus yêu mến vì sự trong sạch và khôn ngoan, khi nghe bản án tử hình dành cho các thánh tử đạo, đã lớn tiếng kêu lên từ giữa đám đông:

– Xin hãy cho tôi thi thể của các thánh, để tôi có thể an táng họ.

Nói xong, ông bước ra khỏi đám đông và đứng trước quan tổng trấn. Khi biết rằng Porphyrius cũng là một Kitô hữu, quan tổng trấn ra lệnh treo cổ ông trong tình trạng trần truồng tại chính nơi mà ông đã tra tấn năm vị thánh thiếu niên, đồng thời ra lệnh đánh đập ông một cách tàn bạo. Những kẻ tra tấn vô đạo đã đánh ông cho đến khi toàn thân ông chằng chịt vết thương và da thịt rách nát rơi xuống đất từng mảng, đến nỗi người ta có thể nhìn thấy cả xương và nội tạng của ông. Nhưng thánh Porphyrius đã kiên nhẫn chịu đựng những cực hình này; dường như ngài chẳng cảm thấy gì cả: ngài thậm chí không rên rỉ hay la hét, mà chỉ im lặng, như thể những kẻ tra tấn đang gây thương tích không phải cho ngài, mà cho một cột trụ hay bức tường nào đó. Tất cả những điều này càng làm tăng thêm cơn thịnh nộ của quan tổng trấn: Firmilian ra lệnh dùng một tấm da dê gai góc và cứng cáp để cào xé những vết thương của ngài, và sau đó kết án ngài phải bị thiêu sống. Những kẻ tra tấn dựng một cột đá, trói vị thánh tử đạo vào đó, chất củi xung quanh và châm lửa. Khi ngọn lửa đã bao trùm anh ta từ mọi phía, vị tử đạo bắt đầu kêu lên lớn tiếng, cầu xin Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, cứu giúp; sau đó, anh im lặng và dâng linh hồn thánh thiện và trong sạch của mình lên Chúa. Và như vậy, ngài đã chịu khổ vì Chúa của mình sau vị chủ nhân của ngài, nhưng trước ngài đã được ban tặng vương miện tử đạo, bởi vì vào thời điểm thánh Porphyrius, sau khi dâng hiến linh hồn mình trên giàn hỏa thiêu, đã về với Chúa, thì thánh Pamphilus cùng với các vị tử đạo khác vẫn chưa bị chém bằng gươm.

Vào lúc Thánh Porphyrius đang bị thiêu trên giàn hỏa, trong đám đông có một người đàn ông đạo đức tên là Seleucus, trước đây từng là một chiến binh. Khi Porphyrius đã dâng linh hồn mình lên Chúa, ông đi theo các vị thánh tử đạo, những người đang bị dẫn đến nơi chịu khổ hình. Ông thấy họ vẫn còn sống, vì các thánh đã nài xin những kẻ hành hình cho họ thêm chút thời gian để cầu nguyện. Selevki tiến lại gần Thánh Pamphilus, kể cho ngài nghe tất cả về cuộc tử đạo của Thánh Porphyrius; Thánh Pamphilus liền vui mừng và dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa. Tại đó, Seleucus lần cuối cùng hôn lên các vị tử đạo, những người đã sẵn sàng cúi đầu đón nhận lưỡi gươm chém. Các binh lính có mặt tại đó, khi chứng kiến cảnh này và biết rằng Seleucus là một Kitô hữu, đã bắt giữ ông và dẫn ông đến trước quan tổng trấn. Firmilian ra lệnh xử tử Selevkios bằng gươm ngay lập tức. Vị thánh này xuất thân từ Cappadocia và từng là một chiến binh dũng cảm và nổi tiếng trong quân đội La Mã; vào đầu thời kỳ bách hại Kitô hữu, vì tuyên xưng Đức Kitô, ông đã bị đánh đập dã man, bị tước quân hàm và danh dự, rồi bị trục xuất khỏi trung đoàn. Nhưng ngài đã chăm sóc những người bệnh nằm la liệt trên các đường phố thành phố, lo lắng cho những người nghèo khổ và trẻ mồ côi, rồi sau đó, khi được kết hợp với các thánh tử đạo và các vị tuyên xưng đức tin, ngài đã vui mừng ra đi về với Chúa Kitô, Chúa của ngài.

Cùng thời điểm đó, sau Thánh Selevkios, Thánh Theodulus cũng được gia nhập vào hàng ngũ các vị tử đạo. Ông là một trong những người hầu của quan tổng trấn Firmilian; mọi người đều kính trọng người đàn ông này vì tuổi già cao cả của ông: ông đã có cả chắt rồi. Là một Kitô hữu bí mật, khi ông đến gần một trong các thánh tử đạo đang bị dẫn đi chịu khổ hình, ông đã hôn người ấy và xin vị thánh tử đạo của Chúa Kitô cùng cầu nguyện với Chúa Thiên Chúa cho ông. Một số người hầu của quan tổng trấn, khi chứng kiến cảnh đó, đã tâu báo với chủ nhân về Thánh Theodulus và nói rằng ông cũng là người Kitô hữu. Khi Firmilian tra hỏi Thánh Theodulus và biết rằng người đàn ông này thực sự là Kitô hữu, ông đã vô cùng tức giận và ra lệnh đóng đinh Thánh Theodulus lên thập giá.

Hoàn tất danh sách mười hai vị Tông đồ, Thánh Julian cũng gia nhập hàng ngũ các vị tử đạo sau cùng. Ông cũng xuất thân từ Cappadocia và là một người chính trực và đạo đức. Vì công việc, ông phải đến Cäsarea ở

Palestine. Khi đến gần thành phố, Thánh Julian nhận thấy thi thể của các thánh tử đạo đã bị vứt bỏ gần thành phố để làm mồi cho chó và chim. Ông vui mừng trong lòng, quỳ xuống bên cạnh, hôn lên thi thể của những người chịu khổ vì Chúa Kitô và ca ngợi cái chết tử đạo của họ, nhờ đó họ đã được hưởng sự sống vĩnh cửu cùng Chúa Kitô. Nhưng ở xa có những binh lính được bố trí để canh chừng, nhằm ngăn chặn bất kỳ Kitô hữu bí mật nào lấy trộm thi hài của các thánh. Thấy có một người quỳ xuống bên thi hài các thánh và hôn lên đó, họ nhận ra rằng người đó cũng là Kitô hữu; lúc đó, các binh lính bắt giữ ông và dẫn ông đến trước quan tổng trấn. Sau khi tra hỏi, Firmilian đã kết án vị thánh này phải chịu hình thiêu sống; và như vậy, thánh Julian đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô theo đúng cách thức giống hệt như thánh Porphyrius.

Vậy, mười hai vị tử đạo này, số lượng ngang bằng với các Tông đồ, cùng với các ngài đã được vinh dự đứng trước ngai Thiên Chúa trong Nước Trời, được trang hoàng bằng những vương miện chiến thắng[1871] . Thi hài thánh thiện của các ngài nằm bị bỏ lại trong bụi đất ngoài thành suốt bốn ngày. Những kẻ vô đạo, thấy rằng chẳng có chó, thú vật hay chim chóc nào đụng đến thi thể các ngài, bèn tuyên bố rằng ai muốn thì có thể mang thi thể các ngài đi chôn cất; lúc đó, các Kitô hữu đã mang những thi thể thánh thiện ấy đi và chôn cất một cách tôn kính, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Trước những cực hình khủng khiếp sắp đến, các vị tử đạo của Chúa đã sống trong sự suy ngẫm vui mừng và không sợ hãi, cùng nhau trò chuyện mà không bận tâm đến xác thịt: nhờ đó, họ đã được hưởng vinh quang vĩnh cửu, luôn cầu nguyện cho chúng ta, những người ca ngợi những công trạng của họ.

Lễ kỷ niệm Thánh Maruf, Giám mục, và các Thánh Tử đạo đã chịu tử đạo tại Martiopol.

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 2

Thánh Maruf là Giám mục của Tagrit[1872] , thành phố chính của vùng Mesopotamia-Sophosene: vùng đất này nằm ở biên giới giữa Đế quốc Hy Lạp và Ba Tư ngoại đạo; tại đó, vị giám mục đạo đức này, như một ngọn đèn, tỏa sáng ánh sáng của sự hiểu biết về Thiên Chúa: ngài đã dùng lời rao giảng của mình để dẫn dắt những người Ba Tư ngoại đạo trở lại với Kitô giáo, can thiệp cho các Kitô hữu trước các vị vua Ba Tư và luôn nỗ lực mang lại hòa bình và an lạc khắp mọi nơi. Chẳng hạn, dưới triều đại của Theodosius II, Maruf đã hai lần được cử đến gặp Izdegerd[1873] để ký kết hòa ước giữa hai đế chế, và nhờ đức hạnh cùng trí tuệ của mình, ngài đã giành được sự kính trọng tuyệt đối từ Izdegerd. Các pháp sư Ba Tư rất bất mãn trước sự ưu ái của nhà vua dành cho Thánh Maruf, và họ quyết định tiêu diệt vị giám mục đạo đức này; sau khi Maruf chữa lành cho Izdegerd khỏi căn bệnh nguy hiểm ở đầu mà các pháp sư không thể chữa khỏi, họ đã quyết định thực hiện các biện pháp chống lại ngài. Một lần nọ, khi nhà vua, như thường lệ, bước vào đền thờ để thờ phụng ngọn lửa, ngài nghe thấy một giọng nói:

– Hãy đuổi nhà vua đi, – lòng yêu mến của ông ta dành cho vị linh mục Kitô giáo thật là vô đạo!

Sau đó, Izdegerd, đầy ngạc nhiên, định đuổi Maruf đi, nhưng âm mưu lừa dối nhanh chóng bị vạch trần, và các pháp sư bị xử tử; từ đó, đức tin Kitô giáo bắt đầu lan rộng trong giới những người thờ lửa.

Năm 414, Maruf một lần nữa đảm nhận chức vụ sứ giả tại triều đình của Izdegerd. Các pháp sư lại nổi loạn chống lại vị giám mục thánh thiện, nhưng âm mưu của họ một lần nữa thất bại, và Maruf càng được vua Ba Tư tin tưởng hơn. Cùng thời gian đó, Thánh Maruf cùng với Giám mục Avda đã chữa lành cho con trai bị quỷ ám của Izdegerd bằng lời cầu nguyện của đức tin; sau đó, Izdegerd thậm chí còn có ý định chịu phép rửa tội và cho phép tự do thực hành đạo Kitô tại Ba Tư.

[1871] Đó là vào năm 309.

[1872] *Tagrith,* hay theo tiếng Hy Lạp là *Martiropol,* cho đến thời Justinianus vẫn thuộc về Đế quốc Hy Lạp và là thành phố biên giới của đế quốc này với Đế quốc Ba Tư.

[1873] Vua Ba Tư Izdegerd I trị vì từ năm 399 đến năm 420.

Tận dụng sự ủng hộ của vị vua Ba Tư, Thánh Maruf đã truyền bá giáo lý của Chúa Kitô khắp nơi, trùng tu các nhà thờ bị phá hủy trong thời kỳ bách hại dưới triều đại Sapor, và triệu tập các công đồng.

Cùng thời gian đó, ngài đã thu thập hài cốt của các thánh tử đạo, những người đã chịu khổ nạn dưới triều vua Sapor, và chuyển chúng đến thành phố Tagrith do ngài thành lập, nơi ngài cũng qua đời vào khoảng năm 422[1874] .

Ngày 2 tháng 3

17 tháng 2 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử đạo Theodorus Tyron

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 2

Các vị vua vô đạo Maximian và Maximin[1875] đã ban chiếu chỉ khắp vương quốc của mình, rằng tất cả những ai đã chấp nhận luật của Chúa Kitô sẽ được miễn án tử hình, miễn là họ nếm thử các lễ vật dâng cho thần tượng, còn những ai từ chối điều này thì sẽ bị đưa ra xét xử. Vào thời điểm đó, Thánh Theodore Tyron[1876] , người vừa mới được tuyển vào quân đội không lâu trước đó, đã được phân công vào trung đoàn Marmarit, thuộc quyền chỉ huy của một quan chỉ huy[1877] tên là Vrinka; trung đoàn này lúc bấy giờ đang đóng quân tại Amasia, một thành phố thuộc Pontus[1878] . Khi Thánh Theodorus được đưa đến trung đoàn đó, những kẻ vô tín đã ép buộc ngài phải dâng lễ vật cho các thần tượng; nhưng Theodorus, một chiến binh chân chính của Đấng Christ, trung thành với Đức Chúa Trời và được đầy dẫy Thánh Linh, đã tuyên bố trước mặt mọi người rằng:

– Tôi là một Kitô hữu, và tôi được truyền không được dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo ghê tởm, vì tôi thờ phượng Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa Chân Thật và Vua Trên Trời.

Lúc đó, quan tổng trấn Vrinka bắt đầu thuyết phục vị thánh:

– Hãy nghe tôi, Theodore, hãy mang theo tất cả vũ khí của anh và, với tư cách là một chiến binh, hãy đến và dâng lễ vật cho các vị thần.

Thánh Theodorus đáp lại:

– Ta là chiến binh của Vua Kitô của ta, và ta không thể là chiến binh của bất kỳ vị vua nào khác.

Nghe vậy, quan tổng trấn Vrinka nói:

– Tất cả những chiến binh này đều là Kitô hữu, nhưng họ cũng là chiến binh của vị vua La Mã.

– Ai cũng biết mình phục vụ ai, – Thánh Theodor đáp lại, – còn tôi thì phục vụ Vua và Chúa Trời trên trời của tôi – Thiên Chúa và Con Một của Ngài – Chúa Giêsu Kitô.

Lúc đó, viên trung úy Posidonius, đang đứng ở đó, hỏi:

– Chẳng lẽ Đức Chúa Trời của ngươi, Thêôđôr, lại có Con sao?

Thánh Theodorus đáp:

– Ngài quả thực có Con, là Lời Chân Lý[1879] , nhờ Ngài mà Ngài đã tạo dựng muôn vật.

[1874] Maruf đã để lại khá nhiều tác phẩm bằng tiếng Syriac, mà cho đến nay vẫn chưa được xuất bản hết. Đặc biệt đáng chú ý là: 1) *tác phẩm "Giải thích Tin Mừng"* của ông (chưa được xuất bản)*;* 2) *"Lịch sử các vị tử đạo Ba Tư";* 3) *"Levni* Marufa"; 4) *Thánh lễ* do ông soạn và 5) 73 *điều luật* của Công đồng Nicaea kèm theo mô tả các sự kiện của công đồng này. Xác thánh của Thánh Maruf sau đó được chuyển đến Ai Cập và an táng tại tu viện Skete của Đức Mẹ.

[1875] Khi nhắc đến Maximian ở đây, người ta ám chỉ Maximian Galerius, con rể của Hoàng đế Diocletian (284–306), đồng trị vì của ông ở phương Đông, và sau đó là người kế vị ông (305–311). Maximus Dacus là đồng trị vì của Maximianus Galerius, người mà ông là cháu trai. Từ người chú của mình, ông được trao quyền cai trị Syria và Ai Cập cùng tước hiệu Caesar. Ông trị vì gần như cùng thời với Galerius (305–313).

[1876] *Tiron – từ* La Mã, có nghĩa là: *tân binh, chiến binh mới.*

[1877] *Prepositus* – từ tiếng Latinh, có nghĩa là "người đứng đầu".

[1878] *Amasia* – một thành phố được phòng thủ kiên cố ở Pontus, nằm dọc hai bờ sông Iris, từng là thủ đô của các vị vua Pontus. *Pontus* – vùng đông bắc Tiểu Á, trải dài dọc theo bờ Biển Đen hay Biển Pontus Euxinus, như tên gọi của biển này trong thời cổ đại. Do đó, vùng Pontus đã lấy tên từ biển này.

Vị Trưởng tu viện hỏi ông:

– Chúng ta có thể nhận biết Ngài được không?

Thánh nhân đã trả lời như sau:

– Tôi mong rằng Đức Chúa Trời cũng ban cho các bạn sự hiểu biết như vậy, để các bạn có thể nhận biết Ngài.

Lúc đó, Posidonius hỏi Ngài:

– Nếu chúng ta nhận biết Ngài, liệu chúng ta có thể từ bỏ các vị vua của mình và đến với Ngài không?

– Không có gì cản trở các bạn cả, – vị thánh Theodor trả lời, – hãy từ bỏ bóng tối và các vị vua trần thế tạm thời, đến với Đức Chúa Trời hằng sống, Vua và Chúa tể vĩnh cửu, và trở thành những chiến binh của Ngài, giống như tôi vậy.

Lúc đó, vị phó giám mục Vrinka nói với viên chỉ huy:

– Hãy để anh ta (Thánh Theodor) lại đây vài ngày, để anh ta suy ngẫm và tự quyết định xem mình nên làm gì.

Trong suốt khoảng thời gian được dành cho Thánh Theodor để suy ngẫm, ngài không ngừng cầu nguyện và ngợi khen Chúa; còn những kẻ vô đạo, tràn đầy cơn thịnh nộ đối với một số công dân khác tin vào Đấng Kitô, đã bắt họ và đưa vào ngục tối; khi họ bị dẫn đi, thánh Theodor, đi theo sau họ, đã giảng dạy cho họ về đức tin và sự kiên nhẫn, đồng thời khuyên nhủ họ đừng từ bỏ Vua trên trời của mình – Đấng Kitô. Khi họ bị giam trong ngục tối, Thánh Theodor, chọn thời cơ thích hợp, đã đốt cháy đền thờ của Mẹ các vị thần[1880] vào ban đêm. Một số công dân đã chứng kiến cảnh vị thánh đốt đền thờ và đã tố cáo ngài với chính quyền. Lúc đó, quan tổng trấn Kronid, lo sợ sẽ phải chịu trách nhiệm về việc của Thánh Theodor, đã bắt ngài, dẫn đến gặp quan tổng trấn Publius và nói:

– Thưa ngài, người đàn ông này, mới được tuyển vào quân đội, là một kẻ nguy hiểm; với ý đồ xấu xa, hắn đã đến thành phố của chúng ta, đốt cháy đền thờ Mẹ của các vị thần và làm ô uế các vị thần; sau khi bắt được hắn, tôi đã dẫn hắn đến trước bệ hạ để theo mệnh lệnh thiêng liêng của các vị thần cai trị vũ trụ – theo lệnh của các vị vua, hắn phải nhận hình phạt xứng đáng cho sự ngạo mạn của mình. Thống đốc gọi quan phụ tá Vrinco đến và hỏi ông ta:

– Chính ngươi đã cho phép chiến binh Theodor đốt cháy đền thờ Mẹ của các vị thần của chúng ta sao?

Người đó trả lời:

– Tôi đã nhiều lần khuyên răn anh ta, và cuối cùng đã đặt ra một thời hạn để anh ta, sau khi suy ngẫm, dâng lễ vật lên các vị thần. Và nếu anh ta đã hành động như vậy, thì có nghĩa là anh ta đã hoàn toàn quay lưng lại với các vị thần của chúng ta và coi thường mệnh lệnh của nhà vua; vì vậy, ngài, với tư cách là quan tòa, hãy thi hành những gì các vị vua đã ra lệnh.

Lúc đó, vị thống đốc, ngồi trên ghế xét xử, gọi thánh Theodor đến và hỏi ông:

– Tại sao, khi cần dâng lễ vật và lư hương cho nữ thần, ngươi lại dâng lửa cho bà ấy?

Thánh Theodorus đáp:

– Tôi sẽ không giấu lý do tại sao tôi làm điều đó. Tôi đã đốt củi để ngọn lửa thiêu đốt hòn đá. Chẳng lẽ nữ thần của ngài lại yếu đuối đến mức ngọn lửa có thể chạm vào và thiêu đốt bà ấy sao?

Bực giận trước những lời này, quan tổng trấn ra lệnh đánh ông, nói:

– Sự khoan dung của ta khiến ngươi trở nên ngạo mạn. Nhưng ta khuyên ngươi đừng nói nhiều. Vì nếu ngươi không tự nguyện tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, thì chúng ta sẽ ép buộc ngươi phải tuân theo bằng những hình phạt tàn bạo.

Nghe vậy, vị thánh đáp lại:

– Ta không sợ ngươi, cũng không sợ những hình phạt của ngươi, dù chúng có tàn bạo đến đâu đi chăng nữa. Ngươi cứ làm gì tùy ý; ta đặt niềm tin vào Chúa của ta, hy vọng sẽ nhận được phần thưởng từ Ngài trên Thiên Đàng và sẵn sàng chịu khổ vì Ngài.

[1879] Tên gọi của Ngôi Hai *trong* Ba Ngôi Thánh được mượn từ Thánh Giăng Tông đồ, nhà thần học. Tác giả Tin Mừng Gioan mở đầu tác phẩm của mình bằng những dòng đầy cảm hứng về Thiên Chúa là Lời, Đấng từ thuở ban đầu đã hiện hữu cùng Thiên Chúa Cha – Lời mà *"Mọi sự đều nhờ Ngài mà có, và không có Ngài thì chẳng có gì đã được tạo thành"* (Ga 1:1–3).

[1880] Ở đây, rõ ràng là ám chỉ nữ thần ngoại giáo Cybele, con gái của trời (Uranus) và đất (Gaia); bà được tôn kính như Mẹ vĩ đại của các vị thần, vì thần thoại Hy Lạp coi bà là mẹ của các vị thần trên đỉnh Olympus, với Zeus đứng đầu.

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần đi, Theodore, – quan tòa nói, – và ngươi sẽ được thoát khỏi những cực hình sắp tới, nếu không thì một cái chết khủng khiếp đang chờ đợi ngươi.

Nhưng thánh Theodore đã dũng cảm phản bác lại:

– Những cực hình của ngươi không làm ta sợ hãi. Vì trước mặt ta là Chúa và Vua của ta, Đức Giêsu Kitô. Ngài sẽ giải thoát ta khỏi những cực hình của ngươi. Nhưng ngươi không thể nhìn thấy Ngài, vì ngươi không thể nhìn bằng đôi mắt thiêng liêng.

Vị quan tòa, tràn đầy cơn thịnh nộ như một con thú hoang, ra lệnh tống Thánh nhân vào ngục tối, niêm phong cửa lại và bỏ mặc ngài ở đó cho đến chết đói. Nhưng Thánh Thần đã ban ân sủng của Ngài để củng cố vị thánh phúc lành ấy. Hơn nữa, một đêm nọ, Chúa Giêsu Kitô đã hiện ra với ngài và phán:

– Hãy can đảm lên, Theodore, Ta ở cùng ngươi; đừng nhận lấy thức ăn hay đồ uống trần gian, vì cuộc sống vĩnh cửu cùng Ta trên trời đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi.

Sau đó, Chúa đã ẩn mình khỏi tầm mắt của vị thánh. Được an ủi bởi thị kiến ấy, vị thánh Theodor bắt đầu hát các thánh vịnh và tâm hồn ông tràn đầy niềm vui. Một đoàn thiên thần đông đảo đang lắng nghe ông. Các lính canh nhà tù, nghe thấy tiếng hát du dương ấy, liền tiến đến cửa nhà tù. Thấy cửa đã khóa chặt và con dấu vẫn nguyên vẹn, họ nhìn qua cửa sổ và thấy rất nhiều người mặc áo trắng đang cùng hát với thánh Theodor. Trong sự sợ hãi, họ báo cáo sự việc này cho quan cai ngục Publius. Ông lập tức vội vã đến nhà tù và khi đến nơi, thấy cửa đã khóa chặt, ổ khóa cùng con dấu vẫn còn nguyên vẹn. Vì quan cai ngục nghe thấy tiếng hát của những người bên trong cùng với Thánh Theodorus, nên ông ra lệnh cho các binh lính vũ trang bao vây nhà tù từ mọi phía. Ông nghĩ rằng cùng với Thánh Theodor còn có một số tín hữu Kitô giáo khác trong ngục. Nhưng khi bước vào ngục, ông không thấy ai ở đó ngoài vị tôi tớ trung thành của Chúa là Thánh Theodor, người đang bị trói. Nỗi sợ hãi và run rẩy ập đến với vị thống đốc và tất cả những người đi cùng ông. Ra khỏi ngục, họ lại đóng cửa lại và rời đi. Thẩm phán ra lệnh mỗi ngày cho thánh nhân một phần nhỏ bánh mì và một ít nước. Nhưng để chứng thực lời Kinh Thánh: *"Người công chính sẽ sống nhờ đức tin của mình"* (Hab. 2:4; Rm 1:17), thánh Theodor không muốn nhận bánh mì và nước, mà nói:

– Chúa và Vua của tôi – Đức Giêsu Kitô – là Đấng nuôi dưỡng tôi.

Sáng hôm sau, quan tòa ra lệnh dẫn vị thánh đến phòng xử án và nói với ngài:

– Hãy nghe lời khuyên của ta và đừng bắt ta phải ra lệnh tra tấn và hành hạ ngươi: hãy dâng lễ vật lên các vị thần vĩ đại. Khi đó ta sẽ viết thư về ngươi cho các vị vua của chúng ta – những vị thống trị vũ trụ, và họ sẽ phong ngươi làm thượng tế của các vị thần, để ngươi được hưởng vinh dự ngang hàng với ta.

Nhìn lên trời và làm dấu thánh giá, thánh Theodore đáp lại kẻ tra tấn mình:

– Hãy thiêu đốt thân xác ta bằng lửa, hãy tra tấn ta bằng đủ mọi hình thức, hãy chém ta bằng gươm, hãy ném ta cho thú dữ xé xác, nhưng ta sẽ không bao giờ chối bỏ Đấng Kitô của ta, cho đến tận cùng cuộc đời.

Sau khi tham vấn với vị trưởng tu viện, kẻ tra tấn ra lệnh treo Thánh nhân lên cây và cạo da thịt ngài bằng những răng cưa sắt. Thánh nhân bị tra tấn như vậy cho đến khi xương lộ ra. Trong lúc đó, vị Thánh nhân không nói gì với kẻ tra tấn, mà chỉ ngợi khen:

"Trong đó, sự công chính của Đức Chúa Trời được bày tỏ từ đức tin đến đức tin, như đã chép: 'Người công chính sẽ sống bởi đức tin'" (Rô-ma 1:17). *"Ta sẽ chúc tụng Chúa mọi lúc; lời ngợi khen Ngài luôn ở trên môi miệng ta"* (Thánh Vịnh 33:2). *"Sự khôn ngoan quý hơn vàng, và sự thông sáng quý hơn bạc tinh khiết"* (Châm Ngôn 16:16).

Kẻ tra tấn, ngạc nhiên trước sự dũng cảm và kiên nhẫn của Thánh Theodor, đã nói với ngài:

– Chẳng lẽ ngươi, kẻ xấu xa nhất trong tất cả loài người, lại không thấy xấu hổ khi đặt niềm tin vào Đấng được gọi là Đấng Christ, Đấng đã chính Ngài phải chịu cái chết nhục nhã sao? Chẳng lẽ vì Đấng ấy mà ngươi lại liều lĩnh tự chuốc lấy những cực hình như vậy sao?

Vị tử đạo của Đấng Kitô đáp lại:

– Xin cho sự ô nhục như vậy cũng giáng xuống phần tôi và phần tất cả những ai kêu cầu danh Chúa Giêsu Kitô!

Lúc đó, đám đông bắt đầu la hét và đòi phải thi hành án tử hình đối với thánh Theodor càng sớm càng tốt. Nghe tiếng la hét của đám đông, quan tòa đã nhờ người truyền lệnh hỏi Theodor:

– Ngươi có muốn dâng lễ vật cho các vị thần, hay định chịu thêm những cực hình nặng nề hơn nữa?

Vị tử đạo của Đấng Christ đã dũng cảm trả lời:

– Hỡi kẻ vô đạo, đầy dẫy mọi sự ô uế và nịnh hót, đầy tớ của ma quỷ, ngươi chẳng sợ Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho ngươi quyền lực và sức mạnh như vậy sao? Vì chính nhờ Ngài mà *"các vua cai trị và các quan chức thi hành công lý"* (Châm Ngôn 8:15). Làm sao ngươi có thể ép buộc ta từ bỏ Đức Chúa Trời hằng sống để thờ lạy một hòn đá vô hồn?

Sau khi suy nghĩ, quan tòa nói với Theodor:

– Ngươi muốn gì: ở lại với chúng ta hay theo Đấng Christ của ngươi?

Với niềm vui vô bờ, vị thánh đáp lại:

– Tôi đã ở cùng Đấng Kitô của tôi, đang ở cùng Ngài và sẽ mãi ở cùng Ngài; còn ngài thì cứ làm theo ý ngài.

Thấy rằng không gì có thể lay chuyển được sự kiên định của Theodor, vị quan tòa đã tuyên án tử hình.

– Feodor, – ông nói, – kẻ không tuân theo quyền lực của các vị vua vĩ đại, không công nhận các vị thần vĩ đại và tin vào Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã bị đóng đinh, như người Do Thái nói, dưới thời Pontius Pilate, ta ra lệnh thiêu sống ngươi.

Lệnh của tên tra tấn nhanh chóng được thi hành: các đầy tớ của hắn đã thu gom rất nhiều củi từ những ngôi nhà và nhà tắm gần đó, chất thành một đống lửa khổng lồ và dẫn Thánh Theodor đến bên đống lửa. Đống lửa được châm lửa từ mọi phía bùng lên những ngọn lửa rực rỡ. Khi bước lên đống lửa, Thánh Theodor làm dấu thánh giá, và ngay lập tức Thánh Thần ngự xuống, mang lại sự mát mẻ cho vị thánh chịu khổ nạn giữa ngọn lửa. Vị thánh, vừa ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa, vừa bình an trao linh hồn mình cho Ngài.

– Và chúng tôi đã chứng kiến – một nhân chứng của cái chết thánh thiện của vị đại tử đạo viết – linh hồn trong sạch và thánh thiện của ngài bay lên trời cao như tia chớp.

Một người phụ nữ đạo đức và đức hạnh, tên là Eusebia, đã xin thi hài của vị thánh tử đạo vĩ đại và vinh quang là Thánh Theodoros. Khi được trao lại thi hài thánh thiện của ngài, bà đã xức lên đó dầu thơm và, quấn trong tấm vải liệm tinh khiết, chôn cất tại nhà mình ở thành phố Evchaïtai[1881] , thuộc tổng giáo phận Amasya, và hàng năm đều cử hành lễ tưởng niệm vị tử đạo. Thánh Đại Tử Đạo Theodorus của Chúa Kitô đã qua đời vào ngày 17 tháng 2 năm 306, dưới triều đại của Hoàng đế Maximian.

Về phép lạ của Thánh Đại Tử đạo Theodore Tyron.

Sau khi Con trai của Constantine Đại đế là Constantius qua đời, Julianus Apostata[1882] đã lên ngôi hoàng đế. Ông đã từ bỏ Chúa Kitô, bắt đầu thờ lạy các thần tượng và phát động một cuộc bách hại lớn đối với các Kitô hữu. Julian không truy bức Kitô hữu một cách công khai, mà chủ yếu là bí mật; bởi vì ông không dám công khai bắt tất cả các Kitô hữu phải chịu những hình phạt tàn bạo và vô nhân đạo, vì sợ rằng nhiều người ngoại đạo, khi chứng kiến sự kiên nhẫn dũng cảm của các Kitô hữu đang chịu cực hình, sẽ tự mình quay về với Chúa Kitô. Vì vậy, vị hoàng đế vô đạo này đã âm mưu làm ô uế các tín hữu Kitô một cách bí mật. Ông biết rằng trong tuần đầu tiên của Mùa Chay, các tín hữu Kitô tuân giữ sự thanh tịnh đặc biệt và sám hối về những tội lỗi của mình. Và thế là ông triệu tập quan tổng trấn Constantinopolis đến và ra lệnh cho ông ta, trong suốt tuần đầu tiên, hàng ngày phải làm ô uế các thực phẩm được bán tại các chợ bằng máu của các sinh tế dành cho thần tượng, thứ mà các Kitô hữu luôn phải kiêng khem (xem: Công vụ 15:29). Lệnh của hoàng đế đã được thi hành, và tại tất cả các chợ đều có những món ăn bị những kẻ vô tín làm ô uế. Nhưng Đức Chúa Trời Toàn Tri, để làm nhục những kẻ ngoại đạo và chăm lo cho các tôi tớ chân chính của Ngài, đã phá hủy mưu đồ xảo quyệt bí mật này. Ngài đã sai Thánh Phê-ô-đô-ri-ô, vị tử đạo của Ngài[1883] , đến gặp Tổng Giám mục Eudoxius tại Constantinople; vị thánh này đã chịu khổ vì Chúa Kitô nhiều năm trước đó và đang ngự trong vinh quang tại Nước Trời. Thánh Phê-ô-đô-ri-ô đã hiện ra trước mặt Eudoxius không phải trong giấc mơ, mà là trong thực tế, và nói với ông:

– Hãy lập tức tập hợp đoàn chiên của Chúa Kitô lại và ra lệnh cho tất cả các tín hữu Chính Thống Giáo rằng không ai trong số họ được mua thực phẩm tại các chợ, vì những thực phẩm đó, theo lệnh của vị vua vô đạo, đã bị ô uế bởi máu của các sinh tế dành cho thần tượng.

[1881] Euchaita là một thành phố nhỏ nằm ở vùng Pontus, gần Amasya.

[1882] Julian lên ngôi vào năm 361 và trị vì cho đến năm 363. Được nuôi dưỡng trong đức tin Kitô giáo, ngay khi trở thành hoàng đế, ông đã từ bỏ Kitô giáo và chuyển sang theo đạo ngoại giáo. Chính vì điều này mà ông được gọi là "Kẻ Bội Đạo".

[1883] Thánh Evdôxiô giữ chức Giám mục Constantinopolis từ năm 340–341.

Vị giám mục bối rối liền hỏi: "Vậy thì phải thay thế bằng gì cho những người nghèo, những người thiếu thốn lương thực trong nhà, những món ăn mà họ thường mua ở chợ?"

Thánh nhân đáp:

– Hãy cho họ ăn kolivo, ngài sẽ giúp họ thoát khỏi khó khăn!

Nhưng vị giám mục vẫn tiếp tục tỏ ra bối rối, vì ngài không biết kolivo là gì. Lúc đó, Thánh Theodoros nói:

– Kolivo là lúa mì nấu với mật ong[1884] . Món ăn này được gọi như vậy ở Evkhait. Lúc đó, vị giám mục hỏi vị thánh:

– Ngài là ai và tại sao lại quan tâm đến các tín hữu Chính Thống Giáo như vậy?

Thánh nhân đáp lại:

– Tôi là Thánh Tử đạo Theodor của Chúa Kitô; theo lệnh của Đức Chúa Trời, tôi được sai đến để giúp đỡ các bạn.

Nói xong, vị thánh bỗng biến mất. Vị giám mục lập tức tập hợp tất cả các Kitô hữu và kể cho họ nghe những gì mình đã thấy và nghe. Sau khi chuẩn bị món kolivo, ngài đã bảo vệ đoàn chiên của mình khỏi mưu mô xảo quyệt của kẻ thù. Vị vua vô đạo, thấy mưu đồ của mình bị phá sản, đã vô cùng xấu hổ và ra lệnh mang những món ăn tinh khiết đến các chợ. Còn các tín hữu, tạ ơn Chúa vì lòng thương xót vô biên của Ngài và ca ngợi Thánh Vị Tử Đạo vĩ đại Phê-ô-đô-ri, vào ngày thứ Bảy của tuần đầu tiên Mùa Chay, đã cử hành lễ kính vị Thánh Tử Đạo vĩ đại này, đồng thời làm phép món kolivo để làm thức ăn cho các tín hữu, nhằm tôn vinh và tưởng nhớ ngài. Và từ đó cho đến nay, vào Thứ Bảy đầu tiên của Mùa Chay, Giáo Hội vẫn cử hành nghi thức thánh hiến món kolivo để tưởng nhớ phép lạ đã xảy ra dưới thời Tổng Giám mục Evdoksia, đồng thời tôn vinh Thánh Theodor, vị Tử đạo vĩ đại của Chúa Kitô, nhằm nhắc nhở các tín hữu về sự quan phòng đầy lòng thương xót của Thiên Chúa đối với các tôi tớ của Ngài – cũng như về sự trợ giúp của Thánh Đại Tử Đạo Phê-ô-đô-rô dành cho các Kitô hữu[1885] .

Bài thánh ca, giọng 2:

Là nguồn suối của đức tin và sự hoán cải, trong ngọn lửa thiêng liêng, như trên dòng nước bình an, Thánh Tử đạo Theodor đã hân hoan: vì ngài đã bị thiêu đốt hoàn toàn trong lửa, như bánh ngọt dâng lên Ba Ngôi. Nhờ lời cầu nguyện của ngài, lạy Chúa Kitô, xin cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài đã đón nhận đức tin nơi Đấng Kitô như một lá chắn trong lòng mình, và đã đạp tan các thế lực thù địch, hỡi vị thánh chịu nhiều đau khổ: và Ngài đã được đội vương miện thiên đàng mãi mãi, hỡi Thánh Theodor, như một vị bất khả chiến bại.

Lễ kính Thánh Mariamna.

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 2

Thánh Mariamna là em gái của Thánh Tông đồ Philip. Sau khi khấn giữ trinh tiết, ngài đã gia nhập cùng anh trai mình, cùng với Thánh Tông đồ Bartholomew, khi Thánh Philip, trong khi rao giảng Tin Mừng tại các vùng Tiểu Á, đã đến Lydia và Mysia[1886] . Kể từ thời điểm đó, Thánh Mariamna đã trở thành người trợ giúp cho các Thánh Tông đồ Philip và Bartholomew trong các công việc tông đồ của họ, và cùng với họ chịu đựng mọi gian khổ và đau buồn của sứ vụ tông đồ. Trong khi rao giảng Lời Chúa, họ đã đến Hierapolis thuộc Phrygia[1887] . Tại đây,

---

[1884] Kolivo, còn gọi là kutia hay sochivo – là một món ăn đơn sơ. Món này gồm các hạt lúa mì, đậu lăng và lúa mạch khô, sau khi ngâm nước sẽ được ăn kèm với mật ong.

[1885] Lễ kỷ niệm sự hiện ra kỳ diệu của Thánh Tử đạo Theodoros trước Tổng Giám mục Eudoxius bắt đầu vào đêm trước ngày Thứ Bảy – vào Thứ Sáu, trong Thánh lễ sau lời cầu nguyện từ bục giảng. Cũng vào thời điểm này, nghi thức ban phước cho món koliva được cử hành cùng với việc hát kinh cầu nguyện dành cho vị Đại Tử đạo, do Thánh Gioan Damascene soạn thảo. Vào ngày Thứ Bảy, Giáo hội quy định đọc bài ca ngợi Thánh Theodoros và hát kinh cầu nguyện của Thánh Gioan, Tổng Giám mục Euchaita.

[1886] Lydia và Mysia – là các vùng phía tây bắc của Tiểu Á.

ngay khi họ vừa đặt chân đến – như nhà sử học Giáo hội Nikiforos Kallistos kể lại dựa trên các truyền thuyết cổ xưa – việc thờ cúng các thần tượng lập tức chấm dứt; con rắn độc được người dân Hierapolis tôn sùng đã bị đuổi khỏi đền thờ, những người từng tôn kính nó phải chịu sự xấu hổ và cay đắng. Để ngăn chặn sự lan rộng của lời rao giảng của họ, quan tổng trấn đã ra lệnh bắt giữ Philip, Bartholomew và Mariamna rồi giam họ vào ngục tối. Sau đó, Thánh Tông đồ Philip đã bị hành quyết bằng cách treo cổ trên thập tự giá. Còn Mariamna và Bartholomew, sau khi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời được bày tỏ một cách kỳ diệu đối với quan trưởng thành phố và các thầy tế lễ của con rắn echidna (họ đã bị đất nuốt chửng), đã được giải thoát. Với tình yêu thương, Thánh Mariamna đã hôn lên thi thể của người anh em đã tử đạo của mình vừa được hạ xuống khỏi thập tự giá, rồi ngợi khen Chúa và lên đường rao giảng Tin Mừng tại Lycaonia[1888] . Tại đây, trong bối cảnh công việc rao giảng diễn ra thành công, bà đã an lành qua đời, được nghỉ ngơi sau những nỗ lực của mình.

Việc tìm thấy di cốt của Thánh Tử đạo Mina Kallikeladas

Ngày kỷ niệm: 17 tháng 2

Sinh ra tại Athens, Thánh Mina đã nhận được một nền giáo dục xuất sắc và nổi tiếng với tài hùng biện, chính vì vậy ngài được đặt biệt danh là Kallikeladas (Người có tài hùng biện). Dưới triều đại hoàng đế Maximinus[1889] , ngài đã chịu tử đạo vào khoảng năm 313[1890] . Việc tìm thấy di cốt của ngài diễn ra dưới triều đại hoàng đế Byzantine Basil người Macedonia[1891] .

Ngày 3 tháng 3

18 tháng 2 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Cha Lêô, Giáo hoàng Rôma

Ngày tưởng niệm 18 tháng 2

Vị thánh vĩ đại và mục tử của Giáo hội Chúa – Lêô, Giáo hoàng Rôma, gốc gác từ Ý; cha ngài tên là Quintianus. Từ thuở thiếu thời, Thánh Lêô đã được dạy dỗ mọi sự khôn ngoan trong sách vở, làm quen với triết học ngoại giáo[1892] và được hướng dẫn về các đức tính Kitô giáo. Vì yêu mến đời sống thiêng liêng hơn đời sống trần tục, ban đầu ngài là phó tế trưởng[1893] dưới thời Đức Giáo hoàng Sixtus III[1894] . Nhờ sự trong sạch và thanh khiết cao cả, sau khi Đức Giáo hoàng Sixtus qua đời, ngài đã được bầu chọn nhất trí làm vị Giáo hoàng đầu tiên của Giáo hội Rôma. Như một vị mục tử nhân lành, Thánh Lê đã tận tụy chăn dắt đoàn chiên tinh thần của Chúa Kitô, sẵn sàng hy sinh linh hồn mình vì họ.

[1887] Hierapolis thuộc Phrygia nằm ở phía nam Phrygia (ở phần trung tâm Tiểu Á), xưa kia là một thành phố khá quan trọng, nổi tiếng với nghề khai thác đá cẩm thạch và các suối nước nóng. Ngày nay, nơi đây chỉ còn lại những đống đổ nát, và địa điểm này trở thành nơi trú ẩn cho những người mắc bệnh hủi.

[1888] Licaonia – một trong những vùng trung tâm của Tiểu Á, giáp ranh với Phrygia.

[1889] Tất nhiên là Maximinus Daza, người đã trị vì ở Syria và Ai Cập từ năm 305 đến năm 313.

[1890] Xem phần tường thuật chi tiết về điều này trong "Cuộc đời các Thánh" ngày 10 tháng 12.

[1891] Hoàng đế Byzantine Basil I người Macedonia trị vì từ năm 867 đến năm 869.

[1892] *Triết học ngoại giáo* là tên gọi dành cho các tác phẩm của các nhà triết học ngoại giáo – như Plato, Aristotle, Pythagoras và những người khác, tức là những tác giả mà theo đức tin, họ nằm ngoài Giáo hội của Chúa Kitô.

[1893] Thượng phó tế là phó tế cao cấp nhất hoặc phó tế đứng đầu. Mỗi giáo phận đều có một thượng phó tế. Trong Giáo hội cổ đại, chức vụ thượng phó tế được coi là rất danh giá, và thượng phó tế là một trong những người thân cận nhất với giám mục. Thường thì các tổng phó tế được bầu làm giám mục, như có thể thấy qua ví dụ về Thánh Athanasius Đại Đế, Thánh Leo, Giáo hoàng Rôma, và nhiều vị khác. Ngày nay, các phó tế trưởng được gọi là các phó tế tu sĩ đứng đầu, tức là các phó tế tu hành tại các tu viện lớn, đặc biệt là các tu viện trực thuộc Tòa Thánh, và tại các nhà thờ chính tòa. Chức danh này chỉ mang ý nghĩa ưu tiên về danh dự chứ không phải quyền lực, bởi vì phó tế trưởng không phải là người đứng đầu các phó tế, mà chỉ là người đứng đầu trong số họ về vị trí trong việc phục vụ và các buổi họp.

[1894] Đức Giáo hoàng Sixtus III đã nắm giữ ngôi vị Giáo hoàng tại Roma từ năm 432 đến năm 440

Vào thời điểm đó, Attila, tên bạo chúa tàn bạo, thủ lĩnh của người Huns[1895] , được mệnh danh là "cơn thịnh nộ của Chúa", sau khi chinh phục nhiều quốc gia, đã tiến vào Ý với ý định tàn phá nơi đây bằng lửa và gươm. Thấy rằng không ai có thể chống lại vị chinh phục đáng sợ này, Đức Giáo hoàng Lê-ô đã dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện khẩn thiết; ngài tự nguyện ăn chay, kêu cầu sự trợ giúp của các Thánh Tông đồ tối cao Phê-rô và Phao-lô, và trong nước mắt, ngài khẩn cầu Chúa bảo vệ các tôi tớ của Ngài khỏi kẻ thù hung ác. Lấy được sự can đảm và kiên định từ lời cầu nguyện, Thánh Lê quyết định đến gặp kẻ hành hạ để xoa dịu cơn giận và dập tắt cơn thịnh nộ của hắn, sẵn sàng hy sinh mạng sống vì đoàn chiên của mình nếu cần thiết. Bằng những lời lẽ khôn ngoan, ngọt ngào và được Thánh Thần soi dẫn, ngài đã trò chuyện với Attila và biến hắn từ một con sói hung dữ thành một con cừu hiền lành; vị tướng quân đáng sợ và không thể khuất phục ấy đã khiêm nhường và dịu dàng lắng nghe những lời của vị thánh nhân, ngạc nhiên trước sự vĩ đại của một vị giám mục và kinh ngạc trước sự thánh thiện trên khuôn mặt trong sáng của ngài. Sau khi thực hiện mọi điều theo ý muốn của Thánh Lê-v, Attila đáng sợ đã rời khỏi biên giới Ý để trở về vùng đất của mình.

Các tướng lĩnh của Attila không khỏi ngạc nhiên trước việc Thánh Lêô đã có thể biến Attila, một vị vua hung dữ, thành một người hiền lành một cách nhanh chóng và kỳ lạ đến vậy; họ hỏi Attila:

– Tại sao ngươi lại sợ hãi chỉ vì một người La Mã đến tay không? Tại sao ngươi lại tuân theo lời ông ta? Tại sao ngươi, như thể đã bị đánh bại, lại bỏ chạy, bỏ lại vô số của cải ở Ý?

– Các ngươi không thấy những gì ta đã thấy, – Attila đáp lại, – còn ta thì thấy hai người đàn ông giống như thiên thần, đứng hai bên Đức Giáo hoàng (đó là các Thánh Tông đồ tối cao Phêrô và Phaolô); trong tay họ cầm những thanh gươm trần và đe dọa sẽ giết tôi nếu tôi không vâng lời vị Giám mục của Chúa.

Đó chính là vị thánh nhân vĩ đại của Chúa là Lêô, người khiến không chỉ những kẻ thù vô hình mà cả những kẻ thù hữu hình cũng phải khiếp sợ, được đoàn chiên yêu mến nồng nhiệt, bởi vì vì họ, ngài đã không ngần ngại đối mặt với vị chinh phục đáng sợ, sẵn sàng chịu đau khổ từ tay hắn nếu cần thiết.

Trong thời gian ngài đảm nhiệm chức vụ, sau tên dị giáo Nestorius[1896] , đã xuất hiện: Eutyches, vị tu viện trưởng tại Constantinople, và Dioscorus, tổng giám mục Alexandria[1897] , những kẻ phỉ báng vô liêm sỉ, những kẻ đã hòa trộn hai bản tính trong Đức Kitô, Chúa chúng ta – bản tính Thiên Chúa và bản tính con người – thành một. Bằng tà thuyết của mình, họ đã gây rối loạn nghiêm trọng cho Giáo Hội của Thiên Chúa. Sau khi tập hợp tại Ê-phê-sô[1898] hội nghị bất chính của họ[1899] , họ đã kết án một cách bất công và tra tấn Thánh Flavian, Tổng Giám mục Constantinople, người bảo vệ Chính Thống giáo, đồng thời gây ra nhiều tai họa cho các tín hữu Chính Thống. Lúc bấy giờ, Đức Giáo hoàng Lêô đã dốc hết sức lực để củng cố và xoa dịu Giáo hội đang bị các kẻ dị giáo gây rối; ngài đã viết thư cho các hoàng đế, trước tiên là cho Theodosius[1900] , sau đó là cho Marcian[1901] , để họ triệu tập Công đồng Toàn cầu. Cuối cùng, dưới triều đại của Hoàng đế Marcian và Hoàng hậu Pulcheria, Công đồng Đại kết tại

---

[1895] Người Huns – một dân tộc châu Á – đã xâm lược châu Âu vào cuối thế kỷ thứ 4 và gây ra những tàn phá nghiêm trọng tại đây, phá hủy các thành phố và cả những vương quốc. Tại châu Âu, người Huns đã lập căn cứ tại thung lũng sông Tisza, một nhánh của sông Danube, thuộc vùng thượng Hungary ngày nay. Thời kỳ trị vì của Attila (433–454) là giai đoạn huy hoàng nhất của quyền lực người Huns. Attila khiến hoàng đế Byzantine luôn sống trong nỗi sợ hãi, buộc ông ta phải nộp một khoản cống nạp khổng lồ và nhượng lại cho người Huns tất cả các vùng đất phía nam sông Danube. Năm 440, Attila dẫn đầu đội quân 500.000 người tiến về phía Tây. Đốt phá và tàn sát mọi thứ trên đường đi, ông đã tiến qua toàn bộ Đức cho đến sông Rhine, sau đó vượt qua con sông này và phá hủy hàng loạt thành phố. Tuy nhiên, ở miền nam nước Pháp, ông đã bị đẩy lùi và buộc phải quay trở lại Đức. Năm 452, ông tiến hành một cuộc xâm lược mới – lần này là vào Ý. Rome và toàn bộ Ý đứng trước nguy cơ trở thành nạn nhân của kẻ thù; nhưng Attila đã dừng bước tiến chiến thắng của mình và, sau các cuộc đàm phán với Giáo hoàng Lêô Đại đế, đã quay trở lại. Ngay sau cuộc chinh phạt này, Attila qua đời.

[1896] Nestorius, tổng giám mục Constantinopolis, người nắm giữ chức vụ từ năm 428 đến năm 431, đã rao giảng học thuyết dị giáo cho rằng Chúa Giêsu Kitô không phải là Thiên Chúa thật, mà là một con người, con trai của Giuse và Maria, nhờ sự thánh thiện trong đời sống mà được ban ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa, và cứu rỗi chúng ta không phải bằng cái chết chuộc tội, mà bằng những lời dạy dỗ và gương sáng trong đời sống. Vì tà thuyết này, Nestorius đã bị khai trừ khỏi Giáo Hội tại Công đồng Đại kết lần thứ III và qua đời trong cảnh lưu đày vào năm 436.

[1897] Ông giữ chức Thượng phụ Alexandria từ năm 444 đến năm 451.

[1898] Ê-phê-sô – một thành phố nằm trên bờ tây của Tiểu Á, ban đầu là trung tâm của các thuộc địa Hy Lạp ở Tiểu Á, và vào thời các hoàng đế – là một trong những thành phố chính của Tiểu Á. Thánh Tông đồ Gioan Thần Học đã sống những năm cuối đời và qua đời tại Ê-phê-sô; Đại hội Công đồng Toàn cầu lần thứ III cũng đã được tổ chức tại đây.

[1899] Đó là vào năm 449.

[1900] Ngài trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[1901] Trị vì từ năm 460 đến năm 467.

Chalcedon[1902] – công đồng thứ tư theo thứ tự – đã được triệu tập để chống lại Eutyches và Dioscorus, những người rao giảng rằng trong Chúa Kitô có một bản tính duy nhất, một hành động duy nhất và một ý chí duy nhất; tại công đồng này có sự tham dự của 630 vị Thánh Phụ[1903] . Tại công đồng này, Đức Giáo hoàng Lêô không thể có mặt – một phần vì quãng đường đi xa và tuổi cao, một phần vì ngài không thể rời khỏi Ý do những cuộc xâm lược của kẻ thù thường xuyên xảy ra tại đất nước này vào thời điểm đó; vì vậy, ngài đã cử các đại diện của mình: các giám mục Paschasius và Lucentius, cùng các linh mục Boniface và Basil. Trong các cuộc tranh luận với những kẻ dị giáo tại công đồng đó, nhiều người đã bị bao trùm bởi sự nghi ngờ sâu sắc; lúc đó, theo lệnh của các vị Thánh Cha, để đáp lại những phản đối của các kẻ dị giáo, người ta đã đọc bức thư của Thánh Lêô, Giáo hoàng Rôma, được viết gửi cho Thánh Flavius, vị Thượng phụ Constantinopolis trước đó, người đã triệu tập Công đồng Địa phương tại Constantinopolis để chống lại Eutyches. Về bức thư này, có kể lại rằng chính Thánh Phêrô, Tông đồ tối cao, đã tự tay sửa chữa nó; bằng chứng về điều này được tìm thấy trong tác phẩm "Limonar" của Thánh Sofronius thành Giêrusalem:

– "Abba Mina, vị tu viện trưởng của tu viện mang tên Salamanova, tọa lạc gần Alexandria, đã kể cho chúng tôi nghe," Thánh Sofronius viết, "rằng ngài đã nghe câu chuyện này từ Abba Evlogius, Thượng phụ Alexandria." "Khi tôi đến (Evlogius kể lại) Constantinopolis, tôi đã ở cùng ngài Grigori, phó tế trưởng của Giáo hội Rôma, một người thực sự xuất sắc và đạo đức, và thường trò chuyện với ngài. Chính ngài đã kể cho tôi nghe về Đức Thánh Cha Lêô, vị Giáo hoàng Rôma đáng kính và thánh thiện nhất: chính về ngài, Giáo hội Rôma có ghi chép như sau: khi Thánh Lê viết thư gửi Thánh Flavius, Giám mục Constantinopolis, để chống lại Eutyches và Nestorius, những kẻ tà giáo, ngài đã đặt bức thư này lên mộ của Thánh Phêrô, Tông đồ Trưởng, và chính ngài, trong sự cầu nguyện và ăn chay, đã khẩn cầu vị Tông đồ này:

– Nếu tôi, với tư cách là một con người, đã lầm lẫn điều gì hoặc chưa giải thích rõ điều gì, thì ngài, người được Chúa Trời và Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô của chúng ta giao phó Giáo hội và ngai tòa này, xin hãy sửa chữa điều đó.

Sau bốn mươi ngày, trong lúc cầu nguyện, vị Tông đồ đã hiện ra với ngài và nói:

– Đã đọc và sửa rồi. Lấy bức thư của mình từ quan tài của Thánh Phêrô, Lêô mở ra và thấy nó đã được chính tay vị Tông đồ sửa lại. Thánh Sofronius đã kể lại điều này cho chúng ta

Khi bức thư của Đức Giáo hoàng Lêô được đọc tại Công đồng Đại kết lần thứ tư, tất cả các vị Thánh Cha đã cùng kêu lên:

– Thánh Tông đồ Phêrô đang phán qua miệng Đức Giáo hoàng Lêô.

Như vậy, các vị cha trong Công đồng đã dựa vào bức thư của Thánh Lêô để đưa ra các phán quyết và nhờ bức thư này, họ đã làm bẽ mặt những kẻ dị giáo. Không chỉ lúc bấy giờ, mà cả sau này, bức thư này – khẳng định Chính Thống Giáo và bịt miệng những kẻ dị giáo – đã được các vị Thánh Cha vô cùng tôn kính, và trong số đó có vị Thánh Phúc Evlogius, Thượng phụ Alexandria, đã được nhắc đến ở trên. Chính Thánh Evlogius này, trong khi những kẻ dị giáo mạnh mẽ phỉ báng thư của Thánh Lêô và phản đối những điều được viết trong đó, đã kiên quyết bảo vệ nó; vì vậy, ngài được Thánh Lêô yêu mến, người lúc bấy giờ đã qua đời và đang hiện diện cùng các thánh trước mặt Thiên Chúa.

Chính Thánh Sofronius đã kể lại điều này như sau: "Thánh Theodorus, Giám mục thành Darna ở Libya[1904] , đã kể cho chúng tôi nghe như sau: khi tôi còn là người phụ tá[1905] của Thánh Thượng phụ Alexandria Evlogius, tôi đã thấy trong giấc mơ một người đàn ông trang nghiêm và rạng rỡ, người ấy nói với tôi: 'Hãy báo tin về ta cho Thượng phụ Evlogius'".

Tôi hỏi:

– Ngài là ai, thưa Đức Cha, và tôi phải nói về ngài như thế nào?

Ngài trả lời tôi:

– Ta là Lêô, Giáo hoàng Rôma.

Khi vào gặp Thượng phụ Evlogius, tôi nói với ngài:

[1902] Chalcedon – một vùng ngoại ô của Constantinople, nằm đối diện với thành phố này, trên bờ châu Á của eo biển Bosphorus.

[1903] Phiên họp của Công đồng bắt đầu vào ngày 8 tháng 10 năm 451.

[1904] Livia – một tỉnh ở Bắc Phi, giáp với Ai Cập, trải dài về phía tây từ Ai Cập, dọc theo bờ biển Địa Trung Hải và vào sâu trong lục địa châu Phi.

[1905] Cuvicularis – người trông coi phòng ngủ, người quản lý giường chiếu.

– Đức Thánh Cha Lêô, vị Thượng phụ tối cao của Rôma, muốn vào gặp ngài.

Nghe vậy, Đức Thượng phụ Evlogius vội vàng đứng dậy, ra đón ngài; sau khi dâng lời cầu nguyện, hai ngài hôn nhau rồi ngồi xuống. Lúc đó, Đức Thánh Cha Lêô nói với Đức Thượng phụ Evlogius:

– Ngài có biết tại sao tôi đến gặp ngài không?

Ngài đáp:

– Không.

Thánh Lê-ô nói với ngài:

– Tôi đến để cảm ơn ngài vì đã bảo vệ bức thư của tôi một cách tốt đẹp và mạnh mẽ, đã làm sáng tỏ ý tưởng của tôi, dùng nó để bịt miệng những kẻ dị giáo, và giải thích như vậy về bức thư mà tôi đã viết cho anh em tôi là Flavian, Thượng phụ Constantinopolis, nhằm vạch trần tà thuyết độc ác của Nestorius và Eutyches: Hãy biết rằng, hỡi anh em, không chỉ riêng tôi đã lao động và vất vả vì bức thư này, mà cả Thánh Tông đồ Phêrô, vị Tông đồ tối cao, cũng đã đọc và sửa chữa nó, và hơn hết, chính Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta – Chân lý mà chúng ta rao giảng – đã thánh hóa nó.

Tôi đã thấy khải tượng này (Giám mục Theodor kể lại) không chỉ một lần, mà hai lần, ba lần: các vị thánh cha – Lêô và Evlogiô – đã ba lần tụ họp trước mắt thiêng liêng của tôi và trò chuyện với nhau; về khải tượng lặp lại ba lần này, tôi đã báo cho thánh Evlogiô biết. Nghe điều này, Thánh Evlogi đã rơi lệ và, giang hai tay lên trời, dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, nói rằng:

– Con tạ ơn lòng nhân từ vĩ đại và không thể diễn tả của Ngài, Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng con, vì Ngài đã ban ơn cho con, kẻ không xứng đáng, được làm người rao giảng lẽ thật của Ngài, và nhờ lời cầu nguyện của các tôi tớ Ngài là Phêrô và Lêô, Ngài đã thương nhận sự can đảm nhỏ nhoi của con, giống như hai đồng tiền đồng của người góa phụ[1906] .

Đó là lời tường thuật của Sofronius. Ảo ảnh được trình bày ở đây đã xảy ra nhiều năm sau khi Thánh Lê qua đời, bởi vì Thánh Evlogius sống muộn hơn rất nhiều, cụ thể là: vào thời trị vì của các hoàng đế Mauricius và Phocas[1907] , trong khi đó, Thánh Lê, Giáo hoàng Rôma, đã qua đời trước đó, vào thời trị vì của vị vua cùng tên với ngài là Lê Đại Đế[1908] .

Đây là những gì được biết về những ngày cuối đời của Thánh Giáo hoàng Lêô:

Khi đã bước vào tuổi già và sắp kết thúc cuộc đời trần thế, Thánh Lê-ô đã được Thiên Chúa báo trước về sự tha thứ cho những yếu đuối của con người. Sự việc diễn ra như sau: Đức Giáo hoàng Lê-ô đã ở bên quan tài của Thánh Tông đồ Phê-rô trong bốn mươi ngày để cầu nguyện và ăn chay, khẩn cầu Thánh Tông đồ xin Chúa, để Thiên Chúa toàn năng tha thứ mọi tội lỗi cho ngài; sau bốn mươi ngày, Thánh Tông đồ Phê-rô hiện ra với ngài và nói:

– Ta đã cầu nguyện cho ngươi, và mọi tội lỗi của ngươi đều đã được tha thứ, ngoại trừ những tội lỗi mà ngươi đã phạm khi phong chức cho những người khác lên các bậc thánh chức. Ngươi chỉ phải trả lời về điều này: liệu ngươi có phong chức cho ai đó một cách hợp pháp hay không.

Sau khi nhận được thông báo này, Thánh Lê đã tăng cường lời cầu nguyện, siêng năng ăn chay hơn, tăng gấp bội việc bố thí, và khóc lóc trong sự đau xót tận đáy lòng cho đến khi nhận được niềm an ủi của sự tha thứ trọn vẹn. Sau đó, sau khi chuẩn bị chu đáo cho giờ lâm chung, ngài đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa và gia nhập vào hàng ngũ các thánh đã an nghỉ trước đó, các vị giám mục vĩ đại và các vị thầy[1909] ;

[1906] Xem: *"Chúa Giê-su ngồi đối diện với hòm tiền và quan sát dân chúng bỏ tiền vào hòm. Nhiều người giàu có bỏ vào rất nhiều"* (Mác 12:41–44).

[1907] Hoàng đế Mauricius trị vì từ năm 582 đến năm 602. Hoàng đế Phocas trị vì từ năm 602 đến năm 610.

[1908] Hoàng đế Byzantine Thánh Lêô I trị vì từ năm 457 đến năm 474.

[1909] Thánh Lêô, Giáo hoàng Rôma, qua đời vào năm 461. Xác thánh của ngài được an táng tại nhà thờ Thánh Phêrô Tông đồ ở Vatican, nơi mang tên ngài. Sau khi Giáo hoàng Lêô qua đời, ngài để lại khoảng 100 bài viết và 140 lá thư – với nội dung liên quan đến giáo lý và đạo đức. Tất cả các tác phẩm này đều mang đậm tinh thần của giáo lý Chính thống giáo được tuân thủ nghiêm ngặt. Chẳng hạn, trong bức thư nổi tiếng gửi cho Thượng phụ Flavian của Constantinopolis tại Công đồng Đại kết lần thứ 4, Thánh Lê-ô đã bày tỏ những suy nghĩ sau đây về sự nhập thể của Thiên Chúa: "Thiên Chúa đã nhận lấy sự yếu đuối của chúng ta, mà không làm mất đi bản tính của cả hai. Đức Chúa Trời chân thật đã hiện ra trong bản tính chân thật và trọn vẹn của con người chân thật, vừa mang trọn vẹn những gì thuộc về Ngài, vừa mang trọn vẹn những gì thuộc về chúng ta. Con người không bị hủy diệt bởi sự vĩ đại của Thần tính. Cả hai bản tính đều hoạt động trong sự giao hòa lẫn nhau theo cách riêng của mình." Giáo lý đạo đức của Đức Giáo hoàng Lê-ô cũng xứng đáng được chú ý đặc biệt. Thánh Lê-ô thường khuyên nhủ đoàn chiên của mình thực hành các việc bác ái. Ngài nói rằng nghĩa vụ bác ái không được xác định bởi

cùng với họ, ngài hiện đang đứng trước ngai vàng của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh và thờ phượng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Trên ngai vàng vinh quang, ngài đã ngồi trên ngai chức thánh và bịt miệng những con sư tử bằng lời nói, ngài đã chiếu sáng các tín điều của Ba Ngôi Thánh do Thánh Thần soi dẫn bằng ánh sáng của sự khôn ngoan thần thánh cho đoàn chiên của ngài. Vì lý do này, ngài đã được tôn vinh như một người giữ bí mật thiêng liêng của ân sủng Thiên Chúa.

Kỷ niệm Thánh Cha Flavius, Người Chứng Đạo, Tổng Giám mục Constantinople

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 2

Các tác phẩm

• Thư của Flavian, Tổng Giám mục Constantinopolis, gửi cho Leo, Giáo hoàng của thành Rome cổ, về những sai lầm của Eutyches, kẻ vô đạo

• Bản tóm tắt (tuyên xưng) đức tin của Flavian, Giám mục Constantinopolis, do chính tay ngài viết và dâng lên Hoàng đế theo yêu cầu của ngài

• Thư của Flavian, Tổng Giám mục Constantinopolis, gửi cho Leo, Tổng Giám mục Giáo hội Thánh Rôma

Đức Thánh Cha Flavian của chúng ta ban đầu là người giữ bình thánh và linh mục tại Giáo hội Thánh và vĩ đại Constantinopolis[1910] ; sau đó, sau khi Đức Thánh Cha Proclus qua đời, ngài đã được tấn phong lên ngai tòa Thượng phụ nhờ cuộc đời trong sạch và thánh thiện của mình. Điều này xảy ra dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius II và chị gái của ông là Pulcheria. Hoàng đế có một hoạn quan tên là Chrysaphius, đầy mưu mô và ác ý; với tư tưởng dị giáo và biết rằng Flavian là người đạo đức và kiên định giữ vững đức tin Chính thống, Chrysaphius không ưa ông và bằng mọi cách chống đối việc phong thánh Flavian lên ngôi Thượng phụ. Khi Thánh Flavian được tấn phong làm tổng giám mục bất chấp sự chống đối của hắn, Chrysaphius bắt đầu tìm kiếm bất kỳ lý do nào để gây hại cho tổng giám mục. Hắn rất khéo léo trong những mưu mô xảo trá của mình, bởi vì hắn được vua sủng ái và nắm giữ quyền lực to lớn.

Lợi dụng ảnh hưởng của mình đối với nhà vua, Chrysaphius nhanh chóng tìm được cớ để khơi dậy sự bất mãn của nhà vua đối với vị Thánh Tổng Giám mục. Theo lời chứng của nhà sử học Giáo hội Nikephoros[1911] , ông đã xúi giục nhà vua sai người đến nói với vị Tổng Giám mục rằng, với tư cách là Tổng Giám mục mới được tấn phong, ngài phải chuẩn bị một món quà xứng đáng với địa vị hoàng gia của nhà vua. Lúc đó, Đức Thánh Phlavián, sau khi làm những chiếc bánh từ bột mì tinh khiết, đã gửi món quà này đến nhà vua để xin ban phước, một món quà thực sự xứng đáng với đôi tay của nhà vua. Còn Chrysaphius thì đã vứt bỏ những chiếc bánh đó, nói rằng Đức Thượng phụ lẽ ra phải gửi vàng chứ không phải bánh mì làm quà tặng cho nhà vua. Đức Thượng phụ đã trả lời qua các sứ giả rằng ngài không có món quà như vậy.

– Tôi không có vàng, – ngài nói, – bởi vì tôi đã khinh thường mọi của cải của thế gian này. Làm sao tôi lại có thể cho đi bất cứ thứ gì từ kho báu của Giáo hội? Nhưng bạc và vàng của Giáo hội thuộc về Thiên Chúa và không được trao cho ai, ngoại trừ những người nghèo khó – điều này chắc hẳn Chrysaphius cũng phải biết rõ.

---

mức độ của những ân huệ, mà bởi lòng tốt. Chính những người giàu có phải tự tìm kiếm người nghèo và giúp đỡ họ. Chính vì lý do đó mà Thiên Chúa ban cho sự giàu có, để nó được chuyển đến người nghèo. Khi nói về việc cầu nguyện, Thánh Lê-ô khuyên mọi người nên cầu xin sự trợ giúp qua sự chuyển cầu của các thánh và ra lệnh phải tôn kính các di vật thánh.

[1910] Ở đây, tất nhiên là đề cập đến Nhà thờ Thánh Sofia, tức là Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa – nhà thờ chính tòa của thủ đô, nơi đã được xác lập làm tòa giám mục của các tổng giám mục Constantinopolis.

[1911] Ở đây tất nhiên cũng đề cập đến tu sĩ *Nikiforos Kallistos* của Tu viện Thánh Sofia tại Constantinople – người qua đời vào khoảng năm 1350; cuốn "Lịch sử Giáo hội" của ông được ghi chép đến khi Hoàng đế Byzantine Phokas băng hà (năm 611).

Tuy nhiên, sau đó, như nhà sử học Evagrius bổ sung[1912] , khi Chrysaphius liên tục đòi hỏi phải gửi một món quà quý giá, vị tổng giám mục đã gửi cho ông ta một số bình vàng, lấy từ bàn thờ; bằng món quà này, vị tổng giám mục muốn làm nhục Chrysaphius và vạch trần lòng tham vô độ của ông ta đối với vàng.

Chrysaphius nổi cơn thịnh nộ và bắt đầu xúi giục hoàng đế chống lại tổng giám mục, nói với ông rằng vị tổng giám mục mới được bổ nhiệm đang chế nhạo quyền lực của ngài. Nhưng tên quan triều đình xảo quyệt này không thể gây ra nhiều tai họa cho vị tổng giám mục, bởi vì hoàng hậu Pulcheria đạo đức, em gái của hoàng đế Theodosius, người lúc bấy giờ đang cai trị toàn bộ vương quốc Hy Lạp, đã bảo trợ cho vị tổng giám mục, bảo vệ người đàn ông vô tội và thánh thiện này. Sau đó, Chrysaphius bắt đầu dàn dựng âm mưu chống lại Nữ hoàng Pulcheria đạo đức, bằng cách xúi giục Nữ hoàng Eudokia chống lại bà một cách xảo quyệt, như đã được trình bày chi tiết trong cuốn tiểu sử về Thánh Pulcheria. Chrysaphius thậm chí còn khiến cho em gái hoàng đế bị trục xuất khỏi hoàng cung và mất đi quyền lực của mình. Sự việc diễn ra như sau: Hoàng đế Theodosius, theo lời khuyên của vợ mình là Eudokia và Chrysaphius, đã muốn vị tổng giám mục thuyết phục em gái mình nhận lễ xuất gia, với hy vọng qua đó loại bỏ bà khỏi quyền lực hoàng gia. Vì vậy, hoàng đế đã bí mật triệu tập một cuộc họp, trong đó vị tổng giám mục thánh thiện cũng được mời tham dự; tại cuộc họp, Đức Thượng phụ tỏ ra sẽ tuân theo ý muốn của hoàng đế, nhưng trong lòng ngài không đồng tình, vì ngài cho rằng việc loại bỏ Pulcheria khỏi việc điều hành Nhà nước Hy Lạp là bất công; bà nổi tiếng về sự khôn ngoan, thận trọng, tiết hạnh và thánh thiện, đã thay thế vai trò người mẹ cho hoàng đế khi cha mẹ ngài qua đời trong thời thơ ấu, hơn nữa, bà còn là người bảo vệ đức tin và là vị nữ thống trị khôn ngoan của vương quốc. Với lòng kính trọng và tôn sùng Pulcheria, Thánh Flavian đã bí mật thông báo cho bà biết mọi điều diễn ra trong cuộc họp kín của hoàng đế. Lúc bấy giờ, công chúa Pulcheria đạo đức, sau khi nhận ra sự thù địch giữa hoàng hậu và Chrysaphius, đồng thời nhìn thấu ý định của anh trai mình, đã tự nguyện từ bỏ việc cai trị vương quốc, rời khỏi cung điện hoàng gia và thành phố, rồi sống trong sự tĩnh lặng và cô độc. Sau đó, Chrysaphius xảo quyệt, sau khi chờ đợi thời cơ thuận lợi, lại bắt đầu dàn xếp mưu mô chống lại Đức Thượng phụ Flavian, xúi giục chính nhà vua chống lại ngài và nói rằng ngài đã không giữ kín bí mật hoàng gia và đứng về phía Pulcheria chứ không phải nhà vua. Bởi vì chẳng bao lâu sau, mọi người đều biết rằng Đức Thượng phụ đã thông báo cho Pulcheria về ý định của nhà vua. Như vậy, Chrysaphius đã khiến nhà vua vô cùng tức giận với Đức Thượng phụ Flavian.

Vào thời điểm đó, tại Constantinople có vị đại tu sĩ Eutychius, người nổi tiếng xấu vì giáo lý báng bổ của mình, bởi vì ông đã hợp nhất hai bản tính trong Chúa Giêsu Kitô của chúng ta – bản tính Thiên Chúa và bản tính con người – thành một bản tính duy nhất. Chính Eutychius này là cha linh hướng của Chrysaphius, vì ông là người đỡ đầu cho anh ta trong lễ rửa tội. Sau khi triệu tập Công đồng Địa phương tại Constantinople[1913] , Đức Thượng phụ Flavian đã mời Eutychius đến để ông này công khai tuyên xưng niềm tin của mình trước mọi người. Nhưng Eutychius không muốn đến công đồng, và đã bịa ra đủ loại lý do để biện minh cho sự từ chối của mình: lúc thì ông khẳng định rằng mình không thể rời khỏi tu viện như rời khỏi quan tài, vì đã thề hứa như vậy; lúc thì lại nói rằng mình đã già và ốm nặng. Tuy nhiên, Đức Thượng phụ lại tiếp tục cử các vị archimandrite, các linh mục và phó tế đến gặp ông, với lòng yêu thương mời gọi ông tham dự công đồng, bằng mọi cách giúp ông ăn năn, cố gắng để ông trước mặt mọi người từ bỏ những tư tưởng dị giáo của mình và gia nhập Giáo hội Chính thống thánh thiện, với hy vọng rằng những người khác, noi gương ông, sẽ từ bỏ sự lầm lạc của mình và quay về với đức tin chân chính. Chỉ sau nhiều lời kêu gọi lặp đi lặp lại, Eutychius mới đồng ý, dù rất miễn cưỡng, đến tham dự công đồng. Trên đường đến công đồng, trước tiên ông ghé vào cung điện hoàng gia, cố gắng tìm kiếm sự bảo vệ và giúp đỡ từ nhà vua. Thông qua Chrysaphius, ông đã xin nhà vua cử một số chức sắc được chọn lọc và vài chiến binh đi cùng mình đến công đồng. Nhà vua đã cử patrician Florentius cùng các quan chức khác và binh lính đi cùng với Evtichius. Thế là Evtichius lên đường đến hội đồng, như thể đi ra trận, được bao quanh bởi binh lính và các quan chức hoàng gia. Những người này đã gửi lời đến các vị cha trong hội đồng:

– Chúng tôi sẽ không tự mình đến đại hội, và cũng sẽ không cho Eutychius đến, trừ khi các ngài hứa trước với chúng tôi rằng sẽ thả ông ấy ra khỏi cuộc họp một cách tự do.

[1912] *Evagrius Scholasticus,* tác giả của cuốn Lịch sử Giáo hội bao quát giai đoạn từ năm 431 đến năm 594, trong khoảng thời gian từ năm 537 đến năm 594.

[1913] Đó là vào năm 448.

Các vị cha tham dự công đồng đã đưa ra lời hứa đó. Khi Evtikhios xuất hiện trước công đồng, trước tiên người ta đã đọc các cuốn sách của ông, chứa đầy những giáo điều dị giáo, mà ông đã gửi đi khắp các tu viện và qua đó lôi kéo nhiều người vào sự lầm lạc tai hại của mình. Sau đó, sau những lời lảng tránh kéo dài của Evtikhios, các vị cha trong hội đồng đã buộc ông phải tuyên xưng niềm tin của mình bằng lời nói. Evtikhios nói:

– Tôi tuyên xưng rằng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta có hai bản tính trước khi Nhập Thể, nhưng sau khi Nhập Thể, trong Ngài chỉ còn một bản tính duy nhất[1914] .

Lúc đó, các vị cha tham dự công đồng đã yêu cầu ông phải lên án những tư tưởng dị giáo của mình và chấp nhận các tín điều chính thống, nhưng ông đã từ chối điều này trước mặt toàn thể công đồng, nơi có sự hiện diện của ba mươi hai giám mục, hai mươi ba tổng tu viện trưởng và rất nhiều linh mục cùng phó tế. Lúc đó, Đức Thánh Cha Flavius và tất cả các vị thánh phụ có mặt tại công đồng đã tước bỏ chức thánh của Eutyches và soạn thảo văn bản sau đây: "Eutychius, người từng là linh mục và tu sĩ trưởng, trong các tác phẩm trước đây cũng như trong lời tuyên xưng bằng miệng hiện tại, đã cho thấy rằng ông chia sẻ tà thuyết của Valentinus và Apollinaris[1915] ; bằng cách kiên quyết theo đuổi những sai lầm của các kẻ dị giáo này, ông ta đã không nghe theo lời khuyên răn của chúng tôi và, không chấp nhận giáo lý chân chính, đã từ chối tuân theo các tín điều chính thống. Vì vậy, trong nước mắt và tiếng than khóc về sự diệt vong cuối cùng của ông ta, chúng tôi đã quyết định, nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta – Đấng mà ông ta đang phỉ báng – tước bỏ chức linh mục, quyền cai quản tu viện và quyền hiệp thông với chúng tôi của ông ta. Hãy để điều này được mọi người biết đến, những ai sau này sẽ trò chuyện với ông ta hoặc đến thăm ông ta; hãy để những người đó biết rằng họ sẽ tự chuốc lấy hình phạt và bị khai trừ, vì họ không từ bỏ những sai lầm của ông ta."

Tờ thư này được ký bởi Flavius – Giám mục của New Rome[1916] , cũng như tất cả các giám mục và tổng tu viện trưởng khác.

Sau khi bị truất phế, Eutychius đã tìm kiếm sự ủng hộ tại triều đình hoàng gia, bởi vì Chrysaphius – một nhân vật có ảnh hưởng lớn – đã giúp đỡ ông rất nhiều trong mọi việc. Tên hoạn quan xảo quyệt này nuôi dưỡng lòng căm thù và phẫn nộ tột độ đối với Đức Thánh Flavian; hắn tìm mọi cách để lật đổ ngai vàng của vị Tổng Giám mục thánh thiện, bởi qua đó hắn muốn trả thù cho Eutychius, và đặc biệt là gây khó dễ cho Pulcheria, người rất kính trọng Đức Thánh Flavian. Lợi dụng ảnh hưởng của mình đối với nhà vua – vốn lớn đến mức hắn có thể làm bất cứ điều gì mình muốn – Chrysaphius đã viết một bức thư gửi cho Thượng phụ Alexandria, Dioscorus[1917] , một người có khả năng làm mọi điều ác, giàu kinh nghiệm trong mưu mô và nổi tiếng vì sự vô đạo đức của mình; trong bức thư của mình, Chrysaphius đã cố gắng xúi giục Dioscorus chống lại Flavianus, giao Eutyches cho sự bảo trợ của ông ta, và hứa hẹn với ông ta ân sủng lớn lao từ nhà vua. Bức thư được viết nhân danh nhà vua, và nhân danh nhà vua đó, Chrysaphius đã ra lệnh cho Thượng phụ Alexandria rằng ông ta, sau khi tập hợp các giám mục cùng quan điểm thuộc quyền quản lý của mình, bất kỳ ai mà ông ta muốn, hãy nhanh chóng lên đường đến Ephesus và tổ chức tại đó một Công đồng Toàn cầu về các tín điều của đức tin, bởi vì Flavian đang đưa vào Giáo hội một số tư tưởng dị giáo và gây rối loạn cho các tín hữu. "Vậy thì," Chrysaphius viết, "hãy để Dioscorus xem xét toàn bộ vụ việc tại công đồng và truất phế Flavian; còn Eutyches, nếu được chứng minh là vô tội, thì hãy miễn cho ông ta lời

---

[1914] Ý nghĩa của những lời Eutyches nói rõ ràng là: vào thời điểm *thụ thai*, hai bản tính – Thần tính và Nhân tính – mỗi bản tính đều có ý nghĩa độc lập và khác biệt; nhưng đó chỉ là một khoảnh khắc; khi Đức Chúa Trời nhập thể, Thần tính đã kết hợp với Nhân tính, thì Nhân tính bị Thần tính hấp thụ và trong Đức Kitô, chỉ còn lại một bản tính duy nhất.

[1915] *Valentin* là một kẻ dị giáo, sống trong nửa đầu thế kỷ II. Ông không thừa nhận sự tồn tại của bản tính xác thịt trong Đấng Cứu Thế và do đó không coi Ngài là một con người trọn vẹn, hoàn hảo. *Apollinaris* sống vào thế kỷ IV. Trái ngược với Valentin, ông dạy rằng Chúa Kitô có thân xác, nhưng về sự kết hợp giữa Thần tính và nhân tính trong Ngài, Apollinaris lại có cách suy nghĩ rất đặc biệt. Cho rằng con người hoàn hảo và Thần tính hoàn hảo không thể hợp nhất thành một nhân vị, Apollinaris dạy rằng Chúa Kitô chỉ có hai phần của bản thể con người – thân xác và linh hồn, còn phần thứ ba – thần khí – thì được Lời Thiên Chúa (Logos) thay thế trong Ngài. Do đó, ông cũng không coi Chúa Kitô là con người hoàn hảo. Eutyches có những điểm tương đồng với cả Valentin và Apollinaris. Vì theo giáo lý của ông, bản tính con người đã bị Thần Tính nuốt chửng trong Chúa Kitô, nên Chúa Kitô chỉ là Thiên Chúa, chứ không phải là Thiên Chúa-Con Người; bản tính con người của Ngài không còn tồn tại thực sự nữa, mà chỉ là một thứ tưởng tượng; và điều này khá gần gũi với quan điểm của Valentinô, người đã dạy rằng thân xác con người của Chúa Kitô không phải là thực, mà chỉ là ảo ảnh. Mặt khác, giáo lý về việc nhân loại bị Thần tính hấp thụ rất giống với giáo lý của Apollinaris, rằng trong Đức Kitô, phần cao quý nhất của con người – linh hồn – đã bị thay thế bởi Lời Thiên Chúa.

[1916] Thành phố được gọi là "Rome Mới" chính là Constantinople.

[1917] Thượng phụ Alexandria, Dioscorus, nắm giữ chức vụ Thượng phụ từ năm 444 đến năm 451.

thể tại công đồng và phục hồi chức vụ cho ông ta." Chính Chrysaphius đã lôi kéo Nữ hoàng Eudokia về phía Eutyches, đến nỗi bà cũng giúp đỡ kẻ dị giáo chống lại Flavian. Còn Dioscorus, sau khi đưa theo mình hơn mười giám mục đồng quan điểm và một vị archimandrite tên là Varsuma, được 1.000 tu sĩ tháp tùng, đã đến Ephesus. Tại đây, theo sắc lệnh của hoàng đế, một công đồng[1918] đã được tổ chức dưới sự chủ tọa của Dioscorus, với sự tham dự của 128 giám mục từ các quốc gia khác nhau; Đức Thánh Flavian cũng đã đến công đồng này, người được triệu tập đến đây để ra tòa. Còn hoàng đế, hay đúng hơn là Chrysaphius thay mặt hoàng đế đã gửi thư cho quan tổng trấn[1919] Elpidios và các quan tổng trấn khác đang có mặt tại đó cùng quân đội, yêu cầu họ không cho phép những giám mục nào – những người cùng với Flavian đã kết án Eutyches tại Công đồng Địa phương diễn ra ở Constantinople và ký vào văn bản truất phế ông – được tham dự công đồng.

Khi hội đồng gian trá đó, do Dioscorus chủ tọa, tập hợp lại, Eutyches đã đứng lên và trình bày bản tuyên xưng đức tin do chính ông soạn thảo, trong đó ông trình bày giáo lý dị giáo của mình, được che đậy khéo léo bằng những cách diễn đạt mơ hồ. Ngay khi Eutyches vừa đọc xong bản tuyên xưng đức tin của mình, những bất đồng và ồn ào đã bùng lên giữa các đại biểu tham dự công đồng: một số người bênh vực Eutyches và khẳng định rằng ông vô tội, vì ông đang tuyên xưng đức tin thánh một cách chính đáng, trong khi những người khác lại ủng hộ Flavian; nhưng số người ủng hộ Flavian rất ít, bởi vì tất cả đều yêu thích bóng tối hơn ánh sáng và dối trá hơn sự thật, cố gắng làm vừa lòng vị vua trần gian chứ không phải Đấng trên trời. Bởi vì vua Theodosius, dù là người sùng đạo, nhưng với tư cách là con người, đã phạm tội do thiếu hiểu biết, không nhận ra mưu mô của Eutyches, Dioscorus và Chrysaphius. Còn người sau này thì liên tục nịnh hót xảo quyệt trước mặt hoàng đế, cố gắng lôi kéo linh hồn ngài vào những cái bẫy xảo trá của mình. Trong sự thiếu hiểu biết của mình, hoàng đế đã coi những kẻ dị giáo là những người Chính Thống, và tin tưởng một cách ngây thơ vào sự dối trá, coi đó là sự thật, bởi vì lúc đó người chị khôn ngoan của ngài, thánh Pulcheria, đã không còn ở bên cạnh ngài nữa. Vậy là, sau những bất đồng và tranh cãi kéo dài, phe chống lại Chính Thống Giáo chân chính đã chiếm ưu thế tại hội đồng bất chính ở Ê-phê-sô. Cuộc hội nghị bất hợp pháp này đã tuyên bố một tín điều rằng trong Đức Kitô không có hai bản tính mà chỉ có một, và tuyên bố Eutyches vô tội và là người tin đúng đạo, trong khi thực tế ông ta là một kẻ dị giáo; còn Đức Thượng phụ Flavian, người tin đúng đạo và đạo đức, lại bị hội nghị kết án một cách bất công là kẻ dị giáo. Ngài thậm chí còn không được phép nói bất cứ điều gì để tự bào chữa. Đức Thượng phụ Dioscorus của Alexandria, người chủ tọa hội đồng, đã tuyên bố ngài bị truất phế khỏi chức vụ, tước bỏ chức thánh, chức linh mục và mọi quyền hành thiêng liêng, và một nghị quyết bằng văn bản đã được soạn thảo về điều này. Hơn nữa, tại công đồng phi pháp này, người ta đã quyết định đưa vị Thượng phụ thánh thiện vào tù đày. Lúc đó, Onisifor, Giám mục Iconium[1920] , đã đứng dậy và, cùng với các giám mục khác tin chắc vào sự vô tội của Flavian, quỳ xuống trước chân Dioscorus, bắt đầu khẩn cầu ngài:

– Xin ngài đừng thực hiện ý định của mình, thưa Đức Cha đáng kính, vì Flavian quả thực không làm điều gì đáng bị phế truất; nếu cần phải trừng phạt ngài ấy, thì hãy trừng phạt, nhưng đừng phế truất.

Dioscorus đứng dậy khỏi ngai vàng và bước lên bục cao trước ngai, rồi nói:

– Dù có đe dọa cắt lưỡi tôi đi chăng nữa, tôi vẫn sẽ không thay đổi bản án.

Lúc đó, Archimandrite Varsuma, một cận thần của Dioscorus, đã lớn tiếng kêu lên:

– Ai tuyên xưng rằng trong Đức Kitô có hai bản tính, thì người đó sẽ bị chém làm đôi.

Khi các giám mục bắt đầu cầu xin Dioscorus đừng động đến Flavian, chủ tọa hỏi:

– Các quan chỉ huy đâu rồi?

Và ngay lập tức, các quan chỉ huy do Elpidios dẫn đầu cùng với một đoàn quân đông đảo bước vào nhà thờ và mang theo những xiềng xích sắt lớn đã được chuẩn bị sẵn cho Thánh Flavian; cùng với các chiến binh, các tu sĩ của Varsuma cũng bước vào. Lúc đó, các giám mục bắt đầu lớn tiếng tuyên bố:

– Varsuma là tên cướp, đã tàn phá cả Syria, và còn dẫn các tu sĩ của hắn đến đây chống lại chúng ta. Varsuma là tên cướp, hãy nguyền rủa Varsuma!

[1918] Công đồng khai mạc vào ngày 8 tháng 8 năm 449. Công đồng diễn ra tại chính nhà thờ Ê-phê-sô, nơi mà 18 năm trước đó, Công đồng Đại kết lần thứ 3 đã họp.

[1919] "Comites" là tên gọi dành cho những người tháp tùng (đoàn tùy tùng) của các quan chức cấp cao ở các tỉnh, và sau này là những người tháp tùng các hoàng đế.

[1920] Iconium – một thành phố nằm trên cao nguyên màu mỡ ở vùng nội địa Tiểu Á; từng là thủ phủ của Lycaonia – một tỉnh nằm ở phần trung tâm của Tiểu Á.

Còn Varsuma thì la lên:

– Hãy giết tên dị giáo Flavian, giết hắn đi!

Trong cơn điên cuồng táo bạo, bọn vô đạo lao vào vị thánh và bắt đầu đánh đập ngài, có người dùng nắm đấm, có người dùng gậy. Ngay cả chính Dioscorus cũng lao vào Flavianus, quật ngài xuống đất và giẫm đạp lên người ngài; họ đánh ngài như vậy một lúc, rồi trói ngài – người lúc đó gần như đã chết – bằng xiềng xích. Dioscorus ép buộc các giám mục phải ký vào văn bản truất phế Flavian. Những người ủng hộ Dioscorus đã ký ngay lập tức; còn những vị giám mục nào chứng kiến sự bất công và hành vi cướp bóc đang diễn ra trước mắt mình thì không đồng ý ký vào văn bản này; nhưng lúc đó, những binh lính vũ trang được bố trí xung quanh nhà thờ đã không cho họ ra khỏi nhà thờ; còn các tu sĩ Varsuma thì la hét dữ dội và chửi rủa họ. Và những vị giám mục đó bị giam giữ trong nhà thờ cho đến đêm, cho đến khi cuối cùng họ buộc phải ký vào văn kiện này, trái với ý muốn của mình, vì bị đe dọa. Như vậy, cuộc họp vô thần này đã kết thúc, được lịch sử biết đến với tên gọi "Hội đồng cướp bóc".

Còn vị thánh chứng nhân của Chúa Kitô là Flavius, vào ngày thứ ba sau khi phải chịu những trận đòn tra tấn dã man, đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa, Đấng mà ngài đã chịu khổ vì sự vô tội, giống như Abel, và như vậy, thay vì bị lưu đày, ngài đã được rước lên thiên đàng. Anatolius[1921] được bầu làm tổng giám mục tại Constantinople để kế vị ngài.

Một thời gian sau, những hành vi xấu xa và mưu mô của Chrysaphius bị vạch trần, khiến ông ta bị trục xuất một cách nhục nhã khỏi cung điện hoàng gia và chết một cái chết nhục nhã; còn hoàng hậu Eudokia, đồng phạm của ông ta, vì sợ hãi trước cơn thịnh nộ của Theodosius, đã lên đường đến Jerusalem. Sau đó, chính hoàng đế đã nài nỉ Thánh Pulcheria, em gái mình, một cách chân thành và lâu dài, để bà trở lại cung điện và tiếp tục giúp đỡ ông trong các công việc quốc gia; tuân theo mong muốn của anh trai, Thánh Pulcheria đã trở về từ nơi ẩn dật của mình. Ngay sau khi bà nắm quyền cai trị, Thánh Pulcheria đã nỗ lực khôi phục giáo lý Chính Thống Giáo, cũng như danh dự của những người bảo vệ Chính Thống Giáo. Bà đã rước di cốt của Thánh Flavian, vị chứng nhân của Chúa Kitô, về Constantinopolis với sự tôn kính cao cả[1922] . Còn Dioscorus và Eutyches, những kẻ bị kết án tại Công đồng Đại kết lần thứ tư tại Chalcedon[1923] , đã tự chuốc lấy sự diệt vong vĩnh viễn. Còn Giáo Hội của Đức Kitô, mà các cổng địa ngục không thể đánh bại, đã phát triển thịnh vượng, tôn vinh Đức Kitô, Đấng được nhận biết trong hai bản tính, không hòa trộn và không tách rời, được ca ngợi và tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Agapitus, vị Tử đạo, Giám mục Sinad

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 2

Thánh Agapitus sinh ra tại Cappadocia[1924] vào thời trị vì của các hoàng đế Diocletian và Maximian[1925] . Cha mẹ ngài là những người Kitô hữu. Ngay từ khi còn trẻ, ngài đã quyết tâm sống đời tu hành và gia nhập một trong những tu viện tại quê hương mình, nơi có hơn một nghìn tu sĩ đang tu hành. Sau khi học được từ họ những kỹ năng tu hành tốt đẹp, vị thánh này nhanh chóng trở thành người thực hành thành thạo các điều răn của Chúa. Ông tu hành một cách nhiệt thành trong việc ăn chay, thức trắng đêm và cầu nguyện đến mức khiến mọi người đều kinh ngạc, và nhờ những việc tu hành nghiêm ngặt của mình, ông được mọi người trong tu viện yêu mến. Ngài mặc áo làm từ vỏ cây, không ít lần trong vòng 80 ngày chỉ ăn tro thay vì bánh mì, từ chối giấc ngủ và, vì kính trọng và coi tất cả các tu sĩ trong tu viện là chủ nhân của mình, ngài luôn cố gắng giúp đỡ họ qua các công việc phục vụ trong tu

---

[1921] Thánh Anatolius giữ chức Tổng Giám mục tại Constantinopolis từ năm 449 đến năm 458.

[1922] Đó là vào năm 451.

[1923] Phiên họp của công đồng được khai mạc vào ngày 8 tháng 10 năm 451. Vào thời điểm đó, Theodosius đã qua đời, và ngai vàng hoàng đế tại Byzantium do Marcian nắm giữ (trị vì từ năm 450 đến 457), người sau khi trở thành hoàng đế đã kết hôn với Pulcheria

[1924] Cappadocia, một vùng thuộc Tiểu Á phía đông của Đế chế La Mã, giáp Armenia ở phía đông, giáp Pontus ở phía bắc và giáp Cilicia ở phía nam.

[1925] Để quản lý Đế chế La Mã rộng lớn một cách hiệu quả hơn, Hoàng đế Diocletian (284–305) đã chọn các đồng trị vì ngay từ đầu triều đại của mình, trong đó có Maximian Herculus từ năm 285.

viện. Nhờ những việc làm cao cả đó, Chúa đã ban cho vị thánh nhân ân sủng làm phép lạ. Bằng lời cầu nguyện, ngài đã từng giết chết một con rắn, và sau đó chữa lành cho một thiếu nữ đang mắc phải căn bệnh hiểm nghèo.

Hoàng đế Licinius[1926] , khi biết rằng vị thánh Agapit sở hữu sức mạnh thể chất phi thường, đã ra lệnh đưa ngài ra khỏi tu viện và, bất chấp ý muốn của ngài, bắt ngài gia nhập hàng ngũ binh lính của mình. Trong khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, vị thánh vẫn không ngừng thực hiện các việc làm của một tu sĩ và đã được ân sủng của Thiên Chúa ban cho khả năng chữa lành các cơn co giật đau đớn chỉ bằng sự hiện diện của mình. Ngoài ra, ngài còn chữa lành một cách kỳ diệu các bệnh tật khác nhau không chỉ ở con người, mà còn ở ngựa, bò và các loài động vật khác. Vào thời điểm đó, Licinius đã phát động cuộc đàn áp các Kitô hữu, và khi các vị tử đạo vinh quang là Victor, Dorotheus, Theodulus, Agrippa[1927] , cùng nhiều người khác, theo lệnh của ông, phải chịu những hình phạt tàn bạo vì đức tin vào Chúa Kitô, thì vị thánh Agapitus cũng mong muốn được đứng trong số họ. Sau khi họ chịu tử đạo vì Chúa Kitô, vị thánh này bị thương bởi một cây giáo, nhưng Chúa đã giữ lại mạng sống cho ngài để sau này ngài có thể cứu rỗi nhiều người.

Chẳng bao lâu sau, Licinius qua đời, và theo ý muốn của Đức Chúa Trời, Hoàng đế Constantine Đại Đế đã lên nắm quyền cai trị toàn bộ Đế quốc La Mã. Trong số các tôi tớ của hoàng đế có một người được ngài yêu quý, nhưng lại bị quỷ ám. Khi biết về vị thánh, hoàng đế đã triệu ngài đến, đưa người tôi tớ bị bệnh đến trước mặt ngài và xin ngài chữa lành cho anh ta. Vị thánh đã cầu nguyện, và người tôi tớ lập tức được chữa lành. Hoàng đế muốn ban thưởng cho vị thánh, nhưng vị tu sĩ không xin bất kỳ phần thưởng nào khác, ngoài việc được phép rời bỏ quân ngũ và trở về với cuộc sống tu hành mà ngài yêu mến. Hoàng đế đã hỗ trợ ngài trong việc này, và ngài, sau khi từ bỏ quân hàm, đã trở về chính tu viện nơi ngài từng tu hành trước đây.

Một thời gian sau đó, Giám mục thành Sinada,[1928] , đã triệu tập Thánh Agapitus đến và, bất chấp ý muốn của ngài, đã tấn phong ngài làm linh mục; không lâu sau đó, ngài qua đời.

Lúc bấy giờ, theo ý muốn của Đức Chúa Trời và sự bầu chọn của hàng giáo sĩ cùng dân chúng, Thánh Agapitus được tấn phong làm Giám mục Sinada. Khi nhận chức Giám mục, vị thánh này đã được Đức Chúa Trời ban cho ân sủng của sự tiên tri. Ân sủng này đã được thể hiện qua những trường hợp sau đây. Một người phụ nữ, sau khi nghe tin về vị giám mục mới được tấn phong, đã đến gặp ngài một lần để xin nhận lời chúc lành. Khi bà đứng trước vị thánh, ngài đã kể cho bà nghe tất cả những gì đã xảy ra với bà trong suốt cuộc đời, bắt đầu từ thời thơ ấu, đồng thời ban cho bà những lời khuyên răn, và bà ra về với quyết tâm vững chắc sẽ sống một cuộc đời đạo đức. Sau đó, vị thánh đã vạch trần hành vi lạm dụng một thiếu nữ của một người hầu thuộc một phó tế ở Heraclea[1929] khi người này đến xin lời chúc lành. Với ân sủng của sự thấu thị tiên tri, Thánh Agapitus còn thực hiện những phép lạ. Chẳng hạn, một lần, giám mục thành Silandeia[1930] đã đến gặp ngài và báo cáo rằng con sông chảy gần thành phố vào những tháng mùa đông dâng nước quá cao, khiến ruộng đồng bị ngập lụt và làm hỏng mùa màng. Lúc đó, vị thánh đã cầu nguyện với Chúa, và dòng chảy của con sông đã đổi hướng sang phía khác. Thánh Agapit đã thực hiện vô số phép lạ khác (hơn một trăm phép lạ, theo ghi chép về ngài), chữa lành những người mắc bệnh động kinh chỉ bằng một lời nói, một cái chạm tay và cả bóng của ngài. Sau khi kết thúc cuộc đời đạo đức và thánh thiện, vị thánh đã an nghỉ trong Chúa Cứu Thế Giêsu Kitô của chúng ta khi đã ở tuổi rất cao[1931] .

Ngày 4 tháng 3

Ngày 19 tháng 2 (theo lịch cũ)

[1926] Hoàng đế Licinius, người kế vị Hoàng đế Galerius từ năm 311, là người cai trị phần phía đông của Đế chế La Mã, đồng trị vì với Constantine Đại đế.

[1927] Ngày kỷ niệm của họ được tổ chức giống như ngày kỷ niệm của Thánh Agapitus

[1928] Thành phố Sinada nằm ở Phrygia.

[1929] Thành phố Heraclia, hay Heraclea, nằm ở Bithynia, bên bờ Biển Pontus Euxinus, nay là Biển Đen.

[1930] Thành phố Silandeia hay Selene nằm ở vùng Phrygia, tại nguồn sông Meander, chảy ra Biển Aegean.

[1931] Thánh Agapitus qua đời vào thế kỷ IV.

Cuộc đời của vị thánh cha Dosifei, môn đệ của thánh Dorothei.

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 2

Thánh Dorotheus, vị cha đáng kính của chúng ta, với lòng nhiệt thành hướng đến cuộc sống thánh thiện và yêu mến đời sống tu viện, đã đến tu viện của Abba Serid[1932] , nơi ngài gặp gỡ nhiều vị tu sĩ vĩ đại đang tu hành trong sự im lặng; trong số đó, có hai vị trưởng lão vĩ đại đặc biệt nổi bật: Thánh Varsonofi và đệ tử kiêm đồng tu của ngài, Abba Gioan, người được gọi là "nhà tiên tri", vì ngài đã nhận được ân sủng của sự thấu thị từ Chúa. Thánh Dorotheus đã phó thác bản thân dưới sự hướng dẫn của các vị tu sĩ ăn chay này và với tất cả sự nhiệt thành, ngài bắt đầu noi gương họ. Cùng với Thánh Cha Serid, Thánh Dorotheus thường xuyên đến gặp vị tu sĩ vĩ đại Varsonofius và trò chuyện với ngài, còn đối với Cha Gioan, người nổi bật với ân sủng tiên tri, ngài được vinh dự phục vụ. Vậy là vị thánh phúc Dorotheus đã ở lại tu viện của Abba Serid, rèn luyện đức vâng lời. Lúc bấy giờ, các vị thánh cha nêu trên đã quyết định rằng Cha Dorotheus nên thành lập một bệnh viện và tự mình chăm lo cho nó, vì các tu sĩ phải chịu nhiều đau khổ khi mắc bệnh – không có ai để chăm sóc và lo lắng cho họ. Với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, vị thánh đã xây dựng bệnh viện với sự hỗ trợ của người anh em ruột thịt, người vốn là người đạo đức và yêu mến các tu sĩ, đã cung cấp cho Thánh Dorotheus những nguồn lực cần thiết cho việc xây dựng. Kể từ đó, Abba Dorotheus cùng với một số tu sĩ sùng đạo khác đã phục vụ những người bệnh và khách lạ, coi đó là sự vâng lời được các vị cha trong tu viện giao phó cho ngài[1933] . Một lần nọ, vị tu viện trưởng Serid đã triệu tập vị thánh Dorotheus đến gặp mình; khi đến gặp vị trụ trì, Dorotheus thấy ở đó một thiếu niên mặc quân phục, còn rất trẻ và có vẻ ngoài rất đẹp: cậu ta đến tu viện cùng với một số người hầu của hoàng tử, những người được Abba Serid yêu mến và thường xuyên đến thăm ông. Khi Cha Dorotheus đến, Abba Serid mời riêng ông vào và nói:

– Chính những người này đã đưa chàng trai trẻ này đến; họ nói rằng anh ta muốn gia nhập tu viện của chúng ta; còn tôi thì lo ngại rằng đây là con trai của một quan đại thần nào đó, người có thể đã ăn cắp thứ gì đó hoặc phạm phải tội ác nào đó và giờ đây muốn lẩn trốn: nếu chúng ta nhận anh ta vào, chúng ta sẽ phải đối mặt với nguy hiểm trực tiếp. Tôi nghĩ như vậy bởi vì cả trang phục lẫn dáng vẻ của cậu ta đều không cho thấy cậu ta là người muốn tu hành.

Thực ra, chàng trai trẻ đó đúng là họ hàng của một vị tướng quân; sống trong nhung lụa từ trước đến nay, quen với lối sống xa hoa, anh ta chưa bao giờ được nghe Lời Chúa. Một số người hầu của vị tổng trấn đó thỉnh thoảng kể cho chàng nghe về thành thánh Giê-ru-sa-lem, đến nỗi chàng trai mong muốn được chiêm ngưỡng những nơi thánh và đã xin vị tổng trấn cho phép chàng đi thăm thành thánh. Không muốn làm chàng thất vọng bằng lời từ chối, quan tổng trấn đã tìm đến một người thân cận của mình, người đang có ý định viếng thăm các thánh địa, và xin ông ấy:

– Xin hãy giúp tôi một việc, hãy đưa cậu thanh niên này đi cùng để cậu ấy có thể chiêm ngưỡng những thánh địa.

Người sắp lên đường đã đưa cậu thanh niên đi cùng, đối xử với cậu rất tôn trọng và chăm lo chu đáo cho mọi nhu cầu của cậu.

Khi những người lữ hành đến được thành thánh và thờ lạy các thánh địa ở đó, họ cũng ghé qua Gethsemane[1934] . Tại đó có bức tranh miêu tả Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Đức Chúa Trời, nơi thể hiện các hình thức tra tấn địa ngục khác nhau. Nhìn thấy bức tranh này, chàng trai chăm chú ngắm nhìn và không khỏi ngạc

---

[1932] *Thánh Serid* sống vào thế kỷ VI và là người sáng lập tu viện Palestine gần thành phố Gaza. Ngày tưởng niệm ngài là Thứ Bảy Phô mai. Tu viện do ngài thành lập là một loại tu viện cộng đồng, nơi các tu sĩ không chỉ sinh sống mà còn nhận quần áo và các vật dụng khác từ tu viện theo sự chỉ định của vị trụ trì; đồng thời, họ bắt buộc phải dâng hiến toàn bộ công sức và thành quả lao động của mình cho nhu cầu chung của tu viện. Những tu viện như vậy được gọi là "kinovia" (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "sống chung").

[1933] Tình yêu thương mà Thánh Dorotheus dành cho việc tuân phục này được thể hiện qua chính lời của ngài: "Lúc đó, tôi vừa mới hồi phục sau một cơn bệnh nặng. Và rồi vào buổi tối, những người lữ hành đến, tôi đã dành thời gian buổi tối với họ – trong số đó có những người chăn lạc đà – và tôi đã chuẩn bị những thứ cần thiết cho họ; nhiều lần, khi tôi vừa đi ngủ, lại có nhu cầu khác phát sinh và họ đánh thức tôi dậy, rồi sau đó đến giờ thức đêm."

[1934] *Gethsemane* – một làng hoặc địa điểm nằm bên kia suối Kidron, dưới chân núi Eleon, nơi có một khu vườn mà Chúa thường lui về cùng các môn đệ của Ngài, và cũng là nơi Ngài bị Giu-đa phản bội (Mt 26:36; Giăng 18:1–3). Gethsemane – trong tiếng Nga có nghĩa là: nơi trồng ô liu, hoặc máy ép để lấy nước ép từ quả ô liu. Vườn Gethsemane ngày nay vẫn được chỉ ra ở chân núi Eleon – phía nam của ngọn núi; trong vườn, người ta cũng chỉ ra nơi Chúa cầu nguyện tại Gethsemane trước khi chịu khổ nạn trên đồi Golgotha, cũng như hang mộ của Đức Mẹ, nơi hiện nay đặt quan tài của Người.

nhiên. Cách đó không xa, anh ta thấy một người phụ nữ đức hạnh, mặc áo choàng màu đỏ tía; bà bắt đầu giải thích cho anh ta về sự đau khổ của từng người bị kết án và, trong khi giảng dạy anh ta, bà còn thêm vào vài lời từ chính mình. Nghe câu chuyện của bà, chàng trai im lặng và ngạc nhiên, bởi vì, như đã đề cập trước đó, anh chưa bao giờ nghe Lời Chúa và không biết gì về Ngày Phán Xét Cuối Cùng. Cuối cùng, quay sang người phụ nữ, anh nói với bà:

– Thưa bà, mỗi người cần phải làm gì để thoát khỏi những cực hình này?

Đáp lại, bà nói với anh:

– Hãy ăn chay, đừng ăn thịt, và hãy cầu nguyện thường xuyên hơn, thì anh sẽ được giải thoát khỏi những đau khổ này.

Sau khi ban cho anh ta ba điều răn như vậy, người vợ mặc áo choàng màu đỏ tía bỗng biến mất.

Chàng trai đi khắp nơi, cố gắng tìm kiếm bà; chàng nghĩ rằng đó chỉ là một người phụ nữ bình thường, nhưng không thể tìm thấy bà ở đâu cả, vì đó chính là Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội và Thánh Khiết.

Lời dạy dỗ của người phụ nữ bí ẩn đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng chàng trai trẻ: lòng tràn đầy xúc động, chàng bắt đầu nghiêm túc tuân giữ ba điều răn mà người phụ nữ mà chàng đã gặp ở Gethsemane đã ban cho. Người bạn của quan tổng trấn, trên đường trở về, thấy chàng trai đang ăn chay và không ăn thịt, liền lo lắng, sợ hãi trước mặt quan tổng trấn, vì anh ta biết rằng quan tổng trấn rất yêu quý chàng trai ấy. Những chiến binh đi cùng họ, khi thấy sự kiêng khem của chàng trai, đã nói với anh ta:

– Thưa ngài, ngài đang làm những điều mà những người sống trong thế gian không làm. Chỉ có trong tu viện người ta mới làm như vậy. Hãy đến đó, và ở đó ngài sẽ cứu rỗi linh hồn mình.

Không biết gì về Đức Chúa Trời và cũng không hình dung được tu viện là nơi như thế nào, chàng trai đáp:

– Hãy đưa tôi đến một tu viện nào đó. Bản thân tôi không biết phải đi đâu.

Một số chiến binh đi cùng chàng trai rất kính trọng Abba Serida. Vì vậy, họ đã cùng chàng trai đến tu viện của ngài.

Vị Trưởng tu viện đã cử Thánh Đô-rô-phê đi nói chuyện với chàng trai trẻ và tìm hiểu xem anh ta là ai. Trước mọi câu hỏi của Thánh Đô-rô-phê, chàng trai trẻ chỉ đưa ra một câu trả lời duy nhất:

– Tôi muốn được cứu rỗi.

Sau đó, Dorotheus đến gặp vị tu viện trưởng và nói với ngài:

– Nếu ngài muốn nhận cậu ấy, thì hãy nhận mà không cần lo lắng gì cả. Không thể mong đợi điều xấu nào từ cậu ấy cả.

Vị Trưởng tu viện đáp:

– Xin cha hãy thương xót cậu ấy và nhận cậu ấy vào tu viện, để cậu ấy có thể được cứu rỗi dưới sự hướng dẫn của cha.

Nhưng vị tu sĩ khiêm nhường từ chối và nói:

– Tôi không thể nhận anh ta về với mình, vì điều này vượt quá khả năng của tôi, tôi không thể dẫn dắt anh ta trên con đường cứu rỗi.

Nghe vậy, vị tu viện trưởng phản bác:

– Ta lo lắng cho sự cứu rỗi của con, cũng như sự cứu rỗi của tất cả các con; còn con thì lại không muốn lo lắng cho sự cứu rỗi của một chàng trai trẻ.

– Nếu cha muốn vậy, thưa cha, – Dorotheus nói, – thì chúng ta hãy xin lời khuyên từ vị trưởng lão vĩ đại Varsonofius.

– Được, – vị tu viện trưởng đáp, – tôi sẽ nói với ngài.

Sau khi đến gặp Varsonofi, vị tu viện trưởng đã kể lại cho ngài nghe tất cả những gì đã xảy ra. Lúc đó, thánh Varsonofi nói với Dorofei:

– Hãy nhận cậu thiếu niên này, vì Chúa muốn cứu rỗi cậu ấy qua con.

Sau những lời đó, vị thánh Dorotheus với niềm vui lớn lao đã đón nhận cậu thiếu niên, cho cậu ở cùng mình trong bệnh viện. Tên của cậu thiếu niên đó là Dosipheus. Khi đến giờ ăn trưa, Abba Dorotheus nói với Dosipheus:

– Hãy đi và ăn cho no, chỉ cần nói cho ta biết con đã ăn bao nhiêu là được.

Khi trở về, Dosifei nói:

– Con đã ăn một ổ bánh mì và nửa ổ bánh mì, mỗi ổ nặng bốn pound.

Dorotheus hỏi cậu:

– Như vậy đã đủ cho con chưa?

Chàng trai trẻ đáp:

– Vâng, thưa ngài, thế là đủ với tôi rồi.

– Cậu không đói sao? – Dorofey hỏi

– Không, – Dosifei trả lời.

– Lần sau, – Abba Dorofey nói, – con hãy ăn một phần tư ổ bánh mì, rồi chia phần tư còn lại thành hai phần, và ăn một trong hai phần đó.

Dosifei đã làm đúng như vậy vào lần sau.

– Cậu có đói không? – Dorofey hỏi anh

– Vâng, con cảm thấy hơi đói, – Dosifei trả lời. Vài ngày sau, Thánh Dorofei lại hỏi cậu:

– Con có cảm thấy đói không, con yêu?

Chàng trai trả lời:

– Không, thưa ngài, nhờ những lời cầu nguyện của ngài mà con cảm thấy rất khỏe.

– Giờ con chỉ được ăn bánh mì và một phần tư thứ khác thôi.

Dosifei đã làm theo lời dặn. Vài ngày sau, Thánh Dorotheus lại hỏi cậu:

– Bây giờ con có cảm thấy đói không, con trai của ta?

– Không, con no rồi.

– Hãy chia phần còn lại – thánh Dorotheus nói – thành hai phần, con có thể ăn một phần và giữ lại phần còn lại.

Dosifei tuân theo lời dạy của vị thầy mình. Dần dần, nhờ ơn Chúa, Dosifei chỉ còn ăn 8 lot thay vì 6 pound, vì như mọi việc khác, thói quen rất quan trọng trong việc ăn uống: mỗi người ăn lượng thức ăn mà họ đã quen.

Thánh Dosifei làm mọi việc một cách thầm lặng và hiền lành; ngài phục vụ những người bệnh trong bệnh viện, và ai nấy đều cảm ơn ngài vì sự chăm sóc của ngài, bởi vì ngài luôn cố gắng giữ mọi thứ sạch sẽ. Nếu vì mệt mỏi mà ông vô tình nói với một bệnh nhân nào đó bằng giọng giận dữ, thì ông lập tức rời bệnh viện, vào phòng chứa đồ và khóc ở đó. Các nhân viên bệnh viện khác cố gắng an ủi ngài trong những trường hợp như vậy, nhưng nỗ lực của họ đều vô ích: Dosifei vẫn không khoan nhượng với chính mình. Lúc đó, họ đến gặp Cha Dorotheus và nói:

– Xin Cha thương xót, hãy tìm hiểu xem anh em Dosifei đang khóc vì điều gì, chúng con không biết và cũng không thể an ủi anh ấy được.

Thánh Dorotheus bước vào và thấy môn đệ của mình đang ngồi bệt xuống đất và khóc. Ngài hỏi anh:

– Có chuyện gì vậy, Dosifei, anh khóc vì điều gì?

Dosifei đáp lại:

– Xin tha thứ cho con, thưa Cha, trong cơn giận, con đã nói những lời cay độc với anh em của con.

Lúc đó, Thánh Dorotheus nói với cậu:

– Tại sao con lại tức giận, Dosifei, tại sao con lại để cơn giận chi phối mình đến mức nói những lời cay độc với anh em mình? Con không biết rằng khi xúc phạm anh em, con cũng đang xúc phạm chính Chúa Kitô sao?

Dosifei cúi đầu xuống và không nói gì cả. Khi Abba Dorotheus nói với anh ta:

– Chúa sẽ tha thứ cho con; hãy đứng dậy, và từ hôm nay chúng ta sẽ bắt đầu quá trình sửa đổi của con, tăng cường sự nhiệt thành trong việc làm điều thiện, và Chúa sẽ giúp đỡ chúng ta.

Lúc đó, Dosifei đứng dậy và hân hoan bắt tay vào công việc của mình, như thể anh vừa được Chúa tha thứ vậy. Những người ở bệnh viện chẳng bao lâu sau đã biết thói quen của Dosifei, và khi họ thấy Dosifei khóc, họ nói:

– Chắc có chuyện gì xảy ra với Dosifei rồi, anh ấy đã phạm tội gì đó.

Rồi họ quay sang thánh Dorotheus và nói:

– Thưa Cha, xin hãy vào phòng kho, ở đó có việc dành cho Cha.

Khi Dorotheus bước vào và thấy đệ tử của mình đang khóc, ngài hiểu rằng Dosifey lại vừa nói lời ác ý với ai đó, và ngài nói với cậu:

– Có chuyện gì vậy, Dosifei? Chẳng lẽ con lại xúc phạm đến Đức Chúa Trời sao? Chẳng lẽ con lại để cơn giận chi phối mình sao? Chẳng lẽ con đã quên ý định sửa đổi bản thân của mình rồi sao?

Khi Thánh Dorotheus thấy đệ tử của mình đã khóc rất nhiều, ngài nói với cậu:

– Hãy đứng dậy đi, Dosifei, và cầu xin Chúa tha thứ cho con; còn phần con, hãy cố gắng bắt đầu quá trình sửa đổi một lần nữa.

Được an ủi bởi những lời này, Dosifei gác lại nỗi buồn và đi dọn giường, việc mà anh đã làm với lòng khiêm nhường. Luôn xưng tội với vị thầy của mình về mọi việc làm và suy nghĩ của mình, vị thánh Dosifei, khi đang dọn những chiếc giường êm ái cho những người bệnh, thường nói với Dorotheus đang đi ngang qua:

– Thưa Cha, lương tâm con mách bảo rằng con đang trải giường rất tốt.

Nghe vậy, Abba Dorotheus đáp lại:

– Thật là điều kỳ lạ, Dosifei, con đang trở thành một người hầu tốt và một người trải giường giỏi, nhưng con lại không trở thành một tu sĩ tốt.

Thánh Dorotheus không bao giờ cho phép Dosifei có bất kỳ sự thiên vị nào đối với bất cứ điều gì, và đệ tử đã tuân theo tất cả những lời dạy của thầy mình. Khi Dosifei cần quần áo, Abba Dorotheus ra lệnh cho đệ tử tự may quần áo cho mình và đưa vải cho cậu. Thánh Dosifei lui ra và thực hiện nhiệm vụ này với sự cẩn trọng cao độ. Khi cậu hoàn thành công việc, Abba Dorotheus gọi cậu lại và nói:

– Con đã hoàn thành công việc của mình chưa, Dosifei?

– Vâng, thưa cha, con đã may quần áo rất đẹp rồi, – Dosifei trả lời.

– Hãy đi và đưa nó cho anh em nọ (ông gọi tên người đó) hoặc cho người bệnh.

Dosifei vui vẻ thực hiện mệnh lệnh này của vị thầy mình, còn Thánh Dorotheus lại giao cho anh may một bộ quần áo khác; khi anh hoàn thành cả bộ này, vị thầy của anh nói với anh:

– Hãy đưa nó cho anh em nọ!

Và Dosifei liền trao nó đi. Anh ta chưa bao giờ than vãn hay nói: "Ông ấy lấy quần áo của tôi và trao cho người khác", – mà luôn thực hiện mọi điều vị thầy chỉ dạy với lòng nhiệt thành và tình yêu thương.

Một lần nọ, người thợ xây của tu viện[1935] , mang đến từ thợ rèn một con dao sắc bén. Dosifei cầm lấy nó, mang đến cho Abba Dorotheus và nói:

– Thưa Cha, anh thợ xây đã mang con dao này đến; con đã lấy nó để dùng trong bệnh xá, nếu Cha cho phép.

Còn Thánh Dorotheus thì luôn chỉ dùng những thứ kém chất lượng hơn trong bệnh xá; vì vậy, ngài đáp lại Dosifei:

– Hãy cho tôi xem; tôi sẽ xem nó có tốt không. Dosifei đưa con dao cho vị thầy của mình. Thánh Dorotheus dù thấy con dao rất tốt, nhưng không muốn đệ tử của mình có sự gắn bó quá mức với bất kỳ vật gì, nên ngài nói với anh:

– Dosifei ơi, con có muốn trở thành nô lệ của con dao này không? Và con không sợ rằng chính con dao này, chứ không phải Chúa, sẽ chi phối con sao?

Nghe những lời này, Dosifei im lặng. Sau khi đã làm cho cậu cảm thấy xấu hổ đủ rồi, Thánh Dorotheus nói với đệ tử của mình:

– Hãy đi, cất con dao này đi đâu đó, và đừng động vào nó.

Thánh Dosiphe đã tuân theo mệnh lệnh này một cách thiêng liêng; anh thậm chí còn không bao giờ dám đưa con dao này cho ai khác, mặc dù các người phục vụ khác vẫn cầm nó: chỉ có mình anh là không chạm vào nó; anh chưa bao giờ nghĩ rằng:

– Tại sao chỉ có mình tôi bị cấm cầm nó; chẳng phải tôi cũng ngang hàng với những người khác sao?

Thánh Dosiphe không bao giờ nghĩ như vậy, mà luôn vui vẻ thực hiện mọi điều mà vị thầy của ngài ra lệnh.

Ngay cả khi Abba Dorotheus, khi khiển trách ngài, nói điều gì đó bằng ẩn dụ, Thánh Dosipheus vẫn cố gắng đoán ý và thực hiện mong muốn của vị thầy mình. Chẳng hạn, trong cuộc đời ngài đã xảy ra một sự việc như thế này. Ban đầu, Dosifei có thói quen nói rất to. Thánh Dorotheus, mong muốn ngài nói nhỏ hơn, đã nói:

– Dosifei, cần phải mang đến một chén rượu chưa pha loãng. Hãy đi lấy cái chén đó đi!

Anh ta lập tức đi lấy và mang về một chén rượu đầy cùng với bánh mì. Khi dâng những thứ này cho vị thầy, anh ta mong nhận được lời chúc phúc từ ngài, theo thông lệ. Thánh Dorotheus, khi thấy vậy, đã ngạc nhiên và hỏi anh ta:

– Ngươi muốn làm gì vậy, Dosifei?

– Thưa Cha, – đệ tử của ông đáp, – Cha đã ra lệnh mang cho con một chiếc cốc rượu chưa pha loãng; vậy xin Cha ban phước lành cho con.

[1935] Người xây dựng – hay còn gọi là người quản lý nhà cửa, người quản lý tài sản, người giữ kho, người quản gia, hoặc người giữ chìa khóa. Đó là tên gọi dành cho các tu sĩ phụ trách công việc kinh tế của tu viện!

– Ngươi thật vô lý, – Abba Dorotheus đáp, – ngươi nói rất to, giống như người Goth[1936] khi họ say rượu. Chính vì thế mà ta đã bảo ngươi: hãy cầm chén rượu đi, vì ngươi đang la hét to như người Goth vậy.

Thánh Dosipheus, sau khi cúi đầu chào, đã đặt lại những thứ mình mang theo, và từ đó trở đi, ngài bắt đầu nói chuyện một cách nhẹ nhàng.

Một lần nọ, ngài đến gặp Thánh Đô-rô-phê và xin ngài giải thích một đoạn trong Kinh Thánh – bởi vì, với lòng khao khát khai sáng tâm trí, ngài đã bắt đầu suy ngẫm về một số đoạn trong Kinh Thánh.

Nhưng vị thầy của ngài không muốn Đô-xi-phê rèn luyện việc nghiên cứu Kinh Thánh, vì lo ngại rằng như vậy ngài sẽ ảo tưởng về bản thân và không còn giữ được ý thức khiêm nhường về sự nghèo nàn của tâm hồn mình. Vì vậy, trước câu hỏi của đệ tử, Thánh Đô-rô-phê đã trả lời:

– Tôi không biết.

Một lần khác, khi Dosifei lại đến gặp vị thầy của mình và hỏi về một đoạn khác trong Kinh Thánh, anh nhận được câu trả lời như sau:

– Hãy đến gặp vị tu viện trưởng và hỏi ngài về điều đó, còn tôi thì không thể giải thích cho con được.

Tuân theo lệnh của vị thầy mình, Thánh Dosifei đã đến gặp vị tu viện trưởng. Nhưng Abba Dorotheus đã cảnh báo vị tu viện trưởng:

– Nếu Dosifei đến gặp cha và bắt đầu hỏi về các đoạn Kinh Thánh khác nhau, thì hãy đánh anh ta một cái.

Khi Dosifei đến gặp vị tu viện trưởng và xin ngài giải thích những đoạn khó hiểu trong Kinh Thánh, vị tu viện trưởng bắt đầu đánh anh ta, nói:

– Sao ngươi không im lặng đi, nếu ngươi chẳng hiểu gì? Sao ngươi lại dám hỏi về chuyện này? Chẳng phải ngươi nên quan tâm nhiều hơn đến sự trong sạch của mình, thay vì đi thử thách Kinh Thánh sao?

Sau đó, sau khi đánh thêm hai cái vào má anh, vị tu viện trưởng thả anh ra. Khi trở về gặp cha Dorotheus, vị tu sĩ đã chỉ cho cha thấy hai má đỏ ửng vì những cú đánh và nói:

– Vị tu viện trưởng cũng đã đánh vào lưng tôi nữa, – và không nói thêm gì nữa. Anh ta không trách móc vị thầy của mình, cũng không nói với ông ấy: "Tại sao ngài không khuyên răn tôi, tại sao lại gửi tôi đến gặp vị tu viện trưởng?" Không, vị thánh Dosifei không nói điều gì như thế cả; ngài chấp nhận mọi điều mà vị thầy của mình ra lệnh với lòng tin tưởng và ngay lập tức tuân theo mệnh lệnh đó mà không hề bàn cãi. Khi Abba Dorotheus hỏi đệ tử về những suy nghĩ của anh, Dosifei kể lại cho vị thầy của mình và ngoan ngoãn lắng nghe mọi lời dạy dỗ từ ngài. Đồng thời, anh cố gắng tuân thủ mệnh lệnh của thầy mình một cách chính xác đến mức Thánh Dorotheus chưa bao giờ phải lặp lại những lời dạy dỗ của mình. Ông đã hành xử như vậy trong suốt thời gian ngắn ngủi ở tu viện, và ông chỉ ở đó khoảng năm năm. Ông đã kết thúc cuộc đời mình như vậy, không bao giờ vi phạm sự vâng phục đối với vị thầy và người cha của mình, hoàn toàn từ bỏ ý chí riêng và không có sự gắn bó với bất kỳ điều gì.

Ngay cả sức khỏe của mình, Thánh Dosifei cũng không hề bận tâm. Khi ngài mắc phải căn bệnh nặng đến mức máu chảy ra từ cổ họng, ngài nghe nói rằng trứng chưa chín có thể giúp chữa bệnh. Thánh Dorotheus, người đã nỗ lực hết sức để chữa lành bệnh cho đệ tử của mình, cũng đã nghe nói về phương thuốc này, nhưng lúc đó lại quên mất. Và rồi một ngày nọ, Thánh Dosipheus nói với vị thầy của mình:

– Thưa Cha, con muốn nói với Cha một điều. Con biết một phương thuốc chữa bệnh của con, nhưng con muốn Cha ra lệnh cho con không được dùng nó, vì con sợ rằng nếu không, những suy nghĩ hão huyền về việc khỏi bệnh sẽ làm xao động tâm hồn con.

– Hãy nói cho con biết, con yêu, đó là phương thuốc gì vậy? – Thánh Dorotheus hỏi

– Xin cha hứa trước với con rằng cha sẽ không cho con dùng nó, – Thánh Dosifei lại nài nỉ Cha Dorotheus.

– Được rồi, – vị thầy đáp, – ta sẽ làm theo ý con.

Lúc đó, người bệnh nói với ngài:

– Con nghe một số người nói rằng đối với những bệnh nhân như con, trứng luộc chưa chín rất có lợi, nhưng xin cha đừng bắt con phải ăn chúng, để những suy nghĩ hão huyền về việc khỏi bệnh không làm con phân tâm.

[1936] Người Goth là một dân tộc bán hoang dã, có nguồn gốc Germanic, ban đầu sinh sống ở phía đông nam Biển Baltic. Trong thời kỳ Đại di cư của các dân tộc (thế kỷ V), người Goth đã mở rộng lãnh thổ về phía nam và trong một thời gian đã đe dọa Đế chế Byzantine. Cùng thời kỳ đó, cũng như sau này, có không ít lính đánh thuê người Goth phục vụ trong quân đội của hoàng đế Hy Lạp, vì vậy dân tộc này thậm chí còn được biết đến ở Palestine.

– Được rồi, con trai của ta, ta sẽ không ép buộc con, như chính con đã xin ta. Chỉ cần con đừng buồn phiền và đừng nản lòng.

Và quả thực, thay vì trứng chưa chín hẳn, Thánh Dorotheus đã cho đệ tử của mình những phương thuốc khác giúp chữa bệnh. Như vậy, Thánh Dosipheus, ngay cả khi mắc phải căn bệnh hiểm nghèo, vẫn cố gắng từ bỏ ý chí riêng của mình.

Vị thánh luôn ghi nhớ và nhắc nhở về Đức Chúa Trời trong tâm trí và trên môi miệng. Vị cha linh hướng của ngài khuyên ngài luôn luôn lặp lại: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con, xin thương xót con", và "Con của Thiên Chúa, xin giúp con". Thánh Dosifei luôn luôn niệm những lời cầu nguyện này trên môi miệng. Khi bệnh tình của ngài trở nên trầm trọng hơn, cha Dorotheus nói với ngài:

– Dosifei, đừng quên những lời cầu nguyện của con và hãy cầu nguyện gấp đôi!

– Xin Cha cầu nguyện với Thiên Chúa cho con, – người đau khổ đáp lại. Khi bệnh tình trở nên nặng nề hơn nữa, Cha Dorotheus hỏi:

– Này, Dosifei, con có vẫn cầu nguyện như trước đây không?

– Vâng, thưa Cha, nhờ những lời cầu nguyện của Cha, con không bỏ việc này. Khi bệnh tình của anh ta trở nên nặng nề hơn nữa, đến nỗi Dosifei không thể tự đứng dậy được nữa và phải được khiêng trên một tấm vải, Thánh Dorotheus hỏi anh ta:

– Dosifei, con có tiếp tục cầu nguyện không?

– Xin tha thứ cho con, thưa Cha, – người bệnh đáp, – con không thể cầu nguyện được nữa.

– Vậy thì hãy gác việc cầu nguyện sang một bên, – Thánh Dorotheus đáp, – chỉ cần nhớ đến danh Chúa và luôn hướng mắt về Ngài.

Những đau đớn của Thánh Dosifei ngày càng gia tăng, và một lần nọ, ông đã thỉnh cầu vị tu sĩ già Varsonofi như sau:

– Xin cha tha cho con, thưa cha, con không thể sống tiếp được nữa.

Thánh Varsonofi đã sai người truyền lại với ông:

– Hãy kiên nhẫn, con ơi, vì lòng thương xót của Chúa đã gần kề rồi.

Thấy Thánh Dosifei ốm nặng, Thánh Dorofei vô cùng đau buồn. Vài ngày sau, người bệnh lại sai người truyền lời đến Thánh Varsonofi:

– Thưa Đức Cha, con không thể sống được nữa.

Nghe vậy, Thánh Varsonofi vĩ đại đáp lại:

– Hãy ra đi trong bình an, hãy đến trước Thánh Ba Ngôi và cầu nguyện cho chúng con trước ngai vàng của Đấng Toàn Năng.

Nghe những lời này của Thánh Varsonofi vĩ đại, các tu sĩ bắt đầu phẫn nộ; họ nói với nhau:

– Thánh Dosifei đã làm được điều gì vĩ đại? Công đức của ngài là gì? Tại sao ngài lại nhận được câu trả lời như vậy từ vị trưởng lão vĩ đại?

Họ thực sự không thấy những việc làm phi thường nào của Thánh Dosifei, không thấy ông chỉ ăn cách ngày như một số tu sĩ ở đó đã làm; họ cũng không thấy Dosifei là người đến nhà thờ sớm nhất, cũng không thấy ông thể hiện sự kiêng khem đặc biệt nào. Họ đều thấy Dosifei dùng bữa, dù chỉ với lượng ít ỏi. Họ biết rằng Thánh Dosifei thỉnh thoảng dùng nước ép còn lại sau khi phân phát cho người bệnh, hoặc đầu cá, hoặc những món ăn tương tự khác. Và trong tu viện này có nhiều tu sĩ, những người đã lâu nay siêng năng tu tập sự kiêng khem, chỉ ăn mỗi ngày một lần, và luôn luôn cầu nguyện; những người này, khi nghe câu trả lời của Thánh Varsonofius, " " dành cho người bệnh mới ở tu viện chưa đầy năm năm, đã cảm thấy bối rối; vì họ không biết về sự vâng phục trọn vẹn và không than vãn của Thánh Dosifei, và không thể hiểu được công đức vĩ đại của ngài. Chính vì thế, họ đã bắt đầu than vãn khi nghe những lời Thánh Varsonofius nói với ngài.

Nhưng Chúa đã muốn tỏ ra vinh quang đã dành sẵn cho Đô-si-phê vì lòng vâng phục vĩ đại của ngài, đồng thời trước mặt mọi người, cho thấy vị thánh Đô-rô-phê đã hướng dẫn môn đệ của mình bước vào con đường cứu rỗi một cách khôn ngoan và nhanh chóng đến mức nào. Ngay sau khi Đô-si-phê qua đời[1937] , một vị thánh già, một nhà tu hành giàu kinh nghiệm, đã đến tu viện và được tiếp đón với sự tôn kính. Vị tu sĩ già này, mong muốn được gặp các vị thánh tổ đã qua đời của tu viện, đã cầu nguyện cùng Chúa để Ngài bày tỏ cho ông điều gì đó về họ. Lời

[1937] Ông qua đời vào thế kỷ VII.

cầu nguyện của ông đã được nhậm lời, và ông được ân sủng nhìn thấy tất cả các vị thánh tổ của tu viện đang đứng tại một nơi tràn ngập ánh sáng, trong số đó có một chàng trai trẻ với khuôn mặt rạng rỡ. Sau thị kiến đó, vị tu sĩ già bắt đầu hỏi xem chàng trai trẻ mà ông thấy giữa các vị thánh cha là ai. Khi ông mô tả ngoại hình của chàng, mọi người đều nhận ra đó chính là Thánh Dosipheus. Lúc bấy giờ, tất cả đều ngợi khen Thiên Chúa và kinh ngạc trước ân sủng vô cùng của Ngài.

Như vậy, Thánh Dosipheus trong thời gian ngắn đã đạt được vinh quang vĩ đại trong Nước Trời, bởi vì ngài đã nỗ lực sống trong sự vâng phục, từ bỏ ý chí riêng của mình và phục tùng ý chí của vị thầy dẫn dắt, như thể chính Đức Chúa Trời vậy. Vì điều đó, ngài hiện đang đứng trước mặt Thiên Chúa Hằng Sống trên trời cùng với tất cả các vị thánh tổ phụ, Đấng luôn quan tâm đến những người khiêm nhường và vâng lời, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Lễ kính các thánh tông đồ Archippus, Philemon và Apphia

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 2

Theo lời chứng của Thánh Ambrose, Thánh Tông đồ Archippus, một trong số bảy mươi Tông đồ, đã trở thành giám mục kế vị Thánh Epaphras tại thành phố Colossae[1938] , thuộc Phrygia; Thánh Tông đồ Phaolô trong thư gửi Philemon đã gọi Thánh Archippus là người đồng hành của ngài (Phil. 1:2). Thánh Philemon là một công dân có tiếng tăm tại Colossae, còn Thánh Apfia, theo lời chứng của Thánh Gioan Kim Khẩu, là vợ của Philemon. Sau khi tin nhận Chúa Kitô, ông đã biến ngôi nhà của mình thành nhà thờ; nhờ đó, tất cả các tín hữu tại Colossae đều tụ họp tại nhà của Philemon và các thánh lễ được cử hành tại đây, giống như trong nhà thờ[1939] . Sau đó, Thánh Philemon được tấn phong làm giám mục để giúp các Tông đồ truyền bá Tin Mừng.

Vào thời các Thánh Tông đồ, một số giám mục có nơi cư trú cố định và đảm nhiệm một giáo phận nhất định, trong khi những người khác, không có điều này, thì đi khắp các thành phố và làng mạc khác nhau; những người này được gọi là các giám mục tông đồ, vì họ được sai đi để rao giảng Tin Mừng theo tinh thần tông đồ. Thánh Philemon cũng là một giám mục như vậy, ngài đã được vinh dự được xếp vào hàng ngũ bảy mươi vị Thánh Tông Đồ, giống như một số giám mục địa phương; ngài đã đi khắp các thành phố ở Phrygia và một số nơi khác, và ở đâu cũng nhiệt thành rao giảng Lời Chúa. Có tin tức được lưu truyền đến ngày nay rằng ngài cũng từng là giám mục tại Gaza[1940] .

Thánh Apfia, sau khi lập một nhà thờ trong chính ngôi nhà của mình tại Colossae, đã tận tụy phụng sự Chúa cả ngày lẫn đêm, chuyên tâm cầu nguyện và ăn chay; bà vui vẻ đón tiếp và cho những ai đang rao giảng giáo lý của Chúa Kitô trú ngụ ; bà cung cấp thức ăn cho những người nghèo, khốn khó và lữ khách, đến nỗi ngôi nhà của bà không chỉ là nhà thờ, mà còn là nơi tiếp đón khách lữ hành, bệnh viện và nơi trú ẩn cho tất cả những ai không có chỗ để nghỉ ngơi và an ủi.

Một lần nọ, tại Colossae diễn ra một lễ hội ghê tởm để tôn vinh nữ thần ngoại đạo Artemis[1941] . Vào thời điểm đó, các Thánh Tông đồ Archippus và Philemon, đang có mặt tại thành phố này, đã tập hợp tất cả các tín hữu

---

[1938] Colossae – một thành phố ở phía tây nam Phrygia (khu vực Tiểu Á), bên sông Lycus, gần Laodicea và Hierapolis. Trong thời cổ đại, đây là một thành phố lớn, đông dân và giàu có. Hiện nay, đây là một ngôi làng nhỏ nằm trên một trong những sườn núi Hokas, nơi vẫn còn lưu giữ những tàn tích của thành phố cổ Colossae.

[1939] Vào thời các Tông đồ, các Kitô hữu không có những nơi đặc biệt dành cho các buổi cầu nguyện chung. Thông thường, người ta sử dụng một căn phòng trên lầu tốt nhất, phần lớn nằm trong nhà của một tín hữu khá giả nào đó, và tại đó, tất cả các Kitô hữu trong thành phố tụ họp để cử hành Bí tích Thánh Thể và các buổi cầu nguyện chung. Như vậy, căn phòng đơn sơ ấy dường như chính là một ngôi đền thờ. Mẫu mực của ngôi đền thờ-căn phòng này chính là căn phòng Si-ôn nổi tiếng, nơi mà theo truyền thuyết, Chúa Giê-su Ki-tô đã cử hành Bữa Tiệc Ly trước khi chịu khổ nạn, và nơi các Tông đồ đã tụ họp sau khi Chúa thăng thiên, để vào ngày thứ năm mươi, sau khi Ngài Phục Sinh, những ân tứ của Thánh Thần, Đấng đã ngự xuống trên họ.

[1940] Gaza – một trong những thành phố cổ xưa nhất của người Philistine, từng là ranh giới phía nam của người Canaan ở Palestine. Sau này, thành phố phồn thịnh này đã mất hết tầm quan trọng, và giờ đây chỉ còn những ngọn đồi cát và những tàn tích thê thảm làm chứng rằng nơi đây từng tồn tại một thành phố hùng mạnh. Không xa nơi đây là một thành phố mới, có nguồn gốc muộn hơn, mang cùng tên gọi.

[1941] Artemis, hay còn gọi là Diana – là nữ thần ngoại giáo nổi tiếng của người Hy Lạp và La Mã, người tượng trưng cho mặt trăng và được coi là vị thần bảo trợ của rừng rậm và săn bắn. Các nghi lễ thờ phụng nữ thần này được tổ chức với sự lộng lẫy và hoành tráng; đặc biệt, người ta tôn kính bà rất nhiều tại thành phố Ê-phê-sô.

tại nhà của Philemon và Apphia, dâng lên Chúa những lời cầu nguyện thường lệ và cử hành Thánh lễ. Trong khi đó, những kẻ thờ thần tượng, vốn nuôi dưỡng lòng căm thù mãnh liệt đối với các tín hữu, đã biết được rằng tất cả các Kitô hữu đều tụ tập tại nhà của Philemon. Lợi dụng cơ hội này, những kẻ ngoại đạo đã bất ngờ tấn công các tín hữu, xua tan cả đoàn chiên của Chúa Kitô, đánh đập một số người, giết chết những người khác; sau đó, bắt giữ các Thánh Tông đồ Archippus và Philemon, cùng với Thánh Apfia, họ dẫn các ngài đến gặp quan tổng trấn Ephesus là Artocles và, theo lệnh của ông ta, đã tra tấn các thánh: trước tiên, những kẻ tra tấn quật ngã các ngài xuống đất và lôi kéo các ngài đi, đồng thời không thương xót đánh đập các ngài; sau đó, từng người một bị chôn xuống đất đến hông và bắt đầu bị ném đá. Thánh Philemon và Thánh Apfia bị ném đá đến chết; còn Thánh Archippus thì bị bỏ lại trong tình trạng thoi thóp để làm trò cười cho lũ trẻ; tại đó, rất nhiều thiếu niên tụ tập lại và bắt đầu hành hạ ngài bằng dao. Như vậy, ba vị thánh này đã được đưa lên Thiên Đàng, đứng trước ngai vàng của Ba Ngôi Thánh, Đấng Ban Sự Sống, Thần Thánh và Không Thể Chia Cắt[1942] .

Bài ca ngợi Thánh Tông đồ Archippus, giọng 4:

Như một ngôi sao vĩ đại, Giáo hội, người sở hữu ngươi, Archippus, được chiếu sáng bởi những tia sáng của các phép lạ của ngươi, kêu gọi ngươi: hãy cứu rỗi những ai tôn kính ký ức của ngươi bằng đức tin.

Lễ kỷ niệm Thánh Ravula.

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 2

Thánh Ravula sinh ra tại thành phố Samosata[1943] . Ngài được giáo dục dưới sự hướng dẫn của một học giả nổi tiếng, thông thạo tiếng Syriac, tên là Varipsava. Từ thuở thiếu thời, ngài đã sống một cuộc đời đạo đức; khi đến tuổi trưởng thành, vị thánh này đã xuất gia và chọn cho mình những việc làm phi thường.

Giống như Thánh Tiên tri Ê-li, ngài sống một mình trên núi và trong các hang động, và lối sống của ngài noi gương Thánh Gioan Tẩy Giả.

Sau một thời gian, vị tu sĩ cùng với một tu sĩ khác đã lên đường đến Phê-ni-ki[1944] và, trong thời gian tu hành tại đây, ngài đã thu hút sự chú ý nhờ những đức hạnh cao quý của mình, đến nỗi chẳng bao lâu sau, dù không mong muốn, ngài đã trở nên nổi tiếng khắp nơi. Sau khi nhận được khoản trợ cấp từ Hoàng đế Zeno[1945] , ngài đã xây dựng một tu viện rộng lớn tại một nơi giữa núi non, với sự hỗ trợ của Giám mục Gioan thành Berytus[1946] , và đưa các tu sĩ đến sinh sống tại đó. Xung quanh tu viện có rất nhiều người ngoại đạo cứng đầu sinh sống. Thánh Ravula và các tu sĩ cùng tu hành với ngài trong tu viện, noi gương các Thánh Tông đồ Phaolô và Barnaba, cũng như Phêrô và Gioan, đã lúc thì vạch trần những lầm lạc của họ, không ít lần tranh luận với họ, lúc thì giảng dạy cho họ về đức tin, và chẳng bao lâu sau đã dẫn dắt tất cả họ đến với sự nhận biết về Thiên Chúa chân thật. Đó là công trạng vinh quang đầu tiên của vị thánh.

Sau khi Hoàng đế Zeno qua đời, Hoàng đế Anastasius[1947] đã tiếp quản việc cai trị đế quốc. Thánh Ravula đã lên đường đến Constantinople và nhờ những nỗ lực của mình, ngài đã thuyết phục được hoàng đế cấp cho ngài một khoản trợ cấp mới, và số tiền này đã được ngài dùng để xây dựng tu viện thứ hai. Sau đó, ngài còn xây dựng thêm nhiều tu viện khác ở nhiều nơi khác nhau. Thánh Ravula luôn tận tụy với mọi việc thiện, hiền lành, nhân từ, yêu thương con người, không bao giờ để cơn giận chi phối, luôn sống trong cầu nguyện và đối xử với mọi người bằng lòng tốt. Và khi ma quỷ khơi dậy những dục vọng trong lòng ngài để đối đầu với ngài, thì nhờ sự am hiểu sâu

---

[1942] Các Tông đồ Archippus và Philemon cùng với thánh nữ Apphia đã qua đời dưới triều đại của Hoàng đế La Mã Nero (54–68). Giáo hội cũng kỷ niệm ngày lễ của các ngài vào ngày 22 tháng 11.

[1943] Thành phố Samosata nằm ở Syria, tọa lạc trên bờ phải (bờ tây) của sông Euphrates, ở thượng nguồn.

[1944] Phoenicia nằm ở phía bắc Palestine, giữa Biển Địa Trung Hải và dãy núi Lebanon.

[1945] Zeno trị vì từ năm 474 đến năm 491, với một khoảng thời gian gián đoạn ngắn. Trong thời kỳ trị vì của ông, đã diễn ra cuộc đấu tranh giữa những người Chính thống giáo với những kẻ dị giáo Monophysite, và ông đã tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh này, cố gắng mang lại ưu thế và chiến thắng cho những người đại diện cho giáo lý Chính thống của Giáo hội.

[1946] Beryt, ngày nay là Beirut, là một thành phố ven biển của Phoenicia và nằm gần cửa sông Magora.

[1947] Hoàng đế Anastasius trị vì đế chế từ năm 491 đến năm 518.

sắc và thấu đáo Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước, ngài đã dùng Lời Chúa và những việc làm đạo đức để chống lại nó, nhờ đó xua đuổi kẻ thù khỏi mình. Vị thánh sống cho đến thời trị vì của Hoàng đế Justinian Đại đế[1948] , người đã xây dựng nhà thờ Thánh Sophia nổi tiếng tại Constantinople[1949] . Khi đã tám mươi tuổi, một lần ngài nghe thấy tiếng nói từ trời phán với ngài: *"Hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, hãy đến với Ta, Ta sẽ cho các ngươi được nghỉ ngơi"* (Mt 11:28), sau đó, sau một thời gian ốm yếu, ngài đã về với Chúa[1950] .

Lễ kỷ niệm các vị thánh Evgeni và Makari, những vị chứng nhân đức tin.

Ngày tưởng niệm 19 tháng 2

Khi Hoàng đế Julian trị vì Đế quốc La Mã, tất cả các Kitô hữu đều phải lẩn trốn vì theo lệnh của hoàng đế, người ta dâng lễ vật cho các thần ngoại đạo khắp nơi, và những người ngoại đạo, để lấy lòng chủ nhân của họ, đã tự làm ô uế bản thân và không sợ sự phán xét của Đức Chúa Trời cũng như sự trừng phạt vĩnh cửu, đã dùng vũ lực ép buộc các vị chứng nhân của Đấng Christ, những người kiên định trong đức tin, phải tham gia vào các lễ tế này. Vào thời điểm đó, hai vị trưởng lão của Giáo hội Antioch là Evgeni và Makari đã bị bắt và bị đưa ra xét xử trước Julian. Tại phiên tòa, họ đã xưng nhận Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật và Đấng Phán Xét của người sống và người chết, đồng thời vạch trần hoàng đế bội đạo là kẻ vô đạo và sát nhân, kẻ vi phạm các điều răn của Thiên Chúa, kẻ ngoại đạo và tôi tớ của các thần tượng, và họ đã nói với ông ta:

– Khốn cho ngươi, kẻ vô đạo và kẻ thừa kế ngọn lửa vĩnh cửu, bất tận! Khốn cho sự hư vô của ngươi! Sao ngươi lại dám chọn bóng tối thay vì ánh sáng?

Nghe những lời ấy, Julian nổi giận và ra lệnh trước tiên trói các thánh bằng những sợi dây mảnh, treo ngược đầu xuống và xông khói bằng phân độc hôi thối, rồi nung nóng một tấm sắt cho rực lửa, lột trần họ ra và đặt họ lên đó. Phải chịu những cực hình như vậy, các thánh Eugenius và Macarius ngước mắt lên trời và, nhờ được sức mạnh của Thiên Chúa che chở, vẫn không hề hấn gì, khuôn mặt họ rạng ngời niềm vui và qua đó vạch trần sự độc ác của kẻ hành hạ. Sau đó, Julian ra lệnh xiềng xích họ lại và đày họ đến Oasis[1951] ở Ả Rập. Trên đường đến nơi lưu đày, các thánh vui mừng vì được chịu lưu đày vì Chúa Kitô, và hát: *"Phúc cho những ai vô tội trên đường đi, những ai bước đi theo luật Chúa"* (Thánh vịnh 118:1).

Với tinh thần hân hoan, họ đến Oasim, leo lên một ngọn núi và sống một mình trên đó. Các quan chức của đất nước nói với họ:

– Hỡi các anh em, hãy rời khỏi nơi này, vì không xa đây có một con rắn hung dữ đang cư ngụ, nó sẽ nuốt chửng bất cứ ai đến gần nó.

Nghe vậy, các thánh nhân đáp lại:

– Hãy chỉ cho chúng tôi hang động nơi con rắn đó đang cư ngụ.

Họ được dẫn đến nơi con rắn cư ngụ và từ xa chỉ cho họ thấy hang động nơi nó đang ẩn náu. Lúc đó, các thánh quỳ gối cầu nguyện với Chúa, và đột nhiên một tiếng sấm rền vang từ trời cao đánh trúng con rắn. Con rắn bị giết lập tức bốc cháy và cháy rụi ngay lập tức; cùng với nó, cát trong hang động cũng bị thiêu rụi, và một cơn lốc bụi hôi thối cuồng nộ bốc lên trên miệng hang. Chứng kiến phép lạ này, các quan chức của đất nước, vốn là những người ngoại đạo, đã tin vào Chúa Kitô.

Trong khi đó, các thánh Eugenius và Macarius bước vào hang động nơi con rắn cư ngụ, và dành ba mươi ngày để cầu nguyện, không mang theo cả thức ăn lẫn nước uống. Cuối cùng, họ nghe thấy một giọng nói phán bảo:

[1948] Justinian lên ngôi sau Justina vào năm 527 và trị vì cho đến năm 565.

[1949] Nhà thờ chính tòa lớn nhất của Constantinopolis mang tên Thánh Sofia – Biểu tượng của Sự Khôn Ngoan Thần Thánh, vốn được xây dựng lần đầu tiên bởi Hoàng đế Constantine Đại Đế. Dưới triều đại Hoàng đế Justinian, công trình này đã được trùng tu lộng lẫy và mở rộng vào năm 537. Năm 1453, khi Constantinopolis bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng, nhà thờ này đã bị chuyển đổi thành thánh đường Hồi giáo. Nhà thờ Thánh Sofia thời Justinian cho đến nay vẫn là một di tích kiến trúc Kitô giáo theo phong cách Byzantine tuyệt vời và uy nghi nhất, đại diện cho thời kỳ rực rỡ nhất trong sự phát triển của phong cách này.

[1950] Thánh Ravula qua đời vào khoảng năm 530.

[1951] Ả Rập là một bán đảo đá ở phía tây nam châu Á. Oasis này là một trong những ốc đảo của sa mạc Ả Rập.

– Hỡi các tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giê-su Ki-tô, hãy đến gần tảng đá đang ở gần các ngươi.

Các thánh đã tuân theo mệnh lệnh, và khi đến gần tảng đá, trước tiên họ thấy ánh sáng tỏa ra từ đó, rồi tảng đá tách làm hai mảnh, và nước tuôn trào dồi dào từ đó. Lấy nước ấy, họ uống cho thỏa thích và nhờ đó đã xoa dịu cơn đói và cơn khát của mình. Trong hang động, các thánh đã cầu nguyện xin Chúa cho họ được chết cùng lúc và cùng ở với Đấng Kitô, và Chúa đã nhậm lời cầu nguyện của họ: cả hai cùng nhau về với Chúa, tạ ơn và tôn vinh Ngài[1952] .

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng niệm các thánh tử đạo Maximus, Theodotus, Isichius và thánh nữ tử đạo Asclepiodota, những người đã chịu tử đạo dưới thời hoàng đế Maximianus Galerius tại Adrianople[1953] .

Ngày 5 tháng 3

20 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Cha Lêô, Giám mục Catania

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 2

Thánh Lê, con của những bậc cha mẹ quý tộc và đạo đức, xuất thân từ vùng Ravenna[1954] . Nhờ cuộc đời trong sạch và trí tuệ sáng suốt, ngài đã được phong các chức thánh theo thứ tự, và sau khi Thánh Savin, Giám mục Catania, qua đời, ngài đã được Chúa chọn và tấn phong lên ngai giám mục. Thành phố Catania nằm trên đảo Sicily, không xa núi Etna, ngọn núi vẫn tiếp tục phun trào dung nham cho đến ngày nay. Khi nhận chức giám mục, Thánh Lêô cũng đảm nhận mọi công việc phù hợp với chức vụ mới của mình. Ngài chăm lo cho trẻ mồ côi, người nghèo, góa phụ, người bệnh và người lữ hành, cung cấp thức ăn và quần áo cho họ từ tài sản của Giáo hội, đồng thời chữa lành bệnh tật của họ bằng những lời cầu nguyện; ngài là người cha nhân từ đối với các con cái của mình và là mục tử trung thành của đoàn chiên, nhưng đối với ma quỷ và những kẻ phục vụ chúng, ngài đáng sợ như con sư tử đối với bầy sói. Vào thời của ngài tại Catania, có một pháp sư tên là Iliodor; ông là con của những bậc cha mẹ tin vào Chúa Kitô và đạo đức, và bản thân ông cũng đã được rửa tội, nhưng sau đó ông đã bí mật từ bỏ Chúa Kitô và bắt đầu phụng sự ma quỷ, sau khi học được thuật phù thủy từ một người Do Thái. Như vậy, ông ta được coi là Kitô hữu, nhưng thực ra lại là người ngoại đạo, đầy tớ của ma quỷ và một pháp sư vĩ đại, chẳng hơn gì pháp sư cổ xưa Simon, người đã bị các Thánh Tông đồ tối cao Phêrô và Phaolô kết án tử hình bằng lời cầu nguyện của họ; Heliodor cũng giống hệt ông ta về mọi mặt: bằng cách thực hiện những phép thuật kỳ diệu đáng kinh ngạc, nhờ sức mạnh thôi miên của mình, ông ta khiến mọi người tưởng như có những dòng sông chảy trên mặt đất khô cằn, trên các con đường và đồng rơm, đến nỗi cả nam lẫn nữ trong thành phố đều cởi bỏ quần áo và đi qua giữa thành phố, như thể họ đang băng qua một dòng sông; ông biến đá thành vàng, nhưng chỉ trong chốc lát; tại các chợ, bằng những trò phù thủy của mình, ông gây ra những tổn thất lớn cho các thương gia; những thiếu nữ quý tộc, con gái của những công dân chính trực và có địa vị, bị phép thuật của hắn kích động đến mức sa vào tội lỗi xác thịt, khiến họ quên đi sự xấu hổ, bỏ lại mái ấm và cha mẹ, rồi chạy đi khắp nơi để tìm kiếm những cuộc tình vụng trộm. Khi quan tổng trấn Lucius tâu trình về hắn với các hoàng đế Leo và con trai ông là Constantine Porphyrogenitus[1955] , các hoàng đế đã ra lệnh bắt giữ hắn; nhưng Iliodor tự nguyện đầu hàng những người đang truy lùng hắn; ông lên tàu cùng họ tại Catania và ngay trong ngày đó đã cập bến Constantinople, vượt qua quãng đường mà chỉ những người từng đi từ phương Tây – từ Sicily sang phương Đông – đến Thrace mới có thể hình dung được, chỉ trong vòng một giờ. Khi xuất hiện trước mặt các vị vua, ông bị họ kết án tử hình, nhưng ngay lập tức, trước mắt các vị vua, ông trở nên vô hình và lại xuất hiện tại Catania; khi bị triệu tập lần thứ hai đến Constantinople và bị kết án

---

[1952] Các thánh qua đời vào năm 363.

[1953] Ngày tưởng niệm ba vị trong số họ là Maxim, Theodotus và Asclepiodotus (hay còn gọi là Ascleiad) cũng được tổ chức vào ngày 15 tháng 9.

[1954] Ravenna – hiện là một tỉnh của Ý nằm bên bờ Biển Adriatic.

[1955] Lêô IV Người Khôn Ngoan (717–741); con trai ông là Constantine trị vì từ năm 741 đến năm 775.

chém đầu, vị pháp sư lại biến mất ngay lúc một chiến binh giơ kiếm lên trên đầu ông và vung mạnh, khiến lưỡi kiếm chỉ chém vào không khí; và một lần nữa, pháp sư này lại xuất hiện tại Catania.

Thánh Lê, vị thánh của Chúa Kitô, đã nhiều lần khuyên nhủ hắn từ bỏ những việc ác đó và, sau khi ăn năn, hãy quay về với Thiên Chúa, nhưng không thể thuyết phục được Iliodor, cũng như không thể làm cho người Ê-thi-ô-pi trở nên trắng hay biến hòn đá cứng thành sáp mềm. Kẻ vô đạo không những không hối cải, mà còn ấp ủ một âm mưu tàn ác hơn nữa: hắn đã dùng phép thuật nhắm vào chính vị Tổng Giám mục của Chúa, mong muốn dùng phép thuật của mình để chế nhạo ngài. Một ngày lễ trọng thể, vị Thánh, trước sự chứng kiến của toàn thể dân chúng, đang cử hành Thánh lễ cùng toàn thể linh mục đoàn trong nhà thờ; thì pháp sư Iliodor, với bộ mặt của một Kitô hữu đạo đức giả, cũng bước vào nhà thờ và bắt đầu bí mật thực hiện các nghi thức phù thủy của mình; nhờ đó, hắn khiến một số người trong đám đông bắt đầu dậm chân trong nhà thờ như ngựa, và gầm gừ như thú dữ; những người khác thì cười không ngừng, còn một số lại nổi giận; còn nhà phù thủy thì khoe khoang rằng hắn sẽ làm cho chính vị giám mục cùng tất cả các linh mục và tu sĩ của ngài, sau khi ngừng cử hành Thánh lễ, sẽ ngay lập tức nhảy múa và nhảy nhót tại chỗ, như thể theo nhịp điệu của âm nhạc và tiếng đàn organ. Thánh nhân của Chúa, sau khi thấu hiểu ý định của Iliodor, đã quỳ gối trước ngai vàng của Đức Chúa Trời và, sau khi cầu nguyện hết lòng, ngài đứng dậy, bước ra khỏi bàn thờ, dùng tấm áo choàng của mình quấn quanh cổ tên phù thủy, trói hắn lại, rồi dẫn hắn ra khỏi nhà thờ đến giữa thành phố, và ra lệnh cho dân chúng ngay lập tức mang thật nhiều củi đến và đốt một ngọn lửa lớn. Khi mệnh lệnh của ngài được thi hành xong, vị thánh đã tra hỏi Iliodor về tất cả các trò phù thủy và phép thuật của hắn; sau đó, vẫn giữ hắn bị trói bằng tấm áo choàng, ngài cùng hắn bước vào ngọn lửa, và khi đang ở giữa ngọn lửa, ngài vẫn giữ chặt hắn và không rời khỏi chỗ của mình cho đến khi tên phù thủy vô đạo bị thiêu rụi hoàn toàn; sau đó, Đức Giám mục Lê-ô của Chúa, khi trở về nhà thờ, đã hoàn tất Thánh lễ. Phép lạ vinh quang này đã khiến mọi người kinh hoàng, bởi vì khi giữ tên phù thủy trong ngọn lửa, chính vị thánh không những không bị bỏng trong lửa, mà ngay cả ngọn lửa cũng không chạm vào y phục thánh của ngài: sương của Thánh Thần đã bao bọc ngài trong ngọn lửa và bảo vệ ngài khỏi bị bỏng; tin tức về điều này đã lan truyền khắp bốn phương trời; các vị vua, khi biết về phép lạ này, đã mời vị thánh đến Constantinople với vinh dự lớn lao và, quỳ xuống dưới chân thánh của ngài, khẩn cầu ngài cầu nguyện cho họ. Khi bước vào cung điện hoàng gia, vị thánh mang theo những than hồng đang cháy trên áo choàng của mình, nhưng áo choàng của ngài vẫn không bị cháy xém. Và vị thánh nhân vĩ đại này của Đức Chúa Trời đã thực hiện nhiều phép lạ khác nữa: ngài ban lại thị lực cho người mù, chữa lành cho người bệnh, trừ tà ma khỏi con người, bằng lời cầu nguyện của mình đã phá hủy đền thờ tà thần và bằng lời nói của mình đã lật đổ các thần tượng; cuối cùng, khi đã cao tuổi, ngài đã về với Chúa. Cũng vào thời điểm đó, một người phụ nữ bị chảy máu từ vùng Syracuse[1956] , thuộc dòng dõi thượng nghị sĩ, đã đến thành phố Catania để gặp vị thánh; bà đã phải chịu đựng căn bệnh chảy máu trong một thời gian dài: các bác sĩ đã từ chối chữa trị cho bà; khi nghe tin vị thánh giám mục Lê-ô có thể chữa lành bệnh tật cho mọi người bằng lời cầu nguyện, bà đã đến xin ngài cầu nguyện cho mình; khi bà đang bước qua cổng thành, bà nghe thấy tiếng chuông báo tang, và khi bà hỏi ai đã qua đời, người ta trả lời rằng vị thánh giám mục Lê-ô đã an nghỉ trong Chúa; tràn ngập lòng thương xót sâu sắc, cô đến bên thi hài của ngài và ngay khi vừa chạm vào giường của ngài, máu chảy trong người cô lập tức ngừng lại, và cô được chữa lành hoàn toàn. Thi hài thánh của Giám mục Lê-v đã được an táng trong nhà thờ Thánh Tử đạo Lu-ki-a; và thi hài ấy đã chữa lành nhiều bệnh tật khác nhau để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Như một ngọn đèn vĩ đại, Giáo Hội có ngài, hỡi vị thánh phúc lành, tỏa sáng rực rỡ hơn cả mặt trời; xin ngài, hỡi vị thánh phúc lành, bằng những lời cầu nguyện của ngài, gìn giữ Giáo Hội bất khả chiến bại và bất di bất dịch trước mọi tà giáo, và không bị ô uế, như một vị thánh được tưởng nhớ muôn đời.

[1956] *Syracuse* – một trong những thuộc địa Hy Lạp đầu tiên trên bờ đông đảo Sicily, theo truyền thuyết, được người Corinth thành lập vào khoảng năm 735 trước Công nguyên. Hiện nay là một tỉnh của Ý.

Cuộc tử đạo của Thánh Tông đồ Tử đạo Sadoq, Giám mục xứ Ba Tư, cùng với 128 vị tử đạo

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Sadok, Giám mục xứ Ba Tư, cùng với 128 vị tử đạo

Ngày kỷ niệm: 20 tháng 2

Thánh Sadok đã lên ngôi giám mục tại các thành phố Salike và Ctesiphon của Ba Tư sau khi Thánh Simeon, Giám mục Ba Tư, đã chịu tử đạo tại đó. Một lần nọ, Thánh Sadok có một giấc mơ đáng sợ; khi tỉnh dậy, ngài triệu tập các linh mục, phó tế và các thừa tác viên của mình – lúc bấy giờ tất cả họ đều đang lẩn trốn vì sợ nhà vua – và bắt đầu nói với họ:

– Đêm nay, trong giấc mơ, tôi đã thấy một cái thang chạm đến tận trời cao; trên đó, Thánh Giám mục Simeon đang đứng trong vinh quang rực rỡ, còn tôi thì đứng dưới đất; Thánh Simeon đã nói lớn với tôi: "Hãy lên với ta, Sadok, và đừng sợ – ta đã lên hôm qua, còn ngươi hãy lên hôm nay." Sau giấc mơ và những lời của vị thánh ấy, tôi tin rằng mình sẽ phải chịu khổ hình vì Chúa Kitô; lời của Thánh Simeon: "Hôm qua ta đã lên đó, còn ngươi hãy lên hôm nay", có nghĩa là ngài đã chịu đau khổ vào năm ngoái, còn tôi trong năm nay sẽ phải chịu khổ hình và cái chết.

Sau đó, Thánh Sadok bắt đầu giảng dạy cho các linh mục như sau:

– Hỡi các anh em yêu dấu và các vị cha, chúng ta hãy yêu mến Thiên Chúa bằng cả tâm hồn và Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, bằng mọi suy nghĩ; khi đã mặc lấy áo giáp của đức tin, chúng ta sẽ không sợ hãi trước bất kỳ điều ác nào, cũng không kinh hoàng nếu phải chịu đau khổ và cái chết – xin mỗi người trong chúng ta hãy trở thành chiến binh tốt lành của Chúa Giêsu Kitô. Nếu chúng ta phải chết, thì hãy chết như những người hoàn hảo; còn nếu chúng ta được định sống, thì hãy sống như những người công chính. Dù có chết đi chăng nữa, chúng ta cũng sẽ chết vì Đấng Cứu Thế của chúng ta, và sẽ không sợ gươm đao, nếu qua gươm đao mà chúng ta được mở ra sự sống đời đời. Trong khi ngày vẫn còn[1957] , chúng ta hãy siêng năng làm việc vì sự cứu rỗi linh hồn mình, để được giàu có những ân huệ bất diệt, được hưởng vinh quang và danh dự vô tận trong Nước Trời, để danh tiếng của chúng ta mãi mãi được ghi nhớ trong lòng cộng đồng Kitô hữu. Hỡi anh em, chúng ta hãy cầu xin Thiên Chúa của chúng ta, để Ngài sớm thực hiện điều mà tôi đã được thấy trong thị kiến. Bởi vì ai thuộc về Thánh Thần thì với niềm vui và tình yêu vĩ đại, sẵn sàng chịu đau khổ và cái chết vì Chúa Kitô, và không sợ hãi, vì người ấy luôn sẵn sàng cho hành động anh hùng ấy. Nhưng giờ lâm chung thật đáng sợ và kinh hoàng đối với kẻ thuộc về xác thịt; những người có đức hạnh tự mình tìm kiếm cái chết ấy với sự cẩn trọng và lòng quảng đại, để qua đó được hưởng sự sống đời đời; còn những kẻ lười biếng và thiếu trách nhiệm thì trốn tránh khi thấy cái chết hiện ra trước mắt. Vì những ai yêu mến Thiên Chúa thì được về với Ngài, còn những ai yêu mến thế gian thì vẫn ở lại trong thế gian; những người trước bỏ lại thân xác để được niềm vui và sự hân hoan, còn những người sau thì ở lại trong cuộc đời này với những nỗi khổ đau và than thở.

Vào năm thứ hai của cuộc bách hại, vua Ba Tư Sapor đã đến các thành phố Salik và Ctesiphon đã được nhắc đến; vào thời điểm đó, người ta đã vu khống vị giám mục thánh Sadok trước mặt ông, tên của ngài có nghĩa là: "bạn của vua", và quả thực ngài đã yêu mến Đức Vua trên trời là Đức Kitô bằng cả trái tim và tất cả sức lực của mình: ngài nổi bật bởi sự tiết độ cao cả và tràn đầy công chính cùng đức tin; ngài noi gương Thánh Simêon, người mà ngài đã kế vị trên ngai giám mục. Lúc bấy giờ, Sapor đã sai quân lính đến bắt vị giám mục cùng với các linh mục của ngài; cùng với họ, nhiều Kitô hữu và tu sĩ khác cũng bị bắt giữ, tổng cộng 128 người; tất cả đều bị xiềng xích bằng sắt và giam cầm trong ngục tối, một nơi u ám, hôi thối và đáng sợ. Tại đây, trong suốt năm tháng, họ phải chịu đựng những đau khổ không thể chịu đựng nổi, bởi vì những tên đầy tớ vô đạo của vị vua vô thần đã trói từng vị tử đạo khắp cơ thể bằng những sợi dây da mỏng, dùng cây gỗ uốn cong cơ thể họ, đến nỗi xương của các vị tử đạo kêu răng rắc và da của họ nứt nẻ – đó là những cực hình khủng khiếp mà các thánh phải chịu đựng.

Trong khi đó, những kẻ tra tấn nói:

– Hãy quỳ lạy mặt trời và lửa, hãy tuân theo ý muốn của vua, thì các ngươi sẽ được sống.

[1957] Đây là lời ám chỉ đến lời của Chúa Giê-su: *"Một ngày có phải là mười hai giờ chăng? Ai đi ban ngày thì không vấp ngã, vì thấy ánh sáng của thế gian này; còn ai đi ban đêm thì vấp ngã, vì không có ánh sáng đi cùng"* (Giăng 11:9–10).

Thánh Sadok đã thay mặt mọi người đáp lại:

– Chúng tôi là những người Kitô hữu, và chúng tôi thờ phượng Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa trời đất; chúng tôi phụng sự Ngài bằng cả tâm hồn và mọi sức lực của mình; còn mặt trời và lửa, chúng tôi không thờ phượng cũng không tôn kính chúng, vì chúng được tạo ra để phục vụ con người. Chúng tôi sẽ không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua và sẽ không từ bỏ Đức Chúa Trời của chúng tôi, cũng không sợ cái chết, vốn đưa chúng tôi từ cuộc đời tạm bợ và hư vô này vào Nước Trời vĩnh cửu; vậy nên đừng chần chừ nữa, hãy giết chúng tôi đi, đừng thương xót máu của chúng tôi, vốn đã nhiều lần đổ ra trước mắt các ngài rồi.

Sau đó, sắc lệnh của nhà vua lại được ban xuống cho các thánh nhân:

– Nếu các ngươi không tuân theo mệnh lệnh của ta và không thực hiện ý muốn của ta, thì sự diệt vong tàn khốc sẽ sớm ập đến với các ngươi.

Các thánh nhân đồng thanh đáp lại:

– Chúng tôi sẽ không hư mất trước mặt Đức Chúa Trời của chúng tôi, chúng tôi sẽ không chết trong Đấng Christ của Ngài, vì Ngài ban cho chúng tôi sự sống hạnh phúc và vĩnh cửu, và ban cho chúng tôi Nước Trời bất diệt làm gia nghiệp và sự bình an; còn ngài thì đừng trì hoãn cái chết của chúng tôi, vì chúng tôi sẵn sàng chịu khổ vì Đức Chúa Trời của chúng tôi với lòng nhiệt thành; chúng tôi sẽ không thờ lạy mặt trời và lửa, chúng tôi sẽ không tuân theo những mệnh lệnh bất chính của nhà vua, đầy rẫy cái chết và sự diệt vong.

Nhà vua, thấy sự kiên định vững chắc của họ trong đức tin, đã ra sắc lệnh chém đầu tất cả họ bằng gươm. Còn các thánh, khi nghe tin về lệnh của nhà vua, đều vui mừng chuẩn bị đón nhận cái chết. Họ bị dẫn ra ngoài thành. Trên đường đi, họ hân hoan hát lên:

– Lạy Chúa, xin xét xử chúng con và phân xử tranh chấp của chúng con; xin cứu chúng con khỏi dân tộc gian ác, khỏi những kẻ bất chính và nịnh hót (xem Tv 42,1), những kẻ làm đổ máu; xin cứu chúng con, vì Chúa là niềm hy vọng của chúng con.

Khi đến nơi hành hình, tất cả họ đồng lòng kêu lên:

– Ngợi khen Chúa, Thiên Chúa của chúng con, Đấng đã ban cho chúng con ân sủng này; Ngài đã không khinh dể những lời cầu nguyện của chúng con, nhưng đã ban cho chúng con vương miện quý giá nhất – sự tử đạo. Lạy Chúa, Ngài biết rõ chúng con đã khao khát điều đó biết bao. Ngợi khen Thiên Chúa, Con Một duy nhất của Ngài, lạy Cha, Đấng đã cứu chuộc và kêu gọi chúng con đến sự sống đời đời. Xin đừng để chúng con phải khốn khổ trong thế gian này, lạy Chúa, nhưng xin củng cố chúng con trước mặt Ngài mãi mãi vì lòng nhân từ của Ngài; xin rửa sạch tội lỗi chúng con bằng chính máu của chúng con, vì Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất được tôn vinh, cùng Con Một của Ngài và Thánh Thần chí thánh của Ngài, mãi mãi. A-men.

Vào lúc các thánh dâng lên Chúa lời cầu nguyện ấy, những kẻ vô đạo đã đánh đập họ, nhưng các vị tử đạo vẫn tiếp tục ngợi khen Thiên Chúa cho đến khi người cuối cùng trong số họ bị giết chết. Còn vị tử đạo chính trực và vinh quang là Sadok, những kẻ tra tấn đã dẫn ngài trong xiềng xích đến một thành phố khác tên là Bithlaphat, và tại đó, họ đã chém đứt cái đầu chính trực và thánh thiện của ngài. Như vậy, tất cả các vị thánh và các vị tử đạo vinh quang này đã an nghỉ trong bình an, ca ngợi và tôn vinh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Agathon, Giáo hoàng Rôma.

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 2

Vị thánh này sinh ra tại Ý trong một gia đình giàu có, cha mẹ Ngài tin vào Đấng Kitô và sống một cuộc đời đạo đức. Vì yêu thương con trai mình, họ đã dạy cho Ngài đọc mọi loại sách hữu ích và được Thánh Thần soi dẫn. Vị thánh này đã thành thạo Kinh Thánh đến mức, sau khi cha mẹ qua đời, ngài đã thu gom toàn bộ tài sản còn lại của họ (khoảng 1.633 lít[1958]) và, sau khi tập hợp những người nghèo, trẻ mồ côi và góa phụ, ngài đã phân phát hết cho họ chỉ trong một ngày.

[1958] Litra – tên gọi của một đơn vị trọng lượng. Một litra theo hệ đo lường Do Thái tương đương với 72 zolotnik. Xem 3 Vua 10:17.

Sau đó, tại một tu viện, ngài đã khấn tu và dấn thân vào đời sống tu hành, ngày đêm miệt mài làm việc để làm đẹp lòng Chúa và cầu nguyện cho toàn thế giới. Ngài tu tập các đức hạnh một cách nhiệt thành đến nỗi được Chúa ban cho ân sủng thực hiện những phép lạ vĩ đại. Cuộc đời đạo đức của Thánh Agathon không thể giấu diếm trước mọi người, và ngài đã được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục thành Rome. Sau khi hướng dẫn đoàn chiên của mình sống đạo đức và được ca ngợi nhờ những phép lạ, vị thánh đáng kính này, trong chức vụ Giám mục, đã về với Chúa[1959] .

Ngày 6 tháng 3

Ngày 21 tháng 2 (theo lịch cũ)

Lễ tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta là Thánh Timôthê, vị ẩn sĩ tại Symbolae

Ngày tưởng niệm 21 tháng 2

Gần núi Olympus[1960] có một nơi hoang vắng được gọi là Symbolae, nơi có một tu viện. Vị tổng tu viện trưởng của tu viện đó là Thánh Phêôctist, một người đàn ông đức hạnh, người mà Thánh Platon, vị chứng nhân, đã học hỏi lối sống tu hành. Trong số các đệ tử của vị Archimandrite đáng kính Theoktist có cả vị tu sĩ đáng kính Timotheus; từ thuở thiếu thời, ngài đã dâng hiến bản thân cho những công việc tu hành, tu luyện trong việc ăn chay, kiêng khem và dành cả đêm để cầu nguyện; sau khi đã hoàn toàn chế ngự xác thịt, ngài thoát khỏi mọi dục vọng và nổi bật bởi sự hoàn hảo về mặt tâm linh; cho đến tận lúc lâm chung, ngài vẫn giữ trọn sự trinh khiết về tâm hồn lẫn thể xác, bởi từ thuở ấu thơ, ngài đã thề không bao giờ nhìn vào khuôn mặt của người phụ nữ. Chính vì thế, ngài đã được xứng đáng trở thành đền thờ của Thánh Thần và nhận được ân sủng chữa lành cùng sức mạnh chống lại ma quỷ; nhờ những lời cầu nguyện của ngài, nhiều phép lạ đã xảy ra: vị thánh đã chữa lành mọi bệnh tật và trừ tà khỏi con người. Trong nhiều năm, ngài lang thang khắp các ngọn núi và sa mạc, sống một mình trong Chúa và trong lời cầu nguyện không ngừng, ngài tuôn rơi những giọt nước mắt dạt dào, tưới đẫm linh hồn mình như sương mai. Trong cuộc đời như vậy, ngài đã sống đến tuổi già và về với Chúa.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Như ngôi sao rực rỡ từ phương Đông chiếu sáng, ngài đã soi rọi những đức hạnh kỳ diệu của ngài vào lòng những người trung thành, hỡi Thánh Timôthê, Đấng làm phép lạ, Đấng toàn phúc.

Lễ kính Thánh Giô-rê, Giám mục A-ma-strít.

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 2

Cha mẹ của vị thánh, là Thêôđôr và Migefusa, là những người sùng đạo, xuất thân từ dòng dõi quý tộc và nổi tiếng với lối sống đạo đức[1961] . Vì không có con, họ đã siêng năng cầu nguyện với Chúa để được ban cho con cái, và chỉ đến khi đã cao tuổi, Chúa mới đáp ứng lời cầu nguyện của họ. Một tiếng nói từ trời đã báo cho họ biết về sự ra đời của con trai họ, đặt tên cho cậu bé và tiên tri rằng đứa trẻ này sẽ được ban ân sủng để trở thành giám mục. Con trai họ chào đời. Đó chính là Thánh George. Khi ngài bước vào tuổi thiếu niên, những lời tiên tri về ngài bắt đầu ứng nghiệm, vì ngài đạt được những thành tựu xuất sắc trong các môn học thế tục lẫn thần học; cha mẹ ngài, khi chứng kiến điều đó, đã ngợi khen Thiên Chúa. Khi đã trưởng thành và hoàn tất việc học hành, Thánh George

[1959] Agathon, Giáo hoàng, đã lãnh đạo Giáo hội Rôma từ năm 679 đến năm 682. Ông được an táng vào ngày 10 tháng 1.
[1960] Tại Tiểu Á, ở biên giới giữa Phrygia và Bithynia.
[1961] Họ sống tại thành phố Cromne, thuộc Paphlagonia, bên bờ Biển Đen.

rời quê hương và lui về dãy núi Siriki. Tại đây, ngài gặp một vị tu sĩ cao niên đạo đức, nhận lễ xuất gia từ ngài và dưới sự hướng dẫn của vị ấy, ngài bắt đầu sống đời tu hành. Sau khi vị tu sĩ cao niên qua đời, vị thánh tu sĩ đã đến Vônissa và tại đây, ngài dấn thân vào những thử thách khắc nghiệt của đời sống ăn chay khổ hạnh. Cuộc sống đạo đức của Thánh George nhanh chóng được mọi người biết đến, và khi Đức Giám mục của thành phố Amastris[1962] qua đời, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, ngài đã được hàng giáo sĩ và dân chúng bầu làm giám mục. Khi đến Constantinople để nhận lễ tấn phong, ngài đã được Hoàng đế Constantine VI và mẹ của ngài là Irina ủng hộ, và được Đức Thượng phụ Tarasius tấn phong. Như vậy, cuối cùng, tất cả những gì Chúa đã từng tiên báo với cha mẹ ngài về ngài đã trở thành hiện thực – vị thánh nhân đã được tấn phong lên ngôi Giám mục Amastris, giống như ngọn đèn không bị che giấu dưới cái thùng, mà được đặt trên giá đèn (Mt 5:15). Khi ngài từ thủ đô trở về thành phố giáo phận của mình, ngài đã củng cố đức tin của đoàn chiên trong giáo lý Thánh, làm phong phú thêm các vật dụng và đồ trang trí trong các thánh đường, đồng thời soạn thảo các quy tắc giáo hội liên quan đến bàn thờ. Bên cạnh đó, ngài luôn là người bảo vệ các góa phụ và trẻ mồ côi, người nuôi dưỡng những người nghèo khó, người giải quyết các khoản nợ, và là tấm gương về cuộc sống thực sự làm đẹp lòng Chúa cho tất cả mọi người. Thánh nhân đã thực hiện nhiều phép lạ: chẳng hạn, nhờ những lời cầu nguyện của mình, ngài đã xua đuổi những kẻ Saracen đang tàn phá vùng lân cận khỏi thành phố; ngài cũng đã cứu một cách kỳ diệu những thương gia Amastris bị bắt giữ tại Trebizond và bị kết án tử hình một cách bất công. Sau khi sống một cuộc đời trần thế đầy đức tin như vậy, Thánh George đã ra đi và thanh thản trao linh hồn mình cho Chúa, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời[1963] .

Cuộc đời của Thánh Cha Eustathius, Giám mục Antioch

Ngày kỷ niệm: 21 tháng 2

Trong hàng ngũ các vị thánh vĩ đại của Giáo hội Chúa Kitô, Thánh Eustathius, Giám mục của Antioch – thủ đô cổ xưa của miền Đông Tiểu Á và Đế quốc Hy Lạp-La Mã[1964] – là một trong những vị chứng nhân Kitô giáo vinh quang nhất và là những chiến binh bảo vệ đức tin chân chính vào Thiên Chúa.

[1962] Thành phố Amastris nằm ở Paphlagonia, một trong những tỉnh phía bắc Tiểu Á của Đế quốc La Mã, nằm giữa Bithynia và Pontus dọc theo bờ Biển Pontus Euxinus, nay là Biển Đen.

[1963] Thánh George qua đời vào ngày 3 tháng 3 dưới triều đại của Nikiforos Logothetes (802–811). Nhiều phép lạ đã xảy ra tại quan tài của ngài.

[1964] Thành phố Antioch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Giáo hội Kitô giáo, là trung tâm lớn thứ hai của Kitô giáo sau Jerusalem, và cũng chính tại Antioch, Giáo hội Kitô giáo đầu tiên được thành lập từ những người ngoại đạo. Antiochia được thành lập 300 năm trước Công nguyên bởi vua Syria Seleucus Nicator, người đã thành lập thêm hơn mười thành phố khác mang tên Antiochia, nhằm lưu danh cha mình là Antiochus. Còn thành phố thủ đô Antioch này, để phân biệt với các thành phố khác, được gọi là Antioch-Epidafna, tức là gần đền thờ và khu rừng Daphne; thành phố này còn được gọi là Antioch trên sông Orontes, theo tên con sông mà thành phố tọa lạc bên bờ, cách nơi sông đổ ra Biển Địa Trung Hải khoảng 10 verst. Các vị vua Syria và các hoàng đế La Mã đã rất quan tâm đến việc trang hoàng thành phố Antioch này, đến nỗi thành phố này gây ấn tượng mạnh mẽ bởi sự tráng lệ và vẻ lộng lẫy xa hoa của các công trình kiến trúc, trải dài từ đông sang tây suốt 15 verst, được cắt ngang bởi một đại lộ được trang trí bằng hai hàng cột, tạo thành lối đi có mái che hai bên con đường lát đá mở... Dân cư ở đây rất đa dạng: trong đó có cả người Do Thái; cuộc sống diễn ra vui tươi, sôi động; các nhà thơ, nhà hùng biện, triết gia, học giả, thầy bói hào phóng chia sẻ những tác phẩm trí tuệ của mình tại đó; nói chung, văn hóa ngoại giáo đang thịnh vượng, nhưng đã bị biến chất... Ngay từ những ngày đầu xuất hiện, Kitô giáo đã chiếu rọi Antiochia bằng ánh sáng thiêng liêng của giáo lý mình; những Kitô hữu đầu tiên đã tìm được nơi ẩn náu tại đó; sau khi Thượng phó tế Stephano bị sát hại, để tránh chung số phận, họ buộc phải lánh khỏi Giêrusalem, và công cuộc rao giảng mà họ khởi xướng tại Antiôkhia được công nhận là vô cùng cần thiết, đến nỗi Giáo hội Giêrusalem đã giao phó cho các Tông đồ Barnaba và Phaolô nhiệm vụ củng cố đức tin tại đó; họ "đã dạy dỗ một số lượng không nhỏ người, và các môn đệ tại Antiôkhia lần đầu tiên được gọi là Kitô hữu" (Công vụ 11:20–26). Chính tại Antiôkhia, sứ vụ Kitô giáo đầu tiên đã ra đời; Tông đồ Phaolô đã thực hiện các chuyến truyền giáo của mình từ đó; Tông đồ Phêrô cũng từng lãnh đạo Giáo hội tại đó. Và sau khi Giêrusalem sụp đổ, Antiôkhia đã chiếm vị trí hàng đầu trong Giáo hội châu Á, và tầm quan trọng của nó ngang hàng với Rôma, Constantinopolis và Alexandria. Tại Antioch, một trường thần học nổi tiếng đã phát triển rực rỡ, đào tạo ra nhiều nhà giảng dạy xuất sắc của Giáo hội, những người đã bảo vệ Kitô giáo trước các thế lực ngoại giáo, Do Thái giáo và các tà giáo; cũng chính tại đó, nhiều công đồng của các mục tử Giáo hội đã diễn ra trong thời kỳ các cuộc tranh cãi về tà giáo... Vào thế kỷ XIII, Antioch đã bị tàn phá hoàn toàn bởi vị sultan Ai Cập, và giờ đây, trên nền đất ấy chỉ còn lại thị trấn Antakya nhỏ bé, bẩn thỉu của Thổ Nhĩ Kỳ, chỉ với cái tên bị bóp méo này mới gợi nhớ đến quá khứ huy hoàng kéo dài 16 thế kỷ của Antioch nổi tiếng từ lâu bên bờ sông Orontes... Nhưng ngay cả hiện nay, Đức Thượng phụ Kitô giáo Antioch vẫn giữ vị trí thứ ba quan trọng trong số các Thượng phụ của Giáo hội Đông phương và mang tước hiệu "Thượng phụ của toàn cõi Đông phương".

Thánh Eustathius[1965] đã sống từ cuối thế kỷ thứ ba đến giữa thế kỷ thứ tư. Ngài sinh ra tại thành phố Side[1966] thuộc Pamphylia, và ban đầu đảm nhận chức vụ giám mục tại Beria[1967] thuộc Syria; từ đó, nhờ những phẩm chất và công lao đối với Giáo hội, theo nguyện vọng của dân chúng, các vị cha của Công đồng Đại kết lần thứ nhất đã chuyển ngài đến Antioch.

Thời kỳ hoạt động mục vụ của Thánh Eustathius là một thời kỳ đặc biệt và duy nhất trong lịch sử nhiều thế kỷ của Giáo hội Chúa Kitô. Đó là một thế kỷ đặc biệt rực rỡ, cả về số lượng lẫn tầm vóc của các vị thánh sáng của Giáo hội, các vị Thánh Tông đồ toàn cầu. Các thế kỷ sau đó, dù cũng nổi tiếng với các vị thầy của đức tin, nhưng họ chỉ là những người noi gương và là môn đệ của các vị Thánh Tông đồ đầy khôn ngoan của thế kỷ thứ tư. Cuộc chiến của Kitô giáo chống lại ngoại giáo, diễn ra trong ba thế kỷ đầu tiên dưới lá cờ Thập tự giá của Chúa Kitô, đã kết thúc vào đầu thế kỷ thứ tư bằng chiến thắng hoàn toàn trước ngoại giáo; và không còn cần thiết phải bảo vệ đức tin Kitô giáo chống lại ngoại giáo trong Đế quốc Hy Lạp-La Mã toàn cầu nữa, cũng không còn cần phải chứng minh sự vượt trội của Kitô giáo so với ngoại giáo. Sự bình yên bên ngoài, đã đến với Giáo hội của Chúa Kitô vào thời điểm đó, đã tạo điều kiện cho việc tổ chức thống nhất và đồng nhất các công việc nội bộ của Giáo hội, cũng như cho các cuộc đối thoại giảng dạy suôn sẻ giữa các mục tử với đoàn chiên. Nhưng chính lúc đó, lại nảy sinh một nhu cầu lớn hơn nữa trong cuộc chiến còn khó khăn hơn nữa chống lại những kẻ thù bên trong của Giáo hội, đó là những kẻ dị giáo[1968] .

Người đứng đầu trong số những kẻ dị giáo gây rối cho Giáo hội vào thời điểm đó chính là một linh mục học giả thuộc Giáo hội Alexandria[1969] tại Ai Cập, tên là Arius[1970] . Trong sự say mê kiêu ngạo của trí tuệ hạn hẹp, Arius, khi khôi phục lại giáo lý ngoại giáo về việc không công nhận thần tính cho các vị thần, đã ngang nhiên khẳng định một cách phạm thượng rằng:

1) Đức Chúa Cha dù là Đấng Hằng Hữu, nhưng đã có một thời điểm Ngài chưa phải là Cha và chưa có Con;

2) Con được tạo dựng, được Cha tạo ra trước hết, và qua Con, thế giới được tạo dựng;

3) Con không vĩnh cửu, nhưng là Đấng cao cả nhất trong mọi loài thụ tạo; Con giống như Cha – mang danh xưng là Đức Chúa Trời, nhưng không giống về bản chất;

4) Đức Chúa Cha, vì lòng nhân từ, đã ban cho Con sự khôn ngoan: nhưng Con không hoàn toàn hiểu biết Đức Chúa Cha;

5) Thánh Thần cũng không phải là một ngôi vị của Thiên Chúa, mà là Đấng được Con Thiên Chúa tạo dựng[1971] .

Phẫn nộ trước giáo lý sai lầm và phạm thượng này, Giám mục Alexandria là Alexander[1972] đã khuyên nhủ Arius từ bỏ tà thuyết đó. Khi Arius không tuân theo những lời khuyên nhủ ôn hòa của vị giám mục, một Công đồng

---

[1965] Tên Eustathius là tên Hy Lạp, có nghĩa là "kiên định", vững vàng.

[1966] Sid là một thành phố cảng quan trọng ở Pamphylia, một vùng thuộc phần ven biển của Syria, ở phía nam Tiểu Á, dưới chân dãy núi Taurus.

[1967] Beria là một thành phố ở Syria, thuộc vùng Tiểu Á, nằm về phía đông của Biển Địa Trung Hải.

[1968] Trong quy tắc của Thánh Basil Đại Đế có ghi rằng các vị tổ phụ cổ đại của Giáo hội gọi những kẻ "hoàn toàn ly khai và xa lánh chính đức tin" là những kẻ dị giáo.

[1969] Alexandria – thành phố nổi tiếng ở Ai Cập, được Alexander Đại đế thành lập 300 năm trước Công nguyên bên bờ Biển Địa Trung Hải. Alexandria nổi tiếng về khoa học và thương mại, và từ đầu thế kỷ thứ tư đã trở thành trung tâm quan trọng của Giáo hội Kitô giáo và nền giáo dục thần học. Trường Thần học Alexandria nổi tiếng đã thu hút không chỉ các tín hữu Kitô giáo mà cả những người ngoại đạo.

[1970] Arius, khi đó vẫn còn là phó tế của Giáo hội tại Alexandria, đã bị Thánh Phêrô, Giám mục Alexandria, khai trừ; nhưng dưới thời người kế nhiệm Thánh Phêrô là Giám mục Achill, một vị giám mục cao niên, Arius đã được ân xá, phục hồi chức vụ phó tế và thậm chí còn được tấn phong làm linh mục. Lúc bấy giờ, Arius đã chiếm một vị trí quan trọng tại Alexandria; ông là chủ tịch của giáo xứ Vokalys đông đúc, nơi ông giảng dạy giáo lý Kitô giáo. Arius là người học rộng, có đạo đức sống không tì vết, vẻ ngoài nghiêm nghị, vóc dáng cao lớn, dáng đi oai phong, và toàn bộ phong thái của ông đã góp phần quyến rũ nhiều người. Trang phục của ông giống như của tu sĩ; ông luôn mặc áo chẽn không tay và áo choàng rất chật, còn giọng nói nhẹ nhàng, cách cư xử giả vờ lịch thiệp cùng những lời nịnh hót được ông phô trương khi cần thiết đã thu hút người nghe đến với ông. Khi sau khi Arius bị khai trừ, Công đồng Toàn cầu lại quyết định, do sự xúi giục của những người cùng phe với ông, tiếp nhận ông trở lại vào lòng Giáo hội vào năm 336, thì Arius, trước khi đến được nhà thờ, bỗng dưng lâm bệnh nặng, nội tạng của ông tuôn ra ngoài và ông qua đời ngay tại quảng trường.

[1971] Filaret, Tổng Giám mục Chernihiv, "Thần học Giáo lý Chính thống", xuất bản năm 1865, tập 1, tr. 164. Và "Giáo lý về các vị Thánh Cha của Giáo hội", xuất bản năm 1859, tập 2, tr. 13.

[1972] Thánh Alexander, người bảo vệ nhiệt thành của Chính Thống Giáo, từng là Giám mục Alexandria từ năm 313 đến năm 328 và nổi tiếng vì sự kiên định trong đức tin. Tại Công đồng Nicaea lần thứ nhất năm 325, ngài là một người ủng hộ có ảnh hưởng cho Chính Thống

địa phương gồm một trăm giám mục từ Ai Cập và Libya đã được triệu tập. Công đồng địa phương của Giáo hội Alexandria này đã khai trừ Arius cùng một số linh mục và phó tế đồng quan điểm với ông, coi họ là những kẻ dị giáo báng bổ; còn họ thì tích cực tìm cách thu hút sự ủng hộ không chỉ từ các mục sư của các giáo hội lân cận, mà còn từ dân chúng. Để làm điều này, họ đã cử những người cùng quan điểm và gửi thư kèm theo những giáo lý sai lầm được dàn dựng tinh vi đến tất cả các Giáo hội ở phương Đông, đồng thời sáng tác những bài hát theo tinh thần giáo lý sai lầm của Arius, được hát theo những giai điệu dân gian. Niềm đam mê đối với các cuộc tranh luận và tranh cãi thần học vào thời điểm đó ở phương Đông lớn đến mức các vấn đề tôn giáo không chỉ được thảo luận trong các gia đình, mà còn trên các quảng trường và ngã tư đường; những người ngoại đạo thậm chí còn chế giễu những cuộc tranh cãi này trong các vở kịch của họ và lợi dụng những bất đồng của các Kitô hữu để ủng hộ cho tôn giáo ngoại đạo đã bị bác bỏ.

Bị những kẻ dị giáo Arian xảo quyệt làm xáo trộn như vậy, các giáo hội ở Syria và tại nơi Thánh Eustathius làm tổng giám mục đều xôn xao, tranh luận về việc giải quyết các vấn đề và thắc mắc thần học... Còn Thánh Eustathius, người nổi bật với kiến thức thần học sâu rộng và học vấn thế tục uyên bác, là một người tuyên xưng vững vàng, không sợ hãi[1973] đức tin chính thống của Đức Kitô, cả ở Beria, trong thời kỳ cuộc bách hại cuối cùng của những người ngoại đạo đối với Kitô hữu, lẫn bây giờ, trong bối cảnh Giáo hội bị xáo trộn bởi chủ nghĩa Arian, ngài là một trong những vị thánh đầu tiên đã nhiệt thành đứng lên, cả bằng lời nói lẫn văn bản, chống lại những giáo lý báng bổ và sai lầm của Arius và những người theo chủ nghĩa Arian.

Ngay cả Hoàng đế Constantine Đại Đế, người được tôn vinh ngang hàng với các Tông đồ, cũng đã cố gắng khôi phục sự hòa hợp và bình an giữa những người Chính thống và những người Arian tại Alexandria, Syria và các Giáo hội khác, nhưng không thành công. Do đó, để chấm dứt sự chia rẽ, Hoàng đế đã quyết định nhờ đến sự can thiệp của toàn thể hàng giám mục Giáo hội Kitô giáo và triệu tập Công đồng Đại kết lần thứ nhất tại Nicêa[1974] I.

Hoàng đế Constantine, khi triệu tập công đồng này, mong muốn, theo lời Eusebius, nhà sử học thời bấy giờ, dâng lên Chúa Kitô Cứu Thế "vương miện tư tế làm từ những bông hoa tuyệt đẹp, được đan kết và gắn bó bởi sự hiệp nhất của thế giới". Và theo lời kêu gọi của hoàng đế, đã có tới ba trăm giám mục từ châu Á, châu Phi và châu Âu tụ họp tại thành phố Nicêa; thậm chí còn có các giám mục đến từ những quốc gia không thuộc Đế quốc Hy Lạp-La Mã, chẳng hạn như Ba Tư và Scythia[1975] . Số lượng các linh mục, phó tế và các giáo sĩ khác đi cùng họ còn đông hơn nhiều so với số giám mục. Trong số giáo dân, ngoài các chức sắc cao cấp, còn có rất nhiều nhà triết học[1976] và học giả đến Nicaea. Và tại Công đồng này, nhờ lòng đạo đức cao cả cùng kiến thức sâu rộng về thần học và thế tục, kết hợp với lòng nhiệt thành bất diệt trong việc bảo vệ sự thuần khiết của giáo lý Chính thống, Thánh Eustathius đã được các vị thánh phụ của Giáo hội trao cho một vai trò đặc biệt quan trọng. Thánh Eustathius được giao nhiệm vụ chủ tọa đầu tiên[1977] tại Đại Công đồng Toàn cầu vĩ đại; ngài đảm nhận vị trí giám mục đầu tiên, ngồi bên phải hoàng đế, và được toàn thể Đại Công đồng Toàn cầu trao vinh dự phát biểu chào mừng hoàng đế Constantine, người được coi ngang hàng với các Tông đồ. Dưới đây là bài phát biểu hùng hồn, tràn đầy đức tin và tinh thần của Thánh Eustathius:

Giáo cùng với Thánh Eustathius của Antioch và Thánh Athanasius, người mà sau này ngài đã chỉ định làm người kế vị mình tại Alexandria. Thánh Alexander đã viết một bức thư về Arius gửi cho Thánh Eustathius, với tư cách là một người bảo vệ nổi tiếng của Chính Thống Giáo.

[1973] Trong Giáo hội Kitô giáo, những người được gọi là "những vị làm chứng" là những người, trong thời kỳ bách hại vì đức tin, đã công khai tuyên xưng Kitô giáo và phải chịu đau khổ vì điều đó, nhưng vẫn sống sót. Họ được các Kitô hữu đặc biệt kính trọng và chủ yếu được giao nhiệm vụ hàn gắn mối quan hệ với những người đã sa ngã và từ bỏ đức tin.

[1974] Nicaea là thành phố chính của Bithynia, một tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á, bị người La Mã chinh phục 75 năm trước Công nguyên. Trong thời cổ đại, Nicaea là một thành phố giàu có và thịnh vượng, còn ngày nay, trên nền tảng của nó là thị trấn nghèo Isnik.

[1975] Thánh Athanasius Đại Đế, Giám mục thành Alexandria, khẳng định rằng Công đồng Đại kết lần thứ nhất đại diện cho "toàn bộ" thế giới của chúng ta, bởi vì lời mời của Hoàng đế Constantine tham dự công đồng này đã được gửi đến các giám mục ở cả những vùng nằm ngoài biên giới Đế quốc La Mã, điều này giải thích cho sự hiện diện tại công đồng này của các giám mục đến từ Ba Tư và Scythia, những quốc gia không thuộc Đế quốc La Mã

[1976] Nhà triết học có nghĩa là: người yêu thích sự khôn ngoan. Những người dành trọn đời mình để nghiên cứu những vấn đề cao siêu của sự tồn tại về Thượng Đế, về nguồn gốc và quy luật của thế giới và con người, về mục đích cuối cùng của sự tồn tại và những vấn đề tương tự được gọi là các nhà triết học.

[1977] Tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất, các giám mục của các giáo phận danh tiếng nhất đã lần lượt đảm nhiệm vai trò chủ tọa, và người đầu tiên trong số các vị chủ tọa này là Thánh Eustathius của Antioch. (Chi tiết về vấn đề này có trong cuốn "Lịch sử Giáo hội" của D. B. Vl. Gette, xuất bản năm 1875, tập 3, tr. 6–7 và 10).

"Thưa Bệ hạ đáng kính!

Ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã chọn ngài làm vua trần gian, bằng tay ngài đã tiêu diệt sự thờ lạy thần tượng và qua ngài đã thiết lập hòa bình trong lòng các tín hữu. Quyền lực của các thần ác đã bị chà đạp; các bàn thờ đa thần đã bị lật đổ; bóng tối của sự vô đạo đang tan biến; và ánh sáng của giáo lý Thần thánh chiếu rọi khắp vũ trụ. Đức Cha được tôn vinh, Đức Con được kính trọng, và Đức Thánh Thần được rao giảng – Ba Ngôi Đồng Bản Thể; Đức Chúa Trời Duy Nhất trong Ba Ngôi hay Ba Hình Tướng được rao giảng khắp nơi. Trên giáo lý này, thưa Bệ hạ, sự vĩ đại của lòng đạo đức của ngài được khẳng định. Xin Ngài hãy gìn giữ nó cho chúng con nguyên vẹn và bất khả xâm phạm, để không một kẻ dị giáo nào, khi xâm nhập vào Giáo Hội, lại phá vỡ sự hiệp nhất của Thiên Chúa Ba Ngôi và làm ô nhục đức tin của chúng con! Nguyên nhân của cuộc họp và những cuộc thảo luận hiện tại của chúng ta chính là Arius điên cuồng, kẻ đã nhận chức vụ linh mục tại Nhà thờ Alexandria , nhưng lại tỏ ra xa lạ với giáo lý của các vị tiên tri và tông đồ đáng kính. Vì hắn không công nhận Con Một và Lời của Cha là đồng bản thể và ngang hàng với Cha, và kẻ tôn sùng thụ tạo lại muốn xếp Đấng Tạo Hóa ngang hàng với thụ tạo. Xin Bệ hạ ra lệnh để hắn từ bỏ sự lầm lạc của mình, không được chống lại giáo lý của các Tông đồ; hoặc nếu hắn vẫn ngoan cố giữ quan điểm bất chính của mình, xin trục xuất hắn khỏi cộng đồng Giáo hội Chính thống – để hắn không còn làm lung lay đức tin của những linh hồn yếu đuối bằng những quan điểm bất chính của mình[1978] ». Thánh Eustathius đã nói như vậy.

Tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất này, nhiều triết gia ngoại giáo đã đến Nicêa; một số người với mục đích tìm hiểu sâu hơn về giáo lý Kitô giáo, còn những người khác, vì lòng thù hận đối với giáo lý này, hy vọng rằng bằng những lập luận xảo trá, họ có thể làm rối loạn các bài phát biểu của các giám mục và bác bỏ giáo lý Kitô giáo. Các nhà văn Giáo hội ghi chép rằng, đối với một trong những nhà triết học kiêu ngạo nhất trong số họ, tên là Phaidôn, người đã bênh vực Arius bất kính và giáo lý báng bổ của hắn, Thánh Eustathius thành Antioch[1979] – với kiến thức triết học uyên bác – đã đưa ra lời bác bỏ đầu tiên thay mặt cho toàn thể Công đồng. Và vị triết gia này, vào cuối cuộc tranh luận với Thánh Công đồng, đã bị ấn tượng sâu sắc bởi những lời đáp của các vị thánh đến nỗi đã lớn tiếng thốt lên: "Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Thiên Chúa, Đấng đã mặc khải cho các thánh của Ngài mầu nhiệm về Thần Tính thuần khiết, vô biên và không được tạo thành, vượt trên mọi trí tuệ. Con cầu xin Ngài, Đấng Kitô, Con đầy ân sủng của Cha đầy ân sủng, xin tha thứ cho con mọi điều con đã phạm tội chống lại Ngài, khi trước đây con bị lôi cuốn bởi những quan điểm vô đạo của Arius... Từ nay trở đi, con vĩnh viễn nguyền rủa Arius cùng những quan điểm bất chính của hắn, cũng như tất cả những ai cùng hắn tự cho mình là thông thái và phạm thượng chống lại Cha, Con và Thánh Thần..."[1980]

Nhưng chính Arius cùng với một số người đồng chí hướng vẫn kiên quyết bám giữ những quan điểm của mình. Lúc bấy giờ, các vị cha trong công đồng, trong đó Thánh Eustathius chiếm một vị trí vô cùng tôn kính, đã long trọng và nhất trí tuyên xưng Con Thiên Chúa là đồng bản thể với Thiên Chúa Cha; Còn giáo lý của Arius, vì trái với Lời Chúa và truyền thống của các Thánh Tổ, cùng với tất cả những ai theo tà thuyết của Arius, đã bị tuyên bố là bị vạ tuyệt thông và bị trục xuất khỏi Giáo Hội Chính Thống. Và để xác lập một cách chính xác sự tuyên xưng đức tin chân chính cho mọi thời đại sau này, các vị cha trong Công đồng đã trình bày sự tuyên xưng này trong Kinh Tin Kính, như là điều được ban cho bởi Thiên Chúa[1981] . Arius cùng hai vị giám mục đồng quan điểm với ông là Theonas và Secundus[1982] , sau khi bị khai trừ khỏi Giáo hội, đã bị hoàng đế đày đi lưu đày.

Tuyên xưng đức tin Kitô giáo được Công đồng Toàn cầu thông qua đã được nhiều người ủng hộ Arius ký tên; còn Eusebius, Giám mục Nicomedia, và Theognis của Nicaea, sau khi ký vào Kinh Tin Kính của Công đồng, đã từ chối ký vào bản kết án Arius. Vì lý do này, với tư cách là những người bảo vệ tà thuyết của Arius, hoàng đế đã tuyên bố tước bỏ chức vụ giáo hội của họ và đày họ đi lưu đày; tuy nhiên, từ nơi lưu đày, họ đã gửi thư bày tỏ sự hối cải về sai lầm của mình, và do đó đã được tha thứ và trở về các giáo phận của mình.

[1978] Các Biên niên sử của các Công đồng Đại kết, bản dịch tiếng Nga do Học viện Thần học Kazan xuất bản năm 1859, tập 1, tr. 86–87.
[1979] Biên niên sử các Công đồng Đại kết, xuất bản năm 1859, tập 1, tr. 104–106.
[1980] Biên bản các Công đồng Đại kết, xuất bản năm 1859, tr. 145.
[1981] Biên niên sử Công đồng Toàn cầu, xuất bản năm 1859, tr. 157, 22, 29 và các trang khác. Công đồng Nicaea, Công đồng Đại kết lần thứ nhất, theo các nhà sử học Giáo hội, đã diễn ra "dưới thời các quan tổng trấn Pavlin và Julian, vào ngày 20 tháng 5, năm 636 kể từ thời vua Alexander của Macedonia", tức là năm thứ 20 trong triều đại của Hoàng đế Constantine Đại đế và năm 325 theo niên đại R. X.
[1982] Théon, Giám mục Marmarice, và Secundus, Giám mục Ptolemais, những người đã từ chối ký vào Tuyên ngôn Đức tin được toàn thể Công đồng thông qua.

Nhà sử học Giáo hội thời bấy giờ, Thánh Phê-ô-đô-ri-tô, Giám mục Kir[1983] , khi mô tả Công đồng Đại kết lần thứ nhất, đã trích dẫn, trong số những điều khác, đoạn văn sau đây từ tác phẩm của Thánh Êu-sta-fi-ô Antiô-ki-a, được viết để phản bác các tín đồ Arius: "Khi Đại Công đồng vĩ đại được triệu tập tại Nicêa để bàn luận về các vấn đề đức tin, với sự tham dự của khoảng 270 giám mục (tôi nói 'khoảng' vì do số lượng người tham dự quá đông nên tôi không thể xác định chính xác con số, hơn nữa tôi cũng chưa nghiên cứu vấn đề này một cách đặc biệt kỹ lưỡng) và khi họ bắt đầu thiết lập Kinh Tin Kính – thì tại trung tâm (của Công đồng) xuất hiện tác phẩm của Eusebius (người Nicomedia), chứa đầy những giáo lý báng bổ. Sau khi được đọc to cho tất cả mọi người nghe, tác phẩm đó ngay lập tức gây ra nỗi đau buồn khôn tả cho những người nghe bởi sự tồi tệ của nó, còn chính tác giả thì phải chịu sự xấu hổ không thể chịu đựng nổi . Giờ đây, tác phẩm của Eusebius[1984] đã bị vạch trần và bản tuyên xưng vô đạo đức (Tuyên xưng của Eusebius) đã bị xé nát trước mặt mọi người... Lo sợ rằng theo phán quyết của Công đồng vĩ đại này, họ sẽ bị trục xuất khỏi Giáo hội, những người ủng hộ Arius[1985] cũng đã đứng lên (tại Công đồng) và tuyên bố tuyệt thông đối với giáo lý bị Công đồng lên án (của Arius)... Như vậy, qua nhiều mưu mô, họ đã giữ được chức vụ trong Giáo hội (tức là các chức vụ giám mục của mình), trong khi lẽ ra họ phải sống trong sự sám hối; (và sau Công đồng Toàn cầu) họ lúc thì bí mật, lúc thì công khai bảo trợ cho những quan điểm bị Công đồng bác bỏ và thậm chí còn củng cố chúng. Hơn nữa, với mong muốn củng cố sự lan tràn của cỏ dại, họ tránh tiếp xúc với những người am hiểu (về Kinh Thánh), lảng tránh sự giám sát và như vậy đã coi thường các nhà rao giảng đức tin. Nhưng chúng ta tin rằng những kẻ vô thần không thể chiến thắng được điều thiêng liêng: "Vì nếu họ lại có thể chiến thắng, thì họ cũng sẽ lại bị đánh bại..."[1986]

Sau khi trở về từ Công đồng Đại kết tại Nicaea đến Antioch, Thánh Eustathius đã triệu tập một công đồng gồm các giám mục và linh mục từ nhiều giáo phận thuộc quyền quản lý của Tổng giáo phận Antioch của ngài[1987] , ông đã thông báo cho họ các văn kiện về tất cả các nghị quyết của Công đồng Đại kết Nicaea và khuyên nhủ họ phải kiên định tuân giữ các nghị quyết này, đặc biệt là việc tuyên xưng đức tin một cách chính xác, được thể hiện trong Kinh Tin Kính đã được công đồng đại diện toàn thể Giáo hội Kitô giáo thông qua[1988] .

[1983] Nhà sử học Giáo hội nổi tiếng Theodoret, Giám mục Kir, sinh ra tại Antioch bên sông Orontes vào năm 390, được tấn phong làm Giám mục Kir thuộc Tòa Thượng phụ Antioch vào năm 423, và qua đời vào năm 457; ông là một trong những vị giám mục có học thức cao nhất của Giáo hội Đông phương trong thế kỷ thứ năm.

[1984] Eusebius, Giám mục Nicomedia, cùng với các Giám mục Menophon của Ephesus, Patrofilus của Scythopolis, Theognis của Nicaea, Narcissus của Neronias, Theona của Marmaris và Secundus của Ptolemais đã trình bày một bản Tuyên xưng đức tin được soạn thảo nhằm che đậy những sai lầm của phái Arian, mà họ cố gắng ngụy trang bằng những cách diễn đạt mơ hồ, nhưng mưu mẹo này đã ngay lập tức bị những người bảo vệ giáo lý chính thống vạch trần, và Tuyên xưng Đức tin của Eusebius thành Nicomedia đã bị bác bỏ không do dự, vì bị coi là dị giáo. Bản Tuyên xưng Đức tin thứ hai, do một Eusebius khác, tại Caesarea Palestine, trình bày, đã được chấp thuận với điều kiện phải đưa vào đó từ: "Đồng bản thể". Tuy nhiên, bản tuyên xưng đức tin do Osias, Giám mục Cardub, người được hoàng đế đặc biệt yêu mến, trình bày đã được công đồng chấp nhận và được gọi là Tuyên xưng đức tin Nicêa.

[1985] Đó là: Eusebius của Nicomedia, Theognis của Nicaea, Theonas của Marmaris, Secundus của Ptolemais, Theodotus của Laodicea, Paulinus của Tarsus, Athanasius của Anazarbus, Aetius của Lydus, Gregory của Beirut, Menophantus của Ephesus, Patrophilus của Scythopolis, Maris của Chalcedon, Narcissus của Neronias.

[1986] Lịch sử Giáo hội của Thánh Theodoret, Giám mục Kir. Bản tiếng Nga, St. Petersburg, 1852, Chương VIII, tr. 46–47.

[1987] Theo gương các Thánh Tông đồ và dựa trên quy tắc số 31 của các Thánh Tông đồ, từ xưa đến nay trong Giáo hội Chính thống, các giám mục đứng đầu các thành phố trọng điểm đã triệu tập các công đồng "địa phương", riêng biệt, gồm các giám mục và linh mục trực thuộc giám mục của thành phố chính của quốc gia đó, nhằm giải quyết theo các quy tắc và truyền thống của Giáo hội những vấn đề và công việc phát sinh trong phạm vi địa phương đó liên quan đến giáo lý và quản trị. Các quyết định của các công đồng này chỉ có tính ràng buộc trong quốc gia hoặc khu vực mà các đại diện của họ là thành viên của công đồng địa phương đó.

[1988] Đây là Tuyên xưng đức tin theo bản dịch của Thánh Hội đồng, được trình bày trong cuốn Sách Các Quy tắc của các Thánh Tông đồ, các Thánh Công đồng và các Thánh Tổ phụ. "Chúng tôi tin vào một Thiên Chúa là Cha, Đấng Toàn năng, Đấng Tạo hóa của mọi sự hữu hình và vô hình. Và chúng tôi tin vào một Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Con Một, được sinh ra từ Chúa Cha, tức là từ bản thể của Chúa Cha, Thiên Chúa từ Thiên Chúa, Ánh Sáng từ Ánh Sáng, Thiên Chúa chân thật từ Thiên Chúa chân thật, được sinh ra chứ không phải được tạo dựng, đồng bản thể với Chúa Cha, nhờ Ngài mà muôn loài trên trời và dưới đất đều được tạo thành; vì chúng ta mà trở thành người, và vì sự cứu rỗi của chúng ta mà ngự xuống, nhập thể và trở thành người, chịu khổ nạn, và sống lại vào ngày thứ ba, và lên trời, ngự bên hữu Chúa Cha, và sẽ trở lại để phán xét kẻ sống và kẻ chết. Và vào Đức Thánh Thần. Còn những ai nói về Con Thiên Chúa rằng đã có lúc Ngài không tồn tại, hoặc rằng trước khi được sinh ra Ngài không tồn tại, hoặc rằng Ngài xuất phát từ những gì không tồn tại, hoặc rằng Ngài thuộc về một Bản Thể hay Bản Chất khác, hoặc rằng Con Thiên Chúa là hữu hạn, hay có thể biến đổi, hay thay đổi, thì Giáo Hội Công Giáo và Tông Đồ sẽ lên án những người ấy." – Văn bản của Kinh Tin Kính hiện đang được sử dụng đã được Công đồng Đại kết lần thứ II tại Constantinople thông qua vào năm 381.

Sau đó, vào năm 326, Thánh Eustathius được giao nhiệm vụ đến để rửa tội cho những cư dân của đất nước Gruzia, tức là Iberia cổ đại[1989] , những người mong muốn chấp nhận Kitô giáo, và để thiết lập Giáo hội Chính thống tại đó. Các bộ lạc sinh sống tại Iberia cổ đại (Georgia) là những người thờ thần tượng và thờ lửa; họ phần nào thuộc quyền cai trị của Đế chế Hy Lạp-La Mã, nhưng vẫn có các vị vua và hệ thống chính trị riêng của mình. Theo truyền thuyết địa phương, lần đầu tiên Thánh Tông đồ Anrê, cùng với Simon người Canaan, đã rao giảng về Chúa Kitô Cứu Thế cho một số bộ lạc ven biển của Gruzia. Phần lớn dân chúng và hoàng gia đã được Thánh Nữ Nina, người đến từ Syria vào quý đầu tiên của thế kỷ thứ tư, dẫn dắt vào đạo Kitô.

Khi những người sùng bái thần tượng nhiệt thành nhất – Nữ hoàng Nana và Vua Mirian của Gruzia – đã tin nhận Chúa Kitô nhờ lời rao giảng của Thánh Nina, đi kèm với những phép lạ, họ đã cử một phái đoàn đến gặp Hoàng đế Constantine Đại Đế để xin ngài cử các vị chức sắc tôn giáo đến Gruzia nhằm rửa tội cho họ và dân chúng. Hoàng đế nói rằng ngài vui mừng trước việc người Iberia cải đạo sang Kitô giáo còn hơn cả việc cả một vương quốc gia nhập vào đế quốc của mình, và ngay lập tức ra lệnh cho Thánh Eustathius thành Antioch[1990] cùng một số linh mục, phó tế và các giáo sĩ khác lên đường đến Gruzia. Họ cũng mang theo đến Gruzia toàn bộ các vật dụng thờ phượng của Giáo hội. Khi Thánh Eustathius đến thủ đô Mtskheta của Gruzia, vua Mirian đã ra lệnh cho các quan cai trị các vùng, các tướng quân và các quan triều đình phải tập trung về thủ đô. Khi mọi người đã tụ họp, vua Mirian đã nhận phép rửa tội thiêng liêng từ Giám mục Eustathius trước sự chứng kiến của tất cả mọi người, tiếp theo là hoàng hậu và các con của họ; tại cây cầu bắc qua sông Kura, nơi trước đây từng là đền thờ của các thầy tế ngoại đạo, một bể rửa tội đã được dựng lên, nơi Thánh Eustathius rửa tội cho các quan cai trị các vùng của Gruzia, các tướng quân và các quan lại triều đình; chính vì vậy, nơi này được gọi là "Mtavarta Sanatlavi", tức là bể rửa tội của các quan cao cấp. Ngay phía dưới bể rửa tội này, các linh mục đi cùng Thánh Eustathius đã rửa tội cho dân chúng, những người đổ xô đến để được rửa tội, được thúc đẩy bởi lời rao giảng của Thánh Nina – rằng ai không nhận sự tái sinh từ nước và Thánh Thần, thì sẽ không được thấy sự sống và ánh sáng vĩnh cửu... Các linh mục sau đó đã đi khắp các thành phố và làng mạc để rửa tội và giảng dạy cho những cư dân khác của Iberia. Như vậy, nhờ ơn Chúa, gần như toàn bộ đất nước đã được rửa tội, và Tin Mừng đã được củng cố tại Iberia nhờ những nỗ lực của Thánh Nina và Thánh Eustathius thành Antioch trong công việc này. Tại Mtskheta, Thánh Eustathius đã làm lễ thánh hiến ngôi thánh đường vừa được xây dựng trong vườn hoàng gia trước khi ngài đến, mang tên Mười Hai Tông Đồ, và ban cho Giáo Hội Gruzia mới thành lập nghi thức thờ phượng và giáo lý của Giáo Hội Chính Thống Hy Lạp. Vị giám mục đầu tiên của Giáo hội Gruzia là linh mục Gioan, trực thuộc Tổng giáo phận Antioch; chính vì lý do này mà cho đến ngày nay, danh hiệu của Đức Thượng phụ Antioch vẫn bao gồm cụm từ: "và Iveria" ([1991]). Như vậy, khi Giáo hội Gruzia ngày nay hợp nhất với Giáo hội Nga, Thánh Eustathius chính là vị Thánh Tông đồ đầu tiên của toàn bộ Exarchate Chính thống cổ xưa nhất thuộc Giáo hội Chính thống Toàn Nga hiện nay.

Sau khi hoàn tất việc xây dựng và củng cố Giáo hội Chính thống Gruzia lúc bấy giờ, Thánh Eustathius đã cầu chúc hòa bình cho Giáo hội non trẻ của Chúa Kitô và trở về Antioch.

Tại Antioch, vị thánh nhiệt thành Eustathius đã phải đối mặt với những công việc nặng nhọc và những thử thách khắc nghiệt. Niềm tin rằng sau Công đồng Toàn cầu, hòa bình và sự hiệp nhất trọn vẹn sẽ ngự trị trong toàn

---

[1989] Gruzia, hay Iberia cổ đại, là một quốc gia ở vùng Transcaucasia, có hình dạng hình tứ giác, được bao bọc ở phía đông và phía tây bởi Biển Caspi và Biển Đen, phía bắc được bao bọc bởi dãy núi Caucasus, còn phía nam được giới hạn bởi sông Araks và núi Ararat. Gruzia bao gồm các vùng Kakheti, Guria, Imereti, Kartli, Mingrelia, Abkhazia, Svaneti, Ossetia và Dagestan.

[1990] Mặc dù các tác giả Hy Lạp không đề cập đến việc Giám mục Eustathius của Antioch đến Iberia-Gruzia, nhưng sự kiện này chắc chắn đã được xác nhận, cả qua truyền thuyết phổ biến ở Gruzia lẫn các văn bản chính thức do các Hoàng đế Constantinopolis và các vị vua Gruzia ban tặng cho Tu viện Iveria trên núi Athos, nơi chúng vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay. (Lịch sử tóm tắt của Giáo hội Gruzia. Biên soạn bởi P. Iosselian. Ấn bản thứ 2, St. Petersburg, 1843, tr. 13. Cuộc đời Thánh Nina, người ngang hàng với các Tông đồ, do Tu viện Athos xuất bản năm 1900.)

[1991] Cuộc đời của Thánh Nina, người ngang hàng với các Tông đồ, người Gruzia. Ấn bản thứ 5, năm 1900, tr. 23–25, Lịch sử tóm tắt của Giáo hội Gruzia, biên soạn bởi Iosselian. Ấn bản thứ 2, St. Petersburg, năm 1843, tr. 12–14 và 20. Sau vài năm, vua Mirian đã cử phái đoàn thứ hai đến gặp Hoàng đế Constantine với lời thỉnh cầu gửi thêm nhiều linh mục và những người thợ xây dựng nhà thờ tài ba đến Gruzia. Để đáp ứng yêu cầu này, Constantine Đại đế đã gửi rất nhiều vàng, bạc và phần chân của Thánh Giá cứu rỗi của Chúa Kitô cùng với một trong những chiếc đinh đã được dùng để đóng Chúa Giêsu Kitô vào thập giá. Người Gruzia còn được tặng rất nhiều bức tượng Chúa Cứu Thế và Đức Mẹ Đồng Trinh, cùng với các di vật của các thánh tử đạo để làm nền móng cho các nhà thờ. Cũng vào thời điểm đó, con trai của Mirian và người thừa kế vương quốc, người đang bị giữ làm con tin tại Rome, đã được thả về với cha mình; ông là một người nhiệt thành truyền bá Kitô giáo, xây dựng các nhà thờ khắp nơi và củng cố đức tin.

thể Giáo hội đã trở nên vô ích. Hóa ra, các giám mục nói trên, những người theo chủ nghĩa Arian, đã đồng ý với đa số các thành viên của công đồng không phải một cách chân thành, mà chỉ là bề ngoài, vì những toan tính và lợi ích cá nhân của họ. Khi sau Công đồng Nicaea, Hoàng đế Constantine đi đến phần phía tây của đế quốc, những người theo chủ nghĩa Arian lại ngẩng cao đầu. Trước hết, họ đã vận động thông qua một linh mục thân cận với hoàng đế để xin cho Arius cùng các giám mục rõ ràng ủng hộ ông được trở về từ nơi lưu đày; đồng thời thuyết phục rằng những người này đã trở thành nạn nhân của quan điểm sai lầm và rằng những người bị lưu đày sẽ gửi cho hoàng đế một tuyên bố bằng văn bản về việc chấp nhận các nghị quyết của Công đồng Nicaea Toàn cầu – nhờ đó họ đã đạt được việc đưa họ trở về. Với mong muốn hết sức mang lại hòa bình cho Giáo hội, hoàng đế đã thể hiện sự ân sủng của mình ngay cả đối với những người vừa trở về từ nơi lưu đày, nhưng họ lại lợi dụng điều này để lan truyền những sai lầm của phái Arian và dưới nhiều lý do bề ngoài chính đáng, họ bắt đầu bức hại những người bảo vệ chính thống giáo, các thánh giám mục Alexander, rồi Athanasius của Alexandria và thánh Eustathius của Antioch.

Những người đồng chí hướng với Arius hy vọng rằng sau Công đồng Nicaea, do yêu cầu khẩn thiết của Hoàng đế Constantine về sự hòa bình hoàn toàn cho Giáo hội từ tất cả mọi người, không ai sẽ còn chống lại sự lan truyền những sai lầm của phái Arius nữa. Còn Thánh Eustathius thì với lòng nhiệt thành còn lớn hơn nữa, tiếp tục chống lại sự lan truyền của chủ nghĩa Arian và lên án nó mạnh mẽ hơn, dựa trên sự lên án của Công đồng Đại kết đối với chủ nghĩa này. Biết rằng Thánh Eusebius, Giám mục thành Caesarea ở Palestine – người phần nào thuộc quyền Giám mục Antioch – đã theo quan điểm Arian ngay cả trước Công đồng Toàn cầu, và bản Tuyên xưng đức tin của ông cũng không xa lạ với những quan điểm đó, Thánh Eustathius đã viết thư khuyên răn và vạch trần những sai lầm Arian cho cả Thánh Eusebius. Eusebius rất phẫn nộ trước điều này, đã đáp trả bằng cách lên án các quan điểm của Thánh Eustathius – vốn đã được Công đồng xác nhận – và gọi chúng là "Sabelian"[1992] , đồng thời tiếp tục bám giữ các quan điểm Arian, ông đã than phiền về Thánh Eustathius với người bạn của mình là Eusebius của Nicomedia, người vừa trở về từ nơi lưu đày. Còn Evsevius Nicomedia này lại là vị giám mục theo chủ nghĩa Arian xảo quyệt và gian trá nhất. Ngay cả Hoàng đế Constantine, được chính Thiên Chúa làm chứng, cũng đã viết thư cho người dân Nicomedia rằng Eusebius là đồng minh và trợ thủ của Licinius – kẻ bách hại và tra tấn tàn bạo các Kitô hữu – rằng Eusebius đã vô liêm sỉ bảo vệ những lời dối trá của phái Arian đã bị bác bỏ khắp nơi, và thậm chí còn thậm chí còn lừa dối một cách hèn hạ chính ông, Hoàng đế Constantine[1993] ... Và chính Eusebius xảo quyệt của Nicomedia này, cùng với những người bạn của mình là Theognis của Nicaea và Eusebius của Caesarea[1994] , đã quyết định loại bỏ Thánh Eustathius khỏi hàng ngũ những người Arian, người không mệt mỏi vạch trần những sai lầm của họ.

Trước khi xây dựng Constantinopolis, Hoàng đế Constantine thường xuyên có mặt tại Nicomedia; và để nịnh bợ ngài cũng như thực hiện kế hoạch loại bỏ Thánh Eustathius, Eusebius Nicomedia xảo quyệt đã bày tỏ với hoàng đế khát khao mãnh liệt được chiêm ngưỡng ngôi đền tráng lệ vừa mới được Constantine xây dựng tại Mộ Thánh Chúa. Bị lôi cuốn bởi mong muốn đó, hoàng đế đã giao cho Eusebius sử dụng những cỗ xe hoàng gia của mình, điều này đã mang lại cho chuyến đi của Eusebius một vinh dự đặc biệt. Dưới cái cớ chính đáng là đến thờ phượng thánh địa Giê-ru-sa-lem, Theognis của Nicaea, đồng phạm trung thành trong những mưu đồ xấu xa của ông, cũng đã gia nhập đoàn. Khi đến Antiochia dưới vỏ bọc của sự sùng đạo, họ đã được Thánh Eustathius tiếp đón

---

[1992] Savelios là một kẻ dị giáo. Thông tin về cuộc đời ông rất ít ỏi. Ông sống vào khoảng nửa sau thế kỷ thứ ba; quê quán của ông là Ptolemais của Libya. Savelios dạy rằng Thiên Chúa là Ba Ngôi chỉ về mặt danh xưng: Cha, Con và Thánh Thần chỉ là ba danh xưng và ba hoạt động của cùng một Ngôi Vị Thiên Chúa. Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời là Cha, Đấng ban luật pháp cho loài người; trong Tân Ước, Đức Chúa Trời đã hiện ra là Con, Đấng cứu rỗi loài người, và tiếp tục hiện ra như Thánh Thần, Đấng thánh hóa loài người. Tại các Công đồng của các vị Thánh Tổ Giáo hội ở Alexandria và Rome vào nửa sau thế kỷ thứ ba, giáo lý của Savelio đã bị lên án là dị giáo.

[1993] Thư của Hoàng đế Constantine gửi cho người dân Nicomedia chống lại Eusebius và Theognis – trong "Hành trình các Công đồng Đại kết". Bản in năm 1859, tập 1, tr. 199–203.

[1994] Eusebius của Nicomedia là bạn và đồng môn của Arius tại Trường học Antioch của Lucian, người đã bị khai trừ khỏi Giáo hội vì tà giáo. Còn Eusebius của Caesarea là bạn của cả hai và không chỉ tại Công đồng, mà trước đó và sau này ở mọi nơi đều đứng về phía họ; ông được coi là thủ lĩnh của phái Arian ôn hòa. Césarea Palestine là thành phố chính ở Palestine, nằm trên bờ đông Địa Trung Hải; thành phố này được đặt tên theo hoàng đế La Mã (Octavius) Augustus bởi vua Do Thái Hê-rốt, người đã xây dựng các thành phố để vinh danh hoàng đế. Nền tảng của Kitô giáo tại Caesarea được đặt bởi Thánh Tông đồ Phêrô qua việc cải đạo viên đội trưởng Cornelius cùng cả gia đình ông (Công vụ 10). Sau khi Jerusalem bị phá hủy, Caesarea trở thành nơi cư ngụ của vị giám mục, người mà Giáo hội Jerusalem trực thuộc cho đến năm 451. Ngày nay, từ thành phố Caesarea tráng lệ xưa kia chỉ còn lại những đống đổ nát.

nồng hậu và với sự tôn kính xứng đáng dành cho các giám mục. Khi họ đến Jerusalem, nhà sử học cổ đại[1995] tiếp tục kể, họ đã gặp gỡ những người cùng chí hướng (những người theo phái Arian) như Eusebius của Caesarea, Patrophilus của Scythopolis, Aetius của Lydus, Theodotus của Laodicea và những người khác, những người đã bị nhiễm độc bởi học thuyết của Arius, thì họ đã tiết lộ cho họ ý định bí mật của mình là loại bỏ Thánh Eustathius. Dưới danh nghĩa tôn vinh Evsevius của Nicomedia, những người cùng quan điểm này đã tháp tùng ngài đến Antioch, nơi họ cũng bày tỏ sự kính trọng sâu sắc đối với Thánh Eustathius, để ngài không nghi ngờ những cái bẫy xảo quyệt đã được giăng sẵn dành cho mình. Và vì lúc bấy giờ tại Antiôkhia còn có mặt một số giám mục Chính thống, nên những người theo phái Arius đã đề nghị tổ chức một công đồng huynh đệ để thảo luận về một số vấn đề chung và công việc của Giáo hội, điều mà Thánh Eustathius cùng các giám mục khác đã đồng ý.

Và ngay lúc các giám mục đang tụ họp, bỗng nhiên một người phụ nữ bế đứa trẻ trên tay xuất hiện trước mặt họ và la lớn rằng cha của đứa trẻ chính là Thánh Eustathius. Không hề nao núng, Thánh , Giám mục Antioch, yêu cầu người phụ nữ đó phải đưa ra những nhân chứng biết rõ những điều cô ta đã nói, và cho biết cô ta có bằng chứng gì để chứng minh điều đó. Nhưng cô ta trả lời rằng cô ta không có nhân chứng. Trước điều này, các giám mục theo phái Arian tuyên bố rằng chỉ cần người phụ nữ đó xác nhận cáo buộc của mình bằng lời thề là đủ. Các giám mục Chính Thống Giáo không đồng ý với điều này, nhắc lại rằng theo quy tắc cổ xưa và chỉ thị của các Tông Đồ (1 Tm 5:19), để chấp nhận cáo buộc đối với một linh mục thì cần có ít nhất hai hoặc ba nhân chứng; chính vì lý do đó mà họ đã phản đối phán quyết mà phe Arian muốn ban hành nhằm kết án Thánh Eustathius thành Antioch[1996] .

Trong khi đó, giáo dân Chính Thống tại Antioch, khi nghe tin về sự sỉ nhục mà vị tổng giám mục yêu quý của họ là Eustathius phải chịu do âm mưu của các giám mục ngoại tỉnh, đã nổi giận và sẵn sàng cầm vũ khí chống lại những người theo phái Arian. Lúc đó, Eusebius của Nicomedia cùng với Theognis của Nicaea, khi thấy âm mưu chống lại Thánh Eustathius của họ đã thất bại, đã vội vã đến gặp hoàng đế và báo cáo với ngài rằng tại Antioch đang xảy ra một cuộc nổi loạn của dân chúng, được cho là do Giám mục Eustathius của Antioch kích động để bảo vệ quan điểm tôn giáo của mình, từ đó phá vỡ sự hòa bình mà Giáo hội hằng mong mỏi; họ còn thêm vào đó một lời vu khống mới, rằng Giám mục Eustathius đã có những lời lẽ xúc phạm đối với mẹ của Hoàng đế Constantine[1997] . Họ buộc phải dùng đến lời vu khống gây phẫn nộ như vậy để kích động Hoàng đế chống lại Thánh Eustathius một cách quyết liệt hơn, bởi vì người phụ nữ, người đã vu khống Thánh Eustathius tại Antioch, sau khi bị bệnh nặng vì lời vu khống đó, đã triệu tập nhiều linh mục và tín hữu Chính Thống Giáo, và trước mặt mọi người, bà đã thú nhận rằng mình đã bị những người theo phái Arian hối lộ để vu khống Giám mục Eustathius; bà còn giải thích thêm rằng lời thề của bà trước các giám mục không hoàn toàn là dối trá, vì cha của đứa trẻ, một thợ đồng địa phương, cũng tên là Eustathius. Với lời thú nhận của người phụ nữ về việc bị những người theo phái Arian hối lộ, những kẻ thù của Thánh Eustathius đã bị chính đồng phạm của họ làm nhục, và âm mưu của họ nhằm loại bỏ Giám mục Eustathius dựa trên cáo buộc của người phụ nữ đó đã thất bại, đó là lý do tại sao họ phải dùng đến lời vu khống đáng phẫn nộ rằng vị thánh Antioch đã xúc phạm Hoàng thái hậu.

Hoàng đế, người đã bị lừa dối và phẫn nộ, vốn luôn cố gắng bằng mọi cách để duy trì hòa bình giữa các Kitô hữu, trước hết nhằm chấm dứt sự bất ổn của dân chúng tại Antioch, đã triệu tập Thánh Eustathius đến Constantinople[1998] .

Còn Thánh Eustathius, dự đoán trước việc mình sẽ bị trục xuất khỏi Antioch, trước đó đã ngày càng thường xuyên hơn tập hợp các công dân Chính Thống Giáo lại và khẩn thiết, bằng tất cả sức mạnh của tài hùng biện chân thành và kiến thức sâu rộng của mình, thuyết phục họ đừng để bị cám dỗ bởi những luận điệu sai lầm của các tà giáo trong thời gian ngài vắng mặt, và hãy kiên định giữ vững lòng trung thành với Chính Thống Giáo[1999] .

[1995] Théodoret, Giám mục Cyrrhus. Lịch sử Giáo hội, ấn bản năm 1852, Chương 21, tr. 84–86.

[1996] Lịch sử Giáo hội, xuất bản dựa trên các tài liệu gốc. D. B. Vlad. Gette. Xuất bản tại St. Petersburg, năm 1875, tập, tr. 64–65.

[1997] Học thuyết lịch sử về các vị Thánh Cha, Tổng Giám mục Filaret Chernigov, xuất bản năm 1859, tập II, tr. 25. Cùng các chứng cứ này, và Giáo sư N. Barsov.

[1998] Nghiên cứu lịch sử, "Những phát hiện trong Sách Công vụ các Thánh" (do các nhà nghiên cứu Hà Lan xuất bản), tháng Bảy, quyển IV. Và bản in tiếng Anh-Đức-Pháp, các tiểu sử các Thánh Tổ và các vị Tử đạo, do Butler, Res và Weiss dịch và biên soạn, phần 9, bản tiếng Đức, xuất bản năm 1824.

[1999] "Nỗ lực bảo tồn và bảo vệ khỏi sự hư hại những nguyên tắc đã được đặt ra trong thời kỳ Giáo hội chưa chia rẽ, bao trùm cả phương Đông và phương Tây, – chính là điều mà trong Giáo hội Đông phương được gọi là Chính thống giáo". "Giáo hội Chính thống là Giáo hội

Thánh Gioan Vàng Miệng đã làm chứng về điều này như sau[2000] : "Thánh Eustathius, luôn tỉnh thức, quan sát và tiên đoán từ xa mọi điều sắp xảy ra (cuộc tấn công của những người Arian vào Chính Thống Giáo), như một vị bác sĩ khôn ngoan, trước khi dịch bệnh xâm nhập vào thành phố, ngài đã ở lại đây, chuẩn bị thuốc men và điều khiển con thuyền thiêng liêng của đoàn chiên Antioch với sự thận trọng cao độ, đi khắp mọi nơi, khích lệ mọi người và thúc giục họ chú ý và tỉnh thức, như thể bọn cướp biển đang tấn công và tìm cách cướp đi kho báu của đức tin... Và, sau khi triệu tập mọi người, ngài khuyên nhủ đừng rời bỏ (đức tin chân chính), đừng nhượng bộ trước bầy sói và đừng giao phó đoàn chiên cho chúng, mà hãy ở lại bên trong, bịt miệng chúng và vạch trần chúng, đồng thời củng cố những anh em đơn sơ nhất... Và ngài đã sai người đi khắp nơi để giảng dạy, thuyết phục, khuyên nhủ, và chặn đường những kẻ thù địch..."

Và phần lớn đoàn chiên Antioch vẫn trung thành với Chính Thống Giáo, mặc dù một giám mục theo phái Arian đã được bổ nhiệm thay thế Thánh Eustathius tại Antioch, bởi vì dân chúng xa lánh những giám mục như vậy và cùng với nhiều linh mục Chính Thống Giáo đã thành lập các hội thánh riêng biệt với những người theo phái Arian, đó là lý do tại sao những người Arian gọi họ là "những người theo Eustathius"[2001] vì họ trung thành với giáo lý Chính Thống Tông Đồ Toàn Cầu.

Tuy nhiên, sự chia rẽ trong dân chúng này – do phần lớn người Antioch trung thành với những giáo huấn Chính Thống của Thánh Eustathius – lại càng khiến hoàng đế phẫn nộ hơn đối với vị thánh và dẫn đến việc ban hành sắc lệnh hoàng gia vào năm 331, theo đó Thánh Eustathius bị trục xuất đến Thrace mà không qua xét xử và không bị tước chức giám mục[2002] . Tuy nhiên, vị chứng nhân của Đấng Kitô vẫn tiếp tục rao giảng đức tin Chính Thống chân chính và vạch trần các tà giáo ngay cả tại đó. "Ngài," theo lời chứng của Thánh Xê-đô-ni-ô, "đã được Thánh Thần dạy dỗ sâu sắc rằng vị đứng đầu Giáo Hội không chỉ phải lo lắng cho riêng Giáo Hội mà Thánh Thần đã giao phó cho ngài, mà còn phải lo lắng cho toàn thể Giáo Hội trên khắp vũ trụ; ông đã học được điều này từ các lời cầu nguyện thiêng liêng. "Nếu cần – thánh Eustathius nói – phải dâng lời cầu nguyện cho Giáo hội toàn vũ trụ, từ đầu này đến đầu kia của vũ trụ, thì càng phải thể hiện sự quan tâm đến toàn thể Giáo hội đó, cũng như quan tâm đến tất cả (các Giáo hội) và chăm lo cho tất cả..." Thánh Eustathius bị trục xuất, nhưng tiếng nói của ngài không im lặng; con người thì bị trục xuất, nhưng lời giảng dạy thì không bị trục xuất"[2003] .

Còn những kẻ dị giáo theo phái Arian, những người đã giành được ảnh hưởng hoàn toàn dưới thời các vị kế vị Hoàng đế Constantine, để gây thêm khó khăn cho Thánh Eustathius và giám sát hoạt động của ngài, đã kiên quyết yêu cầu ban hành một sắc lệnh hoàng gia nữa về việc chuyển ngài từ Thrace đến thành phố Philippi thuộc Macedonia[2004] . Tại đó, vào khoảng năm 345, Thánh Eustathius thành Antioch, người đã dành cả cuộc đời để

---

bảo tồn một cách chính xác và bất biến giáo lý của Giáo hội phổ quát cổ xưa, và trong mọi khía cạnh đều trung thành với những nguyên tắc đã được xác định cho Giáo hội bởi Đấng Sáng lập là Chúa Giêsu Kitô và các Tông đồ của Ngài." (Giới thiệu về Luật Giáo hội Chính thống. D. B. M. A. Ostroumova. Tập 1, xuất bản năm 1893, tr. 27–28 và 670).

[2000] Tập hợp toàn bộ các tác phẩm của Thánh Gioan Kim Khẩu. Xuất bản năm 1896, tập 2, quyển 2, tr. 646–647 và 649. Lời ca ngợi Thánh Cha Êustathius, Tổng Giám mục Antioch vĩ đại – Thánh Gioan Zlatoust, Tổng Giám mục Constantinople, vị Thánh Cha lừng danh của Giáo hội toàn cầu vào nửa sau thế kỷ IV và đầu thế kỷ V, nổi tiếng đặc biệt nhờ các bài giảng và việc giải thích Kinh Thánh. Nhờ tài hùng biện phi thường, ngài được gọi là "Vàng Miệng". Ngài sinh năm 347 tại Antioch và được rửa tội khi 23 tuổi. Ông đã dành phần lớn cuộc đời để phục vụ với tư cách là linh mục tại Antioch Lớn, và vào cuối thế kỷ IV, ông được bổ nhiệm làm Giám mục Constantinopolis; trong giai đoạn cuối cùng của chức vụ linh mục này, ông đã phải chịu nhiều cuộc đàn áp do ảnh hưởng của Hoàng hậu Eudoxia, vợ của Hoàng đế Arcadius, và ngài đã qua đời một cách tử đạo trong thời gian bị lưu đày tại Armenia vào năm 407. Ngài là tác giả của nghi thức Thánh lễ được cử hành trong Giáo hội Chính thống phần lớn thời gian trong năm. Ngày kỷ niệm ngài được tổ chức vào ngày 30 tháng 1 và 13 tháng 11.

[2001] Thánh Theodoret, Giám mục Kyr, Lịch sử Giáo hội. Xuất bản năm 1852, Chương 22, tr. 87. Lịch sử Giáo hội của Vl. Gette, xuất bản năm 1875, Tập 3, tr. 65. Sau này, những người Arian bắt đầu gọi những người Chính Thống Antioch là "Campens" (từ "campus" – cánh đồng), vì họ tụ tập để cử hành thánh lễ, trong số những nơi khác, tại những cánh đồng trống, do những người Arian, với sự ủng hộ của chính quyền thế tục, đã chiếm đoạt và chiếm giữ các nhà thờ của người Chính Thống. Xem các tác phẩm của Thánh Giê-rô-ni-mô Stridon. Ấn bản lần thứ 2, năm 1893, phần 1, tr. 55–56 (Cuộc đời).

[2002] Thánh Giê-rô-ni-mô viết rằng đó là cuộc lưu đày "vì đức tin" Chính thống giáo. (Biên niên sử của Giê-rô-ni-mô, năm 332). Trong thời cổ đại, tên gọi "Thrace" dùng để chỉ toàn bộ vùng đất trên bán đảo Balkan nằm phía bắc của Macedonia, Biển Aegean và Biển Marmara, nơi ngày nay bao gồm một phần của Hungary, Transylvania, Bessarabia, Romania, Bulgaria, Serbia và phần phía đông của Rumelia. Thrace nổi tiếng với sự giàu có về kim loại, ca hát và âm nhạc. Người La Mã đã chinh phục vùng đất này khoảng 20 năm trước Công nguyên.

[2003] Lời ca ngợi Thánh Cha Eustathius của Antioch, do Thánh Gioan Kim Khẩu soạn năm 1896, tập 2, quyển 2, trang 647.

không ngừng đấu tranh chống lại những sai lầm dị giáo và rao giảng đức tin chân chính vào Đức Chúa Trời đích thực, đã qua đời[2005] .

Ngay sau Công đồng Đại kết lần thứ II, diễn ra vào năm 381 tại Constantinople và đã tái khẳng định tuyên xưng đức tin của Công đồng Đại kết Nicaea lần thứ nhất, đồng thời lặp lại việc lên án các tà thuyết Arian, bán Arian và tất cả các tà thuyết khác chống lại giáo lý Kitô giáo chính thống – đã đến thời điểm thuận lợi để tôn vinh Thánh Eustathius thành Antioch, vị tử đạo vì đức tin chân chính. Và vào năm 382[2006] , di cốt thánh của ngài[2007] đã được rước về Antioch trong không khí long trọng, nhằm an ủi những người dân Antioch vốn hết lòng tôn kính ngài.

Được dân chúng yêu mến, được tất cả các vị Thánh Phụ Chính Thống Giáo kính trọng và được các nhà văn giáo hội ca ngợi, Thánh Eustathius là một trong những giám mục nổi tiếng nhất của thế kỷ thứ tư vinh quang, nhờ những công lao và đóng góp cho Giáo hội. Các vị Thánh Cha của Công đồng Đại kết lần thứ VII[2008] đã gọi Thánh Eustathius thành Antioch là "người bảo vệ kiên định của đức tin Chính thống và kẻ tiêu diệt tà thuyết Arian"[2009] . Thánh Giê-rô-ni-mô[2010] , vị Thánh Cha-Giáo sư lừng lẫy nhất của Giáo Hội Tây phương cổ đại, làm chứng rằng Thánh Êu-sta-fi-ô là người đầu tiên viết bài phản bác Arius; ngài ngạc nhiên trước sự uyên bác của vị Thánh và nói rằng ngài rất uyên thông về các môn học thần học và thế tục, đặc biệt là triết học, và đã viết vô số thư tín về đức tin. Thánh Athanasius thành Alexandria, Thánh Gioan Kim Khẩu, Thánh Basil Đại Đế[2011] , Thánh Epiphanius

---

[2004] Philippi – một thành phố bên sông Maritsa ở Macedonia, từng là một thuộc địa Hy Lạp cổ đại, sau đó bị Philip II của Macedonia chinh phục và đặt tên là Philippi. Ngày nay, nơi đây được gọi là Philippopolis, hay Plavdinograd theo tiếng Bulgaria. Thánh Phaolô đã viết bức thư nổi tiếng gửi cho các tín hữu Kitô giáo tại thành phố này, tức là người dân Philippi.

[2005] Không có thông tin chính xác về năm qua đời của Thánh Eustathius trong các tài liệu cổ. Đức Tổng Giám mục Filaret của Chernigov và Giáo sư N. Barsov cho rằng ngài qua đời vào năm 345.

[2006] Lịch tháng đầy đủ của Phương Đông. Tổng giám mục Sergius. Xuất bản năm 1876, tập II, phần 2, trang 58. Ghi chú ngày 21 tháng 2. Về việc di dời di cốt này, Theodor Chtez, một nhà sử học nổi tiếng của thế kỷ VI, người đã viết 4 cuốn sách về Lịch sử Giáo hội – hai cuốn đầu dựa trên các nhà sử học trước đó, còn hai cuốn sau là do chính ông viết – đã đề cập đến.

[2007] Trong Giáo hội Thánh, thuật ngữ "xác thánh" theo nghĩa rộng được hiểu là thi thể của mọi Kitô hữu đã qua đời. Chẳng hạn, trong nghi thức an táng người quá cố có đoạn: "Sau khi rước xác thánh của người quá cố, họ rước (cùng với xác thánh) vào nhà thờ". Tuy nhiên, về bản chất, "xác thánh" đề cập đến thi hài thiêng liêng của các Thánh Đấng được Chúa yêu mến. Tuy nhiên, ngay cả ở đây, từ "xác thánh" cũng có nhiều ý nghĩa khác nhau. Trước hết, "xác thánh" được dùng để chỉ "xương" của các Thánh Đấng được Chúa yêu mến. Chẳng hạn, các Kitô hữu cổ đại đã tôn kính xương của các Thánh Tử đạo Ignatius, Đấng Mang Chúa, và Polycarp của Smyrna. Nhà sử học Giáo hội Eusebius, khi nói về việc di chuyển di cốt của Thánh Tông đồ Luca và Timôthê vào thế kỷ IV, đã bổ sung rằng vị tổng giám mục đã giữ chúng trên đầu gối của mình trong những "hộp nhỏ hoặc rương nhỏ". Rõ ràng, những chiếc hòm nhỏ này chỉ có thể chứa được xương của các thánh tông đồ. Từ "xác thánh" đối với tổ tiên chúng ta chủ yếu có nghĩa là "xương". Tuy nhiên, một số di cốt của các thánh lại là toàn bộ thi thể của các vị đã qua đời và được bảo quản tốt đến mức các chi thể vẫn mềm mại và dẻo dai; ví dụ, trên đảo Corfu, di cốt của Thánh Spiridon Trimythous đã nằm trong điều kiện khí hậu ẩm ướt và nóng bức hơn một nghìn năm rưỡi, nhưng các chi thể vẫn giữ được độ dẻo dai. (Tạp chí Truyền giáo. Lá chắn của Đức tin. Biên soạn bởi I. Smolin. Nhà xuất bản St. Petersburg, năm 1904, tr. 64 và các trang khác).

[2008] Công đồng Đại kết lần thứ VII của Giáo hội diễn ra vào năm 787 dưới triều đại của Hoàng hậu Irina cùng con trai bà là Constantine, tại chính nơi đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ I, tức thành phố Nicaea thuộc Bithynia; tại đây, công đồng đã thiết lập tín điều về việc tôn kính các bức tượng thánh chống lại những người chống tượng thánh. Các biên bản chính thức của Công đồng này được lưu giữ đầy đủ và đã được xuất bản bằng tiếng Nga tại Học viện Thần học Kazan vào năm 1891.

[2009] Các biên bản của các Công đồng Đại kết đã được xuất bản bằng bản dịch tiếng Nga tại Học viện Thần học Kazan vào năm 1891, tập VII, trang 233.

[2010] Thánh Giê-rô-ni-mô Stridon sinh năm 330 tại thị trấn nhỏ Stridon thuộc Dalmatia và Pannonia; cha ngài là một quý tộc sùng đạo; Thánh Giê-rô-ni-mô qua đời năm 420, thọ 90 tuổi. Với kiến thức uyên bác và đa diện, với hoạt động không mệt mỏi cùng những tác phẩm vĩ đại vì lợi ích của khoa học Kitô giáo và Giáo hội của Chúa Kitô, cùng cuộc đời tu hành gương mẫu và đầy bài học, Thánh Giê-rô-ni-mô được xem là một trong những vị Thánh Cha – Thầy dạy nổi tiếng nhất của Giáo hội Tây phương cổ đại; ngài đã dành phần lớn cuộc đời mình ở phương Đông. Các tác phẩm của Thánh Giê-rô-ni-mô, do Học viện Thần học Kiev xuất bản, ấn bản thứ 2 năm 1894, tập 2, tr. 266. Thư số 68 gửi Linh mục Evanghelou và tr. 251–252, thư số 65.

[2011] Thánh Basil Đại Đế, Giám mục thành Caesarea thuộc Cappadocia, sinh khoảng năm 330 tại Caesarea, thành phố chính của Cappadocia, trong một gia đình danh giá và có trình độ học vấn cao. Khi khoảng 18 tuổi, ngài lên đường đến Constantinopolis và Athens, nơi ngài đã hoàn thành xuất sắc chương trình học thuật của mình; sau khi trở về Caesarea, vào khoảng 25 tuổi, ngài đã chịu phép rửa tội và được phong làm "người đọc Kinh Thánh". Năm 364, ngài được tấn phong làm linh mục, và năm 370 – làm giám mục; ngài qua đời vào năm 379. Ngài đã nhiệt thành bảo vệ giáo lý chính thống khỏi tà thuyết Arian, nhưng lại phải hứng chịu sự thù địch không chỉ từ phía những người Arian, mà còn từ những người bảo thủ chính thống, những người cho rằng ngài quá ôn hòa trong cách đối xử với những người Arian; ông đã kiên quyết phản đối những nỗ lực của Hoàng đế Valens lúc bấy giờ, một tín đồ cuồng nhiệt của tà thuyết Arian, nhằm lôi kéo Giáo hội Caesarea theo Arian giáo. Thánh Basil Cả đã để lại những đóng góp vô cùng phong phú cho văn học các Thánh Tông Đồ qua vô số tác phẩm tuyệt vời và nghi thức Thánh Lễ của ngài, nhờ đó ngài được phong danh hiệu "Thầy dạy toàn cầu" của đức tin Kitô giáo. Ngày kỷ niệm ngài là ngày 1 và 30 tháng 1.

thành Síp[2012] , Thánh Anastasius thành Sinai[2013] và những vị khác cũng xác nhận trình độ học vấn cao cùng lòng nhiệt thành tôn giáo của Thánh Eustathius. Còn nhà sử học nổi tiếng thời bấy giờ là Thêôđôrit, Giám mục Kyrr, đã gọi Thánh Êustathius là trụ cột vĩ đại nhất của Giáo hội và lòng đạo đức, ngang hàng với Thánh Athanasius thành Alexandria và các nhà bảo vệ chính yếu nhất của Chính Thống giáo thời bấy giờ[2014] . Còn nhà sử học Sozomen, người sống vào nửa đầu thế kỷ thứ năm, cho biết: "Nghệ thuật giảng đạo và tài hùng biện của Thánh Eustathius đã khiến những người đương thời vô cùng kinh ngạc. Nghệ thuật này có thể được thấy trong các tác phẩm của Eustathius, những cuốn sách vẫn còn nguyên vẹn cho đến nay", – Sozomen khẳng định[2015] . "Thật đáng tiếc," Tổng Giám mục Filaret Chernigov[2016] nhận xét, "ngày nay không thể nói rằng các tác phẩm của Thánh Eustathius vẫn còn nguyên vẹn; nhưng ngay cả trong những gì còn lưu truyền đến ngày nay, người ta vẫn có thể thấy rõ tất cả những phẩm chất mà các bậc tiền bối đã ca ngợi trong các tác phẩm của ngài." Chỉ có hai tác phẩm được trích dẫn ở trên là "Bài diễn văn gửi Hoàng đế Constantine tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất" và tác phẩm về nữ phù thủy Aendora là còn nguyên vẹn; trong số nhiều tác phẩm khác của Thánh Eustathius, chỉ còn lại những trích đoạn do các nhà văn cổ đại ghi chép lại[2017] .

Dựa trên các trích đoạn còn lại từ các cuốn sách chống lại Arius, có thể thấy rằng Thánh Eustathius đã viết tám cuốn. Những trích đoạn này cho thấy vị người bảo vệ chân lý trước hết đã phân biệt các đoạn Kinh Thánh nói về bản tính con người của Chúa Giêsu Kitô với những đoạn mô tả Ngài là Con Thiên Chúa và là Thiên Chúa, và Thánh Eustathius đã thực hiện điều này một cách đặc biệt thành công, giải thích chính xác ý nghĩa của cả hai loại đoạn văn đó[2018] . Bằng cách này, ngài đã giáng một đòn đánh chính xác nhất vào phe Arian, những người cố tình tìm kiếm những đoạn liên quan đến tình trạng khiêm nhường của Chúa Giêsu Kitô, đồng thời lờ đi, và đặc biệt là khiến người khác cũng lờ đi, những đoạn thuộc loại khác. Các nhận xét chống lại phái Arian cũng được viết dựa trên Sách Châm Ngôn của Salômôn (8:22) và các Thi Thiên của Đa-vít (15–56 và 92). Cả đoạn đầu tiên lẫn một số lời trong các Thi Thiên đã nêu, phái Arian đều cố gắng sử dụng như bằng chứng cho tính chân thật của giáo lý của họ. Thánh Eustathius cũng sử dụng phương pháp tương tự để chống lại họ – ngài kết hợp và giải thích các lời dạy trong Kinh Thánh liên quan đến bản tính con người và bản tính Thiên Chúa của Đấng Cứu Chuộc. Bằng cách giải thích Kinh Thánh như vậy, Thánh Eustathius đã chỉ ra cho những người Arian thấy rằng trong Đức Kitô, bản tính Thiên Chúa và bản tính con người đã được kết hợp, mà không làm thay đổi các thuộc tính của Ngài, rằng Con

---

[2012] Thánh Epiphanius, Giám mục đảo Síp, hay chính xác hơn là thành phố Salamis trên đảo Síp, gốc Do Thái, đã chịu phép rửa tội năm 16 tuổi và được tấn phong làm giám mục năm 60 tuổi. Là một tu sĩ nghiêm khắc, ngài nổi bật với lòng tin tưởng hồn nhiên như trẻ thơ, lòng nhân ái và tinh thần bác ái. Ngài đã thành lập một tu viện tại Palestine, nơi ngài làm vị tu viện trưởng trong khoảng 30 năm. Ngài được ban ân sủng làm phép lạ, thông thạo nhiều ngôn ngữ và là người bảo vệ nhiệt thành cho Chính Thống Giáo; ngài qua đời vào năm 403 với tư cách là một vị tu sĩ cao niên. Các tác phẩm chính của ngài về "các tà thuyết" là: "Cái neo chống lại chủ nghĩa Arian và những kẻ chống Thánh Thần" và "Hộp thuốc chữa trị tám mươi tà thuyết" – bao gồm cả những tà thuyết cổ xưa lẫn những tà thuyết đương thời với ngài. Ngày tưởng niệm ngài là ngày 12 tháng 5.

[2013] Anastasius Sinait, hay còn gọi là Kinovit, là một trong những tu sĩ khổ hạnh ở Sinai vào nửa sau thế kỷ thứ sáu, từng là Thượng phụ Antioch, một chiến sĩ nhiệt thành bảo vệ Chính Thống Giáo chống lại các tà giáo (trong triều đình), điều này đã khiến ngài phải hứng chịu cơn thịnh nộ của Hoàng đế Justinian và, bất chấp cuộc đời thánh thiện của mình, ông vẫn bị đày ải, nơi ông đã sống hơn 20 năm. Trong thời gian bị giam cầm này, ông đã viết nhiều tác phẩm thần học, đặc biệt là về các vấn đề liên quan đến hai bản tính và hai ngôi vị trong Đức Giêsu Kitô. Thánh Anastasius của Sinai gọi Thánh Eustathius của Antioch là "Thần thánh" và viết rằng ngài xem ngài như một người hoàn hảo trong các con đường của Chúa, như một nhà giảng thuyết khôn ngoan, một vị thánh tử đạo và một vị thầy, như cha và người bảo vệ của mình, như một người được Thượng Đế soi sáng.

[2014] Lịch sử Giáo hội của Thánh Phêôđôritô, Giám mục Kir. Bản tiếng Nga, xuất bản tại St. Petersburg năm 1852, quyển 1, chương VIII, XXV và các chương khác. Cũng được đề cập trong Lịch sử Giáo hội của D. B. A. P. Lebedev, xuất bản năm 1898.

[2015] Hermias Sozomen, người Salamis (theo họ gia đình), là một nhà sử học Giáo hội người Hy Lạp, gốc Palestine, đồng thời là một nhà luật học. Lịch sử Giáo hội của ông bao quát khoảng thời gian từ năm 323 đến năm 439. Ông được giáo dục dưới ảnh hưởng của các tu sĩ vào giữa thế kỷ thứ năm. Phần lịch sử về ba thế kỷ đầu tiên của Kitô giáo do ông viết đã không còn tồn tại. Còn cuốn "Lịch sử Giáo hội thế kỷ thứ tư" trong bản dịch tiếng Nga đã được xuất bản năm 1851. Trong đó có đề cập đến Eustathius của Antioch ở các trang 22, 121, 123 và các trang khác. Tuy nhiên, vị Eustathius mà Sozomen đề cập (trang 404) – người đã được Jovian phục chức và phong chức giám mục cho Evargius – lại là một người khác, không phải là vị thánh. (Lịch sử học về các vị Thánh Cha của Giáo hội, tr. 25–26).

[2016] Giáo lý Lịch sử về các Thánh Tông Đồ của Giáo Hội. Của Filaret, Tổng Giám mục Chernihiv. Xuất bản năm 1859, tập 2, tr. 26.

[2017] Những trích đoạn này cùng toàn bộ tác phẩm về nữ phù thủy Aendora với bài diễn văn gửi Hoàng đế Constantine đã được xuất bản trong tập thứ tư của Thư viện Hollanda và trong Min. Patrolog., tập 18. Ngoài ra còn có trong Thư viện Hy Lạp của Fabricius (Tập 9, trang 133, folio 68, 170). Nghiên cứu lịch sử về các vị Thánh Cha của Giáo hội. Filaret, Tổng Giám mục Chernihiv. 1859, Tập II, tr. 26.

[2018] Công trình lịch sử học về các vị Thánh Cha Giáo Hội của Đức Tổng Giám mục Filaret, Chernihiv, 1859, tập II, tr. 27.

Thiên Chúa chỉ tuân theo luật pháp để cứu những nô lệ của tội lỗi và sự kết án. "Không phải Lời phải tuân theo luật pháp, như những kẻ báng bổ nghĩ vậy," Thánh Eustathius viết, "mà chính Lời là luật pháp; và Đức Chúa Trời không cần đến những của lễ tẩy sạch; Ngài chỉ bằng một cử chỉ duy nhất đã thanh tẩy và thánh hóa mọi sự. Nhưng vì Ngài đã mang lấy thân xác con người, được nhận từ Đức Trinh Nữ, nên Ngài đã tuân theo luật pháp, – để giải thoát những ai bị trói buộc bởi lời thề dẫn đến sự kết án khỏi ách nô lệ của luật pháp..."

Hướng đi này trong các tác phẩm của Thánh Eustathius hoàn toàn giải thích được tại sao trong các "tập hợp các bài giải thích" về Kinh Thánh lại rất thường xuyên xuất hiện các bài giải thích của Thánh Eustathius thành Antioch[2019] .

Tác phẩm "Về linh hồn" là luận giải triết học-thần học của Thánh Eustathius về linh hồn của Chúa Giêsu Kitô và cũng nhằm chống lại những sai lầm của phái Arian.

Cuối cùng, tác phẩm của Thánh Eustathius "về nữ phù thủy Aendor" là một tác phẩm mẫu mực cả về cách trình bày tư tưởng cao siêu lẫn vẻ đẹp của văn phong và hình ảnh, xứng đáng với những lời khen ngợi mà tất cả các nhà văn và các vị Thánh Cha của Giáo Hội, những người đã từng cầm trên tay các tác phẩm này, đã dành cho các tác phẩm của Thánh Eustathius. Trong tác phẩm này, Thánh Eustathius, trong số những điều khác, đã đưa ra những nhận xét nghiêm khắc nhưng công bằng đối với Origene[2020] vì tình yêu quá mức của ông đối với việc giải thích theo ẩn dụ Kinh Thánh , tức là không theo nghĩa trực tiếp, không theo nghĩa đen của các từ. Như vậy, Origene "giải thích theo ẩn dụ, khác hẳn với nghĩa đen của các từ, – thánh Eustathius viết – những cái giếng do Áp-ra-ham đào và những điều khác liên quan đến chuyện đó, trong một bài diễn văn dài, gán cho toàn bộ sự việc một ý nghĩa khác, trong khi những cái giếng này cho đến nay vẫn có thể được nhìn thấy bằng mắt thường ở đất nước đó»... Và về nữ phù thủy En-Dor[2021] (1 Sa-mu-ên 28), Thánh Eustathius chứng minh, trái ngược với Origen, rằng bà ta không thể và cũng không triệu hồi linh hồn của tiên tri Sa-mu-ên[2022] , mà chỉ có một bóng ma xuất hiện nhờ phép thuật của bà, giả dạng Sa-mu-ên để lừa dối và gây hại cho Sa-ul[2023] . Tại đây, Thánh Eustathius dạy rằng trong Cựu Ước, linh hồn của những người công chính an nghỉ trong lòng Áp-ra-ham[2024] , nhưng không thể lên trời trước khi Chúa Giê-su Ki-tô mở cánh cửa Nước Trời bằng sự Phục Sinh của Ngài; những người công chính trong Tân Ước hạnh phúc

---

[2019] Ví dụ, trong tuyển tập các bài giải thích về Sách Sáng Thế (Fabrit. Bibl. graec. 8, tr. 641, 643–645), về Sách Các Vua và Châm Ngôn của Salômôn (Bibliot. Coislian, tr. 43–45, tr. 60, 247).

[2020] Origen là một nhà giảng dạy Kitô giáo nổi tiếng của Giáo hội Alexandria vào giữa thế kỷ thứ ba (qua đời năm 254) và là một nhà giáo lý xuất sắc tại Học viện Hòa giải Alexandria, sau đó tại Caesarea Palestine với chức vụ linh mục. Origen sinh ra tại Alexandria vào cuối thế kỷ thứ hai và mồ côi cha khi mới 17 tuổi, người đã bị hành quyết vì tuyên xưng đức tin Kitô giáo. Trong cuộc bách hại dưới thời Decius, ông bị giam cầm trong nhà tù, điều này đã làm suy yếu sức khỏe của ông, khiến ông qua đời ở tuổi khoảng 70. Vì sự cần mẫn không mệt mỏi trong công việc, ông được mệnh danh là "người kim cương". Nhiều vị Thánh Cha của Giáo Hội đã nhờ Origen mà có được sự dạy dỗ ban đầu và được dẫn dắt từ ngoại giáo sang Kitô giáo, chẳng hạn như Thánh Grêgôriô Neocésariensis. Nhiều tác phẩm của ông nhằm bảo vệ Kitô giáo trước các tà giáo và kẻ thù của Kitô giáo; đặc biệt nổi bật là các công trình về Thánh Kinh, nơi ông cố gắng hòa hợp đức tin với tri thức và triết học. Tuy nhiên, Origène thường đưa ra những cách giải thích và suy nghĩ tùy tiện, không được toàn thể Giáo hội chấp nhận, chẳng hạn như về các Ngôi của Thánh Ba Ngôi, về sự tạo dựng linh hồn, mặc dù ông trình bày chúng như những giả thuyết cá nhân của mình, nhưng những người hâm mộ ông đã phát triển chúng đến mức cực đoan và dẫn đến dị giáo. Vào thế kỷ thứ sáu, Origen bị cáo buộc về mười tà thuyết, và tại Công đồng Constantinopolis năm 543, Origen bị kết án là kẻ dị giáo, bị vạ tuyệt thông, còn các tác phẩm của ông bị tuyên bố phải tiêu hủy vì mang tính dị giáo.

[2021] Aendor, hay Endor (nguồn nước), là một thị trấn nhỏ bên dòng suối Kisson, ở Palestine. Gần Aendor có một nữ phù thủy được nhắc đến trong (1 Sa-mu-ên 28), người mà vua Do Thái Sa-ul đã đến gặp vào ban đêm và xin bà triệu hồi Sa-mu-ên đã qua đời. Ngày nay, người ta vẫn chỉ cho du khách xem một hang động gần Nazareth, nơi được cho là nơi nữ phù thủy đó từng sống. Hiện nay, tại vị trí của A-en-đô có một ngôi làng nhỏ và nghèo tên là Endur.

[2022] Samuel là vị quan xét cuối cùng và nổi tiếng nhất của dân Y-sơ-ra-ên trong mười một thế kỷ trước Công nguyên. Ông đã thành lập các hội đồng tiên tri, hay các trường học, như những cộng đồng tôn giáo và đạo đức nhằm khơi dậy lòng yêu nước và sự khai sáng trong dân chúng. Ông đã cai trị dân chúng một cách khôn ngoan; ông qua đời ở tuổi 88, sau khi lập Saul làm vị vua đầu tiên. Cuộc đời của Samuel được mô tả trong các chương đầu của Sách Các Vua I.

[2023] Sa-un, con trai của Ki-sô, vị vua đầu tiên của dân Do Thái, được Sa-mu-ên xức dầu phong làm vua, đã trị vì 40 năm, ban đầu với đức hạnh, nhưng sau đó trở nên tham quyền và tàn bạo khi ngừng tuân theo lời khuyên của Sa-mu-ên. Cuộc đời ông được mô tả trong (1 Sử ký 9:31).

[2024] Trong lòng Áp-ra-ham hay trên lòng (trên ngực) Áp-ra-ham – là một cách diễn đạt trong Kinh Thánh, chỉ nơi an nghỉ sau khi chết của các người công chính trong Cựu Ước. (Lu-ca 16:22–23). Cách diễn đạt này bắt nguồn từ thói quen nằm nghỉ trong các bữa tối của người Do Thái, trong đó việc nằm trên ngực, trên lòng, là dấu hiệu của sự thân thiết đặc biệt giữa những người nằm như vậy.

hơn những người công chính đó – khi lìa khỏi thân xác, họ đã đạt được vinh quang trên trời, đã có sự hiệp thông nhất định với Chúa Giêsu Kitô[2025] ...

Cuộc đời và hoạt động của Thánh Eustathius thành Antioch rất có giá trị giáo huấn, không chỉ dành cho các mục tử của Giáo Hội, mà còn dành cho mọi tầng lớp trong đời sống của các Kitô hữu Chính Thống. Về điều này, ngoài những điều đã nêu ở trên, còn có một số chỉ dẫn chung khác mà Thánh Xê-đô-ni-ô, vị Thầy Toàn Cầu của Đức Tin Kitô Giáo, dành cho tất cả các tín hữu Chính Thống Giáo trong bài "Ca ngợi" dài của ngài dành cho vị Thánh Cha của chúng ta là Thánh Êu-sta-fiô thành Antiôkhia[2026] .

"Đừng ngạc nhiên khi, khi bắt đầu bài ca ngợi Thánh Eustathius Antioch, tôi đã gọi vị thánh này là vị tử đạo; ngài đã kết thúc cuộc đời bằng cái chết, vậy tại sao ngài lại là vị tử đạo? Tôi đã nhiều lần nói với quý vị rằng, điều làm nên một vị tử đạo không chỉ là cái chết, mà còn là thái độ tâm hồn. Vòng hoa tử đạo thường được dệt nên không chỉ vì kết quả cuối cùng, mà còn vì ý định... Thánh Eustathius đã chịu chết vì Chúa Kitô không phải ở quê hương mình, mà là ở xứ người. Đó là việc làm của kẻ thù; chúng đã trục xuất ngài khỏi quê hương để làm nhục ngài, nhưng ngài lại trở nên vinh quang và nổi tiếng hơn nhờ việc bị lưu đày sang xứ lạ, như kết cục của sự việc đã chứng minh... Thánh Eustathius, giống như Thánh Phaolô, đã sẵn sàng chịu vô số cái chết, và ngài đã trải qua tất cả những điều đó với lòng kiên nhẫn và nhiệt thành; ngài cũng đã vượt qua nhiều nguy hiểm ập đến với mình bằng chính kinh nghiệm của bản thân. Họ đã trục xuất ngài khỏi quê hương và lúc bấy giờ đã dựng lên nhiều cáo buộc khác chống lại vị thánh phúc lành này, mặc dù họ không có bất kỳ lý do chính đáng nào để buộc tội, mà chỉ vì, theo lời Thánh Phaolô, những kẻ thù của ngài *"đã thay thế lẽ thật của Thiên Chúa bằng sự dối trá, và thờ lạy cũng như phụng sự các thụ tạo thay vì Đấng Tạo Hóa"* (Rô-ma 1:25), còn ngài thì đã xa lánh sự gian ác và e sợ sự bất chính; nhưng điều đó xứng đáng được vinh quang, chứ không phải bị buộc tội".

"Vậy thì tại sao Thánh Eustathius lại bị trục xuất, tại sao Thiên Chúa lại để cho những kẻ bách hại ngài hoành hành? Tại sao? Đừng nghĩ rằng những lời này chỉ nhằm giải đáp duy nhất sự băn khoăn này; không, nếu các bạn có dịp bàn luận về vấn đề tương tự với những người ngoại đạo hay những kẻ dị giáo, thì những gì được trình bày ở đây sẽ đủ để giải đáp mọi sự băn khoăn. Chúa cho phép đức tin chân chính và tông đồ của Ngài phải chịu nhiều cuộc tấn công, còn các tà giáo và ngoại đạo thì được hưởng sự bình an; tại sao? Để ngươi nhận ra sự yếu đuối của chúng, khi chúng, không bị quấy rầy, tự hủy diệt lẫn nhau, và để ngươi tin chắc vào sức mạnh của đức tin, vốn chịu đựng những cuộc tấn công và càng trở nên mạnh mẽ hơn nhờ chính những kẻ thù của nó... Ngươi có thấy chăng, chính vì lý do đó mà Đức Chúa Trời cho phép các thiên thần của Sa-tan tấn công các tôi tớ của Ngài và gây ra vô số tai họa cho họ, để quyền năng của Ngài được bày tỏ. Quả thật, dù là với những người ngoại đạo hay với những người Do Thái đáng thương, đối với chúng ta, chỉ cần một điều là đủ để chứng minh sức mạnh Thần thánh: đó là đức tin vào Đấng Kitô, dù phải đối mặt với vô số cuộc chiến, đã chiến thắng; và trong khi cả vũ trụ đều chống đối và tất cả đều hăng hái truy đuổi mười hai người ấy, tức là các Tông đồ, thì chính họ, bị đánh đập, bị bách hại và phải chịu vô số tai ương, vẫn có thể trong thời gian ngắn đánh bại những kẻ gây ra điều đó cho họ với sự vượt trội hoàn toàn. Chính vì thế, Thiên Chúa đã cho phép Thánh Eustathius thành Antioch được gửi đi xa xứ, để cho chúng ta thấy rõ hơn cả sức mạnh của chân lý lẫn sự bất lực của những kẻ dị giáo".

"Nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Eustathius, xin Chúa Thiên Chúa cứu Giáo Hội của Ngài khỏi mọi sự hiểu biết giả dối và sự chia rẽ, và xin Ngài gìn giữ sự hiệp nhất và hòa bình trong Giáo Hội với tinh thần khiêm nhường và tình yêu thương Kitô giáo, đồng thời xin Ngài thương xót và cứu rỗi tất cả chúng ta, những người có đức tin."

"Và, sau khi dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa về mọi sự, chúng ta hãy noi gương các nhân đức của các thánh, để cùng chia sẻ với các ngài vinh quang, ân sủng và lòng nhân ái của Chúa Giêsu Kitô, Đấng nhờ Ngài và cùng với Ngài, vinh quang, danh dự và quyền năng thuộc về Chúa Cha cùng Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen."

[2025] Giáo lý lịch sử về các vị Thánh Cha của Giáo Hội. Của Thánh Philaret, Tổng Giám mục Chernigov. Xuất bản năm 1869, tập II, tr. 28.
[2026] Các tác phẩm của Thánh Cha Gioan Kim Khẩu, Tổng Giám mục Constantinopolis, bản dịch tiếng Nga. Xuất bản bởi Học viện Thần học St. Petersburg năm 1896, tập 2, quyển 2, tr. 642–650.

Ngày 7 tháng 3

Ngày 22 tháng 2 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Mauritius và con trai ngài là Photinus cùng 70 chiến binh đi theo họ.

Ngày tưởng niệm 22 tháng 2

Vua Maximian[2027] , một vị vua vô luật pháp và bất kính, tin rằng bằng cách thờ phượng các thần giả dối của mình, ông sẽ nhận được sự giúp đỡ và sự hưng thịnh cho vương quốc của mình; vì vậy, ông ra lệnh cho tất cả thần dân của mình dâng lễ vật cho các thần tượng bất kính. Chính ông ta cũng cố gắng làm gương cho việc phụng sự ma quỷ một cách nhiệt thành và siêng năng, đồng thời ép buộc người khác dâng những lễ vật ô uế. Đối với ông ta, giống như các vị vua trước đây, việc chỉ gửi chiếu chỉ đến các quan chức địa phương, yêu cầu họ đảm bảo việc thờ phụng các thần tượng, là chưa đủ: chính ông, không hề lười biếng, đã đích thân đi khắp các vùng lãnh thổ của mình, cử hành các nghi lễ trước các bàn thờ ma quỷ; vị vua vô thần này hy vọng rằng, nhờ sự hiện diện của ông, tất cả những ai đã từ bỏ sự lầm lạc ngoại giáo và được ân sủng để nhận biết lẽ thật của Đấng Christ, sẽ quay trở lại với sự mê tín dị đoan trước đây. Với ý định đó, ông rời Rome và tiến về các vùng phía đông; trong số đó, ông đã đến thành phố Apamea thuộc Syria. Tại đây, các thầy tế lễ thần tượng đã đến gần ông và bắt đầu vu khống các Kitô hữu, nói rằng:

– Bệ hạ vĩ đại, vì các vị thần đã ban cho chúng tôi cơ hội được tự do nói chuyện với ngài, nên chúng tôi xin tâu rằng, mỗi người trong chúng tôi đều kính trọng các vị thần vĩ đại của tổ tiên với lòng kính sợ và nhiệt thành, đặc biệt là thần Zeus[2028] và thần Apollo huyền diệu[2029] , những vị thần tối cao của chúng tôi, những vị bảo vệ và che chở cho vương quyền của ngài. Nhưng Mauritius cùng với bảy mươi chiến binh khác của ngài, những kẻ say mê danh vọng và giàu có nhờ những món quà vĩ đại của ngài, lại khinh miệt các vị thần của chúng tôi, chống lại quyền lực vĩ đại và bất khả chiến bại của ngài – họ đã bị lừa dối bởi tà thuyết Kitô giáo.

Khi nghe tin này, vua Maximian đã vô cùng tức giận; cơn thịnh nộ bùng lên trong lòng ông còn dữ dội hơn ngọn lửa đang bùng cháy trong lò; ông đặc biệt phẫn nộ vì trong các đạo quân của mình lại có những chiến binh như vậy. Vào một trong những ngày lễ trọng đại , ông ra lệnh dựng một tòa án tại địa điểm dành cho các buổi biểu diễn, được gọi là Amaxika; nơi này nằm giữa cổng phía bắc của thành phố. Maximian đã chọn địa điểm này để toàn thể dân chúng có thể chứng kiến phiên tòa; ông ra lệnh đưa các thánh tử đạo đến đây. Vào ngày đã định, khi đám đông tụ tập tại địa điểm chỉ định, ngay cả các thiếu nữ cũng không ở nhà, hoàng đế Maximian đã ngự lên bục xét xử cao. Lúc đó, các chiến binh của Chúa Kitô, gồm bảy mươi vị cùng với vị thủ lĩnh của họ là thánh Mauritius, được các lính cận vệ dẫn đến đây. Nhìn họ, hoàng đế nói với thánh Mauritius:

– Chúng ta đã hy vọng, Mauricius, rằng các ngươi, với tư cách là những người không bị bỏ rơi bởi ân sủng hoàng gia của chúng ta, được nuôi dưỡng bằng tiền lương của chúng ta và được chúng ta ban tặng những vinh dự cao quý nhất, sẽ noi gương đạo đức của chúng ta và bằng những hành động dũng cảm cùng lời khuyên khôn ngoan của mình, sẽ khiến những kẻ từ chối luật pháp làm đẹp lòng các vị thần của chúng ta phải tỉnh ngộ, sẽ chữa lành quan điểm sai lầm của những người lạc lối, sửa đổi những điều cần được chỉnh đốn, kiềm chế những kẻ gây chia rẽ – nói tóm lại, chúng ta tin chắc rằng các ngươi sẽ khắc phục mọi việc làm trái với mệnh lệnh của chúng ta, chống lại chúng ta và đi ngược lại ý muốn của chúng ta. Nhưng chúng tôi nghe nói rằng các ngươi lại hành động hoàn toàn ngược lại – không những không trấn áp những kẻ nổi loạn chống lại luật pháp của chúng tôi, mà chính các ngươi còn trở thành kẻ thù của các vị thần toàn năng của chúng tôi; các ngươi coi thường họ, không tôn kính họ, không dâng lễ vật và của cúng; không những thế, các ngươi thậm chí còn tự xưng là những người lãnh đạo đối với những người khác và lôi kéo họ vào vực thẳm diệt vong, nếu những gì chúng ta được báo cáo về các ngươi là sự thật.

[2027] Maximian Galerius, hoàng đế La Mã – từ năm 306 đến năm 311.

[2028] Zeus hay Jupiter – vị thần Hy Lạp-La Mã, được tôn kính là chúa tể của trời và đất, cha của tất cả các vị thần và loài người.

[2029] Apollon được tôn kính là vị thần của mặt trời và sự khai sáng trí tuệ, cũng như sự thịnh vượng và trật tự xã hội, người bảo vệ luật pháp, vị thần tiên tri về tương lai.

Trước điều đó, Thánh Mauritius đáp lại:

– Thưa Bệ hạ, sự xúc phạm mà chúng tôi gây ra cho các vị thần vô tri của ngài đang chuẩn bị cho chúng tôi vương miện vinh quang của chiến thắng trước Đức Chúa Trời chân thật của chúng tôi. Chúng tôi không hạ nhục, không khinh miệt – như ngài tưởng tượng trong cơn điên loạn của mình – Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng chúng tôi, nhưng chúng tôi tôn vinh Đấng là Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, Đấng đã tạo dựng trời và đất, biển cả và mọi sự trong đó. Và không nên gọi những ác quỷ xấu xa và ô uế, những kẻ dẫn dắt con người đến chỗ diệt vong, cùng những thần tượng điếc, mù và vô cảm của chúng là các vị thần.

Rồi nhà vua nói:

– Vậy là ngươi, Mauritius, đang tạ ơn các vị thần, những Đấng đã ban cho ngươi vinh dự và trao cho ngươi vị trí hàng đầu trong quân đội sao?

Thánh Mauritius đáp lại:

– Ta chưa bao giờ nhận bất kỳ vinh dự nào từ các vị thần của các ngươi và cũng không muốn tôn kính họ. Vì ai trong số những người biết về Thiên Chúa lại muốn tôn kính những vật vô tri vô giác, ngoài những kẻ không có lý trí và giống như loài súc vật ngu muội (Thánh Vịnh 48:13); chỉ những người như thế mới thờ phượng đá và cây cối, cho rằng chúng có lý trí, – và tôn kính chúng như các vị thần.

Vua bèn nói:

– Ngươi đã được xếp vào hàng đầu trong số những người phục vụ chúng ta; chính vì thế mà ngươi mới dám nói chuyện với chúng ta một cách ngang tàng và không chút sợ hãi như vậy.

Nói xong, nhà vua ra lệnh tách Thánh Mauritius khỏi bảy mươi chiến binh và quay sang nói với họ bằng giọng điệu ân cần:

– Ai đã lừa dối các anh em và gieo vào lòng các anh em ý nghĩ từ bỏ những Đấng Cứu Rỗi – các vị thần của chúng ta – để chia sẻ sự lầm lạc của những người tôn thờ Người Bị Đóng Đinh, một tên ác nhân nào đó?

Lúc đó, Thánh Theodoret cùng với Philip đã thay mặt tất cả các thánh tử đạo trả lời:

– Hỡi kẻ tra tấn vô thần, chúng tôi không những không lầm lạc, mà còn mong muốn giải thoát ngươi khỏi sự lầm lạc mà chúng tôi đã thoát khỏi, bằng cách thờ phượng Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật – Đức Chúa Cha Toàn Năng và Con Một của Ngài, Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta – Đức Chúa Trời Chân Thật, cùng với Sự Khôn Ngoan của Đức Chúa Trời và Thánh Thần của Ngài, Đấng đã ban cho chúng tôi sự hiểu biết và trí tuệ, để chúng tôi có thể tuyên xưng Ba Ngôi Đồng Bản Thể. Chúng tôi khinh bỉ đức tin vô đạo của ngài, từ bỏ chức vụ chiến binh tạm thời, để được xứng đáng trở thành chiến binh của Đức Chúa Trời, Vua của các Quyền Năng.

Lúc đó, Maximian nói:

– Ta thấy, Philip, ngươi đã bước vào tuổi già đáng kính, nhưng về trí tuệ thì ngươi còn kém xa những người trẻ; tốt hơn hết là ngươi hãy quay về với các vị thần của chúng ta và làm gương tốt cho những đồng đội khác của ngươi, để họ cũng làm theo; khi đó ngươi sẽ nhận được vinh dự và ân huệ lớn lao từ chúng ta.

Thánh Philip đáp lại:

– Xin bệ hạ hãy biết rằng, tôi sẽ không xúi giục những ai đã tự nguyện nhận biết sự kính sợ Thiên Chúa làm điều ác, vì có lời chép rằng: *"Khốn cho người nào làm cho anh em mình vấp ngã"* (Mt 18,7).

Nghe vậy, Maximian nói:

– Ngươi thật táo bạo, Philip, nhờ vào sự kiên nhẫn và hiền lành của chúng ta. Tốt hơn hết là các ngươi hãy từ bỏ sự mê tín của mình, để không khơi dậy cơn giận và sự phẫn nộ trong chúng ta; các ngươi sẽ phải chịu những cực hình khủng khiếp, nếu dám xưng nhận Đấng mà các ngươi coi là một trong các vị thần.

Lúc đó, bảy mươi vị thánh tử đạo đã đáp lại kẻ tra tấn:

– Lời đe dọa hão huyền và vô ích của ngươi, hỡi vị vua đáng ghê tởm, lại ban cho chúng ta sức mạnh và sự kiên cường; chúng ta không sợ bất kỳ hình phạt nào, vì trong lòng người yêu mến Chúa không có sự sợ hãi.

Maximian nổi giận trước câu trả lời này và ra lệnh cởi bỏ thắt lưng và quân phục của họ, rồi nói:

– Các ngươi thấy chưa, các ngươi đã mất đi vinh quang và danh dự như thế nào, và đã tự chuốc lấy sự ô nhục ra sao vì sự bất tuân của mình.

Các thánh đáp lại:

– Ngươi, bằng cách cởi bỏ áo giáp và thắt lưng của chúng ta, đã tước bỏ chức vụ quân sự của chúng ta, nhưng có Đức Chúa Trời trên trời, Đấng mà chúng ta tôn kính: Ngài sẽ mặc cho chúng ta áo giáp và thắt lưng bất

diệt, và ban cho chúng ta vinh quang vĩnh cửu của Ngài, điều mà ngươi hoàn toàn không xứng đáng được thấy, vì chính cha ngươi, Satan, đang nói và hành động qua ngươi.

Lúc đó, nhà vua càng tức giận hơn, nói với các thánh nhân:

– Hỡi những kẻ bị nguyền rủa và không xứng đáng với ân huệ của các vị thần chúng ta, chính các ngươi đã tự chuốc lấy sự ô nhục: chúng ta đã ban cho các ngươi vinh dự lớn lao, nhưng các ngươi lại làm ô danh các vị thần vĩ đại, khinh thường lòng nhân từ của chúng ta; vậy thì giờ đây, hãy nhận lấy điều xứng đáng với công lao của các ngươi.

Các thánh nhân đáp lại như sau:

– Bệ hạ, việc làm chiến binh dưới trướng ngài là chuyện phù du và tạm bợ, còn vinh quang của ngài lại là sự ô nhục, bởi vì ngài đã quên Thượng Đế, Đấng đã ban cho ngài quyền lực vương giả, và trong cơn điên loạn, ngài lại tôn thờ những thần tượng phù du và vô hồn như thể chúng là thần linh, mặc dù chúng chẳng mang lại lợi ích gì cho ngài và cũng chẳng hiểu được liệu có ai tôn kính hay sỉ nhục chúng.

Lúc đó, nhà vua nói:

– Với lòng nhân từ của ta, mong muốn giữ lại mạng sống cho các ngươi, ta sẽ cho các ngươi thêm thời gian.

Sau đó, ngài ra lệnh giam họ vào ngục ba ngày, để họ có thể suy nghĩ kỹ và lựa chọn điều mình mong muốn. Các thánh, bị giam trong ngục và bị xiềng xích, đã nói như sau:

– Hỡi các anh em yêu dấu, hãy dâng tâm hồn chúng ta lên trong lời cầu nguyện và siêng năng khẩn cầu Thiên Chúa nhân lành và đầy lòng thương xót của chúng ta, để Ngài ban cho chúng ta sự khôn ngoan và trí tuệ qua Thánh Thần của Ngài: chúng ta hãy xin Ngài đặt vào miệng chúng ta những lời cần đáp lại nhà vua, để kẻ hành hạ chúng ta phải kinh ngạc trước sự thật của đức tin chúng ta.

Sau đó, họ bắt đầu cầu nguyện, đồng thanh kêu lên:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa toàn năng, Đấng có quyền năng vĩnh cửu và Nước Trời vô tận, xin ban Thánh Thần của Ngài xuống cho chúng con, – xin Ngài hướng dẫn chúng con và ban cho chúng con niềm vui và sự hân hoan; xin Ngài ban cho chúng con chiến thắng trước sự lầm lạc độc ác, và chúng con sẽ được củng cố trong đức tin nhờ Thánh Thần của Ngài, Đấng xin hãy phán dạy trong chúng con theo lời hứa chân thật và không sai lầm của Ngài (Mt 10:19–20). Vì đã tước bỏ vinh quang trần thế khỏi chúng con, xin ban cho chúng con được làm chiến binh trong thành thiên đàng của Ngài và được ở cùng các công dân trên trời với tất cả các thánh của Ngài, những người từ thuở đời đời đã làm đẹp lòng Ngài. Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất, và vinh quang cùng quyền năng thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

Ba ngày sau, hoàng đế Maximian lại ngự trên cùng một tòa án tại cổng Amaxiki và ra lệnh dẫn các thánh tử đạo đến; tất cả cư dân thành phố đó cũng tụ tập tại đây để chứng kiến phiên tòa. Kẻ hành hình, kìm nén cơn giận, đã dịu dàng nói với các thánh:

– Hỡi các người, hãy chọn điều gì có lợi cho các ngươi: hãy đến và dâng lễ vật cho các vị thần, thì các ngươi sẽ được sống và tránh khỏi cái chết đau đớn.

Lúc đó, các thánh đáp lại:

– Thưa vua, chúng tôi đã suy nghĩ kỹ lưỡng mọi chuyện: xin hãy lắng nghe chúng tôi cẩn thận và đừng ép buộc chúng tôi dâng lễ vật cho các vị thần của ngài nữa; vì chúng tôi đã quyết tâm vững chắc: khinh ghét cuộc sống tạm bợ này và chọn cái chết đang chờ đợi chúng tôi vì tình yêu dành cho Đức Kitô, Đấng mà chúng tôi hy vọng sẽ nhận được sự sống đời đời. Vì vậy, ngài hãy đối xử với chúng tôi tùy ý: chúng tôi sẽ không từ bỏ Đức Chúa Trời của chúng tôi và sẽ không bao giờ thờ lạy các quỷ dữ của ngài; khi bị kết án tử hình tạm thời, chúng tôi nhờ đó mà thoát khỏi sự phán xét đời đời.

Đó là câu trả lời của các thánh. Còn người tra tấn, khi nhận ra trong số họ có một thiếu niên, đã hỏi anh ta:

– Nói cho ta biết, chàng trai trẻ, tên ngươi là gì và ngươi đến từ đâu?

Chàng trai đáp:

– Tên tôi là Photin, cái tên này tôi nhận được từ Ánh Sáng Chân Thật; tôi là chiến binh của Đức Kitô, Đấng đã làm cho cha ngươi là ma quỷ phải hổ thẹn. Tôi là người La Mã, là con trai – không chỉ về xác thịt mà còn về tâm hồn – của Đức Mauritius vĩ đại; vì từ ngài, tôi được sinh ra và nhận được sự hiểu biết về Thiên Chúa; ngài đã nuôi dạy tôi trong đức tin thánh thiện vào Chúa Kitô, Đấng mà ngài, hỡi hoàng đế, đã từ chối, khiến ngài trở nên giống như những con thú vô tri.

Nghe vậy, người tra tấn đáp lại:

– Ngươi thật thiếu khôn ngoan, chàng trai trẻ, và những lời ngươi nói bộc lộ tuổi trẻ của ngươi; nhưng đã đến lúc ngươi phải biết điều gì có lợi cho mình – hãy tiến lên và dâng lễ vật cho thần Zeus vĩ đại, hãy thương xót tuổi trẻ của ngươi.

Lúc đó, chàng trai nói:

– Ngươi gọi ta là người thiếu khôn ngoan chỉ vì ta không tuân theo ý muốn của ngươi và không thờ lạy các thần tượng. Không, ta khôn ngoan hơn tất cả các ngươi, vì ta tin vào Chúa Giêsu Kitô của ta, Đấng mà các ngươi không tin và cũng không muốn biết.

Lúc đó, kẻ tra tấn lại nói với các thánh:

– Chúng ta còn phải chịu đựng sự điên rồ của các ngươi đến bao giờ nữa, hỡi những kẻ khốn nạn? Đến bao giờ chúng ta, vì lòng thương xót quá mức, mới ngừng tra tấn các ngươi? Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, đừng tự rước lấy sự phán xét công minh của chúng ta, đừng kích động chúng ta trở nên vô nhân đạo và tàn nhẫn.

Các thánh nhân đáp lại:

– Hỡi tên đầy tớ tà ác và vô đạo của ma quỷ, nếu ngươi còn chút lý trí nào, thì ngươi hẳn đã biết về đức tin của chúng ta và về sức mạnh từ Photin; dù còn trẻ tuổi, nhưng bằng đức tin chính đáng và việc xưng nhận Đức Kitô, anh ấy đã làm nhục sự vô đạo của ngươi; càng khiến chúng ta quyết tâm chịu đựng những cực hình, để làm nhục cha ngươi là ma quỷ và làm đẹp lòng Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Lúc đó, tên tra tấn, tràn đầy cơn giận, ra lệnh lột trần các thánh nhân và đánh họ bằng dây da bò. Các tay sai bắt đầu thi hành mệnh lệnh: họ trói chặt từng chiến binh của Đấng Kitô và không chút thương xót, đánh đập khắp thân thể họ. Các thánh bị tra tấn như vậy cho đến khi thân thể thánh thiện của họ bị nghiền nát và cả khu vực đó nhuốm đỏ bởi vô số máu đổ ra. Trong cơn đau đớn, các thánh kêu cầu Chúa Kitô, xin Ngài giúp đỡ. Chúa không bỏ rơi các ngài nhờ quyền năng vô hình của Ngài, Ngài làm dịu bớt nỗi đau khổ của các ngài và củng cố lòng các ngài trong sự kiên nhẫn và tình yêu thiêng liêng. Khi các tôi tớ đã hoàn toàn kiệt sức, nhà vua quay sang các thánh nhân và nói:

– Các ngươi, những kẻ ngạo mạn và dại dột, đã nhận ra rằng chúng ta có thể tước đoạt mạng sống các ngươi dễ dàng đến mức nào chưa? Vậy thì hãy dâng lễ vật lên các vị thần, để khỏi phải gánh chịu những hình phạt còn nặng nề hơn nữa!

Các thánh đáp lại:

– Hãy biết rằng, hỡi vị vua vô đạo và không biết đến Thiên Chúa của chúng tôi, cũng như ngài đang xa cách tình yêu của Đức Kitô và ánh sáng chân thật, bị che phủ bởi bóng tối của sự lầm lạc ma quỷ, thì chúng tôi cũng không cảm nhận được những cực hình mà ngài gây ra cho chúng tôi, vì tâm trí chúng tôi đã được soi sáng bởi đức tin và tình yêu của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng tôi. Hãy nghĩ ra đi, kẻ tra tấn và tay sai của ma quỷ, những hình phạt mới và tàn khốc nhất nào để giáng xuống chúng tôi; linh hồn chúng tôi khao khát và tình yêu của Chúa Kitô trong chúng tôi mong muốn được giải thoát khỏi thân xác qua sự đau khổ để được chiêm ngưỡng Thiên Chúa hằng sống, Đấng ngự trị muôn đời.

Nghe vậy, tên tra tấn càng nổi cơn thịnh nộ hơn nữa và ra lệnh đốt một đống lửa lớn để ném các thánh tử đạo vào đó.

Lúc đó, ngọn lửa lớn đã được đốt lên; còn các thánh thì không chờ các đầy tớ của kẻ hành hình ném họ vào lửa, mà tự mình bước vào đó như bước vào nước, và khi vào giữa đống lửa, họ đi lại bình an trong ngọn lửa, quở trách kẻ hành hình và làm nhục các thần của hắn. Tất cả những người có mặt đều kinh ngạc trước phép lạ vinh quang ấy. Nhưng tên bạo chúa, như một bình chứa sự hủy diệt, không muốn nhận ra rằng các thánh được sức mạnh của Thiên Chúa trợ giúp, nhờ đó họ chiến thắng sức mạnh của ngọn lửa, mà lại càng hung hăng hơn nữa trong việc tìm cách tiêu diệt các thánh. Hắn ra lệnh lôi các vị thánh chịu khổ ra khỏi ngọn lửa – những người không hề hấn gì trước ngọn lửa dữ dội – rồi trói họ vào những cây gỗ mà thường dùng để tra tấn tội phạm, và tàn nhẫn cạo da thịt các vị thánh bằng những móng vuốt sắt . Các thánh nhân đã dũng cảm chịu đựng cả sự tra tấn tàn bạo này, không sợ hãi trước những đau đớn thể xác. Ngay cả dân chúng cũng kinh ngạc trước cơn thịnh nộ và sự điên rồ của nhà vua. Thánh Mauritius, quay sang nhà vua, nói với ông ta:

– Hỡi kẻ tra tấn vô đạo và đồi bại, chẳng lẽ ngươi không thấy sự yếu đuối của mình sao, chẳng lẽ ngươi không nhận ra sự hèn mọn của mình sao; vì Fotin, một thiếu niên nhỏ bé, đã có thể chịu đựng biết bao cực hình tàn bạo; nhờ đó, cậu ta đã đập tan và đánh gục sức mạnh của vương quốc phi pháp của ngươi. Làm sao ngươi có thể đánh bại tất cả chúng ta, trong khi chính ngươi đã bị một thiếu niên đánh bại và làm nhục?”

Maximian trừng mắt nhìn vị thánh với vẻ giận dữ, rồi nghiến răng và ra lệnh ngay lập tức chém đầu cậu thiếu niên thánh Fotin bằng gươm ngay trước mặt cha cậu; bằng cách đó, ông ta muốn trả thù Mauritius; ông ta nghĩ rằng cái chết của con trai sẽ khiến cha của cậu – thánh Mauritius – vô cùng đau buồn; nhưng vị thánh nhân lại tràn ngập niềm vui và hân hoan khi chứng kiến cái chết tử đạo của con trai mình và sự hy sinh của cậu vì Chúa Kitô.

Khi thánh Photin, sau khi bị chém bằng gươm, đã dâng linh hồn mình lên Chúa, Mauricius nói với Maximianus:

– Ngươi đã thực hiện mong muốn của chúng ta rồi, tên hành hình vô pháp, khi đưa Phốtin về với Chúa Kitô; giờ đây, chắc chắn rằng sự ra đi của chúng ta lên thiên đàng cũng không còn xa nữa: ai trong chúng ta lại không noi gương Phốtin, chiến binh của Chúa Kitô, người đã nhập vào các nơi ở trên thiên đàng và làm cho Satan, cha ngươi, phải xấu hổ? Hãy nghĩ ra những hình phạt còn lớn lao và tàn bạo hơn nữa, và hãy cố gắng bằng mọi cách để thử xem đức tin của chúng ta vào Chúa Kitô có vững chắc hay không.

Khi Maximian thấy các thánh tử đạo chịu đựng mọi cực hình một cách cam chịu và dũng cảm, không hề chùn bước khỏi đức tin của mình, ông liền triệu tập tất cả các cố vấn độc ác và vô thần của mình và cùng họ bàn bạc xem nên dùng cái chết tàn bạo nhất nào để tiêu diệt các thánh tử đạo, nhằm răn đe tất cả các Kitô hữu, bất kể họ sống ở đâu. Một số người khuyên ông điều này, số khác lại khuyên điều khác; cuối cùng, một trong số họ, kẻ tàn ác và vô đạo nhất, vô nhân đạo và độc ác đến tột độ, đã nói với Maximian:

– Thưa hoàng đế, hiện nay là mùa hè – đang vào tháng Bảy; ở phía tây thành phố chúng ta, giữa hai con sông và một hồ nước, có một vùng đất đầm lầy mọc đầy cỏ; nơi đó hiện có vô số muỗi, ruồi ngựa, ong và ong bắp cày, đến nỗi người ta khó mà đi qua được, huống chi là ở lại đó dù chỉ một giờ; Hãy cho dẫn các người đàn ông đến đây, ra lệnh lột trần họ và trói vào cây; ngoài ra, phải bôi mật ong lên người họ; khi đó muỗi, ong bắp cày và đủ loại ruồi sẽ hành hạ họ một cách tàn nhẫn; đây là hình phạt dữ dội và kinh hoàng nhất trong tất cả những gì có thể nghĩ ra; lúc đó họ sẽ hiểu rằng không được phép phỉ báng các vị thần bất khả chiến bại và vĩnh hằng của chúng ta.

Lời khuyên này rất được lòng vị vua vô đạo và tất cả các cố vấn xấu xa của ông ta, và các thánh tử đạo của Chúa Kitô đã bị kết án chịu hình phạt này. Sau đó, các binh lính bắt các thánh, trói lại và dẫn đến nơi đã nói trên; tại đó, họ trói chặt các thánh vào những cây mọc bên suối và gần đầm lầy, bôi mật ong từ đầu đến chân lên thân thể trần truồng của các ngài; ngoài ra, họ còn quăng thi thể của thánh Photin xuống trước mặt cha ngài. Sau đó, họ rời đi. Mọi loại ruồi, muỗi, ruồi ngựa, ong bắp cày, ong vò vẽ ùa vào các thánh; như một đám mây dày đặc, chúng bao vây các vị tử đạo, cắn xé họ không thương xót. Các thánh đã chịu đựng sự tra tấn không thể chịu đựng nổi này trong mười ngày và mười đêm. Ngước mắt lên trời, họ cầu nguyện, nói rằng:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của chúng con, Ngài đã tạo dựng chúng con theo hình ảnh và giống như Ngài, đã ban cho chúng con ân sủng để nhận biết chân lý của Ngài, đã thương xót mở ra cho chúng con thấy Thần Tính của Ngài, Con Một duy nhất của Ngài và Thánh Thần Tối Thánh và Ban Sự Sống. Chúng con dâng hiến linh hồn mình lên Ngài và khẩn cầu Ngài, xin hãy kết hợp chúng con với tất cả các thánh của Ngài, những người từ thuở đời đời đã làm đẹp lòng Ngài. Vì chúng con đã yêu mến Ngài và khao khát Ngài bằng cả linh hồn mình; vì Ngài mà chúng con đã chịu sự đau khổ này. Ngài là Đấng Thiên Chúa duy nhất, nhân từ và thương xót, và vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

Sau đó, các thánh đã dâng hiến linh hồn mình cho Chúa và được ban tặng vương miện vinh quang vĩnh cửu. Còn tên bạo chúa vô pháp Maximianus thì vẫn bừng bừng cơn thịnh nộ đối với các thánh ngay cả sau khi họ qua đời, khi các ngài đã được hưởng cuộc sống bất tử (vì những ai qua đời trong Chúa thì vẫn còn sống trước mặt Chúa, dù họ đã rời bỏ cõi đời này). Khi nghe tin các thánh đã qua đời, Maximian ra lệnh chặt đứt những cái đầu cao quý của họ và để lại mà không chôn cất. Lúc bấy giờ, thi thể và đầu của các thánh bị vứt rải rác trên đồng cỏ và khu rừng sồi ở đó, làm mồi cho chim chóc và thú rừng. Một số tín hữu, đến vào ban đêm, với lòng kính sợ và run rẩy, đã thu nhặt các thi hài rải rác của các thánh tử đạo và chôn cất họ tại chính nơi đó, ngợi khen Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời, amen.

Lễ kính Thánh Phalassius, vị ẩn sĩ người Syria.

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 2

Thánh Phalasio, ngay từ khi còn trẻ, đã tự xây dựng cho mình một nơi ở trên một ngọn núi và định cư tại đó. Với bản tính chân thành và khiêm nhường, ngài sớm cảm thấy bị cuốn hút bởi đời sống tu hành. Ngài lui về đỉnh núi nằm gần làng Targala và dành 38 năm tại đó để tu hành, trong suốt thời gian đó ngài không có bất kỳ nơi ở nào: không phòng tu, không lều trại, thậm chí không có mái che nào, mà chỉ dựng một hàng rào nhỏ bằng đá và lấy bầu trời làm mái che, ngài luôn ở đó. Vì những công đức ấy, Chúa đã ban cho vị thánh tu hành ân sủng làm phép lạ. Thánh Phalasios đã trừ tà, chữa lành các bệnh tật khác nhau và nhờ sức mạnh của ân sủng phép lạ, ngài đã trở nên giống như các Thánh Tông Đồ. Một lần, ngài bị một con rắn tấn công và định nuốt chửng ngài, nhưng ngài đã cầu nguyện và nhờ lời cầu nguyện mà thoát khỏi cái chết. Một lần khác, ngài mắc phải căn bệnh dạ dày gây ra những cơn đau đớn tột cùng, nhưng ngài đã kêu cầu danh Chúa và nhờ đó được chữa lành khỏi căn bệnh đau đớn ấy. Luôn có đông đảo người dân đổ về thánh nhân để chứng kiến những kỳ công của ngài, và nhiều người trong số họ đã xin ngài nhận họ vào hàng ngũ các môn đệ của ngài. Vị thánh không từ chối những lời thỉnh cầu đó. Ngài đã xây dựng những căn phòng nhỏ cho những ai mong muốn tu hành cùng ngài, cho phép họ sống trong đó, đồng thời chia sẻ với họ thức ăn mà các tín đồ từ nhiều nơi mang đến dâng cho ngài. Sau khi dành cả cuộc đời cho những việc tu hành như vậy, Thánh Falasius đã an nghỉ trong bình an.

Ngày tưởng niệm Thánh Varadat, vị ẩn sĩ người Syria.

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 2

Thánh Varadat xuất thân từ Antioch[2030] . Sau khi chọn con đường tu hành ẩn dật và chiêm niệm, ngài ban đầu ẩn mình trong một túp lều, rồi sau một thời gian, ngài lui lên một ngọn núi cao và sống khép kín trong căn phòng tu hành do chính ngài tự tay xây dựng. Ngài đã cố ý thiết kế căn phòng này sao cho kích thước của nó nhỏ hơn chiều cao của ngài, vì vậy ngài luôn phải đứng trong đó với tư thế khom lưng, và khi nằm thì cũng phải co người lại. Căn phòng không có cửa sổ, chỉ có duy nhất một cánh cửa, và vị thánh luôn giữ cánh cửa đó đóng kín để tránh những vị khách không mời, còn để ánh sáng ban ngày lọt vào bên trong phòng tu, thay vì cửa sổ, ngài đã khoét những lỗ hổng trên tường, rộng đến mức ngài không bao giờ có được sự che chở khỏi mưa hay cái nắng gay gắt trong nơi ở của mình. Thánh Varadat đã sống nhiều năm trong căn phòng chật chội và bất tiện như vậy. Sau đó, sau khi bị thuyết phục bởi Giám mục Theodoretus của Antioch, ngài đã rời khỏi nơi ở của mình, nhưng từ đó trở đi, ngài bắt đầu mặc một bộ áo làm từ da thú được may lại, che phủ toàn bộ cơ thể từ đầu đến chân, và chỉ có những khe hở nhỏ quanh miệng và mũi để ngài có thể thở dễ dàng. Vì không thể đi lại trong bộ trang phục như vậy, vị thánh luôn đứng thẳng với hai tay giơ cao hướng lên trời và ngợi khen Thiên Chúa. Như vậy, Thánh Varadat luôn sống trong sự ẩn dật. Ngài thực hiện việc tu hành này không phải để thỏa mãn xác thịt, mà để ép buộc bản thân chịu đựng những cơn đau thể xác và qua đó khuất phục xác thịt của mình, bởi vì ngài bị ám ảnh bởi những đam mê mãnh liệt và luôn bị kích động bởi những dục vọng nồng cháy, không thể kiềm chế. Khi vị thánh nhân, vì mong nhận được phần thưởng vĩnh cửu đã hứa ban cho các tu sĩ, đã đẩy thân xác mình đến mức kiệt sức, thì ngài đã về với Chúa và nhận được sự an nghỉ vĩnh cửu từ Ngài.

Lễ kỷ niệm Thánh Athanasius, Vị Chứng Nhân.

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 2

Thánh Athanasius sinh ra tại thành phố Constantinople trong một gia đình sùng đạo, những bậc cha mẹ sống đời thánh thiện và rất giàu có. Ngay từ thuở ấu thơ, ngài đã nổi bật với tâm hồn kính sợ Thiên Chúa, và ước mơ lớn nhất của tuổi trẻ ngài là sống đời tu sĩ. Vì vậy, khi đến tuổi trưởng thành, ngài đã lui về một trong những tu viện ở Nicomedia[2031] và tại đó, ngài đã nhận lễ xuất gia. Trong những công đức tu hành của mình, vị thánh đã đạt

[2030] Ở đây tất nhiên là Antioch của Syria, từng là thủ đô rộng lớn và giàu có của vương quốc Syria, nay là một thị trấn nhỏ ở Thổ Nhĩ Kỳ châu Á.

[2031] Thành phố Nicomedia tọa lạc tại Tiểu Á, bên bờ một trong những vịnh của Propontis (nay là Biển Đá Cẩm Thạch), và từng là nơi ở yêu thích của Hoàng đế Diocletian, đồng thời là nơi chịu khổ nạn và qua đời của vô số thánh tử đạo trong triều đại của ông. Tu viện nơi vị thánh tu sĩ này xuất gia được biết đến với tên gọi Pavlopetria, vì được dâng hiến cho các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô.

đến đỉnh cao đến nỗi lòng đạo đức của ngài đã được chính hoàng đế biết đến. Trong triều đại của Hoàng đế Lêô Chống Thánh Tượng[2032] , ngài bị tố cáo là tôn kính các thánh tượng, và vì điều này, ngài đã phải chịu nhiều hình phạt tàn bạo, bị lưu đày khắc nghiệt và trải qua vô vàn đau khổ. Tuy nhiên, bất chấp tất cả những điều đó, Thánh Athanasius vẫn kiên định không lay chuyển. Giữ vững đức tin Chính Thống Giáo cho đến cuối đời, ngài đã về với Chúa[2033] .

Ngày 8 tháng 3

Ngày 23 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Polykarp, Giám mục Smyrna

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 2

Tại thành phố Smyrna, thuộc vùng Ionia ở Tiểu Á, vào thời các Thánh Tông đồ, Thánh Vukol là Giám mục; vào thời Giám mục này, tại đây có một góa phụ tên là Callista, người rất đạo đức và kính sợ Chúa. Trong giấc mơ, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với bà và truyền cho bà nhận nuôi một đứa trẻ mồ côi – cậu bé Polycarp; vì bà Callista không có con, nên bà đã vui vẻ nhận nuôi cậu bé và nuôi dạy cậu trong sự đạo đức, như con ruột của mình. Khi cậu lớn lên và trưởng thành, bà góa phụ đã giao phó cho cậu tất cả những gì bà có trong nhà. Một lần nọ, bà phải đi xa nhà để lo một việc liên quan đến các điền trang của mình, và bà đã vắng nhà khá lâu; trong thời gian bà vắng mặt, thánh Polykarp, người vô cùng nhân từ với những người nghèo khổ, đã hào phóng bố thí cho những người nghèo, trẻ mồ côi và các bà góa; ông phân phát bánh mì, rượu, dầu ô liu và đủ loại thức ăn cho tất cả những ai xin, đến nỗi kho tàng của người mẹ nuôi ông đã cạn kiệt. Khi Callista trở về, một trong những người hầu, ra đón bà, đã than phiền về Polykarp, rằng ông đã phung phí toàn bộ tài sản một cách thiếu suy nghĩ, đến nỗi bây giờ, theo lời vu khống của hắn, trong nhà chỉ còn lại cảnh nghèo khó tột cùng. Callista vô cùng buồn bã vì điều này: khi về đến nhà, bà lập tức đến các kho chứa và phát hiện ra ở đó vô số kho báu. Bởi vì thánh Polykarp, trước khi Callista về đến, đã dâng lên Chúa lời cầu nguyện như sau: “Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, Ngài đã làm đầy các bình của góa phụ thành Sarepta dưới thời tiên tri Ê-li của Ngài (3 Vua 17:10–16), xin hãy nghe lời con vào giờ này, và xin làm cho, nhân danh Đức Kitô, tất cả các kho tàng trong ngôi nhà này được tràn đầy.”

Và Chúa đã ngay lập tức nhậm lời cầu nguyện của ngài và làm đầy ngôi nhà của người phụ nữ hào hiệp ấy bằng mọi ân huệ. Thấy trong nhà giờ đây có nhiều thứ cần thiết hơn trước rất nhiều, bà Callista đã nổi giận với người đầy tớ, người đã than phiền về sự thiếu thốn do thánh Polykarp gây ra: bà nghĩ rằng người đầy tớ hoặc đang chế giễu bà, hoặc vì lòng thù hận mà đã vu khống thánh Polykarp. Bực tức, bà muốn trừng phạt anh ta. Còn Thánh Polykarp thì đứng ra bênh vực anh ta, nói với người nuôi dưỡng mình: “Tôi xin bà, thưa bà, đừng trừng phạt người khác thay cho tôi, mà hãy trừng phạt tôi đi; người đầy tớ này không đáng bị trừng phạt, mà đáng được khen ngợi vì lòng trung thành và tận tụy của anh ta đối với bà; anh ta đã nói với bà toàn bộ sự thật: quả thực, tất cả của cải của chúng tôi đã cạn kiệt và tất cả kho tàng đã trống rỗng, bởi vì tôi, khi thấy các anh em của chúng ta đang đói khát, những người ăn xin và khốn khổ, đã phân phát hết cho họ và tiêu hao hết mọi dự trữ; chính họ đã khẩn cầu Thiên Chúa, và Ngài đã sai Thiên Thần của Ngài đến, người đã bổ sung đầy đủ tất cả tài sản của ngài, để ngài, theo thói quen của mình, có thể ban phát lòng từ thiện hào phóng cho những người nghèo khó”.

Nghe và chứng kiến tất cả những điều này, Callista vô cùng ngạc nhiên và từ đó trở nên siêng năng hơn nữa trong việc làm thiện trong đức tin chân chính, ban phát bố thí dồi dào; bà càng yêu mến Thánh Polykarp hơn cả con trai ruột của mình, vì ngạc nhiên trước đức hạnh của ngài; cuối cùng, sau khi kết thúc cuộc đời thánh thiện của mình, bà đã trao linh hồn cho Chúa, để lại toàn bộ tài sản của mình cho người con nuôi, Thánh Polykarp. Vị thánh

[2032] Cuộc đàn áp những người tôn kính các thánh tượng kéo dài khoảng một trăm năm. Trong số ba vị hoàng đế mang tên Lê trong thời kỳ này, danh hiệu “kẻ chống thánh tượng” được gán cho Lê người Armenia, người trị vì từ năm 813 đến năm 820.
[2033] Thánh Athanasius qua đời vào năm 821.

phúc lành đã phân phát hết tài sản cho người nghèo, còn bản thân thì siêng năng đọc các sách Thánh, tận tâm suy gẫm về Thiên Chúa và cầu nguyện; ngài sống một cuộc đời đầy tiết độ và trinh khiết, làm việc không mệt mỏi ngày đêm vì Chúa, với tình yêu thương phục vụ những người bệnh tật, yếu đuối và người cao tuổi. Vì lối sống như vậy, ngài được Đức Thánh Vukol, Giám mục Smyrna, hết mực yêu mến; ban đầu, Đức Giám mục phong Polycarp làm linh mục, sau đó là phó tế; theo lời chứng của Thánh Pionios, người đã viết cuốn tiểu sử về vị thánh phúc Polycarp, Thánh Vukol đã giao cho Polikarp, khi ngài còn là phó tế, thêm nhiệm vụ rao giảng Lời Chúa, bởi vì Thánh Polikarp nổi bật nhờ sự khôn ngoan và tài hùng biện của mình, đến nỗi vị thánh tu hành này có nhiệm vụ giảng dạy dân chúng cả trong nhà thờ lẫn ở những nơi khác. Không chỉ Thánh Vukol, mà cả các Thánh Tông đồ Phaolô và Gioan Thần Học cùng các môn đệ khác của Chúa Kitô đều yêu mến Thánh Polykarp; Thánh Polykarp đã đồng hành cùng các Thánh Tông đồ trong các chuyến hành trình của họ, là môn đệ của họ, đồng hành trong công việc của họ, và noi gương cuộc sống của họ; các Tông đồ lại sai ngài đến Smyrna gặp Thánh Vukol, người đã phong chức linh mục cho ngài. Thánh Polykarp cũng đã viết nhiều bài giảng và thư tín hữu ích cho Giáo hội của Chúa Kitô, nhưng phần lớn các tác phẩm của ngài đã bị mất trong thời kỳ bách hại, nên chỉ còn lại một phần nhỏ. Thánh Giám mục Vukol đã được báo trước rằng sau khi ngài qua đời, ngai giám mục tại Giáo hội Smyrna phải do linh mục Polykarp kế vị, chứ không phải ai khác; vì vậy, khi lâm chung, Thánh Vukol đã nắm lấy tay phải của Polycarp, đặt lên ngực mình, và giao phó cho ngài nhiệm vụ chăn dắt đoàn chiên tinh thần của mình; rồi với lời "Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa", ngài đã an nhiên ra đi về cõi vĩnh hằng. Các giám mục tông đồ, tụ họp để dự lễ an táng Thánh Vukol, đã tấn phong Thánh Polykarp; trong lúc đó, nhiều người trong số họ đã được chứng kiến những thị kiến kinh hoàng. Khi lễ tấn phong giám mục bắt đầu, Ánh sáng Thần thánh chiếu rọi tất cả những ai có mặt trong nhà thờ; một số người xứng đáng đã nhìn thấy một con bồ câu trắng, tỏa sáng như tia chớp, bay lượn quanh đầu Thánh Polykarp; với những người khác, vị thánh tu hành này hiện ra như một chiến binh: thắt đai chiến binh và trang bị vũ khí như sẵn sàng ra trận; một số khác lại thấy ngài mặc áo choàng hoàng gia[2034] với khuôn mặt rạng ngời; với một thiếu nữ, ngài hiện ra cao lớn hơn nhiều so với thực tế, và áo choàng trên vai phải của ngài có màu đỏ. Khi Thánh Polykarp quỳ gối để nhận lễ tấn phong, ngài đã nhìn thấy trước mặt mình đôi chân của chính Chúa Kitô, Đấng đã hiện diện một cách vô hình trong lễ tấn phong của ngài. Như vậy, được chính Chúa Kitô và Thánh Thần phong chức, Thánh Polykarp đã lãnh đạo Giáo Hội của Thiên Chúa theo các quy định của các thánh tông đồ; ngài đã chịu nhiều gian khổ để cứu rỗi các linh hồn con người, và đã thực hiện nhiều phép lạ kỳ diệu trong thời gian làm giám mục.

Một lần nọ, Thánh Polykarp có dịp ghé thăm một thành phố thuộc vùng Ionia tên là Theos, nằm gần suối nước nóng có tên là Levedia; ngài đã ở lại nhà của vị giám mục thành phố đó tên là Daphnus, người được Thánh Ignatius, Đấng Mang Thần, nhắc đến trong thư gửi cho cư dân Smyrna. Thánh Polykarp, khi thấy cảnh nghèo khó và thiếu thốn trong nhà vị giám mục ấy, đã cầu nguyện với Thiên Chúa cho ngài, xin Chúa ban phước lành cho ngôi nhà của ngài; và kể từ lúc đó, giám mục Daphnus không còn phải chịu cảnh thiếu thốn nữa: những cánh đồng và vườn nho của ngài, vốn trước đây không sinh trái, đã mang lại những vụ mùa bội thu phi thường và trở nên vô cùng trù phú; rượu vang, vốn chỉ có một lượng nhỏ, nhờ lời cầu nguyện của vị thánh đã trở nên dồi dào. Một lần nọ, trên đường trở về Smyrna, Polycarp cùng với vị phó tế đi cùng đã rẽ khỏi đường chính và ghé vào một nhà trọ nằm trên đường; lúc đó đã là buổi tối, và những người lữ hành mệt mỏi muốn nghỉ ngơi; sau khi ăn một chút thức ăn, Polycarp và người đồng hành đã chìm vào giấc ngủ; nhưng giấc ngủ của họ không kéo dài lâu; vào nửa đêm, Thiên Thần của Chúa đã lay nhẹ vào hông Polycarp và nói với ông:

– Polykarp!

Lúc đó, vị thánh hỏi:

– Có chuyện gì vậy, lạy Chúa?

– Hãy thức dậy, – Thiên Thần nói với ngài, – và lập tức ra khỏi nhà trọ, vì nơi này sắp sụp đổ: những người sống trong nhà trọ đó không tin vào Đức Kitô là Thiên Chúa và đã phạm nhiều tội ác.

Lúc đó, vị thánh đứng dậy, bắt đầu đánh thức phó tế của mình, ra lệnh cho anh ta đứng dậy; còn phó tế, người trước đó đang ngủ say, không muốn thức dậy; anh ta bắt đầu can ngăn vị thánh:

– Giấc ngủ đầu tiên còn chưa qua, thưa cha thánh, chúng ta sẽ đi đâu đây; cha luôn suy ngẫm về Kinh Thánh nên chính cha cũng không ngủ, lại còn không cho người khác ngủ nữa.

[2034] Porphyra – là loại áo choàng dài màu tím đắt tiền, được các vị hoàng đế mặc trong các dịp long trọng.

Nghe những lời ấy, Thánh Polykarp im lặng, nhưng Thiên Thần lại hiện ra với ngài lần thứ hai và ra lệnh cho ngài ra ngoài; lúc đó, vị thánh lại bắt đầu thúc giục phó tế, nói rằng tòa nhà này sẽ sụp đổ; nhưng phó tế đáp lại:

– Con tin vào Đức Chúa Trời và con nghĩ rằng tòa nhà này sẽ không sụp đổ chừng nào cha còn ở trong đó. Thánh Polykarp bèn nói:

– Tôi cũng tin vào Đức Chúa Trời, nhưng không đặt niềm tin vào tòa nhà bằng đá này.

Trong khi đó, Thiên thần hiện ra lần thứ ba và lặp lại mệnh lệnh đó; chỉ đến lúc đó, vị giám mục mới thuyết phục được người đồng hành ra khỏi nhà trọ. Ngay khi họ vừa bước ra ngoài, tòa nhà lập tức sụp đổ tận nền móng và tất cả những ai ở trong đó đều thiệt mạng không còn ai sống sót; còn thánh Polykarp, đứng đó ngước nhìn lên trời, đã cầu nguyện như sau: "Lạy Chúa, Thiên Chúa Toàn Năng, Cha của Đức Giêsu Kitô, Con Yêu Dấu của Ngài, Ngài đã báo trước cho dân Ninive qua tiên tri Giô-na về sự hủy diệt của thành phố họ, nhưng Ngài đã thương xót và tha thứ cho họ; thật vậy, con ngợi khen Ngài, vì qua Thiên Thần của Ngài, Ngài đã đưa chúng con ra khỏi tòa nhà này và cứu chúng con khỏi cái chết bất ngờ, giống như Ngài đã đưa Lót ra khỏi Sodom; Ngài luôn luôn bảo vệ các tôi tớ của Ngài khỏi mọi điều ác, Ngài là Đấng nhân từ và thương xót muôn đời."

Sau khi họ đến Smyrna, tại nhà vị quan trưởng thành phố ấy – người không tin vào Đấng Christ – một đêm nọ, một tà linh bất ngờ nhập vào một người đầy tớ; người này la hét dữ dội và gây ra tiếng ồn lớn đến nỗi cả ngôi nhà đều kinh hoàng, tất cả những người trong nhà đều run rẩy và sợ hãi. Khi trời sáng, một đám đông người Do Thái đã đến nhà vị tể tướng với ý định trừ tà; nhưng người đầy tớ bị quỷ ám đã lao vào họ và, dù họ đông còn anh ta chỉ có một mình, anh ta vẫn đánh đập tất cả một cách dữ dội; không ai có thể chế ngự được hắn, không ai có thể thoát khỏi tay hắn, đến nỗi họ phải bỏ chạy khỏi hắn trong tình trạng suýt chết và đầy máu me: tên bị quỷ ám đã xé toạc hết quần áo trên người họ và cắn xé thân thể họ bằng răng của mình. Trong ngôi nhà đó có một người Kitô hữu, người này đã nói với vị công tước: "Nếu ngài cho phép, thưa ngài, tôi sẽ mời một người có thể chữa lành cho người đầy tớ của ngài một cách dễ dàng."

Khi hoàng tử đồng ý với đề nghị này, người đầy tớ ấy liền đến gặp Thánh Giám mục Polykarp và mời ngài đến nhà hoàng tử. Ngay khi vị thánh chưa kịp bước vào nhà hoàng tử, con quỷ đã bắt đầu gào thét: "Khốn khổ cho ta, Polykarp đang đến đây, ta sẽ bị buộc phải chạy trốn khỏi đây dù không muốn."

Ngay khi vị thánh bước vào, con quỷ lập tức run rẩy chạy ra khỏi người đầy tớ của vị công tước; còn vị công tước, khi chứng kiến cảnh đó, đã vô cùng kinh ngạc. Sau phép lạ ấy, vào ban đêm tại Smyrna bùng phát một trận hỏa hoạn; vì mọi người đều đang ngủ, nên ngọn lửa lan rộng mạnh mẽ và bao trùm phần lớn thành phố trong biển lửa; cùng với đó, như thường lệ, tiếng ồn ào, tiếng la hét và tiếng kêu gào vang lên, nỗi kinh hoàng bao trùm tất cả mọi người; toàn thể dân chúng bắt tay vào dập lửa, nhưng chẳng làm được gì: ngọn lửa càng lúc càng dữ dội hơn; những người Do Thái cũng tụ tập lại, cố gắng dập tắt ngọn lửa, nhưng mọi nỗ lực của họ đều vô ích. Lúc đó, vị công tước nhớ đến Thánh Polykarp và nói với các quan chức và cố vấn của mình: "Không ai có thể dập tắt đám cháy này, ngoại trừ Thầy Polykarp, vị thầy của các Kitô hữu, người mới đây đã trừ tà khỏi nô lệ của ta."

Họ sai người đi tìm ngài, mời ngài đến và xin ngài giúp đỡ thành phố đang phải chịu tai họa này. Nâng đôi tay trong sạch lên, vị thánh lập tức bắt đầu cầu nguyện trước mặt họ, và ngọn lửa, như thể bị dội bởi dòng nước mạnh, bỗng tắt lịm, và đám cháy chấm dứt. Chứng kiến phép lạ ấy, dân chúng bắt đầu nghĩ rằng vị thánh là một trong các vị thần; nhưng Polykarp đã rao giảng trước mặt mọi người về Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật ngự trên trời, Đấng mà chính ông chỉ là một tôi tớ, nên nhiều người đã tin nhận và gia nhập Giáo Hội Thánh của Đức Kitô. Một lần khác, trời không mưa trong một thời gian dài, dẫn đến hạn hán, và sau đó là nạn đói; lúc bấy giờ, tất cả mọi người cùng với vị công tước và các cố vấn của ông đã cầu xin vị thánh thương xót họ và khẩn cầu Đức Chúa Trời của ngài ban mưa xuống đất. Khi vị thánh cầu nguyện xong, ngay lập tức một cơn mưa xối xả trút xuống, khiến đất đai ngập tràn nước, và mùa màng năm đó bội thu hơn hẳn so với trước đây. Nhờ những phép lạ này và nhiều phép lạ khác của vị thánh, cũng như nhờ việc chữa lành cho nhiều người bệnh khỏi các chứng bệnh qua việc đặt tay của ngài, nhiều người đã quay về với Chúa Giêsu Kitô; Hội Thánh của Đấng Christ ngày càng phát triển, trong khi tín ngưỡng thờ thần tượng ngày càng suy giảm tại Smyrna, nơi Thánh Polykarp đã đảm nhận chức vụ rao giảng Lời Chúa theo lệnh của các Tông đồ, như Thánh Irenaeus đã làm chứng rằng Polykarp không chỉ là môn đệ của các Tông đồ, là bạn và người đồng hành của nhiều người, người đã tận mắt nhìn thấy Chúa Kitô, mà còn được các Tông đồ sai đi đến Á Châu, để tại Smyrna (sau Thánh Vukol) đảm nhận ngai giám mục; (Thánh Irênê bổ sung) chúng tôi cũng đã được gặp ngài trong thời trẻ, khi ngài đã là một vị lão niên rất cao tuổi, và những gì ngài

đã học được từ các Tông đồ, ngài cũng dạy lại cho người khác và truyền lại cho Giáo hội chỉ những điều chân thật chứ không phải điều giả dối; Tất cả các giám mục kế nhiệm ngài trong Giáo hội Á Châu cũng làm chứng về Thánh Polykarp, rằng ngài thực sự là một người bảo vệ lẽ phải kiên định và trung thành, không giống như Valentin, Marcion và tất cả các thủ lĩnh dị giáo, những người đã đưa vào Giáo hội của Chúa Kitô những sai lầm tai hại đến vậy. Vị thánh Polykarp này, khi đến Rôma vào thời Đức Giáo hoàng Anicetus đang tại vị, đã khiến nhiều người từ bỏ tà giáo của những người theo Marcion và dẫn dắt họ trở về với Giáo hội và đức tin chân chính, bằng cách rao giảng công khai lẽ thật mà ngài đã nhận được từ các Tông đồ[2035] . Ngoài ra, ngài còn kể lại điều sau đây: Thánh Gioan, môn đệ của Chúa, khi còn ở Ê-phê-sô, một lần đã đến nhà tắm; tại đó, ngài thấy Herint, một kẻ dị giáo, đang tắm; vị tông đồ lập tức rời khỏi nhà tắm và khuyên những người đi cùng ông hãy theo ông, vì, như ông nói thêm, nhà tắm nơi Herint – kẻ thù của lẽ thật Thiên Chúa – đang tắm rửa, có thể sẽ sụp đổ bất cứ lúc nào. Một lần nọ, chính Polycarp đã gặp kẻ dị giáo Marcion; người này đã ngang nhiên nói với ông:

– Hãy nhận ra chúng tôi.

Trước lời đó, Polykarp đáp lại:

– Ta biết ngươi là con trưởng của ma quỷ; ngay cả các tông đồ và các môn đệ của họ cũng đã tự bảo vệ mình khỏi những kẻ dị giáo một cách cẩn trọng đến mức thậm chí không muốn trò chuyện với những kẻ dùng lời nói xảo trá để che khuất sự thật, và thánh Phaolô đã ra lệnh: "Hãy xa lánh kẻ dị giáo sau khi đã khuyên răn một lần và hai lần, vì biết rằng kẻ ấy đã sa ngã và phạm tội, tự mình bị kết án" (Tít 3:10–11).

Thư của Polykarp gửi cho người Philippi[2036] cũng còn lưu truyền đến ngày nay, được viết với sự sâu sắc đến mức những ai quan tâm đến sự cứu rỗi của mình và tán thành đức tin cùng lời rao giảng của ngài không thể không nhận ra.

Đó là lời nhận xét của Thánh Irênê về Polykarp. Sau hai mươi hai năm trị vì của Antoninus, con trai ông là Marcus Aurelius[2037] lên ngôi, chia sẻ quyền lực với anh trai mình là Lucius. Vào thời điểm đó, một cuộc bách hại dữ dội nhắm vào các Kitô hữu đã bùng phát tại Á Châu; chính lúc ấy, Thánh Polykarp đã chứng thực đức tin của mình bằng chính máu của ngài. Những thông tin về sự đau khổ và cái chết của vị thánh công chính này được ghi lại trong Thư gửi Hội Thánh Smyrna[2038] , nơi Thánh Polykarp đảm nhiệm chức vụ giám mục; nội dung của bức thư này như sau.

"Hội Thánh Smyrna gửi đến Hội Thánh Philomelia và tất cả các Hội Thánh Công giáo thánh thiện khác đang hiện diện giữa các dân tộc – xin lòng thương xót, bình an và tình yêu của Đức Chúa Cha và Chúa Giê-su

---

[2035] Với lòng quan tâm đến lợi ích của Giáo hội, Thánh Polykarp vào thời Giáo hoàng Anikitas (157–168) đã thực hiện chuyến đi đến Roma để chống lại các tà thuyết của các nhà Gnostics Valentin và Marcion. Về sự khác biệt giữa các Giáo hội Tiểu Á và phương Tây trong việc hiểu và cử hành Lễ Phục Sinh, các Giám mục Smyrna và Rôma đã không đồng ý từ bỏ tập tục địa phương của mỗi bên, tức là Thánh Polykarp công nhận việc các Kitô hữu phương Đông cử hành Lễ Phục Sinh vào ngày thứ 14 của tháng Nisan theo lịch Do Thái và dành ngày này để tưởng niệm Bữa Tiệc Ly cuối cùng của Chúa với các môn đệ cùng Bí tích Thánh Thể được thiết lập trong bữa tiệc đó là đúng, còn Anicetus thì ngược lại, công nhận cách hiểu về Lễ Phục Sinh đã được chấp nhận ở phương Tây là đúng đắn, tức là coi đó là lễ kỷ niệm hàng năm về sự Phục Sinh của Chúa Kitô và cử hành vào ngày Chủ Nhật đầu tiên sau trăng tròn mùa xuân. Tuy nhiên, sự bất đồng này không làm xáo trộn hòa bình giữa các giám mục; để thể hiện điều đó, Anikita đã cho phép Thánh Polykarp cử hành Thánh Thể tại nhà thờ Rôma.

[2036] Trong số nhiều thư của Thánh Polykarp, được viết, theo lời Thánh Irineo, gửi đến các giáo hội hoặc các cá nhân, chỉ có duy nhất bức thư này còn lưu truyền đến ngày nay. Về thư của Thánh Polykarp gửi cho các tín hữu tại Philippi, Thánh Irineus nói rằng: "Từ đó, những ai mong muốn và quan tâm đến sự cứu rỗi của mình có thể hiểu được bản chất của đức tin (của Polykarp) và lời rao giảng chân lý của ngài". Cha của Lịch sử Giáo hội – Eusebius (263–340) – trích dẫn một số đoạn trong thư, đồng thời lưu ý rằng thư này vẫn còn được lưu truyền giữa các Kitô hữu. Thánh Giêrônimô cho biết rằng vào thời của ngài, Thư của Thánh Polykarp gửi cho người Philippi được đọc trong các thánh lễ tại các giáo hội ở Tiểu Á. Thư này được viết ngay sau khi Thánh Ignatius, Đấng Mang Thiên Chúa, qua đời (năm 107) và xuất phát từ lời thỉnh cầu của các Kitô hữu thành Philippi, mong ngài chuyển cho họ các thư của Thánh Ignatius gửi cho Thánh Polycarp và các Kitô hữu khác mà ngài đang lưu giữ. Để đáp ứng lời thỉnh cầu đó, Thánh Polykarp đã gửi một thư riêng, trong đó truyền dạy cho các tín hữu Philippi một loạt những lời dạy dỗ Kitô giáo, – cảnh báo về những kẻ dị giáo, chỉ ra nghĩa vụ của các linh mục và phó tế, các thanh niên và thiếu nữ, các cặp vợ chồng và các góa phụ, khuyên nhủ họ tránh lòng tham, siêng năng cầu nguyện và ăn chay, đồng thời khơi dậy lòng kiên nhẫn và tình yêu thương đối với kẻ thù. Bản dịch bức thư này có thể được đọc trong cuốn sách của Linh mục Preobrazhensky "Các tác phẩm của các vị tông đồ". St. Petersburg. Năm 1895.

[2037] Từ năm 161 đến năm 180

[2038] Thư chung về sự tử đạo của Thánh Polykarp, được gửi từ nhà thờ mà ngài là vị chủ chăn và nơi ngài đã chịu tử đạo, là một trong những di tích cổ xưa nhất của thời cổ đại Kitô giáo. Eusebius đã đưa gần như toàn bộ bức thư này vào tác phẩm Lịch sử của mình (Quyển IV, Chương 14). Bản dịch trong các cuốn "Chetyi Minei" của chúng ta về Thánh Dimitri Rostovsky

Christ, Chúa chúng ta, ở cùng các anh em. Chúng tôi đã viết cho anh em, hỡi các anh em, về Thánh Polykarp, người đã dập tắt ngọn lửa bách hại bằng chính máu của mình, và về các vị tử đạo khác. Nhiều vị thánh tử đạo đã thể hiện lòng dũng cảm bất khuất vào thời điểm đó; một số bị đánh đập trong một thời gian dài đến nỗi tất cả các khớp xương và gân cốt của họ đều bị nghiền nát, nội tạng lộ ra ngoài; những người khác bị lôi lê trên đá và những mảnh ngói sắc nhọn, và họ đã chịu đựng tất cả những cực hình tàn bạo nhất mà những kẻ tra tấn có thể nghĩ ra với sự bình tĩnh đáng kinh ngạc; một số khác bị ném cho thú dữ ăn thịt. Và những kẻ vô đạo đã vô cùng kinh ngạc và ngạc nhiên sâu sắc khi chứng kiến sự chịu đựng dũng cảm đến vậy của các thánh nhân trước mặt mình. Trong số các vị tử đạo, nhờ ơn Chúa, một thiếu niên tên là Germanicus đã thể hiện lòng dũng cảm phi thường; với trái tim không hề run sợ và tâm trí không hề dao động, anh đã dũng cảm bước vào cái chết, vốn là điều đáng sợ đối với tất cả mọi người. Vị thẩm phán đã khuyên nhủ Germanicus rất lâu, mong anh hãy thương xót tuổi trẻ của mình và đừng để cái chết đắng cay này hủy hoại cuộc đời ngọt ngào ấy; nhưng ngay khi nhìn thấy những con thú được thả ra tấn công mình, chính anh đã lao vào chúng, khiêu khích chúng để chúng xé xác anh. Một người đàn ông đến từ Phrygia tên là Quintus, khi nhìn thấy những con thú và sự tra tấn khủng khiếp ấy, liền hoảng sợ và từ chối cơ hội cứu rỗi của mình; từ đó cho thấy rằng anh ta đã hành động một cách thiếu suy nghĩ và không xuất phát từ lòng chân thành, mà chỉ vì sự bồng bột, như thể bị một cơn gió bất chợt thổi dạt, đã đến nơi xét xử của những kẻ vô đạo và dám tự nguyện chịu cực hình. Anh ta đã trở thành tấm gương cho mọi người rằng, đối với một việc vĩ đại như tự nguyện chịu cực hình, không nên hành động mà thiếu sự thận trọng. Khi nghe tin về những cực hình này, Polykarp biết rằng dân Hy Lạp, những người không tin vào Chúa Kitô, khi chứng kiến cảnh các vị tử đạo khác chịu đau khổ, đã công khai hét lên với quan tòa: "Hãy tìm Polykarp, hãy tiêu diệt lũ vô thần này."

Nghe vậy, Polycarp, dù mong muốn ở lại thành phố cho đến khi bị bắt, nhưng vì nhượng bộ trước những lời khẩn cầu của các Kitô hữu, ngài đã rời khỏi thành phố và ẩn náu tại một làng quê, nơi ngài ngày đêm, theo thói quen của mình, cầu nguyện cho sự bình an của Giáo hội. Ba ngày trước khi bị những kẻ vô đạo bắt giữ, ngài đã thấy trong giấc mơ rằng mái tóc của ngài bỗng bốc cháy và bị thiêu rụi. Khi tỉnh giấc, vị thánh nói với những người đi cùng: "Ta sẽ bị thiêu sống vì Chúa Giêsu Kitô."

Ba ngày sau đó, những người được vị thống đốc cử đến làng đó để tìm Polykarp đã xuất hiện. Họ bắt hai thiếu niên, rồi dùng cành nho đánh họ để ép họ nói ra nơi ở của Polykarp, và hai thiếu niên chỉ cho họ một căn phòng ở tầng trên; dù có thể trốn thoát khỏi đó, nhưng ngài không muốn, mà nói: "Xin ý muốn của Chúa, Thiên Chúa của con, được thực hiện."

Nghe thấy các đầy tớ đi theo sau, chính ông đã bước xuống cầu thang ra đón và với khuôn mặt rạng rỡ, ông đã chào đón họ một cách thân thiện. Những người hầu chưa từng gặp ông trước đây, khi nhìn thấy mái tóc bạc và tuổi già của ông, cùng với sự hiền lành và niềm vui bình thản trên khuôn mặt hiền lành của ông, đã ngạc nhiên và nói: "Có cần phải vất vả và cố gắng nhiều đến thế để tìm ra vị lão nhân này không?"

Ngay lập tức, Polycarp ra lệnh dọn bữa ăn cho họ và mời họ ăn uống, còn bản thân ông thì xin được dành một giờ để cầu nguyện. Và ông đã cầu nguyện tha thiết với Thiên Chúa, dâng lời tạ ơn vì mọi sự chăm sóc của Thiên Chúa dành cho ông – dù là việc nhỏ hay lớn, kể từ những ngày thanh xuân của ông – và phó thác Giáo Hội Thánh, đang rải rác khắp thế giới, cho Thiên Chúa. Sau khi ngài cầu nguyện xong, những người được cử đi đã đưa vị trưởng lão lên lưng lừa và dẫn ngài về thành Smyrna – đó là ngày Thứ Bảy Lớn. Trên đường đi, hai vị thượng nghị sĩ chính trực là Hê-rốt và Ni-ki-ta đã gặp ngài; họ mời ngài lên xe ngựa của mình và khuyên ngài rằng, tại phiên tòa, ngài chỉ cần bằng lời nói từ bỏ đức tin của mình: "Có gì khó khăn khi nói: 'Thưa Hoàng đế, tôi sẽ dâng lễ vật'? Bởi vì như vậy, ngài sẽ thoát khỏi cái chết."

Polykarp im lặng trước những lời của họ; nhưng khi họ cứ khăng khăng đòi hỏi, ngài đáp: "Tôi sẽ không bao giờ làm điều mà các ngài khuyên tôi."

Họ nổi giận, bắt đầu mắng mỏ ông và đẩy ông xuống khỏi cỗ xe; khi ngã xuống, vị lão nhân bị thương ở ống chân, nhưng ông không bận tâm đến điều đó. Khi ông được dẫn ra tòa, đám đông vô đạo đã la hét, vui mừng vì " " Polykarp đã bị bắt; còn ông thì nghe thấy tiếng Chúa chúng ta từ trời phán với ông: "Hãy can đảm lên, Polykarp, và hãy chiến đấu với lòng quảng đại!"

Những người khác trong số chúng ta cũng đã nghe thấy tiếng nói ấy (theo thư từ Smyrna).

Thẩm phán hỏi ông:

– Ngươi có phải là Polykarp không?

– Chính là tôi, – ông đáp.

– Hãy thương xót tuổi già của ngươi, – quan tòa nói, – hãy từ bỏ Đấng Christ, hãy thề trung thành với vận may của hoàng đế. Quan tòa, khi nói những lời này và những lời tương tự, đã nói:

– Hãy tỉnh táo lại đi, Polykarp, và hãy nói: "Hãy tiêu diệt những kẻ vô thần."

Lúc đó, Polikarp ngước mắt lên trời, giơ hai tay về phía đám dân vô đạo, rồi thưa với Đức Chúa Trời:

– Hãy tiêu diệt những kẻ vô thần! Thẩm phán nói:

– Hãy từ bỏ Chúa Kitô, hãy phỉ báng Ngài, và ta sẽ thả ngươi ra.

– Tám mươi sáu năm rồi, – Polycarp đáp, – tôi đã phụng sự Chúa Kitô, và Ngài chưa từng làm điều ác nào với tôi; vậy làm sao tôi lại có thể dùng những lời nhục mạ để phỉ báng Vua của tôi, Đấng vẫn đang gìn giữ tôi cho đến ngày nay?

Thẩm phán nói:

– Ta sẽ thả những con thú dữ lên người ngươi.

– Cứ thả đi, – Polycarp đáp, – nhưng tôi sẽ không đánh đổi điều tốt nhất của mình lấy điều tồi tệ hơn.

– Ta sẽ giao ngươi cho lửa thiêu, – quan tòa nói. Ông đáp:

– Ngài đe dọa tôi bằng ngọn lửa sẽ tắt, nhưng ngài chẳng biết gì về ngọn lửa bất diệt, nơi những kẻ vô thần và bất trung sẽ bị thiêu đốt mãi mãi. Đừng chần chừ nữa, hãy mau làm điều ngài đã định làm với tôi.

Lúc đó, quan tòa ra lệnh cho người thông báo công bố trước dân chúng rằng Polykarp tự xưng là Kitô hữu. Nghe vậy, người Hy Lạp và người Do Thái đồng thanh la lên: "Hắn là kẻ xúi giục cả châu Á, hắn là cha đẻ của các Kitô hữu, hắn hủy diệt các vị thần của chúng ta, hãy thiêu sống hắn đi."

Và dân chúng cùng với người Do Thái đã kiên quyết đòi phải thiêu sống Polikarp. Khi đã chuẩn bị xong một đống củi và cành cây khô, Polykarp tháo thắt lưng ra và bắt đầu cởi bỏ quần áo, đồng thời cũng cởi cả đôi ủng khỏi chân; còn những kẻ tra tấn thì chuẩn bị các dụng cụ sắt và đinh, định dùng chúng đóng đinh Polykarp lại để ông không thể nào thoát khỏi ngọn lửa. Thánh nhân bèn nói với họ: "Không nên đóng đinh tôi, vì Đấng ban cho tôi sự kiên nhẫn trong ngọn lửa, chính Đấng ấy cũng sẽ ban cho tôi lòng dũng cảm để tôi không di chuyển khỏi chỗ đứng hay quay sang bất kỳ hướng nào."

Lúc đó, những kẻ tra tấn không đóng đinh ngài, mà chỉ trói lại, rồi ném vị lão nhân tóc bạc phơ này vào lửa, như con cừu tốt nhất trong đàn, bị trói để dâng làm của lễ, tỏa hương thơm ngát dâng lên Thiên Chúa. Còn Thánh Polykarp thì cầu nguyện, nói rằng: "Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Đức Chúa Trời, vì Ngài đã thương xót cho con được đứng chung hàng ngũ với các vị tử đạo và những người làm chứng cho Ngài; và con uống chén đau khổ của Đấng Christ, Chúa của Ngài, và được tham dự vào cuộc khổ nạn của Ngài, để vào ngày Phục Sinh, con được ở cùng Ngài trong sự sống đời đời. Xin hãy nhận con như một của lễ dồi dào và đẹp lòng Ngài, mà chính Ngài đã định trước và sắp đặt, và bây giờ đã hoàn tất, hỡi Đức Chúa Trời chân thật, Đấng mà con tôn vinh và ngợi khen, cùng với Con Ngài, vị Thượng Tế vĩnh cửu là Đức Giê-su Ki-tô; cùng với Ngài và Thánh Thần, mọi vinh quang, tôn kính và thờ phượng đều thuộc về Ngài, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, A-men."

Và khi Ngài nói "A-men", các đầy tớ liền châm lửa; khi củi bốc cháy xung quanh và ngọn lửa bốc cao, một phép lạ đã xảy ra khiến mọi người kinh ngạc: ngọn lửa bao quanh vị thánh và bốc cao trên đầu ngài, nhưng không chạm vào cũng không đến gần vị thánh, mà giống như những cánh buồm thuyền được gió thổi phồng, nó tản ra khỏi ngài, hợp lại trên cao phía trên ngài. Còn Thánh Polykarp thì đứng giữa ngọn lửa, như vàng được tinh luyện trong lò nung, và ngọn lửa không làm bỏng cơ thể ngài; chúng tôi ngửi thấy, như những người Smyrna kể lại trong bức thư, một mùi hương thoang thoảng tỏa ra từ ngọn lửa, vượt trội hơn hẳn mọi loại hương thơm khác. Còn những kẻ vô đạo, khi thấy cảnh đó, liền la hét yêu cầu tên hành hình hãy tiến lại gần, dùng vũ khí đâm xuyên qua ngọn lửa để chạm đến vị thánh và giết ngài. Khi tiến lại gần, tên tra tấn đã đâm vị thánh bằng một thanh vũ khí dài, và từ vết thương tuôn ra một lượng máu khổng lồ; như dòng suối tuôn ra từ nguồn, nó đã dập tắt hoàn toàn ngọn lửa; cả đám đông đều kinh ngạc trước điều đó, nhận ra sự khác biệt to lớn giữa những người có đức tin và những kẻ vô tín. Polykarp là một nhân vật xuất chúng của thời đại chúng ta, giám mục của Giáo hội Công giáo Smyrna, một vị thầy kế thừa truyền thống từ các Tông đồ, và là một vị thánh tiên tri: mọi điều ngài nói đều trở thành sự thật.

Lúc đó, những người Do Thái bắt đầu nài nỉ quan tòa đừng giao thi thể của Polykarp cho các Kitô hữu. "Họ sẽ," những người Do Thái nói, "coi ngài là thần của họ, giống như Đấng bị đóng đinh vậy."

Những kẻ vô đạo không biết rằng không thể nào các Kitô hữu lại từ bỏ Chúa Kitô, Đấng đã chết trên Thập giá để cứu rỗi cả thế giới, mà lại coi ai khác là thần: Chúng tôi dâng lên Ngài, là Con Thiên Chúa đích thực, sự tôn kính thiêng liêng, còn các vị tử đạo, chúng tôi tôn kính xứng đáng như những môn đệ và những người noi gương

Chúa Kitô, những người đã chịu khổ vì Ngài vì tình yêu dành cho Ngài; chúng tôi ôm ấp họ trong tình yêu và muốn noi gương họ trong sự đạo đức, đồng thời mong được cùng chia sẻ vinh quang vĩnh cửu với họ. Còn viên đội trưởng, theo lệnh của quan tòa – người đã bị người Do Thái nài nỉ – đã thiêu xác thánh Polykarp theo phong tục Hy Lạp; khi vị thánh nhân này còn sống, thân thể Ngài không hề bị lửa làm hại, nhưng sau khi Ngài qua đời, thân thể ấy đã chịu sự tác động của ngọn lửa. Còn chúng tôi (những người thuộc Dòng Smerna nói), đã thu thập xương cốt của Ngài từ đống tro tàn, tinh khiết như vàng và quý giá hơn nhiều so với những viên đá quý, rồi cất giữ chúng tại một nơi xứng đáng, nơi chúng tôi sẽ hân hoan kỷ niệm ngày ngài chịu khổ nạn, vừa để tưởng nhớ người đã chịu khổ vì Chúa Kitô qua hành động anh hùng ấy, vừa để khích lệ những ai cũng sẵn sàng tuyên xưng và tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật của chúng ta, bằng cái chết tương tự. Chúng tôi đã gửi điều này đến các anh em qua anh em Mác, và khi các anh em đọc xong, xin hãy chuyển tiếp thông điệp này đến các anh em khác đang rải rác khắp nơi, để họ cũng tôn vinh Chúa, Đấng đã chỉ cho chúng ta thấy một người được chọn vĩ đại như vậy trong số các tôi tớ của Ngài, Đấng có thể ban ân sủng của Ngài cho tất cả chúng ta và dẫn dắt chúng ta vào Nước Trời vĩnh cửu của Ngài qua Con Một của Ngài là Chúa Giê-su Ki-tô; vinh quang, danh dự và sự thờ phượng thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men. Hãy hôn tất cả các thánh, và những người ở cùng chúng tôi cũng hôn các anh chị em; còn Ê-va-rết, người đã viết bức thư này, cùng với cả gia đình mình, cũng gửi lời chào đến các anh chị em. Thánh Polykarp đã kết thúc cuộc tử đạo của mình vào ngày thứ bảy của tháng Năm, tức là ngày 25 tháng Tư, vào Thứ Bảy Lớn, vào giờ thứ tám trong ngày, dưới sự chủ tọa của Đức Tổng Giám mục Philip, trong thời kỳ trị vì của Trallianus, để vào Nước Trời vĩnh cửu của Đức Giêsu Kitô. Chúng tôi cầu chúc sức khỏe dồi dào cho các anh em đang rao giảng Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà nhờ Ngài, vinh quang thuộc về Thiên Chúa vì sự cứu rỗi của các thánh được chọn – như Thánh Polykarp đã chịu tử đạo; xin cho chúng ta cũng trở thành những người kế thừa của ngài trong Nước Trời của Chúa Kitô. Thư này được Gai, một trong các môn đệ của Thánh Irineo, môn đệ của Thánh Polykarp, chép lại; từ bản chép đó, Socrates thành Corint đã sao chép lại; còn tôi, linh mục Pionius, đã nhận lại toàn bộ nội dung này từ những người nêu trên và đối chiếu với sự mặc khải mà tôi đã nhận được từ Thánh Polykarp, Đấng đã hiện ra với tôi trong một thị kiến. Và tôi đã viết lại, sửa chữa những chỗ đã bị mờ nhạt theo thời gian, để Chúa Giêsu Kitô của chúng ta cũng đón nhận tôi cùng với những người được chọn của Ngài vào Nước Trời của Ngài; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen."

Bài ca Kondak, giọng 1:

Dâng lên Chúa những hoa trái của lời nói, hỡi Thánh Polykarp khôn ngoan, những của lễ đức hạnh, chính vì thế mà ngài đã được Thiên Chúa tôn vinh là vị giám mục xứng đáng. Vì lý do đó, hôm nay được soi sáng bởi những lời dạy của ngài, chúng con ca ngợi kỷ niệm đáng kính của ngài, đồng thời tôn vinh Chúa.

Kỷ niệm các vị thánh Gioan, Antioch, Antonin và Mô-sê

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 2

Trong số các vị thánh này, Thánh Gioan quen biết Thánh Limneus[2039] , người đã sống và tu hành ở vùng lân cận làng Targala; ngài là môn đệ của ngài và đã noi gương ngài trong lối sống tu hành của mình. Sau khi tìm thấy một ngọn đồi bên bờ sông, nơi thoáng đãng bốn bề đón gió và không có bất kỳ thảm thực vật nào, ngài – dù không có nơi ở nào – đã dành 25 năm tu hành tại đó. Trong suốt thời gian đó, ngài chỉ ăn bánh mì và muối, mặc áo làm từ lông cừu, và toàn thân ngài được bao bọc bởi những xiềng xích sắt nặng nề. Bị xiềng xích đè nặng và liên tục bị những tia nắng gay gắt thiêu đốt, ngài không bao giờ tìm đến bóng râm và cũng không bao giờ tìm kiếm sự mát mẻ. Một lần, một trong những người thường xuyên đến thăm vị thánh đã trồng một cây hạnh nhân bên lối mòn dẫn đến nơi ngài ở, nhưng khi cây lớn lên và bắt đầu che bóng lên ngài, ngài đã ra lệnh chặt cây đi để không còn nơi nào mang lại sự mát mẻ cho ngài. Trong những hành trình tu hành như vậy, vị thánh đã về với Chúa.

Thánh Mô-sê bừng cháy lòng yêu mến lối sống tu hành của Thánh Gioan và cũng tu hành giống như ngài trên đỉnh một ngọn núi, nơi cao hơn làng có tên là Rama.

[2039] Ngày kỷ niệm Thánh Limneus được cử hành vào ngày 22 tháng 2.

Thánh nhân Antioch, khi đã ở tuổi xế chiều, đã dựng cho mình một hàng rào tại một nơi hoang vắng và tu hành trong đó với những việc làm của đời sống không che chở; gần đó, thánh nhân Antonin, cũng là một vị cao niên, và noi gương ngài trong mọi việc: từ việc ăn uống, mặc áo, thức trắng đêm, cho đến những lời cầu nguyện hàng ngày và suốt đêm. Dù tuổi già, sự suy yếu tự nhiên của tuổi tác cũng không thể làm lung lay lòng kiên nhẫn của các vị thánh nhân trong việc chịu đựng mọi gian khổ của đời sống tu hành. Họ tu hành để làm đẹp lòng Chúa với sự nhiệt thành như thể vẫn còn tràn đầy sức trẻ. Trong những công việc tu hành ấy, họ đã an lành dâng linh hồn mình lên Chúa. Trong việc tu hành kiêng ăn, họ đã nỗ lực không kém gì vị thánh tu sĩ Gioan[2040] .

Lễ kỷ niệm các vị thánh Zevin, Polychronius, Moses và Damian

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 2

Thánh Zevin tu hành trên một ngọn núi. Sau khi dựng nên nơi ở cho mình trên đó, ngài đã dành cả cuộc đời, cho đến khi già nua, để tu hành tại chính nơi ấy. Người dân các vùng lân cận luôn tìm đến ngài và nhận được nhiều ân huệ từ những lời cầu nguyện không ngừng nghỉ của ngài. Khi đã bước vào tuổi xế chiều, vì sức khỏe suy yếu do tuổi già, ngài không còn có thể đứng vững được nữa, nhưng vẫn không ngừng tiếp tục những việc tu hành của mình, tựa vào cây gậy. Sau khi dành cả cuộc đời cho những việc tu hành kỳ diệu và đẹp lòng Chúa, Thánh Zevin đã qua đời.

Thánh Polychronius là đệ tử của Thánh Zevin và, giống như sáp lưu giữ hình bóng của ngón tay chạm vào nó, cuộc đời ngài là sự phản chiếu trọn vẹn các đức tính của vị thầy mình. Ngài noi gương vị thầy cả trong sự tỉnh thức siêng năng, trong sự kiên nhẫn, và trong những công đức cầu nguyện. Tuy nhiên, vị thánh không muốn đeo xiềng xích lên mình, vì không thấy tấm gương nào về việc đó trong cuộc đời vị thầy của mình, nên ngài lo ngại sẽ khiến ai đó sa ngã; thay vì xiềng xích, ngài mang trên vai một gốc cây sồi lớn mà ngài đã nhổ lên từ đất, gốc cây đó nặng đến mức không thể di chuyển được bằng hai tay, và bằng cách đó, ngài tự làm nặng nề thân thể mình. Nhờ những việc làm cao cả ấy, Thánh Polychronius đã được Thiên Chúa ban ân sủng làm phép lạ. Một lần, trong thời kỳ hạn hán, ngài đã cầu nguyện để mưa rơi xuống đất, và một lần khác, ngài đã làm đầy dầu vào một bình đá rỗng. Sau khi thực hiện vô số phép lạ khác, ngài đã về với Chúa.

Các vị thánh Mô-sê và Đa-mi-an là đệ tử của Thánh Polychronius. Thánh Mô-sê tu hành cùng với vị thầy của mình và, sau khi học hỏi được những đức tính tốt đẹp từ ngài, đã sống sao cho mọi mặt đều noi gương ngài. Còn Thánh Damian thì lui về một tu viện tên là Iera, và khi tìm thấy ở đó một căn phòng trống, ngài đã ở lại đó, noi gương lối sống của vị thầy mình. Trong nơi ở của ngài không có gì khác ngoài một chiếc hộp nhỏ chứa một ít đậu lăng, thứ mà ngài dùng làm thức ăn. Các vị thánh này đã thu được lợi ích to lớn từ việc sống chung với Thánh Polychronius và đã kết thúc cuộc đời trong sự sùng đạo[2041] .

- Cùng ngày đó, người ta tưởng nhớ vị tu sĩ thánh thiện Alexander, người sáng lập tu viện "Những Người Không Ngủ"[2042] .

Ngày 9 tháng 3

Ngày 24 tháng 2 (theo lịch cũ)

Lễ tìm thấy lần thứ nhất và lần thứ hai thi hài của Thánh Giăng Tiền Hô và Rửa Tội của Chúa.

Ngày tưởng niệm 24 tháng 2

[2040] Tất cả các vị thánh này đều sống vào thế kỷ V tại Syria.
[2041] Thời gian sống của các vị thánh Zevin, Polychronius, Moses và Damian là thế kỷ V, nơi các ngài thực hiện các công đức là Syria.
[2042] Xem tiểu sử của ngài vào ngày 3 tháng 7

Khi đầu thiêng liêng của Thánh Gioan Tiền Hô bị chặt đứt (Mt 14:11), con gái của Herodias đã nhận lấy nó trên một cái đĩa và mang về cho mẹ mình. Người vợ bất chính này đã dùng kim đâm vào lưỡi của vị thánh, người đã vạch trần sự gian ác của bà, và sau khi làm nhục chiếc đầu thiêng liêng, bà không cho phép chôn cất nó cùng với thi thể của vị thánh: Herodias sợ rằng nếu chôn cất thi thể của Gioan cùng với chiếc đầu, ngài sẽ sống lại và tiếp tục vạch trần tội lỗi của bà. Các môn đệ của Thánh Gioan Tẩy Giả đã bí mật lấy thi thể ngài và chôn cất vào ban đêm (Mt 14,12; Mc 6,29) tại Sebaste, một thành phố thuộc Samaria[2043] . Còn cái đầu của Thánh Tiền Hô thì Herodias đã chôn sâu trong cung điện của mình tại một nơi bí mật và ô nhục. Chỉ có vợ của Huza, quan cai quản của Hê-rốt, tên là Gioan, người được Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, nhắc đến (Lc 8:3), mới biết nơi đó. Với lòng đau buồn vì sự sát hại vị thánh tiên tri vĩ đại Gioan và sự sỉ nhục đối với đầu thiêng liêng của ngài, bà đã bí mật lấy đầu đó vào ban đêm, đặt vào một cái bình bằng đất nung[2044] và chôn cất trên núi Ô-li-ve[2045] , tại một trong những điền trang của Hê-rốt. Trong khi đó, những tin đồn về Chúa Giê-su Ki-tô đã đến tai Hê-rốt. Ông cùng với vợ mình là Hê-rô-đi-a bắt đầu suy nghĩ liệu có phải đó chính là Gioan, người đã sống lại từ cõi chết hay không. Họ bắt đầu tìm kiếm đầu của Gioan và, khi không tìm thấy, họ cảm thấy bối rối. Hê-rốt thậm chí còn nói với những người trong nhà mình về Chúa Giê-su như sau: "Đây chính là Gioan, người mà ta đã ra lệnh chặt đầu. Giờ đây, ông ấy đã sống lại từ cõi chết, và vì thế những phép lạ mới xảy ra qua ông ấy" (Mt 14:2; Mc 6:16).

Sau một thời gian dài, có một quan đại thần rất danh giá tên là Innocent đã tin nhận Chúa Giê-su Christ. Bỏ lại cuộc sống thế tục, ông đến Giê-ru-sa-lem, mua lại mảnh đất trên núi Ô-li-ve vốn từng thuộc về Hê-rốt, xây dựng cho mình một căn phòng nhỏ ở đó và trở thành một tu sĩ, tuân giữ các điều răn của Đấng Christ. Với mong muốn xây dựng cho mình một nhà thờ nhỏ bằng đá, ông bắt đầu đào hào để làm móng. Và rồi, nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa, ngài đã tìm thấy một chiếc bình đựng đầu của Thánh Gioan Tẩy Giả, vốn được giấu kín dưới lòng đất. Qua nhiều dấu hiệu ân sủng và phép lạ, cũng như nhờ sự mặc khải từ Thiên Chúa, ngài nhận ra rằng chiếc đầu này thuộc về Thánh Gioan và đã cất giữ nó tại nơi ở của mình với lòng kính sợ sâu sắc. Trước khi ngài qua đời, sự vô tín đã lan tràn khắp cả nước: các vị vua thờ lạy các thần tượng thay vì Đức Chúa Trời chân thật, và khắp nơi ở Giê-ru-sa-lem, họ dựng lên các hình tượng của chúng và dâng lên những của lễ ô uế. Thấy điều đó và linh cảm được cái chết sắp đến, vị tu sĩ này lại chôn giấu chiếc đầu thánh của Thánh Gioan Tiền Hô sâu trong lòng đất: ngài lo sợ rằng sau khi ngài qua đời, sẽ có ai đó đối xử thiếu tôn kính với nó. Ông đã đặt nó chính tại nơi từng là phòng tu và nhà thờ của ông. Sau khi ông qua đời, nhà thờ đó trở nên đổ nát, sụp đổ và thậm chí bị san phẳng, đến nỗi trong một thời gian dài, không ai biết thi hài của Thánh Giăng Tẩy Giả đang ở đâu.

Khi vị hoàng đế vĩ đại Constantine lên ngôi và mang ánh sáng của phép rửa thánh đến cho đất nước mình, thì mẹ ngài, Thánh Helena, đã bắt đầu khôi phục và thanh tẩy tất cả các thánh địa ở Jerusalem[2046] . Chính bà là người đã khôi phục ngọn núi thánh trở lại vẻ rực rỡ. Vào thời điểm đó, hai tu sĩ đang tu hành ở phương Đông đã cùng nhau quyết định lên đường đến Giê-ru-sa-lem để thờ lạy Thánh Giá Thánh, được Nữ hoàng Hê-lê-na tìm thấy, cùng với Mộ Thánh của Chúa, và chiêm ngưỡng tất cả các thánh địa của vùng đất ấy. Khi đến Giê-ru-sa-lem, họ bắt đầu đi vòng quanh các thánh địa, thờ lạy chúng và cầu nguyện cùng Chúa. Tại đây, trong một giấc mơ, Thánh Gioan Tiền Hô đã hiện ra với một trong số họ, chỉ cho anh ta nơi chôn cất cái đầu thiêng liêng của ngài, và ra lệnh lấy nó lên từ lòng đất. Khi tỉnh dậy, vị tu sĩ kể lại giấc mơ cho người bạn đồng hành, nhưng người kia, cho rằng

---

[2043] Sebaste – thành phố chính của Samaria, được Augustus tặng cho Hê-rốt Đại đế, người đã hoàn toàn khôi phục và trang hoàng lại thành phố này, và để tỏ lòng biết ơn Augustus, ông đã đặt tên thành phố là Sebaste hay Sebastia, có nghĩa là "thành phố của Augustus". Theo truyền thuyết, Thánh Luca, nhà truyền giáo Tin Mừng, khi rao giảng về Chúa Kitô tại Sebaste, đã xin người dân nơi đây trao lại bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả và mang nó về Antioch. Vào thế kỷ X, bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả được chuyển đến Constantinopolis, và vào năm 1798, Dòng Hiệp sĩ Thánh Gioan đã dâng tặng nó cho Hoàng đế Pavel I, và cho đến nay nó vẫn được lưu giữ tại nhà thờ trong Cung điện Mùa Đông. (Chi tiết về điều này sẽ được kể lại vào ngày 12 tháng 10.)

[2044] "Skudelny" – làm bằng đất sét; "skudelnyk" – thợ làm đồ gốm, thợ nung gốm.

[2045] Núi Eleon, hay Núi Ô-liu – là một trong những ngọn núi của người Do Thái ở phía đông Giê-ru-sa-lem; tên gọi này xuất phát từ số lượng lớn cây ô-liu mọc trên đó.

[2046] Thánh Constantine Đại Đế – vị thánh và đồng đẳng với các Tông đồ – được tuyên bố làm hoàng đế vào năm 306; năm 312, ngài công bố đạo Kitô là tôn giáo chính thức của Đế quốc La Mã; năm 325, ngài triệu tập Công đồng Đại kết lần thứ nhất; ngài qua đời vào năm 337. Thánh Helena, mẹ của Constantine Đại đế, nổi tiếng vì lòng nhiệt thành trong việc truyền bá đức tin Kitô giáo và sự trang nghiêm của các thánh đường; vào năm 326, bà đã hành hương đến Jerusalem, tìm thấy Thánh Giá của Chúa tại đó, và đã xây dựng các thánh đường tại những địa điểm ở Palestine, vốn được tôn vinh trong thời gian Chúa Cứu Thế còn tại thế; bà qua đời vào năm 327. Lễ kỷ niệm các Thánh Constantine và Helena, những vị được coi ngang hàng với các Tông đồ, được cử hành vào ngày 21 tháng 5.

đó chỉ là một giấc mơ bình thường, không tin và cũng khiến người kia nghĩ như vậy. Đêm hôm sau, Thánh Gioan lại hiện ra lần thứ hai, nhưng lần này là với từng tu sĩ một, và nói: "Hãy đứng dậy, từ bỏ sự hoài nghi và sự lười biếng của các con, và hãy thực hiện điều đã được báo trước cho các con."

Khi tỉnh dậy, cả hai bắt đầu kể cho nhau nghe những gì họ đã thấy, rồi cùng đi đến nơi đã được chỉ dẫn trong giấc mơ. Tại đó, họ bắt đầu đào đất và tìm thấy một kho báu vô giá – thi hài của Thánh Gioan Tẩy Giả. Sau khi đặt thi hài vào một chiếc túi làm từ lông lạc đà, họ quay trở về nơi ở của mình.

Vào thời điểm đó, có một người thợ làm bát đĩa nghèo khó đến từ thành phố Emesa[2047] vì cảnh nghèo khó nên buộc phải rời bỏ quê hương và vợ để đi sang một đất nước khác. Trên đường đi, anh ta gặp hai vị tu sĩ đang mang theo đầu của Thánh Gioan Tẩy Giả; anh ta gia nhập cùng họ và tiếp tục hành trình cùng với họ. Các tu sĩ, khi tìm được người đồng hành, đã giao cho anh ta mang theo chiếc túi vải[2048] chứa đầu của Thánh Gioan Tẩy Giả. Còn anh ta, không biết mình đang mang gì, vẫn bình thản tiếp tục hành trình. Bỗng nhiên, Thánh Gioan Tẩy Giả hiện ra và nói: "Hãy bỏ lại những người đồng hành của ngươi và chạy trốn khỏi họ cùng với chiếc túi vải mà ngươi đang cầm trên tay."

Thánh nhân ra lệnh như vậy vì ngài thấy sự lười biếng và thiếu tận tâm của những tu sĩ ấy, những người ban đầu không tin vào sự hiện ra của ngài, rồi sau đó lại không muốn tự mình mang theo đầu thiêng liêng của ngài, mà lại giao phó nó cho một người bình thường, người mà họ không hề biết. Đồng thời, vị thánh cũng muốn ban ân huệ cho người đàn ông nghèo khó này và dẫn dắt anh ta vào con đường sống tốt lành và làm đẹp lòng Chúa. Người này, tuân theo lời thánh nhân, đã lẩn trốn khỏi các tu sĩ, chạy trốn khỏi họ và trở về nhà với vợ mình, kính cẩn mang theo đầu thiêng liêng của Thánh Gioan Tẩy Giả, như thể đó là báu vật quý giá nhất trong tất cả các kho tàng trần gian. Và Chúa, vì đầu của Thánh Gioan Tẩy Giả, đã ban phước cho gia đình ông với mọi sự sung túc. Người thợ làm bát đĩa bắt đầu sống trong sự sung túc, quên đi những bất hạnh trước đây của mình. Nhưng ông không kiêu ngạo: ông đã bố thí hào phóng cho những người nghèo khó và khốn cùng từ sự giàu có của mình. Luôn ghi nhớ rõ ràng rằng ông đã nhận được tất cả những điều này nhờ lòng kính trọng đối với Tiền Hô của Đấng Kitô, ông luôn tôn kính cái đầu thánh của ngài, hàng ngày thắp hương trước đó, thắp đèn, cầu nguyện và cố gắng sống một cuộc đời chính trực, tuân theo các điều răn của Đấng Kitô. Khi thời khắc lâm chung đến gần, theo lệnh của chính Thánh Gioan Tẩy Giả, ngài đặt thánh đầu vào một bình đựng nước, rồi đặt bình đó vào một hòm thánh, niêm phong lại và trao báu vật này cho em gái mình. Đồng thời, ngài kể chi tiết cho cô nghe về cách ngài đã thoát khỏi cảnh nghèo khó tột cùng và trở thành một người giàu có nhờ thánh đầu này. Ông di chúc cho em gái mình rằng cô phải luôn bảo quản chiếc đầu thánh này một cách tôn kính và trung thực, và tuyệt đối không được mở hòm thánh cho đến khi chính Thánh Gioan tự mình cho phép. Trước khi qua đời, cô phải trao báu vật này cho một người đàn ông kính sợ Thiên Chúa và có đức hạnh.

Như vậy, chiếc đầu thánh và thiêng liêng của Thánh Giăng Tiền Hô, sau một thời gian dài được truyền từ người này sang người khác, đã được lưu giữ liên tục giữa những Kitô hữu sùng đạo; cuối cùng, nó được trao cho một tu sĩ tên là Eustathius, người sống trong một hang động gần Emesa; ông ta đã bị nhiễm tà thuyết Arius và không có lòng kính sợ Thiên Chúa. Những người bệnh tật đến với ông ta đều được chữa lành nhờ ân sủng kỳ diệu phát ra từ đầu của Thánh Gioan Tiền Hô, thứ mà ông ta giấu kín. Nhưng Eustathius, giống như một tên trộm, đã tự nhận công lao và gán ân sủng đó cho tà thuyết của mình, cố gắng che giấu khỏi mọi người nguyên nhân thực sự của những sự chữa lành kỳ diệu ấy, và qua đó đã lôi kéo nhiều người theo tà thuyết của mình. Tuy nhiên, cư dân Emesa cuối cùng cũng phát hiện ra sự tà đạo của ông ta. Công tước Emesa, sau khi tham vấn với giám mục, đã ra lệnh trục xuất hắn khỏi hang động và khỏi lãnh thổ vùng đó. Eustathius bắt đầu van nài những người được cử đến, xin họ để hắn ở lại trong hang động trong ngày hôm đó, hứa sẽ ra đi vào sáng hôm sau. Khi những người được cử đi đồng ý với điều này, vào ban đêm, hắn đã giấu chiếc bình đựng đầu thánh sâu dưới lòng đất trong hang động đó; vì hắn hy vọng sau một thời gian sẽ quay trở lại, lấy kho báu này và, nhờ thực hiện các phép lạ với sự trợ giúp của đầu thánh Tiền Hô, lại tiếp tục truyền bá và củng cố tà thuyết của mình. Nhưng những hy vọng của kẻ dị giáo đã không thành hiện thực. Khi hắn rời khỏi hang động, một số tu sĩ đạo đức và hiền lành đã đến định cư ở đó, khiến hắn không thể vào trong để lấy lại kho báu mà mình đã để lại.

[2047] Emesa – một thành phố ở Syria, nằm về phía đông sông Orontes, con sông chảy ra Biển Địa Trung Hải ở phía tây bắc Syria.
[2048] Vretishche – túi làm bằng vải thô hoặc vải dệt thô, áo rách, áo lông cừu.

Một thời gian sau, các tu sĩ tụ họp tại nơi đó và một tu viện được thành lập. Nhưng không ai biết rằng trong hang động này có lưu giữ đầu thánh của Thánh Tiền Hô. Chỉ sau một thời gian dài, Archimandrite Markell của tu viện Emesa này, một người tràn đầy đức hạnh, mới khám phá ra điều đó, và chính ông đã kể lại như sau:

"Ngợi khen Đức Chúa Giê-su Ki-tô! Ngài đã ban ân cho tôi, tôi tớ của Ngài là Markell, được chiêm ngưỡng một khải tượng trong giấc ngủ ban đêm. Đó là ngày 18 tháng 2, vào tuần giữa Mùa Chay[2049] của Mùa Chay Thánh và Vĩ đại. Tôi thấy – tất cả các cổng của tu viện chúng tôi đều mở rộng. Tôi cảm thấy kinh hoàng và muốn ra ngoài để đóng các cổng lại. Nhưng ngay lúc đó, tôi thấy một dòng sông tràn vào qua các cổng tu viện. Tôi ngạc nhiên và tự hỏi nguồn nước mạnh mẽ này từ đâu mà ra. Trong lúc đang suy ngẫm về điều đó, bỗng tôi nghe thấy tiếng nói của rất nhiều vị thánh, đang ồn ào tiến về phía chúng tôi từ phía đông trên dòng nước. Tất cả họ – mỗi người bằng ngôn ngữ riêng của mình – đều hô to: "Đây chính là Thánh Gioan, Người Rửa Tội của Chúa Kitô."

Với những tiếng hô vang như thế, họ bước vào tu viện. Còn tôi, bị nỗi sợ hãi bao trùm, đã quên bẵng cả chuyện nước; rời khỏi cổng, tôi bước lên đầu cầu thang. Đứng trên đó, tôi – theo như tôi thấy – nhìn thấy hai sân trong tu viện: một ở phía tây, một ở phía nam; giữa hai sân là một nhà thờ lớn. Mỗi hàng tu sĩ, khi bước vào sân phía tây, đều tiến về phía nhà thờ; sau khi cúi đầu chào tại đó, họ ra khỏi cửa phía nam. Khi đoàn tu sĩ diễu hành kết thúc, tôi lại nghe thấy tiếng những người khác đang hô vang: "Đây là Thánh Gioan Tẩy Giả vĩ đại."

Nhìn lại, tôi thấy ngài đang ở trong nhà thờ. Cùng với ngài là hai người đàn ông, đứng hai bên ngài. Lúc đó, các tu sĩ bắt đầu tiến đến gần Thánh Gioan và nhận lời chúc lành từ ngài. Và tôi cũng định bước đến gần Thánh Gioan Tẩy Giả để nhận lời chúc lành từ ngài. Với lòng kính sợ và run rẩy, tôi là người cuối cùng bước vào qua cánh cửa đặc biệt, cúi đầu chạm đất trước Thánh Giăng Tẩy Giả và chạm vào chân ngài. Ngài ra lệnh cho tôi đứng dậy, rồi ôm tôi với tình yêu thương, vuốt ve khuôn mặt tôi, cầm lấy một bình đựng đầy mật ong và đưa cho tôi cùng lời nói: "Hãy nhận lấy lời chúc phúc!"

Nói xong, ngài lui ra. Khi tôi định đi theo ngài, tôi nhận thấy một cột lửa đi trước vị thánh. Hoảng sợ trước cảnh tượng đó, tôi bừng tỉnh. Đến tối hôm sau, tôi ra lệnh cho các anh em hát những câu Thánh vịnh theo quy định thông thường. Trong lúc hát, một tu sĩ tên là Isaak, ngước mắt lên, nhìn qua cửa sổ và thấy ngọn lửa đang bùng cháy trong nhà thờ hang động, nơi lưu giữ thi hài của Thánh Gioan. Thấy vậy, anh kêu lên: "Thưa Cha! Hãy nhìn kìa, trong hang thánh đang bốc cháy." – "Đừng sợ, anh em ạ," tôi nói với anh ta, "nhưng hãy làm dấu thánh giá và giữ im lặng về chuyện này."

Sau đó năm ngày trôi qua. Đêm ngày thứ sáu, khi tôi đã chìm vào giấc ngủ, bỗng có một bàn tay đẩy tôi ba lần vào sườn phải và có tiếng nói vang lên: "Này, Ta được ban cho các con; hãy thức dậy, đi theo ngôi sao sẽ dẫn đường trước mặt con, đào nơi mà nó dẫn con đến, và con sẽ tìm thấy Ta."

Với sự run rẩy và sợ hãi, tôi thức dậy khỏi giấc ngủ, ngồi dậy trên giường và – tôi thấy: trước cửa phòng tu của tôi, một ngôi sao đang tỏa sáng. Tôi kinh hoàng, nhưng sau khi làm dấu thánh giá, tôi bước ra ngoài; ngôi sao đi trước mặt tôi; đi theo nó, tôi bước vào hang động; khi tôi đến nơi đặt thi hài của Thánh Tiền Hô, ngôi sao bỗng chốc biến mất. Tôi quỳ sấp xuống đất và ngợi khen Chúa. Sau một thời gian dài cầu nguyện, tôi thắp nến, đốt hương và bắt đầu đào, đồng thời kêu cầu danh Chúa. Khi tôi đang đào, có tiếng ồn ào và tiếng va đập lớn, còn mặt đất thì cứng như đồng. Tôi đã vất vả rất lâu; cuối cùng tôi tìm thấy những viên gạch; sau khi dỡ chúng ra, tôi thấy một tấm đá; với rất nhiều khó khăn, tôi mới có thể lấy nó ra khỏi hố – và chính tại đó, tôi đã tìm thấy chiếc bình thiêng liêng, nơi lưu giữ đầu thánh của Thánh Tiền Hô: vừa vui mừng, vừa kinh hoàng, tôi cầm nến và hương trầm, dám cầm lấy chiếc bình, cúi đầu thờ lạy, rồi đậy nắp lại và bước ra khỏi hang động. Tại cửa hang, tôi gặp Thượng phụ Gennadi, người vừa đến tu viện của chúng tôi. Ông dẫn tôi vào hang động và, sau khi dâng lời cầu nguyện, bắt đầu kể cho tôi nghe về thị kiến của mình.

"Tôi đã thấy," – ông bắt đầu câu chuyện như vậy, – "như thể cả hai chúng ta đang đứng chính tại nơi mà chúng ta đang ở lúc này. Ở đây có rất nhiều bánh mì lúa mạch, trắng tinh và sáng hơn cả mặt trời. Rất nhiều người bước vào hang động và nhận lấy những chiếc bánh mì lúa mạch từ tay chúng tôi. Tuy nhiên, số lượng bánh mì không những không giảm đi mà ngược lại, còn ngày càng tăng lên."

Đó là những gì Gennady đã kể cho tôi nghe. Lúc đó, tôi nhận ra rằng khải tượng này là do Đức Chúa Trời ban cho anh ấy, và nó biểu thị ân sủng vô tận của Đấng Rửa Tội Giê-su, ân sủng sẽ được ban phát dồi dào cho tất cả

[2049] Tuần giữa Mùa Chay – tên gọi trong Hiến chương Giáo hội dành cho tuần thứ tư (tuần giữa) của Mùa Chay; tuần này còn được gọi là "tuần thờ lạy Thánh Giá".

mọi người tại nơi đó . Vì vậy, tôi cũng kể cho ông nghe về thị kiến của mình và cho ông xem kho báu vô giá mà tôi đã tìm thấy. Khi nhìn thấy điều đó, ông rất vui mừng và chúng tôi bắt đầu bàn bạc xem nên làm thế nào cho tốt nhất. Tôi khuyên trước tiên đừng nói với ai về chuyện này, ngay cả với vị mục tử tối cao của Giáo hội – Giám mục Uratius của Emesa – nhưng trước hết phải báo tin này cho vị tu sĩ cao niên đáng kính là Thánh Stefano, người đang tu hành tại Tu viện Daromium và thực hành việc ăn chay khổ hạnh. Chính ngài sẽ thông báo điều này cho vị giám mục, người mà ngài có mối quan hệ thân thiết. Tuy nhiên, khi đến Tu viện Daromii, chúng tôi không gặp được Thánh Phêrô, vì ngài đã đi kiểm tra các tu viện khác của mình. Lúc đó, chúng tôi đã cử người đi tìm Phó tế Kyriakos, người đang giữ chức vụ cao nhất tại nhà thờ chính tòa của thành phố đó. Khi đến gặp chúng tôi, Kyriakos chào hỏi chúng tôi trong Chúa Kitô và kể cho chúng tôi nghe về thị kiến của mình. Thị kiến đó hoàn toàn giống với thị kiến mà Gennadius đã thấy. Lúc đó, chúng tôi đã kể cho ông nghe bí mật của chúng tôi. Cả hai người, Gennadius và Kyriakos, đều nói rằng cần phải báo cho giám mục biết về điều này, nhưng tôi quyết định chờ cho đến khi Stefan trở về. Đã trôi qua 5 ngày. Vào ngày thứ sáu – đó là ngày thứ Bảy – tất cả chúng tôi cùng ngồi lại và trò chuyện. Bỗng nhiên tôi quỳ sụp xuống: một cơn bệnh nào đó bất ngờ ập đến với tôi. Tôi thậm chí không thể đứng dậy hay cử động được. Những người bạn đồng hành của tôi, ngạc nhiên trước sự việc này, liền cầu nguyện với Chúa cho tôi. Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, họ nói với tôi: "Chúng tôi đã không nói với anh rằng cần phải kể cho Đức Giám mục nghe về bí mật đó sao?"

Lúc đó, chính tôi cũng nhận ra rằng mình đã hành động không đúng khi không kể cho giám mục nghe về bí mật ấy, điều mà lẽ ra phải được tiết lộ vì vinh quang của Đức Chúa Trời; trong khi đó, căn bệnh của tôi vẫn không thuyên giảm. Vào buổi tối, sau khi hoàn tất nghi thức hát kinh thường lệ, Gennadius và Cyriacus đến gặp tôi và nói:

– Chúng tôi đã hứa với nhau là sẽ kể bí mật của anh cho Đức Giám mục nghe trong giờ kinh sáng, trước khi mặt trời mọc.

Tôi đáp lại họ:

– Quyết định của các anh rất tốt; hãy làm như các anh đã nói.

Ngay lúc tôi đồng ý với họ, tôi cảm thấy mình hoàn toàn khỏe mạnh: bệnh tật của tôi đã khỏi hẳn. Sáng hôm sau, tất cả chúng tôi cùng nhau vào thành phố và gặp được vị giám mục đúng lúc ngài đang bước ra khỏi nhà thờ sau thánh lễ sáng, rồi kể cho ngài nghe tất cả về việc tìm thấy thi hài thánh Gioan Tẩy Giả. Đức Giám mục vô cùng vui mừng trước tin tức này. Tuy nhiên, ngài cấm chúng tôi tiết lộ chuyện này cho người khác biết vào lúc này và ra lệnh cho chúng tôi trở về tu viện của mình. Sáng hôm sau, chính ngài đã đích thân đến đó cùng các linh mục và phó tế. Sau khi cử hành Thánh lễ chung, ngài tiến đến nơi đặt bình đựng đầu thánh. Khi phó tế cất tiếng: "Hãy quỳ gối, chúng ta hãy cầu nguyện cùng Chúa", tất cả đều quỳ sấp mặt xuống đất. Giám mục Uranius lúc đó đang dâng lời cầu nguyện; sau khi kết thúc, ngài cầm lấy chiếc bình đựng đầu thiêng liêng và mang nó ra khỏi lòng đất. Một trong những linh mục đi cùng giám mục, tên là Malch, không tin điều này, nói: "Làm sao đầu của Thánh Tiền Hô lại có thể xuất hiện ở đây được?"

Nói xong, ông ta táo bạo đặt tay lên chiếc bình và chạm vào mái tóc của đầu thánh của Thánh Gioan Tẩy Giả. Bỗng chốc, vì sự hoài nghi của mình, bàn tay ông ta khô héo và dính chặt vào chiếc bình. Thấy vậy, mọi người đều kinh hoàng tột độ. Vị giám mục cùng tất cả những người có mặt liền thành kính dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa. Lúc đó, Malch chỉ có thể rút tay ra khỏi chiếc bình với rất nhiều khó khăn, nhưng bản thân ông ta lại bị ốm. Uranus cùng toàn thể hàng giáo sĩ đã lấy chiếc bình thánh chứa báu vật bên trong, mang nó vào nhà thờ thánh và đặt trong bàn thờ, tại ngăn dành cho phó tế[2050] . Tại đây, vật thánh này được lưu giữ cho đến khi một nhà thờ đặc biệt, được trang hoàng lộng lẫy, được xây dựng tại Emesa để tôn vinh Tiền Hô của Đức Kitô[2051] . Không lâu trước khi di chuyển thi hài thánh vào nhà thờ này, Thánh Gioan Tẩy Giả đã hiện ra trong một thị kiến với vị linh mục Malchus, người lúc đó chưa tin Chúa, và ra lệnh cho ông, khi di chuyển thi hài, hãy chạm tay vào bình thánh. Vị linh mục đã làm theo và được chữa lành". Câu chuyện của Thánh Markell kết thúc tại đây.

[2050] Phòng phó tế – khu vực phía nam của bàn thờ, nơi được bố trí để lưu giữ các vật thánh do phó tế quản lý, chẳng hạn như: áo lễ, các bình thánh, các sách Phúc Âm và thánh giá trên bàn thờ, hòm thánh thể, v.v.

[2051] Lần thứ hai tìm thấy đầu của Thánh Gioan Tiền Hô diễn ra vào năm 452. Theo lời kể của Archimandrite Markell, đầu thánh đã hiện ra với ngài vào ngày 18 tháng 2, được Giám mục Uranus rước vào phòng Diakonik của nhà thờ vào ngày 24 tháng 2, và vào ngày 26 tháng 10 cùng năm 452, được chuyển đến nhà thờ được xây dựng để tôn vinh tên ngài.

Một tác giả khác, Thánh Simeon Metaphrastes[2052] , trong cuốn tiểu sử về Thánh Matrona, còn kể thêm điều sau đây về việc tìm thấy thi hài thiêng liêng của Thánh Tiền Hô. "Vào thời điểm đó, một người đàn ông đang cày ruộng của mình bỗng nhận thấy rằng tại một nơi – chính xác là nơi từng có hang động và tu viện – có lửa bốc lên từ lòng đất. Ông đã chứng kiến điều này không chỉ một lần: trong nhiều ngày liền, ngọn lửa liên tục bốc lên từ lòng đất. Vào ngày Chủ nhật, chính là ngày mà Markell cùng với Gennadius và Cyriacus đến gặp giám mục, người đàn ông này cũng đã đến thành phố Emesa và kể cho giám mục Uranus nghe về ngọn lửa kỳ diệu đó. Vị giám mục cùng các linh mục đã đến nơi đó – đó chính là hang động nơi mà trước đây kẻ dị giáo Eustathius từng sinh sống. Sau khi dâng lời cầu nguyện, vị giám mục ra lệnh đào tại chỗ đó. Khi lệnh của ngài được thi hành, người ta đã tìm thấy một chiếc bình tại đó. Trong đó không phải là vàng hay bạc, mà là một kho báu quý giá hơn tất cả các kho báu trần gian – đó là đầu của Thánh Gioan Tiền Hô và Rửa Tội của Chúa. Tin tức về điều này lan truyền khắp nơi: không chỉ cư dân Emesa, mà cả những người dân từ các thành phố và làng mạc lân cận cũng bắt đầu tụ tập về đây. Thánh nữ Matrona cùng tất cả các nữ tu cũng đã từ tu viện của mình đến đây để thờ lạy chiếc đầu thiêng liêng. Chiếc đầu thiêng liêng của Thánh Giăng Tẩy Giả toát ra một loại dầu thơm, mà các linh mục dùng để xức theo hình thánh giá lên đầu những người có mặt. Thánh nữ Matrona đã lấy một phần dầu thơm đó cho vào một chiếc hòm nhỏ, với ý định mang về tu viện của mình để làm phép lành. Nhưng đám đông chen chúc xung quanh bà: ai nấy đều muốn nhận được lời chúc lành từ các linh mục và được xức dầu thơm. Một số người, khi nhận thấy Thánh nữ Matrona đang mang dầu thơm trong hòm thánh, đã xin bà xức dầu thơm cho họ, vì chính họ không thể nào đến gần các linh mục được, và bà đã đáp ứng lời thỉnh cầu của họ. Trong đám đông có một người mù bẩm sinh, từ khi sinh ra đã không bao giờ nhìn thấy ánh sáng ban ngày. Anh ta đã đến xin Thánh nữ Matrona xức dầu thánh cho mình. Bà đã xức dầu lên mắt anh ta, và ngay lập tức anh ta đã nhìn thấy được. Đó là cách Thánh Simeon Metaphrastes thuật lại về việc tìm thấy đầu của Thánh Gioan Tẩy Giả.

Một thời gian sau, đầu thánh Gioan Tẩy Giả được chuyển từ Emesa đến Constantinopolis. Tại đây, ở nơi gọi là Evdom, theo lệnh của hoàng đế, một nhà thờ tuyệt đẹp đã được xây dựng, và đầu thánh đã được an táng tại đó. Trong thời kỳ tà giáo của những kẻ chống thánh tượng, khi nhiều thánh tượng bị đốt cháy, những bức khác bị ném xuống biển và sông, bị chà đạp dưới chân và bị xúc phạm theo nhiều cách khác nhau, thì một số Kitô hữu đạo đức, khi chạy trốn khỏi Constantinopolis đầy rẫy những kẻ dị giáo, đã bí mật mang theo đầu của Thánh Gioan Tẩy Giả và đưa nó đến Komana[2053] , nơi Thánh Gioan Vàng Miệng từng qua đời. Tại đây, họ lại giấu nó sâu dưới lòng đất, đặt trong một chiếc bình bằng bạc. Thánh tích quý giá này được cất giữ trong bí mật tại đây cho đến thời vua Michael, con trai của Theophilus, và mẹ ông là hoàng hậu Theodora, người đã tái lập Chính Thống Giáo[2054] . Trong triều đại của Vua Michael, thánh tích này đã được tìm thấy lại[2055] theo ý muốn của Đức Chúa Trời và được Thượng phụ Ignatius chuyển đến Constantinople, để tôn vinh và ca ngợi Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

[2052] Simeon Metaphrastes – một nhà văn Giáo hội nổi tiếng thế kỷ X (qua đời năm 940), người biên soạn và sưu tầm các cuốn tiểu sử các thánh; các tác phẩm của ông trong lĩnh vực này sau này đã trở thành nguồn tài liệu chính cho cuốn "Chet'i Minei" của Thánh Dimitri Rostovsky.

[2053] Komana – một thành phố thuộc tỉnh Ponte, ở phía đông bắc Tiểu Á.

[2054] Theodora – vợ của Hoàng đế Byzantine Theophilus, người chống lại việc thờ phượng các hình tượng. Sau khi ông qua đời, bà đã cùng con trai mình là Michael cai trị đất nước. Hoàng đế Michael III trị vì từ năm 842 đến năm 867; lên ngôi khi mới 4 tuổi, do đó, cho đến năm 855, đất nước được mẹ ông, Hoàng hậu Theodora, cai trị. Tại Công đồng Constantinopolis năm 842 dưới thời Hoàng hậu Theodora, việc tôn kính các thánh tượng đã được khôi phục và lễ kỷ niệm Chính Thống Giáo được thiết lập, diễn ra vào tuần đầu tiên của Mùa Chay.

[2055] Lần thứ ba tìm thấy đầu của Thánh Gioan Tẩy Giả là vào khoảng năm 850; Giáo hội cử hành lễ này vào ngày 25 tháng 5. Đầu thánh của Thánh Tiền Hô, lần thứ hai được rước về Constantinopolis, ban đầu được an táng trong cung điện hoàng gia, sau đó một phần được chuyển đến Tu viện Thánh Tiền Hô ở Studion; tại tu viện này, phần trên của đầu thánh đã được hành hương giả Antony nhìn thấy vào năm 1200; một phần khác của đầu được lưu giữ tại Tu viện Prodromos ở thành Phêrô, sau đó được các hiệp sĩ Thập tự chinh chuyển đến Amiens, Pháp; một phần khác được chuyển đến Roma và hiện được lưu giữ tại nhà thờ của Giáo hoàng Silvestro. Các phần còn lại được lưu giữ tại Tu viện Dionysius trên núi Athos và Tu viện Kalui thuộc Ugroslavia.

Bài thánh ca, giọng 4:

Từ đất tỏa sáng, Đầu của Thánh Tiền Hô, phát ra những tia sáng bất diệt, mang lại sự chữa lành cho những người trung thành, quy tụ vô số Thiên thần từ trên cao, đồng thời kêu gọi cả nhân loại cùng dâng lên vinh quang đồng lòng cho Đức Kitô, Thiên Chúa.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài là Tiên tri của Thiên Chúa và Tiền Hô của ân sủng, đầu Ngài như một bông hoa hồng thánh thiêng nhất mọc lên từ đất, luôn mang lại sự chữa lành, vì Ngài lại rao giảng sự sám hối, như xưa kia trên thế gian.

Lễ kỷ niệm Thánh Erazm Pechersky

Ngày tưởng niệm 24 tháng 2

"Vương miện của những người khôn ngoan," như vua Salômôn đã nói, *"chính là sự giàu có của họ"* (Châm Ngôn 14:24), nhưng điều đặc biệt xứng đáng là dùng sự giàu có của mình để trang hoàng các nhà thờ của Đấng Kitô, vì nhờ đó mà có thể đạt được Nước Trời. Vị tu sĩ đáng kính của chúng ta, cha Ê-ra-zm, tu sĩ Pechersk, chính là người đã trang hoàng các đền thờ của Đức Chúa Trời như vậy. Nhờ đó, ngài đã được ban cho vương miện của Nước Trời. Dù sở hữu của cải dồi dào, ngài nhận định rằng một tu sĩ không nên sở hữu của cải trần gian; vì yêu mến vẻ đẹp của nhà thờ, ngài đã tiêu hết toàn bộ tài sản của mình để trang hoàng nhà thờ – mạ vàng và bạc cho nhiều bức tượng thánh trong nhà thờ Pechersk. Khi cầu nguyện trước các bức tượng ấy và chiêm ngưỡng chúng với lòng tin, ngài đã trang hoàng tâm hồn mình – ngôi đền thờ của Đức Chúa Trời Hằng Sống – không phải bằng bạc và vàng vật chất, mà bằng sự trong sạch, tình yêu thương và các đức tính cao quý khác, xứng đáng với một tu sĩ. Cùng với vị tiên tri, ngài có thể thốt lên về sự vinh hiển của mình: *"Lời dạy từ miệng Ngài đối với con quý hơn ngàn vàng và bạc"* (Thánh Vịnh 118:72).

Thánh Erazm đã phải đối mặt với một cám dỗ như thế này. Khi ngài tiêu hết tài sản và trở thành người nghèo, mọi người bắt đầu ít để ý đến ngài. Lúc đó, ác quỷ xảo quyệt bắt đầu gieo vào lòng ngài ý nghĩ xấu xa rằng, ngài đã tiêu hết tài sản để trang hoàng nhà thờ mà không nhận được bất kỳ sự đền bù hay phần thưởng nào. "Thà rằng," con quỷ nói với ông, "phân phát toàn bộ tài sản cho những người nghèo thì tốt hơn." Không nhận ra rằng những suy nghĩ này do ma quỷ gieo rắc, Erazm thậm chí còn rơi vào tuyệt vọng, bắt đầu sống buông thả và ngừng quan tâm đến sự cứu rỗi linh hồn mình. Nhưng Đức Chúa Trời hào phóng và công chính, nhớ đến những đức hạnh trước đây của Erazm, đã cứu rỗi ông. Ngài khiến ông mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo; Erazm đã nghĩ đến cái chết sắp đến và nằm đó trong cơn bệnh, im lặng, nhắm mắt suốt bảy ngày; chỉ qua hơi thở mới có thể nhận ra rằng ông vẫn còn sống. Vào ngày thứ tám, tất cả các tu sĩ đều tụ tập quanh ông; khi nhìn thấy ông, họ kinh hoàng và nói: "Khốn thay, khốn thay cho linh hồn của anh em này; ông đã sống trong tội lỗi và sự lười biếng; giờ đây, linh hồn ông đang chứng kiến một cảnh tượng nào đó và đang quằn quại, không thể thoát ra khỏi thân xác."

Bỗng nhiên, vị thánh Erazm, như thể chưa từng ốm đau, đứng dậy, ngồi xuống và nói với các tu sĩ: "Các cha và anh em! Lời các vị nói là đúng. Tôi là kẻ có tội và chưa ăn năn. Nhưng giờ đây, các vị cha đáng kính của chúng ta là Antony và Theodosius đã hiện ra với tôi và nói: 'Chúng tôi đã cầu nguyện cho con trước mặt Chúa, và Chúa đã ban cho con thời gian để sám hối.' Sau đó, tôi đã nhìn thấy Đức Mẹ Đồng Trinh – đúng như hình ảnh của Người trên các bức thánh tượng – trên đôi tay thánh thiện của Người là Hài Nhi Vĩnh Cửu, và xung quanh Người là vô số các thánh. Và Mẹ đã nói với tôi: "Erazm! Giống như con đã trang hoàng Nhà thờ của Mẹ và làm phong phú nó bằng các bức tranh thánh, thì Mẹ cũng sẽ trang hoàng và tôn vinh con trong Nước Trời của Con Mẹ. Những người nghèo khó ở khắp mọi nơi cùng với các con, nhưng Nhà thờ của Mẹ thì không phải lúc nào cũng có ở nơi các con. Hãy đứng dậy, ăn năn, và nhận lấy hình ảnh vĩ đại của các thiên thần; còn vào ngày thứ ba, sau khi con ăn năn, Ta sẽ đưa con về với Ta, vì con đã yêu mến vẻ đẹp của ngôi nhà Ta đến như vậy."

Nói xong, Ê-ra-xem bắt đầu xưng tội trước toàn thể anh em, không giấu giếm điều gì và cũng không xấu hổ. Sau đó, ngài đứng dậy, đi đến nhà thờ, được cắt tóc làm tu sĩ, và vào ngày thứ ba, ngài đã vui mừng dâng linh hồn mình cho Chúa và Mẹ Thánh của Ngài, đúng như chính Mẹ đã tiên tri.

Từ đó, chúng ta thấy rõ rằng việc trang hoàng các nhà thờ bằng các bức tranh thánh là điều đẹp lòng Chúa, và rằng Chúa đưa những người như vậy vào hàng ngũ các thánh của Ngài.

Nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Erazm, xin Chúa giúp đỡ tất cả những ai trang trí các nhà thờ thánh được hưởng hạnh phúc vĩnh cửu trong cuộc sống tương lai cùng với Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng được vinh quang cùng với Thiên Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen[2056] .

Ngày 10 tháng 3

Ngày 25 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Cha Tarasius, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 2

Thánh Tarasius sinh ra tại Constantinople; cha ngài là George và mẹ là Eukratia, đều là những người quý tộc và thuộc tầng lớp patricius[2057] . Khi đến tuổi trưởng thành và được giáo dục tốt, Thánh Tarasius đã đảm nhiệm nhiều chức vụ tại hoàng cung; nhờ sự khôn ngoan và tính cách hiền lành, ngài được mọi người yêu mến và kính trọng, và ngài đã được bổ nhiệm làm một trong những cố vấn hoàng gia. Vào thời điểm đó, ngai vàng hoàng gia do Constantine Porphyrogenitus[2058] nắm giữ, con trai của Leo Khazar[2059] , cháu nội của Copronymus[2060] ; ông không trị vì một mình mà cùng với mẹ mình là Irene[2061] , vì khi lên ngôi, ông mới chỉ 10 tuổi. Vào thời điểm đó, Tổng Giám mục là Pavel Kipryanin[2062] , một người đàn ông đức hạnh và sùng đạo, nhưng lại quá yếu đuối và nhút nhát. Ông được tấn phong làm Tổng Giám mục dưới triều đại của Lev Khazar, con trai của Kopronim, người mà dưới thời trị vì của ông, tà thuyết chống thánh tượng – bắt nguồn từ Lev Isavrianin[2063] – ngày càng lan rộng. Thấy nhiều người phải chịu những cực hình khủng khiếp từ vị vua độc ác vì việc thờ phượng các thánh tượng, vị tổng giám mục đã sợ hãi và bắt đầu che giấu lòng sùng đạo của mình, thậm chí còn giao du với những kẻ dị giáo. Sau khi Lê Hoza qua đời, Đức Thượng phụ muốn khôi phục lại tập tục sùng kính các thánh tượng, nhưng không thể, vì ngài không có người trợ giúp, trong khi tà thuyết của những kẻ chống thánh tượng ngày càng lan rộng cả ở thủ đô lẫn các vùng khác của vương quốc. Điều này khiến Đức Thượng phụ vô cùng đau buồn. Thấy rằng mình không thể làm gì để bảo vệ và phát huy Chính Thống giáo, Phaolô đã quyết định từ bỏ ngai tòa Thượng phụ, mà ngài chỉ nắm giữ chưa đầy bốn năm. Khi lâm bệnh, ngài đã bí mật rời khỏi cung điện Thượng phụ và đến tu viện Thánh Flora, nơi ngài đã nhận lễ tu sĩ. Tin đồn về việc Đức Thượng phụ xuất gia nhanh chóng lan truyền khắp nơi, và mọi người đều vô cùng ngạc nhiên trước sự việc này. Còn Hoàng hậu Irina thì vô cùng buồn bã, vì Đức Thượng phụ đã từ bỏ ngai tòa mà không báo trước ý định của mình. Thế là bà cùng con trai mình, Hoàng đế Constantine, đến gặp ngài và hỏi:

– Thưa Cha, Cha đã làm gì với chúng con vậy? Tại sao lại đột ngột từ bỏ ngai tòa thánh như vậy?

Pavel trả lời:

[2056] Thánh Erazm qua đời vào khoảng năm 1160. Xác thánh của ngài được an táng trong hang động của Thánh Antôn.

[2057] "Patrician" là tên gọi của tầng lớp thượng lưu trong Đế chế La Mã, và sau đó là Đế chế Byzantine, tương đương với tầng lớp quý tộc có dòng dõi cao quý của chúng ta.

[2058] Constantine VI Porphyrogenitus trị vì từ năm 780 đến năm 797.

[2059] Lêô IV Khazar trị vì từ năm 775 đến năm 780.

[2060] Constantine V Copronymus trị vì từ năm 741 đến năm 775.

[2061] Mẹ của Hoàng đế Constantine là vợ của Leo Khazar. Sau khi con trai lên ngôi, bà đã thay mặt ông điều hành đất nước trong 10 năm, cho đến năm 790; sau đó, khi Constantine bị phế truất, bà tiếp tục trị vì cho đến năm 802.

[2062] Đó là Giáo hoàng Paul IV, người đã nắm giữ ngôi vị Giáo hoàng từ năm 686 đến năm 693.

[2063] Lê III người Isauria trị vì từ năm 716 đến năm 741.

– Bệnh tật của con và sự chờ đợi cái chết sắp đến, đặc biệt là tình hình trong Giáo hội của chúng ta đã thúc đẩy con từ bỏ ngai tòa Thượng phụ và nhận lấy áo tu sĩ thánh. Giáo hội đã phải chịu đựng rất nhiều từ những kẻ chống thánh tượng, và do sự hoành hành kéo dài của tà thuyết chống thánh tượng, Giáo hội đã mang một vết thương không thể chữa lành. Giống như nhiều người khác, tôi, kẻ tội lỗi này, không thể thoát khỏi những cạm bẫy của những kẻ tà tín và đã sa lầy vào đó, điều mà giờ đây tôi đau đớn sám hối; vì chính tay tôi đã ba lần ký vào các sắc lệnh tà giáo. Nhưng điều khiến tôi đặc biệt buồn bã và đau khổ là: tôi thấy rằng tất cả các vùng thuộc quyền cai quản của các ngài, bằng việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc đức tin và theo giáo lý Chính Thống, đều xa lánh Giáo hội của chúng tôi; và tự coi mình là đoàn chiên của Chúa Kitô, họ đẩy chúng tôi ra xa, như thể chúng tôi là những con chiên không thuộc cùng một đàn. Vì vậy, tôi từ chối làm mục tử trong hội đồng dị giáo và thà chết còn hơn phải chịu án vạ tuyệt thông từ các vị Thượng phụ của bốn Tòa Thánh Tông Đồ. Chúa đã ban cho các ngài quyền lực hoàng gia để các ngài chăm lo cho đàn chiên Kitô giáo đang sống trên đất này. Vậy, hãy nhìn vào nỗi đau khổ của Mẹ các ngài – Giáo hội, đừng để Mẹ phải chìm trong nỗi buồn không thể an ủi, nhưng hãy lo liệu để Mẹ có thể lấy lại vẻ huy hoàng xưa kia. Xin đừng để tà thuyết đáng ghê tởm, giống như con lợn chạy ra đồng cỏ, tàn phá và hủy diệt vườn nho của Chúa Kitô trong thời gian ngài trị vì, cũng như làm ô uế vườn nho ấy bằng những mưu mô gian ác. Bệ hạ có một người thợ tài ba, , người sẽ giúp đỡ bệ hạ trong những công việc thiện lành của mình. Ông ấy có thể trồng nên chùm nho của sự xưng tín chân chính, và bằng cách đưa nó vào cối xay của Giáo Hội Thiên Chúa, làm đầy chén khôn ngoan và chuẩn bị cho các tín hữu thức uống của đức tin Chính Thống chân chính.

Sau những lời của Đức Thượng phụ, Nữ hoàng Irina hỏi ngài:

– Ngài đang nói về ai vậy, thưa Cha?

– Tôi đang ám chỉ Tarasius, người giữ vị trí hàng đầu trong hội đồng hoàng gia của ngài, – Đức Thượng phụ đáp, – tôi biết rằng ngài ấy hoàn toàn xứng đáng để lãnh đạo Giáo hội, vì ngài ấy có thể dùng cây gậy trí tuệ của mình để đánh bật những giáo lý dối trá của những kẻ dị giáo, trở thành vị mục tử nhân từ chăn dắt đàn chiên Lời Chúa và tập hợp họ lại với nhau.

Nghe những lời này từ Đức Thượng phụ Phaolô, Hoàng hậu Irina đạo đức cùng con trai bà là Hoàng đế Constantine đã buồn bã rời khỏi Phaolô. Còn ngài thì nói với một số thượng nghị sĩ vẫn còn ở lại bên cạnh:

– Ôi, giá như lúc đó tôi không ngồi trên ngai Thượng phụ, khi Giáo hội Constantinopolis của chúng ta đang chìm trong hỗn loạn vì những kẻ áp bức và tự chuốc lấy lời nguyền rủa của bốn vị Thượng phụ toàn cầu: Rôma, Alexandria, Antioch và Jerusalem. Nếu Công đồng Đại kết lần thứ VII không được triệu tập và tà thuyết của những kẻ chống thánh tượng không bị lên án, thì chúng ta không thể được cứu rỗi.

Lúc đó, các thượng nghị sĩ hỏi ngài:

– Tại sao khi được tấn phong làm tổng giám mục, ngài lại ký tên vào văn kiện của những kẻ chống thánh tượng?

Phaolô trả lời:

– Chính vì thế mà giờ đây tôi ăn năn vì đã ký tên vào đó lúc bấy giờ, và tôi lo sợ Chúa sẽ trừng phạt tôi, vì lúc đó vì sợ hãi nên tôi đã im lặng và không chống lại tà thuyết; nhưng giờ đây tôi ăn năn và khẳng định rằng các ngài sẽ không thể được cứu rỗi nếu vẫn tiếp tục bám giữ tà thuyết.

Không lâu sau đó, Thượng phụ Pavel đã an lành về với Chúa. Vào thời điểm đó, cư dân Constantinople đã bắt đầu thảo luận và tranh luận với những kẻ dị giáo về các thánh tượng mà không hề sợ hãi hay lo lắng, trong khi từ thời Lêô Isaurianus cho đến lúc đó, không ai dám lên tiếng bảo vệ các thánh tượng[2064] .

Nữ hoàng Irina, người đầy đức tin, cùng với toàn thể Hội đồng Hoàng gia, đã bắt đầu tìm kiếm một người xứng đáng và khôn ngoan để thay thế Pavel, người có thể chấm dứt sự hỗn loạn trong Giáo hội; nhưng họ không tìm thấy ai khác ngoài Tarasius. Lúc bấy giờ, Tarasius chỉ là một giáo dân; nhưng vì mọi người nhớ lại rằng chính Pavlô cũng đã khuyên nên bầu chọn ông, nên sự lựa chọn của tất cả đều đổ dồn vào ông. Nhưng Tarasius kiên quyết từ chối. Lúc đó, Nữ hoàng Irina đã tập hợp những người thuộc mọi tầng lớp, cả thế tục lẫn giáo sĩ, cùng toàn thể dân chúng tại cung điện mang tên Magnaura – nằm ở vùng ngoại ô tại địa điểm Edom – và trước toàn thể Hội

[2064] Điều này được giải thích bởi việc Hoàng hậu Irina đã ban hành sắc lệnh công bố tự do lương tâm chung vào thời điểm đó. Theo lệnh của Hoàng hậu, các bức tượng thánh đã được đặt trở lại vị trí cũ, và giữa đám đông hân hoan, nhiều câu chuyện về những đau khổ và phép lạ trong quá khứ được lan truyền rộng rãi.

đồng Thánh, bà đã nói: "Các vị đều biết rằng Đức Thượng phụ Pavel đã ra đi; giờ đây, chúng ta phải bầu chọn một vị mục tử và thầy dạy tốt lành khác của Giáo hội để thay thế ngài."

Nghe vậy, mọi người đồng thanh hét lên:

– Không ai khác ngoài Tarasius có thể là người như vậy.

Còn Thánh Tarasius, đứng giữa mọi người, nói:

– Tôi thấy rằng Giáo hội của Đức Chúa Trời đang bị chia rẽ và phân ly. Cả các Kitô hữu phương Đông lẫn phương Tây đều nguyền rủa chúng ta; sự chia rẽ này thật nặng nề và việc bị loại trừ khỏi Nước Trời thật đáng sợ. Hãy triệu tập Công đồng Toàn cầu, nơi chúng ta phải hiệp nhất trong đức tin; hãy để đức tin của chúng ta trở nên nhất thể, giống như chúng ta đã được soi sáng bởi phép Rửa tội duy nhất; vì chẳng có gì làm đẹp lòng Chúa hơn là tất cả cùng sống trong sự hiệp nhất của đức tin và tình yêu. Chính điều này, với tư cách là người không xứng đáng và thiếu kinh nghiệm, tôi yêu cầu, khi nhận lãnh trách nhiệm lãnh đạo Giáo hội. Nếu Đại hội Toàn cầu không được triệu tập, nếu tà thuyết chống thánh tượng không bị lên án xứng đáng và không có sự hiệp nhất trong đức tin giữa các Giáo hội Chính thống Đông phương và Tây phương, thì tôi sẽ không đồng ý nhận chức Thượng phụ, để không tự chuốc lấy lời nguyền rủa và sự lên án, vì khi đó không một vị vua trần gian nào có thể cứu tôi khỏi sự phán xét của Thiên Chúa và hình phạt vĩnh cửu.

Nghe vậy, tất cả đều quyết định triệu tập Công đồng Đại kết lần thứ VII và khẩn cầu Thánh Tarasius đừng từ chối làm mục tử chăn dắt họ. Họ hứa sẽ vâng phục ngài trong mọi việc, giống như những con chiên vâng theo tiếng gọi của mục tử mình, vì họ tin chắc rằng Thánh Tarasius có thể dẫn dắt đoàn chiên tinh thần trở về con đường chân chính. Như vậy, họ đã thuyết phục Thánh Tarasius nhận chức Thượng phụ và lãnh đạo Giáo hội Constantinopolis. Sau khi được phong các phẩm trật theo thứ tự, ngài được tấn phong làm Thượng phụ[2065] , với niềm tin vững chắc rằng Chúa sẽ giúp ngài tiêu diệt tà thuyết của những kẻ chống thánh tượng.

Khi địa vị thay đổi, Thánh Tarasius cũng thay đổi lối sống, dù trước đây, khi còn sống đời thế tục, ngài về tinh thần đã là một tu sĩ; nhưng giờ đây, khi đã ngồi lên ngai Thánh, ngài càng hăng hái hơn trong việc thực hành các công đức thiêng liêng và trở thành một Thiên thần trong xác phàm, ngọn lửa tinh thần bừng cháy, tận tụy phục vụ trước mặt Chúa, khuất phục xác thịt dưới sự chi phối của tinh thần và bằng cách chế ngự nó, ngài đạt được sự tinh khiết vô tì vết mà các Thiên thần được ban tặng. Sự tiết chế của ngài thật đáng kinh ngạc, sự tu hành của ngài thật vĩ đại và sự tỉnh táo của ngài không ngừng nghỉ; ngài chỉ dành vài giờ để ngủ, suốt cả đêm ngài dành cho việc cầu nguyện và suy ngẫm về Thiên Chúa, không có giường êm ái, tránh mặc những bộ quần áo mềm mại. Không một người hầu nào của tổng giám mục từng thấy Thánh Tarasius cởi thắt lưng và quần áo khi ngài muốn nghỉ ngơi một chút để phục hồi sức lực; vị thánh nhân này chưa bao giờ bắt ai cởi giày cho mình, vì luôn ghi nhớ lời của Đấng Cứu Thế: *"Con Người không đến để được phục vụ"* (Mt 20,28), và luôn tự mình phục vụ bản thân, làm gương khiêm nhường cho người khác. Ngài rất nhân từ với những người nghèo khổ và khốn cùng, cho người đói ăn, cho người nghèo mặc, lập các bệnh viện và hàng ngày phân phát thức ăn từ dinh thự của Đức Thượng phụ, còn vào ngày Phục Sinh của Chúa Kitô và các ngày lễ khác, ngài tổ chức bữa tiệc cho những người nghèo khó, trong đó chính ngài tự tay phục vụ những người khốn cùng. Ngoài ra, Thánh Tarasius còn thành lập các trạm tiếp đón khách lữ hành và bằng số tiền thừa kế từ cha mẹ, ngài đã xây dựng một tu viện tại eo biển Bosphorus thuộc Thrace[2066] , nơi ngài quy tụ một cộng đồng các tu sĩ đức hạnh; trong số đó, nhiều người đã đạt đến mức độ hoàn hảo đến nỗi được triệu tập lên các ngai giám mục và trở thành những trụ cột vững chắc của đức tin Công giáo. Đặc biệt, Thánh Tarasius đã nỗ lực hết mình để khôi phục việc tôn kính các thánh tượng và lật đổ tà thuyết chống thánh tượng báng bổ. Vì vậy, ngài luôn nhắc nhở các hoàng đế triệu tập Công đồng Toàn cầu.

Và thế là Hoàng đế Constantine cùng Hoàng hậu Irene, mẹ của ngài – người lúc bấy giờ đang cai trị toàn vương quốc do con trai còn quá nhỏ – cùng với Đức Thánh Tarasius đã soạn thảo các bức thư gửi đến tất cả các tổng giám mục và giám mục, kêu gọi họ tham dự công đồng. Các giám mục từ nhiều nơi đã tụ họp tại Constantinopolis, còn các tổng giám mục thì cử đại diện của mình đến: Giáo hoàng Adrian[2067] của Rôma do khó khăn của chuyến đi xa nên không thể đích thân tham dự công đồng; còn các tổng giám mục Alexandria, Antioch và Jerusalem vào thời điểm đó đã nằm dưới ách thống trị của người Hồi giáo, nên không thể đích thân tham dự hội

[2065] Thánh Tarasius giữ chức Thượng phụ từ năm 784 đến năm 806.

[2066] Đó là tên gọi của eo biển nối Biển Đen với Biển Đá Cẩm Thạch. Thành phố Constantinople tọa lạc bên bờ eo biển Bosphorus.

[2067] Đức Giáo hoàng Adrian I đã nắm giữ ngai Tòa Thánh Rôma từ năm 772 đến năm 795.

đồng; vì vậy, thay mặt cho mình, họ đã cử các vị chức sắc tôn giáo, những người nổi tiếng về lòng đạo đức và sự khôn ngoan.

Nơi được chọn để tổ chức các phiên họp của công đồng là nhà thờ vĩ đại[2068] , được xây dựng bởi Hoàng đế Constantine Đại đế và được Hoàng đế Justinian trang trí lộng lẫy[2069] ; tại nhà thờ này, các giám mục và đại diện của các tổng giám mục khác đã tụ họp cùng Đức Thánh Tarasius; tại đây cũng có sự hiện diện của vị hoàng đế trẻ Constantine cùng mẹ là Hoàng hậu Irina. Bất ngờ, một đoàn quân đông đảo gồm những chiến binh vũ trang, những tín đồ của tà thuyết chống thánh tượng – tà thuyết mà họ đã bị lôi kéo vào bởi ông nội của hoàng đế là Constantine Copronymus và vẫn theo đuổi cho đến ngày nay – đã xông vào nhà thờ. Được xúi giục bí mật bởi một số giám mục và quý tộc cũng bị nhiễm tà thuyết đó, những chiến binh đã ăn sâu vào những lầm lạc của chủ nghĩa chống thánh tượng này, sau khi trang bị vũ khí, đã đến nhà thờ và ùa vào bên trong với tiếng la hét ầm ĩ. "Chúng ta sẽ không cho phép," họ la hét, "các ngươi bác bỏ các tín điều của Hoàng đế Constantine[2070] ; những gì ngài đã xác nhận và ban hành tại công đồng của mình phải được giữ vững và bất di bất dịch; chúng ta sẽ không cho phép mang các thần tượng (đó là cách họ gọi các bức thánh tượng) vào nhà thờ của Chúa; còn nếu ai dám không tuân theo các quyết định của công đồng Constantine Copronymus[2071] và, bằng cách bác bỏ các quy định của ngài, mang các thần tượng vào, thì mảnh đất này sẽ nhuốm đỏ bởi máu các giám mục."

Thấy sự xôn xao và phẫn nộ như vậy, nữ hoàng cùng nhà vua ra hiệu cho các giám mục đứng dậy khỏi chỗ ngồi của mình – và lúc đó, tất cả những người có mặt tại hội đồng đều giải tán. Nhưng sau vài ngày, các binh sĩ và các chỉ huy của họ đã bị Nữ hoàng Irina, người sùng đạo, trừng phạt thích đáng, bị tước quân hàm và bị đày đi các làng mạc để làm ruộng. Sau đó, địa điểm tổ chức hội đồng đã được chuẩn bị tại thành phố Nicaea thuộc Viphina[2072] . Tại đây trước đó đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ nhất, được triệu tập để lên án tà thuyết của Arius, kẻ bất chính[2073] , và cũng chính tại đây, quyết định được đưa ra để tổ chức cuộc họp lần này. Và thế là Đức Thánh Tarasius, Tổng Giám mục Constantinopolis, cùng với các đại diện của Tổng Giám mục, bao gồm: đại diện của Adrian, Giáo hoàng Rôma – là Linh mục trưởng Rôma Phêrô và một vị Phêrô khác – tu sĩ; từ Polician, Thượng phụ Alexandria[2074] – là tu sĩ linh mục Tôma; từ Theodoret, Thượng phụ Antioch[2075] và Êlia, Thượng phụ Jerusalem[2076] – là tu sĩ linh mục Gioan. Ngoài ra, Thánh Tarasius còn mang theo một vị nam giới trong số các cố vấn hoàng gia – Nikiforos, người sau khi Thánh Tarasius qua đời đã được tấn phong lên ngai Tòa Thượng phụ nhờ cuộc đời đạo đức của mình. Tổng cộng có 367 vị thánh phụ tham dự công đồng này. Sau khi tập hợp cùng họ tại Nicêa, Đức Thượng phụ Tarasius đã khai mạc các phiên họp của công đồng tại nhà thờ lớn nhất của thành phố này[2077] .

Phiên họp đầu tiên của Công đồng Đại kết lần thứ VII diễn ra vào ngày 24 tháng 9, ngày kỷ niệm Thánh nữ Tử đạo đầu tiên Thekla. Phiên họp được khai mạc bằng bài phát biểu khai mạc của Thánh Tarasius, trong đó ngài, sau khi trình bày lý do triệu tập công đồng, đã kêu gọi các giám mục hãy suy xét một cách công bằng và loại bỏ những giáo lý phi Chính thống mới được đưa vào Giáo hội. Thư của hoàng đế gửi đến hội đồng cũng được đọc lên, trong đó đề cập đến việc Đức Thượng phụ Phaolô, trước khi qua đời, đã khuyên nên triệu tập hội đồng để loại bỏ tà thuyết của những kẻ chống thánh tượng. Các vị Thánh Phụ đã ban phước lành cho nhà vua và mẹ ngài vì sự quan tâm to lớn của họ đối với đức tin Chính Thống. Sau đó, họ bắt đầu lắng nghe những lời ăn năn từ các giám mục đã sa vào tà giáo, những người đã lên án những sai lầm trước đây của mình và tuyên xưng đức tin Chính Thống. Một trong số họ – Basil của Ancyra[2078] , cầm cuộn giấy này trên tay, đã đọc: "Những ai không tôn kính các thánh tượng

---

[2068] Tất nhiên là Nhà thờ Thánh Sofia, nhà thờ chính tòa của Constantinople.
[2069] Hoàng đế Justinian I trị vì từ năm 527 đến năm 565.
[2070] Ở đây tất nhiên là Constantine Copronymus, ông nội của Constantine Porphyrogenitus.
[2071] Công đồng này diễn ra vào năm 754 tại cung điện hoàng gia gần Constantinopolis, trên bờ châu Á của eo biển Bosphorus. Công đồng đã tuyên bố rằng việc tôn kính các bức tượng thánh (icon) tương đương với việc thờ thần tượng, và ra lệnh loại bỏ tất cả các bức tượng thánh khỏi các nhà thờ.
[2072] Bithynia – tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á, nằm dọc theo bờ Biển Đá Cẩm Thạch, eo biển Bosphorus và Biển Đen. Nicaea (nay là Ispik) – trong thời cổ đại là một thành phố giàu có và thịnh vượng của Bithynia.
[2073] Đó là vào năm 325.
[2074] Polician, Thượng phụ Alexandria, qua đời vào năm 801.
[2075] Thượng phụ Theodoret của Antioch giữ chức vụ từ năm 777 đến năm 794.
[2076] Ilias III, Thượng phụ Jerusalem, qua đời vào năm 797.
[2077] Đó là vào năm 787.
[2078] Ancyra là một thành phố ở Phrygia, tỉnh trung tâm của Tiểu Á.

– bị vạ tuyệt thông; những ai gọi các thánh tượng là thần tượng – bị vạ tuyệt thông; những ai trích dẫn các câu Kinh Thánh để chống lại việc thờ phượng các thánh tượng – bị vạ tuyệt thông; những ai bác bỏ truyền thống của các Thánh Tổ, như Arius, Nestorius, Eutyches, Dioscorus đã từng bác bỏ – sẽ bị vạ tuyệt thông; những ai khẳng định rằng việc tôn kính các bức tượng thánh không xuất phát từ các Thánh Tổ – sẽ bị vạ tuyệt thông; những ai khẳng định rằng Giáo hội Công giáo chấp nhận các thần tượng – sẽ bị vạ tuyệt thông".

Nhiều giám mục khác cũng đã làm như vậy, và tất cả các giám mục đã ăn năn đều được dành một chỗ tại công đồng giữa các giám mục Chính Thống khác. Còn việc xét xử những người còn do dự thì được hoãn lại một thời gian. Trong bối cảnh đó, Thánh Tarasius đã nói: "Những căn bệnh mãn tính khó chữa lành và những thói hư tật xấu khó loại bỏ. Nhưng nếu những người mắc bệnh về mặt tinh thần thực sự ăn năn, thì Thánh Công đồng sẽ đón nhận họ và không tước bỏ chức vụ của họ".

Hội đồng Thánh kéo dài 30 ngày[2079] ; trong thời gian này, các thành viên hội đồng đã cùng nhau nghiên cứu trong Kinh Thánh và trong giáo huấn của các vị Thánh Phụ và các vị Thầy của Giáo Hội những đoạn liên quan đến tín điều về việc tôn kính các thánh tượng, và dựa trên Kinh Thánh và truyền thống Giáo Hội, họ đã bác bỏ những luận điệu sai lầm của các kẻ dị giáo. Trong bối cảnh đó, họ đã dẫn chứng câu chuyện đáng tin cậy về tấm vải thánh, trên đó Chúa Kitô đã hiện ra hình ảnh thánh thiêng của Ngài và gửi tặng cho Avgarus của Edessa[2080] , người chỉ cần cúi đầu thờ lạy trước hình ảnh đó, liền được chữa lành khỏi bệnh tật[2081] ; người ta cũng nhắc lại truyền thuyết về bức tượng thánh của các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, mà Thánh Silvestro, Giáo hoàng Rôma, đã trình bày cho Hoàng đế Constantine; người ta cũng nói về bức tượng Chúa Kitô, mà những người Do Thái đã xúc phạm tại Beryt, và vì thế họ đã bị trừng phạt; họ nhắc lại lời chứng của Thánh Athanasius về sự việc này. Khi đọc câu chuyện về bức tượng này, tất cả các vị thánh phụ đều khóc. Cuối cùng, họ đã lên án tà thuyết của những kẻ chống thánh tượng và khẳng định việc tôn kính các thánh tượng; niềm vui lớn lao tràn ngập các thánh đường, nơi mọi người đón nhận sự khẳng định việc tôn kính thánh tượng với lòng hân hoan chân thành, và toàn thể dân chúng hân hoan ăn mừng, gửi gắm những lời chúc tốt lành đến các vị vua và các vị mục tử. Như vậy, nhờ sự quan tâm sâu sắc của Đức Thượng phụ Tarasius và sự tận tụy của Hoàng hậu Irina đầy đức tin, tà thuyết của những kẻ chống thánh tượng đã bị bác bỏ và chà đạp, và Giáo hội của Chúa Kitô đã được ban tặng hòa bình.

Thánh Tarasius đã cai quản Giáo hội của Chúa một cách khôn ngoan, là người bênh vực những người bị oan ức, là người trợ giúp những ai lâm vào hoạn nạn. Chẳng hạn, Thượng thư Hoàng gia[2082] Ioan đã bị giam cầm và tra tấn dã man vì một tội lỗi nào đó; sau khi thoát khỏi xiềng xích vào ban đêm, ông chạy đến nhà thờ và ẩn náu trong phòng ăn của nhà thờ, khẩn cầu lòng thương xót và sự cứu rỗi khỏi cái chết. Lúc bấy giờ, Thánh nhân của Đức Chúa Trời là Thánh Tarasius đã che chở cho ông và không tiết lộ cho những binh lính do Hoàng hậu Irina cử đến bắt ông. Họ bắt đầu canh gác ông ngay trước cửa nhà thờ cả ngày lẫn đêm, chờ đợi thời điểm ông bước ra. Bởi vì họ nghĩ rằng cuối cùng thì ông cũng sẽ buộc phải ra khỏi nhà thờ. Nhưng vị thánh của Đức Chúa Trời, bằng cách gửi thức ăn từ bữa ăn của mình cho người ấy, đã giúp người ấy không phải ra khỏi bàn thờ của nhà thờ; còn khi người ấy cần phải ra khỏi nhà thờ, chính ngài đã tiễn người ấy đi, che giấu người ấy dưới áo choàng của mình, rồi lại đưa người ấy trở lại nhà thờ với những biện pháp thận trọng tương tự. Ngài đã hành động như vậy trong một thời gian dài và phục vụ người đàn ông ấy như một nô lệ, không hề coi thường việc làm đó. Và vị mục tử nhân từ ấy đã chăn dắt con chiên của mình, bảo vệ nó khỏi cái chết; cuối cùng, bằng quyền hành giám mục của mình, Thánh Tarasius đã dũng cảm đặt ra giới hạn cho những kẻ muốn giết người đang được ngài bảo trợ: ngài tuyên bố với họ rằng ngài sẽ trừng phạt họ bằng cách khai trừ khỏi Giáo hội nếu họ tiếp tục truy bức người bị giam giữ. Nhờ sự can thiệp của vị Mục tử nhân lành Thánh Tarasius, người phó quan đã được tha bổng và thoát khỏi án tử hình.

Trong khi đó, Hoàng đế Constantine, khi vừa tròn hai mươi tuổi, dưới sự xúi giục của những cố vấn độc ác, đã tước quyền lực của mẹ mình, Hoàng hậu Irina đạo đức, người đã cai trị cả vương quốc một cách khôn ngoan, và bắt đầu cai trị một mình. Khi thoát khỏi sự giám hộ của mẹ, ông sa vào những thói hư tật xấu và sống một cuộc đời không đứng đắn. Không có lý do gì, ông ta bắt đầu căm ghét người vợ hợp pháp của mình, Hoàng hậu

---

[2079] Phiên họp cuối cùng của công đồng diễn ra vào ngày 23 tháng 10.

[2080] Edessa là một thành phố ở phía tây bắc Mesopotamia, bên kia sông Euphrates. Avgar là hoàng tử hoặc người cai trị Edessa.

[2081] Câu chuyện này được Eusebius, Giám mục Caesarea ở Palestine († 383), một nhà sử học nổi tiếng của Giáo hội Kitô giáo cổ đại, thuật lại; ông đã trích dẫn nó từ các tài liệu cổ được lưu trữ trong kho lưu trữ công cộng của thành phố Edessa.

[2082] Proto-Spatharios – chỉ huy đội cận vệ hoàng gia, hay những người mang vũ khí, được gọi là spatharii (từ spathi – vũ khí, thanh kiếm).

Maria[2083] , và đắm chìm trong mối tình tội lỗi với một người phụ nữ khác tên là Theodotia; ông ta bắt đầu sống bí mật với cô ta và dự định biến cô ta thành vợ và hoàng hậu của mình, còn người vợ hợp pháp thì bị giam cầm. Để tìm cách vu khống Maria, ông đã bịa đặt lời vu khống rằng bà muốn giết ông bằng thuốc độc. Nhà vua đã trình bày lời dối trá này như sự thật và kể lại cho mọi người nghe. Mọi người tin lời nhà vua, và tin đồn về ý định đầu độc ông của hoàng hậu lan rộng trong dân chúng. Tin tức này cũng đến tai Đức Thượng phụ Tarasius. Đức Thượng phụ rất buồn bã khi nhận ra mưu mô của nhà vua, vì ngài tin chắc vào sự vô tội của Hoàng hậu Maria. Vì vậy, ngài bắt đầu suy nghĩ làm thế nào để khuyên răn Constantine và vạch trần tội lỗi cùng sự dối trá của ông. Lúc bấy giờ, một trong những quan đại thần được vua sủng ái đã đến gặp Đức Thượng phụ và kể lại cho ngài nghe về việc hoàng hậu đã chuẩn bị chất độc cho nhà vua, đồng thời bịa đặt những lời dối trá thành sự thật. Cuối câu chuyện, ông ta nói thêm: "Giờ đây, thưa Đức Thượng phụ, ngài cần phải ban phước lành cho nhà vua để ngài kết hôn lần nữa với người vợ trung thành nhất."

Những lời này khiến Thánh Tarasius vô cùng đau buồn; ngài thậm chí còn rơi lệ và bắt đầu nói như sau: "Nếu nhà vua thực sự có ý định như những gì ngươi nói, nếu ngài thực sự muốn ly dị Maria – người đã kết hôn với ngài theo luật của Chúa và trở thành một thể với ngài – thì tôi không biết ngài sẽ chịu đựng sự xấu hổ và sự sỉ nhục từ mọi người như thế nào? Điều khiến tôi bối rối là làm sao ngài có thể tiếp tục làm gương về sự trong sạch cho thần dân của mình, làm sao ngài có thể khuyến khích mọi người sống tiết độ? Lẽ nào ngài có thể xét xử và trừng phạt những tội ngoại tình, trong khi chính bản thân ngài lại bị che mờ bởi ham muốn phi pháp như vậy? Giả sử tất cả những gì ngươi nói đều là sự thật, nhưng chúng ta vẫn phải lắng nghe lời Chúa: *" " "Ai ly dị vợ mình, trừ trường hợp ngoại tình, thì sẽ khiến nàng ngoại tình"* (Mt 5:32). Và liệu có thật là hoàng hậu đã chuẩn bị chất độc chết người cho nhà vua không? Vì nếu vậy, làm sao nàng có thể có người chồng khác, dũng cảm và đẹp trai hơn nhà vua của chúng ta, người nổi bật bởi vẻ đẹp và tuổi trẻ rực rỡ của mình. Không, tôi thấy rõ rằng tất cả những lời dối trá này chỉ nhằm mục đích làm ô uế cuộc hôn nhân trong sạch, làm nhơ bẩn giường chiếu vô tội và để ngoại tình chiến thắng. Đó là câu trả lời của tôi, và không chỉ của riêng tôi, mà còn của tất cả những người giống như tôi, các mục sư và các vị cha. Hãy truyền lại cho những người đã sai ngươi đến rằng chúng ta không tin những lời ngươi nói; chúng ta thà chịu chết và những cực hình tàn khốc còn hơn là ban phước lành cho việc làm phi pháp như vậy. Hãy để nhà vua biết rằng chúng ta không đồng ý với mưu đồ bất chính của ngài."

Nghe vậy, vị quan cao cấp buồn bã rời khỏi Đức Thượng phụ và tâu lại với nhà vua tất cả những gì ông đã nghe từ Đức Thánh Tarasius. Lúc đó, nhà vua chợt suy ngẫm và ngạc nhiên trước sự kiên định cùng lòng nhiệt thành không nao núng của Đức Thượng phụ; ông thậm chí còn hơi lo sợ rằng Thánh Tarasius có thể cản trở ông thực hiện ý định của mình. Vì vậy, ông quyết định triệu tập vị thánh nhân đến và tiếp đón ông với sự tôn kính, hy vọng bằng những lời nói của mình sẽ làm mềm lòng vị tổng giám mục và thuyết phục ông đứng về phía mình.

Thánh Thượng phụ Tarasius đến gặp nhà vua cùng với vị tu sĩ đáng kính Gioan, người đã đại diện cho các Thượng phụ Antioch và Jerusalem tại Công đồng Đại kết lần thứ VII. Khi Constantine và những người tháp tùng, theo thông lệ, đã ngồi xuống, nhà vua quay sang Thượng phụ và nói như sau: "Qua sứ giả, con đã báo cho cha, vị cha đáng kính nhất, biết về những gì đã xảy ra với chúng con. Con kính trọng và tôn trọng cha như cha ruột, vì vậy con không muốn giấu cha điều gì. Nhưng con thấy cần phải đích thân báo cho cha biết về sự thù địch và những mưu mô mà vợ con đang dàn dựng chống lại con. Nàng không phải là người do Chúa ban cho tôi; lẽ ra nàng phải là người trợ giúp tôi, nhưng nàng lại không phải là người trợ giúp, mà là kẻ thù tàn ác nhất của tôi. Chính luật pháp cũng ra lệnh cho tôi phải ly dị nàng, và không ai có thể cản trở ý định này của tôi. Bởi vì tội lỗi của nàng, ý đồ độc ác của nàng đã rõ ràng trước mắt mọi người. Vì vậy, theo phán quyết của tòa án, nàng phải hoặc chịu án tử hình, hoặc được đưa vào tu viện. Với mong muốn thể hiện lòng thương xót đối với nàng, ta sẵn sàng chỉ áp dụng hình phạt đưa nàng vào tu viện: hãy để nàng ăn năn và sám hối về tội lỗi của mình cho đến khi chết. Bởi vì nàng đã muốn dùng độc dược giết chết không phải một người bình thường, cũng không phải người xa lạ nào đó, mà chính là chồng mình, vị vua, người khiến kẻ thù khiếp sợ. Nếu âm mưu đê tiện của nàng thành công, thì cả vương quốc sẽ chìm trong hỗn loạn không nhỏ, và tin đồn về tội ác của nàng sẽ lan truyền khắp đất nước."

Khi nói đến những lời cuối cùng, nhà vua ra hiệu cho các thị vệ. Họ lập tức mang đến một bình thủy tinh chứa một chất lỏng đục ngầu. Nhà vua chỉ cho Đức Thượng phụ Thánh Thiện xem, nói rằng đó là chất độc chết người mà hoàng hậu đã âm mưu dùng để tước đoạt mạng sống của ngài.

[2083] Nữ hoàng đạo đức này là cháu gái của Thánh Philaret Nhân từ, ngày 1 tháng 12.

Đồng thời, ngài nói thêm: "Còn cần bằng chứng nào nữa để chứng minh tội lỗi của hoàng hậu, khi chúng ta đang cầm trên tay chính công cụ của âm mưu độc ác ấy? Chẳng phải đã rõ ràng rồi sao, bà ta xứng đáng nhận hình phạt gì? Vậy thì tại sao chúng ta còn phải trì hoãn việc xét xử bà ta? Không, thưa cha, hãy khuyên bà ta sớm xuất gia đi, nếu cha muốn thấy bà ta còn sống. Tôi không thể tiếp tục sống chung với bà ấy như vợ chồng nữa, không thể nhìn mặt bà ấy, không thể chịu đựng được bà ấy, vì trước mắt tôi luôn hiện lên thứ đồ uống chết người mà bà ấy đã chuẩn bị cho tôi."

Thấy nhà vua bị cám dỗ bởi dục vọng ô uế, và hiểu rằng ông đã bất công buộc tội hoàng hậu vô tội và trong sạch chỉ để thỏa mãn dục vọng của mình, Đức Thánh Tarasius, không hề sợ hãi, đã nói với ông:

– Bệ hạ, xin đừng chống lại luật pháp do chính Đức Chúa Trời thiết lập, đừng nổi loạn bằng mưu mô bí mật chống lại lẽ thật, che đậy bằng những lời bịa đặt xảo trá, và vi phạm cũng như phá hủy các điều răn của Đức Chúa Trời. Một vị vua phải làm mọi việc một cách công khai, tự do, với lương tâm trong sáng; ngài không được làm bất cứ điều gì một cách bí mật và xảo trá chống lại Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho ngài vương miện, đồng thời vi phạm các mệnh lệnh thiêng liêng. Ai cũng thấy rõ rằng hoàng hậu hoàn toàn vô tội trước những cáo buộc rằng bà đã âm mưu giết vua. Vì ai có thể sánh ngang với ngài về nhan sắc, ai mà bà có thể yêu thương hơn ngài đến mức nảy sinh ý định độc ác là đầu độc ngài? Ai có quyền lực và được tôn kính hơn ngài, ai về sự cao quý và giàu có lại vượt trội hơn ngài – người được tôn vinh bởi quyền lực và danh dự hoàng gia, đồng thời sở hữu của cải dồi dào – mà nữ hoàng có thể ưu ái hơn ngài? Quyền lực của ngài thật vĩ đại, ngài vượt trội hơn tất cả về sự cao quý, vì cha, ông nội và cụ nội của ngài đều từng ngồi trên ngai vàng; danh tiếng của ngài vang dội khắp bốn phương trời, và không thể đếm xuể kho báu của ngài. Ai có thể xứng đáng hơn ngài đối với hoàng hậu của ngài? Không, thưa bệ hạ, điều ngài nói không thể là sự thật, đó là lời dối trá được bịa đặt nhằm lật đổ quyền lực hoàng gia của ngài và để các dân tộc chế giễu, khiến ngài trở thành trò cười cho thiên hạ. Chúng tôi không dám phá vỡ mối quan hệ hôn nhân chính đáng của ngài, vì chúng tôi kính sợ sự phán xét của Đức Chúa Trời, và không thể tin những lời đồn đại mà người ta dùng để vu khống hoàng hậu. Không, chúng tôi sẽ không làm điều đó, dù có phải chịu đựng đau khổ và dằn vặt đi chăng nữa. Chúng tôi biết rằng ngài đang có ham muốn tội lỗi đối với một người phụ nữ nào đó và thậm chí còn muốn kết hôn với nàng trong một cuộc hôn nhân trái pháp luật. Làm sao chúng tôi có thể kính trọng ngài, thưa Hoàng đế, khi thấy ngài rõ ràng đang vi phạm các điều răn của Đức Chúa Trời? Vậy thì làm sao ngài có thể bước vào nhà thờ, đến trước ngai thiêng liêng của Đức Chúa Trời, để cùng chúng tôi rước Mình Thánh Chúa Kitô? Chúng tôi xin thề trước chính Đức Chúa Trời rằng chúng tôi không thể cho phép ngài vào nhà thờ để rước Mình Thánh, dù ngài là vua. Bởi vì ngay từ thời xưa, các linh mục đã được phán dặn: "Đừng để ai chà đạp bàn thờ của Ta."

Nói xong, Đức Thượng phụ thánh thiện im lặng. Sau đó, vị tu sĩ già Gioan đã nhiều lần khuyên răn nhà vua. Nhưng nhà vua không thèm nghe họ, mà lại nổi cơn thịnh nộ và giận dữ. Tất cả các quan chức và các nhà cầm quyền xung quanh nhà vua cũng đều bất mãn. Một trong số họ, vốn là người thuộc dòng dõi quý tộc, thậm chí còn khoe khoang rằng chính tay mình sẽ đâm thanh gươm vào bụng vị tu sĩ già Gioan vì ông đã nói những điều trái với ý muốn của nhà vua. Tràn đầy cơn giận, nhà vua ra lệnh trục xuất cả hai người – cả Đức Thượng phụ Tarasius và vị tu sĩ đáng kính Gioan – khỏi hoàng cung một cách nhục nhã. Và hai người đàn ông này, bị trục xuất vì lẽ phải, đã rời khỏi ngài, noi gương Thánh Gioan Tẩy Giả, người xưa kia đã vạch trần cuộc hôn nhân phi pháp của Hê-rốt[2084] . Khi ra đi, họ lắc bụi khỏi chân mình và nói: "Chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự bất chính của các ngài."

Còn nhà vua thì đã đuổi hoàng hậu hợp pháp ra khỏi cung điện và đưa bà vào tu viện nữ, ép bà phải xuất gia tại đó, còn bản thân ông thì tổ chức lễ cưới với người tình của mình là Theodota, người vốn là họ hàng xa của ông bên phía cha. Cuộc hôn nhân phi pháp này được thực hiện mà không có sự cho phép của tổng giám mục, bởi linh mục Joseph, người sau đó đã bị khai trừ khỏi Giáo hội vì hành động táo bạo của mình. Đức Thượng phụ đã cố gắng bằng mọi cách để hủy bỏ cuộc hôn nhân ngoại tình này, nhưng không thể, vì nhà vua đe dọa rằng ông sẽ khơi dậy lại tà thuyết chống thánh tượng nếu cuộc hôn nhân này bị cấm. Vì vậy, Thánh Tarasius đã để cho nhà vua tiếp tục sống trong sự vi phạm luật pháp của mình, để Giáo hội của Chúa Kitô không phải gánh chịu tai họa lớn hơn nữa. Bởi vì vị Thượng phụ thánh thiện luôn nhớ rằng cha, ông nội và cụ nội của nhà vua này đều là những kẻ dị giáo chống thánh tượng, đã đánh đập nhiều Kitô hữu vì việc tôn kính các thánh tượng. Vị vua, vì tức giận Thượng

[2084] Ở đây tất nhiên là nói đến Hê-rốt Agrippa, con trai của Hê-rốt Đại đế, người cai trị xứ Ga-li-lê và vùng bên kia sông Giô-đanh, người đã kết hôn với Hê-rô-di-a, vợ của Phi-líp, anh trai mình, khi Phi-líp còn sống.

phụ, đã đàn áp ngài bằng mọi cách, nhưng vị Thánh vẫn kiên nhẫn chịu đựng tất cả, tạ ơn Thiên Chúa và hành động xứng đáng với chức vụ cao quý của một vị Tổng Giám mục. Nhưng sau một thời gian, sự trừng phạt của Thiên Chúa đã giáng xuống vị vua. Mẹ của ông, Hoàng hậu Irina đạo đức, từ lâu đã nhận ra lối sống xấu xa và vô luật pháp của con trai mình; bà thấy con trai mình chà đạp luật pháp của Chúa và sẵn sàng khơi dậy lại phong trào chống thánh tượng. Vì yêu mến Thiên Chúa và lẽ phải của Ngài hơn cả con trai mình, bà, sau khi tham vấn với các quan chức cao cấp nhất, đã nổi dậy chống lại con trai mình, bắt giữ ông và giam ông trong chính cung điện nơi ông sinh ra, vốn được biết đến với tên gọi Cung điện Porphyrius. Sau đó, bà ra lệnh móc mắt anh ta, giống như cách mà năm năm trước, anh ta đã móc mắt ba anh em cùng cha khác mẹ của mình: Nikita, Anfim và Evdoksiya. Vậy là vị hoàng đế, sau khi nhận hình phạt xứng đáng với những việc làm của mình, đã qua đời vì bệnh tật. Còn Irina lại nắm lấy quyền trượng hoàng gia và khắc phục mọi rối loạn đã xảy ra trong thời kỳ trị vì của con trai bà.

Kể từ đó, vị thánh được Chúa yêu mến là Tarasius sống trong bình an và tĩnh lặng, tận tụy chăn dắt đoàn chiên tinh thần của mình và cai quản Giáo hội đã được thanh tẩy khỏi những kẻ dị giáo. Ngay từ ngày được tấn phong, ngài tự mình cử hành Thánh lễ hàng ngày và không bao giờ bỏ qua nghi thức này, trừ khi bị ốm. Khi vị thánh đã cao tuổi, ngài mắc phải bệnh tật về thể xác. Ngay cả khi cảm nhận được cái chết đang đến gần, Đức Thượng phụ Tarasius vẫn không từ bỏ thói quen của mình, cho đến khi ngài trở nên quá yếu ớt đến mức không thể đứng dậy khỏi giường bệnh. Chỉ đến lúc đó, ngài mới ngừng tự mình cử hành Thánh lễ.

Khi lâm chung, Thánh Tarasius đã chiến đấu với các linh hồn ô uế và đánh bại chúng một cách oai hùng. Khi chúng, bằng cách điều tra cuộc đời ngài từ thuở thiếu thời, cố gắng gán ghép cho ngài nhiều việc bất chính một cách sai trái, ngài đã đáp lại chúng: "Ta vô tội trước những điều các ngươi nói; các ngươi đang vu khống ta một cách sai trái; các ngươi không có bất kỳ quyền lực nào đối với ta."

Lúc đó, Ignatius, Giám mục thành Nicaea – người sau này trở thành tác giả cuốn tiểu sử về cuộc đời ngài – lúc bấy giờ vẫn còn là một phó tế. Khi cúi xuống bên cạnh vị thánh đang đau ốm, Ignatius đã nghe thấy những lời này của ngài. Khi Thánh Tarasius không còn có thể nói được nữa, ngài đã dùng tay xua đuổi các quỷ dữ và chiến thắng chúng. Vào lúc hoàng hôn, khi theo thông lệ người ta đang hát các thánh vịnh của Đa-vít và bắt đầu hát thánh vịnh này: *"Lạy Chúa, xin hãy nghiêng tai Ngài và lắng nghe con"* (Thánh vịnh 85:1), Thánh Ta-ra-xi đã thanh thản trao linh hồn thánh thiện của mình cho Chúa, và khuôn mặt ngài bừng sáng. Vị thánh này đã chăn dắt Giáo hội của Đức Chúa Trời trong 22 năm và qua đời dưới triều đại của Hoàng đế Nikifor[2085] , người đã lên ngôi sau Hoàng hậu Irina. Hoàng đế, toàn thể dân chúng, các quan đại thần, giới tu sĩ và giáo dân, đặc biệt là những người nghèo khổ, những đứa trẻ mồ côi và các góa phụ, đều vô cùng thương tiếc ngài. Bởi vì ngài luôn nhân từ với mọi người, đối xử với tất cả như một vị mục tử nhân hậu, một người cha đầy tình yêu thương và một vị thầy giàu kinh nghiệm, giúp đỡ mỗi người trong những lúc hoạn nạn và bất hạnh.

Thi hài của Thánh Tarasius được an táng tại tu viện do chính ngài xây dựng bên bờ eo biển Bosphorus, và nhiều người đã được chữa lành nhờ quan tài của ngài.

Chẳng hạn như một người phụ nữ đã bị chảy máu trong nhiều năm. Vì phụ nữ bị cấm vào tu viện đó, nên bà đã vào tu viện bằng cách mặc áo tu sĩ nam. Với lòng tin, bà chạm vào mộ của Thánh Tarasius, lấy dầu từ ngọn đèn treo trước mộ – và ngay lập tức được chữa lành khỏi căn bệnh của mình. Các phụ nữ khác cũng làm theo như vậy – và tất cả đều được chữa lành khỏi bệnh tật của mình. Một người đàn ông chỉ nhìn thấy bằng một mắt đã được chữa lành tại quan tài của vị thánh, khi ông bôi dầu từ ngọn đèn lên con mắt mù của mình. Một người bị teo tay, khi đến với lòng tin, đã bôi dầu lên tay mình và được chữa lành. Nhiều người bệnh khác cũng được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Tarasius; những người bị quỷ ám cũng được chữa lành khỏi bệnh tật của mình.

Vị người bảo vệ vĩ đại của Chính Thống Giáo này đã chiến đấu chống lại những kẻ dị giáo chống thánh tượng không chỉ khi còn sống, mà ngay cả sau khi qua đời. Dưới triều vua Lê Armenia[2086] , vua Hy Lạp, tà thuyết chống thánh tượng lại trỗi dậy, do chính nhà vua đã bảo trợ cho nó. Thánh Tarasius đã hiện ra trong giấc mơ của Lev và với cơn thịnh nộ tột độ, ngài ra lệnh cho một chiến binh tên là Michael dùng gươm chém vị vua phản đạo này. Người đó đã vung gươm và đâm xuyên qua người vua. Trong sợ hãi và run rẩy, Lev tỉnh giấc sau giấc mơ đó và vô cùng bối rối. Nghĩ rằng trong tu viện của Thánh Tarasius có một người tên là Mihaïl nào đó đang âm mưu hại mạng mình, ông đã sai người đến đó để điều tra về người Mihaïl này. Ông không biết rằng người Mihaïl đó

[2085] Hoàng đế Nikiforos I trị vì từ năm 802 đến năm 811.
[2086] Hoàng đế Lê V người Armenia đã ngồi trên ngai vàng Byzantine từ năm 803 đến năm 820.

đang ở ngay bên cạnh mình – đó chính là vị tướng có biệt danh là Valvos, hay Travlii[2087] , người sau đó đã chém vua bằng gươm ngay vào chính ngày Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô. Vị vua độc ác ấy đã chết như vậy, bị đánh bại bởi những lời cầu nguyện của Thánh Tarasius, người củng cố đức tin vào Chúa Ba Ngôi. Amen.

Kondak, giọng 3:

Sau khi làm sáng tỏ các tín điều Chính Thống của Giáo Hội, và dạy dỗ mọi người tôn kính và thờ lạy bức tượng thánh chân chính của Chúa Kitô, hỡi vị thánh phúc lành, ngài đã vạch trần mệnh lệnh vô thần của những kẻ chống tượng. Vì lý do này, chúng con kêu cầu ngài: Ôi cha ơi, xin vui mừng, hỡi Thánh Tarasius khôn ngoan.

Ngày 11 tháng 3

Ngày 26 tháng 2 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Phụ Porphyrius, Giám mục Gaza

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 2

Gaza là một thành phố ở Palestine[2088] , nằm giáp ranh với đất nước Ai Cập, vốn ban đầu thuộc về con cái Israel, chi tộc Giu-đa, sau đó bị người Phi-li-tin chinh phục[2089] , – chính là nơi mà xưa kia Sam-son đã vác trên vai cánh cổng đã đóng kín (Các Quan Xét 16:3). Thành phố này tràn ngập sự gian ác của việc thờ lạy thần tượng. Sau khi Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, nhập thể, thành phố này đã phần nào được soi sáng bởi đức tin thánh thiện, được các Thánh Tông Đồ và các Giám mục kế vị họ rao giảng; nhưng phần lớn cư dân nơi đây vẫn lang thang trong bóng tối của việc thờ ngẫu tượng trong một thời gian dài, thờ lạy một bức tượng được gọi là: "Marnas"[2090] , cũng như thần Vệ-na-xơ[2091] và các vị thần Hy Lạp vô đạo khác. Trong thời gian đó, máu các Kitô hữu đã nhiều lần đổ ra tại đây, đặc biệt là dưới triều đại của vị vua đáng ghê tởm là Julianus Bội Đạo[2092] : bởi vì lúc bấy giờ, những kẻ vô đạo đã tàn sát không thương xót tất cả các linh mục, tu sĩ và các trinh nữ dâng hiến cho Thiên Chúa. Sự vô đạo đức như vậy đã kéo dài ở thành phố Gaza trong một thời gian dài, và không ai có thể thanh tẩy nơi này khỏi sự thờ cúng thần tượng và truyền bá trọn vẹn đức tin thánh thiện, cho đến khi Thánh Porphyrius được bầu làm giám mục Gaza, người mà chúng ta sẽ đề cập đến sau đây. Ngài đã hoàn toàn khai sáng thành Gaza, phá hủy tất cả các thần tượng, xây dựng một nhà thờ ngay giữa lòng thành phố và với bao nỗ lực vất vả, đã dâng hiến cả thành phố cho Thiên Chúa, như câu chuyện sắp tới sẽ cho thấy. Thánh nhân là con trai của một gia đình giàu có, gốc gác từ Thessalonica[2093] . Bỏ lại nhà cha, anh em và của cải, khi mới hai mươi lăm tuổi, ngài đầu tiên đến Ai Cập, sau đó

[2087] Tên gọi: Valbos (Balba) – tiếng Hy Lạp, còn Traulius – tiếng Latinh. Trong tiếng Nga, cả hai đều có nghĩa là: "Người nói lắp". Vị Michael này sau này trở thành hoàng đế và trị vì từ năm 820 đến năm 829.

[2088] Thành phố Gaza nằm trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải và từng là ranh giới phía nam của người Canaan. Vào thời kỳ hùng mạnh của người La Mã, Gaza là một thành phố thương mại quan trọng của Palestine. Sau này, thành phố từng phồn thịnh này đã mất hết tầm quan trọng, và giờ đây chỉ còn những ngọn đồi cát và những tàn tích thê thảm làm chứng cho việc từng có một thành phố vĩ đại tồn tại ở đây.

[2089] Dân Philistine là một dân tộc đã rời khỏi Ai Cập và định cư ở biên giới với Ai Cập tại châu Á, dọc theo bờ Biển Địa Trung Hải. Vùng đất mà họ chiếm đóng nằm ở phía tây nam Palestine, ngay giữa Ai Cập và vùng đất Canaan đã bị người Do Thái chinh phục. Dân Philistine thường xuyên giao chiến với người Do Thái và không ít lần đã khuất phục họ, buộc họ phải nộp cống nạp và chiếm đoạt các thành phố của họ. Mặt khác, người Do Thái cũng không hiếm khi giành chiến thắng trước dân Philistine.

[2090] Việc thờ phụng thần tượng Marnas là đặc trưng riêng của Gaza. Người dân thành phố này coi ngài là vị thần chữa lành vĩ đại cho mọi loại bệnh tật, và hơn thế nữa, là vị thần và chúa tể của mưa; trong thời kỳ hạn hán, người ta tổ chức các cuộc rước lễ tôn giáo long trọng để cầu xin sự tha thứ của ngài.

[2091] Vệ-na-xơ – nữ thần Hy Lạp-La Mã của tình yêu, sắc đẹp, khoái lạc và những dục vọng bất chính.

[2092] Ngài trị vì từ năm 361 đến năm 363.

[2093] Thessalonica (hay còn gọi là Solun) – một thành phố cổ kính và rất quan trọng của Macedonia, nằm sâu trong Vịnh Solun hay Vịnh Fermei thuộc Biển Aegean (Quần đảo). Hiện nay, thành phố này mang tên Thessaloniki, là thành phố thương mại lớn thứ hai ở Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu, chỉ sau Constantinople, với dân số rất đông đúc.

đến Skete[2094] , nơi ngài đã mặc áo tu sĩ với ý định sống đời tu hành khổ hạnh. Sau khi ở cùng các vị thánh phụ tại Skete được năm năm, ngài đến Giê-ru-sa-lem, thờ lạy Thánh Giá Ban Sự Sống và Mộ Thánh của Chúa Kitô, rồi viếng thăm tất cả các thánh địa, sau đó ngài đi đến vùng đất Jordan[2095] . Tại đây, sau khi định cư trong một hang động, Thánh Porphyrius sống và tu hành trong sự ăn chay và cầu nguyện không ngừng. Sau năm năm, ngài lâm bệnh và đã nài nỉ một người quen đưa ngài về Giê-ru-sa-lem, vì do bệnh tật, ngài không thể đi lại mà không có sự giúp đỡ của người khác. Tuy nhiên, khi đến Jerusalem, mỗi ngày, bất chấp bệnh tật, ngài vẫn đi viếng các thánh địa để thờ phượng Chúa; và khi không thể đi được vì bệnh tật, ngài bò bằng đầu gối – nhưng không có ngày nào ngài bỏ lỡ việc đến thánh đường Phục Sinh và Thánh Giá. Thấy ngài ngày nào cũng vất vả như vậy, bất chấp bệnh tật, một tu sĩ trẻ tên là Mác (người sau này đã ghi chép tiểu sử của ngài), đã bắt đầu phục vụ ngài vì danh Chúa. Vị tu sĩ Mark này được Thánh Porphyrius cử đi Thessaloniki với một lá thư, nhằm chia tài sản mà cha mẹ để lại cho các anh em nhỏ hơn, và mang phần thuộc về Porphyrius đến cho ngài, để ngài có thể phân phát cho những người nghèo. Mark lên đường, chia chác mọi thứ đúng như quy định, còn phần của Thánh Porphyrius thì ông bán được ba nghìn zlatnic; ngoài ra, từ số vàng của cha mẹ, Thánh Porphyrius còn nhận được một phần nữa – một nghìn bốn trăm zlatnic, cùng với quần áo và bạc. Mark đã mang tất cả những thứ này đến Jerusalem cho Thánh Porphyrius, người mà ông thấy vẫn hoàn toàn khỏe mạnh. Còn Thánh Porphyrius, sau khi nhận lấy những gì được mang đến , đã ngay lập tức phân phát cho người nghèo và các tu viện khó khăn, còn bản thân ngài thì trở thành người ăn xin. Sau đó, vị thánh kể lại cách ngài đã được chữa lành khỏi căn bệnh của mình.

"Khi tôi đang tham dự buổi cầu nguyện suốt đêm trong tuần tại nhà thờ lớn," ngài kể lại, "thì tôi bỗng bị một cơn bệnh ập đến. Không còn sức chịu đựng được nữa, tôi đi đến và nằm xuống bên cạnh Thánh Giá Golgotha, và vì cơn bệnh nặng nề, tôi như rơi vào trạng thái mê sảng. Và tôi đã thấy Đấng Cứu Thế của chúng ta, bị đóng đinh trên Thập tự giá, cùng một tên cướp đang treo trên cây thập tự giá khác bên cạnh Ngài, và tôi bắt đầu kêu cầu: 'Xin hãy nhớ đến con, lạy Chúa, khi Ngài ngự đến trong Nước Trời của Ngài.' Đấng Cứu Thế bèn phán với tên cướp: "Hãy xuống khỏi thập giá và chữa lành bệnh tật thể xác cho người này, như Ta đã chữa lành bệnh tật tâm hồn cho ngươi." Tên cướp ấy, sau khi xuống khỏi thập giá của mình, đã ôm lấy tôi, hôn lên mặt tôi và nâng tôi dậy khỏi mặt đất, nói: "Hãy đến với Đấng Cứu Thế." Khi đến gần Chúa, tôi thấy Ngài đã xuống khỏi Thập tự giá, và Ngài nói với tôi: "Hãy nhận lấy cây thánh giá này và giữ gìn nó." Tôi, sau khi nhận lấy Thập tự giá của Chúa Kitô, bắt đầu mang nó và ngay lập tức tỉnh táo lại, và thấy mình hoàn toàn khỏe mạnh, như thể chưa bao giờ bị bệnh vậy."

Không lâu sau đó, Thánh Porphyrius được Đức Thượng Phụ Giêrusalem phong làm linh mục, và Ngài được giao phó Thánh Giá Ban Sự Sống để cất giữ, được đặt trong một hòm vàng đặc biệt có nắp đậy, còn phần còn lại của Thánh Giá đã được Nữ hoàng Thánh Helena mang về Constantinople. Như vậy, lời tiên tri của Porphyrius đã ứng nghiệm, trong đó ngài đã thấy Chúa trao cho ngài nhiệm vụ bảo quản Thánh Giá của Ngài.

Ba năm trôi qua kể từ khi Thánh Porphyrius được tấn phong làm linh mục. Vào thời điểm đó, tại thành phố Gaza, một vị giám mục tên là Aeneas đã qua đời. Các tín hữu tại Gaza cùng với các linh mục đã đến Cæsarea Palestine[2096] để gặp Đức Tổng Giám mục, người có quyền cai quản Gaza, là Thánh Gioan, và khẩn cầu ngài chỉ định cho họ một vị giám mục có thể chống lại những kẻ thờ ngẫu tượng – vốn rất đông đảo tại Gaza – bằng cả lời nói lẫn hành động. Đức Tổng Giám mục Gioan, sau khi ra lệnh cho mọi người ăn chay, đã cầu nguyện cùng Thiên Chúa để Ngài chỉ cho ngài một người xứng đáng và có khả năng đảm nhận sứ vụ đó; và ngài đã được mặc khải trong một thị kiến về Thánh Porphyrius, linh mục tại Giêrusalem, người bảo vệ Cây Sự Sống. Ngay lập tức, Đức Tổng Giám mục đã viết thư gửi Đức Thánh Cha Tổng Giám mục Giêrusalem, trong đó ngài xin được cử Cha Porphyrius đến với mình, nhưng không đề cập đến lý do của lời thỉnh cầu này. Đức Tổng Giám mục Giêrusalem,

---

[2094] Tất nhiên, ở đây không phải là loại tu viện theo nghĩa thông thường, tức là những căn phòng riêng lẻ của các ẩn sĩ sống cô độc, mà là một vùng đất ở phía tây bắc Ai Cập, cách núi Nitrian một quãng đường đi trong một ngày (25–30 verst). Đó là một sa mạc đá khô cằn, nơi ưa thích của các ẩn sĩ Ai Cập, nổi tiếng nhờ những hành động khổ hạnh của các tu sĩ tìm đến đây để tu hành. Từ vùng đất này, sau này các tu viện sa mạc dành cho tu sĩ đã được đặt tên là "skete", nơi những tu sĩ nhiệt thành nhất định cư để tìm kiếm sự ẩn dật tuyệt đối và sự tĩnh lặng không thể xâm phạm.

[2095] Tất nhiên, còn có sa mạc Jordan, nằm dọc theo bờ sông Jordan, nơi các nhà tu hành ẩn dật đã định cư và có không ít tu viện của các tu sĩ.

[2096] Césarea, được gọi là Césarea Palestine để phân biệt với Césarea Cappadocia (ở Tiểu Á), – là một thành phố lớn trên bờ đông Địa Trung Hải, được vua Do Thái Hê-rốt xây dựng trên nền tảng của thành phố cổ Stroton và trong một thời gian dài từng là thủ đô chính trị của Palestine, nơi các quan chức cai trị Palestine cư ngụ. Thành phố này đã nhiều lần bị tàn phá và hiện nay tại vị trí đó chỉ còn lại những đống đổ nát, phủ đầy cây cỏ hoang dã.

sau khi triệu tập Cha Porphyrius và cho ngài xem lá thư của Đức Tổng Giám mục, đã ra lệnh cho ngài đến Cêsarea. Ban đầu, Thánh Porphyrius có chút do dự, nhưng sau đó ngài nói:

– Xin ý Chúa được thực hiện!

Sau đó, khi ra khỏi phòng Đức Thượng phụ, ngài nói với đệ tử của mình:

– Anh Mark, chúng ta hãy đi và thờ lạy các thánh địa cùng Thánh Giá Sống Động: vì chúng ta sẽ không sớm được thấy nó nữa.

Đệ tử nói:

– Tại sao thầy lại nói vậy, thưa thầy; con nghĩ rằng thầy sẽ ở lại Cêsarea không quá một tuần?

Thánh nhân đáp:

– Đêm qua, con đã thấy Đấng Cứu Thế phán với con rằng: "Hãy trao lại cho Ta kho báu (Cây Thánh Giá) mà Ta đã giao phó cho con: vì Ta muốn kết hợp con với người vợ, dù cô ấy nghèo khó và bị mọi người ruồng bỏ, nhưng có đức hạnh; còn ngươi, khi đón nhận nàng, hãy trang điểm cho nàng để nàng quên đi cảnh nghèo khó trước đây của mình, vì dù nàng nghèo khó, nhưng nàng không phải là người xa lạ với Ta, mà là chị em chân thành của Ta. Hãy cẩn thận, khi đón nhận nàng và xây dựng tổ ấm, đừng thu được bất cứ điều gì bằng sự dối trá, trộm cắp hay bất chính: vì như vậy ngươi sẽ làm Ta phật lòng và xúc phạm đến nàng. Hãy hy vọng và đừng nản lòng, và mọi sự sẽ được ban cho ngươi từ nơi ngươi không ngờ tới." Đó là điều Chúa đã phán với tôi trong giấc mơ ban đêm, và tôi lo sợ rằng gánh nặng tội lỗi của người khác sẽ đè lên vai tôi, trong khi tôi đã có quá nhiều tội lỗi của riêng mình.

Sau khi nói những lời ấy với môn đệ, Thánh Porphyrius đã đi đến và cúi lạy tất cả các thánh địa, cũng như Cây Thánh Giá Ban Sự Sống: rồi ngài cất nó vào hòm thánh, sau đó đi trao chìa khóa cho Đức Thượng Phụ tối cao. Sau khi nhận được lời chúc phúc từ Đức Thượng phụ, ngài lên đường đến Cêsarea Palestine cùng với đệ tử của mình là Mark và một thiếu niên khác tên là Baruch, người mà trước đó không lâu ngài đã tìm thấy tại một bãi rác, đang ốm yếu và đầy vết loét, và ngài đã chữa lành cho người ấy bằng lời cầu nguyện của mình. Khi Thánh Porphyrius đến Cêsarea, ngài đã được chào đón tại đây với niềm vui lớn lao. Đức Tổng Giám mục Gioan đã thuyết phục ngài nhận chức Giám mục thành Gaza. Vị thánh đã khóc lóc thảm thiết và không nguôi ngoai, nói rằng ngài không xứng đáng với chức vụ ấy, nhưng sau đó ngài phó thác mình vào ý Chúa và được tiễn đưa đến Gaza cùng các linh mục và dân chúng nơi đây. Tuy nhiên, những cư dân vô đạo của một làng gần Gaza, khi biết ngài sắp đến, đã trải đầy gai góc dọc theo con đường mà Đức Giám mục Kitô giáo Thánh Porphyrius phải đi qua; họ đào những rãnh sâu trên đường, đổ đầy phân hôi thối và đốt lên một đám khói dày đặc và hôi thối, khiến con đường trở nên không thể đi qua được: họ làm điều này vì lòng thù hận đối với các Kitô hữu và vì sự thù địch ma quỷ chống lại Thánh Porphyrius. Như vậy, vị thánh cùng các bạn đồng hành đã phải trải qua nhiều trở ngại trên đường đi, chịu đựng cả những hào sâu, gai góc và khói bụi, và vất vả suốt cả ngày; cuối cùng, vào ban đêm, họ mới đến được thành phố. Trong thành phố chỉ có một nhà thờ Kitô giáo duy nhất, và đó cũng là một nhà thờ nhỏ, vì ở đó không có nhiều Kitô hữu. Ngược lại, trong thành phố có rất nhiều đền thờ thần tượng, và các thần tượng thậm chí còn được đặt ngay trên đường phố; ở giữa thành phố là đền thờ Marnas, vị thần cổ xưa nhất của họ, vĩ đại và tráng lệ, được xây dựng từ thời cổ đại, tô điểm cho cả thành phố bằng sự vĩ đại, chiều cao và kiến trúc tuyệt đẹp của nó. Và Thánh Porphyrius, sau khi nhậm chức, đã bắt đầu chăn dắt đàn chiên nhỏ bé của Chúa Kitô đang hiện diện tại đó.

Vào năm mà Thánh Porphyrius của Chúa Kitô đến Gaza, thành phố phải hứng chịu hạn hán và nạn đói trầm trọng. Tất cả những công dân vô đạo đều nói rằng, vì sự xuất hiện của Porphyrius tại thành phố, các vị thần đã nổi giận và đóng cửa bầu trời; còn các thầy tế lễ thì tung tin đồn ra dân chúng rằng thần Marnas đã báo cho họ biết: Porphyrius chính là thủ phạm của mọi tai họa. Thế là, tất cả những kẻ thờ thần tượng đều tụ tập tại đền thờ Marnas, dâng nhiều lễ vật, cầu nguyện và khẩn cầu Marnas ban mưa xuống, vì họ cho rằng ngài là vị thần của mưa. Họ đã cầu nguyện như vậy suốt bảy ngày, hát những bài thánh ca thiêng liêng và tổ chức các cuộc rước long trọng ra ngoài thành; nhưng mưa vẫn chưa rơi. Sau đó, tất cả các Kitô hữu cùng với vợ con đã tụ họp lại, tổng số là hai trăm tám mươi người: vì lúc bấy giờ ở Gaza chỉ có chừng ấy người tin vào Chúa Kitô. Họ đã thỉnh cầu Thánh Porphyrius, vị giám mục của họ, tổ chức một buổi cầu nguyện chung, mang thánh giá ra ngoài thành và khẩn cầu Thiên Chúa ban mưa, vì nạn đói đã trở nên nặng nề đối với tất cả mọi người, hơn nữa họ còn phải chịu sự sỉ nhục và quấy rối từ những kẻ vô đạo, những kẻ đổ lỗi cho vị giám mục Kitô giáo về việc trời không mưa. Thánh Porphyrius đã ra lệnh ăn chay và truyền cho tất cả các tín hữu tập trung tại nhà thờ từ buổi tối; sau khi cử hành Thánh Lễ Thức Trắng suốt đêm, sáng hôm sau ngài đã cử hành Thánh Lễ với nghi thức rước Thánh Giá. Như vậy, các Kitô hữu đã rước Thánh Giá ra khỏi thành phố đến một nhà thờ cổ kính, tối tàn nằm ở phía tây, vốn được xây dựng bởi Đức

Giám mục Asklipios, vị chứng nhân của Chúa Kitô, người đã chịu nhiều đau khổ vì đức tin Chính thống; từ đó, họ vừa hát thánh ca vừa tiến đến nơi Thánh Timôthê chịu tử đạo, nơi an táng các thánh tích của ngài cùng các thánh khác. Sau khi cầu nguyện xong, họ cùng đoàn rước Thánh Giá trở về thành phố vào lúc chín giờ sáng và thấy cổng thành đã bị đóng kín; bởi vì những kẻ vô đạo và thờ thần tượng, khi thấy các Kitô hữu cùng vị giám mục của họ ra khỏi thành, đã đóng cổng lại, không muốn cho các tín hữu vào trong. Các tín hữu đứng trước cổng thành suốt hai giờ, nhưng không ai mở cửa cho họ. Và đây, Đức Chúa Trời, khi thấy sự kiên nhẫn và lời cầu khẩn đầy nước mắt của các tôi tớ Ngài, và sau khi nghe lời cầu nguyện của vị thánh được Ngài yêu mến là Porphyrius, đã khiến gió từ phương Nam thổi lên, giống như xưa kia dưới thời tiên tri Ê-li (3 Vua 18:17–45), và che phủ bầu trời bằng những đám mây mưa, có chớp và sấm sét, và khi mặt trời lặn, một cơn mưa lớn đã trút xuống. Lúc đó, một số người ngoại đạo, khi chứng kiến phép lạ ấy, đã mở cổng thành và, gia nhập cùng các tín hữu Kitô giáo, họ đi tiếp, hô to:

– Chỉ có một Đấng Kitô là Thiên Chúa Chân Thật!

Và tất cả đều bước vào nhà thờ với niềm vui lớn lao; những người ngoại đạo đã tin nhận đã nhận được sự chúc lành thánh thiêng và lời giảng dạy chuẩn bị cho phép rửa tội từ vị giám mục, rồi sau khi tạ ơn Thiên Chúa, họ trở về nhà mình. Trong số những người đã tin nhận có một trăm bảy người nam, ba mươi lăm người nữ và mười bốn trẻ em. Và mưa đã đổ xuống rất lớn suốt cả đêm đó, cũng như vào ngày thứ hai và thứ ba, làm cho đất đai được tưới đẫm. Thấy điều đó, vào ngày thứ ba, thêm 127 người nữa gia nhập đoàn chiên của Chúa Kitô, và sau họ, trong cùng năm đó, còn có thêm 105 người nữa. Và sau khi nhận phép rửa thánh, tất cả họ đều siêng năng trong đức tin thánh thiện. Còn những kẻ thờ thần tượng khác thì không ngừng thù địch với Thánh Porphyrius và quấy rối các Kitô hữu; bởi vì mỗi khi quan tổng trấn đến thành phố, họ đưa cho ông ta rất nhiều vàng để xúi giục ông ta tra tấn các Kitô hữu, và hơn thế nữa, họ còn bắt các tín hữu phải làm những công việc nặng nhọc trong thành phố, giống như người Ai Cập xưa kia đã đối xử với dân Israel. Còn Thánh Porphyrius, khi chứng kiến những nỗi đau khổ mà các tín hữu phải gánh chịu, đã vô cùng đau buồn và không ngừng cầu nguyện với Chúa cả ngày lẫn đêm trong nước mắt, xin Ngài dẫn dắt những người lầm lạc trở lại con đường nhận biết chân lý.

Sau đó, Baruch, môn đệ của vị thánh nói trên, được cử đến một làng lân cận để thu khoản tiền đóng góp hàng năm cho nhà thờ Kitô giáo từ một người thờ thần tượng đang sống trên đất của nhà thờ. Muốn hoãn việc nộp tiền sang thời điểm khác, người đó bắt đầu tranh cãi với Baruch, và giữa hai người đã xảy ra một cuộc tranh luận. Trong lúc tranh cãi, những người thờ thần tượng khác đã chạy đến, họ dùng gậy đánh Thánh Varuh đến chết; sau đó, nghĩ rằng ông đã chết, họ kéo thi thể ông ra khỏi làng và vứt bỏ ở một nơi hoang vắng. Và vào ngày hôm sau, phó tế Cornelius cùng hai tín hữu Kitô giáo khác, khi đi ngang qua nơi đó, đã tìm thấy Varuh nằm đó, trông như đã chết, vì ngài không thể nói được gì, không nghe thấy gì, không nhìn thấy gì bằng mắt, cũng không cử động được tay chân, và chỉ còn linh hồn ngài ở trong thân xác. Họ đã cõng Varuh trên lưng và mang ngài về thành phố. Một số người thờ thần tượng, khi thấy Varuh đang được khiêng, đã nghĩ rằng họ đang mang một người chết vào thành; vì vậy, họ lao vào những người khiêng và bắt đầu đánh họ, nói rằng:

– Sao các ngươi lại làm điều ghê tởm như vậy, mang xác chết vào thành?

Vì người Gazian có tập tục mang người chết ra ngoài thành để chôn cất. Sau khi giật Varuh khỏi tay họ, những kẻ vô đạo đã túm lấy chân anh và lôi anh ra ngoài thành một lần nữa. Còn Phó tế Cornelius thì chạy đi báo tin cho Đức Giám mục thánh Porphyrius. Đức Giám mục liền vội vã đi cùng các anh em khác, và khi đuổi kịp những kẻ đang lôi kéo, ngài đã khiêm nhường van xin họ từ bỏ sự vô nhân đạo đó, nhưng họ lại bắt đầu quấy rối cả Đức Giám mục. Một đám đông người dân tụ tập lại, và khi thấy sự kiên nhẫn và khiêm nhường của vị giám mục – rằng ngài không đáp trả lại những kẻ đang quấy rối mình – họ bắt đầu tranh cãi với những kẻ đang lôi kéo Varuch; và giữa họ nảy sinh xung đột và cãi vã, đến nỗi họ giơ tay đánh nhau; và nơi đó trở nên hỗn loạn và ồn ào. Trong khi đó, vị giám mục thánh cùng các tín hữu, sau khi đưa thánh Varuh đi, đã rước ngài vào nhà thờ khi trời đã về chiều muộn. Khi thấy ngài vẫn còn thở, tất cả các tín hữu đều nỗ lực chăm sóc để chữa lành cho ngài. Còn vị thánh thì suốt cả đêm đó, ngài đã khóc lóc cầu nguyện với Chúa cho ngài. Và rồi người bệnh mở mắt ra và cất tiếng xin uống nước; khi được cho uống, ông bắt đầu nói chuyện và kể lại tất cả những gì đã xảy ra với mình. Sáng hôm sau, các trưởng lão của thành phố cùng với đông đảo dân chúng đến nhà thờ và bắt đầu la hét và kêu gào:

– Tại sao lại mang xác chết vào thành phố, vi phạm luật lệ cổ xưa của tổ tiên?

Lúc đó, Đức Giám mục thánh Porphyrius bước ra gặp họ cùng với tất cả những người đi theo ngài. Thấy Đức Giám mục, họ bắt đầu nói xấu và sỉ nhục ngài, rồi lao vào những Kitô hữu đi cùng ngài và đánh đập họ. Và đột nhiên, thánh Varuch, được Thiên Chúa ban cho sức mạnh phi thường, đã nhanh chóng đứng dậy, như thể chưa

từng bị bệnh, rồi cầm lấy cây gậy, bắt đầu đánh đuổi đám đông vô đạo đang ồn ào. Những kẻ ngoại đạo, khi thấy ngài còn sống, đã kinh hoàng tột độ, vì họ nghĩ rằng ngài đã sống lại từ cõi chết: và bị xua đuổi một phần bởi nỗi sợ hãi, một phần bởi những đòn đánh mạnh mẽ, họ bỏ chạy, giẫm đạp lên nhau. Và Baruch đã đuổi họ ra khỏi nhà thờ, giống như Samson đã từng làm với dân Philistine, cho đến tận ngôi đền Marnasô tồi tệ nhất của họ. Kể từ đó, tất cả những kẻ vô đạo đều sợ hãi Varukh và thậm chí còn e ngại khi vô tình gặp ngài trên đường. Còn Thánh Porphyrius, sau khi tạ ơn Thiên Chúa vì sự chữa lành bất ngờ của Varukh, đã phong ngài làm phó tế; ngài cũng phong chức phó tế cho một môn đệ khác của mình là Mark.

Thấy những cuộc đàn áp liên miên của những kẻ vô tín đối với các tín hữu, Thánh Porphyrius của Đức Chúa Trời đã sai Mark, phó tế của ngài, đến Constantinople gặp vị hoàng đế đạo đức Arcadius[2097] , khẩn cầu ngài ra lệnh phá hủy các đền thờ thần tượng ở Gaza. Ngài cũng viết thư gửi đến Đức Thượng phụ Thánh Giăng Vàng Miệng tại Constantinople, xin sự giúp đỡ và can thiệp trước mặt nhà vua. Và nhà vua đã ra lệnh đóng cửa và niêm phong các đền thờ thần tượng ở Gaza, để những lễ tế tà ác không còn được tiến hành ở đó nữa, nhưng ngài không ra lệnh phá hủy chúng, để không làm cho những người ngoại đạo quá đau buồn. Để thi hành mệnh lệnh này của nhà vua, một quan triều đình tên là Hilarius đã đến Gaza; ông này, sau khi huy động nhiều phụ tá và binh lính từ Asdot và Ascalon[2098] và trình chiếu thư của nhà vua cho người dân Gaza, đã đóng cửa và khóa chặt các đền thờ thần tượng. Nhưng những kẻ vô đạo, sau khi thu thập được một lượng vàng lớn, đã mang đến dâng cho quan đại thần Ilarij, van nài ông đừng đóng cửa ngôi đền lớn nhất của họ là Marnasov, tọa lạc ngay giữa lòng thành phố. Lúc bấy giờ, Hilarius, vì ham mê vàng hơn cả Đức Chúa Trời, đã để cho họ được tự do ra vào ngôi đền chính Marnasov, còn các đền thờ nhỏ hơn thì đóng cửa lại, đồng thời đập phá các tượng thần bên trong. Và kẻ ham mê vàng này đã ra đi, như thể đã tuân theo mệnh lệnh của vua: vì thực sự, chỉ bề ngoài là Kitô hữu, còn bên trong thì đầy dẫy sự vô tín và bí mật tìm mọi cách để giúp đỡ những người ngoại đạo. Còn những kẻ vô đạo, khi đã có thể tự do vào ngôi đền lớn Marnas, thì không hề bận tâm đến những ngôi đền khác bị đóng cửa, và không ngừng gây phiền toái cho các Kitô hữu.

Vào thời điểm đó, Thánh Porphyrius đã thực hiện một phép lạ, dẫn dắt không ít người đến với đức tin thánh thiện. Một quý bà, con gái của một trong những công dân hàng đầu và là vợ của một quý ông tên là Ê-li, đang mang thai, đã đến lúc sinh nở; nhưng bà không thể sinh con và bệnh tình của bà ngày càng trầm trọng hơn, vì ngày hôm sau bà cảm thấy tệ hơn, đến ngày thứ ba thì còn tệ hơn nữa; nhiều bà mụ, phù thủy và thầy bói được đưa đến bên bà cũng không thể giúp được gì. Bà đã phải chịu đựng như vậy suốt bảy ngày. Chồng bà, cùng cha mẹ và tất cả họ hàng trong suốt những ngày đó đã không ngừng dâng lễ vật và cầu nguyện hết lòng cho bà tại đền thờ Marnas, nước mắt lưng tròng xin sự giúp đỡ từ vị thần của họ. Nhưng không có sự giúp đỡ nào cả; ngược lại, cô càng trở nên suy nhược và những cơn đau dữ dội càng gia tăng, khiến cô không thể sinh con. Và tất cả mọi người đều tuyệt vọng về cuộc đời người phụ nữ này khi chứng kiến sự đau đớn của cô, chính họ cũng đau lòng, khóc lóc và than thở cho cô, chờ đợi cái chết của cô. Trong số họ có một bà lão theo đạo Kitô; bà đã chạy đến nhà thờ, khóc lóc thảm thiết và quỳ gối cầu nguyện với Chúa Kitô vì người phụ nữ đang đau đớn ấy. Thấy bà lão đang khóc và quỳ gối cầu nguyện, Đức Giám mục thánh Porphyrius đã hỏi bà lý do tại sao lại khóc như vậy. Bà quỳ xuống dưới chân vị thánh, kể cho ngài nghe tất cả những gì đang xảy ra và khẩn cầu ngài cầu nguyện với Đức Chúa Trời nhân từ cho người phụ nữ đang chịu đau đớn tột cùng. Vị thánh đã cho bà quay trở lại với người bệnh, đồng thời chỉ dạy bà phải làm gì và nói gì. Vậy là, khi đến ngôi nhà đó, bà lão tập hợp cha mẹ, chồng và tất cả họ hàng của người bệnh lại và nói với họ:

– Ở đây có một vị bác sĩ tốt bụng và tài giỏi; ông ấy đã sai tôi đến gặp các vị, hỏi rằng các vị sẽ tặng gì cho ông ấy nếu ông ấy chữa lành được người bệnh?

Nghe vậy, cha mẹ cô nói:

– Nếu ông ấy muốn, thì cứ lấy hết tài sản của chúng tôi đi, miễn là chúng tôi được thấy con gái yêu quý của mình sống khỏe mạnh.

[2097] Hoàng đế Byzantine Arcadius trị vì từ năm 396 đến năm 408.

[2098] *Azot* – một thành phố cổ do người Philistine thành lập, nằm trên bờ đông Địa Trung Hải, gần Gaza. Ngày nay, nơi đây là một làng nhỏ mang tên Yezud. *Ascalon* – cũng là một thành phố nổi tiếng trong lịch sử người Philistine, tọa lạc bên bờ Địa Trung Hải, giữa Gaza và Azot. Hiện nay, Ascalon không còn người ở và chỉ thu hút du khách bởi những di tích đổ nát của các đền thờ và tu viện.

Chồng cô cũng nói như vậy, sẵn sàng hiến dâng tất cả để đổi lấy sự sống và sức khỏe của người vợ. Lúc đó, bà lão nói với họ:

– Hãy giơ tay lên trời và thề hứa để lời nói của các vị được chắc chắn, rằng các vị sẽ không khinh thường vị thầy thuốc ấy.

Họ, với lòng thành kính và nước mắt, giơ tay lên và nói:

– Suốt cả cuộc đời, chúng tôi sẽ là nô lệ của ông ấy, miễn là ông ấy chữa lành cho con gái duy nhất của chúng tôi, người mà không có thì chúng tôi không thể sống nổi: vì cuộc sống và niềm vui của chúng tôi sẽ ra sao nếu thiếu con bé?

Nghe vậy, bà lão cất tiếng kêu lớn bên cạnh người bệnh:

– Vị linh mục vĩ đại của Đức Chúa Trời, Porphyrius, nói với con như thế này: Chúa Giê-su Ki-tô, Con của Đức Chúa Trời Hằng Sống, sẽ chữa lành cho con. Hãy tin vào Ngài, và con sẽ được sống.

Và ngay lập tức, người phụ nữ ấy thốt lên một tiếng rên rỉ, sinh con ra, và cơn bệnh của bà liền thuyên giảm. Tất cả những người có mặt tại đó, đầy ngạc nhiên, đã đồng thanh kêu lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, và linh mục Porphyrius của Ngài cũng thật vĩ đại.

Sáng hôm sau, cha mẹ, chồng và tất cả họ hàng của người phụ nữ ấy đến gặp Thánh Porphyrius, quỳ xuống dưới chân ngài, xin được rửa tội theo đạo Kitô. Thánh nhân, sau khi giảng dạy cho họ, đã truyền cho họ ăn chay và đến nhà thờ thánh; sau một thời gian, ngài đã rửa tội cho họ, cũng như cho người phụ nữ vừa sinh con và đứa trẻ mới sinh, người mà ngài đặt tên theo tên mình là Porphyrius, vì đó là con trai. Và lúc đó, có sáu mươi bốn người gia nhập Giáo hội của Chúa Kitô.

Khi đoàn chiên của Chúa Kitô ngày càng đông đảo, sự thù địch của những kẻ thờ ngẫu tượng cũng ngày càng gia tăng; ngày qua ngày, họ ngày càng đàn áp các tín hữu gắt gao hơn, bắt họ phải làm những công việc công ích không ngừng nghỉ và ép buộc họ như nô lệ, dùng roi vọt để bắt họ làm mọi công việc. Ngoài ra, họ còn quấy rối các tín hữu trên đồng ruộng và trong vườn nho, khiến các tín hữu lâm vào cảnh nghèo đói tột cùng, không thể nộp các khoản thuế dân sự thông thường và thuế của hoàng đế. Thấy điều đó và không thể chịu đựng được sự áp bức mà những kẻ vô tín gây ra cho các tín hữu, Thánh Porphyrius của Đức Chúa Trời đã đến Cæsarea gặp Thánh Gioan, vị Tổng Giám mục của ngài, và khẩn cầu ngài hoặc miễn nhiệm chức vụ giám mục cho ngài, hoặc cùng ngài đến Constantinople để thỉnh cầu hoàng đế ra lệnh phá hủy hoàn toàn các đền thờ thần tượng và lật đổ sự kiêu ngạo của những kẻ ngoại đạo. Đức Tổng Giám mục Gioan đã đồng ý rằng thà chịu vất vả của chuyến đi, ngay cả vào mùa đông, còn hơn là miễn nhiệm Đức Thánh Porphyrius khỏi chức vụ giám mục. Vậy là, sau khi lên thuyền, họ lên đường. Với chuyến đi thuận lợi, sau mười ngày, họ đã đến hòn đảo có tên là Rhodes[2099] ; khi nghe nói ở đây có một tu sĩ tên là Prokopios, một người thánh thiện và có tầm nhìn xa trông rộng, đang sống ẩn dật tại một nơi hoang vắng, họ đã đến thăm ông. Vị tu sĩ ấy, sau khi tiên tri được sự đến của họ và nhận ra chức vụ giám mục của họ, đã ra đón và tôn kính họ, như lẽ ra phải tôn kính các vị giám mục như vậy, và sau khi biết lý do chuyến đi của họ, đã chỉ dạy họ những điều họ cần làm tại Constantinople để đạt được điều mong muốn.

– Trước hết, – ngài nói, – các ngài hãy tìm đến Đức Thượng phụ Thánh Gioan Vàng Miệng của thủ đô. Thật ra, bản thân ngài hiện nay không còn lui tới các cung điện hoàng gia nữa, vì Hoàng hậu Eudoxia đang giận ngài; nhưng bù lại, ngài có được sự ủng hộ của người hầu cận của Hoàng hậu[2100] , hoạn quan[2101] Amantius, một người đàn ông đạo đức và có đức hạnh, người mà ngài sẽ giao phó các ngài cho. Nhờ sự can thiệp của hoạn quan này, các ngươi sẽ đạt được mọi điều; vì ông ta sẽ dẫn các ngươi vào gặp hoàng hậu, và chính các ngươi sẽ nói với bà về hoàn cảnh khó khăn của mình. Khi đó, hãy tiên tri cho bà rằng bà sẽ sinh ra một hoàng tử, người sẽ lên ngôi, và khi nghe điều này từ các ngươi, bà sẽ vui mừng, vì bà đã không có thai suốt chín tháng qua. Vì vậy, khi nghe lời tiên tri của các ngài, bà ấy sẽ làm theo mọi điều các ngài mong muốn.

Các thánh giám mục Gioan và Porphyrius, sau khi nhận được lời chỉ dẫn và sự đảm bảo ấy, đã vui mừng tiếp tục hành trình và sau mười ngày nữa đã đến được Byzantium. Tuân theo lời khuyên của thánh Procopius, trước hết họ đến gặp Đức Thượng phụ Gioan Vàng Miệng. Ngài đã tiếp đón họ một cách long trọng và, sau khi biết lý

[2099] Rhodes – một hòn đảo ở Địa Trung Hải, gần bờ biển Tiểu Á.

[2100] Kuvikularij – người phụ trách phòng ngủ, người lo việc giường chiếu tại hoàng cung, một chức vụ khá quan trọng trong triều đình.

[2101] Eunuch – có nghĩa là người thiến. Sau này, tên gọi này được dùng để chỉ tất cả các quan lại trong triều đình, dù họ có phải là người thiến hay không.

do họ đến, đã hứa sẽ hỗ trợ họ. Ngày hôm sau, ngài triệu tập quan thái giám của hoàng hậu, Amantia, giới thiệu với ông các giám mục đến từ Palestine, và giao phó cho ông nhiệm vụ chăm sóc họ cũng như can thiệp thay mặt họ trước nhà vua. Còn hoạn quan, sau khi nghe các vị giám mục thánh thiện kể chi tiết về tất cả những nỗi khổ mà các tín hữu phải chịu đựng dưới tay những kẻ ngoại đạo tại Gaza, đã rơi nước mắt và, tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng, nói:

– Xin đừng buồn phiền, các vị cha thánh, vì chính Chúa Giêsu Kitô sẽ bảo vệ các tôi tớ trung thành của Ngài và giải thoát họ khỏi những kẻ làm hại. Vậy, các ngài hãy cầu nguyện cùng Chúa, còn tôi sẽ thưa với hoàng hậu, và tôi tin cậy vào Đức Chúa Trời của muôn loài rằng Ngài sẽ làm cho lòng bà ấy hướng về lòng thương xót. Sáng mai, tôi sẽ dẫn chính các ngài vào gặp bà ấy, và các ngài sẽ tự mình nói hết mọi điều.

Nói xong những lời đó với các giám mục, hoạn quan ấy ra về. Sáng hôm sau, ông triệu tập các thánh nhân của Đức Chúa Trời là Gioan và Porphyrius vào cung điện hoàng gia và dẫn họ vào gặp hoàng hậu. Hoàng hậu, khi nhìn thấy các thánh nhân, đã là người đầu tiên lên tiếng:

– Xin các cha ban phước lành.

Các ngài liền cúi đầu chào bà. Khi tiếp đón các vị giám mục thánh thiện, hoàng hậu đang ngồi trên ngai vàng, nên bà nói với các ngài:

– Xin các ngài tha thứ cho tôi, các vị giám mục của Chúa, vì tôi không thể bày tỏ sự kính trọng xứng đáng với các ngài, do đang mang thai; lẽ ra tôi phải ra cửa đón các ngài; nhưng xin các ngài cầu nguyện cùng Chúa cho tôi, để nhờ ân sủng của Ngài, tôi có thể sinh ra đứa trẻ đang ở trong bụng tôi.

Các vị thánh phụ, ngạc nhiên trước sự khiêm nhường của bà, đã nói:

– Đấng đã ban phước cho tử cung của Sarina, của Rebecca và của Elizabeth, xin Ngài cũng ban phước cho tử cung của ngươi, và ban sự sống cho thai nhi đang mang trong bụng ngươi!

Rồi nữ hoàng ra lệnh cho họ ngồi xuống, rồi bắt đầu nói:

– Ta biết tại sao các ngươi lại phải chịu vất vả trong chuyến đi này, vì Amantius đã kể hết cho ta nghe. Tuy nhiên, nếu các ngươi muốn, hãy tự mình nói ra, để ta hiểu rõ hơn những điều các ngươi yêu cầu.

Các giám mục liền kể chi tiết cho hoàng hậu nghe về mọi sự đàn áp mà các Kitô hữu phải chịu từ những kẻ thờ ngẫu tượng, và khẩn cầu bà giúp đỡ những người bị đàn áp. Nghe xong những lời trình bày, bà nói:

– Xin các vị thánh cha đừng buồn phiền; vì tôi đặt niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, rằng tôi sẽ khẩn cầu nhà vua đáp ứng lời thỉnh cầu của các vị; còn bây giờ, xin các vị hãy đi nghỉ ngơi sau chuyến đường dài; tôi thấy các vị đã mệt mỏi rồi. Và xin các vị cầu nguyện cùng Thiên Chúa cho tôi, để Ngài giúp đỡ lời thỉnh cầu của tôi vì các vị.

Nói xong những lời đó với các vị giám mục thánh thiện, hoàng hậu cho họ ra về. Khi nhà vua đến gặp hoàng hậu, bà kể cho ông nghe về các vị giám mục Palestine vừa đến và lý do họ đến, đồng thời khẩn cầu ông hãy phá hủy các đền thờ thần tượng ở Gaza. Nghe lời thỉnh cầu đó, nhà vua nói:

– Ta biết rằng ở thành phố này, người ta thờ phụng các thần tượng với lòng sùng kính sâu sắc, nhưng nó mang lại cho chúng ta không ít của cải nhờ các khoản cống nạp thu được từ đó. Vậy nên, nếu chúng ta lập tức phá hủy các đền thờ các vị thần ở Gaza và khiến dân ngoại giáo ở đó phẫn nộ, thì họ sẽ hoảng sợ mà bỏ chạy, thành phố sẽ trở nên hoang vắng, còn chúng ta sẽ mất đi nguồn cống nạp dồi dào đó. Vì vậy, chẳng phải tốt hơn là nên dần dần khuất phục họ sao? Trước tiên, tước bỏ quyền cai trị thành phố khỏi tay họ, sau đó đóng cửa các đền thờ của họ và cấm dâng lễ vật cho các thần tượng? Khi thấy mình bị khuất phục, họ sẽ nhận ra lẽ thật và gia nhập vào hàng ngũ những người có đức tin.

Nghe những lời đó của hoàng đế, hoàng hậu vô cùng đau lòng và nói trong nước mắt:

– Chính Đức Kitô, Thiên Chúa, sẽ giúp đỡ các tôi tớ của Ngài là những người Kitô hữu, nếu chúng ta không muốn giúp đỡ họ.

Nghe được cuộc trò chuyện của hoàng gia, quan cận thần Amantius đã thuật lại cho các vị giám mục thánh. Ngày hôm sau, hoàng hậu lại triệu tập các vị giám mục thánh và nói với họ:

– Ta đã nói với hoàng đế về các ngài, về hoàn cảnh khó khăn và lời thỉnh cầu của các ngài, nhưng ngài không muốn nghe ta, vì cho rằng không nên xúc phạm những kẻ thờ thần tượng ở Gaza. Nhưng các ngài đừng buồn; ta sẽ không ngừng nài nỉ hoàng đế bằng những lời thỉnh cầu, cho đến khi ngài chấp nhận lời thỉnh cầu của các ngài.

Nghe vậy, các giám mục liền cúi đầu kính lạy bà. Lúc đó, thánh Porphyrius, nhớ lại những lời tiên tri của thánh Procopius, đã nói với bà:

– Xin Nữ hoàng hãy vất vả vì chúng tôi, vì danh Chúa Kitô. Chính Ngài sẽ ban cho bà một người con trai nhờ công lao của bà; người con trai ấy sẽ lên ngôi khi bà còn sống, và sẽ sống trong sự thịnh vượng hoàng gia suốt nhiều năm dài.

Nghe vậy, hoàng hậu tràn ngập niềm vui, và khuôn mặt bà rạng rỡ vì hạnh phúc. Rồi bà nói:

– Xin các vị thánh cha cầu nguyện cho tôi, để tôi sinh được một người con trai; và nếu điều đó thành hiện thực, tôi hứa sẽ thực hiện mọi điều các vị mong muốn; không chỉ vậy, với sự giúp đỡ của Chúa Kitô, tôi sẽ không chỉ làm những điều các vị yêu cầu, mà cả những điều các vị chưa yêu cầu nữa, vì tôi sẽ xây dựng một nhà thờ thánh ngay giữa thành phố Gaza. Vậy thì, các ngài hãy ra về trong bình an và hãy chờ đợi, đồng thời cầu nguyện cho tôi trước Thiên Chúa, Đấng Yêu Thương Loài Người.

Sau đó, đến lúc hoàng hậu sinh con, và bà đã sinh ra một đứa con trai, đúng như các vị thánh phụ đã tiên tri, và đứa trẻ được đặt theo tên của ông nội – Theodosius, vì cha của hoàng đế Arcadius là Theodosius[2102] , người đã đồng trị vì cùng với Gratian[2103] . Thánh Theodosius thứ hai này được sinh ra trong một "chiếc áo sơ sinh", giống như áo porphyry, điều này là điềm báo cho triều đại của ngài; và hoàng đế Arcadius cùng toàn thể kinh thành đều tràn ngập niềm vui lớn lao. Hoàng hậu Eudoxia đã sai người hầu cận của mình là Amantius đến gặp các vị thánh cha John và Porphyrius với lời nhắn:

– Con tạ ơn Đức Chúa Trời, Đấng nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của các ngài đã ban cho con một người con trai. Xin các vị thánh phụ cầu xin Chúa ban cho đứa trẻ mới sinh sự sống và tuổi thọ, còn cho con, kẻ khiêm nhường này, sức khỏe để con có thể thực hiện lời hứa của mình với các ngài.

Bảy ngày sau, hoàng hậu lại triệu tập các vị thánh của Đức Chúa Trời là Gioan và Porphyrius đến và đón tiếp họ ngay tại cửa phòng ngủ của mình, tay bế đứa trẻ mới sinh. Bà cúi đầu trước mặt họ và nói:

– Xin các vị cha ban phước lành cho con và con trai con, người mà Thiên Chúa đã ban cho con nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của các vị.

Các thánh Gioan và Porphyrius làm dấu thánh giá cho bà và con trai bà, rồi ngồi xuống và trò chuyện với bà về nhiều điều hữu ích. Trong cuộc trò chuyện, nữ hoàng nói:

– Các cha có biết không, tôi đã quyết định làm gì về lời thỉnh cầu của các cha?

Thánh Porphyrius đáp:

– Bất cứ điều gì bà đã quyết định, thưa bà, đều là do Chúa mách bảo; vì đêm nay, trong một giấc mơ, tôi đã được mặc khải như sau: tôi thấy mình đang đứng tại Gaza, trong đền thờ thần Marnas; còn bà, cũng đang đứng ở đó, đã trao cho tôi cuốn Phúc Âm Thánh, đồng thời nói: "Hãy cầm lấy và đọc đi." Sau khi nhận cuốn Phúc Âm từ tay bà, tôi mở ra và tìm thấy đoạn Chúa phán với Thánh Tông Đồ Phêrô: "Ta nói với ngươi: ngươi là Phêrô, và trên tảng đá này, Ta sẽ xây dựng Hội Thánh của Ta, và cửa địa ngục sẽ không thắng nổi nó" (Mt 16,18).

Còn bà, thưa bà, phù hợp với điều này, đã nói với tôi: "Bình an cho ngươi, hãy can đảm và vững lòng." Tôi bừng tỉnh, và từ đó tôi tin chắc rằng Con Thiên Chúa đã đặt vào lòng bà lời khuyên tốt lành dành cho chúng tôi. Vậy thì, thưa bà, xin hãy nói cho tôi biết, bà đã nghĩ ra điều tốt lành nào cho chúng tôi?

Nữ hoàng đáp lại:

– Nếu Chúa Kitô cho phép, thì sau một thời gian, đứa trẻ sẽ được lãnh nhận phép Rửa tội thánh. Còn các ngươi, trước khi đến lúc đó, hãy đi chuẩn bị một cuộn giấy, ghi vào đó tất cả những gì các ngươi muốn, và khi đứa trẻ đã sẵn sàng để chịu phép rửa tội, hãy trao cuộn giấy đó cho người sẽ bế đứa trẻ sơ sinh trên tay, còn tôi sẽ chỉ dạy người ấy phải làm gì, và tôi tin tưởng vào Con Thiên Chúa rằng Ngài sẽ sắp xếp mọi việc cho tốt đẹp.

Họ ra về, chuẩn bị một cuộn giấy, ghi lên đó lời thỉnh cầu không chỉ về việc phá hủy các thần tượng và các đền thờ của chúng, mà còn về việc giảm bớt gánh nặng lao động và thuế má cho các tín hữu, cũng như trao cho họ quyền quản lý thành phố. Họ cũng xin rằng ngôi đền thánh Kitô giáo, vốn rất nghèo nàn và tồi tàn, được ban cho một phần tài sản của hoàng gia, và rằng các linh mục của ngôi đền được cung cấp lương thực. Họ đã viết rất nhiều điều an ủi khác dành cho những Kitô hữu bị áp bức và lâm vào cảnh nghèo đói trong đơn thỉnh cầu của mình, rồi bắt đầu chờ đợi ngày hoàng tử được rửa tội. Trước khi lễ rửa tội diễn ra, đã có thông báo rằng cậu bé sẽ trở thành

[2102] Tất nhiên là Theodosius Đại đế, người trị vì từ năm 379 đến năm 395.

[2103] Gracian là hoàng đế phương Tây cùng thời với Theodosius, trị vì từ năm 375 đến năm 383.

vua, vì cậu được sinh ra trong áo choàng tím và ban đầu không được quấn tã mà được mặc áo choàng tím. Sau đó, vị vua tương lai được rước long trọng vào nhà thờ để làm lễ rửa tội, trong khi cả thành phố được trang hoàng lộng lẫy, còn dân chúng thì mặc những bộ trang phục sang trọng và rực rỡ nhất. Người mang vị vua tương lai, được phủ bằng áo choàng hoàng gia màu đỏ tía, là một người được chọn đặc biệt, tỏa sáng trong bộ trang phục quý giá; vô số hoàng tử và quý tộc đi phía trước và phía sau ngài; xung quanh là đội quân mang giáp trụ và vũ khí, lấp lánh vàng. Và người ta có thể thấy hết vinh quang, vẻ đẹp và sự vĩ đại của hoàng gia, đến nỗi Thánh Porphyrius đã nói:

– Nếu vinh quang của vị vua trần gian, tạm thời đã như vậy, thì vinh quang của Vua Thiên Đàng, Đấng Vĩnh Cửu, sẽ ra sao!

Khi hoàng tử được rước vào nhà thờ, hai vị thánh giám mục đứng ở cửa nhà thờ, cầm cuộn giấy đã chuẩn bị sẵn, và sau khi lễ rửa tội thánh thiêng được cử hành xong, khi mọi người cùng hoàng tử mới được rửa tội bước ra khỏi nhà thờ, các vị thánh giám mục đã cất tiếng kêu lên:

– Chúng con khẩn cầu ngài, vị vua mới sinh, xin hãy chấp nhận lời thỉnh cầu của chúng con và ngay từ đầu triều đại của ngài, xin hãy tỏ ra nhân từ.

Nói xong, các vị thánh cha đặt cuộn giấy lên người đứa trẻ. Người đàn ông đang bế hoàng tử dừng lại, cầm cuộn giấy đó lên, mở ra và bắt đầu đọc to cho mọi người nghe, vì đó là điều hoàng hậu đã dạy anh ta. Sau khi đọc xong một phần cuộn giấy, anh ta lại cuộn nó lại, rồi đặt tay phải dưới đầu đứa trẻ, nâng nhẹ đầu nó lên, như để thể hiện sự đồng ý, và kêu lên:

– Bệ hạ ra lệnh rằng tất cả những gì được ghi chép ở đây phải được thi hành một cách tuyệt đối; đây là mệnh lệnh hoàng gia, không thể thay đổi dưới bất kỳ hình thức nào.

Tất cả những ai chứng kiến và nghe thấy điều này đều kinh ngạc, họ chúc phúc cho vị vua mới sinh và cầu chúc ngài trị vì lâu dài, khi ngài bắt đầu triều đại của mình bằng việc làm từ bi; đồng thời họ cũng ca ngợi Hoàng đế Arcadius và nói rằng ngài được Thiên Chúa ban phước, vì đã được ân sủng có một người con trai đồng trị vì, và người con trai ấy đã bắt đầu ban ra những mệnh lệnh cho những việc làm tốt lành như vậy. Tất cả những điều này đã được báo cáo cho hoàng hậu. Bà, tràn ngập niềm vui, đã cúi đầu thờ lạy Đức Chúa Trời và dâng lời tạ ơn. Khi đứa trẻ vừa được rửa tội được đưa vào cung điện hoàng gia, người mẹ bước ra đón con và, bế con vào lòng, hôn lên trán con với tình yêu thương của người mẹ. Sau đó, bà đưa con đến bên chồng mình là hoàng đế Arcadius và chúc mừng ông, nói rằng:

– Ngài thật hạnh phúc, thưa ngài, vì đôi mắt ngài còn được nhìn thấy, khi ngài còn sống, vị vua đã ra đời từ lòng ngài.

Vua Arkadiy nghe vậy, vô cùng vui mừng. Còn hoàng hậu, thấy ngài rạng rỡ và hân hoan, bèn nói:

– Nếu ngài thấy thích, thưa ngài, thì chúng ta hãy xem trong cuộn giấy này, được dâng lên cho hoàng tử của chúng ta, có ghi gì, để mệnh lệnh đầu tiên của hoàng tử về mọi điều được ghi ở đây được thi hành càng sớm càng tốt.

Nhà vua ra lệnh đọc cuộn giấy, và khi nó được đọc xong, ngài nói:

– Rất khó để thực hiện lời thỉnh cầu này, nhưng cũng khó lòng từ chối, vì như vậy chúng ta sẽ hủy bỏ mệnh lệnh đầu tiên của con trai chúng ta, và điều đó thật bất tiện và không phù hợp.

Hoàng hậu đáp:

– Không chỉ là điều không xứng đáng khi hủy bỏ sắc lệnh đầu tiên của con trai, mà còn là tội lỗi khi phớt lờ lời khẩn cầu của các vị thánh, những người đã tiên tri cho ta về sự ra đời của con trai.

Và ngay lập tức, Hoàng đế Arcadius ra lệnh ban hành các sắc lệnh hoàng gia để xác nhận tất cả những gì đã được ghi trong cuộn giấy do các giám mục Palestine soạn thảo. Khi các sắc lệnh, được soạn thảo nhân danh cả hai vị vua Arcadius và Theodosius, đã được chuẩn bị xong, hoàng hậu triệu tập các vị giám mục của Chúa là Gioan và Porphyrius, rồi cho họ xem các sắc lệnh đó và hỏi xem liệu chúng có phù hợp với ý họ hay không. Họ cúi đầu chào, cảm tạ bà vì sự quan tâm nhân từ và khôn ngoan của bà, rồi xin rằng để thi hành mệnh lệnh của hoàng đế, hãy cử một người đạo đức, trung thực và trung thành đến Gaza, chứ không phải loại người như người đã được cử đi trước đó. Và người ta đã tìm được một người có đức tin vững vàng và kính sợ Thiên Chúa, đó là một người tên là Kinegius; ông được các vị vua giao phó nhiệm vụ đến Gaza và sắp xếp mọi việc một cách tốt nhất theo lệnh đã ban. Nữ hoàng đã ban cho Thánh Porphyrius rất nhiều vàng để xây dựng một nhà thờ bằng đá ngay giữa thành phố Gaza, cũng như để thiết lập một nhà trọ cho khách lữ hành, và còn hứa sẽ cung cấp thêm bao nhiêu cũng được, tùy theo nhu cầu, để hoàn thiện nhà thờ; ngoài ra, bà còn tặng cho cả hai vị giám mục những món quà và các vật dụng

thờ phượng bằng vàng và bạc dành cho các nhà thờ tại Caesarea và Gaza, cùng với vàng để chi tiêu trên đường đi. Cũng vậy, nhà vua, sau khi bày tỏ lòng kính trọng đối với các vị giám mục thánh thiện và ban tặng cho họ những món quà cùng tiền bạc dồi dào, đã tiễn họ ra đi trong bình an. Các ngài, sau khi chào hỏi Đức Thượng phụ Thánh Gioan Vàng Miệng, đã lên thuyền trở về giáo phận của mình; còn sau đó, quan đại thần Kinegius của nhà vua, người đã nhận được mệnh lệnh từ nhà vua, cũng lên đường.

Khi đoàn người đến gần đảo Rhodes, các vị thánh phụ Gioan và Porphyrius đã nài nỉ người lái thuyền cập bến để họ có thể chào hỏi vị ẩn sĩ thánh Prokopios; nhưng người lái thuyền không chịu, viện cớ rằng gió không thuận lợi, và hoàn toàn phớt lờ lời thỉnh cầu của các vị thánh của Chúa Kitô; vì thực ra anh ta là một tín đồ Arian bí mật và căm ghét các giám mục Chính thống. Nhưng khi họ đi qua hòn đảo đó, ngay lập tức biển nổi lên bão tố và sóng gió, và tất cả đều hoảng sợ tột độ, lo sợ tàu sẽ chìm. Sóng gió này kéo dài suốt cả ngày lẫn đêm. Khi bình minh ló rạng, Thánh Porphyrius chợp mắt một lát và trong giấc mơ, ngài thấy Thánh Procopius nói với ngài: "Hãy thuyết phục người lái thuyền từ bỏ tà thuyết Arian[2104] và nguyền rủa nó, đồng thời chuẩn bị cho anh ta lãnh nhận phép rửa thánh, thì ngay lập tức cơn sóng gió khủng khiếp sẽ chấm dứt." Thức giấc, Thánh Porphyrius kể lại điều này cho Đức Tổng Giám mục Gioan và những người khác đang ở cùng ngài; sau đó, sau khi gọi người lái thuyền đến, các thánh nói với anh ta:

– Nếu ngươi muốn con tàu của ngươi và tất cả chúng ta được cứu khỏi bị chìm, và hơn hết, để linh hồn ngươi thoát khỏi sự diệt vong vĩnh viễn, thì hãy từ bỏ sự mê tín của ngươi, tà giáo Arian, và gia nhập Giáo Hội Công Giáo.

Người lái thuyền ngạc nhiên vì các vị giám mục thánh đã biết được bí mật mà không ai biết, và nói với họ:

– Vì Thiên Chúa đã mặc khải cho các ngài những bí mật trong lòng tôi, nên tôi từ bỏ những tư tưởng sai lầm của Arius và tin theo như các ngài tin: xin các ngài củng cố tôi trong đức tin thánh thiện.

Khi ông vừa nói xong, cơn bão lập tức chấm dứt, và biển trở nên yên tĩnh. Các vị thánh, sau khi dạy dỗ ông bằng Lời Chúa và củng cố đức tin chính thống cho ông, đã công bố tên ông và làm phép rửa tội cho ông. Chặng đường tiếp theo diễn ra suôn sẻ; các vị giám mục thánh đã cập bến tại Maium[2105] , cách Gaza hai mươi stade[2106] , và từ đó đi bộ qua đất liền đến thành phố Gaza. Khi biết tin họ đến, các tín hữu đã ra đón họ với các thánh vịnh và tiếng hát, rước Thánh Giá, và trong niềm vui sướng và lễ hội lớn lao, họ đã đưa các vị giám mục của Chúa vào thành phố. Còn những kẻ thờ thần tượng, khi thấy cảnh đó, đã vô cùng tức giận, nghiến răng ken két, nhưng không dám làm hại họ điều gì: vì họ đã nghe nói rằng các giám mục Kitô giáo đã được vua tiếp đón với sự tôn kính, và rằng sau họ, một sắc lệnh của nhà vua sẽ được ban ra để trấn áp sự hung hăng của những kẻ ngoại đạo và phá hủy các đền thờ thần linh của họ. Trong khi đó, các Kitô hữu, đi cùng Thánh Giá và các giám mục của mình, đang tiến gần đến tượng thần Vệ-na-xơ; tượng thần này được người dân Gaza, đặc biệt là phụ nữ, tôn kính vô cùng, họ thắp nến và xông hương bằng những lư hương thơm ngát: bởi vì con quỷ ngự trong tượng thần đó đã mê hoặc nhiều người qua những ảo ảnh trong giấc ngủ, xúi giục các thiếu nữ hay phụ nữ phạm đủ loại tội lỗi xác thịt. Vậy nên, khi các Kitô hữu tiến gần đến tượng thần đó, đang đứng trên một vị trí cao ở giữa đường phố, thì con quỷ lập tức bỏ chạy, làm cho tượng thần ngã xuống đất; và tượng thần, khi rơi xuống đất, đã vỡ tan thành nhiều mảnh, vì nó được làm bằng đá cẩm thạch, và đã giết chết hai người ngoại đạo, những kẻ đang đứng ở đó, cười nhạo và phỉ báng nghi lễ thờ phượng của Kitô hữu. Khi chứng kiến phép lạ này, nhiều người ngoại đạo đã tin vào Chúa Kitô và, gia nhập cùng các Kitô hữu, họ đến nhà thờ thánh và xin lãnh nhận phép rửa tội: số người tin theo gồm ba mươi hai người đàn ông và bảy người phụ nữ. Và các tín hữu đã tràn ngập niềm vui khôn tả vì sự trở về an toàn của các vị mục tử và vì sự cứu rỗi các linh hồn con người. Sau đó, Đức Tổng Giám mục Gioan đã ở lại Gaza hai ngày rồi lên đường đến Cêsarea, còn các Kitô hữu thì tiễn ngài. Vài ngày sau, vị quan cao cấp của hoàng gia, tức là Kinegius đã được nhắc đến ở trên, cũng đến Gaza, mang theo nhiều quan chức và một tướng quân cùng lực lượng quân sự. Những người ngoại đạo vô cùng hoảng sợ, một số trong họ đã bỏ chạy khỏi thành phố. Sáng hôm sau, sau khi tập hợp tất cả các trưởng lão của thành phố và toàn thể dân chúng, Kinegius đã trình cho họ sắc lệnh của hoàng đế, theo đó các đền

[2104] Tà thuyết Arian có nguồn gốc từ Arius, một kẻ vô đạo (vào đầu thế kỷ IV), người đã dạy rằng Con Thiên Chúa không phải là Thiên Chúa, đồng bản thể với Thiên Chúa Cha, mà là một thụ tạo cao cả nhất, qua đó Thiên Chúa Cha đã tạo dựng thế giới. Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất (năm 326), nơi đã trình bày giáo lý chân chính về Con Thiên Chúa trong bảy điều đầu tiên của Kinh Tin Kính.

[2105] Maiuma – một thành phố cảng ở Palestine, từng là bến cảng cho Gaza, vốn không nằm ngay sát bờ biển mà cách đó một khoảng.

[2106] Stadia – đơn vị đo chiều dài, khoảng 88 sajeen; 20 stadia – tương đương hơn 3 verst một chút.

thờ thần tượng ở Gaza phải bị phá hủy, còn các thần tượng phải bị đập nát. Khi sắc lệnh này được đọc to cho mọi người nghe, đám đông những kẻ vô đạo đã la hét ầm ĩ, bắt đầu khóc lóc và than thở. Còn Kinegius, không chịu đựng được tiếng la hét đó, đã ra hiệu cho binh lính; họ lao vào đám người ngoại đạo và bắt đầu đánh đập họ; đám đông những kẻ vô đạo bị giải tán, còn các Kitô hữu, tràn ngập niềm vui lớn lao, đã tạ ơn các vị vua, dâng lên họ nhiều lời ca ngợi. Sau đó, cùng với các chiến binh, họ ồ ạt xông vào các đền thờ thần tượng và bắt đầu phá hủy chúng trong tiếng ồn ào lớn. Trong thành phố có tám đền thờ thần tượng quan trọng nhất: Đền thờ Mặt Trời[2107] , Đền thờ Venus, Đền thờ Apollo[2108] , Đền thờ Proserpina[2109] , Đền thờ Hecate[2110] , Đền thờ Fortuna[2111] và Đền thờ Marnas; ngôi đền cuối cùng là lớn nhất và thường xuyên được những kẻ ngoại đạo vô đạo ghé thăm nhất. Ngoài ra còn có vô số tượng thần khác được đặt tại các chợ và trên đường phố, trong các tòa nhà khác nhau và trên tường thành, cũng như xung quanh thành phố dọc theo các con đường, vườn cây và cánh đồng: và chỉ trong mười ngày, các Kitô hữu đã đập phá hết thảy những tượng thần đó, phá hủy những đền thờ tà thần ô uế, ngoại trừ ngôi đền lớn và tuyệt đẹp của Marnas, mà nhiều người cho rằng không nên phá hủy, mà nên thanh tẩy khỏi những ô uế của tà thần, rồi thánh hiến thành nhà thờ của Đức Chúa Trời. Trước mong muốn của nhiều người muốn bảo tồn đền thờ Marnas, Thánh Porphyrius đã cầu nguyện với Chúa, xin Ngài chỉ dẫn; và khi ngài đang cử hành Thánh lễ trong nhà thờ thánh, từ giữa đám đông vang lên tiếng nói của một đứa trẻ:

– Hãy để đền thờ Marnas bị thiêu rụi và sụp đổ, vì nó đã bị ô uế bởi máu của những người bị dâng làm của lễ cho ma quỷ; hãy để nền móng của nó bị đào lên khỏi mặt đất và bị phá hủy, và tại nơi đó, một ngôi đền mới sẽ được xây dựng để tôn vinh Đức Chúa Trời.

Đứa trẻ này mới bảy tuổi, nên các giáo sĩ nghĩ rằng nó nói như vậy là do mẹ dạy. Họ bắt lấy nó và bắt đầu dọa nạt, như thể muốn đánh nó để nó nói ra ai đã dạy nó nói điều đó. Nhưng đứa trẻ bắt đầu nói bằng tiếng Hy Lạp, lặp lại chính những lời đó – rằng đền thờ Marnas phải bị thiêu rụi và phá hủy; lúc đó, mọi người đều nhận ra rằng em nói nhờ Thánh Thần, bởi vì dù mới bảy tuổi và chưa từng được học tiếng Hy Lạp, đứa trẻ giờ đây lại nói tiếng Hy Lạp rất trôi chảy. Vậy là, tin theo lời đứa trẻ, họ đã đốt cháy và phá hủy đền thờ Marnas tuyệt đẹp đến tận nền móng; những tàn tích được đào lên từ lòng đất đã bị quăng vứt khắp các đường phố và con đường, để mọi người đều có thể giẫm đạp lên chúng. Sau đó, các chiến binh đi khắp các tòa nhà và nhà ở của những người ngoại đạo, thu gom các tượng thần được giấu kín ở khắp mọi nơi; sau khi thu gom được một số lượng rất lớn, họ chất các tượng thần lại với nhau và đốt cháy; như vậy, việc thờ cúng thần tượng đã bị xóa sổ tại Gaza. Còn Kinégios, sau khi đã khuất phục các quan chức vô đạo và trừng phạt họ vì đã đàn áp các Kitô hữu, đã trở về với các vị vua; còn một phần quân đội, theo lời thỉnh cầu của vị thánh, ông để lại trong thành phố, để những kẻ thờ ngẫu tượng không thể ngạo mạn chống lại các Kitô hữu một lần nữa. Sau đó, vị thánh của Chúa Kitô đã xây dựng một nhà thờ hình thánh giá tại nơi từng là đền thờ Marnas; hình vẽ của nhà thờ này đã được Nữ hoàng Eudoxia gửi đến trên giấy da. Bà cũng gửi đến cho nhà thờ này ba mươi cột đá cẩm thạch, trong đó có hai cột sáng lấp lánh như ngọc lục bảo. Nhờ sự giúp đỡ của hoàng hậu, trong vòng năm năm, một nhà thờ đã được xây dựng, đẹp đẽ hơn hẳn so với đền thờ Marnas trước đây. Sau khi làm lễ thánh hiến nhà thờ này, vị Giám mục của Chúa đã cử hành Thánh lễ, dâng lên Chúa Kitô lời tạ ơn sâu sắc vì tại nơi trước đây từng diễn ra những lễ tế máu tàn bạo dành cho các thần giả, giờ đây đã bắt đầu dâng lên Lễ Tế Vô Huyết và Tuyệt Đối Thanh Tịnh cho Đức Chúa Trời Chân Thật. Sau đó, Thánh Porphyrius đã dùng số vàng do Nữ hoàng sùng đạo ban tặng để xây dựng một nhà trọ, nơi ngài tiếp đón những người lữ hành và nuôi dưỡng những người nghèo khó. Với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, ngài đã khôn ngoan chăn dắt đoàn chiên của Đức Kitô bằng Lời Chúa, đến nỗi số tín hữu ngày càng gia tăng: vì nhiều người ngoại giáo, từ bỏ sự tà ác thờ ngẫu tượng, đã quay về với Đức Kitô, Thiên Chúa; còn những người ngoại đạo khác thì bị cơn giận dữ và lòng ghen tị ăn mòn, khi thấy Giáo hội Kitô giáo đang nở rộ và phát triển mạnh mẽ, trong khi tôn giáo ngoại đạo thì đang tàn lụi và suy yếu. Và thế là họ lại tìm cách nổi loạn chống lại vị mục tử thánh thiện và đoàn chiên của ngài. Một lần nọ, xảy ra tranh chấp giữa người quản lý nhà thờ với một kẻ thờ thần tượng, một công dân danh giá

[2107] Thần Mặt Trời Hy Lạp, *Hélios,* được tôn kính ở nhiều nơi. Trong nghệ thuật, ngài được miêu tả giống như thần Apollon, chỉ có khuôn mặt đầy đặn hơn.

[2108] *Apollo* – được tôn kính như vị thần của ánh sáng, cũng như của sự khai sáng trí tuệ, thi ca và âm nhạc.

[2109] *Proserpina* – được tôn kính là nữ chúa của thế giới ngầm, cũng như của các loại ngũ cốc mọc lên từ lòng đất.

[2110] *Hécate* – vị thần địa ngục đáng sợ, thống trị các ác quỷ và ma quỷ độc ác, có thể triệu hồi linh hồn người chết từ địa ngục và dọa nạt con người bằng những hồn ma.

[2111] *Fortuna* – được tôn kính là nữ thần của sự ngẫu nhiên, đặc biệt là hạnh phúc và thịnh vượng.

tên là Sampsihius, liên quan đến một vật phẩm thuộc tài sản của nhà thờ. Nghe tiếng ồn ào, cả những người tin Chúa lẫn những kẻ không tin đều đổ xô đến, mỗi bên đều ủng hộ phe mình – những người tin Chúa ủng hộ người quản lý, còn những kẻ không tin thì ủng hộ Sampsihius. Nhưng vì số người không tin nhiều hơn, nên họ đã áp đảo những người tin và gây ra cuộc ẩu đả, cầm gậy gộc và vũ khí. Sau khi giết bảy người trong số những người tin và làm nhiều người khác bị thương nặng, những kẻ ngoại đạo với tiếng la hét và ồn ào hỗn loạn đã chạy vào sân nhà giám mục, với ý định giết thánh Porphyrius. Nghe tin này, ngài nói với phó tế Mark:

– Hãy chạy đi, anh em ơi, chúng ta hãy ẩn náu một thời gian, cho đến khi cơn thịnh nộ của Chúa qua đi.

Và sau khi trèo qua tường, họ chạy về phía đối diện với bọn nổi loạn và ẩn náu tại nhà một thiếu nữ tên là Salafi, người vốn theo đạo ngoại giáo. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, cô sống cùng bà ngoại, người đang ốm yếu; cô phục vụ và nuôi nấng bà bằng công sức lao động của chính mình. Cô gái này đã che chở vị giám mục thánh và phó tế của ngài tại nhà mình, cung cấp thức ăn và nước uống cho họ. Thánh Porphyrius đã ở lại nhà cô suốt ngày và đêm hôm đó, cùng cả ngày hôm sau. Đêm tiếp theo, khi tiếng ồn ào và cuộc nổi loạn đã lắng xuống, vị thánh cùng với Mark trở về nhà mình và phát hiện mọi thứ đều bị cướp phá, còn thánh Varuch đang nằm đó, bị đánh đập và đầy thương tích, đến nỗi ngài gần như không thở nổi. Các Kitô hữu đã báo cáo tất cả những điều này cho Amphipatus[2112] , người đang cư ngụ tại Caesarea. Ngài đã sai quân lính đến bắt giữ tất cả những kẻ đã châm ngòi cho cuộc nổi loạn và gây ra vụ giết người; một số bị xử tử, số khác sau khi bị đánh đập dã man thì được thả tự do. Kể từ đó, những kẻ vô đạo đã im lặng. Và Thánh Porphyrius của Chúa Kitô đã sống phần đời còn lại trong bình an và sự yên tĩnh tốt lành. Vị thánh đã tạ ơn cô gái Salafa nói trên – người đã che chở ngài khỏi những bàn tay sát nhân – và ban cho cô phép rửa tội thánh; đồng thời, ngài cũng chữa lành cho bà lão ốm yếu của cô, rửa tội cho bà và cung cấp lương thực cho họ từ tài sản của nhà thờ. Ngài định gả cô gái cho một người chồng hợp pháp, nhưng cô lại mong muốn dâng mình làm vợ của Chúa Kitô, điều này khiến vị thánh vô cùng vui mừng trong lòng; sau khi dâng hiến cô vào sự phục vụ Chúa Kitô, ngài đã đưa cô vào hàng ngũ các trinh nữ vô tì vết: còn cô thì luôn làm đẹp lòng Chúa cho đến cuối đời, giữ trọn sự trinh khiết của mình trong việc ăn chay và cầu nguyện, nhờ sự trợ giúp của những lời cầu nguyện được Chúa chấp nhận từ vị thánh nhân Porphyrius, người không ngừng dâng lời cầu khẩn lên Chúa cho đoàn chiên của mình – cả ngày lẫn đêm.

Thánh nhân của Chúa Kitô đã được tôn vinh như một vị làm phép lạ vĩ đại. Nhờ lời cầu nguyện của ngài, ba thiếu niên rơi xuống giếng sâu đã được cứu sống nguyên vẹn và không hề hấn gì, và một người phụ nữ thuộc phái dị giáo Manichaeism, đầy rẫy mưu mô của ma quỷ và những lời bịa đặt dị giáo, người đã phỉ báng Giáo hội Chính thống một cách dữ dội và lôi kéo nhiều người vào con đường tội lỗi của mình, đã bị ngài tiêu diệt bằng lời cầu nguyện: vì bà ta đột ngột ngã xuống và trút hơi thở cuối cùng. Và Thánh Porphyrius đã thực hiện nhiều phép lạ khác nữa để tôn vinh Thiên Chúa. Sau khi chăn dắt Giáo Hội của Đức Kitô trong hai mươi bốn năm, mười một tháng và tám ngày, vị thánh đã về với Đấng Chăn Chiên Tối Cao là Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Vị Thượng Tế Vĩ Đại, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được vinh quang và tôn kính muôn đời[2113] . A-men.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng niệm Thánh Tử đạo Sebastiano, người đã bị chém bằng gươm dưới thời Hoàng đế Nero[2114] .

Bài ca Kondak, giọng 2:

Chúng con được trang điểm bởi những đức tính thánh thiện nhất của ngài, ngài đã được chiếu sáng bởi áo lễ, hỡi Thánh Porphyrius, người khôn ngoan trước mặt Thiên Chúa, và ngài làm cho những phép chữa lành trở nên dồi dào nhờ những ân sủng cao cả, luôn cầu nguyện không ngừng cho tất cả chúng con.

[2112] Anfipat – quan chức cao nhất của vùng.

[2113] Thánh Porphyrius qua đời vào năm 420.

[2114] Vị thánh tử đạo này thuộc đoàn tùy tùng của Thánh Fotina, người được tưởng niệm vào ngày 20 tháng 3. Hoàng đế La Mã Néron trị vì từ năm 54 đến năm 68.

Ngày 12 tháng 3

Ngày 27 tháng 2 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm Thánh Cha Prokopios Dekapolites, Vị Chứng Nhân

Ngày tưởng niệm 27 tháng 2

Vùng Decapolis, được đặt tên theo mười thành phố nằm trong đó, tọa lạc bên Biển Galilee; Thánh Tin Mừng Mác-cô đã đề cập đến vùng đất này khi nói: "Chúa Giê-su lại đi đến Biển Galilee qua các vùng đất của Decapolis"[2115] (Mc 7:31). Thánh Prokopios, vị Tử đạo, xuất thân từ vùng đất này. Với kinh nghiệm dày dặn trong các công việc tu hành, đã trải qua sự rèn luyện nghiêm ngặt trong đời sống tu hành, và được trang bị sự trong sạch của tâm hồn, ngài đã trở nên nổi tiếng và được kính trọng trong giới các vị tu hành. Vào thời điểm đó, thời kỳ đen tối của tà thuyết chống thánh tượng đã ập đến; kẻ khởi xướng đầu tiên của nó là vị vua Hy Lạp vô pháp luật Lêô Isaurian[2116] , người đã bất công gọi các thánh tượng là thần tượng, và những ai thờ phượng chúng là những kẻ thờ thần tượng. Ông đã tàn nhẫn giết hại nhiều tín hữu Chính Thống vô tội, và nguyền rủa tất cả các vị vua, các thánh và các Kitô hữu chính thống trước thời ông, những người đã tôn kính các thánh tượng, khiến ông phải hứng chịu sự nguyền rủa từ mọi người. Lúc bấy giờ, cột trụ vĩ đại và bất di bất dịch của Chính Thống Giáo, đồng thời là người bảo vệ vững chắc cho đức tin chân chính, Thánh Prokopios, đã dũng cảm đứng lên chống lại đám đông những kẻ dị giáo, những kẻ trong sự vô đạo của mình đã phỉ báng sự nhập thể của Lời Thiên Chúa và vô liêm sỉ phủ nhận các thánh tượng. Ngài đã làm bẽ mặt những kẻ dị giáo, vạch trần những lý luận điên rồ của họ và đánh bại chúng bằng những lời nói bất khả chiến bại được Thánh Thần soi dẫn; giống như xé tan mạng nhện, Thánh Prokopios đã phá vỡ những mưu mô xảo trá trong lời nói của họ.

Vì thế, ngài đã gánh lấy cơn thịnh nộ của vị vua vô thần, người giống như con sư tử hoang dã bước ra từ sa mạc, gầm rú tìm mồi. Theo lệnh của ông ta, vị thánh đã bị bắt giữ và đánh đập dã man; những kẻ tra tấn đã dùng các dụng cụ sắt để hành hạ thân thể ngài, rồi sau đó họ ném ngài vào ngục tối u ám và hôi thối. Nhưng vị thánh đã kiên cường chịu đựng mọi đau khổ. Cùng chịu khổ với ngài là vị thánh Basil, người trước đây đã cùng Prokopius tu hành trong sự kiêng khem và đức hạnh. Cả hai giờ đây cùng nhau chịu nhiều cực hình vì những bức thánh tượng. Cả hai cùng bị giam trong ngục tối và ở đó cho đến khi tên tra tấn vô thần qua đời. Khi Lê qua đời, mất đi không chỉ cuộc sống trần thế mà cả cuộc sống vĩnh cửu trong tương lai, thánh Prokopios cùng với người bạn Basil và các thánh khác đã được thả ra khỏi ngục tối. Thời gian còn lại của cuộc đời, ngài dành cho việc tu hành, dạy dỗ nhiều người về đức hạnh và dẫn dắt họ đến sự cứu rỗi. Khi đã cao tuổi, ngài đã về với Chúa Kitô, để được nhìn thấy Ngài mặt đối mặt, chứ không phải qua hình ảnh trên bức thánh tượng, và để, với tư cách là người ăn chay và người chịu khổ vì Chúa Kitô, người đã chiến đấu đến đổ máu vì bức thánh tượng thánh thiêng của Ngài, nhận được phần thưởng xứng đáng cho những công lao của mình.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Bằng dòng nước mắt của ngài, ngài đã biến sa mạc cằn cỗi thành đất màu mỡ, và từ sâu thẳm những tiếng thở dài, ngài đã sinh hoa kết trái qua trăm công lao; ngài là ngọn đèn soi sáng vũ trụ, tỏa sáng những phép lạ, thánh Prokopios, cha của chúng con: xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

[2115] Decapolis – liên minh mười thành phố, một vùng hoặc khu vực nằm bên kia sông Jordan, trải dài về phía bắc đến Damascus, về phía nam đến Philadelphia, về phía tây đến Scythopolis và về phía đông đến Canafa. Nơi đây có mười thành phố, chủ yếu được cư trú bởi những người ngoại đạo, tuy nhiên trong số đó cũng có rất nhiều người Do Thái.

[2116] Ngài trị vì từ năm 717 đến năm 741.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hôm nay, Giáo Hội có được ánh sáng ban mai, xua tan mọi bóng tối của sự phỉ báng, tôn vinh ngài, vị thánh bí ẩn trên trời, Prokopios vinh quang.

Lễ kỷ niệm Thánh Phalalei.

Ngày tưởng niệm 27 tháng 2

Thánh Falaleo xuất thân từ vùng[2117] thuộc Cilicia. Bỏ qua những lo toan trần tục, ngài ban đầu đã đến tu viện của Thánh Savva, vị được Thánh hiến. Yêu mến những việc tu hành và lối sống tu sĩ, ngài đã sống như một thiên thần và nhờ cuộc đời đạo đức của mình, ngài đã được phong chức linh mục. Vài năm sau, ngài đến Gavala, một trong những thành phố của Syria, thuộc Tổng giáo phận Laodicea. Cách thành phố hai mươi stade có một ngôi mộ lớn. Trên đó đứng một đền thờ ngoại giáo đã xuống cấp, được bao quanh bởi những ngôi mộ cổ; nơi đây là nơi cư ngụ của vô số linh hồn ô uế. Tất cả những ai đi ngang qua đều sợ hãi nơi này, vì những linh hồn ô uế không chỉ dọa nạt khách lữ hành bằng những ảo ảnh, mà còn thường xuyên tấn công họ và gây ra nhiều tai họa cho cả con người lẫn động vật. Nghe tin này, vị thánh nhân Falalei đã lên đường đến đó và định cư tại nơi ấy. Ông dựng cho mình một túp lều nhỏ và sống trong đó, tu hành bằng cách ăn chay, rèn luyện thân xác qua những thiếu thốn, và cầu nguyện không ngừng nghỉ cả ngày lẫn đêm. Các linh hồn ô uế không thể chịu đựng được sự hiện diện của vị thánh. Tập hợp thành một đoàn quân đông đảo, chúng lao vào vị thánh nhân với cơn thịnh nộ dữ dội, cố gắng dọa nạt ngài bằng những tiếng gầm gừ man rợ, đe dọa ngài và dùng mọi mưu mô để ép vị thánh rời khỏi nơi mà chúng từ lâu đã coi là của riêng mình. Nhưng nhờ đức tin vững chắc vào Thiên Chúa, Thánh Phalalei, được che chở bởi lời cầu nguyện và dấu thánh giá, đã đứng vững vàng như một chiến binh dũng cảm và bất khả chiến bại, và đạp tan sức mạnh yếu ớt của các linh hồn xấu xa.

Trong một thời gian dài, mỗi ngày và đặc biệt là vào ban đêm, vị thánh đã dũng cảm chiến đấu với các linh hồn ô uế và cuối cùng, nhờ ơn Chúa, ngài đã chiến thắng chúng. Chúng bỏ chạy trong sự nhục nhã, không thể đánh bại được vị chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô.

Sau khi trừ tà, vị thánh nhân đã tự xây cho mình một căn phòng nhỏ hẹp, hoàn toàn không phù hợp với vóc dáng của ngài, cao vỏn vẹn hai khuỷu tay và rộng một khuỷu tay; trong đó, ngài không những không thể đứng thẳng mà thậm chí còn không thể ngồi bình thường: Thánh Phalalei có vóc dáng cao lớn, vì vậy, khi ngồi trong phòng tu của mình, ngài luôn buộc phải cúi đầu xuống đầu gối. Ngài đã sống trong không gian chật hẹp như vậy khoảng mười năm. Vào thời gian đó, Giám mục Theodoretus của Cyrene đã đến thăm ngài và bắt gặp Thánh Falalei đang đọc Phúc Âm. Khi vị giám mục hỏi ngài tại sao lại chọn lối sống như vậy, vị thánh đã trả lời:

– Tôi là một tội nhân lớn; tin rằng trong kiếp sau tôi sẽ phải chịu những cực hình khủng khiếp, nên tôi đã tự nguyện tạo ra cho mình một nơi ẩn dật chật hẹp như thế này, với hy vọng rằng nhờ những khó khăn nhỏ bé này, tôi sẽ thoát khỏi những cực hình vĩnh cửu.

Trong cuộc trò chuyện với ngài, vị giám mục đã thu được nhiều lợi ích lớn lao.

Chúa đã ban cho Thánh Phalalei ân sủng làm phép lạ: nhờ những lời cầu nguyện của mình, ngài có thể chữa lành cho những người mắc đủ loại bệnh tật, và không chỉ chữa lành cho con người mà còn cho cả gia súc. Vì thế, nhiều người đã tìm đến ngài như một nguồn suối chữa lành, và nhờ ngài mà họ không chỉ được chữa lành về thể xác mà còn về tâm hồn, đến nỗi nhiều người Hy Lạp trong vùng đã quay về với Đức Kitô, Thiên Chúa. Trong số các Kitô hữu sống trong thành phố Gavala, có rất nhiều người ngoại đạo. Tất cả họ đều được soi sáng bởi đức tin thánh thiện, nhờ được dẫn dắt đến sự hiểu biết về chân lý qua những phép lạ của Thánh Falalei. Với sự giúp đỡ của những Kitô hữu mới được rửa tội này, vị thánh đã phá hủy đền thờ ngoại giáo và tiêu diệt các ngôi mộ. Sau khi thanh tẩy nơi này khỏi những ô uế của ma quỷ, ngài đã xây dựng tại đây một nhà thờ của Chúa nhân danh tất cả các thánh tử đạo và thiết lập các thánh lễ hàng ngày tại đó để tôn vinh Chúa. Thời gian còn lại của cuộc đời, ngài tiếp tục thực hiện những việc thánh thiện như trước đây, và sau khi làm đẹp lòng Chúa, ngài đã an nghỉ trong Chúa khi

[2117] Cilicia – tỉnh phía đông nam của Tiểu Á, từng là một trong những vùng thịnh vượng nhất của Đế chế La Mã, giáp Syria ở phía đông, giáp Cappadocia và Lycaonia ở phía bắc, giáp Pisidia và Pamphylia ở phía tây, phía nam giáp Biển Địa Trung Hải và vịnh. Hiện nay, khu vực này thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ.

đã cao tuổi. Thánh Sofronius thành Giê-ru-sa-lem đã viết về vị tu sĩ đáng kính này trong tác phẩm "Limonar"[2118] như sau:

"Abba Phêrô, linh mục của Tu viện Thánh Savva, đã kể cho chúng ta nghe về Abba Falale của Kilikia, rằng vị cha thánh này đã làm tu sĩ suốt sáu mươi năm và chưa bao giờ ngừng khóc, khi ngài nói: 'Thời gian này, hỡi anh em, là do Đức Chúa Trời ban cho chúng ta để ăn năn, và nếu chúng ta lãng phí nó, thì chúng ta sẽ bị phán xét nghiêm khắc vì điều đó.'"

Thánh Phalale đã qua đời vào khoảng năm 460, sau 60 năm sống đời tu sĩ.

Cuộc đời của Thánh Tít, linh mục Pechersk

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 2

Cách mà "cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời từ trên trời giáng xuống *trên mọi sự gian ác"* (Rô-ma 1:18) và cách mà "sự bình an của Đức Chúa Trời", vượt quá sự hiểu biết (Phi-líp 4:7), bảo vệ thân xác và linh hồn của người khao khát tìm đến Ngài, tất cả những điều này chúng ta đều thấy trong cuộc đời của Thánh Tít. Ngài là một tu sĩ của Tu viện Pechersk[2119] , được phong chức linh mục. Những công đức xứng đáng với phúc lành vĩnh cửu của Thánh Tít được thúc đẩy bởi hoàn cảnh sau đây: ngài có một người anh em không phải về huyết thống mà là về tinh thần, một tu sĩ cùng tu viện tên là Evagrius, mang chức phó tế. Một tình yêu vĩ đại và chân thành đã gắn kết hai tu sĩ này lại với nhau, đến nỗi mọi người đều ngạc nhiên trước sự đồng lòng và tình yêu thương lẫn nhau của họ. Nhưng ma quỷ, kẻ ghét mọi điều thiện, vốn quen gieo cỏ dại giữa lúa mì (Mt 5:22), đã gieo rắc sự thù hận giữa họ. Bằng cơn giận dữ và lòng thù hận, nó đã làm u ám trái tim họ đến mức họ thậm chí không thể nhìn thẳng vào mặt nhau, và vì thế họ cố gắng tránh né nhau bằng mọi cách. Khi một người mang lư hương vào nhà thờ, người kia lại chạy trốn khỏi nghi thức xông hương; còn nếu một người không rời đi, thì người kia sẽ đi ngang qua mà không xông hương cho anh ta. Họ đã chìm đắm trong bóng tối tội lỗi ấy trong một thời gian dài, đến nỗi, dưới sự xúi giục của ma quỷ, họ thậm chí còn dám dâng các của lễ thiêng liêng và rước lễ mà không hòa giải với nhau, cũng không xin tha thứ lẫn nhau. Các anh em trong tu viện đã nhiều lần khuyên họ hòa giải, nhưng họ không thèm nghe. Một lần nọ, theo sự an bài của Đức Chúa Trời, Thánh Tít lâm bệnh nặng đến nỗi ngài không còn hy vọng sống sót. Lúc đó, ngài khóc lóc thảm thiết vì tội lỗi của mình và khiêm nhường sai người đến gặp phó tế Evagrius để nói với ông:

"Xin tha thứ cho tôi, anh em ơi, vì danh Chúa, vì tôi đã xúc phạm anh bằng cơn giận của mình."

Nhưng người ấy không những không tha thứ cho Tít, mà còn sỉ nhục ông nhiều hơn nữa và thậm chí nguyền rủa ông. Tuy nhiên, các tu sĩ, khi thấy Tít đã sắp qua đời, đã dùng sức ép đưa Evagrius đến gặp ông, để ông hòa giải với anh em mình. Khi nhìn thấy ông, người bệnh đã cố gắng ngồi dậy, quỳ xuống dưới chân Evagrius, nói trong nước mắt:

– Xin tha thứ cho con, thưa cha, và xin cha ban phước lành!

Nhưng Evagrius, người vô tình và vô nhân đạo, đã quay lưng lại với anh trai mình và trước mặt mọi người, thốt ra những lời đầy căm hận:

– Ta không bao giờ muốn hòa giải với hắn: cả trong đời này lẫn đời sau!

Nói xong, ông giật mình thoát khỏi tay các tu sĩ và ngã xuống. Các tu sĩ định đỡ ông dậy thì phát hiện ông đã chết. Họ không thể xếp tay ông lại, cũng không thể khép môi hay nhắm mắt cho ông – như thể ông đã chết từ lâu. Lúc đó, Thánh Tít đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh, như thể chưa từng bị bệnh. Mọi người đều kinh hoàng khi chứng kiến cái chết đột ngột của người này và sự bình phục nhanh chóng của người kia. Họ bắt đầu hỏi vị linh mục thánh thiện Tit rằng điều này có ý nghĩa gì? Vị thánh Tit kể cho họ nghe những gì Ngài đã được mặc khải từ trên cao về điều này:

[2118] "Limonar" (tiếng Hy Lạp: đồng cỏ, bãi cỏ) – là tác phẩm rất phổ biến của tu sĩ Hy Lạp Ioannes Moschos (năm 622). Tại các tu viện ở Palestine, Syria, Ai Cập, Síp, Constantinople và Rome, Moschos đã sưu tầm được rất nhiều câu chuyện về cuộc đời của các vị tu sĩ Kitô giáo, cũng như những lời dạy và bài học đạo đức của họ, và ông đã trình bày tất cả những điều này trong tác phẩm "Limonar" của mình, tác phẩm này đã trở thành một trong những nguồn gốc ban đầu cho các tác phẩm hagiography (viết về các thánh) của các thời kỳ sau này. Cuốn "Limonar" được Mosch hoàn thành tại Rome, nơi ông được học trò của mình là tu sĩ Sofronius, Tổng Giám mục Jerusalem, tháp tùng. Sau khi hoàn thành "Limonar", Mosch đã giao tác phẩm này cho Sofronius quản lý.

[2119] Tất nhiên, Tu viện Kiev-Pechersk, được thành lập bởi các vị thánh Antony vào năm 1073 và Theodosius

– Trong lúc ốm đau, – Thánh Tít bắt đầu câu chuyện của mình như vậy, – tôi, khi đó vẫn còn bị cơn giận chi phối, đã thấy các Thiên thần lùi xa khỏi tôi. Họ khóc than vì sự diệt vong của linh hồn tôi, còn các quỷ dữ thì vui mừng vì tôi đang giận anh em mình. Chính vì thế mà tôi đã bắt đầu xin các bạn hãy đi và thay mặt tôi xin anh em tôi tha thứ. Khi các con dẫn anh ấy đến gặp tôi, và tôi cúi đầu chào anh ấy, nhưng anh ấy lại quay mặt đi, tôi đã thấy một thiên thần không khoan dung cầm cây giáo bốc lửa, người đã dùng nó đâm vào kẻ không tha thứ cho tôi, và người đó ngã xuống chết ngay lập tức. Chính thiên thần đó đã đưa tay ra giúp tôi đứng dậy, và thế là tôi đã khỏi bệnh.

Bị câu chuyện làm cho kinh hoàng, các tu sĩ đã khóc rất nhiều vì cái chết của Evagrius. Họ chôn cất ông, nhưng không thể xếp tay ông lại và nhắm mắt, bịt miệng cho ông. Bản thân họ cũng đặc biệt cẩn trọng để tránh cơn giận, tha thứ cho nhau mọi lời nói gây tổn thương, ghi nhớ lời Chúa: *"Ai giận anh em mình một cách vô cớ, thì sẽ phải chịu sự phán xét"* (Mt 5,22). Thánh Ephrem the Syrian cũng đã nói: "Nếu ai chết trong tình trạng thù hận, thì người ấy sẽ phải đối mặt với sự phán xét không khoan nhượng." Và lúc bấy giờ, người ta có thể nói về cộng đoàn đã được thức tỉnh ấy rằng: *"Hòa bình thật lớn lao nơi những ai yêu mến luật pháp của Ngài"* (Tv 118,165).

Nhưng đặc biệt là chính vị trưởng lão Tít, khi thấy rằng nhờ hòa giải với anh em mình mà ngài đã được hòa giải với Đức Chúa Trời và được giải thoát khỏi cái chết không chỉ về thể xác mà còn về tâm hồn, từ đó trở đi ngài thậm chí không còn nghĩ đến việc giận dữ với ai nữa, mà đã gạt bỏ cơn giận, và có được tình yêu thương bền vững đối với anh em, tình yêu thương ấy, như gốc rễ của hòa bình, là sự hiệp nhất của sự hoàn hảo, xuất phát từ *"trái tim trong sạch, lương tâm tốt lành và đức tin chân thành"* (1 Ti-mô-thê 1:5), nó *"nhẫn nại, nhân từ, tình yêu không ghen tị"* (1 Cô-rinh-tô 13:4), chứa đựng trong mình mọi đức tính, đặc biệt là: ăn chay, sống trong sạch, và cầu nguyện không ngừng. Kể từ lúc đó, vị Thánh này luôn ghi nhớ trong lòng những lời Kinh Thánh*: "Hãy khôn ngoan và tỉnh thức trong lời cầu nguyện. Hơn hết, hãy yêu thương nhau nồng nhiệt, vì tình yêu che đậy muôn vàn tội lỗi"* (1 Phê-rô 4:7–8).

Khi dâng của lễ không đổ máu, trưởng lão Tít đã thực hiện lời Phúc Âm sau đây: *"Yêu thương người lân cận như chính mình còn hơn tất cả các lễ thiêu và của lễ"* (Mác 12:33). Ông đã đạt được sự bình an nội tâm đến mức, dù tràn đầy tình yêu thương trọn vẹn, ông cũng không thể, trong nỗi đau buồn, thốt lên: *"Không có chỗ nào trong thân xác tôi thoát khỏi cơn giận của Ngài; không có bình an trong xương cốt tôi vì tội lỗi của tôi"* (Thi Thiên 37:4). Sự bình an hoàn hảo trong tâm hồn vị tu sĩ ăn chay này đã khiến lời dạy của Thánh Tông Đồ thực sự ứng nghiệm nơi ngài: *"Vì Nước Thiên Chúa không phải là ăn uống, nhưng là sự công chính, bình an và niềm vui trong Thánh Thần"* (Rm 14,17).

Vì thế, trên Thiên Đàng, vị thánh Tít đã được ban cho sự an nghỉ, điều mà ngài hằng khao khát, và sau bao nhiêu lao nhọc và công đức, ngài đã về với Chúa. Thân xác thánh thiện của ngài an nghỉ trong một trong những hang động ở Pechersk, nơi đầy dẫy các thánh nhân như bầu trời dưới đất, còn linh hồn ngài hiện diện trên Thiên Đàng, nơi ngài được các Thiên Thần hiện ra đưa lên. Họ chỉ có thể nói về người từng là tội nhân, sau đó trở thành người công chính đã ăn năn xứng đáng này, điều mà Thánh Phaolô đã nói về Tông đồ Tít: "Đức Chúa Trời, Đấng an ủi những người khiêm nhường, đã an ủi chúng tôi nhờ sự đến của Tít" (2 Cô-rinh-tô 7:6). Chúng ta, cũng trong niềm vui, có thể đáp lại những cư dân trên trời này từ chính Kinh Thánh: chúng tôi đã được an ủi khi chứng kiến sự an ủi của các ngài, và đặc biệt hân hoan trước niềm vui của Thánh Tít, người đã an nghỉ giữa các ngài. Nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của Thánh Tít, xin cho chúng tôi cũng được, sau khi gạt bỏ mọi cơn giận, nhận được sự tha thứ tội lỗi và đón nhận sự an nghỉ tạm thời và vĩnh cửu từ Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng là *"Thiên Chúa của tình yêu và hòa bình"* (2 Cô-rinh-tô 13:11). Vinh quang thuộc về Ngài cùng với Đức Chúa Cha và Đức Thánh Linh đến muôn đời[2120] . A-men.

Ngày 13 tháng 3

Ngày 28 tháng 2 (theo lịch cũ)

[2120] Thánh Tít sống vào thế kỷ XII.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Proterius, Tổng Giám mục Alexandria.

Ngày tưởng niệm 28 tháng 2

Sau khi Thánh Cyril qua đời, tên dị giáo Dioscorus[2121] đã lên ngôi Thượng phụ Alexandria[2122] . Kẻ vô pháp này đã lan truyền tà thuyết của mình khắp Ai Cập. Vào thời điểm đó, tại đó có một vị linh mục đạo đức, kiên định trong đức tin chân chính, tên là Proterius. Ông nổi tiếng vì đời sống thánh thiện và tràn đầy trí tuệ cùng sự khôn ngoan do Thiên Chúa soi sáng. Proterius nhận thấy nhiều người đã sa vào tà thuyết của vị tổng giám mục, người này sai lầm khi khẳng định rằng trong Đức Kitô chỉ có một bản tính duy nhất, và ông đã mạnh mẽ chống lại những kẻ tà giáo. Tổng giám mục Dioscorus rất tức giận với ông; mong muốn lôi kéo cả vị bảo vệ chính thống giáo này về phía quan điểm của mình, ông đã dùng những lời ngọt ngào xảo quyệt để nịnh nọt Proterius và thậm chí còn phong cho ông chức vụ tổng linh mục, nhưng những nỗ lực của ông đều vô ích. Thánh Proterius, được Đức Thánh Cha Cyril, Tổng giám mục Alexandria, củng cố trong đức tin, vẫn kiên định không lay chuyển. Tại Công đồng Đại kết lần thứ tư, diễn ra tại Chalcedon dưới triều vua Marcian[2123] , Dioscorus đã bị vạch trần về tà thuyết của mình, bị tước bỏ chức vụ tổng giám mục, bị khai trừ khỏi Giáo hội và bị lưu đày đến vùng Paphlagonia[2124] tại thành phố Gangra, nơi ông qua đời sau một thời gian. Thay thế cho Dioscorus, người đã bị truất phế, tại Alexandria, các giám mục chính thống, các giáo sĩ và các Kitô hữu đạo đức đã bầu chọn Thánh Proterius lên ngai tòa tổng giám mục, một người thực sự xứng đáng với chức vụ này.

Tuy nhiên, phần lớn dân chúng Alexandria, đã bị đầu độc bởi tà thuyết của Dioscorus và còn bị kích động bởi một số giáo sĩ tà giáo, đã phản đối việc phong Thánh Proterius làm tổng giám mục. Và khi Thánh Proterius, người được tấn phong làm tổng giám mục Chính thống, bắt đầu điều hành và rao giảng đức tin chân chính đã được các vị thánh tổ phụ xác nhận tại Công đồng Chalcedon, thì trong dân chúng đã xảy ra cuộc nổi loạn và xung đột bùng phát. Một số giáo sĩ, đứng đầu là linh mục Timôthê, biệt danh là Elur, và phó tế Phêrô Mong – những người được Dioscorus đề bạt và là những người ủng hộ tà thuyết của ông – cùng với những người khác đã từ bỏ Chính Thống Giáo, không muốn hiệp thông với Thánh Proterius và gây ra sự chia rẽ trong dân chúng. Do đó, trong Giáo hội Alexandria đã xảy ra một cuộc chia rẽ lớn: một bên công nhận vị tổng giám mục mới được tấn phong và giữ vững chính thống giáo, còn bên kia thì đòi hỏi sự trở lại của Dioscorus và nguyền rủa các tín điều được thiết lập tại Công đồng Chalcedon. Cả hai phe đều tiến hành một cuộc đấu tranh gay gắt với nhau. Những người ủng hộ Dioscorus đã nổi loạn chống lại Thánh Proterius, gọi ngài là kẻ ngoại tình, vì khi Dioscorus còn sống, ngài đã nhận lấy "vợ hứa hôn" của ông ta – Giáo hội Alexandria; họ còn gọi Proterius là kẻ dị giáo, không xứng đáng với chức vụ tổng giám mục. Thánh Proterius đã phải chịu đựng nhiều khổ nạn từ những kẻ dị giáo; vì lo sợ bọn dị giáo sẽ giết mình, ngài đã yêu cầu được bảo vệ bởi quân đội; ngài luôn sống trong sợ hãi, lo ngại trước những cuộc nổi loạn của dân chúng, bởi vì những người ủng hộ Dioscorus đã nổi dậy chống lại các quan chức thành phố và quân đội đang đóng tại thành phố. Vào thời điểm đó, vị quan tổng trấn từ Thebaida đã đến Alexandria để dẹp tan cuộc nổi loạn. Những kẻ nổi loạn bắt đầu ném đá vào các binh lính đi cùng vị tổng trấn. Thấy cuộc nổi dậy của dân chúng, các binh lính này đã chạy vào đền thờ Serapis và đóng cửa tự nhốt mình bên trong. Những kẻ nổi loạn bao vây đền thờ, chiếm lấy nó và thiêu sống tất cả các binh lính đang ở bên trong. Khi tin tức này đến tai vị vua đạo đức Marcian, ông đã vô cùng tức giận và cử một lực lượng quân sự hùng hậu đến dẹp tan cuộc nổi loạn, đồng thời ra lệnh rằng lúa mì và ngũ cốc vốn được vận chuyển bằng thuyền từ các thành phố của Ai Cập đến Alexandria, từ nay

---

[2121] Dioscorus là người ủng hộ chính của tà thuyết do Archimandrite Eutyches ở Constantinople đề xướng; người này khẳng định rằng Chúa Kitô, mặc dù được sinh ra *từ hai bản tính,* nhưng *không* tồn tại *trong hai bản tính,* bởi vì khi Thiên Chúa Lời nhập thể, bản tính con người mà Ngài đã nhận lấy đã mất đi mọi thực tại riêng biệt và bị Thần Tính hấp thụ. Trong lịch sử Giáo hội, tà thuyết của Eutyches được biết đến với tên gọi *"monophysitism"* (những người theo thuyết "một bản tính").

[2122] Alexandria – thành phố nổi tiếng, được Alexander Đại đế thành lập vào khoảng năm 333 trước Công nguyên trên một mũi đất nhô ra bờ biển phía nam Địa Trung Hải (nằm hơi phía nam so với thành phố cùng tên hiện nay); từng là trung tâm khoa học và thành phố thương mại hàng đầu trên thế giới; vào đầu thế kỷ IV, nơi đây trở thành trung tâm của Kitô giáo và là nơi cư ngụ của tổng giám mục.

[2123] Công đồng Chalcedon (năm 451) – như một biểu hiện của chân lý Chính Thống Giáo về vấn đề sự kết hợp hai bản tính trong Đức Kitô – đã ban hành một tuyên bố, theo đó Đức Kitô được tuyên xưng là Thiên Chúa trọn vẹn và Con Người trọn vẹn, cùng bản thể với Chúa Cha về bản tính Thiên Chúa và cùng bản thể với chúng ta về bản tính con người, vẫn tồn tại *trong hai bản tính* sau khi nhập thể *một cách không hòa trộn và không tách rời,* để mỗi bản tính vẫn giữ được đặc tính riêng khi được kết hợp trong một nhân vị duy nhất là Đức Kitô.

[2124] Paphlagonia – một vùng núi non hiểm trở ở phía bắc Tiểu Á.

trở đi không được gửi đến Alexandria nữa, mà phải chuyển đến Pilusium, và từ đó chuyển tiếp đến Constantinople. Ngoài ra, Marcian còn tịch thu các nhà tắm công cộng và các tài sản khác của người dân Alexandria, hạn chế tự do của cư dân, đồng thời đóng cửa các buổi biểu diễn công cộng mà họ từng tổ chức. Người dân, đau buồn vì điều này và chủ yếu là do thiếu thốn lúa mì, đã cam chịu và cầu xin Đức Thượng phụ Proterius thánh thiện hãy đến gặp hoàng đế để thay mặt họ thỉnh cầu. Thánh Proterius đã lên đường và thỉnh cầu hoàng đế vì thành phố của mình, và hoàng đế, vì lòng thương xót, đã chấp nhận tất cả những lời thỉnh cầu của vị thánh nhân. Người dân đã được trả lại tự do như trước đây , và lúa mì bắt đầu được vận chuyển trực tiếp đến Alexandria. Sau đó, Đức Thượng phụ đã cai quản đoàn chiên của mình một cách hòa bình trong một thời gian và đã trục xuất Timôthê Êlur, người không chịu ăn năn.

Sau khi vị thánh Markian qua đời, những kẻ dị giáo lại ngóc đầu dậy và bắt đầu kích động dân chúng, và chỉ dừng lại khi đã đạt được mục đích của mình. Timôthê Elur, một kẻ xảo quyệt và gian trá, còn dính líu đến việc hành nghề phù thủy, đã dùng mưu mẹo sau đây để lừa gạt các tu sĩ Ai Cập đang sống trong các tu viện hoặc tu hành trong sa mạc.

Vào một đêm tối mịt không trăng, Timôthê, mặc bộ quần áo màu tối, đi vòng quanh các phòng tu của các tu sĩ và gọi tên từng người. Khi các tu sĩ hỏi ông ta là ai và muốn gì, ông ta trả lời:

– Ta là một trong các Thiên thần, được Thiên Chúa sai đến để các ngươi không được giao du với Proterius và không được chấp nhận các quyết định của Công đồng Chalcedon. Các ngươi phải bầu Timôthê Elur làm Giám mục tại Alexandria.

Như vậy, tên nịnh hót xảo quyệt ấy, với sự trợ giúp của quỷ dữ, đã lừa dối họ. Còn các tu sĩ, không nhận ra mưu mô của kẻ thù, đã lầm tưởng lời dối trá là sự thật và, khi kể cho nhau nghe về thị kiến của Thiên thần, họ đã đồng ý và tụ tập lại với nhau. Sau khi bàn bạc, tất cả họ đều lên đường đến Alexandria – như thể đi chiến đấu vậy; tất cả đều bị che mờ bởi cơn thịnh nộ chống lại vị tổng giám mục thánh Proterius và muốn trục xuất ngài khỏi Giáo hội. Vào thời điểm đó, Timôthê tại Alexandria đã tập hợp được nhiều kẻ nổi loạn xung quanh mình; ông ta dụ dỗ một số người, còn những người khác thì bí mật đưa tiền cho họ. Chờ đến thời điểm thuận lợi, khi quan tổng trấn Dionysius vắng mặt khỏi thành phố – ông ta đang lưu lại ở Thượng Ai Cập – Timôthê cùng với đông đảo những người đồng chí hướng, cùng với đội quân vũ trang do ông ta thuê mướn và các tu sĩ đã đến hỗ trợ, đã tiến vào nhà thờ. Trong số những kẻ nổi loạn có hai giám mục bị truất phế và một số giáo sĩ cũng bị khai trừ. Họ đã tấn phong Timôthê làm giám mục và phong ông làm tổng giám mục Alexandria. Ông đã làm điều này trái với mọi quy tắc của Giáo hội, coi thường mọi luật lệ của hoàng đế, chỉ trông cậy vào đám đông nổi loạn và các tu sĩ bị lôi kéo.

Đức Thượng phụ Proterius, khi chứng kiến cuộc nổi loạn như vậy và không nhận được sự giúp đỡ từ ai do sự vắng mặt của quan tổng trấn, đã quyết định trốn chạy. Vào ban đêm, ngài lén lút rời khỏi thành phố. Khi ngài chìm vào giấc ngủ tại một nơi ẩn náu, nhà tiên tri Ê-sai đã hiện ra trong giấc mơ và nói:

– Hãy trở về thành phố, ở đó Ta sẽ chờ ngài!

Suy ngẫm về giấc mơ ấy, Proterius nhận ra rằng ngài sắp phải chịu cái chết tử đạo. Ngài quay trở lại và bước vào nhà thờ nơi có bể rửa tội. Trong khi đó, những kẻ nổi loạn, với ý định giết Thánh Proterius, đã lùng sục khắp nơi để tìm ngài. Khi biết ngài đang ở trong nhà thờ, họ đã nhốt ngài lại ở đó. Sau đó, một số kẻ trong bọn chúng xông vào và giết chết ngài cùng sáu người đang ở bên cạnh, đồng thời dùng những đầu nhọn sắc bén của những cây gậy sắt – thứ mà bọn hành hình mang theo – để xé nát toàn bộ thân thể vị thánh. Chúng đã đổ máu vô tội ngay vào thời điểm mà Chiên Con Phục Sinh của chúng ta – Đức Kitô – bị sát hại vì chúng ta; vụ giết người này xảy ra vào Thứ Bảy Tuần Thánh. Nhưng những kẻ sát nhân vẫn chưa thỏa mãn với máu và còn đẩy sự tàn bạo của mình đi xa hơn nữa. Sau khi buộc dây thừng vào chân vị tử đạo của Chúa Kitô, chúng lôi thi thể thánh của ngài ra giữa thành phố, đồng thời đánh đập ngài bằng đủ loại vũ khí, xé xác ngài thành từng mảnh. Một số kẻ, trong cơn thịnh nộ tột độ, như những con chó hay thú dữ, đã cắn xé thân thể Ngài bằng răng. Sau khi đốt một đống lửa lớn, chúng thiêu rụi thi thể vị Thánh Tử Đạo của Chúa Kitô, rồi rải tro cốt của Ngài lên không trung[2125] . Trong lúc đó, theo lệnh của vị tổng giám mục giả mạo Timôthê, chúng thậm chí còn thiêu rụi cả ngai giám mục mà Thánh Protêriô từng ngự, như thể ngai đó đã bị vị thánh nhân làm ô uế; như vậy, những kẻ xấu xa và vô đạo đã tuyên bố vị thánh nhân của Đức Chúa Trời là kẻ vô thần.

[2125] Thánh Proterius đã tử đạo vào năm 467, dưới triều đại của Hoàng đế Lêô Đại đế.

Sau vụ sát hại dã man Thánh Proterius, Timotheus đã phái binh lính của mình đi khắp các thành phố Ai Cập để trục xuất các giám mục Chính Thống, và thay vào đó bổ nhiệm những người khác do chính ông ta chỉ định. Lúc bấy giờ, các giám mục và giáo sĩ Chính Thống Giáo đang bị đàn áp cùng tất cả các tín hữu đã gửi đơn thỉnh cầu đến vị hoàng đế đạo đức Lê, người đã lên ngôi sau Markian; các tín hữu Chính Thống Giáo cũng gửi đơn thỉnh cầu tương tự đến Đức Thánh Cha Anatolius, Tổng Giám mục Constantinopolis; trong các bản thỉnh cầu, họ kể lại tất cả những gì đã xảy ra và khẩn thiết cầu xin cứu Giáo hội Alexandria khỏi thảm họa này. Hoàng đế và tổng giám mục đều vô cùng thương xót trước vụ sát hại vô nhân đạo vị thánh, vị giám mục vô tội của Chúa, Proterius. Hoàng đế lập tức cử các quan chức cao cấp cùng quân đội đến Alexandria, và nhiều kẻ nổi loạn đã bị xử tử: một số bị chặt tay, một số khác bị cắt lưỡi, một số bị giam vào ngục tối, số còn lại bị đánh đập và bị trục xuất. Riêng Timôthê Êlur, vị tổng giám mục giả mạo, đã bị đưa ra xét xử. Sau khi bị các giám mục Chính thống kết án, ông ta đã phải gánh chịu hình phạt xứng đáng với tội lỗi của mình: họ không chỉ tước bỏ chức vụ giám mục của ông ta, mà còn khai trừ ông ta khỏi Giáo hội của Chúa Kitô, rồi đày ông ta đến thành phố Gangra, nơi mà trước đây thầy của ông ta là Dioscorus cũng từng bị giam cầm. Thay thế ông, một Timôthê khác, có biệt danh là Salofakiol, đã được tấn phong làm tổng giám mục tại Alexandria. Ông nổi bật nhờ đức tin vững vàng, sự khôn ngoan và đời sống đạo đức, nhờ đó mà được mọi người kính trọng. Và hòa bình đã trở lại trong Giáo hội Alexandria, từ đó trở đi, Giáo hội này cùng với tất cả các tín hữu Chính thống đã ca ngợi Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Basil, vị Cha đáng kính của chúng ta, vị Tử đạo

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 2

Thánh Basil sống dưới triều đại của Hoàng đế Leo Isaurian, người chống lại việc thờ phượng các thánh tượng. Bỏ lại thế gian với những cám dỗ của nó, ngài gia nhập tu viện và sống đời tu hành đầy đức hạnh. Khi cuộc đàn áp việc tôn kính các thánh tượng diễn ra, Thánh Vasilie đã dũng cảm chống lại những kẻ chống thánh tượng. Vì điều này, ngài bị bắt và phải chịu nhiều cực hình; nhưng bất chấp điều đó, Vasilie vẫn bác bỏ giáo lý dị giáo của những kẻ chống thánh tượng và cùng với Thánh Prokopios đứng vững vì lẽ thật cho đến khi đổ máu. Giống như Thánh Prokopios, ngài bị đánh đòn khắp cơ thể; sau đó ngài bị giam vào ngục tối, nơi ngài phải chịu đựng trong một thời gian dài – cho đến khi vị vua vô đạo qua đời. Sau khi kẻ hành hạ qua đời, Thánh Basil được thả ra cùng với Thánh Procopius và các vị chứng nhân khác, và ngài tiếp tục sống như trước đây trong những công việc tu hành, dẫn dắt nhiều người trở về với đức tin Chính Thống và dạy dỗ họ sống một cuộc đời đạo đức. Sau vài năm sống đời thánh thiện, ngài được ban ân sủng ra đi trong bình an và với lời cầu nguyện, lòng biết ơn cùng niềm vui khôn tả, ngài đã về với Chúa[2126] , Đấng mà ngài đã yêu mến từ thuở ấu thơ.

Bài thánh ca, giọng 1:

Ngài là người ẩn tu, là Thiên Thần trong thân xác và là vị làm phép lạ, hỡi Cha Basilius, Đấng mang Thánh Thần, nhờ việc ăn chay, thức đêm và cầu nguyện, Ngài đã nhận được ân sủng từ trời cao, chữa lành những người bệnh tật và những linh hồn chạy đến với Ngài bằng đức tin. Vinh quang thuộc về Đấng đã ban cho ngài sức mạnh, vinh quang thuộc về Đấng đã phong chức cho ngài, vinh quang thuộc về Đấng hành động qua ngài để chữa lành mọi người.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài đã nhận được sự mặc khải thiêng liêng từ trên cao, hỡi vị Thánh khôn ngoan, Ngài đã rời bỏ thế gian ồn ào, sống đời tu hành thánh thiện, thực hiện những phép lạ và chữa lành bệnh tật bằng ân sủng, hỡi Thánh Basil, vị Thánh tối cao và đầy phúc lành.

[2126] Thánh Basil qua đời vào khoảng năm 750.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Nestor, Giám mục Magidius

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 2

Thánh Nestor đã bị bắt tại nhà riêng trong lúc đang cầu nguyện; trước đó, ngài đã được báo trước về cuộc tử đạo của mình qua một thị kiến về con cừu; ngài đã được Irinarchos, quan trưởng thành Magidis (thuộc vùng Pamphylia ở Tiểu Á), đích thân dẫn giải đến Pergia[2127] . Trên đường đi, Thánh Nestor đã được củng cố tinh thần nhờ một trận động đất và tiếng nói từ trời cao. Tại Pergia, sau những cực hình khủng khiếp, ngài đã trút hơi thở cuối cùng trên thập tự giá trong cuộc bách hại dưới thời Đế chế Decius, vào năm 250.

Lễ kỷ niệm các nữ thánh Marina và Kira

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 2

Các nữ thánh Marina và Kira xuất thân từ thành phố Beria[2128] , là con của những bậc cha mẹ danh giá và nổi tiếng trong thành phố. Nhưng họ đã coi thường xuất thân quý tộc của mình và, khi đến tuổi trưởng thành, đã rời khỏi thành phố, tự tay rào lại cho mình một mảnh đất nhỏ, rồi lấp lối vào nơi ẩn dật bằng đá và đất sét, chỉ chừa lại một lỗ nhỏ để nhận thức ăn cần thiết và trò chuyện với những người đến thăm, rồi bắt đầu tu hành tại nơi được rào kín đó, dưới trời mở. Trong lòng ngợi khen Thiên Chúa, các vị thánh luôn giữ im lặng và chỉ phá vỡ sự im lặng đó một lần mỗi năm mươi ngày, chỉ trong một ngày. Dưới những bộ áo tu sĩ rộng thùng thình, các vị thánh đeo những xiềng xích sắt rất nặng trên người và với lòng kiên nhẫn phi thường, họ chịu đựng cơn đói và những đau khổ do nó gây ra. Trong ba năm liên tiếp, các ngài chỉ dùng bữa một lần mỗi bốn mươi ngày. Một lần, khi lên đường hành hương đến Thánh Mộ Chúa, các ngài không ăn uống gì cho đến khi hoàn tất nghi thức thờ phượng; và trên đường trở về, các ngài đã đi hết quãng đường dài 20 stadia mà không ăn uống gì. Họ cũng đã thực hiện một hành động anh hùng tương tự khi thực hiện chuyến hành hương đến đền thờ Thánh nữ Tử đạo Thekla. Sau khi được ca ngợi nhờ lối sống khổ hạnh như vậy, các nữ thánh này cuối cùng đã bước vào cuộc sống vĩnh cửu mà họ hằng mong ước[2129] .

Ngày 14 tháng 3

29 tháng 2 (theo lịch cũ)

Tháng Ba

Lễ tưởng niệm Thánh Cha Cassianus người La Mã

Ngày tưởng niệm 29 tháng 2

Thánh Cassianus xuất thân từ Rôma và là con trai của một gia đình quý tộc và danh giá. Từ thuở thiếu thời, ngài đã bộc lộ tình yêu đối với các môn học và các sách Thánh Kinh. Với sự siêng năng và trí tuệ sáng suốt, ngài trước tiên học triết học và thiên văn học, sau đó chuyển sang nghiên cứu Thánh Kinh một cách thành kính và thấu đáo, đến nỗi với kiến thức của mình, ngài trở thành một trong những nhân vật xuất sắc nhất của thời đại. Ngoài ra, ngài còn giữ trinh tiết, nổi bật bởi sự trong sạch tâm hồn, đạo đức tốt và những đức tính cao quý khác. Rời bỏ quê hương, ngài đến Constantinople để gặp Thánh Gioan Vàng Miệng. Sau khi tiếp thu thêm kiến thức mới từ ngài và học được cách sống đạo đức, ngài lui về một tu viện hẻo lánh. Tại một trong những tu viện ở đó, Thánh Cassian đã nhận lễ khấn tu sĩ, hoàn toàn hiến dâng bản thân cho sự vâng phục và mọi công việc tu viện, rèn luyện bản thân cho cuộc sống tu hành gian khổ, đòi hỏi sự ăn chay và những công việc khổ hạnh khác. Những thử thách này đã khơi

[2127] Một thành phố ở Tiểu Á.
[2128] Thành phố Beria nằm ở Syria, phía đông thủ đô cổ đại của vương quốc Syria là Antioch.
[2129] Họ qua đời vào khoảng năm 450.

dậy trong ngài khát vọng hướng tới những thử thách mới, cao cả hơn, và ngài đã lên một nơi hoang vắng để sống cuộc đời im lặng tại đó. Thánh Cassian đã tu tập như vậy trong một thời gian dài, học cách nhận thức cám dỗ và tự rèn luyện bản thân bằng những công việc vất vả. Với mong muốn học hỏi được nhiều điều bổ ích từ các vị Thánh Cha khác, ngài đã rời khỏi nơi ngài tuân giữ sự im lặng tuyệt đối và viếng thăm tất cả các tu viện ở Ai Cập, vùng Thebaid, trên Núi Nitria, ở châu Á, Pontus và Cappadocia. Nhờ những chuyến đi này, sau khi tìm hiểu về cuộc đời của nhiều vị Thánh Cha vĩ đại và nghiên cứu các hình thức khác nhau của những công đức tu hành, Thánh Cassian đã thành lập hai tu viện tại Massilia, một dành cho nam và một dành cho nữ. Ngoài ra, ngài còn viết một số cuốn sách chứa đựng những lời răn dạy, tràn đầy những lời cảnh tỉnh đầy khôn ngoan và hữu ích, đến nỗi bất cứ ai đọc chúng một cách chú tâm và siêng năng đều có thể thu được lợi ích không nhỏ cho linh hồn mình và hiểu được cuộc đời cũng như tư tưởng của vị thánh tác giả những cuốn sách bổ ích này [2130] . Thánh Cassian còn viết chống lại Nestorius về sự nhập thể của Lời Thiên Chúa từ Đức Trinh Nữ Maria[2131] ; bằng cách tôn vinh Đức Mẹ theo truyền thống Chính Thống, vị thánh đã làm đẹp lòng Thiên Chúa, Đấng được sinh ra từ Mẹ. Sau nhiều năm sống giữa những công trình và việc làm cao cả ấy, và mang lại lợi ích to lớn cho các tu sĩ qua các tác phẩm của mình, Thánh Cassian đã về với cõi vĩnh hằng[2132] .

Lễ kính Thánh Gioan, còn được gọi là Varsanofi

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 2

Thánh Gioan là người gốc Palestine; năm mười tám tuổi, ngài chịu phép rửa tội và nhận lấy đời sống tu sĩ, đồng thời đặc biệt chuyên tâm vào việc ăn chay. Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, ngài được tấn phong làm Tổng Giám mục tại Damascus[2133] . Tuy nhiên, sau một thời gian ngắn tại chức Tổng Giám mục, ngài nhận ra rằng các trách nhiệm của chức vụ cao quý này khó có thể dung hòa với các việc tu hành, vì vậy Thánh Gioan đã từ bỏ chức vụ Giám mục và bí mật rời khỏi Damascus. Khi đến Alexandria[2134] , ngài đã đổi tên thành Varsonofius để không ai nhận ra ngài và không để lộ thân phận thực sự của mình. Từ Alexandria, ngài lên đường như một người lữ hành nghèo khó đến Núi Nitria[2135] ; sau khi kính cẩn chào vị tu viện trưởng của tu viện tại đây, Thánh Gioan đã xin ngài

---

[2130] Thánh Cassian – vị thầy hướng dẫn trong đời sống tu hành. Trong cuốn đầu tiên trong số 12 cuốn sách "Về các quy định của tu viện", ngài nói về hình thức bên ngoài của tu sĩ, tức là về trang phục; trong quyển thứ hai, về nghi thức thánh vịnh và kinh nguyện ban đêm; trong quyển thứ ba, về nghi thức kinh nguyện và thánh vịnh ban ngày; trong quyển thứ tư, về nghi thức từ bỏ thế gian. Trong 24 cuộc đối thoại với các vị cha, có những cuộc trò chuyện của các vị cha sa mạc về các chủ đề tâm linh khác nhau. Trong cuộc đối thoại thứ 13, ngài bàn luận về ân sủng.

[2131] Nestorius – thủ lĩnh tà giáo, quê quán tại thành phố Caesarea Germanica thuộc Syria bên bờ sông Euphrates; cả nguồn gốc lẫn năm sinh của ông đều không rõ; theo lời chứng của đối thủ chính của ông, Thánh Cyril thành Alexandria: "ông ta xuất thân từ bùn lầy và nguồn gốc của ông ta thật đáng hổ thẹn". Sau khi trở thành Thượng phụ Constantinopolis, ban đầu ông tự xưng là người nhiệt thành chống lại các tà giáo, nhưng sau đó chính ông lại bất ngờ trở thành kẻ tà giáo. Ông bắt đầu tuyên bố trong Giáo hội rằng Đức Trinh Nữ Maria không nên được gọi là Mẹ Thiên Chúa, vì bà không sinh ra Thiên Chúa, mà chỉ sinh ra con người Giêsu, Đấng chỉ là nơi ngự của Thiên Chúa và là phương tiện cứu rỗi của chúng ta; con người này, nhờ sự soi dẫn của Thánh Thần, đã trở thành Đấng Kitô, tức là Đấng được xức dầu, và Lời Thiên Chúa ngự cùng Người trong một sự hiệp nhất đặc biệt chỉ mang tính luân lý. Tại Công đồng Đại kết lần thứ ba (năm 431), tà thuyết của Nestorius đã bị lên án, còn bản thân ông bị đày trước tiên đến tu viện Evirene (gần Antioch), sau đó đến ốc đảo Ibis xa xôi ở Ai Cập, nơi ông qua đời vài năm sau đó.

[2132] Thánh Cassian qua đời vào ngày 23 tháng 7 năm 435. Ngày tưởng niệm Thánh Cassian – 29 tháng 2 – chỉ diễn ra vào năm nhuận. Khi tháng 2 chỉ có 28 ngày, thì nghi lễ tưởng niệm Thánh Cassian được cử hành trong giờ Vesper.

[2133] Damascus là thành phố thương mại chính và giàu có nhất của Syria, một trong những thành phố cổ xưa nhất trên thế giới; nằm về phía đông bắc Palestine, bên bờ sông Barada chảy qua thành phố, trên một đồng bằng xinh đẹp và trù phú, ở chân phía đông dãy núi Anti-Lebanon. Và hiện nay, Damascus, thuộc Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, là một trong những thành phố giàu có nhất châu Á và có tới 150.000 cư dân.

[2134] Alexandria – thành phố nổi tiếng, được Alexander Đại đế thành lập vào năm 331 trước Công nguyên bên bờ Biển Địa Trung Hải, ở Hạ (Bắc) Ai Cập, tại cửa sông Nile. Alexandria từng là thành phố hàng đầu thế giới và là trung tâm của thương mại, công nghiệp, đặc biệt là nền giáo dục ngoại giáo; còn trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, nơi đây trở thành cái nôi của nền giáo dục Kitô giáo. Theo truyền thuyết, Kitô giáo được mang đến đây bởi Thánh Mác-cô (trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Ả Rập là Iskander). Thành phố này thuộc số những thành phố cảng được củng cố vững chắc nhất và là những trung tâm thương mại quan trọng nhất ven Biển Địa Trung Hải, với dân số lên tới 230.000 người.

cho phép mình được phục vụ cộng đoàn tu sĩ. Vị tu viện trưởng đã chấp nhận và trao cho ngài áo tu sĩ. Thánh nhân bắt đầu tận tụy phục vụ các tu sĩ; ban ngày ngài bận rộn với công việc này, còn ban đêm thì thức trắng để cầu nguyện. Sáng sớm, ngài thu gom các quả bí và bình đựng nước từ tất cả các phòng tu, rồi đi ra sông; sau khi múc nước, ngài mang về và đặt bình nước trước mỗi phòng tu.

Một tu sĩ, người có trí tuệ hạn hẹp, đã gây phiền toái nghiêm trọng cho vị thánh: lúc thì gọi ngài bằng những biệt danh mỉa mai, lúc thì tạt nước thải vào người ngài. Bị ma quỷ xúi giục, vị tu sĩ vô đạo đức đó đã khoét một lỗ trên tường phòng tu nơi Thánh Gioan đang ở, và qua lỗ đó, hắn "thải nước tiểu" lên giường của vị thánh, khiến giường bốc mùi hôi thối.

Khi biết chuyện này, vị tu viện trưởng đã gọi anh em ấy đến để trừng phạt. Nhưng Varsonofi đã quỳ xuống dưới chân vị tu viện trưởng, khóc lóc nói rằng chính anh ta là người có lỗi trong việc này:

– Chính tôi, – vị thánh nói, – đã chọc giận anh em và khơi dậy cơn giận của anh ấy; xin hãy tha thứ cho anh ấy vì danh Chúa.

Nhờ vậy, ngài đã giúp người anh em ấy thoát khỏi hình phạt. Nhưng một thời gian sau, Gioan bị vị thánh Theodoros Nitrian nhận ra, nên đã rời khỏi ngọn núi và trốn sang Ai Cập. Tại đây, ngài đã thể hiện ân sủng của sự thấu suốt đến mức có thể nhận biết cả những ý nghĩ trong lòng con người. Ngài đã giải thoát Giáo Hội khỏi những kẻ dị giáo, viết nhiều cuốn sách bổ ích cho tâm hồn và an lành ra đi trong Chúa Giêsu Kitô[2136] , chính Ngài, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được vinh quang và tôn kính muôn đời. Amen.

Kỷ niệm Thánh Tử đạo Theoktist, Bề trên tu viện Pelikit

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 2

Vào thế kỷ VIII, dưới triều đại của Constantine Copronymus[2137] , ngài đã chịu khổ vì việc tôn kính các bức tượng thánh: mũi và tay ngài bị thiêu đốt bằng nhựa cây. Thánh Theoktist đã cùng chia sẻ những đau khổ với Thánh Stephen Mới.

Ngày 14 tháng 3

Ngày 1 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm các thánh tử đạo Marcella và Antony, những người đã bị thiêu sống vì Chúa Kitô.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh nữ Tử đạo Evdokia

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 3

[2135] Núi Nitria nằm cách sa mạc Nitria – tọa lạc ở phía tây bắc Ai Cập – một quãng đường đi trong một ngày (25–30 verst). Sa mạc khô cằn, đầy đá này từng là nơi ưa thích của các ẩn sĩ Ai Cập, những người nổi tiếng với những hành động khổ hạnh. Tại đây, các tu sĩ đã định cư để tìm kiếm sự ẩn dật tuyệt đối và sự tĩnh lặng không thể xâm phạm – nhằm sống trọn vẹn trong Thiên Chúa Duy Nhất.

[2136] Thánh Gioan qua đời vào nửa sau thế kỷ V. Năm 457, Hoàng đế Lêô đã thông báo cho ngài, cùng với các giám mục khác, về cái chết tử đạo của Proterius (xem ngày 28 tháng 2), Tổng Giám mục Alexandria.

[2137] Thời kỳ trị vì của Constantine Copronymus (741–775) là giai đoạn phát triển đỉnh cao của tà thuyết chống thánh tượng trong Giáo hội Hy Lạp. Những người bảo vệ việc tôn kính thánh tượng dũng cảm nhất vào thời điểm đó chính là các tu sĩ, và vì lý do này, hoàng đế đã ra lệnh hành quyết họ một cách tàn bạo. Theo lời sử gia Nikiforos, các tu sĩ bị đập vỡ đầu ngay trên chính những bức thánh tượng mà họ đã đứng ra bảo vệ. Nói chung, cuộc đàn áp đối với các tín hữu Chính Thống Giáo dưới thời Kopronymus gợi nhớ đến thời kỳ của hoàng đế ngoại giáo Diocletianus, kẻ đã tra tấn dã man các Kitô hữu.

Vào thời trị vì của Trajan[2138] , tại thành phố Iliopolis[2139] , thuộc Kelesiria[2140] , trong vùng Phoenicia của Lebanon[2141] , giáp ranh với xứ Do Thái, có một thiếu nữ tên là Eudokia. Về nguồn gốc và tín ngưỡng, cô là người Samaria[2142] . Bằng vẻ đẹp lộng lẫy của mình, cô đã lôi kéo nhiều người một cách tàn nhẫn vào con đường diệt vong, thông qua sự dâm dục – một cách kiếm tiền dễ dàng – để thu thập tài sản đáng hổ thẹn từ sự giàu có của các vùng đất đó. Khuôn mặt cô đẹp đến mức ngay cả một họa sĩ cũng khó lòng miêu tả được vẻ đẹp ấy. Tin đồn về nàng lan truyền khắp nơi, và vô số thanh niên quý tộc, thậm chí cả các quan chức từ các quốc gia và thành phố khác, đổ xô đến Iliopolis, dường như vì một lý do khác, nhưng thực chất chỉ để chiêm ngưỡng và tận hưởng vẻ đẹp của Evdokia, người đã tích lũy được khối tài sản gần như ngang bằng với kho bạc hoàng gia nhờ những hành vi tội lỗi. Và qua quá trình tích lũy của cải kéo dài đó, tâm hồn Evdokia đã trở nên chai sạn trong cuộc sống ô uế của mình và lòng cô đã hóa đá trong sự cay độc, đến nỗi không có sức mạnh nào, ngoài sức mạnh của Thiên Chúa, có thể chữa lành căn bệnh tâm hồn vô vọng của người phụ nữ tội lỗi tuyệt vọng này. Tuy nhiên, đã đến lúc bàn tay cứu rỗi khỏi sự diệt vong của vị Mục tử nhân lành, Đấng đi tìm con chiên lạc, vội vã đến với nàng: Đấng Tạo Hóa đã nhìn xuống tạo vật của Ngài, vốn đã bị sự độc ác của ma quỷ làm hư hỏng, và Ngài muốn làm mới lại nó. Chủ nhà chân chính đã quan tâm đến những trái cây trong vườn nho của Ngài, vốn đang bị kẻ thù cướp bóc. Đấng cai quản kho tàng thiên đàng đã vội vã đón nhận đồng drachma đang nằm lăn lóc trong bùn đất và sắp hư mất vào kho tàng vĩnh cửu. Đấng Bảo Trì những ân huệ mà những người công chính mong đợi đã kêu gọi người phụ nữ Samari tuyệt vọng này đến với Niềm Hy Vọng Hoàn Hảo của Ngài, và khiến ma quỷ phải xấu hổ. Ngài đã làm cho người từng nằm lăn lóc trong đầm lầy như súc vật trở nên trong sạch như con chiên non; cái bình từng chứa đầy ô uế nay đã tràn đầy sự trong sạch; hố phân đã trở thành suối nước trong vắt, yên bình; dòng nước bẩn thỉu đã biến thành hồ nước thơm ngát; mùi hôi thối của cái giếng mục nát và bốc mùi đã hóa thành alabastra – loại dầu thơm quý giá; điều mà đối với nhiều người là cái chết thuộc linh, thì chính điều đó lại trở thành nguyên nhân cứu rỗi cho nhiều người khác. Đó là cách mà hành trình trở về với Chúa của người phụ nữ tội lỗi vĩ đại này bắt đầu.

Một tu sĩ tên là Herman đang trên đường trở về tu viện của mình qua thành Ilion sau chuyến đi. Ông đến thành phố vào buổi tối và ghé ở lại nhà một người bạn đồng đạo, sống gần cổng thành; phòng của ông liền kề với bức tường ngôi nhà của cô gái mà chúng ta đang nói đến. Vị tu sĩ, sau khi chợp mắt một lát, đã thức dậy vào ban đêm như thường lệ để hát thánh vịnh; và sau khi hoàn thành nghi thức quy định, ông ngồi xuống, lấy cuốn sách mà ông mang theo trong áo, rồi đắm chìm vào việc đọc trong một thời gian dài. Trong cuốn sách có viết về Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Đức Chúa Trời và rằng những người công chính sẽ được chiếu sáng như mặt trời trong Nước Trời, còn những kẻ tội lỗi sẽ bị ném vào lửa không tắt, nơi họ sẽ phải chịu những cực hình khủng khiếp mãi mãi. Chính trong đêm đó, theo sự an bài của Đức Chúa Trời, Evdokia ở một mình. Phòng ngủ mà cô tự nhốt mình lại nằm sát bức tường phía sau đó, nơi vị tu sĩ đang miệt mài cầu nguyện và đọc kinh. Khi vị tu sĩ bắt đầu hát Thánh vịnh, Evdokia lập tức tỉnh giấc và, nằm trên giường, lắng nghe cho đến tận cuối buổi đọc. Cô nghe rõ mọi lời vị tu sĩ đọc, bởi chỉ có một bức tường mỏng ngăn cách họ, huống chi vị tu sĩ lại đọc rất to. Trong khi lắng nghe, người phụ nữ tội lỗi ấy cảm thấy vô cùng xúc động và không ngủ cho đến tận bình minh, với trái tim run rẩy suy ngẫm về vô số tội lỗi của mình, về Ngày Phán Xét Cuối Cùng và sự đau khổ không thể chịu đựng được của những kẻ có

[2138] Hoàng đế La Mã Trajan trị vì từ năm 98 đến năm 117 theo P. X.

[2139] Iliopol – Iliopolis – thành phố của mặt trời.

[2140] Kelesiria – "Syria sâu thẳm" – dải đất trũng trong dãy núi Lebanon ở phía bắc Palestine.

[2141] Phoenicia thuộc Lebanon – phần phía đông của Phoenicia, giáp với dãy núi Lebanon, còn Phoenicia chính nó chiếm phần tây bắc của Palestine, giáp với Biển Địa Trung Hải. Các thành phố chính của nó – Tyre, Sidon, Sarepta – được đề cập trong Phúc Âm.

[2142] Samaria – phần trung tâm của Palestine, giáp với Galilee và Phoenicia ở phía bắc, giáp với Judea ở phía nam và tiếp giáp với Biển Địa Trung Hải. Dân cư nơi đây bao gồm mười chi phái của Israel, ngoại trừ chi phái Giu-đa và chi phái Bê-na-min. Tôn giáo của người Sa-ma-ri là một nhánh tách ra từ Do Thái giáo. Ban đầu, cư dân Sa-ma-ri không có gì khác biệt so với người Do Thái, họ tuân theo cùng một Luật Môi-se. Sau đó, do có quan hệ giao lưu với các dân ngoại, họ đã đánh mất sự thuần khiết của tôn giáo Do Thái và dần dần tách khỏi người Do Thái, đến nỗi vào khoảng năm 335 trước Công nguyên, họ thậm chí còn xây dựng một đền thờ riêng biệt với người Do Thái trên núi Garizim và thiết lập tại đó một nghi lễ thờ phượng đặc biệt, có một số điểm tương đồng với nghi lễ thờ phượng tại đền thờ Giê-ru-sa-lem. Kể từ thời điểm đó, điểm cốt lõi trong giáo lý phân chia người Do Thái và người Samari chính là giáo lý về nơi thờ phượng chân chính (Giăng 4:19–20). Ngoài ra, trong tất cả các sách của Cựu Ước, họ chỉ công nhận Ngũ Kinh của Môi-se là thiêng liêng, và ngay cả Ngũ Kinh này cũng đã bị sửa đổi ở một số chỗ so với bản gốc. Họ bác bỏ tất cả các sách còn lại của Cựu Ước, mặc dù họ cũng có một loại biên niên sử riêng mang tên "Sách Giê-su" – một bản sửa đổi của Sách Giê-su Na-vin.

tội. Ngay khi trời sáng, cô (dưới sự tác động của ân sủng Thiên Chúa, thúc đẩy cô ăn năn) đã ra lệnh gọi người đã đọc sách suốt đêm đến gặp mình, và khi anh ta đến, cô hỏi anh ta:

– Anh là ai và đến từ đâu? Anh sống ra sao và theo đạo gì? Tôi xin anh, hãy nói cho tôi biết toàn bộ sự thật. Khi nghe những gì anh đã đọc vào ban đêm, tôi cảm thấy bối rối, và tâm hồn tôi đau đớn khôn xiết, vì tôi đã nghe thấy điều gì đó đáng sợ và kỳ lạ, mà cho đến nay tôi vẫn chưa từng biết. Và nếu sự thật là những kẻ tội lỗi sẽ bị ném vào lửa, thì ai có thể được cứu rỗi?

Thánh German đã nói với bà:

– Thưa phu nhân! Niềm tin của ngài là gì, nếu ngài chưa từng nghe nói về Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Đức Chúa Trời và không hiểu ý nghĩa của những lời tôi vừa đọc?

– Về quê hương và đức tin của tôi, – Evdokia nói, – tôi là người Samari; tài sản của tôi vô cùng lớn, và điều khiến tôi đặc biệt bối rối và kinh hãi chính là nỗi đau khổ cùng ngọn lửa vĩnh cửu và không thể dập tắt mà cuốn sách ngài đang đọc đe dọa những người giàu có. Trong các sách của đức tin chúng tôi, tôi chưa bao giờ gặp những lời như vậy, và vì thế tôi đã rất lo lắng khi nghe thấy điều gì đó mới mẻ và bất ngờ.

Thánh German hỏi:

– Bà có chồng chưa, thưa bà? Và của cải vô biên mà bà nói đến đó đến từ đâu?

– Tôi không có chồng hợp pháp, – bà trả lời, – còn của cải của tôi là do nhiều người đàn ông mang lại. Và nếu những người giàu có bị kết án sau khi chết phải chịu sự đau khổ nặng nề và vĩnh cửu như vậy, thì của cải của tôi có ích gì cho tôi?

Hermann nói với bà:

– Hãy nói cho tôi biết sự thật (vì Đấng Kitô của tôi, Đấng mà tôi phụng sự, là Đấng chân thật và không giả dối), bà có muốn được cứu rỗi mà không cần của cải, và sống an lành, trong niềm vui và hạnh phúc, suốt muôn đời không? Hay bà muốn cùng với của cải của mình phải chịu cực hình tàn khốc trong lửa vĩnh cửu?

– Thà tôi không có của cải mà được sự sống đời đời còn hơn – Evdokia đáp – hơn là có của cải mà rồi một ngày nào đó sẽ bị hủy diệt mãi mãi. Nhưng tôi thắc mắc, tại sao người giàu lại phải chịu hình phạt như vậy sau khi chết? Chẳng lẽ Đức Chúa Trời của các ngươi lại nuôi dưỡng một lòng căm ghét tàn nhẫn và không khoan nhượng đến thế đối với những người giàu sao?

– Không, – Herman nói, – Đức Chúa Trời không ghê tởm người giàu và cũng không cấm họ trở nên giàu có, nhưng Ngài ghét việc tích lũy của cải một cách bất chính và việc sử dụng của cải để sống trong những thú vui và dục vọng tội lỗi; vì vậy, nếu ai tích lũy của cải bằng con đường hợp pháp và dùng số của cải đó vào những việc thiện, thì người đó vô tội và công chính trước mặt Đức Chúa Trời, còn ai tích lũy của cải bằng cách trộm cắp, cướp bóc và bất chính, hay nói chung là bằng bất kỳ hành vi tội lỗi nào, ai cất giữ của cải trong kho tàng của mình mà không thương xót người nghèo, không bố thí cho kẻ xin ăn, không cho người trần truồng mặc, không cho người đói khát no bụng, – thì người đó sẽ phải chịu hình phạt không thương xót.

Eudokia hỏi:

– Còn của cải của tôi, ngài có thấy là bất chính không?

Hermann đáp:

– Quả thật, nó là bất chính và còn ghê tởm hơn mọi tội lỗi trước mặt Đức Chúa Trời.

Rồi nàng nói:

– Tại sao lại như vậy? Chẳng phải tôi đã cho nhiều người không có quần áo mặc được mặc, cho nhiều người đói khát được ăn no, và còn giúp một số người khác một ít vàng nữa sao? Sao anh lại gọi sự giàu có là điều xấu?

– Thưa phu nhân, – Herman nói, – xin hãy lắng nghe tôi kỹ lưỡng: chẳng ai khi vào nhà tắm để tắm rửa lại muốn ngâm mình vào nước bẩn thỉu, đục ngầu, ghê tởm và hôi thối, mà chỉ tắm rửa ở nơi có nước trong sạch. Làm sao ngài có thể chỉ nhờ một vài việc làm từ thiện mà tẩy sạch được vết nhơ hôi thối và ghê tởm của tội lỗi, trong khi ngài lại tự nguyện lăn lộn trong đó và đồng thời khinh thường dòng nước trong sạch của lòng thương xót Thiên Chúa? Dù sao đi nữa, đầm lầy ô uế của tội lỗi này, giống như trận đại hồng thủy, sẽ cuốn ngươi với sức mạnh khủng khiếp xuống vực thẳm đầy lưu huỳnh và nhựa đường, nơi đang bùng cháy ngọn lửa vĩnh cửu của cơn thịnh nộ Thiên Chúa. Vì sự giàu có mà ngươi sở hữu, dù lớn lao đến đâu, cũng gây ghê tởm cho Đấng Tối Cao và Đấng Phán Xét Vĩnh Cửu, và đã bị kết án trước cả Ngày Phán Xét Đáng Sợ, vì được tích lũy trong sự lừa dối và dâm dục. Và việc thỉnh thoảng ngươi chia sẻ một phần nhỏ từ khối tài sản khổng lồ nhưng ô uế và tội lỗi ấy cho vài người nghèo khổ sẽ chẳng giúp ích gì cho ngươi – bởi phần thưởng cho đức hạnh nhỏ nhoi ấy bị hủy diệt bởi vô số hành vi

xấu xa, giống như mùi hương tinh tế bị át đi bởi mùi hôi thối nồng nặc. Không, ngươi sẽ không bao giờ nhận được ân sủng nào chừng nào ngươi còn tự nguyện sống trong sự ô uế, và ngươi chỉ có thể được hưởng lòng thương xót của Thiên Chúa khi đã từ bỏ mùi hôi thối tội lỗi vô biên của mình, rửa sạch bản thân bằng những giọt nước mắt sám hối và trang điểm cho mình bằng những việc làm công chính. Giống như người đi chân trần trên bụi gai, có rất nhiều mảnh gai nhọn; dù có nhổ bỏ được một số, vẫn còn rất nhiều mảnh gai đâm vào cơ thể và gây ra đau đớn; cũng giống như vậy, dù một lần nào đó ngươi có bố thí một chút cho người nghèo, dù điều đó có giúp ngươi xóa bỏ một tội lỗi nhỏ nào đó, thì gai góc tội lỗi lớn nhất vẫn còn đọng lại trên lương tâm ngươi và sẽ dẫn ngươi đến cực hình nặng nề nhất. Đấng ban thưởng đáng sợ và công chính – Thiên Chúa, Đấng đang phẫn nộ với ngươi và đe dọa ngươi bằng những cực hình vĩnh cửu và không thể chịu đựng được, vốn được dành sẵn cho những kẻ tội lỗi không ăn năn. Nhưng nếu ngươi muốn lắng nghe ta, thì ngươi có thể thoát khỏi những cực hình đang chờ đợi ngươi và nhận được niềm vui vĩnh cửu.

Eudokia nói:

– Hỡi tôi tớ của Đức Chúa Trời hằng sống, tôi khẩn cầu ngài, xin hãy ở lại với tôi một chút, hãy kể cho tôi nghe chi tiết về những việc làm nào có thể giúp ta được hưởng ân sủng của Đức Chúa Trời, để tôi, bằng cách noi gương đó, cũng có thể được cứu rỗi. Tôi sẵn sàng dùng của cải của mình để làm việc thiện. Ngài đã nói rằng Đức Chúa Trời yêu thích việc phân phối của cải một cách công bằng và đạo đức: còn tôi thì chẳng có gì cản trở, dù phải giảm bớt một phần tài sản gia đình, để thoát khỏi những cực hình mà, theo lời ngài, những kẻ bị Đức Chúa Trời ghét bỏ sẽ phải chịu vào ngày phán xét. Này, thưa cha đáng kính, tôi có không ít nô lệ. Dưới sự dẫn dắt của cha, tôi sẽ dẫn họ, mang theo vàng, bạc và những vật quý giá, đến với Đức Chúa Trời của cha, miễn là Ngài, nhờ lời cầu thay của cha, vui lòng nhận lễ vật của tôi và ban cho tôi sự cứu rỗi.

– Đừng phán xét về Đức Chúa Trời – Herman nói với nàng – theo thói quen của loài người, đừng nghĩ rằng Ngài cần những vật vô giá trị ấy, dù chúng quý giá đối với con người; vì Ngài, vốn giàu có hơn tất cả các vị vua trần gian gấp bội, đã tự nguyện trở nên nghèo khó vì chúng ta, để bằng sự nghèo khó đau khổ ấy, mua chuộc cho chúng ta sự cứu rỗi vĩnh cửu. Con gái của cha, hãy chia sẻ của cải của con cho những người bệnh tật và nghèo khó, vì họ được Chúa yêu mến: những gì ai đó ban cho họ, Ngài coi như được ban cho chính Ngài, và đối với của cải tạm thời được chia cho người nghèo, Ngài sẽ ban thưởng bằng những kho tàng thiên đàng, những kho tàng không bao giờ cạn kiệt. Hãy làm như vậy, rồi hãy đến với bồn rửa tội thánh thiêng và cứu rỗi; sau khi được tẩy sạch mọi vết nhơ của tội lỗi, con sẽ trở nên trong sạch và vô tì vết, được tái sinh nhờ ân sủng của Chúa Thánh Thần, và nhận được phần thưởng hạnh phúc, nơi con sẽ được hưởng ánh sáng vĩnh cửu bất diệt, nơi không có nỗi buồn, bệnh tật hay tội ác. Con sẽ trở thành con chiên thánh, được Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, chăn dắt trên những đồng cỏ thiên đàng. Nói tóm lại: nếu con muốn được cứu rỗi, con gái của ta, hãy làm theo lời ta khuyên, và con sẽ được hạnh phúc muôn đời.

Eudokia đáp lại:

– Nếu những lời mà cha đã đọc, những lời mà con đã nghe rất rõ ràng trong đêm qua, không in sâu vào tâm trí con, thì con đã không gọi cha đến đây. Vậy thì, thưa Cha, xin hãy lấy từ con bao nhiêu vàng tùy ý và ở lại đây vài ngày, dạy dỗ con về đức tin Kitô giáo của các ngài và hướng dẫn con về các đức tính, để con, sau khi phân phát hết của cải và tài sản của mình, và sắp xếp mọi việc cho chu toàn, có thể theo chân Cha, dù Cha đi đâu chăng nữa.

Thánh German đã đáp lại rằng:

– Ta không cần vàng: chỉ cần hy vọng ngươi được cứu rỗi là đủ đối với ta, và đó là lý do chính đáng để ta nán lại đây vài ngày, nếu ta tìm thấy con chiên lạc và đưa nó về chuồng của Chúa Kitô. Vì vậy, dù ta đang vội vã trở về tu viện của mình, nhưng ta sẽ ở lại đây vài ngày vì sự hoán cải của ngươi hướng về Thiên Chúa. Còn con hãy làm theo mọi điều ta dặn – hãy mời một trong những vị trưởng lão Kitô giáo đang sống tại thành phố này, và xin ngài ấy, sau khi dạy dỗ con, hãy làm phép rửa tội cho con theo nghi thức của Giáo hội, vì đó là khởi đầu và nền tảng của sự cứu rỗi; rồi sau đó, mọi việc thánh thiện khác sẽ diễn ra theo trật tự của nó.

Nghe những lời này từ vị tu sĩ đáng kính, Evdokia gọi một người hầu trong nhà và ra lệnh cho anh ta lập tức đến nhà thờ Kitô giáo và xin vị linh mục đến ngay với người đang cần gặp ngài; đồng thời, bà cấm anh ta tiết lộ danh tính và lý do của người đó. Vị linh mục nhanh chóng đến. Thấy ngài, Evdokia cúi đầu chào ngài đến tận đất, hôn chân ngài và nói:

– Tôi xin ngài, thưa ngài, hãy kể cho tôi nghe về đức tin của ngài: tôi cũng muốn trở thành một tín đồ Kitô giáo.

Vị linh mục, ngạc nhiên trước những lời nói đó, hỏi Evdokia:

– Niềm tin của con là gì mà con lại muốn chuyển sang đạo Kitô?

Cô đáp:

– Tôi là người Samari, cả về nguồn gốc lẫn đức tin, và tôi từng là vợ của cả thế gian. Tôi sẽ thú nhận trước ngài toàn bộ sự thật chỉ trong một lời. Tôi là biển cả của muôn vàn điều ác; nhưng khi nghe rằng những kẻ có tội, nếu không ăn năn và không trở thành Kitô hữu, thì sau khi chết sẽ phải chịu đau khổ trong lửa đời đời, lúc đó tôi đã quyết định trong lòng mình sẽ trở thành một Kitô hữu.

Vị linh mục đáp lại:

– Nếu ngươi từng là biển tội lỗi, thì giờ đây hãy trở thành bến đỗ của sự cứu rỗi; nếu trước đây con từng bị nhiều cơn gió thổi lay động, thì giờ đây hãy vào bến đỗ yên bình; và nếu con từng phải chịu sóng gió dữ dội, thì giờ đây hãy tìm sương mai rơi xuống từ trời cao; nếu con từng bị ngập chìm trong trận lụt kéo dài, thì từ nay hãy tìm người lái thuyền tốt lành, để ngài dẫn dắt con an toàn đến bến đỗ yên bình của ngài, nơi chứa đựng kho tàng của mọi sự chân lý; hãy nỗ lực để trở thành người thừa kế những ân huệ ở đó. Hãy chia sẻ của cải trần gian của mình cho những người nghèo khó và giải thoát bản thân khỏi nỗi buồn của tội lỗi, cũng như khỏi bóng tối và ngọn lửa không thể dập tắt đang chờ đợi ngươi, nếu ngươi không ăn năn.

Nghe vậy, Evdokia rơi nước mắt, đập tay vào ngực và nói:

– Có thật là Đức Chúa Trời của ngài không có lòng thương xót đối với những kẻ có tội không?

Vị linh mục trả lời:

– Đối với những kẻ tội lỗi ăn năn, sau khi họ nhận lãnh dấu hiệu của đức tin, tức là phép rửa tội thánh, Chúa sẽ tha thứ mọi tội lỗi của cuộc đời trước đây, cuộc đời vô tín; còn những ai vẫn chìm đắm trong tội lỗi và không nghĩ đến việc ăn năn thì sẽ không được tha thứ, và những kẻ ấy sẽ bị hành hạ mà không được thương xót.

– Hãy nói cho tôi biết, thưa vị linh mục, – Evdokia hỏi, – ngài có nghĩ rằng trên thiên đàng có điều gì vĩ đại và tốt đẹp hơn những gì có trên trần gian không? Chẳng phải chúng ta thực sự có rất nhiều kho báu bằng vàng, bạc và đá quý, đủ loại thú vui và khoái lạc, hơn nữa còn có cá và chim dồi dào cùng vô số các món ăn và thức uống sao? Vậy thì trên thiên đàng còn có gì hơn tất cả những điều này?

– Nếu con không dời tâm trí khỏi những cám dỗ của thế gian này – vị linh mục nói với cô – và không khinh thường những thú vui tạm bợ, thì con sẽ không thể hướng ánh mắt về cuộc sống vĩnh hằng và nhận biết những niềm vui không thể diễn tả cùng những của cải vô cùng phong phú đang hiện hữu ở đó. Nhưng nếu con muốn có được chúng, hãy quên đi sự kiêu ngạo và những niềm vui của cuộc đời này, đừng nhớ đến những điều ngọt ngào của thế gian này.

Eudokia đáp lại:

– Xin đừng để xảy ra, thưa ngài, việc con yêu mến bất cứ điều gì tạm bợ và sớm tan biến hơn là cuộc sống bất tử và hạnh phúc, nhưng đây là điều con muốn được xác nhận, thưa cha: liệu rằng, sau khi chấp nhận đức tin Kitô giáo, con có thể có niềm hy vọng vững chắc và không thể nghi ngờ rằng con sẽ đạt được cuộc sống bất tử mà cha đang nói đến không? Và ngài sẽ đưa ra bằng chứng nào để con tin chắc vào sự chân thật của những lời ngài nói? Cuối cùng, làm sao con mới biết được rằng Thiên Chúa của ngài đã tha thứ cho vô số tội lỗi của con? Vì nếu tôi phân phát của cải mình đang có – vốn dư dả để thỏa mãn mọi thú vui và hưởng thụ trong suốt nhiều năm cuộc đời – cho những người nghèo khó, như cha khuyên, mà sau đó lại không nhận được điều cha hứa hẹn; thì còn gì đau buồn và khó khăn hơn tình cảnh khốn cùng này, từ đó tôi sẽ không còn lối thoát nào nữa? Bởi vì những người mà tôi đã xúc phạm bằng thái độ tồi tệ của mình, nếu tôi nảy ra ý định xin họ giúp đỡ trong cảnh khốn khó của mình, họ sẽ quay lưng lại với tôi một cách khinh bỉ. Chính vì vậy mà tôi buồn bã và bối rối, vì không đủ tự tin vào tương lai. Tôi mong muốn có thêm sự hiểu biết và sự chắc chắn về điều mà ngài hứa hẹn với lòng quảng đại như vậy, dựa vào lòng thương xót của Đức Chúa Trời của ngài, Đấng dễ dàng tha thứ tội lỗi cho những ai ăn năn. Nếu tôi hoàn toàn tin tưởng vào điều này, thì tôi sẽ bình tâm phân phát hết tài sản của mình và đi đến nơi ngài kêu gọi, để phụng sự Đức Chúa Trời Duy Nhất suốt những ngày còn lại của cuộc đời; và như trước đây tôi từng là tấm gương của sự vô luật pháp đối với nhiều người, thì giờ đây tôi sẽ trở thành tấm gương tốt nhất của sự ăn năn. Và xin cha đừng ngạc nhiên trước những nghi ngờ của con: đây là lần đầu tiên con nghe thấy tất cả những điều này, những điều mới mẻ và bất ngờ, mà trong các sách của chúng con và trong đức tin Samari, nơi con được nuôi dưỡng, con không chỉ chưa từng nghe thấy, mà thậm chí còn không tìm thấy dấu vết nào của giáo lý như vậy.

Vị linh mục nói với cô:

– Đừng bối rối, đừng dao động trong suy nghĩ, Evdokia! Đừng để tâm trí mình bị phân tán: điều khiến con bối rối chính là mưu mô của thủ lĩnh của sự ác và kẻ ghen tị với sự cứu rỗi của con, tức là ma quỷ. Tinh thần độc ác này, ngay khi thấy con thức tỉnh để phục vụ Chúa Kitô, lập tức đã gieo rắc những nghi ngờ ấy vào lòng con nhằm hủy diệt ý định tốt lành đó. Nó hy vọng sẽ dùng nỗi sợ hãi để lôi kéo con rời xa con đường chính trực và buộc con quay trở lại cuộc sống tội lỗi trước đây, nhằm trói buộc con một cách nhục nhã bằng sự đam mê những thú vui và dục vọng trần tục, hoàn toàn nô lệ hóa con, rồi lôi kéo con đến cái chết và sự diệt vong. Vì mưu đồ xảo quyệt của hắn, nỗ lực duy nhất và không ngừng nghỉ của hắn – chính là lôi kéo con người ra khỏi con đường thiện, dẫn dắt họ vào sự đổi bại và qua đó biến họ thành đồng phạm trong sự đau khổ vĩnh cửu của hắn trong ngọn lửa không bao giờ tắt. Còn Đức Chúa Trời của chúng ta, Đấng mà ngươi mong muốn được chứng kiến lòng nhân từ, ân sủng khôn tả và tình yêu thương loài người của Ngài, thì như ngươi đã nghe từ xa, sẵn sàng đón nhận những kẻ ăn năn với tình thương của người cha, với vòng tay rộng mở, và sau khi tha thứ tội lỗi, ban cho họ sự sống đời đời. Ngươi sẽ nhận ra điều này nếu hướng tâm trí mình từ trần gian lên trời cao, nếu, bỏ qua những lo toan tạm bợ, ngươi suy ngẫm về cuộc sống vĩnh cửu. Nhưng để làm được điều đó, cần có lời cầu nguyện tập trung và khiêm nhường, vì chỉ bằng cách đó, Đức Chúa Trời mới hòa giải với linh hồn, ánh sáng Thần thánh mới chiếu rọi trong tâm hồn, khai mở toàn bộ sự thật, và con người sẽ thấy rõ sự hư vô của thế giới tạm bợ này là gì, thế giới tương lai là gì, những thú vui của cuộc đời này tai hại đến mức nào, và Chúa tốt lành ra sao cùng lòng thương xót vô biên của Ngài. Vậy nên, nếu con thực sự muốn được cứu rỗi, hãy nghe lời ta: hãy cởi bỏ những bộ quần áo sang trọng, mặc những bộ quần áo đơn sơ, rồi đóng cửa trong căn phòng riêng tư của ngôi nhà con, ở đó suốt bảy ngày, nhớ lại những tội lỗi của mình và xưng tội trước mặt Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của con, với những giọt nước mắt. Hãy ăn chay và cầu xin Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của chúng ta, soi sáng và chỉ dẫn cho ngươi biết ngươi phải làm gì để làm đẹp lòng Ngài. Hãy tin tôi, những gì tôi khuyên bạn làm sẽ không uổng phí: Chúa của chúng ta là Đấng nhân từ và vô cùng khoan dung, Ngài đón nhận bằng ân sủng của Ngài ngay từ xa những ai đang tìm cách quay về với Ngài, vì Ngài luôn vui mừng trước sự ăn năn của người tội lỗi.

Thấy Evdokia đồng ý với những lời khuyên của mình, vị linh mục đứng dậy và ra về, nói với cô những lời an ủi như lời tiên tri khi chia tay:

– Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng đã xưng công chính cho người thu thuế và thương xót người phụ nữ tội lỗi đã khóc lóc dưới chân Ngài, xin Ngài cũng xưng công chính và thương xót chị, và làm cho danh chị được vinh quang khắp mặt đất. Amen.

Ngay khi vị linh mục ra về, thánh nữ Evdokia lập tức gọi người hầu gái và dặn dò:

– Nếu có ai muốn gặp tôi và đến đây với ý định vào gặp tôi, hãy lo liệu để người ấy không biết rằng tôi đang ở nhà; đừng để ai, trong bất kỳ trường hợp nào, nói với người ấy về tôi; hãy nói rằng tôi đã đi đến một làng xa vì một việc nào đó và sẽ ở đó một thời gian khá lâu; hãy ra lệnh nghiêm khắc cho người gác cổng không được cho ai vào đây; hãy ngừng tất cả các công việc và hoạt động thường ngày trong nhà tôi, và những người hàng ngày chuẩn bị bữa trưa cho tôi, từ nay trở đi đừng mang thức ăn vào đây nữa; cũng hãy đóng cổng lớn bên cạnh nhà lại cho đến khi tôi ra lệnh mở lại, và hãy làm mọi việc sao cho giống như thể tôi không có ở nhà vậy.

Sau khi ra những mệnh lệnh đó cho người hầu gái, bà nói với Thánh Hermann:

– Con xin thưa cha, xin cha giải thích cho con điều con muốn hỏi: tại sao các tu sĩ lại sống ở những nơi hoang vắng, tránh xa những thú vui của đời sống xã hội? Phải chăng các ngài tìm thấy nhiều niềm vui hơn trong sa mạc?

– Không, con yêu quý của ta, – Thánh German trả lời, – chúng ta không tìm thấy trong sa mạc bất cứ điều gì mà con coi là thú vui; chúng ta rời bỏ thành phố và những thú vui trần tục, lui về sa mạc chỉ với một mục đích duy nhất là tránh xa sự kiêu ngạo hão huyền và dập tắt những ham muốn xác thịt bằng đói khát, lao động vất vả, những bộ quần áo rách rưới và sự thiếu thốn mọi thứ cần thiết; nói chung – để tránh xa mọi nơi tạo điều kiện thuận lợi cho tội lỗi. Người sống trong thành phố rất dễ sa ngã vào tội lỗi, hoặc bị bản tính yếu đuối chi phối, hoặc bị ma quỷ dụ dỗ, hoặc bị cám dỗ bởi vẻ đẹp của khuôn mặt và những lời nói dâm đãng: từ đó nảy sinh những ý nghĩ ô uế và làm ô uế linh hồn. Còn đối với linh hồn đã bị ô uế, cánh cửa vào Nước Trời đã bị đóng lại cho đến khi nó được thanh tẩy bằng sự sám hối, vì trên trời chỉ có ngai vàng của ánh sáng vĩnh cửu, niềm vui chân thật và những niềm vui không giả dối, một ngai vàng không có bóng tối, buồn phiền hay đau khổ, cũng như không có những việc ác. Thế là anh thấy rồi, tại sao chúng ta lại lui về sa mạc: chúng ta muốn tự bảo vệ mình khỏi tội lỗi trong những ngày còn lại của cuộc đời, và thanh tẩy những lỗi lầm trước đây bằng sự khắc khổ của cuộc sống trong sa mạc, từ đó làm cho con

đường dẫn đến hạnh phúc đã được chỉ định trở nên dễ dàng hơn. Mọi nỗ lực và lo toan của chúng ta đều hướng đến việc giữ cho thân thể chúng ta không bị ô uế và tâm trí không bị tổn hại bởi những ý nghĩ xấu xa, đồng thời xa lánh mọi sự ác độc, xảo trá, đạo đức giả, than vãn và vu khống, ghen tị, giận dữ và phẫn nộ. Và bằng cách đó, chúng ta sẽ trở nên giống như các Thiên Thần, như Đức Kitô đã loan báo cho chúng ta bằng chính đôi môi thánh của Ngài trong Tin Mừng. Sự giàu có, dù con người có gắn bó với nó đến đâu và dù có tích lũy nó một cách vô độ đến mức nào, cũng không giúp ích gì trong việc đạt được Nước Trời: nó, giống như một người chết nằm trong quan tài, sẽ không mang lại sự trợ giúp nào. Vì vậy, nếu chúng ta muốn được tha thứ tội lỗi của mình, thì hãy cố gắng trong phần đời còn lại của mình đi theo con đường các điều răn của Chúa, trên những lối đi của công chính và chân lý; hãy xé nát trái tim mình như xé áo vì sự ăn năn về tội lỗi, và hãy không ngừng kêu cầu Thiên Chúa; bằng cách đó, chúng ta sẽ tẩy sạch vết bẩn tội lỗi mà Đavít đã nói đến: *"Các vết thương của tôi bốc mùi hôi thối vì sự điên rồ của tôi"* (Thi Thiên 37:6). Và để chúng ta luôn ca ngợi Lời Chúa trong lời cầu nguyện, chính Đa-vít cũng nhắc nhở: *"Lời Ngài ngọt ngào biết bao trong cổ họng tôi!* Ngọt ngào *hơn mật ong trên môi tôi"* (Thánh Vịnh 118:103). Lời Chúa ngọt ngào đến nỗi vượt qua mọi sự ngọt ngào của những món ăn ngon nhất và những thức uống đắt giá nhất, và củng cố linh hồn nhiều hơn thức ăn củng cố thân xác. Vì thế, Kinh Thánh Thánh Thi nói về chúng như sau: *"Rượu làm vui lòng người, và bánh làm vững lòng người"* (Thánh Vịnh 103:15), trong đó rượu và bánh được dùng để chỉ các điều răn của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Chúng thực sự giống như bánh và rượu cho linh hồn con người, vì nếu con người siêng năng và không ngừng học hỏi từ chúng, thì chúng, bằng cách ban sức mạnh và niềm vui cho lòng, sẽ giải thoát người tội lỗi khỏi mọi việc xấu xa và làm cho họ được xưng công chính trước mặt Chúa. Vì vậy, hãy cởi bỏ y phục lộng lẫy và mặc lấy y phục khiêm nhường nhất, hãy dồn trọn tâm trí vào sự sám hối qua những việc lành, hãy đổ những giọt nước mắt dồi dào trên đất này, để gặt hái niềm vui và sự hân hoan vĩnh cửu trên trời; hãy dập tắt ngọn lửa tội lỗi của ngươi bằng nước mắt, và ngươi sẽ được an ủi từ Chúa và bước vào niềm vui của những người công chính. Hãy khóc than về những tội lỗi của mình, những điều mà ma quỷ đã làm cho trở nên ngọt ngào trong lòng ngươi, và nhờ những giọt nước mắt của ngươi, Thiên Thần, Đấng cầu thay cho sự cứu rỗi, sẽ đến gần ngươi; hãy làm khô cạn bùn thối rữa hôi thối, nơi ngươi đã lăn lộn lâu nay, thứ bùn đã hút chặt và giam cầm ngươi trong quyền lực của kẻ tạo ra mọi điều ác, để từ nay ngươi trở thành người được dự phần vào niềm vui thiên đàng ; hãy trả thù và đè nặng bằng sự chán nản kẻ đã cám dỗ ngươi bằng những dục vọng, khiến ngươi gánh nặng tội lỗi. Hãy siêng năng làm việc vì Chúa, để trở thành người thừa kế ánh sáng bất diệt, và như con ong, hãy là người làm việc thiện, thu thập sự thật từ nhiều việc thánh thiện và không ngừng lo lắng để làm đẹp lòng Chúa.

Lời nói của Herman đã thấm sâu vào lòng Evdokia, vốn đã được chuẩn bị sẵn bởi những điều ông từng nói với nàng trước đó. Trong nỗi đau buồn vì những tội lỗi, nàng quỳ xuống trước chân ông với lòng xúc động, nói:

– Tôi khẩn cầu ngài, người của Chúa, hãy hoàn tất công việc mà ngài đã bắt đầu cho tôi, với sự tôn kính xứng đáng, và dâng tôi lên Chúa của ngài trong sự tinh khiết, để tôi không trở thành trò cười cho những kẻ muốn dụ dỗ tôi; và sau khi hoàn thành công việc đã bắt đầu, xin cho tôi được hưởng phúc lành nhờ giáo lý cứu rỗi của ngài. Xin đừng rời bàn tay tài hoa khỏi tấm ván đã chuẩn bị sẵn, cho đến khi ngài khắc họa được hình ảnh Đấng Christ trọn vẹn trong con.

Hermann đáp lại cô:

– Hỡi con yêu dấu, hãy sống trong sự kính sợ Chúa, và khi đóng cửa trong phòng riêng, hãy cầu nguyện với Ngài không ngừng bằng những giọt nước mắt, cho đến khi Ngài tiêu diệt và thanh tẩy mọi tội lỗi của con, và ban cho con sự chắc chắn không thể nghi ngờ về lòng thương xót của Ngài: Chúa Giêsu Kitô của chúng ta là Đấng nhân lành và thương xót, Ngài sẽ sớm ban ân sủng cho con và không chậm trễ an ủi con bằng ân sủng của Ngài.

Nói xong, Thánh German đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời, làm dấu thánh giá cho Evdokia và đóng cửa phòng ngủ của cô lại, hứa sẽ ở lại Iliopolis vì cô trong bảy ngày.

Khi Evdokia đã trải qua bảy ngày ăn chay và cầu nguyện, Thánh German đến gặp nàng, mở cửa ra và bảo nàng bước ra khỏi phòng ngủ. Thấy cô đã trở nên xanh xao, gầy gò, ánh mắt khiêm nhường và tổng thể dáng vẻ của cô khác xa so với trước đây, ngài nắm tay cô và bảo cô ngồi xuống. Sau đó, sau khi cầu nguyện với Chúa, ngài cũng ngồi xuống bên cô và bắt đầu hỏi cô:

– Hãy nói cho cha biết, con yêu, con đã suy ngẫm điều gì trong bảy ngày qua, con đã biết được điều gì, đã thấy điều gì, và những điều gì đã được bày tỏ cho con?

Cô đáp:

– Con sẽ kể hết, thưa Cha thánh. Con đã cầu nguyện hết lòng suốt bảy ngày qua, như Cha đã dạy con. Đêm qua, khi con vẫn nằm sấp trên đất, tay chân dang rộng thành hình thánh giá, vừa cầu nguyện vừa khóc lóc vì những tội lỗi của mình, thì một ánh sáng vĩ đại, rực rỡ hơn cả ánh nắng mặt trời, đã chiếu rọi xuống con. Con tưởng rằng mặt trời đã mọc, nên đứng dậy khỏi mặt đất và bỗng thấy một chàng trai trẻ rạng rỡ nhưng đáng sợ, áo quần trắng hơn cả tuyết. Anh ta nắm lấy tay phải con, nâng con lên không trung, đặt con lên một đám mây, rồi dẫn con lên trời. Ở đó có một ánh sáng vĩ đại và kỳ diệu, và tôi thấy vô số người mặc áo trắng, đang vui mừng, mỉm cười với nhau và hân hoan không thể tả xiết. Khi thấy tôi đang tiến về phía họ, họ đón tiếp tôi với sự hân hoan và chào đón tôi như một người chị em. Khi tôi, được họ vây quanh và hộ tống, định bước vào vùng sáng rực rỡ này – nơi ánh sáng vượt trội hơn hẳn những tia nắng mặt trời – bỗng nhiên xuất hiện trên không trung một kẻ có dáng vẻ đáng sợ, đen như bồ hóng, than và nhựa. Đó là một quái vật đáng sợ, vượt xa mọi sự đen tối và u ám.

Hắn ném về phía tôi một cái nhìn kinh hoàng và dữ dội nhất, nghiến răng ken két và tấn công một cách vô liêm sỉ, cố gắng giật tôi ra khỏi tay người hộ tống; đồng thời hắn gào thét dữ dội, đến nỗi tiếng gào của hắn vang dội khắp không trung:

– Chẳng lẽ các ngươi – hắn gào thét – lại muốn đưa nàng vào Nước Trời sao? Vậy thì tại sao ta, người đã miệt mài săn lùng con người trên trần gian, lại phải phí hoài công sức một cách vô ích? Chẳng hạn như ả này đây, đã làm ô uế cả trái đất bằng tội tà dâm và làm hư hỏng tất cả loài người bằng sự ghê tởm của tội ngoại tình. Tất cả mưu mô và sức mạnh mà ta có, ta đã dốc hết vào duy nhất nàng: ta đã tìm cho nàng những người tình thuộc tầng lớp quý tộc và giàu có nhất, và số lượng thì vô số kể; từ những của cải nàng phung phí cho tình ái, nàng đã thu thập được một lượng vàng và bạc khổng lồ, đến nỗi ngay cả trong kho báu hoàng gia cũng hiếm khi tìm thấy. Ta tự hào nghĩ rằng mình đang nắm giữ nàng trong tay, như lá cờ chiến thắng và vũ khí bất khả chiến bại của mình, nhờ đó ta có thể chiến thắng những kẻ xa lìa Thiên Chúa và sa vào lưới của ta. Vậy thì bây giờ sao, hỡi Tổng chỉ huy các lực lượng của Đức Chúa Trời, ngài đã giận dữ đến mức nào mà lại quật ngã tôi dưới chân con điếm này? Chẳng lẽ cơn giận của ngươi đối với ta vẫn chưa nguôi ngoai, khi ngươi ngày càng trả thù ta một cách tàn nhẫn và không thương xót hơn mỗi ngày? Chẳng lẽ ngay cả nô tì chân chính này của ta, người mà ta đã mua bằng giá đắt đỏ như vậy, ngươi cũng muốn cướp khỏi tay ta sao? Chắc hẳn trên đời này chẳng còn gì là thực sự và không thể tách rời thuộc về ta nữa! Ta sợ rằng ngươi sẽ giật lấy khỏi tay ta tất cả những kẻ tội lỗi đang còn sống, rồi dâng họ lên trước mặt Đức Chúa Trời như những người xứng đáng trở thành những người thừa kế Nước Trời! Những lo toan của ta thật vô ích! Công sức của ta thật vô ích! Tại sao ngươi lại tấn công ta một cách dữ dội đến thế ? Hãy buông bỏ cơn thịnh nộ và nới lỏng một chút những xiềng xích đang trói buộc ta, và ngươi sẽ thấy ta sẽ tiêu diệt loài người khỏi mặt đất trong chớp mắt, thậm chí không để lại cho họ một người thừa kế nào. Ta bị đuổi khỏi thiên đàng chỉ vì một lần bất tuân, còn ngươi lại đưa những kẻ tội lỗi tồi tệ nhất – những kẻ đã dám chế nhạo Đức Chúa Trời và làm Ngài phẫn nộ suốt nhiều năm – vào Nước Trời! Nếu điều đó làm ngươi vui lòng đến thế, thì hãy tập hợp ngay lập tức từ khắp bốn phương trời tất cả những con người đang sống không phải cuộc đời con người, mà là cuộc đời thú vật, và dẫn dắt họ đến với Đức Chúa Trời; còn ta sẽ ẩn mình trong bóng tối và chìm sâu vào vực thẳm của những cực hình vĩnh cửu đã được dành sẵn cho ta.

Khi ông ta nói những lời như thế và những lời tương tự với sự giận dữ và cơn thịnh nộ lớn lao, người dẫn đường của tôi nhìn ông ta với ánh mắt nghiêm khắc, còn khi quay sang tôi, ông ấy mỉm cười động viên. Và có một tiếng nói vang lên từ ánh sáng ấy, phán rằng:

– Đó là ý muốn của Đức Chúa Trời, Đấng đầy lòng thương xót đối với con cái loài người, để những kẻ có tội, nếu họ ăn năn, sẽ được đón nhận vào lòng Áp-ra-ham.

Và lại có tiếng nói với người dẫn đường cho tôi:

– Ta phán cùng ngươi, Mi-ch-a-ên, người giữ Giao Ước của Ta, hãy đưa người phụ nữ này trở về nơi ngươi đã đưa nàng đi – để nàng hoàn thành sứ mệnh của mình: vì chính Ta sẽ ở cùng nàng trong suốt những ngày còn lại của cuộc đời nàng.

Và ngay lập tức, người ấy đưa tôi về phòng ngủ của tôi và nói với tôi:

– Bình an cho ngươi, Eudokia, tôi tớ của Đức Chúa Trời! Hãy can đảm và vững lòng, ân sủng của Đức Chúa Trời hiện đang ở cùng ngươi và sẽ luôn ở cùng ngươi mọi lúc mọi nơi.

Được khích lệ bởi những lời này, tôi hỏi:

– Thưa ngài, ngài là ai? Xin hãy cho tôi biết để tôi biết cách tin vào Đức Chúa Trời chân thật và làm thế nào để tôi có được sự sống thật?

– Ta, – ngài đáp, – là thủ lĩnh của các Thiên thần Chúa, và có nhiệm vụ chăm sóc những kẻ tội lỗi ăn năn, đón nhận họ và dẫn dắt họ vào cuộc sống hạnh phúc và vĩnh cửu. Và niềm vui lớn lao luôn tràn ngập trên thiên đàng trong hàng ngũ các Thiên thần mỗi khi có một tội nhân nào đó quay về với ánh sáng trong sạch của sự ăn năn, vì Thiên Chúa, Cha của muôn loài, không muốn linh hồn con người – mà Ngài đã tạo dựng từ thuở xa xưa bằng chính đôi tay thánh khiết của Ngài theo hình ảnh của Ngài – phải hư mất. Chính vì thế, tất cả các Thiên thần đều hân hoan khi thấy linh hồn con người được trang điểm bằng sự công chính, đang thờ phượng Cha vĩnh cửu, và tất cả đều chào đón linh hồn ấy như người chị em của mình, bởi vì, sau khi từ bỏ bóng tối tội lỗi, linh hồn ấy quay về với Thiên Chúa hằng sống, Cha chung của tất cả các con cái ánh sáng, và mãi mãi kết hiệp với Ngài.

Nói xong, ngài làm dấu thánh giá trên đầu tôi; tôi cúi đầu thờ lạy ngài xuống đất, và khi tôi đang cúi đầu, ngài đã trở về trời.

Thánh German đã nói với cô ấy:

– Từ nay trở đi, con gái của ta, hãy tin chắc và đừng nghi ngờ nữa rằng trên trời có Đức Chúa Trời chân thật, Đấng sẵn sàng đón nhận những ai ăn năn tội lỗi của mình và dẫn dắt họ vào ánh sáng vĩnh cửu của Ngài, nơi Ngài ngự trị, được bao quanh bởi các tôi tớ của vương quốc Ngài – các Thiên Thần thánh thiện. Con đã nhìn thấy các Thiên thần ấy trong ánh sáng thiên đàng ấy, nơi con chiêm ngưỡng vinh quang vương giả và bất tử của Chúa Giêsu Kitô, và đã nhận ra rằng Ngài hào phóng biết bao trong lòng thương xót và sự tha thứ tội lỗi, rằng Ngài ban ân sủng của Ngài nhanh chóng cho những ai mong muốn hòa giải với Ngài; chị đã nhận biết vinh quang Thần thánh của Ngài và nhìn thấy cung điện thiên đàng của Ngài, tràn ngập vẻ đẹp không thể tả xiết, nơi Ngài ngự trị; chị đã hiểu rằng ánh sáng của thế gian này thật nhỏ bé và hèn mọn so với ánh sáng thiên đàng. Vậy chị còn nghĩ gì nữa, đang suy ngẫm điều gì, hãy nói cho tôi biết!

Thánh nữ Evdokia, với ý chí kiên định phục vụ từ tận đáy lòng mình Đức Chúa Trời Duy Nhất, Vua vinh quang, đã đáp lại:

– Tôi đã tin và vẫn tin rằng không có Đức Chúa Trời nào khác có thể cứu rỗi những con người tội lỗi, ngoài Đấng mà tôi đã được chiêm ngưỡng Cổng Thiên Đàng của Ngài, rực rỡ với ánh sáng không thể diễn tả.

Hermann nói:

– Hãy chuẩn bị, con gái của ta, để tận tâm phụng sự Đức Chúa Trời, hãy cẩn thận chăm lo để những thành quả của sự ăn năn của con, khi được đặt lên cân, sẽ vượt qua những tội lỗi trong cuộc đời trước đây của con, và hãy dâng chính bản thân con lên Đức Chúa Trời bất tử và vĩnh cửu như một món quà tốt lành; hãy khóc lóc và than thở cho đến khi con rửa sạch hết mọi vết nhơ bằng nước mắt, và nhờ đó xứng đáng trở thành cô dâu tinh khiết của Đấng Kitô. Hãy quên đi sự kiêu ngạo trước đây của con, những ham muốn độc hại và dữ dội của tuổi trẻ, để Đấng Kitô cũng sẽ quên đi tội lỗi của con; hãy giải phóng cổ mình khỏi ách nặng nề của công việc ô nhục, mà ma quỷ đã đặt lên vai ngươi qua những tội lỗi; hãy gánh lấy gánh nặng tốt lành và nhẹ nhàng của sự sám hối ban sự sống, và từ nay hãy được tự do khỏi tội lỗi, được biết đến trước mặt tất cả các vị công chính và các Thiên thần thánh thiện. Vậy, hãy củng cố lòng mình trong đức tin chân chính và sự trong sạch; và với lương tâm trong sạch từ nay trở đi, hãy dũng cảm nói thẳng vào mặt ma quỷ: "Giờ đây, tôi không còn điểm chung nào với ngươi, cũng như ngươi không còn điểm chung nào với tôi, vì tôi đã tìm thấy Chúa thật của mình và đã dâng hiến bản thân cho Ngài để Ngài sở hữu mãi mãi; tôi đã vĩnh viễn từ bỏ và loại bỏ kẻ làm hư hỏng tôi trước đây – tình yêu xác thịt – và đã khoác lên mình bộ áo mới bất diệt và rực rỡ của sự công chính. Trong bộ áo này, tôi sẽ nhận được ân sủng của Đức Chúa Trời, cứu rỗi tôi mãi mãi; tôi không còn bất kỳ sự gắn bó trần thế nào nữa, không còn ham muốn những thú vui thế gian, những điều mà tôi đã nhận ra là hư vô và chóng qua; giờ đây tôi khao khát và nỗ lực hết mình để đạt được những ân huệ trên trời. Vì vậy, hỡi ma quỷ, hãy giữ lấy những gì ngươi có, còn ta, hỡi kẻ lừa dối xa lạ, tên trộm và nô lệ của bóng tối vĩnh cửu, hãy đi đi."

Eudokia, được củng cố thêm bởi những lời này, nói với vị tu sĩ:

– Thưa Cha đáng kính, giờ đây Cha muốn con làm gì?

– Ta muốn – ngài đáp – trước hết con hãy nhận lãnh dấu hiệu của đức tin – phép rửa tội thánh thiêng, điều sẽ bảo vệ con an toàn suốt cả cuộc đời, còn ta, với sự giúp đỡ của Chúa, sẽ trở về tu viện của mình và sẽ quay lại với con một lần nữa, nếu Chúa muốn.

Cô ấy nước mắt lưng tròng, nài nỉ ngài:

– Xin đừng bỏ rơi con, thưa ngài, xin đừng bỏ rơi con cho đến khi con có thể hoàn toàn quay về với Chúa và nhận được ân sủng mà con hằng mong đợi, để kẻ cám dỗ từ thuở xa xưa, khi thấy con bị bỏ rơi và vô vọng, không thể lôi kéo con trở lại theo ý hắn, và không đưa con quay về cuộc sống sa đọa như trước đây.

Và Thánh German đã nói với cô:

– Chính khát vọng bền bỉ hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn này, mà chính Thiên Chúa đã khơi dậy trong con, cùng với niềm hy vọng tốt lành của con, sẽ bảo vệ con khỏi những cạm bẫy của kẻ thù mà con đang lo sợ. Vậy hãy dành thêm một thời gian nữa để khiêm nhường cầu nguyện với Đức Chúa Trời và xưng tội, đồng thời chuẩn bị để nhận phép rửa tội thánh. Còn tôi sẽ sớm trở lại với cô, sau khi tìm kiếm, với sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh, những điều hữu ích cho cuộc sống của cô.

Sau khi phó thác nàng cho Đức Chúa Trời, Thánh German đã lên đường. Sau khi Thánh German ra đi, Thánh Eudokia tiếp tục ăn chay thêm vài ngày nữa, trên bàn ăn của chị chỉ có bánh mì, dầu và nước; ngày đêm chị cầu nguyện và khóc lóc. Sau đó, chị đến gặp vị giám mục của thành phố ấy và nhận phép rửa tội từ ngài nhân danh Thánh Ba Ngôi Đồng Bản Thể. Vài ngày sau khi được rửa tội, bà viết một lá thư cầu nguyện gửi cho vị giám mục đó; bà thông báo cho ngài về tài sản của mình, liệt kê chi tiết từng món, và xin ngài dâng chúng lên cho Chúa Kitô. Vị giám mục, sau khi đọc lá thư được gửi đến, đã gọi Thánh nữ Evdokia đến gặp mình và hỏi:

– Con gái của ta, con đã viết bức thư này cho ta, một kẻ tội lỗi sao?

– Con đã viết, – Eudokia đáp, – và giờ đây con lại khẩn cầu sự thánh thiện của ngài: xin hãy ra lệnh cho người quản lý nhà thờ nhận món quà của con, phân phát nó cho những người nghèo khổ, những người khốn cùng, trẻ mồ côi và góa phụ, như chính ngài biết, vì con đã nhận ra rằng những của cải này của con là bất chính, do được thu được qua những việc vi phạm luật pháp.

Lúc đó, vị giám mục tên là Theodotus, khi thấy ý định tốt lành của nàng, cũng như đức tin và tình yêu dành cho Chúa, ngài nhìn nàng và bằng linh hồn đã nhìn thấu cuộc đời tương lai của nàng, bèn nói:

– Hãy cầu nguyện cho tôi, chị em của tôi trong Chúa, người đã được ân sủng để được gọi là cô dâu của Đấng Kitô, người đã ghét bỏ tình yêu xác thịt ô uế, yêu mến sự trong sạch và từ chối cuộc sống dâm đãng; người đã noi gương sự trinh khiết và từ bỏ thế gian hèn mọn để mua cho mình một viên ngọc quý duy nhất trên trời; người đã sống một thời gian ngắn trong sự quyến rũ của tội lỗi và nhờ sự sám hối mà đã cầu xin cho mình những đời đời vô tận của cuộc sống thiên đàng, người đã nhìn thấy cái chết trước mắt và đạt được sự bất tử; ngươi, người trước đây đã lôi kéo nhiều người vào con đường diệt vong, nhưng giờ đây, nhờ Đức Kitô, ngươi sẽ ban sự sống cho nhiều người! Từ bóng tối u ám, ngươi đã khoác lên mình ánh sáng của đức tin, ngươi xứng đáng được gọi là con chiên của Đức Kitô. Quả thật, nàng Eudokia, đó chính là ý nghĩa của ân sủng: Chúa đã ban ân sủng cho nàng, người đã khinh bỉ những kẻ ham mê dục vọng và yêu mến dung nhan của các Thiên thần. Xin hãy cầu nguyện cho tôi, tôi lại khẩn cầu nàng, người tôi tớ và bạn của Chúa, và xin hãy nhớ đến tôi trong Nước Trời.

Sau khi trò chuyện với nàng về nhiều điều trong nước mắt, vị giám mục nói với phó tế của mình:

– Hãy gọi người quản lý nhà trọ của nhà thờ đến gặp ta ngay lập tức.

Khi người ấy đến, vị giám mục nói với anh ta như sau:

– Ta biết ngươi là người đạo đức và kính sợ Chúa, luôn quan tâm đến nhiều linh hồn. Vì vậy, ta giao phó người nữ tỳ của Chúa này, người đang khao khát điều tốt đẹp, cho ngươi, để ngươi lo liệu cho sự cứu rỗi của nàng, còn tất cả những gì nàng dâng hiến, ngươi hãy chuyển đến Chúa qua tay những người nghèo khó.

Người đàn ông này là một linh mục; từ thuở thiếu thời, ông đã giữ trinh tiết trong sạch, dâng hiến toàn bộ tài sản thừa kế từ cha mẹ cho Giáo Hội Thánh của Chúa và hiến dâng chính mình để phục vụ Chúa. Ông đưa Eudokia theo mình đến nhà cô ấy, và khi họ bước vào đó, Eudokia gọi những người quản lý nhà mình lại và nói với họ:

– Mỗi người hãy mang đến cho tôi tất cả những gì đã được giao phó.

Họ lập tức mang đến cho bà hai t'ma vàng, tức là hai mươi nghìn, vô số đồ dùng bằng bạc và vàng cao cấp, vô số đá quý và ngọc trai hoàng gia, hai trăm bảy mươi lăm rương quần áo lụa, bốn trăm mười rương quần áo lanh trắng, quần áo dệt chỉ vàng, sáu mươi rương, các loại quần áo khác được trang trí bằng đá quý và thêu vàng, một trăm năm mươi hai rương, vàng đúc hai mươi lăm tem, tức là hai trăm năm mươi nghìn, các loại hương liệu thơm hai mươi thùng, các loại dầu thơm Ấn Độ chính hiệu ba mươi ba hòm, bạc trong các bình chứa khác nhau tám nghìn lít[2143] , vải lụa thêu vàng một trăm ba mươi hai lít, vải lụa thường bảy mươi lít, còn các loại quần áo và vật dụng khác ít giá trị hơn thì vô số. Ngoài những tài sản di động này, Eudokia còn sở hữu cả tài sản bất động: đất đai, làng mạc, cả những khu vực hành chính, từ đó hàng năm thu được tới tám trăm hai nghìn[2144] . Sau khi đặt tất cả

những của cải này dưới chân vị linh mục, người đang phụ trách nhà trọ của nhà thờ, thánh nữ Evdokia đã gọi tất cả các nô lệ nam và nữ của mình lại và phân phát cho họ hai nghìn đồng tiền lấy từ rương, cũng như các đồ dùng, rèm cửa, giường ngủ quý giá, đồ nội thất mạ vàng, và tất cả những vật đẹp đẽ trong nhà, những thứ nằm ngoài các rương, bà đều tặng cho họ và chia đều. Cuối cùng, bà nói lời chào tạm biệt cuối cùng:

– Ta giải phóng các ngươi, – Eudokia nói, – khỏi công việc tạm thời này; còn các ngươi, nếu muốn, hãy nhanh chóng giải thoát mình khỏi công việc của ma quỷ. Hãy giải thoát mình đi, nếu các con nghe lời ta và đến với Đức Kitô, Thiên Chúa chân thật, thì Ngài sẽ ban cho các con sự tự do vĩnh cửu mà các con cái Thiên Chúa được hưởng, và ghi tên các con vào hàng ngũ của Ngài.

Sau đó, quay sang vị linh mục, Evdokia nói:

– Bây giờ, thưa ngài, ngài nên lo liệu mọi việc đã được đề nghị với ngài và xử lý theo ý ngài, vì tôi đang tìm kiếm Đấng Chủ Tể đang tìm kiếm tôi.

Vị linh mục, ngạc nhiên trước sự thay đổi nhanh chóng và bất ngờ nơi nàng, trước sự ăn năn và tình yêu vĩ đại dành cho Thiên Chúa, đã nói với nàng:

– Ngươi thật hạnh phúc, Evdokia, vì đã trở nên xứng đáng được ghi tên vào danh sách các trinh nữ trong cung điện của Đấng Kitô: ngươi không hề không biết giờ phút Đấng Hôn Phu đến, ngươi cũng không lầm lạc về con đường cần đi để bước vào sảnh đường hôn lễ. Quả thật, con đã hết lòng lo liệu để không bị bỏ lại bên ngoài cung điện: con đã đổ dầu vào đèn, và bóng tối sẽ không thể thắng được con. Hãy tiếp tục phát triển sức mạnh đức hạnh này, và Thiên Chúa sẽ giúp đỡ con; còn về phần ta, kẻ tội lỗi này, xin con cầu nguyện cho ta, vì con xứng đáng được đứng trong hàng ngũ các thánh.

Lúc bấy giờ, ông German đáng kính, được soi sáng bởi ân sủng của Thánh Thần, cũng đến; khi thấy Eudokia đã dâng tài sản của mình cho Đức Chúa Trời, giải phóng các nô lệ nam và nữ, và trở thành người nghèo cả về tinh thần lẫn vật chất vì danh Chúa Kitô, ông đã đưa nàng đến tu viện nữ mà ông sở hữu tại quê hương mình, không xa tu viện nam của ông, và tại đó, ông đã truyền giới cho nàng trở thành nữ tu; và nàng đã sống trong những công việc và nỗ lực của đời sống tu hành, ngày đêm phụng sự Đức Chúa Trời.

Thánh German có bảy mươi tu sĩ nam tại tu viện của ngài[2143] , và ba mươi nữ tu tại tu viện nữ hẻo lánh, trong số đó có Thánh Evdokia. Sau mười ba tháng, bà Bề trên của tu viện này, tên là Charitina, người đã sống một đời thánh thiện, qua đời. Dưới sự hướng dẫn của bà, Thánh Evdokia đã tiến bộ đáng kể trong các việc tu hành, thuộc lòng Sách Thánh Vịnh, và nhờ được Thánh Thần soi sáng, sau khi đọc kỹ một lần, bà đã thấu hiểu rõ ràng toàn bộ Kinh Thánh. Vì bà đã vượt trội hơn tất cả các chị em trong việc tu hành kiêng ăn, nên bà đã được toàn thể cộng đoàn nhất trí bầu làm Bề trên. Và Đức Chúa Trời đã không chậm trễ trong việc chứng thực phẩm chất của cô và xác nhận sự bầu chọn đó bằng một phép lạ.

Một chàng trai từng yêu nàng trước đây, tên là Philostratus, một người giàu có, chợt nhớ lại tình yêu xưa dành cho Eudokia và, bị xúi giục bởi ma quỷ, lòng dục trỗi dậy, bắt đầu suy tính làm sao để lôi kéo nàng trở lại con đường dâm dục như xưa. Sau khi suy nghĩ kỹ lưỡng về điều này và ngày càng bị cuốn hút bởi tình yêu mãnh liệt dành cho nàng, cuối cùng anh ta đã nghĩ ra một mưu kế. Anh ta mặc áo tu sĩ và mang theo bao nhiêu vàng có thể mang được, rồi đi bộ đến tu viện của Evdokia với niềm hy vọng vững chắc sẽ thực hiện được ý định của mình.

Khi anh gõ cửa tu viện, người gác cổng nhìn ra qua ô cửa sổ và hỏi:

– Ngươi đến đây làm gì, hỡi người đàn ông?

Anh ta đáp:

– Tôi, một kẻ tội lỗi, đã đến đây để xin các chị cầu nguyện cho tôi và ban phước lành cho tôi.

Người gác cổng nói:

– Đàn ông không được vào nơi này, anh em ạ, nhưng không xa đây, anh sẽ tìm thấy tu viện của ngài Hermann: ở đó anh sẽ được cầu nguyện và ban phước, còn ở đây thì đừng làm phiền chúng tôi bằng tiếng gõ cửa nữa: dù sao thì anh cũng không vào được đâu.

Nói xong, cô gái đóng cửa sổ lại. Tràn ngập sự xấu hổ và hối hận, lòng rực cháy tình yêu dành cho Evdokia, Philostrat lên đường đến tu viện của Thánh German và đến đó vào thời điểm thích hợp. Khi gặp Thánh German đang ngồi bên cổng tu viện và đọc sách, anh cúi đầu chào ngài đến tận đất. Vị thánh già, theo phong tục của tu viện, đã dâng lời cầu nguyện, và Philostrat nhận lời chúc phúc từ ngài. Thánh German nói:

[2143] Kinovia – một tu viện theo thể chế cộng đồng, nơi mọi người sống chung với nhau và được tu viện chu cấp sinh hoạt phí chung.

– Hãy ngồi xuống, anh em, và nói cho tôi biết: anh đến từ quốc gia nào và tu viện nào?

Anh ta đáp:

– Tôi là con trai duy nhất của cha mẹ, những người vừa qua đời; tôi không muốn kết hôn, mà mong muốn phụng sự Chúa trong hàng tu sĩ, và ngay lập tức đã khoác lên mình dấu hiệu của đời tu – bộ áo này – và tôi định tìm một nơi cùng một vị thầy để được dạy dỗ về đời sống tu hành. Nghe nói về sự thánh thiện của cha, thưa cha đáng kính, con đã đi một quãng đường dài đến đây, mong được quỳ dưới chân cha và khẩn cầu cha nhận con, người đang muốn sám hối về những tội lỗi trong quá khứ, vào tu viện của cha.

Trong lúc chàng nói những lời ấy, Thánh Germanus nhìn chàng chằm chằm và, nhận ra tính cách ham mê dục vọng của chàng, ngài nói:

– Con ơi, con muốn bắt tay vào một công việc vô cùng gian nan; ta không biết liệu con có đủ sức để làm được không. Ngay cả chúng ta, những vị tu sĩ già, cũng chỉ vừa đủ sức chống chọi lại những cám dỗ của ma quỷ, những cám dỗ dẫn đến sự ô uế; vậy thì con, một chàng trai đang trong độ tuổi thanh xuân rực rỡ, đang ở độ tuổi của những đam mê nồng cháy, sẽ ra sao đây?

Philostratus phản bác:

– Thưa Cha! Chẳng lẽ không có những tấm gương sống đạo đức của những chàng trai trẻ như con, những người đã dũng cảm vượt qua những cám dỗ sao? Eudokia của Cha, người mà con đã nghe nói rất nhiều, bởi vì danh tiếng về cuộc sống đạo đức của bà lan tỏa khắp nơi, chẳng phải bà ấy cũng còn trẻ và từng sống trong nhung lụa sao? Nhưng cô ấy đã nghe theo lời dạy của cha và giờ đây luôn kiên định sống đời tu hành, đã chiến thắng bản năng xác thịt của mình. Con không giấu diếm, thưa cha, con đặc biệt cảm hứng từ tấm gương của cô ấy và mong muốn noi gương cô ấy. Con nhớ lại cô ấy, ngày xưa cô ấy xinh đẹp biết bao, giàu có ra sao, đã từng dành thời gian cho những thú vui nào, rồi đột ngột thay đổi và bắt đầu phụng sự Chúa Kitô trên con đường gian khổ và đầy đau khổ. Nếu chị ấy có thể gạt bỏ tất cả những điều đó và dập tắt những ham muốn của mình vì tình yêu dành cho Chúa Kitô, thì tại sao, thưa Cha, Cha lại không đặt niềm tin vào con, một người đàn ông, người mạnh mẽ hơn cả một người phụ nữ? Nếu tôi được gặp bà ấy dù chỉ một lần, thì tôi hy vọng rằng từ những lời trò chuyện và lời dạy dỗ của bà, tôi sẽ rút ra được bao nhiêu lòng nhiệt thành nồng nàn dành cho Thiên Chúa và sức mạnh để thực hiện những việc anh hùng, đến nỗi điều đó sẽ đủ cho tôi suốt cả cuộc đời để chiến thắng và đẩy lùi mọi cám dỗ của ma quỷ.

Người tôi tớ của Chúa là German, nghe những lời ấy, đã lầm tưởng lời dối trá là sự thật và, nghĩ rằng mình thực sự muốn phụng sự Chúa, đã nói với ngài:

– Chúng ta sẽ không cản trở con, hỡi con cái, khi con đến gặp Evdokiya và lắng nghe những lời dạy dỗ hữu ích từ bà, vì con muốn noi gương bà để bước đi trên con đường đức hạnh.

Sau đó, vị tu viện trưởng German đã gọi một vị tu sĩ cao niên đáng kính, người thường mang hương trầm đến tu viện nữ và thường được cử đến đó để lo liệu những việc cần thiết. German nói với ông:

– Khi con đến tu viện nữ, hãy mang theo anh em này: để anh ấy được gặp Evdokia, vì anh ấy muốn nhận được sự lợi ích thiêng liêng từ cô ấy và noi gương cuộc sống thánh thiện của cô ấy.

Một thời gian sau, vị tu sĩ ấy phải đến tu viện nữ, và theo lệnh của vị tu viện trưởng, ông đã dẫn theo vị tu sĩ trẻ. Philostrat, mặc áo tu sĩ như con sói đội lốt cừu, bước vào tu viện nữ và khi nhìn thấy cô dâu của Chúa Kitô, thánh Evdokia, đã kinh ngạc trước dáng vẻ khiêm nhường, sự nghèo khó và thân thể tiều tụy của bà. Khuôn mặt nàng tái nhợt, đôi mắt hướng xuống đất, đôi môi im lặng, y phục thì rách rưới, giường ngủ là tấm chiếu cói trải trên đất, và trên đó là chiếc áo lông dê gai góc. Chờ đến lúc thích hợp, anh ta thì thầm (các nữ tu khác đang đứng xa xa) và bắt đầu nói với nàng:

– Điều này có nghĩa là gì, Evdokia? Ai đã lừa dối và đưa chị – người từng sống trong những cung điện tráng lệ, tràn ngập của cải và mọi thứ xa hoa, luôn chìm đắm trong niềm vui và hạnh phúc – đến những nơi thê thảm này? Ai đã tước đoạt khỏi em thành phố vĩ đại ấy, nơi em từng dạo bước trong những bộ trang phục lộng lẫy nhất, và mọi người đều kính trọng em, ngạc nhiên trước vẻ đẹp của em và ca ngợi em bằng muôn vàn lời khen ngợi? Kẻ quyến rũ nào đã lôi kéo em khỏi hạnh phúc ấy để đưa em vào cảnh nghèo đói tột cùng và khốn cùng, vào cuộc sống nghèo nàn và hèn hạ này? Và giờ đây, cả thành Ilion đang tìm kiếm ngươi, ai nấy đều mong được gặp ngươi, ngay cả những bức tường của những cung điện lộng lẫy của ngươi cũng đang khóc than vì ngươi. Ta đang thay mặt dân chúng bày tỏ nguyện vọng này; ta được cử đến gặp ngươi để khẩn cầu ngươi trở về thành phố và bằng sự trở về của ngươi, chấm dứt nỗi đau thương của dân chúng. Hãy nghe tôi, thưa phu nhân, hãy theo tôi, hãy rời khỏi tu viện thảm hại này, hãy thoát khỏi cơn đói, những bộ quần áo hôi thối, khỏi chiếc giường lông cừu cứng ngắc, và hãy trở

về cung điện của ngài, trở lại với những niềm vui xưa, với những thú vui xưa, những thứ mà ngài từng có dư dả. Dù ngài có phung phí tài sản của mình, phân phát một cách vô ích cho những người xa lạ đi chăng nữa – thì mọi người vẫn sẵn sàng làm giàu lại cho ngài. Sao ngươi còn chần chừ và do dự? Sao khi mọi người đều yêu thương và mong muốn điều tốt lành cho ngươi, ngươi lại tự biến mình thành kẻ thù và kẻ hành hạ chính mình? Có phải là vô ích, có phải là đáng xấu hổ khi che giấu vẻ đẹp khuôn mặt ấy trong bóng tối của đời tu hành? Có phải là vô ích khi làm hỏng đôi mắt ấy, giống như những tia nắng mặt trời, bằng những giọt nước mắt vô ích? Có ích gì khi làm kiệt quệ cơ thể trẻ trung xinh đẹp này bằng đói khát và những đau khổ khác? Giờ đây, những hương thơm mà em từng lan tỏa khắp thành phố, khiến mọi người đều coi em như một nữ thần, đã đi đâu rồi?[2144] Và thế mà em lại tự nguyện chọn mùi hôi thối của cuộc sống khốn cùng và bị khinh bỉ thay vì những hương thơm ấy! Ai đã lôi kéo em vào sự lầm lạc này? Hy vọng hão huyền nào đã khiến ngươi quay lưng lại với những của cải vĩ đại như vậy, vốn còn có thể gia tăng hơn nữa? Có ai trong số những người giàu có lại từ chối của cải của mình hay phân phát nó một cách vô ích như ngươi đã làm? Nhưng chúng ta biết những của cải mà ngươi đã từ chối đang ở đâu, và có thể dễ dàng trả lại cho ngươi – chỉ cần ngươi quay trở lại thành phố của chúng ta, thưa phu nhân Evdokia! Tôi đã mang theo đủ vàng cho chuyến đi, còn phần còn lại mà cô đã phung phí, chúng ta sẽ lấy lại khi đến Iliopolis.

Khi anh ta thốt ra những lời điên rồ ấy, Evdokia trừng mắt nhìn anh ta và, không thể chịu đựng được những lời xảo trá và nịnh hót của anh ta nữa, bà giận dữ nói với anh ta:

– Cầu Chúa Trời báo thù cấm đoán ngươi! Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, Đấng Phán Xét Công Chính, Đấng mà tôi là tôi tớ – dù không xứng đáng – sẽ không cho phép ngươi, kẻ đến đây với ý đồ xấu xa, quay trở lại với Ngài, bởi vì ngươi là con của ma quỷ.

Nói xong, bà thổi một hơi vào mặt hắn, và ngay lập tức, tên tu sĩ giả mạo và kẻ dụ dỗ khốn kiếp ấy ngã xuống đất chết ngay lập tức. Các chị em, những người đã chứng kiến họ trò chuyện nhưng không nghe thấy lời nói của họ, đã vô cùng kinh hoàng khi thấy người đối thoại với Evdokia ngã xuống đất vì hơi thở của cô và nằm chết dưới chân cô. Lúc đầu, họ ngạc nhiên trước sự kiện siêu nhiên này và nhận ra đó là hành động của Thiên Chúa, nhưng sau đó họ bắt đầu lo sợ rằng những người thế tục và các quan tòa có thể biết được vụ việc này và tiến hành điều tra như một vụ giết người, rồi đốt cháy tu viện, bởi vì những người Hy Lạp thờ thần tượng rất căm ghét các Kitô hữu và các tu viện. Không dám hỏi Evdokiya, họ bàn luận với nhau về những gì vừa xảy ra. Và một trong số họ nói:

– Chúng ta hãy chờ một lát: đêm đã bắt đầu, chúng ta sẽ cầu nguyện vào ban đêm, biết đâu Chúa sẽ bày tỏ cho chúng ta nguyên nhân cái chết của vị tu sĩ này và chỉ dẫn chúng ta phải làm gì.

Đêm khuya đã đến. Trước khi bắt đầu buổi hát thánh ca nửa đêm như thường lệ, Chúa đã hiện ra trong giấc mơ của Evdokia và phán:

– Hãy thức dậy, Evdokia, hãy tôn vinh Thiên Chúa của con. Hãy quỳ gối cầu nguyện bên thi thể người đã chết mà ma quỷ, kẻ cám dỗ, đã gửi đến cho con, và Ta sẽ ra lệnh cho anh ta đứng dậy; anh ta sẽ sống lại và nhận ra Ta là ai, Đấng mà con tin tưởng, và ân sủng của Ta sẽ tràn đầy trên con.

Khi tỉnh dậy, Evdokia đã dâng lời cầu nguyện lên Chúa của mình và làm cho người đã chết sống lại. Philostrat, sau khi sống lại từ cõi chết như vừa thức dậy khỏi giấc ngủ, đã nhận ra Đức Chúa Trời chân thật, Đấng đã thương xót ông, liền quỳ xuống dưới chân vị thánh nữ và nói:

– Tôi khẩn cầu ngài, thánh nữ Evdokia, tôi tớ chân chính của Đức Chúa Trời chân thật, xin hãy nhận lấy tôi, kẻ đang ăn năn, và tha thứ cho tôi, kẻ đã làm ngài buồn phiền bằng những lời gian dối và ô uế. Giờ đây tôi đã hiểu rằng ngài đang phụng sự một Đấng Chủ Tể vĩ đại và đầy lòng thương xót biết bao.

Và thánh nữ Evdokia nói với anh ta:

– Hãy về nhà trong bình an, đừng quên những ân huệ của Đức Chúa Trời đã ban cho ngươi, đừng rời xa con đường chân chính của đức tin thánh thiện mà ngươi đã nhận biết, và mà ngươi hứa sẽ chấp nhận.

Lúc bấy giờ, vua Avrilian đang cai trị đất nước (không phải hoàng đế La Mã, mà là một người khác cùng tên, từng nằm dưới quyền cai trị của các hoàng đế La Mã), và Eudokia đã bị vu khống trước mặt ông. Những người

[2144] Những người ngoại đạo gán cho các vị thần và nữ thần của họ tất cả các phẩm chất của con người, và thậm chí cả những khuyết điểm, chỉ là ở mức độ vượt trội hơn mà thôi. Chính vì vậy, họ dâng lên các vị thần những thứ được coi là quý giá và tốt đẹp nhất trong cuộc sống con người: những món ăn tinh tế, đồ uống đắt tiền, các loại hương liệu thơm ngát, v.v. Từ đó, Evdokia, người sống chìm đắm trong xa hoa, xinh đẹp, luôn mặc trang phục lộng lẫy và toát lên hương thơm ngát, quả thực có thể trông giống như một vị nữ thần trong mắt những người đương thời.

từng sùng bái nàng đã tụ tập lại, sau khi bàn bạc với nhau, họ viết thư cho vua, tố cáo rằng Evdokia đã mang theo vào sa mạc một lượng vàng khổng lồ, ngang bằng với kho bạc hoàng gia. Họ xin nhà vua cấp cho họ một đội quân để, khi tìm thấy người phụ nữ đã bỏ trốn, đưa cô ta trở lại thành phố, đồng thời thu hồi số vàng đó vào kho bạc hoàng gia, bởi vì cô ta đã theo đạo Galilee để thờ phụng một vị Chúa Kitô nào đó và từ chối các vị thần mà ngay cả các vị vua cũng thờ phụng. Khi nghe nói về số vàng khổng lồ đó, Avrilian dễ dàng đồng ý với yêu cầu của họ và, sau khi triệu tập một quan tổng trấn[2145] , ra lệnh cho ông ta dẫn quân đi bắt Evdokia cùng với số vàng của cô và đưa cô về gặp mình. Dẫn theo ba trăm binh sĩ, quan tổng trấn tiến vào sa mạc, đến tu viện nữ nơi Evdokia đang sống. Khi họ đang trên đường đi, vào ban đêm, Chúa đã hiện ra với Evdokia và nói:

– Nhà vua đã nổi giận với con, nhưng đừng sợ: Ta luôn ở bên con.

Khi bá tước cùng đoàn quân nhìn thấy tường tu viện, ông dừng lại chờ trời tối, vì ngày đã gần tàn, và chia đoàn quân thành nhiều nhóm để ban đêm tấn công tu viện từ mọi phía. Và khi họ sắp tiến hành cuộc tấn công, sức mạnh toàn năng của bàn tay vô hình của Chúa đã ngăn cản họ, và suốt cả đêm họ không thể tiến gần tu viện dù chỉ một bước. Ngày mới đến. Họ nhìn thấy tường tu viện nhưng không thể đến gần, và trong ba ngày ba đêm, mọi nỗ lực của họ đều vô ích, khiến họ bối rối không biết phải làm gì tiếp theo.

Và bỗng nhiên, một con rắn khổng lồ đáng sợ lao vào tấn công họ; họ vứt bỏ vũ khí và chạy trốn trong kinh hoàng. Tuy nhiên, dù đã thoát khỏi hàm răng của con rắn, họ vẫn không tránh khỏi nọc độc của nó. Bị hơi thở chết chóc của con rắn tấn công, một số người trong số họ đột ngột gục chết, những người khác thì nằm lăn lóc trên đường trong tình trạng thoi thóp, và vị bá tước chỉ đưa được ba chiến binh trở về gặp nhà vua. Nhà vua tức giận nói với các quan đại thần của mình:

– Chúng ta phải xử lý mụ phù thủy này thế nào đây, kẻ đã dùng phép thuật giết chết biết bao chiến binh như vậy? Các ngươi có lời khuyên gì không? Không thể để tội ác này trôi qua mà không bị trừng phạt.

Sau khi bàn bạc, hoàng tử nói:

– Ta sẽ dẫn một đạo quân hùng mạnh, san bằng nơi ẩn náu của lũ điếm này và đưa Evdokia về đây.

Nhà vua và mọi người đều đồng ý, và ngày hôm sau, hoàng tử cùng các chiến binh lên đường để tàn phá tu viện hoang vắng và bắt giữ Evdokia. Trên đường đi, chàng đến gần một ngôi làng thuộc sở hữu của cha mình và, vì trời đã tối, chàng muốn dừng chân nghỉ qua đêm tại nơi thuận tiện này. Với sự hăng hái của tuổi trẻ, chàng nhanh chóng nhảy xuống ngựa, vấp phải một tảng đá và bị gãy chân nặng, đến nỗi phải được các binh sĩ cõng về giường nằm. Đêm đó, bệnh tình của chàng trở nên trầm trọng hơn, và chàng qua đời; các binh sĩ quay trở về báo tin cho nhà vua, mang theo thi thể con trai đã chết của ngài. Khi nhìn thấy con trai đột ngột qua đời, nhà vua ngã quỵ và ngất đi. Cả thành phố tụ tập lại, và dân chúng khóc than, thương xót cho hoàng tử cũng như chính nhà vua, người đang chết dần vì nỗi đau buồn. Trong đám đông đó có cả Philostratus. Tiến đến gần các cận thần của vua, ông nói với họ rằng Evdokia là tôi tớ của Chúa, và không ai có thể làm hại bà, vì bà được sức mạnh từ trời che chở. Nhưng nếu nhà vua muốn thấy con trai mình còn sống, thì hãy gửi đến bà một lời thỉnh cầu kính cẩn, để bà cầu xin Chúa hồi sinh người đã chết.

– Chính tôi – Philostrat nói – đã tận mắt chứng kiến sức mạnh của lời cầu nguyện của bà và lòng thương xót của Đức Chúa Trời.

Nghe vậy, nhà vua bừng tỉnh phần nào và, sau khi nghe Philostrat kể chi tiết hơn về những gì đã xảy ra với ông, nhà vua tin vào lời ông nói và ngay lập tức cử quan tribune[2146] Vavila đến gặp Eudokia với một bức thư kính cẩn, khiêm nhường và cầu xin. Khi ông đến tu viện, thánh Evdokia, sau khi cúi đầu kính cẩn, đã nhận lá thư của nhà vua và nói:

– Tại sao hoàng đế lại gửi thư cho tôi, một tội nhân hèn mọn và không xứng đáng như thế này?

Trong lúc chờ đợi thánh nữ đọc xong bức thư của nhà vua, quan tribune bước vào một trong những căn phòng của tu viện và, khi thấy cuốn sách đang mở ở đó, ông cúi xuống và đọc: *"Phúc cho những ai giữ lời mặc khải của Ngài, và tìm kiếm Ngài bằng cả trái tim"* (Thi thiên 118:2) và, sau khi đọc hết bài thi thiên, ông thiếp đi, tựa đầu lên cuốn sách và chìm vào giấc ngủ. Trong giấc mơ, một chàng trai trẻ rạng rỡ hiện ra trước mặt ông, dùng cây gậy đang cầm trên tay chọc vào sườn ông và nói:

[2145] "Komit" là tên gọi của một quan chức đặc biệt, phụ trách việc thu thuế cống nạp cho hoàng gia. Tên gọi này cũng được dùng chung để chỉ các quan trưởng thành phố.

[2146] Tribune là đại diện của chính quyền quân sự, chỉ huy một đơn vị nhỏ, tương đương với cấp đại tá ngày nay.

– Vavila, hãy thức dậy! Người đã khuất đang chờ ngươi.

Khi tỉnh dậy, Vavila kinh hoàng trước sự hiện ra của Thiên thần và kể lại chuyện này cho thánh nữ Evdokia, xin bà cho phép anh ra đi càng sớm càng tốt. Bà triệu tập tất cả các chị em lại và nói với họ:

– Các chị khuyên tôi nên làm thế nào về điều mà nhà vua đã viết cho kẻ hèn mọn này?

Các chị em đồng thanh đáp:

– Ơn Thánh Thần đang hướng dẫn chị: hãy viết thư cho nhà vua theo ý Chúa.

Sau khi cầu nguyện một cách thành tâm, vị thánh ngồi xuống và viết thư cho nhà vua như sau: "Tôi, một người phụ nữ hèn mọn, không biết vì lý do gì mà bệ hạ đã thương xót gửi thư cho tôi. Tôi, một người phụ nữ không xứng đáng và đầy tội lỗi, bị lương tâm cáo trách vì nhiều tội ác khủng khiếp, tôi không dám cầu xin Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, hãy thương xót ngài và trả lại con trai ngài còn sống. Nhưng tôi đặt niềm tin vào lòng nhân từ và quyền năng nổi tiếng của Chúa tôi, rằng Ngài sẽ tỏ ra lòng thương xót vĩ đại của Ngài trên ngài và con trai ngài, nếu ngài tin tưởng bằng cả trái tim vào Đức Chúa Trời chân thật, Đấng làm cho người chết sống lại, và đặt niềm hy vọng vào Ngài. Không thể nào kêu cầu danh thánh và đáng kính của Ngài, cũng như cầu xin Ngài điều gì, nếu trước đó ngươi không tin vào Ngài bằng cả tâm hồn. Vậy nên, nếu ngươi tin bằng cả tâm hồn, thì ngươi sẽ được chiêm ngưỡng vinh quang vĩ đại của Đức Chúa Trời bất tử, được hưởng ân sủng của Ngài và tận hưởng những ân huệ của Ngài."

Sau khi viết xong và ba lần làm dấu thánh giá lên lá thư, bà trao nó cho người được sai đi và tiễn anh ta ra về. Khi trở về gặp nhà vua, viên quan không trao lá thư của Thánh Evdokia cho nhà vua, mà đặt nó lên ngực người đã chết, đồng thời lớn tiếng kêu cầu danh Chúa Kitô. Ngay lập tức, người chết sống lại, mở mắt, cất tiếng nói và đứng dậy, như vừa thức giấc sau giấc ngủ, sống động và khỏe mạnh. Mọi người đều kinh ngạc và kinh hoàng trước cảnh tượng phi thường ấy. Và nhà vua đã lớn tiếng thốt lên:

– Đức Chúa Trời của người nữ Kitô hữu Evdokia thật vĩ đại! Đức Chúa Trời chân thật và công chính – chính là Đức Chúa Trời của Kitô giáo! Thật công bằng khi nhiều người nương tựa vào Ngài, và những ai tin tưởng vào Ngài, Chúa Kitô, đều hành động một cách đạo đức! Xin hãy đón nhận cả con nữa, , người đang đến với Ngài, vì con tin vào Danh Thánh của Ngài và thừa nhận rằng Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, thánh khiết và được chúc tụng muôn đời!

Sau khi tin vào Đức Kitô là Thiên Chúa, vị vua đã được giám mục thành phố làm phép rửa tội cùng với vợ, con trai – người đã sống lại từ cõi chết – và con gái là Gelasia. Sau đó, ngài đã ban phát những khoản bố thí hào phóng cho người nghèo và khốn khó, rồi gửi nhiều vàng cho thánh Evdokia để xây dựng nhà thờ thánh. Ngoài ra, ngài còn ra lệnh xây dựng một thành phố tại chính nơi thánh Evdokia từng sinh sống, và thường xuyên viết thư cho bà, xin bà cầu nguyện thánh thiện cho ngài. Không lâu sau, vị vua, sau khi đã trưởng thành trong đức tin thánh thiện và các việc lành, đã an nghỉ trong Chúa, và vợ ngài cũng qua đời sau đó. Con trai ngài được phong làm phó tế, và sau đó, khi vị giám mục qua đời, ngài được tấn phong làm giám mục. Còn chị gái ngài là Gelasia, khinh thường những điều phù phiếm của thế gian và tránh xa cuộc sống hôn nhân, nhưng mong muốn phụng sự Chúa, đã bí mật lui về tu viện của Thánh Evdokia và sống ở đó cho đến khi qua đời, tận tâm phụng sự và làm đẹp lòng Chúa.

Vào thời điểm đó, sự vô đạo của các tôn giáo ngoại giáo đang hoành hành, và nhiều người bí mật phụng sự Chúa đã bị những kẻ thù ghét Thiên Chúa phát hiện và bị ép buộc phải chịu cùng số phận diệt vong. Lúc bấy giờ, tại thành phố Heliopolis, Diogenes là quan tổng trấn, một kẻ cuồng tín sùng bái các thần tà ác, là người phụng sự chúng một cách nhiệt thành nhất và là kẻ đàn áp những ai từ chối thờ lạy các thần tượng. Ông ta muốn lấy công chúa Gelasia, con gái của nhà vua đã được nhắc đến ở trên, làm vợ; và cha cô, Avrilian, cũng đã đồng ý điều này khi ông ta còn chưa tin Chúa. Nhưng khi ông được soi sáng nhờ phép rửa tội thánh, ông không muốn gả con gái mình cho một người chồng không tin Chúa, trừ khi người đó chấp nhận đức tin Kitô giáo. Chẳng bao lâu sau, Avrilian qua đời, và Gelasia, lo sợ sẽ bị Diogenes bắt đi bằng vũ lực, đã trốn chạy, như đã nói, đến tu viện của Thánh Evdokia, nhưng không ai biết chính xác cô đã ẩn náu ở đâu. Chỉ có tin đồn rằng cô đang ẩn náu ở đâu đó gần tu viện của Evdokia. Thống đốc Diogenes đã cử năm mươi binh sĩ đi bắt Thánh Evdokia, với tư cách là một tín đồ Kitô giáo, để điều tra. Khi các binh sĩ đang truy lùng bà, Chúa đã hiện ra với Thánh Evdokia vào ban đêm và phán:

– Hỡi con gái Evdokia! Hãy tỉnh thức và kiên cường trong đức tin. Đã đến lúc con phải xưng danh Ta và tôn vinh vinh quang của Ta. Công việc anh hùng mà con sẽ thực hiện đã đến gần rồi. Ngay lúc này, những kẻ hung ác như thú dữ sẽ tấn công con, nhưng con đừng bối rối hay kinh hãi, vì Ta sẽ là người bạn đồng hành thân thiết và là trợ thủ vững chắc của con trong mọi công việc và nỗ lực của con.

Khi thị kiến kết thúc, những chiến binh đã trèo qua tường tu viện vào ban đêm. Nữ tu, sau khi biết được điều này qua linh cảm, đã ra gặp họ và hỏi:

– Các ngươi đến đây để làm gì? Đang tìm ai?

Các chiến binh bắt lấy bà và hỏi về Evdokia. Bà hứa sẽ giao Evdokia cho họ, miễn là họ thả bà ra trong một thời gian ngắn. Và khi đến nhà thờ, bà bước lên bàn thờ thánh, mở hòm đựng Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, rồi lấy một phần của thánh tích vĩ đại này giấu vào ngực mình. Sau đó, bà bước ra và nói với các binh lính:

– Ta là Evdokia, hãy bắt ta và dẫn ta đến gặp người đã sai các ngươi đến.

Họ bắt nàng và dẫn nàng đi cùng. Đêm đó không trăng và tối tăm, bỗng xuất hiện một chàng trai trẻ rạng rỡ và xinh đẹp, cầm ngọn nến đi trước nàng và chiếu sáng con đường. Đó là Thiên Thần của Chúa, chỉ có Evdokia mới nhìn thấy, còn các binh lính thì không thấy cả chàng lẫn ánh sáng. Các binh lính muốn cho Evdokia ngồi lên lưng lừa, nhưng nàng không muốn và nói:

– *"Có người đi bằng xe ngựa, có người đi bằng ngựa"* (Thi Thiên 19:8), còn tôi, nhờ cậy vào Chúa Kitô, sẽ đi bộ đến nơi.

Khi đến thành phố, quan tổng trấn ra lệnh giam Eudokia vào ngục hai ngày, và đến ngày thứ ba, ông gọi người canh ngục lại và hỏi:

– Có ai đưa thức ăn hay nước uống cho mụ phù thủy đó không?

Người gác ngục trả lời:

– Tôi thề trước lòng nhân từ của ngài, thưa ngài, rằng không ai cho nàng ăn hay uống gì cả, và dù tôi có nhìn nàng bao nhiêu lần đi chăng nữa, tôi luôn thấy nàng nằm sấp trên đất và cầu nguyện (theo tôi nghĩ) với Đức Chúa Trời của nàng.

Thống đốc nói:

– Ngày mai ta sẽ tiến hành điều tra và xét xử nàng, còn bây giờ ta bận rộn với những việc khác.

Vào ngày thứ tư, Thống đốc Diogenes ngồi trên ghế xét xử và ra lệnh dẫn Evdokia đến. Khi nhìn thấy nàng, với dáng vẻ khiêm nhường, mặc quần áo tồi tàn, đầu cúi gằm, ông ra lệnh cho các tôi tớ vén khăn che mặt nàng lên, và khuôn mặt nàng lập tức tỏa sáng như tia chớp. Diogenes kinh ngạc và im lặng một hồi lâu, ngạc nhiên trước sự cao quý và vẻ đẹp không thể tả xiết trên khuôn mặt nàng, rạng ngời bởi ân sủng Thần thánh. Sau khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nàng trong một thời gian dài, ông bối rối và quay sang các thẩm phán, nói:

– Tôi thề trước vị thần Mặt Trời của tôi! Không thể kết án tử hình một vẻ đẹp rực rỡ như Mặt Trời như thế này. Tôi không biết phải làm sao!

Một trong các quan tòa nói:

– Bệ hạ có nghĩ rằng vẻ đẹp như thế này là tự nhiên không? Không, đó là một ảo ảnh ma thuật. Bệ hạ chẳng lẽ không biết các pháp sư sở hữu sức mạnh như thế nào sao! Và khi bùa chú ma thuật bị phá vỡ, sự xấu xí tự nhiên của nàng sẽ lập tức lộ ra.

Thống đốc quay sang người phụ nữ xinh đẹp và nói:

– Trước hết, xin hãy cho chúng tôi biết tên, nguồn gốc và cuộc đời của ngài.

Sau khi làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình, vị thánh nữ nói:

– Tên tôi là Evdokia, còn về nguồn gốc và lối sống của tôi thì không cần phải hỏi, vì vậy tôi xin ngài, Thống đốc, đừng lãng phí thời gian vào những lời nói vô ích, mà hãy đối xử với tôi như cách các ngài thường đối xử với các Kitô hữu. Hãy xét xử tôi, tra tấn tôi tùy ý ngài, hãy kết án tử hình tôi, nhưng tôi đặt niềm tin vào Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật của tôi, rằng Ngài sẽ không khinh miệt tôi và sẽ không bỏ rơi tôi.

Thống đốc nói:

– Chỉ một câu hỏi ngắn mà ngươi đã trả lời dài dòng như vậy, thì khi chúng ta bắt đầu tra tấn ngươi, ngươi sẽ nói bao nhiêu nữa đây? Hãy nói cho chúng ta biết: tại sao ngươi lại rời bỏ thành phố và từ chối các vị thần, rồi đi vào sa mạc, mang theo tài sản của dân chúng, và bằng cách gian trá đã làm cạn kiệt kho bạc thành phố?

Thánh nữ đáp:

– Tại sao tôi rời khỏi thành phố – tôi sẽ nói bằng một từ: tôi tự do và làm bất cứ điều gì tôi muốn. Có luật nào cấm một người tự do đi đến nơi mình muốn không? Còn về cáo buộc trộm vàng, tôi mong kẻ vu khống sẽ đứng ra trước mặt tôi, và khi đó sự vu khống sẽ bị vạch trần, còn lời dối trá sẽ tan biến trước sự thật. Làm sao tôi lại có thể bỏ đi sau khi đã trộm cắp tài sản của người khác được chứ?

Sau một cuộc tranh cãi kéo dài, vị thánh vẫn kiên định trong lời nói và bất khuất trong đức tin. Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh treo bà lên cây và bắt bốn chiến binh đánh roi dã man. Các chiến binh bắt bà, lột trần đến thắt lưng và treo bà lên. Khi họ cởi quần áo cho bà, một phần Thánh Thể Vô Nhiễm và Ban Sự Sống của Chúa, mà bà đã lấy khi rời tu viện, rơi xuống từ ngực bà. Những người hầu, không biết đó là gì, nhặt lên và mang đến cho quan tổng trấn. Ông ta vươn tay ra định cầm lấy, thì ngay lập tức phần Thân Thể Thánh Khiết của Chúa biến thành lửa, và ngọn lửa dữ dội đã thiêu đốt các đầy tớ của kẻ hành hạ và làm tổn thương vai trái của chính quan tổng trấn. Ông ta ngã xuống đất vì đau đớn và kêu lên với mặt trời, mà ông ta tôn thờ như Thượng Đế:

– Thưa Đức Chúa Mặt Trời! Xin hãy chữa lành cho con, và con sẽ lập tức ném mụ phù thủy này vào lửa. Con biết rằng Ngài đang trừng phạt con vì đến giờ này con vẫn chưa tiêu diệt được mụ ấy!

Ngay khi những lời ấy vừa dứt, ngọn lửa như tia chớp ập xuống, thiêu chết hắn, thiêu rụi thân thể hắn như than hồng. Nỗi sợ hãi và kinh hoàng ập đến với tất cả mọi người. Nhưng có một chiến binh nhìn thấy một Thiên thần sáng chói của Đức Chúa Trời đang đứng gần vị thánh nữ, thì thầm vào tai bà và an ủi bà, đồng thời phủ lên thân thể bà một tấm vải trắng hơn cả tuyết. Thấy vậy, chiến binh ấy tiến lại gần vị thánh nữ và nói:

– Tôi cũng tin vào Đức Chúa Trời của ngài, xin hãy nhận tôi, kẻ ăn năn, tôi tớ của Đức Chúa Trời Hằng Sống.

Vị thánh nữ đáp lại:

– Nguyện ân sủng của sự hoán cải chân thành sẽ đến với con, hỡi con cái. Ta thấy con đang bắt đầu một cuộc đời mới, như được tái sinh – nếu con muốn được cứu rỗi, hãy tránh xa sự vô tín trước đây.

Người lính nói:

– Con xin ngài, người tôi tớ của Chúa, hãy thương xót người đại diện này, hãy cầu xin Đức Chúa Trời của ngài ban cho anh ta sự sống lại, để nhiều người có thể nhận biết Đức Chúa Trời Chân Thật và tin vào Ngài.

Sau những lời đó, ông tiến đến cây, giải thoát vị thánh nữ tử đạo, và bà, quỳ gối xuống, cầu nguyện rất lâu. Rồi bà đứng dậy và lớn tiếng kêu lên:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng thấu hiểu những bí mật của con người, Đấng đã dựng nên trời bằng lời phán và tạo dựng muôn loài một cách khôn ngoan! Xin hãy ra lệnh, để theo ý muốn toàn năng và toàn quyền của Ngài, tất cả những người bị thiêu đốt bởi ngọn lửa do Ngài sai xuống sẽ được sống lại, để nhiều tín hữu được củng cố trong đức tin thánh thiện, còn những kẻ vô tín sẽ quay về với Ngài, Đức Chúa Trời Vĩnh Cửu, và nhờ đó danh thánh của Ngài được tôn vinh đến muôn đời!

Sau đó, bà tiến đến bên những người đã chết, nắm lấy tay từng người và nói:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô Phục Sinh, hãy đứng dậy và được khỏe mạnh như xưa.

Và như vậy, bà đã hồi sinh từng người một, nâng họ dậy và đánh thức họ, như thể họ vừa thức dậy khỏi giấc ngủ. Khi mọi người đang ngạc nhiên và kinh hoàng trước những phép lạ kỳ diệu đang diễn ra, bỗng nhiên vang lên tiếng thét và tiếng khóc: Tướng Diodorus, người đang có mặt ở đó cùng các binh sĩ, nhận được tin về cái chết đột ngột của vợ ông, Firmina, người đã qua đời trong phòng tắm. Bị sốc trước tin tức bất ngờ này, Diodorus xé rách áo quần và, tràn ngập nỗi thương xót, nước mắt tuôn trào, ông lao đến nơi vợ mình đã qua đời. Nhiều người trong dân chúng chạy theo ông, và quan tổng trấn Diogenes, người đã sống lại từ cõi chết, cũng đi theo hướng đó. Khi thấy rằng vợ của quan tổng trấn quả thực đã qua đời, ông quay trở lại gặp thánh Evdokia và nói với bà:

– Thật sự tôi tin rằng Đức Chúa Trời của bà cao cả và quyền năng hơn các vị thần của chúng tôi vô cùng, nhưng nếu bà muốn củng cố và làm vững chắc đức tin mới chớm nở và còn yếu ớt của tôi, thì tôi xin bà, hãy đi cùng tôi đến chỗ Firmin đã qua đời. Nếu ngài làm cho bà ấy sống lại, thì tôi sẽ ngay lập tức và không do dự tin tưởng hoàn toàn vào Đức Chúa Trời của ngài.

Thánh Eudokia nói với anh ta:

– Không chỉ vì ngươi mà Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ ý muốn của Ngài trong lòng thương xót vô biên, mà còn vì tất cả những ai mong muốn bước vào Nước Trời của Ngài. Vậy thì, với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, chúng ta hãy đi đến nơi mà ngươi đang mời gọi ta.

Khi họ đang đi cùng với đám đông, họ gặp những người đang khiêng thi thể người chết. Thánh nữ ra lệnh dừng cáng lại, rơi nước mắt, cầu nguyện một lúc, rồi nắm lấy tay người đã khuất và nói bằng giọng lớn:

– Lạy Thiên Chúa vĩ đại và vĩnh cửu, lạy Chúa Giêsu Kitô, Lời Hằng Hữu của Cha, Đấng làm cho kẻ chết sống lại! Chúng con cầu xin Ngài: để làm chứng cho những người đang có mặt, xin Ngài thương thực hiện một

phép lạ vĩ đại, hãy ra lệnh cho Firmina sống lại và ban cho cô ấy tinh thần sám hối, để cô ấy quay về với Ngài, Thiên Chúa hằng sống và vĩnh cửu.

Sau lời cầu nguyện này, Firmina lập tức đứng dậy khỏi cáng, và toàn thể dân chúng đồng thanh reo lên bằng giọng lớn:

– Đức Chúa Trời của Evdokiya thật vĩ đại, Đức Chúa Trời của Kitô giáo thật chân thật và công chính! Chúng con khẩn cầu ngài, tôi tớ của Đức Chúa Trời Hằng Sống, xin cứu rỗi chúng con, vì chúng con cũng tin vào Đức Chúa Trời của ngài.

Còn Diodor, khi thấy vợ mình còn sống, đã vô cùng vui mừng và quỳ xuống dưới chân vị thánh nữ, nói:

– Tôi khẩn cầu ngài, người tôi tớ của Đấng Kitô, xin hãy làm cho tôi cũng trở thành Kitô hữu, vì giờ đây tôi đã thực sự nhận biết Đấng Thiên Chúa Toàn Năng mà ngài đang phụng sự là ai.

Và Diodor cùng vợ và cả gia đình đã được rửa tội nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần – cùng với rất nhiều người dân, cũng như Diogen, quan tổng trấn, cùng gia đình ông, đều được rửa tội và giữ vững đức tin thánh thiện cho đến khi qua đời.

Sau đó, theo lời thỉnh cầu của Diodor, thánh Eudokia đã đến sống tại nhà ông, giảng dạy Lời Chúa cho những Kitô hữu mới được khai sáng. Có một cậu bé tên là Zinon, đang làm việc trong vườn gần đó, đã bị rắn thổi hơi độc giết chết, và mẹ cậu, một góa phụ, khóc than thảm thiết vì con. Biết được chuyện này, Eudokia, con chiên của Chúa Kitô, nói với Diodorus:

– Hãy cùng đi an ủi người góa phụ đang khóc lóc ấy, và ngài sẽ thấy lòng thương xót kỳ diệu của Thiên Chúa chúng ta.

Khi đến nơi, họ thấy cậu bé đã sưng phồng, phình to và chuyển sang màu đen vì nọc độc của con rắn. Thánh nữ nói với Diodorus:

– Đã đến lúc chứng tỏ đức tin vĩ đại của con nơi Thiên Chúa. Vậy, hãy cầu nguyện, hướng đôi mắt tâm hồn lên trời, và làm cho người đã chết sống lại.

Diodorus thưa:

– Thưa Nữ Thánh, tôi tớ của Chúa Kitô! Tôi mới tin Chúa được một thời gian ngắn, chưa thể dùng lòng thành kính để hướng đôi mắt tâm hồn về Chúa.

Thánh nữ nói với ông:

– Tôi tin chắc rằng Thiên Chúa lắng nghe những tội nhân ăn năn và sớm đáp ứng những lời cầu xin của họ. Vậy thì, hãy kêu cầu Chúa Toàn Năng bằng cả trái tim, và Ngài sẽ tỏ lòng thương xót cho chúng ta.

Lúc đó, Diodor cúi đầu, vỗ ngực và bắt đầu cầu nguyện thành tiếng trong nước mắt:

– Lạy Chúa, Đấng đã thương xót kêu gọi con, một tội nhân bất xứng và bất trung, đến với đức tin thánh thiện, và đã sai người nữ tỳ trung thành này đến để cứu rỗi linh hồn chúng con! Biết rõ đức tin bất biến và vững chắc của con, xin Ngài hãy nghe lời cầu nguyện tội lỗi và không xứng đáng của con, và hãy ra lệnh cho cậu thiếu niên bị con rắn giết chết được sống lại vì vinh quang của Ngài, để cả cậu ấy lẫn mọi linh hồn đều tôn vinh Danh Thánh của Ngài mãi mãi.

Sau lời cầu nguyện, Diodorus nói với người đã chết:

– Zinon! Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã chịu đóng đinh dưới thời Pontius Pilate, hãy đứng dậy!

Và ngay lập tức, người chết đứng dậy, lau sạch vết đen, thân thể cậu trở nên khỏe mạnh như trước, và mọi người đều tin và ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa trời đất. Khi dân chúng bắt đầu tản ra, Eudokia, con chiên thánh của Đấng Christ, nói:

– Hỡi anh em! Hãy chờ một chút. Đấng Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, sẽ lại được tôn vinh.

Dân chúng dừng lại. Thánh nữ cầu nguyện, và kìa, con rắn đã giết chết cậu thiếu niên bò đến với tiếng rít kinh hoàng, bị đuổi theo bởi ngọn lửa kỳ diệu, rồi quằn quại và uốn éo trước mắt mọi người, sau đó tan rã và chết đi. Lúc đó, tất cả những ai chứng kiến cảnh này, cùng với vợ con, đã đến gặp Giám mục Heliopolis và nhận phép rửa thánh. Còn Thánh nữ Evdokia thì trở về tu viện của mình và tiếp tục sống cuộc đời tu hành bình thường. Thỉnh thoảng, bà xuống thành phố để củng cố đức tin cho các tín hữu và dẫn dắt những người chưa tin đến với đức tin nơi Đức Kitô, Thiên Chúa. Sau khi chịu phép rửa tội, bà đã sống thêm năm mươi sáu năm và qua đời một cách tử đạo như sau. Sau khi tổng trấn Diôgên, người đã qua đời trong đức tin Kitô giáo, qua đời, chức vụ của ông được kế nhiệm bởi Vicentius, một người tàn bạo và là kẻ thù của các Kitô hữu. Khi nghe tin về thánh nữ Evdokia, ông đã sai lính đến chém đứt cái đầu cao quý của bà.

Vậy, Thánh nữ Tử đạo Evdokia đã qua đời vào ngày đầu tiên của tháng Ba dưới lưỡi gươm vì Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Bằng sự công chính và khôn ngoan, ngài đã gắn kết linh hồn mình vào tình yêu của Đấng Kitô, và đã vượt qua sự quên lãng những điều phù du, hư ảo và tạm bợ, như một môn đệ của Lời Chúa: trước tiên, ngài đã tiêu diệt các đam mê bằng sự kiêng khem, và sau đó, ngài đã làm nhục kẻ thù bằng sự chịu khổ. Vì thế, Đức Kitô đã ban cho ngươi vương miện vinh quang gấp bội, hỡi Eudokia vinh quang, vị thánh nữ chịu khổ vì đức tin, xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Kondak, giọng 4:

Ngài đã chiến đấu dũng cảm trong cuộc khổ nạn của mình, và sau khi qua đời, Ngài thánh hóa chúng con bằng những phép lạ tuôn tràn, hỡi vị thánh đáng ca ngợi, những ai với đức tin nương tựa vào Hội Thánh Thánh Thần của Ngài. Và trong niềm hân hoan, chúng con cầu xin Ngài, thánh nữ tử đạo Evdokia, xin cho chúng con được giải thoát khỏi những bệnh tật của tâm hồn và được hưởng ân sủng của những phép lạ.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Nestor và Trivimius.

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 3

Các thánh Nestor và Trivimius sống dưới triều đại của hoàng đế vô đạo Decius[2147] và xuất thân từ thành phố Pergia[2148] . Là những Kitô hữu, các ngài đã can đảm rao giảng về Chúa Kitô, và vì điều này, những người ngoại đạo đã tố cáo các ngài với quan tổng trấn vùng. Vị quan này lập tức cử một đội quân hùng hậu đến với lệnh trói họ lại và dẫn về để xét xử. Khi các thánh tử đạo được đưa ra trước tòa, để dọa nạt họ, quan tổng trấn ra lệnh bày tất cả các dụng cụ tra tấn trước mặt họ, nhưng khi thấy sự đe dọa này, họ lại cất tiếng rao giảng về Chúa Kitô một cách vang dội. Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh lột trần họ và đánh đập không thương tiếc bằng những sợi gân bò khô, sau đó treo họ lên cây và cạo da thịt họ cho đến khi nội tạng lộ ra. Cuối cùng, khi đã chắc chắn rằng các thánh nhân không lay chuyển trong đức tin vào Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, quan tổng trấn ra lệnh cho các đao phủ tháo họ xuống khỏi cây và chặt đầu họ bằng dao. Nhờ ơn Chúa, các thánh tử đạo đã qua đời như vậy, và Chúa Kitô, Thiên Chúa, đã đón nhận họ vào Nước Trời của Ngài.

Cuộc tử đạo của Thánh Nữ Tử đạo Antonina

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 3

Thánh nữ tử đạo Antonina của Chúa Kitô đã chịu tử đạo tại thành phố Nicêa[2149] , dưới triều đại của Diocletian và Maximian[2150] . Vì bà tin vào Chúa Kitô, nên người ta đã tọc mạch với Maximian rằng bà là một Kitô hữu. Khi bị dẫn đến Nicêa và đưa ra trước mặt hoàng đế, bà đã can đảm tuyên xưng đức tin của mình. Để ép bà từ bỏ Chúa Kitô và dâng lễ vật cho các thần tượng, bà đã phải chịu những hình phạt tàn bạo, nhưng bà không khuất

---

[2147] Hoàng đế La Mã Decius trị vì từ năm 249 đến năm 251 và là kẻ đàn áp tàn bạo đối với các tín đồ Kitô giáo.

[2148] Thành phố Pergia nằm ở vùng Pamphylia thuộc Tiểu Á, tọa lạc ở phía nam Tiểu Á, ven bờ Biển Địa Trung Hải.

[2149] Thành phố Nicaea nằm ở vùng Bithynia thuộc Tiểu Á, nằm ở phía bắc Tiểu Á dọc theo bờ Biển Đá Cẩm Thạch và Biển Đen. Nơi đây nổi tiếng trong lịch sử vì là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ I và lần thứ VII.

[2150] Năm 284, Đế chế La Mã chia thành hai phần: phần phía đông do Diocletian cai trị, và phần phía tây từ năm 285 nằm dưới sự cai trị của Hoàng đế Maximianus Herculus. Tuy nhiên, ở đây cần hiểu không phải là Maximianus Hercules, mà là Maximianus Galerius, cựu đồng trị vì của Diocletianus ở phương Đông, con rể và sau này là người kế vị ông (306–311). Mặc dù cuộc đàn áp công khai đối với các Kitô hữu bắt đầu từ năm 303, nhưng vài năm trước đó, Galerius đã đàn áp các Kitô hữu một cách riêng lẻ.

phục trước ý muốn của những kẻ tra tấn và bị giam vào ngục tối. Ngay sau đó, Maximian ra lệnh đưa bà ra khỏi ngục tối và lại ép bà từ bỏ Chúa Kitô, nhưng lần này bà cũng không vâng lời hoàng đế. Lúc đó, Maximian ra lệnh treo cổ bà và dùng dao cạo vào xương sườn. Giữa những cực hình, Thánh Antonina vẫn không ngừng vạch trần sự lầm lạc của hoàng đế và rao giảng về Chúa Kitô. Thấy vậy, Maximian ra lệnh cho những kẻ hành hình cởi bỏ quần áo của bà và đánh vào thân thể trần trụi của bà. Nhưng khi các đao phủ định thi hành mệnh lệnh của hoàng đế, các Thiên thần đã hiện ra, vừa bảo vệ vị thánh tử đạo, vừa khiến chính những kẻ hành hình phải chịu đau đớn. Sau đó, người ta đặt thánh nữ lên một chiếc giường sắt nung đỏ, nhưng bà vẫn không hề hấn gì. Rồi họ nhốt bà vào một cái bao và ném xuống hồ Nicaea.

Ngày kỷ niệm Thánh Domnina

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 3

Thánh nữ Domnina đã tu hành tại Syria. Sống trong một túp lều do chính bà dựng lên trong vườn gần nhà mẹ mình, bà không ngừng rơi lệ, chỉ ăn đậu lăng ngâm nước, và mỗi sáng và tối đều đến nhà thờ Chúa để cầu nguyện, che kín từ đầu đến đầu gối bằng một tấm khăn trùm, để không ai nhìn thấy khuôn mặt của bà. Cô qua đời trong bình an vào khoảng năm 450 đến 460.

Ngày 15 tháng 3

Ngày 2 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Agathon, một ẩn sĩ Ai Cập, qua đời vào thế kỷ V.

Cũng trong ngày này, tưởng nhớ vị tử đạo Troadius, một thiếu niên đã chịu khổ hình dưới triều vua Decius tại thành phố Neocaesarea.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theodotus, Giám mục Cyrene.

Ngày tưởng niệm 2 tháng 3

Thánh Tử đạo Theodotus, gốc người Galatia[2151] , là Giám mục thành phố Kyrenia trên đảo Síp[2152] . Là con của cha mẹ Kitô hữu, ngài được học chữ và từ thuở thiếu thời đã nổi trội về sự khôn ngoan và đức hạnh. Ông đã đến đảo Síp để rao giảng Lời Chúa và dạy dỗ những người ngoại đạo, kêu gọi họ từ bỏ những lầm lạc và việc thờ cúng thần tượng để tin vào Đấng Christ. Nhờ lời rao giảng của mình, ông đã khiến nhiều người từ bỏ sự gian ác của ngoại đạo và dẫn dắt họ vào con đường cứu rỗi; chính vì vậy, ông đã được bổ nhiệm làm giám mục của thành phố Kyrenia trên đảo Síp. Vào thời điểm đó, vị hoàng đế vô đạo Licinius[2153] đang trị vì, còn tổng trấn đảo Síp là Savin, và lúc bấy giờ đang diễn ra cuộc bách hại dữ dội chống lại các Kitô hữu. Thánh Theodotus, mong muốn chịu khổ vì Chúa Kitô, đã dũng cảm tranh luận với những người ngoại đạo, vạch trần những lầm lạc của họ, và công khai rao giảng về Chúa Kitô. Nghe tin này, tổng trấn Savin ra lệnh bắt thánh nhân để tra tấn, nhưng vị tôi tớ của Chúa, khi biết chuyện, không chờ những người được cử đến, đã tự mình lập tức đến gặp tổng trấn và nói:

– Chính tôi là người mà ngài đang tìm kiếm. Tôi không trốn tránh ngài, cũng không bị ép buộc phải đến đây, mà tự nguyện đến để rao giảng về Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi – một lẽ thật không thể che giấu – và vạch trần sự hèn hạ cùng sự bất lực của sự vô đạo của các ngài. Không cần phải nói nhiều về sự bất lực của các ngươi: chính sự việc đã cho thấy rõ rằng các ngươi còn hèn nhát hơn cả những con ếch. Chỉ vì một người Kitô hữu mà cả

[2151] Galatia, hay còn gọi là Gallo-Greece, là một vùng ở Tiểu Á, được đặt tên theo người Gaul – cư dân của nước Pháp ngày nay – những người đã di cư sang châu Á vào thế kỷ III trước Công nguyên. Đạo Kitô được Thánh Phaolô truyền bá tại Galatia trong chuyến hành trình thứ nhất và thứ hai của ngài.

[2152] Đảo Síp nằm ở phía đông bắc Địa Trung Hải, ở góc giữa bờ biển Cilicia và Syria. Tại đây, Thánh Tông đồ Phaolô đã rao giảng Tin Mừng.

[2153] Licinus trị vì từ năm 311 đến năm 324.

thành phố và quân đội đều hoảng loạn, bởi vì các quỷ dữ run rẩy trước một tôi tớ của Chúa Kitô và cố gắng tiêu diệt người ấy, sợ rằng người ấy, sau khi thoát khỏi những cực hình, sẽ làm bẽ mặt sự bất lực của chúng, bằng cách đánh bại những tay sai của chúng, những kẻ không đặt niềm tin vào chúng.

Thống đốc không thể chịu đựng được sự vạch trần như vậy và ra lệnh đánh vị thánh bằng những sợi dây cứng không thương xót, còn ngài, trong suốt những cuộc tra tấn kéo dài, đã thốt lên những lời của Đa-vít:

– *"Trên lưng ta, những kẻ tội lỗi đã hành động, tiếp tục sự gian ác của chúng"* (Thánh Vịnh 128:3)[2154] .

Khi các đầy tớ ngừng đánh vị tử đạo, quan tổng trấn nói:

– Ngươi thấy chưa, những lời ngạo mạn của ngươi đã mang lại lợi ích gì cho ngươi?

Thánh nhân đáp:

– Nếu đôi mắt tâm hồn ngươi được soi sáng, ta sẽ chỉ cho ngươi thấy sự can đảm của ta – thứ mà ngươi gọi là sự ngạo mạn – đã mang lại lợi ích gì cho ta. Nhưng ngươi mù quáng, và không thể nhìn thấy sự hạnh phúc đang chờ đợi ta. Hãy chú ý ít nhất đến điều này: khi tôi hướng tâm hồn về những phần thưởng trên trời dành cho các vị tử đạo vì Chúa Kitô, tôi vẫn kiên định trong đau khổ và không cảm thấy đau đớn, bởi vì niềm vui trong tâm hồn tôi vượt qua mọi đau khổ của thân xác.

Savin nói:

– Ngươi tự hào một cách vô ích, Théodote, và đang lừa dối những người nghe; ngươi sẽ không thể mê hoặc ta bằng những lời nói của ngươi: ta sẽ tra tấn ngươi cho đến khi ngươi thừa nhận quyền cai trị của các vị thần của chúng ta.

Thánh nhân đáp lại:

– Hãy tra tấn tôi tùy ý, hãy dùng hết mọi mưu kế của ngươi – và ngươi sẽ biết được sức mạnh của chiến binh Chúa Kitô. Ngươi sẽ thấy ai là người chiến thắng: người tử đạo hay những kẻ tra tấn!

Thống đốc nói:

– Ngươi không biết sao, rằng theo lệnh của hoàng đế, ta có thể nghiền nát thân thể ngươi và tiêu diệt ngươi hoàn toàn?

Vị thánh đáp:

– Đức Chúa Trời, Đấng mà ta phụng sự, đã làm cho ta quyền năng hơn các vua và mạnh mẽ hơn các hoàng tử – vì thế ta nói chuyện với ngươi như với một nô lệ, và coi ngươi còn hèn mọn hơn cả một tù nhân. Nhờ sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời của ta, Đấng đã dạy ta coi thường mọi của cải đời này như rơm rạ, trấu, phân ngựa, nên ta coi thường mọi sự tra tấn. Đừng nghĩ rằng những lời đe dọa kiêu ngạo của ngươi có thể làm ta khiếp sợ. Ngươi khoe khoang rằng ngươi có quyền lực trên thân thể ta, nhưng ngay cả bọn cướp trong sa mạc cũng có quyền lực tương tự khi chúng tấn công những người lữ hành và hành hạ họ. Ngươi tự cho mình là quyền lực, dựa vào thanh gươm của ngươi – một thanh gươm phi pháp – bởi vì ngươi đã thay thế quyền lực hợp pháp bằng sự chuyên chế: ngươi tha bổng cho những kẻ ngoại tình và giết chồng, trong khi lại trừng phạt những người vô tội và đạo đức.

Vị tổng trấn vô cùng phẫn nộ đã ra lệnh treo vị tử đạo trần truồng lên cây và dùng những dụng cụ sắc nhọn cạo xé hai bên sườn ngài. Trong khi chịu đựng những cực hình tàn bạo này, vị tử đạo của Chúa Kitô đã cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng Tạo Hóa của mọi sự hữu hình và vô hình, Đấng đã chế ngự cái chết, phá hủy địa ngục, tiêu diệt trên Thập Tự Giá những thế lực và quyền uy của âm phủ, Đấng đã phán xét vị vua của thế gian này, Đấng đã ban sức mạnh từ trên cao cho các Tông Đồ thánh của Ngài và bảo vệ họ khỏi cám dỗ, Đấng đã từng ban cho thiếu niên Đa-vít chiến thắng trước người khổng lồ Gô-li-át, Đấng đã làm dịu ngọn lửa lò nung Ba-by-lôn, làm nguội lửa bằng sương, để nó không làm hại thân thể các thiếu niên thánh, xin hãy củng cố con trong những đau khổ này. Ngài biết sự yếu đuối của con người, biết rằng sức mạnh của chúng con còn hèn mọn hơn cả tro bụi, và sức mạnh của chúng con tàn lụi nhanh hơn cả bông hoa. Xin hãy làm rạng danh Danh Ngài, lạy Chúa, và ban sức mạnh cho sự yếu đuối của con. Xin phá hủy pháo đài của những kẻ nổi loạn chống lại đoàn chiên thánh của Ngài, để cả vũ trụ đều nhận biết rằng Ngài là Đấng Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng ban sự vững chắc và sức mạnh cho những ai đặt niềm tin nơi Ngài!

[2154] Bản dịch tiếng Nga: *"Trên lưng tôi, những kẻ cày ruộng đã cày xới, vạch ra những rãnh dài của chúng*". Thánh Theodoret giải thích: "Lời tiên tri ám chỉ những roi vọt và vết thương mà những kẻ ác độc đã giáng xuống các vị tử đạo chiến thắng".

Trong lúc cầu nguyện, những kẻ hành hình đã tra tấn thân thể vị thánh đến mức xương cốt lộ ra, và quan tổng trấn ra lệnh đưa ngài vào ngục tối.

Trên đường đến ngục tối, vị thánh đã lớn tiếng kêu lên:

– Hỡi những ai chứng kiến sự đau khổ của tôi, hãy hiểu rằng tôi chịu đau khổ không phải là vô vọng. Có phần thưởng cho những công trạng tử đạo nơi Đức Kitô, Đấng mà tôi đặt trọn niềm tin. Nếu vị vua trần gian, tạm thời, tôn vinh và ban thưởng cho những chiến binh dũng cảm của mình, những người đổ máu vì Ngài, ca ngợi những người đã hy sinh trong các cuốn sách, tạc tượng họ và cố gắng lưu giữ ký ức về họ, thì huống chi là Đấng Ban Ơn Công Đức của chúng ta, Vị Vua Vĩnh Cửu trên Thiên Đàng sẽ ban cho các chiến binh và những người tu hành của Ngài vinh quang trong cuộc đời hiện tại, và sau khi phục sinh – được tham dự vào Nước Trời của Ngài. Những chứng nhân cho điều này chính là những bộ xương thiêng liêng của các thánh tử đạo đã từng chiến đấu trước đây. Những bộ xương này được tất cả các Kitô hữu tôn kính một cách thành kính và được coi là quý giá hơn tất cả các báu vật và của cải trần gian. Sự tôn kính này thể hiện rõ ràng vinh quang thiên đàng của linh hồn các thánh tử đạo, được Thiên Chúa và các Thiên Thần ban tặng cho họ.

Vị tử đạo còn nói nhiều điều khác nữa, được cả dân chúng hộ tống đến nhà tù, nơi ngài ở lại năm ngày, rồi lại được dẫn ra trước quan tổng trấn để xét xử.

Và quan tổng trấn nói với vị tử đạo:

– Ta nghĩ không cần phải trừng phạt ngươi thêm nữa để ngươi tỉnh ngộ; sau khi nếm trải sự đau đớn của những cực hình đầu tiên, ngươi sẽ tôn kính các vị thần của chúng ta, không muốn phải chịu đựng những đau khổ đó lần nữa. Nhưng nếu ngươi không chịu khuất phục, thì ngươi sẽ buộc ta phải tra tấn ngươi thậm chí còn tàn bạo hơn nữa. Vì vậy, hãy nghe lời ta và tự giải thoát mình khỏi những cực hình đang chờ đợi ngươi.

Thánh Theodotus đáp lại:

– Chẳng lẽ ngươi không hiểu sao, hỡi kẻ ba lần phản bội, rằng dù thân thể ta đã tan nát vì những cực hình và hai bên sườn ta đã bị xé rách, nhưng ta vẫn can đảm đến gặp ngươi hôm nay, sẵn sàng chịu đựng mọi đau khổ cho đến khi hoàn thành cuộc hành trình của mình, và nhận lấy vương miện đã được chuẩn bị sẵn cho ta từ Chúa Giêsu Kitô của ta.

– Đừng nhắc đến tên Đấng Bị Đóng Đinh ở đây, vì như vậy là ngươi đang làm ô uế nơi xét xử này, – quan tổng trấn ngắt lời anh ta.

– Kẻ điên rồ và đầy dẫy mọi thứ ô uế! – Feodot nói. – Theo ý ngươi, ngươi không làm ô uế nơi này khi nhắc đến tên các vị thần xấu xa và bất kính của ngươi, nhưng khi ta nhắc đến danh hiệu của Đấng Chủ Tể Tinh Khiết của ta là Đức Kitô, Vua và Chúa Tể của muôn loài, ngươi lại phẫn nộ, phạm thượng và đau khổ, như thể việc nhắc đến danh hiệu Đức Kitô đang làm ô uế nơi xét xử này vậy sao? Tâm trí ngươi đau đớn như vậy khi ta xưng danh thánh khiết của Ngài. Cũng chính như vậy, những quỷ dữ mà các ngươi tôn sùng đã phải chịu đau khổ, không thể chịu đựng được sự tra tấn khi phải đối diện với Đức Kitô, và chúng đã kêu lên:

– *"Ngài có liên quan gì đến chúng tôi, hỡi Giê-su, Con Thiên Chúa? Ngài đã đến đây trước thời hạn để hành hạ chúng tôi"* (Mt 8:29). Không có gì ngạc nhiên khi ngươi cũng không thể nghe thấy danh hiệu của Đấng Christ, vì ngươi giống như những con quỷ, bắt chước và phục vụ chúng, giống như tổ tiên của ngươi.

Savin nói:

– Ta tưởng rằng sau những cực hình trước đây, ngươi sẽ nhu nhược hơn và nghe lời ta, người đang đề nghị cho ngươi sự cứu rỗi, nhưng ngươi lại trở nên tồi tệ hơn và cứ tranh cãi với chúng ta, tự lừa dối mình bằng hy vọng rằng ngươi đang chịu khổ vì Chúa Kitô. Vì điều đó, ta sẽ bắt ngươi chịu những cực hình mới và chứng minh rằng hy vọng của ngươi vào Chúa Kitô là vô ích. Kẻ nịnh hót đó sẽ không giúp được gì cho ngươi, kẻ mà ngươi đang hy vọng vào để chịu đựng những đau khổ này.

Và vị thánh tử đạo đáp lại:

– Nếu tôi chịu khổ vì con người, thì tôi sẽ bất hạnh hơn các ngươi, những kẻ vô thần, và sẽ không có chút hy vọng nào về cuộc sống tương lai. Nếu tôi không hướng về Nước Trời, nơi Đức Kitô ban thưởng vượt trên công đức, thì tôi sẽ không thể chịu đựng đến cùng, cũng không thể chịu đựng được những cực hình như thế này. Vì vậy, nhờ ơn Chúa Kitô, làm sao tôi lại không chịu đựng được những cực hình lớn lao này vì hạnh phúc vĩnh cửu đã được hứa ban? Hãy nhìn xem sự trợ giúp của Chúa Kitô nơi tôi và hãy tin chắc rằng tôi đặt niềm tin vào Ngài. Dưới sự che chở của bàn tay Ngài, tôi không sợ những cực hình của ngươi và thậm chí không hề đau khổ. Dù thân xác phù du này có phải chịu đau khổ, nhưng ý chí của tôi vẫn vững vàng, được củng cố trong Thiên Chúa.

Lúc đó, quan tổng trấn Savin ra lệnh đặt vị tử đạo lên giường sắt và đốt cành cây khô cùng rơm rạ bên dưới. Khi người chịu khổ đã vượt qua cả hình phạt này, quan tổng trấn ngạc nhiên và nói:

– Tại sao các ngươi, những người Kitô hữu, lại vô nhân đạo đến thế? Các ngươi có thể thương xót ai khi lại vô nhân đạo với chính mình như vậy? Các ngươi sẽ tốt lành với ai khi không tốt lành với chính mình?

Thánh Theodotus đáp:

– Ngươi không biết thế nào là lòng nhân ái đích thực, mà lại nói về lòng thương xót. Ta sẽ biết ơn ngươi khi ngươi kết án ta tử hình, giải thoát ta khỏi cuộc đời tạm bợ này và cho ta vào Nước Trời. Vì ngươi muốn nâng ta lên, bởi vì ngươi hành hạ ta càng nhiều, thì phần thưởng ngươi dành cho ta càng lớn. Nếu ngươi thực sự muốn ban ân huệ cho ta, thì hãy giải thoát ta khỏi cuộc sống trần thế bằng những đau khổ. Hãy nhân lên những đau khổ của con ở đây: chúng sẽ trở thành phần thưởng cho vương miện công chính của con ở đó. Hãy hành hạ con đến chết, để con có thể trở về với Đấng Cứu Thế của con, Đấng Christ, như một người tu hành hoàn hảo, để tất cả các Thiên Thần đều đón nhận con với niềm vui và sự hân hoan.

Người đại diện nói:

– Ta sẽ nghĩ ra những hình phạt tàn khốc nhất và biến ngươi thành một người tu hành hoàn hảo.

Và vị tử đạo của Đấng Kitô đáp lại:

– Ôi, giá như ngươi biết được lòng thương xót của Thiên Chúa của ta, Đấng mà ta đặt niềm tin, rằng nhờ những cực hình ngắn ngủi này, ta sẽ được hưởng sự sống đời đời cùng Ngài! Chính ngươi cũng sẽ khao khát được chịu đau khổ như ta đang chịu, nhưng những con quỷ mà các ngươi tôn sùng đã làm cho lòng các ngươi trở nên cứng cỏi, và các ngươi không có hy vọng nào sau khi chết. Vì thế, các ngươi đã chìm đắm trong những lo toan trần tục, chọn cái tạm bợ và thoáng qua thay vì cái vĩnh cửu.

Nghe những lời này, quan tổng trấn kinh ngạc nói:

– Người ta đã nói với tôi rằng ngươi là một người bình thường, nhưng ta thấy ngươi quả là một bậc hiền triết vĩ đại!

Thánh Theodotus đáp:

– Nếu chính Chúa Kitô đang nói qua tôi, thì có nhà hùng biện nào có thể chống lại tôi được? Hãy biết rằng những gì người ta nói với ngươi là đúng, rằng tôi là một người bình thường, nhưng ân sủng của Chúa Kitô, Đấng giúp đỡ tôi, không chỉ dạy tôi cách nói, mà còn củng cố tôi trong đau khổ, làm dịu bớt những nỗi đau của tôi.

– Ta sẽ không tha thứ cho ngươi, Théodote, – quan tổng trấn nói.

– Hãy làm gì tùy ý, tôi đã sẵn sàng, – vị thánh đáp lại.

Lúc đó, Savin ra lệnh cho binh lính đóng đinh vào chân ngài và ép ngài phải đi. Và khi họ đang đóng đinh vào chân ngài, ngài giơ hai tay lên trời và nói:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô của con, vì Ngài đã cho con, kẻ không xứng đáng này, được tham dự vào những đau khổ của Ngài. Làm sao một kẻ bị ruồng bỏ như con lại được ân sủng vĩ đại đến thế – giờ đây con như đã ở trên trời vậy?! Con tạ ơn Ngài, Đấng Cứu Độ của con, vì Ngài đã giải thoát linh hồn con khỏi những kẻ bách hại. Xin danh Ngài, Chúa Kitô, được tôn vinh trong thân xác con! Con của Thiên Chúa! Ngài là sự sống của con, và cái chết vì Ngài – là điều quý giá đối với con! Con xin phó thác những người đang chịu đau khổ vì danh Ngài cho Ngài, xin Ngài hãy là Đấng trợ giúp cho họ. Xin Ngài ra lệnh cho cơn bão này chấm dứt, xua tan những kẻ nổi loạn chống lại Hội Thánh thánh thiện của Ngài, để muôn dân được tôn vinh Ngài trong bình an mãi mãi!

Ngài cũng nói với các Kitô hữu xung quanh:

– Hỡi anh em! Cuộc chiến đấu của tôi sắp kết thúc, vương miện đã gần kề, đó là bằng chứng cho sự công chính của tôi, mà Đức Giêsu Kitô sẽ ban cho tôi. Ngài đã chịu đóng đinh vì tôi, tôi vì Ngài đã dâng thân xác mình chịu đau khổ. Ngài đã chết vì tôi để giải thoát tôi khỏi sự hư nát, tôi chết vì Ngài để được hưởng Nước Trời của Ngài. Ôi ân sủng vĩ đại của Đức Kitô! Chỉ vì những đau khổ ngắn ngủi vì Ngài – Ngài ban thưởng, vượt xa mọi công đức, bằng niềm hạnh phúc vĩnh cửu và không thể diễn tả: *"Những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì so với vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng ta"* (Rô-ma 8:18).

Và vừa nói như vậy, ngài vừa bước đi, bị các binh lính ép buộc, với đôi chân bị đóng đinh. Nhìn thấy sự kiên nhẫn của ngài và nghe những lời ngọt ngào như mật ong, nhiều người ngoại đạo đã tin vào Chúa Kitô, phỉ báng những thần tượng xấu xa, quở trách kẻ hành hạ và tôn vinh danh Chúa Kitô. Khi biết được điều này, Savin ra lệnh tống thánh nhân vào ngục một lần nữa, để dân chúng không bị mê hoặc bởi giáo lý "phù thủy" (như ông ta nói) của ngài, và sau đó bắt đầu bàn bạc với các cố vấn của mình xem nên dùng hình thức tử hình nào để tiêu diệt vị

thánh tử đạo này. Một thời gian sau, vết thương của vị tử đạo bắt đầu mưng mủ, và những tín hữu Kitô giáo đạo đức đến thăm đã dùng những chiếc khăn sạch lau rửa những vết mưng mủ cho ngài.

Khi Hoàng đế Constantine Đại Đế ban tự do tín ngưỡng cho tất cả các Kitô hữu, thì từ ngài có sắc lệnh ra lệnh chấm dứt cuộc bách hại và thả tự do cho tất cả những ai đang bị giam cầm vì Chúa Kitô. Thánh Theodotus, khi nghe tin mình sắp được thả, đã vô cùng buồn bã, vì ngài mong muốn được chết trong đau khổ vì Chúa Kitô. Sau khi được thả, ngài trở về thành phố Kirini của mình và, sau hai năm tại vị trên ngai giám mục, ngài đã an nghỉ trong Chúa và nhận được vương miện cao quý của sự thánh thiện và tử đạo từ Chúa Kitô, Đấng ban vinh quang vĩnh cửu cho các vị thánh của Ngài; xin cho chúng ta cũng được hưởng vinh quang ấy nhờ lời cầu nguyện của Thánh Tử đạo Theodotus và ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Ngài đã vạch trần biển cả tà tín, và bằng đức tin chính thống, Ngài đã đâm thủng sự nịnh hót của sự vô thần thờ ngẫu tượng; và là ngọn lửa thiêng liêng thiêu đốt mọi sự, Ngài tưới mát khắp các miền đất bằng phép lạ, thánh cha Theodotus, xin cầu nguyện cùng Đức Kitô Thiên Chúa ban cho chúng con ân sủng vĩ đại.

Lễ kính Thánh Tử đạo Euphalia

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 3

Thánh Euphalia sống vào thế kỷ III và xuất thân từ Sicily. Mẹ của bà là một người ngoại đạo và mắc chứng chảy máu. Trong giấc mơ, các thánh tử đạo Alphius, Philadelphus và Cyprian (ngày kỷ niệm của các ngài là ngày 10 tháng 5) đã hiện ra với bà và nói rằng bà sẽ được chữa lành nếu tin vào Chúa Kitô. Bà đã chịu phép rửa tội và được chữa lành; sau đó, bà cũng cho con gái mình chịu phép rửa tội. Con trai bà, Sermilian, khi biết chuyện này, đã muốn giết mẹ mình, đồng thời đánh đập em gái Euphalia một cách tàn nhẫn và giao cô cho người đầy tớ để lạm dụng. Bằng lời cầu nguyện của mình, Thánh Euphalia đã làm mù mắt người đầy tớ đó, còn bản thân bà thì bị anh trai chém chết bằng gươm.

Cuộc đời của Thánh Cha Arsenius, Giám mục Tver[2155]

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 3

Thánh Arsenius sinh ra tại thành phố Tver trong một gia đình sùng đạo, quý tộc và giàu có. Cả năm sinh lẫn tên của cha mẹ ngài đều không được biết đến. Sau khi cầu xin Chúa ban cho một người con trai, cha mẹ của vị thánh này đã hết lòng chăm lo để gieo rắc lòng kính sợ Chúa vào trái tim con trai mình. Một thời gian sau, họ gửi cậu bé đi học chữ. Với sự giúp đỡ của Chúa, cậu bé nhanh chóng đạt được những tiến bộ vượt trội, vượt xa tất cả các bạn cùng lứa tuổi. Arsenius còn rất trẻ, nhưng đã thấu hiểu rằng mọi điều tốt lành trong cuộc đời này đều vô thường và thoáng qua. Cậu chỉ suy ngẫm và quan tâm đến việc làm đẹp lòng Chúa và cứu rỗi linh hồn mình. Một thời gian sau, cha mẹ của vị thánh qua đời. Trước khi lìa đời, họ dặn dò con trai phải sống thánh thiện và làm đẹp lòng Chúa, kiên định tuân giữ các điều răn của Chúa và giữ vững đức tin Kitô giáo, đồng thời để lại toàn bộ tài sản cho cậu. Sau khi an táng cha mẹ, vị thánh càng suy ngẫm nhiều hơn về sự cứu rỗi linh hồn mình. Cậu nghĩ:

– Tôi biết rằng mình chỉ là khách lạ và lữ khách trên trần gian. Cuộc đời ở đây ngắn ngủi và tạm bợ, còn cuộc sống tương lai thì vô tận. Cha mẹ đã để lại cho tôi một gia tài lớn, nhưng linh hồn tôi không vui mừng vì điều đó. Vì Kinh Thánh có chép: *"Người ta được ích gì nếu chiếm được cả thế gian mà làm hại linh hồn mình? Hay người ta sẽ lấy gì để chuộc lại linh hồn mình?"* (Mt 16,26.)

[2155] Cuộc đời cổ xưa của Thánh Arsenius được viết vào cuối thế kỷ XV bởi tu sĩ Theodosius. Các phép lạ của vị thánh này được ghi chép vào nửa sau thế kỷ XVI và thế kỷ XVII.

Suy ngẫm như vậy, ngài bắt đầu phân phát tài sản của mình cho người nghèo: cho người trần truồng mặc áo, thăm viếng người bệnh, giúp đỡ góa phụ và trẻ mồ côi, bênh vực những người bị áp bức. Nhưng kẻ ghen tị của loài người, khi thấy cuộc sống đạo đức của Thánh Arsenius, đã dấy lên sự chỉ trích chống lại ngài. Hắn gieo vào tâm trí một số người thân của vị thánh ý nghĩ rằng chàng trai trẻ này đang làm điều không tốt khi hào phóng phân phát tài sản của cha mẹ. Những người thân của vị thánh lúc thì khuyên ngài nên kết hôn, lúc thì sỉ nhục và trách mắng ngài, nói rằng:

– Nhìn kìa, tên đạo đức giả này đã làm tan nát cả gia đình và sống một cuộc đời vô bổ.

Nhưng những lời đó không làm chàng thanh niên đạo đức nao núng. Chúa đã gieo vào lòng chàng ý nghĩ – hãy lên đường đến tu viện Pechersk, nơi mà xưa kia các vị thánh Antony và Theodosius đã tu hành và tỏa sáng nhờ những đức hạnh của mình. Sau khi giải phóng tất cả nô lệ và phân phát tài sản của mình cho người nghèo, vị tu sĩ trẻ đã bí mật rời khỏi thành phố quê hương và lên đường đến Tu viện Kiev-Pechersk, nơi mà giọng nói mà anh nghe thấy trong giấc mơ đã gọi mời anh. Khi đến tu viện, vị thánh quỳ gối trước vị trụ trì và thỉnh cầu:

– Xin cha thương xót con, xin cha thương xót kẻ tội lỗi này. Xin đừng đuổi con ra khỏi tu viện thánh thiện này; xin hãy nhớ rằng chính Chúa Kitô cũng không từ chối những kẻ tội lỗi ăn năn.

Vị thánh đã khẩn thiết cầu xin vị trụ trì Pechersk như vậy. Vị trụ trì ngạc nhiên và hỏi ngài:

– Tại sao, con ơi, con lại đau khổ vì tội lỗi của mình đến vậy, trong khi con còn trẻ như vậy?

– Con là một tội nhân lớn, – Thánh Arsenius đáp, – vì không có ai là không phạm tội, dù chỉ sống được một ngày. Xin Cha thương xót con, và đừng đuổi con ra khỏi tu viện thánh này. Con biết rằng một ngày nào đó con cũng sẽ phải ra trước tòa phán xét đáng sợ của Chúa Kitô – lúc đó con sẽ trả lời thế nào trước vị Thẩm phán không thiên vị ấy?

Vị tu viện trưởng ngạc nhiên trước câu trả lời của chàng trai trẻ. Ông đã nhìn thấu bằng đôi mắt thiêng liêng rằng trên người thiếu niên này đang ngự một ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa. Nhưng thấy Arsenius còn quá trẻ, vị tu viện trưởng Pechersky nói với cậu:

– Cuộc sống tu hành rất gian nan, đầy rẫy những thiếu thốn và đau khổ. Ở tuổi còn trẻ như vậy, con sẽ khó lòng chịu đựng được tất cả những thử thách của đời tu. Nhưng Chúa đã chỉ ra nhiều con đường để cứu rỗi loài người. Hãy chọn cho mình một con đường khác, dễ dàng hơn.

– Con không sợ những vất vả của đời tu, – vị thánh đáp lại, – chúng ngọt ngào và dễ chịu đối với con. Con chỉ xin cha một điều: hãy cho con làm người hầu cuối cùng trong tu viện thánh này, và con sẽ thực hiện mọi việc với lòng biết ơn. Xin Chúa là Đấng bảo trợ của con và xin những lời cầu nguyện thánh thiện của cha giúp đỡ con. Con nhớ rõ lời Kinh Thánh: *"Ai đã đặt tay vào cày mà còn ngoái lại phía sau, thì không xứng đáng với Nước Thiên Chúa"* (Lc 9,62). Xin cha hãy nhận con vào tu viện.

Bị ấn tượng bởi lòng đạo đức của chàng trai trẻ, vị tu viện trưởng đã nhận Arsenius vào tu viện và trao cho anh bộ áo tu sĩ. Tu sĩ mới nhập môn được giao cho một vị tu sĩ cao niên đức hạnh, giàu kinh nghiệm trong các công việc thiêng liêng, để được hướng dẫn.

Rất nhiều vị tu sĩ khổ hạnh, như những vì sao sáng chói, chỉ tỏa sáng tại Tu viện Kiev-Pechersk. Họ đã nêu gương tốt cho chàng trai sùng đạo: người này nổi bật bởi đức tin vững chắc, người kia đặt trọn niềm tin vào Đấng Chúa Duy Nhất, người nọ tỏa sáng nhờ sự im lặng và vâng phục, người khác lại chiến đấu thắng lợi với xác thịt của mình và khuất phục nó dưới sự chi phối của tinh thần. Thánh Arsenius đã chứng kiến những hành động đạo đức cao cả ấy và bắt đầu noi gương từng người trong số họ, cố gắng không bỏ sót bất kỳ tấm gương tốt nào. Với lòng khiêm nhường tột bậc, ngài tuân theo mọi mệnh lệnh của vị Bề trên và các tu sĩ khác, làm việc không ngừng nghỉ, không bỏ lỡ bất kỳ thánh lễ nào, chỉ ăn những thức ăn đơn sơ nhất, và chỉ chợp mắt trong thời gian rất ngắn.

Tại Tu viện Pechersk, theo truyền thống, mỗi tu sĩ đều phải trải qua tất cả các bậc vâng lời, từ bậc thấp nhất đến bậc cao hơn. Cũng như những người khác, Thánh Arsenius đã thực hiện mọi nhiệm vụ vâng lời và hoàn thành chúng với lòng nhiệt thành sâu sắc. Ngày đêm ngài đều lao động, không để đôi tay mình nhàn rỗi dù chỉ một giờ: nấu ăn cho các tu sĩ, chặt củi và gánh nước; chưa ai từng nghe ngài than vãn hay nói những lời vô ích. Ngài đã trau dồi đức hạnh đến mức vượt trội hơn tất cả các tu sĩ trong tu viện. Các tu sĩ đều ngạc nhiên trước sự cần cù và lòng nhân ái của ngài.

Lúc bấy giờ, tại Kiev có Thánh Cyprian, người sau này trở thành Thánh Phụ Moscow[2156] . Thấy Arsenius có trí tuệ sắc sảo và tiến bộ trong các đức tính, ngài đã đưa anh ta đến gần mình và yêu mến vị tu sĩ trẻ này, thường xuyên trò chuyện với anh ta, hướng dẫn anh ta về các điều răn của Chúa. Và khi vị thánh này lên ngôi Tổng Giám

mục Moscow, ngài không muốn xa cách Thánh Arsenius. Vị Tổng Giám mục đã đưa anh ta theo mình đến Moscow, phong anh ta làm phó tế trưởng và giao cho anh ta phụ trách công việc thư tín[2156] . Ban đầu, Thánh Arsenius đã xin đừng đặt gánh nặng lên vai mình, ngài nói rằng ngài muốn được cầu nguyện trong sự tĩnh lặng và tu tập các đức hạnh. Nhưng sau đó, được vị Thánh thuyết phục, ngài đã đồng ý – chỉ xin đừng phong ngài lên các bậc cao hơn trong hàng giáo sĩ.

Trong khi đó, tại quê hương của Thánh Arsenius, ở Tver, đã nảy sinh những rối loạn. Giám mục Evfimii của Tver[2157] đã gây ra không ít xáo trộn trong đoàn chiên của mình; với tính cách cứng đầu, ngài can thiệp vào các vấn đề thế tục; không có lòng khiêm nhường của người Kitô hữu, ngài nổi bật với sự kiêu ngạo tột độ và lòng tự cao tự đại. Với cách hành xử của mình, vị giám mục đã khiến không chỉ hoàng tử và các quý tộc, mà cả giới tu sĩ, các tu sĩ và giáo dân bình thường cũng quay lưng lại với ông. Hoàng tử Tver Mikhail Alexandrovich[2158] , thấy rằng sự bất hòa ngày càng gia tăng, đã cử một phái đoàn đến Moscow và mời Tổng giám mục Cyprian đến để phân xử vụ việc. Thánh tổng giám mục Cyprian đã lên đường đến Tver, mang theo hai tổng giám mục Hy Lạp là Mikhail và Nikandr, thánh Stefan – giám mục Perm, giám mục Smolensk Mikhail, cùng thánh Arsenius, nhiều tu sĩ cấp cao và các vị trụ trì. Khi đoàn thánh đoàn tiến gần đến Tver, chính Công tước Mikhail cùng đông đảo dân chúng đã ra đón và tiếp đón những người đến với sự tôn kính. Ngay khi Cyprian cùng các vị cha khác đặt chân đến thành phố, ngài lập tức đến nhà thờ mang tên Sự Biến Hình Thánh Thiện và Vinh Quang để cử hành trước tiên là nghi thức cầu nguyện, sau đó là Thánh Lễ, và ban phước lành cho tất cả mọi người.

Bốn ngày sau, tổng giám mục cùng toàn thể Hội đồng Thánh đã xem xét vụ việc của giám mục Tver. Ban đầu, Evfimiy đã tự bào chữa. Nhưng các vị cha trong Hội đồng đã vạch trần những hành vi sai trái của ông; ông bị tước chức và bị đày đến tu viện Chudov ở Moscow.

Từ lâu, người dân Tver đã biết đến cuộc đời đạo đức của Thánh Arsenius. Giờ đây, Công tước Mikhail xin Đức Tổng Giám mục bổ nhiệm ngài làm Giám mục tại thành phố của mình.

– Tôi nghĩ rằng Thánh Arsenius có thể mang lại hòa bình và yên tĩnh cho thành phố của chúng ta, – hoàng tử nói với tổng giám mục. – Tôi không biết ai khác có đức hạnh và xứng đáng hơn ông ấy. Hơn nữa, ông ấy còn sinh ra ở đây. Không chỉ tôi, mà nhiều công dân khác cũng biết ông ấy và cha mẹ đạo đức của ông ấy.

Đức Tổng Giám mục Cyprian đã tán thành ý định của hoàng tử và triệu tập Arsenius. Khi vị thánh nghe được nguyện vọng của hoàng tử, ngài đã kiên quyết từ chối:

– Xin các ngài tha thứ cho tôi, thưa các ngài, tôi là một con người tội lỗi và không xứng đáng với chức vụ này. Tôi xin lấy Chúa làm chứng rằng tôi chưa bao giờ và hiện tại cũng không có mong muốn nào khác, ngoài việc sống ẩn dật để sám hối về những tội lỗi của mình. Chính vì thế mà trước đây tôi đã từ chối chức vụ linh mục; còn về chức giám mục, thì chỉ nghĩ đến thôi cũng đã là tội lỗi đối với tôi rồi.

Thánh nhân vẫn tiếp tục từ chối trong một thời gian dài, nhưng cuối cùng, hoàng tử và tổng giám mục đã nói với ngài:

– Nếu ngài không muốn tuân theo ý muốn của chúng tôi, thì chúng tôi cùng với Thánh Công đồng có quyền áp đặt lệnh cấm đối với ngài.

Thánh Arsenius không còn muốn chống đối nữa và đã đồng ý. Như vậy, ngài được bầu làm giám mục (ngày 24 tháng 7 năm 1390), nhưng ngài lo sợ gánh nặng của việc quản lý, sợ những mâu thuẫn và nổi loạn vẫn chưa lắng xuống ở Tver sau khi giám mục Euthymius bị cách chức, và ngài khao khát từ tận đáy lòng được sống đời tu hành một mình. Vì vậy, sau một thời gian, Thánh Arsenius lại một lần nữa thỉnh cầu Tổng giám mục Cyprian gỡ bỏ gánh nặng nặng nề đó khỏi vai ông. Nhưng tổng giám mục đã động viên và một lần nữa thuyết phục ngài. Nhận thấy trong đó là sự an bài của Thiên Chúa, Thánh Arsenius đã tuân theo ý muốn của tổng giám mục và vào ngày 15 tháng 8 năm 1390, ngài được tấn phong làm giám mục Tver.

Khi lên ngôi giám mục, Thánh Arsenius đã nỗ lực hết sức để củng cố hòa bình và sự hòa hợp trong đoàn chiên của mình, đồng thời dẹp tan mọi sự nổi loạn. Ngài rao giảng Lời Chúa một cách nhiệt thành: với tất cả những ai đến với ngài, Thánh Arsenius đều dạy dỗ như một người cha yêu thương con cái; trong nhà thờ Chúa, ngài khuyên răn đoàn chiên của mình như một vị mục tử chu đáo. Ngài luôn ghi nhớ lời của tiên tri Ê-xê-chi-ên: *"Còn*

[2156] Nói cách khác: Tổng giám mục Cyprian

[2157] Euphimius (biệt danh là Vislen) được bổ nhiệm làm Giám mục Tver vào ngày 9 tháng 3 năm 1374.

[2158] Mikhail Alexandrovich là Đại công tước Tver từ năm 1339 đến năm 1399. Trước khi qua đời, ngài đã xuất gia với tên là Matthaeus.

ngươi, hỡi con người, Ta đã đặt ngươi làm người canh gác cho nhà Y-sơ-ra-ên; ngươi sẽ nghe lời từ miệng Ta và khuyên răn họ nhân danh Ta" (Ê-xê-chi-ên 33:7). Vị thánh đã dạy dỗ mọi người như vậy và bằng lời nói của mình, ngài đã thu hút tất cả mọi người đến với mình. Người dân Tver hăng hái tìm đến để lắng nghe vị mục tử đầy đức hạnh của mình. Ngay trong chính cuộc đời mình, Thánh Arsenius đã nêu gương tốt đẹp cho mọi người: kể từ khi lên ngôi, ngài sống một cuộc đời còn khắc khổ và nghiêm khắc hơn nữa, hoàn toàn khuất phục xác thịt trước tinh thần. Mọi người đều ngạc nhiên trước sự trong sạch trong đời sống và sự tỉnh thức không ngừng của ngài. Ngài nghiêm khắc với chính mình, nhưng lại đối xử hiền lành với người khác và nhân từ với người nghèo: bảo vệ những người bị áp bức, phát quần áo và thức ăn cho người nghèo khó, chuộc lại nô lệ và tù nhân. Danh tiếng về cuộc đời đạo đức của ngài lan rộng khắp nơi; nhiều người từ xa lặn lội đến, xin ngài cầu nguyện và ban phước lành.

Nhờ cuộc đời thiện lành của mình, vị thánh đã được Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ. Rất đông người đổ về với ngài; tất cả những ai mắc phải bệnh tật nào đó đều tìm đến vị thánh, và nhờ ân sủng của Chúa, ngài đã ban cho họ những sự chữa lành khác nhau. Với một số người bệnh, ngài đặt tay lên; với những người khác, ngài đọc kinh cầu nguyện; còn một số người khác nữa, ngài ban phước và rảy nước thánh hoặc xức dầu thánh – ngài đã chữa lành tất cả mọi người bằng những lời cầu nguyện sốt sắng dâng lên Chúa.

Khi ở Tver, Thánh Arsenius không bao giờ quên tu viện Pechersk, nơi ngài bắt đầu cuộc đời tu hành, và luôn tưởng nhớ đến cuộc đời của các vị sáng lập đáng kính – Thánh Anthony và Thánh Theodosius. Thánh nhân đã nảy sinh ý định thành lập một tu viện của riêng mình, gợi nhớ đến tu viện Pechersk, và mong muốn thi hài của ngài sẽ được an táng tại đó. Thánh Arsenius đã chia sẻ ý định này với Công tước Tver. Công tước đã khen ngợi ý nguyện tốt đẹp của vị thánh và tự mình hứa sẽ giúp đỡ ngài trong quá trình xây dựng tu viện, đồng thời cung cấp những mảnh đất cần thiết để duy trì hoạt động của tu viện. Sau đó, vị thánh đã chọn một địa điểm trên sông T'mak, cách thành phố Tver 4 verst, nơi mà ngài rất ưng ý. Nơi đó có tên là Zheltikovo. Sau khi cầu xin ân sủng của Chúa, ngài ra lệnh xây dựng tại đây một nhà thờ gỗ mang tên các vị thánh Antôn và Theodosius của Pechersk, những vị thầy vĩ đại của ngài. Sau khi sắp xếp các phòng tu, vị thánh đã tập hợp các tu sĩ và bổ nhiệm một vị tu viện trưởng cho họ. Sự kiện này diễn ra vào năm 1394. Mười năm sau, vị thánh đã khởi công xây dựng một nhà thờ bằng đá tại Tu viện Zheltikovo và làm lễ thánh hiến nhà thờ này để tôn vinh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, cùng sự Lên Trời vinh hiển và đáng kính của Mẹ, tất nhiên là để tưởng nhớ đến Nhà thờ Lên Trời của Tu viện Pechersk. Nhà thờ được thánh hiến vào ngày 30 tháng 8 năm 1405; nó được trang trí lộng lẫy và vẽ tranh tường. Đại công tước Tver đã thực hiện lời hứa của mình – hiến tặng cho tu viện một số điền trang. Thánh nhân thường xuyên đến thăm tu viện của mình và tham gia vào các công việc của các tu sĩ, làm gương cho mọi người về đời sống tu hành. Ngài không tìm kiếm danh vọng hay vinh quang giữa các tu sĩ, mà tại tu viện do chính ngài xây dựng, ngài mong muốn trở thành một tu sĩ bình dị. Với những đức tính cao quý của mình, ngài đã hướng dẫn và khai sáng cho toàn thể cộng đoàn: cũng như mặt trăng tỏa sáng giữa các vì sao, Thánh Arsenius cũng tỏa sáng bởi lòng đạo đức của mình giữa các tu sĩ trong tu viện. Thánh nhân mong muốn biến Tu viện Zheltikov thành nơi an nghỉ cuối cùng của mình. Bằng chính đôi tay mình, ngài đã đục tạc một ngôi mộ bằng đá trắng tại đây, và từ một tảng đá khác, ngài làm nắp đậy cho ngôi mộ ấy. Với mong muốn các tu sĩ của tu viện mới luôn được rèn luyện từ những việc làm cao cả của các vị cha thánh Pechersk, Thánh Arsenius đã ra lệnh sao chép cuốn "Paterik Pechersk" cổ xưa – cuốn sách ghi chép những việc làm cao cả và những công lao vĩ đại của các vị thánh tu sĩ Kiev-Pechersk[2159] . Từ đó có thể thấy, vị thánh này đã nỗ lực dùng cả hành động, lời nói lẫn các tác phẩm răn dạy để khai sáng và dạy dỗ đoàn chiên của mình; ngài luôn ghi nhớ trong lòng lời Kinh Thánh: *"Người tôi tớ của Chúa không nên cãi vã, nhưng phải hiếu khách với mọi người, biết dạy dỗ, và không cay độc"* (2 Tm 2:24). Thánh Arsenius chính là một vị mục tử như vậy. Ngài đã xây dựng không ít nhà thờ của Chúa ngay trong thành phố và các vùng lân cận; chính ngài cũng đã trùng tu Nhà thờ Chính tòa Thánh Phục Sinh ở Tver.

Hoàng tử Mikhail của Tver chân thành kính trọng vị mục sư đáng kính này. Ông thường trò chuyện với Thánh Arsenius và thu được không ít lợi ích tinh thần từ những cuộc trò chuyện đó. Những lời nói hiền lành của vị thánh đã thấm sâu vào trái tim hoàng tử. Dưới sự hướng dẫn của vị thánh, vị đại công tước đã xây dựng các nhà

[2159] Từ "Paterik" có nghĩa là "Sách về các vị Thánh Tổ", tức là cuốn sách về các vị Thánh Tổ. Cuốn Paterik là tuyển tập các câu chuyện ngắn về các vị tu sĩ hoặc những lời dạy của họ. Nội dung của "Paterik Pechersk", được sao chép theo lệnh của Thánh Arsenius, bao gồm: Cuộc đời của Thánh Theodosius Pechersky, do Thánh Nestor viết; Bài tường thuật trong biên niên sử về việc thành lập Tu viện Pechersk; Tập hợp các câu chuyện của Simon, Giám mục Vladimir, và Polycarp, tu sĩ Pechersk, về các vị tu hành tại Pechersk.

thờ của Chúa, thực hiện các việc bác ái, giúp đỡ những người nghèo khó trong lãnh địa của mình và gửi tiền bố thí đến Tsargrad. Cảm nhận được cái chết đang đến gần, vị công tước bày tỏ mong muốn trở thành tu sĩ. Thánh Arsenius đã tán thành ý định tốt lành của ngài, cạo đầu cho vị công tước và đặt tên tu sĩ cho ngài là Matthêu; không lâu sau đó, được vị thánh ban lời chúc phúc, vị tu sĩ-công tước đã ra đi khỏi cuộc đời trần thế này. Với lòng yêu chuộng hòa bình, Thánh Arsenius luôn cố gắng hòa giải những người đang xung đột. Vào thời đó, những mâu thuẫn giữa các hoàng tử thường xuyên xảy ra, và vị thánh luôn cố gắng chấm dứt những xung đột giữa các hoàng tử. Với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, vào năm 1403, ngài đã thành công trong việc hòa giải hoàng tử Tver Ioann Mikhailovich với anh trai mình, hoàng tử Kashin Vasily Mikhailovich, người mà hoàng tử Tver đã xúc phạm. Nhưng một thời gian sau, mối thù hận giữa hai anh em công tước lại bùng phát. Lúc đó, vị thánh, bằng cách cảnh báo về cơn thịnh nộ khủng khiếp của Chúa và sự trừng phạt vĩnh viễn, đã chấm dứt mối thù hận này vào ngày lễ Ba Ngôi Cứu Rỗi năm 1406.

Khi hòa giải những người đang thù địch, vị thánh cố gắng đối xử với mọi người một cách ôn hòa và hiền lành: ngài không cho phép ai làm tổn thương ai, bất cứ ai đến với ngài đều tìm thấy sự bảo vệ và nơi nương tựa; Thánh nhân là người bảo vệ trẻ mồ côi và góa phụ, đối xử với người ăn xin và người nghèo khó bằng tình yêu thương, động viên những ai suy sụp, giúp đỡ mọi người bằng lời khuyên tốt lành, tiền bạc hoặc sự dạy dỗ như người cha.

Học theo Đức Kitô, Mục Tử trên trời, ngài luôn quan tâm đến những con chiên lạc lối trong đàn chiên của mình và dẫn dắt họ vào vòng tay sám hối.

Thánh Cyprian đã nhiều lần triệu tập Thánh Arsenius đến Moscow để tham dự các cuộc họp công đồng.

Thánh Arsenius đã an nghỉ trong bình an vào Mùa Chay năm 1409. Vào Chúa Nhật tập hợp, các linh mục của Giáo phận Tver đã tụ họp tại Tver để tham dự Đại hội thường niên[2160] . Vào Chủ nhật, họ đã chào đón vị giám mục của mình; đến thứ Ba, Thánh Arsenius đã giảng dạy cho các mục tử, hướng dẫn họ về các công việc mục vụ và giải quyết các vấn đề; cùng ngày đó, ngài đã ban phước lành cho các mục tử có mặt, từ biệt họ và bế mạc hội đồng. Vào thứ Năm của Tuần thứ Hai, vị thánh đã lâm bệnh nặng và mất khả năng nói. Sáng thứ Sáu (ngày 1 tháng 3), Đại công tước Ioann Mikhailovich[2161] cùng các tu sĩ và các quan đại thần đã đến thăm ngài; ngài đã triệu tập các vị archimandrite, các vị igumen và các linh mục để cử hành nghi thức xức dầu cho vị thánh đang ốm. Bên giường bệnh có mười tu sĩ đang ngồi, họ mong được nghe lời từ biệt từ vị giám mục của mình. Nhưng ngài vẫn im lặng. Đêm hôm sau, Thánh Arsenius qua đời. Trong 19 năm 7 tháng, ngài đã chăn dắt đàn chiên Lời Chúa được Thiên Chúa giao phó với lòng nhiệt thành vô bờ. Khi nghe tin về sự ra đi của vị thánh công chính, Công tước Ioann Mikhailovich cùng đông đảo dân chúng đã đến viếng thi hài của ngài. Mọi người đều đau buồn và khóc than: "Mặt trời của chúng ta đã tắt, chúng ta đã mất đi vị mục tử và người cha nhân từ."

Ngày hôm sau, thi hài của Thánh Arsenius được rước từ nhà giám mục đến nhà thờ chính tòa, nơi người dân Tver tiễn biệt vị mục tử của mình, và được an táng tại Tu viện Zheltikovo, trong tiền sảnh của gian phụ bên phải nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời (dâng kính Hình ảnh Không do Tay Người Tạo Ra), chính trong ngôi mộ đá mà vị thánh đã tự tay xây dựng.

Trong lễ an táng, có rất nhiều người bệnh tật. Họ cầu xin vị thánh chữa lành và được giảm bớt nỗi đau do bệnh tật gây ra. Đó là cuộc đời của Thánh Arsenius, đó là cái chết an lành của ngài; giờ đây, ngài đang đứng trước ngai vàng của Chúa cùng với các Thiên thần, ca ngợi Ba Ngôi Thánh: Cha, Con và Thánh Thần.

Sau khi Thánh Arsenius qua đời, người dân vẫn không ngừng tôn kính di sản của ngài. Chứng kiến những phép lạ phát xuất từ quan tài của ngài, những cư dân sùng đạo ở Tver đã cầu khẩn Thánh Arsenius trong các lời cầu nguyện và nhận được sự giúp đỡ cùng sự che chở trong những lúc hoạn nạn. Sau 74 năm kể từ khi ngài qua đời (năm 1483), Giám mục Tver Vassian[2162] , theo lệnh của Sa hoàng Ioann Vasilievich, đã quyết định khai quật di cốt của ngài. Sau khi tập hợp một đám đông đông đảo tại nhà thờ chính tòa, ngài đã lên đường đến Tu viện Zheltikov. Quan tài chứa thi hài của vị thánh được Chúa yêu mến đã được đào lên khỏi mặt đất và rước vào nhà thờ chính tòa. Khi nắp quan tài được mở ra, cả nhà thờ tràn ngập hương thơm. Xác thánh Arsenius không hề bị phân hủy, ngay

---

[2160] "Chủ nhật Tập hợp" (hay ngắn gọn là "tập hợp", "tập hợp danh dự") trong thời cổ đại được gọi là Chủ nhật sau tuần đầu tiên của Mùa Chay Lớn, tuần lễ của Chính Thống giáo, và điều này là do vào ngày này hàng năm, các linh mục tụ họp về với giám mục và tổ chức hội đồng giáo phận.

[2161] Ioann Mikhailovich là Đại công tước Tver từ năm 1499 đến năm 1525. Trước khi qua đời, ngài đã thọ giới tu sĩ với pháp danh là Iova.

[2162] Giám mục Vassian (tên thế tục là Công tước Strigin – Obolensky) đã quản lý Giáo phận Tver từ năm 1477 đến năm 1508.

cả những bộ áo lễ cũng vẫn còn nguyên vẹn. Lúc đó, vị giám mục ra lệnh đậy nắp quan tài lại, ra lệnh vẽ một bức tranh thánh (bức tranh này vẫn còn nguyên vẹn cho đến ngày nay) và đặt nó bên cạnh quan tài để những người đến viếng có thể chiêm bái. Trên quan tài được phủ một tấm vải có hình ảnh vị thánh làm phép lạ. Dưới sự ban phước của Giám mục Vassian, nghi thức thờ phượng Thánh Arsenius đã được soạn thảo. Lúc bấy giờ, lễ kỷ niệm địa phương dành cho ngài đã được thiết lập tại Tu viện Zheltikovo. Kể từ đó, ngày càng có nhiều phép lạ xảy ra tại quan tài của ngài. Lễ kỷ niệm địa phương dành cho Thánh Arsenius tại Tver đã được Hội đồng Moscow năm 1547 chính thức công nhận.

Phép lạ đáng chú ý và ấn tượng nhất của Thánh Arsenius đã xảy ra vào năm 1566. Vào thời điểm đó, tại Tver có một ngư dân tên là Terentius. Ban đầu, ông có đức tin sâu sắc vào Thánh Arsenius, nhưng sau đó ông đã sa vào sự hoài nghi và bị mất trí. Cha mẹ đã đưa anh ta đến tu viện Zheltikovo, hy vọng rằng con trai họ sẽ được chữa lành tại đây. Nhưng anh ta đã qua đời. Hai ngày sau, thi thể anh ta được đưa vào nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, nơi lưu giữ thánh tích của Thánh Arsenius. Cha mẹ anh ta vô cùng đau buồn, thậm chí còn than phiền với vị thánh:

– Chúng tôi đã hy vọng nhận được ân sủng từ ngài, nhưng con trai chúng tôi lại qua đời. Lòng nhiệt thành của chúng tôi dành cho ngài đang tàn lụi, và đức tin của chúng tôi cũng đang suy yếu.

Chúa không thể chịu đựng được những lời trách móc như vậy đối với vị thánh được Ngài yêu mến. Trong lúc đang đọc Phúc Âm, người đã chết bỗng nhiên ngồi dậy và khóc lóc thảm thiết vì tội lỗi của mình. Cha mẹ của Terentius cũng ăn năn về sự phàn nàn của họ đối với vị thánh.

Akaki, lúc bấy giờ là Giám mục Tver[2163] , một người công chính và đạo đức, đã tận mắt chứng kiến người chết sống lại và xác nhận sự thật của sự việc.

Năm 1606, khi đất nước Nga phải chịu đựng cuộc xâm lược của người Ba Lan và Litva, kẻ thù đã tàn phá nhiều vùng đất của nhà nước Nga bằng vũ lực, trong đó có tu viện Tver. Kẻ thù cũng không tha cho tu viện Zheltikovo. Chúng xông vào đó, hy vọng tìm thấy nhiều kho báu. Nhưng các tu sĩ đã kịp thời giấu đi kho báu của tu viện và tự mình rút lui về Tver. Chỉ còn lại trên thi hài của vị thánh một tấm khăn phủ thêu vàng có hình ảnh của ngài. Không tìm thấy gì trong tu viện, kẻ thù đã vô cùng thất vọng vì kỳ vọng của mình không thành. Một trong số chúng, bực bội vì thất bại, đã giật tấm khăn phủ từ di cốt của vị thánh và đặt lên lưng ngựa của mình. Nhưng ngay khi anh ta vừa leo lên lưng ngựa, bỗng nhiên một sức mạnh bí ẩn đã nâng cả con ngựa và người cưỡi lên không trung, rồi quăng xuống đất. Do cú va chạm mạnh, cả hai đều tử vong, còn tấm khăn che thì một cách kỳ diệu bay lên mái nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Tấm khăn che này cho đến nay vẫn được lưu giữ tại tu viện.

Năm 1637, tại tu viện đang xây dựng một nhà thờ đá mới. Vì vậy, di cốt của vị thánh đã được tạm thời chuyển đến nhà thờ gỗ của các vị thánh Antony và Theodosius của Pechersk. Một tu sĩ tên là Hermogenes, trong tình trạng say rượu, đã vào nhà thờ sau giờ kinh chiều và ngủ thiếp đi gần di cốt của vị thánh. Khi tỉnh dậy vào ban đêm, anh ta kinh ngạc trước một cảnh tượng kỳ diệu. Nhà thờ được chiếu sáng rực rỡ; Thánh Arsenius đã ngồi dậy và ngồi trên ngôi mộ đá của mình. Hermogenes, hoảng sợ tột độ, định bỏ chạy. Nhưng Thánh Arsenius, nhìn thẳng vào anh ta, nghiêm khắc nói:

– Sao ngươi, kẻ táo tợn, lại vào nhà thờ của Chúa trong tình trạng say xỉn?

Hermogen ngã xuống như chết. Anh ta nằm đó rất lâu, nhưng sau đó, khi tỉnh táo lại, anh ta đã rất vất vả mới ra khỏi nhà thờ qua cửa phía bắc, vốn bị khóa từ bên trong. Sau đó, anh ta bị ốm trong một thời gian dài. Nhưng vị thánh chỉ muốn khai sáng cho kẻ thiếu khôn ngoan và giải thoát anh ta khỏi thói hư tật xấu. Khi Hermogenes thành tâm xưng tội trước mặt mọi người và xin vị thánh tha thứ, anh ta đã được chữa lành khỏi căn bệnh của mình trước di cốt của Thánh Arsenius.

Thánh nhân, người được Chúa yêu mến, thường ban sự giúp đỡ kỳ diệu cho những người đau khổ, và nhờ những lời cầu nguyện của ngài, những người bệnh đã được chữa lành. Trong số nhiều phép lạ, chúng ta sẽ đề cập đến phép lạ sau đây.

Tại Tver có một thiếu niên tên là Gerasim, con trai của linh mục Vasily. Trong tiệc cưới của Gerasim, người ta đã cho anh uống rượu pha lẫn với thảo dược độc hại. Anh bị ốm nặng và đã nghĩ đến cái chết. Trong cơn đau đớn, Gerasim đã cầu khẩn vị Thánh chữa lành vô điều kiện – Thánh Arsenius, đến viếng di cốt của ngài vào

[2163] Giám mục Akakiy đã lãnh đạo giáo phận Tver từ năm 1522 đến năm 1567.

ngày kỷ niệm (ngày 2 tháng 3), cầu nguyện hết lòng, và vị Thánh được Chúa yêu mến đã chữa lành cậu thiếu niên đau ốm một cách kỳ diệu.

Nhiều năm sau, Gerasim trở thành một giáo sĩ và chuyển đến sinh sống tại Moscow. Trong nhà ông có cháu gái là Daria, người đã phải chịu đựng căn bệnh về mắt trong một thời gian dài. Càng về sau, bệnh tình càng trở nên trầm trọng, đến nỗi Daria thậm chí không thể ngủ được vào ban đêm và luôn rên rỉ. Cô không thể nhìn thấy ánh sáng. Cuối cùng, vào ngày kỷ niệm Thánh Arsenius, một linh mục từ nhà thờ mang tên ngài đã đến nhà Gerasim với nước thánh và rửa mắt cho Daria. Cô lập tức được chữa lành.

Gerasim vô cùng ngạc nhiên khi thấy cháu gái mình khỏe mạnh. Trước đó, ông đã luôn biết ơn vị thánh bảo trợ trên trời của mình. Khi chứng kiến ân sủng mới này, Gerasim mong muốn có được cuốn sách về cuộc đời và các nghi thức thờ phượng vị thánh đó tại nhà mình. Tuy nhiên, ở Moscow không tìm thấy cuốn sách về cuộc đời Thánh Arsenius. Theo lời thỉnh cầu của Gerasim, vị tổng tu viện trưởng của Tu viện Zheltikovo đã gửi cho ông cuốn tiểu sử và kinh cầu của vị thánh, đồng thời yêu cầu sau khi đọc xong, hãy gửi lại cho tu viện. Gerasim vội vàng bắt tay vào chép lại cuốn tiểu sử. Nhưng một tai nạn đã xảy ra với ông. Khi đang cầu nguyện trước khi bắt đầu công việc, ông cúi đầu xuống đất và vô tình đâm mắt phải vào một chiếc đinh nhô lên trên sàn nhà. Ông gần như không thể đứng dậy được và đã kêu lên thành tiếng:

– Lạy Chúa, xin thương xót con, kẻ tội lỗi này!

Lúc bấy giờ, tại nhà Gerasim có hai tu sĩ từ tu viện Zheltikova là Iona và Theophilus đang cư ngụ, họ là những người đã mang cuốn tiểu sử của Thánh Arsenius đến. Thấy Gerasim đau đớn, họ liền lau máu đang chảy ra từ vết thương và khuyên Gerasim cầu nguyện với Thánh Arsenius. Ngay khi Gerasim bắt đầu cầu xin vị thánh chữa lành cho mình, máu lập tức ngừng chảy. Lúc đó, mọi người đều thấy rằng Gerasim đã làm rách mí mắt và lông mày, nhưng chính con mắt thì nhờ ân sủng của Chúa vẫn còn nguyên vẹn. Chẳng bao lâu sau, vết thương lành hẳn, và Gerasim với lòng biết ơn và trái tim tràn đầy xúc động đã hoàn thành cuốn tiểu sử của vị thánh, nhờ những lời cầu nguyện của ngài mà anh đã được chữa lành nhanh chóng như vậy.

Dưới thời Archimandrite Savvatii[2164] , một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra. Một người nông dân sống gần tu viện của Thánh Arsenius đã chôn giấu kho báu của mình trong rừng với mong muốn bảo quản nó. Sau một thời gian, người này quay lại nơi đã giấu tiền, bắt đầu tìm kiếm nhưng không thể tìm thấy. Người nông dân rơi vào nỗi đau khổ tột cùng, bắt đầu than thở và khóc lóc. Anh ta thậm chí còn muốn treo cổ và đã quàng dây thòng lọng lên cây. Bỗng nhiên, một người đàn ông có vẻ ngoài hiền lành xuất hiện trước mặt anh ta và nói:

– Sao con lại ấp ủ ý định xấu xa trong lòng vậy, hỡi đứa con? Sao con lại muốn hủy hoại linh hồn mình và tự đẩy mình vào cảnh đau khổ vĩnh viễn?

Người nông dân bỗng run rẩy: anh ta bắt đầu khóc. Khi người đàn ông kỳ lạ hỏi tại sao anh ta lại khóc thảm thiết như vậy, người nông dân nói rằng anh ta đã giấu tiền của mình đi và không thể tìm lại được.

Người đàn ông có vẻ ngoài hiền lành đập cây gậy xuống đất và nói:

– Ngươi sẽ tìm thấy thứ mình đang tìm ở chính nơi này.

Người nông dân đào đất lên và tìm thấy kho báu của mình. Bị sốc trước điều này, anh ta bắt đầu cảm ơn người vừa xuất hiện và hỏi ông:

– Ngài đến từ đâu, thưa cha đáng kính, và tên ngài là gì, để con có thể cảm ơn ngài vì đã cứu con và giúp con tìm lại kho báu!

– Ta là Arsenius và đang sống trong tu viện do chính tay ta xây dựng. Hãy đến đó và dâng lên Đức Chúa Trời lời tạ ơn xứng đáng.

Người nông dân định quỳ xuống trước vị tu sĩ già, nhưng ông đã biến mất. Lúc đó, người nông dân mới hiểu rằng người đàn ông có vẻ ngoài hiền lành ấy chính là Thánh Arsenius; khi đến tu viện Zheltikovo, anh đã tạ ơn Chúa và vị thánh của Ngài, đồng thời kể lại tất cả những gì đã xảy ra với mình.

Năm 1657, một phép lạ mới đã xảy ra tại hòm thánh tích của Thánh Arsenius. Lúc bấy giờ, tại tu viện Zheltikovo có một phó tế tên là Ioann đang cư ngụ. Bị ma quỷ xúi giục, ông ta nảy sinh ý định trộm các đồ thờ bằng bạc và vàng từ nhà thờ, nơi an nghỉ các thánh tích của vị thánh. Một trưa nọ, anh ta xin người quản lý nhà thờ chìa khóa, bước vào nhà thờ và lấy hết các đồ thờ bằng bạc và vàng đang đặt gần hòm thánh tích của vị thánh. Bị lòng

[2164] Có hai vị Archimandrite mang tên Savvatiy: vị đầu tiên nhậm chức vào năm 1566, vị thứ hai được nhắc đến vào năm 1650. Ở đây, tất nhiên là đề cập đến vị thứ hai.

tham xúi giục, hắn còn định lấy luôn chiếc dây đeo thánh giá bằng bạc mà vị thánh đã đeo trên người khi còn sống. Bất ngờ, một sức mạnh bí ẩn đã hất văng tên trộm ra xa khỏi di cốt thánh đến nỗi hắn đập đầu vào bục thờ và ngất xỉu. Một lúc sau, các tu sĩ bước vào nhà thờ và thấy Ioann nằm giữa nhà thờ như đã chết. Hiểu ra chuyện gì đã xảy ra, họ đưa anh ta ra khỏi nhà thờ, gửi đến Tver gặp Tổng giám mục Ioasaf[2165] và kể lại tất cả những gì họ đã chứng kiến. Còn chính Thánh Gioan thì không thể nói được gì: ngài không thể cử động lưỡi và toàn thân đều mềm nhũn. Theo lệnh của vị giám mục, vị phó tế đang trong tình trạng mềm nhũn ấy lại được đưa trở về tu viện, rồi sau đó được đưa trở lại nhà thờ. Dần dần, ngài bắt đầu tỉnh táo lại và cuối cùng, sau khi ăn năn, ngài đã hoàn toàn bình phục.

Nhiều phép lạ khác đã xảy ra từ thánh tích của vị thánh vĩ đại và mục tử của đoàn chiên Chúa Kitô, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta[2166] . Vinh quang thuộc về Thiên Chúa muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Ngài đã sống một đời thánh thiện trong chức thánh, soi sáng lòng người bằng giáo huấn của Ngài, và hết lòng cống hiến cho Đền Thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm, đồng thời là người yêu mến các tu sĩ; vì lý do đó, Ngài đã nhận được vương miện từ Chúa Kitô cho đoàn chiên của Ngài. Vì vậy, khi tôn kính ngài như người kế vị ngai tòa Tông đồ và vị thánh vĩ đại, chúng con cầu xin, hỡi vị thánh phúc lành, xin cứu chúng con khỏi mọi tai ương nhờ những lời cầu nguyện của ngài dâng lên Chúa Kitô, thánh Arsenius của Chúa Kitô, cha của chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Hội Thánh tinh tuyền đã hân hoan đón nhận di cốt thánh của ngài, được đông đảo các tu sĩ và các vị công tước đạo đức rước vào một cách trang trọng, và đã đón nhận như một kho tàng vô giá. Vì thế, hôm nay chúng con, những con chiên trong đàn chiên lời dạy của ngài, đứng xung quanh hòm thánh tích của ngài, kính cẩn kêu lên cùng ngài: Xin đừng quên các con của ngài, thưa Cha, những người mà ngài đã khôn ngoan quy tụ và yêu thương, để chúng con có thể kêu lên cùng ngài: Xin vui mừng, Thánh Arsenius, vị mục tử và thầy dạy của chúng con.

Ngày 16 tháng 3

Ngày 3 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm các thánh Zinon và Zoil, những người đã an nghỉ trong bình an.

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh nữ Piama, người đã sống tại Ai Cập và có ân sủng tiên tri; ngài qua đời vào năm 337.

Ngày chịu khổ hình của các thánh tử đạo Evtropi, Kleonik và Vasilisk.

Ngày tưởng niệm 3 tháng 3

Sau khi Thánh Đại Tử đạo Theodorus Tyron chịu khổ nạn và qua đời trong nhà tù, những người đồng hành và bạn thân của ngài là Eutropius, Cleonicus cùng cháu trai của ngài là Vasiliskus vẫn bị giam giữ vì đức tin vào Chúa Kitô. Quan tổng trấn thành phố Publius, người đã tra tấn Thánh Theodorus, đã qua đời vì bị cơn thịnh nộ của Thiên Chúa trừng phạt. Một người khác tên là Asklipiodot, gốc từ Phrygia, một kẻ tàn bạo và vô thần, đã được bổ

[2165] Tổng giám mục Ioasaf đã lãnh đạo Giáo phận Tver từ năm 1657 đến năm 1676.

[2166] Sau khi được tìm thấy, thi hài của Thánh Arsenius được an táng trong một lăng mộ bằng đá trắng do chính tay ngài đục đẽo; sau đó, dưới thời Thượng phụ Nikon vào năm 1655, thi hài được chuyển sang đặt trong quan tài bằng bạc của Thánh Philip, và một nghi lễ thánh đã được soạn thảo nhân dịp lễ này. Năm 1734, các công dân Tver là Ivan và Maxim Yankovsky cùng Vasily Volchaninov đã chế tác một hòm thánh bằng bạc để đựng di cốt của vị thánh làm phép lạ, và cho đến nay, di cốt vẫn được an nghỉ trong đó.

nhiệm thay thế ông ta. Hắn đã gây ra nhiều điều ác cho các Kitô hữu, vì đã nhận được từ Hoàng đế Maximian[2167] quyền ép buộc các Kitô hữu dâng lễ vật cho các thần tượng, và trừng phạt những ai không tuân lệnh bằng những hình phạt tàn bạo.

Một lần nọ, khi đang chủ tọa phiên tòa cùng các cố vấn của mình, ông ta triệu tập người giữ sổ sách là Evlasius và ra lệnh cho ông ta đọc lại các hồ sơ vụ án trước đây. Khi Evlasius đọc về những đau khổ của Thánh Theodorus Tyron, mọi người đều kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của vị thánh tử đạo, còn vị thống đốc thì hỏi:

– Những người bạn của Theodorus được nhắc đến trong sách đâu rồi?

Evlasius trả lời:

– Họ đang bị giam trong ngục cùng với các tù nhân khác.

Khi nhìn thấy đền thờ của nữ thần Juno – vị thần xấu xa được gọi là "mẹ của các vị thần" – đã bị Thêôđôros Tîron thiêu rụi, vị thống đốc gầm lên như sư tử và ngay lập tức ra lệnh cử binh lính đến nhà ngục để dẫn các vị thánh tử đạo Êutropiô, Clêônic và Vasilisk đến trước mặt ông.

Eutropius và Cleonicus là anh em ruột, quê ở Cappadocia, còn Vasilisk, cháu trai của thánh Theodore, sinh ra ở Amasia, nhưng cả ba người, vì tình yêu thương lẫn nhau, đều gọi nhau là anh em.

Khi đến nhà tù, các binh lính nói với người canh gác:

– Hãy giao những người bạn của Thánh Theodoros cho chúng tôi.

Lúc đó, người canh gác bước vào gặp các thánh và nói:

– Hãy đứng dậy! Đã đến lúc mà các ngài hằng mong đợi ngày đêm; quan tổng trấn đang gọi các ngài. Nhưng tôi xin các ngài, hãy nhớ đến tôi trong những lời cầu nguyện của các ngài.

Người gác ngục đã nói như vậy, vì ông đã thấy họ ngày đêm cầu nguyện và những phép lạ xảy ra với họ: một ánh sáng kỳ diệu tỏa sáng giữa họ, nhà ngục nhiều lần tự mở ra. Vì thế, ông đã tin chắc rằng Chúa đang ở cùng họ. Khi nhận được lời triệu tập của quan tổng trấn, các thánh đã vui vẻ ra đi, còn những tù nhân còn lại thì buồn bã vì phải xa rời tình bạn thân thiết với các thánh tử đạo. Lúc đó, thánh Eutropius nói với họ:

– Đừng khóc, các bạn ơi, vì chúng ta sẽ gặp lại nhau, nhưng hãy cầu nguyện cùng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, để Ngài ban cho chúng ta được chịu đau khổ và chết vì Ngài, để sự thờ phượng ma quỷ chấm dứt, và vũ trụ được tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa.

Sau khi an ủi các tù nhân bằng những lời ấy, các thánh đã ra khỏi đó cùng với các chiến binh. Thánh Eutropius hát: *"Thật tốt lành và thật vui sướng khi anh em sống chung với nhau!"* (Thánh vịnh 132:1)

Và bỗng có tiếng từ trời vang lên:

– Ta sẽ không chia lìa ngươi khỏi anh em ngươi, cho đến khi tất cả các ngươi đến với Thánh Phê-ô-đô-rô và an nghỉ trong lòng các vị tổ phụ, những người đang sống trong ánh sáng Thần thánh.

Thánh Eutropius rất đẹp trai và vô cùng khôn ngoan. Khi các thánh được dẫn đến và đứng trước nhà cầm quyền, ông hỏi họ:

– Tại sao khuôn mặt các ngươi không u ám vì đã ở trong ngục lâu ngày, mà lại rạng rỡ như thể luôn vui vẻ vậy?

Thánh Eutropius đáp:

– Quả thật, thưa nhà vua, Đấng Christ của chúng ta luôn ban cho chúng ta niềm vui khi ngự đến với chúng ta bằng ân sủng của Ngài, và lời Kinh Thánh đã ứng nghiệm trên chúng ta: *"Trái tim vui vẻ làm cho khuôn mặt rạng rỡ"* (Châm Ngôn 15:13)

Nhà vua hỏi:

– Tên ngươi là gì?

– Tên đầu tiên của con, – vị thánh đáp, – là Kitô hữu, còn cha mẹ đã đặt tên cho con là Eutropius.

Lúc đó, vị vua nói với giọng ân cần:

– Tôi thấy ngài không chỉ đẹp trai mà còn có nhân cách cao đẹp; tôi nghĩ ngài đã trở thành một vị hiền triết từ lâu rồi.

Vị thánh đáp:

– Tôi đã học được sự khôn ngoan thiêng liêng từ Chúa Giêsu Kitô của tôi, tôi đặt niềm tin vào Ngài, rằng Ngài sẽ giúp tôi trả lời các câu hỏi của ngài một cách khôn ngoan.

[2167] Hoàng đế La Mã từ năm 285–310, đồng trị vì cùng Hoàng đế Diocletian.

Vị vua nói:

– Hãy nghe ta đây, Eutropius, và thuyết phục anh em của ngươi tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, dâng lễ vật cho các vị thần. Đổi lại, ta sẽ viết thư giới thiệu ngươi với các vị vua, và họ sẽ bổ nhiệm ngươi làm tướng quân tại xứ này, tôn vinh ngươi như một vị công tước và ban cho ngươi vô vàn của cải. Khi đó, ngươi sẽ thực sự thấy được lợi ích của việc vâng lời các vị vua và tuân theo mệnh lệnh của họ. Còn nếu ngươi không tin lời ta, ta sẽ xẻ xác ngươi ra thành từng mảnh và ném cho chó và thú dữ ăn. Những gì còn lại từ xương cốt của ngươi, ta sẽ đốt hết trên lửa và rải tro xuống sông. Đừng hy vọng rằng những người Kitô hữu sẽ thu thập hài cốt của ngươi và xức dầu thánh lên như một vật thánh. Vậy thì, hãy khuất phục, dâng lễ vật cho các vị thần, hoặc chỉ cần tuyên bố trước dân chúng rằng ngươi khuất phục và muốn dâng lễ vật: mọi người đang nhìn ngươi, chờ đợi quyết định của ngươi. Đừng làm những ai muốn dâng lễ vật cho các vị thần phải quay lưng lại với họ, để không làm ô uế danh tiếng của chính mình khi phải chịu những hình phạt nhục nhã và tàn bạo.

Trước điều đó, Eutropius đáp lại vị vua:

– Hãy ngừng nói những lời vô nghĩa đi, con trai của quỷ dữ, kẻ thừa kế địa ngục! Hãy ngừng dụ dỗ các tôi tớ của Đức Chúa Trời đi, kẻ thù của Đức Chúa Trời, kẻ bị tước đoạt những ân huệ bất diệt và hạnh phúc thiên đàng, kẻ bị giam cầm vĩnh viễn trong địa ngục sâu thẳm! Hãy ngừng nói những lời vô lý đi, ngươi, kẻ cản trở con đường dẫn đến những việc lành, thầy dạy và thủ lĩnh của sự bất chính! Ta không biết còn phải nói gì thêm với ngươi nữa, kẻ cám dỗ xảo quyệt! Ngươi hứa hẹn với ta vinh quang và của cải tạm bợ, những thứ chỉ tồn tại ở đây, trên trần gian. Ta được lợi gì từ những điều khơi dậy những đam mê độc hại, dẫn đến sự khoe khoang, ngoại tình, cướp bóc, giết người và các tội ác khác? Công tước Publius trước đây, kẻ đã hành hạ Thánh Theodorus, đã thu được lợi ích gì từ vinh quang và của cải tạm bợ ấy? Giờ đây, hắn đã bị chôn vùi dưới đất, bị sâu bọ gặm nhấm và đang chịu cực hình trong địa ngục, trong ngọn lửa không bao giờ tắt. Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời cũng sẽ sớm giáng xuống ngươi, và ngươi sẽ bị diệt vong, hỡi kẻ vô luật pháp và bất chính. Ngươi đe dọa ta bằng những cực hình tàn bạo, gươm đao, lửa cháy và thú dữ, nhưng đừng hy vọng rằng những lời đe dọa và cực hình ấy có thể làm ta khiếp sợ hay ép buộc ta từ bỏ đức tin: chịu khổ vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của ta – đó là khát vọng hàng đầu của ta, vì Ngài chính là của cải, vinh quang, sức mạnh và danh dự của chúng ta. Không, cả tôi lẫn anh em tôi đều sẽ không từ bỏ Ngài, nhưng chúng tôi sẽ chịu khổ vì Đấng Cứu Thế của chúng tôi: cuộc sống của chúng tôi nằm trong tay Ngài, Ngài là vị Tướng bất khả chiến bại, giải cứu những ai kêu cầu Ngài khỏi hoạn nạn; Ngài cũng có thể giải cứu chúng tôi khỏi tay ngươi.

Nghe vậy, quan tổng trấn nổi giận và ra lệnh đánh vào mặt vị thánh, nói:

– Kẻ vô dụng! Ngươi được triệu tập đến đây để dâng lễ vật cho các vị thần, chứ không phải để trách móc chúng ta!

Nhưng khi họ bắt đầu đánh vị thánh một cách dữ dội, thì tay những kẻ đánh Ngài bỗng khô cứng lại.

Theo lệnh của quan tổng trấn, mọi việc làm và lời nói tại phiên tòa đều được ghi chép chi tiết. Và khi các thư ký thấy tay những kẻ tra tấn khô cứng lại, họ hoảng sợ và ngừng viết. Tuy nhiên, một tín hữu Kitô giáo đang đứng giữa đám đông đã ghi chép lại những gì đang diễn ra. Quan tổng trấn quay sang vị tử đạo và nói:

– Cuối cùng, ngươi có chịu quỳ lạy các vị thần để giữ lấy mạng sống hay muốn ta ra lệnh xử tử ngươi?

– Không, – thánh Eutropius đáp, – tôi sẽ không thờ lạy những vị thần vô cảm. Chính ngài cũng vô cảm nếu hành động như vậy. Nhưng tôi sẽ thờ lạy Thiên Chúa của tôi và dâng lên Ngài bài ca ngợi khen của tôi làm của lễ. Đó là lời của Thánh Đa-vít, và chính Chúa Kitô đã phán qua miệng ngài: *"Còn các thần tượng của chúng là bạc và vàng, là tác phẩm của bàn tay con người. Chúng có miệng mà không nói được; có mắt mà không thấy được"* (Tv 113:12–13). Và Ngài còn thêm vào: *"Những kẻ làm ra chúng và tất cả những ai trông cậy vào chúng, xin hãy trở nên giống như chúng"* (Thánh Vịnh 113:16). Ngươi điếc và mù, và ngươi có muốn biến ta thành như vậy không? Nhưng ta sẽ không từ bỏ Chúa Giêsu Kitô của ta.

Lúc đó, quan tổng trấn quay sang các thánh Clêônic và Vasilisk:

– Còn các ngươi thì sao: các ngươi có dâng của lễ cho các thần để giữ lấy mạng sống hay, giống như Êu-tô-pi, các ngươi sẽ cứng lòng và rồi phải chịu những cực hình tương tự?

Các thánh Cleonicus và Vasiliskus đáp:

– Giống như anh em và chủ nhân của chúng tôi là Evtropi tin vào Chúa Giêsu Kitô, chúng tôi cũng tin vào Thiên Chúa Cha, Con và Thánh Thần. Giống như Evtropi chịu đau khổ vì Chúa Kitô, chúng tôi cũng muốn chịu đau khổ, và ma quỷ không thể chia rẽ chúng tôi, những người được kết hợp bởi đức tin thánh thiện vào Chúa Kitô

và tình yêu thương lẫn nhau. Cũng như sợi dây được bện ba lần sẽ không đứt, ba chúng tôi cũng sẽ vững chắc; và cũng như Ba Ngôi Thánh không thể tách rời, chúng tôi cũng được kết nối bởi đức tin và tình yêu. Vậy thì hãy tra tấn chúng tôi càng tàn nhẫn hơn nữa, chúng tôi sẽ đón nhận những cực hình này vì vinh quang của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà ngươi là kẻ thù.

Khi họ nói xong, quan tổng trấn ra lệnh cho bốn lính kéo căng từng người ra và đánh bằng những sợi dây thừng chắc chắn mà không hề nương tay. Các thánh bị đánh dữ dội đến nỗi những mảnh thịt nhuốm máu rơi xuống đất. Nhưng các ngài kiên cường chịu đựng và cầu nguyện cùng Thiên Chúa. Sự tra tấn thật tàn bạo, nhưng nhờ ơn Chúa, các vị tử đạo dường như chẳng hề đau đớn chút nào. Thánh Eutropius cầu nguyện bằng những lời sau:

– Lạy Thiên Chúa Toàn Năng, Đấng nhân từ và thương xót! Xin đừng khinh dể chúng con, lạy Chúa, Đấng cứu rỗi những người công chính, khuyên răn những kẻ bất chính, uốn nắn những kẻ ngang bướng, bảo vệ những người khôn ngoan và dạy dỗ những kẻ điên dại. Ngài đã trói buộc ma quỷ và giải thoát loài người. Ngài là Đấng trợ giúp những kẻ bị xiềng xích, là Đấng bênh vực những người bị hành hạ, là nguồn suối của lòng nhân từ, là Đấng Cứu Rỗi linh hồn chúng con. Ngài ban cho những đau khổ và ban cho lòng can đảm để chịu đựng những cực hình. Xin hãy cho chúng con cũng được chịu đựng những đau khổ vì vương miện tử đạo. Xin hãy đến giúp đỡ chúng con, như Ngài đã giúp đỡ tôi tớ của Ngài, Thánh Theodorus. Xin hãy cho mọi người thấy sự độc ác của ma quỷ, lòng thương xót của Ngài, và bằng sự trợ giúp toàn năng của Ngài, xin hãy cho mọi người thấy rằng chúng con chỉ tôn kính một mình Ngài là Vua của chúng con, Đức Giêsu Kitô, và ca ngợi Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời.

Các thánh Cleonicus và Vasilisk đã thốt lên:

– Amen.

Bỗng nhiên xảy ra một trận động đất kinh hoàng, khiến cả tòa án rung chuyển; những tên hành hình mệt mỏi và hoảng sợ đã lùi lại, còn các thánh, được giải thoát bởi một sức mạnh vô hình, vẫn còn nguyên vẹn. Và rồi Chúa đã hiện ra với các Thiên thần và Thánh Phê-ô-đô-rô. Thánh Êu-tô-pi-ô thưa với Chúa:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa Kitô của con, vì Ngài đã nghe lời con nhanh đến thế, và con là ai mà chính Chúa của con lại đến với con?

Còn với các thánh Clêônicô và Vasiliska, thánh Evtropiô nói:

– Các con có thấy không, đây là Đức Vua của chúng ta, Chúa Giêsu Kitô, đang đứng cùng Thánh Theodor trong vinh quang trọn vẹn?

– Chúng con thấy rồi, – họ đáp.

Thánh Theodoros, người đã hiện ra cùng với Chúa, nói:

– Anh em Eutropius ơi! Lời cầu nguyện của anh đã được nhậm, và Đấng Cứu Thế đã đến giúp đỡ các anh cùng với lời loan báo về hạnh phúc vĩnh cửu.

Chính Chúa đã phán với họ:

– Khi các con bị hành hạ, Ta đã đứng trước mặt các con, chứng kiến sự kiên nhẫn của các con. Vì các con đã dũng cảm chịu đựng những đau khổ ban đầu, nên Ta sẽ là người trợ giúp các con cho đến khi các con hoàn thành công cuộc của mình, và tên các con sẽ được ghi vào Sách Sự Sống.

Sau những lời ấy, Chúa đã biến mất cùng với Thánh Theodoros.

Còn những binh lính đã tra tấn các thánh thì bắt đầu cầu xin vị quan cai trị:

– Chúng tôi khẩn cầu ngài, thưa ngài, hãy giải thoát chúng tôi khỏi việc này, chúng tôi không thể tra tấn những người này được.

Chỉ tay về phía các thánh, quan tổng trấn nói:

– Những nhà chiêm tinh này đang niệm chú và dùng điều đó để dọa nạt các chiến binh.

Nhiều người trong đám đông, những người đã được chứng kiến sự hiện ra thiêng liêng, đã kêu lên:

– Không, đó không phải là bùa chú hay phép thuật, mà là Đức Chúa Trời của người Kitô hữu đang giúp đỡ các tôi tớ của Ngài: vừa rồi chúng tôi đã thấy Đức Vua của họ là Đức Kitô và nghe thấy tiếng nói của các Thiên thần.

– Tôi chẳng thấy gì cả, – vị quan cai trị nói, – cũng chẳng nghe thấy tiếng nói nào cả.

Thánh Eutropius quay sang ông và nói:

– Ngươi nói đúng là không thấy hiện tượng thiêng liêng và không nghe thấy tiếng nói từ trời: ngươi không nhìn thấy bằng đôi mắt tâm hồn, bởi vì ma quỷ đã làm mù mắt ngươi, và lời tiên tri của Isaia đang ứng nghiệm trên ngươi: *"Tai họ khó nghe và mắt họ đã nhắm lại"* (Is 6:10).

Nghe vậy và thấy dân chúng xôn xao, quan tổng trấn ra lệnh trói các thánh nhân lại và đưa họ vào ngục tối. Khi các thánh nhân bước vào đó, các tù nhân rất vui mừng, còn các vị tử đạo của Chúa Kitô đã cất tiếng hát: *"Sự cứu giúp của chúng ta ở trong danh Chúa, Đấng đã dựng nên trời và đất"* (Tv 123,8).

Vào buổi tối muộn ngày hôm đó, khi đang dùng bữa tối cùng các cố vấn của mình, quan tổng trấn đã nói với họ như sau:

– Tôi không biết phải làm gì với những người này: cả thành phố đang xôn xao vì họ. Các vị nghĩ sao?

Một trong những cố vấn nói:

– Tôi xin ngài, hãy mau chóng giết họ đi. Nếu ngài chậm trễ trong việc hành quyết họ, cả thành phố sẽ quay lưng lại với các vị thần và theo phe những người này. Đặc biệt, đừng để Eutropius, kẻ hay nói nhiều, được nói quá nhiều.

– Ta đã khuyên nhủ hắn phải thờ phụng các vị thần – vị thống đốc nói – bằng cả lời nài nỉ lẫn lời đe dọa, nhưng hắn không những phỉ báng các vị thần và nhà vua, mà còn làm ta bực mình vì những lời trách móc của hắn. Nhưng chúng ta sẽ gọi riêng hắn đến và thuyết phục bằng lời nài nỉ. Nếu hắn nghe lời chúng ta, thì đó sẽ là vinh quang cho các vị thần nhân từ; còn nếu không, ta sẽ ra lệnh xử tử họ.

Nói xong, ông sai binh lính dẫn Eutropius từ ngục ra gặp mình. Eutropius bước vào, và vị thống đốc, đang ngồi dùng bữa trưa, quay sang nói với anh ta:

– Ngươi có muốn ta đích thân dẫn ngươi vào đền thờ các vị thần của chúng ta một cách trang trọng, để ngươi dâng lễ vật cho họ không?

Thánh Eutropius đáp:

– Chúa là Đức Chúa Trời của tôi hằng sống! Tôi không hề có ý định từ bỏ đức tin vào Đấng Christ, đức tin đã được xây dựng trên tảng đá vững chắc.

Vị quan mời vị tử đạo ngồi dùng bữa cùng họ, nhưng ngài từ chối. Những người khác đang ngồi đó cũng khuyên nhủ ngài:

– Hãy ngồi cùng chúng tôi đi, Eutropius, hãy ăn và uống, hãy vâng lời quan trưởng!

Thánh nhân đáp:

– Không, tôi, tôi tớ của Đức Kitô, sẽ không ngồi cùng những kẻ gian ác, như lời vị tiên tri thánh thiện Đavít đã nói: *"Phúc cho người không theo lời khuyên của kẻ gian ác, không ngồi trong hội đồng của những kẻ gian tà"* (Thánh Vịnh 1:1). Và ở một đoạn khác: *"Ta không ngồi cùng những kẻ dối trá, và sẽ không đi cùng những kẻ xảo quyệt"* (Thánh Vịnh 25:4). Một vị tiên tri khác loan báo: *"Hãy ra khỏi giữa họ và tách biệt ra, Chúa phán, đừng chạm vào sự ô uế của họ, và Ta sẽ tiếp nhận các ngươi"* (Ê-sai 52:11).

Vị quan nói:

– Trước đây ngươi là người hiền lành, Eutropius, nhưng giờ đây ngươi có vẻ là người xấu xa.

– Tôi không xấu xa, – vị thánh đáp lại, – nhưng tôi tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời. Nếu ngài cố gắng thi hành mệnh lệnh của các vua trần gian, thì tôi còn cố gắng hơn nữa để thi hành mệnh lệnh của Vua Thiên Đàng và Bất Tử, Đấng mà tôi phụng sự.

Vị quan tiếp tục thuyết phục vị thánh:

– Ngày mai, chỉ một mình ngươi, không có các tu sĩ đồng đạo, hãy dâng lễ vật lên các vị thần, để dân chúng, khi nhìn thấy điều đó, sẽ tin chắc rằng không nên từ bỏ các vị thần, mà phải tôn kính họ bằng những lễ vật.

Thánh Eutropius từ chối:

– Kẻ vô đạo! Ngươi có muốn biến ta thành kẻ làm sa ngã đoàn chiên của Đấng Kitô chăng? Không, điều đó sẽ không xảy ra, vì Chúa của ta phán: *"Ai làm sa ngã một trong những kẻ bé mọn này, những người tin vào Ta, thì thà rằng người ấy bị treo một cối xay vào cổ và bị ném xuống đáy biển còn hơn"* (Mt 18:6). Và ở một đoạn khác, Ngài phán: *"Các con không thể vừa phụng sự Đức Chúa Trời vừa phụng sự Ma-môn"* (Mt 6:24) và *"Ánh sáng có gì chung với bóng tối? Đền thờ của Đức Chúa Trời có gì chung với các thần tượng?"* (2 Cr 6:14, 16).

Nghe vậy, quan tổng trấn ra lệnh mang đến vàng, các loại áo quần quý giá và 150 lít[2168] bạc, rồi nói:

– Ta sẽ ban cho ngươi tất cả những thứ này và thậm chí còn nhiều hơn nữa, chỉ cần ngày mai ngươi nói với dân chúng rằng ngươi đã khuất phục trước quan tổng trấn, rồi sau đó hãy cầu nguyện với Đức Chúa Trời của ngươi bao nhiêu tùy thích.

– Kẻ dụ dỗ xảo quyệt! – Thánh Eutropius kêu lên. – Không, ngươi sẽ không cám dỗ được tôi tớ của Đức Chúa Trời đâu! Ta nhớ rất rõ lời Kinh Thánh: *"Con người được lợi gì nếu chiếm được cả thế gian mà lại làm tổn hại linh hồn mình? Hay con người sẽ lấy gì để chuộc lại linh hồn mình?"* (Mt 16:26). Giống như anh em ngươi là Giu-đa, kẻ đã yêu mến bạc, đã hủy hoại linh hồn mình, thì ngươi cũng sẽ cùng hắn mà diệt vong. Nhưng sao ngươi còn chần chừ không giết chúng ta? Hãy biết rằng không có gì có thể làm chúng ta từ bỏ tình yêu dành cho Đấng Christ. Viên quan tranh luận với ông rất lâu, nhưng vị tử đạo không những không vâng lời ông ta, mà còn ngày càng quở trách ông ta và phỉ báng các vị thần. Đã đến nửa đêm, đến giờ đi ngủ, viên quan bèn nói với các đầy tớ:

– Hãy dẫn Eutropius vào ngục tối và trói hắn cùng các bạn của hắn lại ở đó. Rõ ràng, kẻ ác sẽ không bao giờ thay đổi và không thể trông chờ điều tốt lành từ hắn.

Khi ra đi, vị thánh nói với quan tổng trấn:

– Ngươi, khu vườn của sự gian trá, không sinh ra trái của sự công chính, sẽ sớm diệt vong và bị ném vào lửa. Ngươi là mảnh đất vô dụng, không sinh ra lúa mì mà chỉ mọc đầy cỏ dại! Satan đã chiếm hữu linh hồn ngươi và gieo vào đó những hạt giống của sự ác.

Nói xong, ngài ra đi. Khi ngài đến nhà tù, ngài thấy các thánh Cleonicus và Vasilisk đang cầu nguyện hết lòng: cả đêm họ đã cầu nguyện cho ngài.

Sáng hôm sau, quan tổng trấn muốn dâng lễ vật cho các vị thần trước toàn dân và ra lệnh cho các người rao tin hô to trên các đường phố, kêu gọi mọi người mang lễ vật đến đền thờ Artemis. Khi dân chúng đã tụ tập tại đó và quan tổng trấn đến nơi, theo lệnh của ông, các thánh tử đạo Eutropius, Cleonicus và Basiliscus cũng được dẫn đến. Mọi người đều thờ lạy các thần tượng và dâng lễ vật, có người dâng nhang, có người dâng súc vật.

– Eutropius, – vị thống đốc nói, – ngươi hãy cùng các anh em của ngươi đi dâng lễ vật lên các vị thần, nếu không ngươi sẽ phải chịu một cái chết thảm khốc.

Thánh Eutropius và các bạn của ngài đã cất tiếng nói như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa Toàn Năng, Đấng Vĩnh Cửu, Đấng Vô Tỳ Vết, Đấng Tinh Khiết, Đấng Bất Biến, Đấng ngự trên trời, Đấng được tôn vinh trên đất! Ngài đã lập nên trời, đặt đất trên nền móng, dựng nên các ngọn núi, đếm vô số vì sao và đặt tên cho tất cả chúng, Ngài kỳ diệu chiếu rọi ánh sáng của Ngài xuống chúng con. Ngài đã từng giải cứu ba thiếu niên thánh khỏi lò lửa Ba-by-lôn, cứu thánh Đa-ni-ên khỏi hàm sư tử, giải thoát nữ tỳ của Ngài là Su-san-na khỏi cái chết, bảo vệ thánh Tê-cla khỏi lửa và thú dữ, và ở bên thánh Thê-ô-đô-rô trong những đau khổ của ngài. Xin hãy ở cùng chúng con, và khi đến nơi này, xin hãy tỏ ra quyền năng của Ngài và tiêu diệt mọi sự điên cuồng của những kẻ ngoại đạo. Xin ban cho các Kitô hữu tại nơi này được dâng lên Ngài, Thiên Chúa Chân Thật, những của lễ không đổ máu, vì Ngài là Cha của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con. Vinh quang thuộc về Ngài, Con Một duy nhất của Ngài và Thánh Thần của Ngài, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen.

Khi các thánh nhân vừa dứt lời, sấm sét vang dội và đất rung chuyển, khiến đền thờ rung lắc, và vị quan cùng tất cả những người có mặt đã chạy ra khỏi đền thờ, sợ rằng mình sẽ bị chết. Tượng thần Artemis ngã xuống và vỡ thành từng mảnh nhỏ. Giữa tiếng ồn ào của trận động đất, một tiếng nói từ trên cao vang lên:

– Lời cầu nguyện của các ngươi đã được nhậm, và tại nơi này sẽ có một ngôi nhà thờ dành cho các tín hữu Kitô giáo.

Các thánh nhân đã vui mừng vì Chúa.

Khi trận động đất chấm dứt và mọi người dần bình tĩnh lại sau cơn hoảng sợ, vị quan cai trị ngồi lên ghế xét xử và, nghiến răng vì cơn thịnh nộ đối với các thánh, ra lệnh mang lưu huỳnh và nhựa thông đến, đun chảy chúng trong ba cái nồi rồi đổ lên thân thể các thánh. Vị quan tổng trấn còn ra lệnh đóng những cọc gỗ chắc chắn xuống đất, đặt các thánh trần truồng giữa các cọc đó và đóng đinh họ, buộc tay họ vào các cọc khác nhau. Khi việc này được thực hiện xong và nhựa thông trong các nồi bắt đầu sôi sùng sục, thánh Cleonicus quay sang thánh Eutropius và nói:

– Anh em ơi, chúng ta hãy cầu nguyện cùng Chúa, vì chúng ta sắp phải chịu một cuộc khổ nạn lớn lao.

Các thánh bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin đến giúp đỡ chúng con và tỏ ra quyền năng của Ngài: chúng con yếu đuối, xin củng cố chúng con để chịu đựng những cực hình này.

Các đầy tớ mang đến những cái nồi đang sôi sục đầy lưu huỳnh và nhựa cây, dùng kẹp sắt để cầm chúng. Thánh Evtropi nói với các đầy tớ:

– Xin Chúa khiến việc làm của các ngươi quay lại chống lại chính các ngươi.

Bỗng nhiên, nhờ sức mạnh của Thiên Chúa, các vị tử đạo đã tháo tay khỏi những cây cọc, tự tay cầm những nồi đang sôi sùng sục và đổ nhựa thông lên lưng nhau. Nhựa thông chảy xuống từ thân thể họ, tràn ra như nước trên sàn đá cẩm thạch, đuổi theo các đầy tớ và thiêu đốt họ đến tận xương. Thấy vậy, quan tổng trấn kinh hoàng, nhưng lại quy kết đó là do phép thuật của các Kitô hữu. Ông ra lệnh cho những người hầu khác dùng móng sắt cào xé thân thể các thánh, rồi rưới mù tạt và muối pha với giấm lên các vết thương. Các thánh đã dũng cảm chịu đựng tất cả những điều đó. Giữa những cực hình, thánh Evtropiô nói với quan tổng trấn:

– Hỡi kẻ vô đạo, kẻ đáng ghét trước vinh quang của Đức Chúa Trời! Hãy nghĩ ra những hình phạt còn khủng khiếp hơn nữa, để chúng tôi nhờ chịu đau khổ nhiều hơn mà được nhận vương miện tử đạo với vinh quang lớn lao hơn.

Bực tức trước những lời này, kẻ tra tấn ra lệnh cho các thuộc hạ tra tấn các thánh nhân dữ dội hơn, còn các ngài thì nói:

– Hãy cố gắng đi, kẻ xấu xa tột cùng, mau chóng kết liễu chúng tôi đi: chúng tôi mong mỏi, sau khi thoát khỏi ngươi, được chiêm ngưỡng dung nhan của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng tôi.

Các thánh bị tra tấn trong một thời gian dài, và chỉ khi mặt trời lặn, quan tổng trấn mới ra lệnh ném họ trở lại ngục tối và xiềng xích họ lại. Các thánh đã cầu nguyện trong ngục tối như sau:

– Lạy Chúa Trời! Xin đừng bỏ rơi chúng con cho đến khi chúng con chịu đựng hết mọi đau khổ, và sau khi thoát khỏi kẻ hành hạ chúng con, chúng con sẽ đến được nơi nương náu bình an, nơi không có bệnh tật, không có đau khổ, không có buồn phiền, cũng không có tiếng thở dài.

Khi họ đang cầu nguyện như vậy, vào nửa đêm, Chúa hiện ra và phán với họ rằng:

– Thật vậy, Ta nói cùng các con: vì các con sẵn sàng chịu chết vì Ta, nên các con sẽ nhận được sự sống đời đời cùng các thánh từ Ta.

Được an ủi bởi sự viếng thăm của Chúa, các vị tử đạo càng thêm vững vàng trong đức tin.

Sáng hôm sau, quan tổng trấn lại ngồi trên ghế xét xử, gọi các thánh đến và nói:

– Vậy thì sao? Các ngươi đã quyết định thờ lạy các vị thần và dâng lễ vật cho họ, hay muốn chết một cái chết thảm khốc?

Thánh Eutropius đáp:

– Chẳng lẽ ngươi, kẻ hủy diệt bị u ám, mù quáng và vô cảm, lại chưa nghe chúng ta nói rằng chúng ta sẽ không thờ lạy các vị thần của ngươi – những con quỷ điếc và câm – và cũng sẽ không dâng lễ vật cho chúng sao?!

Nghe vậy, quan tổng trấn đã kết án các thánh Evtropi và Kleonik phải chịu hình đóng đinh, ban hành sắc lệnh như sau:

– Eutropius, thầy của các pháp sư, và pháp sư khác là Cleonicus, những kẻ không tuân theo mệnh lệnh của các vị vua vĩnh cửu, mà lại tuyên xưng đức tin Kitô giáo, theo phán quyết của tòa án tối cao, sẽ bị đóng đinh. Còn Vasilisk thì sẽ bị giam trong ngục cùng với các tù nhân khác.

Nghe vậy, thánh Vasilisk kêu lên với vị vua:

– Xin hãy kết án tử hình cả tôi nữa; tôi không muốn tách rời khỏi các bạn của mình, mà mong được cùng họ ra trước mặt Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

– Không, – vị quan cai trị nói, – các vị thần đã mách bảo tôi như thế này: các ngươi đã thề không rời xa nhau; nhưng ta sẽ không giết hết tất cả các ngươi cùng một lúc, để lời thề ấy không bị phá vỡ và mong muốn của các ngươi không được thực hiện.

– Quả thật, – Eutropius kêu lên, – ngài hung ác hơn mọi loài thú, là con vật dữ tợn nhất trong muôn loài! Ngài đang chia rẽ nhóm bạn, vốn không thể tách rời bởi đức tin và tình yêu. Nhưng chẳng bao lâu nữa, Đức Chúa Trời sẽ báo thù cho ngài, những bông hoa của ân sủng Đức Chúa Trời sẽ nở rộ và mang lại hoa trái cho các nhà thờ của Đức Chúa Trời.

Sau những lời ấy, thánh Evtropi được dẫn ra ngoài thành cùng với thánh Kleonik, nơi có những cây thánh giá. Cả thành phố đều đi theo họ: không chỉ những người Kitô hữu, mà cả những người ngoại đạo. Khi nhìn thấy những cây thánh giá của mình, các thánh tử đạo đã nói:

– Lạy Chúa là Thiên Chúa của chúng con, Đức Giêsu Kitô! Chúng con ngợi khen và tạ ơn Ngài, vì đã khiến chúng con xứng đáng chịu chết trên thập giá, giống như sự chịu khổ tự nguyện của Ngài. Xin ban cho chúng con vương miện công chính, để khi chịu khổ cùng Ngài, chúng con được vinh hiển trong Nước Ngài. Chúng con cầu xin Ngài cho Giáo hội thánh thiện; xin khuất phục những kẻ nổi loạn chống lại các tôi tớ của Ngài và ban bình an cho dân tộc Kitô hữu.

Trong lúc cầu nguyện, các binh lính đã đóng đinh các vị tử đạo lên thập giá. Và bỗng có tiếng từ trời vang lên, kêu gọi các thánh về nơi an nghỉ vĩnh cửu. Các thánh Eutropius và Cleonicus đã phó thác linh hồn mình cho Chúa với lời cầu nguyện: "Lạy Chúa, chúng con phó thác linh hồn chúng con vào tay Ngài."

Họ đã qua đời vào ngày 3 tháng Ba. Hai người đàn ông đạo đức, là công dân thành phố Amasia, Coint và Velonic, đã xin quan tổng trấn cho phép họ nhận thi thể các vị tử đạo. Quan tổng trấn đã không từ chối lời thỉnh cầu đó. Lúc đó, Velonic đã nhận thi thể Thánh Eutropius, xức dầu thánh lên thi thể, rồi an táng một cách trang trọng tại làng của mình, cách thành phố 18 stadia[2168] . Thi hài của Cleonicus được Coint mang đi và an táng với cùng sự tôn kính tại làng Kime. Tại những nơi này, bên cạnh quan tài của các vị tử đạo, đã xảy ra vô số phép lạ chữa lành để tôn vinh Thiên Chúa.

Thánh Vasilisk, người còn lại trong ngục tối, đã bị giam cầm trong xiềng xích trong một thời gian dài. Quan tổng trấn Asklipiotod đã qua đời; dưới thời người kế nhiệm ông là Agrippa, thánh Vasilisk đã bị chém đầu vào ngày 22 tháng Năm. Vào ngày này, người ta tôn vinh kỷ niệm của ngài để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. A-men.

- Cũng trong ngày này, người ta tưởng nhớ các thánh Zinon và Zoil, những người đã qua đời trong bình an.
- Cũng trong ngày này, tưởng nhớ Thánh nữ Piama, người đã sống tại Ai Cập và có ân sủng tiên tri; ngài qua đời vào năm 337.

Ngày 17 tháng 3

Ngày 4 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Grigori, Giám mục thành phố Constance, trên đảo Síp, đã qua đời trong bình an.

Cũng trong ngày này, Thánh Công tước Đan-ni-ên Aleksandrovich của Moscow qua đời vào năm 1303.

Cùng ngày này, Công tước Vasili (Vasilko) Konstantinovich của Rostov, vị thánh phúc lành, bị người Tatars sát hại vào năm 1238.

Cuộc đời của vị thánh cha Gerasim của chúng ta, người đã sống bên sông Jordan.

Ngày tưởng niệm 4 tháng 3

Thánh Gerasim, vị tu sĩ ăn chay vĩ đại, xuất thân từ Lycia[2169] . Ngay từ khi còn trẻ, ngài đã rèn luyện bản thân trong sự kính sợ Thiên Chúa và, sau khi nhận chức tu sĩ, ngài đã lui về sa mạc sâu trong vùng Thebaid của Ai Cập. Sau một thời gian thực hành các việc đạo đức tại đó, ngài lại trở về quê hương Lycia. Sau đó, ngài đến Palestine vào cuối triều đại của Hoàng đế Theodosius II[2170] , và định cư tại sa mạc Jordan, nơi ngài tỏa sáng như một ngôi sao rực rỡ nhờ cuộc đời đạo đức của mình. Tại đó, bên bờ sông Jordan, ngài đã lập nên một tu viện. Trong thời gian ngài ở Palestine, dưới triều đại của Marcian và Pulcheria, Công đồng Chung Thứ Tư của các Thánh Phụ đã được tổ chức tại Chalcedon để chống lại Dioscorus, Tổng Giám mục Alexandria, và Archimandrite Eutyches

[2168] *Stadion* (στάδιον), đơn vị đo chiều dài của Hy Lạp, tương đương khoảng 74 sažen. Do đó, 18 stadion tương đương hơn 2,5 verst một chút. (Stadion Attica là 177,6 m, stadion Olympic là 192,27 m. – *Ban biên tập "Azbuka Very"*)

[2169] Licia – một vùng nằm ở phía nam Tiểu Á.

[2170] Theodosius II, được gọi là "người trẻ nhất" trong tiểu sử, là cháu nội của Theodosius Đại đế. Ông sinh năm 400, và vào năm 408, ông kế vị cha mình là Arcadius để trị vì Đế chế La Mã Đông phương. Được nuôi dạy trong sự sùng đạo nghiêm ngặt, Theodosius đã nỗ lực xóa bỏ những tàn dư cuối cùng của đa thần giáo trong Đế chế. Ông qua đời vào năm 450

– những kẻ dạy rằng trong Đức Kitô chỉ có một bản tính duy nhất là bản tính Thiên Chúa; các Thánh Phụ đã lên án họ. Sau đó, một số kẻ dị giáo xuất hiện, phỉ báng Công đồng và khẳng định rằng tại đó, các tín điều của đức tin chân chính đã bị bác bỏ và giáo lý của Nestorius[2171] đã được phục hồi. Một trong số đó là tu sĩ Theodosius, người đã bị nhiễm tà thuyết của Eutyches. Khi đến Giê-ru-sa-lem, ông ta đã gây rối loạn khắp Palestine, lôi kéo không chỉ những người dân thường, mà cả nhiều vị thánh và hoàng hậu Eudokia, góa phụ của hoàng đế Theodosius II, người lúc bấy giờ đang sống tại Giê-ru-sa-lem. Với sự giúp đỡ của bà và nhiều tu sĩ Palestine đã bị ông ta lôi kéo, ông ta đã lật đổ Đức Thánh Juvenal, Tổng Giám mục Giêrusalem, khỏi ngai vàng và tự mình chiếm lấy vị trí đó. Những người vẫn trung thành với đức tin chính thống đã phải chịu nhiều đau khổ dưới tay vị tổng giám mục giả mạo Theodosius và phải lánh vào sâu thẳm sa mạc. Người đầu tiên rút lui là Thánh Euphemius Đại Đế; các vị thánh cha khác cũng lần lượt theo sau. Vào thời điểm đó, theo sự cho phép của Thiên Chúa, Thánh Gerasimus cũng bị lôi kéo, nhưng ngài đã sớm ăn năn, như Cyril của Jerusalem đã viết trong cuốn "[2172] " (Cuộc đời của các vị thánh). Ông kể rằng, lúc bấy giờ, ở sa mạc Jordan có một ẩn sĩ tên là Gerasimus, người mới đến từ Lycia. Ông đã tuân giữ trọn vẹn các quy tắc của đời sống tu hành và dũng cảm chiến đấu với tà linh; nhưng trong khi đang chiến thắng và xua đuổi những quỷ dữ vô hình, ông lại bị cám dỗ bởi những quỷ dữ hữu hình – những kẻ dị giáo – và sa vào tà thuyết của Eutyches. Vào thời điểm đó, danh tiếng về đời sống đạo đức của Thánh Euphymius đã lan rộng khắp nơi. Thánh Gerasim đã tìm đến ngài tại sa mạc có tên là Ruva, và định cư ở đó trong một thời gian dài. Sau khi được thấm nhuần sự ngọt ngào từ những lời giảng dạy và khuyên răn của vị thánh, ngài đã từ chối những giáo lý sai lầm của những kẻ dị giáo, quay về với đức tin chân chính và ăn năn sâu sắc về sự lầm lạc của mình. Đó là lời kể của Cyril. Cuối cùng, Đức Thánh Juvenal lại lên ngôi Thượng phụ: Vua Markian, một vị vua sùng đạo, đã ra lệnh bắt giữ giả Thượng phụ Theodosius để đưa ông ta ra xét xử vì những hành vi của mình. Nhưng Theodosius, khi biết tin này, đã trốn lên núi Sinai và biến mất không ai biết tung tích. Như vậy, tại Giê-ru-sa-lem và khắp Palestine, đức tin chân chính lại tỏa sáng, và nhiều người từng bị lôi kéo vào tà giáo đã quay trở lại với sự sùng đạo. Nữ hoàng Evdokia, sau khi nhận ra sai lầm của mình, cũng đã tái gia nhập Giáo hội Chính thống.

Tu viện của Thánh Gerasim cách thành thánh Giê-ru-sa-lem 35 stadia, và cách sông Giô-đanh một stadia. Tại đây, ngài tiếp nhận những người mới gia nhập, còn những ai đã trải qua thử thách thì ngài cấp cho họ những căn phòng ẩn tu trong sa mạc. Tổng cộng, ngài có không dưới 70 tu sĩ sống ẩn dật, và Thánh Gerasim đã thiết lập quy tắc sau đây cho họ. Mỗi người dành năm ngày trong tuần ở trong căn phòng ẩn dật của mình trong im lặng, làm một công việc nào đó, ăn một ít bánh mì khô mang từ tu viện đến, nước và rễ cây. Trong năm ngày này, không được phép ăn bất cứ thứ gì đã nấu chín và thậm chí không được phép nhóm lửa, để không nảy sinh ý nghĩ về việc nấu nướng. Vào thứ Bảy và Chủ Nhật, mọi người đều đến tu viện, tụ họp tại nhà thờ để tham dự Thánh Lễ và rước Mình Máu Thánh Chúa Kitô, sau đó trong bữa ăn, họ dùng thức ăn nấu chín và một ít rượu vang để tôn vinh Thiên Chúa, đồng thời trình bày với vị Bề trên công việc đã hoàn thành trong suốt năm ngày qua. Vào chiều Chủ Nhật, mỗi người lại trở về căn phòng ẩn dật của mình trong sa mạc, mang theo một ít bánh mì, rễ cây, một bình nước và những cành chà là để đan giỏ. Sự không tham lam và sự nghèo khó của họ đến mức không ai trong số họ sở hữu gì ngoài một bộ quần áo cũ nát, một tấm chiếu để ngủ và một bình nước nhỏ. Vị tu viện trưởng thậm chí còn cấm họ đóng cửa khi ra khỏi phòng, để bất cứ ai cũng có thể vào và tự do lấy những gì mình muốn từ những vật dụng khiêm tốn đó. Và thế là họ sống theo nguyên tắc tông đồ "một lòng một ý", không ai coi bất cứ thứ gì là của riêng mình, mà mọi thứ đều là của chung. Người ta kể lại rằng một số ẩn sĩ đã xin Thánh Gerasim cho phép thỉnh thoảng thắp nến vào ban đêm để đọc sách hoặc nhóm lửa để đun nước khi cần thiết. Nhưng Thánh Gerasim đã nói với họ như sau:

– Nếu các con muốn có lửa trong sa mạc, thì hãy đến sống trong tu viện cùng với những người mới nhập tu: chừng nào tôi còn sống, tôi sẽ không bao giờ cho phép các ẩn sĩ có lửa!

[2171] *Nestorius,* Giám mục Constantinopolis, dạy rằng Chúa Giêsu Kitô không phải là Thiên Chúa thật, mà chỉ là một con người bình thường, con trai của Giuse và Maria, được ban ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa nhờ cuộc sống thánh thiện. Theo giáo lý của Nestorius, Chúa Giêsu Kitô cứu rỗi chúng ta không phải nhờ công đức cứu chuộc của Ngài, mà nhờ gương sống tốt lành. Giáo lý của Nestorius đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ III, diễn ra vào năm 431.

[2172] Giám mục Giêrusalem từ năm 315 đến năm 386, tức là trước thời kỳ hoạt động của Thánh Gerasimus. Trong cuốn tiểu sử, có vẻ như tác giả đã được ghi sai; có lẽ cần phải hiểu là Cyril thành Alexandria (Tổng giám mục từ năm 412–444), người đã viết rất nhiều bài chống lại các tà giáo.

Người dân thành phố Jericho, khi nghe tin về lối tu hành nghiêm ngặt dưới sự dẫn dắt của Thánh Gerasimus, đã lấy làm thói quen mỗi thứ Bảy và Chủ Nhật đều đến tu viện của ngài và mang theo rất nhiều thức ăn, rượu vang và mọi thứ cần thiết cho tu viện.

Thánh Gerasim tuân giữ các kỳ chay một cách nghiêm ngặt đến nỗi, trong Mùa Chay Thánh và Lớn, ngài hoàn toàn không ăn uống gì cho đến tận Ngày Phục Sinh, và chỉ nuôi dưỡng sức mạnh thể xác lẫn tinh thần bằng việc rước Mình Thánh Chúa. Thánh Kyriakos cũng đã tu hành dưới sự hướng dẫn của vị thầy đạo đức này, như được ghi chép trong cuốn tiểu sử của ngài: "Sau khi nồng nhiệt đón tiếp Thánh Kyriakos đến với mình và nhận ra vinh quang thiêng liêng nơi ngài, Thánh Euphymius đích thân mặc áo tu sĩ cho ngài và gửi ngài đến sông Jordan gặp Thánh Gerasimos. Thánh Gerasimos, khi thấy Thánh Kyriakos còn trẻ, đã ra lệnh cho ngài sống trong tu viện và tuân giữ các bổn phận. Luôn sẵn sàng thực hiện mọi công việc, Kyriak dành cả ngày để làm các công việc trong tu viện, còn cả đêm thì đứng cầu nguyện, thỉnh thoảng chỉ chợp mắt một chút. Anh tự nguyện ăn chay và chỉ sau hai ngày mới ăn bánh mì và uống nước. Thấy sự tiết chế của Kyriakos như vậy, dù cậu còn rất trẻ, Thánh Gerasimos đã vô cùng ngạc nhiên và yêu mến cậu. Thánh Gerasimos có thói quen vào Mùa Chay đi đến vùng xa xôi nhất của sa mạc, được gọi là Ruva, nơi mà trước đây Thánh Euthymius từng sống; vì yêu mến Thánh Kyriakos vì sự kiêng khem vĩ đại của cậu, ngài đã đưa cậu theo cùng; và tại đó, mỗi tuần Kyriakos đều rước Mình Thánh Chúa từ tay Thánh Gerasimos, sống trong im lặng cho đến Chúa Nhật Lá và trở về tu viện, nhận được ân sủng tâm linh to lớn.

Một thời gian sau, vị Thánh Cha Euphimius của chúng ta qua đời, và Thánh Gerasimus biết tin về sự ra đi của ngài khi đang ở trong phòng tu của mình: ngài đã thấy các Thiên thần của Chúa hân hoan đưa linh hồn của Thánh Euphimius lên trời. Ngài đưa Kyriakos theo cùng, đến tu viện của Euphimius và thấy ngài đã qua đời. Sau khi an táng thi hài tôn kính của ngài, ngài trở về phòng tu của mình cùng với Kiryak, đệ tử yêu quý của ngài.

Ngay cả loài thú không biết nói cũng phục vụ vị thánh nhân vĩ đại của Chúa là Gerasim như một con người có trí tuệ, như các vị thánh cha Evirat và Sofronius Sophist đã viết trong "Limonar"[2173] : "Chúng tôi đến tu viện của Cha Gerasim, nằm cách sông Jordan một khoảng đường chạy, và các tu sĩ sống ở đó đã kể cho chúng tôi nghe về Cha Gerasim. Một lần nọ, ngài đang đi qua sa mạc Jordan thì gặp một con sư tử, con vật này giơ chân cho ngài xem, chân nó sưng tấy và đầy mủ do một chiếc gai đâm vào. Con sư tử nhìn vị tu sĩ già với ánh mắt hiền lành và, vì không thể diễn đạt lời cầu xin bằng lời nói, nó đã khẩn cầu sự chữa lành qua vẻ khiêm nhường của mình. Vị tu sĩ già, thấy con sư tử lâm vào cảnh khốn khó như vậy, liền ngồi xuống, cầm lấy chân con thú và rút chiếc gai ra khỏi đó. Khi mủ chảy ra, ngài đã rửa sạch vết thương và quấn một chiếc khăn quanh đó. Từ đó, con sư tử đã được chữa lành không rời xa vị tu sĩ, mà luôn theo sau ông như một đệ tử, đến nỗi Thánh Gerasimus không khỏi ngạc nhiên trước trí thông minh và sự hiền lành của con thú. Vị tu sĩ nuôi dưỡng nó bằng cách cho nó bánh mì hoặc các loại thức ăn khác. Các tu sĩ có một con lừa, mà họ dùng để chở nước từ sông Jordan thánh về cho cộng đoàn. Vị tu sĩ già giao cho con sư tử nhiệm vụ đi cùng con lừa và canh giữ nó khi con lừa đang gặm cỏ bên bờ sông Jordan. Có lần, con sư tử đi xa khỏi con lừa đang gặm cỏ một quãng đường khá xa và ngủ thiếp đi dưới ánh nắng. Lúc đó, có một người đàn ông từ Ả Rập đi ngang qua cùng đàn lạc đà; thấy con lừa đang gặm cỏ một mình, anh ta liền bắt nó và dẫn đi. Khi tỉnh dậy, con sư tử bắt đầu tìm kiếm con lừa, nhưng không thấy, nên với vẻ mặt u sầu và buồn bã, nó quay về tu viện gặp cha Gerasim. Vị tu sĩ già nghĩ rằng con sư tử đã ăn thịt con lừa, nên hỏi:

– Con lừa đâu rồi?

Con sư tử đứng im lặng, cúi đầu xuống, như một con người. Vị tu sĩ già bèn nói:

– Ngươi đã ăn thịt nó rồi! Nhưng tạ ơn Chúa, ngươi sẽ không phải rời khỏi đây, mà sẽ làm cho tu viện tất cả những việc mà con lừa từng làm.

Theo lệnh của vị tu sĩ cao niên, từ đó trở đi, người ta bắt đầu chất lên lưng con sư tử, giống như trước đây chất lên lưng con lừa, một thùng nước có dung tích bốn mech[2174] , và sai nó đi lấy nước ở sông Jordan cho tu viện.

Một lần nọ, có một chiến binh đến gặp vị tu sĩ trưởng để cầu nguyện, và khi nhìn thấy con sư tử đang mang nước, ông đã thương xót nó. Để mua một con lừa mới và giải phóng con sư tử khỏi công việc, ông đã tặng các tu sĩ ba đồng tiền vàng. Một con lừa đã được mua để phục vụ tu viện, còn con sư tử thì được giải phóng khỏi công việc.

[2173] "Limonar" ("Đồng cỏ thiêng liêng") – tác phẩm của tu sĩ Hy Lạp Gioan Moscha; được viết vào đầu thế kỷ VII và chứa đựng những câu chuyện ngắn gọn về cuộc đời và những việc làm cao cả của các thánh.

[2174] "Mech" – túi da dùng để đo lường chất lỏng.

Một thời gian sau, một thương gia từ Ả Rập, người đã mua con lừa, đi đến Jerusalem cùng đoàn lạc đà để bán lúa mì; con lừa cũng đi cùng ông ta. Gần sông Jordan, con sư tử tình cờ gặp đoàn lạc đà; khi nhận ra con lừa, nó gầm lên và lao về phía nó. Người buôn bán và những người đi cùng hoảng sợ bỏ chạy, còn con sư tử, cắn lấy dây cương bằng răng như đã từng làm trước đây, dắt con lừa cùng ba con lạc đà được buộc nối tiếp nhau, chở đầy lúa mì. Bằng tiếng gầm thể hiện niềm vui khi tìm lại được con lừa đã mất, con sư tử dẫn nó đến gặp vị tu sĩ già. Vị tu sĩ cao niên mỉm cười nhẹ nhàng và nói với các tu sĩ:

– Chúng ta đã mắng con sư tử một cách vô cớ, khi nghĩ rằng nó đã ăn thịt con lừa của chúng ta.

Con sư tử được đặt tên là Jordan. Sau đó, nó thường xuyên đến gặp vị tu sĩ già, nhận thức ăn từ ông và không rời khỏi tu viện trong hơn năm năm. Khi vị tu sĩ Gerasim về với Chúa[2175] và được các tu sĩ an táng theo ý định của Đức Chúa Trời, con sư tử lúc đó không có mặt tại tu viện, nhưng một thời gian sau nó quay lại và bắt đầu tìm kiếm vị tu sĩ già của mình. Cha Savvati và một trong những đệ tử của cha Gerasim, khi nhìn thấy con sư tử, đã nói với nó:

– Jordan! Vị sư phụ của chúng ta đã bỏ lại chúng ta như những đứa trẻ mồ côi: Ngài đã về với Chúa!

Họ bắt đầu cho nó ăn, nhưng con sư tử không nhận thức ăn, mà chỉ nhìn ngó khắp nơi, tìm kiếm vị tu sĩ Gerasim, và gầm lên đầy đau buồn. Cha Savvati và các vị tu sĩ khác vuốt ve lưng nó và lặp đi lặp lại:

– Vị tu sĩ già đã về với Chúa, bỏ lại chúng ta rồi!

Nhưng dù nói những lời ấy, họ cũng không thể ngăn con sư tử khỏi tiếng gầm thét và tiếng gầm rú đầy đau buồn; và càng cố an ủi nó bằng lời nói, nó lại càng gầm rú thảm thiết hơn, thể hiện nỗi đau buồn qua giọng nói, khuôn mặt và đôi mắt vì không còn nhìn thấy vị tu sĩ cao niên nữa. Lúc đó, Cha Savvatiy nói:

– Nếu con không tin chúng ta, thì hãy đi cùng chúng ta; chúng ta sẽ chỉ cho con nơi vị tu sĩ già an nghỉ.

Và họ cùng con sư tử đi đến ngôi mộ nơi vị thánh Gerasim được an táng. Ngôi mộ nằm ngay gần nhà thờ. Đứng trước ngôi mộ, Cha Savvati nói với con sư tử:

– Chính tại đây, vị tu sĩ già của chúng ta đã được an táng.

Rồi ngài quỳ gối xuống và khóc nức nở. Nghe thấy điều đó và thấy cha Savvatiy đang khóc, con sư tử đập đầu xuống đất và gầm lên thảm thiết. Sau một tiếng gầm vang dội, nó qua đời ngay trên ngôi mộ của vị thánh nhân. Con sư tử không thể diễn đạt điều gì bằng lời nói, nhưng nhờ ý muốn của Đức Chúa Trời, nó đã tôn vinh vị thánh nhân cả khi ngài còn sống lẫn sau khi ngài qua đời, cho chúng ta thấy loài thú đã vâng lời A-đam như thế nào trước khi ông phạm tội và bị đuổi khỏi Vườn Địa Đàng."

Đó là lời kể của Gioan và Sofronius. Từ câu chuyện này, ta thấy được rằng vị thánh Gerasim đã được lòng Chúa như thế nào, khi làm việc vì vinh quang của Ngài từ thuở thiếu thời cho đến tuổi già. Ông đã về với Chúa trong cuộc sống vĩnh hằng, nơi cùng các thánh ngợi khen Cha, Con và Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Được thắp sáng bởi lời hứa trên núi, ngài đã chọn sự khắc nghiệt của sa mạc Jordan hơn tất cả những điều ngọt ngào của thế gian; chính vì thế, ngay cả con thú cũng vâng phục ngài cho đến chết, thưa Cha, nó đã ra đi một cách vâng lời và thương xót trên quan tài của ngài, ngợi khen ngài như vậy trước mặt Thiên Chúa, và khi cầu nguyện cùng Ngài, xin hãy nhớ đến chúng con, thưa Cha Gerasim.

Cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Phaolô và em gái ngài là Iuliana cùng những người khác đi cùng họ

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 3

Hoàng đế La Mã Aurelian[2176] đã ban chiếu chỉ trên toàn đế quốc, buộc tất cả các Kitô hữu phải dâng lễ vật cho các vị thần. Những ai chống lại chiếu chỉ này đều bị ra lệnh xử tử trong những hình phạt tàn bạo. Chính hoàng đế, sau khi đi qua Isauria, đã đến thành phố Ptolemais thuộc Phoenicia[2177] , nhằm ép buộc tất cả các Kitô hữu ở đó

[2175] Năm 475.

[2176] Trị vì từ năm 270 đến năm 275.

dâng lễ vật thờ thần tượng. Khi nhà vua vào thành, thánh Phaolô cùng chị gái là Iuliana đang có mặt tại đó. Thấy nhà vua tiến vào, Phaolô làm dấu thánh giá trên trán và nói với Iuliana:

– Hãy can đảm lên, em gái của anh, và đừng sợ hãi, vì một tai họa lớn đang ập đến với các Kitô hữu.

Aurelian, khi thấy Phaolô làm dấu thánh giá, đã ra lệnh bắt ông lại và giam trong xiềng xích cho đến sáng. Sáng hôm sau, sau khi ra lệnh đặt ngai vàng của mình ở một vị trí nổi bật, nhà vua ngồi trước mặt toàn thể dân chúng và ra lệnh dẫn thánh Phaolô đến để tra tấn. Khi ông được dẫn đến, nhà vua nói:

– Kẻ ngạo mạn kia, sao ngươi dám, trong lúc ta vào thành, làm dấu thánh Kitô trên mặt mình? Chẳng lẽ ngươi chưa nghe về sắc lệnh hoàng gia của chúng ta, được ban hành chống lại các Kitô hữu sao?

Thánh Phaolô đáp lại nhà vua:

– Tôi đã nghe sắc lệnh của ngài, nhưng không ai và không bao giờ có thể dọa nạt chúng tôi, những người Kitô hữu, đến mức khiến chúng tôi vì sợ hãi mà từ bỏ Thiên Chúa chân thật và ngừng tuyên xưng đức tin vào Đức Kitô, Con Thiên Chúa. Những cực hình mà ngài gây ra cho chúng tôi chỉ là tạm thời, trong khi những đau khổ do sự phán xét công minh của Đức Chúa Trời định ra sẽ là vĩnh cửu, cũng như sự vinh quang mà Đức Chúa Trời ban cho các Kitô hữu cũng là vĩnh cửu. Ai trong chúng ta lại điên rồ đến mức bỏ Đức Chúa Trời hằng sống để thờ lạy những thần tượng câm điếc? Chính Đấng Cứu Thế của chúng ta, Chúa Giê-su Christ, đã phán trong Phúc Âm: *"Ai chối bỏ Ta trước mặt người ta, thì Ta cũng sẽ chối bỏ người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời"* (Ma-thi-ơ 10:33).

Aurelian nói với Phaolô:

– Ta thấy rằng ta đã chịu đựng những lời ngạo mạn của ngươi quá lâu rồi, hãy đến đây và dâng lễ vật cho các vị thần, để ta không phải kết án ngươi một cái chết tàn bạo.

Thánh Phaolô lại nói:

– Tôi không biết có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà từ thuở nhỏ tôi đã phụng sự với lòng trong sạch.

Lúc đó, hoàng đế Aurelian nói với các binh lính:

– Hãy treo cổ hắn lên và tra tấn hắn dã man, cho đến khi Đấng Kitô của hắn đến và giải thoát hắn khỏi tay các ngươi.

Các binh lính lập tức thi hành mệnh lệnh của hoàng đế: họ treo Thánh Phaolô trần truồng lên cây và tra tấn ngài. Còn vị thánh thì cất tiếng cầu nguyện với Thiên Chúa bằng giọng vang dội:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Một của Thiên Chúa Cha, Đấng mà không ai có thể thấu hiểu sự giáng sinh của Ngài, dù là các Thiên thần, các Tổng lãnh thiên thần, các Ngai tòa, các Quyền năng, các Nguyên lý, các Quyền lực, các Sức mạnh, các Cherubim hay các Seraphim[2178] , mà chỉ có một mình Thiên Chúa Cha, – xin hãy giúp đỡ tôi, tôi tớ khiêm nhường và bị ruồng bỏ của Ngài, và giải thoát tôi khỏi tay Aurelian.

Nhờ lời cầu nguyện của ngài, Chúa Giêsu Kitô đã làm dịu bớt những cực hình tàn bạo, đến nỗi vị thánh không còn cảm thấy đau đớn vì những vết thương gây ra cho ngài. Lúc đó, thánh nữ Julia, vị hôn thê của Chúa Kitô, khi thấy anh trai mình đang phải chịu cực hình, đã đến nơi xét xử và lớn tiếng nói với kẻ tra tấn:

– Hành hình viên Aurelian, tại sao ngươi lại tra tấn anh trai vô tội của ta một cách tàn nhẫn như vậy?

Bực tức trước những lời của nàng, Aurelian ra lệnh cho các thuộc hạ:

– Hãy cởi mũ trùm đầu của người phụ nữ này ra và đánh vào mặt nàng, để nàng không dám nói với chúng ta một cách ngang ngược như vậy, còn tên chồng vô đạo kia thì hãy tra tấn hắn thậm chí còn tàn nhẫn hơn nữa, rồi chúng ta sẽ xem Chúa Kitô có bảo vệ và giúp đỡ hắn hay không.

Thánh nữ Iuliana, cười nhạo những lời của hoàng đế, nói:

– Ta thật ngạc nhiên khi thấy ngài, bệ hạ, lại điên rồ đến thế và không hiểu được quyền năng của Chúa Kitô, Đấng làm dịu bớt nỗi đau khổ cho những ai kêu cầu Ngài với lòng tin.

Aurelian quay sang những người đứng xung quanh và nói:

– Sự ôn hòa mà ta dùng để nói chuyện với người phụ nữ này lại khiến nàng phát điên lên.

Rồi ngài nhìn vị thánh với ánh mắt giận dữ và nói với bà:

[2177] *Ptolemaida* – một thành phố ở Phoenicia, nằm phía nam Tyre, phía bắc núi Karyusla. Tại đây, Thánh Phaolô đã dừng chân trong chuyến hành trình cuối cùng đến Giêrusalem và dành cả ngày ở cùng các Kitô hữu (Công vụ 21:7).

[2178] Kinh Thánh phân biệt các thiên thần thành các cấp bậc khác nhau, trong đó có chín cấp (Sáng Thế Ký 3:24; Ê-sai 6:2; Cô-lô-se 1:16; Ê-phê-sô 1:20–21; Rô-ma 8:38; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:16; Giu-đe 1:6). Trong tác phẩm "Hệ thống cấp bậc trên trời" của Thánh Đio-ni-xi-ô Areopagita, các Seraphim chiếm vị trí hàng đầu trong các cấp bậc của các Thiên thần.

– Hãy đến gần các vị thần và thờ lạy họ, vì ngươi sẽ không thể thoát khỏi tay ta.

Nhưng thánh Iuliana đã đáp lại một cách kiên quyết:

– Ta không sợ những hình phạt của ngươi và cũng không để ý đến những lời đe dọa của ngươi, vì trên trời có Đức Chúa Trời, Đấng có thể giải cứu chúng ta khỏi bàn tay bất chính của ngươi. Hãy giao ta cho mọi hình phạt, và ngươi sẽ thấy sự giúp đỡ mà Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của ta, ban cho ta giữa những hình phạt đó.

Lúc đó, Aurelian đã dùng mưu mẹo nói với vị thánh:

– Ta thấy vẻ đẹp của ngươi và vì vẻ đẹp ấy mà ta muốn tha thứ cho ngươi; ta van xin ngươi hãy nghe theo lời khuyên nhủ của ta và dâng lễ vật cho các vị thần; ta sẽ lấy ngươi làm vợ hợp pháp của ta, và ngươi sẽ cùng ta trị vì suốt cuộc đời chúng ta. Ta sẽ ban cho anh trai ngươi phần thưởng lớn lao vì những đau khổ của anh ấy và phong cho anh ấy chức tước cao quý nhất.

Đáp lại những lời xảo trá đó, thánh nữ Iuliana ngước mắt lên trời, làm dấu thánh giá trên mặt, rồi bật cười.

– Bằng tiếng cười của ngươi, – Aurelian nói, – ngươi đang xúc phạm lòng khoan dung vĩ đại của ta dành cho ngươi.

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Không, tôi không xúc phạm ngài, mà tôi cười vui mừng vì lúc này, bằng đôi mắt thiêng liêng, tôi đang chiêm ngưỡng vẻ đẹp thần thánh của Chàng Rể Thiên Đàng của tôi, Đấng đang ngự trên ngai thánh của Ngài và mong muốn sự cứu rỗi cho tất cả mọi người. Ngài đã bảo tôi hãy tự nguyện thực hiện cuộc hành trình chịu khổ, và khinh bỉ ngươi – kẻ xảo trá và hay nói suông – vì ngươi, dù tự xưng là vua, nhưng lại thờ lạy cây cối và đá.

Câu trả lời của vị tử đạo đã khiến Aurelian nổi cơn thịnh nộ dữ dội, và ông ta ra lệnh cho các binh lính:

– Hãy treo cổ người phụ nữ này lên và tra tấn cô ta một cách tàn nhẫn, để cô ta hiểu rằng mình đang đứng trước tòa án hoàng gia.

Khi các binh lính bắt đầu tra tấn vị thánh nữ, anh trai của cô, thánh Phaolô, nhìn cô và nói:

– Đừng sợ những cực hình mà kẻ tra tấn đang giáng xuống, hỡi em gái của anh, và cũng đừng sợ những lời đe dọa của hắn, vì dù phải chịu đau khổ một chút ở đây, chúng ta sẽ nhận được phần thưởng vĩnh cửu từ Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Trong khi đó, Aurelian ra lệnh cho các binh lính đang tra tấn vị thánh:

– Hãy tra tấn nàng khắc nghiệt hơn nữa, để thuyết phục nàng từ bỏ sự kiêu ngạo và sự điên rồ.

Thánh Iuliana, đang bị tra tấn không thương xót, khi nghe những lời của hoàng đế, lại cười lên và nói:

– Aurelian, kẻ tra tấn! Ngươi nghĩ rằng ngươi đang tra tấn ta, nhưng nhờ sự giúp đỡ của Chúa Kitô, ta không cảm thấy đau đớn.

Nghe vậy, Aurelian nói với bà:

– Dù ngươi có nói dối rằng không cảm thấy đau đớn, ta vẫn sẽ khuất phục sự bướng bỉnh của ngươi và tiếp tục tra tấn ngươi.

Thánh nữ đáp:

– Chúa Giêsu Kitô của tôi sẽ không bỏ rơi tôi và sẽ không để tôi bị ngươi đánh bại, vì Ngài là Đấng trợ giúp tôi bây giờ và mãi mãi, và sẽ giúp tôi đến cùng, để ngươi nhận biết quyền năng của Ngài và sự kiên nhẫn Kitô giáo của tôi. Còn ngươi, Đức Chúa Trời của ta sẽ ra lệnh tra tấn ngươi bằng ngọn lửa vĩnh cửu không bao giờ tắt, và Ngài sẽ đòi lại từ ngươi những linh hồn con người mà ngươi đã hủy diệt bằng những mưu mô xảo quyệt của mình.

Những lời của vị thánh đã khiến Aurelian nổi cơn thịnh nộ dữ dội. Hắn ra lệnh mang đến một cái nồi đựng nhựa thông và đốt một ngọn lửa mạnh dưới đáy nồi. Khi nhựa thông trong nồi sôi sùng sục đến mức không ai dám lại gần, tên tra tấn ra lệnh ném các thánh tử đạo Phaolô và Iuliana vào nồi. Khi bị ném vào đó, họ ngước mắt lên trời, như thể cùng một miệng cầu nguyện:

– Lạy Chúa là Thiên Chúa, Cha của chúng con, Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp, Đấng đã ngự xuống lò lửa Ba-by-lôn cùng với Xê-đra-chô, Mi-sa-chô và Áp-đê-na-gô, và không để họ bị lửa làm hại (Đa-ni-ên 3), Ngài là Chúa Giê-su Ki-tô, Ánh Sáng không thể thấu hiểu, mầu nhiệm và vinh quang của Cha, Ánh Sáng ban mai của Đức Chúa Trời Tối Cao, Đấng đã nhập thể vì tội lỗi chúng con và sống giữa loài người, Đấng mong muốn cứu rỗi những linh hồn mà kẻ thù của chúng con là ma quỷ đã táo tợn lừa dối, hủy hoại và đẩy xuống địa ngục, điều tương tự như những gì môn đồ của nó là Aurelian đang làm lúc này, – Lạy Chúa, xin cứu chúng con khỏi sự đau khổ nặng nề này.

Trong lúc những người chịu khổ đang cầu nguyện, nhựa cây đang sôi sục bỗng biến thành nước lạnh, và tất cả những người có mặt đều kinh ngạc trước quyền năng của Đức Chúa Trời và ngợi khen Ngài. Còn Aurelian, điên cuồng vì cơn giận, không ngợi khen Đức Chúa Trời, mà cho rằng đó là phép thuật, nên ra lệnh vớt các thánh nhân ra khỏi nồi, nơi không còn mùi nhựa thông nào nữa, mà chỉ còn nước lạnh. Khi các vị tử đạo được vớt ra, Aurelian nói với họ:

– Các ngươi nghĩ rằng những người có mặt ở đây và chứng kiến mọi chuyện xảy ra, bị các ngươi lừa dối, sẽ tin rằng Đức Chúa Trời đã nhớ đến các ngươi – chứ không phải các ngươi đã dùng phép thuật để làm nguội nồi sao? Ta thề bằng các vị thần của ta, ta sẽ khiến phép thuật của các ngươi vô dụng, và các ngươi sẽ phải chịu những cực hình kéo dài và đa dạng – bị lửa thiêu đốt, bị thương tích đầy mình và kiệt sức – rồi chống lại ý muốn của chính mình, các ngươi sẽ dâng lễ vật lên các vị thần.

Thánh Phaolô đã đáp lại những lời ngạo mạn này:

– Chúng tôi sẽ không bao giờ từ bỏ Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng đã tạo dựng trời đất, giải thoát chúng tôi khỏi bóng tối và cứu chúng tôi khỏi tay ngươi; không bao giờ, hỡi kẻ hành hạ Aurelian, ngươi có thể thuyết phục chúng tôi thờ lạy những thần tượng câm lặng, vô hồn và vô cảm của các ngươi. Hãy tra tấn chúng tôi theo cách ngươi muốn, và qua đó ngươi sẽ nhận ra quyền năng của Đức Chúa Trời chúng tôi.

Lúc đó, Aurelian ra lệnh mang đến hai chiếc giường sắt, lấy thật nhiều than từ các nhà tắm công cộng và nung đỏ những chiếc giường đó, sau đó đặt các thánh tử đạo trần truồng lên những chiếc giường đang rực lửa và đồng thời tưới lên người họ mỡ lợn đã đun chảy. Trong lúc tra tấn này, Aurelian nói với các thánh tử đạo:

– Giờ đây ta đã đánh bại sức mạnh phép thuật của các ngươi, và các ngươi sẽ biết Aurelian là ai – hãy để Đấng Kitô của các ngươi đến và giúp đỡ các ngươi.

– Đấng Kitô của chúng tôi, – thánh Iuliana đáp lại kẻ tra tấn, – đã ở đây cùng chúng tôi, đang giúp đỡ chúng tôi và không để ngọn lửa làm hại chúng tôi; còn ngươi thì không thấy Ngài, vì ngươi không xứng đáng. Ta khuyên ngươi hãy từ bỏ sự điên rồ của mình và quay về với Đấng Kitô. Nếu ngươi muốn tin vào Ngài, thì Ngài sẽ đón nhận ngươi khi ngươi ăn năn, vì Ngài đầy lòng nhân ái và thương xót, tha thứ tội lỗi cho loài người; còn nếu ngươi không quay về với Ngài, thì ngươi sẽ bị ném vào lửa đời đời.

Lúc đó, hai người lính, thấy các thánh nhân bị thiêu đốt trên giường sắt mà vẫn không bị lửa làm hại, liền cất tiếng hét lớn:

– Không có Thiên Chúa nào khác ngoài Thiên Chúa trên trời, Đấng đang giúp đỡ Phaolô và Julia.

Nhà vua, vì điều này mà nổi giận với hai chiến binh, đã ra lệnh chém đầu cả hai ngay lập tức bằng gươm. Ông ta cho rằng họ đã bị hối lộ và nhận nhiều vàng từ các Kitô hữu để không tra tấn các thánh một cách tàn nhẫn. Khi hai chiến binh này bị dẫn đi hành quyết, thánh Phaolô đã khuyên nhủ họ như sau:

– Đừng sợ, – ngài nói, – các ngươi sẽ không bao giờ chết, mà sẽ cùng với các thánh trở thành những người thừa kế Nước Trời.

Nghe những lời ấy, các chiến binh dừng lại và bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Lạy Thiên Chúa chân thật, Đấng mà Phaolô và Iuliana rao giảng, xin hãy ở cùng chúng con, vì chúng con sắp chết mà không hề phạm bất kỳ tội ác nào.

Sau những lời ấy, họ bị chém bằng gươm. Tên của họ là Kvadrat và Akakiy. Sau khi những chiến binh này qua đời, những người khác được cử đến để thiêu đốt các thánh đang nằm trên những chiếc giường sắt nung đỏ. Họ rắc muối để ngọn lửa bùng lên dữ dội hơn; nhưng các thánh không cảm thấy đau đớn và tiếp tục quở trách kẻ hành hạ. Bị bẽ mặt vì bất lực trước các vị tử đạo, Aurelian ra lệnh giam họ vào ngục tối, đeo những chiếc cùm gỗ nặng nề vào cổ họ, xiềng chân họ, và đeo những chiếc vòng sắt vào tay họ. Trong ngục tối, kẻ tra tấn ra lệnh rải đầy đinh nhọn trên sàn, giống như bụi gai và cỏ dại trên đồng ruộng, rồi đặt các vị tử đạo nằm sấp trên đó để họ không những không được giảm bớt đau khổ mà còn phải chịu đựng đau đớn dữ dội hơn từ những chiếc đinh xé rách thân thể. Đồng thời, tên tra tấn ra lệnh canh gác nghiêm ngặt để không một tín hữu Kitô giáo nào đến gần họ hay mang thức ăn hay nước uống cho họ. Vào nửa đêm, khi các thánh đang nằm trên những chiếc đinh nhọn và cầu nguyện, bỗng nhiên ánh sáng rực rỡ chiếu sáng trong ngục tối, Thiên Thần của Chúa hiện ra và nói với các vị tử đạo:

– Phaolô và Iuliana, những tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao, hãy đứng dậy và ngợi khen Đức Chúa Trời!

Nói xong, Thiên thần bước đến và chạm vào xiềng xích và cùm của các vị tử đạo – ngay lập tức, xiềng xích vỡ tan và rơi khỏi thân thể họ, các vết loét của họ được chữa lành, và họ lại khỏe mạnh như xưa. Và rồi họ thấy hai

chiếc bàn được phủ bằng tấm vải trắng tinh, cùng bữa tiệc đã được dọn sẵn trước mặt họ, đầy ắp đủ loại món ăn. Thiên thần nói với các thánh:

– Hãy nhận lấy bữa ăn mà Chúa Giêsu Kitô đã sai đến cho các con.

Các thánh tử đạo Phaolô và Iuliana ngồi vào bàn ăn, cầm bánh lên, ngước mắt lên trời và tạ ơn Thiên Chúa; sau đó, họ ăn và uống những gì Chúa đã ban và được tiếp thêm sức mạnh.

Những tù nhân trong ngục thấy ánh sáng bừng sáng, thấy các thánh, đã được giải thoát khỏi xiềng xích, ngồi vào chỗ đã được chuẩn bị sẵn cho họ bên bàn tiệc, ăn uống và vui vẻ. Họ, trong sự ngạc nhiên, tiến lại gần các ngài và được hân hạnh tham dự bữa tiệc này, do bàn tay vô hình chuẩn bị. Sau khi ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã ban ân sủng như vậy cho các tôi tớ của Ngài, và sau khi tin vào Ngài, tất cả họ đều trở thành Kitô hữu.

Vào ngày thứ ba, hoàng đế Aurelian lại ngồi trên ghế xét xử và, ra lệnh dẫn các thánh tử đạo Phaolô và Iuliana đến trước mặt mình, nói với họ:

– Ta hy vọng rằng những cực hình đã tác động đến các ngươi, và giờ đây, sau khi từ bỏ sự điên rồ của mình, các ngươi sẽ đến với các vị thần và dâng lễ vật cho họ.

Thánh Phaolô đáp lại:

– Sự điên rồ ấy chính là không từ bỏ Chúa Kitô; xin cho nó mãi mãi ở lại với tôi và với tất cả những ai yêu mến Thiên Chúa: *"vì sự khôn ngoan của Thiên Chúa còn khôn ngoan hơn sự khôn ngoan của loài người, và sự yếu đuối của Thiên Chúa còn mạnh mẽ hơn sự mạnh mẽ của loài người"* (1 Cr 1,25). *"Vì sự khôn ngoan của thế gian này là sự điên rồ trước mặt Thiên Chúa, như đã chép: 'Ngài bắt những người khôn ngoan phải sa vào mưu mô của chính họ'"* (1 Cr 3,19). Và tôi thực sự sẽ trở nên điên rồ nếu, sau khi từ bỏ Thiên Chúa Chân Thật, lại đi thờ lạy những quỷ dữ của các ngươi.

Aurelian lại nổi giận và ra lệnh treo cả hai vị tử đạo lên cây trong tình trạng trần truồng, rồi dùng móng sắt cào xé xương sườn họ. Còn hai vị, dù phải chịu cực hình, vẫn cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời:

– Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Con của Đức Chúa Trời Hằng Sống, Ánh Sáng của đạo Ki-tô, Đức Tin bất diệt, xin hãy hiện ra với chúng con, giúp đỡ chúng con và đừng bỏ rơi chúng con, vì Danh Thánh của Ngài.

Sau lời cầu nguyện của họ, Đấng Cứu Thế, đang hiện diện bên cạnh họ một cách vô hình, đã làm dịu bớt nỗi đau khổ của họ, và các thánh không còn cảm thấy sự tra tấn nữa. Một trong những binh lính, tên là Stratonik, được bố trí ở phía bên trái của thánh Juliana để cào xé xương sườn của bà, đã thương xót vẻ đẹp của bà và kiềm chế không làm điều đó. Thánh nữ, hiểu được ý nghĩ của anh ta, đã đá anh ta bằng chân trái và nói với anh ta:

– Stratonik, hãy tuân theo mệnh lệnh của kẻ tra tấn và đừng thương xót ta, vì chính Vua của ta, Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa vĩnh cửu, đang giúp đỡ ta; Ngài bảo vệ linh hồn ta và làm dịu bớt những đau đớn thể xác của ta.

Stratonik, vứt bỏ dụng cụ đang cầm trên tay, chạy đến nơi diễn ra phiên tòa của nhà vua và kêu lên:

– Aurelian, tên kẻ tra tấn vô đạo! Tại sao ngươi lại bất công đến mức tra tấn các Kitô hữu như vậy? Những người tôn thờ Thiên Chúa Chân Thật này đã làm điều ác gì? Tại sao họ lại phải chịu đau khổ đến thế? Chẳng lẽ chỉ vì họ tôn thờ Đức Kitô, Chúa Tể của muôn loài sao?

Nghe những lời đó, nhà vua nổi cơn thịnh nộ khủng khiếp và suốt một giờ liền không thể nói nên lời. Cuối cùng, ông lên tiếng:

– Còn ngươi, Stratonic, cũng đã trở thành kẻ đồng lõa trong cơn điên rồ đó! Điều gì đã mê hoặc ngươi? Phải chăng là nhan sắc của Iuliana, hay ngươi đã bị khuất phục bởi lời nói dịu dàng của nàng?

Stratonik ngước mắt lên trời, thấy khuôn mặt các thánh tử đạo đang bị treo trên giá hành hình sáng rực như khuôn mặt các Thiên thần của Chúa. Ngay lập tức, sau khi làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình, ông chạy đến bàn thờ tà thần vô đạo được dựng ở đó, lật đổ nó và, trong khi giẫm đạp lên nó, ông hét lên:

– Ta cũng là Kitô hữu! Hỡi kẻ hành hình, ngươi cứ làm gì ta tùy ý. Aurelian nổi giận dữ dội và ra lệnh chém đầu ông.

Khi Stratonic được dẫn đến nơi hành quyết, ông đã cầu nguyện với Chúa như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà Phaolô và Iuliana vẫn kiên trung rao giảng, được sự Thánh Thần của Ngài gìn giữ, và làm cho kẻ hành hình phải hổ thẹn, con xin Ngài – hãy đón nhận linh hồn con vào Nước Trời của Ngài, xin đừng từ chối con, kẻ chỉ mới tuyên xưng Danh Thánh của Ngài trong một thời gian ngắn trước mặt kẻ hành hình Aurelian.

Sau lời cầu nguyện đó, ông bị chém bằng gươm, còn các Kitô hữu thì mang thi thể ông đi giấu. Còn các thánh Phaolô và Julia thì bị tra tấn suốt cả ngày hôm đó nhưng không hề suy sụp trước những cực hình. Aurelian, quay sang Julia, nói với bà:

– Nữ nhân xấu xa và vô đạo! Sao ngươi lại có thể quyến rũ chiến binh này trong lúc tra tấn? Ngươi phải chịu trách nhiệm về cái chết của anh ta.

Thánh nữ đáp lại:

– Tôi không quyến rũ anh ta, và tôi vô tội trước cái chết của anh ta; Chúa Kitô, Đấng đã chọn tôi làm vợ của Ngài, đã gọi người chiến binh này về với Ngài như một người xứng đáng, vì nếu anh ta không xứng đáng, thì anh ta sẽ không bao giờ có thể nhận được vương miện tử đạo. Chính ngài sẽ phải chịu đau khổ trong ngọn lửa địa ngục, còn anh ta, ngài sẽ gặp lại trong Nước Trời. Khi đó, ngươi sẽ đập ngực đầy tội lỗi, khi thấy rằng người từng là thuộc hạ của ngươi, một kẻ tầm thường và bị ngươi ruồng bỏ, lại được đặt cao hơn ngươi và được Chúa Kitô trao vinh quang của Nước Trời. Lúc đó, ngươi sẽ tràn ngập nỗi buồn sâu thẳm và kêu khóc, van xin lòng thương xót, nhưng sẽ không bao giờ nhận được.

Sau đó, Aurelian ra lệnh chấm dứt việc tra tấn các thánh và lại giam các thánh vào ngục tối. Vào buổi tối cùng ngày, Aurelian ra lệnh chuyển họ từ ngục tối đến nhà tắm công cộng. Sau đó, ông triệu tập các thầy phù thủy, pháp sư và những kẻ điều khiển loài bò sát, ra lệnh cho họ mang đến tất cả những loài bò sát độc ác nhất mà họ có: rắn nhím, rắn hổ mang và rắn độc, rồi thả chúng vào nhà tắm nơi các vị tử đạo đang bị giam giữ. Các thầy phù thủy, tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, đã thu thập rất nhiều loài bò sát và thả chúng vào nhà tắm cùng với các thánh nhân. Nhưng những con rắn bò quanh chân các thánh tử đạo mà không làm hại họ, còn các thánh thì vẫn can đảm hát thánh ca và ngợi khen Thiên Chúa. Trong tình trạng bị giam cầm như vậy trong phòng tắm hơi, cùng với những con rắn, các thánh đã ở đó ba ngày ba đêm; đến đêm thứ tư, Aurelian sai người đi xem liệu Phaolô và Iuliana có bị rắn ăn thịt hay không. Khi những người được cử đi đến gần cửa phòng tắm, họ nghe thấy các thánh đang hát thánh vịnh và ngợi khen Thiên Chúa. Muốn biết rõ hơn những gì đang diễn ra bên trong, họ trèo lên mái nhà và nhìn xuống qua cửa sổ. Họ thấy một ánh sáng chói lọi và thánh Phaolô đang ngồi cùng với em gái mình, thánh Iuliana. Bên cạnh họ có một Thiên thần của Đức Chúa Trời đang đứng canh giữ và không cho các loài bò sát chạm vào các thánh. Thấy vậy, những người được cử đi liền đến gặp vua Aurelian và báo cáo lại những gì họ đã thấy. Sáng hôm sau, ông lại ngồi trên ghế xét xử và ra lệnh cho các pháp sư và những kẻ niệm chú bắt các loài bò sát từ nhà tắm, đồng thời đưa các vị tử đạo đến trước mặt ông để xét xử. Các pháp sư tiến đến cửa nhà tắm, bắt đầu dùng bùa chú để triệu hồi các loài bò sát về phía mình, nhưng chúng không nghe theo. Khi cánh cửa nhà tắm được mở ra, ngay lập tức tất cả các loài bò sát lao vào những kẻ niệm chú và những người khác đi cùng họ; sau khi cắn họ đến chết, chúng biến mất. Sau khi lũ rắn bỏ chạy, những người được tên tra tấn phái đến đã đến, bắt các thánh tử đạo và dẫn họ đến trước mặt hắn để xét xử. Tên tra tấn nhìn họ và mỉm cười, rồi nói:

– Ta rất vui được trò chuyện với các ngươi một lần nữa, vì ta hy vọng sẽ được nghe từ các ngươi điều gì đó vĩ đại. Ta thề trước các vị thần, nếu các ngươi nói sự thật với ta, các ngươi sẽ nhận được từ ta nhiều ân huệ vĩ đại và sẽ trở thành những nhân vật danh giá trong vương quốc của ta. Hãy nói cho ta biết – liệu có đúng như những gì ta nghe được từ những người đã nhìn qua cửa sổ vào phòng tắm của các ngươi, rằng vị thần của chúng ta, Apollon, đã đến với các ngươi và giúp đỡ các ngươi, bảo vệ các ngươi khỏi những con rắn độc, và các ngươi đã tận mắt nhìn thấy khuôn mặt của ngài hay không?

Thánh Phaolô trả lời nhà vua:

– Chúng tôi không biết Apollon và chưa bao giờ thấy ngài, vì chúng tôi phụng sự Đức Chúa Trời Chân Thật, Đấng đã chuẩn bị sự cứu rỗi cho các tôi tớ của Ngài. Còn linh hồn ngài thì đã hư mất một cách thảm khốc, vì ngài không muốn nhận biết lẽ thật và ăn năn. Cơn thịnh nộ dữ dội do những hình phạt mà ngài bịa đặt ra đã đẩy ngài đến mức ngài dám phỉ báng vị tôi tớ vô hình của Đức Chúa Trời, Thánh Thiên Thần, Đấng mà Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta đã sai đến với chúng tôi để bịt miệng lũ quái vật, và ngài còn táo tợn gọi Ngài là Apollon.

Những lời của vị tử đạo đã khiến Aurelian nổi cơn thịnh nộ dữ dội, và ông ra lệnh đánh vào mặt Thánh Phaolô bằng những cây gậy thiếc, đồng thời bắt người ta nói với ngài rằng:

– Sao ngươi dám trả lời một cách kiêu ngạo và ngang ngược như vậy? – Hãy biết rằng ngươi đang đứng trước mặt vua.

Sau cuộc tra tấn đó, Aurelian ra lệnh dẫn Thánh Phaolô đi và gọi Thánh Iuliana đến gần mình. Kẻ tra tấn nói với nàng:

– Nữ chúa của trái tim ta, Iuliania! Ta van xin nàng, đừng theo sự điên rồ của anh trai nàng; ta thấy nàng là một thiếu nữ sáng suốt và thông minh, vì vậy hãy nghe lời khuyên của ta, và nàng sẽ trở thành hoàng hậu cùng ta, vì ta sẽ lấy nàng làm vợ và dựng những bức tượng vàng của nàng ở khắp các thành phố trong đế quốc.

Nhưng vị thánh nữ đáp lại nhà vua:

– Ngươi không thể dụ dỗ ta bằng bất cứ điều gì, hỡi kẻ hành hạ vô đạo; ngươi không thể dùng mưu mô của mình để bắt giữ tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao, cũng không thể khiến ta phải chịu cái chết vĩnh viễn. Dù ngươi có muốn đến đâu, ngươi cũng không thể tước đoạt vinh quang của Đức Kitô và Nước Trời khỏi ta.

Lúc đó, Aurelian ra lệnh đưa vị thánh nữ ra khỏi chỗ xét xử và lại cho dẫn thánh Phaolô đến trước mặt mình, rồi ông ta nói với ngài như sau:

– Này, Phaolô, em gái ngươi là Iuliania đã hứa với chúng ta sẽ dâng lễ vật cho các vị thần; vì thế, ta muốn lấy nàng làm vợ, và nàng sẽ trở thành nữ hoàng cai trị toàn bộ vương quốc của ta. Ngươi cũng hãy tin theo và tuân lệnh ta dâng lễ vật cho các vị thần: ngươi sẽ trở thành bạn của ta và được ban thưởng một chức vụ cao quý.

Nhưng Thánh Phaolô đã đáp lại những lời xảo trá ấy:

– Quả thật ngươi đã nói dối, rằng em gái ta đã từ bỏ Đấng Hôn Phu thánh khiết và bất tử của nàng là Đức Kitô, để trở thành bạn của ngươi – kẻ xấu xa và phù du – cùng với lũ quỷ của ngươi. Nhưng không có gì đáng ngạc nhiên khi ngươi nói dối, vì cha ngươi là ma quỷ, kẻ là cha của sự dối trá (Ga 8,44); học theo hắn mà nói dối, ngươi cũng làm y như hắn, và không thể lừa gạt ai được nếu không phải bằng lời dối trá. Nhưng ngươi đang làm việc vô ích, vì ngươi sẽ không lừa gạt được chúng ta bằng mưu mô dối trá của ngươi, dù ngươi có hứa hẹn với chúng ta vương quốc của cả thế gian đi chăng nữa.

Tức giận trước câu trả lời của vị tử đạo, Aurelian nói với ông:

– Ngươi sẽ còn nói năng ngang ngược với chúng ta đến bao giờ nữa, hỡi kẻ vô tri? Ta thề trước các vị thần rằng ta sẽ tra tấn các ngươi bằng mọi hình thức đau đớn, và không ai có thể giải thoát các ngươi khỏi tay ta.

Nói xong, nhà vua ra lệnh đốt một đống lửa lớn, mang đến mười bốn cây gậy sắt và nung chúng cho đỏ rực trên lửa; sau đó, ngài ra lệnh trói tay và chân thánh Phaolô lại, luồn cây gậy nung đỏ vào giữa tay và chân ngài, chôn ngài xuống đất và cho hai chiến binh thay phiên nhau đánh ngài bằng những cây gậy nung đỏ. Lệnh đã được thi hành. Còn đối với Iuliania, kẻ tra tấn ra lệnh đưa nàng vào nhà chứa và ở đó làm nhục nàng. Nghe lệnh ấy, nhiều người trong dân chúng vội vã chạy đến đó, tranh nhau để được vào gặp nàng trước, bị kích động bởi vẻ đẹp của nàng như những con ngựa. Khi thánh nữ được dẫn vào nhà chứa, Thiên Thần của Chúa hiện ra với nàng và nói:

– Đừng sợ, Iuliania, vì Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà con đang phụng sự, đã sai Ta đến để bảo vệ con, hầu cho danh thánh của Ngài được tôn vinh giữa những ai kính sợ Ngài.

Và Thiên Thần bắt đầu làm cho những kẻ dâm đãng, những kẻ muốn chạm vào vị thánh nữ, bị mù lòa, hất họ đi như bụi bặm khỏi chân cô dâu của Đấng Kitô, đến nỗi họ không thể đến gần nàng, phải mò mẫm đi và va vào tường. Nhìn thấy phép lạ này, dân chúng như đồng thanh reo lên vang dội:

– Đức Chúa Trời của Phaolô và Iuliana thật vĩ đại, Đấng cứu rỗi và bảo vệ những ai kính sợ Ngài khắp mọi nơi!

Còn những kẻ dâm đãng bị mù lòa, quỳ gối xuống, kêu cầu vị thánh nữ:

– Iuliana, tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao, chúng tôi đã phạm tội trước mặt ngài, muốn làm ô uế ngài, nhưng ngài, với tư cách là người phục vụ Đức Chúa Trời nhân từ, xin hãy tha thứ cho chúng tôi, và cầu nguyện cho chúng tôi với Đấng Christ của ngài, để Ngài ban cho chúng tôi ánh sáng.

Thánh nữ đã thương xót họ, lấy một ít nước và, ngước mắt lên trời, bắt đầu cầu nguyện với Đức Chúa Trời như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa Chân Thật, Đấng Cứu Độ muôn người, xin hãy nghe lời con, tôi tớ của Ngài, và xin hãy tỏ ra những dấu lạ và phép lạ mà Ngài thường làm cho loài người, xin ban cho những người này được sáng mắt, để họ tôn vinh Danh Thánh của Ngài.

Sau khi cầu nguyện xong, vị thánh rảy nước lên tất cả những người mù, và họ lập tức được sáng mắt; những người được chữa lành quỳ sấp xuống đất, tạ ơn Đức Chúa Trời, rồi đến nhà thờ Kitô giáo, xưng tội và được ban phép rửa tội thánh. Trong khi đó, theo lệnh của vua, các binh lính tiếp tục tra tấn thánh Phaolô, không thương xót đánh ông bằng những cây gậy sắt nung đỏ trong lửa, và cả những người hầu lẫn cây gậy cũng thường xuyên được thay đổi. Giữa những đau khổ ấy, vị thánh kêu lên với nhà vua:

– Aurelian, kẻ tra tấn vô đạo, ta đã làm điều ác gì mà ngươi lại tra tấn ta một cách tàn nhẫn và vô thần như vậy? Nhưng quả thật, Chúa của ta là Đức Giêsu Kitô đang làm dịu bớt những đau khổ của ta, còn ngươi thì sẽ phải đối mặt với ngọn lửa vĩnh cửu, đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi và ma quỷ, kẻ đang xúi giục ngươi chống lại chúng ta.

Aurelian, muốn làm vị thánh buồn lòng, đã nói:

– Phaolô, em gái ngươi là Iuliana đâu rồi? Ngươi nghĩ rằng nàng còn trinh, nhưng hôm nay nàng đã bị bán vào nhà điếm để làm trò nhục nhã.

Thánh Phaolô đáp lại lời vu khống này:

– Tôi tin rằng Thiên Chúa của tôi, Đấng làm dịu bớt nỗi đau khổ của tôi và giải thoát tôi khỏi những mưu mô xảo trá của ngươi, sẽ bảo vệ em gái tôi và giữ cho cô ấy trong sạch khỏi mọi sự ô uế, và sẽ sai Thiên Thần của Ngài từ trời xuống để canh giữ cô ấy.

Một lúc sau, Phaolô lại nói:

– Này, em gái tôi đang trở về trong sự trong sạch, vẫn giữ được trinh tiết, và đang đến để chứng kiến những đau khổ và vết thương của tôi.

Thánh nhân nói như vậy vì với đôi mắt thấu suốt, ngài đã thấy tất cả những gì đã xảy ra với Thánh Iuliana. Kẻ tra tấn đã ra lệnh đưa thánh nữ trở lại. Khi Thánh Iuliana lại bị dẫn đến nơi xét xử và Thánh Phaolô nhìn thấy nàng, ngài tràn ngập niềm vui lớn lao và đón em gái với nụ cười rạng rỡ. Aurelian hỏi vị thánh:

– Iuliana, những kẻ dâm đãng có được hưởng thụ vẻ đẹp của ngươi chưa?

Thánh nữ đáp:

– Niềm vui, vẻ đẹp và mọi sự trang điểm của con chính là Đức Kitô, Đấng đã sai Thiên Thần của Ngài đến và bảo vệ con, người tôi tớ khiêm nhường của Ngài: con đã đặt niềm tin vào Ngài và tôn vinh Danh Thánh của Ngài, vì Ngài là Thiên Chúa Chân Thật, Đấng làm nên những phép lạ, và không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ngài.

Sau khi ra lệnh chấm dứt sự tra tấn đối với Thánh Phaolô, nhà vua ra lệnh đào một cái hố sâu ba sải, chất đầy củi vào đó và châm lửa đốt. Khi củi đã cháy hết và trong hố còn lại rất nhiều than hồng, kẻ tra tấn ra lệnh ném các thánh tử đạo Phaolô và Iuliana vào đó. Nhưng chính họ đã tự mình bước đến hố lửa, chúc tụng Thiên Chúa và kêu cầu Chúa Kitô Cứu Thế, Đấng Cứu Giúp của mình. Khi đến hố lửa, các vị tử đạo làm dấu thánh giá và lao mình vào ngọn lửa. Khi đang ở trong lửa, các ngài đã ca ngợi và tôn vinh Chúa, vì Thiên Thần của Chúa đã từ trời giáng xuống, làm suy yếu sức mạnh của ngọn lửa và thổi bay những than hồng, đồng thời bảo vệ các vị tử đạo được nguyên vẹn và không hề hấn gì. Các thánh đứng trong hố lửa và hát:

– Ngợi khen Thiên Chúa, Vua muôn đời, Đấng đã nhớ đến sự khiêm nhường của chúng con và chính Ngài đã dập tắt ngọn lửa, tha thứ tội lỗi chúng con nhờ lòng nhân từ vĩ đại của Ngài; Ngài đã bảo vệ chúng con, những kẻ không xứng đáng, được nguyên vẹn và không hề hấn gì trước cơn thịnh nộ của Aurelian, kẻ hành hình.

Toàn thể dân chúng nghe tiếng hát của các thánh, và nhiều người ngoại đạo, khi chứng kiến vinh quang của Thiên Chúa, đã cảm động trong lòng, từ bỏ các thần tượng và tin vào Đức Kitô. Vua ra lệnh ném đá vào các thánh đang ở trong hố. Nhưng đột nhiên có tia chớp lóe lên và tiếng sấm rền vang, một đám mây lửa xuất hiện, từ đó lửa trút xuống đất, và từ trời vang lên một tiếng nói:

– Aurelian, ngươi sẽ phải xuống địa ngục lửa, nơi đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi và cha ngươi – ma quỷ.

Aurelian và cả dân chúng đều kinh hãi, và kẻ tra tấn ra lệnh lôi các thánh nhân ra khỏi hố và giam họ vào ngục tối. Còn các thánh nhân thì ngợi khen Thiên Chúa vì tất cả những phép lạ mà Ngài đã thực hiện vì họ. Bảy ngày sau, Aurelian lại ngồi trên ghế xét xử và ra lệnh cho các thầy tế lễ mang đến tất cả các thần tượng mà họ có – bằng vàng, bằng bạc, được trang trí bằng đá quý – và trải tấm thảm hoàng gia dưới chân họ. Sau đó, ông gọi các thánh tử đạo Phaolô và Iuliana đến, rồi với cơn thịnh nộ dữ dội, ông nói với họ:

– Bây giờ các ngươi hãy đến và thờ lạy các vị thần đi, vì các ngươi sẽ không thể thoát khỏi tay ta.

Thánh Phaolô, sau khi cười nhạo những lời của hắn, đã nói với hắn:

– Không bao giờ, hỡi kẻ hành hạ, chúng tôi sẽ không từ bỏ Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng trời và đất; đừng hy vọng rằng ngài có thể khiến chúng tôi thờ lạy thần tượng.

Lúc đó, Aurelian nói với vị tử đạo:

– Ngươi xứng đáng chịu cái chết tàn khốc, ngươi nghĩ rằng những thứ này là thần tượng sao? Ngươi không hiểu sức mạnh ẩn chứa trong chúng sao?

Thánh Phaolô đáp lại:

– Zeus, kẻ mà ngươi gọi là thần, thực ra là một pháp sư đầy dục vọng và là kẻ dâm đãng nhất. Khi nhìn thấy những người phụ nữ và thiếu nữ xinh đẹp, hắn dùng phép thuật quyến rũ họ bằng nhiều cách khác nhau: lúc thì biến thành con bò đực, lúc thì thành chim, thành đại bàng hay thiên nga, lúc thì thành vàng; và sau khi quyến rũ và làm ô uế vô số người như vậy, hắn được họ gọi là thần và được tôn kính. Nhưng ta sẽ không liệt kê lần lượt tất cả những hành vi dâm đãng, vô liêm sỉ và phi pháp của hắn, vì ta thấy ngươi đang tức giận khi nghe những lời ta nói – tuy nhiên, ta không sợ cơn giận của ngươi, nhưng để không cám dỗ những ai đang nghe điều này, ta sẽ im lặng về phần còn lại. Vị thần khác của các ngươi là Apollon. Chẳng phải hắn được sinh ra từ mối quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ tên là Lato, người đã sinh ra hắn giữa hai cây sao? Chính Apollon này cũng đã gây ra nhiều hành vi đồi bại, bắt chước cha mình là Zeus. Tương tự như vậy, vị thần nổi tiếng của các ngươi là Dionysus chẳng phải cũng được sinh ra từ mối quan hệ ngoại tình với Semele, con gái của Cadmus sao?[2179]

– Ngươi nói dối, tên ngạo mạn! – Aurelian thét lên, – Dionysus được sinh ra từ Juno, mẹ của các vị thần.

Thánh Phaolô cười và nói:

– Liệu một vị thần có thể được sinh ra bởi một người phụ nữ không? Liệu ai đó có thể trở thành thần mà trước đó không phải là thần không? Liệu thần có vợ và có thể sinh con với vợ không?

Aurelian, tức giận trước câu trả lời đó, nói với vị thánh:

– Hỡi kẻ vô đạo và ngạo mạn! Đến bao giờ ngươi mới thôi dùng những lời xảo trá để chỉ trích và phỉ báng các vị thần của chúng ta? Chẳng phải Đấng Kitô của các ngươi, Đấng mà các ngươi gọi là Thiên Chúa trên trời, cũng được sinh ra từ một người phụ nữ sao?

Thánh Phaolô đáp lại kẻ phỉ báng:

– Dù ngươi không xứng đáng được biết bí mật của Sự mặc khải Thần thánh, nhưng để những người xung quanh ngươi không bị lừa dối bởi lời nói của ngươi, thì cần phải giải thích, dù chỉ ngắn gọn, về điều mà ngươi đang hỏi. Ban đầu, Đức Chúa Trời đã tạo dựng trời và đất cùng mọi vật trên đó, biển cả và mọi vật trong đó; Ngài cũng đã tạo dựng con người theo hình ảnh và sự giống như Ngài, trong sạch, không có tội lỗi nào, công chính và đạo đức, rồi đặt con người ấy vào vườn Ê-đen, nơi tràn đầy mọi điều tốt lành, và từ xương sườn của con người ấy, Ngài đã tạo dựng một người bạn đời để giúp đỡ con người. Nhưng cha của các con là ma quỷ, vì ghen tị với sự hạnh phúc ấy của loài người, đã cám dỗ Ê-va và qua nàng, đã khiến cả A-đam phạm tội chống lại điều răn của Đức Chúa Trời. A-đam và Ê-va bị đuổi khỏi vườn Ê-đen, sinh ra các con trai và con gái, từ đó cả thế giới tràn ngập con người – và toàn thể nhân loại phải chịu chết, vì tội lỗi đã xâm nhập vào thế gian, đến nỗi tất cả các tổ phụ và những người công chính của chúng ta đều bị hạ xuống địa ngục ngang hàng với những kẻ tội lỗi: *"Cái chết đã cai trị từ A-đam cho đến Môi-se, và cả trên những người không phạm tội, giống như tội lỗi của A-đam, người là hình ảnh của những điều sẽ đến"* (Rô-ma 5:14), như Thánh Phao-lô, Tông đồ của Đức Kitô, đã nói. Vì lý do đó, Cha Trên Trời, Đức Chúa Trời Toàn Năng, đã thương xót loài người và mong muốn giúp đỡ họ, nên đã sai Con của Ngài xuống thế gian để mang lấy xác thịt loài người, cứu rỗi A-đam và những ai bị giam cầm cùng với ông trong xiềng xích của địa ngục. Con Thiên Chúa này chính là Lời của Cha, được sinh ra từ Cha trước muôn thuở, là Trí Tuệ, Sức Mạnh và Tay Phải của Ngài; việc Ngài nhập thể đã được Tổng thiên thần Gáp-ri-ên loan báo cho Đức Trinh Nữ Rất Thánh, người xuất thân từ dòng dõi tiên tri và hoàng tộc; chính Thiên Chúa, tức là Lời của Cha, đã ngự vào lòng dạ tinh

---

[2179] *Zeus*, hay *Jupiter* – vị thần Hy Lạp-La Mã, được những người ngoại đạo tôn sùng là chúa tể của trời và đất, là cha của tất cả các vị thần và loài người. Theo các truyền thuyết của các nhà văn ngoại giáo, Zeus đã sử dụng những hình thức biến hóa như vậy để quyến rũ các phụ nữ: chẳng hạn, ngài đã hiện thân dưới hình dạng mưa vàng để đến với Danae, quyến rũ Leda bằng hình dạng con thiên nga, và bắt cóc Europa bằng cách biến thành con bò trắng.

Apollon – vị thần của người Hy Lạp và La Mã cổ đại, được tôn kính là thần của ánh sáng, đặc biệt là ánh sáng mặt trời, cũng như của sự khai sáng trí tuệ, thi ca và âm nhạc; là vị thần tiên tri, người chữa lành bệnh tật và người bảo vệ mọi trật tự xã hội.

Latona – theo truyền thuyết thần thoại, trước khi Hera xuất hiện, bà là vợ của Zeus, người mà bà đã sinh ra Apollo và *Artemis* (hay *Diana* theo người La Mã – nữ thần của sự sinh nở, săn bắn và mặt trăng); bà vẫn là người tình của Zeus ngay cả khi ông đã kết hôn với Hera và bị Hera ghen tuông truy đuổi khắp nơi trên thế gian, cho đến khi bà sinh ra Apollo tại Delos, gần núi Kynos.

Dionysus, hay *Bacchus* – vị thần của nho và nghề làm rượu. Mẹ ông là Semele, con gái của Cadmus, cha là Zeus; các nhà thần học gọi sự ra đời của Dionysus là một vụ ngoại tình, bởi theo truyền thuyết thần thoại, Zeus đã sinh ra ông từ Semele khi ông vẫn còn vợ là Hera.

Juno – tên La Mã *của Hera* trong thần thoại Hy Lạp – là vợ của Zeus. Những truyền thuyết kiểu này của người ngoại đạo về Zeus cho thấy tư tưởng tôn giáo ngoại đạo đã lệch khỏi con đường chân chính của việc nhận thức về Thượng Đế đến mức nào, khi họ thần thánh hóa những hành vi của chính các vị thần, điều mà ngay cả ở con người cũng bị lương tri lành mạnh và tự nhiên lên án.

tuyền và thánh thiện của Mẹ một cách vô hình, khi Ngài mặc lấy xác phàm, lúc Thiên Thần nói với Mẹ: *"Hãy vui mừng, hỡi Đấng Được Ơn! Chúa ở cùng ngươi; ngươi được chúc phúc hơn mọi người nữ. Thánh Thần sẽ ngự xuống trên ngươi, và quyền năng của Đấng Tối Cao sẽ bao phủ ngươi; vì thế, Đấng Thánh sẽ được sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa"* (Lc 1,28.35). Và Con Thiên Chúa, Lời của Cha, đã được sinh ra từ Trinh Nữ vô nhiễm, đã mặc lấy xác phàm như mặc áo, vì sự cứu rỗi loài người. Không ai có thể nhìn thấy Đức Chúa Trời Thật, vì Đức Chúa Trời như Lửa thiêu đốt mọi sự; con người sống trên đất không thể nhìn thấy Dung Nhan Đức Chúa Trời mà vẫn còn sống. Vì vậy, Đức Chúa Trời của chúng ta, khi nhập thể, đã được sinh ra và như một đứa trẻ sơ sinh, Ngài bú sữa, dù đã hoàn hảo về bản tính Thần Thánh. Ngài đã là một thiếu niên, rồi trở thành một thanh niên, lớn lên về thể xác thành một con người hoàn hảo, sống cùng loài người trong ba mươi ba năm, đi khắp các thành phố, vùng đất và làng mạc, ban ân huệ cho mọi người và giải thoát chúng ta, những kẻ đã bị ma quỷ đánh bại và bắt làm tù binh. Sau đó, Ngài tự nguyện chịu đóng đinh trên Thập tự giá, để ban ơn cứu rỗi cho thế gian đang lâm vào diệt vong vì mưu mô xảo quyệt của ma quỷ, và Ngài đã chết về phần xác, xuống âm phủ cùng với linh hồn thánh thiện của Ngài, đập tan cánh cửa đồng, phá vỡ then sắt, giải thoát các linh hồn thánh khỏi bóng tối và lưới bẫy của ma quỷ, rồi đưa họ lên các cõi trời. Vào ngày thứ ba, Ngài đã sống lại từ cõi chết cùng với thân xác của Ngài, hiện ra trước các môn đệ, các Tông đồ của Ngài, và nhiều người khác thực sự tin vào Ngài; Ngài đã ăn và uống cùng các Tông đồ trong bốn mươi ngày, rồi thăng thiên và ngự bên hữu Thiên Chúa Cha cùng với thân xác của Ngài. Giờ đây, ma quỷ đang quằn quại trong đau đớn, vì Đức Kitô, Thiên Chúa, đã đánh bại nó dưới chân các Kitô hữu, để những ai bước vào Nước Trời – nơi mà ngươi không thuộc về – có thể chà đạp lên nó; còn ngươi thì sẽ ở trong lửa địa ngục vĩnh cửu, là gia nghiệp của cha ngươi, ma quỷ.

Nghe xong tất cả những điều này, khuôn mặt của Aurelian bỗng biến sắc vì cơn thịnh nộ, hắn nghiến răng và hét lên:

– Kẻ ngạo mạn và đồi bại! Ta đã kiên nhẫn lắng nghe những lời xảo trá của ngươi, những lời xúc phạm chúng ta và phỉ báng các vị thần. Ta nói với các ngươi lần cuối cùng: nếu các ngươi không dâng lễ vật cho các vị thần, ta sẽ giết các ngươi một cách tàn nhẫn.

Thánh Phaolô và Thánh Iuliana đã lớn tiếng đáp lại:

– Chúng tôi là Kitô hữu và đặt niềm hy vọng vào Đức Kitô, chúng tôi sẽ không thờ lạy các vị thần của ngươi và cũng không phục vụ các quỷ dữ của ngươi; chúng tôi không sợ những hình phạt của ngươi, dù ngươi có nghĩ ra bao nhiêu hình phạt đi chăng nữa. Vì chúng tôi tin vào Thiên Chúa và hy vọng rằng ngươi sẽ bị chúng tôi đánh bại, giống như ma quỷ đã bị Chúa Kitô đánh bại, Đấng củng cố chúng tôi và phá hủy những mưu đồ độc ác của ngươi.

Lúc đó, Aurelian ra lệnh trói Thánh Phaolô vào cây và dùng lửa thiêu đốt khuôn mặt ngài, đồng thời ra lệnh cho người tuyên bố:

– Đừng nói những lời ngạo mạn với hoàng đế và đừng phỉ báng các vị thần.

Thấy anh trai mình bị tra tấn, Thánh Iuliana đã thét lên:

– Kẻ tra tấn vô đạo! Anh tôi đã làm điều ác gì mà ngươi lại bắt anh ấy phải chịu cực hình tàn nhẫn như vậy?

Aurelian ra lệnh trói cả Thánh Juliana lại và tra tấn bà bằng cách dùng lửa thiêu đốt khuôn mặt bà; đồng thời, ông nói với Juliana:

– Nữ nhân vô liêm sỉ, hãy khuất phục đi, như một người phụ nữ đáng lẽ phải làm.

Thánh nữ đáp lại:

– Aurelian, tôi sẽ vâng lời ngài, người ra lệnh cho tôi, một người phụ nữ, phải khiêm nhường, nhưng tôi kính sợ Chúa Kitô, Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng hiện diện trước mắt tôi; tôi không thể bỏ Ngài, và tôi sẽ không thờ lạy ma quỷ.

Aurelian, thấy mình bị các thánh tử đạo làm cho bẽ mặt, đã nổi giận dữ dội và lại ra lệnh thiêu đốt và đốt cháy thi thể các thánh tử đạo. Toàn thể dân chúng, chứng kiến sự đau khổ của các thánh, đã kêu lên:

– Hỡi Hoàng đế Aurelian, ngài đang xét xử bất công và hành hạ họ chỉ vì họ không muốn dâng lễ vật cho các vị thần; ngài sẽ phải trả lời về việc này sau khi chết.

Aurelian, vì lo sợ dân chúng sẽ nổi loạn, đã ra lệnh chém đầu các thánh tử đạo và ném thi thể họ cho chó, thú dữ và chim chóc ăn thịt. Và các thánh được dẫn đi chịu tử đạo. Họ vui mừng, hân hoan và hát lên: *"Nhưng Ngài sẽ cứu chúng con khỏi kẻ thù, và làm cho những kẻ ghét chúng con phải hổ thẹn"* (Thánh vịnh 43:8).

Khi họ được dẫn ra ngoài thành, đến nơi hành hình, thánh Phaolô đã xin người lính chặt đầu thánh Iuliana trước, vì ngài lo sợ rằng nàng có thể hoảng sợ khi chứng kiến cảnh đầu ngài bị chặt. Thánh Iuliana, sau khi làm dấu

thánh giá và vui mừng, đã ngửa cổ ra và bị chặt đầu bằng gươm. Thánh Phaolô, khi thấy chị mình đã qua đời trong cái chết tử đạo, ngước mắt lên trời và tạ ơn Thiên Chúa; sau đó, chính ngài cũng làm dấu thánh giá, đưa cổ ra và bị chém đầu bằng gươm. Thi hài các vị tử đạo vẫn nằm ngoài thành mà chưa được chôn cất, vì theo lệnh của vua, các binh lính đã được bố trí canh gác gần đó để ngăn không cho các Kitô hữu lấy đi thi hài của họ. Những con chó chạy đến nơi hành quyết, nhưng không đụng chạm đến thi hài các vị tử đạo; các con sói cũng chạy đến nhưng cũng không chạm vào thi thể, thậm chí còn canh giữ chúng, luôn ở bên cạnh không rời; các loài chim săn mồi bay đến, nhưng không đậu xuống thi thể thánh thiện, chúng bay lượn trên đó, canh giữ và không cho ruồi muỗi đậu lên. Tình trạng này kéo dài suốt bảy ngày bảy đêm, sau đó các chiến binh báo tin này cho Aurelian. Nghe xong, ông nói:

– Phép thuật của những người Kitô hữu thật mạnh mẽ làm sao! Chúng ta thậm chí không thể đánh bại họ ngay cả sau khi họ đã chết.

Và Aurelian ra lệnh cho các chiến binh rút khỏi vị trí canh gác, nhưng không phải vào ban ngày mà là ban đêm, để tránh trở thành trò cười cho các Kitô hữu.

Khi trời sáng, các Kitô hữu thấy không còn lính canh, liền mang thi hài đầy thương tích của các thánh tử đạo Phaolô và Iuliana đi và an táng họ một cách trang trọng. Vinh quang và vinh hiển thuộc về Chúa Giêsu Kitô, Đấng ngự trị cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, muôn đời, bây giờ và đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của vị thánh cha Jacob Người Nhịn Ăn

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 3

Tại xứ Phê-ni-xi[2180] , gần thành phố Porphyrion[2181] , có một vị ẩn sĩ tên là Gia-cô-bê, người đã từ bỏ những hão huyền của cuộc đời trần thế này, nhận lấy đời sống tu hành và sống trong một hang động suốt mười lăm năm. Gia-cô đã rất thành công trong các việc tu hành và trở nên vĩ đại về đức hạnh cũng như được lòng Chúa đến nỗi được Ngài ban cho quyền năng chế ngự ma quỷ, và nhân danh Đấng Cứu Thế Giê-su Ki-tô của chúng ta, ngài đã thực hiện nhiều phép chữa lành. Mọi người đều kinh ngạc trước cuộc sống đạo đức của ngài, và không chỉ những người có đức tin mà cả những người không có đức tin cũng đổ xô đến với ngài. Với khả năng thấu hiểu ai đang trò chuyện với mình, vị thánh được Thánh Thần soi dẫn đã giảng dạy họ từ Kinh Thánh và dẫn dắt họ đến với đức tin Kitô giáo chân chính. Nhưng ma quỷ, kẻ thù từ thuở khai thiên lập địa của loài người, đặc biệt thù địch với những người phục vụ Chúa Kitô một cách tận tụy, khi thấy mình bị làm nhục bởi nhiều đức hạnh và cuộc đời hoàn hảo của vị thánh này, đã nổi dậy chống lại ngài bằng những mưu mô của mình, mong muốn đuổi vị thánh ra khỏi những nơi đó. Với mục đích đó, hắn nhập vào một người Samari vô tín sống tại thành phố Porphirion, giống như xưa kia hắn đã nhập vào Giu-đa, và xúi giục người này tìm cách trục xuất Gia-cô-bê. Người Samari này đã tập hợp nhiều đồng minh, họ hàng, bạn bè, người quen, hàng xóm và nô lệ, rồi cùng họ đến nhà vị thầy tế lễ vô đạo của họ. Tại đó, họ tổ chức một cuộc họp bàn cách trục xuất Giacôbê ra khỏi biên giới đất nước họ, người đang khiến nhiều người từ bỏ đức tin của họ để theo Chúa Kitô. Sau một cuộc thảo luận dài, họ nghĩ ra một mưu kế xảo quyệt. Họ gọi một người phụ nữ điếm đến, đưa cho cô ta hai mươi đồng vàng và hứa sẽ trả thêm số tiền tương tự nếu cô ta đi và dụ dỗ Giacôbê, người ẩn sĩ, sa vào tội lỗi. Lúc đó, họ sẽ buộc tội ông và đuổi ông ra khỏi đất nước mình một cách nhục nhã với danh hiệu kẻ dâm đãng. Người phụ nữ được họ thuê đã đến gặp Giacóp và, gõ cửa nhà ông, xin ông mở cửa cho cô ta vào. Khi vị thánh không mở cửa cho cô ta, cô ta lại gõ cửa càng quyết liệt hơn, làm phiền ông bằng vô số lời van nài. Cuối cùng, vị thánh mở cửa ra và, khi thấy người phụ nữ đang đứng đó, ngài nghĩ rằng đó là một hồn ma; vì vậy, sau khi làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình, ngài lập tức khóa cửa cẩn thận, rồi quay trở lại phòng tu, hướng mặt về phía đông và thành kính cầu nguyện với Chúa, xin Ngài xua đuổi cám dỗ của ma quỷ khỏi ngài. Trong khi đó, đã đến nửa đêm, nhưng người phụ nữ vẫn không ngừng gõ cửa; cuối cùng, cô ấy lớn tiếng kêu lên với vị thánh:

– Xin thương xót con, tôi tớ chân chính của Đức Chúa Trời hằng sống! Xin mở cửa cho con, để con không bị thú dữ ăn thịt ngay trước phòng tu của ngài.

[2180] *Phoenicia* – một quốc gia nằm dọc theo bờ biển Địa Trung Hải. Các thành phố chính của nó là Tyre và Sidon.

[2181] *Porphyrion* – một thành phố ở Phoenicia, gần núi Karmel. Thực ra, đó là một thị trấn nhỏ hoặc một làng lớn.

Thánh Gia-cô-bê, nghĩ rằng đã là nửa đêm và xung quanh có rất nhiều thú dữ, dù miễn cưỡng, vẫn mở cửa cho bà và nói:

– Cô đến từ đâu và đang tìm gì ở đây?

Người phụ nữ đáp:

– Tôi đến từ tu viện và được bà Bề trên sai đi vào thành phố vì một việc, nhưng khi tôi đang trên đường trở về, đêm tối đã ập đến, tôi bị lạc đường và đến đây. Xin ngài, người của Chúa, hãy thương xót tôi và đừng để tôi bị thú dữ xé xác ngay trước cửa nhà ngài, mà hãy cho phép tôi ở lại đây đêm nay, cho đến khi trời sáng, rồi tôi sẽ tiếp tục lên đường.

Thánh Giácô đã thương xót nàng, đưa nàng vào nhà mình và, sau khi dâng cho nàng bánh mì và nước, ngài tự mình đóng cửa vào phòng tu bên trong, còn để nàng ở phòng tu bên ngoài. Nàng, sau khi ăn một miếng bánh, đã chợp mắt một lát. Sau đó, giả vờ ốm, cô bắt đầu khóc lóc thảm thiết và rên rỉ, rồi áp mặt vào cửa phòng tu bên trong, khẩn cầu vị thánh giúp đỡ cô. Vị thánh nhìn qua ô cửa sổ và thấy cô đã ốm, bối rối không biết nên nói gì hay làm gì. Người phụ nữ thì khẩn cầu ngài:

– Con xin thỉnh cầu cha, – cô nói, – xin hãy thương xót sự yếu đuối của con và ban phước cho con bằng dầu thánh giá, vì tim con đang đau nhói.

Vị thánh, sau khi lắng nghe lời khẩn cầu của bà, đã bước ra gặp bà; ngay lập tức, ngài thắp lửa lên, mang theo dầu thánh mà ngài đang có, rồi ngồi xuống bên cạnh bà. Đặt tay trái lên ngọn lửa, vị thánh nhúng tay phải vào dầu thánh rồi chạm vào cơ thể người phụ nữ, lúc thì làm dấu thánh giá, lúc thì xức dầu và sưởi ấm trái tim cô bằng bàn tay, vì cô than phiền về cơn đau dữ dội ở tim. Bị thúc đẩy bởi những ham muốn bất chính, người phụ nữ muốn khơi dậy dục vọng trong lòng vị linh mục và lôi kéo ngài vào tội lỗi, nên đã nói với ngài:

– Con xin cha, xin cha xức thêm dầu thánh cho con và dùng tay sưởi ấm trái tim con, để những đau khổ của con chấm dứt hoàn toàn.

Thánh Giacôbê, với lòng đơn sơ và không hề oán hận, đã tin lời người phụ nữ và làm theo điều cô ấy xin. Nhưng ngài biết rõ sự cám dỗ của ma quỷ, vốn gây ra cuộc chiến chống lại xác thịt, và lo sợ rằng lòng thương xót và sự cảm thông quá mức dành cho người phụ nữ ấy có thể dẫn linh hồn ngài đến sự hủy diệt vĩnh viễn, nên trong vòng hai hoặc ba giờ, ngài đã đặt bàn tay trái lên ngọn lửa, kiên cường chịu đựng cơn đau, cho đến khi các khớp ngón tay rụng ra. Như vậy, vị thánh đã chiến đấu với sự cám dỗ của ma quỷ, để từ cơn đau không thể chịu đựng nổi, không một ý nghĩ ô uế nào lóe lên trong tâm trí ngài. Khi chứng kiến những gì vị thánh đã làm, người phụ nữ kinh hoàng tột độ. Lòng bà tràn ngập xúc động, lập tức đứng dậy, quỳ sấp xuống chân vị thánh trong nước mắt, vừa đập ngực vừa kêu lên:

– Khốn khổ cho tôi, kẻ tội lỗi và mù quáng! Khốn khổ cho tôi, vì tôi đã trở thành nơi trú ngụ của ma quỷ.

Vị thánh, thấy nàng khóc và nghe những lời nàng nói, đã rất ngạc nhiên và nói với nàng:

– Hãy đứng dậy đi, người phụ nữ!

Ngài vội vàng đỡ cô ấy dậy khỏi mặt đất và dâng lên một lời cầu nguyện tha thiết lên Thiên Chúa, rồi hỏi:

– Hãy kể cho ta nghe, điều này có ý nghĩa gì? Tại sao ngươi lại đến tìm ta?

Người phụ nữ, vừa mới lấy lại tinh thần, đã kể lại cho vị thánh nghe mọi chuyện một cách chi tiết: rằng những người Samari gian ác đã dạy cô ta cách cám dỗ vị thánh; cô ta nói rằng chính ma quỷ đã dàn dựng cám dỗ này, nhằm lôi kéo người đàn ông chính trực – người đang noi gương cuộc sống của các vị thánh vô hình – sa vào tội lỗi xác thịt. Sau khi lắng nghe người phụ nữ, vị thánh thở dài và, rơi nhiều giọt nước mắt, dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa; sau đó, sau khi dạy dỗ và ban phước lành cho người phụ nữ, ngài đã gửi cô đến gặp Giám mục Alexander. Người phụ nữ, khi đến nhà thờ, đã xưng thú tất cả tội lỗi của mình trước mặt Giám mục. Vị Thánh, sau khi dạy dỗ nàng đủ rồi và thấy rằng nàng đã thực sự ăn năn, đã ban phép rửa thánh cho nàng và gửi nàng đến tu viện nữ. Như vậy, người phụ nữ lăng loàn đã trở thành cô dâu của Đấng Kitô.

Sau đó, sau khi tập hợp tất cả các Kitô hữu và hàng giáo sĩ của mình, vị giám mục đã trục xuất tất cả người Samari ra khỏi thành phố. Sau đó, khi đến gặp Thánh Giacôbê, vị giám mục đã dùng những lời khuyên răn đầy tình cha để củng cố thêm cho ngài trong cuộc sống thánh thiện của mình. Còn người phụ nữ, trước đây là một tội nhân, nhờ cuộc sống của mình đã làm đẹp lòng Thiên Chúa và được ban cho quyền năng chế ngự các thần dữ.

Một thời gian ngắn sau, con gái của một người quý tộc giàu có, đang bị một linh hồn ô uế hành hạ, bắt đầu kêu cầu tên Thánh Giacôbê. Cha mẹ cô đã đưa cô đến gặp vị thánh và khẩn cầu ngài, mong ngài thương xót cô thiếu nữ trẻ tuổi này, đuổi tà linh ra khỏi cô. Vị thánh, sau khi cầu nguyện với Chúa cho cô và đặt tay lên cô, ngay

lập tức đã dùng quyền năng của Chúa đuổi tà linh ra khỏi cô, và cô thiếu nữ đã được lành bệnh. Thấy phép lạ này, cha mẹ cô gái đã tạ ơn Chúa và, mong muốn bày tỏ lòng biết ơn đối với vị thánh, họ đã dâng cho ngài ba trăm đồng vàng. Nhưng vị thánh nhân không những không muốn nhận vàng, mà còn không thèm nhìn vào nó, và nói:

– Không nên mua bán những ân huệ của Đức Chúa Trời, như Kinh Thánh đã chép: *"Hãy chữa lành người bệnh, làm sạch người phung, làm cho người chết sống lại, trừ quỷ; các con đã nhận được miễn phí, hãy ban phát miễn phí"* (Mt 10:8). Vàng nên được phân phát cho những người nghèo, vì sống trong sa mạc, tôi không cần đến nó.

Nói xong, vị thánh đã cho những người mang vàng đến đó quay trở về. Cũng tại vùng đất ấy, có một thiếu niên bị liệt cả hai chân do ma quỷ gây ra; cha mẹ đã đưa thiếu niên này đến gặp Thánh Giacôbê và xin ngài cầu nguyện với Chúa cho cậu. Vị thánh đã ăn chay và cầu nguyện trong ba ngày, rồi chữa lành cho người bị liệt; sau đó, ngài ban phước lành cho anh ta và truyền cho anh ta tự đi về nhà bằng chính đôi chân của mình. Rất nhiều người khác, bị ám ảnh bởi các bệnh tật khác nhau, cũng đến gặp vị thánh làm phép lạ này, và tất cả, nhờ những lời cầu nguyện của ngài, đều được chữa lành và trở về nhà trong tình trạng khỏe mạnh. Vị thánh nhân của Chúa, thấy mọi người đều tôn kính mình, đã lo sợ rằng mình có thể sa vào sự kiêu ngạo, nên đã rời khỏi hang động và trốn đi, tránh xa sự vinh quang của loài người. Sau khi đi xa thành phố bốn mươi , ngài tìm thấy một hang động lớn trong vách đá bên bờ sông và định cư tại đó. Tại đây, ngài đã sống ba mươi năm, dành trọn ngày đêm cho việc cầu nguyện và khóc lóc. Trong một thời gian dài, ngài ăn rong rêu mọc ven sông, sau đó ngài tự làm một mảnh vườn nhỏ, nơi ngài làm việc một phần ngày và ăn những trái cây do chính tay ngài gieo trồng và thu hoạch. Cuộc đời tu hành của Thánh Giacôbê đã làm rạng danh ngài đến nỗi, vì lợi ích tâm linh, các tu sĩ và giáo sĩ từ hai mươi hoặc ba mươi tu viện đã tìm đến ngài. Không chỉ các tu sĩ, mà cả rất nhiều người thế tục cũng bắt đầu tìm đến ngài, nhận được sự hướng dẫn về đời sống đạo đức, và sau khi được ngài ban phước lành cùng những lời cầu nguyện, họ trở về với nhiều lợi ích cho linh hồn mình.

Một vị thánh nhân vĩ đại như vậy, đã được ân sủng của Thiên Chúa, lại sa vào một tội lỗi nghiêm trọng. Điều này có lẽ xảy ra vì ngài bắt đầu suy nghĩ quá nhiều về sự thánh thiện và cuộc sống làm đẹp lòng Chúa của mình, và tự coi mình là một vị tu sĩ vĩ đại. Sự sa ngã của ngài bắt đầu như sau. Kẻ thù nguyên thủy của loài người, ma quỷ, ghen tị với những ai sống đời thánh thiện và không ngừng đào hố diệt vong cho họ, đã nhập vào một thiếu nữ, con gái của một người giàu có, và bắt đầu hành hạ cô, khiến cô thốt ra tên của Giacôbê và nói:

– Ta sẽ không ra khỏi cô ấy, trừ khi các ngươi dẫn ta đến gặp Thánh Giacôbê, vị ẩn sĩ.

Cha mẹ cô gái trẻ đã đưa con gái đi khắp các tu viện và sa mạc trong một thời gian dài, tìm kiếm Thánh Cha Gia-cô-bê. Cuối cùng, khi tìm thấy ngài, họ quỳ xuống dưới chân ngài và nài nỉ:

– Xin thương xót con gái chúng tôi, vì con bé đang phải chịu đựng rất nhiều vì bị tà linh ám; đã hai mươi ngày nay, con bé không ăn uống gì cả, mà chỉ thét lên, tự hành hạ bản thân và kêu cầu danh Ngài.

Vị thánh liền quỳ xuống cầu nguyện, cầu xin Thiên Chúa cho cô bé một cách hết sức tha thiết, đến nỗi ngay cả nơi ngài đang đứng cũng rung chuyển. Khi kết thúc lời cầu nguyện, Thánh Giacôbê thổi một hơi vào cô thiếu nữ và nói với tà linh:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, ta ra lệnh cho ngươi: hãy ra khỏi thiếu nữ này.

Và ngay lập tức, ma quỷ, như bị lửa thiêu đốt, đã rời khỏi cô gái. Cô ngã xuống đất và im lặng trong một thời gian dài. Nhưng Thánh Giacôbê lại cầu nguyện với Chúa, nắm lấy tay cô, nâng cô dậy khỏi mặt đất và trao cô lại cho cha mẹ. Họ, khi chứng kiến phép lạ này, đã ngợi khen Chúa. Nhưng vì lo sợ linh hồn ô uế có thể quay trở lại với cô, họ đã nài nỉ vị thánh cho phép con gái họ ở lại với ngài ba ngày, cho đến khi cô hoàn toàn bình phục. Và cô gái trẻ ở lại với vị thánh, còn cha mẹ cô thì trở về nhà.

Khi thiếu nữ ở lại với Thánh Giacôbê, ma quỷ, thấy vị thánh đang ở một nơi hoang vắng, hẻo lánh chỉ có hai người với thiếu nữ, và nhận thấy đây là thời điểm thuận lợi nhất cho mưu đồ của mình, đã khơi dậy trong lòng vị tu sĩ cơn bão của những ý nghĩ ô uế và dục vọng xác thịt đồi bại, và như vậy đã khơi dậy ham muốn trong lòng đến nỗi vị thánh nhân ấy – chính là người trước đây không thể bị cám dỗ bởi người phụ nữ lăng loàn do người Samari gửi đến, người đã tự thiêu tay mình trên lửa để giữ gìn sự trong sạch và trinh tiết, người đã thực hiện nhiều phép lạ và trừ tà – người ấy đã bị dục vọng dâm đãng kích động mạnh mẽ đến nỗi, quên mất sự kính sợ Thiên Chúa, quên đi những công lao ăn chay khổ hạnh suốt nhiều năm, cũng như ân sủng và quyền năng chữa lành mà Thiên Chúa ban cho, dù đã ở tuổi già cao niên, ông vẫn bị ma quỷ đánh bại và sa ngã. Ngài đã cưỡng hiếp một thiếu nữ, làm ô uế cô ấy và chính sự trinh trắng của mình; sau khi làm ô uế cả thân xác lẫn linh hồn, ngài đã hủy hoại tất cả

những công lao ăn chay kiêng khem trước đây của mình. Ngài không chỉ phạm một tội lỗi mà còn thêm vào đó một tội lỗi còn nặng nề hơn. Giống như người trượt chân từ trên núi rơi xuống, va từ tảng đá này sang tảng đá khác rồi vỡ tan, thì điều tương tự cũng xảy ra với Thánh Giacôbê: – sau khi phạm một tội lỗi lớn, ngài lại sa vào một tội lỗi khác còn lớn hơn và tàn bạo hơn, chồng chất tội ác lên tội ác. Kẻ thù đã gieo rắc nỗi sợ hãi vào lòng ông, và ông bắt đầu suy nghĩ: "Cô gái này giờ sẽ nói với cha mẹ cô ấy rằng tôi đã cưỡng hiếp cô ấy, và tôi sẽ phải chịu sự xấu hổ và sỉ nhục, và tôi sẽ lâm vào cảnh khốn đốn vì cô ấy." Bị xúi giục bởi ma quỷ, ông đã giết chết cô gái vô tội, với ý định che giấu tội lỗi của mình khỏi mọi người và tránh khỏi sự ô nhục. Nhưng hắn không dừng lại ở đó, mà còn sa vào tội lỗi sâu nặng hơn nữa: bởi vì thi thể của cô gái, người mà hắn đã làm ô uế và tàn nhẫn giết chết bằng chính tay mình, hắn không chôn cất theo nghi thức thông thường dưới đất, mà vứt xuống sông. Đó chính là kết quả của sự kiêu ngạo và tự mãn; bởi lẽ nếu vị tu sĩ này không tự cho mình là thánh thiện và vĩ đại về đức hạnh, thì ông ta đã không sa vào những tội lỗi tàn bạo đến thế, và kẻ thù cũng đã không chế nhạo tuổi già của người mà thuở trẻ từng đánh bại những mưu mô của nó.

Sau đó, ma quỷ bắt đầu lôi kéo Gia-cơ như một tù nhân bị trói xuống hố diệt vong cuối cùng, vào tội lỗi nặng nề nhất trong tất cả các tội lỗi, vào sự tuyệt vọng của Ca-in và Giu-đa. Vị tu sĩ già, ngồi trong phòng tu, không biết mình còn có thể làm gì nữa. Bị lương tâm lên án dữ dội, thở dài và chìm đắm trong tuyệt vọng, ông không còn dám mở miệng cầu nguyện, cũng không dám hướng tâm trí về Chúa. Ông nảy sinh ý định trốn chạy đến một vùng đất xa xôi nào đó, từ bỏ đời tu hành, định cư trong thế gian, và trong tuổi già sẽ phục vụ thế gian và ma quỷ. Bước ra khỏi hang động, ông vội vã lên đường, bị sự tuyệt vọng xô đẩy và khuấy động như một cơn bão biển dữ dội,

Nhưng lòng nhân từ vĩ đại, vô biên và đầy tình yêu thương của Chúa Kitô – lòng nhân từ mà tội lỗi của cả thế gian cũng không thể vượt qua, lòng nhân từ mong muốn tất cả mọi người được cứu rỗi và không ai phải hư mất – đã không bỏ rơi vị tu sĩ già đang lâm vào cảnh hư mất này, không để cho ma quỷ vui mừng đến cùng vì sự hư mất của ông, nhưng theo những định mệnh không thể diễn tả của Ngài, đã sắp đặt cho ông sự phục hồi từ sự sa ngã và sự tái sinh. Vì khi ông lên đường, trên đường đi ông nhìn thấy một tu viện; khi bước vào đó, ông chào hỏi vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ. Họ đề nghị ông nếm thử bánh mì, nhưng ông không muốn nghe đến chuyện đó, và chỉ thở dài liên tục và nặng nề. Khi các tu sĩ nài nỉ anh ta ăn chút gì để lấy lại sức, anh ta nói với họ:

– Khốn khổ cho tôi, kẻ tội lỗi này! Làm sao tôi dám ngước mắt lên trời? Làm sao tôi dám kêu cầu danh Chúa Kitô, Đấng mà tôi đã xúc phạm? Và làm sao tôi dám chạm vào những ân huệ của Ngài, khi tôi là kẻ ngoại tình và kẻ giết người?

Sau đó, ông lần lượt thú nhận trước mặt mọi người tất cả những gì đã xảy ra với mình. Vị tu viện trưởng và các tu sĩ, khi nghe lời thú tội của ông, đều cảm thấy bối rối và, vì thông cảm với ông, đã an ủi ông để ông không sa vào tuyệt vọng, mà hãy ăn năn và chấp nhận hình phạt sám hối cho những tội lỗi của mình. Họ đã nài nỉ Gia-cơ ở lại với họ rất lâu, nhưng anh ta không nghe theo và ra đi vào thế gian. Anh ta lang thang trong sa mạc suốt một thời gian dài. Cuối cùng, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, anh ta gặp một người đàn ông được Đức Chúa Trời soi dẫn, người này xin vị tu sĩ rẽ khỏi con đường và vào phòng tu của ông. Sau khi thuyết phục được Gia-cơ, ông ấy dẫn ông về chỗ mình, rửa chân cho ông và dọn ra những thức ăn mình có, mời ông dùng bữa. Nhưng Gia-cơ, bị lương tâm cắn rứt và dằn vặt, thường thở dài từ tận đáy lòng và đập ngực, thậm chí không muốn chạm vào thức ăn. Lúc đó, người đàn ông ấy quỳ xuống dưới chân Gia-cốp, an ủi ông và thề rằng sẽ không đứng dậy khỏi mặt đất cho đến khi vị tu sĩ đồng ý nếm thử thức ăn được dọn ra. Khi Gia-cốp đồng ý, vị tu sĩ đứng dậy khỏi mặt đất, và cả hai cùng dùng bữa theo cách có thể có trong sa mạc. Sau khi dùng bữa, cả hai đứng dậy, tạ ơn Thiên Chúa rồi lại ngồi xuống. Lúc đó, vị ẩn sĩ nói với Gia-cô-bê:

– Thưa Cha, xin hãy chỉ dạy con những điều có ích cho linh hồn, hãy dạy dỗ con như dạy con trai của Cha về Đấng Kitô, và xin củng cố lòng con, vì con thường xuyên bị những suy nghĩ khác nhau làm cho bối rối sâu sắc.

Gia-cơ khóc nức nở, vừa khóc những giọt nước mắt không thể nguôi ngoai vừa đập ngực mình, rồi nói:

– Hãy để anh em khóc than về những tội lỗi nặng nề của mình, những tội lỗi đã khiến tôi làm phật lòng Đức Chúa Trời; vì tôi như một thiếu niên yếu đuối, bị ma quỷ dụ dỗ, đã sa vào con đường diệt vong trong tuổi già phù du và ô nhục này, và giờ đây đã hoàn toàn hư mất. Trong tuổi già, tôi lại bị những dục vọng mà tôi đã từng chiến thắng trong những ngày trẻ đánh bại: tôi đã sa vào tội dâm dục ô uế và còn dám phạm những tội lỗi nặng nề hơn nữa.

Sau khi nghe lời Giacôbê, vị ẩn sĩ tràn ngập nỗi buồn và đau khổ sâu sắc, và bắt đầu xin vị trưởng lão kể lại chi tiết mọi sự cám dỗ của ma quỷ. Ông xin điều này vì hai lý do: thứ nhất, để vị tu sĩ cao niên, khi xưng tội,

được thúc đẩy đến sự sám hối; thứ hai, để chính ông, sau khi nghe câu chuyện về sự sa ngã của vị tu sĩ cao niên, được rèn luyện sự thận trọng và không sa vào cám dỗ tương tự. Lúc đó, Gia-cơ bắt đầu câu chuyện của mình.

– Tôi, – ông nói, – đã phụng sự Chúa bằng đời sống ăn chay và ẩn tu trong sa mạc hơn năm mươi năm, kiên quyết chống lại các dục vọng, và tôi còn mang dấu vết của điều đó ngay trên thân thể mình, vì tôi đã tự thiêu đốt bàn tay mình trên lửa để giữ sự trong sạch. Và tôi, kẻ không xứng đáng, đã được ban ân sủng vĩ đại từ Đức Chúa Trời nhân từ, vì qua tôi, kẻ tội lỗi, Đức Chúa Trời đã thực hiện nhiều phép lạ. Cuối cùng, Satan nhập vào một thiếu nữ, cha mẹ cô ấy, sau khi nghe nói về ân sủng của Đấng Christ trong tôi, đã đưa cô ấy đến gặp tôi để tôi cầu nguyện cho cô ấy. Với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, tôi đã trừ quỷ ra khỏi cô ấy. Họ xin cho con gái họ ở lại với tôi trong ba ngày, cho đến khi hoàn toàn bình phục, rồi để cô ấy lại cho tôi và ra về. Còn tôi, bị kích động bởi dục vọng xác thịt làm mờ trí óc, lúc đó đã quên mất Thiên Chúa, không sợ hãi địa ngục, không nương tay với những công lao nhiều năm của mình, đã cưỡng hiếp cô gái và làm ô uế trinh tiết của cô. Và tôi không chỉ dừng lại ở một tội lỗi, mà dưới sự xúi giục của quỷ dữ, tôi còn dám phạm thêm một tội nặng nề hơn cả tội đầu tiên, vì tôi đã giết cô gái ấy và ném thi thể cô xuống sông. Mất hết hy vọng được cứu rỗi, tôi đã bỏ chạy khỏi nơi đó và giờ đây đang bước ra thế gian, vì làm sao tôi có thể ngước mắt lên trời cao được? Nếu tôi dám kêu cầu danh Chúa Kitô, lửa trời sẽ thiêu hủy tôi.

Khi Gia-cốp, trong khi tuôn trào những giọt nước mắt dạt dào và khóc lóc thảm thiết, kết thúc lời xưng tội của mình, thì vị ẩn sĩ cảm động sâu sắc, liền quỳ xuống ôm lấy cổ vị lão nhân, hôn lên mặt ông và nói:

– Con khẩn cầu cha, xin đừng nản lòng, đừng tuyệt vọng về sự cứu rỗi của mình, nhưng hãy với lòng tin rằng Thiên Chúa lắng nghe sự sám hối, hãy xưng thú những tội lỗi của cha trước Ngài, vì Chúa là Đấng đầy lòng thương xót và lòng nhân từ của Ngài dành cho chúng ta là vô cùng. Nếu Đức Chúa Trời không chấp nhận sự ăn năn, thì làm sao Đa-vít, người đã được ban ân tứ tiên tri nhưng lại sa vào tội ngoại tình và giết người, lại có thể được tha thứ cho những tội lỗi như vậy? Làm sao Thánh Phêrô, vị Tông đồ Trưởng, người mà Chúa đã trao chìa khóa Nước Trời, dù đã ba lần chối Chúa trong thời gian Ngài chịu khổ nạn tự nguyện, lại có thể nhờ những giọt nước mắt ăn năn cay đắng không chỉ được tha thứ tội lỗi, mà còn được ban ân sủng cao quý là trở thành mục tử chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô? Hãy ăn năn đi, chừng nào chúng ta còn có thời gian để làm điều đó.

Sau khi an ủi tâm hồn Giacôbê bằng những lời ấy, vị ẩn sĩ đã nài nỉ ông ở lại sống cùng mình. Nhưng Giacôbê không đồng ý. Lúc đó, vị ẩn sĩ quỳ xuống dưới chân vị trưởng lão và hôn lên chân ngài, khẩn thiết van nài ông đừng rời xa mình, vì lo sợ rằng vị trưởng lão có thể hủy hoại hoàn toàn linh hồn mình nếu rơi vào tuyệt vọng. Không thể thuyết phục được Giacôbê, vị ẩn sĩ vô cùng đau buồn và khóc lóc. Cuối cùng, sau khi dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện tha thiết cho ông, vị ẩn sĩ đã để ông ra đi, cung cấp cho ông thức ăn cần thiết cho hành trình, và tiễn ông đi mười lăm stadia, suốt chặng đường không ngừng khuyên nhủ ông hãy ăn năn. Sau đó, ôm lấy Gia-cốp và hôn anh ta trong nước mắt, vị ẩn sĩ trở về phòng tu của mình. Gia-cốp, sau khi đi được một quãng đường khá xa trên con đường trở về thế gian, rẽ sang một bên một chút và nhìn thấy một hang động cổ xưa dùng làm nơi chôn cất, nơi có rất nhiều xương, theo thời gian đã hóa thành tro bụi. Bước vào hang động đó, Gia-cốp thu gom tất cả xương cốt, đặt chúng vào một góc và định cư trong hang động[2182] . Quỳ gối xuống, Gia-cốp khóc lóc thảm thiết, vừa đập ngực vừa cầu nguyện nồng nhiệt với Đức Chúa Trời, thốt lên:

– Làm sao con dám thưa cùng Ngài, lạy Đức Chúa Trời của con? Con phải bắt đầu từ đâu để được cứu rỗi? Làm sao con dám thốt lên lời cầu nguyện bằng lưỡi ô uế và đôi môi bị ô nhục này? Con nên xin tha thứ tội lỗi nào trước tiên? Tội tà dâm hay tội giết người? Lạy Chúa Tối Thánh, xin tha thứ những tội lỗi nặng nề của con; xin thương xót con, kẻ không xứng đáng này, lạy Chúa đầy lòng thương xót, và xin đừng hủy diệt con cùng những việc làm gian ác của con, vì tội lỗi của con thật lớn lao: con đã sa vào tội tà dâm, trở thành kẻ giết người, làm đổ máu người vô tội, bỏ xác người chết cho nước, thú vật và chim chóc ăn thịt; giờ đây, lạy Chúa, con xưng thú mọi tội lỗi của con trước mặt Ngài, Đấng toàn tri, và xin Ngài tha thứ. Xin đừng khinh bỉ con, lạy Chúa, nhưng nhờ lòng nhân từ vô biên của Ngài, xin thương xót con, kẻ bất chính và ô uế này, xin tỏ cho con thấy ân sủng vĩ đại của Ngài và tẩy sạch mọi tội lỗi của con, để kẻ thù không nhấn chìm con, kẻ đã chìm sâu trong vực thẳm tội lỗi, và con rắn địa ngục không nuốt chửng con.

Trong sự xưng tội và sám hối như vậy, Thánh Giacôbê đã sống suốt mười năm, suốt thời gian đó ngài cư ngụ trong hang mộ ấy. Và ngài trở thành như một người chết còn sống, sống giữa những người chết và không bao

[2182] Hang động này nằm ở Palestine, gần núi Karmel

giờ xuất hiện giữa những người sống. Nếu có ai đó tình cờ đến nơi đó, Thánh Giacôbê cũng không trò chuyện với ai; nếu ai hỏi ngài điều gì, ngài cũng không thốt ra một lời nào, chỉ mở miệng để cầu nguyện với Thiên Chúa và sám hối về tội lỗi của mình. Thức ăn của ông là những loại cỏ mọc ở những nơi hoang vắng ấy, và ông cũng chỉ ăn rất hiếm khi và rất ít, chỉ đủ để không chết đói. Vậy là Giacôbê đã trải qua suốt mười năm trong những giọt nước mắt không ngừng, những tiếng thở dài và những lời cầu nguyện, ngày đêm khóc lóc kêu cầu Thiên Chúa, xưng thú tội lỗi của mình và không ngần ngại tự đánh vào ngực.

Đức Chúa Trời, Đấng Rộng Lượng và Nhân Từ, không muốn kẻ có tội phải hư mất và luôn chờ đợi sự ăn năn của họ, đã không bỏ qua sự sám hối kéo dài bấy lâu của Thánh Gia-cơ; khi nghe tiếng kêu khóc và lời xưng tội của ông, Ngài đã tha thứ cho những lỗi lầm của ông và một lần nữa ban cho ông ân sủng làm phép lạ.

Một trận hạn hán kéo dài và khô cằn đã ập xuống vùng đất ấy. Mọi người đều ăn chay và cầu nguyện, xin Chúa ban mưa xuống đất. Và vị giám mục của thành phố ấy, một người đạo đức và thánh thiện, đã nhận được một sự mặc khải. Trong sự mặc khải đó, ngài được phán bảo:

– Nếu vị tu sĩ thánh thiện đang sống trong hang mộ cầu nguyện cho các ngươi trước mặt Thiên Chúa, thì mọi tai ương của các ngươi sẽ chấm dứt và mưa mang lại mùa màng bội thu sẽ đổ xuống.

Ngày hôm sau, vị giám mục tập hợp các linh mục và toàn thể dân chúng lại, rồi kể lại sự mặc khải mà ngài đã nhận được. Với đoàn rước thánh giá và những bài thánh ca cầu nguyện, tất cả cùng lên đường đến hang động đó. Khi đến nơi, vị giám mục và toàn thể dân chúng bắt đầu gõ vào cánh cửa đóng kín và khẩn cầu vị thánh nhân của Chúa, mong ngài, vì lòng thương xót đối với đất nước họ, hãy cầu nguyện với Chúa để Ngài xua tan cơn thịnh nộ và sự trừng phạt công chính của Ngài khỏi họ, chấm dứt hạn hán và ban mưa xuống đất. Nhưng vị thánh nhân không đáp lại gì từ trong hang động, không dám ngước mắt lên trời; ngài chỉ đập ngực và thầm cầu nguyện:

– Xin Chúa Kitô thương xót những tội lỗi nhiều và nặng nề của con!

Vị giám mục đã gõ cửa và khẩn cầu Giacôbê trong một thời gian dài; nhưng không nhận được bất kỳ câu trả lời nào từ ngài, ngài quay trở lại cùng tất cả những người đi theo, trong nỗi buồn bã và khóc lóc. Khi vào nhà thờ, mọi người lại cùng nhau hát thánh ca cầu nguyện, nước mắt tuôn trào. Trong khi đó, cơn bão càng trở nên dữ dội hơn, và cùng với nó là hạn hán và nạn đói trầm trọng; vì vậy, mọi người càng cầu nguyện với Chúa một cách sốt sắng hơn, tăng cường việc ăn chay và cầu nguyện. Lúc đó, vị giám mục lại nhận được một sự mặc khải, trong đó ngài nghe rõ ràng một tiếng nói phán như sau:

– Hãy đến gặp tôi tớ Ta là Giacôbê, người mà Ta đã báo trước cho ngươi, và nếu ông ấy cầu nguyện với Ta cho các ngươi, các ngươi sẽ ngay lập tức thoát khỏi những tai họa đang ập xuống đất nước các ngươi.

Sau sự mặc khải này, vị giám mục lại cùng toàn thể hàng giáo sĩ và dân chúng đến hang động, khẩn thiết nài nỉ tôi tớ của Chúa, thậm chí làm phiền ngài, để ngài dâng lời cầu nguyện cho họ; sau đó, ngài đã mở cửa bằng sức mạnh và đưa vị thánh ra khỏi đó. Thánh Giacôbê, dù không muốn, nhưng ngài đã ngước mắt lên trời và giơ hai tay lên cao, cầu nguyện rất lâu cho những người này. Và khi lời cầu nguyện còn đang trên môi ngài, bỗng nhiên một cơn mưa lớn trút xuống đất, và cơn bão đã chấm dứt. Vì Chúa đã đáp ứng lời khẩn cầu của người kính sợ Ngài và nghe lời thỉnh cầu của ngài, qua chính hành động ấy, Ngài đã minh chứng điều được chép trong lời tiên tri: *"Khi đó, ngươi sẽ kêu cầu, và Chúa sẽ nghe; ngươi sẽ kêu la, và Ngài sẽ phán: 'Này, Ta đây!'"* (Is 58:9).

Vị Giám mục và toàn thể dân chúng, vừa ngạc nhiên vừa vui mừng trước phép lạ vinh quang này, đã hát bài ca tạ ơn Chúa trong niềm hân hoan và long trọng, đồng thời hết lòng tôn kính vị thánh đáng kính Giacôbê. Và ngày mà nhờ lời cầu nguyện của Thánh Giacôbê, họ được giải thoát khỏi tai ương và nhận được ân sủng của Chúa, họ đã quyết định kỷ niệm ngày đó hàng năm.

Sau đó, Thánh Giacôbê đã nhận được sự mặc khải rằng Thiên Chúa đã chấp nhận sự sám hối của ngài và tha thứ cho các tội lỗi của ngài. Vì vậy, nhờ ân sủng của Đức Kitô, ngài lại bắt đầu thực hiện nhiều phép lạ; bởi vì tất cả những người bệnh tật, những ai bị ám bởi bất kỳ căn bệnh nào, được đưa đến từ khắp đất nước đó, đều lập tức được chữa lành, còn các quỷ dữ thì bị xua đuổi bởi lời của vị thánh. Một thời gian sau, Thánh Giacôbê đã thực hiện những phép lạ còn vĩ đại hơn cả những phép lạ ngài đã làm trước khi phạm tội.

Cùng năm đó, khi ngài cầu xin Chúa ban mưa, Thánh Giacôbê cũng được báo trước về ngày qua đời của mình. Sau khi triệu tập vị giám mục, vị thánh đã dặn dò ngài rằng sau khi ngài qua đời, thi thể ngài phải được an táng trong hang động nơi ngài từng sinh sống. Sau đó, vài ngày sau, Thánh Gia-cô-bê an nghỉ trong Chúa, và linh hồn thánh thiện của ngài được an nghỉ trong sự phước lành của Chúa cùng với các thánh đã làm đẹp lòng Chúa nhờ sự sám hối. Thánh Gia-cô đã sống được bảy mươi lăm năm kể từ khi sinh ra. Tin về sự ra đi của ngài lập tức lan

truyền khắp cả nước, và một đám đông lớn từ khắp nơi đã đổ về dự lễ an táng, mang theo nến, lư hương, hương trầm và các loại hương thơm; vị giám mục cùng toàn thể hàng giáo sĩ cũng đã đến, và trong tiếng hát của những bài thánh ca trang nghiêm, sau khi xức dầu thơm quý giá lên thi hài thánh của Giacóp, họ đã an táng ngài một cách trang trọng trong hang động đó, đúng như lời di chúc mà chính thánh Giacóp đã để lại cho vị giám mục trước khi qua đời. Một thời gian sau, vị giám mục đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Giacôbê gần hang động nơi ngài từng sinh sống; ngài đã rước thi hài thánh từ hang động về nhà thờ và thiết lập lễ kỷ niệm hàng năm để tưởng nhớ vị thánh đáng kính, người tôi tớ trung thành của Thiên Chúa, vị cha thánh của chúng ta là Thánh Giacôbê, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh muôn đời. Amen.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Grêgôriô, Giám mục thành phố Constance, trên đảo Síp, người đã an nghỉ trong bình an.
- Cũng trong ngày này, Thánh Công tước Đan-ni-ên Aleksandrovich của Moscow, người có đức tin vững vàng, đã qua đời vào năm 1303.
- Cũng trong ngày này, Công tước Vasili (Vasilko) Konstantinovich của Rostov, vị thánh phúc lành, đã bị người Tatars sát hại vào năm 1238.

Ngày 18 tháng 3

Ngày 5 tháng 3 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm Thánh Tử đạo Onisius, người đã sống và chịu khổ cùng thời với Thánh Tử đạo Konon của Isauria.

Kỷ niệm Thánh Tử đạo Evlampius, người bị chém đầu bằng gươm.

Kỷ niệm Thánh Tử đạo Iraid, thời gian và địa điểm qua đời không rõ.

Việc rước di cốt của Thánh Công tước đức tin Thêôđôr Smolensk và Yaroslavl, cùng các con trai của ngài là Đa-vít và Cô-nô-xtan-tin, về nhà thờ chính tòa của Tu viện Spaso-Yaroslavsky. Ngày tưởng niệm các thánh – 19 tháng 9. Di cốt được tìm thấy vào năm 1463.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Konon xứ Isauria

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 3

Thánh Tông đồ các Dân tộc[2183] Phaolô, trong một trong những chuyến truyền giáo của ngài[2184] , đã soi sáng cho cư dân thành phố Isavria[2185] bằng ánh sáng của đức tin chân chính vào Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Cùng thời gian đó, tại làng Bê-tha-ni, cách thành phố Isavria 18 stade[2186] , có một người tên là Nestor sống cùng

---

[2183] Thánh Tông đồ Phaolô được mệnh danh là "Tông đồ các dân ngoại" nhờ những công lao rao giảng vĩ đại của ngài, trong đó ngài đã truyền bá Tin Mừng từ sâu thẳm châu Á đến Rôma và thậm chí, theo truyền thuyết, đến Tây Ban Nha và Anh Quốc.

[2184] Sau khi từ một kẻ bách hại Kitô hữu trở thành một môn đệ tận tụy của Chúa Kitô, Thánh Tông đồ Phaolô đã dành cả cuộc đời mình cho công việc truyền giáo. Chuyến hành trình rao giảng Tin Mừng đầu tiên của vị Tông đồ bắt đầu từ Antiôkhia, nơi ngài cùng với Barnaba được Thánh Thần kêu gọi thực hiện công việc rao giảng vĩ đại (Công vụ 13:1–3): ngài đã mang theo Gioan Mác, các Tông đồ, sau khi ghé qua đảo Síp, đã đến Tiểu Á, và tại đây, ở Antiôkhia thuộc Pisidia, tại Iconium cùng các thành phố Lystra và Derbe thuộc Lycaonia, họ đã khai sáng cho nhiều người bằng giáo lý của Chúa Kitô, trong khi phải chịu sự bắt bớ không ngừng từ phía người Do Thái (Công vụ 13:4–14:28). Chuyến hành trình *thứ hai* của Thánh Tông đồ Phaolô được thực hiện cùng với Silô sau Công đồng Tông đồ (năm 51) tại Giêrusalem (Công vụ 15): sau khi viếng thăm các Hội Thánh đã được thành lập trước đó, Tông đồ Phaolô đã rao giảng thành công tại Macedonia và Hy Lạp, thành lập các hội thánh nổi tiếng tại Philippi, Thessalonica, Berea, Athens và Corinth; tại thành phố cuối cùng này, ngài đã ở lại một năm rưỡi. (Công vụ 15:36–18:28). Chuyến hành trình *thứ ba*, vị Tông đồ lại khởi hành từ Antiôkhia: sau khi thăm lại các hội thánh do chính ngài thành lập, vị Tông đồ đã đến Ê-phê-sô, nơi ngài rao giảng hơn 2 năm; sau đó, ngài lại đi qua Ma-kê-đô-ni-a và Hy Lạp rồi trở về Giê-ru-sa-lem. Tại đây, ngài bị bắt và sau hai năm bị giam giữ tại Cêsarê, ngài được đưa đến Rôma, nơi ngài sống hai năm, rao giảng Nước Trời một cách tự do (Công vụ 18:1–22:30). Truyền thuyết kể rằng, sau khi được minh oan trước tòa án của Caesar, vị tông đồ lại lên đường cho chuyến hành trình thứ tư để rao giảng Tin Mừng, tiến đến tận biên giới phương Tây (theo Eusebius và Clement của Rôma), và sau khi bị giam cầm lần thứ hai tại Rôma, ngài đã tử đạo dưới triều đại của Nero.

[2185] *Isauria* – một vùng đất nhỏ nằm ẩn mình giữa các dãy núi ở Tiểu Á cổ đại, giáp với Lycaonia ở phía đông, một phần của Phrygia ở phía bắc, Pisidia ở phía tây và vùng núi non Cilicia ở phía nam.

[2186] *Stadia* – đơn vị đo khoảng cách cổ đại, tương đương khoảng 80 hoặc hơn một chút so với một sải tay.

vợ là Nada. Họ sinh được một người con trai tên là Conon. Khi cậu bé lớn lên, cha mẹ định gả chồng cho cậu và đã hứa hôn cậu với một thiếu nữ xinh đẹp tên là Anna. Nhưng trước đó, Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael đã hiện ra trước mặt Conon dưới hình dạng một người đàn ông rạng rỡ. Sau khi dạy Conon về đức tin chân chính, Tổng lãnh thiên thần đã dẫn Conon đến bên sông, rửa tội cho cậu nhân danh Chúa Ba Ngôi, ban Thánh Thể cho cậu, rồi sau khi làm dấu thánh giá trên người cậu, ngài bỗng biến mất. Kể từ đó, cậu thiếu niên tràn đầy Thánh Thần, còn Tổng lãnh thiên thần Michael luôn ở bên cậu một cách vô hình. Vào ngày cưới, trong không khí vui vẻ chung, chú rể và cô dâu được dẫn vào phòng tân hôn. Tại đây, Konon dùng một chiếc bình che ngọn nến đang cháy và hỏi cô dâu:

– Điều nào tốt hơn – bóng tối hay ánh sáng?

Cô dâu trả lời:

– Ánh sáng, tất nhiên, tốt hơn bóng tối.

Lúc đó, Thánh Konon mở miệng tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa và bắt đầu thuyết phục cô dâu giữ gìn trinh tiết và sự trong sạch của cuộc đời, đồng thời tin vào Đức Kitô, Thiên Chúa Chân Thật.

– Chính điều này, – ngài nói, – mới là ánh sáng không bao giờ tắt, còn cuộc sống xác thịt và đức tin ngoại đạo gian ác – đó là bóng tối.

Cô gái có trái tim nhân hậu, nên hạt giống Lời Chúa đã rơi vào mảnh đất tốt, và cô dâu nhanh chóng đồng ý với mọi điều mà vị hôn phu của mình đề nghị. Cô đã tin vào Chúa Kitô và thề sẽ giữ trinh tiết mãi mãi. Vậy là đôi vợ chồng thánh thiện này sống trong sự trong sạch trinh khiết, như anh em ruột, hay nói đúng hơn, như hai Thiên thần của Đức Chúa Trời, giống như các Seraphim, bừng cháy trong tình yêu dành cho Đức Chúa Trời và chỉ phục vụ Ngài mà thôi. Một thời gian ngắn sau, thánh Konon đã thuyết phục được cả cha mẹ mình từ bỏ việc thờ lạy thần tượng và quay về với Đấng Christ. Conon đã làm phép rửa tội cho cha, mẹ và vị hôn thê của mình, và tất cả họ, dưới sự hướng dẫn và dạy dỗ của Thánh Conon, đều làm đẹp lòng Chúa. Cha của Conon, vị thánh hạnh phúc Nestor, đã được ban cho vương miện tử đạo, khi ngài bị những kẻ thờ thần tượng giết hại tại vì đã vạch trần những sai lầm của họ. Một thời gian ngắn sau đó, mẹ của thánh nhân, bà Nada đáng kính, cũng an lành về với Chúa, và sau bà, trinh nữ Anna, vị hôn thê của Konon, cũng đã về với cung điện bất diệt của Đấng Hôn Phu trên trời là Đức Kitô. Thánh Konon đã an táng tất cả họ một cách trang trọng tại cùng một nơi.

Khi chỉ còn lại một mình, Konon tiếp tục sống vì Thiên Chúa, rèn luyện tâm hồn hướng về Ngài, hãm mình bằng việc ăn chay, lao động và những lời cầu nguyện suốt đêm. Nhờ những công đức đó, ngài đã được ban ân sủng của Thánh Thần, ân sủng ấy, như một kho báu, đã ẩn giấu trong ngài suốt một thời gian dài và chỉ bộc lộ khi Thánh Konon đã về già. Chuyện xảy ra như sau.

Ở vùng đất ấy, tại một nơi hoang vắng, giữa những dãy núi hiểm trở, có một hang động đáng sợ và u tối. Trong hang động có một đền thờ tà thần, nơi đặt một tượng đá khổng lồ của vị thần vô đạo Apollon[2187] , người được tôn sùng đặc biệt tại xứ Isauria. Người Isavria có phong tục hàng năm tụ tập tại đó vào ngày lễ tôn vinh Apollon để dâng lễ vật và cử hành lễ hội ghê tởm trước mặt Thiên Chúa. Khi ngày lễ đó đến và tất cả cư dân thành phố tập trung để đi đến đền thờ nằm trong hang động, Thánh Konon, được Thánh Thần thúc đẩy, đã đến thành phố. Thấy đám đông người dân vũ trang, có người cưỡi ngựa, có người đi bộ, dường như đã sẵn sàng cho trận chiến, ngài đã lớn tiếng kêu lên với họ:

– Hỡi những người Isauria, hãy chờ một chút, tôi muốn nói với các bạn vài lời. Tại sao các bạn lại mang vũ khí? Chẳng lẽ quân địch đã bất ngờ tấn công đất nước các bạn và thách thức các bạn ra trận sao?

Dân chúng đáp lại Konon:

– Không, nhưng chúng tôi đang trên đường đi dâng lễ vật cho thần Apollon và tổ chức lễ kỷ niệm cho ngài.

Thánh Conon lại hỏi họ:

– Tôi muốn biết từ các bạn, Apollon là ai và quyền năng của ngài ra sao?

Mọi người đáp:

– Ngài là Đấng ban phước lành cho chúng tôi, ban cho chúng tôi mọi điều tốt lành; ngài đã ban phước cho tổ tiên chúng tôi, và từ họ, chúng tôi đã tiếp nhận truyền thống tổ chức lễ hội để tôn vinh ngài.

Lúc đó, vị thánh, vừa cười nhạo họ, vừa đặt ra câu hỏi như sau:

[2187] *Apollon* – vị thần của người Hy Lạp và La Mã cổ đại, được tôn kính như vị thần của ánh sáng, đặc biệt là ánh sáng mặt trời, cũng như của sự khai sáng trí tuệ, thi ca và âm nhạc – vị thần tiên tri, người chữa lành bệnh tật và người bảo vệ trật tự xã hội.

– Các ngươi đã bao giờ nghe thấy tiếng nói hay lời nào của vị thần của các ngươi chưa?

Họ trả lời:

– Chưa! Nhưng tổ tiên chúng tôi đã truyền lại cho chúng tôi phải tin vào Ngài.

Thánh Conon liền nói với họ:

– Cha ông các ngươi, giống như những con vật câm, chính họ cũng đã bị lừa dối, không biết đến Đức Chúa Trời Chân Thật; vì nếu họ biết Ngài, thì họ đã không tôn kính một thần tượng điếc, câm và xấu xí như vậy. Hãy trao cho tôi quyền lực trên vị thần của các ngươi, và ta sẽ chỉ cho các ngươi biết các ngươi đang tôn kính ai, vị thần của các ngươi là ai. Nếu ta bôi sơn lên nó, liệu nó có thể rửa sạch được không? Nếu ta đập vỡ nó bằng búa sắt, liệu nó có thể nguyên vẹn trở lại được không? Nếu ta cho nó ăn, liệu nó có giơ tay ra để lấy thức ăn và bắt đầu ăn không?! Các ngươi sẽ còn điên rồ đến bao giờ? Hãy nghe lời ta, vì ta cũng là người cùng thành phố với các ngươi, nhưng không dính líu đến những việc làm của các ngươi; hãy từ bỏ việc thờ lạy thần tượng, và ta sẽ dạy các ngươi cách tôn kính Đức Chúa Trời Chân Thật và thờ phượng Đấng Ngự trên các tầng trời. Đấng ấy là Đức Chúa Trời vô hình nhưng toàn tri, Đấng Tạo Hóa của trời, đất và biển, cùng mọi sự trong đó, là Vua hùng mạnh và toàn năng, Đấng cứu rỗi các tôi tớ của Ngài và hủy diệt các kẻ thù của Ngài, những kẻ thờ lạy các thần tượng và dâng của lễ cho ma quỷ. Đức Chúa Trời này không đòi hỏi những lễ vật đổ máu, nhưng Ngài muốn những ai đến với Ngài nhận biết Ngài mà không có sự ác độc và gian dối, và tin rằng Ngài là Đức Chúa Trời Chân Thật, là Cha của Con Một Ngài, Chúa Giê-su Christ của chúng ta, Đấng không bao giờ tách rời khỏi Cha, Đấng đã tạo dựng muôn đời qua Ngài; cùng với Ngài, Thánh Thần vĩnh cửu, phát xuất từ Cha, cũng ngự trị. Ba Ngôi này, về bản thể, là một Thiên Chúa duy nhất, Đấng thiêu đốt bằng lửa những kẻ thờ ngẫu tượng ghét Ngài, nhưng yêu thương những ai yêu mến Ngài; lòng thương xót của Ngài không có giới hạn, vì Ngài nhân từ với tất cả những ai đặt niềm hy vọng vào Ngài và kêu cầu Ngài với lòng tin.

Dân chúng xôn xao trước những lời của vị thánh, và trong đám đông vang lên tiếng ồn ào lớn: một số người xông vào vị thánh để giết ngài, số khác thì ngăn cản họ, không cho họ giơ tay lên đánh ngài, vì họ mong muốn được nghe thêm điều gì đó từ ngài. Khi sự xôn xao của dân chúng lắng xuống phần nào, một số người trong đám đông hỏi vị thánh:

– Ngươi có thể thuyết phục chúng ta bằng cách nào rằng có một Đức Chúa Trời cao cả hơn thần Apollon của chúng ta, vị thần mà chúng ta tôn kính hơn tất cả các vị thần khác; hãy cho chúng ta thấy một dấu hiệu nào đó từ Đức Chúa Trời của ngươi, để chúng ta tin vào Ngài.

Thánh Conon, khi nghe họ xin một dấu hiệu, đã đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời và nói với dân chúng:

– Này, trong các ngươi có nhiều người cưỡi ngựa, và không ít người đi bộ, những thanh niên trẻ trung và mạnh mẽ. Vậy thì tất cả chúng ta hãy cùng đi đến hang động của Apollon, nơi các ngươi thường tụ họp; các ngươi đi trước, còn ta, với thân phận một lão già, sẽ theo sau các ngươi, và chúng ta hãy hứa với nhau rằng: ai trong chúng ta đến trước, thì vị Thần của người ấy là vĩ đại và chân thật, và chúng ta phải tin vào Ngài. Nếu một số người trong các bạn cưỡi ngựa, còn những người khác, trẻ trung và mạnh mẽ, đi bộ vượt qua tôi, một người già yếu về thể xác, và đến đền thờ Apollon trước tôi, thì vị thần của các bạn quả thực là Thần. Còn nếu tôi, một ông già, đi bộ đến đó nhanh hơn các bạn, thì Thần của tôi vĩ đại hơn vị thần của các bạn và các bạn phải tin vào Ngài.

Mọi người đều tán thành lời nói của ông và đồng ý với điều kiện mà ông đề xuất, họ thì thầm với nhau:

– Ông già này không thể đi bộ đến đó trong bốn ngày: con đường xa xôi và gian nan, vì nó uốn lượn giữa những ngọn núi cao và những thung lũng sâu, phủ đầy bụi rậm.

Sau đó, mọi người vội vã đến hang động: một số người dựa vào ngựa của mình, số khác dựa vào đôi chân của mình, còn Thánh Konon thì đi theo sau họ, bước đi rất vất vả. Trên đường đi, ngài đã khẩn thiết cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và ngay lập tức Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael hiện ra trước mặt ngài, bế ngài lên và trong chớp mắt đã đưa ngài đến nơi mà mọi người đang hướng tới. Còn những người đang vội vã trên lưng ngựa và đi bộ, Tổng lãnh thiên thần đã dùng sức mạnh vô hình khiến họ hoang mang, và họ lang thang khắp núi non và rừng rậm; cả người lẫn ngựa đều rơi xuống từ những đỉnh núi cao và bị tan nát; suốt cả ngày lẫn đêm, họ không thể đến được hang động của Apollon và thậm chí còn không chắc liệu mình có đang đi đúng đường hay không. Sáng hôm sau, một cách bất ngờ đối với họ, Thánh Konon đã ra đón họ. Khi nhìn thấy ngài, mọi người vô cùng kinh ngạc. Còn vị Thánh, vừa cười vừa hỏi họ:

– Tại sao các ngươi không đến sớm hơn? Ta đã đợi các ngươi rất lâu và quyết định ra đón các ngươi.

Mọi người, đang kiệt sức, kể lại cho vị thánh nghe tất cả những gì đã xảy ra với họ, và nài nỉ ngài chỉ đường đến đền thờ Apollon. Lúc đó, thánh Konon đi trước họ và, sau khi dẫn họ đến hang động, ngài nói với họ:

– Này, tôi đã thực hiện lời hứa của mình và đến đây trước các bạn. Giờ các bạn phải thừa nhận rằng Đức Chúa Trời của tôi là Đấng vĩ đại, và tin vào Ngài, còn vị thần của các bạn thì hãy giao cho tôi, tôi sẽ trừng phạt hắn vì đã lừa dối các bạn cho đến nay.

Nhưng họ la lên với vị thánh:

– Không, đừng đổ lỗi cho vị thần của chúng tôi và đừng trả thù Ngài: chính chúng tôi mới là người có lỗi vì đã đến muộn: chúng tôi đã lạc đường, và vì thế không thể thực hiện được điều đã thỏa thuận.

Câu trả lời đó đã khiến vị thánh rất tức giận, và ông nói với họ:

– Nếu bây giờ các ngươi vẫn chưa tin vào Đức Chúa Trời của ta, mà vẫn tiếp tục tin vào thần tượng của các ngươi, thì liệu các ngươi có thực hiện được những gì chính thần tượng đó truyền cho các ngươi không?

Tất cả họ đều đáp:

– Nếu quả thật chúng tôi nghe thấy tiếng nói của vị thần của chúng tôi, thì chúng tôi sẽ lập tức tuân theo lời Ngài, vì chúng tôi tin tưởng vào Ngài không chút nghi ngờ.

Và một lần nữa, họ lại lập giao ước với vị thánh và hứa hẹn một cách kiên quyết hơn lần trước rằng sẽ tin tất cả những gì vị thần của họ phán bảo. Lúc bấy giờ, vị thánh đứng trước hang động, nơi có đền thờ thần Apollon, và bằng giọng nói vang dội, ngài kêu gọi bức tượng thần:

– Hình tượng! Ta nói với ngươi: Chúa Giê-su Ki-tô của ta đã ra lệnh như vậy, hãy ra khỏi đền thờ và đến đây với ta.

Và ngay lập tức, bức tượng vô hồn ấy, như thể có linh hồn, bắt đầu lắc lư, ngã khỏi chỗ đứng, lăn trên mặt đất, lăn đến bên vị thánh, rồi đứng dậy và đứng trước mặt ngài. Cả đám đông đều kinh hoàng tột độ và la hét ầm ĩ rồi đổ xô bỏ chạy. Thánh Conon vẫy tay ra hiệu, khuyên họ đừng sợ và chỉ vừa kịp ngăn họ lại. Sau khi trấn an họ, ngài lại quay sang tượng thần, và mọi người đều chăm chú theo dõi xem điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Rồi vị thánh bắt đầu hỏi tượng thần:

– Hãy nói cho chúng ta biết, hỡi tượng đá vô hồn, ai là Đức Chúa Trời Thật, là ngươi hay là Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà ta rao giảng?

Ngay lập tức, tượng đá run rẩy giơ hai tay lên trời và cất tiếng nói to bằng giọng người:

– Chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật, đó là Đấng Christ mà ngươi rao giảng.

Nói xong, tượng thần ngã xuống và vỡ tan. Chứng kiến phép lạ này, cả dân chúng đều reo lên:

– Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đức Chúa Trời của Konon: Ngài đã chiến thắng.

Và vô số người đã tin vào Đấng Christ, đập tan các tượng thần và nhận phép rửa thánh. Một số kẻ cứng lòng vẫn giữ nguyên sự vô tín và vô cùng đau buồn vì sự hủy diệt của tượng thần Apollon. Nhưng sau đó, khi chứng kiến nhiều phép lạ khác nhau do Thánh Konon thực hiện, những người ngoại đạo còn lại ở vùng đất ấy cũng đã tin vào Đấng Christ.

Cũng tại xứ Isauria ấy, trong một hang động khác, cũng nằm ở nơi hoang vắng, có một con quỷ đáng sợ cư ngụ. Nó, như một chiến binh hay tên cướp, tấn công những người và động vật đi ngang qua và giết chết họ. Người dân Isavria dâng lên nó vô số lễ vật, van xin nó đừng gây hại và đừng giết họ, nhưng những lời cầu xin của họ không mang lại lợi ích gì, mà còn dẫn đến sự diệt vong lớn hơn. Lúc bấy giờ, một đám đông gồm cả tín hữu lẫn người ngoại đạo đã tụ tập lại, và tất cả đều đến gặp Thánh Konon, khẩn thiết cầu xin ngài xua đuổi con quỷ khỏi xứ sở của họ. Những người có đức tin cầu nguyện mà không hề nghi ngờ chút nào về quyền năng của Chúa Kitô đang hỗ trợ Thánh Konon; còn những người ngoại đạo thì xảo quyệt cám dỗ Thánh Konon, vì họ tự cho rằng ngài sẽ không thể trừ khử được con quỷ hung ác đó, mà ngược lại, chính con quỷ sẽ giết chết ngài. Đáp lại những lời khẩn cầu của người Isauria, Thánh Konon lên đường, được đông đảo dân chúng tháp tùng. Ngài tiến đến ngay trước hang động nơi con quỷ đang ẩn náu, còn dân chúng thì đứng từ xa với lòng run rẩy. Quay mặt về phía hang động, Thánh nhân nhân danh Chúa Kitô ra lệnh cho linh hồn ô uế phải ra khỏi hang động, trước sự chứng kiến của toàn thể dân chúng. Từ bên trong, con quỷ kêu lên với vị thánh, xin ngài cho phép nó ra ngoài một cách vô hình, để mọi người không nhìn thấy hình dạng ghê tởm của nó. Nhưng vị thánh đã ra lệnh một cách nghiêm khắc, bắt nó phải hiện ra trước mặt mọi người. Lúc đó, trước sự chứng kiến của toàn thể dân chúng, con quỷ đã bước ra khỏi hang động dưới hình dạng một người phụ nữ đáng sợ, người đang run rẩy. Vị thánh, sau khi cấm con quỷ gây hại

cho bất kỳ ai, đã đuổi nó xuống địa ngục[2188] . Ngay lập tức, con quỷ trở nên vô hình, và toàn thể dân chúng đồng thanh reo lên:

– Đức Chúa Trời của Thánh Konon thật vĩ đại!

Rất nhiều người ngoại đạo đã tin vào Đấng Christ. Còn Thánh Konon, sau khi giảng dạy dân chúng về đức tin vào Đức Chúa Trời Chân Thật, đã trở về thành phố. Dân chúng tiễn đưa ngài với những bài hát vui mừng; chính vị thánh khởi xướng bài hát, còn dân chúng hát theo, ngợi khen Đấng Christ, Đức Chúa Trời Chân Thật. Khi trở về, Thánh Konon định cư tại làng của mình, trong ngôi nhà của cha ngài, thực hiện những phép lạ, chữa lành mọi bệnh tật cho những ai đến với ngài bằng lòng tin, và trừ tà ma, những kẻ mà Đức Chúa Trời đã ban cho ngài quyền năng để chế ngự.

Một trong những cư dân danh giá nhất của Isauria đã bị bọn trộm cướp, chúng đã lấy đi của ông rất nhiều vàng. Nhiều người đã bị vu khống liên quan đến vụ trộm này và phải chịu cực hình: những người vô tội bị xiềng xích và giam trong ngục tối, nhưng số vàng đó vẫn không được tìm thấy. Lúc bấy giờ, người bị trộm cắp cùng những người thân của những người vô tội bị vu khống và đang chịu cảnh giam cầm đã đến gặp Thánh Konon; họ quỳ xuống dưới chân ngài và khẩn cầu ngài xin Thiên Chúa giúp tìm lại số vàng bị đánh cắp. Thánh nhân, thương xót những người bị vu khống và đang chịu đau khổ oan uổng, đã đồng ý đáp ứng lời thỉnh cầu của dân chúng. Ngài lên đường về thành phố. Tại đó, khi đứng giữa quảng trường, ngài giơ hai tay lên trời và thành kính cầu nguyện với Chúa, cho đến khi Chúa mách bảo ngài nơi cất giấu số vàng bị đánh cắp. Sau khi tập hợp nhiều người dân, Thánh Konon cùng họ ra khỏi thành phố và, sau khi đi một quãng đường khá xa qua sa mạc, ngài đến gần một tảng đá. Dưới tảng đá đó, số vàng mà bọn trộm giấu đi đã được tìm thấy; Thánh Konon ra lệnh cho những người đi cùng lấy vàng và mang về thành phố. Toàn thể dân chúng Isauria đều vô cùng kinh ngạc và ca ngợi Đức Chúa Trời. Khi người bị mất vàng muốn biết bọn trộm là ai và hỏi Thánh Konon về điều này, vị thánh đã trả lời ông ta:

– Hãy lấy vàng của ngươi đi, và hãy hài lòng vì nó đã được trả lại cho ngươi mà không bị tổn thất gì, còn những người đang chịu khổ trong tù thì hãy thả họ ra.

Người ấy đã làm theo lời đó. Tin tức về phép lạ này lan truyền khắp cả nước, nhiều người đã quay về với Đức Chúa Trời, và ngày qua ngày, Hội Thánh của Đấng Christ ngày càng phát triển và nhân lên.

Một thời gian sau, thánh Konon, khi đang ở trong nhà mình trong sự tĩnh lặng, bỗng thấy vô số quỷ dữ đang xông vào tấn công ngài. Tất cả những con quỷ sống trên hòn đảo và bị trục xuất khỏi con người cũng như khỏi các đền thờ tà thần, đều đã vũ trang để chống lại vị thánh. Khi nhìn thấy lũ quỷ, vị thánh đã dùng danh Chúa Giêsu để trói buộc chúng, khiến chúng không thể cử động. Lúc đó, lũ quỷ bắt đầu van xin Thánh Conon đừng đuổi chúng xuống vực thẳm, mà hãy ra lệnh cho chúng làm bất cứ điều gì ngài muốn. Vị thánh, sau khi cấm chúng gây hại cho con người, đã sai chúng đi làm các công việc khác nhau: một số phải đào đất trong vườn và nhổ cỏ dại, cây gai, cây tầm ma; một số khác phải cày ruộng và gieo hạt; một số phải trông coi hoa quả; một số phải chăn đàn gia súc và bảo vệ chúng khỏi thú dữ; một số phải chặt củi và mang nước, cũng như làm mọi công việc nhà. Những con quỷ, như những nô lệ và tù nhân, đã phục vụ Thánh Konon cho đến khi ngài thấy vừa lòng, tận tâm thực hiện mọi công việc ngài chỉ định, bởi vì bị trói buộc bởi sức mạnh bất khả chiến bại của Đức Chúa Trời, chúng đã bị khuất phục trước vị thánh nhân của Đức Chúa Trời.

Một đêm nọ, bọn cướp đã tấn công ngôi nhà của vị thánh, hy vọng tìm được của cải dồi dào, vì ngài nổi tiếng khắp cả vùng đất ấy.

Sau khi trói Thánh nhân lại, bọn cướp định dùng tra tấn để ép ngài chỉ ra nơi giấu vàng. Chúng vừa mới bắt đầu tra tấn ngài thì bỗng nhiên, theo lệnh của Đức Chúa Trời, những con quỷ phục vụ vị thánh xuất hiện, bắt giữ bọn cướp và đánh đập chúng không thương tiếc; sau đó, chúng nhóm lửa trong lò và bắt đầu thiêu đốt thân thể bọn chúng, còn vị thánh thì được giải thoát khỏi xiềng xích. Vị thánh, vì thương xót bọn cướp, đã ra lệnh cho các quỷ dữ, và chúng ngừng tra tấn bọn cướp, những kẻ lúc đó chỉ còn thoi thóp. Nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, bọn cướp đã tỉnh táo lại, và vị thánh đã tha thứ cho chúng, đồng thời ra lệnh cho chúng từ bỏ nghề cướp bóc. Các quỷ dữ

[2188] *Gehenna* – là cách phiên âm từ tiếng Hy Lạp của một từ tiếng Do Thái, có nghĩa là: *thung lũng Ennom* hoặc "các con trai của Ennom"; thung lũng này được hiểu là một hẻm núi sâu và hẹp, nơi người Do Thái xưa kia từng dâng con cái mình làm của lễ cho Moloch (2 Vua 24:10; Giê-rê-mi 7:11). Vào thời kỳ sau này, nơi đây trở thành bãi rác cho mọi loại chất thải, và để tiêu hủy chúng, ngọn lửa luôn được duy trì tại đây: chính vì vậy, thung lũng Ennom đã trở thành biểu tượng của nơi chịu cực hình vĩnh viễn. Chính trong ý nghĩa này, tức là ý nghĩa *của địa ngục,* từ "Gehenna" được sử dụng trong Tân Ước (Ma-thi-ơ 5:24–40, 10:28, 18:9, 23:15; Lu-ca 9:43, 45; Lu-ca 12:5; Gia-cơ 3:6).

không chỉ giải thoát Thánh Konon khỏi bọn cướp, mà theo ý muốn của Đức Chúa Trời, chúng còn bảo vệ danh dự của ngài. Bởi vì nếu có ai trong số những người Isauria vô tín dám phỉ báng Konon, thì ngay lập tức các quỷ dữ sẽ tấn công họ một cách vô hình và đánh đập họ, đến nỗi tên của Konon trở thành đối tượng được mọi người kính trọng và sợ hãi. Một lần nọ, hai kẻ thờ thần tượng chợt nhớ đến Thánh Konon và bắt đầu lăng mạ ngài bằng những lời lẽ xấu xa. Ngay lập tức, các quỷ dữ tấn công họ, đánh đập họ, lôi họ đi dọc đường bằng cách túm tóc và quăng những kẻ phỉ báng xuống dưới chân vị thánh. Kể từ đó, nỗi sợ hãi đối với Konon trong lòng những người không tin trở nên mãnh liệt đến mức họ thậm chí không dám nghĩ đến điều gì xấu xa về Thánh Konon. Một lần nọ, có một người lẻn vào vườn của Thánh Konon với ý định trộm táo. Nhưng những người canh gác vô hình đã bắt được hắn, đánh đập hắn và cùng với con lừa và bao tải đầy trái cây, dẫn hắn đến trước mặt vị thánh. Vị thánh đã răn dạy hắn và, sau khi ra lệnh không được trộm cắp nữa, đã thả hắn đi trong hòa bình.

Một góa phụ nghèo, vào mùa gặt, đã ra đồng và đi theo sau những người gặt lúa, nhặt những bông lúa còn sót lại. Trên tay bà là đứa con trai duy nhất còn nhỏ của mình. Bỗng nhiên, một con sói lao ra từ rừng, giật đứa trẻ khỏi tay người mẹ và mang nó vào sa mạc. Mọi người đuổi theo con sói, nhưng không thể bắt kịp nó và giải cứu đứa trẻ khỏi hàm răng của nó. Người phụ nữ đau khổ đã đến gặp Thánh Konon, vị thánh làm phép lạ, khóc lóc và quỳ sấp xuống chân ngài, kể cho ngài nghe nỗi đau của mình. Ngài lập tức ra lệnh cho các tôi tớ vô hình của mình, và trong chớp mắt, họ đã bắt được con sói đang ngậm đứa trẻ trong miệng, rồi đưa nó đến trước mặt vị thánh. Vị thánh trả lại cho người mẹ đứa con trai còn sống và nguyên vẹn, đồng thời ra lệnh cho con sói trở về nơi của nó.

Tuy nhiên, không phải tất cả các quỷ đều bị trói buộc bởi lời của vị thánh; và thế là một số trong chúng bắt đầu gây ra các bệnh tật khác nhau cho cư dân vùng đất ấy, nhất là bệnh đậu mùa. Vị thánh, nhận ra mưu đồ của lũ quỷ, đã cầu nguyện với Chúa và ngay lập tức nhận được quyền năng để chế ngự cả những con quỷ này. Sau khi tập hợp tất cả chúng lại, ngài đã ra lệnh cấm chúng, đuổi một số vào sa mạc, gửi một số khác xuống vực thẳm, còn một số thì trói lại và nhốt vào ba mươi cái bình đất sét tráng thiếc, rồi sau khi đóng dấu bằng dấu thánh giá, ngài chôn chúng xuống đất dưới nhà mình.

Vào thời điểm đó, cuộc bách hại Kitô hữu bùng nổ, và một quan tổng trấn tên là Magdon đã đến Isauria theo sắc lệnh của hoàng đế. Trước hết, quan tổng trấn này đã tra tấn Thánh Onisius đến chết tại làng Usorovo. Sau đó, Thánh Konon cũng bị bắt. Ngài phải chịu nhiều hình phạt tàn bạo, bị ép buộc dâng lễ vật cho các thần tượng. Người dân Isavria, khi nghe tin quan tổng trấn đã tra tấn Thánh Konon, đã tập hợp đông đảo với vũ khí và tiến về làng Usorovo để giết quan tổng trấn. Biết được ý định của họ, quan tổng trấn cùng các thuộc hạ đã lên ngựa và trốn chạy khỏi biên giới vùng đất đó. Người dân Isavria đuổi theo ông, nhưng không thể bắt kịp. Khi tìm thấy thánh tử đạo Konon bị trói, toàn thân đầy vết thương và đẫm máu, họ đã cởi trói cho ngài và khóc thương ngài. Họ lau máu của ngài rồi bôi lên thân thể mình, mong được thánh hóa bởi máu của vị thánh, và với lòng kính mến, họ hôn lên những vết thương mà ngài đã chịu vì Chúa Kitô. Thánh tử đạo vô cùng đau buồn và tâm hồn ông trĩu nặng, vì không được phép chịu khổ đến cùng, bởi ông mong muốn được chết trong đau đớn vì Chúa Kitô của mình. Sau đó, các tín hữu đưa thánh nhân về nhà cha mẹ ông, tại làng Bê-tha-ni, và dốc hết tâm sức để chữa lành những vết thương của ông. Hai năm sau những ngày chịu khổ, thánh Conon đã về với Chúa. Người dân khắp xứ Isauria đã tụ tập lại và khóc thương vị thánh. Ngài được an táng cùng với cha mẹ thánh thiện và vị hôn thê thánh thiện của ngài, người đã giữ trọn sự trinh khiết cho đến cuối đời. Sau lễ an táng Thánh Konon, người dân Isauria nảy ra ý định biến ngôi nhà của vị tử đạo thành nhà thờ. Khi bắt đầu đào đất để làm móng, họ phát hiện trong lòng đất có ba mươi chiếc bình đất sét, trong đó Thánh Konon đã nhốt các quỷ dữ. Không biết bên trong những chiếc bình đó chứa gì, nhưng cho rằng đó là vàng hoặc bạc được giấu kín, những người tìm thấy đã vui mừng và đập vỡ một chiếc bình. Ngay lập tức, những con quỷ trào ra từ đó dưới hình dạng làn khói dày đặc và hôi thối, làm u ám bầu không khí và gây ra một cơn lốc khủng khiếp. Mọi người đều kinh hoàng – một số ngã quỵ vì sợ hãi, còn một số khác thì bỏ chạy khỏi đó. Còn những con quỷ thì bay lượn trên không trung, tạo ra tiếng ồn lớn và gọi tên nhau. Tất cả cư dân trong làng đều kinh hoàng tột độ, đến nỗi không ai dám ra khỏi nhà sau khi mặt trời lặn, vì ban đêm có rất nhiều quái vật ma quỷ xuất hiện và dọa nạt con người lẫn súc vật – điều này tạm thời được Thiên Chúa cho phép như một hình phạt dành cho những người tham lam, những kẻ mong tìm thấy kho báu trong những chiếc bình đó. Nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Konon, những hồn ma quỷ dữ đã bị xua đuổi. Hai mươi chín chiếc bình còn lại, chứa đựng những con quỷ, đã được chôn dưới nhà thờ Thánh Konon. Nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, xin cho chúng ta cũng luôn được bình an trước những con quỷ, ngợi khen Cha, Con và Thánh Thần – Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Ngài đã sống trên trần gian với sự trong sạch như một Thiên thần, nên đã được xứng đáng trở thành bạn đồng hành của các Thiên thần; Ngài đã dẫn dắt cha mẹ mình đến với sự hiểu biết về Đức Kitô, và khi tuyên xưng Đức Chúa Trời Duy Nhất trong Ba Ngôi, Ngài đã chịu khổ nạn cho đến đổ máu, hỡi Thánh Tử Đạo Konon, xin Ngài không ngừng cầu thay cho tất cả chúng con.

Lễ kính Thánh Tử đạo Konon, biệt danh là Người làm vườn.

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 3

Thánh Conon sống dưới triều đại của vua Decius và là người gốc Nazareth thuộc xứ Galilê. Từ đó, ngài chuyển đến Pamphylia, thành phố Mandon (hay Magido), và tại nơi gọi là Carmena, ngài đã tự tay trồng một vườn rau, sống nhờ vào hoa quả từ vườn đó. Ngài là người tốt bụng, hiền lành và chân thành. Dù không được học chữ, ngài vẫn sống một cuộc đời thánh thiện. Khi nghe tin về ông, quan tổng trấn Publius – người đã đến thành phố để đàn áp các Kitô hữu – liền sai lính đến bắt ông. Những người được sai đi đã đến gặp Conon và, với thái độ chế nhạo, chào hỏi ông bằng những lời tốt đẹp. Conon vui vẻ đáp lại lời chào của họ và tiếp đón họ một cách thân thiện. Lúc đó, các binh lính nói với ông:

– Thống đốc Publius đang gọi ngài.

Thánh nhân đáp:

– Ông ta có chuyện gì với tôi chứ? Tôi là người Kitô hữu mà. Thà ông ta nên gọi những người cùng chí hướng với mình đến gặp ông ta còn hơn.

Các binh lính trói Thánh Konon lại và dẫn đến trước mặt Igemon. Khi họ ép buộc ngài phải dâng lễ vật cho các thần tượng, ngài, trong lòng đau xót trước sự mù quáng và lầm lạc của những kẻ vô tín, đồng thời lên án Igemon vì sự vô đạo, vẫn kiên định trong việc tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Sau đó, họ đóng đinh sắt vào chân ngài và bắt ngài đi trước cỗ xe của quan tổng trấn cho đến khi vị thánh tử đạo gục quỳ vì kiệt sức, và với lời cầu nguyện trên môi, ngài đã dâng linh hồn mình lên Chúa.

Lễ kỷ niệm Thánh Isichius, người ăn chay

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 3

Thánh Isichius, vị thánh vĩ đại của Đức Chúa Trời, từ thuở ấu thơ đã được dạy dỗ và nuôi dưỡng trong các đức tính cao quý. Từ bỏ mọi ham muốn đối với các của cải trần gian, ngài không ngừng suy ngẫm về những ân huệ vĩnh cửu của Si-ôn trên trời. Vì lý do đó, ngài đã rời bỏ thành phố quê hương Adrapu và lui về sa mạc gần Adrania[2189] .

Để tu hành trong sự ẩn dật, vị thánh đã muốn định cư trên ngọn núi có tên là Maiônis; nhưng những con quỷ cư ngụ tại đây, dự đoán trước việc mình sẽ bị vị thánh đuổi khỏi ngọn núi và không muốn để vị thánh lên ngọn núi này, đã nhập vào hai người là Gioan và Hilarion, và khi gặp vị thánh của Đức Chúa Trời, chúng đã hỏi ngài:

– Ngươi đi đâu vậy?

Khi biết được ý định của ngài, chúng nói với ngài:

– Ngươi không biết rằng nơi này rất nguy hiểm sao? Ngươi đang đi đến cái chết chắc chắn, vì ở đây có rất nhiều thú ăn thịt; hơn nữa, ở đây còn có bọn cướp, nên ngươi sẽ không thể sống sót qua một ngày nào ở đây.

Vị thánh, bằng linh hồn, nhận ra rằng đó không phải là lời của con người, mà là của ma quỷ, bèn nói:

– Vì vô số tội lỗi của mình, từ lâu tôi đã xứng đáng phải chết; vì thế tôi sẽ đi, để chết dưới tay thú dữ hoặc bọn cướp.

[2189] *Adrapa* (hay Antrapa) là một thành phố nằm ở khoảng cách bằng nhau giữa Ankyra thuộc Galatia và Amaphia, còn được gọi là Claudiopolis. *Adrania* – một thành phố ven biển (tiếng Thổ Nhĩ Kỳ là Edrenos) ở Bithynia.

Nói xong, vị thánh dâng lời cầu nguyện và, bằng sức mạnh của Thánh Giá, xua đuổi lũ quỷ dữ, rồi tiếp tục hành trình của mình. Lên đến ngọn núi, vị thánh chọn cho mình một nơi, dựng nên một túp lều và bắt đầu tu hành trong những công việc khổ hạnh; vị thánh cũng lập một khu vườn ở đây, và bằng cách canh tác và gieo hạt, ngài nuôi sống bản thân bằng chính sức lao động của đôi tay mình.

Có lần, một đàn chim lớn ùa vào vườn của vị thánh, chúng ăn lúa mì và hạt giống, phá hoại công sức của ngài. Lúc đó, vị thánh đã dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, và ngay lập tức, những con chim đã ăn phải thành quả lao động của ngài đều rơi xuống đất; chúng không thể bay được nữa, nằm đó với đôi cánh xòe rộng trên mặt đất; tất cả những con chim nào đã chạm vào hạt giống đều không thể bay lên được nữa, mà như thể bị trúng một loại độc dược nào đó, nằm lăn lóc trên mặt đất; và nơi đó chật kín những con chim nằm la liệt trên mặt đất.

Một lúc sau, vị thánh, thương xót những con chim, bước ra khỏi phòng tu và nói với chúng:

– Hãy rời khỏi đây và đừng ăn những thành quả lao động của các tu sĩ nữa.

Ngay khi vị thánh vừa dứt lời, tất cả những con chim đang nằm trên mặt đất liền bay vút lên trời và từ đó trở đi, chúng không bao giờ dám đến gần khu vườn của vị thánh nữa.

Sau khi tìm thấy một suối nước trong một thung lũng nào đó, vị thánh đã xây dựng tại đây một nhà thờ nhỏ mang tên Thánh Tông đồ Anrê, nơi ngài cùng các môn đệ của mình sống trong sự suy ngẫm về Thiên Chúa.

Một lần nọ, người ta dẫn một thiếu nữ bị quỷ ám đến gặp vị thánh; cha mẹ cô, quỳ xuống dưới chân vị thánh, khẩn cầu ngài trừ tà khỏi con gái họ. Vị thánh, sau khi cầu nguyện với Chúa, lập tức trừ tà khỏi thiếu nữ, rồi nói với cha mẹ cô:

– Thánh Thần phán như vầy: tại nơi này, sau khi tôi qua đời, sẽ có một tu viện dành cho các nữ tu ăn chay, những lời cầu nguyện của họ sẽ xua đuổi hết thảy các đạo quân quỷ dữ khỏi nơi đây.

Lời tiên tri của vị thánh đã ứng nghiệm đúng như vậy.

Một lần nọ, khi bước ra khỏi phòng tu, vị thánh nhân thấy một người đàn ông đang kéo một chiếc xe ngựa chở đầy hàng nặng nề. Chiếc xe được kéo bởi hai con bò, và một trong số chúng vấp ngã, ngã xuống đất và không thể đứng dậy được. Người đàn ông đó cố gắng nâng nó dậy nhưng không thể; con bò ngã xuống vẫn nằm bất động như một tảng đá lớn; kiệt sức vì vất vả, người đàn ông đó bắt đầu khóc.

Thấy vậy, vị tu sĩ động lòng thương xót, tiến lại gần con bò, vuốt ve cổ nó và nói với con vật câm lặng ấy, như thể nó hiểu được lời nói:

– Hãy đứng dậy đi, con lười biếng, và tiếp tục con đường của mình, để đừng trở thành công cụ cho sự thù hận của kẻ thù.

Nói xong, vị thánh làm dấu thánh giá trên con bò. Ngay lập tức, con bò đứng dậy và bình tĩnh kéo chiếc xe nặng nề. Người đàn ông ấy vô cùng ngạc nhiên trước điều vừa xảy ra, cúi đầu chào vị thánh, cảm ơn ngài và vui vẻ tiếp tục hành trình của mình.

Ngày qua ngày, vị thánh không ngừng hướng tới những việc làm vĩ đại và vươn tới những đức tính hoàn hảo hơn, đến nỗi ngài được ân sủng trở thành người đồng hành với các Thiên thần. Từ Thiên thần của Chúa, ngài đã biết trước về sự ra đi của mình, ba mươi ngày trước khi qua đời. Khi chuẩn bị cho sự ra đi, vị thánh tràn ngập niềm vui lớn lao.

Trước khi qua đời, vị thánh đã gọi các môn đệ sống cùng ngài đến và dạy dỗ họ rất nhiều. Vào nửa đêm, một luồng ánh sáng bất ngờ chiếu xuống từ trời, chiếu sáng không chỉ căn phòng của vị thánh mà còn cả khu vực xung quanh; còn vị thánh, với niềm vui sướng, đã thốt lên: "Con phó thác linh hồn con vào tay Ngài", rồi ra đi về cõi thiên đàng[2190] .

Thi thể thánh thiện và tôn kính của ngài được an táng tại nhà thờ nói trên, được đặt tên theo Thánh Tông đồ An-rê, trong một quan tài bằng đá, trước cổng thánh.

Sau đó, di cốt thiêng liêng của vị thánh đã được Thánh Theophylact, Giám mục Amasya, chuyển đến thành phố Amasya[2191] và được an táng bên phải bàn thờ, vào năm 792, dưới triều đại của Constantine và Irene[2192] . Còn tại nơi hoang vắng mà vị thánh đã tu hành, một tu viện nữ đã được xây dựng, đúng như lời tiên tri của ngài.

[2190] Thánh nhân qua đời vào khoảng năm 790.

[2191] *Amasya* nằm ở phía bắc Tiểu Á, bên bờ Biển Đen.

[2192] Constantine VI Porphyrogenitus, hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 780 đến năm 797, còn Irene trị vì từ năm 797 đến năm 803.

Ngày tưởng niệm Thánh Marko, người ăn chay

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 3

Vị thánh tu hành này đã vượt trội hơn tất cả các tu sĩ khác nhờ lối sống ăn chay khổ hạnh của mình. Đồng thời, ngài cũng dốc lòng nghiên cứu Kinh Thánh, đạt đến sự hoàn hảo trong đức hạnh, như những bài giảng do chính ngài viết đã chứng minh[2193] , và đã thực hiện nhiều phép lạ. Sự trong sạch tâm hồn của vị thánh này lớn lao đến nỗi vị linh mục của tu viện, như chính ông đã thề chứng thực, chưa bao giờ ban các Bí tích Thánh cho ngài bằng tay mình, mà mỗi khi ngài rước lễ, ngài đều nhận các Món Quà Thánh từ một Thiên thần, người cầm thìa và tự tay ban Thánh Thể cho ngài. Người hầu của vị thánh nhân kể lại rằng ông chưa bao giờ thấy ngài nhổ nước bọt xuống đất, đó là sự hiền lành của ngài. Vị thánh nhân đã sống đời tu sĩ trong bốn mươi năm và thực hành việc ăn chay trong suốt sáu mươi năm[2194] . Khi tròn một trăm tuổi, ngài đã về với Chúa[2195] .

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Evlogius

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 3

Thánh Tử đạo Evlogiô xuất thân từ Palestine. Cha mẹ ngài là những người không tin Chúa. Sau khi cha mẹ qua đời, ngài đã phân phát tài sản thừa kế cho những người nghèo, còn bản thân ngài, vì Chúa Kitô mà trở nên nghèo khó, đã lang thang khắp xứ Palestine như một người lữ hành, giảng dạy cho những người không tin và dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô. Bị vu khống trước mặt quan cai trị vùng đất đó, vị thánh đã phải chịu nhiều cực hình vì không chịu dâng lễ vật cho các thần tượng. Cuối cùng, ngài bị chém đầu.

- Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Onisius, người đã sống và chịu khổ cùng thời với Thánh Tử đạo Conon của Isauria.
- Kỷ niệm Thánh Tử đạo Evlampios, người bị chém đầu bằng gươm.
- Kỷ niệm Thánh Tử đạo nữ Iraida, thời gian và địa điểm qua đời không rõ.
- Lễ rước di cốt của Thánh Công tước đức tin Thêôđôr Smolensk và Yaroslav cùng các con trai của ngài, Đa-vít và Cô-nô-xtan-tin, đến nhà thờ chính tòa của Tu viện Spaso-Yaroslavsky. Ngày tưởng niệm các thánh – 19 tháng 9. Di cốt được tìm thấy vào năm 1463.

Ngày 19 tháng 3

Ngày 6 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Konon và con trai ngài là Konon, những người đã chịu tử đạo tại Iconium

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 3

Dưới triều đại của hoàng đế vô đạo Aurelian[2196] , tại thành phố Iconium[2197] , có một người tên là Konon. Ông có khuôn mặt đẹp và rất kính sợ Thiên Chúa. Vợ của Konon cũng có đức tin vững chắc nơi Chúa. Cả hai vợ chồng đều tràn đầy tình yêu dành cho quê hương trên trời và tìm kiếm vinh quang và danh dự trên trời hơn là những điều trần thế. Trong một thời gian dài, họ đã cầu nguyện với Chúa để Ngài ban cho họ một người con trai. Chúa đã

[2193] Thánh Mark đã nghiên cứu Lời Chúa một cách hoàn hảo đến mức thuộc lòng toàn bộ Kinh Thánh, từng là môn đệ của Thánh Gioan Vàng Miệng và đã viết nhiều lời giảng dạy. Những lời giảng dạy này đã được xuất bản bằng bản dịch tiếng Nga vào năm 1858.

[2194] Người ta cho rằng Thánh Mark đã nhập tu khi 40 tuổi và đã tu hành trong 60 năm. Nơi ngài tu hành là Núi Nitria, nằm ở miền hạ Ai Cập, cách Alexandria 70 verst về phía nam và phía tây sông Nile, gần sa mạc Libya.

[2195] Thánh nhân qua đời vào khoảng giữa thế kỷ V.

[2196] *Aurelian*, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 270 đến năm 275.

[2197] *Iconium* – một thành phố ở Tiểu Á, ngày nay là Konya.

nghe lời cầu nguyện của họ và ban cho họ một người con trai, mà họ cũng đặt tên là Konon. Vào chính ngày sinh nhật của đứa trẻ, người mẹ đã về với Chúa, mang trong mình niềm hy vọng vững chắc về sự cứu rỗi, theo lời của Thánh Tông Đồ: *"Nhưng họ sẽ được cứu rỗi nhờ việc sinh con"* (1 Tm 2:15).

Chính Thánh Konon đã dành hết ngày đêm để cầu nguyện. Khi con trai tròn bảy tuổi, Konon đã phân phát tất cả những gì mình có cho người nghèo, rồi đưa cậu bé theo mình vào tu viện, nơi ngài sống đời tu hành. Chúa đã ban ân sủng cho ngài, đến nỗi ngài làm cho người mù được sáng mắt, thanh tẩy người bị bệnh hủi, trừ quỷ và chữa lành đủ loại bệnh tật, đồng thời thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại.

Con sông chảy qua Iconium vào mùa xuân thường dâng cao, tràn bờ và gây ra nhiều thảm họa cho cư dân vùng đất ấy, nhấn chìm ruộng đồng, vườn tược và nhà cửa của họ. Trong một trận lụt như vậy, con sông đã nhấn chìm nhiều làng mạc hơn hẳn so với bình thường. Người dân Iconium đã đến gặp vị thánh nhân Conon và, quỳ sấp xuống dưới chân ngài, họ khẩn cầu:

– Xin hãy giúp chúng tôi, tôi tớ của Chúa, vì trận lũ lụt lần này lớn hơn bình thường và đã nhấn chìm chúng tôi cùng tất cả tài sản và của cải của chúng tôi; rất nhiều người vẫn còn ở bên kia sông và không thể đến đây được.

– Hỡi anh em, – vị thánh Konon đáp lại, – tôi là một người tội lỗi và không xứng đáng, tôi có thể làm gì được đây?

Nhưng cả đám đông bắt đầu đồng thanh kêu lên với ngài:

– Thánh Konon, tôi tớ của Chúa, xin hãy giúp chúng con!

Lúc đó, Thánh Konon đi ra bờ sông, ngước mắt lên trời và bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, như xưa Ngài đã nghe lời Mô-sê, tôi tớ của Ngài, bên bờ Biển Đỏ và dẫn dân Y-sơ-ra-ên đi qua trên đất khô, xin Ngài cũng hãy nghe lời con hôm nay, Lạy Chúa, xin hãy nghe lời con vì dân tộc này, để họ được chứng kiến những phép lạ của Ngài và tôn vinh Danh Thánh của Ngài đến muôn đời.

Toàn thể dân chúng đáp lại:

– A-men.

Ngay lập tức, dòng sông chia làm hai nhánh: một nhánh đột ngột chảy ngược lại, còn nhánh kia tiếp tục chảy theo dòng cũ. Tất cả những người có mặt, nam lẫn nữ, đồng thanh reo hò, ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi mọi người đặt niềm tin nơi Ngài. Người dân và súc vật trở về các làng mạc của mình, nơi họ đã bị nước cuốn trôi khỏi đó. Nhưng dòng nước chảy ngược lại đã nhấn chìm các làng mạc ở thượng nguồn, không chỉ tràn ngập các thung lũng và rừng rậm, mà còn bao phủ cả những vùng đất cao. Lúc đó, toàn thể dân chúng lại đến gặp vị thánh của Đức Chúa Trời và kể lại những gì đã xảy ra. Thánh Konon tiến đến bên dòng sông, làm dấu thánh giá trên mặt nước và nói:

– Hãy nghe lệnh của Đức Chúa Trời Toàn Năng, hãy thu gom tất cả nước của ngươi vào lòng sông, đừng tràn ra khỏi bờ và đừng ngập lụt các làng mạc của con người.

Ngay lập tức, dòng sông, như một nô lệ vâng lời chủ mình, chảy theo lòng sông của mình, không tràn ra khỏi bờ, mặc dù trước đó nước trong sông dâng cao như một ngọn núi.

Như vậy, lời Chúa đã ứng nghiệm: *"Nếu các ngươi có đức tin bằng hạt cải, các ngươi sẽ bảo ngọn núi này: 'Hãy dời khỏi đây sang kia', thì nó sẽ dời đi"* (Mt 17,20).

Thánh Konon, với lòng quan tâm đến sự cứu rỗi linh hồn loài người, đã phá hủy nhiều đền thờ thần tượng và dẫn dắt những người không tin đến với Chúa Kitô. Điều này không chỉ xảy ra ở Ikonia, mà còn ở các vùng lân cận. Tin tức về Thánh Konon đã đến tai vị thống đốc Domitian. Kẻ vô đạo và bất chính này đã đến Ikonia và gây ra nỗi sợ hãi và hỗn loạn đến mức không ai dám công khai thừa nhận mình là Kitô hữu. Nhiều người đã lánh lên núi và sa mạc, nơi họ sống chung với các loài thú, không muốn từ bỏ việc tuyên xưng đức tin Kitô giáo vì sợ hãi. Vị thống đốc Domitian, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã ra lệnh bắt Thánh Konon, người của Thiên Chúa, và đưa ngài đến trước mặt mình.

Khi vị thánh được dẫn đến nơi tra tấn, Domitian mỉm cười thân thiện nhìn ngài và nói:

– Chào ngài, vị lão nhân cao quý.

– Chào ngài, – vị thánh đáp lại.

– Ta thấy, – Domitian tiếp lời, – rằng những điều ta nghe về ngươi quả là đúng, vì dáng vẻ ngươi rạng rỡ và đáng kính, đôi mắt ngươi lấp lánh như những vì sao, và tuổi già của ngươi không thể bị chỉ trích. Chúng tôi đã nhận được tin rằng ngài đã bị nhiễm chất độc chết người của Kitô giáo, và không chỉ bản thân ngài lầm lạc, mà còn

lôi kéo nhiều người khác vào cùng sự lầm lạc đó. Tuy nhiên, chúng tôi không tin vào tin đồn này, vì biết rằng ngài là một người cao quý và trung thành với đức tin của chúng tôi.

Trước những lời của Domitian, Thánh Conon đã đáp lại:

– Kinh Thánh có chép rằng chúng ta nên tuân theo những lời khuyên hữu ích, chứ không phải những lời khuyên có hại. Vậy tại sao ngài lại từ chối Chúa của chúng ta, Đấng đã bị bắt, bị kết án tử hình, chết trên Thập tự giá và được an táng trong quan tài? Tại sao ngài lại không ngạc nhiên trước sự ra đời của Ngài từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Đấng dù đã sinh con nhưng vẫn giữ nguyên sự trinh khiết? Tại sao ngươi không ngạc nhiên trước sự ra đời mà các Thiên thần đã rao giảng, trong niềm vui và ca ngợi: *"Vinh quang trên trời thuộc về Thiên Chúa, và bình an dưới đất cho những người được Ngài yêu thương"* (Lc 2,14)? Tại sao ngươi không ngạc nhiên trước quyền năng của Đấng đã dùng năm chiếc bánh và hai con cá để nuôi no năm nghìn người? Ai có thể tạo ra phép lạ như vậy, nếu không phải là Đấng đã mở mắt cho người mù bẩm sinh, ban sự sống cho La-xa-rơ đã chết và nằm trong quan tài bốn ngày, và cuối cùng, theo ý muốn của Ngài, đã chịu khổ nạn để cứu rỗi cả thế giới, khi Ngài qua đời, đá vỡ ra, quan tài mở ra và nhiều thánh nhân đã qua đời được sống lại?

– Nhưng nếu câu chuyện của ngươi là sự thật, – Thánh Domitian phản bác, – thì cả thế giới sẽ tin vào Đấng Kitô của ngươi và quyền năng của Zeus sẽ bị tiêu diệt.

Thánh Conon nói:

– Sẽ đúng như vậy – Zeus này và tất cả các vị thần của các ngươi sẽ bị tiêu diệt bởi quyền năng bất khả chiến bại của Chúa chúng ta Giê-su Ki-tô, Đấng đã truyền cho tôi rao giảng lẽ thật, và tôi sẽ trung thành với lẽ thật ấy cho đến cùng, vì đã được chép trong luật của Đấng Ki-tô: *"Ta là đường, là lẽ thật và là sự sống"* (Ga 14,2). Chúng ta, những người tin Chúa, phải trải qua nhiều hoạn nạn để được vào Nước Thiên Chúa, còn những kẻ thuộc về thế gian này, đang sống xa hoa trong những của cải trần gian, sẽ bị đuổi ra ngoài và đi vào bóng tối tăm tối, nơi có tiếng khóc lóc và nghiến răng.

Những lời này của vị tử đạo đã khiến Domitian nổi cơn thịnh nộ dữ dội, và ông ra lệnh đánh đập Thánh Konon và tra tấn ngài bằng đủ mọi hình thức. Thánh nhân đã dũng cảm nói:

– Ta không sợ những hình phạt của ngươi, hãy mau thực hiện điều ngươi đã định; ta xin ngươi hãy tra tấn ta bằng những hình phạt tàn khốc nhất, để ta được xứng đáng nhận phần thưởng lớn lao hơn từ Đấng Kitô của ta.

Domitian nói:

– Ta sẽ cho ngươi một lời khuyên hữu ích: hãy nghe theo chúng ta, và ngươi sẽ xứng đáng được hưởng niềm vui cùng với chúng ta.

Nhưng Thánh Conon đáp lại:

– Ta muốn cứu rỗi linh hồn mình, chứ không phải thân xác, và ta muốn tận hưởng những niềm vui thiêng liêng, chứ không phải những thú vui xác thịt. Còn ngươi, kẻ vô đạo, sẽ phải chịu cực hình cùng với cha ngươi là ma quỷ trong địa ngục, nơi mà nỗi đau khổ của ngươi sẽ không bao giờ chấm dứt.

Sau đó, Domitian hỏi vị thánh:

– Ngươi có chức vụ gì trong đức tin của ngươi, lão già vô đạo? Ngươi là linh mục sao?

– Không, – vị tử đạo đáp, – tôi chỉ là một người bình thường và không xứng đáng với chức thánh thiêng liêng ấy, những ai được ban chức thánh ấy thì cùng với Chúa Kitô và các Thiên Thần thánh của Ngài hân hoan trong niềm vui thiêng liêng. Tuy nhiên, tôi cũng sống vì Chúa Giêsu Kitô của tôi, tôi thờ lạy Ngài và vui mừng vì danh Ngài.

– Ngươi có vợ không? – Domitian tiếp tục hỏi.

– Có, – vị thánh đáp, – nhưng tôi không sống với cô ấy lâu, vì cô ấy đã về với Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

– Anh có con cái không? – Domitian lại hỏi.

– Tôi có một người con trai, – vị thánh đáp, – nó vẫn ở lại nhà tôi, nhưng tôi mong rằng nó cũng sẽ được đứng trước mặt ngài.

– Chẳng lẽ nó cũng không thờ phụng các vị thần của chúng ta sao? – Domitian hỏi.

– Cây thế nào, – vị thánh đáp, – cành lá cũng thế, nhưng xin ngài hãy ra lệnh đưa con trai tôi đến đây, để chúng ta cùng nhau nhận vương miện tử đạo.

Ngay lập tức, theo lệnh của Domitian, các binh lính được cử đi tìm cậu bé Conon. Khi cậu được dẫn đến và đặt trước mặt kẻ tra tấn, hắn hỏi Conon lớn tuổi hơn:

– Con trai ngươi bao nhiêu tuổi rồi?

Conon trả lời:

– Khi cậu ấy bảy tuổi, tôi đã gửi cậu ấy vào tu viện để học hành, và ở đó cậu ấy đã biết đọc biết viết. Khi cậu ấy tròn mười hai tuổi, cậu ấy được phong làm người đọc kinh trong nhà thờ. Giờ đây cậu ấy đã mười bảy tuổi, và nhờ ân sủng của Chúa Kitô, cậu ấy đã được phong chức phó tế và nằm trong số các vị thừa tác viên thánh của Chúa. Từ thuở nhỏ, tôi đã dạy con trai mình sống trong sự trong sạch, và con trai tôi xứng đáng nhận vương miện tử đạo. Tôi xin ngài: đừng chần chừ lâu nữa, hãy ra lệnh cho chúng tôi chịu cực hình, để chúng tôi cùng nhau được Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng tôi, ban vương miện, vì chúng tôi là Kitô hữu và mong muốn chết vì Chúa Kitô.

– Con trai ngươi tên là gì? – Domitian hỏi. Vị tử đạo đáp:

– Nó có cùng tên với cha.

Domitian quay sang chàng trai trẻ Conon và nói với anh ta:

– Chàng đã nghe chưa, chàng trai trẻ, cha chàng đã sống nhiều năm, đã kết hôn, sinh ra một người con trai và tận hưởng cuộc sống trong một thời gian khá dài, nhưng giờ đây ông ấy đã là một ông già; vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi ông ấy mong muốn cái chết. Còn chàng thì vẫn còn trẻ và mới chỉ bắt đầu khám phá hết vẻ đẹp của cuộc sống, lẽ nào chàng lại muốn nghe theo lời cha mình?

Trước những lời xảo trá của kẻ tra tấn, chàng trai trẻ đáp lại:

– Cha tôi đã dạy tôi tôn kính Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng Tạo Hóa của mọi sự sáng tạo hữu hình và vô hình, sống thánh thiện và đạo đức, chỉ cho tôi con đường cứu rỗi và nói với tôi rằng cuộc đời này không phải là sự sống, mà là cái chết, và tất cả những ai yêu mến cuộc sống tạm bợ đều chết đối với sự vĩnh cửu, còn nơi Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta có sự sống vô tận, mà Ngài ban cho những ai yêu mến Ngài. Hơn nữa, cha tôi đã dạy tôi rằng những kẻ vô đạo và thờ thần tượng sẽ phải chịu sự đau khổ vĩnh viễn trong lửa địa ngục, ngọn lửa không bao giờ tắt, còn những tôi tớ công chính của Đấng Christ sẽ được ban cho những vương miện bất diệt trong vinh quang Thiên Đàng, trong Nước Trời vô tận của Đức Chúa Trời và Đấng Christ của chúng ta, vì Ngài mà chúng ta đã từ bỏ thế gian, và thế gian cũng đã từ bỏ chúng ta. Được cha tôi dạy dỗ như vậy, tôi đồng lòng với ngài, tôi mong muốn đi đến với Thiên Chúa theo con đường mà ngài đang đi, và tự nguyện chịu những đau khổ mà ngài đã tự nguyện chịu đựng. Vì Chúa Kitô, Chúa của tôi, đã phán như thế này: *"Cha tôi vẫn làm việc cho đến ngày nay, và tôi cũng làm việc*," *"Con không thể tự mình làm điều gì, nếu không thấy Cha làm việc: vì những gì Cha làm, thì Con cũng làm như vậy"* (Ga 5:17, 19).

– "Và nếu ta giết cha ngươi bằng những cực hình tàn bạo, thì ngươi có muốn chết như vậy không?" – Domitian hỏi.

– Vâng, tôi mong muốn, – vị thanh niên thánh thiện Konon đáp, – tôi mong muốn chết cùng với cha tôi, để rồi cùng sống lại trong Nước của Chúa chúng ta, vì chết vì Chúa Kitô không phải là cái chết, mà là nhận được sự sống đời đời.

Lúc đó, Domitian quay sang vị trưởng lão Konon và nói với ông:

– Quả thật, chàng trai này khôn ngoan hơn ngươi, và chỉ thiếu một điều duy nhất – đó là, sau khi nhận biết lẽ thật, hãy thờ lạy các vị thần của chúng ta.

Vị tu sĩ già Conon đáp lại kẻ tra tấn:

– Chàng trai này hiểu rõ lẽ thật, vì chàng cùng với tôi thờ phượng Đấng đã phán: *"Ta là Lẽ Thật"* (Giăng 14:6), còn những thần tượng ma quỷ, những vị thần dối trá của các ngươi, thì cả chàng lẫn tôi sẽ không bao giờ thờ phượng.

– Ta nói với các ngươi lần cuối cùng: hãy nghe lời ta và thờ lạy các vị thần, – Domitian nói, – để thoát khỏi những cực hình tàn bạo và cái chết, đồng thời nhận được những món quà quý giá từ chúng ta.

Conon, người lớn tuổi nhất, đáp lại:

– Hỡi kẻ vô pháp bị Thiên Chúa ruồng bỏ, kẻ hành hạ khát máu con người và là kẻ vô đạo nhất trong tất cả loài người, chẳng phải từ đầu tôi đã nói với ngươi rằng tôi là Kitô hữu và mong muốn cùng con trai mình chết vì Chúa Kitô sao? Vậy mà ngươi, như kẻ say mê sự ác và điên loạn, lại không nhớ lời tôi sao?

Lúc đó, Domitian ra lệnh mang đến một chiếc giường sắt, nung đỏ rực, rồi đặt các thánh tử đạo trần truồng lên đó và thiêu đốt họ. Tuân theo mệnh lệnh của kẻ tra tấn, một số người hầu thổi bùng than hồng, số khác đổ dầu sôi lên người các thánh tử đạo – nhưng các thánh vẫn không hề hấn gì. Trong lúc đó, vị trưởng lão Conon nói với kẻ tra tấn:

– Chẳng lẽ ngươi không nhớ sao, Domitian, rằng ta đã xin ngươi tra tấn ta một cách tàn bạo? Thế mà ngươi còn không thèm làm điều đó, vì hình phạt này đối với chúng ta chẳng là gì cả và chúng ta không cảm thấy bị thiêu đốt.

Thấy các vị tử đạo không hề hấn gì, kẻ tra tấn ra lệnh chuẩn bị một cái nồi đồng, đổ đầy thiếc, lưu huỳnh và nhựa thông vào đó, đốt nóng rồi ném các vị tử đạo thánh vào nồi. Lúc đó, hắn nói:

– Nếu trên giường lửa đỏ rực mà họ vẫn thấy mát mẻ, thì ta sẽ làm họ nóng lên trong nồi sôi sục và xem liệu Thiên Chúa có thể giải thoát họ khỏi ngọn lửa này hay không.

Các thánh, khi bị ném vào nồi, đã ngước mắt lên trời và cầu nguyện:

– Lạy Chúa, Đấng Tạo Hóa muôn loài! Xin hãy nghe lời chúng con cầu xin, xin hãy sai Thánh Thiên Thần của Ngài đến với chúng con, để Ngài làm nguội nồi đồng đang rực lửa này, như xưa kia Ngài đã làm nguội lò lửa Babylon cho ba thiếu niên; xin hãy nghe lời chúng con, lạy Chúa, và mau đến giúp đỡ chúng con, để mọi người đều nhận ra rằng Ngài là Con của Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng đã đến thế gian.

Ngay lập tức, sau lời cầu nguyện của họ, Chúa đã sai Thiên Thần của Ngài đến, Người đã dùng sương trời làm nguội nồi nước sôi và nói với họ:

– Bình an cho các con, những chiến binh tốt lành, những người tu hành trung thành! Đừng sợ hãi, vì Chúa Kitô ở cùng các con; Ngài sẽ làm cho các con trở thành những người chiến thắng và được dự phần vào niềm vui vĩnh cửu.

Sau đó, Domitian ra lệnh treo các thánh tử đạo ngược đầu và hun khói hôi thối vào họ. Thánh Conon, người lớn tuổi nhất, mỉm cười trước mệnh lệnh đó và nói:

– Kẻ điên rồ! Lửa còn không làm hại được chúng ta, làm sao chúng ta lại sợ khói được?

Khi các thánh tiếp tục bị tra tấn bằng khói hôi thối, họ đã chế nhạo kẻ tra tấn và nói:

– Ngươi không thấy hổ thẹn sao, tên khốn kiếp kia, khi hai chiến binh của Đấng Kitô đã đánh bại toàn bộ sức mạnh kiêu ngạo của các ngươi, làm nhục cha ngươi là ma quỷ, và đập tan cũng như vượt qua mọi mưu mô xảo quyệt của hắn.

Domitian bừng lên cơn thịnh nộ dữ dội; bị sỉ nhục và không biết phải làm gì nữa, ông ra lệnh chấm dứt hình phạt này và dùng cưa gỗ xẻ các vị tử đạo làm đôi. Khi các đầy tớ đặt họ vào vị trí và định bắt đầu cưa, các thánh xin các đầy tớ cho họ thời gian để cầu nguyện, và họ đã cầu nguyện với Thiên Chúa như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa Toàn Năng, Đấng Tạo Hóa trời đất, Vua của các vua và Chúa của các chúa, chúng con tạ ơn Ngài vì đã cho chúng con được chịu khổ vì Danh Thánh của Ngài, đã củng cố chúng con trong những cực hình và không để cho kẻ thù của Ngài nhạo báng chúng con, mà còn khiến chúng con trở thành những người chiến thắng ma quỷ. Chúng con tôn vinh Ngài – Đức Kitô, Thiên Chúa Toàn Năng và Đấng Yêu Thương Loài Người – và chúng con khẩn cầu Ngài: xin ban bình an cho Hội Thánh thánh thiện của Ngài, hiện hữu khắp vũ trụ; xin làm cho những kẻ bách hại Hội Thánh phải hổ thẹn và bị đánh bại; xin mau chóng lật đổ và phá hủy những đền thờ tà thần ghê tởm; xin ngự trị quyền năng của Ngài và lan tỏa sự ngợi khen Danh thánh của Ngài; xin bảo vệ và làm gia tăng dòng dõi Kitô hữu, những người ngợi khen Ngài cách chính đáng cho đến cuối đời. Chúng con còn xin Ngài, lạy Chúa, hãy đón nhận linh hồn chúng con trong bình an; xin đừng để mệnh lệnh của kẻ hành hạ được thực hiện, và xin đừng để chúng con bị xẻ làm đôi, để điều đó không mang lại niềm vui cho kẻ thù của chúng con, kẻ muốn khoe khoang rằng hắn đã hủy diệt chúng con. Xin lòng thương xót của Ngài luôn ở cùng chúng con và đưa chúng con về với Ngài; còn Domitian, xin cho hắn biết rằng chúng con là tôi tớ của Ngài, và Ngài đã thực hiện điều Ngài đã muốn nơi chúng con; và khi ai nghe được sự việc này, họ sẽ tôn vinh Danh Thánh Tối Cao của Ngài đến muôn đời.

Khi các thánh nói "A-men", một tiếng nói từ trời vang lên, kêu gọi họ vào các nơi ở trên trời; các thánh tử đạo, sau khi làm dấu thánh giá, đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa. Ngay lập tức, một trận động đất mạnh xảy ra, các đền thờ thần tượng sụp đổ và tất cả các tượng thần trong thành phố đều vỡ tan, còn Domitian thì bỏ chạy và trốn trong nhà mình.

Các tu sĩ đang ở trong tu viện, khi nghe tin về những gì đã xảy ra với các thánh tử đạo, đã đến và rước thi hài thánh thiện của các ngài về tu viện, rồi an táng các ngài một cách trang trọng, ngợi khen Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng được muôn loài ngợi khen muôn đời. A-men.

Sự tử đạo của 42 vị thánh tử đạo

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 3

Hoàng đế Hy Lạp Theophilus[2198] , con trai của Hoàng đế Michael, có biệt danh là Valvos hoặc Travlos và xuất thân từ Ammoreia[2199] , đã thường xuyên tiến hành các cuộc chiến tranh với người Ả Rập, đôi khi chiến thắng họ, đôi khi lại bị họ đánh bại.

Một lần nọ, sau khi dẫn một đạo quân hùng mạnh ra trận chống lại người Agary, Theophilus đã vây hãm thành phố có tên là Sozopetra – quê hương của hoàng tử Saracen Amir-Mumna – và muốn chiếm lấy thành phố này.

Tuy nhiên, hoàng tử người Agaryan Amir-Mumna (còn gọi là Avisak) lúc đó đang ở một nơi khác; ông đã cử các sứ giả đến gặp vua Theophilus, tha thiết xin ông rút quân khỏi thành Sozopetra và đừng tàn phá thành phố quê hương yêu dấu của ông. Nhưng Theophilus không nghe theo lời thỉnh cầu của ông, đã chiếm được thành phố, tàn phá nó hoàn toàn và trở về nhà với một lượng chiến lợi phẩm khổng lồ.

Amirmumna, vô cùng đau buồn trước cảnh thành phố quê hương bị tàn phá, đã vô cùng phẫn nộ và bắt đầu chi tiền rất nhiều để chiêu mộ binh lính khắp nơi – ở Babylon, ở Phoenicia, ở Palestine, ở Kelesiria và ở châu Phi xa xôi.

Một thời gian sau, ông tập hợp toàn bộ quân đội của mình tại Tarsus[2200] , và dự định tiến quân đến thành phố xinh đẹp Ammoreia ở Phrygia – nơi đây chính là quê hương của vua Michael Travlos, cha của hoàng đế Theophilus – nhằm trả thù cho thành phố quê hương Sozopetra của mình, vốn đã bị Theophilus tàn phá.

Nghe tin này, vua Hy Lạp Theophilus cũng tập hợp một đạo quân hùng mạnh từ phương Đông, phương Tây và Ba Tư; sau khi xuất quân chống lại kẻ thù, ông đã đến thành phố Dorileus thuộc Phrygia, cách thành phố Ammoreia ba ngày đường. Nhiều quan lại thân cận của vua, sau khi biết chắc chắn rằng quân Saracen đông hơn quân Hy Lạp rất nhiều, đã khuyên vua không nên giao chiến với quân của công tước Agarian, mà nên di tản dân cư Ammoreia và định cư họ tại các thành phố kiên cố khác. Nhưng Theophilus nói rằng thật đáng xấu hổ nếu trốn tránh trận chiến và để lại thành phố Ammoreia xinh đẹp trống rỗng.

Ông bắt đầu chuẩn bị quân đội cho trận chiến và cử một phần quân đi bảo vệ Ammoreia. Cùng với quân đội có các tướng lĩnh sau đây: Constantine, biệt danh là Drungarius[2201] , mang tước hiệu patricius[2202] , Aetius, cũng là patricius, Theophilus, cũng là patricius, Theodore, biệt danh là Craterus[2203] , mang chức vụ protospatharius[2204] , Milissen và Callistus, biệt danh là Turmarchus[2205] , Vassoi và nhiều tướng lĩnh cùng quý tộc khác.

Một thời gian ngắn sau, quân đội của Theophilus và Amirmumna đụng độ, một trận chiến lớn đã diễn ra và rất nhiều người ở cả hai phe đã bị giết. Ban đầu, người Hy Lạp áp đảo người Agaria, nhưng sau đó, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, cục diện trận chiến đã thay đổi, vì Chúa Kitô, vì phẫn nộ với Theophilus vì sự chống đối các bức tượng thánh của ông, đã tước đi lòng dũng cảm của người Hy Lạp; người Agaria đã phục hồi và bắt đầu áp đảo người Hy Lạp.

Bất ngờ, toàn bộ quân đội Hy Lạp quay đầu tháo chạy, bỏ lại vị vua của họ, người chỉ được bảo vệ bởi một đạo quân Ba Tư mà ông đã thuê bằng tiền.

Chắc chắn, vua Theophilus đã bị giết tại đây nếu không phải vì đêm đã buông xuống. Nhưng Vua trên trời, Đấng *"không giận dữ mãi mãi và không phẫn nộ đến đời đời"* (Thi Thiên 102:9), đã thương xót các Kitô hữu và bất ngờ cho mưa lớn đổ xuống các đạo quân Agari, khiến cung tên của họ yếu đi và họ ngừng truy đuổi vua Theophilus đang chạy trốn cùng các chiến binh Hy Lạp đã bị đánh bại.

[2198] Theophilus, hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 829 đến năm 842.
[2199] *Ammorea* – một thành phố ở Phrygia, thuộc Tiểu Á.
[2200] *Tarsus* – thành phố chính của Cilicia, một vùng ở Tiểu Á
[2201] *Thuật ngữ "Drungariai"* thực chất dùng để chỉ các chỉ huy tàu chiến.
[2202] Tức là thượng nghị sĩ.
[2203] *Kratir* (hratis) – quyền lực, mạnh mẽ.
[2204] *Proto-spatharios* – người đứng đầu đội cận vệ cầm kiếm – một danh hiệu danh dự tại triều đình các hoàng đế Byzantine
[2205] *Turmarkhi,* cũng giống như Drungaria.

Sau trận chiến khốc liệt này, hoàng tử A-ga-ri A-mi-rumu-na lập tức tiến đến thành Ammorea và bao vây nó, đào một con hào sâu bao quanh thành. Ông đã bao vây thành từ mọi phía trong một thời gian dài, với ý định chiếm lấy nó.

Còn vua Hy Lạp Theophilus thì chạy trốn trong nhục nhã đến Dorilei; từ đó, ông cử các sứ giả đến gặp công tước Amir-Mumna cùng nhiều lễ vật quý giá, xin công tước rút quân khỏi thành Ammoreia. Nhưng công tước này, vì vô cùng phẫn nộ trước việc thành Sozopetra của mình bị tàn phá, nên không hề nhượng bộ. Sau khi chế giễu lời cầu xin của vị vua và những món quà của ông ta, gọi ông ta là kẻ hèn nhát và chạy trốn, vị công tước ra lệnh giam giữ các sứ giả của nhà vua trong xiềng xích để chờ kết quả cuộc chiến, và trong nhiều ngày tiếp theo, ông ra lệnh tiến hành các đợt tấn công mạnh mẽ vào thành phố.

Những người ở trong thành đã chống cự quyết liệt, và từ trên tường thành, rất nhiều binh lính Agarian cùng các tướng lĩnh cao cấp nhất đã bị tiêu diệt. Do nghi ngờ khả năng chiếm được thành, Công tước Amir-Mumna đã định bỏ cuộc và trở về quê hương. Và điều đó chắc chắn đã xảy ra, nếu không có sự phản bội xảo quyệt của một trong những tướng lĩnh Ammorei tên là Vaditzis. Kẻ này, sau khi cãi vã với chỉ huy quân đội, đã âm mưu giao nộp thành cho kẻ thù.

Hắn bắn một mũi tên có gắn mảnh giấy vào phía người Agari, những người đang chuẩn bị rời khỏi tường thành; trên mảnh giấy, hắn viết như sau:

– Tại sao, sau khi đã ở đây lâu đến vậy và bỏ ra nhiều công sức như thế, các ngươi lại rời khỏi đây mà không giành được chiến thắng? Hãy can đảm lên, hãy dũng cảm, hãy tấn công vào phía tường thành nơi có cột đá với hình con sư tử bằng đá cẩm thạch, và trên đỉnh cột là hình cây chà là bằng đá; tôi đang ở đây và canh gác phía này; tôi sẽ giúp các ngài, và các ngài sẽ dễ dàng chiếm được thành, vì ở đây không có tường thành. Chính các ngài sẽ quyết định sẽ ban cho tôi vinh dự nào để đền đáp ân huệ này.

Khi mảnh giấy này, được buộc vào mũi tên, được tìm thấy và mang đến cho hoàng tử Agaria là Amir-Mumna, ông đã đọc nó và vô cùng vui mừng. Ngay lập tức, ông ra lệnh cho toàn bộ quân đội của mình tiến đến đoạn tường được chỉ định và, với sự trợ giúp của tên xảo quyệt Vaditzis, toàn bộ quân đội Agaryan đã tiến vào thành phố, nơi xảy ra một cuộc tàn sát khủng khiếp, đến nỗi máu của các Kitô hữu chảy thành dòng trên các con phố, còn thành phố thì bị hủy diệt không chỉ bằng gươm mà còn bằng lửa, vì nó ngay lập tức bị đốt cháy từ mọi phía, và đó là sự trừng phạt của Chúa đối với những người đã để các tà giáo lan tràn trong cộng đồng người Hy Lạp vào thời điểm đó. Trong số cư dân của thành phố này, hầu như không ai thoát khỏi lưỡi gươm hay ngọn lửa của người Agaryan vào thời điểm đó; còn những người may mắn sống sót lúc bấy giờ thì sau này cũng không tránh khỏi cái chết, hoặc bị bắt làm tù binh.

Khi cuộc tàn sát dân chúng chấm dứt, các tướng lĩnh nêu trên – những người được vua cử đến để bảo vệ thành phố – đã bị bắt làm tù binh: Constantine, Aetius, Theophilus, Theodore, Milissen, Callistus, Vassoi và các tướng lĩnh cao cấp khác, tổng cộng là bốn mươi hai người. Những người đàn ông, phụ nữ, thanh niên và thiếu nữ còn sống sót đều bị bắt làm tù binh; trong đó, hoàng tử Agarian ra lệnh tách riêng đàn ông khỏi phụ nữ, thanh niên và thiếu nữ, và số đàn ông lên tới khoảng bảy mươi nghìn người, còn phụ nữ, thiếu nữ và thanh niên thì không thể đếm xuể. Hoàng tử ra lệnh chém chết tất cả nam giới bằng gươm, chỉ để lại những thống soái và tướng lĩnh nêu trên, còn phụ nữ và trẻ em thì chia cho binh lính của mình. Vậy là thành phố Ammoreia xinh đẹp này đã bị hủy diệt trong một ngày bởi gươm và lửa, vì những tội lỗi của vị vua vô đạo Theophilus, người đã cướp đi các bức tượng thánh khỏi các nhà thờ và tra tấn dã man nhiều vị thánh tử đạo vì việc thờ phượng các bức tượng thánh.

Sau đó, kẻ hành hạ Amir-Mumna ra lệnh tháo xiềng xích cho những người do Theophilus cử đến, những người đã chứng kiến toàn bộ sự tàn phá của thành phố, và gửi họ về báo cáo với nhà vua về tất cả những gì họ đã thấy.

Nhận được tin này, nhà vua rơi vào nỗi buồn sâu sắc. Sau đó, ông cử các sứ giả đến gặp Amir-Mumna, mong muốn chuộc lại các quan tổng trấn và tướng lĩnh của mình với giá hai trăm kentenari[2206] . Nhưng người này không muốn trả lại các tù binh với mức giá đó, nói rằng ông đã tiêu tốn một nghìn kentenari để tập hợp quân đội; sau khi chế giễu bức thư của nhà vua và các sứ giả, vị công tước đã đuổi họ đi một cách nhục nhã.

[2206] *Kentenari* – một loại tiền vàng có giá trị lớn.

Sau đó, Theophilus vì quá đau buồn nên lâm bệnh và không lâu sau đó đã qua đời vì căn bệnh ấy. Còn những tù binh thì bị đưa về Syria. Tướng quân Vaditzis, người đã giao nộp thành phố cho kẻ thù, đã từ bỏ Đức Kitô và trở thành kẻ bội đạo, theo đạo Hồi, nhờ đó mà nhận được những vinh dự và quà tặng lớn lao từ vị công tước.

Hoàng tử Amir-Mumna, sau khi đưa các tướng Hy Lạp bị bắt cùng đoàn tùy tùng của họ, tổng cộng bốn mươi hai người, về nước mình, đã ra lệnh giam họ trong xiềng xích tại một ngục tối u ám, nơi họ bị đeo cùm vào chân và bị hành hạ bằng đói khát. Như vậy, các thánh đã phải chịu cảnh khốn khó tột cùng, phải chịu đựng đau khổ không phải do người Agarian gây ra, mà chủ yếu là do tên phản bội Vaditsis nói trên, kẻ đã tỏ ra vô cùng độc ác đối với họ.

Một thời gian sau, những người Agarian vô đạo, dưới sự xúi giục của vị công tước của họ, bắt đầu dụ dỗ các vị thánh tù nhân theo đạo Agarian của họ, bởi vì vị công tước vô đạo này coi việc bắt giữ cả thân xác lẫn linh hồn của những người mà ông ta đã bắt giữ là một thành tích của bản thân.

Một lần nọ, có mấy người bước vào ngục giam nơi các thánh đang bị giam giữ và, như thể thương xót họ, đã đưa cho họ một ít tiền bố thí, đồng thời khuyên các thánh hãy tự cứu lấy mình và thoát khỏi cảnh giam cầm khắc nghiệt trong ngục – sự giải thoát đó sẽ xảy ra khi họ chuyển sang theo đạo Hồi. Nhưng các thánh nhân không muốn nghe những lời xảo trá đó, thà chịu đựng cảnh khốn cùng và sự giam cầm trong ngục tối suốt cả cuộc đời, thậm chí chấp nhận cái chết tàn bạo nhất, còn hơn là từ bỏ Chúa Kitô và chuyển sang đạo Hồi vô đạo. Với những lời dụ dỗ như vậy, những kẻ dụ dỗ xảo trá này không chỉ đến gặp các thánh nhân một lần, mà là nhiều lần. Tuy nhiên, họ chẳng đạt được gì, dù đã hứa với các thánh nhân nhân danh vị công tước của mình không chỉ tự do, mà còn cả vinh dự và những món quà lớn lao.

Một lần nọ, một số quý tộc hàng đầu đã đến, đưa tiền bố thí cho các tù nhân, rồi ngồi xuống bên cạnh họ và, giả vờ rơi lệ, bắt đầu khóc lóc như thể thương xót cho họ vì đã bị giam cầm quá lâu, đồng thời thì thầm với nhau:

– Sự không tin vào vị tiên tri vĩ đại Muhammad đã dẫn đến biết bao đau khổ! Kìa, những người mà chúng ta đang thấy trong xiềng xích nặng nề này, chẳng phải là những quý ông cao quý, từng được vua của họ tôn vinh, dũng cảm trên chiến trường và được dân chúng ca ngợi sao? Chẳng phải họ từng chỉ huy hơn bảy mươi nghìn chiến binh và thành phố Ammorey được phòng thủ kiên cố sao? Nhưng giờ đây họ đã rơi vào tay vị thủ lĩnh của chúng ta,[2207] (họ gọi vị công tước của mình như vậy); ai đã tước đi sức mạnh và sự kiên cường của họ? Chẳng lẽ chỉ vì họ từ chối vị tiên tri vĩ đại Muhammad – những người làm tôi tớ của Ngài, những người tin tưởng vào Ngài, đã giành được chiến thắng vinh quang như vậy – mà họ trở nên bất lực sao? Nhưng không có gì đáng ngạc nhiên khi họ vẫn chưa tin vào Ngài, vì họ vẫn chưa nhận biết Ngài, do chưa được ai dạy dỗ; những ai chưa nhận biết và phạm tội chỉ vì sự thiếu hiểu biết thì dễ dàng được tha thứ.

Sau đó, quay sang các vị thánh, các quan triều đình nói với họ:

– Hỡi các ngươi, những người mà chúng ta đang nói đến và đang thương xót, hãy nghe lời chúng ta khuyên nhủ điều thiện: hãy rời bỏ con đường chật hẹp mà Con của Đức Mẹ Maria truyền cho các ngươi đi, và hãy đi theo con đường rộng mở cả trong đời này lẫn đời sau, con đường mà vị tiên tri vĩ đại đã chỉ dẫn cho chúng ta. Lẽ nào vị Tiên tri của chúng ta lại nói điều không thể tin được khi dạy rằng Đức Chúa Trời có quyền ban thưởng cho những ai vâng phục Ngài bằng mọi ân huệ ở đời này, và ở đời sau sẽ làm cho họ trở thành những người thừa kế thiên đàng? Lẽ nào Đức Chúa Trời lại thiếu vàng hay thiếu thốn bất cứ thứ gì chăng? Hãy từ bỏ sự hoài nghi của những kẻ vô minh, vì thật trái với lẽ thường khi khinh miệt những ân huệ của Đức Chúa Trời, được ban tặng cả ở đời này lẫn đời sau. Hay là các ngươi muốn tự mình làm người phân phát những ân huệ thiêng liêng, không nhận chúng khi Đức Chúa Trời ban phát, mà chỉ nhận khi chính các ngươi muốn? Các ngươi làm điều này vì lòng kiêu ngạo mãnh liệt, khinh thường ân huệ của Đức Chúa Trời và biến lòng thương xót của Ngài thành cơn giận, vì chính các ngươi, nếu ban cho các tôi tớ của mình điều gì, mà họ từ chối những ân huệ của các ngươi và quay lưng lại với các ngươi, thì các ngươi há chẳng tức giận họ sao? Và vì bị họ xúc phạm nặng nề, các ngươi há chẳng trừng phạt họ thay vì ban ân huệ sao? Nếu những con người phàm trần còn hành động như vậy, thì Đức Chúa Trời bất tử há chẳng đối xử với các ngươi như thế sao? Hãy tiếp nhận giáo lý của vị tiên tri chúng tôi; khi đó các bạn sẽ được giải thoát khỏi những tai ương hiện tại và được hưởng những ân huệ thiêng liêng, được ban tặng cho các bạn khi còn sống, cũng như những ân huệ đã được hứa hẹn sau khi qua đời. Bởi vì, với lòng từ bi vô biên, Đức Chúa Trời, khi thấy con người mong muốn thực hiện luật pháp khắt khe của Chúa Giê-su trong cuộc đời, đang kiệt sức, đã sai vị tiên tri

[2207] *Proto-symbol* – cố vấn hàng đầu.

của Ngài là Muhammad đến để giải thoát con người khỏi gánh nặng này và mọi sự bất tiện, hứa hẹn sau tất cả những niềm vui của cuộc sống hiện tại và ở thế giới bên kia là sự hạnh phúc, đồng thời dạy rằng những ai vâng lời Ngài có thể được cứu rỗi chỉ bằng đức tin, mà không cần làm việc thiện.

Sau khi nghe những lời vô đạo đức của những người Hagar, các bậc hiền triết nhìn nhau và mỉm cười hiền hòa. Rồi họ cùng với người hát Thánh vịnh nói:

"Những kẻ kiêu ngạo đã đào hố cho tôi, trái với luật pháp của Ngài. Mọi điều răn của Ngài đều là lẽ thật" (Thi Thiên 118:85–86).

Nhìn những người Agari, họ đáp lại rằng:

– Chẳng lẽ đây là giáo lý của vị tiên tri các ngươi sao? Và các ngươi thực sự tin rằng điều đó là chính đáng và đẹp lòng Đức Chúa Trời, khi xác thịt bị chi phối bởi đủ loại ham muốn, những dục vọng ô uế và cuồng nhiệt, và lý trí của chúng ta bị các dục vọng khuất phục đến mức thậm chí không bao giờ nảy sinh ý nghĩ thoát khỏi những hành vi xác thịt xấu xa bằng cách kiêng khem? Sự khác biệt giữa một con người sống như vậy và một con vật vô tri sẽ là gì? Không, hỡi các anh em, không! Chúng ta không muốn trở thành như vậy và sẽ không từ bỏ luật Kitô giáo đạo đức và trong sạch, vì chúng ta là môn đệ của những người đã kêu cầu Thiên Chúa: *chúng ta* sẽ không rời xa Ngài, vì *"vì Ngài mà chúng ta bị giết mỗi ngày, bị coi như những con chiên [định sẵn] để bị giết"* (Rm 8,36). *"Không có sự chết, không có sự sống, không có các Thiên thần, không có các Quyền năng, không có các thế lực, không có hiện tại, không có tương lai, không có chiều cao, không có chiều sâu, cũng không có bất kỳ loài thụ tạo nào khác có thể tách chúng ta khỏi tình yêu của Thiên Chúa trong Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta"* (Rm 8,38–39). Sau khi nghe câu trả lời như vậy từ các thánh nhân, những người Hagar đã rời khỏi họ mà không thể thuyết phục họ theo đức tin của mình.

Một thời gian sau, những kẻ dụ dỗ được hoàng tử sai đến, được gọi là những người theo chủ nghĩa hymnosophist ([2208]), cũng giống như những người trước đó, lại đến thăm các thánh trong ngục. Họ cũng ban phát tiền bố thí cho các tù nhân và hôn lên má từng người, rồi ngồi xuống và hỏi các thánh:

– Điều gì là không thể đối với Đức Chúa Trời?

– Không có gì cả, – các thánh nhân đáp, – mọi điều đều có thể đối với Ngài, vì đó là bản chất của Thiên Chúa.

– Nếu với Đức Chúa Trời thì mọi điều đều có thể, – những người "Gymnosophists" tiếp tục, – thì chúng ta hãy xem, hiện nay Ngài đang ban ân sủng bằng quyền năng toàn năng của Ngài cho ai – người Hy Lạp hay người Ishmael? Chúa đã ban tặng những vùng đất màu mỡ và tươi đẹp nhất trên trái đất cho ai – cho các ngươi hay cho chúng ta? Chúa đang gia tăng quân số cho ai? Và quân đội của ai đang bị tiêu diệt như rơm rạ? Chẳng lẽ Đức Chúa Trời lại bất công sao? Nếu Ngài không thấy rằng chúng tôi tuân giữ các điều răn của Ngài, thì Ngài đã không ban cho chúng tôi những ân huệ vĩ đại đến thế; và ngược lại, nếu Ngài không biết rằng các ngươi không tin vào vị tiên tri Muhammad mà Ngài đã sai đến, thì Ngài đã không khiến các ngươi khuất phục trước chúng tôi và không bắt các ngươi làm tù binh.

Sau khi lắng nghe những lời của các nhà triết học ca ngợi, các vị thánh đã đáp lại họ:

– Nếu các ngươi tin vào những lời chứng của các vị tiên tri, thì các ngươi sẽ biết rằng những lý luận của các ngươi là sai lầm, bởi vì những điều các ngươi nói, liệu có thể được xác nhận bởi Kinh Thánh Thánh thiêng không? Chưa bao giờ. Và tất cả những gì không có bằng chứng đều là sai lầm. Hãy trả lời câu hỏi tiếp theo của chúng tôi: nếu có hai người tranh chấp về quyền sở hữu một cánh đồng và một trong hai người, không có nhân chứng, la hét và nói rằng cánh đồng đó là của mình, còn người kia, không tranh cãi hay xích mích, đưa ra nhiều nhân chứng, những người trung thực và đáng tin cậy, những người sẽ nói rằng cánh đồng đó là của anh ta, chứ không phải của người kia (người đầu tiên), – thì các ngươi, những người Saracen, sẽ nghĩ sao, các ngươi sẽ phán quyết mảnh đất đó thuộc về ai? Họ trả lời:

– Quả thật, mảnh đất thuộc về người có nhân chứng.

– Các ngươi đã phán xét công bằng, – các thánh nhân nói. – Cũng chính như vậy, chúng ta suy luận về Mahomet, vị thầy của các ngươi, và về Con Một của Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta. Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, khi đến thế gian và trở thành con người, được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, điều mà như

[2208] Các nhà triết học *Hymnosophists* – những nhà triết học từ chối hưởng thụ mọi tiện nghi trong cuộc sống và đi lại trong tình trạng khỏa thân.

chúng ta đã nghe và các ngươi cũng thường nói đến, đã có những lời chứng về Ngài từ tất cả các vị thánh tiên tri cổ xưa, những người đã báo trước sự giáng sinh của Ngài trên thế gian. Vị tiên tri vĩ đại và nhà lập pháp của các ngươi là Muhammad, người mà các ngươi gọi là Đấng được Thiên Chúa sai đến, cũng đã đến, vậy thì sao? Chẳng lẽ ngài không nên có lời chứng thực từ hai vị tiên tri, hoặc ít nhất là từ một vị, để cho thấy rõ ràng rằng ngài thực sự được Thiên Chúa sai đến sao?

Những lời nói của các thánh nhân đã khiến những người theo chủ nghĩa thần học ca ngợi phải xấu hổ, khi họ nhận ra mình đã bị đánh bại sau những lời đó.

Lúc đó, Thánh Vasa mỉm cười và lên tiếng:

– Ngay cả nhà lập pháp Saracen – ngài nói – cũng có một vị tiên tri vĩ đại và chân chính đã tiên tri về ông ta, đó là Thánh Isaia; và nếu tôi không làm những bậc hiền triết này (tức là các nhà thần học) buồn lòng, thì tôi đã kể cho họ nghe lời tiên tri này rồi.

– Chúng tôi sẽ không buồn phiền chút nào, – họ nói, – vì chúng tôi biết tha thứ cho những ai phạm tội do thiếu hiểu biết, dù họ có nói điều không hay về vị tiên tri của chúng tôi đi chăng nữa.

– Chính các vị không phải là những người đã nói – vị thánh tiếp tục – rằng nhà tiên tri Muhammad là vị tiên tri cuối cùng sao?

– Vâng, đúng vậy, – họ đáp.

Rồi thánh Vasoy nói:

– Ê-sai, người mà các ngươi cũng tôn xưng là tiên tri của Đức Chúa Trời, đã nói trong một lời tiên tri của ngài: *"Đức Giê-hô-va sẽ chặt đầu và đuôi của Y-sơ-ra-ên"* (Ê-sai 9:14). Chính Ê-sai cũng giải thích thêm lời mình, khi ngài dùng từ "đầu" để chỉ những kẻ nhìn vào khuôn mặt, tức là những kẻ phán xét bất công, còn "đuôi" thì ngài dùng để chỉ vị tiên tri – *"và tiên tri giả dối chính là cái đuôi"* (Ê-sai 9:15). Xin các anh em đừng giận – liệu vị tiên tri của các anh em có phải là "đuôi", tức là người cuối cùng (theo chính lời các anh em) trong số các tiên tri chăng? Và liệu ông ta có đang dạy các anh em làm những việc trái luật chăng? Vì chẳng phải điều bất chính đó sao, khi vị tiên tri của các ngươi đã đặt ra làm luật cho các ngươi, chẳng hạn như nếu một người đàn ông nào đó, vì ghét vợ mình, mà bỏ rơi nàng, thì không thể đón nàng trở lại trước khi nàng đã được một người đàn ông khác cưới. Chúng ta sẽ không đề cập đến những quy định bất chính khác trong luật của Muhammad; những điều đã nói là đủ để hiểu lời tiên tri của Ê-sai, rằng lời tiên tri ấy không phải nói về ai khác, mà chỉ nói về vị tiên tri của các ngươi là Ma-homet, khi Ngài phán: *"Các thủ lĩnh của dân này sẽ dẫn dắt họ vào con đường lầm lạc, và những ai theo họ sẽ bị hủy diệt"* (Ê-sai 9:16).

– Chúng tôi cũng biết triết lý, – các nhà triết học thánh ca nói, nhưng vì đó là ý muốn của Đức Chúa Trời, thì chúng tôi là ai mà dám chống lại ý muốn của Ngài? Còn Muhammad thì không cần đến lời chứng của con người, vì ông được Đức Chúa Trời sai đến, và chính từ Ngài mà ông đã nhận những luật lệ ấy.

– Chẳng lẽ Ngài đã mang đến cho các ngươi luật pháp từ Đức Chúa Trời để có nhiều vợ, và cùng với họ, trong thời gian các ngươi ăn chay, dành cả đêm cho đến khi mặt trời mọc để ăn uống và thỏa mãn dục vọng? – Thánh Vaso hỏi.

Họ đáp:

– Vâng, điều đó là sự thật.

Lúc đó, các thánh khác nói:

– Các ngươi cũng phải trả lời câu hỏi đầu tiên của các ngươi, rằng dường như đức tin tốt nhất thuộc về những ai có lòng dũng cảm hơn trong chiến tranh và giành được chiến thắng. Nếu các ngươi dựa vào sức mạnh quân sự để xác định đức tin của mình, thì hãy nhớ lại sức mạnh hùng mạnh của người Ba Tư xưa kia, những người đã chinh phục nhiều quốc gia và khuất phục gần như toàn bộ thế giới; sau họ là thời kỳ thống trị của người Hy Lạp, khi Alexander Đại Đế đánh bại người Ba Tư; rồi đến Rome chinh phục toàn bộ thế giới. Vậy thì sao? Chẳng lẽ tất cả họ đều có đức tin chân chính, chỉ vì họ mạnh mẽ trên chiến trường sao? Hoàn toàn không. Tất cả họ đều sa vào sự thờ lạy thần tượng một cách sâu sắc, không biết đến Đức Chúa Trời Chân Thật, Đấng Tạo Hóa của vạn vật. Vậy mà anh lại nói rằng đức tin của anh là chân chính, chỉ vì anh (theo sự cho phép của Đức Chúa Trời vì tội lỗi của chúng tôi) gần đây đã đánh bại chúng tôi bằng sức mạnh quân đội của mình sao? Thật vậy, chúng tôi, những Kitô hữu chân chính xưng nhận Đức Chúa Trời, với sự giúp đỡ của Ngài, cũng thường xuyên chiến thắng kẻ thù và giành được chiến thắng. Nhưng khi chúng tôi làm phật lòng Đức Kitô, Chúa của chúng tôi, mà không ăn năn, thì Ngài sẽ khiến những kẻ vô đạo đến với chúng tôi, để trừng phạt chúng tôi vì tội lỗi của chúng tôi. Tuy nhiên, dù

bị trừng phạt, chúng tôi vẫn không từ bỏ Chúa của mình, mà cầu xin lòng thương xót của Ngài, tin tưởng và hy vọng rằng Ngài sẽ tha thứ cho chúng tôi. Còn vị thầy của các vị, người không có bằng chứng nào từ các tiên tri và thậm chí còn chống lại các vị tiên tri thánh thiện, chúng tôi không tôn kính chút nào, mà hoàn toàn bác bỏ.

Sau cuộc trò chuyện này, những người theo chủ nghĩa ca ngợi triết học, vừa xấu hổ vừa tức giận, đã trở về với vị công tước của họ.

Trong khi đó, đã bảy năm trôi qua kể từ khi các thánh chịu khổ, bị xiềng xích trong ngục tối chật hẹp và u ám ấy. Ngày đêm, họ luôn ở trong sự cầu nguyện, không ngừng hát các thánh vịnh của Đa-vít và tạ ơn Thiên Chúa vì mọi sự quan phòng của Ngài dành cho họ: vì qua sự giam cầm trong ngục tối và nỗi đau khổ này, Ngài đã thanh tẩy những năm tháng trước đây của cuộc đời họ, vốn trôi qua trong thú vui và sự sung túc, đồng thời củng cố họ để có thể kiên nhẫn chịu đựng trong một thời gian dài đến mức trước đây họ thậm chí không thể tưởng tượng nổi.

Khi họ đang phải chịu đựng như vậy, tên bội đạo Vaditsis nói trên, kẻ đã giao nộp thành phố Ammorea cho bọn man rợ và từ bỏ Chúa Kitô, đã đến nhà tù vào ngày thứ năm của tháng Ba, khi mặt trời đã bắt đầu lặn, và, gọi một trong những tù nhân qua lỗ hổng – người trước đây từng là thư ký[2209] cho chủ nhân của mình là Constantine, một quý tộc, và cũng được gọi là Constantine – ông ta đã thì thầm với người đó:

– Hãy biết rằng, hỡi người khôn ngoan, tình yêu thương mà ta dành cho chủ nhân của ngươi, Constantine, một quý tộc, đã kéo dài suốt nhiều năm qua và cho đến tận bây giờ. Nay ta đã biết chắc chắn rằng hoàng tử đã âm mưu vào ngày mai sẽ giết hết tất cả các ngươi, nếu các ngươi không chấp nhận đức tin của hắn, và ta đã đến để báo cho các ngươi biết điều này. Hãy khuyên chủ nhân của ngươi tránh khỏi cái chết bằng cách giả vờ đồng ý theo đạo Hồi, và chính ngươi cũng hãy làm như vậy – nhưng trong lòng đừng bao giờ từ bỏ đức tin Kitô giáo, mà hãy giả vờ chiều theo ý hoàng tử vì tai họa đang ập đến, và Chúa Kitô của các ngươi sẽ không phẫn nộ với các ngươi vì điều này.

Nhưng người đàn ông sùng đạo này, vừa làm dấu thánh giá bằng tay phải, đã đáp lại kẻ phản bội:

– Hãy tránh xa chúng ta đi, kẻ gây ra sự bất chính, – và Vaditsis đã rời xa ông.

Còn ngài Constantine, một quý tộc, thì hỏi Constantine, người thư ký:

– Ai đã gọi ngươi đến cửa sổ ngục tối và vì lý do gì?

Anh ta, không muốn nói điều này trước mặt cả đoàn tùy tùng của ngài, để tránh trường hợp ai đó, vì sợ chết, lại buồn bã và dao động trong suy nghĩ, đã lùi sang một bên cùng ngài Constantine và kể lại những gì Vaditsis đã thông báo. Ngài Constantine, quý tộc, sau khi tạ ơn Chúa, đã thốt lên:

– Xin ý Chúa được thực hiện.

Sau đó, quay sang các chiến hữu của mình, ông nói:

– Hỡi các anh em, chúng ta hãy dành cả đêm nay để cầu nguyện.

Tất cả đều đứng dậy cầu nguyện, hát các thánh vịnh của Đa-vít cho đến khi bình minh ló rạng.

Sáng sớm ngày hôm sau, một quan tổng trấn tàn bạo do hoàng tử phái đến đã dẫn theo các binh sĩ vũ trang đến nhà tù; sau khi đưa 42 vị thánh tử đạo ra khỏi nhà tù bên trong và ra lệnh đóng cửa hàng rào bên ngoài, ông ta bắt đầu thẩm vấn họ:

– Các ngươi đã bị giam cầm ở đây bao nhiêu năm rồi? – hắn hỏi.

– Tại sao ngươi lại hỏi điều mà ngươi đã biết? – các thánh nhân đáp. – Đã gần kết thúc năm thứ bảy kể từ khi chúng tôi bị giam cầm ở đây.

– Chẳng lẽ trong suốt khoảng thời gian dài như vậy – viên tổng trấn nói – các ngươi vẫn chưa nhận ra lòng nhân ái mà vị công tước công bằng nhất của chúng ta dành cho các ngươi sao? Bởi vì ngài đã khoan dung với các ngươi suốt bao nhiêu năm qua, dù ngài đã có thể xử tử các ngươi từ lâu rồi. Các ngài lẽ ra phải biết ơn ngài vì lòng nhân từ mà ngài dành cho các ngài, cầu nguyện cho ngài và yêu mến ngài bằng cả trái tim.

Các thánh nhân đáp:

– Luật pháp của chúng tôi dạy rằng phải cầu nguyện cho kẻ thù và những ai gây áp bức, xúc phạm chúng tôi, – vì thế chúng tôi cũng cầu nguyện với Chúa cho vị công tước của các ngài. Còn việc yêu mến ngài bằng cả trái tim thì chúng tôi không thể làm được, vì thánh tiên tri Đa-vít đã cấm chúng tôi điều đó, khi ngài kêu cầu Đức Chúa Trời như sau: *"Làm sao tôi lại không ghét những kẻ ghét Ngài, lạy Chúa, và không ghê tởm những kẻ nổi loạn chống lại Ngài?"* (Thi Thiên 138:21).

[2209] Tức là thư ký.

Nghe vậy, quan tổng trấn nói:

– Làm sao có thể có ai cầu nguyện cho người mà mình ghét được? Quả thật các ngươi đang nói dối khi bảo rằng các ngươi cầu nguyện cho vị công tước mà các ngươi ghét.

Các thánh nhân đáp lại:

– Chúng tôi nói sự thật rằng chúng tôi cầu nguyện cho ngài trước mặt Đức Chúa Trời, để Đức Chúa Trời soi sáng đôi mắt tâm hồn ngài đang bị che mờ bởi sự vô tín, hầu cho ngài nhận biết con đường công chính và kính sợ Đức Chúa Trời một cách chân thành, bằng cách chấp nhận đức tin chân chính (Kitô giáo) thay vì đức tin giả dối mà ngài đang có và cho là chân thật. Nếu vị công tước của các ngươi biết và chấp nhận đức tin chân chính, thì chúng ta không chỉ yêu mến ngài bằng cả trái tim, mà còn tôn kính ngài xứng đáng, như lời tiên tri Đa-vít đã nói: "Các bạn của Ngài, lạy Chúa, thật là quý báu đối với con."

Thống đốc bấy giờ nói:

– Các vị vua Hy Lạp và La Mã có phải là những kẻ điên rồ chăng, khi họ nghĩ rằng dân tộc chúng ta, vốn tự do, dũng cảm và mạnh mẽ đến thế, lại có thể được tập hợp lại với nhau mà không có sự quan phòng của Đức Chúa Trời? Nếu chúng ta bị Đức Chúa Trời ghét bỏ và Ngài không có sự quan phòng nào dành cho chúng ta, thì chúng ta đã không sinh sôi nảy nở như vậy và cũng không thể trở thành như hiện nay, điều mà chính các ngài cũng đang chứng kiến.

Các vị thánh đáp lại:

– Chúng tôi không nói rằng các bạn đang sống mà không có sự quan phòng của Thiên Chúa, vì không ai bị tước đoạt sự quan phòng của Ngài. Dù ai đó không biết Thiên Chúa, dù ai đó xúc phạm Ngài bằng những việc làm gian ác, thì người ấy vẫn sống trên đất và vận động không phải là không có sự quan phòng của Thiên Chúa. Chúng tôi chỉ muốn nói rằng các bạn tin vào Đức Chúa Trời chân thật một cách sai lầm, bởi vì, khi xưng nhận Ngài là Đấng Tạo Hóa của mọi sự sáng tạo hữu hình và vô hình, các bạn lại chế nhạo Ngài, khẳng định rằng Ngài là Đấng Tạo Hóa và là Nguyên nhân của cả điều thiện lẫn điều ác, của sự thật lẫn sự dối trá, công lý và bất công, khiêm nhường và kiêu ngạo, hiền lành và giận dữ, tiết độ và dâm loạn, cùng các đức tính khác và những thói hư tật xấu trái ngược với chúng, mà ở đây không cần phải liệt kê chi tiết. Nếu những gì các ngươi nói về Đức Chúa Trời là sự thật, thì chúng tôi sẽ nói rằng các ngươi có nhận thức đúng đắn về Đức Chúa Trời. Nhưng vì, cũng như bóng tối khác với ánh sáng, lời tuyên xưng của các ngươi cũng khác với sự thật – chúng ta không thể không vạch trần các ngươi rằng các ngươi tự cho mình có sự hiểu biết chân chính về Đức Chúa Trời, trong khi thực tế các ngươi lại không có. Sẽ chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu Đức Chúa Trời nổi giận với các ngươi, dù các ngươi đang được sự quan phòng của Ngài che chở.

Thống đốc nói với họ:

– Vậy thì sao? Hay các ngươi khẳng định rằng có một Đức Chúa Trời khác, Đấng Tạo Hóa của mọi điều ác và mọi tội lỗi? Làm sao có thể có hai Đức Chúa Trời – một Đấng tốt lành, một Đấng ác độc? Làm sao thế giới có thể tồn tại khi hai Đức Chúa Trời đó xung đột với nhau?

Các thánh nhân trả lời quan tổng trấn:

– Chúng tôi không nói rằng có một vị Chúa khác, Đấng tạo ra điều ác, khác biệt với Chúa, Đấng Tạo Hóa của mọi điều thiện lành; không, điều đó không có. Nhưng chúng tôi nói với ngài rằng có một trong các Thiên thần, người đã tự nguyện chọn điều xấu xa, trái ngược với điều thiện, và khi yêu mến điều đó, ban đầu đã ghét bỏ Đấng Tạo Hóa của mình là Chúa, rồi sau đó là con người. Sau đó, hắn được phép cám dỗ ý chí tốt lành của chúng ta – xem liệu ý chí ấy có hướng về Đức Chúa Trời hay tuân theo sự xúi giục cám dỗ của hắn; các ngươi đã bị hắn lừa dối, và vì thế mà các ngươi gán ghép sự xảo trá của hắn một cách sai lầm cho Đức Chúa Trời hoàn toàn vô tội và bất biến.

– Tuy nhiên, – viên tổng trấn phản bác, – vị tiên tri của chúng tôi là Muhammad dạy rằng Đức Chúa Trời toàn năng là thủ phạm của mọi việc ác của loài người, cũng như mọi việc thiện.

Trước điều đó, các thánh nhân đáp lại:

– Rõ ràng là hắn đã bịa đặt ra một vị Thượng Đế khác, giống như xưa kia người Hy Lạp đã bịa ra Ágaphodemon[2210] , và ép buộc các ngươi phải tôn thờ một vị Thượng Đế mà chưa bao giờ tồn tại và sẽ không bao giờ tồn tại. Còn chúng tôi thì biết Đức Chúa Trời chân thật và xưng nhận Đấng đã được các thánh tiên tri rao giảng

[2210] Tức là Thượng Đế – nguồn gốc của cả điều thiện lẫn điều ác.

trong Cựu Ước, và các thánh Tông Đồ của Đấng Christ rao giảng trong Tân Ước, là Đấng Tạo Hóa của mọi điều thiện lành; chúng tôi không biết đến bất kỳ vị Đức Chúa Trời nào khác.

Lúc đó, quan tổng trấn nói với họ:

– Hôm nay, các ngươi có muốn cùng với vị công tước công minh nhất, vị nguyên lão, dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời theo phong tục của đức tin chúng ta chăng? Vì chính vì điều này mà ta được sai đến với các ngươi. Ta biết rằng trong số các ngươi có một số người đồng ý với điều này. Còn những ai không đồng ý, khi thấy những người được ban thưởng những món quà này, sẽ hối hận về sự bướng bỉnh thiếu suy nghĩ của mình.

Nghe vậy, tất cả các thánh nhân đồng thanh đáp lại:

– Chúng tôi cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, để không chỉ vị nguyên mẫu, tức hoàng tử của các ngài, mà cả toàn thể dân tộc Saracen đều từ bỏ sự lầm lạc vô đạo của Ma-hô-mét, và dâng lên sự tôn kính và thờ phượng xứng đáng cho Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng đã được các tiên tri và các Tông Đồ của Đấng Christ rao giảng. Chúng tôi không thể từ bỏ ánh sáng để tự nguyện bước vào bóng tối.

– Hãy cẩn thận lời nói của các ngươi, kẻo sau này phải hối hận, – viên quan quân nói, – vì sự chống đối của các ngươi, các ngươi sẽ không thể tránh khỏi hình phạt nghiêm khắc.

Nhưng các thánh nhân đáp lại:

– Chúng tôi phó thác linh hồn mình cho Đức Chúa Trời Bất Tử và Công Chính, và chúng tôi đặt niềm tin nơi Ngài cho đến hơi thở cuối cùng; còn về đức tin nơi Ngài mà chúng tôi đang giữ vững, chúng tôi sẽ không từ bỏ.

Lúc đó, quan tổng trấn lại tiếp tục thuyết phục các thánh nhân, nói rằng:

– Vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, sự mồ côi của con cái các ngươi và sự góa bụa của vợ các ngươi sẽ làm chứng chống lại các ngươi, bởi vì giờ đây các ngươi đã bị tách rời khỏi họ, do không tuân theo ý muốn của hoàng tử và từ chối đức tin của ngài; nếu không, vị đại công tước vĩ đại của chúng ta có thể ra lệnh cho vị vua hiện tại của các ngươi, một thiếu niên, cho phép vợ con các ngươi được trở về đây với các ngươi. Nhưng ngay cả bây giờ, nếu các ngươi đồng ý nghe theo chúng ta và tuyên xưng nhà tiên tri Muhammad, thì như ta đã nói, các ngươi sẽ sớm được gặp lại tất cả người thân trong gia đình, và khi gặp lại họ, các ngươi sẽ vô cùng vui mừng. Ở đất nước Hy Lạp của các ngươi hiện nay, vợ của Theodoros đang trị vì cùng với con trai nhỏ là Michael, và bà ấy sẽ không thể chống lại mệnh lệnh của vị Đại Tượng Tướng vĩ đại của chúng ta. Còn về của cải và tài sản, các ngài đừng lo lắng, vì khoản thuế từ người Ai Cập – mà vị Công tước nhân từ của chúng ta sẽ cho phép các ngài, với tư cách là bạn bè của ngài, được hưởng trong vòng một năm – sẽ làm cho các ngài giàu có đến mức tài sản khổng lồ đó sẽ còn lại cho con cháu các ngài đến đời thứ mười.

Nghe những lời này của vị tướng quân, các vị thánh như thể cùng một lúc đồng thanh kêu lên:

– Nguyện Muhammad và tất cả những ai tôn xưng ông ta là vị tiên tri đều bị nguyền rủa.

Khi các vị thánh thốt ra những lời này với lòng can đảm và sự táo bạo lớn lao về Đức Chúa Trời, ngay lập tức vị tổng trấn giận dữ ra lệnh cho các chiến binh vũ trang bắt từng vị thánh, trói tay họ ra sau lưng và dẫn họ như những con cừu đến nơi hành quyết. Trước cảnh tượng này, vô số người Saracen và những Kitô hữu sống giữa họ bắt đầu tụ tập, mong muốn chứng kiến cảnh các thánh tử đạo bị hành quyết.

Khi các vị tử đạo đã đến gần sông Euphrates, viên tổng trấn gọi một trong những vị tử đạo đang đi theo, đó là thánh Theodoros, có biệt danh là "Krater", tức là "mạnh mẽ" hay "dũng cảm", và nói với ngài:

– Trước đây ngươi từng là một giáo sĩ (theo như chúng ta được nghe về ngươi), nhưng sau khi từ bỏ chức thánh, ngươi đã cầm giáo, khoác lên mình bộ giáp chiến binh và đổ máu người trong các trận chiến. Giờ đây, ngươi lại giả dối tự xưng là Kitô hữu, trong khi lương tâm ngươi đang lên án ngươi vì đã từ bỏ đức tin Kitô giáo từ lâu; thế thì chẳng phải tốt hơn là ngươi nên quay về với giáo lý của nhà tiên tri và sứ giả của Thượng Đế là Muhammad, để nhận được sự giúp đỡ và thoát khỏi cái chết từ Ngài sao? Huống chi ngươi không thể có bất kỳ hy vọng hay lòng can đảm nào đối với Đức Kitô, Đấng mà trước đây ngươi đã tự nguyện từ bỏ.

Nhưng vị tử đạo dũng cảm của Chúa Kitô, Thêôđôr, đã kiên quyết trả lời viên tổng trấn:

– Ngài nói sai rồi, thưa quan tổng trấn, rằng tôi đã từ chối Đức Kitô, Thiên Chúa; tôi chỉ rời khỏi hàng giáo sĩ thánh thiêng vì sự bất xứng của mình, chính vì thế mà giờ đây tôi càng phải đổ máu vì đức tin vào Đức Kitô và chết vì tình yêu của Ngài, để Đấng Chủ Tể nhân từ của tôi tha thứ cho tôi những lỗi lầm mà trước đây tôi đã phạm trước mặt Ngài. Chẳng phải người đầy tớ của ngài, nếu trốn chạy khỏi ngài, rồi sau đó quay trở lại với ngài và vì

ngài mà không tiếc cả mạng sống của mình, thì liệu người ấy có được ngài tha thứ cho việc trốn chạy trước đây, nhờ lòng trung thành đã thể hiện sau đó hay không?

– Xin theo ý ngài, – viên quan tổng trấn nói, – tôi chỉ đề nghị với ngài một cách để ngài có thể tránh khỏi cái chết.

Khi những tên hành hình Saracen rút gươm ra và, sau khi bắt các thánh tử đạo, dẫn từng người đi riêng để chém đầu, thì thánh Theodorus Kratir tình cờ đứng cạnh Constantine, vị quý tộc. Thánh Theodorus lo sợ rằng, nếu Constantine chứng kiến cảnh mình bị hành quyết, ông ấy có thể sẽ dao động và không còn can đảm đối mặt với cái chết, nên ngài đã khuyên nhủ ông ấy, nói rằng:

– Hãy nghe đây, thưa ngài, vì ngài vượt trội hơn tất cả chúng tôi cả về địa vị lẫn đức hạnh, nên xứng đáng là người đầu tiên trong chúng tôi trở thành vị tử đạo, là người đầu tiên cúi đầu dưới lưỡi gươm vì Chúa của ngài, và là người đầu tiên nhận vương miện từ Đức Giêsu Kitô, Vua Trời, giống như cách ngài đã được vua trần gian ưu ái ban tặng những vinh dự.

Nhưng Thánh Constantine đã trả lời ngài rằng:

– Với một người dũng cảm như ngài, việc làm điều này và là người đầu tiên hiến dâng mạng sống mình vì Chúa Kitô mới thực sự xứng đáng; ngài sẽ có tôi và những người bạn khác của chúng ta làm môn đệ.

Rồi Thánh Phê-ô-đô-rơ dâng lời cầu nguyện, phó thác linh hồn mình cho Thiên Chúa, tiến đến trước đao phủ và vui mừng đón nhận cái chết vinh quang của một vị tử đạo dưới lưỡi gươm.

Sau ngài, các thánh khác theo thứ tự và chức tước trước đây của mình, như thể được mời đến dự tiệc hoàng gia, lần lượt bước đến trước lưỡi gươm, không tỏ ra sợ hãi trước cái chết, cũng không hề nao núng hay hèn nhát, đến nỗi quan tổng trấn vô cùng ngạc nhiên khi thấy các vị tử đạo bước vào cái chết với niềm vui như vậy.

Như vậy, bốn mươi hai vị thánh tử đạo đã kết thúc cuộc đời mình bằng cái chết anh dũng vì Chúa của họ, vào ngày thứ sáu của tháng Ba.

Sau khi các vị thánh tử đạo bị giết, vị hoàng tử Saracen đã ra lệnh chém chết tên phản bội Vaditsis nói trên bằng gươm, và nói:

– Nếu hắn là một Kitô hữu chân chính, thì hắn không nên từ bỏ đức tin của mình; và nếu hắn không giữ vững đức tin vào Đấng Kitô của mình, thì làm sao hắn có thể giữ vững đức tin vào Mohammed của chúng ta? Nếu hắn đã trở thành kẻ thù của chính những người Kitô hữu của mình, phản bội họ vào tay chúng ta, thì khi gặp thời kỳ hoạn nạn, hắn cũng có thể trở thành kẻ phản bội của chúng ta. Kẻ đã phản bội đồng bào mình, làm sao có thể trung thành với người lạ? Chẳng thể nào.

Và họ đã chém đầu tên phản bội khốn kiếp này bằng gươm, và như vậy, hắn đã nhận được sự trừng phạt xứng đáng từ bọn Saracen vì tình bạn của hắn với chúng, khi hắn đã giao nộp thành phố Kitô giáo vinh quang và xinh đẹp Ammorea vào tay chúng.

Ngày hôm sau, theo lệnh của công tước, thi thể của bốn mươi hai vị thánh tử đạo đã được ném xuống sông Euphrates. Thi thể của tên phản bội bị giết cũng được ném xuống cùng nơi đó. Một thời gian ngắn sau, thi thể các vị thánh tử đạo được tìm thấy nguyên vẹn trên bờ bên kia sông, đầu của mỗi người vẫn gắn liền với thân thể, và tất cả các thi thể đều nằm cạnh nhau trong vẻ trang nghiêm. Còn thi thể của kẻ phản bội thì được tìm thấy cách xa các vị thánh, còn đầu của hắn lại nằm cách xa thi thể một khoảng cách lớn. Thi hài thánh thiện của các thánh đã được các tín hữu rước về và an táng một cách trang trọng, còn thi thể và đầu của kẻ phản bội vô đạo đã bị cá sấu xé xác và ăn thịt. Vì tất cả những điều này, xin vinh quang thuộc về Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được tôn thờ muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Các nữ thánh đáng kính, những người đã chịu khổ vì Chúa trên trần gian, nay được sống trong niềm vui trên thiên đàng: vì các ngài đã đánh bại mọi mưu mô của kẻ thù bằng bệnh tật và máu từ những vết thương của mình, nên các ngài luôn ban ơn tha tội cho những ai ca ngợi từ trên cao.

Kondak, giọng 2:

Những ngôi sao mới tỏa sáng của đức tin, những người đã chịu đau khổ nhiệt thành vì Chúa Kitô, chúng ta xứng đáng trao cho các ngài những vương miện vinh quang, những người đang cầu nguyện cho chúng ta trước mặt Chúa Kitô, vì các ngài là những cột trụ và lá chắn của quyền lực Kitô giáo.

Lễ kỷ niệm Thánh Arcadius (và các vị tử đạo Julian và Evbul)

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 3

Thánh Arcadius sống trên đảo Síp, dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Đại đế. Từ thuở thiếu thời, ngài đã dâng hiến cuộc đời mình cho đời sống tu hành và tiếp tục con đường đó cho đến thời kỳ của Hoàng đế Julian Bội giáo[2211] , và ngài đã qua đời dưới triều đại của vị hoàng đế này. Ngài là người hướng dẫn của các thánh Iulian, vị bác sĩ, và Evbul, những người đã chịu khổ nạn dưới tay Iulian[2212] không lâu trước khi vị thầy của họ qua đời. Sau khi than khóc trước cái chết tử đạo của các môn đệ, Thánh Arkadius đã an táng thi hài cao quý của họ, và sau đó, nhờ ơn Chúa, chính ngài cũng đã ra đi khỏi cõi đời này.

Ngày 20 tháng 3

Ngày 7 tháng 3 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Ephrem, Basil, Eugene, Elpidius, Agathodorus, Ephierius và Capiton, những người từng là giám mục tại Cherson vào các thời kỳ khác nhau

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 3

Vào năm thứ mười sáu triều đại của Diocletian[2213] , Đức Thượng phụ Giê-ru-sa-lem Hermon đã sai nhiều giám mục đến các quốc gia và các dân tộc khác nhau để rao giảng Lời Chúa và truyền bá Đức Kitô, theo gương các Tông đồ.

Hai trong số các giám mục này, là Ephrem và Basil, đã đến xứ Tavros và tại đây, ở thành phố Cherson, cả hai đã làm việc một thời gian, rao giảng về Đức Chúa Trời chân thật cho dân tộc chưa biết Ngài, đồng thời khai sáng cho những người đang chìm trong bóng tối của sự thờ cúng thần tượng Hy Lạp. Sau đó, Thánh Ephrem, để lại dân chúng thành Cherson cho Thánh Basil, đã đi đến với người Scythia sống dọc theo sông Danube; nhờ lời rao giảng của mình, ngài đã dẫn dắt nhiều người ở đó trở về với Chúa Kitô, và sau khi chịu đựng không ít đau khổ và vất vả trong công cuộc rao giảng Tin Mừng, vào ngày 7 tháng 3, ngài đã bị chém đầu.

Trong khi đó, Thánh Basil, khi vạch trần sự lầm lạc của những người ngoại đạo tại Chersonesos và chỉ cho họ con đường cứu rỗi chân chính, đã khơi dậy cơn thịnh nộ của dân chúng: những kẻ vô đạo đã bắt ngài, đánh đập không thương xót và trục xuất ngài khỏi thành phố. Sau khi lui về một ngọn núi nào đó, ngài ẩn cư trong một hang động; ngọn núi ấy cách Khersones 100 stadia[2214] và được gọi là *Parthenon,* có nghĩa là *"của trinh nữ",* vì trên đó có một đền thờ và một tượng thần nào đó của một nữ thần Hy Lạp – một trinh nữ. Trong thời gian ở trên ngọn núi ấy, Thánh Basil vui mừng trong lòng vì được ân sủng chịu đựng những vết thương và sự trục xuất vì Chúa Kitô; ngài than khóc cho sự hư mất của những linh hồn con người bị ma quỷ lừa dối, và với những giọt nước mắt, ngài cầu xin Thiên Chúa cho họ được hoán cải.

[2211] Constantine Đại đế từ năm 306 đến năm 337, Julian Bội giáo – từ năm 361 đến năm 363.

[2212] Các Thánh Julian và Evvul đã chịu tử đạo vào khoảng năm 361; ngày kỷ niệm của các ngài cùng với Thánh Arcadius.

[2213] Hoàng đế La Mã Diocletian trị vì từ năm 285 đến năm 305. Trong suốt 18 năm trị vì, ông cho phép các Kitô hữu công khai tuyên xưng đức tin, nhưng từ năm 303, ông bắt đầu đàn áp họ, và thậm chí với sự tàn bạo đặc biệt.

[2214] Stadia – đơn vị đo khoảng cách của Hy Lạp, có ý nghĩa khác nhau tùy theo từng thời kỳ. Vào thế kỷ III sau Công nguyên, đơn vị stadia tương đương 184,97 mét hoặc 87 saž.

Thời gian trôi qua như vậy. Con trai duy nhất của một quan chức ở Kherson qua đời và được chôn cất bên ngoài thành phố. Cha mẹ ngồi bên quan tài con trai với nỗi đau đớn tột cùng, than khóc và khóc lóc; đêm xuống, nhưng họ vẫn không rời khỏi quan tài của con trai. Và rồi trong giấc mơ, người con trai đã khuất hiện ra trước mặt họ, nói:

– Sao cha mẹ lại khóc than vì cái chết của con? Cha mẹ không thể đưa con ra khỏi đây khi còn sống, vì các vị thần của chúng ta – những tượng thần vô hồn do quỷ dữ tạo ra để cám dỗ và hủy diệt loài người – không thể làm con sống lại được. Nếu các ngươi muốn làm cho ta sống lại, hãy nài xin người lữ khách mà các ngươi đã đánh đập và đuổi đi, để ông ấy cầu nguyện cho ta với Đức Chúa Trời của ông ấy, và chính các ngươi hãy tin vào Đức Chúa Trời mà ông ấy rao giảng: vì Ngài là Đức Chúa Trời chân thật, có quyền năng trên cả người sống lẫn người chết, và có thể làm cho ta sống lại từ cõi chết nhờ những lời cầu nguyện của người đàn ông mà các ngươi đã sỉ nhục.

Ngay lập tức tỉnh dậy, hai người cha mẹ kể cho nhau nghe về giấc mơ của mình và vô cùng ngạc nhiên khi thấy giấc mơ của cả hai đều giống hệt nhau. Họ hân hoan vội vã vào thành phố và kể lại giấc mơ ấy cho bạn bè nghe. Ngay khi trời sáng, họ bắt đầu tìm kiếm người của Đức Chúa Trời khắp nơi, và đã tìm thấy ông trong hang động đã nêu trên. Quan trưởng thành phố cùng gia đình đã đến gặp ông, quỳ xuống trước đôi chân thánh của ông và cầu xin ông làm cho con trai mình sống lại.

– Làm sao tôi có thể làm được điều đó, khi tôi chỉ là một con người tội lỗi? – vị thánh phản đối. – Nhưng các vị sẽ nhận được điều mình cầu xin, nếu các vị tin vào Đức Chúa Trời mà tôi rao giảng, Đấng duy nhất có quyền năng làm cho người chết sống lại từ trong quan tài.

– Nếu chúng tôi được gặp lại con trai mình còn sống, – cha mẹ của chàng trai đã qua đời nói, – thì bất cứ điều gì ngài muốn và ra lệnh, chúng tôi sẽ làm bằng cả trái tim.

Thánh Basil, người được Thiên Chúa ban ơn, đứng dậy, đi cùng họ đến bên quan tài; khi tảng đá được lăn ra khỏi quan tài, ngài bước vào trong, làm dấu thánh giá trên thi thể người đã khuất và cầu nguyện với Thiên Chúa trong một thời gian dài; sau đó, ngài lấy nước, làm phép thánh và rảy lên thi thể người đã khuất, đồng thời kêu cầu Danh Thánh Ba Ngôi, giống như trong Bí tích Rửa tội. Ngay lập tức, người chết sống lại và bắt đầu nói, ngợi khen Thiên Chúa. Sợ hãi và kinh hoàng bao trùm tất cả những người có mặt tại đó, còn cha mẹ người chết thì tràn ngập niềm vui khôn tả. Mọi người đều quỳ xuống dưới chân vị thánh, ca ngợi ngài là bậc vĩ đại và công nhận Đức Chúa Trời mà ngài rao giảng là Đấng chân thật và toàn năng. Họ rước vị Giám mục của Đức Chúa Trời, Thánh Basil, về thành phố với sự tôn kính cao cả. Người đứng đầu cùng cả gia đình đã tin vào Chúa Kitô và chịu phép rửa, cũng như nhiều người trong dân chúng, những ai đã chứng kiến phép lạ này, đã gia nhập hàng ngũ các tín hữu. Và Giáo Hội của Chúa Kitô bắt đầu phát triển tại Cherson, trong khi các đền thờ ô uế của người Hy Lạp dần dần bị dẹp bỏ.

Thấy các đền thờ của mình bị bỏ hoang, ma quỷ đã xúi giục những người Do Thái đang cư ngụ tại Cherson lúc bấy giờ, và họ đã xúi giục người Hy Lạp nổi dậy chống lại các Kitô hữu, đặc biệt là chống lại vị thủ lĩnh của họ, Thánh Basil, và giết ngài.

– Nếu vị thầy của người Kitô hữu bị giết, thì Kitô giáo cũng sẽ dễ dàng sụp đổ, – họ nói.

Một đám đông vô số những kẻ vô đạo mang vũ khí đã tụ tập lại: với tiếng ồn ào và những tiếng la hét, chúng bất ngờ tấn công vị giám mục của Chúa, lôi ngài ra khỏi nhà thờ, trói chân ngài lại, rồi vây quanh và lôi ngài đi khắp các đường phố trong thành, đánh ngài bằng gậy và đá, rồi giẫm đạp lên người ngài. Họ lôi ngài đến nơi mà các Kitô hữu đã dựng một cột đá có gắn thánh giá trên đỉnh; tại đây, vị thánh của Chúa Kitô đã dâng linh hồn thánh thiện của mình lên Thiên Chúa, qua đời trong đau đớn vào chính ngày 7 tháng Ba đó, cũng là ngày mà thánh Ephrem bị chém đầu bằng gươm tại Scythia.

Thi thể của Thánh Basil được mang ra ngoài cổng thành và ném cho chó và chim ăn. Nó nằm đó nhiều ngày mà không được chôn cất, nhưng nhờ được Thiên Chúa gìn giữ, thi thể vẫn nguyên vẹn; vào ban đêm, một ngôi sao rực rỡ hiện ra trên thi thể đầy đau khổ ấy, và một con sói ngồi bên cạnh canh giữ thi thể khỏi bầy chó, còn ban ngày, một con đại bàng lượn lờ trên thi thể, không cho các loài chim ăn thịt lại gần, cho đến khi các Kitô hữu bí mật mang thi thể đi vào ban đêm và an táng một cách trang trọng.

Sau khi Thánh Giám mục Basil bị sát hại, một trong những môn đệ của ngài đã lên đường bằng đường biển đến các vùng đất thuộc Hellespont và gặp được ba vị giám mục là Eugenius, Elpidius và Agathodorus, những người đang miệt mài rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô; họ được Đức Thánh Hermon, Tổng Giám mục Giêrusalem, sai đi rao giảng cùng với các thánh Ephrem và Basil. Khi gặp họ ở đó, môn đệ đã kể cho họ nghe về sự ra đi của Thánh Basil, và họ đã ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban cho vị thánh của Ngài vương miện của sự chịu

khổ. Sau khi bàn bạc với nhau, các giám mục lên thuyền và đến thành phố Kherson, mong muốn noi gương Thánh Basil. Họ rao giảng về Đức Kitô, Thiên Chúa, tại Kherson, và số tín hữu ngày càng gia tăng. Nhưng cũng giống như trường hợp của Thánh Basil, ma quỷ đã xúi giục người Do Thái và người Hy Lạp chống lại các ngài; tụ tập thành đám đông, họ bắt các vị giám mục thánh, trói lại, lôi kéo khắp các đường phố, đánh đập bằng gậy và đá, cho đến khi các vị tử đạo thánh trao linh hồn trong sạch của mình vào tay Chúa của các ngài. Thi thể của các ngài được đưa ra khỏi thành phố qua cổng mà người ta thường dùng để chôn cất người chết, rồi bị vứt bỏ bên ngoài mà không được chôn cất, để cho chó và chim xé xác; nhưng các Kitô hữu đã bí mật thu nhặt thi thể các ngài và an táng một cách trang trọng. Ba vị giám mục thánh là Eugenius, Elpidius và Agathodorus đã chịu tử đạo vào ngày 7 tháng 3, một năm sau khi thánh Basil bị sát hại.

Vài năm sau đó, vào thời Constantine Đại đế, khi ông đã bắt đầu nghiêng về Kitô giáo, Giám mục Ephierius, cũng được Thượng phụ Giêrusalem cử đi, đã đến Cherson. Thấy rằng dân chúng vô đạo, với sự hung bạo và cuồng nộ của mình, không cho phép Kitô giáo lan rộng tại Chersonesos, Ephraim đã lên đường đến Byzantium gặp hoàng đế Constantine và trình bày lời khiếu nại về dân chúng Chersonesos vô đạo, những kẻ đang đàn áp các Kitô hữu. Hoàng đế đã ban phép cho các Kitô hữu được sinh sống tại Kherson một cách tự do và không bị cản trở, đồng thời được tổ chức các thánh lễ của mình, để tôn vinh Thiên Chúa, một cách công khai và không bị ngăn cản; còn những ai cản trở các Kitô hữu thì ngài ra lệnh trục xuất khỏi thành phố. Với sắc lệnh của hoàng đế, Thánh Eféri trở về Cherson và mang lại niềm vui lớn lao cho đoàn chiên của Chúa Kitô, trong khi những kẻ vô tín thì buồn bã và hoang mang. Sau khi xây dựng một nhà thờ Kitô giáo trong thành phố và sắp xếp mọi việc một cách chu đáo, vị giám mục lại lên đường đến gặp hoàng đế để bày tỏ lòng biết ơn về việc làm tốt lành này. Trên đường trở về, ngài lâm bệnh và, khi đến đảo Aasa, ngài đã kết thúc cuộc đời trần thế và bước vào cuộc sống vĩnh hằng. Các tín hữu đã an táng ngài và dựng một cột đá trên mộ; những cây cao mọc lên ở đó đã chỉ dẫn từ xa vị trí mộ của vị thánh. Vị thánh Ephraim qua đời vào ngày 7 tháng Ba, cũng chính là ngày mà các giám mục tiền nhiệm đã chịu tử đạo.

Các Kitô hữu đã than khóc người quá cố trong một thời gian dài; sau đó, họ báo tin cho Hoàng đế Constantine về sự ra đi của vị giám mục của họ và xin chỉ định một người khác thay thế. Thay thế cho Eférius, Đức Cha Kapiton, Giám mục Giáo hội Cherson, đã được cử đến, và các tín hữu đã vui mừng đón nhận ngài. Cũng có rất nhiều người ngoại đạo tụ tập lại; họ tiến đến vị giám mục mới đến và xin ngài một dấu lạ kỳ diệu để chứng minh sự đúng đắn của đức tin ngài, để họ cũng có thể tin chắc.

– Phép lạ ấy, – họ nói, – hãy để nó diễn ra như thế này: hãy đốt một lò lửa lớn, và vị giám mục Kitô giáo hãy bước vào đó; nếu ngài không bị thiêu cháy mà vẫn sống sót, thì tất cả chúng tôi sẽ chịu phép rửa tội.

Thánh Kapiton, đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, đã đồng ý với mong muốn của họ và ra lệnh dựng một lò lửa khổng lồ. Khi lò đã được đốt cháy dữ dội, vị giám mục thánh, trước sự chứng kiến của toàn thể dân chúng, đã khoác lên mình chiếc omophorion[2215] của mình và thành kính cầu nguyện với Thiên Chúa, xin Ngài tỏ lộ quyền năng thần thánh của Ngài, như xưa kia trong lò lửa Babylon[2216] để thuyết phục dân chúng chưa tin. Sau một thời gian dài cầu nguyện và sau khi phó tế cất tiếng hô to cho mọi người nghe: "Vônmem", vị thánh đã bước vào lò lửa và đứng trong ngọn lửa khoảng một giờ, vừa cầu nguyện vừa giang hai tay hướng lên trời, và không hề hấn gì trước ngọn lửa dữ dội; sau đó, ngài múc than hồng vào chiếc áo choàng[2217] của mình, rồi bước ra trước dân chúng mà không hề hấn gì. Chứng kiến phép lạ vinh quang này, tất cả đều tràn ngập sự kinh ngạc và kính sợ tột độ; vì họ thấy rằng ngay cả áo quần của vị thánh cũng không bị lửa chạm đến, và chiếc áo choàng của ngài, đầy than hồng, cũng không bị cháy xém.

– Chỉ có một Thiên Chúa, – dân chúng đồng thanh kêu lên bằng giọng vang dội, như thể cùng một miệng, – Thiên Chúa của người Kitô hữu, vĩ đại và quyền năng, Đấng đã bảo vệ tôi tớ của Ngài khỏi bị thiêu cháy trong lò lửa!

Khi đó, toàn bộ thành Kherson và vùng đất ấy đã chấp nhận đức tin Kitô giáo, sau khi được chứng thực sự thật của đức tin ấy qua phép lạ vinh quang này. Phép lạ này đã được báo cáo cho Hoàng đế Constantine vĩ đại và

[2215] *Omophorion* – một tấm vải dài có in hình bốn cây thánh giá, được đeo trên vai và buông xuống phía trước và phía sau; nếu không có omophorion, giám mục không thể thực hiện các nghi lễ thánh. Về ý nghĩa tượng trưng – con chiên lạc (nhân loại), được Chúa của các chiên (Chúa) cứu khỏi sự diệt vong. Lc. 15:5.

[2216] Về sự cứu rỗi kỳ diệu của Ananias, Azarias và Misael khỏi ngọn lửa – Đa-ni-ên 3.

[2217] *Phê-lôn* – áo của giám mục và linh mục, hình tròn, không tay.

được kể lại cho các vị thánh phụ tại Công đồng Đại kết đầu tiên tại Nicêa[2218] , và tất cả, trong khi ngợi khen Thiên Chúa, đều kinh ngạc trước đức tin vĩ đại của Thánh Capiton và lòng nhiệt thành của ngài đối với Thiên Chúa.

Vài năm sau, Thánh Kapiton lên thuyền từ Cherson đến Constantinople; một cơn bão ập đến, và con thuyền bị sóng đánh dạt vào cửa sông Dnieper; tại đó, những kẻ vô tín và vô thần đã cướp bóc con thuyền và bắt giữ tất cả những người trên thuyền, còn chính vị Giám mục của Chúa là Kapiton thì bị họ dìm chết dưới nước.

Ngài đã qua đời một cách tử đạo vào ngày 21 tháng 12, nhưng ngày kỷ niệm của ngài được xếp chung với các vị thánh của Kherson trước đó, những người đã chịu tử đạo vào ngày 7 tháng 3. Linh hồn thánh thiện của ngài đã được hiệp nhất với các thánh trên trời, và cả bảy vị Giám mục của Chúa, các Giám mục Kherson, như bảy Thiên thần cao cả nhất[2219] , cùng đứng trước Thánh Ba Ngôi, Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, ngợi khen Ngài cùng với tất cả các thánh mãi mãi. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngày rạng ngời đã đến dành cho các vị mục tử, những vị đã cai quản giáo phận Kherson một cách sáng ngời; chúng ta ca ngợi lễ kính các ngài, những vị đã chịu khổ vì đàn chiên của Chúa Kitô. Các vị Tử đạo Thánh, xin cầu thay cho Đấng Mục Tử Tối Cao là Chúa Kitô và ban cho chúng con được tham dự vào đàn chiên của Ngài, để chúng con có thể kêu lên với các ngài: Hãy vui mừng, hỡi các vị cha thánh, những người đã đổ máu mình vì Chúa Kitô.

Lễ kính Thánh Emilian

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 3

Tại Rôma có một người tên là Victorin; từ thuở thiếu thời, ông đã phạm nhiều tội lỗi, nhưng đến tuổi già, ông đã tỉnh ngộ và khi nhớ lại những tội lỗi của mình, ông run rẩy trước sự phán xét của Thiên Chúa. Khi đến một trong những tu viện thánh và nài nỉ vị tu viện trưởng nhận ông vào, ông đã từ bỏ mọi sự gắn bó với thế gian này và trở thành tu sĩ; ông dâng hiến toàn bộ bản thân cho sự khiêm nhường và vâng phục, tuân giữ những điều được truyền dạy và tự hành xác cả ngày lẫn đêm. Trong đời sống tu sĩ, ông được đặt tên là: Emilián. Luôn ghi nhớ sự chết trong tâm hồn và luôn chuẩn bị cho Ngày Phán Xét Lớn của Đức Chúa Trời cũng như để trả lời về những tội lỗi của mình vào ngày thử thách, Emilián luôn sống trong nỗi sợ hãi về những cực hình vĩnh cửu ở địa ngục; chính nỗi sợ hãi ấy đã khiến ngài làm kiệt quệ và khô héo thân xác đến mức toàn thể các tu sĩ, những người sống trong tu viện vì tình yêu Thiên Chúa, đều kinh ngạc trước sự từ bỏ xác thịt, sự khiêm nhường và sự lao động vĩ đại đến thế. Và tất cả đều cố gắng noi gương cuộc sống của ngài và sánh ngang với những công đức của ngài trong sự vâng phục, để nhờ sự sám hối đầy gian khổ ấy mà tẩy sạch tội lỗi của mình; họ thấy ngài mỗi ngày phải chịu đói khát, nằm sấp trên đất, ngủ rất ít, hành hạ và làm tan nát thân xác mình – và nhờ đó mà họ thu được lợi ích to lớn.

Tu viện nơi Thánh Emilian tu hành được xây dựng trên một ngọn núi cao, có một hang động trên một trong những sườn núi; và Thánh Emilian có thói quen bí mật rời tu viện vào đêm khuya để đến hang động đó, và ở đó cầu nguyện suốt đêm cho đến giờ kinh sáng với những giọt nước mắt.

Thời gian trôi qua; một lần nọ, vị tu viện trưởng tình cờ gặp Thánh Emilian khi ngài đang rời tu viện vào giờ khuya. Không biết vị tu sĩ này ra khỏi tu viện để làm việc gì, vị tu viện trưởng đã rời khỏi phòng của mình, lén theo sau anh ta và, khi thấy anh ta bước vào hang động, ông đứng gần đó và quyết định chờ cho đến khi anh ta ra ngoài, để hỏi anh ta tại sao lại vào hang động. Một lúc sau, một ánh sáng thiên đàng rực rỡ hơn cả tia nắng mặt trời bỗng chiếu rọi ngọn núi ấy, và vị tu viện trưởng thấy Thánh Emilian đang đứng trong hang động, hai tay giang rộng hướng lên trời và đang cầu nguyện với Chúa; và ánh sáng thiên đàng chiếu xuống đầu vị thánh. Khi chứng kiến cảnh đó, vị tu viện trưởng bỗng chốc bị nỗi kinh hoàng và sợ hãi bao trùm; trên đường trở về tu viện, ông chạy thục

---

[2218] Công đồng Toàn cầu lần thứ nhất diễn ra vào năm 325 và có sự tham dự của 318 giám mục. Công đồng này đã lên án tà thuyết của Arius, người dạy rằng Con Thiên Chúa không ngang hàng với Thiên Chúa Cha; tại công đồng này, thời điểm cử hành Lễ Phục Sinh cũng đã được xác định rõ ràng.

[2219] Tên của họ là: Michael, Gabriel, Raphael, Uriel, Salaphiel, Jehudiel và Jeremiel.

mạng trong sự run rẩy, và gần như không thể bước đi nổi vì nỗi kinh hoàng tột độ. Khi ông đến cổng tu viện, ông nghe thấy một giọng nói từ trời cao phán rằng:

– Emilian, tội lỗi của ngươi đã được tha thứ.

Vị tu viện trưởng càng kinh hoàng hơn, ông bước vào phòng của mình và im lặng chờ đợi bình minh. Mong muốn các tu sĩ rút ra bài học từ việc này, sau giờ kinh sáng, vị tu viện trưởng quay sang Emilian trước mặt mọi người và hỏi:

– Anh đã ở đâu trong đêm qua, anh em?

Vị tu sĩ, sau khi cúi chào vị tu viện trưởng, đáp:

– Tôi đã nghỉ ngơi suốt đêm trong tu viện, cùng với các anh em.

Nhưng vị tu viện trưởng đã vạch trần sự thật và khuyên anh đừng giấu diếm ân sủng của Thiên Chúa, vốn được ban cho những kẻ tội lỗi thực sự ăn năn. Emilian buộc phải tiết lộ bí mật cho toàn thể các tu sĩ, rằng ánh sáng và tiếng nói đã từ ngai vàng của lòng thương xót trên trời giáng xuống trên anh. Lúc đó, vị tu viện trưởng bắt đầu nói với các tu sĩ:

– Hãy lắng nghe đây, các anh em thân yêu của tôi. Đức Chúa Trời Toàn Năng dù trong im lặng cũng có thể tha thứ tội lỗi cho anh em này, nhưng vì chúng ta, để khơi dậy lòng ăn năn trong chúng ta, Ngài đã ban ân sủng của Ngài dưới hình thức ánh sáng cùng với tiếng nói của Ngài cho anh em ấy, để chúng ta cũng nhận biết và tôn vinh lòng thương xót và tình yêu thương loài người của Đấng Tạo Hóa chúng ta, Đấng luôn gần gũi với những ai thật lòng ăn năn.

Được báo tin như vậy rằng tội lỗi của mình đã được tha thứ, Thánh Emilián đã dành phần đời còn lại trong niềm vui tâm hồn và ra đi về với Ánh Sáng Vô Cùng để lắng nghe tiếng nói của niềm vui và sự hân hoan của những người công chính, đang hân hoan trong các thành phố thiên đàng mãi mãi.

Lễ kính Thánh Phaolô, vị Tử đạo

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 3

Thánh Phaolô là giám mục thành phố Plusiada[2220] vào thời điểm tà thuyết chống thánh tượng bùng phát trong Giáo hội. Thấy những kẻ chống lại các thánh tượng đang điên cuồng chống lại đức tin của Đức Kitô, thấy họ bóp méo các giáo huấn của các Thánh Tông Đồ, thấy họ khinh miệt các thánh tượng chính đáng và phỉ báng chúng ra sao, vị thánh đã đứng lên chống lại họ như một chiến binh chiến thắng của Thiên Chúa, và dùng những lời trong Kinh Thánh như những mũi tên để đánh bại họ. Vì điều này, ngài đã phải chịu sự bắt bớ, lưu đày và mọi tai ương trong cuộc đời. Giữa những chiến công anh dũng ấy, ngài đã an bình trao linh hồn mình cho Chúa và chuyển sang Nước Trời, nơi ngài vô cùng yêu mến[2221] .

Câu chuyện về vị ẩn sĩ, người mà Đức Chúa Trời đã mặc khải cho biết số phận của những người nhận sự bố thí

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 3

Có một vị ẩn sĩ rất nổi tiếng trong tu viện của mình, vì từ thuở thiếu thời, ngài đã sống một cuộc đời thánh thiện. Từ bỏ mọi thú vui trần tục, ông tự giam mình trong một căn phòng chật hẹp và phụng sự Đức Chúa Trời, rèn luyện thân xác bằng việc ăn chay và thức trắng đêm cầu nguyện, dâng lời cầu xin lên Đấng Tối Cao về bản thân và cả thế giới, đồng thời rèn luyện tâm trí trong sự suy ngẫm về Đức Chúa Trời. Vào những thời điểm nhất định, ngài nhận một lượng thức ăn nhỏ từ tay người phục vụ trong tu viện; còn những gì Thiên Chúa ban tặng qua các anh em Kitô hữu trong tu viện – vàng, bạc, thức ăn và rượu – ngài chưa bao giờ lấy cho riêng mình.

[2220] Thành phố Plusiada, trước thế kỷ VII có tên là Prusias, do Hannibal thành lập, nằm ở Bithynia, một tỉnh La Mã thuộc vùng tây bắc Tiểu Á.

[2221] Thánh Phaolô qua đời vào khoảng năm 860.

Một lần, ngài có một thị kiến về những người nhận bố thí: một lần, quan trưởng thành phố đến tu viện đó để bố thí, và phát cho mỗi người một đồng bạc[2222] . Ông ta tiến lại gần vị ẩn sĩ, mang theo một đồng vàng[2223] , và nài nỉ ông nhận lấy; vì xấu hổ trước người đàn ông chính trực này, vị ẩn sĩ đã nhận đồng vàng và bỏ vào túi.

Vào buổi tối, sau khi hoàn thành nghi thức thường ngày, vị tu sĩ già nằm xuống tấm chiếu[2224] , định chợp mắt một chút. Và bỗng ông thấy mình đang ở cùng các tu sĩ khác của tu viện đó trên một cánh đồng rộng lớn; cả cánh đồng ấy đầy gai góc, và một chàng trai trẻ (đó là Thiên Thần của Chúa) nói với các tu sĩ của tu viện đó:

– Hãy gặt gai góc đi.

Chàng trai trẻ ấy tiến lại gần anh (người ẩn tu) và nói với anh:

– Hãy thắt lưng lại và gặt gai góc đi.

Khi người ẩn tu bắt đầu từ chối, Thiên Thần nói:

– Ngươi không được có bất kỳ lý do nào để từ chối, bởi vì hôm qua ngươi đã đồng ý cùng với các tu sĩ khác nhận một đồng bạc từ người yêu mến Chúa ấy; ngươi đã nhận một đồng vàng, vì vậy ngươi phải làm việc nhiều hơn những người khác, gặt gai góc, như người đã nhận phần thưởng lớn hơn. Còn những bụi gai mà ngươi thấy, đó chính là những việc làm của người mà hôm qua các ngươi đã nhận bố thí; vậy thì, hãy bắt tay vào và gặt cùng với những người khác.

Khi thức dậy và suy ngẫm về những gì đã thấy, vị ẩn sĩ vô cùng buồn bã và ngay lập tức sai người đi tìm người đã cho ông bố thí, rồi nài nỉ ông ta nhận lại đồng vàng của mình. Nhưng người yêu mến Chúa ấy không muốn nhận lại và nói với vị ẩn sĩ:

– Hãy giữ nó lại, thưa cha, hoặc hãy tặng nó cho ai cha muốn.

Lúc đó, vị tu sĩ già nói với người ấy:

– Tôi không muốn gánh chịu những gai góc của tội lỗi người khác, trong khi bản thân tôi còn chưa thể thoát khỏi những gai góc tội lỗi của chính mình.

Sau đó, ông ném chiếc túi vàng đó ra khỏi phòng tu của mình và đóng cửa sổ lại.

Khi biết lý do tại sao vị ẩn sĩ từ chối lòng bố thí của mình, người đàn ông ấy bắt đầu lo lắng về việc sửa đổi cuộc đời và bắt đầu thực hiện nhiều việc bố thí cho những người nghèo khó và khốn khổ, nhớ rằng, theo Kinh Thánh, tội lỗi được tẩy sạch nhờ lòng bố thí và đức tin[2225] .

Ngày 21 tháng 3

Ngày 8 tháng 3 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theodoret, Linh mục thành Antioch

Ngày tưởng niệm 8 tháng 3

Vị hoàng đế vĩ đại Constantine và con trai ngài là Constantius đã cho xây dựng và trang hoàng lộng lẫy một nhà thờ chính tòa tại Antioch thuộc Syria. Trong dân gian, nhà *thờ* này được gọi là *"nhà thờ vàng"*, bởi vì nó được trang trí nghệ thuật bằng vàng và được tô điểm bằng những bức tranh khảm lấp lánh vàng; phần mái của nó cũng được mạ vàng toàn bộ; vô số đồ thờ cúng đều được làm bằng vàng và bạc nguyên chất. Các vị hoàng đế đã hiến tặng nhiều tài sản để duy trì sinh hoạt cho hàng giáo sĩ đông đảo. Trong hàng giáo sĩ của nhà thờ chính tòa vĩ đại này, Thánh Theodoret là linh mục; ngài được giao phó trách nhiệm bảo quản các đồ thờ cúng, dụng cụ và toàn bộ của cải của nhà thờ. Từ thuở thiếu thời, ngài đã sống một cuộc đời đạo đức và giữ vững đức tin chân chính trong lòng, thực hiện lời Kinh Thánh: *"Người ta tin bằng lòng để được công chính, và xưng ra bằng miệng để được cứu rỗi"* (Rô-ma 10:10).

[2222] *Srebrnik* – là đồng tiền bạc, có giá trị thay đổi theo từng thời kỳ. Vào thời Chúa Cứu Thế, một srebrnik tương đương khoảng 80 kopeck.

[2223] *Zlatnitsa* – nói chung là đồng tiền vàng có giá trị không xác định.

[2224] Chiếu cói, thường được làm từ cây sậy, thường được dùng làm giường ngủ của các ẩn sĩ và những người tu hành thời xưa.

[2225] Lc 11:41; Tô-bít 12:9; Si-ra 3:30.

Ngài làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng việc ăn chay, cầu nguyện, bố thí, quan tâm đến sự cứu rỗi linh hồn loài người và sự phục vụ thánh thiện không tì vết.

Khi Constantius, con trai của Constantine, qua đời, Julianus Apostata lên ngôi kế vị. Khi lên ngôi, ban đầu ông tỏ ra là một Kitô hữu đạo đức và đã thả các giám mục ra khỏi tù, những người đã bị vua Constantius lưu đày vì lòng đạo đức; nhưng khi đã củng cố được quyền lực trên ngai vàng, ông công khai trước mặt mọi người từ chối Chúa Kitô, Đấng mà ông đã từ chối trong thầm lặng từ lâu, và sa vào tay ma quỷ và phù thủy. Và ông bắt đầu đàn áp Giáo hội của Chúa Kitô; dù không tàn sát toàn bộ dân Kitô hữu, nhưng ít nhất ông ta cũng bắt giữ, tra tấn và giết hại các nhà lãnh đạo, các chức sắc tôn giáo và các quan chức trong hàng giáo dân; ông ta chiếm đoạt các nhà thờ của Chúa từ tay các Kitô hữu và biến chúng thành đền thờ các thần tượng của mình, cướp bóc mọi tài sản của Giáo hội và nói, tên khốn kiếp ấy:

– Người Kitô hữu không nên sở hữu bất kỳ của cải nào, vì Chúa Kitô đã truyền cho họ phải sống như những người nghèo khó, khi Ngài phán: "Đừng tích trữ vàng hay bạc."

Trong thời kỳ tàn bạo ấy, Nhà thờ Chính tòa Antioch – được gọi là *"Nhà thờ Vàng"* vì vẻ đẹp lộng lẫy của nó – cũng bị tàn phá; tất cả những vật trang trí quý giá của nhà thờ đều bị đưa vào kho báu hoàng gia, tài sản của Giáo hội bị cướp bóc, các linh mục bị đuổi đi, và Thánh Theodoret bị tra tấn đến chết.

Sự việc diễn ra như sau. Hoàng đế Julian có một người chú cùng tên là Julian, là anh ruột của mẹ ông; ông đã bổ nhiệm người chú này làm tổng trấn và quan tra tấn các vùng đất phía đông. Người chú Julian đó trước đây là một Kitô hữu, nhưng vì muốn lấy lòng cháu trai mình, tức hoàng đế Julian kẻ bội đạo, nên đã từ bỏ Chúa Kitô và thờ lạy các thần tượng. Ông ta đã đến Antioch trước khi hoàng đế đến đó, cùng với một quan đại thần khác của hoàng đế tên là Felix, người phụ trách kho báu hoàng gia. Biết rằng trong nhà thờ chính tòa có nhiều của cải, Julian đã bắt giữ người giữ các thánh vật của nhà thờ, vị linh mục đáng kính Theodoret (còn các giáo sĩ khác thì vì sợ hãi nên đều bỏ chạy và trốn đi đâu có thể); vì vậy, ông ta đã cố gắng bắt giữ ông ta, vì lúc đó ông ta đang cầm trên tay tủ đựng lễ phục của nhà thờ. Sau khi tước đoạt chìa khóa khỏi tay ông, trói chặt ông lại và giam vào ngục tối, Julian cùng với người quản lý kho báu hoàng gia Felix và một lực lượng quân sự hùng hậu đã xông vào Nhà thờ của Chúa, nhằm cướp đi các vật trang trí, vàng, bạc và tất cả những vật phẩm quý giá để sáp nhập vào kho báu hoàng gia. Bước vào nơi thánh của Chúa như một tên trộm và cướp, với sự liều lĩnh và vô liêm sỉ tột độ, hắn đã cướp bóc vẻ lộng lẫy của nhà thờ, gây ra sự ô nhục cho nơi thánh của Chúa và làm ô uế nó! Kẻ khốn nạn ấy đã dám tiểu tiện ngay trước ngai vàng của Đức Chúa Trời; khi các đồ thánh từ bàn thờ được mang ra và đặt tất cả xuống đất, hắn đã ngồi lên chúng để nhạo báng, thốt ra từ miệng ô uế của mình những lời phỉ báng và vu khống đối với Chúa Giê-su Christ của chúng ta. Một người có mặt tại đó, tên là Vzoi, đã khuyên can hắn đừng vô liêm sỉ làm ô uế thánh điện của Chúa và đừng phỉ báng Đấng Christ. Nhưng hắn đã đánh mạnh vào đầu người đó và nói:

– Người Kitô hữu không có sự quan phòng nào của Thiên Chúa, và họ hoàn toàn bị tước đoạt sự chăm sóc ấy.

Sau khi cướp bóc và làm ô uế nhà thờ của Đức Chúa Trời, vị vua vô đạo đã chuyển sang tra tấn vị tôi tớ của Đức Chúa Trời, thánh Theodoret. Khi ông bị trói và đưa ra trước tòa án vô đạo, Julian nói với ông:

– Thánh Theodoret! Tại sao dưới triều vua Constantine, ngươi lại phá hủy các đền thờ của các vị thần cổ đại, lại trang hoàng các lăng mộ của người đã khuất và ra lệnh xây dựng các nhà thờ trên đó?

Thánh nhân đáp:

– Các nhà thờ thiêng liêng và lăng mộ các thánh đã được tổ tiên xa xưa của chúng ta xây dựng và trang hoàng, vì Đức Chúa Trời đã tôn vinh các thánh của Ngài, khi thấy họ xứng đáng với điều đó; còn ngài, thưa vị vua, tôi thật ngạc nhiên vì ngài đã từ một Kitô hữu trở thành kẻ thờ thần tượng.

Vị quan ra lệnh đánh vào mặt vị thánh.

– Ngươi đang phạm tội, Julian, – vị thánh nói với ông ta, – ngươi gọi những tượng thần bằng đá và gỗ là các vị thần.

Rồi kẻ tra tấn ra lệnh lột trần vị thánh, treo lên cây và dùng móng sắt cạo khắp thân thể ngài. Họ cạo ngài suốt ba giờ, máu chảy thành dòng, nhưng khuôn mặt vị thánh vẫn rạng ngời niềm vui, như thể ngài chẳng cảm thấy đau đớn gì. Kẻ tra tấn nói với ngài:

– Hỡi kẻ khốn nạn, hãy dâng lễ vật cho các vị thần, ta sẽ tha cho ngươi khỏi món nợ mà ngươi đang gánh trên mình liên quan đến tài sản của Giáo hội, thứ mà ngươi đã làm cạn kiệt. Nếu ngươi không dâng lễ vật, thì linh hồn ngươi sẽ phải ra đi trong cái chết đầy đau đớn.

Vị thánh đáp lại:

– Kẻ khốn nạn – chính ngươi, tên vô luật pháp và vua của ngươi, bởi vì các ngươi đã bỏ Chúa Kitô và bám víu vào Antichrist, và phải bị thiêu đốt trong lửa vĩnh cửu; còn ta thì không nợ ai cả, ngoại trừ Chúa Giêsu Kitô của ta, trước mặt Ngài, nghĩa vụ của ta là giữ vững đức tin chân chính cho đến hơi thở cuối cùng.

Kẻ tra tấn lại quay sang nói với ông:

– Theodoret! Ngươi sẽ nhận được từ ta nhiều vinh dự và vàng bạc, chỉ cần ngươi từ bỏ tên pháp sư bị đóng đinh mà ngươi gọi là Con Thiên Chúa.

Vị thánh tử đạo đáp lại:

– Vàng của ngươi hãy ở lại với ngươi để dẫn ngươi đến sự hủy diệt[2226] ; còn ta thì đặt niềm tin vào Chúa của ta, Đấng ban cho các tôi tớ của Ngài những của cải bất diệt thay vì những của cải hư nát, những của cải trên trời thay vì những của cải trần gian.

Và tên tra tấn ra lệnh dùng hai ngọn nến thiêu đốt xương sườn của vị tử đạo. Khi họ bắt đầu thiêu đốt ông, ông ngước mắt lên trời và bắt đầu cầu nguyện – và ngay lập tức, cả hai tên đầy tớ đang thiêu đốt đều ngã xuống đất và chết ngay tại chỗ. Julian cùng những người xung quanh ra lệnh cho người ta cẩn thận nhấc hai tên đầy tớ đó dậy khỏi mặt đất, rồi nói với họ:

– Tại sao các ngươi lại bỏ mặc việc thiêu đốt tên Kitô hữu vô đạo mà lại chìm vào giấc ngủ và lơ là nhiệm vụ?

Những người hầu, khi tỉnh lại, đã trả lời kẻ tra tấn:

– Nếu ngươi không thấy các Thiên thần của Đức Chúa Trời đang bảo vệ tôi tớ của Ngài, thì ngươi là kẻ vô đạo và tâm hồn ngươi đã bị mù quáng. Kìa, bốn Thiên thần đang trò chuyện với ngài, và họ nghiêm khắc cấm chúng tôi chạm vào thân thể trong sạch của ngài. Kẻ phỉ báng! Đừng nói suông, mà hãy biết rằng Đức Chúa Trời của người Kitô hữu là Đấng vĩ đại, và chúng tôi hiện nay đang tin vào Ngài.

Đầy xấu hổ, tên tra tấn ra lệnh ném những người đầy tớ này xuống đáy biển. Khi họ bị dẫn đi để bị dìm chết, vị thánh tử đạo của Chúa Kitô đã kêu gọi họ, nói rằng:

– Hãy tiến bước trên con đường hạnh phúc với bình an, các con của ta, rồi sau đó ta cũng sẽ theo các con và cùng các con hân hoan trong niềm vui vĩnh cửu tại Nước Trời.

Và các tôi tớ đã qua đời vì bị dìm xuống biển, được ân sủng nhận vương miện tử đạo từ Đức Kitô, Đấng mà họ đã tin tưởng. Tiếp tục tiến đến vị thánh tử đạo Theodoritus, vị vua vô đạo đã la lên:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần.

Được tràn đầy Thánh Thần tiên tri, vị thánh đáp lại:

– Ngươi, kẻ gian ác và khốn nạn nhất trong tất cả loài người, sẽ phải nhai nuốt ruột gan chính mình, và chẳng bao lâu nữa, ngươi sẽ bị tống khứ linh hồn xấu xa của mình một cách bạo lực và ném nó vào lửa đời đời; cũng như vị vua vô luật pháp của ngươi, chẳng bao lâu sau ngươi, sẽ bị diệt vong trên đất Ba Tư; bị một bàn tay vô hình đánh gục, hắn sẽ bị ném xuống hỏa ngục. Hãy biết chắc chắn rằng những việc các ngươi đang làm sẽ không thành công, vì ngày tận cùng của các ngươi đã gần kề, và sự diệt vong của các ngươi không hề chần chừ.

Không thể chịu đựng được những lời ấy của vị thánh, tên tra tấn độc ác đã ra lệnh chặt đầu ngài ngay lập tức, và vị thánh đã bước đi đón nhận cái chết trong niềm vui, cầu nguyện với Thiên Chúa cho chính mình và cho cả thế giới, rồi bị chặt đầu bằng rìu và trút hơi thở cuối cùng.

Sau khi an táng thi hài cao quý của ngài, những người trung thành đã ghi nhớ trong lòng những lời tiên tri mà ngài đã thốt ra trong cơn đau đớn trước mặt kẻ tra tấn, và họ chờ đợi lời tiên tri ấy ứng nghiệm. Và quả thật, cả hai người tên Julian, chú và cháu, đều sớm chết trong sự ồn ào. Julian, chú ruột của hoàng đế, người cai trị các vùng đất phương Đông, kẻ đã giết thánh Theodoret, kể từ khi ông ta làm ô uế ngai vàng của Đức Chúa Trời bằng nước tiểu của mình và chà đạp lên các thánh vật, chửi rủa các thánh tích và phỉ báng Đấng Christ, – đã mắc bệnh. Ngay lập tức, sâu bọ bắt đầu sinh sôi trong những nơi kín đáo của ông ta; chúng gặm nhấm ông từ bên trong, và bệnh tình ngày càng trầm trọng. Những bác sĩ giỏi nhất đã nỗ lực hết sức để chữa trị cho ông, nhưng không thu được kết quả nào, và tình trạng của ông ngày càng tồi tệ hơn, vì lũ giun sinh sôi nảy nở mạnh mẽ và gặm nhấm thân thể ông, người đã bị bàn tay công chính của Đức Chúa Trời trừng phạt. Và những lời của vị thánh nói với kẻ hành hạ đã ứng nghiệm: "Ngươi sẽ nhai ruột gan mình", bởi khi các đường ruột của hắn bị tắc nghẽn, đôi môi phạm thượng của

[2226] Công vụ 8:2. Lời của Thánh Phêrô nói với Simon, thầy phù thủy, người muốn mua ân sủng của Thánh Thần bằng tiền.

hắn đã trở thành lối thoát ghê tởm: thế là, bị sâu bọ gặm nhấm, hắn đã nôn ra linh hồn khốn nạn của mình. Cũng vậy, người bạn của ông là Felix, người quản lý kho báu hoàng gia, cũng không thoát khỏi sự trừng phạt nhanh chóng của Đức Chúa Trời: theo sự báo ứng của Đức Chúa Trời, nội tạng của ông ta bị hủy hoại, và máu chảy thành dòng từ miệng báng bổ của ông ta ngày đêm như từ một suối nước, và chẳng bao lâu sau, ông ta qua đời, giao phó linh hồn khốn nạn của mình cho địa ngục vĩnh cửu. Khi vị vua độc ác Julian đến Antioch và biết được chuyện này, ông ta không dám xúc phạm thi hài của Thánh Tử đạo Vavila, đang an nghỉ tại Daphne của Apollo, nhưng đã ra lệnh cho các Kitô hữu mang thi hài đó đi khỏi đó – như được ghi chép trong cuốn tiểu sử của vị thánh này, vào ngày 4 tháng 9. Sau đó, Julian, kẻ bội đạo, khi lên đường chinh phạt người Ba Tư, đã tử trận tại đó, đúng như lời tiên tri của Thánh Tử đạo Theodoret của Chúa Kitô[2227] . Khi chứng kiến lời tiên tri của ngài ứng nghiệm, các tín hữu đã tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Con đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Theophylact, vị chứng nhân, Giám mục thành Nicomedia

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 3

Vào những ngày mà Giáo Hội đang bị xáo trộn bởi tà thuyết chống thánh tượng[2228] , vị thánh nhân Theophylact đã từ các nước phương Đông đến Constantinople và trở nên thân thiết với vị thánh sáng chói của Giáo Hội, Thánh Tarasius – lúc bấy giờ vẫn còn là giáo dân và thượng nghị sĩ, người đứng đầu các cơ quan mật vụ trong hoàng cung. Sau khi Hoàng đế chống thánh tượng Constantine Copronymus qua đời[2229] , con trai ông là Leo[2230] cùng với mẹ là Irina đã lên ngôi; Thượng phụ Pavl, người được mệnh danh là "Đấng Nhân từ", đã tự nguyện từ bỏ ngai tòa của mình; thay vào đó, Thánh Tarasius được tấn phong làm Thượng phụ, người đã triệu tập Công đồng Toàn cầu lần thứ bảy và lên án tà thuyết chống thánh tượng[2231] . Lúc bấy giờ, Thánh Phêôphilact và cùng với ngài là Mihaïl Sinadsky đã từ bỏ đời sống thế tục, gia nhập dòng tu và được Đức Thánh Tarasius cử đến tu viện được xây dựng bên bờ Biển Đen: tại đó, trong khi miệt mài với các công việc tu hành, họ đã trổ sinh nhiều đức hạnh và nhờ những lời cầu nguyện của mình mà được ban cho lòng can đảm để đến gần Thiên Chúa.

Đó là mùa gặt, nắng nóng gay gắt, mọi người kiệt sức vì khát khô cổ. Các thánh đã cầu nguyện với Chúa, và chiếc bình đồng khô ráo bỗng tuôn ra nước với lượng đủ đáp ứng nhu cầu. Chúa làm theo ý muốn của những ai kính sợ Ngài và lắng nghe lời cầu nguyện của họ! Phép lạ này giống như phép lạ xưa kia đã xảy ra trong sa mạc,

---

[2227] Julian đã bị trúng một mũi tên do một người Ba Tư bắn ra. Cảm nhận cái chết đang đến gần, ông đặt tay lên vết thương, lấy một ít máu, ném nó lên không trung và nói, như thể đang nhìn thấy Đấng Christ trước mặt mình, Đấng mà ông đã từng truy đuổi: "Ngươi đã chiến thắng, hỡi người Galilê!" (năm 363)

[2228] Cuộc đấu tranh chống thánh tượng trong Đế quốc Hy Lạp bắt đầu dưới triều vua Lêô III người Isauria (717–741) và kết thúc dưới triều nữ hoàng Theodora (842). Trong thời gian này, các vị vua trị vì bao gồm: Constantine V (đến năm 775), Leo IV (đến năm 780), Constantine VI và Irene (đến năm 802), Nikephoros I (đến năm 811), Stavrikios và Michael I (đến năm 813), Lê V người Armenia (đến năm 820), Michael II (đến năm 821), Theophilus (đến năm 840), Theodora và Michael III (đến năm 867). Các vị Tổng Giám mục Constantinopolis dưới triều các hoàng đế này bao gồm: Anastasius, người chống thánh tượng (753), Constantine II, người chống thánh tượng (766), Nikita, người chống thánh tượng (780), Thánh Paul, ngày kỷ niệm 1 tháng 8 (784), Thánh Tarasius, ngày kỷ niệm 25 tháng 2, dưới triều ông đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ VII năm 787 (806), Thánh Nikifor (815), Thánh Theodor, người chống thờ hình tượng (821), Thánh Antonius, người chống thờ hình tượng (832), Thánh Ioannes VII, người chống thờ hình tượng (842) và Thánh Methodius (846).

[2229] Biệt danh "Kopronym" bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp "kopros" – phân.

[2230] Ngài trị vì từ năm 775–780. – Lêô IV Khazar, mặc dù là người ủng hộ phong trào chống thánh tượng, nhưng lại có thái độ khoan dung hơn đối với những người phản đối: ngài cho phép các tu sĩ – những người ủng hộ việc tôn kính thánh tượng – đã bỏ trốn dưới thời cha ngài được trở về, và thậm chí còn cho phép họ đảm nhận các chức vụ giám mục; nhờ đó, Phaolô đảo Síp – một người ủng hộ việc tôn kính hình ảnh một cách bí mật – đã được tấn phong lên ngai tòa tổng giám mục. Các hình ảnh thậm chí còn xuất hiện trong cung điện, tại các phòng của hoàng hậu Irina, người đã bí mật ủng hộ những người tôn kính hình ảnh mà không cho chồng biết. Khi sự việc bị phát hiện, Lêô đã đuổi Irina ra khỏi cung điện, nhưng không lâu sau đó ông qua đời.

[2231] Công đồng này diễn ra vào năm 787. Sau khi tuyên bố vạ tuyệt thông đối với những người chống thờ hình ảnh, công đồng đã thiết lập việc thờ hình ảnh theo nghĩa là không được dâng lên các hình ảnh sự thờ phượng chỉ dành riêng cho Thiên Chúa, nhưng phải tôn kính chúng giống như Thánh Giá ban sự sống (việc thờ phượng Thánh Giá này không bị những người chống thờ hình ảnh bác bỏ).

khi Đức Chúa Trời làm cho nước chảy ra từ tảng đá cho dân Y-sơ-ra-ên đang khát (Xuất Ê-díp-tô Ký 17:6), và giống như phép lạ khác, khi những chiếc xương khô của hàm lừa trở thành nguồn nước sống cho Sam-sôn, người đang chết vì khát (Sách Các Quan Xét 15:19). Khi các vị thánh phụ Theophylact và Michael tỏa sáng như những vì sao nhờ đời sống đạo đức của mình, Đức Thượng phụ Tarasius đã nhận thấy họ xứng đáng với chức vụ giám mục cao quý; sau khi tấn phong cả hai, ngài đã sai Michael đến Sinai, còn phong thánh Theophylact làm giám mục tại Nicomedia. Thánh Theophylact đã thể hiện sự quan tâm như thế nào đối với đoàn chiên của Chúa Kitô tại Nicomedia, sự chăm sóc ra sao dành cho người nghèo, trẻ mồ côi và góa phụ – điều đó được chứng minh qua các nhà thờ thánh thiêng, bệnh viện, nhà trọ dành cho khách lữ hành do ngài xây dựng, cùng với những việc bố thí vô số mà ngài thực hiện hàng ngày. Chính ngài đã tận tay chăm sóc những người bệnh tật, mù lòa, què quặt và yếu đuối; khi đi vòng quanh các trại tế bần và quảng trường thành phố với một bình nước ấm, ngài đã tự tay rửa sạch và tẩy uế cho những người bị bệnh hủi mà ngài gặp, không hề e ngại hay chán ghét khi phục vụ họ.

Sau khi Đức Thánh Tarasius qua đời, Đức Thánh Nikiforos, vị Thượng phụ đầy khôn ngoan, đã kế vị ngai tòa Giáo hội Constantinopolis; lúc bấy giờ, cơn bão táp của tà thuyết chống thánh tượng lại bùng phát, được kích động bởi vị vua vô đạo Lêô người Armenia. Đức Thượng phụ Nikifor, sau khi triệu tập các giám mục được chọn là Emilian của Kizik, Euthymius của Sardis, Joseph của Thessaloniki, Eudoxius của Amorium, Michael của Sinad và Thánh Theophylact, Giám mục của Nicomedia, đã cùng họ đến gặp vị vua độc ác: Các vị thánh phụ đã giảng dạy nhà vua rất nhiều từ các sách Thánh, khuyên nhủ ngài đừng gây rối loạn trong Giáo hội của Chúa Kitô bằng tà thuyết đã bị Công đồng Đại kết lần thứ bảy lên án. Nhưng họ không thể thuyết phục được vị vua điên cuồng, người đầy chất độc của con rắn và trút cơn thịnh nộ và giận dữ lên họ. Khi các vị thánh phụ im lặng, Thánh Theophylact đã nói với vị vua:

– Ta biết rằng, bằng cách xúc phạm đến lòng nhẫn nại của Thiên Chúa và coi thường sự cứu rỗi của chính mình, ngươi đang chống lại truyền thống cổ xưa của các vị Thánh Phụ và gây rối loạn cho Giáo Hội; nhưng, giống như cơn bão, tai họa dữ dội và bất hạnh bất ngờ sẽ ập đến với ngươi, và ngươi sẽ không tìm được ai cứu rỗi cho mình.

Nghe vậy, nhà vua càng thêm giận dữ và đuổi các giám mục đi một cách nhục nhã, kết án họ bị lưu đày đến các nơi khác nhau: Đức Thượng phụ Nikiforos – đến đảo Prokonnis[2232] , Thánh Michael, Giám mục Sinad – đến Eudokia, những người khác – đến các nơi khác, còn Thánh Theophylaktos của Nicomedia – đến thành phố ven biển Strovoul, thuộc Kiverreotes[2233] . Tại đó, vị chứng nhân của Chúa Kitô và vị bảo vệ vĩ đại của đức tin đã trải qua quãng thời gian còn lại của cuộc đời mình, khoảng ba mươi năm, trong sự áp bức và đau khổ của nhiều người, rồi an nghỉ trong Chúa.

Hoàng đế Lê-vơ người Armenia đã qua đời, đúng như lời tiên tri của vị thánh, bởi một cái chết tàn bạo và bất ngờ: ông bị chính các chiến binh của mình chém chết bằng gươm vào ngày Lễ Giáng Sinh, trong nhà thờ khi đang cử hành thánh lễ sáng (năm 820). Sau ông, các vị vua chống thờ hình ảnh là Michael, người được gọi là "Người Nói Lắp" (năm 829), và con trai của Michael là Theophilus (năm 842) đã trị vì và qua đời. Khi hoàng hậu Theodora (842–855) cùng con trai mình là Michael (855–867) (đây là vị vua thứ ba mang tên Michael) lên nắm quyền cai trị, thánh Methodius được tấn phong làm tổng giám mục (năm 842), và tà thuyết vô luật pháp đã bị tiêu diệt, và Chính Thống Giáo lại rạng ngời – lúc bấy giờ, thi hài thánh thiện của vị cha đáng kính Theophylact của chúng ta đã được đưa từ nơi lưu đày về Nicomedia và an táng trong nhà thờ do ngài xây dựng để bảo vệ thành phố Nicomedia, nhằm tôn vinh và ca ngợi Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã tỏa sáng như ngọn đèn rực rỡ khắp bốn phương, thánh Theophylact, khi ngài rao giảng Lời Chúa đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, ngài đã làm sáng tỏ Hội đồng các Thánh Cha, và trở thành người được Ba Ngôi Thiên Chúa hài lòng. Xin ngài, khi đứng trước Ba Ngôi, hãy không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

[2232] *Prokonnis* – một hòn đảo thuộc quần đảo Prokonnis (nay là Biển Đá Cẩm Thạch), nằm về phía tây bắc của Kizika; nơi đây nổi tiếng với các mỏ đá cẩm thạch.

[2233] *Kiverreotes* hay *Karia* – vùng phía tây nam của Tiểu Á.

Ngày 22 tháng 3

Ngày 9 tháng 3 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm bốn mươi vị thánh tử đạo tại Sebaste, Armenia

Ngày tưởng niệm 9 tháng 3

Trong thời kỳ trị vì của hoàng đế Licinius tàn bạo, một cuộc đàn áp khốc liệt đã được tiến hành nhằm vào các tín đồ Kitô giáo[2234] , và tất cả các tín hữu đều bị ép buộc phải dâng lễ vật cho các thần tượng. Tại thành phố Sebaste của Armenia[2235] , người chỉ huy quân sự lúc bấy giờ là Agricola, một người có tính cách hung dữ và là người ủng hộ cuồng nhiệt việc thờ cúng thần tượng. Và vì vào thời điểm đó, trong hàng ngũ các quân đoàn hoàng gia đã có không ít Kitô hữu, nên một sắc lệnh đã được ban hành, yêu cầu họ cũng phải dâng lễ vật cho các thần ác. Trong trung đoàn của chỉ huy Agricola có bốn mươi chiến binh đến từ vùng Cappadocia[2236] , họ tạo thành một đơn vị đặc biệt danh dự, sùng kính tin vào Đức Kitô là Thiên Chúa và nổi bật với lòng dũng cảm bất khuất, luôn bất khả chiến bại trong các trận chiến: trong số họ có Kirion, Candide và Domnus, những người am hiểu cả Kinh Thánh. Khi tổng trấn Agricola biết được rằng các chiến binh trong đội quân này là Kitô hữu, ông đã quyết định ép buộc họ phải thờ lạy thần tượng. Sau khi triệu tập họ đến, tổng trấn đã nói với họ như sau:

– Cũng như trong các trận chiến với kẻ thù, các ngươi luôn đoàn kết, đồng lòng và thể hiện sự dũng cảm, thì giờ đây, với tinh thần đồng lòng như vậy, hãy thể hiện sự tuân phục nhất trí đối với sắc lệnh của hoàng đế – hãy tự nguyện dâng lễ vật cho các vị thần, để các ngươi không phải chịu cực hình.

Trước lời đó, các thánh nhân đã dũng cảm đáp lại:

– Nếu chúng tôi, khi chiến đấu dũng cảm vì vị vua trần gian, luôn luôn là những người chiến thắng – như chính ngươi, kẻ khốn nạn, đã tự mình làm chứng – thì huống chi là khi chiến đấu vì Đấng Vua Bất Tử, chúng tôi sẽ vượt qua sự độc ác của ngươi và chiến thắng sự xảo trá của ngươi.

Agricola nói:

– Các ngươi chỉ có hai lựa chọn: hoặc dâng lễ vật cho các vị thần và được hưởng những vinh dự lớn lao, hoặc, nếu không tuân phục, sẽ bị tước quân hàm và phải chịu sự nhục nhã; hãy suy nghĩ kỹ về điều này và chọn cho mình điều mà các ngươi thấy có lợi hơn.

– Điều gì có lợi cho chúng ta, – các chiến binh nói, – thì Chúa sẽ lo liệu.

– Đừng bàn luận nhiều nữa, – vị chỉ huy nói, – hãy từ bỏ những lời dối trá của các ngươi, và sáng mai hãy sẵn sàng dâng lễ vật lên các vị thần.

Và sau khi nói xong, Agricola ra lệnh giam họ vào ngục tối. Khi bị dẫn vào đó, các chiến binh thánh thiện đã quỳ gối cầu nguyện và kêu cầu Chúa:

– Xin Chúa cứu chúng con khỏi những cám dỗ và sự lôi kéo của những kẻ vô luật pháp.

Vào buổi tối, họ bắt đầu hát thánh vịnh:

– *"Ai sống dưới bóng che chở của Đấng Tối Cao, sẽ an nghỉ dưới bóng của Đấng Toàn Năng"* (Thi Thiên 90:1–16).

Sau khi hát xong thánh vịnh, các chiến binh thánh thiện dâng lời cầu nguyện lên Chúa; sau lời cầu nguyện, họ lại tiếp tục hát thánh vịnh và cứ thế thức trắng đến nửa đêm. Người dẫn dắt việc hát là thánh Kirion: ngài đọc

---

[2234] Licinus, con rể của Hoàng đế Constantine Đại đế – người cai trị nửa phía tây của Đế chế La Mã – đã trở thành hoàng đế của nửa phía đông từ năm 307 đến năm 323. Năm 313, cả hai hoàng đế đã ban hành sắc lệnh công nhận Kitô giáo là tôn giáo quốc gia, ngang hàng với các tôn giáo ngoại giáo cổ xưa. Tuy nhiên, Licinius – một người theo đạo đa thần – đã đối đầu với Constantine, người đã trở thành người bảo trợ kiên quyết cho Kitô giáo, và trong khi chuẩn bị cho cuộc chiến với ông, do bị mê hoặc bởi lời tiên tri hứa hẹn chiến thắng, đã quyết định tiêu diệt Kitô giáo trong phạm vi đế chế của mình, đặc biệt là vì lo ngại sự phản bội trong hàng ngũ quân đội của mình.

[2235] Armenia cùng với thành phố Sebaste – phần đông bắc của Tiểu Á – thuộc về Đế chế La Mã phương Đông.

[2236] Vùng Cappadocia – phần phía đông của Tiểu Á; thành phố chính của vùng này, Caesarea, nổi tiếng về giáo dục.

các câu Thánh vịnh, còn các thánh Candid và Domn cùng những người khác thì lặp lại theo ngài. Đến nửa đêm, các chiến binh thánh thiện nghe thấy tiếng Chúa hiện ra với họ:

– "Khởi đầu của sự kiên trì các con là tốt, nhưng ai kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu rỗi" (Mt 10,22).

Tất cả họ đều nghe thấy tiếng nói của Chúa và đều kinh hoàng, nhưng nỗi sợ hãi của họ tan biến trong niềm vui siêu phàm. Và họ không ngủ cho đến sáng.

Sáng hôm sau, Agricolai tập hợp các bạn bè và cố vấn của mình lại, ra lệnh dẫn đội quân thánh gồm bốn mươi chiến binh từ ngục ra và nói với họ bằng những lời xảo trá như sau:

– Những gì ta sắp nói với các ngươi không phải là lời nịnh hót hay dối trá, mà là sự thật: vua của chúng ta có rất nhiều chiến binh, nhưng không ai trong số họ sánh được với các ngươi về trí tuệ, dũng khí hay vẻ đẹp, và họ cũng không được ta ưu ái bằng các ngươi; vậy nên đừng làm điều gì khiến tình yêu của ta dành cho các ngươi biến thành sự căm ghét; tất cả đều nằm trong tay các ngài và phụ thuộc vào các ngài: hoặc là giữ được tình yêu của ta dành cho các ngài, hoặc là tự chuốc lấy sự căm ghét của ta.

Thánh Candide đáp lại:

– Ngươi là kẻ nịnh hót tàn nhẫn, Agricola! – Tên của ngươi, "[2237] ", thật phù hợp với tính cách của ngươi.

Tổng trấn lặp lại:

– Chẳng phải ta đã nói với các ngươi rằng: các ngươi có quyền quyết định: hoặc giữ được tình yêu của ta, hoặc khơi dậy sự căm ghét của ta đối với các ngươi.

Thánh Candide nói:

– Vì tình yêu hay sự căm ghét của ngươi dành cho chúng ta, như chính ngươi đã nói, phụ thuộc vào chúng ta, nên chúng ta chọn sự căm ghét, bởi vì chúng ta cũng căm ghét ngươi và chỉ tìm kiếm lòng thương xót nơi Đức Chúa Trời của chúng ta; còn ngươi, kẻ hung ác và tàn nhẫn, kẻ thù của Đức Chúa Trời chúng tôi, đừng yêu thương chúng tôi, vì ngươi là kẻ vô luật pháp và đầy ghen tị – bị bóng tối của sự lầm lạc bao trùm và với bản tính thú vật, ngươi đã chứng minh danh tiếng hung ác của mình.

Bị kích động bởi câu trả lời táo bạo như vậy của vị thánh, quan tổng trấn, nghiến răng như sư tử, ra lệnh xiềng xích các chiến binh thánh và giam họ vào ngục tối; nhưng thánh Kirion nói với ông ta:

– Ngươi không có quyền từ nhà vua để tra tấn chúng ta, mà chỉ có thể thẩm vấn chúng ta mà thôi[2238] .

Bị dọa bởi lời răn dạy đó từ vị thánh chiến binh, Agricolaus ra lệnh đưa họ đi mà không dùng bạo lực thô bạo, giam họ vào ngục tối và không xiềng xích họ; ông chỉ ra lệnh cho lính canh ngục phải canh giữ họ thật chặt chẽ. Lúc bấy giờ, quan tổng trấn đang chờ đợi sự đến của Lysius – một vị công tước có quyền hạn rất lớn.

Trong ngục tối, các chiến binh thánh dành cả ngày lẫn đêm để cầu nguyện, hát thánh vịnh và lắng nghe những lời dạy dỗ của Thánh Kirion.

– Theo sự an bài của Thiên Chúa, – ngài nói trong lúc khác, – anh em chúng ta đã kết bạn với nhau trong cuộc phục vụ quân sự tạm bợ và phù du này, nhưng chúng ta sẽ cố gắng không xa cách nhau mãi mãi; như từ trước đến nay chúng ta đã sống đồng lòng và nhất trí, thì chúng ta cũng sẽ cùng nhau hoàn thành công cuộc tử đạo: như chúng ta đã làm đẹp lòng vị vua trần thế, thì chúng ta cũng sẽ cố gắng làm đẹp lòng Vị Vua bất tử, là Đức Kitô, Thiên Chúa.

Sau bảy ngày các vị thánh chiến binh bị giam giữ trong ngục tối, Công tước Lysius đã đến vùng đất ấy và, ngay khi đặt chân đến Sebaste, ông lập tức chú ý đến những chiến binh dũng cảm: ngay ngày hôm sau, khi xuất hiện cùng với Tướng quân Agricola tại tòa án, ông ra lệnh dẫn nhóm bốn mươi vị chiến binh thánh đến để tra tấn. Trên đường đến tòa án bất công này, Thánh Kirion đã khuyên nhủ các đồng đội của mình như sau:

– Đừng sợ, hỡi anh em! Chẳng phải Thiên Chúa đã giúp đỡ chúng ta trong các trận chiến sao, khi chúng ta kêu cầu Ngài và đánh bại kẻ thù của chúng ta. Hãy nhớ lại: có lần chúng ta tham gia vào một trận chiến vĩ đại, khi tất cả các đồng đội trong các trung đoàn của chúng ta đều bỏ chạy và chỉ còn lại chúng ta – bốn mươi người – giữa vòng vây của kẻ thù; lúc đó chúng ta đã dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện đẫm nước mắt, và nhờ sự trợ giúp của Ngài, chúng ta đã đánh bại một số kẻ thù, đuổi những kẻ khác – những người bị thương – đi, và dù đối mặt với vô

[2237] "Agrios" – hoang dã, hung dữ; "kolaks" – kẻ nịnh hót.

[2238] Cũng vậy, Thánh Tông đồ Phaolô, khi chịu khổ vì Chúa Kitô, đã yêu cầu các quan tòa rằng, dù thể hiện sự ác độc của mình, họ cũng không được chà đạp lên các luật lệ của con người và của nhà nước – không được tùy tiện tra tấn ngài, một công dân La Mã. (Công vụ 16:37; Công vụ 22:26–30).

số kẻ thù cùng sự khốc liệt của trận chiến, không một ai trong chúng ta bị thương. Giờ đây, ba kẻ thù đang tập trung chống lại chúng ta – Satan, Lisiy và Tướng Agricolay, hay nói đúng hơn: chỉ có một kẻ thù đang gây chiến với chúng ta – kẻ thù vô hình; và liệu hắn có thể đánh bại đội quân bốn mươi người của chúng ta chăng? Chớ để điều đó xảy ra!.. Giờ đây, chúng ta cũng cần hành động như cách chúng ta luôn làm: hãy dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện nồng nhiệt! – và Ngài sẽ giúp đỡ chúng ta, – và chúng ta sẽ không bị tổn hại bởi xiềng xích hay cực hình. Từ trước đến nay, khi bước vào trận chiến, chúng ta luôn có thói quen hát thánh vịnh:

"Lạy Chúa! Xin cứu con nhân danh Ngài, và xin xét xử con bằng quyền năng của Ngài, lạy Chúa! Xin nghe lời cầu nguyện của con, xin lắng nghe những lời từ miệng con" (Thánh vịnh 53:3), vậy thì, hỡi các anh em đồng đội, chúng ta hãy làm như vậy ngay lúc này – và Chúa sẽ nghe chúng ta và giúp đỡ chúng ta.

Và các chiến binh thánh đã hát thánh vịnh này suốt chặng đường từ ngục tối đến nơi xét xử. Trước cảnh tượng ấy, dân chúng cả thành phố đã tụ tập lại.

Đội quân gồm bốn mươi người đã ra trước tòa trước mặt Lysius và Agricola. Công tước Lysius, sau khi nhìn các chiến binh thánh, đã nói:

– Ta nghĩ rằng những người này mong muốn và xứng đáng được phong tước vị cao nhất.

Rồi ngài quay sang họ và nói:

– Các ngươi sẽ nhận được từ ta những vinh dự và quà tặng nhiều hơn những người khác, chỉ cần tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế – dâng lễ vật lên các vị thần. Các ngươi được tự do lựa chọn một trong hai điều: hoặc là thờ phụng các vị thần và được ban thưởng những phần thưởng và vinh dự lớn lao, hoặc là, nếu các ngươi từ chối làm điều đó, sẽ ngay lập tức bị tước bỏ quân hàm và phải chịu những cực hình.

Thánh Candide đã trả lời như sau:

– Hãy tước đi của chúng tôi không chỉ quân hàm, mà cả chính thân xác chúng tôi nữa, vì đối với chúng tôi, không có gì quý giá và vinh dự hơn Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng tôi.

Lúc đó, vị hoàng tử kiêu ngạo ra lệnh ném đá vào miệng các thánh; còn Thánh Candide thì nói:

– Hầu tước của bóng tối và kẻ chủ mưu của sự vô luật pháp! Hãy tự mình làm điều đó đi, rồi ngươi sẽ thấy sự trừng phạt.

Nổi cơn thịnh nộ và nghiến răng, viên quan nói:

– Hỡi lũ đầy tớ độc ác! Sao các ngươi lại chậm trễ trong việc thi hành mệnh lệnh của chúa tể thế này?

Các tay sai cầm lấy đá, nhưng khi bắt đầu ném, những cú ném lại không trúng các thánh nhân, mà lại trúng chính họ – họ đánh trúng lẫn nhau. Thấy vậy, các thánh tử đạo càng thêm vững vàng trong lòng tin cậy vào Chúa. Công tước Lisius, vì tức giận, đã tự tay nhặt một hòn đá và ném vào một trong các thánh, nhưng hòn đá đó lại trúng vào mặt Agricola và làm vỡ môi ông. Lúc đó, thánh Kirion nói:

– Những kẻ thù đang chiến đấu với chúng ta đã kiệt sức và bị sỉ nhục; quả thật*, "gươm của chúng sẽ đâm vào chính lòng chúng, và cung tên của chúng sẽ bị bẻ gãy"* (Thánh Vịnh 36:15).

Vị tổng trấn thì với giọng nói đầy đau khổ, thốt lên:

– Tôi thề trước các vị thần, – chắc hẳn có một sức mạnh kỳ diệu nào đó đang giúp đỡ họ!

Thánh Domn đáp lại:

– Còn tôi, nhân danh Chúa Kitô, xin khẳng định rằng đó không phải là phép thuật, mà chính Thiên Chúa đang giúp đỡ chúng ta, và quyền năng của Ngài đã phủ lên những khuôn mặt vô liêm sỉ của các ngươi – những kẻ đã nói dối về Con của Ngài – một sự nhục nhã. Ngươi không thấy xấu hổ sao, hỡi kẻ điên rồ, xa rời sự thật, đầy dẫy bóng tối của địa ngục ma quỷ, kẻ gieo rắc cám dỗ! – Ngươi, Agricola, là đầu não của sự ác quỷ, còn vị công tước đi cùng ngươi là cái đuôi của cơn thịnh nộ nó; cả hai ngươi đều là tôi tớ của Satan. Nhưng nếu các ngươi vẫn chưa tin vào quyền năng của Đức Chúa Trời vốn thuộc về chúng ta ngay từ khi những cực hình đầu tiên mà các ngươi áp đặt lên chúng ta bắt đầu, thì hãy bắt đầu những cực hình khác đi.

Có một số người trong số các đầy tớ muốn bênh vực những người chỉ huy của họ, những người đang bị sỉ nhục:

– Hỡi những kẻ thù điên cuồng của các vị thần chúng ta, – họ nói với các thánh tử đạo, – tại sao các ngươi không muốn dâng lễ vật cho các vị thần ấy?

Thánh Kyriôn đáp lại họ:

– Chúng tôi tôn kính Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đức Giê-su Ki-tô, Con của Ngài, và Đức Thánh Thần, và chúng tôi can đảm thực hiện công việc anh hùng của mình, để chiến thắng sự nịnh hót của các ngươi và nhận lấy vương miện của sự sống bất tử.

Và Công tước Lysius ra lệnh đưa các vị thánh chiến binh trở lại ngục tối, để suy tính xem nên xử lý họ ra sao.

Các vị thánh chiến binh bị giam trong ngục đã bắt đầu hát Thánh vịnh.

"Con ngước mắt lên hướng về Ngài," họ hát, "Đấng ngự trên trời! Này, như mắt các tôi tớ hướng về tay chủ mình, như mắt các nữ tỳ hướng về tay bà chủ mình, thì mắt chúng con cũng hướng về Chúa, Thiên Chúa của chúng con, cho đến khi Ngài thương xót chúng con" (Thánh vịnh 122:1–2).

Và sau lời cầu nguyện, họ lại được ban sự khích lệ từ trên cao: vào giờ thứ sáu ban đêm, họ nghe thấy tiếng Chúa hiện ra phán:

– *"Ai tin vào Ta, dù có chết đi chăng nữa, cũng sẽ sống lại"* (Giăng 11:25). Hãy can đảm và đừng sợ những đau khổ tạm thời, vì chúng sẽ sớm qua đi; hãy kiên nhẫn một chút, hãy chịu đựng những đau khổ hợp pháp, để nhận được vương miện.

Được củng cố bởi sự an ủi này từ Đức Kitô, các thánh chiến binh đã trải qua đêm đó với tinh thần hân hoan.

Ngày hôm sau, các chiến binh thánh lại bị dẫn đến trước các quan tòa vô đạo, và một lần nữa, không do dự, họ tuyên bố:

– Hãy làm với chúng tôi bất cứ điều gì các ngài muốn; chúng tôi là Kitô hữu và không đồng ý thờ lạy các thần tượng.

Lúc đó, bên cạnh Agricola, người ta thấy ma quỷ hiện ra dưới hình dạng một người, tay phải cầm kiếm, tay trái cầm con rắn, thì thầm vào tai viên chỉ huy:

– Ngươi là của ta, hãy hành động đi!

Những kẻ tra tấn ra lệnh trói bốn mươi vị thánh chiến binh lại và lôi họ đến một hồ nước rộng lớn, nằm gần thành phố Sebaste. Lúc bấy giờ đang là mùa đông, gió thổi mạnh trong cái lạnh buốt giá; trời đã gần tối. Các vị thánh chiến binh bị lột trần và bị bỏ lại giữa hồ suốt cả đêm, còn để canh chừng họ thì có một đội lính gác do trưởng nhà ngục đứng đầu. Để dụ dỗ các chiến binh thánh, người ta đã dựng một phòng tắm nước nóng gần hồ, lôi cuốn những người bị kết án phải chịu đựng cái lạnh khắc nghiệt và hứa hẹn sẽ cứu giúp ngay lập tức bất kỳ ai trong nhóm bốn mươi người đó, nếu người đó kiệt sức vì giá rét, sa ngã vào việc thờ thần tượng và muốn chạy ra khỏi nước để sưởi ấm. Vào giờ đầu tiên của đêm, khi cái lạnh đạt đến mức cực độ, đến nỗi thân thể các thánh chiến binh đã cứng đờ như băng, một người trong số bốn mươi vị không chịu nổi thử thách, tách khỏi đoàn thánh chiến binh và chạy vào nhà tắm; nhưng ngay khi anh ta vừa bước qua ngưỡng cửa nhà tắm, vừa cảm nhận được hơi ấm, thì lập tức tan chảy và ngã xuống chết. Khi chứng kiến cảnh bỏ chạy đáng hổ thẹn ấy, các vị thánh chiến binh đồng thanh kêu lên cùng Thiên Chúa: *"Lẽ nào cơn thịnh nộ của Ngài đã bùng lên trên các dòng sông, lạy Chúa? Lẽ nào sự phẫn nộ của Ngài là trên các dòng sông, hay cơn giận dữ của Ngài là trên biển cả?"* (Hab. 3:8). – Kẻ đã lìa xa chúng con, đã tan ra như nước, và xương cốt hắn đã vỡ vụn (Thánh Vịnh 21:15). Còn chúng con sẽ không lìa xa Ngài; xin hãy ban sự sống cho chúng con, và chúng con sẽ kêu cầu danh Ngài (Thánh Vịnh 79:19).

– Ngài, Đấng được muôn loài ca ngợi, Đấng được những con cá lớn và mọi vực thẳm tôn vinh, lửa và mưa đá, tuyết và sương mù cùng gió bão (Thi Thiên 148:7–8), và Đấng đã đi trên biển như đi trên đất liền (Mt 14:25), và đã làm dịu những con sóng dữ dội chỉ bằng một cái vẫy tay (Lc 8:24)! Lạy Chúa, Ngài vẫn là Đấng ấy cho đến ngày nay; chính Ngài đã nhậm lời cầu xin của Gia-cốp, người đã chạy trốn khỏi những lời đe dọa của anh trai mình là Ê-sau (Sáng Thế Ký 27:1–46, 28:1–22); Đấng đã ban sự giúp đỡ cho Giô-sép và giải cứu ông khỏi hoạn nạn (Sáng Thế Ký 39:1–23); Đấng đã nghe lời Môi-se và ban cho ông quyền năng để thực hiện các dấu lạ và phép lạ tại Ai Cập trước mặt Pha-ra-ôn và các quan đại thần của ông (Xuất Ê-díp-tô Ký 7:1–25, 11:1–10); Đấng đã chia đôi Biển Đỏ và dẫn dắt dân Ngài vào sa mạc (Xuất Hành 14:1–31); Đấng đã giang tay Ngài theo lời cầu nguyện của các Thánh Tông Đồ Ngài để chữa lành và thực hiện các dấu lạ và phép lạ nhân danh Con Thánh của Ngài là Đức Giêsu (Công Vụ 4:24–31, 16:25–26), – lạy Chúa, xin hãy nghe lời chúng con: xin đừng để vực thẳm nước hủy diệt chúng con và đừng để vực sâu nuốt chửng chúng con, vì chúng con đã lâm vào cảnh khốn cùng tột cùng; xin giúp đỡ chúng con, lạy Thiên Chúa Cứu Chuộc của chúng con, vì nay chúng con đang đứng giữa dòng nước và chân chúng con đã nhuốm máu của chính mình; xin làm nhẹ gánh nặng của chúng con và xoa dịu cơn giận dữ của trời, lạy

Chúa, Thiên Chúa của chúng con! Chúng con đặt niềm tin nơi Ngài, xin đừng để chúng con phải hổ thẹn, nhưng xin cho mọi người đều hiểu rằng, nhờ kêu cầu Ngài, chúng con đã được cứu rỗi.

Vào giờ thứ ba của đêm, các thánh tử đạo được bao phủ bởi ánh sáng như mặt trời mùa hè vào mùa gặt, ánh sáng ấy đã xua tan cái lạnh, làm tan băng và làm ấm nước. Trong khi đó, những người lính được giao nhiệm vụ canh giữ các thánh đều chìm vào giấc ngủ, chỉ có một người lính canh ngục là không ngủ. Nghe thấy các vị tử đạo đang cầu nguyện cùng Thiên Chúa, người ấy suy ngẫm: "Điều này có ý nghĩa gì, khi kẻ chạy vào phòng tắm lập tức tan chảy như sáp vì sức nóng, còn những người khác dù trong cái lạnh buốt giá như vậy vẫn sống sót và không hề hấn gì?" Bị ấn tượng bởi ánh sáng chiếu rọi các vị thánh tử đạo, và muốn xem ánh sáng kỳ diệu này phát ra từ đâu, anh ta ngước mắt lên và thấy ba mươi chín vương miện rực rỡ đang hạ xuống trên đầu các vị thánh; khi suy ngẫm về lý do tại sao lại thiếu vương miện thứ bốn mươi – tương ứng với số bốn mươi người đã chịu khổ hình – ông nhận ra rằng kẻ đã chạy trốn vào nhà tắm đã bị loại khỏi hàng ngũ các thánh, và vì thế vương miện thứ bốn mươi mới thiếu. Ngay lập tức, ông đánh thức các chiến binh đang ngủ, cởi bỏ quần áo và chạy trần truồng trước mặt mọi người xuống hồ, kêu lên: "Và tôi cũng là một Kitô hữu". Khi gia nhập vào đoàn thể các thánh tử đạo, ông kêu cầu Thiên Chúa:

– Lạy Chúa Trời! Con tin vào Ngài, Đấng mà những người này cũng tin; xin hãy đưa con vào hàng ngũ của họ và ban cho con ân sủng được chịu khổ cùng với các tôi tớ của Ngài; để sau khi vượt qua thử thách, con cũng xứng đáng với Ngài! – Và như vậy , số lượng các thánh tử đạo lại trở nên trọn vẹn – **bốn mươi** người[2239] ; chỗ trống của người đã sa ngã được lấp đầy bởi người lính canh ngục, người đã trở thành vị thánh bổ sung cho nhóm mười người thứ tư[2240] . Tên ông là Aglaius.

Trước sự bổ sung kỳ diệu này vào hàng ngũ bốn mươi vị thánh tử đạo, ma quỷ, thấy mình bị đánh bại và bị sỉ nhục, đã hóa thân thành hình dạng con người, khóc lóc và kêu lên cho cả thế gian nghe:

– Ôi, khốn khổ cho ta! Ta đã bị những người đàn ông này đánh bại, giờ đây ta trở thành trò cười và sự sỉ nhục trước mặt mọi người! Ta không có bạn bè, cũng chẳng có thuộc hạ nào đồng lòng để bảo vệ chiến thắng của ta! Vậy thì cuối cùng, ta còn biết làm gì đây? Chẳng còn cách nào khác ngoài việc thuyết phục các vị công tước và tướng quân trung thành với ta – xúi giục họ thiêu hủy thi thể các thánh và ném tro cốt của họ xuống sông, để không còn lại gì sau khi họ ra đi, không một mảnh xương nào.

Trong khi đó, thánh Kirion đã cất tiếng tuyên xưng:

– *"Ai là Đức Chúa Trời vĩ đại như Đức Chúa Trời [của chúng ta]! Ngài là Đức Chúa Trời làm nên những điều kỳ diệu"* (Thi Thiên 76:14–15), chính Ngài, lạy Chúa, đã khiến những kẻ từng chống lại chúng con nay trở thành đồng minh và ủng hộ chúng con; Ngài đã bù đắp sự thiếu hụt của nhóm mười người thứ tư và làm cho Satan phải hổ thẹn!

Và tất cả các vị tử đạo bắt đầu hát thánh vịnh: *"Xin cứu [con], lạy Chúa, vì không còn người công chính nào nữa"* (Thánh vịnh 11:2).

Sáng sớm, những kẻ tra tấn vô đạo đến bên hồ và, khi thấy các thánh tử đạo đang đứng trong nước, còn sống và không bị ảnh hưởng bởi cái lạnh mùa đông, họ đã ngạc nhiên, nhưng lại giải thích hiện tượng kỳ diệu này là do mưu mẹo phép thuật của các vị tử đạo. Sự ngạc nhiên của họ càng tăng lên khi họ thấy người lính canh ngục đang đứng giữa các vị tử đạo. Họ tra hỏi các binh lính được cử đến canh gác, tại sao và làm thế nào điều này lại xảy ra. Các binh lính trả lời:

[2239] Con số 40 luôn được tôn kính như một con số mang ý nghĩa đặc biệt, thiêng liêng: mưa đã rơi suốt 40 ngày đêm dưới thời Nô-ê và đất đai đã được thanh tẩy khỏi sự xác thịt của loài người trước Đại Hồng Thủy – Sáng Thế Ký 7:12; người Do Thái đã lang thang trong sa mạc 40 năm và chỉ sau đó mới bước vào Đất Hứa – Giô-suê 5:6; Môi-se đã ở trên núi Si-nai 40 ngày đêm và nhận được các bảng luật pháp – Xuất Ê-díp-tô Ký 34:28; Vào ngày thứ 40 kể từ khi sinh ra, các con đầu lòng của người Do Thái được dâng hiến cho Đức Chúa Trời – Lê-vi Ký 12:2–4; Tiên tri Ê-li đã đi 40 ngày đêm đến núi Hô-ri-vơ và được chiêm ngưỡng sự hiện ra của Đức Chúa Trời trong làn gió nhẹ – 3 Sa-mu-ên 19:8; Chính Chúa Giê-su Christ đã nhịn ăn 40 ngày đêm trong sa mạc – Ma-thi-ơ 4:2; Ngài đã ở lại trên đất 40 ngày sau khi phục sinh, hiện ra với các môn đồ và giảng dạy về Nước Trời – Công vụ 1:3.

[2240] Điều đã xảy ra ở đây cũng giống như với các Tông đồ: *"Giu-đa đã ra đi, và Ma-thi-ơ được chọn thay thế ông"* – Công vụ 1:25–26; – một Phao-lô mới đã xuất hiện, người ngày hôm qua còn tràn đầy cơn giận và sự trừng phạt đối với các môn đệ của Đấng Christ, nhưng nay lại rao giảng Tin Mừng. Và người này, cũng như người kia, không nhận được chức vụ từ loài người hay do loài người ban cho – Ga-la-ti 1 – đã tin vào Chúa Giê-su Ki-tô, được rửa tội trong Ngài không phải bởi ai khác, mà bởi chính đức tin của mình, không phải trong nước, mà trong chính máu của mình". (Thánh Ba-si-liô Cả. "Bài giảng về 40 vị tử đạo thánh.")

– Đêm qua chúng tôi đã ngủ say, còn anh ta – người lính canh ngục – thì thức trắng cả đêm và đột nhiên đánh thức chúng tôi dậy; khi tỉnh dậy, chúng tôi thấy một ánh sáng rực rỡ chiếu rọi những người đang đứng trong nước, còn **người này** thì nhanh chóng cởi bỏ quần áo, vứt chúng đi, rồi lao xuống nước và gia nhập cùng những người đang đứng đó, lớn tiếng tuyên bố: "**Tôi cũng là người Kitô hữu**".

Lúc đó, lòng những kẻ tra tấn bừng lên cơn thịnh nộ; sau khi ra lệnh lôi các thánh bị trói lên bờ và từ đó dẫn họ đến nơi hành hình trong thành phố, các quan tòa đã kết án các thánh tử đạo phải chịu một hình thức tra tấn mới – dùng búa đập nát xương ống chân của họ.

Khi cuộc tra tấn vô nhân đạo này đang diễn ra đối với các thánh, người mẹ đạo đức của một trong những vị trẻ nhất trong số họ, Meliton, đã tiến lại gần nơi tra tấn và đứng bên cạnh các vị tử đạo, khích lệ họ bằng những lời nói để họ dũng cảm vượt qua thử thách; nhưng hơn hết, bà lo lắng rằng con trai nhỏ của mình có thể hoảng sợ và kiệt sức vì những đau đớn, nên bà nhìn con với ánh mắt đầy yêu thương, giơ tay về phía con, động viên và an ủi con, nói rằng:

– Con trai yêu dấu nhất của mẹ ơi! Hãy kiên nhẫn thêm một chút nữa và con sẽ được hoàn thiện; đừng sợ, con yêu, chính Chúa Kitô đang ở bên cạnh, giúp đỡ con!

Các thánh tử đạo, dù phải chịu những cực hình khủng khiếp như những tên ác nhân bị khinh bỉ – khi xương chày bị đập vỡ (Ga 19,31) – nhưng không hề suy giảm lòng nhiệt thành, trong những giây phút cuối cùng trước khi lìa đời, họ đã kêu lên với niềm vui thiêng liêng:

– *"Linh hồn chúng ta đã thoát khỏi lưới của những kẻ săn bắt, như chim thoát khỏi lưới: lưới đã bị xé rách, và chúng ta đã được giải thoát. Sự cứu giúp của chúng ta là trong danh Chúa, Đấng đã dựng nên trời và đất"* (Thánh Vịnh 123:7–8).

Và sau khi thốt lên "A-min", tất cả họ đều phó thác linh hồn mình cho Đức Chúa Trời, chỉ còn một mình Mê-li-tôn, được mẹ an ủi, vẫn còn sống, thở thoi thóp. Sau đó, những kẻ tra tấn ra lệnh cho các đầy tớ của mình đặt thi thể các thánh đã qua đời lên xe ngựa và chở đi thiêu, chỉ để lại cậu bé Mê-li-tôn với hy vọng rằng cậu sẽ còn sống. Nhưng người mẹ đạo đức, khi thấy con trai duy nhất của mình bị bỏ lại tại nơi hành hình, đã gạt bỏ sự yếu đuối vốn có của người phụ nữ và tràn đầy dũng khí, bế con trai lên vai rồi không chút sợ hãi đi theo những cỗ xe ngựa, trên đó thi thể các thánh tử đạo đang được chở đi như những bó lúa chín. Khi vị tử đạo, được mẹ cõng trên lưng, trút hơi thở cuối cùng trong niềm vui mừng nơi Chúa, thì chính đôi tay người mẹ ấy đã đặt thi thể con trai mình lên cỗ xe, bên cạnh thi thể các đồng đạo của con[2241] . Khi thi thể các thánh tử đạo được đưa đến nơi thiêu đốt gần con sông, các binh lính, theo lệnh của những quan tòa vô đạo, đã thu gom nhiều củi và cành cây khô, dựng nên một đống lửa rất lớn, rồi đặt thi thể các thánh lên đó và châm lửa đốt. Đống lửa đã cháy hết, chỉ còn lại xương cốt của các thánh tử đạo. Nhưng sự độc ác của những kẻ hành hình vẫn chưa nguôi ngoai!

– Nếu chúng ta để những bộ xương này lại như vậy, – họ bàn luận với nhau, – thì các Kitô hữu sẽ lấy chúng và rải khắp thế gian, nghiền nát chúng và lưu giữ để tưởng nhớ các ngài; vậy thì, hãy ném chúng xuống sông, để không còn lại chút tro tàn nào.

[2241] Thánh Ephrem Si-ri-nô ("Lời ca ngợi 40 vị tử đạo") đã đặt vào miệng người mẹ phúc lành của vị tử đạo những lời đầy xúc động như sau: "Hãy bình an, con trai của mẹ, trên cỗ xe này không lâu đâu; hãy hòa máu của con với những dòng máu cao quý; hãy nằm xuống bên họ trong chốc lát, để cùng với họ đạt đến nơi ở trên trời. Hãy đi cùng họ vào ngọn lửa trần gian, để cùng với họ được khoác lên mình ánh sáng chân thật; hãy bước vào lò nung cùng với họ, để cùng với họ bước ra như vàng đã được tinh luyện. Ta biết các con đã thoát khỏi cơn bão nào và đang hướng về bến đỗ nào. Ta biết các con đang tiến về với Cha trên trời..., vội vã đến chiếm lấy xứ sở mà bệnh tật, buồn phiền và tiếng thở dài đã phải chạy trốn, nơi không có nỗi đau, không có sự hư nát, không có lòng ghen tị gặm nhấm, cũng không có kẻ thù độc ác. Tại sao con ơi, mẹ lại không chết cùng các con? Tại sao mẹ lại không được tham gia vào lễ hội rực rỡ này của các con và không thể tận hưởng nó? – Phải chăng vì mẹ là kẻ tội lỗi, xứng đáng với nước mắt và sự hối hận tột cùng!.. Không, không phải vì lý do đó mà mẹ không đi cùng các con, mà là vì các con không cần sự bù đắp – các con đã trở thành bốn mươi người trước mặt Thiên Chúa, được gọi từng nhóm mười người để dự tiệc Phúc Âm (Mt 25:1–13)... Vậy nên, con trai của ta, vì con đã được ban cho vinh quang ấy, hãy cầu nguyện cho ta trước Đấng Cứu Thế Kitô, khi Ngài phán cùng các con: *"Hãy đến, hãy thừa hưởng Nước Trời của Ta*, mà Ta đã chuẩn bị sẵn cho các con" (Mt 25,34). Hãy nhớ đến con cùng với những người đồng bậc với con, và xin cho con phần thưởng từ Cha của muôn loài, để, như hơi thở của thân xác con đã tắt trên con, thì ân sủng của Đấng Christ cũng sẽ đổ xuống trên con, và như máu của con đã nhuộm đỏ áo rách của con, thì lòng thương xót của Chúa cũng sẽ tưới đẫm tôi, và như tôi đã cùng anh em vượt qua chặng đường này, thì tôi cũng sẽ cùng anh em đạt đến nơi ở của các thánh, để tôi cùng với các anh em ca ngợi và nói: *"Chẳng có ai thánh thiện như Chúa; vì chẳng có ai khác ngoài Ngài; và chẳng có nơi nương tựa nào vững chắc như Đức Chúa Trời của chúng ta"* (1 Sa-mu-ên 2:2). Ngài đã nâng cao danh tiếng các tôi tớ trung thành của Ngài và làm cho kẻ thù phải hổ thẹn. Vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời".

Và những di cốt thánh thiêng đã bị ném xuống sông, nhằm xóa sổ vĩnh viễn ký ức về các vị tử đạo dũng cảm. Nhưng Chúa, Đấng "bảo vệ mọi xương cốt của các thánh nhân Ngài" (Thánh Vịnh 33:21), đã không để một mảnh xương nào của họ bị hủy diệt trong nước, mà tất cả đều được bảo tồn nguyên vẹn. Sau ba ngày, các thánh tử đạo đã hiện ra trước mặt Đức Giám mục thành Sebaste, Thánh Phêrô, và nói với ngài:

– Hãy đến vào ban đêm và đưa chúng tôi ra khỏi dòng sông.

Đức Giám mục thánh thiện đã mời các vị linh mục kính sợ Thiên Chúa trong hàng giáo sĩ của ngài, và trong đêm tối, ngài cùng họ đi ra bờ sông. Và kìa, trước mắt họ hiện ra một cảnh tượng kỳ diệu: xương cốt các thánh tỏa sáng trong nước như những vì sao, và ngay cả những nơi trong dòng sông nơi có những mảnh xương nhỏ nhất của các ngài cũng sáng rực. Sau khi thu thập hết từng mảnh xương của các thánh, vị giám mục đã an táng chúng tại một nơi trang nghiêm. Như vậy, những người đã chịu khổ vì Chúa Kitô và được Ngài ban vinh quang, nay tỏa sáng trên thế gian như những vì sao[2242] .

Họ đã tin vào Thiên Chúa, tuyên xưng Đức Kitô, không chống lại Thánh Thần, và được tôn vinh bởi Thánh Ba Ngôi Hằng Sống, để lại kỷ niệm về công đức của mình nhằm làm gương cho sự cứu rỗi của tất cả những ai tin vào Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Tên của bốn mươi vị thánh tử đạo là: Kirion (Kiriy), Candid, Domn, Isichius, Heraclius, Smaragd, Evnoik (Evnik), Valent (Ual), Vivian, Claudius, Priscus, Theodulus, Eutychius, John, Xanthius, Ilian, Sisinus, Aggius, Aftius, Flavius, Akakios, Ekdikios (Ekdit), Lysimachos, Alexander, Ilios, Gorgonios, Theophilos, Domitian, Gaius, Leontios, Athanasios, Cyril, Sakerdon, Nikolaos, Valerius, Philoctymon, Severian, Chudion, Meliton và Aglaios.

Bốn mươi vị thánh tử đạo đã bị bắt để chịu khổ nạn vì Chúa Kitô vào ngày 26 tháng Hai, và họ đã dâng linh hồn mình cho Chúa vào ngày 9 tháng Ba[2243] , khi đế quốc vẫn còn do Licinius, một người ngoại đạo, cai trị, nhưng đúng hơn là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã ngự trị. Vinh quang, vinh dự và sự thờ phượng thuộc về Ngài, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Các vị Tử đạo đáng kính, bốn mươi chiến binh của Đấng Kitô, những chiến binh kiên cường, vì các ngài đã đi qua lửa và nước, và trở thành đồng hương với các Thiên thần; xin cùng các ngài cầu nguyện với Đấng Kitô cho những ai ca ngợi các ngài bằng đức tin. Vinh quang thuộc về Đấng đã ban cho các ngài sức mạnh, vinh quang thuộc về Đấng đã trao vương miện cho các ngài, vinh quang thuộc về Đấng ban sự chữa lành cho mọi người qua các ngài.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Urpasian

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 3

Khi tên vô đạo Maximian[2244] lên ngôi hoàng đế Đế quốc La Mã, hắn, với tư cách là kẻ trừng phạt không khoan nhượng đối với những ai không tôn kính các vị thần ngoại đạo, đã bắt những Kitô hữu sống ở vùng lân cận

---

[2242] Lễ kỷ niệm 40 vị tử đạo được ghi trong tất cả các lịch tháng cổ xưa nhất ở Đông và Tây đều thuộc nhóm các lễ hội và ngày kỷ niệm các thánh được tôn kính nhất (xem Lịch tháng đầy đủ của Đông Phương do Tổng Giám mục Sergius biên soạn, tập 1, trang 17–19; tập 2, phần 2, trang 75); theo Quy chế, nghi thức tưởng niệm các ngài bao gồm hai bài ca ngợi; vào ngày tưởng niệm các ngài, mức độ nghiêm ngặt của việc ăn chay được nới lỏng – được phép uống rượu và thậm chí cả dầu ô liu, và bắt buộc phải cử hành nghi thức theo thứ tự của Thánh Tiền Hô với Thánh lễ các Món Quà Đã Được Thánh Hiến.

[2243] Các thánh tử đạo đã chịu tử đạo vào năm 320, và vào năm 323, Hoàng đế Constantine trở thành người nắm quyền tuyệt đối trên toàn Đế quốc La Mã. Lễ kỷ niệm 40 vị tử đạo được cử hành vào ngày 9 tháng 3, nhưng đôi khi theo Quy chế, lễ này được dời sang các ngày khác, cụ thể là: nếu ngày đó rơi vào bất kỳ ngày nào *trong tuần đầu tiên* của Mùa Chay, thì thánh lễ tưởng niệm các vị tử đạo sẽ được cử hành vào thứ Bảy; nếu rơi vào thứ Tư của Tuần Thờ Thánh Giá, thì thánh lễ được cử hành vào thứ Ba của cùng tuần đó; tương tự, nếu rơi vào thứ Năm của Tuần Lễ Đại Thánh Ca, thì thánh lễ được cử hành vào thứ Ba của cùng Tuần thứ Năm đó; còn nếu rơi vào thứ Bảy của Tuần Lễ Akathist, thì lễ kỷ niệm sẽ được dời sang Chủ Nhật của cùng Tuần thứ Năm trong Mùa Chay.

[2244] Ở đây tất nhiên là ám chỉ Maximianus Galerius, con rể và đồng trị vì của Diocletianus ở phía đông Đế quốc La Mã. Theo sự thúc giục của ông, vào năm 303, Diocletianus đã ban hành một đạo luật chung chống lại các Kitô hữu, nhưng ngay cả trước khi đạo luật này được ban hành, Galerius đã riêng lẻ đàn áp các Kitô hữu: loại bỏ họ khỏi triều đình, trục xuất khỏi quân đội, v.v.

Nicomedia[2245] phải chịu cực hình, còn đối với những người khác sống ở mọi nơi khác trong đế quốc, hắn bùng cháy cơn thịnh nộ như ngọn lửa lớn. Một lần nọ, sau khi tập hợp những người cùng chí hướng và, có thể nói, những đồng minh của mình, cũng như tất cả các quan chức dưới quyền cai trị của ông, ông đã nói với họ bằng giọng nói vang dội:

– Nếu ai trong các ngươi đã theo đạo tà ác và thờ phụng Đức Chúa Trời của người Kitô giáo, không muốn phụng sự các vị thần vinh quang của chúng ta với lòng thành kính xứng đáng, không muốn thờ lạy các vị ấy và dâng lời cầu nguyện lên các vị ấy, thì người đó hãy ngay lập tức tháo thắt lưng của mình[2246] trước mặt mọi người và rời khỏi triều đình cũng như thành phố của chúng ta, vì cư dân thành phố này từ thời tổ tiên đã quen thờ phụng các vị thần, chứ không phải Đấng Duy Nhất bị đóng đinh trên thập tự giá.

Từ những lời này, có thể thấy rõ vị vua vô pháp đã coi thường đức tin Kitô giáo đến mức nào. Vì vậy, tất cả những ai tin vào Đấng Kitô lúc bấy giờ đều rơi vào sợ hãi và kinh hoàng; một số người trong số họ thành tâm hứa với vua sẽ thờ phượng các vị thần, số khác thì chỉ để tránh khỏi sự tra tấn, còn những ai có tình yêu chân thật dành cho Thiên Chúa, không màng đến thân xác mình, đã đáp lại lời của kẻ tra tấn bằng cách tháo thắt lưng và rời xa ông ta. Lúc bấy giờ, Urpasian – một người khôn ngoan và mạnh mẽ về tinh thần, vốn là một trong những quan đại thần của vua – bừng bừng lòng nhiệt thành vì Đức Chúa Trời, đã tiến đến trước mặt vị vua vô đạo, và trước sự chứng kiến của mọi người, ông cởi áo choàng và thắt lưng của mình xuống trước mặt ông ta, rồi nói:

– Thưa hoàng đế, vì từ ngày hôm nay tôi là chiến binh của Vị Vua trên trời và bất tử, là Chúa Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa của tôi, nên xin ngài hãy thu hồi những biểu tượng vinh dự và vinh quang mà ngài đã ban cho tôi, vì vinh dự và vinh quang này chỉ là tạm thời, và tôi không còn cần đến chúng nữa.

Những lời nói của Urpasian thật bất ngờ đối với Maximian đến nỗi, khi nghe thấy, khuôn mặt ông ta bỗng thay đổi và trong một thời gian dài không thể thốt ra được lời nào. Sau đó, ông ta xoa mặt, rồi nhìn vị thánh tử đạo với ánh mắt giận dữ, gầm lên như một con thú hoang dã và nói:

– Ngay lập tức treo cổ tên khốn kiếp này lên và đánh vào thân thể hắn bằng dây da bò.

Lệnh của nhà vua được thi hành ngay lập tức, và khi vị thánh tử đạo phải chịu những hình phạt kéo dài và tàn nhẫn, ngài ngước mắt lên trời, cầu nguyện và không cảm thấy chút đau đớn nào. Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh tháo vị thánh xuống khỏi cây và nói với những người có mặt:

– Hãy giam tên phản bội này vào ngục tối cho đến khi ta nghĩ ra cách nào để xử tử hắn.

Trong ngục tối, vị thánh tử đạo vẫn vui mừng và hân hoan, dâng những lời cầu nguyện lên Chúa. Trong khi đó, Maximian ra lệnh mang đến và chuẩn bị một dụng cụ tra tấn, đó là một cái lồng sắt , rồi đưa vị thánh ra khỏi ngục tối, nhốt vào cái lồng đó và treo ngài lên đỉnh lồng. Khi mệnh lệnh của nhà vua được thi hành và thánh Urpasian đã bị treo lơ lửng, tên tra tấn tàn nhẫn ra lệnh thắp các ngọn đuốc và dùng chúng thiêu đốt thân thể ngài từ mọi phía. Và trong lúc việc đó đang diễn ra, vị thánh tử đạo của Chúa Kitô, đang treo lơ lửng bên trong lồng sắt, vẫn miệt mài cầu nguyện, trong khi những kẻ tra tấn tiếp tục thiêu đốt ngài bằng những ngọn đuốc cho đến khi toàn bộ thân thể ngài tan chảy thành những giọt nước rơi xuống đất, tan chảy như sáp và hòa lẫn với bụi đất, còn xương cốt ngài thì hóa thành tro tàn, trở nên như bụi trên sân đập lúa. Khi vị thánh tử đạo, đang chìm đắm trong lời cầu nguyện, bị thiêu đốt như vậy, không khí tràn ngập hương thơm của bình an, và cuối cùng, linh hồn thánh thiện của ngài, dưới hình dạng một ngôi sao rực rỡ – như một số tín hữu đã được chứng kiến – đã bay lên gặp Chúa[2247] . Lúc đó, vị vua hung ác và tàn nhẫn, vẫn còn bừng bừng cơn giận đối với vị thánh tử đạo, đã ra lệnh thu gom cẩn thận đất nơi thi thể ngài đã rơi xuống và nơi tro xương của ngài nằm lại, rồi mang theo bên mình đổ xuống biển. Tất cả những điều này diễn ra tại thành phố Nicomedia.

Lễ kính Thánh Cêsarion

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 3

[2245] Nicomedia – thủ đô của Đế chế Đông La Mã, nơi ở của Hoàng đế Diocletian; một thành phố tráng lệ nằm bên bờ Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch) ở vùng Bithynia, phía tây bắc Tiểu Á.

[2246] Trong Đế chế La Mã, thắt lưng là một dấu hiệu đặc biệt để nhận diện các tướng lĩnh.

[2247] Thánh tử đạo Urpasian qua đời vào khoảng năm 295.

Thánh Cesarius, anh trai của Thánh Grêgôriô Thần học gia, là bạn của Hoàng đế Constantius và là bác sĩ trưởng tại triều đình Constantinopolis. Năm 368, trong trận động đất tại Nicêa, ngài đã được cứu thoát một cách kỳ diệu khỏi đống đổ nát. Bị chấn động bởi sự kiện này, Thánh Cesarius, theo lời khuyên của Thánh Grêgôriô, đã từ bỏ thế gian và dâng hiến cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa. Nhưng không lâu sau khi chịu phép rửa tội, ngài lâm bệnh và qua đời.

Ngày 23 tháng 3

10 tháng 3 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Codratus và các thánh tử đạo khác cùng ngài

Ngày tưởng niệm 10 tháng 3

Thánh Tử đạo Codrat sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh như sau. Trong thời kỳ các vị vua và hoàng tử vô đạo tiến hành cuộc đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu, những người làm chứng cho Chúa Kitô phải chịu những cực hình khủng khiếp và cái chết đầy bạo lực; vì vậy, nhiều tín hữu, vì sợ những cực hình không thể chịu đựng nổi, đã rời bỏ thành phố, nhà cửa và tài sản; khi chạy trốn, họ ẩn náu trong núi non và sa mạc để giữ vững đức tin thánh thiện vào Chúa Kitô, thà sống cùng thú vật còn hơn là sống chung với những kẻ vô đạo và thờ ngẫu tượng.

Trong những thời kỳ khó khăn ấy, một người phụ nữ đạo đức tên là Rufina, vì sợ bị tra tấn, đã bỏ trốn khỏi Cô-rinh-tô[2248] vào sa mạc và ẩn náu ở những nơi hiểm trở. Trong lúc chạy trốn khỏi thành phố, Rufina đang mang thai và khi đến ngày sinh, bà đã sinh ra một bé trai tại sa mạc, rồi chỉ sống thêm được vài ngày nữa là qua đời. Đức Chúa Trời, Đấng ban thức ăn cho mọi loài xác thịt, Đấng mở rộng bàn tay và làm no đủ mọi sinh vật (Thi Thiên 103:27–28), đã không bỏ rơi đứa trẻ mồ côi, mà đã trở thành cha và mẹ, người nuôi dưỡng và người chăm sóc cho nó. Theo lệnh của Đức Chúa Trời Tối Cao, một đám mây từ trên cao hạ xuống, lan tỏa trên mặt đất và nhỏ những giọt sương ngọt ngào lên môi đứa trẻ. Bằng cách đó, những đám mây đã nuôi dưỡng đứa trẻ như bằng sữa hay mật ong, cho đến khi em lớn lên và tự mình ăn các loại ngũ cốc trong sa mạc. Giống như Thánh Gioan Tẩy Giả, đứa trẻ sống trong sa mạc dưới sự che chở của Thiên Chúa, được Thánh Thần hướng dẫn và khai sáng để hiểu biết về Thiên Chúa (Lc 1,80). Khi còn là thiếu niên, cậu đã được những người có đức tin tìm thấy; họ đưa cậu về thành phố, nơi cậu học đọc sách và nắm vững nghệ thuật y học. Nhưng cậu không chữa bệnh bằng kiến thức của mình, mà chữa lành chúng nhờ ân sủng từ trên cao ban cho. Vì từ thuở nhỏ đã quen với sự tĩnh lặng của sa mạc, ngài đặc biệt cố gắng tránh xa sự hối hả của đời người: yêu thích sự cô độc, ngài đã dành phần lớn cuộc đời mình ở trên núi và trong sa mạc, đắm chìm trong sự suy ngẫm về Thiên Chúa. Khi ông phải vào thành phố để đáp ứng những nhu cầu thiết yếu, ông đã ban phát vô vàn ân huệ cho mọi người, chữa lành các bệnh tật về thể xác và dùng Lời Chúa để chữa lành những bệnh tật về tâm hồn. Nhưng ông không ở lại thành phố lâu, vội vã trở về với sự cô độc trong sa mạc mà ông yêu thích, nơi ông đã sống đến những năm tháng cuối đời. Tại đây, trong sa mạc, những người yêu mến ngài trong Chúa Kitô đã đến với ngài, mong được chiêm ngưỡng khuôn mặt thánh thiện của ngài và nhận lời dạy dỗ từ những cuộc trò chuyện được Thánh Thần soi dẫn; đó là Cyprian, Dionysius và Anect, Paul và Crispus, những người đã cùng ngài chịu khổ vì Chúa Kitô.

Sự chịu khổ của họ diễn ra như sau. Theo lệnh của hoàng đế La Mã vô đạo Decius[2249] , quan tổng trấn Jason đã đến Corinth để tra tấn và giết hại các Kitô hữu. Ông bắt giữ các Kitô hữu và tống họ vào ngục tối. Vào thời điểm đó, cùng với những người bạn thánh thiện của mình là Cyprian, Dionysius, Anectus, Paul và Crispus, Thánh Codratus cũng bị bắt; họ bị tống vào ngục tối cùng với nhiều Kitô hữu khác đang bị xiềng xích ở đó. Một thời gian sau, Iason ngồi trên tòa án bất chính, ra lệnh dẫn các Kitô hữu ra khỏi ngục tối và đưa đến trước mặt ông để thẩm vấn. Trong số họ, người lớn tuổi nhất là Thánh Codrat: như một vị tướng, ngài đi đầu đội quân được chọn của Chúa

[2248] Corinth – thành phố chính của Achaea, nơi được Thánh Phaolô truyền giáo.
[2249] Hoàng đế Decius trị vì Đế quốc La Mã từ năm 249 đến năm 251. Ông là một trong những kẻ bắt bớ Kitô hữu tàn bạo nhất.

Kitô, sẵn sàng trả lời kẻ tra tấn một cách không sợ hãi thay cho tất cả mọi người. Kẻ tra tấn quay sang vị thánh và nói những lời sau:

– Codrat! Điều gì đã khiến ngươi điên rồ đến mức tự nguyện chịu những cực hình tàn bạo như vậy? Và ngươi hy vọng điều gì mà lại can đảm chọn xiềng xích và ngục tối, từ bỏ quê hương và bạn bè? Tại sao ngươi không tuân theo luật pháp hoàng gia, để cùng chúng ta thờ lạy các vị thần và tận hưởng những niềm vui của cuộc đời này?

– Không ai, – Thánh Kodrat đáp, – nếu còn tỉnh táo, lại từ bỏ cuộc sống này. Nhưng vì cuộc đời này là ân huệ do Thiên Chúa ban tặng, nên chúng ta phải yêu mến Đấng Ban Ơn hơn là chính ân huệ được ban, dâng lời tạ ơn lên Đấng Ban Ơn vĩ đại, ca ngợi Ngài, sống đời sống đạo đức và lan tỏa vinh quang của Ngài khắp nơi qua những đau khổ của chúng ta. Chúng ta không nên yêu mến cuộc đời ngắn ngủi này đến mức, vì sợ mất nó, mà lại dâng lên các thần tượng sự tôn kính vốn chỉ dành cho Đức Chúa Trời duy nhất! Vì ngoài Đấng đã ban cho chúng ta những ân huệ vĩnh cửu của tình yêu Ngài ngay từ thuở ban đầu, thì còn có vị Thần nào khác mà chúng ta có thể tôn kính là Đấng Thật Sự Hoàn Hảo? Và trong những ân huệ vĩ đại ấy, chúng ta có thể nhận biết ai khác ngoài chính Đức Kitô, Đấng Cứu Thế? Và ai khác mà chúng ta có thể thực sự gọi là Đấng Cứu Thế, nếu không phải là Chúa Giêsu, Đấng đã chịu đau khổ và cái chết vì chúng ta? Còn chúng ta, những ai mong muốn sống đạo đức, trước hết phải chịu đau khổ vì đức tin chân chính và sự sùng kính, và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được từ bỏ chúng. Ý định của những kẻ tìm cách lừa dối và dụ dỗ những người nhiệt thành với các Bí tích Thánh là điều ác, và lời cầu nguyện của họ là tội lỗi. Mỗi người cần phải chọn điều tốt nhất. Cần phải cẩn trọng để không vội vàng theo những người chỉ mang vẻ bề ngoài của đức hạnh; mà hãy xem xét kỹ lưỡng chính những việc làm của họ – liệu họ có ác độc hay không, và liệu họ có mang lại nỗi sợ hãi lớn lao về sự diệt vong hay không. Hãy biết rằng, khi tuân giữ các giao ước của tổ tiên chúng ta, chúng ta đang hướng tới điều tốt đẹp nhất; vì vậy, đừng cố gắng dùng những hành động thù địch để thuyết phục chúng ta, khiến chúng ta chệch khỏi con đường của mình và bỏ rơi Chúa Kitô. Đối với chúng ta, người cố vấn tốt nhất chính là lẽ thật của Thiên Chúa, còn các luật của sự đạo đức có sức thuyết phục to lớn; khi hòa hợp với nhau, chúng kết nối chúng ta với Thiên Chúa. Hãy lưu ý thêm rằng, theo luật tự nhiên chung, tất cả mọi người đều phải chết, và không ai có thể thoát khỏi luật này. Khi giờ chết đến, mọi việc làm và ý nghĩ bất chính của con người đều tan biến, và vinh quang nhất thời cũng hóa thành tro bụi. Ngược lại, những việc làm phát xuất từ đời sống lành mạnh mang lại cho những người thực hiện chúng vinh quang vĩnh cửu, vượt qua cả cái chết của họ. Vì vậy, chúng ta, với quyết tâm vững chắc không từ bỏ ý định can đảm chịu khổ vì Chúa Kitô, sẽ để lại gương sáng cho những ai mong muốn noi gương chúng ta trọn vẹn. Bởi vì những người suy nghĩ đúng đắn và có đức tin chỉ nghĩ đến việc, khi có những gương mẫu thánh thiện về cuộc sống tốt đẹp hơn, họ sẽ noi gương những gương mẫu đó và nhờ đó tiến bộ trên con đường hoàn thiện.

Nghe những lời này, Jason nói với vị thánh:

– Codrat! Nếu ngươi tôn kính Đấng Thiên Chúa, Đấng mà ngươi đã được hưởng ân huệ từ thuở thiếu thời, thì ngươi đang làm điều tốt khi tỏ lòng biết ơn. Nhưng hãy cẩn thận, khi rao giảng về Đức Kitô – con người – đừng để hạ thấp bản tính thần thánh.

Thánh Kodrat trả lời vị thống đốc:

– Nếu ngài muốn gác lại cơn giận và biến sự giận dữ thành sự hiền lành để lắng nghe tôi, thì dù việc nói về những chủ đề vĩ đại như vậy không dễ dàng, và bản thân tôi cũng không đủ khả năng, tôi vẫn sẽ chia sẻ với ngài một điều.

– Vậy thì hãy trình bày cho chúng tôi – vị thống đốc đề nghị – giáo lý của ngài về Chúa Kitô một cách rõ ràng nhất có thể.

Thánh Kodrat đáp lại như sau:

– Thiên Chúa đã đặt nền tảng cho sự hiện hữu của vũ trụ theo ý muốn của Ngài, tạo dựng thế giới bằng Lời và củng cố bằng quyền năng của Thánh Thần. Đấng đã định cho thế giới tồn tại là Cha, Lời đã tạo dựng nó là Con, còn Đấng đã củng cố nó là Thánh Thần. Khi thế giới tuyệt đẹp, được Đấng Tạo Hóa định sẵn cho một mục đích nhất định, đã được tạo dựng, Đấng Tạo Hóa đã muốn có ai đó được hưởng thụ những ân huệ Ngài đã tạo ra và ngợi khen Ngài trong lòng biết ơn. Vì thế, Ngài đã tạo dựng loài người để trao cho họ tất cả những gì hữu hình. Sau khi thổi hơi thở sự sống vào người đàn ông đầu tiên, Ngài đã đưa anh ta vào Vườn Địa Đàng – nơi có những niềm vui khôn tả. Người đàn ông, cùng với người bạn đời được tạo dựng dành riêng cho mình, khi chiêm ngưỡng sự đa dạng của thế giới tuyệt đẹp, đã hân hoan và nhận được từ Thiên Chúa quyền được tận hưởng những khu vườn thiên

đàng. Tổ tiên của chúng ta, khi suy ngẫm về sứ mệnh vĩ đại mà Thiên Chúa đã ban cho họ khi đặt họ vào Vườn Địa Đàng, đã quyết định rằng họ cần phải tạ ơn Đấng Tạo Hóa và Đấng Ban Ơn một cách xứng đáng, và bắt đầu sống một cuộc đời đạo đức, tuân giữ điều răn mà Thiên Chúa đã ban cho họ: không được nếm trái cây từ một cây duy nhất. Nhưng ma quỷ, kẻ dụ dỗ xảo quyệt, bị thúc đẩy bởi cơn thịnh nộ, miệng thì nịnh hót nhưng lòng đầy ác ý, đã trút hết nọc độc của sự ác lên tổ tiên loài người, mong muốn tước đoạt cuộc sống thiên đàng của họ: bằng cách hủy hoại danh dự của họ, hắn gieo vào lòng họ khao khát mãnh liệt vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời, và hơn nữa, họ đã tự nguyện làm theo lời xúi giục xảo quyệt của hắn. Kết quả là, những người từng sống trong Thiên Đàng cùng với Đức Chúa Trời đã sa ngã khỏi ân sủng của Ngài và mất đi Thiên Đàng, bị đuổi ra khỏi đó. Kể từ lúc đó, những người trước đây từng được dự phần vào vinh quang của Đức Chúa Trời, như thể bị trói buộc bởi xiềng xích của tội lỗi, bắt đầu lâm vào cảnh khốn khổ, phục vụ những ham muốn trống rỗng. Nhưng Đức Chúa Trời đã thương xót loài thụ tạo của Ngài và nhân từ nhìn nhận sự yếu đuối của loài người; Ngài đã vui lòng che giấu Thần Tính của Ngài trong xác thịt mà Ngài đã nhận lấy, để đến với chúng ta – những kẻ tội lỗi và hư mất – nhằm giải thoát chúng ta khỏi xiềng xích của kẻ thù, và dẫn dắt những ai đang bị nô lệ cho vương quốc của sự chết ra khỏi sự hư mất, đưa họ đến sự tự do. Vì thế, Ngài đã muốn cho Lời của Ngài, khi *thời kỳ đã đến* (Ga-la-ti 4:4), ngự vào lòng trinh khiết của Đức Mẹ Đồng Trinh, và qua sự nhập thể, đã mặc lấy toàn bộ bản tính con người. Còn Đức Trinh Nữ, sau khi thụ thai bởi Chúa Thánh Thần, đã sinh ra Thiên Chúa trong xác phàm. Và như vậy, Thiên Chúa, Đấng mà chúng ta gọi là Đấng Kitô, đã thực sự được nhìn thấy bằng đôi mắt con người trong thân xác. Ngài đã tự mặc khải cho loài người như là Thiên Chúa Chân Thật, Đấng thực sự đã mặc lấy toàn bộ bản tính con người từ Đức Trinh Nữ, Đấng đã đứng lên chống lại thế lực của kẻ thù và mở rộng biên giới Nước Trời của Ngài. Ngài đã phá hủy các luật lệ của cái chết và bằng quyền năng thần thánh, Ngài đã xé tan xiềng xích của nó, phá hủy địa ngục, giải thoát tổ tiên cùng vô số con cháu của họ khỏi đó, và là Đấng đầu tiên giải cứu mọi dân tộc và quốc gia khỏi sự diệt vong, nên được gọi là Đấng Cứu Thế. Khi mở ra kho tàng lòng thương xót của Ngài, Ngài mong muốn những kho tàng ấy trở thành của chung cho tất cả mọi người. Sau khi giải thoát tất cả khỏi cám dỗ của kẻ hành hạ, Ngài bảo vệ gia tài của Ngài được tự do và an toàn khỏi sự diệt vong. Không có gì là bí mật đối với Ngài: không phải khởi đầu sự ra đời của chúng ta, không phải thời hạn cuộc đời chúng ta, không phải cái chết, cũng không phải bất cứ điều gì khác chưa biết, nhưng tất cả những gì đã được Cha thiết lập trong luật pháp, đều được Con biết rõ và rõ ràng, Đấng thực hiện ý muốn của Cha. Chính Ngài là Đấng Kitô mà chúng ta rao giảng. Ngài là Đấng đã quan tâm đến sự cứu rỗi của loài người. Luôn hiện hữu mọi lúc mọi nơi, Ngài ban cho chúng ta sự giàu có vô tận của lòng nhân từ Ngài, luôn ở bên cạnh những ai phụng sự Ngài và giúp đỡ họ.

Igemon, dù ngạc nhiên trước những lời của Thánh Kodrat, nhưng không muốn tin vào lẽ thật được bày tỏ, đã nói:

– Tôi nghĩ, Kodrat, rằng ngươi đang nói dối về những vấn đề cao siêu, vì ngươi cho phép Đức Chúa Trời có những đặc tính thuần túy của con người, khi khẳng định rằng Ngài có thể được chứa đựng trong tử cung của Đức Trinh Nữ, Đấng đã mang thai và sinh ra Đức Kitô. Và như vậy, ngươi khẳng định rằng chỉ có một Thiên Chúa hiện ra trên trần gian trong thân xác con người, còn Thiên Chúa Thật sự thì đang ở đâu đó tại một nơi khác.

Thánh Codrat trả lời:

– Những kẻ vô đạo không nên mạo hiểm tìm hiểu những mầu nhiệm của đức tin, vì việc thấu hiểu những điều cao cả ấy không phải ai cũng dễ dàng đạt được, và chúng ta cũng không cho phép những kẻ không tin thâm nhập vào đó. Con Thiên Chúa đã tự nguyện hạ mình, mang lấy hình dạng của một tôi tớ, và dù là Thiên Chúa, Ngài đã vui lòng trở thành con người, để giải thoát chúng ta khỏi ách nô lệ của ma quỷ. Ngươi, với tư cách là một con người đầy dẫy sự vô tín và vô thần, không thể hiểu được điều này; nhưng hãy biết rằng ngươi sẽ không thể tách chúng ta khỏi Đấng Christ, dù bằng mưu mô xảo quyệt hay những lời đe dọa dữ dội.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh lột trần người tôi tớ trung thành của Đấng Kitô và đánh anh ta bằng gậy mà không thương xót, điều mà những tên hành hình vô nhân đạo đã thi hành một cách tàn nhẫn. Còn vị thánh tử đạo thì dũng cảm chịu đựng những trận đòn và trong lúc bị đánh, ngài nói với kẻ hành hình:

– Ngài không biết sao, thưa quan tổng trấn, rằng mọi điều bị ép buộc bằng vũ lực đều trái với tự do và không thể dùng để thuyết phục được sao? Kẻ thuyết phục bằng cách đó tự bộc lộ mình là kẻ bạo lực, còn người khuyên nhủ và răn dạy thì hiền lành và nhân ái. Vì vậy, ngươi, khi dùng cực hình để ép buộc chúng ta thờ lạy các thần tượng, đừng hy vọng dùng bạo lực để lôi kéo chúng ta vào sự vô đạo của ngươi, khiến chúng ta vì sợ hãi mà từ bỏ đức tin. Được thấm nhuần tình yêu dành cho Chúa Kitô, chúng tôi không để ý đến cả những lời nịnh hót lẫn

những cực hình mà ngươi có thể nghĩ ra; Chúa Kitô làm dịu bớt mọi nỗi đau khổ và bệnh tật bằng niềm hy vọng về phần thưởng, củng cố chúng tôi để không tuân theo kẻ thù và khiến chúng tôi trở nên bất khả chiến bại và kiên cường trong cuộc chiến chịu khổ.

Càng tức giận hơn trước những lời này, kẻ tra tấn ra lệnh treo thánh nhân đầu ngược, cào xé thân thể ngài bằng những móng sắt và thiêu đốt vị tử đạo bằng cách đốt lửa dưới chân ngài. Nhưng ngài, chịu đựng mọi thứ với lòng dũng cảm, vẫn kiên định không lay chuyển.

Sau đó, vị thống đốc đã dùng những lời nịnh hót để thuyết phục Thánh Cyprian, cố gắng khiến ngài đồng tình với mình. Nhưng Thánh Cyprian, dù còn trẻ, vẫn dũng cảm chuẩn bị tinh thần để chịu cực hình. Còn Thánh Codratus thì nói với ngài và những người khác, những người đang cùng ngài chuẩn bị chịu cực hình và đã cởi bỏ quần áo:

– Hỡi các bạn và các đồng đạo của tôi! Hãy suy ngẫm xem Chúa đã dành sẵn cho các bạn biết bao ân huệ: vì lòng đạo đức – sự tôn vinh; vì sự chịu khổ – sự vinh quang; và đặc biệt, đừng quên rằng các bạn đang trở nên xứng đáng với ân sủng của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng sẽ sớm ban cho các bạn sự trợ giúp từ trên cao. Vậy nên, giờ đây chúng ta phải thể hiện đức tin bất diệt vào Đức Kitô, Thiên Chúa. Giờ đây đã đến lúc thực hiện công việc anh hùng, vì thế hãy tuân giữ luật yêu thương mà không do dự – hãy hiến dâng linh hồn mình vì Đấng mà các bạn yêu mến. Các con phải trở thành gương mẫu cho tất cả những ai mong muốn được tham gia vào cuộc chiến đấu đầy đau khổ vì Đấng Kitô. Hãy khiến mọi người nhìn vào các con phải kinh ngạc bởi sự kiên nhẫn vững vàng của các con. Bây giờ, sự khác biệt thực sự giữa người thiện và kẻ ác đã được bộc lộ. Giờ đây, các con phải đặc biệt quan tâm đến việc tuân giữ sự đạo đức, để không nảy sinh sự bất đồng trong đức tin – hãy bám chặt vào đức tin duy nhất và sự xưng nhận duy nhất, vì các con sẽ sớm phải ra trước mặt Thiên Chúa trong Ngày Phán Xét Cuối Cùng. Đừng lệch khỏi con đường đức hạnh, vì các con sắp được về với Chúa Kitô, khi cuộc đời các con đã kết thúc. Hãy xưng nhận Đức Chúa Trời Tốt Lành bằng tấm lòng chân thành; đừng tiếc nuối tuổi trẻ của mình, vì các con sắp bước *vào* cuộc sống vĩnh cửu. Hãy suy ngẫm rằng ngày tận thế đã gần kề (Mt 24:33) và, khi còn trẻ, các con nhẹ nhàng hơn – nhờ có sức khỏe thể chất – nên có thể chịu đựng những đau khổ vì Đức Chúa Kitô. Vậy, hãy can đảm dâng mình cho sự đau khổ và dũng cảm chịu đựng chúng: khi chiến thắng kẻ thù, các con sẽ được Chúa ban vinh quang và được ghi danh trên trời vào hàng ngũ các thánh tử đạo.

Những lời này của Thánh Codratus, nói với các chiến hữu của ngài, đã khiến tên tra tấn nổi cơn thịnh nộ: ngay lập tức, hắn ra lệnh đánh đập, cạo da và thiêu sống Thánh Cyprian, người bị lột trần và treo cổ giống như Codratus. Tiếp theo, hắn cũng áp dụng những hình phạt tương tự đối với Dionysius, Anectus, Paul và cuối cùng là Criscentus. Bị họ làm cho bẽ mặt và đánh bại, tên tra tấn ban đầu kết án họ bị thú dữ xé xác. Khi thấy thú dữ không đụng đến các thánh tử đạo, hắn kết án họ bị chém đầu bằng gươm, đồng thời ra lệnh trước tiên phải lôi họ đi khắp thành phố bằng cách kéo chân. Trong lúc đó, một đám đông vô số người – đặc biệt là trẻ em – đã dùng gậy và đá đánh các thánh cho đến khi họ bị lôi ra khỏi thành phố đến nơi dành cho việc thi hành án tử hình. Tại đó, các thánh đã xin thêm chút thời gian, rồi thành tâm cầu nguyện với Chúa, sau đó cúi đầu thanh cao của mình xuống dưới lưỡi gươm và bị chém đầu vào ngày mười tháng Ba. Tại nơi mà đất đai nhuốm màu máu thánh của các vị tử đạo, một suối nước trong vắt đã xuất hiện để nhắc nhở thành phố Corinth về sự đau khổ của các thánh. Sau khi sáu vị tử đạo là Codratus, Cyprian, Dionysius, Anectus, Paul và Crispus bị giết, những Kitô hữu khác bị bắt giữ cũng bị tra tấn và giết hại theo nhiều cách khác nhau. Một vị Dionysius khác bị đâm chết bằng dao, còn Victorinus, Victor và Nikiforos (sau khi Tertius đã trở thành người kế nhiệm của thống đốc Jason) bị nhốt vào cối đá và bị nghiền nát trong đó. Claudius qua đời sau khi bị chặt tay và chân; Diodorus tự mình nhảy vào đống lửa đã được chuẩn bị sẵn cho ngài, và trong đó, như trong một cung điện rực rỡ, ngài đã an nghỉ trong bình an . Serapion bị chém đầu, còn Papias bị ném xuống biển. Leonidas cũng vậy, sau khi phải chịu đựng những cực hình khủng khiếp và vô số từ thống đốc Venustus – người kế nhiệm Tertius – đã bị dìm chết dưới biển.

Các thánh nữ cũng đã dũng cảm chấp nhận chịu khổ hình vì Chúa Kitô, noi gương thánh Codratus và ghi nhớ những lời dạy của ngài trong lòng – đó là Harissa, Nunechia, Vasilissa, Nika, Gali, Galina, Theodora và nhiều phụ nữ khác, cũng như các nam tín hữu. Một số người trong số họ đã về với Chúa sau khi bị chém bằng gươm, những người khác bị dìm chết trong nước hoặc bị giết bằng những hình thức tra tấn khác. Tất cả họ, cùng với vị thủ lĩnh và thầy dạy của mình là Thánh Codratus, đã được phong vào hàng các vị tử đạo, nhận lấy vương miện chiến thắng từ tay phải của Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng được vinh quang cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. A-men.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Kodrat thành Nicomedia cùng các Thánh Tử đạo Satorin, Rufin và những vị khác

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 3

Vào thời kỳ của hoàng đế La Mã vô đạo Decius[2250] và người kế vị ông là Valerian[2251] (khi Thánh Codratus thành Corinth cũng chịu tử đạo cùng đoàn tùy tùng của mình), các Kitô hữu từ nhiều thành phố và làng mạc khác nhau đã bị bắt giữ và đưa đến thành phố Nicomedia thuộc Bithynia[2252] , nơi họ bị giam giữ trong ngục tối. Lúc bấy giờ, nỗi sợ hãi lan rộng trong cộng đồng Kitô hữu sinh sống tại chính thành phố Nicomedia, đặc biệt là do chính hoàng đế Decius đang tiến gần đến những vùng đất đó, người lúc đó đã có mặt tại Caesarea[2253] . Vì vậy, nhiều tín hữu Kitô giáo, để trốn tránh bàn tay của những kẻ hành hạ, đã chạy trốn lên núi và sa mạc, trong khi những người khác dũng cảm ở lại trong nhà mình, chờ đợi thời khắc mà họ có thể được ân sủng để tôn vinh Chúa qua bất kỳ hình thức chịu khổ nào.

Trong số những người đó có Thánh Codrat, người mà chúng ta đang nói đến. Ngài nổi bật bởi vẻ đẹp, xuất thân cao quý, giàu có, đạo đức và có tài hùng biện. Bằng cách hối lộ tiền cho lính canh nhà tù và binh lính, ngài có thể tự do ra vào nhà tù; tại đó, Thánh Codrat chăm sóc các anh em đồng đạo đang bị xiềng xích, mang đến cho mỗi người những thứ họ cần. Ngài khẩn khoản khuyên nhủ họ hãy can đảm, đừng để ý đến những cực hình phải chịu vì tình yêu dành cho Đức Kitô, Đấng đang chuẩn bị phần thưởng vĩnh cửu cho họ trong Nước Trời của Ngài.

Ngày xét xử đã đến. Tổng trấn[2254] Perennius, người đã đến Nicomedia theo lệnh của nhà vua, ngồi trên bục xét xử trước sự chứng kiến của dân chúng và ra lệnh dẫn tất cả các tù nhân ra để thẩm vấn. Khi những người này được dẫn ra, người quản ngục (commentarius) nói với tổng trấn:

– Thưa ngài! Theo lệnh của ngài, đám đông những người Kitô hữu vô luật pháp, vốn bị giam giữ trong ngục tối cho đến ngày hôm nay, giờ đây đang đứng trước mặt ngài tại tòa án! Lúc đó, quan tổng trấn nói với các tôi tớ của Đức Chúa Trời:

– Mỗi người trong các ngươi hãy nêu tên, chức tước, dòng dõi và quê quán của mình.

[2250] Hoàng đế Decius trị vì Đế quốc La Mã từ năm 249 đến năm 251; ông là một trong những kẻ đàn áp Kitô hữu tàn bạo nhất.

[2251] Valerian trị vì từ năm 253 đến năm 259.

[2252] Bithynia là tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á. Tỉnh này nằm dọc theo bờ Biển Đen, eo biển Bosphorus và eo biển Constantinople. Vùng đất này đã được biết đến từ thời cổ đại xa xưa và tên gọi của nó bắt nguồn từ người Bithynia, những người đã di cư đến đây từ Thrace. Bithynia là vùng đất phong cảnh hữu tình, đất đai màu mỡ và giàu có về gia súc; Bithynia được chia thành hai tỉnh. Tỉnh thứ nhất có thành phố chính là Brussa (trong thời cổ đại gọi là Pruzias), tỉnh còn lại là Nicomedia. Cho đến nửa đầu thế kỷ VI trước Công nguyên, người Bithynia vẫn tự do, độc lập và nổi tiếng là những thủy thủ tài ba. Năm 546, họ rơi vào sự thống trị của người Ba Tư, nhưng không lâu sau đó, kể từ năm 327, Bithynia lại trở thành một quốc gia độc lập. Năm 75 trước Công nguyên, vua Nicomedes III, trước khi qua đời, đã để lại đất nước của mình cho người La Mã, những người đã sáp nhập nó vào đế chế của họ với tư cách là một tỉnh tự trị, do một proconsul đặc biệt cai quản. Đạo Kitô đã xuất hiện tại Bithynia ngay từ thời các Tông đồ (1 Phê-rô 1:1); vào thời Plinius Trẻ, người cai trị Bithynia, và dưới triều đại Hoàng đế Trajan (98–117 sau Công nguyên), nơi đây có rất nhiều tín hữu Kitô, không chỉ ở các thành phố mà còn ở các làng mạc và thôn xóm. Dưới triều đại của Đế chế Diocletian (284–305), tại Bithynia đã diễn ra những cuộc đàn áp khủng khiếp đối với các tín hữu Kitô giáo. Trong thế kỷ IV và V, Bithynia đặc biệt nổi bật về mặt giáo hội: tại đây đã diễn ra nhiều công đồng giáo hội liên quan đến các tà thuyết khác nhau. Sau khi lần lượt rơi vào tay người Seljuk rồi người Saracen, đến năm 1332, Bithynia đã bị chinh phục bởi người Thổ Nhĩ Kỳ, và cho đến nay vẫn nằm dưới sự cai trị của họ. Nơi đây thuộc hai tỉnh (vilayet) là Kadavenkiaht và Kastamuni, với dân số 700.000 người. Đứng đầu cơ quan quản lý giáo hội là Tổng Giám mục Nicomedia, dưới quyền của ngài có 12 giám mục do Hội đồng Giáo hội Constantinople bổ nhiệm.

[2253] Césarea – tọa lạc bên bờ Biển Địa Trung Hải. Sứ đồ Phao-lô trong các chuyến hành trình của mình đã nhiều lần ghé thăm thành phố này (Công vụ 9:29–30; Công vụ 18:28; Công vụ 21:8) và đã bị giam giữ tại đây trong hai năm (Công vụ 23:33; Công vụ 24:27; Công vụ 26:4 và tiếp theo). Tại thành phố này có viên đội trưởng Cornelius, người đã được Sứ đồ Phê-rô dẫn dắt đến với Đấng Christ (Công vụ 10:1; Công vụ 10 và tiếp theo); Sứ đồ Phi-líp cũng từng sống tại đây (Công vụ 21:8). Cũng tại đây, Hê-rốt A-gri-ppa đã qua đời sau khi bị Thiên thần đánh trúng và bị sâu bọ gặm nhấm. Ban đầu, Cêsarê được gọi là thành phố hoặc tháp Stroton. Thành phố này đã được Hê-rốt Đại đế tái thiết và đặt tên là Cêsarea để vinh danh Hoàng đế (từ "Cêsar" trong tiếng Latinh có nghĩa là "bị cắt xẻ, bị chặt chém") Augustus.

[2254] Amphipát là từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là "proconsul". Đây là tên gọi của một chức vụ nhà nước La Mã (người cai trị tỉnh, tức là vùng).

Thánh Codrat cũng đến chứng kiến cảnh tra hỏi các Kitô hữu; khi thấy một số Kitô hữu nản lòng và tái mét vì sợ hãi, ngài lo ngại rằng có thể ai đó trong số họ, không chịu nổi ngay cả ý nghĩ về những cực hình, sẽ chối bỏ Chúa Kitô; vì vậy, đứng phía sau mọi người, Thánh Codrat cất tiếng nói lớn:

– Chúng tôi được gọi là Kitô hữu; về danh xưng và địa vị, chúng tôi là tôi tớ của Thiên Chúa vô hình, Chúa Giêsu Kitô, còn thành phố và quê hương của chúng tôi là trời cao, nơi Thiên Chúa ban ơn cho những ai đặt niềm tin vào Ngài. Ngài có nghe thấy điều này không, Thống đốc?

Quân tổng trấn kinh ngạc đến mức gần như hoảng sợ trước sự can đảm của Thánh Codrat và nói với các đầy tớ:

– Bắt tên ngốc này lại và đưa đến gần ta.

Nghe lời quan tổng trấn, thánh Codrat, chen qua đám đông, vội vã tự mình bước tới và đứng trước mặt quan tổng trấn, trong khi mọi người đều hướng ánh mắt về phía ngài. Sau khi làm dấu thánh giá, thánh Codrat nói với quan tổng trấn:

– Chính tôi tự nguyện, chứ không phải bị ép buộc, đã đến trước mặt ngài để giữ lời hứa cho các anh em tôi và chống lại ma quỷ. Vậy thì, hãy mau thực hiện điều ngài muốn, và sau khi thử thách lòng dũng cảm của chúng tôi, hãy tin chắc rằng chúng tôi là những chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô!

– Kẻ điên rồ! – quan tổng trấn nói. – Trước hết, hãy cho ta biết tên và dòng dõi của ngươi.

– Ta đã nói với ngươi rồi, – vị thánh đáp, – rằng ta là Kitô hữu, còn các anh em ta là tôi tớ của Chúa Kitô; danh dự và phẩm giá của chúng ta nằm ở chỗ được gọi là và thực sự là tôi tớ của Chúa Kitô.

– Hãy nghe ta đây, bạn ơi, – quan tổng trấn tiếp lời, – ta sẽ tâu trình với hoàng đế về ngươi, và ngài sẽ phong ngươi làm tướng quân, tất nhiên là nếu ngươi dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta.

– Thưa quan tổng trấn, – vị thánh đáp lại, – xin đừng lầm tưởng khi khẳng định rằng có nhiều vị thần: *"Nhưng đối với chúng ta, chỉ có một Đức Chúa Trời là Cha, từ Ngài mọi sự đều phát xuất"* (1 Cô-rinh-tô 8:6).

– Có rất nhiều vị thần, – quan tổng trấn tiếp lời, – nhưng dù sao đi nữa, hoàng đế đã ra lệnh hiện nay chỉ dâng lễ vật cho mười hai vị thần[2255] , và ngươi cũng phải thờ lạy các vị ấy.

– Không nên có nhiều vị thống trị, – thánh Codrat lên tiếng bằng giọng vang dội, – chỉ có một Đấng Tối Cao, một Vua và một Đức Chúa Trời, là Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta!

– Chẳng lẽ ngươi chưa từng nghe – quan tổng trấn tiếp lời – những gì Homer[2256] nói về Poseidon[2257] (Neptune): "Cha của các vị thần đã làm mây kéo xuống, khuấy động gió, che phủ bầu trời, sấm sét rền vang kinh hoàng, bởi vì Poseidon đã trỗi dậy để cướp lấy đất liền" và những điều khác nữa. Vậy, ngươi có nghe nói về quyền năng của Poseidon không?

– Liệu Homer và những nhà thơ khác giống như ông ấy có nói đúng về các vị thần của các ngươi hay không? – Thánh Codrat hỏi.

– Họ nói đúng, – vị tổng trấn trả lời.

– Nếu họ nói đúng, – vị thánh tiếp lời, – thì chẳng phải họ đang kể rằng các vị thần của các ngươi là những kẻ ngoại tình, những kẻ ham muốn vô độ và vô liêm sỉ, đã thực hiện những hành vi ghê tởm trái với tự nhiên sao? Thật sự tôi cảm thấy xấu hổ thay cho các ngài, vì các ngài lại thờ phụng những vị thần như vậy, trong khi chính các ngài lại xét xử những người bị vạch trần vì những hành vi xấu xa đó! Vậy mà, các ngài xét xử những kẻ phạm tội vì

[2255] Theo quan niệm của người Hy Lạp và La Mã cổ đại, các vị thần tối cao hoặc quan trọng nhất cư ngụ trong không gian giữa đất và trời, và nơi ở của họ là những cung điện tráng lệ trên đỉnh núi Olympus ở Hy Lạp. Chính vì vậy, mười hai vị thần này còn được gọi là các vị thần Olympus. Đó là các vị thần: Zeus (Jupiter), Hera (Juno), Poseidon (Neptune), Demeter (Ceres), Apollo. (Apollo), Artemis (Diana), Hephaestus (Vulcan), Pallas Athena (Minerva), Ares (Mars), Aphrodite (Venus), Hermes (Mercury), và Vesta (Vesta).

[2256] Nhà thơ nổi tiếng thời cổ đại, sống vào cuối thế kỷ X hoặc đầu thế kỷ IX trước Công nguyên. Người xưa miêu tả Homer là một ông lão mù. Chính vì vậy, một số người cho rằng tên gọi "Homer" bắt nguồn từ từ "mù". Ông được cho là tác giả của hai tác phẩm sử thi *Iliad* và *Odyssey*; trong đó, *Iliad* miêu tả các sự kiện của năm thứ mười (năm 1184 trước Công nguyên) trong Chiến tranh Troia, diễn ra trong vòng năm mươi mốt ngày, "cơn thịnh nộ của Achilles" (anh hùng chiến tranh) và hậu quả của nó; còn tác phẩm thứ hai – "Odyssey" – kể lại các tình tiết khác nhau trong hành trình lang bạt của một trong những anh hùng chiến tranh, vua của đảo Ithaca (Biển Địa Trung Hải) là Odysseus, trước khi thành Troia bị phá hủy, và bao quát một khoảng thời gian ngắn 40 ngày.

[2257] Poseidon – con trai của Cronos và Rhea – là anh em với Zeus, người mà ông đã chia sẻ quyền cai trị thông qua việc bốc thăm. Poseidon được giao phó biển cả – vốn không thể tách rời khỏi ông – cùng với quyền cai trị tối cao đối với các cơn gió và khả năng gây ra động đất, chính vì vậy Poseidon còn được gọi là "Kẻ làm rung chuyển trái đất". Poseidon thường được miêu tả dưới hình dáng một ông lão nghiêm nghị với bộ râu dài và cầm cây đinh ba trong tay.

những hành vi đáng xấu hổ, nhưng đồng thời lại coi những vị thần thực hiện những hành vi vô pháp vô thiên còn tồi tệ hơn gấp bội là thần thánh. Chẳng phải các ngươi lẽ ra phải lên án và trừng phạt các vị thần vì vô số hành vi ngang ngược và tàn bạo của họ sao? Các ngươi không nương tay với những kẻ vi phạm luật pháp, nhưng lại tôn kính và ca ngợi các vị thần đã hành động vô luật pháp; những vị thần như vậy của các ngươi, xét cho cùng, không phải là thần, mà là những kẻ dâm đãng điên cuồng đã chết!

Nghe những lời này của vị thánh, quan tổng trấn nói:

– Vì ngươi đã bắt đầu lên án các vị thần, nên ta lo sợ nhà vua sẽ nổi giận với ta, vì ta đã nhẫn nại để ngươi xúc phạm các vị thần bằng lời nói. Vì vậy, hãy nhanh chóng thay đổi suy nghĩ của ngươi, để ngươi không bị tay những kẻ tra tấn bắt giữ ngay lập tức!

– Quyết tâm của tôi, – thánh Kodrat tiếp lời, – không ai có thể tước đoạt khỏi tôi: không phải ngài, không phải vua của ngài, thậm chí không phải chính cha của các ngài là Satan.

Vị tổng trấn giận dữ ra lệnh lột bỏ quần áo của vị thánh, quăng ngài xuống đất trong tình trạng trần truồng và đánh bằng dây thừng, đồng thời quát: "Hãy nói tên ngươi ra." Nhưng vị thánh vẫn im lặng, không thốt lên một lời nào. Lúc đó, quan tổng trấn bắt đầu hỏi những người xung quanh về vị thánh tử đạo: ông ta là ai và tên ông ta là gì? Những người biết về vị thánh đã trả lời quan tổng trấn rằng vị tử đạo này xuất thân từ một gia đình quý tộc và tên ông là Kodrat. Lúc đó, quan tổng trấn nói với những người hành hình:

– Hãy tha cho ngài và thả ngài ra!

Khi vị thánh được giải thoát khỏi những cực hình và được mặc quần áo lại, quan tổng trấn gọi ngài lại gần và hỏi:

– Ngươi đã làm gì với chính mình và với chúng ta thế này, khi không cho chúng ta biết về dòng dõi cao quý của ngươi? Vì không biết về nguồn gốc quý tộc của ngươi, chúng ta đã làm nhục ngươi, còn chính ngươi thì đã tự mang lại sự chỉ trích cho bản thân và dòng họ của mình. Và tại sao, coi thường dòng dõi cao quý của mình, ngươi lại gia nhập vào đức tin Kitô giáo điên rồ ấy?

– *"Thà đứng ở ngưỡng cửa nhà Đức Chúa Trời còn hơn là sống trong lều trại của sự gian ác"* (Thi Thiên 83:11), – vị thánh đáp lại.

– Hãy khuất phục ta, – quan tổng trấn, kẻ tra tấn, tiếp lời, – và dâng lễ vật cho các vị thần, để ngươi không phải chết như một tên ác nhân! Chẳng lẽ ngươi chưa nghe lệnh của vua và tất cả các cố vấn của ngài, những người đã quyết định rằng không một Kitô hữu nào được phép sống trên đất này, và đã giải thoát nhiều người đàn ông tốt lành và phi thường khỏi sự lầm lạc Kitô giáo sao?

– *"Phúc cho người nào không đi theo lời khuyên của kẻ gian ác, không đứng trên con đường của kẻ tội lỗi, và không ngồi trong hội đồng của những kẻ làm hư hỏng"* (Thánh Vịnh 1:1), không để bị cám dỗ bởi sự quyến rũ của thế gian hư ảo này; còn những kẻ đã bị cám dỗ và nghe theo các ngươi, sẽ bị hủy diệt như bụi đất bị gió thổi bay khỏi mặt đất (Thánh Vịnh 1:4), và họ đã bị hủy diệt rồi!

Khi dụ dỗ thánh Codratus, tổng trấn đã nói với ngài những lời dụ dỗ đầy nước mắt và tiếng thở dài; cuối cùng, ông ta nói:

– Codrat, khi tự nguyện chọn cái chết, đừng từ bỏ ánh sáng quý giá này, đừng từ bỏ cuộc sống ngọt ngào này.

Khi nói những lời này, kẻ dụ dỗ lau mặt bằng chiếc khăn tay.

– Con chó săn! – vị thánh tử đạo đáp lại quan tổng trấn. – Đừng nghĩ rằng bằng mưu mô của loài rắn và những giọt nước mắt giả tạo mà ngươi có thể dụ dỗ ta! Ngươi sẽ không bao giờ bắt được ta – tôi tớ của Đức Chúa Trời!

Tướng quân Maximian đang có mặt tại dinh của tổng trấn Perennia. Ông ta nói với vị thánh:

– Ngươi thật là kẻ vô ơn! Ngài tổng trấn – vị chủ nhân chính trực của ta – đang thương xót ngươi, vậy mà ngươi lại xúc phạm ngài.

Thánh nhân đáp lại:

– Nếu ông ta sinh ra để bị diệt vong, thì cứ để ông ta khóc than cho chính mình và cho giờ phút sinh ra của mình đi, còn ngươi thì tại sao lại trách mắng chúng ta? Nếu tổng trấn đang xét xử, thì ngươi là ai mà dám lên tiếng trước mặt ngài trong phiên tòa? Đối với chúng ta, chỉ cần một vị thẩm phán là đủ; còn nếu ngươi cũng muốn xét xử chúng ta, thì xin Chúa Giêsu Kitô của chúng ta hủy diệt ngươi!

Sau đó, cai ngục nói với quan tổng trấn:

– Thưa ngài! Tôi thề bằng quyền năng của ngài rằng, nếu ngài để hắn nói một cách ngang ngược như vậy, thì sau đó hắn sẽ dám buông lời xúc phạm và phỉ báng cả các vị hoàng đế, và chúng ta sẽ phải đối mặt với nguy hiểm không nhỏ!

– Quả thật, – vị thánh đáp, – Kinh Thánh thánh thiêng có chép: "Sao các dân tộc lại xôn xao, các bộ tộc lại mưu tính điều hư không? Các vua trên đất nổi dậy và các quan đại thần bàn bạc với nhau chống lại Chúa và chống lại Đấng Được Xức Dầu (Đức Kitô) của Ngài" (Thánh Vịnh 2, 1–2), và ngay lúc này, Đức Kitô đang bị những kẻ dại dột kết án và phải chịu đau khổ vì các chi thể của Ngài, tức là những tôi tớ trung thành của Đức Kitô.

– Hãy lột trần tên vô lại này, – quan tổng trấn nói, quay sang các đầy tớ, – hãy đánh hắn mạnh hơn lần trước và cho đến khi hắn tuân theo luật pháp hoàng gia và thờ lạy các vị thần!

Trong lúc bị đánh lần thứ hai, Thánh Kodrat đã nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài, vì Danh Thánh của Ngài, đã cho phép tôi, một tôi tớ tội lỗi và không xứng đáng của Ngài, được chịu đau khổ, để tôi được kể vào số các tôi tớ yêu dấu của Ngài. Con tạ ơn Ngài và khẩn cầu: Xin hãy đổ đầy Thánh Thần của Ngài vào con, ban cho con sự sáng suốt và sức mạnh để giữ vững đức tin không lay chuyển, xin soi sáng con bằng sự khôn ngoan của Ngài, để những kẻ vô luật pháp không thể khuất phục con. Xin hãy là Đấng trợ giúp con, Chúa của con! Giờ đây là lúc Ngài phải giúp đỡ, giờ đây là giờ Ngài phải can thiệp! Xin củng cố con, để qua người tôi tớ của Ngài, danh thánh của Ngài được tôn vinh! Xin dẫn con đến với Cha trên trời của Ngài và dâng con lên trước mặt Ngài, nói rằng: "Và đây là người tôi tớ của Ngài!" Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin giúp con hoàn thành công việc của mình một cách thành công!

Thánh nhân đã cầu nguyện như vậy, trong khi đó, những kẻ hành hình đang đánh đập ngài, do mệt mỏi, đã thay ca tới năm lần – ngài đã phải chịu đòn trong một thời gian dài đến thế! Vì những trận đòn tàn bạo, lưng của vị tử đạo đáng kính đã sưng phồng lên một khuỷu tay[2258] , máu chảy thành dòng và thịt bong ra khỏi xương.

– "Dù vậy," quan tổng trấn hỏi, "bây giờ, Kodrat, ngươi có tin vào các vị thần của chúng ta không?"

– *"Các vua trên đất nổi dậy, các quan đại thần cùng nhau bàn bạc chống lại Chúa và Đấng Được Xức Dầu của Ngài"* (Thánh Vịnh 2:2).

– *"Các thần tượng của chúng là bạc và vàng, là tác phẩm của bàn tay con người,"* – vị thánh đáp. – *"Chúng có miệng mà không nói được… Những kẻ làm ra chúng và tất cả những ai trông cậy vào chúng sẽ trở nên giống như chúng"* (Thánh Vịnh 113:12–13).

– "Khi nói với chúng ta bằng những lời khó hiểu, ngươi nghĩ rằng," quan tổng trấn nói, "ngươi có thể che giấu sự phỉ báng các vị thần của mình sao?"

– Đối với ngươi, kẻ điên rồ mù quáng, – vị thánh đáp lại, – lẽ thật sáng ngời lại hiện ra như bóng tối, còn bóng tối – những sự lừa dối của thế gian này – lại trở thành ánh sáng đối với ngươi! Hãy lắng nghe ta, người đang nói với ngươi bằng những lời của các vị thánh tổ. Hãy để ngươi biết rằng ta sẽ không dâng lễ vật cho các vị thần của ngươi và cũng sẽ không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua và các cố vấn của ngài. Vậy nên, nếu ngươi muốn tra tấn ta – hãy thực hiện ý muốn của ngươi và qua đó, hãy mau chóng đưa ta đến trước mặt Vua Trời!

– Ta thề trước các vị thần, – tên tra tấn nói, – rằng ta sẽ không nương tay với ngươi, mà sẽ hủy diệt ngươi, kẻ khốn nạn, bằng những hình phạt kinh hoàng và cái chết tàn bạo!

Khi mặt trời lặn, vị thánh đã được giải thoát khỏi những cực hình và cùng với các Kitô hữu khác bị dẫn vào ngục tối. Hơn nữa, quan tổng trấn ra lệnh rải những chiếc đinh nhỏ dưới lưng vị tử đạo, đặt một tảng đá khổng lồ lên ngực, xiềng chân ông vào cùm[2259] , và xiềng toàn thân ông bằng sắt nặng nề. Trong tình trạng như vậy , vị thánh đã bị bỏ lại suốt nhiều ngày: ngài đã dũng cảm chịu đựng những cực hình nặng nề đến mức con người không thể nào chịu đựng mà vẫn sống sót – thì bàn tay toàn năng của Chúa Kitô đã củng cố người chịu khổ để tôn vinh quyền năng thần thánh của Ngài.

Sau một thời gian dài, tổng trấn Perennius quyết định lên đường đến Nicêa[2260] và ra lệnh dẫn theo những Kitô hữu đang bị giam cầm cùng với thánh Codratus. Tại Nicêa, quan tổng trấn đã dâng lễ vật cho ma quỷ trong

---

[2258] "Cánh tay" là đơn vị đo từ khuỷu tay đến đầu ngón tay giữa. "Cánh tay" trong Kinh Thánh tương đương 10–*12 vershok.*

[2259] Tên gọi này dùng để chỉ một dụng cụ được thiết kế nhằm ngăn chặn tội phạm trốn thoát. Cách chế tạo như sau: Thông thường người ta lấy một khúc gỗ dày, dùng nêm chẻ đôi, sau đó đục hai hốc nhỏ ở cả hai nửa để đặt chân; sau khi đặt chân tội phạm vào, người ta ghép hai nửa lại với nhau, rồi khoan lỗ ở cả hai đầu và đóng chặt bằng các miếng nêm; còn ở dạng cải tiến, cả hai đầu được khóa bằng ổ khóa, đôi khi chỉ đơn giản là buộc chặt các đầu bằng dây thừng.

đền thờ ngoại giáo và ra lệnh dẫn các Kitô hữu đến đó để ép buộc họ làm điều tương tự. Khi các tôi tớ của Chúa Kitô được dẫn đến đền thờ ma quỷ, Thánh Codrat đã nài nỉ các binh lính cho phép ngài được vào trong đền thờ gặp quan tổng trấn trước tiên: bằng sức mạnh của Chúa Kitô, Thánh Codrat, sau khi chịu những cực hình nặng nề, vẫn khỏe mạnh và vô sự; ngài đi đầu đoàn các Kitô hữu, khuôn mặt rạng ngời, thể hiện cả sức mạnh thể xác lẫn sự kiên cường và lòng dũng cảm tinh thần. Khi Thánh Codrat được dẫn vào đền thờ trước những người khác, ngài đã khiến kẻ tra tấn kinh ngạc. Sự kinh hoàng bao trùm quan tổng trấn sau khi ông thấy vị thánh vẫn khỏe mạnh về thể xác và khuôn mặt rạng rỡ.

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần! – quan tổng trấn ra lệnh.

– Tôi là tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô, – vị thánh đáp lại, – và tôi dâng chính bản thân mình làm của lễ cho Ngài, còn các vị thần của các ngài, những vị không tạo ra cả trời lẫn đất, hãy để họ bị diệt vong!

– Hãy tuân theo luật pháp của hoàng đế, chứ đừng tuân theo luật pháp của Đấng Christ, – quan tổng trấn tiếp tục.

– Tôi tuân theo luật pháp của Vua Trên Trời, – vị thánh đáp lại, – chứ không phải mệnh lệnh điên rồ của những kẻ không biết Chúa. Tuy nhiên, Kinh Thánh dạy chúng ta phải cầu nguyện cho họ, để họ được hoán cải và nhận ra lẽ thật.

Thống đốc đáp lại:

– Nếu ngươi cầu nguyện cho vua, thì ngươi cũng phải tuân giữ các điều răn của ngài, bởi vì ngay trong Kinh Thánh của các ngươi cũng có chép: *"Hãy dâng cho Xê-sa những gì thuộc về Xê-sa, và dâng cho Đức Chúa Trời những gì thuộc về Đức Chúa Trời"* (Ma-thi-ơ 22:21).

– Ngươi nói đúng, vị thánh nhận xét, rằng những gì thuộc về César thì phải dâng cho César, còn những gì thuộc về Đức Chúa Trời thì phải dâng cho Đức Chúa Trời. Này, ta đã dâng cho vua những gì dành cho ngài vào lúc ta nộp tiền chuộc tài sản của mình trước mặt ngài, còn đối với Đức Chúa Trời, ta vẫn còn nghĩa vụ phải hoàn tất việc thực hành đức tin đúng đắn đối với Ngài. Vua trần gian đã ra lệnh rằng các Kitô hữu phải dâng lễ vật cho các thần tượng, nếu không thì phải chết. Và chúng tôi sẵn sàng chết vì Chúa Kitô – Thiên Chúa của chúng tôi, không chỉ một lần, mà nhiều lần!

– Ngươi có biết không – quan tổng trấn hỏi – có biết bao nhiêu Kitô hữu đã dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, và ngươi thực sự nghĩ rằng mình tốt hơn họ rất nhiều sao?

Thánh Kodrat đáp:

– Vì tôi chưa bao giờ quỳ gối trước các thần tượng, nên tôi thực sự tốt hơn rất nhiều so với tất cả những ai đã từ bỏ Thiên Chúa Tạo Hóa của mình. Vậy những người đã dâng lễ vật cho các vị thần của các ngươi đâu rồi? Tôi không thấy họ đâu cả!

Quân tổng trấn ra lệnh triệu tập những người đó. Trong khi đó, vị thánh bắt đầu xin được cởi trói, vì cho đến lúc đó ngài vẫn bị trói chặt. Quân tổng trấn, cho rằng vị thánh muốn thờ lạy các vị thần, liền ra lệnh cởi trói cho ngài. Nhưng ngài nhanh chóng tiến lại, nắm lấy chân một tượng thần khổng lồ, lật ngã nó xuống đất và đập vỡ, rồi định lao tới các tượng thần khác, nhưng các binh lính và thầy tế đã giữ ngài lại. Lúc đó, quan tổng trấn nổi giận, ra lệnh treo vị thánh lên ngoài tường đền thờ và dùng lưỡi dao sắc nhọn cạo khắp cơ thể ngài. Trong khi đó, những người đã bỏ đạo Kitô giáo tiến lại gần, và thánh Kodrat, trong lúc đang chịu cực hình, đã nói với họ.

– Hỡi những kẻ khốn nạn! Sau khi đã chịu đựng bao đau khổ, sao các ngươi lại vội vàng từ bỏ Chúa Kitô – Đấng Tối Cao – và tự nguyện đầu hàng ma quỷ? Chẳng lẽ các ngươi không tin vào sự sống lại của người chết, vào Ngày Phán Xét của Thiên Chúa và vào vực thẳm địa ngục sao? Chẳng lẽ các ngươi chưa từng nghe nói về ngọn lửa không tắt và con sâu không ngủ sao? Các ngươi sẽ trả lời thế nào vào ngày vinh quang và vĩ đại khi Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giê-su Ki-tô ngự đến, Đấng sẽ phán xét cả người sống lẫn người chết? Hãy mở rộng tầm nhìn tâm linh của các ngươi và nhìn xem, các ngươi đã sa ngã khỏi điều gì? Vì cuộc đời tạm bợ và hèn mọn, các bạn đã từ bỏ Nước Trời vĩnh cửu. Bỏ qua Đấng Chủ Tể ngọt ngào và nhân từ nhất, các bạn đã tự bán mình làm nô lệ cho tên đầy tớ vô dụng của ma quỷ, kẻ mà nếu chiếm được ai, thì sẽ đánh đập và giết chết người đó. Khi Chúa chúng ta

---

[2260] Nicaea là thành phố chính của Antioch, nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ nhất và thứ bảy: lần thứ nhất vào năm 325 dưới thời Constantine Đại đế, do Eustathius, Tổng giám mục Antioch, chủ tọa; Công đồng này đã lên án Arius, soạn thảo Kinh Tin Kính gồm 8 điều, quy định thời gian Lễ Phục Sinh, xác lập quyền ưu tiên của các giám mục Rôma, Alexandria và Antioch, đồng thời ban hành 20 quy tắc giáo hội; Công đồng Đại kết thứ bảy diễn ra vào năm 787 dưới triều Nữ hoàng Irina, do Thượng phụ Tarasius của Constantinopolis chủ tọa; công đồng này đã lên án phe chống thánh tượng và thông qua 22 quy tắc để củng cố trật tự giáo hội.

đến, Ngài sẽ trói quỷ Satan bằng những sợi dây không thể phá vỡ và ném nó xuống vực lửa cùng với những ai đã tự nguyện làm nô lệ cho nó. Hãy nhận ra điều các bạn đã làm! Vì sợ hãi sự đau khổ tạm thời, các bạn đã tự đưa mình vào sự đau khổ vĩnh cửu. Chính các ngươi sẽ thấy tương lai khi phải ra trước Tòa án công minh của Đức Giêsu Kitô, Đấng sẽ ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ. Chẳng lẽ các ngươi chưa từng nghe những lời của Chúa được chép trong Phúc Âm thánh: *"Đừng sợ những kẻ giết được thân xác mà không giết được linh hồn; nhưng hãy sợ Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác trong hỏa ngục (Gehenna)?"* (Mt 10:28).[2261]

Khi vị thánh thốt lên những lời ấy, những kẻ sa ngã đã khóc lóc thảm thiết và kêu lên bằng giọng lớn:

– Hỡi tôi tớ của Chúa, chúng con đã sợ hãi những cực hình và như những con vật câm lặng, chúng con đã sa ngã; như những con chiên lạc đường, chúng con đã trở thành mồi cho bầy sói và bị xé xác. Chúng con đã bị những tội lỗi của mình trói buộc, và nay, vì muốn sống ở đây một thời gian ngắn, chúng con đã đánh mất sự sống đời đời. Chúng con, những kẻ khốn khổ này, không biết phải làm gì nữa!

Thấy những giọt nước mắt của họ, Thánh Kodrat tràn ngập niềm vui và nói:

– Hỡi anh em! Hãy can đảm và đừng tuyệt vọng! Chúa Kitô là Đấng đầy lòng thương xót – hãy quỳ xuống trước Ngài với lòng sám hối và nước mắt, và hãy công khai đứng về phía Chúa Kitô, để mỗi người trong các anh em đều có cơ hội được thanh tẩy tội lỗi bằng chính máu của mình.

Và thế là, quỳ sụp xuống đất, những người đã xa rời Chúa Kitô trong một thời gian dài đã khóc lóc thảm thiết, rắc tro lên đầu và dùng đá đập vào ngực mình. Tiếng khóc và tiếng nức nở của họ đã tạo nên một tiếng kêu thảm thiết đến nỗi cư dân cả thành phố Nicaea đổ xô đến và kinh ngạc trước sự ăn năn chân thành của họ về việc đã xa rời đức tin.

Nghe tiếng la hét đó, quan tổng trấn bước ra khỏi đền thờ thần tượng và khi chứng kiến cảnh tượng đang diễn ra, ông ra lệnh tra tấn vị thánh tử đạo dữ dội hơn nữa và dùng những ngọn nến nóng hổi đốt vào những xương sườn đã bị cạo trọc của ngài. Còn vị thánh thì cầu nguyện lâu dài và sốt sắng với Thiên Chúa cho những người ăn năn, để sự trở lại của họ được chấp nhận. Khi kết thúc lời cầu nguyện, ngài thốt lên: "Lạy Chúa, Chúa Giêsu Kitô, xin linh hồn con được đổi lấy linh hồn họ – xin Ngài chỉ thương xót họ thôi", thì ngay lập tức những tên hành hình đang tra tấn ngài bỗng yếu đi và ngã xuống đất như người chết. Trong khi đó, một đám mây sáng chói bao trùm Thánh Kodrat và tất cả các Kitô hữu đang bị trói và ăn năn tại đó. Còn Tổng trấn cùng các cố vấn của ông, cùng với tất cả những người ngoại đạo, thì bị bóng tối bao trùm; nỗi kinh hoàng ập đến với họ, và họ run rẩy vì sợ hãi, cho rằng thành phố sắp sụp đổ bất cứ lúc nào.

Sau một khoảng lặng dài, các tín hữu nghe thấy từ trên cao tiếng hát của các Thiên thần thánh, đang ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa. Sau hai giờ, bóng tối bắt đầu tan đi, và những người ngoại đạo, khi hướng ánh mắt về phía các thánh, bắt đầu nhận ra ánh sáng thiên đàng. Ngay khi vừa tỉnh táo lại, quan tổng trấn lập tức ra lệnh bắt giữ tất cả những ai, dưới ảnh hưởng của những lời khuyên nhủ của vị tử đạo, đã quay trở lại với Chúa Kitô trong sự ăn năn. Sau khi trói họ lại cùng với những Kitô hữu khác đang có mặt tại tòa án, ông ra lệnh đưa họ vào ngục tối. Ngay lập tức, ông cũng tháo thánh Codratus ra khỏi cây và lại trói ngài bằng những sợi dây cũ.

Sáng hôm sau, Tổng trấn Perennius lại mở phiên tòa, ra lệnh dẫn tất cả các Kitô hữu đang ở trong ngục ra, trừ Thánh Codratus. Suốt cả ngày hôm đó, ông tra hỏi họ, dùng cả lời ngọt ngào lẫn hình phạt để ép buộc họ dâng những lễ vật ghê tởm. Thấy các Kitô hữu vẫn kiên định và bất khuất trong việc tuyên xưng đức tin của mình, Perennius, sau nhiều trận đòn roi, đã ra lệnh đưa mỗi người về thành phố quê hương của họ và thiêu sống tại đó. Và tất cả các thánh tử đạo đều bước đi trong niềm vui lớn lao, ngợi khen Thiên Chúa. Và như vậy, mỗi người trong số họ đã qua đời khi bị thiêu sống tại quê hương mình, và được đưa về quê hương thiên đàng.

Sau đó, quan tổng trấn lên đường từ Nicêa đến Apamia[2262] , dẫn theo cả thánh Codratus. Ông đến đây với mục đích bắt giữ các Kitô hữu, ép buộc họ dâng lễ vật cho các thần tượng. Ông đã nhận lệnh từ hoàng đế Decius phải đi khắp các thành phố và vùng đất, tra tấn và giết chết những Kitô hữu không muốn thờ lạy các vị thần. Khi đến Apamia, tổng trấn Perennius bước vào đền thờ và thờ lạy các thần tượng. Sau khi đưa Thánh Tử đạo Codratus đến đây, ông ta hỏi ngài:

[2261] Gehenna – nơi chịu cực hình vĩnh viễn. Tên gọi này bắt nguồn từ các từ tiếng Do Thái, có nghĩa là thung lũng En-nom gần Giê-ru-sa-lem, nơi trẻ em bị thiêu sống để tôn vinh thần Moloch (3 Các Vua 11:17; 4 Các Vua 16:3–4.) Sau khi Giô-si-a bãi bỏ nghi lễ hiến tế khủng khiếp này (4 Các Vua 23:10), thi thể những kẻ ác bị hành quyết, xác chết thối rữa và mọi thứ ô uế đều được đổ xuống thung lũng En-nôm, nơi tất cả những thứ đó được thiêu đốt.

[2262] Apamea – một thành phố ở Tiểu Á, nằm ở ranh giới giữa Phrygia và Pisidia.

– Hỡi tên phù thủy xảo trá, ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần hay không?

Với tâm hồn dũng cảm, Thánh Codrat đã trả lời:

– Hãy gọi cha ngươi là Satan, kẻ phù thủy xảo trá, vì hắn thực sự là như vậy. Còn ta là một Kitô hữu, ta không biết gì về phù thủy hay sự xảo trá, và ta sẽ không dâng lễ vật cho ma quỷ!

Lúc đó, quan tổng trấn nói với các bạn mình:

– Ta không biết nên tra tấn tên Kitô hữu khốn kiếp này thế nào đây!

Họ im lặng, vì thấy rằng thân xác vị tử đạo đã không còn, chỉ còn lại những chiếc xương trần, còn toàn bộ thân thể đã bị xé nát và cạo sạch. Kẻ tra tấn ra lệnh nhốt thánh nhân vào một cái bao vải thô, rồi nhét đủ loại loài bò sát vào cùng với ngài, sau đó ném ngài xuống một cái hào sâu và lầy lội, và lệnh đó đã được thi hành. Sáng hôm sau, tên tra tấn, cho rằng vị thánh đã chết, ra lệnh vớt ngài lên khỏi hào, và trước sự ngạc nhiên của mọi người, vị thánh vẫn nguyên vẹn. Vị tử đạo, hướng ánh mắt lên trời, nói:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì những mũi tên của bọn trẻ con (bằng trí óc) đã trở thành vết thương cho chính chúng, và sức mạnh của chúng đã suy yếu. Còn con, Ngài đã củng cố con và ban cho con sức mạnh để làm chúng bẽ mặt, nhằm tôn vinh danh thánh của Ngài.

Sau đó, vị thánh nói với quan tổng trấn:

– Kẻ điên rồ! Ngươi có nhận ra rằng mưu mô của ngươi chẳng mang lại kết quả gì không? Hãy làm với ta điều gì tồi tệ hơn nữa, hãy làm ngay đi, đừng lãng phí thời gian vô ích.

– Kẻ khốn nạn, – quan tổng trấn đáp lại trong cơn thịnh nộ, – ta sẽ tra tấn ngươi suốt chặng đường còn lại, dù ngươi có trông cậy vào phép thuật của mình đi chăng nữa.

Sau đó, Perennius lên đường đến Cæsarea, mang theo vị thánh tử đạo; tại đây, khi đang cử hành lễ hiến tế theo nghi thức tại đền thờ, ông gọi vị thánh lại và nói với ngài:

– Ngươi đã chịu đủ mọi hình thức tra tấn rồi, – hãy đến đây đi, cuối cùng, và dâng lễ vật cho các vị thần!

– Ngươi đã dùng những cực hình để đùa giỡn với ta, – vị thánh đáp lại, – và ta thực sự ngạc nhiên rằng ngươi đã yếu lòng khi gây ra chúng cho ta. Còn ta, khi chịu đựng cực hình, ta không hề suy yếu, mà còn mong muốn chịu đựng những cực hình tương tự, thậm chí còn tàn khốc hơn nữa vì Đức Chúa Trời của ta.

Lúc đó, quan tổng trấn trong cơn giận dữ lại ra lệnh đánh vị thánh không thương xót bằng dây thừng vào thân thể trần truồng, sau khi đã trói ngài trên cây gỗ tra tấn. Tuy nhiên, những gì bị đánh chỉ là những chiếc xương trần, vì trên đó không còn thịt da. Trong lúc bị đánh đập, vị thánh hát: *"Họ đã áp bức tôi từ thuở thiếu thời, nhưng không thể khuất phục tôi. Trên lưng tôi, những người cày ruộng đã cày xới, vạch nên những rãnh dài"* (Thánh vịnh 128:2–3). Trong khi đó, quan tổng trấn hét lên với những kẻ hành hình:

– Đánh mạnh hơn nữa, vì hắn không cảm thấy đau đớn.

Quay sang người tra tấn, vị thánh nói:

– Hãy đánh đi, hãy đánh vào cái da thuộc khiêm nhường của ta, vì khi cái da này bị hành hạ đến cùng cực, thì linh hồn ta lại trở nên mạnh mẽ!

– Kẻ khốn nạn! – quan tổng trấn kêu lên – Ta cho rằng ngươi bị quỷ dữ ám!

– Không những ta không bị quỷ ám, – vị thánh đáp lại, – mà ngược lại, chính ta đang thống trị cha của các ngươi là Satan, và không chỉ riêng hắn, mà cả tất cả các tôi tớ của hắn nữa; và nhờ ân sủng của Đức Kitô, Chúa của ta, ta ra lệnh cho toàn bộ đạo quân của hắn: toàn bộ thế lực địa ngục đều run rẩy và khiếp sợ trước tôi, khi nhìn thấy trên người tôi dấu hiệu đáng sợ và bất khả chiến bại của Chúa Giêsu Kitô, cùng ân sủng của Ngài luôn ở cùng tôi.

Sau đó, sau một lúc im lặng, vị thánh kêu lên:

– Vinh quang thuộc về Cha, Con và Thánh Thần, bây giờ, muôn đời và đến muôn đời.

Còn dân chúng thành Caesarea có mặt tại đó đã đồng thanh hô lên "A-men!", vì trong đám đông có rất nhiều Kitô hữu. Lúc đó, trong cơn thịnh nộ điên cuồng, quan tổng trấn ra lệnh bắt hai người đàn ông nào đó đang đứng gần đó giữa đám đông, những người nổi bật vì sự cao quý của họ, lột trần họ, rồi ngay lập tức treo cổ họ tại nơi tra tấn, đánh đập và cạo da thịt họ. Các đao phủ, bỏ qua Thánh Codratus, bắt đầu tra tấn hai Kitô hữu kia, tên là Satorin và Rufin. Họ bị hành hạ cho đến khi nội tạng của họ suýt rơi ra khỏi cơ thể. Trong lúc bị tra tấn, Satorin và Rufin khẩn cầu Thánh Codratus và toàn thể anh em hiện diện, xin họ cầu nguyện cho họ trước mặt Chúa. Thánh Kodrat, kêu cầu Thiên Chúa, đã thốt lên:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con của Cha vô hình! Xin hãy ban sự trợ giúp cho các tôi tớ của Ngài, xin hãy nhìn xuống những người khiêm nhường với lòng thương xót và xin thương xót họ! Xin ban cho những người chịu khổ

của Ngài sự kiên nhẫn và sức mạnh bất khả chiến bại, để họ, sau khi chịu đựng đến cùng, sẽ chiến thắng và làm bẽ mặt kẻ thù đang chống lại họ!

Một thời gian dài trôi qua – các thánh tử đạo im lặng, vì họ không thể nói được do những đau đớn dữ dội. Cuối cùng, kẻ tra tấn ra lệnh tháo trói họ và chém đầu họ. Như vậy, hai vị thánh tử đạo, Satorin và Rufin, đã lên trời về với Chúa Kitô, Đấng hiện hữu trong hai bản tính, Đấng mà vì Ngài họ đã chịu khổ.

Sau đó, quan tổng trấn Perennius rời khỏi Caesarea và đến Apollonia[2263] , luôn mang theo thánh Codratus bên mình, đồng thời bắt giữ cả những tín đồ Kitô giáo khác để tra tấn. Khi bước vào đền thờ thần Apollo, Perennius nói với vị tử đạo:

– Hãy tôn thờ các vị thần, ngươi sẽ được bình an: ta sẽ ra lệnh cho các thầy thuốc chăm sóc ngươi. Vậy thì, hãy đến với thần Asclepius[2264] , và ngài sẽ chữa lành cho ngươi. Hãy kính sợ sự vĩ đại của các vị thần: thần Apollo vĩ đại[2265] , thần Heracles[2266] , Zeus – vua của tất cả các vị thần[2267] , thần Ares vinh quang[2268] và thần Poseidon đáng sợ. Chẳng lẽ ngươi chưa bao giờ đi thuyền trên biển và nhận ra sức mạnh đáng sợ của vị thần ấy sao! Hãy cúi đầu trước mặt trời đang chiếu sáng từ trời xuống đất. Chẳng lẽ mặt trời đã chết và không còn trên trời nữa sao?

Thánh Kodrat đáp lại:

– Tôi thờ lạy Đức Chúa Trời Cha chân thật, Con Một của Ngài và Đức Thánh Linh, và tôi run rẩy trước quyền năng, sự vĩ đại và vinh quang không thể chạm tới của Ngài. Tôi luôn ca ngợi và tôn vinh sức mạnh và quyền năng vô biên của Ngài; còn những thần tượng vô hồn, tôi sẽ không cúi đầu trước chúng và cũng không tôn kính những tác phẩm do tay người tạo ra: tôi không sợ ma quỷ, cũng không sợ ngươi, kẻ chỉ nắm giữ quyền lực nhất thời. Chỉ sau vài ngày nữa, ta sẽ về với Đức Chúa Trời của ta, còn ngươi sẽ mãi mãi rên rỉ đau đớn, vì ngươi đã không muốn nhận biết Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho ngươi sự sống thật. Con trai của Sa-tan, anh em của quỷ dữ, đồng lõa với những ác quỷ vô đạo, còn câm nín hơn cả lợn, con chó điên, kẻ hút máu, con rắn, tham lam hơn cả thú vật khi nuốt chửng những miếng thịt ghê tởm trong các đền thờ. Chẳng lẽ các ngươi không xấu hổ vì sự điên rồ của mình và không nhận ra sự mù quáng của mình sao? Các ngươi giết gia súc và chim chóc để dâng tế cho các vị thần – liệu các vị thần vô hồn của các ngươi có cảm thấy đói không? Hãy đưa thức ăn đến miệng tượng thần, liệu nó có nếm được không? Và nếu các vị thần của các ngươi đòi hỏi lễ vật, thì hãy hỏi, để họ trả lời, bất kỳ vị thần nào của các ngươi, dù bằng đá hay gỗ, rằng ngài muốn các ngươi giết con gì dâng lên, dù là dê, bò hay gà? Hỡi những kẻ tự hủy diệt! Chính các ngươi đã rơi vào hố diệt vong và muốn đẩy chúng ta xuống đó.

Thống đốc, sau khi nghe những lời này, bỗng nổi cơn thịnh nộ điên cuồng, ra lệnh đổ giấm pha muối lên những vết loét của vị thánh, chà xát chúng bằng dây thừng làm từ lông thú và áp sắt nung đỏ lên xương sườn. Rồi, vì ngày đã gần tàn, kẻ tra tấn ra lệnh ném người chịu khổ vào ngục tối. Sáng hôm sau, quan tổng trấn rời khỏi Apollonia, hướng về Hellespont[2269] , dẫn theo những người Kitô hữu bị trói và bắt giữ; cùng với họ còn có vị thánh tử đạo Codratus, vì do những cực hình tàn bạo, ngài thậm chí không thể cử động đôi chân. Sau khi vượt qua con sông tên là Runtok, quan tổng trấn được quan chỉ huy vùng đó ra đón. Từ các làng mạc lân cận cũng tụ tập những đám đông lớn các tín hữu Kitô, dường như để đón tiếp Tổng trấn Perennius, nhưng trên thực tế – họ muốn được

---

[2263] Apollonia – một thành phố ở Illyria, gần biển, nổi tiếng với sự phát triển rực rỡ của các ngành khoa học dưới thời La Mã.

[2264] Asclepius hay Aesculapius – vị thần của nghệ thuật y học – là con trai của thần Apollo và công chúa Coronissa, con gái của vua Thessopia. Ông thường được miêu tả dưới hình dáng một người đàn ông đáng kính, râu dài, với nét mặt trang nghiêm và hiền từ, mặc áo trắng và cầm cây gậy có con rắn quấn quanh. Đôi khi, ngoài con rắn, người ta còn miêu tả Esculapius cùng với con gà trống, loài vật được dâng hiến cho vị thần này.

[2265] Apollon – con trai của Zeus và Leto – anh trai của Artemis, vị thần ánh sáng; theo tín ngưỡng của người xưa, Apollon được ban tặng sự trẻ trung và sức mạnh vĩnh cửu, bất biến, qua đó tượng trưng cho sức mạnh vĩnh cửu của ánh sáng và hơi ấm. Ông thường được miêu tả dưới hình dáng một chàng trai trẻ đẹp đẽ, mạnh mẽ, tay cầm cung hoặc cây gậy chăn cừu uốn cong, trên lưng đeo túi tên. Đôi khi tay ông cầm cây đàn lyre (một loại nhạc cụ). Chân đi chân trần hoặc mang dép sandal trang trọng, trên đầu đội vòng nguyệt quế.

[2266] Heracles hay Hercules – vị anh hùng Hy Lạp lừng lẫy nhất, con trai của Zeus và Alcmene, vợ của vua Amphitryon. Ông thường được miêu tả dưới hình dáng một người đàn ông vạm vỡ, cơ bắp cuồn cuộn, đang ở độ tuổi sung sức nhất, khỏa thân hoặc mặc da sư tử, với mái tóc xoăn và cầm một cây gậy gỗ nặng trên tay.

[2267] Zeus – vị thần của bầu trời. Ông có rất nhiều biệt danh. Là con trai của Kronos, vị thần cao tuổi nhất trong số các vị thần. Ông thường được miêu tả đang ngồi trên ngai vàng, tay cầm chiếc khiên Aegis.

[2268] Ares – con trai của Zeus và Hera; vị thần của những cơn bão tố và sóng gió trên biển, vị thần chiến tranh đáng sợ, của những trận chiến và cuộc giao tranh, người tìm thấy niềm vui trong việc giết chóc và say mê trong máu. Ông thường được miêu tả dưới hình dáng một chàng trai trẻ cầm khiên và giáo trong tay.

[2269] Eo biển nối Biển Đá Cẩm Thạch với Biển Aegean.

chiêm ngưỡng và tôn kính Thánh Tử đạo vĩ đại Codratus, danh tiếng của ngài đã lan rộng khắp châu Á và khắp vũ trụ. Thống đốc, cùng với quan trưởng vùng, đã vào một ngôi làng gặp trên đường và nghỉ qua đêm tại đó; khi trời sáng, ông muốn dâng lễ vật cho các quỷ thần, vì trong làng có rất nhiều tượng thần – đồng thời, tất nhiên, ông cũng muốn ép buộc các tín hữu Kitô giáo phải dâng lễ vật. Trước hết, quan tổng trấn ra lệnh đưa Thánh Codrat đến trước mặt mình, và vì ngài không còn sức để đi bộ, nên ngài được đưa đến đền thờ bằng xe ngựa. Dù Thánh Codrat thể xác yếu ớt, nhưng trông ngài vẫn rạng rỡ, mỉm cười và vui mừng vì Đức Chúa Trời Cứu Thế của mình. Tại đó, toàn thể dân chúng đã tụ tập, mong muốn chứng kiến sự đau khổ của vị tử đạo vì Chúa Kitô. Quan tổng trấn hỏi Codrat:

– Codrat! Ngươi đã quyết tâm nhận biết các vị thần chưa, hay vẫn còn chìm đắm trong sự điên rồ của mình?

Thánh nhân đáp lại bằng giọng vang dội:

– Từ thuở ấu thơ, tôi đã được dạy để nhận biết Đức Chúa Trời chân thật là Đức Kitô; tôi là Kitô hữu từ khi còn trong bụng mẹ, và tôi không biết vị thần nào khác ngoài Đấng mà tôi đã tin từ khi còn trong tã lót!

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh đốt một đống lửa khổng lồ, đặt một chiếc giường sắt lên trên đó và khi nó đã nóng rực, đưa vị tử đạo lên đó.

– Không cần đâu, – vị thánh nói lúc đó, – không cần ai dắt tôi và đặt tôi lên giường sắt này cả, – chính tôi sẽ tự bước lên đó!

Và thế là, được củng cố bởi sức mạnh của Chúa Kitô, ngài tự mình bước vào ngọn lửa, làm dấu thánh giá trên trán, rồi nằm xuống chiếc giường sắt đang rực lửa và nghỉ ngơi trên đó như thể đang nằm trên một chiếc giường êm ái, hoàn toàn không bị ngọn lửa làm hại. Ngọn lửa, đã mất đi sức mạnh tự nhiên của mình, phục vụ người tôi tớ của Chúa, chỉ mang lại cho ngài đủ hơi ấm cần thiết để xoa dịu thân thể đầy đau đớn và mệt mỏi của vị thánh tử đạo. Trong khi đó, những kẻ phục vụ ma quỷ tiếp tục đổ nhựa thông, dầu và bông gòn dưới giường, còn vị thánh thì cất tiếng hát: *"Hãy mau đến cứu con, lạy Chúa, hãy mau đến giúp con, lạy Chúa. Nguyện những kẻ tìm kiếm linh hồn con phải hổ thẹn và xấu hổ"* (Thánh vịnh 69:2). Ông chế giễu kẻ tra tấn và nói:

– Lửa của ngươi lạnh lẽo, và sắt của chiếc giường này còn mềm mại hơn trái tim tàn nhẫn của ngươi nhiều. Ngươi đã làm rất tốt khi ra lệnh cho ta, người mệt mỏi trên đường, được nghỉ ngơi trên chiếc giường êm ái này!

Nói những lời ấy, vị thánh xoay người trên giường sắt, như thể đang nằm trên giường mềm. Thời gian trôi qua lâu lắm, nhưng vị thánh tử đạo vẫn còn sống, khỏe mạnh và nguyên vẹn trong ngọn lửa; lúc đó, kẻ tra tấn, bừng bừng giận dữ, ra lệnh đưa vị thánh xuống khỏi giường sắt và chém đầu ngài ngay tại làng. Bước ra khỏi ngọn lửa với đôi chân vững chãi, vị thánh không còn cần đến xe ngựa hay người dìu dắt nữa, mà tự mình đi đến nơi hành hình, vừa đi vừa hát:

– *"Chúc tụng Chúa, Đấng đã không phó chúng con làm mồi cho răng nanh của chúng"* (Thánh vịnh 123:6).

Một số anh em đi theo ngài cũng cùng hát theo. Và sau khi dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, ngài đã cúi đầu cao quý của mình xuống dưới lưỡi gươm.

Vậy là thánh đại tử đạo của Chúa Kitô, Codrat, đã qua đời, bị chém bằng gươm vào ngày mười tháng Ba, ngày mà ngài đã hoàn tất cuộc tử đạo cùng với đoàn tùy tùng và người bạn cùng tên với ngài, Codratus thành Corint, dưới triều đại của Valerian đối với người Hy Lạp và La Mã, còn đối với các Kitô hữu thì dưới triều đại vĩnh cửu của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang và quyền năng thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Kỷ niệm Đức Mẹ Thánh Anastasia, người đã được đổi tên thành Anastasius, một người hoạn

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 3

Vào thời trị vì của Hoàng đế Justinian Đại đế[2270] tại Constantinople, có một góa phụ đạo đức và kính sợ Chúa, con gái của những bậc cha mẹ giàu có và quý tộc, là quý bà hàng đầu trong hoàng cung , tên là Anastasia[2271] .

[2270] Thánh nữ Anastasia qua đời vào năm 567. Hoàng đế Justinian trị vì từ năm 527 đến năm 565; dưới triều đại của ông, Công đồng Đại kết lần thứ năm đã được triệu tập tại Constantinople nhằm chấm dứt các phong trào Monophysite vào năm 553.

Luôn giữ lòng kính sợ Chúa trong lòng, bà tuân giữ các điều răn của Chúa một cách kiên định và cẩn trọng. Anastasia, sở hữu vẻ đẹp ngoại hình nổi bật, lại càng nổi bật hơn bởi vẻ đẹp tâm hồn: cô hiền lành và có phẩm chất tốt đến mức tất cả những ai biết về cuộc đời cô đều xem cô như một tấm gương, và nhiều người cố gắng noi gương những đức tính của cô. Chính hoàng đế cũng rất kính trọng Anastasia; nhưng ma quỷ – kẻ gieo rắc cỏ dại, ghen tị với những người có đức hạnh, không ngừng gây chiến với loài người và gieo rắc mâu thuẫn giữa con người – đã gieo rắc sự thù hận đáng ghét lên cả thánh nữ Anastasia. Hắn đã khơi dậy lòng thù hận đối với vị thánh trong lòng hoàng hậu Theodora[2272] , và bà hoàng hậu này bắt đầu nổi giận với người tôi tớ vô tội của Chúa. Nghe tin đó từ một người thân cận với mình và được tràn đầy sự khôn ngoan thiêng liêng, Anastasia, sau khi suy ngẫm kỹ lưỡng, đã tự nhủ với chính mình như sau:

– Anastasia! Hãy nhất định cứu rỗi linh hồn mình, hãy tận dụng cơn hoạn nạn này như một cơ hội thuận lợi. Hãy giải thoát cả nữ hoàng khỏi tội lỗi của sự thù hận bất công, và hãy cầu xin Nước Trời cho chính bản thân mình!

Sau khi suy ngẫm như vậy trong lòng, Anastasia bí mật thuê một con tàu và, mang theo một phần vàng thuộc về mình – còn lại thì bỏ lại – cô đã lặng lẽ ra khơi đến Alexandria[2273] mà không ai phát hiện. Tại đây, ở một nơi cách thành phố năm poprishch[2274] , cô đã xây dựng một tu viện nhỏ và sống tại đó, lao động vì Chúa và cố gắng làm vui lòng Ngài, Đấng Duy Nhất. Anastasia luôn cầm trên tay những công việc thêu thùa phù hợp với phái nữ, còn trên môi thì không ngừng hát thánh vịnh và ngợi khen Chúa. Tu viện do bà sáng lập, được đặt tên theo tên người sáng lập là quý bà Anastasia, sau này, trước cả thời kỳ thống trị của người Hồi giáo[2275] , đã trở nên lớn mạnh và lừng lẫy, tràn ngập mọi sự sung túc. Nhưng hãy quay trở lại câu chuyện ban đầu về Anastasia.

Vài năm sau khi Thánh Anastasia bị trục xuất khỏi Constantinople, Hoàng hậu Theodora, người từng giận dữ với bà, đã qua đời. Nhà vua, khi nhớ lại quý bà Anastasia, đã phái các sứ giả đi khắp nơi, tìm kiếm bà với sự nỗ lực lớn lao. Ngay khi biết tin đó, con chiên của Chúa đã rời tu viện vào ban đêm, lui về một tu viện nhỏ của tu sĩ Daniel[2276] và kể cho vị tu sĩ cao niên đáng kính này nghe tất cả những gì đã xảy ra với mình. Khi đó, vị tu sĩ già Daniel đã cho cô mặc áo tu sĩ nam, đổi tên cô từ Anastasia thành Anastasius (một hoạn quan), dẫn cô đến một hang động nằm xa Tu viện Lavra, và nhốt cô lại ở đó; sau khi truyền dạy cho Anastasia các quy tắc và nội quy sinh hoạt, ngài ra lệnh cho cô không được tự ý ra khỏi hang động và không được phép cho ai đến thăm mình.

Đối với một trong những tu sĩ phục vụ ngài, Thánh Đaniel đã chỉ cho anh ta một chỗ gần hang động, và ra lệnh cho anh ta mỗi tuần một lần mang đến đó một ổ bánh mì nhỏ và một bình nước, đặt tất cả những thứ đó tại vị trí đã chỉ định trước hang động, rồi sau khi nhận lời chúc phúc trong lời cầu nguyện từ vị ẩn sĩ, phải lập tức rời đi. Chính tại nơi đây, Anastasia – người phụ nữ kiên định và dũng cảm – đã sống trong tình trạng bị cô lập hoàn toàn, không ai nhìn thấy, suốt hai mươi tám năm, tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc do vị tu sĩ già đề ra. Không ai đến gặp Anastasia, và không ai, ngoại trừ vị tu sĩ mang bánh mì và nước, biết về sự tồn tại của cô. Nhưng ngay cả người anh em đó cũng không biết rằng cô vốn là phụ nữ, mà chỉ coi cô là một người đàn ông hoạn quan. Ai có thể thấu hiểu bằng trí tuệ, hay kể lại bằng lời nói, hay ghi chép lại những công lao và kỳ tích của Thánh Anastasia, những điều cô đã dâng lên Thiên Chúa trong sự cô độc suốt hai mươi tám năm trong hang động? Nước mắt, tiếng rên rỉ, tiếng khóc nức nở, thức trắng đêm, hát thánh ca, cầu nguyện, đọc kinh, đứng thiền, quỳ gối, ăn chay, từ bỏ những nhu cầu thiết yếu, và hơn hết là những cuộc tấn công của ma quỷ cùng cuộc chiến chống lại chúng, liên tục nhắc nhở về những thú vui xác thịt và mọi khoái lạc trần thế khác đã bị bỏ lại phía sau?! Làm sao người phụ nữ ấy – người trước đây, với tước vị quý bà và là quý tộc hàng đầu, đã sống nhiều năm trong cung điện hoàng gia, thỉnh thoảng dành thời gian cùng đông đảo nam nữ bên những bữa tiệc trần tục và những thú vui – lại có thể đối mặt và chiến thắng tất cả những điều đó, đồng thời kiên trì bám trụ không lùi bước suốt những ngày tháng của những năm ấy? Tâm trí không khỏi kinh ngạc khi nghĩ đến việc Thánh Anastasia đã khinh thường tất cả những điều đó như thế nào và xóa bỏ mọi ký ức về chúng khỏi tâm trí mình! Làm sao bà lại đạt được sự khiêm nhường, ăn chay, kiêng khem

---

[2271] Patricia – vợ của một patrician; đây là cách gọi ở La Mã dành cho những người có xuất thân quý tộc. Danh hiệu này rất cao quý và được trao cho vợ của những người chồng nổi tiếng, ví dụ như Antonina, vợ của Belisarius, hoặc vì những công lao đặc biệt của họ.

[2272] Vợ của Justinian là Theodora – nhờ ảnh hưởng của bà mà cuộc nổi loạn của Nika, vốn đe dọa lật đổ Justinian, đã bị dập tắt.

[2273] Alexandria – thành phố chính của Ai Cập, được Alexander Đại đế xây dựng. Tại đây, trên đảo Pharos, trong vòng 72 ngày, bản dịch Kinh Thánh Cựu Ước sang tiếng Hy Lạp đã được hoàn thành.

[2274] Pophriste – đơn vị đo khoảng cách: tương đương khoảng 690 sazen.

[2275] Sự thống trị của người Hồi giáo tại Alexandria bắt đầu từ cuối thế kỷ VII.

[2276] Tu sĩ Daniel được nhắc đến ở đây chính là người đã khiến một đứa trẻ mới 22 ngày tuổi biết nói.

và sự gian khổ trên con đường đau khổ đến như vậy? Nhờ những nỗ lực anh dũng như vậy, Thánh nữ đã trở thành bình chứa của Thánh Thần và, sau khi làm đẹp lòng Chúa cho đến cùng, đã tiến gần đến cái chết hạnh phúc của mình.

Nhận biết trước sự ra đi của mình về với Chúa, Anastasia đã viết như sau lên một mảnh ngói gửi cho vị tu sĩ già Daniel:

– Thưa Cha thánh! Xin hãy nhanh chóng mang theo người môn đệ thường mang bánh và nước cho con, cũng như những vật dụng cần thiết cho lễ an táng, và hãy đến để chôn cất con của Cha – người hoạn quan Anastasia.

Sau khi viết xong, Anastasia đặt mảnh gạch đó bên ngoài hang động, ngay trước cửa. Cùng lúc đó, vị tu sĩ già, sau khi biết được điều này qua sự mặc khải từ Đức Chúa Trời mà ngài nhận được vào ban đêm, đã nói với đệ tử của mình:

– Con ơi! Hãy mau đến hang động nơi anh em hoạn quan Anastasia của chúng ta đang ở và xem xét xung quanh hang động. Ở đó con sẽ tìm thấy một mảnh gạch có chữ viết; hãy lấy nó và mau trở về với chúng ta.

Sau khi đi và tìm thấy mảnh sọ có chữ viết theo lời vị tu sĩ già, anh em ấy mang nó về cho vị tu sĩ già. Sau khi đọc những dòng chữ trên mảnh sọ, vị tu sĩ già Đan-ni-ên đã rơi lệ và, mang theo tất cả những thứ cần thiết cho lễ an táng, cùng vị anh em đó lên đường đến hang động. Khi mở cửa hang, họ thấy người hoạn quan đang bị sốt cao. Abba Đan-ni-ên, ôm lấy ngực người hoạn quan, khóc và nói:

– Anh thật hạnh phúc, anh Anastasius, vì luôn luôn lo lắng về ngày và giờ chết, anh đã khinh thường vương quốc trần gian!

– Anh cũng thật hạnh phúc, – Anastasia đáp lại, – vị Áp-ra-ham mới!

– Vậy thì, – vị tu sĩ già tiếp lời, – hãy cầu nguyện cho chúng tôi trước mặt Chúa.

– Thưa vị tu sĩ đáng kính, – Anastasia đáp lại, – vào lúc này, tôi mới là người cần những lời cầu nguyện của ngài hơn.

– Nếu tôi kết thúc ngày cuối cùng của cuộc đời mình trước ngài, thì lúc đó tôi cũng sẽ cầu nguyện cho ngài, – vị tu sĩ già tiếp lời.

Lúc đó, Anastasia ngồi xuống tấm chiếu, hôn lên đầu vị tu sĩ già và, trong khi cầu nguyện cho ông, đã thốt lên những lời chúc phúc. Vị tu sĩ già nắm lấy đệ tử của mình, đưa anh đến gần chân vị thánh, nói:

– Xin ban phước cho đệ tử của con, cũng là con của ngài.

– Đấng đang hiện diện trước mặt con lúc này, để giải thoát con khỏi thân xác này, là Đức Chúa Trời của các tổ phụ con, – Anastasia nói, – Đấng biết rõ từng bước chân của con trong hang động này và những gian khổ trong cuộc đời vì danh Ngài, và Đấng thấy rõ căn bệnh thể xác hiện tại của con, xin Ngài hãy cho linh hồn cha của cậu ấy an nghỉ trên cậu ấy, giống như linh hồn của Ê-li đã an nghỉ trên Ê-li-sê!

Sau đó, quay sang vị tu sĩ già, người hoạn quan nói:

– Thưa Cha, vì danh Chúa, xin đừng cởi bỏ bộ quần áo mà con đang mặc, để không ai biết được giới tính của con.

Sau khi rước Mình Thánh Chúa, Anastasia nói:

– Thưa Cha, xin Cha làm dấu Thánh Giá cho con và cầu nguyện cho con.

Sau đó, Anastasia nhìn về phía đông, và khuôn mặt cô rạng ngời như ngọn lửa. Rồi, tự làm dấu thánh giá, Anastasia nói:

– Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài, – và với những lời đó, cô qua đời.

Sau đó, Abba Daniel cùng với đệ tử đã đào một ngôi mộ trước hang động, rồi vị tu sĩ già cởi bỏ áo tu sĩ mà ngài đang mặc, nói với đệ tử:

– Con ơi! Hãy mặc áo cho chị em.

Đệ tử, trong lúc mặc áo cho vị thánh nữ, vô tình nhìn thấy hai núm vú của bà, đã khô héo như những chiếc lá khô, và không nói gì với vị tu sĩ già, nên đã im lặng. Họ đã chôn cất thi thể thánh thiện của Anastasia với bài thánh ca tang lễ thông thường.

Khi họ trở về nhà sau đó, đệ tử nói với vị tu sĩ già:

– Thưa Cha, Cha không biết rằng hoạn quan Anastasia thực ra là một người phụ nữ sao?

– Đúng vậy, con ơi, ta biết điều đó, – vị tu sĩ già đáp, – và chính vì lý do đó mà ta đã cho cô ấy mặc quần áo nam giới và đặt tên là Anastasius – một hoạn quan, để không ai nghi ngờ, không ai biết về cô ấy và tin đồn không

lan truyền khắp nơi; nhà vua đã ra lệnh truy lùng cô ấy ráo riết khắp các nước, đặc biệt là ở những vùng đất này. Nhưng nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, cô ấy đã được che giấu an toàn tại đây.

Sau đó, vị tu sĩ già đã kể chi tiết cho đệ tử nghe toàn bộ cuộc đời của vị thánh, câu chuyện sau này đã được biết đến trên toàn thế giới và được ghi chép lại để mang lại lợi ích cho những ai đọc và nghe, nhằm tôn vinh Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh qua các thánh của Ngài đến muôn đời[2277] . Amen.

Ngày 24 tháng 3

Ngày 11 tháng 3 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm Thánh Sofronius, vị Cha khôn ngoan của chúng ta, Tổng Giám mục Giêrusalem

Ngày tưởng niệm 11 tháng 3

Thánh Sofronius, chính cái tên của ngài đã mang ý nghĩa của sự trong sạch[2278] , sinh ra tại Damascus[2279] trong một gia đình có cha mẹ đạo đức và trong sạch; họ là những công dân danh giá, tên là Plinphos và Mira. Ngay từ thuở thiếu thời, Thánh Sofronius đã sống xứng đáng với tên gọi của mình, yêu mến sự khôn ngoan về mặt tâm linh lẫn thế gian, đồng thời giữ gìn sự trinh khiết từ khi còn trong bụng mẹ; cả hai đức tính này: sự khôn ngoan thiêng liêng và sự trong trắng – được gọi chung là sự tiết độ; như lời Thánh Gioan Thang Bậc[2280] , tiết độ là tên gọi chung cho tất cả các đức tính; và Thánh Sofronius, người sống tiết độ, đã siêng năng trau dồi tất cả những đức tính đó. Trước hết, ngài đã nghiên cứu triết học thế tục[2281] , nhờ đó mà ngài được gọi là "sofist", tức là người thông thái; danh xưng "sofist" vào thời đó rất danh giá, và chỉ những nhà triết học xuất sắc mới được mang danh hiệu này, chẳng hạn như Lavius, một sofist, người quen của Thánh Basil Đại Đế. Với mong muốn sau khi học triết học thế tục, ngài Sofronius sẽ đạt được sự khôn ngoan thiêng liêng, ngài đã đi thăm các tu viện và các nơi ẩn tu của các ẩn sĩ, và nhận được sự lợi ích cho linh hồn mình từ các vị cha thánh thiện. Ngài cũng đến thành thánh Giê-ru-sa-lem và, trong khi viếng thăm các tu viện lân cận, đã bước vào tu viện Kynosia của Thánh Theodosius vĩ đại, nơi ngài gặp tu sĩ Gioan, còn được gọi là Mosch và Evirat, mang chức vụ linh mục, một con người đức hạnh, đồng thời rất thông thạo cả về sự khôn ngoan bên ngoài lẫn bên trong. Sofronius đã gắn bó với ngài bằng cả trái tim, như con trai với cha, như học trò với thầy, và luôn theo ngài khắp mọi nơi cho đến khi ngài qua đời, cùng ngài đi qua các tu viện và sa mạc, viếng thăm các vị thánh cha và ghi chép cuộc đời của họ để làm lợi ích cho bản thân, như được chứng thực trong cuốn sách do cả hai cùng viết, có tựa đề "Limonar", hay "Vườn hoa", và đã được Công đồng Đại kết lần thứ VII phê chuẩn[2282] . Trong cuốn sách này, vị thầy của Thánh Sofronius thường gọi ngài là nhà triết học, như một người ngang hàng với mình về học vấn triết học; nhưng Thánh Gioan không chỉ gọi Thánh Sofronius là nhà triết học và là chủ nhân của mình, mà còn gọi ngài là cha; ông không xem ngài như một môn đệ, mà như một người bạn,

---

[2277] Xác thánh của Thánh Anastasia đã được chuyển đến Constantinople và vào năm 1200, được lưu giữ gần Nhà thờ Thánh Sophia.

[2278] Dịch từ tiếng Hy Lạp.

[2279] Damascus – thành phố thương mại lớn nhất và giàu có nhất của Syria, là một trong những thành phố cổ xưa nhất trên thế giới, nằm ở phía đông bắc Palestine, bên bờ sông Barada chảy qua thành phố, trên một đồng bằng xinh đẹp và trù phú, ở chân phía đông dãy núi Anti-Lebanon. Và hiện nay, Damascus, thuộc Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, là một trong những thành phố giàu có nhất châu Á và có tới 150.000 cư dân. Trong lịch sử Giáo hội của Chúa Kitô, Damascus nổi tiếng vì chính tại đây, Thánh Tông đồ Phaolô đã giảng bài giảng đầu tiên sau khi hoán cải sang Kitô giáo (Công vụ 9:1–43).

[2280] Thánh Gioan Thang Thiên đã nhập tu được hai mươi năm và trong bốn năm cuối đời, ngài là vị tu viện trưởng của tu viện Sinai; ngài qua đời ở tuổi 80 vào khoảng năm 606. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 30 tháng 3. Ngài chủ yếu được biết đến với tư cách là tác giả của cuốn cẩm nang nổi tiếng về đời sống tu hành mang tựa đề: "Cầu thang lên thiên đàng" – Klimax tou paradeisou, từ đó ngài được gọi là "Người leo thang"; trong tác phẩm này, đời sống tu sĩ được ngài trình bày như một con đường leo lên liên tục và gian nan trên cầu thang của sự tự hoàn thiện tâm linh; sự leo lên này được thực hiện thông qua cuộc đấu tranh với những đam mê và thói hư tật xấu của chính mình, trong đó sự trợ giúp chính mà người tu sĩ tìm thấy là suy ngẫm liên tục về cái chết.

[2281] Tức là các ngành khoa học thế tục.

[2282] Năm 787, chống lại tà thuyết của những người chống thánh tượng, những người bác bỏ việc tôn kính các thánh tượng.

người đồng hành và cộng sự của mình, như một con người có cuộc đời xuất sắc, và hơn nữa, ông đã tiên kiến bằng linh hồn rằng Sofronius sẽ trở thành một vị mục tử vĩ đại và một trụ cột vững chắc của Giáo hội Chúa Kitô. Cùng với vị tu sĩ đáng kính Gioan này, Thánh Sofronius đã sống khá lâu trước khi được thụ phong tu sĩ, ban đầu tại Palestine, trong cùng tu viện của vị vĩ đại Theodosius, rồi tại sa mạc Jordan, và tại cái gọi là Tu viện Mới do Thánh Savva xây dựng; sau đó, cả hai, cả Gioan lẫn Sofronius, đều rời Palestine vì lo sợ cuộc xâm lược của người Ba Tư và lên đường đến vùng Antiochia Lớn. Vào thời điểm đó, vua Ba Tư Khosrow Trẻ đã phát động chiến tranh xâm lược đất Hy Lạp vì lý do sau đây. Kẻ bạo chúa Phocas (như nhà sử học Hy Lạp Nikiforos đã ghi chép chi tiết) đã sát hại vua Hy Lạp Mauricius và chiếm đoạt ngai vàng. Trong khi đó, vua Mauricius trước đây đã từng ban ân huệ lớn lao cho Khosrow của Ba Tư: khi Khosrow bị trục xuất khỏi vương quốc Ba Tư và chạy trốn sang Hy Lạp, Mauricius đã đối xử với ông như cha ruột và giúp ông bằng của cải cùng sức mạnh quân sự để giành lại ngai vàng tại Ba Tư; nhờ đó, hòa bình bền vững đã được thiết lập giữa người Hy Lạp và người Ba Tư. Khi Khosrow nghe tin người ân nhân của mình, hoàng đế Hy Lạp Mauricius, bị ám sát, ông vô cùng thương tiếc và, vi phạm hiệp ước hòa bình với người Hy Lạp, đã tiến quân để trả thù cho cái chết của Mauricius. Quân đội Ba Tư đã xâm nhập vào nhiều vùng lãnh thổ của Hy Lạp, chủ yếu là Syria, Phoenicia và Palestine, và chinh phục chúng. Lúc bấy giờ, các vị thánh phụ đang sống đời tu hành tại những vùng đất ấy đã rời bỏ các tu viện và nơi ẩn dật của mình, rồi chạy trốn mỗi người một ngả. Chính vào thời điểm đó, các thánh Gioan và Sofronius cũng rời khỏi Palestine; và sau khi họ rời đi, thành thánh Giê-ru-sa-lem đã bị người Ba Tư chiếm đóng, và Thánh Giá Sống Lại của Chúa Kitô cùng với Đức Thượng Phụ Thánh Zacharias đã bị bắt làm tù binh; Thánh Giá đã bị giam cầm tại Ba Tư trong mười bốn năm, gây nên nỗi đau buồn và tiếc nuối sâu sắc cho tất cả các Kitô hữu. Trước khi Giê-ru-sa-lem bị chiếm đóng, các thánh Gioan và Sofronius, như đã nói, đã đến vùng Antiôkhia và, theo thói quen của mình, giống như những con ong bay lượn trên những bông hoa và thu thập mật ong, họ đã đi khắp mọi nơi mà họ nghe nói có các vị cha đáng kính, và, thu thập những mảnh mật tinh thần, ngọt ngào hơn cả mật ong, họ ghi chép cuộc đời của các vị vào cuốn sách "Limonar" đã được đề cập ở trên. Khi quân đội Ba Tư bắt đầu tiến gần đến đó, họ đã lên thuyền đến Ai Cập, cụ thể là thành Alexandria[2283] , nơi họ tiếp tục làm điều tương tự. Họ đã mang lại lợi ích to lớn cho toàn thể thế hệ Kitô hữu sau này, bằng cách ghi chép lại những việc làm và lời dạy của nhiều vị thánh tổ, những điều mà họ đã tận mắt chứng kiến và tận tai nghe thấy. Thánh Sofronius, khi đến Alexandria, vẫn chưa được thụ phong tu sĩ, điều này được thấy rõ trong chương thứ sáu mươi chín của cuốn "Limonar" của họ, nơi thầy của Sofronius, Gioan Evirat, nói như sau:

– Chúng tôi đã đến Alexandria, tôi và Kir[2284] Sofronius, anh em của tôi, trước khi ngài được thụ giới, và đã đến gặp Abba[2285] Palladius, một người có đức hạnh và là tôi tớ của Chúa.

Và trong chương thứ 110, chính ông cũng nói:

– Tôi cùng với ngài Sofronius của tôi đã đến Tu viện Lavra, cách Alexandria mười tám poprishcha[2286] , để gặp một vị tu sĩ cao niên rất đạo đức, gốc Ai Cập, và tôi đã nói với ngài ấy:

– Thưa ngài và thưa cha, xin hãy chỉ dạy cho chúng con cách sống hòa thuận với nhau; Kir Sofronius muốn từ bỏ thế gian và trở thành tu sĩ.

Lúc đó, vị tu sĩ già nói với chúng tôi:

– Các con làm rất đúng khi từ bỏ thế gian vì sự cứu rỗi linh hồn mình, hãy ngồi trong im lặng trong phòng tu, giữ gìn những suy nghĩ của mình và cầu nguyện không ngừng với niềm tin vào Thiên Chúa – Ngài sẽ ban cho các con trí tuệ của Ngài và soi sáng tâm trí các con.

Từ đây, ta có thể thấy đức hạnh đáng kinh ngạc của Thánh Sofronius, vị thánh sống trong sự trong sạch: ông, dù là một giáo dân, đã nỗ lực rất nhiều, thường xuyên viếng thăm các tu viện và sa mạc vào những thời điểm

---

[2283] Alexandria – thành phố nổi tiếng, được Alexander Đại đế thành lập vào năm 333 trước Công nguyên bên bờ Biển Địa Trung Hải, ở Hạ (Bắc) Ai Cập, tại cửa sông Nile. Sau Rome, Alexandria là thành phố ven biển đầu tiên và từng là trung tâm thương mại, công nghiệp, đặc biệt là nền giáo dục ngoại giáo; trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, nơi đây là cái nôi của nền giáo dục Kitô giáo. Theo truyền thuyết, Kitô giáo được Thánh Marc mang đến đây vào khoảng năm 59–60. Hiện nay, Alexandria (theo tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Ả Rập là Iskandariye) là một trong những thành phố cảng được củng cố vững chắc nhất và là trung tâm thương mại quan trọng nhất ở Địa Trung Hải, với dân số hơn 230.000 người.

[2284] Thưa ngài, thưa cha.

[2285] Cũng có nghĩa là vậy.

[2286] "Poprishche" – tương đương khoảng 690 sazhen.

khác nhau, và với lòng nhiệt thành tìm kiếm sự lợi ích cho tâm hồn, như thể để bước vào con đường cứu rỗi, đến nỗi trước khi được thụ giới làm tu sĩ, ông đã hoàn toàn giống như một tu sĩ, sống một cuộc đời tu hành đầy đức hạnh. Sau đó, ngài được vị thầy của mình cạo đầu khi đang mắc bệnh, căn bệnh mà ngài nghĩ rằng mình sẽ chết vì nó, và ngài đã có một thị kiến; về điều này, vị thầy của ngài đã viết trong cuốn * * (Những bài giảng về các ngày lễ và các thánh) ở chương 102 như sau: "Khi anh em tôi, Thánh Sofronius Khôn ngoan, đang hấp hối, chúng tôi đứng bên cạnh ngài cùng với Abba Gioan Scholasticus, và Sofronius đã nói với chúng tôi: 'Tôi có cảm giác như đang đi trên một con đường nào đó và thấy cả một đoàn thiếu nữ, họ vui vẻ nói: "Sofronius đã đến, Sofronius đã kết hôn!" Vì vậy, các thiếu nữ reo hò trước mặt ông, bởi chính tên của ông đã mang ý nghĩa của sự trong sạch.'

Đây là những gì thầy của ngài đã viết về ngài. Sau khi khỏi bệnh và đã trở thành tu sĩ, ngài càng nỗ lực hơn nữa và lo lắng cho sự cứu rỗi của chính mình cũng như của người khác.

Vào thời điểm đó, tà thuyết của Seviro[2287] đã lan rộng ở Ai Cập, và cả hai người cùng với vị thầy của mình đã đấu tranh quyết liệt chống lại những kẻ tà giáo; với sự thông thái và am hiểu sâu rộng về Kinh Thánh, họ đã tranh luận với những kẻ tà giáo và chiến thắng họ. Chính vì điều này, Đức Thượng phụ Alexandria Gioan Nhân Từ[2288] đã rất yêu mến và kính trọng họ như những người bạn chân thành, những người đã giúp ngài chống lại những kẻ dị giáo và an ủi ngài trong nỗi buồn. Trong cuốn tiểu sử về ngài, do Leontius, Giám mục thành Naples, viết, có kể rằng Thánh Gioan Nhân Từ có thói quen vào các ngày thứ Tư và thứ Sáu ngồi ở lối vào nhà thờ, cho phép bất cứ ai muốn đến gặp ngài đều được tự do đến, và ngài lắng nghe những nhu cầu của mọi người, giúp đỡ, hòa giải những mâu thuẫn và tranh cãi; như vậy ngài đã gieo rắc hòa bình giữa con người. Còn nếu có lúc không ai đến gặp ngài khi ngài ngồi đó, và không ai xin gì ở ngài, thì ngài đứng dậy với vẻ buồn bã, nước mắt lưng tròng, rồi trở về nhà, nói rằng:

– Hôm nay, Gioan khiêm nhường chẳng tìm được gì, chẳng dâng lên Chúa điều gì để chuộc tội lỗi của mình.

Còn Thánh Sofronius (người mà chúng ta đang nói đến), bạn của ông, an ủi ông và nói với ông:

– Thật vậy, thưa Cha, hôm nay Cha nên vui mừng, vì đàn chiên của Cha đang sống bình an, không có mâu thuẫn hay cãi vã, giống như các Thiên thần của Chúa.

Từ đây có thể thấy, Thánh Sofronius và vị thầy của ngài được vị Thượng phụ thánh thiện này kính trọng và yêu mến đến mức nào.

Cả hai vị thánh này thường cố gắng mỗi ngày học hỏi điều gì đó mới mẻ, khi nhìn thấy hoặc nghe được điều gì hữu ích cho bản thân. Và điều sau đây đã xảy ra với họ, như Thánh Gioan kể lại.

Tôi cùng với ngài Sofronius, vị thánh đầy khôn ngoan, đã đến nhà của Stephanos, nhà triết học, người sống trên con đường dẫn đến Nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh, được Thượng phụ Evlogios xây dựng ở phía đông của Tetraphil vĩ đại; lúc đó là buổi chiều muộn. Khi chúng tôi đến nhà của nhà triết học và gõ cửa cổng, người gác cổng nói với chúng tôi:

– Chủ nhân của tôi vẫn đang nghỉ ngơi, xin các vị đợi một lát. Lúc đó, tôi nói với ngài Sofronius, chủ nhân của tôi:

– Chúng ta hãy đến Tetraphil và ở lại đó một lát.

Nơi này được người dân Alexandria rất tôn kính: người ta kể rằng vua Alexander Đại đế đã mang thi hài của thánh tiên tri Giê-rê-mi từ Ai Cập về và an táng tại đó khi ngài lập thành phố này để vinh danh chính mình. Khi đến nơi, chúng tôi không thấy ai ở đó ngoài ba người mù, và chúng tôi im lặng ngồi xuống bên cạnh họ cùng với những cuốn sách của mình. Trong cuộc trò chuyện với nhau, một người mù nói với người kia:

[2287] Phía Bắc, Tổng giám mục Antioch, là một trong những người bảo vệ chính của tà thuyết Monophysite, cho rằng mặc dù Chúa Kitô được sinh ra từ hai bản tính, nhưng Ngài không tồn tại trong hai bản tính đó, bởi vì khi Thiên Chúa – Lời – nhập thể, bản tính con người mà Ngài đã nhận lấy đã mất đi mọi thực tại riêng biệt và chỉ có thể được phân biệt với bản tính Thiên Chúa về mặt lý thuyết.

[2288] Giăng Nhân Từ († 617) – Thượng phụ Alexandria, con trai của một quan chức trên đảo Síp; sau khi mất gia đình, ngài đã dâng hiến cuộc đời cho đời sống khổ hạnh và việc chăm lo cho người nghèo, và mặc dù ngài không phải là tu sĩ hay giáo sĩ, nhưng đã được bầu làm Thượng phụ theo nguyện vọng của dân chúng. Sau khi trở thành tổng giám mục, việc đầu tiên ngài làm là đếm số người ăn xin ở Alexandria, rồi phân phát toàn bộ tài sản của mình cho họ; ngài còn gửi những khoản bố thí hào phóng đến Mộ Thánh Chúa, mở cửa nhà mình làm nơi trú ẩn cho những người khốn khó, và chuộc những người bị bắt làm tù binh. Khi người dân Alexandria, lo sợ trước cuộc xâm lược của người Ba Tư, bắt đầu tản mác, Gioan đã lên đường đến Constantinopolis để xin quân đội bảo vệ thành phố. Nhưng ngài đã qua đời trên đường đi (năm 617); ngày kỷ niệm ngài được tổ chức vào ngày 12 tháng 11.

– Bạn ơi, sao bạn lại bị mù vậy?

Người kia đáp:

– Hồi trẻ, tôi là thủy thủ; khi chúng tôi đi thuyền từ châu Phi về, tôi phải nhìn ra biển rất nhiều; mắt tôi bị đục thủy tinh thể, và tôi bị mù.

Sau đó, người kia khi được hỏi tại sao lại bị mù, đã trả lời:

– Tôi làm việc tại một nhà máy thủy tinh và một lần, do bất cẩn khi chế tác thủy tinh, tôi bị bỏng; thế là tôi mất thị lực vì ngọn lửa đó.

Sau khi kể lý do khiến mình mù, hai người mù hỏi người thứ ba rằng anh ta bị mù như thế nào.

Người đó trả lời họ:

– Khi còn trẻ, tôi không thích lao động và làm việc, mà chỉ thích lười biếng; nhưng vì ham quyền lực và không có gì để ăn, tôi bắt đầu đi trộm cắp và gây ra nhiều điều ác. Một lần nọ, tôi thấy người ta đang khiêng một người chết mặc quần áo đắt tiền đi chôn cất; tôi đi theo những người khiêng quan tài để xem họ sẽ chôn người đó ở đâu; người chết được chôn cất gần nhà thờ Thánh Gioan; khi đêm xuống, tôi mở hầm mộ, bước vào đó và cởi hết quần áo trên người người chết, chỉ để lại cho anh ta chiếc áo sơ mi. Tôi bước ra khỏi hầm mộ, nhưng trong lòng nảy sinh những ý nghĩ xấu xa: "Hãy quay lại, lấy luôn cả chiếc áo sơ mi đi, vì nó rất đẹp." Và tôi, kẻ khốn nạn, đã quay lại để cởi cả chiếc áo sơ mi đó ra, để lại người chết trần truồng. Bỗng người chết đứng dậy, ngồi trước mặt tôi, giơ tay lên và dùng ngón tay cào xé mặt tôi, cào mù cả hai mắt tôi. Lúc đó, tôi, kẻ khốn nạn, vì tai họa và cơn đau đớn ấy mà suýt nữa thì không thể bước ra khỏi hầm mộ. Đó là cách tôi bị mù!

Nghe xong, ngài Sofronius của tôi ra hiệu cho tôi, và chúng tôi rời khỏi những người mù. Sofronius nói với tôi:

– Thật vậy, thưa Cha Gioan, hôm nay không còn gì để học nữa, chúng ta đã biết đủ điều hữu ích rằng: "Không ai làm điều ác mà có thể trốn tránh được Đức Chúa Trời".

Từ đây có thể thấy rõ, cả hai vị thánh này, Gioan và Sofronius, đều quan tâm đến lợi ích hàng ngày cho bản thân. Bằng những lời "hôm nay không còn gì để học nữa, hôm nay chúng ta đã biết đủ điều hữu ích rồi", ngài cho thấy rằng mỗi ngày họ đều cố gắng thu được một lợi ích nào đó cho bản thân.

Trong thời gian lưu lại đó, tại Alexandria, Thánh Sofronius đã ghi chép lại những phép lạ của các thánh tử đạo Kyra và Gioan để tạ ơn vì đôi mắt của ngài đã được chữa lành; bởi vì khi đôi mắt ngài bị bệnh và ngài đã cầu nguyện với lòng tin tưởng hướng về các vị thánh bác sĩ không màng danh lợi ấy, thì ngài đã nhận được sự chữa lành như mong ước tại nhà thờ của các ngài, tọa lạc tại Alexandria; vì vậy ngài đã hết lòng tôn kính các ngài. Vài năm sau, Ai Cập – nơi có thành Alexandria – bắt đầu đối mặt với mối đe dọa xâm lược của người Ba Tư, và các vị thánh cha Gioan và Sofronius đã phải chạy trốn khỏi đó; còn Đức Thượng phụ Gioan Nhân Từ, vì sợ hãi trước bọn man rợ, cũng đã phải bỏ chạy. Cùng với ngài, họ lên đường đến Constantinopolis và lên tàu, mong được ở bên cạnh vị không muốn xa cách họ. Trên đường đi, Đức Thượng phụ đã lâm bệnh và qua đời tại thành phố quê hương của ngài là Alsafunte; cuộc đời tuyệt vời và vô vàn ân huệ của ngài đã được Thánh Sofronius, vị thánh khôn ngoan, tôn vinh qua bài điếu văn ca ngợi; sau lễ an táng Đức Thượng phụ, ngài lên đường đến Rome cổ kính cùng với vị thầy của mình là Thánh Gioan và nhóm anh em tu sĩ tụ họp xung quanh họ, tổng cộng khoảng mười hai người; sau khi sống tại Rome vài năm, Thánh Gioan, vị thầy của Sofronius, khi đã cao tuổi, đã về với Chúa. Trước khi qua đời, ngài đã di chúc cho người môn đệ yêu quý và con tinh thần của mình là Thánh Sofronius, người được chúc phúc, rằng đừng chôn cất thi hài ngài tại Roma, mà hãy đặt vào một quan tài gỗ và đưa lên núi Sinai; nếu không thể đến được núi Sinai vì lo ngại bị các bộ tộc man rợ tấn công, thì hãy an táng thi hài của ngài tại tu viện của Thánh Theodosius Đại Đế[2289] , nơi Thánh Gioan từng là tu sĩ lúc đầu. Và ông đã làm đúng như vậy. Giống như Giô-sép trong Cựu Ước, người đã mang thi hài Gia-cốp từ Ai Cập về nơi an táng các tổ phụ của mình (Sáng Thế Ký 50:12–13), ngài đã mang thi hài của Thánh Gioan, vị cha thiêng liêng của mình, từ Rô-ma[2290] và cùng các tu sĩ lên đường đến các vùng đất Hy Lạp. Khi đến Ascalon[2291] và biết rằng không thể đi qua vùng đất của những kẻ man rợ để đến núi

[2289] Theodosius Đại đế – hoàng đế La Mã từ năm 379 đến năm 395. Trong triều đại của ngài, đạo Kitô đã được củng cố vững chắc trong Đế quốc La Mã.

[2290] Rome – thành phố chính của Nhà nước La Mã (nay là Vương quốc Ý) nằm ở vùng trung tâm Ý, trải dọc hai bên bờ sông Tiber tại nơi sông này đổ ra biển.

Sinai[2292] , ông đã đến Jerusalem, nơi đang bị người Ba Tư chiếm đóng, và an táng thi hài vị cha thiêng liêng của mình tại Tu viện Theodosius, còn bản thân ông thì ở lại sống cùng các tu sĩ của mình tại Jerusalem; lúc bấy giờ, ngai tòa Thượng phụ tại đó do Modest nắm giữ, thay cho Thượng phụ Zacharias, người đang bị giam cầm tại Ba Tư cùng với Thánh Giá. Không lâu sau khi Thánh Sofronius từ Roma đến Palestine, Đức Chúa Trời đã thương xót cho phép đưa Thánh Giá và Thượng phụ Zacharias trở về Jerusalem từ nơi bị giam cầm. Sự việc diễn ra như sau. Tướng Heraclius, sau khi giết vua bạo chúa Phocas[2293] và tự mình lên ngôi vua Hy Lạp[2294] , đã khai chiến với Ba Tư và, sau khi giành được nhiều chiến thắng trước quân đội của Khosrow, đã chiếm giữ các thành phố của ông ta trong bảy năm. Sau đó, Siroes, con trai của Khosrow, sau khi giết cha mình và tự mình trở thành vua Ba Tư, đã cố gắng hòa giải với vua Hy Lạp Heraclius; còn vua Heraclius đã đặt điều kiện hòa bình đầu tiên là vua Ba Tư phải nhượng lại Jerusalem cho người Hy Lạp và trả lại Thánh Giá cùng với Đức Thượng phụ Zacharias. Điều này đã được thực hiện: với vinh dự lớn lao, sau mười bốn năm bị giam cầm, Thánh Giá đã được đưa trở về từ Ba Tư, và chính vua Heraclius đã cõng Thánh Giá trên vai vào thành thánh (như đã được ghi chép vào ngày 14 tháng 9); Đức Thượng phụ Zacharias lại ngồi lên ngai vàng của mình. Vài năm sau, Thánh Giá Sống Lại của Chúa đã được chính Hoàng đế Heraclius chuyển từ Jerusalem đến Constantinople, để kho báu Kitô giáo vĩ đại này không bị kẻ thù nào bắt giữ lần nữa: quả thực, sau đó Jerusalem lại bị kẻ thù chiếm đóng, như sẽ được đề cập dưới đây. Còn Đức Thượng phụ Zacharias chỉ tại vị một thời gian ngắn sau khi trở về từ cảnh lưu đày rồi qua đời; người kế vị ngài trên ngai tòa lại là Modest, nhưng ngài chỉ tại vị được hai năm; sau khi Modest qua đời, Thánh Sophronius được bầu làm Thượng phụ tại Jerusalem. Vào thời điểm này, tà thuyết Monothelitism (hay còn gọi là tà thuyết "một ý chí") đã nảy sinh; những người theo tà thuyết này thừa nhận rằng trong hai bản tính của Đức Kitô – bản tính Thiên Chúa và bản tính con người – chỉ có một ý chí và một hành động duy nhất, như thể mỗi bản tính không có hành động và ý muốn riêng biệt, đặc trưng cho chính nó; những người theo giáo lý này đã xúc phạm đến Chúa Kitô, khi cho rằng Ngài không trọn vẹn trong cả hai bản tính. Tà thuyết này được đề cập chi tiết hơn trong cuốn tiểu sử của Thánh Maximus Vị Chứng Nhân, ngày 21 tháng 1. Đặc biệt, Thượng phụ Alexandria đã ủng hộ và lan truyền tà thuyết này, bằng cách triệu tập Công đồng Địa phương và ra lệnh phải tin theo như vậy; Thượng phụ Constantinopolis Sergius cũng theo ông, và sau đó là Pyrrhus cùng những người khác; nhiều người lúc bấy giờ đã phải chịu khổ vì không chấp nhận tà thuyết này. Thánh Sofronius, Đức Thượng phụ Jerusalem, đã kiên quyết phản đối tà thuyết này; ngài đã triệu tập Công đồng Địa phương tại nơi mình, lên án tà thuyết của những người theo chủ nghĩa nhất trí và gửi đi khắp nơi các bản danh sách các nghị quyết của Công đồng, những văn bản này sau đó được đọc tại Công đồng Đại kết lần thứ VI, được các vị Thánh Phụ phê chuẩn và được công nhận là chính thống. Thánh Sofronius cũng đã viết nhiều lời dạy, bài giảng và thánh ca hữu ích cho Giáo Hội của Chúa Kitô, cùng với tiểu sử của một số vị thánh, chẳng hạn như Thánh Maria Ai Cập, người đã sống trong sa mạc như các Thiên Thần, lâu hơn tuổi thọ thông thường của con người[2295] . Ngài đã chăn dắt Giáo Hội của Thiên Chúa một cách xuất sắc, bịt miệng những kẻ dị giáo và xua đuổi họ xa khỏi đàn chiên của Lời Chúa, như xua đuổi những con sói.

Sau đó, theo sự cho phép của Thiên Chúa, một cuộc xâm lược của các bộ tộc man rợ lại xảy ra tại Syria và Palestine, nhưng lần này không phải là người Ba Tư, mà là người Hồi giáo,[2296] những người này ban đầu chiếm

---

[2291] Ascalon – một trong năm thành phố chính của người Philistine (Sách Các Quan Xét 1:18). Hê-rốt Đại đế đã trang hoàng thành phố này một cách lộng lẫy, coi đó như quê hương của mình. Ngay từ thời Trung Cổ, đây đã là một cảng hải quân và bị phá hủy trong thời kỳ các cuộc Thập tự chinh (năm 1191).

[2292] Núi Sinai thực chất là một nhóm núi gồm các vách đá granit, được cắt xuyên qua và bao quanh bởi những thung lũng dốc đứng và gồ ghề; ngày nay người Ả Rập gọi nó là núi Tur hoặc Jebel-Tur-Sina, nằm gần như ở giữa các nhánh nổi tiếng của Biển Đen, tạo thành bán đảo Sinai. Nó bao gồm ba dãy núi. Ngọn núi Sinai chính thức, nơi người Israel đã lập Giao ước với Đức Chúa Trời và nhận được các điều răn của luật pháp từ Ngài, là đỉnh cao nhất ở phía đông nam của dãy núi giữa, trong khi đỉnh thấp nhất ở phía tây bắc là núi Horeb.

[2293] Hoàng đế Byzantine Phocas trị vì từ năm 602 đến năm 610.

[2294] Heraclius trị vì từ năm 610 đến năm 641.

[2295] Thánh Sofronius để lại một số lượng lớn các tác phẩm, và ngài được công nhận là một trong những nhà thần học – chuyên gia về giáo lý – hàng đầu. Ngoài thông điệp công đồng, trong đó trình bày giáo lý về Ba Ngôi, về sự nhập thể của Đức Chúa Lời, đồng thời chứng minh sự hiệp nhất của các bản thể (chống lại Nestorius) và sự song song của hai bản tính (chống lại Eutyches), những lời của ngài sau đây cũng rất đáng chú ý: 1) về lễ Rửa tội của Đấng Cứu Thế – bảo vệ hai bản tính trong Chúa Giêsu Kitô, đồng thời trình bày giáo lý về hai hành động và hai ý chí; 2) về Thập giá, gồm hai bài giảng; trong bài thứ hai, ngài trình bày giáo lý về việc ăn chay và lễ tôn kính Thập giá trong Mùa Chay Lớn của chúng ta; 3) Bài biện hộ dành cho Thánh Basil Đại Đế liên quan đến cách giải thích của ngài về các từ θυσις và ουσια; 4) Về Lễ Dâng Chúa; 5) Bài giảng về Thánh Gioan Tẩy Giả; 6) Bài giảng ca ngợi Thánh Maria Ai Cập, trong đó bản gốc trích dẫn

thành phố Damascus, sau đó bao vây Thành Thánh Giêrusalem và hai năm sau đã chiếm được thành phố này. Khi quân Hy Lạp ở Syria bị chúng đánh tan và tướng Sergius bị giết, Đức Thượng phụ Sofronius cùng các Kitô hữu Palestine đã tự nhốt mình trong Thành Thánh. Lời giảng của ngài dành cho dân chúng vào ngày Giáng sinh trong thời gian bị vây hãm vẫn còn được lưu giữ; trong đó, như một Giê-rê-mi mới, ngài than khóc về sự tàn phá và hoang tàn của các thánh địa, điều mà Thiên Chúa đã cho phép xảy ra vì tội lỗi của loài người. Đặc biệt, ngài vô cùng tiếc nuối vì không thể cử hành lễ Giáng sinh theo truyền thống tại Bêlem, bởi lúc đó Bêlem đã rơi vào tay quân Agary. Vào cuối năm thứ hai của cuộc vây hãm, những người Kitô hữu bị đẩy đến đường cùng đã buộc phải đầu hàng kẻ thù và mở cửa thành cho chúng. Nhưng trước đó, Đức Thượng phụ Sofronius đã gửi đến , vị hoàng tử Agary Omar, các điều kiện hòa bình, trong đó điều kiện đầu tiên là không được gây ra bất kỳ hành vi bạo lực hay xúc phạm nào đối với đức tin Kitô giáo và Giáo hội Thánh của Thiên Chúa. Omar đã hứa sẽ tuân thủ điều kiện này cùng các điều kiện khác. Khi hiệp ước được ký kết, các Kitô hữu đã mở cổng thành cho vị hoàng tử Agary; nhưng hắn, kẻ đạo đức giả và xảo quyệt, đã giả vờ hiền lành và khiêm nhường như con cừu, trong khi bên trong lại là con sói hung dữ; hắn mặc bộ quần áo rách rưới làm từ lông lạc đà, đi bộ vào thành và hỏi xem nhà thờ Solomon ở đâu, với ý định thực hiện những lời cầu nguyện ghê tởm tại đó. Đức Thánh Sofronius bước ra đón ông ta và, khi thấy ông ta trong bộ dạng đạo đức giả như vậy, đã nói:

– Này, sự ghê tởm của sự hoang tàn tại nơi thánh, như tiên tri Đa-vít đã tiên báo, sẽ xảy ra!

Và ngài đã khóc rất nhiều cùng với tất cả các Kitô hữu, đồng thời khuyên nhủ vị hoàng tử cởi bỏ bộ áo rách rưới và mặc vào những bộ trang phục hoàng gia xứng đáng với địa vị của mình. Thế là thành thánh đã bị người Agari chiếm đóng, và Kitô giáo bị đàn áp dưới ách nô lệ tàn khốc. Nhưng vị hoàng tử Agaryan vô đạo này đã không tuân thủ các điều khoản hòa bình mà ông đã hứa với Đức Thượng phụ Thánh Sofronius, và bắt đầu gây ra nhiều tai ương cho các Kitô hữu ở Giêrusalem. Khi chứng kiến cảnh đó, Thánh Sofronius không ngừng khóc lóc và cầu xin Thiên Chúa đón linh hồn ngài khỏi cõi đời này, để ngài không còn phải chứng kiến những bất hạnh của các Kitô hữu và sự ô uế của sự hoang tàn đang làm ô uế các thánh địa – và lời cầu xin của ngài đã được nhậm, ngài sớm kết thúc cuộc đời đầy nước mắt của mình, và được đưa[2297] từ Giê-ru-sa-lem trần gian đầy nước mắt sang Giê-ru-sa-lem thiên đàng đầy niềm vui, vào nơi cư ngụ của tất cả những ai hân hoan vì Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Piôn, Linh mục thành Smyrna, cùng những người khác đi cùng ngài

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 3

Thánh Tông Đồ dạy chúng ta phải tôn kính các thánh: *"Hãy nhớ đến*," Ngài nói, *"những người hướng dẫn các con, những người đã rao giảng Lời Chúa cho các con"* (Hê-bơ-rơ 13:7); điều này nhằm mục đích để, khi nhớ lại đức tin, cuộc đời và cái chết đầy đức hạnh của họ, chúng ta sẽ cố gắng noi gương họ. Vì vậy, chúng ta cũng nên tôn kính ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Piôn, bởi vì khi còn sống trong thế gian, ngài đã dẫn dắt nhiều người trở về với Thiên Chúa khỏi sự cám dỗ của ma quỷ; ngài là một người có tinh thần tông đồ, và khi nhận được vương miện tử đạo và được Chúa gọi về, ngài đã để lại cho chúng ta một gương mẫu về các đức hạnh, để cho đến ngày nay chúng ta vẫn còn ghi nhớ những giáo huấn của ngài. Câu chuyện về cuộc hành trình chịu khổ của ngài bắt đầu như sau.

---

các đoạn trong Biên bản của Công đồng Đại kết lần thứ VII; 7) Truyện về cuộc đời các vị tử đạo Kyra và Gioan; 8) "Giải thích về Thánh lễ", một trong những tác phẩm xuất sắc về mặt thần học; 9) "Ba bài thánh ca", bắt đầu từ những ngày Mùa Chay và kết thúc vào lễ Thăng Thiên; 10) các bài thánh ca (troparia) hoặc các bài thánh ca tự xướng (stichera) của các giờ kinh trong lễ Giáng Sinh, kèm theo nghi thức đầy đủ của các giờ kinh; 11) nghi thức các giờ kinh của Thứ Sáu Tuần Thánh kèm các bài thánh ca, không hoàn toàn giống với nghi thức hiện nay; 12) các bài thánh ca cho lễ Thánh hóa Nước vào ngày Lễ Hiển Linh; 13) một số tác phẩm thơ ca; 14) cuối cùng, với tư cách là một tu sĩ linh mục, Thánh Sofronius đã xem xét lại và chỉnh sửa "Hiến chương Tu viện Thánh Savva".

[2296] Người Ả Rập.

[2297] Smyrna – thành phố thương mại nổi tiếng thời cổ đại thuộc Ionia, nằm trên bờ đông của Biển Aegean (hay Quần đảo Aegean). Giáo hội tại Smyrna được thành lập bởi Thánh Tông đồ Gioan Thần Học. Hiện nay Smyrna thuộc về người Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng cho đến nay, đức tin Kitô giáo vẫn được duy trì và phát triển mạnh mẽ tại đó.

Vào ngày thứ hai mươi ba của tháng thứ sáu (tức là tháng Hai – tháng thứ sáu tính từ tháng Chín), ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Polykarp, Giám mục Smyrna, tại thành phố Smyrna[2298] , nơi có rất nhiều người Do Thái sinh sống, các kẻ vô đạo Hy Lạp đã bắt giữ Linh mục Pionios, Savina, người bảo vệ đức tin, Asklipiades, Macedonia và Lin, linh mục của nhà thờ chính tòa: lúc bấy giờ đang diễn ra cuộc bách hại Kitô hữu dưới triều đại của Đế vương Decius[2299] . Còn Piôn thì trước ngày đó đã biết rằng họ sẽ bị bắt vào ngày lễ kính Thánh Polykarp. Vì vậy, sau khi ăn chay cùng với Savina và Asklipiad, ông lấy ba sợi xích đan vào nhau, đeo lên người mình, lên người Savina và Asklipiad, rồi ngồi ở nhà chờ đợi lúc họ đến bắt họ.

Chính vào ngày kỷ niệm Thánh Polykarp, khi họ vừa cầu nguyện xong và ăn một ít bánh mì cùng nước, Polemon, người tổ chức các lễ tế thần tượng, đã đến cùng với các binh lính; ông ta đang truy lùng các Kitô hữu để ép buộc họ tham gia vào các lễ tế thần tượng tà ác, và nói với Piôn:

– Các ngươi có biết sắc lệnh của hoàng đế không? Các ngươi có biết rằng các ngươi bị ra lệnh phải dâng lễ vật cho các vị thần không? Piônion đáp:

– Chúng tôi biết các điều răn của Đức Chúa Trời chúng tôi, Đấng truyền lệnh phải thờ phượng một mình Ngài.

– Hãy đến cuộc họp đi, – Polemon nói, – ở đó các ngươi sẽ phải tuân theo dù không muốn. Savina và Asclepiades đáp lại:

– Chúng tôi tuân phục Đức Chúa Trời Hằng Sống.

Và Polemon dẫn họ đi mà không cần ép buộc, còn dân chúng, khi thấy họ tự nguyện mang xiềng xích, đã chạy theo họ, chen lấn nhau, như thể đang chứng kiến một phép lạ chưa từng thấy.

Khi các thánh nhân đến dự buổi họp với các quan thành, một đám đông vô số người Hy Lạp, và còn nhiều người Do Thái hơn nữa, đã chiếm hết các chỗ ở lối vào và các phòng trên lầu. Đặt các thánh nhân vào giữa, Polemon nói:

– Piôn! Hãy tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, như những người khác đã tuân theo, và dâng lễ vật cho các vị thần, để các ngươi không phải chịu những cực hình tàn bạo.

Pionius liền giơ tay lên và với khuôn mặt rạng rỡ, bắt đầu nói với dân chúng:

– Hỡi cư dân Smyrna, những người tự hào về vẻ đẹp của thành phố này và về việc Homer từng sống ở đây[2300] , cùng các tín đồ Do Thái có mặt tại đây, hãy lắng nghe vài lời tôi sắp nói với các bạn. Ta nghe nói các ngươi đang cười đùa và vui mừng vì một số người trong chúng ta đã đến đây; các ngươi coi tội lỗi đó – việc dâng lễ vật cho các thần tượng không phải do tự nguyện mà là do bị ép buộc – như một trò đùa và một trò chơi. Nhưng các ngươi, những người Hy Lạp, cần phải lắng nghe vị thầy của mình là Homer, người đã nói rằng không nên vui mừng trước sự diệt vong của con người. Còn các ngươi, những người Do Thái, Mô-sê đã truyền lệnh: *"Nếu ngươi thấy con lừa của kẻ thù ngươi ngã xuống dưới gánh nặng của nó, thì đừng bỏ mặc nó: hãy cùng nó gỡ gánh xuống"* (Xuất Ê-díp-tô Ký 23:5).

Các ngươi cũng cần lắng nghe lời của Sa-lô-môn: *"Đừng vui mừng khi kẻ thù ngươi ngã xuống; và đừng để lòng ngươi hân hoan khi hắn vấp ngã"* (Châm Ngôn 24:17). Và tôi, khi nghe theo Thầy của mình, thà chết còn hơn là vi phạm lời Ngài, và bằng mọi sức lực, tôi cố gắng không rời xa các điều răn của Ngài, những điều mà từ lâu tôi đã tự học được, rồi sau đó dạy lại cho người khác. Sao các ngươi lại chế giễu chúng tôi, hỡi những người Do Thái? Dù chúng tôi có là kẻ thù của các ngươi, như các ngươi nói, thì chúng tôi vẫn là con người; các ngươi nói rằng chúng tôi làm tổn thương các ngươi khi nói lên sự thật; nhưng hãy nói xem: chúng tôi đã làm tổn thương ai, đã bức hại ai, đã ép buộc ai phải thờ lạy các thần tượng? Các ngươi có coi tội lỗi của chính mình ngang bằng với tội lỗi của những kẻ hiện nay, vì sợ người đời, mà vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời và thờ lạy các thần tượng không? Nhưng ai đã ép buộc các ngươi thờ phượng Baal-peor[2301] hay ăn thịt các sinh vật đã chết[2302] , hay chế nhạo con gái các dân ngoại, hay dâng con trai và con gái mình làm của lễ cho ma quỷ, hay than van chống lại Đức Chúa Trời, hay nói xấu Môi-se, hay âm mưu quay trở lại Ai Cập? Tôi chưa nói đến những việc làm khác của các ngươi; vậy mà

[2298] Decius, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 249 đến năm 251.

[2299] Năm 641 hoặc 644

[2300] Homer – nhà thơ Hy Lạp, theo truyền thuyết, là tác giả của các thi phẩm: "Iliad" và "Odyssey"; không rõ ông sinh ra ở đâu, và nhiều thành phố, trong đó có Smyrna, đều tự nhận mình là quê hương của ông.

[2301] Weelfegor hay Vaalfegor – vị thần của người Syro-Phoenicia (Moab), việc thờ phụng vị thần này nổi tiếng vì sự vô đạo đức.

[2302] Ở đây, tất nhiên, ám chỉ việc thực hành bói toán và phù thủy bằng cách sử dụng thi thể người chết.

các ngươi còn nói rằng không ai có thể lừa dối các ngươi: há các ngươi chưa đọc các sách của chính mình: Xuất Ê-díp-tô Ký, Sách Các Quan Xét, Sách Các Vua và các sách khác, trong đó các ngươi bị vạch trần. Các ngươi chỉ ra cho chúng ta một số người trong chúng ta, những người không phải vì bị ép buộc mà tự nguyện quay sang thờ thần tượng, và vì số ít người đó mà các ngươi lên án và kết tội tất cả các Kitô hữu. Nhưng hỡi người Do Thái, hãy suy nghĩ về cuộc đời hiện tại: nó giống như một sân đập lúa, nơi có một đống lớn nằm trên mặt đất – đó là gì? Lúa mạch hay lúa mì? Khi người làm việc đến dùng xẻng để sàng lọc, thì cỏ dại nhẹ sẽ dễ dàng bị gió thổi bay, còn lúa mì thì vẫn nằm lại trên mặt đất. Hãy nhìn vào lưới cá được thả xuống biển: liệu tất cả những gì bị vướng vào lưới và được vớt lên đều tốt cả sao? Không. Cuộc đời thực tại cũng vậy. Vậy các ngươi muốn chúng ta phải chịu khổ như thế nào: như những kẻ có tội hay như những người vô tội? Nếu là những kẻ có tội, thì chính các bạn cũng phải chịu khổ khi chính những việc làm của các bạn vạch trần sự bất chính của các bạn; còn nếu là những người vô tội, thì các bạn, những kẻ bất công, làm sao có thể hy vọng được cứu rỗi khi những người công chính phải chịu khổ: *"Và nếu người công chính chỉ vừa được cứu rỗi, thì kẻ bất chính và tội lỗi sẽ ra sao?"* (1 Phi-e-rơ 4:18). Ngày phán xét thế gian đang đến gần, và những dấu hiệu của nó đã rõ ràng. Tôi đã đi qua tất cả các vùng đất Do Thái, băng qua sông Giô-đanh và thấy vùng đất này, cho đến nay vẫn mang trên mình dấu hiệu của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vì tội lỗi của những người sống trên đó và gây ra những vụ giết người cùng nhiều hành vi ác độc đối với những người lữ hành. Tôi đã thấy khói bốc lên từ đó, những cánh đồng và ruộng lúa bị lửa thiêu rụi, không có hoa màu nào, khô cằn thiếu nước. Tôi cũng đã thấy Biển Chết (tức là hồ nhựa đường, nơi sản sinh ra nhựa), và nước đã mất đi các tính chất do cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời; nó không thể tưới nước cho thú vật, cũng không thể giữ được thi thể con người, và bất cứ thứ gì ném vào đó đều bị đẩy ra ngay lập tức. Nhưng tại sao tôi lại nhớ đến những nơi xa xôi như vậy! Các bạn hãy nhìn Decapolis ở Lydia[2303] , nơi đã bị thiêu rụi bởi lửa, và cho đến nay nó vẫn nằm đó, bị thiêu cháy như một hình phạt dành cho những kẻ vô đạo... Hãy nhớ lại vụ phun trào của núi Etna và thảm họa ập xuống đảo Sicily[2304] . Nếu điều đó dường như quá xa vời với các bạn, thì hãy nghĩ đến những dòng nước ấm phun trào từ lòng đất: tại sao chúng lại nóng lên và trở nên sôi sục? Chẳng phải là do ngọn lửa được chuẩn bị cho những kẻ tội lỗi bên trong lòng đất sao? Từ đó, chúng ta biết rằng sẽ có sự phán xét thế gian và sự trừng phạt bằng lửa dành cho những kẻ tội lỗi từ Đức Chúa Trời qua Lời Ngài đã nhập thể, là Chúa Giê-su Christ của chúng ta, và vì vậy chúng ta không thờ phượng các vị thần Hy Lạp và cũng không muốn thờ lạy tượng vàng.

Thánh Piôni còn nói thêm nhiều điều nữa, còn Polêmôn, các quan chức thành phố và toàn thể dân chúng đều lắng nghe trong sự im lặng sâu lắng. Sau đó, một số công dân cùng với Polêmôn bắt đầu nài nỉ Piôni, nói rằng:

– Hãy nghe này, Piôn, chúng tôi yêu mến ngài vì tính cách hiền lành và sự nhu mì của ngài, và chúng tôi muốn ngài được sống: quả thật, sống và được nhìn thấy ánh sáng mặt trời là điều tốt đẹp và ngọt ngào biết bao!

Thánh nhân đáp:

– Theo tôi, cuộc sống tạm bợ này cũng dễ chịu, nhưng cuộc sống mà chúng ta, những người Kitô hữu, khao khát còn dễ chịu hơn gấp bội; ánh sáng này vui tươi và dễ chịu, tôi thừa nhận điều đó, nhưng ánh sáng chân thật mà chúng ta hy vọng được chiêm ngưỡng còn vui tươi và dễ chịu hơn nữa. Tất cả những điều này, những gì mắt thịt nhìn thấy, đều tuyệt vời; chúng tôi không lên án cũng không ghét bỏ tạo vật của Đức Chúa Trời; nhưng còn có một điều khác, vô hình, thực sự tuyệt vời hơn và chúng tôi coi trọng điều đó hơn tất cả những gì có thể nhìn thấy.

Một kẻ báng bổ tên là Alexander, một người xảo quyệt, đã nói:

– Hãy nghe ta đây, Piôni! Thánh nhân đáp lại:

– Tốt hơn là ngươi hãy nghe ta, vì tất cả những gì ngươi biết, ta cũng biết, nhưng ngươi lại không biết những điều mà ta biết. Alexander liền mắng chửi vị thánh và nói với ngài:

– Vậy tại sao ngươi lại đeo những sợi dây trói này?

– À, – vị thánh đáp, – để các ngươi đừng nghĩ rằng chúng ta đang đi thờ lạy các thần tượng của các ngươi, mà để các ngươi biết rõ rằng chúng ta đang đi vào ngục tối và đối mặt với cái chết vì Đức Chúa Trời của chúng ta.

Alexander còn dùng nhiều lời dụ dỗ khác nhau để thuyết phục Piionia trong một thời gian dài, nhưng không đạt được kết quả gì, và cuối cùng, ông nói:

– Sao phải tốn nhiều lời khi họ không muốn sống nữa.

[2303] Lydia – một tỉnh ở Tiểu Á.

[2304] Sicily – một trong những hòn đảo lớn của Địa Trung Hải – hiện nay là một phần của Vương quốc Ý.

Dân chúng thì muốn Piôniô được đặt ở một vị trí nổi bật để mọi người đều nghe thấy lời ông; nhưng Polêmôn không cho phép điều đó, vì sợ rằng sẽ xảy ra hỗn loạn và những lời đồn đại khác nhau trong dân chúng. Ông nói với Piôniô:

– Nếu ngươi không muốn dâng lễ vật cho các vị thần, thì ít nhất cũng hãy bước vào đền thờ của họ. Vị thánh đáp lại:

– Việc tôi đến với các thần tượng đó thì có ích gì cho họ?

– Hãy đồng ý đi, Piôn, – Polemon lặp lại.

– Ồ, giá như tôi có thể – Piôn phản đối – thuyết phục tất cả các ngài trở thành Kitô hữu! Họ liền cười và nói:

– Không, xin đừng làm như vậy, đừng để chúng tôi phải bị thiêu đốt trong lửa khi còn sống. Và vị thánh nói với họ:

– Còn tệ hơn nữa là sau khi chết, phải bị thiêu đốt mãi mãi trong ngọn lửa không bao giờ tắt.

Thánh nữ Savina mỉm cười, còn Polemon và những người khác nói với bà:

– Sao cô lại cười? Cô đáp:

– Tôi vui mừng vì mình là một Kitô hữu, bởi vì ai vững vàng trong đức tin vào Chúa Kitô thì sẽ được vui mừng muôn đời. Những kẻ vô đạo nói với bà:

– Cô sẽ cười được khi phải chịu đựng điều mình không muốn: những người phụ nữ không thờ lạy các vị thần sẽ bị đưa vào nhà chứa.

Còn cô đáp lại:

– Đức Chúa Trời thánh khiết và chân thật sẽ chăm sóc cho tôi.

Sau đó, họ bắt đầu ghi chép tên các thánh nhân cùng những lời đáp của họ, qua đó họ tuyên xưng Đức Kitô và từ chối các thần tượng; khi họ định ghi tên Savina, thánh Piôn đã thì thầm bảo cô đừng nói tên thật của mình, mà hãy xưng là Theodotia; ngài làm vậy để hành động của cô không bị chủ nhân của cô biết. Sự việc là thế này: Thánh Savina là nô lệ của một phụ nữ Hy Lạp nổi tiếng, người mà vài năm trước đó, dưới triều đại của Gordian[2305] , vì không thể khiến nô lệ của mình , tức Thánh Savina, từ bỏ Đức Kitô, nên đã đuổi cô ấy, khi đang bị trói, lên những ngọn núi hoang vu, nơi các tín hữu bí mật cung cấp thức ăn cho cô; sau đó, nhờ sự nỗ lực không mệt mỏi của Thánh Piôn, cô đã được giải thoát khỏi xiềng xích và khỏi ách nô lệ của bà chủ. Thánh Piôn lo sợ rằng bà chủ của cô có thể nhận ra cô qua tên và muốn đưa cô trở lại làm nô lệ; vì vậy, ngài đã bảo Thánh Savina lấy tên là Theodotia. Khi Polemon hỏi tên cô là gì, cô trả lời:

– Tên tôi là Theodotia.

– Cô có phải là người theo đạo Kitô không? – Polemon hỏi.

Và vị thánh đáp:

– Vâng, tôi là người theo đạo Kitô.

Các câu trả lời của cô được ghi chép lại giống như các câu trả lời của Piôn và Asklipiád. Polémon lại hỏi thêm:

– Cô thờ phụng vị thần nào? Vị thánh đáp:

– Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đấng đã tạo dựng trời đất và tất cả chúng ta; Đấng mà chúng ta nhận biết qua Lời của Ngài, Đấng đã nhập thể từ Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và Chưa Từng Biết Đến Sự Dâm Dục, qua Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta.

Sau khi ghi lại tên các thánh, họ bị dẫn vào ngục tối, và toàn thể dân chúng đi theo sau.

Một số người nói về Thánh Piôniô:

– Hãy nhìn kìa: ngài vốn luôn xanh xao, mà hôm nay lại hồng hào làm sao!

Còn những người khác thì la lên:

– Phải tra tấn những người này, nếu họ không muốn dâng lễ vật cho các vị thần.

Thánh Piôni đáp lại:

– Hãy tra tấn những ai cản trở các ngươi đi! Chúng tôi không có lính cận vệ bảo vệ, cũng không có binh lính che chở, chúng tôi đang nằm trong tay các ngươi: hãy tra tấn chúng tôi đi!

Có người chỉ vào Thánh Asclepiades và nói:

– Kẻ này muốn dâng lễ vật cho các vị thần.

[2305] Gordian – hoàng đế La Mã, trị vì vào năm 238 (chỉ 36 ngày).

– Ngươi nói dối, – Thánh Piôn đáp lại, – không ai trong chúng ta sẽ làm điều đó cả.

Còn những người khác thì nhắc đến những kẻ đã bỏ đạo, và gọi tên từng người, nói:

– Người này và người kia đã dâng lễ vật, còn các ngươi thì sao, không muốn sao?

Thánh Piôni đáp:

– Mỗi người có ý chí riêng; tôi quan tâm gì đến người khác? Tôi là Piôni.

Dân chúng phẫn nộ với Thánh Piôni và các bạn đồng hành của ngài; vừa mới đến nhà tù, họ suýt nữa đã bị dân chúng đánh đập.

Khi vào ngục, họ thấy ở đó có Lina, một linh mục của nhà thờ chính tòa, bị xiềng xích vì Đức Kitô, và một phụ nữ từ làng Karina, tên là Macedonia; nhiều tín hữu đã đến thăm họ và mang theo những thứ họ cần, nhưng họ không muốn nhận và đã chia sẻ những thứ đó cho các cai ngục. Một số người Hy Lạp cũng đến thăm các thánh nhân và cố gắng lôi kéo họ theo sự vô đạo của mình, nhưng khi nghe những lời đáp trả kiên định từ họ, họ ra về trong sự ngạc nhiên. Còn có những người trước đây từng là Kitô hữu nhưng bị ép buộc phải từ bỏ đức tin một cách miễn cưỡng cũng đến thăm các tù nhân của Chúa Kitô: nỗi sợ hãi trước những cực hình đã khiến họ phải dâng lễ vật cho các thần tượng; họ khóc lóc thảm thiết suốt nhiều giờ và nhiều ngày trong ngục tối trước mặt các thánh; Thánh Piôniô cũng khóc than thảm thiết vì họ, đặc biệt là những người vốn nổi tiếng với lối sống tốt đẹp và chính trực, nhưng vì sợ hãi những cực hình nên đã dâng lễ vật cho các tượng thần; ngài khóc và nói:

– Tôi đang chịu một nỗi đau khổ mới trong lòng, linh hồn tôi như bị xé nát thành từng mảnh khi thấy lũ heo giẫm đạp lên những hạt ngọc của Giáo hội[2306] , như những vì sao trên trời bị đuôi rắn quật xuống đất (Khải Huyền 12:4), và khi những chùm nho do chính tay phải của Đức Chúa Trời trồng bị lợn rừng ăn tàn phá và bị những người qua đường cướp bóc. Hỡi các con của ta, ta thương xót các con, cho đến khi Đấng Christ lại ngự trị trong lòng các con; hỡi những đứa con yêu dấu của ta, được nuôi dưỡng bằng bánh trời, tại sao các con lại sa ngã vào con đường tội lỗi; giờ đây, những lão già vô luật pháp đã làm ô uế Susanna trinh khiết, tức là Hội Thánh của Đấng Christ; giờ đây, Haman đang hân hoan, còn Ê-xơ-tê cùng cả dòng dõi của bà thì bối rối; giờ đây, nạn đói đã ập đến, không phải là thiếu bánh hay nước, mà là Lời của Đức Chúa Trời; giờ đây, tất cả các trinh nữ của Phúc Âm đều đã chìm vào giấc ngủ và đang say giấc. Lời Chúa đã ứng nghiệm: "Khi Con Người đến, liệu Ngài có tìm thấy đức tin trên đất này chăng?" (Lc 18,8). Và lời khác của Ngài: "Anh em sẽ nộp anh em cho chết" (Lc 21,16); tôi nghe thấy, , rằng giờ đây ai nấy đều phản bội người lân cận mình. Quả thật, Sa-tan đã xin được sàng lọc chúng ta như lúa mì, nhưng chiếc xẻng lửa trong tay Lời Chúa sẽ sàng sạch kho lúa của nó; muối đã mất đi sức mạnh, bị quét ra ngoài, và bị con người chà đạp. Nhưng các con ơi, đừng ai nghĩ rằng Chúa đã mệt mỏi: không phải Chúa, mà chính chúng ta đã mệt mỏi, vì Ngài phán: "Chẳng lẽ tay Ta đã mệt mỏi đến nỗi không thể cứu các con sao? Hay tai Ta đã nặng nề đến nỗi không thể nghe các con sao?" Nhưng chính tội lỗi của các con đã khiến các con xa cách Đức Chúa Trời của các con. Chúng ta đã phạm tội, hỡi anh em, đã vi phạm các điều răn của Chúa và gây ra sự bất chính, đã làm phật lòng Đức Chúa Trời và làm buồn lòng người lân cận; chúng ta đã trách móc lẫn nhau, nói dối và vu khống lẫn nhau, và tự hủy hoại chính mình, trong khi lẽ ra sự công chính của chúng ta phải cao hơn sự công chính của những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo. Tôi còn nghe nói rằng người Do Thái đang mời một số anh em đến các buổi họp của họ; hãy cẩn thận, đừng để sa vào những cái bẫy tồi tệ hơn nữa và đừng rơi vào tội không thể tha thứ, tức là xúc phạm Thánh Thần – đừng trở thành đồng lõa với những vị vua của Sô-đôm và dân Gô-mô-ra, những kẻ tay nhuốm máu. Chúng ta không giết tiên tri nào, cũng không phản bội hay đóng đinh Chúa Kitô. Thôi thì nói gì nhiều nữa! Hãy nhớ lại những điều các anh chị em đã nghe tôi nói nhiều lần trước đây; các anh chị em biết rõ rằng người Do Thái nói rằng Chúa Kitô chỉ là một con người bình thường và, với tư cách là một người phàm, đã bị giết chết. Nhưng hãy để họ nói cho chúng ta biết: nếu Ngài chỉ là một con người phàm trần, thì làm sao cả thế giới lại tràn ngập vô số môn đệ của Ngài; và làm sao nhiều người lại phải chịu đau khổ tàn khốc vì danh Ngài; làm sao danh của một con người phàm trần, sau bao nhiêu năm kể từ khi Ngài ra đi, lại có thể trừ tà và hiện nay vẫn đang trừ tà, và sẽ tiếp tục trừ tà cho đến tận cùng thế kỷ? Và còn nhiều phép lạ khác nữa được thực hiện trong Hội Thánh của những người tin nhờ danh toàn năng của Ngài. Những người Do Thái khốn nạn ấy không hiểu rằng Đấng Christ, Chúa của chúng ta, đã chịu khổ theo ý muốn của Ngài, đã chết vì chúng ta và vào ngày thứ ba đã sống lại trong vinh quang. Nhưng những kẻ vô luật pháp lại nói rằng Đức Kitô là một pháp sư và đã sống lại từ cõi chết nhờ phép thuật; vậy thì hãy để họ chỉ cho các bạn xem, có đoạn Kinh Thánh nào của họ hay của chúng ta nói điều này về Đức Kitô, hay

[2306] Tức là giáo lý của Chúa Kitô (Mt 7:6)

có người công chính nào từng nói điều đó bao giờ chưa? Chẳng phải ai cũng biết rằng đó là lời dối trá, và những kẻ nói lời dối trá ấy chính là những kẻ vô luật pháp tồi tệ nhất sao? Và tại sao người ta lại tin những kẻ như vậy hơn là những người công chính? Ngay từ thuở nhỏ, tôi đã nghe những lời dối trá đó từ họ. Kinh Thánh có chép rằng Sa-un đã đến gặp một nữ phù thủy và xin bà ấy gọi tiên tri Sa-mu-ên từ cõi chết trở về; người phụ nữ ấy đã thực hiện phép thuật, và Sa-un thấy một ông già mặc áo dài bước ra từ lòng đất, ông nhận ra đó là Sa-mu-ên, và hỏi ông ấy điều gì. Vậy thì, liệu nữ phù thủy đó có thực sự có thể làm cho Sa-mu-ên sống lại hay không? Nếu người Do Thái nói rằng bà ta có thể, thì họ thừa nhận rằng sự dối trá mạnh hơn sự thật và phép thuật mạnh hơn sự thánh thiện, bởi vì vị tiên tri thánh thiện không thể không vâng lời nữ phù thủy; những ai nói như vậy thật đáng ghê tởm và bị nguyền rủa. Còn nếu họ nói rằng nữ phù thủy ấy thực sự không thể làm cho tiên tri Sa-mu-ên sống lại bằng những phép thuật của mình, thì họ cũng không thể nói về Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, rằng Ngài đã sống lại từ mộ nhờ sức mạnh phù thủy. Câu chuyện này trong Kinh Thánh được giải thích như sau. Làm sao ma quỷ, đang ngự trong người phù thủy, lại có thể gọi linh hồn của vị tiên tri thánh thiện, đang an nghỉ trong lòng Áp-ra-ham, trở lại cõi đời này được? Vì điều nhỏ bé không có quyền trên điều vĩ đại, và ma quỷ không thể ra lệnh cho thánh nhân, nhưng các thiên thần đã lìa bỏ Thiên Chúa lại vâng lời những kẻ đã bỏ Thiên Chúa, phục vụ họ và triệu hồi họ bằng phép thuật; và bất cứ điều gì các pháp sư xin từ họ, ma quỷ đều thực hiện: nữ pháp sư đã xin con ma quỷ vâng lời nàng, và nó đã hóa thân thành hình dạng của vị tiên tri. Và điều này không có gì đáng ngạc nhiên, vì chính Satan, theo lời của vị Tông đồ (2 Cô-rinh-tô 11:14), có thể biến hình thành một thiên thần sáng láng; do đó, các tôi tớ của hắn cũng có thể hóa thân thành hình dạng của các tôi tớ Đức Chúa Trời, cũng như Anti-Christ sẽ hóa thân thành hình dạng của Đấng Christ. Vậy nên, nữ phù thủy không phải đã làm cho Sa-mu-ên sống lại, mà đã cho Sa-ul – người đã lìa bỏ Đức Chúa Trời – thấy ma quỷ dưới hình dạng của Sa-mu-ên; chính Kinh Thánh đã làm chứng về điều này; quả thật, kẻ hiện ra dưới hình dạng Sa-mu-ên đã nói với Sa-ul: "Ngày mai ngươi sẽ ở cùng ta." Làm sao Sa-un, kẻ thù của Đức Chúa Trời, lại có thể ở cùng với vị tiên tri thánh Sa-mu-ên được? Chẳng phải tốt hơn là hắn ở cùng ma quỷ, kẻ mà hắn đã khuất phục sau khi lìa xa Đức Chúa Trời sao? Hãy để những người Do Thái dối trá biết rằng không thể nào thực sự làm cho người chết sống lại bằng bất kỳ phép thuật nào; và cũng như bà ta không thể làm cho Samuel sống lại bằng phép thuật, thì Đức Kitô cũng không sống lại nhờ phép thuật, mà bằng quyền năng thần thánh của Ngài, Ngài đã phá vỡ quyền lực của cái chết; và cũng như theo ý muốn của Ngài, Ngài đã chịu khổ hình và chết, thì theo ý muốn của Ngài, Ngài đã sống lại, một cách tự chủ, như chính Thiên Chúa. Nếu họ vẫn không tin điều này, thì hãy nói với họ: chúng tôi, dù có dâng lễ vật cho các thần tượng, nhưng vẫn tốt hơn các anh em rất nhiều: các anh em đã tự nguyện dâng lễ vật cho ma quỷ, còn chúng tôi thì bị ép buộc phải làm điều đó. Và Thánh Piôniô đã khuyên nhủ những người sa ngã, nói rằng: – Đừng tuyệt vọng, hỡi các anh em, dù các anh em đã phạm tội nặng nề, đã dâng lễ vật cho các thần tượng, nhưng hãy ăn năn chân thành và quay trở lại với Đức Kitô, Thiên Chúa của các anh em, bằng cả trái tim: Ngài đầy lòng thương xót và sẵn sàng đón nhận tất cả những ai đến với Ngài trong sự ăn năn, và Ngài sẽ đón nhận các anh em với niềm vui, như những đứa con của Ngài.

Và họ đã khóc lóc thảm thiết, ăn năn về tội lỗi của mình và quay trở lại với Đức Kitô, Thiên Chúa của họ.

Sau đó, Polemon, người tổ chức các nghi lễ thờ thần tượng, cùng với Theophilus, quan tòa[2307] , dẫn theo quân đội và dân chúng đến nhà tù; họ dẫn các thánh ra và nói:

– Đây là giám mục Euktimon của các ngươi, người đã thờ lạy các vị thần của chúng ta và dâng lễ vật cho họ; các ngươi hãy vâng lời và làm theo như ông ấy; nếu không làm như vậy, các ngươi sẽ bị thầy tế Lepidon và Euktimon xét xử tại đền thờ các vị thần.

Thánh Piôn đã đáp lại:

– Nếu Giám mục Evktimon đã dâng lễ vật cho các thần tượng, thì đó là ý muốn của ông ta, liên quan gì đến chúng ta! Chúng ta sẽ không dâng lễ vật. Người phải xét xử chúng ta là Antipatus[2308] , chứ không phải Lepidon, cũng không phải Evktimon, và cũng không phải các ngươi; vậy mà các ngươi, không chờ Antipatus đến, lại tự ý nắm quyền của ông ấy sao?

Những người đến đó, sau khi trút cơn giận lên các thánh, đã rời đi. Sau đó, họ lại quay trở lại cùng với quân đội và đám đông dân chúng, rồi tuyên bố sai sự thật rằng:

– Antipates đã ra lệnh đưa các ngài đến Ephesus[2309] để xét xử. Piôn trả lời:

[2307] Magistrate – quan chức nhà nước quan trọng của người La Mã, nắm giữ cả quyền lực quân sự và tư pháp trong tay.

[2308] Antipates, hay còn gọi là Proconsul, là quan tổng trấn của vùng.

– Hãy để người được cử đến, bắt chúng tôi và dẫn đi. Lúc đó, Theophilus nói:

– Sao các ngươi không tin ta? Ta là hoàng tử, các ngươi có thể tin ta.

Và, quàng sợi dây thừng lên cổ Thánh Piôniô, ông ra lệnh cho binh lính dẫn tất cả vào đền thờ thần tượng; họ bắt tất cả và lôi đi bằng vũ lực, vì các thánh không muốn đến với các thần tượng và đã lớn tiếng kêu lên:

– Chúng tôi là Kitô hữu, tại sao chúng tôi phải đến với những tượng thần?

Nhưng các binh lính vẫn dùng sức lôi kéo các thánh, còn Thánh Piôn suýt bị siết cổ đến chết khi bị kéo đi bằng sợi dây thừng quấn quanh cổ.

Khi họ bị dẫn đến giữa quảng trường và đã gần đền thờ, thánh Piôni ngã xuống đất, nói rằng ngài là người Kitô hữu và không muốn bước vào đền thờ thần tượng. Lúc đó, sáu tên đầy tớ xông vào, đánh đập ngài bằng tay, chân và đầu gối, đấm vào sườn; nhưng ngài không nghe theo họ; rồi chúng bế ngài lên, khiêng đi và quăng vào đền thờ trước bàn thờ ô uế, nơi mà tên giám mục khốn nạn Evktimon vẫn đang đứng, thực hiện lễ hiến tế cho các thần tượng. Sau đó, Lepidon nói:

– Tại sao ngươi, Piôn, lại không muốn dâng lễ vật cho các vị thần?

Thánh nhân đáp:

– Bởi vì chúng tôi là Kitô hữu.

– Các ngươi tôn thờ vị thần nào? – Lepidon hỏi.

– Chính là Đấng – Piôn trả lời – Đấng đã tạo dựng trời và đất, biển cả và mọi thứ trong đó. Lepidon hỏi:

– Vậy thì ai là người đã bị đóng đinh? Thánh nhân đáp:

– Người bị đóng đinh chính là Đấng mà Thiên Chúa Cha đã sai đến để cứu độ thế gian.

Các hoàng tử cười ầm ĩ, còn Lepidon bắt đầu mắng chửi và trách móc vị thánh Piôn. Sau đó, họ ép buộc các vị thánh tử đạo đội lên đầu những chiếc vương miện mà bọn vô đạo thường dùng để dâng lễ vật, và bắt họ ăn thịt tế lễ. Còn các thánh thì bẻ gãy những chiếc vương miện, ném chúng xuống đất, giẫm đạp lên chúng và nhổ nước bọt vào những vật hiến tế. Những kẻ vô đạo và thờ ngẫu tượng la hét ầm ĩ rồi lại lôi các thánh trở lại ngục tối trong tiếng chửi rủa và những trận đòn roi.

Khi thánh Piôniô bước vào cửa ngục, một người lính đã dùng một vật gì đó đánh mạnh vào đầu ngài và làm ngài bị thương. Ngay lập tức, kẻ đánh ngài cảm thấy đau nhức ở tay, toàn thân bị bệnh tật bao trùm, cơ thể ngài nổi đầy vết loét và sưng tấy, đến nỗi ngài gần như không thở nổi.

Sau đó, quan tổng trấn Quintilian đến Smyrna, ngồi trên ghế xét xử và triệu tập thánh Pionius đến để thẩm vấn. Sau khi thẩm vấn và thấy ngài không chịu khuất phục, ông ra lệnh treo ngài lên trong tình trạng trần truồng và dùng móc sắt cào xé thân thể ngài. Họ tra tấn thánh nhân như vậy và nói:

– Sao ngươi lại vội vã đi tìm cái chết? Thánh nhân đáp lại:

– Tôi không vội vã đến với cái chết, mà là đến với sự sống đời đời.

Sau cuộc tra tấn đó, vị thánh bị kết án tử hình, và theo tập tục La Mã, người ta đã đọc bản án tử hình như sau:

– Piôni, người đã tự nhận mình là Kitô hữu, chúng ta ra lệnh đóng đinh và thiêu sống.

Khi được dẫn đến nơi đóng đinh và thiêu sống, chính ngài đã tự cởi bỏ quần áo, nhìn xuống thân thể mình và vô cùng vui mừng vì sự trong sạch của thân xác; sau đó, ngài ngước mắt lên trời và tạ ơn Thiên Chúa vì đã gìn giữ ngài trong sự trong sạch vô tì vết cho đến phút cuối cùng.

Trên mặt đất có một khúc gỗ giống như cây thập tự, nơi anh ta sẽ bị đóng đinh; chính anh ta đã nằm xuống khúc gỗ đó, duỗi thẳng người ra và để cho các binh lính đóng đinh vào người mình. Khi anh ta đã bị đóng đinh xong, họ nói với anh ta:

– Hãy nghe đây, Piôni, hãy tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế: chúng tôi sẽ rút đinh ra, các bác sĩ sẽ chữa lành cho ngài, và ngài sẽ khỏe mạnh trở lại.

Vị thánh im lặng một lát, rồi nói:

– Ta muốn chìm vào giấc ngủ, để khi thức dậy, ta sẽ trở nên tốt đẹp hơn trong ngày Phục Sinh chung của mọi người.

Sau khi đóng đinh Piôniô, họ nâng cây gỗ lên, dựng thẳng, cắm chắc phần chân xuống đất, xếp củi xung quanh rồi châm lửa. Ngọn lửa dữ dội bao trùm vị thánh từ mọi phía, nhưng ngài, nhắm mắt lại, thầm cầu nguyện

---

[2309] Ê-phê-sô – một thành phố ở Tiểu Á, nằm bên bờ Biển Aegean. Trong thời cổ đại, thành phố này nổi tiếng về sự giàu có và thương mại.

với Chúa và không bị thiêu cháy. Mọi người, thấy ngài nhắm mắt, đều nghĩ rằng ngài đã qua đời. Nhưng ngài, sau một khoảng thời gian khá lâu, khi ngọn lửa bắt đầu dần dịu xuống, sau khi hoàn tất lời cầu nguyện trong thâm tâm, đã mở mắt ra.

Mọi người vô cùng ngạc nhiên khi thấy ngài vẫn còn sống trong ngọn lửa dữ dội như vậy. Sau đó, với vẻ mặt thanh thản, ngài nói "A-men" trong lời cầu nguyện của mình, rồi thêm: "Lạy Chúa, xin hãy đón nhận linh hồn con", và qua đời.

Ngọn lửa tắt hẳn, còn thi thể ông vẫn nguyên vẹn, thậm chí cả tóc trên đầu cũng không bị cháy. Khuôn mặt ông rạng rỡ, toả sáng bởi ân sủng thiêng liêng: đó là dấu hiệu của niềm vui từ linh hồn thánh thiện của ông, đã bước vào niềm vui thiên đàng và nhận lấy vương miện từ tay phải của Chúa Kitô.

Sự việc này xảy ra dưới triều đại của Hoàng đế Decius[2310] , tại thành phố Smyrna, dưới thời Antipatus Quintilianus, vào ngày thứ năm của Idus tháng Ba theo lịch La Mã, còn theo lịch phương Đông là vào tháng thứ bảy (tức là tháng Ba, tháng thứ bảy kể từ tháng Chín), ngày mười một, vào ngày thứ Bảy, lúc mười giờ sáng. Đó là những gì Metaphrastus[2311] đã viết về Thánh Pionios.

Còn về các thánh tử đạo khác, những người đã bị bắt và bị giam giữ trong ngục cùng với Thánh Piôn, thì không có ghi chép nào về những hình phạt mà họ đã phải chịu để hoàn thành cuộc tử đạo của mình; tuy nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa, họ đã chịu khổ vì Chúa Kitô và đã đạt được sự sống trên trời cùng với Thánh Piôn.

Vị linh mục thánh Piôn này đã viết cuốn tiểu sử và hành trình chịu khổ của thánh tử đạo Polykarp, giám mục Smyrna, và sau đó chính ngài cũng cùng với ngài được hưởng Nước Trời của Chúa Giêsu Kitô, Đấng ngự trị cùng Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.

Kỷ niệm Thánh Cha Euphymius, Tổng Giám mục Novgorod

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 3

Cha mẹ của Thánh Euphymius đã sống tại Veliky Novgorod[2312] . Cha ngài, từng là linh mục tại nhà thờ Thánh Theodore, tên là Micah, còn mẹ ngài tên là Anna. Sau khi kết hôn hợp pháp và sống trong mối quan hệ vợ chồng trung thực, họ không có con và rất đau buồn vì điều này. Trong nỗi buồn của mình, họ đã siêng năng cầu nguyện với Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội để được giải thoát khỏi tình trạng vô sinh. Và Chúa đã nhậm lời cầu nguyện của họ: Anna đã thụ thai và sinh ra một người con trai, chính là vị Thánh Phúc Âm Euphymius này. Ngay sau khi chào đời, đứa trẻ đã được rửa tội, và trong lễ rửa tội thánh thiêng, em được đặt tên là Gioan. Khi em còn đang quấn tã, cha mẹ đã bế em đến chính ngôi thánh đường nơi họ từng cầu nguyện xin được ban cho một đứa con, và đặt em trước bức tượng Đức Mẹ, họ nói:

– Nữ Vương và Đấng Chủ Tể! Chúng con đã mang đến cho Mẹ Đấng mà Mẹ đã ban cho chúng con. Theo lời mà trong nỗi đau khổ của lòng, miệng chúng con đã thốt lên với Mẹ, với tư cách là Nữ Vương và Đấng Chủ Tể, chúng con dâng con của chúng con lên Mẹ. Xin Mẹ sắp xếp cuộc đời nó theo ý muốn của Mẹ. Bây giờ, chúng con sẽ đưa nó về nhà để nó ở cùng chúng con trong ngôi nhà của chúng con, vì đứa trẻ không thể sống thiếu mẹ.

Nhờ ơn sủng của Thiên Chúa, đứa trẻ lớn lên khỏe mạnh, và khi đến lúc, cha mẹ đã gửi nó đi học các sách Thánh. Thiên Chúa được tôn vinh trong Ba Ngôi Thánh, Đấng mong muốn sự cứu rỗi cho mọi người, đã ban cho thiếu niên Gioan trí tuệ sắc sảo, và cậu đã học các Kinh Thánh một cách xuất sắc. Trong suốt thời gian học tập, cậu không dấn thân vào bất kỳ hoạt động nào khác ngoài những việc dẫn dắt cậu suy ngẫm về các chủ đề thiêng liêng, và khi tròn mười lăm tuổi, cậu bừng cháy tình yêu đối với Thiên Chúa và mong muốn từ bỏ thế gian để nhận lấy chức danh tu sĩ. Ngài không biết danh hiệu này sẽ dẫn ngài đến đâu, vì ý định của Thiên Chúa là không thể thấu hiểu, nhưng ngài đã cố gắng thực hiện mong muốn tốt lành của mình một cách kiên quyết, và Thiên Chúa, từ trên

---

[2310] Decius, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 249 đến năm 251. Thánh Piôn đã chịu tử đạo vào năm 250.

[2311] Simeon Metaphrastes – một nhà hoạt động xã hội và nhà văn giáo hội Byzantine xuất sắc của thế kỷ XI. Trong số các tác phẩm của ông, cuốn "Cuộc đời các thánh" đặc biệt nổi bật. Khi biên soạn tác phẩm này, Simeon không chỉ dừng lại ở việc sưu tầm các truyền thuyết cổ xưa, mà còn kể lại và chuyển thể chúng sang ngôn ngữ thông dụng. Chính từ đó mà ông có biệt danh là Metaphrastes (từ metaprxxein – kể lại).

[2312] Thành phố Novgorod ngày nay từng mang tên gọi này trong thời cổ đại. Đây là một trong những thành phố cổ xưa và nổi tiếng nhất ở nước Nga cổ đại.

cao nhìn thấy tất cả những gì sẽ xảy ra với ngài trong tương lai – điều mà, như có thể thấy từ câu chuyện này, đã thực sự xảy ra vào đúng thời điểm – đã sớm thực hiện mong muốn của ngài.

Một tu sĩ tên là Evfrosin, cùng hai tu sĩ khác là Ignati và Galaktion, những người đã dâng hiến cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa, đã nảy sinh ý định tu hành trong sự ẩn dật và quyết định tìm kiếm một nơi thích hợp cho việc này. Chẳng bao lâu sau, họ đã tìm thấy nơi đó. Nơi ấy có tên là Vezhishche[2313] , và ngoài rừng rậm và đầm lầy ra thì không có gì khác ở đó. Khi các tu sĩ đến nơi này, họ cảm nhận được một mùi hương thoang thoảng trong không khí và coi đó không phải là hiện tượng bình thường, mà là một dấu hiệu đặc biệt của Sự Sắp Đặt Thần Thánh. Họ đã xây dựng tại đây một nhà nguyện mang tên Thánh Nicholas, và sau đó dựng lên các phòng tu cho chính mình. Chẳng bao lâu sau, một linh mục tên là Pimen đã đến với họ và bày tỏ mong muốn được sống và tu hành cùng với họ. Lúc đó, theo sự đồng thuận chung, họ đã xây dựng một nhà thờ bằng gỗ mang tên Thánh Nicholas, vị thánh làm phép lạ[2314] và bắt đầu sống cuộc đời tu hành. Họ đã phải chịu nhiều tai ương từ người dân địa phương, đặc biệt là từ một quan đại thần, người dưới sự xúi giục của ma quỷ không muốn các tu sĩ sinh sống gần nơi mình ở; nhưng Thánh Nicholas, vị thánh làm phép lạ, người không bao giờ bỏ mặc tu viện mang tên ngài trong cảnh khốn khó khi họ thành kính cầu nguyện với ngài, luôn ban phát lương thực cho các tu sĩ này. Không lâu sau, vị quý tộc sống gần tu viện bị một khối u ác tính mọc trên chân, khiến ông phải chịu đựng đau đớn tột cùng. Trong cơn bệnh, ông bừng tỉnh và cầu xin sự giúp đỡ từ Thánh Nicholas, vị thánh làm phép lạ, sau đó ông đến tu viện của ngài và, sau khi cầu nguyện tại đó, đã được chữa lành. Để tỏ lòng biết ơn về sự chữa lành này, ông đã tặng tu viện một mảnh đất, mảnh đất đó cho đến nay vẫn nằm gần tu viện, và kể từ đó, với lòng tin kính, ông bắt đầu tôn kính tu viện Thánh Nicholas. Sau đó, nhờ ân sủng của Thiên Chúa và những lời cầu nguyện của Thánh Nicola, vị Thánh làm phép lạ, số lượng tu sĩ trong tu viện ngày càng gia tăng, và Pimen, vị tu sĩ đầu tiên của tu viện như đã nêu trên, đã trở thành vị Bề trên của tu viện[2315] .

Chính đến ngài, theo sự an bài của Thánh ý Thiên Chúa, cậu thiếu niên thánh thiện Gioan đã đến, xin ngài cử hành nghi thức cắt tóc tu sĩ cho mình. Khi nhìn thấy cậu thiếu niên, Pimen đã đón nhận cậu như một sứ giả do chính Thiên Chúa sai đến, tiến hành nghi thức cắt tóc tu sĩ cho cậu và đặt tên cho cậu là Evfimii. Sự kiện này, diễn ra theo ý muốn của Thiên Chúa, đã được Sự Sắp Đặt Thần Thánh hướng dẫn nhằm mục đích để tu viện được tôn vinh nhiều hơn nữa qua Evfimii, điều mà sau này đã thực sự xảy ra. Trong thời gian sống tại tu viện, Thánh Euphymius luôn tuân phục một cách nghiêm ngặt mọi mệnh lệnh của vị trụ trì và các tu sĩ, điều này khiến mọi người đều ngạc nhiên và khen ngợi, bởi dù còn rất trẻ nhưng ngài lại sở hữu trí tuệ của một người đàn ông dày dạn kinh nghiệm. Vì vậy, trước khi được phong làm mục sư, mọi người đã nhận ra ở ngài một vị mục sư tương lai, và trước khi đạt đến tuổi trưởng thành, ngài đã trở thành người dẫn dắt cho tất cả mọi người trong đời sống tu hành. Khi Thánh Euphymius đã trở nên nổi tiếng như vậy trong tu viện của mình, Tổng Giám mục Simeon[2316] cũng đã nghe danh về ngài. Ngài đã triệu tập ngài đến và thấy rằng ngài tràn đầy ý định tốt lành và giỏi giang trong lời nói, nên đã hết mực yêu mến ngài; và mặc dù ngài không muốn rời khỏi tu viện của mình, ngài vẫn giao phó cho ngài việc quản lý tài sản của Giáo hội[2317] . Khi đảm nhận những trách nhiệm mới, Thánh Euphimius vẫn tiếp tục thực hành đời sống tu hành của mình và không hề vi phạm bất kỳ quy tắc nào của đời sống tu viện.

Vài năm sau, Đức Thượng phụ Simeon, sau khi điều hành Giáo hội một cách xứng đáng, đã về với Chúa, bước vào cuộc sống vĩnh cửu đầy hạnh phúc, và Euphymius[2318] được tấn phong lên ngôi Tổng Giám mục Novgorod kế nhiệm ngài. Lúc bấy giờ, Thánh Euphimius lui về tu viện Thánh Cứu Thế, còn được gọi là Khutyn[2319] , và định cư tại đó. Nhưng sau một thời gian, theo lời thỉnh cầu của các vị trưởng lão tu viện Đức Mẹ

[2313] Vezhishche hay Vazhishche – một địa phương nằm cách Novgorod 12 verst về phía tây.

[2314] Đó là vào năm 1411.

[2315] Khi tu hành, Pimen mang tên Pachomius.

[2316] Tổng giám mục Novgorod Simeon (Samson), xuất thân từ hàng tu sĩ bình thường, đã điều hành giáo phận Novgorod sau khi Tổng giám mục Ioann qua đời, từ năm 1416 đến năm 1421.

[2317] Trong thực tiễn của các vị lãnh đạo giáo hội Novgorod, đây là trường hợp đầu tiên việc quản lý tài sản nhà thờ được giao cho một tu sĩ; trước đó, các quản lý tài chính của Tòa Tổng Giám mục tại Novgorod đều được bầu chọn từ hàng giáo dân.

[2318] Tất nhiên, ở đây đề cập đến Evfimiy I (Emelian) râu dài, người đã lên nắm giữ chức Tổng giám mục tại Novgorod sau thời gian ngắn (từ năm 1421 đến năm 1423) của Theodosius – người đã được bầu chọn nhưng chưa được tấn phong; Euphimius I là Tổng Giám mục Novgorod từ năm 1423 đến năm 1429.

[2319] Tu viện Khutyn (Khutyn) được thành lập vào năm 1192 bởi Alexei, một quý tộc người Novgorod, với tên tu sĩ là Varlaam, và tọa lạc bên bờ phải sông Volkhov, cách Novgorod 10 verst theo hướng hạ lưu của con sông này.

Vô Nhiễm, tọa lạc trên núi Lisya[2320] , ngài được bổ nhiệm làm vị trụ trì của tu viện này, nơi ngài, với tư cách là người đứng đầu các tu sĩ, đã trở thành tấm gương hoàn hảo để mọi người noi theo, bởi ngài luôn nhân từ với tất cả mọi người và đồng thời đối xử với họ một cách tôn trọng.

Ngay sau đó, hội đồng toàn dân của Veliky Novgorod đã quyết định bầu chọn ngài để đảm nhận chức vụ Tổng Giám mục Novgorod[2321] và đưa tên ngài vào danh sách các ứng viên được bầu chọn[2322] , mà không biết rằng ngay từ thuở thiếu thời, ngài đã được kêu gọi vào chức vụ giám mục, như lời tiên tri đã chép: *"Mắt Ngài đã thấy con khi con còn trong bụng mẹ"* (Thánh Vịnh 138:16)[2323] . Và vì Thánh Tông Đồ đã nói rằng mọi quyền bính đều do Thiên Chúa thiết lập (Rô-ma 13:1), thì làm sao con người có thể nhận được quyền bính ấy nếu nó không được ban cho từ trên cao (Ga 19:11)? Điều này đã ứng nghiệm nơi Thánh Euphymius. Sau khi niêm phong các lá thăm của những người được chọn, hội đồng dân chúng và hàng giáo sĩ của Veliky Novgorod đã mang chúng đến nhà thờ chính tòa Thánh Sofia[2324] và đặt lên ngai vàng. Về phần các lá thăm, đó là việc do con người thực hiện, nhưng việc ai trong số những người được chọn sẽ ngồi trên ngai cao quý của Đức Chúa Trời như vậy đã được chỉ định qua những gì xảy ra sau đó: theo ý muốn và phán quyết của Đức Chúa Trời, lá thăm đã rơi vào tay Thánh Euphymius, để ngài được nắm giữ ngai vàng này. Sau đó, người dân Novgorod hân hoan đến gặp vị thánh và vào chính ngày kỷ niệm Thánh Gioan Vàng Miệng, họ đã rước ngài vào Nhà thờ Thánh Sofia[2325] với đầy đủ nghi lễ long trọng. Trong thời gian đó, Đức Thánh Euphymius đã từ chối và không muốn nhận chức Tổng Giám mục, đặc biệt viện dẫn lý do rằng ngài tự cho mình là không xứng đáng với chức vụ cao quý như vậy; nhưng vì ngài không thể chống lại sự phán quyết của Đức Chúa Trời, nên cuối cùng ngài đã tuân theo ý muốn của những người đã bầu chọn ngài. Điều này đã mang lại niềm vui lớn lao cho tất cả cư dân Novgorod, vì mọi người đều cho rằng ngài hoàn toàn xứng đáng với sự vĩ đại của chức vụ tổng giám mục. Tuy nhiên, sau khi được bầu chọn, Thánh Euphymius vẫn giữ nguyên danh hiệu tu sĩ, vì lễ tấn phong của ngài gặp trở ngại do vào thời điểm đó không có tổng giám mục tại Rus'[2326] . Sau hơn bốn năm chưa được tấn phong[2327] , ngài đã lên đường đến thành phố Smolensk, khi đó Tổng giám mục Gerasim của Kiev và toàn Rus'[2328] đang có mặt tại đó, và từ ngài này, ngài đã nhận lễ tấn phong vào chức vụ tổng giám mục. Và tại đây, Thánh Euphymius đã khiến mọi người kinh ngạc bởi trí tuệ và sự sáng suốt của mình, đến nỗi chính Đức Tổng Giám mục cũng bày tỏ sự ngạc nhiên và khen ngợi trí tuệ của ngài. Sau khi được tấn phong, Đức Tổng Giám mục Euphymius đã trở về thành phố tổng giáo phận của mình là Veliky Novgorod trong sự tôn vinh trọng thể và bắt đầu điều hành đầy đủ quyền hạn đối với đoàn chiên của mình. Nhận thức được tất cả sự vĩ đại của chức vụ mà mình đã nhận lãnh, ngài đã dấn thân vào những công việc mục vụ với sự nhiệt thành còn lớn hơn cả trước khi được tấn phong, luôn ghi nhớ lời Kinh Thánh: "Ai được ban cho nhiều, thì sẽ bị đòi hỏi nhiều" (Lc 12:48). Vì vậy, qua những nỗ lực của mình, ngài cố gắng mang lại hoa trái, theo Phúc Âm, không phải gấp ba mươi hay sáu mươi, mà là gấp một trăm lần[2329] . Trước đây, khi ngài chưa nhận chức thánh cao quý, ngài

---

[2320] Tu viện Lissitsky (trên núi Lissya) thuộc dòng Giáng sinh Đức Mẹ nằm cách khu thương mại của Novgorod 7 verst. Tu viện này được nhắc đến lần đầu vào năm 1392.

[2321] Các giám mục Novgorod mang tước hiệu tổng giám mục từ năm 1165.

[2322] Việc bầu chọn vị lãnh đạo giáo hội Novgorod từ năm 1156 không phụ thuộc vào tổng giám mục cùng hội đồng các giám mục, mà hoàn toàn do chính người dân Novgorod quyết định, thông qua hội đồng dân sự (vecha) của họ. Thông thường, người ta bầu ra ba ứng cử viên, và các lá thăm của họ được đặt lên ngai thánh trong nhà thờ Thánh Sofia; hai lá thăm sau khi kết thúc Thánh lễ được vị phó tế trưởng lần lượt lấy ra và công bố trước toàn thể dân chúng; cuối cùng, lá thăm còn lại trên bàn thờ chính là người được Chúa chọn. Thánh Euphymius cũng được bầu chọn theo cách này.

[2323] Tức là, ngay từ khi con được thụ thai trong lòng mẹ, Ngài đã nhìn thấy con và định sẵn số phận của con trong cuộc đời.

[2324] Nhà thờ chính tòa của các giám mục Novgorod, vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

[2325] Đó là vào năm 1429.

[2326] Sau khi Tổng giám mục Photi qua đời vào ngày 1 tháng 7 năm 1431, chức vụ Tổng giám mục tại Moscow, nếu không tính đến thời gian cầm quyền ngắn ngủi của Isidor, đã bị bỏ trống cho đến năm 1448.

[2327] Thánh Euphimius đã quản lý giáo phận Novgorod mà không có chức vụ giám mục, từ năm 1429 đến năm 1434. Việc quản lý giáo phận trước khi được tấn phong làm giám mục là một tập quán tại Novgorod. Chẳng hạn, Ioann, người chưa được tấn phong làm giám mục, đã quản lý trong 8 tháng; Feoktist và Moisei – mỗi người một năm; Kliment – 2 năm; còn Đức cha Feodosii thì qua đời mà chưa được tấn phong làm giám mục.

[2328] Năm 1433, sau khi Tổng giám mục Photi qua đời, Công tước Litva Svidrigailo đã cử Giám mục Smolensk Gerasim đến Constantinople để được tấn phong làm Tổng giám mục Litva, nhưng Đức Thượng phụ đã tấn phong ngài làm Tổng giám mục toàn cõi Nga. Nghi ngờ Gerasim phản bội, Svidrigailo đã bắt giữ ông gần Smolensk và thiêu sống ông tại Vitebsk. Sự việc này xảy ra vào tháng 7 năm 1435.

chỉ lo lắng cho linh hồn của chính mình, nhưng giờ đây, khi đã trở thành giám mục, ngài phải lo lắng cho linh hồn của nhiều người, để có thể mạnh dạn thưa với Chúa là Đấng Tối Cao: *"Này, tôi đây và các con cái mà Chúa đã ban cho tôi"* (Ê-sai 8:18). Suy ngẫm về điều này và nhiều điều khác trong tâm hồn đầy khôn ngoan của mình, Thánh Euphymius cảm thấy trong lòng mình một sự bối rối lớn, nhưng ngài đã phó thác tất cả cho Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài bây giờ, mãi mãi và đời đời, đã không làm ngài thất vọng[2330] .

Bài ca Troparion, giọng 4:

Được Thiên Chúa chọn từ thuở thiếu thời, thánh Euphymius ơi, và vì thế được tôn vinh với chức vụ giám mục, ngài đã chăn dắt những người mà Thiên Chúa đã giao phó cho ngài; chính vì thế, sau khi qua đời, ngài đã nhận được ân sủng làm phép lạ từ Chúa để chữa lành mọi bệnh tật. Xin ngài cầu thay cho chúng con, những người đang cử hành lễ tưởng niệm ngài, để tất cả chúng con luôn được ngài ban phước.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Vì ngài là vị giám mục đồng tế và là vị thánh bảo vệ trung thành, thánh Euphymius ơi, xin đừng ngừng bảo vệ quê hương ngài, thành phố và dân chúng, những người tôn kính ngài bằng đức tin và thờ lạy di cốt thánh của ngài, để tất cả chúng con cùng cất tiếng kêu lên với ngài: Hỡi thánh Euphymius, người khôn ngoan của Đức Chúa Trời, xin vui mừng!

Ngày 25 tháng 3

Ngày 12 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Phêôphan, vị Cha của chúng ta, vị Tuyên xưng đức tin

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 3

Thánh Theophanes sinh ra tại Constantinople trong một gia đình quý tộc – cha là Isaac và mẹ là Theodota. Isaac có quan hệ họ hàng với Hoàng đế Leo Isaurian và con trai ông là Copronymus[2331] , vì vậy ông được gọi là Isaurian, bởi ông thuộc cùng dòng dõi hoàng gia và xuất thân từ xứ Isauria. Tại triều đình hoàng gia, ông đảm nhiệm các chức vụ danh dự và trong thời kỳ trị vì của Copronymus, ông là một tướng quân.

Vào thời điểm đó, tà thuyết chống thánh tượng bùng phát, và những người sùng đạo bắt đầu phải hứng chịu sự đàn áp dữ dội.

Cặp vợ chồng đạo đức Isaac và vợ ông là Theodota đã tuân thủ nghiêm ngặt giáo lý Chính thống giáo và được ân sủng trở thành cha mẹ của một người con trai, người mà chẳng bao lâu sau sẽ tỏa sáng như bình minh trong Giáo hội của Chúa Kitô. Họ đặt tên cho cậu là Theophanes, có nghĩa là "Được Thiên Chúa mặc khải"[2332] . Cậu được đặt tên như vậy trước hết là vì sinh ra vào ngày lễ Hiển Linh của Chúa, mà trong tiếng Hy Lạp gọi là Theophania[2333] ; nhưng chủ yếu là do sự quan phòng của Đức Chúa Trời – để báo trước rằng, giống như tiên tri

---

[2329] Câu nói này được trích từ dụ ngôn của Đấng Cứu Thế về người gieo hạt (Mt 13:8).

[2330] Thánh Euphymius qua đời vào ngày 10 tháng 3 năm 1458.

[2331] Hoàng đế Lêô người Isauria (717–741) là người chống thánh tượng đầu tiên, đã ban lệnh vứt bỏ các thánh tượng ra khỏi các nhà thờ và tiêu hủy chúng. Hoàng đế Constantine Copronymus (741–775) đã ủng hộ mạnh mẽ tà thuyết chống thánh tượng. Ông đã triệu tập một công đồng tại Constantinopolis, được ông gọi là Công đồng Toàn cầu, tại đó việc tôn kính thánh tượng đã bị bác bỏ. Isauria – nơi xuất thân của cả Hoàng đế Lêô người Isauria lẫn cha của Thêôphan là Isaac – là một quốc gia nhỏ ít được biết đến ở Tiểu Á, giáp ranh với Lycaonia và Cilicia. Hiện nay chỉ còn lại những tàn tích gần Ulubunar.

[2332] Théophane – tiếng Hy Lạp: Θεοθανοσ – "người được Thiên Chúa mặc khải" hoặc "người mặc khải Thiên Chúa".

[2333] Θεοθανεια (từ Θεος – Thiên Chúa và θαινω – tỏ ra) – Lễ Hiển Linh.

Giê-rê-mi xưa kia, Chúa đã chọn và thánh hóa ngài ngay từ trong lòng mẹ để trở thành ngọn đèn sáng chói của Hội Thánh Ngài (Giê-rê-mi 1:5). Như người giữ thư viện Anastasius đã chứng thực, đôi khi ngài còn được gọi bằng tên cha dượng – Isaac, nhưng đó là trước khi ngài thụ phong tu sĩ, điều mà ngài đã khao khát mãnh liệt từ thuở thiếu thời, như sẽ được kể lại trong cuốn tiểu sử của ngài.

Sau khi Thánh Theophanes, người được Chúa ban ơn và được mặc khải, chào đời, cha ngài là Isaac, sau khi sống thêm ba năm nữa, đã về với cuộc sống vĩnh hằng. Trước khi qua đời, ông đã viết di chúc, trong đó giao phó đứa con trai ba tuổi của mình cùng với mẹ cho chính Hoàng đế Constantine Copronymus, người thân của ông, để được chăm sóc và bảo vệ.

Trong quá trình học hỏi Kinh Thánh và trau dồi đời sống đạo đức, cậu thiếu niên ngày càng bộc lộ trí tuệ phi thường theo năm tháng. Khi Thánh Theophanes được mười hai tuổi, một vị thượng nghị sĩ đã đề nghị hứa hôn con gái mười tuổi của mình với cậu, bởi vì thiếu niên Theophanes không chỉ đẹp trai, thông minh xuất chúng, giàu có mà còn là người thân của hoàng đế. Theodotia, mẹ của Theophanes, cũng sẵn lòng đồng ý với cuộc đính hôn này. Tuy nhiên, vì tất cả điều này không thể diễn ra mà không có sự cho phép của nhà vua, nên vị thượng nghị sĩ đó đã khẩn thiết thỉnh cầu trực tiếp với nhà vua, mong muốn thiết lập mối quan hệ họ hàng thông qua việc gả con gái mình cho cháu trai của nhà vua. Khi hoàng đế đồng ý, lễ đính hôn giữa hai đứa trẻ – dù lúc đó chúng chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định – đã được tiến hành, nhưng lễ cưới chính thức bị hoãn lại cho đến khi cả hai đạt tuổi trưởng thành.

Vào thời điểm đó, Sa hoàng Kopronym qua đời; người kế vị ngai vàng là con trai ông, Lê IV, được gọi theo tên mẹ là Khazar[2334] , vì bà là con gái của một khan Khazar và trong tín ngưỡng thờ thần tượng được gọi là Khazara, còn trong lễ rửa tội thánh thì được đặt tên là Irina.

Vài năm sau, Theodotia, mẹ của Theophanes, cũng qua đời. Bà qua đời trước khi con trai mình kết hôn, để lại cho anh ta một gia tài khổng lồ.

Lúc bấy giờ, trong nhà Theophanes có một nô lệ kính sợ Chúa và sống trong sự trong sạch; Theophanes rất yêu mến người này vì lối sống đạo đức của anh ta và coi người nô lệ này là cố vấn tốt nhất của mình. Được truyền cảm hứng từ những cuộc trò chuyện thường xuyên mang lại sự cứu rỗi cho linh hồn với người này, và hơn hết là được Thánh Thần Toàn Năng hướng dẫn, Théophane đã yêu mến sự trong sạch, chỉ suy nghĩ về một điều duy nhất: làm thế nào để giữ gìn sự trinh khiết của mình không bị hư hoại, và với khát khao mãnh liệt hướng tới đời sống tu sĩ, ông bắt đầu phân phát toàn bộ tài sản của mình cho những người nghèo khổ và khốn cùng.

Khi biết được điều này, cha vợ của Theophanes, bất chấp ý muốn của chú rể, đã cố gắng tổ chức đám cưới càng sớm càng tốt – nhất là khi cả chú rể lẫn cô dâu đều đã đến tuổi trưởng thành.

Khi ngày cưới đã đến và, theo phong tục, tiệc cưới đang diễn ra, chàng trai Theophanes – người đã được Chúa Thánh Thần soi sáng – trong khi tâm hồn hướng về Thiên Chúa, đã thầm cầu nguyện trong lòng để Chúa, bằng ân sủng của Ngài, gìn giữ cho anh được trinh khiết.

Và khi chàng trai Theophan cùng cô dâu đã có mặt trong phòng tân hôn, chàng ngồi xuống giường, thở dài từ tận đáy lòng, bộc lộ ý nghĩ ẩn giấu trong lòng và nói với cô dâu như sau:

– Hỡi người yêu dấu, em có biết chăng rằng thời gian cuộc đời chúng ta ngắn ngủi, nhưng cái chết của chúng ta thì không ai biết trước, và sự phán xét khắc nghiệt đang chờ đợi những ai, khi sống trong thú vui và giàu sang, thường xuyên làm Chúa phật lòng. Hôn nhân, dù được chính Đức Chúa Trời thiết lập, nhưng những lo toan trần thế cần thiết trong đời sống hôn nhân lại khiến tâm trí con người xa cách Chúa, làm cho những suy nghĩ đạo đức của con người trở nên vô nghĩa và không cho phép chúng ta nhìn về cuộc sống tương lai bằng đôi mắt sáng ngời của tâm hồn. Chúng ta biết rằng Lazarus, sau những đau khổ tạm thời, đã được các Thiên thần đưa vào lòng Áp-ra-ham, còn người giàu có, người đã sống trong sự dư dật, thì bị ném xuống địa ngục và không thể nhận được dù chỉ một giọt nước để làm mát lưỡi mình (Lc 16:24). Chúng ta cũng nghe thấy các Phúc Âm về sự hạnh phúc được chuẩn bị sẵn trên Thiên Đàng (Mt 5). Chúng được hứa ban cho ai? Không phải cho những người giàu có, sống trong niềm vui của thế gian này và mọi sự sung túc, mà là cho những người nghèo khó, khóc lóc, đói khát, khát khao, chịu bách hại và bị sỉ nhục vì danh Chúa Kitô; tóm lại: con đường chật hẹp dẫn vào sự sống đời đời, còn cổng rộng và con đường rộng rãi dẫn vào địa ngục (Mt 7:13–14); chúng ta cũng biết rằng ai trong thế gian này sống

[2334] Hoàng đế Lêô IV, có biệt danh là Khazar, trị vì từ năm 775 đến năm 780. Ông cũng ủng hộ phong trào chống thánh tượng, dù không quyết liệt bằng các vị tiền nhiệm.

xa hoa, đắm chìm trong những thú vui phù du, thì trong thế giới tương lai sẽ phải chịu đau khổ, buồn phiền – và không thể nào khác được. Vì vậy, hỡi người vợ yêu dấu của tôi, nếu em muốn, chúng ta hãy kiêng khem sự kết hợp thể xác của vợ chồng và cùng nhau giữ trọn sự trinh khiết; bây giờ chúng ta sẽ sống cùng nhau một thời gian ngắn như thể trong hôn nhân xác thịt, vì cha em quá khắc nghiệt, nhưng dưới vỏ bọc hôn nhân, chúng ta sẽ sống như anh em ruột; và sau đó, khi Chúa ban cho chúng ta thời điểm thích hợp, chúng ta sẽ vào tu viện: anh vào tu viện nam, còn em vào tu viện nữ. Như vậy, chúng ta sẽ dâng hiến cả cuộc đời mình cho Chúa, để trong thế giới tương lai được xứng đáng trở thành một phần của các thánh nhân của Ngài.

Cô dâu thánh thiện Theophana, như mảnh đất tốt lành, đã đón nhận hạt giống tốt lành này, và với niềm vui tràn ngập trong lòng, đã đáp lại với Thánh Theophan:

– Thưa ngài yêu dấu của con, con biết những lời của Đấng Cứu Thế chúng ta, Đấng đã phán trong Phúc Âm: *"Ai không ghét cha mẹ, vợ con, anh em chị em mình, và ai không vác thập giá mình mà theo Ta, thì không xứng đáng với Ta"* (Lc 14,26; Mt 10,38). Vậy, chúng ta hãy trở thành những môn đệ xứng đáng của Chúa chúng ta và, nếu ngài muốn, hãy từ bỏ mọi điều hư ảo. Nếu ngài đồng ý, tôi cũng đồng ý; nếu ngài thấy thích, tôi cũng thấy thích; và nếu ngài muốn giữ trinh tiết, thì tôi cũng mong muốn điều đó. Và chúng ta hãy dâng mình lên Chú Rể Thiên Đàng trong sự tinh khiết, giữ cho không chỉ linh hồn mà cả thân xác chúng ta cũng được trong sạch. Chúng ta sẽ được lợi ích gì nếu, sau khi sống qua cuộc đời ngắn ngủi này trong sự phù phiếm, lại mất đi những ân huệ vĩnh cửu? Còn nếu chúng ta có con cái, thì sẽ càng chìm trong nỗi buồn sâu sắc hơn, khi ngày đêm lo toan cho miếng ăn và số phận của chúng, đồng thời sa vào vô vàn cạm bẫy của thế gian này. Khi cái chết – điều mà chúng ta chưa biết – đến, chúng ta sẽ đi về đâu – thiên đàng hay địa ngục – thì hiện tại chúng ta vẫn chưa biết. Vậy nên, hãy sống trong sự trong sạch, bí mật giữ gìn sự trinh khiết của mình, cho đến khi Chúa ban cho chúng ta ơn được gia nhập dòng tu.

Chàng trai thánh thiện, khi nghe những lời này từ vị hôn thê trong sạch của mình, đã kinh ngạc trước sự khôn ngoan của nàng; rồi quỳ xuống đất, ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã hướng dẫn thiếu nữ ấy bằng Thánh Thần của Ngài để đưa ra quyết định này, điều hoàn toàn phù hợp với ý định của chàng. Và cả đêm đó, họ dành trọn để cầu nguyện, xin ơn trợ giúp từ trên cao, để lối sống mà họ đã bắt đầu được thực hiện một cách trọn vẹn.

Khi bình minh ló rạng, họ chợp mắt một lát và cả hai đều thấy cùng một giấc mơ: trong giấc mơ, một chàng trai trẻ với khuôn mặt rạng rỡ hiện ra trước mắt họ; mỉm cười, chàng nhẹ nhàng nói với họ:

– Chúa đã chấp nhận ý định của các con và sai ta đến để ban phước lành cho các con trên con đường sống mà các con đã đồng ý – để các con được đứng trước Ngài với tư cách là những người thánh thiện và vô tì vết.

Nói xong, chàng làm dấu thánh giá trên khắp thân thể họ rồi biến mất. Tỉnh giấc, họ kể cho nhau nghe giấc mơ mà cả hai đều đã thấy. Lúc đó, họ cảm nhận được một hương thơm khó tả tỏa ra từ sự hiện diện của Thiên Thần và cảm thấy kinh ngạc. Và ngay lúc đó, họ quỳ sấp xuống đất trước mặt Chúa và dâng lên Ngài lời ngợi khen nhiệt thành. Mùi hương thiên đàng ấy, trong một thời gian dài, đã được nhiều người ngửi thấy, không chỉ trong cung điện của họ mà còn khắp cả ngôi nhà. Và cặp vợ chồng thánh thiện này đã sống như những Thiên thần trong xác phàm, bừng cháy trước mặt Thiên Chúa bằng ngọn lửa của tình yêu Thiên Chúa, như hai vị linh mục hay như hai cây ô liu tuôn trào dầu của lòng quảng đại, vì mỗi ngày họ đều ban phát vô số ân huệ, hào phóng chia sẻ toàn bộ tài sản của mình cho những người nghèo khó.

Một thời gian sau, cha vợ của Theophanes, khi biết tin con rể và con gái mình đang sống trong sự trinh khiết và phân phát toàn bộ tài sản cho những người nghèo, đã vô cùng đau buồn. Ông đến gặp nhà vua, báo tin này và than phiền về con rể:

– Ôi, tôi thật khốn khổ! – ông kêu lên, – Ôi tuổi già khốn nạn của tôi vì người con rể vô đạo đức này! Hắn phung phí của cải một cách vô nghĩa và hủy hoại con gái trẻ của tôi một cách vô ích, không sống với con bé như vợ chồng, và tôi chẳng còn hy vọng nào để được an ủi bởi những đứa cháu của mình. Vậy tại sao hắn lại cưới con bé? Tại sao trước khi kết hôn, hắn không phá bỏ lời thề đính hôn và từ chối con bé, để không đẩy con bé, còn quá trẻ, vào cảnh bất hạnh như vậy, và không khiến tuổi già của ta phải chịu thêm nỗi buồn lớn hơn nữa? Tôi mang trong lòng nỗi buồn kép: tôi thương xót cho con gái mình, vì dù đã kết hôn nhưng nó lại không có chồng và không thể làm mẹ, và tôi cũng đau lòng vì của cải đang bị phung phí một cách vô ích, bởi Theophanes không chỉ phung phí tài sản của chính mình, mà còn tiêu xài không ít phần của hồi môn mà tôi đã trao cho con gái.

Và ông đã thỉnh cầu nhà vua trừng phạt và khuyên nhủ con rể mình phải sống theo luật hôn nhân và không được phung phí tài sản của mình một cách vô ích.

Nhà vua, tràn đầy cơn giận, đã triệu tập vị thánh Theophanes đến trước mặt mình và, nhìn anh ta với ánh mắt giận dữ, bắt đầu đe dọa anh ta, ra lệnh phải thay đổi lối sống; nếu không tuân theo, nhà vua hứa sẽ móc mắt anh ta và đày đi lưu đày.

Nhưng chàng trai đạo đức ấy không để ý đến những lời đe dọa của nhà vua và không từ bỏ cuộc sống trong sạch, thuần khiết mà mình đã khởi đầu một cách tuyệt vời: chàng cố gắng tìm kiếm ân sủng từ Vua Trời hơn là từ vị vua trần gian.

Ngay sau đó, theo lệnh của vua, vì một số nhu cầu của dân chúng, Theophanes được cử đi đến xứ Kizika[2335] . Chuyến đi này được cha vợ ông cố tình sắp đặt: một mặt, để trong lúc bận rộn với những công việc mà nhà vua giao phó, Theophanes sẽ ngừng và quên đi việc thực hành các nghi thức cầu nguyện, ăn chay và kiêng khem thường lệ; mặt khác, để ông ngừng phân phát tài sản của mình, mà giờ đây cha vợ ông đã trở thành người quản lý.

Khi Theophanes, tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, lên đường đến Kizik, nhà vua và cha vợ đã ra lệnh cho vợ ông phải đi cùng, bởi vì người cha không thể chịu đựng được việc con gái mình, dù chỉ trong một thời gian ngắn, phải xa cách chồng.

Họ tình cờ phải băng qua một con sông, vốn trước đây được gọi là Rindakos, nhưng sau đó dân chúng đặt tên là Velika; bên bờ này là vùng Olympi, còn bên kia là vùng Sigria[2336] .

Thánh Theophanes muốn đi qua con sông này, dù có thể đi bằng đường bộ; nhưng do lúc đó ngài đang bị suy nhược về thể chất, ngài đã chọn con đường sông vì nó dễ dàng hơn. Tất cả những điều này đều diễn ra theo sự an bài của Thiên Chúa. Sau khi cho bạn bè và nô tì cùng ngựa và xe ngựa đi đường bộ, ngài tự mình lên thuyền cùng người vợ thánh thiện và một số ít người hầu; trong khi lướt trên dòng sông, Thánh Theophanes chiêm ngưỡng những ngọn núi, đồi và sa mạc tuyệt đẹp của Sigria, và lòng ngài bừng cháy khao khát một cuộc sống tĩnh lặng nơi đó. Và ông nhìn thấy ở một nơi, giữa những ngọn núi, một thung lũng rộng lớn, nơi có một khu rừng rậm rạp mọc lên; và ông rất thích nơi này. Sau khi cập bến để nghỉ qua đêm và ra lệnh cho tất cả những người còn lại ở lại trên thuyền, Thêôphan đi vào thung lũng đó và, khi đi dạo quanh nơi hoang vắng ấy, tâm hồn ông tràn ngập sự cảm động. Khi dừng chân tại một chỗ trong khu rừng rậm rạp, ngài bắt đầu cầu nguyện tha thiết với Đức Chúa Trời. Ngài giơ hai tay lên trời, nước mắt lưng tròng, nhiều lần quỳ sấp xuống đất và thốt lên:

– *"Xin chỉ cho con con đường con phải đi!"* (Thánh vịnh 142:8).

Được thôi thúc bởi khát vọng mãnh liệt về cuộc sống ẩn dật và quyết định từ bỏ mọi thứ ngay lập tức, Thêôphan đã ẩn mình trong sa mạc đó. Sau khi mệt mỏi vì cầu nguyện và ngồi xuống nghỉ ngơi, ông đã nhìn thấy vị Thiên thần rực rỡ ánh sáng, người từng hiện ra trước mặt ông và vị hôn thê của ông trong phòng tân hôn của họ. Vị thiên thần ấy, chỉ tay về phía sa mạc, nói với Thêôphan:

– Ngươi nên định cư ở đây, nhưng hãy chờ một chút, cho đến khi những người còn sống đang cản đường ngươi được đưa khỏi trần gian; họ sẽ sớm rời khỏi đây, và khi đó ngươi sẽ đi đến nơi ngươi muốn mà không gặp trở ngại nào.

Thánh Theophanes vô cùng vui mừng trước hình ảnh này. Trong niềm hân hoan, ngài quay trở lại những chiếc thuyền và tiếp tục hành trình. Khi nhìn thấy những tu viện hoang vắng và những túp lều của các ẩn sĩ nằm rải rác trên dãy núi Sigrian, ngài đã ghé thăm chúng, cùng với người vợ tiết hạnh của mình. Tại những nơi này, ngài gặp một vị lão sư có khả năng thấu thị, tên là Grigori, biệt danh là Stratiogia, đang sống tại một vùng đất gọi là Polychronion. Thánh Theophanes đã bày tỏ ý định và mong muốn của mình với vị tu sĩ già này, và từ ông, ngài nghe lại những điều mà trước đó Thiên Thần hiện ra đã nói với ngài. Vị tu sĩ già này, nhờ lối sống giống như thiên thần mà được Thiên Chúa ban cho ân sủng tiên tri, đã nói với Theophanes:

– Hãy chờ một chút, chàng trai tốt bụng ơi, chẳng bao lâu nữa cả hoàng đế lẫn cha vợ của ngươi sẽ bị tiêu diệt khỏi mặt đất, và ngươi, khi đã được tự do, sẽ thực hiện ý định tốt lành của mình.

Còn với cô dâu đức hạnh của Theophanes, vị thánh nhân già đã thì thầm vào tai cô rằng người anh yêu quý của cô, Theophanes, vào thời điểm thích hợp sẽ nhận được vương miện tử đạo.

Sau đó, thánh Theophanes lên đường đến Kizik và thực hiện những gì nhà vua đã ra lệnh cho ngài về việc quản lý dân chúng. Tại đó, ngài thường cùng các tôi tớ của mình lên dãy núi Sigrian lân cận, nơi ngài đến thăm các

---

[2335] Vùng Kizikos (với thủ phủ là Kizikos) nằm ở phía tây bắc Tiểu Á, trên bờ nam Biển Marmara.

[2336] Vùng Sigria – một phần của Tiểu Á, trải dài từ Propontis (Biển Marmara) giữa các con sông Rindak (trong thời cổ đại là Lycos, ngày nay là Lyunad và ở hạ lưu là Mikalis) và Ezep, con sông ngăn cách Mizia với Troad.

vị thánh tổ. Trong khi xin sự chúc lành và những lời cầu nguyện của các ngài, Thánh Feofan đồng thời nuôi dưỡng tâm hồn họ bằng những cuộc trò chuyện được Thánh Thần soi dẫn.

Đặc biệt, ngài thường đến thăm Grigori Stratiigios, vị thánh có khả năng tiên tri, và Christophoros, vị tu viện trưởng của "Làng Nhỏ" – đó là tên gọi của tu viện đó. Một lần, khi Thêôphan đi qua dãy núi Sigrian để thăm các ẩn sĩ, ông phải dừng chân lại ở một nơi. Lúc đó trời rất nóng, vì đang vào mùa gặt, nên Thêôphan và tất cả những người đi cùng đều khát nước dữ dội.

Nơi đó hoang vắng và không có nước. Khi ngày đã nghiêng về chiều, họ đành phải nằm xuống và nghỉ qua đêm tại đó. Lúc này, cả họ lẫn đàn gia súc đều kiệt sức vì khát. Thánh Theophanes, sau khi cầu nguyện, ngồi xuống dưới một ngọn đồi, với hy vọng chợp mắt một chút và xoa dịu cơn khát bằng giấc ngủ. Và ngay khi ngài vừa chợp mắt, bỗng nhiên một dòng suối nước sống tuôn chảy xuống trên đầu ngài và làm ướt người ngài. Như vậy, Chúa đã không bỏ rơi tôi tớ của Ngài, Đấng từng làm cho nước tuôn ra từ tảng đá cho dân Do Thái vô ơn; huống chi Ngài lại ban ơn làm điều này cho tôi tớ biết ơn của Ngài trong lúc khốn khó như vậy. Vị Thánh, bị đánh thức bởi tiếng ồn bất ngờ của dòng nước văng lên người, lập tức đứng dậy khỏi chỗ ngồi và gọi tất cả những người đi cùng. Mọi người tụ tập lại, đều ngạc nhiên trước phép lạ bất ngờ và đột ngột ấy, và ca ngợi Đức Chúa Trời. Không chỉ mọi người đã dập tắt cơn khát của mình, mà còn cho cả gia súc của họ uống nước.

Khi họ thức dậy vào ngày hôm sau, suối nước đã không còn nữa: nơi đó đã khô cạn, và thậm chí không còn dấu vết nào của nước trên đó.

Họ đặc biệt ngạc nhiên về điều đó và vì thế mà ngợi khen quyền năng kỳ diệu của Đức Chúa Trời, rằng khi mọi người đang khát và ở một vùng đất hoàn toàn khô cằn, Chúa đã làm cho suối nước tuôn trào, nhưng khi không còn cần nước nữa, Ngài đã làm cạn kiệt nguồn nước, qua đó rõ ràng cho thấy rằng ở mọi nơi, Chúa luôn sẵn sàng ban cho mọi điều cần thiết cho những ai trước hết tìm kiếm Nước Trời và sự công chính của Ngài (Mt 6:33).

Sau đó, Thêôphan đã ở lại Kizik một thời gian và, sau khi hoàn thành đúng đắn mọi mệnh lệnh của nhà vua tại đó, ngài trở về Constantinople.

Vào thời điểm đó, lời tiên tri của Thiên Thần Chúa và lời tiên tri của Thánh Grigori đã ứng nghiệm: vua Lêô Khazar, con trai của Kopronym và cháu nội của Lêô Isaurian, đã qua đời; cha vợ của Thêôphan cũng qua đời. Và ông, cũng như vị hôn thê thánh thiện của mình, đã trở nên tự do. Ngay lập tức, họ đã phân phát hết của cải và tài sản của mình như mong muốn. Sau đó, Theophanes đã cho vị hôn thê của mình xuất gia tại một tu viện nữ ở Bithynia[2337] , đồng thời hiến tặng cho tu viện này nhiều tài sản để lo cho cuộc sống của nàng; khi xuất gia, nàng được đặt tên là Irina. Trong đời tu, Irina đã làm đẹp lòng Chúa và thực hiện nhiều phép lạ, được Chúa ban cho ân sủng chữa lành bệnh tật và trừ tà. Về những phép lạ này, sau này Đức Thượng phụ Constantinople Methodius đã kể lại.

Sau khi người hôn thê đáng kính của mình, thiếu nữ Irina, được thụ giới, Thánh Theophanes đã phân phát phần còn lại của tài sản cho những người nghèo ở Constantinople và, chỉ giữ lại một ít tiền, ngài lên đường đến gặp vị thánh có khả năng tiên tri Grigori Stratigios đã được đề cập ở trên. Chính vị này đã cạo đầu cho Thánh Theophanes theo nghi thức tu sĩ. Tại đó, bằng số tiền còn lại, Thánh Theophanes đã xây dựng một tu viện cho vị tu sĩ cao niên này và sống cùng ngài trong một thời gian khá dài, trau dồi các đức hạnh tu hành.

Sau đó, theo lời khuyên của chính vị trưởng lão ấy, Thánh Theophanes đã lên hòn đảo có tên là Kalonimos[2338] ; trên hòn đảo này, Theophanes có một khu đất nhỏ còn lại từ cha mẹ, mà ông chưa kịp phân phát cho những người nghèo. Tại đó, ông đã xây dựng một tu viện, nơi ông chuyển toàn bộ các tu sĩ từ tu viện Theodora, được gọi là Monocheraria, đến; ông còn mời và bổ nhiệm cho họ một vị tu viện trưởng – một người kính Chúa và giàu kinh nghiệm. Riêng Thánh Theophanes thì tự giam mình trong phòng tu của mình và bắt đầu sao chép các cuốn sách, vì ông là một người chép sách tài ba. Ông bán những cuốn sách này và dùng số tiền thu được để nuôi sống không chỉ bản thân mà còn cả những người khác.

Vài năm sau, vị tu viện trưởng của tu viện đó qua đời, và các tu sĩ bắt đầu nài nỉ Thánh Theophanes rằng ngài hãy đồng ý trở thành tu viện trưởng của họ. Nhưng vị thánh không đồng ý và lại lên núi Sigrian; nhớ lại sa mạc nơi ngài đã được Thiên thần hiện ra khi đang đi thuyền đến Kizik, Thánh Theophanes đã đến đó và bắt đầu sống

---

[2337] Bithynia – tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á.

[2338] Đảo Kalonym hoặc Kalonimos (ngày nay là Kalomios, thời cổ đại là Besbikon) nằm đối diện với cửa sông Rindak, trên Biển Marmara.

trong sa mạc ấy, phụng sự Thiên Chúa. Chẳng bao lâu, Thánh Theophanes đã thu hút được nhiều tu sĩ ẩn tu sùng đạo đến sinh sống tại sa mạc đó, vì nhiều người bắt đầu tìm đến ngài và định cư xung quanh ngài, đến nỗi chẳng bao lâu sau, nhu cầu thành lập một tu viện đã nảy sinh.

Trong sa mạc này có một khu đất thuộc sở hữu của một người nông dân; nơi này được gọi là "Làng Lớn". Thánh Theophanes đã gửi người đến nhờ những người quen của mình và mượn tiền từ họ, sau đó mua lại nơi này và xây dựng tu viện tại đây nhờ sự giúp đỡ của Chúa, Đấng ban cho chúng ta mọi điều cần thiết theo sự an bài thiêng liêng của Ngài. Chẳng bao lâu sau, vị thánh đã trả lại số tiền đã mượn, và trong tu viện của mình, ngài có đủ mọi thứ cần thiết để nuôi sống cộng đoàn tu sĩ đã tụ họp về với ngài.

Thánh Theophanes không thể không nhận chức vụ Bề trên tại tu viện của mình, vì tất cả các tu sĩ ẩn dật đều khẩn khoản thỉnh cầu ngài điều đó, và điều đó cũng là điều cần thiết.

Khi trở thành vị trụ trì, Thánh Theophanes đã trở thành người lãnh đạo đúng như những gì Chúa Kitô đã dạy trong Phúc Âm: *"Ai trong các con muốn làm người lớn, thì hãy làm đầy tớ cho các con; ai trong các con muốn làm người đầu tiên, thì hãy làm tôi tớ cho các con"* (Mt 20:26–27). Thánh Bề trên Theophanes tự tay làm việc, phục vụ mọi người, vì lúc bấy giờ Chúa đã ban cho ngài sức mạnh thể chất dồi dào, và ngài tham gia vào mọi công việc của tu viện nhiều hơn ai hết, đồng thời là tấm gương về lối sống đạo đức và cần cù cho tất cả mọi người.

Vào thời điểm đó, cụ thể là dưới triều đại của Constantine, con trai của Leo và cháu nội của Copronymus, dưới sự bảo trợ của người mẹ đạo đức Irina và dưới sự lãnh đạo của Đức Thượng phụ Thánh Tarasius của Constantinople, Công đồng Đại kết lần thứ VII đã được triệu tập tại Nicaea để chống lại những kẻ chống thánh tượng[2339] . Tại công đồng này, Giáo hội thánh thiện đã lên án tà thuyết chống thánh tượng, và việc tôn kính các thánh tượng một cách thành kính đã được khôi phục trở lại. Vị tu sĩ đáng kính Theophanes, Bề trên tu viện Veliko Selo ở Sigrian[2340] , cũng được mời tham dự công đồng này. Khi khẳng định đức tin chân chính tại Công đồng này, Thánh Theophanes đã tỏa sáng như một ngôi sao rực rỡ giữa các vị Thánh Phụ. Sự hiện diện của ngài tại Công đồng đã mang lại nhiều lợi ích cho nhiều người; trong khi nhiều người khoe khoang với trang phục lộng lẫy, xe ngựa và ngựa đẹp, ngài lại đến đó trên lưng một con lừa gầy gò, mặc quần áo cũ kỹ và những mảnh vải vá chằng vá đụp. Tất cả những ai biết về cuộc đời trước đây của ngài, khi ngài còn giàu có, quý tộc, thân cận với hoàng đế và là một trong những thành viên của Hội đồng Thượng viện, đều cảm động khi thấy ngài sống trong sự khiêm nhường và nghèo khó như vậy, và mọi người đều học được bài học rằng vì Chúa, người ta có thể khiêm nhường và trở nên nghèo khó đến mức đó, và coi mọi thứ trên đời này như hư vô.

Khi Đại hội Thánh kết thúc, vị thánh trở về tu viện của mình, mang theo những giáo lý chính thống của đức tin thánh thiện, đã được xác nhận tại Đại hội Toàn cầu này, như một món trang sức quý giá nhất cho tu viện của ngài. Tại đây, Thánh Theophanes tiếp tục thực hành những việc đạo đức thường lệ của mình, soi sáng bằng gương sống đạo đức không chỉ cho tu viện của ngài mà còn cho cả vùng lân cận; danh tiếng về ngài lan truyền khắp nơi, và mọi người đều tôn vinh Cha Trên Trời vì ngài. Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, ngài đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ: ngài chữa lành bệnh tật và trừ quỷ khỏi con người. Một lần nọ, khi vị thánh đang ngủ, một con quỷ nảy sinh ý định tấn công ngài; hóa thân thành một con lợn rừng, nó bắt đầu cắn ngón tay cái của vị thánh, khiến ngài đau đớn vô cùng. Ngay lập tức tỉnh giấc, Thánh Theophanes nhận thấy trên ngón tay mình những vết răng của kẻ thù, vốn muốn cắn đứt hẳn ngón tay ấy, và vết thương này gây ra cơn đau dữ dội cho ngài. Nhưng ngài đã lấy dầu thánh từ Cây Thập Tự Sống Lại mà ngài đang giữ, xức lên ngón tay bị thương và ngay lập tức được chữa lành. Kể từ đó, sau khi có được quyền năng trên các quỷ dữ, Thánh Theophanes đã dùng lời nói của mình để trừ tà khỏi những người đau khổ được đưa đến với ngài.

Một lần nọ, khi đang đi thuyền, vị thánh cha này đã làm dịu cơn bão. Đối với những người lữ hành và người nghèo đến tu viện của ngài, ngài đã phân phát bánh mì và thức ăn khác một cách dồi dào, và bánh mì không hề cạn kiệt – giống như cách tiên tri Ê-li đã làm với thùng bột của người góa phụ mà ngài đang ở cùng (3 Vua 7:16).

[2339] Nữ hoàng thánh Irina, vợ của Leo Khazar, ban đầu, sau khi chồng qua đời, đã cai trị đế quốc thay cho con trai mình – Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus (780–792) – do con trai còn nhỏ tuổi, trước tiên là nhân danh con trai, sau đó là nhân danh chính mình (797–802) – Thánh Tổng Giám mục Tarasius từ năm 784 đến năm 806 (ngày kỷ niệm của ngài là ngày 25 tháng 2). Công đồng Đại kết lần thứ VII, đã chính thức công nhận việc thờ phượng các bức tượng thánh, được triệu tập vào năm 787.

[2340] Tu viện Sigrian nằm cách Kizik và biển 22.000 bước chân. – Làng Lớn (Megagrit – Μέγας Αγρός) nằm trong cùng khu vực; một tu viện khác là Làng Nhỏ, nơi Thánh Christopher làm tu viện trưởng.

Một lần nọ, người quản lý kho bắt đầu phàn nàn với vị thánh vì ngài phân phát bánh mì cho những người nghèo, trong khi đó lại thiếu bánh mì cho cả những người sống trong tu viện. Lúc đó, Thánh Theophanes ra lệnh cho anh ta đếm và đo đạc tất cả những gì có trong kho, và hóa ra chẳng thiếu thứ gì; toàn thể cộng đoàn đã ngợi khen Thiên Chúa vì điều này, còn người quản kho từng phàn nàn kia thì quỳ gối xuống và xin Thánh nhân tha thứ.

Khi đã bước sang tuổi năm mươi, Thánh Phêôphan mắc bệnh sỏi thận và phải chịu đựng những cơn đau dữ dội. Kể từ đó, ngài dành phần đời còn lại trên giường bệnh; người từng dùng lời cầu nguyện để chữa lành bệnh tật cho người khác lại không cầu xin Chúa chữa lành căn bệnh của chính mình, mà chịu đựng nó với lòng biết ơn. Chính trong cơn bệnh này, giờ phút ra đi như một vị tử đạo đã đến với ngài, theo lời tiên tri của vị trưởng lão có tầm nhìn xa trông rộng Grigori, người đã thì thầm vào tai vị hôn thê của ngài – một trinh nữ thánh thiện – rằng đến lúc đó, vị hôn phu của cô cũng sẽ nhận được vương miện tử đạo.

Nhiều năm sau, khi vị tu sĩ đã về già và đã có vài vị hoàng đế Hy Lạp kế vị (bởi sau hoàng đế Constantine nói trên, người trị vì cùng với mẹ mình là Irina, thì Nikiforos đã lên ngôi hoàng đế cùng với con trai mình là Stavrikios, và sau họ là hoàng đế Michael Kouropalates), – chính sau những vị hoàng đế này, Lê-vê người Armenia[2341] đã tiếp nhận quyền trượng của vương quốc Hy Lạp. Vị hoàng đế này đã khởi xướng tà thuyết chống thánh tượng. Ông đã gây rối loạn nghiêm trọng cho Giáo hội của Chúa Kitô, khi truất phế Thánh Tổng Giám mục Nikiforos cùng các môn đệ của ngài[2342] khỏi ngai tòa; còn nhiều Kitô hữu khác, ông đã trực tiếp tra tấn và giết hại chỉ vì họ tôn kính các thánh tượng.

Nhà sử học Giáo hội Georgy Kedrin[2343] viết về Thánh Theophanes như sau. Khi Thượng phụ Nikiforos của Constantinople đang trên đường đi biển để bị lưu đày và con tàu đi ngang qua khu vực nơi tu viện của Thánh Theophanes tọa lạc, thì ngài đã nhận ra điều này bằng đôi mắt tâm linh sáng suốt của mình; ông đã ra lệnh cho đệ tử mang than hồng trong lư hương đến, đặt nhang lên đó và, sau khi bảo thắp nến, ông cúi đầu chạm đất, như thể đang trò chuyện với ai đó đi ngang qua. Lúc đó, đệ tử hỏi Thánh Feofan:

– Thưa Cha, Cha đang làm gì vậy, và sau khi cúi đầu, Cha đang trò chuyện với ai vậy!

Vị thánh nhân đáp:

– Đây là Đức Thượng phụ Nikifor, người đã bị lưu đày vì giữ vững đức tin, đang trên đường đi lưu đày và hiện đang đi thuyền qua đất nước chúng ta. Vì ngài mà con đã thắp nến và hương, để chúng ta có thể bày tỏ sự kính trọng xứng đáng đối với Đức Thượng phụ.

Đức Thượng phụ Nikifor, người đang đi trên con tàu, đã nhận ra điều này, vì ngài đột nhiên quỳ gối, đáp lại vị thánh nhân bằng một cái cúi đầu và giơ tay lên ban phước lành cho ngài. Một tu sĩ đi cùng Đức Thượng phụ đã hỏi ngài:

– Ngài đang ban phước cho ai vậy, thưa Đức Thánh Cha, và ngài quỳ trước ai vậy?

Đáp lại, Đức Thượng phụ Nikifor nói:

– Vừa rồi, vị tu sĩ xưng tội Theophanes, vị tu viện trưởng của Làng Lớn, đã chào đón chúng ta bằng những ngọn nến thắp sáng và hương trầm; tôi cũng đã cùng ông ấy cúi đầu chào nhau; bởi vì ông ấy, giống như chúng ta, cũng sẽ phải chịu đau khổ trong thời gian sắp tới.

Tất cả những điều này chẳng bao lâu sau đã trở thành sự thật.

Một thời gian ngắn sau, vị vua độc ác Lê-vê người Armenia, với ý định dụ dỗ vị tu sĩ thánh thiện Thê-ô-phan đồng lòng với mình, đã cử sứ giả đến gặp ngài và long trọng mời ngài đến Constantinople; đồng thời, ông ta đã viết thư cho ngài một cách xảo trá như sau: “Sắp tới, ta sẽ phải đối mặt với cuộc chiến chống lại những kẻ vô đạo, nhưng trước khi ra trận, ta cần được trang bị bằng những lời cầu nguyện của ngài; vậy nên, thưa cha đáng kính, xin đừng từ chối đến với chúng ta.”

Thánh Theophanes, dù đã nhận ra sự xảo trá của nhà vua và lúc đó đang mắc phải một căn bệnh nặng, nhưng vẫn quyết định lên đường để chịu khổ vì đức tin chân chính. Lên thuyền, vị thánh nhanh chóng đến

---

[2341] Hoàng đế Lêô người Armenia trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[2342] Thánh Tổng Giám mục Nikiforos lãnh đạo Giáo hội Constantinopolis từ năm 806 đến năm 815; ngài qua đời trong cảnh bị giam cầm vào năm 828; ngày tưởng niệm ngài được cử hành vào ngày 13 tháng 3 và ngày 2 tháng 6. Theodoros Studites – vị trụ trì của Tu viện Studion nổi tiếng, ngày tưởng niệm ngài được cử hành vào ngày 11 tháng 11.

[2343] Georgi Kedrin – nhà văn Byzantine vào cuối thế kỷ XI hoặc đầu thế kỷ XII, tác giả của tác phẩm được gọi là *synopis istorion*. Tác phẩm của ông bắt đầu từ khi thế giới được tạo dựng và bao quát lịch sử Do Thái, La Mã và Byzantine cho đến khi Isaac Komnenos lên ngôi (năm 1057).

Constantinople, nhưng ở đó ngài không được dẫn vào gặp vua, vì nhà vua cảm thấy xấu hổ và sợ những lời vạch trần của Thánh Theophanes. Tuy nhiên, ông đã cử các quan đại thần của mình đến gặp Thánh Theophanes tại , nhằm dụ dỗ ngài theo tà đạo bằng những lời hứa ngọt ngào.

– Nếu, – nhà vua nói qua họ với vị thánh nhân, – ngài đồng lòng với chúng tôi, tôi sẽ xây dựng tu viện của ngài bằng những tòa nhà đá cao lớn và làm cho nó trở nên giàu có về mọi mặt; và ngài sẽ được tôi tôn vinh hơn tất cả mọi người, cũng như tất cả những người thân cận của ngài, tôi sẽ ban cho họ những chức tước cao quý.

Tuy nhiên, bên cạnh những lời hứa đó, nhà vua còn kèm theo lời đe dọa:

– Còn nếu ngươi, – ông tiếp tục, – chống đối chúng ta, thì chính ngươi sẽ phải gánh chịu sự ô nhục lớn lao.

Trước điều đó, Thánh Theophanes đã trả lời nhà vua qua những sứ giả:

– Ta không mong muốn bất cứ điều gì từ của cải trần gian này: nếu khi còn trẻ, vì tình yêu dành cho Chúa Kitô, ta đã từ bỏ tất cả vàng, bạc và mọi tài sản mà ta từng có, thì làm sao khi về già ta lại thèm muốn chúng? Chớ để điều đó xảy ra. Còn về tu viện và các anh em của ta, chính Chúa sẽ lo liệu, hơn cả các vị vua và hoàng tử trần gian. Vậy thì, thưa bệ hạ, tại sao ngài lại dọa nạt tôi bằng lời đe dọa của ngài, như thể tôi là một đứa trẻ nhỏ bị đánh bằng roi vậy! Hãy chuẩn bị hình phạt cho tôi, hãy đốt lửa lên, và dù tôi không thể đi lại vì bệnh tật, như ngài thấy đây, nhưng vì đức tin chân chính, tôi sẽ lao mình vào ngọn lửa.

Sau khi nghe những lời thánh nhân nói với sự can đảm phi thường ấy, các sứ giả liền trở về báo lại với nhà vua và truyền đạt tất cả những điều đó cho ngài. Nhà vua, ngạc nhiên trước sự can đảm chưa từng có ấy, đã ra lệnh cho một nhà biện luận tên là Gioan – một pháp sư xảo quyệt và kẻ dị giáo – đến gặp vị thánh nhân để trò chuyện với ngài; nhưng trước những lời được Thánh Thần soi dẫn của vị thánh nhân, hắn dường như câm lặng và bị ngài đánh bại, rồi trong sự xấu hổ, hắn quay trở về báo cáo với nhà vua đã cử hắn đi.

Lúc bấy giờ, nhà vua, tràn đầy cơn giận dữ, đã ra lệnh giam vị thánh Theophanes vào một căn phòng tối tăm và chật hẹp thuộc cái gọi là "Phòng Eleutherius" và bố trí lính canh canh giữ ngài. Trong nơi giam cầm u ám ấy, vị thánh, lúc này đã cao tuổi và ốm yếu, đã trải qua hai năm; tại đây, mỗi ngày người ta luân phiên dùng lời ngọt ngào rồi lại đe dọa để lôi kéo ngài vào chủ nghĩa bài tượng, và những kẻ dị giáo độc ác được cố ý cử đến đã chế nhạo và vu khống ngài. Một lần nọ, khi nhà vua cử sứ giả của mình đến gặp vị thánh với thái độ thân thiện, mong ngài ký vào sắc lệnh lật đổ các bức tượng, Thánh Theophanes đã trả lời:

– Hỡi hoàng đế, hãy nhận biết Đấng đã ban cho ngài vương quốc, Đấng mà nhờ Ngài mà các vị vua trị vì, và những kẻ hành hạ cũng thống trị trên đất. Hãy nhận biết – ta nói với ngài – rằng Chúa, dù không thể diễn tả được, đã thương xót hiện ra trước mắt chúng ta và, khi nhận lấy bản tính loài người, đã trở nên giống chúng ta về mọi mặt, trừ tội lỗi; và bằng bản tính ấy, đã được thần hóa trong chính Ngài, Ngài đã làm cho người chết sống lại, ban ánh sáng cho người mù, thanh tẩy người phong cùi và thực hiện nhiều phép lạ khác nữa. Bằng bản tính con người ấy, Ngài đã tự nguyện chịu chết dưới tay người Do Thái, vào ngày thứ ba đã sống lại, trong vinh quang lên trời và từ đó không bao giờ xa cách Cha nữa. Phúc Âm dạy chúng ta về bản tính con người này nơi Đức Kitô; vì thế, chúng ta đón nhận cuốn sách Phúc Âm này với lòng kính sợ, tin tưởng vào mọi điều được ghi chép trong đó, vào mọi việc kỳ diệu của Đức Kitô – đến nỗi trong Phúc Âm, chúng ta như thể tôn kính chính Ngài vậy. Và nếu chúng ta không bị lên án vì tin vào những việc làm của Chúa Kitô được mô tả bằng lời, thì tại sao chúng ta lại bị lên án khi tiếp nhận và tôn kính chính câu chuyện Phúc Âm đó, chỉ là được thể hiện qua các bức tranh thánh? Ngay cả những người ngoại đạo, nhờ các bức tranh thánh, đã dễ dàng nhận biết toàn bộ cuộc đời của Chúa Kitô trên trần gian cùng với loài người và tất cả những việc làm kỳ diệu của Ngài. Và biết bao người không biết chữ, khi chiêm ngưỡng những phép lạ của Chúa Kitô và cái chết tự nguyện của Ngài được khắc họa trên các bức tranh thánh, đã tôn vinh Chúa, Đấng đã chịu khổ vì chúng ta? Nhưng anh, khi từ chối các bức tranh thánh, hắn đã ghen tị với sự cứu rỗi của họ. Và có hội đồng nào từng coi việc tôn kính các bức tranh thánh là tội lỗi và sự phạm thánh? Chẳng phải chính Chúa Kitô đã sai hình ảnh khuôn mặt của Ngài, được tạo ra không do bàn tay con người, đến để chữa lành cho vua Avgar của Edessa sao?[2344] ? Và chẳng phải thánh tông đồ Luca đã để lại cho chúng ta bức thánh tượng Đức Trinh Nữ Maria được vẽ bằng nhiều màu sắc rực rỡ sao?[2345] ? Ở đây không có gì trái với truyền thống và giáo huấn của các vị

[2344] Trong thời gian Chúa Giêsu Kitô còn tại thế, tại thành phố Edessa, thuộc Mesopotamia, có một vị công tước tên là Avgar, người đang mắc bệnh phong. Nghe tin Chúa Giêsu Kitô có thể chữa lành mọi bệnh tật, Avgar đã gửi một lá thư đến Ngài qua họa sĩ Ananias, trong đó xin Ngài đến Edessa để chữa lành cho ông. Chúa đã trả lời rằng Ngài không thể đến với ông, nhưng sau khi hoàn thành công việc của Ngài trên đất, Ngài sẽ sai một trong các môn đệ của Ngài đến với ông, và người đó sẽ chữa lành cho ông. Sau đó, Chúa rửa mặt và lau khô bằng một chiếc khăn. Lúc đó, hình ảnh khuôn mặt của Chúa hiện lên trên chiếc khăn thánh này. Avgar nhận lấy và hôn lên nó, rồi cảm thấy

Thánh Tổ: Thánh Basil Đại Đế, người đã thâm nhập vào những Mầu Nhiệm không thể diễn tả, đã nói rằng sự tôn kính dành cho bức tượng thánh bắt nguồn từ những gì được miêu tả trên đó. Cũng vậy, Thánh Gioan với đôi môi vàng ngọc đã thốt lên: "Tôi yêu cả hình ảnh được tạc từ sáp"[2346] . Còn Thánh Cyril[2347] – người được ví như cây đàn của Thánh Thần – đã nói: "Khi thường xuyên chiêm ngưỡng hình ảnh về Cuộc Khổ Nạn của Chúa Kitô trên bức tượng thánh, tôi không thể đi qua bức tượng thánh này mà không rơi lệ". Vậy thì, nếu sáu Công đồng Đại kết đầu tiên, diễn ra trước Công đồng thứ bảy, không cấm việc tôn kính các bức thánh tượng, đồng thời bày tỏ lòng kính trọng đối với những nhân vật và sự kiện được khắc họa trên đó, thì ngài có nghĩ mình khôn ngoan hơn họ chăng! Việc của ngài, thưa hoàng đế, là tiến hành chiến tranh chống lại các dân tộc ngoại bang; còn việc nghiên cứu các giáo lý và luật lệ của Giáo hội thì thuộc về các vị thánh phụ, chứ không phải các vị vua.

Sau khi đọc bức thư của vị thánh phụ này, nhà vua tràn ngập cơn thịnh nộ không thể tả xiết; ngài lập tức cử một quan đại thần tàn bạo của mình đến xứ Sigrian để tàn phá tu viện của Thánh Theophanes, được gọi là "Làng Lớn", và thiêu rụi nó hoàn toàn; còn các môn đệ của ngài, sau khi đánh đập không thương tiếc, thì đuổi đi tứ tán. Còn một sứ giả khác, cũng hung ác không kém, nhà vua đã cử đến gặp vị thánh phụ Theophanes, người đã bị giam cầm trong ngục tối u ám của lâu đài Eleftheriou[2348] suốt hai năm qua.

Sứ giả này đã lột sạch quần áo của vị thánh già, người vốn đã kiệt sức vì nhịn ăn và bệnh tật kéo dài, rồi đánh ông không thương tiếc bằng dây da bò vào lưng và bụng; sau khi đánh ông ba trăm roi và nhốt ông trở lại ngục tối, hắn bỏ đi.

Sáng hôm sau, theo lệnh của nhà vua, tên tra tấn này lại đến gặp vị thánh; sau khi dẫn ngài ra khỏi ngục tối, hắn lại đánh ngài một cách tàn nhẫn. Sau đó, Thánh Theophanes bị đày đến đảo Samothrace[2349] . Vị thánh đã tiên đoán trước điều này bằng đôi mắt sáng suốt của mình và đã nói với người trợ tá phục vụ ngài vài ngày trước đó rằng họ sẽ bị đày đến hòn đảo này. Chỉ sau hai mươi ba ngày sống tại nơi này, vị thánh tử đạo vì sự lưu đày trần thế, được trang hoàng bằng vương miện của sự chịu khổ vì đức tin, đã về với quê hương thiên đàng[2350] , và thi hài thánh thiện của ngài được an táng tại đó trong một quan tài gỗ. Chúa đã tôn vinh vị thánh trung thành của Ngài không chỉ khi ngài còn sống, mà cả sau khi ngài qua đời: Ngài đã ban cho thi hài thánh của ngài sức mạnh chữa lành, và nhiều người bệnh, chỉ cần chạm vào quan tài của ngài, đã được chữa lành.

Sau khi vị vua độc ác Lê-vơ người Armenia bị giết, các môn đệ bị trục xuất của Thánh Theophanes lại trở về núi Sigrian và trùng tu tu viện đã bị thiêu rụi. Tại đây, họ đã rước thi hài thánh của vị cha đáng kính Theophanes từ đảo Samothrace về và với lòng tôn kính, đặt chúng trong nhà thờ; từ đó, vô số phép lạ đã xảy ra – để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, muôn đời. Amen[2351] .

Bài ca Kondak, giọng 2:

Nhận được sự mặc khải thiêng liêng từ trên cao, ngài đã cẩn trọng rời xa những ồn ào của đời thường và, khi sống ẩn dật, hỡi vị thánh đáng kính, ngài đã nhận được quyền năng làm phép lạ và phẩm giá của lời tiên tri, đồng thời từ bỏ của cải và người vợ.

---

bệnh tình thuyên giảm đáng kể. Sau khi Chúa thăng thiên lên trời, thánh Phaddeus, một trong 70 tông đồ, đã đến gặp Avgar và chữa lành hoàn toàn bệnh phong hủi cho ông. Người dân Edessa cùng với vị hoàng tử đã nhận phép rửa tội từ vị tông đồ, còn tấm khăn thánh được treo trên tường phía trên cổng chính của thành phố, nơi nó được lưu giữ cho đến năm 944, khi được chuyển từ Edessa đến Constantinople; sự kiện chuyển giao này được kỷ niệm vào ngày 16 tháng 8.

[2345] Theo truyền thuyết, Thánh Tông đồ và Nhà truyền giáo Luca là một họa sĩ và, với sự cho phép của Đức Mẹ, ngài đã vẽ một số bức tranh thánh về Mẹ (xem tiểu sử của ngài, ngày 18 tháng 10).

[2346] Ngày kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 13 tháng 11 và 30 tháng 1.

[2347] Ngày tưởng niệm Thánh Cyril được tổ chức vào ngày 18 tháng 1.

[2348] Lâu đài (hay cung điện) Eleutherius tọa lạc tại khu vực của Constantinople, nơi hiện nay là Seraglio (cung điện của Sultan Thổ Nhĩ Kỳ).

[2349] Samophrakia là một hòn đảo trên Biển Aegean, cách bờ biển Thrace 5,5 dặm.

[2350] Thánh Theophanes qua đời vào khoảng năm 818.

[2351] Thánh Theophanes để lại tác phẩm "Chronographia", trong đó ngài mô tả các sự kiện của Giáo hội từ năm 285 đến năm 813.

Cuộc đời thánh của Cha chúng ta Grigorius Dvoeslov, Giáo hoàng Rôma

Ngày kỷ niệm: 12 tháng 3

Thánh Grêgôriô, Giáo hoàng Rôma[2352] , được gọi là "Người nói hai lời" hay "Nhà hùng biện"[2353] vì những bài diễn thuyết hùng hồn của ngài, sinh ra tại thành phố Rôma. Cha ngài tên là Gordian, còn mẹ là Thánh nữ Silvia – cả hai đều xuất thân từ dòng dõi thượng nghị sĩ, quý tộc và giàu có.

Tuy nhiên, dòng dõi của Thánh Grêgôriô này không chỉ cao quý vì xuất thân từ gia đình thượng nghị sĩ, mà còn bởi những con người đạo đức và thánh thiện có quan hệ họ hàng với ngài. Chẳng hạn, Đức Thánh Cha Phê-li-x[2354] là ông nội của Grêgôriô "Người Nói Hai Lời"; Thánh Tarsilla, người đã được chiêm ngưỡng Chúa Giêsu đang đến với mình khi lâm chung, và Thánh nữ Emiliana, người đã cùng với Tarsilla được hưởng sự sống vĩnh cửu trên trời, là các dì của Grigori; cũng như Sylvia, mẹ của vị thánh, đã được Giáo hội Rôma phong thánh.

Nhưng người đã làm rạng rỡ dòng dõi thánh thiện này hơn cả chính là Thánh Grigori, người từ thuở thiếu thời đã nỗ lực tu dưỡng đức hạnh trong cuộc sống phụng sự Thiên Chúa. Từ khi còn nhỏ, ngài đã yêu thích việc đọc sách, và sau này trở thành một học giả và nhà hùng biện lừng lẫy; ngài là người tràn đầy trí tuệ và ý định tốt lành, chính vì thế mà ngài được bầu làm quan praetor[2355] . Tuy nhiên, những suy nghĩ và khát vọng của Grigori không hướng nhiều đến đời sống trần thế, mà chủ yếu hướng đến đời sống thiêng liêng: ngài mong muốn trở thành một tu sĩ. Nhưng khi cha mẹ còn sống, vị thánh tương lai đã hoãn việc xuất gia của mình lại cho đến thời điểm thuận lợi hơn, mặc dù ngay cả khi còn sống trong thế gian, ngài cũng sống như một tu sĩ, giữ trọn sự trinh khiết.

Khi cha của Grigori qua đời, ông bắt đầu dùng khối tài sản khổng lồ còn lại để bố thí và xây dựng các tu viện thánh, bệnh viện và nhà trọ cho khách lữ hành. Chẳng hạn, tại Sicily[2356] , ngài đã xây dựng sáu tu viện, trang bị đầy đủ mọi thứ cần thiết cho chúng; còn tại Rome, ngài đã thành lập một tu viện để tôn vinh Thánh Tông đồ Anrê; tu viện này được ngài khởi xướng ngay tại chính ngôi nhà riêng của mình, nằm gần nhà thờ các Thánh Tử đạo Gioan và Phaolô, bên sườn núi có tên là "Square"[2357] . Sau khi xuất gia tại đây, Grigori đã cởi bỏ bộ quần áo thế tục dệt bằng vàng của mình và khoác lên mình áo tu sĩ bằng lông cừu, dưới sự hướng dẫn của các vị trưởng lão giàu kinh nghiệm là Ilarion và Maximian; và sau một thời gian, ngài trở thành vị trụ trì của tu viện đó[2358] .

Còn Thánh nữ Silvia, mẹ của Thánh Grigori, lúc bấy giờ sống gần Cổng Thánh Phaolô; trong khi phụng sự Chúa, bà dành thời gian cho việc ăn chay và cầu nguyện, ngày đêm "phục vụ trong nhà Chúa"[2359] . Thức ăn của bà là rau xanh tươi, thứ mà bà gửi cho con trai mình – Thánh Grigori – mỗi ngày. Còn đối với những người nghèo khó và khốn cùng, bà lại vô cùng nhân từ, đến nỗi đã phân phát cho họ gần như toàn bộ tài sản của mình.

Con trai bà, Thánh Grigori, cũng rất yêu thương người nghèo, đến nỗi không tiếc một thứ gì, dù là thứ cuối cùng, mà ngay lập tức chia sẻ tất cả cho những ai xin ông.

Một lần nọ, khi ngài đang ngồi trong phòng tu của mình và như thường lệ đang chép lại các cuốn sách, thì có một người ăn xin đến gặp ngài (đó chính là Thiên Thần của Chúa hiện thân dưới hình dạng người ăn xin) và nói với ngài:

[2352] Danh hiệu "Giáo hoàng" (tiếng Hy Lạp: pappas – cha) cho đến cuối thế kỷ V được dùng như một danh hiệu tôn kính dành cho tất cả các giám mục; từ cuối thế kỷ V, danh hiệu này chủ yếu chỉ dành cho Tổng giám mục Rôma, và từ năm 1075 – chỉ dành riêng cho ngài.

[2353] Thánh Grêgôriô Cả được gọi là "Người Đối Thoại" (người trò chuyện, người đối thoại) nhờ tác phẩm "Các Cuộc Đối Thoại về Cuộc Đời và Các Phép Lạ của Các Vị Cha Ý".

[2354] Thánh Giáo hoàng Felix III lãnh đạo Giáo hội từ năm 483 đến năm 492.

[2355] Praetor (tiếng Latinh: praetor) là tên gọi của một chức sắc La Mã, người được giao phó quyền tư pháp tối cao.

[2356] Sicily – một trong những hòn đảo lớn nhất của Địa Trung Hải, thuộc Vương quốc Ý; hòn đảo này được ngăn cách với lục địa bởi eo biển Messina.

[2357] Nằm gần đồi Celio.

[2358] Vào thời điểm đó, Giáo hoàng Paschalis II đã phong chức phó tế cho Grigorius, bất chấp sự miễn cưỡng của ông – vào năm 577. Năm sau, ngài cử ông đến Constantinopolis với tư cách là sứ giả (apocrisarius) – một phần để giải quyết vụ việc liên quan đến vị Giáo hoàng mới Pelagius, một phần để xin sự trợ giúp cho Roma chống lại người Longobard. Trong thời gian lưu lại tại Constantinopolis, Grigorius đã nỗ lực thu thập thông tin chính xác về các nghi lễ của Giáo hội Đông phương, nơi mà sau thời các Tông đồ đã có biết bao bậc tín hữu vĩ đại. Cũng trong thời gian này, ngài bắt đầu tác phẩm nổi tiếng của mình là "Bình luận về Sách Gióp hay Ba mươi lăm quyển về đạo đức". Năm 585, Grigori trở về Rome và được bầu làm viện trưởng tu viện do chính ngài thành lập.

[2359] Cụm từ này được trích từ Thi thiên 83:11. "*Приметаться*" có nghĩa là nằm ở ngưỡng cửa, tìm chỗ trú ẩn ở đâu đó.

– Xin thương xót tôi, tôi tớ của Thiên Chúa trên cao! Khi còn là thuyền trưởng, tôi đã đánh mất trên biển không chỉ những gì thuộc về mình, mà cả của người khác nữa.

Thánh Grigori, người yêu thương người nghèo và là tôi tớ chân chính của Chúa Kitô, cảm động trước hoàn cảnh của người ấy, đã gọi một tu sĩ phục vụ ngài và ra lệnh trao cho người đó sáu đồng vàng[2360] ; và người ăn xin, sau khi nhận lấy, đã ra đi.

Cùng ngày hôm đó, vài giờ sau, người ăn xin ấy lại đến gặp vị thánh và nói với ngài:

– Xin thương xót con, tôi tớ của Chúa, con đã mất mát quá nhiều, mà ngài lại cho con quá ít.

Thánh Grêgôriô lại gọi người anh em phục vụ ngài đến và nói với anh ta:

– Anh em ơi, hãy đi và đưa cho người ăn xin thêm sáu đồng vàng nữa.

Người anh em đó đã làm theo, và ngày hôm đó, người ăn xin đã nhận được mười hai đồng vàng từ Thánh Grigoriô, rồi rời đi.

Một thời gian sau, người ăn xin lại đến gặp Thánh Grigori lần thứ ba và khẩn cầu ngài:

– Xin cha thương xót con, và ban cho con thêm từ lòng hào phóng của cha, vì con đã làm mất rất nhiều của cải của người khác trên biển.

Lúc đó, Thánh Grigori lại nói với người hầu của ngài:

– Hãy đi, anh em, và cho người đang xin thêm sáu đồng vàng nữa. Nghe vậy, người anh em ấy đáp:

– Xin cha tin con, thưa cha đáng kính, là chúng con không còn một đồng vàng nào cả.

Nhưng Thánh Grigori nói với anh ta:

– Anh có thể cho người ấy thứ gì khác không: một bộ quần áo nào đó hay một cái bình nào đó?

– Tôi chỉ có một chiếc đĩa bạc, – người anh em đáp, – chính là chiếc đĩa bạc mà mẹ ngài đã gửi cho ngài món sochivo ngâm chua.

– Hãy đi đi, anh em, – vị thánh Grigori bấy giờ nói, – và hãy trao cả chiếc đĩa đó cho người ăn xin, để anh ta không phải ra về trong buồn bã, vì anh ta đang tìm kiếm sự an ủi trong nỗi khổ của mình.

Người nghèo đó, sau khi nhận chiếc đĩa bạc, vui mừng rời khỏi vị thánh, và rõ ràng là anh ta không còn đến xin bố thí từ Grigory với tư cách một người ăn xin nữa, nhưng vô hình trung, anh ta luôn ở bên cạnh ngài, bảo vệ ngài và giúp đỡ ngài trong mọi việc. Bởi vì Thiên Thần của Chúa đã được sai đến bên vị thánh với sức mạnh của ân sủng kỳ diệu, nhờ đó Thánh Grigoriô sau này đã trở nên nổi tiếng, thực hiện những phép lạ vĩ đại trong tu viện của mình.

Sau khi Pelagius, Giáo hoàng Rôma[2361] , qua đời, mọi người đã nhất trí bầu Thánh Grigorius, vị tu viện trưởng Tu viện Thánh Anrê, lên ngai tòa; nhưng ngài, vì muốn tránh chức tước và vinh dự quá lớn lao ấy, đã bỏ trốn khỏi thành phố và ẩn náu ở những nơi hoang vắng. Khi tìm kiếm vị mục tử Grigoriô của mình mà không thấy, dân chúng Rôma chìm trong nỗi buồn sâu sắc; và tất cả đều sốt sắng cầu nguyện cùng Thiên Chúa – xin Ngài cho họ được gặp lại người tôi tớ của Ngài. Và rồi một cột lửa xuất hiện, ai nấy đều nhìn thấy, hạ xuống nơi Thánh Grigori đang ẩn náu, trên một ngọn núi hoang vắng nào đó. Lúc đó, mọi người đều nhận ra rằng cột lửa từ trời ấy xuất hiện là vì Thánh Grigori. Ngay lập tức, tất cả đều lên đường đến nơi đó, nơi họ tìm thấy Grigori và với niềm vui khôn tả, họ đưa ngài về, dù ngài không hề mong muốn điều đó.

Dưới triều đại của Hoàng đế Mauritius[2362] , Thánh Grigorius được bổ nhiệm làm Giáo hoàng của La Mã cổ đại[2363] : Tại đây, ngài đặc biệt nổi tiếng nhờ lòng từ bi vô bờ bến dành cho những người nghèo khổ, những người mồ côi và các góa phụ. Ngài đã xây dựng các nhà trọ và trại tạm trú cho người nghèo không chỉ ở La Mã mà còn ở các thành phố khác. Tại Jerusalem, Thánh Grigoriô đã cố ý cử Abba Prova đi cùng một số tiền lớn để ông này

---

[2360] Zlatitsa – vàng, đồng vàng.

[2361] Đức Giáo hoàng Pelagius II lãnh đạo Giáo hội Rôma từ năm 578 đến năm 590.

[2362] Hoàng đế Mauricius trị vì từ năm 582 đến năm 603.

[2363] Thánh Grêgôriô được bầu làm Giáo hoàng vào năm 590. Điều này diễn ra trái với ý muốn của Grêgôriô khiêm nhường, người tôn kính và tự xưng mình, theo gương Thánh Augustinô, là "nô lệ của các nô lệ Chúa", ông cảm thấy nặng nề trước quyền lực và đã dùng mọi phương tiện trong khả năng của mình để từ chối nó, nhưng khi đã được trao quyền, ông đã tận tâm, dù luôn ốm yếu, thực hiện các nghĩa vụ mục vụ của mình. Mối quan tâm chính của Giáo hoàng Grigorius là truyền bá và giải thích Lời Chúa; ông đã dẫn dắt nhiều kẻ dị giáo trở lại đức tin chính thống; ông đã góp phần củng cố đức tin ngay cả tại xứ Britannia xa xôi (Anh Quốc), bằng cách cử các nhà truyền giáo đến đó vào năm 597 dưới sự lãnh đạo của tu sĩ Dòng Benedictine tên là Augustinô, người đã thuyết phục chính Vua Ethelbert nhận phép rửa tội thánh, điều này đã góp phần quyết định vào việc lan truyền đức tin Kitô giáo khắp cả nước.

thành lập một nhà trọ dành cho khách lữ hành tại đó. Hàng năm, ngài đều gửi một khoản bố thí lớn lên Núi Sinai[2364] để nuôi sống các tu sĩ. Tại Roma, vị thánh này hàng ngày đều cho ăn tất cả những người ăn xin và bệnh nhân, những người đã được ngài ghi tên vào một cuốn sổ đặc biệt[2365] . Ngài thường mời những người lữ hành và người nghèo ngồi cùng bàn ăn của mình, và luôn tự tay phục vụ họ. Một lần, ngài ra lệnh cho quan quản lý tài chính của mình[2366] mời mười hai người lữ hành đến bữa ăn để cùng dùng bữa trưa với họ; nhưng khi mọi người đã ngồi vào bàn ăn, Đức Thánh Cha thấy có mười ba người lữ hành đang ngồi đó. Lúc đó, ngài gọi quan quản lý tài chính lại và nói với ông ta một cách nhẹ nhàng:

– Chẳng phải ta đã bảo ngươi mời mười hai người lữ hành sao? Sao ngươi lại không nghe lời ta mà lại mời thêm người thứ mười ba!

Người quản lý nhà thờ hoảng hốt đáp lại:

– Xin Đức Thánh Cha tin con, – không có người thứ mười ba ở đây đâu.

Quả thực, chẳng ai, kể cả ông ta, nhìn thấy người thứ mười ba: chỉ có Đức Thánh Cha mới nhìn thấy người ấy. Trong bữa ăn, Thánh Grêgôriô nhìn người lữ khách thứ mười ba đang ngồi ở đầu bàn xa nhất, và thấy khuôn mặt người ấy liên tục thay đổi: lúc thì trông như một ông lão tóc bạc, lúc lại như một chàng trai trẻ. Khi mọi người đứng dậy khỏi bàn ăn, Đức Giáo hoàng Thánh Grêgôriô cho mọi người ra về; còn người lữ khách thứ mười ba này, với vẻ ngoài kỳ lạ đến vậy, ngài giữ lại, nắm tay anh ta dẫn vào phòng ngủ của mình và ở đó nói với anh ta:

– Ta thề bằng quyền năng vĩ đại của Đức Chúa Trời Toàn Năng, hãy nói cho ta biết: ngươi là ai và tên ngươi là gì! Nghe vậy, người lữ khách kỳ lạ đáp lại:

– Tại sao ngài lại hỏi tên tôi? Tên tôi rất kỳ lạ. Hãy nhớ một điều này: ta chính là người lái đò ăn xin ấy, người mà ngày xưa, khi đến tu viện Thánh Anrê của ngươi – lúc ngươi đang ngồi viết trong phòng riêng – đã nhận từ ngươi mười hai đồng vàng và chiếc đĩa bạc mà mẹ ngươi, bà Silvia đáng kính, đã gửi cho ngươi cùng với món sốt. Hãy biết rằng kể từ chính ngày đó, ngày mà ngài đã trao tặng tôi món quà ấy với tình yêu thương chân thành, Chúa đã phong ngài làm vị trụ trì của Giáo hội thánh thiện này – nơi Ngài đã đổ Máu Thánh của Ngài ra – và là người kế vị của Thánh Tông đồ Tối cao Phêrô, người mà ngài noi gương trong cuộc sống đạo đức của mình.

Thánh Grêgôriô đáp lại:

– Làm sao ngươi biết rằng ngay từ lúc đó Chúa đã định cho ta làm Giáo hoàng?

– Ta là Thiên Thần của Đức Chúa Trời Toàn Năng, – ngài đáp, – nên ta mới biết; Ngài đã sai ta đến từ lúc đó để xem liệu ngài có thực sự làm việc bác ái vì lòng nhân ái, chứ không phải vì sự kiêu ngạo hay không.

Nghe vậy, Thánh Grigoriô bỗng kinh hoàng tột độ: cho đến lúc đó, ngài chưa bao giờ được nhìn thấy Thiên Thần của Chúa một cách rõ ràng, vậy mà giờ đây ngài lại trò chuyện với Ngài như với một con người bình thường. Lúc đó, Thiên Thần hiện ra nói với vị thánh:

– Đừng sợ, vì Chúa đã sai ta đến để ở bên ngươi suốt cuộc đời và dâng những lời cầu nguyện của ngươi lên Thiên Chúa; vậy nên, tất cả những gì ngươi xin Ngài với lòng tin tưởng, ngươi sẽ nhận được.

Lúc đó, Đức Thánh Cha quỳ sấp mặt xuống đất, thờ lạy Chúa và nói:

– Nếu chỉ vì một ân huệ nhỏ nhoi như vậy mà Chúa đã ban cho con nhiều ân sủng đến thế, đến nỗi Ngài đã lập con làm Giáo hoàng của Giáo hội Thánh của Ngài và sai Thiên thần Thánh của Ngài đến bên con để bảo vệ con, thì Ngài sẽ ban thưởng thế nào cho những ai tuân giữ luật pháp của Ngài và thực hành công chính?

Sau đó, Thiên Thần biến mất, còn vị thánh, dâng lên Chúa lòng biết ơn sâu sắc, lại càng siêng năng hơn trong việc làm ơn cho mọi người và làm đẹp lòng Chúa.

[2364] Núi Sinai nằm ở trung tâm bán đảo Sinai; nó thực chất là một nhóm núi được hình thành từ đá granit, bị cắt ngang và bao quanh bởi những thung lũng dốc đứng và gồ ghề. Trong Cựu Ước, tại núi Sinai, dân Israel đã lập giao ước với Đức Chúa Trời và nhận được các điều răn của luật pháp từ Ngài (Xuất Ê-díp-tô Ký 20). Vào thế kỷ IV và V sau Công nguyên, núi Sinai nổi tiếng là nơi cư ngụ của các tu sĩ ẩn tu Kitô giáo, những người sống trong các khe núi và hang động trên đó.

[2365] Khi người ta phát hiện một người nghèo chết trên đường phố, Thánh Grêgôriô đã tạm thời kiêng cử việc cử hành Thánh Thể, như thể tự coi mình là người có lỗi dẫn đến cái chết của người đó.

[2366] Sakellarios (từ tiếng Hy Lạp saxella, saxellion – túi, hộp đựng tiền, kho bạc) nói chung có nghĩa là người quản lý kho bạc. Trong Giáo hội Constantinopolis, sakellarios được giao nhiệm vụ quản lý kho bạc của chính Giáo hội, bao gồm tiền bạc và các vật quý giá khác. Tại Giáo hội Nga, danh xưng "Sakellarios" sau này được dùng để chỉ những người giữ chìa khóa của một số nhà thờ nổi tiếng nhất ở Saint Petersburg và Moscow.

Một lần khác, khi đang đãi bữa trưa cho những người lữ hành, Thánh Grêgôriô, với lòng khiêm nhường của mình, muốn đưa nước vào tay một trong số họ, nhưng khi quay lại để lấy bình nước, ngài thấy người đó đã không còn ở đó nữa; sau khi tìm kiếm mà không thấy đâu, Grêgôriô đã rất ngạc nhiên. Ngay đêm hôm sau, khi Đức Thánh Cha đang ngủ, Chúa hiện ra với ngài và phán:

– Vào những ngày đó, con đã tiếp đãi các con cái của Ta, tức là những người nghèo khó; hôm qua, con đã tiếp đón chính Ta.

Sự khiêm nhường vĩ đại của Thánh Grigori cũng được đề cập trong cuốn "Limonar" của Đức Thánh Sofronius, Tổng Giám mục Giêrusalem[2367] . Dưới đây là những gì được ghi chép về ngài trong đó.

"Một lần nọ, chúng tôi đến thăm Abba Gioan người Ba Tư; ngài đã kể cho chúng tôi nghe về Thánh Grêgôriô vĩ đại và phúc lành, Giáo hoàng Rôma. 'Có lần,' ngài nói, 'tôi muốn chiêm bái di cốt của các Thánh Tông đồ tối cao Phêrô và Phaolô, nên đã lên đường đến Rôma. Khi tôi đang đứng giữa thành phố, tôi nghe dân chúng xôn xao rằng Đức Giáo hoàng sắp đi ngang qua; lúc đó tôi đứng chờ để được nhìn thấy ngài. Khi ngài đi ngang qua tôi, tôi quyết định cúi đầu chào ngài; nhưng tôi nói với các anh em đây – xin Chúa làm chứng – rằng ngài, sau khi báo trước với tôi, đã quỳ xuống đất, cúi đầu chào tôi và không đứng dậy cho đến khi thấy tôi đứng dậy trước ngài; sau đó, ngài hôn tôi với tình yêu thương vô bờ bến, trao cho tôi ba đồng vàng bằng chính tay ngài và ra lệnh cung cấp cho tôi mọi thứ cần thiết để sinh sống; còn tôi thì ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban cho Thánh Grêgôriô lòng khiêm nhường vĩ đại, tình yêu thương dành cho mọi người và lòng thương xót.

Không thể không nhắc đến phép lạ kinh ngạc do những lời cầu nguyện của vị Tổng Giám mục vĩ đại này của Thiên Chúa thực hiện trên các Bí tích Thánh Thể. Một người phụ nữ rất nổi tiếng ở Rôma đã mang bánh thánh đến bàn thờ Thánh; lúc đó, chính Đức Thánh Cha Grêgôriô đang cử hành Thánh lễ. Và khi ngài đang ban Thánh Thể cho dân chúng, người phụ nữ ấy cũng tiến lên để rước Mình Thánh Chúa. Nhưng khi nghe Đức Grêgôriô nói: "Đây là Mình Thánh ban sự sống của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta", bà ta bỗng bật cười. Lúc đó, Đức Giáo hoàng Grêgôriô dừng tay lại và hỏi bà:

– Tại sao chị lại cười?

– Thưa Đức Thánh Cha, tôi thấy lạ lắm – cô ta đáp lại – rằng chiếc bánh mà chính tay tôi đã nhào bột và nướng lên, ngài lại gọi là Thân Thể của Chúa Kitô.

Thánh nhân, thấy sự hoài nghi của cô, đã cầu nguyện với Thiên Chúa, và ngay lập tức, chiếc bánh, về hình dáng, đã biến thành một thân thể con người thực sự. Và không chỉ người phụ nữ ấy mà cả những người có mặt trong nhà thờ đều nhìn thấy miếng thịt người đẫm máu đó; tất cả những ai chứng kiến phép lạ này đều ngợi khen Chúa Kitô là Thiên Chúa và càng thêm vững tin, không hề nghi ngờ rằng trong các Bí tích Thánh Thể, dưới hình thức bánh là Thân Thể thật của Chúa Kitô, còn dưới hình thức rượu là Máu thật của Ngài. Sau đó, Đức Thánh Cha lại cầu nguyện, và hình dạng thân thể con người lại biến trở lại thành bánh. Lúc đó, người phụ nữ ấy đã rước lễ với lòng kính sợ sâu sắc và đức tin vững chắc, nhận lấy bánh như Thân Thể Chúa Kitô, và rượu như Máu Chúa Kitô.

Vị ngọn đèn vĩ đại của thế gian này, Đức Thánh Cha Grigori, đã làm rạng rỡ Giáo Hội của Chúa Kitô không chỉ bằng cuộc đời thánh thiện như thiên thần và những phép lạ kỳ diệu, mà còn bằng vô số tác phẩm của ngài, những tác phẩm đã đóng góp to lớn cho đức tin Chính Thống. Và khi ngài viết những tác phẩm đó, Thánh Thần, dưới hình dạng một con bồ câu, đã bay lượn trên đầu ngài; điều này thường được Thượng phó tế Grigoriô, một người đàn ông vô cùng đạo đức, chứng kiến. Những cuộc đối thoại của Thánh Grigoriô với vị thượng phó tế này được ghi lại trong bốn cuốn sách đặc biệt, chứa đựng những lợi ích thiêng liêng to lớn; chúng chứa đựng những câu chuyện tóm tắt về cuộc đời các thánh, những người đã sống theo ý Chúa trên đất Ý, cùng những lời dạy cứu rỗi linh hồn[2368] . Thánh Grigori đã chăn dắt Giáo hội của Chúa Kitô trong mười ba năm, sáu tháng và mười ngày, rồi an nghỉ trong Chúa dưới triều đại của Hoàng đế Hy Lạp Phokas[2369] .

[2367] "Limonar" hoặc "Zimonar" (từ tiếng Hy Lạp λειμών – đồng cỏ, bãi cỏ). Tên gọi này được dùng cho cuốn sách của Thánh Sofronius, Thượng phụ Giêrusalem (thế kỷ VII), chứa đựng tuyển tập các câu chuyện về những việc làm của một số ẩn sĩ, những người đã tỏa sáng bởi sự thánh thiện trong cuộc sống.

[2368] Tác phẩm này có tên là "Những cuộc trò chuyện hay đối thoại về cuộc đời và các phép lạ của các vị cha Ý". Trong số các tác phẩm khác của Thánh Grigoriô Đôi Lời, có thể kể đến: a) "Quy tắc mục vụ", chứa đựng những lời dạy dỗ dành cho các mục tử, và b) các bức thư của Thánh Grigoriô, tổng cộng lên đến 848 bức, chứa đựng nhiều lời dạy dỗ về đạo đức.

Về Thánh lễ "Các Món Quà Đã Được Thánh Hiến", vốn được ghi tên Thánh Grêgôriô Đôi Lời, cần lưu ý rằng, dù ngài có trình bày nghi thức của Thánh lễ này, thì cũng chỉ dành riêng cho Giáo hội phương Tây (vì ngài vốn quan tâm đến việc tổ chức Thánh lễ của chính Giáo

Về tất cả các việc làm, phép lạ và việc quản lý Giáo hội của vị Thánh Grêgôriô vĩ đại này, Giáo hoàng Rôma, cũng như về cuộc đời kỳ diệu và thánh thiện của ngài, Gioan, phó tế của Giáo hội Rôma vĩ đại, đã viết bốn cuốn sách[2370] ; trong những cuốn sách này có khoảng hai trăm sáu mươi chương; chọn lọc từ những cuốn sách này những điều thiết yếu nhất, đủ để mang lại lợi ích cho linh hồn các tín hữu, chúng ta ngợi khen Đức Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng tôn vinh các vị thánh của Ngài, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được tôn vinh muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài, hỡi Grigori vinh quang, đã nhận lãnh ân sủng thiêng liêng từ Thiên Chúa trên cao, và nhờ sức mạnh ấy, Ngài đã quyết tâm bước đi theo đường lối Phúc Âm. Chính vì thế, hỡi vị thánh hạnh phúc vô cùng, Ngài đã nhận được phần thưởng xứng đáng cho những công lao của mình nơi Đức Kitô; xin Ngài cầu bầu cho Ngài, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Ngài đã tỏ ra là vị Mục tử giống như Đấng Chủ Tể, là Mục tử của Chúa Kitô, dẫn dắt đoàn chiên tu sĩ, hỡi Cha Grigori, hướng họ về hàng rào Thiên Đàng, và từ đó, Ngài đã dạy đoàn chiên của Chúa Kitô tuân giữ các điều răn của Ngài; giờ đây, Ngài đang vui mừng và hân hoan cùng họ trong các cung điện Thiên Đàng.

Lễ kỷ niệm Thánh Phinêas công chính.

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 3

Thánh Phinê-a công chính, con trai của Thượng tế Do Thái Ê-lê-a-sa và cháu nội của Thượng tế A-rôn, ban đầu là linh mục của dân Do Thái.

Thánh Phinê-a là một tôi tớ xứng đáng của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên. Suốt cả cuộc đời, ngài là người bảo vệ và gìn giữ sự thờ phượng chân chính một cách nhiệt thành. Hoạt động của ngài, với tư cách là người phục vụ Đức Chúa Trời, một mặt nhằm tôn vinh danh thánh của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, mặt khác nhằm loại trừ mọi tệ nạn và sự vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời, những điều thỉnh thoảng được ghi nhận trong dân Do Thái.

---

hội này), chứ không phải cho Giáo hội Đông phương, nơi nghi thức này đã được thực hành từ thời cổ đại xa xưa và từ đó Thánh Grêgôriô đã mượn lại để đưa vào cuốn "Sacramentarium" của ngài dành cho Giáo hội phương Tây. Còn truyền thuyết cho rằng Thánh Grêgôriô là người soạn thảo nghi thức Thánh lễ đã được thánh hiến trước, chủ yếu xuất phát từ lòng tôn kính sâu sắc mà Giáo hội Chính thống Đông phương dành cho vị thánh này. Không còn nghi ngờ gì nữa, Thánh Grêgôriô Cả, sau khi trở về từ phương Đông và trở thành Giám mục Rôma, đã bắt đầu khôi phục trong Giáo hội Rôma một số nghi thức cổ xưa, vốn đã bị lãng quên ở đó nhưng vẫn được bảo tồn nguyên vẹn trong sự thuần khiết ban đầu tại phương Đông. Đồng thời, ngài là người tôn kính Thánh lễ Tông đồ của các Món Quà Đã Được Thánh Hiến, vốn được cử hành ở phương Đông, và là người nhiệt thành trong việc củng cố và phổ biến nghi thức này ở phương Tây. Ngài đã xuất bản nghi lễ này bằng tiếng Latinh và đưa nó vào sử dụng trong các nhà thờ phương Tây, nhờ đó ngài như thể đã xứng đáng được hưởng đặc ân, hơn các vị cha khác của Giáo hội Công giáo toàn cầu, là quyền được gắn liền tên tuổi của mình với nghi lễ này mãi mãi. Giáo hội Đông phương không quên những đóng góp của Thánh Grêgôriô liên quan đến Thánh lễ Các Món Quà Đã Được Thánh Hiến. Trong các cuốn Sách Thánh nhân Hy Lạp, kể từ thế kỷ XI, đã có những ghi chép cho biết rằng Thánh Grêgôriô đã sắp xếp để người La Mã cử hành Thánh lễ trọn vẹn vào các ngày chay, và sau này thông tin này được giải thích và dịch lại theo hướng rằng ngài đã sắp xếp cho các Kitô hữu trong Đế quốc La Mã (và Đế quốc Hy Lạp-Byzantine được coi là như vậy) cử hành Thánh lễ Các Món Quà Đã Thánh Hiến. Trong Giáo hội Tây phương, Thánh lễ này hiện nay được cử hành một lần mỗi năm, cụ thể là vào Thứ Sáu Tuần Thánh. (Xem tài liệu về Thánh lễ các Món Quà Đã Thánh Hiến, Smirnova, Tạp chí Chính thống giáo, năm 1892, tr. 6–7).

[2369] Thánh Grêgôriô Đôi Lời (còn được biết đến trong lịch sử với danh hiệu "Vĩ Đại") qua đời vào ngày 12 tháng 3 năm 604. Thi hài của ngài được an táng tại Nhà thờ Thánh Phêrô Tông đồ ở Vatican, trong một nhà nguyện phụ được dâng hiến cho chính Thánh Grêgôriô này.

[2370] Phó tế Gioan, người sống vào giữa thế kỷ IX, đã để lại một cuốn tiểu sử chi tiết về Thánh Grêgôriô, được ông biên soạn dựa trên các chứng cứ cổ xưa đáng tin cậy, còn phần mô tả các phép lạ sau này thì dựa trên lời kể của những người chứng kiến.

Một lần nọ, dân Mo-áp[2371] , sống láng giềng với dân Y-sơ-ra-ên và nổi tiếng vì sự vô đạo đức của họ, đã lôi kéo dân Y-sơ-ra-ên vào việc thờ phượng vô đạo đức và ghê tởm đối với thần Ba-anh – Pê-gô-rơ[2372] của họ. Phẫn nộ trước sự vô luật pháp tột độ ấy, Đức Chúa Trời đã trừng phạt nghiêm khắc những kẻ vô đạo và phản bội: ngay lập tức, dịch bệnh bắt đầu hoành hành, khiến hàng ngàn người Israel phải chết. Ngoài ra, Đức Chúa Trời còn ra lệnh cho Môi-se xử tử (bằng cách treo cổ) những người lãnh đạo dân tộc đã sa vào sự vô đạo. Nhiều người Israel, khi thấy cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, đã từ bỏ sự vô luật pháp, ăn năn và tụ tập trước cửa Đền Tạm để dâng lên Đức Chúa Trời lời ăn năn của toàn dân.

Lúc bấy giờ, có một người tên là Zamvri, thủ lĩnh chi phái Simeon, ngay trước mặt Môi-se và toàn thể cộng đồng, đã dẫn một phụ nữ Mi-đi-an vào trại Do Thái và đưa nàng vào lều của mình. Lúc đó, Phinêas, tràn đầy cơn giận và phẫn nộ đối với người thủ lĩnh – kẻ đã dụ dỗ dân chúng, đã bước vào lều của Zamvri và đâm chết cả ông ta lẫn người phụ nữ Mi-đi-an bằng cây giáo.

Hành động dũng cảm của Phinê-a, trong đó lòng ghen tuông nồng nàn vì Đức Chúa Trời của ông được bộc lộ một cách rõ ràng, đã làm dịu cơn giận của Đức Chúa Trời đối với dân Y-sơ-ra-ên. Ngay lập tức, dịch bệnh đang hoành hành trong dân[2373] đã chấm dứt.

Sau đó, Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se rằng:

– Phinêas, con trai của thượng tế Ê-lê-a-sa, đã xoa dịu cơn thịnh nộ của Ta đối với con cái Y-sơ-ra-ên, vì đã ghen tuông vì danh Ta. Vì vậy, hãy nói với anh ta rằng: Này, Ta ban cho anh ta giao ước bình an của Ta. Ta cũng ban cho anh ta và dòng dõi anh ta giao ước chức tư tế vĩnh cửu.

Một thời gian sau, theo lệnh của Đức Chúa Trời, dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu tập hợp quân đội để trừng phạt dân Mô-áp vì sự gian ác của họ. Tổng cộng có mười hai nghìn người Y-sơ-ra-ên được tập hợp (mỗi chi phái một nghìn người). Phinê-a được chọn làm chỉ huy quân đội, và lần này ông lại chứng tỏ mình là người thi hành lệnh của Đức Chúa Trời một cách chính xác.

Ngoài ra, Thánh Phinêas còn chứng tỏ mình là một nhà lãnh đạo khôn ngoan của dân tộc mình mỗi khi có những xáo trộn nảy sinh trong cộng đồng. Ông hòa giải những người đang thù địch với nhau, khéo léo ngăn chặn và giải quyết các cuộc cãi vã và xung đột lẫn nhau.

Nhờ tất cả những công lao này, sau khi cha qua đời, Thánh Phinê-as đã được bầu làm Thượng tế một cách nhất trí. Chức Thượng tế của Phinê-as, theo lời hứa của Đức Chúa Trời (Số 25:13), được truyền lại cho dòng dõi của ông và chỉ tạm thời chuyển sang dòng họ Yphamar.

Thánh Phinê-as qua đời ở tuổi rất cao[2374] và được an táng trên một ngọn núi thuộc chi phái Éphraïm (Giô-suê 24:33).

Ngày 26 tháng 3

Ngày 13 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Nữ Tử đạo Christina, người đã chịu tử đạo tại Ba Tư vào thế kỷ IV.

[2371] Dân Mo-áp là một bộ tộc ngoại giáo có quan hệ họ hàng với dân Y-sơ-ra-ên, sinh sống dọc theo bờ đông Biển Chết. Tổ tiên của họ là Mo-áp, con trai của con gái lớn nhất của Lót (Sáng Thế Ký 19:37). Dân Mo-áp, cũng như nhiều dân tộc khác sống gần Biển Chết, ngay từ đầu lịch sử của họ đã nổi tiếng vì lối sống buông thả về đạo đức.

[2372] Baal-Peor – vị thần được người Moab và các dân tộc ngoại giáo khác vô cùng tôn kính, việc thờ phụng ngài đặc trưng bởi sự vô đạo đức và trụy lạc đặc biệt. Tên thật của vị thần này là Baal (trong tiếng Do Thái có nghĩa là "chủ nhân"), còn từ "Pegor" là tên của một ngọn núi nằm ở bờ biển phía đông bắc Biển Chết. Có lẽ trên ngọn núi này từng có tượng thần Baal.

[2373] Dịch bệnh đã cướp đi sinh mạng của 24.000 người Israel (Số 25:9).

[2374] Thánh Phinê-a qua đời vào khoảng năm 1500 trước Công nguyên.

Lễ rước di cốt thánh của Thượng phụ Nikiforos, Thượng phụ Constantinopolis

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 3

Vị Tổng Giám mục vĩ đại của Đức Chúa Trời, Thánh Nikifor, Tổng Giám mục Tsargrad, vì sự tôn kính các thánh tượng một cách thành kính, đã bị vị vua độc ác Leo người Armenia phế truất khỏi ngai vàng và bị đày đến đảo Prokonnis[2375] . Tại đây, ngài đã trải qua mười ba năm trong cảnh bị giam cầm và sỉ nhục, và sau khi qua đời, ngài được an táng tại nhà thờ Thánh Tử đạo Phê-ô-đô-rô, trong tu viện do chính ngài thành lập[2376] .

Vài năm sau, sau khi các vị vua độc ác – Lêo người Armenia, Mihaïl Valvos và con trai ông là Théophile – qua đời, quyền trượng của Vương quốc Hy Lạp đã được trao cho Nữ hoàng sùng đạo Théodora, người đã cai trị vương quốc cùng với con trai mình là Mihaïl – khi đó vẫn còn rất trẻ[2377] .

Cùng thời gian đó, các giả tổng giám mục Constantinople – Theodotus Cassiter, Theodoros Spasarokandilatos, sau đó là Antonius Fasimat và cuối cùng là Ioannis, biệt danh là Annius[2378] – cũng qua đời; bằng mưu mô của mình, ông ta tỏ ra như một pháp sư, và vì được tấn phong bất hợp pháp, nên đã bị những người sùng đạo lật đổ khỏi ngai vàng. Sau ông, Thánh Mê-phô-đi-ô đã lên nắm giữ chức vụ Tổng Giám mục Constantinopolis, và chính ngài đã khôi phục lại việc tôn kính các hình ảnh thánh trong Giáo hội[2379] . Chính vào thời điểm này, thi hài thánh thiện của vị chứng nhân Chúa Kitô, Thánh Nikifor, đã được đưa trở lại Constantinopolis từ đảo Prokonnisos.

Đức Thượng phụ Thánh Mê-phô-đi-ô đã khuyên nhủ Hoàng hậu Thánh Thê-ô-đô-ra như sau:

– Thật là không xứng đáng, – ngài nói với bà, – khi vị Thượng phụ vĩ đại nhất – Thánh Nikiforos, người đã bị truất phế khỏi ngai tòa vì Chính Thống Giáo, thậm chí sau khi đã qua đời, – vẫn còn phải sống trong cảnh lưu đày: thi hài thánh thiện của ngài cần được đưa trở lại ngai tòa của ngài; vì chúng ta sẽ không tránh khỏi tội lỗi nếu để thi hài ngài trong cảnh lưu đày – chúng ta dường như còn tỏ ra tán thành việc lưu đày ngài và đồng ý rằng việc lật đổ ngài khỏi ngai vàng là công bằng. Chúng ta biết rằng dòng dõi Giô-sép đã được ban phước lành vì sau bốn trăm năm đã rước hài cốt cha mình từ Ai Cập về đất Ca-na-an; – còn chúng ta, những con cái của đức tin, – làm sao có thể để hài cốt của cha chúng ta vắng mặt lâu hơn nữa, khi chính nhờ giáo lý thiêng liêng của ngài mà chúng ta được nuôi dưỡng trong đức tin chân chính; chính thành phố hoàng gia này, một trong những thành phố tốt nhất dưới trời, đang khao khát được đón nhận thi hài tôn kính của vị lãnh tụ và mục tử thánh thiện của mình, và sẵn sàng lưu giữ chúng tại đây với lòng tôn kính. Xin cho Cô dâu là Giáo hội lại được hân hoan vì Chú rể của mình. Khi ngài còn sống, Giáo hội đã mất ngài vì sự bất công của nhà vua; vậy thì giờ đây, theo lệnh của Nữ hoàng yêu mến các mục tử, xin hãy để Giáo hội đón nhận thi hài của ngài, người đã an nghỉ trong Chúa. Hỡi Nữ hoàng đạo đức, chắc hẳn ngài thấy rằng dân chúng, những người đã được ngài dẫn dắt vào đức tin chân chính, đang khao khát được nghe lời dạy của vị mục tử đã qua đời, dù chỉ qua tinh thần. Nếu họ được chiêm ngưỡng dù chỉ là bóng dáng của ngài, họ

[2375] *Prokonnis* là một trong những hòn đảo của Biển Đá Cẩm Thạch; hiện nay hòn đảo này được gọi là "Marmara". Hòn đảo này từng là nơi lưu đày của nhiều vị tử đạo trong thời kỳ các cuộc nổi loạn chống thánh tượng.

[2376] *Thánh Nikiforos* ban đầu là một quan chức tại triều đình của Hoàng hậu Irina và với tư cách là một giáo sĩ thế tục, ngài đã dũng cảm bảo vệ việc tôn kính các bức tượng thánh tại Công đồng Đại kết lần thứ VII; vào triều đại của Hoàng đế Nikiforos, năm 806, ngài được tấn phong lên ngôi Thượng phụ và lãnh đạo Giáo hội trong 9 năm; sau đó, ngài bị lưu đày đến đảo Prokonnis. Ngài qua đời vào ngày 2 tháng 6 năm 828, và cho đến tận lúc lâm chung, ngài vẫn không ngừng làm chứng cho sự thật chống lại những người chống thánh tượng qua các tác phẩm của mình. Ngày kỷ niệm ngài được tổ chức vào ngày 2 tháng 6.

[2377] Hoàng đế Lêô người Armenia trị vì từ năm 813 đến năm 820, còn Hoàng đế Michael Valvos *(người nói lắp)* trị vì từ năm 820 đến năm 829; Théophilus trị vì từ năm 829 đến năm 842. Hoàng đế Michael III (từ năm 842 đến năm 867) lên ngôi khi mới 4 tuổi, vì vậy cho đến năm 855, đất nước được điều hành bởi mẹ ông, Nữ hoàng Thánh Theodora.

[2378] Các vị tổng giám mục này đã lãnh đạo Giáo hội trong khoảng thời gian từ năm 815 đến năm 842.

[2379] Thánh Mê-phô-đi-ô, vì lòng nhiệt thành trong việc tôn kính các hình thánh dưới triều Michael Valvos, đã bị giam vào ngục tối. Người kế vị Michael là Thê-ô-phi-lô đã ra lệnh đánh vào má ngài: hàm ngài bị gãy đến mức một vết sẹo xấu xí, như dấu ấn của sự tử đạo, đã in hằn trên khuôn mặt ngài suốt đời. Để che đi vết sẹo đó, Thánh Mê-phô-đi-ô, khi đã trở thành tổng giám mục, đã cắt hai đầu mũ trùm đầu và dùng chúng buộc chặt quanh hàm. Để tỏ lòng kính trọng vị chứng nhân đức tin, từ đó trở đi, tất cả các tu sĩ đều bắt đầu đội mũ trùm đầu có những đường cắt. Sau đó, Thê-ô-phi-lô đã đày ngài đến một hòn đảo, nơi ngài bị giam trong một hang động ngầm ngột ngạt cùng với hai tên cướp. Hoàng hậu Theodora đã tấn phong ngài lên ngôi Thượng phụ và với sự giúp đỡ của ngài, bà đã khôi phục việc tôn kính các bức tượng thánh. Vị thánh này đã chăn dắt Giáo hội của Đức Chúa Trời trong 4 năm và hơn 3 tháng; ngài qua đời vào ngày 14 tháng 6 năm 847.

sẽ coi ngài như còn sống, và khi đón nhận ngài như người còn sống, họ sẽ gìn giữ thi hài của ngài như một kho báu vô giá.

Nghe những lời này của Đức Thượng phụ Mê-phô-đi-ô, Nữ hoàng Theodora, người yêu mến Chúa Kitô, đã ngay lập tức đồng ý và nói:

– Điều này sẽ có ích cho linh hồn chúng ta, và danh tiếng của chúng ta cũng sẽ được lưu giữ với vinh dự trong những thời đại sau này.

Lúc đó, Đức Thượng phụ không chậm trễ, cùng các linh mục và tu sĩ, lên đường đến đảo Prokonnis, được đông đảo dân chúng tháp tùng.

Khi đến tu viện của Thánh Tử đạo Theodora, Đức Thượng phụ đã mở quan tài của Thánh Nikiforos, và mọi người đều thấy thi hài thánh thiện của ngài, sau mười chín năm kể từ khi an táng, vẫn được bảo tồn nguyên vẹn; không có chút dấu vết nào của sự phân hủy, thi hài ấy còn toát ra hương thơm ngào ngạt.

Sau khi cử hành Thánh Lễ Thức Trắng và Thánh Lễ Thánh Thể, Thánh Mê-phô-đi-ô bước vào lăng mộ và, ôm lấy thi hài thánh của Thánh Nikifor, ngài nói với ngài như thể ngài còn sống:

– Hỡi người đàn ông phúc lành nhất, người đã noi gương Thánh Gioan Vàng Miệng trong mọi sự! Vì ngài đã trải qua những gian khổ và chịu đựng những nỗi đau khổ giống như ngài ấy; giống như Thánh Gioan, ngài đã dùng lời nói dũng cảm để vạch trần sự bất chính, chịu đựng sự lưu đày bất công, và đã hơn ba mươi năm nay – lúc đầu khi còn sống, rồi sau khi qua đời – ngài vẫn bị giam cầm. Giờ đây, hãy giao phó bản thân cho chúng tôi, những người con yêu dấu của ngài, và rời khỏi nơi này để trở về quê hương; dân tộc yêu mến ngài sẽ, như xưa kia, hân hoan đón nhận ngài. Vị vua vô thần, kẻ đã bất hợp pháp trục xuất ngài khỏi nhà thờ, đã nhận lấy hình phạt xứng đáng với những việc làm của mình, khi mất cả vương quốc lẫn chính mạng sống. Giờ đây, các vị vua đạo đức đang trả lại nhà thờ cho ngài, như thể ngài vẫn còn sống; cùng với tôi, họ, với tư cách là những người con yêu mến Chúa Kitô, đã thanh tẩy nhà thờ khỏi những vết nhơ của tà giáo và sắp xếp lại nó một cách trang nghiêm, y như trước đây, sau những công lao của ngài. Hãy ngước nhìn và chiêm ngưỡng những con cái của ngài đang tụ họp đây; tất cả họ đều đến từ các thành phố lân cận; còn những người khác, những ai sống xa hơn nhiều, đang háo hức chờ đợi ngài; xin đừng để họ, những người như những đứa trẻ mồ côi, phải buồn bã và đừng xa lánh họ, để thành phố của ngài có được di cốt của ngài như một món quà quý giá; được trang hoàng bởi chúng, thành phố sẽ trở nên vĩ đại và lộng lẫy hơn cả vương miện hoàng gia.

Nói xong, Đức Thượng phụ Thánh Mê-phô-đi-ô đã nâng di thể của vị thánh lên và đặt vào một chiếc hòm mới; sau đó, cùng với Hội đồng Thánh, ngài đã nâng di thể lên vai, vừa hát thánh vịnh vừa rước di thể thánh lên tàu; giương buồm lên, họ nhanh chóng đến được Constantinople.

Nữ hoàng đạo đức Theodora, cùng với con trai mình là Michael, toàn thể Hội đồng Thượng viện, các giáo sĩ và đông đảo dân chúng, tay cầm nến, lư hương và hát thánh ca, tràn ngập niềm vui và hân hoan khôn tả, đã ra bến cảng để đón thi hài tôn kính của Thánh Tổng Giám mục Nikiforos của họ. Sau khi rước thi hài thánh của ngài, họ trước tiên đã rước đến Nhà thờ Thánh Sofia, nơi mà Thánh Nikifor từng bị trục xuất.

Việc rước di thể thánh này diễn ra vào ngày mười ba tháng Ba năm[2380] – chính là ngày mà Thánh Nikifor bị vị vua tà ác trục xuất khỏi kinh thành.

Khi ngày dần tàn, tại Nhà thờ Thánh Sofia, một buổi cầu nguyện suốt đêm đã được cử hành trước các di cốt thiêng liêng, và vào buổi sáng, từ Nhà thờ Thánh Sofia, các di cốt được rước đến Nhà thờ Các Thánh Tông Đồ và được an táng tại đó với lòng tôn kính. Kể từ thời điểm đó, người ta đã quyết định tôn vinh Thánh Nikifor, vị chứng nhân của Chúa Kitô, để tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Nữ Tử Đạo Christina, người đã chịu tử đạo tại Ba Tư vào thế kỷ IV.

Lễ kính Thánh Tử đạo Alexander

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 3

[2380] Năm 846.

Thánh Alexander là một vị tử đạo vinh quang trong một cuộc bách hại[2381] mà các Kitô hữu phải chịu từ phía những người ngoại đạo. Giữa bóng tối của sự vô đạo ngoại giáo, ngài tỏa sáng như một ngôi sao rực rỡ nhờ lòng đạo đức của mình. Khi vạch trần sự điên rồ của những kẻ thờ thần tượng tại thành phố Pydna[2382] và rao giảng đức tin Kitô giáo, ngài đã rửa tội và dẫn dắt nhiều người ngoại đạo đến với Chúa Kitô; những hành động đó đã khơi dậy cơn thịnh nộ của những kẻ sùng bái thần tượng. Họ không thể chịu đựng được sự dũng cảm của ngài cũng như sức mạnh của lời giảng đầy ân sủng từ Thiên Chúa, nên đã xông vào tấn công, bắt giữ và trói ngài lại, rồi sau đó tra tấn ngài một cách tàn bạo và không thương xót. Họ muốn dùng những hình phạt đó để ép ngài dâng lễ vật cho các thần tượng, nhưng vì không thể khiến ngài khuất phục, cuối cùng họ đã kết án ngài phải chịu hình chém đầu. Với lời cầu nguyện tạ ơn Thiên Chúa, vị thánh tử đạo đã cúi đầu đón nhận lưỡi gươm và như vậy, ngài đã trao linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa.

Ngày 27 tháng 3

Ngày 14 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, Thánh Theognostus, Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga, qua đời.

Cuộc đời của vị thánh cha Venedikt của chúng ta

Ngày tưởng niệm 14 tháng 3

Thánh Venedikt, người được gọi là "[2383] ", là một vị thánh được Chúa ban phước lành. Về trí tuệ, ngay từ những năm tháng đầu đời, Venedikt đã như một vị tu sĩ già dặn, còn về đời sống đạo đức, từ thuở thiếu thời, ngài đã giống như một người đàn ông tràn đầy sự hoàn hảo. Ngài không để tâm hồn mình bị chi phối bởi những ham muốn xác thịt và trần tục, mà ngay từ thời thanh xuân rực rỡ, khi có thể tự do tận hưởng mọi niềm vui của thế gian, ngài đã coi tất cả những điều đó như cỏ khô héo cùng với những bông hoa của nó.

Thánh Bê-nê-đictô sinh ra tại thành phố Nursia[2384] , và ngài đã đến Rô-ma để theo học các môn khoa học thế tục thời bấy giờ. Nhưng khi chứng kiến tại các trường học ngoại giáo ấy vô số người sa đọa – những kẻ sống theo những dục vọng cuồng nhiệt của mình – ngài đã rời khỏi đó, lo sợ rằng chỉ vì chút kiến thức sách vở mà có thể hủy hoại trí tuệ vĩ đại của tâm hồn mình, và khi bị ảnh hưởng bởi những kẻ đồi bại, ngài sẽ rơi vào vực thẳm tội lỗi. Vì vậy, ông rời các trường học không phải với tư cách một nhà hiền triết uyên bác, cũng không phải một kẻ dốt nát nhưng sáng suốt, và ông khinh thường sự uyên bác bề ngoài để bảo tồn sự trong sạch nội tâm. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, ông không chỉ từ bỏ các trường học ngoại giáo, mà còn từ bỏ cả gia tài khổng lồ của cha mẹ mình – những người lúc đó đã qua đời – và chỉ hướng tới đời sống tu sĩ và cuộc sống ẩn dật. Một bà lão hiền lành, từng là người nuôi dưỡng ngài, đã theo ngài vào sa mạc; bà là người rất yêu mến ngài vì lối sống đạo đức của ngài. Khi họ đến nơi gọi là Effidi, Thánh Bê-nê-đict đã được những người quen ở đây giữ lại và sống tại nhà thờ Thánh Phê-rô. Những người đạo đức trong vùng này, vì yêu mến chàng thanh niên phúc lành, đã đối xử với anh với sự kính trọng sâu sắc. Bà lão sống cùng anh một lần đã mượn của hàng xóm những chiếc chậu[2385] để sàng lúa mì, rồi đặt chúng lên bàn của mình và đi đâu đó. Tình cờ, những chiếc chậu này rơi khỏi bàn và vỡ làm đôi. Khi trở về, bà thấy chúng đã vỡ, rất buồn bã vì điều đó và thậm chí còn khóc, vì những chiếc chậu đó là của người khác. Chàng trai thánh thiện, thấy bà lão khóc vì những chiếc chậu bị vỡ, đã nhặt hai mảnh vỡ đó lên, rồi lui vào một góc, quỳ sấp xuống đất trước mặt Chúa. Anh cầu nguyện suốt một giờ và khi đứng dậy sau lời cầu nguyện, anh thấy chiếc bình vẫn còn nguyên vẹn – thậm chí không thể nhận ra rằng trước đó nó đã bị vỡ; anh cầm lấy và trao lại cho người bạn đồng

---

[2381] Đó là cuộc bách hại do Maximianus Galerius, con rể của Hoàng đế Diocletianus và là người kế vị ông từ năm 305 đến năm 311, phát động. Cuộc bách hại bắt đầu dưới thời Diocletianus vào năm 303.

[2382] Thành phố Pidna hay Pinda, hiện không còn tồn tại, nằm ở Macedonia, thuộc tỉnh ven Vịnh Thermian.

[2383] Venedikt (hoặc theo cách phát âm La Mã là Benedikt – Benedictus) – có nghĩa là "người được chúc phúc".

[2384] Nursia – một thành phố nhỏ ở Umbria (Ý).

[2385] Noshvy hoặc nochvy (còn gọi là noshvitsa) – là một cái máng hoặc một cái thùng giống như máng, được dùng để sàng lúa mạch và phục vụ các nhu cầu nông nghiệp khác.

hành của mình. Tin tức về phép lạ này nhanh chóng lan truyền đến tất cả cư dân nơi đó. Họ lấy những chiếc chum ấy treo lên tường nhà thờ, ngay cạnh cửa ra vào, để những ai bước vào nhà thờ đều có thể nhìn thấy – nhằm tôn vinh Thiên Chúa, và ca ngợi chàng thanh niên Venedikt, người đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng vĩ đại như vậy. Nhưng vị thánh, không chịu nổi sự tôn vinh và danh vọng của loài người, đã lén lút rời khỏi đó mà không ai hay biết, và sau khi chia tay người nuôi dưỡng mình, ngài đã lui vào sa mạc. Khi ngài đến một nơi gọi là Dol[2386] , cách Roma bốn mươi popistria, thì nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa, ngài đã gặp ở đó một tu sĩ tên là Roman: ông đang trên đường từ một tu viện lân cận, nơi do Bề trên Theodotus cai quản. Ngồi xuống cùng vị tu sĩ này, họ bắt đầu trò chuyện về sự cứu rỗi linh hồn. Tại đây, Thánh Bê-nê-đict đã bày tỏ với ông ý định và khát vọng trong lòng mình, và tìm thấy ở ông một người đồng hành cho dự định của mình. Roman đã mặc áo tu sĩ cho Thánh Bê-nê-đict ngay tại sa mạc, rồi tìm thấy một hang động trong một khu rừng rậm sâu thẳm, ở một nơi rất khó tiếp cận, và cho ngài cư ngụ tại đó; còn thức ăn thì ông mang từ tu viện đến cho ngài. Tu sĩ Roman trong ba năm liền không nói với ai về Thánh Venedict, nhưng vào những ngày đã định sẵn, ông lén lấy một ít bánh mì trong bữa ăn và mang đến hang động cho ngài. Tuy nhiên, vì lối vào hang động này từ trên núi rất bất tiện và để đến được đó, người ta phải đi vòng xa quanh núi, nên ông đã thả một sợi dây dài từ ngọn núi cao này xuống và dùng nó để thả bánh mì cho vị thánh Venedikt; ở đầu dây thừng có buộc một chiếc chuông nhỏ, để thánh Venedict có thể nghe thấy khi bánh mì được thả xuống. Còn ma quỷ, kẻ căm ghét các tôi tớ của Chúa, đã nảy ra ý định cản trở việc làm tốt lành của Roman, nhằm hành hạ thánh Venedict bằng cơn đói khát, buộc ngài phải khuất phục trước sự yếu đuối. Một lần nọ, khi Roman đang thả bánh mì từ trên núi xuống hang động theo thông lệ, con quỷ đã ném một hòn đá vào chiếc chuông nhỏ và làm vỡ nó, nhưng hành động đó chẳng mang lại kết quả gì: bởi vì tu sĩ trung thành Roman không ngừng phụng sự Thánh Venedict cho đến khi Chúa muốn cho ngài được nghỉ ngơi khỏi công việc thánh thiện này, và cho Thánh Venedict – ngọn đèn đang ẩn mình trong bóng tối – được tỏ hiện ra trước thế gian để mang lại lợi ích thiêng liêng cho nhiều người.

Ba năm sau, một vị linh mục nào đó, đang sống xa ngọn núi này, vào lúc ông đang chuẩn bị những bữa ăn thịnh soạn cho lễ Phục Sinh, thì Chúa đã hiện ra trong một thị kiến và phán:

– Này, ngươi đang chuẩn bị nhiều thức ăn cho mình, còn tôi tớ Ta là Venedikt, trong một hang động nào đó – và Ngài đã chỉ rõ địa điểm đó – vì tình yêu dành cho Ta mà đang kiệt sức vì đói.

Lúc đó, vị linh mục liền thu dọn đồ đạc, mang theo thức ăn, và lên đường đi tìm người của Chúa. Vượt qua những con dốc núi hiểm trở, những dòng suối trong thung lũng và những vực thẳm, cuối cùng ông cũng đến được hang động được chỉ dẫn, nơi ông tìm thấy thánh Bê-nê-đict. Sau khi hôn nhau nhân danh Chúa, cả hai cùng ngồi xuống và nuôi dưỡng tâm hồn bằng những cuộc trò chuyện cứu rỗi linh hồn. Rồi vị linh mục nói với vị thánh:

– Thưa Cha, chúng ta hãy dùng bữa, tạ ơn Chúa, vì hôm nay là Lễ Phục Sinh.

Người của Chúa đáp lại:

– Đúng vậy, hôm nay là Lễ Phục Sinh đối với con, vì con đã được ơn được gặp cha.

Vị thánh không biết rằng lễ Phục Sinh đã đến, vì ngài sống xa cách mọi người, và không ai biết ngài, ngoại trừ tu sĩ Roman.

– Quả thật, thưa Cha, – vị linh mục nói tiếp, – hôm nay là lễ Phục Sinh của Chúa, và Cha không nên ăn chay, vì chính Chúa đã sai con đến đây để cả hai chúng ta cùng được no nê nhờ những ân huệ của Ngài.

Và thế là, nhờ ơn Chúa, cả hai đều được dùng bữa, còn vị linh mục, sau khi được an ủi bởi niềm vui thiêng liêng, đã trở về tu viện của mình, ngợi khen Chúa vì đã cho ngài được gặp người tôi tớ của Ngài. Không lâu sau đó, các mục đồng đã phát hiện ra hang động của vị thánh, và từ đó nhiều người đã biết đến ngài. Dân chúng bắt đầu đổ xô đến với ngài để than thở về những nhu cầu của mình, còn vị thánh cha thì an ủi họ bằng thức ăn thiêng liêng.

Thấy cuộc sống thánh thiện như vậy của Venedikt, ma quỷ, trong cơn căm thù, đã nảy sinh ý định cản trở sự cứu rỗi của vị thánh. Một lần nọ, nó biến hình thành một con chim đỏ, được gọi là chim kos[2387] , và bay lượn một cách ngang nhiên trước mặt ngài, đến nỗi nếu Thánh Bê-nê-đict muốn, ngài có thể bắt con chim đó bằng tay, nhưng ngài không để ý đến nó. Nhận ra đó là mưu mô của kẻ thù, ngài đã bảo vệ mình bằng dấu thánh giá, và con chim ấy biến mất. Ngay sau khi nó biến mất, dưới sự xúi giục của chính con quỷ đó, vị thánh bị tấn công bởi cơn cám dỗ

[2386] Doll (tức là khu vực ven hồ); tại vùng hoang vắng này (gần khu vực Subiaco ngày nay) trước đây từng có các biệt thự của các hoàng đế Claudius và Nero.

[2387] Kos – (tiếng Latinh: merula) – chim sơn ca.

của dục vọng xác thịt dữ dội đến mức ngài chưa từng trải qua trước đây. Con quỷ dâm dục, hóa thân thành hình dáng một người phụ nữ mà vị thánh từng gặp một lần khi còn trẻ, hiện ra trước mắt ngài và khơi dậy trong thân xác đã được thanh tẩy của ngài một cơn dục vọng mãnh liệt đến nỗi ngài suýt nữa thì rơi vào tuyệt vọng. Ý nghĩ do ma quỷ xúi giục về việc quay trở lại thế gian lóe lên trong tâm trí ngài, nhưng ân sủng của Thiên Chúa đã củng cố ngài và giúp ngài chiến thắng cơn dục vọng. Khi đã bình tĩnh lại, ngài thấy gần đó có rất nhiều cây tầm ma và cây gai đang mọc um tùm. Cởi bỏ quần áo, Thánh Bê-nê-đict trần truồng lao vào bụi gai và nằm lăn lộn trong đó suốt vài giờ, chịu đựng những vết bỏng dữ dội trên khắp cơ thể; ngài tiếp tục làm như vậy cho đến khi thấy toàn thân mình đẫm máu. Sau khi thoát khỏi những ý nghĩ xấu xa và lời nói dâm dục như vậy, ngài đã nhiệt thành tạ ơn Chúa. Kể từ lúc đó, được củng cố bởi ân sủng của Thiên Chúa, Thánh Bê-nê-đict đã sống một cuộc đời trong sạch đến nỗi con quỷ dâm dục không còn dám cám dỗ ngài trong suốt phần đời còn lại, như chính ngài sau này đã kể lại cho các môn đệ nghe, nhằm làm gương cho họ.

Khi danh tiếng về vị thánh đã lan truyền khắp nơi, thì tại một tu viện nào đó trong vùng, vị tu viện trưởng đã qua đời. Lúc bấy giờ, các tu sĩ của tu viện ấy đã đến gặp Thánh Bê-nê-đict và tha thiết xin ngài làm người hướng dẫn và mục tử cho họ. Nhưng ngài từ chối đảm nhận vai trò lãnh đạo họ, vì tự nhận mình là kẻ có tội và không xứng đáng với điều đó; đồng thời, Thánh Bê-nê-đict đã nói với họ:

– Tính cách của tôi sẽ không phù hợp với các anh em.

Nhưng bị thuyết phục bởi những lời thỉnh cầu của họ, ngài sau đó đã đồng ý và, dù không mong muốn, đã trở thành vị tu viện trưởng của tu viện. Thánh Bê-nê-đict đã quản lý tu viện với lòng nhiệt thành. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc của đời sống khổ hạnh, ngài không cho phép ai sống theo ý mình, đến nỗi các tu sĩ bắt đầu hối hận vì đã chọn cho mình một vị tu viện trưởng hoàn toàn không phù hợp với lối sống sa đọa của họ. Những tu sĩ xấu xa nhất thậm chí còn nảy sinh ý định sau đây: họ trộn chất độc vào rượu, rồi đổ tất cả vào chén, và dám dâng thức uống chết người này cho vị cha đáng kính trong bữa trưa. Nhưng ngài đã dùng bàn tay trong sạch của mình làm dấu Thánh Giá trên chén, và chiếc chén, nhờ sức mạnh của Thánh Giá, lập tức vỡ tan, như thể bị một hòn đá đập vào. Lúc đó, vị thánh nhân nhận ra rằng chiếc chén đó chứa chất độc, vì nó không thể chịu đựng được Thánh Giá ban sự sống; ngay lập tức, ngài gọi các tu sĩ đến và không hề có chút oán hận nào, thậm chí còn nở nụ cười trên môi, ngài nói với họ:

– Hỡi các con! Xin Chúa nhân từ thương xót các con. Tại sao các con lại nảy sinh ý định làm điều này với ta? Chẳng phải ta đã nói với các con từ trước rằng lối sống của ta không phù hợp với các con sao? Vậy thì, hãy tìm cho mình một vị cha khác đi, còn ta thì không thể ở lại với các con được nữa.

Và sau khi chúc bình an cho họ, ngài lui về hang động nơi ngài từng sống, và ở đó một mình trước sự chứng kiến của Thiên Chúa Toàn Năng. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng sắp đặt mọi sự vì điều tốt lành, không muốn Thánh Bê-nê-đict thực hiện con đường cứu rỗi của mình trong cô độc: ngài còn phải hướng dẫn những người khác đến sự cứu rỗi. Và thế là, thay vì một đoàn chiên nhỏ bé về mặt tinh thần, Chúa đã ban cho ngài một đoàn chiên lớn hơn, và thay vì một tu viện bị bỏ hoang, Ngài đã trao cho ngài mười hai tu viện. Vì khi tin tức về đời sống thánh thiện như thiên thần của Thánh Bê-nê-đict lan truyền, các tín hữu từ khắp nơi bắt đầu đổ về với ngài: có người mong được hưởng ân sủng từ những lời cầu nguyện và phước lành của ngài, có người muốn nuôi dưỡng tâm hồn bằng những lời giảng dạy đầy ân sủng của Chúa, còn có người lại mong được ở lại sống cùng ngài. Và vào thời điểm đó, nhiều người đã từ bỏ thế gian và mọi thứ trần tục; họ xây dựng cho mình những căn phòng nhỏ gần hang động của ngài và bắt đầu sống bằng cách tự kiếm thức ăn từ công việc lao động của chính mình. Sau vài năm, số lượng các tu sĩ của Thánh Bê-nê-đict đã tăng lên đến mức khu rừng hoang vắng đó không còn đủ chỗ chứa tất cả mọi người. Lúc bấy giờ, vị thánh chia tất cả các tu sĩ thành mười hai nhóm, và mỗi nhóm bắt đầu sống trong một tu viện riêng; đồng thời, ngài cử một vị tu sĩ có kinh nghiệm trong số các môn đệ của mình làm bề trên cho mỗi tu viện, còn các tu sĩ mới nhập môn thì ngài giữ lại bên mình để rèn luyện và hướng dẫn.

Một số công dân La Mã danh giá cũng đến gặp Thánh Bê-nê-đictô; họ giao con trai mình cho ngài để phụng sự Thiên Chúa, đồng thời phó thác các em cho ngài nhằm được giáo dục và rèn luyện về mặt tâm linh. Trong số đó có Êu-ti-ki-ô, một người thuộc dòng dõi danh giá; ông đã đưa con trai mình, cậu bé Ma-vơ, đến gặp vị thánh và giao phó cậu cho ngài để phụng sự Thiên Chúa; cũng như quý tộc Tertullus, khi dâng con trai nhỏ Plakida của mình cho Chúa, đã giao cậu bé vào tay cha tinh thần là Thánh Bê-nê-đict. Maur phục vụ vị thánh, giúp ngài trong các công việc, còn cậu bé Plakida được nuôi dưỡng, tìm thấy niềm vui trong thức ăn tinh thần hơn là thức ăn thể xác.

Tại một trong những tu viện của Thánh Venedict có một tu sĩ lơ là; trong lúc hát thánh ca, anh ta thường ra khỏi nhà thờ, và dù vị tu viện trưởng đã nhiều lần trừng phạt anh ta vì điều này, anh ta vẫn không sửa đổi. Biết được điều này, Thánh Bê-nê-đict đã gọi tu sĩ đó đến, sau khi khuyên răn anh ta bằng những lời nói có ích cho linh hồn, ngài đã cho anh ta về nhà, nhưng anh ta vẫn không chịu sửa đổi. Lúc đó, chính vị thánh cha đã đích thân đến tu viện đó và, trong lúc đứng dự lễ trong nhà thờ, ngài nhìn về phía vị tu sĩ lơ là ấy và thấy một con quỷ hiện hình dưới dạng một thiếu niên da đen đang bám vào gấu áo của vị tu sĩ đó, kéo anh ta ra khỏi nhà thờ. Vị thánh cha nói với những người xung quanh:

– Các con có thấy ai đang lôi anh tu sĩ đó ra khỏi nhà thờ không! Họ liền đáp:

– Không, thưa Cha.

Sau đó, Thánh Bê-nê-đict đã cầu nguyện với Chúa để Ngài mở mắt tâm hồn họ, và ngày hôm sau, một số người trong số họ đã nhìn thấy một cậu bé người Ê-thi-ô-pi nhỏ bé đang lôi vị tu sĩ đó ra khỏi nhà thờ, và họ kể lại cho vị thánh nghe những gì họ đã thấy. Sau khi kết thúc thánh lễ, vị tu sĩ đáng kính, vì sự cứu rỗi của vị tu sĩ ấy, đã thay đổi tính cách hiền lành của mình thành nghiêm khắc, không chỉ bằng lời nói mà còn dùng cây gậy để trừng phạt vị tu sĩ lười biếng, và nhờ đó đã xua đuổi con quỷ khỏi người ấy. Con quỷ ấy, như thể chính nó đã chịu đòn, từ đó không bao giờ quay trở lại với vị tu sĩ ấy nữa, và anh ta từ đó đã hoàn toàn cải tà quy chính.

Một tu viện tọa lạc trên ngọn núi cao, không có nguồn nước gần đó, nên phải đi xuống một khe núi sâu để lấy nước; do đó, việc mang nước lên núi, vào tu viện, gặp rất nhiều khó khăn. Các tu sĩ của tu viện đó, một lần đến gặp vị cha đáng kính, đã khẩn cầu ngài chuyển tu viện đến một nơi khác, nơi có thể lấy nước một cách dễ dàng. Thánh Bê-nê-đict, sau khi bảo họ chờ một chút , đã tự mình cùng với cậu bé Plakida lên ngọn núi đó vào ban đêm; ngài quỳ gối và cầu nguyện với Thiên Chúa, rồi làm cho một suối nước tuôn trào từ ngọn núi, giống như xưa kia Mô-sê đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên đang khát nước trong sa mạc (Xuất Hành 17:1–7). Và nguồn nước này không chỉ đủ cho nhu cầu của tu viện, mà còn chảy xuống từ ngọn núi với một dòng chảy khá dồi dào.

Tại một tu viện khác của ngài, sự việc sau đây đã xảy ra: vào lúc đó, khi một tu sĩ đang dùng cuốc đào đất trong vườn bên bờ sông[2388] , phần sắt của cán cuốc rơi xuống nước, và vị tu sĩ ấy vô cùng buồn bã: không thể nào vớt được phần sắt của cuốc lên khỏi mặt nước, vì dòng sông vừa sâu vừa chảy xiết. Lúc đó, Thánh Bê-nê-đict tình cờ đi qua khu vườn đó và, khi thấy vị tu sĩ đang buồn bã, ngài đã thực hiện một phép lạ tương tự như phép lạ của tiên tri Ê-li-sê (4 Vua 6:6): cụ thể là, ngài cầm cán gỗ của cái cuốc và đặt nó xuống sông, ngay tại chỗ mà phần sắt đã rơi xuống, và ngay lập tức phần sắt đó tự nổi lên từ đáy sông và gắn lại vào cán. Vị thánh đã trao lại cho anh em cái cuốc nguyên vẹn, và nói:

– Hãy siêng năng làm việc và đừng buồn phiền.

Một lần nọ, vị thánh nhân đang ngồi trong phòng tu của mình, còn cậu bé Plakida, cầm theo thùng nước, đi ra sông lấy nước; nhưng khi đang múc nước từ bờ sông, cậu cùng với thùng nước đã rơi xuống sông, ngay tại chỗ nước chảy xiết nhất, và bị dòng nước cuốn đi rất xa. Vị thánh nhân, nhìn thấy điều đó bằng đôi mắt tâm linh của mình, liền gọi học trò phục vụ ngài là Mavr:

– Chạy đi, chạy đi: Plakida đã rơi xuống sông và bị dòng nước xiết cuốn đi rất xa rồi.

Lúc đó, Mavr chạy ra sông và, khi thấy Plakida đang chìm dần xa bờ, anh ta chạy dọc theo dòng sông như thể đang đi trên đất khô: anh ta thậm chí còn không nhận ra rằng mình đang chạy trên mặt nước, mà cứ nghĩ rằng mình đang ở trên đất liền. Trong sự kinh hoàng, anh ta đưa Plakida trở lại và kể lại mọi chuyện cho vị cha đáng kính. Thánh Bê-nê-đict đã quy phép lạ này không phải do những lời cầu nguyện của ngài, mà là nhờ sức mạnh của sự vâng lời vô điều kiện của Mavr; còn Mavr thì nghĩ rằng phép lạ này được thực hiện nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh.

Nhưng Plakida nói:

– Con đã thấy chiếc áo choàng của Đức Cha trên đầu con, và con tưởng rằng chính Đức Cha đã nắm lấy tóc con và kéo con lên bờ; còn trên bờ, con đã thấy người Moor.

Cũng vào thời điểm đó, khi Chúa đã tôn vinh vị thánh Bê-nê-đict bằng quyền năng làm phép lạ vĩ đại như vậy và dân chúng từ khắp nơi bắt đầu đổ về với ngài, có một vị linh mục sống trong vùng đó, tên là Florentius, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã nảy sinh lòng thù hận đối với vị thánh phụ và bắt đầu vu khống ngài bằng những lời lẽ nhục mạ, đồng thời chỉ trích ngài trước mặt dân chúng, với ý định tước đoạt sự kính trọng mà mọi người dành cho

[2388] Motyka – cuốc, xẻng.

ngài. Nhưng hắn chẳng đạt được gì từ việc đó: không ai tin vào những lời vu khống nhục mạ ấy, và cũng chẳng ai nghe theo vị linh mục đó. Lúc đó, tên vô đạo này quyết định đầu độc vị thánh; sau khi chuẩn bị một chiếc bánh mì thánh tẩm chất độc chết người, hắn gửi nó làm quà tặng cho Thánh Bê-nê-đict. Vị thánh có khả năng thấu thị, dù biết chiếc bánh mì thánh đó có độc, vẫn nhận nó với lòng biết ơn. Vào giờ mà vị thánh thường dùng bữa trưa, một con quạ từ khu rừng gần đó bay đến phòng của ngài và ăn thức ăn được chuẩn bị sẵn dành riêng cho nó. Thánh Bê-nê-đict, cầm lấy chiếc bánh mì tẩm độc do linh mục Florentius gửi đến, đặt nó trước mặt con quạ và nói:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Con của Thiên Chúa Hằng Sống, hãy lấy miếng bánh này và mang nó đến những nơi hoang vắng, nơi mà không ai – dù là người hay chim – có thể tìm thấy nó.

Con quạ mở mỏ ra và kêu quác quác, bay lượn quanh miếng bánh, rõ ràng cho thấy nó muốn tuân theo mệnh lệnh của vị thánh, nhưng không thể, do chất độc ma quỷ độc hại có trong miếng bánh. Lúc đó, người của Chúa lại nói với con chim:

– Hãy lấy đi, hãy lấy đi, đừng sợ – con sẽ không bị ngộ độc bởi miếng bánh này; vậy thì, hãy mang nó đến sa mạc hoang vu không lối vào.

Và con quạ, tuân theo lệnh được giao, với sự sợ hãi tột độ, đã dùng mỏ mổ lấy chiếc bánh thánh chết người ấy rồi bay đi; sau ba giờ trở lại, nó bắt đầu ăn thức ăn quen thuộc từ tay vị thánh nhân. Còn Thánh Bê-nê-đictô, người không hề oán hận, khi thấy sự thù hận và ác ý của Florentius dành cho mình, đã cầu nguyện cho ông ta nhiều hơn là cho chính mình – xin Chúa đừng coi điều này là tội lỗi của ông ta, mà xin Chúa hãy sửa đổi ông ta. Tuy nhiên, vị linh mục độc ác ấy không hề hối cải chút nào: ông ta thậm chí còn ấp ủ một kế hoạch tồi tệ hơn.

Không thể giết chết thân xác của Thánh Bê-nê-đict, ông ta đã dùng mưu mô quỷ quyệt của mình để hủy hoại linh hồn các môn đệ của ngài. Các môn đệ của vị thánh hàng ngày làm việc trong vườn của ngài; và thế là Florentius đã hối lộ bảy thiếu nữ xinh đẹp và gửi họ đến khu vườn đó, để họ ca hát và nhảy múa khiêu khích trước mặt những tu sĩ trẻ tuổi ấy, từ đó khơi dậy những ham muốn xấu xa trong trái tim non nớt của họ. Thấy vậy, Thánh Bê-nê-đict lo sợ sự hư mất tâm hồn của các môn đệ trẻ tuổi và quyết định rời khỏi đó cùng họ. Như vậy, một mặt ngài rời khỏi nơi đó vì sự độc ác của Florentius, mặt khác – ngài cũng dẫn dắt các môn đệ trẻ tránh xa cám dỗ. Ngài triệu tập các tu sĩ và các vị Bề trên của các tu viện, bổ nhiệm một vị cha có kinh nghiệm để chăm sóc họ, rồi phó thác tất cả cho ý muốn của Thiên Chúa; còn bản thân ngài, khiêm nhường tránh xa sự thù hận và oán giận của loài người, đã rời khỏi nơi đó cùng với những đệ tử trẻ nhất của mình. Còn linh mục Florentius, khi biết tin Thánh Bê-nê-đict đã rời khỏi vùng đất đó, đã vô cùng vui mừng. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng báo thù, đã trừng phạt vị linh mục gian ác ấy bằng một cái chết bất ngờ để bênh vực tôi tớ của Ngài. Một ngày nọ, khi ông đang ngồi trong nhà và vui chơi, căn phòng nơi ông ở sụp đổ, và kẻ thù hận ấy bị các bức tường đè bẹp. Trong số những người trong nhà ông, không ai bị thương, và chỉ có một mình ông chết như vậy.

Tin này lập tức lan truyền đến các tu viện của Thánh Bê-nê-đictô, và người môn đệ yêu quý của ngài còn ở lại tu viện, vị thánh phúc Ma-vơ, không chậm trễ chút nào, đã sai người đi tìm Thánh Bê-nê-đictô. Ông viết cho ngài: "Xin cha hãy trở về: vị linh mục đã vô cớ giận dữ với cha đã chết một cái chết thảm khốc."

Ngài, khi nghe tin về cái chết như vậy của Florentius, đã tràn ngập nỗi buồn sâu sắc và khóc thương ông ấy rất lâu; còn đối với Maurus, đệ tử của ngài, ngài đã nổi giận vì người này đã vui mừng trước cái chết của Florentius, và đã bắt anh ta phải sám hối; còn bản thân ngài thì không muốn trở lại nơi từng thực hiện những công đức trước đây, mà đã chuyển đến một nơi khác. Tuy nhiên, dù đã thay đổi nơi ở, vị thánh vẫn không thoát khỏi kẻ thù cũ của mình, bởi vì ma quỷ – kẻ sáng tạo ra mọi điều ác – đã bắt đầu một cuộc chiến khốc liệt hơn với ngài; nhưng dù hắn có chống lại ngài thế nào đi chăng nữa, vị thánh của Chúa, nhờ ơn Chúa, vẫn bất khả chiến bại.

Thánh Bê-nê-đict, sau khi rời khỏi nơi thực hiện những chiến công đầu tiên của mình, đã lên đường đến vùng Campania, đến một thành phố tên là Cassino[2389] . Tại đây, trên một ngọn núi cao, ngài phát hiện ra một đền thờ thần tượng thờ thần Apollon; xung quanh đền thờ là một khu rừng. Thánh Bê-nê-đict ngay lập tức đập vỡ tượng thần, phá hủy đền thờ, và chặt hạ rồi đốt cháy khu rừng. Một thời gian ngắn sau, ngài đã xây dựng một nhà thờ tại nơi này để tôn vinh Thánh Gioan Tẩy Giả, lập nên một tu viện và quy tụ một cộng đoàn tu sĩ còn đông đảo hơn[2390] .

[2389] Thành phố Casin (Casinum) nằm trên bờ trái sông Liris, dưới chân núi Cassino (trong vùng Campania cổ đại – về phía đông bắc thành phố Naples).

[2390] Hiện nay, tại đây tọa lạc tu viện Monte Cassino nổi tiếng. Trong một thời gian dài, nơi đây từng là trung tâm giáo dục khoa học và thần học, đồng thời là điểm hành hương của toàn thể thế giới Kitô giáo phương Tây. Tu viện đã bị người Longobard phá hủy; phần lớn

Ở vùng đất đó có rất nhiều người ngoại đạo, và Thánh Bê-nê-đictô, mạnh mẽ cả về hành động lẫn lời nói, đã củng cố lời rao giảng thánh thiện của mình bằng những phép lạ, nhờ đó đã dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô. Các quỷ dữ, không chịu nổi sự xuất hiện của Thánh Bê-nê-đict tại vùng đất đó và không chịu được việc các đền thờ của chúng bị phá hủy, đã công khai tấn công ngài. Như thể thở ra ngọn lửa giận dữ, chúng la hét theo kiểu La Mã:

– Bê-nê-đict, Bê-nê-đict!

Khi vị thánh không đáp lại gì, chúng la lên:

– Ngươi không phải là Bê-nê-đict, mà là Ma-lê-đict, Ma-lê-đict!

– Ngươi bị nguyền rủa, bị nguyền rủa, chứ không phải được chúc phúc! Ngươi quan tâm gì đến chúng ta! Và tại sao ngươi lại đuổi chúng ta đi?

Còn Thánh Bê-nê-đict, bằng lời cầu nguyện và dấu thánh giá, đã xua đuổi chúng khỏi mình, như bụi bay theo gió. Khi tu viện đang được xây dựng và các tu sĩ, những người đang lao động trong công trình, đang dựng tháp chuông – vào lúc đó, vị thánh, trong một lần cầu nguyện trong căn phòng riêng của mình, đã nhìn thấy một con quỷ đang đi tới.

– Ngươi đi đâu vậy, kẻ thù? – Thánh Bê-nê-đict hỏi nó.

– Ta đang đi đến chỗ các tu sĩ đang làm việc.

Vị thánh lập tức sai người đi báo cho các tu sĩ, để họ đề phòng mọi nguy hiểm bất ngờ từ kẻ thù, vì lúc này con quỷ đang tiến về phía họ. Người được sai đi còn đang nói chuyện với các tu sĩ thì bỗng nhiên bức tường đang xây sụp xuống và giết chết một thiếu niên, khiến tất cả các tu sĩ đều vô cùng đau buồn: họ không buồn vì bức tường sụp đổ, mà vì người anh em của họ đã qua đời. Khi đến gặp vị thánh, họ đã báo tin này cho ngài trong nước mắt. Ngài ra lệnh mang thi thể cậu thiếu niên đến cho ngài, nhưng không thể bế cậu trên tay được, vì bức tường đá không chỉ nghiền nát thân thể cậu mà còn cả xương cốt. Các tu sĩ đặt cậu lên một tấm chiếu và mang vào phòng của vị cha đáng kính của họ. Thánh Bê-nê-đict ra lệnh đặt thi thể cậu trên tấm chiếu mà ngài thường dùng để cầu nguyện, rồi bảo mọi người ra khỏi phòng, chỉ còn lại một mình. Bằng lời cầu nguyện sốt sắng dâng lên Thiên Chúa, ngài đã làm cho chàng trai trẻ sống lại, và ngay trong ngày hôm đó, cậu đã hoàn toàn khỏe mạnh, như vừa thức dậy sau giấc ngủ, ngài cho cậu trở lại làm việc như trước đây cùng các tu sĩ. Tại tu viện của Thánh Bê-nê-đict, chính ngài đã quy định rằng các tu sĩ được cử đi làm việc không được ăn uống gì cho đến khi trở về tu viện, và quy tắc này được tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Một lần nọ, một số tu sĩ được cử đi làm việc đã đến muộn một chút, vì quãng đường rất xa. Đang đói, trên đường đi, họ ghé vào nhà một thiếu nữ đạo đức và hiền lành, và đã được cô ấy tiếp đãi bằng thức ăn và nước uống; khi họ đến xin phép vị Thánh Cha của mình thì đã muộn rồi. Ngài hỏi họ:

– Các con đã ăn ở đâu vậy?

– Chúng con không ăn ở đâu cả, thưa Cha! – họ đáp. Vị thánh bèn nói với họ:

– Sao các con lại nói dối? Chẳng phải các con đã được cô gái nhân hậu kia tiếp đãi bằng thức ăn sao? Các con đã ăn những thứ này hay những thứ kia phải không? Và các con đã uống bao nhiêu chén như vậy phải không?

Nghe vậy, các tu sĩ kinh hoàng vì vị cha có con mắt thấu suốt này biết hết mọi chuyện, dù những việc đó đã xảy ra cách xa ngài rất xa; họ quỳ xuống dưới chân ngài, kể lại toàn bộ sự thật và xin ngài tha thứ. Thánh Bê-nê-đict cũng vạch trần một tu sĩ khác, người đã lén ăn trên đường đi. Bằng đôi mắt thấu suốt của mình, ngài còn nhìn thấy nhiều điều khác nữa đang diễn ra trong bí mật, và vì thế ai nấy đều sợ hãi không dám làm hay nói điều gì thiếu

---

các tu sĩ đã di tản đến Rome, nơi họ thành lập một tu viện mới gần đồi Quirinal. Năm 720, Giáo hoàng Grigoriô II đã khôi phục lại Monte Cassino; các giáo hoàng kế nhiệm ông đã ban cho tu viện này nhiều đặc quyền. Năm 884, người Saracen lại phá hủy tu viện này, nhưng sau đó nó đã được khôi phục; năm 1340, tu viện một lần nữa bị phá hủy bởi trận động đất và được Giáo hoàng Julius II khôi phục, người đã sáp nhập tu viện vào Dòng Thánh Justina. Tại tu viện có một thư viện rộng lớn và những bức tranh tuyệt đẹp. Tại đây cũng lưu giữ di cốt của Thánh Bê-nê-đictô và em gái ngài là Scholastica. Thánh Bê-nê-đictô đã soạn thảo Hiến chương cho tu viện này, sau đó được nhiều tu viện ở phương Tây áp dụng. Khi soạn thảo các quy tắc đời sống tu viện, ngài đã lấy cảm hứng từ các quy định dành cho các tu viện phương Đông của Cassianus người La Mã (ngày kỷ niệm ngài là ngày 29 tháng 2), nhưng ngài đã làm dịu bớt sự nghiêm ngặt của chúng, phù hợp với sự phát triển còn non nớt của đời sống tu hành ở phương Tây. Tuy nhiên, Hiến chương của Thánh Bê-nê-đict vẫn quy định việc từ bỏ tài sản, sự vâng lời vô điều kiện và lao động không ngừng. Ngoài ra, các tu sĩ cao niên còn được giao nhiệm vụ dạy dỗ trẻ em và sao chép các bản thảo. Quy định sau này đã mang lại lợi ích to lớn về sau, vì nó góp phần bảo tồn vô số di tích cổ xưa khỏi bị hủy hoại trong thời kỳ tăm tối. Và trong thời gian sau đó, các tu sĩ Dòng Thánh Bê-nê-đict (tên gọi dành cho tất cả các tu sĩ tuân theo Hiến chương của Thánh Bê-nê-đict hoặc theo cách gọi La Mã là Bê-nê-đict) đã đóng góp nhiều điều hữu ích cho Giáo hội thông qua các công trình nghiên cứu của họ về các tác phẩm từ thời kỳ đầu của Kitô giáo.

khôn ngoan ở bất cứ đâu: ai nấy đều biết rằng bằng linh hồn của mình, vị cha của họ luôn ở bên cạnh họ mọi lúc mọi nơi, rằng ngài nghe và thấy mọi lời nói và hành động của họ, và vạch trần những ai phạm tội.

Totella, vua của người Goth, người lúc bấy giờ cai trị vùng Campania, khi biết về khả năng thấu thị của Thánh Bê-nê-đict, đã nảy sinh ý định đến thăm ngài. Nhưng ban đầu, ông không tự mình đi, mà cử một quan đại thần của mình tên là Riga đi thay, giả danh là chính ông. Bằng cách này, ông muốn thử thách khả năng thấu thị của vị thánh: liệu ngài có nhận ra rằng không phải chính vị vua đã đến gặp ngài hay không. Và ngay khi Riga, như thể thực sự là vị vua, được vây quanh bởi các quan đại thần và binh lính, đang tiến gần đến Thánh Venedict, vị thánh, khi nhìn thấy ông từ xa, đã gọi với theo:

– Hỡi con, hãy cởi bỏ bộ áo hoàng gia mà con đang mặc đi: vì chúng không phải của con, mà là của Đấng đã sai con đến với ta.

Riga, hoảng sợ trước lời vạch trần này, đã cúi đầu kính lạy vị thánh và lập tức quay trở lại. Sau đó, chính vua Totella đã đến với thái độ khiêm nhường và liên tục cúi đầu kính lạy vị thánh có khả năng thấu thị của Chúa; Thánh Bê-nê-đict đã vạch trần và khiển trách ông vì sự tàn bạo cùng những việc làm xấu xa, đồng thời phán những lời tiên tri với ông. Thánh nhân nói với nhà vua:

– Theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, ngài sẽ chiếm được Rôma, vượt qua biển cả, nhưng vào năm thứ mười của triều đại ngài, ngài sẽ qua đời.

Và lời tiên tri của vị thánh cha này đã ứng nghiệm đúng như vậy. Ngoài ân sủng tiên tri, Thánh Bê-nê-đict còn được Thiên Chúa ban cho quyền năng chế ngự ma quỷ. Có một giáo sĩ thuộc Giáo hội Aquin[2391] , bị ma quỷ hành hạ, theo lời khuyên của Giám mục Constance, đã lên đường đến các thánh địa, đến trước các di cốt của các thánh tử đạo, nhưng các thánh tử đạo đã không ban ơn chữa lành cho ông, vì ông không xứng đáng. Sau đó, ông được dẫn đến gặp vị thánh nhân của Chúa là Thánh Bê-nê-đictô, và nhờ những lời cầu nguyện của ngài, ông lập tức được chữa lành; sau khi trừ quỷ khỏi vị linh mục, vị thánh đã ban cho ông lời răn dạy như sau:

– Đừng ăn thịt, cũng đừng dám thụ phong chức linh mục: vì vào ngày mà ngươi quyết định nhận chức linh mục, ngươi sẽ lại phải chịu sự hành hạ tàn nhẫn của quỷ dữ.

Vị tu sĩ đã được chữa lành, khi trở về nhà, đã tuân giữ hai lời răn của vị thánh cha trong một thời gian dài: ông không ăn thịt và không dám nhận chức linh mục. Nhưng nhiều năm sau, vị tu sĩ này, khi thấy những linh mục đã qua đời được thay thế bởi những người trẻ hơn ông rất nhiều, đã coi đó là sự sỉ nhục đối với bản thân và bắt đầu tìm cách nhận chức linh mục. Và khi ông được tấn phong làm linh mục, thì ngay trong ngày đó, theo sự cho phép của Thiên Chúa, một con quỷ dữ đã tấn công ông và, hành hạ vị tu sĩ này không thương xót, đã giết chết ông. Như vậy, lời tiên tri của Thánh Bê-nê-đict đã được ứng nghiệm.

Có một quý ông tên là Feoprov, một công dân được mọi người kính trọng ở thành phố Cassina, nhờ sự hướng dẫn khôn ngoan của Thánh Bê-nê-đictô, đã từ bỏ việc thờ thần tượng để theo đạo chân chính, và nhờ cuộc sống đạo đức của mình, ông được cha linh hướng và thầy của mình yêu mến và quý trọng. Một lần nọ, Feoprov bước vào phòng tu của Thánh Bê-nê-đict và thấy vị cha thiêng liêng của mình đang khóc lóc thảm thiết. Đứng đó một lúc lâu, nhìn những giọt nước mắt tuôn trào không ngừng của ngài, anh cảm thấy bối rối, vì anh thấy ngài khóc không phải trong lúc cầu nguyện (trong khi bình thường vị thánh luôn khóc vào lúc đó); nhưng lúc này, Thánh Venedict không chỉ rơi nước mắt, mà còn thốt ra những tiếng nức nở và rên rỉ đầy đau khổ.

Feoprov ngạc nhiên hỏi lý do tại sao ngài lại khóc, và vị thánh, vừa cố kìm nén nước mắt và tiếng nức nở, đã nói:

– Ngươi có thấy tu viện này không, nơi ta đã xây dựng nhờ ơn Chúa, và tất cả những gì ta đã sắp xếp ở đây cho các tu sĩ? Tất cả những điều này, theo phán quyết của Chúa Toàn Năng, sẽ bị giao cho những kẻ ngoại đạo để chúng tàn phá. Và ta chỉ mới khẩn cầu Chúa, xin Ngài bảo vệ mạng sống của các tu sĩ của ta, những người đang sống tại tu viện này.

Lời tiên tri của Thánh Bê-nê-đict đã ứng nghiệm sau khi ngài qua đời. Một đêm nọ, khi toàn thể các tu sĩ đang nghỉ ngơi, người Longobard[2392] bất ngờ tấn công tu viện. Nhưng họ không bắt được một tu sĩ nào: được bảo

---

[2391] Aquino (theo tiếng La Mã là Aquinum) – một thị trấn nhỏ thuộc tỉnh Caserta, vùng Soro, Ý; tại vùng này, một trong những nhà thần học kinh viện nổi tiếng nhất là Thánh Tôma Aquinô đã ra đời.

[2392] Người Longobard – một dân tộc hiếu chiến, thuộc bộ tộc German. Ban đầu, người Longobard sinh sống dọc sông Elbe, sau đó di cư đến sông Danube, nơi họ tập hợp lại và thành lập một nhà nước ngay từ đầu thế kỷ VI. Năm 568, dưới sự lãnh đạo của vua Albonis, họ tiến vào Ý và định cư tại đây. Cuộc chinh phục Ý của người Lombard man rợ (cùng với họ là những bộ tộc không kém phần man rợ như

vệ bởi những lời cầu nguyện của vị cha thánh của mình, tất cả các tu sĩ đều trốn thoát an toàn. Còn người Longobard, sau khi cướp phá tu viện, đã tàn phá nó nặng nề; trong khi đó, khi Thánh Venedict còn sống, tu viện này, được Chúa che chở, đã được hưởng sự sung túc trọn vẹn. Một người sùng đạo đã gửi cho Thánh Bê-nê-đict hai bình rượu. Người đầy tớ được sai đi đã giấu riêng cho mình một trong hai bình đó và cất giấu nó ở đâu đó dọc đường, còn bình kia thì mang đến cho vị cha đáng kính. Nhưng vị thánh có khả năng thấu thị, khi tiễn người đầy tớ ra về, đã nói với anh ta:

– Này con, đừng uống từ chiếc bình mà con đã giấu dọc đường, nhưng hãy đổ nó ra, và con sẽ thấy trong đó có gì.

Cảm thấy xấu hổ trước lời vạch trần của vị thánh, người đầy tớ ấy cúi đầu chào vị thánh và ra về. Khi đến gần chiếc bình đã giấu, anh ta nảy ra ý định thử xem liệu vị thánh có nói thật hay không, liền nghiêng bình để đổ rượu ra, và ngay lúc đó, cùng với rượu, những con rắn cũng bò ra từ trong bình. Rất hoảng sợ trước cảnh tượng này, người đầy tớ ấy đã ăn năn về tội lỗi mình đã phạm.

Không xa tu viện của vị thánh là một ngôi làng; trước đây, dân làng này vẫn thờ cúng thần tượng, nhưng khi Thánh Bê-nê-đict đến vùng đất này, nhờ sự nỗ lực của ngài, tất cả họ đều đã cải đạo sang Kitô giáo. Tại ngôi làng này, một tu viện nữ đã được thành lập. Để giảng dạy các nữ tu bằng Lời Chúa, Thánh Bê-nê-đict thường cử những tu sĩ tài giỏi và giàu kinh nghiệm đến đây. Một lần nọ, một tu sĩ trong số các tu sĩ đã được cử đến để giảng dạy các nữ tu. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, khi anh ta đang trên đường trở về tu viện của mình, một số nữ tu trên đường đã nài nỉ anh ta mang giúp vài chiếc khăn. Vị tu sĩ đó, sau khi nhận lấy những chiếc khăn, đã giấu chúng vào trong áo. Khi trở về, anh ta đến gặp Thánh Bê-nê-đict; vị thánh nhìn anh ta với ánh mắt nghiêm khắc rồi nói với giọng giận dữ:

– Anh em ơi, tại sao sự vi phạm lại xâm nhập vào lòng anh?

Vị tu sĩ ấy hoảng sợ, vì quá sợ hãi mà quên mất những chiếc khăn tắm giấu trong áo, nên không hiểu vị thánh đang nói gì với mình.

Nhưng vị thánh lại nói:

– Chẳng phải ta đã ở đó cùng ngươi khi ngươi lấy những chiếc khăn từ các nữ tu và giấu chúng vào trong áo sao?

Nghe vậy, tu sĩ quỳ xuống dưới chân vị thánh và xin tha thứ cho tội lỗi của mình.

Một lần nọ, khi vị tu sĩ, theo thói quen của mình vào buổi tối, đang dùng bữa tối, và lúc đó đã khá muộn, thì trước bàn ăn của ngài có một tu sĩ trẻ đứng đó, tay cầm ngọn nến chiếu sáng cho ngài; tu sĩ này là con trai của một vị quan giàu có – và lúc đó, với lòng kiêu ngạo, anh ta bắt đầu tự nghĩ thầm:

– Vậy người này là ai, mà giờ đây ta đang đứng trước mặt và cầm ngọn nến, phục vụ ngài như một nô lệ? Và tại sao ta lại phải làm việc cho vị tu sĩ già vô danh này?

Khi vị tu sĩ trẻ suy nghĩ như vậy trong lòng, thì ý nghĩ kiêu ngạo đó của anh ta không thể che giấu được trước con mắt sáng suốt của vị cha; ngài lập tức quở trách anh ta với tình thương của người cha và nhẹ nhàng nói:

– Con ơi, hãy làm dấu thánh giá trên lòng con đi, tại sao những ý nghĩ kiêu ngạo như vậy lại nảy sinh trong lòng con? Hãy tự kiểm điểm bản thân đi.

Sau đó, ngài gọi một tu sĩ tập sự khác và ra lệnh lấy ngọn nến khỏi tay cậu. Còn vị tu sĩ phạm tội thì nước mắt lưng tròng bước ra khỏi phòng. Khi các tu sĩ khác hỏi tại sao vị cha đáng kính lại đuổi anh ta đi, anh ta đã thú nhận với họ những ý nghĩ kiêu ngạo của mình. Mọi người đều kinh ngạc trước sự thấu hiểu của Thánh Bê-nê-đictô, đến nỗi ngay cả những ý nghĩ thầm kín trong lòng cũng không thể che giấu được trước ngài.

Một lần nọ, tại vùng Campania[2393] xảy ra nạn đói, và trong tu viện của vị thánh chỉ còn lại không quá năm ổ bánh mì, đến nỗi đối với đông đảo các tu sĩ trong tu viện này, số bánh mì đó thậm chí không đủ cho một bữa ăn. Khi tất cả các tu sĩ trong tu viện đều đau buồn và bối rối, không biết lấy bánh mì ở đâu để nuôi sống trong thời gian đói kém, vị thánh đã nói với họ:

---

người Saxon, người Suevi, v.v.) đi kèm với những cuộc cướp bóc quy mô lớn, tàn sát dân chúng, phá hủy các thành phố và chiếm đoạt đất đai bằng vũ lực. Năm 774, Charlemagne đã chấm dứt Vương quốc Lombard. Ban đầu, người Lombard theo đạo Arian, nhưng vào thế kỷ VII, họ đã chuyển sang theo Giáo hội Công giáo.

[2393] Campania – vùng phía nam của Ý, nằm xung quanh Vịnh Naples, với thành phố chính là Naples.

– Sao các con, những kẻ thiếu đức tin, lại buồn rầu vì thiếu bánh như vậy? Chẳng lẽ các con không đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, Đấng không bỏ rơi ai trung thành phụng sự Ngài sao? Và chẳng lẽ các con không nhớ những lời trong Phúc Âm của Đấng Cứu Thế chúng ta: *'Hãy tìm kiếm Nước Trời trước hết, thì mọi điều khác sẽ được ban cho các con; vì Cha các con ở trên trời biết các con cần gì trước khi các con cầu xin'* (Mt 6:8, 33). Vậy nên, đừng nản lòng. Hôm nay các con thiếu thốn, nhưng ngày mai các con sẽ có đủ mọi thứ cần thiết.

Và sáng hôm sau, theo sự quan phòng của Đức Chúa Trời, người ta đã tìm thấy hai trăm mers bột mì trong những bao tải trước cổng tu viện, và không ai có thể nói được từ đâu và ai đã mang đến lượng bánh mì dồi dào như vậy. Lúc đó, mọi người đều tin rằng chính Đức Chúa Trời, nhờ những lời cầu nguyện của vị tu sĩ đáng kính của họ, đã bí mật ban cho họ số bột mì này.

Một người đàn ông sùng đạo đã xin vị tu sĩ ban phước lành để xây dựng một tu viện tại làng của người sùng đạo này; ngôi làng này nằm không xa thành phố Terakini[2394] . Vị thánh đã cử một số môn đệ của mình, những người là những thợ xây dựng khá lành nghề, đến ngôi làng đó, và ra lệnh cho họ dọn dẹp khu đất và chuẩn bị mọi thứ cần thiết để xây dựng tu viện.

"Còn tôi," vị thánh nói với họ, "sẽ đến gặp các con vào ngày này," (và ngài đã chỉ định ngày đó), "và sẽ chỉ cho các con chính xác vị trí để xây dựng từng tòa nhà."

Các thợ xây đi làm theo lời dặn, sau khi chuẩn bị xong mọi thứ, họ bắt đầu chờ đợi sự trở lại của vị tu sĩ đáng kính. Khi ngày đã định đến, vào sáng sớm, khi các thợ xây vẫn còn đang ngủ, Thánh Bê-nê-đict đã hiện ra trong giấc mơ của họ và chỉ cho họ những nơi mà họ phải xây dựng nhà thờ, phòng ăn, bệnh xá, các phòng tu và tất cả các tòa nhà khác của tu viện. Khi thức dậy, họ kể cho nhau nghe giấc mơ của mình và, ngạc nhiên vì tất cả đều thấy cùng một điều trong giấc mơ, họ bắt đầu chờ đợi Thánh Bê-nê-đict. Nhưng vị thánh không đến vào ngày hôm đó, cũng không đến vào ngày hôm sau, và các thợ xây, với vẻ mặt buồn bã, đã đến gặp ngài và nói:

– Thưa Cha đáng kính! Chúng con đã chờ đợi ngài đến như đã hứa, để chỉ cho chúng con vị trí xây dựng các công trình của tu viện, vậy tại sao ngài lại không đến?

Thánh Bê-nê-đict đáp lại:

– Các anh em nói gì vậy, – chẳng phải tôi đã đến gặp các anh em rồi sao?

Nhưng các thợ xây vẫn phủ nhận và nói:

– Không, thưa Cha, ngài chưa đến. Lúc đó, vị tu sĩ nói:

– Các anh đã quên rằng tôi đã đến với các anh khi các anh còn đang ngủ, và chỉ tay vào tất cả những nơi mà các anh phải xây dựng từng tòa nhà sao? Vậy thì, hãy đi và xây dựng các tòa nhà tại những nơi mà tôi đã chỉ định cho các anh trong giấc mơ.

Và họ, sau khi cúi đầu kính lễ vị thánh, đã ra đi và thực hiện đúng mọi điều được truyền dạy.

Cũng tại vùng đất ấy, có hai thiếu nữ thuộc dòng dõi quý tộc. Họ đã thề giữ trinh tiết và sống bằng cách ăn chay; nhưng dù sống một cuộc đời trong sạch, họ lại có cái miệng không kiềm chế và thường xuyên chỉ trích, nói xấu và trách móc người khác. Biết được điều này, vị thánh Bê-nê-đict đã ra lệnh truyền đạt với họ:

– Hãy sửa đổi lời nói của các con, nếu không, ta sẽ tước quyền rước lễ của các con.

Nhưng họ vẫn không từ bỏ sự điên rồ của mình và thậm chí còn không đáp lại lời khuyên nhủ đầy tình cha của vị tu sĩ; vài ngày sau, cả hai thiếu nữ này đều qua đời trong sự trinh khiết của mình và được an táng cùng nhau trong nhà thờ. Khi Thánh lễ được cử hành và vị phó tế, khi ra lệnh cho những người mới được rửa tội – những người chưa được rước lễ – phải ra khỏi nhà thờ, thì một số người đã thấy cả hai thiếu nữ này bước ra khỏi quan tài của mình và ra khỏi nhà thờ[2395] , vì họ không thể ở lại đây trong thời gian cử hành Thánh lễ; và điều này xảy ra trong mỗi Thánh lễ. Khi Thánh Bê-nê-đict biết được điều này, ngài đã thương xót họ; ngài lấy một miếng bánh thánh, ra lệnh mang vào nhà thờ và dâng nó làm của lễ thánh cầu cho linh hồn hai thiếu nữ ấy. Và sau khi dâng lễ tế thánh này, không ai còn thấy họ bước ra khỏi nhà thờ nữa, và mọi người đều tin rằng nhờ Bí tích thánh này cùng những lời cầu nguyện của vị thánh, các thiếu nữ ấy đã được Chúa tha thứ.

[2394] Thành phố Terracina nằm trong cái gọi là "Vùng Giáo hội", không xa biển.

[2395] Điều này diễn ra vào đầu phần thứ hai của Thánh lễ – "Thánh lễ của các tín hữu". Lúc này, phó tế tuyên xưng: "Hỡi những người đã được công bố, hãy ra đi… hỡi các tín hữu", v.v. Những người đã được công bố – tức là những người đang chuẩn bị để lãnh nhận Bí tích Rửa tội.

Có một tu sĩ trẻ tại tu viện Thánh Bê-nê-đict nổi bật vì tình yêu thương quá mức dành cho cha mẹ và thường xuyên, mà không có sự cho phép của vị tu sĩ đáng kính, đến nhà họ. Một lần, anh ta rời tu viện, như thường lệ là lén lút, và ngay khi vừa bước vào nhà cha mẹ thì ngã xuống và chết ngay lập tức. Khi biết tin này, các tu sĩ đã mang thi thể anh ta đi và an táng theo nghi thức thông thường. Nhưng vào buổi sáng, họ phát hiện thi thể anh ta bị đẩy ra khỏi quan tài; lúc đó họ lại chôn cất anh ta lần nữa, và sáng hôm sau cũng thấy thi thể bị đẩy lên khỏi mặt đất. Sau đó, cha mẹ của vị tu sĩ đã qua đời đã quỳ xuống chân Thánh Venedict trong tiếng khóc nức nở và cầu xin ngài, nhờ ân sủng của Thiên Chúa ngự trong ngài, hãy thương xót con trai họ, người đã qua đời với tội lỗi như vậy, và ra lệnh cho đất giữ lại thi thể của anh ta. Thánh nhân, thấy lòng họ đầy đau buồn, đã lấy một phần nhỏ từ Mình Thánh Chúa và truyền đặt nó một cách tôn kính lên ngực người đã khuất, rồi mới chôn cất. Sau đó, thi thể vẫn nằm yên trong quan tài và không còn bị đất đẩy lên nữa.

Vị Thánh nhân đối xử với mọi người vô cùng nhân từ, từ bi, yêu thương người nghèo và hào phóng. Mọi thứ mà Thiên Chúa ban cho tu viện của ngài, ngài đều phân phát cho người nghèo và những ai đang gặp khó khăn; còn bản thân ngài và các tu sĩ trong tu viện thì sống trong cảnh nghèo khó. Một lần nọ, có một người đàn ông thực sự lâm vào cảnh túng thiếu, bị chủ nợ truy đuổi vì còn nợ mười hai đồng vàng[2396] . Lúc đó, ông ta đến gặp Thánh Bê-nê-đict và trong nước mắt, nài nỉ ngài cho mượn hai mươi đồng vàng để trả nợ, vì chủ nợ đang đe dọa đòi ông ta phải trả ngay. Vị thánh, lúc đó không có lấy một đồng xu[2397] , đã nói với người đàn ông ấy:

– Xin tha thứ cho chúng tôi, anh em ơi: hiện tại tôi không có thứ anh đang xin, nhưng hãy quay lại sau hai ngày nữa.

Trong hai ngày đó, Thánh Bê-nê-đict đã dành thời gian cho những lời cầu nguyện thường lệ và khẩn cầu Thiên Chúa giải thoát người mắc nợ khỏi gánh nặng nợ nần. Đến ngày thứ ba, người đàn ông khốn khó ấy lại đến, cúi đầu trước vị thánh và xin ngài số tiền chuộc đã hứa. Lúc bấy giờ, trong tu viện có một bình đựng mật ong; và bỗng nhiên, nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, trên mặt mật ong[2398] xuất hiện mười ba đồng vàng. Nhận lấy chúng, vị cha nhân từ đã trao hết cho người đàn ông khốn khó, nói rằng:

– Hãy đi đi, con ơi, hãy trả mười hai đồng trong số đó cho người cho vay, còn đồng còn lại thì con hãy giữ lại để dùng cho nhu cầu của mình.

Một lần nọ, vị tu sĩ cùng các tu sĩ đồng môn đi ra làng làm việc trong vườn; trên đường, họ gặp một người nông dân đang bế trên tay đứa con trai nhỏ đã qua đời của mình; nước mắt tuôn trào, ông ta đến tu viện và ở đó tìm kiếm vị tu sĩ đáng kính Venedikt; người ta nói với ông rằng vị thánh đang làm việc ở làng cùng các tu sĩ đồng môn và rằng ngài sẽ về muộn. Lúc đó, người đàn ông ấy để lại đứa con trai đã qua đời của mình trước cổng tu viện , rồi tự mình đi tìm vị tu sĩ và gặp ngài khi ngài đang trên đường trở về tu viện. Lúc đó, ông kêu lên với ngài như sau:

– Xin cha hãy trả lại con trai cho con, xin cha hãy trả lại con trai cho con! Vị thánh, đầy ngạc nhiên, nói với ông:

– Tôi đâu có lấy con trai ông?

Người cha đau buồn nói:

– Con trai tôi đã chết, nhưng ngài hãy đi và làm cho nó sống lại. Nghe vậy, vị tu sĩ rất buồn bã và nói với các tu sĩ:

– Hãy chạy đi, các anh em, hãy chạy đi, vì việc làm cho người chết sống lại không phải là việc của chúng ta, mà là của các thánh tông đồ.

Còn người đàn ông ấy, chìm đắm trong nỗi đau lòng không thể diễn tả, đã thề với vị thánh rằng sẽ không rời bỏ ngài cho đến khi ngài làm cho con trai ông sống lại. Lúc đó, vị thánh, cùng với các tu sĩ, tiến đến bên thi thể cậu thiếu niên đã qua đời, quỳ gối xuống và cầu nguyện với Chúa:

– Lạy Chúa! Xin đừng nhìn xuống con, kẻ tội lỗi này, mà hãy nhìn vào đức tin của người đàn ông này, người đang cầu xin Ngài cho con trai ông sống lại, và xin ban linh hồn trở lại cho thân xác này.

Chưa kịp kết thúc lời cầu nguyện, thi thể người đã khuất bỗng bắt đầu có dấu hiệu của sự sống, tay chân cử động và toàn thân bắt đầu di chuyển. Vị thánh liền nắm lấy tay cậu thiếu niên, nâng cậu dậy trong tình trạng sống khỏe mạnh và trao cậu lại cho cha mình. Mọi người đều ngợi khen Thiên Chúa khi chứng kiến phép lạ vĩ đại đến

---

[2396] Zlatitsa – đồng vàng, đồng chervonets.

[2397] Peniaz – đồng xu nhỏ.

[2398] Sochivo – món hầm làm từ đậu Hà Lan, đậu và rau củ.

thế. Thánh Bê-nê-đict đã thực hiện nhiều phép lạ khác nữa, điều này được ghi chép chi tiết trong tác phẩm của Thánh Grêgôriô Đôi Lời, Giáo hoàng Rôma, trong quyển thứ hai của các tác phẩm của ngài[2399] ; còn đối với sự rèn luyện đức tin của chúng ta, câu chuyện ngắn gọn này, trích từ chính cuốn sách đó, là đủ rồi. Bây giờ, chúng ta hãy chuyển sang phần tiếp theo trong cuộc đời của Thánh Bê-nê-đict.

Thánh Bê-nê-đict có một người em gái ruột tên là Skolastika. Từ thuở nhỏ, cô đã được cha mẹ dâng hiến cho Thiên Chúa, sống đời trinh khiết và ăn chay, nhờ đó được Chúa hài lòng. Cô có thói quen mỗi năm một lần đến thăm anh trai mình, vị thánh nhân được Thiên Chúa yêu mến này. Thánh Bê-nê-đict không tiếp đón cô ngay trong tu viện, mà tại một căn nhà gần đó thuộc khuôn viên tu viện; khi ra đó gặp cô, ngài đã có những cuộc trò chuyện bổ ích cho tâm hồn với cô tại đó. Trong năm cuối đời của Thánh Scholastica, khi bà theo thói quen đến thăm người anh thánh thiện của mình, Thánh Bê-nê-đict đã đến gặp bà cùng với một số môn đệ của ngài và dành cả ngày hôm đó để trò chuyện thánh thiện và giảng dạy đầy ân sủng với bà. Vào buổi tối, khi bóng tối đã bao trùm, bữa ăn đã được dọn sẵn, nhưng ngay cả khi dùng bữa, họ vẫn không ngừng những cuộc trò chuyện đầy ân sủng của Chúa, và như vậy đã dành một phần không nhỏ của đêm đó. Nữ thánh nói với vị tu sĩ:

– Xin anh, anh em của em, đừng rời xa em suốt đêm nay, để chúng ta có thể trò chuyện đến sáng về niềm vui thiên đàng và cuộc sống vĩnh cửu.

Nghe vậy, vị thánh đáp lại:

– Chị nói gì vậy? Làm sao tôi có thể ở ngoài phòng tu suốt cả đêm được?

Lúc bấy giờ, không khí trong lành và trong suốt đến nỗi không thấy bóng dáng một đám mây mưa nào. Thánh nữ, thấy anh em không muốn nghe lời mình, liền chắp tay lại và tựa đầu lên đó, trong thâm tâm, với những giọt nước mắt, dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa toàn năng. Và ngay khi vừa dâng lời cầu nguyện xong, bà ngẩng đầu lên, bỗng nghe thấy tiếng sấm rền vang kinh hoàng kèm theo những tia chớp lóe sáng và cơn mưa xối xả đến nỗi không chỉ Thánh Bê-nê-đictô mà cả các tu sĩ đi cùng ngài không những không thể về nhà, mà thậm chí còn không thể mở hé cánh cửa nào được. (Lời cầu nguyện của vị thánh nữ trước mặt Thiên Chúa mạnh mẽ đến thế). Thấy rằng Scholastica đã dùng lời cầu nguyện của mình khiến cơn mưa bất chợt đổ xuống, vị thánh nói với cô:

– Em đã làm gì với anh vậy, chị em?

– Em đã xin anh, anh ơi, hãy ở lại, – cô đáp, – nhưng anh không chịu nghe lời em, nên em đã cầu nguyện với Chúa của em, và Ngài đã ngay lập tức đáp lời em; giờ đây, nếu anh muốn, anh có thể rời bỏ em và trở về tu viện.

Và thế là, Thánh Bê-nê-đict, dù không muốn, vẫn ở lại với cô suốt đêm không ngủ, trò chuyện với chị về cuộc sống vĩnh cửu. Sáng hôm sau, sau khi chia tay, họ mỗi người một ngả. Ba ngày sau đó, khi đang cầu nguyện, vị thánh nhân ngước mắt lên trời và thấy linh hồn của người chị thánh thiện của mình đang bay lên trời trong ánh sáng rực rỡ và được đón nhận trong vinh quang vào các nơi ở trên trời. Biết được từ thị kiến này về sự ra đi của chị mình, Thánh Bê-nê-đict tràn ngập niềm vui lớn lao, hân hoan vì linh hồn chị đã được hưởng vinh quang ấy, và sau khi tạ ơn Chúa , ngài đã báo tin về sự ra đi của chị cho các tu sĩ. Ngài ra lệnh chuyển thi hài chị mình về tu viện của ngài một cách tôn kính, như một kho báu vô giá, rồi đặt thi hài vào quan tài mà ngài đã chuẩn bị sẵn cho chính mình.

Chẳng bao lâu sau, phó tế Servand đến thăm vị thánh; là người tràn đầy ân sủng thiên thượng, ông từng là vị tu viện trưởng của một tu viện ở Campania, do Patrician Liberius xây dựng; họ dành thời gian trò chuyện về sự cứu rỗi linh hồn, nói về thức ăn ngọt ngào của Nước Trời; dù trên trần gian họ chưa thể nếm trọn vẹn, nhưng bằng tâm hồn hướng về Thiên Chúa, họ đã phần nào nếm trải được; khi đến giờ dùng bữa, họ ăn uống trong tiếng thở dài, luôn nhớ đến thức ăn bất diệt. Vào giờ nghỉ ngơi ban đêm, vị tu sĩ đáng kính trở về phòng riêng của mình, còn vị khách của ngài, Thánh Phụ tá Servand, được dẫn đến phòng bên cạnh phòng của vị tu sĩ. Thánh Bê-nê-đict, sau khi nghỉ ngơi một chút từ buổi tối, khoảng nửa đêm đã thức dậy để cầu nguyện và, khi đang cầu nguyện bên cửa sổ, bỗng thấy một ánh sáng rực rỡ tỏa ra từ trời cao, đến nỗi chính đêm tối cũng trở nên sáng hơn cả ban ngày; nhưng điều kỳ diệu nhất là, như chính ngài sau này kể lại, Thánh Venedict có cảm giác như đang nhìn thấy cả vũ trụ, như thể toàn bộ vũ trụ đang nằm dưới một tia nắng mặt trời duy nhất. Khi chăm chú nhìn vào ánh sáng ấy, vị thánh đã thấy linh hồn của Thánh Hermann, Giám mục Capua, được nâng lên trời trong một vòng tròn lửa. Lúc đó, Thánh Bê-nê-đict, mong muốn vị khách của mình là Servand được chứng kiến cảnh tượng kinh hoàng này, đã gọi tên ông

[2399] Ở đây tất nhiên là tác phẩm của Thánh Grigorius the Dialogist "Các cuộc đối thoại về cuộc đời và các phép lạ của các vị Thánh Cha Ý".

ấy hai hoặc ba lần bằng giọng nói to. Servand, ngạc nhiên vì vị thánh gọi mình vào giờ giấc bất thường như vậy, liền hoảng hốt và vội vã bước vào phòng của Thánh Bê-nê-đict, rồi nhìn thấy ánh sáng thiên đàng ấy, nhưng không còn trọn vẹn nữa, mà chỉ còn một phần nhỏ; còn về phần còn lại, chính vị thánh cha đã kể lại cho anh ta nghe. Lúc đó, Thánh Bê-nê-đict lập tức sai người đến thành phố Cassin, gặp người môn đệ yêu quý của ngài là công dân Théoprovus, với lời thỉnh cầu: hãy mau chóng cử người đến Capua[2400] để tìm hiểu về Đức Giám mục thánh Germanus. Và từ đó, tin tức được gửi về rằng ngài đã qua đời. Khi Thánh Bê-nê-đict biết được thời điểm chính xác mà Đức Giám mục Thánh Hê-rô-ni-mô qua đời, thì hóa ra ngài đã qua đời đúng vào giờ mà Thánh Bê-nê-đict đã nhìn thấy linh hồn ngài được các Thiên thần đưa lên trời trong một vòng tròn lửa.

Sau đó không lâu, đã đến lúc Thánh Bê-nê-đict rời bỏ thân xác và về với Chúa. Biết trước sáu ngày về giờ phút lâm chung của mình, ngài ra lệnh mở quan tài mà ngài đã chuẩn bị sẵn cho bản thân, rồi khi bệnh tình trở nặng, ngài nằm xuống giường bệnh. Nhưng ngay cả lúc đó, ngài vẫn không ngừng giảng dạy các tu sĩ và thậm chí còn soạn thảo các quy tắc tu hành cho họ. Vào chính ngày lâm chung, ngài ra lệnh cho người ta đưa thi hài mình đến nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả, ngôi thánh đường mà, như đã nói ở trên, ngài đã xây dựng trên nền đền thờ thần Apollon đã bị phá hủy. Sau khi rước Mình Thánh Chúa tại đây, Thánh Bê-nê-đict đã giơ hai tay lên hướng về Thiên Chúa và, với lời cầu nguyện trên môi, Ngài đã lìa khỏi thân xác để về với Chúa trong những nơi ở thiên đàng rực rỡ ánh sáng, những nơi mà Ngài đã được ân sủng chiêm ngưỡng ngay khi còn sống trên trần gian.

Vào lúc Thánh Bê-nê-đict từ giã cõi trần, hai tu sĩ – một người đang trên đường đi làm nhiệm vụ nào đó, còn người kia đang cầu nguyện trong phòng riêng tại tu viện của mình – đã cùng nhận được một thị kiến giống hệt nhau: họ thấy một con đường dẫn từ trần gian lên thiên đàng; con đường ấy được trải đầy những tấm vải quý giá nhất, còn hai bên đường thì có vô số ngọn nến rực rỡ. Phía trên con đường ấy, họ thấy một vị nam nhân toả sáng, vẻ đẹp của Người không thể diễn tả bằng lời, và họ nghe thấy tiếng Người phán rằng con đường này đã được chuẩn bị cho Thánh Bê-nê-đict, người được Thiên Chúa yêu mến, và rằng vào lúc này, ngài phải bước lên trời theo con đường ấy. Cả hai anh em đều được ban cho thị kiến này khi đang ở cách xa nhau một khoảng cách rất lớn, mặc dù lúc đó họ tự thấy mình đang đứng bên nhau. Khi đến dự lễ an táng vị thánh phụ của mình, họ đã kể lại điều này cho toàn thể anh em tu sĩ có mặt. Lúc đó, các tu sĩ từ tất cả các tu viện của Thánh Bê-nê-đict đã tụ họp về đây, và tất cả họ, với nước mắt lưng tròng, đã cử hành lễ an táng trang nghiêm cho ngài.

Thi hài thánh thiện của Thánh Bê-nê-đict đã được an táng tại nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả do ngài xây dựng, để tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Ba Ngôi Duy Nhất, Đấng được muôn loài ca ngợi muôn đời. A-men[2401] .

Bài ca Kondak, giọng 6:

Ngài đã được làm giàu bởi ân sủng của Thiên Chúa, và qua các việc làm, Ngài đã tỏ rõ ơn gọi của mình; và Ngài, thánh Bê-nê-đict, người được Chúa Kitô Thiên Chúa yêu mến, đã được tràn đầy các ân sủng của Thánh Thần qua những lời cầu nguyện và việc ăn chay; Ngài là Đấng chữa lành cho những người đau yếu, là Đấng xua đuổi kẻ thù, và là Đấng bảo trợ nhanh chóng cho linh hồn chúng con.

Lễ kính Thánh Evchimon, vị chứng nhân

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 3

Thánh Cha Euschimon của chúng ta, Giám mục Lampsacus[2402] , vị thầy Kitô giáo và người làm chứng cho Chúa Kitô, từ thuở thiếu thời đã sống một đời đạo đức, trở thành bạn của Thiên Chúa và, với tư cách là một người hoàn hảo, đã biến chính mình thành đền thờ của Thánh Thần. Sau khi nhận chức tu sĩ và toàn tâm toàn ý dâng hiến cho đức tin Chính Thống, ngài đã đạt đến chức vụ giám mục và tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa. Ngài bừng cháy

[2400] Capua (Sarua) – một thành phố và pháo đài ở miền nam Ý, nằm trên bờ trái sông Volturno. Trong thời cổ đại, đây là thành phố đầu tiên của vùng Campania.
[2401] Thánh Bê-nê-đict qua đời vào năm 543.
[2402] Thành phố Lampsacus nằm ở Phrygia, một tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á, bên bờ Hellespont, nay là eo biển Dardanelles.

lòng nhiệt thành thiêng liêng và đã đánh bại tà thuyết của những kẻ chống thánh tượng. Bên cạnh đó, ngài còn thực hiện những phép lạ vĩ đại. Chẳng hạn, nhờ lời cầu nguyện, ngài đã làm sống lại một đứa trẻ sơ sinh đã qua đời, được người mẹ đang khóc lóc mang đến cho ngài. Ngoài ra, ngài còn khiến các loài thú hoang khiếp sợ, xua đuổi chúng chỉ bằng một lời nói của mình khi chúng cố gắng gây hại cho đàn gia súc. Hoàng đế Theophilus, người bảo trợ cho phe chống thánh tượng, đã ra lệnh trước tiên giam ngài vào ngục tối với tư cách là người tôn kính các thánh tượng, nhà truyền giáo và người bảo vệ đức tin của Chúa Kitô, sau đó kết án ngài lưu đày, nơi ngài đã qua đời[2403] .

Ngày 28 tháng 3

Ngày 15 tháng 3 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm các thánh tử đạo Agapius, Puplius, Timolaus, Romilus, Alexander, Alexander, Dionysius và Dionysius

Ngày tưởng niệm 15 tháng 3

Các thánh tử đạo này sống dưới triều đại của Diocletian[2404] . Agapius xuất thân từ Gaza[2405] , Timolai từ Pontus Euxinus[2406] , cả hai Dionysius đều từ Tripoli thuộc Phoenicia, Publius và cả hai Alexander đều từ Ai Cập, còn Romil là phó tế của Giáo hội[2407] tại Diospolis. Tất cả họ đều đã chịu khổ nạn tại Cêsarea thuộc Palestine dưới tay thống đốc Urvan vào năm thứ hai của cuộc bách hại Kitô hữu lúc bấy giờ[2408] .

Lúc bấy giờ, một sắc lệnh đã được ban hành trên khắp các quốc gia và thành phố – buộc các Kitô hữu phải thờ lạy các thần tượng và dâng lễ vật cho chúng. Nhân dịp lễ hội ngoại giáo diễn ra vào thời điểm đó, tại Caesarea, một màn trình diễn đã được chuẩn bị cho đám đông tụ tập từ khắp nơi, cụ thể là các Kitô hữu đang bị giam cầm tại đó đang bị chuẩn bị để chịu hình phạt. Tất cả những người Hy Lạp có mặt tại đó đều tụ tập để chứng kiến màn trình diễn này.

Trước hết, sau nhiều cực hình, thánh tử đạo Timôthê (ngày kỷ niệm 19 tháng 8) đã bị thiêu sống trên giàn hỏa; sau đó, Thánh Tử đạo Agapius và Thánh Tử đạo Fekla đã bị ném cho thú dữ ăn thịt (không phải là Agapius mà người ta thường tưởng nhớ ngày nay, mà là một người khác cùng tên, đã chịu khổ nạn trước đó cùng với Thánh Fekla và được tưởng nhớ cùng với Thánh Tử đạo Timôthê vào tháng 8).

Khi cảnh tượng đẫm máu này đang diễn ra, sáu thanh niên Kitô hữu dũng cảm: Publius, Timolai, Romil, hai người tên Alexander và Dionysius – những vị mà ngày nay chúng ta đang kỷ niệm – đã bừng cháy lòng nhiệt thành vì Chúa Kitô, tự trói tay mình lại, như một dấu hiệu cho thấy họ mong muốn chịu khổ vì Chúa Kitô và vì tình yêu dành cho Ngài, sẵn sàng bước vào lửa và bị thú dữ xé xác. Họ nhanh chóng tiến đến chính giữa sân khấu, dừng lại trước quan tổng trấn Urvan và lớn tiếng hô lên:

– Chúng tôi là Kitô hữu!

Thống đốc, thấy họ còn trẻ tuổi, không muốn hủy diệt họ, bèn dịu dàng khuyên nhủ họ hãy thờ lạy các thần tượng và đừng tự hủy hoại bản thân trong những năm tháng tươi đẹp như vậy. Khi thấy không thành công, ông ra lệnh đưa họ vào ngục tối.

Vài ngày sau, Thánh Agapius, một người đàn ông chính trực và đáng kính trong cộng đồng Kitô hữu, cũng gia nhập hàng ngũ các tù nhân của Chúa Kitô, bởi trước đó ông đã can đảm tuyên xưng danh Chúa Giêsu Kitô và đã phải chịu nhiều hình phạt khác nhau vì điều này. Lúc bấy giờ, Thánh Agapius cùng với người hầu của mình là

[2403] Thánh Euschymon qua đời vào thế kỷ IX.

[2404] Diocletian, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 284 đến năm 305 và cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã. Nửa phía tây do người bạn của ông, Maximian, cai trị.

[2405] Gaza – một thành phố ven biển quan trọng ở Tiểu Á, từng thuộc về người Philistine.

[2406] Pontus Euxinus, tức là Biển Đen. "Pontus Euxinus" thực chất có nghĩa là "biển hiếu khách". Tên gọi này được những người La Mã di cư, những người đã định cư gần vùng biển này, đặt cho Biển Đen.

[2407] Diospol nằm ở Palestine, về phía tây bắc của Jerusalem.

[2408] Tức là vào năm 303.

Dionysius, người Ai Cập, đã bị bắt và bị giam chung với sáu vị thánh nam đã được nhắc đến, khiến tổng số người bị giam giữ lên thành tám.

Trong một thời gian dài, các vị thánh tử đạo này bị giam giữ trong ngục tối, nhiều lần bị tra tấn bằng nhiều cách khác nhau, nhưng họ không từ bỏ Đức Kitô.

Cuối cùng, họ bị kết án chém đầu và tất cả cùng trong một ngày đã hiến dâng những cái đầu cao quý của mình vì Đấng Thủ Lãnh Giáo Hội là Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà họ đã dâng hiến linh hồn mình và Đấng đã ban cho họ những vương miện chiến thắng trong Giáo Hội đang hân hoan trên trời.

Lễ kính Thánh Tử đạo Nicander

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 3

Thánh Nicander sống tại Ai Cập vào thời trị vì của Hoàng đế Diocletian. Vị thánh đạo đức này vốn là một bác sĩ. Ngài thường xuyên đến thăm các thánh tử đạo đang bị giam cầm trong ngục tối, những người đang chịu đau khổ vì Chúa Kitô, chữa lành các vết thương của họ, cung cấp thức ăn cần thiết và an táng thi thể của họ.

Một lần, ngài nhìn thấy thi thể các vị tử đạo bị vứt ra đồng ruộng để làm mồi cho thú dữ, nhưng không dám đến gần vào ban ngày vì sợ chính mình cũng bị những kẻ hành hình bắt giữ, bởi ngài là người yếu đuối và sợ hãi những cực hình tàn bạo, cho đến khi được ân sủng của Thiên Chúa củng cố.

Khi đêm xuống, ông đi đến nơi các thi thể của các thánh tử đạo, vác từng thi thể lên vai, rồi chôn cất họ tại một nơi kín đáo, quấn trong những tấm vải liệm sạch sẽ.

Một người ngoại đạo đã nhìn thấy ngài đang làm việc này và đã đi báo cáo với quan tổng trấn.

Sau đó, Thánh Nicander bị những kẻ tra tấn bắt giữ và phải chịu những cực hình khủng khiếp, nhưng ngài không từ bỏ Đức Kitô, mà đã can đảm và vui vẻ chịu đựng tất cả những cực hình mà trước đây ngài từng sợ hãi.

Kẻ tra tấn, khi thấy ngài kiên định đến vậy trong lời tuyên xưng đức tin, như một cột trụ vững chãi hay một ngọn núi bất động, đã ra lệnh lột da ngài khi còn sống và chém đầu ngài; nhờ đó, vị thánh tử đạo đã cởi bỏ con người trần tục, hư nát và mặc lấy con người mới thuộc về trời. Sau khi đầu thánh thiện của ngài bị chém đứt, ngài, như một chi thể trung thành, đã được kết hợp với Đầu Thánh nhất là Chúa Kitô, Chúa của ngài, và ngài đồng trị với Ngài mãi mãi, cùng với các thánh tử đạo khác ca ngợi Ba Ngôi Thánh.

Lễ kính Thánh Tử đạo Alexander, linh mục

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 3

Trong thời kỳ bách hại nhằm vào các Kitô hữu dưới triều đại của Hoàng đế Aurelian[2409] tại Pamphylia[2410], Antoninus là tổng trấn. Khi đến thành Sidon thuộc Pamphylia, ông ra lệnh đưa linh mục Alexander của thành phố này ra trước tòa.

Thống đốc đã khiến vị tôi tớ của Chúa phải chịu nhiều hình phạt và cực hình. Nhưng trước tiên, ông ta hỏi ông:

– Ngươi là ai?

Vị thánh đáp:

– Tôi là một Kitô hữu, một linh mục, một mục tử của đoàn chiên Lời Chúa.

Igemon hỏi ông:

– Đàn chiên của Chúa Kitô đang ở đâu?

Vị thánh đáp:

– Đức Chúa Kitô, Thiên Chúa, đã tạo dựng những con người đang sống khắp vũ trụ; những ai tin vào Ngài chính là những con chiên trong đàn chiên của Ngài. Còn những ai đã xa lìa Đấng Tạo Hóa của mình, những ai thờ phượng các tạo vật và công trình do tay người làm ra – những thần tượng vô hồn, như các ngươi – thì không thể

[2409] *Aurelian*, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 270 đến năm 276.

[2410] Pamphylia – một vùng ở Tiểu Á.

thuộc về đàn chiên thánh của Ngài. Vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, họ sẽ bị đặt cùng với những con dê ở phía bên trái.

Igemon nói với anh ta:

– Ta sẽ tra tấn ngươi vì hai lý do: thứ nhất, để ngươi chỉ cho ta những người tin vào Đấng Christ, và thứ hai, để ngươi dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta.

Sau đó, thống đốc Antonin lại hỏi thánh Alexander:

– Chúa Kitô là ai?

Thánh nhân đáp:

– Chúa Kitô là Đấng Cứu Thế của thế gian, là Sự Sống và Ánh Sáng cho những ai tin vào Ngài.

Thống đốc nói:

– Làm sao Người Đấng đã chết trên Thập tự giá lại có thể là Đấng Cứu Thế được?

Alexander trả lời:

– Quả thật, điều kỳ diệu và đáng kinh ngạc là Ngài, khi tự nguyện gánh lấy Thập tự giá và cái chết theo xác thịt, đã dùng quyền năng Thần tính của Ngài để phá tan quyền lực của địa ngục, giải thoát những ai bị trói buộc và đang ở trong địa ngục, tiêu diệt cái chết và sống lại từ ngôi mộ. Không chỉ chính Ngài sống lại từ cõi chết, mà Ngài còn làm cho nhiều người chết sống lại cùng với Ngài: *"Các ngôi mộ mở ra; nhiều thi thể của các thánh đã qua đời sống lại, và khi Ngài sống lại, họ ra khỏi mộ và vào thành thánh"* (Mt 27:52–53) – Giê-ru-sa-lem. Đức Kitô cũng đã làm cho cả nhân loại sống lại cùng với Ngài.

Igemon nói với Ngài:

– Ngươi đang điên rồ, vì làm sao Đấng không thể tự cứu chính mình khi bị người Do Thái hành hạ lại có thể cứu giúp người khác được?

Vị thánh đáp lại:

– Không phải tôi, mà chính ngài mới là người điên rồ, vì tâm hồn ngài đã bị mù quáng nên không hiểu được mầu nhiệm cứu rỗi của chúng ta, do Chúa Kitô thực hiện.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh tra tấn Thánh Alexander. Người ta đánh ngài bằng dây thừng, tra tấn trên bánh xe, ném ngài vào thùng chứa nhựa cây và dầu đang sôi sục, rồi nung ngài trong lò lửa đang cháy rực. Nhưng trong tất cả những cực hình đó, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu, vị thánh vẫn không hề hấn gì. Khi ngài bị ném vào lò lửa đang cháy rất dữ dội, những kẻ tra tấn vô đạo đã nhìn thấy trong ngọn lửa hai thiếu niên có dung mạo kỳ diệu, đang ngợi khen Thiên Chúa cùng với vị thánh tử đạo. Đó là các Thiên Thần thánh, đang làm dịu ngọn lửa lò cho vị thánh. Dân chúng kinh ngạc, vì biết rằng chỉ có một người bị ném vào lò, nhưng trong đó lại có ba người.

Còn Igemon và những người đi cùng ông ta lại cho rằng tất cả những phép lạ vinh quang này là phù thủy, vì họ không tin vào quyền năng toàn năng của Đức Kitô, Thiên Chúa.

Tuy nhiên, một trong những người hầu của quan tổng trấn đã tin vào Chúa Kitô; anh ta quỳ xuống đất, thờ lạy vị thánh và khẩn cầu ngài cho phép anh được ở cùng với Chúa Kitô. Quan tổng trấn lập tức ra lệnh chém chết người hầu đó bằng gươm.

Khi thánh Alexander bước ra khỏi lò lửa mà không hề hấn gì, vị thống đốc ra lệnh treo cổ ngài và tra tấn bằng những mảnh sắt nhọn. Họ tiếp tục tra tấn thánh nhân cho đến khi thân thể ngài trở thành một vết loét liên tục.

Những kẻ tra tấn vị thánh ngạc nhiên trước sự kiên định của ngài, và nói:

– Làm sao người này lại chịu đựng được những cực hình như thế này?! Xương của ngài đã lộ ra hết rồi.

Sau đó, vị thánh lại bị tra tấn bằng lửa lần thứ hai, nhưng không hề hấn gì.

Sau đó, họ dùng những cây kim sắt đâm vào thân thể vị thánh và lôi hết nội tạng của ngài ra ngoài. Rồi vị thánh bị ném cho thú dữ ăn thịt, nhưng lũ thú không hề đụng đến ngài.

Người tử đạo của Chúa Kitô này đã phải chịu biết bao hình phạt tàn bạo khác, nhưng trong mọi cực hình, ngài vẫn kiên định và dũng cảm, đến nỗi tất cả những ai chứng kiến sự đau khổ của ngài đều kinh ngạc trước sức mạnh kiên nhẫn của ngài, vượt xa sự hiểu biết của con người.

Cuối cùng, vị thánh tử đạo Alexander đã bị chém đầu bằng gươm.

Còn Igemon Antonin, lúc đó đang ngồi trên ghế thẩm phán, đã bị Thiên Chúa trừng phạt bằng chứng điên loạn; những vị thần quỷ mà ông ta phụng sự bắt đầu hành hạ ông ta. Các đầy tớ khiêng ông ta về nhà, trên đường đi khóc lóc thảm thiết, nhưng chưa kịp đưa ông ta về đến nhà thì ông ta đã trút hơi thở cuối cùng.

Còn Thánh Alexander thì đã được rước vào các nơi ở trên trời cùng với Chúa Kitô và các Thiên Thần thánh của Ngài. Còn vị quan tổng trấn thì bị ném vào sự đau khổ vĩnh viễn cùng với Satan và các tay sai của hắn.

Sau khi Thánh Alexander bị chặt đầu, có một người tên là Eustathius, một người đàn ông chính trực, một Kitô hữu, đã mang thi thể đầy đau khổ của vị thánh tử đạo và chôn cất ngài một cách trang trọng, ca ngợi và tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa.

Ngày 29 tháng 3

Ngày 16 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Tử đạo Iulianus của Anazavra, người đã chịu tử đạo tại Antioch, dưới triều đại của Hoàng đế Maximianus, vào thế kỷ III.

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Tử đạo Alexander, Giáo hoàng Rôma, người đã bị thiêu sống trong lò lửa theo lệnh của Hoàng đế Hadrian, vào năm 119, ngày 3 tháng 5.

Cũng trong ngày này, kỷ niệm ngày qua đời của Thánh Serapion, Tổng Giám mục Novgorod, người đã qua đời vào năm 1516.

Lễ tưởng niệm Thánh Tông đồ Aristobulus

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 3

Thánh Aristovul là một trong bảy mươi Tông đồ, quê quán tại Síp[2411] . Ngài là anh em của Thánh Tông đồ Barnaba, cũng là một trong bảy mươi Tông đồ.

Sau khi Chúa lên trời, ngài đã rao giảng cùng với Thánh Tông đồ Phaolô, vị Thầy của toàn thể nhân loại, đi qua nhiều quốc gia khác nhau. Tông đồ Phaolô có nhắc đến ngài trong Thư gửi tín hữu Rôma, nơi ngài viết: *"Xin chào hỏi những người trung thành thuộc gia đình Aristovul"* (Rm 16,10), tức là thuộc gia đình hoặc dòng họ của Aristovul, vì một số người thân của Aristovul và Barnaba lúc bấy giờ đang sống tại Rôma. Khi Phaolô viết Thư gửi tín hữu Rôma, Aristovul lúc đó đang ở cùng với Phaolô; chính vì lý do này mà Phaolô đã gửi lời chào đến những người thân của Aristovul trong thư, thay mặt cho chính mình và thay mặt cho chính Aristovul.

Khi Thánh Phaolô tấn phong nhiều giám mục, sai họ đi rao giảng Lời Chân Lý khắp các thành phố và quốc gia, thì ngài cũng đã tấn phong Aristovul làm giám mục và sai ông đi rao giảng tại Anh Quốc[2412] , đến với những người không tin và tàn bạo[2413] .

Tại đây, Aristovulus đã nỗ lực rất nhiều trong việc rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô và phải chịu nhiều đau khổ từ những người tàn bạo này: đôi khi họ đánh đập ngài không thương xót, đôi khi họ lôi kéo ngài đi khắp các đường phố, chế nhạo ngài. Nói tóm lại, ngài đã phải chịu đựng nhiều sự sỉ nhục và tra tấn từ những người này, cho đến khi ngài soi sáng họ bằng ân sủng của Chúa Kitô và dạy họ tin vào Chúa Kitô. Sau đó, vị thánh đã làm phép rửa cho họ, xây dựng nhà thờ cho họ, tấn phong các linh mục và phó tế, rồi qua đời tại đó[2414] .

Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Savin

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 3

Thành phố Hermopolis, ở Ai Cập, là quê hương của Thánh Tử đạo Savin, người được cả nước kính trọng và là quan chức cao cấp tại thành phố của mình.

[2411] Síp – một hòn đảo ở phía đông bắc Địa Trung Hải.

[2412] Khi nói đến Britannia, người ta thường hiểu là quần đảo Sicily và Cornwall.

[2413] Người dân ở Britannia là người Celtic – những người khắc nghiệt và hiếu chiến.

[2414] Một số người cho rằng Thánh Aristobulus này là cha của các Thánh Tông đồ Giacôbê và Gioan và có biệt danh là "Zê-vê-đê"; nhưng điều này khó có thể đúng. Rất có thể, vị thánh Aristovul này xuất thân từ Síp, có anh trai là Barnaba; và ông không phải là cha của Giacôbê và Gioan, người có tên là Zebedee (đó không phải là biệt danh của ông, mà là tên thật).

Do cuộc bách hại nhắm vào các Kitô hữu dưới triều đại của Hoàng đế Diocletian, khi nhiều Kitô hữu bị tra tấn và giết hại, Thánh Savin đã từ bỏ ngôi nhà, quyền lực, của cải, và tất cả người thân, rồi bí mật rời khỏi thành phố Hermopolis, ẩn náu tại một làng xa xôi cùng với các Kitô hữu khác.

Sau khi định cư trong một ngôi nhà nhỏ, ngài dành trọn ngày đêm cho việc ăn chay và cầu nguyện.

Còn những kẻ thờ thần tượng thì tìm kiếm Thánh Savin, Công tước Hermopolis, một cách rất quyết liệt để tra tấn ngài, nhưng không tìm thấy ngài ở đâu cả, điều này khiến họ vô cùng đau khổ.

Một người ăn xin, thường đến xin bố thí từ Thánh Savin và nhận được thức ăn cùng mọi thứ cần thiết từ tay ngài, đã noi gương Giu-đa kẻ phản bội, đến gặp những người ngoại đạo và nói:

– Các ngươi sẽ cho ta gì để ta chỉ cho các ngươi người mà các ngươi đang tìm kiếm – Savin?

Họ đã cho anh ta hai đồng vàng[2415] . Sau đó, họ đi theo anh ta, đến ngôi nhà nơi vị thánh đang ở, bao vây ngôi nhà và gõ cửa.

Lúc đó, có sáu tín hữu Kitô đang ở cùng thánh Savin. Nghĩ rằng có ai đó trong số các anh em đến, họ mở cửa nhà ra.

Lúc đó, những người ngoại đạo nhanh chóng xông vào nhà, bắt tất cả mọi người và trói lại. Còn thánh Savin thì bị trói đặc biệt chặt – bằng hai sợi xích nặng, rồi họ dẫn ngài ra tòa trước quan tổng trấn của vùng đất đó, tên là Arian.

Thánh Savin đã bị thẩm vấn trong một thời gian dài tại tòa án và nhiều lần bị ép buộc phải dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng ngài không từ bỏ Đức Kitô. Do đó, ngài bị tra tấn còn tàn bạo hơn nữa, bị hành hạ bằng sắt nhọn và lửa thiêu đốt.

Cuối cùng, vị thánh đã bị ném xuống sông[2416] .

Như vậy, vị thánh đã hoàn tất cuộc hành trình của mình[2417] và về với Đấng Ban Ơn, là Chúa Kitô, để nhận lấy vương miện chiến thắng từ Ngài.

Cùng với ngài, sáu tín hữu Kitô giáo khác bị bắt cùng ngài cũng phải chịu cực hình; và họ đã được Chúa ban thưởng trên trời với vinh quang tương tự như Thánh Savin.

Cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Trofim và Phala

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 3

Tại thành Laodicea (không phải thành Laodicea ở Syria, mà là thành Laodicea thuộc Caria[2418]), nằm giữa hai con sông Lycos và Meander ở Tiểu Á, có hai linh mục – là anh em ruột – là Trophimus và Phala.

Họ xuất thân từ Caria, thành phố Stratonica. Cả hai đều là những người đàn ông vững vàng trong đức tin và là những nhà rao giảng Lời Chúa. Với mong muốn dẫn dắt những linh hồn lầm lạc trở về con đường cứu rỗi, họ đã tranh luận với người Hy Lạp và không ngừng quở trách sự vô đạo của họ.

Một lần nọ, những kẻ thờ thần tượng vô đạo, không chịu nổi những lời vạch trần của các thánh, đã bắt cả hai người và xiềng xích họ lại.

Vào thời điểm đó, dưới triều đại của Diocletian và Maximian, quan tổng trấn Asclepiodotus đã đến Caria và định cư tại thành phố tên là Vophor, nằm gần Laodicea.

Chỉ huy đội lính canh ở Laodicea đã gửi lời đến vị thống đốc về hai linh mục Kitô giáo đang bị giam giữ và hỏi nên xử lý họ thế nào. Ông nhận được câu trả lời là phải ném đá cả hai người.

Khi các thánh tử đạo Trophimus và Phallus bị dẫn ra để hành quyết, các tín hữu Kitô giáo đã vây quanh và che chở họ khỏi những viên đá, đến nỗi không một viên đá nào ném vào họ gây thương tích; ngược lại, những kẻ ném đá, trái với ý muốn của họ, lại tự làm mình bị thương bởi chính những viên đá đó. Sau một thời gian dài cố gắng vô ích và kiệt sức, những kẻ tra tấn đã ngừng ném đá.

Khi biết được điều này, chỉ huy đội lính canh đã thả cả hai vị thánh. Còn họ thì tiếp tục dạy dỗ mọi người một cách can đảm về đức tin vào Chúa Kitô và vạch trần sự vô tín của người Hy Lạp.

[2415] *"Zlatnica"* – nói chung là một đồng tiền vàng, có giá trị không xác định.

[2416] Tất nhiên là sông Nile.

[2417] Thánh nhân qua đời vào năm 287.

[2418] *Caria* – một tỉnh ở Tiểu Á, giáp với Lydia ở phía bắc và Phrygia ở phía đông.

Một thời gian sau, các quan thành lại bắt giữ hai vị và đưa họ đến gặp tổng trấn tại thành phố Vophor, đồng thời nói: "Theo lệnh của ngài, chúng tôi đã ném đá vào những người này, nhưng những hòn đá không hề chạm vào họ; vì vậy, chúng tôi gửi họ đến cho ngài."

Thống đốc ra lệnh treo cổ các thánh và tra tấn thân thể họ bằng sắt nhọn một cách tàn nhẫn.

Trong lúc bị tra tấn, họ đã kêu lên bằng giọng lớn:

– Chúng tôi là Kitô hữu! Chúng tôi sẽ không thờ lạy các thần tượng và cũng không tuân theo mệnh lệnh bất chính của các vua trần gian!

Sau tất cả những cực hình đó, thống đốc đã kết án họ phải chịu hình thập tự giá, nói rằng:

– Hãy đóng đinh họ, giống như Kẻ Dụ Dỗ mà họ tin tưởng.

Sau đó, các thánh được dẫn ra khỏi thành phố đến nơi đã chuẩn bị sẵn thập tự giá cho họ. Họ bước đi trong niềm vui, tạ ơn và ngợi khen Thiên Chúa vì Ngài đã cho họ được chết cái chết như vậy, và qua đó, sự đau khổ của họ trở nên giống như những Cuộc Khổ Nạn và sự đóng đinh của Chúa Giêsu.

Đằng sau họ là một đám đông người dân – cả nam lẫn nữ – muốn chứng kiến cái chết của họ.

Khi họ được dẫn đến nơi đóng đinh, một số tín hữu Kitô giáo đã mang đến cho họ một ít thức ăn và nài nỉ họ nếm thử.

Không muốn làm những người xin thất vọng, họ đã nếm một chút thức ăn được mang đến; phần còn lại thì họ chia cho những người xung quanh.

Sau đó, họ bị đóng đinh bằng đinh sắt vào thập tự giá và bị đóng đinh theo hình ảnh của Chúa Giêsu.

Trong lúc treo trên thập tự giá, họ đã nói nhiều với dân chúng, dạy họ về sự hiểu biết về Đức Chúa Trời và đức tin thánh thiện.

Sau đó, tiếng khóc than và la hét vang lên trong đám đông: một số người trách móc quan tổng trấn vì lòng tàn nhẫn, vì đã kết án những người vô tội phải chịu cái chết khủng khiếp như vậy. Những người khác thì kêu lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Thiên Chúa, vì quyền năng của Chúa Giêsu đã được chứng tỏ ngay cả trong thời đại chúng ta!

Một người phụ nữ Do Thái đã quỳ lạy các thánh đang bị đóng đinh trên thập tự giá và thốt lên:

– Phúc cho những người mẹ đã sinh ra những con người này!

Ngay tại đó, mẹ của họ cũng đang đứng đó, dõng cảm nhìn vào sự đau khổ của hai con trai mình.

Nhiều người trong số những người có mặt đã thu thập máu thánh thiêng liêng đang nhỏ giọt từ các thánh; có người nhúng khăn tay vào máu ấy, còn những người khác thì nhúng nhẫn để chữa lành các bệnh tật – cả về tâm hồn lẫn thể xác.

Còn các vị tử đạo của Chúa Kitô, Trophimus và Phallus, sau khi cầu nguyện với Thiên Chúa, đã dâng hiến linh hồn thánh thiện của mình cho Ngài vào ngày 16 tháng Ba; để an táng các ngài, các tín hữu đã chuẩn bị những tấm vải liệm tinh khiết và các loại hương thơm.

Người cai ngục cũng đến nơi hành hình, cúi đầu kính lễ các vị tử đạo của Chúa Kitô, và trước mặt toàn thể dân chúng, ông đã làm chứng rằng mình đã thấy hai vị thánh tử đạo bay lên trời, cùng với ba vị Thiên thần đi theo và trò chuyện với họ.

Sau đó, dân chúng đến gặp quan tổng trấn và xin ông ra lệnh tháo các thi hài thánh của các vị tử đạo xuống khỏi thập tự giá và cho phép an táng họ.

Vị thống đốc, sau khi nghe lời thỉnh cầu này, ban đầu đã nổi giận và ra lệnh cho binh lính đánh đập những người đến. Nhưng sau một lúc, ông bình tĩnh lại và nói rằng ai muốn thì có thể mang thi hài của những người đã khuất đi.

Sau đó, các thánh được hạ xuống khỏi thập tự giá và đặt vào một quan tài mới. Lúc này, giữa các Kitô hữu nảy sinh tranh cãi về việc nên an táng thi hài các thánh tại nơi nào – một số muốn ở đây, số khác lại muốn ở kia.

Chiều tối buông xuống. Dân chúng không rời xa thi hài các thánh tử đạo, mà suốt đêm canh thức bên cạnh họ với những ngọn nến thắp sáng và tiếng hát Thánh vịnh.

Khi bình minh ló rạng, vợ của vị thống đốc mang theo hương liệu và các loại tinh dầu, rồi rưới lên thi hài các vị thánh tử đạo. Sau đó, bà phủ lên quan tài một tấm vải quý giá và nói to cho mọi người nghe:

– Đêm qua, tôi đã mơ thấy những người đàn ông này, những người được Đức Chúa Trời sai đến cùng với các Thiên thần để trừng phạt chồng tôi vì đã vô cớ giết hại những người chịu khổ này.

Bà còn nói nhiều điều khác nữa, trách mắng chồng mình vì sự tàn nhẫn và vô nhân đạo.

Còn mẹ của các thánh tử đạo và hai người đàn ông chính trực, Zosima và Artemius, những người cùng thành phố với các thánh tử đạo, đã mang quan tài trang nghiêm chứa thi hài các thánh và đưa về thành phố Stratonik, nơi họ an táng các thánh một cách trang trọng.

Trong khi đó, ngày mà những kẻ thờ thần tượng vô đạo kỷ niệm ngày sinh của Diocletian đang đến gần.

Igemon, khi đến Laodicea, đã tổ chức một lễ hội lớn tại đây để vinh danh vị vua vô đạo của mình.

Nhưng ông ta bất ngờ phải hứng chịu sự trừng phạt của Đức Chúa Trời vì đã làm đổ máu vô tội của các thánh tử đạo: ông ta đột ngột ngã xuống đất và giãy giụa như người bị quỷ ám, toàn thân run rẩy.

Tất cả những ai có mặt tại đó và chứng kiến cảnh tượng này đều kinh hoàng tột độ.

Còn Igemon thì kêu lên:

– Thần Zeus đâu rồi?[2419]

– Thần Heracles đâu rồi![2420]

– Thần Hermes đâu rồi?[2421]

– Các vị thần và nữ thần khác đâu rồi? Hãy đến và giúp tôi đi!

Sau đó, Igemon nói:

– Ta đã thờ phụng họ một cách vô ích! Giờ đây, ta sẽ tự hiến mình cho ngọn lửa vĩnh cửu, được gửi xuống từ vị Thần ngự trên thiên đàng và các tôi tớ của Ngài, Trophimus và Phala.

Nói xong, ông gào thét bằng giọng vang dội, khiến tiếng kêu thảm thiết của ông vang khắp nơi. Vì nỗi đau đớn tột cùng, ông bắt đầu cắn xé thân thể mình bằng răng và cắn vào lưỡi; trong cơn đau đớn ấy, linh hồn tội lỗi của ông đã lìa đời.

Kẻ hành hình, trong tiếng khóc than thảm thiết, đã quay về với các thần tà ác của mình để chịu cực hình trong địa ngục; còn các thánh tử đạo Trophimus và Phallus thì vui mừng trở về với Chúa và Thiên Chúa của mình, để trị vì muôn đời trên trời, đứng trước ngai vàng rực rỡ của Cha, Con và Thánh Thần. Vinh quang thuộc về Thiên Chúa muôn đời. Amen[2422] .

Lễ kính Thánh Tử đạo Papa.

Ngày tưởng niệm 16 tháng 3

Thánh Giáo hoàng là người gốc từ thành phố Laranada thuộc Licaonia và sống dưới triều đại của Hoàng đế Maximian. Vì tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, ngài đã phải chịu khổ hình tại thành phố quê hương, sau đó tại Diokesaaria và cuối cùng là tại Seleucia Isaurica. Ngài bị đánh bằng roi, bị tra tấn bằng móng sắt, phải đi một quãng đường dài trong đôi ủng có đinh sắt và kết thúc cuộc đời khi bị trói vào cây.

Ngày 30 tháng 3

17 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Alexius, người của Chúa

Ngày tưởng niệm 17 tháng 3

[2419] *Zeus* (hay Jupiter) được người Hy Lạp và La Mã tôn sùng là vị thần tối cao – cha của các vị thần và loài người, chúa tể của trời và đất, sấm sét, gió và mưa.

[2420] *Herakles* (hay Heracles, Hercules) – vị thần mà theo quan niệm của những người theo đạo ngoại giáo, sở hữu sức mạnh thể chất phi thường và đã thực hiện, như thần thoại Hy Lạp kể lại, vô số kỳ tích khác nhau, chẳng hạn như chiến thắng con sư tử Kiferon và những việc tương tự.

[2421] *Hermes* (hay Mercury) – vị thần ngoại giáo, theo truyền thuyết thần thoại Hy Lạp, là con trai của Zeus và Maia, con gái của Atlas, sinh ra trên ngọn núi Kylene thuộc vùng Arcadia. Đặc điểm nổi bật của ông trong thần thoại Hy Lạp là sự khôn ngoan và linh hoạt.

[2422] Các thánh tử đạo Trophimus và Phallus qua đời vào khoảng năm 300.

Tại Rôma[2423] , dưới triều đại của Arcadius và Honorius, có một người đạo đức tên là Euthymian: ông là một quý tộc rất danh giá và giàu có, đến nỗi ngay cả những người hầu của ông, số lượng lên tới ba nghìn người, cũng mặc áo lụa; nhưng dù vậy, ông vẫn không hoàn toàn hạnh phúc, vì do vợ ông vô sinh nên ông không có con. Euphimius tuân thủ nghiêm ngặt các điều răn của Chúa và nổi tiếng vì lòng nhân ái: hàng ngày, tại nhà mình, ông dọn ba bữa ăn cho các góa phụ, trẻ mồ côi, người ăn xin, khách lạ và người bệnh; còn bản thân ông chỉ dùng bữa sau khi đã qua giờ thứ chín[2424] , chia sẻ bữa ăn đó với các tu sĩ lữ hành, và trước thời điểm đó, ông luôn ăn chay. Nếu có ngày nào số người ăn xin đến với ngài ít hơn bình thường, và vì thế phải phát bố thí ít hơn thường lệ, thì Thánh Euphemius sẽ quỳ sụp xuống đất trong nỗi đau buồn và nói:

– Tôi không xứng đáng được sống trên đất của Đức Chúa Trời tôi.

[2423] Rome, thủ đô của Đế chế La Mã, nằm ở miền trung Ý, tọa lạc dọc hai bờ sông Tiber, tại nơi con sông này đổ ra biển. Theo truyền thuyết cổ xưa, thành phố này được Romulus (qua đời năm 707 trước Công nguyên) thành lập trên đồi Palatine vào năm 753 trước Công nguyên, sau đó mở rộng ra sáu ngọn đồi lân cận, do đó được gọi là "thành phố bảy ngọn đồi"; thông tin về bảy ngọn đồi này của Rome cũng được đề cập trong Sách Khải Huyền (Khải Huyền 17:9). Vào những ngày đầu của lịch sử, Rome chỉ là một nhóm những túp lều làm bằng đất sét và lợp bằng lau sậy, nhưng sau đó đã trở nên giàu có nhờ những cuộc chiến thắng lợi trước các dân tộc láng giềng – người Sabine, người Volsci, người Latin, người Gaul, người Etruscan – những dân tộc này vào năm 273 TCN đều đã bị thống nhất dưới quyền cai trị của Rome. Khi đó, người La Mã bắt đầu chinh phục các dân tộc sống bên ngoài Ý, và chẳng bao lâu sau, Carthage, Macedonia, Hy Lạp, Illyria và châu Á – nơi đã thuộc về người La Mã một cách hòa bình theo di chúc của vua Attalus III của Pergamon vào năm 132 trước Công nguyên – đã trở thành các tỉnh của La Mã. Năm 63 trước Công nguyên, sau ba tháng giao tranh, tướng La Mã Pompey tiến vào Giu-đê và chiếm được Giê-ru-sa-lem; kể từ đó, người Do Thái trở thành chư hầu của La Mã và vĩnh viễn mất đi tự do và độc lập của mình. Dưới triều đại của Augustus, vị hoàng đế La Mã đầu tiên – vào năm thứ 30 của triều đại ông, Chúa Giê-su Ki-tô đã ra đời – Ai Cập cũng đã nằm dưới sự cai trị của La Mã. Như vậy, trước khi Đấng Cứu Thế Giê-su Ki-tô giáng sinh, La Mã đã đạt đến đỉnh cao của quyền lực và vinh quang, bao gồm trong đế chế của mình hầu hết các dân tộc được biết đến vào thời điểm đó; của cải từ khắp nơi trên thế giới đổ về đây; các vấn đề của mọi dân tộc đều được quyết định tại Thượng viện La Mã. Nhưng thời kỳ hùng mạnh của La Mã lại chính là khởi đầu cho sự sụp đổ của nó. Những cuộc chiến tranh không ngừng nghỉ đã tàn phá và làm suy giảm tầng lớp giàu có của công dân La Mã, trong khi các gia tộc giàu có và danh giá, bằng cách mua lại đất đai của những gia đình khánh kiệt với giá rẻ mạt, lại càng trở nên giàu có hơn; do đó, dân số La Mã chia thành hai tầng lớp: người giàu và người nghèo. Trong khi sự xa hoa của tầng lớp trên đạt đến mức gần như khó tin, thì tầng lớp dưới lại chìm trong cảnh nghèo đói và áp bức; cả một gia tài có thể được tiêu xài chỉ cho một bữa ăn, trong khi người nghèo không có lấy một miếng bánh mì. Kể từ khi chinh phục Hy Lạp, các học thuyết triết học bắt đầu lan rộng ở La Mã, làm lung lay tôn giáo dân gian, và sự vô tín lan rộng như một làn sóng, ban đầu trong tầng lớp thượng lưu, rồi đến tầng lớp hạ lưu: các đối tượng của niềm tin tôn giáo bị chế giễu công khai trong các vở kịch. Cùng với sự vô thần, sự suy đồi đạo đức cũng lan rộng; lối sống buông thả, thậm chí dẫn đến việc thực hiện những hành vi trái tự nhiên (Rô-ma 1:26–27), đã thay thế sự trong sạch và nghiêm khắc của đạo đức xưa kia. Và chỉ có sức mạnh phục hưng của Kitô giáo mới cứu Rome khỏi sự diệt vong hoàn toàn. Đạo Kitô đã thâm nhập vào La Mã từ rất sớm. Theo truyền thuyết, ngay từ thời Hoàng đế Tiberius (14–37), ngài đã nghe bài giảng về Chúa Kitô; dưới triều đại người kế vị ông là Claudius (41–54), tại La Mã đã xảy ra những xung đột gay gắt giữa các Kitô hữu gốc Do Thái và người Do Thái. Dưới triều đại của Nero (54–68), nhờ lời rao giảng của Thánh Phaolô kéo dài suốt 2 năm (Công vụ 28:30), số lượng Kitô hữu đã gia tăng đáng kể; trong triều đại của vị hoàng đế thứ hai này đã xảy ra cuộc bách hại đầu tiên nhắm vào các Kitô hữu, những người bị buộc tội oan là đã đốt cháy thành Rome: trong cuộc bách hại này, các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô đã chịu tử đạo. Nhưng cuộc đàn áp đó không thể tiêu diệt Kitô giáo: dưới triều đại của Đô-mi-ki-a-nô (81–91), Kitô giáo thậm chí còn thâm nhập vào chính dòng dõi hoàng gia: anh trai của Đô-mi-ki-a-nô là Flavius Clement đã bị hành quyết vì là Kitô hữu; trong triều đại của vị hoàng đế này, Thánh Gioan Thần Học đã bị lưu đày đến đảo Patmos, nơi ngài được ban cho sự mặc khải về số phận tương lai của thế giới và Giáo hội (Khải Huyền 1:9). Kể từ thời Nero và Domitian, các cuộc bách hại Kitô hữu tiếp diễn cho đến năm 313. Sự đàn áp này đặc biệt dữ dội dưới thời Hoàng đế Diocletian (285–306), người đã mở đầu cho sự phân chia Đế quốc La Mã; ông đã chọn Maximian làm đồng trị vì và chia đất nước giữa hai người, sau đó mỗi đồng trị vì lại chọn cho mình một phụ tá, khiến đế quốc bị chia thành bốn phần. Sau khi Diocletian và Maximian thoái vị, quyền cai trị được chuyển giao cho Constantius Chlorus và Galerius; người kế vị Constantius Chlorus là con trai ông, Constantine (năm 306), người đã ban hành sắc lệnh năm 313 cho phép bất kỳ ai muốn theo đạo Kitô đều được phép làm vậy. Sau khi trở thành hoàng đế duy nhất (năm 324), ông chuyển nơi ở về phía đông, đến Byzantium, sau này được gọi là Constantinopolis. Tại đây, ông bao quanh mình bằng những người Kitô hữu, những người mà ông bổ nhiệm vào các chức vụ cao cấp trong chính quyền; ông ban hành luật quy định việc cử hành ngày Chủ nhật, xây dựng nhiều nhà thờ; dưới sự hỗ trợ của ông, Công đồng Đại kết lần thứ nhất đã được triệu tập (năm 325). Dưới triều đại Hoàng đế Theodosius Đại đế, người đã ra sắc lệnh năm 392 cấm các nghi lễ thờ cúng ngoại giáo, Đế chế La Mã chính thức chia tách thành Đông và Tây (năm 395). Phần Đông sụp đổ dưới các đợt tấn công của người Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 1453 dưới thời Mehmed II, còn phần Tây – bao gồm Ý, châu Phi, Anh và Tây Ban Nha – sụp đổ vào năm 476; năm 476, sau khi vị hoàng đế La Mã cuối cùng là Romulus Augustus thoái vị, thủ lĩnh bộ tộc Heruli là Odoacer đã lên ngôi tại Ý.

[2424] Ngày của người La Mã, cũng giống như đêm, được chia thành bốn phần, được gọi là giờ thứ nhất, thứ ba, thứ sáu và thứ chín. Giờ thứ nhất tương ứng với giờ thứ bảy, thứ tám và thứ chín buổi sáng của chúng ta; giờ thứ ba tương ứng với giờ thứ mười, thứ mười một và thứ mười hai buổi sáng; giờ thứ sáu tương ứng với giờ thứ nhất, thứ hai và thứ ba buổi chiều; giờ thứ chín tương ứng với giờ thứ tư, thứ năm và thứ sáu buổi chiều.

Vợ ông, Aglaida, là một người phụ nữ kính sợ Chúa, yêu thương chồng và hào phóng trong việc bố thí. Buồn bã vì không thể sinh con, bà thường cầu nguyện với Chúa như sau:

– Lạy Chúa, xin hãy nhớ đến con, một tôi tớ bất xứng của Ngài, và xin giải thoát con khỏi sự vô sinh này, để con được làm mẹ. Xin ban cho chúng con một đứa con trai, người sẽ là niềm vui trong cuộc đời và là chỗ dựa khi chúng con về già.

Chúa, nhờ lòng thương xót của Ngài, đã nghe lời cầu nguyện của bà: trước niềm vui lớn lao của chồng, bà đã sinh được một người con trai, được đặt tên là Alexius trong lễ rửa tội thánh.

Từ năm sáu tuổi, Thánh Alexius bắt đầu đi học và, sau khi nhanh chóng nắm vững các môn học thế tục thông thường vào thời đó, ngài đã nghiên cứu rất kỹ Kinh Thánh và các sách của Giáo hội. Từ một cậu bé, cậu đã trở thành một thanh niên thông minh và đạo đức; nhận ra sự hư vô của những của cải trần thế chóng qua, cậu quyết định từ bỏ chúng để đạt được những ân huệ vĩnh cửu; vì vậy, cậu thậm chí còn bắt đầu mặc áo lông dê gai để chế ngự xác thịt của mình. Khi Alexius đến tuổi trưởng thành, Euthymian nói với vợ mình:

– Hãy gả con trai chúng ta đi.

Những lời này khiến Aglaida vô cùng vui mừng, và bà quỳ xuống dưới chân chồng, nói:

– Xin Chúa ban phước lành cho ý định của ngài, để tôi được chứng kiến đám cưới của con trai tôi và những đứa con của nó; niềm vui lớn lao này sẽ thúc đẩy tôi trở nên hào phóng hơn nữa đối với những người nghèo khó và khốn cùng.

Sau đó, họ đã đính hôn Alexius với một thiếu nữ thuộc dòng dõi hoàng gia, rồi lễ cưới được cử hành tại nhà thờ Thánh Boniface, và cả ngày hôm đó cho đến đêm trôi qua trong niềm vui và sự hân hoan. Khi lễ hội kết thúc, Thánh Alexius, với sự chúc phúc của cha mình, bước vào phòng cô dâu và thấy cô đang ngồi trên ghế. Anh lấy chiếc nhẫn vàng của mình, gói nó cùng với chiếc thắt lưng quý giá vào tấm vải màu tím[2425] và trao cho cô dâu với những lời:

– Hãy giữ lấy điều này, và xin Chúa ở cùng chúng ta, ban ân sủng của Ngài để giúp chúng ta bắt đầu một cuộc sống mới, một cuộc sống Kitô giáo đích thực.

Nói xong, ngài lui về phòng riêng; tại đó, Thánh Alexius thay bộ quần áo sang trọng bằng bộ quần áo đơn sơ, rồi lén lút rời khỏi nhà và thành phố, mang theo một ít vàng và đá quý từ tài sản riêng của mình. Khi đến biển, ngài tìm thấy một con tàu đang chuẩn bị khởi hành đến Laodicea[2426] , và ngài đã lên tàu đó sau khi trả trước số tiền vé quy định. Trong suốt hành trình, Thánh Alexius đã cầu nguyện với Chúa như sau:

– Lạy Chúa, – ngài nói, – Đấng đã cứu rỗi con từ ngày con chào đời, xin hãy cứu rỗi con ngay lúc này khỏi cuộc sống trần tục phù du và ban cho con ân sủng được đứng bên phải Ngài trong Ngày Phán Xét Cuối Cùng cùng với tất cả những ai đã làm đẹp lòng Ngài.

Khi con tàu cập bến, Thánh Alexius bước lên bờ, nơi ngài gặp những người lữ hành đang trên đường đến Mesopotamia[2427] , ông đã gia nhập cùng họ và đi cùng họ đến Edessa[2428] , nơi lưu giữ bức tượng không do tay

---

[2425] Điểm khác biệt của vải porphyry so với các loại vải khác là màu đỏ của chúng; chất nhuộm cho loại vải này được chiết xuất từ một loại tảo biển đặc biệt.

[2426] Laodicea, thành phố cổ thuộc vùng Phrygia của Tiểu Á, nằm ở nơi hợp lưu của hai con sông Lyca và Galipa, được Antiochus II (261–246 TCN) thành lập để vinh danh vợ mình là Laodice. Vào thời Chúa Giê-su, thành phố này gần như là thành phố hàng đầu của Tiểu Á, vì nó nằm trên con đường thương mại nối liền Đông và Tây. Nền tảng của Kitô giáo tại đây có lẽ không phải do chính Thánh Phao-lô (Col. 2:1) đặt ra, mà là do Epaphras, vị thầy của Hội Thánh Cô-lô-se (Col. 1:7). Thánh Phaolô đã viết một thư riêng cho Hội Thánh Laodicea; Hội Thánh này cũng được nhắc đến trong Sách Khải Huyền như một trong những Hội Thánh nổi bật nhất của Tiểu Á (Khải Huyền 3:14–22). Năm 360, tại Laodicea đã diễn ra Công đồng địa phương, các quy tắc (60 điều) của công đồng này liên quan đến trật tự thờ phượng, cách ứng xử của hàng giáo sĩ và giáo dân đã được đưa vào kinh điển Giáo hội. Năm 1255, thành phố này bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng, và năm 1402 bị Tamerlan phá hủy. Giờ đây, chỉ còn lại những tàn tích trên một ngọn đồi thấp gần ngôi làng hoang tàn Esk-Gissar là minh chứng cho thành phố cổ xưa từng tồn tại ở đây.

[2427] Mesopotamia, tức là Vùng Giữa Hai Sông, là Sennaar cổ đại (Sáng Thế Ký 10:10), nơi sinh và cư ngụ của Áp-ra-ham trước khi ông lên đường đến xứ Haran (Sáng Thế Ký 11:28; Công vụ 7:2); đó là tên gọi của vùng đất nằm giữa hai con sông Tigris và Euphrates, phía nam giáp Vịnh Ba Tư, phía bắc giáp dãy núi Armenia. Trong nghĩa hẹp hơn, Mesopotamia dùng để chỉ phần phía bắc của khu vực này, tức là El-Jazir, trong khi phần phía nam của khu vực được biết đến với tên gọi Babylonia, tức là Iraq-Arabi ngày nay, hay còn gọi là Babylonia cổ đại. Vào thời La Mã, vùng đất này được chia thành hai phần: Ozroena ở phía tây, thuộc về La Mã từ năm 217 sau Công nguyên với thành phố chính là Edessa, và Migdonia ở phía đông, với thành phố chính là Nisibis, bị Hoàng đế La Mã Trajan chinh phục vào năm 115. Nền tảng của Kitô giáo tại Mesopotamia được đặt bởi người bạn đồng hành của Thánh Tông đồ Hermas là Giu-đa hay Pha-đê – theo truyền thuyết là một trong bảy mươi môn đệ của Chúa Giê-su Ki-tô; Giu-đa đã thành lập nhà thờ tại Edessa. Tại vùng lân cận

người tạo ra[2429] của Chúa Giêsu Kitô, được Ngài sai đến cho Công tước Avgar của Edessa trong thời gian Ngài còn tại thế. Khi nhìn thấy hình ảnh của Chúa Kitô, Thánh Alexius vô cùng vui mừng; ngài đã bán hết những đồ trang sức mang theo từ nhà, dùng số tiền thu được để phân phát cho những người nghèo, còn bản thân thì mặc áo rách và sống nhờ sự bố thí. Nơi ở của thánh nhân là hiên nhà thờ Đức Mẹ Đồng Trinh, và cuộc sống của ngài là một cuộc sống tu hành nghiêm ngặt: ngài luôn ăn chay, chỉ ăn một ít bánh mì. Ngay cả nước uống cũng rất tiết chế; mỗi ngày Chủ nhật, Thánh Alexius đều rước Mình Thánh Chúa và luôn phân phát toàn bộ tiền bố thí của mình cho những người già nghèo khó. Ngài luôn đi với đầu cúi xuống, tâm hồn hướng về Thiên Chúa, không ngừng suy ngẫm về Ngài. Do lối sống khắc khổ như vậy, toàn thân vị thánh trở nên gầy gò, vẻ đẹp trên khuôn mặt phai nhạt, đôi mắt trũng sâu và thị lực suy yếu.

Vào lúc bình minh, khi Thánh Alexius đã ra khỏi nhà, cha mẹ ngài bước vào phòng cô dâu và ngạc nhiên khi thấy cô ngồi một mình, mặt mày u sầu. Họ bắt đầu tìm kiếm con trai khắp nơi và, không thấy đâu, đã khóc lóc thảm thiết; niềm vui của họ bỗng chốc biến thành nỗi đau. Mẹ của vị thánh, sau khi vào phòng mình, đã đóng cửa sổ lại, trải chiếu ra, rắc tro lên đó, rồi trong tiếng nức nở, bà lao mình lên chiếu, vừa cầu nguyện vừa nói:

– Con sẽ không đứng dậy và không ra khỏi phòng tu của mình cho đến khi biết được chuyện gì đã xảy ra với con trai duy nhất của con, tại sao và con đã đi đâu.

Cô dâu, đứng bên cạnh bà, cũng nói trong nước mắt:

– Và con cũng sẽ không rời xa mẹ, nhưng như một con bồ câu yêu thích sự cô độc và trung thành, với tiếng hót buồn bã tìm kiếm người chồng lạc mất trên núi non và thung lũng, con sẽ kiên nhẫn chờ đợi tin tức về chồng con – anh ấy đang ở đâu và đã chọn lối sống nào cho mình.

Người cha cũng vô cùng đau buồn; ông đã sai các đầy tớ đi khắp nơi để tìm con trai. Một số trong số họ đã đến cả Edessa; khi nhìn thấy Thánh Alexius, họ không nhận ra ngài, mà lầm tưởng ngài là một người ăn xin và đã cho ngài tiền bố thí. Còn Thánh Alexius thì nhận ra họ và tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho ngài cơ hội được nhận sự bố thí từ chính những người hầu của mình. Khi trở về, những người hầu này báo cáo với chủ rằng họ không tìm thấy con trai ông, dù đã tìm kiếm khắp mọi nơi.

Thánh Alexius đã sống tại Edessa, gần Nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh, trong mười bảy năm và nhờ lối sống của mình, ngài đã được Thiên Chúa yêu thương. Vào thời gian đó, người quản lễ của Nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh đã nhận được một sự mặc khải về ngài: ông nhìn thấy bức tượng thánh của Đức Mẹ đang nói với ông:

– Hãy dẫn vào nhà thờ của Ta một người của Chúa, xứng đáng với Nước Trời; lời cầu nguyện của người ấy bay lên đến Chúa như lư hương thơm ngát, và Thánh Thần ngự trên người ấy như vương miện trên đầu vị vua.

Sau khi có thị kiến, người phụ trách nhà thờ đã đi tìm một người có đời sống công chính như vậy, nhưng không tìm thấy, nên đã cầu nguyện với Đức Mẹ Rất Thánh, xin Ngài giúp đỡ để thực hiện mệnh lệnh đã được ban cho. Và một lần nữa, trong thị kiến, ông nghe thấy tiếng nói từ bức tượng Đức Mẹ Rất Thánh rằng: "Người của Chúa chính là người ăn xin đang ngồi ở cổng tiền sảnh nhà thờ." Người quản lễ, sau khi tìm thấy Thánh Alexius, đã đưa ngài vào nhà thờ để ngài ở lại đó, và nhiều người, khi biết về cuộc sống chính trực của người của Chúa, đã bắt đầu tôn kính ngài. Còn ngài, để tránh sự vinh quang của loài người, đã bí mật rời khỏi thành phố. Khi đến bến cảng,

---

Nisibis, Thánh Ephrem the Syrian (thế kỷ III-IV) đã ra đời; Giám mục Nizibis, Thôma Varsuma, là người ủng hộ nhiệt thành cho tà thuyết Nestorian, dạy rằng Lời Thiên Chúa, Đấng được sinh ra từ Cha từ thuở đời đời, chỉ ngự trong con người Giêsu, duy trì với Ngài một sự kết hợp đặc biệt về mặt luân lý. Vào thế kỷ XI, trước các cuộc tấn công của người Seljuk và Thổ Nhĩ Kỳ, Mesopotamia đã suy tàn và hiện nay thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ; cư dân nơi đây gồm người Thổ Nhĩ Kỳ, người Kurd, người Ả Rập, người Armenia và người Syria. Mesopotamia từng có ý nghĩa lịch sử vô cùng quan trọng dưới thời cai trị của người Assyria và Babylon.

[2428] Edessa, nay là Urfa, là một thành phố ở phía bắc Mesopotamia bên bờ sông Euphrates; từ năm 137 trước Công nguyên, đây là thủ đô của Nhà nước Ozroene hay Edessa mới được thành lập; vào năm 217 sau Công nguyên, thành phố này đã bị người La Mã biến thành một thuộc địa ở phương Đông. Đạo Kitô đã sớm lan rộng tại Edessa; vào thế kỷ IV, Thánh Ephrem the Syrian đã thành lập một trường thần học tại đây, đến thế kỷ V, trường này nghiêng về phái Nestorian, và thầy giáo của trường Edessa, linh mục Iva, đã hoạt động rất tích cực để ủng hộ phái này. Năm 641, Edessa bị các caliph Ả Rập chinh phục; năm 1098, Bá tước Balduin chiếm được thành phố này và biến nó thành thủ đô của Công quốc Edessa; năm 1144, thành phố bị người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục và từ đó liên tục thay đổi chủ quyền, cho đến khi vào năm 1637, nó chính thức rơi vào quyền cai trị của Thổ Nhĩ Kỳ.

[2429] Hình ảnh Chúa Giêsu Kitô không do tay người tạo ra, hay còn gọi là tấm vải, có in hình Dung nhan Đấng Cứu Thế, mà Ngài đã gửi cho Công tước Avgar của Edessa để chữa lành bệnh về mắt. Hình ảnh không do tay người tạo ra này được lưu giữ tại Edessa cho đến năm 994, khi nó được Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus mua lại và chuyển đến Constantinople vào ngày 16 tháng 8; từ đó, nó bị người Venice đánh cắp và chìm xuống Biển Đá Cẩm Thạch. Lễ kỷ niệm vào ngày 16 tháng 8.

ngài lên một con tàu đang đi đến Cilicia[2430] , và thầm nghĩ trong lòng: "Ta sẽ đến Cilicia, nơi không ai biết ta, và sẽ sống tại nhà thờ Thánh Tông đồ Phaolô." Trong chuyến đi, bất ngờ, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, một cơn bão nổi lên trên biển, và con tàu, sau nhiều ngày bị sóng đánh dạt, đã bất ngờ cập bến tại Rôma. Khi bước xuống tàu, Thánh Alexius tự nhủ:

– Chúa, Thiên Chúa của con, hỡi Ngài, còn sống! Con sẽ không làm phiền ai cả, mà sẽ đến nhà cha con như một người lạ.

Trên đường đi, ngài gặp cha mình đang trên đường trở về nhà từ cung điện, được nhiều người hầu tháp tùng. Sau khi cúi đầu chào cha đến tận đất, Thánh Alexius nói:

– Hỡi tôi tớ của Chúa, xin thương xót con, kẻ nghèo hèn và khốn khổ này: xin cho con được ở trong một góc nào đó của sân nhà cha và ăn những hạt lúa rơi từ bàn ăn của cha; Chúa sẽ ban phước cho những ngày của ngài và ban cho ngài Nước Trời; còn nếu ngài có người thân nào đang lang thang ở đâu đó, thì Ngài sẽ đưa người ấy trở về với ngài trong tình trạng khỏe mạnh.

Khi nghe người ăn xin nhắc đến chuyện lưu lạc, Euphimius lập tức nhớ đến người con trai yêu quý của mình là Alexius, nước mắt tuôn trào và nhân từ chấp nhận lời thỉnh cầu của người ăn xin, cho phép anh ta sống trong sân nhà mình. Ông nói với các đầy tớ của mình:

– Ai trong các ngươi muốn phục vụ người ăn xin này? Nếu người ấy làm hài lòng ông ta, thì ta thề, người đó sẽ được tự do hoàn toàn và phần thưởng từ ta. Hãy sắp xếp cho ông ta một căn phòng nhỏ ngay cửa nhà, để ta có thể gặp ông ta thường xuyên hơn; thức ăn hãy dọn từ bàn ăn của ta cho ông ta, và không ai trong các ngươi được xúc phạm ông ta.

Sau đó, Thánh Alexius bắt đầu sống ngay trước cửa nhà cha mình. Hằng ngày, Euphemius đều gửi thức ăn từ bàn ăn của mình cho ngài, nhưng ngài lại chia sẻ hết cho những người nghèo, còn bản thân chỉ ăn bánh mì và uống nước, và thậm chí lượng đó cũng chỉ vừa đủ để không chết vì đói hay khát; ông dành cả đêm để thức trắng cầu nguyện và mỗi ngày Chủ nhật đều rước Mình Thánh Chúa trong nhà thờ. Sự kiên nhẫn của người của Chúa thật đáng kinh ngạc! Ông phải chịu đựng biết bao khó khăn và đau khổ, nhất là vào những giờ khuya, từ những nô lệ của cha mình: có kẻ lôi ông đi bằng cách túm tóc, kẻ khác tát vào tai, kẻ khác lại đổ nước thải lên đầu ông, và nói chung là hành hạ ông một cách tàn nhẫn nhất. Nhưng ngài vẫn chịu đựng tất cả trong im lặng, biết rằng họ đối xử với ngài như vậy là do ma quỷ xúi giục, và ngài dùng lời cầu nguyện làm vũ khí chống lại mưu mô của nó, chiến thắng chúng bằng sự kiên nhẫn. Còn có một hoàn cảnh khác thúc đẩy ngài đến sự kiên nhẫn vĩ đại: đối diện với căn phòng của ngài là cửa sổ phòng của vị hôn thê. Cô ấy, giống như Ruth[2431] , không muốn trở về nhà cha mình, mà ngồi đó than khóc cùng mẹ chồng, và vị thánh thường nghe thấy tiếng khóc nức nở và lời than thở của mẹ và vị hôn thê mình: người thì than về việc mất con trai, người kia thì than về việc mất chồng. Những giọt nước mắt của họ làm tràn ngập lòng ngài bằng lòng thương xót, nhưng nhờ tình yêu dành cho Chúa, ngài đã chiến thắng tình yêu xác thịt dành cho vị hôn thê và cha mẹ; sự kiên nhẫn chịu đựng những nỗi đau gần như không thể chịu đựng được vì Chúa thậm chí còn an ủi ngài. Thánh Alexius đã sống như vậy trong nhà cha mẹ mình suốt mười bảy năm, và không ai nhận ra ngài, mà mọi người đều coi ngài như một người ăn xin không có nơi nương tựa; những người đầy tớ chế giễu ngài – người vốn là chủ nhà, con trai và người thừa kế – như thể ngài là một kẻ lạ mặt và người ngoài. Khi Chúa muốn gọi ngài từ cuộc đời tạm bợ này – nơi ngài đã trải qua biết bao cảnh nghèo khó và thiếu thốn – sang cuộc sống vĩnh cửu, Ngài đã báo cho ngài biết ngày và giờ ngài qua đời. Thánh Alexius bấy giờ đã nhờ người nô lệ phục vụ mình mang mực, giấy và cây gậy, rồi ghi lại toàn bộ cuộc đời mình; để thuyết phục cha mẹ rằng ngài thực sự là con trai của họ, ngài đã đề cập đến một số chi tiết trong cuộc đời chỉ có họ mới biết; ngài cũng viết về những lời đã nói với vị hôn thê vào đêm rời khỏi nhà, cùng việc đã trao cho nàng chiếc nhẫn và chiếc thắt lưng. Ngài kết thúc bức thư bằng những lời sau:

[2430] Cilicia, một vùng thuộc Tiểu Á nằm ở phía đông nam, ban đầu nằm dưới sự cai trị của Macedonia, sau đó thuộc về vương quốc Parthia và Armenia; vào năm 68 trước Công nguyên, phần phía đông, là phần tốt nhất của vùng này, đã trở thành một tỉnh của La Mã; cuối cùng, vùng đất này bị chinh phục dưới thời Vespasian (69–79). Sứ đồ Phao-lô xuất thân từ Tarsus, thủ phủ của Cilicia (Công vụ 9:11), ngài đã lui về đây sau khi được hoán cải (Công vụ 9:30) và tất nhiên đã rao giảng Tin Mừng tại đây; trong chuyến hành trình thứ hai, vị Tông đồ đã đi qua Kilikia để củng cố đức tin cho các tín hữu (Công vụ 15:41). Hiện nay, Kilikia thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ.

[2431] Ruth, người gốc Moab, đã được vinh dự ghi tên vào gia phả của Đa-vít với tư cách là tổ mẫu của ông (Ruth 4:17), và do đó cũng được ghi vào gia phả của chính Chúa Giê-su Ki-tô (Ma-thi-ơ 1:5); câu chuyện về bà được ghi lại trong cuốn sách thánh mang tên bà.

– Con xin khẩn cầu cha mẹ yêu quý và vị hôn thê chân thành của con, xin đừng giận con vì đã bỏ lại các vị, gây ra nỗi đau đớn lớn lao như vậy; chính con cũng đau xót trong lòng vì nỗi buồn của các vị; con đã nhiều lần cầu xin Chúa ban cho các vị sự kiên nhẫn và cho các vị được vào Nước Trời. Con hy vọng rằng, nhờ lòng nhân từ của Ngài, Ngài sẽ đáp ứng lời cầu nguyện của con, vì con đã chọn một cuộc sống đầy gian khổ này vì tình yêu dành cho Ngài, và con không thay đổi con đường đó vì những giọt nước mắt của các vị, bởi vì đối với mỗi Kitô hữu, việc vâng phục Đấng Tạo Hóa và Đấng Sáng Tạo của mình còn quan trọng hơn việc vâng phục cha mẹ mình. Tôi tin rằng, nỗi đau khổ lớn lao mà tôi đã gây ra cho các con, sẽ được đền bù bằng niềm vui lớn lao không kém trong Nước Trời.

Sau khi viết những lời này, ngài đã cầu nguyện cho đến tận giây phút lâm chung.

Một lần nọ, khi Đức Giáo hoàng[2432] đang cử hành Thánh lễ tại Nhà thờ Chính tòa Các Thánh Tông đồ, khi Thánh lễ kết thúc, một giọng nói kỳ diệu vang lên từ bàn thờ cho tất cả mọi người nghe:

"Hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, hãy đến với Ta, Ta sẽ cho các ngươi được nghỉ ngơi" (Mt 11,28). Những người có mặt trong nhà thờ, trong cơn kinh hoàng tột độ, đã quỳ sấp xuống đất và kêu lên:

– Lạy Chúa, xin thương xót!

Sau đó, giọng nói lại vang lên lần thứ hai:

– Hãy tìm người của Đức Chúa Trời, người đang trên đường sang thế giới bên kia; hãy để ông ấy cầu nguyện cho thành phố: lời cầu nguyện của ông ấy sẽ mang lại nhiều ân huệ cho các ngươi.

Họ đã tìm kiếm người ấy khắp cả Rôma nhưng không biết phải làm sao, vì không tìm thấy. Vì vậy, từ tối thứ Năm sang thứ Sáu, họ lại tụ họp cùng Đức Giáo hoàng và nhà vua tại nhà thờ chính tòa, cử hành thánh lễ suốt đêm, cầu xin Chúa Kitô chỉ cho họ vị thánh nhân của Ngài. Sáng thứ Sáu, Thánh Alexius đã về với Chúa. Trong khi đó, tại nhà thờ, giống như lần đầu tiên, một lần nữa trong lúc cử hành thánh lễ, một giọng nói lại vang lên từ bàn thờ:

– Hãy tìm người của Chúa trong nhà của Euphymian.

Sau đó, hoàng đế[2433] , quay sang người này và nói:

– Tại sao ngươi, khi có một báu vật như vậy trong nhà mình, lại không báo cho chúng ta biết?

Euphimius đáp:

[2432] Đó là Đức Giáo hoàng Innocent I (402–417). Ngài đã đấu tranh chống lại sự ly giáo của phái Donatist, thuyết phục Hoàng đế Honorius ban hành một đạo luật nghiêm khắc chống lại họ, đồng thời xác nhận quyết định của Công đồng (năm 416) chống lại các dị giáo phái Pelagian, những người phủ nhận sự cần thiết của ân sủng để được cứu rỗi; ngài là người đầu tiên đặt nền tảng cho giáo lý về quyền tối cao của Giáo hoàng, dựa trên lập luận rằng các Giáo hoàng là những người kế vị Thánh Phêrô.

[2433] Ở đây tất nhiên là nói đến Arcadius, hoàng đế Đông La Mã, con trai của Theodosius Đại đế; sau khi cha qua đời (năm 395), ông đã kế thừa cái gọi là Đế chế Đông La Mã, trong khi anh trai ông là Honorius kế thừa Đế chế Tây La Mã; ông sinh năm 377 và qua đời năm 408. Trong suốt thời gian trị vì của ông, nhà nước được điều hành bởi những người biết cách chi phối vị hoàng đế có tính cách yếu đuối này. Chẳng hạn, vào đầu triều đại của ông, nhà nước do Rufinus điều hành; ông này đã tăng thêm gánh nặng thuế vốn đã rất nặng nề, nhân lên số lượng các khoản phạt tiền và qua đó gieo rắc nỗi kinh hoàng khắp đế chế. Sau khi Rufinus qua đời, vị trí của ông được thay thế bởi hoạn quan Eutropius, người đã thuyết phục hoàng đế ban hành một đạo luật nghiêm khắc (năm 397) nhằm mục đích làm giàu cho bản thân, quy định hình phạt tử hình và tịch thu tài sản đối với bất kỳ ý đồ xấu nào không chỉ chống lại hoàng đế mà còn chống lại các quan chức cấp cao. Cuối cùng, Hoàng hậu Eudoxia đã khiến Eutropius bị xử tử (năm 399), và Arcadius hoàn toàn tuân theo vợ mình, người nổi tiếng với thái độ thù địch đối với Thánh Gioan Vàng Miệng, lúc bấy giờ là Tổng Giám mục Constantinopolis. Theo sự thúc giục của bà, hoàng đế đã phê chuẩn quyết định của "Hội đồng dưới cây sồi" (năm 403) về việc phế truất Thánh Gioan Vàng Miệng và đày ông đi lưu đày, nhưng sau đó đã cho ông trở về vì lo sợ sự phẫn nộ của dân chúng. Năm 404, ông ra lệnh đưa ngài đi lưu đày lần nữa, và lần này cũng giống như lần đầu, là do ảnh hưởng của Eudokia, người đã cảm thấy bị xúc phạm bởi các bài giảng của Thánh Gioan Vàng Miệng, trong đó ngài vạch trần lối sống xa hoa và vô đạo đức của triều đình. Dưới triều đại của Arcadius, các nhà truyền giáo, được trang bị các sắc lệnh của ông, đã rao giảng Kitô giáo khắp các tỉnh cho những người ngoại đạo chưa quy y Chúa Kitô.

Honorius, hoàng đế La Mã phương Tây, là anh trai của hoàng đế Arcadius. Vào đầu triều đại của ông, người đứng đầu chính quyền là Stilicho – một chính trị gia tài ba và vị tướng lừng danh, người đã nhiều lần đẩy lùi các cuộc tấn công vào đế chế từ phía người Visigoth, người Vandal, người Suebi và người Burgundian. Sau khi ông bị lật đổ và xử tử, tình hình đế chế ngày càng xấu đi. Năm 408, thủ lĩnh người Visigoth Alaric đã vây hãm Rome và buộc thành phố phải nộp một khoản cống nạp nặng nề; đến năm 410, ông chiếm được thành phố và để quân lính cướp bóc. Sau khi Alaric qua đời, anh rể của ông là Ataulf đã ký hiệp ước hòa bình với Honorius, sau đó người Visigoth rút lui về phía sau dãy Alps. Dưới triều Honorius, vào năm 411, một công đồng đã được tổ chức để chống lại các giáo phái ly khai Donatist, những người đã tách khỏi Giáo hội vì lý do Giáo hội chấp nhận những kẻ bội đạo đã ăn năn trong thời kỳ bách hại; bởi theo quan điểm của họ, Giáo hội sẽ không còn là thánh thiện nếu trong số các thành viên của mình có những kẻ tội lỗi. Theo lệnh của Honorius, tất cả các đền thờ ngoại giáo còn lại đều bị phá hủy, còn những người ngoại giáo thì bị loại khỏi các chức vụ nhà nước.

– Chúa là chứng nhân, tôi chẳng biết gì cả.

Rồi ngài gọi người đầy tớ trưởng lại và hỏi:

– Trong số các bạn đồng sự của ngươi, có ai là người có đức hạnh và làm đẹp lòng Chúa không?

– Tôi không biết, – người đó nói, – không có ai đức hạnh cả; tất cả đều sống không theo ý Chúa.

Nhà vua và Đức Giáo hoàng quyết định tự mình đến nhà Euphimius để tìm kiếm người của Chúa. Euphimius đi trước, chuẩn bị đón tiếp Đức Giáo hoàng và nhà vua cùng các quan đại thần, và tổ chức một buổi tiếp đón long trọng cho họ. Vợ của Euphimius, đang than thở, nghe thấy từ phòng mình tiếng ồn ào và xôn xao ở sân và trong nhà, liền hỏi:

– Điều này có nghĩa là gì?

Và bà vô cùng ngạc nhiên khi biết tin nhà vua cùng Đức Giáo hoàng đã đến, cũng như lý do của chuyến viếng thăm này. Cô dâu cũng bối rối khi nhìn thấy từ phòng mình nhà vua và Đức Giáo hoàng đang đi cùng đông đảo dân chúng, và cố gắng tìm cách giải thích cho mình về cảnh tượng này.

Khi Đức Giáo hoàng, nhà vua và các quan đại thần đã ngồi xuống và không gian trở nên yên lặng, thì người đầy tớ phục vụ Thánh Alexius nói với Euphimius:

– Thưa ngài, người ăn xin mà ngài đã giao phó cho tôi, chẳng phải là người của Chúa sao? Tôi là chứng nhân cho những việc làm vĩ đại và kỳ diệu của ngài: ngài luôn ăn chay, chỉ sau khi hết ngày mới ăn một ít bánh mì và uống chút nước; ngài dành cả đêm để cầu nguyện và mỗi Chủ nhật đều rước Mình Thánh Chúa Kitô; ngài nhẫn nại và vui vẻ chịu đựng những trận đòn roi và sự sỉ nhục mà một số nô lệ gây ra cho ngài.

Nghe vậy, Euphemius lập tức vội vã đến nơi ở của người ăn xin và, sau khi gọi ông ba lần qua ô cửa sổ, vẫn không nhận được câu trả lời. Lúc đó, ngài bước vào trong, nơi ngài thấy người của Chúa đang nằm bất động, đầu được che phủ và tay phải nắm chặt một tờ giấy gấp lại. Euphemius vén tấm vải che mặt ông và thấy khuôn mặt ấy rạng ngời như khuôn mặt của một Thiên thần; nhưng khi ông định cầm tờ giấy lên để đọc, thì không thể làm được, vì bàn tay người ấy không chịu buông ra. Ông vội vã trở về gặp nhà vua và giáo hoàng, rồi nói:

– Chúng tôi đã tìm thấy người mà chúng ta đang tìm kiếm, nhưng ông ấy đã qua đời; ông ấy đang cầm tờ giấy trong tay và không chịu trao lại cho chúng ta.

Vua và tổng giám mục ra lệnh chuẩn bị một chiếc giường quý giá, phủ lên đó những tấm vải sang trọng, rồi mang thi hài đáng kính của người của Chúa ra và trang trọng đặt lên chiếc giường đó. Sau đó, họ quỳ gối xuống, hôn lên thi hài thiêng liêng và nói với ngài như thể ngài còn sống:

– Chúng tôi khẩn cầu ngài, tôi tớ của Đấng Christ, xin hãy trao cho chúng tôi tờ giấy này, để qua những gì được ghi chép trong đó, chúng tôi có thể biết ngài là ai.

Sau đó, Đức Giáo hoàng và Hoàng đế đã lấy tờ giấy từ tay vị thánh một cách suôn sẻ và trao cho Aetius, thư ký của Nhà thờ Lớn[2434] , để đọc; trong sự im lặng sâu lắng của những người xung quanh, ông bắt đầu đọc nó. Khi ông đọc đến đoạn nói về cha mẹ và vị hôn thê, về chiếc nhẫn và chiếc thắt lưng đã được trao cho nàng, thì Euphemius mới nhận ra đó chính là con trai đã qua đời của mình, Alexius. Ông ngã vào lòng con trai, ôm chặt và hôn lên người con, rồi khóc lóc nói:

– Ôi, nỗi đau của ta, con trai yêu dấu của ta! Con đã làm gì với chúng ta vậy? Tại sao lại gây ra nỗi đau đớn này cho chúng ta? Khốn khổ cho ta, con trai ơi! Suốt bao nhiêu năm sống cùng chúng ta và nghe tiếng khóc than của cha mẹ con, con lại không tiết lộ thân phận, không an ủi chúng ta, dù chúng ta đã già yếu, trong nỗi buồn sâu thẳm do chính con gây ra. Ôi, nỗi đau của ta! Con trai của cha, tình yêu của cha, niềm an ủi của tâm hồn cha, cha không biết giờ đây cha phải làm gì: khóc thương cái chết của con hay vui mừng vì đã tìm thấy con.

Euphimius khóc lóc thảm thiết như vậy, vừa khóc vừa vuốt ve mái tóc bạc của mình.

Aglaida, nghe tiếng khóc của chồng và biết rằng người ăn mày đã chết chính là con trai mình, liền mở cửa phòng tu của mình; trong bộ quần áo rách rưới, hướng đôi mắt đẫm lệ lên trời và giật tung mái tóc xõa tung, bà đi giữa đám đông chen chúc, nói:

– Hãy nhường đường cho tôi, để tôi có thể nhìn thấy niềm hy vọng của mình, ôm lấy đứa con trai yêu quý của tôi.

Khi đến bên quan tài, bà cúi xuống thi thể con trai mình, ôm lấy và hôn nó, đồng thời nói:

[2434] Những người quản lý văn phòng trực thuộc tổng giám mục được gọi là "Hartularii".

– Ôi, con ơi! Con yêu dấu của mẹ, con đã làm gì vậy? Sao lại mang đến cho chúng ta nỗi đau đớn lớn lao đến thế? Ôi, ánh sáng của đôi mắt mẹ! Sao con không bộc lộ bản thân, dù đã sống cùng chúng ta bao nhiêu năm qua? Sao con không thương xót chúng ta, khi luôn nghe thấy những tiếng khóc than cay đắng của chúng ta về con?

Cô dâu, người đã sống ba mươi bốn năm mà không có chồng và luôn mặc áo đen để biểu thị nỗi buồn, cũng quỳ xuống bên thi thể trong sạch của chàng; cô làm ướt thi thể bằng những dòng nước mắt và hôn lên đó với tình yêu thương; cô khóc lóc thảm thiết và không thể nguôi ngoai, nói rằng:

– Ôi, khốn khổ cho tôi, đau khổ cho tôi!

Tiếng khóc và những lời than thở đau đớn của nàng đã khơi dậy nước mắt nơi những người có mặt, và tất cả cùng khóc với cô dâu và người mẹ.

Nhà vua và Đức Giáo hoàng ra lệnh khiêng cáng chở thi hài của người của Chúa và đặt nó giữa thành phố, để mọi người đều có thể nhìn thấy và chạm vào thi hài ấy; và khi việc này được thực hiện xong, họ nói với dân chúng:

– Này, chúng ta đã tìm thấy Đấng mà đức tin của các ngươi đang tìm kiếm.

Và cả thành Rôma đều tụ tập lại; mọi người đều chạm vào vị thánh và hôn lên ngài. Tất cả những người bệnh tật đều được chữa lành: người mù được sáng mắt, người bị hủi được thanh tẩy, quỷ dữ rời khỏi những người bị chúng ám; nói tóm lại, dù ai mắc bệnh gì đi chăng nữa, mỗi người đều được chữa lành hoàn toàn nhờ các di vật của vị thánh được Chúa yêu mến. Thấy những phép lạ như vậy, nhà vua và tổng giám mục đã tự nguyện khiêng cỗ quan tài vào nhà thờ, để nhận được ân sủng từ việc chạm vào thi hài của vị thánh. Cha mẹ và vị hôn thê của ngài đã tiễn đưa họ trong nước mắt; còn đám đông dân chúng, những người khao khát được chạm vào thi hài thánh thiện, đã tụ tập đông đúc đến mức vì chật chội nên không thể khiêng cáng được. Để buộc đám đông lùi lại và nhường đường vào nhà thờ, nhà vua đã ra lệnh ném bạc và vàng vào đám đông, nhưng không ai để ý đến điều đó; tất cả chỉ khao khát được nhìn thấy người của Chúa và chạm vào ngài. Lúc đó, Đức Giáo hoàng đã lên tiếng khuyên nhủ dân chúng, xin họ lùi lại và hứa sẽ không an táng thi hài thiêng liêng cho đến khi tất cả đều được hôn lên thi hài và nhận được ân sủng qua việc chạm vào ngài. Sau khi được thuyết phục với nhiều khó khăn, đám đông mới lùi lại một chút và tạo điều kiện để đưa thi hài thánh vào nhà thờ chính tòa, nơi thi hài được đặt suốt một tuần, để ai muốn cũng có thể đến thờ lạy; suốt cả tuần đó, cha mẹ và vị hôn thê của Thánh Alexius vẫn ở bên linh cữu, khóc than. Vua ra lệnh làm một lăng mộ bằng đá cẩm thạch, trang trí bằng vàng và ngọc lục bảo, rồi an táng người của Chúa vào đó; ngay lập tức, từ thi hài thánh chảy ra một loại dầu thơm, tràn đầy lăng mộ; mọi người đều xức dầu đó lên mình để chữa lành mọi bệnh tật, và họ đã an táng thi hài cao quý của Thánh Alexius[2435] một cách trang trọng, ca ngợi danh Chúa.

Thánh Alexius qua đời vào ngày mười bảy tháng Ba, năm thứ 5919 kể từ khi thế giới được tạo dựng, năm thứ 411 kể từ khi Đức Chúa Lời nhập thể, khi đó tại Rôma, Giáo hoàng Honorius đang trị vì dưới thời Giáo hoàng Innocentius, còn tại Constantinople là Thánh Theodosius Trẻ, và trên tất cả họ là Chúa Giêsu Kitô, Đấng luôn ngự trị cùng Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài đã vươn lên trong đức hạnh và thanh tẩy tâm trí, để đạt đến điều mong ước và tối thượng: bằng sự vô dục, Ngài đã tô điểm cuộc đời mình và thực hành sự kiêng khem đúng mực với lương tâm trong sạch; trong những lời cầu nguyện, như đang ở trong cõi vô hình, Ngài đã tỏa sáng như mặt trời trên thế gian, hỡi Thánh Alexius đáng ngưỡng mộ.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài coi ngôi nhà cha mẹ mình như nơi xa lạ, sống trong đó như người nghèo khó, và sau khi qua đời, ngài đã nhận vương miện vinh quang, trở thành điều kỳ diệu trên đất, hỡi Alexius, con người của Thiên Chúa, niềm vui của Thiên thần và loài người.

[2435] Thi hài của ngài được an táng tại nhà thờ Thánh Voni-fati vào năm 1216, và một nhà thờ tráng lệ đã được xây dựng trên mộ ngài.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Marina

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 3

Thánh Tử đạo Marin của Chúa Kitô, là một Kitô hữu, khi thấy những người ngoại đạo dâng tế lễ cho các thần tượng của họ không chỉ là các loài thú và chim không biết nói, mà thậm chí cả con người, ngài đã bừng cháy lòng nhiệt thành thiêng liêng và vào lúc lễ hội tôn vinh các thần tượng vô hồn đang diễn ra, ngài đã đến nơi họ dâng tế lễ, và phá hủy các bàn thờ, đồng thời giẫm đạp lên những vật hiến tế đang nằm trên đó. Trong lúc đó, ngài đã vạch trần những thầy tế lễ vô đạo và tuyên xưng mình là người Kitô hữu, nói rằng:

– Tôi tin vào Đức Kitô, Con Một của Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng trời đất, biển cả và muôn loài trong đó.

Vì điều này, những kẻ ngoại đạo đã bắt giữ ngài, trước tiên đánh ngài bằng gậy, rồi ném đá vào miệng ngài, làm rụng hết răng, và lôi ngài lê trên mặt đất bằng tóc. Sau tất cả những điều đó, vị thánh tử đạo đã bị trói lại và dẫn đến trước quan tổng trấn vùng, theo lệnh của ông ta, sau khi phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn, ngài đã bị chém đầu bằng gươm.

Cuộc đời của vị thánh cha Makariya Kolyazinsky[2436]

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 3

Thánh Makari Kolyazinsky[2437] xuất thân từ dòng dõi quý tộc của các boyar Kozhin ở Tver. Ngài sinh ra tại làng Gribkovo, cách thành phố Kashin[2438] khoảng tám verst; ngày nay, ngôi làng này được gọi là Kozhino. Cha mẹ ngài, cha là Vasily Kozha, người đã nổi tiếng nhờ những chiến công quân sự dưới thời Đại công tước Vasily Vasilyevich Temny[2439] , và mẹ là Irina, đều nổi bật bởi lòng sùng đạo và đã nuôi dạy các con mình với những phẩm chất tốt đẹp. Trước khi xuất gia, Makari mang tên là Matfei. Khi cậu lên bảy tuổi, cha mẹ đã cho cậu đi học chữ; cậu bé Matfei học rất nhanh và sớm say mê việc đọc sách. Khi đọc các sách Thánh, cậu thấu hiểu nội dung và ghi nhớ những điều đã đọc vào lòng. Cha mẹ thấy vậy và rất vui mừng. Matthêu dần xa lánh những trò chơi trẻ con, và khi bước vào độ tuổi trưởng thành hơn, cậu bắt đầu suy ngẫm về sự hư vô của đời sống trần thế và nghĩ đến việc từ bỏ nó. Anh luôn ghi nhớ lời của Đấng Cứu Thế: *"Nếu con muốn nên hoàn hảo, hãy đi bán tài sản của con và phân phát cho người nghèo; con sẽ có kho tàng trên trời; rồi hãy đến và theo Ta"* (Mt 19:21), anh muốn tuân theo những lời ấy. Tuy nhiên, cha mẹ ông không muốn ông gia nhập đời tu, dù họ thấy rằng mong muốn của ông là chân thành. Họ nói với ngài rằng ngay cả khi sống trong thế gian, người ta vẫn có thể được cứu rỗi, nhắc lại lời của Thánh Gioan Kim Khẩu trong bài giảng "Về những người cấm kết hôn", đồng thời dẫn chứng các ví dụ trong Kinh Thánh và các thánh trong Tân Ước, những người đã được cứu rỗi khi còn sống trong thế gian và có cuộc sống hôn nhân. Dù Matfei khao khát rời xa thế gian đến đâu, anh vẫn hiểu sức nặng của những lý lẽ từ cha mẹ và, với tư cách là một người con hiếu thảo, không muốn làm họ buồn lòng; anh nói: "Xin ý Chúa được thực hiện, con sẽ không chống lại ý muốn của cha mẹ."

[2436] Cuộc đời của Thánh Makari Kolyazinsky, được biên soạn vào năm 1546–1547 dựa trên những hồi ức của tu viện và những câu chuyện, một phần thậm chí từ những người chứng kiến cuộc đời của Thánh Makari, cũng như dựa trên một số ghi chép, xuất hiện trong nhiều bản thảo từ thế kỷ 16 trở đi, nhưng bản gốc chưa được in đầy đủ. Ở đây, nội dung trình bày chủ yếu dựa trên văn bản của tuyển tập Thư viện Thượng Hội Đồng LZ 555. Trong bản thảo Tổng hợp. Bibl. số 927, chứa cái gọi là "Paterik Volokolamsk", có một câu chuyện về Thánh Makarii Kolyazinsky do Dosifei Toporkov thuật lại dựa trên lời kể của Thánh Iosif Volotsky; câu chuyện này đã được xem xét ở đây, cũng như nhận xét về Thánh Makarii tại tu viện của ngài trong tác phẩm của Thánh Iosif Volotsky về các vị tu sĩ Nga. – Có nhiều thông tin về vị thánh Makarii và tu viện của ngài được ghi chép trong các tài liệu gốc, hiện đang được lưu giữ tại tu viện. Xem các cuốn sách: "Danh mục các văn bản cổ và các tài liệu khác, được lưu giữ trong kho lưu trữ của Tu viện Troitsky Kolyazin hạng nhất. Tver 1891"; "Sổ chi tiêu của Tu viện Kolyazin" *của I. A. Ivanov.* Tver. Năm 1892; "Mô tả Tu viện Nam giới hạng nhất Troitsky Kolyazin thuộc Giáo phận Tver", do *Alexei Lebedev* biên soạn. Yaroslavl, 1867.

[2437] Tên gọi "Makarii *Kolyazin"* bắt nguồn từ tên của chính tu viện này, như sẽ được đề cập dưới đây.

[2438] Kashin – một thị trấn huyện thuộc tỉnh Tver, nằm trên bờ trái sông Volga, cách sông này 12 verst, bên sông Kashinka, và cách thị trấn huyện Kolyazin thuộc tỉnh Tver 19 verst.

[2439] Vasily Vasilyevich Temny trị vì từ năm 1425 đến năm 1462.

Cha mẹ rất vui mừng trước quyết định này của con trai; họ đã gả anh cho cô Elena, con gái của gia đình quý tộc Yakhonotov. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, Matthêu vẫn không ngừng nghĩ đến việc sau này sẽ rời xa thế gian. Trong cuộc sống hôn nhân đầy đức tin và trong sạch, anh đã thỏa thuận với vợ rằng người nào sống sót sau người kia sẽ không ở lại thế gian, không tái hôn, mà sẽ xuất gia.

Một năm sau khi Ma-thi-ơ kết hôn, cha mẹ ông qua đời, và hai năm sau đó, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, vợ ông là Ê-lê-na cũng qua đời.

Giờ đây, Matthêu không mong muốn gì khác ngoài việc thực hiện ý định từ lâu của mình – rời bỏ thế gian và nhận lễ xuất gia; không có gì cản trở ông thực hiện mong muốn đó nữa. Ngay lập tức, theo lời dạy của Chúa Kitô, anh đã phân phát tài sản của mình cho những người nghèo và đến tu viện Klobukovsky gần đó[2440] , gần thành phố Kashin, và nhận lễ xuất gia với tên gọi Makari.

Với lòng nhiệt thành nồng nàn, ông bắt đầu thực hiện các nhiệm vụ tu viện, vâng lời không chỉ vị tu viện trưởng mà ngay cả những tu sĩ trẻ nhất trong cộng đoàn với tất cả sự khiêm nhường và hiền lành. Ông không ngừng đến nhà thờ của Chúa và miệt mài làm các công việc khác nhau trong tu viện, dành phần thời gian còn lại cho việc cầu nguyện và thức đêm, siêng năng đọc các cuốn sách về cuộc đời các thánh và các sách thánh khác, cố gắng noi gương các vị tu sĩ tiền bối và ghi nhớ trong lòng những lời răn dạy rút ra từ những cuốn sách đã đọc. Những việc làm cao cả của vị tu sĩ trẻ đã khiến toàn thể cộng đoàn tu viện phải kinh ngạc.

Sau nhiều năm sống tại Tu viện Nikolayevsky Klobukovsky, Makari bắt đầu suy nghĩ về một cuộc sống ẩn dật. Khi đã vững lòng với ý định này, anh chia sẻ điều đó với vị tu viện trưởng và xin sự ban phước của ngài. Vị tu viện trưởng, thấy được sự chân thành trong mong muốn của Makari, đã ban cho anh những lời dạy dỗ như người cha và ban phước cho con đường tu hành mới của anh.

Makari đã tìm được cho mình một nơi phù hợp với mong muốn của mình, không xa Kashin, cách đó mười tám verst, gần sông Volga, giữa hai hồ nhỏ, trong một khu rừng rậm rạp. Tại đây, ông dựng cho mình một căn phòng nhỏ và bắt đầu tu hành bằng việc ăn chay, cầu nguyện và thức trắng đêm. Không ai làm phiền cuộc tu hành ẩn dật của ngài. Các loài thú hoang không tấn công ngài mà còn đến gần thân thiện, và ngài chia sẻ với chúng phần thức ăn ít ỏi của mình.

Nhưng Makari không sống trong sự ẩn dật hoàn toàn được lâu. Chẳng bao lâu, các tu sĩ khác bắt đầu tụ tập về với ngài, và trước hết là bảy vị trưởng lão từ Tu viện Klobukovsky. Cũng có không ít tu sĩ từ những nơi khác đến. Xung quanh căn phòng của Makari, những căn phòng mới mọc lên và một cộng đoàn ẩn tu được hình thành.

Cộng đoàn mới này cần một nhà thờ của Chúa để cầu nguyện chung và rước các Bí tích Thánh. Thánh Makari cùng các đồng đạo của mình đã xây dựng một nhà thờ gỗ nhỏ mang tên Ba Ngôi Sáng Tạo, dưới sự ban phước của vị Tổng Giám mục Tver.

Cộng đoàn ẩn tu ngày càng phát triển, và nhu cầu có một linh mục kiêm Bề trên trở nên không thể tránh khỏi. Bản thân Thánh Makari, vì lòng khiêm nhường, không muốn nhận chức vụ này, mà đề nghị cho người khác, mặc dù chính ngài là người trực tiếp điều hành toàn bộ đời sống tu hành của tu viện mới. Ngài đã thiết lập một trật tự nghiêm ngặt cho đời sống cộng đồng tu viện với nội quy chặt chẽ. Ngài quy định không được giữ đồ uống có cồn trong tu viện, không được ăn uống trong phòng riêng, mà chỉ được dùng bữa chung tại phòng ăn tập thể.

Chính ngài đã nêu gương về lối sống nghiêm khắc, sự cần cù và lòng khiêm nhường. Ngài đối xử với mọi người một cách giản dị và ân cần. Mỗi khi gặp một thành viên trong cộng đoàn, bất kể tuổi tác, ngài đều nói: "Ông già tốt bụng" và gọi tên họ.

Hiến chương đời sống tu viện do Thánh Makari ban hành nghiêm ngặt đến mức không phải ai cũng có thể tuân thủ đúng như mong muốn của vị sáng lập tu viện. Hai vị tu viện trưởng đã lần lượt bị cách chức vì vi phạm hiến chương này.

Cuối cùng, các tu sĩ đã nài nỉ Makari để ngài tự mình nhận chức linh mục và quyền hành của vị tu viện trưởng. Sau nhiều lần từ chối, Thánh Makari cuối cùng cũng đồng ý và cùng với một số tu sĩ, ngài lên đường đến Tver, nơi ngài được Giám mục Moisei phong chức vị tu viện trưởng[2441] . Các tu sĩ vô cùng vui mừng khi biết rằng

[2440] Tu viện Klobukovsky Nikolaevsky gần thành phố Kashin từ năm 1764 đã ngừng hoạt động. Cho đến nay, phòng tu của Thánh Makarii vẫn được bảo tồn tại đây.

[2441] Giám mục Mô-sê đã quản lý giáo phận Tver từ năm 1453 đến năm 1459.

Thánh Makari sẽ trở về tu viện với tư cách là vị tu viện trưởng, và họ đã tổ chức một buổi đón tiếp long trọng và hân hoan dành cho ngài.

Mặc dù đã được phong chức Bề trên, Thánh Makari vẫn duy trì lối sống giản dị nhất, mặc quần áo thô sơ và làm gương trong mọi công việc của tu viện.

Việc Makarii thành lập tu viện mới, dù ở một nơi hoang vắng, giữa khu rừng hoang dã, nhưng không phải ai cũng cảm thấy hài lòng. Chủ nhân của những vùng đất lân cận, một người tên là Ivan Kolyaga, ngay từ khi Makariy mới đến định cư đã nhìn ông với ánh mắt không thiện cảm; và khi nhà thờ được xây dựng xong, cộng đồng tu sĩ ngày càng đông đảo và Makariy trở thành vị tu viện trưởng, thì sự không ưa thích đó đã biến thành sự thù hận và sự đối đầu công khai. Kolyaga lo sợ rằng với sự ra đời của tu viện, đất đai của ông ta sẽ theo cách này hay cách khác rơi vào tay tu viện, nên đã quyết tâm loại bỏ Makariy, dù phải dùng đến cả việc giết người. Nhưng theo ý Chúa, mưu đồ độc ác đó không những không thành hiện thực, mà còn góp phần mang lại lợi ích cho tu viện và vinh quang cho Thánh Makariy. Đầu tiên, cái chết ập đến với gia đình Kolyaga, rồi chính ông cũng mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo. Trong cơn hoạn nạn ấy, cuối cùng ông cũng nhận ra đó là sự trừng phạt của Chúa vì tội lỗi nặng nề này, vì âm mưu độc ác chống lại Makari, nên ông đã ăn năn và ra lệnh cho người ta đưa mình đến gặp vị thánh. Dưới chân Thánh Macarius, ông đã khóc lóc kể lại âm mưu của mình và xin sự tha thứ cùng những lời cầu nguyện. Thánh Macarius, khi thấy sự hối cải chân thành của kẻ thù, đã nói: "Chúa sẽ tha thứ cho ngươi" và dành nhiều thời gian để dạy dỗ ông, nói về sự phù du của của cải trần gian và sự hão huyền của đời sống thế tục. Lời dạy dỗ hiền từ của Makari đã tác động mạnh mẽ đến Kolyaga đến nỗi ông quyết định từ bỏ đời sống thế tục, xuất gia dưới sự hướng dẫn của vị thánh Makari và hiến dâng toàn bộ đất đai của mình cho tu viện, nơi mà từ đó trở đi, chính Makari, vì lòng khiêm nhường, đã đặt tên là Kolyazino.

Tin đồn về cuộc sống tu hành nghiêm ngặt của Makari tại tu viện mới – nơi ông đã ban hành nội quy nghiêm ngặt cho các tu viện cộng đồng – bắt đầu lan truyền không chỉ trong vùng lân cận mà còn đến những nơi xa xôi. Mọi người khao khát sự cứu rỗi, từ giáo dân đến tu sĩ, từ gần đến xa, đều đổ xô đến với Makari.

Một lần, hai chàng trai thuộc dòng dõi quý tộc, những người mà ngài đã quen biết từ lâu, đến gặp ngài. Sau khi tiếp đón họ trong phòng tu của mình như những lữ khách bình thường, ngài bắt đầu hỏi họ đang đi đâu và vì sao lại đi. Các lữ khách trả lời rằng họ đã nảy sinh mong muốn từ bỏ thế gian và định cư ở một nơi hoang vắng nào đó.

– Chúng tôi biết ngài từ thuở nhỏ, – họ nói, – và vẫn nhớ tình yêu thương cùng những lời dạy từ Kinh Thánh của ngài trước đây, giờ đây nghe nói về đời sống tu hành nghiêm khắc của ngài, nên chúng tôi đến xin ngài nhận chúng tôi vào làm môn đệ.

Vị Thánh, muốn thử thách họ, bèn nói:

– Ta là kẻ tội lỗi, chính vì thế ta mới đến sống trong sa mạc để cầu xin Chúa tha thứ cho những tội lỗi của ta; còn các con hãy trở về với cha mẹ mình để khỏi làm họ buồn lòng.

Nhưng các chàng trai đã đến với quyết tâm vững chắc là sẽ ở lại tu viện dưới sự hướng dẫn của vị tu sĩ vĩ đại, dù rất khiêm nhường; họ đã khóc lóc van nài ngài nhận họ vào cộng đoàn.

Thấy ở các chàng trai ấy lòng khao khát chân thành và không giả dối muốn dâng hiến đời mình cho đời tu, Makari đã nhận họ vào tu viện của mình và sau khi thử thách đủ lâu, ngài đã ban phép cắt tóc tu sĩ cho họ.

Với sự khôn ngoan trong việc quản lý cộng đoàn ngày càng đông đảo, Makari dành thời gian cho việc ăn chay, cầu nguyện, lao động và thức đêm cầu nguyện. Ông siêng năng đọc Thánh Phúc Âm và các Kinh Thánh khác, đồng thời không ngừng giảng dạy con đường cứu rỗi cho cả cộng đoàn lẫn tất cả những ai đến thăm.

Người chứng kiến và làm chứng cho đời sống tu hành của Makariy cũng như sự nghiêm ngặt của nội quy cộng đồng tu viện là vị tu sĩ nổi tiếng thời bấy giờ, Thánh Tu sĩ Giuse Volokolamsk. Với ý định thành lập một tu viện mới theo các quy tắc sinh hoạt cộng đồng nghiêm ngặt, ngài đã rời Tu viện Pafnutiev Borovsk để đi thăm các tu viện ở miền Bắc nước Nga, nhằm quan sát đời sống tu sĩ và nghiên cứu các quy tắc và nội quy tu viện. Trong chuyến hành trình này, ngài cũng ghé thăm Tu viện Makariyev Kolyazin, gặp gỡ Thánh Makariy, trò chuyện với ngài và ghi lại câu chuyện sau đây trong tác phẩm "Câu chuyện về các vị Thánh Tổ" của mình.

– Tôi đã gặp, – vị thánh phụ Giuse kể lại, – vị trưởng lão phúc lành Makarii, vị trụ trì, người sáng lập tu viện Kolyazin. Ông đã kể cho tôi nghe như sau: "Khi tôi đến nơi này," ngài nói, "có bảy vị tu sĩ cao niên từ tu viện Klobukovsky đi cùng tôi; các ngài hoàn hảo đến mức trong các đức hạnh cũng như trong đời sống ăn chay và tu hành, đến nỗi toàn thể cộng đoàn đều đến với các ngài để nhận lời dạy dỗ và lợi ích; và các ngài, trong khi khai sáng

cho mọi người, đã dạy những điều hữu ích; những ai sống trong đức hạnh, họ củng cố lòng tin; còn những ai sa vào sự vô kỷ luật, họ ngăn cản và cấm đoán, không cho phép họ hành động theo ý riêng."

Theo lời Makari (Thánh Giuse tiếp tục), lúc bấy giờ trong tu viện tràn ngập lòng kính sợ Thiên Chúa và trật tự; mọi việc đều được thực hiện theo truyền thống của các bậc tiền bối và quy tắc cộng đồng, đến nỗi vị trưởng lão vĩ đại Mitrofan Byvaltsov cũng phải kinh ngạc. Ông đã đến từ Núi Athos Thánh, sau khi sống trên Núi Thánh đó chín năm. Ông nói với các tu sĩ:

– Tôi đã vất vả một cách vô ích và đi một quãng đường xa xôi đến Núi Thánh – đi ngang qua Tu viện Kolyazinsky – mà không đạt được kết quả gì: bởi vì những ai sống ở đây cũng có thể được cứu rỗi; ở đây mọi việc đều được thực hiện giống như các tu sĩ ở Núi Thánh.

Từ Tu viện Kolyazinsky, nơi nổi tiếng với lối sống đạo đức cao cả, đã có một số vị sáng lập các tu viện mới ngay từ khi Thánh Makarii còn tại thế. Trong số đó có Thánh Ephrem Perekomsky[2442] , người gốc Kashin, người sáng lập tu viện ở vùng Novgorod bên hồ Ilmen; ngài đã bắt đầu cuộc đời tu hành tại sa mạc Makarii. Thánh Paisei Uglichsky là cháu ruột của Thánh Makarii, con trai của chị gái ruột ông là Ksenia, người đã kết hôn với Ivan Gavrenev, một quý tộc phục vụ dưới trướng Công tước Andrei Vasilyevich Bolshoy của Uglich[2443] , anh trai của Đại công tước Ioann Vasilyevich[2444] . Ông tu hành tại Tu viện Kolyazinsky của chú mình, vị tu sĩ Makariy, và từ đó được Công tước Andrei Vasilyevich của Uglich triệu tập; theo ý nguyện của ngài, ông đã thành lập Tu viện Pokrovsky[2445] , cách Uglich ba verst, quy tụ một cộng đoàn tu sĩ đông đảo và thiết lập một đời sống tu viện nghiêm ngặt, làm gương cho các tu sĩ trong lao động, ăn chay, cầu nguyện và thức đêm.

Cuộc đời đạo đức của Makarii được mọi người ca ngợi và đẹp lòng Chúa. Lời cầu nguyện của ngài có sức mạnh kỳ diệu. Nhờ sức mạnh của lời cầu nguyện này, Chúa đã ban cho nhiều người sự an ủi trong nỗi đau buồn và sự chữa lành khỏi các bệnh tật.

Tại huyện Kashin có một ngôi làng tên là Kesovo, hay còn gọi là Kesova Gora, và ngôi làng này vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Ở đó có một người tên là Zachariah; ông đã bị bệnh lâu ngày và bị liệt. Ông đã nghe nói nhiều về sức mạnh của lời cầu nguyện của Thánh Makari trước mặt Đức Chúa Trời, nên đã xin những người thân đưa ông đến gặp vị tu viện trưởng đáng kính ở Kolyazino. Khi được đưa đến nơi, ông đã khóc nức nở trước mặt vị tu viện trưởng và khẩn cầu:

– Thưa Cha Makari đáng kính! Xin hãy giúp con, người đang bị liệt.

Vị tu sĩ trả lời:

– Người ta đã đưa anh đến đây, anh em ạ, để thử thách sự yếu đuối của tôi: sao anh lại cầu xin sự giúp đỡ từ một kẻ tội lỗi, người mà bản thân cũng chỉ mới đạt được chút ít thành quả nhỏ nhoi trên con đường sám hối!

Nhưng người bị liệt vẫn tiếp tục kêu gào:

– Con biết, tôi tớ của Chúa, con biết rằng lời cầu nguyện của cha trước mặt Chúa cho con, kẻ tội lỗi và khốn khổ này, sẽ không vô ích!

Thấy đức tin chân thành và sâu sắc của người bệnh, Makari nói:

– Hỡi con ơi! Đức Chúa Trời toàn năng không muốn kẻ tội lỗi phải chết, mà muốn họ được sống và quay về với sự cứu rỗi; và bằng những cách mà Ngài biết rõ, Ngài sẽ dẫn dắt họ đến sự cứu rỗi qua sự ăn năn. Con đã gặp phải sự thăm viếng của Đức Chúa Trời, và nếu con ăn năn và từ bỏ những thói quen cũ, Đức Chúa Trời sẽ ban cho con sự chữa lành; còn nếu không, con sẽ phải chịu đau khổ còn hơn thế nữa.

[2442] Thánh Efrem Perekomsky, người gốc thành phố Kashin, bắt đầu tu hành tại Tu viện Makarii ở Kalyazin, và sau đó nhận lễ xuất gia tại tu viện của Thánh Savva Vishersky. Sau khi lui về một nơi hoang vắng trên bờ tây hồ Ilmen, ngài đã lập nên tu viện cách Novgorod 25 verst. Hiện nay, Tu viện Perekomsky Nikolaevsky đã ngừng hoạt động. Lễ kỷ niệm Thánh Ephrem được tổ chức vào ngày 10 tháng 5.

[2443] Hoàng tử Andrei Vasilievich Bolshoy là con trai thứ tư của Đại công tước Moskva Vasili Vasilievich Temny và là anh em ruột của Đại công tước Moskva Ioann Vasilievich III. Ông được thừa kế thành phố Uglich theo di chúc tâm linh của cha mình, người đã qua đời vào năm 1462. Năm 1492, Hoàng tử Andrei bị giam cầm tại Pereyaslavl-Zalessky và qua đời vào năm 1494.

[2444] Đại công tước Ioann Vasilyevich III, con trai của Vasily Vasilyevich Temny, đã trị vì nhà nước Nga từ năm 1462 đến năm 1505.

[2445] Tu viện Pokrovsky do Thánh Paissius thành lập nằm cách thành phố Uglich (tỉnh Yaroslavl) ba verst, trên bờ trái sông Volga, hiện nay là tu viện hạng ba. Thánh Paissius đã thành lập tu viện theo lời thỉnh cầu của Công tước Andrei Vasilyevich của Uglich, người đã làm cha đỡ đầu cho các con của Ioann và Dimitri. Thánh Paissius qua đời ở tuổi rất cao vào ngày 6 tháng 6 năm 1606, và ngày này được lấy làm ngày kỷ niệm ngài.

Người bệnh lúc đó đã khóc lóc xưng tội trước thánh Makari về những tội lỗi từ thuở thiếu thời, và vị thánh, sau khi cầu nguyện, đã ban phước lành cho anh ta, đồng thời cũng ban lại sức khỏe cho người bệnh. Sau đó, anh ta trở thành linh mục tại làng mình và suốt đời không bao giờ quên những lời dạy dỗ của thánh Makari.

Một thời gian sau, người ta đưa một thanh niên thuộc dòng dõi quý tộc, Vasili Ryasin, người đang bị quỷ ám, đến gặp vị thánh. Vị thánh, khi thấy nỗi đau khổ của người bệnh và sự đau buồn của những người đưa anh ta đến, đã cảm động và bắt đầu cử hành lễ cầu nguyện cho sức khỏe của anh ta. Khi kết thúc lời cầu nguyện, vị thánh nhân làm dấu thánh giá trên người bệnh nhân, và anh ta lập tức được chữa lành. Vui mừng trước ân sủng của Chúa, anh không còn muốn trở về nhà cha mẹ nữa, mà quyết định ở lại tu viện và nhận lễ xuất gia từ Makarii.

Một lần nọ, bọn trộm đã cướp những con bò của tu viện, vốn được các tu sĩ dùng để làm việc đồng áng. Vừa khi bọn cướp định mang chiến lợi phẩm đi, chúng bỗng nhiên bị mù lòa và lang thang mãi trong vùng lân cận tu viện. Cuối cùng, chúng lại quay trở về tu viện cùng với số bò đã cướp được. Thánh Makari, khi đang đi kiểm tra khu vực nông trại của tu viện, đã nhìn thấy bọn trộm và, như thể không biết chuyện gì đang xảy ra, ngài hỏi tại sao chúng lại ở đây và làm sao những con bò lại nằm trong tay chúng. Bọn tội phạm đã thú nhận ý đồ xấu xa của mình và, quỳ sấp xuống dưới chân ngài, xin được tha thứ. Thánh nhân đã tha thứ tội lỗi cho họ, bằng lời cầu nguyện đã chữa lành chứng mù lòa cho họ và cấm họ không được tái phạm những hành vi xấu xa như vậy trong tương lai.

Sau khi thiết lập một cộng đồng tu viện nghiêm ngặt và thu hút được đông đảo các tu sĩ nhờ sự thánh thiện trong cuộc sống cùng những nỗ lực không ngừng nghỉ, Thánh Makari đã kịp thời tạo ra nguồn đảm bảo cho cuộc sống vật chất của các tu sĩ ngay khi còn tại thế. Ngài đã hiến tặng điền trang gia tộc của mình cho tu viện mới thành lập. Ngoài chủ đất láng giềng Ivan Kolyaga đã được đề cập trước đó, còn có những đệ tử khác của Thánh Makari, những người đã chuyển nhượng quyền sở hữu đất đai của mình cho tu viện và đóng góp cả của cải lẫn tiền bạc. Danh tiếng về những công đức của Makari đã thu hút các khoản cúng dường từ nhiều nơi khác nhau đến tu viện, điều này được chứng minh qua các tài liệu còn lưu giữ đến ngày nay. Khoảng năm 1461, Công tước Boris Alexandrovich của Tver đã sáp nhập Tu viện Nikolaevsky ở Zhazna cùng với các vùng đất của nó vào Tu viện Kolyazin; Công chúa Feodosia Ivanovna, con gái của Công tước Ivan Borisovich, đã hiến tặng làng Vasilievskoye cùng các thôn Selishche và Spirov; Công tước Alexander Romanovich – làng Konstantinovskoye cùng bảy thôn. Ngoài ra còn có rất nhiều khoản đóng góp khác dưới dạng đất hoang và đất có người ở.

Tuy nhiên, Thánh Makari không quan tâm nhiều đến của cải vật chất của tu viện, mà chú trọng hơn đến sự cứu rỗi tâm hồn của chính mình và việc chỉ dẫn cho người khác con đường cứu rỗi bằng gương sáng và lời dạy dỗ; ngài hành động theo lời Phúc Âm: *"Hãy tìm kiếm trước hết Nước Trời và sự công chính của Ngài,* thì *mọi điều* khác *sẽ được ban cho các ngươi"* (Mt 6,33). Với lối sống như vậy, vị thánh đã sống đến tuổi già. Mặc dù sức lực thể xác đã suy yếu, ngài vẫn tiếp tục dâng mình cho việc thức đêm và cầu nguyện; đôi chân ngài, như những cột trụ vững chắc, đứng vững trong cầu nguyện ngày đêm. Vào tháng 3 năm 1483, ngài mắc phải một căn bệnh nặng. Ngài cảm nhận được cái chết đang đến gần và bắt đầu im lặng. Sau đó, ngài gọi các tu sĩ đến bên mình và nói:

"Hỡi các cha và các con yêu dấu! Tôi, cũng như mọi người trần thế, đang lên đường theo bước chân các tổ phụ của mình, còn các con, tôi phó thác cho Chúa Trời, Đấng toàn năng, Đấng sẽ dẫn dắt các con và ban cho các con gia tài vĩnh cửu. Hãy hết lòng lo lắng cho sự cứu rỗi của mình, luôn luôn siêng năng làm việc, ăn chay, thức đêm và cầu nguyện không ngừng; hãy giữ gìn sự trong sạch về tâm hồn và thể xác; đừng trả thù ác bằng ác hay đáp trả sự xúc phạm bằng sự xúc phạm. Hãy hiểu rằng, hỡi các anh em: nếu tôi có đủ can đảm trước mặt Thiên Chúa, thì sau khi tôi ra đi, tu viện này sẽ không suy tàn, mà sẽ phát triển rộng lớn hơn."

Sau khi ban phước và hôn lên các tu sĩ, vị thánh nhân đã được rước Thánh Thể, rồi nói: "Vinh danh Thiên Chúa trên muôn loài, Amen", và trút hơi thở cuối cùng về với Chúa.

Thánh Makari qua đời vào ngày 17 tháng 3 năm 1483, khi ngài đã 81 tuổi.

Được các tu sĩ thương tiếc, Thánh Macarius được an táng gần nhà thờ gỗ do chính ngài xây dựng. Trên mộ ngài, người ta đã dựng một nhà nguyện bằng gỗ và trang trí bằng các bức thánh tượng.

Những việc làm cao cả của vị thánh khi còn sống đã thu hút những người sùng kính đến tu viện do ngài thành lập, và điều này vẫn tiếp diễn sau khi ngài qua đời trong bình an. Các khoản đóng góp không ngừng đổ về. Chẳng hạn, vào năm 1486, Công tước Mikhail Borisovich của Tver đã ban tặng cho tu viện ngôi làng Andreevskoye ở Borshchina. Sau đó, vào năm 1511, Công tước Yuri Ivanovich của Dmitrov đã ghi danh một số làng và thôn thuộc quyền quản lý của Tu viện Kalyazin. Ngoài ra, còn có rất nhiều khoản đóng góp từ những người khác, dù không thuộc tầng lớp quý tộc.

Nhà thờ Thánh Ba Ngôi bằng gỗ do Thánh Makarii xây dựng dần dần trở nên xuống cấp. Những người sùng kính tu viện và vị sáng lập của nó đã nhanh chóng đến giúp đỡ trong lúc khó khăn này.

Năm 1521, thương gia Mikhail Boronkov đến từ Dmitrov đã mong muốn xây dựng một nhà thờ bằng đá trên nền móng của nhà thờ gỗ cũ. Boronkov đã từng gặp Thánh Makarii khi còn nhỏ, nghe cha mẹ kể nhiều về cuộc đời tu hành đầy đức hạnh của ngài và suốt đời luôn dành cho tu viện sự kính trọng sâu sắc. Tu viện Kolyazin nằm trong lãnh địa của Công tước Dmitrov Yuri Ivanovich, anh trai ruột của Đại công tước Moskva Vasily Ivanovich. Với sự cho phép của vị công tước này – người cũng là một tín đồ nhiệt thành tôn kính Thánh Makari và tu viện của ngài – cùng với sự ban phước của Giám mục Nil của Tver và Kashin[2446] , Boronkov đã bắt tay thực hiện ý định của mình dưới sự hướng dẫn của Viện trưởng tu viện Kolyazinsky, Ioasaf.

Khu vực dự kiến xây dựng nhà thờ đá mới đã được khảo sát kỹ lưỡng để đảm bảo không bị nước từ các hồ làm hư hại. Cuối cùng, họ chọn một vị trí cao hơn với nền đất vững chắc hơn, cách nhà thờ gỗ cũ khoảng mười sažen. Sau lễ cầu nguyện thánh hóa nước, vị tu viện trưởng Ioasaf đã dựng cây thánh giá tại vị trí dành cho bàn thờ và ban phước cho việc đào hào làm móng cho nhà thờ. Mọi người bắt đầu đào. Vị trí này hóa ra rất thuận lợi, nước không tràn lên. Trong quá trình đào, người ta tìm thấy xương cốt của các tu sĩ đã được chôn cất trước đó. Nhưng tại chính nơi mà vị sáng lập viên đáng kính của tu viện được an táng, họ đã tìm thấy một quan tài nguyên vẹn, không hề bị phân hủy; từ đó toát ra một mùi hương thơm ngát. Không dám động vào nó, các công nhân lập tức báo cho vị tu viện trưởng Ioasaf, người đã với lòng xúc động và nước mắt hôn lên chiếc quan tài vừa được đào lên, không một giây nghi ngờ rằng phát hiện quý giá này chính là quan tài của Makari. Theo lệnh của ngài, người ta đã rung chuông; các tu sĩ và đông đảo dân chúng trong vùng đã tụ tập lại. Ngay lập tức, họ dựng một lều gần nhà thờ cũ, rồi với lòng tôn kính, họ nhấc quan tài lên khỏi mặt đất, mang nó đến đó và cử hành lễ cầu siêu cho ngài. Sau đó, họ mở nắp quan tài: một mùi hương thơm ngát còn nồng nàn hơn nữa tỏa ra từ đó, và thi thể của vị thánh, đã nằm trong đất suốt ba mươi tám năm, hóa ra vẫn nguyên vẹn, ngay cả áo lễ cũng không hề hư hại, và mái tóc bạc của vị trưởng lão vẫn sáng bóng. Sự kiện này xảy ra vào ngày 26 tháng 5 năm 1521. Dân chúng với lòng cảm động đã ngợi khen Chúa, Đấng kỳ diệu tôn vinh những người được Ngài chọn. Nhiều người ốm yếu và tàn tật, với lòng tin đã đổ xô đến những di vật mới được tìm thấy, đã được chữa lành.

Vị tu viện trưởng và các tu sĩ, vui mừng trước ân sủng này, đã vội vã báo tin cho Công tước Yuri Ivanovich của Dmitrov. Một tu sĩ được cử đi đã báo cáo bằng miệng toàn bộ sự việc cho Công tước. Công tước, đầy hân hoan, bắt đầu chờ đợi thông báo bằng văn bản từ vị tu viện trưởng về những phép lạ chữa lành đã xảy ra từ di cốt. Vị tu viện trưởng Ioasaf đã chỉ đạo ghi chép lại những phép lạ quan trọng nhất từ các thánh tích cùng với tên của những người được chữa lành, và gửi những bản ghi chép này đến Công tước. Yuri Ivanovich lập tức lên đường đến Moscow và báo cáo mọi việc đã xảy ra tại Kolyazin cho anh trai mình, Đại công tước Vasily Ivanovich, cũng như cho Tổng giám mục Daniel[2447] .

Đại công tước và tổng giám mục đã giao nhiệm vụ cho Công tước Yuri Ivanovich đích thân đưa ít nhất một số người đã được chữa lành nhờ thánh tích của vị thánh đến Moscow. Nhiều người đã được đưa đến và làm chứng cho sự thật. Sau đó, Đại công tước và Tổng giám mục đã cử Archimandrite Iona, thuộc Tu viện Chudov ở Moscow, đến Tu viện Kolyazin để điều tra tại chỗ về mọi vấn đề liên quan đến các di cốt vừa được khai quật. Thượng phụ Iona đã đến Tu viện Kolyazin, xác nhận rằng di cốt của Thánh Makarii vẫn còn nguyên vẹn và có sức mạnh kỳ diệu, và đã làm chứng về điều này tại Moscow trước mặt Đại công tước và Tổng giám mục.

Sau đó, Đại công tước và Tổng giám mục đã triệu tập tại Moscow một hội đồng gồm các giám mục, đại tu sĩ, tu viện trưởng và các chức sắc tôn giáo khác. Tất cả các chi tiết liên quan đến sự xuất hiện của di cốt Thánh Makari đã được báo cáo trước hội đồng; cuộc đời thánh thiện và các phép lạ của ngài, cả khi còn sống lẫn sau khi qua đời, cũng như những phép lạ từ di cốt của ngài, đều được xem xét kỹ lưỡng. Hội đồng đã quyết định phong Thánh Makari Kolyazinsky vào hàng các thánh và thiết lập ngày lễ địa phương để tôn vinh ngài vào ngày ngài qua đời (17 tháng 3) và ngày khai quật di cốt (26 tháng 5).

[2446] Giám mục Nil, người Hy Lạp, đã quản lý giáo phận Tver từ khoảng năm 1509 đến năm 1521.

[2447] Tổng giám mục Daniel, môn đệ của Joseph Volokolamsky, được tấn phong từ chức vụ tu viện trưởng Tu viện Joseph vào năm 1522; ngài từ chức vào năm 1539.

Xác thánh không hư nát của Thánh Makarius sau đó đã được chuyển từ lều tạm sang một nhà thờ gỗ cũ, rồi được đặt lại vào một quan tài gỗ sồi mới và long trọng trưng bày công khai ở phía bên phải của nhà thờ đá mới, do thương gia Boronkov xây dựng.

Tại Tu viện Kolyazin, người ta bắt đầu cử hành thánh lễ do Thánh Feodosiy Tverityanin soạn thảo nhân dịp tìm thấy di cốt. Cuộc sống giản dị của Makarii đã khiến một số người bối rối ngay cả khi ngài còn sống, và khiến họ nghi ngờ về sự thánh thiện của ngài ngay cả sau khi di cốt được khai quật. Chẳng hạn, chỉ mười năm sau khi di cốt của Makarii được khai quật, một tu sĩ cao cấp, vị trưởng lão Vassian Patrikeev, đã lên tiếng chỉ trích lối sống giản dị của Makarii và gọi ngài là "người nông dân". Tuy nhiên, tại hội đồng giáo hội, Tổng giám mục Đaniel đã nhắc nhở Vassian rằng: "Nếu muốn phán xét các thánh nhân, thì ngươi sẽ kết án rất nhiều người, kể cả các tiên tri, các Tông đồ, các giám mục, những người công chính và các vị thánh; đối với Thiên Chúa, trong vấn đề thánh thiện, điều quan trọng không phải là sự cao quý về thể xác hay bề ngoài, mà là sự cao quý về tinh thần và nội tâm[2448] ." Tại Công đồng Giáo hội Moscow năm 1647, người ta đã quyết định "hát thánh ca và cử hành lễ kỷ niệm khắp nơi" dành cho các vị, trong đó có vị thánh Makarii Kolyazinsky, và ngài được xếp vào hàng ngũ "các vị làm phép lạ vĩ đại"[2449] .

Khi mở hòm thánh tích của Thánh Makarii, các tu sĩ Tu viện Kolyazinsky đã ghi chép lại mười bốn phép lạ. Dưới đây là một số trong số đó.

Tại nhà trọ dành cho khách lạ, hay còn gọi là trại tế bần, thuộc tu viện, có một người nghèo tên là Ioann: đôi chân ông khô héo như gỗ và co quắp lại; suốt mười hai năm liền, ông chỉ biết bò lê, tựa vào một cây gậy nhỏ. Một lần, khi thấy các linh mục đang cử hành lễ cầu nguyện bên quan tài của vị thánh, ông đã lê mình đến gần họ với nhiều khó khăn và xin họ cầu nguyện cho ông trước mặt Chúa và vị thánh của Ngài. Các linh mục, sau khi rảy nước thánh lên người ông và mở nắp hòm thánh tích, định nâng người đau khổ ấy dậy để ông có thể chạm vào thánh tích, nhưng ngay lúc đó, đôi chân ông bỗng duỗi thẳng ra, ông tự đứng dậy và có thể chạm vào thánh tích, khiến mọi người đều kinh ngạc và kinh hoàng. Kể từ đó, ông hoàn toàn khỏe mạnh.

Một phó tế của Tu viện Kolyazinsky, tên là Andrei, người đã lâu nay phải chịu đựng cơn đau dữ dội ở xương, được đưa đến gần di cốt của vị thánh, và khi ông thành kính chạm vào chúng với lòng tin, ông lập tức được chữa lành.

Nhiều người khác cũng được chữa lành khỏi các bệnh tật khác nhau: hai nông dân của tu viện khỏi chứng mất trí; một người lữ hành, người có ba ngón tay bên tay phải bị cong và dính chặt vào lòng bàn tay, cánh tay co quắp của anh ta đã duỗi thẳng ra khi anh ta chạm vào quan tài của vị thánh làm phép lạ với lời cầu nguyện. Một người phụ nữ bị u nang và sưng phù toàn thân, một người khác bị điếc lâu năm, và cả hai đều được chữa lành sau khi cầu nguyện sốt sắng với vị thánh nhân của Chúa. Một thanh niên tên Grigori, người đã nằm bất động suốt mười năm vì bệnh liệt, được khiêng trên giường và đặt bên quan tài của vị thánh nhân; anh nhìn quan tài với lòng xúc động, khóc lóc và cầu nguyện xin được chữa lành. Dần dần, anh cảm thấy tay chân mình bắt đầu cử động; sau khi lấy lại sức lực, anh đứng dậy khỏi giường bệnh để quỳ lạy trước thánh tích. Những người đã đưa bệnh nhân đến cùng với người đã được chữa lành đã ngợi khen Thiên Chúa và vị thánh của Ngài.

Một lần nọ, có một người tên là Lavrentiy đến tu viện và kể rằng ông đã bị bệnh ở chân suốt hai năm, nhưng khi hứa sẽ xuất gia tại tu viện Kolyazin, ông đã được chữa lành. Khi đang trên đường đến tu viện, ông bị bọn cướp tấn công; bị thương, ông rẽ về phía Moskva. Tại đó, anh ta bị mù. Trong sự bối rối và tuyệt vọng, anh ta nhớ lại lời hứa sẽ xuất gia tại tu viện Makari và – bỗng nhiên anh ta lại nhìn thấy được. Giờ đây, anh ta đã đến tu viện để thực hiện lời hứa của mình.

Một quý tộc thuộc dòng dõi Boyar, tên là Ioann, đã đến tu viện Kolyazin và được vị tu viện trưởng tiếp đón với sự tôn kính xứng đáng. Khi trở về nhà, vị tu viện trưởng đã ban phước cho người hành hương bằng bức tượng thánh Makarii. Vị quý tộc này khi về nhà đã kể rất nhiều về những phép lạ của vị thánh. Trong số những người theo ông có một người bị liệt, tên là Feodor, đã nằm liệt giường suốt sáu năm không thể cử động. Vị quý tộc sùng đạo

---

[2448] Tu sĩ Công tước Vassian Patrikeev đã bị xét xử tại công đồng năm 1531 và đã bày tỏ quan điểm của mình về các vị thánh làm phép lạ mới của Nga tại đây trong cuộc tranh luận với Tổng giám mục Daniel. Về "cuộc tranh luận" này, xin xem trong "Các bài đọc. Hội Lịch sử và Cổ vật Nga tại Đại học Moskva" năm 1847; tóm tắt có trong Lịch sử Giáo hội Nga của Đức Thánh Makarii, tập 6, trang 200.

[2449] Sau khi khai quật di cốt vào năm 1521, lễ kính Thánh Makarii đã được thiết lập ở địa phương, và tại Công đồng năm 1547 – lễ kính này được công nhận trên toàn Giáo hội, và ngài được phong là "vị thánh làm phép lạ vĩ đại". Xem E.E. Golubinsky, "Lịch sử việc phong thánh trong Giáo hội Nga", tr. 83 và 100.

này đã mang bức tượng thánh của vị thánh đến cho người bệnh và ra lệnh cử hành lễ cầu nguyện kèm nghi thức thánh hóa nước. Khi người bệnh được rảy nước thánh, anh ta đã đứng dậy khỏi giường trong tình trạng khỏe mạnh, khiến tất cả những người xung quanh đều ngạc nhiên và an ủi.

Có một người tên là Onufriy, bị quỷ ám, được đưa đến từ Novgorod với nhiều khó khăn, nhưng anh ta nhất quyết không chịu đến gần quan tài của vị thánh làm phép lạ và còn thốt ra những lời xúc phạm, đến nỗi người thân của anh ta đã định đưa anh ta trở về, và một số người thậm chí còn dám trách móc vị thánh rằng ngài không thể chữa lành cho người bệnh. Cuối cùng, tuy nhiên, họ quyết định dùng sức lôi anh ta đến gần quan tài thánh. Ngay khi người bị quỷ ám chạm vào quan tài, anh ta liền ngã xuống đất với tiếng thét và bọt mép; những người có mặt nghĩ rằng anh ta sắp chết, nên đã rảy nước thánh lên người anh ta. Nhưng người bệnh đột nhiên tỉnh dậy và trong trạng thái hoàn toàn tỉnh táo, anh ta hỏi mình đang ở đâu. Sau khi nhận được câu trả lời, anh ta thành kính hôn lên di cốt của vị thánh, dâng lên lời cầu nguyện tạ ơn nồng nhiệt và, sau khi bố thí cho tu viện, đã trở về quê hương trong tình trạng khỏe mạnh.

Đặc biệt, rất nhiều người bệnh từ các thành phố lân cận đã được chữa lành, nơi danh tiếng của Makarii lan rộng cả khi ngài còn sống lẫn sau khi ngài qua đời. Chẳng hạn, những người dân Kashin sau đây đã được chữa lành: tu sĩ Varsonofii, cựu archimandrite của tu viện Dimitrievskii[2450] , và hiện đang sống nốt phần đời còn lại tại tu viện Kolyazinskij; nữ tu Maria ở Kashin, người đã lâu năm bị đau chân; thầy phó tế của tu viện Makarii tên là Timofei, người bị bệnh liệt ở thành phố Dmitrov, và cuối cùng là một tu sĩ khác tên là Simeon, người đột ngột mắc bệnh nặng trên sông Volga.

Những lời trăng trối của Thánh Makarii đã trở thành sự thật: tu viện mà ngài để lại không những không suy tàn mà còn phát triển mạnh mẽ: các Sa hoàng Moscow thường đến thăm và đóng góp những khoản tài trợ hào phóng cho tu viện. Chẳng hạn, vào năm 1553, Sa hoàng Ivan Vasilyevich Grozny đã đến thăm tu viện và ban tặng cho tu viện làng Gorodishche cùng tất cả các vùng đất hoang và 28 ngôi làng. Năm 1599, Sa hoàng Boris Fedorovich Godunov cùng phu nhân và các con đã đến Tu viện Kolyazin để cầu nguyện và xin sự ban phước của vị thánh nhân của Chúa cho cuộc hôn nhân dự kiến giữa Công chúa Ksenia và Hoàng tử Đan Mạch Ioann. Các vị khách đã dâng tặng Thánh Makarii một chiếc hòm bạc lộng lẫy, và ngay trước mặt họ, các di cốt của vị thánh đã được chuyển vào đó.

Trong thời kỳ hỗn loạn với sự xuất hiện của các kẻ mạo danh và dưới triều đại của Sa hoàng Vasili Ivanovich Shuysky, tu viện Kolyazin đã trở thành tâm điểm của những sự kiện quan trọng và phải hứng chịu những thảm họa lớn lao. Năm 1609, tu viện này là nơi đặt bản doanh của vị tướng nổi tiếng chỉ huy quân đội Nga, Công tước Mikhail Vasilyevich Skopin-Shuysky, người vào ngày 14 tháng 8 đã đánh bại nặng nề Jan Sapieha cùng các tướng lĩnh Ba Lan khác và những tên cướp hoặc kẻ phản bội người Nga ngay tại đây. Tuy nhiên, vào năm 1610, tu viện đã phải hứng chịu một thảm họa nặng nề; Công tước Skopin-Shuysky lúc đó đã không còn ở đó nữa, nhưng một phần quân đội vẫn còn đóng quân tại đây. Một trong những thủ lĩnh Ba Lan, tên cướp táo bạo và tham lam Lisovsky, bị cắt đứt mọi đường lui, đã quyết định dùng vũ lực đột phá từ Suzdal để tiến về biên giới Ba Lan. Sau khi vượt sông Volga, hắn bất ngờ tấn công tu viện Kolyazin. Tướng Zherebtsov, người đang đóng quân tại đó, đã chống trả quyết liệt và thực hiện các đợt phản công từ tu viện, nhưng quân địch đã đốt cháy được những bức tường gỗ của tu viện, khiến các tòa nhà khác cũng bốc cháy theo. Zherebtsov buộc phải đầu hàng. Kẻ thù đã giết chết các tu sĩ và những người khác đang có mặt trong tu viện, kể cả thống đốc Zherebtsov; tu viện bị cướp bóc; di cốt của Thánh Makarii bị lôi ra khỏi hòm thánh, còn chính chiếc hòm thánh – món quà do Godunov tặng – bị chém làm ba mảnh và bị kẻ thù mang đi.

Tu viện đã phải trải qua thời gian rất khó khăn để hồi phục sau thảm họa kinh hoàng đó. Tuy nhiên, lòng sùng kính của các tín đồ – vốn càng thêm mãnh liệt nhờ những công lao to lớn của tu viện dưới thời Skopin-Shuysky và nỗi đau thương trước thảm họa bi thảm của tu viện – cùng với sự nỗ lực của các vị trụ trì đã giúp tu viện sớm khôi phục trật tự, sửa chữa những gì bị hư hại và thậm chí bắt tay vào xây dựng các nhà thờ mới cùng các công trình khác.

Năm 1619, Sa hoàng Mikhail Fedorovich đã viếng thăm Tu viện Kolyazin và với lời cầu nguyện nồng nhiệt cùng lòng kính trọng, ngài đã chạm tay vào di cốt linh thiêng của Thánh Makarii. Lúc đó, Sa hoàng đã hiến

[2450] Tu viện Dimitrievsky hay Dmitrovsky ở thành phố Kashin, bên bờ sông Kashinka, được thành lập vào thế kỷ XV; từ năm 1764 đến nay, tu viện này không còn hoạt động chính thức.

tặng một chiếc chuông cho tu viện, và sau đó, vào năm 1635, chính vị Sa hoàng này lại hiến tặng một chiếc chuông lớn khác để tưởng nhớ cha mình, Thượng phụ Filaret Nikitich. Năm 1648, một bức tường đá bao quanh toàn bộ tu viện đã được xây dựng. Năm 1654, khi dịch hạch hoành hành tại Moscow, hoàng hậu Maria Ilinichna của Sa hoàng Alexei Mikhailovich cùng các con và toàn bộ triều đình đã tìm nơi ẩn náu tại Tu viện Kolyazin; cùng đi với bà còn có Thượng phụ Nikon; Hoàng hậu cùng triều đình cư ngụ trong khu nhà dành cho các tu sĩ được xây dựng năm 1641, từ đó được gọi là khu hoàng gia, còn Thượng phụ Nikon thì ở trong khu nhà của vị trụ trì, từ đó được gọi là khu Thượng phụ. Năm sau đó, năm 1655, để kỷ niệm thời gian lưu trú tại Tu viện Kolyazin, Hoàng hậu Maria đã can thiệp để tu viện này được phong tước hiệu "Archimandrite".

Cả trong thế kỷ XVII lẫn những thời kỳ sau đó, các nhà thờ mới đều được xây dựng trong tu viện – các nhà thờ cũ được tu sửa, các công trình khác cũng được cải tạo và khôi phục lại. Luôn luôn, cũng như hiện nay, tu viện đã và đang được các tín đồ hành hương ghé thăm, đặc biệt là từ các huyện lân cận thuộc các tỉnh Tver và Yaroslavl, cũng như từ các tỉnh Vladimir và Moscow. Đặc biệt, có rất nhiều tín đồ đổ về vào ngày 17 tháng 3 và 26 tháng 5 – ngày tìm thấy thánh tích của vị thánh; vào ngày này, hòm đựng thánh tích của Thánh Makarii được rước quanh nhà thờ chính của tu viện là Nhà thờ Thánh Ba Ngôi, nơi thánh tích luôn được lưu giữ trong vòm của nhà nguyện Hình ảnh Đấng Cứu Thế Không Do Tay Người Tạo Ra[2451] .

Năm 1764, khi thiết lập cơ cấu tổ chức của các tu viện, theo danh mục tài sản của Tu viện Kolyazin, tu viện này có 2.803 hộ nông dân với 12.000 nam giới. Tu viện được xếp vào hạng nhất.

Bài thánh ca, giọng 8:

Thưa Cha Makari, ngài đã tiêu diệt những suy nghĩ trần tục bằng sự kiêng khem và cầu nguyện; nơi đó, nơi ngài đã đổ mồ hôi như tiếng kèn kêu lên cùng Thiên Chúa, loan báo những việc lành của ngài, và sau khi qua đời, thi hài thánh thiện của ngài vẫn tiếp tục ban phát ơn chữa lành. Vì vậy, chúng con kêu cầu ngài: xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Khao khát những điều cao cả, ngài đã tận hưởng sự kiêng khem, lao động và mồ hôi, kiềm chế những ham muốn xác thịt, nhận được ân sủng làm phép lạ từ Đức Kitô Thiên Chúa, ngài đã trở thành ngọn đèn rực rỡ. Vì thế, Giáo Hội của Đức Kitô ca ngợi ngài bằng những bài ca, thánh Makarios kính yêu, cha của chúng con.

Ngày 31 tháng 3

Ngày 18 tháng 3 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm Thánh Cyril, Tổng Giám mục Giêrusalem, Cha của chúng ta

Ngày tưởng niệm 18 tháng 3

Thánh Cyril thành Giêrusalem, xuất thân từ cha mẹ đạo đức, đã được giáo dục theo truyền thống Chính Thống giáo nghiêm ngặt; dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Đại Đế, ngài đã nhập tu, và dưới triều đại của con trai ngài là Constantine[2452] , sau khi Tổng Giám mục Maximus qua đời, ngài đã được bầu làm Tổng Giám mục

[2451] Xác thánh của Thánh Makarii được an táng công khai trong một quan tài bằng bạc mạ vàng, được chế tác vào năm 1700, và được Tổng Giám mục Sergii của Tver cùng bốn vị Archimandrite chuyển vào đó vào ngày 18 tháng 9 năm 1700.

[2452] Constantius, con trai của Constantine Đại đế, sau khi cha qua đời đã nhận được miền Đông, châu Á và Ai Cập; vào năm 361, sau khi đánh bại Magnentius – kẻ đã sát hại anh trai mình là Constans – ông đã thống nhất toàn bộ Đế quốc La Mã dưới quyền cai trị của mình. Ông phá hủy các đền thờ ngoại giáo hoặc giao chúng cho các Kitô hữu để chuyển đổi thành nhà thờ; ông đã ban hành luật nhiều lần, cấm các nghi lễ ngoại giáo dưới hình phạt tử hình. Tuy nhiên, do sự đồng cảm với tà thuyết Arian, Constantius đã làm gia tăng đáng kể những mâu thuẫn tôn giáo thời bấy giờ; ông đã bức hại các giám mục Chính thống không chia sẻ những sai lầm của phe Arian, tước bỏ chức vụ

Giêrusalem. Với lòng nhiệt thành trong việc bảo vệ sự thuần khiết của giáo lý Kitô giáo, Thánh Cyril, với tư cách là tổng giám mục, đã tích cực và không ngừng nghỉ đấu tranh chống lại các tà thuyết của Arius[2453] và Macedonia[2454] .

Vì điều này, ngài đã gây ra sự thù địch mạnh mẽ từ phía các giám mục sa vào tà thuyết Arian, trong số đó có Tổng giám mục Akakios của Caesarea Palestine[2455] , người sau này trở thành thủ phạm chính dẫn đến lần lưu đày đầu tiên của Thánh Cyril.

Một lần[2456] vào ngày lễ Ngũ Tuần, khoảng ba giờ chiều tại Jerusalem, người ta đã chứng kiến một điềm báo kỳ diệu như sau: trên bầu trời xuất hiện hình ảnh Thánh Giá, tỏa sáng rực rỡ đến chói lòa; bắt đầu từ Golgotha[2457] , nó trải dài đến núi Eleon[2458] . Vì hoàng đế Constantius, người theo tà thuyết Arian, đã đàn áp các tín hữu Chính Thống và bằng mọi cách ủng hộ những kẻ tà giáo, nên Thánh Cyril đã báo cho ông ta biết về dấu hiệu kỳ diệu này, khuyên ông ta từ bỏ con đường lầm lạc và quay về với Chính Thống Giáo.

Trong khi đó, Tổng giám mục Akakios, lợi dụng sự ủng hộ của hoàng đế – người mà ông có quan hệ thân thiết – đã nổi loạn chống lại Thánh Cyril vì ngài đã vạch trần tà thuyết của ông và không tuân theo ông, mặc dù vào thời điểm đó, Jerusalem vẫn thuộc quyền quản lý của Tổng giám mục Caesarea; điều này xảy ra do sự suy tàn của Jerusalem sau khi bị người La Mã phá hủy[2459] . Còn Thánh Cyril không những không muốn tuân phục một tổng

---

của họ và thậm chí giam cầm họ; dưới triều đại của ông, những người theo tà thuyết Arian đã nắm giữ những vị trí cao nhất trong chính quyền. Constantius qua đời vào năm 361 trong cuộc chinh phạt chống lại người anh em họ của mình là Julian, người đã được quân đội ở Gaul tôn làm hoàng đế – chính ông đã bổ nhiệm Julian làm tổng tư lệnh tại đó. Grigorius Nazianzenus cho biết rằng trước khi qua đời, Constantius đã ăn năn về việc đàn áp các tín hữu Chính thống.

[2453] Người khai sinh ra tà giáo Arian là linh mục Arius ở Alexandria. Ông phủ nhận sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Chúa Cha, coi Chúa Giêsu Kitô là một tạo vật và không công nhận các phẩm chất thần thánh nơi Ngài – toàn năng, toàn tri, v.v. Tà thuyết của Arius đã bị lên án mạnh mẽ tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất (năm 326) và lần thứ hai (năm 381), đồng thời sự bình đẳng giữa Con Thiên Chúa và Chúa Cha đã được xác lập, điều mà mỗi Kitô hữu đều tuyên xưng trong điều thứ hai của Kinh Tin Kính, được soạn thảo bởi các vị cha tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất. Vào thế kỷ V, chủ nghĩa Arian biến mất khỏi Đế quốc La Mã, nhưng lại trỗi dậy ở Đức trong các bộ tộc Goth, Burgund, Vandal và Lombard.

[2454] Macedonius từng là Giám mục Constantinopolis dưới thời Constantius và ủng hộ tà thuyết của Arius. Sau đó, ông bị phế truất vì sự tàn bạo của mình, ngay cả đối với những người theo phái Arius; với mong muốn trở thành người đứng đầu một học thuyết mới, ông đã phát triển học thuyết về Đức Thánh Thần theo quan điểm của Arius: Macedonia cho rằng Đức Thánh Thần về bản chất khác biệt với hai Ngôi đầu tiên của Chúa Ba Ngôi, không tham dự vào Thần tính và vinh quang của Chúa Cha và Chúa Con. Tà thuyết Macedonia đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ hai (năm 381) và trong điều thứ tám của Kinh Tin Kính, giáo lý chân chính của Giáo hội về Đức Thánh Thần đã được xác lập vĩnh viễn. Các vị Thánh Cha của Giáo Hội như Thánh Basil Cả, Thánh Grêgôriô thành Nyssa và Thánh Grêgôriô Thần Học đã đặc biệt tích cực chống lại tà thuyết Macedonia.

[2455] Césarea, một thành phố nằm trên bờ đông Địa Trung Hải, phía bắc Jaffa, tức là Ioppê cổ đại. Thành phố này được Hê-rốt xây dựng trên tàn tích của thành phố Straton cổ đại thuộc dân Ca-na-an, để vinh danh César Augustus. Dưới thời Hoàng đế Vespasian (69–79), thành phố này đã được chuyển thành một thuộc địa La Mã. Ngay cả trước khi Jerusalem bị phá hủy, Caesarea đã trở thành nơi cư ngụ của các quan tổng trấn La Mã (Công vụ 23:23–24). Vào thời các Tông đồ, thành phố này nổi tiếng vì chính tại đây, Tông đồ Phêrô đã dẫn dắt người ngoại giáo đầu tiên, viên đại úy Cornelius, trở lại đạo Kitô (Công vụ 10:1–48); Tông đồ Philip, một trong những phó tế đầu tiên, đã sống tại đây (Công vụ 8:40; Công vụ 21:8); Tông đồ Phaolô đã đến đây và bị giam cầm tại đây trong hai năm (Công vụ 9:30; Công vụ 18:22; Công vụ 21:8; Công vụ 23:23; Công vụ 24:1–27; Công vụ 25:1–27; Công vụ 26:1–32). Sau khi Giê-ru-sa-lem bị phá hủy, Cêsarea trở thành thành phố chính của Pa-lê-stin và là nơi cư ngụ của giám mục. Năm 638, cùng với sự lan rộng của đạo Hồi, Caesarea rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ; thành phố này được giải phóng khỏi ách thống trị của họ vào thời kỳ các cuộc Thập tự chinh dưới thời Vua Baldwin vào năm 1102, nhưng đến năm 1265 lại bị người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục và phá hủy hoàn toàn, đến nỗi chỉ còn lại những đống đổ nát.

[2456] Đó là vào năm 351.

[2457] Golgotha, ngọn núi nơi Chúa Giê-su Ki-tô bị đóng đinh: trước đây nó nằm bên ngoài Giê-ru-sa-lem (Mt 27:32–33; Ga 19:17–41; Hê-b 13:12), nằm ở phía tây bắc. Tên gọi Golgotha, từ tiếng Do Thái có nghĩa là "hộp sọ", hay "Nơi Hộp Sọ" (Lc 23:33), có lẽ xuất phát từ hình dáng giống như một chiếc hộp sọ. Theo truyền thuyết, đây là nơi A-đam được chôn cất.

[2458] Núi Ô-li-ve, hay còn gọi là Núi Dầu, là một trong những ngọn núi của người Do Thái, nằm về phía đông Giê-ru-sa-lem (Ê-xê-chi-ên 11:23); tên gọi "Núi Dầu" xuất phát từ số lượng lớn cây ô-liu mọc trên đó. Chúa Giê-su Ki-tô trong thời gian sống trên đất đã thường xuyên đến ngọn núi này cùng các môn đệ của Ngài (Giăng 8:1; Giăng 18:2). Trên sườn phía tây của núi Ô-li-ve là vườn Ghết-sê-ma-ni, nơi Chúa đã cầu nguyện vào đêm trước khi chịu khổ nạn và nơi Ngài bị Giu-đa phản bội (Ma-thi-ơ 26:30–60; Mác 14:26–46; Lu-ca 22:39). Trên sườn đông nam của ngọn núi là làng Bê-tha-ni, nơi Chúa đã thực hiện cuộc rước long trọng vào Giê-ru-sa-lem (Ma-thi-ơ 21:21; Lu-ca 19:29). Theo truyền thuyết, từ núi Ô-li-ve, Chúa đã thăng thiên (Công vụ 1:12). Vào thế kỷ IV, mẹ của Hoàng đế Constantine Đại đế đã cho xây dựng một nhà thờ Kitô giáo trên núi Ô-li-ve, sau này bị người Thổ Nhĩ Kỳ biến thành thánh đường Hồi giáo.

[2459] Sự tàn phá này xảy ra vài chục năm sau khi Chúa Cứu Thế qua đời, Đấng đã nhiều lần tiên tri về số phận bi thảm đang chờ đợi Giê-ru-sa-lem (Ma-thi-ơ 24:1–51; Mác 13:1–37; Lu-ca 19:41–44). Trong thời trị vì của Nero (54–68), người Do Thái đã nổi dậy chống lại người

giám mục dị giáo – người còn bị Hội đồng Sardica địa phương phế truất[2460] – mà còn vạch trần việc ông ta lạm dụng quyền lực không thuộc về mình theo các quy định của Giáo hội; vì những lý do nêu trên, ngài không cho rằng mình có thể tuân phục Tổng giám mục Akakios. Hơn nữa, Thánh Cyril cho rằng, ngược lại, Caesarea Palestine phải thuộc quyền Jerusalem, vì Giáo hội Jerusalem là mẹ của mọi giáo hội[2461] ; huống chi, chính Công đồng Sardica, vốn đã phế truất Akakios, đã chuyển giao quyền lãnh đạo vốn thuộc về ông cho người tiền nhiệm của Thánh Cyril, tức Tổng Giám mục Jerusalem Maximus.

Với lòng thù hận đối với Thánh Cyril, Akakios đã tìm được cớ để buộc tội ngài nhờ vào hoàn cảnh sau đây. Tại Giê-ru-sa-lem, một trận đói khủng khiếp đã ập đến. Dân chúng, không tìm được nguồn sống, đã cầu cứu tổng giám mục của họ. Thánh Cyril, với lòng từ bi, đã hết lòng đáp lại những lời cầu xin của đoàn chiên và tiêu hết toàn bộ tài sản của mình để giúp đỡ họ. Tuy nhiên, vì nạn đói vẫn tiếp diễn và không còn gì để giúp đỡ nữa, Thánh Cyril bắt đầu bán các vật phẩm của nhà thờ – vàng, bạc và những tấm rèm quý giá – rồi dùng số tiền thu được từ việc bán đó để mua lúa mì cho những người đang đói khát. Vào thời điểm đó, có tin đồn rằng người ta đã nhìn thấy một người phụ nữ nào đó trong thành phố đang nhảy múa trên đường phố trong bộ lễ phục thánh. Khi được hỏi lấy trang phục thánh từ đâu, người phụ nữ trả lời rằng cô đã mua nó từ một thương gia, đồng thời nêu rõ tên của người đó. Khi được hỏi, thương gia này lại nói rằng chính tổng giám mục đã đưa cho ông bộ trang phục đó để bán. Không rõ liệu tất cả những điều này có thật hay không, nhưng chỉ cần tin đồn này đến tai Tổng giám mục Akakios, ông đã coi đó là đủ để buộc tội Thánh Cyril. Tại công đồng do ông triệu tập, ông đề nghị truất phế Thánh Cyril với lý do đã làm ô uế vật phẩm thánh bằng việc bán nó, và công đồng đã đồng ý với đề nghị này. Như vậy, với sự tiếp tay của các giám mục theo tà giáo, vị tổng giám mục tà giáo đã bị phế truất đã lật đổ Tổng giám mục Chính thống Jerusalem khỏi ngai tòa và dùng vũ lực buộc ngài phải rời khỏi thành Jerusalem. Thánh Cyril ban đầu lui về Tarsus[2462] , nơi ngài ở cùng Giám mục Silvanus. Thấy rằng vị này chưa hoàn toàn hiểu đúng một số tín điều của đức tin, Thánh Cyril đã chỉ ra cho ông những sai lệch và củng cố niềm tin Chính thống của ông. Khi nghe tin này, Akakios đã viết thư cho Silvanus, thông báo về việc Thánh Cyril bị phế truất và khuyên ông hoặc là ngừng giao tiếp với Thánh Cyril, hoặc ít nhất là cấm ngài cử hành Thánh lễ trong khu vực giáo phận do ông quản lý. Nhưng Silvan không nghe theo Akakiy: ông kính trọng Thánh Cyril như một người đạo đức, người đã dùng giáo lý của mình để hỗ trợ và hướng dẫn nhiều tín hữu Chính Thống; còn về việc trục xuất, Silvan biết rằng điều đó không phải do lỗi lầm nào từ phía Thánh Cyril, mà chỉ đơn thuần xuất phát từ lòng ghen tị và thù hận của Akakiy.

Sau đó, tại Seleucia[2463] đã diễn ra một Công đồng địa phương, với sự tham dự của khoảng 150 giám mục; trong số đó có cả Thánh Cyril. Trước khi phiên họp của công đồng bắt đầu, Akakios đã khăng khăng đòi loại trừ Thánh Cyril, người đã bị ông khai trừ. Nhiều giám mục không đồng ý với hành động như vậy. Lúc đó, Akakiy rời khỏi hội đồng và lên đường đến Tsargrad. Tại đây, trước mặt hoàng đế và Thượng phụ Evdocius – người cũng theo

---

La Mã. Nero đã cử một đạo quân do Vespasian chỉ huy để đàn áp cuộc nổi dậy; Vespasian nhanh chóng chiếm được Galilee và đang chuẩn bị bao vây Jerusalem, nhưng khi được bầu làm hoàng đế thay thế cho Nero đã qua đời, ông đã giao việc kết thúc cuộc chiến cho con trai mình là Titus. Sau một năm bao vây, Titus đã chiếm được Jerusalem. Thành phố bị tàn phá khủng khiếp, đến nỗi chỉ còn lại vài ngọn tháp và tòa nhà. Có tới 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) người Do Thái đã chết vì đói trong thời gian bị vây hãm; khoảng 97.000 người bị bắt làm tù binh. Sau đó, dưới thời Hoàng đế Hadrian (117–138), thành phố này bị phá hủy hoàn toàn. Tuy nhiên, kể từ thời Constantine Đại đế, đạo Kitô đã chiến thắng trước đạo ngoại giáo, và Jerusalem bắt đầu phát triển và trở nên lộng lẫy.

[2460] *Sardis* – một thành phố cổ kính và giàu có thuộc vùng Lydia ở Tiểu Á, thủ đô của Nhà nước Lydia; vào năm 545 trước Công nguyên, thành phố này rơi vào tay người Pergamum, sau đó chuyển sang tay người Hy Lạp, Alexander Đại đế và cuối cùng là người La Mã. Dưới triều đại Hoàng đế Tiberius (14–36), thành phố này đã hứng chịu một trận động đất; Tiberius đã cho tái thiết lại thành phố. Vào thời các Tông đồ, Sardis vẫn là một thành phố quan trọng. Đạo Kitô đã xuất hiện ở đây rất sớm: ngay trong Sách Khải Huyền đã có đề cập đến Hội Thánh Sardis (Khải Huyền 3:1–5). Dưới triều đại hoàng đế Arcadius (395–408), thành phố này bị người Goth tàn phá; vào thế kỷ X, Tamerlane đã san bằng nó thành tro bụi. Hiện nay, trên nền tảng của thành phố từng giàu có và huy hoàng ấy chỉ còn lại một ngôi làng nhỏ tên là Oart

[2461] Giáo hội Giê-ru-sa-lem được gọi là "mẹ của mọi giáo hội" bởi vì từ đây, theo lệnh của Chúa, các Tông đồ đã ra đi rao giảng Tin Mừng, truyền bá giáo lý của Đấng Christ *đến tận cùng trái đất* (Công vụ 18:1–28)

[2462] Tarsus, một thành phố thuộc vùng Cilicia ở Tiểu Á, nổi tiếng vì là nơi Thánh Tông đồ Phaolô ra đời (Công vụ 22:3); Tại Tarsus, vị Tông đồ đã chuẩn bị để rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô và từ đây, ngài được Barnaba mời gọi để rao giảng Tin Mừng (Công vụ 9:11–30; Công vụ 11:25). Chính vì vậy, Kitô giáo đã sớm hình thành tại Tarsus (Công vụ 15:23–41).

[2463] Selêucia, một thành phố của Syria, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải; rất có thể thành phố này được vua Selêucus Nicator của Syria thành lập vào khoảng năm 300 trước Công nguyên; tại đây, Thánh Phaolô trong chuyến hành trình đầu tiên của mình đã dừng chân để rao giảng và từ đây ông đã lên thuyền đi đến đảo Síp (Công vụ 13:4). Vào thế kỷ VI sau Công nguyên, thành phố này đã bị phá hủy.

phái Arian – ông đã vu khống Hội đồng mà ông đã bỏ rơi, gọi đó là một đám người xấu xa tụ tập không phải vì lợi ích mà là để gây hại cho Giáo hội. Akakios đã khơi dậy sự phẫn nộ đặc biệt mạnh mẽ trong lòng hoàng đế đối với Thánh Cyril. Ông ta kể với hoàng đế rằng Thánh Cyril đã bán bộ lễ phục quý giá, vốn là món quà mà Constantine Đại Đế tặng cho Tổng Giám mục Makarios của Jerusalem để ngài mặc khi cử hành bí tích Rửa tội ( ), và rằng sau đó bộ lễ phục này đã được nhìn thấy trên người một kẻ đang nhảy múa tại các buổi tụ họp giải trí của dân chúng. Hoàng đế đã tức giận đến mức ra lệnh giam cầm Thánh Cyril.

Sau khi Constantius qua đời, Julianus Apostata[2464] lên ngôi. Trong những năm đầu trị vì, dưới vỏ bọc của sự sùng đạo, ông đã bãi bỏ tất cả các sắc lệnh của Constantius nhằm gây hại cho những người theo Chính thống giáo: theo lệnh của Julianus, tất cả các giám mục Chính thống giáo trước đây bị Constantius lưu đày đều được phóng thích khỏi nơi giam cầm. Cũng trong thời gian này, Thánh Cyril đã được phục chức tại giáo phận của mình. Sau khi củng cố vững chắc ngai vàng, Julian đã công khai từ bỏ Chúa Kitô. Ông ban cho những người Do Thái – những kẻ thù của Kitô giáo – sự tự do lớn lao; trong số đó, ông không chỉ cho phép họ xây dựng một ngôi đền tại nơi đã bị người La Mã phá hủy[2465] , mà còn trích một phần thuế nhà nước để tài trợ cho việc xây dựng. Khi công trình mang tính báng bổ này mới chỉ bắt đầu[2466] , Thánh Cyril đã tiên đoán với những người thân cận rằng những lời của Chúa Kitô về sự tàn phá ngay cả những viên đá của đền thờ: *"Sẽ đến những ngày mà từ những gì các ngươi thấy ở đây, sẽ không còn viên đá nào chồng lên viên đá nào; tất cả sẽ bị phá hủy"* (Lc 21,6) chắc chắn sẽ ứng nghiệm. Thánh Cyril đã cầu xin Chúa Kitô đừng để công trình đã khởi công được hoàn thành, mà hãy phá hủy nó cùng với các kế hoạch của những người xây dựng. Chúa đã nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài và thực hiện lời tiên tri của Ngài về việc những lời của Ngài chắc chắn sẽ ứng nghiệm. Vào một đêm nọ, một trận động đất mạnh đã xảy ra, đến nỗi ngay cả những nền móng còn sót lại của Đền Thờ Solomon cổ xưa cũng bị dịch chuyển khỏi vị trí, huống chi là những viên đá mà người Do Thái mới chỉ vừa đặt xuống; và tất cả những thứ đó – những tàn tích của đền thờ cổ xưa lẫn các công trình mới – đã bị sức mạnh vô hình của Thiên Chúa thổi bay như bụi. Khi trời sáng, mọi người đều kinh ngạc trước phép lạ vừa xảy ra. Khi người Do Thái lại muốn tiếp tục công việc, thì ngay lập tức lửa từ trời rơi xuống và thiêu rụi các dụng cụ lao động; một nỗi kinh hoàng tột độ bao trùm lấy họ. Đêm tiếp theo, trên quần áo của người Do Thái xuất hiện dấu thánh giá, mà họ không thể xóa bỏ bằng bất cứ cách nào.

Sau đó, Thánh Cyril, người mà lời tiên tri về việc ứng nghiệm những lời của Chúa Kitô đã được chứng minh một cách long trọng, lại một lần nữa bị trục xuất. Người thay thế ngài, theo như có thể suy đoán một cách hợp lý, là Thánh Kyriakos. Ông là người Do Thái và mang tên Giu-đa; trong thời gian Nữ hoàng Helena tìm kiếm Thánh Giá của Chúa, họ đã được chỉ dẫn về nơi ẩn náu của ông; sau đó, ông đã chịu phép rửa tội và nhận tên là Kyriakos.

Tuy nhiên, sau khi Thánh Cyril bị lưu đày, Thánh Cyriacus cũng không giữ chức vụ đó được lâu: ngài sớm phải chịu cái chết tử đạo dưới tay Julian vì đã tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô.

Sau khi Julian qua đời, Thánh Cyril lại lên ngôi Giám mục Giêrusalem, nhưng do sự trỗi dậy của phái Arian dưới triều đại của Valens, ngài lần thứ ba bị lưu đày vì lòng đạo đức và cuộc đấu tranh kiên quyết chống lại các tà giáo. Cuối cùng, dưới triều đại của Theodosius Đại đế[2467] , Thánh Cyril đã được vinh dự đón trở lại Jerusalem.

[2464] Julianus Apostata, cháu trai của Constantine Đại đế, con trai của anh trai ông là Julius Constantius, sinh năm 331. Năm 345, cùng với anh trai là Gallus, ông bị Constantius đày đến Cappadocia, nơi ông đã sống dưới sự giám sát nghiêm ngặt trong sáu năm. Năm 351, ông rời khỏi nơi lưu đày và dành vài năm tại Nicomedia, nơi ông say mê nghiên cứu triết học; năm 355, ông được Constantius bổ nhiệm làm tổng chỉ huy quân đội tại Gaul; tại đây, ông đã biết cách chiếm được tình cảm của binh lính, những người vào năm 361 đã tôn ông lên làm hoàng đế. Việc nghiên cứu triết học dưới sự hướng dẫn của một thầy giáo theo đạo ngoại giáo, những mâu thuẫn trong cộng đồng Kitô giáo do các cuộc nổi dậy của phái Arian gây ra, cùng với lòng căm ghét đối với Constantius đã khơi dậy trong Julian lòng căm ghét đối với tôn giáo của kẻ đã đàn áp ông – Kitô giáo. Ông đặt mục tiêu khôi phục đạo ngoại giáo và tiêu diệt Kitô giáo. Tuy nhiên, tất cả những nỗ lực của ông đều thất bại thảm hại. Julian qua đời vào năm 363 trong một cuộc chinh phạt chống lại người Ba Tư.

[2465] Ban đầu, đền thờ được vua Sa-lô-môn xây dựng trên núi Mô-ri-a vào năm 488 sau khi dân Do Thái ra khỏi Ai Cập (3 Vua 6:37–38; 2 Sử ký 6–7); vào năm 689, đền thờ này bị vua Ba-by-lôn Na-bu-cô-đô-nô-xơ phá hủy. Sau 70 năm lưu đày, vào năm 531 trước Công nguyên, người Do Thái nhận được sự cho phép của Cyrus để trở về Giê-ru-sa-lem và xây dựng lại đền thờ; khi trở về Pa-lét-tin, họ đã khởi công xây dựng đền thờ vào năm thứ hai và hoàn thành công trình vào năm 616. Hê-rốt Đại đế đã đóng góp đặc biệt lớn vào việc trang trí đền thờ sau thời kỳ lưu đày. Trong cuộc chinh phục Giê-ru-sa-lem của Tít, một trong những chiến binh đã ném một than hồng đang cháy vào cửa sổ và đền thờ đã bị thiêu rụi.

[2466] Julian đã cho phép người Do Thái xây dựng lại đền thờ, nhằm chế nhạo lời tiên tri của Đấng Cứu Thế về sự hủy diệt của nó (Lu-ca 21:6).

Trong suốt tám năm, ngài đã điều hành Giáo hội với lòng nhiệt thành đích thực của một vị mục tử và an nghỉ trong Chúa một cách bình an, để lại di sản là những tác phẩm vô cùng hữu ích của mình[2468] .

Kondak, giọng 1:

Bằng lời nói của ngài, hỡi vị Thánh khôn ngoan, nhờ sự soi dẫn của Thiên Chúa, ngài đã soi sáng cho dân ngài về Ba Ngôi Thánh duy nhất, đồng nhất về bản thể nhưng phân biệt về các Ngôi. Vì thế, chúng con hân hoan kỷ niệm ngày lễ thánh của ngài, và dâng ngài lên Thiên Chúa như một vị cầu nguyện.

Cuộc đời của vị Thánh Cha Anin, Đấng Làm Phép Lạ

Ngày kỷ niệm: 18 tháng 3

Thánh Anin xuất thân từ Chalcedon[2469] . Cha mẹ ngài là những người Kitô hữu. Giống như Zacchaeus trong Phúc Âm[2470] , ngài có vóc dáng nhỏ bé, nhưng bù lại, ngài có tâm hồn vĩ đại. Ngay từ thuở ấu thơ, ngài đã nổi bật với tính cách hiền lành, không thù hận và luôn khao khát làm điều thiện.

Khi vị thánh tròn mười lăm tuổi, cha mẹ ngài qua đời. Ngay sau đó, ngài quyết định từ bỏ cuộc sống trần tục phù du, và vì thế đã đến sống tại một tu viện, nơi ngài nhận lễ xuất gia.

Với khát khao sống đời tu hành thầm lặng, Thánh Anin sớm rời tu viện và đi vào một sa mạc xa xôi, nằm gần nơi dòng sông Euphrates[2471] chảy qua, ngăn cách Syria[2472] với Ba Tư[2473] . Tại đây, Anin gặp một vị ẩn sĩ tên là Maiuma, đang tu hành trong một hang động. Thánh nhân đã ở lại với ông và noi gương ông trong việc ăn chay và cầu nguyện. Cả hai đều tuân giữ một chế độ ăn chay nghiêm ngặt đến mức trong suốt Mùa Chay, họ hoàn toàn không ăn uống gì, nhưng dù vậy, khuôn mặt họ luôn rạng rỡ, như thể đang tham dự một bữa tiệc hoàng gia. Thánh Anin tiến bộ đến mức vượt qua cả vị thầy già của mình. Ngài đã trải qua nhiều ngày hoàn toàn không ăn uống, cầu nguyện ngày đêm không ngừng, đến nỗi ngay cả vị thầy già cũng phải kinh ngạc trước những việc tu hành của ngài.

Tại nơi Thánh Anin tu hành cùng vị ẩn sĩ, không có nước, vì sông Euphrates cách hang động của họ năm stadia[2474] . Thánh Anin mang nước từ con sông này trong một chiếc bình nhỏ, cố tình không dùng bình lớn để phải vất vả hơn, thường xuyên phải đi lấy nước.

Một lần, Thánh Anin đi lấy nước ở sông, nhưng chưa kịp đi xa khỏi hang động của mình được một stadia thì chiếc bình của ngài đã được một Thiên thần bất ngờ hiện ra và đổ đầy nước. Nhận thấy Anin trở về nhanh bất thường, vị tu sĩ già hiểu rằng Thiên Chúa đã thực hiện một phép lạ cho ngài, ban cho ngài ân sủng của Ngài. Sau đó,

---

[2467] Théodosius Đại Đế đã giáng đòn quyết định vào đạo ngoại: sau khi trở thành người cầm quyền duy nhất vào năm 392, ông ban hành luật quy định rằng việc thờ phụng các vị thần được coi là tội ác ngang với tội xúc phạm hoàng quyền.

[2468] Trong số các tác phẩm còn lại của ông, đặc biệt đáng chú ý là 23 bài giảng truyền giáo, trong đó 18 bài dành cho những người chuẩn bị rửa tội và những người mới được rửa tội; các bài giảng này trình bày một cách rõ ràng và đơn giản từng điều khoản của Kinh Tin Kính. Ngoài ra, còn lưu giữ được "Cuộc đối thoại về người bị liệt" và các đoạn trích từ "Cuộc đối thoại về phép biến nước thành rượu tại Cana"

[2469] Chalkidon – một thành phố ở Tiểu Á, nằm trên bờ nam của Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch). Trong thời cổ đại, Chalkidon là thủ phủ của tỉnh Bithynia thuộc Đế quốc La Mã. Trong lịch sử Giáo hội, thành phố này nổi tiếng là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ IV (diễn ra vào năm 451 để giải quyết vấn đề dị giáo của phái Monophysite, những người dạy rằng trong Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính – bản tính thần linh, vốn được cho là đã nuốt chửng bản tính nhân loại).

[2470] *Zacchaeus* – trưởng nhóm thu thuế tại thành phố Jericho, sống vào thời kỳ Chúa Giêsu thi hành sứ vụ trần gian và được Ngài đặc biệt quan tâm vì lòng nhiệt thành lắng nghe lời giảng dạy của Chúa. Vì có vóc dáng thấp bé, một lần nọ, Zacchaeus đã trèo lên cây vả để nhìn thấy Chúa qua đám đông đông đúc đang vây quanh Ngài (Lu-ca 19:1–10).

[2471] Sông Euphrates là một trong những con sông lớn nhất châu Á.

[2472] *Syria* là một vùng thuộc Tiểu Á, giáp: phía đông với sông Euphrates, phía nam với Ả Rập, phía tây với Palestine, Phoenicia và Biển Địa Trung Hải, phía bắc với Cilicia và Cappadocia. Nửa phía bắc của Syria màu mỡ và có thảm thực vật phong phú hơn so với nửa phía nam, nơi có những vùng chuyển dần thành sa mạc

[2473] Ba Tư – một vùng ở phía nam châu Á, nằm giữa Biển Caspi và Vịnh Ba Tư.

[2474] Stadion – ban đầu là một khu vực hình chữ nhật dài, được người Hy Lạp dùng để tổ chức các cuộc thi chạy. Vì tên gọi này luôn chỉ một khu vực có chiều dài cố định (thường là 600 foot), nên stadion đã được chấp nhận làm đơn vị đo chiều dài. Nó tương đương với khoảng 88 sažen Nga hoặc 190 mét.

ông bắt đầu nài nỉ vị Thánh Anin làm thầy và người hướng dẫn cho mình, nhưng vì không thể thuyết phục được ngài, ông quyết định để ngài ra đi, để không ép buộc người mà chính ngài cũng muốn và coi là nghĩa vụ phải phụng sự mình phải phục vụ cho mình. Khi đến một tu viện nằm gần sông Euphrates, vị tu sĩ già đã kể cho các tu sĩ trong tu viện nghe về Thánh Anin. Kể từ đó, danh tiếng về Thánh Anin ngày càng lan rộng, và nhiều người tìm kiếm cuộc sống tu hành đã tìm đến Anin.

Sau khi vị tu sĩ cao niên Maium rời khỏi hang động, Thánh Anin tự nhủ: "Ta đã bắt đầu tu hành ở đây, và ta sẽ ở lại đây cho đến cuối đời" – và ngài ở lại trong hang động. Tuy nhiên, Thánh Anin đã nhiều lần rời hang động để đi sâu vào sa mạc; sau khi ở đó khoảng hai mươi hoặc ba mươi ngày, ngài lại trở về căn phòng trong hang động của mình. Nhờ những nỗ lực không ngừng nghỉ, vị thánh đã đạt đến mức chế ngự được mọi dục vọng xác thịt và hoàn toàn khuất phục xác thịt trước tinh thần.

Chúa đã ban ân sủng dồi dào cho vị thánh, đến nỗi Ngài còn khiến cả những con thú hoang dã sống trong sa mạc cũng phải phục tùng ngài. Bất cứ nơi nào vị thánh đi qua, hai con sư tử đều theo sau ngài; ngài đã chữa lành vết loét ở chân cho một trong hai con sư tử đó.

Thánh Anin không chỉ là một bác sĩ miễn phí cho động vật, mà còn cho cả con người, bởi vì Thiên Chúa đã ban cho ngài quyền năng và sức mạnh để chữa lành mọi bệnh tật và mọi chứng bệnh ở con người. Danh tiếng về vị thánh lan truyền khắp cả vùng đất ấy. Người ta đưa nhiều người bệnh đến với ngài, và ngài đã chữa lành cho tất cả họ nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời. Do đó, vị thánh không còn lui về sa mạc nữa, mà luôn ở lại trong phòng tu của mình để đón tiếp những người đến với ngài; chính vì lý do đó mà Đức Chúa Trời đã ban ngài cho vùng đất ấy, để những ai đến với ngài, như đến với một nguồn chữa lành, không ra về trong sự thất vọng, mà mỗi người đều nhận được sự chữa lành từ ngài, tùy theo bệnh tật của mình: người này được chữa lành các bệnh tật về thể xác, người kia chữa lành các bệnh tật về tâm hồn, nhờ lắng nghe những lời khuyên răn và dạy dỗ của ngài.

Vì nơi vị thánh sống là vùng đất khô cằn, trong khi nhu cầu về nước lại rất lớn do có đông đảo người đến với ngài, nên vị thánh đã đào một cái giếng nhỏ để hứng nước mưa.

Một lần nọ, có vài người đến gặp vị thánh và xin ngài cho họ nước để giải khát. Vị thánh bảo một trong số các đệ tử của mình (lúc đó ngài đã có sáu đệ tử) múc nước từ giếng lên. Nhưng đệ tử nói với ngài rằng nước trong giếng đã cạn kiệt hết, không còn một giọt nào. Vị thánh bèn nói với anh ta:

– Ta đặt niềm tin vào quyền năng kỳ diệu của Đức Chúa Trời. Hãy đi đi, ngươi sẽ tìm thấy nước để giải khát cho những người đã đến đây.

Đệ tử liền đi và, thật ngạc nhiên, anh ta thấy cái giếng đầy nước đến tận miệng. Sau khi ngợi khen Đức Chúa Trời, anh ta múc nước từ giếng và mang đến cho thầy mình, rồi kể lại cho thầy nghe về phép lạ do quyền năng của Đức Chúa Trời thực hiện. Lượng nước đó đủ dùng trong nhiều ngày. Tất cả những điều này xảy ra vào năm thứ mười bảy của cuộc đời tu hành của vị thánh. Khi nước cạn hết mà mưa vẫn chưa rơi, vị thánh không muốn xin Chúa làm phép lạ lần nữa, nhưng với lòng khiêm nhường, ngài tự mình đi lấy nước từ sông Euphrates vào ban đêm. Suốt đêm cho đến tận sáng sớm, vị thánh vẫn miệt mài lao động, không ngừng ngợi khen Thiên Chúa và ghi nhớ những lời Chúa đã phán trong Phúc Âm thánh: *"Và ai cho một trong những người bé mọn này uống chỉ một chén nước mát, nhân danh môn đệ, thì Thầy bảo thật các con, người ấy sẽ không mất phần thưởng của mình"* (Mt 10,42).

Có lần, một số tu sĩ từ tu viện lân cận đến gặp vị thánh, họ khát khô cổ vì chuyến đường dài; trong khi đó, giếng nước đã cạn khô hoàn toàn. Lúc đó, vị thánh lén lấy những chiếc thùng nước và tự mình đi ra sông lấy nước. Chẳng bao lâu sau, ngài đã quay trở lại. Thấy vị thánh trở về quá nhanh, các tu sĩ nghĩ rằng ngài đã mệt mỏi quá nên chưa đến được sông đã quay về. Các tu sĩ đi ra đón ngài, định tự mình đi lấy nước. Nhưng khi các tu sĩ bắt đầu cởi những chiếc bình nước khỏi vai vị thánh, họ nhận ra rằng những chiếc bình đó đã đầy nước đến tận miệng. Các tu sĩ vô cùng ngạc nhiên trước tất cả những gì đã xảy ra, bởi vì Thiên Thần của Chúa đã đổ đầy nước vào các bình, giống như trước đây đã xảy ra với vị tu sĩ già Maium. Lúc đó, các tu sĩ reo lên:

– Tạ ơn Chúa! Nhờ công đức của vị Thánh Cha chúng ta mà những chiếc bình đã được đổ đầy nước!

Nhưng vị thánh, luôn giữ lòng khiêm nhường, đã nói với các tu sĩ:

– Xin các anh em tha thứ cho tôi, tôi là một con người tội lỗi, nước này được Thiên Chúa ban cho các anh em không phải vì tôi, mà là vì cơn khát lớn lao của các anh em, để các anh em không kiệt sức hoàn toàn khi chờ đợi tôi trở về từ dòng sông.

[2475] , Giám mục thành Neocaesarea, tên là Patricius, rất kính trọng vị thánh này vì những phép lạ mà Thiên Chúa đã thực hiện nhờ công đức của ngài; ngài đã nhiều lần đến thăm vị thánh và, bất chấp ý muốn của ngài, đã phong ngài làm linh mục.

Khi biết rằng chính vị thánh đã tự tay mang nước từ sông Euphrates về để giải khát cho những người đến tìm ngài, vị giám mục đã gửi tặng vị thánh một con lừa, để ngài có thể dùng nó chở nước từ sông về.

Vài ngày sau, có một người nghèo đến gặp vị thánh, người này không có gì để trả nợ cho chủ nợ. Người đến đã xin vị thánh giúp anh ta trả nợ. Còn vị thánh, với tâm hồn khiêm nhường và không có bất cứ thứ gì để cho đi, đã nói với người đến:

– Hãy lấy con lừa này đi, anh em ơi, bán nó đi và dùng số tiền thu được để trả nợ.

Người đàn ông ấy nhận con lừa rồi rời khỏi vị thánh, còn vị thánh lại tiếp tục tự mình đi gánh nước từ sông về.

Khi vị giám mục biết chuyện này, ngài đã sai người mang đến cho vị thánh một con lừa khác và dặn truyền lời:

– Con lừa này ta không cho ngươi sở hữu, nhưng ngươi có thể dùng nó để gánh nước; khi nào ta cần, ta sẽ lấy lại.

Một thời gian sau, có một người nghèo đến gặp vị thánh và xin bố thí. Không có gì để cho ngoài con lừa, vị thánh đã trao nó cho người xin.

Sau đó, khi vị giám mục đến gặp vị thánh, không thấy con lừa đâu, ngài ra lệnh đào một cái giếng lớn và dùng nhiều con vật để múc nước từ sông đổ vào (thường thì ở những nơi khô cằn, thiếu nước, người ta đào giếng và đổ đầy nước lấy từ mưa, từ tuyết tan, hoặc mang từ sông về). Sau khi đổ đầy giếng đến tận miệng, vị giám mục đã đưa các con vật của mình về; khi nước trong giếng cạn dần, vị giám mục lại cho gửi những con lừa của mình đến chở nước về giếng và sau đó đưa chúng trở lại.

Tại Apamea[2476] , có một vị tu sĩ sống trên cột tên là Pionios, người đã tu hành một cuộc sống khổ hạnh nghiêm ngặt. Những tên cướp sống giữa dân cư xung quanh đã đến tu viện của ông vào ban đêm, với hy vọng tìm thấy ở đây những của cải lớn. Sau khi đào hầm dưới tường, bọn cướp đã xâm nhập vào tu viện, nhưng sau khi lục soát khắp nơi mà không tìm thấy gì, chúng đành phải ra về tay trắng. Một tên cướp, khi đang rời đi, đã nhặt một hòn đá và ném vào vị thánh sống trên cột. Hòn đá trúng vào đầu vị thánh và làm ngài bị thương nặng.

Khi bọn ác nhân rời khỏi nơi đó, vị thánh sống trên cột đã định xuống khỏi cột để đến gặp các quan tòa và tố cáo bọn cướp.

Thánh Anin, khi biết được điều này, đã gọi con sư tử phục vụ ngài đến bên mình, đặt thức ăn trước mặt nó và nói:

– Hãy ăn cho no nê, vì con sắp phải đi một chặng đường dài.

Sau đó, lấy một tờ giấy, vị thánh viết lên đó:

– Hỡi thánh phụ! Con biết rằng ngài, sau khi bị bọn ác nhân hành hạ, đang định xuống khỏi cột để trả thù kẻ thù của mình; xin ngài hãy từ bỏ ý định đó, để không bị mất phần thưởng vĩnh cửu trong Nước Trời dành cho những công lao của ngài.

Vị tu sĩ buộc tờ giấy đó vào cổ con sư tử và, nói với nó như nói với một con người, ra lệnh cho nó đi đến chỗ vị tu sĩ sống trên cột đá nói trên, không được động đến ai trên đường đi.

Con sư tử chạy rất nhanh và chẳng bao lâu đã đến tu viện nơi vị tu sĩ sống trên cột đang cư ngụ. Dừng lại trước cổng tu viện, con sư tử bắt đầu gõ vào cổng bằng những chiếc móng vuốt của mình. Người gác cổng, sau khi nhìn qua ô cửa sổ nhỏ và thấy con sư tử, vội vã chạy đến gặp vị tu sĩ trên cột và báo cho ngài biết rằng có một con thú to lớn đang đứng trước cổng tu viện.

Vị tu sĩ sống trên cột, sau khi cầu nguyện với Chúa, đã bảo người gác cổng đừng sợ hãi mà mở cổng tu viện ra. Sau đó, con sư tử bước vào tu viện, tiến đến cột tu và đặt tờ giấy trước cột.

[2475] *Neocaesarea* – một trong những thành phố lớn của Cappadocia – một vùng thuộc Tiểu Á. Năm 316, tại đây đã diễn ra Công đồng địa phương, bàn về các vấn đề cải tổ Giáo hội. Trên địa điểm của Neocaesarea cổ đại ngày nay là thị trấn Niksar.

[2476] Apamea – một vùng ở phía tây nam Syria, nằm bên bờ sông Orontes.

Sau khi đọc xong lá thư, vị tu sĩ sống trên cột đã ngạc nhiên trước sự thấu hiểu của Thánh Anin, người dù ở rất xa vẫn biết được suy nghĩ của ông; ông cũng ngạc nhiên trước cách Thiên Chúa sai khiến các loài thú phục vụ các vị thánh của Ngài. Sau đó, vị tu sĩ sống trên cột đã từ bỏ ý định của mình và đặt trọn niềm tin vào Chúa.

Một người phụ nữ đạo đức, khi bị ốm, đã lên đường đến gặp Thánh Anin, hy vọng được ngài chữa lành. Trên đường đi, bà gặp một tên cướp cầm giáo trong tay, hắn định cướp hết những gì bà có, dù thực ra hắn chẳng tìm thấy gì ngoài một ít bánh mì cần thiết cho chuyến đi. Bị dục vọng chi phối, tên cướp muốn cưỡng hiếp bà. Hắn cắm cây giáo xuống đất rồi bắt đầu ép buộc bà phạm tội. Nhưng người phụ nữ ấy, trong lúc cố gắng thoát khỏi tay hắn, đã cầu xin sự giúp đỡ từ vị thánh và kêu lên:

– Thánh Anin ơi, xin hãy giúp con!

Ngay lúc đó, tên cướp bỗng trở nên khiêm nhường; nỗi kinh hoàng ập đến, hắn định bỏ chạy; nhưng khi vươn tay ra nắm lấy cây giáo, hắn không thể rút nó ra khỏi đất, vì cây giáo đã cắm sâu vào đất một cách vô cùng chắc chắn. Tên cướp càng thêm khiếp sợ; còn người phụ nữ, sau khi thoát khỏi tay hắn, đã đến gặp vị thánh. Khi đến nơi, cô kể lại cho ngài nghe tất cả những gì đã xảy ra và, sau khi được chữa lành khỏi bệnh tật, cô trở về nơi cư ngụ của mình.

Kẻ cướp, người đã ăn năn về tất cả những việc ác của mình, cũng đến gặp vị thánh. Sau đó, Thánh Anin đã chữa lành cho hắn, dạy hắn đức tin Kitô giáo và ban phép rửa tội; sau này, ngài còn cho hắn xuất gia làm tu sĩ. Còn cây giáo của hắn, vẫn còn cắm trong đất, theo ý muốn của Thiên Chúa, đã mọc thành một cây sồi to lớn.

Vị thánh vĩ đại này còn thực hiện nhiều phép lạ khác: chữa lành cho những người bị liệt, trừ quỷ khỏi con người, chữa trị cho nhiều người bệnh, không chỉ là người mà cả động vật nữa.

Một lần nọ, có rất đông người đến gặp vị thánh. Hôm đó trời oi bức; mọi người đều khát khô cổ, trong khi nước đã cạn kiệt. Nhưng khi vị thánh cầu nguyện, bỗng nhiên một đám mây xuất hiện và mưa xối xả đổ xuống mặt đất.

Vị thánh đã tiên đoán nhiều sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai; chẳng hạn, ngài đã tiên đoán cuộc xâm lược của các bộ tộc man rợ[2477] , sự ra đi của nhiều anh em tu sĩ, đồng thời ngài gọi riêng một anh em sắp qua đời đến bên mình và nói với anh ta trong riêng tư:

– Con ơi! Hãy lo cho linh hồn của con, vì giờ của con đã gần kề!

Cuối cùng, chính vị thánh cũng sắp đến ngày lâm chung, sau khi đã sống trọn vẹn một trăm mười năm kể từ ngày sinh. Biết trước ngày mình qua đời, vị thánh đã gọi các môn đệ của mình (ông có khá nhiều anh em) đến bên cạnh và dành nhiều thời gian để hướng dẫn và dạy dỗ họ. Sau đó, vị thánh chỉ tay vào một vị linh mục rất đạo đức tên là Veronikian và nói:

– Người này sẽ là vị tu viện trưởng thay thế tôi. Sau đó, vị thánh, sau bảy ngày ốm đau, đã gần đến giây phút cuối cùng của cuộc đời. Vào chính giờ lâm chung, ngài cảm thấy sợ hãi và muốn đứng dậy khỏi giường bệnh, nhưng rồi ngài cúi đầu xuống và nói:

– Bình an cho các vị, những người hướng dẫn của tôi! Sau khi im lặng một lát, ngài lại nói:

– Các vị là ai, những vị thầy của tôi? Sau khi im lặng một lát, ngài lại nói:

– Xin ý Chúa được thực hiện, đây, con sẽ đi cùng các ngài theo lệnh của Chúa.

Tất cả những người xung quanh ông đều kinh hãi và quỳ sấp mặt xuống đất. Còn vị linh mục kính sợ Chúa Veronikian, người được bổ nhiệm làm tu viện trưởng, đã nói với vị thánh:

– Thưa ngài! Vì niềm hy vọng nào, vì điều gì mà ngài đã vất vả suốt cả cuộc đời mình? Hãy nói cho chúng tôi biết, ngài đã thấy gì?

Thánh nhân đáp:

– Tôi đã thấy Giê-ru-sa-lem trên trời mở ra, một đám mây sáng tỏa ra từ đó, và ba người đàn ông rực rỡ ánh sáng trên đám mây ấy; khi đến gần tôi, họ nói với tôi: "A-nin! Chúa đang gọi ngài; hãy đứng dậy và đi cùng chúng tôi." Tôi hỏi họ: "Các ngài là ai, những vị thầy của tôi?" Họ đáp: "Chúng tôi là Mô-sê, A-rôn và Ôr."

Nghe vậy, các anh em càng thêm sợ hãi và kinh hoàng. Vị Thánh bèn nói với họ:

– Hãy cầu nguyện cho tôi, hỡi các anh em, để tôi không sợ hãi khi được dẫn đến trước Đấng Phán Xét đáng sợ.

Sau đó, vị thánh nói:

[2477] Varbar – nói chung là người ngoại tộc, người nước ngoài

– Lạy Chúa, xin hãy đón nhận linh hồn con, – và chẳng bao lâu sau, ngài đã an nghỉ (vào ngày mười tám tháng Ba).

Các anh em đã an táng ngài một cách trang trọng, ca ngợi và tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng được muôn loài tôn vinh đến muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Trofim và Evkarpij

Ngày tưởng niệm 18 tháng Ba

Khi cuộc bách hại các Kitô hữu bùng nổ tại Nicomedia, tất cả những người làm chứng cho Chúa Kitô đều bị bắt giữ và giam cầm trong ngục tối, sau đó bị đưa ra xét xử, đồng thời phải chịu nhiều hình thức tra tấn và cực hình đa dạng; những ai vẫn kiên định trong việc làm chứng cho Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, đều bị kết án tử hình. Vào thời điểm đó, các thánh tử đạo Trophimus và Eukarpios được biết đến trong quân đội như những chiến binh dũng cảm và can đảm nhất, và vì thế họ cũng trở thành những kẻ thù quyết liệt nhất của Chúa Kitô. Họ bắt giữ các Kitô hữu, giam họ vào ngục tối và, khi đã nắm toàn quyền đối với họ, tùy ý mình mà tra tấn một số người, còn những người khác thì để họ mòn mỏi trong ngục tối. Một lần nọ, khi họ đang trên đường đi bắt một số Kitô hữu, thì thấy một đám mây lửa lớn từ trời hạ xuống và ngày càng dày đặc khi tiến gần đến họ. Từ đám mây, một giọng nói vang lên:

– Tại sao các ngươi lại hăng hái đe dọa các tôi tớ của Ta như vậy? Đừng tự lừa dối mình: không ai có thể khuất phục những người tin vào Ta dưới quyền lực của mình, nhưng tốt hơn hết là chính các ngươi hãy gia nhập cùng họ, và như vậy các ngươi sẽ được Nước Trời.

Khi nhìn thấy hình ảnh ấy và nghe những lời ấy, Trophimus và Evkarpios, những kẻ từng là những kẻ bắt bớ các tôi tớ của Đấng Christ một cách dữ dội và tàn nhẫn, đã ngã quỵ xuống đất, vì họ không thể vừa nhìn vào hình ảnh ấy, vừa chịu đựng được tiếng sấm sét phát ra từ đám mây; và khi nằm trên đất, họ chỉ nói với nhau rằng:

– Quả thật, Đức Chúa Trời, Đấng đã hiện ra với chúng ta hôm nay, thật vĩ đại. Chúng ta sẽ được hạnh phúc nếu trở thành tôi tớ của Ngài.

Và ngay lúc họ đang nói những lời ấy trong sự sợ hãi, đám mây bỗng tách ra, bao quanh họ từ hai phía, – và từ trong đó lại vang lên một tiếng nói, phán với họ:

– Hãy đứng dậy và ăn năn, thì các tội lỗi của các ngươi sẽ được tha thứ. Khi họ đứng dậy, họ thấy một người đàn ông da trắng, vô cùng đẹp đẽ, đang ngồi giữa đám mây, và có vô số người đứng trước mặt Ngài. Bị choáng ngợp trước dáng vẻ phi thường của Ngài, Trophimus và Evkarpios cùng cất tiếng thưa với Ngài:

– Xin hãy nhận chúng con, vì tội lỗi của chúng con thật xấu xa và không thể diễn tả nổi. Chẳng có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ngài, Đấng Tạo Hóa và Đức Chúa Trời Duy Nhất chân thật, còn chúng con thì vẫn chưa gia nhập vào hàng ngũ các tôi tớ của Ngài!

Khi họ vừa dứt lời, đám mây lập tức co lại và bay lên trời. Sau đó, Trophimus và Evkarpios vẫn ở lại đó rất lâu và khóc lóc, rồi sau khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời, họ quay trở lại và với lòng kính sợ, đã giải phóng tất cả những người đang bị giam cầm khỏi ngục tối. Họ hôn họ như những người anh em, cúi đầu chào họ và tháo xiềng xích cho họ, rồi tiễn đưa tất cả mọi người; nhờ đó, tất cả các tù nhân đều trở về nhà mình. Quan trưởng thành Nicomedia, khi biết chuyện này, đã rất tức giận với Trofim và Evkarpiy; ông triệu tập họ đến và tra hỏi, muốn biết lý do tại sao họ lại thay đổi như vậy. Họ đã kể lại chi tiết cho ông ta mọi điều họ đã thấy trong thị kiến. Lúc đó, ông ta ra lệnh treo họ lên cây và dùng dao cạo vào xương sườn họ, sau đó dùng dây thừng làm từ lông để chà xát lên vết thương. Các thánh tử đạo đã dũng cảm chịu đựng sự tra tấn và cầu nguyện, vừa vui mừng vừa tạ ơn Thiên Chúa. Hành động này càng khiến quan trưởng thành phố tức giận hơn nữa, và ông ra lệnh đốt một đống lửa lớn rồi ném các ngài vào đó. Khi đống lửa đã bùng cháy, các thánh tự mình bước vào ngọn lửa và, trong khi tôn vinh Thiên Chúa, đã phó thác linh hồn công chính của mình vào tay Thiên Chúa. Các thánh tử đạo Trophimus và Eukarpios đã đón nhận cái chết tử đạo như vậy[2478] .

[2478] Các thánh Trophimus và Eukarpios qua đời vào khoảng năm 300.

Tháng Tư

1 tháng 4

19 tháng 3 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Chrysanthus và Darius

Ngày tưởng niệm 19 tháng 3

Một người tên là Polemius, xuất thân từ gia đình quý tộc, cùng với con trai mình là Chrysanthus, đã chuyển từ Alexandria[2479] đến Rome[2480] . Tại đây, ông được đón tiếp long trọng và được hoàng đế phong tước thượng nghị sĩ. Với mong muốn cho Chrysanthus được học hành, Polemius đã gửi con trai mình vào một trường triết học. Chrysanthus, một thanh niên ham học hỏi và rất thông minh, trong khi miệt mài nghiên cứu các ngành khoa học khác nhau, đã tình cờ tìm thấy những cuốn sách của Tân Ước; khi đọc kỹ và đi sâu vào ý nghĩa của chúng, Chrysanthus đã suy ngẫm như sau:

– Cho đến nay, hỡi Chrysanthus, ngươi đã học các tác phẩm ngoại giáo đầy bóng tối, cho đến khi ngươi nhận ra ánh sáng chân thật, và chỉ nên bám víu vào ánh sáng ấy mà thôi. Vì sẽ không khôn ngoan chút nào nếu quay lưng lại với ánh sáng để trở về với bóng tối. Ngươi sẽ làm hỏng công lao học tập nếu từ chối những thành quả của những nỗ lực ấy. Còn những thành quả ấy được ban cho những ai tìm kiếm chúng bởi chính Thiên Chúa. Vì chính Đức Chúa Trời đã phán như vậy, như ngươi đã đọc trong các sách Tân Ước: *"Hãy xin, thì sẽ được; hãy tìm, thì sẽ thấy; hãy gõ cửa, thì sẽ mở cho"* (Lu-ca 11:9). Nếu ngươi muốn từ bỏ điều mà ngươi đã tìm kiếm và tìm thấy, thì ngươi sẽ giống như những người dại dột và điên rồ. Vậy, hãy kiên định bám chặt vào điều mà ngươi phải bám chặt bằng cả tâm trí, để không tự ý đánh mất ân huệ đã được kiếm được bằng bao công sức: ngươi đã tìm thấy vàng và bạc, đã tìm thấy đá quý. Vì ngươi đã tìm kiếm để tìm thấy, và đã tìm thấy để tận dụng những gì đã có được: vậy nên, hãy cẩn thận để kho báu mà ngươi đã có được không bị tước đoạt.

Suy ngẫm như vậy, Chrysanthus tìm kiếm ai có thể dạy cho anh về Kinh Thánh. Và cũng như ban đầu anh từng là người nghe học về sự khôn ngoan trong nghệ thuật hùng biện và triết học, là học trò của những bậc thầy uyên bác nhất, thì giờ đây anh mong muốn tìm được những vị thầy không thông thạo chữ viết, giống như các Tông đồ của Chúa Kitô ngày xưa – những ngư dân không biết chữ, nhưng lại đã dẫn dắt cả thế giới đến với sự hiểu biết về Chúa Kitô. *"Khi thấy sự can đảm của Phê-rô và Gio-an, và nhận ra rằng họ là những người không biết chữ và đơn sơ, họ ngạc nhiên, nhưng rồi nhận ra rằng họ đã từng ở cùng với Đức Giê-su"* (Công vụ 4:13); Chính những vị thầy như vậy mà chàng trai thông thái Chrysanthus đã siêng năng tìm kiếm, vì chàng đã đọc lời của vị Tông đồ, người đã nói: *"Người khôn ngoan ở đâu? Người thông thái ở đâu? Người thông thạo Kinh Thánh ở đâu? Chẳng phải Đức Chúa Trời đã biến sự khôn ngoan của thế gian này thành sự điên rồ sao? Vì khi thế gian không nhận biết Đức Chúa Trời trong sự khôn ngoan của Ngài, thì Đức Chúa Trời đã vui lòng dùng sự điên rồ của lời rao giảng để cứu những người tin"* (1 Cô-rinh-tô 1:20–21; so sánh Ê-sai 33:18).

Trong khi suy ngẫm như vậy và tìm kiếm một vị thầy Kitô giáo, Chrysanthus đã nghe nói về một Kitô hữu tên là Carpophorus, người rất am hiểu Kinh Thánh; Carpophorus này đang sống, hay đúng hơn là ẩn náu vì sự bắt bớ – trong một hang động nào đó, tại một nơi mà không ai biết đến. Khi nghe tin về người Kitô hữu này, chàng trai

---

[2479] *Alexandria* – thành phố nổi tiếng, được Alexander Đại đế thành lập vào thế kỷ IV trước Công nguyên bên bờ Biển Địa Trung Hải, tại cửa sông Nile. Alexandria, sau Rome, là thành phố lớn nhất thế giới và từng là trung tâm thương mại, công nghiệp, đặc biệt là nền giáo dục ngoại giáo; còn trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, nơi đây là cái nôi của nền giáo dục Kitô giáo. Theo truyền thuyết, Kitô giáo được Thánh Tông đồ Mác-cô mang đến đây vào khoảng năm 60.

[2480] *Roma* – thủ đô của Đế chế La Mã – nằm ở vùng trung tâm nước Ý, trải dài hai bên bờ sông Tiber, tại nơi con sông này đổ ra biển. Tại Roma, các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô đã chịu tử đạo dưới thời Hoàng đế Néron.

đạo đức ấy vô cùng vui mừng và tha thiết nài nỉ người đã cho anh biết về người Kitô hữu đó, xin người ấy chỉ cho anh nơi người của Đức Chúa Trời ấy đang sống.

Sau khi biết được nơi ở của ông, Chrysanthus đã đến gặp Karpofor, một vị linh mục, và được ông dạy dỗ về Kinh Thánh và đức tin Kitô giáo; anh thường xuyên đến thăm ông và nhận được sự hướng dẫn trên con đường cứu rỗi. Dưới sự hướng dẫn của linh mục Karpofor, trong vòng vài tháng, Chrysanthus đã thấu hiểu những mầu nhiệm của Kinh Thánh và sau đó nhận phép rửa thánh từ ngài. Chrysanthus đã vững vàng trong đức tin Kitô giáo và trong tình yêu dành cho Chúa Kitô đến nỗi, chỉ bảy ngày sau khi chịu phép rửa, anh đã công khai rao giảng về Chúa Kitô, Con Thiên Chúa, cho dân chúng. Khi nghe tin này, một số người thân thuộc có địa vị cao trong gia đình Chrysanthus đã nói với cha của anh ta:

– Hãy cẩn thận, ngươi sẽ phải chịu trách nhiệm và bị trừng phạt vì những việc con trai ngươi dám làm, bởi vì nó phỉ báng các vị thần, lại còn công nhận một Đấng Christ nào đó là Thiên Chúa chân chính; và nếu tin đồn này đến tai nhà vua, thì vì nó mà cả ngài lẫn chúng tôi – những người thân của nó – sẽ không được tha thứ, và tất cả chúng ta sẽ mất đi ân sủng của nhà vua. Bởi vì ai dám nói những lời phỉ báng các vị thần như vậy, thì chính người đó đã trở thành kẻ chống lại luật pháp của nhà vua.

Phẫn nộ với Chrysanthus, Polemius đã nhốt con trai mình vào một ngục tối tăm và hôi thối, và để cậu ta chết đói, chỉ cho cậu một lượng thức ăn nhỏ vào buổi tối. Còn Thánh Chrysanthus thì coi nhà ngục và cơn đói đó không phải là hình phạt, mà là bài học về việc ăn chay, im lặng và sự khiêm nhường trong đời sống Kitô hữu, và ngài vui mừng với nơi ở tối tăm và chật hẹp của mình hơn là những cung điện rộng rãi và sáng sủa.

Khi biết được điều này, những người trong nhà và họ hàng đã đưa ra lời khuyên như sau cho Polemius:

– Nếu ngươi muốn khiến con trai từ bỏ đức tin Kitô giáo, thì hãy để nó được tự do và tận hưởng những thú vui. Hãy tìm cho nó một cô gái xinh đẹp và thông minh, rồi gả nó cho cô ấy; như vậy, nó sẽ quên đi đạo Kitô. Còn nhà tù, xiềng xích và đói khát mà ngươi dùng để hành hạ Chrysanthus, thì các Kitô hữu lại coi đó là vinh quang và danh dự, hơn là sự đau khổ.

Nghe vậy, Polemius ra lệnh chuẩn bị một căn phòng sang trọng, trang trí tường bằng giấy dán tường đắt tiền, đặt trong đó một chiếc giường quý giá và chuẩn bị mọi thứ để vui chơi và hưởng thụ. Sau đó, ông đưa con trai ra khỏi nhà giam tối tăm, cho cậu mặc những bộ quần áo đắt tiền, rồi dẫn cậu vào căn phòng đó. Sau đó, Polemius chọn ra những thiếu nữ xinh đẹp nhất trong số các nô tì của mình, cho họ mặc trang phục lộng lẫy, rồi nhốt họ trong căn phòng đó cùng con trai mình, đồng thời ra lệnh nghiêm khắc cho các thiếu nữ ấy phải bằng mọi cách quyến rũ Chrysanthus vào tình yêu xác thịt đầy dục vọng, và khiến anh ta xa lánh Chúa Kitô. Mọi loại thức ăn và rượu ngon nhất đều được dọn vào căn phòng đó dồi dào – còn những thiếu nữ ấy thì hát những bài ca dâm đãng trước mặt thánh Chrisanphus, nhảy múa trước mặt ngài, nói những lời vô liêm sỉ, bằng mọi cách cố gắng lôi kéo tâm hồn của chàng trai phúc lành ấy vào những trò dâm đãng và khoái lạc xác thịt.

Còn chàng trai Chrysanthus thì không hành xử như một thiếu niên, mà như một người đàn ông đã trải qua thử thách trước những trò chơi và cám dỗ của các thiếu nữ ấy; dù đang ở giữa những cái bẫy, chàng vẫn không thể bị bắt được. Trong cuộc chiến này, anh đã chứng tỏ mình là một chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô, từ chối hoàn toàn những món ăn ngon và đồ uống ngọt ngào; còn đối với những thiếu nữ ấy, anh nhìn họ như những con rắn độc, tránh tiếp xúc với họ như tránh rắn, và luôn luôn ở trong sự cầu nguyện. Khi cần phải nghỉ ngơi bằng giấc ngủ, ngài nằm xuống đất mà không có giường, còn những lời cám dỗ và vô liêm sỉ của các thiếu nữ, ngài coi như những mũi tên và dùng lá chắn đức tin để đẩy lùi chúng khỏi mình, đồng thời kêu cầu Thiên Chúa:

"Hãy cầm khiên và áo giáp, hãy đứng lên giúp đỡ con; hãy rút gươm ra và chặn đường những kẻ đuổi theo con; hãy phán cùng linh hồn con rằng: 'Ta là sự cứu rỗi của con!'" (Thi thiên 34:2–3). Ai có thể chiến thắng cuộc chiến mà ma quỷ đã gây ra cho con, nếu không phải chính bàn tay phải của Ngài chiến thắng và đè bẹp nó? Ai tự tin rằng mình có thể dùng sức riêng để chế ngự dục vọng xác thịt và giữ gìn sự trong sạch, thì người ấy đang tự lừa dối mình, trừ khi ngọn lửa dục vọng ấy được dập tắt bởi cơn mưa lòng thương xót của Ngài. Linh hồn không thể đạt đến các nơi ở của Ngài, trừ khi chính Ngài dẫn dắt nó đến đó, vì dục vọng xác thịt giống như một con thú xảo quyệt, ẩn náu trong sa mạc của sự hão huyền đời thường để hủy diệt linh hồn con người; và nếu ai thoát khỏi hàm răng của nó, thì phải dâng lời tạ ơn từ tận đáy lòng lên Thiên Chúa, Đấng Cứu Chuộc của mình, vì nhờ Ngài mà chúng con được giải thoát khỏi tai họa ấy. Cũng như Giuse trinh khiết đã nhờ sự trợ giúp của Ngài mà thoát khỏi bàn tay của người đàn bà dâm đãng, như thoát khỏi hàm răng của con thú hung dữ không thể khuất phục – chính Giuse ấy, người mà cha của ông đã than khóc: *"Con thú dữ đã nuốt chửng con trai ta"* (Sáng Thế Ký 37:33). Vì quả thật, vợ

của Phentephri, như một con thú dữ, đã tấn công anh ta và như một con sư tử cái nào đó, đã cào xé con chiên vô tội là Giô-sép bằng móng vuốt của mình, lôi kéo anh ta vào con đường tội lỗi (Sáng Thế Ký 39:12). Và còn con thú nào có thể dữ tợn hơn ma quỷ và người phụ nữ? Ham muốn xác thịt tự nhiên đã khơi dậy trong chàng trai Giô-sép, còn người phụ nữ ấy lại càng lôi cuốn chàng bằng ánh mắt quyến rũ, y phục sang trọng, nhan sắc tuyệt trần, của cải, quyền lực và những lời nịnh hót, dẫn dắt chàng trai trong sạch ấy vào con đường diệt vong và cái chết. Thật kỳ diệu là chàng đã thoát khỏi cái bẫy xảo quyệt của con thú! Không phải vô cớ mà cha anh đã nói: *"Thật hạnh phúc cho tôi, vì con trai tôi còn sống"* (Sáng Thế Ký 45:28), bởi vì anh đã thoát khỏi cái chết to lớn và không thể tránh khỏi, thậm chí còn tàn khốc hơn cả khi các anh em muốn giết anh; và anh đã thoát khỏi cái chết đó nhờ sự giúp đỡ toàn năng của Ngài, hỡi Đức Chúa Trời Toàn Năng! Vì lúc đó Ngài đã ở cùng anh ấy. Và giờ đây, lạy Chúa, con khiêm nhường khẩn cầu Ngài, xin ban cho con sự giúp đỡ trước những con thú và rắn rết này, những kẻ mà cha con đã nhốt con chung một chỗ với chúng. Và như những con rắn bị yểm bùa đang ngủ, xin cho những thiếu nữ vô đạo này cũng chìm vào giấc ngủ trong lúc con cầu nguyện, để chúng không thể khơi dậy dục vọng xác thịt trong thân thể non nớt của con. Xin giúp con, Đấng Cứu Rỗi của con, vì con chỉ biết Ngài là Đức Chúa Trời chân thật duy nhất, Đấng cứu rỗi những ai tin Ngài và ban cho họ sự giúp đỡ bất khả chiến bại của Ngài".

Sau lời cầu nguyện đó, những thiếu nữ bị nhốt cùng với Chrysanthus đã chìm vào giấc ngủ sâu đến nỗi không thể tự thức dậy, cũng không thể bị ai đánh thức, cho đến khi họ được đưa ra khỏi căn phòng đó. Khi được đưa ra khỏi đó, họ lập tức tỉnh dậy; sau khi ăn uống xong, họ lại vào phòng thánh Chrysanthus, và một lần nữa chìm vào giấc ngủ sâu như vậy. Và điều này lặp lại mỗi ngày. Khi chuyện này được kể lại cho Polemius, cha của Chrysanthus, ông đã khóc than cho con trai mình như thể con đã chết. Lúc đó, một số người bạn nói với Polemius:

– Con trai ngài đã học được phép thuật từ những người Kitô hữu và dễ dàng khiến những cô gái ấy chìm vào giấc ngủ. Nhưng hãy đính hôn và gả con trai ngài cho một cô gái có học thức và thông minh; dù con trai ngài có không muốn kết hôn đi chăng nữa, khi sống chung với cô ấy lâu ngày, cô ấy sẽ dẫn dắt con trai ngài đến việc quan hệ xác thịt với mình và khiến con trai ngài xa lánh Kitô giáo.

Polemius đáp lại:

– Vậy thì chúng ta sẽ tìm đâu ra một cô gái thông minh đến thế, người có thể làm mềm lòng Chrysanthus, người vốn rất cứng rắn, thuyết phục anh ta và đưa anh ta trở lại với luật lệ của chúng ta?

Nghe vậy, những người thân của anh ta nói với anh ta:

– Trong số các thiếu nữ phục vụ tại đền thờ nữ thần Athina[2481] , có một thiếu nữ tên là Daria; cô ấy rất xinh đẹp, thông minh và đã học hết các cuốn sách cũng như toàn bộ nghệ thuật hùng biện; cô ấy đã đến tuổi kết hôn. Vậy nên, hãy nhanh chóng hứa hôn cô ấy cho con trai ông, trước khi người khác cướp mất cô ấy.

Tuân theo lời khuyên này, Polemius đã nhờ các họ hàng của mình đến gặp cô gái ấy, kể cho cô nghe về chàng trai Chrysanthus và việc anh ta đã được dẫn dắt vào đạo Kitô, rồi nài nỉ cô gái ấy quyến rũ anh ta để chung sống như vợ chồng và khiến anh ta từ bỏ đạo Kitô. Cô gái ấy đồng ý kết hôn với Chrysanthus và chuẩn bị dùng những lời lẽ quyến rũ để lôi kéo vị hôn phu của mình vào tình yêu xác thịt và dẫn dắt anh ta thờ phụng các vị thần La Mã.

Sau đó, cô gái ấy được rước về nhà Polemius một cách trang trọng; với vẻ đẹp tự nhiên của mình, được trang điểm bằng y phục và trang sức quý giá, cô được dẫn vào phòng ngủ của vị thánh. Khi ở đó một mình với anh, cô đã dùng mọi lời lẽ ngọt ngào và những lời dụ dỗ khác nhau để lôi kéo chàng trai trinh tiết vào việc gian dâm. Còn chiến binh của Chúa Kitô, Chrysanthus, vẫn kiên định như kim cương[2482] , vững chắc như cột trụ và bất động như ngọn núi, dùng tình yêu dành cho Thiên Chúa để chiến thắng tình yêu xác thịt, và bằng dấu thánh giá, ngài đã

[2481] *Athena* (còn gọi là Pallas hoặc Minerva) – nữ thần Hy Lạp, con gái của vị thần tối cao Zeus, được sinh ra từ đầu của ông mà không cần người mẹ. Đối với người Hy Lạp, Athena chính là hiện thân của trí tuệ Zeus: trí tuệ và sức mạnh là những đặc điểm chính của nữ thần này. Là vị thần bảo hộ thành phố, Athena khuyến khích mọi điều góp phần vào sự thịnh vượng của người dân, nông nghiệp và thủ công nghiệp; trí tuệ của bà đã sáng tạo ra nhiều vật dụng hữu ích; bà tham gia và dạy dỗ mọi nghề thủ công dành cho phụ nữ; bà là nữ thần của mọi nghệ thuật và thủ công, của mọi sự khôn ngoan và khoa học. Bà giám sát việc thi hành pháp luật và luật lệ, các phiên tòa và các cuộc họp dân chúng. Đồng thời, bà cũng là nữ thần chiến tranh, và đôi khi được miêu tả trong bộ giáp chiến.

[2482] *Adamant* (kim cương) – loại đá có độ cứng đến mức có thể mài và cắt các loại đá khác mà không bị tổn hại. Trong văn học Giáo hội, danh xưng này được dùng để chỉ nhiều vị thánh (đặc biệt là các vị Thánh Cha và các vị Thầy của Giáo hội), những người nổi tiếng vì sự kiên định trong đức tin và tính cách.

đẩy lùi những mũi tên của ma quỷ nhắm vào mình. Thở dài sâu thẳm từ tận đáy lòng hướng về Thiên Chúa và cầu xin Thánh Thần trợ giúp, Chrysanthus đã nói với thiếu nữ như sau:

– Nàng thiếu nữ xinh đẹp ơi! Nếu nàng chỉ vì một cuộc kết hợp ngắn ngủi với ta – một con người phàm trần – mà ăn mặc lộng lẫy, trang điểm kỹ lưỡng và thốt ra những lời ngọt ngào đến thế, nhằm lôi kéo ta rời xa cuộc sống tu hành mà ta đã tự nguyện chọn lựa, làm hư hỏng linh hồn ta và làm lệch hướng mọi suy nghĩ của ta, bị ám ảnh bởi một tình yêu khác, thì em càng nên quan tâm nhiều hơn để có thể giành được tình yêu của Đấng Vua Bất Tử, Con Thiên Chúa; và điều này rất dễ thực hiện đối với em, nếu chính em muốn. Nếu ngươi giữ cho linh hồn cùng thân xác mình trong sự trong sạch, và như hiện nay ngươi đã trang điểm thân xác mình bằng những bộ trang phục quý giá, thì ngươi cũng hãy trang điểm trái tim mình bằng những đức tính tốt đẹp; khi đó, các Thiên thần sẽ là bạn của ngươi, các Tông đồ – là bạn thân, các vị Tử đạo – là những người lân cận; nhờ lời cầu bầu của họ, chính Chúa Kitô sẽ trở thành vị hôn phu của con, và Ngài sẽ chuẩn bị cho con trên trời một cung điện bất diệt, đẹp đẽ và rực rỡ hơn vô cùng so với trần gian, ban cho con niềm vui vĩnh cửu của thiên đàng, làm cho tuổi trẻ của con trở nên bất tử và ghi tên con vào sách sự sống vĩnh cửu.

Nghe những lời ấy từ chàng thanh niên thánh thiện, Daria cảm động và nói:

– Không phải ham muốn xác thịt nào đã đưa tôi đến đây gặp con trong bộ trang phục lộng lẫy này, mà là tình yêu dành cho con, cùng những giọt nước mắt và lời khẩn cầu của cha con, mong tôi đưa con đến phụng sự các vị thần của chúng ta.

Thánh Chrysanthus đáp lại:

– Nếu nàng có bất kỳ lý lẽ hay chỉ dẫn rõ ràng nào, nhờ đó nàng có thể chứng minh sự chân thật của việc thờ phụng các vị thần mà các ngươi thực hiện, thì ta sẽ nghe theo nàng và thay đổi suy nghĩ của mình. Vì lợi ích chung của chúng ta, hãy cùng nhau bàn luận về điều này.

– Không có gì hữu ích và cần thiết hơn cho con người, – Daria nói, – ngoài việc tôn kính các vị thần và cẩn trọng để không làm họ phật lòng, mà phải dâng lễ vật để làm vừa lòng họ, để họ trở thành những vị bảo hộ cho chúng ta.

– Ôi, thiếu nữ thông thái! – vị thánh đáp lại. – Làm sao những vị thần ấy lại có thể là những vị bảo hộ của chúng ta, khi chính họ lại cần được bảo vệ, và ban đêm còn có những con chó bị xích lại để canh giữ họ, để họ không bị bọn trộm cắp lấy đi? Chính vì thế mà họ mới bị đóng đinh sắt và hàn chì lại, để nếu bị ai đó lật đổ, họ cũng không rơi xuống đất và vỡ tan.

– Nếu dân chúng thiếu hiểu biết có thể tôn kính các vị thần mà không cần đến những tượng thần được tạc ra, – Daria nói, – thì lẽ ra không cần phải tạc và đặt chúng lên. Chúng được đúc từ vàng, bạc và đồng, hoặc làm từ đá cẩm thạch và gỗ, để khi nhìn thấy chúng bằng mắt, con người biết phải hình dung ai trong tâm trí, tôn kính và kính sợ.

– Hãy xem xét và suy luận, – Thánh Chrysanthus đáp, – những tượng thần được tạc ra đang tượng trưng cho ai, và liệu những vị mà tượng của họ được đặt có xứng đáng với vinh quang Thần thánh hay không? Không thể gọi là Thần ai đó nếu người ấy không sở hữu trọn vẹn sự thánh thiện, công chính và vinh quang Thần thánh. Vậy thì Kronos, vị thần cầm liềm của các ngươi, người đã ăn thịt chính con cái mình – như chính những người sùng bái ông ta đã ghi chép tại[2483] – thì có sự thánh thiện, công chính và vinh quang thần thánh nào? Hay ngươi sẽ tìm thấy điều gì đáng khen ngợi ở chính Zeus[2484] , người mà mỗi ngày sống qua đều phạm phải vô số tội ác, ngoại tình và giết người: kẻ bách hại cha mình, kẻ hủy diệt con cái mình, kẻ ngoại tình với vợ người khác, từng là chồng của chính em gái mình, kẻ hành hạ vương quốc, kẻ sáng tạo ra phép thuật, kẻ trung gian của cái chết và kẻ có tội trong vô số hành vi phạm pháp và ô uế, đến nỗi không thể nào nghe nổi – vì những việc làm của ông ta quá đỗi vô liêm sỉ và dơ bẩn. Chẳng lẽ ngươi tin rằng một kẻ vô đạo như vậy lại có thể là thần sao? Và chính các nhà văn của các ngươi đã chứng thực điều đó, khi họ viết rằng những kẻ vô đạo đã gọi các vị vua dũng cảm trên chiến trường, những người đã qua đời vào thời của họ, là các vị thần. Hãy nói cho tôi biết, thần Zeus của các ngươi có đức hạnh gì, khi cho đến tận lúc chết, hắn vẫn là kẻ thù của mọi sự trong sạch và chính trực, bởi chính hắn đã làm ô uế bầu trời khi bắt cóc

---

[2483] *Kronos* (hay Chronos – thời gian) – vị thần của thời gian, con trai của Uranus (bầu trời); ông đã nuốt chửng chính các con của mình, nhưng vợ ông *là Rhea* đã cứu Zeus và giấu cậu bé trong bụi lau sậy trên đảo Delos, nơi cậu được một con dê nuôi dưỡng.

[2484] *Zeus* (hay Jupiter) – vị thần Hy Lạp-La Mã, được những người theo đạo ngoại giáo tôn kính là chúa tể của trời và đất, cha của tất cả các vị thần và loài người.

thiếu niên Ganymede[2485] , và cũng làm ô uế mặt đất khi cưỡng hiếp các chị em ruột của mình. Và ở Hermes[2486] của các ngươi, ngươi tìm thấy điều gì là thần thánh, khi đầu của hắn giống như một con quái vật có cánh? Hắn dùng phép thuật để tìm ra vàng ẩn giấu dưới đất, và bằng bùa chú cùng cây gậy phép, hắn vô hiệu hóa nọc độc của rắn; hắn làm điều đó với sự trợ giúp của các quỷ dữ, những kẻ mà hắn hàng ngày dâng hiến một con lợn rừng hoặc một con gà trống làm lễ vật. Vậy thì sự thánh thiện ở Hercules[2487] là gì, người đã mệt mỏi vì giết hại những người láng giềng của mình và chính ông – theo ý muốn của Thượng Đế – đã lao vào lửa và bị thiêu rụi, khốn khổ, cùng với cây gậy mà ông mang theo và tấm da? Bạn sẽ tìm thấy điều tốt đẹp nào ở thần Apollo[2488] , hay trong những lễ hiến tế bí mật của thần Bacchus[2489] , trong những cuộc say sưa và sự buông thả? Hãy nhớ đến nữ thần Ira, em gái và vợ của Zeus, Pallas điên loạn[2490] , Venus vô liêm sỉ[2491] , những vị thần cãi vã lẫn nhau, ghen tị với nhau, giận dữ với nhau, mỗi người tranh cãi về vẻ đẹp của mình và đòi hỏi sự phán xét của người chăn cừu. Tất cả những vị này, những người không có cả Thần tính, sự thánh thiện lẫn sự chính trực, ai sẽ coi họ xứng đáng với vinh quang Thần thánh? Còn về các vị thần nhỏ khác thì không đáng để nhắc đến, vì các vị thần chính giống như cái đầu, mà các bộ phận khác phải theo sau. Và ai trong số họ xứng đáng được tôn kính như thần hay nữ thần, khi Kronos, Zeus và Venus – những vị được những kẻ vô đạo coi là các vị thần tối cao – thực ra lại không phải là thần? Vậy thì, nếu các vị thần của các ngươi đáng khinh và hư ảo, thì những kẻ tôn sùng họ làm thần lại càng đáng khinh hơn.

Daria, sau khi lắng nghe kỹ lời của Chrysanthus, nói:

– Nếu những câu chuyện của các nhà thơ chúng ta là vô lý, thì chúng ta hãy tìm đến các nhà triết học, những người dạy chúng ta từ bỏ mọi thói xấu và tuân theo đức hạnh. Trong các tác phẩm của mình khi nói về sự hình thành của thế giới, họ giải thích tên các vị thần như sau. Họ hiểu Kronos là Thời gian, thứ nuốt chửng mọi thứ và biến mọi thứ thành hư vô; Zeus là Nắng nóng; Ira là Không khí; Aphrodite là Lửa; Poseidon là Biển; Ceres là Đất; còn những tên thần khác thì đại diện cho các nguyên tố còn lại.

Trước điều đó, Chrysanthus nói:

– Thông thường, người ta tạo ra hình ảnh của những thứ không phải lúc nào cũng tồn tại, mà sẽ biến mất theo thời gian; còn đất thì luôn tồn tại, cũng như biển và lửa luôn tồn tại và được mọi người quan sát thấy, không khí cũng vậy. Và tại sao lại được cho phép tôn thờ các nguyên tố này như những vị thần trong các tượng thần có hình dáng giống con người và được tạo ra bởi bàn tay con người – tôi không biết và cũng không hiểu? Tại sao các vị lại tôn thờ các biểu tượng của các nguyên tố trong những bức tượng giống người, mà không tôn thờ chính các nguyên tố đó? Tại sao các vị không thờ phụng đất, không khí và biển? Liệu có vị công tước hay vua chúa nào lại ra lệnh cho người ta khinh miệt chính mình, trong khi lại bắt họ thờ phụng hình tượng của mình do ai đó tạo ra không? Và vì không có vị vua hay công tước nào như vậy, nên phải nói rằng, thực sự, những hình tượng đó không phải là các nguyên tố tự nhiên hay các vị thần, mà là những con người phàm trần.

Daria nói:

– Những bằng chứng của ngươi, Chrysanthus, đã xác nhận suy nghĩ của ta: những tượng thần được tạc ra chỉ được những người dân thường, những kẻ dốt nát tôn thờ, còn chúng ta thì tôn thờ chính những vật thể mà hình ảnh của chúng được dựng lên.

[2485] *Ganymede* (hay Ganimed) – con trai của vua thành Troia, người đẹp nhất trong số những người phàm, người đã bị các vị thần bắt cóc lên trời để sống vĩnh viễn ở đó và rót rượu cho Zeus. (Theo thần thoại, Zeus đã mang cậu đi hoặc bằng con đại bàng của mình, hoặc chính ông dưới hình dạng một con đại bàng). Sau đó, Ganymede trở thành người rót rượu cho các vị thần, đặc biệt là Zeus, và trở thành người được Zeus yêu mến nhất.

[2486] Hermes (hay *Mercury*) được coi là sứ giả của các vị thần, vị thần bảo trợ cho thương mại và các nhà hùng biện, đồng thời là một trong những vị thần ngoại giáo được yêu mến nhất. (Vì vậy, dân chúng thiếu hiểu biết ở các thành phố Lystra và Lycaonia đã bị ấn tượng sâu sắc bởi những phép lạ của các Tông đồ Phaolô và Barnaba đến nỗi họ gọi Barnaba là Zeus, còn Phaolô là Hermes, *vì ông có uy quyền trong lời nói.* – Công vụ 14:12).

[2487] *Hercules* (Heracles hoặc Iraklios) là con trai của hoàng hậu Alcmene và thần Zeus. Ông là biểu tượng cao nhất của sức mạnh anh hùng Hy Lạp; là anh hùng dân tộc của người Hy Lạp.

[2488] *Apollon* (hay *Phoebus)* – con trai của Zeus và Leto, một trong những vị thần ngoại giáo Hy Lạp-La Mã được tôn kính nhất. Ông được tôn vinh là vị thần của mặt trời và sự khai sáng trí tuệ, cũng như sự thịnh vượng của xã hội và trật tự, người bảo vệ luật pháp, vị thần tiên tri về tương lai.

[2489] Bacchus (Dionysus) – con trai của Zeus và Semele, vị thần của nho và nghề làm rượu, người mang lại niềm vui cho lòng người bằng món quà rượu vang và xua tan nỗi buồn cùng lo âu. Các lễ hội tôn vinh Bacchus thường đi kèm với sự buông thả tột độ.

[2490] *Pallada* – xem phần trên dưới mục *Athena.*

[2491] *Vệ Nữ* – nữ thần Hy Lạp-La Mã của tình yêu, sắc đẹp, khoái lạc và những ham muốn bất chính.

– Nếu ngươi muốn củng cố học thuyết của mình bằng những bằng chứng của chúng ta, – Chrysanthus đáp lại, – thì hãy lấy tất cả những người tôn kính các nguyên tố làm ví dụ: nếu họ tôn kính đất, thì hãy để họ tôn kính nó một cách xứng đáng, như một vị nữ thần của họ, và không được làm ô uế nó, đừng cày xới, đừng đào bới và đừng canh tác nó theo bất kỳ cách nào khác; hãy để đất được tự do, không bị canh tác hay khai hoang. Còn ai không coi đất là nữ thần, thì – nếu người đó là nông dân – hãy để họ canh tác đất bằng cày và cuốc, mà không dành cho đất bất kỳ sự tôn kính thần thánh nào. Và hãy xem, ai có ruộng và vườn trĩu quả hơn? Ai không canh tác đất, không đào xới nó mà vẫn tôn kính nó như một nữ thần? Hay là ai đó cày xới và canh tác đất mà không có chút sự tôn kính nào? Nếu đất thực sự – như các ngươi nói – là nữ thần, thì nó phải ban cho các ngươi, với tư cách là những tín đồ của mình, mọi loại trái cây mà không cần các ngươi phải lao động, mà không cần được cày xới, canh tác hay gieo hạt. Tương tự, nếu biển là thần, thì hãy bơi trên đó mà không cần mái chèo, để biển đưa bạn đến nơi bạn muốn; cũng như vậy, nếu bạn muốn có cá, thì đừng bắt chúng và đừng vất vả, mà hãy thờ phụng biển như một vị thần, và cầu xin chúng từ biển bằng lời cầu nguyện. Về các nguyên tố còn lại, bạn phải hiểu rằng chúng không nhận biết những người thờ phụng mình, vì chúng không có linh hồn cũng không có trí tuệ, nhưng theo lệnh của Đức Chúa Trời, chúng phục vụ cho nhu cầu của con người; và đất, theo lệnh của Đấng Tạo Hóa, khi được tưới nước và sưởi ấm bởi ánh nắng mặt trời, sẽ ươm mầm, nuôi dưỡng cây trồng và vào đúng thời điểm sẽ sinh ra trái cây. Vì vậy, chúng ta nên tôn kính Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa, Đấng đã tạo ra, sắp đặt và ban cho chúng ta tất cả những điều này để sống, chứ không phải những nguyên tố mà Ngài đã tạo ra. Thật vậy, những đứa trẻ đi học ở trường cũng không tôn vinh sách vở, bảng gỗ hay giấy tờ, mà là các thầy cô của mình; cũng giống như vậy, người bệnh sau khi được chữa lành và khỏe mạnh trở lại, không cảm ơn thuốc men, mà cảm ơn vị bác sĩ đã chữa lành cho họ.

Sau khi Chrysanthus nói những điều này và nhiều điều khác nữa, Daria đã tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, là Chúa Giê-su Christ của chúng ta, và lúc đó cả hai đều đồng ý với Chrysanthus sống trong sự độc thân, dưới hình thức hôn nhân, giữ gìn sự trinh khiết của mình và sống trong sự kính sợ Đức Chúa Trời. Từ đó, Polemius, cha của Chrysanthus, đã trao cho con trai mình toàn quyền tự do vì cuộc hôn nhân giả tạo này, bởi ông rất vui mừng trước đám cưới của con trai, vì không biết đến bí mật được giữ kín giữa hai người mới cưới. Tương tự như vậy, ông đã trao toàn bộ tài sản của mình cho con trai, như người thừa kế duy nhất của ông. Không lâu sau, Polemius qua đời, vì Thiên Chúa đã an bài như vậy để đôi vợ chồng thánh thiện – Chrysanthus và Daria, những người sống trong sự trinh khiết dù đã kết hôn – có thể phụng sự Ngài một cách tự do hơn.

Khi Chrysanthus đã hoàn toàn tự do trong cuộc sống như vậy, ông đã làm phép rửa tội cho người vợ của mình, cô gái Daria, và cô sớm học thuộc lòng toàn bộ Kinh Thánh và tất cả các sách Kitô giáo – và trở thành một người thánh thiện trong lối sống, một tôi tớ hoàn hảo và cô dâu của Chúa Kitô. Không chỉ lo cho sự cứu rỗi của chính mình, Chrysanthus và Daria còn quan tâm đến sự cứu rỗi của người khác; bởi vì ông đã dẫn dắt nhiều người đàn ông đến với Chúa Kitô, và khuyên nhủ các thanh niên sống đời trinh khiết, còn bà đã dắt dẫn nhiều phụ nữ và thiếu nữ trở thành cô dâu của Chúa Kitô. Và khi mỗi người sống trong những ngôi nhà được bố trí đặc biệt giống như tu viện, họ đều có nhóm những người sống trong sự trinh khiết riêng: Chrysanthus – những thanh niên đã khinh bỉ mọi thú vui của thế gian này và hứa sống đời trong sạch cho Thiên Chúa, còn Daria – những thiếu nữ đã dâng mình làm vợ cho Chúa Kitô.

Sau vài năm, khi các nhóm của Chrysanthus và Daria đã phát triển rất mạnh tại Rôma, bỗng nhiên một cuộc nổi loạn và hỗn loạn bùng phát trong thành phố. Dân chúng, khi đến gặp tổng giám mục[2492] Kelerin, đã vu khống các thánh Chrysanthus và Daria. Các ông chồng la hét:

– Chúng tôi đã mất vợ rồi!

Còn các thanh niên thì kêu lên:

– Vì Daria mà chúng tôi đã mất những cô dâu đã đính hôn với chúng tôi!

Các bà vợ cũng la lên:

– Chúng tôi đã mất chồng rồi!

Còn các thiếu nữ thì kêu lên:

– Vì Chrysanthus mà chúng tôi đã mất những người chồng đã đính hôn với chúng tôi!

Cả dân chúng đều kêu lên rằng:

[2492] *Eparch* – người cai trị thành phố hoặc vùng lãnh thổ.

– Làm sao có thể sinh con được nếu hôn nhân bị từ chối? Nòi giống loài người sẽ tuyệt chủng nếu, theo giáo lý của Chrysanthus và Darius cùng những mưu mô huyền bí của họ, đàn ông sẽ xa lánh phụ nữ.

Lúc đó, tổng trấn ra lệnh bắt Chrysanthus và Darius, và sẽ tra tấn họ bằng đủ mọi hình thức nếu họ không dâng lễ vật cho các vị thần. Ông giao Chrysanthus cho một quan tribune[2493] tên là Claudius, và vị quan tribune này lại giao anh ta cho binh lính của mình, đồng thời dặn dò họ:

– Hãy dẫn hắn ra ngoài thành đến đền thờ Zeus, và nếu ở đó hắn không chịu thờ lạy Hercules bất khả chiến bại, thì hãy tra tấn hắn bằng đủ mọi cách, cho đến khi hắn khuất phục và dâng lễ vật.

Các binh sĩ bắt Chrysanthus, trói hắn không thương xót bằng những sợi gân bò chắc chắn và siết chặt đến mức chúng chạm vào xương của vị tử đạo; tuy nhiên, những sợi dây trói này lập tức đứt tung, và điều đó xảy ra quá đột ngột đến mức không ai kịp chớp mắt; tất cả diễn ra nhanh hơn cả việc thốt ra một lời. Các binh lính đã vất vả trói Chrysanthus trong một thời gian dài; không đạt được kết quả gì, họ nổi giận và nhốt ông vào một hang động tối tăm và hôi thối; sau khi đeo xiềng xích và trói ông bằng xích sắt, họ chửi rủa ông và lăng mạ ông bằng đủ thứ lời lẽ; nhưng những xiềng xích đó tan rã như bụi. Ngoài ra, họ còn đổ đủ thứ chất bẩn lên người ông, nói rằng:

– Những phép thuật và bùa chú của ngươi sẽ chẳng giúp được gì cho ngươi ở đây!

Nhưng đột nhiên, mùi hôi thối từ những chất bẩn đó biến thành hương thơm. Ngay sau đó, những tên lính giết một con bê, lột da nó ra và dùng tấm da còn ướt đó quấn quanh thân thể trần truồng của vị tử đạo, rồi đặt ngài dưới cái nắng gay gắt; nhưng ngay cả trong cực hình này, vị thánh cũng không cảm thấy chút đau đớn nào. Sau đó, họ lại xiềng ông bằng xiềng xích sắt và ném ông vào ngục tối, nhưng những xiềng xích ấy bỗng chốc gãy vụn, và trong ngục tối bừng sáng một luồng ánh sáng, như thể từ nhiều ngọn nến đang cháy. Các binh lính đã kể lại tất cả những gì đã xảy ra cho quan tribune Claudius của họ. Claudius, khi đến nhà ngục và thấy ánh sáng ở đó, đã ra lệnh dẫn vị thánh tử đạo Chrysanthus đến trước mặt mình và nói với ngài:

– Bằng sức mạnh phép thuật nào mà ngươi có thể tạo ra những phép lạ như vậy? Ta đã khuất phục nhiều pháp sư và phù thủy nhưng không tìm thấy ở họ sức mạnh như thế. Và vì ta thấy ngươi là người cao quý và khôn ngoan, nên ta không đòi hỏi gì khác ở ngươi, ngoài việc ngươi phải từ bỏ giáo lý Kitô giáo táo bạo, thứ đang gây ra hỗn loạn và xáo trộn trong dân chúng La Mã; vậy nên, hãy hành động xứng đáng với xuất thân của ngươi và dâng lên các vị thần toàn năng những lễ vật xứng đáng.

Thánh Chrysanthus đáp lại:

– Nếu trong ngươi có dù chỉ một tia sáng nhỏ của sự khôn ngoan, thì ngươi đã dễ dàng nhận ra rằng không phải mưu mẹo huyền ảo, mà chính là sức mạnh Thần thánh đang giúp đỡ và củng cố ta. Nhưng ngươi nhìn ta cũng giống như cách ngươi nhìn các vị thần của ngươi – bằng đôi mắt bị che mờ bởi sự thiếu sáng suốt. Bởi vì nếu đôi mắt ngươi nhìn đúng đắn, thì ngươi sẽ thấy rằng các vị thần của ngươi không nhìn thấy; và nếu tai ngươi nghe được sự thật, thì ngươi sẽ biết rằng các vị thần của ngươi không nghe thấy tiếng kêu cầu của những người cầu khẩn họ; và nếu ngươi có lý trí sáng suốt, thì ngươi sẽ hiểu rằng các vị thần của ngươi không có gì bên trong ngoài bụi đất, tro tàn và thiếc.

Lúc đó, quan tribune Claudius ra lệnh trói vị tử đạo vào cây và đánh ông bằng cây gậy có nhiều gai; nhưng trong tay những kẻ đánh vị tử đạo, những cây gậy ấy cứng và nặng, còn trên thân thể vị thánh thì mềm như cành cây; thấy vậy, quan tribune ra lệnh ngừng đánh Chrysanthus, rồi tháo dây trói khỏi cây, mặc lại quần áo cho ngài và quay sang các binh sĩ nói:

– Quả thật, điều đang diễn ra ở đây không phải là mưu mẹo phép thuật nào của con người, mà chính là Quyền năng Thần thánh. Bởi vì những sợi dây thừng chắc chắn làm từ gân bò đã tự tan rã, xiềng xích đã gãy vụn, còn cây gỗ trói chân ngài đã hóa thành bụi; và tấm da ướt được quấn quanh người anh ta, dù đã phơi dưới nắng cả ngày, vẫn không khô, những xiềng xích nặng nề đã được giải thoát bởi một sức mạnh vô hình và vỡ tan, ngục tối u ám bỗng chốc được chiếu sáng bởi ánh sáng rực rỡ, và cây gậy nặng nề, khi chạm vào thân thể anh ta, bỗng trở nên mềm mại như một cành cây. Vậy nên, khi thấy quyền năng Thần thánh đang hiển hiện rõ ràng nơi ngài, chúng ta hãy cùng quỳ xuống dưới chân người tôi tớ của Chúa này và xin tha thứ cho mọi sự ác độc và đau khổ mà chúng ta đã gây ra cho ngài. Chúng ta hãy khẩn cầu ngài, để ngài hòa giải chúng ta với Đức Chúa Trời toàn năng của ngài, Đấng tạo ra những phép lạ như vậy, Đấng làm cho các tôi tớ của Ngài trở nên mạnh mẽ và bất khả chiến bại trước mọi hoạn nạn – như chính chúng ta cũng thấy: vì chính người đau khổ này, tôi tớ của Ngài, đã đánh bại chúng ta, và

[2493] *Trivun (tribun)* – một chức vụ tương đương với đại tá hoặc chỉ huy đại đội.

cũng sẽ đánh bại các hoàng tử và vua chúa của chúng ta, đồng thời làm họ bẽ mặt bằng sức mạnh bất khả chiến bại của Đức Chúa Trời trên trời trong con người ông.

Nói xong, Claudius cùng tất cả các chiến binh quỳ xuống dưới chân Thánh Chrysanthus và nói:

– "Quả thật, chúng tôi đã nhận ra rằng Đức Chúa Trời của ngài là Đức Chúa Trời chân thật; vì vậy, chúng tôi khẩn cầu ngài hãy dẫn dắt chúng tôi đến với Ngài và biến chúng tôi thành những tôi tớ của Ngài."

Thánh nhân đáp lại:

– Nếu các ngươi muốn đến với Đức Chúa Trời của ta, thì đừng đến bằng đôi chân, mà hãy đến với Ngài bằng trái tim, vì Đức Chúa Trời luôn gần gũi với ai tìm kiếm Ngài bằng trái tim và đức tin.

Và sau đó, Thánh Chrysanthus đã trò chuyện với họ về Đức Chúa Trời chân thật trong một thời gian dài; sau cuộc trò chuyện này, quan tribune Claudius cùng vợ ông là Hilaria và hai con trai của ông – Jason và Maurus – đã tin nhận Đức Chúa Trời; cũng như tất cả họ hàng, bạn bè và cả gia đình họ; tất cả các chiến binh cùng với những người thân trong gia đình họ cũng đã tin – và tất cả cùng nhau nhận phép rửa thánh. Tất cả họ đều không ngừng học hỏi từ Thánh Chrysanthus, chăm chú lắng nghe những lời giảng của ngài về Chúa Giêsu Kitô, và tất cả đều mong muốn chịu khổ vì Ngài.

Vào thời điểm đó, Numerian[2494] đang trị vì tại Rome. Khi nghe tin về việc quan tribune Claudius đã quy y Chúa Kitô và được rửa tội cùng toàn thể gia đình cũng như các binh sĩ của mình, ông đã ra lệnh ném Claudius xuống biển, buộc một hòn đá vào cổ ông; còn tất cả các binh sĩ và hai con trai của Claudius thì bị chém đầu bằng gươm. Tại nơi các thánh tử đạo của Chúa Kitô qua đời có một hang động bị bỏ hoang, nơi trước đây người ta chôn cất người chết; sau khi dọn dẹp hang động này, các Kitô hữu đã mang thi hài các thánh tử đạo vào ban đêm và an táng trong hang động đó. Vợ của Claudius, bà Hilaria, thường đến hang động này, đến nơi an nghỉ của các thánh tử đạo để cầu nguyện tại chính nơi các con trai bà bị chém đầu. Một lần, khi bà đang cầu nguyện tại đó, bà bị những kẻ ngoại đạo bắt giữ và lôi đi tra tấn. Bà van xin họ, nói rằng:

– Hãy để tôi hoàn tất lời cầu nguyện của mình, rồi hãy dẫn tôi đi đâu tùy các người.

Khi những người lính sau đó nới lỏng xiềng xích cho Ilaria một chút, bà quỳ gối xuống đất, giơ hai tay lên trời[2495] , ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa, lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà con tuyên xưng bằng cả trái tim mình! Xin hãy đón nhận con cùng với các con trai của con, những người mà Ngài đã kêu gọi thực hiện cuộc tử đạo vì Ngài, và họ đã hiến dâng linh hồn mình vì Ngài, Chúa của họ.

Sau khi cầu nguyện như vậy, bà đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Các binh lính đã bắt bà Hilaria, khi thấy bà đã qua đời, lòng họ bỗng trào dâng cảm xúc, nên họ để lại hai nô tì của bà, những người đã ở bên bà, rồi ra đi. Còn hai nô tì ấy, sau khi mang thi thể của chủ nhân mình, đã an táng thi thể ấy một cách trang trọng bên cạnh hang động cũ nát, nơi các thánh tử đạo đã được an táng.

Còn các thánh Chrisanphus và Darius, vua Numerian đã ra lệnh tra tấn họ bằng những hình phạt khác nhau. Chrisanphus bị xiềng xích và ném xuống một cái hố sâu hôi thối, nơi tất cả chất thải từ thành phố chảy về, còn Darius thì bị dẫn đến một nhà chứa. Còn Đức Chúa Trời thì đã giúp đỡ cả hai vị tử đạo, bày tỏ quyền năng toàn năng của Ngài nơi họ; vì trong ngục tối u ám và hôi thối của thánh Chrisanphus, ánh sáng thiên đàng đã chiếu rọi, và thay vì mùi hôi thối là một hương thơm tuyệt vời; còn Thánh Daria thì được một con sư tử được sai đến; con sư tử này, sau khi chạy thoát khỏi nơi giam cầm, đã đến trước phòng của bà, nơi vị thánh đang quỳ sấp mặt[2496] để cầu nguyện, và nó bắt đầu canh giữ bà. Còn những người dân, không hay biết chuyện này, đã sai một thanh niên vô liêm sỉ đến gặp Daria với ý định làm ô uế bà. Khi chàng trai đó bước vào phòng của thánh nữ, con sư tử lập tức tóm lấy chàng, quật ngã xuống đất rồi dẫm đạp lên người; và nhìn thánh nữ Daria, như một nô lệ thông minh, nó chờ đợi mệnh lệnh của chủ nhân mình, xem bà sẽ ra lệnh làm gì với chàng trai vô liêm sỉ đó: giết chết hay thả sống. Thánh Daria, hiểu được điều đó, bèn nói với con sư tử:

– Ta khẩn cầu ngươi nhân danh Con Thiên Chúa, hãy tha cho chàng trai này, để chàng có thể nghe Lời Chúa từ ta.

[2494] Hoàng đế *Numerian* trị vì từ năm 283 đến năm 284.

[2495] *Gore* – hướng lên trên, tức là hướng về bầu trời.

[2496] *Nằm sấp* – mặt úp xuống, nằm sấp trên mặt đất.

Con sư tử, sau khi buông tha chàng trai, bước ra ngoài và nằm xuống trước cửa, không cho ai vào phòng của Thánh Daria. Và Daria nói với chàng trai ấy:

– Này, cơn thịnh nộ của con sư tử đã được xoa dịu chỉ bởi một cái tên là Chúa Kitô, và con thú, như một con người có lý trí, biết Thiên Chúa chân thật, kính sợ Ngài và tôn kính Ngài. Còn ngươi, kẻ vô đạo, dù là con người có lý trí, lại không kính sợ Đức Chúa Trời, mà vẫn chìm đắm trong những điều ác độc và ô uế như vậy. Những điều ngươi đáng phải xấu hổ và ăn năn, ngươi lại khoe khoang về chúng.

Chàng trai quỳ xuống trước mặt Daria và bắt đầu kêu lên, nói rằng:

– Xin hãy ra lệnh cho tôi, tôi tớ của Đấng Christ, được rời khỏi đây an toàn, – và tôi sẽ nói cho mọi người biết rằng Đấng Christ, Đấng mà bà đang phụng sự, chính là Đức Chúa Trời chân thật và không có ai khác ngoài Ngài.

Và Daria ra lệnh cho con sư tử để chàng trai tự do rời khỏi phòng của bà. Chàng trai đi khắp thành phố, lớn tiếng kêu lên:

– Hỡi tất cả người La Mã, hãy biết rằng Daria là nữ thần!

Và ngay lúc đó, các võ sĩ đấu trường[2497] chạy đến nhà của Daria và với sự táo bạo vốn có của họ, họ định lôi con sư tử ra khỏi phòng của Daria. Còn con sư tử, được Thiên Chúa ban sức mạnh, đã tóm lấy từng người trong số họ, quật xuống đất, rồi xếp họ nằm xung quanh thánh Daria, canh giữ họ bên chân bà, không giết họ cũng không gây hại gì cho họ, mà chỉ chờ lệnh của Daria. Và vị thánh đã nói với những người đàn ông ấy:

– Nếu các ngươi tin vào Đấng Kitô, thì các ngươi có thể rời khỏi đây mà không bị tổn hại gì; còn nếu không tin, thì xin các vị thần của các ngươi cứu các ngươi khỏi cái chết.

Tất cả họ đồng thanh kêu lên:

– Ai không tin rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật, thì đừng mong sống sót ra khỏi đây!

Khi họ kêu lên như vậy, Darius ra lệnh cho con sư tử thả những người đàn ông đó ra mà không hề hấn gì. Và khi họ ra khỏi đó, họ đã kêu lên bằng giọng lớn:

– Hỡi các dân tộc La Mã, hãy tin rằng không có vị thần nào khác ngoài Chúa Kitô, Đấng mà Daria đã rao giảng!

Khi tổng trấn Kelerin biết chuyện này, ông ra lệnh đốt một ngọn lửa lớn ngay trước cửa ngôi nhà nơi Daria đang ở cùng con sư tử, và thiêu rụi cả hai. Thấy vậy, con sư tử vì sợ hãi đã gầm lên dữ dội. Còn vị thánh nữ thì nói với nó:

– Đừng sợ: ngươi sẽ không bị thiêu cháy, cũng không bị ai bắt đi, hay bị giết, mà sẽ chết theo cách tự nhiên vào thời điểm đã định; vì vậy, hãy ra khỏi đây mà không cần sợ hãi và đi vào sa mạc. Đấng mà ngươi đã tôn kính nơi ta sẽ bảo vệ ngươi.

Và con sư tử, cúi đầu xuống, bước ra ngoài, đi qua khắp thành phố mà không làm hại ai, rồi chạy trốn vào sa mạc; còn những người thoát khỏi con sư tử thì đều nhận phép rửa tội.

Khi tất cả những điều này được báo cáo cho vua Numerian, ông ra lệnh tra tấn dã man Chrysanthus và Darius. Chrysanthus bị treo lên cây, và người ta mang những ngọn nến đang cháy đến để thiêu đốt thân thể ông, nhưng ngay lập tức cây gãy đổ, dây thừng đứt tung, và những ngọn nến tắt ngấm. Còn những ai muốn chạm vào thánh Daria, tay họ lập tức co giật, toàn thân quằn quại, và họ la hét thảm thiết vì cơn đau dữ dội. Thấy vậy, quan tổng trấn hoảng sợ và vội vàng báo cáo tất cả những điều này cho vua. Nhà vua, thay vì quy những phép lạ này cho quyền năng của Thiên Chúa, lại cho rằng đó là mưu mẹo phù thủy, nên ra lệnh đưa hai vị tử đạo – Chrysanthus và Darius – ra ngoài thành, đến con đường gọi là "Salaria"[2498] , đào một hố sâu, ném họ xuống đó và lấp sống bằng đá và đất. Hai vị thánh tử đạo Chrysanthus và Daria đã bị dẫn đến đó; họ đã bước xuống hào trong tiếng hát và lời cầu nguyện, rồi cùng nhau chịu tử đạo khi bị lấp vùi bằng đất và đá theo lệnh của kẻ hành hình. Và như vậy, cũng như khi còn sống họ đã có mối liên kết thiêng liêng chung, cả hai đã cùng nhau qua đời, được Thiên Chúa đón nhận như một của lễ sống động và đẹp lòng Ngài, và nhận được vương miện của phần thưởng bất tử[2499] .

[2497] *Những võ sĩ* này trong các đấu trường La Mã được biết đến với tên gọi *gladiator*.

[2498] Tại nơi này từng có một đường ống dẫn nước cổ đại, được các Kitô hữu cải tạo thành nơi an táng những người đã khuất.

[2499] Các thánh tử đạo Chrysanthus và Darius qua đời vào năm 283. (Tuy nhiên, một số nguồn cho rằng các thánh tử đạo này qua đời vào năm 256, vào thời kỳ trị vì của Hoàng đế Valerian).

Tại nơi các thánh tử đạo Chrysanthus và Daria qua đời, sau khi nhiều phép lạ và sự chữa lành đã xảy ra ở đó, đông đảo các Kitô hữu – nam, nữ và trẻ em – đã tụ tập trong một hang động gần đó, hân hoan kỷ niệm ngày tưởng niệm các ngài và rước Mình Thánh Chúa. Kẻ tra tấn biết được điều này và ra lệnh lấp đất lối vào hang động đó, nơi mà rất nhiều tín hữu Kitô giáo đã tử đạo, trong số đó có: Linh mục Diodorus, Phó tế Marian và nhiều giáo sĩ khác – và không thể liệt kê hết tên của tất cả những người đã qua đời tại đó, vì số lượng họ rất đông.

Về tất cả những điều này, tôi, Uarin và Armenia – hai anh em đã ghi chép theo lệnh của Đức Thánh Cha Stefano, Giáo hoàng Rôma, và gửi đi khắp các thành phố, để mọi người đều biết rằng các thánh Chrysanthus và Daria đã nhận được vương miện tử đạo từ Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, trong Nước Trời; vinh quang và quyền năng thuộc về Ngài, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Panharia

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 3

Trong thời trị vì của Diocletian và Maximian[2500] , trong đó người sau sống tại La Mã Cổ Đại, việc thờ phụng các vị thần khác nhau đã lan rộng khắp Đế quốc La Mã, còn những người làm chứng cho Chúa Kitô không chỉ bị tước đoạt tài sản mà còn phải chịu đủ loại hình tra tấn. Vào thời điểm đó, tại La Mã có một người đàn ông tên là Panhari. Ông xuất thân từ xứ Uzus[2501] , thành phố Vilapata, có tổ tiên là những người Kitô hữu và nổi bật với vóc dáng cao lớn cùng vẻ đẹp tuấn tú. Khi đến Rome, ông đã tiếp cận Maximian và dần chiếm được vị trí hàng đầu trong số những người thân cận của ông ta, đồng thời được ông ta yêu mến đặc biệt. Để giữ vững tình yêu mến đó, ông đã từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô. Vì yêu mến anh ta, Maximian đã giao cho anh ta nhiệm vụ nhận các món ăn và mọi loại quà tặng khác được dâng lên dưới hình thức cống nạp, một số theo phong tục đã có từ lâu, một số khác thì lợi dụng quyền lực, và từ đó tích lũy tài sản để làm mãn nhãn và đảm bảo cuộc sống sung túc trong tương lai. Panharius đã làm đúng như vậy và hoàn toàn đồng tình với quan điểm của hoàng đế. Trong khi đó, mẹ và chị gái của ông, sau khi biết được tất cả những điều này, đã gửi cho ông một lá thư, trong đó khuyên nhủ ông trước hết hãy nhớ lại sự kính sợ Đức Chúa Trời, rồi sau đó hãy nhớ đến Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Chúa Kitô, bởi vì nhiều người, khi nghe nói về điều đó, đã mạnh dạn tuyên bố trước các vị vua và các nhà cai trị về mong muốn được thừa hưởng lời hứa mà họ đã biết qua câu chuyện trong Phúc Âm về Ngài. Hơn nữa, họ khuyên ông hãy suy ngẫm thêm về sự phán xét khủng khiếp mà ai chối bỏ đức tin vào Thần tính của Đấng Christ sẽ phải chịu trong Ngày Phán Xét ấy (Mt 10:33; Mác 8:38; Luca 9:26) và cuối cùng, họ nhắc nhở ngài về những lời của Đấng Christ, rằng nếu một người chiếm hữu cả thế gian mà làm tổn hại linh hồn mình, thì người ấy đã thu được lợi ích gì từ việc đó, vì nếu ai làm tổn hại linh hồn mình, thì sẽ chuộc lại bằng gì (Mác 8:36–37)? Sau khi nhận được bức thư này và đọc xong, Pankharios bừng tỉnh, khóc lóc thảm thiết, rồi quỳ sụp xuống đất, trong nỗi đau xót tận đáy lòng, ông kêu lên:

– Lạy Chúa Toàn Năng! Xin thương xót con và đừng để tôi tớ Ngài phải hổ thẹn trước các Thiên thần và loài người trong Ngày Phán Xét của Ngài, nhưng xin thương xót con bởi lòng thương xót vô biên của Ngài.

Một số quan lại trong triều, khi thấy Pankharius khóc lóc và thốt ra những lời như vậy, đã báo lại cho Maximian; và khi Pankharius đến gặp ông, Maximian liền hỏi:

– Pankharius thân mến, hãy nói cho ta biết, chẳng lẽ ngươi cũng là người Nazarene[2502] ?

– Vâng, thưa hoàng đế, – Panharius đáp, – tôi là người Nazarét và đã từng là người Nazarét từ trước, ngay cả trước khi trở thành người đồng chí hướng với ngài.

– Hãy từ bỏ lời thú nhận đó đi, – Maximian nói với anh ta, – vì tình yêu mà ta dành cho ngươi; nếu không, ta sẽ không tha thứ cho ngươi – hãy nhớ lấy điều này – và ta sẽ không giết ngươi ngay lập tức, mà ngươi sẽ chỉ chết sau khi ta làm ngươi kiệt sức bằng vô số hình thức tra tấn khác nhau.

Nghe vậy, Panhari trả lời:

[2500] Năm 284, Đế chế La Mã chia thành hai phần: Đông và Tây. Phần Đông do Diocletian cai trị và ngài cư ngụ tại Nicomedia, còn phần Tây do Maximian cai trị, với thủ đô là Rome. Cả hai đều trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[2501] Người Uzi hoặc Uzipeta sinh sống ở miền Tây Đức, trên bờ phải sông Rhine, về phía bắc và phía nam của một nhánh sông này. Thành phố Vilapat không được ghi trên bản đồ, nhưng người ta cho rằng nó có tên là Villa.

[2502] Từ "người Nazarét" ở đây được dùng với nghĩa là người Kitô hữu, môn đệ của Chúa Kitô, Đấng mà người Do Thái gọi bằng tên này, vì Ngài đã dành phần lớn cuộc đời trần thế của mình tại Nazarét.

– Ôi, bệ hạ! Tôi kinh hoàng khi nhớ lại quá khứ của mình, và lo sợ rằng ngọn lửa từ trời giáng xuống sẽ thiêu rụi tôi chỉ vì tôi đã từng là đồng minh của ngài cho đến nay. Nhưng kể từ giờ phút này, ta sẽ không bao giờ từ bỏ Chúa Giê-su Ki-tô của ta, dù là bây giờ hay trong suốt khoảng thời gian dài mà ngài, như ngài đã nói với ta, sẽ khiến thân xác ta phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn.

Sau khi nghe câu trả lời đó từ Pankharios, Maximilian ra lệnh lột trần anh ta và trước mặt tất cả những người có mặt cùng các quan đại thần hoàng gia đang đứng xung quanh, đánh vào thân thể trần trụi của anh ta bằng những sợi dây da bò. Sau đó, ngài quay sang những người có mặt và nói với họ:

– Giờ các ngươi đã biết rằng Panhari, quan Sakellarios[2503] của triều đình ta và là bạn thân của ta, đã theo đạo Galilee[2504] ; vậy hãy nói cho ta biết, ta nên xử lý hắn thế nào.

Nghe vậy, các quan đại thần thưa với hoàng đế:

– Hỡi bệ hạ! Xin hãy ra lệnh đưa hắn đến nơi tổ chức các trò giải trí công cộng[2505] , ở đó lột trần hắn và để hắn bị đánh đập trước công chúng, rồi gửi hắn đến cho thống đốc Nicomedia. Hãy để ông ta tra tấn hắn, để chúng ta không phải là những kẻ có tội trong cái chết của hắn, vì hắn đang được bệ hạ yêu thương sâu sắc.

Lời khuyên đó làm Maximian hài lòng, vì ông thực sự rất yêu mến Pancharius và không nỡ lòng nào ra lệnh xử tử hắn. Vì vậy, ông ra lệnh đưa ông ta đến nơi tổ chức các cuộc biểu diễn và trước mặt dân chúng, trừng phạt ông ta bằng những trận đòn tàn bạo, sau đó giao ông ta cho các binh lính để đưa đến Nicomedia và gửi kèm theo họ một lá thư cho quan tổng trấn thành phố Nicomedia, trong đó ra lệnh sau khi đã tra tấn nhiều lần thì phải xử tử Pancharius. Khi vị thánh tử đạo đến Nicomedia và được dẫn đến gặp quan tổng trấn thành phố để thẩm vấn, ngài đã nói với ông ta:

– Mọi điều mà hoàng đế ra lệnh cho ngài về tôi, xin ngài hãy thi hành một cách chính xác.

Lúc đó, quan tổng trấn thành phố hỏi ngài:

– Tên ngươi là gì?

– Tên tôi, – vị thánh tử đạo đáp, – là Panhari. Từ tổ tiên, tôi đã là người Kitô hữu, nhưng vì ý muốn xấu xa của bản thân, tôi đã sa ngã theo đức tin vô đạo của hoàng đế và đồng tình với mọi điều ông ta làm. Nhưng Đức Chúa Trời, cùng với mẹ và chị gái tôi, đã dẫn dắt tôi trở lại con đường chân chính, và tôi đã quay về với đức tin nơi Đấng Christ của tôi; giờ đây, tôi khao khát được chết vì Ngài, để bằng cái chết chuộc lại sự phản bội mà tôi đã phạm một cách tội lỗi như vậy.

Nghe vậy, quan tổng trấn thành phố nói với Panharia:

– Hãy rút lại những lời mà ngươi đã thốt ra một cách thiếu suy nghĩ, khiến bản thân phải đối mặt với những tai họa khủng khiếp; nhưng tốt hơn hết là hãy tuân theo ý muốn của hoàng đế, và với vẻ ngoài nổi bật và đẹp đẽ như vậy, đừng làm hủy hoại danh tiếng tốt đẹp của ngươi trên trần gian.

– Danh tiếng mà ngươi nói đến – vị thánh đáp lại – chỉ là tạm thời, nhưng lại là phương tiện để đạt được sự sống đời đời cho những ai từ bỏ nó vì Chúa Kitô.

Sau đó, quan tổng trấn thành phố, thấy sự kiên định của vị thánh, đã ban hành bản án theo yêu cầu của hoàng đế. Thánh tử đạo Pankharios của Chúa Kitô đã cầu nguyện, sau đó bị chém đầu, chịu cái chết tử đạo. Sự việc này xảy ra vào ngày mười chín tháng Ba tại thành phố Nicomedia[2506] .

Ngày 2 tháng 4

Ngày 20 tháng 3 (theo lịch cũ)

[2503] Sakellarios – quan quản gia trưởng tại triều đình các hoàng đế La Mã.

[2504] Tức là, Kitô giáo. Người Kitô hữu bị gọi là "người Galilê" một cách mỉa mai.

[2505] Nơi diễn ra các trò giải trí công cộng ở La Mã là đấu trường. Tại đây diễn ra các cuộc thi đấu giữa các võ sĩ với nhau và với thú dữ. Cũng tại đây, trong thời kỳ bách hại, các Kitô hữu bị ném cho thú dữ xé xác.

[2506] Thánh Pankharia đã chịu tử đạo vào khoảng năm 302.

Ngày tưởng niệm các vị thánh tổ phụ của chúng ta là Gioan, Sergius và Patricius.

Ngày tưởng niệm 20 tháng 3

Vào thời của Đức Thượng phụ Thánh Giê-ru-sa-lem Ê-li, người là vị Thượng phụ thứ hai mang cùng tên tại thành thánh Giê-ru-sa-lem, lúc bấy giờ đã nằm dưới sự cai trị của người A-ga-ri (còn tại Constantinople lúc đó, Constantine và Irene đang trị vì), đã nổ ra nội chiến giữa người A-ga-ri, gây tàn phá nặng nề cho đất nước: những kẻ man rợ, trong khi giao chiến lẫn nhau, đã tàn phá không chỉ các làng mạc mà cả các thành phố như Eleutheropolis, Ascalon, Gaza, Scaryphia và những nơi khác. Tấn công bất ngờ, dù không giết hết mọi người, nhưng chúng cướp bóc toàn bộ tài sản và giết chết những ai chống cự; bằng cách mai phục dọc các con đường, chúng bắt giữ những người qua đường, đánh đập, làm bị thương họ và cướp sạch mọi thứ cho đến chiếc áo cuối cùng; và còn may mắn nếu họ thả người lữ hành sống sót, dù đã bị lột sạch quần áo, đánh đập và thương tích đầy mình. Lúc bấy giờ, thành thánh Giê-ru-sa-lem cũng chìm trong nỗi sợ hãi tột độ; dân cư từ các thành phố và làng mạc lân cận đổ xô về đó; họ canh gác các bức tường và chuẩn bị chống lại những cuộc cướp bóc của bọn man rợ.

Vào thời điểm đó, tu viện danh tiếng của Thánh Chariton cũng bị tàn phá nặng nề đến mức sau này không thể phục hồi được nữa, mà rơi vào tình trạng hoang tàn vĩnh viễn; tu viện của Thánh Savva cũng phải chịu nhiều đau khổ; các vị thánh phụ từ nhiều nơi đã tụ họp tại đó và dưới sự dẫn dắt của vị tu viện trưởng thánh thiện Vasilii, họ phụng sự Thiên Chúa bằng đời sống ăn chay khổ hạnh.

Trong thời kỳ nội chiến của người Agarian và các cuộc tấn công cướp bóc, họ không bao giờ rời khỏi tu viện của mình. Dù họ có thể rời tu viện để chạy trốn khỏi bọn man rợ đến Giê-ru-sa-lem, nhưng họ không muốn rời khỏi nơi thánh thiêng ấy, nơi họ đã ban đầu nhận lấy ách của Đấng Christ; vì đã chết đi đối với thế gian, họ không sợ chết, mà đặt niềm tin vào Đấng Christ và nói:

– Chúa của chúng con, nếu Ngài muốn, Ngài có thể cứu chúng con khỏi tay bọn man rợ; – còn nếu theo ý muốn công chính của Ngài là giao chúng con cho bọn man rợ để bị giết, thì xin Chúa mau chóng ban cho chúng con sự đau khổ có ích cho linh hồn. "Chúng ta hãy chấp nhận," họ nói với nhau, "những điều có ích từ tay Chúa của chúng ta, đừng vì sợ hãi mà quay trở lại từ sa mạc tĩnh lặng vào sự hão huyền của thế gian, để mọi người đừng lên án chúng ta là những kẻ nhút nhát, không tuân giữ các mệnh lệnh của Chúa chúng ta, Đấng phán: *'Đừng sợ những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết linh hồn; nhưng hãy sợ Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác trong hỏa ngục"* (Mt 10,28). Thật tốt khi thấy những người rời xa thế gian vào sa mạc và bước theo dấu chân của Chúa Kitô; nhưng thật đáng buồn khi thấy họ, sau một thời gian ngắn sống trong sa mạc, lại chạy trốn khỏi đó vì sợ hãi con người và quay trở lại thế gian; đừng để ma quỷ, kẻ thù chung của mọi người, chế nhạo chúng ta, vì nỗi sợ hãi trước những kẻ man rợ mà đuổi chúng ta ra khỏi sa mạc tĩnh lặng vào thành phố; hắn đã nhiều lần bị chúng ta đánh bại nhờ sự giúp đỡ của Đấng Kitô, Vua của chúng ta, và đã chạy trốn khỏi chúng ta như một con chó, bị đuổi đi một cách nhục nhã. Chúng ta không cần những bức tường đá để tự vệ: thay vì bức tường bất khả xâm phạm – Đấng bảo vệ chúng ta là Đức Kitô, Đấng mà chúng ta đã học theo Thánh Đavít để hát: *"Xin hãy là pháo đài bằng đá cho con, là nơi nương náu, để cứu con"* (Thánh Vịnh 30:3).

Chúng ta không có áo giáp và mũ sắt, không có khiên để chặn những mũi tên của kẻ thù, nhưng chúng ta có vũ khí thiêng liêng của tình yêu, áo giáp của niềm hy vọng, *"khiên của đức tin và mũ sắt của sự cứu rỗi"* (Ê-phê-sô 6:16), những thứ mà chúng ta sẽ trang bị cho mình. Chúng ta không có các đạo quân để bảo vệ chúng ta khỏi kẻ thù, nhưng *"Thiên Thần của Chúa bao quanh những ai kính sợ Ngài và giải cứu"* (Thi Thiên 33:8) chúng ta; *"...vì đối với* chúng ta*, 'sự sống là Đấng Christ, và sự chết là lợi ích'"* (Phi-líp 1:21). Chẳng phải tình yêu và sự gắn bó với cuộc sống trần thế đã thuyết phục chúng ta bước vào sa mạc này sao! Tại sao chúng ta lại định cư ở nơi hoang vắng này? Chẳng phải vì tình yêu dành cho Đấng Christ sao? Nếu chúng ta bị giết ở đây, thì chúng ta sẽ bị giết vì Đấng Christ, Đấng mà chúng ta đang sống vì Ngài.

Bằng những lời ấy, họ an ủi và khích lệ lẫn nhau, rồi phó thác thân xác và linh hồn cho Thiên Chúa, và ở lại tu viện. Còn có một lý do rất đáng kể khác giữ chân họ lại: những người hàng xóm sống xung quanh họ nuôi dưỡng lòng thù hận đối với thánh địa này và không mong gì hơn là thấy tu viện Thánh Savva bị tàn phá, nơi này trở nên hoang vắng, không còn các tu sĩ sinh sống; nếu các tu sĩ rời tu viện trong một thời gian, thì kẻ thù sẽ lập tức ập đến, đốt cháy nhà thờ và các phòng tu, rồi san bằng toàn bộ tu viện. Để điều đó không xảy ra, các vị thánh phụ đã ở lại tu viện. Họ không giống như cây sậy bị gió lay động, mà như những cột trụ được xây trên đá, không lay

chuyển trước gió bão và những cám dỗ đang ập đến; họ không chỉ ở lại tu viện để bảo vệ các bức tường, mà hơn thế nữa, là vì vinh quang của Chúa Kitô, Đấng đã được tôn vinh từ xưa và vẫn được tôn vinh ngay tại nơi đó trong thời đại của họ.

Các vị thánh phụ ấy tiếp tục sống như vậy trong tu viện, và Đấng Bảo Hộ Tối Cao, nhờ lời cầu nguyện của vị thánh phụ Savva của chúng ta, đã gìn giữ họ an toàn khỏi bọn man rợ, cho đến khi giờ của thánh ý Ngài đến. Thật vậy, mặc dù các đạo quân man rợ, khi đi từ Ả Rập hay từ bất cứ nơi nào khác qua vùng hoang mạc đó để về trại của mình, đã nhiều lần rẽ vào tu viện, nhưng họ không gây ra bất kỳ điều ác nào, mà chỉ đòi hỏi thức ăn; họ trừng mắt nhìn các tu sĩ, nghiến răng ken két, nhưng trái với ý muốn của Thiên Chúa, họ không thể gây hại cho các tôi tớ của Ngài; và sau khi lấy hết thức ăn có thể tìm thấy trong tu viện, họ quay về nơi ở của mình, nhưng thay vì biết ơn, họ lại khoe khoang rằng một ngày nào đó sẽ tàn phá tu viện và làm hoang tàn vùng đất này.

Một lần nọ, một đoàn quân man rợ nào đó, với ý định thực hiện âm mưu độc ác mà chúng đã vạch ra, đã tiến về tu viện để cướp bóc và tàn phá nơi này; nhưng tình cờ, gần thánh Bethlehem, chúng đụng độ với một đạo quân được bố trí tại đó để đề phòng sự xâm nhập của bọn man rợ; một trận chiến đã nổ ra, bọn man rợ bị đánh tan tác và phải tháo chạy, đến nỗi hầu như không ai trong số chúng còn sống sót, như người ta sau này mới biết. Một lần khác, một đoàn quân man rợ khác với cùng ý đồ xấu xa đã xuất phát từ trại của chúng hướng về tu viện; nhưng khi đến một ngôi làng nào đó nằm gần tu viện, bọn man rợ phát hiện ra nhiều rượu vang được giấu dưới đống cành cây khô; họ say sưa, rồi gây gổ với nhau và nhiều người đã giết lẫn nhau đến chết; như vậy, âm mưu của họ đã tan vỡ, và đoàn quân đó tan rã.

Sau đó, Đức Chúa Trời đã cho phép thử thách giáng xuống các tôi tớ của Ngài, giống như xưa kia đã giáng xuống người công chính Gióp, để họ, như vàng được tinh luyện trong lò nung, trở nên xứng đáng với Đức Chúa Trời; và Ngài đã để cho bàn tay của bọn man rợ chạm đến các vị thánh nhân của Ngài, những người mà Ngài đã chuẩn bị sẵn vương miện tử đạo.

Các vị thánh nhân, khi nghe tin rằng trong hai đạo quân muốn tấn công tu viện – một đạo đã bị quân đội Giê-ru-sa-lem đánh tan, còn đạo kia tự tan rã – đã ngồi yên trong các phòng tu của mình mà không hề sợ hãi, tiếp tục sống Mùa Chay Thánh với việc ăn chay và lao động như thường lệ.

Vào thời điểm đó, dưới sự xúi giục của ma quỷ, khoảng sáu mươi tên man rợ người Ê-thi-ô-pi đã tụ tập với cung, tên và gươm; chúng âm mưu tấn công tu viện một cách cướp bóc, hy vọng tìm thấy của cải dồi dào từ các tu sĩ. Vào cuối Mùa Chay, trong tuần trước Chúa Nhật Lễ Lá, ngày 13 tháng 3, vào giờ thứ hai buổi chiều, bọn man rợ đã tấn công nơi hoang vắng đó; các tu sĩ vội vã chạy từ các phòng tu hẻo lánh vào tu viện và nhà thờ, còn bọn man rợ với gươm trần và cung đã giương sẵn, như thể đang trong trận chiến, la hét ầm ĩ lao về phía tu viện. Một số tu sĩ, mong muốn xoa dịu cơn thịnh nộ của chúng, đã bước ra gặp chúng và nhẹ nhàng khuyên nhủ bằng những lời tốt đẹp:

– Tại sao các ngươi lại đến với chúng ta, những người không vũ khí và hiền hòa, như thể đi đánh trận với kẻ thù đã làm hại các ngươi vậy? Chúng ta sống hòa bình với mọi người và chưa bao giờ làm hại các ngươi hay bất kỳ ai khác; chính vì thế mà chúng tôi sống ở sa mạc này, bỏ lại tất cả những gì thuộc về thế gian, để tránh xa sự thù hận, chia rẽ và chiến tranh, để chúng tôi có thể trong bình an sám hối về tội lỗi của mình và làm đẹp lòng Chúa; và chúng tôi không chỉ chưa bao giờ gây hại cho bất kỳ ai trong các bạn, mà còn cố gắng giúp đỡ các bạn hết sức có thể: chúng tôi đã cho nhiều người trong số các bạn, những người đã đến đây, ăn uống, nghỉ ngơi và cung cấp thức ăn cho họ trên đường đi. Đừng trả ơn bằng điều ác; các bạn nên biết ơn chúng tôi vì những ân huệ đã ban cho các bạn; và bây giờ chúng tôi sẵn sàng cung cấp thức ăn và cho các bạn trú ngụ như những người lữ hành.

Còn bọn man rợ thì gào thét giận dữ:

– Chúng ta không đến đây vì thức ăn, mà là vì bạc và vàng. Hãy chọn một trong hai: hoặc đưa cho chúng ta vàng và bạc (và họ nói rõ số lượng bao nhiêu lít), thì các ngươi sẽ được sống; hoặc nếu không muốn đưa, thì các ngươi sẽ chết dưới tay chúng ta.

– Hãy tin chúng tôi, – các vị tu sĩ đáp lại, – rằng chúng tôi là những người nghèo khổ và khốn cùng, nghèo đến mức thậm chí không đủ bánh mì và quần áo, còn vàng và bạc mà các ngươi cần thì chúng tôi chưa từng mơ thấy; chúng tôi chỉ dùng những gì cần thiết để sinh tồn.

Những kẻ man rợ nổi giận trước những lời nói của các thánh nhân và bắn tên như mưa xuống các tu sĩ, không ngừng bắn cho đến khi cạn sạch túi tên; như vậy, họ đã giết chết mười ba vị cha thánh ngay lập tức, còn những người khác thì bị thương nhẹ. Chúng xông vào các phòng tu, dùng những tảng đá lớn đập vỡ cửa và lôi ra

những gì có thể từ tài sản khiêm tốn của các tu sĩ; sau đó, chúng đốt cháy các phòng tu và định làm điều tương tự với nhà thờ, nhưng theo ý định của Đức Chúa Trời, chưa kịp mang củi đến và nhóm lửa, chúng đã thấy có một nhóm người đang tiến đến từ xa; nghĩ rằng đó là quân đội Jerusalem đang đến để bảo vệ các tu sĩ, bọn man rợ lập tức bỏ chạy, mang theo tài sản cướp bóc được của các tu sĩ. Còn Cha Phêrô, người là một bác sĩ giỏi, bắt đầu rút mũi tên ra khỏi những anh em bị thương, rửa vết thương cho họ và cung cấp sự giúp đỡ cần thiết cho từng người. Những vết thương thật kinh hoàng: có người bị ở ngực, có người ở vai, có người ở mặt và trán, còn một số người thì đầu bị đá đập vỡ – và tất cả đều đẫm máu; những người khác nhìn thấy cảnh đó không khỏi vừa sợ hãi vừa xót xa.

Khi lễ Vaii đến gần, trong lúc đang hát thánh ca suốt đêm, có người báo cho các vị cha thánh biết rằng bọn man rợ đang tập hợp một băng cướp còn đông đảo hơn để tấn công tu viện một lần nữa. Các vị cha thánh cảm thấy vô cùng sợ hãi và run rẩy, nhưng họ không bỏ chạy, mà chuẩn bị tinh thần đón nhận cái chết, phó thác cho Chúa và chờ đợi kết cục. Khi ngày Cuộc Khổ Nạn của Chúa đến gần, ngày đau khổ cũng ập đến với họ: vào ngày 20 tháng 3, Thứ Năm Tuần Thánh, những người Ethiopia lại một lần nữa với số lượng đông đảo hơn đã tấn công tu viện và hành hạ các vị tu sĩ một cách tàn nhẫn bằng nhiều cách khác nhau: có người bị bắn bằng tên, có người bị chém đầu bằng gươm, có người bị xẻ làm đôi, có người bị chặt tay chân, còn những người khác thì bị ném đá đến chết. Những người còn sống sót, chúng tập trung vào nhà thờ và định tra tấn để ép họ chỉ ra kho báu của nhà thờ và tài sản của tu viện; chúng bao vây tu viện và canh chừng khắp các ngọn núi và đồi để không một tu sĩ nào trốn thoát khỏi tay chúng: nhiều người đã cố chạy trốn, nhưng đều rơi vào tay bọn man rợ, và hầu như không ai thoát khỏi chúng. Chúng bắt được Thánh Gioan, người đứng đầu đoàn hành hương, lúc đó còn là một thiếu niên, và tra tấn ngài không thương xót trên núi: chúng cắt đứt gân tay và chân ngài, rồi lôi ngài bằng chân trên những tảng đá từ đỉnh núi xuống tận nhà thờ, đến nỗi da lưng ngài bị những tảng đá sắc nhọn cạo trọc hết. Còn Thánh Sergius, người trông coi các đồ thánh, khi thấy các vị cha đang phải chịu những cực hình như vậy, và lo sợ rằng nếu không chịu nổi đau đớn, mình có thể tiết lộ nơi giấu các đồ thánh, nên đã lén lút trốn khỏi tu viện; anh ta đã đi được một quãng xa thì bị những tên lính gác man rợ bắt giữ và lôi kéo trở lại tu viện bằng vũ lực; khi anh ta chống cự, họ đã chém đứt đầu thánh của anh ta. Một số vị tu sĩ khác đã trốn khỏi bọn sát nhân trong một hang động nằm bên ngoài tu viện, nhưng một tên lính canh man rợ đang đứng trên đồi đã phát hiện ra họ, liền chỉ tay và la lớn với đồng bọn rằng các tu sĩ đã trốn vào hang động; và ngay lập tức, một tên Ethiopia đáng sợ, với thanh gươm trần, đứng trước lối vào hang động, bắt đầu la hét bằng giọng lớn, ra lệnh cho những người ẩn náu phải ra ngoài. Các tu sĩ run rẩy vì sợ hãi, còn Thánh Patricius, người đang ở giữa họ, thì thì thầm với các anh em:

– Đừng sợ, một mình tôi sẽ ra ngoài và chết thay cho các anh, còn các anh hãy ngồi yên và im lặng!

Ngài bước ra gặp người Ê-ti-ô-pi, sẵn sàng hy sinh mạng sống mình vì anh em. Trước câu hỏi gay gắt của người Ê-ti-ô-pi rằng liệu có còn tu sĩ nào khác trong đó không, vị tu sĩ đáng kính trả lời rằng chỉ có một mình ngài ở đó; lúc đó, người Ê-ti-ô-pi dẫn ngài đến nhà thờ. Sau khi tập hợp các vị thánh phụ từ khắp nơi vào nhà thờ, bọn man rợ nói với họ:

– Hãy chuộc mạng các ngươi và nhà thờ của các ngươi bằng bốn nghìn đồng vàng; nếu không, chúng ta sẽ lập tức giết hết các ngươi bằng gươm và đốt cháy nhà thờ của các ngươi.

Các vị thánh phụ đáp lại một cách hiền lành:

– Xin hãy tha thứ vì danh Chúa, đừng đổ máu vô tội của chúng tôi một cách vô ích; chúng tôi không có đủ vàng như các ngươi đòi hỏi, và cũng chưa bao giờ có; hiện tại trong toàn bộ tu viện của chúng tôi không còn một đồng vàng nào; nếu các ngươi muốn, hãy lấy những bộ quần áo mà các ngươi thấy trên người chúng tôi, hãy lấy tất cả những gì các ngươi thấy và tìm thấy, hãy để chúng tôi trần truồng, nhưng xin hãy tha mạng cho chúng tôi.

Còn bọn man rợ, đầy giận dữ, lại càng la hét to hơn, chĩa gươm vào cổ các thánh nhân, như thể muốn chém đầu họ ngay lập tức, và nói:

– Hãy giao cho chúng tôi các đồ thờ bằng vàng và bạc, và chỉ cho chúng tôi những kho báu khác của tu viện.

Các vị thánh cha đáp rằng họ không có bất kỳ kho báu nào. Bọn man rợ liền nói:

– Hãy chỉ cho chúng tôi biết các vị lãnh đạo của các ngài, ai là vị tu viện trưởng và những người xây dựng khác?

Các vị thánh nhân đáp:

– Cha Bề trên của chúng tôi không có ở tu viện, ngài đã lên Thành Thánh vì công việc chung, còn chúng tôi thì ai cũng bình đẳng.

Trong tu viện có một hang động của vị thánh cha Savva của chúng tôi; sau khi bắt hết các vị thánh cha, bọn man rợ dẫn họ vào hang động đó, rồi khi vào trong, chúng đốt lửa và chất đầy cành cây khô cùng phân bò vào đó; khói và mùi hôi thối bốc lên nồng nặc, và bằng làn khói đó, chúng tra tấn các vị thánh nhân trong hang động, nhằm ép họ chỉ ra kho báu của nhà thờ và giao nộp các vị lãnh đạo. Sau đó, chúng đưa các ngài đi tra tấn và ép buộc các ngài phải tiết lộ kho báu bằng cái chết tàn khốc, nhưng chúng không nghe được gì từ các ngài, ngoài những lời cầu nguyện dâng lên Thiên Chúa. Một vị đã kêu lên:

– Lạy Chúa, xin hãy đón nhận linh hồn con!

Còn một vị khác thì nói:

– Xin Chúa hãy nhớ đến con, khi Ngài ngự đến trong Nước Trời của Ngài!

Sau đó, sau khi tập trung tất cả vào cùng một hang động, bọn man rợ lại tiếp tục hành hạ họ bằng khói độc; và mười tám vị cha thánh đã qua đời vì khói độc, trong số đó có Thánh Gioan và Thánh Patricius đã được nhắc đến ở trên; còn tên của những người khác, những ai đã qua đời vì khói, gươm hay những cực hình, chỉ có một mình Đức Chúa Trời biết, Đấng đã ghi chép họ vào Sách Sự Sống. Những người còn sống sót sau cực hình bằng khói này đã bị bọn man rợ tàn bạo và vô nhân đạo làm bị thương nặng nề và đánh đập, ném họ xuống đất rồi giẫm đạp lên người. Không đạt được gì, mà chỉ tự mình mệt mỏi vì tra tấn, chúng đã lấy đi tất cả những vật dụng của nhà thờ và tu viện mà chúng có thể tìm thấy, rồi chất lên lưng những con lạc đà của tu viện và bỏ đi.

Sau đó, các tu sĩ còn sống sót trong tình trạng thoi thóp, cùng những người khác đã ẩn náu trong các khe núi và hang động, đã tụ họp muộn màng tại tu viện, họ đã thu thập thi thể các vị cha thánh, những người bị giết hại bằng nhiều cách khác nhau và chết vì ngạt khói, vào nhà thờ (nơi đã được Thiên Chúa cứu khỏi bị thiêu rụi) và dành cả đêm đó để tưởng nhớ cuộc khổ nạn cứu rỗi[2507] , trong tiếng khóc than thảm thiết, sau đó an táng các thi thể một cách trang nghiêm. Còn những người được tìm thấy trong tình trạng nửa sống nửa chết, đầy thương tích, các tu sĩ đã cố gắng chữa trị cùng với vị bác sĩ Thôma đã được nhắc đến ở trên, người đã sống sót và sau này trở thành vị tu viện trưởng của tu viện được gọi là "tu viện cũ".

Như vậy, các vị cha thánh đã qua đời trong đau khổ tại tu viện của Thánh Savva; còn những kẻ man rợ kia, ngay sau khi rời khỏi tu viện, đã bị Chúa giáng xuống cái chết bất ngờ và ngã xuống chết mà không cần đến gươm, giữa sa mạc và đồng ruộng, trở thành mồi cho chó, thú dữ và chim chóc; còn linh hồn khốn khổ của chúng thì rơi xuống địa ngục, nơi ngọn lửa không bao giờ tắt và sâu bọ không bao giờ ngừng gặm nhấm; còn linh hồn các vị cha thánh bị sát hại thì nằm trong tay Thiên Chúa và được ban vinh quang tử đạo từ Đức Kitô, Thiên Chúa và Đấng Cứu Thế của chúng ta; xin dâng lên Ngài, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, vinh quang và tôn kính muôn đời, amen.

Ngày tưởng niệm Thánh nữ Tử đạo Fotina[2508]

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 3

Trong thời trị vì của Hoàng đế La Mã Nê-rôn[2509] , một cuộc bách hại tàn bạo đã được phát động chống lại các Kitô hữu; và sau khi các Thánh Tông đồ Thượng phụ Phê-rô và Phao-lô chịu tử đạo, người ta đã truy lùng những ai đã được các ngài dạy dỗ về đức tin nơi Chúa Kitô. Vào thời điểm đó, Thánh Fotina, đang sinh sống tại thành phố Carthage ở châu Phi[2510] , cùng với con trai mình là Iosiya, đã dũng cảm rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô. Trong khi đó, con trai cả của Thánh Fotina, tên là Victor, đã dũng cảm chiến đấu trong cuộc chiến mà lúc bấy

---

[2507] Đó là đêm trước Thứ Sáu Tuần Thánh.

[2508] Thánh Photina chính là người phụ nữ Samari mà Chúa đã trò chuyện bên giếng nước. Câu chuyện về cuộc trò chuyện của Đấng Cứu Thế với người phụ nữ Samari được ghi lại trong Phúc Âm (Ga 4:5) và các đoạn tiếp theo.

[2509] Hoàng đế Nê-rôn trị vì tại Rô-ma từ năm 64 đến năm 68. Cuộc bách hại các Kitô hữu dưới triều đại của ông bắt đầu từ năm 65 và kéo dài đến năm 68, khi vị hoàng đế này tự sát để chấm dứt cuộc tàn sát. Trong cuộc bách hại này, các Thánh Tông đồ Phê-rô và Phao-lô đã chịu khổ nạn tại Rô-ma.

[2510] Carthage – một thành phố cổ ven biển ở miền bắc châu Phi, được người Phoenicia thành lập và từng là thuộc địa nổi tiếng của họ trong thời cổ đại. Bị phá hủy vào năm 146 trước Công nguyên, thành phố này đã được tái thiết dưới thời các hoàng đế La Mã đầu tiên, đạt đến đỉnh cao của sự thịnh vượng và nổi bật trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo bởi sự phát triển mạnh mẽ của tín ngưỡng đa thần Hy Lạp-La Mã, do đó trong một thời gian dài, những mê tín dị đoan, phù thủy và cái gọi là "nghệ thuật ma thuật" vẫn tồn tại ở đây. Ngày nay, thành phố Tunis tọa lạc tại vị trí này.

giờ các bộ tộc man rợ đang tiến hành chống lại người La Mã; và sau khi chiến tranh kết thúc, theo lệnh của hoàng đế, ông được bổ nhiệm làm chỉ huy quân đội tại thành phố Attalia[2511] với nhiệm vụ tra tấn những người Kitô hữu đang cư ngụ tại đó. Khi quan cai trị thành phố, Sebastiano, biết được điều này, ông đã nói với Victor:

– Thưa quan tổng trấn, tôi biết chắc chắn rằng ngài là người Kitô hữu, và mẹ ngài cùng anh trai ngài là Iosie đều là môn đệ của Thánh Phêrô; chính vì thế, ngài sẽ không thi hành mệnh lệnh mà hoàng đế đã ban cho ngài, vì sợ rằng điều đó sẽ hủy hoại linh hồn mình.

– Tôi khao khát thực hiện ý muốn của Vua Thiên Đàng và Bất Tử, là Đấng Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, – Victor đáp lại, – còn mệnh lệnh của Nero về việc tra tấn các Kitô hữu, tôi sẽ phớt lờ.

Lúc đó, Sebastian nói với Victor:

– Với tư cách là một người bạn chân thành, tôi khuyên anh: hãy tuân theo ý muốn của hoàng đế. Bởi vì nếu anh thực hiện mệnh lệnh của hoàng đế với sự tận tâm cần thiết, và đưa những người Kitô hữu mà anh tìm thấy ra xét xử và tra tấn, thì anh sẽ làm vừa lòng hoàng đế, và bản thân anh sẽ chiếm được tài sản thuộc về họ; còn với mẹ và anh trai anh, hãy tự tay viết thư báo cho họ biết, đừng để họ hành động quá công khai và đừng xúi giục những người ngoại đạo từ bỏ tín ngưỡng của cha ông họ, mà hãy để họ bí mật tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, Thiên Chúa của các anh, nếu họ muốn, để anh cũng không phải chịu cùng những hình phạt tương tự như họ vì họ.

– Tôi sẽ không bao giờ làm điều đó, – Victor đáp, – và không chỉ không làm, mà tôi thậm chí còn không muốn nghĩ đến việc khiến các Kitô hữu phải chịu cực hình, hay cưỡng ép lấy bất cứ thứ gì từ họ, hay khuyên mẹ và anh trai tôi đừng rao giảng rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật; trái lại, chính tôi cũng muốn hết lòng trở thành người rao giảng về Chúa Kitô, và tôi sẽ làm điều đó giống như họ vậy.

Nghe vậy, Sebastians nói với anh:

– Ôi, Victor! Tất cả chúng ta đều biết rõ những tai họa nào đang chờ đợi ngươi, mẹ và anh trai ngươi.

Sau những lời đó, khuôn mặt của Sebastiano bỗng chốc bừng cháy, và ông ngã xuống đất vì cơn đau nhói và dữ dội ở đôi mắt, đồng thời hoàn toàn mất khả năng nói. Những người hầu có mặt lúc đó đã đỡ ông dậy, đặt ông lên giường, và ông nằm đó suốt ba ngày mà không nói được một lời nào. Sau ba ngày, ông bỗng hét lên bằng giọng vang dội và nói:

– Chỉ có một Đức Chúa Trời của Kitô giáo là Đức Chúa Trời chân thật, chỉ có một đức tin Kitô giáo là đức tin chân thật, và chỉ có một phép rửa tội – đó là phép rửa tội nhân danh Cha, Con và Thánh Thần. Không có đức tin chân thật nào khác ngoài đức tin Kitô giáo.

Khi bước vào phòng của Sebastiano, Victor hỏi anh ta:

– Tại sao trong ngài lại có sự thay đổi bất ngờ như vậy?

– Thưa Victor thân mến, – Sebastian đáp, – Chúa Kitô của ngài đang kêu gọi tôi đến với Ngài.

Victor lập tức hướng dẫn anh ta về đức tin, và anh ta đã nhận phép rửa thánh. Khi bước ra khỏi bồn rửa, anh ta bỗng nhiên sáng mắt và ngợi khen Thiên Chúa. Những người hầu có mặt tại đó, khi chứng kiến phép lạ kỳ diệu này, đã hoảng sợ, lo rằng họ cũng sẽ phải chịu căn bệnh tương tự như Sebastiano vì sự vô tín của mình, và họ cũng đã chịu phép rửa.

Không lâu sau đó, tin đồn đến tai Nê-rôn rằng Victor, chỉ huy quân đội tại Attalia và là thống đốc của thành phố này, Sebastian, đang tuyên xưng đức tin của Phêrô và Phaolô và thu hút mọi người về phía mình, thuyết phục họ tuân theo lời rao giảng của các ngài, cũng như việc mẹ của Victor là Fotina và con trai bà là Josiah – những người được các Tông đồ sai đến Carthage – cũng đang làm điều tương tự. Khi biết được điều này, hoàng đế nổi giận và cử quân lính đến Attalia để bắt những người Kitô hữu, cả nam lẫn nữ, đang ở trong thành phố này đưa về trước mặt ngài để xét xử. Lúc bấy giờ, Chúa Kitô hiện ra với các Kitô hữu ở Attalia và phán với họ: *"Hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, hãy đến với Ta, Ta sẽ cho các ngươi được nghỉ ngơi"* (Mt 11,28). Ta sẽ ở cùng các ngươi, và Néron sẽ bị đánh bại, cũng như những kẻ theo phe hắn."

Còn với Victor, Ngài phán:

– Từ ngày hôm nay, tên của ngươi sẽ là Phốtin[2512] , vì nhiều người được ngươi soi sáng sẽ quay về với Ta.

Chúa Kitô đã củng cố lòng can đảm cho Thánh Sebastiano trước những đau khổ sắp tới bằng những lời này:

[2511] *Attalia* – một thành phố thuộc tỉnh Pamphylia, nằm ở vùng ven biển phía nam của Tiểu Á. Thành phố này được thành lập cách đây 1,5 thế kỷ trước Công nguyên bởi Attalus II Philadelphus, người đã đặt tên cho nó theo tên mình.

– Phúc cho ai hoàn thành công việc của mình đến cùng[2513] . Chúa phán những lời ấy rồi lên trời.

Thánh Fotina cũng được Chúa Kitô báo trước về những đau khổ đang chờ đợi bà, và ngay lập tức, cùng với đông đảo các Kitô hữu, bà đã lên đường từ Carthage đến Roma. Khi bà bước vào Roma, cả thành phố xôn xao, và mọi người đều hỏi: "Người này là ai?" Còn bà thì không hề nao núng, tiếp tục rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô. Trong khi đó, con trai bà là Fotin – người trước đây mang tên Victor – cùng với Sebastiano và những binh lính đi theo họ cũng bị đưa đến Roma; nhưng Thánh Fotina đã báo trước cho Victor trước khi bà cùng con trai mình là Iosiah và các tín hữu Kitô giáo đi cùng từ Carthage đến gặp Nero. Nero hỏi vị thánh:

– Tại sao các ngươi đến đây?

– Để – Fotina đáp – dạy ngài tôn kính Chúa Kitô.

Lúc đó, những người có mặt bên cạnh hoàng đế đã nói với ông:

– Thị trưởng Sebastiano và Tướng Victor, những người không tin vào các vị thần, đã đến từ Attalia.

– Hãy dẫn họ đến gặp ta, – Nero ra lệnh. Và khi họ được dẫn đến, ông hỏi họ:

– Những điều ta nghe về các ngươi có đúng không?

– Tất cả những gì ngài đã nghe về chúng tôi, thưa hoàng đế, – họ đáp, – đều là sự thật.

Rồi Nero quay sang các bà vợ thánh thiện và hỏi họ:

– Các ngươi có đồng ý từ bỏ Đấng Kitô của các ngươi hay muốn chết vì Ngài không?

– Ôi, thưa hoàng đế! – các thánh nữ đáp, ngước mắt lên trời, – sẽ không bao giờ có chuyện chúng tôi từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô và tình yêu mà chúng tôi dành cho Ngài.

– Tên các bà là gì? – hoàng đế hỏi.

– Tôi, – thánh Fotina đáp, – đã được Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, ban cho tên là Fotina, còn các chị em tôi có tên như sau: người đầu tiên sinh sau tôi là Anastasia, người thứ hai là Fota, người thứ ba là Fotida, người thứ tư là Paraskeva, và người thứ năm là Kyriakia; còn tên các con trai tôi là: con trai cả, người được Chúa tôi đặt tên là Fotin, tên là Victor, còn con trai út là Josiah.

– Vậy thì, tất cả các ngươi – Nero nói – có đồng ý chịu cực hình và chết vì Đấng Kitô, người Nazarét không?

– Tất cả chúng tôi, – thánh Fotina đáp, – đều sẵn lòng chết vì Ngài với niềm vui và hân hoan, và tất cả chúng tôi đều mong muốn điều đó.

Lúc đó, Nero ra lệnh dùng búa sắt đập nát bàn tay của các ngài. Một cái đe được mang đến, và những kẻ tra tấn vô đạo, sau khi đặt tay các thánh lên đó, bắt đầu đập vào tay các ngài. Họ đánh từ giờ thứ ba đến giờ thứ sáu[2514] , trong đó những kẻ đánh đã thay ca ba lần, nhưng các thánh không cảm thấy đau đớn gì. Nero, khi biết được điều này , đã bối rối và ra lệnh chặt đứt hoàn toàn tay các ngài. Những kẻ tra tấn lúc đó đã tóm lấy các thánh tử đạo một cách hung hãn, trói tay các ngài lại và lại đặt lên búa rèn. Thánh Fotina là người đầu tiên phải chịu cực hình, nhưng những kẻ tra tấn, dù đã thay nhau nhiều lần dùng rìu chém tay bà, vẫn không đạt được kết quả nào, cuối cùng kiệt sức ngã xuống như người chết, còn vị thánh tử đạo, nhờ ân sủng của Chúa Kitô mà vẫn nguyên vẹn, đã cầu nguyện và nói: *"Chúa ở cùng tôi – tôi sẽ không sợ hãi: con người có thể làm gì được tôi?"* (Thánh vịnh 117:6).

Sau đó, Nê-rôn bắt đầu lúng túng, suy nghĩ xem còn có thể tra tấn các thánh nhân bằng những hình thức nào nữa, và cuối cùng, ông ra lệnh cho Sê-ba-sti-an, Phô-ti-na và Giô-si-a bị móc mắt và giam vào khu vực bên trong ngục tối, còn thánh Phô-ti-na cùng năm chị em của bà thì bị đưa vào phòng vàng của ông[2515] và ra lệnh cho con gái mình là Đôm-ni-na luôn ở bên cạnh họ. Trong thời gian ở trong cung điện hoàng gia, thánh Fotina đã hướng dẫn Domnina và một trăm nô tì của cô ấy về đức tin vào Chúa Kitô, và tất cả họ đều đã nhận phép rửa tội; bà cũng đã dẫn dắt một pháp sư trở lại với Chúa Kitô, người này từng mang đến cho bà và các chị em của bà một loại rượu ngâm từ cây độc để uống, sau đó bà phải chịu đựng vô số cực hình.

[2512] Tên Photin có nghĩa là "tỏa sáng" và bắt nguồn từ từ Hy Lạp "phos", "photos", có nghĩa là ánh sáng, đặc biệt là ánh sáng ban ngày, ánh nắng mặt trời.

[2513] Cụm từ này được mượn từ lời trong Phúc Âm: "Ai kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu rỗi" (Ma-thi-ơ 24:13).

[2514] Theo người La Mã, thời điểm bắt đầu ngày theo cách tính của chúng ta là từ 6 giờ sáng. Do đó, 3 giờ chiều tương ứng với 9 giờ sáng của chúng ta, và khoảng thời gian từ 6 đến 12 giờ trưa.

[2515] Từ "Kuvukli" ở đây có nghĩa là ngôi nhà, cung điện của hoàng đế. "Ngôi nhà vàng" của Nero nổi tiếng với quy mô khổng lồ, chiều cao ấn tượng và sự xa hoa trong trang trí. Một số phòng và hành lang của ngôi nhà này được trang trí bằng vàng và đá quý.

Ba năm sau đó, Nero ra lệnh thả một người hầu từng thuộc hàng ngũ cận thần của ông, người đã bị giam vào ngục tối theo lệnh của ông; những người được cử đi thực hiện lệnh này, khi thấy các thánh tử đạo Sebastiano, Fotina và Iosia trong ngục vẫn khỏe mạnh, đã báo cáo với hoàng đế rằng những người Galilê vốn bị mù nay đã nhìn thấy và hoàn toàn khỏe mạnh; rằng chính nhà ngục cũng sáng sủa, tràn ngập hương thơm ngào ngạt và từ nơi giam cầm đã trở thành nơi tôn vinh Thiên Chúa và ngôi nhà thánh; rằng các thánh đang sở hữu của cải dồi dào trong nhà ngục; rằng dân chúng tụ tập đến với họ và, sau khi tin vào Thiên Chúa của các ngài, đã nhận phép rửa từ các ngài. Nghe vậy, Nero kinh hoàng tột độ và ra lệnh dẫn các thánh tử đạo đến trước mặt mình, rồi nói với họ:

– Chẳng phải ta đã cấm các ngươi bằng sắc lệnh hoàng gia không được rao giảng về Đấng Kitô trong thành Rôma sao? Vậy mà các ngươi, khi đang ở trong ngục tối, lại dám làm điều đó? Vì điều này, ta sẽ bắt các ngươi phải chịu nhiều hình phạt khủng khiếp.

– Hãy làm với chúng tôi bất cứ điều gì ngài muốn, – các thánh tử đạo đáp lại, – nhưng chúng tôi sẽ không ngừng rao giảng về Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật và Đấng Tạo Hóa của muôn loài.

Nghe những lời đó, Nê-rôn nổi cơn thịnh nộ khủng khiếp và ra lệnh đóng đinh các thánh với đầu hướng xuống đất, rồi trong ba ngày liền đánh đập thân thể trần truồng của họ bằng dây thắt lưng cho đến khi, như ông ta nói, các chi thể của họ tan nát, và điều đó đã được thi hành. Sau đó, ông ta ra lệnh bố trí lính canh và giám sát để đảm bảo họ bị treo ở đó trong ba ngày. Vào ngày thứ tư, những người hầu do ông ta cử đến để xem các thánh tử đạo có còn sống hay không; và khi thấy họ vẫn đang treo lơ lửng và còn sống, họ lập tức bị mù. Lúc đó, Thiên Thần của Đức Chúa Trời từ trời xuống, cởi trói cho các thánh, hôn lên họ và làm cho họ hoàn toàn khỏe mạnh. Lúc đó, các thánh, thương xót những người hầu của vua đã bị mù, đã cầu nguyện, và họ lập tức được sáng mắt trở lại. Sau khi tin nhận, họ đã chịu phép rửa tội nhân danh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, và trở thành môn đệ của các thánh. Nero, kẻ vô đạo, khi biết chuyện này, đã nổi giận dữ dội và ra lệnh lột da thánh Fotina. Và vào lúc những kẻ tra tấn đang thi hành mệnh lệnh của hoàng đế, vị thánh tử đạo đã hát: *"Lạy Chúa! Ngài đã thử thách con và biết rõ con. Ngài biết khi con ngồi xuống và khi con đứng dậy; Ngài hiểu rõ những suy nghĩ của con từ xa"* (Thánh vịnh 138:1, 2).

Sau khi lột da thánh Fotina, người ta đã ném bà xuống giếng. Tiếp đó, họ bắt giữ Sebastiano, Fotina và Iosia, cắt đứt xương bánh chè của họ rồi cùng với đầu gối ném cho chó ăn; sau đó, họ lột da các vị và theo lệnh của hoàng đế, ném các vị vào một tòa nhà đá đổ nát. Sau đó, Nero ra lệnh dẫn năm chị em của Thánh Fotina đến trước mặt mình, rồi ra lệnh cắt bỏ núm vú của họ, rồi lột da họ. Khi những kẻ tra tấn đến với Thánh Fotida để thực hiện việc này, bà không muốn ai trong số họ thực hiện hình phạt này lên mình như đã làm với các thánh nữ khác, mà tự mình đứng tại nơi tra tấn, dũng cảm lột da chính mình và ném vào mặt Nero, đến nỗi chính ông ta cũng phải kinh ngạc trước lòng dũng cảm và sự kiên nhẫn của bà. Lúc đó, kẻ tra tấn đã nghĩ ra cho Thánh Phốt-ti-đê một hình thức tra tấn mới, cực kỳ tàn bạo và chết chóc. Theo lệnh của hắn, trong khu vườn của hắn, người ta đã nghiêng hai cây lại gần nhau và trói chân Phốt-ti-đê vào ngọn của chúng, sau đó thả lỏng hai cây, và vị thánh tử đạo đã bị chúng xé toạc. Và như vậy, bà đã dâng lên Thiên Chúa linh hồn công chính và đầy phúc lành của mình. Sau đó, tên vô đạo Nê-rôn ra lệnh chém đầu tất cả các thánh tử đạo còn lại bằng gươm, còn Thánh Fotina thì được vớt lên khỏi giếng và giam vào ngục tối, nơi bà phải chịu đựng suốt hai mươi ngày. Sau đó, Nero ra lệnh đưa bà đến trước mặt mình và hỏi liệu bà có chịu khuất phục trước hắn lúc này không, và liệu bà có hối cải vì sự cứng đầu của mình để dâng lễ vật cho các thần tượng hay không. Lúc đó, Thánh Fotina nhổ nước bọt vào mặt hắn, rồi cười nhạo sự điên rồ và trí óc ngu muội của hắn, và nói:

– Hỡi kẻ mù quáng vô đạo, kẻ lầm lạc và điên rồ! Chẳng lẽ ngươi lại cho rằng ta ngu ngốc đến mức đồng ý từ bỏ Chúa Kitô của ta và dâng lễ vật cho những thần tượng mù quáng như ngươi sao!?

Nghe những lời ấy, Nê-rôn ra lệnh ném Thánh Fotina xuống giếng một lần nữa. Và khi lệnh được thi hành, vị thánh tử đạo đã dâng linh hồn mình lên Thiên Chúa và, trong vương miện tử đạo, đang hân hoan mãi mãi trong Nước Trời cùng với tất cả những ai đã chịu khổ cùng nàng[2516] .

[2516] Thánh Fotina qua đời vào khoảng năm 66. Nhà thờ và di cốt của bà nằm ở Constantinople, phía sau Cổng Vlacherna.

Cuộc tử đạo của các thánh nữ tử đạo Alexandra và Claudia

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 3

Các thánh nữ tử đạo này đã chịu khổ nạn dưới triều đại của hoàng đế vô đạo Maximian[2517] , người đã phát động một cuộc bách hại tàn bạo đối với các Kitô hữu đến nỗi những người tin vào Chúa Kitô, bất kể lứa tuổi nào, đều phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn. Vì quan tổng trấn thành phố Amisa[2518] , nơi các trinh nữ thánh này sinh sống, cũng hành động tương tự, nên họ đã bị bắt giữ và dẫn đến trước mặt ông ta. Trong quá trình thẩm vấn, họ đã tự xưng là Kitô hữu và gọi chính vị thống đốc đó là kẻ tàn bạo và vô nhân đạo. Vì vậy, theo lệnh của ông ta, trước tiên họ bị lột trần và đánh bằng gậy, sau đó bị cắt bỏ vú, rồi bị treo lên và bị cạo da trên khắp cơ thể cho đến khi nội tạng lộ ra, và cuối cùng bị ném vào lò lửa đỏ rực, nơi họ đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa[2519] .

Lễ kính Thánh Nikita, Vị Chứng Nhân.

Ngày tưởng niệm 20 tháng 3

Thánh Nikita là tổng giám mục của thành phố Apollonia. Ngài nổi tiếng vì lòng đạo đức, lòng thương xót và sự am hiểu sâu sắc về Kinh Thánh. Trong thời kỳ bị những kẻ chống thánh tượng bức hại, họ đã cố gắng vô ích để ép ông ngừng tôn kính các thánh tượng. Ông bị lưu đày, và đã qua đời tại nơi lưu đày đó dưới triều đại của Vua Lê người Armenia.

Ngày 3 tháng 4

21 tháng 3 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm Thánh Cha Giacôbê, Giám mục và vị Tử đạo

Ngày tưởng niệm 21 tháng 3

Thông tin mà chúng ta có về Thánh Giacôbê, vị Tử đạo, rất ngắn gọn và không đầy đủ.

Chúng ta chỉ biết rằng, từ khi còn rất trẻ, ngài đã khao khát một cuộc sống tu hành, nên đã nhận chức tu sĩ và rèn luyện thân xác bằng việc ăn chay và cầu nguyện không ngừng.

Thánh Giacôbê rất yêu thích việc đọc các sách Thánh Kinh, và trước khi đọc, ngài luôn thanh tẩy tâm trí bằng lời cầu nguyện. Sau đó, ngài được tấn phong làm giám mục.

Trong thời trị vì của Hoàng đế chống thờ hình thánh Constantine Copronymus[2520] , Thánh Giacôbê bị ép buộc phải từ bỏ việc thờ hình thánh. Nhưng ngài không khuất phục trước những kẻ vô đạo, vì thế đã phải chịu nhiều cực hình – bị trục xuất, bị giam cầm, bị hành hạ bằng đói khát – và còn phải chịu nhiều hình phạt khác do những kẻ tra tấn ngài nghĩ ra. Giữa những đau khổ đó, ngài đã dâng hiến linh hồn thánh thiện của mình cho Thiên Chúa, Đấng mà ngài đã tận hiến cuộc đời mình; và từ Ngài, ngài đã nhận được Nước Trời, để mãi mãi hân hoan trên thiên đàng.

[2517] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến Maximianus Galerius, người đã tự mình cai trị phần phía đông của đế chế từ năm 305 đến năm 311 sau khi Diocletian thoái vị.

[2518] Thành phố Amis, nay là Samsun, nằm trong tỉnh Pontus thuộc Tiểu Á của Đế quốc La Mã, bên bờ Biển Pontus Euxinus (Biển Đen), tại vịnh cùng tên.

[2519] Các thánh nữ tử đạo đã qua đời vào năm 310.

[2520] Constantine Copronymus, hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 741 đến năm 776. Ông là người chống thánh tượng nhiệt thành nhất. Thời kỳ trị vì của ông là lúc phong trào chống thánh tượng đạt đến đỉnh cao nhất.

Kỷ niệm Thánh Cyril, Giám mục Catania

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 3

Thánh Cyril xuất thân từ Antioch; ngài là môn đệ của Thánh Tông đồ Phêrô và được ngài phong làm Giám mục Catania tại Sicily. Ngài đã chăn dắt đoàn chiên của mình một cách tốt đẹp và đẹp lòng Chúa, dẫn dắt những người chưa tin đến đức tin nơi Đức Kitô và thực hiện nhiều phép lạ, trong đó chúng ta sẽ nhắc đến một phép lạ. Ở vùng đó có một suối nước đắng; Thánh Cyril, sau khi cầu nguyện với Thiên Chúa, đã biến vị đắng của suối nước đó thành vị ngọt. Thấy điều đó, một quan chức Hy Lạp, vốn là kẻ thờ thần tượng, đã tin nhận Chúa Kitô, và cùng với ông, nhiều người khác cũng đã tin theo. Khi đã cao tuổi, Thánh Cyril đã an nghỉ trong giấc ngủ thánh thiện của cái chết và được an táng với vinh dự trên hòn đảo đó (Sicily), tiếp tục ban ơn chữa lành cho những ai đến cầu xin Ngài với lòng tin.

Lễ kính Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 3

Thánh Phêrô, vị cha thánh của chúng ta, nhờ nhiều đức tính tốt đẹp, trí tuệ và lòng đạo đức, đã được Thánh Gioan Người Kiêng ăn phong làm phó tế tại Nhà thờ Chính tòa Constantinopolis, và dưới triều đại của Hoàng đế Mauricius[2521] , ngài được bổ nhiệm làm Thư ký[2522] . Sau khi Thánh Gioan qua đời và vị Thượng phụ kế nhiệm là Thánh Kyriakos[2523] , dưới triều đại của Hoàng đế Fokas[2524] , Thánh Phêrô[2525] đã được tấn phong làm Thượng phụ và cai quản ngai tòa của mình một cách xuất sắc, tận tụy chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô. Trong thời gian ngài làm tổng giám mục, một phép lạ sau đây đã xảy ra tại xứ Galatia[2526] . Tại một số thành phố ở đó, trong các cuộc rước thánh giá và lễ rước, người ta mang theo những cây thánh giá lớn; những cây thánh giá này tự nhiên, với một sức mạnh kỳ diệu và không thể kìm hãm, bắt đầu rung lắc, va đập vào nhau và vỡ tan. Khi tin đồn về phép lạ này lan rộng khắp nơi, Đức Thượng phụ Thánh Thomas của Constantinople đã triệu tập Thánh Theodoros Sikeot, một người có khả năng tiên tri và là vị thánh làm phép lạ, từ vùng đất đó về, và hỏi ngài về phép lạ này cũng như ý nghĩa mà phép lạ đó báo trước. Thánh Theodoros khẳng định rằng phép lạ đó thực sự đã xảy ra, nhưng ngài từ chối giải thích ý nghĩa của nó, nói rằng ngài không biết bí mật chưa từng được tiết lộ này. Lúc đó, Đức Thượng phụ Thánh Phêrô đã quỳ xuống dưới chân ngài để cầu xin, và chính sự khiêm nhường đó đã thuyết phục vị thánh nhân tiên đoán về tương lai. Sau đó, vị tu sĩ cao niên nói rằng những cây thánh giá tự động rung lắc, va đập và gãy đổ, là điềm báo về nhiều tai ương và sự tàn phá đối với Giáo hội của Đức Chúa Trời và vương quốc Hy Lạp, cả từ những kẻ thù bên ngoài lẫn bên trong : từ bên ngoài sẽ có một cuộc xâm lược dữ dội của các bộ tộc man rợ, còn bên trong vương quốc, giữa các tín hữu Kitô giáo sẽ xảy ra sự chia rẽ về đức tin, và họ sẽ bắt đầu bức hại và tàn sát lẫn nhau, và tất cả những điều này sẽ xảy ra trong thời gian ngắn. Nghe vậy, Đức Thượng phụ kinh hoàng và xin vị tu sĩ cầu nguyện với Chúa cho ngài, để Chúa rước linh hồn ngài khỏi thân xác trước khi thảm họa được tiên đoán xảy ra, để ngài không phải chứng kiến những tai ương như vậy giáng xuống Giáo hội. Một thời gian ngắn sau đó, khi vị tu sĩ thánh thiện Theodor vẫn còn ở Constantinople tại nhà thờ Thánh Stephen, vị tổng giám mục lâm bệnh và sai người báo tin về bệnh tình của mình cho vị tu sĩ, người đang ẩn dật trong phòng tu và ăn chay, đồng thời khẩn cầu ngài xin Chúa cho ngài được ra đi sớm. Thánh nhân từ chối, không muốn làm điều đó, nhưng Đức Thượng phụ Thánh Phêrô lại sai người đến gặp ngài với lời thỉnh cầu tha thiết, mong được lìa bỏ thân xác trước khi những tai họa ập xuống Giáo hội. Lúc đó, vị tu sĩ Theodoros, dù trái với ý muốn của mình, đã tuân theo ý muốn của Đức Thượng phụ Thánh Thomas, cầu nguyện với Chúa về cái chết của ngài và sai người đến nói với ngài rằng:

– Ngài có muốn tôi đến gặp ngài không, hay chúng ta sẽ gặp nhau ở đó trước mặt Đức Chúa Trời?

[2521] *Mauricius,* hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 582 đến năm 602.
[2522] *Sakellarios* – người trông coi các vật dụng thánh trong nhà thờ, người quản lý kho thánh vật.
[2523] Thượng phụ *Kyriak* trị vì từ năm 595 đến năm 606
[2524] Hoàng đế *Phocas* trị vì từ năm 602 đến năm 610.
[2525] Thánh *Tôma* giữ chức Tổng Giám mục từ năm 607 đến năm 610.
[2526] Galatia – một vùng ở Tiểu Á.

Thánh Phô-ma đã trả lời ngài qua người được cử đi: "Xin cha đừng phá vỡ sự im lặng của mình, điều cha đã nói: 'chúng ta sẽ gặp nhau ở đó trước mặt Thiên Chúa' là đủ đối với con rồi."

Và cũng trong ngày hôm đó, trước khi trời tối, Đức Thượng phụ Thánh Phêrô đã vui mừng lìa bỏ thân xác và về với Chúa dưới triều đại của chính Hoàng đế Phokas. Sau khi Thánh Phô-ma qua đời, Sergius, một phó tế của chính nhà thờ vĩ đại đó, đã lên ngôi Thượng phụ; ban đầu ông là người chính thống, nhưng sau đó đã sa ngã và trở thành thủ lĩnh của tà giáo Monothelitism, hay còn gọi là chủ nghĩa nhất ý, một tà giáo bất công khi chỉ công nhận một ý chí duy nhất trong Chúa Kitô[2527] ; khi đó, những tai họa ập đến với Giáo Hội: sự chia rẽ, sự tàn phá, sự đau khổ và sự bắt bớ những người chính thống bởi các kẻ dị giáo; đồng thời, do sự cho phép của Đức Chúa Trời để các tà thuyết gia tăng, một cuộc chiến tranh khốc liệt với người Ba Tư đã bùng nổ, các vùng đất Hy Lạp bị bắt làm tù binh và bị tàn phá bởi lửa và gươm; Jerusalem đã bị người Ba Tư chiếm đóng, và Thánh Giá đã bị bắt làm tù binh và mang đi sang Ba Tư; như vậy, tất cả những tai họa đã được báo trước bởi phép lạ về những cây thánh giá nói trên và được tiên tri Thánh Theodoros Sikeotis dự báo đều đã trở thành hiện thực; để không phải chứng kiến những tai họa này bằng chính đôi mắt mình, Đức Thượng phụ Thánh Phêrô đã thà chết còn hơn là tiếp tục sống, và theo lời thỉnh cầu của ngài, ngài đã được hưởng cái chết thanh thản trước khi thời kỳ khủng khiếp ấy ập đến. Ngài đã chăn dắt Giáo hội của Đấng Christ trong ba năm hai tháng, đã chiến đấu không mệt mỏi chống lại những kẻ dị giáo, bảo vệ giáo lý Chính thống và chân thành tôn kính Đấng Christ, Thiên Chúa của chúng ta; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Ngày 4 tháng 4

Ngày 22 tháng 3 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vasil, Linh mục Ankir.

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 3

Thánh Vasil, linh mục của Giáo hội tại Ankir, một thành phố ở Galatia, đã siêng năng dạy dỗ mọi người về lẽ thật Kitô giáo và hướng họ tránh xa con đường của ma quỷ cùng mọi việc ác của hắn; Ngài không ngừng rao giảng rằng thời kỳ kinh hoàng đã đến, các chúa tể của đạo quân địa ngục đã xuất hiện; vì Satan có những kẻ hầu cận mặc áo chiên, nhưng bên trong chúng là những con sói hung dữ; chúng xuất hiện trước mặt con người trên con đường cuộc đời ngắn ngủi này để bắt linh hồn họ vào chỗ diệt vong, và những mưu mô xảo quyệt của chúng đang bộc lộ rõ ràng vào thời điểm hiện tại.

Vì vậy, – vị thánh nói, – tôi chỉ cho mọi người con đường dẫn đến sự cứu rỗi bởi Đức Kitô, Thiên Chúa, và vạch trần sự lầm lạc của những kẻ vô đạo: nếu ai, bỏ rơi Thiên Chúa hằng sống và hằng hữu, mà quay sang thờ các thần tượng – những thứ mù, điếc và câm – thì người ấy sẽ phải gánh chịu ngọn lửa không thể dập tắt phát xuất từ các thần của hắn; vì vậy, tất cả chúng ta, những ai yêu mến Chúa Kitô và siêng năng tôn kính Ngài như Đấng Lãnh Đạo của đức tin chúng ta, mong muốn gìn giữ trong những kho tàng tâm hồn tinh khiết của mình kho báu bất khả xâm phạm, sẽ giẫm đạp lên sự cám dỗ của ma quỷ và những lễ hội vui nhộn của thần tượng, chúng ta sẽ tránh xa những kẻ thù ghê tởm, được củng cố bởi Đấng Cứu Rỗi của chúng ta là Chúa Kitô, Đấng ban sự trừng phạt vĩnh cửu.

Thánh nhân luôn làm như vậy, đi khắp thành phố và thuyết phục mọi người giữ vững đức tin chân chính và thoát khỏi những cực hình vĩnh cửu trong tương lai. Thánh Basil, linh mục, đã sống dưới thời Đức Thượng phụ Eudoxius của Constantinople, một người theo phái Arian, và vì lòng đạo đức của mình trong thời kỳ Công đồng Arian tại Constantinople, ngài đã bị cấm cử hành các nghi lễ thánh; nhưng sau đó, tại Công đồng gồm hai trăm ba mươi giám mục ở Palestine, ngài đã được lệnh cử hành các bí tích thánh. Với việc tuyên xưng đức tin chân chính và sống theo ý Chúa, ngài đã giải thích những chân lý của đức tin và dẫn dắt nhiều người thoát khỏi sự lầm lạc. Vì vậy,

---

[2527] *Những người theo thuyết Monothelitism* – chỉ công nhận trong Chúa Giêsu Kitô có một ý chí duy nhất – đó là ý chí thần thánh. Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ VI, diễn ra vào năm 680 tại Constantinople.

vào thời kỳ mà mọi Kitô hữu đạo đức đều phải chịu sự bách hại, ngài đã bị vu khống trước mặt Hoàng đế Constantius, con trai của Hoàng đế Constantine Đại đế, rằng ngài đang gây rối loạn cho dân chúng; khi bị hành hạ vì lẽ thật, ngài đã dạy dỗ nhiều người tin theo đúng đắn, bởi chính ngài luôn kiên định và vững vàng trong đức tin và truyền thống của các vị tổ phụ, không hề chệch hướng khỏi việc tuyên xưng đức tin một cách thành kính. Khi Julianus, kẻ bội đạo[2528] , lên ngôi và bắt đầu hủy diệt linh hồn con người bằng cách ban hành những luật lệ điên rồ về các lễ tế tà thần ghê tởm, thì tại xứ Galatia, theo lệnh của ông ta, người ta đã phải thờ lạy các thần tượng suốt một năm và ba tháng. Còn Thánh Basil, khi thấy sự diệt vong đang rình rập các linh hồn con người, đã cầu nguyện với Thiên Chúa cho thành phố Ancyra của mình, nói rằng:

– Lạy Đấng Cứu Thế của thế gian, lạy Chúa Kitô, Ánh Sáng không bao giờ tắt, kho tàng của những kho báu vĩnh cửu, Đấng xua tan bóng tối theo ý muốn của Cha và tạo dựng vạn vật bằng Thánh Thần của Ngài! Xin Ngài hãy nhìn bằng con mắt thánh thiêng và uy nghiêm của Ngài, và phá tan phép thuật độc ác của những kẻ chống lại ý muốn thánh thiêng của Ngài; xin cho mưu đồ yếu ớt của chúng tan biến và không cản trở linh hồn, vốn mãi mãi ngự trong Ngài – Thiên Chúa!

Còn những kẻ thờ thần tượng, khi nghe Thánh Basil cầu nguyện lớn tiếng như vậy, đã vô cùng tức giận với ngài, và một trong số họ, tên là Macarius, đã chạy đến và bắt giữ ngài, nói rằng:

– Sao ngươi lại đi khắp thành phố, gây rối dân chúng và phá bỏ luật thờ phượng Thiên Chúa do nhà vua ban hành?

Thánh nhân đáp lại:

– Nguyện Chúa làm tê liệt miệng ngươi, tên nô lệ của ma quỷ! Không phải ta bãi bỏ luật pháp của các ngươi, mà là Đấng ở trên trời, bằng sức mạnh vô hình, sẽ phá hủy nó và tiêu diệt, hủy diệt tất cả các ngươi, cho đến khi các ngươi kiệt sức hoàn toàn và nhận lấy cái chết vĩnh cửu đã được định sẵn cho các ngươi.

Những kẻ vô đạo, đầy cơn thịnh nộ, dẫn ngài đến gặp tổng trấn Saturninus, nói rằng:

– Người này đang gây rối loạn thành phố chúng ta, lôi kéo và dẫn dắt nhiều người vào con đường lầm lạc, và giờ đây hắn đã táo tợn đến mức ra lệnh phá hủy các bàn thờ và không ngần ngại phỉ báng nhà vua.

Thống đốc Saturninus hỏi vị thánh:

– Ngươi là ai mà dám làm việc như vậy?

Thánh Basil đáp:

– Tôi là một Kitô hữu; đó là danh hiệu cao quý nhất đối với tôi.

Saturnin nói:

– Tại sao ngươi không làm những điều mà một Kitô hữu phải làm?

Thánh nhân đáp:

– Ngài khuyên tôi rất đúng, thưa ngài. Thật vậy, những việc lành của người Kitô hữu cần phải được mọi người thấy rõ, như Thánh Tin Mừng dạy: *"Hãy để ánh sáng của các con chiếu sáng trước mặt mọi người, để họ thấy những việc lành của các con và tôn vinh Cha các con ở trên trời"* (Mt 5,16).

Saturnin nói:

– Vậy tại sao ngài lại gây rối loạn cho thành phố của chúng ta và khắp nơi đều phỉ báng nhà vua, như thể ngài ấy đã vi phạm những luật pháp tốt lành vậy?

Vị thánh đáp:

– Tôi không phỉ báng vua của các ngài; nhưng tôi biết Đấng Vua Tối Cao: Ngài là Đức Chúa Trời ngự trên trời, những tôi tớ xứng đáng của Ngài – các tổ phụ của chúng ta – đang thờ phượng Ngài khắp nơi với lòng trong sạch; Ngài có thể trong chốc lát phá hủy sự bất chính vô lý mà các ngài đã thiết lập.

Saturnin nói:

– Chẳng lẽ ngươi không cho rằng luật lệ do vua của chúng ta ban hành là công bằng sao?

Vị thánh đáp:

– Làm sao một luật pháp lại có thể công bằng được, khi nó ra lệnh – giống như một con chó điên đang gặm nhấm thịt bên cạnh bàn thờ và sủa ầm ĩ trước mặt nó – phải đặt thi thể con người lên bàn thờ, đổ máu và giết hại trẻ sơ sinh để dâng làm của lễ cho ma quỷ? Làm sao có thể gọi một luật pháp như vậy là công bằng được?

Saturnin nói:

[2528] Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363.

– Đừng nói dối nữa, kẻ kiêu ngạo, và hãy phục tùng nhà vua!

Thánh Basil đáp lại:

– Cho đến nay, tôi vẫn vâng phục Đức Vua trên trời và bây giờ tôi vẫn vâng phục, và tôi sẽ không bao giờ từ bỏ đức tin thánh thiện vào Ngài.

– Ngươi đang nói về ai vậy, – Saturnin hỏi, – Vị Vua trên trời mà ngươi tuân phục?

– Ta đang nói, – vị thánh đáp, – về Đấng ngự trên trời và thấy mọi sự; còn vị vua mà ngươi ca ngợi, đó là vua trần gian, và ngay lập tức, như một con người, hắn sẽ sụp đổ và rơi vào tay Đấng Vua Vĩ Đại.

Nghe vậy, Saturnin nổi giận và ra lệnh lột trần vị thánh, treo cổ ngài lên và dùng các dụng cụ sắt để tra tấn thân thể ngài. Còn ngài, trong lúc bị treo cổ và chịu đựng những cực hình, đã cầu nguyện với Thiên Chúa như sau:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, Thiên Chúa muôn đời, vì Ngài đã ban cho con ân sủng được chịu khổ vì Ngài và tìm thấy con đường sự sống, đi theo con đường ấy, con sẽ được thấy những người thừa hưởng những lời hứa của Ngài.

Khi vị thánh đang bị cạo da, quan tổng trấn nói:

– Basil, giờ đây ngươi đã phải chịu những cực hình khủng khiếp như vậy, hãy khuất phục trước nhà vua đi.

Thánh nhân đáp lại:

– Hỡi kẻ điên cuồng và xa lạ với niềm hy vọng Kitô giáo! Tôi đã nói rồi, tôi vâng phục Thiên Chúa của tôi như Vua Thật, tôi tin vào Ngài, và tôi không thể từ bỏ Ngài.

Khi những người hầu đang tra tấn vị thánh cảm thấy mệt mỏi, Saturnin ra lệnh cho họ dừng lại và lại nói với vị thánh:

– Hãy đồng ý với chúng ta và dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta.

Vị thánh đáp lại:

– Tôi sẽ không thờ lạy các vị thần hư ảo và sẽ không tham gia vào những lễ tế giết chết linh hồn.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh đưa vị tử đạo vào ngục tối; trên đường đi, vị thánh gặp một người Hy Lạp tên là Felix, người này nói với ngài:

– Sao vậy, Vasil, chính anh lại tự đi vào chỗ chết sao? Chẳng phải tốt hơn là anh nên làm bạn với các vị thần và nhận những phần thưởng mà nhà vua đã hứa sao? Rốt cuộc anh sẽ phải chịu đau khổ tàn khốc và còn rất lâu nữa, và đó là điều anh xứng đáng nhận được: chính anh đã tự nguyện như vậy mà.

Vị thánh đáp lại:

– Hãy lui ra, kẻ dâm đãng và vô đạo, ngươi không biết những lời hứa chân thật của Đấng Vua Thiên Đàng Vĩnh Cửu là Đức Kitô, và ngươi cũng không xứng đáng để biết chúng: làm sao ngươi có thể nhìn thấy ánh sáng của chân lý trong bóng tối và nhận ra sự u ám bao trùm xung quanh ngươi?

Nói xong, Thánh Basil bước vào ngục tối.

Còn Igemon Saturninus thì gửi thư cho vua Julianus và báo cho ông ta biết về vụ việc liên quan đến linh mục Basil. Nhà vua lập tức cử một người tên là Elpidas, một kẻ giảng dạy sự vô tín – người trước đây từng là Kitô hữu nhưng sau đó đã trở thành kẻ bội đạo – đến Ancyra, và cùng với hắn, nhà vua còn cử một kẻ vô đạo khác, cũng từng là Kitô hữu nhưng sau đó đã từ bỏ những kho tàng thiên đàng, tên là Pigasius. Trên đường đến Ancyra, tại Nicomedia, họ gặp Asclepius, một thầy tế lễ thờ thần tượng, và đưa ông ta theo cùng; cả ba người, như ba thủ lĩnh của đạo quân ma quỷ, đã đến thành phố Ancyra; còn Thánh Basil, đang bị giam trong ngục tối, ngày đêm không ngừng ngợi khen và tôn vinh Thiên Chúa. Ngày hôm sau, Pigasius đến thăm Thánh Basil trong ngục tối và, sau khi chào hỏi ngài, nói:

– Chúc mừng, Basil.

Thánh nhân đáp lại:

– Ngươi chẳng có niềm vui nào cả, tên tội phạm và kẻ lừa dối, ngươi cũng chẳng có sự cứu rỗi mà ngươi từng uống từ suối nước của Đấng Kitô; giờ đây ngươi là đầm lầy thối rữa, đang nuốt chửng thịt hiến tế; trước đây ngươi từng là người dự phần vào các Bí tích Thánh, giờ đây ngươi lại ngồi ở vị trí đầu tiên trong bữa tiệc của ma quỷ; trước đây ngươi là thầy dạy lẽ thật, giờ đây ngươi là thủ lĩnh của sự diệt vong; trước đây ngươi cử hành lễ hội cùng các thánh nhân, giờ đây ngươi lại vui chơi với những tôi tớ của Satan; trước đây ngươi dẫn dắt những kẻ lầm lạc từ bóng tối đến ánh sáng, giờ đây chính ngươi lại bị bao trùm hoàn toàn bởi bóng tối. Sao ngươi lại đánh mất hy vọng và mất đi kho tàng thiêng liêng của mình? Ngươi sẽ làm gì khi sắp chết?

Nói xong, Thánh Basil đã dâng lên Chúa lời cầu nguyện như sau:

– Ngợi khen Chúa, Đấng được các tôi tớ của Ngài nhận biết và dẫn dắt những ai khao khát được thấy Ngài – Thiên Chúa của họ – đến với ánh sáng; Đấng tôn vinh những ai đặt niềm tin nơi Ngài; Đấng khiến những kẻ ghét luật pháp của Ngài phải xấu hổ; Đấng được các cư dân trên trời ca ngợi và được loài người trên đất tôn kính. Xin Chúa Tối Cao, xin hãy cởi bỏ mọi xiềng xích của ma quỷ khỏi linh hồn tôi tớ của Ngài, để tôi tránh khỏi những kẻ ghét sự thật, những kẻ khoe khoang rằng sẽ bắt và đánh bại tôi!

Còn Pigasius, khi nghe những lời đó, đã lúng túng lùi lại, trở về với các bạn mình và thuật lại cho họ tất cả những lời của Basil; lúc đó, họ nổi giận khi thấy Pigasius lúng túng, liền đi báo lại chuyện này cho quan tổng trấn. Quan tổng trấn liền ra lệnh đưa vị thánh đến tra tấn; vị thánh tử đạo, khi đứng trước tòa, đã nói với quan tổng trấn:

– Hãy làm những gì ngài muốn làm.

Elpidius, nghe thấy Vasilii nói một cách dũng cảm như vậy, bèn nói với quan tòa:

– Tên vô pháp này đã điên rồi! Nếu sau khi bị tra tấn mà hắn đồng ý thờ lạy các vị thần, thì sẽ được ân xá; còn nếu không muốn, thì hãy để chính hoàng đế ra tay tra tấn hắn.

Vị quan tòa tức giận ra lệnh treo thánh nhân trần truồng một lần nữa và dùng sắt cạo dọc theo xương sườn ngài trong một thời gian dài, rồi lại nhốt ngài vào ngục tối, xích chặt bằng những sợi xích nặng nề.

Vài ngày sau, vua Julian, trên đường đi các nước phương Đông, đã đến Ankira; những tên tay sai của quỷ dữ đã ra đón ông với một tượng thần được gọi là Hecate[2529] ; khi vào điện, ông triệu tập các thầy tế thần tượng và ban thưởng cho họ bằng vàng. Ngày hôm sau, trong lúc diễn ra các buổi biểu diễn, Elpidius nhắc nhở hoàng đế về Thánh Basil, và hoàng đế, bỏ dở các buổi biểu diễn, ra lệnh đưa Thánh Basil vào điện của mình. Thánh Basil đến và xuất hiện trước mặt hoàng đế với khuôn mặt rạng rỡ, toát lên vẻ đẹp kỳ diệu. Hoàng đế Julian nói với ngài:

– Tên ngươi là gì?

Thánh nhân đáp:

– Tôi sẽ nói cho ngài biết tôi là ai theo thứ tự. Trước hết, tôi tự xưng là Kitô hữu, và danh hiệu của Chúa Kitô là vĩnh cửu và cao siêu hơn trí tuệ con người; tiếp theo, mọi người gọi tôi là Vasil; nếu tôi giữ nguyên vẹn danh hiệu của Chúa Kitô đã ban cho tôi, thì vào ngày phán xét, tôi sẽ nhận được phần thưởng bất tử từ Chúa Kitô.

Hoàng đế Julian nói:

– Đừng lầm tưởng, Basil, vì ta biết rất rõ các bí tích của các ngươi: ngươi tin vào Đấng đã chịu cái chết nhục nhã dưới thời Pontius Pilate.

Thánh nhân đáp:

– Không phải tôi lầm lẫn: chính ngài mới là người lầm lẫn, thưa hoàng đế, khi ngài đã trở thành kẻ bội đạo và mất đi Nước Trời. Tôi tin vào Đấng Kitô của tôi, Đấng mà ngài đã từ chối, Đấng đã ban cho ngài vương quốc trần gian này; nhưng nó sẽ sớm bị tước đoạt khỏi tay ngài, để ngài biết mình đã làm phật lòng vị Thiên Chúa nào.

– Ngươi đang điên loạn, thằng điên kia, – Julian nói, – chuyện sẽ không diễn ra như ngươi muốn đâu!

Vị thánh tiếp tục:

– Ngươi không nhớ những phần thưởng đã được chuẩn bị cho các tôi tớ của Đấng Kitô, ngươi không biết xấu hổ trước bàn thờ đã cứu ngươi khỏi bị giết, khi ngươi, một đứa trẻ tám tuổi, bị truy lùng để giết và ngươi được giấu trong nơi thánh; ngươi đã không tuân giữ luật pháp mà chính miệng ngươi đã rao giảng nhiều lần khi còn là một giáo sĩ! Vì thế, chính Chúa Kitô, Vị Vua Vĩ Đại, sẽ không nhớ đến ngươi trong Nước Trời vĩnh cửu của Ngài, mà ngay cả vương quốc tạm thời này cũng sẽ sớm bị tước đoạt khỏi ngươi; thi thể ngươi sẽ không được chôn cất xứng đáng khi ngươi trút hơi thở cuối cùng trong cơn bệnh tật dữ dội. (Đây là lời tiên tri của vị thánh về cái chết sắp xảy ra của Julian, thi thể của ông ta sau khi được chôn cất đã bị đất phun trào ra khỏi lòng đất).

Lúc đó, Julian nói:

– Kẻ vô đạo! Ta đã định tha cho ngươi, nhưng vì ngươi vô liêm sỉ lặp lại những lời điên rồ của mình, khước từ lời khuyên của ta, lại còn sỉ nhục ta bằng đủ thứ lời trách móc, nên bệ hạ ra lệnh mỗi ngày phải cắt bảy dải da từ da ngươi.

Ngài ra lệnh cho Frumentinus, chỉ huy đội lính khiên, bắt Vasilius và mỗi ngày lột một phần da của ông, cắt thành bảy dải da. Frumentinus tận tụy thi hành mệnh lệnh, còn vị thánh thì dũng cảm chịu đựng những cực hình ấy vì Chúa Kitô. Khi chỉ sau vài ngày, toàn bộ da của ngài đã bị lột sạch và những dải da treo lủng lẳng trên vai, trước và sau lưng, vị thánh chịu khổ nói với chỉ huy:

[2529] Hécate – vị thần của ánh trăng.

– Bây giờ tôi muốn đến gặp hoàng đế và nói chuyện với ngài.

Người chỉ huy rất vui mừng trước lời nói của ngài, nghĩ rằng ngài muốn thờ lạy các thần tượng, liền đến gặp nhà vua và báo cáo như sau:

– Thưa bệ hạ! Thánh Basil không chịu nổi những cực hình và muốn quy phục bệ hạ.

Vua đi đến đền thờ Asclepius và ra lệnh đưa vị tử đạo đến gặp ngài. Khi được dẫn đến trước mặt vua, thánh Vasily nói với ngài:

– Các thầy tế lễ và các nhà tiên tri của ngài, những người thường ở bên ngài, đâu rồi? Họ có nói với ngài lý do tại sao tôi đến gặp ngài không?

Julian trả lời:

– Ta nghĩ ngươi là người thông minh, đã hiểu rõ hoàn cảnh của mình, muốn gia nhập cùng chúng ta và từ nay sẽ dâng lễ vật cho các vị thần.

Thánh nhân nói:

– Hãy biết rằng, thưa hoàng đế, những kẻ mà ngài gọi là các vị thần – chẳng là gì cả; đó là những thần tượng điếc và mù, và những ai tin vào chúng sẽ bị lôi kéo xuống địa ngục.

Nói xong, ngài xé một trong những sợi dây đeo trên người mình và ném vào mặt nhà vua, đồng thời nói:

– Hãy nhận lấy đi, Julian, và ăn đi, nếu ngài thích loại thức ăn này; còn cuộc đời tôi chính là Đức Kitô, và chết vì Ngài đối với tôi là một ân huệ: Ngài là Đấng Cứu Rỗi của tôi, tôi tin vào Ngài, và vì Ngài mà tôi chịu đựng những cực hình này!

Tin đồn về hành động dũng cảm của Thánh Basil lập tức lan truyền khắp nơi trong cộng đồng Kitô hữu, và mọi người đều ca ngợi ngài vì lời tuyên xưng vinh quang về Chúa Kitô cũng như hành động dũng cảm đã làm bẽ mặt kẻ tra tấn.

Frumentinus, chỉ huy trung đoàn lính khiên, người đã dẫn Thánh Tử đạo Basil đến trước mặt hoàng đế, khi chứng kiến những gì Basil đã làm – cách ngài xé dây thắt lưng khỏi thân thể mình và ném vào mặt Julian kèm theo những lời thách thức – đã cảm thấy xấu hổ và sợ hãi trước cơn thịnh nộ của hoàng đế: ông thấy khuôn mặt nhà vua biến sắc vì cơn giận, và nhà vua nổi giận không phải vì vị tử đạo, mà là vì chính ông, bởi vì ông đã dẫn tù nhân đến gây ra sự sỉ nhục như vậy trước mặt nhà vua. Ngay lập tức, ông ta tóm lấy vị tử đạo, lén lút tránh mặt nhà vua, đưa ông ta vào dinh tổng trấn và, trong cơn thịnh nộ dữ dội, ra lệnh tra tấn ông ta còn tàn bạo hơn cả những ngày qua; không chỉ lột sạch da thịt vị tử đạo, mà còn làm rách nát toàn thân ông ta đến mức nội tạng lộ ra ngoài. Còn Thánh Vasili, giữa những cực hình đó, đã cầu nguyện với Thiên Chúa như sau:

– Ngợi khen Chúa, Thiên Chúa, niềm hy vọng của các Kitô hữu, Đấng nâng đỡ những ai sa ngã, – Đấng phục hồi những ai bị hạ bệ, Đấng giải thoát khỏi sự hư nát những ai đặt niềm tin nơi Ngài, Đấng thấu hiểu những đau khổ của chúng con, Đấng Tốt Lành và Hào Phóng, Đấng Nhân Từ và Kiên Nhẫn, xin Ngài hãy nhìn xuống từ ngai vàng vinh quang cao cả của Ngài, ban cho con được kết thúc cuộc đời mình một cách trung thành và ban cho con được hưởng Nước Trời vĩnh cửu và bất tử của Ngài!

Sau đó, khi trời đã về chiều, Frumentinus ra lệnh giam thánh nhân vào ngục tối, còn Julian thì rất sớm vào buổi sáng đã rời khỏi thành phố, không thèm gặp mặt ngài, và lên đường đến Antioch. Còn Frumentinus, khi thấy hoàng đế giận dữ với mình vì thánh Basil, lại càng nổi giận hơn với thánh Basil, và sau khi đưa ngài ra khỏi ngục, ông ta nói với ngài:

– Này, kẻ điên rồ nhất trong tất cả mọi người! Ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần theo lệnh của nhà vua hay không? Ngươi đã quyết định thế nào: tuân theo mệnh lệnh của nhà vua hay chết trong đau đớn?

Thánh tử đạo Vasilie đáp lại:

– Hỡi kẻ điên rồ và vô đạo! Ngươi đã quên rằng ngươi đã quất bao nhiêu roi vào thân thể ta hôm qua và những ngày trước đó, rằng tất cả những ai nhìn thấy ta đều xót xa và khóc lóc khi chứng kiến những cực hình mà ngươi, kẻ phạm thánh, đang giáng xuống ta! Và ngươi hãy nhìn xem: nhờ ân sủng của Đấng Kitô, ta lại đứng đây trước mặt ngươi, vẫn khỏe mạnh. Hỡi kẻ hầu hạ ma quỷ, hung ác và vô nhân đạo! Hãy báo lại cho kẻ hành hạ ngươi, hoàng đế Julian, rằng Đấng Kitô Thiên Chúa có quyền năng lớn lao đến mức nào, quyền năng mà hắn đã bỏ qua; hắn, bị ma quỷ lừa dối, đã hủy hoại linh hồn mình; tôi sẽ không nhắc lại nữa việc Đức Kitô Thiên Chúa đã cứu ngài khỏi cái chết như thế nào, bằng cách bảo vệ ngài qua các linh mục thánh của Ngài dưới bàn thờ thiêng liêng của Giáo hội thánh; ngài đã quên ân huệ của Giáo hội, tự chối bỏ chính mình và bỏ chạy khỏi Giáo hội. Còn

tôi thì đặt niềm tin vào Chúa Kitô của tôi, rằng Ngài sẽ sớm báo ứng cho hắn xứng đáng, và tên phản bội khốn nạn ấy sẽ phải chết trong đau khổ!

Frumentinus nói với hắn:

– Ngươi đang điên cuồng, tên điên kia! Đức vua Julian bất khả chiến bại, vì lòng nhân ái và từ bi dành cho ngươi, đã ra lệnh cho ngươi cùng chúng ta cử hành lễ hội, dâng lễ vật và thắp hương từ những lư hương thơm ngát; nhưng ngươi lại không chịu vâng lời, trái lại, ngươi đã ngang nhiên xúc phạm nhà vua trước tiên, rồi sau đó còn đẩy ta vào cảnh hoạn nạn; ta sẽ trừng phạt ngươi xứng đáng bằng những cực hình khiến ngươi nhanh chóng mất mạng.

Nói xong, Frumentinus ra lệnh nung đỏ những thanh sắt rồi dùng chúng đâm vào vai và bụng vị thánh. Trong những cực hình đó, Thánh Basil ngã xuống đất, lớn tiếng cầu nguyện cùng Thiên Chúa và nói:

– Ánh sáng của con, hỡi Đấng Kitô! Niềm hy vọng của con, hỡi Chúa Giêsu! Bến đỗ bình an cho những ai bị sóng gió xô đẩy! Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của các tổ phụ con, vì Ngài đã cứu linh hồn con khỏi địa ngục sâu thẳm và giữ cho danh Ngài trong con được trong sạch! Xin cho con được kết thúc cuộc đời mình như một người chiến thắng và thừa hưởng sự bình an vĩnh cửu, theo lời hứa mà Ngài, Đức Chúa Giêsu Kitô, vị Thượng Tế vĩ đại, Chúa của chúng con, đã ban cho các tổ phụ của con! Bây giờ, xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an, linh hồn vẫn kiên định trong lời tuyên xưng này! Ngài là Đấng nhân từ, và lòng thương xót của Ngài thật vĩ đại, Đấng Hằng Sống và Hằng Có đến muôn đời, amen.

Sau khi dâng lời cầu nguyện ấy, khi thân thể vị tử đạo đã bị những thanh gỗ nung đỏ đâm xuyên tơi tả, ngài dường như chìm vào giấc ngủ ngọt ngào, phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa. Thế là Thánh Vasilios đã qua đời trong sự tuyên xưng đức tin đầy đau khổ vào ngày 28 tháng 1. Ngay sau đó, sau khi Julian, kẻ bội đạo, bị giết và diệt vong vào ngày 22 tháng 3, các Kitô hữu đã công khai tỏ lòng tôn kính đối với thi thể đầy thương tích của vị tử đạo, và vào ngày này, họ đã thiết lập ngày kỷ niệm dành cho ngài. Sự chịu khổ anh dũng của ngài đã củng cố đức tin của tất cả các Kitô hữu vào Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta; vinh quang và Nước Trời của Ngài là vô tận muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Đã hoàn thành cuộc đời một cách chính đáng và giữ vững đức tin, hỡi vị thánh tử đạo Vasilie, vì thế ngài đã được ban tặng vương miện tử đạo và trở thành cột trụ bất di bất dịch của Giáo Hội, Ngài đã tuyên xưng Con, Đấng đồng bản thể với Cha, và Thánh Thần, là Ba Ngôi không thể tách rời; xin Ngài cầu thay cho những ai tôn kính Ngài được thoát khỏi tai ương, để chúng con kêu lên cùng Ngài: Hỡi Vasilios, người khôn ngoan của Thiên Chúa, xin vui mừng.

Lễ kính Thánh Nữ Tử đạo Drosida.

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 3

Theo lệnh của Hoàng đế Trajan[2530] , những người làm chứng cho Chúa Kitô bị xử tử hàng ngày và thi thể của họ bị vứt bỏ ở những nơi ô uế và bẩn thỉu. Vào thời gian đó, trong khi tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa và khiêm nhường thực hiện các việc lành, một số trinh nữ Kitô hữu đã sống đời tiết độ; các nữ hướng dẫn của họ mỗi lần đều thu nhặt thi thể các thánh tử đạo, xức hương thơm lên, quấn trong vải sạch và an táng tại nhà riêng. Drosida, con gái của Hoàng đế Trajan, khi biết được điều này, vào một đêm nọ, khi tất cả những người hầu bên cạnh nàng đều chìm trong giấc ngủ say, đã đến gặp những trinh nữ này, mang theo bộ trang phục quý giá, và xin họ cho phép nàng đi cùng để nàng cũng có thể lấy được thi thể trong sạch của một vị thánh tử đạo. Trong khi đó, một người tên là Andrian, vị hôn phu của Drosida và là bạn thân của hoàng đế, đã đưa ra lời khuyên như sau:

– Bệ hạ toàn quyền! Xin hãy ra lệnh bố trí binh lính canh gác những tín đồ Kitô giáo sắp bị hành quyết, để tìm ra kẻ nào đang đánh cắp thi thể của họ.

[2530] Hoàng đế La Mã Trajan trị vì từ năm 98 đến năm 117. Năm 99, ông khôi phục lại đạo luật đã có từ trước, cấm các hội kín và gián tiếp liên quan đến các Kitô hữu, và vào năm 104, ông ban hành một đạo luật rõ ràng chống lại họ. Kể từ năm đó, cuộc đàn áp tiếp diễn cho đến cuối triều đại của ông.

Trajan ra lệnh thực hiện lời khuyên này, và những binh lính được bố trí canh gác, thức trắng cả đêm, đã bắt giữ năm nữ tu sĩ Kitô giáo nêu trên, cùng với con gái của Trajan là Drosida, và khi bình minh ló rạng, họ dẫn tất cả đến trước mặt hoàng đế. Khi nhìn thấy Drosida, Trajan kinh hoàng và ra lệnh cho lính canh canh giữ cô ấy nghiêm ngặt trong một căn phòng kín, hy vọng rằng, sau khi hối cải, cô ấy có thể sẽ sửa đổi. Còn đối với các nữ hướng dẫn viên, ông ra lệnh đúc một cái nồi lớn và ném họ vào đó, cùng với một lượng lớn đồng để nấu chảy, nhằm khiến đồng hòa lẫn vào thi thể họ và thiêu đốt họ trong đó. Từ số đồng đó, ông còn ra lệnh rèn những giá tế ba chân và đặt chúng trong nhà tắm mới do ông xây dựng, nơi dự kiến sẽ được đốt lò và khai trương lần đầu tiên vào lễ hội Apollon[2531] để chữa bệnh và nghỉ ngơi cho những tín đồ ngoại giáo đồng lòng với ông. Khi mệnh lệnh của hoàng đế được thi hành xong: các thánh nữ tử đạo của Chúa Kitô đã bị thiêu sống và các giá ba chân dùng để dâng lễ vật đã được rèn xong, thì nhà tắm được đốt lò và người ta đã thông báo rộng rãi cho dân chúng, nói rằng:

– Tất cả những ai được các vị thần cứu rỗi khỏi tai ương ưu ái và những ai trung thành với hoàng đế, hãy vào nhà tắm đáng để tò mò này để tham dự lễ khai trương.

Ngay sau lời kêu gọi đó, dân chúng lập tức đổ xô đến nhà tắm; và người đầu tiên trong số họ, khi lao tới để bước qua ngưỡng cửa vào nhà tắm, đã ngã xuống đất và trút hơi thở cuối cùng. Điều tương tự cũng xảy ra với tất cả những ai cùng anh ta tiến đến ngưỡng cửa, đến nỗi không ai có thể bước vào được ngay cả cánh cửa đầu tiên của nhà tắm. Khi biết tin này, Trajan đã triệu tập các thầy tế lễ của các vị thần ngoại đạo đến và hỏi họ:

– Chuyện gì đã xảy ra vậy? Chẳng lẽ đây là do phép thuật của những người Kitô hữu gây ra sao?

– Không, thưa hoàng đế, – các thầy tế đáp, – điều này là do những chiếc bàn ba chân được đúc từ đồng nung chảy theo lệnh của ngài, trong đó các trinh nữ Kitô hữu đã bị thiêu sống. Xin hãy ra lệnh dỡ bỏ chúng và thay bằng những chiếc khác, khi đó kế hoạch mà ngài đã vạch ra sẽ được thực hiện suôn sẻ.

Khi lời khuyên của các thầy tế được thực hiện, thì Andrian nói với hoàng đế:

– Bệ hạ, xin cho phép thần nung chảy lại những giá ba chân đã được dỡ bỏ, đúc từ đó năm bức tượng thiếu nữ khỏa thân, giống như những nữ tu Kitô giáo mà Bệ hạ đã xử tử, và để nhục mạ và sỉ nhục họ, xin đặt những bức tượng này trước lối vào nhà tắm hoàng gia của Bệ hạ.

Trajan lập tức đồng ý với đề nghị này, và những bức tượng được tạc xong. Khi chúng được đặt vào vị trí đã định, Trajan thấy trong giấc mơ năm con cừu non trong trắng đang gặm cỏ trong vườn địa đàng, cùng với một người chăn cừu đáng sợ đang chăn dắt chúng, người này nói với ông:

– Hỡi vị vua vô pháp và bất kính nhất! Những người mà ngài định trưng bày hình tượng để sỉ nhục, Đấng Chăn Chiên nhân từ và thương xót đã cất đi khỏi tay ngài và an vị họ tại nơi này, nơi mà sau này con cừu non trong sạch Drosida, con gái ngài, cũng sẽ đến.

Khi tỉnh dậy, Trajan – kẻ vô đạo và bất chính – đã nổi cơn thịnh nộ, bởi vì các trinh nữ tử đạo thánh thiện đã làm bẽ mặt mưu đồ của hắn ngay cả sau khi qua đời, và hắn ra lệnh đốt hai lò lửa ở hai đầu đối diện của thành phố, duy trì lửa cháy hàng ngày, đồng thời khắc lên đó một dòng chữ thể hiện mệnh lệnh hoàng gia của hắn, với nội dung như sau:

– Hỡi những người đàn ông xứ Galilê[2532] , những kẻ thờ phượng Đấng bị đóng đinh, hãy giải thoát chính mình khỏi vô vàn cực hình, và giải thoát chúng ta khỏi những vết vả, hãy dâng lễ vật cho các vị thần. Nếu các ngươi không muốn làm điều đó, thì mỗi người trong các ngươi hãy tự nguyện, bằng bất kỳ cách nào mình muốn, tự ném mình vào lò nung này.

Sau khi sắc lệnh đó được ban ra từ hoàng đế và tin tức đến tai thánh Drosida rằng các Kitô hữu vì đức tin vào Chúa Kitô và tình yêu dành cho Ngài mà tự ném mình vào lò lửa, bà ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa, Đức Giêsu Kitô, Con của Đức Chúa Trời, nếu ý muốn của Ngài là để con được cứu rỗi và thoát khỏi sự thờ phượng điên rồ của cha con là Trajan, kẻ vô đạo, thì chính Ngài hãy giúp con thoát khỏi cuộc hôn nhân với Andrian, kẻ vô luật pháp, và được lên trời, nơi năm vị nữ thánh đã củng cố lòng kính sợ Ngài trong con đang ngự trị. Xin hãy khiến những người canh gác tôi chìm vào giấc ngủ sâu, để tôi có thể trốn thoát khỏi nơi này.

[2531] Apollon hay Phoebus, con trai của Zeus và Leto, là một trong những vị thần ngoại giáo Hy Lạp-La Mã được tôn kính nhất. Ông được tôn vinh là vị thần của mặt trời và sự khai sáng trí tuệ, cũng như là vị thần của trật tự và sự thịnh vượng xã hội.

[2532] Người Galilee thường gọi người Kitô hữu một cách mỉa mai.

Nói xong những lời ấy, thánh Drosida cởi bỏ những biểu tượng của phẩm giá hoàng gia và lặng lẽ rời khỏi nơi giam cầm, đến nỗi không một người lính canh nào phát hiện ra nàng. Trong lúc nàng đang đi để nhảy vào một trong những lò lửa, nàng suy ngẫm và tự nhủ:

– Làm sao tôi có thể đến với Chúa khi không mặc áo cưới (tức là chưa chịu phép rửa tội): vì tôi không trong sạch. Nhưng, Vua của các vua, lạy Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài mà con đã từ bỏ địa vị hoàng gia của mình, để Ngài ban cho con ân sủng được làm người gác cổng trong Nước Trời của Ngài; xin chính Ngài hãy rửa tội cho con bằng Thánh Thần của Ngài.

Và sau khi nói những lời ấy, thánh Drosida lấy ra lọ dầu thơm, thứ mà bà đã mang theo từ trong tất cả các kho báu của mình, rồi xức dầu lên khắp các bộ phận trên cơ thể, sau đó bước vào dòng suối chảy ngang qua con đường của bà và tự mình làm phép rửa, đồng thời thốt lên những lời:

– Nô tỳ của Chúa là Drosida được rửa tội nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần.

Sau đó, bà tuân giữ chay tịnh nghiêm ngặt và ẩn mình trong bảy ngày. Trong thời gian này, một số tín hữu Kitô giáo đã tìm thấy bà và qua những lời kể của bà, họ đã biết được tất cả những điều đã nêu trên. Vào ngày thứ tám sau khi chịu phép rửa, vị thánh tử đạo, sau khi cầu nguyện, đã thực hiện điều mà trước đó bà đã định sẵn và như vậy, bà đã về với Chúa.

Ngày 5 tháng 4

23 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Nikon

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 3

Tại thành phố Naples, thuộc vùng Campania[2533] , có một chiến binh danh giá và dũng cảm, nổi bật với vẻ đẹp phi thường, tên là Nikon. Cha của ngài, một người Hy Lạp ngoại đạo, đã nuôi dạy con trai theo đạo thờ thần tượng; nhưng mẹ của Nikon là một tín hữu Kitô giáo và luôn dạy dỗ ngài về Đức Kitô. Khi chỉ cho con trai thấy sức mạnh của Thánh Giá Chúa, bà nói:

– Con trai yêu quý của mẹ! Nếu một ngày nào đó con gặp nguy hiểm trên chiến trường, hãy thường xuyên làm dấu Thánh Giá để tự bảo vệ mình – con không chỉ tránh được cảnh bị bắt làm tù binh, mà còn thoát khỏi mọi vết thương; không mũi tên, không ngọn giáo, không thanh gươm nào có thể làm hại con, và con sẽ vẫn an toàn ngay cả trong những thời khắc nguy hiểm nhất của trận chiến.

Một lần nọ, các chiến binh La Mã lên đường ra trận. Nikon cũng phải đi cùng đơn vị của mình. Trong một trận chiến đẫm máu, Nikon lâm vào tình thế cực kỳ nguy hiểm, đứng trước bờ vực tử thần. Thấy vô số đồng đội của mình đã ngã xuống, chính anh cũng nghĩ rằng mình sắp chết dưới tay kẻ thù; nhưng khi nhớ lại những lời dạy dỗ của mẹ, Nikon ngước mắt lên trời, làm dấu thánh giá và, với một tiếng thở dài từ tận đáy lòng, anh thốt lên:

– Lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa toàn năng! Xin hãy tỏ ra quyền năng của Thập giá Ngài trên con ngay lúc này; từ nay trở đi, con sẽ là tôi tớ của Ngài và sẽ thờ lạy Ngài cùng Mẹ đã sinh ra Ngài.

Sau những lời ấy, ông cảm thấy trong lòng mình một sự dũng cảm phi thường, và lao vào với cây giáo trong tay phải, chẳng mấy chốc đã giết chết tới 180 chiến binh dũng cảm của quân địch, còn những người khác thì khiến họ bỏ chạy, đến nỗi không ai có thể chống cự lại ông. Đó chính là cách sức mạnh của Thập tự giá Chúa Kitô đã hiển hiện một cách kỳ diệu trên ông!

Lúc đó, Nikon đã ngợi khen Thiên Chúa, nói rằng:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, Đấng chiến thắng và xua đuổi kẻ thù bằng dấu hiệu Thánh Giá của Ngài!

[2533] Campania là một vùng ở miền trung Ý. Một trong những thành phố nổi tiếng của vùng này, Naples, nằm trên bờ bắc của Vịnh Naples. Chính tại vùng này, chuông đã được phát minh lần đầu tiên; trong các sách phụng vụ của Giáo hội, chúng được gọi là "campana" theo nơi xuất xứ.

Toàn bộ quân đội La Mã đều kinh ngạc trước Nikon và nói:

– Thật là một phép lạ vĩ đại của sự quan phòng Thiên Chúa! Chúng tôi chưa bao giờ thấy, thậm chí chưa từng nghe nói về một chiến binh nào chiến đấu dũng cảm trên chiến trường như Nikon.

Khi chiến tranh kết thúc, khi mọi người đều được giải tán về nhà, Thánh Nikon cũng trở về nhà mình; ngợi khen Đức Chúa Trời, ngài kể cho mẹ mình nghe những điều mà Chúa Kitô, Chúa của ngài, đã làm cho ngài trong chiến tranh nhờ quyền năng Thánh Giá của Ngài.

Trong niềm vui tột độ, mẹ ngài đã thốt lên:

– Con tạ ơn Danh Thánh của Ngài, lạy Chúa, vì Ngài muốn tất cả mọi người được cứu rỗi và đến với sự hiểu biết về lẽ thật! Xin Ngài hãy nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài và ban cho con trai tôi được lãnh nhận phép rửa thánh, ân sủng được ban cho chúng con để xóa bỏ tội lỗi, và dạy dỗ nó thực hiện ý muốn của Ngài, để làm đẹp lòng Ngài và được hưởng những ân huệ vĩnh cửu đã hứa.

Nikon bắt đầu hỏi mẹ mình rằng làm thế nào để trở thành một Kitô hữu. Mẹ cậu trả lời:

– Con phải ăn chay bốn mươi ngày và học hỏi đức tin Kitô giáo từ một linh mục Kitô giáo; sau đó, khi từ bỏ Satan và mọi việc làm của hắn, đồng thời tin vào Đức Kitô là Thiên Chúa, con sẽ được ban phép rửa tội thánh và trở thành một Kitô hữu chân chính cũng như tôi tớ của Đức Kitô.

– Chúa hằng sống! – Nikon đáp – Thà con làm tôi tớ của Ngài còn hơn là tiếp tục làm người ngoại đạo, kẻ thờ thần tượng và chiến binh; con không muốn thờ lạy đá hay bất kỳ sinh vật nào nữa, mà chỉ thờ lạy Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa của trời và đất, biển cả và mọi sự trong đó.

Sau khi cúi đầu chào mẹ mình xuống đất, Nikon nói:

– Mẹ ơi! Xin mẹ cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời cho con, người tôi tớ của mẹ, để Ngài ban cho con một Thiên Thần, một vị thầy tốt lành và người bảo vệ linh hồn cùng thân xác con, để dưới sự hướng dẫn của Ngài, con có thể tìm được một tôi tớ của Đức Chúa Trời, người sẽ ban cho con phép rửa tội thánh và dạy con thực hiện ý muốn của Đấng Christ, Đức Chúa Trời chân thật của chúng ta, và con sẽ được kể vào đoàn chiên của Đấng Christ. Ôi, mẹ kính yêu của con! Nếu lời dạy của mẹ không đưa con ra khỏi sự lầm lạc ngoại đạo và không dẫn con đến sự nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, thì con đã không thể thoát khỏi địa ngục và sẽ phải chịu cực hình trong âm phủ cùng với tất cả những ai không biết Đức Chúa Trời.

Và với những lời: "Hãy cầu nguyện cho con, mẹ ơi!", anh định rời khỏi nhà. Người mẹ nắm chặt tay con trai, nài nỉ anh trở về với bà sau khi nhận phép rửa tội thánh và chôn cất bà, vì bà đã cảm nhận được cái chết đang đến gần. Sau đó, sau khi cầu nguyện cho anh, bà đưa cho anh tiền và, điều quan trọng nhất, ban phước lành của người mẹ cho anh rồi để anh ra đi tìm một linh mục Kitô giáo; nhưng đối với người muốn trở thành Kitô hữu và nhận phép rửa tội, việc tìm được một linh mục vào thời điểm đó là điều vô cùng khó khăn, do cuộc đàn áp đối với Kitô hữu, bởi tất cả các linh mục và người hướng dẫn Kitô giáo đều đang ẩn náu trong sa mạc và núi non.

Rời khỏi nhà, Nikon đến bến tàu, lên thuyền và ra khơi đến Constantinople.

Sau khi Nikon ra đi, tại thành phố Naples, các chiến binh và các chỉ huy đã tìm kiếm người chiến binh dũng cảm này trong một thời gian dài, và khi đến nhà mẹ anh, họ hỏi bà: "Con trai bà đang ở đâu?" Bà trả lời: "Tôi không biết nó đã đi đâu!"

Trong khi đó, Nikon, được ân sủng của Thiên Chúa dẫn dắt, đã đến hòn đảo có tên là Chios[2534] , leo lên một ngọn núi cao ở đó và dành 8 ngày để cầu nguyện, xin Thiên Chúa chỉ cho biết nơi nào có thể tìm thấy một tôi tớ của Chúa, người sẽ ban cho anh phép rửa tội thánh mà anh hằng mong ước từ lâu và dạy anh các bí tích của đức tin thánh thiện. Và rồi, trong một giấc mơ, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra trước Nikon dưới hình dạng của một vị thánh; Ngài trao cho ông một cây gậy có hình thánh giá ở đầu và bảo ông hãy đi ra bờ biển. Khi đến đó, sáng hôm sau, ông tìm thấy một con tàu dường như đang chờ sẵn ông; bởi vì chính Thiên Thần của Chúa ấy đã hiện ra với các thủy thủ và ra lệnh cho họ chờ Nikon, người sẽ xuống núi với cây gậy có hình thánh giá.

Nhờ gió thuận, hai ngày sau, Nikon cùng các thủy thủ cập bến một ngọn núi tên là Ganos[2535] , nơi Thánh Theodosius, Giám mục Kizikos[2536] , đang ẩn náu cùng nhiều tu sĩ để trốn tránh sự đàn áp; ngài là vị Bề trên và là

[2534] Chios là một trong những hòn đảo thuộc Biển Aegean hay Quần đảo Aegean, nằm gần bờ biển phía tây của Tiểu Á.

[2535] Ganos hay Gan nằm trên bờ biển phía tây bắc của Biển Đá Cẩm Thạch – là một trong những địa điểm được củng cố vững chắc ở Thrace.

[2536] Vùng Kizik với thành phố Kizik nằm ở phần tây bắc Tiểu Á, trên bờ nam Biển Đá Cẩm Thạch.

người cha tinh thần của các tu sĩ. Chúa đã mặc khải cho ngài về Nikon, và ngài cùng các tu sĩ của mình ra đón ông tại bến đỗ. Sau đó, ngài dẫn ông vào hang động của mình và, sau khi rao giảng, đã rửa tội cho ông nhân danh Thánh Ba Ngôi và ban cho ông các Bí tích Thánh Thể của Chúa Kitô.

Sau khi nhận phép rửa thánh, thánh Nikon đã sống trong ngôi đền hang động đó, học hỏi Kinh Thánh và tuân giữ đời sống tu sĩ, và nhờ sự khiêm nhường của mình, ngài đã được cắt tóc và trở thành tu sĩ.

Một số anh em trong tu viện, khi thấy sự khiêm nhường và hiền lành, việc ăn chay, kiêng khem, cùng việc thức suốt đêm không ngủ để cầu nguyện và hát Thánh vịnh của Nikon, đã so sánh ngài với Thiên Thần của Chúa; vì ngài kiên nhẫn trong lao nhọc, vĩ đại trong tình yêu thương, vô song trong việc ăn chay, không bao giờ chán trong việc học hỏi và đọc sách, không mệt mỏi trong những lời cầu nguyện ban đêm, và luôn siêng năng, tận tụy trong mọi việc tu hành; ngài không chỉ khiến các tu sĩ ngạc nhiên, mà ngay cả chính Giám mục Theodosius cũng phải kinh ngạc.

Khi Thánh Nikon đã ở trên ngọn núi ấy được ba năm, Đức Giám mục nhận được sự mặc khải từ Thiên Chúa – Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với ngài trong giấc mơ và phán:

– Trước khi qua đời, hãy phong Thánh Nikon – người mà ngài đã rửa tội và truyền chức tu sĩ – làm giám mục thay thế ngài, và giao phó đoàn chiên của ngài cho ngài; nhưng hãy bảo ngài cùng mọi người di cư đến vùng phía nam của tỉnh Sicily[2537] , để các tu sĩ không bị giết bởi gươm của bọn man di, những kẻ sẽ sớm tấn công nơi này.

Sau thị kiến đó, Giám mục Theodosius đã phong chức cho Thánh Nikon, trước tiên là phó tế, sau đó là linh mục, và cuối cùng là giám mục; rồi ngài giao phó cho ngài 190 tu sĩ, và an nghỉ trong Chúa.

Sau khi lo liệu tang lễ cho giám mục, Nikon cùng tất cả các tu sĩ lên thuyền và ra khơi đến đảo Lesbos[2538] , nơi ông cập bến thành phố Mytilene[2539] , ở lại đó 2 ngày rồi tiếp tục ra khơi đến đảo Naxos[2540] . Từ đó, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, sau 22 ngày, ngài đã cập bến Ý; khi trở về quê hương, thành phố Naples, ngài thấy mẹ thánh thiện của mình vẫn còn sống; bà, khi nhìn thấy ngài, đã quỳ xuống ôm lấy ngài và hôn ngài trong những giọt nước mắt vui sướng. Sau khi cúi đầu thờ lạy Đức Chúa Trời đến tận đất, bà nói:

– Con tạ ơn Danh Thánh của Ngài, lạy Chúa, vì Ngài đã cho con được gặp lại con trai con trong hình ảnh của một thiên thần và phẩm trật giám mục; và giờ đây, lạy Chúa của con, xin hãy nghe lời con, tôi tớ của Ngài, và đón nhận linh hồn con vào tay Ngài.

Sau khi dâng lời cầu nguyện này, người phụ nữ thánh thiện ấy lập tức trút hơi thở cuối cùng về với Chúa; tất cả những ai có mặt tại đó đều ngợi khen Thiên Chúa và an táng bà một cách trang trọng cùng với những bài thánh vịnh.

Tin tức về sự trở về của Nikon lan truyền khắp thành phố; một số binh sĩ từng là bạn cùng trung đoàn của ông cũng biết được điều này; khi đến gặp ông, họ ngưỡng mộ vẻ đẹp trên khuôn mặt ông và hỏi riêng:

– Chúng tôi khẩn cầu ngài nhân danh quyền năng của Đấng Tối Cao, xin hãy cho chúng tôi biết, tại sao ngài lại thể hiện sức mạnh và lòng dũng cảm như vậy trong chiến trận, là do phép thuật hay do điều gì khác? Xin hãy dạy cho chúng tôi để chúng tôi cũng được như vậy.

– Hỡi các anh em! – vị thánh đáp lại – Hãy tin lời ta, không phải phép thuật hay bất cứ điều gì khác đã khiến ta dũng cảm trên chiến trường, mà chỉ có sự trợ giúp duy nhất từ Thánh Giá của Chúa Kitô mà thôi. Khi ta mang Thánh Giá bên mình, không ai có thể chống lại ta, vì sức mạnh của Thiên Chúa, hoạt động qua dấu Thánh Giá, đã đánh bại mọi kẻ thù.

Nghe những lời ấy, các chiến binh liền quỳ xuống dưới chân Đức Giám mục Thánh Nikon, thưa rằng:

– Thánh nhân của Chúa! Xin thương xót chúng con và dẫn dắt chúng con theo ngài, để như trong chiến tranh chúng con đã được giải thoát khỏi kẻ thù nhờ ngài, thì giờ đây chúng con cũng được cùng ngài trở thành những người được dự phần vào Nước Trời.

Và ngay lập tức, bỏ lại vợ con, anh em và nhà cửa, những chiến binh ấy đã theo chân Thánh Nikon; họ có tất cả 9 người.

[2537] Vùng Sicily hay đảo Sicily – là một trong những hòn đảo lớn nhất của Biển Địa Trung Hải, nằm ở phía nam bán đảo Apennine, được ngăn cách với bán đảo này bởi eo biển Messina. Trên đảo này có ngọn núi lửa vĩ đại nhất thế giới – núi Etna.

[2538] Lesbos – hòn đảo thuộc Biển Aegean hoặc Quần đảo Aegean, nằm ở bờ tây Tiểu Á, gần Midia.

[2539] Mytilene – thành phố có hệ thống phòng thủ lớn nhất trên đảo Lesbos, nằm ở phía đông của đảo.

[2540] Naxos – một hòn đảo ở phía nam Biển Aegean hoặc Quần đảo Aegean – là hòn đảo lớn nhất trong nhóm các đảo Cyclades.

Lên thuyền, Thánh Nikon cùng với họ và các môn đệ của ngài đã ra khơi đến xứ Sicily và tại đó cập bến ngọn núi cao nhất Tavromene[2541] ; sau khi lên bờ và đi một quãng đường khá xa, họ đến sông Asinos, gần đó họ tìm thấy một nhà tắm bằng đá lớn đã cũ nát, nằm ở một nơi hoang vắng tên là Gigia, và họ đã định cư tại đó. Nơi này rất đẹp và hẻo lánh, còn đất đai thì thích hợp cho việc canh tác. Sau khi trồng những vườn nho và cây ăn quả, họ bắt đầu sinh sống tại đó. Thánh Nikon đã làm phép rửa tội cho chín người đàn ông này, những người bạn đồng ngũ của ngài, và cắt tóc cho họ theo nghi thức tu sĩ.

Nhiều năm trôi qua, nhưng cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu vẫn tiếp diễn. Các tín đồ ngoại đạo đã báo cáo với Igemon Quintianus của Sicily rằng trên sông Asinos có một nhóm người đang sống, họ tôn thờ Thiên Chúa trên trời và có Giám mục Nikon làm thầy; họ không tuân theo luật pháp của chúng ta và không muốn tôn thờ các vị thần của chúng ta.

Nghe tin này, vị thống đốc tràn đầy cơn giận dữ và tức giận, liền cử một đội quân đi bắt giữ tất cả họ và đưa về để thẩm vấn.

Khi đến nơi đó, các binh lính hỏi:

– Nikon cùng những người bạn của ông ta, những kẻ không tuân theo luật pháp của hoàng đế và không tôn thờ các vị thần, đang ở đâu!

Thánh Nikon đáp lại họ:

– Hỡi các con của ta! Các con đã làm rất tốt, rất tốt khi đến đây, vì Chúa Kitô, Chúa của ta, đang kêu gọi ta và các bạn của ta đến với Ngài.

Lúc đó, các anh em bắt đầu cầu nguyện, xin Chúa củng cố họ bằng ân sủng của Ngài để thực hiện công việc cao cả này, nhưng dưới sự ép buộc của các binh lính, họ buộc phải ngừng cầu nguyện và, dưới sự hộ tống của họ, đi đến gặp quan tổng trấn, như những con cừu bị dẫn đi giết mổ.

Trên đường đi, vị cha thánh Nikon của chúng ta đã khích lệ họ bằng những lời sau:

– Hãy can đảm lên, hỡi các anh em của tôi, và đừng sợ kẻ hành hạ, vì cuộc chiến đấu của chúng ta sắp kết thúc, cánh cửa thiên đàng đã mở ra cho chúng ta. Chúng ta sẽ kiên định bảo vệ đức tin vào Đấng Kitô trước mặt kẻ tra tấn tàn bạo, sẽ can đảm nói trước mặt hắn, ghi nhớ lời của Đấng Chăn Chiên nhân lành của chúng ta: *"Đừng sợ những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết linh hồn"* (Mt 10,28).

Khi các thánh được dẫn đến trước quan tổng trấn để xét xử, ông ta, sau khi liếc nhìn họ bằng ánh mắt đáng sợ, bắt đầu nói:

– Phải chăng tất cả các ngươi đều nuôi dưỡng trong lòng một niềm hy vọng hão huyền và lừa dối như vậy, bị nhà tiên tri Nikon mê hoặc đến mức không tôn kính các vị thần bất tử và không tuân theo luật pháp của họ?

Các thánh đồng thanh đáp lại:

– Chúng tôi là những người Kitô hữu và sẽ không bao giờ từ bỏ đức tin của mình; chúng tôi không đặt niềm hy vọng vào những điều phù phiếm trần thế, mà đặt vào Chúa Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng trời đất, biển cả và muôn loài trong đó; còn các vị thần của ngài chỉ là những tượng đá câm, điếc và vô cảm, là tác phẩm của con người, và những ai đặt niềm tin vào chúng cũng sẽ giống như vậy.

Thấy đức tin vững chắc và bất di bất dịch của các thánh nhân, quan tổng trấn nói:

– Nếu ta không ra lệnh giết họ ngay lập tức, họ có thể lôi kéo nhiều người khác vào sự lầm lạc của mình.

Vì vậy, ông ra lệnh trước tiên phải lột trần và trói các thánh xuống đất, đánh họ lâu dài và không thương xót bằng dây da bò; sau đó – chém đầu tất cả bằng gươm, trừ thánh Nikon, bên bờ sông, tại nhà tắm nơi họ từng sinh sống. Rồi họ bị dẫn đi chém đầu.

Cúi những cái đầu trong sạch của mình xuống dưới lưỡi gươm, các thánh tử đạo đã thốt lên:

– Lạy Chúa! Chúng con phó thác linh hồn mình vào tay Ngài, *"nhưng vì Ngài mà chúng con bị giết mỗi ngày, bị coi như những con chiên bị định sẵn để bị giết"* (Thánh Vịnh 43:23).

Như vậy, 199 môn đệ đáng kính của Thánh Nikon đã bị chém đầu. Theo lệnh của kẻ tra tấn, thi thể của họ bị ném vào nhà tắm đã được đốt nóng dữ dội, nơi họ từng cư ngụ.

Sau khi xiềng xích Thánh Nikon, kẻ tra tấn đã nghĩ ra những hình thức tra tấn tàn bạo nhất để giáng xuống ngài.

Đêm đó, trong giấc mơ tại ngục tối, một Thiên thần của Đức Chúa Trời hiện ra với vị thánh và nói:

[2541] Núi Tavromenia nằm ở bờ đông của đảo Sicily.

– Hãy vững lòng vì Chúa, Nikon, chiến binh của Đấng Kitô, và hãy vui mừng, vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, đã nhận lễ vật – 199 môn đệ của ngươi – như hương thơm ngào ngạt: họ đã bước vào cung điện nơi Chú Rể Thiên Đàng đang an nghỉ.

Sau những lời của Thiên Thần, Thánh Nikon thấy trước mặt mình một thiếu nữ, rực rỡ hơn cả tia nắng mặt trời, y phục của nàng làm bằng vàng và ngọc bích[2542] ; trong tay nàng là một con sư tử trắng như tuyết. Cô gái ấy đứng ở phía đông sông Psimif, còn ở phía tây có hai người đàn ông cao lớn phi thường, đầu họ chạm tới trời; trong tay họ cầm những cây giáo lửa và họ đã có cuộc trò chuyện như sau với cô gái vừa xuất hiện:

– Tại sao hôm nay chúng ta lại đứng đây không làm gì, trong khi đã được Vua Trời phái đi chiến đấu chống lại Quintian? Chúng ta đang chờ đợi hắn, nhưng hắn lại không đến.

Cô gái rực rỡ ánh sáng nói với họ:

– Hôm qua, Quintian đã giết 199 người đàn ông, những tôi tớ của Chúa Kitô; ngoài ra, hắn còn nghĩ ra những hình phạt tàn bạo nhất dành cho vị thầy của họ, Nikon, người đã chiến thắng mọi mưu mô xảo quyệt của ma quỷ; chẳng bao lâu nữa, hắn sẽ đến nơi mà các ngươi được sai đi chống lại hắn.

Nói xong, nàng thả một con sư tử từ tay mình ra trước mặt họ, và nói: "Hãy nhận lấy nó, nó sẽ giúp các ngươi chống lại kẻ hành hạ."

Khi tỉnh dậy sau giấc mơ, Giám mục Nikon vô cùng vui mừng; ngài dâng lời ngợi khen và tôn vinh Thiên Chúa, rồi kể lại giấc mơ cho người hầu của mình, tên là Hê-rô-mên, người sau này đã ghi chép lại cuộc đời và những đau khổ của ngài.

Khi kể lại giấc mơ cho người hầu của mình, vị thánh đã tiên đoán rằng Quintian sẽ sớm phải chịu một cái chết thảm khốc.

Sáng hôm sau, quan tổng trấn Quintian ra lệnh đưa Thánh Nikon đến trước mặt mình để xét xử và hỏi ngài:

– Ngươi là ai, từ đâu đến, theo đạo nào, mà lại dùng phép thuật của mình gây ra cái chết cho biết bao người như vậy; chính vì sự điên rồ của ngươi mà họ sẽ không còn được nhìn thấy ánh sáng mặt trời hay ánh trăng nữa.

Thánh Nikon đáp lại:

– Kẻ vô đạo! Không chỉ ta đã nói với ngươi ta là ai và theo đạo gì, mà những người khác cũng đã nói với ngươi rồi; ngươi đã nghe điều này không ít lần từ những vị thánh mà ngươi đã giết chết hôm qua trong cơn mù quáng của sự vô đạo. Giờ đây ta sẽ nói ngắn gọn với ngươi: ta là một Kitô hữu, vững vàng và kiên định đặt niềm tin vào Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng trời đất, Đấng sẽ trừng phạt ngươi bằng những cực hình không thể chịu đựng nổi vì sự tra tấn vô nhân đạo và sự vô đạo đức tột độ của ngươi.

Nghe những lời này, tên tra tấn gầm lên như sư tử, ra lệnh lột trần vị thánh, rồi kéo người ra và trói tay chân vào bốn bánh xe, đồng thời đốt lửa từ dưới lên.

Thánh Nikon nằm trên than hồng như nằm trên hoa, vừa ca ngợi Đức Chúa Trời:

– Lạy Chúa, Ngài là chỗ dựa và nơi nương náu của con, Đấng giải cứu con khỏi những kẻ thù đang giận dữ với con (Thánh vịnh 17:3).

Các đầy tớ nói với kẻ tra tấn:

– Thưa ngài, thưa quan tổng trấn! Chúng tôi đã kiệt sức rồi: dù chúng tôi có thổi bùng ngọn lửa mạnh đến đâu và thiêu đốt Thánh Nikon thế nào đi chăng nữa, cũng chẳng có gì làm hại được ngài cả.

Ngừng hình phạt này, quan tổng trấn ra lệnh trói vị thánh vào những con ngựa nhanh nhẹn để kéo lê trên mặt đất và xé xác ngài; nhưng vị thánh, khi bị buộc vào những con ngựa, đã giơ tay phải lên và làm dấu thánh giá trên chúng, và những con ngựa lập tức trở nên hiền lành như những con cừu, đứng im như bị đóng đinh xuống đất, không nhúc nhích dù các đầy tớ có đánh đập chúng hay thúc giục bằng dây cương và dây cương đến đâu.

Thấy vậy, kẻ tra tấn nổi giận và ra lệnh cắt đứt gân chân ngựa, nhưng theo ý Chúa, chúng bỗng nhiên cất tiếng nói bằng giọng người, giống như con lừa của Balaam xưa kia: *"Chúa chúng ta ở trên trời; Ngài làm mọi điều Ngài muốn" (Thánh vịnh 113:11). Vì Thánh Nikon, chúng tôi cũng sẵn sàng chịu chết."*

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh xiềng thánh tử đạo bằng xiềng sắt và ném ngài từ ngọn núi cao xuống vực thẳm. Nhưng ngay cả sau đó, thánh tử đạo vẫn không hề hấn gì. Thiên thần của Đức Chúa Trời đã bảo vệ ngài trong lúc rơi xuống và, sau khi giải thoát ngài khỏi xiềng xích, đã dẫn ngài ra khỏi vực thẳm. Thánh nhân lại xuất hiện

[2542] Ngọc bích – một loại đá quý; nó có nhiều màu sắc khác nhau, nhưng thường gặp nhất là màu xanh lam, màu trời, màu xanh dương và màu hoa cúc.

trước mặt kẻ tra tấn trong phiên tòa, vẫn khỏe mạnh và không hề hấn gì. Thấy ngài, kẻ tra tấn kinh hoàng và sau đó nói với ngài:

– Nikon! Các vị thần của chúng ta quan tâm đến ngươi biết bao! Ngươi không thấy họ chăm sóc ngươi và không muốn hủy hoại thân xác ngươi sao? Hãy nhận ra lòng thương xót của họ: hãy dâng lễ vật cho họ và trở thành bạn của họ.

Thánh nhân đáp lại:

– Ngươi, các vị thần của ngươi, và tất cả những ai đặt niềm tin vào họ, đều bị nguyền rủa.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh dùng đá ném vào mặt vị thánh, dùng kìm kéo lưỡi ra và cắt đứt; sau đó đưa ngài đến một nơi gọi là Gigia, nơi ngài sống cùng các môn đệ của mình, và tại đó chém đầu ngài. Vị thánh tử đạo Nikon đã bị chặt đầu bên bờ sông Asinos, dưới gốc cây pyg[2543] vào triều đại của vua Decius[2544] . Thi thể ngài bị bỏ lại mà không được chôn cất, và bị ném cho thú dữ và chim chóc ăn thịt.

Vào ngày mà quan tổng trấn Quintianus kết án thánh Nikon phải chịu hình chặt đầu, chính ông ta đã lên đường đến thành phố Panormus[2545] để chiếm đoạt tài sản của thánh Agathia, người mà ông ta đã tra tấn đến chết không lâu trước đó. Và khi ông ta đang băng qua con sông Psimif nói trên, những con ngựa đi cùng ông ta trên phà bỗng dưng trở nên hung dữ. Một con lao vào ông, cắn xé khuôn mặt ông bằng răng và làm biến dạng khuôn mặt; con kia thì dẫm đạp dữ dội đến mức hất ông xuống sông. Và tên khốn kiếp đó đã chết đuối, kết thúc cuộc đời bất chính của mình trong đau khổ, đúng như lời tiên tri của Thánh Nikon.

Khi thi thể thánh thiện của vị tử đạo vẫn nằm đó chưa được chôn cất tại nơi bị chặt đầu, một người chăn cừu bị quỷ ám đã đi ngang qua chỗ đó. Khi phát hiện thi thể của vị thánh, hắn lập tức ngã sấp mặt xuống đất, bởi vì tà linh – bị sức mạnh của vị thánh trục xuất – đã quật ngã hắn xuống đất và thoát ra khỏi người hắn với tiếng thét vang dội: "Khốn khổ cho ta, khốn khổ cho ta, ta phải chạy trốn đi đâu để thoát khỏi mặt Nikon đây?!"

Người chăn cừu đã được chữa lành bèn đi kể lại phép lạ này cho dân chúng trong vùng. Giám mục thành Messina,[2546] , khi nghe tin, đã cùng với các linh mục của mình lên đường đi tìm thi hài đầy đau khổ của vị thánh tử đạo; khi tìm thấy, ngài đã mang thi hài ấy về. Ngài cũng tìm thấy thi hài của các môn đệ thánh của ngài trong nhà tắm, vẫn còn nguyên vẹn và không bị lửa thiêu rụi, và đã an táng tất cả họ một cách trang trọng cùng với vị thầy của họ là Nikon tại một địa điểm nổi tiếng, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của vị thánh cha Nikon, vị tu viện trưởng tu viện Pechersk

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 3

Khi Đức Chúa Trời muốn gieo mầm cho cuộc sống tu hành trổ sinh nhiều hoa trái tại Nga, Ngài đã dẫn dắt vị tu sĩ Nikon, người đã tu hành trong hang động, đến với Thánh Antony – vị tổ sư tài ba và cần mẫn của đời sống tu hành Nga – trước hết, và vị này đã trở thành người cộng sự tốt lành của ngài trong con đường tu hành. Với lòng nhiệt thành tu tập các bậc đức hạnh tu sĩ, noi gương người thầy và người hướng dẫn của mình trong mọi việc, Thánh Nikon đã chứng tỏ mình là một vị lãnh đạo xứng đáng của các tu sĩ và là người dẫn dắt đáng tin cậy đưa họ vào vườn thiền định của đời sống ăn chay. Khi những người mong muốn đạt đến hình ảnh "bằng thiên thần" đến gặp Thánh Antôn, chính ngài trực tiếp dạy dỗ họ về các đức tính, còn ngài ra lệnh cho Thánh Nikon cạo đầu cho họ. Trong những hành động của hai vị tu sĩ này, người ta có thể nhận thấy một sự tương đồng nào đó với Mô-sê và A-rôn, bởi vì Thánh Antôn đã mang luật pháp từ Núi Athos[2547] , giống như Mô-sê từ Núi Si-nai, còn Thánh Nikon

---

[2543] Cây Pevg hoặc Pevg – một loài cây lá kim, giống như cây thông hoặc cây tùng của chúng ta.

[2544] Decius – hoàng đế La Mã, kẻ đàn áp tàn bạo các tín đồ Kitô giáo; trị vì từ năm 249 đến năm 251.

[2545] Panorumus – ngày nay là thành phố Palermo, nằm trên bờ biển phía tây bắc của đảo Sicily.

[2546] Messina – một thành phố rất quan trọng trên đảo Sicily, nằm bên eo biển ngăn cách hòn đảo này với Ý, tọa lạc tại một vùng đất tuyệt đẹp, tràn ngập cây cam và chanh.

[2547] Núi Athos (Athos), trong tiếng Hy Lạp là Agios Oros – Núi Thánh, là một bán đảo hẹp và đồi núi nhô ra vào Quần đảo (Biển Aegean), được biết đến như trung tâm đời sống tu hành của miền Đông Hy Lạp. Đời sống tu hành ở đây đã xuất hiện từ thời cổ đại, mặc dù muộn hơn một chút so với ở Syria và Palestine. Đối với Giáo hội Nga, Athos từng có ý nghĩa rất lớn cho đến thế kỷ XVII: chính tại đây, vị cha đẻ của đời sống tu hành Nga, Thánh Antony, đã nhận lễ xuất gia; từ đây, Thánh Theodosius đã mang Hiến chương Studion về cho tu viện của mình (tu viện Pechersk), sau đó, theo lời ghi chép của nhà biên niên sử, hiến chương này cũng được truyền bá sang các tu viện khác;

thì hành động theo lệnh của Antôn, giống như A-rôn, người được tôn kính với chức vụ linh mục. Thánh Nikon thực hiện mọi việc của mình với lòng khiêm nhường, không chỉ trải qua những niềm vui mà còn kiên nhẫn chịu đựng những nỗi buồn, luôn tạ ơn Thiên Chúa về mọi sự. Ngài đã được ban cho niềm vui thiêng liêng lớn lao khi cạo đầu cho vị cha thánh của chúng ta là Thánh Theodosius, người sau này trở thành vị thầy vĩ đại về đời sống tu hành tại Nga. Ông cũng hân hoan trong tâm hồn khi cạo đầu cho một quan đại thần nổi tiếng, Thánh Varlaam, cũng như cho người quản lý toàn bộ tài sản của hoàng tử và là người được hoàng tử yêu mến, Thánh Ephrem – một hoạn quan. Nhưng vì những người được thụ giới này, ngài cũng phải chịu không ít nỗi buồn. Bởi vì, khi biết tin về việc họ thụ giới, hoàng tử Izyaslav[2548] đã rất tức giận với các vị thánh và ra lệnh phải lập tức đưa một trong số họ, chính là người đã thực hiện lễ thụ giới, đến trước mặt ngài. Các tôi tớ lập tức lên đường và đưa Thánh Nikon đến trước mặt ngài.

Nhìn vị thánh với ánh mắt giận dữ, hoàng tử hỏi:

– Chính ngươi đã cạo đầu cho quan đại thần và hoạn quan mà không có lệnh của ta sao?

Thánh Nikon đáp lại một cách dũng cảm:

– Tôi đã cạo đầu cho họ nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, theo lệnh của Đức Vua trên trời là Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng đã kêu gọi họ thực hiện việc làm cao cả này.

Hoàng tử càng tức giận hơn và nói:

– Hoặc là ngươi phải thuyết phục họ trở về nhà, hoặc ta sẽ gửi ngươi và những kẻ đi cùng ngươi vào tù, đồng thời ra lệnh đào phá hang động của các ngươi.

Thánh Nikon đáp:

– Thưa ngài! Hãy làm bất cứ điều gì ngài muốn! Còn tôi thì không thể ngăn cản các chiến binh rời xa Đức Vua trên trời.

Sau đó, Thánh Antôn cùng những người đi cùng ngài rời khỏi hang động, dự định sẽ chuyển đến một vùng đất khác vì cơn giận dữ của hoàng tử và những lời trách móc dành cho Thánh Nikon.

Nhưng rồi một trong những thiếu niên đã kể lại chuyện này cho công nương. Bà, khi nhắc nhở hoàng tử về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã giáng xuống quê hương bà, vùng đất Lyakh[2549] , vì việc cha bà, Boleslav Dũng Cảm[2550] , đã trục xuất các tu sĩ đã cạo đầu cho Mô-sê Ugrin, đã nói với ông:

– Xin ngài hãy lắng nghe tôi và đừng nổi giận. Ở đất nước ngài cũng từng có những tu sĩ mặc áo đen như vậy bị trục xuất, và người ta đã phải chịu nhiều khổ đau vì họ. Xin ngài hãy cẩn trọng để điều tương tự không xảy ra ở lãnh địa của ngài.

Nghe vậy, vị công tước lo sợ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời nên đã thả vị thánh nhân ra, ra lệnh cho ngài trở về hang động; đồng thời, ngài cũng gửi lời khẩn cầu đến những người đã rời khỏi hang động, mong họ quay trở lại. Và chỉ sau ba ngày, nghe theo lời thỉnh cầu của vị công tước, họ mới trở về hang động, như đã được ghi chép trong cuốn tiểu sử của Thánh Antôn.

Sau biến cố đó, vị thánh cha Nikon của chúng ta đã sống một cuộc đời khắc khổ trong hang động; nhờ ăn chay và cầu nguyện, ngài đã giành được nhiều chiến thắng trước các linh hồn ác quỷ, chứng tỏ mình ngang hàng với các vị thánh cha Antôn và Theodosius; họ là ba vì sao sáng rực trong bóng tối và xua tan bóng tối của ma quỷ.

Sau khi số tu sĩ trong hang động tăng lên đáng kể, vị thánh Nikon mong muốn lui về sống ẩn dật và giữ im lặng. Sau khi tham vấn với Thánh Antony, và trò chuyện với một tu sĩ khác, người Bulgaria Svyatogorsky[2551] từ

---

tại đây, trong các thư viện tu viện phong phú, các tu sĩ của chúng ta từng đến Athos (ví dụ như Thánh Nil Sorsky) đã nhận được nền giáo dục tôn giáo toàn diện nhất vào thời điểm đó. Là một trong những thánh địa được tôn kính nhất của Chính Thống giáo Đông phương, Athos hàng năm đón hàng nghìn tín đồ hành hương, toàn bộ là nam giới (phụ nữ bị cấm vào bán đảo), đến từ Nga, bán đảo Balkan và các vùng lãnh thổ châu Á của Thổ Nhĩ Kỳ. Hầu như toàn bộ ngọn núi, ngoại trừ những khe núi sâu và vách đá, đều được bao phủ bởi thảm thực vật phong phú: ở đây mọc những cây cối tuyệt đẹp, một phần là cây ăn quả – chanh, cam, lê; những cánh đồng rộng lớn được trồng nhiều giống nho khác nhau, cung cấp cho các tu sĩ Athos một lượng rượu vang hảo hạng dồi dào; các loại hạt, hạt dẻ và cây ô liu cũng phân bố dày đặc khắp ngọn núi. Hiện nay, trên núi Athos có 20 tu viện lớn, một số tu viện nhỏ và rất nhiều phòng tu riêng lẻ, lên đến 700 phòng, thuộc các cộng đồng tu sĩ Hy Lạp, Nga, Moldova, Bulgaria và các nước khác.

[2548] Izyaslav Yaroslavich, con trai của Đại công tước Yaroslav the Wise và cháu nội của Thánh Công tước Vladimir, người được tôn vinh ngang hàng với các Tông đồ, đã trị vì tại Kiev từ năm 1054 đến năm 1068.

[2549] Vùng đất của người Lyakh, tức là người Ba Lan.

[2550] Bolesław I, người dũng cảm, vua Ba Lan; trị vì từ năm 992 đến năm 1025.

[2551] Svyatogorsk, tức là từ núi Athos.

Tu viện Thánh Mina, ngài đã lên đường cùng vị tu sĩ này. Khi đến biển, họ chia tay nhau. Vị tu sĩ người Bulgaria, trên đường đến Constantinople, đã tìm thấy một hòn đảo giữa biển và định cư tại đó. Sau nhiều năm sống ở đó, chịu đựng đói khát và giá rét, ông đã qua đời trong bình an; hòn đảo đó cho đến nay vẫn được gọi là Bolgarov. Còn vị Thánh vĩ đại Nikon thì lên đảo Tmutarakan[2552] và, sau khi tìm được một nơi hoang vắng gần thành phố, ngài đã định cư tại đó, sống trong im lặng và phụng sự Chúa không ngừng nghỉ, không ngừng nỗ lực và khiến dân chúng kinh ngạc bởi lối sống phi thường của mình. Danh tiếng về ngài lan rộng khắp nơi; nhiều người từ thành phố và các nơi khác bắt đầu đổ về gặp vị thánh; họ ngạc nhiên trước lối sống của ngài, vì lúc đó họ chưa vững vàng trong đức tin và chưa từng nghe nói gì về đời sống tu hành. Nhưng sau đó, được Chúa hướng dẫn, mong muốn noi gương đức hạnh của các tu sĩ, họ đã cầu xin vị thánh Nikon cạo đầu cho họ. Thánh nhân đã dạy dỗ họ, cạo đầu cho họ và xây dựng tại đó một nhà thờ Đức Mẹ Đồng Trinh. Và nhờ ân sủng của Thiên Chúa, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh nhân Nikon, nơi đó đã phát triển – một tu viện lừng lẫy đã mọc lên, giống như Tu viện Pechersk.

Sau khi Rostislav Vladimirovich[2553] , Công tước Tmutarakan, qua đời, vị Thánh Cha Nikon của chúng ta đã được người dân vùng đất ấy khẩn cầu đến gặp Sviatoslav Yaroslavich[2554] , Công tước Chernihiv, và thỉnh cầu ngài cho phép con trai ngài là Gleb lên ngôi Công tước Tmutarakan. Khi đến thành phố Chernihiv và hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ được giao phó, vị tu sĩ đã lên đường đến thành phố Kyiv và đến tu viện Pechersk để gặp vị tu viện trưởng đáng kính Feodosiy. Khi gặp lại nhau, cả hai cùng quỳ xuống đất và cúi đầu chào nhau, sau đó ôm chầm lấy nhau và khóc rất nhiều vì vui sướng, vì đã lâu rồi họ không gặp nhau. Sau đó, vị thánh Theodosius nài nỉ vị thánh Nikon đừng rời xa ngài cho đến khi cả hai còn sống.

Nikon hứa với ngài rằng:

– Tôi sẽ đi để lo việc quản lý tu viện của mình, và sau đó, nếu Chúa muốn, tôi sẽ trở lại.

Ông đã làm đúng như vậy.

Khi đến đảo Tmutarakan cùng với Công tước Gleb Svyatoslavich[2555] , người đã lên ngôi, vị tu sĩ, đúng như lời hứa, đã quản lý tu viện và trở về với Thánh Theodosius. Khi đến Tu viện Pechersk, ngài đã dâng hiến trọn vẹn bản thân cho Thánh Theodosius và với tất cả niềm vui, ngài vâng phục ngài. Còn vị thánh Theodosius thì rất yêu mến ngài và coi ngài như cha mình vậy; vì thế, mỗi khi ngài phải rời tu viện đi đâu đó, ngài đều giao phó các tu sĩ cho thánh Nikon, với tư cách là người cao niên nhất trong số họ, để ngài ấy giảng dạy và chăm sóc họ. Thường thì Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, khi tự mình giảng dạy các tu sĩ bằng lời dạy thiêng liêng, cũng ra lệnh cho Thánh Ni-côn – người am hiểu sách vở – làm điều tương tự. Nhiều lần, khi Thánh Nikon may và làm sách (vì ngài rất khéo tay trong việc này), chính Thánh Phê-ô-đô-xi-ô cũng ngồi bên cạnh ngài, chuẩn bị những cuốn sách cần thiết cho công việc đó. Nhưng chẳng bao lâu sau, vị thánh im lặng, Thánh Nikon, đã mong muốn trở về hòn đảo của mình một lần nữa. Giữa các công tước Nga đã nảy sinh mâu thuẫn do việc Sviatoslav chiếm đoạt ngai vàng, sau khi ông đã trục xuất anh trai mình là Izyaslav khỏi Kiev. Ngài không thể chịu đựng được những xáo trộn do sự kiện này gây ra, trong bối cảnh đó, việc giữ sự im lặng thiêng liêng là điều không thể tưởng tượng được. Còn vị thánh Theodosius thì van nài ngài, như trước đây, đừng rời bỏ ngài chừng nào ngài còn sống; nhưng vị thánh Nikon, sau khi xin tha thứ (vì không thể chịu đựng được sự hỗn loạn, mà đã quen với cuộc sống ẩn dật), đã ra đi cùng hai tu sĩ mặc áo đen và sống ở đó vài năm trong cuộc tu hành thường lệ của mình.

Sau khi Thánh Phê-ô-đô-xi qua đời và Thánh Stê-pha-nô được bầu làm Bề trên, Thánh Ni-côn, được thúc đẩy bởi tình huynh đệ, lại đến thăm Thánh Phê-ô-đô-xi; ngài rất tiếc vì không còn gặp được người bạn thân yêu của mình và quyết định dành phần đời còn lại tại tu viện của ngài. Ngài thường xuyên đến bên quan tài của vị thánh, ở đó rơi những giọt nước mắt vừa buồn bã vừa hân hoan, một phần vì thương tiếc sự chia ly với người anh em thân yêu, một phần để tạ ơn Thiên Chúa vì tại Nga đã tỏa sáng một ngọn đèn rực rỡ với đời sống thánh thiện ngang hàng các thiên thần, người mà chính ngài, Nikon, đã tận tay trao cho hình ảnh tu sĩ thánh thiên thần. Sau khi Thánh Stefan kết thúc nhiệm kỳ làm vị trụ trì, các tu sĩ, coi Nikon là người cao niên nhất trong số họ – bởi chính Thánh Theodosius cũng đã nhận lễ cắt tóc tu sĩ từ ông – theo ý muốn của Thiên Chúa và sự đồng thuận chung, đã bầu ông làm vị trụ trì của mình, như một người có lối sống đồng nhất với các vị cha Antony và Theodosius. Họ vui lòng

[2552] Hòn đảo này nằm trên bờ đông eo biển Kerch.

[2553] Rostislav Vladimirovich, con trai của Vladimir Yaroslavich, là công tước Tmutarakan; trị vì trong nửa sau của thế kỷ XI.

[2554] Sviatoslav Yaroslavich, con trai của Yaroslav Vladimirovich, – công tước Chernigov; trị vì từ năm 1054 đến năm 1076.

[2555] Gleb Sviatoslavovich, con trai cả của Sviatoslav Yaroslavich, là công tước Novgorod; trị vì từ năm 1067 đến năm 1077.

vâng phục ngài trong mọi việc và tôn kính ngài như cha và người hướng dẫn, vì họ thấy ở ngài hình ảnh phản chiếu của cả hai vị đó. Nhiều lần, kẻ thù và kẻ thù ghét điều thiện là ma quỷ đã tìm cách gây cản trở cho vị tu sĩ đáng kính này, cũng như cho vị tu viện trưởng phúc lành Stephanos, trong công việc chăm sóc các linh hồn của đoàn chiên mà Đức Chúa Trời đã giao phó cho ngài, với ý định kích động các tu sĩ ghét bỏ ngài, nhưng hắn chưa bao giờ thành công trong việc này, mà luôn bị bẽ mặt, và bóng tối của hắn không thể che lấp ánh sáng của những việc lành do vị tu sĩ đáng kính Nikon thực hiện.

Thánh Iguumen Nikon đã làm đẹp lòng Chúa đến nỗi, với tư cách là tấm gương về các đức tính cho đoàn chiên của mình, nên trong thời gian ngài làm Iguumen, Nhà thờ Thánh Pechersk do Chúa dựng nên đã được trang hoàng một cách kỳ diệu bằng các bức thánh tượng; bởi vì những lời cầu nguyện trên trời của các bạn thân của vị kiến trúc sư đáng kính này, các vị tu sĩ thánh thiện Antony và Theodosius, đã hòa cùng với những lời cầu nguyện trần thế của ngài, và họ đã gửi các họa sĩ vẽ thánh tượng từ Constantinople đến với ngài, trả công cho họ bằng vàng. Vị tu viện trưởng đáng kính Nikon đã chỉ cho các họa sĩ thánh tượng đó hình ảnh của những người bạn thân yêu của mình, các vị cha đáng kính Antony và Theodosius, những người đã qua đời cách đây 10 năm, và họ ngay lập tức nhận ra trong số những người đã hiện ra trước mặt họ chính là những người mà họ đã thuê và gửi đến cho ngài . Bên cạnh đó, họ còn kể lại những phép lạ kỳ diệu khác: chẳng hạn, khi họ định quay về, Nhà thờ Thánh Pechersk và bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh đã hiện ra trước mặt họ, và từ đó họ nghe thấy lời cấm không được quay trở lại; cũng như việc họ đã kỳ diệu lướt ngược dòng trên ngọn núi, dù bản thân họ lại muốn chèo xuôi theo dòng nước. Những họa sĩ thánh tượng đã đến một cách kỳ diệu như vậy, nhờ sự tận tâm và những lời cầu nguyện của Thánh Nikon, đã miệt mài bắt tay vào việc trang trí Nhà thờ Thánh Pechersk, và một lần nữa lại có không ít phép lạ xảy ra, bởi chính bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh trong bàn thờ đã hiện ra một cách kỳ diệu dưới hình dạng một con chim bồ câu[2556] và từ miệng Người bay ra một con chim bồ câu, như đã được ghi chép trong câu chuyện dài về nhà thờ Pechersk[2557] . Tất cả những điều này đều nhờ vào những lời cầu nguyện trên trời của các vị thánh cha Antony và Theodosius, cùng với lời cầu nguyện trần thế của vị tu viện trưởng đáng kính Nikon. Sau đó, chính vị tu viện trưởng đáng kính, vị thánh cha Nikon của chúng ta, người đã làm rạng rỡ tu viện Pechersk bằng những công đức đa dạng trong cuộc đời thánh thiện ngang hàng với các thiên thần của mình, sau những năm tháng lao động miệt mài, đã an nghỉ trong Chúa, vào năm thứ 6596 kể từ khi thế giới được tạo dựng, và năm thứ 1088 kể từ Giáng sinh của Chúa Kitô, dưới triều đại của Đại công tước Kiev Vsevolod Yaroslavich[2558] . Thi hài của ngài được an táng tại chính Tu viện Pechersk, trong hang động thân thuộc của ngài, nơi cho đến ngày nay, nhờ thi hài không hư nát, ngài vẫn làm chứng về sự thánh thiện của mình, nhờ đó mà ngay cả sau khi qua đời, ngài vẫn kỳ diệu tô điểm cho tu viện thánh thiêng của mình; còn linh hồn ngài đã chuyển sang các nơi ở trên trời để chiêm ngưỡng điều không thể diễn tả, cùng với những người bạn đồng tâm của ngài, các vị thánh Antôn và Theodosius, – để chiêm ngưỡng Thiên Chúa – không còn qua hình ảnh nữa, mà là mặt đối mặt (1 Cor. 13:12), và ở đó, được chiếu sáng bởi vinh quang trung thành, họ, như ba ngọn đèn, đứng trước ngai của Thiên Chúa Ba Ngôi và, như những người cha, cầu nguyện cho chúng ta, những đứa con của họ, để chúng ta trở thành những người thừa kế ân sủng và vinh quang của họ nhờ một cuộc sống công chính vì Thiên Chúa; vinh quang, danh dự và sự thờ phượng thuộc về Ngài, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Lễ kính các thánh tử đạo Philita và Lydia

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 3

Các thánh tử đạo này đã chịu tử đạo dưới triều đại của Hoàng đế Adrian[2559] . Trong số đó, thánh Philit, một thành viên của Hội đồng Thượng viện[2560] , vợ ngài là Lydia và hai con trai của họ là Macedon và Theoprepius đều

---

[2556] Musia (tiếng Hy Lạp: μουσιου) – tranh khảm. Đây là tên gọi của một tác phẩm nghệ thuật tinh xảo, được tạo nên bằng cách ghép các viên đá nhiều màu sắc, chủ yếu là đá cẩm thạch, thành các hoa văn để tạo ra hình ảnh mong muốn. Tranh khảm thường được dùng để lát sàn trong các nhà thờ, cũng như trang trí tường; thậm chí các bức tranh thánh cũng được chế tác theo cách này.

[2557] Xem Minea-Chetia ngày 16 tháng 8.

[2558] Vsevolod Yaroslavich, Đại công tước Kiev, con trai của Yaroslav I; trị vì từ năm 1030 đến năm 1093; ông trở thành Đại công tước từ năm 1077.

là Kitô hữu và luôn tận tụy phụng sự Thiên Chúa chân thật. Vì vậy, họ đã bị bắt và dẫn đến trước mặt Hoàng đế Adrian. Trong buổi thẩm vấn, hoàng đế không thể chống lại những câu trả lời khôn ngoan của các thánh tử đạo và đã gửi họ đến Illyria[2561] để xét xử trước tướng quân Amphilochius. Người này ngay lập tức ra lệnh treo cổ tất cả họ lên cây và dùng dao cạo da thịt họ, sau đó họ bị giam vào ngục cùng với tu sĩ[2562] Kronid, người cũng tin vào Chúa Kitô. Vào ban đêm, khi các thánh tử đạo đang cầu nguyện và hát những bài thánh ca, một Thiên thần đã hiện ra với họ và củng cố tinh thần họ cho cuộc chiến sắp tới. Sáng hôm sau, các thánh lại bị dẫn đến trước mặt kẻ tra tấn, và hắn nói với họ:

– Các ngươi sẽ phải chịu vô số cực hình và tra tấn!

Sau đó, hắn ra lệnh đun sôi dầu cùng lưu huỳnh trong một cái nồi đồng rồi ném các thánh tử đạo vào đó. Nhưng khi họ bị ném vào, cái nồi lập tức nguội lạnh. Bị ấn tượng bởi phép lạ này, Amphilochius đã tin vào Chúa Kitô và, quyết định bước vào cái nồi, ông nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin giúp con.

Lúc đó, có một tiếng nói vang lên bảo ông:

– Lời cầu nguyện của ngươi đã được nhậm, hãy bước vào đây.

Khi biết được tất cả những điều này, Hadrian, đầy giận dữ và đe dọa, đã từ Roma đến Illyria và ra lệnh đun nóng cái nồi chứa đầy dầu trong bảy ngày, rồi ném tất cả các thánh tử đạo vào đó. Nhưng khi các thánh bị ném vào nồi, họ vẫn nguyên vẹn và không hề hấn gì. Sau đó, vị hoàng đế bị sỉ nhục đã trở về Roma, còn các thánh tử đạo thì bắt đầu cầu nguyện và tạ ơn Thiên Chúa; và trong những lời cầu nguyện ấy, họ đã dâng linh hồn mình lên Chúa, nhận lấy vương miện tử đạo từ Ngài.

Ngày 6 tháng 4

Ngày 24 tháng 3 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Artemon, Giám mục Seleucia, cha của chúng ta

Ngày tưởng niệm 24 tháng 3

Thánh Artemon sinh ra tại thành phố Seleucia thuộc Pisidia[2563] , nơi ngài cũng được giáo dục. Ngài đã sống một cuộc đời đạo đức vào thời các Thánh Tông đồ, những người đang truyền bá giáo lý của Chúa Kitô cho thế giới. Vào thời điểm Thánh Tông đồ Phaolô đến thành phố này, trong số tất cả các công dân, Artemon nổi bật với những việc lành, giống như một ngọn đèn không thể bị che khuất. Chính ông, với đức tin vững chắc nơi Chúa Kitô và tràn đầy sự khôn ngoan thiêng liêng, đã được Thánh Tông đồ Phaolô bổ nhiệm làm mục tử và thầy dạy cho dân chúng, đồng thời phong chức Giám mục đầu tiên của thành Seleucia thuộc Pisidia. Thánh Artemon đã chăn dắt đoàn chiên được giao phó một cách tốt đẹp và đẹp lòng Chúa; ngài là nơi nương tựa cứu rỗi cho mọi người, là người bảo trợ xuất sắc, là vị thầy thuốc làm phép lạ cho cả linh hồn lẫn thể xác đối với các góa phụ, trẻ mồ côi và người nghèo; và sau khi sống trọn đời một cách đạo đức và đẹp lòng Chúa, ngài đã qua đời ở tuổi già.

[2559] Hoàng đế La Mã Hadrian trị vì từ năm 117 đến năm 138. Ông là kẻ đàn áp Kitô hữu, nhưng theo sắc lệnh do chính ông ban hành, những người này chỉ bị trừng phạt khi có đơn tố cáo chính thức và sau khi trải qua quá trình xét xử.

[2560] Synklitik – một trong những cố vấn và quan chức hoàng gia quan trọng, là thành viên của Synklit, tức là hội đồng hoàng gia.

[2561] Illyria nằm dọc theo bờ biển phía đông của Biển Adriatic. Phía tây bắc giáp sông Sava, còn phía đông nam giáp sông Drava. Ngày nay, khu vực này bao gồm Dalmatia, Bosnia và Herzegovina, cũng như một phần nhỏ của Albania.

[2562] Komentarisios – người đứng đầu hệ thống nhà tù và là thư ký trong các phiên tòa, chịu trách nhiệm tiến hành điều tra sơ bộ đối với các bị cáo, đặc biệt là các vị tử đạo Kitô giáo.

[2563] *Pisidia* – một tỉnh ở phía nam Tiểu Á, ban đầu là một thể thống nhất với Pamphylia và chỉ tách ra khỏi tỉnh này dưới thời Constantine Đại đế (306–337). Pisidia là một vùng đất khắc nghiệt, nhiều núi non, nhưng ở một số nơi lại rất màu mỡ. Người dân Pisidia từng là hải tặc và chuyên cướp bóc. Hiện nay, Pisidia được cư trú bởi bộ tộc Karaman hoang dã và cướp bóc. Trong số các thành phố của Pisidia, Antioch đặc biệt nổi bật trong lịch sử Giáo hội, nơi Thánh Tông đồ Phaolô đã rao giảng Tin Mừng (Công vụ 13:14–50).

Lễ kính Thánh Cha Giacôbê, vị Tuyên xưng đức tin.

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 3

Khi vị vua Hy Lạp vô đạo Lê-vê người Armenia[2564] khôi phục lại tà thuyết chống thánh tượng[2565] , vốn đã bị các vị Thánh Phụ lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ bảy, và tra tấn nhiều người vì lòng tôn kính các thánh tượng, – thì vị thánh tu sĩ Giacôbê, Người Chứng Đạo, cũng phải chịu khổ nạn; thông tin về ngài được ghi lại bởi thánh tu sĩ Phê-ô-đô-rô Stoudita[2566] . Thánh Giacôbê là một trong số các môn đệ của ngài. Sau khi Thánh Phê-ô-đô-rô bị lưu đày vì các thánh tượng, nhiều môn đệ của ngài đã bị bắt và tra tấn; Thánh Gia-cô-bê cũng bị bắt giữ và phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn. Khi tên vô đạo Lê-vê người Armenia bị giết, Thánh Gia-cô-bê, cũng như các vị chứng nhân của Chúa Kitô khác, đã được thả ra khỏi nhà tù; và khi trở về Tu viện Studion của mình tại Constantinople trong tình trạng gần như kiệt sức, ngài đã qua đời không lâu sau đó và được an táng một cách trang trọng. Về cái chết của ngài, Thánh Ipaty, người đang tạm thời đảm nhiệm chức vụ tu viện trưởng thay cho vị thầy của mình là Thánh Theodor, đã thông báo cho ngài qua một lá thư, khi đó ngài đang trên đường trở về từ nơi lưu đày và tạm trú tại tu viện Kriskentova.

Thánh Theodor đã viết thư trả lời như sau: "Không phải không có nỗi đau trong lòng, nhưng cũng không thiếu niềm vui trong tâm hồn, hỡi con của ta, chúng ta đã nhận được tin từ con về sự ra đi của người anh em yêu quý của chúng ta, người làm chứng cho Chúa Kitô là Giacôbê. Chúng tôi thương tiếc anh ấy như thương tiếc một người con, và hơn thế nữa, một người con mà chính tôi, vì những tội lỗi của mình, không xứng đáng được gọi là con. Chúng tôi vui mừng vì anh ấy đã đạt được sự sống đời đời, mà Chúa đã dành sẵn cho anh ấy. Không chỉ chúng tôi vui mừng, những người mà anh ấy, như một thành viên thánh thiện, là niềm vinh dự tuyệt vời, mà cả Giáo hội cũng vui mừng vì anh ấy. Hãy suy ngẫm xem, anh đã coi anh ấy là người như thế nào? Chẳng phải là một người xưng tội, một vị tử đạo, hay một vị thánh sao? Anh ấy đã dũng cảm chiến đấu chống lại những ham muốn xác thịt, giữ gìn thân xác trong sự trong sạch khỏi những dục vọng, và bằng cách chỉ dùng những thức ăn đơn sơ nhất, anh ấy đã khiến thân xác phục tùng linh hồn khôn ngoan. Thánh Giacôbê ngủ rất ít, đến nỗi những ai nhìn thấy ngài đều ngạc nhiên không hiểu làm sao ngài vẫn giữ được sức khỏe. Ngài thích dành thời gian, miễn là thời gian cho phép, để tâm hồn bay bổng hướng về Thiên Chúa, và trong sự suy niệm ấy, ngài đắm chìm đến mức tâm trí say mê. Khi ngài trở lại thực tại, tất cả những điều đó khơi dậy trong ngài tình yêu Thiên Chúa. Xin đừng ai nghĩ rằng tôi nói dối để làm vừa lòng những người nghe – tôi có những nhân chứng – đó là Thiên Chúa và vị thầy hướng dẫn của Thánh Giacôbê – Thánh Gioan, người đã kể cho tôi nghe về ngài những điều mà chính tôi đôi khi cũng không biết. Tất cả những điều này chỉ là cách đơn giản để rèn luyện bản thân cho cuộc sống khổ hạnh; còn về thời gian ngài dành cho những việc làm của người chứng đạo, và mức độ vĩ đại của những việc làm ấy – thì cả các Thiên thần lẫn loài người đều chứng kiến. Ôi, trái tim kiên định và cao quý làm sao! Ngài đã thực hiện việc làm của mình mà không hề sợ hãi, giống như một chiến binh của Thiên Chúa. Những tay sai của bọn hành hình đã phủ đầy vết thương khắp da thịt ngài, làm rách nát cả vai và ngực, làm chảy máu, nghiền nát thân thể và bỏ ngài nằm phơi trên mặt đất. Ngài không thốt ra một tiếng kêu than nào, mà đến cùng vẫn chịu đựng những cực hình đẹp lòng Chúa vì danh Con Ngài là Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta; vì chịu đau khổ vì bức thánh tượng của Ngài có nghĩa là chịu đau khổ vì chính Ngài. Nguyện những người hiền lành hãy nghe và vui mừng, nguyện những người yêu mến các vị tử đạo hãy hân hoan, còn ma quỷ hãy xấu hổ và đoàn quân chống thánh tượng hãy tan rã! Bởi vì, ngoài Thánh Giacôbê này ra, chúng đã tra tấn, giết hại, bỏ đói và gây ra những cực hình tương tự cho nhiều vị chứng nhân khác của Đức Kitô, cả những người thuộc về chúng ta lẫn những người không thuộc về chúng ta (nhiều hơn là những người thuộc về chúng ta, vì chúng ta là một thân thể duy nhất đối với Đức Giêsu Kitô, Đấng là Đầu của tất cả).

[2564] Lêô V người Armenia, hoàng đế Hy Lạp, trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[2565] Tà thuyết chống thánh tượng hay chủ nghĩa chống thánh tượng – là một tà thuyết của thế kỷ thứ 8, thể hiện qua việc không công nhận, không tôn kính và đàn áp các thánh tượng. Những người bảo vệ nhiệt thành nhất cho chủ nghĩa chống thánh tượng là các hoàng đế Lêô người Isauria (717–741) và Constantine Copronymus (741–775). Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ VII, diễn ra vào năm 787 tại thành phố Nicaea dưới sự chủ trì của Thượng phụ Tarasius và Hoàng hậu Irene.

[2566] Thánh Phê-đô-rô Stoudites – vị tu viện trưởng của Tu viện Stoudion tại Constantinopolis. Thánh Phê-đô-rô đã phải chịu nhiều đau khổ vì việc tôn kính các bức tượng thánh. Sau khi Thánh Phê-đô-rô qua đời, người ta còn lưu giữ lại nhiều tác phẩm, thư từ, các quy tắc phụng vụ và các bài thánh ca. Ngoài ra, Thánh Theodor còn có những đóng góp quan trọng vào Hiến chương Giáo hội, được gọi là "Hiến chương Studion" (theo tên Tu viện Studion), để phân biệt với "Hiến chương Jerusalem" do Thánh Savvas Thánh hóa soạn thảo.

Do những vết thương không thể chịu đựng nổi này, Thánh Giacôbê đã bị liệt toàn thân; thân thể ngài, bị bao trùm bởi những căn bệnh nặng nề nhất, đã được giao phó cho sự chăm sóc y tế. Mỗi ngày chuẩn bị cho cái chết, ngài đã kết thúc cuộc đời mình trong lòng biết ơn và khiêm nhường. Anh viết rằng ngài đã tiên đoán về cái chết của mình – điều đó xuất phát từ những công đức chịu khổ của ngài. Anh còn kể thêm rằng có rất đông người tham dự lễ an táng của ngài, trong đó có những người thuộc dòng dõi quý tộc – tất cả điều này đều xảy ra theo ý muốn khó lường của Thiên Chúa, bởi vì nếu không phải là ý muốn của Chúa, thì một người bình thường (nhưng không bình thường về tinh thần) sẽ không thể thu hút được đông đảo người như vậy. Thánh Giacôbê đã về trời và đoàn tụ với những người đồng hành trong lòng thương xót; nhờ đó, số lượng các vị chứng nhân và tử đạo đã gia tăng; vì thế, thiên đàng hân hoan và vui mừng vì linh hồn Giacôbê, nhờ những lời cầu nguyện của ngài mà chúng ta, hỡi anh em, sẽ được cứu rỗi. Ngài đã nhận được ân sủng xứng đáng với những công lao của mình.

Hạnh phúc và thật sự đạo đức là những ai đã tụ họp để tổ chức lễ an táng xứng đáng cho ngài; họ là những người thực sự kính mến các vị tử đạo, mong rằng số phận của họ sẽ giống như số phận của vị mà họ đã tôn kính. Về các thánh tích thiêng liêng của ngài, nếu Chúa muốn, tôi sẽ lo liệu, như tôi đã viết trong các quy tắc. Hãy hôn nhau bằng nụ hôn thánh; còn bức thư này, hãy đọc cho tất cả các anh em nghe. Ngài Tổng Giám mục, Thượng phụ Nikifor, Tổng Linh mục, Thượng phụ và các anh em khác gửi lời chào đến các bạn. Xin Chúa ở cùng các bạn. Amen".

Đây là bức thư của Thánh Theodoros Studites, qua đó cho thấy cuộc đời và những đau khổ của vị chứng nhân đáng kính của Chúa Kitô là Thánh Giacôbê; xin Chúa, nhờ những lời cầu nguyện của ngài, ban cho chúng ta được hưởng phần phúc đời đời cùng các thánh của Ngài. Amen.

Ký ức về phép lạ đã xảy ra tại Tu viện Pechersk.

Ngày kỷ niệm 24 tháng 3

Hai vị quý tộc Kiev là Gioan và Sergius sống với nhau trong tình bạn sâu đậm. Một lần nọ, họ đến nhà thờ Pechersk do Thiên Chúa dựng nên[2567] và thấy bức tượng thánh Đức Mẹ Maria đầy ân sủng đang tỏa sáng rực rỡ hơn cả mặt trời. Trước thánh tích này, họ đã kết giao như anh em. Nhiều năm trôi qua. Ioann mắc bệnh hiểm nghèo. Ông đã mời vị tu viện trưởng Pechersk, Thánh Nikon, đến và trước sự chứng kiến của ngài, ông đã phân phát tài sản của mình cho những người nghèo; còn phần tài sản mà ông dành lại cho con trai năm tuổi của mình là Zacharias – một nghìn grivna[2568] bạc và một trăm grivna vàng – ông đã giao cho Sergius cất giữ; đồng thời, với tư cách là người bạn và người anh em trung thành, Ioann đã giao phó cho Sergius nhiệm vụ chăm sóc con trai Zacharias, và nhờ ông chuyển giao số bạc và vàng này cho cậu bé khi cậu trưởng thành. Sau khi sắp xếp xong việc này, Ioan không lâu sau đó đã qua đời. Khi Zacharias tròn mười lăm tuổi, cậu muốn lấy lại số bạc và vàng của mình từ Sergius. Bị ma quỷ cám dỗ, Sergius, với ý định làm giàu, đã ấp ủ kế hoạch hủy hoại cả linh hồn lẫn thể xác. Ông ta trả lời cậu thanh niên như sau:

– Cha con đã dâng hết tài sản cho Đức Chúa Trời, con hãy xin bạc và vàng nơi Ngài; Ngài sẽ ban cho con nếu Ngài thương xót. Còn ta thì không nợ cha con hay con một đồng nào cả. Tất cả đều do cha con gây ra, vì sự điên rồ của ông ấy mà đã phân phát tài sản làm từ thiện, để lại con trong cảnh nghèo khổ và khốn cùng.

Nghe vậy, chàng trai bắt đầu khóc lóc vì số tiền mà mình đã mất. Sau đó, anh ta quay sang Sergius và thỉnh cầu như sau:

– Nếu ngài cho tôi một nửa phần thừa kế của tôi, thì ngài sẽ còn lại một nửa kia.

Còn Sergius thì gay gắt trách mắng cả cha cậu lẫn chính cậu. Lúc đó, Zacharias xin một phần ba, rồi một phần mười, và khi thấy mình đã mất tất cả, cậu nói với Sergius:

– Nếu anh không lấy gì cho riêng mình, thì hãy đến và thề với tôi điều đó tại Nhà thờ Pechersk, trước bức tượng thánh Đức Mẹ Đồng Trinh đầy ân sủng, nơi mà anh đã kết giao tình huynh đệ với cha tôi.

[2567] Tất nhiên, đó là nhà thờ được xây dựng để tưởng nhớ Lễ Lên Trời của Đức Mẹ Đồng Trinh bởi các tu sĩ đầu tiên của Tu viện Pechersk (tại Kiev).

[2568] Từ "grivna" thường được cho là bắt nguồn từ tiếng Phạn "sheya", bởi vì ban đầu grivna chỉ một sợi dây chuyền bằng vàng hoặc bạc, được đeo quanh cổ như một món trang sức (Xem Sáng Thế Ký 41:42; Châm Ngôn 1:9; Sách Sirach 6:25). Tuy nhiên, về sau, tên gọi này được dùng để chỉ các đồng tiền vàng và bạc, có giá trị khác nhau tùy theo từng thời kỳ.

Sergius không từ chối, đi vào nhà thờ và, đứng trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, thề rằng mình không lấy một nghìn grivna bạc cũng như một trăm grivna vàng. Nhưng khi anh ta định hôn lên bức tượng, anh ta lại không thể đến gần được. Sau đó, khi bước ra khỏi cửa, anh ta bỗng hét lên:

– Các Thánh Antôn và Theodosius! Xin đừng để Thiên Thần Ác này hủy diệt con, nhưng xin cầu khẩn Đức Mẹ Rất Thánh để Người xua đuổi khỏi con những con quỷ đang thống trị con. Hãy để họ lấy bạc và vàng được niêm phong trong bình ở phòng con!

Mọi người đều hoảng sợ, và từ đó trở đi, không ai được phép thề trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh nữa. Những người được cử đi đã lấy chiếc bình niêm phong và tìm thấy trong đó hai nghìn grivna bạc và hai trăm grivna vàng: như vậy, Chúa, Đấng ban ân sủng, đã nhân đôi số tiền đó. Zacharias đã giao toàn bộ số tiền cho vị tu viện trưởng Ioann quản lý; còn bản thân ông thì xuất gia làm tu sĩ và kết thúc cuộc đời tại tu viện thánh Pechersk.

Với số tiền này, một nhà thờ mang tên Thánh Gioan Tiền Hô đã được xây dựng gần nhà thờ chính của Pechersk. Nhà thờ này được dựng lên để tưởng nhớ quý tộc Gioan và con trai ông là Zacharia, những người sở hữu số tiền đó, cũng như để tôn vinh Đức Kitô Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ Maria, Đấng được tôn vinh cách đặc biệt tại nơi này, nơi mà ân sủng kỳ diệu của Mẹ sẽ không bao giờ rời bỏ. Amen.

Ngày 7 tháng 4

Ngày 25 tháng 3 (theo lịch cũ)

Bài giảng nhân ngày Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh

Ngày kỷ niệm 25 tháng 3

Khi thời gian đã đến chín muồi và thời điểm cứu chuộc loài người qua sự nhập thể của Thiên Chúa đang đến gần, thì cần phải có một trinh nữ tinh khiết, vô nhiễm và thánh thiện, xứng đáng để mang thai Thiên Chúa vô hình và phục vụ cho công cuộc cứu rỗi của chúng ta. Và một Trinh Nữ như vậy đã được tìm thấy: Trinh Nữ – tinh khiết hơn mọi sự tinh khiết, vô nhiễm hơn bất kỳ loài thụ tạo có lý trí nào, thánh thiện hơn mọi sự thánh thiện, Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đáng Chúc Phúc, con cháu của các thánh, các tổ phụ công chính Gioakim và Anna, thành quả của những lời cầu nguyện và sự sùng kính của cha mẹ, con gái xuất thân từ dòng dõi hoàng gia và giám mục. Ngài đã hiện diện tại nơi thánh thiêng, trong Nhà thờ của Vua Salomon – chính Ngài là Đấng phải trở thành Hội Thánh sống động của Thiên Chúa. Bên trong đền thờ, tại nơi thánh thiêng nhất được gọi là "Nơi Thánh Cực Thánh", đã hiện diện Đấng sẽ sinh ra Lời Thánh Thiêng nhất của tất cả các thánh (Trích từ Akathist dành cho Đức Mẹ Rất Thánh). Tại đó, từ đỉnh cao vinh quang của Nước Trời, Chúa đã nhìn xuống sự khiêm nhường của tôi tớ Ngài và đã chọn Mẹ, Đấng được chọn trước từ muôn đời, làm Mẹ của Lời Hằng Hữu của Ngài.

Từ những lời kể đáng tin cậy của các thánh, chúng ta biết rằng ngay trước khi Tổng lãnh thiên thần báo tin, Mẹ đã được báo trước một cách huyền bí về việc Thiên Chúa – Lời – sẽ nhập thể từ Mẹ. Sống trong đền thờ khoảng mười hai năm, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm không chỉ rèn luyện bản thân trong việc cầu nguyện không ngừng hướng về Thiên Chúa và các công việc thủ công hàng ngày, mà còn trong việc đọc các sách Thánh, học hỏi Lề Luật của Chúa ngày đêm. Thánh Epiphanius và Thánh Ambrose viết về Mẹ rằng Mẹ nổi bật với trí tuệ phi thường, yêu thích việc học hỏi và siêng năng đọc Kinh Thánh. Nhà sử học Giáo hội Georgy Kedrin[2569] kể lại rằng ngay khi cha mẹ Mẹ còn sống, Mẹ đã nghiên cứu kỹ lưỡng các sách Do Thái. Mẹ thường đọc những lời tiên tri trong sách Isaia: *"Này, một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh ra một Con Trai, và người ta sẽ đặt tên cho Ngài là Ê-ma-nu-ên"* (Ê-sai 7:14), có nghĩa là: "Thiên Chúa ở cùng chúng ta"[2570] , Bà đã tràn đầy tình yêu nồng nàn không chỉ dành cho Đấng Mê-si-a được mong đợi sắp đến, mà còn dành cho chính vị Trinh Nữ, Đấng được định sẵn để thụ thai và sinh ra

[2569] Georgy Kedrin – nhà văn Byzantine vào cuối thế kỷ XI và đầu thế kỷ XII. Trong số các tác phẩm của ông, "Synopis istorion" đặc biệt nổi tiếng Tác phẩm này bao quát lịch sử của dân tộc Do Thái, La Mã và Byzantine, nhưng không có giá trị đặc biệt lớn, vì ở một số đoạn, nó chỉ là sự tóm tắt lại các tác phẩm lịch sử khác, đặc biệt là các biên niên sử của Gioan Skylitzes và Georgios Synkellos.

[2570] Lời tiên tri này được trích dẫn trong Phúc Âm theo thánh Matthêu (Mt 1:23).

Ngài. Bên cạnh đó, Người còn suy ngẫm về ân sủng cao cả biết bao khi được trở thành Mẹ của Ê-ma-nu-ên[2571] , Con Thiên Chúa, và mầu nhiệm này thật không thể diễn tả nổi, khi một Trinh Nữ lại trở thành Mẹ. Biết từ các lời tiên tri rằng thời điểm Đấng Mê-si-a đến đã gần kề, rằng quyền trượng đã bị tước khỏi chi tộc Giu-đa và bảy tuần của Đa-ni-ên sắp kết thúc, Bà tin rằng Đấng Trinh Nữ đã được Isaia báo trước phải ra đời rồi, và thường thở dài từ tận đáy lòng, thầm cầu nguyện trong lòng, mong Chúa cho Bà được thấy Đấng Trinh Nữ ấy và, nếu có thể, được làm người hầu cuối cùng của Người.

Một lần nọ, khi như thường lệ, Người đang đứng cầu nguyện lúc nửa đêm và dâng lên Thiên Chúa những khát khao nồng nàn ấy, bỗng nhiên từ trên cao, một ánh sáng kỳ diệu chiếu rọi xuống Người và bao trùm lấy Người. Từ giữa ánh sáng ấy, có một tiếng nói cất lên, phán với Người:

– Con sẽ sinh Con của Ta!

Không thể diễn tả bằng lời niềm vui tràn ngập trong lòng Đức Trinh Nữ Rất Thánh, cũng như cảm xúc mà với đó Người đã quỳ lạy xuống đất, dâng lên Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của Người, lòng biết ơn của mình. Như vậy, Chúa *đã "nhìn xuống sự khiêm nhường của nữ tỳ* Ngài" (Lc 1,48). Người, vì tình yêu dành cho Thiên Chúa, đã mong muốn phục vụ như Mẹ tinh khiết của Đấng Mêsia, đã được ân sủng trở thành Mẹ của Ngài và là Nữ Vương của muôn loài thụ tạo. Sự mặc khải này đến với Người vào năm thứ mười hai của cuộc đời Người, hai năm trước khi Người đính hôn, và Người đã không tiết lộ mầu nhiệm này cho ai cho đến tận ngày Chúa lên trời. Sau sự mặc khải này, Người biết rằng trong lòng trinh nữ của mình sẽ diễn ra mầu nhiệm thụ thai, và Người đã chờ đợi thời điểm mà sự kiện của mầu nhiệm này sẽ được thực hiện.

Khi, theo lời chứng của Thánh Evod[2572] , Đức Trinh Nữ Rất Thánh đã ở trong Đền Thờ Salomon được mười một năm và bước sang năm thứ mười hai, còn theo lời chứng của Georgy Kedrin, Ngài đã tròn mười bốn tuổi, các giám mục và linh mục bắt đầu ra lệnh cho Ngài rằng, theo phong tục hợp pháp, Ngài phải rời Đền Thờ về nhà, giống như các thiếu nữ cùng lứa tuổi, để kết hôn. Nhưng Ngài đã trả lời họ rằng, ngay từ khi còn trong tã lót, Ngài đã được cha mẹ dâng hiến cho một mình Thiên Chúa, và Ngài đã hứa với Ngài sẽ giữ trinh tiết mãi mãi; vì vậy, Ngài không thể kết hôn với một con người phàm trần, và không có gì trên đời này có thể ép buộc Ngài kết hôn, vì Ngài đã dâng hiến trinh tiết của mình cho Thiên Chúa bất tử.

Các vị giám mục rất ngạc nhiên trước tin về lời thề này, vì trên trần gian chưa từng có thiếu nữ nào hứa với Đức Chúa Trời sẽ giữ trinh tiết mãi mãi, và Cô là người đầu tiên trên thế gian về mặt này. Họ bắt đầu bàn bạc với nhau xem nên làm thế nào. Họ không muốn Người tiếp tục sống tại đền thờ, thậm chí không muốn cho Người vào đền thờ của Chúa qua bức màn bên trong nữa, nhưng đồng thời cũng không dám gả cô gái đã hứa dâng mình cho Đức Chúa Trời cho ai, và bối rối không biết làm thế nào để sắp xếp cuộc sống độc thân, trinh khiết của Người sao cho vừa lòng Đức Chúa Trời mà không làm Ngài phật lòng. Họ coi cả hai việc đó đều là tội lỗi lớn: vừa ép cô gái đã hứa với Chúa sẽ giữ trinh tiết vĩnh viễn phải kết hôn, vừa giữ cô gái đã đến tuổi trưởng thành trong "Nơi Thánh Cực Thánh". Thánh Grêgôriô Nissê đã nói về điều này như sau: "Khi Ngài còn ở tuổi thiếu nữ, các linh mục đã chăm sóc Ngài, giống như cách họ chăm sóc Samuel trong đền thờ; nhưng khi Ngài đã đến tuổi trưởng thành, họ đã bàn bạc với nhau: họ nên làm gì tiếp theo với Ngài để không làm phật lòng Thiên Chúa." Nhà sử học Giáo hội Nikiforos Kallistos[2573] cũng kể lại điều tương tự như sau:

"Khi Đức Trinh Nữ đến tuổi trưởng thành, các linh mục đã họp bàn với nhau để tìm cách sắp xếp cho Ngài sao cho họ không trở thành những kẻ xúc phạm đến Thân Thể Thánh của Ngài, vì lo sợ rằng nếu gả Ngài đi và buộc Ngài phải tuân theo luật hôn nhân, họ sẽ phạm tội phạm thánh, bởi Ngài vốn chỉ thuộc về một mình Thiên Chúa mãi mãi; đồng thời, họ cũng cho rằng một thiếu nữ đã đến tuổi trưởng thành như vậy không nên ở lại trong thánh điện, vì luật pháp không cho phép điều đó, và điều này là không xứng đáng cũng như không phù hợp với nơi thánh. Và thế là, khi đến trước Hòm Giao Ước và dâng lên lời cầu nguyện tha thiết, họ, như Thánh Giê-rô-ni-mô kể lại, đã nhận được lời đáp từ Chúa, rằng hãy tìm kiếm một người chồng xứng đáng, người mà cô gái có thể được giao phó dưới hình thức và danh nghĩa hôn nhân để giữ gìn sự trinh khiết. Về việc làm thế nào để tìm được người chồng như

[2571] Ê-ma-nu-ên – tên được gán cho Chúa Giê-su Ki-tô trong sách tiên tri Ê-sai (Ê-sai 7:14). Theo bản dịch từ tiếng Do Thái, tên này có nghĩa là "Thiên Chúa ở cùng chúng ta".

[2572] Thánh Evod – một trong 70 tông đồ.

[2573] Nikifor Kallistos, nhà sử học Giáo hội thế kỷ XIV, tu sĩ tại Tu viện Hagia Sophia ở Constantinople. Tác phẩm nổi bật của ngài là "Lịch sử Giáo hội" (gồm 18 quyển), – được hoàn thành cho đến khi Hoàng đế Byzantine Phokas qua đời (năm 611). Kallistos qua đời vào năm 1350.

vậy, lời khuyên của Chúa là như sau: hãy chọn những người đàn ông chưa lập gia đình từ nhà và dòng dõi của Đa-vít, rồi đặt gậy của họ lên bàn thờ – gậy của ai nảy mầm thì Trinh Nữ Thánh sẽ được giao phó cho người đó. Cũng vào thời điểm đó, lễ Thánh hiến Đền thờ do các vị Maccabê thiết lập đã diễn ra; lễ bắt đầu vào ngày 25 tháng 11 và kết thúc vào ngày 3 tháng 12. Lúc bấy giờ, rất đông người dân từ các thành phố lân cận đã tụ tập tại Đền thờ; những người đàn ông thuộc dòng dõi Đavít, là họ hàng của Đức Trinh Nữ Maria, cũng đã đến dự lễ. Georgy Kedrin kể lại rằng Thánh Zacharias vĩ đại, cha của Thánh Gioan Tiền Hô, đã tập hợp mười hai người đàn ông chưa lập gia đình thuộc dòng dõi Đavít, trong số đó có Thánh Giuse, một người chồng công chính và đã cao tuổi, rồi lấy những cây gậy của họ và đặt vào bàn thờ thánh qua đêm, đồng thời cầu nguyện: "Lạy Chúa, xin hãy chỉ cho một người đàn ông xứng đáng để đính hôn với Trinh Nữ!" Sáng hôm sau, khi các linh mục cùng với mười hai người đàn ông ấy bước vào nhà thờ, cây gậy của Thánh Giuse được phát hiện đã nở hoa, và trên đó, như Thánh Giê-rô-ni-mô chứng thực, có một con bồ câu bay xuống từ trên cao đang đậu. Lúc đó, mọi người đều nhận ra ý muốn của Thiên Chúa, rằng Đức Trinh Nữ sẽ được giao phó cho Giuse để ngài gìn giữ. Một số người cho rằng, đối với Đức Trinh Nữ Rất Thánh, Đấng đã bằng mọi cách tránh né việc đính hôn và hết sức quan tâm đến sự trong sạch của trinh tiết mình, để như thể không bị xúc phạm, cũng đã có một sự mặc khải đặc biệt, để Người không nghi ngờ khi đến với người thân và vị hôn phu Giuse của mình, một người chồng công chính, đẹp lòng Chúa và thánh thiện, không phải để kết hợp vợ chồng theo xác thịt, mà là để tuân giữ và bảo vệ sự trinh khiết của Mẹ theo sự an bài của Đấng Tối Cao. Sau khi lễ đính hôn được cử hành, Thánh Giuse đã đón Đức Trinh Nữ từ tay vị Thượng tế tại Đền Thờ Chúa để cùng sống một cuộc sống trong sạch và vô tì vết, không làm tổn hại đến sự trinh khiết của Người. Và Thánh Giuse chỉ là người chồng danh nghĩa của Mẹ, còn trên thực tế, Ngài là người bảo vệ trinh tiết của Mẹ một cách trong sạch và là người phục vụ đời sống trinh nữ của Mẹ, tràn đầy sự thánh thiện vĩ đại".

Khi sống trong nhà của người đính hôn, Đức Trinh Nữ Maria không thay đổi lối sống trước đây mà Ngài đã có trong Nơi Thánh Cực Thánh. Ngài không làm gì khác ngoài việc cầu nguyện hướng về Thiên Chúa, đọc các sách Thánh và làm những công việc thủ công thông thường của phụ nữ. Ngôi nhà của Giuse đối với Mẹ như một ngôi đền cầu nguyện , nơi Mẹ không bao giờ ra khỏi, mà luôn ở lại trong sự tĩnh lặng, ăn chay và im lặng, chỉ trò chuyện với những người trong nhà, tức là các con gái của Giuse.

Georgy Kedrin kể về Ngài như sau: "Maria ở trong nhà của vị hôn phu của mình, sống trong sự kiêng ăn và tránh ra ngoài tiếp xúc với dân chúng, dành thời gian với hai con gái của Giuse; Ngài chỉ thỉnh thoảng trò chuyện với họ khi cần thiết, và cũng chỉ ngắn gọn".

Theo lời chứng của Thánh Evod, sau bốn tháng Ngài ở trong nhà Giuse, giờ khắc Thiên Chúa Lời nhập thể đã đến, giờ khắc mà cả thế giới đã mong đợi từ muôn thuở, và từ đó sự cứu rỗi của chúng ta bắt đầu. Và Thiên Chúa đã sai một trong các thần linh trên trời, là vị gần gũi nhất với ngai vàng của Ngài, Tổng lãnh thiên thần Gabriel, mang theo tin mừng về mầu nhiệm đã được giấu kín từ thuở đời đời và ngay cả các thiên thần cũng không biết – để loan báo cho Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm về sự thụ thai kỳ diệu của Con Thiên Chúa, vượt xa mọi sự hiểu biết và bản tính con người. Về tin mừng này, Thánh Luca đã ghi chép trong Phúc Âm như sau: *"Vào tháng thứ sáu, Thiên Thần Gabriel được Thiên Chúa sai đến"* (Lc 1,26). Đó là tháng thứ sáu kể từ khi Thánh Gioan Tẩy Giả được thụ thai, và chính vị Thiên Thần đã báo tin cho Zacharia về sự thụ thai của Gioan, đã được sai đến để báo tin cho Đức Trinh Nữ về sự thụ thai của Đấng Kitô; và cũng vào tháng thứ sáu ấy, thiên thần được sai đến để vị Tiền Hô, lúc đó đã được sáu tháng trong lòng Mẹ, nhảy múa vì vui mừng khi cảm nhận được sự hiện diện của Mẹ Chúa. *"Thiên thần Gabriel được sai đến một thành phố ở Galilê, tên là Nazareth"* (Lc 1,26). Galilê lúc bấy giờ là vùng đất ngoại giáo, dù một phần cũng có người Do Thái sinh sống, chính vì thế mà Kinh Thánh gọi nơi này là: *"Galilê ngoại giáo"* (Is 9,1). Còn đối với người Do Thái, nơi đây được coi là vùng đất hẻo lánh nhất và bị khinh miệt, bởi vì nơi đó có những cư dân tội lỗi và vô tín; chính vì thế, người Do Thái, khi coi thường nơi này, đã nói: *"Lẽ nào Đấng Christ lại đến từ Galilê sao?"* (Giăng 7:41); *"Hãy xem xét kỹ và ngươi sẽ thấy rằng không có tiên tri nào đến từ Galilê"* (Ga 7:52). Chính vì thế, Nazareth, một thành phố thuộc Galilê, được họ coi là thành phố hèn mọn nhất, nghèo nàn nhất và thấp kém nhất, đến nỗi họ đã nói: *"Làm sao có điều gì tốt lành lại đến từ Nazareth được?"* (Ga 1:46).

Nhưng hãy chú ý đến sự ưu ái của Thiên Chúa. Ngài đã muốn đặt Mẹ Vô Nhiễm của Ngài ở đâu? Không phải ở xứ Giu-đê, không phải ở thành thánh và vĩ đại Giê-ru-sa-lem, mà là ở Ga-li-lê – nơi bị coi là tội lỗi – tại thành Na-za-rét nghèo nàn, để một mặt cho thấy rằng Ngài đã đến trần gian vì những kẻ có tội: *"Ta đã đến," Ngài phán, "không phải để kêu gọi những người công chính, mà là để kêu gọi những kẻ có tội ăn năn"* (Lc 5,32), và để

từ những người ngoại giáo không tin, Ngài xây dựng cho mình một Hội Thánh trung thành; mặt khác – để cho thấy rõ rằng Ngài nhìn xuống với lòng thương xót những người khiêm nhường, bị ruồng bỏ và bị khinh miệt, chứ không phải những kẻ kiêu ngạo và quý tộc. Vì khi Đức Chúa Trời là Lời muốn từ trời xuống với những kẻ có tội, Ngài đã nhìn từ đỉnh cao vinh quang của Ngài xem nơi nào có nhiều kẻ có tội hơn, và tại Giu-đê, Ngài thấy dân Giê-ru-sa-lem tự cho mình là người công chính và tự biện minh trước mặt người đời, còn dân Ga-li-lê thì bị mọi người khinh bỉ và được coi là có tội hơn tất cả những người khác. Vậy nên, bỏ qua xứ Giu-đê được cho là thánh thiện, Chúa đã xuống xứ Ga-li-lê được cho là tội lỗi, bỏ qua cả Giê-ru-sa-lem, thành phố vĩ đại, được tôn kính và vinh quang ấy; Ngài đã xuống Na-xa-rét, một thị trấn nghèo nàn và bị khinh miệt, tự chọn cho mình vị trí thấp nhất trên thế gian này và hạ mình đến mức mang hình dạng của một nô lệ và tội nhân.

Nazareth tuy khiêm nhường, nhưng Ngài đã được ban cho ân sủng vĩ đại biết bao! Tất cả các thành phố lớn khác của Israel, dù đã vươn cao đến tận trời, cũng không thể được ban ân sủng này. Chính tại Nazareth nghèo nàn – Đức Trinh Nữ, Đấng cao quý hơn tất cả các Thiên Thần thánh thiện, trong lòng Mẹ, Đức Kitô-Thiên Chúa, Đấng vô cùng bao la, đã tạo dựng nên một không gian rộng lớn hơn cả trời cao. Chính nơi đây, Tổng thiên thần Gabriel được sai đến; chính nơi đây, Thánh Thần ngự xuống; chính nơi đây, Thiên Chúa-Lời nhập thể; vì nơi nào có sự khiêm nhường, thì vinh quang của Thiên Chúa sẽ chiếu sáng. Những thành phố kiêu ngạo không được lòng Chúa Kitô, còn những thành phố khiêm nhường thì Ngài ưa thích. Tại thành Nazareth vô danh, Đức Kitô đã được thụ thai, còn tại thành Jerusalem lừng lẫy, Ngài đã bị đóng đinh. Tại Bethlehem nhỏ bé, Ngài ra đời; tại Jerusalem vĩ đại, Ngài bị nộp để chịu chết. Chúa hiện ra với những người khiêm nhường, còn những kẻ kiêu ngạo thì xua đuổi Ngài khỏi mình.

Thánh Anrê người Crete nói về việc Tổng Lãnh Thiên Thần được sai đến với Đức Trinh Nữ như sau: "Đức Chúa Trời ra lệnh cho một trong những Thiên Thần hàng đầu của Ngài loan báo mầu nhiệm và, bằng sự uy nghi vĩ đại của Ngài, dường như phán rằng: 'Gavriil! Hãy đến Nazareth, thành phố thuộc xứ Galilê: ở đó có Trinh Nữ Maria, người đã đính hôn với một người chồng tên là Giuse." "Hãy đi," Chúa phán, "đến Nazareth." Vì lý do gì? Bởi vì Đấng Tối Cao đón nhận vẻ đẹp trinh khiết đáng khao khát nhất, như bông hồng thơm ngát nhất từ vùng đất đầy gai góc. "Hãy đến Nazareth", để lời tiên tri được ứng nghiệm: *"Ngài sẽ được gọi là Người Nazarét"* (Mt 2:23). Ai sẽ được gọi là Người Nazarét? Chính là Đấng mà sau này Nathanael sẽ gọi là Con Thiên Chúa và Vua của Israel. Thiên thần Gabriel được sai đi, người trước đây đã được lệnh loan báo những mầu nhiệm thiêng liêng, như đã được nói rõ trong sách tiên tri Đa-ni-ên . "Hãy đến Na-xa-rét, thành phố thuộc Ga-li-lê," – Đức Chúa Trời phán với Gabriel, và khi đến đó, ngài loan báo cho Đức Trinh Nữ niềm vui mà Ê-va đã từng đánh mất. Hãy cẩn thận đừng làm cho Mẹ bối rối; vì lời chào của ngươi là dấu hiệu của niềm vui, chứ không phải nỗi buồn, là sự an ủi, chứ không phải sự bối rối. Và liệu có niềm vui nào cao cả hơn đối với loài người, khi bản tính con người được kết hợp với bản tính Thiên Chúa, và nhờ sự kết hợp này trong Một Ngôi Vị, trở nên hiệp nhất với Thiên Chúa! Còn điều gì có thể kỳ diệu hơn việc chứng kiến Thiên Chúa đã hạ mình đến mức được mang trong lòng một người phụ nữ? Ôi, phép lạ kỳ diệu biết bao! Đức Chúa Trời, Đấng mà trời là ngai vàng, đất là bệ chân[2574] , Đức Chúa Trời, Đấng mà các tầng trời không thể chứa nổi, Đấng cùng với Cha chia sẻ ngai vàng vĩnh cửu, – lại được chứa đựng trong tử cung của một trinh nữ! Còn điều gì có thể kỳ diệu hơn việc nhìn thấy Thiên Chúa trong hình hài con người, mà đồng thời không tách rời khỏi Thần Tính của Ngài, và thấy bản tính con người được kết hợp với bản tính của Đấng Tạo Hóa, để Thiên Chúa hiện ra như một con người hoàn hảo và trọn vẹn?"

"Thiên thần Gabriel," Thánh Anrê người Crete tiếp tục, "sau khi lắng nghe lời phán truyền của Thiên Chúa và nhận lệnh được xác nhận bằng dấu hiệu của Ngài, nhưng vượt quá sức lực của mình, đã rơi vào tình trạng vừa sợ hãi vừa vui mừng. Không tự nhận mình xứng đáng để thi hành mệnh lệnh Thần thánh, nhưng cũng không dám bất tuân, ngài, vâng theo tiếng phán của Thiên Chúa, đã bay đến với Đức Trinh Nữ và, khi đến Nazareth, dừng lại ở cửa nhà Thánh Giuse. Trong lúc bối rối và suy ngẫm thầm trong lòng, ngài dường như tự nhủ: "Làm sao để bắt đầu thực hiện mệnh lệnh của Đức Chúa Trời đây! Có nên bước vào ngay lập tức một cách vội vã không? Nhưng như vậy, ta có thể làm xáo trộn sự bình an của Đức Trinh Nữ. Hay nên bước vào chậm rãi hơn?

Nhưng như vậy, Đức Trinh Nữ, khi cảm nhận được sự hiện diện của tôi, sẽ muốn lẩn trốn. Có nên gõ cửa không? Nhưng điều này không phù hợp với các Thiên thần: vì đối với những vị vô hình, không có gì bị khóa lại hay cản trở lối vào. Có nên mở cửa không? Nhưng tôi có thể bước vào ngay cả khi cửa đang đóng. Có nên gọi tên Đức

[2574] Xem Mt 5:34–35.

Trinh Nữ không? Nhưng như vậy có thể làm Nàng sợ hãi. Thà tôi nên bước vào một cách nhẹ nhàng và chào đón Nàng với sự hiền lành, như Đấng đã sai tôi đã truyền dạy. Nhưng tôi sẽ bắt đầu nói gì với Đức Trinh Nữ đây? Liệu tôi có nên báo tin vui cho Nàng trước tiên, hay nói rằng chính Thiên Chúa sẽ ngự trong Nàng, rằng Thánh Thần sẽ ngự xuống trên Nàng, và quyền năng của Đấng Tối Cao sẽ bao phủ Nàng! Trước hết, tôi sẽ báo tin vui cho Người, rồi sau đó mới kể về mầu nhiệm kỳ diệu ấy. Tôi sẽ đến gần Người và hân hoan cất tiếng chào: "Hãy vui mừng! Hãy hân hoan! Hãy an ủi!" Những lời này sẽ là mở đầu thích hợp nhất cho cuộc trò chuyện của tôi với Đức Trinh Nữ. Lúc đó, Người sẽ không còn sợ hãi, và những suy nghĩ sẽ không làm Người bối rối. Vì vậy, tôi sẽ bắt đầu sứ điệp của mình như thế này: trước hết, tôi sẽ mang đến cho Người tin mừng và niềm vui; phải chào đón Người bằng những lời như vậy, như một Nữ Vương: vì đây là sự kiện của niềm vui, thời khắc của sự hân hoan, vương quốc của hòa bình, kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa, và khởi đầu của sự an ủi."

Hãy xem, Tổng thiên thần đến với Đức Trinh Nữ với lòng kính sợ biết bao, với sự tôn kính và run rẩy biết bao khi chuẩn bị đến trước Nữ Vương của cả thế giới, khi Ngài suy ngẫm trước về những lời loan báo đầy niềm vui mà Ngài phải thốt lên với Mẹ. Cũng đáng để chúng ta hướng sự chú ý đầy kính trọng của mình đến một điều nữa, đó là ngài đã tìm thấy Mẹ không phải ở bên ngoài ngôi nhà và căn phòng riêng của Mẹ, không phải trên những con phố thành thị giữa đám đông và những cuộc trò chuyện trần tục, cũng không phải đang bận rộn trong nhà với những lo toan đời thường, mà là đang đắm mình trong sự tĩnh lặng, cầu nguyện và đọc sách, như bức tranh thánh về Sự Truyền Tin đã minh họa rõ ràng, khi miêu tả Đức Trinh Nữ Maria với cuốn sách được đặt trước mặt và mở ra, làm bằng chứng cho việc Ngài không ngừng đọc các sách Thánh và suy gẫm về Thiên Chúa. Chính vào lúc đó, khi sứ giả thiên đàng hiện ra trước Đức Trinh Nữ, theo như các vị Thánh Phụ thông thái của Giáo Hội cho rằng, Người đang suy ngẫm về lời tiên tri của Isaia: *"Này, một trinh nữ* sẽ *thụ thai trong lòng"* (Is 7,14), và suy tư về cách thức cũng như thời điểm của sự thụ thai và sinh nở kỳ lạ và bất thường đối với bản tính trinh nữ ấy. Trước thời điểm đó, như đã đề cập ở trên theo lời của Georgy Kedrin, Người đã được báo trước qua sự mặc khải của Thiên Chúa rằng không phải một trinh nữ nào khác, mà chính Người sẽ là Đấng thực hiện mầu nhiệm và sinh ra Đấng Mê-si-a được mong đợi. Từ lời báo trước ấy, Người bừng cháy tình yêu Seraphim dành cho Thiên Chúa và Đấng Tạo Hóa của mình, và cầu xin lòng thương xót của Ngài, để Ngài sớm thực hiện lời hứa thiêng liêng của Ngài và lời tiên tri của Isaia, và với khát khao nồng cháy, Người tự nhủ: "Khi nào thì thời khắc khao khát ấy sẽ đến với Ta, và Đấng Tạo Hóa của Ta, trong lòng nhân từ, sẽ nhận lấy xác phàm từ Ta, ngự xuống từ trời và ngự vào trong Ta? Khi nào Ta mới đạt được phúc lành cao quý ấy, để trở thành Mẹ của Thiên Chúa của Ta! Và cho đến khi chưa đạt được điều đó, nước mắt của con sẽ là thức ăn của con ngày đêm. Đối với những ai đang mong chờ điều khao khát đến thế, thì ngay cả khoảng thời gian ngắn ngủi cũng dường như quá dài."

Khi Đức Trinh Nữ Rất Thánh đang suy ngẫm như vậy và, trong thâm tâm, dâng lên Chúa lời cầu nguyện thánh thiện với tình yêu nồng nàn, cháy bỏng, thì bỗng nhiên, Tổng Lãnh Thiên Thần Gabriel, vị sứ giả, lặng lẽ hiện ra trước mặt Người. Chính vị thánh thầy Andrei người Crete đã viết về điều này như sau:

"Thiên thần Gabriel bước vào nhà, tiến vào căn phòng riêng nơi Đức Trinh Nữ đang ở, nhẹ nhàng đến gần cửa, rồi bước vào trong và bắt đầu trò chuyện với Người bằng giọng nói hiền hòa. 'Chúc mừng, – Người nói, – Hỡi Đấng Được Ơn Phúc, Chúa ở cùng Người! Đấng đã hiện hữu trước Ngài – nay ở cùng Ngài và sắp sửa sinh ra từ Ngài; Đấng đã hiện hữu trước muôn đời – nay sẽ hiện diện trong thời gian." Ôi lòng nhân ái vô biên (Thánh Andrei thốt lên)! Ôi lòng thương xót không thể thấu hiểu! Thiên thần trưởng không chỉ loan báo niềm vui, mà còn loan báo niềm vui về sự ngự trị của Đấng Tạo Hóa trong Đức Trinh Nữ. Bởi vì những lời của ngài: "Chúa ở cùng ngươi!" rõ ràng cho thấy sự hiện diện của Vua, dù Ngài đã nhận lấy xác phàm từ Mẹ, nhưng điều đó không làm Ngài suy giảm chút nào vinh quang vốn có của Ngài! Hãy vui mừng, hỡi người được ban niềm vui, Chúa ở cùng ngươi! Hãy vui mừng, hỡi khí cụ vinh hiển của hòa bình, nhờ đó án phạt đau thương đã kết án thế gian phải chịu lời nguyền rủa, nay lại trở thành niềm vui! Lời kêu gọi đến sự hạnh phúc! Hãy vui mừng, hỡi Đấng thật sự được chúc phúc! Hãy vui mừng, hỡi Trinh Nữ cao quý nhất! Hãy vui mừng, hỡi đền thờ tuyệt mỹ của vinh quang thiên đàng! Hãy vui mừng, cung điện thánh thiêng của Đức Vua! Hãy vui mừng, cung điện nơi Đức Kitô đã đính hôn và kết hợp với nhân loại! Ngài thật là Đấng được chúc phúc giữa các người nữ, Đấng mà Isaia đã nhìn thấy bằng con mắt tiên tri và gọi là Nữ Tiên Tri, Trinh Nữ, cuốn sách được niêm phong! Thật sự, Ngài được chúc phúc, Đấng mà Ê-xê-chi-ên đã gọi là bình minh và cánh cửa đóng kín, qua đó Đức Chúa Trời Duy Nhất đã đi qua! Quả thật, Ngài thật đáng chúc tụng, Đấng Duy Nhất, Đấng mà người đàn ông của những khát vọng, Đa-ni-ên, đã nhìn thấy như một ngọn núi, và Đấng mà Abacum kỳ diệu đã gọi là ngọn núi được che chở, còn tổ phụ vĩ đại của Ngài, Đa-vít, đã ca ngợi

một cách tiên tri là ngọn núi của Đức Chúa Trời, ngọn núi trù phú, ngọn núi được xức dầu, ngọn núi mà Đức Chúa Trời đã vui lòng ngự trị. Ngài thật là Đấng được chúc phúc giữa các người nữ, Đấng mà Zacharia, người chiêm ngưỡng những Mầu nhiệm Thần thánh, đã nhìn thấy như một ngọn đèn vàng tuyệt vời, được trang trí bằng bảy ngọn nến, tượng trưng cho bảy ân sủng của Thánh Thần. Quả thật, Ngài thật đáng kính, vì Ngài đã chứa đựng trong chính mình như thể thiên đàng và vườn Ê-đen – chính là Đấng Christ, Đấng, nhờ quyền năng vô biên không thể diễn tả của Ngài, đã ra từ lòng Ngài như một nguồn nước sống, và tưới mát khắp mặt đất bằng bốn dòng suối Phúc Âm?"

Nghe lời chào của Thiên Thần, Đức Trinh Nữ bối rối trước những lời ấy và suy nghĩ: "Đây là lời chào gì vậy?" Ngài bối rối, nhưng không sợ hãi, vì sự viếng thăm này không hoàn toàn mới mẻ, bất ngờ hay đột ngột. Sự xuất hiện của Thiên Thần không thể làm Ngài sợ hãi, bởi vì đối với Ngài, việc giao tiếp thân thiện với các Thiên Thần vốn đã là điều quen thuộc ngay từ khi còn ở trong Nơi Thánh Cực Thánh, nơi mà, theo lời chứng của Thánh German, hàng ngày Ngài đều nhận thức ăn từ tay Thiên Thần. Nhưng Người cảm thấy bối rối vì ngạc nhiên, bởi vì trước đây Thiên Thần chưa bao giờ đến với Người trong vinh quang thiên đàng vĩ đại đến thế, với khuôn mặt rạng rỡ đến thế và những lời nói tràn đầy niềm vui đến thế. Người cảm thấy bối rối trước sự mới mẻ của tất cả những điều này, đặc biệt là những lời của Thiên Thần, rằng ngài đến với lời chào bất thường, nói: *"Ngươi được chúc phúc giữa các người nữ!"* (Lc 1,28), qua đó coi Người, một Trinh Nữ, như một trong số các người phụ nữ. Người bối rối như một người trinh khiết, nhưng không sợ hãi như một người dũng cảm, và, với tinh thần khôn ngoan và sáng suốt, Người tự suy ngẫm trong lòng: "Lời chào này có ý nghĩa gì? Thiên Thần muốn nói gì với Ta qua lời chào này? Liệu Ngài có dẫn con trở lại Đền Thờ Chúa chăng, hay Ngài mang từ trời xuống cho con một loại thức ăn mới nào đó chăng? Hay Ngài sẽ loan báo một mầu nhiệm mới từ Thiên Chúa chăng? Liệu Ngài có dạy con, người đang suy ngẫm nhiều mà không thể hiểu được, rằng *'Người Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh ra một con trai'* (Is 7,14) chăng? "Vậy thì lời chào này sẽ dẫn đến điều gì?" Bấy giờ Thiên Thần nói với Mẹ:

– Đừng sợ, Maria! Đừng nghi ngờ nữa về Trinh Nữ đã được Isaia tiên báo. Ngươi chính là Trinh Nữ ấy, Đấng đã được ban ân sủng để thụ thai Emmanuel mà không cần hạt giống và sinh ra Ngài một cách không thể diễn tả, như chính Ngài biết rõ. Ngươi đã được ân sủng của Thiên Chúa nhờ vô số đức tính tốt đẹp của ngươi, đặc biệt là ba đức tính cao quý nhất: Ngươi đã được ân sủng nhờ lòng khiêm nhường sâu sắc của ngươi, vì Thiên Chúa ban ân sủng cho những ai khiêm nhường, Đấng phán: *"Ta sẽ nhìn đến ai? Đến người khiêm nhường và thầm lặng"* (Is 66,2). Chị đã nhận được ân sủng nhờ sự trong sạch trinh khiết của mình; vì Đức Chúa Trời, Đấng thuần khiết nhất theo bản tính của Ngài, mong muốn được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm và Bất Hủ; Ngài đã được ân sủng nơi Thiên Chúa nhờ tình yêu nồng nàn dành cho Ngài, vì Chúa đã phán: *"Ai yêu mến Ta, Ta cũng yêu mến; ai tìm kiếm Ta, sẽ được ân sủng"* (Châm Ngôn 8:17). Và vì Ngài đã yêu mến và tìm kiếm Ngài bằng cả trái tim, nên Ngài đã được ân sủng nơi Ngài, và sẽ sinh ra Con, không phải là một con người phàm trần, mà là Con Thiên Chúa, Con Đấng Tối Cao, Thiên Chúa từ Thiên Chúa, từ trước muôn thuở được sinh ra từ Cha mà không cần mẹ, còn từ Ngài, Trinh Nữ – Mẹ, sẽ sinh ra mà không cần Cha. Tên Ngài sẽ kỳ diệu và không thể diễn tả: Ngươi sẽ đặt tên cho Ngài là " " – "Giê-su"[2575] , có nghĩa là Đấng Cứu Thế, vì Ngài sẽ cứu rỗi cả thế gian và sẽ trị vì, vinh quang hơn hẳn tổ phụ Đa-vít và tất cả các vua trước đây thuộc dòng dõi Gia-cóp. Nhưng vương quốc của Ngài sẽ không phải là tạm thời, mà là vĩnh cửu, không bao giờ chấm dứt trong muôn đời. – Làm sao điều này có thể xảy ra – Maria hỏi Thiên Thần – khi con chưa từng biết đến người chồng?

Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm tin vào lời của Thiên Thần, bởi nhờ ân sủng của Thiên Chúa, mà Người đã được tràn đầy, Người biết rằng mình sẽ sinh ra Đấng được loan báo, điều mà Người đã được chính Thiên Chúa báo trước khi đang ở trong đền thờ; nhưng điều duy nhất Người chưa biết là: điều này sẽ xảy ra như thế nào, làm sao một Trinh Nữ chưa từng biết đến người chồng lại có thể sinh con được? Vì thế, Người đã hỏi Thiên Thần: "Điều này sẽ xảy ra như thế nào?"

Khi suy ngẫm về điều này, Thánh Grêgôriô Nissê, thay mặt cho Mẹ, đã nói với Thiên Thần như sau: "Hỡi Thiên Thần! Hãy cho con biết hình ảnh của chính sự sinh nở ấy – và ngài sẽ thấy trái tim con sẵn sàng để thực hiện ý muốn thiêng liêng của Thiên Chúa: vì con mong muốn có được đứa con như vậy, nhưng mà không làm tổn hại đến sự trinh khiết của mình."

[2575] Chúa Giê-su (tiếng Hy Lạp: Ἰησους – Đấng chữa lành, từ ιηαω – chữa lành) theo tiếng Do Thái là Iehochua – sự giúp đỡ của Đức Giê-hô-va, Đấng Cứu Thế.

Thánh Ambrôsiô cũng bàn luận về điều này như sau: "Ngài đã hỏi Thiên Thần một cách hay: *'Điều này sẽ xảy ra như thế nào?'* (Lc 1,34). Bởi vì, dù trước đó Người đã đọc rằng "Người Trinh Nữ sẽ thụ thai", nhưng Người không biết điều đó sẽ xảy ra như thế nào. Người quả thực đã đọc lời tiên tri: *"Này, Người Trinh Nữ* sẽ thụ thai*"*, nhưng thụ thai như thế nào – điều này chỉ đến lúc này Thiên Thần mới báo cho Người biết trong lúc truyền tin.

Và thế là Thiên Thần đã tiết lộ cho Đức Trinh Nữ chính hình thức thụ thai, rằng sự thụ thai này sẽ không theo bản tính con người và trật tự thông thường, mà là siêu nhiên, "vì nơi nào Thiên Chúa muốn, thì trật tự tự nhiên sẽ bị vượt qua"[2576] , rằng sự thụ thai này sẽ nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần: *"Thánh Thần sẽ ngự xuống trên con, và quyền năng của Đấng Tối Cao sẽ bao phủ con"* (Lc 1,35).

Ngươi sẽ thụ thai từ Ngài trong lòng mình, và Ngài sẽ thực hiện trong ngươi sự thụ thai kỳ diệu. Đấng đã có thể tạo ra A-đam từ đất vô hồn, há chẳng càng có thể sinh ra Hài Nhi Sống từ một Trinh Nữ sống sao? Nếu Đức Chúa Trời có thể tạo ra người vợ từ xương sườn của A-đam, thì Ngài càng có thể tạo ra con người trong lòng một trinh nữ, phải chăng? Thánh Thần Toàn Năng sẽ làm cho điều này xảy ra: trong lòng Trinh Nữ Rất Thánh, Rất Thanh Tịnh của Ngài, từ xác thịt của Ngài, xác thịt của Con Thiên Chúa Vô Hình sẽ được hình thành một cách huyền bí. Qua Nữ, cánh cửa được đóng dấu bằng sự trong sạch và được gìn giữ bởi sự trinh khiết, Chúa sẽ đi qua, như tia nắng mặt trời đi qua thủy tinh và pha lê, thánh hóa và soi sáng Nữ bằng vinh quang thần thánh của Ngài; để Nàng trở thành Mẹ Thiên Chúa đích thực, Đấng đã sinh ra Thiên Chúa toàn hảo và con người toàn hảo, và là Trinh Nữ bất hoại, như trước khi sinh, vẫn giữ nguyên sự trinh khiết ấy trong lúc sinh và sau khi sinh: điều này sẽ được thực hiện trong Nàng, nhờ sự hướng dẫn của Thánh Thần, bởi quyền năng của Đấng Tối Cao. Và để chứng minh điều này là sự thật, xin hãy lấy điều này làm dấu hiệu cho Ngài: chính người thân của Ngài là bà Ê-li-sa-bét, từ thuở thiếu thời đã vô sinh và nay đã cao tuổi, đã thụ thai một con trai, vì đó là ý muốn của Thiên Chúa, Đấng biến điều không thể thành có thể. Vì giữa loài người, điều dường như không thể là một Trinh Nữ bất tử thụ thai và sinh con mà không có chồng, cũng như việc một người phụ nữ vô sinh và đã cao tuổi thụ thai và sinh con; nhưng với Đấng Tạo Hóa toàn năng, mọi sự đều có thể, vì *"không có lời nào của Đức Chúa Trời là vô hiệu"* (Lc 1,37); theo ý muốn của Ngài, cả người phụ nữ già nua và vô sinh cũng đã thụ thai, và Ngài, hỡi Đức Trinh Nữ, cũng sẽ thụ thai.

Khi nghe Tin Mừng này từ Thiên Thần, Đức Trinh Nữ đã khiêm nhường tuân theo ý muốn của Chúa và với lòng khiêm nhường sâu sắc nhất, từ trái tim tràn đầy tình yêu dành cho Thiên Chúa, Người đã đáp lại: *"Con là nữ tỳ của Chúa, xin hãy thực hiện cho con theo lời Ngài"* (Lc 1,38). Và ngay trong khoảnh khắc ấy, nhờ quyền năng của Thánh Thần, sự thụ thai kỳ diệu đã diễn ra trong lòng thánh của Người, không có sự thỏa mãn xác thịt, nhưng không thiếu sự hân hoan thiêng liêng. Lúc bấy giờ, trái tim trinh nữ của Người tan chảy mãnh liệt bởi khát khao thiêng liêng, và linh hồn Người bừng cháy trong ngọn lửa tình yêu của các Thiên Thần Serafim; còn toàn bộ tâm trí Người, như thể thoát ra khỏi chính mình, đắm chìm trong Thiên Chúa, tận hưởng sự nhân từ của Ngài một cách không thể diễn tả. Trong niềm hoan hỷ ấy, khi tâm hồn Người tràn ngập tình yêu Thiên Chúa trọn vẹn và trí tuệ chiêm ngưỡng Thiên Chúa, Con Thiên Chúa đã được thụ thai, và *"Lời đã trở nên xác thịt và ngự giữa chúng ta"* (Ga 1,14) qua sự nhập thể.

Thiên thần, sau khi hoàn thành sứ mệnh rao giảng Tin Mừng theo lệnh của Đức Chúa Trời, và với lòng kính sợ cùng sự tôn kính sâu sắc, đã tôn vinh Đấng đang nhập thể trong lòng trinh nữ và chính Trinh Nữ đang mang Đức Chúa Trời trong mình, rồi rời khỏi Người để trở về ngai vàng của Chúa – Sabaoth, ca ngợi mầu nhiệm Thiên Chúa nhập thể, cùng với tất cả các thiên binh, trong niềm vui khôn tả muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Hôm nay là ngày khởi đầu sự cứu rỗi của chúng ta, và là sự hiện ra của mầu nhiệm từ thuở đời đời: Con Thiên Chúa trở thành Con của Đức Trinh Nữ, và thiên thần Gabriel loan báo ân sủng. Vì thế, chúng ta cũng cùng với ngài kêu lên cùng Đức Mẹ: Kính chào Nữ Vương ân sủng, Chúa ở cùng bà.

[2576] Từ giáo lý của Giọng thứ 7.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Là Nữ Tướng được chọn để chiến thắng, vì đã giải thoát chúng con khỏi những điều ác, các tôi tớ của Mẹ, Đức Mẹ, xin dâng lên Mẹ lời tạ ơn; nhưng vì Mẹ có quyền năng bất khả chiến bại, xin giải thoát chúng con khỏi mọi tai ương, để chúng con được kêu lên cùng Mẹ: Kính chào Mẹ, Cô Dâu Vô Song.

Ngày 8 tháng 4

Ngày 26 tháng 3 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Tổng lãnh thiên thần Gabriel[2577]

Ngày tưởng niệm 26 tháng 3

Vào ngày tiếp theo sau Lễ Truyền Tin của Đức Trinh Nữ Maria, Giáo Hội từ xưa đã quy định theo Hiến chương Giêrusalem và Hiến chương của Tu viện Thánh Savva vĩ đại rằng phải cử hành Lễ kính Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Gabriel vào một ngày đặc biệt với những bài thánh ca, để tôn vinh vị sứ giả mang tin mừng đầy hân hoan này. Và quả thực, Đấng đã phục vụ mầu nhiệm cứu độ của chúng ta, Đấng đã mang đến cho Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm Tin Mừng về việc Thiên Chúa Lời nhập thể trong lòng Mẹ, xứng đáng được tôn vinh một cách đặc biệt. Nếu một sứ giả xứng đáng của một vị vua trần gian, khi mang lời ân sủng của nhà vua đến một thành phố nào đó, được tất cả cư dân thành phố đó đón tiếp với sự tôn kính đặc biệt, thì càng phải tôn vinh bằng một lễ kỷ niệm đặc biệt vị sứ giả cao quý nhất của Vua Trời, vị Đại Công tước Thiên thần vĩ đại nhất, Đấng đã đến với toàn thể nhân loại cùng lời phán đầy ân sủng vô biên, loan báo sự cứu rỗi vĩnh cửu của chúng ta. Và vị sứ giả này thật vĩ đại biết bao, chính Ngài đã tự mình tiết lộ phẩm giá của mình cho Thánh Zacharia: *"Ta là Gabriel, người đứng trước mặt Đức Chúa Trời"* (Lc 1:19), tức là người đứng gần ngai vàng của Đức Chúa Trời hơn các Thiên thần khác. Cũng như trong vương quốc trần gian, quan đại thần gần gũi nhất với vua, am hiểu sâu sắc hơn về những bí mật hoàng gia, vượt trội hơn hẳn so với các quan đại thần khác, những người ở xa vua hơn, – cũng giống như vậy, trong Nước Trời, các Thiên thần thánh, những vị đứng gần Chúa hơn, chiêm ngưỡng những bí mật của Chúa một cách rõ ràng hơn, tỏa sáng với vinh quang và danh dự lớn lao hơn so với các Thiên thần thuộc các cấp bậc thấp hơn.

Kinh Thánh kể lại rằng trước vinh quang không thể tiếp cận của Thiên Chúa luôn có bảy Thiên thần thuộc hàng cao nhất, là những vị thủ lĩnh của các thiên thần. Trong sách Tô-bi-ta có chép rằng người bạn đồng hành của chàng trai trẻ Tô-bi-ta đã tự xưng mình là một trong bảy Thiên thần thánh, đang hiện diện trước mặt Thiên Chúa. Và Thánh Gioan Thần Học trong sách Khải Huyền của ngài cũng nhắc đến bảy Thiên thần lãnh đạo này, khi nói: *"Xin ân sủng và bình an cho anh em từ Đấng Hằng Hữu, Đấng đã có, đang có và sẽ đến, và từ bảy Thần linh đứng trước ngai của Ngài"* (Khải Huyền 1:4). Trong số bảy vị này có cả Gabriel, đứng thứ hai về thứ tự, và là vị đầu tiên sau Michael. Tên của tất cả các vị được liệt kê như sau: Michael, Gabriel, Raphael, Uriel, Selaphiel, Jehudiel, Barachiel.

Nếu có ai hỏi: tại sao Đức Chúa Trời không sai thiên thần có thứ bậc cao nhất trong số các thiên thần của Ngài – Michael – đến với Đức Trinh Nữ, mà lại sai Gabriel, người đứng thứ hai sau Ngài, thì hãy biết rằng bảy thiên thần cao nhất này đều ngang hàng về phẩm giá, và Michael chỉ đứng đầu trong số họ về thứ tự mà thôi. Mỗi vị đều có chức vụ đặc biệt của mình. Micael – người chiến thắng các thế lực thù địch; Gabriel – sứ giả của các Mầu nhiệm Thiên Chúa; Raphael – vị bác sĩ chữa lành các bệnh tật của loài người; Uriel, là ánh sáng của Lửa Thần Thánh, là người soi sáng cho những ai đang chìm trong bóng tối; Selaphiel – người cầu nguyện, luôn dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa cho loài người và khích lệ mọi người cầu nguyện; Iehudiel – Đấng tôn vinh Thiên Chúa: sứ mệnh của ngài là củng cố những người đang nỗ lực vì vinh quang của Thiên Chúa và cầu thay cho họ được đền đáp xứng đáng với những công lao của họ; Barachiel – Đấng ban phát ân sủng của Thiên Chúa và là Đấng cầu thay, xin cho chúng ta những ân huệ của Thiên Chúa.

[2577] Ngày lễ kính Tổng lãnh thiên thần Gabriel được gọi là "ngày hội đồng" vì vào ngày này, các Kitô hữu tụ họp lại để ca ngợi Tổng lãnh thiên thần Gabriel bằng những bài thánh ca.

Vậy, Michael không được sai đi mang Tin Mừng đến Đức Trinh Nữ Rất Thánh, bởi vì sứ vụ của ngài thuộc loại khác: luôn cầm thanh gươm trần, chống lại kẻ thù và xua đuổi chúng. Còn Gabriel được sai đi vì đó là bản chất của sứ vụ ngài – loan báo những mầu nhiệm của Thiên Chúa. Ngài đã báo cho thánh tiên tri Đaniel về việc giải phóng dân Chúa khỏi cảnh lưu đày ở Babylon và về thời điểm Đấng Mêsia đến; chính ngài cũng đã báo cho thánh Zacharia về sự ra đời của Thánh Gioan Tiền Hô từ người mẹ vô sinh. Ngài cũng đã hướng dẫn vị tiên tri thánh Mô-sê trong sa mạc khi ngài viết Sách Sáng Thế, truyền đạt cho ngài những mặc khải của Thiên Chúa về các thế hệ và thời đại đầu tiên, bắt đầu từ khi tạo dựng vũ trụ. Truyền thống thánh thiện chứng thực rằng Ngài đã báo tin mừng cho các thánh công chính Gioakim và Anna về việc thụ thai của Đức Trinh Nữ Maria, và là Thiên Thần Hộ Mệnh của Trinh Nữ Vô Nhiễm từ chính lúc thụ thai và khi Ngài chào đời, đồng thời mang thức ăn dâng lên cho Ngài trong Nơi Thánh Cực Thánh; chính vì thế, ngài cũng đã báo tin cho Mẹ về việc thụ thai Con Thiên Chúa. Ngoài ra, Gabriel còn được sai đi mang tin mừng bởi vì chính trong tên của ngài đã chứa đựng nội dung của tin mừng. Tên Gabriel có nghĩa là "sức mạnh của Thiên Chúa", cũng có nghĩa là "người đàn ông là Thiên Chúa". Vậy, ngay chính qua tên gọi của mình, vị thiên thần báo tin đã cho thấy rằng Thiên Chúa là Đấng Mạnh Mẽ, Đấng Tối Cao đang được hình thành trong lòng Đức Trinh Nữ thành một con người hoàn hảo (một người nam), tức là Ngài vừa là Thiên Chúa hoàn hảo vừa là con người hoàn hảo – hoàn hảo không phải về tuổi tác thể xác, mà về sức mạnh và trí tuệ. Các trẻ sơ sinh khác, được thụ thai trong lòng mẹ, không hiểu biết gì cả, và không có sức mạnh nào trong chúng – trái lại, Đứa trẻ được thụ thai trong lòng Đức Trinh Nữ Maria, ngay từ khoảnh khắc thụ thai đã sở hữu trí tuệ không thể thấu hiểu và sức mạnh bất khả chiến bại, và vì thế, dù trong thân xác bé nhỏ, Ngài vẫn là một người đàn ông hoàn hảo. Nhìn thấy điều này, vị tiên tri đã nói: *"Và tôi đến gặp nữ tiên tri, và bà ấy đã thụ thai và sinh ra một con trai. Và Chúa phán cùng tôi: 'Hãy đặt tên cho nó là Maher-Shalal-Hash-Baz. Vì trước khi đứa trẻ biết nói: "Cha tôi, mẹ tôi," thì nó sẽ chiếm lấy của cải của Damascus và chiến lợi phẩm của Samaria'"* (Is 8:3–4). Điều này có nghĩa là Hài Nhi, dù chưa biết nói, sẽ đã có sức mạnh và quyền năng vĩ đại để chiến thắng các kẻ thù của Ngài. Chính cái tên Gabriel đã thể hiện điều này, có nghĩa là: "Người-Thiên Chúa", "Thiên Chúa Mạnh Mẽ". Và chính Thiên Chúa này, vào đúng thời điểm loan báo Tin Mừng, nhờ sự cảm hứng của Thánh Thần, đã được thụ thai trong lòng trinh nữ bất hoại. Thánh Proclus, Tổng Giám mục Constantinople, đã luận giải về điều này như sau: "Chính tên của Thiên thần đã mang ý nghĩa kỳ diệu, vì vị đã rao báo Tin Mừng cho Đức Trinh Nữ Maria được gọi là Gabriel. Bằng tên này, ngài đã báo trước và thể hiện Đấng Thiên Chúa-Người, Đấng sẽ đến với thế gian. Gabriel có nghĩa là: Người Đàn Ông Mạnh Mẽ, hay Người Đàn Ông – Thiên Chúa, bắt nguồn từ từ Gavir, có nghĩa là: mạnh mẽ, hay Thiên Chúa, và khi kết hợp cả hai ý nghĩa này, từ này có nghĩa là: Người Đàn Ông – Thiên Chúa. Từ xa xưa, Giê-rê-mi đã báo trước điều này khi nói: *'Chúa sẽ tạo nên điều mới mẻ trên đất: người vợ sẽ cứu người chồng'* (Giê-rê-mi 31:22). Như vậy, vị sứ giả của Thiên Chúa này thật cao quý, không chỉ bởi ý nghĩa của danh hiệu, mà còn bởi bản chất sứ vụ của ngài, và hơn hết là bởi mầu nhiệm từ thuở xa xưa đã được giấu kín và ngay cả các Thiên thần cũng không biết, mà Thiên Chúa đã mặc khải cho ngài trước tiên và ngài đã mang đến cho Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm. Và bí mật về sự nhập thể của Đức Chúa Trời càng vĩ đại, càng cao quý hơn các bí mật khác – vốn đã được Thiên Thần Gabriel tiết lộ trước đó cho các vị tiên tri thánh – thì từ đó trở đi, ngài càng được ban cho vinh dự lớn lao trong hàng ngũ các Thiên Thần, được họ tôn kính như người chứng kiến gần gũi nhất những bí mật thâm sâu và huyền bí nhất của Đức Chúa Trời."

Các nhà thần học Giáo hội, đặc biệt là Dionysius Areopagite[2578] , đều nhất trí nói về bảy Thiên thần cao cả nhất rằng họ luôn luôn hiện diện bên cạnh Thiên Chúa. Các Thiên thần khác được sai đi thực hiện các nhiệm vụ khác nhau, còn những Thiên thần này, với tư cách là những vị gần gũi nhất với Thiên Chúa, luôn ở bên ngai vàng của Ngài. Để công bố những mầu nhiệm cao cả nhất của Thiên Chúa và để tỏ lộ quyền năng vĩ đại hơn của Ngài, các thiên thần này cũng được sai đi, như Thánh Tông đồ Phaolô đã nói: *"Chẳng phải tất cả họ đều là các thần phục vụ, được sai đi để thi hành sứ vụ sao?"* (Hê-bơ-rơ 1:14). Nhưng còn sự biểu lộ quyền năng của Đức Chúa Trời nào lớn hơn và mầu nhiệm nào cao cả hơn, nếu không phải là mầu nhiệm Nhập Thể của Đấng Christ, điều không thể hiểu thấu, không thể diễn tả, và không thể nói lên được? Vì vậy, để loan báo mầu nhiệm vĩ đại như thế, thật xứng

[2578] Dionysius Areopagita – một quý tộc Athens, thành viên của Hội đồng Areopagus ở Athens, đã trở thành Kitô hữu nhờ lời rao giảng của Thánh Tông đồ Phaolô. Trong các tác phẩm của Dionysius Areopagite, đặc biệt nổi bật là: "Περι της ουρανιας ιεραρχιας" ("Về hệ thống cấp bậc trên trời") và "Περι της εκκλησιατικης ιεραρχιας..." ("Về hệ thống cấp bậc trong Giáo hội").

đáng khi Thiên Thần – vị đại thiên thần, người hầu cận không rời khỏi ngai vàng của Thiên Chúa, người chứng kiến gần gũi nhất các mầu nhiệm của Thiên Chúa – được sai đi, và đó chính là Thánh Gabriel.

Điều đáng chú ý nữa là Thánh Gabriel thuộc về cấp bậc nào trong chín cấp bậc của các Thiên thần thuộc ba hệ thống phân cấp. Một số người cho rằng ngài thuộc hệ thống phân cấp thứ ba, thấp nhất, và là người đứng đầu cấp bậc trung gian giữa các Nguyên Tố và các Thiên thần, tức là cấp bậc Tổng Thiên thần, được chỉ định để loan báo những việc lớn lao của Thiên Chúa. Họ nghĩ như vậy một phần vì ngài được gọi là Tổng thiên thần, một phần vì, như Thánh Dionysius đã nói, những thiên thần cao cấp nhất, những vị đứng gần ngai vàng của Thiên Chúa, không được sai đi thi hành sứ vụ, mà chỉ có những thiên thần cấp thấp hơn, được chỉ định cho việc đó, mới được sai đi. Tuy nhiên, quan điểm đáng tin cậy hơn là Thánh Gabriel thuộc về hàng ngũ cao nhất của các Seraphim và không được sai đi thực hiện những việc ít quan trọng trong ý muốn của Đức Chúa Trời, mà chỉ được sai đi để loan báo những mầu nhiệm vĩ đại nhất của Đức Chúa Trời, như mầu nhiệm Nhập Thể của Đức Chúa Trời, và ngài được gọi là Tổng thiên thần nhờ tin mừng hân hoan mà ngài đã mang đến cho Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, và nhờ đó ngài đã mang lại niềm vui không chỉ cho Mẹ, mà còn cho mọi thụ tạo, không chỉ ở trần gian mà cả trên trời, như Thánh Damascene đã ca ngợi: "Chỉ có một niềm vui rạng ngời chiếu sáng cho cả hai, khi vị vô hình mang niềm vui đến cho ngươi[2579] ". Còn việc Thánh Gabriel phải được xếp vào hàng Seraphim, chúng ta biết được từ việc không có hàng nào khác đến gần ngai vinh quang không thể tiếp cận của Thiên Chúa hơn hàng Seraphim, theo lời chứng không sai lầm của Thánh Dionysius. Theo sự sắp đặt đặc biệt của Thiên Chúa, mỗi hàng ngũ Thiên thần đều có vị trí riêng: có hàng ngũ gần hơn, có hàng ngũ xa hơn, còn hàng ngũ Seraphim là hàng ngũ gần Thiên Chúa nhất, như lời tiên tri Isaia đã nói: *"Ta đã thấy Chúa ngự trên ngai cao và uy nghi, xung quanh Ngài là các Seraphim, mỗi vị có sáu cánh"* (Is 6:1–2).

Và vì Thánh Gabriel là một trong bảy Thiên thần gần gũi nhất, luôn hiện diện trước mặt Đức Chúa Trời, nên ngài phải thuộc hàng Seraphim, đứng thứ hai trong số các Seraphim. Theo điều này, Thánh Andrew người Crete gọi ngài là một trong những Thiên thần hàng đầu, khi nói: "Đức Chúa Trời truyền cho một trong những Thiên thần hàng đầu rao truyền mầu nhiệm. Nếu ngài thuộc hàng đầu, thì tất nhiên là một trong bảy Thần luôn hiện diện trước mặt Thiên Chúa; và nếu thuộc bảy Thần ấy, thì ngài thuộc hàng Seraphim. Vì trong các Thiên thần, ai cao hơn các Seraphim? Ai gần ngai Thiên Chúa hơn họ? Vậy, Gabriel là một Seraphim, cao nhất trong hàng ngũ này".

Điều này còn được chứng minh qua việc: để thực hiện công việc vĩ đại của Đức Chúa Trời, cần phải sai phái một Thiên thần vĩ đại. Và vì sự Nhập Thể của Lời là công việc vĩ đại nhất của Đức Chúa Trời, nên Thiên Thần cao quý nhất, Thánh Gabriel, đã được sai đến để loan báo điều đó, như Thánh Grêgôriô Đôi Lời đã viết[2580] "Để thực hiện sứ vụ vĩ đại này, Thiên Thần cao quý nhất phải hiện ra, vì ngài loan báo điều cao quý hơn tất cả mọi sự. Nếu xưa kia, chúa tể tối cao của bóng tối đã đến để cám dỗ Ê-va, thì cũng cần phải có một vị thiên thần tối cao của ánh sáng thiên đàng hiện ra trước Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm để loan báo Tin Mừng; và đối với Đức Maria, người đang bừng cháy trong tình yêu Serafim dành cho Thiên Chúa, thì việc được một vị Serafim được sai đến cũng là điều cần thiết."

Vậy thì, chúng ta hãy hết lòng tôn kính Thánh Gabriel, vị hoàng tử tối cao trong hàng ngũ các Thiên thần, một trong bảy Thiên thần Serafim gần gũi nhất với Thiên Chúa, vị Tổng thiên thần toàn cầu đã loan báo ơn cứu rỗi cho cả thế giới; chúng ta hãy tôn kính ngài bằng sự thờ phượng đầy kính sợ và những bài thánh ca cầu nguyện, hân hoan cử hành lễ kỷ niệm ngài và dâng lên ngài lời tạ ơn vì những ân huệ vĩ đại mà ngài đã và đang ban cho loài người, khi ngài không ngừng cầu thay cho chúng ta trước Thiên Chúa đã nhập thể. Nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Tổng Thiên Thần Gabriel, xin cho tất cả chúng ta được tha thứ mọi tội lỗi!

Về bảy Thiên thần cao cả được đề cập ở đây, cần lưu ý rằng chỉ có tên của bốn vị trong số họ được ghi chép trong Kinh Thánh. Chẳng hạn, trong sách Đa-ni-ên có chép rằng Thánh Mi-chên đã giúp đỡ dân Do Thái, lúc bấy giờ vẫn là những người sùng kính và tôn thờ Đức Chúa Trời (Đa-ni-ên 10:13); trong Thư của Thánh Tông đồ Giu-đa có chép rằng, khi tranh luận với ma quỷ về thi thể của Mô-sê, ngài đã nói với nó: *"Xin Chúa cấm đoán ngươi"*

[2579] Bài thánh ca thứ 3. (theo Kaphisma thứ nhất vào ngày 15 tháng 12 và trong Tuần lễ về người bị liệt. – *Ban biên tập "Azbuka Very"*)

[2580] Thánh Grêgôriô Đôi Lời, Giáo hoàng Rôma, sống vào thế kỷ VI. Tác phẩm nổi bật nhất của ngài là "Regula pastoralis" ("Quy tắc mục vụ"), bàn về hình mẫu của một vị mục tử và cách ngài phải thực hiện các nhiệm vụ của mình. Tên gọi "Đôi Lời" được đặt cho ngài nhờ tác phẩm "Cuộc đối thoại về cuộc đời các vị cha Ý", trong đó câu chuyện được kể như thể bởi hai nhân vật.

(Giu-đa 1:9); còn Thánh Gio-an Thần Học, trong sách Khải Huyền của ngài, đã viết rằng ngài đã chiến đấu với con rắn (tức là ma quỷ) (Khải Huyền 12:7); về Thánh Gabriel, chúng ta cũng biết từ sách Đa-ni-ên rằng ngài đã tiết lộ cho vị tiên tri những mầu nhiệm thâm sâu nhất của Đức Chúa Trời trong tương lai (Đa-ni-ên 8:16), và trong Phúc Âm Thánh Luca có chép rằng Gabriel đã báo tin mừng cho Xa-cha-ri về việc thụ thai của Đấng Tiền Hô (của Chúa), còn với Đức Trinh Nữ Maria – về sự nhập thể của Thiên Chúa Lời (Lc 1). Về Thánh Rapha-ên được nhắc đến trong sách Tô-bi-tô, nơi chép rằng ngài đã bảo vệ chàng Tô-bi-tô trẻ khỏi những tai ương bất ngờ trên đường đi, xua đuổi quỷ dữ khỏi thiếu nữ Sa-ra và phục hồi thị lực cho Tô-bi-tô (Tô-bi-tô 12:15). Về Thánh Uriel, sách Ê-xơ-ra thứ ba ghi chép rằng ngài đã đề nghị Ê-xơ-ra cân đo "trọng lượng của lửa" (3 Ê-xơ-ra 4:5).

Về ba Thiên thần còn lại, mặc dù tên của họ không được nêu rõ trong Kinh Thánh, nhưng theo sự hiểu biết của một số nhà giải thích Kinh Thánh có lòng kính Chúa, có thể suy luận rằng Salafiel chính là Thiên thần đã hiện ra với Hagar trong sa mạc, khi bà đang cầu nguyện trong nỗi đau buồn tột cùng; ngài đã nói với bà: "Đức Chúa Trời đã nghe tiếng của đứa trẻ (Sáng Thế Ký 21:17) và lời cầu nguyện khiêm nhường của bà." Tên Giê-hu-di-ên được gán cho vị Thiên thần mà Chúa đã hứa sẽ sai đến với dân Y-sơ-ra-ên trong sa mạc, để Ngài dẫn dắt họ đến Đất Hứa, qua đó ban thưởng cho những ai tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời vì vinh quang của Ngài (Xuất Ê-díp-tô Ký 23:22–23). Về Varachiel, người ta cho rằng ngài nằm trong số ba Thiên thần đã hiện ra với Áp-ra-ham tại cây sồi Mamre, ban phước cho Sa-ra bằng cách chữa lành sự vô sinh của bà và ban cho bà người con trai Ít-ra-en, đồng thời là hình ảnh tiên báo về Thánh Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần (Sáng Thế Ký 18).

Các thánh này, bảy Thiên thần cao cả nhất, trong đó Michael đứng đầu và Gabriel đứng thứ hai, từ xưa đến nay, theo sự hiểu biết đạo đức của Giáo hội thánh thiện, đã được khắc họa trên các bức tranh thánh và được tôn kính qua việc xây dựng các nhà thờ mang tên các ngài. Lịch sử Giáo hội kể lại như sau:

Hoàng đế vô đạo Diocletian[2581] , kẻ bách hại Kitô giáo một cách tàn bạo, khi đang xây dựng cho mình những nhà tắm bằng đá[2582] tại La Mã Cổ Đại, đã ra lệnh bắt giữ rất nhiều Kitô hữu và gửi họ đến công trường đó, dưới sự canh gác nghiêm ngặt và vô nhân đạo, khiến các thánh phải chịu đau khổ và bị đè nén. Tại đó, người ta có thể thấy hàng nghìn vị thánh tử đạo đang lao động, mồ hôi và máu tuôn trào, và rất nhiều người trong số họ đã bị giết bằng gươm và các hình thức hành quyết khác vì Chúa Kitô. Như vậy, nhờ công việc nặng nhọc này, một công trình vĩ đại và tuyệt đẹp như cung điện hoàng gia đã được xây dựng nên. Khi đó, sau nhiều năm trôi qua, sự vô đạo của người Hy Lạp cùng với các vị vua của họ đã sụp đổ, còn Kitô giáo, với sự lên ngôi của các vị vua Kitô hữu, đã chiến thắng khắp vũ trụ – lúc bấy giờ, các tín hữu sống tại Rôma, khi ngắm nhìn những nhà tắm tuyệt đẹp của Diocletian, đã nhớ lại rằng công trình này được xây dựng bởi chính tay những người Kitô hữu, và sau khi thanh tẩy nó khỏi những ô uế của tôn giáo ngoại đạo, họ đã biến nó thành một nhà thờ Kitô giáo để tôn vinh bảy vị thần trời chính, các Tổng thiên thần và các vị chỉ huy tối cao của các lực lượng thiên thần: Michael, Gabriel, Raphael, Uriel, Selaphiel, Jehudiel và Barachiel.

Các thành phố khác cũng bắt đầu noi gương Rome, chẳng hạn như: Naples ở Campania[2583] và Palermo ở Sicily[2584] , nơi cũng đã xây dựng các nhà thờ bằng đá để tôn vinh bảy vị Thiên thần chỉ huy này. Hình ảnh của họ được khắc họa trên các tấm ván bằng nghệ thuật vẽ tranh thánh và nghệ thuật khảm trên các bức tường nhà thờ, và mỗi vị đều có những nét đặc trưng riêng biệt so với những vị khác, bí ẩn thể hiện sứ mệnh vô hình của họ. Các hình ảnh của các Thiên thần ở đó như sau: Thánh Michael được miêu tả đang dẫm chân lên Lucifer[2585] và cầm trong tay trái một cành cây chà là xanh, còn tay phải cầm một cây giáo, trên đỉnh cây giáo có một lá cờ trắng thêu hình thánh giá màu đỏ[2586] ; Thánh Gabriel được miêu tả đang cầm trong tay phải một chiếc đèn lồng có ngọn nến đang cháy

---

[2581] Diocletian, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 284 đến năm 305 và cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã, trong khi nửa phía tây do người bạn của ông là Maximian cai trị.

[2582] Thermae – là những nhà tắm công cộng, được xây dựng tại Rome với sự tráng lệ đặc biệt. Bên cạnh các nhà tắm còn có những khu vực dành cho các bài tập thể dục.

[2583] Campania là một tỉnh ở miền nam Ý. Tỉnh này nổi tiếng vì đây là nơi lần đầu tiên người ta đúc những chiếc chuông dùng trong nhà thờ, chính vì vậy mà trong Hiến chương Giáo hội, chúng được gọi là "campane" (theo tên của tỉnh).

[2584] Sicily – một trong những hòn đảo lớn nhất của Địa Trung Hải.

[2585] Lucifer – "người mang ánh sáng", sao mai, ngôi sao buổi sáng. Theo nghĩa bóng, tên gọi này được dùng để chỉ thiên thần đầu tiên sa ngã – quỷ dữ.

[2586] Cờ trắng trang trí trên cây giáo của Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael biểu thị sự thánh thiện và tinh khiết của ngài, còn cây thánh giá tượng trưng cho việc các thế lực vô hình đang chiến đấu chống lại vương quốc bóng tối và tăm tối nhân danh Thánh giá và danh Chúa Kitô.

bên trong, còn tay trái cầm một tấm gương đá làm từ ngọc bích xanh, có những đốm đỏ rải rác[2587] . Thánh Raphael được miêu tả đang cầm trong tay trái một bình chứa thuốc được nâng lên một chút, còn tay phải thì đang dắt cậu bé Tobiah, người đang mang theo con cá bắt được ở sông Tigris[2588] . Thánh Uriel được miêu tả đang cầm thanh kiếm trần trong tay phải áp sát ngực, còn tay trái hạ xuống cầm ngọn lửa[2589] . Thánh Selaphiel được miêu tả với khuôn mặt và đôi mắt hướng xuống, hai tay áp sát ngực, như dáng vẻ của một người đang cầu nguyện với lòng thành kính. Thánh Iê-gu-di-il được miêu tả đang cầm trên tay phải một vương miện vàng, còn tay trái cầm một cây roi làm từ ba sợi dây đen có ba đầu[2590] . Thánh Ba-ra-ki-il được miêu tả đang mang trên ngực, trên áo, những bông hồng trắng[2591] .

Bài thánh ca, giọng 4:

Thiên thần Trưởng của các đạo binh trên trời, chúng con, những kẻ không xứng đáng, luôn cầu xin Ngài, xin Ngài bằng những lời cầu nguyện của mình che chở chúng con dưới bóng cánh vô hình của vinh quang Ngài, bảo vệ chúng con, những kẻ đang quỳ lạy và khẩn cầu: xin giải thoát chúng con khỏi những tai ương, vì Ngài là Đấng chỉ huy các Lực lượng Tối cao.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Lạy Ba Ngôi Thánh, Rực rỡ, Cao quý, Toàn năng, Vô cùng và Đáng kính, Ngài, Thánh Archistrategos, là người phục vụ và người cầu nguyện vinh quang, xin hãy không ngừng cầu nguyện để chúng con được giải thoát khỏi mọi tai ương và đau khổ, để chúng con có thể kêu lên với Ngài: "Hãy vui mừng, Đấng che chở các tôi tớ của Ngài."

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Irineus, Giám mục Sirmium

Ngày kỷ niệm: 26 tháng 3

Trong thời trị vì của các hoàng đế La Mã vô đạo là Diocletian và Maximian[2592] , vào thời kỳ cuộc bách hại tàn bạo mà họ gây ra đối với các Kitô hữu, các tín hữu đã dũng cảm thực hiện nhiều việc anh hùng, với lòng nhiệt thành chấp nhận những đau khổ mà những kẻ bách hại áp đặt lên họ vì Chúa Kitô, hướng về phần thưởng vĩnh cửu. Vào thời điểm đó, tại Sirmium[2593] , một thành phố thuộc Pannonia[2594] , vị giám mục là một người còn trẻ tuổi nhưng đã hoàn thiện trong đức tin Chính thống và trong luật pháp của Chúa. Tên ngài là Irineus. Vì tình yêu dành cho Chúa Kitô mà phải chịu đựng vô số cuộc bách hại, ngài đã được ban tặng vương miện chiến thắng xứng đáng nhờ việc làm chứng cho Chúa Kitô.

Bị binh lính bắt giữ tại Sirmium, Irineus được đưa đến Pannonia gặp quan tổng trấn[2595] Probus. Khi ông đến gặp ông, Probus nói:

– Hãy tuân theo luật pháp của hoàng đế, dâng lễ vật lên các vị thần của chúng ta.

[2587] Chiếc gương biểu thị rằng Thánh Tổng thiên thần Gabriel là sứ giả của ý định Thiên Chúa về sự cứu rỗi loài người, còn ngọn đèn với ngọn nến biểu thị rằng những định mệnh của Thiên Chúa thường được che giấu cho đến khi chúng được thực hiện, và ngay cả khi đã được thực hiện, chúng chỉ được hiểu rõ bởi những ai không ngừng nhìn vào tấm gương của Lời Chúa và lương tâm của chính mình.

[2588] Theo tín lý của Giáo Hội, Thánh Raphael cầu xin Thiên Chúa ban sự trợ giúp và chữa lành cho tất cả những ai đang đau khổ.

[2589] Điều này thể hiện lòng nhiệt thành đặc biệt mạnh mẽ của vị Tổng thiên thần này đối với Thiên Chúa.

[2590] Điều này biểu thị phần thưởng từ Thiên Chúa dành cho những người đạo đức và thánh thiện, cũng như sự trừng phạt dành cho những kẻ tội lỗi.

[2591] Thánh Barachiel dường như là sứ giả báo trước sự hạnh phúc và hòa bình vô tận trong Nước Trời.

[2592] Năm 284, Đế quốc La Mã chia thành hai phần: phần Đông do Diocletian cai trị, phần Tây do người bạn của ông là Maximian cai trị; họ trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[2593] Sirmium – một thành phố cổ ở Hạ Pannonia, bên bờ sông Sava. Ngày nay, vẫn còn những di tích đáng kể của thành phố này gần Mitrovica.

[2594] Pannonia – một trong những vùng quan trọng ở phía nam sông Danube thuộc Đế chế La Mã.

[2595] Igemon – ἡγεμων: quan tổng trấn, người đứng đầu.

Thánh Giám mục Irineo đáp lại:

– Ai dâng lễ vật cho các vị thần giả dối, chứ không phải cho Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, sẽ bị tiêu diệt khỏi cộng đồng của mình.

Igemon lại nói:

– Các vị vua nhân từ nhất đã ra lệnh cho tất cả: hoặc dâng lễ vật cho các vị thần, hoặc phải chịu cực hình.

– Tôi đã được truyền lệnh, – vị thánh đáp, – thà chịu những cực hình nặng nề nhất còn hơn là từ bỏ Đức Chúa Trời chân thật để dâng lễ vật cho ma quỷ.

Igemon lại lặp lại:

– Hoặc là dâng lễ vật lên các vị thần, hoặc là ta sẽ ra lệnh tra tấn ngươi ngay lập tức.

– Tôi sẽ vui mừng, – vị thánh đáp, – nếu ngài làm điều đó với tôi, vì khi đó tôi cũng sẽ được dự phần vào những đau khổ của Chúa tôi.

Lúc đó, vị thống đốc lập tức ra lệnh cho binh lính tra tấn vị thánh. Trong lúc những cực hình tàn bạo đang diễn ra, vị thống đốc hỏi ngài:

– Ngươi nói sao, Irineus, – giờ ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần không?

Vị thánh đáp lại:

– Tôi dâng lễ vật bằng cách tuyên xưng đức tin chân thành với Thiên Chúa của tôi, Đấng mà tôi luôn dâng lễ vật.

Cha mẹ vị thánh và cả gia đình ngài đã đến; khi thấy ngài bị tra tấn không thương xót, họ ôm lấy chân ngài và van nài ngài hãy thương xót tuổi trẻ của mình và tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế. Một bên là cha mẹ ngài khóc nức nở, bên kia là tất cả những người thân, bạn bè và họ hàng đều khóc thét lên vì ngài, và tất cả cùng đồng thanh kêu lên:

– Hãy thương xót, Irinei, vẻ đẹp rực rỡ của tuổi trẻ con.

Nhưng vị thánh, tràn ngập khát vọng cao cả hướng về Thiên Chúa và luôn ghi nhớ điều răn của Ngài trong tâm hồn, đã đáp lại tất cả:

– Lời của Chúa tôi là Đức Giê-su Ki-tô như sau: *"Ai chối bỏ Ta trước mặt người ta, thì Ta cũng sẽ chối bỏ người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời"* (Mt 10,33). Vậy nên, hỡi những người yêu dấu, hãy biết rằng dù bằng những lời cầu xin của các ngươi, hay những lời đe dọa của vua chúa, hay bất kỳ cách nào khác, các ngươi cũng không thể khiến ta xa lìa Đức Chúa Trời và luật pháp của Ngài: ta hướng trọn tâm trí về niềm hy vọng của chức tước trên trời[2596] .

Vua Probus, sau khi lại triệu tập vị thánh Irineus đến, đã cố thuyết phục ông bằng những lời sau:

– Hãy để những giọt nước mắt của những người đang thương xót ngươi lay động lòng ngươi, hãy từ bỏ sự điên rồ của ngươi, và vì thương xót tuổi trẻ của ngươi, hãy dâng lễ vật lên các vị thần.

Nghe vậy, vị thánh đáp lại:

– Tôi sẽ tự thương xót bản thân mãi mãi nếu không dâng lễ vật như vậy.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh đưa Irineus vào ngục tối, cho đến khi ông ta quyết định sẽ xử lý vị thánh này như thế nào.

Trong khi đó, vị thánh, sau nhiều ngày bị giam trong ngục tối, vì sự khắc nghiệt của cuộc giam cầm đã mắc phải nhiều căn bệnh khác nhau. Nhưng rồi một đêm nọ, vào lúc nửa đêm, quan tổng trấn Prob lại ra lệnh đưa ông đến trước mặt mình và nói với ông:

– Đủ rồi, những cực hình mà ngươi phải chịu đựng trong thời gian dài như vậy. Tốt hơn hết là ngươi hãy tuân theo và dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta.

– Nếu ngài đã quyết định sẽ làm gì với tôi, – thánh Irineo đáp lại, – thì hãy làm ngay đi, đừng chần chừ. Hãy biết rằng tôi vẫn giữ vững lời tuyên xưng danh Chúa Kitô như tôi đã làm cho đến nay; tôi hiện nay và sẽ mãi mãi kiên định và bất biến cho đến cùng.

Lúc đó, viên quan tổng trấn, trong cơn giận dữ, ra lệnh đánh ông bằng gậy trong một thời gian dài. Trong cơn đau đớn, ông kêu lên:

– Tôi có Đức Chúa Trời, Đấng mà từ thuở ấu thơ tôi đã được dạy phải tôn kính: tôi thờ phượng Ngài, dâng lễ vật cho Ngài; nhưng tôi không thể thờ phượng các thần do tay người tạo ra.

[2596] Gorni – trên cao, thuộc về trời (Ê-xê-chi-ên 41:7; Cô-lô-se 3:3).

– Hãy bằng lòng với những cực hình này đi, – Prob nói với ông, – những cực hình mà chính ông đã tự gánh lấy; đừng mong muốn cái chết.

Vị thánh đáp lại:

– Tôi sẽ không chết, vì sự sống thuộc về tôi, và tôi không cảm thấy những cực hình mà ngươi gây ra cho tôi vì danh Chúa Giê-su Ki-tô của tôi. Tôi sẽ nói với ngươi điều còn hơn thế nữa: nhờ những cực hình này, tôi hy vọng sẽ không phải chết, mà được sự sống đời đời.

– Ngươi có vợ không? – Prob hỏi.

Thánh nhân trả lời rằng ngài không có. Lúc đó, Prob lại hỏi:

– Ngươi có cha mẹ không?

– Không có, – vị thánh trả lời. Prob lại hỏi:

– Ngươi có con trai hay con gái không?

Vị thánh cũng trả lời rằng không có.

– Vậy thì, – Prob hỏi, – những người đã khóc lóc và than thở vì ngài tại phiên tòa là ai?

Thánh Irineo đáp:

– Tôi tuân giữ các điều răn của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã phán: "Ai không từ bỏ cha mẹ mình và từ bỏ tất cả tài sản của mình, *thì 'không thể làm môn đệ Ta'* (Lc 14,26), *'và ai yêu cha hay mẹ, con trai hay con gái hơn Ta, thì không xứng đáng với Ta'* (Mt 10,37). Vậy, ai thực sự yêu mến Thiên Chúa và chỉ trông cậy vào Ngài mà thôi, thì người ấy khinh thường những sự phù phiếm trần gian, và không coi ai là cha mình, ngoại trừ Thiên Chúa.

– Nhưng tôi nghe nói – Prob nói – rằng anh có con trai: vậy thì, dù chỉ vì tình yêu dành cho chúng, hãy dâng lễ vật cho các vị thần, để họ không giết cha anh ngay trước mặt anh.

Thánh Irênê đáp:

– Các con trai tôi có Đức Chúa Trời làm Cha, Đấng mà tôi cũng coi là Cha và thờ phượng Ngài, vì Ngài có thể cứu cả chúng nó lẫn tôi. Vì thế, chúng tôi thực sự và hoàn toàn đặt niềm tin vào Ngài, và đã phó thác linh hồn mình cho Ngài để khỏi bị hủy diệt. Vậy thì hãy làm theo những gì các vị vua của ngươi đã ra lệnh.

– Hãy tự cứu lấy mình và cha mẹ ngươi đi, – Prob thuyết phục, – hãy dâng lễ vật cho các vị thần và tuân theo mệnh lệnh của các vị vua, nếu không ta sẽ dùng đủ mọi hình thức tra tấn để đẩy ngươi vào chỗ diệt vong.

– Ta đã nói với ngươi rồi, – Irenaeus đáp, – hãy làm với ta bất cứ điều gì ngươi muốn, vì ngươi biết rõ rằng ta sẽ không bao giờ dâng lễ vật cho các vị thần xấu xa của ngươi. Và này, hãy xem, Chúa Giê-su Ki-tô của ta đã ban cho ta sự kiên nhẫn vĩ đại đến nhường nào để chống lại những mưu mô của ngươi và của ma quỷ, qua đó chúng đã chuẩn bị những cực hình cho các thánh của Đức Chúa Trời.

– Này, ta sẽ tuyên án tử hình cho ngươi nếu ngươi không dâng lễ vật cho các vị thần, – Prob nói.

Thánh Irineo đáp lại:

– Điều đó sẽ làm tôi vui lòng, vì án tử hình sẽ dẫn tôi đến hạnh phúc vĩnh cửu.

Rồi Prob tuyên bố án tử hình sau đây đối với vị thánh:

– Irenaeus, kẻ không tuân theo sắc lệnh của hoàng đế, ta ra lệnh ném xuống sông.

Thánh Irineo đáp lại:

– Tôi đã mong đợi từ ngài những hình phạt đa dạng và tàn bạo nhất, để ngài nhận ra rằng các Kitô hữu, vì đức tin vào Thiên Chúa, đã quen coi thường cái chết. Nhưng vì ngài hoàn toàn không kết án tôi phải chịu những hình phạt đó, nên tôi vui mừng vì ít nhất ngài đã tuyên án này cho tôi.

Igemon, bực bội trước sự táo bạo của vị thánh nhân, ra lệnh chém đầu ngài bằng gươm, rồi ném thi thể ngài xuống sông. Còn vị thánh, như thể đang nhận lấy một vương miện chiến thắng khác, khi nghe câu trả lời đó, đã tạ ơn Thiên Chúa, nói rằng:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa Giêsu, vì Ngài đã ban cho con sự kiên nhẫn bất khuất trong việc làm chứng cho danh thánh của Ngài, để con được xứng đáng trở thành người cùng hưởng vinh quang vĩnh cửu của Ngài.

Khi ngài còn đang nói những lời ấy, ngài bị dẫn đến cây cầu mang tên "Artemis", được xây dựng để tôn vinh nữ thần tà ác Artemis của họ[2597] , nơi ngài sẽ bị ném xuống. Tại đó, sau khi cởi bỏ y phục và giơ hai tay lên trời, Thánh Irineus đã cầu nguyện với lòng thành kính, nói:

[2597] Artemis – hay còn gọi là Diana – là nữ thần tượng trưng cho mặt trăng và được coi là vị thần bảo trợ của rừng và săn bắn.

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã chịu khổ nạn vì sự cứu rỗi thế gian! Xin trời cao của Ngài mở ra để đón nhận linh hồn của tôi tớ trung thành của Ngài là Irineus, người vì danh thánh của Ngài mà bị bắt đi chịu khổ nạn từ Giáo Hội Chính Thống Sirmium. Con không từ chối cái chết. Nhưng con khẩn cầu, lạy Chúa, nhờ lòng thương xót vô biên của Ngài, xin Ngài bảo vệ và gìn giữ dân của Giáo hội Sirmium khỏi mọi tai ương và điều ác ập đến, khỏi kẻ thù hữu hình lẫn vô hình, và xin Ngài ban ơn củng cố họ trong đức tin thánh thiện của Ngài.

Sau khi dâng lời cầu nguyện, vị thánh đã bị chém vào đầu bằng gươm và bị ném xuống con sông tên là Sava. Thánh Irineo, Giám mục Sirmium, đã bị hành hình vào ngày 26 tháng 3, trong thời gian tỉnh trưởng Probus cai quản Pannonia, dưới triều đại của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà chúng con tôn vinh muôn đời. Amen.

Cuộc đời của vị thánh cha Malcha của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 3

Thánh Malch khi còn trẻ là một nông dân ở làng Maron, cách Antioch của Syria[2598] 30 stadia[2599] . Ông là con trai duy nhất của cha mẹ mình, và vì vậy, họ mong muốn ông, với tư cách là người kế thừa dòng dõi, sẽ trở thành người thừa kế gia tộc, nên đã ép buộc ông kết hôn. Nhưng trước mọi sự ép buộc của họ, ông chỉ trả lời một câu:

– Con thà làm tu sĩ còn hơn là người thế tục.

Dù Malcha bị ép kết hôn bằng mọi cách – cha ông bằng những lời đe dọa, mẹ ông bằng những lời khuyên nhủ dịu dàng – ông vẫn không vâng lời cha mẹ và cuối cùng đã lén bỏ trốn, từ bỏ gia đình, cha mẹ và hôn nhân vì Chúa. Anh hướng về một vùng hoang mạc nằm giữa Imma và Viria. Tại đó, anh tìm thấy một tu viện, nơi các tu sĩ đang sống một cuộc đời thánh thiện. Dâng mình cho sự hướng dẫn của họ, Malch ở lại đó và ngày càng hoàn thiện bản thân trong các việc tu hành, dùng lao động và ăn chay để chế ngự những dục vọng trần tục trong lòng.

Nhiều năm sau, một ý nghĩ nảy sinh trong lòng anh: trở về quê hương để an ủi mẹ mình, người lúc đó đã góa bụa, vì anh nghe tin cha mình đã qua đời; anh định bán đi tài sản thừa kế và phân phát số tiền thu được: một phần cho người nghèo, một phần cho các tu viện, và giữ lại một ít cho nhu cầu cá nhân.

Khi biết được ý định đó của Malcha, vị tu viện trưởng bắt đầu khuyên can anh, thuyết phục rằng đó là sự cám dỗ của ma quỷ và mưu mô của kẻ thù truyền kiếp của loài người, được che giấu khéo léo dưới vỏ bọc của một việc làm có vẻ tốt đẹp.

– Điều này – ông nói – cũng giống như những gì Kinh Thánh đã nói: *"Con chó quay trở lại nôn mửa của chính mình"* (2 Phê-rô 2:22). Cũng như vậy, nhiều tu sĩ đã bị lừa dối, vì ma quỷ không bao giờ công khai chiến đấu với ai cả.

Để chứng minh, vị tu viện trưởng đã trích dẫn cho Malchu nhiều câu chuyện khác nhau từ các cuốn sách, bắt đầu từ Adam và Eva, những người đã bị ma quỷ cám dỗ bằng hy vọng đạt được phẩm giá thần thánh và vì thế mà bị đuổi khỏi vườn địa đàng. Khi vị tu viện trưởng thấy không thể thuyết phục được anh, ngài đã quỳ xuống trước chân anh, van nài anh đừng bỏ rơi cộng đoàn thiêng liêng của mình, để không tự hủy hoại chính mình, và đừng ngoái lại khi đã đặt tay lên cày (Lc 9,62). Tuy nhiên, Malch hoàn toàn không nghe lời vị tu viện trưởng và đã rời khỏi tu viện.

Khi chia tay Malch, vị tu viện trưởng tiễn đưa anh ta trong nước mắt, như thể đang tiễn đưa một người đã khuất đến nơi an táng.

[2598] Stadion – đơn vị đo khoảng cách, dao động từ 73 đến 88 sazen.

[2599] Antioch của Syria – một trong những thành phố cổ xưa và giàu có nhất của Syria, là thủ đô của nước này, nằm bên sông Orontes, cách nơi sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải khoảng 10 verst, giữa các dãy núi Lebanon và Taurus; được thành lập vào năm 300 trước Công nguyên bởi Seleucus Nicator và được đặt tên theo Antiochus, cha của ông. Đối với Giáo hội Kitô giáo, Antioch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là trung tâm lớn thứ hai của Kitô giáo sau Jerusalem và là "mẹ" của các Giáo hội Kitô giáo được thành lập từ những người ngoại đạo. Giáo hội Antioch nổi tiếng ban đầu được Thánh Tông đồ Phaolô và Barnaba thành lập, và sau đó còn được Thánh Tông đồ Phêrô củng cố. Tại Antioch đã diễn ra không ít công đồng quan trọng của các mục tử Giáo hội trong thời kỳ các cuộc tranh cãi về dị giáo (Arian và Nestorian). Từ xa xưa, Giáo hội Antioch đã được hưởng những đặc quyền đặc biệt, ngang hàng với các Giáo hội Alexandria, Jerusalem, Constantinople và Rome; các giám mục của Giáo hội này mang tước hiệu và đặc quyền của tổng giám mục. Hiện nay, Antioch nằm dưới sự cai trị của Thổ Nhĩ Kỳ và là một thị trấn nhỏ bé, nghèo nàn, với dân số khoảng 10.000 người.

– Ta thấy, con ơi, – đó là lời cuối cùng của vị tu viện trưởng dành cho Malch, – rằng con đã sa vào quyền lực của Satan. Về lý do con rời xa chúng ta, ta sẽ không hỏi thêm nữa và cũng không chấp nhận bất kỳ lời bào chữa nào của con. Con chiên nào bước ra khỏi hàng rào sẽ lập tức trở thành mồi cho bầy sói[2600] .

Như vậy, họ chia tay nhau, và Malch tiếp tục lên đường.

Không xa sa mạc đó là con đường lớn dành cho mọi người từ Viria đến Edessa[2601] ; trên con đường đó, những người lữ hành thường bị người Saracen tấn công[2602] . Vì vậy, khi lên đường, những người lữ hành thường tụ tập thành một đoàn đông để phòng trường hợp bị người Saracen tấn công, nhằm có thể chống cự lại họ và tránh bị bắt làm tù binh; Malch cũng gia nhập đoàn lữ hành này, với số lượng lên tới bảy mươi người, trong đó có cả một số phụ nữ. Khi họ đang cùng nhau đi trên con đường đó, bỗng nhiên, khiến họ kinh hoàng, xuất hiện một đám đông người Ismailite bán khỏa thân, trang bị vũ khí như thể sẵn sàng chiến đấu. Vây quanh đoàn lữ hành, chúng bắt sống tất cả mọi người, không chừa một ai, kể cả Malch, rồi dẫn đi làm tù binh. Lúc đó, Malch mới nhận ra sự phù phiếm của ý định trước đây và sự lừa dối của kẻ thù, và hối hận vì đã không nghe theo lời khuyên của vị tu viện trưởng, rời bỏ cộng đồng tu hành để gia nhập xã hội thế tục, và cùng với những người khác rơi vào tay những kẻ ngoại tộc. Nhưng sự hối hận của ông đã quá muộn màng: trước đây ông mong muốn thừa kế tài sản của cha mẹ, thì giờ đây chính ông lại trở thành tài sản của bọn Saracen. Khi các tù nhân được chia cho bọn man rợ, tu sĩ Malch cùng với một người phụ nữ nào đó rơi vào tay một người Ả Rập, người này đã cho cả hai lên lưng lạc đà rồi nhanh chóng lên đường cùng họ. Vì con lạc đà đi rất nhanh, nên Malch và người phụ nữ kia, khi ngồi trên lưng nó, đã ôm chặt lấy nhau để không bị ngã, và cứ thế tiếp tục cuộc hành trình; thức ăn của họ trên đường đi là thịt chưa chín kỹ và sữa lạc đà.

Sau khi hoàn thành chặng đường dài băng qua sa mạc Ả Rập và vượt qua một con sông lớn, những người Saracen đã trở về đất nước của họ. Chủ nhân của Malch dẫn những tù nhân của mình đến gặp vợ và ra lệnh cho họ, theo phong tục của người Saracen, phải cúi đầu chào vợ và các con của ông. Malch phải cúi đầu cùng với người tù nữ và cúi chào bà chủ của mình, còn bà ta thì giao cho Malch làm việc nhà: gánh nước, quét rác và thực hiện những công việc nặng nhọc nhất khác. Malch đã phải làm việc như vậy vì đã không vâng lời cha mình – vị tu viện trưởng, hoàn toàn thay đổi dáng vẻ của một tu sĩ, đi lại theo phong tục của đất nước đó là khỏa thân, và do cái nắng gay gắt, chỉ dùng quần áo che những bộ phận cơ thể cần thiết phải che. Sau đó, anh ta được lệnh chăn cừu trong sa mạc, và ở đây, Malch chỉ có một niềm an ủi duy nhất trong những khổ nạn của mình, đó là hiếm khi gặp các vị chủ và đồng sự của mình; trong sự cô độc, khi ở cùng đàn cừu, anh nhớ đến Thánh Giacôbê (Sáng Thế Ký 30:36) và Mô-sê (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:1), những người xưa kia cũng từng chăn đàn chiên trong sa mạc. Anh ta ăn phô mai và sữa, và trong khi chăn cừu, anh ta cầu nguyện siêng năng, hát những bài thánh vịnh mà anh ta đã học được trong tu viện, và trong đó anh ta tìm thấy sự an ủi trong cảnh bị giam cầm của mình, tạ ơn Chúa vì cuộc sống tu hành mà anh ta đã đánh mất ở quê hương, giờ đây anh ta đã tìm lại được trong sa mạc. Nhưng mưu mô của ma quỷ ở mọi nơi đều tinh vi đến mức không thể tưởng tượng nổi: bởi ngay cả ở đó, trong cuộc sống như vậy, Malch vẫn bị kẻ thù xảo quyệt của mình tìm ra.

Người Saracen, thấy rằng nô lệ của mình là Malch phục vụ ông ta tận tụy và trung thành trong mọi việc, và đàn gia súc của ông ta ngày càng gia tăng, đã suy nghĩ xem nên thưởng cho anh ta điều gì vì sự phục vụ trung thành đó, và quyết định gả cho Malch chính người phụ nữ bị bắt làm tù binh ấy, người đã được đưa đến cùng với anh ta trên cùng một con lạc đà. Ông gọi Malch đến và nói với anh ta về người phụ nữ đó, bảo anh ta hãy lấy cô làm vợ. Nhưng Malch phản đối và nói rằng anh là người Kitô giáo, và theo luật Kitô giáo, không được phép kết hôn với người phụ nữ mà chồng cô ta vẫn còn sống, bởi vì chồng của người phụ nữ đó đã bị một tên Saracen khác bắt làm tù binh. Lúc đó, tên Saracen nổi giận, rút kiếm ra định giết Malch; và nếu Malch không vội vàng ôm cổ người phụ nữ đó để thể hiện sự đồng ý, thì chủ nhân của anh ta đã đổ máu anh ta ngay tại chỗ.

Khi đêm xuống, vị tu sĩ đưa người phụ nữ ấy về hang động của mình. Về những gì đã xảy ra giữa họ ở đó, chính vị thánh Malch sau này đã kể lại như sau:

[2600] Xem dụ ngôn của Chúa về người chăn chiên tốt lành: Giăng 10:1–5.

[2601] Edessa – một thành phố ở Mesopotamia, cách bờ trái sông Euphrates 10 dặm.

[2602] Người Saracen – cư dân Ả Rập. Ban đầu, tên gọi này dùng để chỉ một bộ tộc du mục chuyên cướp bóc, sau đó các tác giả Kitô giáo đã mở rộng tên gọi này để chỉ chung tất cả người Ả Rập và người Hồi giáo.

– Thay vì niềm vui, nỗi buồn đã bao trùm lấy tôi, và thay vì sự an ủi – nỗi u sầu. Chúng tôi ghê tởm lẫn nhau và không dám nói với nhau lời nào. Lúc đó, tôi mới thực sự nhận ra hết thảy gánh nặng của cảnh tù đày và bắt đầu than khóc cho đời tu hành của mình, vốn đang bị hủy hoại một cách bất ngờ đến thế. Phải chăng vì điều đó mà tôi, kẻ khốn khổ này, đã sa đến bước đường cùng! – tôi nói trong tiếng nức nở. – Phải chăng những tội lỗi của tôi đã đẩy tôi đến mức, ngay cả khi đã về già, tôi lại đánh mất sự trinh khiết của mình và trở thành chồng của người vợ người khác? Tôi đã được lợi gì khi còn trẻ đã từ bỏ cả nhà cửa, cha mẹ và hôn nhân vì Chúa, nếu bây giờ tôi lại làm điều mà ngay từ đầu tôi đã khinh bỉ? Chẳng phải chính vì điều đó mà giờ đây ta phải chịu đựng tất cả những điều này sao, khi xưa sống trong tu viện, ta lại mong muốn trở về quê hương của mình. Vậy thì chúng ta sẽ làm gì đây, hỡi linh hồn của ta? Chúng ta sẽ bị hủy diệt hay sẽ chiến thắng? Chúng ta sẽ chờ đợi bàn tay ban ơn của Chúa hay sẽ tự giết mình bằng thanh gươm của chính mình? Hãy thu lại thanh gươm của ngươi vào trong lòng, hỡi linh hồn! Chúng ta nên sợ cái chết của linh hồn hơn là cái chết của thân xác; vì ngay cả sự trinh khiết cũng có sự tử đạo riêng của nó. Vì vậy, thà để tôi nằm đây trong sa mạc này như một vị tử đạo, đã chết mà không được chôn cất, và chính tôi sẽ là kẻ hành hạ và là vị tử đạo cho chính mình!

Với những lời ấy, tôi đứng dậy khỏi mặt đất, rút thanh kiếm ra khỏi vỏ – thanh kiếm lấp lánh trong bóng tối – rồi hướng mũi kiếm sắc nhọn về phía ngực mình, và nói với người phụ nữ:

– Hãy sống đi, người vợ ơi! Thà để ta trở thành một vị tử đạo đã chết đối với nàng, còn hơn là một người chồng còn sống. Nàng liền quỳ xuống dưới chân tôi, kêu lên với tôi:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta và trong giờ phút khốn khổ này, tôi thề với ngài và van xin ngài đừng đổ máu mình vì mạng sống của tôi. Nếu ngài muốn chết, thì trước tiên hãy hướng thanh kiếm về phía tôi và đâm nó vào người tôi, giết tôi trước rồi mới tự sát, để như vậy chúng ta được đoàn tụ với nhau; vì trong lòng tôi đã quyết định, dù chồng tôi có được trả lại cho tôi đi chăng nữa, tôi vẫn sẽ giữ trọn sự trong trắng – điều tôi đã học được trong thời gian bị giam cầm này – cho đến hơi thở cuối cùng, và tôi thà chết còn hơn là làm ô uế nó. Phải chăng ngươi muốn chết để không phải chung chăn gối với ta? Nhưng ta cũng sẵn lòng chết nếu ngươi muốn điều đó. Vậy thì, hãy để tôi trở thành người vợ trong sự trong sạch đối với anh, và giữa chúng ta hãy có sự giao tiếp thuộc linh, chứ không phải thể xác, để các vị chủ của chúng ta coi anh là chồng tôi, còn Đức Kitô sẽ biết rằng anh là anh em thuộc linh của tôi. Khi đó, các vị chủ của chúng ta sẽ tin tưởng chúng ta, nghĩ rằng chúng ta đang sống trong mối quan hệ vợ chồng thể xác, nếu họ thấy tình yêu giữa chúng ta.

– Tôi kinh ngạc (Thánh Malch kể lại) và ngạc nhiên trước sự trong sạch của người phụ nữ này, rồi tôi đã yêu nàng, và chúng tôi đã thỏa thuận sống bên nhau trong sự trong sạch. Nhưng trong suốt thời gian đó, tôi chưa bao giờ nhìn vào thân thể nàng, thậm chí không hề chạm vào nàng bằng tay, vì sợ rằng trong cuộc sống chung hòa thuận với nàng, tôi sẽ đánh mất sự trinh khiết của mình – điều mà tôi đã giữ gìn ngay từ những ngày đầu khi phải đối mặt với cuộc chiến dữ dội từ phía xác thịt (đến đây là lời của Thánh Malch).

Trong mối quan hệ hôn nhân thiêng liêng ấy, Thánh Malch đã sống cùng người phụ nữ trong sạch đó trong một thời gian dài. Họ đã giành được sự ưu ái của các chủ nhân, đến nỗi họ chẳng hề có ý định trốn chạy. Đôi khi, Malch cả tháng liền không về nhà chủ nhân, như một người chăn cừu trung thành và tận tụy với đàn cừu của mình giữa sa mạc.

Một lần nọ, đã qua rất lâu kể từ khi bị bắt làm tù binh, Thánh Malch đang một mình ở sa mạc và, không thấy ai ngoài trời và đất, bắt đầu trong sự cô độc của mình hồi tưởng lại quãng thời gian trước đây khi còn sống chung trong tu viện với các tu sĩ, và đặc biệt là vị cha bề trên của mình, người đã dạy cho ngài Kinh Thánh và đời sống tu hành. Và ngài bắt đầu suy ngẫm về những lời của vị Bề trên, những lời đã khuyên nhủ ngài đừng rời khỏi tu viện. Trong lúc hồi tưởng và suy ngẫm về điều đó, Malch bỗng nhận thấy trước mặt mình có vô số con kiến. Di chuyển trong một không gian chật hẹp, chúng mang trên mình những gánh nặng lớn hơn chính bản thân chúng: một số mang theo hạt giống; một số khác mang đất từ bên trong tổ kiến, nhằm tạo cho mình một lớp bảo vệ khỏi mưa; một số khác, để dự trữ thức ăn cho mùa đông, dùng nọc của mình nghiền nát các hạt ngũ cốc, còn một số khác thì mang xác chết của đồng loại ra ngoài. Và điều đáng ngạc nhiên nhất là – dù có số lượng kiến đông đảo đến vậy, khi bò ra ngoài và bò vào tổ, chúng không cản trở lẫn nhau, không làm chậm bước hay chen lấn nhau; ngược lại, nếu nhận thấy có con nào đang mang gánh nặng quá lớn, những con khác lập tức giúp đỡ nó. Nhìn thấy điều đó, Malch nhớ lại lời của Salomon: *"Hỡi kẻ lười biếng, hãy đến với con kiến và xem cách nó hành động… nó thu thập thức ăn cho mình vào mùa gặt"* (Châm Ngôn 6:6–8). Hơn nữa, anh chợt nghĩ rằng cuộc sống của mình trong tu viện giống như một tổ kiến, nơi mọi người cùng nhau làm việc và không ai sở hữu gì riêng, mà tất cả đều là của chung, và anh bắt

đầu vô cùng đau khổ vì cảnh bị giam cầm, thở dài thườn thượt, khao khát được nhìn thấy tu viện của mình và sống trong căn phòng cũ. Khi ông trở về điền trang của chủ nhân và đang đi về phía túp lều của mình, vợ ông ra đón và, khi thấy khuôn mặt ông buồn bã và bối rối, bà hỏi:

– Sao anh lại buồn bã như vậy!

Malch kể cho bà nghe những suy nghĩ của mình. Bà liền khuyên anh trốn thoát và đồng thời xin anh đừng bỏ rơi bà, mà hãy đưa bà theo cùng, rồi sau đó sẽ gửi bà vào một tu viện nữ nào đó. Sau một hồi bàn bạc lâu dài về chuyện đó, họ bắt đầu chuẩn bị cho cuộc trốn chạy, thì thầm với nhau và tâm trí dao động giữa hy vọng và sợ hãi.

Trong đàn gia súc mà Malch chăn có hai con dê đực lớn. Sau khi giết chúng, anh làm hai chiếc phao từ da của chúng và chuẩn bị thịt khô cho chuyến đi; rồi một đêm muộn, cùng với em gái, đặt niềm tin vào Chúa, họ rời khỏi nhà và nhanh chóng lên đường. Khi đến một con sông lớn, cách nơi ở của người Saracen chín stadia, họ thổi phồng hai chiếc túi da, buộc chặt lại, ngồi lên đó và bơi dọc theo dòng sông, dùng chân chèo như mái chèo, rồi bơi sang bờ bên kia; còn thịt mà họ mang theo trên đường đi, vì bị ướt nước nên đã chìm xuống, chỉ còn lại rất ít, đến nỗi khó lòng đủ cho họ dùng trong ba ngày. Sau khi uống đủ nước sông để không bị khát trong cuộc chạy trốn sắp tới, họ lên đường, đi thật nhanh, chủ yếu vào ban đêm hơn là ban ngày, một phần vì sợ người Saracen, một phần vì cái nắng gay gắt ở đó; nhưng thỉnh thoảng họ cũng đi vào ban ngày, dù bị nắng thiêu đốt, và thường xuyên ngoái nhìn lại phía sau, lo sợ rằng chủ nhân của họ sẽ đuổi theo.

Vào ngày thứ ba, khi Malch và người vợ nói trên quay lại nhìn phía sau trên đường đi, họ thấy từ xa hai người Saracen đang nhanh chóng đuổi theo họ trên hai con lạc đà, và ngay lập tức họ nhận ra rằng đó chính là chủ nhân của họ đang đuổi theo dấu vết mà họ để lại trên cát, và họ vô cùng hoảng sợ, cứng đờ người, chờ đợi rằng họ sẽ bị người Saracen giết chết. Lúc đó, nhờ sự an bài của Đức Chúa Trời, họ phát hiện ra một hang động sâu ở phía bên phải và chạy vào đó, rồi đứng ở phía bên trái lối vào, nhưng không đi sâu vào bên trong hang, vì sợ rằng sau khi thoát chết, họ lại phải đối mặt với cái chết một lần nữa, bởi vì trong những hang động như vậy thường có thú dữ hoặc rắn, bọ cạp và các loài bò sát độc khác sinh sống. Và thế là, sợ hãi cái chết từ cả hai phía: cả từ người chủ đang đuổi theo họ lẫn những thứ ẩn náu trong hang động, họ đứng đó trong sợ hãi, như thể đã chết rồi; nhưng đồng thời, họ cũng nghĩ rằng: "Nếu Chúa giúp đỡ chúng con, những kẻ khốn khổ này, thì chúng con sẽ thoát khỏi cái chết; còn nếu Chúa không thương xót chúng con, những kẻ tội lỗi này, thì hang động này sẽ trở thành quan tài của chúng con."

Trong khi đó, tên Saracen cùng người nô lệ của mình đã đến được hang động. Sau khi buộc các con lạc đà lại với nhau, hắn dừng lại trước lối vào hang động với thanh kiếm đã rút ra, còn người nô lệ thì được sai đi lôi Malha và người bạn đồng hành của anh ta ra khỏi hang động, vì chính hắn muốn giết họ. Khi người nô lệ đi vào hang động được khoảng ba hoặc bốn laket[2603] , hắn đã đi ngang qua họ, bởi vì người bước vào vùng bóng râm do ánh nắng mặt trời che khuất không thể nhìn thấy những người đang đứng gần đó, và họ chỉ nhìn thấy lưng của người nô lệ đó. Còn người nô lệ thì lớn tiếng hét lên với những lời đe dọa dữ dội:

– Ra đây đi, lũ ác quỷ, ra đây để bị giết! Sao các ngươi còn chần chừ? Ra đây đi, ngài đang chờ các ngươi.

Trong lúc anh ta đang la lên như vậy, bỗng nhiên từ sâu trong hang, một con sư tử cái lao ra, tóm lấy cổ anh ta, giết chết rồi lôi vào hang của nó. Lạy Chúa nhân từ vô cùng! Lòng thương xót của Ngài dành cho các tôi tớ Ngài thật vĩ đại biết bao, và sự giúp đỡ của Ngài trong cơn hoạn nạn tột cùng thật nhanh chóng biết bao! Malch và vợ ông đã chứng kiến cảnh đó, và họ tràn ngập niềm vui thay vì sợ hãi khi thấy một kẻ thù của mình đã chết, vì họ không biết về kẻ thù khác đang rình rập họ ngay trước lối vào hang động. Kẻ Saracen, thấy người nô lệ chậm trễ trong hang động và không còn nghe thấy tiếng nói của anh ta nữa, liền nghĩ rằng có hai người đang chống lại mình một mình; và vì không thể kiềm chế cơn thịnh nộ để chờ đợi thêm, hắn lao thẳng vào hang động ngay tại chỗ, với thanh kiếm trần, gầm gừ dữ dội vì căm hận như một con thú. Nhưng con sư tử cái, nghe thấy tiếng hắn, đã lao ra đón hắn; và khi hắn đến gần những người đang chạy trốn, nó lao vào hắn và giết chết hắn, rồi lôi xác hắn qua trước mặt họ vào hang của nó.

Chứng kiến sự giúp đỡ và che chở kỳ diệu và bất ngờ của Đức Chúa Trời, Thánh Malch cùng người phụ nữ phúc lành ấy đã tạ ơn Đức Chúa Trời vì lòng thương xót vô cùng lớn lao của Ngài. Nhưng ngay cả sau sự kiện vui mừng đó, nỗi sợ hãi vẫn không rời bỏ họ, vì họ nghĩ rằng con sư tử cái sẽ giết cả họ nữa; tuy nhiên, họ thà chết dưới nanh vuốt của con thú còn hơn là rơi vào tay những kẻ vô nhân đạo. Còn con sư tử cái, sau khi cắp con non của

[2603] *Cubit* – đơn vị đo từ khuỷu tay đến đầu ngón tay giữa. Đơn vị cubit trong Kinh Thánh dao động từ 10,5 đến 13 vershok.

mình trong miệng, đã bước ra khỏi hang. Malch cùng người vợ đã được nhắc đến đứng im lặng một lúc lâu, nhưng khi thấy con sư tử cái không quay lại, họ đã ra khỏi hang động, lúc đó mặt trời đã bắt đầu lặn. Thấy những con lạc đà đang đứng gần hang động với lương thực và nước uống dự trữ, họ bắt đầu ăn và uống; sau đó, khi đã no nê và lấy lại sức, họ leo lên lưng lạc đà và vui vẻ lên đường, tạ ơn Chúa. Sau mười ngày, họ đã vượt qua sa mạc đó và tiến gần đến các đạo quân Hy Lạp-La Mã. Họ kể lại tất cả về hoàn cảnh của mình cho chỉ huy đạo quân, và người này đã gửi họ đến gặp tổng trấn Mesopotamia là Savin. Tổng trấn, sau khi mua lại những con lạc đà của họ và tiễn đưa họ một cách nồng hậu, đã cho họ trở về quê hương.

Khi trở về quê hương, Malch đã đưa người phụ nữ thánh thiện ấy cùng người chị em tâm linh của mình vào tu viện nữ, còn bản thân ông thì quay trở lại tu viện mà trước đây ông đã rời bỏ. Ông không còn gặp được vị tu viện trưởng và người hướng dẫn thiêng liêng của mình nữa. Lúc đó, ông kể lại cho các tu sĩ mọi chuyện đã xảy ra với mình và định cư vĩnh viễn tại tu viện, khuyên nhủ các tu sĩ khác đừng bao giờ bất tuân lệnh tu viện trưởng và không được rời khỏi tu viện. Sau khi sống phần đời còn lại theo ý Chúa, Malch đã về với Chúa, để lại tấm gương về sự trong sạch, để các thế hệ sau biết rằng sự trinh khiết không thể bị đánh bại bởi gươm đao, sa mạc hay thú dữ; vì ai đã hiến dâng mình cho Chúa Kitô thì có thể chết về thể xác, nhưng về tinh thần thì không thể bị đánh bại, nhờ được chính Chúa Kitô, Thiên Chúa, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời, củng cố. Amen.

Lễ tưởng niệm 26 vị tử đạo người Goth[2604]

Ngày tưởng niệm 26 tháng 3

Các thánh tử đạo này đã chịu khổ hình dưới thời vua Ungerich của người Goth, trong thời kỳ trị vì của các hoàng đế La Mã Julian, Valentinian và Gratian[2605] . Vào thời điểm đó, khi họ, với tư cách là những Kitô hữu, đang cử hành thánh lễ và tôn vinh Thiên Chúa trong các nhà thờ của mình, Ungerich đã sai các tôi tớ của mình, những người theo lệnh của ông đã phóng hỏa đốt cháy các nhà thờ và thiêu sống tất cả những người có mặt trong đó, tổng cộng 308 người. Sau đó, mỗi khi bắt gặp một tín hữu Kitô giáo đang mang lễ vật đến nhà thờ, họ liền bắt giữ và tra hỏi; nếu người đó tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, họ lập tức ném người đó vào lửa, và như vậy, thay vì lễ vật, chính thi thể của các tín hữu Kitô giáo đã được dâng lên Chúa Kitô. Thi thể của các thánh tử đạo này được vợ của một vị vua Goth khác, tên là Alla, người gốc Goth và là một tín đồ Kitô giáo chính thống, thu thập lại[2606] . Sau khi trao quyền cai trị cho con trai mình[2607] và mang theo các linh mục, bà đi từ nơi này sang nơi khác, cho đến khi định cư cùng con gái mình là Duklida tại xứ Sirskaya[2608] . Sau đó, bà đã gọi con trai mình đến, và khi anh ta đến, bà cùng anh trở về Gothia, còn các di vật thánh thì bà trao lại cho con gái mình, người đã đến Kizik[2609] vào thời trị vì của Valentinian và Theodosius, và đã dâng một phần các di vật thánh tại thành phố này để thánh hiến nhà thờ. Khi trở về Gothia, Thánh Alla đã bị ném đá cùng với Agathon và như vậy đã chịu tử đạo, còn Duklida thì qua đời một cách thanh thản, vài năm sau khi mẹ bà qua đời.

Cuộc đời của vị thánh cha Vasilii Mới

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 3

[2604] Vùng đất của người Goth trải dài từ hạ lưu sông Vistula đến Biển Đen. Người Goth chủ yếu sinh sống dọc theo sông Danube ở Romania ngày nay. Sau đó, họ đã định cư gần như khắp châu Âu.

[2605] Julian trị vì từ năm 361 đến năm 363, Valentinian – từ năm 364 đến năm 375, còn Gratian – từ năm 375 đến năm 383, do đó thời gian trị vì của ba vị hoàng đế này kéo dài khoảng 20 năm.

[2606] Tà giáo Arian đã lan rộng đáng kể trong cộng đồng người Goth.

[2607] Con trai của Thánh Alla có tên là Arimerya.

[2608] Vùng đất Sir, hay Syria, nằm ở châu Á, phía bắc Palestine. Người ta cho rằng "vùng đất Sir" ở đây chính là lãnh thổ La Mã, có lẽ là Romania ngày nay.

[2609] Có một thành phố ở miền bắc Mizia, thuộc Tiểu Á, được biết đến với tên gọi này, nhưng cũng có một vùng đất ở Crimea ngày nay, nơi từng có công quốc của người Goth, cũng mang tên gọi tương tự.

Vào năm thứ mười dưới triều đại của các vị vua Hy Lạp đạo đức, Lêo Khôn Ngoan[2610] và anh trai ông là Alexander[2611] , con trai của Hoàng đế Basil người Macedonia[2612] , một số quan chức cấp cao[2613] , trên đường trở về từ xứ Á[2614] , nơi họ được cử đi theo lệnh của nhà vua, và khi đi ngang qua một ngọn núi hoang vắng, họ nhìn thấy một người đàn ông đang đi lại trên đó, mặc bộ quần áo rách rưới và có vẻ ngoài vô cùng kỳ lạ, thậm chí đáng sợ, bởi vì ông ta lớn lên trong sa mạc, xa cách con người. Ngạc nhiên trước dáng vẻ kỳ lạ của ông, các tu sĩ đã đuổi theo và bắt giữ ông; sau đó, cho rằng đó là một gián điệp (trong khi thực tế, đó chính là Thánh Basil, người mà chúng ta đang kể về cuộc đời), họ trói người đàn ông kỳ diệu này lại và dẫn ông về kinh đô – Constantinople.

Khi được dẫn ra trước các hoàng đế, các quan chức Magistria đã tâu trình với họ về người đàn ông bị bắt giữ trên đường đi. Lúc đó, Hoàng đế Lêô, khi nhìn thấy vị thánh, đã ra lệnh thẩm vấn ngài và giao cho một quý tộc tên là[2615] Samon, người gốc Agaria[2616] , điều tra xem ngài là ai, đến từ đâu và tên gọi của ngài là gì.

Samon đưa người của Chúa vào nhà mình. Sau đó, ngài ngồi trên ghế xét xử, được các cố vấn vây quanh, với sự uy nghiêm xứng đáng với địa vị của mình, ngài ra lệnh cho đưa thánh Basil đến trước mặt. Khi đứng trước vị quý tộc, vị thánh không tỏ lòng kính trọng hay cúi đầu chào ngài. Vị quý tộc liền hỏi ngài:

– Ngươi là ai, từ đâu đến, và tên ngươi là gì?

Nhưng vị thánh *"không trả lời ông ta"* (Ga 19:9)[2617] và đứng im lặng, đôi mắt hiền lành nhìn vị quan tòa của mình.

Lúc đó, Samon lại hỏi ngài:

– Hãy cho chúng ta biết, ngươi từ đâu đến?

Ngài đáp lại:

– Thà chính ngươi hãy nói đi, ngươi là ai và đến từ đâu?

Và Samon nói với Người:

– Chúng tôi đang hỏi ngài, và ngài phải trả lời chúng tôi. Còn tôi là ai, thì ngài không nên hỏi. Tuy nhiên, nếu ngài thực sự muốn biết về tôi, tôi là ai, thì tôi sẽ nói cho ngài biết. Tôi là Samon, một quý tộc và trưởng lão của những người thuộc dòng họ Kuvikular[2618] , những người hiện đang cai trị với quyền lực tuyệt đối. Bây giờ, hãy nói cho tôi biết: ngài là ai, đến từ đâu và làm nghề gì?

Người được chúc phúc đáp lại:

– Tôi là một trong những người ngoại lai và lữ khách đang sinh sống trên trái đất này.

– Vậy thì, người ta nói về ngươi rằng ngươi là một gián điệp đến để do thám đất Hy Lạp, điều đó có đúng không? – Thánh Samon hỏi.

Ngài không trả lời gì cả. Và nhiều người có mặt trong buổi thẩm vấn đã thúc giục ngài trả lời, nói rằng:

– Ngươi là ai?

Nhưng vị thánh cũng không trả lời gì cả.

Lúc đó, Samon ra lệnh mang đến những thanh sắt, gân bò khô và các dụng cụ tra tấn đáng sợ khác; tất cả những thứ này được bày ra trước mặt ngài nhằm dọa nạt, với hy vọng ngài sẽ khiếp sợ trước những cực hình và tiết lộ về bản thân. Nhưng vị thánh, khi nhìn thấy tất cả những dụng cụ khủng khiếp đó, vẫn không thốt ra một lời nào. Lúc đó, vị quý tộc ra lệnh đặt thánh Basil xuống đất và đánh ngài bằng gân bò, đồng thời hỏi:

[2610] Hoàng đế Lêô VI Khôn ngoan trị vì đế chế Byzantine từ năm 886 đến năm 911.

[2611] Hoàng đế Alexander là đồng trị vì với Leo the Wise, trị vì từ năm 866 đến năm 912.

[2612] Vasili I người Macedonia là hoàng đế Byzantine từ năm 867 đến năm 886.

[2613] Magistriani – là các quan chức triều đình, đảm nhiệm những chức vụ quan trọng nhất tại hoàng cung. Về địa vị, họ đứng trên cả giới quý tộc (patricii).

[2614] Vùng đất Á-si, hay Á-si, là tên gọi của bán đảo Tiểu Á ngày nay.

[2615] Ban đầu, danh hiệu patricius chỉ dành cho con cái của các thượng nghị sĩ, những người được gọi là "cha" (patres trong tiếng Latinh). Sau đó, danh hiệu này được áp dụng cho tất cả những người có nguồn gốc quý tộc La Mã. Tuy nhiên, Hoàng đế Constantine Đại đế đã biến danh hiệu patricius thành một danh dự cá nhân, được ban tặng cho các quan chức cấp cao, nhưng không được truyền lại cho con cháu.

[2616] Người Agari là tên gọi dành cho những người Bedouin Ả Rập, một bộ tộc cướp bóc, lang thang khắp vùng Ả Rập. Họ được gọi như vậy vì, theo truyền thuyết Do Thái, họ là hậu duệ của Ishmael, con trai của Hagar, người nữ tỳ của Abraham.

[2617] Cụm từ này được trích từ Phúc Âm theo Thánh Gioan (Ga 19:9), nơi nó đề cập đến Chúa Giêsu, Đấng đã không trả lời câu hỏi của Philatô: "Ngươi từ đâu đến?"

[2618] Kuvikularij – người phụ trách giường ngủ, người lo việc giường chiếu tại triều đình, một trong những chức vụ quan trọng trong triều đình.

– Ngươi là ai?

Dù phải chịu những cú đánh tàn bạo, vị thánh vẫn giữ im lặng và kiên nhẫn chịu đựng mọi cực hình. Những kẻ tra tấn đánh ngài cho đến khi họ nghĩ rằng ngài sắp chết; vì vậy, họ bế vị thánh như một khúc gỗ không thể cử động, mang ngài đi và ném vào ngục tối.

Ngày hôm sau, quý tộc Samon – con thú không thể khuất phục ấy – ngồi trên ghế xét xử, ra lệnh đưa tù nhân đến trước mặt mình một lần nữa. Những người được cử đi tìm Thánh Basil đã thấy ngài hoàn toàn khỏe mạnh và bình an, đang đứng chờ họ bên ngoài ngục tối, mặc dù cửa ngục vẫn bị khóa chặt. Ngạc nhiên, họ bắt đầu hỏi vị thánh:

– Xin hãy kể cho chúng tôi nghe, làm sao ngài ra khỏi ngục, trong khi cửa ngục vẫn bị khóa chặt?

Nhưng vị thánh không trả lời và im lặng đi theo họ để ra trình diện trước mặt vị quý tộc.

Lúc đó, một số người trong số những người được cử đi tìm Thánh Basil đã đi trước và kể lại tất cả những gì đã xảy ra cho Samon: rằng họ đã tìm thấy vị thánh bên ngoài ngục tối, mặc dù các cánh cửa vẫn còn nguyên vẹn. Samon và tất cả những người đi cùng ông đều ngạc nhiên khi nghe câu chuyện của họ, và không tin lời họ. Một số người lại nói về vị thánh rằng ngài là một pháp sư và đã tạo ra phép lạ đó bằng sức mạnh phép thuật. Trong khi đó, vị thánh được tôn kính đã ra trình diện trước quan patrician Samon, và Samon lại bắt đầu tra hỏi ngài một cách dai dẳng và kéo dài, dùng mọi cách ép buộc ngài phải nói rõ mình là ai và đến từ đâu. Nhưng vị thánh vẫn tiếp tục giữ im lặng và không trả lời quan patrician. Samon rất tức giận với vị thánh và ra lệnh lại trói ngài nằm sấp trên đất rồi đánh không thương tiếc bằng gậy, cho đến khi ngài khai ra về bản thân và nguồn gốc của mình. Họ đánh vị thánh ấy rất lâu, đến nỗi làm gãy sáu cây gậy, nhưng vẫn không thể ép ông thú nhận: Thánh Basil đã dũng cảm chịu đựng mọi cực hình mà không phá vỡ sự im lặng của mình dù chỉ bằng một lời, khiến mọi người đều kinh ngạc trước sự kiên nhẫn và im lặng không thể tả xiết của ông. Lúc đó, Patrician Samon đã nói:

– Ta biết tên gián điệp này hy vọng sau này sẽ tự hào khoe khoang rằng: "Ta đã đánh bại bọn chúng bằng sự im lặng." Nhưng ta sẵn sàng thề bằng mạng sống của các vị hoàng đế của chúng ta rằng, ta sẽ không để hắn khoe khoang và sỉ nhục chúng ta. Nói xong, Samon ra lệnh đưa vị tu sĩ trở lại ngục tối và trong suốt tuần tiếp theo, ra lệnh đánh ông, mỗi ngày ba trăm roi và ba trăm gậy. Còn Thánh Basil thì kiên nhẫn chịu đựng mọi cực hình, giấu kín những hành động anh hùng của mình và không muốn kể cho người khác nghe về cuộc đời tu hành của mình. Bởi từ thuở thiếu thời, ngài đã trở thành tu sĩ và định cư trong sa mạc, nơi ngài lang thang suốt nhiều năm, dành cả cuộc đời cho những cuộc tu hành khắc nghiệt, chỉ ăn ngũ cốc và rễ cây, luôn đi chân trần và khoác trên mình bộ áo rách rưới. Thánh nhân không muốn kể cho ai nghe về cuộc đời đầy đức hạnh và những việc làm cao cả ấy, và chính vì thế, trước mọi câu hỏi của quý tộc Samona về lối sống của mình, ngài đều im lặng, ghi nhớ lời dạy của Chúa Trời trên trời, Đấng đã phán: *"Hãy để tay trái… không biết tay phải đang làm gì"* (Mt 6:3). Vì ai phô trương những việc lành của mình trước mặt người đời, thì sẽ nhận phần thưởng của mình trên đất là sự khen ngợi từ loài người, nhưng lại mất đi vinh quang vĩnh cửu và thiên đàng; còn ai mong muốn đạt được phần thưởng vĩnh cửu, thì phải giấu kín đức hạnh của mình khỏi mọi người; và nếu, vì không được mọi người đánh giá cao, người ấy phải chịu sự sỉ nhục và thậm chí là sự tra tấn từ họ, thì ngay cả trong trường hợp đó, người ấy cũng phải im lặng và kiên nhẫn chịu đựng sự ác độc của loài người; khi đó, người ấy mới thực sự xứng đáng với danh hiệu vị tử đạo. Thánh Basil biết rõ tất cả những điều này và, mong muốn được vinh quang không phải từ loài người, mà từ Thiên Chúa, ngài đã kiên nhẫn chịu đựng những đau khổ tàn bạo gây ra cho mình, không muốn tiết lộ bí mật của mình. Sau một tuần, trong suốt thời gian đó vị thánh hàng ngày phải chịu những đòn roi, quý tộc Samon, thấy rằng vị thánh vẫn kiên định và không tiết lộ tên tuổi cũng như nguồn gốc của mình, lại ngồi lên ghế xét xử và ra lệnh đưa vị thánh đến trước mặt mình. Khi vị thánh xuất hiện trước mặt ông, Samon nhìn ngài với ánh mắt giận dữ và nói:

– Kẻ vô đạo nhất trong loài người, ngươi còn định che giấu chúng ta đến bao giờ? Ngươi có nói cho ta biết ngươi là ai và đến từ đâu không? Đáp lại điều đó, vị thánh nói:

– Những kẻ vô đạo nhất chính là những người, giống như ngươi, âm thầm thực hiện những việc tội lỗi của Sodom[2619] .

Trước lời vạch trần đó, Samon cảm thấy bối rối, trải qua nỗi xấu hổ và nhục nhã tột độ trước mặt tất cả những người có mặt tại đó; sau đó, bùng lên cơn thịnh nộ và giận dữ không thể kìm nén đối với vị thánh, hắn ra lệnh

[2619] Các tội lỗi Sodom – các thói hư tật xấu trái với tự nhiên. Chúng được gọi là "Sodom" theo tên thành phố Sodom nổi tiếng (đã bị thiêu rụi và tiêu diệt bởi lửa từ trời), bởi vì những thói hư tật xấu này đặc biệt phổ biến tại thành phố đó.

mang dây thắt lưng đến, trói hai tay vị thánh ra sau lưng, dùng dây thừng buộc chặt vào xương sườn của ngài, kéo chân phải của vị thánh lại gần đó, rồi treo ngài ngược đầu trên xà ngang trong một căn phòng kín. Hắn đã khóa chặt cửa căn phòng đó và niêm phong bằng chính chiếc nhẫn của mình, rồi để vị thánh treo lơ lửng cho đến khi ngài khai ra tên và nguồn gốc của mình. Tất cả những người có mặt ở đó đều thương xót vị thánh Vasili và phàn nàn về Samon, gọi hắn là kẻ khốn nạn và lên án hắn vì đã gây ra những cực hình cho một người vô tội của Chúa.

Thánh Basil đã bị treo trên xà ngang suốt ba ngày ba đêm. Đến ngày thứ tư, tên tra tấn vô đạo Samon mở cửa ngôi đền nơi vị tử đạo đang bị giam giữ, và khi đến gần ngài, hắn thấy khuôn mặt ngài bình thản và rạng ngời, như thể ngài không hề phải chịu bất kỳ cực hình nào. Vị quý tộc ngạc nhiên hỏi vị thánh:

– Sao ngươi không nói cho ta biết: ngươi là ai và đến từ đâu? Chẳng lẽ những đau khổ này vẫn chưa làm ngươi tỉnh ngộ sao?

Vị thánh nhân lần này cũng không trả lời gì. Lúc đó, tên tra tấn ra lệnh tháo dây trói và thả ngài ra khỏi những sợi dây thừng và dây thắt lưng đang trói buộc ngài. Khi được giải thoát khỏi mọi xiềng xích, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, vị thánh nhân lập tức được chữa lành mọi vết thương và tổn thương trên thân thể, trở nên hoàn toàn khỏe mạnh. Tất cả những ai chứng kiến phép lạ vinh quang này đều kinh ngạc và bối rối. Còn Samon, kẻ vô đạo, cũng bị sốc trước sự việc, trong cơn mù quáng đã thốt lên:

– Chẳng phải ta đã nói rằng người này là một pháp sư và phù thủy sao? Bởi vì, dù phải chịu mọi cực hình mà hắn đã kiên nhẫn đón nhận từ chúng ta, hắn vẫn khỏe mạnh và không hề hấn gì. Nhưng dù sao đi nữa, ta sẽ sớm phá hủy sức mạnh phép thuật của hắn: hãy gọi người trông coi thú dữ đến đây. Và khi người đó đến, Samon nói với hắn:

– Hãy chọn con sư tử hung dữ nhất và hôm nay đừng cho nó ăn như thường lệ, để sáng mai nó sẽ đói; lúc đó chúng ta sẽ xem liệu tên phù thủy này có chế ngự được con thú hung dữ đó hay không.

Sáng hôm sau, đông đảo người dân tụ tập để xem màn trình diễn đã được sắp đặt. Rồi họ thả con sư tử khổng lồ và hung dữ ra, đang gầm rú ầm ĩ vì đói; họ cũng dẫn Thánh Basil đến đó và ném ngài cho con sư tử ăn thịt. Nhưng con thú hoang dã, khi nhìn thấy vị thánh, bỗng run rẩy; sau đó, nó tiến lại gần ngài, ngoan ngoãn nằm xuống dưới chân ngài và nằm yên như một con chiên hiền lành, khiến mọi người đều kinh ngạc và kêu lên trong sợ hãi:

– Lạy Chúa, xin thương xót!

Còn vị thánh, cúi xuống con sư tử đang nằm dưới chân mình, vuốt ve nó bằng tay phải, rồi nắm lấy tai nó, dắt nó ra ngoài, đồng thời lớn tiếng tuyên bố:

– Đây là con chiên của các ngươi, đây là con chiên!

Tuy nhiên, tên ngoại bang vô đạo Samon không hề tỉnh ngộ trước phép lạ kỳ diệu này và không chịu thừa nhận rằng người đang bị hắn tra tấn chính là vị thánh được Chúa yêu mến. Tiếp tục ngoan cố trong cơn thịnh nộ chống lại vị thánh và đã dùng hết mọi cách để ép ông phải thú nhận, Samon ra lệnh cho các tôi tớ của mình vào ban đêm ném ông xuống biển. Họ đã làm đúng như vậy. Vào canh ba, họ đưa vị tử đạo lên thuyền, chèo ra xa bờ rồi ném ngài xuống biển, còn bản thân họ thì quay trở lại. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng bảo vệ các thánh của Ngài, đã không để vị thánh hạnh phúc ấy phải chết chìm trong vực thẳm biển cả. Ngay khi ngài bị ném xuống biển, lập tức hai con cá heo biển[2620] , theo ý muốn của Đức Chúa Trời, đã nâng vị thánh lên lưng và đưa ngài vào bờ, tại một nơi gọi là Evdom, ngoại ô Constantinople, nơi họ đặt ngài lên đất liền. Lúc đó, tay và chân của vị thánh được giải thoát khỏi những sợi dây trói buộc, và ngài đứng dậy một cách dễ dàng rồi đi về phía thành phố. Nhưng vì Cổng Vàng của thành phố[2621] , nơi vị thánh đến, vẫn chưa mở, nên ngài ngồi xuống gần đó, định nghỉ ngơi một chút.

Lúc đó, có một người tên là Gioan, đang bị sốt cao, đi đến Cổng Vàng; rên rỉ và run rẩy vì bệnh tật, anh ta ngồi xuống gần Thánh Basil. Vị thánh đầy ân sủng đã thương xót anh ta, đặt tay lên người anh ta và, sau khi cầu nguyện với Chúa, đã chữa lành cho anh ta. Cảm thấy mình đã được chữa lành, người đàn ông ấy quỳ xuống dưới chân vị thánh và bắt đầu nài nỉ ngài đi cùng anh ta về nhà. Thánh Basil vui vẻ đáp ứng lời thỉnh cầu của anh ta, dù người được chữa lành là một trong những công dân nghèo nhất và vô danh nhất của Constantinople.

[2620] Cá heo – loài động vật biển thuộc họ động vật có vú. Chúng thường sống thành đàn và hay bám theo các con tàu. Trong thời cổ đại, cá heo là một trong những loài động vật được yêu thích nhất; có rất nhiều truyền thuyết và tín ngưỡng thi ca xoay quanh loài này, và nó thường được khắc họa trong các tác phẩm điêu khắc.

[2621] Cổng Vàng là tên gọi của cổng chính của thành phố.

Giăng có một người vợ tên là Hê-lê-na. Cùng với vợ, ông đã nồng nhiệt đón tiếp vị thánh vào nhà mình; khi đến giờ ăn trưa, họ dọn bữa ăn cho ngài, và mọi người cùng ăn uống trong niềm vui. Trong bữa ăn, Gioan kể cho vợ nghe cách vị thánh đã chữa lành cho anh bằng việc kêu cầu danh Chúa Kitô, và bà vô cùng vui mừng vì vị khách quý này. Bởi vì bà là người yêu mến Chúa Kitô và hiếu khách, sống cuộc đời trong sự kính sợ Thiên Chúa; chính vì thế, bà mới vui mừng vì được ân sủng đón tiếp vị thánh của Thiên Chúa vào nhà mình.

Giăng và Hê-lê-na bắt đầu nài nỉ vị thánh, xin ngài cho biết ngài là ai và đến từ đâu. Nhưng vị thánh đáp lại:

– Về việc tôi là ai và đến từ đâu, hiện tại chưa nên nói đến. Sau này các bạn sẽ biết điều đó, còn bây giờ hãy để tôi đi cầu nguyện tại tu viện Thánh Mẫu Đức Mẹ Không Do Tay Người Tạo Thành, bức tượng tự hiện ra.

Nói xong, ngài đứng dậy và, dưới sự hộ tống của Gioan, lên đường đến tu viện Đức Mẹ để cầu nguyện; khi kết thúc lời cầu nguyện, trước những lời nài nỉ không ngừng của Gioan, vị thánh đã quay trở lại nhà anh ta. Tại đó, Gioan và người bạn gái của anh lại bắt đầu nài nỉ vị thánh, không ngừng quấy rầy ngài để ngài kể cho họ nghe về bản thân mình. Lúc đó, Thánh Basil nói:

– Ta chính là người mà quý tộc Samon đã ném xuống đáy biển. Chúa Giêsu Kitô của ta, Đấng mà ta đã phụng sự từ thuở thiếu thời, đã cứu ta lên khỏi đáy biển theo cách chỉ Ngài mới biết và giữ cho ta được an toàn.

Cùng lúc đó, vị thánh phúc lành cho biết tên mình là Vasil, và lần lượt kể lại tất cả những gì ngài đã phải chịu đựng dưới tay tên tra tấn độc ác và tàn bạo là Samon.

Khi nghe câu chuyện của vị thánh hạnh phúc Basil, John và Helena vừa ngạc nhiên vừa nhớ lại tất cả những gì họ đã biết trước đây về vị thánh; bởi vì tin đồn về việc Samon đã tra tấn vị thánh như thế nào và làm sao hắn không thể gây hại gì cho ngài đã lan truyền khắp thành phố. Sau đó, họ nài nỉ vị thánh ở lại sống trong nhà họ – và lời thỉnh cầu này đã được Thánh Basil chấp nhận. Gioan và Elena đã chuẩn bị cho ngài một căn phòng riêng để cầu nguyện và đặt một ngọn đèn trong đó; và tại đây, vị thánh bắt đầu dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện thường lệ của mình.

Ai có thể kể cho chúng ta nghe về những công đức cầu nguyện của vị thánh, về bao nhiêu giọt nước mắt ngài đã rơi trong những lời cầu khẩn dâng lên Đấng Tối Cao? Ai có thể đếm hết những lần ngài quỳ gối? Ai sẽ kể cho chúng ta nghe về những đêm thức trắng của ngài, vì ngài luôn dành cả đêm để cầu nguyện mà không ngủ? Ai sẽ miêu tả cho chúng ta cuộc đời đầy đức hạnh và công đức của ngài? Giống như một cột trụ vững chãi, vị thánh nhân kiên định trong đức hạnh, không bao giờ nổi giận, hiền lành như Mô-sê hay Đa-vít, ôn hòa và khiêm nhường như Gia-cốp[2622] , và nhân từ hơn cả Áp-ra-ham. Vì Áp-ra-ham đã bố thí từ vô số của cải của mình, còn Thánh Vasilios thì đã giúp đỡ những người nghèo khó từ chính sự nghèo khó của mình – sự nghèo khó mà ngài chịu đựng vì Chúa Trời – và tất cả những gì các tín hữu yêu mến Chúa mang đến cho ngài, ngài đều lập tức phân phát cho những người không có gì.

Trong thời gian Thánh Basil cư ngụ tại nhà của vị tín hữu yêu mến Chúa Giăng nói trên, không lâu sau đó, người ta bắt đầu tìm đến ngài: có người tìm kiếm sự an ủi cho tâm hồn, còn những người khác thì đưa những người bệnh đến để ngài chữa lành cho họ. Thánh nhân, bằng cách đặt tay lên những người bệnh và dâng lời cầu nguyện, đã chữa lành cho họ nhờ ân sủng của Chúa Kitô. Theo thời gian, danh tiếng của ngài lan rộng khắp thành phố hoàng gia, và nhiều người tìm đến ngài, không chỉ từ dân thường mà còn cả những công dân danh giá và các quan chức cao cấp. Bên cạnh ân sủng làm phép lạ, vị thánh còn có ân sủng thấu thị và nhìn thấu những việc thầm kín của tất cả những ai đến với ngài, dù là việc thiện hay việc ác. Bằng cách khiển trách riêng tư những kẻ có tội, ngài đã dẫn dắt nhiều người đến với sự sám hối. Vị thánh còn tiên kiến được tương lai và tiên tri về nó, điều này sẽ được thể hiện rõ ràng trong phần kể tiếp theo.

Năm 911, Hoàng đế Byzantine Lêô Khôn ngoan qua đời, và ngay sau đó, vào năm 912, anh trai ngài là Hoàng đế Alexandre cũng qua đời; sau khi hai người qua đời, ngai vàng được kế vị bởi con trai của Lêô là Constantine, người được gọi là "Người sinh ra trong áo choàng đỏ" ([2623]), cùng với mẹ ngài là Zoe. Vì vị hoàng đế mới, khi lên ngôi, vẫn còn là một thiếu niên, nên việc bảo vệ và quản lý vương quốc được giao phó cho Tổng

[2622] Gia-cốp là tổ phụ của dân tộc Y-sơ-ra-ên. Sự khiêm tốn của ông thể hiện rõ nhất trong thái độ đối với La-van, người đã gây ra cho ông đủ mọi sự xúc phạm và thường xuyên lừa dối ông; một phần thể hiện qua mối quan hệ với anh trai Ê-sau, người mà khi trở về từ nhà La-van, ông đã tiếp đón với sự kính trọng như một người anh cả.

[2623] Hoàng đế Constantine VII Porphyrogenitus (hay còn gọi là Bagryanorodny) trị vì ngai vàng Byzantine từ năm 912 đến năm 959.

giám mục Constantinopolis, Nicholas[2624] và Kurapalatus[2625] John, người được gọi là Gorida. Chính họ là những người thực sự cai trị vương quốc cho đến khi vị hoàng đế trẻ tuổi này đạt đến tuổi trưởng thành.

Trong khi đó, các bộ tộc man rợ đã tấn công vương quốc Hy Lạp; chiếm lĩnh từng vùng đất một, chúng đã tiến rất gần đến Constantinopolis và tàn phá các vùng đất xung quanh thành phố. Và không có ai có thể tập hợp quân đội, tham gia chiến đấu với những kẻ man rợ đang đe dọa thủ đô và ngăn chặn cuộc xâm lược tàn phá của chúng. Toàn bộ vương quốc Hy Lạp rơi vào tình trạng hỗn loạn tột độ; còn dân chúng thì bắt đầu la ó kịch liệt chống lại Thượng phụ Nicholas, cáo buộc ông không đủ quan tâm đến lợi ích của vương quốc được giao phó. Lúc bấy giờ, Đức Thượng phụ, sau khi tham vấn với tất cả các quan đại thần, đã viết thư gửi cho Tướng quân phương Đông Constantine Doukas, kêu gọi ông đến Constantinople và chia sẻ quyền lực với vị vua trẻ, để trong thời gian Constantine Porphyrogenitus, với tư cách là một vị vua còn nhỏ tuổi, đang được giáo dục trong cung điện hoàng gia, Constantine Doukas, với tư cách là một người đàn ông mạnh mẽ và dũng cảm trên chiến trường, sẽ đứng lên chống lại kẻ thù của đế quốc. Bởi vì người đàn ông đó thực sự là một chiến binh vô cùng dũng cảm và bất khả chiến bại, khiến tất cả những kẻ ngoại tộc từng giao chiến với ông đều khiếp sợ. Theo lời chứng nhiều lần của họ, họ thường thấy ngọn lửa bốc lên từ vũ khí của Doukas và từ lỗ mũi con ngựa của ông – ngọn lửa ấy, khi lao về phía họ, thiêu đốt và xua đuổi họ, đến nỗi không ai có thể chống lại vị tướng quân này, người được chính Đức Chúa Trời ban phước. Chính Constantine Doukas cũng không giấu giếm ân sủng của Đức Chúa Trời đã ban cho ông, và ông kể về bản thân như sau:

– Có một lần khi tôi còn trẻ, – ông nói, – khi tôi đang ngủ, một Người Phụ Nữ rực rỡ ánh sáng, mặc áo choàng hoàng gia màu đỏ thẫm, đã hiện ra trước mặt tôi; bên cạnh Người là một con ngựa lửa, và trên lưng ngựa cũng có một vũ khí lửa. Người Phụ Nữ ấy đã thuyết phục tôi trang bị vũ khí lửa đó và cưỡi lên con ngựa. Lúc đầu tôi sợ hãi và không muốn làm theo lời Người, nhưng sau đó tôi đã vâng lời. Và khi tôi làm theo những gì Người thúc giục, thì Người nói: "Hãy để mọi kẻ thù của Đức Chúa Trời cảm thấy sợ hãi và run rẩy trước mặt ngươi, và những kẻ phỉ báng Con Ta sẽ tan chảy như sáp trước mặt ngươi." Nói xong, Người Phụ Nữ rạng ngời ấy rời xa tôi.

Đó là lời kể về bản thân của người đàn ông mà vị tổng giám mục đã gửi thư mời lên ngôi vua. Khi nhận được bức thư của tổng giám mục, ông đã tìm mọi cách từ chối vinh dự được đề nghị, vì cho rằng mình không xứng đáng với quyền lực cao quý như vậy. Nhưng từ vị Thượng phụ và Hội đồng Thượng phụ[2626] , ông lại nhận được một bức thư khác, kêu gọi ông lên ngôi vua. Lúc đó, Constantine Doukas đã trả lời họ như sau: "Tôi không nên sánh ngang với chúa tể của tôi và Đấng được Chúa xức dầu, vị vua, dù ngài còn trẻ tuổi. Hơn nữa, tôi lo ngại liệu trong đề nghị của các ngài có ẩn chứa điều gì xảo trá hay không, và liệu các ngài có ý định hủy hoại tôi hay không."

Sau khi nhận được bức thư này, Tổng Giám mục và tất cả các quan đại thần đã gửi cho ông bức thư thứ ba, và trong đó mỗi người đều tự tay viết một lời thề riêng, trong đó họ thề trước Thánh Giá Sống Lại của Chúa, rằng không có bất kỳ sự nịnh hót hay gian dối nào, mà hoàn toàn chân thành và xuất phát từ trái tim, kêu gọi ông đồng trị với vị hoàng đế trẻ tuổi. Lúc bấy giờ, tin tưởng vào lời thề của họ, Constantine Doukas đã cùng toàn bộ gia đình lên đường đến Constantinople, và được các quý tộc cùng toàn thể cư dân thành phố đón tiếp long trọng. Đó là buổi sáng sớm khi vị tổng trấn vào thành – mặt trời vừa mọc và tỏa sáng rực rỡ, thì bỗng nhiên xuất hiện một điềm gở, báo trước cái chết của Constantine Doukas dưới tay kẻ sát nhân: dưới ánh nắng chói chang, một cơn mưa nhỏ bắt đầu rơi, và những giọt mưa rơi xuống đất trông như máu.

Trong khi đó, Tổng Giám mục Nikolai và các cố vấn của ông, sau khi biết về buổi đón tiếp long trọng mà toàn thể dân chúng Constantinopolis dành cho vị thống đốc lừng lẫy Konstantin Doukas, đã thay đổi ý định ban đầu và đóng cổng cung điện hoàng gia trước mặt ông, không muốn cho ông gặp nhà vua và mẹ của nhà vua. Lúc đó, Constantine Doukas đã dựng lều của mình tại quảng trường trước trường đua ngựa[2627] , và hàng ngày có rất nhiều quý tộc và dân thường đến đây, cúi đầu kính cẩn trước vị tướng quân lừng lẫy như thể ông là hoàng đế và bậc chúa tể của họ.

Trong khi đó, một số quan lại trung thành với hoàng đế mới, những người từng biết Thánh Basil và dành cho ngài tình yêu thương sâu sắc, lần lượt đến gặp ngài và hỏi:

[2624] Tổng giám mục Nicholas I đã hai lần đảm nhiệm chức vụ Tổng giám mục Constantinopolis: lần đầu tiên từ năm 895 đến năm 906, lần thứ hai từ năm 911 đến năm 925.

[2625] Kuropolat – chỉ huy đội vệ binh hoàng cung. Đây là một quan chức khá có thế lực tại triều đình các hoàng đế Byzantine.

[2626] "Synklitos" là tên gọi chung của toàn bộ cơ quan chính phủ, bao gồm các quan chức dân sự và quân sự.

[2627] Hippodrome – trường đua ngựa; nơi tổ chức các cuộc thi đua ngựa và đua xe ngựa.

– Vụ việc này sẽ kết thúc ra sao?

Vị thánh đã khóc lóc báo trước với họ rằng chưa đầy ba tháng nữa, cái chết đẫm máu sẽ ập đến với Hoàng đế Constantine Doukas, người vừa được bầu lên ngôi vua, cùng tất cả những người trung thành với ông. Khi báo trước kết cục như vậy, vị thánh đã khóc lóc thảm thiết và không thể nguôi ngoai cho đến khi kiệt sức. Sau câu trả lời đó của vị thánh, các quan đại thần đã hỏi ngài liền đóng cửa ở trong nhà mình và không dám ra ngoài, sống trong sợ hãi chờ đợi kết cục đã được tiên đoán.

Hai vị quan lại lại đến gặp Thánh Basil, với ý định tìm hiểu về tương lai. Đó là hai anh em cùng cha mẹ, cả hai đều mang tước hiệu protospatharios[2628] . Khi đến gặp vị thánh, họ hỏi ngài:

– Sau này sẽ ra sao với chúng con, nếu chúng con trở thành những người ủng hộ vị vua mới được bầu và đến gặp ngài tại trường đua ngựa?

– Đừng đến đó, các con ơi! – vị thánh đáp lại trong nước mắt – nếu các con gia nhập phe ngài ấy, thì một trong hai người sẽ bị giết, bị chém bằng gươm, còn người kia sẽ bị cắt mũi và tai, và suốt đời sẽ trở thành trò cười cho tất cả những ai nhìn thấy.

Nhưng hai anh em đã phớt lờ lời tiên tri của vị thánh: họ đến trường đua ngựa và gia nhập phe vị vua mới được phong.

Hai tháng sau, Constantine Doukas, khi nhận ra mình đã bị vị tổng giám mục và toàn thể hội đồng giáo phẩm lừa dối và sỉ nhục, đã bắt đầu bàn bạc với những người ủng hộ mình về cách giành lấy ngai vàng hoàng đế mà ông được kêu gọi lên ngôi. Tuy nhiên, vị tướng quân đức hạnh này không muốn dùng bạo lực để đạt được mục đích. Là một vị tướng dũng cảm, được toàn bộ quân đội và đông đảo dân chúng trung thành ủng hộ, ông có thể dùng vũ lực phá tan mọi rào cản và lên ngôi vua, hoặc có thể cùng quân đội bao vây tường thành và không cho bất kỳ lương thực nào vào thành, từ đó buộc Đức Thượng phụ và toàn thể Hội đồng Giáo phẩm phải công nhận ông làm vua và mở đường cho ông lên ngôi, dù họ không muốn. Tuy nhiên, là một người đàn ông đạo đức và kính sợ Thiên Chúa, Constantine không muốn ai phải chịu cảnh đói khát vì mình, cũng như không muốn giành lấy ngai vàng bằng con đường đẫm máu. Vì vậy, đặt trọn niềm tin vào Đức Chúa Trời và vẫn tiếp tục tin tưởng vào lời thề của tổng giám mục và các quan đại thần, ông ra lệnh cho các thuộc hạ của mình, sau khi chỉ phá vỡ một cánh cổng, hãy cùng ông tiến vào cung điện hoàng gia một cách hòa bình và không mang theo vũ khí nào. Vị tướng quân sùng đạo đã nói như sau:

– Nếu họ tiếp đón chúng ta một cách ôn hòa, thì có nghĩa là chúng ta đang làm đúng, đạt được mục tiêu mà không cần đổ máu hay bạo lực. Còn nếu họ tấn công và giết chúng ta, thì chính họ sẽ phải trả lời trước mặt Đức Chúa Trời, vì chính họ đã dụ dỗ chúng ta bằng những lời nài nỉ khẩn thiết và lời thề, dù chúng ta vốn không hề tìm cách giành lấy chức tước mà họ đề nghị cho tôi.

Nói xong, Constantine Doukas buộc các thuộc hạ của mình phải thề rằng không ai trong số họ dám rút gươm ra khỏi vỏ hay lắp tên vào cung để chống lại những kẻ tấn công họ, "để không một giọt máu Kitô hữu nào phải đổ vì tôi," ông nói thêm. Các thuộc hạ của Constantine đã thề sẽ tuân theo mệnh lệnh này của thủ lĩnh và, sau khi phá vỡ cổng đồng của cung điện hoàng gia (vì không có cách nào khác để vào được sân trong của cung điện), họ đã tiến về các cung điện hoàng gia một cách hòa bình, không mang theo vũ khí nào, dưới sự dẫn dắt của vị thánh nhân Constantine Doukas, người cũng không mang vũ khí.

Trong khi họ đang đi tay không, hướng về các cung điện hoàng gia, những cung thủ được tổng giám mục cố ý bố trí bỗng nhiên tấn công họ và, bắn ra vô số mũi tên, khiến nhiều người bị thương. Một trong những người đầu tiên bị thương chính là vị tướng dũng cảm Constantine Doukas, người đang đi đầu đoàn: ông bị một vết thương nặng ở sườn, ngay dưới cánh tay phải. Do vết thương quá nặng, Duka ngã quỵ xuống đất. Thấy cảnh đó, đám lính gác hoàng cung đông đảo đã lao tới với kiếm trần, chém vào những người đang đi vào một cách hòa bình như chém những cọng cỏ. Bằng cách đó, họ đã giết chết Konstantin Duka, con trai ông và nhiều người khác. Còn những người cố chạy trốn, họ bắt sống và ngay lập tức hành quyết tất cả theo nhiều cách khác nhau: một số bị chém làm đôi, một số bị treo cổ trên cây trước cổng thành, còn một số khác bị cắt mũi và tai, rồi bị cắt đứt mạch máu. Như vậy, cùng với Constantine Doukas, có tới ba nghìn người đàn ông vô tội đã thiệt mạng vào thời điểm đó. Cùng với những người khác, hai anh em thuộc hàng Protospatharia, những người đã đến xin lời khuyên từ Thánh Basil, cũng

[2628] Proto-spatharios – một chức vụ quan trọng trong triều đình. Ông cũng là chỉ huy của đội spatharios, tức là các kiếm sĩ trong triều đình.

phải chịu khổ nạn, và điều đó xảy ra chính xác như lời tiên tri của vị thánh: một người trong số họ bị chém bằng gươm, còn người kia bị cắt mũi và tai.

Sau khi kết thúc cuộc tàn sát, các chiến binh đã chặt đầu Duka và con trai ông, rồi mang chúng đến cho Thượng phụ Nikolai và các cố vấn của ngài. Thượng phụ đã ban thưởng hậu hĩnh cho những kẻ đã giết Constantine và ra lệnh mang đầu của người bị giết cắm trên ngọn giáo đi khắp thành phố để làm nhục, còn thi thể của tất cả những người khác bị hại cùng với ông thì ném xuống biển.

Cuộc tàn sát phi pháp đó đã diễn ra tại Constantinopolis vào thời điểm đó. Và thành phố đã bị ô uế bởi máu của những người đàn ông vô tội bị giết hại, máu ấy, giống như máu của A-vê-l[2629] , đã kêu gào lên cùng Đức Chúa Trời từ mặt đất. Vì không phải bởi gươm của kẻ thù ngoại bang, mà bởi tay những đồng bào cùng đức tin và cùng chí hướng, những người từng là bạn bè và anh em, vị tướng mạnh mẽ Constantine Doukas – người được phong làm vua – đã hy sinh, trở thành nạn nhân của sự xảo trá; vị chiến binh nổi tiếng vì lòng dũng cảm này, được Thiên Chúa ưa chuộng và được dân chúng yêu mến.

Nhưng dù bị những kẻ quyền thế trần gian sỉ nhục và chế giễu, Constantine Doukas vẫn được Thiên Chúa tôn vinh: linh hồn công chính của ngài, cũng như linh hồn của tất cả những người đã chịu khổ cùng ngài, đã được các Thiên thần đưa lên các nơi ở trên trời và an nghỉ trong lòng Áp-ra-ham. Dấu hiệu kỳ diệu sau đây đã minh chứng rõ ràng điều này: trong khi thi thể của các đồng đội bị treo cổ của Constantine vẫn còn treo lơ lửng trên cây, vào ban đêm, người ta thấy những vì sao hạ xuống trên họ và tỏa sáng rực rỡ trên đầu họ cho đến khi mặt trời mọc. Dấu hiệu này đã cho thấy rằng tất cả họ đều chịu khổ một cách oan ức và rằng linh hồn của họ, như phần thưởng cho sự tử đạo, đã được an nghỉ trong các cộng đồng của các thánh.

Chúng tôi đã thuật lại tất cả những điều này để nêu lên một ví dụ về khả năng tiên tri của vị cha thánh đáng kính của chúng ta, Thánh Basil; bởi vì tất cả những gì ngài đã tiên báo đều đã trở thành sự thật. Chúng tôi cũng sẽ kể về những sự kiện khác, qua đó khả năng tiên tri đặc biệt của vị thánh này đã được bộc lộ.

Một quý tộc tên là Roman[2630] đã được chọn làm đồng nhiếp chính cho vị hoàng đế trẻ Constantine Bagryanorodny, và ông đã được đăng quang lên ngôi. Khi hoàng đế Constantine đến tuổi trưởng thành, Roman đã gả con gái mình là Helena cho ngài. Ngoài Constantine, Roman còn có một con rể khác là Saronit, một quý tộc, người kiêu ngạo và ham quyền lực, tự hào về sự giàu có và dòng dõi cao quý của mình. Hắn ấp ủ trong lòng một âm mưu xảo trá – tiêu diệt hoàng đế Constantine và cướp lấy quyền trượng hoàng gia.

Gần dinh thự của Saronit có ngôi nhà của vị tín hữu yêu mến Chúa Giăng đã được nhắc đến ở trên, nơi Thánh Basil đang cư ngụ. Nhìn thấu ý đồ xảo trá của Saronit bằng đôi mắt sáng suốt, Thánh Basil nói, như thể đang tự nói với chính mình:

– Basil! Hãy để ý đến tên vô đạo đáng nguyền rủa này, kẻ đang ấp ủ trong lòng những mưu đồ chống lại Thiên Chúa. Nhưng ta sẽ đi và vạch trần hắn: biết đâu hắn sẽ ăn năn và từ bỏ ý định điên rồ của mình.

Và thế là, một ngày nọ, khi Saronit cưỡi ngựa ra khỏi nhà với vẻ hoành tráng thường lệ, hướng về cung điện hoàng gia, vị thánh đứng chặn đường và bắt đầu lớn tiếng tuyên bố, hướng về phía vị quý tộc:

– Tại sao ngươi lại ấp ủ trong lòng mưu đồ ác độc chống lại Đấng được Chúa xức dầu? Ngươi không có phần trong vận mệnh hoàng gia. Vậy nên, đừng phí công vô ích, kẻo Chúa phẫn nộ với ngươi và tước đi ngay cả danh hiệu quý tộc mà ngươi đang có.

Nghe lời quở trách như vậy từ vị thánh, Saronit bừng lên cơn thịnh nộ dữ dội chống lại ngài. Hắn lao vào vị thánh và bắt đầu dùng roi đang cầm trên tay quất vào đầu ngài, đồng thời chửi rủa ngài bằng đủ mọi lời lẽ tục tĩu. Sau đó, sau khi gây ra không ít vết thương và sỉ nhục ngài, hắn bỏ lại vị thánh và tiếp tục đi đường.

Thánh Basil đã kiên nhẫn chịu đựng mọi lời lăng mạ và vết thương, và vào ngày hôm sau, ngài lại gặp Saronit khi ông ta đang trên đường đến cung điện, và bằng những lời lẽ giống như lần trước, ngài đã lên án ông ta. Saronit, trong cơn giận dữ, ra lệnh cho các đầy tớ bắt vị thánh, đưa về nhà ông ta và giam giữ ngài cho đến khi chính ông ta trở về từ cung điện. Sau đó, khi trở về, ông ta ra lệnh mang đến những cành gai và đưa Thánh Basil đến trước mặt ông ta.

Khi vị thánh được dẫn đến trước mặt ông, Saronit nói:

[2629] A-vên – con trai thứ hai của A-đam, bị Ca-in giết hại một cách xảo trá.

[2630] Tất nhiên là Roman I, người đã đồng trị vì với Constantine VII từ năm 919 đến năm 944.

– Hãy trả lời ta, lão già điên rồ kia, con quỷ nào đã xúi giục ngươi dám đối đầu với ta một cách ngang ngược và thốt ra những lời xúc phạm vô lễ như vậy? Hay ngươi không biết rằng ta là con rể của nhà vua và là người đứng đầu trong số các quan đại thần của triều đình? Hay ngươi không biết rằng của cải của ta vô tận như cát trên bờ biển sao? Vì ta có vô số nô lệ, điền trang, làng mạc và đàn gia súc đủ loại, cũng như vô số vàng và bạc. Hơn nữa, ta đã được ban cho vinh quang và danh dự to lớn, những điều mà Đức Chúa Trời và các vị vua của chúng ta đã ban cho ta. Sao ngươi, một kẻ gầy gò và nghèo khổ, lại dám đứng trước mặt ta, trước mặt toàn thể dân chúng, với những lời trách móc và tố cáo như vậy? Hãy trả lời ta, trước khi ta ra lệnh xử tử ngươi.

Vị Thánh, đáp lại những lời đó, đã nói:

– Ngươi thực sự nghĩ rằng ý định xảo trá và độc ác mà ngươi giấu kín trong lòng sẽ mãi mãi là bí mật sao? Không, chính Đức Chúa Trời đã mặc khải cho ta biết rằng ngươi đã âm mưu cướp đi mạng sống của nhà vua và trở thành kẻ cướp ngôi. Hãy từ bỏ ý định bất chính này và đừng còn ấp ủ mưu đồ ác độc chống lại Đấng được Chúa xức dầu. Thay mặt Đức Chúa Trời, ta nói với ngươi: nếu ngươi không từ bỏ mưu đồ độc ác của mình, Đức Chúa Trời sẽ nổi giận dữ dội với ngươi và sớm xóa sổ ký ức về ngươi khỏi mặt đất.

Kẻ điên rồ Saronit nổi giận dữ dội trước những lời đó, đến nỗi khuôn mặt hắn biến sắc và chuyển sang màu vàng. Trong cơn thịnh nộ, hắn ra lệnh cho các tôi tớ quật vị tu sĩ xuống đất và dùng cành gai đánh hắn không thương tiếc.

– Đánh hắn mạnh hơn nữa, – hắn nói, – đánh cho đến khi con quỷ tiên tri giả trong hắn bị trục xuất ra ngoài.

Và họ đã đánh ngài. Còn vị thánh thì như một cái cây câm lặng và vô cảm: dù phải chịu những cú đánh tàn bạo, ngài không những không rên rỉ, mà thậm chí không thốt ra một lời nào, cơ thể cũng không hề nhúc nhích, đến nỗi ngoài những tiếng va chạm của gậy vào thân thể, không nghe thấy gì khác nữa.

Khi vị thánh đang bị tra tấn, cổng nhà Saronitov đang mở. Lúc đó, bà Elena, người vợ đạo đức của ông Ioann, đang đi ngang qua cổng. Nhìn vào trong cổng, bà thấy Thánh Basil đang bị tra tấn. Bà vội vàng chạy vào nhà, che thân thể vị thánh bằng chính cơ thể mình và trong những giọt nước mắt đắng cay, bà cất tiếng kêu lớn:

– Hãy đánh tôi, kẻ tội lỗi này, nhưng xin hãy tha cho ngọn đèn của Chúa, vị mục tử và cha thiêng liêng của tôi; hãy giết tôi thay cho ngài, còn ngài thì hãy thả ra.

Lúc đó, Saronit, với tính cách tàn nhẫn chẳng khác gì một con thú dữ, đã quát tháo dữ dội với các đầy tớ:

– Hãy đánh cả nàng nữa, vì chính nàng cũng muốn thế; ta nghĩ rằng nàng là người phụ nữ vô liêm sỉ và ngoại tình, là người chung sống với tên vô đạo này.

Tuân theo mệnh lệnh, các đầy tớ bắt đầu đánh người vợ đạo đức ấy, và đánh cho đến khi họ thấy nàng dường như đã ngừng thở. Lúc đó, tên Saronit vô pháp đã ra lệnh cho các đầy tớ túm lấy chân nàng, quăng ra đường như một con chó chết. Còn đối với Thánh Basil, hắn ra lệnh trói lại, treo cổ và đánh ông năm trăm roi bằng gân bò. Dù phải chịu những đòn roi tàn bạo, Thánh Basil, nhờ ơn Chúa, đã dũng cảm chịu đựng chúng. Các đầy tớ, sau khi kết thúc cuộc tra tấn, đã trói ông lại.

Đêm xuống, khi Saronit đang ngủ, ông có một giấc mơ báo trước cái chết sắp đến của vị quý tộc tàn bạo và xảo quyệt này. Trong giấc mơ, ông thấy một cây sồi cao vút và cành lá xum xuê, trên đỉnh cây có một con quạ đang làm tổ. Con chim săn mồi đang ngồi trong tổ của mình và dùng đôi cánh che chở cho những chú chim non. Nhưng bỗng nhiên, hai người đàn ông cầm rìu tiến lại gần cây sồi, định chặt ngã nó. Lúc đó, một trong hai người nói với người kia, chỉ tay lên ngọn cây:

– Ở đó có một con quạ đang ngồi, tiếng kêu của nó khiến nhà vua không thể ngủ yên. Người kia đáp lại:

– Hơn nữa, nó còn gây ra nhiều điều ác cho vị thánh được Chúa yêu mến, Thánh Basil.

Nói xong, họ bắt đầu chặt cây. Khi cây ngã xuống đất, một số người mặc áo rách rưới bước đến, bắt đầu chặt cành cây và ném chúng vào lửa. Trong số đó, Saronit nhìn thấy cả Thánh Basil: đứng gần cây bị chặt, ngài nói:

– *"Mọi cây không sinh trái tốt đều bị chặt đi và ném vào lửa"* (Mt 3:10).

Sau đó, quay sang Saronit, vị tu sĩ nói:

– Chẳng phải ta đã bảo ngươi từ bỏ ý định xấu xa của mình sao, vì nếu không, ngươi sẽ sa ngã ngay cả từ độ cao mà ngươi đang đứng.

Khi tỉnh giấc, Saronit cảm thấy ốm yếu; còn khi suy ngẫm về giấc mơ vừa trải qua, một nỗi sợ hãi tột độ ập đến với ông. Trong cơn hoảng loạn, ông đứng dậy và ngay lập tức sai các đầy tớ đến ra lệnh tháo xiềng xích cho Thánh Basil và trả tự do cho ngài. Sau khi được thả ra khỏi nhà tù, vị thánh hạnh phúc đã trở về nơi cư ngụ của mình, tại nhà của Gioan. Khi nhìn thấy vị thánh, Gioan đã rất vui mừng; nhưng khi người đàn ông đạo đức ấy nhìn

thấy những vết thương mà vị thánh phải chịu do sự tra tấn tàn bạo, ông đã khóc. Tất cả những ai yêu mến Thánh Vasilios, khi nghe tin ngài trở về, cũng đổ xô đến nhà của Gioan, vui mừng trước sự trở về của ngài và khóc khi nhìn thấy những vết thương trên thân thể ngài. Còn vợ của Gioan, thánh nữ Elena, chẳng bao lâu sau đã qua đời vì những vết thương do bị đánh đập gây ra. Nhưng tên Saronit vô đạo cũng không thể đứng dậy khỏi giường bệnh: sau vài ngày, hắn qua đời, khiến lời tiên tri của thánh Vasili và giấc mơ mà chính Saronit đã thấy đều trở thành sự thật.

Sau một thời gian, người chồng đạo đức của Gioan, người từng phụng sự Thánh Basil, đã an nghỉ trong Chúa, và vị thánh này ở lại một mình trong ngôi nhà của người đã khuất. Mỗi ngày, rất nhiều người khác nhau đến gặp ngài, mang theo hoặc dẫn theo những người ốm yếu của họ. Vị thánh đã chữa lành cho họ bằng lời cầu nguyện của mình trước mặt Thiên Chúa. Rất nhiều người ăn xin cũng đổ xô đến với ngài, vì vị thánh phân phát cho họ tất cả những gì các tín hữu yêu mến Chúa mang đến, và không giữ lại cho mình bất cứ thứ gì đến ngày hôm sau.

Vào thời gian đó, một công dân sùng đạo và yêu mến Thiên Chúa tên là Constantine, được gọi là Barbaros[2631] , đã nài nỉ vị thánh chuyển đến ở cùng ông và cư ngụ trong nhà ông, đồng thời sắp xếp cho ngài một căn phòng riêng tư. Trong đó, ông đã chuẩn bị cho vị thánh một chiếc giường, một chiếc bàn, một chiếc ghế và một ngọn đèn, giống như người phụ nữ thành Sô-ma-ri[2632] đã từng làm cho tiên tri Ê-li-sê (4 Vua 4:10)[2633] . Sau đó, ngài giao phó cho một bà lão đức hạnh tên là Theodora, người đã góa bụa từ lâu và sống trong sự khiết tịnh vì Chúa suốt nhiều năm, nhiệm vụ phục vụ vị tôi tớ của Chúa. Bà lão đáng kính ấy, sống trong một căn phòng nằm gần phòng tu của vị thánh, đã tận tụy phục vụ ngài như phục vụ một Thiên thần của Chúa. Nếu có ai đến, mong được gặp Thánh Basil và trò chuyện với ngài, bà Theodora sẽ báo cho vị tu sĩ biết, và ngài sẽ từ phòng tu của mình đến căn phòng của bà để tiếp đón vị khách đó. Như vậy, ngài tiếp đón mọi người trong căn phòng đó, chữa lành cho người bệnh, an ủi những ai đang đau buồn và ban phát bố thí cho người nghèo khó – và ngày của vị thánh được trôi qua trong những công việc ấy. Đến chiều tối, ngài trở về phòng tu của mình và tại đó thực hiện những lời cầu nguyện thường lệ dâng lên Thiên Chúa.

Danh tiếng về cuộc đời thánh thiện của Thánh Basil và những việc làm kỳ diệu của ngài ngày càng lan rộng, và ngài không chỉ được giáo dân kính trọng, mà còn được nhiều vị trong hàng giáo sĩ tôn kính: các tu sĩ, linh mục và các vị thánh thường xuyên đến thăm ngài và nhận được sự giúp đỡ cho cả linh hồn lẫn thể xác từ ngài. Còn các hoàng tử và quý tộc thì mời ngài đến nhà mình, xin ngài đến thăm những người ốm đau và cầu nguyện cho họ. Và khi vị thánh đến thăm người bệnh ở đâu đó, ngài lập tức đặt tay lên họ trong lời cầu nguyện và chữa lành cho họ; còn các tà ma thì ngài xua đuổi chỉ bằng một lời nói. Ngài cũng quan tâm đến việc cải thiện đạo đức, hướng dẫn nhiều người về các đức tính tốt, không chỉ bằng những lời dạy ngọt ngào như mật ong, mà đôi khi còn nghiêm khắc quở trách những kẻ phạm tội; vì mọi sự đều được Thiên Chúa Toàn Tri bày tỏ cho ngài.

Một lần nọ, khi được triệu tập vào cung điện hoàng gia, Thánh Basil, trong cuộc trò chuyện riêng tư với Hoàng đế Roman, đã vạch trần lòng tham lam của ông, cũng như mối quan hệ tội lỗi với nhiều phụ nữ – và hoàng đế không những không giận dữ với ngài, mà còn khiêm nhường chấp nhận lời vạch trần đó và hứa sẽ sửa đổi cuộc đời mình.

Cũng giống như vậy, vị thánh đã dẫn dắt Anastasia, một quý bà thuộc dòng dõi quý tộc danh giá nhất, trở lại con đường sám hối, bằng cách vạch trần một số tội lỗi mà bà đã bí mật phạm phải, và tiên đoán về cái chết của bà.

Ngài cũng báo trước cho hoàng hậu Elena, phu nhân của hoàng đế Constantine Porphyrogenitus, rằng bà sẽ sinh một cô con gái trước, rồi sau đó là một cậu con trai, người mà khi trưởng thành sẽ lên ngôi – và điều đó đã trở thành sự thật. Hoàng hậu ra lệnh tặng ngài vàng, nhưng vị thánh nhân thậm chí không muốn chạm vào nó. Lúc đó, hoàng hậu bắt đầu thề bằng danh Thánh Ba Ngôi để ngài nhận bao nhiêu tùy ý. Trước những lời nài nỉ khẩn thiết của bà, vị thánh nhân đã nhận ba đồng vàng[2634] và trao chúng cho bà lão Theodora, người hầu cận của ngài, cũng đang có mặt tại đó.

Thấy vậy, một số người trong số những người tháp tùng hoàng hậu đã nói với vị thánh:

[2631] "Varbar" có nghĩa là người ngoại quốc.

[2632] Người phụ nữ thành Sonam – cư dân của thành phố Sonam thuộc chi phái Issachar, nằm ở phía tây nam của Nazareth và Mount Tabor. Ngày nay, địa danh này được gọi là Solam hoặc Sulem.

[2633] Ê-li-sê – nhà tiên tri của vương quốc Y-sơ-ra-ên, môn đệ yêu quý của tiên tri Ê-li và người kế thừa ân tứ tiên tri của ông.

[2634] Zlatnica – đồng tiền vàng, đồng chervonets.

– Xin cha hãy cho bà lão kia nhiều đồng vàng hơn nữa. Vị thánh đáp lại họ rằng:

– Các con ơi, chúng ta không muốn có quá nhiều gai, vì nó sẽ đâm vào tay chúng ta. Lúc đó, hoàng hậu nói với vị thánh:

– Quả thật, cha đã yêu mến Đức Chúa Trời Duy Nhất bằng cả trái tim, hỡi vị cha đáng kính, và xa lánh những của cải phù du của thế gian này. Nhưng xin đừng quên chúng con và hãy nhớ đến chúng con trong những lời cầu nguyện thánh thiện của cha.

Nói xong, bà tiễn vị thánh nhân ra về trong bình an.

Vào lúc đó, có một giáo dân tên là Grigori đến gặp vị thánh Basil; người này đã trở thành môn đệ của ngài và là nhân chứng của nhiều phép lạ mà ngài thực hiện, và sau này ông đã viết cuốn tiểu sử chi tiết về cuộc đời ngài. Khi Grigori đến gặp vị thánh lần đầu tiên, anh ta đã vô cùng kinh ngạc và bối rối trước ân sủng kỳ diệu về khả năng thấu thị mà vị thánh sở hữu; bởi vì, dù chưa từng gặp Grigori trước đó, vị thánh ngay khi anh ta vừa đến đã gọi tên anh ta, rồi kể lại tất cả những điều anh ta đang suy nghĩ trong lòng. Nói chung, vị thánh này sở hữu ân sủng thấu thị vô cùng phong phú và không chỉ nhìn thấu những việc làm bí mật của con người, mà còn cả những suy nghĩ thầm kín nhất trong lòng con người. Trong cuộc đời của vị thánh, có không ít trường hợp ân sủng này được bộc lộ trước mặt mọi người; nhưng để kể lại tất cả những trường hợp đó, chúng ta sẽ không đủ thời gian cũng như không gian, vì vậy chúng ta chỉ giới hạn ở một số ví dụ.

Một vị linh mục, khi đến gặp vị thánh, đã mang theo những quả táo làm quà tặng và, sau khi ở lại dùng bữa trưa với ngài, cố gắng nhớ lại mình đã chi bao nhiêu đồng mednik[2635] cho những quả táo đó. Nhưng vị thánh nói với ông:

– Sao anh lại trầm ngâm như vậy, anh em ơi, khi đang cố nhớ xem mình đã chi bao nhiêu cho những quả táo? Đừng phí công nữa, hãy hỏi tôi đi: anh đã trả mười đồng tiền đồng cho những quả táo đó.

Nghe vậy, vị linh mục kinh ngạc, thán phục sự thấu suốt của vị thánh nhân và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban cho loài người một vị thánh nhân vĩ đại như vậy.

Một người buôn rượu quen biết vị thánh, khi công việc kinh doanh của ông gặp khó khăn, đã đến gặp vị thánh và xin ngài ghé thăm nhà ông, để cùng cầu nguyện với ông và bằng lời cầu nguyện của mình, ban phước lành của Thiên Chúa xuống ngôi nhà của ông. Khi vị thánh đến nhà ông, người buôn rượu đã mời rất nhiều người nghèo đến dùng bữa trưa. Khi bữa ăn kết thúc, ông ta dẫn vị thánh vào phòng chứa rượu để ngài ban phước cho các bình đựng rượu. Trong lúc ban phước cho các bình, vị thánh tiến đến một trong số chúng, bình chứa khoảng mười lăm mers rượu, và nói với người buôn rượu:

– Này, tôi đã ban phước nhân danh Chúa Kitô cho tất cả các bình, trừ cái này ra – cái này phải đập vỡ đi.

Nhưng người buôn rượu bắt đầu van nài vị thánh đừng làm điều đó.

– Xin cha đừng đập vỡ, thưa cha, – anh ta nói, – mà hãy ban phước cho cả chiếc bình này nữa; vì nếu cha đập vỡ nó, thì kho dự trữ của con sẽ cạn kiệt, và con sẽ trở thành kẻ nghèo khổ, vì con đang nợ nần chồng chất với nhiều chủ nợ khác nhau.

Vị thánh đáp lại:

– Tôi biết rõ tất cả những điều đó; nhưng dù sao tôi vẫn định đập vỡ chiếc bình này, để giải thoát anh khỏi một tai họa lớn. Chính vì điều đó mà tôi đã đến đây. Lúc đó, người buôn rượu nói với vị thánh:

– Thà ngài đập vỡ đầu tôi còn hơn là đập vỡ cái bình này.

Nhưng vị thánh, cầm lấy một khúc gỗ nằm ngay đó, bắt đầu đập vỡ chiếc bình. Khi chiếc bình vỡ ra, một lượng lớn rượu tràn ra sàn nhà. Thấy vậy, người buôn rượu vô cùng buồn bã, còn những người đứng cùng ông ta bắt đầu phẫn nộ với vị thánh và thầm lẩm bẩm chửi rủa ngài.

Vị thánh, bằng linh hồn, đã thấu hiểu những suy nghĩ và lời phỉ báng của họ, liền cầm lấy cây gậy đang nằm ở đó, nhúng nó vào chiếc bình vỡ – nơi đáy còn sót lại một ít rượu – và lấy ra từ đó một con rắn đã chết vì say rượu, dài ba khuỷu tay[2636] . Sau đó, ngài quay sang những người có mặt và nói:

– Tại sao các con lại phỉ báng ta trong lòng, hỡi các con? Như thể ta đã làm điều gì xấu xa vậy! Các con có thấy con rắn này không: biết bao người có thể bị ngộ độc bởi nọc độc của nó, và chủ nhà sẽ lâm vào cảnh khốn khổ ra sao? Các con có muốn điều đó chăng? Và ta đã làm đúng khi đập vỡ chiếc bình này.

[2635] Đồng xu đồng – đồng xu đồng nhỏ.

[2636] Lokot hoặc lakot – đơn vị đo chiều dài, tương đương 10,5 vershok. Ba lokot tương đương gần hai arshin.

Nói xong, vị thánh ném con rắn xuống đất; còn người buôn rượu thì quỳ xuống dưới chân vị thánh và bắt đầu xin ngài tha thứ. Vị thánh đã tha thứ cho ông và ban phước lành cho ông. Nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Basil, ngôi nhà của người buôn rượu đã được Chúa ban phước lành và nhận được sự dư dật trong mọi việc.

Có một người phụ nữ tên là Theodotia, đã đưa con trai bốn tuổi đang ốm của mình đến gặp vị thánh và bắt đầu xin ngài cầu nguyện cho sức khỏe của đứa trẻ. Tất cả các con của bà, ngay khi vừa tròn bốn tuổi, đều qua đời; vì vậy, bà lo sợ rằng đứa con này, vốn đã bị ốm, cũng sẽ chết. Khi bà đang kể lể nỗi đau khổ của mình với vị thánh, cậu bé được đưa đến bỗng khóc nức nở và xin bánh mì. Vị thánh lấy một miếng bánh mì, đưa cho cậu bé và mỉm cười dịu dàng, nói:

– Tên con là gì? Có phải là Lev không?

Sau đó, ngài quay sang người mẹ và nói:

– Nhờ lòng đạo đức của chị, và đặc biệt là để thưởng cho tình yêu dành cho Đức Mẹ Đồng Trinh, được thể hiện qua những lời cầu nguyện thường xuyên của chị trước bức tượng của Mẹ – Odigitria[2637] , Chúa sẽ gìn giữ đứa con trai này của chị khỏe mạnh và bình an. Khi trưởng thành, con trai này sẽ mang lại cho mẹ không ít niềm vui, vì nó sẽ là người có phẩm chất tốt, khôn ngoan, trung thực và thậm chí nổi tiếng giữa mọi người. Sau khi được giáo dục tốt và được hướng dẫn về sự khôn ngoan trong sách vở, cậu bé sẽ trở thành một tu sĩ, rồi sau đó là một giáo sĩ, và Chúa sẽ bảo vệ cậu. Còn những đứa con khác mà bà sẽ sinh ra, chúng sẽ qua đời, giống như những đứa con đầu lòng.

Sau đó, người phụ nữ ấy, sau khi cúi đầu chào vị thánh, đã ra về, và tất cả những gì vị thánh đã tiên đoán cho bà đều trở thành sự thật.

Một người đàn ông, vốn quen biết vị thánh, đã đến xin ngài ban phước lành để tiễn đường, vì anh ta sắp lên đường đi về phương Đông[2638] với nhiệm vụ do chủ nhân giao phó. Vị thánh, sau khi nhìn kỹ khuôn mặt anh ta và tiên đoán được những gì sẽ xảy ra với anh ta trên đường đi, đã nói:

– Sông Hê-li-đôn thật đáng sợ và nguy hiểm, nhưng dù sao thì nó cũng sẽ dịu lại nhờ những lời cầu nguyện của Vasili, một tôi tớ tội lỗi của Chúa.

Không ai hiểu được những lời của vị thánh này. Người đàn ông ấy lên đường. Và khi đang ở các nước phương Đông, anh ta bị chặn lại bởi một con sông mà anh ta không biết, vì chưa từng đến những vùng đất ấy. Con sông này rộng khoảng hai mươi sải, nhưng dòng chảy của nó lại nhanh đến mức chỉ có chim mới bay được nhanh như vậy. Người đàn ông ấy dừng lại trên bờ và ngó nghiêng tìm chỗ cạn để, khi đang cưỡi ngựa, có thể băng qua đó sang bờ bên kia. Bỗng nhiên, một con sóng ập đến, cuốn phăng cả người lẫn ngựa, kéo họ ra giữa dòng sông; dòng nước cuốn họ ra biển, và người đàn ông ấy đang đối mặt với cái chết không thể tránh khỏi. Trong cơn hoảng sợ, ông kêu lên với Chúa:

– Lạy Chúa Trời! Nhờ lời cầu nguyện của vị thánh cha Vasili của chúng con, xin hãy cứu giúp con, kẻ tội lỗi này.

Vừa dứt lời, anh ta liền thấy Thánh Vasili, người đã xoa dịu cơn sóng dữ dội, nắm lấy dây cương con ngựa, dẫn nó sang bờ đối diện rồi biến mất.

Sau khi thoát khỏi nguy cơ bị chìm, người đàn ông ấy đã tạ ơn Thiên Chúa và vị thánh Vasili; sau đó, khi đến một làng gần đó và dừng lại nghỉ qua đêm, anh ta hỏi tên con sông ấy. Người ta kể cho anh ta biết rằng nó được gọi là Helidon, tức là "chim én", vì dòng chảy của nó nhanh đến mức có thể sánh ngang với tốc độ bay của chim én. Con sông này rất nguy hiểm và đã cướp đi sinh mạng của nhiều người không biết cách vượt qua nó. Lúc đó, người đàn ông ấy nhớ lại những lời của Thánh Basil, những lời ngài đã nói với anh ta khi anh ta đến xin phước lành, và sau khi dâng lời cầu nguyện lên Chúa, anh ta kêu lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa, vinh quang thuộc về Ngài! Con chỉ xin Ngài một điều, lạy Chúa của con, xin cho con được gặp lại vị thánh nhân của Ngài và cúi đầu kính trọng mái tóc bạc đáng kính của ngài.

[2637] Odigitria – có nghĩa là "Người Dẫn Đường". Đó là tên gọi của bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Đồng Trinh, được thờ tại Nhà thờ Vlacherna. Sau này (năm 1046), bức tượng này được chuyển đến Nga và được đặt tại thành phố Smolensk. Từ đó, nó được gọi là "Bức tượng Đức Mẹ Smolensk".

[2638] Thuật ngữ "Phương Đông" hoặc "các nước phương Đông" thường dùng để chỉ Syria, Palestine, Ả Rập và Ba Tư, để phân biệt với phương Tây châu Âu.

Khi trở về từ chuyến đi, ông đến gặp vị thánh và quỳ xuống dưới chân ngài, bày tỏ lòng biết ơn xứng đáng; sau đó, ông kể cho vị thánh nghe về cách Thiên Chúa đã ban ân sủng của Ngài cho ông, nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài.

Người giáo dân Grigori nói trên, nhờ đức hạnh của mình, đã rất được thánh Basil yêu mến, vì ông sống cuộc đời trong sự trinh khiết, tiết độ và ăn chay. Ông thường đến gặp vị thánh và, nhờ học hỏi từ những lời giảng dạy đầy khôn ngoan của Ngài, đã được xưng là môn đệ của Ngài. Bên cạnh đó, ông còn dành tình yêu và lòng tin đặc biệt cho Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano, thường xuyên đến nhà thờ của ngài và trang hoàng nơi đó một cách trang nghiêm. Từ cha mẹ đã qua đời, ông thừa kế một ngôi nhà ở Constantinople cùng nhiều điền trang. Trong số những điền trang đó, ông có một vườn nho ở Thrace[2639] , không xa thành phố Randista. Với ý định đến đó vào mùa thu hoạch, ngài đã đến gặp vị thầy đáng kính của mình và nhận lời chúc phúc từ ngài; sau đó, ngài bước vào nhà thờ của Thánh Tử đạo đầu tiên Stephano và, sau khi quỳ gối cầu nguyện trước bức tượng thánh, ngài nói:

– Thưa ngài, con sắp phải thực hiện một hành trình dài trên đất liền và trên biển. Vì vậy, con xin ngài, Thánh Tử đạo đầu tiên Stephanos, – trong hành trình này, xin ngài bảo vệ con khỏi mọi điều ác, và như con đã phục vụ ngôi thánh đường của ngài bằng tất cả sức lực của mình, thì ngài cũng xin, nhờ ân sủng mà Thiên Chúa đã ban cho ngài, hãy trở thành người che chở, người trợ giúp và người ban ơn cho con trong mọi lúc khó khăn.

Sau khi cầu nguyện như vậy với Thánh Tử đạo đầu tiên Stephano, Grigori lên đường. Khi dừng chân qua đêm tại một nhà trọ, ngài tìm thấy một chiếc thắt lưng trị giá hai đồng vàng, mà con gái chủ nhà trọ đã đánh mất. Khi chủ nhà trọ và gia đình bắt đầu tìm kiếm chiếc thắt lưng và hỏi các vị khách về nó, Grigori, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã giấu chiếc thắt lưng đi, tự nhủ:

– Những người đánh mất thắt lưng đều là những người giàu có; vì vậy, tốt hơn hết là tôi nên bán nó đi và chia số tiền thu được cho những người nghèo.

Lại tiếp tục lên đường, Grigory đã đánh mất chiếc thắt lưng của mình, cũng trị giá hai zlatnice, và chiếc túi hành lý, trong đó có bốn zlatnice và không ít tiền lẻ[2640] ; đau buồn vì sự mất mát, anh chìm vào giấc ngủ và trong giấc mơ, anh thấy Thánh Basil, người chỉ vào chiếc bình vỡ và nói:

– Ngươi có thấy cái bình vỡ này, chẳng còn dùng được gì nữa không?

– Thấy rồi, thưa ngài, – Grigory đáp.

– Nếu ai đó thậm chí còn trộm cả cái này, – vị thánh nói, – thì người đó sẽ bị trừng phạt gấp bốn lần, và những ân huệ của đời này hay đời sau sẽ bị tước đoạt khỏi kẻ trộm. Nếu kẻ trộm giàu có, thì từ tài sản của hắn sẽ bị tước đoạt gấp bốn lần so với số tài sản đã trộm; còn nếu hắn nghèo, thì hắn sẽ phải chịu hình phạt gấp bốn lần trong kiếp sau.

Grigory đáp lại:

– Thưa Cha, con chưa bao giờ trộm cắp gì cả. Vị thánh đáp lại:

– Con đã giấu chiếc thắt lưng của con gái chủ nhà trọ mà con nhặt được, vậy mà lại nói là chưa từng trộm cắp gì cả. Grigory phản bác:

– Thưa Cha, con không trộm chiếc thắt lưng đó, mà là con đã nhặt được nó.

Nhưng vị thánh nói:

– Con hãy biết rằng, nếu ai đó tìm thấy vật gì đó mà người khác đã đánh mất mà không trả lại cho họ, dù người đó có đi tìm và hỏi về vật đó đi chăng nữa, thì người đó cũng sẽ bị kết án là kẻ trộm. Vì vậy, con lẽ ra phải trả lại vật bị mất. Nhưng vì con đã giấu đi vật của người khác, nên con sẽ bị lấy đi gấp bốn lần so với số tài sản con đã giấu. Không chỉ vậy, con còn phải cẩn trọng để không phải chịu thêm tai họa nào nữa.

Khi tỉnh giấc, Grigory chìm trong nỗi buồn sâu sắc, một phần vì hối hận về tội lỗi của mình, một phần vì lo sợ trước tai họa mới chưa biết trước mà vị tu sĩ đã cảnh báo. Với tâm trạng u sầu, ông trở về điền trang của mình ở Thrace. Tại đây, trong mùa thu hoạch, ông phải đối mặt với một cám dỗ còn mạnh mẽ hơn cả lần đầu tiên trên đường đi.

Một trong những người làm thuê làm việc trong vườn nho của Grigory, tên là Alexander, đã kết hôn hợp pháp với một thiếu nữ tên là Meletinia, người nổi tiếng là có tính cách xấu xa và hơn thế nữa, còn là một kẻ dâm

---

[2639] Thrace – một vùng thuộc Đế chế Byzantine, nằm ở phía đông bắc bán đảo Balkan. Hiện nay, Thrace, với tên gọi Romania hoặc Rumelia, là một tỉnh của Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu.

[2640] Penyaz – đồng tiền bạc.

đãng và phù thủy. Cô ta có một niềm đam mê không thể kiềm chế đối với việc ngoại tình, đến nỗi ngay sau khi kết hôn với Alexander, cô ta đã dụ dỗ hầu hết các người đàn ông từ các làng lân cận sống chung trái phép với mình. Tuy nhiên, không ai có thể vạch trần tội lỗi của cô ta; bởi vì nếu cô ta nghe thấy ai đó nói xấu về mình, cô ta lập tức dùng phép thuật gây ra cho người đó một căn bệnh dữ dội. Cô ta đã làm như vậy, trong số những người khác, với chính chồng mình, người ban đầu, khi chứng kiến những hành vi bất chính của cô ta, thường đánh đập cô ta: bằng những căn bệnh do phép thuật gây ra, cô ta đã làm anh ta mệt mỏi và suy kiệt đến mức anh ta thậm chí không thể xua đuổi được một con ruồi khỏi người mình. Vì thế, anh ta không thể chống cự lại cô ta khi cô ta, vì giận dữ, đánh anh ta bằng gậy hoặc dây thừng và đuổi anh ta ra khỏi nhà; anh ta đã kiệt sức đến mức đó vì những căn bệnh do phép thuật của Meletinia gây ra. Về mẹ của nữ phù thủy này, người ta kể rằng bà ta đã dùng phép thuật của mình để ngăn cản chim bay, làm ngừng dòng chảy của sông và gây ra nhiều điều ác khác nữa, mà con người không thể kể hết được. Meletinia chính là con gái của nữ phù thủy độc ác đó, giống hệt mẹ mình về mọi mặt và thậm chí còn vượt trội hơn bà ta về những hành vi phạm pháp, bởi vì cô ta đã sa vào tội ngoại tình vô độ. Cô ta đã dụ dỗ nhiều người chồng vào mối quan hệ tội lỗi với mình; còn ai dám lên tiếng vạch trần cô ta dù chỉ một lời, người đó sẽ bị liệt trong vòng hai hoặc ba tháng; còn ai đánh cô ta, người đó sẽ chết, chỉ sống sót được thêm hai ngày sau đó.

Khi nhìn thấy Grigori, một chàng trai trẻ và rất đẹp trai, mụ phù thủy vô đạo đã say mê anh và nảy sinh ý định dụ dỗ anh vào mối quan hệ đồi bại với mình. Hàng ngày, cô ta không chút xấu hổ bám theo anh ta, bất kể anh ta đi đâu, và cư xử khiêu khích trước mặt anh ta; nhờ sức mạnh của quỷ dữ, cô ta gieo rắc vào tâm trí anh ta những ý nghĩ ô uế về bản thân mình, còn vào ban đêm, cô ta khiến anh ta gặp những giấc mơ và hiện ra trước mặt anh ta trong những ảo ảnh khi ngủ với dáng vẻ trần trụi, khơi dậy trong anh ta dục vọng ô uế. Grigory rơi vào tình trạng bối rối tột độ, liên tục bị cuốn vào những cơn sóng dục vọng xác thịt; bởi vì trong khi người đàn bà đàng điếm đó rõ ràng đang dụ dỗ anh ta phạm tội bằng những hành động dâm đãng của mình, thì con quỷ lại âm thầm thổi bùng ngọn lửa dục vọng trong lòng anh ta. Và nếu như thánh Tử đạo đầu tiên Stephano và thánh Basil không giúp đỡ anh ta bằng những lời cầu nguyện của mình, thì chỉ cần thêm một chút thời gian nữa, anh ta sẽ khuất phục trước quyền lực của tội lỗi, và linh hồn anh ta sẽ rơi vào địa ngục. Như vậy, nhờ sự trợ giúp của các thánh nhân của Chúa, những người đã cầu nguyện cho anh ta, anh ta đã chiến đấu với những ý nghĩ dâm dục của mình ngày đêm; đôi khi anh ta kiệt sức trong cuộc chiến này, nhưng sau đó lại lấy lại sức mạnh và kiên quyết chống lại ham muốn ô uế, không chịu làm ô uế thân thể trinh trắng của mình, vốn chưa từng biết đến phụ nữ từ thuở còn rất trẻ. Nhiều lần, ông đã quyết tâm xua đuổi người đàn bà dâm đãng vô liêm sỉ đó khỏi mình, nhưng nỗi sợ hãi trở thành nạn nhân của sức mạnh ma thuật của cô ta – thứ mà cô ta dùng để gây ra bệnh tật – đã giữ chân ông lại. Và lúc đó, ông nhớ lại những lời của Thánh Basil, được nói với ông trong một giấc mơ:

– Hãy cẩn thận, đừng để bản thân phải chịu thêm đau khổ nào nữa.

Lời cảnh báo đó giờ đây đã hoàn toàn trở thành sự thật. Vì còn điều gì có thể nặng nề hơn đối với một người đàn ông trong sạch, ngoài nguy cơ mất đi sự trinh trắng của mình? Với mong muốn giữ gìn sự trong trắng và thà chịu chết ngàn lần còn hơn là đánh mất sự trinh tiết, Grigory cuối cùng đã quyết định thực hiện một hành động táo bạo: anh lao tới Meletinia với vẻ giận dữ và dùng cây gậy, cùng những lời lẽ sỉ nhục để xua đuổi con điếm vô liêm sỉ đó khỏi mình, đồng thời hét lên:

– Hỡi con gái vô liêm sỉ của Beelzebub![2641] Nếu ngươi còn dám lại gần ta, ta sẽ chém nát thân thể đồi bại của ngươi thành từng mảnh.

Kể từ đó, ả điếm đã rời bỏ Grigori, và cùng với ả, những ý nghĩ dâm dục cũng không còn quấy rầy ông nữa. Nhưng cùng lúc đó, ông lại rơi vào một tai họa khác. Nữ phù thủy vô liêm sỉ Meletinia, để trả thù Grigori vì đã làm nàng bẽ mặt, đã giáng xuống anh ta một căn bệnh tàn khốc, mà nếu không có Thánh Tử đạo đầu tiên Stefan và Thánh Basil hiện ra và chữa lành cho anh ta, thì chắc chắn anh ta đã chết rồi. Chính Grigori đã kể lại điều này như sau:

– Vào một ngày Chủ nhật, không lâu sau những sự việc đã kể, tôi (Grigori nói) đã đến nhà nguyện thánh George, vị đại tử đạo, nằm giữa vườn nho. Buổi sáng hôm đó trời rất nóng, và sau khi cầu nguyện xong, tôi nghỉ ngơi một chút bên nhà nguyện. Và rồi trong giấc mơ, tôi thấy một đám mây đen bốc mùi hôi thối ập đến, đổ xuống người tôi và cảm giác rất nặng nề cùng lạnh lẽo đến cực độ; từ đám mây ấy vang lên một giọng nói: "Hãy nhận lấy

[2641] Beelzebub – tức là Satan hay chúa tể của các quỷ (xem Mt 10:25; Mt 12:24; Mt 12:27; Mc 3:22; Lc 2:15, 18–19). Tên gọi này được người Do Thái mượn từ Beelzebul, một vị thần của người Phoenicia.

những gì Meletinia đã chuẩn bị cho ngươi." Sau đó, đám mây ấy xâm nhập vào cơ thể tôi. Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình bị mắc một căn bệnh dữ dội, và nhận ra rằng căn bệnh này do nữ phù thủy Meletinia nói trên giáng xuống tôi vì tôi đã chống lại ham muốn ô uế của bà ta. Tôi gắng gượng đứng dậy, lê bước về nhà, không còn sức để kìm nén những tiếng rên rỉ, rồi nằm xuống giường của mình. Ngày qua ngày, bệnh tình của tôi càng trở nên nặng nề hơn, và cái chết đã cận kề. Các cơ quan nội tạng của tôi đều bị thiêu đốt bởi ngọn lửa dữ dội, ngọn lửa ấy đang thiêu rụi thân thể tôi, giống như cách ngọn lửa thiêu rụi những cây sậy khô. Không còn sức chịu đựng cơn nóng, tôi đứng dậy và chạy đi, đứng dưới bóng cây để tìm chút mát mẻ, rồi lao xuống sông để dập tắt ngọn lửa đang cháy trong lòng bằng những dòng nước lạnh. Không ít lần tôi nghĩ đến việc tự tử và thường thốt lên:

– Ôi, đau khổ, đau khổ! Nếu lửa địa ngục là như thế này, thì thà con người đừng sinh ra còn hơn.

Tôi không thể nhận ra ai hay trò chuyện với ai, và đêm dài dường như kéo dài hơn bốn mươi năm.

Khi tôi kiệt sức hoàn toàn vì bệnh tật, tôi có cảm giác như đang nằm trong một đầm lầy, phần giữa rất sâu, còn hai bên – phía đông và phía tây – lại nhô cao. Đứng ở phía tây của đầm lầy, tôi bắt đầu từ từ trượt xuống vực thẳm không đáy. Trong nỗi sợ hãi, tôi nhớ lại những lời cầu nguyện của mình dành cho Thánh Tử đạo đầu tiên Stephanos và, thở dài nặng nề, tôi nói:

– Thánh Tử đạo đầu tiên ơi! Liệu ngài có nghe thấy lời con khi con cầu nguyện với ngài trong thánh đường của ngài, khi con rời khỏi Constantinople không? Này, con đang trượt xuống vực thẳm, và ngài sẽ không còn thấy con nữa – và con cũng không thể tiếp tục phụng sự ngài như trước đây, vì con đã đến gần cổng tử thần rồi.

Lúc đó, tôi nhìn về phía đông của vùng đầm lầy và thấy ở đó như một thế giới khác, không thể diễn tả bằng lời người phàm; từ đó, Thánh Tử đạo đầu tiên Stefan trong chiếc áo choàng màu đỏ tía đang bước về phía tôi và dịu dàng nói với tôi:

– Con cần gì, hỡi người yêu dấu, và tại sao con lại đau khổ? Con than phiền về ta; nhưng ta không có mặt ở đây, vì ta đang viếng thăm các thánh đường được dựng lên để tôn vinh ta, rải rác khắp vũ trụ; giờ đây ta đã đến đây và sẽ giúp con. Nhưng từ nay trở đi, hãy nhớ rằng những pháp sư vô đạo có thể gây hại cho con người, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời.

Lúc đó, tôi hỏi vị thánh:

– Vực thẳm nằm trước mặt tôi và những mép vực nhô cao kia có ý nghĩa gì? Vị thánh đáp:

– Phía tây của vực thẳm, nơi ngươi đang đứng, biểu thị sự cận kề của cái chết; còn vực thẳm mà ngươi thấy trước mặt, đó là cõi chết, nơi những người sắp chết phải vượt qua với vô vàn gian nan cho đến khi đến được xứ sở phía đông; khi đến đó, họ sẽ tìm thấy con đường mòn dẫn đến một thế giới khác, thế giới bên kia.

Nghe vậy, tôi lại hỏi vị thánh:

– Vậy thì, thưa ngài, tôi đã sắp chết rồi sao?

– Còn điều gì khác mà ngài có thể mong đợi khi đã được dẫn đến đây? – ngài trả lời tôi.

Lúc đó, tôi thở dài từ tận đáy lòng và khóc lóc nói:

– Không, thưa ngài, xin đừng để điều đó xảy ra với con, vì con vẫn chưa sẵn sàng để chết.

Sau những lời đó của tôi, vị thánh nắm lấy tay tôi, dẫn tôi qua vực thẳm, đặt tôi xuống phía đông của đầm lầy, trên một chỗ cao, và nói:

– Này, ngươi đã được cứu thoát khỏi vực thẳm của cái chết rồi.

Ngay lập tức, tôi thấy mình đang đi trong một khu vườn nào đó, đẹp đến kỳ diệu.

Nhưng vì bị bệnh nặng nên tôi đi lại rất khó khăn, vị thánh tử đạo đầu tiên, người toát ra một mùi hương rất dễ chịu, đã cho tôi tựa vào vai ngài và nói:

– Hãy ôm lấy lưng tôi bằng cả hai tay, tôi sẽ đỡ anh, và chúng ta sẽ cùng nhau đi tiếp.

Khi chúng tôi đang băng qua sân như vậy, tôi thấy những chiếc bình đá lớn, trắng như tuyết, mỗi chiếc chứa được một trăm, hai trăm và ba trăm đơn vị đo lường; chúng đều đầy ắp và được niêm phong. Tôi hỏi vị thánh:

– Sân này là của ai? Những chiếc bình này thuộc về ai và bên trong có gì? Vị thánh đáp:

– Tất cả những thứ này đều thuộc về Thánh Basil, vị cha thiêng liêng của ngươi. Còn trong các bình đó chứa dầu thánh, do chính Thiên Chúa ban cho ngài. Khi xức dầu cho những người tội lỗi đến với ngài, ngài thanh tẩy họ khỏi những vết nhơ và biến họ thành con cái của Thiên Chúa, vì ngài đã tiếp nhận sứ mệnh tông đồ và giải thoát nhiều linh hồn khỏi quyền lực của Satan.

Và tôi lại hỏi vị thánh:

– Chúng ta đang đi đâu vậy, thưa ngài?

– Đến gặp Thánh Vasil, – ngài đáp.

Khi chúng tôi chưa dứt cuộc trò chuyện, vị tu sĩ thánh thiện của tôi là Basilius bước ra từ một điện thờ kỳ diệu để đón chúng tôi. Vị thánh tử đạo đầu tiên quay sang ngài và nói:

– Sao ngài, thưa Cha Basil, lại bỏ mặc Grigory, đứa con yêu dấu của ngài, vào lúc khó khăn nhất đối với nó? Nếu tôi không xuất hiện để giúp đỡ nó, nó đã chết rồi. Vị thánh trả lời:

– Con đã thấy ngài đang ở bên cạnh nó, vị Tử đạo đầu tiên đáng kính, nên con không đến với nó. Giờ đây, nếu Chúa cho phép, chúng ta sẽ ban cho nó một ân sủng vĩ đại hơn cả những gì nó đã nhận được trước đây.

Sau những lời đó, các thánh cùng nhau đi, và tôi cũng theo sau. Chúng tôi đi đến một nơi rất u ám và thấy ở đó một con rắn rất to và đáng sợ. Vị thánh Basil nói:

– Con rắn này suýt nữa đã giết chết con trai tôi là Grigori.

Nói xong, ngài nhặt một hòn đá lớn, ném vào con rắn và giết chết nó. Sau đó, chúng tôi đến Constantinople, gần nhà thờ của Thánh Tử đạo đầu tiên, và nghe thấy từ bên trong nhà thờ vang lên những giọng hát rất du dương của các thiếu niên đang ngợi khen Chúa. Lúc đó, Thánh Tử đạo đầu tiên Stephen nói với tôi:

– Này, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, ngươi đã được lành lặn: giờ hãy vào nhà thờ và hát bài ca tạ ơn Đấng Tối Cao – Thiên Chúa, Đấng đã ban cho ngươi ân sủng vĩ đại.

Sau khi cúi đầu kính lễ các vị bảo trợ của mình, Thánh Tử đạo đầu tiên Stephano và Thánh Basil, tôi bước vào nhà thờ, cất tiếng hát:

– *"Chúa là ánh sáng và sự cứu rỗi của con: con còn sợ ai nữa?"* (Thánh vịnh 26:1).

Và tiếp tục hát toàn bộ Thánh vịnh cho đến hết.

Lúc đó, những chàng trai trẻ tuyệt đẹp ấy, khi nhìn thấy tôi, đã vui mừng và nói với tôi:

– Hãy đến đây, người yêu dấu của chúng tôi, hãy cùng chia sẻ niềm vui với chúng tôi.

Sau những lời ấy, ảo ảnh chấm dứt, và khi tôi tỉnh táo lại, tôi ngạc nhiên nhận ra mình đã khỏe mạnh. Sau khi ăn một chút, tôi nghỉ ngơi bằng giấc ngủ, rồi đứng dậy và bắt đầu đi lại. Một thời gian ngắn sau, khi đã hoàn toàn bình phục, tôi lên tàu và lên đường đến Tsargrad, kể cho mọi người nghe về những gì đã xảy ra với tôi, rằng nhờ những lời cầu nguyện của các thánh Stefan và Basil, tôi đã thoát khỏi cái chết.

Câu chuyện về bản thân của Grigori kết thúc tại đây.

Gần như cùng lúc với những sự kiện đã được kể, Thánh nữ Theodora, người từng phụng sự Thánh Basil và đã thọ giới tu sĩ, đã về với Chúa. Tất cả những người kính mến vị thánh nhân, khi biết tin này, đều cảm thấy buồn bã, vì người vợ thánh thiện ấy đã từng là người cầu thay cho tất cả những ai đến với vị thánh nhân trước mặt ngài. Bà đón tiếp mọi người với tình yêu thương, an ủi mọi người bằng những lời nói hiền lành, đầy lòng nhân ái, yêu mến Chúa Kitô và sống trong sự trong sạch, đồng thời tràn đầy sự khôn ngoan thiêng liêng. Grigori nảy sinh khao khát mãnh liệt muốn biết, sau khi qua đời, Theodora đang ở đâu: bên phải hay bên trái[2642] , cùng với những người công chính hay những kẻ tội lỗi, và liệu bà có được Chúa ban ân sủng hay sự an ủi nào đó vì sự phục vụ tận tụy của mình dành cho vị tu sĩ cao niên hay không. Suy ngẫm về điều này, anh thường cầu nguyện với Thánh Basil, xin ngài cho biết về linh hồn của Theodora đã an nghỉ, vì Grigory tin rằng vị thánh được Chúa yêu mến này biết rõ mọi điều về người đã khuất. Bị làm phiền bởi những lời thỉnh cầu liên tục, vị thánh tu sĩ già, không muốn làm con tinh thần của mình buồn lòng bằng lời từ chối, đã cầu nguyện với Chúa, xin Ngài bày tỏ cho Grigori trong một giấc mơ về số phận của linh hồn Theodora sau khi bà qua đời.

Trong đêm tiếp theo, Grigori đã được ân sủng nhìn thấy Thánh nữ Theodora trong một giấc mơ, tại một tu viện rực rỡ ánh sáng, nơi mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn cho Thánh Basil. Chính tại nơi ẩn tu này, được chiếu rọi bởi vinh quang thiên đàng và tràn ngập những ân huệ không thể diễn tả, Thánh nữ Theodora, nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh nhân của Chúa, đã được an nghỉ. Như vậy, người mà bà đã tận tụy và cần mẫn phụng sự trong thế gian này, chính tại nơi ẩn tu đó, bà đã được hưởng cuộc sống vĩnh hằng nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài. Khi nhìn thấy bà, Grigori đã vô cùng vui mừng và tận hưởng cuộc trò chuyện dài lâu với bà, như thể ông đang nói chuyện với bà trong thực tại vậy.

[2642] Bên phải – nói chung có nghĩa là vị trí danh dự. Trong Phúc Âm (Mt 25:32–46), vị trí bên phải của Đấng Phán Xét vĩnh cửu dành cho những người công chính, còn bên trái dành cho những kẻ tội lỗi. Như vậy, vị trí bên phải hay bên trái có nghĩa là sự xưng công chính hoặc sự kết án.

Grigori hỏi Theodora rằng bà đã rời bỏ thân xác như thế nào, đã trải qua những đau đớn khi lâm chung ra sao, đã thấy gì sau khi qua đời và đã vượt qua các linh hồn trên không trung như thế nào[2643] .

Cô bắt đầu kể lại cho anh những điều sau đây: – Con yêu Grigory! Con đang hỏi ta về một điều kinh hoàng, mà ngay cả việc nhớ lại cũng đã đủ khiến người ta rùng mình. Ta đã nhìn thấy những khuôn mặt mà trước đó cũng như sau này ta chưa từng thấy, nghe thấy những lời nói mà trước đó ta chưa từng nghe. Và ta sẽ kể cho con nghe điều gì đây? Lúc đó, tất cả những việc làm tàn ác và tội lỗi của ta đã hiện ra trước mặt ta, những điều mà ta đã từng quên lãng, nhưng nhờ những lời cầu nguyện và sự giúp đỡ của cha chúng ta, Thánh Basil, tất cả những điều đó đã không được tính vào tội lỗi của ta và không cản trở ta bước vào tu viện này. Và tôi sẽ nói với con điều gì, hỡi con yêu, về bệnh tật thể xác, về những đau khổ tột cùng mà những người sắp chết phải chịu đựng? Giống như khi ai đó bị ném vào ngọn lửa dữ dội, bị thiêu đốt, dường như tan chảy và hóa thành tro bụi, thì bệnh tật chết chóc cũng hủy diệt con người như vậy. Quả thật, cái chết thật tàn khốc đối với những kẻ tội lỗi như ta, vì ta nói thật với con rằng, chính ta cũng từng là kẻ làm những việc tội lỗi, còn những việc công chính của ta thì ta hoàn toàn không nhớ gì cả.

Khi tôi sắp kết thúc cuộc đời và giờ phút linh hồn lìa khỏi thân xác đã đến, tôi thấy vô số người Ê-ti-ô-pi[2644] đứng xung quanh giường bệnh của tôi; khuôn mặt họ đen như muội than và nhựa cây, đôi mắt bừng cháy như than hồng, và toàn bộ dáng vẻ của họ đáng sợ chẳng khác gì cảnh địa ngục lửa. Họ bắt đầu gây ra tiếng ồn và hỗn loạn: một số gầm rú như súc vật và thú dữ, số khác sủa như chó, một số lại hú như sói; trong khi đó, tất cả họ đều nhìn tôi với ánh mắt đầy giận dữ, đe dọa tôi, lao vào tôi, nghiến răng ken két, và muốn nuốt chửng tôi ngay lập tức. Họ còn chuẩn bị các văn bản[2645] như thể đang chờ đợi một vị thẩm phán nào đó sẽ đến đó, và mở ra các cuộn giấy[2646] , trên đó ghi chép tất cả những việc ác của tôi. Và linh hồn khốn khổ của tôi chìm trong nỗi sợ hãi và run rẩy tột độ. Lúc đó, tôi không chỉ phải chịu những cực hình của cái chết do linh hồn tách rời khỏi thân xác, mà còn phải chịu những đau khổ tột cùng khi chứng kiến những người Ethiopia đáng sợ ấy cùng cơn thịnh nộ khủng khiếp của họ; và điều đó đối với tôi như một cái chết khác, còn nặng nề và tàn khốc hơn. Tôi cố gắng quay ánh mắt đi chỗ này chỗ kia để không phải nhìn thấy những người Ê-ti-ô-pi đáng sợ ấy, cũng như không nghe thấy tiếng nói của họ – nhưng tôi không thể nào thoát khỏi họ được – vì ở khắp mọi nơi đều có vô số họ, và không có ai có thể giúp đỡ tôi.

Khi đã kiệt sức hoàn toàn vì những đau khổ ấy, bỗng nhiên tôi nhìn thấy hai Thiên thần rực rỡ của Chúa, những vị đã hiện ra trước mặt tôi dưới hình dáng những chàng trai trẻ tuyệt đẹp, vẻ đẹp của họ không thể nào diễn tả được. Khuôn mặt họ sáng hơn cả mặt trời, đôi mắt dịu dàng nhìn tôi, mái tóc trên đầu trắng như tuyết, xung quanh đầu tỏa ra ánh sáng vàng rực rỡ, y phục của họ lấp lánh như tia chớp và được thắt bằng những dải thắt lưng vàng hình chữ thập ngang ngực. Khi đến gần giường của tôi, họ đứng bên phải tôi, thì thầm trò chuyện với nhau. Nhìn thấy họ, tôi vui mừng và ngắm nhìn họ với lòng tràn đầy xúc động. Còn những người Ethiopia da đen, khi nhìn thấy họ, đã rùng mình và lùi xa ra. Rồi một chàng trai rạng rỡ bỗng nói với họ bằng giọng giận dữ:

– Hỡi những kẻ vô liêm sỉ, bị nguyền rủa, u ám và độc ác, những kẻ thù của loài người! Tại sao các ngươi luôn vội vã đến bên những người sắp chết trước khi họ ra đi, và bằng tiếng ồn ào vô liêm sỉ của mình, các ngươi làm kinh hãi và xáo trộn mọi linh hồn đang rời xa thân xác? Nhưng giờ đây, hãy chấm dứt niềm vui của các ngươi đi, vì ở đây các ngươi sẽ chẳng thu được gì cả. Các ngươi không có phần nào trong linh hồn này cả, bởi vì lòng thương xót của Đức Chúa Trời đang ở cùng nó.

Nghe những lời của chàng trai trẻ rạng rỡ ấy, những người Ê-ti-ô-pi lập tức xôn xao và bắt đầu la hét, chỉ ra những việc ác mà tôi đã làm từ thuở thiếu thời.

– Sao lại nói chúng tôi không có phần nào trong linh hồn ấy? Vậy những tội lỗi này là của ai? Chẳng phải chính cô ta đã làm điều này và điều kia sao?

Nói vậy, họ đứng đó chờ đợi cái chết.

Và rồi cái chết ập đến, gầm rú như sư tử; dáng vẻ của nó rất đáng sợ, nó có chút giống con người, nhưng hoàn toàn không có thân thể và chỉ được cấu thành từ những chiếc xương người trần trụi. Nó mang theo nhiều loại

---

[2643] Tất nhiên là những linh hồn ô uế đang đứng tại các trạm kiểm soát trên không. Về các trạm kiểm soát này, xin xem phần dưới đây.

[2644] Ban đầu, người Ê-thi-ô-pi là tên gọi của một dân tộc sinh sống ở phía đông nam Ai Cập, tại vùng đất tương ứng với Abyssinia ngày nay, và có đặc điểm là làn da đen. Sau này, các tác giả Kitô giáo bắt đầu dùng từ "Ê-thi-ô-pi" để chỉ những linh hồn u ám và đầy ác ý, thường được miêu tả trên các tác phẩm nghệ thuật nhà thờ dưới hình dạng những người da đen.

[2645] Charter – tờ giấy, mảnh giấy.

[2646] "Cuộn giấy" thường được dùng để chỉ một cuộn giấy da mỏng, dài, được viết đầy cả hai mặt; khi đọc, nó được từ từ mở ra, rồi lại cuộn lại như ban đầu.

dụng cụ tra tấn: gươm, tên, giáo, liềm, lưỡi hái, sừng sắt, cưa, rìu, búa[2647] và những dụng cụ khác không ai biết tên. Thấy tất cả những thứ đó, linh hồn khiêm nhường của tôi run rẩy vì sợ hãi; còn các Thiên thần thánh thiện thì nói với cái chết:

– Sao ngươi còn chần chừ? Hãy giải thoát linh hồn này khỏi xiềng xích xác thịt, hãy giải thoát nhanh chóng và nhẹ nhàng, vì nó không mang nhiều gánh nặng tội lỗi.

Ngay lập tức, Thần Chết tiến đến gần tôi, cầm lấy chiếc rìu, trước tiên chặt đứt đôi chân tôi, rồi đến đôi tay, sau đó bằng một dụng cụ khác, phá hủy tất cả các bộ phận còn lại của cơ thể tôi và tách rời các chi khỏi thân thể. Và tôi không còn tay, không còn chân, cả cơ thể tôi đã trở nên vô hồn. Cái Chết lại cầm dao chặt đứt đầu tôi, đến nỗi tôi không thể quay đầu được nữa, và cái đầu ấy trở nên xa lạ với tôi. Sau tất cả, Cái Chết pha một thứ dung dịch trong chén, đưa lên môi tôi và cho tôi uống. Dung dịch ấy đắng đến nỗi linh hồn tôi, không còn sức chịu đựng vị đắng, bỗng run rẩy và rời khỏi thân thể, như thể bị xé ra khỏi nó một cách bạo lực. Các Thiên thần thánh thiện lập tức đón nhận linh hồn ấy vào vòng tay của họ. Nhìn lại phía sau, tôi thấy thân thể mình nằm đó, vô hồn, vô cảm và bất động. Sau khi lột bỏ nó ra, như người ta cởi bỏ quần áo, tôi nhìn nó với sự ngạc nhiên vô cùng[2648] . Lúc đó, những con quỷ, hiện ra dưới hình dạng những người Ê-ti-ô-pi, vây quanh các Thiên thần đang giữ tôi, và bắt đầu la hét, chỉ vào những dòng chữ ghi lại tội lỗi của tôi:

– Linh hồn này mang vô số tội lỗi – vì vậy, hãy để nó trả lời trước mặt chúng ta.

Các Thiên thần Thánh lúc bấy giờ bắt đầu tìm kiếm những việc lành trong cuộc đời tôi và, nhờ ơn Chúa, nhờ ân sủng của Ngài mà tôi đã làm điều thiện, họ đã tìm thấy chúng. Họ đã gợi lại tất cả những điều tốt lành mà tôi đã làm – khi tôi bố thí cho người nghèo, khi tôi cho người đói ăn, hay cho người khát uống, hay cho người trần truồng mặc, hay đón người lữ hành về nhà và an ủi họ, hay phụng sự các thánh nhân – khi tôi thăm viếng người bệnh hay người bị giam cầm trong ngục tối và giúp đỡ họ; họ nhớ lại những lúc tôi hăng hái đến nhà thờ và cầu nguyện ở đó với lòng thành kính và sự ăn năn chân thành, lắng nghe chăm chú tiếng hát và việc đọc các lời cầu nguyện cùng thánh ca của nhà thờ, khi tôi mang hương trầm và nến hoặc bất kỳ lễ vật nào khác đến nhà thờ, hoặc đổ dầu gỗ vào các ngọn đèn để chúng tỏa sáng trước các bức tượng thánh, và với lòng kính cẩn, tôi hôn lên những bức tượng thánh thiêng liêng nhất: họ nhắc lại những lúc tôi sống tiết độ và khi tôi ăn chay vào các ngày thứ Tư và thứ Sáu cũng như trong mọi mùa chay thánh, và tôi đã thực hiện bao nhiêu lần cúi đầu và thức trắng bao nhiêu đêm cầu nguyện; chúng nhắc nhở tôi về cách tôi đã than khóc đầy ăn năn vì những tội lỗi của mình và đôi khi khóc suốt cả đêm vì chúng, về cách tôi xưng tội với Chúa và ăn năn chân thành trước cha linh hướng của mình, để sự ăn năn và sự hối cải từ đáy lòng của tôi đáp ứng được Sự Thật của Chúa; họ nhớ lại tất cả những điều tốt lành tôi đã làm cho những người lân cận, cách tôi không giận dữ với những kẻ thù địch chống lại mình, cách tôi kiên nhẫn chịu đựng mọi sự phiền toái và lời trách móc dành cho mình, không ghi nhớ điều ác và đáp lại điều ác bằng điều thiện, cách tôi khiêm nhường trước những lời công kích của người đời, cách tôi đau lòng và thương xót trước nỗi khổ của người khác, cách tôi giơ tay giúp đỡ ai đó hoặc hỗ trợ ai đó trong việc thiện, hoặc ngăn cản họ khỏi điều ác; họ nhớ lại rằng tôi đã tránh xa những điều phù phiếm, kiềm chế lưỡi mình khỏi lời thề, lời dối trá, lời vu khống và mọi lời nói vô nghĩa; tất cả những điều đó cùng mọi việc thiện nhỏ nhất của tôi đều được các Thiên thần thánh thiện thu thập lại, chuẩn bị đặt lên cán cân để so sánh với những việc ác của tôi. Còn những người Ê-thi-ô-pi, khi thấy điều đó, đã nghiến răng với tôi, muốn cướp tôi khỏi tay các Thiên thần và ném tôi xuống tận đáy địa ngục.

Lúc đó, cha thánh Basil của chúng ta bất ngờ xuất hiện tại đó và nói với các Thiên thần thánh:

– Các vị chủ tể của con, linh hồn này đã phụng sự con rất nhiều, chăm sóc con trong tuổi già: con đã cầu xin Thiên Chúa ban cho con linh hồn này, và Chúa đã ban cho con linh hồn này.

Nói xong, ngài lấy ra từ dưới áo mình một cái túi chứa đầy thứ gì đó (tôi nghĩ rằng trong đó là vàng ròng), và trao nó cho các Thiên thần thánh, đồng thời nói:

– Khi các ngài phải trải qua những thử thách trên không trung[2649] và các linh hồn xảo quyệt bắt đầu hành hạ linh hồn này, các ngài hãy dùng vật này để chuộc tội cho nó khỏi những nợ nần của nó. Nhờ ân sủng của Chúa,

---

[2647] Cái rìu – dụng cụ mộc, thuộc loại rìu và dao bào.

[2648] Mô tả về cái chết được trình bày ở đây rất sinh động và giàu hình ảnh, và tất nhiên, không nên hiểu theo nghĩa đen. Ở đây, những yếu tố giàu cảm xúc và hình ảnh thô mộc cần được hiểu, trong phạm vi khả năng của trí tuệ chúng ta, theo nghĩa huyền bí và tâm linh.

[2649] Các trạm kiểm soát – là những chốt kiểm soát hay trạm hải quan mà linh hồn người đã khuất phải đi qua trên hành trình hướng về Ngai Tòa của Đấng Phán Xét Thiên Đàng. Tại đó, các linh hồn ác độc đứng canh gác và thu của mỗi linh hồn, nếu phạm phải một tội lỗi cụ thể, một loại thuế hay tiền chuộc, đó là việc phải trình bày trước mặt chúng một việc thiện đối lập với tội lỗi đó. Tên gọi của các trạm thu thuế

tôi giàu có và đã tích lũy được nhiều kho tàng bằng công sức và mồ hôi của mình, – và giờ đây tôi tặng chiếc túi này cho linh hồn đã phục vụ tôi.

Sau những lời đó, ông rời đi. Những con quỷ xảo quyệt, khi thấy điều này, bỗng bối rối, rồi sau đó, làm vang dội không gian bằng tiếng khóc, chúng biến mất.

Trong khi đó, vị thánh nhân của Chúa là Vasilie lại đến và mang theo nhiều bình dầu tinh khiết cùng dầu thơm quý giá; mở từng bình một, ngài đổ dầu và dầu thơm lên người tôi, khiến tôi tràn ngập hương thơm thiêng liêng và đồng thời được biến đổi, trở thành một thực thể sáng ngời.

Thánh Vasilie lại nói với các Thiên thần thánh:

– Thưa các vị, sau khi hoàn tất mọi việc cần thiết cho linh hồn này, xin hãy dẫn nàng vào nơi cư ngụ mà Chúa đã chuẩn bị sẵn cho tôi, và để nàng ở lại đó.

Nói xong, vị thánh bỗng trở nên vô hình; còn các Thiên thần thì bế tôi lên và mang tôi bay qua không trung về phía đông[2650] .

Khi chúng tôi bay lên từ mặt đất đến độ cao trên trời, trước tiên chúng tôi gặp các linh hồn trên chặng thử thách đầu tiên, nơi người ta xét xử về những tội lỗi của lời nói, về mọi lời nói vô ích, chửi rủa, ngang ngược, và xấu xa. Tại đó, chúng tôi dừng lại, và các quỷ mang đến cho chúng tôi những cuộn giấy, trên đó ghi chép tất cả những lời nói bồng bột mà tôi đã thốt ra từ thuở thiếu thời – tất cả những điều tôi đã nói một cách thiếu suy nghĩ và xấu xa, đặc biệt là những lời nói phạm thượng và lố bịch mà tôi đã để mình thốt ra khi còn trẻ, như nhiều người khác thường làm. Tất cả những bài hát trần tục, vô liêm sỉ mà tôi từng hát, tất cả những lời thốt ra vô lễ của tôi, tất cả những lời nói bồng bột của tôi, và các quỷ dữ đã vạch trần tôi bằng tất cả những điều đó, chỉ ra thời gian, địa điểm và những người liên quan, khi nào, ở đâu và với ai tôi đã sa vào những cuộc trò chuyện phù phiếm và làm phật lòng Thiên Chúa bằng lời nói của mình, mà không coi đó là tội lỗi và cũng không xưng tội về điều đó trước cha linh hướng. Thấy tất cả những điều đó, tôi im lặng như người câm, vì không có gì để nói với những linh hồn xảo quyệt ấy: chúng vạch trần tôi một cách hoàn toàn công bằng, và tôi ngạc nhiên vì chúng không quên điều gì cả; bởi đã

---

và những người thu thuế được mượn từ lịch sử Do Thái. Ở người Do Thái, "người thu thuế" là những người được người La Mã chỉ định để thu thuế. Họ thường nhận quyền thu các khoản thuế này theo hình thức nhượng quyền và sử dụng mọi biện pháp có thể, thậm chí không ngần ngại tra tấn, để thu được lợi nhuận tối đa cho bản thân. Những người thu thuế đứng tại các trạm hải quan đặc biệt, hay các chốt kiểm soát, để thu thuế từ hàng hóa được vận chuyển qua. Các trạm kiểm soát này được gọi là "nhà thuế", "chốn thu thuế". Các nhà văn Kitô giáo đã chuyển tên gọi này sang chỉ những nơi diễn ra các hình thức tra tấn trên trời, nơi các linh hồn đang trên đường lên ngai vàng của Đấng Phán Xét Thiên Đàng bị các linh hồn ác quỷ giữ lại, cố gắng buộc tội họ về mọi loại tội lỗi và qua đó đẩy họ xuống địa ngục. Bản chất của giáo lý về các trạm thu thuế nằm trong lời dạy của Thánh Cyril thành Alexandria (qua đời năm 444) về sự ra đi của linh hồn, thường được đưa vào Sách Thánh Vịnh Theo Truyền Thống. "Khi linh hồn chúng ta tách rời khỏi thân xác," đoạn văn này viết, "một bên là các đạo binh và quyền năng trên trời, bên kia là các thế lực bóng tối, các quan cai quản các trạm thu thuế trên không, những kẻ tố cáo các việc làm của chúng ta, sẽ hiện ra trước mặt chúng ta. Khi nhìn thấy họ, linh hồn sẽ rùng mình, run rẩy, và trong sự hoang mang và kinh hoàng, sẽ tìm kiếm sự che chở từ các Thiên thần của Đức Chúa Trời; nhưng ngay cả khi được các Thiên thần đón nhận và dưới sự che chở của họ, khi bay qua không gian và vươn lên cao, linh hồn sẽ gặp phải những trạm kiểm soát khác nhau, những trạm này sẽ chặn đường vào Nước Trời, ngăn cản và kìm hãm khát vọng hướng về đó của linh hồn. Tại mỗi trạm kiểm soát này, linh hồn sẽ bị yêu cầu trình bày về những tội lỗi cụ thể... Mỗi dục vọng, mọi tội lỗi đều sẽ có những người thu thuế và những kẻ tra tấn riêng. Trong đó sẽ có sự hiện diện của các Thần Lực và đoàn thể các linh hồn ô uế; và giống như những Thần Lực, các linh hồn ô uế sẽ trình bày những đức tính của linh hồn trước phán quyết của Vị Thẩm Phán Vô Hình trong những nơi ở u ám của chúng. Như vậy, các chặng thử thách chẳng là gì khác ngoài một phiên tòa riêng tư, do chính Chúa vô hình thực hiện trên các linh hồn con người qua sự trung gian của các Thiên thần, đồng thời cho phép cả những kẻ vu khống anh em chúng ta (Khải Huyền 12:10), – tức là các linh hồn ác quỷ – một phiên tòa mà tại đó linh hồn được nhắc lại và mọi việc làm của nó được đánh giá một cách công bằng, và sau đó số phận của nó sẽ được định đoạt. Phiên tòa này được gọi là phiên tòa riêng biệt, khác với phiên tòa chung, sẽ được tiến hành đối với tất cả mọi người vào ngày tận thế, khi Con Người trở lại trần gian trong vinh quang của Ngài. Trong cuốn tiểu sử của Thánh Basil Mới, tất cả các chi tiết về phiên tòa riêng này tại các trạm thu thuế đã được miêu tả. Tuy nhiên, khi đọc tất cả những chi tiết này, chúng ta cần nhớ rằng: cũng như nói chung, trong việc miêu tả các đối tượng thuộc thế giới thiêng liêng dành cho chúng ta – những người mang thân xác phàm trần – không thể tránh khỏi những nét mang tính giác quan nhiều hay ít, thì cụ thể hơn, những nét đó cũng không thể tránh khỏi trong giáo lý chi tiết về các trạm kiểm soát mà linh hồn con người phải trải qua sau khi tách khỏi thân xác. Vì vậy, chúng ta cần ghi nhớ vững chắc lời dạy mà Thiên Thần đã truyền cho Thánh Macarius thành Alexandria (qua đời năm 391), khi bắt đầu nói với ngài về các chặng đường thử thách: "Hãy coi những điều trần thế ở đây như hình ảnh mờ nhạt nhất của những điều trên trời". Cần phải hình dung các chặng đường thử thách không theo nghĩa thô thiển, cảm tính, mà, trong chừng mực có thể, theo nghĩa thiêng liêng, và không nên bám víu vào những chi tiết cụ thể, vốn được các tác giả khác nhau và trong các truyền thuyết khác nhau của chính Giáo Hội trình bày khác nhau, dù ý tưởng cơ bản về các chặng đường thử thách vẫn thống nhất.

[2650] Trong Kinh Thánh, phương Đông được mô tả là xứ sở của ánh sáng, biểu tượng của vương quốc Đức Kitô, Đấng được gọi là Phương Đông từ trên cao, trong khi phương Tây là đồng nghĩa với vương quốc của bóng tối và u ám, vương quốc của Satan.

nhiều năm trôi qua kể từ khi tôi phạm phải tất cả những tội lỗi đó, và tôi đã quên chúng từ lâu, cũng chưa bao giờ nghĩ lại về những việc đã làm trong tâm trí mình; còn chúng thì lặp lại từng lời của tôi, như thể chúng vừa mới được tôi thốt ra, nhớ lại mọi chi tiết một cách tỉ mỉ và chính xác, đúng như những gì đã thực sự xảy ra. Và khi tôi im lặng vì xấu hổ, đồng thời run rẩy vì sợ hãi, các Thiên thần thánh thiện đã đưa ra những việc lành của tôi, được thực hiện trong những năm cuối đời, để đối trọng với những tội lỗi ấy; nhưng vì chúng không thể cân bằng được sức nặng của tội lỗi tôi, nên phần thiếu hụt đã được bù đắp bằng những ân huệ mà vị cha đáng kính của tôi, Thánh Basil, đã ban tặng. Nhờ vậy, họ đã chuộc tội cho tôi và đưa tôi lên cao hơn.

Tại đây, chúng tôi đến gần một trạm kiểm soát khác, được gọi là trạm kiểm soát của sự dối trá, nơi mọi lời nói dối đều bị tra tấn, đặc biệt là việc vi phạm lời thề, lạm dụng danh Chúa, làm chứng dối, vi phạm những lời hứa đã thề với Chúa, việc xưng tội không đầy đủ và những điều tương tự. Các linh hồn ở chốn trừng phạt này rất dữ dội và hung tợn – chúng tra hỏi tôi một cách rất kiên trì, không bỏ sót bất kỳ chi tiết nào. Và tôi đã bị chúng vạch trần hai tội lỗi: đó là đôi khi trong một số việc nhỏ nhặt, tôi đã cho phép mình nói dối mà không coi đó là tội lỗi, cũng như việc nhiều lần, vì xấu hổ về tội lỗi của mình, tôi đã xưng tội không trọn vẹn với cha linh hướng của mình. Còn về tội phạm thề và tội làm chứng dối, thì nhờ ân sủng của Chúa Kitô, tôi không mắc phải những tội lỗi này. Tuy nhiên, các quỷ dữ đã hân hoan vì những tội nói dối được tìm thấy trong tôi và đã định cướp tôi khỏi tay các Thiên thần đang dẫn dắt tôi, nhưng các Thiên thần ấy, bằng cách đặt một số việc lành của tôi để bù đắp cho những tội lỗi đó, và bù đắp phần thiếu hụt bằng ân sủng do Thánh Basil ban tặng, đã chuộc tôi ra và đưa tôi lên cao một cách suôn sẻ.

Sau đó, chúng tôi đến trạm thứ ba, được gọi là trạm của sự kết án và vu khống. Bị giữ lại ở đó, tôi thấy tội vu khống, bôi nhọ, phỉ báng ai đó, cũng như chế giễu những tật xấu của người khác mà quên đi tật xấu của chính mình, là nặng nề đến nhường nào. Tất cả những ai sa vào quyền lực của tội lỗi này đều bị các linh hồn ác quỷ tra tấn dã man, như những kẻ chống Chúa, đã đi trước quyền năng của Đấng Kitô – Đấng sẽ đến để phán xét loài người – và tự xưng mình là quan tòa của người lân cận, trong khi chính họ mới là những kẻ đáng bị lên án hơn. Nhưng trong tôi, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, người ta khó có thể tìm thấy bất kỳ điều gì thuộc về những tội lỗi ấy, vì tôi đã nghiêm khắc tự rèn luyện bản thân trong suốt những ngày tháng cuộc đời, luôn cẩn trọng để không lên án, không vu khống ai, không chế giễu ai, cũng không phỉ báng ai; và nếu thỉnh thoảng tôi phải nghe ai đó lên án người khác, thì tôi ít để ý đến người lên án ấy; còn nếu tôi góp thêm điều gì từ phía mình vào cuộc trò chuyện đó, thì chỉ là những điều không thể gây thêm tổn thương cho người lân cận, và ngay cả khi đó, tôi cũng lập tức dừng lại, tự trách mình vì điều nhỏ nhoi ấy. Tuy nhiên, ngay cả những lỗi lầm nhỏ nhặt ấy cũng bị những kẻ tra tấn quy kết là tội lỗi đối với tôi. Nhưng các Thiên thần thánh thiện đã chuộc tội cho tôi nhờ ân sủng từ Thánh Basil và bắt đầu cùng tôi bay lên cao hơn.

Và chúng tôi đã đến chặng thứ tư, được gọi là chặng của sự ham ăn. Những linh hồn ác độc của chặng này lập tức chạy ra đón chúng tôi, hân hoan như thể đã đạt được điều gì đó. Chúng trông vô cùng ghê tởm, thể hiện hết thảy sự ghê tởm của việc ham ăn và say xỉn; trong đó, một số cầm đĩa và chảo đựng thức ăn, số khác cầm chén và cốc đựng đồ uống – và tôi thấy rằng thức ăn và đồ uống ấy giống như phân thối hôi thối và chất thải bẩn thỉu. Còn những con quỷ cầm những thứ đó thì trông có vẻ no nê và say xỉn; chúng nhảy nhót với đủ loại tiếng kêu la và làm tất cả những điều mà những kẻ say xỉn và tiệc tùng thường làm, chửi rủa những linh hồn tội nhân bị dẫn đến trước mặt chúng. Chúng chặn đường chúng tôi và vây quanh chúng tôi như lũ chó, rồi ngay lập tức phơi bày tất cả những tội lỗi ăn uống quá độ trong quá khứ của tôi, khi tôi sa đà vào sự xa hoa trong ăn uống, ăn quá sức và không cần thiết, khi tôi, như một con heo, bắt đầu ăn sáng mà không cầu nguyện hay làm dấu thánh giá, hoặc khi đang ăn chay mà lại ngồi vào bàn ăn sớm hơn so với quy định của giáo luật. Họ cũng trình bày những chiếc chén và bình mà tôi đã say sưa, đắm chìm trong men rượu, và thậm chí còn chỉ ra số lượng chén đã uống, nói rằng:

– Cô ta đã uống bao nhiêu chén như vậy trong bữa tiệc này với những người kia; còn vào một thời điểm khác và ở một nơi khác, cô ta đã say mèm đến mức mất trí với bao nhiêu chén như vậy; hơn nữa, cô ta đã dự tiệc bao nhiêu lần trong tiếng sáo và các nhạc cụ khác, đắm chìm trong nhảy múa và ca hát, và sau những bữa tiệc như vậy, người ta phải vất vả mới đưa cô ta về nhà được; cô ta kiệt sức vì say xỉn vô độ.

Khi tưởng tượng ra tất cả những cuộc ăn chơi trác táng như vậy và những điều tương tự, lũ quỷ hân hoan và vui mừng, như thể chúng đã nắm chắc tôi trong tay, và đang chuẩn bị bắt giữ tôi để ném xuống đáy địa ngục. Còn tôi thì run rẩy khi thấy mình bị chúng vạch trần mà không biết trả lời thế nào. Nhưng các Thiên thần thánh

thiện, đã nhận được không ít từ những gì Thánh Basil ban tặng, đã nộp tiền chuộc thay cho tôi. Các quỷ dữ, khi thấy điều đó, đã hoảng loạn và kêu lên:

– Khốn khổ cho chúng ta, vì công lao của chúng ta đã tan thành mây khói, hy vọng của chúng ta đã tan biến.

Nói xong, chúng bắt đầu ném lên không trung những tờ giấy ghi chép tội lỗi của tôi. Còn tôi, khi chứng kiến cảnh đó, đã vui mừng và bình thản rời khỏi nơi đó. Khi cùng tôi bay lên cao hơn, các Thiên thần bắt đầu trò chuyện với nhau như sau:

– Quả thật, linh hồn này đã nhận được sự giúp đỡ to lớn từ vị thánh nhân của Chúa là Basil: nếu công lao và những lời cầu nguyện của ngài không giúp đỡ linh hồn này, thì linh hồn ấy đã phải chịu đựng nỗi khổ cực tột cùng khi vượt qua những thử thách trên không trung.

Lúc đó, lấy hết can đảm, tôi nói với các Thiên thần thánh:

– Thưa các vị, tôi nghĩ rằng không ai trong số những người đang sống trên trần gian biết được những gì đang diễn ra ở đây và điều gì đang chờ đợi một linh hồn tội lỗi sau khi chết.

Các Thiên thần thánh đã trả lời tôi:

– Chẳng phải các Kinh Thánh, vốn luôn được các linh mục đọc lên trong các nhà thờ thánh, đã làm chứng cho tất cả những gì diễn ra ở đây sao? Nhưng những ai say mê những điều phù phiếm trần gian lại coi thường tất cả những điều đó, coi việc ăn uống và say sưa hàng ngày là niềm vui duy nhất của cuộc đời: mỗi ngày họ ăn uống vô độ và say sưa, gạt bỏ sự kính sợ Đức Chúa Trời; và khi đặt dạ dày lên trên Đức Chúa Trời, họ hoàn toàn không nghĩ đến cuộc sống tương lai và không nhớ đến lời Đức Chúa Trời phán rằng: *"*Khốn cho các ngươi, những kẻ no nê ngày nay, vì các ngươi sẽ đói khát. *Khốn cho các ngươi, những kẻ đang cười vui ngày nay, vì các ngươi sẽ khóc lóc và than van"* (Lc 6:25). Họ thiếu đức tin khi cho rằng tất cả những gì được ghi chép trong Kinh Thánh đều là những câu chuyện ngụ ngôn, và họ coi thường những điều đã được chép, *"tổ chức tiệc tùng với tiếng trống"*[2651], giống như người giàu có trong Phúc Âm, *"và mỗi ngày họ đều tổ chức tiệc tùng hoành tráng"* (Lc 16:19). Tuy nhiên, những ai trong số họ có lòng thương xót đối với người nghèo, làm việc thiện cho người ăn xin và người khốn khó, và giúp đỡ những ai cần sự giúp đỡ, thì những người đó sẽ được Thiên Chúa tha thứ tội lỗi và vượt qua các thử thách một cách suôn sẻ nhờ lòng nhân ái của mình, vì Kinh Thánh thánh thiêng có chép: *"Lòng bác ái cứu người khỏi cái chết"* (Tô-bi-a 4:10). Như vậy, những ai thực hành lòng thương xót sẽ nhận được sự sống đời đời; còn những ai không cố gắng dùng lòng thương xót để tẩy sạch tội lỗi của mình, thì không thể tránh khỏi những thử thách này, và họ sẽ bị những người thu thuế u ám mà con đã thấy bắt đi; bằng cách khiến những linh hồn này phải chịu những cực hình tàn bạo, chúng đẩy họ xuống những nơi sâu thẳm nhất của địa ngục và giam giữ họ ở đó trong xiềng xích cho đến Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Đức Kitô. Ngươi cũng sẽ khó tránh khỏi số phận này nếu không được cứu chuộc nhờ ân sủng mà Thánh Basil đã ban cho ngươi.

Trong khi trò chuyện như vậy, chúng tôi đã đến trạm thứ năm, được gọi là trạm của sự lười biếng, nơi mà mọi ngày và giờ được dành cho sự nhàn rỗi đều bị xét xử, và những kẻ ăn bám, sống nhờ công sức của người khác mà bản thân không làm gì cả, cũng như những người làm thuê nhận tiền công mà không hoàn thành công việc một cách đúng đắn, đều bị tra tấn. Tại trạm kiểm soát này, những ai không ngợi khen Thiên Chúa và lười biếng không đến dự Thánh Lễ Sáng, Thánh Lễ và các nghi lễ khác của Thiên Chúa vào các ngày lễ và Chủ Nhật cũng phải chịu tra tấn. Tại đó, sự chán nản và sự lơ là đối với linh hồn mình cũng bị thử thách, và mọi biểu hiện của cả hai điều này đều bị trừng phạt nghiêm khắc, đến nỗi rất nhiều người thuộc cả giới thế tục lẫn giới tu sĩ đều bị đẩy từ nơi thử thách này xuống vực thẳm. Tại trạm kiểm soát này, tôi cũng đã phải trải qua nhiều thử thách, và tôi sẽ không thể thoát khỏi những nợ nần ở đó nếu sự thiếu thốn của tôi không được bù đắp bằng ân huệ do Thánh Basil ban tặng, nhờ đó tôi đã được chuộc tội và nhờ vậy mà được tự do.

Sau đó, chúng tôi đi qua chặng đường trừng phạt về tội trộm cắp. Tại đó, chúng tôi cũng bị chặn lại, nhưng sau khi dâng lên một chút, chúng tôi nhanh chóng vượt qua chặng đường ấy, vì trên người tôi không có tội trộm cắp nào, ngoại trừ một lỗi lầm nhỏ mà tôi đã phạm phải khi còn nhỏ do thiếu hiểu biết.

Từ đó, chúng tôi đến trạm thử thách về lòng tham tiền và sự keo kiệt, nhưng cũng nhanh chóng vượt qua. Bởi vì, nhờ ơn Chúa, tôi không ham muốn tích lũy nhiều của cải và không tham lam, mà chỉ hài lòng với những gì Chúa ban cho; tôi cũng không keo kiệt, mà luôn tận tâm chia sẻ những gì mình có cho những người cần giúp đỡ.

[2651] Tức là trong tiếng trống timpani và tiếng hát hợp xướng. Timpani là một loại nhạc cụ được gõ bằng dùi, tương tự như trống litavra và trống tay.

Khi leo lên cao hơn, chúng tôi gặp chốn thử thách của việc cho vay nặng lãi, nơi những kẻ tham lam và cướp bóc đủ loại, cũng như tất cả những ai cho vay nặng lãi và thu thập của cải bằng những phương tiện phi pháp, đều phải trải qua thử thách. Các linh hồn ác độc của trạm kiểm soát này, sau khi điều tra kỹ lưỡng mọi điều về tôi, không tìm thấy điều gì để buộc tội tôi, và vì cơn thịnh nộ, chúng nghiến răng vào tôi. Chúng tôi tiếp tục đi lên cao hơn, nhờ ơn Chúa Trời.

Sau đó, chúng tôi đến trạm kiểm soát của sự bất công, nơi tất cả các quan tòa bất chính – những kẻ nhận hối lộ, tha bổng cho kẻ có tội và kết án người vô tội – đều phải chịu tra tấn. Tại đó, những hành vi như giữ lại tiền công của người làm thuê, mọi sai phạm trong việc cân đo của thương nhân, và mọi sự bất công đều bị trừng phạt. Nhưng nhờ ân sủng của Chúa Kitô, chúng tôi đã đi qua trạm thu thuế đó mà không gặp trở ngại đáng kể nào, chỉ đưa cho những người thu thuế một ít tiền.

Chúng tôi cũng đã an toàn vượt qua trạm kiểm soát tiếp theo là trạm ghen tị, không phải nộp gì ở đó, vì tôi không ghen tị với ai cả. Tại trạm kiểm soát này, người ta cũng phải đối mặt với những tội lỗi như thù hận và oán hận, nhưng nhờ ân sủng của Chúa Kitô, tôi đã được chứng minh là vô tội ngay cả trong những tội lỗi đó. Thấy vậy, các quỷ dữ nổi giận và nghiến răng với tôi, nhưng tôi không sợ chúng và vui vẻ vươn lên cao hơn.

Cũng theo cách tương tự, tôi đã vượt qua chặng đường thử thách của sự kiêu ngạo, nơi những linh hồn kiêu ngạo truy cứu các tội lỗi như tự mãn, tự cao và tự tôn. Ở đó, người ta cũng được xét xử kỹ lưỡng xem liệu có ai đã tỏ ra thiếu tôn trọng và bất tuân đối với cha mẹ, hay các bậc trưởng lão được Thiên Chúa ban quyền, cũng như các tội lỗi khác liên quan đến kiêu ngạo và tự cao. Tại đó, chúng tôi chỉ phải chịu một phần rất nhỏ trong những gì Thánh Basil đã ban cho, và tôi đã được giải thoát.

Sau đó, chúng tôi đến trạm tra tấn của cơn giận dữ và sự phẫn nộ, nhưng ngay cả ở đó, dù những kẻ tra tấn trên không rất hung tợn, họ cũng không lấy được nhiều từ chúng tôi, và chúng tôi tiếp tục đi, vui mừng vì Chúa Trời, Đấng cứu rỗi linh hồn tội lỗi của tôi nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh cha thánh Basil của tôi.

Sau đó, chúng tôi đến chốn trừng phạt của sự thù hận, nơi những kẻ nuôi dưỡng lòng thù hận đối với người lân cận và trả thù ác bằng ác bị tra tấn không thương xót, rồi bị các linh hồn độc ác đẩy xuống Tartarus[2652] . Nhưng lòng thương xót của Đức Chúa Trời đã giúp đỡ tôi ngay cả ở đó; vì tôi không hề nuôi dưỡng lòng oán hận với ai, không ghi nhớ điều ác nào liên quan đến những rắc rối mà tôi phải chịu, mà đối với tất cả những ai thù địch với tôi, tôi đều giữ lòng không oán hận và bằng sức lực của mình, tôi thể hiện tình yêu thương đối với họ, dùng điều thiện để chiến thắng điều ác. Như vậy, trong chặng thử thách này, họ không tìm thấy tội ác nào do oán hận ở tôi, đến nỗi các quỷ dữ đã khóc lóc vì giận dữ, khi thấy linh hồn tôi tự do rời xa chúng; còn chúng tôi thì tiếp tục đi lên, hân hoan trong Chúa.

Khi leo lên cao hơn và cao hơn nữa, tôi hỏi các Thiên thần thánh đang dẫn đường cho tôi:

– Tôi khẩn cầu các ngài, các vị chủ tể của tôi, xin hãy cho tôi biết: làm sao các thế lực đáng sợ trên không lại biết được mọi việc ác của tất cả những người đang sống trên thế gian, chẳng hạn như những việc ác của tôi, và không chỉ những việc được thực hiện công khai, mà cả những việc được thực hiện trong bí mật nữa!

Và các Thiên thần thánh đã nói với tôi:

– Mỗi Kitô hữu, từ khi chịu phép Rửa tội thánh, đều nhận được từ Thiên Chúa một Thiên Thần Hộ Mệnh được ban cho mình, Đấng này, trong khi bảo vệ con người một cách vô hình, ngày đêm hướng dẫn họ làm mọi việc thiện trong suốt cuộc đời cho đến giây phút lâm chung, và ghi chép lại mọi việc thiện mà họ đã làm trong suốt cuộc đời, để nhờ đó, con người có thể nhận được ân sủng và phần thưởng vĩnh cửu từ Thiên Chúa trong Nước Trời. Tương tự như vậy, chúa tể bóng tối, kẻ muốn lôi kéo loài người vào con đường diệt vong của mình, cũng cử một trong những linh hồn xảo quyệt đến bên con người; linh hồn này, luôn bám theo con người, theo dõi mọi việc ác mà con người đã làm từ thuở thiếu thời, dùng mưu mô của mình cám dỗ con người phạm tội ác và ghi chép lại mọi điều ác mà con người đã gây ra. Sau đó, khi linh hồn đến các trạm kiểm soát, linh hồn xảo quyệt này sẽ ghi từng tội lỗi vào trạm kiểm soát tương ứng; chính vì vậy mà các quan kiểm soát trên không đều biết rõ mọi tội lỗi do con người gây ra. Và khi linh hồn của một con người nào đó tách khỏi thân xác và bắt đầu trở về với Đấng Tạo Hóa của mình tại các nơi ở trên trời, thì những linh hồn xảo quyệt đứng canh gác tại các trạm kiểm soát sẽ chặn đường nó

[2652] Tartarus – vực thẳm vô tận, vực thẳm địa ngục. Từ này được mượn từ các tác phẩm Hy Lạp, trong đó Tartarus được hiểu là vực thẳm dưới lòng đất, nơi không bao giờ được ánh mặt trời chiếu sáng hay sưởi ấm, và nơi cái lạnh hoành hành dữ dội. Đối với các tác giả Kitô giáo, từ này dùng để chỉ nơi có cái lạnh không thể chịu đựng nổi, nơi linh hồn những người tội lỗi sẽ bị gửi đến.

lại, chỉ ra tất cả những tội lỗi đã được ghi chép của nó. Nếu trong đó có nhiều việc thiện hơn tội lỗi, thì ma quỷ sẽ không thể giữ nó lại được. Còn nếu trong linh hồn ấy tội lỗi nhiều hơn việc lành, thì các quỷ dữ sẽ tạm thời giữ lại linh hồn ấy và giam cầm nó như trong ngục tối, nơi đó, theo sự cho phép của Thiên Chúa, chúng sẽ hành hạ linh hồn ấy cho đến khi linh hồn ấy nhận được sự chuộc tội từ những đau khổ đó, nhờ những lời cầu nguyện của Giáo Hội và qua việc bố thí được thực hiện để tưởng nhớ linh hồn ấy bởi những người thân cận của nó. Còn nếu có linh hồn nào quá tội lỗi và ghê tởm trước mặt Thiên Chúa, đến nỗi không còn chút hy vọng nào về sự cứu rỗi và phải đối mặt với sự hủy diệt vĩnh viễn, thì những linh hồn ấy sẽ ngay lập tức bị ma quỷ quăng xuống vực thẳm, nơi đã được chuẩn bị sẵn để chúng tự mình chịu những cực hình vĩnh viễn, và chúng sẽ giam giữ linh hồn đó trong vực thẳm này cho đến khi Chúa tái lâm, sau đó linh hồn ấy sẽ phải chịu đau khổ vĩnh viễn trong địa ngục lửa[2653] cùng với thân xác.

Cần lưu ý thêm rằng, chỉ những ai được soi sáng bởi đức tin và phép rửa thánh mới đi theo con đường này và chịu những hình phạt như vậy. Còn những kẻ ngoại đạo, người Saracen[2654] và tất cả những người theo tôn giáo khác nói chung thì không đi theo con đường này. Dù thân xác họ vẫn còn sống, nhưng linh hồn họ đã chết từ lâu, bị chôn vùi trong địa ngục; vì vậy, khi họ qua đời, các quỷ dữ lập tức, mà không cần thử thách lớn lao nào, chiếm lấy linh hồn họ như là tài sản thuộc về chúng, và kéo xuống vực thẳm địa ngục.

Khi các Thiên thần thông báo tất cả những điều này cho tôi, chúng tôi bước vào chốn thử thách về tội giết người, nơi không chỉ tội cướp bóc mà mọi vết thương, mọi cú đánh vào bất kỳ đâu – dù là vai hay đầu – cũng như mọi hành động tát hay xô đẩy trong cơn giận dữ đều bị xét xử. Tất cả những điều này đều được kiểm tra kỹ lưỡng tại địa ngục đó và được cân đo; nhưng chúng tôi đã an toàn vượt qua nó, chỉ phải nộp một khoản tiền chuộc nhỏ.

Chúng tôi cũng đã vượt qua trạm kiểm soát về bùa chú, đầu độc bằng các loại thảo dược bị yểm bùa và việc triệu hồi quỷ dữ nhằm mục đích phù phép. Các linh hồn tại trạm kiểm soát này trông giống như các loài bò sát bốn chân, bọ cạp[2655] , rắn, echidna[2656] và ếch, và dáng vẻ của chúng vô cùng đáng sợ và ghê tởm. Nhưng ở đó, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, không tìm thấy trên tôi bất kỳ tội lỗi nào, và chúng tôi lập tức đi qua nơi trừng phạt đó, không cho những người thu thuế độc ác bất cứ thứ gì. Trong cơn thịnh nộ, họ la hét với tôi và nói:

– Này, ngươi sẽ phải đến trạm thu thuế của tội dâm dục. Hãy xem ngươi sẽ trốn tránh nó thế nào?

Khi chúng tôi leo lên cao hơn, tôi hỏi các Thiên thần thánh đang dẫn đường cho tôi:

– Thưa các vị, liệu tất cả các Kitô hữu có phải trải qua những trạm kiểm soát này không, và liệu con người có thể vượt qua chúng mà không phải chịu bất kỳ sự tra tấn hay cực hình khủng khiếp nào không?

Các Thiên thần thánh đã trả lời tôi:

– Đối với các linh hồn trung thành, không có con đường nào khác dẫn lên thiên đàng, và tất cả đều phải đi qua con đường này, nhưng không phải ai cũng phải chịu những hình phạt như ngươi đã phải chịu, mà chỉ những kẻ tội lỗi giống như ngươi, những người đã xưng tội một cách không trọn vẹn trước cha linh hướng, vì xấu hổ về những việc làm trái luật của mình và che giấu nhiều điều trong số đó. Còn nếu ai đó thành tâm và chân thật, không giấu diếm điều gì, xưng thú mọi việc làm của mình và với lòng ăn năn sâu sắc, hối cải về mọi tội lỗi đã phạm, thì những tội lỗi của người ấy, nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa, sẽ được xóa bỏ một cách vô hình; và khi linh hồn người ấy đi qua những chặng đường thử thách, những kẻ tra tấn trên không, khi mở sổ sách của họ ra, sẽ không tìm thấy bất kỳ ghi chép nào về tội lỗi của linh hồn ấy và không thể gây hại gì cho nó, đến nỗi linh hồn ấy sẽ được thăng lên ngai ân sủng một cách suôn sẻ và trong niềm vui. Và nếu như ngươi đã thực hiện một cuộc xưng tội trọn vẹn và ăn năn về mọi tội lỗi của mình, thì ngươi đã không phải chịu những hình phạt khủng khiếp như vậy trên chặng đường trừng phạt. Nhưng giờ đây, điều đã cứu giúp ngươi là việc ngươi đã từ lâu ngừng phạm những tội chết và

[2653] Gehenna lửa – nơi chịu cực hình vĩnh viễn (Mt 10:28; Ga 8:6). Tên gọi này bắt nguồn từ các từ tiếng Do Thái, có nghĩa là thung lũng En-nom, gần Giê-ru-sa-lem, nơi trẻ em bị thiêu sống để tôn vinh thần Moloch (2 Vua 16:3–4). Sau khi Giô-si-a bãi bỏ nghi lễ hiến tế khủng khiếp này (4 Vua 23:10), thung lũng En-nôm trở thành nơi chất đống xác chết của những kẻ ác bị hành quyết, xác thối rữa và mọi thứ ô uế, và tất cả đều bị thiêu rụi. Chính vì vậy mà chúng ta gặp cụm từ "hỏa ngục Gehenna" (xem Mt 5:22, 29, 30; Mt 18:9; Mc 9:47).

[2654] Ban đầu, "Saracens" là tên gọi của một bộ tộc du mục cướp bóc thuộc người Bedouin Ả Rập, sau đó các nhà văn Kitô giáo đã mở rộng tên gọi này để chỉ chung tất cả người Ả Rập và người Hồi giáo nói chung.

[2655] Bọ cạp là loài động vật có hại, độc hại thuộc họ nhện; chúng sinh sống ở các nước nóng bức như châu Phi, Ấn Độ, Ba Tư, v.v. Những vết thương do chúng cắn gây ra những cơn đau đớn khủng khiếp và thường dẫn đến tử vong.

[2656] Echidna – loài rắn độc. Bị nó cắn rất nguy hiểm và trong hầu hết các trường hợp đều dẫn đến cái chết nhanh chóng và không thể tránh khỏi. Trong Kinh Thánh và các sách thánh khác, rắn nói chung được dùng làm biểu tượng cho những gì, theo bản chất, gây hại và dẫn đến sự diệt vong (Truyền Đạo 10:11; Châm Ngôn 23:31–33; Ma-thi-ơ 7:10).

đã sống những năm cuối đời một cách đạo đức; đặc biệt, những lời cầu nguyện của vị cha thánh Vasili của ngươi – người mà ngươi đã phụng sự lâu dài và tận tụy – đã giúp đỡ ngươi rất nhiều.

Trong khi trò chuyện như vậy, chúng tôi đã đến chốn địa ngục của tội dâm dục, nơi mọi hành vi dâm ô, mọi ý nghĩ và mơ mộng dâm dục, cũng như những cái chạm đầy đam mê và những cảm giác dục vọng đều bị trừng phạt. Vị chúa tể của trạm trừng phạt này đang ngự trên ngai vàng của mình, mặc bộ áo quần bẩn thỉu và hôi thối, vấy đầy bọt máu, và vô số quỷ dữ đứng xung quanh ngài. Khi thấy tôi bước đến gần họ, chúng rất ngạc nhiên, rồi sau đó, chúng đưa ra những bản ghi chép về những việc dâm dục của tôi, vạch trần tôi, chỉ ra tôi đã phạm tội với ai, khi nào và ở đâu trong thời trẻ của mình. Tôi không có gì để phản bác lại chúng, và run rẩy vì sợ hãi, tràn ngập sự xấu hổ. Lúc đó, các Thiên thần nói với lũ quỷ:

– Nhưng cô ấy đã nhiều năm không phạm tội dâm dục nữa, và trong những năm cuối đời, cô ấy đã sống một cuộc sống ăn chay, trong sạch và tiết chế.

Các quỷ đáp lại:

– Chúng tôi biết rằng cô ta đã từ bỏ tội dâm dục từ lâu, nhưng cô ta vẫn thuộc về chúng tôi, bởi vì cô ta chưa hoàn toàn và chưa thật lòng sám hối trước cha linh hướng về những tội lỗi đã phạm trước đây, đã giấu diếm nhiều điều với ngài; vì vậy, hoặc là các ngài hãy để cô ta lại cho chúng tôi, hoặc là các ngài hãy chuộc cô ta bằng những việc lành.

Các thiên thần đã dâng lên chúng nó nhiều việc lành của tôi và còn nhiều hơn nữa từ ân huệ của Thánh Basil, và ngay khi vừa thoát khỏi tai họa khủng khiếp ấy, tôi đã được đưa ra khỏi đó.

Sau đó, chúng tôi đến chốn trừng phạt dành cho tội ngoại tình, nơi những tội lỗi của những người sống trong hôn nhân nhưng không giữ lòng chung thủy, mà lại làm ô uế giường chiếu của mình, cũng như mọi hình thức bắt cóc trinh nữ nhằm mục đích làm hư hỏng họ và mọi hành vi cưỡng hiếp dâm dục đều bị trừng phạt. Tại đây, những người đã hiến dâng mình cho Chúa và thề sẽ giữ cuộc đời trong sự trong sạch và trinh tiết, nhưng sau đó lại không giữ được lời thề đó, cũng bị trừng phạt vì những sa ngã của họ. Tại chặng đường khổ nạn này, tôi cũng bị kết tội là kẻ ngoại tình và không có gì để bào chữa cho mình, đến nỗi những kẻ tra tấn vô nhân đạo, những linh hồn xấu xa và ô uế đã định cướp tôi khỏi tay các Thiên thần và ném tôi xuống đáy địa ngục. Nhưng các Thiên thần thánh thiện đã tranh luận với chúng và trình bày tất cả những nỗ lực và công đức sau này của tôi; và nhờ vậy, họ đã chuộc tội cho tôi bằng tất cả những việc lành còn lại của tôi, những việc mà họ đã dâng lên đó đến tận cùng, đồng thời cũng dâng lên rất nhiều ân huệ mà Thánh Basil đã ban tặng. Họ đã đặt tất cả những điều đó lên cán cân để cân với những tội lỗi của tôi, rồi đưa tôi đi tiếp.

Tại đó, chúng tôi đến gần trạm trừng phạt dành cho các tội lỗi của Sodom, nơi người ta trừng phạt những tội lỗi trái tự nhiên của nam và nữ, quan hệ đồng giới và loạn luân với động vật, loạn luân trong gia đình và những tội lỗi bí mật khác, mà ngay cả việc nhắc đến cũng khiến người ta phải xấu hổ. Chúa tể của trạm trừng phạt này có vẻ ngoài vô cùng xấu xí và ghê tởm, toàn thân phủ đầy mủ hôi thối; các thuộc hạ của ông ta cũng giống hệt ông ta về mọi mặt: mùi hôi thối của họ không thể chịu nổi, vẻ ngoài ghê tởm và đáng sợ, cơn thịnh nộ và sự hung ác vượt quá giới hạn. Khi nhìn thấy chúng tôi, họ vội vã chạy ra đón và vây quanh chúng tôi, nhưng nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, họ không tìm thấy ở tôi điều gì để có thể đưa ra xét xử trước tòa án của họ, nên họ đã xấu hổ bỏ chạy; còn chúng tôi thì vui mừng tiếp tục đi tiếp.

Khi leo lên cao hơn, các Thiên thần nói với tôi:

– Này, Theodora, con đã thấy những cực hình kinh hoàng và ghê tởm của những tội lỗi dâm dục. Hãy biết rằng rất ít linh hồn vượt qua những cực hình này một cách suôn sẻ, bởi vì thế gian đang chìm đắm trong tội lỗi[2657] , còn con người thì rất yếu đuối và từ thuở thiếu thời đã dễ sa vào những tội lỗi dâm dục. Rất ít, cực kỳ ít người có thể chế ngự được những dục vọng xác thịt của mình, và vì thế hiếm ai vượt qua được những cực hình này một cách tự do và suôn sẻ; ngược lại, có rất nhiều người, khi đến chặng đường này, lại bị hủy diệt tại đây, bởi vì những kẻ tra tấn các tội dâm dục bắt cóc những người ham mê dâm dục và ném họ xuống địa ngục, khiến họ phải chịu những cực hình tàn bạo nhất. Các chúa tể của những chặng đường tội lỗi này thậm chí còn tự hào nói: "Chính chúng tôi, hơn tất cả các chúa tể khác trên không trung, là những người làm tăng thêm số lượng những kẻ bị ném xuống đáy địa ngục, những người như thể trở thành họ hàng với chúng tôi, khi phải chịu chung số phận giống như chúng tôi". Vì vậy, Theodora, con hãy tạ ơn Chúa vì nhờ những lời cầu nguyện của vị cha thánh Vasili của con, con đã vượt

[2657] Cụm từ này được trích dẫn từ Thư thứ nhất của Thánh Gioan Tông đồ (1 Ga 5:19).

qua những nơi hành hình này và sẽ không còn phải chịu bất kỳ điều ác nào nữa, cũng như không còn biết đến nỗi sợ hãi.

Trong khi đó, chúng ta đã đến chặng thử thách của các tà thuyết, nơi những suy luận sai lầm về đức tin, sự ly khai khỏi tín điều Chính Thống, sự vô tín, những nghi ngờ về các chân lý của giáo lý do Thiên Chúa mặc khải, những lời phỉ báng thánh vật và những tội lỗi tương tự đang bị trừng phạt. Tôi đã vượt qua chặng đường này mà không gặp bất kỳ thử thách nào và đã ở rất gần cổng vào Nước Trời.

Cuối cùng, chúng tôi gặp phải những linh hồn độc ác của trạm thử thách cuối cùng, được gọi là trạm thử thách của sự tàn nhẫn. Những kẻ tra tấn ở trạm thử thách này vô cùng tàn nhẫn và hung dữ, nhưng đặc biệt hung dữ là vị chúa tể của chúng, người có vẻ mặt u ám và đau buồn, thở ra ngọn lửa của cơn thịnh nộ và sự vô nhân đạo. Tại chặng đường đó, những linh hồn thiếu lòng thương xót phải chịu thử thách mà không có chút lòng thương xót nào. Và nếu ai đó, dù có thực hiện nhiều việc thiện, luôn tuân giữ các ngày chay tịnh và cầu nguyện siêng năng, cũng như giữ gìn sự trong sạch không tì vết của mình, nhưng đồng thời lại tỏ ra vô nhân ái và đóng chặt trái tim mình trước người lân cận, thì người đó sẽ bị quăng xuống địa ngục từ đó và bị giam cầm trong vực thẳm, và như vậy chính bản thân họ cũng bị tước đoạt ân sủng[2658] . Nhưng nhờ ân sủng của Đức Kitô, chúng tôi đã vượt qua chặng đường gian nan này mà không gặp trở ngại đáng kể nào, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Basil, người đã ban cho chúng tôi nhiều ân huệ từ những việc lành của ngài để chuộc tội cho tôi.

Vậy là sau khi vượt qua tất cả những thử thách kinh hoàng, chúng tôi với niềm vui vô bờ đã tiến gần đến chính cổng Nước Trời. Cánh cổng ấy giống như một viên pha lê sáng chói, và từ đó tỏa ra một ánh sáng không thể diễn tả; tại cổng có những chàng trai rạng ngời ánh sáng, khi thấy tôi được các Thiên thần cõng trên tay, họ tràn ngập niềm vui, hân hoan vì tôi đã thoát khỏi những thử thách trên không, và với tình yêu thương, họ đón tiếp chúng tôi, dẫn chúng tôi qua cổng, vào bên trong Nước Trời. Và những gì tôi đã thấy và nghe ở đó, hỡi con Grigori, – Thánh nữ Theodora tiếp lời, – thật không thể kể lại chi tiết được! Tôi đã thấy rằng *"mắt người chưa từng thấy, tai người chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến"* (1 Cô-rinh-tô 2:9). Cuối cùng, tôi đã hiện diện trước ngai vinh quang của Đức Chúa Trời, được bao quanh bởi các Seraphim, các Cherubim và vô số thiên binh, luôn ca ngợi Chúa bằng những bài ca không thể diễn tả. Tại đó, tôi quỳ xuống và thờ lạy Đức Chúa Trời vô hình và vô danh. Các thiên binh cất lên bài ca du dương, ngợi khen lòng thương xót thiêng liêng của Đức Chúa Trời, mà không có tội lỗi nào của loài người có thể chiến thắng được. Từ ngai vinh quang của Đức Chúa Trời lúc bấy giờ, một tiếng nói vang lên, ra lệnh cho các Thiên thần thánh đang dẫn dắt tôi cho tôi thấy tất cả các nơi ở thiên đàng của các thánh và tất cả những cực hình của những kẻ có tội, rồi sau đó đưa tôi đến nơi ở của Thánh Basil. Các Thiên thần thánh đã dẫn tôi đi khắp nơi, đến nỗi tôi đã thấy vô số những ngôi làng và nơi cư ngụ tuyệt đẹp, tràn ngập vinh quang và ân sủng – những nơi cư ngụ đã được chuẩn bị sẵn cho những ai yêu mến Thiên Chúa. Tôi đã thấy ở đó các nơi ở của các Tông đồ, các Tiên tri, các vị Tử đạo, các vị Thánh tu sĩ và những nơi khác, đặc biệt dành cho từng bậc thánh nhân. Mỗi nơi ở đều có vẻ đẹp không thể tả xiết, về chiều rộng và chiều dài thì, tôi có thể nói, ngang bằng với Constantinople, nhưng lại nổi bật hơn hẳn về vẻ đẹp, với nhiều cung điện sáng ngời không do tay người tạo ra. Khắp nơi trong các tu viện ấy vang lên tiếng vui mừng và hân hoan thiêng liêng, và người ta có thể thấy khuôn mặt hân hoan của các vị công chính; khi nhìn thấy tôi, họ vui mừng vì sự cứu rỗi của tôi, đón tiếp tôi với tình yêu thương và hôn lên trán tôi, ca ngợi Chúa, Đấng đã giải thoát tôi khỏi những cái bẫy của kẻ thù. Sau khi kết thúc chuyến tham quan các nơi cư ngụ trên thiên đàng, tôi được đưa xuống địa ngục[2659] và chứng kiến những cực hình khủng khiếp và không thể chịu đựng nổi, vốn được dành sẵn cho những kẻ tội lỗi trong địa ngục. Khi chỉ cho tôi thấy những cảnh đó, các Thiên thần thánh đã nói với tôi:

– Hãy nhìn xem, Theodora, Chúa đã cứu ngươi khỏi những cực hình tàn nhẫn biết bao nhiêu, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Basil, vị thánh được Ngài yêu mến.

Khi đi vòng quanh các vực thẳm của địa ngục, tôi nghe và thấy tiếng khóc, tiếng thét và tiếng nức nở cay đắng của những người đang chịu những cực hình đó. Một số người trong số họ kêu lên: "Ôi, khốn khổ cho chúng tôi"; những người khác thở dài: "Ôi, thật là khổ sở cho chúng tôi!"; những người khác nữa thì nguyền rủa ngày sinh của chính mình.

[2658] Trích dẫn lời của Thánh Giacôbê: *"Sự phán xét không có lòng thương xót dành cho kẻ không tỏ lòng thương xót"* (Gc 2,13).

[2659] "Preispodny" – nghĩa là thấp, hèn hạ, dưới lòng đất. "Preispodny" của trái đất ám chỉ những vực thẳm của địa ngục, được hình dung là nằm dưới lòng đất, trái ngược với những nơi ở trên trời của thiên đàng.

Sau tất cả những điều đó, các Thiên thần dẫn đường đã đưa tôi đến tu viện của Thánh Basil, nơi mà anh đang thấy, và an trí tôi ở đây, đồng thời nói:

– Hiện nay, Thánh Basil đang tưởng nhớ đến con.

Và tôi hiểu rằng mình đã đến nơi an nghỉ này vào ngày thứ bốn mươi kể từ khi tôi lìa khỏi thân xác[2660] .

Tất cả những điều này, Thánh nữ Theodora đã kể lại cho Grigory trong một giấc mơ và cho anh ta thấy vẻ đẹp của tu viện nơi bà đang ở, cùng tất cả những của cải thiêng liêng của nó – được tích lũy qua bao công lao – và sau đó là của Thánh cha Vasili.

Tại đây, giấc mơ kết thúc. Khi giấc mơ chấm dứt, Grigori bừng tỉnh và suy ngẫm rất nhiều, ngạc nhiên trước những gì đã thấy và nghe được từ vị thánh nữ Theodora. Sáng hôm sau, anh đến gặp vị thánh Vasili để nhận lời chúc phúc thường lệ từ ngài. Vị thánh hỏi anh:

– Con Grigori ơi, đêm qua con đã ở đâu?

Còn anh, như thể không biết gì, đã trả lời:

– Con đã ngủ, thưa cha, trên giường của con.

Vị tu sĩ già nói:

– Ta biết rằng thân xác con đã nghỉ ngơi trên giường, nhưng linh hồn con lại ở một nơi khác. Hay là con đã quên những gì Thiên Chúa đã mặc khải cho con trong giấc mơ đêm qua? Con đã nhận được điều mà con khao khát bấy lâu: con đã thấy Theodora, nghe chính cô ấy kể về việc cô ấy đã sang thế giới bên kia, và con đã ở trong tu viện của ta, nơi nhờ ân sủng của Chúa Kitô, đã được chuẩn bị cho ta vì những công lao nhỏ bé của ta. Như vậy, con đã chiêm ngưỡng tất cả những gì con muốn biết.

Nghe những lời ấy, Grigori nhận ra rằng giấc mơ của mình không phải là ảo tưởng, mà là một sự mặc khải thực sự từ Thiên Chúa, được ban cho nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh; lúc đó, sau khi tạ ơn Thiên Chúa, ông đã cúi đầu kính lạy vị cha thiêng liêng của mình, rồi nhận được từ ngài những lời dạy dỗ phù hợp với hoàn cảnh.

Cũng chính Grigori, vào một thời điểm khác, do sự cho phép của Đức Chúa Trời, đã rơi vào một sự nghi ngờ nào đó về đức tin. Khi chăm chỉ đọc các sách Cựu Ước, ông nảy sinh ý nghĩ trong lòng rằng người Do Thái mới là những người tin đúng, và ông đã giữ ý nghĩ đó trong một thời gian khá dài. Nhận ra bằng linh hồn rằng Grigory đã sa vào cám dỗ, vị tu sĩ già có tầm nhìn xa trông rộng đã chỉ trích anh và, sau nhiều lời khuyên nhủ, lại cầu xin cho anh được sự mặc khải từ Đức Chúa Trời. Và thế là Grigori lại được chứng kiến một thị kiến kỳ diệu, trong đó trước đôi mắt tâm linh của ông hiện ra hình ảnh về việc thực hiện Ngày Phán Xét Lớn của Đức Chúa Trời. Ông thấy Đấng Phán Xét Vĩnh Cửu đang ngự trên ngai vàng, những người công chính đứng bên phải Đấng Phán Xét, và những kẻ tội lỗi đứng bên trái, đang bị phán xét theo các việc làm của họ. Ở đó có cả người Do Thái lẫn người ngoại đạo; hơn nữa, Grigori còn thấy những người Do Thái bị kết án cùng với người ngoại đạo và bị ném xuống địa ngục. Cùng với việc kết án những kẻ tội lỗi, Grigori cũng chứng kiến sự tôn vinh dành cho những người công chính, và sau này ngài đã mô tả tất cả những điều này một cách rất chi tiết. Mô tả này có thể tìm thấy trong "Velikая Chetiya-Meneya"[2661] , nơi miêu tả chi tiết cuộc đời của vị thánh cha Vasilii của chúng ta và tất cả những thị kiến của môn đệ ngài là Grigori; còn chúng ta thì cần kết thúc câu chuyện của mình, được trình bày dưới dạng tóm tắt.

Giữa những công lao và kỳ tích của một cuộc đời dài đằng đẵng, tràn ngập những phép lạ và lời tiên tri, vị thánh cha Vasili của chúng ta đã đến gần thời khắc về với Thiên đàng. Ngài qua đời khi đã ở tuổi xế chiều. Bởi vì ngài đã được đưa đến Constantinople khi đã ở độ tuổi khá cao, và tại Constantinople, ngài đã sống khoảng năm mươi năm – như vậy, tổng cộng ngài đã sống khoảng một trăm năm, và sau khi thời gian đó trôi qua, ngài đã bước vào cuộc sống vĩnh cửu, và "những năm tháng của Ngài sẽ không bao giờ chấm dứt" (Hê-bơ-rơ 1:12)[2662] . Thánh

---

[2660] Vào ngày thứ 40 sau khi linh hồn lìa khỏi thân xác, theo giáo lý của Giáo Hội, hành trình của linh hồn qua các chặng thử thách kết thúc và một phán quyết tạm thời được đưa ra đối với linh hồn đó; sau đó, linh hồn sẽ được an vị hoặc tại nơi vui sướng, hoặc tại nơi đau khổ, nơi mà linh hồn sẽ ở lại cho đến khi Chúa tái lâm xuống trần gian và Con Thiên Chúa đưa ra phán quyết cuối cùng đối với loài người.

[2661] Tất nhiên là các cuốn "Mineya-Chetyi" của Tổng Giám mục toàn Nga Makarii (1543–1564). Chúng được gọi là "Lớn" vì là bộ sưu tập đầy đủ các bài viết đa dạng về nội dung lịch sử và giáo huấn, được sắp xếp phù hợp với các ngày lễ và ngày tưởng niệm các thánh. "Mineya-Chetyi" của Thánh Dimitri Rostovsky ở nhiều chỗ là bản tóm tắt của câu chuyện được trình bày trong "Mineya-Chetyi Vĩ đại" của Makarii.

[2662] Cụm từ này được mượn từ Thư của Thánh Phaolô gửi cho người Do Thái, mặc dù trong đó những lời này đề cập đến Thiên Chúa và nói về sự vĩnh cửu của Ngài.

Basil đã được ân sủng để tiên kiến về cái chết của mình và đã báo trước điều đó cho môn đệ yêu quý của ngài là Grigori. Điều này xảy ra trong hoàn cảnh như sau.

Grigori có thói quen trong suốt Mùa Chay Thánh, ông tự giam mình trong nhà và không ra ngoài, dành thời gian để ăn chay và cầu nguyện, thực hiện vô số lần cúi đầu và thức trắng suốt các đêm. Và rồi một ngày nọ, khi Mùa Chay sắp đến, Grigori đến gặp vị thánh để, theo thông lệ, nhận lời chúc phúc từ ngài cho hành trình ăn chay sắp tới trong thời gian ẩn tu. Vị thánh, sau khi dạy dỗ anh trong một cuộc trò chuyện dài về linh hồn và ban cho anh lời chúc phúc, cuối cùng đã nói:

– Hãy đi đi, con yêu, hãy về nhà trong bình an; còn con sẽ không còn được nhìn thấy ta bằng đôi mắt xác thịt trong cuộc đời này nữa.

Và sau khi ôm lấy Grigori, vị thánh nhân đã hôn lên người cậu với tất cả tình yêu thương.

Grigori quỳ sấp xuống dưới chân vị thánh, làm ướt đôi chân ấy bằng nước mắt của mình, khóc lóc thảm thiết vì phải chia ly với ngài; sau đó, cậu trở về nhà và, như thường lệ, tự giam mình trong suốt mùa chay. Còn vị thánh Vasili, vào tuần giữa Mùa Chay[2663] , ngày 25 tháng 3, đúng vào ngày Lễ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh, đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa[2664] ; còn thi thể đáng kính của ngài được an táng tại tu viện các thánh tử đạo Flora và Lavra.

Sau đó, một người đàn ông đạo đức sống tại Constantinople đã có một thị kiến. Ông thấy một ngôi nhà vĩ đại và tuyệt đẹp, cổng vào được trang trí bằng vàng và đá quý, và phía trên cổng có dòng chữ ghi: "Nơi an nghỉ vĩnh cửu của Thánh Basil Mới". Sau khi đọc dòng chữ đó, người đàn ông ấy không khỏi ngạc nhiên trước vẻ đẹp của tòa nhà. Lúc đó, một chàng trai trẻ tuấn tú bước ra từ trong đó và nói với người đàn ông sùng đạo ở Tsargrad:

– Sao ngươi lại ngạc nhiên như vậy! Ngươi sẽ thấy một điều còn kỳ diệu hơn nữa.

Nói xong, chàng mở cánh cổng tòa nhà, và trước mắt người đàn ông ngạc nhiên ấy hiện ra những đại sảnh vô cùng cao vút và tuyệt đẹp, vẻ đẹp của chúng vượt xa mọi điều có thể tưởng tượng. Trong một trong những đại sảnh ấy, ông thấy Thánh Vasili đang ngự trên ngai vàng hoàng gia giữa vinh quang rực rỡ, được bao quanh bởi nhiều vị thánh nhân và các thiếu niên sáng ngời. Ở đó còn có những khu vườn tuyệt đẹp, tràn ngập mọi điều có thể làm vui lòng và an ủi trái tim con người. Lúc đó, một tiếng nói vang lên từ bên trong: "Đây là phần thưởng mà tất cả những ai yêu mến Thiên Chúa và tận tâm phụng sự Ngài sẽ nhận được sau khi qua đời."

Người đàn ông ấy đã kể lại thị kiến này cho nhiều người, và tất cả những ai nghe thấy đều ngợi khen Thiên Chúa, đồng thời tôn kính kỷ niệm của vị thánh nhân của Thiên Chúa, vị cha đáng kính của chúng ta là Thánh Basilius Mới.

Xin cho chúng ta cũng được hưởng phần thưởng dành cho những ai yêu mến Thiên Chúa, nhờ lời cầu nguyện của Thánh Vasil, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ngợi khen muôn đời. Amen.

Ngày 9 tháng 4

Ngày 27 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta Gioan Người Thấu Thị, vị ẩn sĩ và người sống ẩn dật ở Ai Cập

Ngày tưởng niệm 27 tháng 3

Tại thành phố Lycopolis[2665] ở Ai Cập, có một người đàn ông tên là Gioan, từ thuở thiếu thời đã làm nghề thợ mộc. Khi Gioan tròn hai mươi lăm tuổi, ngài quyết định từ bỏ đời sống trần thế; sau đó, trong mười lăm năm,

---

[2663] Tuần giữa Mùa Chay được gọi trong Hiến chương Giáo hội là tuần thứ tư của Mùa Chay, tuần này còn được gọi là "tuần thờ lạy Thánh Giá".

[2664] Thánh Basil Mới đã qua đời vào thời trị vì của Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus, vào khoảng giữa thế kỷ X.

[2665] Lykopolis là một trong những thành phố cổ xưa nhất của Trung Ai Cập. Thực ra, tên gọi của Lykopolis trong thời cổ đại, cũng như hiện nay, là Siut. Siut là thành phố thiêng liêng của người Ai Cập cổ đại. Các vị thần Ai Cập Anubis và Wepuat – những vị thần bảo trợ

ngài đã tu hành trong các công việc tu viện tại nhiều tu viện khác nhau; rồi, để tìm một nơi hẻo lánh cho đời sống ẩn dật, ngài đã lên ngọn núi có tên là Volcheya, nằm không xa Likopol. Tại đây, ngài đã xây dựng cho mình ba căn phòng nhỏ chung một mái, nằm sát nhau, và tự giam mình trong đó để thực hành việc ăn chay và cầu nguyện; trong đó, ngài cầu nguyện ở một phòng, làm thủ công ở phòng khác, còn phòng thứ ba dùng để ăn uống và ngủ nghỉ. Trong sự ẩn dật như vậy, vị thánh đã sống suốt năm mươi năm, cho đến tận cuối đời, không bao giờ bước ra khỏi phòng tu, mà chỉ nhận thức ăn và trò chuyện với những người đến thăm qua ô cửa sổ nhỏ.

Khi Thánh Gioan đã ở trong nơi ẩn dật này được ba mươi năm, ngài được Chúa ban cho ân sủng tiên tri. Thánh nhân đã tiên tri rất nhiều điều cho Hoàng đế Theodosius – cụ thể là ngài sẽ đánh bại Maxim, kẻ bách hại Kitô hữu, và chiếm lĩnh Gaul[2666] , rằng ngài cũng sẽ đánh bại Eugenius, kẻ bách hại Kitô hữu, rồi sau đó kết thúc cuộc đời và truyền ngôi cho các con trai của mình. Nhờ sự sáng suốt như vậy của vị thánh, danh tiếng của ngài lan rộng khắp nơi như một vị thánh nhân, và chính Hoàng đế Theodosius cũng tôn kính ngài như một nhà tiên tri.

Khi Thánh Gioan mới bắt đầu cuộc sống ẩn tu, có một vị tướng quân đến gặp ngài và hỏi liệu ngài có đánh bại được quân Ethiopia đang tiến đến thành Siena hay không[2667] . Thánh Gioan đã ra lệnh cho ông ta hãy dũng cảm tiến đánh quân Ethiopia và nói rằng ông ta sẽ chiến thắng họ và được nhà vua ban thưởng những vinh dự vì điều đó. Mọi việc đã diễn ra đúng như lời tiên tri của Thánh Gioan. Sau sự kiện đó, nhà vua đã biết đến vị thánh và mỗi khi chuẩn bị ra trận chống lại kẻ thù, ngài đều xin vị thánh cầu nguyện và tiên tri về sự thành công của cuộc chinh phạt.

Thánh Gioan được ban ân sủng tiên tri vĩ đại, như các vị cha đã từng tu hành cùng ngài đã thuật lại (theo lời ghi chú của Palladius[2668] , người ghi chép tiểu sử của vị thánh); cuộc đời thánh thiện, tràn đầy đức hạnh của các vị cha này khiến chúng ta tin tưởng vào sự thật trong lời nói của họ. Dưới đây là một vài ví dụ về khả năng thấu thị kỳ diệu của vị thánh.

Một quan tribune[2669] , khi đến gặp vị thánh, đã xin phép được đưa vợ mình đến gặp ngài, vì bà rất mong được gặp ngài. Thánh Gioan không đồng ý với điều này, vì ngài không muốn gặp phụ nữ cũng như không muốn bị phụ nữ nhìn thấy, bởi ngay cả khi trò chuyện với nam giới, ngài cũng chỉ nói chuyện qua một ô cửa sổ nhỏ. Nhưng khi vị quan này nài nỉ thánh nhân một cách dai dẳng và không ngừng nghỉ, thì thánh nhân, nhìn thấy lòng tin của vợ ông, đã hứa sẽ hiện ra với bà trong một giấc mơ, và nói với vị quan:

– Đêm nay tôi sẽ hiện ra với bà ấy, để bà ấy không còn nài nỉ tôi hiện ra trước mắt bà ấy nữa.

Vị quan đã truyền lại lời của vị thánh cho vợ mình.

Quả thực, đêm đó, vợ của quan tribune đã thấy vị thánh trong giấc mơ; ngài bước đến gần bà và nói:

– *"Chuyện gì giữa tôi và chị, hỡi người vợ?"* (Ga 2,4). Tại sao chị lại muốn nhìn thấy khuôn mặt tôi? Chẳng lẽ tôi là nhà tiên tri sao? Chẳng lẽ tôi là người thánh thiện sao? Tôi là một người tội lỗi, cũng giống như mọi người khác. Nhưng tôi đã khẩn cầu Thiên Chúa để mọi sự được thực hiện theo đức tin của chị và đức tin của chồng chị.

Nói xong, vị thánh rời khỏi người phụ nữ ấy.

Khi vợ của quan tribune tỉnh dậy, bà đã kể lại cho chồng nghe những lời vị thánh đã nói với bà trong giấc mơ, mô tả khuôn mặt và trang phục của vị thánh cho chồng nghe, rồi xin chồng cảm ơn vị thánh vì ân huệ mà ngài đã ban cho bà. Khi chồng của người phụ nữ ấy đến phòng tu của vị thánh, anh ta chưa kịp nói với vị thánh một lời nào thì vị thánh đã nói với anh ta:

– Này, ta đã đáp ứng lời thỉnh cầu của ngươi và hiện ra trong giấc mơ của vợ ngươi, để nàng không còn nài nỉ ta hiện ra trước mắt xác thịt của nàng nữa.

---

của thành phố này – được miêu tả ở đây với đầu chó sói; chính vì lý do này mà người Hy Lạp đã gọi thành phố này là Lycopolis (tiếng Hy Lạp có nghĩa là "sói" hoặc "chó sói"). Trong thời cổ đại, Siut là một trung tâm chính trị và thương mại quan trọng (thành phố này nằm trên bờ trái sông Nile). Đạo Cơ Đốc đã du nhập vào đây vào thế kỷ III. Hiện nay, Siut là một trong những thành phố sôi động nhất của Ai Cập với dân số lên tới 30.000 người.

[2666] Gaul – tức nước Pháp ngày nay – là quốc gia được bao bọc bởi Biển Địa Trung Hải, dãy núi Pyrenees, Đại Tây Dương, sông Rhine và dãy núi Alps.

[2667] Thành phố Siena nằm không xa Lycopolis và tọa lạc trên bờ đông sông Nile. Thành phố này nổi tiếng từ thời cổ đại là nơi có những mỏ đá hoa cương khổng lồ. Hiện nay, Siena mang tên Aswan và có 4.000 cư dân.

[2668] Palladius, người cùng thời với John the Clear-Sighted, đã để lại cho chúng ta những mô tả về cuộc đời của nhiều vị tu sĩ trong tác phẩm của ông: "προς Λαυσον Ιστορια" (Lavsaik).

[2669] Tribune – chỉ huy quân sự, cụ thể là người đứng đầu một tribune (tribus) – một nhóm hoặc đơn vị của quân đội La Mã.

Một lần khác, có một vị tướng quân, vợ ông đang mang thai và sắp đến ngày sinh, đã đến gặp Thánh Gioan và xin ngài cầu nguyện cho ông và vợ ông. Đúng lúc vị tướng quân đến gặp vị thánh, vợ ông đang phải chịu những cơn đau đớn dữ dội vì chuyển dạ và đã gần như lâm vào cõi chết. Thánh Gioan bèn nói với người ấy:

– Nếu ngươi biết được ân sủng của Thiên Chúa, Đấng ban cho ngươi một đứa con trai, thì ngươi đã ngợi khen Thiên Chúa rồi, nhưng mẹ của đứa trẻ đang cận kề cái chết. Khi rời khỏi đây, ngươi sẽ thấy đứa trẻ đã được bảy ngày tuổi[2670] . Hãy đặt tên cho nó là Gioan và khi nó tròn bảy tuổi, hãy gửi nó vào sa mạc với các tu sĩ để tu hành.

Thánh Gioan đã đưa ra những lời tiên tri như vậy và những lời tương tự cho nhiều người đến gặp ngài từ những nơi xa xôi. Tương tự như vậy, vị thánh cũng đã tiên tri nhiều điều sẽ xảy ra trong tương lai cho chính những người đồng hương của ngài, cư dân thành phố Lycopolis, những người thường xuyên đến gặp ngài để tìm kiếm sự an ủi cho tâm hồn. Ngài tiết lộ cho họ cả những điều sẽ xảy ra trong tương lai lẫn những việc mà ai đó đã làm một cách bí mật, không cho người khác biết. Thánh Giăng đã tiên tri, chẳng hạn, về việc sông Nile tràn bờ[2671] , về những năm mùa màng bội thu; cũng như vậy, ngài đã tiên tri về những sự trừng phạt của Thiên Chúa sắp xảy ra và lên án những kẻ đã gây ra cơn thịnh nộ của Thiên Chúa cho đất nước bằng những tội lỗi của họ.

Mặc dù Thánh Gioan không tự mình thực hiện các phép chữa lành, nhưng ngài đã ban cho những người bệnh dầu thánh; khi được xức dầu này, họ được chữa lành khỏi các bệnh tật của mình. Chẳng hạn, vợ của một thượng nghị sĩ La Mã, người đã mất thị lực và có đục thủy tinh thể ở mắt, đã xin chồng đưa mình đến gặp vị thánh để được chữa lành. Nhưng người chồng nói với bà rằng chưa có người phụ nữ nào đến gặp Thánh Gioan và rằng phụ nữ nói chung không được phép gặp Thánh Gioan. Tuy nhiên, người phụ nữ ấy vẫn nài nỉ chồng ít nhất hãy chuyển lời thỉnh cầu của bà đến Thánh Gioan, xin ngài cầu nguyện với Thiên Chúa cho bà. Người chồng đã làm theo lời thỉnh cầu của vợ. Sau đó, Thánh Gioan đã gửi cho người phụ nữ ấy một ít dầu thánh, và bà đã dùng dầu đó xức lên mắt mình ba lần mỗi ngày. Đến ngày thứ ba, người phụ nữ ấy đã nhìn thấy lại và ngợi khen Thiên Chúa.

Tại sa mạc Nitria[2672] có bảy vị ẩn sĩ; đó là tôi (người thuật lại cuộc đời của Thánh Gioan – Palladius) cùng các môn đệ của Evagrius, Alvianus và Ammon. Tất cả họ đều mong muốn tìm hiểu kỹ hơn về cuộc đời đạo đức của Thánh Gioan, trong đó Evagrius đã nói:

– Tôi sẽ đi trước và tìm hiểu từ ai đó về cuộc đời của Thánh Gioan. Nhưng nếu không tìm hiểu được gì về ngài, thì tôi sẽ không đi xa hơn núi Lykopolis.

Nghe vậy, – Palladius kể lại, – tôi nghỉ ngơi một ngày, rồi ngày hôm sau, không nói gì với ai, phó thác cho Chúa, tôi lên đường đến Fivaida[2673] . Khi tôi đến ngọn núi và am của Thánh Gioan, các môn đệ của ngài nói với tôi rằng từ Chủ nhật đến Thứ bảy, vị thánh không tiếp ai đến trò chuyện. Vì vậy, tôi đành phải chờ đến thứ Bảy. Vào thứ Bảy, lúc hai giờ chiều, tôi đến phòng tu của vị thánh và thấy ngài đang ngồi bên cửa sổ, trò chuyện với những người đến thăm. Sau khi chào hỏi tôi, vị thánh đã hỏi tôi qua một trong các đệ tử của ngài:

– Anh đến từ đâu và vì lý do gì? Tôi nghĩ rằng anh đến từ tu viện Evagrius.

Trong lúc chúng tôi đang trò chuyện, một vị tướng quân của đất nước đó tên là Alimpiy đã đến gặp vị thánh; Thánh Gioan ngắt lời cuộc trò chuyện với tôi, và tôi lùi lại một chút để không cản trở cuộc trò chuyện của ngài với vị tướng quân. Do vị thánh nhân trò chuyện với vị tướng quân khá lâu, tôi cảm thấy bị xúc phạm và trong lòng bắt đầu lên án vị trưởng lão chính trực, người đã coi thường tôi để tỏ lòng kính trọng với vị tướng quân. Khi sự thiếu kiên nhẫn đã lên đến đỉnh điểm, tôi đã định rời khỏi vị thánh nhân mà không chào tạm biệt. Nhưng Thánh Gioan, hiểu được ý nghĩ của tôi, đã gọi một môn đệ của ngài tên là Theodor đến và nói với anh ta:

– Hãy đi nói với anh em kia rằng đừng giận, vì bây giờ tôi sẽ tiễn vị tướng quân và trò chuyện với ông ấy.

Khi những lời này được truyền lại cho tôi, tôi vô cùng ngạc nhiên vì Thánh Giăng đã biết được suy nghĩ của tôi và tin chắc rằng ngài là một vị thánh có khả năng thấu thị.

Khi vị tướng rời khỏi Thánh Gioan, ngài gọi tôi lại và nói:

– Tại sao ngươi lại giận ta? Chẳng lẽ ngươi đã thấy ở ta điều gì xúc phạm đến ngươi sao? Tại sao ngươi lại nghĩ về ta những điều mà cả ta lẫn ngươi đều không nên có trong tâm trí? Chẳng lẽ ngươi chưa đọc lời được chép

---

[2670] Rõ ràng là phải mất bảy ngày đường từ nơi ở của vị tướng quân đến tu viện của Thánh Gioan.

[2671] Sông Nile thỉnh thoảng tràn bờ và ngập lụt Ai Cập, điều này rất quan trọng đối với người Ai Cập làm nông nghiệp, vì nước lũ là nguồn tưới tiêu chính, nếu không muốn nói là duy nhất, cho đất đai.

[2672] Sa mạc này nằm ở Hạ Ai Cập.

[2673] Thung lũng Thebaid nằm ở Trung Ai Cập.

trong Thánh Kinh: *"Không phải người khỏe mạnh cần bác sĩ, mà là người bệnh"* (Mt 9,12). Ta có thể tìm thấy con bất cứ lúc nào ta muốn; và con cũng sẽ tìm thấy ta bất cứ lúc nào con muốn; và dù ta có không an ủi con đi chăng nữa, thì các anh em và các vị cha khác cũng sẽ an ủi con: còn vị tướng quân kia, vì sa vào những lo toan trần tục và đang nằm dưới quyền lực của ma quỷ, chỉ trong một thời gian ngắn mới nhận ra lẽ thật, và giống như một nô lệ chạy trốn khỏi chủ tàn nhẫn, ông ấy đã đến với tôi để thoát khỏi ma quỷ, nhằm nhận được từ tôi sự giúp đỡ cho linh hồn mình. Về phần tôi, sẽ là bất công nếu không để ý đến ông ấy mà tiếp tục trò chuyện với anh, vì anh luôn tự lo cho sự cứu rỗi của chính mình.

Sau khi nghe những lời đó, tôi (theo lời kể của Palladius) đã hoàn toàn tin chắc rằng đây là một vị thánh, và bắt đầu xin ngài cầu nguyện cho tôi. Ngài, trong khi trò chuyện ân cần với tôi và dùng tay phải nhẹ nhàng chạm vào má trái của tôi, đã nói với tôi:

– Nhiều nỗi đau buồn đang chờ đợi con phía trước, và con đã trải qua một cuộc chiến cam go khi chống lại khao khát rời bỏ sa mạc; con đã không thực hiện khao khát đó, mặc dù ma quỷ đã đưa ra cho con một lý do nghe có vẻ chính đáng để rời bỏ sa mạc, bằng cách nhắc nhở con về tình yêu của cha và anh trai dành cho con. Ta sẽ báo cho con một tin mừng: cả cha lẫn anh trai con đều khỏe mạnh và đã từ bỏ thế gian; cha con sẽ còn sống thêm bảy năm nữa. Còn anh, hãy trang bị cho mình lòng dũng cảm, tiếp tục tu hành trong sa mạc và đừng nghĩ đến việc trở về quê hương từ đây, vì đã có lời chép rằng: *"Ai đã đặt tay lên cày mà còn ngoái lại phía sau thì không xứng đáng với Nước Thiên Chúa"* (Lc 9,62).

Lắng nghe những lời của vị thánh và được củng cố bởi chúng để tiếp tục những việc thánh thiện, tôi (Palladius nói) đã tạ ơn Đức Chúa Trời vì Ngài, qua sự trung gian của vị thánh nhân này, đã bày tỏ cho tôi những mưu mô của ma quỷ và giúp tôi chiến thắng chúng. Một lần khác, vị thánh nhân, trong khi trò chuyện thân mật với tôi, đã hỏi tôi:

– Con có muốn trở thành giám mục không?

Tôi đã trả lời ngài:

– Không, vì tôi đã là giám mục rồi.

Vị thánh bèn hỏi tôi:

– Vậy con là giám mục ở thành phố nào?

Tôi trả lời ngài:

– Tôi phụ trách[2674] việc bếp núc, bữa ăn, lều trại, thùng chứa; tôi nếm thử, ví dụ như rượu, và nếu nó chua thì tôi bỏ qua, còn nếu ngọt thì tôi uống; tôi cũng kiểm tra các nồi thức ăn, và nếu chỗ nào thiếu muối hay gia vị khác, tôi sẽ thêm những gia vị đó vào thức ăn rồi mới ăn món ăn đã trở nên ngon miệng nhờ gia vị. Tôi cũng làm như vậy trong những trường hợp khác, luôn chọn cho mình những thứ tốt nhất. Đó chính là chức giám mục của tôi, mà lòng ham mê khoái lạc đã đặt tôi vào vị trí đó.

Vị Thánh nhân mỉm cười và nói với tôi:

– Đừng đùa nữa, vì ngươi thực sự sẽ trở thành giám mục và sẽ phải gánh chịu nhiều vất vả và đau khổ; nếu ngươi muốn tránh những vất vả và đau khổ đó, thì đừng rời khỏi sa mạc, vì ở đây, trong sa mạc, không ai có thể phong ngươi làm giám mục được.

Sau khi chia tay vị thánh, tôi (theo lời kể của Palladius) đã trở về sa mạc của mình, nơi cư ngụ thường trực, và kể cho toàn thể anh em tu sĩ nghe về vị thánh nhân chính trực và thánh thiện, Thánh Gioan. Nhưng tôi, kẻ tội lỗi, sau đó đã quên những lời thánh Gioan đã nói về tôi: ba năm sau đó, tôi bị bệnh dạ dày và, theo lời khuyên của các tu sĩ, tôi đã lên đường đến Alexandria[2675] để gặp các bác sĩ. Nhưng vì bệnh của tôi không thuyên giảm mà ngày càng nặng hơn, nên các bác sĩ ở Alexandria khuyên tôi nên đến Palestine, vì nơi đó có khí hậu ấm áp và lành mạnh. Sau khi đến Palestine, tôi ở lại đó một thời gian ngắn và, sau khi bệnh tình thuyên giảm phần nào, tôi tiếp tục đi từ đó đến Bithynia[2676] và tại đây, tôi không còn nhớ rõ bằng cách nào – liệu là do ý chí con người hay do ý muốn của Đức Chúa Trời – chỉ có Đức Chúa Trời mới biết, tôi đã được phong chức giám mục. Sau đó, tôi chìm trong nỗi buồn,

---

[2674] "Giám sát" – theo tiếng Hy Lạp – επισκοπεω, và từ đó có từ "giám mục" (επισκοπος), tức là người quan sát, người canh giữ.

[2675] Alexandria – thành phố Ai Cập nổi tiếng nhất trong thời cổ đại về thương mại và giáo dục, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Alexandria được biết đến như một nơi xảy ra các cuộc tranh cãi tôn giáo và là quê hương của nhiều kẻ dị giáo. Hiện nay, Alexandria mang tên Thổ Nhĩ Kỳ là "Iskenderun" và là một trung tâm thương mại và hành chính khá lớn.

[2676] Bithynia – một vùng thuộc Tiểu Á.

vì chức vụ này vượt quá sức lực của tôi. Lúc đó, tôi nhớ lại lời tiên tri của Thánh Gioan về tôi, nhưng vào thời điểm đó, ngài đã qua đời. Tôi nhớ lại những gì ngài đã nói với tôi khi khuyên nhủ tôi ở lại sa mạc:

– Bốn mươi năm nay tôi sống trong căn phòng này và suốt thời gian đó, tôi chưa từng thấy khuôn mặt người phụ nữ nào, cũng chưa từng thấy đồng tiền nào, hay ai đó đang ăn uống; tương tự như vậy, cũng chẳng ai thấy tôi ăn uống cả.

Sau cuộc trò chuyện với Thánh Gioan, khi tôi trở về (theo lời kể của Palladius) nơi ở thường ngày của mình và kể lại cho các anh em và các vị cha mọi điều tôi đã thấy và nghe được từ vị thánh, tất cả chúng tôi, bảy người, hai tháng sau đó đã lên đường đến gặp vị tu sĩ đáng kính.

Khi chúng tôi đến tu viện của Thánh Gioan, ngài đã tiếp đón chúng tôi một cách ân cần, mỉm cười chào hỏi từng người một. Ngay khi vừa đến, chúng tôi liền xin vị thánh cầu nguyện cho chúng tôi, theo phong tục của các tu sĩ Ai Cập. Nhưng ngài hỏi chúng tôi:

– Trong các con có ai là linh mục không?

Tất cả chúng tôi đều trả lời:

– Không có ai cả.

Sau khi nhìn kỹ từng người trong chúng tôi, vị thánh đã nhận ra một tu sĩ đang ẩn danh trong số chúng tôi, vì một trong số chúng tôi là phó tế, và không ai trong chúng tôi biết anh ta là phó tế, ngoại trừ một anh em; nhưng vị tu sĩ ấy, vì lòng khiêm nhường, đã giấu kín chức vụ của mình, và còn cấm cả người anh em biết rõ chức vụ của anh ta không được tiết lộ rằng anh ta là phó tế, bởi vì, mong muốn noi gương các vị tu sĩ thánh thiện, người anh em ấy tự cho mình là không xứng đáng để mang cả danh xưng Kitô hữu. Thánh Gioan, chỉ tay vào người anh em ấy, nói:

– Đây là phó tế.

Nhưng khi người anh em này phủ nhận rằng mình có chức phó tế, Thánh Gioan đã vươn tay ra khỏi ô cửa sổ, nơi ngài đang trò chuyện với chúng tôi, nắm lấy tay phải của người anh em phó tế, hôn lên đó và nói với anh ta:

– Đừng từ chối ân sủng của Thiên Chúa. Đừng nói dối, anh em ơi, bằng cách che giấu ân sủng của Chúa, vì sự dối trá phải xa lạ với các Kitô hữu; không thể khen ngợi nó ở anh, dù nó lớn hay nhỏ, bởi vì, như Đấng Cứu Thế đã nói, sự dối trá xuất phát từ ma quỷ: ma quỷ là sự dối trá và là cha của sự dối trá (Ga 8:44).

Vị phó tế, sau khi bị vị thánh khiêm nhường vạch trần, im lặng, chăm chú lắng nghe lời dạy dỗ của ngài.

Khi tất cả chúng tôi đã dâng lời cầu nguyện xong (Palladius kể lại), một trong những anh em đang bị sốt đã xin vị thánh John chữa lành cho mình. Vị thánh nói với anh em ấy rằng căn bệnh này có lợi cho linh hồn anh, nhưng vẫn ra lệnh xức dầu thánh cho anh em ấy, mong muốn chữa lành không phải là căn bệnh của anh, mà là sự thiếu đức tin. Ngay sau đó, anh em ấy đã hoàn toàn khỏe mạnh.

Chúng tôi đã có cơ hội được gặp Thánh Gioan (theo lời kể của Palladius) vào lúc ngài đã tròn chín mươi tuổi; thân thể ngài đã suy kiệt đến mức do những công việc khổ hạnh của việc ăn chay, đến nỗi râu ngài cũng không mọc nữa; ngài không ăn gì ngoài trái cây, và chỉ ăn sau khi mặt trời lặn; từ thuở thiếu thời đã quen với việc ăn chay, nên khi về già, ngài không bao giờ ăn bánh mì hay bất kỳ thức ăn nào được nấu trên lửa.

Khi ngài mời chúng tôi ngồi xuống, chúng tôi đã tạ ơn Chúa vì đã ban cho chúng tôi ân huệ được gặp vị thánh nhân và trò chuyện với ngài. Còn ngài, đón tiếp chúng tôi như những đứa con yêu dấu của mình, đã nói với chúng tôi, nụ cười nở trên môi:

– Các con đến từ đâu vậy? Các con đến từ quốc gia nào để gặp ta, một con người tội lỗi và khiêm nhường?

Còn chúng tôi, sau khi nêu rõ quê hương của mình và cho biết nơi cư ngụ thường trực của chúng tôi là sa mạc Nitria, đã nói rằng chúng tôi đến từ Giê-ru-sa-lem chính là để được gặp vị thánh mà chúng tôi đã nghe nhiều người kể lại, nhằm tìm kiếm sự an ủi cho tâm hồn.

Thánh Gioan đã nói với chúng tôi:

– Hỡi các con yêu dấu! Các con đã hy vọng được chứng kiến điều kỳ diệu nào khi quyết tâm thực hiện cuộc hành trình gian nan đến thế! Các con sẽ được lợi ích gì khi nhìn thấy một con người tội lỗi, khiêm nhường, người không có gì đáng ngạc nhiên cả. Có những vị thánh tiên tri và tông đồ đáng ngạc nhiên và đáng ca ngợi, những tác phẩm của họ được đọc trong các nhà thờ; chính các ngài mới là những người đáng ngưỡng mộ và đáng noi gương, chứ không phải tôi. Tôi thực sự ngạc nhiên khi thấy lòng nhiệt thành của các con, điều đã thúc đẩy các con từ xa đến với chúng tôi vì lợi ích tâm linh, bất chấp những nguy hiểm của chặng đường gian nan này. Còn chúng tôi, vì sự lười biếng của mình, thậm chí còn không chịu bước ra khỏi phòng tu của mình. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng, cho

dù việc làm của các bạn có xứng đáng được khen ngợi và tán thành đi chăng nữa, chính các bạn cũng không nên tự coi mình là những người đã làm được điều gì đó tốt đẹp và đáng khen; hãy noi gương cuộc sống đạo đức của các bậc tiền bối trong khả năng của mình, và nếu các bạn thực hiện được tất cả (điều mà, nói cho cùng, hiếm khi xảy ra), thì đừng tự tin vào bản thân và đừng tự hào về chính mình. Có rất nhiều người, sau khi đạt đến sự hoàn hảo trong đức hạnh rồi lại kiêu ngạo, đã rơi từ đỉnh cao xuống vực thẳm. Hãy quan sát kỹ lưỡng: liệu lời cầu nguyện của các con có chân thành không, liệu sự trong sạch của trái tim các con có bị xâm phạm không, liệu tâm trí các con có bị chiếm đoạt bởi những suy nghĩ ngoài lề trong lúc cầu nguyện không; hãy tự kiểm điểm xem liệu bạn có từ bỏ thế gian bằng cả tâm hồn mình hay không, có đi ngắm nhìn đức hạnh của người khác trong khi tự hào về đức hạnh của chính mình hay không, có quan tâm đến việc trở thành tấm gương tốt cho người khác hay không; đừng tự cho mình là người công chính, đừng kiêu ngạo vì bất kỳ việc thiện nào của mình; hãy cẩn trọng để trong lúc cầu nguyện, những suy nghĩ về những điều trần tục không lấn át tâm trí bạn, bởi vì không có gì dại dột hơn là miệng thì trò chuyện với Thiên Chúa, còn tâm trí lại xa cách Ngài. Điều này thường xảy ra với những ai không phải là từ bỏ thế gian, mà là lo lắng để làm vừa lòng thế gian. Người nào suy nghĩ về nhiều điều thì sẽ sa vào những lo toan về thế gian và những điều phù du; nhưng khi sa vào những lo toan về thế gian, người ấy sẽ không còn có thể nhìn thấy Thiên Chúa bằng đôi mắt thiêng liêng của mình nữa. Người luôn suy nghĩ về Đức Chúa Trời phải xa lánh mọi suy nghĩ về những điều trần tục và hư vô, như đã được chép trong Kinh Thánh thánh: *"Hãy dừng lại và nhận biết rằng Ta là Đức Chúa Trời"* (Thi Thiên 45:11). Còn người đã đạt được một mức độ nhận thức nào đó về Đức Chúa Trời (không ai có thể đạt đến sự nhận thức trọn vẹn về Ngài), thì những mầu nhiệm của Đức Chúa Trời sẽ được bày tỏ cho họ, và họ nhìn thấy tương lai như hiện tại; cũng như các thánh nhân, họ làm được những phép lạ và nhờ lời cầu nguyện của mình, họ nhận được mọi điều họ xin từ Đức Chúa Trời.

Đức Thánh Gioan đã nói những điều này và nhiều điều khác nữa với các anh em đến gặp ngài, an ủi và dạy dỗ họ như một người cha đối với con cái. Sau đó, ngài kể cho họ nghe một số câu chuyện về những người kiêu ngạo và ảo tưởng về bản thân; trong số đó, ngài kể cho họ nghe câu chuyện sau đây:

– Có một tu sĩ tu hành trong sa mạc bên ngoài[2677] trong một hang động, tự nuôi sống bằng công việc lao động của chính mình, không ngừng cầu nguyện với Đức Chúa Trời và ngày càng tiến bộ trong các đức hạnh. Nhận thức được mình là người sống một cuộc đời trong sạch và đạo đức, vị tu sĩ ấy trở nên kiêu ngạo, tự coi mình là người công chính và thánh thiện, và tự nhủ rằng mình sẽ không bao giờ sa vào tội lỗi nữa. Theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, một đêm muộn, một con quỷ đã đến gặp vị tu sĩ ấy, hóa thân thành một người phụ nữ xinh đẹp, như thể đang lạc lối trong sa mạc; người phụ nữ giả mạo ấy, thấy cửa hang mở, liền bước vào và quỳ xuống dưới chân vị tu sĩ, van nài ông cho phép cô vào hang, viện cớ rằng trời đã tối. Vị tu sĩ, thương xót người phụ nữ ấy, đã cho cô vào hang của mình, không sợ bị cám dỗ, vì ông rất tin tưởng vào sức mạnh của bản thân. Vị tu sĩ hỏi người phụ nữ vừa đến rằng cô đến từ đâu và làm thế nào mà lại lạc vào sa mạc. Còn con quỷ, hóa thân thành hình dáng người vợ, đã trò chuyện rất nhiều với nhà tu, xúi giục ông phạm tội. Nhà tu, người đang lắng nghe chăm chú, đã bắt đầu nghiêng về phía tội lỗi; sau nhiều cuộc trò chuyện gợi tình và những tràng cười đùa qua lại, tâm trí nhà tu ngày càng bị xao động; lửa dục vọng ngày càng bùng cháy trong lòng anh ta, và anh ta đã định phạm tội, thì bỗng nhiên người vợ ấy, hét lên một tiếng lớn, biến mất như bóng mờ khỏi tay anh ta và trở nên vô hình; ngay sau đó, trong không trung vang lên tiếng của nhiều quỷ dữ, chúng chế nhạo vị tu sĩ và trách mắng anh ta bằng những lời như sau:

– Ai tự cao tự đại sẽ bị hạ bệ; ngươi đã tự nâng mình lên tận trời, và vì thế giờ đây ngươi bị hạ xuống địa ngục.

Thấy mình bị chế giễu, vị tu sĩ ấy rơi vào tuyệt vọng và, bỏ lại phòng tu và sa mạc, quay trở lại thế gian: chính sự tự cao tự đại đã đẩy anh ta đến sự sa ngã này.

Khi giảng dạy về sự sám hối và bàn luận rằng, cũng như ma quỷ đẩy chúng ta đến tuyệt vọng và diệt vong, thì chúng ta cũng có thể chiến thắng chúng, đến nỗi chúng sẽ không còn khả năng khuất phục chúng ta nữa, – Thánh Gioan đã kể câu chuyện sau đây:

– Ở một thành phố nọ có một chàng trai đã phạm nhiều tội lỗi nặng nề nhất, nhưng sau đó, dưới sự tác động của lòng kính sợ Thiên Chúa, chàng trai ấy đã ăn năn. Để than khóc cho cuộc đời tội lỗi trước đây của mình, chàng đã đến nghĩa trang và ở đó quỳ sấp xuống đất, không dám kêu cầu Thiên Chúa hay cầu nguyện vì vô số tội lỗi của

[2677] Sa mạc của các ẩn sĩ Ai Cập được chia thành hai phần: phần bên trong và phần bên ngoài. Phần đầu tiên nằm sâu hơn vào nội địa, trong khi phần sau nằm gần sông Nile hơn.

mình. Sau đó, chàng trai chui vào quan tài và tự nhốt mình trong đó, khóc lóc và đau đớn vì những tội lỗi của mình. Khi chàng trai đã ở trong quan tài được bảy ngày, những con quỷ trước đây đã lôi kéo anh ta vào con đường tội lỗi đã đến với anh ta và gào thét lớn tiếng:

– Khốn nạn cho ngươi, kẻ xấu xa, vô đạo, đã chìm đắm trong tội dâm dục, mà giờ đây lại bất ngờ trở thành người đạo đức và kẻ thù của chúng ta! Ngươi mong đợi điều gì tốt đẹp cho bản thân sau khi đã tràn ngập những điều dơ bẩn của chúng ta? Tại sao ngươi không đứng dậy khỏi quan tài và cùng chúng ta đi làm những việc thường ngày của ngươi, khi mà những kẻ dâm đãng và say xỉn đang háo hức chờ đợi ngươi! Tại sao ngươi không đi thỏa mãn dục vọng của mình, khi mà giờ đây ngươi chẳng còn gì để hy vọng vào sự cứu rỗi nữa? Giờ đây ngươi là của chúng ta, bởi vì ngươi đã phạm mọi tội lỗi, và ngươi muốn thoát khỏi chúng ta là vô ích: giờ đây ngươi sẽ không thể thoát khỏi tay chúng ta được nữa!

Chàng trai trẻ không trả lời gì với lũ quỷ, cũng không thèm nghe chúng, mà chỉ khóc lóc không ngừng vì những tội lỗi của mình. Các quỷ đã nói những lời này và những lời tương tự với chàng trai trong một thời gian dài, lôi kéo anh ta vào tội lỗi; nhưng khi thấy anh ta không sợ chúng và cũng không có ý định chạy trốn khỏi nghĩa trang, chúng bắt đầu đánh anh ta rất dữ dội và suýt nữa đã giết chết anh ta, nếu như điều đó được Đức Chúa Trời cho phép. Sau đó, lũ quỷ bỏ đi, để lại chàng trai trong tình trạng thoi thóp. Còn chàng, sau khi nằm bất động trên mặt đất như người chết trong một thời gian dài, ngay khi tỉnh lại, lại bắt đầu khóc lóc và than thở về những tội lỗi của mình. Khi những người thân của anh, sau khi tìm kiếm khắp nơi, phát hiện ra anh tại nghĩa trang, họ đã van nài anh trở về nhà; nhưng anh không thèm nghe họ, nói rằng thà chết còn hơn là quay trở lại cuộc sống cũ.

Đêm hôm sau, lũ quỷ lại xông vào chàng trai, lặp lại những lời như lần đầu tiên và lại hành hạ anh ta; sau đó, lũ quỷ rời khỏi chàng trai. Và vào đêm thứ ba, lũ quỷ lại cố gắng đánh bại kẻ bất khả chiến bại, nhưng khi tuyệt vọng vì không thể thắng được, chúng đã bỏ chạy khỏi anh, bị sự kiên nhẫn của anh đuổi theo; trong lúc chạy trốn, lũ quỷ kêu lên:

– Ngươi đã chiến thắng, ngươi đã chiến thắng, ngươi đã chiến thắng chúng ta!

Như vậy, sự sám hối kết hợp với lòng khiêm nhường, cùng với sự kiên nhẫn kết hợp với lòng dũng cảm, đã đẩy lũ quỷ vào tuyệt vọng và chúng không còn có thể gây hại gì cho chàng trai trẻ nữa.

Chàng trai ấy đã dành phần đời còn lại của mình để thực hành những việc làm đạo đức và trở thành tấm gương về sự sám hối chân chính cho nhiều tội nhân đang tuyệt vọng về sự cứu rỗi của mình.

Khi bàn luận về sự kiêu ngạo, thứ đẩy con người xuống vực thẳm hủy diệt và tước đoạt ân sủng của Thiên Chúa, cũng như về sự khiêm nhường, thứ nâng con người lên với Thiên Chúa, Thánh Gioan đã kể lại câu chuyện sau đây:

– Có một tu sĩ sống trong sa mạc hẻo lánh, đã dành nhiều năm cuộc đời để tu dưỡng đức hạnh, nhưng khi về già, ngài đã sa vào cám dỗ do mưu mô của ma quỷ, và suýt nữa thì bị hủy diệt vì sự kiêu ngạo của mình. Vị tu sĩ ấy tu hành trong sự im lặng tuyệt đối, dành trọn ngày đêm cho việc cầu nguyện, hát thánh vịnh và suy ngẫm về Thiên Chúa. Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, ông thậm chí còn được ban cho những thị kiến thiêng liêng; trong đó, một số thị kiến ông nhận được khi tỉnh táo, còn một số khác thì trong giấc ngủ (tuy nhiên, giấc ngủ của ông rất ngắn ngủi và mờ nhạt, đến nỗi khó có thể gọi đó là giấc ngủ). Vị tu sĩ này khao khát cuộc sống siêu thoát đến mức không hề bận tâm đến thức ăn cho thân xác, nên ông không canh tác đất đai và cũng không chăm sóc cây cối trong vườn; hoàn toàn đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, kể từ khi định cư trong sa mạc, ông chưa bao giờ lo lắng về việc làm thế nào và bằng cách nào để nuôi dưỡng thân xác mình. Bỏ lại mọi sự gắn bó trần thế, ngài khao khát được đến gần Chúa, háo hức chờ đợi ngày rời xa thế giới phù du này.

Luôn suy ngẫm về những điều vô hình và thuộc về thiên đàng, vị tu sĩ ấy đã dành nhiều thời gian để sống một cuộc đời đạo đức, trong khi thân thể ông không bao giờ kiệt sức vì lối sống khổ hạnh và linh hồn ông không bao giờ nao núng trước những khó khăn của các việc tu hành. Cuộc đời ông dường như nằm ở một điểm cân bằng giữa sự tồn tại thuộc về xác thịt và sự tồn tại siêu phàm; vị tu sĩ ấy dường như không hoàn toàn là người siêu phàm, cũng không hoàn toàn là người thuộc về xác thịt.

Nhờ cuộc sống đạo đức của mình, vị tu sĩ ấy đã được Thiên Chúa ban thưởng bằng cách mang bánh đến cho ông bằng bàn tay vô hình: mỗi khi bước vào hang động của mình, ông đều thấy trên bàn có bánh sạch, đủ dùng trong hai hoặc ba ngày. Khi vị tu sĩ ấy cảm thấy cần bổ sung sức lực bằng thức ăn, sau khi cầu nguyện với Chúa, ông ăn miếng bánh đó, rồi dùng những bài thánh ca để nuôi dưỡng tâm hồn, luôn sống trong cầu nguyện và suy ngẫm về Chúa, ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn toàn đặt niềm tin vào những ân huệ tương lai. Và rồi anh

ta bắt đầu suy nghĩ về phần thưởng và sự đền đáp từ Thiên Chúa cho cuộc sống đạo đức của mình, đồng thời hình dung phần thưởng đó như thể đang nằm trong tay mình, nhưng chính điều đó lại là nguyên nhân dẫn đến sự sa ngã của anh ta.

Một ý nghĩ nảy sinh trong đầu ông rằng ông xứng đáng hơn những người khác trước mặt Đức Chúa Trời và hơn tất cả mọi người khác, ông có quyền nhận được ân sủng và những ân huệ trên trời từ Đức Chúa Trời; đồng thời, ông tự nhủ rằng trong bất kỳ trường hợp nào, ông cũng không thể sa vào tội lỗi và từ bỏ cuộc sống đạo đức cao cả như vậy.

Khi vị tu sĩ suy nghĩ như vậy về bản thân, trong lòng ông sớm nảy sinh một nỗi chán nản ban đầu còn nhỏ nhoi, sau đó sự lười biếng bắt đầu phát triển, và chẳng bao lâu sau, nỗi chán nản và sự lười biếng đã hoàn toàn chiếm lĩnh ông; ông bắt đầu thức dậy muộn hơn và muộn hơn mỗi ngày để hát các thánh vịnh, còn những lời cầu nguyện của ông cũng ngày càng ngắn lại. Suy nghĩ của anh ta thì thầm: "Cần phải nghỉ ngơi một chút", và anh ta chiều theo suy nghĩ đó, lòng đầy bối rối; sau khi cố gắng, anh ta đã chiến thắng được sự lười biếng và sự bối rối trong tâm trí, nhưng rồi lại sa vào sự bối rối và lười biếng như trước.

Sau những lời cầu nguyện thường lệ, một lần khi bước vào hang động, anh ta vẫn thấy trên bàn chiếc bánh mì do Chúa gửi đến một cách vô hình, nhưng nó đã không còn tinh khiết như trước nữa. Sau khi dùng bánh để nuôi dưỡng thân thể, vị tu sĩ ấy không từ bỏ những ý nghĩ ô uế, không nhận ra rằng chính những ý nghĩ đó đang làm hại linh hồn mình, và cũng không cố gắng tìm cách chữa lành vết thương đầu tiên này, vì ông coi thói quen ôm ấp những ý nghĩ tội lỗi và đắm chìm trong chúng chỉ là chuyện vặt vãnh.

Ngày hôm sau, sau những lời cầu nguyện và hát thánh vịnh thường lệ, vào buổi tối, khi trở về hang động của mình để dùng bữa, anh ta vẫn tìm thấy bánh mì, nhưng lần này nó đã bẩn thỉu và ô uế, điều này khiến anh ta vô cùng ngạc nhiên và đau buồn; tuy nhiên, sau khi cầm lấy bánh, ông đã nếm thử và dùng nó để phục hồi sức lực.

Khi đêm thứ ba đến, bên cạnh một điều xấu xa, lại còn thêm một điều khác: những ý nghĩ ô uế ngày càng làm ông bối rối, và ông bị cám dỗ bởi dục vọng đến mức tưởng tượng mình đang nằm bên cạnh một người phụ nữ.

Khi đêm tàn, vào buổi sáng, vị tu sĩ ấy thực hiện nghi thức cầu nguyện thường lệ của mình, trong lòng đã cảm thấy vô cùng bối rối vì những ý nghĩ ô uế. Đến tối, ông bước vào phòng tu để ăn bánh mì, nhưng phát hiện ra rằng bánh mì không chỉ bị ô uế mà còn như thể đã bị chuột và chó gặm nhấm, bởi chỉ còn lại những mảnh vụn bánh mì vương vãi trên sàn nhà. Lúc đó, vị tu sĩ thở dài và rơi lệ, nhưng lòng ông chưa đủ đau xót như cần thiết để chế ngự những ý nghĩ ô uế và dục vọng ngoại tình. Ông nhặt những mảnh vụn bánh mì vương vãi trên sàn, nếm một ít; không thấy no, ông đi ngủ. Ngay lập tức, đầu óc ông tràn ngập vô số ý nghĩ ô uế và phù phiếm, lôi kéo ông từ sa mạc trở lại cuộc sống trần tục; đồng thời, dục vọng xác thịt bùng cháy mãnh liệt trong lòng ông, và ông không còn có thể kiềm chế bản thân được nữa.

Theo sự cho phép của Đức Chúa Trời (Đấng đã cho phép điều đó trong một thời gian để khiến vị tu sĩ tránh xa sự kiêu ngạo), vị tu sĩ ấy đã rời giường và vào ban đêm lên đường đến sa mạc, hy vọng sẽ gặp được một ngôi làng trần tục nào đó.

Khi trời sáng và mặt trời bắt đầu chiếu nắng gay gắt đến mức không thể chịu nổi, vị tu sĩ già ấy đã mệt mỏi vì cuộc hành trình, bởi ông đã không còn trẻ nữa, trong khi con đường mà ông đã định hướng vẫn còn rất xa mới đến đích. Vì vậy, ông nhìn ngó xung quanh xem có tu viện nào để ông có thể nghỉ ngơi không. Thật tình cờ, theo ý định của Đức Chúa Trời, trên con đường của ông, ông đã gặp một tu viện nào đó. Khi vị tu sĩ già bước vào đó, các tu sĩ trong tu viện đã tiếp đón ông một cách vô cùng ân cần và tôn kính, như thể ông là một vị tu sĩ vĩ đại, họ rửa mặt và rửa chân cho ông, rồi sau khi dâng lời cầu nguyện, họ mời ông nếm thử bất cứ thứ gì được dọn ra với lòng yêu thương. Khi vị tu sĩ già đã hồi phục sức lực một chút, các tu sĩ bắt đầu xin ngài giảng dạy cho họ về cách họ có thể thoát khỏi những mưu mô của ma quỷ và làm thế nào để chiến thắng những ý nghĩ ô uế.

Vị tu sĩ già bắt đầu dạy dỗ họ, hướng dẫn họ như một người cha đối với con cái, và khuyên nhủ họ hãy kiên định và dũng cảm trong các việc tu hành, vì chẳng bao lâu nữa họ sẽ được an nghỉ sau những vất vả của mình trong các tu viện của Chúa Kitô; vị tu sĩ già còn nói nhiều điều khác với các tu sĩ, dạy dỗ họ hãy kiên định trong việc tu hành kiêng ăn.

Khi vị tu sĩ già kết thúc bài giảng và nằm nghỉ ngơi một lúc ở nơi vắng vẻ, ngài bắt đầu suy ngẫm về lý do tại sao ngài lại dạy dỗ người khác, trong khi lại không quan tâm chút nào đến chính mình, đề nghị những cuộc trò chuyện mang lại lợi ích cho tâm hồn người khác, nhưng lại tự cám dỗ chính mình; hướng dẫn người khác trên con đường cứu rỗi, nhưng bản thân lại ngày càng xa rời sự cứu rỗi và bị cuốn vào con đường diệt vong.

Suy ngẫm như vậy, vị tu sĩ già nhận ra mình đã bị những ý nghĩ ô uế đánh bại, sau đó ông lại trở về sa mạc, không còn bước đi nhẹ nhàng nữa, mà như thể chạy về nơi cư ngụ cũ của mình, khóc than về sự sa ngã của mình và nói: *"Nếu Chúa không là Đấng giúp đỡ tôi, thì linh hồn tôi đã sớm rơi vào địa ngục rồi"* (Thánh Vịnh 93:17). Và lời mà Đấng Khôn Ngoan đã phán đã ứng nghiệm trên vị tu sĩ ấy: *"Anh em giúp đỡ nhau, như thành lũy vững chắc và cao ngất, được củng cố như vương quốc đã được xây dựng"* (Châm Ngôn 18:20).

Từ đó, vị tu sĩ ấy đã hoàn toàn sửa đổi và thanh tẩy khỏi tội lỗi của mình; ông tự giam mình trong hang động, quỳ sấp xuống đất, rắc đất lên đầu, khóc lóc thảm thiết suốt nhiều ngày, và vị tu sĩ già ấy không đứng dậy cho đến khi được Thiên Thần báo tin rằng Thiên Chúa đã chấp nhận sự sám hối của ông. Nhưng mặc dù sự ăn năn của vị tu sĩ già đã được chấp nhận, ông không còn nhận được bánh mì mà trước đây Thiên Chúa đã ban cho nữa, và phải tự nuôi sống mình bằng công sức lao động của chính mình. Sự kiêu ngạo làm con người khiêm nhường đến mức nào!

Khi Thánh Giăng kết thúc câu chuyện này, ngài nói với các anh em đã đến gặp ngài:

– Hãy luôn khiêm nhường, hỡi các con, cả trong những việc lớn lẫn việc nhỏ, vì đó là điều răn đầu tiên của Đấng Cứu Thế, Đấng phán: *"Phúc cho những ai nghèo khó về tinh thần, vì Nước Trời là của họ"* (Mt 5,3); "nghèo khó về tinh thần" có nghĩa là khiêm nhường, đừng để ma quỷ lừa dối các con bằng những ý nghĩ và ảo ảnh dẫn các con vào tội lỗi. Dù ai đến với các con, dù là anh em, bạn bè, phụ nữ, chồng hay thầy giáo, mẹ hay chị em, trước hết hãy giơ tay lên cầu nguyện – nếu đó là ảo ảnh do ma quỷ gây ra, thì nó sẽ biến mất khỏi tầm mắt các con. Nếu ai đó khen ngợi các con, dù là quỷ hay con người, đừng nghe theo và đừng tự cao tự đại trong tâm trí, vì chính tôi cũng thường bị ma quỷ cám dỗ vào ban đêm, không cho tôi cầu nguyện yên bình hay chợp mắt, mà liên tục hiện ra trước mắt tôi đủ loại ảo ảnh suốt cả đêm; khi bình minh ló rạng, lũ quỷ quái lại cúi đầu xuống đất trước mặt tôi kèm theo những lời chửi rủa, nói với tôi rằng:

– Xin tha thứ cho chúng con, Abba[2678] , vì đã làm phiền ngài suốt cả đêm!

Nhưng tôi đã nói với chúng:

– Hãy tránh xa tôi, những kẻ làm điều gian ác! Đừng cám dỗ tôi tớ của Đức Chúa Trời!

Vì vậy, hỡi các con, hãy yêu mến sự tĩnh lặng, luôn sống trong sự suy ngẫm về Chúa và luôn cầu xin Chúa ban cho các con một tâm trí trong sạch, không vướng bận những ý nghĩ tội lỗi. Tất nhiên, người tu hành nào sống giữa đời mà rèn luyện đức hạnh, bằng cách tiếp đãi khách lạ, bố thí, giúp đỡ người khác trong công việc, hay luôn giữ lòng không giận dữ, người như vậy xứng đáng được khen ngợi, vì họ sống trong đức hạnh, tuân giữ các điều răn của Chúa mà không bỏ bê các công việc trần thế. Nhưng còn tốt hơn thế và xứng đáng được khen ngợi nhiều hơn nữa là người luôn luôn suy ngẫm về Đức Chúa Trời, từ những điều hữu hình vươn lên những điều vô hình, giao phó những việc hữu hình cho sự chăm sóc và lo toan của người khác, còn bản thân thì hướng về cõi thiên đàng, luôn luôn hiện diện trước mặt Đức Chúa Trời, từ bỏ mọi điều trần thế và không còn bị ràng buộc trở lại với thế gian bởi những lo toan về đời sống trần thế: người như vậy gần gũi với Đức Chúa Trời, Đấng mà người ấy không ngừng tôn vinh trong những lời cầu nguyện và thánh ca của mình. Tôi biết một người đã tu hành trong sa mạc, người ấy trong suốt mười năm hoàn toàn không nếm thức ăn trần gian, nhưng Thiên Thần của Đức Chúa Trời cứ hai ngày một lần lại mang đến cho người ấy thức ăn thiên đàng, và đó vừa là thức ăn, vừa là nước uống đối với ông (Thánh Gioan, dường như, đang nói về một vị tu sĩ khác, nhưng thực ra chính là bản thân ngài). Tôi cũng biết – ngài nói – rằng một lần nọ, ma quỷ đã hiện ra trước mắt người ấy dưới hình dạng ảo ảnh: những đoàn Thiên thần, một cỗ xe lửa và nhiều người mang vũ khí, như thể là của một vị vua nào đó, người đã nói với ông:

– Hỡi con người! Ngươi đã sống một cuộc đời công chính và đạo đức: giờ đây hãy thờ lạy ta, và ta sẽ đưa ngươi lên trời, như Ê-li.

Nhưng vị tu sĩ ấy thầm nghĩ trong lòng:

– Suốt những ngày đời mình, tôi đã thờ lạy Vua của tôi, là Chúa Giê-su Ki-tô. Nếu đó là Ngài, thì Ngài sẽ không đòi hỏi tôi phải thờ lạy.

Sau đó, vị tu sĩ ấy nói với ma quỷ:

– Ta có Chúa và Vua là Đức Chúa Trời của ta, Đấng mà ta luôn thờ lạy; còn ngươi thì không phải là vua của ta.

Ngay sau đó, lũ quỷ biến mất.

[2678] Abba – thầy giáo, người hướng dẫn.

Bằng những lời dạy và câu chuyện như thế này, Thánh Gioan đã dạy dỗ mọi người, thể hiện cho tất cả một tấm gương về cuộc sống thánh thiện như các thiên thần qua chính tấm gương của mình. Vì vậy, Thánh Gioan đã góp phần rất lớn vào sự cứu rỗi tâm hồn của nhiều người.

Sau khi làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng cuộc sống thánh thiện của mình, Thánh Gioan đã đến gần giờ lâm chung. Vào năm thứ chín mươi của cuộc đời, ngài ra lệnh cho các môn đệ không được đến thăm ngài trong ba ngày. Khi các tu sĩ đến gặp vị thánh sau ba ngày, họ thấy ngài đang quỳ gối, dường như đang cầu nguyện, nhưng linh hồn ngài đã về với Chúa[2679] để cùng các thánh khác trình diện trước ngai vàng của Thiên Chúa Cha, Con và Thánh Thần, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi, Đấng mà vinh quang được dâng lên muôn đời. A-men.

Lễ kỷ niệm Thánh nữ tử đạo Matrona thành Thessaloniki

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 3

Thánh Matrona từng là nô tì của một phụ nữ Do Thái tên là Pavtila, vợ của quan tổng trấn Thessalonica[2680] . Từ thuở thiếu thời, bà đã được giáo dục trong đức tin Kitô giáo. Chủ nhân của bà ép buộc bà phải từ bỏ đức tin và theo tà giáo ngoại đạo của bà ta; và vì bà không vâng lời, nên chủ nhân đã hành hạ bà rất tàn nhẫn. Thánh nữ thường xuyên phải chịu nhiều vết thương từ bà ta; nhưng với lòng nhiệt thành, bà đã chịu đựng tất cả vì Chúa Kitô và lén lút đến nhà thờ mà không cho chủ nhân biết.

Một lần nọ, Pavtila, khi biết Matron đang ở nhà thờ Kitô giáo, đã nói với cô:

– Tại sao con không đến hội đường của chúng ta, mà lại đến nhà thờ Kitô giáo?

Thánh Matrona đã dũng cảm trả lời:

– Bởi vì Thiên Chúa ngự trong Giáo hội Kitô giáo, còn Ngài đã rời bỏ hội đường Do Thái. Vì thế, tôi không đến hội đường, mà đến nhà thờ.

Lúc đó, Pavtila càng nổi giận hơn, đánh Thánh Matrona không thương tiếc, rồi trói bà lại và nhốt vào một căn phòng tối tăm. Nhưng sáng hôm sau, nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời, Thánh Matrona được giải thoát khỏi xiềng xích và đang ngợi khen Đức Kitô. Và một lần nữa, bà chủ đánh bà bằng những sợi dây thừng cứng đến suýt chết; sau đó, bà trói bà chặt hơn nữa, lại nhốt bà vào căn phòng nhỏ đó và niêm phong cửa lại, để không ai có thể vào gặp bà và mang lại cho bà bất kỳ sự an ủi nào.

Trong tình trạng bị giam cầm như vậy, vị thánh, được Chúa củng cố, đã ở lại mà không có thức ăn và nước uống suốt bốn ngày. Sau đó, Pavtila, sau khi gỡ niêm phong và mở cửa, lại thấy Matrona đã được giải thoát khỏi xiềng xích và đang đứng cầu nguyện. Lúc đó, trong cơn thịnh nộ kinh hoàng, bà ta không thương xót đánh Matron bằng những cây gậy to; và khi vị thánh đã gần như ngừng thở, bà ta lại nhốt bà vào chính căn phòng đó, nơi vị thánh đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Thi thể của thánh Matron bị người phụ nữ tàn nhẫn ấy ném xuống dưới; trong khi nơi ở của bà lại nằm ở trên cao.

Các tín hữu Kitô giáo đã nhặt thi thể đầy thương tích của thánh tử đạo Matrona lên và an táng với sự tôn kính. Sau đó, Đức Giám mục Alexander của Thessalonica đã xây dựng một nhà thờ mang tên thánh nữ, nơi ngài an táng các di cốt thiêng liêng của bà [2681] . Còn Pavtila, kẻ hành hạ thánh nữ, chẳng bao lâu sau đã phải chịu sự phán xét của Thiên Chúa mà bà xứng đáng nhận. Chính tại nơi mà bà đã đẩy thi thể Thánh Matrona xuống từ bức tường cao, sau đó chính bà cũng vô tình trượt chân, ngã xuống và, sau khi bị gãy xương, đã thảm thương trút linh hồn tội lỗi của mình ra khỏi thân xác[2682] .

[2679] Thánh Gioan qua đời vào cuối thế kỷ IV.

[2680] Solun (hay Thessalonica) – thủ đô của một trong các vùng thuộc Macedonia. Hiện nay, thành phố này có tên là Thessaloniki và nằm ở phần châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ, trên bờ bắc của Vịnh Thessaloniki. Tại Solun, Thánh Tông đồ Phaolô đã rao giảng Tin Mừng; chính vị Thánh Tông đồ này đã viết hai thư gửi cho cư dân của vùng và thành phố nói trên.

[2681] Xác thánh của Thánh Matrona đã được biết đến vào thế kỷ VI và VII dưới triều đại Hoàng đế Mauricius, và từ đó đã xảy ra nhiều phép lạ.

[2682] Thánh Matrona đã chịu tử đạo vào thế kỷ III hoặc IV.

Lễ tưởng niệm các thánh tử đạo Manuil và Theodosius

Ngày tưởng niệm 27 tháng 3

Các thánh tử đạo Manuil và Feodosiy có nguồn gốc từ các nước phương Đông. Khi chứng kiến những người ngoại đạo hàng ngày hành quyết các Kitô hữu, họ đã bàn bạc với nhau và quyết tâm hy sinh vì Chúa Kitô để được hưởng Nước Trời. Sau khi đưa ra quyết định đó, họ đã đến gặp vị vua của đất nước mình và trên đường đi, họ đã hỏi nhiều người tại sao ông ta lại ra lệnh giết hại các Kitô hữu; khi đứng trước mặt vị vua, họ đã can đảm tuyên xưng Đức Kitô và tự xưng là Kitô hữu. Sự can đảm và dũng cảm của họ đã khiến không chỉ những người có mặt tại đó mà cả chính vị vua cũng phải kinh ngạc. Vị vua ra lệnh bắt họ và giam vào ngục tối, đồng thời ra lệnh cho lính canh phải canh giữ họ thật nghiêm ngặt. Sau vài ngày, quan tổng trấn ra lệnh dẫn các thánh nhân từ ngục ra trước mặt mình và bắt đầu thuyết phục họ từ bỏ Chúa Kitô và dâng lễ vật cho các thần tượng, nhưng họ không thèm nghe lời ông, mà ngược lại, chính họ lại cố gắng thuyết phục ông từ bỏ việc thờ phượng các thần tượng. Lúc đó, ông ra lệnh trước tiên treo họ lên cây và đánh vào sườn, sau đó ra lệnh tháo họ xuống khỏi cây và đặt lên những cây đinh ba đã được mài sắc, và cuối cùng, sau tất cả những cực hình này, ông ra lệnh chém đầu họ. Các thánh tử đạo đã qua đời như vậy, phó thác linh hồn công chính của mình vào tay Chúa.

Ngày 10 tháng 4

28 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của vị thánh cha Evstratius của Pechersk

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 3

Thánh Evstrati đã chứng tỏ mình là một chiến binh dũng cảm của Đấng Kitô, chiến đấu dưới lá cờ Thập tự giá cả bằng tên gọi lẫn cuộc đời của mình. Ngài đã noi gương vị Tướng quân được chọn lựa nhất của mình – Chúa Giêsu Kitô – và, khi chịu cùng một sự đau khổ, từ cùng những người đó và vào cùng thời điểm đó, ngài thực sự có thể tự hào nói rằng: *"Tôi mang trên thân thể mình những vết thương của Chúa Giêsu"* (Gl 6,17).

Vị chiến binh dũng cảm của Đấng Christ này, Eustratius, là người gốc Kiev. Ông mong muốn *"mặc lấy toàn bộ vũ khí của Đức Chúa Trời"* (Ê-phê-sô 6:11), điều này thuộc về lối sống tu sĩ. Biết rằng *"không có chiến binh nào lại ràng buộc mình vào những việc đời thường để làm vừa lòng vị tướng quân"* (2 Ti-mô-thê 2:4), ngài đã phân phát tài sản của mình cho người nghèo, đồng thời để lại một phần cho người thân để họ phân phát sau khi ngài qua đời. Như vậy, sau khi từ bỏ sự giàu có để trở nên nghèo khó, ngài đã trở thành tu sĩ tại Tu viện Pechersk. Và ngài bắt đầu tu hành theo ý Chúa dưới biểu tượng của Đấng Tướng Quân – Đức Kitô – Đấng đã tự hạ mình vì chúng ta, chiến thắng bằng thanh gươm thiêng liêng, tức là sức mạnh của lời cầu nguyện và sự kiêng khem nghiêm ngặt, không chỉ chiến thắng xác thịt của chính mình, mà còn cả những kẻ thù vô hình, khuất phục chúng và chế ngự chúng bằng sự hiền lành và vâng phục của mình. Thánh Evstratius suy ngẫm về cách Đấng Mẫu Mực của ngài, chính là Chúa Giêsu Kitô, đã siêng năng cầu nguyện, ăn chay bốn mươi ngày, và khiêm nhường chính mình bằng sự vâng phục; vì thế, ngài cũng trang bị cho mình những đức tính ấy. Nhưng trước hết, ngài biết rằng con người đã bị đánh bại bởi tội lỗi đầu tiên do sự thiếu tiết độ, nên vị thánh này đã thành công trong việc giữ tiết độ và ăn chay nghiêm ngặt, và vì thế ngài được gọi là "người ăn chay".

Khi đó, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, tên Bonyak độc ác[2683] cùng với một đoàn quân Polovtsian đông đảo đã tấn công đất nước Nga và chiếm đóng nơi này; lúc bấy giờ, Thánh Eustratius, trong cuộc xâm lược của bọn ngoại đạo vào Tu viện Pechersk – nơi nhiều người đã bị chém chết dưới lưỡi gươm của chúng – đã bị bắt làm tù binh cùng với những người khác và bị bán sang đất Hy Lạp, tới thành phố Korsun[2684] cho một người Do Thái, cùng với những Kitô hữu khác – ba mươi người lao động của tu viện và hai mươi người dân Kiev.

[2683] Bonyak – là một khan (hoặc công tước) của người Polovets, sống vào cuối thế kỷ XI và đầu thế kỷ XII, được các biên niên sử của chúng ta gọi là "kẻ cướp bóc" vì những cuộc tấn công thường xuyên của ông vào Rus' Kiev. Người Polovets là một bộ tộc cướp bóc, sống ở phía nam Kiev và sinh sống bằng cướp bóc và cướp phá.

Kẻ Do Thái chống lại Thiên Chúa bắt đầu ép buộc các tù nhân của mình từ bỏ Đức Kitô và đe dọa sẽ để những ai chống đối chết đói trong xiềng xích. Nhưng tu sĩ dũng cảm Evstratiy, trong khi cầu nguyện, đã củng cố tinh thần, giảng dạy và khuyên nhủ mọi người bằng những lời sau:

– Hỡi anh em! Ai trong các anh em đã chịu phép rửa và tin vào Chúa Kitô, thì đừng phản bội lời thề đã hứa khi chịu phép rửa. Chúa Kitô đã làm cho chúng ta được tái sinh bằng nước và Thánh Thần, đã chuộc chúng ta khỏi lời thề của Luật Mô-sê bằng chính máu Ngài, và đã làm cho chúng ta trở thành những người thừa kế Nước Trời của Ngài. Nếu chúng ta còn sống – hãy sống cho Chúa; nếu chúng ta chết – hãy chết trong Chúa, và nhờ cái chết tạm thời này, chúng ta sẽ đạt được sự sống đời đời. Hãy noi gương Đấng đã phán: *"Đối với tôi, sự sống là Đức Kitô, và cái chết là lợi ích"* (Pl 1,21).

Được củng cố bởi những lời của vị thánh, những người bị bắt làm tù binh thà chết vì thiếu thức ăn và nước uống tạm thời, còn hơn là chối bỏ Đấng Christ, Đấng là thức ăn và nước uống của sự sống đời đời.

Vậy, sau một thời gian, kiệt sức vì đói khát, cả năm mươi người đều qua đời: một số sau ba ngày, một số sau bốn ngày, một số sau bảy ngày, còn những người khỏe mạnh hơn thì sau mười ngày. Chỉ có một mình Ê-u-stra-ti-ô còn sống; dù đã phải chịu đói suốt mười bốn ngày, ông vẫn sống sót và không hề hấn gì, vì từ thuở thiếu thời ông đã quen với việc ăn chay. Kẻ Do Thái vô đạo, khi thấy vị tu sĩ là nguyên nhân khiến số tiền ông đã trả để chuộc những người bị bắt làm tù binh – những người mà ông hy vọng sẽ lôi kéo vào tà giáo của mình – bị mất trắng, đã nảy sinh ý định trả thù ông.

Lúc bấy giờ, ngày Phục Sinh của Chúa Kitô đang đến gần. Kẻ Do Thái đó bắt đầu ăn mừng lễ Vượt Qua của mình và lăng mạ thánh Evstratius, giống như tổ tiên hắn đã lăng mạ chính Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Và cũng như xưa kia người Do Thái đã đóng đinh Chúa Kitô, vị thánh công chính này cũng bị tên Do Thái khốn nạn cùng đồng bọn của hắn đóng đinh lên thập giá.

Eustratius, khi bị đóng đinh, đã tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã cho phép ngài sống mà không cần thức ăn và nước uống suốt mười lăm ngày.

Kẻ Do Thái và những người bạn khác của hắn đã sỉ nhục người bị đóng đinh và nói với ông:

– Kẻ điên rồ! Hãy nếm Lễ Vượt Qua hợp pháp ngay bây giờ, để ngươi được sống và tránh khỏi lời nguyền rủa. Vì Mô-sê đã truyền lại cho chúng ta luật pháp mà ông nhận được từ Đức Chúa Trời, và đã nói trong các sách của ông: *"Ai bị treo trên cây gỗ thì bị nguyền rủa"* (Đệ Nhị Luật 21:23).

Vị thánh nhân đáp lại rằng:

– Hôm nay, Chúa đã ban cho tôi ân sủng lớn lao. Ngài đã ban cho tôi ân huệ được chịu khổ vì danh Ngài trên thập giá, theo hình ảnh những đau khổ của Ngài. Tôi hy vọng rằng Ngài cũng sẽ phán với tôi, như Ngài đã phán với tên trộm ngày xưa: *"Hôm nay ngươi sẽ ở với Ta trong thiên đàng"* (Luca 23:43). Tôi không cần lễ Vượt Qua của các ngươi, tôi không sợ lời thề, vì *"Đấng Vượt Qua của chúng ta, là Đấng Christ, đã bị giết thay cho chúng ta"* (1 Cô-rinh-tô 5:7), Đấng đã hủy diệt lời nguyền rủa do vi phạm luật pháp mà chúng ta phải gánh chịu, và ban cho chúng ta sự sống đời đời nhờ cây Thập tự giá, nơi Ngài đã bị đóng đinh, là sự sống của muôn người, như Môi-se đã tiên tri: *"Và sự sống của ngươi sẽ treo lơ lửng trước mặt ngươi"* (Đệ Nhị Luật 28:66). Về lễ Phục Sinh, Đa-vít đã nói: *"Ngày này là ngày Đức Chúa Trời đã lập nên: chúng ta hãy vui mừng và hân hoan trong ngày ấy!"* (Thi Thiên 117:24). Nhưng ngươi, kẻ đã đóng đinh Ta, cùng tất cả những kẻ đồng lõa với ngươi, sẽ khóc lóc và than van, vì sự báo thù vì máu Ta và máu những Kitô hữu khác mà các ngươi đã mua chuộc sẽ ập xuống các ngươi. Chúa ghét những ngày Sa-bát của các ngươi và sẽ biến các lễ hội của các ngươi thành sự than khóc; và thời điểm giết chết thủ lĩnh sự gian ác của các ngươi đã gần kề.

Nghe vậy, tên Do Thái bừng lên cơn thịnh nộ, vồ lấy cây giáo và đâm xuyên qua người đang bị đóng đinh[2685] . Lúc đó, người ta thấy một cỗ xe lửa và những con ngựa lửa, chúng đưa linh hồn vị tử đạo đang hân hoan lên trời, và có tiếng nói vang lên: "Này, đây là công dân dũng cảm của thành phố thiên đàng!"

Thi thể của vị thánh tử đạo đã bị những người Do Thái hạ xuống khỏi thập tự giá và ném xuống biển, nơi sau đó đã xảy ra nhiều phép lạ. Các tín hữu đã siêng năng tìm kiếm thánh tích tại đó, nhưng không tìm thấy. Nhờ sự an bài của Thiên Chúa, thánh tích đã được tìm thấy trong một hang động, nơi mà cho đến ngày nay chúng vẫn còn nguyên vẹn.

[2684] Korsun – ngày nay là Chersonesos Taurica.

[2685] Thánh tử đạo qua đời vào năm 1097.

Lời tiên tri của vị thánh tử đạo rằng máu của ngài sẽ được báo thù đã ứng nghiệm ngay sau khi ngài chịu khổ nạn. Bởi vì vào ngày đó, một sắc lệnh từ vua Hy Lạp đã được ban ra, ra lệnh trục xuất tất cả người Do Thái khỏi vương quốc của ông, tịch thu tài sản của họ, và hành quyết các trưởng lão của họ vì đã hành hạ các Kitô hữu. Một trong những người đầu tiên bị giết, theo lời tiên tri của Thánh Evstratius, là tổng trấn[2686] , kẻ đã xúi giục người Do Thái chống lại các Kitô hữu. Và sự việc diễn ra như sau. Có một người Do Thái giàu có và danh giá đã chịu phép rửa tội; vì vậy, nhà vua, muốn ban thưởng cho ông ta, đã phong ông ta làm tổng trấn chỉ sau vài ngày. Tuy nhiên, sau khi nhận chức vụ này, ông ta đã bí mật phản bội Chúa Kitô và đức tin của Ngài, đồng thời cho phép người Do Thái trên khắp vương quốc Hy Lạp bắt cóc các Kitô hữu và biến họ thành nô lệ. Khi vị tổng giám mục vô đạo này bị vạch trần mưu mô độc ác của mình, nhà vua đã ra lệnh xử tử ông ta, cũng như tất cả những người Do Thái đang sinh sống trên đất Hy Lạp. Và vào thời điểm người Do Thái sống tại thành phố Korsun của Hy Lạp đang bị hành hình, tên Do Thái vô đạo đã giết chết Thánh Eustratius đã bị treo cổ trên cây, và như vậy *"sự ác của hắn* đã quay lại *trên đầu hắn"* (Thánh Vịnh 7:17), và hắn đã phải chịu chung số phận với Giu-đa.

Còn những người Do Thái khác, khi chứng kiến những phép lạ kinh hoàng sau khi vị thánh qua đời, đã tin vào Đức Kitô và nhận phép rửa. Còn Thánh Eustratius, vị chiến binh tốt lành và người chiến thắng của Ngài, Đấng đã khiến họ quy phục Chúa Kitô ngay cả sau khi qua đời, đã được hiệp cùng đạo binh thiên đàng bất tử để hát bài ca chiến thắng và cai trị cùng chính Đấng Chiến Thắng Cái Chết là Chúa Kitô, Đấng mà ngài đã chiến đấu cùng, tôn vinh Ngài và tạ ơn cùng với Cha Ngài là Đấng Vô Thỉ và Thánh Thần Ban Sự Sống cho đến muôn đời. A-men.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Iona và Barachisia

Ngày tưởng niệm 28 tháng 3

Các thánh tử đạo này gốc gác từ Ba Tư và sống dưới triều đại của vua Ba Tư Sapor[2687] tại một ngôi làng có tên là Yasi. Một lần nọ, họ rời khỏi nơi cư ngụ của mình để đến thành phố Varavoh và tại đó, họ gặp các thánh tử đạo Zapifan, Lazarus, Marufan, Narsin, Ilia, Marina, Aviva, Sivenfin và Savva, những người đang bị giam trong ngục tối, họ đã động viên và khích lệ các vị, khuyên các vị hãy kiên định trong đức tin Kitô giáo và việc tuyên xưng đức tin ấy, đồng thời không được phản bội đức tin ngay cả khi phải hy sinh mạng sống vì nó. Vì vậy, họ bị bắt và dẫn đến trước ba vị hoàng tử: Masdraf, Sirof và Marmisius – và phải chịu đựng vô số cực hình và tra tấn từ họ vì đã từ chối thờ lạy mặt trời, lửa và nước[2688] .

Đầu tiên, thánh Iona là người phải chịu tra tấn. Người ta trói ông theo cách đặc biệt, theo phong tục của người Ba Tư. Thông thường, người mà người Ba Tư định tra tấn sẽ bị đặt xuống đất và bị trói tay chân vào một khúc gỗ, khiến người bị trói bất động như tảng đá, và có thể bị đánh từ cả hai phía, vì bị trói chặt vào cây nên không thể né tránh các cú đánh. Sau khi trói Thánh Iona theo cách này, những kẻ tra tấn đã đánh ông trong một thời gian dài từ hai phía bằng những cây gậy to, sau đó buộc một sợi dây vào người ông và kéo lê ông trên mặt băng của hồ đóng băng, khiến ông phải chịu đựng cái lạnh, và cuối cùng, họ để ông bị trói tại nơi tra tấn suốt cả đêm. Sau đó, chúng cắt đứt các ngón tay và ngón chân của ngài, lột da đầu, cắt lưỡi ngài và ném vào nồi đầy nhựa cây sôi sùng sục. Nhưng vì vị thánh tử đạo bước ra khỏi nồi mà không hề hấn gì, nên chúng đã kẹp ngài vào máy ép, khiến xương cốt ngài vỡ vụn. Sau tất cả những điều đó, họ cưa ngài làm đôi và ném vào một hố sâu, nơi ngài đã qua đời . Còn Varakhisius, theo lệnh của các hoàng tử, bị đeo xiềng sắt nung đỏ vào tay, sau đó họ đổ chì nóng chảy vào mí mắt, lỗ mũi, tai và miệng ngài; cuối cùng, họ buộc dây vào chân ngài và treo ngài trong ngục tối. Sau những hình phạt tàn bạo đó, họ cởi bỏ quần áo của thánh Varaxius, trói ông lại rồi lôi ông đi trên những bụi cây gai góc, sau đó dùng những cây gậy nhọn đâm vào người ông, đặt ông vào một bánh xe quay tròn, khiến toàn thân ông bị xé nát, và cuối cùng, đổ nhựa sôi vào miệng ngài, khiến vị thánh tử đạo này trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Thi thể các thánh Iona và Varachisius cùng với thi thể các vị thánh tử đạo nêu trên đã được một người đàn ông đạo đức tên là Avdisot chôn cất. Các thánh tử đạo Iona và Varachisi qua đời vào ngày 28, còn những vị khác vào ngày 27 tháng Ba năm[2689] .

[2686] Eparch – người đứng đầu một vùng.

[2687] Vua Ba Tư Sapor II, được biết đến với danh hiệu "Đại đế", trị vì từ năm 310 đến năm 331 và là kẻ đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu.

[2688] Tôn kính mặt trời như hình ảnh của vị thần tối cao Mithra, người Ba Tư cũng tôn kính lửa và nước như những nguyên tố tinh khiết, mang lại điều tốt lành cho mọi sinh vật.

Lễ tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta, Ilarion Mới[2690]

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 3

Thánh Hilarion từ thuở thiếu thời đã tự nguyện mang lấy ách đời tu hành: noi gương Đức Kitô bị đóng đinh, ngài vác thập giá của mình, chiến thắng các dục vọng xác thịt bằng sự tiết độ; sau khi lui vào ẩn tu và sống trong im lặng suốt nhiều năm, ngài, nhờ được soi sáng bởi sự vô dục, đã vượt trội hơn tất cả các tu sĩ nhờ đời sống đạo đức, nhờ đó ngài được phong chức linh mục và sau này trở thành vị tu viện trưởng của tu viện mang tên Pelikit, tọa lạc tại châu Á, gần eo biển Hellespont[2691] . Thánh Hilarion đã thực hiện nhiều phép lạ kỳ diệu. Bằng lời nói của mình, ngài xua đuổi các loài thú gây hại cho cây trồng khỏi ruộng lúa và vườn nho; bằng lời cầu nguyện, ngài đã ngăn chặn trận mưa đá dữ dội và khiến mưa rơi xuống đất trong thời kỳ hạn hán; giống như tiên tri Ê-li-sê, ngài đã chia đôi dòng sông, chữa lành người bị teo tay, ban lại thị lực cho người mù, chữa lành tật nguyền cho người què, trừ tà ma và làm đầy lưới cá của các ngư dân bằng vô số cá khi họ đánh bắt không được.

Thánh Giuse, tác giả các bài thánh ca, trong bài thánh ca thứ 8 của kinh ca do ngài sáng tác để tôn vinh vị thánh này, cho biết rằng Thánh Hilarion đã phải chịu sự bắt bớ và sỉ nhục từ những kẻ hành hạ vì đã tôn kính bức tượng thánh chân chính của Đấng Cứu Thế, và vì lý do đó, ngài được gọi là vị tử đạo. Theo một số nguồn tin, Thánh Hilarion sống dưới triều đại của Lê-ô người Armenia, người đã phỉ báng các bức tượng thánh; trong khi đó, những người khác lại cho rằng thời gian sống của ngài là dưới triều đại của Lê-ô người Isauria và con trai ông là Copronymus[2692] , những người đã trị vì từ rất lâu trước Lê-ô người Armenia, điều này dường như chính xác hơn. Ngài đã chịu khổ vì các bức tượng thánh vào thời điểm mà vào Thứ Năm Tuần Thánh, quan tổng trấn của Copronymus là Lahondracon đã bất ngờ dẫn quân tấn công Tu viện Pelikit: trong lúc Thánh lễ đang diễn ra, hắn ngang nhiên xông vào nhà thờ, rồi vào tận bàn thờ, ra lệnh ngừng hát và quăng Thánh Thể và Mầu Nhiệm Sống Đời của Chúa Kitô xuống đất; sau đó, hắn bắt giữ và xiềng xích bằng sắt 42 tu sĩ được chọn; còn với những tu sĩ còn lại, hắn làm bị thương một số người, hành hạ thân thể họ, một số khác thì bị thiêu đốt, trước tiên bôi nhựa thông lên râu và mặt họ, một số khác nữa thì bị cắt mũi; và cuối cùng, hắn đã đốt cháy tu viện cùng với nhà thờ. Còn các vị cha được chọn, gồm bốn mươi hai vị thánh, hắn đã gửi đi lưu đày đến vùng ngoại ô của tỉnh Ê-phê-sô, và tại đó, sau khi nhốt họ trong một nhà tắm cũ, hắn đã khiến họ phải chết một cách tàn bạo. Người ta cho rằng vào thời điểm đó, Thánh Hilarion cũng đã chịu khổ nạn, với tư cách là vị Bề trên cao cấp nhất trong số các vị cha đã được nhắc đến[2693] .

Ngày tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta là Thánh Stephanos, vị chứng nhân.

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 3

Thánh Stefan, vị Chứng nhân của Chúa Kitô, đã sống dưới triều đại của Hoàng đế Lêo người Armenia[2694] . Từ thuở nhỏ, ngài đã yêu mến đời sống ăn chay và trang điểm cho mình bằng cuộc sống đạo đức; sau này, ngài trở thành vị tu viện trưởng của Tu viện Triglia[2695] , nhận chức vụ tu viện trưởng do những lời thỉnh cầu khẩn thiết của các tu sĩ; qua lời giảng dạy của mình, ngài khuyên nhủ nhiều người sống đời sống đẹp lòng Chúa và trong sự thanh khiết. Nhưng rồi vị vua vô đạo Lê-vơ người Armenia đã phát động một cuộc đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu,

---

[2689] Ngày qua đời trong ân sủng của các thánh tử đạo Iona và Varachisia rơi vào khoảng thời gian từ năm 327 đến năm 331.

[2690] Thánh Ilarion, vị chứng nhân của Chúa Kitô được tưởng nhớ ngày nay, được gọi là "mới" để phân biệt với Thánh Ilarion người Dalmatia, cũng là một chứng nhân, người đã chịu khổ nạn dưới thời Hoàng đế Byzantine Lê V người Armenia (812–820). Lễ kính vị Thánh Ilarion sau này được cử hành vào ngày 6 tháng 6

[2691] Hellespont – tên cổ của eo biển Dardanelles, nối liền Biển Đá Cẩm Thạch và Biển Aegean.

[2692] Lê III người Isauria trị vì từ năm 717 đến năm 741, còn con trai ông là Constantine V Copronymus trị vì từ năm 741 đến năm 775.

[2693] Thánh Hilarion qua đời vào khoảng năm 754.

[2694] Lêô V người Armenia – hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[2695] Tu viện Trigleon nằm ở vùng ngoại ô Constantinopolis.

phá hủy các thánh tượng. Lúc đó, ông ta triệu tập Thánh nhân Stephanos và bắt đầu ép buộc ngài phải từ bỏ đức tin Chính Thống, từ chối việc thờ phượng các thánh tượng, và tự tay ký vào văn bản từ bỏ Chính Thống giáo.

Tuy nhiên, vị thánh không những từ chối làm điều đó, mà còn quở trách nhà vua vì sự vô đạo của ông ta. Vì sự kiên định trong Đức tin Chính thống, Thánh Stefan đã phải chịu nhiều cực hình và xiềng xích trong ngục tối; sau đó ngài bị đày đi lưu đày, và tại đó, khi đã kiệt sức tột cùng vì đau khổ và bệnh tật, Thánh Stefan đã về với Chúa Kitô, Thiên Chúa[2696] , Đấng mà vì Ngài, ngài đã chịu đựng nhiều cực hình và đón nhận cái chết.

Câu chuyện về chiến binh Taksiot

Ngày tưởng niệm 28 tháng 3

Tại thành Carthage[2697] có một người đàn ông tên là Taxio, một chiến binh, đã sống cuộc đời trong những tội lỗi lớn lao. Một lần nọ, thành Carthage bị một dịch bệnh lây lan hoành hành, khiến nhiều người chết; Taxio hoảng sợ, quay về với Đức Chúa Trời và ăn năn về những tội lỗi của mình. Anh rời khỏi thành phố, cùng vợ lui về một ngôi làng, nơi anh ở lại và dành thời gian để suy ngẫm về Chúa.

Một thời gian sau, do sự xúi giục của ma quỷ, ông đã phạm tội ngoại tình với vợ của một người nông dân sống láng giềng; nhưng chỉ vài ngày sau khi phạm tội đó, ông bị rắn cắn và qua đời.

Cách nơi đó một khoảng đường chạy[2698] có một tu viện; vợ của Taxio đã đến tu viện này và nài nỉ các tu sĩ đến mang thi thể người quá cố về chôn cất trong nhà thờ: và họ đã chôn cất ông vào giờ thứ ba buổi chiều. Khi đến giờ thứ chín, từ ngôi mộ vang lên tiếng kêu lớn: "Xin thương xót, xin thương xót tôi!" Khi đến gần ngôi mộ và nghe thấy tiếng kêu của người đã được chôn cất, các tu sĩ lập tức đào mộ lên và phát hiện ra Taxiot vẫn còn sống; họ kinh hoàng, ngạc nhiên và hỏi han ông, muốn biết chuyện gì đã xảy ra với ông và làm sao ông lại sống lại được? Nhưng anh ta vì khóc lóc thảm thiết nên không thể kể gì cho họ nghe, chỉ xin được đưa đến gặp Giám mục Tarasius; và anh ta đã được đưa đến gặp ngài.

Giám mục đã nài nỉ anh ta trong ba ngày để kể lại những gì anh ta đã thấy ở đó, nhưng phải đến ngày thứ tư, người bị chôn sống mới bắt đầu nói chuyện.

Trong những giọt nước mắt tuôn trào, anh ta kể lại như sau:

– Khi tôi sắp chết, tôi thấy một số người Ê-ti-ô-pi đứng trước mặt tôi; dáng vẻ của họ rất đáng sợ, và linh hồn tôi bỗng hoảng hốt. Sau đó, tôi thấy hai chàng trai rất đẹp trai; linh hồn tôi hướng về phía họ, và ngay lập tức, như thể bay lên khỏi mặt đất, chúng tôi bắt đầu bay lên trời, trên đường đi gặp phải những thử thách[2699] , những kẻ giữ linh hồn mỗi con người và tra tấn linh hồn đó vì một tội lỗi cụ thể: một kẻ về tội nói dối, kẻ khác về tội ghen tị, kẻ thứ ba về tội kiêu ngạo; như vậy, mỗi tội lỗi trên đường đi đều có những kẻ thử thách riêng. Và rồi tôi thấy trong chiếc hòm do các Thiên thần cầm, tất cả những việc lành của tôi, mà các Thiên thần đã so sánh với những việc ác của tôi. Vậy là chúng tôi đã vượt qua những chặng thử thách này. Khi chúng tôi tiến gần đến cổng thiên đàng và đến chặng thử thách về tội dâm dục, các lính canh đã giữ tôi lại ở đó và bắt đầu chỉ ra tất cả những hành vi dâm dục xác thịt mà tôi đã phạm từ thuở ấu thơ cho đến lúc chết, và các Thiên thần dẫn đường cho tôi đã nói với tôi: "Tất cả những tội lỗi xác thịt mà ngươi đã phạm khi còn ở trong thành, Đức Chúa Trời đã tha thứ cho ngươi, vì ngươi đã ăn năn về chúng." Nhưng những linh hồn xấu xa lại nói với tôi: "Nhưng khi ngươi rời khỏi thành phố, ngươi đã ngoại tình với vợ của người nông dân của ngươi trên cánh đồng." Nghe vậy, các Thiên thần không tìm thấy việc lành nào có thể đối trọng với tội lỗi đó, nên họ bỏ tôi lại và ra đi. Lúc đó, những linh hồn xấu xa, , bắt lấy tôi, bắt đầu đánh đập và sau đó kéo tôi xuống dưới; đất nứt ra, và tôi, bị dẫn qua những lối vào hẹp qua những hang động chật chội và hôi thối, đã xuống tận đáy sâu nhất của ngục tối địa ngục, nơi linh hồn những kẻ tội lỗi bị giam cầm trong bóng tối vĩnh cửu, nơi không có sự sống cho con người, mà chỉ có cực hình vĩnh viễn, tiếng khóc than không thể an ủi và tiếng nghiến răng không thể tả xiết. Ở đó luôn vang lên tiếng kêu tuyệt vọng: "Khốn khổ, khốn

---

[2696] Thánh Stephanos qua đời sau năm 815 (vào năm đó, ngài bị lưu đày).

[2697] Carthage – thuộc địa nổi tiếng của người Phoenicia trong thời cổ đại, nằm ở phía bắc châu Phi. Carthage cổ đại đạt đến đỉnh cao rực rỡ nhất vào thế kỷ II trước Công nguyên, nhưng trên đống đổ nát của Carthage cổ đại, dưới thời các hoàng đế La Mã đầu tiên, một Carthage mới đã mọc lên và tồn tại trong một thời gian khá dài.

[2698] Pophriste – đơn vị đo chiều dài, tương đương với 1.000 bước chân.

[2699] Về những thử thách, xem phần trên trong tiểu sử Thánh Basil Mới ngày 26 tháng 3

khổ cho chúng ta! Than ôi, than ôi!" Và không thể diễn tả hết mọi nỗi đau khổ ở đó, không thể kể lại hết mọi cực hình và bệnh tật mà tôi đã chứng kiến. Họ rên rỉ từ tận đáy lòng, mà chẳng ai thương xót họ; họ khóc lóc, mà chẳng có ai an ủi; họ cầu xin, mà chẳng có ai lắng nghe và giải thoát cho họ. Và tôi đã bị giam cầm trong những nơi u ám, đầy nỗi đau thương khủng khiếp ấy, và tôi đã khóc lóc, nức nở thảm thiết từ giờ thứ ba đến giờ thứ chín. Sau đó, tôi thấy một tia sáng nhỏ và hai Thiên thần đến đó; tôi đã khẩn thiết van xin họ đưa tôi ra khỏi nơi khốn khổ ấy để ăn năn trước mặt Thiên Chúa.

Các Thiên thần nói với tôi:

– Ngươi cầu nguyện cũng vô ích thôi: không ai có thể ra khỏi đây cho đến khi thời điểm Phục sinh chung đến.

Nhưng vì tôi vẫn tiếp tục nài nỉ và van xin họ hết sức, đồng thời hứa sẽ ăn năn về những tội lỗi của mình, nên một vị Thiên thần đã nói với vị kia:

– Anh có đảm bảo rằng anh ta sẽ ăn năn, và hơn nữa là từ tận đáy lòng, như đã hứa không?

Người kia nói:

– Tôi đảm bảo!

Rồi anh ta đưa tay ra cho anh ta. Lúc đó, họ dẫn tôi ra khỏi đó xuống mặt đất và đưa tôi đến chiếc quan tài nơi thi thể tôi đang nằm, rồi nói với tôi:

– Hãy bước vào thứ mà ngươi đã chia tay.

Và tôi thấy linh hồn mình sáng như ngọc trai, còn thi thể đã chết thì đen như bùn và bốc mùi hôi thối, nên tôi không muốn nhập vào đó. Các thiên thần nói với tôi:

– Ngươi không thể sám hối nếu không có thân xác mà ngươi đã dùng để phạm tội.

Nhưng tôi van xin họ đừng bắt tôi trở lại thân xác đó.

– Hãy vào đi, – các Thiên thần nói, – nếu không, chúng tôi sẽ lại đưa ngươi về nơi mà chúng tôi đã đưa ngươi ra.

Rồi tôi bước vào, sống lại và bắt đầu kêu lên: "Xin hãy thương xót tôi!"

Thánh Tarasius bấy giờ nói với anh ta:

– Hãy nếm thức ăn đi.

Anh ta không muốn ăn, nhưng đi từ nhà thờ này sang nhà thờ khác, quỳ sấp mặt xuống đất, với nước mắt và những tiếng thở dài sâu thẳm, xưng tội của mình và nói với mọi người:

– Khốn cho những kẻ tội lỗi: họ sẽ phải chịu cực hình vĩnh viễn; khốn cho những ai không ăn năn khi còn thời gian; khốn cho những kẻ làm ô uế thân xác mình!

Sau khi được hồi sinh, Taxios đã sống thêm bốn mươi ngày và thanh tẩy bản thân bằng sự sám hối; ba ngày trước khi qua đời, ông đã tiên kiến được cái chết của mình và ra đi về với Đức Chúa Trời Nhân Từ và Yêu Thương Loài Người, Đấng xuống địa ngục và ban ơn cứu rỗi cho tất cả mọi người, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men.

Ngày 11 tháng 4

Ngày 29 tháng 3 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Mác-cô, Giám mục Arefusius.

Ngày tưởng niệm 29 tháng 3

Về cuộc tử đạo của Thánh Mark, Giám mục Arefusius[2700] , Thánh Grigorius Nissius trong bài giảng đầu tiên của ngài về Julian, kẻ bội đạo đáng ghê tởm[2701] đã viết như sau:

[2700] Arefusia hay Aretusa – một thành phố ở Syria.

[2701] Hoàng đế Julianus Apostata trị vì Đế quốc La Mã từ năm 361 đến năm 363.

“Ai lại không biết chuyện gì đã xảy ra với vị thánh Mark Arefusius vĩ đại? Và qua câu chuyện tưởng niệm ngài, ai lại không nhớ đến ngài? Vào thời trị vì của Hoàng đế Constantine Đại đế, nhờ những quyền lợi được ban cho Kitô hữu lúc bấy giờ, ngài đã phá hủy một đền thờ ngoại giáo và dẫn dắt nhiều người thoát khỏi sự lầm lạc ngoại giáo, đưa họ vào con đường cứu rỗi đúng đắn, cả bằng những lời giảng dạy đầy ý nghĩa lẫn gương sống trong sạch. Những người Arefusian theo đạo ngoại từ lâu đã căm ghét ngài; khi quyền lực Kitô giáo sụp đổ và sự vô đạo của đạo ngoại bắt đầu gia tăng và bùng phát, ngài đã không thể thoát khỏi bàn tay của những kẻ tra tấn trong thời kỳ khó khăn đó. Cũng như đám đông, dù có kìm nén cơn giận và những ham muốn của mình trong một thời gian, giống như ngọn lửa ẩn mình trong lò sưởi, hay dòng sông bị đập ngăn lại, nhưng đến một thời điểm nhất định, nó vẫn sẽ bộc lộ cơn thịnh nộ không thể kìm nén – điều này vốn là bản chất của nó, cũng như ngọn lửa bùng cháy và dòng sông ào ạt phá vỡ đập.

Thánh Mác-cô, khi thấy dân chúng nổi dậy chống lại ngài và đang ấp ủ điều gì đó xấu xa, đã quyết định lập tức bỏ trốn – không phải vì sợ hãi, mà là để tuân theo điều răn của Chúa, trong đó truyền phải di chuyển từ thành phố này sang thành phố khác, nhường chỗ cho những kẻ bách hại. Còn đối với các Kitô hữu, dù có dũng cảm và kiên nhẫn đến đâu, cũng không chỉ nên lo cho sự cứu rỗi của chính mình, mà còn phải thương xót cả những kẻ bách hại, để họ không tự gia tăng sự hủy diệt cho chính mình bởi lòng thù hận đầy ác ý mà họ đang chứa đựng. Nhưng khi Mark, người có đức hạnh, thấy rằng vì mình mà những kẻ tra tấn độc ác bắt đi nhiều người, đưa họ vào cảnh đau khổ và các hình thức tra tấn khác nhau, còn những người khác, khi chứng kiến điều đó, lòng họ đau đớn, anh không thể chịu đựng được việc người khác phải chịu khổ vì sự trốn chạy và sự tự bảo vệ bản thân của mình; với ý định tốt đẹp và khôn ngoan, ông đã quay trở lại từ nơi lánh nạn, tự nguyện giao mình cho dân chúng và dấn thân vào cuộc chiến chống lại cơn thịnh nộ của những kẻ tra tấn. Chẳng có hành vi tàn bạo nào mà họ không thực hiện! Chẳng có hình thức tra tấn nào mà họ không nghĩ ra! Khi mỗi kẻ tra tấn đều cố gắng thêm vào vô số hình thức tra tấn khác nhau một hình thức tra tấn do chính họ nghĩ ra, thì không có gì khiến họ tức giận bằng sự kiên nhẫn dũng cảm của vị thánh; họ đặc biệt phẫn nộ, coi sự trở về của ngài không phải là biểu hiện của lòng dũng cảm trong đau khổ, mà là sự khinh miệt và sỉ nhục đối với họ.

Vị Thánh già, người đã tự nguyện chấp nhận con đường tử đạo, được dẫn đi qua thành phố, nơi ngài được mọi người kính trọng đặc biệt – ngoại trừ những kẻ bách hại và tra tấn – nhờ tuổi tác cao quý của ngài, và quan trọng hơn hết là nhờ cuộc đời đạo đức của ngài. Rất nhiều người đi theo ngài, không phân biệt tuổi tác hay địa vị; tất cả đều phải chịu những lời sỉ nhục như nhau: có cả nam lẫn nữ, người trẻ lẫn người già, cũng có cả các quan chức thành phố và những nhân vật có tiếng tăm; tất cả đều có chung một khát vọng: như thể muốn vượt qua nhau về sự giận dữ và tàn bạo; tất cả, không ngoại lệ, đều coi việc gây ra càng nhiều đau khổ càng tốt và đánh bại vị tu sĩ già kiên định, người đang đối đầu với cả thành phố, là một điều vĩ đại.

Vị thánh, sau khi bị lôi kéo dọc các con đường, đã bị ném xuống đầm lầy; trong lúc đó, ngoài những cực hình, ngài còn phải chịu những sự sỉ nhục vô liêm sỉ: lũ trẻ lần lượt túm tóc và hành hạ các bộ phận khác trên cơ thể ngài; sau đó ngài bị treo cổ tại một nơi ô nhục, trong khi thi thể đang đung đưa của vị thánh tử đạo dũng cảm bị rạch bằng dao và đâm xuyên bằng cây sậy nhọn, và trước cảnh tượng đáng khóc thương ấy, họ lại cười lớn và vui đùa. Bằng những dụng cụ đặc biệt, họ siết chặt cẳng chân ngài đến tận xương; dùng những sợi chỉ lanh rất mảnh nhưng cực kỳ chắc chắn để cắt tai ngài. Sau đó, họ bôi mật ong và mỡ lên người ngài, nhốt ngài vào một cái giỏ và vào giữa trưa, dưới cái nắng gay gắt khủng khiếp, đưa ngài lên cao, nơi ngài bị ong và ong bắp cày đốt. Và càng lúc mỡ và mật ong trên thân thể thanh thản (tôi không thể gọi là đầy đam mê) của vị thánh tan chảy vì cái nắng gay gắt, thì ngài càng phải chịu đựng nhiều hơn những vết chích của ong bắp cày và ong mật.

Thánh Marcô, dù đã cao tuổi, vẫn thể hiện sức mạnh tràn trề trong hành động chịu khổ này; ngài không hề để mất nét rạng rỡ trên khuôn mặt, thậm chí còn cảm nhận được một chút khoái lạc từ những cực hình đó và lên án những kẻ hành hạ ngài.

Còn có một câu chuyện đáng ghi nhớ khác về ngài: khi thấy mình được nâng lên cao, còn những kẻ tra tấn đứng dưới chân ngài, Thánh Marc lúc đó cảm thấy mình cách xa những kẻ tra tấn đến mức không còn nhận ra cơn đau, như thể một người khác, chứ không phải ngài, đang chịu đựng những đau khổ đó; và ngài coi những đau khổ ấy là vinh quang chứ không phải sự ô nhục. Cảnh tượng như vậy lẽ ra đã khiến ai đó, dù chỉ có một giọt lòng trắc ẩn và tình yêu thương con người, phải cảm động chăng?! Nhưng điều đó là không thể do sự đe dọa bằng những hình phạt và cơn thịnh nộ của nhà vua, người đã bắt buộc các thành phố và các thống đốc phải tra tấn các Kitô hữu như

một nghĩa vụ ( ); tuy nhiên, nhiều người, không biết đến sự độc ác và mưu mô ẩn giấu trong lòng nhà vua, lại nghĩ về ông ta theo cách khác.

Thánh Marc đã phải chịu đựng mọi hình phạt vì đã phá hủy đền thờ ngoại giáo, và ông không trả cho những kẻ tra tấn dù chỉ một đồng vàng nào; rõ ràng là ông đã chịu khổ vì lòng đạo đức của mình. Khi người dân Arefusia đòi ngài phải hoặc trả đủ số tiền khá lớn mà họ đã định ra để bồi thường cho ngôi đền bị phá hủy, hoặc phải xây dựng lại ngôi đền đó, Thánh Marc đã phản đối vì lòng đạo đức hơn là vì không có khả năng đáp ứng yêu cầu của những người ngoại đạo. Bằng sự kiên nhẫn của mình, ngài đã dần dần làm họ phải nhượng bộ và giảm bớt số tiền họ yêu cầu, đến mức cuối cùng họ chỉ đòi ngài một khoản tiền nhỏ, mà ngài có thể dễ dàng trả được. Vì vậy, cuộc tranh cãi diễn ra giữa hai bên: những kẻ tra tấn cố ép buộc vị thánh, còn ngài vẫn kiên quyết không nhượng bộ, tức là họ muốn vị thánh phải trả ít nhất một khoản tiền nào đó, còn ngài thì không muốn đưa cho họ dù chỉ một đồng xu[2702] (mặc dù có rất nhiều người, trong đó có những người vì lòng nhân ái, còn những người khác thì cảm động trước sự kiên nhẫn vững vàng và bất khuất của ngài, đã sẵn sàng đóng góp một khoản tiền lớn để cứu ngài); từ đó có thể thấy rõ rằng ngài đã chấp nhận cuộc tử đạo không phải vì lòng tham tiền, mà vì đức tin. Thánh Marc là một trong những người đã che chở cho hoàng đế Julian – khi ấy còn là một thiếu niên – vào thời điểm dòng dõi vô đạo đức và bất chính của vị hoàng đế này bị tiêu diệt. Và người ta cho rằng Thánh Marc đã phải chịu những đau khổ tàn bạo như vậy là hoàn toàn xứng đáng vì hành động này; ngài thậm chí xứng đáng phải chịu những cực hình còn nặng nề hơn nữa, bởi vì, dù là do vô tình, ngài đã cứu một mối nguy hại to lớn đối với cả vũ trụ khỏi cái chết.

Người ta cũng kể lại rằng, tổng giám mục[2703] của Arefusia, dù là một kẻ vô đạo và ngoại đạo, nhưng không thể chịu đựng được cảnh tượng những đau khổ khác nhau của Thánh Mark và đã dũng cảm nói với hoàng đế:

– Bệ hạ! Chúng ta có thấy xấu hổ trước mặt tất cả các Kitô hữu không, khi mà chúng ta thậm chí không thể đánh bại được một vị tu sĩ già? Dù chiến thắng trước ông ta cũng chẳng vinh quang hay chính đáng gì, nhưng việc chính chúng ta phải rút lui trước ông ta với tư cách kẻ bại trận – đó thực sự là một sự nhục nhã lớn lao!

Sự dũng cảm của các Kitô hữu đã khiến các tổng giám mục và các vị vua kiêu ngạo phải xấu hổ.

Còn sự tra tấn của những kẻ Arefusius thì khủng khiếp đến nỗi, sự tàn bạo của Echet[2704] và Falarid[2705] cũng sẽ trở nên nhỏ bé nếu so sánh với sự tàn bạo của họ; bằng sự độc ác của mình, họ còn vượt qua cả chính kẻ sáng tạo ra sự độc ác và kẻ xúi giục họ – ma quỷ."

Đây là lời kể của Thánh Grêgôriô Nissê về Thánh Mác-cô.

Còn Theodoret[2706] thì kể lại rằng, những người Arefusius, khi thấy sự kiên cường bất khuất của vị tu sĩ kỳ diệu, Thánh Mark, đã trở nên hiền lành, ngạc nhiên trước lòng kiên nhẫn vĩ đại của ngài; họ đã thả ngài ra. Sau đó, sau khi lắng nghe những lời giảng dạy của ngài, họ đã quay về với đức tin thánh thiện và tất cả đều trở thành Kitô hữu.

Về Thánh Cyril, vị phó tế, chính Theodoret cũng kể lại như sau:

– Ai có thể nhớ lại những hành động tàn ác do những kẻ ngoại đạo gây ra tại Phoenicia mà không rơi lệ? Vì tại thành phố Heliopolis, giáp ranh với Lebanon, những kẻ thờ thần tượng đáng ghê tởm ấy, khi nhớ lại việc phó tế Cyril – người vào thời trị vì của Constantine, vì lòng nhiệt thành mà đã phá hủy nhiều tượng thần được tôn kính trong thành phố – không chỉ giết chết ông, mà còn rạch bụng ông ra, rồi trong cơn thịnh nộ, dùng răng cắn xé nội tạng của ông. Nhưng điều này không thể che giấu được trước mặt Đức Chúa Trời toàn tri, và họ đã phải nhận hình phạt xứng đáng cho sự tàn ác của mình. Những kẻ đã dám làm những điều nêu trên, trước hết bị mất hết răng: không một chiếc nào còn sót lại; sau đó, họ mất cả lưỡi: lưỡi họ bị mưng mủ, thối rữa và rụng khỏi miệng. Cuối cùng, họ bị mù lòa; những hình phạt này đã minh chứng rõ ràng trước mắt mọi người về sức mạnh của lòng sùng kính chân chính.

Tại Ascalon và Gaza, hai thành phố của Palestine, trước tiên là những người đàn ông mang chức thánh, sau đó là những người phụ nữ và thiếu nữ đã hiến dâng mình cho Thiên Chúa, những kẻ tra tấn đã rạch bụng họ, đổ lúa mạch vào đó và ném cho lợn ăn; đó là cách những kẻ tra tấn đã hành hạ một cách vô nhân đạo. Đổi lại, các thánh tử

[2702] Peniaz – đồng tiền đồng mệnh giá nhỏ.

[2703] Eparch – quan trưởng tỉnh.

[2704] Echet – vị vua cổ đại của Epirus, nổi tiếng vì tính cách đặc biệt độc ác, đã làm mù con gái duy nhất của mình là Metope.

[2705] Falaris – bạo chúa của Agrigentum (một thuộc địa của người Doria, nằm ở phía nam đảo Sicily), sống vào thế kỷ VI trước Công nguyên. Ông nổi tiếng là người cực kỳ tàn bạo và đối xử rất khắc nghiệt với các thuộc hạ của mình.

[2706] Thánh Theodoret – một nhà thần học của Giáo hội, sống vào thế kỷ V.

đạo đã được chuẩn bị những vương miện chiến thắng trong Nước Trời của Đức Kitô, còn những kẻ hành hạ thì phải chịu sự đau khổ vĩnh viễn trong địa ngục, điều đang chờ đợi họ như sự trừng phạt công bằng từ Đức Chúa Trời chân thật của chúng ta là Đức Giêsu Kitô, vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen[2707] .

Lễ kỷ niệm Thánh Giăng, vị tu sĩ ẩn dật

Ngày tưởng niệm 29 tháng 3

Ngày xưa có một người phụ nữ giàu có, rất xinh đẹp và kính sợ Thiên Chúa, tên là Iuliania[2708] . Khi còn trẻ, bà mất chồng và trở thành góa phụ với hai đứa con nhỏ, là Gioan và Timistia. Sau khi sắc lệnh ra lệnh xử tử các Kitô hữu được ban hành[2709] , bà đã đưa Gioan – lúc đó đã bước vào tuổi thiếu niên – theo mình, ẩn náu cùng cậu trong một căn phòng bỏ hoang và nuôi dạy cậu theo lời dạy của Chúa (Ê-phê-sô 6:4), không ngừng dạy cậu cách đọc sách và cầu nguyện. Cậu thiếu niên, khi rời xa mẹ, thỉnh thoảng đến một tu viện gần đó và, sau khi cầu nguyện một mình trong bí mật tại đó, lại quay trở về, vì vào thời điểm đó, tất cả các Kitô hữu đều phải ẩn náu vì lo sợ những người ngoại đạo. Một lần, khi cậu đến tu viện như thường lệ, một người đạo đức đã gặp cậu ở đó và khuyên cậu nên đến những nơi hoang vắng để thực hành các việc cầu nguyện, thay vì thực hiện chúng trong tu viện, nơi cậu luôn có nguy cơ rơi vào tay những kẻ tra tấn. Chấp nhận lời khuyên này, cậu thiếu niên nói với mẹ mình:

– Mẹ thân yêu của con, có một người đạo đức đã mời con đến gặp ông ấy, và con nghĩ rằng điều này xảy ra chủ yếu là nhờ những lời cầu nguyện của mẹ.

Iuliania để con trai mình đi, nghĩ rằng cậu sẽ sớm quay trở lại. Nhưng Gioan, sau khi chào tạm biệt mẹ và em gái, đã đi vào sa mạc tìm một vị ẩn sĩ Ai Cập tên là Farmufius, và sau khi nhận được lời khuyên về việc cầu nguyện từ ông, cậu đã tiến sâu vào lòng sa mạc. Tại đó, ông tìm thấy một cái giếng bỏ hoang, đầy rắn, bọ cạp và các loài bò sát, và sau khi cầu nguyện, ông đã nhảy xuống đó. Cái giếng sâu hai mươi khuỷu tay[2710] , nhưng Thiên Thần của Chúa đã nâng đỡ Gioan, và ông vẫn bình an vô sự. Đứng dưới đáy giếng, ông dang hai tay thành hình thánh giá, không ngủ, không ăn, không uống, dành bốn mươi ngày để cầu nguyện, và tất cả các loài bò sát đều rời khỏi giếng. Sau đó, Thiên Thần, người luôn mang thức ăn cho Farmufius, đã mang bánh mì đến cho Gioan và nói với vị thánh:

– Đây là bánh mì mà Chúa đã sai đến cho con, để con mang nó xuống giếng cho Abba[2711] Gioan.

Còn bản thân Thiên thần thì không muốn tự tay mang bánh mì cho ngài, để ngài, dù còn trẻ tuổi, không vì thế mà kiêu ngạo. Farmufi đi đến chỗ Gioan và trao bánh mì cho ngài. Vị thánh nhân, sau khi nhận bánh và tạ ơn Chúa, bắt đầu ăn nó. Kể từ đó, trong một thời gian dài, ngài hàng ngày đều nhận được thức ăn từ Farmufi và ngợi khen Chúa vì điều đó. Trong khi đó, ma quỷ, không chịu nổi những việc làm thánh thiện của vị thánh John, một lần đã hóa thân thành một trong những người hầu cũ của ông, đến gặp Farmufius và dụ dỗ anh ta; Farmufius liền dẫn ma quỷ đến cái giếng nơi vị thánh đang tu hành. Nhưng khi con quỷ nói với Thánh Gioan những lời không xứng đáng, Thánh Gioan đã giúp Farmufius thoát khỏi sự lầm lạc, đồng thời làm con quỷ phải xấu hổ và xua đuổi nó đi. Sau đó, ma quỷ tập hợp một đám đông quỷ dữ, ra lệnh cho chúng hóa thân thành mẹ và chị gái của Thánh Gioan, họ hàng và hàng xóm của ngài, các người hầu nam và nữ, cùng những người quen biết, và tất cả bọn chúng đều đến bên giếng, nước mắt lưng tròng van nài ngài hiện ra trước mặt họ, như thể họ rất mong được gặp ngài vậy; nhưng vị thánh nhân, lúc đó đang thực hiện lời cầu nguyện thường lệ của mình dưới đáy giếng, đã nói với chúng: "Hãy tránh xa ta ra", và tất cả các quỷ đều biến mất khỏi tầm mắt.

Sau mười năm sống trong giếng, thực hiện mọi công đức tu hành và trung thành phụng sự Chúa một cách anh dũng, vị thánh John đã về với cõi vĩnh hằng. Để lo tang lễ cho ngài, theo sự chỉ dẫn của Thiên thần, một tu sĩ tên là Chrysichius – người đã tu hành trong sa mạc suốt ba mươi năm – đã đến. Trong ba ngày, ông khẩn cầu vị

[2707] Các thánh Marc và Cyril qua đời vào giữa thế kỷ IV.

[2708] Iuliana đã sống ở châu Phi và có lẽ là ở Ai Cập.

[2709] Xét rằng Thánh Gioan sống vào thế kỷ IV, có thể suy luận rằng sắc lệnh này do Đế chế Diocletian ban hành, người đã phát động cuộc bách hại Kitô hữu trên toàn đế quốc vào năm 303.

[2710] Một "lokot" tương đương với 10,5 "vershok". (Một "vershok" tương đương với ≈ 4,45 cm. Chiều dài của "lokot" được xác định là khoảng cách từ đầu ngón tay giữa duỗi thẳng đến khớp khuỷu tay, có thể dao động lên đến 46 cm. – *Ban Biên tập "Azbuka Very".*)

[2711] "Avva" có nghĩa là "cha".

thánh ra khỏi giếng, đồng thời nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời, ông khẩn thiết yêu cầu ngài đừng giấu giếm điều gì trong cuộc đời tu hành của mình, mà hãy kể lại mọi chuyện theo thứ tự, vì đó là điều đẹp lòng Đức Chúa Trời. Và một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra, khiến mọi người nghe thấy và nhìn thấy đều kinh ngạc: mặt đất dưới đáy giếng tự nhiên nhô lên hai mươi khuỷu tay, và các vị thánh đã gặp nhau. Dưới sức mạnh của lời thề của tu sĩ Chrysiichios, Thánh Gioan không giấu diếm điều gì, mà đã kể hết mọi chuyện về bản thân cho Chrysiichios nghe, và người này đã cảm ơn ngài bằng một nụ hôn huynh đệ. Sau đó, vị thánh tu sĩ Gioan tự chuẩn bị cho lễ an táng và lại về với Chúa. Lúc bấy giờ, Chrysichius phủ thi thể ngài bằng áo choàng của mình, sao cho các mép áo chạm đến mép giếng, rồi sau khi hát các thánh vịnh theo nghi thức, ngài trồng một cây chà là tại nơi an táng. Ngay lập tức, cây chà là đó đâm rễ, mọc cao như một cây sồi lớn, nở hoa và trĩu nặng trái. Thấy vậy, tu sĩ Chrisichius dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, thầm nói trong lòng:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa, vì chính Ngài đã mở đường cho những ai yêu mến Ngài và ban cho họ trở thành những người thừa kế Nước Trời của Ngài.

Và ngay lúc ngài đang cầu nguyện và suy ngẫm về điều đó, Thiên Thần lập tức đưa ngài lên trời và mang ngài về nơi ngài đang ở. Sau đó, sau khi gọi một người đàn ông đạo đức, Chrysichius đã nhờ ông ghi chép lại tất cả những gì ông đã thấy và nghe[2712] .

Lễ kính Thánh Cha Eustathius, vị Tử đạo, Giám mục thành Bithynia[2713]

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 3

Thánh Cha và vị Tử đạo Eustathius của chúng ta, sau khi từ bỏ những của cải trần gian như một gánh nặng, và siêng năng tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa, đã dấn thân vào đời sống tu hành. Sau một thời gian, mang trên vai ách của Chúa Kitô và lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn mình, ngài đã trở thành linh mục. Trong chức vụ này, ngài đã trải nghiệm nhiều niềm vui thiêng liêng, và vì thế ngài không ngừng tạ ơn Chúa. Với đức tin vững chắc nơi Thiên Chúa và lòng yêu thương chân thành dành cho mọi người, ngài là một vị thầy khiêm nhường, hiền lành và nhân từ, đồng thời là người nhiệt thành thực hành các việc lành. Sau đó, theo sự an bài của Thiên Chúa, ngài được chọn làm Giám mục Bithynia, và trong nhiều năm, ngài đã lãnh đạo Giáo hội theo giáo lý và truyền thống của các Tông đồ Thánh. Khi các Giáo hội của Thiên Chúa phải đối mặt với những xáo trộn do tà thuyết chống thánh tượng gây ra, ngài, nhờ sự am tường Kinh Thánh, đã dùng "gươm lời" của mình để đánh bại tất cả những ai đe dọa các Giáo hội của Thiên Chúa. Vì vậy, một số kẻ ủng hộ tà thuyết đã tố cáo ngài với vị hoàng đế vô đạo đang trị vì lúc bấy giờ; và làm sao có thể mô tả hết những gì vị thánh đáng kính này đã phải chịu đựng vì việc tôn kính và thờ phượng các thánh tượng thiêng liêng và đáng kính? Ngài phải chịu đựng những lời đe dọa, sự nhục mạ, những trận đòn roi, bị giam cầm trong ngục tối, những lo âu, xáo trộn và bị đánh đập bằng gậy. Cuối cùng, sau khi bị đâm bằng những cây gậy nhọn, ngài bị tước bỏ chức vụ và bị lưu đày. Sau nhiều năm sống lưu đày, giữa những lời sỉ nhục, sự thù hận, thiếu thốn, đói khát và trần truồng, nhờ ơn Chúa, vị thánh Eustathius đã an nghỉ trong cõi vĩnh hằng.

Ngày 12 tháng 4

Ngày 30 tháng 3 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ vị thánh cha Zosima của chúng ta, Giám mục Syracuse.

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Evvula, mẹ của Thánh Panteleimon, người đã sống vào thế kỷ III và qua đời trước khi con trai bà phải chịu cực hình (trước năm 305).

[2712] Thánh Gioan đã sống và tu hành vào thế kỷ IV.

[2713] Bithynia – một tỉnh La Mã ở phía tây bắc Tiểu Á. Thánh Eustathius giữ chức giám mục tại thành phố Kie (nay là Tsomplek), nằm sâu trong một trong những vịnh của Biển Đá Cẩm Thạch.

Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta, Thánh Gioan Thang[2714]

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 3

Thánh Gioan Thang đã tu hành trên núi Sinai, nơi nổi tiếng qua các câu chuyện trong Cựu Ước (Xuất Hành 19:20, 24, 34; Lê-vi 7; Dân Số 10:33; Thi Thiên 67:8). Núi Sinai thiêng liêng đã trở thành nơi ẩn náu cho các tu sĩ Kitô giáo từ nửa sau thế kỷ III, những người lánh nạn ở đây để tránh sự bắt bớ; những người khác thì bị người Saracen bắt làm tù binh và đưa đến đây. Vào thế kỷ IV, khi cuộc bắt bớ Kitô hữu chấm dứt, đời sống tu hành tại đây đã được củng cố vững chắc. Những người ẩn tu bị thu hút đến đây bởi những ký ức thiêng liêng về những sự kiện vĩ đại trong Cựu Ước đã diễn ra tại đây, cũng như bởi sự hoang vắng của Sinai. Các nhà thám hiểm cho biết họ chưa từng gặp nơi nào hoang vắng hơn bán đảo Sinai. Ngay cả các loài thú hoang dã cũng không ở lại đây lâu, mà sau khi vô tình lạc vào từ sa mạc Ả Rập, chúng vội vã rời đi để tìm đến những nơi có sự hiện diện của các loài động vật khác. Xung quanh núi Sinai có những nơi đặc biệt hoang vắng, rất thuận lợi cho việc tu hành ẩn dật, và tại một trong số đó (Fola), Thánh Gioan Thang đã tu hành trong nhiều năm. Trước khi Hoàng đế Justinian I lên ngôi, các tu sĩ Ẩn tu trên núi Sinai không có tu viện – họ chỉ có một ngọn tháp kiên cố và một nhà thờ nhỏ gần đó, do Thánh Helena, người được tôn vinh ngang hàng các Tông đồ, xây dựng. Năm 557, dưới triều đại Hoàng đế Justinian, theo lời thỉnh cầu của các tu sĩ, một tu viện đã được xây dựng tại đây.

Thánh Gioan đã đến núi Sinai khi mới 16 tuổi, bị thu hút bởi danh tiếng về đời sống tu hành của các ẩn sĩ Sinai. Ngay cả những người cùng thời với ngài, những người viết tiểu sử, cũng không biết nơi sinh của Thánh Gioan[2715] . Tu sĩ Đaniel nói thẳng thắn: "Tôi không thể nói chính xác và chắc chắn rằng thành phố và đất nước nào đã nuôi dưỡng và giáo dục vị tu sĩ dũng cảm này trước khi ngài bắt đầu cuộc đời tu hành." Và ông tiếp tục: "Còn thành phố nào hiện nay đang là nơi cư ngụ và nuôi dưỡng vị thánh nhân kỳ diệu này bằng thức ăn bất diệt – thì điều đó không hoàn toàn xa lạ với tôi. Bởi vì ngài hiện đang ở trong thành phố mà vị thi sĩ vĩ đại – Thánh Tông đồ Phaolô – đã nói đến: *'Nơi cư ngụ của chúng ta là trên trời'* (Pl 3:20). Ông đang ở đó, được no nê bởi cảm giác siêu phàm về những ân huệ vô tận, đã nhận được phần thưởng xứng đáng cho những chiến công và phần thưởng cho những công lao của mình, được thừa hưởng Nước Trời cùng với những ai đã đặt chân lên con đường chính trực (Tv 25:12). Và về việc Thánh Gioan, vì niềm hạnh phúc siêu việt này, đã lao động ra sao trong thân xác phàm trần, thì – Daniel tiếp tục – tôi sẽ kể lại một cách rõ ràng nhất".

"Vị thánh Gioan đáng kính này, khi đã tròn 16 tuổi về thể xác – nhưng về sự hoàn hảo của trí tuệ, ngay từ lúc đó ngài đã sánh ngang với người sống ngàn năm – đã dâng hiến chính mình cho Đấng Thượng Tế Tối Cao là Thiên Chúa, như một của lễ tinh tuyền và tự nguyện. Ngài đưa thân xác lên núi Sinai, còn linh hồn thì lên núi thiên đàng; dường như đã leo lên ngọn núi ấy, ngài tiến gần đến đỉnh cao thiên đàng, bằng trí tuệ chiêm ngưỡng Thiên Chúa vô hình. Rời xa thế gian, ngay từ đầu ngài đã yêu mến sự hiền lành được trang điểm bằng sự khiêm nhường, như người đứng đầu "các thiếu nữ thiêng liêng"[2716] , như người thầy dạy các đức tính. Ông đã loại bỏ sự tự do thái

---

[2714] Cuộc đời của Thánh Gioan Thang được ghi chép lại, không lâu sau khi ngài qua đời, bởi một người bạn đồng thời và cũng là bạn thân của ngài – tu sĩ Đaniel thuộc Tu viện Raif. Tu viện Raif tọa lạc bên bờ Vịnh Suez, cách núi Sinai hai ngày đường. Câu chuyện của Đaniel được bổ sung bởi một tu sĩ khác, không rõ tên, từng là đệ tử của chính Thánh Gioan Thang, người đã để lại một số thông tin rời rạc về cuộc đời vị thầy tâm linh của mình.

[2715] Có ý kiến cho rằng Thánh Gioan Thang là con trai của Xenophon và Maria, những người được Giáo hội kỷ niệm vào ngày 26 tháng 1. Trong cuốn "Chet'i-Minei" (ngày 26 tháng 1) có kể rằng, Xenophon và Maria – hai quý tộc giàu có và danh giá ở Constantinople – có hai người con trai: Gioan và Arkadius. Cha mẹ mong muốn cho các con được học hành. Lúc bấy giờ, trường học ở thành phố Virite (nay là Beirut) thuộc Syria rất nổi tiếng, nên họ đã gửi các con đến đó. Một lần nọ, cha mẹ gọi các con trai về vì cha bị bệnh nặng. Khi các em đang trên đường trở lại trường – và hành trình của các em phải đi qua Biển Địa Trung Hải – bỗng nhiên một cơn bão dữ dội ập đến trên biển và đánh chìm con tàu mà các em đang đi. Tuy nhiên, cả hai anh em đều không chết – họ đã thoát khỏi vụ chìm tàu nhờ bám vào những tấm ván gỗ và được sóng biển đưa vào bờ Palestine. Tuy nhiên, cả hai lại dạt vào những nơi khác nhau trên bờ biển, nên họ không biết gì về số phận của nhau. Sau khi được cứu thoát một cách kỳ diệu, cả hai anh em, khi nhìn thấy trong tai họa ập đến với mình một lời kêu gọi từ trên cao để sống đời tu hành, đã gia nhập các tu viện khác nhau ở Palestine, trong đó Arkady đã đổi tên thành Georgy. Sau một khoảng thời gian khá dài, hai anh em đã gặp lại nhau, và điều này diễn ra ngay trước mặt cha mẹ họ; sau đó, cả cha mẹ họ cũng đã nhận tu. Một trong những người con trai của Xênofont và Maria – Gioan – được công nhận là cùng một người với Gioan Thang Bậc. Thứ nhất, quan điểm này được củng cố bởi thực tế rằng, theo lời kể của một trong những nhà viết tiểu sử, Gioan Thang Thánh thực sự có một người anh em tên là Georgios; thứ hai, trình độ học vấn cao của vị thánh này, cho thấy ngài có xuất thân quý tộc, và chủ yếu là từ tác phẩm "Thang Thánh" của ngài, trong đó bộc lộ kiến thức sâu rộng của Gioan về Kinh Thánh, các tác phẩm của các Thánh Tông Đồ và thậm chí cả các tác phẩm dị giáo.

quá và kiêu ngạo, và khi tiếp nhận sự khiêm nhường cao quý, ngay từ khi bước vào đời sống tu hành, ông đã dùng sự quan sát cẩn trọng để xua đuổi kẻ lừa dối này – sự tự mãn và tự tin thái quá. Ông cúi đầu, phó thác bản thân cho vị thầy tâm linh tài ba[2717] , mong muốn dưới sự hướng dẫn của ngài, ông có thể an toàn vượt qua vực thẳm nguy hiểm của những đam mê. Từ bỏ cuộc sống trần tục, Gioan bắt đầu cư xử giữa các tu sĩ như một đứa trẻ nhỏ chưa biết nói, như thể linh hồn ngài không có trí tuệ riêng, cũng không có ý chí riêng, mà hoàn toàn bị tước đoạt những tính chất tự nhiên vốn có. Và điều đáng ngạc nhiên nhất là – dù có học vấn uyên bác, Gioan vẫn là một tu sĩ khiêm nhường, yêu mến sự đơn sơ trên trời, và không tự cao tự đại vì sự thông thái của mình, mà luôn hạ mình trước Thiên Chúa.

Người hướng dẫn và chỉ đạo của Thánh Gioan – như Synchron[2718] đã đề cập – là Abba Martirius. Khi Martirius cắt tóc cho Gioan để trở thành tu sĩ vào năm thứ 20 của cuộc đời cậu, Abba Stratius[2719] đã tiên đoán vào ngày đó rằng cậu sẽ trở thành một vì sao sáng chói của vũ trụ – điều này sau đó đã trở thành sự thật.

Một lần nọ, Abba Martirius cùng đệ tử của mình là Ioannes đến gặp vị thánh vĩ đại Anastasius Sinaita; khi nhìn thấy họ, Anastasius nói với Abba Martirius:

– Hãy nói cho tôi biết, Martirius, đệ tử này của ngài đến từ đâu và ai đã cạo đầu cho cậu ấy để trở thành tu sĩ?

– Hắn là tôi tớ của ngài, thưa cha, và chính tôi đã cạo đầu cho hắn, – Martirius đáp.

Và Anastasius nói với vẻ ngạc nhiên:

– Ôi, Abba Martirius! Ngài đã cạo đầu vị tu viện trưởng của Núi Sinai.

Một lần khác, cũng dẫn theo Gioan này, vị thầy của cậu là Abba Martirius đã đến gặp vị trưởng lão vĩ đại Gioan Savvait, người lúc bấy giờ đang sống trong sa mạc Guddi. Ngay khi nhìn thấy họ, vị trưởng lão đứng dậy, múc nước, rửa chân cho Gioan và liếm tay ông; còn với Abba Martirius thì ông không rửa chân. Sau đó, Stephanos, đệ tử của vị trưởng lão Savvait, hỏi vị trưởng lão:

– Tại sao cha lại làm như vậy, thưa cha? Sao lại rửa chân cho đệ tử chứ không phải cho thầy, và lại hôn tay người ấy?

Ngài trả lời:

– Hãy tin cha đi, con ơi, cha không biết vị tu sĩ trẻ này là ai; cha đã tiếp đón vị tu viện trưởng Sinai, và đã rửa chân cho ngài.

Đó chính là những lời tiên tri của các vị Thánh Cha Sinai về Thánh Gioan khi ngài còn là một tu sĩ trẻ, và những lời tiên tri đó sau này đã ứng nghiệm đúng thời điểm.

Trong suốt 19 năm tiếp theo, Thánh Gioan đã thực hiện hành trình cứu rỗi của mình trong sự vâng phục vị cha linh hướng, sau đó ngài buộc phải rời bỏ con đường cứu rỗi này, vì vị cha linh hướng của ngài đã qua đời. Như tu sĩ Đaniel đã viết, Thánh Gioan dường như đã được gửi đi như một người trung gian và người cầu thay cho chính mình trước Đức Vua trên trời, rồi ngài bước vào con đường im lặng, trang bị cho mình những lời cầu nguyện của vị thầy hướng dẫn như vũ khí mạnh mẽ để phá hủy những pháo đài (2 Cô-rinh-tô 10:4). Để thực hành đời sống tu hành ẩn dật, Thánh Gioan đã chọn một nơi hoang vắng tên là Fola, cách nhà thờ tám verst. Ngài chỉ rời khỏi nơi ẩn dật của mình vào các ngày lễ, khi đó ngài đến nhà thờ để tham dự thánh lễ. Tại sa mạc của mình, vị thánh đã dành bốn mươi năm[2720] trong lao động, bừng cháy bởi tình yêu Thiên Chúa, không ngừng được thổi bùng lên bởi ngọn lửa của tình yêu ấy. Nhưng ai có thể diễn tả bằng lời hay mô tả chi tiết những công đức mà Thánh Gioan đã thực hiện một cách bí mật tại đó? Tuy nhiên, cũng như những điều vĩ đại được nhận biết qua những điều nhỏ bé, thì qua một số dấu hiệu ban đầu trong các việc làm của ngài, chúng ta cũng có thể nhận ra cuộc đời tràn đầy đức hạnh của vị thánh này.

Ngài dùng tất cả những gì không bị lời thề tu sĩ cấm đoán, nhưng chỉ dùng với lượng cực kỳ ít ỏi. Và qua việc ăn uống một cách khôn ngoan, ngài đã đập tan sự kiêu ngạo, vì ngài ăn mọi thứ để tâm trí không tự cao vì việc ăn chay, và bằng sự ít ỏi của thức ăn, ngài đã khiêm nhường "bà chủ" và "mẹ" của những đam mê ham muốn, tức là

[2716] Tức là những khuynh hướng tốt đẹp – theo lời giải thích của Ê-li Cretese.

[2717] Tức là Abba Martirius, như có thể thấy từ câu chuyện tiếp theo của một tu sĩ Sinai vô danh.

[2718] Người cùng thời – một tu sĩ của Tu viện Sinai, đồng thời với Thánh Gioan Thang, ông đã để lại tác phẩm "Các câu chuyện về các vị thánh nam Sinai".

[2719] Người đã có mặt trong nghi lễ cắt tóc tu sĩ.

[2720] Từ khi bắt đầu cuộc đời tu hành của mình.

sự ăn uống quá độ, bằng chính sự thiếu thốn của bữa ăn, ngài kêu gọi nàng: *"Hãy im lặng, hãy dừng lại"* (Mk 4:39). Còn nhờ đời sống ẩn dật và việc xa lánh sự chung sống với con người, vị thánh nhân đã dập tắt ngọn lửa của thức ăn xác thịt, đến nỗi cuối cùng ngài phủ đầy tro tàn và hoàn toàn tắt lịm. Sự tham lam, mà Thánh Tông đồ Phaolô gọi là sự thờ ngẫu tượng (Ê-phê-sô 5:5), vị tu sĩ dũng cảm này đã kiên quyết tránh xa, bằng cách bố thí và từ chối ngay cả những thứ cần thiết nhất cho bản thân. Sự nhàn rỗi và lười biếng, vốn làm suy yếu và giết chết linh hồn, ngài đã khích lệ bản thân hướng tới sự tỉnh táo và lao động, như thể bằng một mũi kim, bằng ký ức về sự chết. Ông đã cắt đứt những lưới và xiềng xích của mọi sự đam mê và mọi dục vọng xác thịt, bằng cách tự trói mình bằng những sợi dây vô hình của nỗi buồn và nước mắt; còn tính nóng nảy thì từ trước đó đã bị dập tắt trong ông nhờ sự vâng phục. Hiếm khi đến thăm ai, và còn hiếm hơn nữa khi nói điều gì, nhờ đó ngài đã tiêu diệt được sự kiêu ngạo, giống như một con đỉa bám trên mạng nhện. Tôi phải nói gì đây – tu sĩ Đaniel tiếp tục – về chiến thắng của ngài trước sự kiêu ngạo? Tôi sẽ nói gì về sự trong sạch vĩ đại của trái tim, mà vị "Veseliil" mới này[2721] đã đặt nền móng bằng sự vâng lời, và được Chúa, Vua của Giê-ru-sa-lem trên trời, hoàn tất bằng sự hiện diện của Ngài, vì nếu không có sự hiện diện của Ngài, ma quỷ và đạo quân của nó không thể bị đánh bại. Nhưng tôi sẽ đặt điều gì trong vòng hoa này – Daniel tiếp tục – mà chúng ta đang đan dệt dành cho Thánh Gioan từ những lời ca ngợi, nguồn gốc của những giọt nước mắt của ngài, điều mà chúng ta hiếm khi thấy ở nhiều người. Và cho đến ngày nay, người ta vẫn biết đến nơi bí mật mà những giọt nước mắt ấy tuôn trào: đó là một hang động rất chật hẹp, nằm ở một nơi hẻo lánh và dưới chân núi, cách phòng tu của Thánh Gioan và các phòng tu khác một khoảng cách vừa đủ để không bị người ta nghe thấy và ngăn chặn sự kiêu ngạo. Căn phòng này, nơi Thánh Gioan thường lui tới, đã trở nên gần gũi với trời cao nhờ những tiếng kêu gào, tiếng khóc nức nở và những lời kêu cầu Thiên Chúa, những âm thanh mà người ta chỉ có thể nghe thấy từ những ai đang bị đâm bằng dao, bị thiêu đốt bằng sắt nung đỏ, hoặc bị móc mắt[2722] . Ngài ngủ vừa đủ để không làm tổn hại trí tuệ do thức trắng quá mức. Trước khi đi ngủ, ngài cầu nguyện lâu dài và viết sách – chẳng hạn như ngài đã soạn cuốn sách mang tên "Cầu thang", từ đó sau này ngài được gọi là "Người leo cầu thang". Việc viết sách đối với Thánh Gioan là phương tiện để xua tan sự chán nản. Thật vậy, cả cuộc đời ngài là một lời cầu nguyện không ngừng và tình yêu vô song dành cho Thiên Chúa; bởi vì ngày đêm ngài chiêm ngưỡng Ngài như trong gương, trong sự tinh khiết và vô tì vết, ngài không muốn, hay nói chính xác hơn, không thể nào thỏa mãn với sự chiêm ngưỡng ấy.

Một tu sĩ tên là Mô-sê, vì ngưỡng mộ đời sống đạo đức của Thánh Gioan, đã khẩn khoản xin được nhận làm môn đệ của ngài, để học hỏi từ ngài sự khôn ngoan chân chính. Để củng cố lời thỉnh cầu của mình, Mô-sê đã nhờ một số vị trưởng lão đáng kính can thiệp giúp; và họ đã khẩn khoản xin Thánh Gioan nhận Mô-sê làm đệ tử. Một lần nọ, Thánh Gioan ra lệnh cho Mô-sê mang đất từ một nơi khác về để bón cho các luống rau. Mô-sê đến nơi được chỉ định và siêng năng làm theo lệnh. Đến trưa, khi nắng gắt, Mô-sê mệt mỏi nên nằm nghỉ dưới một tảng đá khổng lồ và chìm vào giấc ngủ. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng không muốn các tôi tớ của Ngài phải chịu đau khổ trong bất cứ điều gì, nhờ lòng nhân từ của Ngài, đã bảo vệ Mô-sê khỏi cái chết bất ngờ, đồng thời giải thoát Thánh Gioan khỏi nỗi buồn. Lúc bấy giờ, Thánh Gioan đang ở trong phòng tu của mình, – bỗng nhiên ngài chìm vào giấc ngủ nhẹ: trong giấc mơ, ngài thấy một người đàn ông oai phong, người này đã trách mắng Thánh Gioan rằng:

– Này, Gioan, ngươi đang ngủ yên bình ở đây, trong khi đó Mô-sê đang lâm nguy.

Vị thánh lập tức đứng dậy và bắt đầu cầu nguyện hết lòng cho đệ tử của mình. Khi chiều tối đến và đệ tử trở về sau giờ làm việc, Thánh Gioan hỏi anh ta:

– Có chuyện gì bất lợi hay bất ngờ xảy ra với con không?

Cậu ta trả lời:

– Khi con đang ngủ dưới một tảng đá lớn vào buổi trưa, thì tảng đá đó bỗng dưng đổ sập xuống và suýt nữa đã đè chết con, nếu con không kịp chạy khỏi chỗ đó, vì ngay lúc đó con có cảm giác rằng cha đang gọi con.

[2721] Veseliil – con trai của Uri, con trai của Ora, thuộc dòng dõi và hậu duệ của Giu-đa – là một nghệ nhân vào thời Mô-sê, được đầy dẫy Thánh Linh của Đức Chúa Trời, sự khôn ngoan, sự hiểu biết, sự thông thái và mọi loại nghệ thuật (Xuất Ê-díp-tô Ký 31:1–5; Xuất Ê-díp-tô Ký 30:30–35). Theo lệnh của Đức Chúa Trời, ông cùng với A-hô-li-a-vơ, thuộc chi phái Đa-nô, được giao nhiệm vụ dựng lều hội mạc cùng tất cả các vật dụng đi kèm (Xuất Ê-díp-tô Ký 31:2; Xuất Ê-díp-tô Ký 35:30). Như vậy, cũng như Vê-se-li-ên trong Cựu Ước đã khéo léo dựng nên Đền Tạm, thì "Vê-se-li-ên mới này", tức là Thánh Gioan Thang, cũng đã khéo léo dựng nên Đền Tạm tâm hồn của mình.

[2722] Những giọt nước mắt thánh thiện này đã tạo ra những tác động kỳ diệu trong tâm hồn Gioan, như có thể thấy qua chính lời của ngài; tại một đoạn trong tác phẩm "Bậc Thang", ngài nói: "Giống như lửa thiêu đốt và tiêu diệt cành cây khô, giọt nước mắt tinh khiết cũng rửa sạch mọi ô uế bên ngoài lẫn bên trong".

Thánh Gioan khiêm nhường đã ngợi khen Thiên Chúa nhân lành vì sự cứu rỗi kỳ diệu này đã cứu môn đệ khỏi cái chết, nhưng ngài không nói gì với Mô-sê về thị kiến của mình.

Thánh Gioan là tấm gương đức hạnh cho mọi người và là vị thầy thuốc chữa lành những căn bệnh vô hình. Một lần nọ, có một anh em tên là Isaak bị quỷ dâm dục hành hạ dữ dội. Trong cơn đau khổ tột cùng, anh em ấy vội vã tìm đến vị thánh vĩ đại Gioan này và trong tiếng khóc than thảm thiết, đã kể cho ngài nghe về cuộc đấu tranh của mình.

Thánh Gioan bèn nói với Isaak:

– Hãy cùng nhau cầu nguyện, bạn ơi!

Và khi họ chưa kịp kết thúc lời cầu nguyện, người anh em đang đau khổ vẫn còn nằm đó, cúi mặt xuống đất, thì Đức Chúa Trời đã thực hiện theo ý muốn của vị thánh nhân của Ngài, vì con quỷ dâm đãng đã chạy trốn khỏi Isaakiya, bị xua đuổi như thể bằng roi da, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Gioan. Như vậy, những lời trong Thánh vịnh của Đa-vít đã được ứng nghiệm: *"Ngài thực hiện điều mong ước của những ai kính sợ Ngài, và Ngài sẽ nghe lời cầu nguyện của họ"* (Thánh vịnh 144:19). Còn người bệnh, khi thấy mình đã khỏe mạnh và hoàn toàn được giải thoát khỏi cơn ám ảnh, đã vô cùng ngạc nhiên, đồng thời tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã tôn vinh tôi tớ của Ngài là Thánh Gioan, người đã tôn vinh Chúa qua những phép lạ của mình.

Một số kẻ thù ghét Gioan, bị lòng ghen tị xúi giục, đã gọi Gioan là kẻ nói suông và kẻ dối trá. Còn ông, sau khi làm cho họ tỉnh ngộ, đã chứng minh cho mọi người thấy bằng chính hành động của mình rằng "tôi có thể làm mọi sự (không chỉ bằng lời nói, mà cả bằng sự im lặng) *nhờ* Đấng Christ, Đấng *làm cho* mọi người *vững mạnh"* (Pl 4,13). Và ngài đã giữ im lặng suốt một năm liền, không nói với họ một lời nào, đến nỗi những kẻ chỉ trích ngài đã trở thành những người cầu xin: vì họ nhận ra rằng không nên chặn dòng suối ân huệ luôn tuôn chảy, và khi đến với ngài, họ đã nài nỉ ngài hãy mở lại đôi môi đầy lời Chúa của mình. Giăng, không thích tranh cãi, đã vâng lời họ và lại bắt đầu tuân theo quy tắc cũ của mình.

Sau đó, tất cả mọi người, kinh ngạc trước sự thành công của ngài trong mọi việc, như thể một Mô-sê mới xuất hiện, đã dùng sức mạnh đưa Gioan lên chức vụ trưởng tu viện, qua đó đặt ngọn đèn này trên giá nến cao nhất. Khi nhận chức vị trụ trì Núi Sinai, dù trái với ý muốn của mình, Gioan đã đến gần Núi của Đức Chúa Trời bằng tinh thần, thấu hiểu những điều huyền diệu của Đức Chúa Trời và đến gần Đức Chúa Trời qua sự thăng hoa của tâm trí, và nhận được luật pháp do Đức Chúa Trời ban cho; ông đã mở miệng để đón nhận Lời Chúa; thu hút Thánh Thần về phía mình (Thánh Vịnh 118:131) và từ kho tàng tốt lành trong lòng mình (Ma-thi-ơ 12:35), ông đã tuôn trào những lời cứu rỗi tốt lành.

Vậy, sau bốn mươi năm tu hành, Thánh Gioan, khi đã 75 tuổi, được bầu làm Bề trên của núi Sinai. "Và những người biết đánh giá đúng đắn đã không lầm khi đặt ngọn đèn này trên giá nến chính," – tu sĩ Đaniel nhận xét. Chúa đã hài lòng với sự bầu chọn này, điều đó được thể hiện qua một sự kiện kỳ diệu đặc biệt. Một trong những người viết tiểu sử, không rõ tên, kể lại rằng không lâu sau khi Thánh Gioan được bổ nhiệm làm Bề trên, có khoảng 600 lữ khách đã đến tu viện của họ. Khi tất cả những người lữ hành cùng các tu sĩ Sinai đã ngồi vào bàn, một người quản lý vô danh, mặc áo choàng trắng giống như áo của người Do Thái, xuất hiện và ra lệnh một cách uy quyền cho những người phục vụ tại bàn. Khi các vị khách đã ra về và các tu sĩ bắt đầu dùng bữa, người quản lý kỳ diệu đó đã không còn thấy đâu nữa. Trước sự ngạc nhiên của các tu sĩ, Thánh Gioan đã nói:

– Đừng tìm kiếm nữa: đó chính là vị tiên tri và nhà lập pháp thánh Mô-sê đã phục vụ tại nơi này, vốn thuộc về ngài.

Vào một mùa hè nọ, vùng đất Palestine bị hạn hán và khô cằn nghiêm trọng. Người dân xung quanh đã đến gặp Thánh Gioan, xin ngài cầu nguyện với Chúa để Ngài ban mưa xuống. Và ngay khi Thánh Gioan vừa cầu nguyện xong, mưa lớn lập tức trút xuống, tưới đẫm mảnh đất khô cằn và làm cho nó trở nên màu mỡ.

Khi thời khắc lâm chung của Thánh Gioan đến gần, ngài đã tận tâm hướng dẫn toàn thể anh em trong tu viện Sinai – những người Israel thiêng liêng của ngài. Chỉ có một điểm duy nhất mà Thánh Gioan không giống Mô-sê, đó là: Thánh Gioan đã vào thành Giê-ru-sa-lem trên trời bằng linh hồn, trong khi Mô-sê thì thân xác chưa từng đặt chân đến thành Giê-ru-sa-lem dưới đất[2723] .

Khi vị Mô-sê mới này, vị tu viện trưởng đáng kính nhất Gioan, sắp về với Chúa, thì anh em của ngài, Abba Giorgi[2724] , đứng trước mặt ngài, rơi lệ và nói:

[2723] Tức là, Chúa đã không cho Mô-sê được vào "đất hứa"; trước khi qua đời, ông chỉ nhìn thấy nó từ núi Ne-bo (Đệ Nhị Luật 34:4–5).

– Này, ngài đang bỏ lại tôi và ra đi. Trong khi tôi đã cầu nguyện để ngài ra đi trước tôi; bởi vì không có ngài, thưa ngài, tôi sẽ không còn sức lực để chăn dắt đoàn chiên thánh của ngài: thế mà, trái lại, chính tôi lại phải tiễn ngài đi trước.

Và thánh Abba Ioann đã đáp lại:

– Đừng buồn bã và đừng đau khổ: nếu tôi được Chúa ban cho sự can đảm, thì tôi sẽ không để anh qua đời sau tôi dù chỉ một năm.

Điều này đã trở thành sự thật. Vì vào tháng thứ 10 sau khi Thánh Gioan an nghỉ, Thánh Abba Giorgi, anh em của ngài, cũng đã về với Chúa, để cùng đứng trước mặt Ngài với người anh em đáng kính của mình là Thánh Gioan trong vinh quang của các thánh, ngợi khen Cha, Con và Thánh Thần đến muôn đời. Amen[2725] .

Thánh Gioan đã quản lý tu viện thánh Sinai không lâu, không quá bốn năm. Nhưng thời gian ngắn ngủi ông quản lý Sinai đã được đánh dấu bằng một sự kiện vô cùng quan trọng: chính vào thời điểm này, ông đã viết nên tác phẩm nổi tiếng và tuyệt vời mang tên "Cầu thang",[2726] từ đó chính Gioan cũng được gọi là "Người viết Cầu thang".

Lý do để viết "Cầu thang" là như sau[2727] . Cách Sinai hai ngày đường là Tu viện Raif, tọa lạc tại một vịnh rất đẹp trên Biển Đen. Vào thời điểm Tu viện Sinai do Thánh Giăng "Người leo cầu thang" cai quản, vị tu viện trưởng của Tu viện Raif cũng chính là Thánh Giăng[2728] . Sau khi nghe nhiều về những ân sủng thiêng liêng của vị tu viện trưởng Sinai, về sự khôn ngoan sâu sắc của ngài trong việc quản lý những linh hồn được giao phó cho ngài để được cứu rỗi, vị tu viện trưởng Raif đã viết một bức thư cho Thánh Gioan Thang Bậc[2729] , trong đó, nhân danh bản thân và thay mặt tất cả các tu sĩ trong tu viện của mình, ngài xin ngài viết cho họ một cuốn cẩm nang hướng dẫn về đời sống tu hành thiêng liêng và đạo đức. "Biết rằng sự vâng phục của ngài đối với Chúa là hoàn toàn vô điều kiện và được trang hoàng bằng mọi đức tính tốt đẹp, – Thánh Gioan Raifsky viết cho Thánh Gioan Thang Bậc – chúng tôi, những kẻ yếu đuối, khi hướng về ngài như vị cha chung của tất cả, như bậc trưởng lão hơn tất cả về đời sống tu hành và sức mạnh trí tuệ, cũng như một vị thầy vĩ đại, qua bức thư này, chúng tôi khẩn cầu sự cao cả của các đức tính nơi ngài... xin ngài đừng ngần ngại, vì Chúa và vì sự cứu rỗi của chúng con, hãy chỉ rõ những gì cần thiết và xứng đáng cho đời sống tu hành, như một vị lãnh đạo vĩ đại thực sự của tất cả những ai cũng đã chọn đời sống thiên thần, và xin đừng coi những lời chúng con nói là sự nịnh hót hay tâng bốc. Vì ngài, vị thủ lĩnh thiêng liêng đích thực, hẳn đã biết rằng sự nịnh hót là điều xa lạ với chúng tôi, và chúng tôi chỉ lặp lại những điều được mọi người công nhận. Vì vậy, chúng tôi tin tưởng nơi Chúa rằng, chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ nhận được và hôn lên những lời dạy đáng kính mà chúng tôi hằng mong đợi, được khắc trên những tấm bia đá, như một kim chỉ nam chân chính để những người đi sau có thể bước đi vững vàng, giống như một chiếc thang đứng trên mặt đất (Sáng Thế Ký 28:12), đưa những ai mong muốn lên đến cổng thiên đàng một cách toàn vẹn và bình an, để họ có thể vượt qua một cách tự do cả những linh hồn độc ác, những kẻ cai trị bóng tối, và các chúa tể trên không trung. Vì nếu Gia-cốp, người chăn những con chiên không biết nói, đã thấy một khải tượng kỳ lạ như vậy về chiếc thang (Sáng Thế Ký 28:12), thì chẳng phải vị chủ chăn của những con chiên biết nói lại càng hơn thế nữa, sẽ chỉ cho mọi người không chỉ khải tượng, mà còn cả sự thăng tiến không thể sai lầm lên cùng Đức Chúa Trời, một cách thực sự và trong chính sự thật sao? Xin Chúa ban sức mạnh, hỡi vị Cha đáng kính nhất!

Thánh Gioan có cái nhìn khiêm tốn đến mức bức thư của vị Bề trên tu viện Raif đã khiến ngài bối rối. Thánh nhân đã trả lời ngài bằng một bức thư khác[2730] :

– Tôi đã nhận được, – vị tác giả cuốn "Thang Thiên Đàng" viết, – gửi đến tôi, kẻ nghèo nàn và thiếu thốn các đức tính, bức thư đáng kính của ngài, hay đúng hơn là chỉ thị và mệnh lệnh vượt quá khả năng của tôi; và tôi xin nói rằng, nếu không vì nỗi sợ hãi và nguy cơ lớn lao khi gỡ bỏ ách vâng phục – người mẹ của mọi đức hạnh – thì

[2724] Ngài đã bổ nhiệm vị này làm Bề trên Tu viện Sinai khi còn sống, còn bản thân thì yêu thích sự tĩnh lặng.

[2725] Thánh Gioan qua đời ở tuổi 80, vào cuối thế kỷ VI hoặc đầu thế kỷ VII.

[2726] Từ "Lestvitsa" khi dịch sang tiếng Nga có nghĩa là "cầu thang".

[2727] Mục đích của việc viết "Cầu thang" là để dạy rằng việc đạt được sự cứu rỗi đòi hỏi con người phải nỗ lực, hy sinh và thực hiện những công đức vĩ đại. "Thang Lên Thiên Đàng" bao gồm ba mươi bậc hoặc công đức: thứ nhất, thanh tẩy sự ô uế do tội lỗi, nhổ tận gốc các thói hư tật xấu và dục vọng trong con người cũ; thứ hai, phục hồi hình ảnh của Thiên Chúa trong con người. Ngoài ra còn có thêm một số bậc công đức chuẩn bị hoặc ban đầu.

[2728] Thánh Gioan, vị tu viện trưởng Raif, người cùng thời với Gioan Thang Bậc, được Giáo Hội tưởng niệm vào Thứ Bảy trước Mùa Chay.

[2729] Nó được đính kèm trong ấn bản "Thang Lên Thiên Đàng".

[2730] Nó cũng được đính kèm trong ấn bản "Thang Lên Thiên Đàng".

tôi đã không dám liều lĩnh dấn thân vào việc vượt quá khả năng của mình. Thưa Cha kính mến, Cha lẽ ra nên hỏi về điều này và học hỏi từ những người am hiểu sâu sắc về vấn đề này; còn con vẫn đang ở trong hàng ngũ những người đang học hỏi . Nhưng vì các vị cha thánh thiện của chúng ta và những người am hiểu chân lý coi sự vâng phục là việc trong những công việc vượt quá khả năng của chúng ta, chắc chắn phải tuân theo những người ra lệnh, nên tôi khiêm tốn quyết định làm điều vượt quá khả năng của mình; với lòng kính sợ và nhiệt thành, tôi bắt tay vào thực hiện mệnh lệnh thánh thiện của ngài; còn ngài, vị thủ lĩnh và người đứng đầu hàng ngũ các thầy giáo, tôi xin nhường lại cho ngài việc tô điểm, làm rõ đường nét của tác phẩm này, và với tư cách là người thi hành các điều răn của luật thiêng liêng, xin ngài bù đắp những thiếu sót. Vì Ngài, tôi bắt tay vào công việc này, khẩn cầu tất cả các độc giả rằng, nếu ai thấy trong tác phẩm của tôi có điều gì hữu ích, xin hãy với lòng biết ơn quy công lao đó cho vị lãnh đạo vĩ đại của chúng ta, còn đối với tôi, xin hãy cầu xin Đức Chúa Trời ban thưởng cho việc hoàn thành công việc này, bởi vì Đức Chúa Trời không ban thưởng vì sự dồi dào của ân huệ và công lao, mà vì lòng nhiệt thành dồi dào.

Chính vì lý do này mà tác phẩm của Thánh Gioan, được gọi là "Cầu thang", đã ra đời.

Tác phẩm của Thánh Gioan được đặt tên là "Cầu thang" bởi vì Thánh Gioan Raifsky mong muốn có được một hướng dẫn trong đời sống thiêng liêng, giống như một chiếc cầu thang của những khẳng định, đưa những ai khao khát lên đến cổng thiên đàng một cách toàn vẹn và an toàn, đúng như ý tưởng của chính tác giả. "Dựa trên sự hiểu biết hạn hẹp mà tôi được ban cho," Thánh Gioan viết, "tôi đã xây dựng nên chiếc thang leo lên. Sau đó, mỗi người hãy tự xem mình đang đứng ở bậc nào"[2731] . Trong lời tựa của "Chiếc Thang", ý nghĩa của tên gọi này được giải thích như sau: "Đối với những ai khao khát tên mình được ghi vào Sách Sự Sống, cuốn sách này chỉ ra con đường tốt nhất cho hành trình của họ. Bởi vì khi bước đi trên con đường này, chúng ta sẽ thấy rằng cuốn sách này, một cách chắc chắn, như thể nắm tay, dẫn dắt những ai theo nó và chắc chắn trình bày một bậc thang vững chắc từ trần gian lên cõi thánh, đồng thời chỉ ra Đức Chúa Trời đang ngự trên đỉnh cao của nó... Quả thật, Đấng đã sắp đặt cho chúng ta cuộc leo thang tương ứng với tuổi đời theo xác thịt của Chúa đã suy xét một cách vô cùng xuất sắc; bởi vì, theo hình ảnh ba mươi năm tuổi trưởng thành của Chúa, Ngài đã xây dựng một cách ý nghĩa chiếc thang gồm 30 bậc, nhờ đó, khi đạt đến tuổi của Chúa[2732] , chúng ta sẽ trở nên công chính và được an toàn khỏi sự sa ngã". Do đó, tác phẩm của Thánh Gioan được gọi là "Bậc thang" bởi vì nó nhằm trình bày con đường leo lên dần dần hướng tới sự hoàn hảo đạo đức và là hướng dẫn chính xác và đáng tin cậy trong đời sống thiêng liêng dành cho những ai khao khát sự đạo đức và sự cứu rỗi cho linh hồn mình.

"Bậc thang", mặc dù được viết dành riêng cho các tu sĩ và vì thế luôn là cuốn sách gối đầu giường cho các tu sĩ sống trong cộng đoàn, và các bậc thầy của đời sống tu hành, trong số đó có Theodoros Studites, Joseph Volokolamsky và những vị khác, đã trích dẫn "Bậc thang" trong các bài giảng dạy của mình như một cuốn sách hay nhất – tuy nhiên, ngay cả những Kitô hữu sống trong thế gian cũng có thể tìm thấy trong đó sự hướng dẫn cứu rỗi. Bậc thang đầu tiên của "Thang Lên Thiên Đàng" là từ bỏ những ham muốn trần tục, còn ở đỉnh cao nhất của nó là sự kết hợp của ba đức tính – đức tin, đức cậy và đức ái.

Để tìm hiểu những lời dạy của Thánh Gioan Thang, chúng ta hãy lắng nghe bài giảng của ngài về sự kiêu ngạo tại[2733] .

– Sự kiêu ngạo bộc lộ trong mọi đức tính. Chẳng hạn, khi tôi ăn chay – tôi kiêu ngạo; và khi giấu việc ăn chay với người khác rồi lại cho phép mình ăn uống, tôi lại kiêu ngạo – lần này là vì sự khôn ngoan. Khi mặc áo quần sáng màu, tôi bị thúc đẩy bởi lòng ham mê vẻ đẹp; và khi thay sang áo quần xơ xác, tôi lại kiêu ngạo. Tôi có nên nói ra không? Tôi lại rơi vào quyền lực của sự kiêu ngạo. Tôi có muốn im lặng không? Tôi lại sa vào nó. Dù xoay hướng gai góc này thế nào, nó vẫn luôn hướng ngọn lên trên. Kẻ kiêu ngạo chính là kẻ thờ thần tượng trong đạo Kitô. Nhìn bề ngoài, người ấy tôn kính Thiên Chúa, nhưng trên thực tế lại cố gắng làm vừa lòng người đời hơn là làm vừa lòng Thiên Chúa... *"Kẻ làm chúng ta vui lòng thì lừa dối chúng ta,"* – vị tiên tri đã nói (Is 3:12). Những người có tâm hồn cao thượng chịu đựng sự xúc phạm một cách khoan dung và sẵn lòng; còn việc nghe lời khen ngợi mà không cảm thấy chút vui sướng nào thì chỉ có các thánh nhân và những người vô tì vết mới làm được... Khi

---

[2731] "Thang Lên Thiên Đàng", 27, 30.

[2732] Tức là Thánh Gioan Thang Bậc cho rằng có 30 bậc tu dưỡng bản thân, tương ứng với 30 năm cuộc đời của Đấng Cứu Thế trước khi Ngài bắt đầu sứ vụ công khai.

[2733] "Thang Lên Thiên Đàng", 22.

nghe tin người lân cận hay bạn bè của bạn chê bai bạn sau lưng hay ngay trước mặt; lúc đó hãy thể hiện tình yêu bằng cách khen ngợi họ... Người thể hiện sự khiêm nhường không phải là người tự chê bai chính mình (làm sao có thể tự làm mình khó chịu được?), mà là người, dù bị người khác làm nhục, vẫn không giảm bớt tình yêu dành cho họ... Ai tự hào về những tài năng bẩm sinh – trí tuệ sắc sảo, trình độ học vấn cao, khả năng đọc sách, giọng nói dễ nghe và những phẩm chất tương tự khác, vốn dễ dàng có được – thì người ấy sẽ không bao giờ đạt được những ân huệ siêu nhiên. Vì ai không trung thành trong việc nhỏ, thì cũng sẽ không trung thành và kiêu ngạo trong nhiều việc (Lc 16:10). Thường xảy ra rằng chính Đức Chúa Trời làm khiêm nhường những kẻ kiêu ngạo bằng cách giáng xuống sự sỉ nhục bất ngờ... Nếu lời cầu nguyện không tiêu diệt được ý nghĩ kiêu ngạo, hãy nhắc nhở họ về sự ra đi của linh hồn khỏi cuộc đời này. Nếu điều đó cũng không giúp được, hãy dọa họ bằng sự nhục nhã của Ngày Phán Xét Đáng Sợ. *"Ai tự cao sẽ được hạ xuống"* (Lc 14:11) ngay cả ở đây, trước khi bước vào thế giới tương lai. Khi những kẻ tâng bốc, hay nói đúng hơn là những kẻ dụ dỗ chúng ta, bắt đầu khen ngợi chúng ta, hãy lập tức nhớ lại vô số tội lỗi của mình và nhận ra rằng chúng ta không xứng đáng với những gì người ta nói về chúng ta, hay những gì họ làm cho chúng ta[2734] .

Nói chung, tác phẩm "Cầu thang" của Thánh Gioan nổi bật bởi kinh nghiệm tâm linh sâu sắc, kết hợp với kiến thức thâm sâu về Kinh Thánh. Hiếm khi tác giả "Cầu thang" trình bày một ý tưởng nào mà không làm sáng tỏ nó bằng cách trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp từ Kinh Thánh. Tác phẩm của Thánh Gioan được viết bằng ngôn ngữ đơn giản nhưng trong sáng và sống động – chỉ với ít lời mà diễn đạt được nhiều điều, và vì thế đầy sức mạnh[2735] . Chính vì vậy, "Cầu thang" của Thánh Gioan luôn là cuốn sách gối đầu giường cho các tu sĩ sống trong cộng đoàn[2736] .

Bài thánh ca, giọng 8:

Bằng dòng nước mắt của ngài, ngài đã biến sa mạc cằn cỗi thành đất màu mỡ, và từ sâu thẳm những tiếng thở dài, ngài đã sinh hoa kết trái qua trăm công lao, và ngài là ngọn đèn soi sáng vũ trụ, tỏa sáng những phép lạ, Thánh Gioan, Cha của chúng con, xin cầu thay cho Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Lễ kính Thánh Tiên tri Ioad

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 3

Thánh tiên tri Giô-ad xuất thân từ Sa-ma-ri. Sau khi ngài lên án Giê-rô-bô-am[2737] vì đã lập các tượng bò con trong vương quốc Y-sơ-ra-ên, mà chính ông ta cũng dâng của lễ cho chúng, ngài đã bị một con sư tử xé xác, và vì thế mà ngài qua đời. Sự việc xảy ra như sau. Chúa đã truyền lệnh cho Giô-a-đơ đến gặp Giê-rô-bô-am và lên án ông ta, đồng thời dặn dò không được ăn bánh hay uống rượu ở đó, và phải lập tức quay trở về. Vị tiên tri đã bắt gặp Giê-rô-bô-am đang dâng lễ vật cho các thần tượng, và khi quay sang nói với ông ta, ngài đã phán:

[2734] Theo mô tả trong "Cầu thang", sự hoàn thiện Kitô giáo bắt đầu bằng việc từ bỏ "thế gian" và chiến đấu chống lại các dục vọng. Từ những thú vui làm phân tán tâm trí và những khoái lạc giác quan, "tinh thần" hướng về sự sám hối trong nỗi buồn, luôn luôn nhớ đến cái chết. Nỗi buồn cứu rỗi làm mềm lòng người tu hành bằng sức mạnh của nước mắt, giải thoát họ khỏi lòng tham bản thân và gột rửa những vết tích tội lỗi. Bằng con đường này, người ăn năn đạt đến trạng thái "im lặng", khi họ chỉ tìm thấy lời nói để cầu nguyện, hát thánh ca và bày tỏ "tình yêu". Thần khí và linh hồn được giải thoát khỏi xiềng xích của dục vọng thô thiển, trở nên tinh tế hơn, và có được khả năng thực sự để giao tiếp với thế giới thiêng liêng, thiên đàng và Thần Thánh. Sự "khiêm nhường" hạnh phúc dẫn dắt trên con đường theo chân Chúa Kitô và mở ra cánh cửa vào Nước Trời. Người chiến thắng "những đam mê" sẽ đạt được khả năng "phân biệt" cao nhất, giúp con người nhận ra và phân biệt trong chính mình và người khác những động cơ xấu và tốt, dập tắt những cái trước và phát triển những cái sau. Trong trạng thái cao nhất của sự vô tư và thanh thản giống như Thiên Chúa, người tu hành đã bước vào trạng thái vinh quang ngay trên trần gian và chiêm ngưỡng, như thể qua một tấm gương, những ân huệ của Thiên Đàng.

[2735] Đặc điểm cuối cùng này của "Bậc thang", cũng như chiều sâu kinh nghiệm trong tư tưởng, là lý do khiến các vị như Thượng phụ Gioan – Raifsky, Tổng giám mục Ilia – người Crete của thế kỷ VIII và những người khác đã viết các bài giải thích về "Bậc thang".

[2736] Như một phần bổ sung cho "Bậc Thang", Thánh Gioan đã viết một tác phẩm nhỏ khác mang tên "Gửi vị Mục tử"; trong đó, ngài phác họa hình mẫu lý tưởng của vị Bề trên tu viện, người mà theo mô tả của Thánh Gioan, phải là mục tử, người lái thuyền, bác sĩ, thầy giáo và là tấm gương cho các tu sĩ dưới quyền.

[2737] Ieroboam – vị vua đầu tiên của Israel sau khi vương quốc Do Thái bị chia rẽ. Ông đã đưa việc thờ thần tượng vào vương quốc của mình và ép buộc thần dân phải tuân theo.

– Đức Giê-hô-va phán như vầy: Sẽ có một con trai sinh ra trong nhà Giu-đa, tên là Giô-si-a, và người ấy sẽ giết các thầy tế lễ trên các đồi thờ phượng ấy trên bàn thờ hiến tế[2738] .

I-rô-bô-am giơ tay ra để bắt nhà tiên tri, nhưng tay ông bỗng trở nên khô cứng. Lúc đó, nhà vua van xin nhà tiên tri làm cho tay ông lành lại như trước. Sau đó, trên đường trở về, Giô-ad bị một tiên tri giả tên là Êm-vê dụ dỗ và đã dùng bữa cùng hắn. Vì sự bất tuân này, Đức Giê-hô-va đã cho một con sư tử giết chết ông, nhưng không cho nó ăn xác ông. Giô-ad, người đã bị giết, được chôn cất gần nơi ở của vị tiên tri đã dụ dỗ ông[2739] .

Câu chuyện về một tu sĩ không bao giờ lên án ai.

Ngày tưởng niệm 30 tháng 3

Cũng trong ngày đó, một tu sĩ, người không bao giờ lên án ai, đã về với Chúa. Thánh Anastasius của Sinai kể về ông như sau.

Có một tu sĩ, sống trong tu viện, đã trôi qua những ngày tháng một cách vô tư, không lo lắng về sự cứu rỗi của mình, mà dành cả cuộc đời cho sự lười biếng. Khi đã bước vào tuổi già, ông sắp sửa ra đi. Khi ông mắc phải căn bệnh hiểm nghèo và đang ở những giây phút cuối cùng của cuộc đời, ông không hề sợ hãi cái chết, mà chuẩn bị rời bỏ thân xác trong niềm vui, ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa. Các tu sĩ xung quanh ông và vị Bề trên của tu viện đó đã nói với ông:

– Chúng tôi đã thấy anh, anh em ơi, đã sống một cuộc đời lười biếng. Vậy tại sao vào giờ phút chết chóc đáng sợ này, anh lại vô tư và vui vẻ đến thế? Được sức mạnh của Đức Chúa Trời củng cố, hãy đứng dậy và giải thích cho chúng tôi điều này, để chúng tôi cũng tôn vinh Đức Chúa Trời.

Anh em ấy, sau khi ngồi dậy một chút khỏi giường, đã nói với họ:

– Đúng vậy, thưa các vị cha đáng kính, tôi đã sống một cuộc đời vô tư. Ngay lúc này, các Thiên thần của Chúa đã mang đến cho tôi và đọc trước mặt tôi một bản thảo, trong đó ghi chép tất cả những việc xấu xa của tôi. Sau khi đọc xong bản thảo, các Thiên thần hỏi tôi: "Anh có biết những điều này không?" Tôi đáp: "Vâng, tôi biết." Nhưng vì tôi đã từ bỏ thế gian, đã thọ giới tu sĩ, chưa bao giờ lên án ai và cũng chưa bao giờ giận ai, nên tôi cầu xin Đức Chúa Trời để những lời của Đấng Christ được ứng nghiệm trên tôi, Đấng đã phán: *'Đừng phán xét, thì các con sẽ không bị phán xét; nếu các con tha thứ cho người ta những lỗi lầm của họ, thì Cha các con ở trên trời cũng sẽ tha thứ cho các con*' (Mt 7:1, 6:14). Và ngay khi tôi vừa nói xong, các Thiên thần thánh thiện liền xé nát bản ghi chép những tội lỗi của tôi. Chính vì thế, tôi ra đi về với Chúa trong niềm vui và hân hoan."

Nói xong, vị tu sĩ ấy đã an bình trao linh hồn mình cho Chúa.

Ngày 13 tháng 4

31 tháng 3 (theo lịch cũ)

Tháng Tư

Lễ kính Thánh Ipatia, vị Giám mục Gangra, vị Tử đạo và Thánh nhân làm phép lạ

Ngày tưởng niệm 31 tháng 3

Thánh Ipaty, vị thánh vĩ đại được Chúa yêu mến, Giám mục thành Gangra, tại Paphlagonia[2740] , là một trong 318 vị Thánh Cha đã tham dự Công đồng Đại kết lần thứ nhất, được triệu tập dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Đại đế. Tại đây, ngài cùng các vị Thánh Phụ khác, được tràn đầy Thánh Thần và tràn đầy lòng nhiệt thành bảo vệ Chính Thống Giáo, đã vạch trần tà thuyết của Arius và tuyên bố ông ta bị vạ tuyệt thông.

[2738] Ở các dân tộc phương Đông, các bàn thờ dùng để dâng lễ vật cho các thần tượng thường được dựng lên ở những nơi cao ráo.

[2739] Câu chuyện về nhà tiên tri Ioad được kể lại trong 3 Vua 13:1–34.

[2740] Paphlagonia – một vùng ở Tiểu Á

Thánh Ipaty được Thiên Chúa ban cho ân sủng lớn lao về việc làm phép lạ; ngài đã chữa lành nhiều bệnh tật và trừ tà. Tại một ngôi làng, ngài đã biến dòng suối nước đắng chảy từ núi thành nước ngọt; còn ở một nơi khác, nhờ lời cầu nguyện của ngài, một dòng suối nước ấm có tác dụng chữa bệnh đã tuôn trào từ lòng đất. Một lần, trong một đêm tối, ngài đi dọc bờ sông, và bỗng những ngọn lửa xuất hiện từ mặt nước, chỉ đường cho ngài để ngài không lạc lối và không rơi xuống sông. Ngài cũng đã tiêu diệt một con rắn khổng lồ. Dưới triều vua Constantius[2741] , người lên ngôi sau khi anh trai mình là Constantine[2742] qua đời, một con rắn khổng lồ đã bò đến cung điện hoàng gia từ một nơi không ai biết. Nó bao vây kho báu hoàng gia, nơi chứa đầy vàng và các của cải khác, rồi đặt đầu ngay lối vào căn phòng đó và không cho ai vào trong. Hoàng đế Constantius vô cùng kinh hoàng trước sự việc này và đã sai người báo cho Thánh Ipatia, vị thánh của Chúa, để ngài đến Constantinople, bởi danh tiếng của ngài đã lan rộng nhờ những phép lạ mà ngài thực hiện nhờ ân sủng của Chúa Kitô. Hoàng đế đã tiếp đón vị thánh một cách long trọng, cúi đầu xuống đất để tỏ lòng kính trọng và xin ngài dùng lời cầu nguyện của mình để xua đuổi con rắn khỏi kho báu hoàng gia – con rắn mà không một sức mạnh nào của con người có thể xua đuổi được, bởi vì ngay cả nhiều vị tu sĩ, dù đã dùng lời cầu nguyện để cố gắng xua đuổi nó, cũng không thành công; thậm chí một số người trong số họ còn bị thương trong quá trình đó. Vị thánh liền nói với nhà vua:

– Bệ hạ! Dù lời cầu nguyện của chúng ta có bất lực đi chăng nữa, thì đức tin của ngài trước mặt Thiên Chúa cũng sẽ không vô ích.

Sau đó, ngài quỳ xuống đất và cầu nguyện khá lâu. Rồi, đứng dậy, Ipaty nói với nhà vua:

– Giữa đấu trường ngựa[2743] , nơi có tượng cha ngài, hãy cho dựng lò lửa và nung nóng nó mạnh nhất có thể, chờ đến khi tôi đến đó.

Ngay lập tức, lò nung được chuẩn bị và đốt lên; lúc đó, Thánh Ipati, cầm cây gậy thánh, tiến đến cung điện hoàng gia, mở cổng kho báu và dùng cây gậy đánh con rắn trong một thời gian dài. Dân chúng và nhà vua, chìm trong sợ hãi và run rẩy, đứng nhìn từ xa, và khi thấy con rắn không chịu bò đi (trong khi ngày đã gần tàn), ai nấy đều nghĩ rằng con rắn đã giết chết vị thánh, giống như những gì đã xảy ra trước đây với một số linh mục. Còn Thánh Ipaty, ngước mắt lên trời và cầu xin Chúa giúp đỡ, đã nhét cây gậy vào miệng con rắn và nói:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô của con, hãy theo ta.

Con rắn, cắn chặt cây gậy bằng răng, như một tù nhân bị trói chặt, đi theo vị thánh. Và quả thực, vị thánh làm phép lạ vĩ đại đã trói nó lại bằng quyền năng của Đức Chúa Trời.

Sau đó, thánh Ipaty rời khỏi kho báu hoàng gia, đi vòng quanh toàn bộ đấu trường ngựa và khu chợ, dắt theo con rắn. Dân chúng, khi nhìn thấy con rắn bám vào đầu cây gậy và bị vị thánh kéo đi, đều kinh hoàng và ngạc nhiên. Còn con rắn thì trông rất đáng sợ, chiều dài của nó lên tới sáu mươi khuỷu tay[2744] . Khi đến gần lò lửa đang bùng cháy dữ dội, vị thánh nói với con rắn:

– Nhân danh Đức Kitô, Đấng mà tôi, kẻ không xứng đáng, đang rao giảng, tôi ra lệnh cho ngươi phải bước vào giữa ngọn lửa đó!

Lúc đó, con rắn đáng sợ ấy, uốn mình, lao vút vào lò lửa, và bị thiêu rụi ngay giữa lòng lò. Tất cả những ai chứng kiến cảnh tượng đó với sự kinh hoàng đều ngợi khen Thiên Chúa vì Ngài đã ban cho thế gian một ngọn đèn sáng và một vị thánh làm phép lạ như Thánh Ipatius khi họ còn sống.

Sau đó, nhà vua dâng lên lời tạ ơn sâu sắc đến Thiên Chúa và vị thánh nhân của Ngài, Thánh Ipati, người mà ông kính trọng như cha ruột của mình. Ông ra lệnh khắc hình ảnh khuôn mặt của ngài lên một tấm ván và đặt bức tượng đó trong kho báu hoàng gia để xua đuổi ma quỷ; còn vị thánh, sau khi được ban tặng những món quà và được nhà vua hôn lên má một cách thân ái, đã được cho phép trở về nhà.

Khi vị thánh trở về ngai tòa giám mục của mình, những kẻ ác, những tín đồ theo giáo lý của Novatus[2745] , bị kích động bởi lòng ghen tị mãnh liệt đối với vị thánh của Đức Chúa Trời, đã mai phục ngài trên đường đi tại một lối

---

[2741] Hoàng đế Constantius trị vì từ năm 337 đến năm 361.

[2742] Constantine II, con trai cả của Constantine Đại đế, trị vì từ năm 337 đến năm 340.

[2743] Địa điểm tổ chức cuộc đua ngựa.

[2744] Cubit – đơn vị đo chiều dài; tương đương với 10–12 vershok của chúng ta.

[2745] Novatus – một linh mục của Giáo hội Carthage, sống vào thế kỷ III và được biết đến như người khởi xướng cuộc ly giáo trong Giáo hội. Bản chất của cuộc ly giáo này như sau: khi vào năm 248, Thánh Cyprian được bầu làm giám mục tại Carthage, năm linh mục, trong đó Novatus nổi bật nhất, không hài lòng với kết quả bầu cử này, đã tách khỏi Cyprian; đồng thời, Novatus, mà không có sự biết đến hay đồng ý của giám mục, đã phong Felicissimus – một người giàu có và có ảnh hưởng – làm phó tế. Sự chia rẽ này trong Lịch sử Giáo hội

đi hẹp, bên mép vực núi và ven đầm lầy, trang bị kiếm và giáo. Ngay khi ngài đến gần nơi đó, chúng bất ngờ tấn công ngài, lao tới như những con thú hoang dã, và sau khi gây ra những vết thương nặng nề cho ngài, chúng đã đẩy ngài từ bờ cao xuống đầm lầy. Vị thánh, dù chỉ còn thoi thóp, đã giơ hai tay lên cao một chút và ngước mắt lên trời, giống như thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, đã cầu nguyện cho những kẻ giết mình, và nói: *"Lạy Chúa! Xin đừng quy tội này cho họ"* (Công vụ 7:60). Và khi ngài đang cầu nguyện như vậy, một người phụ nữ độc ác, theo tà thuyết Arius, đã cầm một hòn đá nặng, đập mạnh vào đầu vị thánh và giết chết ngài. Linh hồn thánh Ipatia, ngay lập tức lìa khỏi thân xác, đã về với Chúa[2746] . Những kẻ sát nhân, sau khi lấy thi thể vị thánh, đã giấu nó trong một hang động gần đó rồi bỏ đi.

Nhưng vì đã làm đổ máu vô tội, họ không chậm trễ gì mà phải hứng chịu sự trừng phạt của Đức Chúa Trời. Trước hết, ngay tại chỗ đó, một linh hồn ô uế đã xâm nhập vào người phụ nữ ấy và hành hạ bà. Bà không ngừng đập vào ngực mình bằng chính hòn đá đó; sau đó, tất cả những kẻ hành hạ ấy đều trở nên bị quỷ ám và phải chịu đau khổ tột cùng.

Sau đó, một người nông dân, chủ sở hữu của hang động đó (nơi ông cất giữ rơm), không biết gì về vụ giết người bất chính vừa xảy ra, đã đến đó để lấy rơm cho gia súc của mình; khi nghe thấy tiếng hát của các Thiên thần, ông đã ngạc nhiên và kinh hoàng. Và khi ông bắt đầu lấy rơm, ông phát hiện ra thi thể đã chết, đầy những vết thương, điều này khiến ông càng kinh hoàng hơn; khi nhận ra người đã chết chính là vị giám mục thánh Ipatia của mình, ông chạy về báo cho những người cùng làng, và họ nhanh chóng kể lại toàn bộ sự việc này trong thành phố. Người dân thành phố Gangra lập tức tụ tập lại, đến nơi đó trong tiếng khóc than thảm thiết, rồi rước thi hài thiêng liêng của vị thánh cha và mục tử của họ, và an táng ngài với sự tôn kính cao cả. Còn người phụ nữ sát nhân thì đi theo thi hài của vị thánh đang được rước đi an táng, và trên đường đi, bà ta tự đánh vào người mình bằng chính hòn đá mà bà đã dùng để giết vị giám mục của Chúa, đồng thời thú nhận tội lỗi của mình trước mặt mọi người.

Khi thi hài vị thánh được an táng, người phụ nữ ấy đã được chữa lành khỏi chứng bị quỷ ám; tất cả những người khác trước đây cũng bị quỷ ám, những kẻ đồng lõa trong vụ sát hại vị thánh, cũng được chữa lành khi đứng bên quan tài của ngài, người mà ngay cả sau khi qua đời vẫn ban ân huệ cho kẻ thù của mình nhờ lòng nhân từ vô biên của ngài. Nhiều phép lạ và sự chữa lành khác cũng đã xảy ra tại đó đối với những người với lòng tin đến trước quan tài của Thánh Ipaty, nhờ những lời cầu nguyện của ngài dâng lên Thiên Chúa.

Lễ kỷ niệm Thánh Ipaty, tại Rufin[2747]

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 3

Vị thánh đáng kính này sinh ra tại Phrygia[2748] . Khi mới mười tám tuổi, một lần ông bị cha mình đánh đập và, sau khi trốn chạy khỏi ông ấy, đã đến Thrace[2749] . Sau khi gia nhập một trong những tu viện cũ, ông dấn thân vào cuộc sống tu hành và nhanh chóng nổi tiếng nhờ những đức tính cao đẹp của mình. Ông chưa bao giờ uống rượu và, trong một lần chiến đấu chống lại dục vọng xác thịt, ông đã nhịn ăn nhịn uống suốt năm mươi ngày, hoàn toàn không đụng đến thức ăn hay đồ uống. Khi vị trụ trì tu viện biết được điều này, trong bữa tối trước sự chứng kiến của các tu sĩ, chính ngài đã đích thân dâng cho Ipatiy một chén rượu cùng với bánh mì; sau đó, ông lập tức thoát khỏi cơn dục vọng đang dày vò mình và tạ ơn Chúa cùng vị thầy hướng dẫn của mình. Một thời gian sau, theo lời khuyên của cha linh hướng, ông lên đường đến Constantinople để giúp đỡ một người đang phải đối mặt với cám dỗ xác thịt, và nhờ đó, ông cũng đã giúp đỡ được chính cha mình, người đã đến đây. Sau đó, sau khi tiễn cha mình về quê hương, Ipatius cùng hai tu sĩ đã đến Chalcedon và định cư tại tu viện của Rufinus, nơi lúc bấy giờ trông rất kỳ lạ và xấu xí: nó hoàn toàn hoang vắng và khiến ai nấy đều cảm thấy sợ hãi. Rufin này, vốn là một giáo dân[2750] , đã từng xây dựng một tu viện tuyệt đẹp và đưa các tu sĩ Ai Cập đến định cư tại đó, những người đã tu hành tại đây

---

được biết đến với tên gọi "sự chia rẽ của Novatus và Felicissimus". Những kẻ ly giáo đã tách khỏi Giáo hội đã bị kết án tại Công đồng Carthage năm 251.

[2746] Thánh Tử đạo qua đời vào khoảng năm 326.

[2747] Tu viện Rufinus nằm ở ngoại ô Chalcedon, thuộc tỉnh La Mã ở Tiểu Á, bên bờ eo biển Bosphorus.

[2748] Phrygia – một tỉnh La Mã ở Tiểu Á.

[2749] Thrace – một vùng trên bán đảo Balkan, ngày nay là Rumelia.

[2750] Người ta cho rằng Rufinus là một trong những quan cao cấp tại triều đình của Hoàng đế Constantine Đại đế.

để tôn vinh Thiên Chúa. Nhưng khi Rufin qua đời, các tu sĩ sống trong tu viện của ông đã tản mác về quê hương của mỗi người, và từ đó tu viện trở nên hoang vắng. Nơi đây bị cây gai mọc um tùm, quấn quýt thành những bụi rậm không thể đi qua và làm cho nó trở nên xơ xác; sau đó, các linh hồn ô uế đã xâm nhập và cư ngụ tại đó, khiến nơi này trở thành một ngôi nhà gieo rắc nỗi sợ hãi cho mọi người, đến nỗi không ai dám đi ngang qua. Khi phát hiện ra tu viện trong tình trạng như vậy, Thánh Ipaty đã trừ tà các ác quỷ khỏi đó, dọn dẹp những bụi rậm làm xấu xí nơi này và khôi phục lại vẻ uy nghi xưa kia, sau đó ngài định cư tại đây cùng với hai tu sĩ đi theo ngài. Bản thân ngài bắt đầu dệt áo lông cừu[2751] , còn hai tu sĩ đi cùng ngài, một người lo việc gieo hạt, người kia thì lo việc trồng vườn. Vài năm sau đó, Ipaty lên đường đến Thrace và định cư tại tu viện nơi ngài từng tu hành trước đây, nhưng các tu sĩ của tu viện Rufina chẳng bao lâu sau cũng đến tu viện này và xin ngài làm vị trụ trì của họ. Vị thánh đã đồng ý, và kể từ đó, ngài bắt đầu thực hiện những kỳ công vĩ đại. Nhiều tu sĩ, noi gương ngài, đã đạt đến sự hoàn hảo cao độ trong đời sống phụng sự Thiên Chúa. Nhờ những công đức của mình, Thánh Ipaty đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ và thực hiện vô số phép chữa lành kỳ diệu. Chẳng hạn, ngài đã chữa lành cho những người bị quỷ ám, người mù, người teo tóp, người mắc bệnh phù thũng và những phụ nữ bị ra máu bất thường. Ngài đã giúp không ít phụ nữ vô sinh có thể sinh con, và đối với những phụ nữ khác có vú khô cạn, không thể cho con bú, ngài đã giúp họ lấy lại sữa. Nhiều lần, bằng lời cầu nguyện, ngài đã làm dồi dào nước, bánh mì và các loại thực phẩm khác, nhân lên chúng vào đúng thời điểm cần thiết, đồng thời xua đuổi mọi bệnh tật khỏi con người và gia súc. Thức ăn của vị thánh là ngũ cốc luộc, rau củ và một lượng nhỏ bánh mì; và ngay cả bữa ăn đạm bạc này, ngài cũng chỉ dùng vào buổi tối muộn, đồng thời để duy trì sức lực ở tuổi già, ngài uống một chút rượu. Ngài đã sống đến tám mươi tuổi, đến nỗi tóc trên đầu và râu của ngài đã trắng như tuyết; và dù đã ở tuổi già như vậy, cả về ngoại hình lẫn hành động, ngài vẫn giữ được sự tôn kính như xưa. Ngài đã dành bốn mươi năm trong cương vị người đứng đầu cộng đồng tu sĩ, tôn vinh chức thánh, và sau khi đưa tám mươi môn đệ của mình về với Chúa trước tiên, không lâu sau đó, chính ngài cũng an lành qua đời, ca ngợi danh Chúa[2752] .

Ngày tưởng niệm Thánh Apollonius.

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 3

Thánh Apollonius, vị Cha thánh của chúng ta, khi mới mười lăm tuổi, đã từ bỏ thế gian, dấn thân vào đời sống tu hành và định cư tại sa mạc nội địa[2753] , nơi ngài đã sống một mình trên ngọn núi đó suốt bốn mươi năm. Từ thuở nhỏ, ngài đã rèn luyện thói quen sống đạo đức, nhờ đó đã thực hiện những việc làm vĩ đại và được ban ân sủng đến mức một lần nọ, ngài nghe thấy tiếng Chúa phán với ngài:

– Apollonius, giờ đây hãy đi đến những nơi có người ở, vì ngươi phải sinh ra những người được Ta chọn.

Sau đó, ông lập tức lên đường đến sa mạc gần đó và, khi tìm thấy một hang động nhỏ ở chân núi, ông đã định cư tại đó. Tại đây, ông dành thời gian quỳ gối cầu nguyện với Chúa suốt cả ngày. Ông sống nhờ thức ăn mà Đức Chúa Trời ban cho và nhận từ Thiên Thần, Đấng thường đến thăm ông trong sa mạc. Sa mạc này nằm gần các khu dân cư, và nhờ sự hướng dẫn của Thánh Thần, vị thánh đã thu hút được một cộng đồng lớn các tu sĩ, khoảng năm trăm người, và dạy dỗ họ về các thực hành khác nhau trong đời sống tu hành. Vì vậy, cùng với họ, ngài chỉ dùng bữa vào các ngày Chủ Nhật, còn trong tất cả các ngày khác thì không ăn gì cả: không bánh mì, không súp đậu[2754] , cũng không bất cứ thứ gì khác được nấu trên lửa, mà chỉ ăn các loại ngũ cốc mọc hoang. Thánh Apollonius đã thiết lập một quy tắc trong tu viện của mình rằng các tu sĩ tu hành cùng ngài không được dùng bữa trước khi rước Mình Thánh Chúa. Thông thường, nghi thức này được cử hành hàng ngày vào lúc chín giờ sáng, sau đó các tu sĩ mới ngồi vào bàn ăn, và trong bữa ăn đó, họ được nghe những bài giảng mỗi ngày. Thời gian còn lại trong ngày, tất cả họ đều dành cho những công việc hữu ích và nhờ đó xua đuổi những lời xúi giục xảo trá của ma quỷ khỏi tâm trí mình. Sau khi hướng dẫn nhiều tu sĩ sống theo lối sống này và sống đến tuổi già, Thánh Apollonius đã về với Chúa để hưởng cuộc sống vĩnh cửu.

[2751] Áo lông thú – loại áo làm từ lông cứng của một loài động vật nào đó, là trang phục thông thường của các tu sĩ phương Đông, những người mặc nó trực tiếp trên người.

[2752] Thánh Ipaty qua đời vào khoảng năm 446.

[2753] "Sa mạc nội địa" ở đây ám chỉ sa mạc Fivaid, nằm ở châu Phi, thuộc Hạ Ai Cập, trên bờ đông sông Nile.

[2754] Sochivo – là các hạt lúa mì, gạo và các loại ngũ cốc khác đã được luộc chín.

Lễ kính các thánh tử đạo Avda và Beniamin

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 3

Thánh Tử đạo Avda sống dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius II[2755] và là giám mục tại Ba Tư. Ngài đã phá hủy đền thờ của những kẻ thờ lửa[2756] và vì điều này mà bị bắt giữ và dẫn đến trước mặt hoàng đế[2757] . Hoàng đế ban đầu nhẹ nhàng ra lệnh cho ngài phải xây dựng lại ngôi đền đã bị phá hủy, nhưng khi ngài trả lời rằng không thể làm điều đó, hoàng đế liền sai quân lính phá hủy tất cả các nhà thờ Kitô giáo. Sau đó, những kẻ bách hại bắt đầu truy lùng các Kitô hữu và, không phân biệt tuổi tác, đã dùng nhiều cách khác nhau để giết hại họ. Người đầu tiên trong số họ, sau khi chịu đủ mọi hình thức tra tấn, là vị thánh tử đạo Avda, người đã bị chém đầu bằng gươm; và ba mươi ngày sau đó, các thánh tử đạo khác cũng bị hành quyết, trong đó có thánh phó tế Benjamin[2758] . Những kẻ tra tấn đã đâm những cây kim nhọn vào dưới móng tay và móng chân của ngài trước tiên, rồi sau đó đóng ngài lên cọc, và từ đó ngài đã trút hơi thở cuối cùng vào tay Chúa[2759] .

Lễ tưởng niệm Thánh Iona, Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 3

Thánh Iona xuất thân từ thành phố Galich, nằm gần vùng Kazan[2760] . Ngài sinh ra từ một người cha đạo đức tên là Theodor, và khi mới mười hai tuổi, ngài đã mặc áo tu sĩ tại một trong những tu viện ở vùng Galich; sau đó ngài đến thành phố Moscow, vào tu viện Simonov[2761] , nơi ngài đã miệt mài tu hành trong các nhiệm vụ tu viện trong một thời gian dài.

Vào thời điểm đó, Tổng Giám mục Photius[2762] đang cai quản Moscow. Một lần nọ, khi đến Tu viện Simonov, Photius đã cử hành lễ cầu nguyện tại Nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh và, sau khi ban phước lành cho vị Tổng tu viện trưởng cùng các tu sĩ, ngài mong muốn được gặp cả các tu sĩ tập sự của tu viện để ban phước lành cho họ. Ngài bước vào lò bánh và thấy tại đó Thánh Iona đang ngủ say sau những giờ lao động vất vả; tay phải của ngài đang co lại, như thể đang ban phước; Thánh Photius không ra lệnh đánh thức ngài, nhưng sau khi ban phước lành cho người đang ngủ, ngài đã tiên tri với những người có mặt rằng vị tu sĩ này sẽ trở thành vị thánh tại các vùng đất Nga và dẫn dắt nhiều người đến con đường cứu rỗi.

Lời tiên tri của vị thánh của Chúa sau này đã ứng nghiệm. Vài năm sau, theo ý muốn của Chúa, theo sự bầu chọn của Công đồng Thánh và mong muốn của nhà vua, Thánh Iona đã được tấn phong làm giám mục thành phố Ryazan và Murom, nơi ngài đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo trở về với Chúa và rửa tội cho họ[2763] .

[2755] Thánh Theodosius II Trẻ trị vì ở nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 408 đến năm 450.

[2756] Người Ba Tư tôn sùng Mifru, hay mặt trời, là vị thần tối cao. Họ cũng thờ phụng lửa và xây dựng các đền thờ cho các vị thần của mình, nơi họ thờ phụng cả lửa lẫn mặt trời.

[2757] Vị vua được đề cập ở đây là Izdegerd I, trị vì từ năm 401 đến năm 420. Cuộc đàn áp do ông khởi xướng đã trở nên đặc biệt dữ dội dưới thời người kế vị là Varan V (420–438).

[2758] Theo lịch của Thánh Basil, vị thánh tử đạo Benjamin đã qua đời một cách tử đạo không phải sau ba tháng, mà là ba năm sau khi Thánh Avda qua đời.

[2759] Thánh tử đạo Avda qua đời vào năm 418 hoặc 421, còn thánh Beniamin – ba năm sau đó, tức là vào năm 421 hoặc 424, cả hai đều tại thành phố Suze, thành phố cổ xưa nhất của Ba Tư, từng là thủ đô của Suziana và là nơi cư ngụ của các vị vua Elam trước đây, sau đó là các vị vua Ba Tư.

[2760] Thánh Iona sinh ra tại vùng Galich cổ đại, gần thành phố Soligalich thuộc tỉnh Kostroma ngày nay.

[2761] Tu viện Simonov, nằm trên bờ trái sông Moskva, được thành lập vào năm 1370 dưới thời Đại công tước Dmitri Donskoy bởi Theodor, một đệ tử và cháu trai của Thánh Sergius Radonezhsky, với sự ban phước của Tổng giám mục Alexius. Tu viện này được đặt tên theo địa danh, vốn được gọi là Simonovo theo tên chủ sở hữu của nó.

[2762] Ông giữ chức Tổng giám mục từ năm 1408 đến năm 1431.

[2763] Trong phạm vi giáo phận rộng lớn của Thánh Iona, bao gồm một số phần của các giáo phận Tambov và Voronezh ngày nay, có cả những làng mạc của các bộ tộc vùng sông Don: Mordva, Meshchera, Muroma, những người vẫn còn thờ cúng thần tượng; từ những người ngoại đạo này, Thánh Iona đã dẫn dắt nhiều người đến với Đức Chúa Trời chân chính.

Khi Đức Tổng Giám mục Photius an nghỉ trong Chúa, Đại công tước Vasili Vasiliyevich[2764] đã triệu tập các Tổng Giám mục và Giám mục trên đất Nga cùng toàn thể Hội đồng Thánh và ra lệnh cho họ bầu chọn một người xứng đáng lên ngai tòa cao quý của Tổng giáo phận Nga; theo sự đồng thuận và mong muốn của tất cả, Iona, Giám mục Ryazan[2765] , đã được bầu chọn: mọi người đều biết ông là một người có đức hạnh và thánh thiện.

Ngài đã lên đường mang theo thư của Đại công tước đến Constantinople để gặp Hoàng đế Ioannes Palaiologos[2766] và Đức Thượng phụ Joseph[2767] nhằm nhận chức Tổng giám mục. Nhưng trước khi ngài kịp đến Constantinople, Isidor, kẻ xảo trá, quê ở Thessaloniki[2768] , đã được tấn phong làm Tổng giám mục Nga và được cho phép rời Constantinople về Nga.

Sau khi ngài rời đi, Thánh Iona đã đến Constantinople và trao các bức thư của Đại công tước cho hoàng đế và tổng giám mục. Sau khi đọc xong, họ vô cùng hối tiếc vì đã vội vàng tấn phong Isidor, người đã được cho phép trở về Nga, và nói với Thánh Iona:

– Bây giờ chúng tôi có thể làm gì cho ngài đây? Ngài đến gặp chúng tôi đã muộn; chúng tôi đã bổ nhiệm Isidor làm Tổng giám mục Nga và không thể thay đổi điều này: Isidor giờ đây đã là Tổng giám mục Nga rồi. Hãy trở về giáo phận của ngài và chờ xem Chúa sẽ sắp đặt thế nào về Isidore. Khi ông ta qua đời hoặc vì lý do nào đó mà phải thay thế ông ta, thì lúc đó, với sự ban phước từ Tòa Thượng phụ Constantinople, ngài sẽ được bổ nhiệm làm Tổng giám mục Kiev và toàn Nga.

Vậy là, họ đã cho Thánh Iona về nhà.

Còn Isidor thì ban đầu đến Kiev; sau đó, vào mùa xuân, ngài lên đường đến Moscow, và sau khi ở đó suốt mùa vụ cho đến mùa thu, ngài đi về phía tây, đến Công đồng Florence, như thể để củng cố đức tin Chính thống. Sau

---

[2764] Từ năm 1425 đến năm 1434

[2765] Thánh Iona được bầu chọn, có lẽ không muộn hơn cuối năm 1432; có một văn thư của Iona, "người được phong làm Tổng Giám mục Thánh nhất của Nga", được biết đến, có ngày 11 tháng 3 năm 1433.

[2766] Ioann VI Palaiologos trị vì từ năm 1425 đến năm 1448. Ngay từ đầu triều đại, ông đã tự nhận mình là chư hầu của Sultan Murad II và nhượng lại cho người Thổ Nhĩ Kỳ một số thành phố dọc bờ Biển Đen; tuy nhiên, điều này không ngăn cản được nỗ lực (vào năm 1433) của người Thổ Nhĩ Kỳ nhằm chiếm đóng Constantinople, dù cuối cùng nỗ lực này đã thất bại. Với hy vọng tìm được sự bảo vệ khỏi người Thổ Nhĩ Kỳ từ phương Tây, John VI đã thực hiện một bước đi quyết liệt nhằm xích lại gần hơn với phương Tây; vì mục đích này, ông đồng ý đến Ý, nơi Giáo hoàng Eugenius IV đã quyết định triệu tập một công đồng để thảo luận về vấn đề hợp nhất các Giáo hội. Ban đầu tại Ferrara, sau đó tại Florence, các điều khoản của sự hợp nhất (năm 1439) đã được soạn thảo và được những người tham dự công đồng chấp nhận, ngoại trừ một số giám mục người Hy Lạp; những người này đã công nhận là chính đáng giáo lý của Giáo hội Công giáo về sự phát xuất của Chúa Thánh Thần từ Con (filioque), về quyền tối cao của Giáo hoàng, và về việc cử hành Thánh Thể bằng bánh mì không men. Tuy nhiên, sự bất mãn của cư dân Constantinople đã khiến hiệp nhất được ký kết tại Ý trở nên vô nghĩa.

[2767] Giuse II – trước đây là tổng giám mục Ephesus – được bầu làm tổng giám mục Constantinopolis vào năm 1416; cùng với hoàng đế, ngài đã nỗ lực hướng tới sự hiệp nhất giữa các Giáo hội, tham dự Công đồng Florence (xem chú thích trước) và qua đời tại Ý vào năm 1439.

[2768] Isidor – tổng giám mục người Nga gốc Hy Lạp cuối cùng; xuất thân từ Thessaloniki. Sau khi được tổng giám mục Constantinopolis tấn phong (xem chú thích trước về ông) làm tổng giám mục Kiev, Isidor đã đến Moscow vào mùa xuân năm 1437. Tại đây, ngài đã thuyết phục Đại công tước Vasily Vasilyevich "Người Mù" cho phép ngài sang Ý để tham dự Công đồng Ferrara-Florence (xem chú thích 7). Ngày 8 tháng 9 năm 1437, Isidor rời Moscow cùng với Avraam, Giám mục Suzdal, và khoảng một trăm nhân vật thuộc giới giáo sĩ và thế tục. Năm 1438, Isidor đến Ferrara, Ý, nơi Đại hội đang diễn ra, sau đó nhanh chóng được chuyển đến Florence. Tại công đồng, Isidor đã thể hiện mình là một người ủng hộ nhiệt thành cho sự hợp nhất, nhờ đó ngài được Đức Giáo hoàng phong làm hồng y với danh hiệu Sứ thần Tông tòa cho tất cả các vùng đất phía Bắc. Trên đường trở về Nga, ngay từ khi còn ở Hungary, ngài đã gửi các văn thư đến các giáo phận Litva, Nga và Livonia, trong đó thông báo về sự hợp nhất của các Giáo hội. Tại Volhynia, Isidor đã bổ nhiệm Giám mục Daniel, người đã đồng ý với sự hợp nhất; tại Kiev, Công tước Alexander đã trao cho Isidor, với tư cách là "cha mình, vị tổng giám mục", một văn thư trao toàn bộ lãnh địa của mình, mặc dù Biên niên sử Kiev khẳng định rằng Isidor đã bị trục xuất khỏi Kiev. Vào mùa xuân năm 1441, Isidor đến Moscow, mang theo một bức thư thân thiện của Đức Giáo hoàng gửi cho Đại công tước Vasily. Ngay trong thánh lễ đầu tiên tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, Isidor đã nhắc đến Giáo hoàng Eugenius thay vì Thượng phụ Constantinopolis, và sau khi thánh lễ kết thúc, một phó tế đã đọc quyết nghị của Công đồng Florence từ bục giảng. Đại công tước Vasily ngay lập tức lên tiếng vạch trần Isidor ngay trong nhà thờ; sau đó ra lệnh giam giữ ông tại Tu viện Chudov, đồng thời triệu tập một công đồng, nơi các nghị quyết của Công đồng Florence bị tuyên bố là trái với giáo lý Chính thống giáo cổ truyền. Vào mùa thu cùng năm 1441, Isidor trốn chạy đến Tver, nhưng Đại công tước Tver lại ra lệnh giam giữ ông. Từ Tver, Isidore trốn sang Novgorod thuộc Litva, và từ đó – đến Rome. Trong thời gian Constantinople bị người Thổ Nhĩ Kỳ vây hãm, Isidore đang ở trong thành, đề nghị với Hoàng đế Constantine sự giúp đỡ của Giáo hoàng, nếu giới chức giáo hội Hy Lạp chấp nhận các nghị quyết của Công đồng Florence. Sau khi Constantinopolis thất thủ, Isidor bị người Thổ Nhĩ Kỳ bắt làm tù binh, nhưng ông đã trốn thoát khỏi cảnh giam cầm và trở về Rome; ông qua đời tại đây vào năm 1462, với tước hiệu là Thượng phụ Constantinopolis.

khi ở đó ba năm, ông trở về Kiev với tư cách là kẻ ly giáo khỏi Giáo hội Đông phương, nhưng không được chấp nhận tại đó; lúc đó, ông lên đường đến Moscow để truyền bá giáo lý ly giáo của mình.

Đại công tước Vasily Vasilyevich, khi biết về sự phản bội của ông, đã triệu tập các giám mục và toàn thể hàng giáo phẩm của Tổng giáo phận Nga để xem xét vấn đề này. Sau khi tụ họp và xem xét các quy tắc thánh, họ nhận thấy rằng Isidor đã mang từ Công đồng Florence về những giáo lý xa lạ và trái ngược với Chính Thống giáo, và họ không muốn ông làm tổng giám mục của mình. Còn Đại công tước thì ra lệnh cho ông phải sống trong một tu viện cho đến khi báo cáo sự việc này lên Đức Thượng phụ tại Constantinople.

Isidor, khi thấy sự phản bội của mình đã bị phơi bày, cảm thấy xấu hổ và, không chờ đợi gì nữa, đã bí mật trốn sang Rome, nơi ông được Giáo hoàng tiếp đón và ưu ái.

Còn tại Tổng giáo phận Nga, Thánh Iona[2769] lại được bầu chọn. Với sự ban phước của Đức Thượng phụ Constantinople Grigori Melissina[2770] , ngài đã được các giám mục của mình tấn phong tại Nhà thờ Chính tòa ở Moscow. Như vậy, ngài là vị tổng giám mục đầu tiên được các giám mục Nga tấn phong, dưới sự ban phước của Ngai Tòa Tông Đồ Constantinopolis.

Sau khi lên ngôi Tổng giám mục của Giáo phận Nga, Thánh Iona đã càng nỗ lực hơn nữa, không ngừng làm việc và, quan trọng nhất, luôn quan tâm đến việc củng cố đức tin ở khắp mọi nơi; được thúc đẩy bởi mục tiêu này, ngài không ngừng giảng dạy cho đoàn chiên, gửi đi các thông điệp; như một vị mục tử chân chính, ngài củng cố đức tin Chính Thống, điều này đặc biệt rõ ràng qua các thông điệp của ngài[2771] ; nói chung, ngài hết sức quan tâm đến việc bảo vệ đoàn chiên mà Thiên Chúa đã giao phó cho ngài khỏi mọi tổn hại.

Thánh Iona đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ: chữa lành bệnh tật và tiên đoán tương lai.

Chẳng hạn, nhờ lời cầu nguyện của mình, ngài đã khiến con gái của Đại công tước, người đang cận kề cái chết, hồi phục khỏi giường bệnh. Chứng kiến phép lạ này, một người ngoại đạo, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã nói với vị thánh rằng công chúa đã khỏi bệnh không phải nhờ lời cầu nguyện của ngài, mà bệnh tật đã tự khỏi. Lúc đó, Thánh Iona đã gọi người ấy lại, dạy dỗ anh ta đừng phỉ báng ân sủng của Thánh Thần và nói với anh ta:

– Hỡi con trai! Đừng nghi ngờ điều gì cả, vì *"điều không thể đối với loài người thì lại có thể đối với Đức Chúa Trời"* (Lc 18:27); Đức Chúa Trời đã ban sự sống cho thiếu nữ nhờ đức tin, và quan trọng hơn hết, nhờ niềm hy vọng của cha mẹ hoàng gia cô ấy.

Nhưng người ấy không tin lời vị thánh và bắt đầu thốt ra những lời xúc phạm còn nặng nề hơn.

Lúc đó, Thánh Iona nói với anh ta:

– Ngôn lưỡi ngươi hãy bị trói lại, miệng phỉ báng của ngươi hãy bị bịt lại; thay vì cô gái trẻ suýt chết ấy, chính ngươi sẽ chết!

Và ngay lập tức, kẻ phỉ báng rơi xuống đất, mất tiếng: lưỡi hắn tê liệt, hắn chỉ còn biết đảo mắt, và sau một lúc, hắn trút hơi thở cuối cùng vì đã dám phỉ báng ân sủng của Thánh Thần đang ngự trong vị thánh vĩ đại ấy.

Thánh tổng giám mục có một tu sĩ tên là Pimen, người trông coi hầm rượu, được giao nhiệm vụ cho những người ăn xin ốm yếu đến đây uống nước.

Một lần nọ, một góa phụ nghèo khó đến gặp ông và xin ông cho bà một ít mật ong vì bệnh tật. Nhưng vị tu sĩ đó đã nói với bà một cách cay độc:

– Hãy đi đi, bây giờ chưa phải lúc để cho uống.

Người góa phụ ra về trong nỗi buồn bã.

Khi biết chuyện, vị thánh của Chúa đã gọi Pimen lại và nói với anh ta:

– Anh em ơi! Anh không biết mình đã xúc phạm người góa phụ ấy như thế nào đâu; bà ấy là người được Chúa hài lòng; vì điều này, Chúa sẽ trừng phạt anh bằng cái chết; hãy đi, sám hối về những tội lỗi của mình, vì đã đến lúc anh phải chết rồi.

[2769] Việc tấn phong Thánh Iona lên ngôi Tổng giám mục của Giáo phận Nga đã được quyết định bởi một Đại Công đồng gồm các giám mục, các tu sĩ trưởng, các vị trụ trì và toàn thể hàng giáo sĩ. Lễ tấn phong được cử hành vào ngày 15 tháng 12 năm 1448, như được ghi chép trong Sử ký Sofia thứ hai: "Lễ phụng vụ thiêng liêng được cử hành, chiếc áo choàng danh dự được đặt lên vai ngài (tức Thánh Iona), cây gậy tổng giám mục vĩ đại được trao vào tay ngài, và như vậy, trong sự kính sợ và tôn kính, ngài cử hành và ban phước lành cho dân chúng".

[2770] Ngài giữ chức vụ Thượng phụ tại Constantinople từ năm 1445 đến năm 1450.

[2771] Cho đến nay, người ta biết đến các văn thư giảng dạy sau đây của Thánh Iona: hai văn thư gửi đến Vyatka, hai văn thư gửi đến Novgorod và một văn thư gửi đến Pskov.

Và Thánh Iona đã ra lệnh cho cha hướng dẫn của mình cạo đầu cho Pimena theo nghi thức tu sĩ, và ngay trong ngày cạo đầu, anh ta đã qua đời, đúng như lời của vị thánh của Chúa.

Một lần khác, vị thánh đã trao cho một trong những người tu tập của mình một số tiền lớn để phân phát cho người nghèo; nhưng người đó đã phân phát một phần tiền, còn phần còn lại thì giấu đi cho riêng mình.

Có lần, một góa phụ nghèo đến gặp vị thánh để than phiền về người tu sĩ đó và nói:

– Thánh nhân của Chúa! Tu sĩ của ngài không cho tôi một đồng nào trong số tiền mà ngài đã dặn dò.

Vị Thánh, sau khi gọi người tu sĩ tập sự lại, đã hỏi anh ta:

– Tại sao con lại xúc phạm bà góa này và không cho bà ấy gì cả?

Anh ta đáp:

– Tôi đã cho bà ấy nhiều rồi, nhưng bà ấy vẫn vô liêm sỉ đòi thêm.

Còn bà góa thì phủ nhận điều đó và khăng khăng khẳng định rằng bà không nhận được gì từ anh ta cả.

Tân tu sĩ thốt lên đầy giận dữ:

– Cút đi! Ngươi sẽ chết vì đã nói dối!

Lúc đó, vị thánh nói với anh ta:

– Sẽ không phải như vậy: người góa phụ này đang nói sự thật, còn ngươi thì ăn cắp và nói dối; bà ấy sẽ sống, còn ngươi sẽ chết.

Ngay lập tức, người tu sĩ đó bị sốt cao và qua đời.

Một quan đại thần tên là Vasily, biệt danh là Kutuz, không tin vào quyền năng làm phép lạ của Thánh Iona, chưa bao giờ đến gặp ngài và cũng không muốn nhận lời chúc phúc từ ngài. Một lần, ông bị đau răng dữ dội, khiến ông phải chịu đựng rất nhiều và không thể chữa khỏi bằng cách nào. Vị quý tộc bị đau răng đó tình cờ có mặt tại nhà thờ chính tòa khi Thánh Iona đang cử hành Thánh lễ; khi Thánh Lễ kết thúc, vị Thánh đã gọi vị quan đó lại gần, ban phước lành cho ông, trao cho ông một miếng bánh thánh và, sau khi giảng dạy cho ông những lời răn dạy từ Kinh Thánh, đột ngột vỗ mạnh tay vào má ông đến nỗi nhiều người nghe thấy tiếng vỗ đó.

Vasili la lên rất to:

– Ôi, đau quá: ngài đã đánh rụng hết răng của tôi rồi!

Và ngay lập tức, người bệnh cảm thấy nhẹ nhõm và cơn đau răng của ông đã biến mất. Ông trở về nhà trong niềm vui sướng, tạ ơn Chúa và ca ngợi vị thánh được Chúa yêu mến là Thánh Iona.

Năm 1451, vì tội lỗi của tổ tiên chúng ta, theo sự cho phép của Chúa, cuộc xâm lược của những kẻ vô thần người Aghar đã ập xuống đất Nga. Một vị công tước của Đế quốc Hồi giáo cùng với đông đảo người Tatar bất ngờ tiến đến Moscow, đốt cháy các vùng lân cận và bắt đầu bao vây thành phố từ mọi phía. Đức Tổng Giám mục Iona cùng toàn thể hàng giáo sĩ đã tổ chức một cuộc rước Thánh Giá và hát những bài thánh ca cầu nguyện dọc theo các bức tường thành, trong nước mắt dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện nồng nhiệt cho thành phố và người dân.

Khi nhìn thấy một vị tu sĩ cao niên, tu sĩ của Tu viện Chudov tên là Antony, người nổi tiếng với lối sống đạo đức và là người mà ngài quen biết, Thánh Iona đã nói với ông như sau:

– Con trai và anh em của ta, Antony! Hãy cầu nguyện với Đức Chúa Trời nhân từ và Đức Mẹ Đồng Trinh để giải cứu thành phố và tất cả các Kitô hữu Chính Thống khỏi bọn Agary vô thần.

Antonius đáp lại:

– Thánh nhân vĩ đại! Chúng ta tạ ơn Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, Đấng trợ giúp vững chắc và nhanh chóng của chúng ta: Người đã nghe lời cầu nguyện của ngài và đã khẩn cầu Con của Người, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, để thành phố này và tất cả các Kitô hữu Chính Thống được cứu rỗi vì ngài. Kẻ thù là bọn Agaryan sẽ sớm bị đánh bại và bị đuổi đi bởi một sức mạnh vô hình; chỉ có riêng tôi là người được Chúa định sẵn phải bị kẻ thù giết chết mà thôi.

Vừa dứt lời, vị tu sĩ già bỗng bị một mũi tên do người Tatar bắn trúng, khiến ngài qua đời ngay sau đó; sau đó, ngài được Đức Tổng Giám mục Iona cùng toàn thể Hội đồng Giáo phẩm an táng một cách trang trọng.

Khi lễ Kính Áo Choàng của Đức Mẹ Rất Thánh đến, vào ngày 2 tháng 7, quân Tatars rơi vào tình trạng hỗn loạn: nỗi sợ hãi và kinh hoàng bất chợt ập đến, khiến họ bỏ chạy, bị một sức mạnh vô hình đuổi khỏi thành phố.

Thánh Tổng Giám mục Iona đã ra lệnh xây dựng càng sớm càng tốt một nhà thờ kính lễ Áo choàng của Đức Mẹ Đồng Trinh trong khuôn viên của ngài, để tưởng nhớ sự giải thoát khỏi quân Aghar nhờ lời cầu nguyện của Mẹ, vì vào ngày đó, họ đã dỡ bỏ cuộc vây hãm thành phố.

Sau đó, nhiều năm trôi qua, khi đã bước vào tuổi già, trước khi qua đời một cách thanh thản, Thánh Iona đã được Thiên Chúa ban cho một sự mặc khải về bà như sau.

Người gác nhà thờ chính tòa, tên là Maxim, trong một đêm nọ, khi đang đi tuần tra xung quanh nhà thờ theo nhiệm vụ của mình, đã phát hiện cửa nhà thờ mở và thấy bên trong có nến đang cháy cùng các linh mục đang hát thánh ca. Ông rất hoảng sợ và chạy đi báo cho người quản lý nhà thờ, linh mục Jacob.

Vị này vội vã đi ngay, nhưng thấy nhà thờ vẫn đóng cửa như cũ, chỉ có ánh sáng lọt ra từ bên trong. Ông mở cửa, bước vào nhà thờ và không thấy ai ở đó, nhưng những ngọn nến vẫn đang cháy. Ông hoảng sợ và nghe thấy một giọng nói từ bàn thờ, phán rằng:

– Giacôbê! Hãy đi, nói với tôi tớ của Ta, tổng giám mục Iona, vì ông ấy đang cầu xin Ta, vì sự cứu rỗi linh hồn của mình, một căn bệnh thể xác – Ta đã nghe lời cầu xin của ông ấy: Ta sẽ gửi đến chân ông ấy một vết loét, khiến ông ấy chết; vì sắp ra đi, hãy mau chóng hoàn tất những việc mà chức vụ tổng giám mục đòi hỏi. Nghe thấy giọng nói ấy, Gia-cốp tràn ngập sợ hãi và kinh hoàng, bối rối và không kể cho ai nghe về thị kiến của mình, ngay cả với chính Thánh Iona.

Sáng sớm hôm sau, Thánh Iona gọi Gia-cô-bê đến và hỏi ông:

– Đêm qua con đã ở đâu, Giacôbê? Con đã thấy và nghe gì? Tại sao con không báo cho ta biết những điều đã được mặc khải cho con về ta?

Gia-cốp hoảng sợ, quỳ xuống dưới chân vị thánh và nói:

– Thưa Đức Cha, xin tha thứ cho con! Con không dám nói với ngài về điều này, nhưng con thấy rằng Thánh Thần đã mặc khải điều này cho ngài.

Thánh nhân nói:

– Cầu Chúa tha thứ cho con, con trai của ta; nhưng ta sẽ nói với con rằng Chúa sẽ cất đi người vợ của con. Hãy mau đi lo cho linh hồn nàng, để nàng được ra đi trong sự sám hối.

Cho đến lúc đó, vợ của người giữ chìa khóa vẫn hoàn toàn khỏe mạnh. Nhưng khi anh ta trở về nhà, anh ta thấy cô ấy đã ốm, và ba ngày sau, cô ấy qua đời, sau khi đã hoàn thành đúng như lẽ ra phải làm bổn phận Kitô hữu của mình bằng sự sám hối và rước Mình Thánh Chúa.

Chính vị Thánh vĩ đại Iona cũng không sống được bao lâu sau đó. Được tràn đầy ân sủng của Thánh Thần và những việc lành, và *"đã hoàn thành sự thánh thiện trong sự kính sợ Thiên Chúa"* (2 Cr 7,1), ngài đã được hưởng cái chết hạnh phúc khi đã cao tuổi. Thánh nhân bị bệnh loét ở chân và, dù thân thể suy yếu, tinh thần ngài vẫn không suy giảm, tiếp tục đến Nhà thờ của Chúa ngay cả khi đang ốm đau.

Khi chuẩn bị trao linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa, ngài đã ban phước lành cho Đại công tước, dòng dõi của ngài và toàn thể dân chúng; rồi với lời cầu nguyện trên môi, ngài đã về với Chúa vào ngày 31 tháng 3 năm 1464[2772] ; ngài đã chăn dắt Giáo hội của Chúa trong mười hai năm rưỡi.

Vài năm sau khi Thánh Iona qua đời, Đại công tước Vasily Vasilyevich cũng qua đời; người kế vị ông là con trai ông, Đại công tước Ioann Vasilyevich, người cai trị độc lập của đất nước Nga[2773] . Theo ý muốn của Đức Chúa Trời và với sự ban phước của Đức Tổng Giám mục Gerontius[2774] , ngài đã quyết định xây dựng một nhà thờ chính tòa mới (vẫn còn tồn tại đến ngày nay) thay thế cho nhà thờ cũ đã xuống cấp.

Sau khi lấy các thánh tích của Thánh Phêrô, Tổng Giám mục, vị thánh làm phép lạ, người ta đã tạm thời chuyển chúng sang một nhà thờ khác.

Và khi nhà thờ cũ đã được tháo dỡ[2775] và người ta bắt đầu đào hào để đổ móng cho nhà thờ vĩ đại mới, người ta đã tìm thấy di cốt của các Tổng Giám mục khác: Thánh Theognostus[2776] , Thánh Cyprian, Thánh Photius, cũng như Thánh Iona, vị thánh làm phép lạ.

[2772] Bản biên niên sử Sofia thứ nhất ghi chép về sự ra đi của Thánh Iona như sau: "Vào năm 6969, ngày 31 tháng Ba, Đức Thánh Iona, Tổng Giám mục Kiev và toàn cõi Rus', đã qua đời. Lúc bấy giờ, khuôn mặt ngài không giống như người đã khuất theo thông lệ, mà trông như đang ngủ, thể hiện cuộc đời vĩ đại và rực rỡ của ngài, như chúng ta đã nghe kể về ngài từ thuở thiếu thời, giống như các vị thánh tổ tiên xưa kia."

[2773] Từ năm 1462 đến năm 1505

[2774] Từ năm 1473 đến năm 1489

[2775] Đó là vào năm 1472.

[2776] Từ năm 1328 đến năm 1353

Khi các nghi lễ cầu siêu chung được cử hành nhân dịp tìm thấy những di cốt thiêng liêng này, có một cậu bé bảy tuổi tên là Simeon, bị liệt từ khi mới chào đời, được đưa đến đó. Cậu là con trai của linh mục Phêrô, người phục vụ tại nhà thờ Thánh Gioan Thang, nằm trong tháp chuông. Linh mục Alexi của nhà thờ chính tòa đã bế cậu bé bị liệt lên tay, đặt cậu xuống dưới chân hòm thánh tích của Thánh Iona và, trong khi ôm cậu, bảo cậu cầu nguyện.

Cậu bé, được vị linh mục đó đỡ, vừa cầu nguyện vừa hét lớn:

– Trời đang mưa!

Hôm đó trời trong xanh, trên bầu trời không thấy một đám mây nào: ngay lập tức cậu bé ấy đã khỏe mạnh trở lại và tự mình đi về nhà mà không cần ai giúp đỡ.

Mọi người đều kinh ngạc trước phép lạ này và ca ngợi Thiên Chúa cùng vị thánh được Ngài yêu mến là Thánh Iona.

Khi việc xây dựng Nhà thờ Chính tòa Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời hoàn tất vào năm 1479, nhà thờ đã được long trọng thánh hiến và các di cốt thiêng liêng của các vị Tổng Giám mục thánh thiện được rước vào đó: trước hết là Thánh Phêrô, vị làm phép lạ, tiếp theo là Thánh Theognostus, Thánh Cyprianus, Thánh Photius và vị thánh được Chúa yêu mến này, Thánh Iona. Và vì di cốt của ngài vẫn còn nguyên vẹn và không bị hư nát, nên chúng được đặt trong một chiếc hòm thánh và trưng bày công khai trong nhà thờ chính tòa; cho đến nay, di cốt của ngài vẫn an nghỉ tại đó và mang lại ơn lành cho nhiều tín hữu đến cầu nguyện, xin ơn sủng[2777] .

Có một người tên là Gioan, vốn bị câm và không thể nói được gì, một lần nọ đã đến trước quan tài của vị thánh và chạm vào di cốt thiêng liêng của ngài, đồng thời hôn lên bàn tay thánh của ngài. Không ai biết bằng cách nào, nhưng nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa, anh ta cảm thấy như vị thánh đã giơ tay ra, nắm lấy lưỡi anh ta và giữ chặt. Anh ta bắt đầu la hét ầm ĩ. Các linh mục và dân chúng đang có mặt trong nhà thờ lúc đó vội vã chạy đến khi nghe tiếng la hét và bối rối không hiểu tại sao người câm lại la hét. Khi thấy vị thánh thả lưỡi anh ra khỏi tay, Ioan ngừng la hét và ngay lập tức bắt đầu nói rõ ràng, kể cho mọi người nghe về cách lưỡi anh đã được giải thoát khỏi chứng câm một cách kỳ diệu như thế nào. Tất cả những người có mặt tại đó đều kinh ngạc trước phép lạ kỳ diệu đó và, trong khi ca ngợi những việc làm của Chúa, họ đã tôn vinh vị thánh làm phép lạ vĩ đại, Thánh Iona.

Nhiều phép lạ khác đã xảy ra và hiện nay vẫn đang xảy ra từ thi hài thánh thiện của Thánh Tổng Giám mục Iona của Moscow dành cho tất cả những ai đến với lòng tin, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ, muôn đời và đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của Thánh Giuse Đẹp Đẽ, người công chính

Ngày kỷ niệm: 31 tháng 3

Thánh Giuse "Đẹp Đẽ" ([2778]), người được chúc phúc cả về tâm hồn lẫn thể xác, là con trai của tổ phụ Gia-cóp trong Cựu Ước, cháu nội của I-sa-ác và chắt nội của Áp-ra-ham. Ngài được sinh ra từ người vợ thứ hai của Gia-cóp là Ra-chên, người vốn vô sinh cho đến khi Thiên Chúa nhậm lời cầu xin của bà và mở lòng bà để sinh con. Người con trai đầu tiên mà Ra-chên sinh ra là Giô-sép, người con trai thứ mười một của Gia-cốp. Người con trai thứ hai của Ra-chên là Bê-ni-a-min, người con trai thứ mười hai của Y-sơ-ra-ên. Sau khi sinh Bê-ni-a-min, Ra-chên qua đời và được an táng[2779] tại Ê-phra-ta, tức là tại Bê-lem[2780] . Hai con trai của Ra-chên, Giô-sép và Bê-ni-a-

[2777] Sau khi tìm thấy di cốt, Đại công tước Ivan Vasilyevich cùng với Tổng giám mục Philip đã giao nhiệm vụ cho Pakhomius Serbin, một tác giả nổi tiếng về các bài thánh ca và tiểu sử các thánh, soạn thảo một bài thánh ca về việc tìm thấy di cốt và thiết lập lễ kỷ niệm địa phương tại nhà thờ chính tòa. Lễ kỷ niệm long trọng trên toàn Giáo hội để tưởng nhớ Thánh Iona đã được thiết lập dưới thời Tổng giám mục Makarii vào năm 1547.

[2778] Giuse – từ tiếng Do Thái, có nghĩa là "làm tăng thêm", "bổ sung".

[2779] Gia-cốp đã chôn cất Ra-chên trên con đường dẫn đến Ê-phra-ta, tức là Bê-lem, và dựng một bia tưởng niệm trên quan tài của bà (Sáng Thế Ký 35:19). Lăng mộ của Ra-chên vẫn được biết đến rộng rãi ngay cả nhiều thế kỷ sau đó (1 Sa-mu-ên 10:2). Người Do Thái và người Hồi giáo địa phương cho đến nay vẫn đối xử với ngôi mộ của Ra-chên với lòng tôn kính sâu sắc. Người Ả Rập tụ tập tại đây để cầu nguyện long trọng trong những thời kỳ hạn hán. Phụ nữ đã có chồng thường lấy những mảnh đá từ đây và mang theo trong suốt thời gian mang thai. Ký ức về chính Ra-chên vẫn được lưu giữ qua các thế hệ con cháu của bà trong những thời kỳ sau này. Người dân và các trưởng lão tại Bê-lem, khi chúc phúc cho cuộc hôn nhân giữa Bo-ô-xơ và Ru-phê, đã cầu mong cho ông được hưởng hạnh phúc từ Đức Chúa Trời giống như Ra-chên đã mang lại cho Y-sơ-ra-ên (Ru-phê 4:11). Tiên tri Giê-rê-mi, khi miêu tả những thảm họa của cuộc lưu đày dân Giu-đa, đã mô tả Ra-chên như người mẹ tổ tiên của dân Y-sơ-ra-ên, người đã mồ côi và khóc than thảm thiết vì các con trai của mình, vì họ đã

min, rất được Gia-cốp yêu quý, bởi vì Đức Chúa Trời đã ban cho ông hai người này vào những năm tháng cuối đời, và hơn nữa, họ khiến ông nhớ đến người vợ yêu dấu Ra-chên, người mà cái chết của bà đã khiến ông vô cùng đau buồn. Gia-cốp yêu bà đến nỗi vì bà mà ông đã làm việc cho Laban, cha vợ mình, suốt mười bốn năm. Hơn nữa, cả hai con trai của Ra-chên đều có tính cách tốt đẹp, trong sạch và đáng yêu, đặc biệt là thánh Giô-sép, người mà từ thuở thiếu thời đã được ân sủng của Thánh Thần ngự trị. Khi Giô-sép tròn mười bảy tuổi, anh bắt đầu chăn đàn gia súc của cha mình cùng với các anh em do những người mẹ khác sinh ra. Thấy những việc làm tội lỗi của các anh em mình, Giô-sép ghê tởm việc tham gia vào đó. Ngược lại, vì yêu thương các anh em và mong muốn cứu rỗi linh hồn họ, Giô-sép đã báo cáo một số hành vi phạm pháp của họ cho cha mình là Gia-cốp biết, để ngài trừng phạt họ theo cách của một người cha và nhờ đó xua tan cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời khỏi nhà mình. Gia-cốp, khi thấy ở Giô-sép sự khôn ngoan như vậy, kết hợp với sự trong sạch và lòng kính sợ Đức Chúa Trời, đã yêu thương anh ấy còn hơn nữa và may cho anh ấy một bộ áo nhiều màu. Còn các anh em thì ghét Giô-sép vô cùng: một số thì vì anh ấy không tham gia vào những việc tội lỗi của họ và báo cáo lại với cha; những người khác thì vì cha yêu thương anh hơn họ. Họ không thể nói chuyện thân thiện với Giô-sép, nên đã vu khống anh bằng những lời buộc tội độc ác và nói xấu anh với cha. Tuy nhiên, Gia-cốp, biết rõ sự vô tội của Giô-sép, nên không tin lời họ.

Vào thời điểm đó, Thánh Thần ngự trong Giô-sép đã bắt đầu mặc khải cho anh, với tư cách là một nhà tiên tri, qua những giấc mơ về tất cả những gì liên quan đến cuộc đời tương lai của anh. Không giấu giếm điều gì, Giô-sép kể lại những điều này cho cha và các anh em:

– Hãy nghe đây, – một lần nọ anh nói, – giấc mơ mà tôi đã thấy. Tôi mơ thấy rằng giữa cánh đồng, chúng ta đang bó lúa; bó lúa của tôi đứng thẳng, còn các bó lúa của các anh, đứng xung quanh, đều cúi đầu trước bó lúa của tôi.

Nghe vậy, các anh em nói với anh:

– Chẳng lẽ ngươi sẽ làm vua cai trị chúng ta và thống trị chúng ta sao?

Và họ càng ghét anh ta hơn vì giấc mơ đó. Sau đó, Giô-sép lại thấy một giấc mơ khác và cũng kể cho cha và các anh em nghe:

– Con đã thấy – anh nói – mặt trời, mặt trăng và mười một ngôi sao đều cúi đầu trước con.

Nghe vậy, cha anh mắng Giô-sép rằng:

– Giấc mơ này có ý nghĩa gì? Chẳng lẽ cha và mẹ con (mẹ kế Lê-a) cùng các anh em con sẽ đến và quỳ lạy con xuống đất sao?

Cha mắng anh chỉ để làm ra vẻ. Bằng cách đó, ông muốn cứu con trai khỏi cơn giận dữ còn lớn hơn nữa của các anh em. Thực ra, giấc mơ này đã in sâu vào tâm hồn Gia-cốp. Ông thầm nghĩ: "Điều này có thể là gì? Ta thấy dường như Chúa muốn dùng lòng thương xót của Ngài để làm mọi người ngạc nhiên qua cậu thiếu niên hiền lành này."

Và trong lòng, anh rất vui mừng vì điều đó. Còn các anh em thì lại càng ghét Giô-sép hơn và âm mưu làm hại anh.

---

không còn nữa (Giê-rê-mi 31:15). Phúc Âm theo thánh Matthêu, trong sự kiện bi thảm này được tiên tri mô tả, nhìn thấy một ám chỉ đến một sự kiện khác, không kém phần bi thảm – việc Hê-rốt tàn sát các trẻ sơ sinh ở Bê-lem: các trẻ em Bê-lem thuộc dòng dõi của Ra-chên, và bà, với tư cách là mẹ của chúng, khóc than không ngừng vì chúng đã không còn nữa (Mt 2:18).

[2780] Bê-lem – một thành phố ở Pa-lê-stin: trong Cựu Ước, nơi đây được biết đến là quê hương của vua Đa-vít, vị vua vĩ đại nhất của dân Do Thái, còn trong Tân Ước – là quê hương của Chúa Giê-su Ki-tô. Thành phố này nằm cách Jerusalem 2 giờ đi về phía nam và tọa lạc trên hai ngọn đồi, sườn đồi tràn ngập những vườn nho, còn dưới chân đồi là những cánh đồng lúa mì được canh tác kỹ lưỡng. Có lẽ chính từ sự màu mỡ này mà tên gọi "Bê-lem" (từ tiếng Do Thái có nghĩa là "ngôi nhà của bánh mì") đã ra đời. Trong thời cổ đại, nơi đây được gọi là Ephrath (Mi-chê 5:2) (từ tiếng Do Thái có nghĩa là "sinh hoa kết trái"). Kể từ khi Đấng Cứu Thế Giê-su ra đời, Bê-lem đã trở thành nơi thánh thiêng đối với tất cả các tín hữu Kitô giáo. Trước khi Palestine bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng (thế kỷ XV), Bê-lem đã nhiều lần bị tàn phá hoàn toàn, và đến thời điểm đó, nơi đây đã rơi vào tình trạng suy tàn trầm trọng, chỉ bắt đầu hồi sinh từ đầu thế kỷ XIX. Hiện nay, đây là một thị trấn nhỏ với dân số khoảng 6.000 người Ả Rập, trong đó một nửa theo Chính Thống giáo và một nửa theo Công giáo, mang tên Bait-Lahm ("ngôi nhà của thịt"). Tại vị trí của hang đá nơi Chúa Giêsu Kitô ra đời, hiện có một nhà thờ; hang đá nằm ngay dưới bàn thờ của nhà thờ; tường và sàn hang được ốp bằng đá cẩm thạch. Nơi được coi là nơi Chúa Giêsu Kitô chào đời là một hốc sâu trong hang, được thắp sáng bởi 5 ngọn đèn bạc. Trên sàn có một ngôi sao bạc được chạm khắc với dòng chữ Latinh: Hic de Virgine Maria Jesus Christus natus est – tại đây, Chúa Giêsu Kitô đã chào đời từ Đức Trinh Nữ Maria. Cách nơi này chỉ ba bước chân là một hố trũng, được công nhận là nơi đặt máng cỏ mà Chúa Kitô đã được đặt vào. Về phía tây bắc của hang động là một lối đi ngầm hẹp, với các bàn thờ và nhà nguyện, cũng như hang động nơi Thánh Giê-rô-ni-mô (năm 420) được an táng.

Một lần nọ, khi các anh em đang chăn cừu ở Si-chem[2781] , Giô-sép cùng cha mình đang ở thung lũng Hê-bơ-rôn. Người cha yêu thương con cái, lo lắng cho các con trai đang ở Si-chem, bèn nói với Giô-sép, người con trai yêu quý của mình:

– Con ơi, hãy đi gặp các anh em con, xem họ có khỏe không và đàn chiên có an toàn không, rồi mau về với cha.

Tuân theo lệnh cha, Giô-sép lên đường đến gặp các anh em để chuyển lời chào của cha; còn Bê-na-min, vì còn là một cậu bé, nên ở lại với cha. Giô-sép lang thang khắp sa mạc Si-chem nhưng không thể nào tìm thấy các anh em mình. Anh đã bắt đầu lo lắng về số phận của họ, thì bỗng gặp một người đàn ông, người này hỏi anh:

– Chàng trai trẻ, chàng đang tìm gì vậy?

Anh ta trả lời:

– Tôi đang tìm các anh em của mình; nếu ông biết họ đang chăn đàn gia súc ở đâu, xin hãy cho tôi biết?

Lúc đó, người đàn ông ấy nói với anh:

– Họ đã rời khỏi đây rồi, vì tôi nghe họ nói: "Chúng ta hãy đi đến Dofaim!"[2782]

Và ông chỉ đường cho Giô-sép. Giô-sép đi theo các anh em mình và tìm thấy họ ở Đô-phai-m. Khi nhìn thấy họ từ xa, anh rất vui mừng vì yêu thương họ. Họ cũng nhìn thấy anh từ xa, và chưa kịp đến gần họ, họ đã nổi giận với anh như những con thú hoang, và bắt đầu bàn bạc xem làm thế nào để giết anh. Họ nói với nhau:

– Kìa, thằng hay mơ mộng kia đang đến kìa. Bây giờ chúng ta hãy giết nó rồi ném xuống hố. Sau đó, chúng ta sẽ nói rằng nó đã bị thú dữ ăn thịt. Rồi chúng ta sẽ xem những giấc mơ của nó có thành hiện thực hay không.

Người anh cả là Ru-bên nghe thấy điều đó và, muốn cứu Giô-sép khỏi bàn tay sát nhân của các anh em, đã nói với họ:

– Đừng giết anh ấy, đừng làm đổ máu anh em mình: tốt hơn là hãy ném anh ấy xuống cái hố ở sa mạc kia. Hãy để anh ấy chết ở đó một mình, nhưng các anh đừng động tay vào anh ấy!

Bằng cách này, Ru-bên hy vọng cứu chàng trai vô tội khỏi cái chết. Anh muốn lén lút kéo cậu ra khỏi hố và thả cậu về với cha.

hiền lành như con cừu, Giô-sép chẳng hay biết gì về sự ác độc của các anh em mình. Anh tiến lại gần họ và hôn họ một cách thân thiện, chào hỏi thay mặt cha. Còn các anh em, như những con thú, lao vào anh và lột bỏ bộ quần áo nhiều màu anh đang mặc. Họ nghiến răng vào anh, như thể muốn ăn sống anh vậy. Họ đấm Giô-sép bằng nắm đấm và gây ra đủ mọi sự sỉ nhục cho anh. Trong cơn giận dữ đó, các anh em trông thật hung dữ và tàn nhẫn trong mắt anh. Giô-sép đã không còn hy vọng ai đó sẽ đứng ra bênh vực mình. Vì vậy, anh cất cao giọng, trong nước mắt và tiếng nức nở, bắt đầu van xin các anh em tha thứ:

– Tại sao các anh lại giận dữ như vậy? Tôi xin các anh hãy buông tha cho tôi một chút và lắng nghe lời thỉnh cầu của tôi. Các anh ơi! Chính các anh cũng biết rằng cha mỗi ngày đều khóc thương vì sự ra đi của mẹ tôi. Làm sao các anh lại có thể quyết định gây thêm một vết thương mới cho cha, trong khi vết thương cũ vẫn chưa lành? Tôi van xin các anh, đừng tách tôi khỏi cha, nếu không vì đau buồn, cha sẽ xuống mồ mất. Tôi khẩn cầu các anh em nhân danh Đức Chúa Trời của các tổ phụ chúng ta, là Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp (Mác 12:26), – Đức Chúa Trời, Đấng đã truyền cho Áp-ra-ham rời khỏi xứ sở và nhà cha mình để đến định cư tại Đất Hứa (Sáng Thế Ký 12:1–3), – Đức Chúa Trời, Đấng đã hứa sẽ làm cho dòng dõi Áp-ra-ham đông đúc như sao trên trời (Sáng Thế Ký 15:5) hay như cát trên bờ biển (Sáng Thế Ký 28:14). Tôi xin thề với các bạn nhân danh Đức Chúa Trời Tối Cao, Đấng đã ban cho Áp-ra-ham sức mạnh ý chí khi dâng con trai mình là Y-sác làm của lễ, và Đấng đã sai một con chiên con đến để thay thế con trai ông làm của lễ (Sáng Thế Ký 23:1–19). Tôi xin thề với các bạn nhân danh Đức Chúa Trời Thánh

---

[2781] Shechem – thành phố cổ của Đất Hứa; nằm ở Samaria, trên núi Ephraim, cách Jerusalem 18 giờ đi đường, cách Nazareth 16 giờ, trong thung lũng Garizim và Gebal, nơi trù phú với quả mơ, đào, lựu, mận, hoa hồng và cây myrtle. Khi Áp-ra-ham đến đây lần đầu tiên, nơi đây chỉ có Rừng Sồi Mô-rê (Sáng Thế Ký 12:6); còn khi Gia-cốp trở về từ Mesopotamia, nơi này đã được gọi là thành phố Si-chem (Sáng Thế Ký 33:18–19). Tại nhà Emmor, cha của Si-chem, Gia-cốp đã mua một phần ruộng, dựng lều ở đây, dựng bàn thờ và kêu cầu danh Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (Sáng Thế Ký 33:19–20). Đó là tài sản duy nhất của Gia-cốp trên đất hứa. Có lẽ gần đó còn có giếng của Gia-cốp, được đề cập đến trong Tân Ước (Giăng 4:5–6). Chính tại đây, Gia-cốp đã sai Giô-sép đến gặp các anh em mình, và cũng gần khu vực này, Giô-sép đã bị họ bán cho người I-ma-ên. Trước khi qua đời, Gia-cốp đã tặng khu đất gần Si-chem cho Giô-sép, người sau này được chôn cất tại đây (Giô-suê 24:32). Hiện nay, Si-chem hay Na-blu-sơ là nơi cư ngụ của người Sa-ma-ri.

[2782] Đô-pha-im – một thành phố gần núi Pha-vô và thung lũng Ê-xê-ri-lôn; tại đây có con đường từ Ga-la-át dẫn đến Ai Cập, nơi các đoàn lữ hành chở đủ loại hàng hóa thường đi qua (Sáng Thế Ký 37:25). Ngày nay, tên gọi này chỉ một ngọn đồi xanh tươi ở phía đông nam của đồng bằng rộng lớn, với một suối nước ở chân núi, phía bắc Samaria.

Khiết, Đấng đã ban phước cho tổ phụ chúng ta là Gia-cốp qua lời của Y-sác (Sáng Thế Ký 27:27–29), cha của ông, và Đấng đã không bỏ rơi Gia-cốp ngay cả khi ông ở Ha-ran, thuộc Mesopotamia (Sáng Thế Ký 28:10–19)[2783] , nơi Áp-ra-ham đã khởi hành: tại đây, Đức Chúa Trời đã giải cứu Gia-cốp khỏi tai họa! Với tất cả những điều này, tôi khẩn cầu các anh em và xin đừng chia lìa tôi với Gia-cốp, như cái chết đã chia lìa ông với Ra-chên. Nếu không, Gia-cốp sẽ khóc thương tôi giống như ông đã khóc thương Ra-chên, và đôi mắt ông sẽ khép lại mà không kịp chờ tôi trở về. Xin hãy thương xót tôi và cho tôi về với cha tôi!

Giô-sép đã khẩn cầu các anh em mình nhân danh Đức Chúa Trời của cha ông. Nhưng những người anh em tàn nhẫn ấy không hề thương xót anh chút nào, và không sợ Đức Chúa Trời, họ đã lôi Giô-sép xuống hố. Anh nắm lấy chân họ, khóc lóc và nói:

– Các anh ơi! Xin hãy tha thứ cho em!

Nhưng họ đã ném anh xuống hố. Hố này xưa kia là một cái giếng sâu và tối tăm, sau này đã cạn khô. Ngồi trong hố đó, Giô-sép khóc những giọt nước mắt đắng cay và kêu gọi cha mình:

– Hãy nhìn xem, thưa cha, điều gì đã xảy ra với con trai của cha! Con đã bị ném xuống hố như một người chết. Cha đang chờ con trở về, còn con thì giờ đây lại nằm trong hố như một tên cướp. Chính cha đã nói với con: "Hãy đi, thăm các anh em và đàn gia súc của con, rồi mau trở về với cha." Còn các anh em thì đối xử với con như những con sói hung dữ và trong cơn giận dữ đã chia cắt con khỏi cha. Cha hiền lành ơi! Cha không còn có thể nhìn thấy con hay nghe thấy giọng nói của con nữa, còn con cũng không thể là nguồn an ủi cho tuổi già của cha. Con sẽ không còn được nhìn thấy mái tóc bạc của cha nữa, vì con đã bị chôn vùi, và thậm chí còn tồi tệ hơn cả một người đã chết. Hãy khóc đi, cha ơi, vì đứa con của cha, như đứa con của cha đang khóc vì cha, người cha thân yêu! Vì con đã bị tách khỏi cha khi còn quá trẻ! Ai sẽ cho con một con bồ câu biết nói tiếng người, để nó bay đi và kể cho cha nghe về nỗi đau của con? Con không còn nước mắt nữa, và vì những tiếng rên rỉ, con đã mất cả giọng nói. Chẳng có gì có thể xoa dịu nỗi đau của con! Hỡi đất ơi, đất ơi, đã kêu lên cùng Đức Chúa Trời Thánh vì A-vên, người công chính bị giết oan, như đã được kể lại từ thuở xa xưa bởi các tổ tiên của chúng ta, rằng chính đất cũng đã kêu lên vì máu của người công chính (Sáng Thế Ký 4:10)! Vậy thì bây giờ hãy thay mặt tôi đến gặp cha tôi là Gia-cốp, kể cho ông ấy nghe tất cả những gì các anh em tôi đã làm với tôi!

Vậy là Giô-sép khóc lóc trong hố cho đến khi kiệt sức, và không ai an ủi được anh.

Còn những người anh em tàn nhẫn, sau khi ném Giô-sép xuống hố, đã vui vẻ ăn uống. Họ nằm tiệc tùng một cách hân hoan và long trọng, như thể vừa đánh bại kẻ thù hay chiếm được một thành phố. Trong lúc đang vui vẻ, họ thấy những thương gia Ismael[2784] đang tiến lại gần, đi từ Gilead đến Ai Cập. Đi cùng các thương gia là những con lạc đà chở theo nhũ hương, trầm hương và các loại hương liệu khác. Lúc đó, Giu-đa, con trai thứ tư của Gia-cốp, nói với các anh em mình:

– Giết anh mình rồi che giấu máu anh ấy thì có ích gì? Thà bán anh ấy cho bọn người Ishmael kia, để họ đưa anh ấy đi thật xa. Giô-sép sẽ chết ở xứ người, và chúng ta sẽ không phải là những kẻ giết anh em cùng cha khác mẹ của mình.

Các anh em còn lại đồng ý với Giu-đa. Họ đi đến và kéo Giô-sép ra khỏi hố. Những người I-ma-ên đi ngang qua đã trả ba mươi đồng vàng để mua Giô-sép. Lúc bán Giô-sép, Ru-bên không có mặt: anh ta đã đi đâu đó. Khi trở về, Ru-bên đi đến hố, nhưng không thấy Giô-sép ở đó. Lúc đó, anh xé rách áo mình, quay lại với các anh em và nói:

[2783] Mesopotamia – tức là Vùng Giữa Hai Sông, Sennaar cổ đại (Sáng Thế Ký 10:10), là nơi sinh và cư ngụ của Áp-ra-ham trước khi ông lên đường đến xứ Ha-ran (Sáng Thế Ký 11:28, Công vụ 7:2), là tên gọi của vùng đất nằm giữa hai con sông Tigris và Euphrates, phía nam giáp Vịnh Ba Tư, phía bắc giáp dãy núi Armenia. Trong nghĩa hẹp hơn, Mesopotamia dùng để chỉ phần phía bắc của khu vực này, tức là El-Jezir, trong khi phần phía nam được biết đến với tên gọi Babylonia, tức là Iraq-Arabi ngày nay, hay còn gọi là Babylonia cổ đại. Vào thời La Mã, vùng đất này được chia thành hai phần: Ozroena ở phía tây, thuộc về La Mã từ năm 217 sau Công nguyên, với thành phố chính là Edessa; và Migdonia ở phía đông, với thành phố chính là Nisibis, bị Hoàng đế La Mã Trajan chinh phục vào năm 115. Nền tảng của Kitô giáo tại Mesopotamia được đặt bởi người bạn đồng hành của Thánh Tôma là Giuđa hay Phadê, theo truyền thuyết là một trong 70 môn đệ của Chúa Giêsu Kitô. Tại vùng lân cận Nisibis, Thánh Ephrem Si-ri (thế kỷ III-IV) đã ra đời; Giám mục Nisius, Thomas Varsuma, là người ủng hộ nhiệt thành cho tà thuyết Nestorian, dạy rằng Lời của Đức Chúa Trời, Đấng được sinh ra từ Cha từ thuở đời đời, chỉ ngự trong con người Giê-su, tồn tại cùng Ngài trong một sự kết hợp đặc biệt về mặt đạo đức. Vào thế kỷ XI, khi bị người Seljuk tấn công, Mesopotamia đã suy tàn và hiện nay thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ. Dân cư gồm người Ả Rập, người Kurd, người Armenia và người Syria.

[2784] Người Ishmael là hậu duệ của Ishmael, con trai của Áp-ra-ham với Ha-ga (Sáng Thế Ký 16:2).

– Chàng trai không còn trong hố nữa! Tôi phải đi đâu đây? Làm sao tôi có thể chịu đựng được tiếng khóc than của cha chúng ta vì chàng?

Ru-vi-m cảm thấy thương xót Giô-sép.

Những thương gia đã mua Giô-sép đi tiếp trên đường đến nơi ở Ê-phra-ta, nơi có mộ của Ra-chên: chính tại đây bà đã qua đời khi Gia-cốp trở về từ Mesopotamia. Ngay khi Giô-sép nhìn thấy mộ của mẹ mình là Ra-chên, cậu lập tức chạy đến và ôm lấy mộ. Rồi anh cất tiếng nói lớn, trong những giọt nước mắt đắng cay:

– Ra-chên, mẹ ơi! Hãy trỗi dậy khỏi đất và nhìn con, Giô-sép, người mà mẹ đã yêu thương! Hãy nhìn xem điều gì đã xảy ra với con: đây, những kẻ ngoại bang đang dẫn con đi sang Ai Cập. Các anh em con đã bán con làm nô lệ cho họ, và còn bán con trong tình trạng trần truồng, như một tên tội phạm. Gia-cốp không biết rằng con đã bị bán đi. Hãy mở quan tài của mẹ ra cho con, mẹ ơi, và đón con về bên mẹ! Hãy để quan tài của mẹ trở thành giường chết chung cho cả hai chúng ta! Ôi Ra-chên! Hãy đón con trai của mẹ về, để nó không phải chờ chết ở xứ người nữa. Ra-chên, hãy đón con về bên mẹ! Sự chia ly của con với Gia-cốp cũng bất ngờ như sự chia ly với mẹ vậy, hỡi mẹ ơi. Xin hãy để tiếng khóc than và nỗi đau đớn trong lòng con vươn tới tai mẹ, để mẹ đón con vào quan tài của mẹ. Con không thể khóc được nữa: không còn nước mắt, và linh hồn con đã kiệt sức vì khóc lóc và than van. Ôi Ra-chên, Ra-chên! Chẳng lẽ mẹ không nghe thấy lời cầu xin của con trai mẹ, Giô-sép sao? Con trai mẹ đang bị lôi đi khỏi mẹ bằng vũ lực, mà mẹ lại không muốn giữ nó lại. Con đã kêu gọi Gia-cốp – nhưng ông ấy không nghe thấy tiếng con. Giờ đây con kêu gọi mẹ, mà mẹ lại không muốn nghe con. Thà để con chết ngay tại đây bên quan tài của ngài, còn hơn là phải đi như một kẻ ác đến xứ người!

Khi những người Ismael, những kẻ đã mua Giô-sép, thấy anh ta quỳ sấp xuống mộ, họ nói với nhau:

– Chàng trai này muốn dùng phép thuật để trốn khỏi chúng ta. Hãy trói anh ta thật chặt để anh ta không gây rắc rối gì cho chúng ta!

Họ tiến lại gần anh ta và nói với giọng đầy thù hận:

– Đứng dậy đi, đừng có dùng phép thuật nữa, nếu không chúng ta sẽ giết ngươi ngay tại ngôi mộ này. Chúng ta không muốn mất số tiền đã trả để mua ngươi!

Khi Giô-sép đứng dậy, những người I-ma-ên thấy cả khuôn mặt cậu sưng húp vì những giọt nước mắt cay đắng. Và từng người trong số họ bắt đầu hỏi han cậu với vẻ thông cảm:

– Tại sao ngươi lại khóc thảm thiết như vậy khi nhìn thấy ngôi mộ này? Đừng sợ và hãy nói cho chúng ta biết ngươi là ai và tại sao ngươi lại bị bán đi? Những người chăn cừu đã bán ngươi đã nói với chúng ta: "Hãy trông chừng hắn, đừng để hắn trốn thoát trên đường đi; nếu hắn trốn thoát, thì đó không phải lỗi của chúng ta: chúng ta đã cảnh báo các ngươi rồi." Hãy nói cho chúng tôi biết sự thật: cậu là nô lệ của ai? Của những người chăn cừu đó hay của ai khác? Và hãy giải thích tại sao cậu lại ôm lấy ngôi mộ này với tình cảm sâu sắc như vậy? Chúng tôi là chủ của cậu, vì chúng tôi đã mua cậu. Với tư cách là nô lệ, hãy kể hết mọi chuyện cho chúng tôi. Nếu cậu giấu diếm điều gì với chúng tôi, thì cậu còn có thể tâm sự nỗi đau của mình với ai khác được nữa? Chẳng phải ngươi là nô lệ của chúng ta sao? Những người chăn cừu kia đã nói với chúng ta rằng ngươi có thể trốn khỏi chúng ta – điều đó khiến chúng ta lo lắng. Hãy bình tĩnh lại và thành thật nói cho chúng ta biết ngươi là ai! Ngươi trông giống như một vị chủ nhân, và chúng ta muốn xem ngươi không phải là nô lệ, mà là người anh em yêu quý của chúng ta. Vẻ ngoài tuyệt đẹp và trí tuệ của anh cho chúng tôi thấy rằng anh xứng đáng được diện kiến nhà vua và được tôn vinh ngang hàng với các quan đại thần khác. Tất cả những phẩm chất tuyệt vời của anh đều cho thấy anh sẽ đạt được quyền lực to lớn. Hãy trở thành bạn của chúng tôi, dù chúng tôi đưa anh đến đâu đi chăng nữa. Ai mà không yêu mến một chàng trai thông minh, cao quý và đẹp trai như vậy chứ?!

Thở dài, Giô-sép đáp lại họ:

– Dù tôi đã bị bán cho các ngài, nhưng tôi không phải là nô lệ, cũng không phải là kẻ trộm, hay pháp sư, và nói chung là tôi chưa từng phạm bất kỳ tội lỗi nào. Ta là con trai cưng của cha ta, và cũng từng là con trai cưng của mẹ ta khi bà còn sống. Những người chăn cừu kia chính là anh em ta. Cha ta đã sai họ đi để hỏi thăm sức khỏe của họ. Họ đã lâu không trở về từ núi, vì thế cha ta, người yêu thương con cái, lo lắng nên đã sai ta đi thăm họ. Thế mà họ lại bắt ta và bán ta làm nô lệ cho các ngươi. Các anh em tôi không thể nhìn thấy tình yêu của cha dành cho tôi mà không ghen tị, và đó là lý do khiến họ chia cắt tôi khỏi cha. Cái quan tài ở đây chính là quan tài của mẹ tôi. Khi cha tôi, Gia-cốp, chuyển từ Haran đến nơi ông từng sống trước đây, thì mẹ tôi đã qua đời tại đây và được chôn cất trong ngôi mộ này.

Nghe vậy, những người Ismael đã nói với sự cảm thông:

– Đừng sợ, chàng trai trẻ! Một vinh dự lớn lao đang chờ đợi ngươi ở Ai Cập. Dung mạo của ngươi chính là bằng chứng cho sự cao quý của ngươi. Ngươi đừng buồn, trái lại, hãy vui mừng vì giờ đây ngươi đã xa cách những người anh em ghen tị của mình, những người đã ghét ngươi một cách vô cớ.

Còn các anh em của Giô-sép, sau khi bán anh ta, đã mang một con dê đến, giết nó và dùng máu nhuộm áo của Giô-sép, rồi gửi áo đó cho cha là Gia-cốp kèm theo lời nhắn:

– Chúng con đã tìm thấy bộ áo này nằm trên núi và nhận ra đó là áo của anh em chúng con là Giô-sép, điều này khiến tất cả chúng con đều buồn bã. Chúng con không tìm thấy Giô-sép đâu cả nên đã gửi bộ áo nhiều màu này đến cho cha. Xin cha xem xem đây có phải là áo của con trai cha hay không. Tất cả chúng con đều nhận ra rằng đây là áo của Giô-sép.

Khi nhận ra bộ áo của con trai mình, Gia-cốp khóc lóc và than thở đau đớn:

– Đây là áo quần của con trai ta, một con thú dữ đã ăn thịt nó rồi!

Và Gia-cốp xé rách áo xống của mình. Sau khi khoác lên mình bộ áo rách rưới, ông vừa khóc vừa thốt lên:

– Sao không phải ta bị ăn thịt thay con, hỡi con trai ta?! Sao con thú đó không gặp ta để no nê bằng ta, mà lại để con được bình an? Sao con thú đó không xé xác ta? Ôi, sao không phải ta là thức ăn của nó? Khốn khổ cho ta, khốn khổ! Trái tim ta đau đớn tột cùng vì Giô-sép! Khốn khổ cho ta, khốn khổ cho ta! Con trai ta đã bị giết ở đâu, để ta có thể đến đó và xé nát mái tóc bạc của mình vì vẻ đẹp của con? Ta không muốn sống nữa nếu không có Giô-sép! Con ơi! Chính ta là kẻ gây ra cái chết của con! Ta đã giết con khi sai con vào sa mạc để thăm các anh em và đàn gia súc của con! Ôi con ơi! Ta sẽ khóc lóc và than khóc cho đến khi ta xuống âm phủ! Thay vì thi thể con, ta đặt bộ quần áo của con trước mặt mình cùng với những giọt nước mắt. Nhưng nó khiến ta chán nản vì một lý do khác nữa. Toàn bộ bộ quần áo vẫn còn nguyên vẹn, và ta nghĩ rằng không phải thú dữ đã ăn thịt con, mà chính bàn tay con người đã bắt và giết con. Nếu thực sự con thú đã ăn thịt em, như những người anh em của em đã nói, thì bộ quần áo của em đã bị xé nát thành từng mảnh, bởi vì con thú sẽ không cởi quần áo ra trước rồi mới ăn thịt. Còn nếu nó cởi quần áo ra trước rồi mới ăn thịt em, thì bộ quần áo sẽ không bị dính máu. Trên chiếc áo này không có dấu vết nào của móng vuốt hay răng nanh – vậy thì máu trên đó từ đâu ra? Nếu trong sa mạc chỉ có thú dữ mà không có bọn cướp, thì ta sẽ đau buồn vì con đã bị thú dữ ăn thịt, và không thể ngờ rằng bọn cướp đã giết con. Ta đau buồn vì Giô-sép, và bộ quần áo của anh ấy lại khiến ta chìm sâu vào nỗi buồn khác, không kém phần đau đớn. Vậy là ta phải gánh chịu hai nỗi bất hạnh: trong nước mắt, ta sẽ tự hỏi làm sao bộ quần áo của anh ấy lại bị cởi ra, và làm sao thi thể anh ấy lại bị giết hay bị ăn thịt? Ta sẽ chết, Giô-sép, ánh sáng và chỗ dựa của ta, và hãy để áo quần của con xuống âm phủ cùng với ta. Không có con, Giô-sép, ta không muốn nhìn thấy ánh sáng này nữa!

Và nhiều ngày liền, Gia-cốp than khóc cho Giô-sép. Tất cả các con trai và con gái của Gia-cốp đều tụ tập lại để an ủi ông, nhưng ông không muốn được an ủi và nói:

– Ta sẽ xuống âm phủ gặp con trai ta trong nỗi buồn!

Trong khi đó, những người Ismael vội vã đưa Giô-sép đến Ai Cập[2785] , hy vọng sẽ nhận được nhiều vàng từ một quan đại thần nào đó nhờ vẻ đẹp của chàng. Khi họ đi qua thành phố Ai Cập, họ gặp Pentefry, một quan đại thần của Pharaoh[2786] . Ông ta nhìn thấy Giô-sép và nói với những người Ismael như sau:

– Hỡi các thương gia, hãy cho tôi biết, chàng trai này đến từ đâu? Chàng ta chẳng giống các vị chút nào, bởi vì trong số các vị, những người Ishmael, không thể tìm thấy một chàng trai nào đẹp trai như vậy.

Họ trả lời ông ta:

– Chàng trai này rất thông minh và thuộc dòng dõi quý tộc.

Penthefrius sẵn lòng mua Giô-sép từ họ và trả cho họ bao nhiêu tùy ý. Viên quan triều đình đưa cậu vào nhà mình và tìm mọi cách để tìm hiểu về cuộc đời trước đây của cậu. Hậu duệ của các tổ phụ công chính là Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp đã sống tại nhà Penthefrius với đức hạnh và lòng hiền lành sâu sắc, và Chúa luôn ở cùng cậu. Giô-sép sống một cuộc đời trung thực và trong sạch. Qua nét mặt và lời nói của anh, người ta có thể thấy anh là người tiết độ và kính sợ Đức Chúa Trời: anh không bao giờ quên Đức Chúa Trời Toàn Tri của các tổ phụ mình, Đấng đã cứu anh khỏi cái chết trong hố sâu và khỏi những người anh em đầy thù hận. Giô-sép chỉ đau buồn vì cha

---

[2785] Ai Cập – một trong những quốc gia lâu đời nhất trên thế giới, ngay từ thời cổ đại đã đạt đến trình độ văn hóa và ý thức công dân tương đối cao. Nước này nằm trên dải đất ven biển hẹp của châu Phi dọc hai bên sông Nile; trước đây, Ai Cập từng tiếp giáp trực tiếp với góc tây bắc của bán đảo Ả Rập, do đó người dân châu Á và châu Phi có mối quan hệ giao lưu rất sôi nổi với nhau. Sự gần gũi về địa lý của Ai Cập với Syria và Palestine, cùng với độ phì nhiêu vượt trội của đất đai, đã giải thích cho tầm quan trọng của nước này trong lịch sử Cận Đông.

[2786] Pharaoh là tên chung của các vị vua Ai Cập cổ đại và khi dịch từ tiếng Ai Cập có nghĩa là "vua".

mình là Gia-cốp. Khi sống với Penthephrius, Giô-sép đã chiếm được lòng tin và sự yêu mến của ông. Penthephrius, thấy rằng Chúa ở cùng Giô-sép, Đấng sắp xếp mọi việc trong tay ông một cách thành công, đã đặt ông làm người quản lý toàn bộ gia đình và giao phó cho ông toàn bộ tài sản: các điền trang, làng mạc, nô lệ và công việc gia đình. Bản thân Phentêphri, dưới sự quản lý của Giô-sép, không biết gì ngoài những thức ăn mà ông dùng tại bàn ăn của mình: ông thấy rõ rằng Giô-sép là người trung thực và tài sản trong tay anh ngày càng gia tăng. Vì Giô-sép, Đức Chúa Trời đã ban phước cho gia đình người Ai Cập. Tất cả các nô lệ nam và nữ đều rất hài lòng với Giô-sép, vì dưới sự quản lý của ông, họ sống sung túc và không thiếu thốn gì, được hưởng mọi sự no đủ.

Giô-sép có vóc dáng đẹp và khuôn mặt tuấn tú. Vợ của Phê-nê-phê-ri-a bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của anh, và lòng bà bừng cháy một tình yêu ma quỷ dành cho anh. Bà đã dùng mọi cách để quyến rũ Giô-sép vô tội và khao khát được ở bên anh. Để quyến rũ Giô-sép, vợ của Phê-nê-phê đã dùng nhiều mưu mẹo: cứ mỗi giờ lại thay đổi trang phục, rửa mặt và trang điểm, rồi đeo những chuỗi ngọc lên cổ. Ngoài ra, bà ta còn cám dỗ tâm hồn chính trực của Giô-sép bằng những cử chỉ gợi cảm, tiếng cười dâm đãng và những lời nói ngoại tình. Nhưng với tất cả những mưu mẹo đó, bà chỉ tự hủy hoại chính mình mà thôi. Giô-sép không để ý đến những đồ trang sức của bà và cũng không hề nghĩ đến việc phạm tội với bà. Suy nghĩ về Đức Chúa Trời và sự kính sợ Ngài đã bảo vệ anh khỏi mọi cám dỗ. Khi vợ của Penthephrius thấy rằng tất cả những món trang sức của mình đều vô hiệu, bà càng bùng cháy trong ngọn lửa ngoại tình và không biết phải làm gì nữa để tác động đến chàng trai trinh tiết ấy. Sau đó, bà lại nảy ra ý định dụ dỗ anh sa vào tội lỗi bằng những lời lẽ vô liêm sỉ; nọc độc của con rắn ẩn trong lòng bà đã mở miệng bà ra, và bà nói với Giô-sép:

– Hãy ở lại với ta và đừng sợ gì cả; ngược lại, hãy táo bạo hơn với ta, để ta có thể thưởng thức vẻ đẹp của ngươi, còn ngươi thì thưởng thức lòng tốt của ta. Anh đừng sợ ai cả, vì tất cả các đầy tớ đều phục tùng chúng ta và anh là chủ của cả ngôi nhà này; sẽ không ai vào đây và biết được những cuộc trò chuyện hay mối quan hệ của chúng ta. Nếu anh không đồng ý với đề nghị của tôi vì sợ chồng tôi, thì tôi có thể đầu độc ông ấy.

Còn chàng trai vô tội ấy vẫn tiếp tục giữ mình khỏi tội lỗi. Thân xác và tâm hồn anh đều bất khả chiến bại. Giô-sép đã không gục ngã trong cơn bão tố này. Vì kính sợ Đức Chúa Trời, anh đã từ chối mọi lời đề nghị của bà chủ mình. Vẫn giữ lòng trong sạch, anh đã trả lời bà như sau:

– Thưa phu nhân, tôi không thể phạm tội với ngài, vì tôi kính sợ Đức Chúa Trời. Chủ nhân của tôi đã giao phó cho tôi mọi việc, từ việc nhà đến việc đồng áng, và không có gì nằm ngoài quyền hạn của tôi, ngoại trừ bà, thưa phu nhân. Sẽ là tội lỗi nếu tôi từ chối tình yêu thương của chủ nhân và làm những việc không xứng đáng trong nhà ngài; điều đó sẽ làm phật lòng Đức Chúa Trời, Đấng biết rõ mọi bí mật của loài người.

Bằng những lời như thế và những lời tương tự, Giô-sép đã khuyên răn phu nhân của mình. Còn con rắn độc ấy thì chẳng muốn nghe gì cả và càng trở nên cuồng dâm hơn. Muốn ép Giô-sép phạm tội, nàng chỉ chờ đợi thời cơ và cơ hội thuận lợi. Giô-sép, thấy phu nhân muốn dụ dỗ mình, thường cầu nguyện với Đức Chúa Trời của các tổ phụ mình, rằng:

– Lạy Đức Chúa Trời của các tổ phụ tôi, là Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, xin cứu con khỏi tai họa này! Chính Ngài cũng thấy, lạy Chúa, người phụ nữ điên rồ này đang âm thầm muốn hủy hoại con bằng hành vi độc ác của nàng. Ngài, lạy Chúa, đã cứu con khỏi bàn tay sát nhân của các anh em con. Giờ đây, xin cứu con khỏi con thú dữ này, nếu không con sẽ bị xa cách khỏi các tổ phụ của con, những người đã yêu mến Ngài vô cùng, lạy Chúa.

Trong lời cầu nguyện, Giô-sép cũng hướng lời đến Gia-cốp:

– Cha tôi ơi, Gia-cóp, xin hãy cầu nguyện hết lòng với Đức Chúa Trời cho con! Xin cầu nguyện cho con, vì kẻ thù muốn chia rẽ con khỏi Đức Chúa Trời. Cái chết vì tội lỗi do người phụ nữ gây ra còn khủng khiếp hơn cả cái chết dưới tay các anh em. Cái chết kia muốn hủy diệt thân xác con, còn cái chết này lại muốn chia rẽ linh hồn con khỏi Đức Chúa Trời. Cha ơi! Nhờ những lời cầu nguyện của cha dâng lên Đức Chúa Trời, con đã thoát khỏi cái chết trong hố sâu. Giờ đây, xin cha hãy cầu nguyện trước Đấng Tối Cao để cứu con khỏi hố sâu tội lỗi, nơi người phụ nữ này – kẻ không có chút xấu hổ hay sợ hãi trước Đức Chúa Trời – đang đẩy con vào. Khi con đến với các anh em của con, họ đã đối xử tàn bạo với con và, như những con sói hung dữ, đã chia cắt con khỏi cha. Tại đây, tôi lại gặp phải một con thú còn hung dữ hơn. Xin hãy cầu nguyện, thưa vị thánh, cho tôi, con trai của ngài là Giô-sép, để linh hồn tôi không chết trước mặt Đức Chúa Trời của chúng ta.

Giô-sép vẫn bất khuất, còn bà chủ nhà thì tiếp tục tìm kiếm cơ hội thuận lợi để quyến rũ anh. Một ngày nọ, Giô-sép vào nhà vì một việc gì đó. Trong nhà không có ai cả. Bất ngờ, bà chủ nhà túm lấy Giô-sép và lôi anh lên giường. Sau khi cởi bỏ y phục, bà ta bắt đầu ép buộc anh phạm tội ngoại tình. Chàng trai trong sạch và thánh thiện,

khi thấy sự trơ trẽn của bà, đã quay mặt đi khỏi thân thể trần truồng của bà và, dùng sức giật mình thoát ra, chạy vọt ra ngoài. Áo khoác ngoài của anh vẫn còn nằm trong tay bà chủ. Như vậy, Giô-sép đã phá vỡ mọi cạm bẫy của ma quỷ. Con đại bàng, khi thấy thợ săn, lại bay lên cao hơn nữa.

Giô-sép cũng đã làm như vậy. Anh đã chạy trốn khỏi người phụ nữ ấy, vì không muốn những cái bẫy của bà ta lôi kéo anh vào tội lỗi. Còn vợ của Phentêphria, khi thấy Giô-sép đã thoát khỏi tay mình, liền hoảng sợ tột độ; nỗi sợ hãi lớn lao đã chiếm lấy bà. Hơn nữa, bà còn cảm thấy xấu hổ. Bà bắt đầu nghĩ cách vu khống chàng trai sao cho khéo léo nhất, để chồng bà nổi giận với anh ta và vì ghen tuông mà giết chết anh ta. Bà nghĩ:

– Tốt hơn là Giô-sép nên chết. Cái chết của anh ta sẽ giải thoát cho tôi. Tôi không thể nhìn thấy vẻ đẹp như vậy mà không được tận hưởng nó. Trong khi đó, anh ta chỉ khinh thường tôi mà thôi.

Sau đó, bà gọi to các nô lệ nam và nữ lại và nói với họ:

– Hãy xem tên nô lệ Do Thái này đã làm gì với tôi! Chồng tôi đã giao cho hắn quyền cai quản cả ngôi nhà, thế mà hắn lại muốn cưỡng hiếp tôi một cách vô liêm sỉ. Chỉ nắm quyền cai quản ngôi nhà thôi vẫn chưa đủ, hắn còn muốn cướp tôi khỏi chồng tôi nữa. Hắn đến gặp tôi và nói: "Hãy lên giường với ta", – nghe vậy, như các ngươi đã nghe thấy, tôi đã la lên thật to. Giô-sép hoảng sợ trước tiếng la đó và bỏ chạy đi, để lại quần áo của hắn ở đây.

Tất cả những người nghe đều ngạc nhiên trước sự việc này, vì không ai trong số họ ngờ rằng Giô-sép lại có thể trơ trẽn đến thế. Khi Pentefrius trở về từ cung điện hoàng gia, vợ ông ta đã lấy bộ quần áo của Giô-sép và chỉ cho ông ta xem. Sau đó, với vẻ ngoan hiền, bà ta bắt đầu than phiền về Giô-sép và nói:

– Anh đã đưa người Do Thái này về để hắn lạm dụng chúng ta. Chẳng lẽ anh đã dạy hắn xúc phạm và làm tổn thương tôi như vậy sao? Hắn thấy tôi ở nhà một mình và định cưỡng hiếp tôi. Nếu em không la lên, và những người trong nhà không kịp chạy đến khi em la lên, thì hắn đã cưỡng hiếp em rồi, vì em yếu đuối, không thể thoát khỏi tay hắn, người mạnh hơn em. Khi hắn nghe thấy em la lên và thấy những người trong nhà đang chạy đến, hắn đã bỏ chạy khỏi nhà, để lại quần áo của hắn cho em.

Penthephre ngay lập tức tin vào những lời dối trá đó và rất tức giận với Giô-sép. Ông ra lệnh trói Giô-sép lại và tống vào ngục. Penthephre đã quên đi sự thịnh vượng trong gia đình và nông nghiệp mà Đức Chúa Trời đã ban cho nhờ Giô-sép. Không kiểm chứng lời vợ mình, Penthephrius đã kết án Giô-sép vô tội. Nhưng Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, Đấng thấu hiểu lòng người, không bỏ rơi Giô-sép và không ngừng ban ân điển cho anh: Giô-sép đã được quan cai ngục ưu ái và sống như người tự do. Chúa Trời không bỏ rơi những ai kính sợ Ngài. Và Giô-sép sống dưới quyền cai ngục cũng giống như khi ở với Phentêfri. Thấy Giô-sép luôn trung thành trong mọi việc, viên cai ngục đã bổ nhiệm ông làm người quản lý toàn bộ nhà tù.

Một lần nọ sau đó, hai quan đại thần của Pharaoh Ai Cập, quan quản lý lương thực và quan quản lý rượu, đã phạm tội với chủ nhân của họ. Pharaoh nổi giận và tống giam họ vào chính nhà tù mà Giô-sép đang bị giam giữ.

Họ đã ở trong nhà tù được vài ngày. Giô-sép giúp đỡ họ trong mọi việc, vì họ là những người trung thực. Rồi một đêm nọ, cả hai đều mơ thấy một giấc mơ báo trước tương lai gần. Giô-sép, theo thói quen, đến gặp họ vào buổi sáng và thấy họ bối rối và buồn bã. Anh hỏi họ:

– Sao hôm nay các anh trông buồn bã thế?

Họ trả lời:

– Đêm qua, mỗi người trong chúng tôi đều có một giấc mơ, và chúng tôi buồn vì không có ai giải thích được chúng.

Lúc đó, Giô-sép nói với họ:

– Chỉ có Đức Chúa Trời, Đấng Toàn Tri, mới có thể, nếu Ngài muốn, bày tỏ ý nghĩa của giấc mơ cho những người kính sợ Ngài. Mỗi người hãy kể giấc mơ của mình. Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ ý nghĩa của chúng cho các ngươi qua tôi.

Người quản lý rượu kể cho ông nghe giấc mơ như sau:

– Tôi thấy trước mặt mình một vườn nho, và trong đó có một cây nho. Trên cây nho mọc ra ba cành non, và chúng đã kết ra những quả chín mọng. Trong tay tôi là chiếc chén của Pharaoh. Tôi cầm lấy và dâng lên cho Pharaoh.

Nghe vậy, Giô-sép đáp lại:

– Đây là ý nghĩa của giấc mơ của ngươi: ba cành nho tượng trưng cho ba ngày. Sau ba ngày, Pharaoh sẽ nhớ đến ngươi, thương xót ngươi, thả ngươi ra khỏi đây và bổ nhiệm ngươi trở lại chức vụ cũ. Lúc đó, như trước đây, ngươi sẽ dâng chén cho Pharaoh. Xin ngài hãy nhớ đến tôi, thưa ngài, khi ngài được bình an, và hãy ban ân huệ cho

tôi. Tôi xin ngài nhắc đến tôi với Pharaoh và thả tôi ra khỏi đây. Vì tôi đã bị bắt cóc khỏi xứ Do Thái. Còn ở xứ sở của các ngài, tôi cũng không phạm tội gì cả, và nếu tôi bị giam vào ngục, thì chỉ vì sự ghen ghét mà thôi.

Khi quan quản lý lương thực thấy Giô-sép đã giải thích giấc mơ của bạn mình một cách chính xác như vậy, ông nói với Giô-sép:

– Tôi cũng đã có một giấc mơ: tôi mơ thấy trên đầu mình có ba cái giỏ chứa đủ loại thức ăn. Những con chim bay đến và mổ thức ăn trên đầu tôi.

Giô-sép đáp lại:

– Giấc mơ của ngài có ý nghĩa như thế này: ba giỏ tượng trưng cho ba ngày. Ba ngày nữa, Pharaoh sẽ chặt đầu ngài và treo xác ngài lên cây; và chim chóc sẽ mổ xác ngài.

Vào ngày thứ ba, ngày sinh nhật của mình, Pharaoh đã tổ chức một bữa tiệc cho tất cả các quan đại thần và các tôi tớ của mình. Trong bữa tiệc đó, ông nhớ đến người quản lý rượu và người quản lý lương thực, và ra lệnh cho người ta dẫn cả hai đến. Sau khi điều tra vụ việc, Pharaoh ra lệnh treo cổ quan quản lý kho lương thực, còn quan quản lý rượu thì được phục chức vào vị trí danh dự cũ. Chính quan quản lý rượu này đã hoàn toàn quên mất Giô-sép và không hề nhắc đến ông trước mặt Pharaoh.

Hai năm sau, Pharaoh có một giấc mơ kỳ lạ. Ông thấy mình đang đứng bên bờ sông, và bỗng từ trong sông bước ra bảy con bò cái no nê, trông đẹp đẽ và mập mạp. Những con bò này bắt đầu gặm cỏ trên bờ sông. Sau đó, từ trong sông lại bước ra bảy con bò cái khác, trông gầy gò và ốm yếu. Chúng bắt đầu gặm cỏ bên cạnh những con bò đầu tiên. Bỗng nhiên, bảy con bò gầy đó nuốt chửng bảy con bò béo kia. Mặc dù vậy, chúng vẫn không no và vẫn gầy như trước. Lúc đó, Pharaoh tỉnh giấc. Khi chìm vào giấc ngủ lần nữa, ông lại thấy một giấc mơ khác : trên cùng một thân cây mọc lên bảy bông lúa đầy đặn và tươi tốt; sau đó, bảy bông lúa khác mọc lên, gầy guộc và khô héo vì gió. Những bông lúa gầy guộc này đã nuốt chửng bảy bông lúa đầy đặn.

Giấc mơ khiến pharaoh vừa thức dậy vô cùng bối rối. Ông triệu tập tất cả các pháp sư và nhà thông thái của Ai Cập và kể cho họ nghe giấc mơ. Không ai trong số họ có thể giải thích giấc mơ này: làm sao những nhà chiêm tinh phục vụ ma quỷ lại có thể hiểu được những bí ẩn thâm sâu của Đức Chúa Trời trên trời? Điều này khiến Pharaoh vô cùng buồn bã. Lúc đó, quan quản rượu trưởng nhớ đến Giô-sép, người đã giải thích giấc mơ cho ông khi còn ở trong ngục, và nói với Pharaoh:

– Bây giờ, thưa ngài, tôi mới nhớ lại tội lỗi của mình. Khi ngài nổi giận với chúng tôi, những nô lệ của ngài, và tống tôi cùng quan quản lý kho lương thực vào ngục, thì mỗi người trong chúng tôi đều có một giấc mơ trong cùng một đêm, liên quan đến cuộc đời tương lai của mình. Cũng ở đó, có một thanh niên Do Thái, nô lệ của Pentefria, sống cùng chúng tôi. Chúng tôi đã kể những giấc mơ của mình cho anh ta nghe, và anh ta đã giải thích chúng. Mọi chuyện đã xảy ra đúng như anh ta nói: ngài, thưa vua, đã tha thứ cho tôi và bổ nhiệm tôi trở lại chức vụ cũ, còn anh ta thì ngài đã ra lệnh xử tử.

Nghe vậy, Pharaoh rất vui mừng và ra lệnh mau chóng đưa Giô-sép ra khỏi nhà tù. Người ta đã cạo đầu và thay quần áo mới cho anh ta, vì khi còn là tù nhân, tóc anh ta đã mọc dài và anh ta mặc những bộ quần áo rách rưới. Giô-sép được dẫn đến trước mặt Pharaoh và các quan đại thần của ngài. Pharaoh nói với anh ta:

– Ta nghe nói ngươi rất khôn ngoan và thông minh, lại biết giải mộng. Ta đã có một giấc mơ mà không ai có thể giải thích cho ta. Hãy giải thích giấc mơ đó cho ta.

Giô-sép đáp:

– Đức Chúa Trời trên cao, nếu Ngài muốn, có thể bày tỏ những bí mật không thể hiểu thấu cho loài người. Không có Đức Chúa Trời, không thể biết được bất kỳ điềm lành nào.

Lúc đó, trước mặt tất cả các quan đại thần, Pharaoh bắt đầu kể cho Giô-sép nghe giấc mơ của mình về những con bò mập và gầy, về những bông lúa đầy hạt và những bông lúa héo, về việc những con bò gầy đã nuốt chửng những con bò mập và những bông lúa héo đã nuốt chửng những bông lúa đầy hạt, như đã được đề cập ở trên. Giô-sép, tràn đầy tinh thần tiên tri, bắt đầu giải thích giấc mơ và tiên đoán tương lai, rằng trong vòng bảy năm tới, khắp đất Ai Cập sẽ tràn ngập của cải và hoa màu dồi dào, điều này được biểu tượng bởi bảy con bò cái béo và bảy bông lúa chín mọng.

Khi những năm tháng đó trôi qua, sẽ xảy ra một nạn đói khủng khiếp, điều này được báo trước bởi những con bò gầy đã ăn thịt những con bò béo, và bảy bông lúa gầy đã nuốt chửng những bông lúa đầy đặn mà vẫn không no. Sự dư dả trước đây sẽ bị lãng quên khắp nơi, và nạn đói sẽ làm cạn kiệt cả trái đất. Sự màu mỡ của đất đai sẽ không còn dấu vết nào do nạn đói sẽ ập đến sau bảy năm nữa – và nạn đói này sẽ vô cùng khốc liệt. Và điều này

chắc chắn sẽ xảy ra, điều đó thể hiện qua việc Đức Chúa Trời đã bày tỏ cùng một điều cho ngài, hỡi nhà vua, trong hai giấc mơ: về những con bò và những bông lúa. Bây giờ, xin hãy nghe lời khuyên của tôi tớ hèn mọn này: hãy chọn một người khôn ngoan và sáng suốt, rồi đặt người ấy làm quan cai quản toàn cõi Ai Cập. Trong suốt bảy năm mùa màng bội thu sắp tới, cần thu hoạch một phần năm tổng sản lượng của cả xứ Ai Cập. Lúa mì và mọi loại ngũ cốc cần được cất vào kho của nhà vua. Tương tự như vậy, ở tất cả các thành phố, hãy thu gom và dự trữ ngũ cốc để tích trữ lương thực cho bảy năm đói kém; nếu không, cả Ai Cập sẽ bị diệt vong vì nạn đói.

Pharaoh và các quan đại thần của ông ngạc nhiên trước những lời tiên tri của Giô-sép và lời khuyên khôn ngoan của ông. Pharaoh bèn nói với các quan đại thần của mình:

– Liệu chúng ta có thể tìm được một người như ông ấy, một người có Thần của Đức Chúa Trời ngự trong mình không?

Rồi Pharaoh quay sang Giô-sép và nói:

– Vì Đức Chúa Trời đã mặc khải tất cả những điều này cho ngươi, nên không có ai khôn ngoan và thông thái hơn ngươi. Trong cung điện của ta và trên khắp vương quốc của ta, ngươi sẽ là người đứng đầu sau ta. Toàn cõi Ai Cập sẽ tuân theo mệnh lệnh của ngươi. Chỉ có ngai vàng là ta cao hơn ngươi mà thôi.

Pharaon tháo chiếc nhẫn ra khỏi ngón tay mình và đeo vào tay Giô-sép. Sau đó, ông cho Giô-sép mặc áo choàng màu đỏ tía và đeo một sợi dây chuyền vàng quanh cổ ông. Đồng thời, ông nói:

– Hôm nay ta phong ngươi làm vị vua thứ hai của toàn cõi Ai Cập. Không có ngươi, ta sẽ không dám ra lệnh, và không ai trên toàn cõi Ai Cập dám làm bất cứ điều gì mà không có mệnh lệnh của ngươi.

Pharaoh đặt cho Giô-sép một tên Ai Cập là Psonfomfani, nghĩa là "Đấng Cứu Thế". Theo lệnh của Pharaoh, Giô-sép được đưa lên chiếc xe ngựa hoàng gia thứ hai và được rước đi khắp thành phố, trong khi các quan truyền lệnh hô to rằng một vị vua thứ hai đã được lập lên cai trị Ai Cập. Tất cả các quan đại thần hoàng gia đều đi theo, bao quanh chiếc xe ngựa, và dành cho vị vua thứ hai những vinh dự tương tự như dành cho chính Pharaoh.

Ôi, sự thay đổi kỳ diệu đã xảy ra trong chốc lát với chàng trai công chính này, nhờ sự che chở của Đức Chúa Trời, Đấng biết cách nâng cao và tôn vinh, để đặt chàng ngồi cùng các vua và các quan đại thần! Ôi sự phán xét công chính của Ngài, lạy Đức Chúa Trời! Vâng, lạy Chúa, Ngài đã minh oan cho Giô-sép vô tội khỏi những lời vu khống. Ngài đã an ủi vị thánh nhân bị sỉ nhục này và ngay trong đời này đã ban cho anh ta phần thưởng vinh quang như vậy vì sự trong sạch và lòng kiên nhẫn của anh ta! Huống chi Ngài sẽ ban thưởng cho các thánh nhân của Ngài trong đời sau!

Khi quan đại thần Penthephrius, chính người đã tống Giô-sép vào ngục, nghe tin về sự kiện kỳ diệu rằng Giô-sép đã được lên xe ngựa của Pharaoh trong vinh quang rực rỡ, ông ta đã vô cùng kinh hãi. Với sự sợ hãi và run rẩy, ông ta trở về nhà và nói với vợ mình:

– Ôi vợ ơi, em không biết chuyện không thể tin nổi nào đã xảy ra ở Ai Cập đâu! Đối với chúng ta, chuyện này thật đáng sợ! Nô lệ Giô-sép của chúng ta giờ đây không chỉ trở thành chủ nhân của chúng ta, mà còn của cả xứ Ai Cập. Được mọi người ca ngợi, giờ đây ông ấy đang ngự trên cỗ xe ngựa của Pharaoh. Vì sợ hãi và run rẩy, tôi không dám nhìn mặt ông ấy và đã lặng lẽ rời khỏi các quan đại thần.

Khi biết chuyện này, vợ của Penthephria đã nói với chồng mình:

– Đừng sợ gì cả. Giờ đây, em sẽ thú nhận tội lỗi của mình với anh. Em đã yêu Giô-sép say đắm. Suốt thời gian qua, em đã trang điểm và quyến rũ anh ấy, chỉ để có cơ hội được ở bên anh ấy và tận hưởng vẻ đẹp của anh ấy. Nhưng em không thể đạt được điều đó. Vì anh ấy không đồng ý với những lời đề nghị của em, em đã dùng vũ lực ép anh ấy phải nằm cùng em. Còn Giô-sép, người trong sạch, đã chạy trốn khỏi em và bỏ lại bộ quần áo của mình, chính bộ quần áo mà em đã cho anh xem. Ta đã vu khống anh ấy, nói rằng anh ấy muốn cưỡng hiếp ta. Như vậy, có thể thấy rằng chính nhờ ta mà anh ấy đã đạt được quyền lực hoàng gia và vinh quang to lớn như vậy. Bởi lẽ, nếu ta không yêu Giô-sép và anh ấy không sống trong ngục tù mà ở nhà chúng ta, thì đức hạnh và sự khôn ngoan của anh ấy sẽ vẫn bị che giấu và không được ca ngợi. Anh ấy phải hài lòng với tôi vì chính tôi là người đã mang lại vinh quang và sự kính trọng đó cho anh ấy. Chúng ta đừng sợ người công chính và thánh thiện Giô-sép này. Anh ấy không kể cho ai nghe về chuyện đã xảy ra giữa chúng ta và, chắc chắn, nhờ lòng nhân từ của mình, anh ấy sẽ tha thứ cho chúng ta. Hãy đi cùng các quan đại thần khác để cùng cúi đầu kính lễ anh ấy.

Họ đi và trong sự bối rối, họ cúi đầu chào Giô-sép. Ông ấy không hề giận họ chút nào và cũng không kể cho ai nghe về những gì đã xảy ra giữa họ.

Pharaoh đã gả Aseneph, con gái của Penthephrius, cho Giô-sép; nhưng không phải là Penthephrius mà Giô-sép từng làm việc cho, mà là một người khác: người kia là quan triều đình, còn người này là thầy tế lễ tại thành phố Heliopolis[2787] , tức là "Thành phố Mặt Trời". Giô-sép đã ba mươi tuổi khi ông bắt đầu trị vì tại Ai Cập. Theo lời tiên tri của ông, trong suốt bảy năm, đất đai thực sự mang lại mùa màng bội thu. Trong thời gian đó, Giô-sép đi khắp Ai Cập, thu gom lúa mì và các loại hoa màu khác, rồi tích trữ chúng tại các thành phố. Ông tích trữ được lượng lúa mì nhiều như cát biển, đến nỗi sau này thậm chí không thể đo đếm được, vì số lượng đó vô cùng lớn. Trước khi bảy năm đói kém bắt đầu, Giô-sép và A-se-nê-phê đã sinh được hai con trai, người con đầu tên là Ma-na-si, người con thứ hai tên là Ê-phra-im. Nhưng rồi bảy năm thịnh vượng trôi qua, và bảy năm đói kém bắt đầu. Ngày qua ngày, nạn đói ngày càng trầm trọng trên khắp đất nước. Trên toàn cõi Ai Cập, không còn bánh mì ở đâu cả, ngoại trừ kho dự trữ bánh mì của hoàng gia. Toàn Ai Cập đều phải chịu cảnh đói khát. Dân chúng bắt đầu xin lúa mì từ Pharaoh. Pharaoh liền gửi họ đến gặp Giô-sép. Giô-sép đã mở kho lúa của hoàng gia và bắt đầu bán lúa mì cho tất cả người Ai Cập. Người ta từ khắp các nước đổ về Ai Cập để mua lúa mì từ Giô-sép, vì nạn đói đã bao trùm cả đất nước.

Nạn đói lớn cũng lan đến xứ Canaan, nơi Gia-cốp đang sinh sống. Ông già và các con trai của ông bắt đầu kiệt sức vì đói. Khi biết rằng ở Ai Cập có nhiều lúa mì, Gia-cốp nói với các con trai mình:

– Sao các con không lo liệu đi? Ta nghe nói ở Ai Cập có bán rất nhiều lúa mì. Hãy đến đó và mua ít lúa mì, để các con khỏi chết đói.

Mười người anh em của Giô-sép lên đường đi Ai Cập. Em út là Bê-na-min ở lại với cha, vì Gia-cốp không cho cậu đi cùng các anh, Gia-cốp nói:

– Chắc chắn trên đường đi, cậu ấy sẽ gặp phải tai họa giống như anh trai Giô-sép đã gặp phải!

Các con trai của Y-sơ-ra-ên đã đến Ai Cập. Cùng với họ còn có nhiều người lạ mặt khác cũng đến với cùng một mục đích – mua lúa mì mà Giô-sép, quan tổng trấn xứ Ai Cập, đang bán cho mọi người. Các anh em đến gần Giô-sép và cúi mình xuống đất để thờ lạy ông. Khi Giô-sép nhìn thấy các anh em mình, ông lập tức nhận ra họ. Ông hỏi họ với giọng nghiêm khắc, như thể đang giận dữ:

– Các ngươi từ đâu đến?

Họ đáp:

– Chúng tôi đến từ xứ Canaan[2788] để mua lúa mì.

Giô-sép nhớ lại những giấc mơ của mình và thấy rằng chúng đang bắt đầu trở thành sự thật. Vì vậy, ông ngợi khen Đức Chúa Trời trong lòng. Sau đó, như thể đang giận dữ, ông lại nói với họ:

– Các ngươi là gián điệp, là những kẻ do thám. Các ngươi đến đây để do thám đường đi lối lại của xứ này sao?

Họ đáp:

– Không, thưa ngài. Chúng tôi, những nô lệ của ngài, là những người trung thực và đến đây để mua lương thực. Tất cả chúng tôi đều là con cái của một người, hoàn toàn không phải là gián điệp hay những kẻ do thám.

Giô-sép nói với họ bằng giọng giận dữ:

– Không, các ngươi đến đây để do thám đường đi lối lại của xứ này. Các anh em rất sợ hãi và để chứng minh sự vô tội của mình, họ bắt đầu kể về gia đình và cha mình.

– Ở xứ Canaan, chúng tôi có một người cha công chính. Trước đây chúng tôi có mười hai anh em, nhưng giờ chỉ còn mười một. Ở đây chúng tôi có mười người. Một trong những anh em của chúng tôi đã bị thú dữ ăn thịt và chết trong sa mạc. Cha chúng tôi vẫn còn khóc thương anh ấy cho đến bây giờ, vì ông rất yêu thương anh ấy. Một người anh em khác, người em út, đã ở lại nhà để an ủi cha.

Giô-sép bèn nói với họ rằng:

[2787] Heliopolis là một trong những thành phố cổ xưa và nổi tiếng nhất ở phía nam Hạ Ai Cập. Tại đây từng tồn tại một trường đào tạo tư tế, và cũng chính tại đây, một trong những tác phẩm thiêng liêng quan trọng nhất của người Ai Cập – "Sách của người chết" – cùng các văn bản thiêng liêng khác đã ra đời. Ngôi đền Mặt Trời tọa lạc tại đây từng là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các pharaoh. Di tích của Heliopolis nằm gần làng Matariye (phía bắc Cairo).

[2788] "Đất Canaan" ở đây ám chỉ những vùng đất rộng lớn nằm ở phía tây châu Á dọc theo bờ biển phía đông Địa Trung Hải – cụ thể là vùng đất bên kia sông Jordan, tức là Phoenicia và vùng đất của người Philistine; trong khi đó, vùng đất bên kia sông Jordan lại khác biệt với đất Canaan. Trong thời hiện đại, "đất Canaan" thường được hiểu là toàn bộ "đất hứa" – tức là tất cả các vùng đất do dân Israel chiếm giữ ở cả hai bên sông Jordan.

– Thấy chưa, tôi đã nói đúng rằng các anh là những kẻ gián điệp và do thám, vì chính các anh đã tự lộ ra rồi. Tôi thề bằng mạng sống của Pharaoh rằng các anh sẽ không được rời khỏi đây cho đến khi em út của các anh đến đây. Hãy cử một người trong số các anh đi đón em trai các anh về, còn các anh thì sẽ bị giữ lại. Lúc đó sẽ rõ các anh có nói thật hay không. Nếu các ngươi không đưa em út đến đây, thì các ngươi quả thực là những kẻ gián điệp và do thám.

Giô-sép nói với họ như vậy và ra lệnh giam giữ họ trong ba ngày. Đến ngày thứ ba, ông gọi họ đến và nói:

– Chỉ vì kính sợ Đức Chúa Trời mà ta không dùng đến những hình phạt tàn bạo. Nếu các ngươi thực sự là những người trung thực, chứ không phải gián điệp hay kẻ do thám, và muốn được sống sót, thì các ngươi phải làm như thế này. Một người trong các ngươi hãy ở lại đây trong ngục. Những người còn lại hãy về nhà và mang lúa mì đã mua về cho cha các ngươi; còn em út của các ngươi, người mà các ngươi đã nói đến, hãy đưa em ấy từ đó đến gặp ta. Khi đó, lời các ngươi nói sẽ được chứng thực. Nếu các ngươi không đồng ý, các ngươi sẽ bị xử tử.

Họ đồng ý với điều đó và nói với nhau bằng tiếng Do Thái:

– Chúng ta đáng phải chịu tai họa này. Chúng ta đang bị trừng phạt vì tội lỗi đối với em trai mình, bởi vì đã phớt lờ nỗi đau khổ trong lòng em ấy khi em ấy van xin chúng ta. Chúng ta đã không nghe lời em ấy. Chính vì thế mà nỗi đau này đã ập xuống đầu chúng ta.

Anh cả Ru-bên nói với họ:

– Hồi đó tôi chẳng phải đã nói với các anh rồi sao: đừng làm hại thằng bé? Các anh đã không nghe lời tôi. Giờ đây, máu của nó đang được đòi lại từ chúng ta.

Trong khi bàn tán với nhau, các anh em không biết rằng Giô-sép hiểu được lời nói của họ. Còn Giô-sép thì lùi ra xa họ và rơi nước mắt. Sau đó, khi đến gần họ, ông ra lệnh bắt Si-mê-ôn ra khỏi giữa họ và trói cậu ta trước mặt họ. Si-mê-ôn này là người ghét Giô-sép nhất và cũng là người thể hiện sự độc ác nhiều nhất khi họ ném Giô-sép xuống hố và bán cho người I-ma-ên. Giô-sép ra lệnh tống Si-mê-ôn đã bị trói vào ngục. Đối với những người anh em còn lại, ông ra lệnh cho người ta đổ đầy bánh mì vào bao của họ, lén lút bỏ bạc trở lại vào bao của mỗi người và cho họ lương thực dự trữ cho chuyến đi.

Sau đó, Giô-sép thả các anh em mình ra. Họ chất bánh mì lên lưng lừa và lên đường về xứ Ca-na-an. Một lần nọ, họ dừng lại để nghỉ ngơi. Một trong các anh em, muốn cho lừa ăn, mở bao ra và nhìn thấy bạc của mình trong lỗ hổng của bao. Anh ta nói với các anh em:

– Bạc của tôi đã được trả lại, nó nằm trong bao của tôi. Các anh em cảm thấy bối rối trước điều này và nói với nhau:

– Chúa đã làm gì với chúng ta vậy?!

Khi về đến nhà cha, họ kể lại cho cha nghe tất cả những gì đã xảy ra với họ ở Ai Cập. Khi đổ lúa mì ra khỏi bao của mình, mỗi người anh em đều tìm thấy bạc của mình trong đó. Điều này khiến họ càng thêm hoảng sợ.

Sau khi nghe các con trai kể lại, người cha buồn bã nói với họ:

– Các con đã cướp mất con cái của cha. Không còn Giô-sép, không còn Si-mê-ôn; chẳng lẽ các con còn muốn cướp cả mạng sống của cha nữa sao?

Ru-bên nói với cha:

– Hãy giết cả hai con trai của con đi, nếu con không đưa nó về cho cha. Hãy giao nó cho con.

Gia-cốp đáp:

– Con trai ta sẽ không đi cùng các con, vì anh trai nó đã chết, và nó là con duy nhất còn lại của ta. Ta sợ rằng trên đường đi, khi nó rời xa ta, nó sẽ gặp phải tai họa giống như anh trai nó là Giô-sép. Khi đó, các con sẽ khiến tuổi già của ta chìm trong nỗi buồn cho đến khi ta xuống mồ.

Nạn đói ở xứ Canaan vẫn tiếp tục hoành hành. Khi tất cả số lúa mì mua từ Ai Cập đã được ăn hết, Gia-cốp nói với các con trai mình:

– Hãy trở lại Ai Cập, mua thêm ít lúa mì ở đó, để chúng ta khỏi chết đói.

Nghe vậy, Giu-đa thưa với ông:

– Quan tổng trấn xứ ấy đã tuyên bố dứt khoát với chúng ta rằng: "Đừng dám hiện diện trước mặt ta nếu em út của các ngươi không đi cùng các ngươi." Nếu cha cho Bê-na-min đi cùng chúng con, thì chúng con sẽ xuống Ai Cập và mua lúa mì về cho cha. Còn nếu cha không cho, thì chúng con sẽ không đi. Vị quan ấy đã nói với chúng con rằng: 'Các ngươi sẽ không được gặp ta, trừ khi em út của các ngươi đi cùng các ngươi.'

Gia-cốp nói:

– Tại sao các con lại gây hại cho cha bằng cách nói với vị quan Ai Cập rằng các con còn có một người em trai nữa?

Các con trai đáp lại:

– Vị quan ấy đã hỏi chúng con về gia đình chúng con: 'Cha các con còn sống không? Các con có em trai nào không?' Chúng con đã trả lời tất cả các câu hỏi của ngài. Làm sao chúng con biết được ngài sẽ nói: 'Hãy đưa em trai các con đến đây!'

Sau đó, Giu-đa lại quay sang cha mình và nói:

– Xin hãy để đứa trẻ đi cùng con, để nó đi với chúng con. Như vậy thì cả cha, chúng con và cả dòng họ chúng ta sẽ không chết, mà sẽ được sống. Con sẽ nhận đứa trẻ này vào sự chăm sóc của mình, và cha sẽ đòi lại nó từ tay con. Nếu con không đưa nó về cho cha và không đặt nó trước mặt cha, thì con sẽ mãi mãi mang tội trước mặt cha. Nếu chúng ta không bị chậm trễ vì Bê-na-min, thì chúng ta đã có thể mang bánh mì từ Ai Cập về hai lần rồi.

Gia-cốp nói với các con trai:

– Nếu vậy, các con hãy làm theo ý mình. Hãy mang theo những sản vật của xứ sở chúng ta, như: dầu thơm, mật ong, nhũ hương, trầm hương, hạt dẻ và các loại hạt khác, để dâng làm lễ vật cho quan Ai Cập. Ngoài ra, hãy mang theo gấp đôi số bạc để trả lại số bạc mà các con đã tìm thấy trong bao tải của mình. Hãy mang theo Bê-na-min và lên đường đi. Cầu xin Đức Chúa Trời Toàn Năng ban cho các con cơ hội được lòng người ấy, để ông ấy cho cả Si-mê-ôn và Bê-na-min đi cùng các con. Còn ta, cho đến khi các con trở về, ta sẽ coi mình như không có con.

Các con trai của Gia-cốp mang theo lễ vật, gấp đôi số bạc và Bê-na-min, rồi lên đường đến Ai Cập. Họ đến trước mặt Giô-sép. Khi Giô-sép thấy Bê-na-min đi cùng họ, ông nói với người quản gia của mình:

– Hãy dẫn những người này vào nhà. Rồi hãy giết một con gia súc nào đó và dọn bữa trưa. Vào buổi trưa, ta sẽ dùng bữa cùng với họ.

Người quản gia làm theo lệnh của Giô-sép và dẫn các anh em ông vào nhà. Khi họ được dẫn vào nhà Giô-sép, họ nói với nhau:

– Chúng ta bị đưa vào đây vì số bạc đã được trả lại trong các bao của chúng ta, nhằm vu khống chúng ta và bắt chúng ta làm nô lệ.

Rồi họ nói với người quản gia:

– Thưa ngài, xin hãy nghe chúng tôi, chúng tôi khẩn cầu ngài. Chúng tôi đã đến đây để mua lúa mì. Tình cờ là khi chúng tôi đến nơi dừng chân và mở các bao ra, thì bạc của mỗi người đều nằm trong bao của mình. Chúng tôi không biết ai đã bỏ nó vào đó. Bây giờ chúng tôi đã mang theo gấp đôi số bạc, để trả lại một nửa như đã tìm thấy trong bao, và dùng nửa còn lại để trả tiền mua lúa mì.

Người đứng đầu gia đình nói với họ:

– Hãy bình tĩnh, đừng sợ. Kho báu này là do Đức Chúa Trời của các anh và Đức Chúa Trời của cha các anh ban cho các anh.

Sau đó, người quản gia dẫn Si-mê-ôn đến với họ và mang nước đến để họ rửa chân; ông cũng cho lừa của họ ăn. Các anh em chuẩn bị lễ vật và chờ đợi Giô-sép đến, vì họ nghe nói rằng ông đã chuẩn bị bữa trưa cho họ. Khi Giô-sép vào nhà, các anh em quỳ lạy ông xuống đất và dâng những món quà mang từ nhà đến. Giô-sép hỏi họ:

– Các anh có khỏe không? Còn người cha già mà các anh đã nhắc đến, ông ấy có khỏe không? Ông ấy còn sống không?

Họ đáp:

– Cha tôi, người tôi tớ của ngài, vẫn khỏe mạnh và còn sống.

Nghe vậy, Giô-sép nói:

– Người ấy thật là người được Đức Chúa Trời ban phước.

Các anh em lại cúi đầu chào ông. Ngước mắt lên, Giô-sép thấy em trai cùng cha cùng mẹ của mình là Bê-na-min và hỏi:

– Đây có phải là người anh em mà các con đã nói với ta không?

Họ đáp:

– Vâng, thưa ngài.

Giô-sép nói với Bê-na-min:

– Nguyện ân sủng của Đức Chúa Trời ở cùng con, con trai ta!

Lúc đó, ông rất xúc động. Ông suýt khóc. Vì vậy, ông bước vào phòng trong và khóc ở đó; khi nhớ đến cha mình là Gia-cốp, Giô-sép thốt lên:

– Cha hiền lành ơi, những ai được sống bên cha mãi mãi thật hạnh phúc! Cả vương quốc của con cũng không xứng đáng với cha, người được Đức Chúa Trời yêu mến! Con muốn hỏi Bê-na-min xem con có còn nhớ con không và có yêu con như con yêu con không. Vì thế, con đã bảo các anh em của con đưa cả Bê-na-min theo cùng. Con không tin những lời họ nói rằng cha con vẫn khỏe mạnh và em trai con còn sống. Con nghĩ rằng vì ghen tị, họ đã hại cả đứa con trai út yêu quý của cha – Bê-na-min. Vì cậu ấy là anh em cùng cha cùng mẹ với con, nên các anh em đã ghét cậu ấy cũng như ghét con vậy. Con biết, thưa cha, rằng cha đang vô cùng đau buồn vì chúng con. Con đã làm tăng thêm nỗi buồn của cha. Con thấu hiểu nỗi buồn ấy: không còn ai trong chúng con ở bên cha nữa. Ôi cha ơi! Chẳng lẽ nỗi đau duy nhất về con đã không đủ sao? Giờ đây lại thêm một nỗi đau khác nữa. Con là nguyên nhân của mọi nỗi đau khổ của cha, vì con đã ra lệnh đưa Bê-na-min đến đây. Hành động này của con thật vô tâm. Chính những tin đồn về cha đã khiến con phải làm như vậy. Con muốn biết liệu cha, người cha tốt bụng của con, có thực sự còn sống hay không. Ôi, giá như có ai cho con cơ hội được nhìn thấy lại dáng vẻ thiên thần của cha một lần nữa!

Vậy là Giô-sép lặng lẽ khóc trong phòng mình. Sau đó, ông rửa mặt để không ai nhận ra rằng ông đã khóc, và cố kìm nén nước mắt, ông bước ra gặp các anh em. Ông ra lệnh dọn bữa trưa cho mình, cho người Do Thái và người Ai Cập, mỗi nhóm một chỗ riêng, vì người Ai Cập không thể ăn chung với người Do Thái: bất kỳ người chăn cừu nào cũng khiến người Ai Cập cảm thấy ghê tởm. Ngay trước bữa tối, Giô-sép ra lệnh cho các anh em ngồi theo thứ tự tuổi tác, ai sinh trước thì ngồi trước. Trong khi đó, ông gọi tên từng người, như thể đang bói bằng chiếc chén bạc đang cầm trên tay. Ông cầm chén bằng tay trái và gõ ngón tay phải vào đó để tạo ra âm thanh. Sau lần gõ đầu tiên, ông nói to với những người đang đứng trước mặt:

– Anh cả tên là Ru-bên, hãy để anh ấy ngồi đầu tiên!

Sau khi gõ lần thứ hai, Giô-sép nói:

– Sau anh ấy là Si-mê-ôn.

Và cũng ra lệnh cho người ấy ngồi xuống. Gõ lần nữa, ông ra lệnh cho người thứ ba ngồi xuống, rồi tiếp tục gọi tên từng người một, ra lệnh cho họ ngồi theo thứ tự tuổi tác. Bằng phép lạ này, Giô-sép đã khiến mọi người kinh hãi đến mức ai nấy đều nghĩ: "Người này quả thực biết tất cả mọi điều."

Muốn xoa dịu nỗi sợ hãi của họ, Giô-sép vội vàng sai người mang thức ăn từ bàn của mình ra cho họ, trong đó phần của Bê-na-min nhiều gấp năm lần so với những người khác. Mọi người đều ăn, uống và no nê.

Giô-sép ra lệnh cho người quản gia của mình đổ lúa mì vào túi của mỗi người anh em mà không tính tiền, đồng thời bí mật bỏ chiếc chén mà chính Giô-sép đã dùng để bói toán vào túi của Bê-na-min, rồi sau tất cả những việc đó, cho họ ra về.

Sáng hôm sau, các anh em hân hoan rời khỏi thành phố. Họ chưa đi được bao xa thì người quản gia của Giô-sép đã đuổi kịp. Ông ta bắt đầu mắng mỏ họ một cách đe dọa, gọi họ là những tên trộm và những kẻ không xứng đáng với ân huệ đã được ban cho, những kẻ đã trả ơn bằng ác ý và đã đánh cắp chiếc chén của chủ nhân Ai Cập, chiếc chén mà ngài dùng để uống và bói toán. Các anh em nói:

– Nếu chúng tôi đã mang trả số bạc tìm thấy trong bao của mình lần thứ hai, thì làm sao chúng tôi có thể trộm chiếc chén của chủ nhân ngài được? Ai trong số các nô lệ của ngài bị phát hiện có chiếc chén đó thì sẽ bị xử tử, và chúng tôi sẽ làm nô lệ cho chủ nhân của chúng tôi.

Người đứng đầu đồng ý:

– Hãy làm như các ngươi nói. Hãy đặt các bao tải của các ngươi xuống đất, – ta sẽ tìm.

Họ vội vàng tháo những chiếc bao ra khỏi lưng lừa. Viên quan trưởng lục soát tìm chiếc chén, bắt đầu từ người anh cả đến người em út, và bất ngờ thay, chiếc chén được tìm thấy trong bao của Bê-na-min. Thấy vậy, các anh em xé rách áo mình. Mỗi người trong số họ đều mắng chửi Bê-na-min và Ra-chên một cách đe dọa:

– Giô-sép muốn làm vua cai trị chúng ta và đáng lẽ đã bị thú dữ ăn thịt. Còn ngươi thì lại nảy sinh ý định trộm chiếc chén của vua và đã thực hiện điều đó. Chẳng phải các ngươi là con trai của Ra-chên, người đã đánh cắp các tượng thần của cha mình mà không chịu thừa nhận, còn nói rằng: "Ta không trộm gì cả" sao?

Ben-gia-min khóc nức nở và trong nước mắt, anh thốt lên:

– Chính Đức Chúa Trời của cha tôi, Đấng đã theo ý Ngài cất Rachel khỏi cõi đời và biết rõ nguyên nhân cái chết của anh trai tôi, Đức Chúa Trời, Đấng an ủi Gia-cốp đang đau buồn vì Rachel và các con của bà, và Đấng hiện

đang nhìn thấy tất cả chúng ta và thấu hiểu lòng chúng ta, – Chính Ngài biết rằng tôi không trộm chiếc chén như các anh nói, và thậm chí tôi còn chẳng hề nghĩ đến điều đó. Tôi thề bằng việc sẽ không bao giờ được nhìn thấy mái tóc bạc của Gia-cốp và không bao giờ được nghe giọng nói của Ngài; tôi thề bằng tất cả những điều này rằng tôi không trộm chiếc chén! Khốn khổ cho tôi! Khốn khổ cho tôi, Ra-chên ơi! Các con của chị giờ ra sao rồi! Người ta nói Giô-sép đã bị thú dữ ăn thịt, còn tôi lại bị coi là kẻ trộm ở xứ người, và họ sẽ để tôi ở đây làm nô lệ; Giô-sép không tìm được sự giúp đỡ nào trong sa mạc khi thú dữ ăn thịt anh ấy; cũng vậy, hỡi mẹ ơi, tôi vô vọng kêu cầu các anh em mình, nhưng không ai tin tôi, con trai của mẹ!

Không biết phải trả lời quan trưởng thế nào, các anh em bèn dẫn Bê-na-min đi và trở về thành. Họ đến gặp Giô-sép và quỳ sấp mặt xuống đất trước mặt ông.

Giô-sép giận dữ nói với họ:

– Các ngươi đền ơn ta như thế này sao? Ta đã tôn trọng các ngươi, chẳng phải để các ngươi đánh cắp chiếc chén mà ta dùng để bói toán sao? Ta đã nói đúng chứ, rằng các ngươi không phải là những người trung thực, mà là những gián điệp và những kẻ do thám?

Giuda đáp lại:

– Chúng tôi không biết phải trả lời ngài thế nào, phải nói gì, hay biện minh ra sao. Đức Chúa Trời đã phơi bày tội lỗi của chúng tôi và đang trừng phạt chúng tôi vì điều đó. Vì vậy, thưa ngài, tất cả chúng tôi sẽ làm nô lệ cho ngài – cả chúng tôi lẫn người đã lấy cốc của chúng tôi.

Giô-sép đáp lại:

– Không, tôi sẽ không làm như lời anh nói, vì tôi kính sợ Đức Chúa Trời. Chàng trai mà người ta tìm thấy chiếc chén trong hành lý sẽ ở lại làm nô lệ, còn các anh hãy về với cha mình bình an.

Còn Giu-đa thì tiến lại gần Giô-sép, quỳ xuống dưới chân ngài và nài nỉ:

– Thưa ngài, xin đừng giận tôi khi tôi nói điều này. Thưa ngài, ngài đã hỏi các tôi tớ của ngài: ‘Các ngươi có cha hay anh em nào không?’ Chúng tôi đã trả lời: ‘Cha chúng tôi có hai người con trai, mà ông yêu thương họ hơn chúng tôi. Một người trong số họ đã bị thú dữ xé xác trên núi, và cha tôi vẫn khóc thương anh ấy cho đến nay; còn người con trai kia thì cha tôi luôn giữ bên mình, và người con trai này là nguồn an ủi cho cha tôi trong tuổi già.” Theo lệnh của ngài, thưa ngài, chúng tôi đã đưa em trai út của chúng tôi đến gặp ngài. Giờ đây, chúng tôi bất ngờ đã phạm lỗi với ngài. Tôi van xin ngài, thưa ngài, hãy để tôi làm nô lệ thay cho cậu bé, chỉ để cậu ấy có thể trở về với cha. Vì tôi đã nhận trách nhiệm bảo vệ cậu ấy. Vì vậy, tôi không thể trở về nhà. Tôi không muốn chứng kiến cái chết đau đớn của cha chúng tôi, người sẽ chết ngay lập tức vì nỗi buồn vô bờ bến, ngay khi không thấy người con út của mình trong số chúng tôi.

Giô-sép nghe những lời thảm thiết ấy và thấy mọi người đang đứng trước mặt ngài trong sự bối rối và sợ hãi. Ngài cũng thấy Bê-na-min, với bộ quần áo rách rưới và nước mắt tuôn trào, quỳ sấp xuống chân các anh em đang đứng đó, van xin họ hãy cầu xin Giô-sép tha cho cậu ấy được về cùng họ. Khi chứng kiến tất cả những điều này, Giô-sép xúc động và không thể kìm nén được nữa. Ông ra lệnh cho tất cả người Ai Cập lui ra. Khi mọi người đã ra hết và chỉ còn lại các anh em, Giô-sép khóc và nói với họ bằng tiếng Do Thái:

– Ta là Giô-sép, anh em của các ngươi. Cha ta còn sống chăng?

Nhưng các anh em không thể trả lời lời Giô-sép, vì họ sợ anh. Giô-sép bèn nói với họ:

– Ta là Giô-sép, anh em của các ngươi, người mà các ngươi đã bán sang Ai Cập. Ta không bị thú dữ ăn thịt như các ngươi đã nói với cha, mà là bị các ngươi bán cho người I-ma-ên. Hồi đó, ta đã nắm lấy chân từng người trong các ngươi và van xin, nhưng không ai thương xót ta. Bây giờ, hỡi các anh em của ta, đừng buồn rầu, đừng sợ hãi và đừng đau khổ; ngược lại, các anh em hãy vui mừng vì ta đang làm vua. Cũng như trước đây các anh em đã nói với cha rằng ta đã bị thú dữ ăn thịt ở trên núi, thì bây giờ hãy đi và vui mừng báo cho cha biết: ‘Con trai của cha là Giô-sép vẫn còn sống. Nó đang ngồi trên ngai vàng và cầm trong tay cây quyền trượng của vương quốc Ai Cập’.

Khi Giô-sép nói những lời ấy, các anh em, vì sợ hãi và run rẩy, đứng trước mặt ông như những người chết, và nghĩ đến bao điều ác họ đã gây ra cho ông. Giô-sép lại nói với họ:

– Bây giờ các anh đừng sợ vì đã bán tôi đi. Đức Chúa Trời đã sai tôi đến đây trước các anh để cứu mạng sống các anh, để tôi có thể nuôi sống các anh trong thời kỳ đói kém. Bây giờ là năm thứ hai của nạn đói trên đất. Vẫn còn năm năm nữa, trong thời gian đó sẽ không ai cày ruộng, gieo hạt hay gặt hái. Chính các anh không phải là người đã đưa tôi đến đây, mà là Đức Chúa Trời, Đấng đã lập tôi làm cha của Pharaoh, làm chủ cả nhà ông ấy và

làm quan cai trị toàn cõi Ai Cập. Hãy mau về gặp cha tôi, kể cho ông ấy nghe mọi chuyện về tôi. Hãy báo cho ông ấy biết về vinh quang của tôi và mau đưa ông ấy cùng cả gia đình đến đây. Tại đây, tất cả các anh sẽ được no đủ.

Nói xong, Giô-sép ôm chầm lấy cổ Bê-na-min và khóc vì vui sướng. Bê-na-min cũng khóc, ôm chầm lấy cổ Giô-sép. Rồi Giô-sép tiến đến các anh em và cũng hôn họ. Ông không giận họ, mà với lòng nhân từ, vẫn yêu thương họ như xưa. Tin tức về việc các anh em của Giô-sép đã đến gặp ông đã lan đến tai Pha-ra-ôn và các quan cận thần của ông. Pha-ra-ôn ra lệnh cho Giô-sép đưa cả gia tộc của mình sang Ai Cập, hứa sẽ ban cho họ những vùng đất tốt nhất. Giô-sép ban tặng các anh em những món quà quý giá, gồm vàng, bạc và áo quần màu đỏ; ông còn cho họ xe ngựa, ngựa và lừa để họ cùng cả gia đình có thể sang Ai Cập, đồng thời trang bị cho họ lương thực dự trữ cho chuyến đi. Ngoài ra, Giô-sép còn gửi những món quà quý giá cho cha mình và vui vẻ tiễn các anh em về gặp cha, dặn dò họ rằng:

– Đừng cãi vã trên đường đi, nhưng hãy bình an và mau chóng trở về với cha, rồi nói với ngài rằng: 'Con trai ngài là Giô-sép đã dặn chúng tôi chuyển lời này đến ngài: Đức Chúa Trời đã lập con làm chủ trên xứ Ai Cập này; vì vậy, cha hãy vui mừng và đến đây, để con có thể chiêm ngưỡng dung nhan thiên thần của cha'.

Họ vội vã lên đường, đến được xứ Canaan, kể cho cha nghe về Giô-sép và truyền lại những lời của anh ấy. Nghe đến tên Giô-sép, Gia-cốp thở dài, rơm rớm nước mắt và buồn bã nói:

– Sao các con lại làm xao xuyến tâm hồn cha? Chẳng phải là để cha lại nhớ đến vẻ đẹp của Giô-sép, con trai yêu quý của cha sao? Sao các con lại muốn thổi bùng lên nỗi buồn đã tắt lịm trong tâm hồn cha?

Gia-cốp không tin những lời của họ. Lúc đó, Bê-na-min tiến lại gần ông, hôn lên đầu gối ông và nói:

– Những lời này hoàn toàn đúng sự thật.

Rồi cậu chỉ cho cha xem những món quà và những lá thư mà Giô-sép đã gửi đến. Gia-cốp tin điều đó và cảm thấy ngạc nhiên. Tâm hồn ông bừng sáng trở lại. Ông nói:

– Ta thật hạnh phúc vì con trai ta là Giô-sép vẫn còn sống, và trước khi qua đời, ta sẽ đi gặp nó.

Gia-cốp vui mừng và vội vã lên đường đến Ai Cập để gặp con trai mình là Giô-sép. Khi Giô-sép nghe tin Gia-cốp đang đến gần, ông đã cho đánh xe ngựa của vua và ra đón cha. Gia-cốp thấy Giô-sép đang đi đến, dù đã cao tuổi, ông vẫn xuống khỏi xe ngựa và đi bộ ra đón con. Giô-sép cũng xuống khỏi xe ngựa và đi bộ, cùng với tất cả các quan đại thần của mình. Khi Giô-sép đến gần cha mình, anh đặt cây gậy vương quyền đang cầm trên tay xuống đất, như thể không muốn cầm nó nữa. Sau đó, giả vờ như đang cúi mình trước cây gậy ấy, ông đã cúi đầu chào cha mình là Gia-cốp theo cách đó và trao cây gậy cho ông. Ông làm điều này để người Ai Cập không phật lòng vì, dù đang mặc áo choàng hoàng gia, ông lại cúi chào người Y-sơ-ra-ên. Gia-cốp là người đầu tiên bước đến bên Giô-sép, ôm lấy cổ ông và khóc nức nở trên vai ông trong một thời gian dài. Giô-sép cũng khóc, ôm và hôn những sợi tóc bạc của cha mình. Gia-cốp nói với Giô-sép:

– Giờ thì cha có thể ra đi thanh thản rồi, vì cha đã được gặp con, con trai của cha. Với mọi vinh dự, Giô-sép dẫn Gia-cốp vào thành phố hoàng gia Ai Cập và giới thiệu ông với Pha-ra-ôn. Gia-cốp ban phước cho Pha-ra-ôn. Pha-ra-ôn hỏi ông:

– Ông bao nhiêu tuổi rồi?

Gia-cốp đáp:

– Con một trăm ba mươi tuổi. Những năm tháng của con thật ngắn ngủi và bất hạnh, chưa bằng tuổi thọ của các tổ phụ con.

Pharaon ra lệnh cho Giô-sép cho cha và các anh em ông định cư trên vùng đất tốt nhất. Sau khi sống ở xứ Ai Cập mười bảy năm, Gia-cốp qua đời và về với các tổ phụ của mình. Giô-sép ôm mặt cha, khóc than thảm thiết và hôn lên mặt ông.

Trước khi qua đời, Gia-cốp đã dặn dò Giô-sép đừng chôn cất ông tại Ai Cập, mà hãy mang thi hài ông về xứ Ca-na-an và an táng trong mộ phần của các tổ phụ. Vì vậy, Giô-sép nói với các quan đại thần của Pha-ra-ôn:

– Nếu các ngài ân huệ với tôi, xin hãy đi báo với Pharaoh rằng cha tôi đã dặn dò tôi phải chôn cất ông trong ngôi mộ mà ông đã đào ở xứ Canaan. Bây giờ tôi muốn đi chôn cất cha tôi rồi trở về.

Pharaon đã cho phép điều đó. Giô-sép lên đường. Đi cùng ông có tất cả các thiếu niên của Pharaoh, các trưởng lão trong cung đình của ông, tất cả các trưởng lão của xứ Ai Cập, cả gia đình Giô-sép, các anh em của ông và cả gia đình cha ông, nên số người đi theo rất đông. Họ đến nơi tên là A-ta-đát, nằm bên kia sông Giô-đanh. Trong bảy ngày, họ khóc than thảm thiết tại đó vì Gia-cốp và chôn cất ông trong hang đôi mà Áp-ra-ham đã mua để làm nơi an táng. Sau khi chôn cất cha, Giô-sép cùng các anh em và tất cả những người đi theo ông đã trở về Ai Cập.

Sau khi chôn cất cha, các anh em nói với nhau:

– Nếu Giô-sép nhớ lại sự ác của chúng ta và trả thù chúng ta vì mọi điều ác mà chúng ta đã gây ra cho ông ấy thì sao?

Họ đến gặp Giô-sép và nói:

– Trước khi qua đời, cha ngươi đã dặn dò ngươi rằng: 'Hãy tha thứ lỗi lầm và tội lỗi của các anh em ngươi, hãy tha thứ cho họ vì họ đã đối xử xảo trá với ngươi.' Bây giờ chính chúng ta cũng xin ngươi tha thứ cho chúng ta vì những điều xấu xa mà chúng ta đã gây ra cho ngươi.

Giô-sép đã khóc khi nghe họ nói những lời đó. Các anh em lại nói với ông:

– Chúng tôi là nô lệ của ngài, thưa chủ nhân.

Giô-sép đáp lại:

– Đừng sợ, các anh em, vì chính tôi cũng kính sợ Đức Chúa Trời. Các anh đã toan tính điều ác chống lại tôi, nhưng Đức Chúa Trời đã biến điều ác ấy thành điều lành. Vậy nên, đừng sợ. Tôi sẽ nuôi dưỡng các anh và gia đình các anh.

Những lời của Giô-sép làm lòng các anh em ông rất vui mừng, và họ bớt lo lắng. Thế là Giô-sép, các anh em ông và cả gia đình cha ông đều định cư tại Ai Cập. Giô-sép sống được một trăm mười năm. Ông không chỉ được thấy con cái của Ê-phra-im, mà còn cả con cái của Ma-hi-rơ, con trai Ma-na-si. Trước khi qua đời, Giô-sép nói với các anh em mình:

– Ta sắp chết rồi. Nhưng khi Đức Chúa Trời thăm viếng các ngươi và dẫn các ngươi ra khỏi xứ này đến xứ mà Ngài đã hứa với các tổ phụ chúng ta là Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, thì hãy mang xương cốt ta từ đây đi cùng các ngươi.

Giô-sép qua đời ở tuổi một trăm mười. Người ta đặt thi hài ông vào một quan tài tại Ai Cập.

Cuối cùng, chúng ta ngợi khen Chúa Giêsu Kitô, Đấng được thánh Giuse vẽ lại[2789] , Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ, muôn đời và đến muôn đời. Amen.

Ngày 14 tháng 4

Ngày 1 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ vị thánh cha Makariô, vị chứng nhân, người đã phải chịu tù đày và tra tấn vì tôn kính các thánh tượng, và đã qua đời tại Afusia gần Constantinople, vào khoảng năm 830.

Cùng ngày này, tưởng nhớ các thánh tử đạo Gerontius và Vasilides, những người đã qua đời dưới lưỡi gươm, và tưởng nhớ người công chính Ahaz.

Cũng trong ngày này, Thánh Tử đạo Avramius người Bulgaria bị sát hại vào năm 1299.

[2789] Một số nét trong cuộc đời của thánh Giuse, theo giáo lý của Giáo hội và các thánh tổ phụ, mang ý nghĩa tiên báo, tức là chúng báo trước một số khoảnh khắc trong cuộc đời của Chúa Giêsu Kitô, cả trong sự hạ mình lẫn sự vinh quang của Ngài. Giống như Giuse, con trưởng của Ra-khi-lê, người được Gia-cóp yêu thương hơn tất cả các con trai khác (Sáng Thế Ký 37:3), thì Chúa Giêsu Kitô cũng là Con trưởng của Đức Trinh Nữ Maria (Ma-thi-ơ 1:25) và là Con yêu dấu của Thiên Chúa. Như Chúa – thánh Ephrem the Syrian đã nói – được sai đến với chúng ta để cứu rỗi tất cả chúng ta, thì thiếu niên Giuse cũng được sai từ lòng cha là Giacóp đến với các anh em mình; và cũng như các anh em tàn nhẫn của Giuse, khi thấy Giuse đang đến gần, đã bắt đầu âm mưu gian trá chống lại ngài, dù ngài mang đến cho họ lời chúc bình an từ cha mình, thì những người Do Thái lòng dạ tàn nhẫn cũng vậy, khi thấy Đấng Cứu Thế, đã nói: "Quả thật, đây là người thừa kế, chúng ta hãy giết Ngài đi, thì mọi sự sẽ thuộc về chúng ta" (Mác 12:7). Giô-sép, vì lòng ghen tị của các anh em, bị bán cho người ngoại bang, và Đấng Christ bị Giu-đa bán với giá ba mươi đồng bạc (Mt 28:15), rồi vì lòng ghen tị (Mt 27:18), Ngài bị nộp cho dân ngoại (Mt 20:19). Giô-sép, sau khi chiến thắng những lời dụ dỗ tội lỗi của vợ là Pentefria, bị giam vào ngục tối; còn Chúa, khi gánh lấy mọi tội lỗi của thế gian, đã được đặt vào quan tài. Trong ngục tối, Giô-sép báo trước cho các tù nhân – một người được tha thứ, còn người kia bị kết án; còn Chúa, khi bị treo trên thập tự giá, đã báo trước sự cứu rỗi cho một trong hai tên cướp bị đóng đinh cùng Ngài, rồi sau đó, bằng linh hồn, Ngài đã xuống giảng dạy cho những người đang ở trong ngục (1 Phi-e-rơ 3:19); sau khi ra khỏi ngục, Giô-sép được đặt làm người cai quản toàn vương quốc Ai Cập, nhận được tên mới, những vinh dự lớn lao và cứu không chỉ Ai Cập mà cả các nước lân cận khỏi nạn đói; còn Chúa Giê-su Christ, sau khi sống lại từ mộ, đã được ban cho mọi quyền năng trên trời và dưới đất (Ma-thi-ơ 28:18) và trước danh Ngài, mọi đầu gối trên trời, dưới đất và dưới âm phủ đều quỳ lạy, và mọi lưỡi đều xưng nhận rằng Chúa Giêsu Kitô là Đấng vinh quang của Thiên Chúa Cha (Pl 2,10–11). Vì vậy, khi tôn kính Thánh Giuse công chính như "hình ảnh chân thật của Đức Kitô" (thánh lễ trong Tuần Lễ Vai'i, Thánh Lễ Nhỏ), Giáo Hội Thánh đã quyết định tưởng niệm ngài vào đầu Tuần Thánh – vào Thứ Hai Lớn.

Cuộc đời của Mẹ Thánh Maria Ai Cập

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 4

"Giữ kín bí mật của vua là điều tốt, nhưng công bố và rao giảng những việc của Đức Chúa Trời là điều vinh quang" (Tô-bi-tô 12:7) – đó là lời Tổng thiên thần Raphail đã nói với Tô-bi-tô khi sự chữa lành kỳ diệu cho căn bệnh mù lòa của ông đã xảy ra. Quả thật, không giữ kín bí mật của vua là điều đáng sợ và dẫn đến diệt vong, còn im lặng trước những việc làm vinh quang của Chúa – là một mất mát lớn cho linh hồn. "Và tôi," – Thánh Sofronius, người đã viết cuốn tiểu sử về Thánh Maria Ai Cập, nói – "sợ rằng sự im lặng sẽ che giấu những việc làm thiêng liêng của Đức Chúa Trời, và khi nhớ đến tai họa đang rình rập người tôi tớ (Mt 25:18, 25), người đã chôn giấu tài năng do Chúa ban xuống đất, tôi không thể không kể lại câu chuyện thánh thiện mà tôi đã được nghe. Và xin đừng ai nghĩ – Thánh Sofronius tiếp tục – rằng tôi đã dám viết điều sai sự thật, khi có ai đó nghi ngờ về sự kiện kỳ diệu này: tôi không thể nói dối về điều thánh thiêng. Nếu có những người, sau khi đọc bài viết này và bị ấn tượng bởi sự kiện vinh quang này, mà vẫn không tin, thì xin Chúa thương xót họ, bởi vì họ, khi suy ngẫm về sự yếu đuối của con người, cho rằng những việc kỳ diệu xảy ra với các thánh nhân là điều không thể. Tuy nhiên, đã đến lúc phải bắt đầu kể về sự kiện vinh quang đã xảy ra trong dòng họ chúng tôi.

Tại một trong những tu viện ở Palestine, có một vị tu sĩ cao niên, nổi bật bởi lối sống đạo đức và lời nói sáng suốt, và từ thuở thiếu thời đã dấn thân một cách anh dũng vào đời sống tu hành. Tên của vị tu sĩ ấy là Zosima. (Xin đừng ai lầm tưởng rằng đây là Zosima – kẻ dị giáo, dù họ cùng mang một tên: một người đã mang tiếng xấu và xa lánh Giáo hội, còn người kia thì công chính và được tôn vinh.) Zosima đã trải qua tất cả các giai đoạn tu hành khổ hạnh và tuân giữ mọi quy tắc do các tu sĩ vĩ đại nhất truyền dạy. Trong khi thực hành tất cả những điều đó, ông không bao giờ ngừng học hỏi từ Lời Chúa: khi đi ngủ, khi thức dậy, khi làm việc, và khi dùng bữa (nếu có thể gọi những gì ông ăn với số lượng rất ít là thức ăn), ông không ngừng và liên tục thực hiện một việc – đó là hát những bài thánh ca và tìm kiếm những bài học trong các sách Thánh. Ngay từ khi còn là một đứa trẻ sơ sinh, ông đã được gửi vào tu viện, nơi ông đã kiên trì tu hành với lối sống khổ hạnh cho đến năm 53 tuổi. Nhưng sau đó, ông bắt đầu băn khoăn với suy nghĩ rằng mình đã đạt đến sự hoàn hảo tuyệt đối và không còn cần bất kỳ sự hướng dẫn nào nữa.

"Liệu có," ông tự hỏi, "một tu sĩ nào trên trần gian này có thể chỉ dạy và làm gương cho tôi về một hình thức tu hành mà tôi chưa từng trải qua? Liệu có ai trong sa mạc vượt trội hơn tôi không?"

Khi vị tu sĩ già đang suy ngẫm như vậy, một Thiên thần hiện ra trước mặt ông và nói:

"Zosima! Ngươi đã nỗ lực tu hành hết sức mình, trong phạm vi khả năng của con người, và đã anh dũng hoàn thành cuộc tu hành khổ hạnh. Tuy nhiên, không có ai có thể tự nhận mình đã đạt đến sự hoàn hảo. Có những thử thách mà ngươi chưa biết đến, và còn khó khăn hơn những gì ngươi đã trải qua. Để nhận ra có bao nhiêu con đường khác dẫn đến sự cứu rỗi, hãy rời bỏ quê hương của ngươi, như vị tổ phụ vĩ đại nhất là Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 12:1), và hãy đến tu viện nằm bên sông Giô-đanh."

Tuân theo lời dạy ấy, Zosima rời khỏi tu viện nơi ông đã tu hành từ thuở ấu thơ, lên đường đến sông Jordan và đến được tu viện mà tiếng nói của Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn cho ông.

Sau khi đẩy cánh cổng tu viện bằng tay, Zosima gặp vị tu sĩ gác cổng và kể cho ông ta nghe về mình. Vị tu sĩ đó báo lại cho vị tu viện trưởng, người đã ra lệnh gọi vị tu sĩ già vừa đến vào gặp mình. Zosima đến gặp vị tu viện trưởng và thực hiện nghi thức cúi đầu và cầu nguyện theo truyền thống của tu sĩ.

– Anh đến từ đâu, anh em ơi, – vị tu viện trưởng hỏi, – và tại sao lại đến với chúng tôi, những người già nghèo khó này?

Zosima đáp:

– Tôi đến từ đâu thì không cần phải nói; nhưng tôi đến đây, thưa cha, là để tìm kiếm sự lợi ích cho tâm hồn, vì tôi đã nghe nói về các vị rất nhiều điều vĩ đại và đáng khen ngợi, có thể dẫn dắt tâm hồn đến với Đức Chúa Trời.

– Anh em ơi, – vị tu viện trưởng đáp lại, – chỉ có một mình Thiên Chúa mới có thể chữa lành những bệnh tật của tâm hồn; xin Ngài dẫn dắt cả anh lẫn chúng tôi trên con đường của Ngài vì lợi ích của linh hồn, còn con người thì không thể sửa chữa con người khác, nếu không liên tục tự suy ngẫm về bản thân và không ngừng nghỉ, với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, thực hiện những việc lành. Nhưng vì tình yêu của Đấng Kitô đã thúc đẩy anh đến thăm chúng tôi, những vị tu sĩ già nua và hèn mọn này, thì hãy ở lại với chúng tôi, nếu anh đến vì lý do đó. Vị Mục Tử

nhân lành, Đấng đã hiến dâng linh hồn Ngài vì sự cứu rỗi của chúng ta, xin Ngài ban ân sủng của Thánh Thần xuống trên tất cả chúng ta.

Sau những lời ấy, Zosima cúi đầu chào vị tu viện trưởng, xin ngài cầu nguyện và ban phước lành, rồi ở lại tu viện. Tại đây, anh thấy các vị tu sĩ già, rạng ngời bởi những việc lành và lòng đạo đức, với trái tim nồng nàn phụng sự Chúa qua những bài thánh ca không ngừng, những lời cầu nguyện suốt đêm và lao động miệt mài. Trên môi họ luôn vang lên những bài thánh vịnh, không bao giờ nghe thấy lời nói vô ích, họ chẳng biết gì về việc tích lũy của cải tạm bợ hay những lo toan đời thường. Họ chỉ có một khát vọng duy nhất và bất biến – đó là chế ngự xác thịt. Thức ăn chính và thường xuyên của họ là Lời Chúa, còn thân xác họ được nuôi dưỡng bằng bánh mì và nước, tùy theo mức độ mà tình yêu dành cho Chúa cho phép mỗi người. Nhìn thấy điều này, Zosima đã học hỏi và chuẩn bị cho cuộc hành trình sắp tới.

Thời gian trôi qua, những ngày của Mùa Chay Thánh đã đến, cổng tu viện bị khóa chặt và chỉ mở ra khi có ai đó được cử đi lo việc của tu viện. Vùng đất ấy thật hoang vắng; không những giáo dân không đến, mà thậm chí họ còn không biết đến tu viện này.

Trong tu viện đó có một phong tục, chính vì phong tục này mà Chúa đã dẫn Zosima đến đó. Trong tuần đầu tiên của Mùa Chay, trong Thánh lễ, mọi người đều rước Mình và Máu Thánh Chúa và dùng một chút thức ăn chay; sau đó, tất cả tập trung trong nhà thờ, và sau lời cầu nguyện thành kính, quỳ gối, các vị tu sĩ cao niên chào tạm biệt nhau; và mỗi người đều cúi đầu xin vị Bề trên ban phước lành cho hành trình sắp tới của những người lữ hành. Sau đó, cổng tu viện được mở ra, và trong tiếng hát Thánh vịnh *"Chúa là ánh sáng và sự cứu rỗi của con: con phải sợ ai? Chúa là pháo đài của đời con: con phải kinh hãi ai?"* (Thi thiên 26:1), các tu sĩ bước ra sa mạc và băng qua sông Jordan. Chỉ còn lại một hoặc hai vị tu sĩ cao niên ở lại tu viện, không phải để canh giữ tài sản – vì ở đó chẳng có gì để trộm cả – mà là để không để nhà thờ thiếu thánh lễ. Mỗi người mang theo một ít thức ăn, tùy theo khả năng và nhu cầu thể xác của mình: người thì mang ít bánh mì, người khác mang quả sung, có người mang quả chà là hoặc lúa mì ngâm nước. Một số người không mang theo gì cả, ngoài bộ quần áo rách rưới trên người, và chỉ ăn cỏ mọc trong sa mạc khi cơn đói bắt buộc họ phải làm vậy.

Sau khi băng qua sông Jordan, tất cả đều tản ra xa theo nhiều hướng khác nhau và không biết gì về nhau, cũng như không biết ai đang ăn chay và tu hành ra sao. Nếu ai đó thấy người khác đang đi về phía mình, họ sẽ rẽ sang hướng khác và tiếp tục cuộc sống cô độc trong lời cầu nguyện không ngừng, chỉ ăn rất ít thức ăn vào những thời điểm nhất định. Các tu sĩ đã trải qua toàn bộ Mùa Chay như vậy và trở về tu viện một tuần trước Lễ Phục Sinh của Chúa Kitô, khi Giáo hội với những cành lá[2790] long trọng cử hành Lễ Cành Lá. Khi về đến tu viện, không ai trong số các tu sĩ hỏi nhau về việc họ đã trải qua thời gian trong sa mạc như thế nào và đã làm gì, chỉ có lương tâm của chính mình làm chứng. Đó chính là nội quy của Tu viện Priordan.

Theo phong tục của tu viện đó, Zosima cũng băng qua sông Jordan, mang theo một ít thức ăn vì sức khỏe yếu ớt và bộ quần áo mà ông luôn mặc. Lang thang trong sa mạc, ông thực hiện hành trình cầu nguyện của mình và kiêng ăn càng nhiều càng tốt. Ông ngủ rất ít; nơi nào đêm ập đến, ông sẽ chợp mắt một chút khi ngồi trên đất, rồi sáng sớm thức dậy và tiếp tục hành trình tu hành của mình. Ông ngày càng khao khát đi sâu vào sa mạc để tìm một vị tu sĩ có thể hướng dẫn cho mình.

Sau hai mươi ngày hành trình, một lần nọ ông dừng lại, quay mặt về phía đông và bắt đầu hát giờ thứ sáu[2791] , thực hiện các lời cầu nguyện thường lệ: trong suốt hành trình tu hành của mình, mỗi khi dừng lại, ông đều hát vào mỗi giờ và cầu nguyện. Khi đang hát như vậy, ông bỗng nhìn thấy ở phía bên phải một cái bóng trông giống như cơ thể con người. Hoảng sợ và nghĩ rằng đó là ảo ảnh của ma quỷ, ông liền làm dấu thánh giá. Khi nỗi sợ hãi qua đi và lời cầu nguyện kết thúc, ông quay mặt về phía nam và thấy một người đàn ông trần truồng, da rám nắng sạm đen, với mái tóc trắng như lông cừu, chỉ dài đến cổ. Zosima chạy về phía đó với niềm vui sướng tột độ: trong những ngày gần đây, ông không chỉ không gặp người mà thậm chí cả động vật cũng không thấy. Khi người đàn ông ấy nhìn thấy từ xa rằng Zosima đang tiến lại gần, anh ta vội vã chạy sâu vào sa mạc. Nhưng Zosima dường như đã quên cả tuổi già lẫn sự mệt mỏi sau chặng đường dài, và lao theo để đuổi kịp người đang chạy trốn. Người ấy vội vã

[2790] Vai'i – cành cọ (Ga 12:13, Mc 11:8). Tuần lễ Vai'i – còn gọi là Tuần lễ Hoa – là Chúa Nhật Lá.

[2791] "Giờ" – là tên gọi của các nghi thức cầu nguyện, bao gồm ba thánh vịnh, một số câu thơ và lời cầu nguyện, được điều chỉnh phù hợp với mỗi phần tư ngày và các hoàn cảnh đặc biệt trong cuộc khổ nạn của Đấng Cứu Thế. – Vào giờ thứ sáu, người ta tưởng niệm cuộc rước Đấng Cứu Thế đến nơi đóng đinh, chính việc đóng đinh và những đau khổ trên thập tự giá.

bỏ đi, nhưng Zosima chạy còn nhanh hơn, và khi đã đuổi kịp đến mức hai người có thể nghe thấy tiếng nhau, ông đã kêu lên trong nước mắt:

– Tại sao ngươi, tôi tớ của Đức Chúa Trời Chân Thật, Đấng mà vì Ngài ngươi đã định cư trong sa mạc, lại chạy trốn khỏi ta, một lão già tội lỗi? Hãy chờ ta, kẻ không xứng đáng và yếu đuối này, vì hy vọng được đền đáp cho công đức của ngươi! Hãy dừng lại, cầu nguyện cho ta và vì danh Đức Chúa Trời, Đấng không khinh bỉ ai, hãy ban phước lành cho ta.

Zosima đã thốt lên như vậy trong nước mắt. Trong khi đó, họ đã đến một thung lũng, giống như lòng sông đã cạn khô. Người đang chạy trốn lao sang phía bên kia, còn Zosima, mệt mỏi và không còn sức để chạy tiếp, càng khẩn thiết van xin trong nước mắt và dừng lại. Lúc đó, người đang chạy trốn khỏi Zosima cuối cùng cũng dừng lại và nói như sau:

– Thưa Abba[2792] Zosima! Xin ngài tha thứ cho tôi vì danh Chúa, vì tôi không thể hiện diện trước mặt ngài: tôi là một người phụ nữ, như ngài thấy, đang trần truồng, không có gì che đậy sự trần truồng của mình. Nhưng nếu ngài muốn ban cho tôi, kẻ tội lỗi này, lời cầu nguyện và phước lành của ngài, thì xin hãy ném cho tôi một thứ gì đó từ quần áo của ngài để tôi che thân, và lúc đó tôi sẽ đến xin ngài cầu nguyện.

Sự sợ hãi và kinh hoàng bao trùm Zosima khi ông nghe thấy tên mình từ miệng người phụ nữ chưa từng gặp ông và cũng chưa từng nghe nói gì về ông.

"Nếu cô ấy không phải là người có khả năng thấu thị," anh nghĩ, "thì cô ấy đã không gọi tên tôi."

Anh nhanh chóng làm theo ý muốn của cô, cởi bỏ bộ quần áo cũ nát, rách rưới, rồi quay lưng lại và ném cho cô. Nhận lấy quần áo, cô thắt lại và che đi sự trần truồng của mình hết mức có thể. Sau đó, cô quay sang Zosima và nói:

– Tại sao ngài, Abba Zosima, lại muốn gặp tôi, một người phụ nữ tội lỗi? Ngài muốn nghe hay học hỏi điều gì từ tôi mà không ngại vất vả đi trên con đường gian nan này sao?

Nhưng Zosima liền quỳ sấp xuống đất và xin bà ban phước lành. Bà cũng cúi mình xuống đất, và cả hai nằm như vậy, xin phước lành lẫn nhau; chỉ nghe thấy một từ duy nhất: "Xin ban phước!" Sau một thời gian dài, bà nói với vị tu sĩ già:

– Thưa Abba Zosima! Ngài phải ban phước và dâng lời cầu nguyện, vì ngài đã được phong chức linh mục và đã nhiều năm đứng trước bàn thờ thánh, cử hành các bí tích thiêng liêng.

Những lời này khiến vị tu sĩ già càng thêm sợ hãi. Nước mắt tuôn trào, ông nói với cô, khó nhọc thở dốc vì run rẩy:

– Ôi, Mẹ thiêng liêng! Chị đã đến gần Thiên Chúa bằng cách chế ngự những yếu đuối của xác thịt. Ơn sủng của Thiên Chúa tỏa sáng trên chị nhiều hơn trên những người khác: chị chưa bao giờ gặp tôi, nhưng lại gọi tên tôi và biết chức linh mục của tôi. Vì vậy, xin chị hãy ban phước cho tôi vì danh Thiên Chúa và dâng lên lời cầu nguyện thánh thiện của chị.

Cảm động trước sự khẩn thiết của vị tu sĩ già, bà đã ban phước cho ông với những lời như sau:

– Ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng mong muốn sự cứu rỗi cho các linh hồn loài người!

Zosima đáp lại "A-men", và cả hai cùng đứng dậy khỏi mặt đất. Lúc đó, cô hỏi vị tu sĩ già:

– Hỡi người của Chúa! Tại sao ngài lại muốn đến thăm con, một người trần trụi, không có bất kỳ đức hạnh nào? Nhưng ân sủng của Thánh Thần đã dẫn dắt ngài đến đây, để khi cần thiết, ngài có thể cho con biết về cuộc sống trần gian. Xin hãy nói cho con biết, thưa cha, hiện nay các Kitô hữu, nhà vua và các thánh của Giáo hội đang sống ra sao?

– Nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của các con, – Zosima đáp, – Thiên Chúa đã ban cho Giáo hội một nền hòa bình vững chắc[2793] . Nhưng xin hãy lắng nghe lời khẩn cầu của một vị tu sĩ không xứng đáng như tôi và cầu nguyện cùng Chúa cho cả thế giới và cho tôi, kẻ tội lỗi này, để cuộc lang thang của tôi trong sa mạc không trở nên vô ích.

[2792] Abba – cha, người hướng dẫn.

[2793] Đó là vào đầu thế kỷ VI, khi các cuộc đàn áp đã chấm dứt và các tà giáo đã lắng xuống, và Giáo hội Kitô giáo được hưởng hòa bình và yên tĩnh.

– Thật ra, thưa Abba Zosima, – nàng nói, – với tư cách là người mang chức thánh, ngài mới là người nên cầu nguyện cho con và cho mọi người; vì ngài được định sẵn cho việc đó. Nhưng vì nghĩa vụ vâng lời, con sẽ làm theo ý ngài.

Nói xong, cô quay mặt về hướng đông; ngước mắt lên trời và giơ hai tay lên, cô bắt đầu cầu nguyện, nhưng giọng quá khẽ đến nỗi Zosima không nghe thấy và cũng không hiểu lời cầu nguyện. Ông đứng đó, run rẩy, im lặng, cúi đầu xuống.

"Tôi xin lấy Đức Chúa Trời làm chứng," ông kể lại, "rằng sau một lúc, tôi ngước mắt lên và thấy bà ấy đang nâng người lên khỏi mặt đất bằng khuỷu tay[2794] ; bà ấy đứng lơ lửng trên không trung và cầu nguyện." Thấy cảnh đó, Zosima run rẩy vì sợ hãi, quỳ sụp xuống đất trong nước mắt và chỉ lặp đi lặp lại:

– Lạy Chúa, xin thương xót!

Nhưng ngay lúc đó, một ý nghĩ làm ông bối rối: liệu đó có phải là một linh hồn hay một hồn ma, dường như đang cầu nguyện với Chúa. Nhưng vị thánh nữ, sau khi đỡ vị tu sĩ già dậy khỏi mặt đất, đã nói:

– Sao vậy, Zosima, sao anh lại bối rối vì nghĩ đến ma quỷ, sao anh lại nghĩ rằng tôi là một linh hồn đang cầu nguyện? Con van xin cha, vị cha thánh thiện, hãy tin chắc rằng con là một người vợ tội lỗi, chỉ được thanh tẩy nhờ phép rửa tội thánh; không, con không phải là linh hồn, mà là đất, tro bụi và tro tàn, con là xác thịt, không hề có ý định trở thành linh hồn.

Nói xong, bà làm dấu thánh giá trên trán, mắt, miệng, ngực và tiếp tục:

– Xin Chúa cứu chúng con khỏi kẻ ác và khỏi những cái bẫy của hắn, vì cuộc chiến của hắn[2795] chống lại chúng con thật lớn lao.

Nghe những lời ấy, vị tu sĩ già quỳ sấp xuống dưới chân bà và khóc nức nở thốt lên:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa chân thật, Đấng sinh ra từ Đức Trinh Nữ, vì Ngài mà chị, trong tình trạng trần truồng, đã làm chết đi xác thịt mình như vậy, tôi khẩn cầu chị, xin đừng giấu diếm tôi, mà hãy kể hết mọi chuyện về cuộc đời chị, để tôi ca ngợi vinh quang của Thiên Chúa. Vì danh Đức Chúa Trời, xin hãy kể hết mọi chuyện, không phải để khoe khoang, mà để dạy dỗ tôi, kẻ tội lỗi và không xứng đáng này. Tôi tin vào Đức Chúa Trời của tôi, Đấng mà chị đang sống vì Ngài, rằng tôi đã đến sa mạc này chính là để Đức Chúa Trời tôn vinh những việc làm của chị: chúng ta không thể chống lại ý định của Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời không muốn chị và những việc làm anh hùng của chị được biết đến, Ngài đã không cho tôi gặp chị và cũng không ban cho tôi sức mạnh để thực hiện cuộc hành trình xa xôi qua sa mạc này.

Zosima đã thuyết phục nàng bằng nhiều lời lẽ khác nữa, nhưng nàng, sau khi đỡ ông dậy, nói:

– Xin tha thứ cho con, thưa cha thánh, con xấu hổ khi phải kể về cuộc đời ô nhục của mình. Nhưng cha đã thấy thân thể trần truồng của con, vậy con sẽ phơi bày cả tâm hồn mình, và cha sẽ biết trong đó có bao nhiêu sự xấu hổ và ô nhục. Con sẽ mở lòng với cha, không khoe khoang như cha đã nói: con là bình chứa được ma quỷ chọn lựa, thì có gì để khoe khoang chứ! Nhưng nếu con bắt đầu kể về cuộc đời mình, cha sẽ chạy trốn khỏi con như chạy trốn con rắn; tai cha sẽ không chịu nổi câu chuyện về sự sa đọa của con. Tuy nhiên, con sẽ kể hết, không giấu diếm điều gì; chỉ xin cha, khi biết được cuộc đời con, đừng quên cầu nguyện cho con, để con được nhận chút ân sủng nào đó vào Ngày Phán Xét.

Vị tu sĩ già, với những giọt nước mắt không kìm nén được, đã nài nỉ cô kể về cuộc đời mình, và cô bắt đầu kể về bản thân như sau:

"Con, thưa Cha thánh, sinh ra ở Ai Cập, nhưng khi mới 12 tuổi, lúc cha mẹ con còn sống, con đã từ chối tình yêu của họ và lên đường đến Alexandria[2796] . Về việc tôi đã đánh mất sự trinh trắng của mình và sa vào con đường dâm dục một cách không kiềm chế, không bao giờ thỏa mãn – điều này tôi thậm chí không thể nghĩ đến mà không cảm thấy xấu hổ, huống chi là kể lại một cách chi tiết; tôi chỉ nói ngắn gọn để ngài biết về sự ham muốn không thể kiềm chế của tôi. Suốt mười bảy năm, thậm chí còn lâu hơn, tôi đã quan hệ tình dục với tất cả mọi người, không phải vì quà cáp hay tiền bạc, bởi tôi không muốn nhận bất cứ thứ gì từ ai cả, nhưng tôi đã suy luận rằng như

[2794] *Lokot* hoặc *lakot* – đơn vị đo chiều dài từ khuỷu tay đến đầu ngón tay giữa, bằng 10 1/2 vershka.

[2795] "Brân" – cuộc tấn công, mưu mô.

[2796] Alexandria – thành phố nổi tiếng, được Alexander Đại đế thành lập bên bờ Biển Địa Trung Hải, tại cửa sông Nile. Sau Rome, Alexandria là thành phố lớn nhất thế giới và từng là trung tâm thương mại, công nghiệp, đặc biệt là nền giáo dục ngoại giáo; còn trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, nơi đây là cái nôi của nền giáo dục Kitô giáo. Hiện nay, Alexandria là một trong những thành phố cảng được củng cố vững chắc nhất và là một trong những trung tâm thương mại quan trọng nhất ven Biển Địa Trung Hải.

vậy sẽ có nhiều người đến với tôi hơn và thỏa mãn dục vọng của tôi. Đừng nghĩ rằng tôi giàu có nên mới không nhận – không, tôi sống trong cảnh nghèo khổ, thường xuyên đói khát đến mức phải quay sợi từ vỏ lúa, nhưng luôn bị ám ảnh bởi khao khát chìm sâu hơn nữa vào vũng lầy của sự dâm đãng: tôi coi cuộc sống là một chuỗi những hành vi ô nhục liên miên. Một lần, vào mùa gặt, tôi thấy rất nhiều người đàn ông – cả người Ai Cập lẫn người Libya[2797] – đang đi về phía biển. Tôi hỏi một người đi ngang qua: "Những người này đang vội vã đi đâu vậy?" Anh ta trả lời rằng họ đang trên đường đến Jerusalem để dự lễ Nâng Thánh Giá Thánh và Ban Sự Sống sắp diễn ra. Khi tôi hỏi liệu họ có cho tôi đi cùng không, anh ta nói rằng nếu tôi có tiền và thức ăn thì sẽ không ai cản trở. Tôi nói với anh ta: "Không, anh ơi, tôi không có tiền cũng không có thức ăn, nhưng dù sao tôi cũng sẽ đi và lên cùng một con tàu với họ, còn họ sẽ nuôi tôi: tôi sẽ bán thân cho họ để lấy tiền." – Con muốn đi để – xin cha tha thứ, thưa cha – có nhiều người xung quanh con, những người sẵn sàng thỏa mãn dục vọng. Con đã nói với cha rồi, thưa cha Zosima, đừng ép con kể về sự ô nhục của mình. Chúa là chứng nhân, con sợ rằng bằng những lời nói của mình, con đang làm ô uế cả không khí này."

Làm ướt đất bằng những giọt nước mắt, Zosima kêu lên:

– Hãy nói đi, mẹ ơi, hãy nói đi! Hãy tiếp tục câu chuyện đầy bài học của con!

"Chàng trai mà tôi gặp," bà tiếp tục, "sau khi nghe những lời vô liêm sỉ của tôi, đã cười lớn rồi bỏ đi. Còn tôi, vứt bỏ chiếc máy quay tơ đang nằm bên cạnh, vội vã chạy ra biển. Nhìn quanh những người lữ hành, tôi nhận ra trong số họ có chừng mười người hoặc hơn, đang đứng trên bờ; họ còn trẻ và dường như phù hợp với khao khát của tôi. Những người khác đã lên thuyền rồi.

Một cách trơ trẽn, như thường lệ, tôi chạy đến chỗ những người đang đứng đó và nói: "Hãy mang tôi theo cùng, tôi sẽ phục vụ các anh." Họ cười nhạo những lời đó và những lời tương tự, và khi thấy sự trơ trẽn của tôi, họ đã đưa tôi lên tàu, và chúng tôi ra khơi. Làm sao tôi có thể kể cho anh, người của Chúa, biết những gì đã xảy ra tiếp theo? Lời nói nào, tai ai có thể chịu đựng được câu chuyện về những việc ô nhục mà tôi đã làm trên tàu trong suốt hành trình: tôi đã lôi kéo người ta vào tội lỗi ngay cả khi họ không muốn, và không có hành vi nào quá đáng mà tôi chưa từng dạy dỗ. Xin cha tin cho, con thật kinh hoàng khi nghĩ rằng biển cả đã dung túng cho sự đồi trụy như vậy, rằng mặt đất sao lại không nứt ra và nuốt chửng con sống sờ sờ xuống địa ngục sau khi con đã dụ dỗ biết bao người! Nhưng con nghĩ rằng Chúa đã chờ đợi sự ăn năn của con, không muốn kẻ có tội phải chết, mà với lòng kiên nhẫn vô biên, Ngài chờ đợi con quay về.

Với những cảm xúc ấy, con đã đến Giê-ru-sa-lem và trong suốt những ngày trước lễ hội, con vẫn hành động như trước đây, thậm chí còn tệ hơn. Tôi không chỉ không thỏa mãn với những chàng trai trẻ đã cùng tôi trên con tàu, mà còn lôi kéo cả những người dân địa phương và khách lữ hành vào con đường dâm loạn. Cuối cùng, lễ Nâng Thánh Giá đã đến, và tôi, như trước đây, lại đi dụ dỗ những chàng trai trẻ. Thấy sáng sớm mọi người lần lượt đi vào nhà thờ, tôi cũng đi theo, bước vào tiền sảnh cùng mọi người, và khi đến giờ lễ Thánh Giá, tôi cố gắng len lỏi vào nhà thờ cùng đám đông. Dù tôi có cố gắng chen lấn thế nào, đám đông vẫn đẩy tôi ra. Cuối cùng, với rất nhiều khó khăn, tôi, kẻ tội lỗi, cũng đã tiến gần đến cửa nhà thờ. Nhưng mọi người đều vào nhà thờ một cách tự do, còn tôi thì bị một sức mạnh thiêng liêng nào đó ngăn cản. Tôi lại cố gắng bước vào, và lại bị đẩy ra, chỉ còn lại một mình ở tiền sảnh. Nghĩ rằng điều này là do sự yếu đuối của người phụ nữ, tôi lại chen vào đám đông, nhưng nỗ lực của tôi vẫn vô ích; chân tội lỗi của tôi đã chạm đến ngưỡng cửa, nhà thờ đón nhận tất cả mọi người một cách tự do, chỉ riêng tôi, kẻ tội lỗi, lại không được phép vào; như thể có một đội lính canh đông đảo, được bố trí cố ý, cùng một sức mạnh vô hình đang ngăn cản tôi – và thế là tôi lại bị đẩy trở lại tiền sảnh. Tôi đã cố gắng hết sức ba, bốn lần như vậy, nhưng đều không thành công. Vì kiệt sức, tôi không thể chen vào đám đông đang vào nữa, toàn thân tôi đau nhức vì chật chội và bị xô đẩy. Trong tuyệt vọng, tôi lùi lại trong xấu hổ và đứng ở góc tiền sảnh. Khi tỉnh táo lại, tôi tự hỏi tội lỗi nào đang ngăn cản tôi được chiêm ngưỡng Cây Thập Tự Cứu Rỗi của Chúa. Ánh sáng của trí tuệ cứu rỗi, lẽ thật của Thiên Chúa, soi sáng đôi mắt tâm hồn, đã chạm đến trái tim tôi và chỉ ra rằng sự ghê tởm của những việc làm của tôi đang ngăn cản tôi bước vào nhà thờ. Lúc đó, tôi bắt đầu khóc nức nở, vừa khóc vừa đập ngực và thở dài từ tận đáy lòng.

Tôi khóc như vậy, đứng ở tiền sảnh. Ngước mắt lên, tôi thấy trên tường bức tranh thánh Đức Mẹ Đồng Trinh và, hướng đôi mắt thể xác lẫn tâm hồn về phía Người, tôi thốt lên:

[2797] Người Libya – cư dân của Libya, một tỉnh ở Bắc Phi.

– Lạy Nữ Vương, Trinh Nữ đã sinh ra Thiên Chúa trong xác phàm! Con biết, con thấu hiểu sâu sắc rằng không có vinh quang hay lời ca ngợi nào dành cho Mẹ khi con, kẻ ô uế và xấu xa, dám ngước nhìn dung nhan Trinh Nữ Vĩnh Cửu của Mẹ, người thanh khiết cả về thể xác lẫn tâm hồn. Thật là công bằng nếu sự trong trắng trinh khiết của Ngài khinh bỉ và ghét bỏ con, kẻ dâm đãng này. Nhưng con đã nghe nói rằng Thiên Chúa do Ngài sinh ra đã nhập thể chính là để kêu gọi những kẻ tội lỗi ăn năn sám hối. Xin hãy đến với con, kẻ bị mọi người bỏ rơi, để cứu giúp con! Xin hãy ra lệnh để tôi không bị cấm vào nhà thờ, xin cho tôi được chiêm ngưỡng Thánh Giá, nơi Đấng do Mẹ sinh ra đã bị đóng đinh bằng xác thịt, Đấng đã đổ máu thánh của Ngài để cứu chuộc những kẻ tội lỗi và cứu chuộc tôi. Xin Nữ Vương hãy ra lệnh để cánh cửa nhà thờ cũng mở ra cho con, kẻ không xứng đáng, để con được thờ lạy Thánh Giá! Xin hãy là người bảo trợ trung thành của con trước mặt Con của Mẹ, để con không còn làm ô uế thân xác mình bằng sự dâm dục nữa, nhưng khi ngước nhìn Thánh Giá, con sẽ từ bỏ thế gian và những cám dỗ của nó, và sẽ đi đến nơi mà Mẹ, người bảo trợ cho sự cứu rỗi của con, sẽ dẫn dắt con.

Tôi đã nói như vậy. Được khích lệ bởi đức tin và tin tưởng vào lòng thương xót của Đức Mẹ, tôi, như thể được ai đó thúc đẩy, rời khỏi nơi tôi đang cầu nguyện và hòa vào dòng người đang bước vào nhà thờ. Lúc này, không ai đẩy tôi ra hay cản trở tôi đến cửa nhà thờ. Sự sợ hãi và kinh hoàng ập đến với tôi, tôi run rẩy khắp người. Khi đến được cánh cửa trước đây luôn đóng kín với tôi, tôi dễ dàng bước vào bên trong nhà thờ thánh và được chiêm ngưỡng Cây Sự Sống, thấu hiểu những mầu nhiệm của Thiên Chúa, nhận ra rằng Thiên Chúa sẽ không từ chối người ăn năn. Tôi quỳ xuống đất, cúi đầu thờ lạy Thánh Giá và hôn lên đó với lòng kính sợ. Sau đó, tôi bước ra khỏi nhà thờ đến trước hình ảnh của Đấng Bảo Trợ của tôi – Đức Mẹ, và quỳ gối trước bức thánh tượng thiêng liêng của Mẹ, tôi cầu nguyện như sau:

– Lạy Đức Trinh Nữ Vĩnh Cửu, Nữ Vương Mẹ Thiên Chúa, Ngài đã không khinh dể lời cầu nguyện của con, mà đã tỏ cho con thấy lòng nhân từ vĩ đại của Ngài. Con đã được chiêm ngưỡng vinh quang của Chúa, dù là kẻ lầm lạc và không xứng đáng để chiêm ngưỡng! Vinh quang thuộc về Thiên Chúa, Đấng vì Ngài mà đón nhận sự sám hối của những kẻ tội lỗi! Đó là tất cả những gì con, một kẻ tội lỗi, có thể nghĩ đến và diễn đạt bằng lời. Giờ đây, Nữ Vương, đã đến lúc thực hiện điều con đã hứa khi kêu cầu Ngài làm Đấng bảo trợ: xin hãy hướng dẫn con theo ý muốn của Ngài, và dạy con cách hoàn tất sự cứu rỗi trên con đường sám hối.

Sau những lời ấy, tôi nghe thấy, như từ xa xôi, một giọng nói:

– Nếu con vượt qua sông Jordan, con sẽ tìm thấy sự bình an trọn vẹn.

Nghe những lời ấy với niềm tin rằng chúng dành cho con, con đã thốt lên trong nước mắt, mắt hướng về bức tượng Đức Mẹ "[2798] ":

– Nữ Vương, Nữ Vương Đức Mẹ, xin đừng bỏ rơi con!

Với những lời đó, tôi bước ra khỏi tiền sảnh nhà thờ và nhanh chóng đi về phía trước. Trên đường đi, có ai đó đưa cho tôi ba đồng xu và nói:

– Hãy nhận lấy đi, thưa bà.

Tôi nhận lấy những đồng tiền, mua ba ổ bánh mì và hỏi người bán hàng đường đến sông Jordan ở đâu. Biết được cổng nào dẫn về phía đó, tôi vội vã đi tiếp, nước mắt tuôn trào. Thế là tôi đã dành cả ngày trên đường, hỏi đường những người đi ngang qua, và đến giờ thứ ba của ngày hôm đó, khi được chiêm ngưỡng Thánh Giá của Chúa Kitô, lúc mặt trời đang lặn, tôi đã đến được nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả bên sông Jordan. Sau khi cầu nguyện trong nhà thờ, tôi xuống sông Jordan và rửa tay và mặt bằng nước từ dòng sông thánh này. Trở lại nhà thờ, tôi đã rước Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô. Sau đó, tôi ăn một nửa chiếc bánh mì, uống nước từ sông Jordan và ngủ thiếp đi trên mặt đất. Sáng sớm, sau khi tìm thấy một chiếc thuyền nhỏ, tôi đã sang bờ bên kia và một lần nữa dâng lời cầu nguyện lên Đức Mẹ, Đấng hướng dẫn tôi, xin Ngài chỉ dạy tôi theo ý Ngài. Thế là tôi lui vào sa mạc, nơi tôi vẫn lang thang cho đến ngày nay, chờ đợi sự cứu rỗi mà Thiên Chúa sẽ ban cho tôi khỏi những đau khổ về tâm hồn và thể xác".

Zosima hỏi:

– Thưa bà, đã bao nhiêu năm trôi qua kể từ khi bà định cư ở sa mạc này rồi?

– Tôi nghĩ, – bà trả lời, – đã 47 năm trôi qua kể từ khi tôi rời khỏi thành thánh.

– Vậy thì, – Zosima hỏi, – bà kiếm gì để ăn?

[2798] Theo các biên niên sử Nga, bức tượng thánh này sau đó đã được chuyển đến Nhà thờ Hagia Sophia ở Constantinople.

– Khi vượt qua sông Jordan, – vị thánh nữ nói, – tôi có hai miếng bánh mì rưỡi; chúng dần khô lại, như thể hóa đá, và tôi đã ăn chúng từng chút một trong vài năm.

– Làm sao chị có thể sống an lành suốt quãng thời gian dài như vậy mà không bị bất kỳ cám dỗ nào làm lung lay?

– Con sợ phải trả lời câu hỏi của cha, cha Zosima: khi con nhớ lại những nỗi khổ mà con đã phải chịu đựng vì những suy nghĩ hành hạ con, con sợ rằng chúng sẽ lại chiếm lấy tâm trí con.

– Không sao đâu, thưa bà, – Zosima nói, – xin đừng bỏ sót điều gì trong câu chuyện của bà, chính vì vậy tôi mới hỏi bà, để biết tất cả chi tiết về cuộc đời bà.

Rồi bà nói:

– Xin cha Zosima tin tôi, tôi đã sống 17 năm trong sa mạc này, chiến đấu với những đam mê điên cuồng của mình như thể chúng là những con thú dữ tợn. Khi tôi bắt đầu ăn, tôi lại mơ về thịt và rượu vang mà tôi từng thưởng thức ở Ai Cập; tôi khao khát được uống loại rượu vang mà tôi yêu thích. Khi còn sống đời thế tục, tôi đã uống rất nhiều rượu, nhưng ở đây tôi thậm chí không có cả nước; tôi khát khô cổ và đau khổ tột cùng. Đôi khi, tôi nảy sinh một ham muốn khiến tôi vô cùng xấu hổ là muốn hát những bài hát dâm đãng mà tôi đã quen thuộc. Lúc đó, tôi khóc nức nở, đập ngực và nhớ lại những lời thề mà tôi đã hứa khi lui vào sa mạc. Lúc đó, trong tâm trí, tôi đứng trước bức tượng của Đấng Bảo Trợ của tôi, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, và khóc lóc van xin Người xua đuổi những suy nghĩ đang làm xao xuyến tâm hồn tôi. Tôi khóc như vậy rất lâu, đập mạnh vào ngực mình, và cuối cùng, dường như có một luồng ánh sáng lan tỏa xung quanh tôi, và tôi dần bình tĩnh lại sau những xao xuyến. Làm sao con có thể thú nhận với cha, thưa cha, về những ham muốn dâm dục đã chiếm hữu con? Xin cha tha thứ. Ngọn lửa dục vọng bùng cháy trong con và thiêu đốt con, xúi giục con sa vào dục vọng. Khi cơn cám dỗ ấy ập đến, tôi ngã quỵ xuống đất và khóc nức nở, tưởng tượng rằng chính Người Bảo Trợ của tôi đang đứng trước mặt, lên án tội lỗi của tôi và đe dọa những cực hình nặng nề vì điều đó. Ngã quỵ trên đất, tôi không đứng dậy suốt ngày đêm, cho đến khi ánh sáng ấy chiếu rọi tôi và xua tan những suy nghĩ làm tôi bối rối. Lúc đó, tôi ngước mắt lên nhìn vị bảo trợ của mình, tha thiết cầu xin sự giúp đỡ cho những đau khổ của tôi trong sa mạc – và quả thực, Người đã ban cho tôi sự giúp đỡ và hướng dẫn trong việc sám hối. Tôi đã trải qua 17 năm trong những đau khổ liên miên như vậy. Và từ đó cho đến nay, Đức Mẹ luôn là người trợ giúp và hướng dẫn tôi trong mọi việc.

Lúc đó, Zosima hỏi:

– Chị có bao giờ thiếu thốn thức ăn và quần áo không?

Thánh nữ trả lời:

– Khi hết bánh mì, sau mười bảy năm, tôi đã ăn các loại thực vật; bộ quần áo mà tôi mặc khi băng qua sông Jordan đã mục nát vì cũ kỹ, và tôi đã phải chịu đựng rất nhiều, kiệt sức vì nắng nóng vào mùa hè, run rẩy vì giá lạnh vào mùa đông; đến nỗi nhiều lần tôi ngã xuống đất như người đã tắt thở và nằm đó rất lâu, phải chịu đựng vô số khổ đau về thể xác lẫn tâm hồn. Nhưng từ thời điểm đó cho đến ngày nay, quyền năng của Đức Chúa Trời đã biến đổi hoàn toàn linh hồn tội lỗi và thân thể khiêm nhường của tôi, và giờ đây tôi chỉ còn nhớ lại những thiếu thốn ngày xưa, tìm thấy cho mình nguồn lương thực vô tận trong niềm hy vọng về sự cứu rỗi: tôi được nuôi dưỡng và che chở bởi Lời toàn năng của Đức Chúa Trời, vì những ai không có nơi trú ẩn đã khoác lên mình những hòn đá, bởi họ đã cởi bỏ áo choàng của tội lỗi (xem: Sách Giốp 24:8; Thư Hê-bơ-rơ 11:38).

Nghe thấy vị thánh nữ nhắc lại những lời trong Kinh Thánh từ Mô-sê, các tiên tri và Thánh Vịnh, Zosima hỏi liệu cô có học Thánh Vịnh và các sách khác hay không.

– Đừng nghĩ – bà đáp với nụ cười – rằng kể từ khi tôi băng qua sông Jordan, tôi đã gặp bất kỳ ai ngoài ngài: thậm chí tôi còn chưa từng thấy một con thú hay loài vật nào cả. Và tôi chưa bao giờ học qua sách vở, cũng chưa từng nghe ai đọc hay hát, nhưng Lời Chúa luôn luôn và ở khắp mọi nơi soi sáng tâm trí và thấm nhập đến cả tôi, người không được thế gian biết đến. Nhưng tôi khẩn cầu anh, với tư cách là hiện thân của Lời Chúa: hãy cầu nguyện cho tôi, một người phụ nữ tội lỗi.

Cô ấy đã nói như vậy. Vị tu sĩ già quỳ xuống dưới chân cô với những giọt nước mắt và thốt lên:

– Ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng thực hiện những việc lớn lao và đáng sợ, kỳ diệu và vinh quang, không thể đếm xuể! Ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã cho tôi thấy Ngài ban thưởng như thế nào cho những ai kính sợ Ngài! Quả thật, lạy Chúa, Ngài không bỏ rơi những ai tìm kiếm Ngài!

Vị thánh nữ không cho vị tu sĩ già quỳ lạy mình và nói:

– Con xin thề với cha, thưa cha thánh, nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa Cứu Thế của chúng ta, xin cha đừng kể cho ai nghe những gì cha đã nghe từ con, cho đến khi Thiên Chúa đưa con rời khỏi trần gian; còn bây giờ, xin cha hãy ra đi bình an; một năm nữa, cha sẽ lại gặp con, nếu ân sủng của Thiên Chúa gìn giữ chúng ta. Nhưng vì danh Chúa, xin cha hãy làm điều con xin: trong mùa chay năm tới, xin đừng băng qua sông Jordan, như các cha thường làm ở tu viện.

Zosima ngạc nhiên khi nghe bà nhắc đến nội quy tu viện, và không thể thốt lên lời nào ngoài:

– Tạ ơn Chúa, Đấng ban thưởng cho những ai yêu mến Ngài!

– Vậy thì, thưa Cha thánh, – cô tiếp lời, – xin hãy ở lại tu viện như con đã nói với Cha, vì Cha sẽ không thể ra đi được, dù Cha có muốn đi chăng nữa; vào Thứ Năm Thánh và Lớn, ngày Bữa Tiệc Ly bí mật của Chúa Kitô, xin cha hãy lấy chiếc bình thánh xứng đáng để đựng Thân Thể và Máu ban sự sống, mang đến làng trần thế bên kia bờ sông Jordan và chờ con, để con được rước Mình và Máu Thánh: vì từ khi tôi rước lễ trước khi băng qua sông Jordan tại nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả cho đến ngày hôm nay, tôi chưa từng nếm Mình và Máu Thánh. Giờ đây, con khao khát điều này bằng cả trái tim, và xin cha đừng bỏ qua lời khẩn cầu của con, nhưng nhất định hãy mang đến cho con những Bí tích ban sự sống và thiêng liêng vào giờ phút mà Chúa đã cho các môn đệ của Ngài được tham dự Bữa Tiệc Thánh thiêng liêng của Ngài. Hãy nói với Gioan, vị tu viện trưởng của tu viện nơi ngài đang sống: hãy chăm sóc bản thân và các anh em của ngài, vì các ngài còn nhiều điều cần phải sửa đổi – nhưng đừng nói điều này ngay bây giờ, mà hãy nói khi Thiên Chúa soi sáng cho ngài.

Sau những lời ấy, bà lại xin vị tu sĩ cầu nguyện cho mình rồi lui sâu vào lòng sa mạc. Zosima, sau khi cúi mình xuống đất và hôn lên nơi bà từng đặt chân để tôn vinh Thiên Chúa, đã lên đường trở về, ca ngợi và chúc tụng Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Sau khi băng qua sa mạc, ông đến tu viện vào đúng ngày mà các tu sĩ sống ở đó thường trở về. Ông im lặng về những gì mình đã thấy, không dám kể lại, nhưng trong lòng ông cầu xin Chúa ban cho ông thêm một cơ hội nữa để được nhìn thấy khuôn mặt thân thương của nữ tu hành. Với nỗi buồn, ngài nghĩ rằng năm tháng trôi qua thật chậm chạp và mong sao khoảng thời gian đó trôi qua nhanh như chỉ trong một ngày.

Khi tuần đầu tiên của Mùa Chay bắt đầu, theo tập quán và nội quy của tu viện, tất cả các tu sĩ, sau khi cầu nguyện và hát thánh ca, đã ra sa mạc. Chỉ có Zosima, người đang mắc bệnh nặng, buộc phải ở lại tu viện. Lúc đó, ông nhớ lại lời của vị thánh: "Ngươi sẽ không thể ra đi, dù có muốn đi chăng nữa!" Sau khi nhanh chóng hồi phục khỏi bệnh, Zosima ở lại tu viện. Khi các tu sĩ trở về và ngày Bữa Tiệc Ly sắp đến, vị tu sĩ già đã làm đúng như những gì được chỉ dẫn: ông đặt Thánh Thể và Máu của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, vào một chiếc chén nhỏ, rồi lấy vào giỏ vài quả sung khô và quả chà là, cùng một ít lúa mì đã ngâm nước, vào tối muộn, ông rời tu viện và ngồi bên bờ sông Jordan, chờ đợi sự xuất hiện của vị thánh nữ. Thánh nữ mãi không đến, nhưng Zosima, không chợp mắt, không ngừng dõi mắt về phía sa mạc, mong được thấy điều mà ông khao khát đến vậy. "Có lẽ," vị tu sĩ già nghĩ, "tôi không xứng đáng để bà ấy đến với tôi, hoặc bà ấy đã đến trước đó rồi, nhưng không tìm thấy tôi nên đã quay trở lại." Những suy nghĩ ấy khiến ông rơi lệ, thở dài và ngước mắt lên trời, bắt đầu cầu nguyện: "Xin Chúa đừng tước đi cơ hội được nhìn thấy lại khuôn mặt mà Ngài đã cho con được chiêm ngưỡng! Xin đừng để con rời khỏi đây mà không được an ủi, dưới gánh nặng của những tội lỗi đang lên án con!"

Lúc đó, một ý nghĩ khác chợt lóe lên trong đầu ông: "Nếu cô ấy đến sông Jordan mà không có thuyền, làm sao cô ấy có thể qua sông và đến với tôi, kẻ không xứng đáng này? Ôi, tôi, kẻ tội lỗi, thật đáng thương! Ai đã tước đi hạnh phúc được gặp lại cô ấy của tôi?"

Vị tu sĩ già đang suy nghĩ như vậy, thì nữ thánh đã đến gần dòng sông. Thấy nàng, Zosima vui mừng đứng dậy và tạ ơn Chúa. Ông vẫn còn bị dằn vặt bởi suy nghĩ rằng nàng không thể vượt qua sông Jordan, thì bỗng thấy vị thánh nữ, được ánh trăng chiếu rọi, làm dấu thánh giá trên mặt sông, bước xuống nước từ bờ và đi về phía ông trên mặt nước như đi trên đất liền. Chứng kiến cảnh đó, Zosima ngạc nhiên định cúi đầu chào bà, nhưng vị thánh nữ, vẫn đang bước đi trên mặt nước, đã ngăn cản và kêu lên: "Ông đang làm gì vậy? Ông là linh mục và đang mang theo các Bí tích Thánh!"

Vị tu sĩ già vâng theo lời bà, còn vị thánh nữ, sau khi lên bờ, đã xin ngài ban phước lành. Bị bao trùm bởi sự kinh hoàng trước cảnh tượng kỳ diệu ấy, ngài kêu lên: "Quả thật, Thiên Chúa đang thực hiện lời hứa của Ngài là làm cho những ai được cứu rỗi trở nên giống Ngài theo khả năng của họ! Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng con, Đấng đã cho con thấy qua người tôi tớ của Ngài rằng con còn cách xa sự hoàn hảo biết bao!"

Sau đó, vị thánh nữ xin được đọc Kinh Tin Kính và Kinh Lạy Cha. Khi kết thúc lời cầu nguyện, bà đã rước Mình Thánh Chúa Kitô, Đấng Thánh Khiết và Ban Sự Sống, rồi theo tập tục tu viện, bà hôn lên mặt vị tu sĩ già; sau đó, bà thở dài và trong nước mắt, bà thốt lên:

– "Lạy Chúa, giờ đây xin Chúa cho tôi tớ Chúa ra đi trong bình an, theo lời Chúa phán, vì mắt tôi đã được thấy sự cứu rỗi của Chúa" (Lc 2:29–30).

Sau đó, quay sang Zosima, vị thánh nữ nói:

– Con xin cha, xin đừng từ chối thực hiện một điều ước nữa của con: bây giờ cha hãy trở về tu viện của mình, còn năm sau hãy đến con suối ấy, nơi trước đây cha đã trò chuyện với con; hãy đến vì danh Chúa, và cha sẽ lại được gặp con: đó là ý muốn của Chúa.

– Nếu có thể được, – vị thánh già đáp lại, – con muốn luôn theo chân chị và được nhìn thấy khuôn mặt rạng ngời của chị. Nhưng xin chị hãy thực hiện mong ước của con, một người già: hãy nếm thử một chút thức ăn mà con mang đến.

Nói xong, ông chỉ vào những thứ mang theo trong giỏ. Vị thánh nữ chạm nhẹ đầu ngón tay vào lúa mì, lấy ba hạt, đưa lên miệng rồi nói:

– Thế là đủ rồi: ân sủng của thức ăn thiêng liêng, giữ cho linh hồn không bị ô uế, sẽ làm con no nê. Con lại xin ngài, thưa cha thánh, hãy cầu nguyện cho con trước mặt Chúa, nhớ đến sự tội lỗi của con.

Vị tu sĩ già cúi đầu chào bà xuống đất và xin bà cầu nguyện cho Giáo hội, cho các vị vua và cho chính ông. Sau lời thỉnh cầu đầy nước mắt ấy, ông chia tay bà trong tiếng nức nở, không dám giữ bà lại thêm nữa. Dù có muốn đi chăng nữa, ông cũng không có sức để ngăn cản bà. Vị thánh nữ lại làm dấu thánh giá trên sông Jordan và, như trước đây, băng qua dòng sông mà không ướt chân. Còn vị tu sĩ già trở về tu viện, lòng vừa vui mừng vừa lo sợ; ông tự trách mình vì đã không biết tên của vị thánh nữ, nhưng hy vọng sẽ biết được vào năm sau.

Một năm nữa trôi qua. Zosima lại lên đường vào sa mạc, tuân theo truyền thống của tu viện, và hướng về nơi ông từng có thị kiến kỳ diệu. Ông đi khắp sa mạc, nhận ra nơi mình tìm kiếm nhờ một số dấu hiệu, rồi bắt đầu quan sát kỹ lưỡng xung quanh, như một thợ săn lão luyện đang tìm kiếm con mồi béo bở. Tuy nhiên, ông không thấy ai đang tiến lại gần mình cả. Trong nước mắt, ông ngước mắt lên trời và bắt đầu cầu nguyện: "Lạy Chúa, xin hãy chỉ cho con kho báu của Ngài, kho báu mà không ai có thể cướp đi, được Ngài giấu kín trong sa mạc; xin hãy chỉ cho con vị thánh nữ công chính, vị Thiên thần trong xác phàm này, người mà cả thế gian này không xứng đáng so sánh!"

Trong khi dâng lời cầu nguyện ấy, vị tu sĩ già đã đến nơi có dòng suối chảy qua; đứng trên bờ, ông nhìn về phía đông và thấy vị nữ tu thánh thiện đang nằm bất động; hai tay bà chắp lại như người nằm trong quan tài, khuôn mặt hướng về phía đông. Ông nhanh chóng tiến lại gần bà, quỳ xuống dưới chân bà, kính cẩn hôn lên đôi chân ấy và tưới ướt chúng bằng những giọt nước mắt của mình. Ông khóc rất lâu; sau đó, sau khi đọc xong các thánh vịnh và lời cầu nguyện dành cho lễ an táng, ông bắt đầu suy nghĩ xem liệu có thể chôn cất thi thể của vị nữ tu đáng kính này hay không, và liệu điều đó có làm bà hài lòng hay không. Lúc đó, ông thấy ở đầu thi hài của vị thánh nữ có dòng chữ này được khắc trên mặt đất: "Hãy chôn cất, Abba Zosima, thi hài của Maria khiêm nhường tại nơi này, hãy trả tro bụi về với tro bụi. Hãy cầu xin Thiên Chúa cho con, người đã qua đời vào tháng Farmufia theo lịch Ai Cập, tháng Tư theo lịch La Mã, vào ngày đầu tiên, trong đêm Cuộc Khổ Nạn cứu rỗi của Chúa Kitô, sau khi rước Mình Thánh Chúa[2799] ".

Sau khi đọc dòng chữ, vị tu sĩ già trước hết tự hỏi ai có thể viết được điều này: vị thánh nữ, như chính bà đã nói, không biết viết. Nhưng ông rất vui mừng khi biết được tên của vị thánh nữ. Ngoài ra, ông còn biết được rằng vị thánh nữ, sau khi rước lễ bên bờ sông Jordan, chỉ trong một giờ đã đến nơi bà qua đời – nơi mà ông phải mất hai mươi ngày lặn lội gian nan mới đến được – và ngay lập tức dâng linh hồn lên Thiên Chúa.

"Giờ đây," Zosima nghĩ, "tôi phải thực hiện di nguyện của vị thánh nữ, nhưng làm sao tôi, một kẻ tội lỗi, có thể đào hố mà không có bất kỳ dụng cụ nào trong tay?"

Lúc đó, ông nhìn thấy gần mình có một cành cây bị vứt lại trong sa mạc, liền nhặt lấy và bắt đầu đào. Tuy nhiên, đất khô cằn không chịu khuất phục trước sức lực của vị tu sĩ già; ông ướt đẫm mồ hôi nhưng vẫn chẳng làm được gì. Ông thở dài cay đắng từ tận đáy lòng. Bất ngờ, khi ngước mắt lên, ông thấy một con sư tử khổng lồ đang đứng bên thi thể vị thánh nữ và liếm chân bà. Vị tu sĩ già kinh hoàng trước hình ảnh con thú, nhất là khi ông nhớ lại

[2799] Thánh nữ Maria qua đời vào năm 522.

lời vị thánh nữ rằng bà chưa bao giờ nhìn thấy thú vật. Ông làm dấu thánh giá trên trán, tin chắc rằng sức mạnh của vị thánh nữ đã an nghỉ sẽ bảo vệ ông. Con sư tử bắt đầu lặng lẽ tiến lại gần vị tu sĩ già, nhìn ông một cách dịu dàng, như thể đầy tình yêu thương. Lúc đó, Zosima nói với con thú: "Vị nữ tu vĩ đại đã truyền lệnh cho tôi chôn cất thi thể của bà, nhưng tôi đã già và không thể đào huyệt được; tôi cũng không có dụng cụ để đào, còn tu viện thì xa xôi, tôi không thể mang nó từ đó về kịp. Vậy thì con hãy dùng móng vuốt của mình đào một cái hố, và ta sẽ chôn cất thi thể của vị nữ tu."

Con sư tử dường như hiểu được những lời ấy và dùng hai chân trước đào một cái hố đủ rộng để chôn cất. Vị tu sĩ già lại dùng nước mắt làm ướt đôi chân của vị thánh nữ, xin bà cầu nguyện cho cả thế giới, rồi phủ đất lên thi thể bà. Thánh nữ gần như trần truồng – bộ quần áo cũ kỹ, rách rưới mà Zosima đã ném cho bà trong lần gặp đầu tiên, chỉ vừa đủ che thân thể bà. Sau đó, cả hai đều rời đi: con sư tử, hiền lành như chú cừu con, đi sâu vào sa mạc, còn Zosima – trở về tu viện của mình, chúc tụng và tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Khi về đến tu viện, ông không giấu giếm điều gì mình đã thấy và nghe, mà kể lại cho tất cả các tu sĩ về Thánh nữ Maria. Mọi người đều kinh ngạc trước sự vĩ đại của Đức Chúa Trời và quyết định với lòng kính sợ, đức tin và tình yêu thương, tôn kính kỷ niệm của Thánh nữ và cử hành ngày ngài qua đời.

Vị Trưởng tu viện Gioan, như chính Thánh Nữ Maria đã truyền đạt lại cho Thánh Zosima, đã phát hiện ra một số vấn đề trong tu viện và khắc phục chúng nhờ ơn Chúa. Còn Thánh Zosima, sau một cuộc đời dài gần một trăm năm, đã kết thúc cuộc sống trần thế và bước vào cuộc sống vĩnh hằng, về với Thiên Chúa[2800] . Câu chuyện của ngài về Thánh Nữ Maria được các tu sĩ trong tu viện đó truyền miệng cho nhau như một bài học chung, nhưng họ không ghi chép lại những công đức của vị thánh.

Còn tôi, – Thánh Sofronius nói thêm, – sau khi nghe câu chuyện, đã ghi chép lại. Tôi không biết, có lẽ ai đó khác, am hiểu hơn, đã viết tiểu sử của vị thánh nữ này rồi, nhưng tôi, trong khả năng của mình, đã ghi chép lại tất cả, chỉ trình bày một sự thật duy nhất. Xin Thiên Chúa, Đấng thực hiện những phép lạ kỳ diệu và hào phóng ban ân huệ cho những ai hướng về Ngài với lòng tin, hãy ban thưởng cho những ai tìm kiếm sự dạy dỗ trong câu chuyện này, cho những ai lắng nghe, đọc và đã tận tâm ghi chép lại nó, và xin Ngài ban cho họ số phận của Thánh Maria cùng với tất cả những ai đã từng làm đẹp lòng Thiên Chúa bằng những suy nghĩ và công việc đạo đức của mình".

Chúng ta cũng hãy dâng vinh quang lên Thiên Chúa, Vua muôn đời, và xin Ngài ban cho chúng ta ân sủng của Ngài vào Ngày Phán Xét vì danh Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Đấng xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự, quyền năng và sự thờ phượng cùng với Chúa Cha và Thánh Thần Chí Thánh và Ban Sự Sống, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen[2801] .

Bài ca Troparion, giọng 8:

Trong Mẹ, hỡi Mẹ, chúng con biết chắc sẽ được cứu rỗi, vì theo gương Ngài, Mẹ đã vác thập giá, theo chân Đức Kitô, và dạy chúng con khinh dể xác thịt, vì nó sẽ qua đi, nhưng hãy lo lắng cho linh hồn bất tử. Vì thế, hỡi Mẹ Maria đáng kính, linh hồn Mẹ sẽ hân hoan cùng các Thiên Thần.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Tránh khỏi sương mù tội lỗi, chiếu sáng trái tim cao quý của Mẹ bằng ánh sáng sám hối, Mẹ đã đến với Chúa Kitô, và dâng lên Ngài Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm Nguyên Tội và Thánh Thiện, Đấng Cầu Nguyện đầy lòng thương xót. Chính vì thế, Mẹ đã được tha thứ mọi tội lỗi, và mãi mãi hân hoan cùng các Thiên Thần.

[2800] Thánh Zosima qua đời vào nửa đầu thế kỷ VI. Ngày kỷ niệm ngài được tổ chức vào ngày 4 tháng 4

[2801] Giáo hội Chính thống đã quy định trong Mùa Chay Lớn, người ta sẽ tưởng nhớ cuộc đời của Thánh nữ Maria Ai Cập. Vào thứ Năm của tuần thứ năm trong Mùa Chay Lớn, trong giờ kinh sáng, toàn bộ Đại Thánh ca sám hối của Thánh Andrei người Crete được đọc, và 18 bài thánh ca trong Thánh ca này được dành riêng để tưởng nhớ Thánh nữ Maria (Lễ tưởng niệm Thánh nữ Maria).

Lễ kính Thánh Cha Euphymius của Suzdal.

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 4

Thánh Euphimius sinh ra trong một gia đình sùng đạo. Nơi ngài sinh ra và lớn lên là Nizhny Novgorod. Khi ngài đến tuổi, cha mẹ đã gửi ngài đi học Kinh Thánh, và vị thiếu niên thánh thiện này cùng với các bạn đồng lứa đã học tập với sự siêng năng lớn lao, đồng thời hoàn toàn tránh xa các trò chơi trẻ con. Với tính cách trầm lặng và luôn vâng lời cha mẹ trong mọi việc, ngài thường xuyên đến các thánh đường, nơi ngài thích đứng một mình trong góc tối, để không ai có thể làm ngài phân tâm bằng những cuộc trò chuyện về những điều phù du của thế gian này, và để ngài có thể lắng nghe những bài thánh ca và bài đọc trong nhà thờ với sự chú tâm trọn vẹn. Một lần, ngài đến nhà thờ thánh và nghe trong Phúc Âm những lời: "Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ chính mình, vác thập giá mình và theo Ta" và những lời khác (Lc 9 và tiếp theo). Nghe những lời ấy, Thánh Euphimius quyết định từ bỏ những của cải trần gian và lên đường đến Tu viện Pechersk của Lễ Thăng Thiên Chúa ( ), nằm gần Nizhny Novgorod[2802] , nơi ngài đã nhận lễ xuất gia từ vị trụ trì của tu viện này, tên là Dionysius. Sau khi vào tu viện, Evfimii bắt đầu dấn thân vào những việc tu hành vĩ đại. Trong khi liên tục hát các thánh vịnh của Đa-vít, ban ngày ông thường dành thời gian lao động, siêng năng thực hiện các công việc tu viện khác nhau, còn ban đêm thì lui vào hang động và tại đó, trong nước mắt, dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện suốt đêm. Vị tu sĩ đáng kính này thực hiện những việc tu hành đó trong sự vâng phục tuyệt đối đối với vị thầy của mình, Thánh Dionysius. Trong những năm tháng sau này của cuộc đời, ngài đã đạt đến mức độ tu hành cao độ đến nỗi đôi khi thức trắng cả đêm để cầu nguyện và thường xuyên tự đặt mình vào những thử thách như vậy. Bên cạnh đó, ngài rất tiết chế trong việc ăn uống, chỉ dùng lượng thức ăn vừa đủ để không kiệt sức vì đói, và không uống gì khác ngoài nước, mà ngay cả nước cũng chỉ uống khi cảm thấy khát dữ dội. Sau đó, ngài được giao nhiệm vụ phục vụ tại lò bánh. Tại đây, ngài càng tăng cường các hành động tu hành của mình, vì ngài liên tục mang nước và chặt củi. Chẳng bao lâu sau, ngài được lệnh phục vụ ngay tại lò bánh. Khi làm việc tại đây, vị thánh luôn nhắc nhở bản thân về những cực hình vĩnh cửu từ ngọn lửa không thể dập tắt và con sâu gặm nhấm. Thường xuyên, khi nhìn vào ngọn lửa, ngài tự nhủ: "Hãy chịu đựng đi, Euphymius, để qua ngọn lửa này, ngươi có thể tránh khỏi ngọn lửa vĩnh cửu."

Chứng kiến những hành động anh hùng và sự kiên nhẫn của Thánh Euphymius, mọi người không còn xem ngài như một con người, mà như một Thiên thần của Chúa đang sống giữa họ.

Vào thời điểm đó, Đại công tước Boris Konstantinovich[2803] đang cai trị các công quốc Suzdal và Nizhny Novgorod. Ông đã gửi lời thỉnh cầu đến vị trụ trì Tu viện Pechersk, Thánh nhân Dionysius, xin gửi Thánh nhân Euphymius đến Suzdal để tham gia xây dựng tu viện mà ông dự định thành lập. Thánh nhân Dionysius vui mừng hứa với Đại công tước sẽ đáp ứng lời thỉnh cầu của ngài, và không lâu sau đó, Thánh nhân Euthymius, sau khi nhận lời cầu nguyện tiễn biệt và sự ban phước từ vị thầy của mình, đã lên đường. Khi ngài đến thành phố Gorokhovets, ngài đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Cha Vasil, Tổng Giám mục Cesarea ở Cappadocia, cách đó khoảng 8 verst, và lập một tu viện cộng đồng[2804] bên cạnh nhà thờ đó, sau đó ngài đến Suzdal gặp Đại công tước Boris Konstantinovich. Đại công tước rất vui mừng trước sự xuất hiện của vị tu sĩ đáng kính và, sau khi trò chuyện với ngài một lúc, đã cùng ngài đến gặp Giám mục Ioann của Suzdal. Khi đến gặp giám mục, đại công tước đã bày tỏ ý định của mình, kể lại một cách chi tiết về cuộc đời của Thánh Dionysius – về cách Chúa đã ban cho ngài ân sủng tiên tri và cách Ngài đã ban phước cho ngài để thành lập tu viện, đồng thời cũng kể về vị tu sĩ Euthymius. Sau đó, Đại công tước xin Đức Giám mục đi cùng mình để tìm địa điểm xây dựng tu viện, và Đức Giám mục đã lên đường cùng Đại công tước, còn Thánh Euphymius cũng đi theo cùng họ. Chẳng bao lâu sau, họ tìm thấy một địa điểm gần

---

[2802] Tu viện Pechersk Voznesensky được thành lập ở vùng ngoại ô Nizhny Novgorod vào khoảng năm 1330 bởi một người bạn của Thánh Sergius Radonezhsky, Thánh Dionysius, người đã đào cho mình một hang động cách thành phố 5 verst trên bờ sông Volga và tu hành tại đó, sau đó trở thành archimandrite của tu viện này và sau này là tổng giám mục Suzdal. Ngài qua đời với chức vụ tổng giám mục Kiev vào năm 1384. Ngày tưởng niệm ngài là ngày 26 tháng 6.

[2803] Không rõ tại sao Boris Konstantinovich lại được gọi là Đại công tước ở đây. Các công tước Suzdal thực sự đã tranh giành ngai vàng Đại công tước sau khi Simeon Gorody qua đời vào năm 1353, nhưng đã thất bại trong nỗ lực này, và chỉ sau khi Ioann II Krotky qua đời vào năm 1359, công tước Suzdal Dimitri Konstantinovich mới lên nắm ngôi Đại công tước. Tuy nhiên, ông chỉ giữ chức Đại công tước trong vài năm. Năm 1363, ông buộc phải nhường ngai vàng Đại công tước cho con trai của Ioann Krotky, là Dimitri Ioannovich Donskoy.

[2804] Tu viện này từ trước đến nay luôn trực thuộc Tu viện Spaso-Evfimiev.

thành phố, trên ngọn núi, bên bờ con sông tên là Kamenitsa, nơi thành phố Suzdal cũng tọa lạc, và họ rất ưng ý với địa điểm này. Lúc đó, họ đã dâng lời cầu nguyện, tạ ơn Thiên Chúa.

Sau đó, rất đông người dân đã tụ tập tại nơi này, bao gồm các nhà cai trị của tất cả các lãnh địa công tước, các quý tộc, các công tước và các quan chức trong triều đình của ngài, các giáo sĩ, các tu sĩ, cũng như những người đàn ông và phụ nữ ở mọi lứa tuổi. Trước sự chứng kiến của đám đông đông đảo như vậy, Giám mục Ioann đã ban phước và thánh hiến khu đất dành cho tu viện; sau một lời cầu nguyện đặc biệt, ngài đã dựng cây thánh giá tại vị trí mà bàn thờ của nhà thờ đầu tiên sẽ được đặt. Lúc đó, hoàng tử ra lệnh chuẩn bị đá và mọi vật liệu cần thiết để xây dựng nhà thờ. Và khi mệnh lệnh của hoàng tử được thực hiện, chính ngài là người đầu tiên cầm cuốc, tự tay đào hào, và các quan chức cùng các quý tộc trong nước đã noi gương ngài.

Sau đó, một thánh lễ được cử hành để đặt nền móng cho nhà thờ, và nhà thờ được khởi công xây dựng để tôn vinh sự Biến Hình của Chúa Giêsu Kitô, rồi người ta bắt đầu dựng các bức tường của công trình. Thánh Euphimius, sau khi xin phép và nhận được sự ban phước của giám mục, đã cầm rìu và tự tay đẽo ba tảng đá gần cửa phía bắc của bàn thờ, gần bàn hiến tế thánh, rồi tự làm cho mình một quan tài, nơi sau này thi hài tôn kính của ngài được an táng.

Nhà thờ được hoàn thành vào năm 1352[2805] và được thánh hiến ngay trong năm đó. Giám mục Gioan đã phong thánh Euphimius lên chức Archimandrite và giao phó cho ngài nhiệm vụ chăn dắt đoàn chiên Kitô giáo, còn vị công tước đã ban tặng ngài một lượng lớn vàng và bạc để xây dựng tu viện. Kể từ thời điểm đó, Thánh Euphymius, với những giọt nước mắt ăn năn, đã dấn thân vào những công việc vĩ đại. Ban ngày, ngài miệt mài lao động để xây dựng tu viện, còn ban đêm thì dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện không ngừng nghỉ và đầy nhiệt thành; nhờ đó, ngài đã hoàn thành việc xây dựng tu viện cùng các phòng tu cho các tu sĩ tương lai. Ngoài ngôi thánh đường đã có từ trước, ngài còn xây dựng thêm một ngôi thánh đường khác mang tên Thánh Giăng Thang và nối liền với nó một phòng ăn bằng đá, nơi các tu sĩ có thể tụ họp để cầu nguyện và dùng bữa vào những ngày đông. Khi có khoảng 300 tu sĩ tụ họp tại tu viện của vị Thánh và họ không thể chứa hết trong phòng ăn, ngài đã ra lệnh xây dựng một nhà thờ mới mang tên Thánh Nicholas, Vị Thánh làm phép lạ ở Mirliki, được gọi là Nhà thờ Bệnh xá, và bên cạnh đó xây dựng một phòng ăn lớn bằng gỗ để những tu sĩ không thể chen chân cùng những người khác trong phòng ăn bằng đá có thể tụ họp tại đó. Sau đó, các công trình khác cần thiết cho tu viện cũng được xây dựng theo nhu cầu.

Như vậy, nhờ công lao và lời cầu nguyện của Thánh Euphymius, cùng với ân sủng của Thiên Chúa, tu viện của ngài đã được xây dựng hoàn chỉnh, đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu của cộng đoàn. Và ngài bắt đầu lãnh đạo đoàn chiên được giao phó cho mình một cách kiên định và theo ý Chúa. Ngài đã thiết lập quy tắc rằng tất cả các tu sĩ phải tuân phục một cách không phàn nàn, sống trong tình yêu thương chân thành với nhau, giữ sự trong sạch và không tham lam, để không ai trong số họ sở hữu tài sản riêng, mà mọi thứ đều thuộc về chung; và nếu phát hiện ai trong cộng đoàn có tài sản riêng, ngài sẽ áp đặt hình phạt sám hối lên người đó. Ngài không cho phép các tu sĩ trò chuyện với nhau trong nhà thờ, đồng thời luôn yêu cầu họ giữ im lặng trong bữa ăn. Sau bữa ăn, ngài ra lệnh cho tất cả trở về phòng riêng của mình trong im lặng, không được nói chuyện với nhau, và không cho phép ghé thăm phòng của người khác trừ khi có nhu cầu cấp bách. Ngoài ra, ngài còn quy định, như một nguyên tắc chung, rằng không một tu sĩ nào được phép có những suy nghĩ riêng, mà mỗi người phải sẵn sàng tuân theo mọi mệnh lệnh. Về phần mình, các tu sĩ đều vâng lời ngài trong mọi việc, như vâng lời một Thiên Thần của Chúa.

Để trao đổi về các vấn đề tâm linh, Thánh Euphimius thường đến thăm Thánh Sergius, vị Thánh làm phép lạ ở Radonezh, tại tu viện của ngài, vì hai vị là đồng thời[2806] . Sau những cuộc trò chuyện đó, hai vị với tình yêu thương ban phước lành cho nhau, rồi Thánh Euphimius lại trở về tu viện của mình.

Thánh Euphimius đã dành cả cuộc đời mình cho những việc làm cao cả như vậy. Ngài không bao giờ vi phạm quy tắc cầu nguyện của mình và, bằng cách kết hợp việc ăn chay với việc bố thí, tiếp đón những người lữ hành và chia sẻ thức ăn cho những ai thiếu thốn, ngài đã bổ sung những việc làm cao cả mới vào những việc làm cao cả trước đó của mình. Ngài là áo choàng cho những người trần truồng và là nguồn an ủi cho những người đau

[2805] Năm này cũng được coi là năm thành lập tu viện, sau này được đặt tên là Spaso-Evfimiev. Tu viện này nổi bật ở chỗ, trong số các tu viện ở Suzdal, đây là nơi đầu tiên áp dụng chế độ sinh hoạt tập thể.

[2806] Trong các bài thánh ca, Thánh Evfimii được gọi là "người đồng hành và bạn tâm giao" của Thánh Sergii (Sách Lễ Tháng Tư năm 1625).

khổ, vì ngài giúp đỡ tất cả những người nghèo khó, giải thoát những ai lâm vào hoạn nạn khỏi cảnh khốn cùng, chữa lành người bệnh bằng lời cầu nguyện, trả nợ thay cho những người mắc nợ, tự mình tha thứ cho tất cả mọi người, và chỉ bằng một lời nói của mình, ngài đã giải thoát những ai gặp tai ương khỏi sự bạo hành của những quan tòa bất công. Ngài yêu thích sự nghèo nàn trong trang phục đến nỗi dường như không sở hữu gì cả. Ngài luôn chỉ mặc một bộ quần áo duy nhất, được may từ da cừu cứng, và vào mùa đông phải chịu đựng cái lạnh, còn vào mùa hè thì vì bộ quần áo nặng nề nên phải chịu đựng cái nóng.

Như vậy, qua muôn vàn con đường gian khổ và chật hẹp, Thánh Euphimius đã hoàn thành hành trình cuộc đời mình và chỉ bắt đầu cảm nhận sự suy yếu của thân xác khi đã bước vào tuổi già sâu thẳm. Cảm nhận được cái chết đang đến gần, ngài đã triệu tập tất cả các tu sĩ trong tu viện đến bên mình. Khi họ thấy vị Bề trên của mình đã rất yếu ớt và thời khắc ngài về với Chúa đã gần kề, tất cả đều đau buồn vì phải chia ly với ngài và nói:

– Thưa Cha! Cha để lại chúng con như những đứa trẻ mồ côi, và khi Cha không còn ở bên chúng con nữa, tu viện của chúng con sẽ trở nên trống rỗng.

Nhưng vị tu sĩ đáng kính, an ủi họ, đã trả lời như sau:

– Đừng buồn bã vì phải xa cách cha, và hãy biết rằng nếu cha có được lòng can đảm để cầu nguyện với Thiên Chúa và công việc của cha được Ngài hài lòng, thì tu viện của chúng ta không những không trở nên trống rỗng, mà sau khi cha qua đời, số tu sĩ trong tu viện sẽ còn gia tăng hơn nữa, miễn là các con cũng biết yêu thương lẫn nhau.

Vị thánh nhân còn nói nhiều điều khác nữa để an ủi các tu sĩ. Sau đó, khi thời khắc ngài về với Chúa đã gần kề, tất cả các tu sĩ đều đến bên ngài, trong nước mắt hôn lên ngài và xin ngài ban phước lành cuối cùng. Và, như một người cha yêu thương con cái, vị tu sĩ đã ban phước lành cho tất cả mọi người, tha thứ cho tất cả và chính ngài cũng xin mọi người tha thứ cho mình. Khi cuối cùng đã đến giờ linh hồn ngài lìa khỏi thân xác, ngài đã rước Mình Thánh Chúa và vào ngày đầu tiên của tháng Tư, ngài đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa, sau 52 năm điều hành tu viện[2807] . Thi hài thánh của ngài được các tu sĩ an táng trong quan tài đã đề cập ở trên, mà khi bắt đầu xây dựng nhà thờ đầu tiên của tu viện, vị thánh đã tự tay chế tác cho chính mình. Thánh Euphymius cho đến ngày nay vẫn thực hiện nhiều phép lạ và ban ơn chữa lành cho những ai với lòng tin thành kính đến viếng quan tài thiêng liêng của ngài[2808] .

Bài thánh ca, giọng 3:

Như ngôi sao rực rỡ, Ngài đã từ phương Đông đến phương Tây, rời bỏ quê hương của Ngài, Nizhny Novgorod, và khi đến thành phố Suzdal được Chúa cứu rỗi, Ngài đã lập tu viện tại đó, quy tụ đông đảo các tu sĩ, và nhận được ân sủng làm phép lạ từ Thiên Chúa, thưa Cha Euphymius, Ngài đã trở thành người đồng hành và đồng sự của Thánh Sergius trong việc phụng sự Chúa Kitô. Cùng với ngài, xin cầu xin Chúa Kitô ban cho Hoàng đế trung thành của chúng ta, Nikolai Alexandrovich, sức khỏe và sự cứu rỗi, và ban ân sủng lớn lao cho linh hồn chúng ta.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Vượt qua muôn vàn sóng gió mà không hề nao núng, ngài đã nhấn chìm những kẻ thù vô hình bằng dòng nước mắt của mình, thánh Euphymius khôn ngoan trước mặt Chúa, nhờ đó ngài đã nhận được ân sủng làm phép lạ; xin ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

[2807] Thánh Evfimiy qua đời vào ngày 1 tháng 4 năm 1405, thọ khoảng 90 tuổi.

[2808] Một thế kỷ sau khi ngài qua đời, vào ngày 7 tháng 6 năm 1507, trong khi đào hào để xây dựng một nhà thờ mới thay thế cho Nhà thờ Preobrazhensky đã bị cháy rụi vào năm 1491, thi hài của ngài đã được tìm thấy và vẫn còn nguyên vẹn: "khuôn mặt rạng rỡ và áo lễ vẫn như mới mặc hôm qua".

Ngày 15 tháng 4

Ngày 2 tháng 4 (theo lịch cũ)

Ngày chịu khổ nạn của các thánh tử đạo Amphian và Edesia.

Ngày tưởng niệm 2 tháng 4

Các thánh tử đạo Amphian và Edeus là anh em ruột và xuất thân từ một gia đình ngoại đạo Hy Lạp. Quê hương của họ là thành phố Patara ở Lycia[2809] . Từ đây, cha mẹ họ đã gửi hai anh em đến thành phố Birit[2810] để học các môn khoa học ngoại đạo. Tại đây, Amphian và Edeus đã sống những ngày thanh xuân trong sự trong sạch, khiến tất cả bạn bè cùng lứa tuổi phải kinh ngạc bởi lối sống đạo đức của mình. Không hề dính líu đến bất kỳ hành vi thiếu suy nghĩ nào, các thánh Amphian và Edeus, theo Kinh Thánh, đã có "tóc bạc – sự khôn ngoan" và "tuổi già – cuộc sống vô tì vết" (xem Châm Ngôn 4:9), và vì thế họ đã được ban ân sủng của Đức Chúa Trời, bởi vì ánh sáng của sự hiểu biết chân lý đã chiếu sáng tâm hồn của họ: khi nhận ra sự hư vô của việc thờ lạy thần tượng, họ khao khát tìm hiểu con đường đạo đức Kitô giáo một cách trọn vẹn nhất có thể, để trở thành tôi tớ của Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta.

Khi Amphian và Edeus trở về từ Birita đến thành phố quê hương, họ thấy cha mình đã được phong làm quan trưởng thành phố và vẫn tiếp tục sống một cuộc đời ngoại đạo vô đạo cùng với tất cả các thân nhân của mình. Không muốn sống giữa những kẻ vô đạo và tội nhân, các thánh Amphian và Edeus đã bí mật rời khỏi nhà cha mẹ mình và, được Thánh Thần Chúa dẫn dắt, đã đến thành phố Cêsarea ở Palestine[2811] . Tại đây, họ gặp một vị linh mục Kitô giáo đạo đức tên là Pamphila, người sau này đã nhận vương miện tử đạo vì Chúa Kitô. Sau khi được vị linh mục thánh thiện này dạy dỗ về những mầu nhiệm của đức tin Kitô giáo, các thánh Amphian và Edeus đã được chính vị linh mục ấy ban phép rửa tội. Sau đó, các thánh luôn ở bên cạnh vị thánh Pamphilus, ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa, đồng thời miệt mài nghiên cứu các sách thánh và luật của Chúa.

Vào thời điểm đó, hoàng đế là Maximian[2812] , người đã tiếp quản nửa phía đông của Đế quốc La Mã từ người chú của mình là Maximian Galerius[2813] . Hoàng đế này đã đàn áp các Kitô hữu một cách tàn bạo, vì ông tràn đầy sự vô đạo của ngoại giáo và căm ghét Thiên Chúa chân thật. Ông còn tàn bạo hơn tất cả các hoàng đế La Mã ngoại đạo tiền nhiệm. Trong triều đại của Maximian, các Kitô hữu rơi vào tình trạng hoang mang tột độ, bởi vì tất cả những ai xưng danh Chúa Kitô đều bị tên bách hại vô đạo này kết án tử hình. Nhiều người trong số họ, mong muốn thoát khỏi sự tra tấn và cái chết, đã chạy trốn khỏi những kẻ bách hại hung dữ, bỏ lại nhà cửa và thành phố của mình, rồi ẩn náu ở những nơi bí mật. Tuy nhiên, cũng có không ít tín hữu Kitô giáo đã tự nguyện giao mình vào tay những kẻ tra tấn và can đảm chịu đựng cuộc hành trình đau khổ của mình. Amphian dũng cảm cũng thuộc nhóm người sau này, dù về tuổi tác thể xác anh còn là một thanh niên (vì anh chưa đầy hai mươi tuổi), nhưng về trí tuệ và lòng dũng cảm, anh lại là một vị lão niên trăm tuổi.

Vào thời điểm đó, theo lệnh của vị hoàng đế ngoại đạo vô đạo, những người được cử đến một cách cố ý đã đến Cêsarea và bắt đầu kêu gọi từng công dân trong thành phố đến các đền thờ ngoại đạo để dâng lễ vật cho các thần tượng; còn Amphian dũng cảm, lúc đó đang ẩn náu cùng các Kitô hữu tại một nơi kín đáo, đã lén lút rời khỏi nơi đó và đi đến đền thờ tà thần, nơi mà lúc bấy giờ quan tổng trấn Urvan đang dâng lễ vật cho các thần tượng. Tiến lại gần ông ta một cách không sợ hãi, thánh Amphian nắm lấy tay phải của ông ta – tay đang cầm lễ vật – và bắt

---

[2809] Licia – một vùng thuộc Tiểu Á.

[2810] Birit – một thành phố Phoenicia, nổi tiếng từ thời cổ đại như một cái nôi của sự khai sáng và học vấn. Ngày nay, Birit, với tên gọi Beirut, là thành phố chính của tỉnh Syria thuộc Thổ Nhĩ Kỳ châu Á, đồng thời là một trung tâm thương mại quan trọng.

[2811] Césarea Palestine – thành phố từng tọa lạc tại Palestine, bên bờ Biển Địa Trung Hải. Trong thời cổ đại, Césarea là nơi cư ngụ của các quan tổng trấn La Mã và là trung tâm của đời sống chính trị-xã hội của đất nước. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Cêsarea Palestine nổi bật bởi đây là nơi lần đầu tiên các dân ngoại được phép gia nhập Giáo hội của Chúa Kitô nhờ Thánh Phêrô, người đã làm phép rửa cho viên sĩ quan Cornelius (Công vụ 10:1–48). Cũng tại đây đã diễn ra phiên tòa cuối cùng đối với Thánh Phaolô, sau đó ngài được đưa đến Rôma (Công vụ 25:1–27:44). Ở Palestine còn có một thành phố Caesarea khác, khác với thành phố đã đề cập, được gọi là Caesarea Philippi. Thành phố này nằm ở thượng nguồn sông Jordan

[2812] Hoàng đế Maximian trị vì từ năm 305 đến năm 313.

[2813] Hoàng đế Maximianus Galerius cai trị Đế quốc La Mã từ năm 306 đến năm 311.

đầu can gián ông ta một cách táo bạo trước sự chứng kiến của mọi người, khuyên ông ta từ bỏ sự lầm lạc của mình và đừng thờ lạy ma quỷ cùng các thần tượng do bàn tay con người tạo ra. Hành động táo bạo này của vị thánh Amphian dũng cảm đã củng cố đức tin Kitô giáo của nhiều tín hữu một cách vững chắc hơn; nhưng lại khiến những người ngoại đạo, đặc biệt là chính vị thống đốc, nổi cơn thịnh nộ tột độ. Ngay lập tức, Thánh Amphian bị binh lính của vị thống đốc bắt đi như con cừu bị bầy sói vây bắt, và phải hứng chịu vô số cú đánh vào miệng, mặt và khắp cơ thể, bị quăng xuống đất và bị giẫm đạp; sau đó, ngài bị dẫn vào ngục tối và bị xiềng xích.

Sáng hôm sau, Thánh Amphian bị dẫn ra trước mặt vị thống đốc để xét xử; vị thống đốc này cố thuyết phục ngài dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng Thánh Amphian vẫn kiên định trong việc tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Sau đó, vị thánh tử đạo của Chúa Kitô đã phải chịu những cực hình khủng khiếp: các binh lính treo ngài lên cây và bắt đầu dùng những dụng cụ sắt nhọn để xé nát toàn thân ngài, đồng thời dùng những thanh sắt đánh vào mặt, cổ và hai bên sườn. Khuôn mặt và toàn thân vị thánh tử đạo đã bị những kẻ tra tấn xé nát đến mức ngay cả những người quen biết cũng không nhận ra ngài; tất cả các xương sườn của ngài đều bị gãy. Nhưng ngay cả giữa những đau khổ tột cùng ấy, vị thánh tử đạo của Chúa Kitô vẫn không ngừng tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô bằng giọng nói vang dội, như thể ngài không nghe thấy, không cảm nhận được những cực hình và đau khổ của chính mình.

Trong khi đó, những kẻ tra tấn lại gia tăng sự đau khổ của ngài: chúng quấn chân vị thánh bằng vải lanh tẩm dầu, rồi châm lửa đốt. Vị thánh bốc cháy, tan chảy như sáp. Nhưng ngay cả trước nỗi đau này, vị thánh tử đạo cũng không hề nao núng; ngược lại, càng tràn đầy sự can đảm hơn bao giờ hết, ngài càng lớn tiếng ca ngợi Chúa Giêsu Kitô, đồng thời vạch trần và lên án sự vô đạo và sự vô thần của những kẻ ngoại đạo. Sau đó, vị thánh tử đạo lại bị giam vào ngục tối.

Sau đó, vào ngày thứ ba kể từ khi thánh Amphian bị giam vào ngục tối, những kẻ tra tấn lại bắt đầu thử thách sự kiên định trong đức tin của vị tử đạo bằng những hình phạt mới. Nhưng vì vị thánh lần này vẫn kiên quyết tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, nên quan tổng trấn đã ra lệnh xử tử ngài bằng cách ném ngài xuống đáy biển. Các binh lính buộc một tảng đá vào thân thể vị tử đạo, rồi đưa ngài ra khá xa bờ biển và ném ngài xuống biển. Ngay lập tức, biển nổi sóng dữ dội, đất rung chuyển, thành phố đó chao đảo, và tất cả những người ngoại đạo có mặt tại đó đều tràn ngập nỗi sợ hãi và kinh hoàng tột độ. Sau đó, những con sóng biển đã đưa thi thể vị thánh tử đạo từ đáy biển lên bờ.

Như vậy, những đau khổ của vị thánh tử đạo Amphian đã kết thúc vào ngày thứ hai của tháng Tư năm[2814] .

Sau đó, nhiều Kitô hữu khác cũng bị bắt để tra tấn, trong số đó có anh trai của Amphian, là thánh Edesius. Trong số những người này, một số phải chịu đủ loại hình tra tấn và đau khổ, còn những người khác thì bị những kẻ ngoại đạo gửi đến Palestine để làm việc trong các mỏ đồng; thánh Edesius cũng thuộc nhóm người sau này.

Một năm sau, Thánh Êđêsiô được đưa từ Palestine đến thành phố Alexandria của Ai Cập. Một lần nọ, khi thấy vị hoàng tử ngoại đạo Ierokleos đang ngự trên ghế xét xử và tỏ ra cực kỳ hung hăng với các Kitô hữu (ông ta đã giao các trinh nữ và phụ nữ Kitô hữu cho những kẻ ngoại đạo để họ làm nhục), Thánh Edesius tràn đầy dũng khí và can đảm; Thánh Êđêsius lao thẳng đến vị hoàng tử đó, trước mặt mọi người, ngài tát vào mặt ông ta, sau đó quật ngã ông ta xuống đất, tiếp tục đánh đập, đồng thời công khai quở trách ông ta trước mặt mọi người vì bản án bất công của ông ta. Ngay lập tức, Thánh Edesius bị các binh lính có mặt tại đó bắt giữ và bị tra tấn giống như anh trai ngài là Thánh Amphianus. Sau những cực hình kéo dài, Thánh Êđêxiô đã chịu cùng một cái chết như anh trai mình, bị dìm chết dưới biển. Như vậy, Thánh Êđêxiô đã nhận được vương miện thánh tử đạo cùng với Thánh Amphian, được Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, ban tặng; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Tít, vị cha đáng kính và làm phép lạ

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 4

Thánh Tít, vị cha đáng kính của chúng ta, từ thuở thiếu thời đã yêu mến Chúa Kitô và ghét bỏ thế gian, đã tu hành tại tu viện[2815] . Sau khi khoác lên mình áo tu sĩ, ngài đã kiên nhẫn bước đi trên con đường tu hành đầy đau khổ

[2814] Thánh tử đạo qua đời vào năm 306.

và chông gai tại đây. Nhờ đức tính khiêm nhường và vâng lời cao cả, mà trong đó Thánh Tít vượt trội hơn tất cả các anh em trong tu viện đó, ngài đã được tấn phong làm linh mục – người chăn dắt đàn chiên bằng Lời Chúa.

Thánh Tít tràn đầy tình yêu thương sâu sắc dành cho những người lân cận. Giữ cho mình trong sạch cả về tâm hồn lẫn thể xác ngay từ khi còn rất trẻ, Thánh Tít dường như là một Thiên thần của Chúa trên trần gian. Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, Thánh Tít đã được Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ. Tỏa sáng bởi những đức hạnh của đời sống tu hành, Thánh Tít đồng thời là trụ cột vững chắc của Chính Thống Giáo, vì ngài đã nhiệt thành bảo vệ Giáo Hội Thánh khỏi những cuộc tấn công của các kẻ dị giáo chống thánh tượng[2816] . Sau khi sống đủ lâu và để lại cho các môn đệ một gương mẫu đáng noi theo về đời sống ăn chay, Thánh Tít đã an lành về với Chúa[2817] .

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Polykarp, người đã chịu tử đạo tại Alexandria[2818] dưới triều đại Hoàng đế Maximian

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 4

Thánh Polykarp đã lên án quan tổng trấn Alexandria vì đã bất công đổ máu vô tội của các Kitô hữu, và vì thế ngài đã phải chịu nhiều hình phạt tàn khốc. Nhưng vì Thánh Polykarp vẫn kiên định và dũng cảm làm chứng cho danh Chúa Kitô ngay cả giữa những cực hình, nên theo lệnh của quan tổng trấn, ngài đã bị chém đầu bằng gươm[2819] .

Ngày 16 tháng 4

Ngày 3 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Illiricus, vị thánh làm phép lạ, cùng các thánh tử đạo: Elpidiphorus, Dia, Visonius và Galicus.

Cuộc đời của vị thánh cha Nikita, người làm chứng cho đức tin.

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 4

Thánh Nikita xuất thân từ thành Cesarea thuộc Bithynia[2820] , là con của một cặp vợ chồng sùng đạo. Cha ngài, tên là Filaret, sau khi mất vợ – người đã về với Chúa vào ngày thứ tám sau khi cậu bé Nikita chào đời – đã xuất gia; còn cậu bé thì được bà ngoại nuôi dưỡng, người lúc đó vẫn còn sống. Khi đã trưởng thành và hoàn thành việc học chữ, Thánh Nikita đã dâng hiến cuộc đời mình để phụng sự Chúa. Ban đầu, ngài đảm nhận chức vụ người giúp lễ trong nhà thờ[2821] , rèn luyện việc đọc các sách Thánh; sau đó, ngài lui về sống cùng một vị ẩn sĩ tên là Stefan, một người có đức hạnh; sau khi nhận được sự hướng dẫn đầy đủ từ ông, Thánh Nikita, theo lời khuyên của ông, đã đến tu viện Midiki, do Thánh Nikifor thành lập và ông cũng là vị tu viện trưởng tại đó. Vị tu viện trưởng

---

[2815] Kinovieya (“kinovion” từ “kinos” – chung và “vios” – cuộc sống) là tên gọi của các tu viện cộng đồng, nơi các tu sĩ được tu viện chu cấp đầy đủ, nhưng đổi lại họ không sở hữu tài sản riêng, mà cống hiến sức lao động và thành quả của mình cho nhu cầu chung của tu viện.

[2816] Tà thuyết chống thánh tượng xuất hiện vào thế kỷ VIII và được khởi xướng bởi Constantine, Giám mục Nakoli, tại Phrygia. Bằng cách nhầm lẫn một cách phi lý giữa việc tôn kính thánh tượng với việc thờ cúng thần tượng, những người chống thánh tượng đã tìm cách tiêu diệt việc tôn kính thánh tượng trong Giáo hội Chính thống thông qua việc đàn áp quyết liệt và tàn bạo. Những người bảo vệ nhiệt thành nhất cho chủ nghĩa chống thánh tượng là các hoàng đế Lêô Isaurian (từ năm 717 đến năm 741) và Constantine Copronymus (từ năm 741 đến năm 775). Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ bảy, diễn ra vào năm 787 tại Nicaea.

[2817] Thánh Tít qua đời vào thế kỷ IX.

[2818] Alexandria – một thành phố ở Ai Cập, nổi tiếng từ thời cổ đại nhờ thương mại và nền giáo dục phát triển.

[2819] Thánh Tử đạo qua đời vào đầu thế kỷ IV.

[2820] Bithynia là một vùng ở phía tây bắc Tiểu Á, nằm dọc theo bờ Biển Đen, eo biển Bosphorus và eo biển Constantinople. Tu viện Midiki nằm gần thành phố Prusa, tọa lạc gần núi Olympus; tu viện Midiki được thành lập bởi Thánh Nikiforos, người đã tham dự Công đồng Đại kết lần thứ 7 (năm 787) với tư cách là vị tu viện trưởng của tu viện này. Cesarea của Bithynia nằm giữa hai con sông Rindak và Apamea

[2821] Các Ponomari hay còn gọi là Paramonari – tương đương với các phó tế của chúng ta.

này đã vui lòng đón nhận Nikita, nhận ra ân sủng của Chúa nơi anh, và đã cạo đầu cho anh vào hàng tu sĩ. Tại đây, Thánh Nikita nhờ những công đức về việc ăn chay, khiêm nhường, vâng lời và nói chung là nhờ cuộc sống đạo đức của mình, đã nhanh chóng vượt trội hơn tất cả các tu sĩ khác. Chưa đầy bảy năm kể từ ngày ngài nhập tu viện, theo sự thuyết phục của vị trụ trì, ngài đã nhận chức linh mục, và được Đức Thánh Tarasius, Tổng Giám mục Constantinopolis, phong chức. Lúc bấy giờ, Thánh Nikifor, do tuổi già sức yếu, đã giao phó việc quản lý tu viện cùng với chức vụ trưởng tu viện cho Thánh Nikita, mặc dù ngài không muốn. Và Thánh Nikita đã cai quản tu viện vì lợi ích chung thay cho cha mình là Thánh Nikifor, tận tụy chăn dắt đoàn chiên bằng lời dạy và làm cho đoàn chiên ấy ngày càng đông đảo nhờ gương sáng của đời sống đạo đức: nhiều người, khi nghe về cuộc sống thánh thiện của ngài, đã từ bỏ thế gian, đến tu viện, tìm kiếm những lời dạy dỗ của Thánh Nikita trên con đường cứu rỗi, và ở lại đó. Nhờ ân sủng của Chúa Kitô, trong vòng vài năm, số tu sĩ đã tăng lên đến một trăm.

Trong số đó có cả Thánh Afanasi, một người đàn ông phi thường, thực sự xứng đáng được tôn kính. Không thể nào tóm tắt trong vài lời ngắn gọn về đức hạnh và tình yêu vĩ đại dành cho Thiên Chúa mà ngài đã thể hiện khi từ bỏ thế gian. Ngay cả các Thiên thần cũng phải kinh ngạc trước con người ấy. Bỏ qua thế gian và những dục vọng của nó vì Thiên Chúa, Thánh Afanasi đã bí mật rời khỏi nhà cha mẹ để đến một tu viện, mong muốn bắt đầu cuộc sống tu hành; nhưng cha ngài, khi biết chuyện, đã giận dữ vội vã đến tu viện đó, đưa con trai mà ông vô cùng yêu thương về, cởi bỏ bộ áo tu sĩ dành cho các tu sĩ tập sự trên người cậu, rồi mặc cho cậu những bộ quần áo sáng màu và quý giá, sau đó ép cậu về nhà.

– Thưa cha, – cậu thiếu niên nói với ông, – liệu cha có nghĩ rằng những bộ quần áo đắt tiền này sẽ khiến con thay đổi ý định của mình, khi mà con ghét cả thế gian này không? *"Người ta được lợi gì nếu chiếm được cả thế gian mà lại làm tổn hại linh hồn mình?"* (Ma-thi-ơ 16:26).

Người cha nhốt cậu trong một căn phòng riêng và bằng mọi cách cố gắng gieo vào lòng cậu tình yêu đối với thế gian. Nhưng cậu, bằng tình yêu dành cho Đức Chúa Trời đã chiến thắng tình yêu dành cho cha và sự say mê thế gian phù du, đã cởi bỏ những bộ quần áo trần tục đang mặc trên người và xé chúng thành từng mảnh nhỏ. Thấy vậy, người cha đã mặc cho cậu những bộ quần áo khác, còn quý giá hơn nữa, vì ông là người giàu có, danh giá và nổi tiếng. Cậu thiếu niên cũng đối xử với những bộ quần áo mới y như với những bộ trước đó. Hành động đó của thánh Afanasi đã khiến cha cậu nổi cơn thịnh nộ tột độ; ông đã đánh Afanasi một cách tàn nhẫn khi cậu đang trần truồng – và vô số vết thương đã bao phủ khắp thân thể cậu; vai và cột sống bắt đầu mưng mủ do những cú đánh tàn bạo, đến nỗi các bác sĩ phải chữa trị và cắt bỏ những phần cơ thể đã thối rữa. Còn cậu thiếu niên thì nói:

– Dù cha tôi có xé nát tôi thành từng mảnh, thì cũng không thể tách tôi khỏi tình yêu của Thiên Chúa (xem Rm 8,35) và không thể làm tôi từ bỏ ý định của mình.

Lúc đó, người cha cảm động và sau khi khóc lóc một hồi lâu, ông nói với Athanasius:

– Hãy đi đi, con yêu quý của cha, trên con đường tốt lành mà con đã chọn, và xin Chúa Kitô trở thành Đấng trợ giúp và Đấng giải thoát con khỏi mọi cạm bẫy của kẻ thù.

Athanasius trở về tu viện cũ, nhận lấy đầy đủ các nghi thức tu sĩ và trở nên khiêm nhường đến mức không thể nhận ra ở ngài bất kỳ lời nói trần tục, thói quen thế gian, hay sự ham muốn sở hữu bất kỳ vật chất nào. Tính cách hiền lành và khiêm nhường, lời nói nhẹ nhàng và ân cần, cùng bộ quần áo rách nát nhất để che thân là những nét đặc trưng của Athanasius; cuộc đời của người từng được nuôi dưỡng trong sự nuông chiều của thế gian, với tư cách là con trai của những bậc cha mẹ giàu có, lại thấm đẫm sự khắc khổ vô bờ bến. Một người đàn ông đức hạnh như vậy, đã dành nhiều năm cho cuộc sống tu hành, đã được thu hút đến tu viện Midiki bởi tình yêu dành cho vị cha thánh của chúng ta là Nikita và danh tiếng về cuộc đời giống như thiên thần của ngài; và đối với cả hai vị thánh, Nikifor và Nikita, thánh Afanasy là người bạn tâm giao và người đồng hành đáng quý. Sau một thời gian, theo lời thỉnh cầu của họ, Athanasius đã nhận chức vụ quản lý tài chính tại tu viện. Như thể chỉ có một linh hồn và một trí tuệ trong hai thân xác, Thánh Athanasius cùng với Thánh Nikita đã điều hành tu viện, hướng dẫn các tu sĩ bằng lời nói và gương sáng về mọi đức hạnh – nhằm hoàn toàn làm đẹp lòng Thiên Chúa: họ gieo rắc tình yêu thương trong cộng đoàn, dạy dỗ về sự khiêm nhường, là những người canh gác tận tụy cho sự trong sạch, cả về tâm hồn lẫn thể xác, động viên những người yếu đuối và thiếu can đảm, củng cố những ai đang vững vàng, và vực dậy những ai sa ngã bằng những lời dạy dỗ và khuyên nhủ đa dạng; và khi một trong hai ngài dường như là người hướng dẫn nghiêm khắc, thì ngài kia lại là người khuyên nhủ hiền lành và nhân từ nhất. Cả hai đều được mọi người yêu mến, và các tu sĩ đều đón nhận lời dạy của họ như thể phát ra từ chính miệng Đức Chúa Trời.

Nhưng hai vị thầy đầy đức hạnh ấy không sống chung với nhau đến cuối đời. Vài năm trôi qua, và vào ngày 26 tháng 10, Thánh Athanasius đã về với Chúa, đồng thời ngài đã gửi đến các tu sĩ những lời cuối cùng như sau:

– Sau khi tôi qua đời, các anh em sẽ hoàn toàn xác nhận được liệu tôi có được, dù chỉ một chút, ân sủng từ Thiên Chúa hay không.

Khi Thánh Athanasius được an táng, theo lệnh của Đức Chúa Trời, một cây bách đã mọc lên ngay trên quan tài của ngài, từ chính phần đầu của ngài, và lá của cây này có khả năng chữa lành hoàn toàn mọi bệnh tật. Sau đó, Thánh Nikifor, người sáng lập và vị tu viện trưởng đầu tiên của Tu viện Midiki, sau nhiều gian khổ và bệnh tật về thể xác, đã về với Chúa vào ngày 4 tháng Năm.

Vậy là Thánh Nikita trở nên mồ côi, mất đi người cha thiêng liêng của mình là Thánh Nikifor và người bạn thân yêu là Thánh Afanasy; ngài đã vô cùng đau buồn vì sự ra đi của cả hai, bởi ngài rất yêu mến họ. Niềm an ủi trong nỗi đau buồn của ngài chính là niềm tin vững chắc rằng những người đã qua đời đã nhận được ân sủng và cuộc sống hạnh phúc bên Chúa Kitô, Đấng mà họ đã làm vui lòng bằng sự phục vụ tốt lành từ thuở thiếu thời.

Sau khi vị cha thánh Nikifor qua đời, toàn thể anh em tu viện đã thỉnh cầu vị tu sĩ thánh Nikita nhận chức vụ và được xưng là vị tu viện trưởng: bởi vì, khi vị thánh Nikifor còn sống, thánh Nikita chưa từng nhận danh hiệu và chức vụ tu viện trưởng, mặc dù ngài đã hoàn toàn điều hành tu viện thay cho cha mình là thánh Nikifor, người đã yếu đuối vì tuổi già trong suốt nhiều năm qua. Trước những lời khẩn cầu nồng nhiệt của các tu sĩ, và đặc biệt là trước sự thuyết phục của nhiều vị tu sĩ trưởng từ các tu viện khác, ngài đã nhận chức vụ này và được Đức Thượng phụ Nikifor của Tsargrad, người kế vị Thượng phụ Tarasius, ban phước lành. Bên cạnh những công việc trước đây, Thánh Nikita còn đảm nhận thêm những nhiệm vụ mới khi, nhờ ơn Chúa, ngài bắt đầu cai quản tu viện với tư cách là vị tu viện trưởng, lo lắng cho sự cứu rỗi của những linh hồn được giao phó cho ngài. Để tôn vinh vị thánh nhân của Ngài, Thiên Chúa đã ban cho ngài ân sủng chữa lành bệnh tật và trừ tà. Sau khi làm dấu thánh giá trên một thiếu niên bị câm bẩm sinh, Thánh Nikita đã giúp cậu lấy lại khả năng nói; ngài đã chữa lành một tu sĩ bị mất trí bằng cách xức dầu thánh; một người mới gia nhập tu viện, bị quỷ ám, ngài đã giải thoát khỏi sự hành hạ của quỷ dữ bằng lời cầu nguyện, còn con quỷ đã biến thành con rắn thì ngài đã xua đuổi; một người khác, cũng bị quỷ ám, ngài đã giải thoát khỏi linh hồn gian ác – và nhiều người mắc bệnh sốt, sốt cao cùng các bệnh tật khác, ngài đã chữa lành một cách kỳ diệu nhờ ân sủng của Chúa Kitô ngự trong ngài. Ngài đã sống như vậy, làm đẹp lòng Thiên Chúa, và sống đến tuổi già; nhưng trước khi kết thúc cuộc đời, ngài đã tỏ ra là một vị chứng nhân dũng cảm và đã chịu đau khổ vì việc tôn kính các thánh tượng.

Vào thời đó, tà thuyết chống thánh tượng vẫn chưa chấm dứt. Tà thuyết này, vốn đã bị các vị Thánh Phụ tại Công đồng Đại kết lần thứ bảy lên án[2822] , dường như đã hồi sinh, khi lại nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền hoàng gia – chính nơi mà nó đã khởi nguồn. Vị vua Hy Lạp chống thánh tượng đầu tiên là Lêô, người thứ ba mang tên này, có biệt danh là Isaurian[2823] ; từ ông, tà thuyết chống thánh tượng đã trở nên mạnh mẽ và lan rộng như một căn bệnh nguy hiểm. Ông là người đầu tiên ban hành sắc lệnh cấm thờ các bức tượng thánh, và lợi dụng quyền lực hoàng gia của mình, ông đã xúi giục nhiều người đi vào những suy luận sai lầm; sau khi trục xuất vị tổng giám mục chính thống, Thánh Germanus, ông đã đưa Anastasius[2824] – một kẻ dị giáo cùng quan điểm với mình – lên ngai vàng. Sau khi vị hoàng đế độc ác này qua đời, con trai ông là Constantine Copronymus[2825] lên ngôi, một kẻ bách hại Giáo Hội của Đức Chúa Trời còn tàn bạo hơn: ông không chỉ từ chối các thánh tượng, mà còn cấm gọi các vị thánh của Đức Chúa Trời là thánh, và coi các di vật thánh của họ như không có giá trị gì.

Nói tóm lại: vị hoàng đế này chỉ là một Kitô hữu về bề ngoài, còn trong lòng thì hoàn toàn là một người Do Thái vô tín. Ngài, kẻ khốn nạn, đã dám phỉ báng Đức Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm Nguyên Tội, Đấng cao cả hơn mọi thụ tạo, là sự che chở và nơi nương tựa của cả thế giới, bằng cách từ chối danh hiệu chí thánh của Mẹ và các bức tượng thánh của Mẹ; còn về lời cầu bầu của Mẹ trước Thiên Chúa, Đấng mà nhờ đó cả thế giới tồn tại, ngài còn cấm cả việc nhắc đến. Để chế nhạo Đức Mẹ, hắn giơ ra một túi đầy tiền vàng và hỏi những người có mặt:

[2822] Công đồng Đại kết lần thứ 7 được triệu tập vào năm 787 tại Nicêa bởi Hoàng hậu Irina, góa phụ của Lêô IV. Công đồng, gồm 367 vị cha, dưới sự chủ tọa của Thánh Tarasius, đã lên án chủ nghĩa chống thánh tượng và khôi phục việc tôn kính thánh tượng.

[2823] Lê III Isaurian – *Ban biên tập "Bảng chữ cái của Đức tin"*

[2824] Lê III Isaurian 716–741, Thánh Germanus 730, Anastasius 753. Kể từ đó cho đến khi việc tôn kính các bức tượng thánh được khôi phục, đã có 10 vị tổng giám mục kế vị trên ngai vàng Constantinopolis, trong đó có 6 vị là những người chống lại việc thờ phượng các bức tượng thánh

[2825] Constantine V Copronymus, trị vì từ năm 741 đến năm 775.

– Chiếc túi này có quý giá không?

Những người có mặt trả lời:

– Nó quý giá đến mức nào thì tùy thuộc vào lượng vàng chứa trong đó.

Sau khi đổ vàng ra khỏi túi, Kopronym lại hỏi:

– Giờ đây, khi không còn vàng nữa, chiếc túi này có còn quý giá không?

Họ trả lời:

– Nó có ích gì khi không có đồng tiền nào trong đó? Chiếc túi rỗng chẳng đáng giá gì cả.

Lúc đó, Copronym nói:

– Maria cũng vậy: chừng nào còn mang Chúa Kitô trong lòng, thì bà ấy mới xứng đáng được tôn kính, nhưng sau khi sinh Ngài ra, bà ấy đã mất đi sự tôn kính đó, và không khác gì những người phụ nữ khác.

Ôi, cái miệng bẩn thỉu và cái lưỡi gian ác nhất! Hắn đã dám phỉ báng Mẹ của Đấng Tạo Hóa – Đấng cao quý nhất trong các thiên thần và thánh thiện nhất trong các thánh nhân – như thế nào! Chẳng lẽ nữ hoàng, sau khi sinh ra hoàng tử, đã không còn xứng đáng với những vinh dự hoàng gia nữa sao? Chẳng lẽ mẹ của vua chỉ được tôn kính cho đến khi còn mang thai vua trong bụng sao? Khốn thay cho kẻ phỉ báng đáng nguyền rủa ấy, kẻ chẳng khác gì những kẻ phỉ báng – bọn Do Thái đáng ghê tởm! Không chỉ bản thân hắn là kẻ phỉ báng, mà hắn còn xúi giục người khác bằng những lời hứa ngọt ngào và những lời đe dọa đáng sợ để thực hiện những lời phỉ báng vô đạo tương tự; còn những ai bất tuân và chống đối hắn thì hắn bắt phải chịu đủ loại cực hình, như trói buộc trên biển và bỏ đói kéo dài, hành hạ thân thể bằng những vết thương khủng khiếp, chém bằng gươm, thiêu đốt bằng lửa, dìm xuống đáy biển sâu – nói tóm lại, bằng mọi cách có thể, hắn đã gây ra những cực hình không thể chịu đựng nổi và cái chết đắng cay cho những tôi tớ trung thành và chân chính của Đấng Christ. Vì điều đó, chính hắn cũng đã đẩy linh hồn khốn nạn của mình vào cái chết khủng khiếp, và khi trút hơi thở cuối cùng, hắn thét lên tiếng kêu thảm thiết:

– Ta đang bị ném vào ngọn lửa không thể dập tắt khi còn sống!

Và kẻ trước đây đã phỉ báng Đức Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm, giờ đây lại ra lệnh tôn kính Ngài bằng những bài thánh ca – nhưng, vì hoàn toàn bị lòng thương xót của Thiên Chúa từ chối, đã không còn tìm được niềm an ủi cho mình.

Khi tên bạo chúa này chết (trong nhục nhã), con trai ông là Lêô, người thứ tư mang tên này, cũng là một kẻ dị giáo chống thánh tượng giống như cha mình, đã lên ngôi, nhưng ông ta cũng sớm qua đời. Sau ông, vợ ông là Irina[2826] cùng con trai nhỏ Constantine đã lên ngôi. Bà đã mang lại hòa bình cho Giáo hội Thánh bằng cách triệu tập Công đồng Đại kết lần thứ bảy để lên án tà thuyết chống thánh tượng. Toàn thể Giáo hội của Chúa Kitô tràn ngập niềm vui, khi cùng với các thánh tượng, họ lấy lại được vẻ huy hoàng ban đầu của mình và chứng kiến các vị vua và giám mục Chính thống ngồi trên ngai vàng. Sau Irina, Nikiforos lên ngôi, tiếp theo là Michael, cả hai đều là những người Chính thống. Sau đó, Lê-v, biệt danh là "Người Armenia" ([2827]), người thứ năm mang tên này, lên ngôi. Học theo Lê-v Isaurian, vị vua vô đạo cùng tên trước đó, ông cũng giống như ông ta, đã phát động cuộc đàn áp chống lại các tín hữu Chính Thống và các thánh, qua đó làm sống lại và phục hồi tà thuyết chống thánh tượng vốn đã bị lên án. Ông tìm kiếm những người trợ giúp – những kẻ phạm tội cùng chí hướng – và đã tìm được một số quan lại, trong đó hai người trung thành nhất với tà thuyết chống thánh tượng là Gioan, biệt danh Spekt, và Eutychian; trong số các linh mục, ông đã lôi kéo về phe mình Gioan, biệt danh là Grammatikos, "Tertullus mới"[2828] , một công cụ được ma quỷ chọn lựa, và một người tên là Antôn Sileus; trong hàng tu sĩ – có Lê-ôn-ti và Xô-si-ma, người mà một thời gian sau đó bị vạch trần tội dâm loạn, bị trừng phạt bằng cách cắt mũi và chết trong nhục nhã, để lại danh tiếng xấu xa. Cùng với họ, hoàng đế càng củng cố niềm tin vào những điều mê tín dị đoan, còn họ thì bằng những lời khuyên của mình đã khuyến khích ông ta tiến hành cuộc chiến mà ông ta đã bắt đầu gây ra chống lại Giáo hội.

Sau khi tập hợp các giám mục và các giáo sĩ khác từ khắp mọi miền đất nước về Constantinople, Lê-v đã triệu tập Đức Thượng phụ Nikifor cùng toàn thể Hội đồng Thánh vào điện của mình, mong muốn rằng trước mặt ngài và trước sự chứng kiến của tất cả các quan đại thần, họ sẽ tranh luận với những kẻ đồng chí hướng của nhà vua

---

[2826] Lê IV – 775–785, Irina – 797–802

[2827] Nikifor I – 802–811, Michael I – 811–818, Leo V người Armenia – 813–820

[2828] Rhetor (giáo sư hùng biện) Tertullus đã ủng hộ trước quan tổng trấn La Mã Felix cáo trạng do người Do Thái đưa ra chống lại Tông đồ Phaolô, và trong bài phát biểu của mình, ông đã đặc biệt chú trọng nịnh nọt Felix – người được cho là quan tâm đến nhu cầu của người Do Thái (Công vụ 24:1–27).

đã nêu trên và những kẻ dị giáo – những người lúc bấy giờ vẫn còn ẩn danh. Ban đầu, chính nhà vua đã chủ động trò chuyện với các tín đồ Chính Thống; giả vờ là người Chính Thống, ông lấy bức tượng Chúa Giêsu bị đóng đinh trên ngực – thứ mà ông đang đeo – rồi giả vờ cúi đầu trước nó và nói với các vị thánh phụ:

– Về phần tôi, tôi không khác gì các vị, vì tôi tôn kính bức tượng thánh, như các vị tự mình thấy; nhưng đã xuất hiện những người khác, những người dạy dỗ khác đi và nói rằng con đường của họ là đúng đắn. Hãy để họ xuất hiện ở đây trước mặt các vị, và qua hình thức hỏi đáp, giáo lý đúng đắn về các bức tượng thánh sẽ được làm sáng tỏ. Nếu trong cuộc tranh luận, họ chứng tỏ mình đúng hơn, bằng những lập luận rõ ràng chứng minh quan điểm của họ phù hợp với chân lý, thì các ngài không chỉ không được cản trở việc thiện này, mà còn phải ủng hộ nó; còn nếu họ bị các ngài đánh bại và bị vạch trần là lầm lạc, thì hãy để họ ngừng lan truyền giáo lý độc hại đó. Và khi đó, như trước đây, giáo lý cũ về các bức tượng thánh hãy được duy trì. Còn tôi sẽ là người lắng nghe và là người phán xét trong cuộc tranh luận giữa hai bên; vì nếu tôi có trách nhiệm phán xét những việc nhỏ nhặt, thì lẽ nào tôi lại không càng phải quan tâm hơn đến việc quản lý Giáo hội? Tôi sẽ lắng nghe các ngài, và cũng phải lắng nghe phía bên kia – và phía nào, theo sự tin tưởng của tôi, nắm giữ sự thật, thì tôi sẽ theo phía đó.

Nhưng Đức Thượng phụ Thánh thiện và tất cả các giám mục cùng ngài tuyệt đối không đồng ý với điều này; họ không chỉ không muốn tranh luận với những kẻ dị giáo xảo trá, mà thậm chí còn không muốn nhìn thấy họ, và không đồng ý để những kẻ đó xuất hiện trước mặt họ.

– Tà thuyết này đã được xem xét và lên án kèm theo lời nguyền rủa bởi các vị Thánh Phụ tại Công đồng Đại kết Thứ Bảy; không cần thiết phải xem xét lại nó nữa, cũng như không nên khôi phục trong Giáo hội những điều đã bị tà thuyết này hoàn toàn bác bỏ.

Tuy nhiên, khi thấy nhà vua có xu hướng nghiêng về tà giáo và ủng hộ những kẻ dị giáo, các vị thánh phụ đã mạnh dạn nói chuyện với ngài. Thánh Emilián, Giám mục Kizik[2829] , đã nói:

– Bệ hạ! Nếu vấn đề mà ngài triệu tập chúng tôi – việc xem xét về đức tin chân chính – là vấn đề của Giáo hội, thì theo thông lệ, việc thảo luận nên diễn ra trong thánh đường, chứ không phải trong cung điện hoàng gia.

Nhà vua phản bác:

– Nhưng ta cũng là con của Giáo hội và sẽ lắng nghe các ngươi với tư cách là người trung gian và hòa giải, để sau khi cân nhắc các lập luận của cả hai bên, ta có thể tìm ra sự thật đích thực.

Thánh Michael, Giám mục Sinad, đáp lại:

– Nếu ngài là người trung gian và hòa giải, vậy tại sao ngài lại không làm những điều mà một người trung gian và hòa giải nên làm? Ngài tập hợp những kẻ chống đối giáo lý của Giáo hội, giữ họ trong cung điện của ngài, và cho họ sự táo bạo để họ không ngần ngại giảng dạy mọi người, nhằm khiến họ tuân theo những giáo điều tà ác! Còn những người Chính Thống, vì sợ những lệnh cấm nghiêm khắc của ngài, thậm chí trong góc khuất cũng không dám nói gì để bảo vệ Chính Thống giáo. Đây không phải là dấu hiệu của sự trung gian và hòa giải, mà là của sự đàn áp và tra tấn.

– Về phần tôi, – nhà vua đáp, – tôi suy luận, như đã nói, giống như các ngài; nhưng vì tôi được biết rằng có sự nghi ngờ liên quan đến việc tôn kính các bức tượng thánh, nên tôi không nên im lặng về điều này, mà phải cố gắng tìm ra sự thật. Vậy lý do nào khiến các ngài không muốn đối thoại với những người phản đối các ngài? Rõ ràng là vì các ngài thiếu hiểu biết và không có những bằng chứng từ Kinh Thánh để bảo vệ quan điểm của mình.

Lúc đó, Thánh Theophylact, Giám mục Nicomedia, đã nói:

– Đức Kitô, Đấng mà ngài đang nhìn thấy hình ảnh trước mắt lúc này, là chứng nhân rằng chúng tôi có vô số bằng chứng về đức tin Chính Thống của mình, khẳng định việc tôn kính các thánh tượng một cách đạo đức; nhưng không ai lắng nghe chúng tôi, và thật khó để chúng tôi đạt được bất kỳ thành công nào trong cuộc đấu tranh chống lại bàn tay quyền lực, chống lại thế lực đang áp đặt lệnh cấm lên chúng tôi.

Sau đó, Thánh Phêrô, Giám mục thành Nicaea, đã quay sang nói với hoàng đế:

– Sao ngài lại mời chúng tôi tranh luận với những kẻ mà ngài đang giúp đỡ và cùng với họ tấn công chúng tôi? Hay ngài không biết rằng, ngay cả khi ngài đưa những người Manichee[2830] vào đây và muốn giúp đỡ họ, thì dưới sự bảo vệ của ngài, họ cũng sẽ dễ dàng chiến thắng chúng tôi.

[2829] Kizik – một thành phố nằm trên một trong những hòn đảo của Propontis, được người Miletus thành lập vào thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên

Thánh Euphemius, Giám mục Sardis, đã có bài phát biểu còn táo bạo hơn nữa.

– Hãy nghe đây, bệ hạ! Đã hơn tám trăm năm kể từ khi Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, giáng thế, Ngài được khắc họa bằng các bức tranh thánh trong các nhà thờ khắp nơi và được tôn kính qua hình ảnh của Ngài. Ai lại kiêu ngạo đến mức dám thay đổi hay bãi bỏ truyền thống đã được gìn giữ trong các nhà thờ suốt bao nhiêu năm qua, và được truyền lại cho đến thời đại chúng ta qua các Thánh Tông đồ, các vị Tử đạo và các vị Cha Thánh được Thiên Chúa soi dẫn? Thánh Tông Đồ đã phán: *"Vậy, hỡi anh em, hãy đứng vững và giữ vững những truyền thống mà anh em đã được dạy dỗ, hoặc bằng lời nói, hoặc qua thư tín của chúng tôi"* (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:15). Và còn nữa: *"Dù chính chúng tôi hay một thiên thần từ trời xuống mà rao giảng cho anh em điều gì khác với điều chúng tôi đã rao giảng, thì người ấy phải bị nguyền rủa"* (Ga-la-ti 1:8). Chính vì thế, trong thời kỳ trị vì đạo đức của Irina và Constantine, Công đồng Toàn cầu đã được triệu tập để chống lại những kẻ dị giáo chống thánh tượng đầu tiên, và chính Con Thiên Chúa đã dùng ngón tay của Ngài để xác nhận công đồng đó; ai dám vi phạm hoặc hủy bỏ bất kỳ quyết định nào của công đồng đó, thì sẽ bị nguyền rủa.

Mặc dù những lời này đã khơi dậy cơn thịnh nộ khủng khiếp trong lòng hoàng đế, nhưng ông vẫn lắng nghe một cách kiên nhẫn, giả vờ khiêm nhường một cách đạo đức giả. Thánh Phê-rô, một nhà giảng dạy Giáo hội nhiệt thành, vị tu viện trưởng Tu viện Studion, cũng đã dám lên tiếng một cách không sợ hãi:

– Bệ hạ! Xin đừng phá hủy trật tự Giáo hội đã được thiết lập vì lợi ích chung. Thánh Tông đồ Phaolô đã nói: "Đức Chúa Trời đã ban cho Hội Thánh*: 'Ngài đã đặt một số người làm Tông đồ, một số làm Tiên tri, một số làm Tin Mừng, một số làm Mục sư và Giáo sư, để hoàn thiện các thánh'* (Ê-phê-sô 4:11–12), nhưng vị Tông đồ không đề cập đến các vị vua trong danh sách này. Bệ hạ được giao phó việc cai quản các công việc trần thế, nhà nước và lực lượng quân sự; hãy lo liệu những việc đó, còn việc quản lý Giáo hội , theo giáo huấn của các Tông đồ, hãy để cho các mục tử và các thầy dạy lo liệu. Nếu ngài không làm như vậy, thì hãy biết rằng, ngay cả khi một Thiên thần từ trời mang đến một giáo lý trái với đức tin chân chính của chúng tôi, thì chúng tôi cũng sẽ không vâng lời người ấy, huống chi là ngài, một con người phàm trần.

Lúc đó, nhà vua vô cùng tức giận và, coi những lời của các vị Thánh Phụ là sự phỉ báng và xúc phạm đối với bản thân, đã bộc lộ cơn thịnh nộ bên trong mà trước đó ông ta vẫn che giấu dưới vẻ hiền lành giả tạo. Sau khi đuổi toàn thể Hội đồng Thánh ra khỏi điện với sự sỉ nhục và lăng mạ, ông ta đã bất công lật đổ vị mục tử công chính, Đức Thượng phụ Nikiforos, khỏi ngai vàng; ông ta cũng làm như vậy với các giám mục Chính thống giáo khác, và đày tất cả họ đến các quốc gia và địa điểm khác nhau, kể cả Thánh Theodoros Studites. Hắn đã đưa một trong những cố vấn của mình, người giáo dân Theodotus, biệt danh Cassiter, một kẻ dị giáo, một người sống đời tội lỗi, người này dường như để chữa bệnh của mình (ông ta nói rằng mình bị đau dạ dày), nhưng thực ra là vì tội lỗi mà giữ bên mình một nô tì nào đó, người hành nghề y thuật. Cũng vậy, trên các ngai tòa khác, sau khi trục xuất các tín hữu Chính Thống, nhà vua đã đặt những giám mục giả mạo tà đạo của mình lên và vứt bỏ các thánh tượng ra khỏi các thánh đường. Và một cuộc đàn áp tương tự đối với việc tôn kính thánh tượng lại bắt đầu nhắm vào các tín hữu Chính Thống, giống như trước đây dưới thời Lê-vơ người Ê-sau và con trai ông là Cô-prô-nim.

Vua dị giáo Lê-vê người Armenia và giả tổng giám mục Thê-ô-đốt, người cùng quan điểm với ông, đã triệu tập tại Constantinople cuộc tụ họp phi pháp của họ và, dù chính họ đang bị ràng buộc bởi lời thề, đã nguyền rủa những người Chính Thống, các vị Thánh Cha thiêng liêng và đáng kính; còn những ai không đồng tình với cuộc tụ họp bất chính này thì bị tra tấn bằng đủ mọi hình thức và bị xử tử. Khi cuộc tụ họp dị giáo kết thúc, vị vua đã triệu tập các vị tu viện trưởng từ các tu viện quan trọng nhất đến trước mặt mình, trong số đó có vị Thánh Cha thiêng liêng của chúng ta là Nikita, người mà chúng ta đang kể lại câu chuyện. Ban đầu, bằng những lời nịnh hót, ông ta cố lôi kéo họ theo tà tín của mình, nhưng sau đó, thấy họ không tuân theo ý muốn của mình, ông ta đã giam họ vào các ngục tối khác nhau, mỗi người một chỗ, và suy tính: "Phải xử lý họ thế nào tiếp đây?"

Và vị thánh Nikita đã phải ở trong ngục tối hôi thối suốt nhiều ngày. Chỉ riêng việc bị giam cầm trong ngục tối hôi thối này đã là một cực hình không nhỏ đối với vị thánh; hơn nữa, mỗi ngày đều có những kẻ vô lại, vô liêm sỉ về cả tính cách lẫn lời nói, thậm chí không xứng đáng mang danh người, đến gặp ngài. Bằng những lời lẽ xúc phạm và nhục mạ, họ làm ô danh và chỉ trích vị thánh già, gây ra cho ngài những tổn thương sâu sắc. Những người này

---

[2830] Những người theo đạo Mani dạy rằng trên thế gian có hai vương quốc – thiện và ác, luôn ở trong tình trạng đấu tranh không ngừng với nhau, còn trong con người có hai linh hồn, thiện và ác; rằng Chúa Kitô không có thân xác và chỉ chịu đau khổ một cách bề ngoài; họ cũng chấp nhận thuyết luân hồi.

được các kẻ dị giáo cố ý cử đến; trong số đó, kẻ độc ác nhất là một người tên là Nikolai: hắn đặc biệt làm vị thánh đau khổ bằng những lời nói điên rồ và tục tĩu, cho đến khi cha của hắn – người đã qua đời từ lâu – hiện ra trong giấc mơ và nói: "Hãy buông tha cho tôi tớ của Chúa." Kể từ đó, Nikolai ngừng nói những lời vô nghĩa, không chỉ tự mình ngừng quấy rầy vị thánh mà còn không cho phép người khác quấy rầy ngài. Vị thánh đã trải qua nhiều ngày chịu khổ trong ngục tối; sau đó, nhà vua ra lệnh đưa ngài đi lưu đày đến một vùng đất phía đông, tại thành phố Masaleon. Đó là một mùa đông khắc nghiệt, và vị thánh già đã phải chịu đựng biết bao gian khổ trong bộ quần áo rách rưới vì giá rét, tuyết và gió. Hơn nữa, viên quan hộ tống đưa ngài đi lưu đày lại là một người tàn nhẫn, không có chút lòng trắc ẩn nào: hắn làm vị tu sĩ già kiệt sức trong suốt hành trình, ép ngài phải đi nhanh để hoàn thành quãng đường rất dài trong thời gian ngắn.

Vua cũng làm như vậy với các vị tu viện trưởng chính trực khác, lần lượt đày mỗi người đi lưu đày. Sau đó, sau khi suy ngẫm trong lòng rằng việc giam cầm những người vượt lên trên mọi nỗi đau khổ không những không mang lại thành công mà còn khiến họ càng quyết tâm bám chặt vào giáo lý của mình hơn nữa, vị vua có tâm trí hay thay đổi đã thay đổi ý định. Thánh Nikita mới chỉ sống được năm ngày tại Masaleon với tư cách là người bị lưu đày, thì hoàng đế đã ra lệnh đưa ngài cùng các vị tu viện trưởng khác trở về Byzantium ngay lập tức. Chuyến trở về diễn ra còn nhanh hơn cả chuyến đi ban đầu, đến nỗi vị thánh suýt nữa thì không sống sót vì chuyến đi gấp gáp và cái lạnh khắc nghiệt. Khi tất cả các vị tu viện trưởng đã được đưa về Byzantium, nhà vua ra lệnh giam giữ họ dưới sự giám sát, cho đến khi ông quyết định cách nào để khiến họ đồng lòng với mình. Mùa đông trôi qua, cùng với Mùa Chay Lớn và lễ Phục Sinh rực rỡ; lúc đó, hoàng đế giao các tù nhân cho John Grammaticus đã được nhắc đến ở trên – người đã học nghệ thuật hùng biện như thể qua miệng quỷ dữ – để ông ta tra tấn họ theo ý muốn. Sau khi nhốt từng người riêng rẽ trong các ngục tối khác nhau, ông ta tra tấn họ không kém gì những kẻ ngoại đạo tra tấn các thánh. Các ngục tối chật chội, u ám, hôi thối và gây ra những đau khổ tột cùng cho các tù nhân, những người không có bất kỳ tiện nghi nào, thậm chí cả giường ngủ. Qua một ô cửa sổ nhỏ, họ được cho ăn, như những con chó, bánh mì bẩn thỉu và thối rữa, chỉ tám zolotnik mỗi ngày, đủ để họ không chết đói, cùng với nước đục ngầu và hôi thối. Bằng cách giam giữ các vị cha trong cảnh khốn cùng như vậy, tên tra tấn Ioann hy vọng sẽ đánh bại họ, hoặc ép buộc họ đồng ý với mình, hoặc làm cho họ chết đói. Điều khiến Thánh Nikita đau buồn hơn nữa là tên Ioan độc ác đã bắt giữ một cựu đệ tử của ngài, , một thiếu niên mới lớn tên là Theoktistos; hắn cũng giam giữ cậu ta trong ngục tối tăm, tra tấn bằng đói khát. Những kẻ dị giáo, thấy các vị cha thà chết chứ không chịu từ bỏ đức tin chính thống của mình, đã nghĩ ra một mưu kế xảo quyệt chống lại họ. Họ nói:

– Chúng tôi không đòi hỏi gì khác ở các ngài, ngoài việc các ngài chỉ tham dự Thánh Thể một lần duy nhất trong nhà thờ cùng với Thượng phụ Theodotus; các ngài sẽ không phải làm gì thêm nữa, và mỗi người sẽ được tự do trở về tu viện của mình, với đức tin và triết lý của riêng mình.

Bị lừa dối bởi mưu mô xảo trá của bọn dị giáo, các vị cha đã phần nào nhượng bộ trước yêu cầu của chúng. Sau đó, khi nhận ra mình đã bị lừa, họ hoàn toàn hối cải và quay trở lại con đường chính đạo. Sau khi mỗi người trong số họ được thả ra khỏi nhà tù biệt giam và sự giam cầm, họ đến gặp vị cha thánh Nikita và bắt đầu thuyết phục và nài nỉ ngài, để ngài đồng ý hiệp thông với Theodotus và ra khỏi nhà tù. Thánh Nikita không đồng ý rời khỏi nhà tù – nơi ngài đang chịu đựng vì Chúa Kitô – và hoàn toàn không muốn đáp ứng lời thỉnh cầu của các vị cha; nhưng các vị cha đã kiên quyết nói:

– Chúng tôi không thể ra khỏi đây mà để ngài ở lại: họ chỉ đòi hỏi chúng tôi một việc nhỏ – đó là rước lễ cùng với Theodotus; đức tin của chúng tôi vẫn sẽ còn nguyên vẹn. Theo lý lẽ, trong hoàn cảnh khó khăn hiện tại, thà nhượng bộ một chút còn hơn là đánh mất tất cả.

Họ đã khăng khăng và nài nỉ Nikita một cách dai dẳng; vị thánh nhân, không phải vì muốn tránh đau khổ hay sợ hãi cực hình, mà vì những lời khẩn cầu chân thành của các vị cha và vì kính trọng tuổi già của họ, đã miễn cưỡng nghe theo lời khuyên nhủ của họ và ra khỏi đó. Trước mắt ngài là sự sống và cái chết; và mặc dù ngài thà chọn cái chết vì Chính Thống Giáo hơn là sự sống, nhưng lúc đó ngài đã không trái lời nhóm bạn trung thành, những người mà ngài biết rõ về đức tin chân chính và cuộc sống đạo đức của họ.

Tất cả cùng nhau đến gặp vị tổng giám mục giả mạo; để dễ dàng lôi kéo họ vào cuộc đối thoại với mình, hắn dẫn họ đến một nơi cầu nguyện nào đó, được trang trí đầy đủ các bức tượng thánh, nhằm khiến các vị cha, khi nhìn thấy các bức tượng thánh, sẽ kết luận rằng vị tổng giám mục này có đức tin chính thống. Tại đó, Theodotus cử hành Thánh lễ; họ rước Mình Thánh từ tay ông và nghe từ miệng ông những lời như thế này: "Ai không tôn kính các bức tượng thánh của Chúa Kitô, thì sẽ bị vạ tuyệt thông." Vị tổng giám mục nói như vậy không phải vì chính

ông tôn kính bức tượng thánh của Đấng Cứu Thế, mà là vì sự giả hình – trước mặt các vị tu sĩ, để họ không nghi ngờ việc hiệp thông với ông. Sau đó, khi mọi người đã trở về các tu viện của mình, Thánh Nikita bắt đầu đau buồn sâu sắc vì đã có sự hiệp thông với vị tổng giám mục giả mạo Theodotus, một kẻ giả dối và lừa đảo: ngài coi sự lệch lạc nhỏ nhoi khỏi con đường chính đạo là một sự lầm lạc hoàn toàn. Ngài quyết định rời đi đến một đất nước khác để sám hối về tội lỗi của mình tại đó. Lên thuyền, ngài ra khơi hướng về hòn đảo tên là Prokonnis (trên Biển Cẩm Thạch, nay là Biển Marmara). Nhưng sau đó, ngài tự suy ngẫm: "Nơi nào có tội lỗi, nơi đó phải có sự sám hối" – và ngài quay trở lại Byzantium.

Đi lại công khai trong thành phố, Thánh Nikita không sợ hãi mà dạy dỗ mọi người tuân theo các giáo lý chính thống do các vị Thánh Phụ của Công đồng Đại kết lần thứ bảy thiết lập. Hoàng đế biết được điều này, đã triệu tập vị thánh đến và hỏi:

– Tại sao ngươi không trở về tu viện của mình như các vị tu viện trưởng khác? Tại sao chỉ có một mình ngươi ở lại trái phép, không tuân theo, như ta nghe nói, mệnh lệnh của chúng ta? Hay là ngươi coi thường quyền lực của chúng ta? Hãy tuân theo mệnh lệnh của chúng ta và trở về tu viện của ngươi; nếu ngươi không đi, ta sẽ ra lệnh tra tấn ngươi.

Vị thánh đáp lại một cách hiền lành:

– Thưa Hoàng đế! Tôi sẽ không trở về tu viện của mình, sẽ không từ bỏ đức tin của mình, tôi vẫn giữ vững và sẽ tiếp tục giữ vững niềm tin của mình; các vị cha của tôi, các vị giám mục Chính thống thánh thiện, cũng đang giữ vững niềm tin ấy, và họ đang phải chịu sự trục xuất, xiềng xích và nhiều tai ương từ ngài một cách vô cớ, để bảo vệ Giáo hội Chính thống, nơi chúng ta đang ở và được an ủi bởi niềm hy vọng về vinh quang của Đức Chúa Trời. Hãy biết chắc chắn về tôi rằng: không phải vì sợ chết, cũng không phải vì yêu mến cuộc sống trần thế mà tôi đã làm điều không nên làm, nhưng vì lòng vâng phục, tôi đã tuân theo các bậc trưởng lão dù trái với ý muốn của mình: chỉ vì thực hiện ý muốn của họ, tôi mới bước vào mối quan hệ với giả tổng giám mục Theodotus, điều mà giờ đây tôi hối tiếc và ăn năn. Hãy hoàn toàn tin chắc rằng từ nay trở đi, tôi không còn bất kỳ mối quan hệ nào với các ngài nữa: tôi vẫn bám chặt vào truyền thống của các vị Thánh Tổ, điều mà tôi đã tiếp nhận ngay từ đầu. Hãy làm với tôi bất cứ điều gì ngài muốn và đừng hy vọng nghe được từ tôi bất cứ điều gì khác.

Nhà vua, thấy sự kiên định trong niềm tin của ông, đã giao ông cho một người tên là Zacharias, người đứng đầu các cung điện hoàng gia được gọi là Mangan, để người này giam giữ ông cho đến khi có quyết định. Zacharias là một người tốt bụng và đạo đức; ông không những không gây ra bất kỳ sự phiền muộn nào cho vị tu sĩ già, mà còn dành cho ông rất nhiều sự kính trọng. Sau đó, nhà vua ra lệnh giam lỏng Thánh Nikita trên hòn đảo của Thánh Tử đạo Glykeria: hòn đảo nhỏ này được đặt tên theo vị Thánh Tử đạo vì nơi đó lưu giữ di cốt thánh của bà, và một nhà thờ lớn cùng tu viện mang tên bà đã được xây dựng tại đó, được các quan chức theo tà giáo giao phó cho một hoạn quan tên là Anfim. Người này hoàn toàn không có lòng nhân từ – ông ta là một thầy phù thủy, kẻ phạm tội chống lại Đức Chúa Trời, đầy ác ý, thù địch, xảo trá, kiêu ngạo và vô nhân đạo; người dân nơi đó gọi ông ta là Caipha vì tính hung dữ và bản tính độc ác. Vào thời đó, những kẻ như vậy được bổ nhiệm để quản lý các tu viện, nhằm, với sự hậu thuẫn của chính quyền thế tục, thay đổi mọi thứ theo ý muốn của mình. Anphim đã tiếp nhận vị thánh được gửi đến cho mình và, lợi dụng quyền lực được những người cử ông đến trao cho, đã tra tấn ngài một cách tàn nhẫn. Sau khi nhốt vị thánh nhân của Chúa vào ngục tối chật hẹp nhất, hắn đã khiến ngài phải chịu những cực hình liên miên, thậm chí không cho ngài nhìn ra ngoài ngục; chính hắn giữ chìa khóa và ra lệnh đưa thức ăn ít ỏi cho ngài qua một lỗ hổng rất hẹp. Các thủ lĩnh tà giáo đã hứa hẹn rất nhiều với Anphim này, nếu hắn ép được Thánh Nikita đồng ý với họ, và vì thế, tên khốn kiếp này đã hành hạ vị thánh một cách đặc biệt tàn nhẫn, hy vọng bằng cách ép buộc sẽ khiến ngài nghiêng về những tư tưởng tà giáo; nhưng vị thánh đã chịu đựng những đau khổ do lòng đạo đức của mình gây ra với tình yêu thương; Còn Đức Chúa Trời đã bày tỏ ân sủng kỳ diệu của Ngài nơi ngài và chứng tỏ rằng ngài là một người công chính, thánh thiện và là vị trợ giúp làm phép lạ cho những người lâm vào hoạn nạn. Zacharias nói trên, khi được nhà vua cử đi giải quyết các công việc dân sự tại các vùng đất Thrace, đã rơi vào tay bọn man di, những kẻ đã bắt ông làm tù binh. Thánh Michael, Giám mục Sinad, người cũng đang bị giam cầm vì đức tin Chính thống, khi biết tin này, đã sai người truyền lời cho vị thánh Nikita rằng:

– Người bạn chung của chúng ta là Zacharias đã bị trói và bị dẫn đi sang xứ sở của bọn man di; xin ngài hãy cầu khẩn Thiên Chúa cho ngài ấy, vì ngài có thể làm được điều đó.

Nhận được tin này, vị thánh vô cùng đau buồn và cả ngày hôm đó không ăn uống gì; đến tối, ngài lấy ngọn nến từ anh em Philip, người phục vụ ngài, thắp lên và suốt đêm đứng cầu nguyện, khẩn cầu Thiên Chúa nhân từ

thương xót Zacharia, người đang bị bắt làm tù binh, để Ngài giải thoát ông khỏi tay bọn man di. Và ngài nhận được lời báo từ Đức Chúa Trời rằng Zacharia sẽ sớm được tự do. Sáng hôm sau, Philip đến, thấy khuôn mặt cha rạng rỡ và tâm hồn vui mừng, liền nói với ngài:

– Thưa cha! Hôm qua con để cha lại trong nỗi buồn và đau khổ sâu sắc, nhưng giờ con thấy cha tràn đầy niềm vui. Con xin cha hãy cho con biết lý do tại sao cha lại chuyển từ buồn sang vui như vậy.

Thánh nhân đáp:

– Con vui mừng vì chúng ta sắp được gặp lại người bạn Zacharia của chúng ta tại đây.

Và quả thực là như vậy. Chỉ vài ngày sau, vua Hy Lạp đã ký hiệp ước hòa bình với bọn man di, và hai bên bắt đầu trao đổi tù binh. Khi gửi tù binh đi trao đổi, nhà vua không tính đến Zacharias, vì đã biết rằng ông tuân theo các giáo lý của Công đồng Đại kết lần thứ bảy và giúp đỡ những người Chính thống giáo; vì vậy ông đã để anh ta lại trong tay bọn man di, để anh ta phải chết ở đó. Khi bọn man di thả nhiều tù binh Hy Lạp, còn Zacharias thì vẫn bị giam giữ, thủ lĩnh của bọn man di nói với anh ta:

– Ngươi có muốn về quê hương không?

– Tôi rất muốn, – Zacharias đáp, – nhưng nhà vua của chúng tôi không muốn giải thoát tôi khỏi cảnh bị giam cầm này.

Thủ lĩnh nói:

– Ta tha cho ngươi; hãy đi theo ý muốn của ngươi.

Thấy thủ lĩnh bọn man di bỗng dưng nhân từ với mình như vậy, Zacharia nhận ra rằng chính Đức Chúa Trời đang sắp đặt điều này nhờ những lời cầu nguyện của các thánh tổ, những người mà trước đây ông đã từng giúp đỡ. Tràn đầy can đảm, ông nói với thủ lĩnh:

– Nếu ngài muốn thả tôi ra, xin hãy ban cho tôi một tù nhân khác, cùng tên với tôi và cùng quê hương, người đã bị xiềng xích cùng với tôi.

Người chỉ huy đáp:

– Hãy đưa cả người ấy đi, và cả hai hãy bình an trở về quê hương.

Vậy là Zacharia được thả tự do. Khi cùng người bạn của mình trở về hòn đảo gặp vị thánh phụ Nikita, ông đã cảm tạ ngài vì những lời cầu nguyện thánh thiện, nhờ đó Thiên Chúa đã giải thoát họ khỏi cảnh tù đày man rợ. Vị thánh phụ này còn thực hiện một phép lạ vinh quang khác: nhờ lời cầu nguyện sốt sắng dâng lên Đức Chúa Trời, ngài đã cứu ba anh em khỏi bị chìm và đưa họ lên bờ an toàn; những người này, khi đang chèo thuyền trên biển, đã bất ngờ gặp sóng lớn vào giữa đêm. Như vậy, dù chính ngài đang bị xiềng xích trong cảnh tù đày và khốn khổ, ngài vẫn kỳ diệu giải thoát người khác khỏi xiềng xích và hoạn nạn.

Vị thánh này đã chịu khổ trong ngục tối suốt sáu năm, cho đến khi vị vua chống lại Thiên Chúa là Lê-vê người Armenia bị diệt vong. Khi vị vua này bất ngờ bị chính các chiến binh của mình giết chết và Mi-khail người Ammoria, có biệt danh là Travlius hay Valvos, lên ngôi, người ta bắt đầu thả các vị thánh cha ra khỏi xiềng xích và nơi giam cầm để họ được tự do; lúc bấy giờ, vị tu sĩ thánh thiện Nikita, vị tu viện trưởng của Tu viện Midiki, vị tử đạo mà không đổ máu, vị chứng nhân dũng cảm của Chính Thống Giáo, vị chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô, cũng được phóng thích. Ông không trở về tu viện của mình, mà định cư tại một nơi hẻo lánh không xa về phía bắc Byzantium, mong muốn sống trong sự tĩnh lặng. Tại đó, sau những đau khổ kéo dài, ông chỉ sống một thời gian ngắn, nhưng đã ban phát nhiều ân huệ kỳ diệu nhờ sức mạnh của ân sủng chữa lành muôn vàn. Trước khi qua đời, sau tất cả những đau khổ tột cùng phải chịu đựng trong thời gian lưu đày, ngài lâm bệnh lần cuối cùng, đã rước Mình Thánh Chúa vào ngày thứ Bảy, và vào rạng sáng Chủ Nhật, ngài đã về với Chúa vào ngày 3 tháng Tư năm[2831] .

Tin về sự ra đi thánh thiện của ngài lập tức lan truyền khắp thủ đô và các vùng lân cận. Chẳng bao lâu sau, từ thành phố và khắp mọi nơi, đông đảo người dân thuộc mọi giới tính và tầng lớp, cả giáo sĩ lẫn giáo dân, cùng các tu sĩ từ tu viện Midiki và các tu viện khác đã tụ tập về; hai vị giám mục là Thánh Theophilus của Ephesus và Thánh Joseph của Thessalonica cũng đã đến; sau khi an táng thi hài thánh thiện của vị thánh cha theo nghi thức truyền thống, họ đặt thi hài vào quan tài, mang lên tàu và đưa về tu viện Midiki. Thánh Phaolô, giám mục Plusiad, cùng với đông đảo tu sĩ và giáo dân đã đón thi hài tại bờ biển, cõng trên vai và rước về tu viện. Trên đường đi, những phép lạ kỳ diệu đã xảy ra: những người bệnh tật được chữa lành và những người bị quỷ ám được giải thoát khỏi các

[2831] Năm 824.

linh hồn gian ác; một người phụ nữ, đã lâu nay bị chứng chảy máu, chỉ cần chạm vào thánh tích của vị thánh, lập tức được chữa lành. Trong tiếng hát chung các thánh vịnh và các bài ca phù hợp, thi hài của vị thánh được an táng ở phía bên trái của hiên nhà thờ, trong lăng mộ của vị thánh cha Nikifor đã qua đời trước đó, vị tu viện trưởng đầu tiên của tu viện này. Và sau lễ an táng, nhiều phép lạ cũng đã xảy ra và những người đến với lòng tin đã được chữa lành, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh trong các thánh của Ngài; xin mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng được dâng lên Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, amen.

Ngày 17 tháng 4

Ngày 4 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Giô-rê-gi-ô Im Lặng.

Kỷ niệm Thánh Giuse, vị cha đáng kính của chúng ta, nhà soạn thánh ca và tác giả các kinh ca

Ngày tưởng niệm 4 tháng 4

Quê hương của Thánh Giuse là Sicily[2832] . Cha mẹ ngài, Plotin và Agafia, là những người sùng đạo và đức hạnh; nhờ cuộc sống thánh thiện của họ, Chúa đã ban cho họ một người con trai như vậy, người đã làm rạng rỡ Giáo hội bằng những bài thánh ca thiêng liêng vì lợi ích của Giáo hội, với tư cách là một nhà soạn thánh ca xuất sắc. Thanh niên này được nuôi dạy trong sự học hỏi tốt đẹp và lối sống đạo đức; ngay từ những thói quen thời thơ ấu của ngài, người ta đã có thể thấy dấu hiệu cho thấy rằng, khi trưởng thành, ngài sẽ đạt đến sự hoàn hảo trong các đức tính: ngài hiền lành, trầm lặng, khiêm nhường, tránh xa những trò chơi của tuổi thiếu niên; từ thuở nhỏ đã yêu thích việc ăn chay và kiêng khem, không tìm kiếm những món ăn ngon, chỉ ăn bánh mì và nước, và thậm chí chỉ vào buổi tối; cậu học Kinh Thánh rất thành công. Giuse lớn lên cả về thể xác lẫn tinh thần như vậy, thì cuộc xâm lược của các bộ tộc man rợ vào vùng đất Sicilia đã xảy ra, và cha mẹ ngài buộc phải chạy trốn khỏi quê hương sang các vùng đất khác. Lúc đầu, Giuse đi cùng cha mẹ đến Peloponnese, nhưng sau đó, ngài rời xa cha mẹ và đến Thessalonica, thủ đô của Macedonia; tại đây, ông gia nhập tu viện, thọ giới tu sĩ và tu tập các thực hành khổ hạnh, siêng năng trải qua mọi khía cạnh của đời sống tu hành và các đức tính; và ông trở thành một người đàn ông hoàn hảo và một tu sĩ giàu kinh nghiệm. Mặt đất phủ một tấm da làm giường, bộ quần áo rách nát làm áo; sự kiêng khem của ngài rất lớn, thức ăn chỉ là một miếng bánh mì nhỏ và ít nước, ngài thức suốt đêm, quỳ gối không ngừng; miệng luôn hát thánh ca, tay luôn làm việc. Ngài siêng năng đọc các sách Thánh, tràn đầy sự khôn ngoan và trí tuệ thiêng liêng, và như một Thiên thần của Chúa, ngài tỏa sáng giữa các anh em bằng gương mẫu của một đời sống trong sạch và thánh thiện. Không thể kể chi tiết về những việc lành và vô số công đức của ngài.

Ngài đã làm việc vì Chúa một cách đáng mến hơn bất kỳ ai khác. Theo sự khẩn khoản của vị tu viện trưởng và các tu sĩ, ngài đã nhận chức linh mục, được Giám mục Thessaloniki tấn phong làm linh mục. Khi đã trở thành linh mục, ngài càng nỗ lực hơn nữa trong các công việc và nỗ lực của mình, thường xuyên cử hành Thánh lễ, và với những giọt nước mắt, ngài cầu nguyện cho chính mình và cho cả thế giới. Vị thánh Grigori Dekapolit[2833] đã đến tu viện; khi nhìn thấy thánh Giuse, ngài rất mến mộ ngài như một vị thánh và đã tìm được ở ngài một người bạn và người đồng tu. Một thời gian sau, khi Grigori chuẩn bị lên đường đến Byzantium để củng cố lòng tin cho các tín hữu đang bị các kẻ dị giáo làm lung lay, ngài đã xin vị tu viện trưởng và các tu sĩ cho phép Thánh Giuse đi cùng ngài để giúp đỡ: vì ngài không muốn xa cách ngài. Nhưng các tu sĩ cùng vị tu viện trưởng cũng không muốn mất đi một người bạn đồng tu như vậy, một tôi tớ chân chính của Chúa. Tuy nhiên, vì tôn trọng lời thỉnh cầu của vị trưởng

[2832] Sicily – một trong những hòn đảo lớn của Địa Trung Hải, nằm phía nam bán đảo Apennine, được ngăn cách với bán đảo này bởi eo biển Messina

[2833] Ngày kỷ niệm: 20 tháng 11

lão vĩ đại và quan tâm đến nhu cầu của Giáo hội đang bị cơn bão dị giáo quấy rối, họ đã cho phép Thánh Giuse cùng với Thánh Grigoriô Dekapolite lên đường đến Byzantium.

Khi đến đó, Giuse và Grêgôriô đã định cư tại nhà thờ các Thánh Tử đạo Sergius và Bacchus, và, cạnh tranh với nhau, họ đã sống một cuộc đời khắc nghiệt và vất vả – đặc biệt là Thánh Giuse, người đã noi gương vị tu sĩ cao niên nhất, vị Cha vĩ đại Grêgôriô; lấy ngài làm gương mẫu, ngài quyết tâm trong lòng không ngừng hoàn thiện bản thân về mặt đức hạnh. Cả hai đều miệt mài làm việc, tận tụy dạy dỗ những người sùng đạo phải tự bảo vệ mình khỏi những tà thuyết độc hại, không nao núng hay nghi ngờ các tín điều của đức tin chân chính, và kiên định trong việc tuyên xưng lẽ thật. Vào thời điểm đó, vị vua vô đạo Lê-vê người Armenia đã khôi phục lại tà thuyết chống thánh tượng đã bị lên án[2834] và phát động một cuộc đàn áp lớn đối với Giáo hội; ông ta lôi các thánh tượng ra khỏi các nhà thờ của Chúa và giẫm đạp chúng một cách nhục nhã; ông ta đặt những kẻ dị giáo đồng quan điểm với mình lên các ngai tòa của các mục tử Chính Thống, những người mà ông ta đã lật đổ, đồng thời tra tấn và hủy diệt một số người trong số họ bằng nhiều cách khác nhau.

Lúc bấy giờ, Thánh Grigori cùng Thánh Giuse, khoác lên mình áo giáp của đức tin, bắt đầu đi khắp các đường phố, quảng trường và nhà cửa của các tín hữu, với lời khuyên nhủ, khuyên răn và khẩn cầu – đừng để bị lừa dối bởi sự xảo trá của tà giáo. Và những lời của họ giống như sương mai, khi sương mai làm sống lại những bông hoa và cỏ đồng, vốn đang héo úa vì cái nóng ban ngày: những lời ấy làm sống lại những trái tim con người, những tâm hồn nhút nhát, đầy nghi ngờ và dường như đang héo úa vì cái nóng của những giáo lý dị giáo. Sau đó, nhiều tu sĩ đã thỉnh cầu Thánh Grigoriô, xin ngài cử Thánh Giuse – người giỏi về lời nói và đủ sức khỏe thể chất để thực hiện cuộc hành trình dài – đến Rome cổ đại, đến gặp Đức Giáo hoàng Chính thống Lê-ôn III[2835] và tất cả các tín hữu Chính thống tại đó, để thông báo về cuộc bách hại đang diễn ra tại Constantinople nhắm vào Giáo hội Thánh. Họ hy vọng rằng các tín hữu Chính thống từ Rôma sẽ giúp đỡ những người đang bị bách hại, bác bỏ các giáo lý sai lầm và bịt miệng những kẻ dị giáo đang phỉ báng. Thánh Grigoriô, trong cuộc trò chuyện với Thánh Giuse, đã đưa ra những lời khuyên sau đây:

– Hỡi con, giờ đây đã đến lúc con phải thể hiện tình yêu chân thành của con dành cho Thiên Chúa và lòng nhiệt thành đối với sự đạo đức; hãy đến Rome cổ kính và thông báo cho người đứng đầu các Kitô hữu ở đó cùng tất cả các tín hữu Chính Thống ở phương Tây biết rằng, vị vua độc ác, kẻ được gọi là "con thú", đã gây ra tai họa nào cho Giáo Hội Đông Phương thánh thiện; rằng hắn đã xúc phạm và chà đạp hình ảnh Chúa Kitô và Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ, đã tước đoạt những vật trang trí quý giá của Giáo Hội, trục xuất các mục tử tốt lành vô tội, và giao đàn chiên của Chúa Kitô vào tay những mục tử giả dối, những kẻ được thuê mướn và những con sói tham lam, và giờ đây đàn chiên đang bị cướp bóc và tan tác. Hãy loan báo rằng, ngày qua ngày, cơn bão dữ dội do kẻ cầm quyền khơi dậy đang làm rung chuyển Giáo Hội của Chúa Kitô, và con Sư Tử hung dữ đến từ Armenia đang phun ra những lời đe dọa và nuốt chửng nhiều người bằng sự xảo trá dị giáo của nó. Hãy loan báo, thuyết phục và khẩn cầu, để những người Chính Thống giáo rút thanh gươm Lời Chúa ra và chống lại những kẻ đang bách hại chúng ta.

Thánh Grêgôriô đã nói những lời như thế. Thánh Giuse, người từ thuở thiếu thời đã hoàn toàn quen với sự vâng lời, không phản đối chút nào; ngài khiêm nhường cúi đầu, xin Thánh Grêgôriô những lời cầu nguyện như của cha và sự chúc lành cho chuyến đi, rồi lên tàu và ra khơi đến Rôma.

Nhưng số phận khó lường của Thiên Chúa lại định đoạt khác. Chúa sắp đặt mọi sự đều vì lợi ích, và không hiếm khi Ngài dùng những hoàn cảnh mà chúng ta cho là bất lợi và tàn nhẫn để thực hiện những việc kỳ diệu và vinh quang nhằm tôn vinh Danh Thánh của Ngài. Vì vậy, theo sự sắp đặt của Chúa, đã nảy sinh trở ngại cho chuyến đi của Giuse đến Rôma. Những kẻ đồng lõa với vua Lê-ô người Armenia, cùng các tôi tớ và tay sai của bọn bách hại, khi biết rằng nhiều người, bị cuộc bách hại chống thánh tượng truy đuổi, đang rời khỏi thủ đô để đến các nước khác, đã bắt đầu bí mật bố trí các cuộc phục kích cướp bóc dọc theo các tuyến đường thủy và đường bộ, nhằm bắt giữ những người trốn chạy và đưa họ trở lại tay bọn bách hại. Việc Thánh Giuse được các tu sĩ Chính Thống Giáo cử đi về phương Tây, đến Rôma, cũng không còn là bí mật đối với họ; họ đã xúi giục bọn cướp biển tấn công ngài, và Thánh Giuse đã rơi vào tay kẻ thù. Họ đã đánh chìm con tàu, bắt giữ tất cả những người đồng hành của Thánh Giuse và đưa họ đến đảo Crete, nơi những kẻ chống thánh tượng đang chờ sẵn; tại đó, Thánh Giuse, bị xiềng xích nặng nề, đã bị tống vào ngục tối. Tại đó, ngày đêm ngài an ủi những người bạn tù của mình bằng những lời nói

[2834] Tại Công đồng Đại kết lần thứ VII
[2835] Leo III (Lêô) 816

được Thánh Thần soi dẫn, những người đã phải chịu nhiều đau khổ cùng ngài vì đức tin chân chính; chính ngài, trong xiềng xích, vẫn vui mừng vì Chúa, đã nói với những người khác:

– Còn gì ngọt ngào và vui mừng hơn những xiềng xích mà chúng ta phải gánh chịu vì tình yêu dành cho Đấng Christ và hình ảnh thánh của Ngài? Dù sự giam cầm tạm thời này có gây cho chúng ta một chút đau khổ, thì vì sự đau khổ này, chúng ta phải tạ ơn Thiên Chúa, lấy Thánh Phaolô làm gương sáng, người đã vui mừng khôn tả vì được ơn chịu khổ trong xiềng xích vì Danh Chúa Giêsu Kitô, và coi những xiềng xích ấy như những viên ngọc quý và đồ trang sức bằng vàng. Hơn nữa, chúng ta *"được kêu gọi làm điều đó, bởi vì chính Đức Kitô cũng đã chịu đau khổ vì chúng ta, để lại cho chúng ta gương mẫu, hầu chúng ta bước theo dấu chân Ngài. Ngài không phạm tội nào, và không có lời dối trá nào trên môi Ngài. Khi bị sỉ nhục, Ngài không đáp trả bằng lời sỉ nhục; khi chịu đau khổ, Ngài không đe dọa, nhưng phó thác cho Đấng Thẩm Phán Công Chính"* (1 Phê-rô 2:21–23), theo lời của Thánh Phê-rô, vị Tông đồ tối cao. Đúng là những đau khổ về thể xác gây ra một chút buồn phiền, nhưng không thể gọi là người mang ách của Chúa Kitô ai đó không đi theo Ngài và không chịu đựng, dù chỉ một phần, những đau khổ mà Ngài đã chịu vì chúng ta. Là Thiên Chúa toàn năng, Ngài có thể cứu rỗi con người bằng bất kỳ cách nào khác, nhưng Ngài đã muốn rằng từ lao động và đau khổ sẽ nảy sinh sức mạnh của đức hạnh, sức mạnh có thể mở ra cánh cửa thiên đàng đã đóng kín từ lâu. Và Ngài không chỉ cho chúng ta con đường nào khác dẫn đến sự cứu rỗi, ngoài con đường lao động và đau khổ. Vậy thì tại sao chúng ta lại phải bối rối, làm hao mòn sức khỏe của mình trong những đau khổ vì bức thánh tượng của Đấng Cứu Thế và Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội? Bằng cách chống lại mệnh lệnh độc ác của nhà vua, chúng ta sẽ nhận được ân sủng của Thiên Chúa và sự trợ giúp kịp thời.

Bằng những lời như thế và những lời tương tự, Thánh Giuse đã an ủi và củng cố tinh thần cho các đồng đạo của mình, những người bị giam chung với ngài trong ngục tối vì việc tôn kính các bức tượng thánh. Một vị giám mục Chính Thống Giáo nào đó cũng phải chia sẻ cảnh ngục tù này, vì ngài cũng bị bắt để chịu khổ vì việc tôn kính các bức tượng thánh. Ngài, cảm thấy bất lực trước những thiếu thốn trong ngục tối, đã bối rối theo bản tính con người: vì mong muốn thoát khỏi xiềng xích và đau khổ, ngài đã bắt đầu nghiêng về tà thuyết chống thánh tượng và, giống như một con tàu trong cơn sóng dữ, suýt nữa thì chìm đắm. Thánh Giuse đã dùng biết bao lời khuyên nhủ để an ủi ngài khi nhận ra sự dao động trong lòng ngài! Ngài đã rơi biết bao giọt nước mắt, khẩn cầu ngài hãy can đảm chết vì bức thánh tượng Chúa Kitô, như chết vì chính Chúa Kitô vậy! Và những lời nói được Thánh Thần soi dẫn của ngài đã không uổng phí: vị giám mục đã tràn đầy sự kiên định đến mức ngay cả trong những cực hình tàn khốc nhất, ngài cũng không từ bỏ đức tin của mình và với sự vĩ đại dũng cảm của tâm hồn, ngài đã chịu đựng tất cả cho đến cùng. Khi bị dẫn ra nơi tra tấn, trước mặt những kẻ hành hình và các dụng cụ tra tấn, ngài không hề tỏ ra sợ hãi, mà tự tay cởi bỏ y phục và phó thác thân mình cho sự tra tấn, mong muốn được chết ngàn lần – nếu có thể – vì Chúa Kitô, Đấng được thể hiện trong hình ảnh bằng nghệ thuật vẽ thánh tượng. Bị treo cổ trong tình trạng trần truồng tại nơi tra tấn, toàn thân bị xuyên thủng bởi những mũi tên, và cuối cùng bị ném những tảng đá lớn vào đầu, vị giám mục đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Khi biết tin về cái chết tử đạo của vị giám mục, Thánh Giuse đã vô cùng vui mừng trước lòng dũng cảm bất khuất của ngài và tạ ơn Chúa Kitô, Đấng đã củng cố chiến binh được chọn của Ngài để thực hiện kỳ công ấy; người này, dù ban đầu đã bộc lộ một chút yếu đuối, nhưng sau đó đã hoàn toàn sửa đổi và chiến thắng kẻ thù. Cũng như vậy, Thánh Giuse đã cứu nhiều người khác khỏi sự hủy diệt tâm linh và dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô, không ngừng dạy dỗ mọi người về con đường cứu rỗi; còn chính ngài, Thiên Chúa đã cứu ngài khỏi cái chết, bảo toàn mạng sống ngài để mang lại lợi ích cho rất nhiều người.

Thánh Giuse đã trải qua sáu năm trong ngục tối; và rồi, vị vua độc ác Lê-vê người Armenia đã phải chịu một cái chết thảm khốc: vào đêm trước lễ Giáng sinh, ông ta bị chính các binh lính của mình giết chết trong nhà thờ, ngay trong lúc cử hành thánh lễ sáng. Cùng lúc đó, Thánh Giuse trong ngục tối ở Crete đã được báo tin về cái chết của kẻ hành hạ mình và được Thánh Nicôla, người đã hiện ra với ngài, giải thoát một cách kỳ diệu khỏi xiềng xích. Thánh Giuse đã thức trắng cả đêm đó, không ngừng hát những bài thánh ca lễ hội và cầu nguyện; trước khi bình minh ló rạng, một ánh sáng rực rỡ chiếu sáng nhà tù, và một người đàn ông trang nghiêm, chính trực, mặc áo lễ, tóc bạc, khuôn mặt rạng rỡ, đã hiện ra trước mặt ngài và nói:

– Ta đến với ngươi từ thành Mir thuộc Lycia, được Thiên Chúa sai đến, để ngay lập tức mang đến cho ngươi tin mừng: kẻ thù đã gây rối loạn cho Giáo Hội và làm tan rã đoàn chiên của Chúa Kitô, đã mất cả vương quốc lẫn mạng sống, và đang bị đưa ra trước tòa án của Thiên Chúa. Giờ đây, ngài phải trở về Constantinople và củng cố đức tin cho nhiều người nhờ ân sủng của Thánh Thần ngự trong ngài.

Sau đó, vị thánh nhân trao cho ông một cuộn giấy và nói:

– Hãy nhận cuộn giấy này và ăn nó đi.

Trong cuộn giấy ấy có ghi: "Hãy mau mắn, hỡi Đấng hào phóng, và hãy nỗ lực, như Đấng nhân từ, để giúp đỡ chúng con, theo như Ngài có thể và muốn." Thánh Giuse nhận lấy cuộn giấy ấy, đọc xong rồi nuốt vào, và vui mừng nói: *"Lời Ngài ngọt ngào biết bao trong cổ họng tôi! Ngọt hơn mật ong trên môi tôi"* (Thánh Vịnh 118:103).

Rồi Đấng hiện ra với ông ra lệnh cho ông hát lại những lời ấy. Thánh Giuse hân hoan hát lên, và ngay lập tức xiềng xích và gông cùm trên cổ, tay và chân ông nới lỏng rồi rơi xuống, và ông nghe thấy lời của vị thánh hiện ra với ông:

– Hãy đứng dậy và theo Ta.

Ông đứng dậy; cánh cửa ngục tự mở ra, và ông bước ra ngoài mà lính canh ngục không hay biết. Rồi ông thấy mình được một sức mạnh vô hình nào đó nâng bổng lên không trung. Chẳng bao lâu sau, ông đã ở gần Constantinopolis, trên con đường lớn dẫn vào thành phố, và ông ngợi khen Đức Chúa Trời vì phép lạ tuyệt vời này.

Khi vào thành phố, Giuse không còn thấy cha Grigori Dekapolita, người mà ông hết mực yêu quý, còn sống nữa – ngài đã về với Chúa – mà chỉ thấy môn đệ của ngài, thánh Gioan, và cùng với ngài, bên quan tài của Grigori, ông đã than khóc rất nhiều vì không được gặp vị thánh cha khi ngài còn sống. Một thời gian ngắn sau, Thánh Gioan cũng về với Chúa và được an táng gần Thánh Grigori. Sau đó, Thánh Giuse chuyển đến một nơi khác, hẻo lánh và yên tĩnh, nằm ngoài thành phố, không xa nhà thờ Thánh Gioan Vàng Miệng. Sau khi định cư tại đây, ngài đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Nicôla, chuyển di hài cốt của cả hai vị thánh phụ, Grêgôriô và Gioan, vào đó, thành lập một tu viện và quy tụ các tu sĩ. Nhiều người, cả tu sĩ lẫn giáo dân, liên tục đổ về đây để lắng nghe những lời giảng dạy được Thánh Thần soi dẫn của Thánh Giuse, vì ân sủng của Thánh Thần tuôn trào như dòng sông từ miệng ngài qua những lời nói ngọt ngào. Một lần nọ khi đang ở Thessaly, Thánh Giuse đã nhận được từ một người đàn ông đức hạnh mà ngài quen biết một phần đáng kể di cốt của Thánh Tông đồ Bartholomew; ngài mang nó về tu viện của mình và, sau khi xây dựng một nhà thờ riêng mang tên Thánh Tông đồ Bartholomew, đã long trọng an táng phần di cốt thánh của ngài tại đó. Với lòng yêu mến và đức tin sâu sắc dành cho Thánh Tông đồ, ngài thường được ân sủng nhìn thấy ngài trong giấc mơ. Ngài mong muốn làm rạng rỡ ngày lễ của Thánh Tông đồ bằng những bài thánh ca ngợi khen, nhưng lại do dự, băn khoăn không biết việc này có làm vừa lòng Thánh Tông đồ hay không, và ngài đã thành tâm cầu nguyện cùng Thiên Chúa và Thánh Tông đồ của Ngài để được soi sáng và ban cho sự khôn ngoan từ trên cao nhằm sáng tác những bài thơ ngợi khen xứng đáng với Thánh Bartholomew. Thánh Giuse đã cầu nguyện trong bốn mươi ngày với sự ăn chay và nước mắt, và khi ngày kỷ niệm vị Tông đồ sắp đến, vào đêm trước lễ, ngài thấy Thánh Bartholomew hiện ra trên bàn thờ, mặc áo lễ trắng, mở bức màn bàn thờ và gọi ngài đến bên mình. Khi Thánh Giuse tiến lại gần hơn, vị Tông đồ thánh đã lấy cuốn Phúc Âm Thánh từ ngai vàng, đặt lên ngực Thánh Giuse và nói:

– Nguyện bàn tay phải của Đức Chúa Trời toàn năng ban phước lành cho ngươi, và nguyện nước của sự khôn ngoan thiên thượng tuôn tràn trên lưỡi ngươi: lòng ngươi hãy trở thành đền thờ của Thánh Thần, và những bài thánh ca của ngươi hãy làm say đắm cả vũ trụ.

Thánh Tông đồ Bartholomew đã nói như vậy rồi biến mất, còn Thánh Giuse, khi cảm nhận được ân sủng của sự khôn ngoan trong lòng, đã tràn ngập niềm vui khôn tả và lòng biết ơn. Từ đó, ngài bắt đầu sáng tác các bài thánh ca và các bài kinh thánh, qua đó làm rạng rỡ không chỉ lễ kính Thánh Tông đồ Bartholomew, mà còn của nhiều vị thánh khác; đặc biệt, ngài đã tôn vinh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Thánh Nicholas bằng rất nhiều bài kinh thánh. Ngài đã làm phong phú Giáo Hội Thánh bằng những bài thánh ca và được gọi là "nhà soạn thánh ca".

Sau khi Theophilus lên ngôi[2836] , cơn bão chống thánh tượng lại nổi lên chống lại Giáo hội, và một lần nữa nhiều người phải chịu sự bắt bớ và tra tấn. Lúc bấy giờ, vị cha đáng kính của chúng ta là Thánh Giuse, nhà soạn thánh ca, vì đã dũng cảm và công khai vạch trần tà giáo, đã bị đày đến Kherson, nơi ngài phải sống trong xiềng xích và đau khổ cho đến khi Theophilus qua đời. Hoàng hậu Theodora cùng con trai là Michael, người đã lên nắm quyền sau khi Thánh Theophilus qua đời và cùng với Đức Thượng phụ Thánh Methodius khôi phục lại Chính Thống Giáo[2837] , đã đưa Thánh Joseph trở về Constantinople. Thánh Ignatius, người đã lên ngôi sau khi Thánh Methodius qua đời, đã phong cho Thánh Giuse làm người bảo vệ ngôi thánh đường vĩ đại của Chúa tại

[2836] Từ năm 829 đến năm 842

[2837] Việc tôn kính các hình ảnh thánh được khôi phục vào năm 840. Thánh Mê-phô-đi-ô năm 846, ngày kỷ niệm là 14 tháng 6.

Constantinople. Nhờ cuộc đời đạo đức và những lời giảng đầy khôn ngoan và cứu rỗi linh hồn phát ra từ miệng ngài, đã dẫn dắt nhiều người trở về con đường cứu rỗi, Thánh Giuse được Đức Thượng phụ và toàn thể hàng giáo phẩm cũng như giới thế tục vô cùng yêu mến. Vài năm trôi qua, vì đã vạch trần những hành vi bất chính, Thánh Giuse lại bị Varda – anh trai của hoàng hậu, người nắm quyền lực cao thứ hai sau nhà vua – trục xuất. Không kính sợ Thiên Chúa và không hổ thẹn trước con người, Varda đã vi phạm nghiêm trọng các luật lệ của Giáo hội, khi đuổi vợ hợp pháp của mình đi mà không có lỗi gì từ phía bà, và lấy một người họ hàng làm vợ. Thánh Giuse đã công khai vạch trần hắn, giống như Thánh Gioan Tẩy Giả từng làm với Hê-rốt, và vì điều đó, Varda đã truy bức ngài và gây hại cho ngài. Đức Thượng phụ Ignatius cũng phải chịu chung số phận, khi bị Varda bất chính trục xuất và phải gánh chịu nhiều tai ương. Khi Varda bị các tôi tớ của vua giết hại (và chết trong tiếng ồn ào), rồi sau đó vua Michael cũng bị những người thân cận của mình sát hại, và Basil người Macedonia[2838] lên ngôi, thì Thánh Ignatius và Thánh Giuse được đưa trở lại Constantinople, và Ignatius lại lên ngôi, còn Joseph thì trở lại chức vụ người trông coi các thánh vật như trước. Không chỉ Đức Thánh Ignatius, mà cả người kế vị ngài, Thượng phụ Photius[2839] , cũng yêu mến và tôn kính Thánh Joseph, tác giả các bài thánh ca. Photius đã giao phó toàn bộ việc quản lý Giáo hội cho vị tu sĩ đáng kính này, gọi ngài là "người của Chúa", "Thiên thần trong xác phàm" và "cha của các cha", đồng thời ra lệnh cho toàn thể hàng giáo sĩ của mình phải xem Thánh Giuse là cha linh hồn, mở lòng chia sẻ lương tâm và xưng tội với ngài. Với khả năng thấu thị, vị thánh đã nhìn thấu những tội lỗi được che giấu, nhưng không vạch trần người phạm tội, mà khuyên răn họ bằng những lời lẽ ôn hòa cho đến khi người xưng tội, cảm động, tự mình thú nhận tội lỗi bí mật của mình: bởi vì Thánh Giuse rất giỏi trong những lời nói được Thánh Thần soi dẫn và dễ dàng dẫn dắt những người tội lỗi đến sự sám hối.

Sau khi sống nhiều năm và bước vào tuổi già, Thánh Giuse đã suy yếu về thể xác do những lao nhọc mà ngài đã dấn thân từ thuở thiếu thời – từ việc ăn chay, những cuộc bách hại vì lẽ phải, từ xiềng xích và ngục tù, từ những lo toan về tổ chức Giáo hội, việc trang hoàng các lễ hội và ngày kỷ niệm các thánh bằng thánh ca, cũng như những mối quan tâm lớn lao về sự cứu rỗi linh hồn con người. Trước khi ra đi khỏi cõi đời, vào cuối Mùa Chay Thánh, ngài lâm bệnh và trong giấc mơ đã nhận được lời báo trước từ Thiên Chúa về sự ra đi sắp tới của mình. Vào Thứ Sáu Thánh, ngày tưởng niệm những đau khổ tự nguyện của Chúa Kitô, ngài đã lập danh sách tất cả các công việc và tài sản của Giáo hội được giao phó cho ngài, rồi gửi đến Đức Thượng phụ Thánh Photius. Sau đó, khi chuẩn bị ra đi, ngài bắt đầu cầu nguyện với Thiên Chúa, nói như sau:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của con, vì Ngài đã che chở con dưới bóng cánh của Ngài trong suốt những ngày đời con! Và giờ đây, xin Ngài gìn giữ linh hồn con cho đến cùng, và ban cho con được tránh xa vị vua của bóng tối cùng những nỗi sợ hãi trên không mà không bị tổn hại, để những lỗi lầm trong đời con, do sự thiếu hiểu biết của con mà phạm phải, không trở thành niềm vui cho kẻ thù của con. Lời của Cha, xin hãy gìn giữ đàn chiên của Ngài và bảo vệ cho đến tận cùng thời đại mọi sự Ngài đã tạo dựng bằng tay phải của Ngài. Xin hãy là Đấng trợ giúp cho những con cái yêu dấu của Hội Thánh Ngài; xin ban cho Hội Thánh thánh thiện, cô dâu của Ngài, sự bình an vĩnh cửu và sự yên tĩnh bất biến; xin soi sáng chức thánh vương giả[2840] bằng những ân sủng của Ngài; xin khuất phục con quỷ kiêu ngạo[2841] dưới chân những người bảo vệ đức tin Chính Thống, xin xua đuổi khỏi Giáo Hội mọi tà thuyết gây hại cho linh hồn. Còn đối với linh hồn con, xin ban cho sự chia ly bình an và hiền lành với thân xác. Dù con không xứng đáng được kể vào số các thánh nhân của Ngài, những người mà Thánh Thần đã ngự trong họ – vì con tự nhận mình là kẻ có tội trước mặt Ngài – thì Ngài, Đấng vô cùng nhân từ, xin đừng nhìn vào tội lỗi của con, nhưng xin làm cho con xứng đáng được hưởng phần phúc của các con cái Ngài.

Sau khi dâng lời cầu nguyện và rước Mình Thánh Chúa, Thánh Giuse đã ban phước lành cho tất cả những ai có mặt bên Người, giơ hai tay lên trời và với khuôn mặt rạng ngời và hân hoan, Người đã dâng linh hồn thánh thiện của mình lên Thiên Chúa.

Ngay lập tức, đông đảo các tu sĩ và giáo dân từ khắp nơi đổ về; nhiều người trong số họ khóc lóc, gọi người đã an nghỉ là cha, người thì gọi là người nuôi dưỡng, người khác gọi là ân nhân, người khác gọi là người an ủi, người khác gọi là thầy, người hướng dẫn và người dẫn dắt đến sự cứu rỗi. Họ tiễn đưa ngài đến quan tài trong sự

[2838] Vasilios người Macedonia trị vì từ năm 867 đến năm 886.

[2839] Photius lần đầu tiên lên ngôi từ năm 857 đến năm 867; lần thứ hai – từ năm 877 đến năm 886.

[2840] Đó là cách gọi các tín hữu Kitô giáo trong 1 Phê-rô 2:9.

[2841] Từ tiếng Do Thái – "kẻ đối bại" – là tên gọi của ma quỷ (2 Cô-rinh-tô 6:15).

tôn vinh và an táng ngài với đầy đủ nghi lễ; nhưng linh hồn thánh thiện của ngài còn được các thần linh bất tử tiễn đưa một cách trang trọng và vinh quang hơn nữa đến các cung điện trên trời. Một người bạn thân yêu của ngài, một người đàn ông công chính và được Chúa yêu mến, đang ở cách xa nơi vị thánh qua đời một quãng đường đáng kể, đã được chứng kiến cảnh tượng này bằng chính đôi mắt mình. Vào giờ phút linh hồn Giuse, người được Thiên Chúa yêu mến, sau khi lìa khỏi thân xác, đang bay lên trời, người đàn ông nói trên đã nghe thấy một tiếng nói từ trên cao phán với ông:

– "Ngài đã ra đi," – và khi ngước mắt lên, ông thấy vòm trời mở ra cùng những dung nhan của các thánh đang bước ra từ đó: trước tiên là dung nhan của các Tông đồ, tiếp theo là các vị Tử đạo, các Tiên tri và các Thánh. Người đàn ông ấy vừa kinh ngạc vừa sợ hãi trước cảnh tượng kỳ diệu ấy và bối rối không hiểu ý nghĩa của nó. Và một lần nữa, ông lại nghe thấy tiếng nói: "Hãy nhìn và lắng nghe, rồi ngươi sẽ hiểu ý nghĩa của tất cả những gì ngươi đang thấy." Ngay lập tức, ông thấy bốn thiếu niên sáng chói hơn tất cả, và ở giữa họ là một Trinh Nữ với sự trong sạch và vinh quang không thể diễn tả: đó chính là Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đáng Chúc Phúc, Mẹ của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. Trong khi diễu hành, Người ra lệnh cho đoàn quân các vị thánh nam hãy đón nhận linh hồn thánh thiện ấy, người đã ca ngợi những việc làm và ký ức của họ qua các bài thánh ca, và đã noi gương cuộc đời của họ. Và tất cả đều đón tiếp với niềm vui khôn tả, và với lòng nhiệt thành cùng tình yêu thương, một nhân vật đáng kính đang được đưa lên trời. Người chứng kiến cảnh này, vị thánh nam được nhắc đến, thầm tự hỏi mình:

– Ai mà các thiên binh lại ban cho vinh dự to lớn đến thế?

Và ông nghe thấy những tiếng nói vang dội của các Thiên thần đang đưa linh hồn thánh thiện ấy lên trời: "Đó là Giuse, nhà soạn thánh ca, niềm vinh quang của toàn thể Giáo hội, người đã được ân sủng của Chúa Thánh Thần, noi gương đời sống của các Tông đồ và các vị tử đạo, và ghi chép lại những việc làm của họ; chính vì điều đó mà nay ngài nhận được sự tôn vinh và ca ngợi từ chính các thánh ấy." Vậy là linh hồn của vị thánh Giuse, tác giả các bài thánh ca, đã được rước vào các nơi ở trên trời một cách long trọng. Khải tượng vinh quang này đã làm cho người chứng kiến tràn ngập niềm vui lớn lao, nhưng cũng đầy nuối tiếc vì ông không được chứng kiến vinh quang mà linh hồn được chúc phúc ấy đã bước vào các nơi ở trên trời, hiện diện và thờ lạy Ánh Sáng Rực Rỡ nhất của Thiên Chúa Ba Ngôi.

Còn có một câu chuyện khác về việc đưa Thánh Giuse lên trời. Tại Constantinople có nhà thờ Thánh Tử đạo Phê-ô-đô-rô Phanê-rô-tô, tên này có nghĩa là "người công bố" (người tiết lộ), vì ngài thường tiết lộ cho những người đến cầu nguyện về những vật bị đánh cắp, giấu kín hoặc bị mất tích. Một người nô lệ rất hữu ích cho chủ đã bỏ trốn, và người chủ ấy trong nỗi buồn bã đã đến nhà thờ Thánh Phê-ô-đô-rô Phanê-rô-tô, cử hành lễ cầu nguyện và khẩn cầu vị Tử đạo của Chúa Kitô chỉ cho ông thấy người nô lệ của mình. Ông ở lại nhà thờ ba ngày ba đêm, nhưng không nhận được sự mặc khải nào, nên trong nỗi đau buồn, ông định ra về. Trong thánh lễ sáng, khi lời giảng đầy ý nghĩa đang được đọc trong nhà thờ, ông chợp mắt một chút trong lúc nghe và thấy Thánh Theodor xuất hiện trước mặt, người đã nói:

– Sao ngươi lại buồn bã thế, hỡi người? Giô-sép, tác giả của những bài thánh ca thiêng liêng, đã lìa khỏi cõi trần, và chúng tôi đã ở bên cạnh ngài. Ngài đã qua đời vào đêm nay, và tất cả chúng tôi, những người được ngài tôn vinh qua các nghi thức và thánh ca, đã tiễn đưa linh hồn ngài lên thiên đàng và dâng lên trước Dung nhan Thiên Chúa. Đó là lý do tại sao tôi đến gặp ngươi muộn như vậy. Giờ đây tôi đã ở đây và sẽ đáp ứng lời thỉnh cầu của anh: hãy đến nơi này – và ông nêu tên địa điểm – ở đó anh sẽ tìm thấy người tôi tớ mà anh đang tìm kiếm.

Cả hai lời thông báo này đều chứng tỏ cho chúng ta thấy, Thánh Giuse đã nhận được vinh quang lớn lao như thế nào từ Thiên Chúa nhờ những công lao của ngài, cũng như sự tôn kính và ca ngợi từ các thánh của Thiên Chúa. Hiện nay, ngài đang đứng trước ngai vàng của Đức Chúa Trời trong các nơi ở trên trời, ngài hát những bài ca của các thiên thần, tôn vinh và ngợi khen Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Thần, Đức Chúa Trời Ba Ngôi, đến muôn đời, amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài là nguồn suối sám hối vô tận, là Đấng ban sự an ủi vô biên và là vực thẳm của lòng thương xót, hỡi Thánh Giuse: xin ban cho chúng con những giọt nước mắt sám hối thiêng liêng, nhờ đó chúng con đang khóc lóc ở đây sẽ tìm được sự an ủi từ Thiên Chúa, khi chúng con khẩn cầu sự trợ giúp của Ngài, hỡi vị thánh.

Sự tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Fervufa.

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 4

Sau khi Thánh Simeon, Giám mục người Ba Tư, chịu tử đạo dưới tay vua Sapor[2842] , hai chị em của ngài vẫn còn sống: một người là thiếu nữ tên là Fervufa, người kia là góa phụ, và ngoài ra còn có một nô tì.

Thánh trinh nữ Fervufa khi đó còn rất trẻ và nổi bật với vẻ đẹp phi thường. Nghe nói về vẻ đẹp của cô, hoàng hậu Ba Tư, vợ của Sapor, đã ra lệnh đưa cô đến gặp mình. Vậy là, một năm sau khi thánh giám mục Simeon bị sát hại, các quan lại hoàng gia đã dẫn thánh nữ Fervufa cùng với em gái và người nô tì của cô đến gặp hoàng hậu. Khi tận mắt chứng kiến vẻ đẹp kỳ diệu của Fervufa, hoàng hậu đã nói với cô những lời như sau:

– Với nhan sắc như vậy, thiếu nữ ơi, con đáng lẽ phải làm chủ nhân của nhiều người

Còn thánh nữ Fervufa thì đáp lại:

– Con có Chàng Rể – là Đấng Kitô, Đấng mà anh trai con đã chịu đau khổ vì Ngài; còn về một chàng rể khác, con thậm chí không thể nghĩ đến!

Không hỏi thêm gì nữa, nữ hoàng ra lệnh cho Fervufa cùng với em gái và người hầu của cô tạm thời ở lại trong hoàng cung.

Sáng hôm sau, nữ hoàng đột ngột ngã bệnh. Để chữa bệnh cho bà, các nhà chiêm tinh Ba Tư[2843] đã đến cung điện. Một trong số các nhà chiêm tinh ấy, khi nhìn thấy Fervufa xinh đẹp tuyệt trần trong các phòng của nữ hoàng, đã bị mê hoặc bởi nhan sắc của nàng; ngay sau đó, khi rời khỏi nữ hoàng, nhà chiêm tinh ấy đã sai người đến nói với trinh nữ thánh thiện như sau:

– Nếu nàng đồng ý làm vợ ta, ta sẽ xin hoàng hậu thả nàng ra, và nàng sẽ sở hữu vô vàn của cải.

Thánh nữ Fervufa đáp lại:

– Là một tín đồ Kitô giáo, tôi không thể kết hôn với một người ngoại đạo.

Nhà chiêm tinh, bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của Fervufa, đã vô cùng xấu hổ và tức giận trước câu trả lời đó. Khi đến gặp vua Sapor, ông ta nói với nhà vua:

– Căn bệnh của hoàng hậu không phải là ngẫu nhiên: chắc hẳn bà ấy đã bị đầu độc. Trong cung điện của hoàng hậu có hai chị em theo đạo Kitô, người anh trai của họ – Giám mục Kitô giáo Simeon – đã bị giết theo lệnh của ngài. Chắc chắn rằng hai chị em của vị giám mục đã bị giết, vì lòng hận thù đối với ngài, đã cho hoàng hậu của ngài uống chất độc.

Nhà vua lập tức ra lệnh đưa hai chị em đến để thẩm vấn.

Khi cả ba người phụ nữ – Thánh Fervufa, em gái của bà và người nô tì – được dẫn vào phòng hoàng hậu, theo lệnh của nhà vua, trưởng các pháp sư Mavptis cùng với hai quan chức khác đã bước ra để thẩm vấn họ. Khi ba vị quan tòa này đến và ngồi vào chỗ của mình, ba người phụ nữ nói trên được đưa ra trước mặt họ để thẩm vấn. Ngay khi các vị quan tòa này nhận ra vẻ đẹp phi thường của Thánh nữ Fervufa, tất cả đều nảy sinh dục vọng đối với nàng, đồng thời che giấu những ý nghĩ xấu xa của mình khỏi nhau. Sau đó, các vị quan tòa hỏi những người phụ nữ bị dẫn đến:

[2842] Sapor II là vua Ba Tư từ năm 309 đến năm 379. Đạo Cơ Đốc đã tồn tại ở Ba Tư từ trước đó. Hoàng đế Constantine Đại Đế, ngay sau khi cải đạo, đã viết thư ủng hộ các tín đồ Cơ Đốc gửi cho Sapor. Tuy nhiên, các pháp sư đã theo dõi sự phát triển của tôn giáo mới này với sự ghen tị và lo ngại; và khi chiến tranh bùng nổ giữa Sapor và Constantius, họ đã tọc mạch với vua rằng những người mới cải đạo đã phản bội lợi ích của La Mã. Hậu quả là Sapor đã phát động cuộc đàn áp, áp đặt lên các Kitô hữu những khoản thuế đặc biệt nặng nề. Sau đó, người đứng đầu của họ là Simeon, Giám mục của Seleucia và Ctesiphon, đã bị bắt và dẫn đến trước mặt vua, người đã yêu cầu ông phải tuyên xưng tôn giáo quốc gia. Khi ông từ chối làm điều đó, vua đã kết án ông tù giam, và sau đó là án tử hình. Cuộc đàn áp càng trở nên dữ dội hơn trong những năm cuối triều đại của Sapor.

[2843] Trong thời cổ đại, thuật ngữ "volkhvi" dùng để chỉ những người thông thái, sở hữu kiến thức về các sức mạnh bí ẩn của thiên nhiên, sự chuyển động của các thiên thể, các văn bản thiêng liêng, những người giải mộng và tiên tri về tương lai.

– Tại sao các ngươi lại đầu độc nữ hoàng, người cai trị vũ trụ? Vì hành động này, các ngươi xứng đáng phải chết!

– Tại sao – Thánh Fervufa trả lời thay mặt tất cả các phụ nữ – Satan lại gieo vào lòng các ngài một ý nghĩ bất công như vậy, và vì lý do gì các ngài lại muốn bôi nhọ chúng tôi một cách oan ức? Nếu các ngài khát khao máu của chúng tôi , thì chẳng có ai cấm các ngài uống nó cả. Nếu các ngươi muốn giết chúng ta, thì chẳng có gì cản trở điều đó cả: vì hàng ngày các ngươi đã làm ô uế đôi tay mình trong việc này rồi. Là những người Kitô hữu, chúng ta chết vì Chúa Kitô – Thiên Chúa của chúng ta, không từ bỏ Ngài, vì Ngài là sự sống của chúng ta; như đã được truyền dạy rằng chúng ta phải thờ phượng và phụng sự Thiên Chúa Duy Nhất, thì chúng ta sẽ làm như vậy. Trong các sách của chúng tôi cũng có chép rằng những kẻ phù thủy và pháp sư không được phép sống, mà phải chết dưới tay chính đồng bào của họ (Xuất Hành 22:18; Lê-vi 20:6). Vậy thì làm sao chúng tôi có thể pha chế thuốc độc cho bất kỳ ai, khi biết rằng hành động đó là một tội ác không hề nhẹ hơn việc ai đó từ bỏ Đức Chúa Trời của chúng tôi, bởi vì cả hai tội này đều phải chịu hình phạt tử hình như nhau?

Trong khi Thánh nữ Fervufa đang nói những lời ấy, các quan tòa lắng nghe bà với sự thích thú, kinh ngạc trước vẻ đẹp và sự khôn ngoan của bà, và cảm thấy bất lực trước những lời bà nói. Mỗi người trong số họ đều thầm nghĩ: "Ta sẽ thỉnh cầu nhà vua tha chết cho những người phụ nữ này, và sẽ lấy cô gái này làm vợ." Và chỉ ngay sau đó, Mauphtis mới lên tiếng:

– Nếu luật pháp cấm các ngài dùng phép thuật, thì dù sao các ngài cũng có thể làm điều đó để trả thù cho cái chết của anh trai mình.

Thánh Fervufa đáp lại:

– Đúng là anh trai chúng tôi đã phải chịu đau khổ vì các ngài; nhưng nếu để trả thù cho cái chết của anh ấy mà chúng tôi lại mong các ngài phải chết, thì chúng tôi đã tự hủy hoại cuộc đời mình trước mặt Đức Chúa Trời của chúng tôi; dù các ngài, trong cơn thịnh nộ, đã giết anh trai chúng tôi, nhưng anh ấy vẫn sống và đang vui mừng cùng Đấng Christ trong Nước Trời của Ngài; so với Nước Trời ấy, vương quốc của các ngươi chẳng là gì cả!

Khi vị thánh nữ thốt lên những lời này, các hoàng tử ra lệnh đưa tất cả các phụ nữ vào ngục tối.

Sáng sớm ngày hôm sau, thủ lĩnh các pháp sư là Mavptis đã bí mật cử một người hầu của mình vào ngục giam gặp thánh nữ Fervufe, giao cho anh ta truyền đạt điều sau:

– Này, ta sẵn sàng xin vua cho ngươi và những người cùng ngươi được sống, chỉ cần ngươi đồng ý làm vợ ta.

Còn vị thánh nữ thì dũng cảm đáp lại:

– Kẻ thù của Thiên Chúa và mọi sự công chính! Hãy ngậm miệng lại và đừng bao giờ dám nói với ta những lời vô đạo đức như thế nữa! Ta không thể nghe chúng thêm nữa! Điều ngươi mong muốn sẽ không bao giờ xảy ra! Một lần và mãi mãi, ta đã kết hợp với Chúa Giêsu Kitô của ta, vì Ngài mà ta giữ trinh tiết và vì Ngài mà ta cố gắng giữ gìn đức tin trong sự thanh khiết. Chỉ có Ngài, Đấng vô tội, mới có quyền năng giải thoát ta khỏi bàn tay vô đạo của các ngươi và có thể cứu ta khỏi những mưu mô mà các ngươi đang dàn dựng cho ta. Tôi không sợ chết và cũng không sợ máu. Con đường mà các ngươi muốn dẫn tôi đi sẽ đưa tôi đến với người anh em yêu dấu của tôi, Đức Giám mục thánh Simeon. Tại đó, tôi sẽ tìm thấy sự an ủi trong những nỗi buồn và đau khổ mà tôi đang phải chịu đựng một cách đặc biệt sâu sắc kể từ khi ngài qua đời.

Như vậy, thánh nữ Fervufa, vị hôn thê của Chúa Kitô, đã dũng cảm xua đuổi người đàn ông do Mavptis cử đến, và khiến chính Mavptis phải xấu hổ. Thánh nữ Fervufa cũng đã hành động tương tự với hai vị quan tòa khác, những người bị mê hoặc bởi nhan sắc của bà. Mỗi người trong số họ cũng bí mật cử sứ giả đến nhà tù nơi nàng bị giam giữ, dụ dỗ thánh nữ Fervufa kết hôn với mình; nhưng tất cả đều thất bại và bị thánh nữ làm cho xấu hổ.

Sau khi cả ba vị thẩm phán nhận ra tình cảm mãnh liệt mà mỗi người dành cho trinh nữ thánh, và thấy mọi nỗ lực chiếm đoạt nàng đều thất bại, họ quyết tâm bằng mọi giá phải tiêu diệt trinh nữ thánh này, cũng như những người phụ nữ đang ở cùng nàng. Với mục đích đó, họ đến gặp nhà vua và tố cáo rằng ba người phụ nữ Kitô hữu này là những phù thủy và pháp sư, và vì thế – đáng bị tử hình. Nhà vua nói rằng nếu họ muốn được sống, thì phải quỳ lạy mặt trời.

Khi lại bị đưa ra xét xử trước ba vị quan tòa đã được nhắc đến ở trên, các thánh nữ tử đạo, sau khi nghe lệnh của vua – phải quỳ lạy mặt trời – đã đáp lại:

– Chúng tôi thờ phượng Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa trời đất; còn mặt trời – là tác phẩm của Thiên Chúa chúng tôi – thì chúng tôi không thể dành cho nó những sự tôn kính như chúng tôi dành cho Thiên Chúa. Không có

lời đe dọa nào của các ngài có thể buộc chúng tôi từ bỏ tình yêu dành cho Chúa và Thiên Chúa của chúng tôi là Đức Giêsu Kitô.

Trong khi các bà thánh đang thốt lên những lời này, Mauphtis và hai quan tòa khác đi cùng ông đã lớn tiếng kêu lên:

– Hãy để ba người phụ nữ này, những kẻ đã cho hoàng hậu uống thuốc độc và gây ra căn bệnh tàn khốc cho bà, bị xóa sổ khỏi mặt đất!

Ngay sau đó, nhà vua ban ra án tử hình đối với các thánh nữ tử đạo, theo đó ba người phụ nữ Kitô hữu này phải chịu cái chết theo cách mà các pháp sư Ba Tư muốn nghĩ ra cho họ. Chính những pháp sư vô đạo này đã nói:

– Nếu những người phụ nữ này không bị xẻ làm đôi và nếu hoàng hậu không đi qua hai nửa thi thể bị xẻ của họ, thì bà ấy sẽ không thể khỏi bệnh.

Khi các thánh nữ tử đạo sau đó bị dẫn đi để bị xẻ làm đôi, Mavptis lại sai người hầu của mình đến gặp thánh nữ Fervufe, người này nói với cô thay mặt ông ta:

– Nếu ngươi chịu nghe lời ta, thì ngươi sẽ không chết; những người phụ nữ đang ở cùng ngươi cũng sẽ không chết.

– Tại sao ngươi, kẻ vô đạo, – trinh nữ thánh quở trách Mavptis bằng giọng giận dữ và vang dội, – lại nói những điều mà ta không thể nghe được. Ta quyết tâm chết vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của ta, để nhận được sự sống đời đời từ Ngài. Làm sao ta lại có thể yêu mến cuộc sống tạm bợ này để rồi phải chết vì sự sống đời đời?

Sau đó, những kẻ tra tấn vô đạo đã dẫn các thánh nữ tử đạo ra ngoài thành và tại đó, họ đã chuẩn bị cho mỗi người hai cột gỗ cắm xuống đất.

Sau đó, trinh nữ thánh Fervufa bị trói cổ vào một trong những cột, còn chân thì bị trói vào cột khác. Các thánh nữ tử đạo còn lại cũng bị trói vào các cột khác theo cách tương tự. Sau đó, họ dùng một chiếc cưa thợ mộc lớn để cưa các thánh nữ tử đạo làm đôi. Như vậy, các thánh nữ tử đạo, những cô dâu của Chúa Kitô, đã trao những linh hồn trong sạch của mình vào tay Chàng Rể bất tử của họ.

Còn những kẻ tra tấn, sau khi dựng lên sáu cột lớn – ba cột mỗi bên đường – đã treo những phần thi thể bị cưa đôi của các thánh nữ tử đạo lên đó. Những thi thể ấy trông như những quả chín mọng tuyệt đẹp, đẫm máu, treo lơ lửng trên cây. Đó là một cảnh tượng đầy kinh hoàng và đáng thương. Sau đó, trên chính con đường ấy, nữ hoàng Ba Tư vô đạo đã được rước qua giữa những thi thể bị treo của các thánh nữ tử đạo, phía sau bà là một đám đông khổng lồ. Sau tất cả những điều đó, thi thể thánh thiện của các thánh nữ tử đạo đã bị ném xuống hào.

Như vậy, thánh nữ tử đạo Fervufa cùng với em gái và người hầu của mình đã kết thúc những đau khổ vì Chúa Giêsu Kitô của chúng ta vào ngày thứ tư của tháng Tư năm[2844] , Đấng mà vinh quang, danh dự và sự thờ phượng được dâng lên đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Zosima

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 4

Thánh Zosima, vị cha đáng kính của chúng ta, từ thuở nhỏ đã cảm nhận được khát vọng phụng sự Thiên Chúa. Khi còn rất trẻ, ngài đã vào tu viện và nhận lễ cắt tóc tu sĩ tại Tyre[2845] , thuộc xứ Palestine. Sau khi sống một đời tu hành cao thượng, ngài trở thành một tu sĩ giàu kinh nghiệm và được Chúa ban cho nhiều sự mặc khải. Trong khi dành thời gian cầu nguyện, ngài luôn làm việc tay chân với những giọt nước mắt. Rồi một ngày nọ, ngài tự hỏi liệu có ai trong số các tu sĩ ẩn dật có những công đức vượt trội hơn ngài hay không. Lúc đó, một người lạ mặt hiện ra và nói:

– Zosima, với tư cách là một con người, ngươi đã đạt đến mức độ tu hành cao cả, nhưng không ai trong số loài người có thể hoàn hảo. Để ngươi biết rằng có bao nhiêu con đường cứu rỗi khác nhau, hãy rời khỏi nơi ngươi đang tu hành hiện nay và đến tu viện nằm gần sông Jordan.

[2844] Các thánh nữ tử đạo qua đời vào khoảng năm 341–343.

[2845] Tir – một thành phố nằm gần bờ đông bắc Biển Chết, trên sườn phía tây nam của dãy núi Gilead, thuộc bờ trái Palestine, nơi được biết đến trong thời cổ đại với tên gọi Perea hay xứ bên kia sông Jordan.

Zosima làm theo lời chỉ dẫn và lên đường đến tu viện được chỉ định[2846] . Tại tu viện này có một tập tục là trong Mùa Chay, tất cả các tu sĩ đều rời tu viện để vào sa mạc cầu nguyện, chỉ để lại một người gác cổng ở tu viện, rồi vào Thứ Năm Tuần Thánh, họ lại tụ họp tại tu viện để rước Thánh Thể. Khi đến thời điểm, Zosima cũng cùng các tu sĩ khác lên sa mạc. Tại đó, ông nhìn thấy Thánh Maria và đuổi theo bà, nhưng bà nói với ông:

– Zosima! Nếu anh muốn gặp tôi, hãy cho tôi mượn áo của anh.

Zosima đã đáp ứng lời thỉnh cầu của Maria, và bà, sau khi mặc bộ quần áo đó, đã kể cho ông nghe từng chi tiết về cuộc đời mình, từ thuở thiếu thời – về việc ban đầu bà đã sống trong tội dâm dục và sau đó làm thế nào bà đến được sa mạc. Sau đó, bà xin Zosima vào năm sau hãy mang Thánh Thể đến sông Jordan. Một năm trôi qua, Zosima trở lại với Thân Thể và Máu của Chúa Kitô. Tại đó, ông thấy vị nữ tu hành bước qua sông Jordan đến gặp ông như đi trên đất khô, và ông đã ban Thánh Thể cho bà. Đến năm thứ ba, ông lại trở lại sa mạc và phát hiện ra vị nữ tu hành Maria đã qua đời[2847] . Vì tuổi già, ông không còn sức để chôn cất bà, và khi nhìn thấy con sư tử, ông nói với nó:

– Hỡi con thú! Hãy chôn cất nữ tu Maria, vì ta đã già và không thể đào đất được.

Ngay lập tức, con sư tử đào một cái hố, và Zosima đã chôn cất thi hài thánh thiện của nữ tu Maria. Khi trở về tu viện, ông kể cho vị tu viện trưởng Gioan và toàn thể anh em tu sĩ nghe về Thánh Nữ Maria và cách Chúa đã tôn vinh bà. Sau đó, vị cha đáng kính Zosima của chúng ta tiếp tục tu hành trong cầu nguyện, nước mắt và những việc lành khác, rồi qua đời ở tuổi già cao[2848] . Các tu sĩ trong tu viện đã an táng ông một cách trang trọng.

- Cùng ngày đó là ngày tưởng niệm Thánh Giê-hô-ni-a Im Lặng.

Ngày 18 tháng 4

Ngày 5 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ các vị thánh cha Theona, Simeon và Forvin.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Agathopod và Theodulus

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 4

Dưới triều đại của các hoàng đế La Mã vô đạo là Diocletian và Maximian[2849] tại Thessalonica[2850] có hai vị tôi tớ trung thành của Giáo Hội Thiên Chúa là Agathopod và Theodulus. Agathopod là một phó tế, đã cao tuổi và sống một cuộc đời trong sạch. Còn Theodulus là một người đọc kinh. Là con trai của một cặp vợ chồng Kitô hữu đạo đức, anh còn trẻ, có khuôn mặt đẹp và sống một cuộc đời trong sạch. Theodulus có ba anh em ruột là Kapiton, Mitrodor và Philostorgius, những người cũng sống một cuộc đời đạo đức như chính anh.

Thánh Theodulus, trước khi thực hiện hành trình chịu khổ nạn của mình, đã nhận được từ Thiên Chúa một dấu hiệu báo trước về vương miện tử đạo sẽ được ban cho ngài. Một đêm nọ, khi đang ngủ, Theodulus trong một giấc mơ đã thấy mình nhận được từ một người đáng kính nào đó một vật gì đó vào tay. Khi tỉnh giấc, Thánh Feodul quả thực thấy trong tay mình một chiếc nhẫn rất đẹp, làm bằng chất liệu không rõ, có con dấu khắc hình Thánh Giá.

[2846] Đó là tu viện Thánh Gioan Tiền Hô ở Jordan, đã bị tàn phá trước năm 1651 và đã xuống cấp từ năm 723.

[2847] Bà đã qua đời vào Thứ Sáu Tuần Thánh, ngày 1 tháng 4 năm 521.

[2848] Thánh Zosima qua đời vào năm 523, khi đã gần 100 tuổi.

[2849] Diocletian, người được liên kết với hình ảnh về cuộc đàn áp tàn bạo cuối cùng của những người ngoại đạo đối với Kitô hữu, đã lên ngôi hoàng đế La Mã vào năm 284 và trị vì cho đến năm 305. Năm 285, nhận thức được sự khó khăn trong việc cai trị một đế chế rộng lớn một mình, ông đã chọn một trong những tướng lĩnh của mình, vị tướng dũng cảm Maximian (Hercules), làm đồng trị vì, trao cho ông ta danh hiệu Augustus và giao phó nửa phía tây của đế chế. Năm 292, ông chọn thêm hai người trợ lý trong việc cai trị với tước hiệu Caesar – Constantius Chlorus phụ trách Britannia, Gaul và Tây Ban Nha, và Galerius phụ trách Illyria. Diocletian đã chuyển triều đình từ Rome đến Nicomedia (thành phố này nằm trên bờ châu Á của Propontis – Biển Đá Cẩm Thạch), do đó Rome cổ đại dần mất đi tầm quan trọng của mình. Chủ yếu dưới ảnh hưởng của Caesar Galerius, Diocletian đã ban hành bốn sắc lệnh chống lại các Kitô hữu và là một trong những kẻ đàn áp họ tàn bạo nhất.

[2850] Thessaloniki hay Solun – quê hương của các vị thánh Cyril và Methodius, những nhà truyền giáo cho người Slav – là một thành phố ở Macedonia, bên bờ Biển Aegean.

Đó là điềm báo về những đau khổ mà Thánh Feodul sẽ phải chịu vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng đã chịu khổ hình trên Thánh Giá vì chúng ta. Sau này, vị thánh thiếu niên Feodul đã dùng chiếc nhẫn này để chữa lành mọi bệnh tật cho con người. Bất cứ ai bị bệnh mà ngài gặp, chỉ cần ngài mang theo chiếc nhẫn này, thì ngay lập tức bệnh tật sẽ rời bỏ người đó và họ trở nên khỏe mạnh, đến nỗi ngay cả nhiều người Hy Lạp, khi chứng kiến điều này, cũng đã quay về với Chúa Kitô.

Khi các vị vua ngoại đạo nói trên phát động cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu, họ đã ban hành các sắc lệnh khắp nơi, buộc mọi người phải thờ lạy những tác phẩm do tay người tạo ra – tức các thần tượng – thay vì thờ lạy Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa của muôn loài[2851] . Mệnh lệnh hoàng gia như vậy cũng được gửi đến Thessalonica, nơi các dụng cụ tra tấn dành cho những ai không tuân theo mệnh lệnh hoàng gia đã được trưng bày cho mọi người thấy[2852] . Nhiều tín hữu đã bỏ trốn khỏi đây, cố gắng ẩn náu ở bất cứ đâu có thể; những người khác dũng cảm chấp nhận chịu cực hình; và cuối cùng, một số người khác, vì hèn nhát và yếu đuối, sợ hãi trước cực hình và cái chết, đã chuyển sang phe những kẻ ngoại đạo và cùng họ tham dự các lễ tế thần tượng, như vậy họ đã chọn cuộc sống trần tục phù du này thay vì cuộc sống bất tử. Nhưng họ, khi tránh né những cực hình tạm thời, lại tự chuốc lấy cái chết vĩnh cửu và sự diệt vong cho chính mình. Ma quỷ vui mừng trước điều đó, nhưng hắn luôn bị đánh bại và làm nhục bởi những chiến binh của Chúa Kitô đầy lòng quảng đại và dũng cảm, như hai vị thánh Agathopod và Theodulus chẳng hạn. Trong thời kỳ cuộc bách hại dữ dội ập đến, hai vị này không chạy trốn, không ẩn náu, mà luôn ở lại trong nhà Chúa, ngày đêm cầu nguyện với Chúa cho Giáo Hội thánh của Ngài đang phải chịu những tai ương ấy, và ngày đêm chờ đợi sự khởi đầu của những đau khổ của mình. Quả thực, khi các binh lính ngoại đạo biết tin về các thánh, họ lập tức bắt giữ các ngài và ném vào ngục tối. Lúc bấy giờ, người đứng đầu Thessalonica là Faustinus. Ngồi trên ghế thẩm phán, ông ra lệnh dẫn các vị chứng nhân của Đấng Kitô – Agathopod và Theodulus – đến để thẩm vấn. Như thể được mời đến dự tiệc, họ vui vẻ đi theo, nắm tay nhau và dũng cảm hô lên:

– Chúng tôi là Kitô hữu!

Khi các thánh đứng trước tòa án của kẻ hành hạ, hắn, muốn trước hết dụ dỗ người trẻ tuổi bằng những lời ngọt ngào, đã ra lệnh cho mọi người lui ra, còn Agathopod thì bị dẫn đi nơi khác. Sau đó, gọi Theodulus lại gần, hắn nói với anh ta một cách dịu dàng:

– Hãy khuất phục đi, chàng trai trẻ, ta van xin ngươi, hãy từ bỏ giáo lý Kitô giáo giả dối mới mẻ đó và tuân theo các luật lệ và phong tục được thiết lập từ thời cổ đại, nếu ngươi không muốn kết thúc cuộc đời trong đau khổ.

Thánh Feodul đáp lại:

– Tôi đã từ bỏ sự lầm lạc và dối trá từ lâu rồi, và tôi lo lắng cho ngài, người đang quá say mê những điều hư ảo, e rằng ngài sẽ phải chịu cái chết vĩnh cửu.

Vị quan tòa không bực mình trước những lời của vị thánh, nhưng lại tiếp tục dùng mọi cách để dụ dỗ ngài dâng lễ vật cho các thần tượng, hứa hẹn sẽ ban tặng quà cáp và vinh dự. Một vị tư tế của thần Zeus[2853] , tên là Xenon, đang có mặt ở gần đó, đã nói với vị thánh:

– Nếu những vinh dự và quà tặng không thuyết phục được ngươi dâng lễ vật, thì hãy để những cực hình thuyết phục ngươi tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế!

– Sự khủng khiếp của những cực hình trong bất kỳ trường hợp nào cũng không thể làm tôi khiếp sợ, – vị tử đạo đáp lại vị thầy tế, – và sẽ không bao giờ khiến tôi phải tuân theo ý muốn của các ngươi.

Trước những lời của người nói, rồi của Favstina rằng một cuộc sống được tôn vinh còn tốt hơn cái chết đầy đau đớn, thánh Theodulus đã trả lời:

– Quả thực, tôi nhận thức rõ rằng cuộc sống tốt hơn cái chết, và chính vì thế mà tôi đã quyết tâm trong lòng khinh thường cuộc sống trần thế ngắn ngủi này, để được trở thành người tham dự vào cuộc sống bất tử và những ân huệ thiên đàng vĩnh cửu. Vậy thì, hãy tra tấn tôi bằng vết thương và lửa, và ngươi sẽ thấy rằng thân xác bị hành hạ

[2851] Năm 304, Diocletian ban hành sắc lệnh thứ tư, theo đó tất cả các Kitô hữu đều bị kết án tra tấn và hành hạ nhằm ép buộc họ từ bỏ Kitô giáo và dâng lễ vật cho các thần tượng.

[2852] Eusebius, Giám mục Kessaria, người cùng thời với cuộc bách hại này, trong cuốn "Lịch sử Giáo hội" của mình đã kể lại chi tiết về tất cả những nỗi kinh hoàng đi kèm với việc đàn áp các Kitô hữu tại các vùng và thành phố khác nhau trong đế chế.

[2853] Trong văn hóa Hy Lạp cổ đại, "Zeus" (con trai của Cronos và Rhea) là tên gọi của vị thần bầu trời. Ông có rất nhiều biệt danh, hoặc bắt nguồn từ tên các địa danh khác nhau nơi người ta tôn kính ông, hoặc dùng để diễn tả một trong những đặc tính đa dạng của vị thần này.

của tôi phải chịu sự mục nát và diệt vong , còn linh hồn khôn ngoan của tôi, vì không thể hư nát, sau những cực hình sẽ ngay lập tức được giải thoát khỏi xiềng xích của thân xác và sẽ hân hoan trong cuộc sống vô tận.

– Tôi xin ngài, – vị thẩm phán tiếp lời, – hãy cho tôi biết, ai là Đấng sẽ ban cho ngài những ân huệ vĩ đại ấy, Đấng mà vì tình yêu dành cho Ngài, ngài đã quyết tâm coi thường những đau khổ và cả cái chết ngay lúc này?

– Chính là Đức Chúa Trời, – thánh Theodulus đáp, – Đấng đã định đoạt mọi sự bằng các định luật tự nhiên, và Con của Ngài, Đức Kitô, Lời của Cha (xem Ga 1 và các đoạn tiếp theo), Đấng mà tôi đã được ghi dấu bằng Thập giá từ thuở ấu thơ; tôi sẽ không từ bỏ dấu hiệu này cho đến cuối đời, và thà chấp nhận mất đi thân xác qua những cực hình còn hơn là chối bỏ dấu hiệu của Đấng Kitô này. Tôi là tôi tớ trung thành của Chúa tôi, và ngươi sẽ không thể đánh bại tôi bằng lửa hay bằng sắt!

Hê-gê-môn Faustin, kinh ngạc trước lòng dũng cảm và sự can đảm của thánh thiếu niên Théodule, đã ra lệnh đưa anh ta ra xa khỏi mình đến một nơi riêng biệt. Sau đó, ông gọi thánh Agathopod đến và nói với ông:

– Hãy thờ lạy các vị thần của chúng ta! Kìa, Theodulus, người trước đây cũng bị lừa dối, giờ đây đã hứa sẽ thờ lạy các vị thần và cùng chúng ta dâng lễ vật.

Nhận ra mưu mô và sự lừa dối của vị thống đốc, thánh Agathopod nói với ông ta:

– Tôi cũng sẽ vui lòng dâng lễ vật lên Đức Chúa Trời chân thật và Con Ngài là Chúa Giê-su Ki-tô, vì chính Theodulus cũng đã hứa sẽ dâng lễ vật tốt lành lên Ngài, chứ không phải lên bất kỳ vị thần nào khác.

Còn Faustin thì phản bác lại:

– Không, Theodulus đã hứa dâng lễ vật của mình không phải cho Đức Chúa Trời này, mà là cho mười hai vị thần[2854] , những vị cai quản cả vũ trụ.

Thánh Agathopod mỉm cười đáp lại:

– Tại sao ngươi lại gọi những thứ do thợ thủ công tạo ra từ vật liệu phù du là các vị thần? Liệu những thứ được tạo ra bởi bàn tay con người, những người lại tôn thờ chính tác phẩm của mình như thể đó là những sinh vật cao quý và hoàn hảo nhất, có thể là các vị thần được chăng? Liệu những thứ không thể chống cự lại những kẻ muốn lật đổ và phá hủy chúng, cũng không thể tự bảo vệ mình bằng bất cứ cách nào – những thứ không thể nhìn bằng mắt, không thể đi bằng chân và không có bất kỳ cảm giác nào trong bản thân – có phải là các vị thần không? Liệu những vị thần mà người Hy Lạp nói rằng họ có linh hồn sống và sa vào đủ loại hành vi dâm ô ghê tởm nhất; và giờ đây, những thợ điêu khắc đã tạc nên những bức tượng đó lại bán chúng với giá một đồng bạc hoặc bốn đồng đồng nhỏ, có phải là thần không? Sau tất cả những điều này, làm sao tôi có thể dâng lên những vị thần vô giá trị và ghê tởm của các ngươi sự tôn kính xứng đáng với Đức Chúa Trời toàn năng? Làm sao tôi có thể hát những bài ca ngợi khen và thánh ca trước những tượng thần câm điếc của các ngươi?

Khi vị thánh nói những lời ấy, các quan chức ngoại đạo vây quanh ngài lo sợ rằng Agathopod và tất cả những Kitô hữu khác bị dẫn đến để thẩm vấn có thể được củng cố đức tin nhờ những lời của ngài. Vì vậy, họ ra lệnh lập tức đưa Agathopod cùng với Theodulus vào ngục tối.

Lúc các thánh được dẫn vào ngục, một đám đông khổng lồ đi theo sau. Một số người trong đám đông, thương xót tuổi trẻ của thánh Theodulus, đã cố gắng dùng nhiều lời nịnh hót để lung lay đức tin của anh vào Đấng Kitô. Những người khác, nhìn thấy mái tóc bạc phơ đáng kính của Agathopod, đã nói với ông:

– Agathopod! Chẳng lẽ ngài cũng có tâm hồn trẻ con, và ngài không hiểu điều gì có lợi cho cuộc đời ngài sao!

Nhưng các thánh vẫn tiếp tục bước đi, không đáp lại bất kỳ lời nào được nói với họ.

Khi họ đến nhà ngục, họ đã khiêm nhường cầu nguyện với Thiên Chúa tại đó và gia nhập vào số những tù nhân đang bị giam giữ ở đây vì các tội lỗi khác nhau.

Vào nửa đêm, các thánh nhân được củng cố bởi những thị kiến thiêng liêng và tinh thần họ vẫn sảng khoái, hân hoan ngợi khen Chúa Giêsu Kitô. Sau đó, sau khi rửa mặt và tay thật sạch bằng nước, rồi quỳ gối và cúi đầu xuống đất, họ dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện đồng lòng sau đây, như thể cùng cất tiếng bằng một miệng:

– Lạy Thiên Chúa! Đấng Tạo Hóa và Đấng Quan Phòng của muôn loài, Đấng đã tạo dựng thế giới hữu hình này, Đấng đã thiết lập quỹ đạo bất tận của các vì sao trên trời để mặt trời nằm giữa chúng chiếu sáng khắp nơi suốt

---

[2854] Theo quan niệm của người Hy Lạp, mười hai vị thần cao nhất hay quan trọng nhất cư ngụ trong không gian, giữa đất và trời, và nơi ở của họ là những cung điện tráng lệ trên đỉnh núi Olympus. Chính vì vậy, các vị thần này còn được gọi là các vị thần Olympus. Đó là các vị thần: Zeus, Hera, Poseidon, Demeter, Apollo, Artemis, Hephaestus, Pallas Athena, Ares, Aphrodite, Hermes và Hestia.

cả ngày và giúp cho hoa quả trên đất nảy nở, còn mặt trăng thì bằng ánh sáng của mình xua tan bóng tối của đêm. – Lạy Thiên Chúa! Ngài, Đấng đã ban cho đất khả năng sinh ra các loài thú, cho đáy biển các loài cá, và chỉ định cho các loài chim chỗ ở trên không; – Lạy Chúa! Ngài, Đấng đã ra lệnh cho biển cả dâng hiến những ân huệ của mình để phục vụ con người do Ngài tạo dựng. Ngài, Đấng đã ra lệnh cho các loài chim làm vang dội bầu trời bằng tiếng hót của chúng; Ngài, Đấng đã ra lệnh cho đất đai sinh sôi nảy nở dồi dào các loại hoa quả để đáp ứng nhu cầu của con người, hầu cho qua đôi môi con người, đất đai dâng lên Ngài lời tạ ơn và ngợi khen – dành cho Ngài, Đấng cai trị cả thế gian. Lạy Chúa! Ngài không muốn dòng dõi chúng con – những kẻ vô luật pháp, đã lìa bỏ các điều răn của Ngài và sa vào mọi tội lỗi – phải hư mất vĩnh viễn; Ngài không để cho ma quỷ làm mù lòa hoàn toàn và lôi kéo loài thụ tạo có lý trí vào sự hư mất vĩnh cửu, nhưng đã tha thứ tội lỗi của loài người, Ngài, chỉ nhờ lòng thương xót của Ngài, đã sai Con Một duy nhất của Ngài từ trời xuống với loài người, để Ngài, khi nhận lấy bản tính con người, đã kết hợp sự bất tử của Ngài với bản tính phàm trần của chúng con, và để, luôn hiệp nhất với Ngài, Lời của Ngài, nhờ đó muôn vật được tạo thành, đã dẫn dắt những ai lạc lối trong sự gian dối trở lại con đường chân lý. Ngài, cùng với Con và Thánh Thần của Ngài, bằng những phép lạ vinh quang của Ngài, đã dẫn dắt những con người trước đây từng vô đạo đến với đức tin thánh thiện của Ngài. Ngài, Con Thiên Chúa cùng với Cha và Thánh Thần, đã chiến thắng các định luật của tự nhiên và sự chết, và bằng Lời của Ngài, đã làm cho La-za-rô, người đã chết được bốn ngày, sống lại (Ga 11:1–44). Ngài, bằng cách đặt bụi đất lên mắt, đã làm sáng mắt người mù bẩm sinh (Ga 9:1–38), cũng như đã ban sự chữa lành tức thì cho người phụ nữ bị chảy máu khi chạm vào áo Ngài (Mt 9:20–22), – cũng như đã chữa lành người bị liệt, truyền cho anh ta vác giường của mình đi (Mt 9:2–8). Vậy nên, ngay lúc này, lạy Thiên Chúa, xin Ngài thương xót chúng con, xin củng cố chúng con bằng sức mạnh từ trên cao của Ngài, để chúng con, nhờ sự trợ giúp của Ngài, có thể can đảm chịu đựng mọi sự đau khổ mà những kẻ bất chính gây ra cho chúng con, và nhờ đó đạt được Nước Trời.

Trong khi các thánh nhân cầu nguyện bằng những lời ấy, những đồng phạm của họ đang bị giam chung trong ngục tối – những kẻ bị giam giữ ở đây vì tội giết người hoặc ngoại tình – đã vượt qua nỗi sợ hãi về cái chết thể xác, vội vã quỳ xuống dưới chân các thánh nhân, xin họ tha thứ cho tội lỗi của mình và cứu rỗi linh hồn họ khỏi cái chết vĩnh cửu. Còn đám đông đang ở bên ngoài ngục lúc bấy giờ, sau khi phá tung cánh cửa ngục, đã ùa vào trong và lắng nghe với lòng xúc động những lời mà các tôi tớ của Chúa đang nói. Thấy vậy, Eupsychius, quan chánh án thành Thessalonica và là một tay sai cuồng tín của ma quỷ, vội vã chạy đến gặp tướng quân và nói rằng nếu hai người Kitô hữu đang bị giam trong ngục không bị hành quyết ngay lập tức, thì nhiều người trong dân chúng sẽ từ bỏ việc thờ phượng các thần tượng. Tướng quân bừng lên cơn giận dữ và ngay lập tức sai lính dẫn chàng trai trẻ cùng vị lão niên đến trước mặt ông. Và các tôi tớ của Chúa Kitô lập tức bị đưa ra trước vị quan tòa bất công. Nhìn vào Thánh Theodulus, vị tướng quân hỏi ông:

– Ngươi không biết rằng ngươi phải tuân theo mệnh lệnh của các vị vua cai trị cả vũ trụ sao?

– Những gì Đấng Chủ tể trời đất ra lệnh – Thánh Theodulus đáp lại – quả thực là công bằng và xứng đáng được lắng nghe cẩn trọng và thi hành ngay lập tức. Còn những điều mà các vị vua trần thế của các ngươi ra lệnh, thì trong số những mệnh lệnh đó, chỉ nên tuân theo những điều chứng tỏ là công bằng và không trái với Đấng Tạo Hóa trên trời, còn những mệnh lệnh bất công thì trong bất kỳ trường hợp nào cũng không nên tuân theo.

Sau đó, tướng quân Favstin hỏi vị thánh:

– Hãy nói cho tôi biết, ai đã tạo ra trời?

Thánh Theodulus đáp:

– Chính Đức Chúa Trời Toàn Năng và Con Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng là Lời của Cha, đã tạo dựng nó.

– Có phải chính Ngài ấy không – Favstin hỏi – Đấng đã bị người Do Thái đóng đinh và tra tấn dã man?

– Vâng, chính là Đấng mà người Do Thái đã đóng đinh, – vị tử đạo đáp. – Ngài đã tự nguyện chịu khổ vì chúng ta, rồi nhờ quyền năng Thần tính của Ngài, Ngài đã sống lại từ cõi chết và được nhìn thấy thăng thiên, như Đấng chiến thắng cái chết, lên trời, từ đó Ngài sẽ trở lại để vạch trần và phán xét những kẻ không tin.

– Vậy tại sao ngươi lại không muốn – Favstin lại hỏi – dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta?

– Chẳng phải tốt hơn sao, – vị thánh đáp, – dâng lễ vật cho Đấng đã tạo dựng ra những kẻ làm tượng thần, hơn là dâng cho chính những tượng thần đó. Quả thật, Đấng Tạo Hóa cao quý hơn tạo vật!

Lúc đó, tướng quân Favstin ra lệnh lột bỏ quần áo của vị thánh trẻ Theodulus và để anh ta trần truồng để chịu tra tấn. Cùng lúc đó, người truyền lệnh lớn tiếng hô:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, ngươi sẽ được tha!

Nhưng vị tử đạo nói với kẻ tra tấn:

– Ngươi có thể cướp đi quần áo trên thân thể ta, nhưng mãi mãi không thể cướp đi đức tin mà ta dành cho Thiên Chúa của ta.

Trong khi vị thánh nói một cách dũng cảm như vậy, khinh thường những cực hình và nhiều lần quở trách những kẻ tra tấn, vị tướng quân ra lệnh cho những người vốn là Kitô hữu nhưng đã khuất phục trước cực hình và thờ lạy các thần tượng, phải dâng lễ vật cho các thần tượng ngay trước mặt Thánh Feodul. Nhìn thấy cảnh tượng đó, thánh Theodulus đau lòng vì những người đã bị những kẻ ngoại đạo đánh bại và những người đã rời bỏ lẽ thật, nên ngài nói với vị tướng quân:

– Các ngươi đã đánh bại những kẻ yếu đuối, nhưng tuyệt đối không thể đánh bại được những chiến binh kiên cường của Chúa Kitô, dù các ngươi có nghĩ ra những hình phạt tàn bạo hơn nữa đi chăng nữa! Hãy biết rằng, tướng quân ơi, những hình phạt mà ngươi đã chuẩn bị cho chúng ta hôm nay thật là tầm thường và đáng cười. Hãy nghĩ ra những hình phạt tàn bạo hơn nữa, để ngươi biết được đức tin và tình yêu của chúng ta dành cho Thiên Chúa.

Sau đó, vị tướng quân ra lệnh cho Theodulus mang những cuốn sách Kitô giáo đến nơi xét xử. Nhưng vị thánh đã trả lời ông ta như sau:

– Nếu ta biết rằng ngươi, sau khi nhận ra sự hư vô của việc thờ lạy thần tượng, sẽ từ bỏ nó và mong muốn vững vàng trong đức tin chân chính, thì ta sẽ mang đến cho ngươi những cuốn sách của các tiên tri và các tông đồ. Nhưng vì ta thấy ngươi đang ấp ủ những ý định gian trá, nên vì lý do đó, ta sẽ không trao món quà của Thiên Chúa vào tay ngươi.

– Nếu ngươi không tuân lệnh ta ngay lập tức, – Faustin đáp lại, – thì ta sẽ không tha cho ngươi, ta sẽ xé xác ngươi ra từng mảnh và ném cho thú dữ ăn thịt.

– Này, thân thể tôi sẵn sàng chịu cực hình, – vị thánh tiếp lời, – hãy làm gì với nó tùy ý; hãy tra tấn tôi bằng cách tàn bạo nhất, nhưng dù thế nào tôi cũng không giao những cuốn sách thánh để bọn vô đạo nhục mạ!

Muốn dọa nạt vị tử đạo, vị tướng quân ra lệnh dẫn ngài đến nơi chém đầu, cho rằng khi thấy cái chết cận kề, vị thánh sẽ sợ hãi và tuân theo ý muốn của mình.

Và khi vị thánh được dẫn đến nơi định chém đầu và nhìn thấy thanh gươm trần đang giơ lên hướng về phía mình, ngài đã kêu cầu Thiên Chúa bằng những lời sau đây:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Thiên Chúa, Cha của Chúa tôi, Đấng đã tự nguyện chịu khổ vì chúng con! Chính nhờ ân sủng của Ngài mà con đang tiến đến với Ngài, vui mừng hiến dâng mạng sống vì Ngài!

Nói xong, ngài cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm, nhưng đầu ngài không bị chém đứt. Tướng quân, nhận thấy thánh Theodulus dường như mong muốn một vương miện long trọng cho chính mình khi chuẩn bị bị chém đầu, đã ra lệnh trả ngài về nguyên vẹn, còn bản thân ông thì trong lúc đó tiến hành thẩm vấn thánh Agathopod. Ông hỏi ngài:

– Cuộc sống của ngươi ra sao?

– Cũng giống như – vị thánh trả lời – của Thánh Feodul.

– Ngươi có điểm gì chung với Theodulus, – vị tướng hỏi, – liệu hai người có quan hệ huyết thống với nhau không?

– Chúng tôi không phải là họ hàng ruột thịt với nhau, – Thánh Agathopod đáp, – nhưng chúng tôi gắn kết bởi đức tin và niềm tin; và càng khác biệt về huyết thống, thì chúng tôi càng gắn kết với nhau bằng tinh thần.

Lúc đó, vị tướng nói:

– Tôi nhận thấy cả hai ngài đều đang vội vã hướng tới cùng một sự đau khổ – điều này được bộc lộ qua những lời nói của ngài, – vị tướng quân nói với vị thánh.

Thánh Agathopod đáp lại:

– Nếu chúng ta được giải thoát khỏi cuộc đời hiện tại nhờ cùng một hình thức khổ nạn, thì chúng ta cũng sẽ được hưởng cùng một phần thưởng từ Thiên Chúa của chúng ta!

– Ông không thấy xấu hổ sao, – Favstin nói, – dù đã là một vị cao niên, – lại còn ảo tưởng như một thanh niên và tự nguyện lao vào cái chết rõ ràng như vậy?

– Tôi không hề ảo tưởng chút nào, – Thánh Agathopod đáp lại, – và tôi cũng không hề bị tổn thất gì khi đặt niềm hy vọng vào Đấng Kitô của tôi; ngược lại, nếu tôi đã cao tuổi, thì càng phải thể hiện sự nhiệt thành hơn trong

việc phụng sự Đức Chúa Trời của tôi; và tôi ca ngợi Theodulus, người đã dũng cảm bảo vệ sự tôn kính Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật của chúng ta ngay từ khi còn trẻ.

Nhìn về phía Theodulus vào khoảnh khắc đó, tướng quân Faustin nói, quay sang anh ta:

– Hỡi chàng trai trẻ! Đừng để những lời của lão già này lừa dối ngươi – đừng liều lĩnh tự đưa mình vào chỗ chết. Ông ta đã là một lão già rồi: vì thế không có gì ngạc nhiên khi ông ta khao khát cái chết; còn ngươi, khi còn trẻ và còn non nớt như vậy, vì lý do gì mà lại muốn vô ích từ bỏ cuộc sống ngọt ngào này?

Thánh Theodulus đáp lại:

– Đừng nghĩ rằng ta yếu đuối hơn ông lão ấy, và không thể chịu đựng những cực hình giống như ông ta. Dù ta còn trẻ về tuổi tác, nhưng ta cũng giống như ông lão ấy, tin nhận Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa của vạn vật, và cùng với ông lão ấy, ta sẵn sàng chịu khổ vì Ngài.

Sau khi các thánh kết thúc lời nói của mình, theo lệnh của kẻ tra tấn, họ bị trói lại và một lần nữa bị dẫn trở lại ngục tối. Trong khi đó, các thánh ngợi khen Thiên Chúa, Đấng nhờ đó họ đã chiến thắng ma quỷ.

Những người quen biết họ tụ tập lại, vây quanh các vị trong tiếng khóc than.

– Tại sao các bạn lại tụ tập ở đây? – Thánh Theodulus hỏi họ – Và các bạn khóc vì điều gì?

– Chúng tôi khóc vì nỗi bất hạnh của các ngài, – họ đáp.

– Tại sao các bạn – vị thánh đáp lại với nụ cười – thay vì khóc than về những tai ương của chính mình, lại khóc than về những tai ương của chúng tôi, những điều đang dẫn dắt chúng tôi đến điều tốt đẹp hơn.

Trong lúc vị thánh đang nói những lời đó, một người lính do tướng quân phái đến đã bước vào ngục tối; người này trói cả hai vị thánh bằng xiềng xích sắt, rồi giam họ vào khu vực bên trong ngục tối và khóa chặt cửa lại, để không ai có thể đến gần họ.

Trong khi đó, khi đêm đã khuya, các thánh tử đạo đã cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài củng cố họ cho đến cùng trong cuộc chiến đức tin của mình, rồi họ chìm vào giấc ngủ. Chúa Giêsu Kitô, Đấng luôn quan tâm đến các vị thánh của Ngài, đã ban cho họ cùng một thị kiến trong giấc mơ (vì họ luôn đồng lòng và đồng tâm) về cái chết sắp ập đến với họ. Khải tượng đó như sau: các thánh nhân có cảm giác như cả hai đều bước lên cùng một con tàu chật kín người và thấy mình cùng con tàu đó đang ở giữa biển khơi; con tàu lắc lư từ bên này sang bên kia, vì biển đang dậy sóng dữ dội do cơn bão mạnh; con tàu bị sóng đập nát và đánh tan tành, dần chìm xuống nước, trong khi một số người đi cùng họ trên tàu bị chết đuối, một số khác thì bơi lội, còn một số khác lại trôi dạt đến những tảng đá và tử nạn. Trong khi đó, chính các thánh nhân thấy mình, dưới sự điều khiển của người lái thuyền, được cứu khỏi bị chìm, mặc áo sáng chói và bám vào một ngọn núi cao nào đó, từ đó họ leo lên trời. Khi tỉnh giấc, các thánh nhân kể lại cho nhau về giấc mơ và ngạc nhiên vì cả hai đều có cùng một giấc mơ. Từ đó, họ hiểu rằng cả hai sẽ được Chúa Kitô ban cho cùng một ân sủng, cụ thể là: họ sẽ vượt qua biển khổ nạn – nơi nhiều người đã chìm đắm – một cách an toàn, và sẽ lên trời để nhận phần thưởng vĩnh cửu. Sau giấc mơ ấy, niềm hy vọng và lòng tin của các thánh càng thêm vững chắc, và trong lòng tràn ngập lòng biết ơn nồng nhiệt dành cho Đấng Lái Thuyền nhân từ của họ – Thiên Chúa, họ quỳ sấp mặt xuống và kêu lên: "Ai từng mong đợi ân huệ vĩ đại như thế này, mà Ngài, hỡi Thiên Chúa, đã ban cho chúng con vì Con Ngài đã nhập thể, là Chúa Giêsu Kitô của chúng con?! Ai lại ngu muội đến nỗi, khi chiêm ngưỡng những ân huệ vĩ đại của Ngài dành cho loài người, lại chọn sự tốt lành của cuộc sống phù du? Ai lại vội vàng làm việc thiện như Con Ngài, Đấng đã bày tỏ cho chúng con trong thị kiến về ân sủng của Ngài sắp tuôn đổ trên chúng con, cũng như cho chúng con thấy những vương miện mà chúng con sẽ được đội, và nhờ đó củng cố chúng con cho cuộc chiến sắp tới!"

Khi họ cầu nguyện và dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa như vậy cho đến sáng, thì khi trời sáng, một lính canh nhà tù bước vào báo cho họ biết rằng Thống soái đang triệu tập Thánh Theodulus và Thánh Agathopodus. Sau khi làm dấu thánh giá, họ bước ra khỏi nhà tù trong xiềng xích và đi theo các binh lính. Rất nhiều người quen của họ tụ tập ở đó đã khóc than cho họ, vì biết rằng cái chết đang chờ đợi họ. Còn Thánh Theodulus, với khuôn mặt rạng rỡ, quay sang những người đang khóc và nói:

– Nếu các bạn khóc vì yêu thương chúng tôi, thì các bạn nên vui mừng cho chúng tôi, vì chúng tôi đang thực hiện một hành động anh hùng để tôn vinh Thiên Chúa Chân Thật. Còn nếu các bạn khóc vì lòng ghen tị của ma quỷ, thì hãy khóc cho chính mình nhiều hơn là cho chúng tôi, bởi vì các bạn đã lạc lối khỏi con đường chính nghĩa và đang lao vào sự diệt vong.

Khi sau đó các thánh nhân lần thứ ba bị đưa ra thẩm vấn và lại bị tướng quân Faustinus tra hỏi, thì họ không trả lời gì ngoài những lời:

– Chúng tôi là Kitô hữu và sẵn sàng chịu mọi hình thức đau khổ vì danh Chúa Kitô.

Lúc đó, vị tướng quân với khuôn mặt u sầu đã tuyên án tử hình đối với họ, nội dung như sau:

– Feodul và Agathopod, những người không chịu dâng lễ vật cho các vị thần, sẽ bị ném xuống biển.

Sau đó, các binh lính dẫn họ ra biển; sau khi trói tay họ ra sau lưng và treo những tảng đá nặng lên cổ, các binh lính đưa họ lên thuyền. Lúc bấy giờ, trên bờ biển tụ tập rất đông bạn bè, hàng xóm và những người quen biết các thánh tử đạo; trong số đó, có người khóc nức nở vì biết các thánh sắp phải chịu cái chết, còn những người khác thì ca ngợi các chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô vì đã chiến thắng ma quỷ và vui vẻ hy sinh vì đức tin.

Trong khi đó, vị tướng quân, vì thương xót các thánh, đã cử sứ giả Fulvius đến gặp họ, nói rằng nếu họ chỉ dâng hương trầm cho các vị thần, thì sẽ được tha chết. Nhưng các thánh vẫn không ngừng kêu cầu Chúa Kitô và từ chối các vị thần hư ảo của đạo ngoại. Cuối cùng, sau những lời khuyên nhủ kéo dài, bọn vô đạo, thấy rằng các tôi tớ của Chúa Kitô tuyệt đối không chịu khuất phục trước việc thờ lạy các thần tượng, đã chuẩn bị ném thánh Agathopod xuống biển. Vị thánh này, hướng ánh mắt lên trời, đã cất tiếng hô lớn:

– Hãy nhìn xem! Bằng phép rửa tội lần thứ hai này, mọi tội lỗi của chúng ta đều được rửa sạch, và chúng ta trở về với Chúa Giêsu Kitô trong sự thanh tịnh!

Với những lời ấy, vị thánh đã bị ném xuống biển, và ngay sau đó, thánh Theodulus cũng bị ném xuống biển.

Như vậy, các thánh tử đạo đã kết thúc cuộc hành trình chịu khổ nạn của mình và nhận được vương miện chiến thắng từ tay Chúa. Biển, sau khi nuốt chửng thi thể các thánh, ngay lập tức đã đẩy chúng lên bờ mà không còn xiềng xích hay đá nào. Người thân và bạn bè, sau khi nhận thi thể các thánh tử đạo, đã an táng họ một cách trang trọng.

Một thời gian sau, Thánh Theodulus hiện ra trước mặt họ với khuôn mặt rạng ngời, mặc áo trắng, và ra lệnh cho họ phân phát toàn bộ tài sản của mình cho những người nghèo, trẻ mồ côi và các góa phụ.

Các thánh tử đạo đã qua đời vào ngày thứ năm của tháng Tư, ca ngợi trên trời Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, được tôn vinh trong Ba Ngôi. Amen.

Cuộc đời của vị thánh cha Mark của chúng ta tại Athens

Ngày tưởng niệm: 5 tháng Tư

Một lần nọ, Abba[2855] Serapion đã kể lại câu chuyện sau đây.

Trong thời gian tôi ở sa mạc nội địa Ai Cập[2856] , một lần nọ tôi đến gặp vị trưởng lão vĩ đại Gioan và, sau khi nhận được lời chúc lành từ ngài, tôi ngồi nghỉ ngơi vì mệt mỏi sau chuyến đi. Khi chợp mắt, tôi có một giấc mơ: tôi thấy hai vị ẩn sĩ nào đó đến gặp vị trưởng lão và nhận được lời chúc lành từ ngài. Họ nói với nhau:

– Kìa, đó là Abba Serapion; chúng ta hãy xin ngài ban phước lành. Abba Ioann liền nói với họ:

– Hôm nay ngài vừa mới từ sa mạc về và rất mệt mỏi: hãy để ngài nghỉ ngơi một chút.

Còn hai vị ẩn sĩ thì nói với vị trưởng lão về tôi rằng:

– Đã bao lâu nay Serapion tu hành trong sa mạc mà vẫn chưa đến gặp cha Mark, người đang tu hành trên núi Frachian, nằm ở Ethiopia[2857] . Trong số tất cả các ẩn sĩ và những người ăn chay, không ai sánh kịp cha Mark. Ngài đã 130 tuổi, và đã 95 năm trôi qua kể từ khi ngài bắt đầu tu hành trong sa mạc. Trong suốt thời gian đó, ngài chưa từng gặp một người nào. Không lâu trước đó, ngài đã tiếp đón một số vị thánh, những người đã được dự phần vào ánh sáng sự sống vĩnh cửu, và họ đã hứa sẽ đón nhận ngài về với họ.

Trong khi họ đang nói những lời này với Cha Gioan, tôi bừng tỉnh khỏi giấc ngủ gật và, không thấy ai bên cạnh vị tu sĩ già, tôi kể cho ông nghe về giấc mơ của mình.

– Ảo ảnh này, – vị tu sĩ già nói với tôi, – mang một ý nghĩa thiêng liêng nào đó; nhưng núi Thrace nằm ở đâu?

[2855] Abba – cha, vị trụ trì của tu viện.

[2856] Sa mạc Nội địa, hay còn gọi là sa mạc Skit, nằm cách sa mạc Kelli một ngày đường, thuộc Ai Cập và Livia. Đó là một sa mạc cát hoang vu, nơi thỉnh thoảng mới có những suối nước; ở đây không có con đường mòn nào – người ta định hướng đến đây bằng cách theo dõi vị trí các vì sao.

[2857] Núi Frachian – ở Libya, tại khu vực hiện nay là Tukra. Ethiopia – quốc gia nằm phía nam Ai Cập – bao gồm Nubia và Abyssinia.

– Xin cha cầu nguyện cho con! – tôi nói với vị tu sĩ già.

Sau khi cầu nguyện xong, tôi từ biệt vị tu sĩ già và lên đường đến Alexandria[2858] , nơi cách đây hai mươi ngày đường; còn tôi thì đi hết quãng đường đó trong vòng năm ngày, hầu như không nghỉ ngơi cả ngày lẫn đêm, bị thiêu đốt bởi cái nắng gay gắt, đến nỗi ngay cả bụi trên mặt đất cũng bị thiêu rụi.

Khi vào đến Alexandria, tôi hỏi một thương gia: "Còn bao xa nữa mới đến được núi Frach, nằm ở Ethiopia?" Thương gia đó trả lời tôi:

– Vâng, thưa cha, còn rất xa mới đến nơi đó. Phải đi hai mươi ngày mới đến biên giới của người Ethiopia, dân tộc Hittite[2859] ; còn ngọn núi mà cha hỏi thì còn xa hơn nữa so với đây.

Tôi lại hỏi ông ta:

– Khoảng bao nhiêu thức ăn và nước uống thì cần mang theo cho chuyến đi này, – vì con muốn lên đường đến đó?

– Nếu chuyến đi của ngài, – người buôn trả lời, – diễn ra bằng đường biển, thì ngài sẽ không mất nhiều thời gian trên đường; nhưng nếu ngài đi bằng đường bộ, thì ngài sẽ phải đi trong ba mươi ngày.

Nghe xong, tôi múc nước vào quả bầu và mang theo một ít quả chà là, rồi đặt niềm tin vào Thượng Đế, tôi lên đường và đi qua sa mạc này trong vòng hai mươi ngày. Trong suốt chặng đường, tôi không gặp ai cả, chẳng có thú vật hay chim chóc nào. Bởi vì sa mạc này hầu như không có thực vật, vì ở đó không bao giờ có mưa hay sương, nên trong sa mạc này không có gì để ăn cả. Sau hai mươi ngày hành trình, nước trong quả bầu của tôi đã cạn, chà là cũng hết sạch, tôi mệt mỏi tột độ và không thể đi tiếp được nữa, nhưng cũng không thể quay trở lại, nên tôi nằm xuống đất vì kiệt sức. Và rồi hai vị ẩn sĩ mà tôi từng thấy lần đầu tiên trong giấc mơ tại chỗ của vị trưởng lão vĩ đại Gioan đã hiện ra trước mặt tôi. Đứng trước mặt tôi, họ nói:

– Hãy đứng dậy và đi cùng chúng tôi!

Khi đứng dậy, tôi thấy một trong hai người ấy cúi xuống đất, quay sang tôi và hỏi:

– Con có muốn ăn chút gì không?

– Tùy ý cha, thưa cha, – tôi đáp.

Sau đó, ngài chỉ cho tôi một củ của một loài cây sa mạc và nói:

– Hãy nếm thử rễ cây này và nhờ sức mạnh của Chúa, hãy tiếp tục cuộc hành trình!

Tôi ăn một chút, và ngay lập tức cảm thấy sức lực được phục hồi, lòng tôi tràn ngập niềm vui. Tôi cảm thấy sảng khoái đến mức tưởng chừng như mình chẳng hề mệt mỏi chút nào. Sau đó, họ chỉ cho tôi con đường mòn mà tôi phải đi để đến với Thánh Marc, rồi rời khỏi tôi.

Tiếp tục hành trình, tôi tiến đến một ngọn núi cao, dường như chạm tới tận trời. Trên đó chẳng có gì cả, ngoài bụi và đá. Khi tôi đến gần ngọn núi, tôi nhìn thấy biển ở rìa núi. Tôi leo lên núi và đi suốt bảy ngày.

Khi đêm thứ bảy đến, tôi thấy một Thiên thần của Chúa từ trời hạ xuống bên cạnh Thánh Marcô và nói với ngài:

– Hạnh phúc thay, thánh Mark, và ngài sẽ được an lành! Này, chúng tôi đã đưa cha Serapion đến với ngài, người mà linh hồn ngài mong muốn được gặp, vì ngài không muốn gặp ai khác ngoài ngài ấy!

Khi thị kiến của tôi kết thúc, tôi đi một cách bình thản và tiếp tục đi cho đến khi đến được hang động nơi Thánh Marc đang cư ngụ. Khi tôi đến gần cửa hang, tôi nghe thấy vị thánh đang hát các thánh vịnh của Đa-vít và cất tiếng: *"Vì trước mặt Ngài, một ngàn năm cũng như ngày hôm qua"* (Thánh vịnh 89:5), và tiếp tục từ cùng một thánh vịnh đó. Sau đó, vì tràn ngập niềm vui thiêng liêng, vị thánh bắt đầu tự nhủ với chính mình bằng những lời này:

– Hạnh phúc thay linh hồn ngươi, Mark, vì nhờ ơn Chúa, ngươi đã không làm ô uế chính mình bởi những điều dơ bẩn của thế gian này, và tâm trí ngươi đã không bị chi phối bởi những ý nghĩ xấu xa! Hạnh phúc thay thân xác ngươi, vì nó đã không sa lầy vào những dục vọng và đam mê tội lỗi! Phúc cho đôi mắt ngươi, vì ma quỷ không thể cám dỗ chúng bằng việc chiêm ngưỡng vẻ đẹp của người khác! Phúc cho đôi tai ngươi, vì chúng chưa từng nghe thấy giọng nói của phụ nữ trong thế gian phù du này! Phúc cho lỗ mũi ngươi, vì chúng chưa từng ngửi thấy

---

[2858] Alexandria – thành phố nổi tiếng từ thời cổ đại, tọa lạc tại cửa sông Nile, ở Ai Cập, được thành lập bởi Alexander Đại đế (336–323 trước Công nguyên), từng là trung tâm của nền văn hóa và thương mại toàn cầu vào thời bấy giờ.

[2859] Dân Hê-tê – hậu duệ của Hê-ta, con trai của Ca-na-an (con trai của Nô-ê), sống ở vùng núi (Số 13:30), ở phía nam Pa-lét-tin, gần Hê-vron (Sáng Thế Ký 23) và gần Bê-tên (Các Quan Xét 1:26).

mùi hôi thối của tội lỗi! Phúc cho đôi tay ngươi, vì chúng chưa từng chạm vào bất kỳ vật gì thuộc về loài người. Phúc cho đôi chân ngươi – chưa từng bước lên con đường dẫn đến cái chết, và chưa từng lao vào tội lỗi! Linh hồn ngươi đã tràn ngập sự sống thiêng liêng và niềm vui thiên thần!

Rồi một lần nữa, ngài lại cất tiếng, hướng về linh hồn mình: *"Hỡi linh hồn ta, hãy chúc tụng Chúa, và cả lòng ta hãy tôn vinh danh thánh Ngài. Hỡi linh hồn ta, hãy chúc tụng Chúa, và đừng quên mọi ân huệ của Ngài"* (Thánh Vịnh 102:1–2). Tại sao ngươi lại buồn rầu, hỡi linh hồn ta? Đừng sợ! Ngươi sẽ không bị giam cầm trong ngục tối của địa ngục, ma quỷ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không thể vu khống ngươi. Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, trong ngươi không có bất kỳ tật xấu tội lỗi nào đặc biệt: *"Thiên thần của Đức Chúa Trời bao quanh những ai kính sợ Ngài và giải cứu họ"* (Thi Thiên 33:8). "Lạy Chúa, phước cho người tôi tớ đã làm theo ý muốn của chủ mình."

Sau khi nói những lời này và nhiều điều khác từ Kinh Thánh để an ủi linh hồn mình và củng cố niềm hy vọng chắc chắn nơi Đức Chúa Trời, Thánh Mark bước ra cửa hang động của mình và, khóc vì xúc động, kêu lên với tôi rằng:

– Ôi, thật là vĩ đại biết bao công đức của con trai thiêng liêng của ta, Serapion, người đã dũng cảm đến thăm nơi ở của ta!

Sau đó, ngài ban phước lành, ôm lấy tôi bằng đôi tay của mình và vừa hôn vừa nói với tôi:

– Đã chín mươi lăm năm tôi sống trong sa mạc này mà chưa từng gặp một ai. Giờ đây, tôi được nhìn thấy khuôn mặt của con, điều mà tôi hằng mong mỏi suốt nhiều năm qua. Con đã không ngại vất vả để đến với tôi. Vì thế, Chúa của tôi, Đức Giêsu Kitô, sẽ ban thưởng cho con vào ngày Ngài phán xét những ý nghĩ thầm kín của loài người.

Nói xong, Thánh Mark ra hiệu cho tôi ngồi xuống.

Tôi bắt đầu hỏi vị tu sĩ về cuộc đời đáng khâm phục của ngài. Và ngài kể cho tôi nghe như sau:

– Như tôi đã nói, tôi đã sống trong hang động này suốt chín mươi lăm năm. Trong suốt thời gian đó, tôi không chỉ không gặp một con người nào, mà thậm chí cả thú vật hay chim chóc cũng không thấy; tôi không ăn bánh mì do bàn tay con người nướng ra, cũng không mặc quần áo. Trong suốt ba mươi năm, tôi đã phải chịu đựng sự thiếu thốn và đau khổ khủng khiếp vì đói, khát, trần truồng, và hơn hết là vì những cám dỗ của ma quỷ. Bị cơn đói hành hạ, lúc đó tôi đã ăn bụi đất, và khi khát khô cổ, tôi đã uống nước biển. Những con quỷ đã thề với nhau hàng ngàn lần rằng sẽ nhấn chìm tôi xuống biển, và sau khi bắt được tôi, chúng đã lôi tôi đi trong sự đánh đập xuống những nơi thấp trũng của ngọn núi này. Nhưng tôi lại leo lên đỉnh núi. Chúng lại lôi tôi đi khỏi đây cho đến khi da tôi bong tróc khỏi cơ thể. Trong khi lôi kéo và đánh đập tôi, chúng gào thét điên cuồng:

– Hãy biến khỏi đất của chúng ta! Từ thuở khai thiên lập địa, chưa có ai trong loài người từng đến đây – vậy mà ngươi lại dám đến đây sao?

Sau ba mươi năm chịu đựng những đau khổ như vậy, sau những cơn đói khát, trần truồng, và những sự quấy rối từ phía các quỷ dữ, ân sủng của Đức Chúa Trời và lòng thương xót của Ngài đã tuôn đổ trên tôi. Nhờ sự quan phòng của Ngài, thân xác tự nhiên của tôi đã được biến đổi; lông tóc mọc lại trên cơ thể tôi; vào đúng thời điểm, thức ăn được mang đến cho tôi và các Thiên Thần của Chúa viếng thăm tôi. Tôi đã thấy như thể hình ảnh của Nước Trời và những nơi ở của sự hạnh phúc, được hứa ban cho các linh hồn thánh thiện, được chuẩn bị sẵn cho những người làm điều thiện. Tôi đã thấy hình ảnh của Thiên đàng Thần thánh và Cây Tri thức, mà các tổ phụ của chúng ta đã nếm trái. Tôi cũng đã thấy sự xuất hiện của Ê-li và Ê-nô-c trong Thiên đàng, và không có điều gì mà Chúa không cho tôi thấy trong những điều tôi đã xin Ngài.

– Tôi đã hỏi ngài, – Serapion kể lại, – xin cha hãy cho con biết, bằng cách nào và tại sao cha lại đến đây?

Và vị thánh đã bắt đầu câu chuyện của mình bằng những lời như sau:

– Tôi sinh ra tại Athens[2860] , nơi tôi đã theo học các môn triết học. Sau khi cha mẹ tôi qua đời, tôi tự nhủ: "Như cha mẹ tôi đã qua đời, thì chính tôi cũng sẽ chết như vậy. Vậy thì, thà con tự nguyện từ bỏ thế gian này sớm hơn, trước khi con bị nó cuốn hút." Và ngay lập tức, sau khi cởi bỏ quần áo, con đứng lên tấm ván và dùng nó để lênh đênh trên biển. Được sóng biển đưa đẩy, nhờ sự an bài của Thượng Đế, con đã cập bến ngọn núi này.

[2860] Athens – thủ đô của nhà nước Hy Lạp cổ đại, nổi tiếng từ xa xưa về nền giáo dục và thương mại. Nơi đây có những trường phái triết học nổi tiếng, nơi một số vị tổ phụ và thầy dạy của Giáo Hội đã theo học.

Khi chúng tôi đang trò chuyện với nhau như vậy, – Serapion tiếp tục, – thì trời sáng, và tôi nhìn thấy Thánh Mark, người đã mọc đầy lông như một con thú, và tôi kinh hoàng, vì không thể nhận ra ông là con người bằng bất cứ điều gì, ngoại trừ giọng nói và những lời phát ra từ miệng ông. Nhận thấy sự bối rối của tôi, Thánh Mark nói với tôi:

– Đừng sợ khi nhìn thấy thân thể của ta, vì xác thịt lấy từ đất phàm trần này cũng chỉ là phàm trần mà thôi.

Rồi ngài hỏi tôi:

– Thế giới có còn tuân theo luật pháp của Chúa Kitô như trước đây không?

– Ngày nay, – tôi trả lời ông ấy, – nhờ ân sủng của Chúa Kitô, tình hình còn tốt hơn cả trước đây.

– Vậy thì, – ông lại hỏi, – cho đến nay, việc thờ lạy thần tượng và sự bắt bớ các Kitô hữu có còn tiếp diễn không?

– Nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, – tôi đáp, – sự bắt bớ đã chấm dứt và việc thờ lạy thần tượng cũng không còn nữa.

Nghe vậy, vị tu sĩ già vui mừng khôn xiết. Rồi ông lại hỏi tôi:

– Hiện nay trên thế gian có những vị thánh nào đang làm phép lạ không, như Chúa đã phán trong Phúc Âm của Ngài: *"Nếu các con có đức tin bằng hạt cải và bảo ngọn núi này: 'Hãy dời khỏi đây sang kia', thì nó sẽ dời đi; và không có gì là không thể đối với các con"* (Mt 17,20).

Trong khi vị thánh đang nói những lời ấy, ngọn núi đã dịch chuyển khỏi vị trí ban đầu khoảng năm nghìn khuỷu tay[2861] và tiến gần đến biển. Thánh Mác-cô đứng dậy, nhận thấy ngọn núi đang di chuyển, liền quay sang nó và nói:

– Ta không ra lệnh cho ngươi di chuyển khỏi chỗ đó, nhưng ta đang trò chuyện với anh em; vì vậy, hãy trở về vị trí của ngươi!

Vừa dứt lời, ngọn núi quả thực đã trở lại vị trí cũ. Thấy cảnh đó, tôi quỳ sụp xuống vì sợ hãi. Trong khi đó, vị Thánh nắm lấy tay tôi, giúp tôi đứng dậy và nói với tôi:

– Chẳng lẽ ngươi chưa từng chứng kiến những phép lạ như thế này trong suốt cuộc đời mình sao?

– Chưa, thưa cha, – tôi đáp.

Lúc đó, vị thánh thở dài, khóc nức nở và nói:

– Khốn thay cho đất nước này, vì những người Kitô hữu trên đất nước này chỉ mang danh Kitô hữu trên danh nghĩa, chứ thực tế thì không phải vậy!

Và ngài lại nói:

– Ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã dẫn dắt con đến nơi thánh thiêng này, để con không phải chết tại quê hương mình và không bị chôn cất trong mảnh đất đã bị ô uế bởi biết bao tội lỗi!

"Chúng tôi đã dành cả ngày hôm đó," Serapion kể lại, "để hát thánh vịnh và trò chuyện về đức tin, và khi chiều tối buông xuống, vị thánh nhân nói với tôi:

– Anh Serapion ơi! Sau khi cầu nguyện, đã đến lúc chúng ta cùng dùng bữa với lòng biết ơn chưa?

Nghe những lời đó, tôi không trả lời gì cả. Sau đó, ngài giơ hai tay lên trời và bắt đầu đọc thánh vịnh sau đây: *"Chúa là Mục tử của tôi; tôi sẽ không thiếu thốn gì cả"* (Thánh vịnh 22:1).

Khi hát xong thánh vịnh này, ngài quay về phía hang động và nói:

– Anh em ơi, hãy dọn bữa ăn ra đi.

Rồi ông lại nói với tôi:

– Hãy cùng đi dùng bữa mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta.

Tôi tự thầm ngạc nhiên – không hiểu Thánh Mác-cô đang ra lệnh cho ai chuẩn bị bữa ăn, vì suốt cả ngày tôi không thấy ai trong hang động của ngài cả.

Khi chúng tôi bước vào hang động, tôi thấy hai chiếc bàn đang đặt sẵn, trên đó có hai ổ bánh mì mềm và trắng, sáng lấp lánh như tuyết. Ở đó còn có những loại rau củ đẹp mắt, hai con cá nướng, những quả ô liu đã bóc vỏ, quả chà là, muối và một cốc nước đầy, ngọt hơn cả mật ong. Khi chúng tôi ngồi xuống, Thánh Marc nói với tôi:

– Con của Serapion, hãy cầu phúc đi!

[2861] Cánh tay – đơn vị đo chiều dài được sử dụng trong thời cổ đại, tương đương với khoảng cách từ khuỷu tay đến đầu ngón tay giữa (khoảng 10 vershok). (Một vershok tương đương ≈ 4,45 cm. Chiều dài của "lokot" được xác định là khoảng cách từ đầu ngón tay giữa duỗi thẳng đến khớp khuỷu tay, có thể dao động lên đến 46 cm. – *Ban Biên tập "Azbuka Verы"* (*Bảng chữ cái của Đức tin*).)

– Xin tha thứ cho con, thưa Cha, – tôi đáp.

Rồi vị thánh nói:

– Lạy Chúa, xin ban phước lành!

Và tôi nhận thấy bên cạnh bàn ăn có một bàn tay từ trên trời giang ra, làm dấu thánh giá trên những món ăn được dọn ra. Khi bữa ăn kết thúc, Thánh Marc nói:

– Anh em ơi, hãy lấy thứ này đi!

Và ngay lập tức, bữa ăn đã được một bàn tay vô hình mang đi. Tôi ngạc nhiên trước tất cả những gì đã xảy ra: cả về người hầu vô hình (vì theo lệnh của Đức Chúa Trời, một thiên thần vô hình đã phục vụ vị thánh Mark, người đã trở thành thiên thần trong xác thịt), lẫn việc trong suốt cuộc đời mình, tôi chưa bao giờ nếm được món ăn ngon đến thế và chưa bao giờ uống được nước ngọt ngào đến thế như trong bữa ăn đó. Trước sự ngạc nhiên của tôi, vị thánh nói với tôi:

– Anh Serapion ơi! Anh có thấy Chúa đã ban bao nhiêu ân huệ cho các tôi tớ của Ngài không! Suốt bao ngày qua, Chúa đã ban cho tôi mỗi ngày một ổ bánh mì và một con cá, nhưng hôm nay, vì anh, Ngài đã nhân đôi bữa ăn – ban cho chúng ta hai ổ bánh mì và hai con cá. Chính bằng bữa ăn như thế này, Chúa đã nuôi dưỡng tôi suốt thời gian tôi phải chịu những khổ nạn ban đầu. Như tôi đã nói với anh ngay từ đầu cuộc trò chuyện, trong suốt ba mươi năm ở nơi này, tôi không tìm thấy một rễ cây nào để làm thức ăn. Khi phải chịu đói khát, vì tình thế cấp bách, tôi đã ăn bụi và uống nước biển đắng, đi lại trần truồng và chân trần. Do giá rét và cái nóng khủng khiếp, các ngón chân của tôi đã rụng hết; mặt trời thiêu đốt da thịt tôi và tôi nằm sấp trên mặt đất như một người chết. Trong khi đó, lũ quỷ đã dấy lên cuộc chiến chống lại tôi, như chống lại một kẻ bị Chúa bỏ rơi. Nhưng tôi, nhờ ơn Chúa, đã chịu đựng tất cả những điều này vì tình yêu dành cho Chúa. Khi ba mươi năm đau khổ của tôi kết thúc, theo ý muốn của Chúa, tóc bắt đầu mọc trên người tôi cho đến khi che phủ tôi hoàn toàn, như một bộ quần áo. Và từ đó cho đến nay, lũ quỷ không thể đến gần tôi; đói khát không làm chủ được tôi; cả nắng gắt lẫn giá rét đều không làm phiền tôi. Dù vậy, tôi chưa bao giờ mắc bệnh gì cả. Nhưng giờ đây, cuộc đời tôi sắp kết thúc, và Đức Chúa Trời đã sai con đến đây để con dùng đôi tay thánh thiện của mình chôn cất thân xác khiêm nhường của tôi.

Sau đó, một lúc sau, vị thánh lại nói với tôi:

– Anh Serapion ơi! Đêm nay, nhân dịp tôi sắp qua đời, hãy thức trắng đêm.

Sau đó, cả hai chúng tôi cùng cầu nguyện, hát các thánh vịnh của Đa-vít. Cùng lúc đó, vị thánh nói với tôi:

– Anh em Serapion ơi! Sau khi tôi qua đời, hãy đặt thi thể tôi trong hang động này, lấp cửa hang bằng đá và rời khỏi hang động này.

Lúc đó, tôi cúi đầu kính lễ vị thánh và trong nước mắt, tôi xin ngài tha thứ và nói với ngài:

– Xin cha cầu khẩn Thiên Chúa, để Ngài cũng đưa con đi cùng cha, để con cũng được đến nơi mà cha đang hướng tới.

Trả lời những lời của tôi, vị thánh nói với tôi:

– Đừng khóc vào ngày vui của con, mà hãy vui mừng hơn nữa. Con cần phải trở về nơi của mình. Chúa, Đấng đã dẫn con đến đây vì công lao và sự phụng sự Chúa của con, xin ban cho con ơn cứu rỗi. Hơn nữa, hãy biết rằng việc trở về của con từ đây sẽ không diễn ra theo con đường mà con đã đến đây, nhưng con sẽ trở về nơi của mình bằng một con đường khác – một con đường bất thường.

Sau một lúc im lặng, Thánh Mark nói tiếp:

– Anh em Serapion ơi! Ngày hôm nay rất quan trọng đối với tôi: quan trọng hơn tất cả những ngày trong cuộc đời tôi. Hôm nay, linh hồn tôi được giải thoát khỏi những đau khổ trần tục và sẽ an nghỉ trong các nơi ở trên trời. Hôm nay, thân xác tôi sẽ được nghỉ ngơi sau bao nhiêu lao nhọc và bệnh tật; hôm nay, Đức Chúa Trời sẽ đón nhận tôi về với Ngài.

Trong khi vị thánh đang thốt lên những lời ấy, hang động của ngài tràn ngập ánh sáng, sáng hơn cả ánh mặt trời, và ngọn núi ấy ngập tràn hương thơm ngào ngạt.

Sau đó, ngài nắm lấy tay tôi – Serapion tiếp tục kể – Thánh Mark bắt đầu nói với tôi như sau:

"Xin cho hang động, nơi thân xác tôi đã ngụ trú và làm việc vì Chúa trong suốt cuộc đời, được tồn tại cho đến ngày Phục Sinh chung, và tại đây sẽ là nơi an nghỉ của thân xác đã chết của tôi, vốn là nơi trú ngụ của bệnh tật, vất vả và thiếu thốn. Còn Ngài, lạy Chúa, xin giải thoát linh hồn con khỏi thân xác này! Vì Ngài, con đã chịu đựng đói khát, trần truồng, giá rét và nắng nóng, cùng mọi tai ương khác. Lạy Chúa! Chính Ngài hãy mặc cho con áo vinh quang vào ngày kinh hoàng của sự tái lâm Ngài! Hãy nhắm mắt lại đi, đôi mắt của con, những đôi mắt chưa

bao giờ chợp mắt trong những giờ cầu nguyện ban đêm của con! Hãy an nghỉ đi, đôi chân của con, đã vất vả trong những đêm thức trắng cầu nguyện! Con đang rời xa cuộc đời trần thế, và con cầu chúc cho tất cả những ai còn lại trên đất này được cứu rỗi. Hãy được cứu rỗi, hỡi những người ăn chay, vì danh Chúa đang lang thang trong núi non và hang động! Hãy được cứu rỗi, hỡi những người tu hành, đang chịu đựng mọi thiếu thốn để đạt đến Nước Trời! Hãy được cứu rỗi, hỡi những tù nhân của Đấng Kitô, những người bị giam cầm, bị trục xuất vì lẽ phải, không có sự an ủi nào ngoài Đức Chúa Trời Duy Nhất! Hãy được cứu rỗi, hỡi các tu viện, những nơi ngày đêm lao động vì Đức Chúa Trời! Hãy được cứu rỗi, hỡi các thánh đường, những nơi mang lại sự thanh tẩy cho những kẻ có tội! Hãy được cứu rỗi, hỡi các linh mục của Chúa, những người trung gian giữa loài người và Thiên Chúa! Hãy được cứu rỗi, hỡi con cái Nước Trời của Chúa Kitô, những người đã được nhận làm con nuôi của Chúa Kitô qua phép Rửa tội thánh thiêng! Hãy được cứu rỗi, hỡi những người yêu mến Chúa Kitô, những người tiếp đón những người lữ hành như chính Chúa Kitô! Hãy được cứu rỗi, hỡi những người xứng đáng được thương xót, những người nhân từ! Hãy được cứu rỗi, hỡi những người giàu có, những người làm giàu vì Chúa, và dành cả cuộc đời cho những việc làm đẹp lòng Chúa! Hãy được cứu rỗi, hỡi những người đã tự nguyện trở thành người nghèo vì Chúa! Hãy được cứu rỗi, hỡi các vị vua và hoàng tử có đức tin, những người xét xử theo công lý và lòng thương xót! Hãy được cứu rỗi, hỡi những người ăn chay khôn ngoan và khiêm nhường, cùng những người tu hành cần mẫn! Hãy được cứu rỗi, hỡi tất cả những ai yêu thương lẫn nhau vì Chúa Kitô! Nguyện cho cả trái đất và tất cả những ai sống trong bình an và tình yêu của Chúa Kitô trên trái đất này đều được cứu rỗi!"

Sau đó, – Serapion kể lại – sau khi nói xong những lời này, Thánh Mark quay sang tôi, hôn tôi và nói: "Anh cũng hãy được cứu rỗi, anh Serapion! Ta khẩn cầu ngươi nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, rằng ngươi chớ lấy bất cứ thứ gì từ thân xác khiêm nhường của ta, dù chỉ là một sợi tóc. Chớ để bất kỳ tấm áo nào chạm vào nó, nhưng khi an táng, chỉ có những sợi tóc mà Thiên Chúa đã ban cho ta mới được ở cùng thân xác ta. Cũng vậy, ngươi chớ ở lại đây."

Trong khi vị thánh đang thốt lên những lời ấy, còn tôi thì khóc nức nở, bỗng có tiếng từ trời vang lên, phán rằng: "Hãy mang đến cho Ta từ sa mạc chiếc bình được chọn của Ta; hãy mang đến cho Ta người thực thi công lý, người Kitô hữu hoàn hảo nhất và tôi tớ trung thành! Hãy đến đây, Marc, hãy đến đây! Hãy an nghỉ trong ánh sáng của niềm vui và sự sống thiêng liêng!"

Sau đó, Thánh Mark nói với tôi:

– Anh ơi, chúng ta hãy quỳ gối xuống! Và chúng tôi đã quỳ gối xuống.

Sau đó, tôi nghe thấy giọng nói của Thiên thần nói với vị thánh:

– Hãy giang rộng hai tay ra!

Nghe thấy tiếng nói ấy, – Serapion kể lại, – tôi lập tức đứng dậy và, khi ngước nhìn, thấy linh hồn của vị thánh đã được giải thoát khỏi xiềng xích của xác thịt; linh hồn ấy được những bàn tay thiên thần bao bọc trong bộ áo trắng sáng và được các thiên thần đưa lên trời[2862] . Tôi chiêm ngưỡng con đường trên không dẫn lên trời và bầu trời đang mở ra. Đồng thời, tôi thấy những đạo quân quỷ dữ đang đứng chặn trên con đường ấy và nghe thấy giọng nói của Thiên thần hướng về phía chúng:

– Hỡi các con của bóng tối, hãy chạy trốn và ẩn mình khỏi ánh sáng của lẽ thật!

Linh hồn thánh thiện của Mark đã được giữ lại trên không trung khoảng một giờ. Sau đó, một giọng nói từ trời vang lên, phán với các Thiên thần:

– Hãy mang người đã làm bẽ mặt lũ quỷ đến đây.

Khi linh hồn của vị thánh đi qua đám quỷ dữ mà không hề hấn gì và đã gần đến bầu trời rộng mở, tôi thấy như có một bàn tay phải duỗi ra từ trời cao, đón nhận linh hồn trong sạch ấy. Sau đó, hình ảnh ấy biến mất khỏi tầm mắt tôi, – Serapion kể lại, – và tôi không còn thấy gì nữa.

Lúc đó khoảng sáu giờ đêm; sau khi chuẩn bị thi hài đáng kính của vị thánh để an táng, tôi đã cầu nguyện suốt cả đêm. Khi ngày mới bắt đầu, tôi đã hát những bài thánh ca thông thường bên thi hài với những giọt nước mắt vui sướng, hôn lên thi hài và đặt thi hài vào hang động, đồng thời dùng đá bịt kín cửa hang. Sau đó, sau một thời gian dài cầu nguyện, tôi xuống núi, ngợi khen Thiên Chúa và cầu xin vị thánh dẫn dắt tôi trên đường trở về từ sa mạc hiểm trở và đáng sợ này. Khi mặt trời lặn, tôi ngồi xuống nghỉ ngơi, bỗng nhiên hai vị ẩn sĩ đã từng đến gặp tôi trước đây xuất hiện trước mặt và nói với tôi:

[2862] Thánh Mark qua đời vào khoảng năm 400.

– Anh Serapion ơi, anh đã chôn cất thi hài của vị tu sĩ thánh thiện, người mà cả thế gian này thực sự không xứng đáng có được. Vậy thì, hãy đứng dậy và tiếp tục hành trình của anh vào ban đêm, vì ban ngày thật khó khăn để đi đường do cái nóng khủng khiếp.

Lúc đó, tôi đứng dậy, đi theo những người vừa hiện ra trước mặt tôi và đi theo họ cho đến sáng sớm. Khi ngày sắp tàn, họ nói với tôi:

– Hãy đi bình an, anh em Serapion, về nơi của anh và tạ ơn Chúa.

Khi tôi đã đi xa họ một quãng ngắn, tôi nhận ra rằng mình đang đến gần cửa nhà thờ nằm trong tu viện của vị trưởng lão vĩ đại Gioan. Rất ngạc nhiên trước điều này, tôi đã lớn tiếng ngợi khen Đức Chúa Trời và nhớ lại những lời mà vị thánh Mark đã nói với tôi rằng, con đường trở về của tôi từ nơi ngài sẽ không phải là con đường mà tôi đã đi đến gặp ngài. Và tôi tin chắc rằng nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, tôi đã được chuyển đi một cách vô hình. Tôi đã tạ ơn Thiên Chúa chí thánh của chúng ta, Đấng đã sắp xếp mọi sự vì lợi ích của tôi, kẻ không xứng đáng, nhờ những lời cầu nguyện và khẩn cầu của tôi tớ trung thành của Ngài, vị thánh cha Mark của chúng ta.

Nghe thấy tiếng tôi, Abba Gioan vội vã bước ra khỏi tu viện, chào đón tôi và nói:

– Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, Abba Serapion đã trở về với chúng ta an toàn.

Sau đó, chúng tôi vào nhà thờ, và tôi kể cho vị trưởng lão cùng các môn đệ của ngài nghe tất cả những gì đã xảy ra với tôi, và tất cả chúng tôi cùng ngợi khen Đức Chúa Trời. Vị trưởng lão sau đó nói với tôi:

– Quả thật, anh em ơi, chính ngài, Thánh Mác-cô, mới là một Kitô hữu hoàn hảo nhất; còn chúng ta thì chỉ tự xưng là Kitô hữu trên danh nghĩa, còn trên thực tế lại cách xa Kitô giáo chân chính. Đức Chúa Trời nhân từ và thương xót của chúng ta, sau khi đã đón nhận vị thánh đáng kính Mác-cô vào những nơi ở vĩnh cửu của Nước Trời, – xin Ngài bảo vệ chúng ta và toàn thể Giáo Hội Thánh Thống Nhất và Tông Đồ của Ngài khỏi mọi mưu mô của ma quỷ, và xin Ngài luôn ở cùng chúng ta, những tôi tớ khiêm nhường của Ngài, và hướng dẫn chúng ta thực hiện thánh ý thiêng liêng của Ngài, để chúng ta bước theo dấu chân của các vị thánh vĩ đại của Ngài, các vị cha thánh đáng kính của chúng ta, – để vào ngày phán xét đáng sợ, chúng con cùng với cha Mark của chúng con được nhận ân sủng nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và tất cả các thánh đã làm đẹp lòng Chúa Giêsu Kitô, Đấng xứng đáng nhận vinh quang, danh dự và sự thờ phượng cùng với Chúa Cha và Thánh Thần chí thánh, tốt lành và ban sự sống, bây giờ và đến muôn đời. A-men.

Lễ kính Thánh Publius

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 4

Thánh Publius, trong tư cách là một tu sĩ, đã tu hành tại Ai Cập[2863] dưới triều đại của Hoàng đế Julianus, kẻ bội đạo[2864] . Khi vị hoàng đế vô đạo này chuẩn bị tiến quân chinh phạt người Ba Tư, ông đã sai ma quỷ đi về phía đông, như một kẻ do thám, ra lệnh cho nó thám thính con đường mà quân đội của Julian sẽ đi qua. Sau khi lên đường, quỷ dữ đã đến nơi mà vị thánh Publius đang tu hành, nhưng tại đây hắn dừng lại và ở lại mười ngày, không thể di chuyển khỏi chỗ đó; nguyên nhân là vì Thánh Publius, nhờ linh cảm biết được quỷ Satan đã đến xứ sở của mình, liền bắt đầu cầu nguyện; ngài giơ hai tay lên trời, cầu nguyện ngày đêm không ngừng nghỉ, cho đến khi quỷ Satan phải rút lui khỏi xứ sở đó[2865] . Như vậy, quỷ dữ, không biết được gì, đã quay trở lại gặp Julian. Julian liền hỏi hắn:

– Tại sao ngươi lại đi lâu như vậy?

Quỷ dữ trả lời:

– Dù tôi đã đi đường rất lâu, nhưng khi đến gặp ngài, tôi vẫn không do thám được gì và cũng không biết được gì cả; tôi đã chờ mười ngày để tu sĩ Publius kết thúc lời cầu nguyện của mình, với hy vọng có thể đi qua nơi tu sĩ đó đang ở, nhưng không chờ được gì nên tôi đã quay trở lại.

Lúc đó, hoàng đế Julian vô đạo, nổi giận, nói với quỷ dữ:

– Khi ta trở về từ chiến trường, ta sẽ trả thù vị tu sĩ đó.

[2863] Ai Cập là nơi cư ngụ quen thuộc của nhiều vị tu sĩ. Các tu viện nằm cả ở Hạ Ai Cập lẫn Trung Ai Cập. Đặc biệt nổi tiếng ở Ai Cập là sa mạc Nitrian, nằm ở Hạ Ai Cập và sâu trong lòng đất nước, phía sau sông Nile.

[2864] Hoàng đế La Mã Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363.

[2865] Đó chính xác là cách Mô-sê đã cầu nguyện trong trận chiến giữa dân Y-sơ-ra-ên và dân A-ma-li (Xuất Ê-díp-tô Ký 17:8–13).

Nhưng Julian không kịp thực hiện mưu đồ bất chính của mình, bởi vì ngay sau khi thốt ra những lời đó, ông đã bị một sức mạnh vô hình của Đức Chúa Trời giết chết.

Sau đó, một trong những tướng lĩnh của Julian, sau khi bán hết tài sản của mình và phân phát số tiền thu được cho những người nghèo, đã đến gặp Thánh Publius và, sau khi nhận lễ xuất gia, bắt đầu tu hành cùng ngài. Vị tu sĩ này rất thành công trong việc rèn luyện các đức tính, sống một cuộc đời tu hành nghiêm ngặt.

Còn Thánh Publius thì tiếp tục tu hành trong một thời gian khá dài sau đó và cuối cùng, nhờ cuộc sống đạo đức của mình mà được Chúa hài lòng, ngài đã từ giã cõi đời này để về với những nơi ở vĩnh cửu trên trời[2866] .

Ngày tưởng niệm vị Thánh Cha Platon, vị Tử đạo

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 4

Thánh Platon là con trai của một cặp cha mẹ vinh quang và đồng thời cũng rất sùng đạo – những người Kitô hữu mang tên Sergius và Euphemia. Từ khi còn rất nhỏ, cha mẹ của vị thánh đã nuôi dạy ngài trong sự sùng đạo và dạy dỗ các đức tính Kitô giáo; nhưng chưa kịp hoàn thành việc giáo dục cậu thiếu niên, họ đã qua đời, rời bỏ cuộc đời tạm bợ này để bước vào cõi vĩnh hằng.

Trở thành trẻ mồ côi, vị thánh được đưa về sống cùng họ hàng; trong thời gian sống với họ, ngài đã đạt được những thành tích xuất sắc trong học tập, đồng thời cũng trau dồi các đức tính Kitô giáo.

Khi đến tuổi trưởng thành, vị thánh đã rời khỏi nhà họ hàng và bắt đầu tự kiếm sống bằng chính sức lao động của mình. Vị thánh rất siêng năng và đồng thời cũng rất tiết độ, nên nhờ công sức lao động của chính mình, ngài đã nhanh chóng tích lũy được một gia tài lớn. Tuy nhiên, lòng ngài không hề gắn bó với những của cải trần gian. Vì vậy, ngài đã phân phát toàn bộ tài sản cho người nghèo và giải phóng các nô lệ của mình, rồi lui về núi Olympus[2867] , nơi ngài đã thụ giới tu sĩ tại một trong những tu viện ở đó.

Trong thời gian sống tại tu viện, vị thánh sống một cuộc đời tu hành rất nghiêm ngặt, và dành thời gian rảnh rỗi ngoài việc cầu nguyện để chép lại các cuốn sách và biên soạn các tuyển tập hữu ích từ các tác phẩm của các vị Thánh Cha Giáo Hội. Sau khi vị trụ trì của tu viện đó, Thánh Theoktistos, qua đời, Thánh Platon đã được bầu làm vị tu viện trưởng của tu viện này với sự nhất trí của toàn thể cộng đồng. Điều này xảy ra khi ngài 35 tuổi[2868] . Trong cương vị tu viện trưởng, ngài đã tu hành với lòng nhiệt thành còn lớn hơn nữa, dùng chính tấm gương của mình để chỉ cho tất cả các tu sĩ trong tu viện thấy một lối sống Kitô giáo đích thực. Vào thời điểm đó, Thánh Tarasius là Tổng Giám mục Constantinopolis. Khi nghe tin về những công đức của Thánh Platon, ngài đã đề nghị ngài đảm nhận việc quản lý Tổng giáo phận Nicomedia[2869] . Tuy nhiên, vị tu sĩ, với khát vọng sống đời ẩn dật và tu hành, vì lòng khiêm nhường đã từ chối việc quản lý tổng giáo phận và lui về một nơi hẻo lánh tên là Sakudion[2870] , nơi sau này ngài đã thành lập một tu viện.

Nhân dịp các cuộc hỗn loạn do phong trào chống thánh tượng gây ra, Nữ hoàng Irina[2871] , người đang trị vì lúc bấy giờ, cùng với Đức Thượng phụ Tarasius đã triệu tập Công đồng Đại kết lần thứ bảy[2872] tại Nicaea[2873] , tại

---

[2866] Thánh Publius qua đời vào thế kỷ IV.

[2867] Olympus – ngọn núi ở vùng Mysia thuộc Tiểu Á, nằm trên biên giới giữa Phrygia và Bithynia. Tại đây có một tu viện rất nổi tiếng nhờ đời sống tu hành của các tu sĩ, được gọi là tu viện "ở Symbolae", nơi Thánh Plato đã tu hành.

[2868] Đó là vào năm 770.

[2869] Nicomedia – một thành phố thuộc vùng Bithynia ở Tiểu Á, nằm ở góc đông bắc của vịnh được hình thành bởi Biển Đá Cẩm Thạch. Nicomedia được xây dựng vào năm 264 trước Công nguyên bởi vua Nicomedes I của Bithynia, người mà thành phố này được đặt tên theo. Nicomedia là nơi lưu trú yêu thích của các hoàng đế và tướng lĩnh La Mã khi họ tiến quân về phía đông. Hiện nay, trên địa điểm của Nicomedia cổ đại là thị trấn Ismid.

[2870] Nơi này nằm không xa núi Olympus.

[2871] Thánh Irina, phu nhân của Hoàng đế Leo Khazar, đã cai trị đất nước sau khi ông qua đời do con trai bà là Constantine (VI) Porphyrogenitus còn quá nhỏ, từ năm 780 đến năm 790, và sau đó tự mình cai trị từ năm 797 đến năm 802. Lễ kỷ niệm ngày thánh của bà được tổ chức vào ngày 7 tháng 8.

[2872] Công đồng này được thành lập vào năm 787.

[2873] Trong lịch sử Giáo hội, Nicaea được biết đến là nơi diễn ra hai Công đồng Đại kết: Công đồng đầu tiên vào năm 325, được triệu tập để lên án tà thuyết của linh mục Arius ở Alexandria (người phủ nhận sự bình đẳng giữa Con Thiên Chúa và Thiên Chúa Cha), và Công đồng thứ bảy, mà chúng ta đang đề cập đến ở đây. Nicaea – trong thời cổ đại là một thành phố giàu có và thịnh vượng thuộc vùng Bithynia ở Tiểu Á. Hiện nay, trên địa điểm của Nicaea cổ đại là thị trấn Iznik rất nghèo và thưa dân.

đó giáo lý vô đạo của những kẻ dị giáo chống thánh tượng đã bị lên án, đồng thời việc tôn kính các thánh tượng và việc thờ phượng chúng đã được khôi phục và khẳng định. Có hơn ba trăm vị cha tham dự công đồng; trong số đó có cả Thánh Platon. Là một người uyên bác và am hiểu các Kinh Thánh, ngài đã đóng góp rất lớn tại công đồng, bởi ngài đã dũng cảm bảo vệ giáo lý Chính Thống và mạnh dạn vạch trần giáo lý của những kẻ dị giáo.

Khi các phiên họp của công đồng kết thúc, Thánh Platon trở về nơi ngài từng tu hành, tại Sakudion. Vùng đất này không chỉ đẹp đẽ mà còn rất thuận lợi cho đời sống ẩn tu. Nằm trên núi, nơi đây được bao quanh bốn bề bởi những cây cao lớn, và lối vào duy nhất là một con đường mòn nhỏ, gần như không thể nhìn thấy giữa rừng rậm.

Cùng với Platon, cháu trai của ngài là Theodore cũng tu hành tại đây. Không lâu sau, họ đã xây dựng tại đây một nhà thờ mang tên Thánh Gioan Thần Học.

Trong khi đó, danh tiếng về những việc làm thánh thiện của ngài ngày càng lan rộng, và nhiều người bắt đầu tìm đến ngài để xin lời dạy dỗ và hướng dẫn trong đời sống Kitô hữu. Khi số môn đệ của vị thánh ngày càng tăng, ngài đã lập nên một tu viện tại nơi đó[2874] , đồng thời chính ngài đảm nhận vai trò vị tu viện trưởng.

Bằng cuộc đời tu hành của mình, Thánh Platon đã nêu gương tốt cho tất cả các tu sĩ noi theo. Đặc biệt, cháu trai của ngài, Thánh Theodor, đã hết lòng noi gương ngài, dành cả ngày lẫn đêm cho những giờ cầu nguyện và suy ngẫm về Thiên Chúa không ngừng nghỉ.

Thấy cuộc sống đạo đức cao đẹp của Thánh Theodor, Thánh Platon đã vô cùng vui mừng cho ngài. Quyết định phong chức thánh cho Thánh Theodor, vị tu sĩ đã cùng anh đến Byzantium gặp Đức Thượng phụ Tarasius, người đã phong chức linh mục cho Theodor; tuy nhiên, điều này không phải do ý muốn của anh, mà chủ yếu là do sự vâng phục của anh, bởi vì Thánh Theodor, tự cho mình là không xứng đáng với chức vụ đó, nên không muốn nhận chức vụ này và nói rằng chức vụ này vượt quá khả năng của mình. Nhưng vì không thể trái ý cha linh hướng của mình, cũng như ý muốn của Đức Thượng phụ, ngài đã vâng lời và nhận chức linh mục. Khi Thánh Phê-đô-rô trở về tu viện của mình với chức vụ mới – chức linh mục – ngài tiếp tục tu hành tại đây với lòng nhiệt thành và tận tụy còn lớn hơn trước.

Sau vài năm, Thánh Platon, do sức khỏe suy yếu vì những công việc vất vả và tuổi già, đã quyết định từ bỏ chức vụ lãnh đạo tu viện và mong muốn rằng Thánh Theodor sẽ kế nhiệm chức vụ Bề trên sau ông. Ngài thường nói với ngài về điều này, khẩn khoản xin được giải thoát khỏi gánh nặng lãnh đạo tu viện vốn quá nặng nề đối với ngài. Nhưng Thánh Phê-ô-đô-rô luôn từ chối chức vụ trụ trì tu viện, thà tự mình sống dưới sự lãnh đạo của người khác còn hơn là lãnh đạo ai đó, và cho rằng để được cứu rỗi tâm hồn, việc nhận lời dạy dỗ từ người khác sẽ dễ dàng và hữu ích hơn là tự mình dạy dỗ ai đó.

Thánh Platon, thấy rằng mình khó có thể chiến thắng được lòng khiêm nhường của Thánh Theodor, đã quyết định làm như sau: ngài nằm xuống giường, như thể đang ốm – vì thực tế ngài cũng đang yếu – và sau khi triệu tập tất cả các tu sĩ, ngài nói với họ rằng ngài cảm thấy cái chết đang đến gần, rồi hỏi họ:

– Các anh em muốn ai làm Bề trên thay tôi? Theo các anh em, ai là người phù hợp nhất cho chức vụ này?

Vị thánh biết rằng các tu sĩ sẽ mong muốn chính Theodor trở thành vị trụ trì của họ, bởi vì mọi người đều yêu mến và kính trọng ông vì những đức tính cao quý của ông. Và điều đó đã xảy ra. Tất cả đều đồng lòng trả lời câu hỏi được đặt ra:

– Sau ngài, xin hãy để Thánh Theodor làm vị trụ trì của chúng con!

Lúc đó, vị thánh Platon đã chuyển giao quyền hành của mình cho vị thánh Theodor, vì ngài không thể chống lại ý nguyện của toàn thể các tu sĩ. Sau khi nhận chức vụ tu viện trưởng, vị thánh Theodor càng nỗ lực hơn nữa trong các việc tu hành, trở thành tấm gương cho mọi người và dạy dỗ mọi người sống đạo đức không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động.

Vào thời điểm đó, hoàng đế Constantine, con trai của hoàng hậu Irina đạo đức, đã trưởng thành, lật đổ mẹ mình khỏi ngai vàng và tự tay nắm quyền cai trị đất nước[2875] . Vì còn trẻ và sa đọa, ông đã sa vào đủ loại tội lỗi. Vì vậy, ông ta nảy sinh ý định đuổi vợ mình là Maria đi, và để làm điều đó , ông ta đã ép buộc bà phải xuất gia làm tu sĩ; thay vào đó, ông ta lấy một người vợ khác tên là Theodota, người là họ hàng của cha ông[2876] . Đức Thượng

---

[2874] Tu viện này được thành lập bởi Thánh Platon vào năm 782.

[2875] Đó là vào năm 790, khi Constantine tròn hai mươi tuổi.

[2876] Người vợ đầu tiên của Hoàng đế Constantine VI Porphyrogenitus là Maria – cháu gái của Thánh Philaret Nhân từ (ngày tưởng niệm là 1 tháng 12) – ông đã kết hôn với bà theo ý muốn của mẹ mình. Cuộc hôn nhân thứ hai của hoàng đế với Theodote, người trước đó là một cung nữ, được cử hành vào năm 795.

phụ Tarasius không chấp nhận hành động phi pháp này của nhà vua và không muốn ban phước cho cuộc hôn nhân của ông. Nhưng một linh mục tên là Giuse, từng là quản lý tài chính của Giáo hội Constantinopolis[2877] , đã vi phạm các luật lệ của Thiên Chúa và, bất chấp lời cấm của Đức Thượng phụ, đã đồng ý cử hành bí tích hôn nhân cho nhà vua.

Khi nghe tin này, Thánh Theodoros, cùng với Thánh Platon, đã vô cùng đau buồn trong lòng. Bừng cháy lòng nhiệt thành vì luật pháp của Đức Chúa Trời, Thánh Theodor cùng với Thánh Plato đã gửi một bức thư đến tất cả các tu sĩ, trong đó thông báo về sự vi phạm luật pháp của nhà vua và khuyên nhủ mọi người coi nhà vua là người bị khai trừ khỏi Giáo hội của Đức Kitô, như kẻ phá hoại luật pháp của Đức Chúa Trời.

Tin đồn về lòng nhiệt thành và sự dũng cảm của các vị thánh Theodor và Plato lan truyền khắp nơi, đến nỗi chính vị hoàng đế bị họ vạch trần cũng biết được điều đó. Vị hoàng đế này vô cùng tức giận với các vị thánh, nên đã ra lệnh sau khi tra tấn dã man, lưu đày Thánh Theodor đến Thessaloniki[2878] , còn Thánh Plato thì bị giam vào ngục tối.

Sau khi vị hoàng đế vô đạo qua đời, Thánh Platon được thả ra khỏi ngục tối, còn Thánh Theodorus được đưa trở về từ nơi lưu đày. Trong khi đó, Thánh Theodorus, do những cuộc tấn công liên miên của người Agarian[2879] , những kẻ đã tàn phá và chiếm đóng nhiều vùng đất của Đế quốc Byzantine, đã rời khỏi Sakudion, không muốn để tính mạng của các tu sĩ trong tu viện gặp nguy hiểm, và cùng các tu sĩ đến Constantinople, nơi ngài đảm nhận việc quản lý Tu viện Studion nổi tiếng[2880] .

Thánh Platon, người từng giữ chức vụ tu viện trưởng, giờ đây với tư cách là một tu sĩ khiêm nhường, đã đến gặp Thánh Theodoros và bắt đầu tu hành tại tu viện của ngài. Trong thời gian này, Thánh Platon đã tự hạ mình đến mức tự nguyện đeo xiềng xích vào chân, không ngừng dấn thân vào những việc tu hành như ăn chay và cầu nguyện.

Không lâu sau đó, Hoàng đế Nikiforos[2881] đã chiếm ngôi hoàng đế Byzantine một cách bất hợp pháp, và bằng quyền lực của mình, ông đã đưa vị linh mục Giuse nói trên trở lại Giáo hội, người đã bị Thượng phụ Tarasius khai trừ khỏi Giáo hội vì hành vi vi phạm luật pháp của ông. Khi sau đó, Thánh Theodor cùng các tu sĩ đã lên án vị hoàng đế đã hành động trái với các quy tắc của Giáo hội, thì hoàng đế đã vô cùng tức giận với ngài và tất cả các tu sĩ của Tu viện Studion, và đã đày tất cả họ cùng với vị tu sĩ đáng kính Platon đến một trong những hòn đảo gần thành phố[2882] .

Sau bốn năm bị lưu đày, vị tu sĩ đáng kính Platon, khi đã ở tuổi già, đã trở về Constantinople, nơi ngài lại định cư tại tu viện Studion.

Sau khi tu hành siêng năng và tận tụy tại tu viện đó, vị thánh Platon đã sống thêm ba năm nữa và cuối cùng đã về với Chúa, để cùng với các thánh khác đứng trước ngai vàng của Ngài và tôn vinh Ngài trên thiên đàng mãi mãi[2883] . Amen.

[2877] Chức vụ quản gia của Giáo hội Constantinopolis là một trong những chức vụ quan trọng nhất dưới quyền Tổng Giám mục Constantinopolis: quản gia không chỉ điều hành việc gia đình của Tổng Giám mục (từ "oikonomos" có nguồn gốc từ "oixonomeo" – nghĩa là "quản lý ngôi nhà") và quản lý kho bạc của ngài, mà còn tham gia vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến việc quản lý chính Giáo hội.

[2878] Thessaloniki, một thành phố rất quan trọng của Macedonia trong thời cổ đại, tọa lạc bên bờ vịnh Thessaloniki hay vịnh Ferme, thuộc Biển Aegean (Quần đảo Aegean). Trong lịch sử Giáo hội Nga, thành phố này được biết đến là quê hương của các thánh Cyril và Methodius, những vị thầy đầu tiên của người Slav, và có thể được coi là một trong những thành phố thương mại đầu tiên (sau Constantinople) của Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu.

[2879] Người Agari – những người Hồi giáo gốc Ả Rập – được gọi như vậy theo tên Agari, người thiếp của Áp-ra-ham, mẹ của Ích-ma-ên, người mà từ đó dòng dõi người Ả Rập bắt nguồn. Lợi dụng tình trạng hỗn loạn và nội chiến liên miên tại triều đình Byzantine, người Agari đã thực hiện những cuộc cướp bóc tàn phá dọc theo biên giới Đế chế Byzantine vào thời điểm đó.

[2880] Thánh Theodoros Studites được bổ nhiệm làm viện trưởng Tu viện Studion vào năm 798 – Tu viện Studion được đặt tên theo tên người sáng lập – Studius, một quý tộc La Mã (thuộc tầng lớp thượng lưu, tương đương với tầng lớp quý tộc của chúng ta). Studios đã xây dựng tại Constantinopolis một nhà thờ lớn và đẹp mang tên Thánh Gioan Tiền Hô, đồng thời thành lập tu viện bên cạnh nhà thờ này, mời các tu sĩ từ tu viện "Những Người Không Ngủ" ở Constantinopolis (được thành lập vào thế kỷ V) đến đây. Như vậy, tu viện Studios đã chính thức ra đời.

[2881] Hoàng đế Nikiforos I trị vì từ năm 802 đến năm 811.

[2882] Đó là vào năm 807.

[2883] Thánh Platon qua đời vào năm 814, vào Chủ nhật Phục sinh, khi ngài đã 79 tuổi.

Lễ kỷ niệm Thánh nữ Theodora thành Thessaloniki.

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 4

Thánh nữ Theodora xuất thân từ một gia đình sùng đạo – cha mẹ là những Kitô hữu tên là Antony và Chrysanofa, sống trên đảo Aegina[2884] . Cặp vợ chồng sùng đạo này sống vào thời kỳ Giáo Hội Thánh đang bị xáo trộn bởi tà thuyết chống thánh tượng, dưới triều đại của Hoàng đế Michael[2885] . Tuy nhiên, cặp vợ chồng sùng đạo này không hề nao núng trước học thuyết chống thánh tượng, mà như những ngọn đèn, họ tỏa sáng bằng đức tin chính thống của mình. Thánh nữ Theodora chính là con gái của những bậc cha mẹ sùng đạo như vậy.

Khi đã đến tuổi trưởng thành, Thánh nữ Theodora kết hôn; không lâu sau, bà sinh được một cô con gái. Nhân dịp quân thù xâm lược, cặp vợ chồng trẻ đã chuyển đến Thessaloniki.

Khi con gái của Thánh nữ Theodora đến tuổi trưởng thành, Thánh nữ Theodora đã dâng con gái mình để phụng sự Thiên Chúa tại một trong những tu viện ở Thessaloniki; và sau đó, sau khi chồng qua đời, chính bà cũng vào sống tại tu viện đó, nhận chức tu sĩ tại đây.

Sống trong tu viện, Thánh nữ Theodora đã dẫn một đời sống tu hành nghiêm ngặt. Được củng cố bởi ân sủng của Thiên Chúa, nhờ những nỗ lực vâng phục và khiêm nhường, cùng với việc ăn chay và cầu nguyện, bà đã làm đẹp lòng Chúa đến nỗi đã thực hiện những phép lạ không chỉ khi còn sống, mà cả sau khi qua đời[2886] . Chẳng hạn, khi vị Bề trên của tu viện đó qua đời sau khi Thánh nữ qua đời, và khi thi hài của bà được đặt gần quan tài của Thánh nữ Theodora, thì một phép lạ vĩ đại đã xảy ra: Thánh nữ Theodora, như thể còn sống, đã di chuyển cùng với quan tài của mình, như thể nhường chỗ cho vị Bề trên của mình và thể hiện sự khiêm nhường ngay cả sau khi qua đời. Tất cả những ai chứng kiến phép lạ này đều kinh hoàng và lớn tiếng kêu lên:

– Lạy Chúa, xin thương xót!

Từ thi hài thánh của Thánh nữ Theodora đã tuôn ra một loại dầu thơm, nhờ đó đã xảy ra nhiều phép lạ: ma quỷ bị trục xuất, người mù được sáng mắt và nhiều người bệnh đã được chữa lành khỏi các chứng bệnh của mình, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ các vị thánh cha Theona, Simeon và Forvin.

Ngày 19 tháng 4

Ngày 6 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cũng trong ngày này, tưởng niệm 120 vị tử đạo tại Ba Tư, vào thế kỷ IV, những người đã bị vua Sapor thiêu sống.

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Mê-phô-đi-ô, vị thánh ngang hàng với các Tông đồ

Cuộc đời thánh thiện của Cha Eutychius, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 4

Quê hương của Thánh Eutychius là một làng nằm ở Phrygia, có tên là "Thiên Chúa". Sau này, Thánh Eutychius đã bao quanh ngôi làng này bằng những bức tường đá, xây dựng tại đây một nhà thờ rộng lớn mang tên Bốn Mươi Vị Tử Đạo và đưa những người đàn ông đức hạnh, chủ yếu là các tu sĩ, những người sống cuộc đời giống như các Thiên Thần, đến định cư – ngài mong muốn ngôi làng đó không chỉ mang tên "Thần Thánh" mà thực sự cũng phải là Thần Thánh. Vậy là, nhờ sự chăm lo của vị thánh, mọi thứ đã biến thành một thành phố kiên cố. Cha mẹ của thánh Evtichia là Alexander, một chiến binh, và Sinesia, con gái của Isichia – một linh mục trung thực và đạo đức, từng phục vụ tại nhà thờ Avgustopol. Một lần nọ, khi Sinesia đang mang thai đứa con được chúc

[2884] Aegina – một hòn đảo trong Vịnh Saronic thuộc Quần đảo Hy Lạp, nằm giữa Argolis và Attica.
[2885] Michael I Rangab, hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 811 đến năm 813.
[2886] Thánh nữ Theodora qua đời vào năm 879.

phúc này và nằm nghỉ trên giường, bà bỗng thấy mình được chiếu rọi bởi một ánh sáng không thể diễn tả; bà kinh hoàng và tự hỏi điều đó có ý nghĩa gì? Khải tượng ấy đã báo trước về ánh sáng thiêng liêng sắp chào đời từ bà – vị ánh sáng dẫn dắt nhiều người đang chìm trong bóng tối của sự lầm lạc.

Chúa đã thánh hóa người tôi tớ của Ngài, giống như xưa kia Ngài đã thánh hóa tiên tri Giê-rê-mi, và ngay từ trước khi sinh ra, Ngài đã định sẵn cho cậu trở thành ánh sáng của thế gian và một vị thánh vĩ đại. Cậu bé được ông nội mình, vị linh mục Isichius đã được nhắc đến ở trên, làm phép rửa tội, và cũng chính ông là người đã dạy cậu những kiến thức ban đầu về Kinh Thánh. Ngay từ thuở ấu thơ, đã có những điềm báo về chức vụ tương lai của Eutychius. Có nhiều trẻ em, cùng lứa tuổi với Eutychius, đang học với linh mục Isichius, và trong lúc chơi đùa, chúng bắt đầu viết tên mình lên tường, tự xưng người thì là linh mục, người thì là chức vụ khác; thánh Eutychius đã tự ghi tên mình với danh hiệu tổng giám mục – "Eutychius, tổng giám mục"; qua đó, ngài như thể đã tiên tri về ân sủng mà Thiên Chúa sẽ ban cho ngài trong tương lai, đó là vinh dự trở thành tổng giám mục. Khi thánh Eutychius tròn mười hai tuổi, ngài được cha mẹ và ông nội gửi đến Constantinople để tiếp tục việc học. Nổi bật hơn những người khác nhờ thành tích xuất sắc trong việc học các môn khoa học thế tục, ngài đã thấu hiểu rõ ràng rằng, theo lời Thánh Tông đồ Giacôbê, sự khôn ngoan bên ngoài tự nó không phải là sự khôn ngoan từ trên cao, mà là sự khôn ngoan trần thế, thuộc về tâm hồn, thuộc về ma quỷ, tức là tìm kiếm những lợi lộc trần gian, phục vụ cho những dục vọng của tâm hồn ham muốn, không mang lại cho những ai yêu mến nó bất kỳ thành quả thiêng liêng nào, trong khi *"sự khôn ngoan từ trên cao, trước hết, trong sạch, rồi hòa bình, khiêm nhường, vâng lời, đầy lòng thương xót và những thành quả tốt lành"* (Gc 3,17), những điều này làm thỏa mãn những ai tiếp thu sự khôn ngoan cao cả ấy. Như vậy, chàng trai khôn ngoan Eutychius, với tư cách là một người có trí tuệ, đã siêng năng tìm kiếm sự khôn ngoan cao cả từ trên cao; khi tìm thấy nó, anh đã ấp ủ trong lòng ý định tốt lành là sẽ lao động không phải vì thế gian, mà vì Đức Chúa Trời trong cộng đoàn các tu sĩ. Khi anh đã đến tuổi trưởng thành và suy ngẫm về đời sống tu hành như một quyết tâm bất di bất dịch, thì theo sự an bài của Đức Chúa Trời, đã xảy ra một trở ngại nhỏ, khiến anh tạm thời chưa thể gia nhập đời sống tu hành. Trở ngại đó như sau: Tổng giám mục Amasya[2887] cùng một số nhân vật có uy tín khác của thành phố này đã hết lòng thuyết phục vị thánh hạnh, để ngài nhận chức giám mục cai quản thành phố Lazichea[2888] mà không cần phải trở thành tu sĩ. Tuân theo ý muốn của Tổng giám mục và những người khác như là quyết định của chính Chúa, vị thánh Eutychius đã phó thác bản thân mình, như con chiên trước người cạo lông, cho vị giám mục Amasya, người lúc đó đang lưu lại tại Constantinople để giải quyết các công việc của Giáo hội. Sau khi đón Eutychius, ngài dẫn anh vào nhà thờ Đức Trinh Nữ Maria, được gọi là Nhà thờ Urbicius, theo tên người sáng lập là tướng quân phương Đông Urbicius, và tại đây, ở một nơi riêng biệt trong phòng rửa tội, ngài đã cạo đầu anh để phong làm tu sĩ. Tình cờ, trong lúc cạo đầu Eutychius, tóc của ông rơi xuống nước thánh trong phòng rửa tội, và những người có mặt đã ngạc nhiên nói rằng người mẹ đã sinh ra ông bằng sự tái sinh thiêng liêng (tức là phép rửa tội) – bồn rửa tội thánh – khi tiếp nhận tóc của ông vào lòng, chính bà cũng trở thành người đỡ đầu cho ông trong lễ cắt tóc để trở thành giáo sĩ. Sau đó, vị thánh phúc Evtikhios được phong làm phó tế, rồi vào năm thứ ba mươi của cuộc đời, ngài được tấn phong làm linh mục. Và khi Thánh Eutychius chỉ còn việc nhận chức giám mục, thì sự an bài của Thiên Chúa, nhằm sắp xếp một tương lai tốt đẹp hơn cho tôi tớ của Ngài, đã thay đổi hoàn cảnh, và chức giám mục của Lazica đã thuộc về một người khác. Lúc bấy giờ, Thánh Evtich, quay trở lại với ý định ban đầu, đã lui về một trong những tu viện ở Amasia và tại đây, ngài đã mặc áo tu sĩ. Tu viện này được thành lập bởi các vị thánh: Meletius, Uranus và Seleucius; trong số đó, vị đầu tiên và vị cuối cùng, mỗi người vào thời điểm riêng của mình, từng là giám mục của Giáo hội Amasya và đã an nghỉ trong Chúa với chức thánh giám mục, đồng thời từ các ngôi mộ của mình, họ đã ban phép chữa lành kỳ diệu cho những người đau ốm. Người ta kể rằng vị thánh vĩ đại Selevkius đã là một vị thánh làm phép lạ ngay từ khi còn sống. Có lần, vùng Amasya bị nạn đói trầm trọng, và vô số người ăn xin cùng những người nghèo khổ đã tìm đến thánh Selevkius, đến nỗi cuối cùng, toàn bộ kho dự trữ bánh mì của ngài đã cạn kiệt. Người phụ trách việc phân phát bánh mì , không còn cách nào để giúp đỡ những người cầu xin và không chịu nổi những lời than vãn của họ, đã đến gặp vị thánh và trao cho ngài chìa khóa kho lúa. Nhận lấy chìa khóa, vị thánh đặt chúng lên giường của mình và suốt đêm đó cầu nguyện với Thiên Chúa,

[2887] Amasya, một thành phố ở Thổ Nhĩ Kỳ châu Á, thuộc tỉnh Sivas với 15.000 cư dân, có 18 madrasah (trường đại học Hồi giáo), nơi có 2.000 sinh viên theo học. Trước đây, Amasya từng là nơi cư ngụ của các vị vua Pontus; nơi đây có nhiều di tích cổ; đồng thời là quê hương của nhà sử học Sgrabon.

[2888] Phía tây nam Amasya, trong phạm vi Galatia

xin Ngài thương xót dân chúng đang cận kề cái chết vì đói, và bằng bàn tay toàn năng của Ngài, ban cho họ lương thực từ những nguồn mà chỉ một mình Ngài biết. Sáng hôm sau, người ta phát hiện kho lúa đã đầy ắp lúa mì đến mức thậm chí không thể mở cửa ra được. Lúc đó, mọi người bắt đầu tự do lấy lúa mì, ai cần bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu, ai lấy được bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu, và lượng lúa mì được lấy ra vẫn không hề cạn kiệt. Một số người lấy lúa mì theo đơn vị đo lường và đếm số lượng; theo ghi chép, số đơn vị lúa mì được mang ra khỏi kho lúa của Thánh Selevkia – số lượng đã được Đức Chúa Trời nhân lên nhờ lời cầu nguyện của vị thánh – lên tới mười tem (tức là một trăm nghìn đơn vị); đó là câu chuyện được kể về Thánh Selevkia. Tương tự như vậy, những phép chữa lành cho mọi loại bệnh tật cũng xảy ra tại lăng mộ của Thánh Uranus, người từng nắm giữ chức Giám mục Iberia và được an táng tại đó. Tu viện Amasya được xây dựng bởi những bậc thánh nhân vĩ đại như vậy; sau này, Thánh Eutychius, người đã tự nguyện khoác lên mình bộ áo tu sĩ, hình ảnh thiên thần, đã thắt lưng bằng lẽ thật và, sau khi nhận lấy toàn bộ vũ khí của Đức Chúa Trời, được bổ nhiệm làm tổng tu viện trưởng đứng đầu tất cả các tu viện thuộc Tổng giáo phận Amasya, đồng thời ngài cũng trở thành người lãnh đạo đáng tin cậy cho các tu sĩ.

Vào thời điểm đó, Hoàng đế Justinian Đại đế đang trị vì[2889] , và khi các vị thánh phụ được triệu tập đến Công đồng Đại kết lần thứ năm[2890] , thì Tổng giám mục Amasya bất ngờ lâm bệnh, nên ngài đã xin vị tu sĩ cao quý Archimandrite Eutychius thay mặt ngài đến tham dự công đồng tại Constantinople. Khi Thánh Eutychius đang chuẩn bị lên đường, ngài đã có một giấc mơ như sau. Ngài thấy ngón tay của Đức Chúa Trời vươn ra từ bầu trời, chỉ vào một ngọn núi rất cao nằm phía trên tu viện, nơi có nhà thờ của Thánh Tử đạo Falaleus; đồng thời có một tiếng nói từ trên cao cất lên, hướng về Eutychius: "Ở đó, ngươi sẽ trở thành giám mục." Khi tỉnh giấc, vị thánh ngạc nhiên trước hình ảnh ấy và băn khoăn không biết nó có ý nghĩa gì. Nhưng đó chính là điềm báo về chức vụ cao quý của Tổng Giám mục Constantinopolis, mà nhờ ơn Chúa, ngài sẽ sớm được tấn phong. Khi Thánh Eutychius đến Constantinople, Đức Thượng phụ Mina cao niên, lúc bấy giờ đã gần kề cái chết, khi nhìn thấy vị thánh này, đã tiên tri nói với các linh mục của ngài rằng ông sẽ trở thành Thượng phụ kế nhiệm ngài; Ngài ra lệnh cho Thánh Eutychius cư ngụ tại dinh thự tổng giám mục của mình, nơi ngài có những cuộc trò chuyện thân mật với ngài, tận hưởng những lời nói được Thánh Thần soi dẫn của ngài. Sau khi báo cáo với hoàng đế về sự khôn ngoan và phẩm hạnh của Thánh Eutychius, Mina đã cử ngài đến gặp hoàng đế. Tình cờ vào chính giờ đó, tại cung điện của nhà vua có mặt một số kẻ dị giáo, họ bắt đầu tranh luận với vị thánh về các vấn đề liên quan đến các tín điều của đức tin, nhưng không đủ sức chống lại sự khôn ngoan và tinh thần mà Thánh Eutychius thể hiện khi nói chuyện. Vấn đề đặt ra là: liệu có nên tuyên bố tuyệt thông đối với những kẻ dị giáo ngay cả sau khi họ qua đời hay không. Một số người cho rằng không nên tuyên bố tuyệt thông đối với những kẻ dị giáo mà tà thuyết của họ chỉ được phát hiện sau khi họ qua đời. Ngược lại, Thánh Evtichius khẳng định rằng những kẻ dị giáo phải bị tuyên bố tuyệt thông bằng mọi cách, ngay cả sau khi họ qua đời. Ngài dẫn chứng từ Kinh Thánh về Vua Giô-si-a của Giê-ru-sa-lem, người đã lấy xương của những kẻ thờ thần tượng đã chết ra khỏi quan tài và thiêu đốt chúng trong lửa, nhiều năm sau khi họ qua đời; theo cách tương tự, vị thánh khẳng định, những kẻ dị giáo cũng nên bị trừng phạt ngay cả sau khi họ qua đời. Kể từ đó, Thánh Eutychius bắt đầu được vua ưu ái, và mọi người đều ca ngợi và tôn kính ngài. Vào thời điểm đó (trước khi công đồng bắt đầu), Đức Thượng phụ Mina lâm bệnh và đã về với Chúa ở tuổi rất cao. Và thế là, nhiều người đã được phong chức thánh, thông qua việc tặng quà và nài nỉ, đã tìm cách xin nhà vua ban cho mình vinh dự này; nhà vua, người mà trái tim nằm trong tay Đức Chúa Trời, đã nghĩ đến vị thánh Eutychius; Ngài đã ra lệnh cho một trong những cố vấn của mình, một người có danh tiếng tên là Phêrô, bí mật theo dõi vị Tổng tu sĩ Amasia – để xem liệu vị này, trong khi tránh né vinh quang trần thế, có lén lút trốn khỏi Constantinopolis hay không. Lúc đó, vị thánh đã có một thị kiến khác trong giấc mơ, mà sau này chính ngài đã kể lại cho những người thân trong gia đình. "Tôi có cảm giác," ngài nói, "như thể tôi đang nhìn thấy một ngôi nhà lớn và rất sáng sủa, và trong đó có một

[2889] Hoàng đế Justinian trị vì từ năm 527 đến năm 565. Ông sinh năm 482 hoặc 483, là con trai của một nông dân người Illyria. Được chú ruột của mình – người sau này trở thành Hoàng đế Justinian I – đưa đến Constantinopolis để vào triều đình của Hoàng đế Anastasius, Justinian đã nhận được một nền giáo dục tốt, và sau khi chú ruột qua đời – người mà trước đó đã nhận ông làm con nuôi – ông đã lên ngôi. Ông đã làm rạng danh triều đại của mình bằng việc chinh phục các vương quốc Vandal và Ostrogoth.

[2890] Công đồng Đại kết lần thứ Năm được triệu tập vào tháng 5 năm 553 tại Constantinopolis. Có 165 giám mục tham dự. Trong số đó có tất cả các tổng giám mục phương Đông, nhưng từ phương Tây chỉ có 5 giám mục người Phi châu. Chủ tọa là Eutychius, tổng giám mục Constantinopolis; công đồng được triệu tập để đưa ra quyết định cuối cùng về các vấn đề liên quan đến Theodorus Mopsuestius (người được tôn vinh), Theodoretus và Ivas Edessus. Đồng thời, công đồng đã xác nhận các tuyên tín của tất cả các Công đồng Đại kết trước đó, bao gồm cả Công đồng Chalcedon.

chiếc giường được phủ bằng những đồ trang trí quý giá. Trên chiếc giường đó, có một người phụ nữ đáng kính tên là Sofia đang ngồi; bà ấy gọi tôi lại gần và bắt đầu chỉ cho tôi xem những đồ trang trí của mình. Ngay sau đó, tôi thấy mái nhà đầy tuyết, và trong đống tuyết có một cậu bé tên là Soterik, người suýt trượt chân và rơi xuống từ mái nhà, nhưng tôi, sau khi nhận ra điều đó, đã kéo cậu ấy xuống khỏi mái nhà và đống tuyết, cứu cậu ấy khỏi bị ngã." Giấc mơ này đã đến với ngài vào đêm trước khi ngài được bầu làm Thượng phụ và đã hoàn toàn ứng nghiệm. Thật vậy, người phụ nữ tên Sofia mà ngài thấy không gì khác hơn là Nhà thờ Thánh Sofia ở Constantinople, còn trang phục của bà ấy tượng trưng cho các công việc của Giáo hội. Cậu bé Soterik, suýt ngã từ mái nhà, tượng trưng cho sự tuyên xưng tín lý, vốn đang đứng trước nguy cơ sa ngã vào tà giáo và cần sự giúp đỡ khẩn cấp từ một vị bảo vệ tốt lành. Nhà vua cũng đã nhận được sự mặc khải thiêng liêng về vị thánh Eutychius, như chính ngài đã tuyên thệ trước toàn thể chính quyền và hàng giáo sĩ của Giáo hội vĩ đại. "Một lần," nhà vua kể lại, "tôi đang cầu nguyện tại nhà thờ Thánh Tông đồ Phêrô ở Athira[2891] , nơi tôi chợp mắt và thấy vị Tông đồ tối cao này chỉ tay về phía Evtichii và nói với tôi: 'Hãy để người này được phong làm giám mục cho các ngươi'." Nghe xong, mọi người đồng thanh hô lên: "Xứng đáng, xứng đáng!" Và như vậy, theo ý muốn và sự mặc khải của Thiên Chúa, Thánh Eutychius đã được tấn phong lên ngai tòa Thượng phụ Constantinopolis vào năm thứ 40 của cuộc đời ngài. Ngay từ những ngày đầu của triều đại tổng giám mục của ngài, sau khi các vị thánh phụ tụ họp tại Constantinopolis, Công đồng Đại kết lần thứ năm đã được khai mạc. Tham dự Đại hội có Đức Giáo hoàng Vigilius của La Mã cổ đại, Đức Thượng phụ Apollinaris của Alexandria, Đức Thượng phụ Domnus của Antioch, những vị này cùng với Đức Thượng phụ Eutychius của La Mã mới và các vị Thánh Phụ khác đã khẳng định đức tin chính thống, đồng thời tuyên bố tuyệt thông đối với những kẻ dị giáo và những tư tưởng gian ác của họ. Trong khi Thánh Eutychius đang lãnh đạo Giáo Hội của Chúa Kitô một cách bình an, ma quỷ cùng với những kẻ dị giáo là tay sai của nó đã kích động cuộc đàn áp chống lại ngài. Sau vài năm, Hoàng đế Justinian, bị những kẻ dị giáo lôi kéo một cách âm thầm, đã nghiêng về phía họ và dưới vỏ bọc của sự sùng đạo, bắt đầu gieo rắc tà thuyết của những người Autarchodoketes[2892] , tức là những người "không hư nát", những kẻ khẳng định rằng xác thịt của Chúa Kitô, do sự kết hợp với Thiên Chúa, đã tồn tại bất hoại trước khi Ngài chết và phục sinh, và không phải chịu những đau khổ của con người. Bằng cách truyền bá giáo lý dị giáo này, vị vua đã gây rối loạn trong Giáo hội, ép buộc mọi người phải tin và xưng nhận giống như chính ông. Đức Thượng phụ Eutychius đã phản đối điều này, chỉ ra rằng giáo lý như vậy không thuộc về Giáo hội Chính thống, mà thuộc về những kẻ dị giáo. Dựa trên Kinh Thánh và các tác phẩm của các Thánh Tông Đồ, ngài đã làm rõ rằng xác thịt của Đức Kitô, ngoại trừ tội lỗi, giống như xác thịt phàm trần của chúng ta và có thể chịu đau khổ. Bởi vì, được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Ngài đã được quấn tã, bú sữa, chịu phép cắt bì và trong suốt cuộc đời trần thế của Ngài, Ngài cần thức ăn và nước uống. Vậy thì làm sao một thân xác bất hoại và không phải chịu đau khổ lại có thể chịu đựng đinh và giáo vì chúng ta được? Trừ khi người ta hiểu sự bất hoại của Ngài chỉ có nghĩa là Ngài thoát khỏi sự hư nát do tội lỗi gây ra và không bị phân hủy trong mộ. Nhưng hoàng đế không những không muốn lắng nghe giáo lý Chính Thống của vị tổng giám mục, mà còn dùng mọi cách ép buộc ngài phải ký tên xác nhận tính chính đáng của giáo lý dị giáo của mình. Và vì vị tổng giám mục không đồng ý ký tên vào những luận điệu phi Chính Thống của hoàng đế, nên hoàng đế đã rất tức giận với ngài. Sau nhiều cuộc tranh cãi từ cả hai phía, Hoàng đế Justinian, dưới sự xúi giục của những kẻ dị giáo, đặc biệt là các quan tổng trấn Ephraim và Addai, đã tập hợp một đám đông phi pháp gồm các giám mục đồng quan điểm với mình (sự việc này diễn ra vào năm thứ mười hai của triều đại Thượng phụ Eutychius); hoàng đế đã đưa ra trước hội đồng này những cáo buộc sai trái nhằm vào vị tổng giám mục vô tội và thánh thiện, và bằng cách xác nhận những cáo buộc đó thông qua các nhân chứng giả, ông đã đạt được bản án bất công, từ đó tước bỏ ngai tòa của vị mục tử nhân từ, người thánh thiện, vị giám mục chính thống Eutychius, và thay thế ngài, ông đã chọn một vị mục tử giả mạo tên là Gioan, biệt danh là Scholasticus, một kẻ vô đạo và nịnh hót. Còn Thánh Evtichius, vào ngày 22 tháng 1, ngày kỷ niệm Thánh Tông đồ Timôthê, đã bị lính lôi ra khỏi nhà thờ: Thống đốc Ephraim, đến với vũ khí và giáo, gầm gừ như một con thú dữ, đã ra lệnh lôi

---

[2891] Aphir – một thành phố nằm bên bờ Biển Đá Cẩm Thạch.

[2892] Trong số các quan điểm đa dạng nảy sinh từ cuộc tranh luận về thuyết Monophysite, có một quan điểm nổi bật được Julianus của Halicarnassus ủng hộ. Ông tuyên xưng rằng thân thể của Đấng Cứu Thế là bất hoại, rằng thân thể ấy đã được miễn khỏi cái chết, giống như thân thể của A-đam sẽ được miễn khỏi cái chết nếu ông vẫn giữ được sự vô tội của mình; rằng thân thể ấy vẫn y như trước và sau khi phục sinh, rằng cơn đói, cơn khát, mệt mỏi của Ngài hoàn toàn không xuất phát từ bản chất con người của Ngài, mà là những cảm giác mà Ngài tự nguyện chịu đựng. Những người theo chủ nghĩa Chính thống gọi các đối thủ của họ là "ftartolatrai" (tức là những kẻ sùng bái cái hư nát).

Thánh nhân ra bằng vũ lực; đồng thời, ông ta cởi bỏ áo lễ của ngài và đày ngài đến vùng Amasya. Tuy nhiên, sau này chính Êphêri cũng không thoát khỏi sự trừng phạt của Thiên Chúa, cùng với người bạn thân thiết của mình là Addê; Êphêri đã bị tước bỏ chức vụ, tài sản và mạng sống; vào cùng một ngày, ngày 3 tháng 10, cả hai đều bị kết án tử hình một cách công bằng vì sự độc ác của mình: đầu họ bị chặt bằng rìu. [2893]

Trong khi đó, Thánh Eutychius, một vị thánh của Chúa Kitô, sau khi được đưa đến vùng Amasya, đã sống trong sự ăn chay và cầu nguyện tại tu viện của mình, nơi ngài đã thực hiện nhiều phép lạ, chữa lành những bệnh tật của con người nhờ ân sủng của Chúa Kitô. Chúng tôi sẽ kể lại một số phép lạ của Thánh Eutychius tại đây. Tại thành phố Amasya, có một người tên là Androgin sống cùng vợ mình; cả hai vợ chồng đều vô cùng đau khổ vì những đứa con của họ đều chết non; đứa trẻ qua đời trước khi chào đời; với lời khẩn cầu và nước mắt, giống như người phụ nữ thành Sô-na-mi-ta xưa kia đã đến gặp Ê-li-sê, hai vợ chồng đã đến gặp vị thánh của Đức Chúa Trời, xin ngài cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho họ, để Ngài ban cho họ được nhìn thấy con cái mình còn sống. Vị thánh, sau khi xức dầu thánh cho cả hai vợ chồng – loại dầu chảy ra từ Thập tự giá ban sự sống và từ bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh ở Sozopol – đã nói với họ: "Hãy đặt tên cho đứa trẻ đang trong bụng (người vợ đang mang thai) là Phêrô, và nó sẽ sống sót." Lúc đó, linh mục Eustathius (người biên soạn cuốn tiểu sử này), đang có mặt bên cạnh vị thánh, đã hỏi: "Nếu đứa trẻ sinh ra là con gái, thì nên đặt tên là gì?" Vị thánh đã tiên tri khẳng định rằng đứa trẻ sẽ là con trai, và phải được đặt tên là Phêrô. Đến thời điểm thích hợp, người vợ sinh ra một bé trai, họ đặt tên cho em là Phêrô, và đứa trẻ vẫn sống sót và lớn lên. Sau đó, bà sinh thêm một con trai nữa, và khi bế em đến trước vị Giám mục của Chúa, bà hỏi nên đặt tên gì cho đứa trẻ mới sinh. "Hãy đặt tên là Gioan," vị thánh đáp, "vì Chúa đã nghe lời cầu nguyện của các ngươi tại nhà thờ Thánh Gioan." Cả hai đứa trẻ đều trưởng thành và trở thành người thừa kế của cha mẹ mình. Một linh mục từ làng giáo xứ đã đưa con trai mười bốn tuổi bị câm điếc của mình, tên là Nunekhia, đến gặp vị thánh của Chúa là Evtikhia. Sau khi xức dầu thánh cho cậu bé, vị thánh đã mở tai cho cậu, cởi trói lưỡi cậu, khiến người câm điếc ấy có thể nghe và nói được. Một vị giáo sĩ khác trong giáo hội tên là Cyril có một đứa con trai năm tuổi, cũng bị câm và vì bệnh tật đang ở giữa ranh giới sống và chết; vị thánh của Chúa đã cầu nguyện và làm cho cậu bé khỏe mạnh trở lại, đồng thời ban cho cậu khả năng nói. Một lần nọ, người ta đưa đến trước mặt vị thánh một đứa trẻ bốn tuổi từ thành phố Zela[2894] , cơ thể gầy còm đến mức gần như không còn thịt, chỉ còn lại những chiếc xương được bao phủ bởi lớp da mỏng manh. Đứa trẻ cũng không thể ăn gì, ngoại trừ việc mút một chút sữa từ vú mẹ. Đứa trẻ này cũng được chữa lành nhờ bàn tay của vị thánh, sau khi được xức dầu thánh. Nhờ lời cầu nguyện của vị thánh Eutychius, người được Chúa Kitô yêu mến, và việc xức dầu thánh, một đứa trẻ khác – con trai của một họa sĩ ở Amasya – vốn đột ngột mắc bệnh và sắp chết, cũng đã được cứu khỏi cửa tử thần. Một người phụ nữ đang trên đường vào thành phố cùng con trai bảy tuổi và những người khác để lo việc. Khi gặp phải một con quỷ xảo quyệt, đứa trẻ vô tội bị nó cắn vào chân và ngã lăn ra đất, hoàn toàn không thể đứng dậy được. Người mẹ cùng những người đi cùng đã bế đứa trẻ lên và đưa nó đến tu viện gặp vị Thượng phụ đáng kính, trong nước mắt khẩn cầu ngài ban lòng thương xót và chữa lành cho đứa bé. Bằng phương pháp chữa bệnh thông thường của mình – cầu nguyện và dầu thánh – vị thánh đã phục hồi sức khỏe cho đứa trẻ, khiến em có thể đi lại bình thường như trước khi xảy ra tai nạn. Gần thành phố Amasia có một tu viện nữ mang tên Flavia. Từ tu viện này, một thiếu nữ trẻ đã được đưa đến gặp vị thánh, người không thể rước Mình Thánh Chúa. Trước khi rước lễ, cô bỗng dưng bị nỗi sợ hãi và run rẩy bao trùm, và cô quay mặt khỏi Mình Thánh Chúa với tiếng thét kinh hoàng. Khi người ta cố ép Thánh Thể vào miệng cô, cô lập tức nhổ ra như thể đó là vị đắng không thể chịu nổi, bởi vì trong cô có một linh hồn xảo quyệt. Sau khi cầu nguyện tha thiết với Chúa cho cô, vị Giám mục của Chúa đã trừ tà linh xảo quyệt ra khỏi cô. Cô gái trẻ, sau khi được chữa lành, đã bình tĩnh rước các Bí tích Thánh từ tay vị Giám mục . Một chàng trai trẻ, người rất giỏi trang trí nhà thờ bằng tranh khảm, tại nhà của công dân Amasya tên là Chrysaphius, đã gỡ bỏ những bức tranh khảm cũ trên tường và thay vào đó là những bức tranh thánh mới. Tại đó, trong số những thứ khác, có một bức tranh cổ xưa vẽ nữ thần Venus khỏa thân[2895] . Khi chàng trai bắt đầu gỡ bỏ bức tranh này khỏi tường, con quỷ đang ẩn nấp bên cạnh đã giáng xuống tay anh ta một căn bệnh đau đớn tột cùng, được gọi là ung

[2893] Giăng III Scholasticus cai quản Tòa Thượng phụ Constantinopolis từ năm 565–577.

[2894] Zela, nằm ở phía nam Amasia, bên sông Iris, trong vương quốc Pontus, được xây dựng trên một ngọn đồi. Trong cuộc chiến giữa người La Mã và người Pontus vào năm 67 trước Công nguyên, quan praetor La Mã Triarius đã bị Mithridates đánh bại tại đây. Ngày nay, làng Zeleh thuộc Tiểu Á, nằm trong tỉnh Sivas của Thổ Nhĩ Kỳ.

[2895] Vệ-na-ra của người La Mã, hay A-phô-rô-đi-ta của người Hy Lạp – nữ thần tình yêu và sắc đẹp – vợ của Hê-phê-stô, được sinh ra từ bọt biển. Bà thường được miêu tả trong trạng thái khỏa thân.

thư[2896] . Tay anh sưng tấy, mưng mủ kinh khủng, và trở thành vết thương không thể chữa lành. Tất cả những ai nhìn thấy cánh tay bị bệnh đều nói rằng cần phải cắt bỏ nó đi để phần còn lại của cơ thể không bị thối rữa. Chìm trong nỗi đau khổ tột cùng vì căn bệnh khủng khiếp này, chàng trai đã đến gặp vị thánh Eutychius của Chúa trong tiếng khóc nức nở, cầu xin sự chữa lành cho sức khỏe đã mất vĩnh viễn của mình. Sau khi dâng lời cầu nguyện lên Chúa cho chàng và xức dầu thánh lên bàn tay bị bệnh, vào ngày thứ ba, vị thánh đã chữa lành cho chàng trai và cho anh ta ra về trong tình trạng khỏe mạnh. Dùng bàn tay đã được chữa lành, chàng trai đã phá hủy bức tượng của nữ thần Vệ-na-xơ dâm đãng, và ngay tại chính nơi anh ta mắc bệnh, anh đã vẽ chân dung vị bác sĩ vô tư của mình, Đức Thượng phụ Eutychius. Cũng theo cách tương tự, vị thánh đã chữa lành bàn tay bị tổn thương bởi căn bệnh nan y của một chàng trai khác, bàn tay mà các bác sĩ đã khuyên nên cắt bỏ. Một lần, người ta đưa một chàng trai bị quỷ ám, người luôn phải chịu đựng những cơn đau đớn tột cùng, đến gặp vị thánh. Khi vị thánh làm dấu thánh giá trên người cậu với lời cầu nguyện và xức dầu thánh lên trán cậu, thì sức mạnh của quỷ, như thể bị một cây giáo lửa đâm xuyên, bắt đầu gào thét bằng giọng nói kinh hoàng, sùi bọt mép và nghiến răng ken két. Lúc đó, người ta mới hiểu rằng chàng trai không chỉ bị một con quỷ hành hạ, mà là nhiều con quỷ cùng lúc. Sau đó, chàng trai cứng đờ, nằm trên mặt đất như người chết, nhưng không lâu sau, anh lại phải chịu đựng những cơn đau đớn y hệt, thậm chí còn dữ dội hơn nhiều, trong suốt nhiều ngày liền. Vị thánh ngạc nhiên không hiểu tại sao cơn quỷ ám lại không buông tha chàng trai trong một thời gian dài như vậy, và ngài đã ra lệnh cho linh mục Eustathius (người biên soạn cuốn tiểu sử này) hỏi chàng trai xem anh ta là ai, đến từ đâu, sống ở đâu, làm nghề gì, và cơn quỷ ám bắt đầu như thế nào. Trả lời những câu hỏi này, chàng trai đã kể lại tất cả chi tiết về bản thân mình. “Tôi,” anh ta nói, “từng là một tu sĩ tại tu viện Thánh Gioan, nằm ở Acropolis. Sau đó, tôi đã từ bỏ đời tu, ra sống giữa đời thường, kết hôn, phạm phải vô số tội lỗi và chính vì điều đó, như các ngài thấy, tôi đang bị Thiên Chúa trừng phạt và phải chịu đau khổ – nhưng nếu các ngài có thể làm gì được, xin hãy giúp tôi.” Nghe xong những lời đó, vị thánh, theo thói quen của mình, đã dâng lên Thiên Chúa một lời cầu nguyện tha thiết, đồng thời khuyên nhủ chàng trai hãy quay trở lại tu viện cũ và trở thành tu sĩ. Khi chàng trai hứa sẽ làm điều đó với lòng thành thật, nhờ những lời cầu nguyện của vị Giám mục của Chúa là Evtikhiy, anh ta lập tức được giải thoát khỏi sự hành hạ của ma quỷ. Trước đây, có một người bị bệnh hủi từng đến gặp vị thánh để xin được chữa lành, và anh ta đã được khỏi bệnh với lời răn của vị thánh – không bao giờ được uống rượu.

Một người khác, trong lúc tranh chấp với hàng xóm, đã thề gian trước tòa; và do sự trừng phạt của Đấng Thẩm Phán Công Chính – Thiên Chúa – anh ta đã mất thị lực, suốt một năm không nhìn thấy ánh sáng. Được những người khác dẫn dắt, anh ta đã đến gặp vị thánh làm phép lạ này với lòng ăn năn, xưng tội trước mặt ngài và đồng thời cầu xin được chữa lành cho bệnh tật tâm hồn, cũng như bệnh tật thể xác của mình. Nhờ lòng thương xót thiêng liêng, quyền năng của vị giám mục, cùng những lời cầu nguyện đẹp lòng Chúa của vị thánh này, ông đã được chữa lành cả hai và trở về nhà, nhìn thấy bằng đôi mắt như trước đây.

Vô số người nam, nữ và trẻ em đang chịu đựng đủ loại bệnh tật đã đổ xô đến vị bác sĩ thánh thiện Eutychius, và nhờ những lời cầu nguyện của ngài, tất cả đều được chữa lành nhanh chóng. Trong thời kỳ quân Ba Tư xâm lược Amasia, một đám đông lớn từ các vùng lân cận – những nơi bị kẻ thù bắt làm tù binh và tàn phá – đã tụ tập tại đây; sự tập trung đông đúc này đã gây ra nạn đói trầm trọng; lúc bấy giờ, vị thánh được Chúa yêu mến đã sắp xếp sao cho thức ăn trong tu viện của ngài không bao giờ cạn kiệt. Hàng ngày, vô số người dân đến tu viện của ngài để nhận thức ăn, và cuối cùng, các quản lý tu viện đã báo cáo với vị thánh rằng do lúa mì và bột mì cạn kiệt, không những không còn gì để chia cho những người đến, mà chính họ cũng không còn gì để ăn. Lúc đó, vị thánh nhân bước vào kho lúa và kho bột, thấy thực sự đã cạn kiệt hoàn toàn, liền cầu nguyện với Chúa và an ủi các tu sĩ, nói: “Hãy đặt niềm tin vào Chúa và tin rằng tất cả những gì các con ban cho những người nghèo khó, Chúa sẽ ban lại cho các con gấp đôi. Tôi vững tin vào lòng thương xót của Chúa – cũng như vào thời tiên tri Ê-li tại Sa-rê-phát thuộc Si-đôn, thùng bột của người góa phụ không bao giờ cạn (xem: 3 Vua 17:16), thì chắc chắn rằng hiện nay chúng ta cũng sẽ không thiếu thốn những thứ cần thiết, mà mọi người đều sẽ được ăn no nê và ngợi khen Chúa, Thiên Chúa của chúng ta.” Theo đức tin và lời của vị thánh, điều đó quả thực đã xảy ra, bởi vì không những số bánh được phân phát liên tục không hề cạn kiệt, mà số lượng của chúng còn ngày càng tăng lên: càng phân phát nhiều bánh cho những người đến, thì số bánh trong kho lúa và hầm chứa lại càng nhân lên gấp bội, đến nỗi trong những ngày đói kém, tất cả những người lữ hành, khách lạ và cả những người trong nhà đều được no đủ.

[2896] Cancer – chòm sao Cự Giải.

Thánh nhân Eutychius cũng được ban cho ân sủng tiên tri. Ba năm trước khi Hoàng đế Justinian qua đời, cháu trai của hoàng đế là Justin, lúc bấy giờ đang giữ chức vụ tại triều đình và đang trên đường đi làm nhiệm vụ cho hoàng gia, tình cờ có mặt tại Amasya. Sau khi ở riêng với anh ta, vị thánh Eutychius nói với anh ta: "Hãy nghe tôi, thưa ngài Kuropalates!* Dù tôi có tội lỗi, nhưng tôi vẫn là tôi tớ và linh mục của Đức Chúa Trời tôi, Đấng đã báo cho tôi biết rằng sau khi chú của ngài qua đời, ngài sẽ lên ngôi. Vậy nên, hãy cẩn trọng, đừng để vì bận rộn với muôn vàn công việc mà ngài chậm trễ, nhưng hãy tự rèn luyện bản thân, để ngài xứng đáng đảm nhận chức vụ sẽ sớm được trao phó cho ngài theo ý muốn của Chúa." Justin, sau khi nghe xong, đã tạ ơn Đức Chúa Trời và xin vị thánh tiên tri cầu nguyện giúp đỡ. Cũng chính theo cách đó, sau này ngài đã báo trước qua bức thư của mình về điều tương tự cho Tiberius, người sẽ lên ngôi vua sau Justin. Thánh Eutychius đã viết thư cho ông tại Syria như sau: "Hiện nay, Đức Chúa Trời mới chỉ ban cho ngài một phần quyền cai trị dân chúng, nhưng trong thời gian rất ngắn nữa, Ngài sẽ trao toàn bộ quyền điều hành vương triều cho ngài", điều này sau đó đã sớm trở thành sự thật.

Sau khi Hoàng đế Justinian qua đời, cháu trai của ông là Justin đã lên ngôi; và khi Đức Thượng phụ Giăng Scholasticus của Constantinopolis, người đã được nhắc đến ở trên, qua đời, Đức Thượng phụ Eutychius, sau mười hai năm tám tháng sống lưu đày, đã được đưa trở lại ngai tòa trong niềm vui khôn tả của toàn dân, và người ta đã ra đón ngài cả trên đất liền lẫn trên biển, và reo hò: *"Phúc cho Đấng đến nhân danh Chúa!"* Ngài lên ngôi vào Chủ nhật ngày 3 tháng 10; vào ngày này, không lâu trước đó, theo lệnh của vị hoàng đế mới, những kẻ thù của Thánh Eutychius là các quan tổng trấn Ephier và Addeus đã bị kết án và hành quyết.

Những ngày còn lại của cuộc đời, Đức Thượng phụ Eutychius đã sống trong bình an, làm rạng rỡ Giáo hội bằng giáo lý Chính thống và những phép lạ: ngài đã dùng lời cầu nguyện của mình để ngăn chặn dịch hạch bùng phát đột ngột và chữa lành cho những người bệnh. Sau đó, chính ngài cũng, khi đến lúc phải ra đi theo quy luật tự nhiên, đã lâm bệnh vào ngày lễ Phục Sinh vinh quang của Chúa Kitô. Hoàng đế Tiberius, một vị vua sùng đạo, đã đến thăm ngài, và vị thánh đã tiên đoán với nhà vua rằng ông sẽ qua đời không lâu sau khi ngài qua đời, và điều đó đã trở thành sự thật. Trong suốt Tuần Thánh, Đức Thánh Eutychius, khi đang ốm, đã triệu tập toàn thể hàng giáo sĩ vào Chúa Nhật Thánh Tôma; sau khi ban bình an, lời chúc lành và nụ hôn cuối cùng cho mọi người, khi đêm xuống, ngài đã an giấc trong Chúa trong giấc ngủ của cái chết tạm thời; còn linh hồn thánh thiện của ngài đã về với các vị thánh giám mục trong ngày vĩnh cửu không tàn lụi. Thánh Eutychius đã ngồi trên ngai Thượng phụ trong bốn năm sáu tháng sau khi trở về từ nơi lưu đày; tổng cộng, ngài thọ bảy mươi tuổi. Thánh Eutychius được an táng một cách trang trọng tại Nhà thờ Các Tông đồ, dưới bậc thềm bàn thờ, nơi lưu giữ di cốt của các Thánh Tông đồ An-rê, Ti-mô-thê và Lu-ca[2897] .

Sau khi Đức Thượng phụ Eutychius qua đời, Hoàng đế Tiberius, người sùng đạo, chỉ còn sống thêm bốn tháng và tám ngày, và theo lời tiên tri của vị thánh, ngài đã qua đời trong bình an. Chúng ta hãy tôn vinh Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, vì tất cả những điều này. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Hỡi mọi người, hãy cùng ca ngợi Đức Thánh Eutychius, Đấng Thánh Thần, để chúng ta được ban phước bởi tình yêu thương, vì ngài là vị mục tử vĩ đại, người phục vụ, vị thầy khôn ngoan và người trừ tà, xin ngài cầu nguyện cùng Chúa cho tất cả chúng ta.

---

* Kuropalat – một chức vụ trong triều đình Byzantine, ban đầu liên quan đến việc bảo vệ cấp cao nhất của cung điện hoàng gia (φυλακή της αύλής), sau này trở thành một chức vụ mang tính danh dự thuần túy.

Lễ kính Thánh nữ Platonida

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 4

[2897] Tổng giám mục Eutychius qua đời vào năm 582. Năm 1246, thi hài của Thánh Eutychius được chuyển từ Nhà thờ Các Tông đồ ở Constantinople đến Venice. Ông lãnh đạo Tổng giáo phận Constantinople lần đầu tiên từ năm 562–565, và lần thứ hai từ năm 577–582.

Thánh Platonida ban đầu là một nữ phó tế[2898] . Sau đó, với khát vọng theo đuổi cuộc sống ẩn dật, bà đã từ bỏ thế gian và lui về sa mạc Nizib[2899] , nơi bà đã thành lập một tu viện dành cho các trinh nữ.

Bằng cuộc sống đạo đức và thực sự tu hành của mình, Thánh Platonida đã trở thành tấm gương sáng cho các chị em trong tu viện noi theo.

Hiến chương của tu viện do Thánh nữ Platonida thành lập nổi bật bởi sự nghiêm ngặt đặc biệt: các nữ tu chỉ dùng bữa một lần mỗi ngày và dành toàn bộ thời gian rảnh rỗi ngoài giờ cầu nguyện cho các công việc và hoạt động khác nhau, đặc biệt là các công việc thủ công. Nhưng vào thứ Sáu, là ngày tưởng niệm những đau khổ cứu rỗi và cái chết trên thập tự giá của Chúa vì chúng ta, mọi hoạt động trong tu viện đều ngừng lại và cả ngày chỉ dành riêng cho việc cầu nguyện và suy gẫm về Chúa. Vào ngày này, các nữ tu từ sáng đến tối đều ở trong nhà thờ, nơi giữa các thời khắc cầu nguyện, họ lắng nghe việc đọc và giải thích Kinh Thánh.

Không chỉ dạy dỗ mọi người bằng lời nói mà còn bằng hành động, và đã làm đẹp lòng Chúa bằng cuộc sống đạo đức của mình, Thánh nữ Platonida đã qua đời và rời bỏ cuộc sống trần thế này để về với Chúa, nhằm được hưởng niềm vui vĩnh cửu trong các nơi ở trên trời[2900] .

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Mê-phô-đi-ô, Tổng Giám mục Moravia, được coi ngang hàng với các Tông đồ (xem tiểu sử vào ngày 1 tháng 5).
- Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ 120 vị tử đạo tại Ba Tư, những người đã bị vua Sapor thiêu sống vào thế kỷ IV.
- Cũng trong ngày này, tưởng niệm các thánh tử đạo Giê-rê-mi và linh mục Archi-li.

20 tháng 4

Ngày 7 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Rufin, phó tế, Thánh Tử đạo Akilina, cùng với 200 tu sĩ, đã qua đời tại Sinope vào khoảng năm 310.

Cùng ngày này, tưởng nhớ vị thánh cha đáng kính của chúng ta là Đaniel Pereyaslavsky.

Lễ tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta là Thánh George, người làm chứng cho đức tin, Tổng giám mục Mytilene

Ngày tưởng niệm 7 tháng 4

Từ thuở thiếu thời đã yêu mến Chúa Kitô, vị cha thánh của chúng ta là Thánh George đã trở thành tu sĩ, sống đời tu hành đầy đức hạnh và, hơn ai hết, đã hoàn thiện bản thân trong sự khiêm nhường. Vào năm dưới triều đại của Hoàng đế Leo Isaurian[2901] , ngài đã trở thành người làm chứng cho Chúa Kitô, phải chịu sự bách hại và áp

---

[2898] Trong Giáo hội Kitô giáo cổ đại, những người phụ nữ đảm nhận vai trò "diakonia" (phục vụ, hỗ trợ) là những người phụ nữ chịu trách nhiệm duy trì trật tự trong nhà thờ trong các thánh lễ và hỗ trợ các giám mục khi cử hành bí tích Rửa tội cho phụ nữ. Nhiệm vụ của các nữ phó tế bao gồm: chuẩn bị cho các phụ nữ trước khi rửa tội, hướng dẫn họ cách trả lời các câu hỏi của người làm lễ rửa tội và cách ứng xử sau khi rửa tội; hỗ trợ giám mục trong lễ rửa tội cho phụ nữ; giữ trật tự ở khu vực dành cho phụ nữ trong nhà thờ (các nhà thờ cổ xưa được chia thành hai khu vực ngăn cách nhau, một khu dành cho nam giới và khu còn lại dành cho phụ nữ), đồng thời canh gác cửa mà phụ nữ đi vào nhà thờ, không cho phép những người không xứng đáng vào đây; tham dự các cuộc trò chuyện giữa các giám mục hoặc linh mục với phụ nữ, v.v. Các nữ phó tế được coi là thành viên của hàng giáo sĩ và do đó được phong chức thông qua một nghi thức tấn phong đặc biệt. Thông thường, những phụ nữ có đời sống trong sạch và thánh thiện – chủ yếu là các trinh nữ hoặc góa phụ – và không dưới 40 tuổi mới được chọn làm nữ phó tế.

[2899] Nisibis nằm ở Mesopotamia, dọc theo dòng sông Migdonia.

[2900] Thánh nữ Platonida qua đời vào khoảng năm 308.

[2901] Lêô Isaurian trị vì từ năm 717 đến năm 741. Ông xuất thân từ tầng lớp nông dân khá giả và đã nổi bật nhờ thành tích quân sự dưới thời Justinian II đến mức vào năm 717, với sự ủng hộ rộng rãi, ông được tôn lên ngai vàng hoàng đế. Chú ý đến các vấn đề của Giáo hội và, trong số đó, sự mê tín trong việc thờ phượng các bức tượng thánh, ông quyết định tiêu diệt điều này bằng các biện pháp cưỡng chế. Lúc đầu (năm 726), ông ban hành sắc lệnh chỉ chống lại việc thờ phượng các bức tượng thánh, vì vậy ông ra lệnh treo chúng lên cao hơn trong các nhà thờ để dân chúng không thể hôn chúng. Năm 730, một sắc lệnh được ban hành, ra lệnh mang các bức tượng thánh ra khỏi các nhà thờ. Lêô Isaurian đã đạt được mục tiêu khiến các bức tượng thánh tạm thời bị loại khỏi việc thờ phụng trong nhà thờ.

bức từ phe chống thánh tượng. Sau đó, dưới triều đại của các vị vua Chính Thống giáo Constantine và Irene[2902] , ngài được tấn phong làm giám mục tại thành phố Mytilene[2903] , thuộc tổng giáo phận đảo Lesbos[2904] . Thánh George là người vô cùng nhân từ, thường ban phát những món quà hào phóng để nuôi dưỡng những người đói khát. Nhờ sự tiết độ cao cả, ngài đã trở thành bạn của các Thiên thần và, bằng cách xua đuổi các linh hồn ô uế cũng như chữa lành những căn bệnh nan y, ngài đã tỏ mình là vị thánh làm phép lạ. Sống đến thời kỳ trị vì của Hoàng đế Lêô người Armenia, người đã khôi phục phong trào chống thánh tượng[2905] , ngài một lần nữa, khi đã là một vị tu sĩ cao niên, phải chịu sự đàn áp vì các thánh tượng. Trước cả thời kỳ trị vì của Hoàng đế Lê-vê người Armenia, trước khi phong trào chống thánh tượng được khôi phục và Thánh Giô-rê bị trục xuất, tại Mytilene đã xuất hiện một số điềm báo, báo trước sự xuất hiện sắp tới của những rối loạn và tai họa trong Giáo hội của Chúa Kitô. Một lần nọ, tại nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Theodora, gần bến cảng, vào giờ kinh chiều, trong lúc toàn thể giáo dân đang hát "Kyrie, eleison" – Lạy Chúa, xin thương xót – Thánh Giá đang được đặt trên bàn thờ bỗng nhiên, với một tiếng động mạnh mẽ, bị một sức mạnh vô hình nào đó nhấc bổng khỏi vị trí và bay vút lên trần nhà, rồi sau đó, với phần đầu nghiêng xuống dưới, rơi xuống đất. Những người chứng kiến cảnh này đều bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi và kinh hoàng tột độ; họ ngước mắt và giơ tay lên trời, đồng thanh kêu lên "Kyrie, eleison" trong một thời gian dài, và không ai dám ra khỏi nhà thờ, vì họ lo sợ rằng hòn đảo Lesbos sẽ phải hứng chịu một thảm họa bất ngờ nào đó. Lúc đó, trong nhà thờ có Thánh Simeon cùng với em trai út của ngài là George, người sau này đã kế vị ngai vàng của George I[2906] . Simeon, với tư cách là một nhà tiên tri, đã nói với dân chúng trong nước mắt:

– Hỡi anh em, sự việc sẽ không diễn ra như các anh em mong đợi. Đức Chúa Trời sẽ không hủy diệt vĩnh viễn đất nước này, nhưng trong những ngày tới, một vị vua ghét Chúa và chống lại Chúa sẽ lên ngôi; người ấy, sau khi lật đổ các bức tượng thánh xuống đất, sẽ tước đoạt vẻ đẹp của nhà thờ.

Vài ngày sau, một con lợn rừng khổng lồ và đáng sợ – tai và đuôi của nó đã bị cắt cụt – đã xông vào nhà thờ và lên bàn thờ – cửa nhà thờ tình cờ không được khóa – rồi nằm xuống tại nơi cao quý đó. Thấy vậy, những người canh gác nhà thờ lập tức đuổi con lợn rừng đi, nhưng không thành công, vì nó rất hung dữ và lao vào tất cả những ai cố gắng đuổi nó ra khỏi bàn thờ, khiến họ phải bỏ chạy. Sau đó, họ mang đến một cây cọc khổng lồ, đánh con vật đến chảy máu trong một thời gian dài và, khi đã kiệt sức, họ mới khó khăn lắm mới đuổi được nó đi. Khi biết chuyện này, chính Thánh Simeon đã nói:

– Hỡi các con, hãy tin rằng con lợn rừng này là điềm báo – theo sự cho phép của Đức Chúa Trời – rằng sẽ có một vị giám mục đến đây, người mà lối sống và tính cách sẽ giống như con lợn.

Tất cả những điều này chẳng bao lâu sau đã trở thành sự thật. Hoàng đế Lê-ô người Armenia nói trên, sau khi lên ngôi, đã tiến hành cuộc đàn áp chống lại Giáo hội của Chúa và đồng thời triệu tập nhiều giám mục đến

---

[2902] Hoàng đế Constantine V Copronymus (741–775) đã đàn áp việc tôn kính các bức tượng thánh với sự tàn bạo còn hơn cả cha mình là Leo Isaurian. Ông muốn tiêu diệt một cách long trọng việc tôn kính các bức tượng thánh như một tà giáo, và vì vậy vào năm 754, ông đã triệu tập một công đồng tại Constantinople, được gọi là Công đồng Đại kết. Có 338 giám mục tham dự, nhưng không có một tổng giám mục nào. Tại đây, người ta đã khẳng định rằng việc tôn kính hình ảnh là sự thờ lạy thần tượng, và hình ảnh duy nhất của Chúa Kitô Cứu Thế chính là Bí tích Thánh Thể. Công đồng đã tuyên bố tuyệt thông tất cả những người bảo vệ việc tôn kính hình ảnh và những người tôn kính hình ảnh, đặc biệt là Thánh Gioan Damasceno. Thánh Irina đã cai trị thay cho con trai mình là Constantine Porphyrogenitus trong thời gian từ năm 780 đến 790 và từ năm 797 đến 802 do con trai còn nhỏ tuổi. Bà đã công khai ủng hộ việc tôn kính các hình ảnh thánh. Năm 787, dưới sự chủ trì của Thánh Irina, Công đồng Nicaea lần thứ hai và Công đồng Toàn cầu lần thứ bảy đã được triệu tập tại Nicaea, dưới sự chủ tọa của Thượng phụ Tarasius của Constantinople. Tại công đồng gồm 367 vị cha, việc tôn kính các bức tranh thánh đã được khôi phục.

[2903] Mytilene, thành phố trên đảo Lesbos – (lớn nhất ở Biển Aegean), gần thành Troia cổ đại và Mizia (Tiểu Á), có tới 36.000 cư dân; hòn đảo này nhiều núi, đất đai màu mỡ, giàu rừng, lúa mì và rượu vang. Nơi đây được sáp nhập vào Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 1462, dưới thời Mohammed

[2904] Trong thời cổ đại, các thành phố trên hòn đảo này như Crezos, Pirra, Mytilene đã đặc biệt thịnh vượng

[2905] Lev người Armenia trị vì từ năm 813–820

[2906] Tại thành phố Mytilene, trên đảo Lesbos, đã có hai vị Tổng giám mục tên là George. Vị đầu tiên, người mà cuốn tiểu sử này đề cập đến, đã bị lưu đày dưới triều đại của Vua Leo người Armenia vào năm 816, còn vị George thứ hai là anh trai của Simeon, người có khả năng tiên tri. Ông được vị Georgios đầu tiên tấn phong làm linh mục dưới triều đại của Constantine và Irene (năm 762), và lên nắm quyền vào thời kỳ trị vì của Hoàng đế Michael Ngôn Ngữ Khó (820–829), người đã ban tự do cho những người Chính Thống Giáo ngay sau khi lên ngôi. Vị Georgios thứ hai này đã bị hoàng đế Theophilus, người chống thờ hình tượng (829–848), trục xuất vì niềm tin Chính Thống Giáo; sau khi Theophilus qua đời, Hoàng hậu Thánh thiện Theodora (842–865) cùng với Đức Thượng phụ Thánh thiện của Constantinopolis, Methodius, đã công nhận Chính Thống giáo và vào năm 842, bà đã đón Vua George II trở về từ nơi lưu đày; sau một cuộc đời tận tụy phụng sự Chúa, ngài đã qua đời thanh thản trên ngai vàng của mình.

Constantinopolis, thuyết phục họ chấp nhận tà thuyết chống thánh tượng. Thánh Cha George của chúng ta, Tổng Giám mục Mytilene, cũng được triệu tập cùng với các giám mục khác, đã tỏ ra là một chiến binh của Chúa Kitô không hề nao núng. Trong khi nhiều người tán thành sự sai lầm của hoàng đế, ngài đã dùng sự khôn ngoan chân chính của mình để làm bẽ mặt hoàng đế, vị "giả tổng giám mục" Theodotus, biệt danh là Cassiter[2907] , cùng những kẻ dị giáo đồng lõa với họ, và khiến một số trong số họ nhận ra sự lầm lạc của chính mình.

Nhà vua và tổng giám mục, không chịu nổi những lời vạch trần của ngài, đã đày ngài đến Cherson[2908] , và thay thế ngài bằng một kẻ dị giáo nào đó làm tổng giám mục tại Mytilene, kẻ này giống như con lợn rừng đã tàn phá và làm ô uế vườn nho của Chúa Kitô: hắn chà đạp lên các thánh tượng, gây hoang mang vô cớ cho các con chiên của Ngài. Còn Thánh George, sau khi sống những ngày còn lại của cuộc đời trong cảnh lưu đày, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, đã thực hiện nhiều phép lạ. Khi thời khắc ngài qua đời đến, một ngôi sao rực rỡ đã tỏa sáng trên bầu trời – báo hiệu sự ra đi thanh thản của ngài – và ngôi sao ấy cũng có thể nhìn thấy được ở Lesbos. Nhờ ngôi sao này, các tín hữu tại Mytilene đã biết được rằng vị mục tử của họ, Thánh George, đã về với Chúa.

Cuộc đời của vị thánh, với những việc lành của ngài, đã trở thành ánh sáng cho thế gian. Còn sự ra đi thanh thản của ngài, Thiên Chúa đã tôn vinh bằng ngôi sao sáng chói; và sau khi ngài qua đời, để tôn vinh vị thánh được Ngài yêu mến, Ngài đã khiến những dòng suối chữa lành kỳ diệu tuôn trào từ thi hài của ngài.

Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Kalliopios

Ngày kỷ niệm: 7 tháng 4

Tại Pergia thuộc Pamphylia[2909] , có một người phụ nữ đạo đức và kính sợ Chúa tên là Theoclia; cả bà lẫn gia đình đều tràn đầy lòng kính sợ Chúa; sống một cuộc đời đạo đức, Theoclia thường bố thí hào phóng. Kết hôn với một người đàn ông đáng kính, xuất thân từ dòng dõi thượng nghị sĩ và quý tộc[2910] , Theoklia đã nhiều năm không có con. Sau khi cầu nguyện siêng năng xin Chúa ban phước để chữa lành chứng vô sinh của mình, bà đã thụ thai sau một thời gian dài kể từ khi kết hôn. Vào thời điểm đó, chồng bà qua đời, để lại cho bà một gia tài khổng lồ. Sau khi sinh con trai, bà đặt tên cho cậu là Kalliopi[2911] . Trong quá trình dạy dỗ con trai về các môn học, Theoklia chủ yếu cố gắng truyền cho cậu lòng kính sợ Thiên Chúa và dạy cậu sự khôn ngoan từ Kinh Thánh. Vào thời đó, việc thờ cúng các thần tượng rất phổ biến, sự thật bị che giấu bởi dối trá và phần lớn mọi người đều thờ lạy và dâng lễ vật cho những thần tượng xấu xa. Còn những người bạn đồng hành không thể thiếu trong cuộc đời Thánh Kalliopi chính là cầu nguyện và ăn chay. Khi quan tòa được báo tin rằng vị thiếu niên thánh thiện này là người Kitô hữu, mẹ ngài, bà Thánh Thêôclia, đã trang bị cho con trai mình đủ tiền bạc, quần áo, đồng thời cử một số người hầu đi cùng, rồi gửi ngài lên tàu đến một quốc gia khác để tránh án phạt bất công. Như vậy, vị thánh trẻ Kalliopios đã lên thuyền đến Pompeo-pel ở Cilicia[2912] . Khi thấy ở đó, tên thủ lĩnh vô đạo Maxim đang tổ chức tại các lễ hiến tế, ca hát và nhảy múa để tôn vinh những thần tượng xấu xa, vị thánh trẻ đã ngạc nhiên và hỏi một người: "Tại sao các ngươi lại hân hoan như vậy?"

– Hôm nay là lễ hội tôn vinh các vị thần của chúng tôi, – họ trả lời anh, – hãy đến đây và tham gia vào bữa tiệc của chúng tôi đi.

[2907] Theodotus I Cassiter đã lãnh đạo Tòa Thượng phụ từ năm 815–821.

[2908] Cherson hoặc Korsun – thuộc địa Hy Lạp, là thành phố quan trọng nhất trong quần đảo Chersonese Taurica, gần Sevastopol ngày nay – nơi Đại công tước Vladimir được rửa tội.

[2909] *Pamphylia* – trong thời cổ đại là một phần của bờ biển Tiểu Á, nằm giữa Lycia và Cilicia và trải dọc theo Biển Pamphylia (nay là Vịnh Antalya). Chia sẻ số phận lịch sử của toàn bộ Tiểu Á, Pamphylia lần lượt nằm dưới sự thống trị của Ba Tư, Macedonia và Syria, sau đó trở thành một phần của Vương quốc Ba Tư và vào năm 120 trước Công nguyên, trở thành một tỉnh của Đế chế La Mã. Dân cư, là sự pha trộn giữa người bản địa với những người di cư từ Kilikia và Hy Lạp, có phong tục tập quán tương tự người Kilikia và trên quy mô rộng lớn đã tham gia vào hoạt động cướp biển. Các thành phố quan trọng nhất của vùng đất chủ yếu là đồi núi này, được bao bọc bởi dãy núi Taurus, bao gồm: Ataleia (Adalia), Side (Eski-Adalia), Kibira, Aspied, Pergia, Solion.

[2910] Ở La Mã, giới quý tộc (Patrician) là những người có xuất thân cao quý; thượng nghị sĩ (Senator) là quan chức nắm giữ chức vụ cao nhất trong nhà nước.

[2911] Kalliopios – từ tiếng Hy Lạp, khi dịch sang tiếng Nga có nghĩa là "đẹp trai, có ánh mắt đẹp".

[2912] Cilicia – một tỉnh thuộc Tiểu Á.

– Tôi là người Kitô hữu, – vị thánh nói, – và trong thời gian ăn chay, tôi cử hành các lễ hội để tôn vinh Chúa Kitô của tôi; thật không xứng đáng khi đôi môi ca ngợi Chúa Kitô lại nhận lấy những của lễ ô uế dâng cho các vị thần vô đạo.

Những lời của vị thánh đã lọt vào tai tướng quân Maximus, và ông ta, bừng bừng giận dữ, ra lệnh bắt giữ và đưa vị thánh trẻ đến trước mặt mình để thẩm vấn.

– Tên ngươi là gì? – vị tướng hỏi thánh Kalliopios khi ngài được dẫn đến phiên tòa.

– Tôi là người Kitô hữu, – vị thánh đáp, – và tên tôi là Kalliopios.

– Ngày nay, khi cả vũ trụ – vị tướng quân nói – đang tổ chức tiệc mừng nhân dịp lễ hội của các vị thần, tại sao chỉ có ngươi, không muốn cùng chia sẻ niềm vui này với chúng ta, lại chìm đắm trong sự lầm lạc nào đó?

– Chính các ngài đây, – thánh Kalliopios đáp lại, – mới chính là những người đang lang thang trong bóng tối và sự lừa dối, bởi vì các ngài đã bỏ rơi Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng sáng tạo trời đất, Đấng đã tạo dựng muôn vật bằng Lời của Ngài, và lại thờ lạy những tác phẩm do tay người tạo ra – những cây gỗ vô tri và những tảng đá nứt nẻ.

– Tuổi trẻ khiến ngươi trở nên ngạo mạn, – vị tướng quân phản bác, – khiến chính ngươi phải đối mặt với nguy cơ phải chịu biết bao cực hình! Hãy trả lời chúng ta, ngươi đến từ quốc gia nào và thuộc dòng dõi nào?

– Tôi đến từ Perga thuộc Pamphylia, – vị thánh đáp, – thuộc dòng dõi thượng nghị sĩ và quý tộc, nhưng điều quan trọng nhất và đáng tự hào nhất đối với tôi là tôi là một Kitô hữu.

– Ngươi có cha mẹ không? – vị tướng quân hỏi.

– Vâng, tôi còn mẹ, – vị thánh đáp, – còn cha tôi thì đã qua đời từ lâu rồi.

– Ta thề trước mặt mặt trời vĩ đại và tất cả các vị thần, – vị tướng quân đáp, – rằng nếu ngươi thờ lạy các vị thần, ta sẽ gả con gái duy nhất của ta cho ngươi.

– Nếu tôi muốn kết hôn, – vị thánh đáp, – thì tôi có thể lấy con gái ngài làm vợ và đưa cô ấy về sống dưới sự chăm sóc của mẹ tôi. Nhưng ngài hãy biết rằng tôi đã hứa với Đức Chúa Trời của tôi là Đức Kitô, Đấng đã tạo dựng tôi theo hình ảnh của Ngài, rằng tôi sẽ giữ thân xác phù du này trong sự trinh khiết và dâng nó lên trước tòa án công chính của Ngài mà không vướng bận tội lỗi. Ngươi cứ làm theo ý ngươi, nhưng ta là một Kitô hữu.

– Đồ xấu xa và độc ác! – vị tướng quân gầm lên – Chắc hẳn ngươi nghĩ rằng những lời này sẽ kích động cơn thịnh nộ trong ta, để ta mau chóng giết ngươi sao? Vậy thì hãy biết rằng ta sẽ tra tấn ngươi trong một thời gian dài, xé xác ngươi thành từng mảnh, và phần còn lại sẽ bị ném vào lửa để thiêu rụi.

– Càng kéo dài, – vị thánh đáp, – sự đau khổ của tôi, thì vương miện sáng chói mà Chúa Kitô sẽ dệt nên cho tôi vì những đau khổ ấy càng rực rỡ. Vì chính Kinh Thánh cũng nói rằng không ai được đội vương miện nếu không chịu đau khổ theo luật định (2 Tm 2,5).

– Hãy trói hắn lại, – vị tướng quân ra lệnh cho các đao phủ, – và dùng những thanh thiếc bẻ gãy hết xương của hắn!

Trong lúc bị đánh đập, thánh Calliopius đã thốt lên: “Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa Kitô, vì Ngài đã cho con được chịu khổ hình để tôn vinh danh Ngài.”

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, – vị tướng quân tiếp lời, – để ngươi được trở về quê hương và không bị tước đoạt tài sản. Ngươi thấy chưa, họ đang tra tấn ngươi tàn nhẫn đến mức nào!

– Con đang chiêm ngưỡng sự ngọt ngào của sự bình an trong tương lai mà Chúa Kitô đã hứa ban cho con, nên con không cảm thấy đau đớn, – vị thánh nói. – Và dù hiện tại con đang ở xứ người, nhưng con vẫn biết rằng *“Đất của Chúa và mọi sự trên đó”* (Thánh Vịnh 23:1). Và ở đây, tôi thấy mẹ tôi và quê hương của mình. Mẹ tôi là Giáo Hội Chính Thống của Chúa Kitô, còn quê hương là Giê-ru-sa-lem trên trời, theo lời của các Tông Đồ. *“Nơi ở của chúng ta là ở trên trời”* (Phi-líp 3:20). Còn nếu anh nhắc tôi về người mẹ trần thế của tôi, thì đó chính là tiếng nói thiêng liêng khẳng định: *“Ai yêu cha hay mẹ hơn Ta, thì không xứng đáng với Ta”* (Ma-thi-ơ 10:37). Tôi không coi trọng sự giàu có dồi dào, và tôi cho rằng thà chịu khổ cùng Đấng Christ bị đóng đinh còn hơn là cùng với tội lỗi hưởng sự thỏa mãn nhất thời của thế gian điên rồ.

– Vì hắn đã bị trói rồi, – vị tướng quân nói với các thuộc hạ, – hãy lật hắn lại và đánh vào bụng bằng những sợi dây thừng ướt, đồng thời quát: “Kẻ vô đạo, đừng trả lời lung tung, mà hãy trả lời câu hỏi!”

– Kẻ bị tước đoạt ân sủng thiên đàng và hung dữ hơn cả thú dữ, tên điên rồ! – vị thánh tử đạo nói với vị tướng quân. – Ta đang nói với ngươi những lời chân lý, còn ngươi, với đôi mắt tâm hồn bị mù quáng và đôi tai bị bịt kín để không nghe thấy lời Chúa, lại bất công hành hạ ta, giết ta như một tên cướp!

– Hãy mang đến, – vị tướng quân ra lệnh cho các đao phủ, – bánh xe tra tấn có những lưỡi sắt nhọn và đốt một ngọn lửa mạnh dưới đó, rồi trói chặt Kalliopia vào bánh xe, dù phải kéo căng đến mức các khớp xương gần như vỡ ra, trong tư thế đó, trói anh ta vào bánh xe và xoay vòng để anh ta chết, bị lưỡi sắt xé rách và lửa thiêu đốt.

Khi họ bắt đầu tra tấn vị thánh thiếu niên theo cách đó, trong cơn đau đớn tột cùng, ngài đã kêu lên cùng Chúa, nói: "Hãy đến, Chúa Kitô của con, để cứu giúp tôi tớ của Ngài, – để trước khi kết thúc, danh thánh của Ngài được tôn vinh qua con, và để mọi người biết rằng những ai đặt niềm tin vào Ngài sẽ không bao giờ phải hổ thẹn." Và ngay lập tức, Thiên Thần của Chúa hiện ra, dập tắt ngọn lửa, dừng bánh xe lại và làm cho nó bất động, khiến những kẻ hành hình không thể xoay nó được nữa. Thân thể trẻ trung của vị tử đạo ướt đẫm máu trên bánh xe, và qua những vết thương sâu hoắm, người ta có thể thấy rõ xương, vì bánh xe được gắn những lưỡi kiếm hai lưỡi, hình răng cưa. Tướng quân ra lệnh tháo dây trói vị tử đạo và đưa ngài xuống khỏi bánh xe. Cảnh tượng đau khổ ấy đã lay động lòng mọi người chứng kiến, và dân chúng kêu lên: "Ôi vị quan tòa bất công! Một thiếu niên trẻ như vậy lại phải chết một cách tàn nhẫn đến thế!"

– Ta đã không nói với ngươi sao – vị tướng quân nói với vị thánh – rằng tuổi trẻ của ngươi khiến ngươi trở nên ngạo mạn, và chính vì thế mà ngươi phải chịu những cực hình tàn bạo này?

– Con chó vô liêm sỉ, – vị thánh đáp lại, – ngươi thực sự nghĩ rằng ta sợ những hình phạt của ngươi sao?

– Ngươi, tên khốn kiếp, – vị tướng quân nhận xét, – ngươi đang xúc phạm ta để ta mau chóng tiêu diệt ngươi, nhưng điều đó sẽ không xảy ra! Vậy thì, hãy đến đây và dâng lễ vật lên các vị thần để tránh những cực hình còn tàn bạo hơn nữa!

– Ta đặt niềm tin, – vị thánh tử đạo đáp lại, – vào Đấng Kitô của ta, và ngươi không thể làm ô uế lời tuyên xưng đức tin nơi ta. Thân xác ta giao phó cho ngươi: hãy tra tấn nó tùy ý, *ngươi* sẽ nhận sự trừng phạt từ Đức Chúa Trời vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, *"vì... các ngươi đo lường bằng thước nào, thì cũng sẽ bị đo lường lại bằng thước ấy"* (Mt 7:2).

– Hãy trói ngài bằng xiềng xích sắt, – vị tướng quân ra lệnh cho các đao phủ về thánh Kallios, – giam giữ ngài trong ngục tối bên trong, đừng chăm sóc ngài chút nào và không cho phép bất kỳ tín hữu Kitô nào thân cận với ngài vào thăm, để không ai ca ngợi ngài vì sự kiên nhẫn của ngài. Các đao phủ lập tức xiềng xích vị thánh chịu khổ và ném ngài vào ngục tối bên trong.

Thánh nữ Theoklia, khi biết tin về sự chịu khổ vì Chúa Kitô của con trai duy nhất mình, Thánh Kallios, đã viết di chúc về ngôi nhà và toàn bộ tài sản của mình: bà đã giải phóng hai trăm năm mươi nô lệ nam và nữ, và phân phát cho người nghèo tất cả vàng, bạc và những bộ áo quần quý giá mà bà sở hữu. Tất cả tài sản còn lại, bao gồm bất động sản, các làng mạc, ruộng đồng và vườn nho, bà đã hiến dâng cho Giáo hội Thánh; rồi sau khi rời bỏ quê hương, bà lên đường đến Cilicia để gặp con trai mình, người đang chịu khổ vì Chúa Kitô. Sau khi trả tiền cho những người canh gác nhà tù, bà bước vào phòng giam bên trong và, khi nhìn thấy con trai, bà quỳ xuống, cúi đầu chào con và lau sạch mủ trên những vết loét của con. Còn Thánh Kalliopios, bị xiềng xích bằng sắt và sưng tấy vì vô số vết thương, không thể đứng dậy trước mặt mẹ mình, chỉ lẩm bẩm:

– Mẹ đã làm rất đúng khi đến đây, hỡi mẹ của con và người chứng kiến những đau khổ của con vì Chúa Kitô!

Theoclia, khi nhìn thấy thân thể con trai mình đầy những vết thương, đã nói với cậu:

– Hạnh phúc và được chúc phúc thay, con của lòng mẹ, vì mẹ đã dâng con lên như Anna đã dâng Samuel làm bình thánh cho Thiên Chúa, và như Sara đã dâng Isaac làm của lễ đẹp lòng Chúa Kitô!

Cả đêm đó, người mẹ ở lại trong ngục tối, ngồi bên chân con trai, cùng con hát ca và ngợi khen Đức Chúa Trời. Đến nửa đêm, một ánh sáng chói lọi bừng lên trong ngục tối và có tiếng kêu lên rằng:

– Các ngươi là những vị thánh chứng nhân của Đấng Kitô, những người tiêu diệt các thần tượng, đã từ bỏ quê hương và tài sản để cùng chịu đau khổ với Đấng Kitô!

Khi bình minh ló rạng, tướng quân Maxim, ngồi trên ghế xét xử, đã đưa thánh tử đạo Kalliopios ra khỏi ngục để thẩm vấn. Đặt ngài trước mặt mình, ông hỏi:

– Ngươi đã từ bỏ sự điên rồ của mình chưa, và liệu ngươi có đồng ý tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và thờ lạy các vị thần để giữ lấy mạng sống không? Hay ngược lại, ngươi muốn ngoan ngoãn chịu chết, giống như Thầy của ngươi là Chúa Kitô?

– Ta thật ngạc nhiên, – vị thánh đáp lại, – trước sự trơ trẽn của ngươi! Ngươi đã nghe ta trả lời cùng một câu nhiều lần rồi: ta là Kitô hữu và sẽ chết vì Chúa Kitô; giờ đây ngươi lại hỏi ta về điều đó một lần nữa mà không hề

xấu hổ khi chống lại lẽ thật. Ta khao khát được chịu khổ như Thầy ta là Chúa Kitô và mong muốn chết vì Ngài một cách vô điều kiện!

Sau khi nghe những lời này và nhận ra ý chí kiên định của vị tử đạo, đồng thời tin chắc vào sự vững vàng bất khuất trong tâm hồn ngài, vị tướng quân đã ra lệnh đóng đinh ngài lên thập tự giá giống như Chúa Kitô. Lúc đó là Thứ Năm Tuần Thánh, ngày tưởng niệm Bí tích Tiệc Ly của Chúa Kitô. Thánh Theoklia, khi thấy con trai mình bị dẫn đi, đã đưa cho các binh lính năm đồng tiền vàng, van nài họ đừng đóng đinh Kalliopios giống như Chúa Kitô, mà hãy đóng đinh ông với đầu hướng xuống dưới. Bà làm điều này vì lòng khiêm nhường, cho rằng việc con trai mình được đóng đinh theo hình ảnh của Chúa Kitô là điều không xứng đáng. Vậy, Thánh Kallios đã bị đóng đinh vì Chúa Kitô với đầu hướng xuống dưới, vào Thứ Năm Tuần Thánh. Vào Thứ Sáu Tuần Thánh, vào giờ thứ ba của ngày, ngài đã trao linh hồn mình vào tay Thiên Chúa, khi tiếng nói thần thánh từ trời phán xuống với ngài: "Hãy vào, hỡi đồng hương và đồng thừa kế của các thánh"[2913] .

Khi thi thể của Thánh Kallios được hạ xuống khỏi thập giá, người mẹ phúc lành của ngài, trong khi ngợi khen Chúa Kitô, đã ôm chặt cổ con trai mình, rồi ngay lập tức cũng trút linh hồn. Các anh em Kitô hữu đã đến, rước thi hài của cả hai và an táng họ tại một nơi trang nghiêm trong cùng một ngôi mộ, ca ngợi Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng niệm Thánh Rufinus, phó tế, Thánh Tử đạo Aquilina, cùng với hai trăm chiến binh, những người đã qua đời tại Sinope vào khoảng năm 310.
- Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ vị thánh cha đáng kính của chúng ta là Đaniel Pereyaslavsky.

Ngày 21 tháng 4

Ngày 8 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Nifont, Giám mục Novgorod

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 4

Thánh Nifont là một tu sĩ tại Tu viện Thánh Pechersk vào thời kỳ tu viện này do Bề trên Timofey[2914] lãnh đạo. Trong thời gian sống tại tu viện, Thánh Nifont đã tu tập xuất sắc trong việc cầu nguyện, ăn chay và tất cả các đức tính khác, luôn cố gắng noi gương cuộc đời của các vị thánh vĩ đại của Chúa trong mọi khía cạnh.

Khi Thánh Gioan, Giám mục Novgorod, sau hai mươi năm cống hiến cho việc chăn dắt đoàn chiên, do sức khỏe suy yếu, đã từ bỏ ngai giám mục và lui về tu viện[2915] , – thì vị thánh phúc Nifont này, người đã tỏa sáng bằng những đức tính cao quý của mình khắp mọi miền đất nước, theo ý muốn của Chúa, đã được mọi người bầu chọn lên ngai giám mục Novgorod và được tấn phong làm giám mục tại Kiev[2916] bởi tổng giám mục Mikhail[2917] .

Sau khi lên ngôi, được đặt như ngọn đèn trên giá nến, Thánh Nifont càng tỏa sáng rực rỡ hơn nhờ những nỗ lực tận tụy của ngài trong việc xây dựng Giáo hội Chính thống; ngài quan tâm đến việc làm rạng rỡ vinh quang của Chúa và hết lòng lo lắng cho cuộc sống an lành của các con chiên thuộc quyền ngài, cả về đời này lẫn đời sau. Với lòng nhiệt thành hướng đến việc làm rạng ngời vinh quang của Đức Chúa Trời, vị thánh đã khởi công xây dựng một nhà thờ bằng đá tại trung tâm Novgorod để tôn vinh Đức Mẹ Đồng Trinh, và nhờ ơn Chúa, ngài đã sớm hoàn thành công trình này; ngoài ra, ngài còn trang trí nhà thờ chính tòa Novgorod dành cho Thánh Sofia bằng các bức tranh thánh, và lợp mái nhà thờ bằng thiếc[2918] . Với lòng quan tâm đến cuộc sống trần thế an lành của các tín hữu

---

[2913] Thánh tử đạo Calliopius qua đời vào ngày 7 tháng 4 năm 304, vào thứ Sáu, tại thành phố Pompeozole thuộc Cilicia (Tiểu Á).
[2914] Timôthê là vị tu viện trưởng của Tu viện Pechersk từ năm 1124; ngài qua đời vào năm 1131.
[2915] Giăng cai quản giáo phận Novgorod từ năm 1110 đến năm 1130.
[2916] Lễ tấn phong Nifont diễn ra cũng vào năm 1130.
[2917] Tổng giám mục Mikhail, người Hy Lạp, đã lãnh đạo Tổng giáo phận Kiev từ năm 1130 đến năm 1145.
[2918] Người dân Novgorod rất trân trọng sự quan tâm của Giám mục Nifont đối với các nhà thờ của Chúa. "Mỗi người trong chúng ta đều biết điều này," nhà biên niên sử Novgorod viết: "Có vị giám mục nào đã trang hoàng Nhà thờ Thánh Sofia lộng lẫy đến thế? Ngài đã vẽ

thuộc quyền chăm sóc, vị tổng giám mục này nổi bật với những đức tính như sau: nếu có bất kỳ xung đột nội bộ nào nảy sinh trong cộng đồng Chính Thống Giáo, ngài sẽ cố gắng hết sức để hòa giải họ. Chẳng hạn, có lần vị thánh nhân biết được rằng người dân Kiev và Chernihiv đã tập hợp nhiều binh lính, tiến đến Novgorod với ý định tấn công thành phố này, ngài liền lập tức dẫn theo các quan chức Novgorod đến gặp những người đang chuẩn bị chiến đấu, và nhờ ơn Chúa, ngài đã thuyết phục họ hạ vũ khí[2919] . Cũng như vậy, trong những trường hợp khác, vị thánh cũng quan tâm đến cuộc sống bình an của dân Chúa, luôn lo lắng cho sự thịnh vượng trong cuộc sống trần thế của họ.

Nhưng vị thánh còn quan tâm nhiều hơn nữa đến cuộc sống vĩnh cửu của các con chiên thuộc về Ngài. Nhớ đến những lời Chúa đã phán về Đức Chúa Cha, rằng điều răn của Ngài chính là *"sự sống đời đời"* (Giăng 17:2), Thánh Niphon luôn dạy dỗ các tín hữu Chính Thống Giáo – đừng xa rời luật pháp của Đức Chúa Trời và truyền thống Giáo Hội, để không bị mất đi sự sống đời đời; còn những ai xa rời luật pháp của Đức Chúa Trời và phạm tội, vị thánh nhân đã quở trách, tiên báo sự hủy diệt cho những người đó vì tội lỗi của họ, rao giảng *"khi thuận tiện cũng như khi không thuận tiện, quở trách, cấm đoán, khuyên nhủ với mọi sự nhẫn nại và sự dạy dỗ"* (2 Ti-mô-thê 4:2), theo lệnh của Sứ đồ.

Sự nhiệt thành vĩ đại của vị Tổng Giám mục này đối với sự cứu rỗi linh hồn các con chiên của ngài thể hiện rõ qua sự việc sau đây. Sau khi người dân Novgorod trục xuất vị công tước của họ là Vsevolod Mstislavich[2920] , Sviatoslav Olgovich, người được họ mời đến trị vì, đã lên ngôi, nhưng lại kết hôn trái với các quy tắc của Giáo hội. Lúc bấy giờ, vị tổng giám mục đáng kính này không những không cử hành lễ cưới cho vị công tước đó, mà còn cấm toàn thể hàng giáo sĩ của mình tham dự lễ cưới trái luật ấy (vị công tước đó đã được các linh mục đi cùng ông ta cử hành lễ cưới). Thánh Nifont[2921] đã dũng cảm lên án vị công tước đó vì tội lỗi của ông, với lòng nhiệt thành như người hát Thánh vịnh đã nói: *"Con sẽ nói về những mặc khải của Ngài trước mặt các vua và sẽ không hổ thẹn"* (Thánh vịnh 118:46).

Lòng nhiệt thành của vị tổng giám mục này cũng rất lớn lao khi ngài cố gắng bảo vệ chính Giáo hội Nga khỏi tội lỗi, điều này đã xảy ra trong những hoàn cảnh sau đây.

Khi Tổng Giám mục Kiev Mikhail II qua đời – người đã phong chức giám mục cho Thánh Nifont – Đại công tước Kiev Izyaslav Mstislavich[2922] đã bầu chọn Kliment, một nhà triết học lúc bấy giờ đang là tu sĩ mặc áo đen và đã thọ giới tu sĩ, để thay thế vị trí đó. Không muốn phải cử Clement đi một quãng đường xa đến Constantinople để được tấn phong làm giám mục, vị đại công tước này đã triệu tập một công đồng gồm các giám mục Nga nhằm mục đích này. Tham dự hội đồng này có: Onufriy Chernihivsky, Feodor Belgorodsky, Evfimiy Pereyaslavsky, Damian Yuryevsky, Feodor Vladimirsky, Thánh Nifont Novgorodsky, Manuel Smolensky, Ioakim Turovsky, Kozma Polotsky. Khi hội đồng bắt đầu các phiên họp, Thánh Nifont đã nhấn mạnh rằng các giám mục Nga tuyệt đối không được tự mình bầu chọn tổng giám mục mà không có sự ban phước của Thượng phụ Constantinople; ông đã mạnh dạn tuyên bố trước toàn thể hội đồng rằng điều này đi ngược lại truyền thống của Giáo hội Chính thống Đông phương thánh thiện, vốn được soi sáng bởi Thánh Phê-rô và Phao-lô ( ) qua phép rửa tội từ ngai tòa Constantinople, nhờ đó chúng ta trở thành con cái của Đức Chúa Trời, con cái của phương Đông,

---

tranh trên các tiền sảnh, dựng nên bức tường thánh tượng, còn bên ngoài thì trát vôi và phủ chì. Tại Pskov, ngài đã xây dựng Nhà thờ Thánh Cứu Thế bằng đá ở Zaveličje, còn tại Ladoga là Nhà thờ Thánh Clément" (Sử ký Novgorod, quyển IV).

[2919] Sự kiện này diễn ra vào năm 1135.

[2920] Vào năm 1132.

[2921] Thánh Nifont là một bậc thông thái về các quy tắc giáo luật hay các quy định của Giáo hội, đồng thời là người tuân thủ chúng một cách nhiệt thành và tận tụy. Sự nhiệt thành trong việc tuân thủ các quy tắc giáo hội này không chỉ thể hiện qua thái độ của Thánh Nifont đối với cuộc hôn nhân trái quy định của Sviatoslav Olgovich, mà còn qua phần kể tiếp về thái độ của Nifont đối với Tổng giám mục Kiev Kliment Smolyatich, người đã lên ngôi tổng giám mục mà không có sự ban phước của Thượng phụ Constantinople. Các giám mục khác và nhiều người đã tìm đến Thánh Nifont để xin giải đáp những vấn đề giáo luật còn mơ hồ và các trường hợp khác nhau trong đời sống Giáo hội. Từ "Các câu hỏi của Kirik", hay tuyển tập các câu trả lời mà tu sĩ kiêm người đứng đầu dàn ca (trưởng nhóm ca sĩ) Kirik của Tu viện Antoniev ở Novgorod nhận được từ nhiều người mà ông đã gửi câu hỏi đến, chủ yếu là từ ba giám mục Novgorod: Thánh Nifont và Thánh Ilya (từ năm 1165 đến năm 1185) cùng với Giám mục Savva thuộc một giáo phận không rõ tên, chúng ta được biết rằng có một người tên là Klim đã liên hệ với Nifont theo sự ủy thác của Giám mục Polotsk. Các câu hỏi của Kirik chủ yếu được gửi đến Giám mục Novgorod, Nifont, người đã đưa ra những câu trả lời sáng suốt và thiết thực để giải đáp những thắc mắc. "Các câu hỏi của Kirik?" Được in trong "Thư viện Lịch sử Nga", do Ủy ban Khảo cổ xuất bản, tập 6, trang 21 trở đi, do Pavlov biên soạn; và trước đó trong "Các Di tích Văn học Nga thế kỷ XII", trang 173 trở đi, do Kalaydovich biên soạn.

[2922] Izyaslav Mstislavich là Đại công tước Kiev từ năm 1146 đến năm 1154.

Đấng đã viếng thăm chúng ta từ trên cao; và vị tổng giám mục Kiev đầu tiên, Mikhail, cũng được bổ nhiệm từ chính nơi đó (từ Constantinople); kể từ đó, việc Tổng giám mục Kiev phải nhận sự chúc lành cho quyết định của mình từ Đức Thượng phụ Constantinople đã trở thành quy tắc bất di bất dịch.

Khi nói điều này, Thánh Nifont đã mạnh dạn khuyên nhủ các con cái Nga đừng vì sự chống đối của mình mà từ chối việc trở thành con cái của Phương Đông và đồng thời là con cái của Đức Chúa Trời, bởi vì, như ngài đã nói: *"Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống trên những kẻ chống đối"* (Ê-phê-sô 5:6).

Có thêm năm vị giám mục nữa cũng chia sẻ quan điểm của Thánh Nifont: Kozma của Polotsk, Ioakim của Turov, Manuel của Smolensk, Euthymius của Pereyaslav, và Theodore của Belgorod. Nhưng vị công tước, vì kiêu ngạo mà không muốn từ bỏ ý định của mình, đã không nghe theo lời Thánh Nifont, mà vẫn thực hiện đúng như những gì đã định, được các giám mục còn lại ủng hộ. Như vậy, theo lệnh của vị công tước và theo lời khuyên của Onufriy, giám mục Chernigov, thay vì nhận sự ban phước của Thượng phụ Constantinopolis, Clément đã được tấn phong làm giám mục bằng phần đầu thi hài của Thánh Clément, Giáo hoàng Rôma (phần đầu này được Thánh Vladimir mang từ Cherson, người đã nhận nó như một món quà từ Giám mục Cherson sau khi nhận phép rửa tội); sau đó, Clément đã bất hợp pháp chiếm giữ ngai giám mục của Tổng giáo phận Kiev.

Thánh Clément yêu cầu Thánh Niphon cùng ngài cử hành Thánh lễ, nhưng vị người bảo vệ chính thống giáo này đã nói với ngài:

– Vì ngài chưa nhận được sự ban phước từ Đức Thượng phụ Constantinople, nên tôi, như trước đây và cả bây giờ, không chấp nhận việc ngài được tấn phong và vì lý do đó, tôi không thể cùng ngài cử hành Thánh lễ.

Vì điều này mà tức giận với Thánh Nifont, Clément đã xúi giục Công tước Izyaslav và các giám mục nghe lời mình đày vị thánh này đi lưu đày. Vì lý do này, Công tước Izyaslav đã không cho phép Thánh Nifont lên ngôi giám mục tại Novgorod, mà ra lệnh cho ngài phải ở lại Tu viện Pechersk suốt thời gian, như thể đang bị lưu đày vậy. Còn vị thánh thì ở lại đây với niềm vui vô bờ bến, ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã ban ơn cho ngài được trở lại cuộc sống thầm lặng trước đây cùng với các thánh.

Khi vị vua yêu mến Chúa là Georgy Monomakh[2923] đánh bại Izyaslav Mstislavich và nắm quyền cai trị tại Kiev, ngài đã với lòng tôn kính sâu sắc trao lại ngai giám mục Novgorod cho Thánh Nifont. Người dân Novgorod, trước đây dường như đang trong tình trạng hoang mang và bị bỏ rơi, như những con chiên không có người chăn dắt, đã đón nhận vị thánh Nifont với niềm vui vô bờ bến. Cùng lúc đó, Đức Thượng phụ Constantinople, khi nghe tin về lòng dũng cảm phi thường mà vị thánh đã thể hiện trong việc bảo vệ các truyền thống của các bậc tiền bối, đã gửi một bức thư đến Thánh Nifont, trong đó ngài ca ngợi trí tuệ và lòng dũng cảm của ngài, đồng thời so sánh ngài với các vị thánh tổ tiên xưa kia, những người đã kiên định bảo vệ Chính Thống Giáo[2924] . Còn vị thánh, sau khi đọc bức thư của Đức Thượng phụ, lòng nhiệt thành đối với Chính Thống Giáo lại càng bùng cháy mạnh mẽ hơn. Ngoài ra, nhờ những công lao của mình, vị thánh cũng đã nhận được phần thưởng xứng đáng từ Đấng Chăn Chiên Tối Cao – Chúa Giêsu Kitô, như câu chuyện về sự ra đi thanh thản của ngài đã minh chứng, và đó chính là điều chúng ta sẽ đề cập đến.

Một thời gian sau khi Thánh Nifont trở lại ngai giám mục của mình, ngài nghe tin rằng Tổng giám mục Constantine[2925] đang trên đường từ Constantinople đến Nga, được Thượng phụ Constantinople cử đến Nga với mục đích lật đổ Tổng giám mục Kiev Clement và thay thế vị trí của ngài. Khi biết tin này, vị tu sĩ đã vô cùng vui mừng vì hai lý do: thứ nhất, ngài hy vọng được nhận lời chúc phúc từ vị thánh, và thứ hai, ngài mong được đến tu viện Pechersk để thờ lạy Đức Mẹ Đồng Trinh và các thánh khác. Với mục đích này, ngài đã lên đường đến Kiev và ở đó chờ đón Đức Tổng Giám mục Constantine, người đã rời Constantinople. Trong thời gian cư ngụ tại Tu viện Pechersk, vị tu sĩ đã thể hiện lòng sùng kính sâu sắc đối với Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và các thánh khác. Không lâu sau, ngài lâm vào cơn bệnh nặng tại đây, báo trước sự ra đi thanh thản của ngài. Ba ngày trước khi lâm bệnh, vị tu sĩ đã có một thị kiến kỳ diệu, và ngài đã kể lại điều này cho các tu sĩ trong tu viện.

[2923] Tức là Yuri Vladimirovich Dolgoruky, con trai của Vladimir Monomakh. Đó là vào năm 1150.

[2924] Một trong những thư của Thượng phụ gửi cho Nifont đã được in trong cuốn "Cuộc đời của Nifont" trong tập "Di sản Văn học Nga" của Kushelev-Belborodko, tập IV, trang 5, và trong cuốn "Lịch sử Giáo hội Nga" của Đức Tổng Giám mục Zhamarie, tập 3, ấn bản thứ 2, trang 297.

[2925] Tổng giám mục Konstantin, người Hy Lạp, không sống lâu ở Nga, cai quản tổng giáo phận từ năm 1156 đến năm 1158, và qua đời vào năm 1159 tại Chernihiv.

– Khi tôi trở về, – ngài kể, – sau buổi hát kinh sáng, vào phòng riêng của mình, tôi cảm thấy cần phải chợp mắt một chút. Chẳng bao lâu sau, tôi chìm vào giấc ngủ nhẹ: và bỗng nhiên, tôi có cảm giác như mình đang ở trong tu viện thánh Pechersk này, tại nơi của Thánh Nikola Svyatosha; tại đây, tôi đã cầu nguyện rất nhiều và hết lòng với Đức Mẹ Rất Thánh, xin Mẹ chỉ cho tôi gặp vị tu sĩ thánh thiện Theodosius, người xây dựng tốt lành, và sau khi qua đời vẫn tiếp tục chăm lo cho việc nhân rộng các đức hạnh trong tu viện của mình. Trong khi đó, các tu sĩ đang tụ tập trong nhà thờ; một trong số họ tiến lại gần tôi và nói:

– Anh có muốn gặp vị Thánh Cha Theodosius của chúng ta không?

Tôi đáp:

– Vâng, tôi muốn, và nếu được, xin hãy chỉ cho tôi thấy ngài.

Rồi, nắm lấy tay tôi, anh ấy dẫn tôi vào bàn thờ và ở đó chỉ cho tôi thấy Thánh Theodosius. Khi nhìn thấy vị thánh, tôi vui mừng bước đến gần ngài, quỳ xuống dưới chân ngài và cúi đầu chào ngài đến tận đất. Ngài bế tôi dậy, ban phước lành và nói:

– Ngươi đã làm rất đúng, hỡi người anh em và con trai Nifont, khi đến đây; từ nay trở đi, ngươi sẽ luôn ở bên chúng ta.

Thánh Theodosius đang cầm trên tay cuộn giấy mà tôi đã xin ngài; tôi nhận lấy cuộn giấy, mở ra và đọc. Cuộn giấy đó bắt đầu bằng những lời như sau: *"Này, tôi và các con mà Chúa đã ban cho tôi"* (Ê-sai 8:18). Sau khi thị kiến kết thúc, – vị thánh Nifont kể lại, – tôi tỉnh táo lại và nhận ra rằng căn bệnh của tôi chính là sự viếng thăm của Đức Chúa Trời dành cho tôi.

Sau mười ba ngày lâm bệnh, vị thánh nhân đã an nghỉ trong Chúa, vào ngày thứ 20 tháng Tư, vào ngày thứ Bảy của Tuần Thánh. Thi hài của ngài được an táng một cách trang trọng trong hang động của vị thánh Theodosius, còn linh hồn ngài thì đang cùng với vị thánh đáng kính này đứng trước ngai vàng của Chúa Kitô, hưởng thụ những ân huệ thiên đàng không thể diễn tả. Xin các thánh này cũng cầu nguyện cho chúng ta, những con cái của các ngài. Còn Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi không thể tách rời, là Cha cùng với Con và Thánh Thần, xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Kỷ niệm Thánh Kelestin, Đức Giáo hoàng Rôma

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 4

Vị thánh đáng kính này từng là giám mục thành Rôma dưới triều đại hoàng đế Theodosius II[2926] . Ngài nổi bật bởi sự hoàn hảo cao cả trong đời sống và lời nói, chính vì thế mà ngài đã được bầu chọn vào chức vụ giám mục Rôma sau khi Đức Giáo hoàng Zosimus qua đời, và sau đó là Đức Thánh Boniface, người kế vị Đức Giáo hoàng Innocent Đại đế[2927] . Luôn nói và hành động theo truyền thống Tông đồ, Thánh Celestine đã lật đổ Nestorius, kẻ vô đạo, qua các thư tín của ngài, và ngài đã được Thánh Cyril hỗ trợ trong việc này[2928] . Sau khi soạn thảo nhiều bài giảng đáng ghi nhớ khác, ngài đã an lành qua đời, bước vào cuộc sống vĩnh cửu đầy phúc lành, và được tôn vinh trong hàng ngũ các Tông đồ và các Thánh Tổ[2929] .

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Pavsilip.

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 4

[2926] Thánh Feodosiy II Trẻ trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[2927] Rõ ràng đây là một sai sót. Giáo hoàng Innocent I nắm giữ chức vụ Giám mục Rôma từ năm 402 đến năm 417, và những người kế nhiệm ông là: Zosima, từ năm 417 đến năm 418, Boniface I từ năm 418 đến năm 422 và Celestine từ năm 422 đến năm 432.

[2928] Năm 430, sau Công đồng Rôma đã lên án Nestorius, Celestine đã gửi một bức thư cho Tổng giám mục Cyril của Alexandria, trong đó nêu rõ rằng nếu Nestorius không thừa nhận đức tin được tuyên xưng tại Rôma và Alexandria trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được bức thư này, thì ông sẽ bị phế truất và tuyệt thông. Cùng lúc đó, Celestine đã gửi thư cho Giáo hội Constantinopolis và Tổng giám mục Antioch là John, trong đó ngài vạch trần những sai lầm của Nestorius và thông báo về bản án sẽ được tuyên bố nếu Nestorius tiếp tục ngoan cố. Còn đối với Cyril, Celestine đã giao phó nhiệm vụ thi hành bản án này, với tư cách là người được Giám mục Rôma ủy quyền.

[2929] Thánh Celestine qua đời vào năm 432.

Thánh Tử đạo Pavsilip đã chịu khổ nạn dưới triều đại Hoàng đế Adrian[2930] vào thời điểm tỉnh Eutropia do quan tổng trấn Lucius cai quản[2931] . Ban đầu, ngài được dẫn đến trước mặt hoàng đế và tuyên xưng mình là Kitô hữu, vì thế đã bị đánh đập bằng gậy sắt. Sau đó, ngài bị giao cho quan tổng trấn Pretius xét xử; người này đã cố gắng thuyết phục ngài dâng lễ vật cho các thần tượng trong một thời gian dài, nhưng không thành công, nên đã ra lệnh xiềng xích ngài lại và chém đầu bằng gươm. Khi vị thánh tử đạo bị dẫn đi hành quyết, ngài đã phá vỡ xiềng xích và trốn thoát khỏi lính canh. Bị họ truy đuổi, ngài cầu nguyện xin Chúa đón nhận linh hồn ngài. Và điều đó đã xảy ra theo lời cầu nguyện của vị thánh: trong lúc chạy trốn, ngài đã qua đời. Sau đó, các Kitô hữu đã đến và với sự tôn kính, vừa hát các thánh vịnh và các bài thánh ca, vừa long trọng an táng thi hài thánh của ngài.

Lễ kính các Thánh Tông đồ Hê-rô-đi-ôn, A-ga-va, Ru-pha, A-sin-kri-ta, Phlê-gôn và Ê-rê-mi.

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 4

Thánh Tông đồ Hê-rô-đi-ôn[2932] , – người họ hàng ruột thịt của Thánh Tông đồ Phao-lô, – xuất thân từ thành Tarsus thuộc xứ Cilicia[2933] . Ngài là bạn đồng hành và cộng sự của các Thánh Tông đồ Phê-rô và Phao-lô, và chính hai ngài đã tấn phong ngài làm giám mục thành Patara[2934] . Trong chức vụ giám mục, Thánh Hê-rô-đi-ôn đã tích cực truyền bá giáo lý Kitô giáo giữa những người Hy Lạp ngoại đạo. Vì Thánh Hê-rô-đi-ôn đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo đến với Chúa Kitô, nên những người Do Thái, vì ghen tị với vị tôi tớ của Thiên Chúa này, đã thông đồng với những người Hy Lạp thờ thần tượng, bắt giữ ngài bằng vũ lực và tra tấn ngài bằng nhiều hình thức khác nhau; trong đó, một số kẻ tra tấn đánh Thánh nhân không thương xót, số khác ném đá vào ngài, còn lại thì dùng gậy đánh vào đầu ngài. Một trong những kẻ tra tấn đã đâm vị thánh bằng dao mạnh đến nỗi ngài ngã xuống như đã chết; nghĩ rằng vị thánh đã qua đời, bọn tra tấn bỏ ngài lại. Nhưng vị Thánh Tông đồ, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, vẫn còn sống và sau đó đã nỗ lực không ít tại Rôma, rao giảng Lời Chúa cùng với Thánh Phêrô, vị Tông đồ Trưởng. Thánh Tông đồ Phaolô, khi gửi thư cho người Rôma từ Cô-rinh-tô[2935] , đã gửi lời chào đến Hê-rô-đi-ôn, người lúc bấy giờ đang ở Rôma cùng với Thánh Tông đồ Phê-rô: *"Hãy chào Hê-rô-đi-ôn, người thân của tôi"* (Rm 16,11). Khi Thánh Tông đồ Phêrô bị đóng đinh, thì Thánh Hê-rô-đi-ôn, như Metaphrastus chứng thực, cùng với Thánh Olympos[2936] và nhiều tín hữu khác, đã bị chém đầu bằng gươm[2937] .

Thánh Tông đồ Agav được ban ân sủng tiên tri. Ông được nhắc đến trong sách Công vụ các Tông đồ. Ở đây có chép rằng khi các nhà tiên tri từ Giê-ru-sa-lem tụ họp tại An-ti-ô-ki-a, *"một trong số họ, tên là A-ga-v, đứng dậy, nhờ Thánh Thần, đã tiên báo rằng sẽ có một nạn đói lớn trên toàn vũ trụ, và điều đó đã xảy ra dưới thời hoàng đế Claudius"* (Công vụ 11:27–28). Tại Cêsarea[2938] , thánh Agav đã tiên tri cho Tông đồ Phaolô về những đau khổ sắp ập đến với ngài tại Giêrusalem: *"... ông lấy thắt lưng của Phaolô, trói tay và chân mình lại, rồi nói: 'Thánh Thần phán như vầy: Người chủ của chiếc thắt lưng này sẽ bị người Do Thái trói lại tại Giêrusalem và nộp vào tay dân ngoại'"* (Công vụ 21:11). Thánh Tông đồ Agav đã rao giảng về Chúa Kitô ở nhiều quốc gia khác nhau và đã dẫn dắt nhiều người ngoại giáo trở lại đức tin Kitô giáo.

[2930] Hoàng đế Hadrian trị vì từ năm 117 đến năm 138.

[2931] Ở đây, chức danh "tổng trấn Eutropia" đã được ghi sai thay vì "tổng trấn Europa". Tỉnh Europa nằm ở Thrace, thuộc phần đông bắc của bán đảo Balkan.

[2932] Thánh Tông đồ Hê-rô-đi-ôn, cũng như năm vị Tông đồ khác được tưởng niệm hôm nay, thuộc số 70 Tông đồ. Lễ tưởng niệm tất cả 70 Tông đồ được Giáo hội Thánh cử hành vào ngày 4 tháng 1.

[2933] Tarsus – một thành phố lớn trong thời cổ đại, tọa lạc tại vùng Cilicia thuộc Tiểu Á. Những di tích của thành phố này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

[2934] Patara – ngày nay là Patras – là một thành phố thương mại lớn trong vương quốc Hy Lạp, nằm bên bờ vịnh Patras.

[2935] Corinth – thành phố nổi tiếng thời cổ đại của Hy Lạp cổ đại, nằm ở góc đông nam của Vịnh Corinth, giữa Biển Ionia và Biển Aegean. Hiện nay, tại vị trí của thành phố Corinth cổ đại là thị trấn Koronto với 5.000 cư dân. – Thư gửi tín hữu Rô-ma được Thánh Phao-lô viết từ Cô-rinh-tô vào năm 58.

[2936] Thánh Olymp hoặc Olympic – một trong 70 Tông đồ. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 4 tháng 1

[2937] Thánh Tông đồ Hê-rô-đi-ôn qua đời vào khoảng năm 67.

[2938] Césarea Palestine – một thành phố nằm trên bờ đông Địa Trung Hải, được vua Do Thái Hê-rốt xây dựng trên nền tảng của thành phố cổ Straton và được đặt tên như vậy để vinh danh Hoàng đế Augustus.

Thánh Tông đồ Rufus, người được Thánh Phaolô chào hỏi trong Thư gửi tín hữu Rôma bằng những lời sau: *"Hãy chào Rufus, người được chọn trong Chúa"* (Rm 16,13), là giám mục của thành phố Thebes[2939] , tại Hy Lạp.

Thánh Tông đồ Asyncritus, được nhắc đến trong cùng Thư gửi tín hữu Rôma của Thánh Phaolô (Rm 16:14), là giám mục tại Hyrcania – một vùng thuộc Tiểu Á.

Các Thánh Tông đồ Phlegont và Hermias[2940] , được nhắc đến trong cùng bức thư đó, là các giám mục: người thứ nhất tại thành phố Maraphon thuộc Thrace, còn người thứ hai tại Dalmatia[2941] .

Tất cả các Thánh Tông đồ thuộc nhóm Bảy Mươi được nhắc đến này đều đã nỗ lực không ngừng, rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô khắp vũ trụ và dẫn dắt nhiều người ngoại giáo đến với Chúa Kitô. Vào những thời điểm khác nhau, hầu hết họ đều phải chịu nhiều hình phạt tàn bạo từ cả người Do Thái lẫn người Hy Lạp, và sau khi nhận lấy vương miện tử đạo, họ đã về với Chúa trong vinh quang.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Các nữ môn đệ và các Tông đồ đáng kính của Đấng Kitô, những vị vinh quang ở Hê-rô-đi-ôn, A-ga-vê và Ru-phê, A-sin-kri-tê, Phê-lôn-tê cùng với Ê-rô-mê: xin hãy luôn cầu nguyện cùng Chúa để ban cho chúng con sự tha thứ tội lỗi, những người đang ca ngợi các ngài.

Ngày 22 tháng 4

Ngày 9 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm các thánh tử đạo: Giám mục Disava, Linh mục Mariava, Avdies và 270 người khác, những người đã chịu khổ vì vua Ba Tư Sapor, vào các năm 362–364.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Eupsychius

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 4

Thánh Tử đạo Eupsychius là con trai của một gia đình quý tộc, sinh ra và lớn lên tại Caesarea Cappadocia[2942] và đã trải qua những năm tháng tuổi trẻ một cách trong sạch trong sự tiết độ Kitô giáo, khi tóc đã bạc thì có sự khôn ngoan, và khi về già thì có một cuộc sống vô tì vết (xem: Châm Ngôn 4:9).

Trong thời trị vì của Julianus, kẻ chống lại Thiên Chúa[2943] , ngài đã kết hôn hợp pháp và ngay khi lễ cưới chưa kết thúc, ngài đã thể hiện lòng nhiệt thành và tình yêu vĩ đại dành cho Chúa Giêsu Kitô.

Tại thành phố Caesarea có một đền thờ thần tượng ô uế, được gọi là Tychi, có nghĩa là vận may hay hạnh phúc. Đền thờ này được tôn kính rất nhiều, và mỗi khi đến Caesarea, hoàng đế Julian đều dâng những lễ vật bất kính tại đó hàng ngày. Tình cờ, lễ cưới của Eupsychius lại trùng với ngày lễ tà thần đó. Khi thấy những người Hy Lạp đang đi đến đền thờ để dâng lễ vật, thánh Eupsychius bừng lên lòng nhiệt thành vì Chúa: ông dẫn theo đông đảo các Kitô hữu, tiến đến đập phá các tượng thần và phá hủy đền thờ thần tượng đến tận nền móng. Người Hy Lạp lập tức báo cáo việc này với hoàng đế Julian, còn Thánh Eupsychius, biết trước những đau khổ sắp phải chịu vì hành động này, đã phân phát tài sản của mình cho người nghèo và chuẩn bị cho cuộc tử đạo, sống trong sự ăn chay và cầu nguyện. Vua Julian, khi nghe tin đền thờ các vị thần của mình bị phá hủy, đã nổi cơn thịnh nộ tột độ, không chỉ giận dữ với Thánh Eupsychius mà còn với cả thành phố. Ông lập tức ra lệnh bắt giữ tất cả các công dân danh giá, xử tử một số người, còn những người khác thì bị đày đến và bị tịch thu tài sản; ông cũng tịch thu tài sản của tất cả các nhà thờ ở Caesarea, đồng thời ra lệnh ghi danh các giáo sĩ vào quân đội và cưỡng bức đưa họ vào các

---

[2939] Thebes – thành phố chính của vùng Boeotia thuộc Hy Lạp.

[2940] Hôm nay chúng ta tưởng nhớ Thánh Tông đồ thứ 70 tên là Hermas, người từng là giám mục tại thành phố Philippopolis thuộc vùng Thrace. Ngày tưởng niệm vị này được Giáo hội cử hành vào ngày 4 tháng 1

[2941] Dalmatia – phần phía nam của Illyria, giáp Pannonia ở phía bắc, giáp Ý và Biển Adriatic ở phía tây.

[2942] Có một số thành phố mang tên Caesarea. Caesarea Cappadocia – thành phố chính của tỉnh La Mã Cappadocia – nằm ở Tiểu Á.

[2943] Julianus, người từ bỏ Đức Chúa Trời, đã ngồi trên ngai vàng từ năm 361 đến năm 363.

trung đoàn. Thành phố bị tước bỏ danh hiệu danh dự "Caesarea"[2944] , vốn được trao trong triều đại của Claudius[2945] , và bị buộc phải dùng lại tên cũ là "Maza"; thành phố này bị loại khỏi danh sách các thành phố và bị hạ cấp xuống thành làng mạc, còn cư dân nơi đây, những tín đồ Kitô giáo trung thành, phải nộp một khoản thuế nặng nề kèm theo mệnh lệnh nghiêm khắc là nhất định phải khôi phục lại đền thờ đã bị phá hủy. Julian đã thề rằng ông sẽ không ngừng đặt thành phố này dưới sự trừng phạt và sẽ không để người Galilê (tên mà ông dùng để gọi các Kitô hữu) sống sót, nếu họ không xây dựng lại ngôi đền của các vị thần Hy Lạp đã bị phá hủy – và lời đe dọa này đã được thực hiện, nếu như vị vua thù ghét Thiên Chúa ấy không phải đối mặt với cái chết bất ngờ[2946] .

Còn Thánh Eupsychius, với tư cách là kẻ chủ mưu chính trong việc phá hủy đền thờ, Julian đã ra lệnh tra tấn ngài và ép buộc ngài dâng lễ vật cho các thần tượng. Và thế là vị thánh tử đạo bị giam cầm, thường xuyên bị lôi ra tra tấn và ép buộc phải thờ lạy các thần tượng: người ta hứa sẽ tha thứ cho việc ông đã dám phá hủy ngôi đền, miễn là ông chịu quỳ lạy các thần tượng. Nhưng chiến binh của Chúa Kitô không hề nao núng và dũng cảm kiên trì tuyên xưng danh Chúa Kitô. Ông bị treo cổ trên giá treo cổ và bị cạo da bằng những chiếc lược sắt cho đến tận ruột gan, nhưng ông được củng cố bởi một Thiên thần đã hiện ra với ông giữa những cực hình. Cuối cùng, sau những cuộc tra tấn dài đằng đẵng và tàn khốc, ông bị chém vào đầu bằng gươm[2947] , và từ vết thương, thay vì máu, một cách kỳ diệu, sữa và nước đã chảy ra. Các tín hữu đã rước thi hài thánh của ông và an táng với đầy đủ vinh dự.

Vào thời điểm đó, Julian, khi đang lên đường chinh phạt người Ba Tư, đi qua Cappadocia và tiến gần đến Caesarea; thành phố này đang đối mặt với nguy cơ lớn, vì tên bạo chúa vô pháp đã công khai bày tỏ ý định san bằng thành phố đến tận nền móng. Lúc đó, Thánh Basil Đại Đế, bày tỏ lòng kính trọng đối với Julian như một vị vua, đã ra đón ông và dâng lên ba ổ bánh lúa mạch – thứ mà chính ngài thường dùng làm thức ăn – để xin sự ban phước.

Vị hoàng đế ra lệnh cho các cận vệ của mình nhận lấy những chiếc bánh mì này, đồng thời trao cho Thánh Basil một nắm cỏ khô kèm theo lời nói:

– Ngươi đã cho chúng ta lúa mạch, thức ăn của súc vật, vậy hãy nhận lấy cỏ khô từ chúng ta.

Thánh Basil Đại Đế đáp lại:

– Thưa hoàng đế, chúng tôi đã mang đến cho ngài thứ mà chính chúng tôi dùng để ăn, còn ngài lại cho chúng tôi thức ăn của súc vật; ngài đang chế giễu chúng tôi, vì ngài không thể dùng quyền lực của mình để biến cỏ khô thành bánh mì – thức ăn tự nhiên của con người.

Còn Julian thì giận dữ nói với ngài:

– Hãy biết rằng, khi ta trở về đây từ Ba Tư, ta sẽ dùng chính cỏ khô này để cho ngươi ăn. Ta sẽ san bằng thành phố này đến tận nền móng, cày xới nơi đây bằng cày và biến nó thành đồng ruộng. Bởi vì ta biết rõ rằng, theo lời khuyên của ngươi, dân chúng đã dám phá hủy tượng và đền thờ của Thần Fortuna.

Nói xong, hoàng đế lên đường và chẳng bao lâu sau đã tử nạn: ông bị thánh đại tử đạo Mercurius giết chết, như được ghi chép trong cuốn tiểu sử của thánh Basil Đại đế. Sau khi Julian qua đời, dân chúng thành Caesarea đã xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp trên ngôi mộ của thánh tử đạo Eupsychius, và các thánh tích của ngài đã tuôn trào những dòng suối chữa lành để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vadim, Tổng tu sĩ.

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 4

Trong thời kỳ các thánh Tứ Thập Tử Đạo Ba Tư bị sát hại theo lệnh của vua Sapor[2948] , Thánh Archimandrite Vadim cùng bảy môn đệ của ngài đã bị bắt và giam cầm trong ngục tối. Vị thánh này xuất thân từ thành phố Viflapata (ở Ba Tư), thuộc một gia tộc rất giàu có, nhưng khi ngài quyết định trở thành tu sĩ, ngài đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo và, sau khi xây dựng một tu viện ngoài thành, ngài đã sống tại

---

[2944] Tên "Caesarea" bắt nguồn từ từ "Caesar" – danh hiệu của các hoàng đế La Mã.

[2945] Tất nhiên, đó là Hoàng đế La Mã Claudius I, trị vì từ năm 41 đến năm 54.

[2946] Julianus Apostata qua đời trong một cuộc chinh phạt Ba Tư, bị một mũi tên xuyên qua người. Trước khi chết, ông đã thốt lên: "Ngươi đã đánh bại ta, hỡi người Galilê" – ý nói "người Galilê" ở đây là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta.

[2947] Đó là vào năm 362.

[2948] Tất nhiên là vua Ba Tư Sapor II, được gọi là Đại Đế. Ông trị vì từ năm 310 đến năm 381.

đó một cách đạo đức, luôn cố gắng làm đẹp lòng Chúa trong mọi việc và thực hiện thánh ý của Ngài. Vì ngài là người tràn đầy ân sủng và chân lý, là bình thánh được Chúa chọn . Vị cha thánh này, được dẫn dắt bởi sự khôn ngoan thần thánh và trọn vẹn, đã leo lên ngọn núi hoang vắng và, khi cư ngụ tại đó, đã nhận được ân sủng từ Đức Chúa Trời Cứu Thế của mình và được chiêm ngưỡng *dung nhan của Đức Chúa Trời Giacôbê*[2949] . Ngài đối với Ba Tư vào thời bấy giờ như một men khởi đầu – men của sự tử đạo và sự tuyên xưng vững chắc về Đức Kitô, men ấy đã củng cố những người yếu đuối trong đức tin. Ngài thực sự là hòn đá của đức tin, giống như các Kitô hữu thời xưa – một linh mục của Thiên Chúa đáng kính, đã dẫn dắt nhiều người vào con đường cứu rỗi, can đảm và kiên định quyết tâm chịu tử đạo vì Chúa Kitô, và thể hiện lòng nhiệt thành vĩ đại đối với Thiên Chúa. Ngài thanh khiết khỏi mọi ô uế và không có chỗ cho bất kỳ việc ác nào trong lòng: lòng tham xa lánh Ngài, những dục vọng đã tắt lịm và không thể làm hại Ngài. Ngài xa lạ với mọi ham muốn tích lũy và không thể bị vàng bạc cám dỗ. Sự kiêu ngạo đã khuất phục trước ngài, sự ngạo mạn bị ngài chà đạp như bụi đất, còn sự nghèo khó và sự hiền lành thì yêu mến ngài. Sự công chính đã bám chặt lấy ngài, và lẽ thật đã chiếu sáng trong ngài; tình yêu đã ôm trọn ý chí của ngài, và thế gian đã âu yếm ngài và vui mừng vì ngài (xem Tv 84:11–12). Sự hòa hợp và lòng đồng nhất ngự trị trong lòng ngài, và người đàn ông này tràn đầy mọi hoa trái công chính; nhờ những hoa trái thiêng liêng của ngài, mọi người đều được no nê trong sự ngọt ngào.

Ông đã ở trong ngục tối, bị xiềng xích, cùng với các môn đệ của mình trong bốn tháng, và mỗi ngày đều phải chịu những trận đòn roi tàn bạo, nhưng ông đã chịu đựng chúng một cách kiên nhẫn, được củng cố bởi niềm hy vọng và đức tin chân thành vào Đức Chúa Trời.

Vào thời đó, có một người tên là Nirsan, là quan trưởng thành phố Aria thuộc vùng Vidgermi. Nirsan này là một Kitô hữu, và khi vua ép ông phải thờ lạy mặt trời, ông đã không chịu từ bỏ đức tin thánh thiện nơi Đức Kitô và bị xiềng xích giam cầm. Nhưng sau đó, tinh thần ông suy sụp, ông sợ hãi trước những cực hình sắp phải chịu và không kiên trì đến cùng trong việc tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô; thay vào đó, vì say mê cuộc sống tạm bợ này và vinh quang hư ảo từ nhà vua, ông đã đánh mất sự sống thiêng liêng và vinh quang vĩnh cửu. Tuy nhiên, như câu chuyện sau đây sẽ cho thấy, ông đã không được hưởng những thú vui của thế gian này: khi trốn tránh sự tử đạo, ông lại rơi vào đau khổ; và khi tìm kiếm vinh quang trần thế, ông lại phải chịu sự ô nhục vì đã chọn vị vua tạm bợ và phù du thay vì Đấng Thiên Thượng và Vĩnh Cửu, đồng thời hứa sẽ tuân theo mọi mệnh lệnh của vua Sapor. Vua, khi nghe về quyết định đó của ông, đã vô cùng vui mừng và, nhớ đến Thánh Vadim, lập tức ra lệnh tháo xiềng xích cho ông và đưa ông từ ngục tối đến trước mặt mình, nói với các quan đại thần đang đứng trước mặt:

– Nếu Nirsan tự tay giết Vadim, thì hắn sẽ được thả khỏi xiềng xích và nhận được toàn bộ tài sản của Vadim.

Những lời của nhà vua lập tức được truyền đạt cho Nirsan, và hắn đồng ý thực hiện đúng theo ý muốn của nhà vua. Thánh Vadim được dẫn đến trước mặt Nirsan, và tên Nirsan khốn nạn, cầm thanh gươm đã rút ra, chuẩn bị giết vị tử đạo của Chúa Kitô, nhưng vì bị nỗi sợ hãi bao trùm, hắn đứng bất động như tảng đá.

Lúc đó, người tôi tớ của Chúa Kitô nhìn hắn và nói:

– Lòng độc ác của ngươi, Nirsan, đã đi quá xa đến mức không chỉ chối bỏ Đức Chúa Trời của ngươi, mà còn bắt đầu giết cả các tôi tớ của Ngài sao? Khốn khổ cho ngươi, kẻ bất hạnh! Ngươi sẽ làm gì khi phải ra trước Tòa Án Phán Xét để trả lời trước Đức Chúa Trời vĩnh cửu? Ta sẵn sàng chết vì Đấng Christ của ta, nhưng ta không muốn nhận cái chết từ tay ngươi.

Nirsan không hề xấu hổ trước những lời đó, nhưng cũng không thể thi hành mệnh lệnh của nhà vua, nên vẫn đứng đó trong sợ hãi. Cuối cùng, sau khi làm cứng mặt như đá và làm cứng lòng như sắt, hắn vung kiếm chém vào cổ vị tử đạo. Nhưng vì tay kẻ sát nhân run rẩy, nên hắn không thể giết vị thánh ngay lập tức; chỉ sau nhiều nhát chém, hắn mới chém đứt đầu vị thánh một cách khó nhọc.

Trong nỗi đau đớn ấy, Thánh Vadim đã dâng linh hồn thánh thiện của mình lên Thiên Chúa, và tất cả những kẻ vô tín có mặt lúc ngài trút hơi thở cuối cùng đều kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của vị tử đạo, vì ngài, dù phải hứng chịu vô số nhát kiếm, vẫn đứng bất động như một cột đá. Còn kẻ sát nhân thì bị mọi người chế giễu như một kẻ hèn nhát và đối xử với hắn bằng sự khinh bỉ.

Một thời gian ngắn sau, Nirsan đã nhận được sự trừng phạt xứng đáng cho những việc làm của mình: vì phải chịu nhiều nỗi đau khổ tinh thần khác nhau, trong cơn tuyệt vọng, hắn đã tự kết liễu đời mình!

[2949] Trích từ Thi Thiên 23:3–6.

Thánh Vadim đã chịu tử đạo vì Chúa Giêsu Kitô vào ngày 8 tháng Tư. Thi thể của ngài, bị vứt bỏ ngoài thành, đã được những người đàn ông sùng đạo bí mật thu nhặt và an táng một cách trang trọng.

Còn bảy môn đệ của ngài vẫn bị giam trong ngục và ở đó suốt bốn năm, cho đến khi vua Sapor qua đời.

Khi họ được thả ra trong bình an, họ được phép tuyên xưng đức tin Kitô giáo, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ các thánh tử đạo: Giám mục Disana, Linh mục Mariava, Avdies và hai trăm bảy mươi vị khác, những người đã chịu tử đạo dưới tay vua Ba Tư Sapor, vào các năm 362–364.

Ngày 23 tháng 4

Ngày 10 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ các thánh tử đạo: Thầy cả Giacôbê, các phó tế Azadan và Avdikiya, tại Ba Tư, đã chịu khổ hình dưới thời vua Sapor vào khoảng năm 380.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Tê-rê-n-ti-ô và những người cùng chịu khổ với ngài

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 4

Vị hoàng đế La Mã vô đạo Decius[2950] , với mong muốn ép buộc tất cả mọi người theo tín ngưỡng thờ thần tượng độc hại của mình, đã ban hành sắc lệnh đến khắp các vùng trong vương quốc – buộc tất cả các Kitô hữu phải thờ thần tượng và ăn thịt hiến tế cho thần tượng, còn những ai không tuân lệnh sẽ bị đưa ra xét xử và hành quyết. Khi sắc lệnh này được thống đốc châu Phi Fortunatian nhận được, ông đã ngồi lên ghế thẩm phán, triệu tập toàn thể dân chúng đến và tuyên bố:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, nếu không các ngươi sẽ bị tra tấn dã man và chết một cái chết thảm khốc.

Khi nói những lời này, quan tổng trấn đã chỉ ra các dụng cụ tra tấn, và nhiều người khi nhìn thấy chúng đã hoảng sợ và từ bỏ đức tin vào Đấng Kitô. Tuy nhiên, có bốn mươi người trung thành đã kiên quyết quyết tâm chết vì Đấng Kitô và can đảm nói với nhau:

– Hãy vững lòng, hỡi anh em, chúng ta sẽ không từ bỏ Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, để Ngài cũng không từ bỏ chúng ta trước mặt Cha Ngài trên trời và các Thiên Thần thánh của Ngài. Hãy nhớ lời Chúa đã phán: *"Đừng sợ những kẻ giết thân xác mà không thể giết linh hồn; nhưng hãy sợ Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác trong hỏa ngục"* (Mt 10,28). Khi các tôi tớ của Chúa Kitô khích lệ lẫn nhau bằng những lời ấy, Fortunatian đã nói với họ:

– Tôi thật ngạc nhiên, làm sao các ngươi, những người đã trưởng thành về tuổi tác và trí tuệ, lại sa vào sự điên rồ đến mức công nhận Đấng mà người Do Thái đã đóng đinh như một tên ác nhân là Thiên Chúa duy nhất và Vua của các ngươi.

Thánh Tê-rê-n-ti-ô đã thay mặt mọi người trả lời:

– Nếu ngài, thưa quan tổng trấn, từ bỏ sự lầm lạc của thần tượng và nhận biết quyền năng của Đấng Kitô bị đóng đinh, thì ngài sẽ thờ lạy và phụng sự Ngài; vì Ngài là Con Thiên Chúa, Đấng nhân từ, thương xót và đầy lòng thương xót; theo ý muốn của Thiên Chúa, Cha Ngài, Ngài đã xuống trần gian, kết hợp bản tính Thiên Chúa với bản tính con người, và vì sự cứu rỗi của chúng ta, Ngài đã tự nguyện chịu khổ hình Thập giá.

Vị vua nói:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, nếu không ta sẽ thiêu xác các ngươi và tiêu diệt các ngươi.

– Ngươi nghĩ rằng có thể dọa nạt chúng ta bằng sự sợ hãi sao? – Thánh Tê-rê-ni-ô đáp lại. – Không, chúng ta không yếu đuối đến mức từ bỏ cuộc sống bất tử và Đấng ban tặng nó để đi thờ lạy các thần tượng. Hãy mau làm điều ngươi muốn làm, hãy nghĩ ra hình phạt cho chúng ta, vì chúng ta, những tôi tớ của Đấng Kitô, kiên định và bền vững.

[2950] Hoàng đế Decius – kẻ nổi tiếng vì đã bắt bớ các Kitô hữu; trị vì từ năm 249 đến năm 261.

Lúc đó, quan tổng trấn giận dữ ra lệnh lột trần họ và dẫn vào đền thờ thần tượng. Các thần tượng được trang hoàng bằng vàng, bạc và những bộ y phục quý giá. Khi bước vào đền thờ, quan tổng trấn nói với các thánh:

– Hãy dâng lễ vật lên vị thần hùng mạnh Hercules, vì sức mạnh của ngài thật vĩ đại và sự vinh quang của ngài thật lộng lẫy.

– Ngươi lầm rồi, – thánh Tê-rê-ni-ô nói, – các vị thần của ngươi chỉ là đá và gỗ, đồng và sắt, được trang trí bằng vàng để lừa dối con người và dẫn dắt họ xa rời sự sống đời đời; vì chúng không thấy, không nói, không nghe và không đi lại, bởi chúng được đúc và chế tác bởi bàn tay con người: *"Hãy để những kẻ làm ra chúng và tất cả những ai trông cậy vào chúng trở nên giống như chúng"* (Thánh vịnh 113:16).

Nghe những lời này, quan tổng trấn ra lệnh giam Tê-rê-n-ti-ô, A-phri-ca-na, Ma-xi-ma và Pô-mê-i vào các phòng giam bên trong ngục tối và canh giữ họ thật chặt chẽ, đồng thời nói:

– Ngày mai ta sẽ tra tấn họ để thử thách.

Còn các vị thánh Zinon, Alexander, Theodor và những người khác, tổng cộng ba mươi sáu người, thì ông ra lệnh đưa đến tòa án gần đền thờ thần tượng và nói với họ:

– Cuộc tranh luận đầu tiên của các ngươi chẳng mang lại thành công hay lợi ích gì cả, vì vậy bây giờ hãy nghe lời ta và dâng lễ vật lên vị thần vĩ đại Hercules.

Các thánh đáp lại:

– Chúng tôi đã nhiều lần nói rằng chúng tôi là Kitô hữu; ngài đã biết điều này ngay từ những câu hỏi đầu tiên, và ngài sẽ không bao giờ có thể thuyết phục chúng tôi thờ lạy những thần tượng ô uế.

Vị quan cai trị nói:

– Nếu các ngươi không muốn tự nguyện nghe theo lời khuyên nhủ của ta, thì ta sẽ dùng vũ lực buộc các ngươi phải tuân theo mệnh lệnh của các vị vua bất khả chiến bại, – và ra lệnh đánh họ không thương tiếc bằng những cành cây gồ ghề và những sợi dây thừng khô.

Các thánh tử đạo, giơ tay lên trời, đồng thanh kêu lên:

– Xin hãy nhìn xuống chúng con, lạy Chúa là Thiên Chúa của chúng con, xin giúp đỡ các tôi tớ của Ngài và giải thoát chúng con khỏi sự chống đối.

Nghe vậy, quan tổng trấn ra lệnh đánh họ mạnh hơn nữa, đến nỗi các đầy tớ phải thay nhau nhiều lần và cành cây cùng dây thừng cũng không còn đủ. Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh đánh họ bằng gậy, và mặc dù nội tạng của các vị tử đạo đã lộ ra, nhưng khuôn mặt họ vẫn rạng rỡ và vui tươi đến nỗi mọi người đều kinh ngạc trước sự kiên nhẫn và dũng cảm bất khả chiến bại của các thánh. Sau khi đánh đòn, quan tổng trấn nói với họ:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, thì ta sẽ thả các ngươi.

Các thánh im lặng, còn ông ta trong cơn giận dữ ra lệnh nung đỏ những thanh sắt rồi đốt cháy vai họ, đồng thời rưới giấm trộn muối lên vết thương và chà xát bằng vải thô. Lúc đó, các vị tử đạo của Chúa Kitô ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của chúng con, Đấng đã cứu ba thiếu niên khỏi lò lửa: Ananias, Azarias và Misael, Đấng đã giải cứu Đa-ni-ên khỏi miệng sư tử, Đấng đã cứu Mô-sê khỏi tay Pha-ra-ôn và bảo vệ thánh Thekla khỏi lửa và thú dữ, Đấng ban cho những người được Ngài yêu thương chiến thắng trọn vẹn trước kẻ thù, Đấng đã làm cho Mục Tử của bầy chiên, Chúa Giê-su Ki-tô vĩ đại của chúng ta, sống lại từ cõi chết (xem: Hê-bơ-rơ 13:20), Đấng đã ban cho chúng con vô vàn ân huệ đa dạng, Đấng đã tạo ra ánh sáng và trải rộng bầu trời như tấm da, Đấng đếm số lượng các vì sao và gọi tên từng ngôi sao (xem: Thi thiên 146:4), Đấng đã truyền bá giáo lý chân chính của đức tin đến tận cùng trái đất, – xin hãy nghe lời chúng con cầu nguyện cùng Ngài và giải thoát chúng con khỏi những tai ương, vì vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men.

Chưa kịp kết thúc lời cầu nguyện, quan tổng trấn, trong cơn thịnh nộ, lại ra lệnh treo cổ họ lên và dùng móng sắt cào xé, khiến máu tuôn trào như suối từ xương sườn họ; nhưng dù bị tra tấn dã man, họ vẫn không hề nao núng, vì Đức Chúa Trời đã củng cố họ và ban cho họ sự vững vàng cùng sức mạnh. Quan tổng trấn bèn nói với họ:

– Những cực hình này đã khiến các ngươi tỉnh ngộ chưa, và các ngươi có sẵn sàng từ bỏ sự điên rồ của mình không? Hay các ngươi vẫn sẽ tiếp tục ở trong sự bất kính của mình?

Các thánh nhân không trả lời gì, còn quan tổng trấn thì giận dữ nói:

– Ta nói với các ngươi đây, hỡi những kẻ vô đạo!

Lúc đó, các thánh nhân ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Thiên Chúa toàn năng, Đấng xưa kia đã giáng lửa xuống thành Sodom vì sự gian ác của nó, xin Ngài hãy hủy diệt ngôi đền bất chính của những vị thần tà ác này vì lẽ thật của Ngài.

Nói xong, họ làm dấu thánh giá trên trán và thổi một hơi về phía đền thờ, và ngay lập tức các tượng thần trong đó đổ sập xuống với tiếng ầm ầm lớn và vỡ tan thành bụi. Lúc đó, các thánh tử đạo nói với quan tổng trấn:

– Ngài thấy rồi đó, các vị thần của ngài ra sao; giờ đây sức mạnh và quyền năng của chúng ở đâu? Chúng có thể tự bảo vệ mình được chăng?

Chẳng bao lâu sau, ngôi đền cũng sụp đổ và bị phá hủy tận gốc rễ. Lúc đó, vị quan tổng trấn, trong cơn thịnh nộ tột độ vì sự tàn phá của ngôi đền và các tượng thần, đã ra lệnh chém đầu các thánh tử đạo. Còn các ngài thì vui mừng trước án tử này, ngợi khen Thiên Chúa và hân hoan tiến đến nơi hành hình; tại đó, quỳ gối xuống, các ngài sẵn lòng đưa cổ ra dưới lưỡi gươm vì Chúa Kitô, và đã chết dưới lưỡi gươm. Các tín hữu đã rước thi hài thánh của các ngài và an táng tại một nơi thánh.

Sau khi các vị tử đạo thánh này bị giết, quan tổng trấn ra lệnh dẫn thánh Terentius, Africanus, Maximus và Pompeius đến trước mặt mình và nói với họ:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, nếu không các ngươi sẽ phải chịu cái chết thảm khốc, và không ai có thể cứu các ngươi khỏi tay ta.

Các thánh đáp lại:

– Chúng tôi là Kitô hữu, và đã đặt niềm hy vọng của mình vào Đức Kitô; chúng tôi sẽ không thờ lạy ma quỷ cũng như không phụng sự các vị thần của ngài, và chúng tôi không sợ những hình phạt của ngài. Hãy ra lệnh cho chúng tôi chịu bất kỳ hình phạt nào ngài muốn; chúng tôi tin tưởng vào Thiên Chúa của chúng tôi rằng ngài sẽ bị chúng tôi đánh bại, giống như ma quỷ đã bị Đức Kitô đánh bại, Đấng sẽ ban cho chúng tôi sức mạnh để chiến thắng ý định xấu xa của ngài.

Vị quan cai trị ra lệnh đưa các thánh tử đạo trở lại ngục tối, đeo những chiếc cùm sắt nặng nề vào cổ họ, xích tay và chân họ bằng xiềng xích sắt, rồi đặt họ lên những chiếc móc sắt ba ngạnh được trải trên sàn nhà; đồng thời cấm không cho ai vào ngục để mang thức ăn cho họ. Khi các thánh đang chịu cực hình như vậy và cầu nguyện cùng Thiên Chúa, vào nửa đêm, một ánh sáng bừng lên trong ngục tối, và Thiên Thần của Chúa hiện ra với họ và nói:

– Terentius, Africanus, Maximus và Pompeius, các tôi tớ của Đức Chúa Trời trên cao, hãy đứng dậy và bổ sung sức lực cho thân thể các ngươi.

Nói xong, Thiên Thần chạm vào xiềng xích của họ, và ngay lập tức xiềng xích rơi ra, một bàn tiệc đầy đủ các món ăn hiện ra trước mặt họ.

Và Thiên Thần nói:

– Hãy nghỉ ngơi và dùng bữa mà Đức Kitô đã sai đến cho các con.

Các thánh, trong khi ngợi khen Đức Kitô là Thiên Chúa, đã dùng bữa và uống nước, rồi dâng lời tạ ơn lên Chúa của mình. Các lính canh, khi thấy ánh sáng trong ngục, đã bước vào và thấy các thánh tử đạo đang vui mừng và hân hoan, liền báo cáo điều đó cho quan tổng trấn. Sáng hôm sau, quan tổng trấn đưa các thánh tử đạo ra xét xử và nói với họ:

– Những cực hình này chẳng lẽ chưa làm các ngươi tỉnh ngộ sao? Các ngươi có sẵn sàng từ bỏ sự điên rồ của mình không? Hãy đến trước các vị thần và thờ lạy họ đi.

Thánh Terentius đáp lại:

– Xin Chúa bảo vệ chúng con khỏi sự điên rồ này – cả chúng con lẫn tất cả những ai yêu mến Chúa: vì *"sự khôn ngoan của Chúa còn khôn ngoan hơn sự khôn ngoan của loài người"* (1 Cô-rinh-tô 1:25), và sự khôn ngoan của loài người là sự điên rồ trước mặt Chúa. Chúng con sẽ là những kẻ điên rồ nếu bỏ Chúa mà thờ lạy ma quỷ, như ngài đang làm.

Vị vua, phẫn nộ trước những lời ấy, đã ra lệnh treo cổ họ lên giá treo cổ và tra tấn bằng những móng vuốt sắt. Trong lúc chịu đựng sự tra tấn đó, các thánh đã cầu nguyện cùng Thiên Chúa và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng hằng sống muôn đời, Ánh sáng của các Kitô hữu, niềm hy vọng vững chắc của chúng con, xin hãy ở cùng chúng con, giúp đỡ chúng con và đừng để chúng con phải hổ thẹn, những kẻ đang chịu đau khổ vì Danh Thánh của Ngài.

Khi cầu nguyện như vậy, họ không cảm thấy đau đớn, vì Chúa Kitô đã làm dịu bớt nỗi đau cho họ.

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh tống họ trở lại ngục tối và, sau khi triệu tập các pháp sư và phù thủy biết cách điều khiển thú vật và loài bò sát, đã ra lệnh cho họ dùng bùa chú tập hợp những con thú hung dữ nhất – rắn hổ mang, rắn nhím và rắn độc – rồi nhốt chung với các vị tử đạo trong ngục tối. Nhưng các loài bò sát, dù bò lổm ngổm dưới chân các thánh tử đạo, cũng không chạm vào họ và không gây hại gì cho họ; còn các thánh thì vẫn hát ca và ngợi khen Thiên Chúa. Họ đã ở trong ngục cùng với các loài bò sát suốt ba ngày ba đêm, và vào đêm ngày thứ tư, quan tổng trấn sai người đi xem các thánh tử đạo có bị các loài bò sát giết chết hay không. Những người được cử đi, khi đến gần cửa ngục, nghe thấy các thánh tù nhân đang hát và ngợi khen Thiên Chúa. Muốn biết rõ hơn những gì đang xảy ra trong ngục, họ leo lên mái nhà và, sau khi mở nó ra, thấy các thánh đang ngồi đó, còn Thiên Thần của Đức Chúa Trời không cho phép các loài bò sát đến gần các vị tử đạo. Thấy cảnh đó, họ kinh hoàng và ngay lập tức báo cáo những gì đã thấy cho quan tổng trấn.

Sáng sớm, quan tổng trấn ra lệnh cho những người phù thủy đuổi rắn, rắn hổ mang, rắn nhím và tất cả các loài bò sát của mình ra khỏi ngục tối, đồng thời đưa các vị tử đạo ra xét xử. Khi các pháp sư đến nhà ngục và bắt đầu niệm những câu thần chú thông thường của họ, lũ thú độc không nghe theo, mà với cơn thịnh nộ dữ dội, tất cả chúng ùa ra từ những cánh cửa mở rộng, lao vào các pháp sư và giết chết họ, cũng như tất cả những người có mặt tại đó. Sau đó, các thánh nhân được dẫn đến tòa án, và quan tổng trấn, khi thấy họ vẫn nguyên vẹn, đã nổi giận và kết án họ phải bị chém đầu bằng gươm. Lúc đó, các vị tử đạo tràn ngập niềm vui khôn tả và, trong khi vui vẻ bước đi đón nhận cái chết, họ đã hát:

– Lạy Chúa, Ngài đã giải thoát chúng con khỏi những kẻ làm hại chúng con, và làm cho những kẻ ghét chúng con phải hổ thẹn.

Các đầy tớ, sau khi dẫn các ngài đến nơi hành hình, đã thi hành theo lệnh đã được truyền, và các vị chứng nhân của Đức Kitô đã nhận lấy vương miện tử đạo. Những người sùng kính đã thu nhặt thi hài các thánh và an táng với sự tôn kính cách hai dặm ngoài thành, để tôn vinh Đấng Cứu Thế của chúng ta là Đức Giêsu Kitô, Đấng hằng sống và ngự trị muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Hôm nay, ngày kỷ niệm vinh quang của các vị tử đạo, mang lại niềm vui cho muôn loài, của Thánh Terentius, vị thánh khôn ngoan, và các bạn đồng hành của ngài. Hãy đến gần với lòng nồng ấm, để chúng ta nhận được sự chữa lành: vì các ngài đã nhận được ân sủng từ Thiên Chúa, là Thánh Thần, để chữa lành những bệnh tật của linh hồn chúng ta.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ các thánh tử đạo: Thánh Giacôbê, linh mục; Thánh Azadan và Thánh Avdik, các phó tế, tại Ba Tư, đã chịu tử đạo dưới thời vua Sapor vào khoảng năm 380.

Ngày 24 tháng 4

Ngày 11 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Pharmufius, người đã sống vào thế kỷ IV tại cùng một sa mạc nơi Thánh Gioan đã tu hành trong giếng nước; Thánh Pharmufius đã phục vụ và nuôi dưỡng ngài.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Antipas, Giám mục thành Pergamum

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 4

Dưới triều đại của Hoàng đế Domitian[2951] , một cuộc bách hại lớn đối với các Kitô hữu đã bùng nổ, và các sắc lệnh đã được gửi đến tất cả các hoàng tử và các nhà cai trị, yêu cầu các Kitô hữu phải tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế một cách vô điều kiện, chấp nhận đức tin ngoại giáo và thờ lạy các thần tượng. Lúc bấy giờ, đã xuất hiện

[2951] Hoàng đế La Mã Domitian trị vì từ năm 81 đến năm 96.

rất nhiều tín hữu can đảm, không sợ hãi mà tuyên xưng Lời Chúa, và sự dũng cảm vĩ đại của các vị tử đạo, những người đã hy sinh vì Chúa Kitô Cứu Thế, đã được bộc lộ. Vào thời điểm đó, vị Tông đồ vĩ đại, Thánh Gioan Thần Học ([2952]) – cột trụ của Giáo Hội, nền tảng của chân lý Kitô giáo và người rao giảng về bản tính thần linh từ thuở đời đời của Con Một Thiên Chúa – đã bị lưu đày đến đảo Patmos. Tại Patmos, trong một sự mặc khải giữa bảy ngọn đèn, Chúa đã hiện ra với ngài và truyền lệnh cho ngài viết thư cho bảy Thiên thần, tức là các giám mục của bảy Hội Thánh ở Tiểu Á, đồng thời củng cố đoàn thể các vị tử đạo. Trong dịp này, Chúa cũng đã nhắc đến Thánh Antipas, người mà câu chuyện này sẽ kể về. Chúa đã phán với môn đệ của Ngài*: "Ta biết các việc làm của ngươi, và biết ngươi đang sống tại nơi ngai của Sa-tan, và ngươi vẫn giữ danh Ta, và không chối bỏ đức tin của Ta, ngay cả trong những ngày mà tại nơi các ngươi, nơi Sa-tan ngự trị, chứng nhân trung thành của Ta là Antipas đã bị giết"* (Khải Huyền 2:13).

Vì thánh Antipas là giám mục của Hội Thánh Pergamum[2953] . Từ những lời trong Sách Khải Huyền của Thánh Gioan, ta thấy rõ Antipas là một chứng nhân trung thành của Đấng Kitô như thế nào, và cư dân thành phố Pergamum – nơi là nơi ở của Satan – ra sao. Giữa họ, Thánh Antipas như ánh sáng giữa bóng tối, như bông hồng giữa gai góc, như vàng trong bùn lầy, hay đúng hơn là trong lò lửa, như lời chép: *"Ngài đã thử thách họ như vàng trong lò nung"* (Châm Ngôn 3:6).

Ở đó, ngay cả luật tự nhiên cũng không được tuân thủ và không có chút lý trí nào, mà ai nấy đều tự mình trả thù; kẻ mạnh bắt nạt kẻ yếu, và người nào đánh đập hoặc giết hại các Kitô hữu lại được coi là dũng cảm, nhân từ và công chính. Và khi những kẻ vô tín như vậy đàn áp và quấy rối cộng đồng Kitô hữu, Thánh Antipas, người đàn ông kiên định trong đức tin và bền vững trong đức hạnh, không hề nao núng chút nào, mà như thể đã biến bản tính con người thành bản tính thiên thần, đứng vững vàng và không sợ hãi trước kẻ thù.

Bỏ qua những lời đe dọa của những kẻ tra tấn, ngài thường ra giữa dân chúng, và giữa họ, ngài tỏa sáng như bình minh, dùng ánh sáng của đức tin trong sạch và chính trực để xua tan bóng tối của sự lầm lạc thờ thần tượng. Vì thế, các quỷ dữ (mà người Hy Lạp coi là các vị thần) đều bỏ chạy khỏi đó, và không một con nào dám ở lại thành phố Pergamum, nơi Thánh Antipas đang sinh sống. Các quỷ hiện ra với các thầy tế của chúng trong giấc mơ và nói rằng chúng không còn nếm được các lễ vật của họ cũng như không còn ngửi thấy mùi khói của các lễ vật nữa, vì chúng bị thủ lĩnh của các Kitô hữu xua đuổi. Lúc đó, người Hy Lạp nổi giận và xông vào bắt Thánh Antipas, rồi lôi ông đến nơi mà họ thường dâng các lễ vật tà ác của mình. Và quan tổng trấn nói với ông:

– Ngươi có phải là Antipas, kẻ không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, lại còn dạy người khác làm theo, và cản trở việc dâng lễ vật của chúng ta đến nỗi không một vị thần nào được no nê mùi hương lễ vật nữa không? Vì ngươi mà các vị thần đã bỏ rơi thành phố của chúng ta, và có nguy cơ một tai họa nào đó sẽ ập xuống thành phố này, vì họ sẽ không còn muốn bảo vệ nó nữa. Đủ rồi, đừng dính líu vào những trò phù phép của Kitô giáo nữa; bây giờ hãy ăn năn và tuân theo luật pháp của chúng ta, để các vị thần, những người cai quản thành phố tuyệt vời này, không ngừng quan tâm và bảo vệ chúng ta. Còn nếu ngươi không muốn làm điều đó, không từ bỏ đức tin của mình và tiếp tục khinh miệt việc thờ phụng các vị thần của chúng ta, thì theo luật La Mã, ngươi sẽ phải chịu hình phạt xứng đáng.

Thánh Antipas đã trả lời như sau:

– Hãy biết điều này, thưa quan tổng trấn, rằng tôi là một Kitô hữu và tuyệt đối không muốn tuân theo mệnh lệnh điên rồ và bất chính của nhà vua. Nhưng vì các câu hỏi của ngài cần được trả lời một cách xứng đáng, xin hãy lắng nghe tôi. Nếu các vị thần của các ngài, những vị mà các ngài gọi là chúa tể của cả vũ trụ, đã bị một con người phàm trần – như chính họ thừa nhận – đánh đuổi đi, và nếu những vị mà các ngài coi là những người bảo vệ và che chở cho các ngài lại chính là những người đang tìm kiếm sự giúp đỡ từ các ngài, thì từ đó các ngài có thể dễ dàng nhận ra sự lầm lạc của mình. Nếu họ không thể trừng phạt sự sỉ nhục đã gây ra cho chính họ và tự thừa nhận mình đã bị đánh bại bởi một con người, thì làm sao họ có thể giải cứu toàn thể nhân loại hay dù chỉ một thành phố khỏi tai họa? Xét đến điều này, các ngươi phải từ bỏ ngay lập tức sự lầm lạc tai hại của mình và tin vào Đức Kitô, Đấng đã

[2952] Patmos là một hòn đảo cằn cỗi, nhiều đá ở Biển Aegean, nằm ở phía tây nam của Ephesus, giữa Sanop và Naxos

[2953] Pergam – một thành phố ở Mi-zi-a vĩ đại (phía tây bắc Tiểu Á) từng là thủ đô của vương quốc Pergam. Trong thời cổ đại, thành phố này nổi tiếng về sự giàu có, sự xa hoa và thư viện rộng lớn, cũng như việc phát minh ra, hay đúng hơn là cải tiến kỹ thuật chế biến da thuộc (da dùng để viết). Sau này, thành phố này đã bị sáp nhập vào Đế chế La Mã.

từ trời xuống để cứu độ loài người. Vào cuối các thời đại, Đức Kitô ấy quả thực sẽ đến để phán xét mọi người và ban cho mỗi người, tùy theo việc làm của họ, hoặc là sự trừng phạt, hoặc là vinh quang.

Sau câu trả lời khôn ngoan đó, vị quan lại lại bắt đầu nói với Thánh Antipas:

– Ngài tuân theo những luật lệ và quy tắc mới do chính ngài sáng tạo ra, và đã coi thường việc thờ phượng Thiên Chúa theo truyền thống cổ xưa, mà chúng ta từ thuở ban đầu đã nhận lãnh từ tổ tiên và được truyền lại cho chúng ta qua các thế hệ. Không tốt khi rời bỏ các tập tục của tổ tiên chúng ta, vì cái cũ tốt hơn cái mới, đáng tin cậy hơn, và những gì đã được thời gian cổ xưa chứng thực thì xứng đáng được ca ngợi hơn. Vì vậy, ngươi cũng phải thay đổi niềm tin của mình và đừng theo Người Đấng đã xuất hiện gần đây, Đấng đã gây rối loạn cuộc sống loài người bằng những phép thuật huyền bí, và đã bị đóng đinh dưới thời Pontius Pilate. Vậy, hãy tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, và ngươi sẽ sống an nhàn cùng chúng ta; chúng ta sẽ giúp đỡ ngươi trong mọi việc và yêu thương ngươi như con cái; vì tuổi già của ngươi xứng đáng để chúng ta yêu mến và kính trọng ngươi như cha.

Thánh Antipas đáp lại:

– Dù ngươi có đưa ra bao nhiêu lý lẽ đi chăng nữa, ta cũng sẽ không điên rồ và vô lý đến mức, khi đã bước vào tuổi già và sắp sửa ra đi, lại thay đổi đức tin của mình, và vì cuộc sống bất hạnh và ô nhục này mà từ bỏ lời tuyên xưng đức tin đã được xác lập. Vậy nên, đừng cám dỗ tâm trí tôi, vốn luôn miệt mài đọc các sách Thánh. Bởi vì ban đầu không có vị thần nào trong số các vị thần của các ngươi; họ chỉ xuất hiện sau này và chẳng làm được điều thiện nào, cũng chẳng mang lại lợi ích gì cho chúng ta; nhưng vì bản thân họ đã đồi bại và vô dụng, nên họ cũng trở thành nguyên nhân khiến người khác sa vào cuộc sống xấu xa và đầy dục vọng. Và nếu cần phải tuân theo những quy định cổ xưa xấu xa ấy, thì các ngươi nên noi gương cả Ca-in, kẻ giết anh em mình. Tại sao các ngươi không noi gương những kẻ đã muốn bay lên trời và không ngần ngại loạn luân với chính các chị em mình, điều mà họ đã bị tiêu diệt bởi trận đại hồng thủy? Nếu các ngươi cũng bắt chước những hành vi phạm pháp của họ chỉ vì chúng đã tồn tại từ lâu đời, thì các ngươi sẽ không còn bị trừng phạt bằng nước nữa, mà bằng lửa vĩnh cửu và con sâu không bao giờ ngủ, nếu các ngươi không ăn năn.

Sau những lời ấy, bọn vô đạo đã bắt vị thánh nhân và lôi đến đền thờ Artemis[2954] , nơi có con bò đồng: sau khi nung đỏ con bò đó, chúng ném vị thánh tử đạo vào trong. Còn ngài, sau khi làm dấu thánh giá, đã cầu nguyện với Thiên Chúa, kêu lên:

– Lạy Thiên Chúa, Đấng đã mặc khải cho chúng con mầu nhiệm thâm sâu từ thuở đời đời của Chúa Giêsu Kitô, Đấng nhờ đó Ngài đã mở ra cho chúng con những chiều sâu không thể thấu hiểu của kế hoạch Ngài, con tạ ơn Ngài vì mọi ân huệ của Ngài, – vì Ngài đã cứu rỗi chúng con, những kẻ đặt niềm tin nơi Ngài, và đã ban cho con vinh dự vào giờ phút này được ghi tên vào danh sách các thánh tử đạo, những người đã chịu khổ vì danh thánh của Ngài. Xin hãy đón nhận linh hồn con, giờ đây đang rời xa cuộc đời này, và xin ban cho con được hưởng ân sủng nơi Ngài và nơi Con Một duy nhất của Ngài – và không chỉ riêng con, mà cả những ai sẽ sống sau con, xin hãy cho họ được dự phần vào lòng thương xót của Ngài, để Danh Thánh của Ngài được mọi người tôn vinh đến muôn đời. Amen.

Thánh Antipas, đang chịu cực hình trong lò lửa đỏ rực, đã cầu nguyện lâu dài bằng những lời như thế và những lời tương tự. Sau đó, sau khi dâng lời cầu nguyện cho cả thế giới, ngài đã trút hơi thở cuối cùng vào tay Chúa, như thể chìm vào giấc ngủ ngọt ngào, và được rước lên trời, được trang hoàng bằng vương miện tử đạo vinh quang[2955] . Những người đạo đức đã rước thi hài thánh của ngài và an táng với sự tôn kính tại chính thành phố Pergamum ấy; từ thi hài ngài đã tuôn ra dầu thánh, chữa lành mọi bệnh tật của loài người, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

[2954] Artemis – hay còn gọi là Diana – là nữ thần ngoại giáo nổi tiếng của người Hy Lạp, tượng trưng cho mặt trăng và được coi là vị thần bảo trợ của rừng rậm và săn bắn. Các nghi lễ thờ phụng nữ thần này được cử hành một cách hoành tráng và lộng lẫy.

[2955] Thánh Tử đạo Antipas, Giám mục Pergamum thuộc châu Á, qua đời vào năm 95; ngày kỷ niệm ngài (11 tháng 4) được tôn kính đặc biệt tại Constantinople, nơi dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius Đại đế (379–395), con bò mà Thánh Antipas đã bị thiêu sống đã được chuyển từ Pergamum đến đây.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài đã xóa bỏ sự nịnh hót của các thần tượng, hỡi Antipus, và, sau khi đánh bại sức mạnh của ma quỷ, Ngài đã can đảm xưng nhận Chúa Kitô trước mặt những kẻ chống lại Thiên Chúa. Vì thế, ngự cùng các hàng thiên thần trên trời cao, dâng lời ngợi khen lên Đấng Tối Cao, và dâng lên chúng con lời tạ ơn cầu nguyện, ban cho ân sủng chữa lành. Vì lý do đó, chúng con tôn kính ngài, vị thánh tử đạo Antipo, xin ngài cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài là đồng tế với các Tông đồ và là vinh quang của các Thánh, hỡi vị thánh phúc lành, đã được tôn vinh qua sự tử đạo, Ngài đã chiếu sáng như mặt trời, soi sáng mọi người, hỡi Antipo thánh thiện, Ngài đã phá tan bóng tối sâu thẳm của sự vô thần. Vì lý do này, chúng con tôn kính Ngài, như vị Thánh Tử đạo Thần thánh và Đấng ban ơn chữa lành.

Lễ kính các thánh tử đạo Prokess và Martinian

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 4

Các thánh tử đạo Processus và Martinianus ban đầu là những người ngoại đạo và đảm nhiệm chức vụ cai ngục tại nhà tù Mamertine[2956] , nằm ở Rôma.

Các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô đã bị giam giữ trong nhà tù đó vì rao giảng đạo Kitô. Khi chứng kiến những phép lạ do các Thánh Tông đồ thực hiện trong ngục, Processus và Martinianus đã tin nhận Chúa Kitô; và khi Thánh Tông đồ Phêrô, sau khi cầu nguyện và vẽ dấu thánh giá trên Vách đá Tarpeian[2957] , đã làm cho nước tuôn trào từ vách đá, thì không chỉ Processus và Martinianus mà cả 47 người khác đang bị giam giữ trong ngục cũng đã được rửa tội.

Process và Martinian, sau khi tin nhận Chúa Kitô và chịu phép rửa, đã thả các Tông đồ ra khỏi ngục; nhưng chính Chúa đã hiện ra với Thánh Phêrô trên đường ngài trở về từ Rôma, nói với ngài rằng Ngài sắp bị đóng đinh lần nữa, và bằng những lời ấy, Ngài đã khiến ngài quay trở lại Rôma, nơi ngài lại bị binh lính bắt giữ.

Trong khi đó, Pavlin, người chỉ huy của Prokes và Martinian, đã nhận được tin báo rằng họ đã trở thành Kitô hữu. Sau khi triệu tập các thánh đến, Pavlin bắt đầu khuyên nhủ họ từ bỏ Kitô giáo; nhưng khi họ phản đối ông và phỉ báng các thần tượng, ông ra lệnh đánh vào miệng họ. Sau đó, khi các thánh vẫn kiên định trong đức tin của mình dù đã trải qua những lời khuyên nhủ mới, vừa kiên trì vừa vô ích và vô nghĩa, họ bị treo lên cây hình phạt, bị chém dã man bằng các dụng cụ sắc nhọn và bị thiêu đốt bằng lửa ở hai bên sườn. Nhưng các thánh đã dũng cảm chịu đựng tất cả những đau khổ này, và họ được một người phụ nữ La Mã tên là Lucina khích lệ và an ủi.

Trong khi đó, sự trừng phạt của Thiên Chúa đã nhanh chóng giáng xuống kẻ hành hình vô đạo. Pavlin, người đã ra lệnh tra tấn các thánh, ngay lập tức bị Thiên Chúa trừng phạt bằng cách mất mắt trái và, bị quỷ dữ hành hạ, đã qua đời sau ba ngày.

Con trai của Pavlin đã khẩn thiết yêu cầu quan tổng trấn[2958] của Rôma phải lập tức xử tử các thánh tử đạo, vì vậy họ đã bị chém đầu bên ngoài tường thành Rôma[2959] . Thi hài thánh thiện của họ được Lucina nói trên thu nhặt và an táng với những nghi lễ xứng đáng dành cho các thánh tử đạo.

[2956] Nhà tù Mamertine nằm ở phía bắc thành phố Roma. Nơi này chủ yếu dành cho những kẻ phạm tội chống lại nhà nước, trong đó có cả các Kitô hữu. Nhà tù này vẫn còn tồn tại đến ngày nay dưới hình thức đã được trùng tu (phục hồi), trong đó các khu giam giữ nơi các Tông đồ Phêrô và Phaolô từng bị giam cầm được người Công giáo bảo vệ với sự quan tâm đặc biệt như một nơi thánh.

[2957] Vách đá Tarpeian nằm ở phía tây của đồi Capitoline tại Rome. Trong thời La Mã cổ đại, vách đá này là nơi người ta ném những tội phạm bị kết án tử hình xuống. Theo truyền thuyết La Mã, tảng đá này được đặt tên như vậy vì lý do sau: Tarpeia, một nữ tu Vesta (trinh nữ phục vụ tại bàn thờ ngoại giáo), trong cuộc chiến giữa Romulus và vua Sabine Titus Tatius, đã bị cám dỗ bởi lời hứa về vàng và để cho người Sabine xâm nhập vào Đồi Capitoline. Vì theo thỏa thuận, người Sabine phải trao cho Tarpia những vật họ đeo trên tay trái, nên khi leo lên Đồi Capitoline, họ đã ném xuống người kẻ phản bội những chiếc khiên thay vì những chiếc vòng tay mà cô ta mong đợi; dưới sức nặng của những chiếc khiên đó, cô ta đã chết. Kể từ đó, vách đá này được gọi là Vách đá Tarpia.

[2958] Prefect – người đứng đầu thành phố.

- Cùng ngày đó, người ta tưởng nhớ Thánh Farmufius, người đã sống vào thế kỷ IV tại cùng một sa mạc nơi Thánh Gioan – người được tưởng nhớ vào ngày 29 tháng 3 – đã tu hành trong giếng nước, và Farmufius đã phục vụ ngài bằng cách cung cấp thức ăn.

Ngày 25 tháng 4

Ngày 12 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ các vị thánh tử đạo Mina, David và Gioan, những người đã bị người Saracen bắn chết bằng tên tại Palestine.

Cuộc đời của Thánh Mẹ Afanasia

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 4

Việc mô tả cuộc đời và những việc làm cao cả của các thánh để làm gương cho những ai đọc hoặc nghe không chỉ là một việc đáng khen ngợi và mang lại ơn cứu rỗi, mà còn là việc thực hiện điều răn của các Tông đồ, truyền dạy chúng ta phải tưởng nhớ và tôn vinh các ngài. Điều này thúc đẩy chúng tôi trình bày, dù chỉ là một bản tóm tắt, về cuộc đời của Thánh nữ Afanasiya, nhất là khi những gương sáng trong cuộc đời bà, như những sự kiện đã lùi xa vào quá khứ, có thể bị lãng quên, và nhiều người sẽ vì thế mà mất đi những bài học vô cùng bổ ích cho tâm hồn mình.

Người phụ nữ đáng ca ngợi và mang tên bất tử này[2960] , người đã thể hiện trong cuộc đời đạo đức của mình là một tôi tớ trung thành và tốt lành của Chúa Trời trên trời, xuất thân từ cha mẹ đạo đức và cao quý – Nikita và Maria; họ sống trên đảo Aegina[2961] , nơi cô gái trẻ này chào đời, người sau này trở thành bình chứa được chọn của Thánh Thần. Ngay từ khi mới bảy tuổi, cô đã nhanh chóng học thuộc lòng Thánh Vịnh và, với tình yêu dành cho sách vở, cô đặc biệt chăm chỉ đọc Thánh Kinh. Một lần nọ, khi đang dệt vải, cô nhìn thấy một ngôi sao lấp lánh từ trên cao chiếu xuống, ngôi sao ấy khi đến ngang ngực cô và chiếu sáng toàn thân cô thì bỗng biến mất. Kể từ lúc đó, tâm hồn thiếu nữ trở nên sáng suốt: ghét bỏ sự phù phiếm của thế gian, cô quyết định vào tu viện. Nhưng cha mẹ cô đã phản đối kịch liệt ý định tốt đẹp của con gái và ép cô, trái với ý muốn của cô, phải kết hôn. Cô chỉ sống trong hôn nhân được mười sáu ngày, sau đó bất ngờ trở thành góa phụ: những người Moor man rợ đột ngột tấn công vùng đất đó, khiến chồng của Afanasy phải ra trận, và tại đó, theo ý định khó lường của Đức Chúa Trời, anh đã bị giết. Sau khi góa bụa, Afanasy lại quyết định lui về tu viện, nhưng trước khi cô kịp thực hiện ý định của mình, một sắc lệnh của nhà vua đã được ban ra, yêu cầu các trinh nữ và những góa phụ trẻ phải kết hôn với các chiến binh của ông. Dưới sự thuyết phục của cha mẹ, Afanasyia đã kết hôn lần thứ hai. Và trong cuộc hôn nhân mới này, bà vẫn không ngừng lo lắng cho sự cứu rỗi của mình: không bị cám dỗ bởi những thú vui trần tục và không sa vào sự lo toan quá mức về những của cải tạm bợ, bà dành hầu hết thời gian để đọc Kinh Thánh hoặc hát các thánh vịnh. Sự hiền lành và lòng khiêm nhường chân thành là nét đẹp nổi bật nhất của cô, vì vậy những người trong nhà không thể không đối xử với cô bằng tình yêu thương, còn những người hàng xóm, những người biết về cuộc sống đạo đức của cô, không thể không ca ngợi cô. Bà yêu mến việc giúp đỡ người nghèo đến nỗi đôi khi trong ngôi nhà giàu có của bà không còn gì để bố thí nữa: bà tiếp đón các tu sĩ và những người lữ hành đến với bà một cách trang trọng, với tình yêu thương dành cho họ nơi trú ngụ; bà hào phóng phân phát những thứ cần thiết cho cuộc sống cho các góa phụ, trẻ mồ côi và tất cả những người khốn khó. Có một thời gian, khi đất nước ấy xảy ra nạn đói khủng khiếp, khiến nhiều người lâm vào cảnh nghèo túng, Thánh Aphanasia không chỉ nuôi dưỡng những người cùng đạo mà còn cả những người ngoại đạo sống ở đó: khi sắp chết vì đói, họ tìm đến Thánh Aphanasia, và bà không chỉ cho họ thức ăn và quần áo, mà còn cả những thứ khác mà họ cần, qua đó thực hiện lời Chúa: *"Vậy, hãy thương xót như Cha các con là Đấng thương xót"* (Lc 6,36), *"để các con trở nên con cái của Cha các con ở trên trời, vì Ngài khiến*

[2959] Các thánh tử đạo đã qua đời vào nửa sau của thế kỷ I. Hiện nay, di cốt của các ngài được an táng tại Nhà thờ Thánh Phêrô ở Vatican, trong nhà nguyện mang tên các ngài.

[2960] Tên Afanasy, khi dịch từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Nga, có nghĩa là "sự bất tử".

[2961] Hòn đảo này nằm gần Hy Lạp.

mặt trời mọc lên chiếu sáng cả người lành lẫn kẻ dữ, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính" (Mt 5,45).

Vào các ngày Chủ nhật và ngày lễ, Afanasyia nồng nhiệt mời các bà hàng xóm đến nhà mình và đọc Kinh Thánh cho họ nghe, gieo vào lòng họ tình yêu đối với Thiên Chúa và hướng dẫn họ sống một cuộc đời đạo đức. Như vậy, không ngừng trưởng thành trong đời sống thánh thiện, Afanasyia được trang điểm bằng các đức tính, giống như cánh đồng vào mùa xuân được trang điểm bằng hoa. Sau vài năm chung sống, bà đã thuyết phục chồng từ bỏ thế gian cùng những cám dỗ của nó để vào tu viện: ông đã nghe theo lời khuyên của vợ và, trở thành một tu sĩ chân chính, sống một cuộc đời xứng đáng với danh hiệu của mình, rồi sau một thời gian ngắn kể từ khi thụ giới, ông đã về với Chúa.

Khi trở thành góa phụ, Thánh nữ Afanasy đã dành trọn cuộc đời mình chỉ để phụng sự Thiên Chúa. Tìm thấy những người phụ nữ đạo đức khác, những người cũng có cùng tình yêu dành cho Thiên Chúa và có cùng ý định với bà, bà đã vui mừng gia nhập cùng họ. Chẳng bao lâu sau, sau khi phân phát tài sản của mình cho người nghèo và được một vị tu sĩ cao niên đạo đức cắt tóc xuất gia, các bà đã rời xa thế gian, chọn một nơi hẻo lánh để sống cuộc đời thinh lặng. Sau ba hoặc bốn năm, mặc dù Thánh nữ Afanasyia từ chối, các bà đã thuyết phục bà nhận vai trò lãnh đạo của họ.

Nhưng bà, dù mang tước hiệu nữ tu viện trưởng, vẫn tự coi mình là người thấp nhất trong số họ theo lời dạy của Chúa: *"Ai muốn làm người lớn trong các con, thì phải làm đầy tớ cho các con"* (Mt 20,26).

Và thật khó tìm được lời nào để diễn tả trọn vẹn sự khiêm nhường cao cả của bà: khi tự cho mình là không xứng đáng ngay cả việc ở giữa các phụ nữ, thì bà càng cho rằng mình không xứng đáng nhận sự phục vụ từ họ; vì thế, bà không bao giờ cho phép bất kỳ ai trong số họ phục vụ mình, dù chỉ là rót nước vào tay. Sự tiết chế của bà rất lớn lao: chỉ vào buổi tối bà mới ăn một ít bánh mì và uống nước vừa đủ để giải khát; dầu ô liu, rượu vang, phô mai và cá, bà chỉ dùng với lòng tạ ơn Chúa vào các ngày lễ Giáng Sinh và Phục Sinh; trong Mùa Chay Thánh và các thời kỳ ăn chay khác, thức ăn duy nhất của bà là rau sống chưa nấu chín, mà bà chỉ ăn cách hai ngày một lần; còn nước thì trong những ngày đó, bà uống càng ít càng tốt. Những hòn đá đặt trên mặt đất và phủ bằng tấm áo lông cừu thô ráp là giường ngủ của bà; mỗi đêm, giống như Đa-vít (xem: Thi thiên 6:7), bà tưới ướt nó bằng những giọt nước mắt của mình; và những giọt nước mắt ấy, được khơi dậy bởi tình yêu dành cho Thiên Chúa và sự nhận thức về tội lỗi của mình, trong lúc cầu nguyện và hát Thánh vịnh, tuôn trào từ đôi mắt bà như những dòng suối. Áo khoác ngoài của Athanasia được làm từ len cừu; còn trên người, bà mặc một chiếc áo lông cừu thô ráp. Bà ngủ rất ít, nhưng dành phần lớn thời gian ban đêm để cầu nguyện sốt sắng với Đức Chúa Trời và suy ngẫm về đức tin, còn ban ngày, hoặc một mình, hoặc cùng với những người phụ nữ khác , bà hát các thánh vịnh. Bà luôn đảm bảo không để một giờ nào trôi qua mà không có lời cầu nguyện, không ngừng ngợi khen Chúa, noi gương Đa-vít, người đã nói: *"Ta sẽ ngợi khen Chúa mọi lúc; lời ngợi khen Ngài không ngừng trên môi miệng ta"* (Thi Thiên 33:2).

Cho đến tận lúc lâm chung, kể từ ngày bước vào tu viện, bà chưa từng nếm một quả nào trong vườn. Afanasy đã phải chịu nhiều đau khổ khi quản lý và chăm sóc các chị em, nhưng nhờ lòng khiêm nhường và hiền lành, bà chưa bao giờ nói với ai trong số họ một lời trách móc hay xúc phạm nào; không ai nghe thấy từ bà bất cứ lời nào gây tổn thương, dù là người nhỏ hay lớn, nô lệ hay tự do; bà đã chịu đựng những lần các chị em không vâng lời một cách hiền lành và bình thản, hy vọng vào sự đền đáp trong đời sau. Sau bốn năm lãnh đạo các chị em, Thánh nữ Athanasia nảy sinh ý định chuyển từ nơi này sang một nơi khác, nơi sẽ thuận tiện hơn để phụng sự Thiên Chúa trong sự thinh lặng. Theo sự an bài của Thiên Chúa, bà đã gặp một tu sĩ – một vị cao niên, từng là linh mục và tu viện trưởng, tên là Matthêu, một con người đạo đức và thánh thiện. Khi biết được ý định tốt lành của các nữ tu, ông đã chỉ cho họ một nơi phù hợp trên chính hòn đảo Aegina: đó là một ngọn núi hoang vắng, nơi còn lưu giữ một nhà thờ cổ kính mang tên Thánh Stephanos, vị tử đạo đầu tiên. Khi nhìn thấy nơi này, Thánh nữ Athanasia đã nói: "Từ lâu tôi đã biết về nơi này trong tâm hồn và tôi tin rằng chúng ta sẽ sống ở đây cho đến khi qua đời." Với sự ban phước của giám mục vùng đất ấy, Thánh nhân Matthêu đã lập một tu viện bên cạnh nhà thờ Thánh Stephanos dành cho Thánh nữ Athanasia cùng các chị em.

Cuộc đời của Thánh Mát-thêu cũng đáng được nhắc đến, dù chỉ bằng vài lời. Vị thánh cha này đã tự đặt lên vai mình một công việc vĩ đại: mỗi đêm, ngài đọc Sách Thánh Vịnh, kết hợp với việc cầu nguyện; khi cần phải nghỉ ngơi, ngài không nằm mà ngồi, và chỉ ngủ trong một khoảng thời gian rất ngắn. Khi hát Thánh vịnh, đọc kinh hoặc dâng lễ vật không đổ máu, ngài cảm động đến mức không kìm được nước mắt, và những người có mặt không thể không rút ra bài học cho bản thân từ cảnh tượng cảm động ấy. Thánh nhân Ma-thi-ơ chỉ mặc duy nhất một chiếc

áo lông cừu thô ráp và đã hoàn toàn làm khô héo thân xác mình nhờ sự kiêng khem và những việc tu hành vĩ đại. Ngài đặc biệt yêu mến Thánh Gioan Tông đồ, nhà thần học, môn đệ yêu dấu của Chúa Giêsu Kitô. Một ngày mùa hè, vào ngày kỷ niệm Thánh Tông đồ, Thánh nhân Matthêu, khi chuẩn bị cử hành Thánh lễ, đã nói với một trong những linh mục đồng tế: "Ai xứng đáng được ở Ephesus vào lúc này và được chiêm ngưỡng Thánh Gioan Tông đồ, nhà Thần học, tại đó?" Sau những lời ấy, ngài thở dài từ tận đáy lòng và khóc nức nở. Và một sự kiện kỳ diệu đã xảy ra: vị thánh và hai linh mục đồng tế đã nhìn thấy Thánh Gioan Thần Học đang đứng bên bàn thờ; thị kiến ấy kéo dài cho đến khi Thánh Lễ kết thúc. Trước cảnh tượng ấy, Thánh Matthêu cảm động sâu sắc và tràn ngập niềm vui thiêng liêng đến nỗi trong ba ngày tiếp theo, ngài không thể ăn uống được. Một lần nọ, có một người bị liệt hoàn toàn được đưa đến gặp vị thánh: thương xót người ấy, ngài cởi áo choàng của mình ra và khoác lên người bệnh, và người ấy lập tức được chữa lành. Một người khác đến gặp ngài, khuôn mặt bị méo mó do ma quỷ gây ra; khi vị thánh chạm tay vào khuôn mặt người ấy và làm dấu thánh giá, khuôn mặt ấy lập tức trở lại hình dạng bình thường. Cũng có một bà lão bị quỷ ám đã đến gặp vị thánh, và nhờ những lời cầu nguyện của ngài, bà đã được giải thoát khỏi kẻ hành hạ. Một nữ tu khác, cũng đang chịu đựng sự hành hạ của quỷ ám, đã được chữa lành theo cách tương tự.

Nhưng vị thánh nhân vĩ đại này, như đã kể ở trên, người đã nhận được ân sủng chữa lành từ Chúa, lại qua đời một cách thảm khốc dưới nước theo những định mệnh khó lường của Chúa. Con tàu mà vị thánh nhân đang đi trên đó, trên đường đến Tsargrad, đã chìm cùng với tất cả những người có mặt trên tàu. Do đó, đảo Aegina đã mất đi di cốt của vị thánh nhân, vốn có thể trở thành nguồn chữa lành cho nhiều người. Sau ngài, chức vụ linh mục và tu viện trưởng được đảm nhận bởi một người bị thiến bẩm sinh tên là Ignatius; với đời sống đạo đức và những ân sủng nhận được từ Chúa, ngài giống như vị thánh Matthêu; không bao giờ rời xa con đường sống thánh thiện cho đến khi qua đời, ngài đã an lành về với Chúa; bên quan tài của ngài, ma quỷ bị trục xuất và nhiều người được chữa lành khỏi bệnh tật. Bây giờ chúng ta hãy quay trở lại câu chuyện về cuộc đời của nữ thánh Athanasia.

Người ta kể rằng Thánh nữ Athanasia sở hữu lòng hiền lành và khiêm nhường vô cùng: hầu như lúc nào cũng cầu nguyện với Chúa, khi ngước nhìn lên trời, thỉnh thoảng bà lại chứng kiến một cảnh tượng kỳ lạ, khiến bà kinh hoàng: bà thấy một đám mây sáng làm tán xạ những tia nắng mặt trời, và ở giữa đám mây ấy là một người đàn ông, toát lên vẻ đẹp không thể diễn tả bằng lời. Những lần hiện ra lặp đi lặp lại này khiến bà ngạc nhiên và buộc phải tự hỏi: "Ai đã ban cho người đàn ông ấy vẻ đẹp như vậy? Nhờ những đức tính nào mà ông ấy được vinh danh lớn lao đến thế?" Trong lúc đang suy ngẫm, cô dường như nghe thấy một giọng nói cất lên, nói với cô những lời như thế này: "Người đàn ông mà con đang ngưỡng mộ đã được trang điểm bằng sự khiêm nhường kết hợp với sự hiền lành; hãy biết rằng nhờ những đức tính này, con cũng sẽ đạt được điều tương tự."

Hàng ngày, khi chiêm ngưỡng hiện tượng kỳ diệu đó, nữ tu đã trau dồi cho mình đức khiêm nhường và hiền lành với một sự nhiệt thành đến mức khó có thể tìm thấy ai sánh ngang với bà về mặt này: trong bà không hề có dấu vết nhỏ nhất của cơn giận hay sự kiêu ngạo; bà cũng xuất sắc trong các đức tính khác, chính vì thế mà con mắt tâm hồn bà, không bị vấy bẩn bởi tội lỗi, mới có thể chiêm ngưỡng những hiện tượng kỳ diệu trên trời. Đồng thời, Chúa cũng ban cho bà ân sủng làm phép lạ. Một lần nọ, khi cô đang một mình đắm chìm trong những suy ngẫm đạo đức, có một người đàn ông bị đau mắt dữ dội đến gặp cô và xin cô cầu nguyện với Chúa cho anh ta. Cô liền khiêm nhường và như để an ủi anh ta, nói:

– Tôi cũng đang chịu đựng bệnh về mắt, anh hãy kiên nhẫn, và Chúa sẽ giúp anh.

Nhưng người ấy không rời khỏi bà, vẫn cầu xin sự chữa lành với lòng tin. Lúc đó, Thánh nữ Athanasia đặt tay lên mắt người ấy và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng đã chữa lành người mù bẩm sinh, xin ban cho anh, hỡi anh em, sự chữa lành trọn vẹn.

Và ngay lập tức, người đàn ông ấy đã khỏi bệnh. Danh tiếng về Thánh nữ Afanasiya lan rộng khắp cả nước: rất nhiều người bệnh đã đến tu viện, và nhờ những lời cầu nguyện của Thánh nữ, họ đã được chữa lành tại đây. Bên cạnh nhà thờ Thánh Stephano, Thánh nữ Athanasia đã xây dựng thêm ba nhà thờ nữa: một nhà thờ dâng kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, một nhà thờ dâng kính Thánh Gioan Tiền Hô, và nhà thờ thứ ba dâng kính Thánh Nicôla, vị thánh làm phép lạ; bà đã trang hoàng đặc biệt cho nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh, nhận được mọi thứ cần thiết để xây dựng từ những người sùng đạo, những người vô cùng kính trọng bà.

Tuy nhiên, sự vinh danh và kính trọng từ mọi người, cùng với sự chật chội do lượng người đến viếng, đã khiến bà cảm thấy bất mãn và mong muốn tìm một nơi khác để sống ẩn dật. Bà đã đưa theo hai người chị em là

Marina và Eupraxia, rồi bí mật rời đi đến Constantinople, nơi bà đã sống trong một tu viện nữ suốt bảy năm. Với nỗi nhớ da diết dành cho nhà thờ Đức Mẹ Thiên Chúa mà bà đã tận tâm xây dựng, bà thường nói trong nước mắt:

– Sự gò bó và sự tôn kính hão huyền của con người đã buộc tôi phải rời xa nhà thờ của Đức Mẹ, Nữ Vương của tôi; để tránh danh vọng phù du, tôi đã rời bỏ ngôi đền tráng lệ của Mẹ và giờ đây đang ngồi đây như một người lữ hành.

Tuy nhiên, ngay cả ở đó, vị thánh nữ cũng không thể sống trong vô danh, và tại đây, Thiên Chúa đã làm rạng danh tôi tớ của Ngài: bà bắt đầu trừ quỷ và chữa lành cho những người bệnh. Tin đồn về bà đã lan đến cả các chị em của bà, những người đang sống tại tu viện Aegina: khi đến gặp Thánh nữ Athanasia, họ nài nỉ bà trở về cùng họ đến tu viện của mình, và chính một thị kiến nào đó cũng thúc giục bà làm điều đó. Thánh nữ đã nói với các chị em Evpraxia và Marina: "Đã đến lúc chúng ta trở về: trong thị kiến, tôi đã thấy một nhà thờ của Đức Mẹ Đồng Trinh mở rộng, từ đó có lệnh cho chúng ta bước vào."

Và, rời khỏi Constantinople, bà cùng các chị em trở về đảo Aegina, đến tu viện của mình. Tại đây, không lâu sau khi trở về, bà lâm bệnh nặng và trong vòng mười hai ngày, bà đã biết trước về cái chết của mình: bà thấy hai người đàn ông mặc áo trắng, họ tiến lại gần bà, trao cho bà một tờ giấy có chữ viết và nói: "Đây là sự tự do của con; hãy nhận lấy và hãy vui mừng." Khi tỉnh lại sau cơn thị kiến, bà biết rằng mình sắp phải về với Chúa, và vì thế, bà đã dành mười hai ngày để cầu nguyện và suy ngẫm về đức tin, không ăn uống gì cả; còn với các chị em xung quanh, bà nói:

– Hãy hát lên, các chị em của tôi, và không ngừng ngợi khen Đức Chúa Trời, để Ngài thương xót những tội lỗi của chúng ta.

Khi đến ngày thứ mười hai, vị thánh nữ nói với các chị em:

– Hãy giúp tôi, vì tôi đã rất yếu rồi – các chị hãy đến nhà thờ và đọc nốt cuốn Thánh Vịnh, còn tôi thì không thể tiếp tục được nữa, vì tôi đã gần như cạn kiệt sức lực.

Họ khóc lóc hỏi bà:

– Sơ đã đọc đến Thánh vịnh nào rồi? Chúng con nên bắt đầu đọc từ đâu?

Bà nhẹ nhàng trả lời:

– Hiện tại tôi đang đọc Thánh vịnh thứ chín mươi và không còn sức nữa.

Các chị em đi và đọc nốt cuốn Thánh Vịnh. Sau đó, họ trở lại và quỳ xuống trước giường của vị thánh nữ, xin bà cầu nguyện lần cuối cho họ. Bà cầu nguyện cho tất cả mọi người, rồi ôm lấy Marina và Eupraxia, nói:

– Các chị em yêu dấu của tôi, hôm nay chúng ta phải chia ly, nhưng trong thế giới vĩnh hằng, Chúa sẽ lại đoàn tụ chúng ta; xin Chúa ban cho các chị em sự bình an, tình yêu thương, sự đồng lòng và xin Ngài ban xuống trên các chị em những ân sủng dồi dào của Ngài.

Trong lúc bà nói những lời từ biệt này cùng những lời khác, khuôn mặt bà bừng sáng như ánh sáng, khiến những người có mặt đều tràn ngập sự ngạc nhiên và kinh ngạc. Trong khi đó, lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời đang đến gần, và vị thánh nữ nói với các chị em:

– Hãy chú ý, đừng quên bất cứ điều gì cần thiết cho ngày lễ; hãy đảm bảo các nghi lễ được cử hành trang nghiêm, và hãy chuẩn bị bữa tiệc lễ cho các trẻ mồ côi, người nghèo và các góa phụ; sau Thánh Lễ, hãy an táng thân xác hèn mọn của tôi xuống đất.

Nói xong, bà ôm lấy các chị em đã được chỉ định, rồi an nghỉ trong Chúa, như thể đang chìm vào giấc ngủ tự nhiên bình thường. Bà trông vẫn như còn sống: chính bà đã nhắm mắt và khép môi lại, nên không cần phải cử hành nghi thức thông thường sau khi qua đời. Các chị em, ôm lấy thi thể bà, đã than khóc cho cảnh mồ côi của mình như sau:

– Nơi nào, – họ nói, – mà Mẹ thánh của chúng con, người mang cùng tên với sự bất tử, đã ra đi? Chẳng lẽ Mẹ đã hoàn toàn bỏ lại chúng con mồ côi, khi rời xa khỏi tầm mắt chúng con? Chúng con còn đâu được nhìn thấy khuôn mặt thiên thần của Mẹ? Còn đâu được nghe giọng nói của Mẹ, an ủi trong nỗi đau buồn và hướng dẫn chúng con làm việc thiện? Ngọn đèn đã tắt, ngọn đèn từng thắp lên trong chúng con sự phấn chấn và hy vọng! Giờ đây, ngài đang an nghỉ, còn chúng tôi thì gần như chết đi vì nỗi nhớ ngài; chúng tôi sẽ không còn được thấy ngài cùng tham dự thánh lễ với chúng tôi và dạy dỗ chúng tôi bằng lời nói cũng như bằng chính gương sáng của ngài nữa. Chúa đã đón ngài về nơi ở bất tử của Ngài.

Trong tiếng khóc than như vậy, họ đã an táng thi hài thánh thiện của vị thánh nữ.

Thánh nữ Athanasia qua đời vào ngày 14 tháng 8, vào đêm trước lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời; chính vào ngày lễ đó, sau khi cử hành Thánh lễ, ngài đã được an táng trong vinh quang giữa những tiếng khóc than thảm thiết của các chị em. Một nữ tu, người đã kế nhiệm chức vụ Bề trên sau khi vị Thánh nữ qua đời, ngày đêm không rời khỏi mộ của bà; và trong giấc mơ, Thánh nữ Afanasy đã hiện ra với bà, nói: "Hãy tin tưởng, đừng nghi ngờ, rằng vào ngày thứ bốn mươi sau khi qua đời, tôi sẽ nhận lấy điều mà Chúa đã chuẩn bị sẵn cho tôi." Vị Bề trên, khi tỉnh giấc, bối rối không hiểu ý nghĩa của giấc mơ và những lời của vị Thánh nữ. Vào ngày thứ bốn mươi, các nữ tu đã quên, như đôi khi vẫn xảy ra, việc cử hành lễ tưởng niệm thông thường, vì nghĩ rằng ngày đó sẽ đến sau hai ngày nữa. Vào buổi tối ngày hôm đó, vị Bề trên thánh thiện đã hiện ra và nói:

– Tại sao các chị lại quên ngày thứ bốn mươi và không làm gì để tưởng niệm tôi – không bố thí cho người nghèo và cũng không tiếp đón những ai muốn tưởng niệm tôi như lẽ ra phải làm.

Bà Bề trên đứng dậy, đếm kỹ các ngày và xác nhận rằng quả thực đã là buổi tối của ngày thứ 40, ngày mà lẽ ra phải cử hành lễ tưởng niệm. Sáng hôm sau, khi đang cử hành lễ tưởng niệm trong Thánh lễ, hai nữ tu, những người đứng đầu dàn hợp xướng, những người mà Chúa đã mở mắt tâm hồn, đã chứng kiến một cảnh tượng kỳ diệu trong nhà thờ: hai người đàn ông oai phong, mặc áo choàng sáng màu, dẫn theo Thánh nữ Athanasia bước vào nhà thờ; sau khi đặt bà trước bàn thờ thánh, họ khoác lên người bà chiếc áo choàng hoàng gia được trang trí bằng đá quý và đội lên đầu bà vương miện hoàng gia, được trang trí bằng thánh giá ở phía trước và phía sau, rồi trao vào tay bà cây quyền trượng bằng vàng cũng được trang trí bằng đá quý, sau đó, họ dìu bà vào bàn thờ thánh qua Cổng Hoàng gia.

Trong Phần Mở Đầu còn kể thêm điều sau đây về Thánh A-pha-na-si-a. Trước khi về với Chúa, bà đã truyền lệnh cho các chị em hàng ngày, trong suốt bốn mươi ngày cầu nguyện, phải dọn bữa ăn tưởng niệm cho những người nghèo. Nhưng họ chỉ tuân theo lệnh của bà đến ngày thứ chín, rồi sau đó ngừng lại. Lúc đó, vị thánh hiện ra với họ cùng hai Thiên thần và nói:

– Tại sao các con lại quên di chúc của ta? Hãy biết rằng việc bố thí và những lời cầu nguyện của các linh mục, được dâng lên cho linh hồn trong suốt bốn mươi ngày, sẽ làm nguôi lòng Thiên Chúa: nếu linh hồn những người đã qua đời có tội, thì Chúa sẽ ban cho họ ơn tha tội; còn nếu họ là người công chính, thì những ai cầu nguyện cho họ sẽ được ban thưởng bằng những ân huệ.

Nói xong, vị thánh nữ cắm cây gậy của mình xuống đất và biến mất; các nữ tu, khi thức dậy vào buổi sáng và thấy cây gậy của bà đã nở hoa, đã ngợi khen Đấng Tạo Hóa, Thiên Chúa của muôn loài. Đó là những gì được kể lại trong Phần Mở Đầu.

Một năm sau khi vị thánh nữ Athanasia qua đời, vào ngày tưởng niệm bà, theo lời kể của Metaphrastus, có hai vị linh mục đến tu viện, dẫn theo một người phụ nữ đang bị các linh hồn ác quấy rối. Sau khi vén tấm vải che trên mộ, họ đào đất lên và lấy ra chính chiếc quan tài chứa thi hài của vị thánh nữ, và ngay lập tức những linh hồn ô uế đã biến mất, và người phụ nữ đã được chữa lành. Từ quan tài tỏa ra hương thơm ngát, và những người xung quanh thấy dầu thánh đang nhỏ giọt ra từ đó. Lúc đó, họ mở nắp quan tài ra, và trước mắt những người có mặt, vị thánh nữ hiện ra như thể vừa mới chìm vào giấc ngủ: khuôn mặt bà rạng ngời vẻ đẹp thánh thiện; thân thể, đang toát ra dầu thánh, vẫn mềm mại đến mức tay bà có thể uốn cong; không có gì bị phân hủy. Cảnh tượng ấy đã khiến mọi người không kìm được những giọt nước mắt vui sướng tuôn trào. Các vị linh mục, sau khi đóng nắp quan tài, đã quyết định không chôn cất thánh tích xuống đất, mà đặt chúng công khai trong nhà thờ, và họ đã thực hiện điều đó: sau đó, sau khi xây dựng một ngôi mộ mới, họ đã chuyển thánh tích thiêng liêng của Thánh nữ Afanasy vào đó. Còn các nữ tu, sau khi cởi bỏ bộ áo lông cừu trên thi hài, đã chuẩn bị một bộ áo lụa mới, nhưng khi muốn mặc bộ áo đó cho thi hài, họ lại không thể làm được vì sự từ chối của Thánh Afanasiya. Bà, như thể còn sống, nắm chặt hai tay trước ngực, chống lại ý định của các chị em: bà không muốn mặc áo lụa, và ngay cả sau khi qua đời vẫn yêu mến sự nghèo khó. Một trong các nữ tu, nhờ cuộc đời đạo đức mà đã trở thành bình chứa được Thánh Thần chọn lựa, đã quỳ gối và cầu nguyện, hướng lời đến vị thánh như thể bà vẫn còn sống:

– Thưa Nữ tu kính mến, như khi còn sống cùng chúng con, ngài luôn tuân phục một cách vô điều kiện, thì giờ đây xin ngài cũng vui lòng nghe theo chúng con và mặc bộ áo khiêm nhường mà chúng con dâng lên.

Khi cô ấy cầu nguyện xong, Thánh nữ Athanasia đã nghe theo lời cô ấy, và, ôi kỳ diệu thay! Bà đứng dậy, ngồi xuống, giang hai tay ra để nhận bộ áo; sau khi mặc xong, bà lại nằm xuống quan tài. Và nhiều phép lạ đã xảy ra tại thi hài thánh của bà: người ta được chữa lành khỏi mọi loại bệnh tật, ma quỷ rời bỏ con người nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của bà; thậm chí không đủ thời gian để mô tả chi tiết tất cả các phép lạ của bà, và xin những

ai đọc hoặc nghe về cuộc đời bà đừng lấy làm tiếc: chúng ta hãy hài lòng với câu chuyện tuy ngắn gọn nhưng vẫn hữu ích về vị thánh nữ này.

Còn ngài, thánh nữ Athanasia, người được tôn vinh bằng danh hiệu bất tử, đồng hành cùng các Thiên thần Thánh thiêng và vì Chúa Kitô mà tự nguyện sống trong cảnh nghèo khó theo tinh thần Phúc Âm, rồi lại được phong phú bởi những ân sủng của Thiên Chúa; người luôn khóc lóc nhưng lại tìm được sự an ủi không gì lay chuyển được; người đã trải qua cuộc đời tạm bợ trong khát khao và đói khát, nhưng lại nhận được hạnh phúc vĩnh cửu; người nhân từ với những người nghèo khó và được Thiên Chúa thương xót, người đã đón nhận ánh sáng của Thánh Thần và bình an trong tâm hồn nhờ sự trong sạch của lòng, trở thành đền thờ của Thánh Thần và kho tàng của các đức hạnh trên trần gian, nhờ đó mà xứng đáng nhận được vinh quang không thể diễn tả trên trời, người đã an nghỉ trong hàng ngũ các thánh và cùng chia sẻ hạnh phúc với họ, xin hãy nhớ đến chúng con, những người ca ngợi cuộc đời đạo đức của người và với niềm vui thiêng liêng tôn kính kỷ niệm của người. Xin hãy nhìn xuống cuộc đời chúng con, đang trôi qua giữa những con sóng trần thế đầy biến động, để nhờ những lời cầu nguyện của người, chúng con được sống công chính, chúng con có thể tránh được những cạm bẫy của ma quỷ và được hưởng cùng với ngài sự hạnh phúc vĩnh cửu nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Cha và Thánh Thần, được vinh quang, tôn kính và thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của vị thánh cha Isaac Sirin.

Ngày kỷ niệm: 12 tháng 4

Thánh Grêgôriô Đôi Lời, Giáo hoàng Rôma, trong cuộc đối thoại với phó tế Phêrô[2962] đã kể lại những điều sau đây về thánh Isaak. Vào thời kỳ người Goth cổ đại, gần thành phố Spoleto có một người đàn ông rất công chính tên là Isaac; ông đã sống ở đó cho đến khi chế độ cai trị của người Goth chấm dứt[2963] , và nhiều cư dân La Mã biết đến ông. Trong số họ, một thiếu nữ tên là Gregory, sống tại La Mã gần nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh, đặc biệt tôn kính Thánh Isaac. Vào thời thanh xuân, Gregoria đã được hứa hôn, nhưng khi đến ngày cưới, cô vội vã chạy vào nhà thờ với mong muốn nhận tu phục; Thánh Isaac đã giải cứu Gregoria khỏi những người thân muốn dùng vũ lực lôi cô ra khỏi nhà thờ và, nhờ ơn Chúa, đã truyền tu cho cô; như vậy, Grêgôria, sau khi khinh bỏ vị hôn phu trần thế, đã được hứa hôn với Đấng trên trời. Về Thánh Isaac, Thánh Grêgôriô Đôi Lời đã biết được rất nhiều từ Cha Eleutherius đáng kính, người có mối quan hệ thân thiết với vị thánh, và những gì ngài truyền lại về Thánh Isaac hoàn toàn được xác nhận bởi các nguồn tin khác về cuộc đời ngài.

Thánh Isaac không phải là người gốc Ý, nhưng ở đây chúng tôi chỉ mô tả những phép lạ mà ngài đã thực hiện tại đất nước này. Khi vị thánh Isaac từ Syria đến Spoleto, điều đầu tiên ngài làm là bước vào nhà thờ; tại đó, ngài xin các phó tế cho phép ngài cầu nguyện trong nhà thờ bao lâu tùy ý, dù ngài có muốn ở lại qua đêm trong nhà thờ khi các cánh cửa đã đóng lại. Và khi bắt đầu cầu nguyện, ngài đã ở lại đó liên tục suốt hai ngày rưỡi mà không nghỉ ngơi. Thấy vậy, một trong những người phụ trách nhà thờ, vốn nổi tiếng là kiêu ngạo – chính tính kiêu ngạo này đã đẩy ông ta đến chỗ phạm tội, khơi dậy trong lòng ông ta sự phẫn nộ bất công đối với vị thánh – bắt đầu lăng mạ Thánh Isaac bằng những lời lẽ thô tục, gọi ông là kẻ đạo đức giả, giả vờ cầu nguyện gần ba ngày để kiếm danh tiếng; sau đó, tiến lại gần vị thánh, hắn tát vào má ngài, yêu cầu ngài, với tư cách là kẻ đạo đức giả, phải rời khỏi nhà thờ trong sự ô nhục. Ngay lập tức, người quản lễ này đã phải hứng chịu hình phạt: theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, một linh hồn ô uế bất ngờ xâm chiếm anh ta và, gây ra những đau đớn dữ dội, quật ngã anh ta xuống dưới chân người của Đức Chúa Trời với tiếng thét: “Isaac sẽ đuổi tôi đi!”

Trước khi tên đó được linh hồn ô uế tiết lộ, không ai biết người lữ hành kia tên là gì. Vị thánh nhân cúi xuống bên người đang chịu đau đớn, và ngay lập tức linh hồn ô uế rời khỏi anh ta. Tin tức về sự việc xảy ra trong nhà thờ nhanh chóng lan truyền khắp thành phố, và ngay lập tức, đàn ông và phụ nữ, giàu có lẫn nghèo khó, đều

---

[2962] Cuộc đối thoại hay cuộc trò chuyện này được ghi lại trong tác phẩm nổi tiếng của Thánh Grigori Đại đế mang tên “Cuộc đối thoại về cuộc đời và các phép lạ của các vị cha Ý”, nhờ đó mà tác phẩm này còn được gọi là “Dvoeslova”. Tác phẩm gồm bốn quyển và chứa đựng những câu chuyện về những việc làm anh hùng của những người đạo đức, được thực hiện nhờ ân sủng của Thiên Chúa; thông tin cho những câu chuyện này, Thánh Grêgôriô một phần lấy từ chính những cuộc trò chuyện của ngài với các vị cha Ý, một phần do Giám mục Maximilian của Syracuse cung cấp cho ngài.

[2963] Khoảng đến đầu nửa sau thế kỷ VI, khi sự thống trị của người Goth ở Ý sụp đổ hoàn toàn.

vội vã đến nhà thờ để mời vị thánh nhân của Đức Chúa Trời về nhà mình; một số hứa sẽ xây dựng cho ngài một tu viện cùng với các làng mạc và điền trang, số khác mong muốn cung cấp cho ngài thức ăn và mọi thứ cần thiết cho cuộc sống.

Nhưng người tôi tớ của Đức Chúa Trời toàn năng đã từ chối mọi lời hứa của những người đề nghị: sau khi rời khỏi thành phố, ngài tìm thấy một nơi hoang vắng không xa đó, nơi ngài dựng cho mình một căn phòng nhỏ. Nhiều người bắt đầu đổ về đây tìm đến ngài: khi chứng kiến cuộc sống đạo đức của ngài, một số người trong số họ bừng cháy lòng yêu mến cuộc sống vĩnh cửu và dưới sự hướng dẫn của vị thánh, họ đã dâng hiến bản thân hoàn toàn để phụng sự Đức Chúa Trời; nhờ đó, tu viện đã được thành lập. Khi các môn đệ của Thánh Isaac xin ngài nhận những món quà được dâng tặng để đáp ứng nhu cầu của tu viện, ngài, vẫn kiên định giữ vững lòng yêu mến sự nghèo khó, đã đáp lại: "Một tu sĩ sở hữu tài sản thì không còn là tu sĩ nữa; người ấy sợ mất đi sự nghèo khó của mình cũng giống như những kẻ giàu có keo kiệt sợ mất đi kho tàng của họ vậy."

Thánh Isaac được ban cho tinh thần tiên tri; nhờ những phép lạ và cuộc đời đạo đức rực rỡ như ánh sáng của mình, ngài đã trở nên nổi tiếng với tất cả cư dân trong vùng. Một lần nọ, khi ngày đã gần tàn, ngài ra lệnh cho các tu sĩ mang tất cả các dụng cụ làm vườn có trong tu viện ra vườn rau; và khi ngày hôm sau các tu sĩ thức dậy để cầu nguyện buổi sáng, vị thánh nói: "Khi mặt trời mọc, hãy chuẩn bị thức ăn cho những người làm công của chúng ta." Sau khi thức ăn được chuẩn bị xong vào giờ đã định, Thánh Isaac ra lệnh mang theo thức ăn đó, rồi cùng các tu sĩ đến vườn rau; tại đó, họ thấy số công nhân bằng chính số cuốc đã được ném xuống vào buổi tối hôm trước. Họ là những tên trộm đã lẻn vào vườn rau với ý định cướp bóc; nhưng khi vào trong, họ đã từ bỏ ý định xấu xa của mình, cầm lấy những cái cuốc có sẵn ở đó và bắt đầu làm việc từ giờ đầu tiên khi lẻn vào vườn rau, cho đến khi vị thánh đến gặp họ; trong khoảng thời gian đó, họ đã xới hết phần đất chưa được canh tác trong vườn rau. Khi đến gần họ, Thánh Isaac nói: "Hãy vui mừng, anh em ơi! Hãy ngừng làm việc đi, vì các anh đã vất vả suốt cả đêm rồi." Sau khi trao cho họ thức ăn mà ngài mang theo, ngài khuyên họ nên ăn uống và nghỉ ngơi sau những giờ lao động vất vả. Khi họ đã no nê, vị thánh nhân nói với họ như sau: "Từ nay trở đi, hãy từ bỏ mọi ý định làm điều xấu; nếu các con cần bất cứ thứ gì từ vườn rau, hãy vào một cách công khai, xin những gì cần thiết và lấy đi với lời chúc phúc; hãy từ bỏ thói trộm cắp." Sau đó, vị thánh nhân ra lệnh thu hoạch cho họ bao nhiêu lúa mì mùa xuân tùy ý. Như vậy, những người đã vào vườn rau với ý định xấu, khiến linh hồn mang gánh nặng tội lỗi, đã ra khỏi đó mà không còn tội lỗi, được ban phước lành, mang theo phần thưởng cho công sức của mình. Một lần khác, có mấy người lữ hành mặc áo rách rưới đến gặp Thánh Isaac và xin ngài cho quần áo. Sau khi bảo họ đợi một lát, vị thánh nhân gọi một trong những đệ tử của mình và thì thầm với anh ta: "Hãy đi vào khu rừng phía sau tu viện, ở đó có một cây rỗng; những bộ quần áo mà con tìm thấy trong đó, hãy lấy và mang về đây." Vị tu sĩ trẻ đi đến nơi được chỉ định và, sau khi tìm kiếm, quả thực đã tìm thấy quần áo được giấu trong thân cây rỗng; anh ta lấy chúng và trao cho vị thầy khi chỉ có hai người. Sau khi nhận được quần áo, vị thánh nhân đã trao chúng cho những người lữ hành và nói: "Vì các ngươi đang trần truồng, hãy lấy và mặc vào đi." Họ nhận lấy và nhận ra đó chính là quần áo của chính mình, vốn đã được họ cố ý giấu đi; họ cảm thấy vô cùng xấu hổ, bởi vì khi định lừa gạt để lấy quần áo của người khác, họ lại buộc phải nhận lại quần áo của chính mình. Cũng có lần, một người đạo đức đã gửi cho vị thánh cùng người hầu hai giỏ thức ăn, xin ngài cầu nguyện cho mình. Người hầu đã giấu một giỏ dọc đường, còn giỏ kia thì mang đến cho vị thánh, đồng thời chuyển lời thỉnh cầu của người gửi. Sau khi im lặng nhận giỏ, Thánh Isaac đã dạy dỗ người đầy tớ như sau: "Ta nhận những món quà này, còn ngươi hãy cẩn thận khi chạm vào chiếc giỏ mà ngươi đã giấu dọc đường: có một con rắn đã chui vào đó, và nếu ngươi không đề phòng mà đưa tay ra, nó sẽ cắn ngươi." Những lời này khiến người đầy tớ cảm thấy vô cùng xấu hổ và khơi dậy trong lòng anh ta, một mặt là sự sợ hãi, mặt khác là niềm vui khi biết được về con rắn mà lẽ ra có thể khiến anh ta mất mạng.

Đó là cách Thánh Grêgôriô Đôi Lời kể lại về vị thánh Isaac người Syria. Từ ngài, cuốn sách "Những lời răn dạy của người tu hành" đã được lưu truyền, chứa đựng những lời khuyên răn vô cùng hữu ích dành cho các tu sĩ; trong suốt cuộc đời mình, ngài đã được Thiên Chúa ban ân sủng ghi tên vào Sách Sự Sống Vĩnh Cửu, và cùng với đoàn thể các thánh, ngài sẽ đứng trước Lời Hằng Sống của Cha, là Đức Kitô, Con Thiên Chúa; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Cha và Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Tử đạo Zinon, Giám mục Veronia

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 4

Thánh Zinon là người gốc Hy Lạp và xuất thân từ Syria. Trong hành trình đi qua nhiều quốc gia với mục đích theo học giáo lý Kitô giáo, ngài đã đến Ý và định cư tại thành phố Verona[2964] . Người dân thành phố này, khi chứng kiến cuộc sống đạo đức của ngài, đã bầu ngài làm giám mục của họ.

Mặc dù cuộc đàn áp Kitô hữu vào thời điểm đó đã chấm dứt, nhưng vẫn còn rất nhiều người ngoại đạo ở khắp nơi, và Thánh Zinon đã soi sáng họ bằng ánh sáng của giáo lý Kitô giáo. Hơn nữa, ngài còn phải đối đầu với những người Arian[2965] . Trong cuộc đấu tranh này, ngài đã chứng tỏ là một người kiên định bảo vệ các chân lý của Chính Thống Giáo, không hề lùi bước trước những cuộc đàn áp do các hoàng đế ủng hộ Arian giáo – Constantine[2966] và Valens[2967] – gây ra đối với các tín hữu Chính Thống Giáo.

Sau khi cống hiến nhiều cho Giáo hội của Đức Chúa Trời và lãnh đạo đoàn chiên của mình trong một thời gian đủ dài, Thánh Zinon đã an lành về với Chúa[2968] .

Nhờ những công đức vĩ đại của mình, Thánh Zinon đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ. Thánh Grêgôriô Cả kể lại phép lạ sau đây, xảy ra vào ngày kỷ niệm Thánh Zinon năm 558.

Năm đó, Ý đã hứng chịu một trận lũ lụt chưa từng có. Sông Tiber, con sông chính của Ý, đã tràn bờ, khiến toàn bộ vùng ngoại ô Rome chìm trong nước. Sông Ateisis, chảy qua gần thành phố Verona, cũng tràn bờ; nước sông bao vây ngôi thánh đường được xây dựng để tôn vinh Thánh Zinon, và dâng cao ngày càng cao, cuối cùng đã dâng đến tận các cửa sổ của nhà thờ. Các cánh cửa nhà thờ đã được mở ra, nhưng nước không tràn vào bên trong, mà dường như tạo thành một bức tường ngay trước cửa, khiến nhiều người đang ở trong nhà thờ phải tiến lại gần cửa và giải khát bằng cách múc nước bằng chính đôi tay của mình.

Còn rất nhiều phép lạ khác đã xảy ra nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh nhân Zinon.

Lễ kính Thánh Basil, vị Giám mục thành Paros

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 4

Tại Paria, một thành phố cổ ở Tiểu Mizia, kể từ khi Kitô giáo lan rộng tại đây, một giáo phận đã được thành lập, trực thuộc tổng giám mục Kizich. Trong số các giám mục của Paria có Thánh Basil, người được bầu làm giám mục nhờ cuộc đời đạo đức và thánh thiện của ngài. Khi tà thuyết chống thánh tượng bùng phát, Thánh Basil đã tỏ ra là một người làm chứng chân chính cho Chúa Kitô: ngài tránh mọi tiếp xúc với những kẻ tà giáo, không cho phép họ hoạt động trong giáo phận của mình và dù bị ép buộc thế nào cũng không chịu ký vào văn bản ra lệnh phá hủy các thánh tượng. Vì lòng nhiệt thành với đức tin này, ngài đã phải chịu đựng sự bắt bớ và sỉ nhục từ phía những kẻ dị giáo, sống một cuộc đời đầy đau khổ, hoạn nạn và khó khăn, giống như Thánh Phaolô, liên tục phải di chuyển từ nơi này sang nơi khác. Với lòng đạo đức và khát khao bảo vệ sự trong sạch của giáo lý Giáo Hội, Thánh Basil không thể không căm ghét các công đồng bất chính của những kẻ dị giáo, và vì thế, ngài không giao thiệp với họ. Đã làm đẹp lòng Chúa bằng cuộc đời mình, Thánh Basil đã an lành về với Ngài.

Ngày tưởng niệm Thánh Anfusa.

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 4

[2964] Verona là một trong những thành phố cổ nhất của Ý, được xây dựng vào thế kỷ I trước Công nguyên. Hiện nay, Verona là một pháo đài hàng đầu của Ý.

[2965] Những người theo phái Arian dạy rằng Con Thiên Chúa không ngang hàng với Thiên Chúa Cha và là tác phẩm sáng tạo của Ngài. Người sáng lập tà thuyết này là linh mục Arius ở Alexandria. Giáo lý của ông đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất, diễn ra tại Nicêa vào năm 325.

[2966] Hoàng đế La Mã Constantius trị vì từ năm 353 đến năm 361.

[2967] Valens cai trị Đế quốc La Mã từ năm 364 đến năm 378.

[2968] Thánh Tử đạo Zinon qua đời vào khoảng năm 380. Thánh Zinon để lại một số tác phẩm, cụ thể là 16 bài giảng dài và 77 bài giảng ngắn hoặc các cuộc đối thoại liên quan đến các vấn đề tôn giáo và đạo đức đa dạng.

Cha của Thánh Anphusa đã nhiều lần khuyên bà kết hôn, nhưng bà không đồng ý. Khi cha bà qua đời[2969] và bà trở thành người tự do, bà đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo, cũng như cho các nhà thờ và tu viện. Bà là người mẹ của vô số trẻ mồ côi và là người bảo vệ các góa phụ. Hoàng hậu Irina[2970] , người rất sùng đạo, đã nhiều lần khẩn khoản mời bà sống cùng mình và tham gia vào việc điều hành đế quốc, nhưng bà đã kiên quyết từ chối. Trong thời gian ở trong cung điện, bên ngoài bà mặc những bộ trang phục lộng lẫy của một công chúa hoàng gia, nhưng bên trong lại mặc áo lông cừu[2971] , ăn uống rất đạm bạc và chỉ uống nước, đôi mắt bà luôn ngấn lệ, còn trên môi thì luôn ngân nga những bài thánh ca. Sau đó, cô đã nhận lễ xuất gia tại tu viện Omonia[2972] dưới sự chủ trì của Thánh Tarasius, trở thành một nữ tu, và từ đó cô không bao giờ tự mình ra khỏi tu viện, cũng không cho phép bất kỳ chị em nào khác làm điều đó[2973] . Không bỏ lỡ bất kỳ thánh lễ nào, tự tước bỏ sự nghỉ ngơi, bà vẫn không mất đi sự hăng hái trong cầu nguyện và không hề lơi lỏng trong các buổi canh thức cầu nguyện, trong khi những giọt nước mắt ăn năn luôn tuôn trào từ đôi mắt bà. Sự khiêm nhường của bà vượt xa mọi giới hạn, bởi bà phục vụ tất cả các chị em, dọn dẹp nhà thờ, mang nước, và trong bữa ăn, bà không bao giờ ngồi vào bàn mà luôn phục vụ người khác.

Sau khi sống trọn vẹn cuộc đời như vậy, vị thánh nữ với vô vàn đức hạnh đã về với Chúa, thọ 52 tuổi[2974] .

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ các vị thánh tử đạo Mina, David và John, những người đã bị người Saracen bắn chết bằng tên tại Palestine.

Ngày 26 tháng 4

13 tháng 4 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Artemon

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 4

Dưới triều đại của Diocletian, một cuộc bách hại lớn đối với các Kitô hữu đã nổ ra[2975] : những kẻ tra tấn đã được cử đi khắp các thành phố và vùng lãnh thổ của Đế quốc La Mã để ép buộc các Kitô hữu dâng lễ vật và thờ lạy các thần tượng; những ai chống đối thì bị kết án tử hình và hành quyết.

[2969] Hoàng đế Constantine Copronymus qua đời vào năm 775, sau khi lên ngôi thay cho con rể của mình là Artabazus vào năm 743.

[2970] Hoàng hậu Irina, vợ của Lê Hoza, đã cai trị đất nước thay cho con trai mình là Constantine Porphyrogenitus khi cậu còn nhỏ, từ năm 780 đến năm 802. Là một người sùng kính các thánh tượng, bà đã góp phần triệu tập Công đồng Đại kết lần thứ bảy, công đồng này đã xác lập giáo lý tôn kính các thánh tượng trong Giáo hội.

[2971] Vlasianitsa – là loại áo lót được dệt từ lông ngựa và được các tu sĩ mặc trực tiếp trên da trần.

[2972] Tu viện Omonia tọa lạc tại Constantinopolis. Nơi đây nổi tiếng vì các phiên họp của Công đồng Đại kết lần thứ hai đã diễn ra tại nhà thờ của tu viện này.

[2973] Thánh nữ Anphusa đã nhận lễ xuất gia tại Tu viện Thánh Euphemia ở Constantinople, sau đó chuyển đến Tu viện Omonia, nơi bà đảm nhiệm chức vụ Bề trên.

[2974] Thánh nữ Anfusa qua đời vào ngày 12 tháng 4 năm 811.

[2975] Trong thời kỳ trị vì của Đế vương Diocletian (từ năm 284 đến năm 305), bốn sắc lệnh chống lại các Kitô hữu đã được ban hành. Sắc lệnh đầu tiên được công bố vào tháng 2 năm 303. Sắc lệnh này ra lệnh phá hủy các nhà thờ và đốt các sách thánh; đồng thời, các Kitô hữu bị tước đoạt quyền công dân, danh dự, sự bảo hộ của pháp luật và các chức vụ của họ; những nô lệ theo Kitô giáo sẽ mất quyền tự do nếu, sau khi được giải phóng vì bất kỳ lý do nào, họ vẫn tiếp tục theo đạo Kitô. Ngay sau đó, sắc lệnh thứ hai được ban hành, ra lệnh giam giữ tất cả các vị chủ chăn và các chức sắc tôn giáo khác vào ngục tối; do đó, sắc lệnh này chỉ áp dụng riêng cho các chức sắc tôn giáo; những người này bị cáo buộc trước hoàng đế là những kẻ chủ mưu cuộc nổi dậy ở Syria và Armenia, vốn đáng tiếc cho người Kitô giáo đã bùng phát ngay sau khi sắc lệnh đầu tiên được ban hành. Cùng năm 303, sắc lệnh thứ ba được ban hành: tất cả những người bị giam giữ theo sắc lệnh thứ hai đều bị ép buộc phải dâng lễ vật dưới sự đe dọa tra tấn nếu chống đối. Cuối cùng, vào năm 304, sắc lệnh thứ tư và cũng là cuối cùng được công bố, tuyên bố cuộc đàn áp trên diện rộng đối với các Kitô hữu; "cuộc đại đàn áp" được đề cập trong cuốn tiểu sử này rõ ràng ám chỉ cuộc đàn áp diễn ra sau sắc lệnh thứ tư. Do sắc lệnh này mà có nhiều máu Kitô hữu nhất đã đổ ra: nó có hiệu lực suốt 8 năm, cho đến năm 311, khi hoàng đế Galerius ban hành một sắc lệnh đặc biệt công nhận Kitô giáo là tôn giáo được phép. Cuộc đàn áp của Diocletian là cuộc đàn áp cuối cùng; trong cuộc đàn áp này, sau gần ba thế kỷ đấu tranh, Kitô giáo đã giành được chiến thắng cuối cùng trước ngoại giáo.

Trong số những sứ giả đó, có một người tên là Patricius đã đến vùng Laodicea[2976] , nơi ông lập tức bắt tay vào thực hiện mệnh lệnh của nhà vua. Ngay trước khi Patricius đến, khi biết tin ông sắp đến, Giám mục Laodicea, Thánh Sisinius, cùng với Thánh Artemon, một linh mục, và một số tín hữu Kitô giáo, đã lẻn vào đền thờ nữ thần Artemis[2977] vào ban đêm và đốt cháy tất cả các tượng thần bên trong sau khi đã đập vỡ chúng. Sau đó, khi trở về nhà thờ Kitô giáo của mình, nằm cách thành phố năm khoảng cách, ngài cử hành thánh lễ như thường lệ và hướng dẫn các tín hữu như sau:

– Hỡi các con của ta, có tin đồn rằng Antichrist đang tiến gần đến thành phố để tàn sát các Kitô hữu: đừng sợ, để không điều gì – dù là lửa, gươm, thú dữ hay những hình phạt tử hình tàn bạo khác – có thể tách các con khỏi tình yêu của Chúa Kitô.

Khi Patricius đến thành phố, trước hết ông dâng lễ vật tại đền thờ Apollon; cùng ngày đó, ông tổ chức các trò giải trí cho dân chúng và công bố sắc lệnh hoàng gia cấm việc theo đạo Kitô. Sau năm ngày vui chơi với các trò giải trí và săn bắn, Patricius muốn dâng lễ vật cho Artemis, nhưng khi bước vào đền thờ của bà, ông ngạc nhiên khi không thấy các tượng thần ở đó.

– Chúng ở đâu? – ông hỏi.

Một số người Hy Lạp xung quanh ông trả lời rằng tượng Artemis và các thần tượng khác đã bị Giám mục Sisinius phá hủy với sự tham gia của linh mục Artemon và các Kitô hữu khác. Khi Patricio hỏi hiện Giám mục và các Kitô hữu đang ở đâu, họ nói với ông rằng tất cả các Kitô hữu đã tập trung tại nhà thờ của họ. Patricius lập tức lên ngựa và cùng đoàn lính vũ trang tiến về nhà thờ Kitô giáo, với ý định giết chết các Kitô hữu, còn Sisinnius và Artemon thì sẽ bị xử tử bằng cách xẻ thành nhiều mảnh. Nhưng khi Patricius đã gần đến đích hành trình và chỉ còn cách nhà thờ không quá một khoảng đường đua, bỗng nhiên ông run rẩy dữ dội đến mức ngã khỏi ngựa; cơn run rẩy ấy chuyển thành cơn sốt cao, và Patricius buộc phải được khiêng trên cáng vào ngôi nhà đầu tiên gặp trên đường. Vào ban đêm, được bao quanh bởi các chiến binh đang ngồi cầm nến và chờ đợi cái chết của thủ lĩnh mình, ông nói với những người hầu thân cận nhất:

– Những người Kitô hữu đã nguyền rủa tôi, và Đức Chúa Trời của họ đang hành hạ tôi.

Họ đáp lại:

– Các vị thần hùng mạnh và nữ thần Artemis rực rỡ sẽ ban lại sức khỏe cho ngài.

Trong cơn đau dữ dội và không còn hy vọng sống sót, Patricius nói với các chiến binh:

– Hãy đến nhà thờ Kitô giáo và nói với Giám mục Sisinius rằng: đây là lời của sứ giả hoàng gia – Patricius: Đức Chúa Trời của người Kitô giáo thật vĩ đại! Hãy cầu nguyện với Ngài để tôi được giải thoát khỏi căn bệnh nặng nề này; khi đó tôi sẽ đúc một bức tượng bằng vàng của ngài và đặt nó ngay giữa thành phố.

Các binh sĩ đi và truyền lại lời của Patricius cho giám mục. Vị giám mục ra lệnh truyền lại cho ông câu trả lời sau:

– Hãy giữ vàng của ngươi lại; nếu ngươi tin vào Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, ngươi sẽ được lành bệnh.

Patricius lại cử các sứ giả đến gặp giám mục, nói rằng:

– Ta tin vào Đức Chúa Trời của ngài, miễn là ta được chữa lành.

Vị giám mục đã cầu nguyện cho ông, và ngay lập tức Patricius đã khỏi bệnh, hoàn toàn thoát khỏi căn bệnh đó.

Vài ngày sau khi khỏi bệnh, Patricius lên đường đến thành phố Cêsarea ở Palestine. Khi ông đi được khoảng ba sân đua từ Laodicea, ông gặp trên đường vị linh mục thánh Artemon, người đang trên đường trở về sau khi cầu nguyện: ông đang thuần hóa các loài thú hoang bằng Lời của Chúa Kitô, và theo sau ông là hai con nai và sáu con lừa hoang. Thánh Artemon đang dẫn chúng đến gặp Giám mục Sisinius, người rất mong muốn có những con thú hoang dã trong vườn của mình. Sau khi ra lệnh cho cỗ xe dừng lại, Patricius hỏi người tôi tớ của Chúa Artemon:

– Ngươi đã bắt những con thú này như thế nào?

– Tôi đã bắt chúng bằng Lời của Chúa Kitô, – ông trả lời.

– Tôi nghĩ, – Patricius lại hỏi, – rằng ông, vị lão niên, là một Kitô hữu phải không?

Thánh Artemon đáp lại:

[2976] Khu vực này nằm ở Tiểu Á.

[2977] Artemis – nữ thần săn bắn của người Hy Lạp, ban đầu có lẽ là nữ thần mặt trăng.

– Từ thuở thiếu thời, tôi đã là người Kitô hữu.

Lúc đó, Patricius ra lệnh xiềng Thánh Artemon bằng hai sợi xích và giao ông cho hai chiến binh, để họ dẫn Thánh Artemon theo ông đến Caesarea. Không thể tiếp tục hành trình, Thánh Artemon quay sang những con thú đang theo sau và ra lệnh cho chúng đi đến gặp Giám mục Sisinnius. Chúng đi và dừng lại trước cổng hàng rào nhà thờ. Giám mục hỏi người gác cổng:

– Những con thú này đến từ đâu?

Một trong những con nai, được Thiên Chúa ban cho ân sủng biết nói, đã thưa:

– Nô lệ của Chúa là Artemon đã bị sứ giả vô đạo của nhà vua bắt giữ, và hiện đang bị trói dẫn đi đến Caesarea; còn chúng tôi thì ngài đã sai đến gặp ngài.

Vị giám mục kinh hoàng khi nghe tiếng người phát ra từ con hươu, đồng thời cũng buồn bã khi biết tin thánh Artemon bị bắt. Ông gọi thầy phó tế Philea đến và nói với ông ấy:

– Một phép lạ mới đã xảy ra! Trong số những con thú mà ngươi đang thấy lúc này, có một con hươu đã dùng lời nói của con người truyền đạt cho ta rằng người tôi tớ của Chúa Artemon đã bị Patricio, kẻ vô đạo, bắt giữ và bị trói đưa đến Cêsarea; tôi không thể kìm nén được sự kinh hoàng khi thấy con nai có khả năng nói, và – nỗi buồn khi nghĩ đến những gì đã xảy ra với Artemon. Hãy cầm lấy bánh thánh và cùng người hầu đi đến Caesarea; hãy tìm hiểu xem những gì con nai truyền đạt có đúng sự thật hay không.

Vị phó tế cầm lấy bánh thánh, sau khi cầu nguyện, liền lên đường cùng người hầu. Khi đến Caesarea, ông quả thực đã tìm thấy thánh Artemon đang bị giam trong ngục tối. Sau khi chào đón ngài nồng nhiệt, ông nói với ngài:

– Hỡi tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao và vị mục tử của đoàn chiên Lời Chúa, nếu không có con nai kể lại chuyện này cho giám mục, thì cho đến giờ chúng tôi vẫn không biết ngài đã rời xa chúng tôi và rơi vào tay kẻ hành hạ như thế nào; vì lý do đó, ngài đã sai tôi đến đây để xác minh sự thật trong những điều con nai đã nói; giám mục đang rất đau buồn vì ngài.

Thánh Artemon đáp lại:

– Hãy đi đi, tôi tớ của Đức Chúa Trời, và báo cho vị chủ chăn của tôi, vị giám mục thánh thiện, biết rằng tôi đang chịu cực hình vì Chúa Kitô và đang bị giam trong ngục tối; xin ngài cầu nguyện cho tôi, để tôi có thể chiến thắng những mưu mô của kẻ tra tấn thù ghét Chúa Kitô và nhờ đó được xứng đáng trở thành người hiệp thông với Chúa Kitô.

Sau khi hôn nhau, họ chia tay: vị phó tế trở về nhà, còn Thánh Artemon ở lại trong ngục tối. Khi vị phó tế trở về và truyền đạt lời của Thánh Artemon cho vị giám mục, ngài đã cầu nguyện trong nước mắt, nói rằng:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã giải cứu Đaniel khỏi miệng sư tử, Đấng đã cứu ba thiếu niên khỏi lò lửa của Nabuchodonosor, xin hãy giải cứu tôi tớ của Ngài là Artemon khỏi Patricius kẻ thù địch, xin ban cho ngài sức mạnh để vượt qua những mưu mô của kẻ hành hạ và xin đưa ngài vào hàng ngũ các thánh tử đạo.

Một ngày nọ, khi đang tổ chức các buổi biểu diễn tại Cêsarea, Patricius ra lệnh dẫn thánh Artemon đến trước mặt mình và hỏi ông:

– Hãy nói cho chúng tôi biết, lão già, tên ngươi là gì?

Ngài đáp:

– Tôi tự xưng là tôi tớ của Đức Kitô, Thiên Chúa của tôi, và tên tôi là Artemon.

– Chính ngươi đã đập vỡ bức tượng của nữ thần vĩ đại sao? – Patricio nói.

– Chính là tôi, – vị thánh đáp.

– Hãy nói cho tôi biết, – Patricius lại hỏi, – làm sao ngài có thể vượt qua sức mạnh của nữ thần và không tha thứ cho hình tượng của bà ấy? Làm sao ngài không sợ bị trừng phạt: chẳng phải chỉ vì lòng nhân từ của bà ấy mà ngài vẫn chưa bị tước đoạt mạng sống sao?

– Bằng cách cầu nguyện với Đức Chúa Trời của tôi, – vị thánh Artemon phản bác, – tôi sẽ chiến thắng ngay cả ngài và những cực hình của ngài; huống chi là tôi có thể vượt qua một tượng thần đã chết và câm lặng.

Patricius nói:

– Nghe tên ngươi là Artemon, ta đã nghĩ ngươi là nô lệ của nữ thần Artemis; ta cho rằng chính nàng đã giữ lại mạng sống cho ngươi vì ngươi cùng tên với nàng.

Thánh Artemon thốt lên:

– Hỡi kẻ vô luật pháp, bất kính và tâm trí bị u ám, con trai của quỷ dữ, nếu ngươi muốn biết về tên của ta, thì hãy biết rằng nó đã được Đức Chúa Trời ban cho ta từ khi ta còn trong bụng mẹ.

Patricius tiếp tục khuyên nhủ:

– Hãy thương xót tuổi già và mái tóc bạc của ngươi, hãy dâng lễ vật lên vị thần vĩ đại của thành phố này, thần Asclepius[2978] .

– Mười sáu năm, – vị thánh đáp, – tôi đã làm người đọc kinh trong nhà thờ của Đức Chúa Trời tôi, hai mươi tám năm làm phó tế, đọc Thánh Phúc Âm; ba mươi ba năm tôi mang chức vụ linh mục, dạy dỗ và hướng dẫn mọi người trên con đường cứu rỗi nhờ ơn Chúa Kitô, và giờ đây ngươi lại đòi hỏi ta, theo gương ngươi, phải dâng lễ vật cho quỷ dữ ẩn náu trong một tượng thần vô tri, nhưng dù sao ta cũng muốn nhìn thấy vị thần của ngươi và thử sức mạnh của ngài.

Patricius nói:

– Thần Asclepius sở hữu sức mạnh và vinh quang to lớn: ai không dâng hương kèm lời cầu nguyện trước cửa đền thờ của ngài thì không thể vào bên trong.

Trong đền thờ Asclepius có những con rắn, mà mỗi năm một lần các thầy tế lễ lại dâng cho chúng thức ăn ngọt ngào.

– Hãy đến đền thờ Asklipios, – thánh Artemon nói, – và nếu ngài ấy không cho phép tôi vào trong, thì tôi sẽ dâng hương cho ngài ấy.

Và khi vị thánh, cùng với Patricius và đám đông, tiến gần đến đền thờ Asclepius, thì những con rắn – hay chính xác hơn là những linh hồn ác quỷ ẩn náu trong chúng – không thể chịu đựng được sự hiện diện của vị tử đạo được ban cho sức mạnh của Chúa Kitô, đã gây ra tiếng rít kinh hoàng và sự hỗn loạn trong đền thờ, đến nỗi nó rung lắc như cây bị gió thổi; thấy vậy, Patricius và đám đông hoảng sợ bỏ chạy. Patricius nói với vị thánh:

– Hãy xem sức mạnh của Asclepius vĩ đại biết bao, Người không cho phép ai vào gặp Người mà không dâng hương trước.

– Hãy ra lệnh cho thầy tế lễ mở đền thờ để tôi vào đó, – Thánh Artemon yêu cầu Patricius.

Ông ta ra lệnh cho một trong các thầy tế làm điều đó. Vị thầy tế tên là Vitali, nói với Patricius:

– Tôi xin tâu với ngài rằng tôi không thể mở đền thờ trước khi dâng hương kèm theo lời cầu nguyện, vì cơn thịnh nộ của thần Asclepius rất lớn.

Sau khi cầm lư hương và dâng hương như thường lệ, ông ta mở cửa đền thờ, rồi lập tức chạy đi. Lúc đó, Patricius, đang đứng từ xa, nói với vị thánh:

– Lão sư, nếu ngài có thể vào được thì hãy vào đi!

Thánh Artemon tiến lại gần cửa, làm dấu thánh giá, rồi bình thản bước vào trong, và những con rắn bỗng nhiên bất động. Vị thánh liền dâng lên Thiên Chúa chân thật lời cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, Đấng đã dùng tôi tớ Ngài là Đa-ni-ên để đánh bại Vê-la ở Ba-by-lôn và giết con rắn, xin Ngài bây giờ cũng dùng quyền năng của Ngài qua con, kẻ tội lỗi này, để đập tan đầu những con rắn này, hầu danh thánh của Ngài được tôn vinh!

Sau đó, ngài cấm những con rắn làm hại bất cứ ai và, ra lệnh cho chúng đi theo mình, ngài cùng chúng bước ra ngoài. Thấy những con rắn bước ra khỏi đền thờ, dân chúng và Patricius kinh hoàng và vội vã bỏ chạy. Thánh Artemon liền kêu lên theo sau họ:

– Sao các ngươi lại chạy trốn? Đừng sợ, hãy dừng lại và nhìn xem, bằng quyền năng của Đức Chúa Trời chân thật, Đấng mà tôi tin tưởng, những con rắn này sẽ chết ngay trước mắt các ngươi.

Rồi ngài thổi một hơi vào chúng, và chúng lập tức chết ngay, nằm dài dưới chân ngài, như bị sét đánh trúng. Thánh Artemon nói với Patricius:

– Các ngươi thấy chưa, những vị thần mà các ngươi tôn thờ đã chết bởi quyền năng của Đức Chúa Trời và Cha của Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta.

Dân chúng và Patricius đều kinh hoàng khi chứng kiến việc giết chết những con rắn mà không cần bất kỳ vũ khí nào; trong số đó có một con to đến mức rộng năm khuỷu tay và dài hai mươi lăm khuỷu tay. Còn thầy tế lễ Vitalius thì cất tiếng kêu lớn:

[2978] Asclepius hay Asclepius – vị thần y học.

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, và sức mạnh của người đàn ông này cũng thật vĩ đại, chỉ bằng một hơi thở đã giết chết những con rắn này!

Sau đó, ông quỳ xuống dưới chân vị thánh và nói:

– Tôi tớ của Chúa trên cao, tôi sẽ không rời xa ngài, tôi khẩn cầu: xin hãy ban cho tôi sức mạnh của Đức Chúa Trời ngài, để tôi trở thành con chiên hoàn hảo trong đàn chiên của ngài; cho đến nay, tôi vẫn sống trong ảo tưởng, tin vào các thần tượng và những con rắn này, nhưng giờ đây tôi đã nhận biết Đức Chúa Trời chân thật.

Còn Patricius, kẻ vô đạo, dù tâm hồn mù quáng, dù đã chứng kiến phép lạ vĩ đại đến thế, vẫn không muốn nhận biết Đức Chúa Trời chân chính: hắn cho rằng Thánh Artemon đã giết những con rắn không phải bằng quyền năng của Đức Chúa Trời, mà bằng phép thuật. Không chịu nổi sự xấu hổ và tràn đầy cơn giận vì sự bẽ mặt của mình cùng việc những con rắn bị giết, hắn ra lệnh bắt lại vị thánh tử đạo và đưa ra trước tòa án bất công của mình để tra tấn. Tại đó, hắn giận dữ nói với vị thánh:

– Nếu ngươi không tiết lộ bằng sức mạnh nào mà ngươi đã giết những con rắn của nữ thần vĩ đại Artemis và thần Apollo rực rỡ ánh sáng[2979] , thì ta sẽ xẻ ngươi ra thành từng mảnh.

– Bằng sức mạnh của Đấng Kitô, với sự trợ giúp của Tổng thiên thần Raphael do Thiên Chúa sai đến, ta đã giết những con rắn của các ngươi, – thánh Artemon đáp lại.

– Liệu Đấng bị người Do Thái đóng đinh có thể có sức mạnh như vậy không? – Patricius nghi ngờ.

Lúc đó, vị thánh kêu lên:

– Hỡi kẻ điên cuồng vì thù hận, kẻ thừa kế địa ngục và con rắn cổ xưa, ngươi đã nghe rồi, vậy hãy nghe thêm lần nữa rằng nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời của ta mà những con rắn của ngươi đã chết.

Sau những lời đó, Patricius tràn đầy cơn thịnh nộ và ra lệnh nung nóng một cái chảo sắt; sau đó, ông ta ra lệnh trói vị tử đạo trần truồng lên đó và đâm ông bằng những thanh sắt nung đỏ, cắt đứt các bộ phận cơ thể bằng lưỡi dao sắc nhọn; trong khi đó, ông ta nói với Thánh Artemon:

– Ngươi thấy chưa, lão già bất tuân, thân thể ngươi đang phải chịu đựng những cực hình như thế nào.

Còn người chịu khổ, ngước mắt lên trời, cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin đừng để kẻ ngoại đạo chế nhạo con, tôi tớ của Ngài; Ngài biết rõ rằng con đang chịu đau khổ vì Ngài; xin ban cho con sự kiên nhẫn để chịu đựng những đau khổ này, để kẻ thù phải hổ thẹn. Xin hãy nghe, lạy Thiên Chúa, lời cầu nguyện của con và xin hãy nhận lời khẩn cầu của con, lạy Thiên Chúa Sabaoth! Ngài đã tạo dựng trời và đất, và đã thực hiện những phép lạ khắp vũ trụ; Ngài là Chúa của muôn loài, và không ai có thể chống lại Ngài; xin hãy cứu con, lạy Chúa, nhờ lòng thương xót của Ngài. Ngài đã minh chứng sự vô tội của A-vên, thiếu niên hiền lành bị giết oan, Ngài đã thưởng cho Ê-nóc, người được Ngài ưa chuộng, bằng cách đưa ông lên trời, Ngài đã bảo vệ Nô-ê trong chiếc tàu và nhờ phước lành mà Ngài đã tôn vinh thầy tế lễ Mê-lích-xê-đéc[2980] , Ngài đã tôn vinh Áp-ra-ham vì của lễ hiến tế, đã làm cho dòng dõi Gia-cóp trở nên đông đúc, đã giải cứu Lót ở Sô-đôm khỏi ngọn lửa , và đã tôn vinh Giốp vì lòng kiên nhẫn của ông. Nhờ sự giúp đỡ của Ngài, Giô-sép đã chiến thắng những dục vọng xác thịt và đắc thắng trước kẻ thù. Mô-sê, tôi tớ của Ngài, và tất cả những người công chính, những người mà Ngài đã tỏ ra quyền năng của Ngài để chứng tỏ lòng đạo đức của họ, đều ngợi khen Ngài, Đấng đã tôn vinh họ là Đức Chúa Trời. Và con, lạy Chúa, tôi tớ của Ngài, cầu xin Ngài: xin thương xót con theo lòng nhân từ của Ngài và giúp đỡ con bằng quyền năng của Ngài.

Trong lúc vị thánh đang cầu nguyện tại Cêsarea, một con nai chạy đến; con nai này trước đó đã nói chuyện với vị giám mục tại Laodicea bằng giọng nói của con người; khi bước ra quảng trường chật kín người, nó quỳ xuống trước đôi chân thánh thiện của vị tử đạo và liếm chúng. Sau đó, theo lệnh của Đức Chúa Trời, ngài lại được ban ân sủng lời nói để vạch trần kẻ vô đạo và làm cho hắn phải xấu hổ, ngài đứng đối diện với Patricius và bắt đầu nói:

– Hãy biết đi, hỡi kẻ vô đạo, rằng không có gì là không thể đối với Đức Chúa Trời: để tỏ ra quyền năng của Ngài, Ngài có thể ban cho cả những loài không biết nói khả năng nói. Hãy biết rằng, tôi tớ của Đức Chúa Trời là

[2979] Apollon – vị thần mặt trời, vị thần bảo trợ cho các nghệ thuật.

[2980] Thánh Artemon đề cập đến sự kiện sau đây trong lịch sử Cựu Ước. Khi Áp-ra-ham trở về sau khi chiến thắng các vua đã bắt giữ người thân của ông là Lót làm tù binh, thì Mê-lích-xê-đéc, vua Sa-lim và tư tế của Đức Chúa Trời Tối Cao, đã ra đón ông với bánh và rượu, và ban phước cho Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 14:1–20; Hê-bơ-rơ 7:1); lời chúc phúc này thể hiện phẩm giá cao hơn của Mê-lích-sê-đéc so với Áp-ra-ham, vì, như Thánh Tông đồ Phao-lô đã nói: *"Không thể chối cãi rằng người nhỏ hơn được người lớn hơn chúc phúc*." (Hê-bơ-rơ 7:7).

Artemon sẽ sớm được giải thoát khỏi những cực hình, còn ngươi sẽ bị hai con chim bắt giữ và ném vào nồi nước sôi vì đã hành hạ một cách vô nhân đạo người công chính và đã từ chối Đức Chúa Trời, Đấng mà ngươi đã thừa nhận là chân thật và đã tin tưởng.

Thấy việc biến thành thú dữ trong lời cáo buộc chẳng qua chỉ là trò phù thủy, tên Patricius vô đạo đã nổi giận và ra lệnh cho binh lính giết con nai; một trong số họ cầm giáo và ném mạnh vào con hươu, nhưng con hươu nhảy lùi lại, còn cây giáo lại đâm trúng một người cận thần của Patricius và xuyên thủng bụng hắn, khiến hắn chết ngay lập tức. Patricius cảm thấy hối tiếc về điều đó và rời khỏi tòa án về nhà mình, đồng thời ra lệnh đưa vị tử đạo trở lại ngục tối.

Sáng hôm sau, ông ra lệnh đổ nhựa thông vào một cái nồi lớn và đun sôi nó, để ném vị tử đạo xuống đó với đầu hướng xuống dưới. Khi mệnh lệnh được thi hành xong, người ta báo cáo với Patricius rằng mọi thứ đã sẵn sàng; ông, muốn tận mắt chứng kiến cảnh hành hình Thánh Artemon, đã lên ngựa và cưỡi đến nồi nhựa, nhưng ngay khi ông vừa đến gần, hai Thiên thần từ trời hạ xuống dưới hình dạng những con đại bàng, đã tóm lấy Patricius và ném ông vào nồi nhựa sôi sùng sục, đến nỗi ngay cả xương cốt của ông cũng tan chảy trong đó. Các chiến binh và dân chúng khi chứng kiến cảnh đó đã hoảng sợ bỏ chạy; còn vị thánh, khi được dẫn đến nồi nhựa, vẫn ở lại một mình, ngợi khen Thiên Chúa; ngài quỳ gối cầu nguyện và từ mặt đất nơi ngài đứng, một dòng suối đã tuôn trào. Tư tế Vitalius và nhiều người ngoại đạo khác đã đến đây gặp ngài; sau khi được dạy dỗ về đức tin Kitô giáo, tất cả họ đều được thánh Artemon rửa tội.

Cùng đêm đó, vị thánh tử đạo nghe thấy một tiếng nói từ trên cao:

– Hãy rời khỏi thành phố này và đi đến Á Châu, đến nơi được gọi là Vuli, nằm bên bờ biển; ở đó ngươi sẽ gặp Alexander và mẹ của anh ta là Pironia: cùng với họ, ngươi sẽ giải thoát nhiều người khỏi ma quỷ và chữa lành bệnh tật cho họ, và nhiều người, được ngươi soi sáng bằng ánh sáng của giáo lý Chúa Kitô, sẽ tôn vinh Thiên Chúa.

Khi bình minh ló rạng, tất cả những người mới được rửa tội đều tụ họp lại với vị thánh; ngài, sau khi rước các Bí tích Thánh, đã ban cho họ Thân Thể và Máu Thánh của Chúa Kitô, và nói:

– Bánh này là Thân Thể Chúa Kitô, còn chén này là Máu Chúa Kitô, đã đổ ra vì linh hồn các con; hãy cẩn trọng, hỡi các con, đừng để ai trong các con xa rời tình yêu của Chúa Kitô, hãy vững vàng trong đức tin, còn tôi thì được lệnh phải đi đến Á Châu.

Còn Đức Giám mục thành Cêsarea, khi nghe tin về tất cả những gì đã xảy ra với Thánh Artemon và biết rằng ngài đã rửa tội cho nhiều người và đang giảng dạy, rao giảng Tin Mừng, đã đến gặp ngài cùng với các Kitô hữu và chào đón ngài bằng nụ hôn; sau đó, sau khi dâng lời cầu nguyện, ngài đã đánh dấu nơi vị tử đạo đã chịu khổ hình, và sau này đã xây dựng một nhà thờ tại đó; trong số những người được Thánh Artemon rửa tội, ngài phong một số làm linh mục, một số làm phó tế, còn Vitalius thì được phong làm giám mục và được giao quản lý vùng Palestine. Còn Thánh Artemon, sau khi từ biệt giám mục và dân chúng, đã lên đường đến vùng đất Á Châu mà ngài được chỉ định; trên đường đi, ngài được một Thiên thần rước đi và đưa đến nơi đã được mặc khải trong thị kiến; tại đây, nhờ ơn Chúa, ngài đã thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại và dẫn dắt nhiều người trở về với Chúa, dạy dỗ họ về chân lý Phúc Âm. Trong khi rao giảng, Thánh Artemon đã bị những người ngoại đạo bắt giữ và, sau khi bị chém bằng gươm, ngài đã về cõi vĩnh hằng để nhận vương miện từ Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta; vinh quang và sự thờ phượng thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Tử đạo Fomaida.

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 4

Thánh nữ tử đạo Thô-ma-i-đa sinh ra tại thành phố Alexandria trong một gia đình sùng đạo, cha mẹ đã nuôi dạy con gái theo lối sống Kitô giáo chân chính và dạy cô biết đọc sách. Khi cô tròn mười lăm tuổi, họ gả cô cho một chàng trai Kitô hữu. Tại nhà chồng, Thánh Tômaida sống một cuộc đời trong sạch, được mọi người kính trọng vì sự trinh khiết, tính hiền lành, lòng nhân ái và những phẩm chất tốt đẹp khác. Cha chồng của Thánh Tômaida, tức là bố chồng cô, cũng sống chung dưới một mái nhà với họ. Bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của con dâu và bị dục vọng xác thịt xúi giục, dưới sự xúi giục của Satan, ông ta đã ấp ủ những ý định xấu xa đối với cô: ông ta tìm kiếm thời cơ thuận lợi để có những hành vi tội lỗi với cô, và khi không tìm được, ông ta chỉ dừng lại ở việc hàng ngày, dưới vỏ bọc của sự âu yếm của người cha, ôm ấp và hôn cô. Còn Thánh Fomaida, nhờ sự trong sạch của mình, không hề nghi ngờ

rằng cha chồng lại có những ý nghĩ ô uế, và vì thế, cô không thấy có gì đáng trách trong cách đối xử như vậy của ông đối với mình: cô tin chắc rằng điều đó xuất phát từ tình yêu của ông dành cho cô như dành cho con gái, và vì kính trọng cha chồng như cha ruột, cô luôn giữ thái độ đặc biệt nghiêm khắc và e thẹn khi ở bên ông.

Chồng của Thánh Fomaida là một ngư dân, và vào một đêm nọ, những người bạn cùng nghề của ông đã đến và rủ ông đi đánh cá. Lợi dụng lúc con trai vắng nhà, cha của cậu bé đã đến gặp Thánh Fomaida và cố gắng dụ dỗ bà phạm tội. Nguy hiểm bất ngờ này khiến bà kinh hoàng, và bà bắt đầu chống cự lại ông lão điên rồ đó, nói rằng:

– Cha đang làm gì vậy? Hãy làm dấu thánh giá và đi đi: ý định của cha là do Satan xúi giục.

Nhưng ông lão không nghe theo lời khuyên răn của bà và cố gắng dụ dỗ bà bằng những lời nói và hành động vô liêm sỉ. Còn Thánh Phô-ma-i-đa, tràn đầy lòng kính sợ Thiên Chúa và sự trong sạch, đã kiên quyết chống lại cha chồng: bà cầu nguyện và thuyết phục ông từ bỏ ham muốn bất chính và vô đạo đức đó. Nhưng càng chống cự quyết liệt, ông ta càng ép buộc bà một cách dai dẳng, bị dục vọng ô uế thiêu đốt như ngọn lửa. Trên tường phía trên giường có treo một thanh kiếm; ông già lấy thanh kiếm xuống, rút ra khỏi vỏ, rồi bắt đầu dọa nạt Thánh Phô-ma-i-đa, nói với bà những lời đe dọa như sau:

– Nếu ngươi không nghe lời ta, ta sẽ dùng chính thanh kiếm này chém đứt đầu ngươi.

Còn bà thì đáp lại:

– Dù ngài có chặt tôi thành từng mảnh đi chăng nữa, tôi cũng sẽ không bao giờ đồng ý với việc làm trái luật pháp này.

Sau những lời đó, ông lão nổi cơn thịnh nộ dữ dội, dùng thanh kiếm chém con dâu mình với sức mạnh khủng khiếp đến nỗi giết chết cô, chém cô làm đôi. Thánh nữ Fomaida đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa và nhận được vương miện tử đạo vinh quang nhờ sự trong sạch và tiết hạnh của mình: bà đã chiến đấu chống lại tội lỗi cho đến khi đổ máu, và đã hiến dâng linh hồn mình vì luật pháp của Thiên Chúa, thà chết còn hơn làm phật lòng Thiên Chúa và làm ô uế thân thể mình cũng như giường ngủ của chồng.

Kẻ sát nhân ngay lập tức phải hứng chịu sự trừng phạt của Đức Chúa Trời: bị mù lòa về tâm hồn, hắn mất thị lực và, vứt bỏ thanh gươm, tìm kiếm cửa ra vào, dù muốn thoát khỏi ngôi nhà và trốn chạy không để lại dấu vết, nhưng khi sờ dọc theo tường, hắn không thể tìm thấy lối ra và vì thế buộc phải ở lại trong phòng. Trong khi đó, những ngư dân khác đã đến và gõ cửa, gọi con trai ông đi câu cá. Người cha đáp lại:

– Con trai tôi đã đi câu cá rồi; chỉ cho tôi cửa ra vào đi, vì tôi không thể tìm thấy nó.

Họ mở cửa bước vào và thấy một ông lão với đôi tay và quần áo dính đầy máu, đang cố gắng sờ soạng tìm lối ra, và – nằm trên sàn nhà trong vũng máu, bị chém làm đôi – người vợ. Trước cảnh tượng đó, họ kinh hoàng và hỏi:

– Điều này có nghĩa là gì? Ai đã gây ra tội ác tày trời này và vì lý do gì?

Lúc đó, vị lão nhân kể cho họ nghe về tội lỗi của mình và xin họ đưa ông đến gặp quan tòa để nhận hình phạt xứng đáng với tội lỗi của mình. Khi chồng của thánh Fomaida trở về từ nơi làm việc và biết được chuyện đã xảy ra, ông cảm thấy nỗi đau buồn không thể nguôi ngoai và sự xấu hổ: ông khóc thương người vợ trinh tiết của mình và cảm thấy xấu hổ vì người cha vô pháp của mình, người đã không sợ Chúa, phạm phải tội ác ghê tởm và làm ô uế mái tóc bạc của mình. Vị lão nhân bị đưa ra xét xử và bị trừng phạt bằng cách chém đầu bằng gươm. Còn thi thể của người phụ nữ bị sát hại thì thu hút đông đảo dân chúng thành Alexandria đến viếng; tất cả đều kinh ngạc trước sự kiện kinh hoàng và khó tin này, đồng thời ca ngợi sự trong sạch của Thánh Fomaida.

Tình cờ vào thời điểm đó, Thánh Đaniel người Skit đang có mặt tại Alexandria; ngài nói với đệ tử của mình:

– Con ơi, chúng ta hãy đi xem thi hài của vị trinh nữ thánh này.

Thực hiện theo ý muốn của mình, họ lên đường đến tu viện Octodekatsky, tức là tu viện thứ tám mươi. Các tu sĩ của tu viện này đã tiếp đón vị tu sĩ đáng kính một cách trang trọng, chân thành chào đón ngài. Sau khi kể cho họ nghe về những đau khổ của Thánh Fomaida, ngài ra lệnh như sau:

– Hãy đi và mang thi hài cao quý của nàng về đây, vì thi hài ấy không nên nằm chung với những người trần tục, mà phải nằm cùng các vị cha đáng kính.

Một số tu sĩ đã phẫn nộ trước mệnh lệnh đặt thi hài của một người phụ nữ cùng với các vị tu sĩ. Vị thánh nhân đã nói với họ như sau:

– Cô gái trinh khiết mà các con không muốn mang về đây chính là mẹ của ta và của các con: vì bà đã qua đời để bảo vệ sự trinh khiết của mình.

Lúc đó, các tu sĩ không dám chống đối vị thánh cha nữa, họ đi lấy thi hài của thánh Fomaida và an táng nó một cách trang trọng trong lăng mộ của tu viện. Sau khi từ biệt tất cả các vị cha, vị thánh nhân cùng với đệ tử của mình trở về am của mình.

Một tu sĩ trong tu viện của ngài đang phải chịu những cám dỗ xác thịt dữ dội; khi đến gặp vị thánh tu sĩ Đaniel, anh ta đã tâm sự với ngài về cuộc đấu tranh gay gắt của mình với những dục vọng xác thịt. Vị thánh tu sĩ nói với anh ta:

– Hãy đến tu viện Octodekaton và cầu nguyện tại nhà mồ của tu viện như thế này: Lạy Chúa, nhờ lời cầu nguyện của nữ tử đạo Fomaida, xin giúp con và giải thoát con khỏi dục vọng dâm ô! Hãy đặt niềm tin vào Chúa, và con sẽ thoát khỏi những cám dỗ, – vị thánh phụ thêm vào.

Anh em ấy đi và làm đúng theo mọi điều mà vị tu sĩ đáng kính Đan-ni-ên đã dặn dò, và quả thực đã hoàn toàn thoát khỏi những cám dỗ xác thịt. Khi trở về tu viện, anh ta quỳ xuống dưới chân vị tu sĩ Đan-ni-ên và nói với ngài:

– Nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Tử đạo Fomaida và của cha, Thiên Chúa đã giải thoát con khỏi những ham muốn xác thịt.

Vị tu sĩ già hỏi:

– Con đã thoát khỏi chúng bằng cách nào?

Anh em trả lời:

– Sau khi dâng mười hai lời cầu nguyện và xức dầu từ ngọn đèn đặt bên mộ thánh nữ tử đạo, con đã đặt đầu lên mộ của ngài và chìm vào giấc ngủ, thì bỗng một thiếu nữ rạng rỡ, chính là thánh Fomaida, hiện ra và nói: "Thưa Cha, xin hãy nhận lấy lời chúc phúc này và hãy trở về phòng tu của Cha trong bình an"; tôi đã nhận lời chúc phúc và tỉnh dậy, cảm thấy hoàn toàn được giải thoát khỏi những dục vọng xác thịt; tôi không biết chính xác ý nghĩa của lời chúc phúc mà vị thánh đã ban cho tôi trong giấc mơ, nhưng tôi nhận thức rõ ràng rằng mình đã được giải thoát khỏi những dục vọng.

Thánh Đaniel đã nói, sau khi anh em kết thúc câu chuyện của mình:

– Những ai tu hành vì sự trong sạch có lòng can đảm lớn lao như vậy trước mặt Đức Chúa Trời.

Trong suốt quãng đời còn lại, vị tu sĩ ấy không bao giờ còn bị cám dỗ bởi xác thịt nữa, và ngài luôn ngợi khen Đức Chúa Trời cùng Thánh Tử Đạo Phô-ma-i-đê, Đấng đã chữa lành cho ngài. Những người khác, cũng bị những dục vọng tương tự làm phiền, cũng đã làm như vậy: khi đến trước quan tài của Thánh Tử đạo Phô-ma-i-đê, họ nhận được sự nhẹ nhõm và giải thoát khỏi những dục vọng xác thịt nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của bà; họ ca ngợi Thánh Tử đạo, đồng thời tôn vinh Chúa Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được vinh quang và sự thờ phượng muôn đời. A-men.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Kriskent.

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 4

Vị thánh tử đạo này sinh ra tại thành phố Myra thuộc Lycia[2981] , xuất thân từ một gia tộc danh giá và là một nhân vật rất nổi tiếng. Thấy nhiều người thờ lạy các thần tượng, một lần nọ, ngài đã hòa vào đám đông những kẻ thờ thần tượng và bắt đầu thuyết phục họ từ bỏ những lầm lạc ngoại đạo, quay về với Chúa Kitô và được cứu rỗi. Khi quan tổng trấn vùng này biết được chuyện này, ông đã ra lệnh bắt giữ ngài và đưa đến trước mặt mình để xét xử. Tại phiên tòa, ông ta bắt đầu tra hỏi vị thánh về tên cha ngài và tên của ngài, nhưng Criscent chỉ tự xưng là một Kitô hữu và không trả lời gì khác. Lúc đó, quan tổng trấn nói với ngài:

– Hãy dâng lễ vật cho các thần tượng chỉ để làm vẻ bề ngoài, còn trong lòng thì vẫn là người tôn thờ Đức Chúa Trời của ngươi.

Nhưng vị thánh tử đạo đã phẫn nộ từ chối đề nghị đó và, sau khi tuyên xưng sự thật trước mặt mọi người, đã trả lời vị quan:

[2981] Miri, ngày nay là Miri, được người Thổ Nhĩ Kỳ gọi là Dembre, từng là thành phố chính của Lycia cổ đại và nằm gần biển, bên sông Andrak.

– Không thể nào để thân xác làm điều trái với những gì linh hồn suy nghĩ, vì linh hồn là người điều khiển và dẫn dắt thân xác.

Sau đó, thánh Criscentus bị treo cổ và thân thể ngài bị lột da, rồi người ta đốt lò và khi lò đã nóng đỏ, họ ném ngài vào đó. Và như vậy, ngài đã trao linh hồn mình cho Chúa.

Ngày 27 tháng 4

14 tháng 4 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Martin, vị Thánh Tuyên xưng, Giáo hoàng Rôma.

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 4

Sau khi Đức Giáo hoàng Theodor qua đời vào năm 649, vị trí của ngài đã được Đức Thánh Martin[2982] kế nhiệm thông qua cuộc bầu cử nhất trí. Vào thời điểm đó, ở phương Đông, tại Hy Lạp, vua Constans[2983] đang trị vì, là con trai của vua Constantine và cháu nội của Heraclius; vào những năm đó, các vị vua Hy Lạp vẫn còn nắm quyền cai trị La Mã cổ đại và do đó có các tổng trấn của mình ở phần phía Tây của đế quốc. Tại phương Đông lúc bấy giờ, tà thuyết Monothelite, tức là những người theo thuyết "một ý chí", ngày càng lan rộng; họ thừa nhận rằng trong Chúa Giêsu Kitô của chúng ta chỉ có một ý chí và một ý muốn duy nhất[2984] . Tà thuyết này phát sinh từ tà

[2982] Đó là vào năm 649.

[2983] Từ năm 642 đến năm 668

[2984] Những người theo thuyết Monophysite – những người tin vào bản tính duy nhất – là những kẻ dị giáo, dạy rằng Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính thần thánh, tức là sự hợp nhất hoàn toàn giữa bản tính thần thánh và bản tính nhân loại trong Chúa Giêsu Kitô, với việc bản tính nhân loại bị bản tính thần thánh hấp thụ; còn được gọi là tà thuyết Eutychian, theo tên của Archimandrite Eutychius ở Constantinople, người đầu tiên đưa ra giáo lý này và khơi mào cho các cuộc tranh luận về Monophysitism. Lần đầu tiên, tà thuyết này bị lên án tại Công đồng Constantinople (năm 448), và Eutychius đã bị phế truất; Thượng phụ Flavius của Constantinopolis, người chủ tọa Công đồng, đã báo cáo các quyết định của Công đồng cho Đức Giáo hoàng Thánh Lê Vĩ Đại tại Roma. Đức Giáo hoàng đã đồng ý với việc lên án Eutyches và viết một bức thư, trong đó trình bày giáo lý chính thống về sự kết hợp của hai bản tính trong Đức Giêsu Kitô. Trong khi đó, Eutyches đã nhận được sự ủng hộ từ Hoàng đế Theodosius II và Thượng phụ Alexandria Dioscorus. Công đồng tại Ephesus (năm 449), được Hoàng đế triệu tập và được lịch sử gọi là "Công đồng cướp bóc" vì những hành động phi pháp của nó, đã kết án Thượng phụ Flavian và minh oan cho Eutyches. Phó tế Hilarius, đại sứ của Giáo hoàng có mặt tại công đồng, đã bày tỏ sự bất đồng với quyết định của công đồng và trốn về Rôma, nơi Giáo hoàng ngay lập tức tuyên bố tước quyền tham gia Giáo hội đối với Dioscorus, đồng thời coi các quyết định của Công đồng Êphêsô là vô hiệu; Dioscorus, ngược lại, đã tuyên bố vạ tuyệt thông đối với Giáo hoàng Lêô tại Alexandria. Vấn đề về sự kết hợp của hai bản tính trong Chúa Giêsu Kitô cuối cùng đã được giải quyết sau khi Hoàng đế Theodosius II qua đời (năm 450). Hoàng hậu Pulcheria và đồng trị vì Marcian đã lên tiếng chống lại những kẻ dị giáo; vào năm 451, Công đồng (Chalcedon) được triệu tập, hội đồng này đã phế truất Thượng phụ Dioscorus và xác định giáo lý về cách thức kết hợp hai bản tính trong Ngôi Vị của Chúa Giêsu Kitô như sau: "Theo gương các Thánh Cha, chúng ta nhất trí dạy dỗ và tuyên xưng… một và cùng một Đấng Christ, Con Một, Chúa, trong hai bản tính, không hòa trộn, không thay đổi, không tách rời, không thể phân ly... không bị chia cắt thành hai nhân vị, mà là một trong cùng một Con Một và Lời Thiên Chúa Duy Nhất". – Quyết định của Công đồng Chalcedon không được chấp nhận tại Ai Cập, Armenia, cũng như một phần tại Syria và Palestine. Ở các quốc gia này, những kẻ dị giáo Monophysite vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay; tổng số của họ lên tới 5.000.000: 600.000 người Monophysite Syria hay Jacobite, 280.000 người Armenia theo phái Gregory, khoảng 300.000 người Coptic và hơn 2.000.000 người Abyssinia.
Tà thuyết Monophysitism hay tà thuyết "một ý chí" nảy sinh vào đầu thế kỷ VII dưới ảnh hưởng của nỗ lực của các vị vua Byzantine nhằm sáp nhập tà thuyết Monophysitism đang lan rộng vào Giáo hội: những mâu thuẫn giữa các tín hữu Chính thống và những người theo tà thuyết Monophysitism không chỉ là thảm họa về mặt giáo hội mà còn là thảm họa về mặt chính trị. Các giám mục theo phái Monophysite, chủ yếu là Kir, giám mục của Phasis ở Colchis, đã đề xuất với hoàng đế Heraclius (611–641) rằng sự hợp nhất giữa họ và những người Chính thống giáo có thể diễn ra nếu Giáo hội Chính thống công nhận trong Chúa Giêsu Kitô có một ý chí duy nhất và một hành động duy nhất. Năm 633, nhờ nỗ lực của hoàng đế và Kir—người đã được phong làm tổng giám mục Alexandria—đã thành công trong việc thiết lập sự hiệp nhất giữa các tín đồ Monophysite Ai Cập và các tín đồ Chính thống; hầu hết các giám mục phương Đông và Hy Lạp, với Tổng giám mục Sergius của Constantinople đứng đầu, đã gia nhập vào sự hiệp nhất này. Tu sĩ Sofronius, môn đệ yêu quý của Thượng phụ Alexandria Gioan Nhân từ, đã công khai phản đối thỏa thuận phi pháp này, chứng minh rằng giáo lý về "ý chí duy nhất" cũng chính là chủ nghĩa đơn tính, tức là sự thừa nhận trong Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính thần linh duy nhất; bởi vì nếu bản tính là duy

thuyết Eutyches trước đó, người đã ngang nhiên khẳng định trong Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính duy nhất, trái với giáo lý Chính Thống, vốn tuyên xưng rằng trong Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã nhập thể, có hai bản tính và hai ý chí, hai ý muốn và hai hành động; mỗi bản tính có ý chí riêng, ý muốn riêng và hành động riêng trong một Ngôi Vị duy nhất của Đấng Christ: Chúa Giêsu Kitô không thể bị chia thành hai ngôi vị, nhưng được nhận biết trong hai bản tính mà không bị trộn lẫn.

Những người khai sinh ra tà giáo là các tổng giám mục: Cyril của Alexandria và Sergius của Constantinople; ông nội của vua Constans là Heraclius cũng đã hỗ trợ họ trong việc truyền bá tà giáo. Sau khi Sergius qua đời, Pyrrhus được bổ nhiệm làm tổng giám mục Constantinople, và sau đó là Paul – cả hai đều là những kẻ tà giáo theo phái Monothelite. Theo lời khuyên của Phaolô, vua Constans đã viết một cuốn sách chứa đựng giáo lý dị giáo của phái Monothelite và đặt tên là "Typus"; ông đã gửi cuốn sách này đi khắp nơi, ra lệnh phải tuân theo giáo lý phù hợp với nó về Thân vị của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Nhiều tín hữu Chính Thống Giáo, những người không đồng tình với tà thuyết, vì đã chống lại mệnh lệnh bất chính của hoàng đế mà phải chịu lưu đày, bị đánh đập, hoặc thậm chí bị tử hình; trong số đó có Thánh Maximus Confessor, như đã được trình bày chi tiết trong cuốn tiểu sử của ngài[2985] , và Đức Giáo Hoàng Thánh Martin, người mà chúng ta đang đề cập đến. Ngay sau khi ngài lên ngôi Giáo hoàng Rôma, nhà vua đã gửi cho ngài một cuốn sách chứa đầy những giáo lý dị giáo, mong muốn vị Giáo hoàng mới nhậm chức sẽ đồng ý với dị giáo của ông ta và xác nhận nó tại công đồng. Nhưng Đức Thánh Cha Martin đã bác bỏ nó, nói rằng:

– Dù cả thế giới có chấp nhận giáo lý trái với Chính Thống Giáo này đi chăng nữa, thì ngay cả trong trường hợp đó, tôi cũng sẽ không chấp nhận nó, và dù phải chịu chết, tôi cũng sẽ không từ bỏ giáo lý Phúc Âm và Tông Đồ cùng truyền thống của các Thánh Tổ.

Sau đó, ngài đã gửi một bức thư đến Thượng phụ Pavlô tại Tsargrad cùng với một số vị giáo sĩ trung thực trong hàng giáo sĩ, trong đó ngài đã khuyên nhủ ngài với tình yêu thương rằng đừng gây chia rẽ trong sự hiệp nhất của Giáo hội, đừng gieo rắc cỏ dại dị giáo giữa lúa mì của đức tin thánh thiện, mà ngược lại, hãy thuyết phục hoàng đế từ bỏ giáo lý trái với Giáo hội. Tuy nhiên, Thượng phụ Pavlô không những không nghe theo lời Thánh Martin, mà còn ra lệnh đánh đập tàn nhẫn các sứ giả của ngài, rồi đày họ đến vùng biên giới của đế quốc. Lúc bấy giờ, Thánh Martin, theo lời khuyên của Thánh Maximus, vị tu sĩ Chrysopolitan thuộc dòng[2986] đang có mặt tại Roma lúc bấy giờ, đã triệu tập một Công đồng địa phương gồm 105 giám mục phương Tây và trình lên công đồng này để xem xét những sai lầm của Cyrus, Sergius, Pyrrhus và Paul cùng với cuốn sách "Typus" của hoàng đế; Công đồng đã tuyên bố tà thuyết đó bị vạ tuyệt thông và ban hành một thông điệp gửi đến tất cả các tín hữu Chính Thống, củng cố đức tin Chính Thống của họ, giải thích rõ sự nguy hại của tà thuyết và ra lệnh phải đề phòng nó một cách cẩn trọng nhất[2987] . Khi nghe tin về hành động này của Thánh Martin, nhà vua đã nổi cơn thịnh nộ tột độ: ông đã cử một tướng quân tên là Olympia đến Roma với tư cách là đại diện của mình, để bắt giữ Giáo hoàng Martin. Nhưng

---

nhất, thì tự nhiên ý chí cũng phải là duy nhất. Sau khi trở thành Thượng phụ Giêrusalem vào năm 634, ngài đã bảo vệ Chính Thống Giáo với lòng nhiệt thành còn lớn hơn nữa: ngài đã triệu tập một công đồng tại Giêrusalem, tại đó ngài đã lên án chủ nghĩa Monophelitism. Với mong muốn chấm dứt những tranh cãi, vào năm 638, Hoàng đế Heraclius đã ban hành "bản tóm tắt đức tin" (Ektesis), trong đó nêu rõ giáo lý Chính Thống về hai bản tính trong Chúa Giêsu Kitô và cấm nói về các ý chí của Ngài, mặc dù đồng thời cũng bổ sung rằng đức tin Chính Thống đòi hỏi phải công nhận một ý chí duy nhất. Sau khi "bản tuyên xưng đức tin" được ban hành, tu sĩ Maximus Confessor tại Constantinople đã trở thành người bảo vệ nhiệt thành cho Chính Thống giáo, người đã hoạt động thành công chống lại các tín đồ Monothelitism ở Bắc Phi và Rome. Người kế vị Heraclius là Constans II, với mong muốn loại bỏ bản "Ektesis" hay "Tuyên ngôn Đức tin" – vốn đã gây ra thêm nhiều chia rẽ – vào năm 648 đã ban hành "Typus" – một mẫu mực về đức tin, trong đó cấm đề cập đến cả ý chí duy nhất lẫn hai ý chí, buộc mọi người phải tin theo những gì đã được xác định tại năm Công đồng Đại kết trước đó. Tuy nhiên, "typos" không chấm dứt được các tranh cãi, như chúng ta thấy trong cuốn tiểu sử này. Cuối cùng, Hoàng đế Constantine Pagonatus (668–685) đã triệu tập tại Constantinopolis Công đồng Đại kết lần thứ sáu (Trullus) tại Constantinopolis, tại đó chủ nghĩa Monothelite bị lên án là dị giáo và được xác định rằng trong Chúa Giêsu Kitô phải tuyên xưng hai hành động, hai ý chí, trong đó ý chí con người phải tuân theo và phục tùng ý chí Thiên Chúa trong mọi sự, mà không bị hủy diệt vì điều đó. – Những người theo chủ nghĩa Monophysite còn sót lại vẫn tồn tại cho đến ngày nay dưới hình thức giáo phái Maronite. Ban đầu, họ tìm được nơi ẩn náu (từ năm 680) trên dãy núi Li-băng; trong thời kỳ các cuộc Thập tự chinh (năm 1182), giáo lý của phái Monophysite đã lan truyền sang phương Tây, đến châu Âu, nhưng nhờ sự can thiệp của các Giáo hoàng, giáo lý này không thu hút được nhiều tín đồ, mặc dù vẫn tồn tại cho đến năm 1736, khi những người Do Thái theo phái Monophysite gia nhập Giáo hội Công giáo. Ở phương Đông, tại Syria (khu vực Kesrawan), họ vẫn tồn tại cho đến ngày nay.

[2985] Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 21 tháng 1

[2986] "Cha" là một từ gốc Do Thái.

[2987] Hội đồng này diễn ra vào năm Thánh Martin lên ngôi Giáo hoàng, tức là vào năm 649.

khi đến Rome, Olympia buộc phải từ bỏ ý định bắt giữ Đức Giáo hoàng một cách công khai, bởi vì lúc đó Đại hội đã diễn ra, thu hút đông đảo các giám mục và dân chúng, khiến thành phố chật cứng cả các nhân vật tôn giáo lẫn thế tục; vì vậy, Olympia đã xúi giục một chiến binh giết Thánh Martin một cách "vô tình" ngay trong nhà thờ. Khi người lính đó, với thanh gươm sắc bén giấu dưới áo, tiến lại gần Đức Giáo hoàng trong nhà thờ với ý định giết ngài, thì đột nhiên anh ta bị mù: vì Chúa, Đấng không để *"cây gậy của kẻ ác đè lên phần của người công chính"*[2988] (Thánh Vịnh 124:3), đã không cho phép kẻ sát nhân giơ bàn tay tàn ác lên người tôi tớ trung thành của Ngài. Thấy rằng chính Chúa đang bảo vệ người tôi tớ của Ngài, Olympius đã để Đức Giáo hoàng yên và rút lui về Sicily, nơi ông qua đời trong trận chiến chống lại người Saracen. Còn nhà vua, theo lời khuyên của Thượng phụ Phaolô, đã cử một tổng trấn khác đến Rôma, cũng là một tướng quân, tên là Théodore và được gọi là Calliope. Người này được giao nhiệm vụ bắt giữ Thánh Martin, bằng cách trước tiên vu khống Đức Giáo hoàng rằng ngài, với ý định khai chiến chống lại nhà vua, đã thông đồng với người Saracen, xúi giục họ nổi dậy, và rằng ngài không tuân giữ đúng đức tin được truyền lại từ các tổ phụ cũng như xúc phạm Đức Mẹ Đồng Trinh.

Khi đến Rome, viên quan đại diện đã công khai trước mặt mọi người buộc tội Đức Giáo hoàng về những tội danh nêu trên. Thánh Martin, người vô tội, bắt đầu tự bào chữa trước những lời vu khống được gán ghép cho ngài:

– Tôi chưa bao giờ, – ngài nói, – có bất kỳ mối quan hệ nào với người Saracen, ngoại trừ những lần tôi gửi tiền bố thí cho các anh em đồng đạo nghèo khó đang sống giữa họ; ai không tôn kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, không công nhận Người là Mẹ Thiên Chúa và không thờ phượng Người, thì người ấy sẽ bị nguyền rủa trong đời này và đời sau. Còn về đức tin thánh thiện, – ngài kết thúc lời bào chữa của mình, – không phải chúng ta, mà chính những kẻ bất công có quan điểm trái ngược với chúng ta mới là những người đang vi phạm.

Còn quan đại diện của nhà vua, không nghe những lời bào chữa của Đức Giáo hoàng, vẫn khẳng định tính chính đáng của những cáo buộc đã nêu và thậm chí còn bổ sung thêm một cáo buộc mới – đó là việc Thánh Martin được cho là đã chiếm giữ ngai tòa Giáo hoàng một cách sai trái. Và vào một đêm nọ, với sự trợ giúp bí mật của binh lính, ông ta bắt Giáo hoàng, đưa ngài xuống bến cảng và từ đó dùng thuyền đưa ngài đến đảo Naxos, nằm giữa những hòn đảo xa xôi được biết đến với tên gọi quần đảo Cyclades[2989] . Trên hòn đảo này, Thánh Martin đã ở lại suốt một năm, phải chịu đói khát và những thiếu thốn khác về những nhu cầu thiết yếu nhất cho cuộc sống. Còn nếu có ai trong số những cư dân sùng đạo trên đảo, vì thương xót vị giáo hoàng bị lưu đày, mang đến cho ngài thứ gì đó để giảm bớt cảnh khốn khó, thì lính canh không cho phép những người đến gặp tù nhân và dùng vũ lực lấy lại những món quà từ tay những người mang đến; đồng thời, họ còn quở trách những người này, nói rằng:

– Ai trong các ngươi yêu mến và thương xót ông ta thì chính là kẻ thù của tổ quốc, vì người bị lưu đày ấy là kẻ dị giáo, kẻ chống lại Thiên Chúa và kẻ gây rối trật tự của nhà nước La Mã-Hy Lạp.

Và lính canh đã gây ra nhiều sự sỉ nhục cho Thánh Martin, khiến ngài phải chịu những lời chửi rủa và sự chế nhạo. Nhưng ngài, dù sức khỏe thể xác ngày càng suy yếu vì những sự sỉ nhục hàng ngày, những thiếu thốn và căn bệnh đã ập đến, vẫn không mất đi sự kiên định trong tâm hồn, mà chịu đựng tất cả với lòng biết ơn vì Chúa. Sau một năm kể từ khi bị giam giữ trên đảo, Thánh Martin được đưa đến Byzantium[2990] .

Con tàu cập bến Byzantium vào mùa thu và dừng lại tại bến cảng Euphemia, gần Arkandia, vào sáng sớm. Ngay lập tức, vị thánh, lúc này đã ốm nặng, bắt đầu bị các sứ giả của hoàng đế và tổng giám mục quấy rầy; không có chút lòng trắc ẩn nào, họ đã sỉ nhục vị giám mục trung thực của Chúa suốt cả ngày, từ sáng đến tối, bằng mọi cách vu khống và lăng mạ ngài. Khi chiều tối buông xuống, thư ký của tổng giám mục[2991] Sagoliva đã đến cùng một đoàn binh lính đông đảo; họ đưa Thánh Martin xuống khỏi tàu, đặt ngài lên cáng (do bệnh tật nên ngài không thể đi lại được nữa) và khiêng ngài đến một khu sân gọi là Prandiaria; tại đây, họ nhốt Thánh Martin trong một căn phòng tối tăm và chật hẹp, canh gác cẩn mật, đảm bảo không một cư dân nào trong thành phố biết được nơi ngài đang ở. Thánh nhân đã ở trong nhà giam này chín mươi ba ngày, không có cơ hội trò chuyện với ai. Sau đó, Thánh Martin được đưa đến nhà của Sakellarios[2992] , nơi các thượng nghị sĩ[2993] đang tụ tập; khi đưa ngài vào đó, một

---

[2988] Tức là, Chúa, dù cho phép những kẻ bất chính tạm thời chiến thắng những người công chính, nhưng luôn ban cho những người sùng đạo chiến thắng cuối cùng.

[2989] Có 60 hòn đảo này nằm ở Biển Aegean.

[2990] Thành Constantinople ngày nay.

[2991] Thư ký của tổng giám mục.

trong những thượng nghị sĩ cao niên nhất đã hét lên ra lệnh cho Thánh Martin đứng dậy khỏi cáng mà ngài được khiêng đến cuộc họp; một trong những người hầu khiêng nói rằng ngài không thể đứng dậy vì đang ốm nặng; nhưng vị thượng nghị sĩ, không để ý đến bệnh tình của Thánh Martin, lại giận dữ ra lệnh cho ngài đứng dậy, đồng thời ra lệnh phải đỡ ngài vì sức lực yếu ớt. Lúc đó, Thánh Martin đứng dậy, đứng giữa hội trường, được hai bên đỡ; những nhân chứng giả mạo – những người đã được gọi đến trước và được huấn luyện sẵn – cũng đứng dậy, đưa ra những cáo buộc bất công nêu trên chống lại Thánh Martin, đồng thời thêm vào đó những cáo buộc khác; để chứng minh tính chính xác của lời nói mình, họ thề trên Thánh Kinh. Khi Thánh Martin, vì không biết nói tiếng Hy Lạp, bắt đầu tự bào chữa qua người phiên dịch, thì hội đồng không những không lắng nghe ngài, mà còn thẳng thừng cấm ngài nói; còn người phiên dịch thì bị sỉ nhục bằng những lời lẽ thô tục. Thấy vậy, Thánh Martin nói:

– Chúa biết rõ, các ngươi sẽ ban cho ta ân huệ lớn lao đến mức nào, nếu sớm giao ta cho cái chết bằng một hình thức trừng phạt nào đó.

Sau đó, vị thánh được dẫn ra ngoài và, vì ngài không thể đứng vững, nên được đặt lên một bục cao được dựng sẵn cho những trường hợp như thế này, nằm ở quảng trường nơi thường có đông người tụ tập. Nhà vua bí mật theo dõi ngài từ một căn phòng trên cao trong cung điện của mình và sai một quan sakellarios đến gặp ngài; người này, khi đến gần Thánh Martin, đã nói với ngài bằng giọng đe dọa:

– Này, ngươi đã bỏ Chúa, và Chúa cũng đã bỏ ngươi. Nói xong, ông ta quay sang đám đông, ra lệnh cho họ nguyền rủa Thánh Martin, và đám đông xung quanh bắt đầu la hét ầm ĩ:

– Phỉ báng Giáo hoàng Martin.

Những người có mặt tại đó, những ai biết rõ sự vô tội tuyệt đối của Đức Giáo hoàng, đều rời khỏi cảnh tượng đó với khuôn mặt u sầu và đôi mắt đẫm lệ. Sau đó, quan sacellarius nói với chỉ huy đội Praetorian[2994] :

– Hãy bắt hắn lại và xẻ hắn ra thành từng mảnh, vì hắn không xứng đáng được sống.

Ngay lập tức, những người lính gác ([2995]) bắt lấy vị thánh, cởi bỏ áo ngoài của ngài, còn áo trong thì xé làm đôi; sau khi đeo những sợi xích sắt nặng nề vào cổ và khắp cơ thể thánh Martin, họ lôi ngài đi khắp thành phố đến Praetorium, mang theo trước mặt một thanh gươm trần, thứ mà họ định dùng để giết ngài. Trong đám đông, một số người đã lăng mạ vị thánh và, trong lúc chế nhạo ngài, họ lắc đầu nói:

– Chúa của ông ta đâu rồi? Giáo lý của ông ta ở đâu?

Còn những người khác thì không kìm được nước mắt và tiếng khóc nức nở khi chứng kiến sự sỉ nhục và cực hình như vậy gây ra cho vị thánh của Chúa. Còn vị thánh thì phải chịu đựng nỗi đau đớn kép: thân xác ngài đau đớn vì bệnh tật, những sợi dây trói nặng nề và những cú đánh của những kẻ hành hạ ngài, đồng thời tâm hồn ngài cũng đau đớn vì bị lột trần và những lời chế nhạo nhục nhã, phải chịu đựng sự xấu hổ và nỗi đau thắt lòng. Khi đến Praetorium, những kẻ buôn người đã lôi vị thánh bị trói vào ngục tối qua cầu thang: vấp ngã trên bậc thang cuối cùng, Thánh Martin ngã xuống và bị thương, đến nỗi thân thể ngài đầy vết bầm tím và trầy xước; tại đây, ngài bị ném vào cùng với những kẻ ác và bọn cướp. Một thời gian sau, ngài được chuyển từ đây sang một ngục tối khác – ngục Diomido, nơi ngài suýt chết vì bệnh tật và cái lạnh buốt giá (lúc đó là tháng Giêng). Vợ của một trong những lính canh nhà tù đã thương xót Thánh Martin: khi lén đến gặp vị thánh tù nhân, bà đưa ông về nhà mình, băng bó vết thương cho ông, đặt ông lên giường của mình và đắp cho ông một tấm chăn ấm; Thánh Martin nằm đó cho đến tối, không phát ra một tiếng động nào, giống như một người đã chết. Vào tối muộn, Grigori, thủ lĩnh các hoạn quan hoàng gia ([2996]), đã cử người quản gia của mình mang theo một ít thức ăn nhẹ và dặn anh ta chuyển cho Thánh Martin cùng lời nhắn:

– Đừng nản lòng trong nỗi đau buồn; chúng tôi hy vọng rằng Chúa sẽ không để ngài chết.

[2992] Sakellarios – chức sắc cao cấp nhất trong Giáo hội, đứng đầu một hội đồng đặc biệt quản lý các tu viện ở Constantinopolis, phụ trách các vấn đề tu viện và kinh tế, đồng thời giám sát đời sống của các tu sĩ.

[2993] Thượng nghị sĩ – quan chức nhà nước cấp cao nhất.

[2994] Pretoria – nơi làm việc, nơi chủ yếu giải quyết các vụ án và thi hành các phán quyết liên quan. Praetor – thẩm phán cao cấp nhất ở La Mã cổ đại; sau này phạm vi trách nhiệm của họ đã được mở rộng.

[2995] Speculatori – trợ lý của Praetor, người thi hành mệnh lệnh của ông.

[2996] Hoạn quan – người hầu đã bị thiến, được giao nhiệm vụ giám sát các bà vợ; ban đầu, phong tục có những người hầu như vậy với mục đích này xuất hiện ở Tiểu Á; hoạn quan cũng được biết đến ở La Mã cổ đại. Tại Byzantium, nơi đời sống triều đình hình thành dưới ảnh hưởng của phương Đông, cũng có các hoạn quan; nhờ có cơ hội tác động lên các vị vua thông qua các hoàng hậu, các hoạn quan đôi khi có ảnh hưởng mạnh mẽ đến diễn biến các công việc quốc gia, do đó chức vụ trưởng hoạn quan là một chức vụ được kính trọng.

Nghe vậy, Thánh Martin thở dài từ tận đáy lòng: lời chúc ấy không phù hợp với mong ước của ngài, bởi Thánh Martin, đang chịu đau khổ vì đức tin Chính Thống của mình, mong muốn được chết càng sớm càng tốt; ngay lập tức, xiềng xích trên người ngài được tháo ra.

Sáng hôm đó, nhà vua đến thăm Đức Thượng phụ Pavel, người đang lâm bệnh nặng, và kể lại cho ngài nghe tất cả những gì đã xảy ra với Đức Giáo hoàng Martin. Pavel quay mặt vào tường và thở dài nặng nề, rồi nói:

– Khốn khổ cho ta, lại thêm một việc nữa để ta phải chịu sự lên án.

Nhà vua hỏi:

– Điều đó có nghĩa là gì?

– Chẳng phải đó là một tội ác lớn sao, thưa bệ hạ, – Thượng phụ Pavl trả lời, – khi buộc Đức Giáo hoàng phải chịu đựng những đau khổ như thế này?

Và ông khẩn cầu nhà vua, van nài ngài hãy chấm dứt việc tiếp tục hành hạ Đức Giáo hoàng. Tám ngày sau, khi Pavel đã qua đời, nhà vua cử thư ký Demosthenes, cùng với những người khác được cử đi đặc biệt, đến gặp Thánh Martin trong ngục Diomidov. Khi bước vào ngục, họ nói:

– Vua của chúng ta nói với ngài rằng: sau khi từng được vinh quang như vậy, giờ đây ngài lại lâm vào cảnh nhục nhã này, nhưng không ai phải chịu trách nhiệm về điều này ngoài chính ngài.

Thánh Martin không trả lời gì cả; ngài ngước mắt lên trời và nói: "Tạ ơn và vinh quang thuộc về Đấng Vua duy nhất bất tử vì mọi sự."

Những người được cử đi bắt đầu hỏi Thánh Martin về vị tiền nhiệm của Thánh Phaolô, tức Thượng phụ Pyrrhus, – liệu ngài có tự nguyện đến Rôma và từ bỏ tà thuyết Monothelitism tại đây hay không, và Đức Giáo hoàng Theodore – người mà Thánh Martin kế vị – đã tiếp nhận ngài trở lại cộng đoàn Giáo hội như thế nào. Thánh Martin đã kể cho họ nghe chi tiết về Đức Thượng phụ Pirre, rằng ngài đã tự nguyện đến Rôma và nộp văn bản từ bỏ tà thuyết của mình – dù sau đó ngài lại quay trở lại với tà thuyết đó – và cách ngài được Đức Giáo hoàng Theodor tiếp nhận với sự tôn kính xứng đáng với phẩm trật giám mục của ngài, đồng thời được cấp kinh phí sinh hoạt. Thánh Martin kết thúc bài phát biểu của mình bằng lời kêu gọi sau đây dành cho những người được nhà vua cử đến:

– Tôi nằm trong tay các ngài, – hãy làm với tôi bất cứ điều gì các ngài muốn và điều gì Thiên Chúa cho phép, nhưng hãy tin chắc rằng, dù các ngài có chặt tôi thành từng mảnh đi chăng nữa, thì ngay cả lúc đó tôi cũng sẽ không hiệp thông với Giáo hội Constantinopolis, chừng nào Giáo hội ấy chưa từ bỏ sự lầm lạc dị giáo của mình; hãy thử nghiệm sự công bằng trong lời nói của tôi bằng thực tế, và các ngài sẽ thấy ân sủng của Chúa lớn lao biết bao nơi các tôi tớ của Ngài.

Sau khi nghe câu trả lời của Thánh Martin, phái đoàn đã trở về báo cáo với nhà vua, không khỏi ngạc nhiên trước sự vĩ đại và sức mạnh tinh thần của vị thánh, người không hề sợ hãi trước những cực hình hay chính cái chết. Sau tám mươi lăm ngày, công chứng viên Sagoliva đến thăm Thánh Martin trong ngục và nói với ngài: "Tôi được lệnh đưa ngài từ đây về nhà tôi, từ đó ngài sẽ được chuyển đến một nơi nào đó."

Thánh Martin hỏi:

– Vậy tôi sẽ bị đưa đi đâu, chính xác là nơi nào?

Nhưng Sagogiva không trả lời câu hỏi này. Lúc đó, Thánh Martin nói:

– Hãy để tôi ở lại ngục cho đến khi đến lúc phải đưa tôi đi.

Người thư ký ra về. Khi mặt trời lặn, Đức Giáo hoàng nói với những tù nhân đang ở cùng ngài:

– Hãy lại đây, các anh em, để chúng ta trao nhau nụ hôn cuối cùng: ngay lập tức sẽ có sứ giả đến đón tôi ra khỏi đây.

Mọi người đều khóc lóc tiễn biệt ngài, nhưng Thánh Martin, với nét mặt rạng rỡ, nói với họ:

– Đừng khóc, mà hãy vui mừng – các anh em thấy đó, tôi đang vui mừng vì được đi chịu khổ vì Đức Tin Chính Thống.

Sau đó, viên công chứng viên đã được nhắc đến lại đến và đưa thánh nhân ra khỏi ngục; tất cả những người có mặt đều khóc nức nở, tiếc nuối vì phải chia ly với vị thánh nhân. Thánh Martin được đưa lên tàu và bị đày đến Kherson[2997] ; tại đây, ngài bị bỏ đói, bị tước đoạt mọi thứ cần thiết, đến nỗi hai năm sau, ngài đã về với Chúa[2998] .

[2997] Mũi đất trên bờ biển phía tây Crimea; tại đây vào thế kỷ V trước Công nguyên là thành phố Chersonesos; cách Sevastopol vài verst, người ta có thể nhìn thấy những tàn tích của thành phố này.

Thi hài của ngài được an táng bên ngoài thành phố Kherson, tại nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, còn được gọi là Vlacherna. Chẳng bao lâu, ngôi mộ của ngài đã thu hút đông đảo người dân: những người đau ốm đã được chữa lành theo nhiều cách khác nhau và vô số lần nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh và ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được vinh quang muôn đời. Amen.

Cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Litva: Antôn, Gioan và Êustachio

Ngày kỷ niệm: 14 tháng 4

Các thánh tử đạo này xuất thân từ thành phố Vilnius của Litva[2999] và, theo phong tục vô đạo thời bấy giờ, họ là những người thờ lửa[3000] , giống như những cư dân khác của đất nước đó. Antoni và Gioan, hai anh em ruột, đã yêu mến đức tin Kitô giáo bằng cả tâm hồn, và khi một vị linh mục tên là Nestor đến Litva, họ đã nhận phép rửa tội thiêng liêng từ ngài. Trong dịp đó, người anh cả được đặt tên là Gioan, còn người em út là Antôn[3001] . Cả hai anh em sau khi chịu phép rửa tội đều sống một cuộc đời xứng đáng với những Kitô hữu chân chính.

Khi phục vụ dưới trướng Công tước Olgerd của Litva[3002] , Antony và John đã cố gắng che giấu với ông ta việc mình là Kitô hữu, nhưng không thể làm được điều đó, bởi vì họ quá khác biệt so với những người ngoại đạo qua các phong tục và hành vi Kitô giáo của mình. Chẳng hạn, họ không muốn, giống như những người khác, cắt tóc trên đầu và râu theo cách mà những người ngoại đạo thường làm, cũng như không ăn thức ăn mặn vào những ngày ăn chay; họ cũng không tuân theo những phong tục bất chính khác, trái với đạo Kitô. Và khi một lần vị công tước hỏi họ: "Tại sao các ngươi không tuân theo các phong tục cổ xưa của người Litva?", các thánh nhân đã dũng cảm tuyên xưng mình là Kitô hữu.

Hoàng tử bắt đầu ép buộc họ từ bỏ đức tin Kitô giáo và nếm thử các món thịt được dọn lên trong bữa ăn. Nhưng họ, kiên định giữ vững đức tin Kitô giáo, không muốn nếm thịt, vì hôm đó là ngày chay. Lúc đó, hoàng tử ra lệnh giam họ vào ngục tối; các thánh bước vào đó với niềm vui, như thể họ không phải đang đi vào ngục tối mà là lên ngai vàng của vua, ca ngợi và tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã ban cho họ ân sủng được chịu khổ vì Danh Thánh của Ngài.

Sau khi các thánh ở trong ngục tối suốt một năm, Gioan, kiệt sức vì bị giam cầm và lo sợ những cực hình, đã gửi lời thỉnh cầu đến vị công tước xin được thả ra, hứa sẽ tuân theo mọi mệnh lệnh của ngài. Vị công tước vui mừng ra lệnh thả cả hai anh em và phong họ vào hàng ngũ những người có địa vị cao nhất trong triều đình của mình.

Về bề ngoài, Gioan trông giống như những kẻ vô đạo, tuân theo mọi phong tục của họ và làm theo ý muốn của vị công tước; nhưng trong lòng, ông vẫn giữ vững đức tin Kitô giáo, thầm lặng cầu nguyện với Chúa Kitô, Đấng mà ông không dám công khai tuyên xưng vì sợ bị tra tấn. Còn Antôn thì không hề thay đổi các tập tục Kitô giáo của mình, mà công khai hành động đúng như một Kitô hữu chân chính phải làm. Ông quở trách anh trai mình là Gioan vì sự nhút nhát và sợ hãi của anh, đồng thời khuyên nhủ anh bằng mọi cách hãy sám hối và, không sợ hãi trước những cực hình, một lần nữa công khai tuyên xưng Chúa Kitô. Còn những người ngoại đạo, khi thấy người anh cả Gioan tuân theo mọi mệnh lệnh của hoàng tử, nên đã không để ý đến người em út Antôn.

Một lần nọ, khi hai anh em Gioan và Antôn như thường lệ đang ở với vị công tước, Gioan đã nếm thử các món thịt được dọn ra – dù đó là ngày ăn chay – còn thánh Antôn thì không muốn nếm thức ăn đó, công khai tuyên xưng mình là Kitô hữu. Lúc đó, theo lệnh của hoàng tử, Antôn lại bị giam vào ngục tối ; còn Gioan thì bị mọi người

---

[2998] Năm 655

[2999] Thành phố Vilnius được thành lập vào thế kỷ XII, còn theo một số nguồn tin khác, thậm chí là vào thế kỷ X. Tuy nhiên, thành phố này chỉ thực sự được biết đến trong lịch sử vào đầu thế kỷ XIV (khoảng năm 1323), với tư cách là thủ đô của Đại công tước Gediminas của Litva và Nga. Hiện nay, Vilnius là một thành phố tỉnh lớn thuộc Nga, với dân số 100.000 người.

[3000] Tín ngưỡng thờ lửa, vốn phổ biến trong thời cổ đại, cũng tồn tại ở Litva thời kỳ ngoại giáo. Tín ngưỡng này thực chất là việc thờ phụng vị thần của lửa, sấm sét và tia chớp – Perun, để vinh danh vị thần này, một ngôi đền khá rộng lớn đã được xây dựng tại Vilnius vào năm 1285.

[3001] Trước khi theo đạo Cơ Đốc, Antony và John mang những cái tên theo tín ngưỡng ngoại giáo: Nezilo và Kumech.

[3002] Olgerd, công tước Litva, trị vì từ năm 1341 đến năm 1377. Không lâu trước khi lên ngôi, Olgerd đã theo đạo Kitô, nhưng việc này xuất phát từ những toan tính thực dụng, với mong muốn chiếm đoạt công quốc Vitebsk, vốn thuộc về công chúa Nga Maria Yaroslavna, người mà Olgerd đã kết hôn với mục đích đó. Khi vợ ông – một tín đồ Kitô giáo – qua đời (khoảng năm 1346), Olgerd đã từ bỏ Kitô giáo và trở lại làm người theo đạo ngoại.

khinh bỉ – các Kitô hữu không ưa ông vì coi ông là kẻ bội đạo, còn những người ngoại đạo thì chỉ trích ông là người thiếu kiên định, không giữ được cả đức tin ngoại giáo cũ lẫn đức tin Kitô giáo mới mà ông đã chuyển sang sau khi từ bỏ ngoại giáo.

Nhận ra tội lỗi to lớn của mình, Gioan bắt đầu khóc lóc sám hối về sự sa ngã của mình và, khi đến gặp vị linh mục Nestor nói trên, đã nài nỉ ông làm trung gian cầu thay cho mình trước mặt anh em, để người ấy tha thứ tội lỗi cho anh và đón nhận anh vào sự hiệp thông với mình. Sau khi nghe lời thỉnh cầu của anh em từ vị linh mục, Antôn đã trả lời như sau:

– Tôi chỉ có thể hiệp thông với anh em trong trường hợp anh em công khai tuyên xưng Đức Kitô và đức tin Kitô giáo. Khi anh em làm được điều đó, thì lúc đó chúng ta mới có thể chia sẻ mọi điều với nhau.

Giăng đã ăn năn và với lòng yêu thương, anh đã đón nhận những lời của người anh em. Giờ đây, anh bắt đầu tìm kiếm thời điểm thích hợp để có thể công khai tuyên xưng đức tin Kitô giáo của mình.

Một lần nọ, hoàng tử đang tắm trong phòng tắm hơi, còn Ioan thì phục vụ cho ngài. Thấy đã đến thời điểm thích hợp, Ioan đã dũng cảm và không chút sợ hãi xưng mình là người Kitô hữu trước mặt hoàng tử. Nhưng hoàng tử lúc đó chưa tỏ ra giận dữ với Ioan và cũng không làm gì anh, vì ngoài hai người ra thì không có ai khác trong phòng tắm hơi.

Sau đó, một thời gian, trước sự chứng kiến của đông đảo các quan lại của hoàng tử, Gioan đã công khai tuyên bố mình là người Kitô hữu. Ngay lập tức, theo lệnh của hoàng tử, ông bị bắt giữ và bị đánh đập không thương tiếc bằng đủ loại vũ khí và bàn tay của tất cả những người có mặt tại đó; cuộc tra tấn này kéo dài khá lâu; sau đó, vị thánh được giam vào ngục tối.

Khi biết tin về sự việc này, Thánh Antôn đã tràn ngập niềm vui lớn lao. Cả hai anh em lại được ở cùng nhau trong ngục tối, ngợi khen Thiên Chúa; tại đó, họ cũng được ban cho ân sủng rước Mình Thánh và Máu Thánh của Chúa Kitô từ vị linh mục nói trên.

Sau vài năm, vị thánh tử đạo Antôn bị kết án tử hình nhục nhã, như thể là một tên tội phạm: ngài bị kết án treo cổ trên cây. Khi vào đêm trước ngày hành quyết, ông được thông báo về điều này, ông đã thức trắng cả đêm trước khi chết, ngợi khen Thiên Chúa trong lời cầu nguyện và khích lệ người anh em của mình can đảm chịu đựng những đau khổ vì Chúa Kitô. Thánh Antôn khuyên nhủ người anh em đừng bao giờ từ bỏ đức tin một lần nữa, và tiên tri báo trước cho anh ta về cái chết sắp đến.

– Sau khi tôi qua đời, – ngài nói, – anh em ơi, không lâu sau đó, anh cũng sẽ về với Chúa Kitô qua cái chết tương tự.

Khi bình minh ló rạng, cả hai anh em đều rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, Đấng ban sự sống; khoảng giữa trưa, thánh tử đạo Antôn của Chúa Kitô được dẫn ra khỏi ngục tối và, theo lệnh của hoàng tử, bị treo cổ trên cây, vào ngày mười bốn tháng Giêng. Vậy là vị chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô đã phó thác linh hồn thánh thiện và vô tì vết của mình vào tay Chúa Kitô, Thiên Chúa của ngài, Đấng mà ngài đã yêu mến bằng cả trái tim mình.

Còn Thánh Tử đạo Gioan thì bị giam trong ngục tối, vì những kẻ vô đạo hy vọng sẽ lại dụ dỗ ngài và khiến ngài từ bỏ việc tuyên xưng đức tin Kitô giáo. Nhưng khi thấy ngài vẫn kiên định giữ vững đức tin thánh thiện và không sợ hãi tuyên xưng Chúa Kitô ngay cả trong ngục tối, họ đã kết án ngài phải chịu cùng một hình thức tử hình như anh trai ngài đã chịu. Một thời gian sau, những kẻ ngoại đạo đã giết ngài (bằng cách siết cổ) và treo thi thể ngài lên chính cây mà anh trai ngài đã bị treo. Sự việc này xảy ra vào ngày 24 tháng Tư. Và vị tử đạo này, sau khi hoàn thành cuộc tử đạo của mình, đã về với Đấng Ban Ơn Thánh là Chúa Kitô, Đấng mà vì Ngài, ngài đã chấp nhận cái chết tử đạo. Thi hài thánh của Antôn và Gioan được các tín hữu an táng một cách trang trọng và được đặt chung tại một nơi.

Một thời gian sau khi các thánh tử đạo Antôn và Gioan qua đời, vị thánh phúc Eustathius cũng phải chịu khổ nạn. Dù còn trẻ tuổi, nhưng ngài vượt trội hơn nhiều người về lòng dũng cảm và đức cao thượng. Với dung mạo tuấn tú, ngài còn tuyệt vời hơn nữa về tâm hồn và trí tuệ. Sau khi nhận biết Thiên Chúa Chân Thật, Eustathius đã từ bỏ sự vô thần của tôn giáo ngoại đạo và, vì yêu mến Chúa Kitô, đã đến gặp vị linh mục Nestor nói trên. Được ngài dạy dỗ về đức tin thánh thiện, Eustathius đã nhận phép rửa thánh từ ngài[3003] .

[3003] Thánh tử đạo Evstafiy là họ hàng của các thánh Antony và John, và trước khi theo đạo Kitô, ông mang tên ngoại giáo là Kruvlets.

Sau khi trở thành Kitô hữu, Evstafiy đã sống một cuộc đời thánh thiện, đúng như một Kitô hữu chân chính: ngài dành toàn bộ thời gian cho việc ăn chay, cầu nguyện và làm việc thiện.

Chính Eustathius này cũng phục vụ dưới trướng Công tước Olgerd. Một lần nọ, Olgerd đang xem xét và giải quyết các công việc của vương quốc mình, còn Eustathius, theo đúng chức vụ của mình, đang đứng trước mặt ngài. Nhìn sang Eustathius, hoàng tử thấy trên đầu ông có mái tóc dài (cần lưu ý rằng những người ngoại đạo thờ phụng lửa như một vị thần có phong tục thường xuyên cạo đầu và râu theo một cách đặc biệt; còn thánh Eustathius, vì đã từ bỏ đức tin vô đạo và điên rồ của họ và đã chịu phép rửa tội, nên để tóc dài trên đầu). Hoàng tử hỏi ngài liệu ngài có phải là Kitô hữu hay không. Khi Thánh Eustathius công khai tuyên xưng mình là Kitô hữu, hoàng tử đã nổi giận dữ dội và, với ý định khiến ngài từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô, đã ép ngài phải ăn thịt. Thánh nhân không những không ăn món thịt được dọn ra, mà thậm chí còn không thèm nhìn vào miếng thịt đó, vì lúc đó đang là thời gian ăn chay trước lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, và hơn nữa, hôm đó là ngày thứ Sáu[3004] .

Lúc đó, vị hoàng tử càng nổi giận hơn nữa và ra lệnh đánh vị thánh trẻ bằng những cây gậy sắt mà không hề thương xót. Vị thánh đã chịu đựng những cực hình này một cách dũng cảm đến nỗi không những không kêu la, mà thậm chí không thốt ra một tiếng rên rỉ nào, và không một giọt nước mắt nào lăn xuống từ đôi mắt ngài; – ngài chỉ tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã ban cho ngài ân sủng được chịu khổ vì Danh Thánh của Ngài.

Sự chịu đựng đau khổ một cách dũng cảm và kiên nhẫn như vậy của vị thánh lại khiến hoàng tử nổi cơn thịnh nộ dữ dội, và ông ra lệnh đổ nước lạnh nhất vào miệng vị tử đạo (lúc đó đang là mùa đông khắc nghiệt), đến nỗi thân thể ngài tím tái vì cái lạnh buốt giá. Tuy nhiên, vị thánh vẫn không tuân theo mệnh lệnh của hoàng tử và không ăn thịt. Sau đó, hoàng tử ra lệnh tra tấn vị tử đạo bằng những hình phạt tàn khốc hơn: họ đập vỡ và nghiền nát xương chân của ngài – ở bàn chân và cẳng chân, lột tóc trên đầu cùng với da, và cắt đứt mũi và tai.

Người thánh đã bị tra tấn như vậy trong ba ngày, nhưng dường như ngài không cảm thấy đau đớn gì, không rên rỉ, và ngay cả khuôn mặt ngài cũng không lộ ra dù chỉ một chút đau khổ; ngài luôn trò chuyện với tình yêu thương cùng các tín hữu Kitô giáo đang khóc lóc khi chứng kiến những đau khổ của ngài, và nói với họ:

– Đừng khóc vì tôi, anh em ơi, khi thấy thân xác trần thế của tôi đang bị tan nát giữa những cực hình, vì tôi hy vọng sẽ nhận được từ Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, một thân xác không do tay người tạo ra, tồn tại vĩnh cửu trên trời.

Trong khi đó, vị công tước, thấy rằng không thể đạt được gì bằng những hình phạt tra tấn, đã kết án tử hình vị tử đạo, ra lệnh treo cổ ngài trên chính cái cây mà hai vị thánh tử đạo nói trên – Antôn và Gioan – đã bị treo cổ trong cùng năm đó. Các đầy tớ đưa thánh Eustathius, lúc này đã gần như không còn sự sống, đi đến nơi hành hình. Tuy nhiên, thánh tử đạo Eustathius, dù hông, bàn chân và đầu gối đã bị nghiền nát, nhưng nhờ được Chúa trợ giúp, ngài vẫn bước đi như một người hoàn toàn khỏe mạnh, hăng hái và nhanh nhẹn, không những không tụt lại phía sau những người dẫn đường, mà thậm chí còn vượt qua họ.

Khi tất cả đến gần cây nói trên, những người hầu của kẻ hành hình đã quấn dây thừng quanh cổ vị thánh và treo cổ ngài. Và vị tử đạo vì Chúa Kitô này đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa, vào ngày mười ba tháng Mười Hai năm[3005] . Thi thể thánh thiện của ngài bị bỏ lại treo trên cây gần mặt đất, để thú dữ và chim săn mồi có thể ăn thịt, nhưng không một con thú nào và không một con chim nào dám lại gần thi thể, vì Thiên Chúa đã bảo vệ ngài. Ba ngày sau, thi thể ấy được các tín hữu thu hồi nguyên vẹn và an táng một cách trang trọng, không xa nơi hai vị thánh tử đạo nêu trên đã được an táng trước đó.

Điều đáng chú ý là sau khi các thánh qua đời, không một tên tội phạm nào bị kết án tử hình bị treo cổ trên cây đó, cũng không được chôn cất gần đó (vì Thiên Chúa luôn tôn vinh các vị tử đạo của Ngài). Mặc dù nơi này vốn được dành cho việc hành quyết và tất cả những kẻ bị kết án tử hình đều chết tại đó, nhưng sau khi các thánh chịu đau khổ và qua đời, không một tên tội phạm nào bị hành quyết tại nơi đó nữa.

Sau vài năm, khi số lượng Kitô hữu trong thành phố đó ngày càng gia tăng và đức tin thánh thiện ngày càng phát triển và vững mạnh, các tín hữu đã tụ họp lại và đến gặp vị công tước, xin ngài trao cho họ quyền sử dụng nơi mà ba vị thánh tử đạo nói trên đã an nghỉ trong sự phúc lành. Theo sự an bài của Thiên Chúa, vị công tước đã đồng ý với lời thỉnh cầu của các Kitô hữu và trao cho họ nơi mà họ xin. Các Kitô hữu đã chặt cây đó đi, rồi xây dựng trên

---

[3004] Thứ Sáu (và Thứ Tư) là những ngày mà Giáo hội thánh dành để tưởng niệm những đau khổ trên thập giá của Chúa, theo quy định của Giáo hội, đây phải là những ngày ăn chay.

[3005] Thánh Eustathius cùng với các thánh Antôn và Gioan đã qua đời vào năm 1347.

nền đất ấy một nhà thờ mang tên Thánh Ba Ngôi, để tôn vinh và ca ngợi Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần[3006] , đồng thời đặt bàn thờ thánh ngay tại chính nơi mà trước đây cây đó từng mọc. Các di cốt của các thánh tử đạo của Chúa Kitô – Antôn, Gioan và Êustachio – đã được rước vào nhà thờ này, để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi Thánh, Đấng xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Ardalion

Ngày kỷ niệm: 14 tháng 4

Thánh tử đạo Ardalion đã chịu khổ nạn dưới triều đại của Hoàng đế Maximian[3007] . Là một diễn viên kịch câm, ngài thường trình diễn những cảnh khổ nạn và các hành động khác nhau của con người tại các buổi biểu diễn công cộng và ở những nơi khác. Một lần nọ, ngài đã tái hiện sự đau khổ của các Kitô hữu đúng như những gì đã xảy ra trong thực tế. Ngài bị treo cổ và thi thể ngài bị cạo da, như thể để trừng phạt việc ngài từ chối dâng lễ vật cho các thần tượng. Khi những tiếng reo hò tán thưởng và những lời khen ngợi tài năng nghệ thuật của ông vang lên từ đám đông, ông đã quay sang khán giả và bằng giọng nói vang dội, ra lệnh cho họ im lặng và hoãn lại việc bày tỏ sự tán thưởng của mình. Sau đó, khi mọi người đã im lặng, ông công khai thừa nhận rằng mình thực sự là một Kitô hữu. Vị quan thành phố có mặt tại buổi biểu diễn đã ca ngợi tài nghệ của ngài rất lâu, với ý định khiến ngài thay đổi quyết định. Nhưng vị thánh đã từ chối và quyết tâm giữ vững đức tin chân chính. Lúc đó, vị quan ra lệnh nung nóng một chiếc chảo sắt và ném thánh Ardalion vào đó. Và thế là vị thánh tử đạo đã qua đời.

Sự chịu khổ của hàng ngàn vị thánh tử đạo và Azat

Ngày tưởng niệm 14 tháng 4

Ngày cứu rỗi của Thứ Sáu Tuần Thánh đã đến, khi các Kitô hữu hân hoan mừng lễ, tôn vinh và tạ ơn Chúa Kitô, Đấng đã chịu những đau khổ chuộc tội vì chúng ta. Vào ngày này, Giám mục Simeon đã bị bắt và bị hành quyết. Sau đó, bắt đầu từ ngày Thứ Sáu Tuần Thánh và kéo dài trong mười ngày, tất cả các Kitô hữu đều bị bắt và bị xử tử[3008] . Cũng vào thời điểm đó, một ngàn vị thánh tử đạo này đã bị bắt giữ, cùng với họ là hoạn quan[3009] Azat, người nắm giữ chức vụ cao tại triều đình hoàng gia và được vua Sapor yêu mến và kính trọng đặc biệt. Trong quá trình thẩm vấn, tất cả họ đều dũng cảm tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô và ngay lập tức đều bị hành quyết vì điều đó[3010] . Vua Sapor vô cùng đau buồn trước cái chết của thánh Azat. Sau khi ngài qua đời, ông đã ban hành một sắc lệnh cấm hành quyết các Kitô hữu, và sắc lệnh này có hiệu lực trong một thời gian[3011] .

Ngày 28 tháng 4

15 tháng 4 (theo lịch cũ)

[3006] Hiện nay, di cốt của các thánh tử đạo đang được an táng tại Tu viện Thánh Thần ở Vilnius, nơi chúng được chuyển đến vào năm 1826.
[3007] Ở đây cần hiểu là Maximianus Galerius, người ban đầu đồng trị vì với Diocletianus, và sau đó từ năm 305 đến năm 311 là người kế vị ông. Cuộc bách hại Kitô hữu theo sắc lệnh của Diocletianus bắt đầu vào năm 303.
[3008] Năm 343, vua Ba Tư Sapor II đã ban hành một sắc lệnh đặc biệt, đánh thuế nặng hơn so với trước đây đối với các Kitô hữu trong vương quốc của mình vì họ từ chối tuân theo tôn giáo cổ xưa của Zoroaster; và khi họ từ chối nộp các khoản thuế này, ông coi đó là hành vi nổi loạn và đã phát động cuộc đàn áp tàn bạo, ban đầu nhắm vào hàng giáo sĩ Kitô giáo, sau đó lan rộng ra toàn thể các tín đồ Kitô giáo.
[3009] Từ "eunuch" trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "người trông coi giường ngủ". Đó là tên gọi dành cho những quan chức đặc biệt trong triều đình, phụ trách phòng ngủ của vua. Thông thường, họ là những người thân cận nhất với nhà vua.
[3010] Ngày qua đời của các thánh tử đạo rơi vào khoảng ngày 13–23 tháng 4 năm 344.
[3011] Người ta biết rằng cuộc đàn áp các Kitô hữu ở Ba Tư kéo dài cho đến cuối triều đại của Sapor, tức là đến năm 381.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Savva của Gothia

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 4

"Hội Thánh của Đức Chúa Trời tại Gothia[3012] , Hội Thánh của Đức Chúa Trời tại Cappadocia[3013] và tất cả các tín hữu Chính Thống Giáo đang sống giữa các dân tộc trên khắp vũ trụ, xin ân sủng, bình an và tình yêu thương của Đức Chúa Cha và Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta, được nhân lên." Đó là lời mở đầu của bức thư từ Giáo hội Gothia gửi đến Giáo hội Cappadocia[3014] , trong đó trình bày câu chuyện về cuộc đời được kể dưới đây. Lời mà Thánh Tông Đồ Phêrô đã từng nói*: "Trong mọi dân tộc, ai kính sợ Ngài và sống theo lẽ công chính thì đều được Ngài chấp nhận"* (Công Vụ 10:35), đã hoàn toàn ứng nghiệm nơi Thánh Savva, vị tử đạo của Thiên Chúa và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giêsu Kitô. Thánh Savva, vốn là người gốc Gothia và sống giữa những cư dân vô đạo và đồi trụy của Gothia, đã noi gương các vị thánh và, giống như họ, được trang bị những đức tính cao quý đến nỗi ngài tỏa sáng như một ngôi sao rực rỡ giữa thế gian. Vì từ thuở thiếu thời, ngài đã yêu mến luật pháp của Chúa, và đã đặt mục tiêu cho cuộc đời mình là đạt đến sự hoàn hảo về đức hạnh, trở thành người trưởng thành trọn vẹn nhờ sự hiểu biết về Con Thiên Chúa (xem: Ê-phê-sô 4:13). Còn đối với những ai yêu mến Thiên Chúa, mọi sự đều hiệp lại để sinh ích (xem: Rm 8,28). Quả thật, bằng cách dũng cảm chống lại ma quỷ và từ bỏ những hư vinh trần thế, Thánh Savva, trong khi vẫn duy trì hòa bình với mọi người, đã đạt đến Nước Trời và được Thiên Chúa ban thưởng sự hạnh phúc vĩnh cửu. Để tưởng nhớ vị thánh tử đạo này và làm gương cho các Kitô hữu đạo đức, chúng tôi đã quyết định không im lặng trước những việc làm vinh quang của vị thánh tử đạo này, mà ghi chép lại lịch sử những đau khổ của ngài.

Thánh Savva kiên định tuyên xưng đức tin Kitô giáo thánh thiện, luôn sẵn lòng làm điều thiện, nổi bật bởi lòng đạo đức, sự hiền lành, lời nói giản dị nhưng trí tuệ không hề đơn giản, sống hòa thuận với mọi người, dũng cảm bảo vệ chân lý, nhờ đó bịt miệng những kẻ ngoại đạo thờ thần tượng; ngài không kiêu ngạo, mà như những người khiêm nhường, vâng phục mọi người, ít nói, luôn trả lời các câu hỏi một cách bình tĩnh, không giận dữ, tham gia hát thánh ca trong nhà thờ và quan tâm đến việc tu sửa nhà thờ, không đặt lòng vào việc tích lũy tài sản và tiền bạc, chỉ hài lòng với những điều cần thiết cho cuộc sống hàng ngày – ngài sống tiết độ, kiềm chế trong mọi việc, không có bất kỳ mối quan hệ nào với phụ nữ. Ngài dành toàn bộ thời gian cho việc cầu nguyện và ăn chay siêng năng, xa lánh sự kiêu ngạo, bằng gương sáng của mình đã khích lệ mọi người sống đời thánh thiện, vì chính ngài chỉ làm điều thiện và tránh xa những gì trái với đức hạnh. Cho đến cuối đời, ngài vẫn giữ vững đức tin, *"đức tin thể hiện qua tình yêu thương"* (Ga-la-ti 5:6), và không bao giờ ngừng rao giảng danh Chúa Kitô một cách can đảm. Trước khi được trao vương miện tử đạo vì tuyên xưng đức tin Kitô giáo thánh thiện, Thánh Savva đã nhiều lần chứng tỏ mình là người bảo vệ kiên định của lòng đạo đức chân chính qua những việc làm của mình.

Khi các công tước và quan tòa người Goth bắt đầu đàn áp các Kitô hữu và ép buộc họ ăn các lễ vật dâng cho thần tượng, thì một số người ngoại đạo đã bàn bạc với nhau – đề nghị với những người thân và bạn bè của họ, những người theo đạo Kitô, rằng thay vì ăn thịt dâng tế thần tượng, hãy ăn thịt không phải dâng tế thần tượng, nhằm vừa bảo vệ các Kitô hữu khỏi việc ăn thịt dâng tế thần tượng, vừa làm hài lòng những kẻ bách hại ngoại đạo. Thánh Savva, khi biết được điều này, không chỉ bản thân ngài không muốn ăn những miếng thịt đó – dù chúng không phải là thịt cúng thần tượng nhưng lại được dâng lên như thể là thịt cúng thần tượng – *mà còn* nhớ lời của các Tông đồ: *" nếu ai nói với các con: 'Đây là thịt cúng thần tượng', thì đừng ăn"* (1 Cô-rinh-tô 10:28), mà còn đứng giữa đám đông, dũng cảm tuyên bố trước mọi người rằng:

– Nếu ai đã nếm thử những miếng thịt này, thì không thể tiếp tục là Kitô hữu được.

Bằng lời khuyên răn ấy, vị thánh đã ngăn cản mọi người sa vào lưới ma quỷ. Vì thế, những kẻ đã bày ra mưu kế lừa dối đó đã đuổi thánh Savva ra khỏi làng của họ, nhưng chẳng bao lâu sau lại xin ngài quay trở lại. Khi

---

[3012] Người Goth là một dân tộc thuộc bộ tộc Germanic, ban đầu sinh sống dọc theo dòng sông Vistula, sau đó di cư dọc theo sông Danube. Vào đầu thế kỷ IV, Kitô giáo bắt đầu lan rộng trong cộng đồng người Goth. Người truyền giáo và người phổ biến Kitô giáo đầu tiên tại đây là Vulfilas hay Ulfilas – giám mục của người Goth.

[3013] Cappadocia – một vùng ở Tiểu Á.

[3014] Thư này được viết bởi Ascholius, giám mục Thessalonica, và Saran, tướng quân của Scythia, người gốc Cappadocia, vào khoảng năm 374, nhân dịp việc chuyển di hài cốt của Thánh Tử đạo Savva từ Gothia đến Cappadocia. Người đứng đầu Giáo hội Cappadocia vào thời điểm đó là Thánh Basil Đại đế, người sau khi nhận được di thể thánh và bức thư, đã gửi thư cảm ơn những người gửi đến, những bức thư này đã được lưu truyền đến ngày nay trong các tác phẩm của ngài.

cuộc bách hại lại bắt đầu, một số kẻ thờ thần tượng trong cùng ngôi làng đó, những người thường dâng lễ vật cho các thần tượng, muốn báo cho vị công tước biết rằng trong làng họ không có một người Kitô hữu nào, và họ định thề để xác nhận lời nói của mình. Lúc đó, Thánh Savva lại một lần nữa, không chút sợ hãi, đứng giữa đám đông và cất tiếng hô lớn:

– Đừng ai thề thay cho tôi, vì tôi là người Kitô hữu!

Còn những kẻ thờ thần tượng nói trên, sau khi che giấu những người thân của họ đang theo đạo Kitô, đã đến gặp vị công tước và thề trước mặt ông rằng trong làng của họ không có người Kitô hữu nào, ngoại trừ một người.

Nghe tin này, vị công tước vô pháp đã ra lệnh đưa người Kitô hữu đó đến trước mặt mình (và đó chính là Thánh Savva). Khi người ấy được dẫn đến, vị công tước hỏi những người có mặt:

– Người Kitô hữu này có tài sản gì không?

Họ trả lời:

– Ông ta chẳng có gì cả, ngoài bộ quần áo đang mặc trên người.

Nhìn vị thánh với ánh mắt khinh bỉ, vị công tước nói:

– Người này khó mà giúp đỡ được ai, cũng như khó mà gây hại cho ai được. – Nói xong, vị hoàng tử ra lệnh dẫn thánh nhân ra khỏi đó.

Một thời gian sau, tại Gotfia, những kẻ ngoại đạo lại gây ra một cuộc đàn áp lớn đối với các Kitô hữu. Ngày lễ Phục Sinh đang đến gần, và Thánh Savva mong muốn đến một làng khác để gặp vị linh mục Kitô giáo tên là Gufin, nhằm cùng ngài cử hành lễ Phục Sinh. Khi ngài đang trên đường đi, một người đàn ông cao lớn với khuôn mặt rạng ngời xuất hiện và nói với ngài:

– Hãy quay trở lại và đến làng của ngươi gặp linh mục Sapsal.

Thánh Savva đáp:

– Ông ấy không có ở nhà, vì do bị bắt bớ nên ông đã rời làng và đang sống ở xứ Hy Lạp (Thánh Savva không biết rằng vào thời điểm đó, vị linh mục này đã trở về nhà để đón lễ Phục Sinh tại nhà).

Sau đó, đi ngang qua người đàn ông vừa xuất hiện, Savva đi đến gặp linh mục Gufin.

Hôm đó trời rất gió; bỗng nhiên một đám mây lớn ập đến và tuyết rơi dày đến nỗi Savva không thể đi tiếp được nữa. Sau đó, Savva, nhận ra rằng mình đã bị cản trở trong hành trình theo sự an bài của Đức Chúa Trời, liền quay trở lại, ngợi khen Đức Chúa Trời.

Khi đến nhà linh mục Sapsal, ông rất vui mừng khi gặp ông ấy, và kể cho ông ấy cùng những người khác nghe tất cả những gì đã xảy ra với mình trên đường đi. Và tất cả họ cùng nhau cử hành lễ Phục Sinh.

Vào đêm thứ ba của lễ hội, Apharid, một trong những thủ lĩnh vô đạo, con trai của Công tước Rotest, bất ngờ tấn công ngôi làng đó cùng với một đạo quân lớn gồm những chiến binh ngoại đạo. Thấy vị linh mục đang ngủ yên bình trong nhà mình, hắn bắt ông, cũng như bắt cả Savva, lôi anh ta ra khỏi giường trong tình trạng trần truồng, rồi trói cả hai lại. Vị linh mục bị nhốt lên xe ngựa và bị kéo đi, còn Savva thì bị lôi lê trần truồng như một đứa trẻ mới sinh qua bụi gai, bị đánh đập không thương xót bằng gậy và roi da, và bị lôi như vậy cho đến tận thành phố. Những kẻ tra tấn đã đối xử với các tôi tớ của Chúa Kitô một cách tàn nhẫn và vô nhân đạo đến thế! Nhưng chính sự tàn bạo của những kẻ tra tấn lại càng làm nổi bật lên sự kiên nhẫn và đức tin của người công chính.

Khi trời sáng, Thánh Savva đã công khai ngợi khen Chúa của mình và nói với những kẻ tra tấn như sau: "Chẳng phải các ngươi đã đuổi và lôi kéo ta, một người trần truồng và chân trần, qua bụi gai sao? Bây giờ hãy nhìn xem, chân ta có bị loét không? Hay trên thân thể ta có vết tích nào từ những cú đánh của các ngươi không?"

Họ không thấy dù chỉ một dấu vết nhỏ nào của những trận đòn trên thân thể vị thánh, nên vô cùng ngạc nhiên. Sau đó, họ lấy trục xe ngựa và đặt một trục lên vai ngài, kéo hai tay ngài ra hai đầu trục rồi trói chặt vào đó; còn trục kia, những kẻ tra tấn cũng trói vào chân vị thánh theo cách tương tự. Sau đó, những kẻ tra tấn quật ngài xuống đất và tra tấn ngài dã man suốt cả ngày cho đến tận đêm khuya. Khi những kẻ tra tấn đã chìm vào giấc ngủ, một người phụ nữ thức dậy vào ban đêm để nấu ăn cho gia đình; bà đã giải thoát cho vị thánh, và ngài đứng dậy, giúp bà làm việc nhà.

Khi trời sáng, Apharid lại ra lệnh trói tay vị thánh và treo ngài lên xà nhà. Một lúc sau, những người được Apharid sai đi mang thịt hiến tế cho thần tượng đến gặp vị linh mục và Savva, rồi nói:

– Vị vĩ đại Apharid phán như vầy: hãy nếm thử những miếng thịt này – và các ngươi sẽ thoát khỏi cái chết.

Vị linh mục đáp lại những người được cử đến:

– Chúng tôi sẽ không nếm, vì không xứng đáng cho chúng tôi ăn thứ đã bị quỷ dữ làm ô uế này. Thà rằng chúng tôi đồng ý để Apharid đóng đinh chúng tôi lên thập tự giá hoặc giết chết chúng tôi bằng bất kỳ cách nào khác.

Còn thánh Savva thì hỏi những người đến:

– Ai đã sai các ngươi đến đây?

Họ đáp:

– Thưa ngài, đó là Afarid.

Nghe vậy, vị thánh nói với họ:

– Chỉ có một Chúa – Đức Chúa Trời, Đấng ngự trên trời. Thịt độc hại của các ngươi thật ô uế và ghê tởm, giống như chính A-pha-rít, người đã sai các ngươi đến đây.

Vừa mới thánh nhân dứt lời, một trong những đầy tớ của Apharid, nổi cơn thịnh nộ, đã dùng cây giáo trong tay đâm mạnh vào ngực thánh nhân, khiến tất cả những người có mặt ở đó đều nghĩ rằng vị tử đạo sẽ chết. Nhưng vị tử đạo, được Thiên Chúa che chở, không hề hấn gì sau cú đâm đó và cũng không cảm thấy đau đớn, rồi ngài nói với kẻ vừa đâm mình:

– Ngươi nghĩ rằng ngươi đã làm ta bị thương nặng bằng cây giáo của ngươi; nhưng ta chỉ cảm nhận cú đánh của ngươi chẳng khác gì khi có ai đó đánh ta bằng một sợi len mềm.

Khi biết được tất cả những gì đã xảy ra, Apharid ra lệnh xử tử vị thánh tử đạo Savva. Lúc đó, những tên đầy tớ vô đạo bỏ lại linh mục Sapsal đang bị trói, bắt Savva và dẫn đến con sông có tên là "Mussova"[3015] , để dìm chết ông tại đó. Vị thánh tử đạo, nhớ đến điều răn của Chúa về việc yêu thương người lân cận như chính mình (xem: Mt 22:39), đã hỏi những tên đầy tớ đang dẫn ông đi:

– Tại sao vị linh mục lại không chịu chết cùng với tôi?

Họ trả lời vị thánh rằng:

– Chuyện này không liên quan đến cậu.

Anh ta, tràn ngập niềm vui, đã thốt lên:

– Ngợi khen Chúa, và danh Con Ngài được tôn vinh muôn đời, amen. Vì chính Apharid đã tự đưa mình vào cái chết và sự diệt vong vĩnh viễn, còn tôi thì được Ngài dẫn dắt đến cuộc sống vĩnh cửu, bất tận. Đó là ý muốn của Ngài, lạy Chúa, Đức Chúa Trời của chúng con, đối với các tôi tớ của Ngài.

Như vậy, ngay cả khi bị dẫn đi chịu chết, vị thánh vẫn không ngừng ngợi khen và tạ ơn Đức Chúa Trời, coi *"những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì cả" so với "vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng ta"* (Rô-ma 8:18).

Trong khi đó, các đầy tớ nói với nhau:

– Tại sao chúng ta không thả người vô tội này đi? Dù sao thì Apharid cũng sẽ không biết chuyện này nếu chúng ta thả anh ta.

Nhưng thánh Savva nói với họ:

– Sao các ngươi lại nói những lời điên rồ như vậy? Tốt hơn hết là hãy làm theo những gì đã được truyền lệnh. Vì ta thấy điều mà các ngươi không thể thấy: kìa, các Thiên Thần thánh đang đứng đó, đã đến trong vinh quang để đón linh hồn ta.

Rồi họ dẫn vị thánh tử đạo ra sông, buộc một khúc gỗ lớn vào cổ ngài, ném ngài xuống vực sâu của dòng sông và dìm ngài chìm xuống. Thế là Thánh Savva đã qua đời, người đã giữ vững đức tin thánh thiện trong sự tinh khiết cho đến cuối đời. Ngài đã sống ba mươi tám năm, được đội vương miện tử đạo vào ngày thứ năm sau lễ Phục Sinh (tức ngày 12 tháng 4[3016] , dưới triều đại của Valentinian ở phương Tây, Valentin ở phương Đông[3017] và dưới sự cai trị của hai vị Amphipate[3018] Modestus và Arinthius).

Một thời gian sau, những kẻ hành hình vớt thi thể vị tử đạo lên khỏi mặt nước và ném nó lên bờ mà không chôn cất. Tuy nhiên, chẳng có thú vật hay chim chóc nào dám động đến thi thể cao quý này, vì nó đã được những tín hữu Kitô giáo đạo đức giấu đi.

[3015] Sông Mussova nằm ở Valachia.

[3016] Thánh Tử đạo qua đời vào năm 372.

[3017] Hoàng đế Valentinian trị vì từ năm 364 đến năm 375, còn anh trai ông là Valent trị vì từ năm 364 đến năm 378.

[3018] Anfipat – là một proconsul, người cai trị một vùng lãnh thổ (tỉnh) có diện tích tương đối rộng lớn.

Một trong những tướng lĩnh Scythia, Iunius Saran, người tôn kính Thiên Chúa chân chính, đã sai những người trung thành đi lấy thi hài cao quý của vị tử đạo từ đất nước của người Goth và mang về Hy Lạp. Với mong muốn làm rạng rỡ quê hương mình, ông đã gửi món quà kỳ diệu và thành quả vinh quang của đức tin này, theo lời khuyên của các linh mục, đến Cappadocia để dâng lên Đức Cha – bức thư kết luận – theo ý muốn của Chúa, Đấng ban ân sủng của Ngài cho những ai kính sợ Ngài. Khi cử hành lễ tưởng niệm vị tử đạo vào ngày ngài được đội vương miện tử đạo[3019] , xin hãy loan báo điều này cho các anh em khác, để toàn thể Giáo Hội Chính Thống Tông Đồ, trong niềm hân hoan thiêng liêng, tôn vinh Chúa, Đấng đã chọn những tôi tớ như vậy cho chính Ngài. Hãy chào mừng tất cả các thánh; tất cả các anh em đang cùng chúng ta chịu bách hại đều hôn các bạn bằng nụ hôn thánh. Nguyện vinh quang, danh dự và sự thờ phượng thuộc về Đấng Toàn Năng, Đấng bằng ân sủng và lòng nhân từ của Ngài dẫn dắt chúng ta vào Nước Trời, cùng với Con Một của Ngài và Thánh Thần Chí Thánh, đến muôn đời, amen".

Lễ kính các thánh tông đồ Aristarchus, Pudus và Trophimus[3020]

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 4

Thánh Aristarchus, người được nhắc đến trong sách Công Vụ Các Tông Đồ (Công Vụ 19:29) và trong các thư của Thánh Tông Đồ Phaolô gửi cho người Cô-lô-se (Cô-lô-se 19:29) và cho Phi-lê-môn (Phi-lê-môn 1:24), là giám mục tại thành phố Apamea thuộc Syria[3021] .

Thánh Pud, người mà Thánh Phaolô đề cập đến trong Thư thứ hai gửi Timôthê *("Xin chào Eubulus và Pud"* (2 Tm 4:21)), là thành viên của Thượng viện La Mã[3022] . Là một người đạo đức và có đức hạnh, ngài đã tiếp đón các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô tại nhà mình; các tín hữu khác cũng tụ họp tại đó để cầu nguyện, đến nỗi ngôi nhà của ông sau này đã trở thành một nhà thờ, được đặt tên là "Nhà thờ Mục tử". Truyền thuyết kể rằng chính Thánh Phêrô đã cử hành thánh lễ tại nhà thờ này.

Thánh Trophimus, người được nhắc đến trong sách Công Vụ Các Tông Đồ (Công Vụ 20:4) và bởi Thánh Phaolô trong Thư Thứ Hai gửi Timôthê với những lời như sau: *"Còn Trophimus, tôi đã để lại ở Milet vì anh ấy đang ốm"* (2 Ti-mô-thê 4:20), cùng với Tông đồ Pudus và Aristarchus, đã đồng hành và chia sẻ gian khổ với Tông đồ Phaolô trong suốt những cuộc bách hại mà ngài phải chịu.

Cả ba vị tông đồ được nhắc đến đều đã qua đời tại Rôma cùng với Thánh Phaolô[3023] , bị chém đầu bằng gươm theo lệnh của Hoàng đế Nê-rôn[3024] .

Lễ kính các thánh nữ tử đạo Vasilissa và Anastasia

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 4

Được các thánh tông đồ Phêrô và Phaolô khai sáng bằng đức tin Kitô giáo, các thánh Vasilissa và Anastasia đã hiến dâng cuộc đời mình để phục vụ Chúa, bằng cách chôn cất thi thể các thánh tử đạo bị giết vì Chúa Kitô. Khi hoàng đế Nê-rôn[3025] được báo tin về họ, theo lệnh của ông, họ đã bị binh lính bắt giữ và giam vào ngục tối. Sau đó, họ đã phải chịu nhiều cực hình vì Chúa Kitô: họ bị đánh đập không thương xót, bị cạo da bằng sắt, bị thiêu đốt bằng nến, nhưng họ vẫn kiên định và bất khuất trong đức tin Kitô giáo. Cuối cùng, đầu của họ bị chém đứt[3026] , sau đó họ về với Chúa, để hiện diện trước Ngài trên thiên đàng cùng với đoàn thể các thánh tử đạo nam và nữ khác.

[3019] Thánh Dmitri Rostovski trong lời bạt cho cuốn tiểu sử Thánh Savva đã nhận xét rằng việc kỷ niệm vị tử đạo này sẽ thích hợp hơn nếu được cử hành vào chính ngày 12 tháng 4, nhưng vì trong phần mở đầu, ngày kỷ niệm này đã được ấn định vào ngày 15, nên ngài cũng đã đặt câu chuyện về cuộc khổ nạn của Thánh Savva vào ngày đó trong cuốn "Minei-Chetii".

[3020] Các thánh Aristarchus, Pudens và Trophimus – các tông đồ trong số 70

[3021] Apamea nằm ở phía tây nam Syria và tọa lạc bên bờ sông Orontes.

[3022] Thượng viện ở La Mã – cơ quan chính phủ cao nhất, phụ trách mọi công việc nhà nước.

[3023] Các thánh tông đồ qua đời vào khoảng năm 65.

[3024] Nero – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 54 đến năm 68 và được ghi nhớ như một trong những kẻ đàn áp Kitô giáo tàn bạo nhất.

[3025] Hoàng đế La Mã Nê-rôn, kẻ đàn áp Kitô giáo tàn bạo, trị vì từ năm 54 đến năm 68

Ngày 29 tháng 4

Ngày 16 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, người ta tưởng nhớ Thánh Tử đạo Leonid cùng các thánh nữ: Hariessa, Nunechia, Vasilissa và Theodora, những người đã chịu khổ nạn tại Corinth và bị chìm xuống biển vào năm 251.

Ngày tưởng niệm các thánh nữ tử đạo Agapia, Chionia và Irina

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 4

Khi hoàng đế Diocletian[3027] đang ở thành phố Aquileia[3028] thuộc Ý, ông nhận được tin từ Roma rằng tất cả các nhà tù La Mã đều chật cứng các Kitô hữu, những người dù phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn, nhưng vẫn không từ bỏ Đức Kitô của mình. Tất cả họ đều có Chrysogonus làm thầy và vâng theo lời dạy của ngài, kiên định tuân giữ giáo lý của ngài. Trước tin tức này, Diocletian đã ra lệnh xử tử tất cả các Kitô hữu, ngoại trừ một người là Chrysogonus, người mà ông ra lệnh đưa đến trước mặt mình để tra tấn.

Khi vị thánh chứng nhân của Chúa Kitô là Chrysogonus bị trói và dẫn từ Rôma đến Aquileia để gặp hoàng đế Diocletian, thánh Anastasia, Đấng Giải Cứu, đã theo sau ngài từ xa như theo vị thầy của mình.

Khi đến nơi gặp Diocletian, vị tử đạo của Chúa Kitô đã phải chịu những cực hình tàn bạo vì không tuân theo mệnh lệnh bất chính của hoàng đế; sau đó, ngài bị kết án tử hình và bị chém đầu[3029] bên ngoài thành phố, tại một nơi hoang vắng hẻo lánh. Thi thể thánh thiện của ngài nằm trên bờ biển, bị bỏ lại cho thú dữ và chim chóc ăn thịt.

Không xa nơi đó, có một vị linh mục tên là Zoil, một vị tu sĩ già đạo đức, đang cư ngụ. Gần đó, có ba trinh nữ, là chị em ruột và đồng tâm, tên là Agapia, Chionia và Irina. Vị linh mục này, nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời, đã biết được nơi an nghỉ của thi hài vị thánh tử đạo Chrysogonus, liền mang thi hài cùng với đầu của ngài về, đặt vào một quan tài gỗ và giấu trong nhà mình. Vào ngày thứ ba mươi sau đó, thánh Chrysogonus hiện ra với ông trong một giấc mơ và nói: "Hãy biết rằng trước khi hết chín ngày nữa, ba trinh nữ của Chúa sống gần ngươi sẽ bị bắt đi chịu khổ hình. Vì vậy, hãy dặn người tôi tớ của Chúa là Anastasia hãy chăm sóc họ, khích lệ họ can đảm chịu đựng thử thách, cho đến khi họ được đội vương miện khổ nạn. Ngươi cũng hãy giữ vững niềm hy vọng tốt lành rằng ngươi sẽ gặt hái được những thành quả ngọt ngào từ những công đức của mình, vì chẳng bao lâu nữa ngươi sẽ được giải thoát khỏi những ràng buộc trần thế, vui mừng đến với Chúa Kitô và an nghỉ cùng các thánh."

Thánh Anastasia cũng đã nhận được sự mặc khải tương tự. Được Thánh Thần thúc đẩy, bà đến nhà của một linh mục mà trước đây bà hoàn toàn không quen biết, và hỏi ông:

– Những trinh nữ ấy ở đâu, những người mà cái chết tử đạo của họ đã được mặc khải cho ngài trong giấc mơ?

Sau khi biết được nơi ở của họ, bà đến gặp họ, chào đón họ với tình yêu thương và ở lại với họ một đêm, trò chuyện với họ về sự cứu rỗi linh hồn và tràn đầy tình yêu Thiên Chúa, trong đó bà khích lệ họ can đảm, thậm chí đến đổ máu, để bảo vệ Chàng Rể của mình – Chúa Kitô. Khi nhìn thấy trong nhà của vị linh mục những di cốt của thánh tử đạo Chúa Kitô là Chrysogonus, vị thầy yêu quý của mình, Anastasia đã khóc lóc bên cạnh chúng trong một thời gian dài, tưới đẫm chúng bằng nước mắt và phó thác bản thân mình cho những lời cầu nguyện của vị thánh này. Sau đó, cô trở lại thành phố Aquileia và tiếp tục thực hiện sứ vụ thường lệ của mình đối với các tù nhân của Chúa Kitô, những người bị giam giữ trong ngục tối, bằng cách giúp đỡ họ từ tài sản của mình.

[3026] Các thánh nữ tử đạo qua đời vào nửa sau của thế kỷ I. Xác thánh của các ngài được an táng tại Rome, trong một nhà thờ được xây dựng để tôn vinh Đức Mẹ, Đấng An Ủi.

[3027] Đế vương La Mã Diocletian trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[3028] Aquileia – trong thời cổ đại là một thành phố lớn và nổi tiếng ở miền bắc Ý, được người La Mã thành lập hai thế kỷ trước Công nguyên. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, thành phố Aquileia nổi bật như nơi diễn ra một số công đồng địa phương và là cái nôi của một biểu tượng đức tin đặc biệt (được gọi là "biểu tượng Aquileia").

[3029] Ngày 22 tháng 12, Giáo hội kỷ niệm ngày qua đời của Thánh Tử đạo Chrysogonus.

Quả thực, mọi việc đã diễn ra đúng như những gì Thánh Chrysogonus đã nói với linh mục Zoilus trong giấc mơ: mười ngày sau, vị linh mục thánh thiện này đã về với Chúa, còn ba trinh nữ thánh – Agapia, Chionia và Irina – bị bắt giữ và bị dẫn đến trước hoàng đế Diocletian để chịu tra tấn.

Khi nhìn thấy họ, hoàng đế đã hỏi:

– Chính sự điên rồ nào đã khiến các ngươi theo đuổi một sự lầm lạc đáng thương và tồi tệ như vậy, làm nhục luật pháp công bằng của chúng ta và khinh miệt các vị thần của chúng ta như thể chúng là những thứ ô uế? Nhưng vì ta thấy các ngươi xuất thân từ dòng dõi quý tộc, còn trẻ và xinh đẹp, nên với lòng thương xót, ta khuyên các ngươi hãy tự cứu lấy mình. Hãy từ bỏ Đấng Kitô của các ngươi và dâng lễ vật cho các vị thần, thì ta sẽ ban cho các ngươi ba chàng trai xuất thân từ dòng dõi quý tộc trong đoàn tùy tùng của ta, hoàn toàn xứng đáng với nhan sắc của các ngươi, để các ngươi có được những người chồng vinh quang, nhờ đó chính các ngươi cũng sẽ được tôn vinh.

Trước những lời dụ dỗ của nhà vua, người chị cả, thánh Agapia, đã đáp lại:

– Bệ hạ, ngài phải lo lắng cho việc dân chúng, cho những người ngoại tộc, cho quân đội, vậy mà ngài lại nói nhiều điều bất công, sỉ nhục Đức Chúa Trời Hằng Sống, Đấng mà sự giúp đỡ của Ngài là vô cùng cần thiết đối với ngài và lòng nhân từ của Ngài đã kiên nhẫn chịu đựng ngài bấy lâu nay; thế mà ngài lại phỉ báng Ngài.

Lúc đó, Diocletian nói:

– Cô gái này điên rồi; hãy dẫn một người khác đến cho ta.

Sau đó, người ta dẫn em gái cô, thánh Hiôni, đến trước mặt ông, và cô nói với nhà vua như sau:

– Thưa hoàng đế, chị tôi không điên. Ngược lại, với lý trí sáng suốt, chị ấy đã chỉ ra sự sai trái trong lời khuyên của ngài – rằng phải thờ lạy các thần tượng.

Nhưng nhà vua, không muốn nghe thêm lời người chị này nữa, đã ra lệnh cho người ta dẫn người chị thứ ba, Thánh Irina, lại gần mình và nói với cô ấy:

– Vì hai chị em của con đã mất trí, nên con, người em út trong số họ, hãy cúi đầu trước các vị thần, để hai chị em con, khi nhìn thấy con, cũng làm theo.

Nhưng Thánh Irina cũng kiên quyết đáp lại:

– Hãy để tất cả những kẻ thù của Đức Chúa Trời Thật, những kẻ đã mất trí vì sự bất kính của mình, cúi đầu trước các thần tượng. Còn điều gì phù phiếm và điên rồ hơn việc thờ lạy một tác phẩm của nghệ sĩ, được tạo ra với một khoản tiền nhất định? Vì trước tiên, ngươi phải thương lượng với nghệ nhân về giá cả và kiểu dáng của tượng thần: đứng hay ngồi, nằm hay đang phi nước đại, cười hay khóc, làm từ chất liệu gì – gỗ, đá, đồng hay chất liệu nào khác. Và nếu người đó làm không tốt, bạn sẽ vi phạm thỏa thuận; còn nếu làm tốt, bạn sẽ trả khoản tiền đã hứa. Rồi sau đó, bạn lại thờ phượng vật đã mua và được làm ra đó, gọi bức tượng đó là thần của mình, trong khi thực ra nó đáng được gọi là nô lệ đã mua hơn là thần.

Đáp lại những lời nói ấy của các trinh nữ thánh, Diocletian đã nói:

– Những lời như thế này phải được đáp trả bằng sự tra tấn, – và ra lệnh ném các trinh nữ thánh vào ngục tối. Trong khi đó, thánh Anastasia (theo thói quen thường đi thăm viếng những người bị giam trong ngục tối) đã đến gặp các trinh nữ thánh này và an ủi họ bằng niềm tin vào sự giúp đỡ của Thiên Chúa cùng hy vọng về chiến thắng vinh quang và sự chiến thắng trước kẻ thù.

Sau một thời gian, nhà vua phải lên đường đến Macedonia[3030] để giải quyết một số nhu cầu của dân chúng. Tất cả các Kitô hữu đang bị giam cầm tại Aquileia đều bị dẫn theo ông đến đó, trong số đó có ba trinh nữ thánh – Agapia, Chionia và Irina; thánh Anastasia cũng đi theo họ. Khi đến Macedonia, nhà vua ra lệnh cho thống đốc[3031] Dulkicia tra tấn các tín hữu Kitô giáo nhằm ép buộc họ dâng lễ vật cho các thần tượng; còn những ai không tuân phục thì sau khi chịu đủ mọi hình thức tra tấn, phải bị xử tử. Vì không thể mô tả hết những đau khổ của vô số thánh tử đạo, những người lúc bấy giờ phải chịu đủ loại cực hình tại đó, nên chúng ta chỉ kể về những hành động chịu khổ của ba trinh nữ thánh nêu trên.

Khi những cô dâu của Chúa Kitô này bị dẫn đến trước mặt thống đốc Dulcitius để chịu tra tấn, ngay khi nhìn thấy vẻ đẹp phi thường của họ, ông ta liền nảy sinh những ham muốn ô uế đối với họ. Ông ra lệnh giam giữ họ và sai lính canh truyền đạt rằng họ sẽ được tự do và nhận nhiều quà tặng, nếu đồng ý đáp ứng ham muốn bất chính

---

[3030] Macedonia – một quốc gia nằm trên bán đảo Balkan, giáp với góc tây bắc của Biển Aegean (Vịnh Thessaloniki).

[3031] Igemon – quan tổng trấn.

của vị quan. Nhưng các trinh nữ thánh thiện thà chết một ngàn lần còn hơn là bị làm nhục dù chỉ một lần, nên dù bằng lời ngọt ngào, lời đe dọa, quà tặng hay tra tấn, vị thống đốc cũng không thể thuyết phục họ đồng ý thực hiện ham muốn bất chính của mình. Không thể kìm nén được ngọn lửa dục vọng đang thiêu đốt mình, vị thống đốc nảy ra ý định lẻn vào phòng giam của các trinh nữ vào ban đêm để làm ô uế họ.

Khi đêm xuống, các trinh nữ thánh thiện bắt đầu cầu nguyện, hát ngợi khen Chúa suốt đêm và đọc các thánh vịnh. Igemon, muốn vào gặp họ, vừa chạm vào ngưỡng cửa phòng của họ, liền mất trí và không thể bước tiếp. Gần căn phòng nơi ba chị em đang ở có một nhà bếp, nơi có rất nhiều đồ dùng nấu nướng – nồi, chảo và chảo rán – đen kịt vì bồ hóng. Không thể vào được căn phòng nơi các trinh nữ thánh đang ở, Igemon, bị ma quỷ xúi giục, đã bước vào nhà bếp, và ở đó, ông ta bị bám đầy bồ hóng, làm bẩn mặt, tay và toàn bộ quần áo của mình, rồi trong bộ dạng như vậy, ông ta bước ra gặp những người hầu đang chờ đợi ông ta, đứng gần căn phòng đó với những ngọn đèn đang cháy trong tay. Các người hầu, khi thấy vị thống đốc toàn thân đen kịt, đáng sợ như người Ê-thi-ô-pi, đã hoảng sợ tột độ và, vứt bỏ những ngọn đèn, bỏ chạy khỏi đó. Còn vị thống đốc, không hiểu tại sao các người hầu lại bỏ chạy khi nhìn thấy mình, đã nghĩ rằng họ đang chế giễu và nhạo báng mình, nên nổi cơn thịnh nộ dữ dội. Lúc này trời đã bắt đầu sáng, và bất cứ nơi nào vị công tước đi qua, mọi người đều bỏ chạy khi nhìn thấy ông – từ các người hầu, lính gác cho đến binh lính, như thể họ đang trốn chạy khỏi một con quái vật đáng sợ. Sau đó, Igemon lên đường đến hoàng cung, với ý định khiếu nại với nhà vua về những chiến binh dưới quyền mình, vì họ không tuân lệnh ông và thậm chí còn chế giễu ông. Nhưng ngay khi ông vừa đến gần cung điện của vua, ông đã nghe thấy tiếng cười lớn và kéo dài vang lên từ bên trong, trong khi một số người có mặt ở đó hoảng sợ và bỏ chạy, còn những người khác thì đánh anh ta, đuổi anh ta ra khỏi cửa cung điện, vì chẳng ai nghĩ rằng đó là Igemon Dulkits, mà ai nấy đều cho rằng đó là một kẻ điên rồ. Tuy nhiên, Igemon vẫn chưa nhận ra rằng mình đang đầy bồ hóng, vì đôi mắt anh ta, do sự xúi giục của quỷ dữ, đã bị che mờ. Ông tưởng rằng mặt mình trắng trẻo, quần áo và tay chân đều sạch sẽ. Nhưng khi cuối cùng các đầy tớ của ông nhận ra rằng chủ nhân của họ đã mất trí, họ lập tức chạy theo ông và đưa ông về nhà, nói: "Hãy nhìn xem mình trông thế nào!"

Khi ông bước vào nhà, vợ ông cùng tất cả các nô lệ nam và nữ trong nhà đều khóc nức nở, nghĩ rằng ông đã mất trí, còn những người khác thì tránh xa ông và không giao tiếp với ông. Còn bản thân ông thì vẫn còn bối rối và ngạc nhiên, không hiểu tại sao có người lại khóc thương cho ông, trong khi những người khác lại thậm chí còn ghê tởm ông. Rồi đôi mắt tội lỗi của ông bừng mở, và ông nhận ra mình đã bị ô uế; khi nhìn vào gương, ông thấy khuôn mặt mình đen như người Ê-thi-ô-pi, và hiểu rằng mình đã bị quỷ dữ làm nhục. Lúc đó, hắn vô cùng tức giận với các trinh nữ thánh thiện, cho rằng chính họ đã dùng phép thuật gây ra tất cả những điều này cho hắn, và hắn bắt đầu nghĩ cách trả thù họ. Sau khi tắm rửa và thay quần áo, ông ta ngồi lên ghế thẩm phán trước mặt toàn thể dân chúng. Sau đó, vị thống đốc ra lệnh chuẩn bị dụng cụ tra tấn và lại cho dẫn các trinh nữ thánh đến. Khi các trinh nữ thánh được dẫn đến, vị thống đốc ra lệnh lột trần họ để xem cơ thể họ. Nhưng ngay khi họ bắt đầu cởi bỏ y phục của các thánh nữ – họ không thể làm gì được, vì theo ý muốn của Đức Chúa Trời, y phục của các thánh nữ bám chặt vào thân thể họ như da bám vào da thịt – và mọi người đều kinh ngạc trước phép lạ này. Các đầy tớ, dù đã cố gắng rất lâu để cởi bỏ y phục của các thánh nữ, vẫn không thể làm được.

Còn Igemon, đang ngồi trên ghế xét xử, bỗng dưng thiếp đi và chìm vào giấc ngủ say đến mức không ai có thể đánh thức được: người ta vừa lay vừa la hét ầm ĩ xung quanh ông, nhưng ông vẫn ngủ say như chết. Lúc đó, họ bế ông khi ông đang ngủ và đưa ông về nhà. Nhưng ngay khi vừa được đưa vào nhà, ông ta lập tức tỉnh dậy.

Khi biết được tất cả những gì đã xảy ra với Higemôn Dulkitsius, nhà vua rất tức giận với ông ta và ra lệnh giao các trinh nữ thánh cho thẩm phán Sisinia tra tấn. Thẩm phán này bắt đầu cuộc thẩm vấn với em gái út, Irina. Ông hỏi:

– Ngươi có tuân theo mệnh lệnh của nhà vua không?

Thánh nữ đáp:

– Không, con không tuân theo, vì con là một Kitô hữu, tôi tớ của Thiên Chúa Toàn Năng.

Lúc đó, quan tòa ra lệnh đưa cô vào ngục tối. Sau đó, sau khi ra lệnh dẫn Agapia và Chionia ra trước tòa, ông nói với họ:

– Em gái út của các ngươi đã bị các ngươi dụ dỗ và dạy dỗ để khinh thường các luật lệ của Thiên Chúa; vì vậy, ta quyết định tạm hoãn việc tra tấn nàng, để khi nàng thấy các ngươi bị tra tấn, nàng sẽ sợ hãi và vâng lời chúng ta. Nếu các ngươi muốn thoát khỏi sự tra tấn, hãy dâng lễ vật cho các vị thần, như chúng ta đang làm, để tuân theo mệnh lệnh của nhà vua.

Thánh Agapia đáp lại quan tòa:

– Đức tin của chúng tôi không lay chuyển.

Lúc đó, quan tòa nói với Hiôni:

– Còn ngươi thì sao?

Hiôni trả lời:

– Đức tin của chúng tôi sẽ không thay đổi.

Lúc đó, thẩm phán hỏi:

– Các cô có cuốn sách Kitô giáo nào không?

Các trinh nữ thánh đáp:

– Có sách, nhưng chúng được cất giấu trong tâm trí chúng tôi, nơi mà kẻ thù của Chúa Kitô không thể lấy được.

Thẩm phán hỏi:

– Ai đã dạy các cô tự nguyện chịu những cực hình như vậy?

Các trinh nữ thánh đáp:

– Những cực hình này chỉ là tạm thời và mang lại lợi ích to lớn, vì nhờ chúng mà chúng tôi có thể đạt được vinh quang vĩnh cửu.

Thẩm phán nghiêm khắc nói:

– Hãy tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và dâng lễ vật lên các vị thần.

Nhưng các trinh nữ thánh nói:

– Chúng tôi dâng lễ vật ngợi khen lên Đức Chúa Trời, còn quỷ dữ thì chúng tôi sẽ không bao giờ dâng lễ vật cho nó. Đừng nghĩ rằng ngài có thể khiến chúng tôi xa lìa Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su Ki-tô của chúng tôi, nhưng hãy tuân theo mệnh lệnh mà vua trần gian của ngài đã ra, cũng như chúng tôi tuân theo mệnh lệnh của Vua Thiên Đàng của chúng tôi.

Lúc đó, trong cơn giận dữ, quan tòa Sisinius đã ra lệnh như sau đối với các thánh:

– Ta ra lệnh thiêu sống Agapia và Chionia, những người đã không chịu tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế sau khi đã được tòa án khuyên nhủ.

Nghe bản án đó, các thánh nữ tràn ngập niềm vui và lớn tiếng reo lên:

– Chúng con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì đã ban cho chúng con ân sủng được làm những người làm chứng cho Danh Thánh của Ngài. Xin Chúa hãy đón nhận linh hồn chúng con vào tay Ngài, lạy Chúa!

Khi bị ném vào lửa, các trinh nữ thánh vẫn tiếp tục cầu nguyện và trong lời cầu nguyện, họ đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa của họ[3032] . Trong khi đó, ngọn lửa dữ dội không những không làm tổn hại đến thân thể các trinh nữ thánh, mà thậm chí còn không chạm đến y phục của họ, đến nỗi không để lại bất kỳ dấu vết nào của lửa trên người họ. Sự việc này đã trở thành một dấu hiệu cho những người ngoại đạo, chứng tỏ rằng các trinh nữ thánh thiện không chết vì lửa, mà nhờ những lời cầu nguyện của mình, họ đã xin được từ Thiên Chúa một cái chết hạnh phúc. Những thi thể thánh thiện của họ, không bị lửa làm tổn hại, đã được các tôi tớ của Thánh Anastasia, Đấng Giải Cứu, mang về cho nữ chủ nhân của họ vào ban đêm. Còn Thánh Anastasia, sau khi xức hương thơm lên thi hài thánh thiện của các cô, đã an táng họ một cách trang trọng trong quan tài mới, lòng tràn đầy niềm vui và cầu xin Chúa cho bà cũng được tham dự vào sự hạnh phúc của các trinh nữ thánh thiện ấy.

Ngày hôm sau, quan tòa Sisinius lại ngồi trên ghế xét xử và ra lệnh dẫn thánh Irina đến. Khi cô được dẫn đến, ông nói với cô:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, để ngươi cũng không phải chết trong lửa như các chị em ngươi đã chết.

Nhưng vị thánh đã dũng cảm đáp lại:

– Con sẽ không dâng lễ vật, vì con rất mong được cùng chia sẻ niềm hạnh phúc với các chị em của con, để con không phải xa cách họ khi họ được đứng trước mặt Thiên Chúa.

– Hãy nghe theo lời khuyên của chúng ta, – quan tòa nói, – nếu không, ngươi sẽ phải chịu những cực hình còn tàn bạo hơn cả các chị em ngươi.

– Tôi sẵn sàng chịu mọi hình thức tra tấn, – vị thánh đáp lại, – vì tôi mong muốn chết vì lẽ thật và qua cái chết để đạt được sự sống đời đời; tôi mong muốn, sau khi đi qua lửa, sẽ đạt được sự an ủi.

[3032] Các thánh nữ tử đạo Agapia và Chionia qua đời vào năm 304.

Lúc đó, quan tòa nói với nàng:

– Ta sẽ ra lệnh dẫn ngươi, trong tình trạng trần truồng, đến nơi đồi trụy, để ngươi bị sỉ nhục ở đó cho đến khi chết.

Vị thánh nữ đáp:

– Thân xác tôi sẽ phải chịu đau khổ dưới tay kẻ dâm đãng cũng giống như khi bị con chó cắn, hay con sói, hay con gấu, hay nọc độc của con rắn. Và đối với tôi, thà để thân xác ô uế của tôi phải chịu đau khổ còn hơn là làm ô uế linh hồn mình bằng việc thờ lạy tà thần, vì tội lỗi được phạm một cách bất đắc dĩ, khi linh hồn không đồng ý với điều đó, sẽ không bị quy tội trước mặt Thiên Chúa. Chẳng lẽ các thánh nhân, những người trước đây đã chịu khổ vì tuyên xưng danh Chúa Giê-su Ki-tô, những người mà những kẻ tra tấn đã ép buộc đổ máu dâng tế thần tượng vào miệng họ, lại đã bị ô uế sao?

– Chẳng lẽ những người đã nếm thử của lễ của chúng ta lại không bị ô uế sao? – vị thẩm phán hỏi.

– Không những không bị ô uế, – vị thánh nữ đáp, – mà họ còn được Thiên Chúa ban vinh quang vì điều đó, bởi vì tay họ bị trói, miệng bị ép mở ra và máu dâng tế thần tượng bị ép đổ vào đó. Tội lỗi được phạm một cách tự nguyện thì đáng bị trừng phạt, còn tội lỗi bị ép buộc phạm phải thì không bị quy trách. Cũng vậy, đối với tôi, người đã dâng hiến thân xác mình cho Đấng Kitô của tôi, nếu các ngài làm bất cứ điều gì bằng bạo lực, – tôi hy vọng rằng tôi sẽ không bị sỉ nhục trước mặt Chàng Rể bất tử của tôi, nhưng sẽ nhận được phần thưởng từ Ngài, vì vì Ngài mà tôi chịu đựng sự bạo lực từ các ngài. Tôi sẽ không bận tâm đến những gì các ngươi muốn làm với thân thể tôi: dù các ngươi có để nó bị ô uế, bị thương tích hay bị thiêu đốt, tôi cũng sẵn sàng chịu đựng tất cả vì danh Chúa, Thiên Chúa của tôi. Nhưng Thiên Chúa của tôi có quyền năng và sức mạnh, Ngài sẽ không cho phép các ngươi thực hiện những điều các ngươi đã toan tính làm với tôi.

Lúc đó, quan tòa ra lệnh cho các binh lính dẫn cô gái trẻ đến nhà chứa và ra lệnh rằng ở đó cô phải bị sỉ nhục cho đến khi chết. Trên đường đi, khi các binh lính đang dẫn thánh nữ, hai binh lính khác, trông rất oai phong và khuôn mặt rạng rỡ, đã đuổi kịp họ và nói với những người đang dẫn thánh nữ:

– Thẩm phán đã sai chúng tôi đến nói với các ngươi rằng hãy dẫn cô gái này đến nơi mà chúng tôi chỉ cho các ngươi.

Họ dẫn họ ra khỏi thành phố và đưa lên một ngọn đồi rất cao, rồi nói với các binh lính:

– Hãy về và báo với Thẩm phán Sisinius rằng các ngươi đã để cô gái trên ngọn đồi, đúng như lệnh đã truyền.

Các binh lính đi đến gặp quan tòa, còn hai người đàn ông da trắng thì bỗng dưng biến mất, vì họ chính là các Thiên thần của Đức Chúa Trời.

Còn trinh nữ thánh Irina thì đứng trên ngọn đồi, ca ngợi và tạ ơn Chúa Kitô, Đấng đã giải cứu nàng khỏi tay những kẻ dâm đãng.

Khi quan tòa được báo cáo về sự việc đã xảy ra, ông rất tức giận vì mệnh lệnh của mình không được tuân theo, nên ông lên ngựa và cưỡi đến ngọn đồi đó.

Khi đến nơi, quan tòa nhìn thấy trinh nữ thánh đang đứng trên ngọn đồi, nhưng không thể leo lên được, vì ông có cảm giác như ngọn đồi được bao quanh bởi một bức tường cao, không thể vượt qua được. Trong khi vòng quanh ngọn đồi, ông bừng bừng cơn giận dữ vì không thể đến gần cô gái thánh thiện, và ông cứ thế cưỡi ngựa từ sáng đến tối mà chẳng đạt được gì. Một số chiến binh đi cùng ông, sau khi giương cung, đã bắn tên vào cô gái thánh thiện và làm cô bị thương. Cô liền kêu lên, hướng về phía quan tòa:

– Ta cười nhạo ngươi, hỡi kẻ khốn nạn, vì ngươi lại mang vũ khí ra đối đầu với ta, một người phụ nữ yếu đuối, như thể ta là một người đàn ông mạnh mẽ vậy. Nhưng giờ đây, với tâm hồn trong sạch và không bị các ngươi làm ô uế, ta sẽ về với Chúa Giêsu Kitô của ta, Đấng sẽ đưa ta vào hàng ngũ các chị em của ta.

Nói xong và dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, vị thánh nằm xuống đất và trao linh hồn mình cho Chúa. Sự việc này xảy ra một ngày trước lễ Phục Sinh[3033] .

Khi đêm xuống, Thánh Anastasia sai các tôi tớ của mình đi lấy thi hài cao quý của Thánh Tử đạo Irina từ trên đồi về, rồi xức hương thơm lên thi hài ấy và an táng cùng với thi hài của các chị em bà.

[3033] Thánh tử đạo Irina qua đời vào năm 304.

Như vậy, các thánh nữ tử đạo, ba chị em trinh nữ – Agapia, Chionia và Irina – đã hoàn thành cuộc hành trình chịu khổ của mình và được rước về trước ngai vàng của Chúa Ba Ngôi chí thánh – Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Tử đạo Leonid cùng các thánh nữ: Hariessa, Nunechia, Vasilissa và Theodora, những người đã chịu khổ nạn tại Corinth và bị chìm xuống biển vào năm 251.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Irina.

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 4

Thánh nữ tử đạo Irina đã chịu khổ nạn vào dịp lễ Phục Sinh tại Hy Lạp[3034] . Cùng với nhiều Kitô hữu khác, bà sống trong một hang động, và tất cả họ đều dành thời gian để cầu nguyện không ngừng. Những kẻ thờ thần tượng vô đạo đã tố cáo họ với quan tổng trấn, và theo lệnh của ông ta, Thánh Irina bị bắt, bị xiềng xích và giam vào ngục tối. Khi được đưa ra trước quan tổng trấn, trong buổi thẩm vấn, bà đã dũng cảm tuyên xưng Chúa Giêsu là Thiên Chúa chân thật, Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Chuộc của muôn loài, Đấng Cứu Chuộc loài người và Đấng phá hủy các thần tượng. Vì điều này, bà bị đánh đập và lại bị giam vào ngục tối. Sau đó, quan tổng trấn bận rộn giải quyết các vụ việc do dân thành phố trình lên; rồi khi đã xong việc, ông ra lệnh đưa thánh nữ ra khỏi ngục một lần nữa. Khi bà được dẫn đến trước mặt ông, ông bắt đầu ép buộc bà từ bỏ Đức Kitô, nhưng bà không thèm nghe theo. Lúc đó, theo lệnh của kẻ tra tấn, bà bị tra tấn dã man: lưỡi bà bị cắt đứt, răng bị đánh rụng, và cuối cùng, đầu bà bị chém đứt bằng gươm.

Ngày 30 tháng 4

17 tháng 4 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Simeon, Giám mục xứ Ba Tư

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 4

Khi số lượng Kitô hữu tại Ba Tư[3035] gia tăng mạnh mẽ và họ đã có các nhà thờ, giám mục, linh mục và phó tế riêng[3036] , các pháp sư ngoại đạo, khi chứng kiến điều này, đã nổi cơn thịnh nộ và giận dữ với các Kitô hữu. Những pháp sư này, tự xưng là hậu duệ của các pháp sư cổ xưa nhất, là những người bảo vệ và canh giữ tín ngưỡng giả dối và vô đạo của Ba Tư. Cùng với họ, những người Do Thái – kẻ thù truyền kiếp của Kitô giáo – cũng nổi dậy chống lại các Kitô hữu. Sau khi thông đồng với các pháp sư, họ đã xúi giục vua Ba Tư Sapor[3037] phát động cuộc đàn áp các Kitô hữu[3038] . Và trước đó nữa, họ đã vu khống Thánh Simeon trước mặt ông, người từng là giám mục của thành phố Seleucia-Ctesiphon[3039] , nói rằng vị giám mục Kitô giáo này thù địch với vương quốc Ba Tư và thân thiết với vua Hy Lạp, người mà ông ta được cho là đã báo cáo mọi việc diễn ra ở Ba Tư.

[3034] Theo "Prologue", vị thánh tử đạo này đã chịu khổ nạn tại thành phố Corinthe, còn theo "Cheti-Minei" thì tại Macedonia. Sự ra đi trong tư cách tử đạo của bà được ghi nhận vào năm 205 (thời kỳ cuộc bách hại dưới triều Decius) hoặc năm 304 (thời kỳ cuộc bách hại dưới triều Diocletian).

[3035] Ba Tư chiếm phần phía tây của cao nguyên Iran. Các biên giới hiện nay của nước này là: phía tây giáp Thổ Nhĩ Kỳ, phía đông giáp Afghanistan và Baluchistan, phía nam giáp Ấn Độ Dương và phía bắc giáp vùng Transcaspian. Người sáng lập chế độ quân chủ Ba Tư là Cyrus, trị vì từ năm 558 đến năm 529 trước Công nguyên, nổi tiếng với những cuộc chinh phục (ông đã chinh phục gần như toàn bộ Tây Á).

[3036] Đó là vào thế kỷ IV sau Công nguyên.

[3037] Sapor II, vua Ba Tư từ năm 310 đến năm 381.

[3038] Cuộc đàn áp các Kitô hữu được Sapur II phát động vào năm thứ 32 hoặc 33 của triều đại ông, tức là vào năm 343–344.

[3039] Seleucia-Ctesiphon – tên gọi của một thành phố Ba Tư, được sông Tigris chia thành hai phần đối diện nhau. Thành phố này được thành lập bởi Seleucus I Nicator, người trị vì từ năm 353 đến năm 281 trước Công nguyên.

Khi đó, vua Sapor trước hết đã áp đặt lên người Kitô hữu một khoản thuế lớn và vô cùng nặng nề, đồng thời ra lệnh cho những người có uy quyền giám sát việc nộp thuế. Sau đó, ông bắt đầu công khai giết hại các linh mục và những người phục vụ Chúa, cướp bóc tài sản của nhà thờ và tàn phá chính các nhà thờ, phá hủy chúng đến tận nền móng; còn Giám mục Simeon, với tư cách là kẻ thù giả định của Vương quốc Ba Tư và kẻ chống lại những mê tín dị đoan vô đạo của người Ba Tư, ông đã ra lệnh bắt giữ và đưa đến trước mặt mình để xét xử.

Theo sắc lệnh của nhà vua, Thánh Simeon cùng hai linh mục là Abdela và Ananias đã bị dẫn đến trước mặt nhà vua. Vị giám mục, bị binh lính bắt giữ và xiềng xích bằng sắt, không những không sợ hãi trước cơn thịnh nộ của nhà vua, mà thậm chí còn không cúi đầu chào ông. Vì vậy, nhà vua, vô cùng tức giận, đã hỏi vị thánh:

– Tại sao ngươi không cúi đầu trước ta, như trước đây ngươi vẫn làm?

Thánh nhân đáp:

– Trước đây, tôi không bị dẫn đến trước mặt ngài như cách tôi bị dẫn đến bây giờ – và tôi đã cúi đầu trước ngài, bày tỏ sự kính trọng xứng đáng với chức vị của ngài. Nhưng bây giờ, khi tôi bị dẫn đến đây để từ bỏ Đức Chúa Trời của tôi và phản bội đức tin của mình, thì tôi không thể cúi đầu trước ngài, kẻ thù của Đức Chúa Trời tôi.

Vua bắt đầu thuyết phục ngài thờ lạy mặt trời[3040] và hứa hẹn sẽ ban cho ngài nhiều quà tặng và vinh dự, đồng thời đe dọa rằng nếu không làm vậy, ông sẽ tiêu diệt hoàn toàn Kitô giáo trong vương quốc của mình. Khi vua thấy vị thánh này rất kiên cường và không bị lay chuyển bởi cả lời ngọt ngào lẫn lời đe dọa để theo sự bất kính của ông, ông liền ra lệnh tống ngài vào ngục tối.

Vào lúc vị thánh đang bị dẫn từ cung điện hoàng gia đến ngục tối, một hoạn quan[3041] tên là Usfazan[3042] – người đã cao tuổi, từng nuôi dạy vua Sapor từ thuở ấu thơ và được mọi người kính trọng vô cùng vì là người thân cận nhất với nhà vua – đã nhìn thấy ngài. Vị hoạn quan này lúc đó đang ngồi gần cung điện hoàng gia, và khi thấy Thánh Simeon, vị giám mục, bị dẫn đi, ông lập tức đứng dậy khỏi chỗ ngồi và cúi đầu thật sâu trước vị giám mục của Chúa. Nhưng Thánh Simeon đã quay mặt đi khỏi ông ta và lớn tiếng quở trách ông vì sự phản bội, bởi vì ban đầu ông ta là một Kitô hữu, nhưng sau đó lại thờ lạy mặt trời vì sợ hãi trước nhà vua. Sau đó, Usfazan bắt đầu vô cùng hối hận, khóc lóc thảm thiết, cởi bỏ những bộ áo quần quý giá, mặc vào bộ quần áo đơn sơ và thô kệch, rồi ngồi trước cửa cung điện hoàng gia, vừa khóc vừa tự nhủ: "Khốn khổ cho ta, kẻ tội lỗi này! Ta sẽ ra sao khi phải đứng trước mặt Đức Chúa Trời của ta, Đấng mà ta đã chối bỏ? Kìa, Simeon đây, và chính ông ấy cũng đã quay mặt đi khỏi ta vì sự phản bội của ta; vậy thì Đấng Tạo Hóa của ta sẽ nhìn ta ra sao?"

Nói xong, ông khóc nức nở không ngừng. Biết được chuyện này, vua Sapor lập tức cho gọi ông đến và, khi thấy ông đang khóc, đã hỏi:

– Lý do nào khiến ngươi buồn bã? Chuyện đau buồn gì đã xảy ra với ngươi trong hoàng cung?

Usfazan đáp:

– Không, không có chuyện gì xấu hay buồn bã xảy ra với tôi trong cung điện của ngài, dù tôi thà gánh chịu mọi bất hạnh, nỗi buồn và tai ương trên đời này còn hơn là điều mà giờ đây tôi đang đau xót trong lòng và khóc lóc – đó chính là việc tôi vẫn còn sống trên cõi đời này: tôi đã già nua và lẽ ra tôi đã phải chết từ lâu rồi, nhưng tôi vẫn còn ngắm nhìn mặt trời, thứ mà tôi tôn thờ như một vị thần. Thà tôi chết còn hơn là quay lưng lại với Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của muôn loài, để tôn thờ một tạo vật thay vì Đấng Tạo Hóa. Nhưng tôi đã làm điều đó không phải vì lòng thành thực của mình, mà là vì sự giả dối, mong muốn làm vừa lòng ngài, và vì thế tôi xứng đáng chịu án tử hình vì hai lý do: thứ nhất, tôi đã chối bỏ Đấng Christ, Thiên Chúa của tôi, và thứ hai, tôi đã phản bội ngài trong tuổi già của mình. Nhưng con thề trước Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa trời đất, rằng con sẽ không bao giờ phạm tội như vậy nữa. Tôi sẽ không còn làm phật lòng Chúa và Đức Chúa Trời của tôi là Đức Giê-su Ki-tô, Vua Bất Tử, vì một vị vua phàm trần; tôi sẽ không còn quỳ gối trước mặt mặt trời, một tạo vật của Đức Chúa Trời, mà sẽ thờ phượng chính Đấng Tạo Hóa từ ngày hôm nay cho đến cuối đời.

Sau khi nghe Usfazan nói, vua Sapor vô cùng ngạc nhiên trước sự thay đổi bất ngờ này ở ông ta và bắt đầu càng thêm giận dữ với những người Kitô hữu, cho rằng họ đã dùng phép thuật nào đó để mê hoặc Usfazan. Tuy nhiên, vì thương xót vị lão nhân, ông đã nài nỉ ông như một người cha, xin ông đừng gây ra sự sỉ nhục cho các vị

[3040] Việc thờ phụng mặt trời là đặc trưng của hầu hết các tôn giáo ngoại giáo.

[3041] Hoạn quan – là người hầu đã bị thiến, thường được chỉ định phục vụ trong các hậu cung ở phương Đông. Nhờ có cơ hội tác động lên các vị vua phương Đông, cả trực tiếp lẫn thông qua những người vợ và phi tần mà họ sủng ái, các hoạn quan thường có ảnh hưởng mạnh mẽ đến diễn biến các vấn đề quốc gia.

[3042] Tên theo tín ngưỡng ngoại giáo của Usfazan là Gugstsiaatazad.

thần của họ, sự ô nhục cho chính mình và nỗi buồn cho hoàng gia, và ông khuyên nhủ ông ấy bằng cả lời dịu dàng lẫn lời đe dọa. Nhưng Usfazan đáp lại nhà vua:

– Tôi đã đủ phải chịu sự liều lĩnh mà tôi đã phạm phải trước đây rồi; giờ đây tôi sẽ không làm như vậy nữa, sẽ không tôn thờ các tạo vật thay vì Đấng Tạo Hóa.

Sau những lời khuyên nhủ dài dòng và đa dạng, nhà vua, thấy rằng Usfazan vẫn kiên quyết, đã kết án ông ta bị chém đầu.

Khi bị dẫn đi hành quyết, vị thánh Usfazan đã gọi một người bạn trung thành của mình, một hoạn quan và là người hầu cận của nhà vua[3043] , đến bên cạnh và nhờ anh ta đến gặp nhà vua để truyền đạt những lời trăng trối của mình. Ông nói như sau:

– Bệ hạ, – Usfazan nói, – xin hãy nhớ lại công lao của tôi, hãy nhớ rằng từ thuở thiếu thời, tôi đã phụng sự cha ngài trước tiên, rồi sau đó là ngài cho đến tận những ngày cuối cùng với tất cả sự tận tụy. Không cần đến nhân chứng để chứng minh điều này, vì chính ngài cũng biết rõ điều đó. Vì tất cả những cống hiến này, tôi xin ngài một phần thưởng duy nhất: hãy cho mọi người biết lý do tại sao tôi phải chết. Hãy ra lệnh cho người truyền tin công bố điều này một cách vang dội, để tất cả các hoàng tử, các quý tộc và toàn thể dân chúng đều biết rằng Usfazan không phải chết vì bất kỳ tội lỗi hay lỗi lầm nào trước mặt nhà vua, mà ông chết vì là một Kitô hữu và không chịu từ bỏ Đức Chúa Trời của mình.

Khi lời thỉnh cầu này được chuyển đến vua Sapor, ông đã đồng ý thực hiện, vì hy vọng sẽ gieo rắc nỗi sợ hãi lớn lao cho tất cả các Kitô hữu, nếu họ nghe tin rằng ngay cả vị trưởng lão Usfazan – một người trung thực và hiền lành, người thầy dạy của nhà vua – cũng không được nhà vua tha thứ, mà vì tuyên xưng danh Chúa Kitô, ông đã bị xử tử một cách tàn nhẫn. Còn Thánh Usfazan lại suy nghĩ khác: ngài cho rằng những Kitô hữu mà ngài đã khiến họ sợ hãi và đau buồn vì sự phản bội Kitô giáo của mình, khi biết về sự hoán cải và cái chết tử đạo của ngài vì Chúa Kitô, sẽ vui mừng và được củng cố để kiên cường chịu đựng những đau khổ tương tự.

Như vậy, vị thánh tử đạo đã bị chém đầu, trong tiếng hô vang dội của người thông báo rằng Usfazan bị hành quyết không phải vì tội lỗi nào khác, ngoài việc ngài tuyên xưng Chúa Kitô.

Thánh Giám mục Simeon, lúc đó đang bị giam trong ngục cùng các linh mục và các Kitô hữu khác, đã biết tin về cái chết của Usfazan. Họ tràn ngập niềm vui khôn tả và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã dẫn dắt Usfazan thoát khỏi sự lầm lạc và ban cho ngài vương miện tử đạo.

Một thời gian sau, khi được triệu tập lần thứ hai đến trước mặt vua, Thánh Simeon đã can đảm nói nhiều trước mặt vua về đức tin Kitô giáo và từ chối thờ lạy mặt trời, cũng như cúi đầu trước vua.

Lúc đó, vì tức giận, nhà vua ra lệnh dẫn tất cả các Kitô hữu đang bị giam cầm trong ngục tối và bị xiềng xích ra để hành quyết vào ngày Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, chịu khổ nạn. Tổng số người bị dẫn ra hành quyết là một trăm người, trong đó có nhiều linh mục, phó tế và giáo sĩ. Tất cả họ đều bị nhà vua kết án chém đầu bằng gươm trước mặt Thánh Simeon, và sau khi tất cả đã bị hành quyết, Thánh Simeon cũng sẽ bị xử tử. Khi những Kitô hữu bị trói đang bị dẫn đi chịu chết, vị trưởng lão nhất trong số các nhà chiêm tinh đã lớn tiếng kêu lên: "Nếu ai trong các ngươi muốn được sống, thì hãy cùng với vua thờ lạy mặt trời, và ngay lập tức sẽ được trả tự do."

Nhưng không một Kitô hữu nào đáp lại lời kêu gọi của ông – không ai trả lời ông, vì không ai muốn chọn cuộc sống tạm bợ thay vì cuộc sống vĩnh cửu, mà mỗi người đều muốn vui vẻ chết vì Đức Kitô, Đấng Ban Sự Sống. Còn vị giám mục thánh thiện thì khích lệ mọi người can đảm chịu đựng sự tra tấn và cái chết, dạy dỗ mọi người bằng Lời Thánh Kinh và củng cố lòng tin của họ để chịu đựng đau khổ nhờ niềm hy vọng vào cuộc sống vĩnh cửu trong Nước Trời. Và tất cả họ đều bị chém đầu bằng gươm. Sau đó, Thánh Simeon, vị mục tử của đoàn chiên tinh thần, người đã dẫn dắt đoàn chiên của mình đến với Chúa Kitô, Đấng Chăn Chiên Tối Cao, cũng đã đặt đầu mình dưới lưỡi gươm sau cùng và ra đi về với Chúa[3044] . Cùng với ngài, hai vị linh mục đi cùng ngài là Avdelai và Anania, cả hai đều đã cao tuổi, cũng bị giết chết.

Khi đến lượt Anania phải cúi đầu dưới lưỡi gươm, ông bắt đầu sợ hãi và run rẩy vì kinh hoàng. Một người quý tộc tên là Fusik, người đứng gần ông, từng là người đứng đầu tất cả các quan chức cấp thấp trong cung điện, người đã bí mật theo đạo Kitô, khi thấy linh mục Anania sợ hãi trước việc bị chém bằng gươm, đã kêu lên, quay sang nói với ông:

[3043] Cubicularius (từ tiếng Latinh Cubiculum – phòng ngủ) – người trông coi phòng ngủ hoàng gia.

[3044] Thánh Simeon và các vị tử đạo khác đã qua đời vào năm 343 hoặc 344.

– Đừng sợ, thưa cụ! Hãy nhắm mắt lại và hãy vững lòng, vì ngay lập tức cụ sẽ được chiêm ngưỡng ánh sáng Thần thánh.

Vừa dứt lời, người đàn ông này lập tức bị nhận ra là một Kitô hữu; ông bị bắt và dẫn đến trước mặt vua. Ông đã can đảm xưng mình là Kitô hữu trước mặt vua và từ bỏ đức tin tà ác của người Ba Tư.

Nghe những lời đó, nhà vua nổi cơn thịnh nộ dữ dội và ra lệnh giết ông, nhưng không phải bằng cách chém bằng gươm, mà bằng một hình thức tra tấn đau đớn khác. Họ rạch cổ ông từ phía sau, lôi lưỡi ông ra và cắt đứt, sau đó lột da toàn thân vị thánh; vị thánh đã bị hành hình trong những cực hình như vậy.

Cùng lúc đó, những kẻ tra tấn đã bắt giữ cả con gái ngài, một thiếu nữ tên là Askitreyu, và sau khi tra tấn dã man, họ cũng đã giết chết cô. Trong sự kiện này, nhiều vị chứng nhân đức tin vào Chúa Giêsu khác cũng đã bị giết chết. Một năm sau sự kiện đó, cũng vào Thứ Sáu Tuần Thánh, Thánh Azat, một người thiến, là tôi tớ được vua yêu quý nhất, đã bị hành hình cùng với một ngàn vị thánh tử đạo khác. Giáo Hội Thánh tính toán số người bị hành hình vì Chúa Kitô trong suốt thời gian này là một nghìn một trăm năm mươi người. Các nhà sử học Giáo Hội là Sozomen[3045] và Nikiforos Kallistos[3046] trong các tác phẩm của mình kể lại rằng vào thời điểm đó, vô số Kitô hữu đã bị hành hình, ngay vào chính ngày Chúa Kitô chịu khổ nạn và vào ngày Lễ Phục Sinh. Bởi vì ngay khi sắc lệnh của vị vua vô đạo Sapor – ra lệnh giết hết tất cả các Kitô hữu trong vương quốc của ông – được ban hành, các tín hữu nam nữ, già trẻ, lập tức vội vã rời khỏi nhà mình và không sợ hãi mà tự nguyện hiến dâng mạng sống, vui mừng chết vì Chúa của mình.

Khi thánh Azat, người hoạn quan, bị hành quyết, vị vua đã vô cùng thương tiếc ngài, vì ngài rất yêu mến thánh nhân, và vì thế đã ra lệnh chấm dứt các vụ giết chóc; chỉ ra lệnh cho các pháp sư của mình truy lùng và tra tấn các thầy dạy và người hướng dẫn Kitô giáo, các giám mục và linh mục, còn các Kitô hữu còn lại thì được lệnh tha mạng. Còn chúng ta, khi tưởng nhớ các thánh tử đạo, chúng ta ngợi khen Đấng Khởi Xướng Công Đức và Đấng Ban Vương Miện là Đức Kitô, Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, Đấng được tôn vinh muôn đời cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Amen.

Cuộc đời thánh thiện của cha chúng ta Akakios, Giám mục Melitene

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 4

Thánh Akakios, vị thánh được Chúa yêu mến, sinh ra tại thành phố Melitene của Armenia[3047] và xuất thân từ một gia đình có cha mẹ đạo đức và kính sợ Chúa; vì không có con cái, họ đã cầu nguyện và ăn chay để xin Chúa ban cho họ đứa con đầy ân sủng này. Sau khi nuôi dạy con trai theo giáo lý Kinh Thánh, cha mẹ đã đưa cậu đến gặp Giám mục của thành phố đó và giao phó cậu cho việc phụng sự Chúa, vì họ đã hứa như vậy khi cầu xin Chúa ban cho họ một đứa con.

Vị giám mục của thành phố Melitina lúc bấy giờ là Thánh Otriy. Chính là vị Otriy ấy, người đã trở thành một trong những người bảo vệ đức tin kiên định nhất trong số 150 vị thánh phụ tại Công đồng Đại kết lần thứ hai, được triệu tập dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius Đại đế[3048] để chống lại kẻ chống lại đức tin Macedonia[3049] . Cùng với Thánh Grêgôriô Thần học gia[3050] và các nhà bảo vệ khác của Chính Thống giáo, ngài đã kiên quyết bảo vệ đức tin và chống lại các tà thuyết. Chính vị thánh nhân đạo đức này, Thánh Otrius, là người được cha mẹ của cậu thiếu niên thánh thiện Akakios giao phó.

[3045] Nhà sử học Giáo hội Sozomen sống vào thế kỷ V và đảm nhiệm chức vụ luật sư tại Constantinopolis. Ông đã tiếp tục viết cuốn "Lịch sử Giáo hội Kitô giáo" (do nhà sử học Eusebius khởi xướng) từ năm 323 đến năm 439.

[3046] Nikifor Kallistos – nhà sử học Giáo hội thế kỷ XIV, tu sĩ tại Tu viện Hagia Sophia ở Constantinopolis. Tác phẩm "Lịch sử Giáo hội" (gồm 18 quyển) của ông được hoàn thành cho đến khi Hoàng đế Byzantine Phokas qua đời (khoảng năm 611).

[3047] Thành phố Melitene nằm ở phía bắc của Tiểu Armenia.

[3048] Theodosius I Đại đế, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 379 đến năm 395.

[3049] Kẻ dị giáo Macedonia, người từng giữ chức Giám mục Constantinopolis trước khi bị phế truất tại Công đồng, đã giảng dạy một cách bất kính rằng Ngôi Ba trong Thánh Ba Ngôi không ngang hàng với hai Ngôi đầu tiên, đồng thời coi Thánh Thần là tác phẩm của Thiên Chúa Cha. Tà thuyết Macedonia đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ II, diễn ra vào năm 381 tại Constantinopolis.

[3050] Thánh Grêgôriô Thần Học – vị Thánh Cha và Thầy dạy nổi tiếng nhất của Giáo Hội thế kỷ IV, sống từ năm 328 đến năm 390. Ngài đã viết: 243 bức thư, 507 bài thơ (các bài đối thoại dưới dạng thơ) và 45 bài diễn văn, trong đó đặc biệt nổi bật là năm bài luận về thần học, nhằm chống lại tà thuyết Arian. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 25 tháng 1.

Thánh Giám mục Otriy, nhìn thấy ân sủng thiêng liêng nơi cậu thiếu niên, đã đưa cậu vào hàng giáo sĩ của Giáo hội. Akakiy ngày càng trưởng thành, tiến bộ trong các đức tính, nhiệt thành thực hiện các công việc của Giáo hội, hoàn thiện bản thân về đức hạnh và sự thánh thiện, luôn cố gắng mang lại lợi ích cho mọi người. Ngài Euphimius Đại Đạo, khi còn là thiếu niên, cũng đã theo học các môn học từ ngài. Tuy nhiên, Thánh Akaki không chỉ là thầy dạy của trẻ em, mà còn là thầy dạy của người lớn, răn dạy mọi người cả bằng lời nói lẫn gương sáng của cuộc đời đạo đức, đặc biệt là khi ngài được phong chức linh mục và có trách nhiệm chăm lo cho sự cứu rỗi của những linh hồn được giao phó cho ngài. Là bình chứa được Thánh Thần chọn lựa, ngài đã được phong chức giám mục vào thời điểm thích hợp, vì ngài hoàn toàn xứng đáng với chức vụ đó. Khi Thánh Otriy, Giám mục Melitene, qua đời và về với Chúa, thì Thánh Akakiy đã được mọi người nhất trí bầu chọn thay thế ngài và được tấn phong lên ngai giám mục, như ngọn nến rực sáng được đặt trong đèn vàng để soi sáng cả vũ trụ (xem: Mt 5:15–16). Vị giám mục này đã làm đẹp lòng Thiên Chúa và thánh thiện đến mức được ban ân sủng làm phép lạ. Chúng ta sẽ kể lại ở đây một cách tóm tắt một số trong vô số phép lạ của ngài.

Một lần nọ, xảy ra một đợt hạn hán nghiêm trọng, dẫn đến nguy cơ nạn đói trầm trọng. Toàn thể dân chúng đều chìm trong nỗi đau khổ tột cùng. Thánh nhân của Chúa Kitô cùng với dân chúng đang đói khát đã đến nhà thờ Thánh Tử đạo vĩ đại Eustathius, nằm ở ngoại ô thành phố, và tại đó, ngài khẩn cầu vị Tử đạo của Chúa cùng họ cầu nguyện với Chúa và xin Ngài ban mưa để tưới đẫm mảnh đất khô cằn. Sau đó, ngài dựng một bàn tế lễ và ngai thánh tại một nơi cao ráo và thoáng đãng gần nhà thờ, rồi bắt đầu cử hành lễ tế không đổ máu tại đó, vừa khóc lóc vừa cầu xin Chúa. Trong lúc đó, vị thánh nhân không pha loãng rượu trong chén thánh bằng nước như thường lệ, mà hướng tâm hồn về Thiên Chúa, thành kính cầu nguyện để chính Thiên Chúa ban nước từ trên cao xuống, dùng nước mưa ấy pha loãng rượu trong chén, đồng thời tưới đẫm cả vùng đất khô cằn. Và lời cầu nguyện của vị thánh ấy mạnh mẽ và hiệu quả đến nỗi ngay lập tức một cơn mưa lớn trút xuống, không chỉ làm loãng rượu trong chén mà còn tưới đẫm đủ cho đất đai. Nỗi buồn của tất cả những người có mặt tại đó đã biến thành niềm vui, và mọi người đều ngợi khen và tạ ơn Đức Chúa Trời. Năm đó, nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh nhân Akakiy, mùa màng bội thu.

Cũng tại vùng đất ấy có một con sông nước dồi dào, thường xuyên tràn bờ và ngập lụt các làng mạc lân cận. Một lần nọ, con sông này tràn bờ một cách bất thường đến nỗi ngay cả những tòa nhà lớn nằm gần đó cũng bị ngập chìm hoàn toàn, và một số thậm chí còn bị sụp đổ; nước dâng cao từng giờ, con sông này đe dọa sẽ nhấn chìm vô số ngôi nhà xung quanh. Lúc đó, Thánh Akakios của Chúa Kitô, thấy người dân đang phải chịu đựng rất nhiều vì trận lụt này, đã đến bên bờ sông, dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, rồi đặt một tảng đá gần bờ sông, đồng thời ra lệnh cho dòng sông không được vượt qua giới hạn mà ngài đã đặt ra. Ngay lập tức, nước đã trở về trong bờ; mặc dù mực nước đã dâng lên đáng kể, nhưng do lòng sông đã thu hẹp lại, dòng sông này không tràn ra khỏi bờ vượt quá tảng đá đó, mà như một chướng ngại vật, vị thánh đã dùng để giữ dòng sông trong bờ của nó.

Cách thành phố nói trên mười tám stade[3051] có một địa điểm thuộc về người Hy Lạp, được gọi là Miásina – một nơi rất đẹp và bằng phẳng. Giữa vùng đất này trải dài một đồng bằng rộng lớn, qua đó một con sông chảy xiết và trong vắt, mang tên Azor hay Azur, chảy về hướng đông; con sông này chảy qua một số hồ. Tại vị trí đẹp nhất và cao nhất ở đó có một đền thờ thần tượng, được bao quanh bởi một khu vườn cây ăn quả, được tưới tiêu bằng nước từ một trong những hồ của sông Azur. Nơi này đã bị ô uế bởi những điều ghê tởm của ma quỷ, vì ở đây người Hy Lạp thường tụ tập để thờ lạy các thần tượng và dâng những lễ vật bất chính lên các vị thần của họ.

Thánh Akakios, vì lòng nhiệt thành với Chúa Kitô, đã muốn thanh tẩy nơi này và thánh hiến nó để tôn vinh Thiên Chúa Chân Thật tại đó. Để thực hiện việc này, ngài đã phải vất vả rất nhiều, bởi các thầy tế ngoại giáo đã phản đối kịch liệt ý định của ngài, không chịu nhượng lại nơi dâng lễ vật cho thần tượng của họ. Và khi vị thánh bắt đầu xây dựng một nhà thờ tại đó, nhân danh Đức Mẹ Thiên Chúa, thì những kẻ ác đó đã tìm mọi cách cản trở ngài: những gì các tín hữu xây dựng được trong ngày, thì ban đêm lại bị những kẻ thờ thần tượng vô đạo phá hủy. Nhưng Thánh Akakios, người được Chúa Kitô yêu mến, đã dùng lời cầu nguyện làm vũ khí chống lại họ và chiến thắng những kẻ thù của mình. Với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, ngài đã phá hủy đền thờ tà thần và xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Đức Mẹ Thiên Chúa. Sau khi làm phép nhà thờ này, ngài đã biến nơi từng là nơi cư ngụ của ma quỷ thành nơi ngự trị của các Thiên Thần thánh thiện, và thành lập một tu viện bên cạnh nhà thờ Đức Mẹ Thiên Chúa để các tu sĩ đức hạnh sinh sống. Như vậy, nơi trước đây từng diễn ra những lễ tế đẫm máu và vô đạo dành cho

[3051] "Stadia" – đơn vị đo chiều dài, tương đương khoảng 88 "sazhen" của chúng ta.

ma quỷ, nay đã trở thành nơi dâng lên Thiên Chúa Chân Thật những lễ tế thanh tịnh không đổ máu, cùng những lời ngợi khen và cầu nguyện hàng ngày. Nhờ ân sủng của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Akakios, những phép lạ đã xảy ra tại nơi này; khi chứng kiến những điều đó, người Hy Lạp đã từ bỏ sự vô đạo của mình và quay về với đức tin vào Đức Kitô, Thiên Chúa. Hãy cùng nhớ lại một trong những phép lạ vinh quang từng xảy ra tại đó.

Có lần, những người thợ xây dựng nhà thờ nói trên, do sự cẩu thả của mình, đã xây vòm nhà thờ không chắc chắn; và khi Thánh Akakios của Chúa Kitô đang cử hành Thánh lễ tại bàn thờ, vòm nhà thờ đó nghiêng vào trong nhà thờ và sắp sửa sụp đổ xuống đó. Thấy vậy, tất cả những người có mặt trong nhà thờ đều hoảng loạn và bắt đầu chạy ra khỏi nhà thờ; còn vị thánh thì kêu lên:

– Chúa là pháo đài của đời tôi: tôi còn sợ ai nữa? (Thánh vịnh 26:1).

Và ngay lập tức, sự sụp đổ của vòm nhà thờ đã được ngăn chặn lại, và nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, nó dường như lơ lửng giữa không trung, được nâng đỡ bởi lời cầu nguyện của ngài như một nền tảng vững chắc. Tình trạng đó kéo dài cho đến khi vị thánh hoàn tất toàn bộ thánh lễ và cùng các linh mục của mình bước ra khỏi nhà thờ. Ngay khi ngài vừa bước ra khỏi đó, mái vòm đã sụp đổ xuống đất với tiếng ầm ầm lớn, nhưng không gây thương tích cho ai cả.

Một lần nọ, tại một nhà thờ khác, ở làng Samuria, vị mục tử nhân từ của đàn chiên tinh thần ấy đang ban phát thức ăn thiêng liêng cho đoàn chiên của mình bằng cách rao giảng Lời Chúa. Trong lúc ngài đang trò chuyện với dân chúng, vô số con chim én có mặt tại đó đã dùng tiếng kêu ồn ào của mình át đi giọng nói của vị thánh và cản trở dân chúng nghe lời ngài, đến nỗi đôi khi gần như không thể nghe thấy những lời phát ra từ đôi môi thánh thiện của vị giám mục. Lúc đó, ngài tạm dừng một lát giữa bài giảng cho dân chúng, vị thánh quay sang những con chim én và ra lệnh cho tất cả chúng, nhân danh Đấng Tạo Hóa, phải im lặng và ngừng tiếng kêu. Ngay lập tức, những con chim én im bặt, không thể phát ra dù chỉ một âm thanh nào, và bay đi khỏi đó hoàn toàn, bỏ lại tổ của chúng. Từ đó trở đi, những con chim én không còn làm tổ ở đó nữa; và nếu có con nào tình cờ bay đến ngôi đền ấy, nó cũng không thể hót ở đây, mà như một con chim câm, chỉ bay lượn quanh đền một lát rồi bay đi, như thể bị ai đó đuổi đi vậy.

Gần thành phố, Thánh Akakios có một ngôi nhà, nơi ngài đã sống từ trước khi được tấn phong làm giám mục. Khi ngài lên ngôi giám mục, ngài đã biến ngôi nhà của mình thành bệnh viện và nơi trú ẩn cho những người nghèo khổ và khốn cùng. Thánh nhân thường xuyên đến thăm bệnh viện của mình, mang đến cho bệnh nhân những thứ cần thiết và tự tay chăm sóc họ. Một lần, khi đến thăm các bệnh nhân vào mùa gặt, ngài hỏi họ xem họ có hài lòng với mọi thứ không và có thiếu thốn gì không. Họ trả lời rằng họ có đủ mọi thứ dồi dào, và chỉ có một điều làm họ khổ sở, đó là vô số con ruồi, chúng gây ra cho họ những đau đớn lớn khi đậu lên các vết loét và vảy của họ, rồi cắn đau đớn vào cơ thể họ. Vị thánh lập tức cầu nguyện với Chúa, xua đuổi lũ ruồi khỏi đó bằng lời cầu nguyện và ra lệnh cho chúng không bao giờ được quay lại nơi đó nữa. Và điều đó đã diễn ra cho đến khi vị thánh nhân của Chúa qua đời: kể từ thời điểm đó, trong ngôi nhà ấy không còn thấy một con ruồi nào nữa. Đó chính là phép lạ mà vị thánh nhân vĩ đại này đã thực hiện nhờ ân sủng của Chúa.

Cũng theo cách tương tự, ngài đã ra lệnh cho những con ếch, vốn kêu ầm ĩ trong hồ và làm phiền tai những người bệnh, phải im lặng. Một thời gian ngắn sau, ngài đã thương xót những con ếch và lại cho phép chúng phá vỡ sự im lặng, nhưng không hoàn toàn. Bởi vì ngài chỉ cho phép chúng kêu lên một cách nhẹ nhàng, chứ không ồn ào như trước đây. Tại một nơi khô cằn, vị thánh đã làm cho một dòng suối nước lạnh tuôn trào từ tảng đá khô cằn và cho những người khát được uống; vị thánh làm phép lạ vĩ đại này đã khiến thế gian kinh ngạc bằng nhiều phép lạ kỳ diệu khác.

Thánh Akaki đã tham dự Công đồng Đại kết lần thứ ba, diễn ra tại thành phố Ê-phê-sô dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius II[3052] . Tại đó, cùng với Thánh Cyril, Tổng Giám mục Alexandria, và các vị Thánh Cha khác, Akakios đã phế truất Nestorius, Tổng Giám mục Constantinopolis[3053] , kẻ phỉ báng Đức Trinh Nữ Maria, và

[3052] Theodosius II Trẻ, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 408 đến năm 450. Công đồng Đại kết lần thứ ba được triệu tập dưới triều đại của ngài vào năm 431.

[3053] Nestorius đã dạy một cách sai lầm về sự kết hợp trong Đức Giêsu Kitô của hai bản tính – thần tính và nhân tính. Ông cho rằng Đức Giêsu Kitô được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria như một con người bình thường, tức là chỉ có một bản tính nhân loại; còn bản tính thần thánh thì dường như chỉ nhập vào Ngài sau đó và thỉnh thoảng lại rời bỏ Ngài.

tuyên bố ông ta bị vạ tuyệt thông. Thánh Akakios được tất cả các vị Thánh Cha yêu mến và ca ngợi, đồng thời nhận được sự kính trọng từ chính hoàng đế.

Sau khi cai quản Giáo hội của Chúa Kitô một cách khôn ngoan trong một thời gian dài và thực hiện vô số phép lạ, Thánh Akakios đã an lành về với Chúa. Thi hài của ngài được an táng bên cạnh thi hài của Thánh Tử đạo Polyeuctus. Cùng với ngài, thánh Akakios hiện đang đứng trước mặt Chúa và cùng với các thánh khác, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng được muôn loài ca ngợi muôn đời. Amen.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Adrian

Ngày kỷ niệm: 17 tháng 4

Thánh Tử đạo Adrian của Chúa Kitô là một trong những Kitô hữu đã bị bắt giữ và giam cầm trong các ngục tối khác nhau từ rất lâu trước khi phiên tòa xét xử họ diễn ra. Ngài bị dẫn ra khỏi ngục vào thời điểm người ta đang dâng lễ vật cho các thần ngoại đạo và khi tất cả những người ngoại đạo sùng bái các thần tượng đều tham gia vào nghi lễ dâng lễ[3054] . Thánh Tử đạo cũng bị ép phải bước đến bàn thờ và đặt tay lên đó, nhưng ngài không những từ chối làm điều đó, mà còn dũng cảm và can đảm bước đến bàn thờ, phá hủy nó, lật đổ các vật hiến tế đang nằm trên đó và dập tắt ngọn lửa. Với hành động đó, ngài đã khơi dậy cơn thịnh nộ của quan tổng trấn, còn những kẻ thờ thần tượng có mặt tại đó thì nổi giận đến mức xông vào bắt thánh nhân và đánh đập ngài không thương tiếc. Có người đánh ngài bằng gậy, có người bằng thanh sắt, còn một số khác thì nhặt đá đánh rụng răng ngài; cuối cùng, họ nung đỏ một lò lửa khổng lồ và ném vị thánh tử đạo vào đó. Những kẻ hành hạ đã thiêu rụi thân xác ngài; còn linh hồn ngài thì đã lên trời về với Thiên Chúa[3055] .

Cuộc đời của vị thánh cha Zosima, vị tu viện trưởng Solovetsky

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 4

Một năm sau khi Thánh Savvati qua đời, Chúa đã ban ân sủng để tôn vinh nơi mà vị thánh này đã tu hành trên đảo Solovetsky bằng cách xây dựng tại đây một tu viện vĩ đại và lừng lẫy. Chúa đã chọn một người có những công đức tương tự như Thánh Savvati để thực hiện công việc này – đó là Thánh Zosima, người mà chúng ta sẽ nói đến trong bài viết này.

Thánh Zosima xuất thân từ vùng Novgorod; quê hương của ngài là làng Tolvuya, nằm bên bờ hồ Onega. Cha mẹ ngài, Gavriil và Varvara, những người sống một cuộc đời nghiêm khắc và đạo đức, đã nuôi dạy cậu bé từ thuở nhỏ theo các đức tính Kitô giáo, đồng thời dạy cho ngài biết đọc biết viết. Cậu bé Zosima có tính cách hiền lành, lòng khiêm nhường và tránh xa mọi thói quen xấu của tuổi trẻ. Khi trưởng thành cả về thể xác lẫn tinh thần, Zosima đã nghiên cứu kỹ lưỡng các sách thánh, từ đó nhận ra sự phong phú của lòng nhân từ của Thiên Chúa.

Với mong muốn giữ gìn sự trong sạch về tâm hồn và thể xác, cậu thiếu niên khiết tịnh này đã quyết định không kết hôn; mặc dù cậu không coi đó là điều xấu xa bản thân nó, nhưng cậu quyết định tránh nó như một trở ngại cho việc phụng sự Chúa, theo lời của vị Tông đồ, người đã nói: *"Người chưa kết hôn lo lắng về những việc của Chúa, làm sao để làm đẹp lòng Chúa; còn người đã kết hôn lo lắng về những việc trần gian, làm sao để làm đẹp lòng vợ"* (1 Cô-rinh-tô 7:32–33). Vì vậy, để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời duy nhất, ngài quyết định từ bỏ việc chiều theo xác thịt của mình. Khi cha mẹ ngài bắt đầu thuyết phục ngài kết hôn, vị thánh nhân, vô cùng đau buồn vì điều này, đã rời khỏi nhà cha mẹ, từ bỏ thế gian và, sau khi nhận lấy đời sống tu sĩ, ngài định cư tại một nơi hẻo lánh, không xa nhà cha mẹ, như một ẩn sĩ, nơi ngài bắt đầu tu hành trong cầu nguyện và ăn chay.

Vị thánh nhân mong muốn có một vị thầy hướng dẫn cho mình, vì bản thân ngài vẫn chưa nghiên cứu đủ sâu về Kinh Thánh và chưa được dạy dỗ về lối sống tu hành nghiêm ngặt; do đó, ngài cần một vị thầy tài giỏi, người sẽ chỉ cho ngài bằng chính hành động những điều mà một thanh niên khao khát đức hạnh cần phải học hỏi. Ngoài

---

[3054] Có lẽ vào thời điểm vị thánh tử đạo được dẫn ra khỏi ngục tối, đang diễn ra một lễ hội ngoại giáo nào đó và người dân đang dâng lễ vật cho các vị thần ngoại giáo.

[3055] Theo lịch thánh của Thánh Basil, Thánh Tử đạo Adrian đã chịu tử đạo cùng thời với Leonid và Irina, ngày kỷ niệm của hai vị này được cử hành vào ngày 16 tháng 4

ra, vị tu sĩ còn lo ngại rằng những người thân trong gia đình, những người đang ở gần ngài, có thể gây cản trở cho những nỗ lực tu hành của ngài. Vì vậy, ngài quyết định rời khỏi đây để đến một nơi vắng vẻ hơn, nơi ngài có thể toàn tâm toàn ý dâng hiến cho đời sống tu hành nghiêm ngặt, nhất là khi trong , ngọn lửa tình yêu Thiên Chúa ngày càng bùng cháy mãnh liệt trong lòng ngài và thúc đẩy ngài hoàn thiện hơn nữa trong các đức hạnh.

Nhưng ban đầu, vị thánh không biết nên lập tu viện ở đâu và như thế nào, nên ngài đã thành tâm cầu nguyện xin Chúa chỉ cho ngài một nơi để lập tu viện, cũng như ban cho ngài mọi phương tiện để thực hiện ý định của mình.

Theo sự an bài của Đức Chúa Trời, Thánh Zosima đã gặp một tu sĩ đức hạnh tên là German, người trước đây từng sống cùng Thánh Savvati trên đảo Solovetsky. Vị tu sĩ này đã kể lại cho Thánh Zosima nghe về cuộc đời và những việc làm cao cả của Thánh Savvatiy, đồng thời cho biết rằng đảo Solovetsky nằm xa các làng mạc thế tục và rất thích hợp để các tu sĩ định cư, vì nơi đây có rất nhiều rừng và hồ đầy cá.

Nghe tin này, Thánh Zosima vô cùng hân hoan trong lòng và mong muốn trở thành cư dân của hòn đảo đó cũng như người kế vị Thánh Savvatiy; vì vậy, ngài đã nài nỉ Hermann đưa ngài đến hòn đảo hoang vắng ấy và dạy ngài cách sống đời tu sĩ tại đó.

Khoảng thời gian đó, cha mẹ của Thánh Zosima đã qua đời. Sau khi an táng thi thể của họ và phân phát tài sản cho người nghèo, Thánh Zosima cùng với Herman lên đường đến đảo Solovetsky. Nhờ ơn Chúa, họ đã đến đảo an toàn và cập bến tại nơi mà các thủy thủ thường dừng chân; nơi đây không có sóng gió và nước ngọt. Không xa bờ biển, các thánh đã dựng lều[3056] và trong đó, họ cử hành lễ thức suốt đêm, hát các thánh vịnh của Đa-vít và cầu nguyện với Đức Kitô Thiên Chúa và Đức Mẹ Rất Thánh xin ban cho họ sự trợ giúp và phước lành từ trên cao để định cư trên hòn đảo hoang vắng đó.

Sáng hôm sau, Thánh Zosima bước ra khỏi lều, thấy một tia sáng rực rỡ chiếu rọi lên ngài và cả khu vực đó; khi ngước mắt về phía đông, ngài thấy trên những đám mây một nhà thờ vĩ đại và tuyệt đẹp; vì vị thánh chưa quen với những sự mặc khải của Thiên Chúa như vậy, nên ngài không thể nhìn nhà thờ đó lâu được, và ngay lập tức chạy vào lều. Hermann, thấy khuôn mặt ngài bối rối, nghĩ rằng ngài đã nhìn thấy điều gì đó đặc biệt, liền hỏi: "Tại sao khuôn mặt ngài lại thay đổi như vậy, thưa ngài thân mến? Ngài sợ điều gì? Phải chăng ngài đã nhìn thấy điều gì mới mẻ và khác thường?"

Đáp lại những lời của Herman, Zosima kể cho anh ta nghe về việc mình đã nhìn thấy một tia sáng từ trên cao chiếu xuống và soi rọi nơi đó, cũng như ngôi nhà thờ đang lơ lửng trên những đám mây. Suy ngẫm về thị kiến này, Herman nhớ lại việc các giáo dân bị đuổi khỏi hòn đảo này (điều đã xảy ra dưới thời Bề trên Savvatiy) và lời tiên tri của Savvatiy về việc thành lập một tu viện trên đảo, rồi nói với Zosima:

– Đừng lo sợ, hỡi người thân yêu, nhưng hãy chú tâm vào chính mình, vì tôi nghĩ rằng Chúa muốn ngài tập hợp nhiều tu sĩ tại đây.

Sau đó, German kể cho anh ta nghe về sự việc đã xảy ra với vợ của người đánh cá và người chồng từ bờ biển Korel, những người đã đến hòn đảo này với ý định chiếm giữ nó vì lòng ghen tị – cụ thể là, ông kể lại cách hai chàng trai tóc vàng đã đánh người phụ nữ đó và nói:

– Các người không có chỗ trên hòn đảo này; hãy rời khỏi đây, vì nơi này đã được Đức Chúa Trời dành sẵn để các tu sĩ định cư.

Thánh Zosima, khi nghe những lời này từ Herman, tràn ngập niềm vui thiêng liêng và càng thêm vững tin vào ý định xây dựng một tu viện tại đây.

Sau khi thành kính cầu nguyện với Chúa, xin Ngài ban ơn cho công việc của họ và giúp họ hoàn thành nó, các tu sĩ bắt tay vào công việc: trước hết, họ bắt đầu chặt cây để làm vật liệu xây dựng các phòng tu, sau đó xây dựng các phòng tu và rào quanh khuôn viên, đồng thời tu hành cả về thể xác lẫn tinh thần – cụ thể là: bằng thể xác, họ lao động xây dựng tu viện; còn bằng tinh thần, họ chiến đấu chống lại ma quỷ với vũ khí là sự kiêng khem và cầu nguyện. Các vị tu sĩ tự kiếm thức ăn bằng mồ hôi công sức của mình, bằng cách canh tác đất đai và gieo hạt giống. Còn Đức Chúa Trời thì củng cố các tôi tớ của Ngài, từ trên cao nhìn xuống họ với lòng thương xót và giúp đỡ mọi công việc của họ.

Một thời gian sau, Thánh German lên đường sang bên kia biển[3057] để mua sắm nhu yếu phẩm; sau khi ở lại đó vài ngày, ngài đã muốn quay về, nhưng không thể làm được điều đó, vì mùa thu đã đến, không khí trở nên lạnh

---

[3056] Lần đầu tiên, Thánh Zosima đến đảo Solovetsky vào năm 1429. Thánh Zosima cùng với Herman đã cập bến gần núi Sekirnaya, cách vị trí tu viện hiện nay mười verst, nơi họ đã dựng lên một cây thánh giá bằng gỗ.

giá, tuyết bắt đầu rơi, bão tố nổi lên, biển động dữ dội và đầy băng; do đó, không thể dùng thuyền để quay trở lại đảo Solovetsky được nữa. Vì vậy, Thánh German đã ở lại bờ bên kia suốt mùa đông, còn Thánh Zosima thì ở lại một mình trên đảo.

Ban đầu, vị thánh nhân, vì sống cô độc, đã vô cùng thương tiếc vị trưởng lão German, nhưng sau đó ngài đã đặt trọn niềm tin vào Thiên Chúa, cùng với vua Đa-vít thốt lên: *"Con đã được phó thác cho Ngài từ khi còn trong lòng mẹ; từ khi còn trong bụng mẹ, Ngài là Thiên Chúa của con. Xin đừng xa lìa con"* (Thánh vịnh 21:11–12). Và còn nữa: *"Con đã nương tựa vào Ngài từ khi còn trong lòng mẹ; chính Ngài đã đưa con ra khỏi lòng mẹ"* (Thánh Vịnh 70:6). Vị thánh bắt đầu tu hành siêng năng hơn nữa, chồng chất công việc này lên công việc kia, không ngừng dấn thân vào những việc khổ hạnh của chay tịnh và cầu nguyện. Còn các quỷ dữ, vì không thể chịu đựng được cuộc sống thánh thiện của vị tu sĩ do lòng ghen ghét và đố kỵ của chúng, đã tấn công ngài; lúc thì gieo rắc sự chán nản, lúc thì dọa nạt ngài bằng đủ loại ảo ảnh và những tiếng thét điên cuồng, nhằm hù dọa vị chiến binh dũng cảm của Đấng Christ và làm lung lay người không thể lay chuyển; còn có lúc, chúng hóa thân thành những con thú hoang dã và rắn rết, lao vào ông với cơn thịnh nộ, như thể định xé xác ông ra. Còn người tôi tớ của Chúa thì chống lại chúng bằng dấu thánh giá và lời cầu nguyện, đồng thời chế nhạo chúng và nói:

– Hỡi sức mạnh hèn mọn của kẻ thù! Nếu các ngươi có quyền năng từ Đức Chúa Trời, thì hãy làm với ta bất cứ điều gì các ngươi muốn; còn nếu không có, thì các ngươi đang vất vả vô ích thôi – và ngài ngâm câu trong Thi thiên của Đa-vít: *"Chúng vây hãm ta, bao vây ta; nhưng nhờ danh Đức Giê-hô-va, ta đã đánh bại chúng"* (Thánh vịnh 117:11); và còn nữa: *"Xin Đức Chúa Trời hãy trỗi dậy, và kẻ thù của Ngài sẽ tan rã"* (Thánh vịnh 67:2).

Sau đó, vị thánh dâng lên Đức Chúa Trời lời cầu nguyện tha thiết, trong sự xúc động của lòng mình, ngài kêu lên:

– Lạy Đức Chúa Trời vĩnh cửu, Vua không có khởi đầu, Đấng Tạo Hóa và Chủ Tể của muôn loài! Ngài là Vua của các vua và Chúa của các chúa; Ngài là Đấng Cứu Rỗi các linh hồn và Đấng Giải Cứu những ai tin cậy Ngài; Ngài là niềm hy vọng của những người lao nhọc và niềm tin cậy của những ai lênh đênh trên biển; Ngài là Đấng Dẫn Dắt các tôi tớ của Ngài; Ngài là Đấng Bảo Trợ mọi điều thiện lành, Đấng An Ủi những ai khóc than, niềm vui của các thánh; Ngài là sự sống vĩnh cửu và ánh sáng không bao giờ tắt; Ngài là nguồn thánh thiện; Ngài là vinh quang của Thiên Chúa Cha, là sự trọn vẹn của Thánh Thần; Ngài ngự cùng Cha và cai trị muôn đời. Con, tôi tớ của Ngài, khiêm nhường quỳ lạy trước Ngài, xin Ngài: hãy nghe lời khẩn cầu của con, Vua Thánh Khiết, Chúa Tốt Lành Nhất, và xin đừng quay mặt Ngài khỏi lời cầu nguyện của con, nhưng xin cứu con khỏi miệng con rắn độc hại, đang chuẩn bị nuốt chửng con, xin giữ con được an toàn khỏi những lời vu khống của ma quỷ, để con, được các Thiên thần thánh của Ngài che chở và bảo vệ, thoát khỏi cơn thịnh nộ của nó và nhận được ơn cứu rỗi nơi Ngài, Chúa Tể và Chúa của con, Đấng mà con tin tưởng, Đấng mà con trông cậy và Đấng mà con tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần mãi mãi.

Khi cầu nguyện như vậy, vị thánh nhân đã dũng cảm xua đuổi mọi cuộc tấn công của kẻ thù; trước lời cầu nguyện và dấu thánh giá của ngài, các quỷ dữ chạy trốn như bụi trước gió; còn ngài thì vẫn bình an trước chúng, ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa.

Sau đó, vị thánh còn phải đối mặt với một cám dỗ khác. Trong mùa đông khắc nghiệt đang diễn ra lúc bấy giờ, nguồn lương thực dự trữ thu hoạch từ mùa hè đã cạn kiệt, và vị thánh nhân bắt đầu bối rối trong suy nghĩ, không biết mình sẽ ăn gì cho đến mùa hè (đó là những kẻ thù vô hình của ngài đã gieo rắc nỗi buồn vào tâm hồn ngài, làm ngài hoang mang bởi nỗi sợ hãi về nạn đói sắp ập đến và bóng ma của cái chết sớm). Còn vị thánh nhân, khi suy ngẫm trong lòng, đã nhớ lại những lời do chính Chúa phán trong Phúc Âm thánh của Ngài: *"Đừng lo lắng và đừng nói: 'Chúng ta sẽ ăn gì? Hay uống gì?' Hãy tìm kiếm trước hết Nước Trời và sự công chính của Ngài, thì mọi điều ấy sẽ được ban cho các con: vì Cha các con ở trên trời biết các con cần mọi điều ấy"* (Mt 6:31, 34, 33, 32). Đặt trọn niềm tin vào Đức Chúa Trời, Đấng Quan Phòng, vị thánh nhân an ủi chính mình bằng những lời của tác giả Thi Thiên: *"Hãy phó thác những lo âu của ngươi cho Chúa, và Ngài sẽ nâng đỡ ngươi"* (Thi Thiên 54:23). Bằng cách an ủi chính mình như vậy, vị thánh nhân đã xua đuổi mọi sự chán nản mà kẻ thù của sự cứu rỗi chúng ta gieo rắc vào lòng ngài.

[3057] Đó là vào năm 1435.

Quả thực, Đức Chúa Trời đã không bỏ rơi vị thánh nhân của Ngài, người luôn đặt niềm tin vào Ngài. Ngài đã sai hai người đàn ông đến gặp ông, mang theo một giỏ đựng bánh mì, bột mì và dầu (người dân sống ven biển có thói quen mang theo dự trữ thực phẩm vào mùa đông nếu họ đi sâu vào nội địa). Sau khi dâng giỏ thức ăn cho vị tu sĩ, hai người đàn ông vô danh này nói với ông:

– Xin cha hãy lấy và ăn từ giỏ này, thưa cha đáng kính, bao nhiêu tùy ý; còn chúng con sẽ trở lại gặp cha khi Đức Chúa Trời truyền lệnh.

Nói xong, hai người đàn ông vô danh ấy lập tức biến mất, đến nỗi vị tu sĩ không kịp hỏi họ là ai và đến từ đâu.

Thời gian trôi qua rất lâu, nhưng hai người đàn ông lạ mặt ấy vẫn không đến gặp vị tu sĩ. Lúc đó, vị tu sĩ Zosima mới hiểu rằng đó là sự viếng thăm của Chúa dành cho ngài, và ngài đã từ tận đáy lòng tạ ơn Chúa vì sự quan tâm của Ngài dành cho ngài và món quà bất ngờ từ trên cao.

Khi mùa đông kết thúc, vị tu sĩ già German đến và dẫn theo một người thế tục tên là Mark, nghề nghiệp là ngư dân; đồng thời, German cũng mang theo một lượng thực phẩm đủ dùng, cùng với những chiếc lưới cần thiết để đánh cá.

Một thời gian sau, Mark đã nhận tu viện; sau đó, nhiều người thế tục bắt đầu đến với các vị tu sĩ và dựng nên những căn phòng tu hành cho mình tại đây, tự nuôi sống bằng công việc lao động của chính mình.

Ngay sau đó, Thánh Zosima đã xây dựng một nhà thờ nhỏ mang tên Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, để tưởng nhớ sự Biến Hình vinh quang của Ngài. Nhà thờ này được xây dựng chính tại nơi mà vị thánh đã nhìn thấy Nhà thờ hiện lên trên không trung cùng với tia sáng rực rỡ chiếu rọi xung quanh. Sau đó, vị thánh đã xây thêm một phòng ăn nhỏ bên cạnh nhà thờ và như vậy đã thiết lập đời sống tu hành chung trên hòn đảo.

Sau đó, vị thánh đã cử một tu sĩ trong cộng đoàn đến Novgorod gặp Tổng Giám mục Iona để xin ngài ban phước lành cho việc thánh hiến nhà thờ, cũng như cho vị Bề trên của tu viện mới được thành lập. Tổng Giám mục ngay lập tức gửi lời ban phước lành và vị Bề trên – tu sĩ linh mục Phaolô – đến cho vị thánh. Sau khi nhận được sự ban phước của Tổng Giám mục và vị Trưởng tu viện, Thánh Zosima, Thánh German và toàn thể các tu sĩ đều tràn ngập niềm vui lớn lao. Ngay sau đó, nhà thờ đã được thánh hiến để tôn vinh Thiên Chúa, và như vậy, tu viện Solovetsky danh giá và vinh quang đã chính thức ra đời.

Tuy nhiên, sau một thời gian, vị tu viện trưởng Pavl, do không thể chịu đựng được những gian khổ của đời sống ẩn tu, đã rời tu viện và trở về Novgorod. Người kế nhiệm ông là vị tu viện trưởng Theodosius, nhưng sau một thời gian, ông cũng rời bỏ tu viện. Lúc đó, các tu sĩ đã thống nhất với nhau rằng sẽ không chọn tu viện trưởng từ các tu viện khác, mà sẽ bầu chọn tu viện trưởng từ chính nội bộ của mình. Trong bối cảnh đó, các tu sĩ đã quyết định bầu chọn vị tu sĩ Zosima làm tu viện trưởng.

Trong khi đó, một số thành viên trong cộng đoàn đã lên đường đến Novgorod và thỉnh cầu Tổng Giám mục Novgorod triệu tập vị Bề trên mà họ đã bầu chọn đến gặp ngài, đồng thời phong chức cho ngài vào hàng giáo phẩm thiêng liêng này, ngay cả khi ngài không muốn nhận lấy trách nhiệm vinh dự này.

Đức Tổng Giám mục, thực hiện mong muốn của các tu sĩ, đã gửi thư mời vị tu sĩ đáng kính đến gặp ngài; sau đó, khi Zosima đến gặp ngài, ngài đã thuyết phục ông nhận chức vụ tu viện trưởng, rồi sau khi nói lời chúc phúc, ngài đã tiễn ông ra về trong vinh dự.

Khi vị thánh rời Novgorod để trở về tu viện của mình, nhiều cư dân Novgorod đã cung cấp cho ngài mọi thứ cần thiết cho cuộc sống cộng đồng trong tu viện: đồ dùng, quần áo, tiền bạc và thực phẩm. Khi trở về tu viện với chức vụ Bề trên, vị thánh đã được các tu sĩ đón tiếp với niềm vui lớn lao.

Trong lúc vị tu sĩ cử hành Thánh lễ đầu tiên tại tu viện, một phép lạ đã xảy ra trước mắt mọi người: khuôn mặt của ngài bừng sáng bởi ân sủng của Thánh Thần và trở nên rạng rỡ như khuôn mặt của một Thiên thần; đồng thời, nhà thờ cũng tràn ngập hương thơm. Điều này dường như là bằng chứng cho thấy vị tu sĩ đã xứng đáng nhận lãnh chức vụ linh mục và vị trí Bề trên. Và toàn thể cộng đoàn đều hân hoan vì có một vị mục tử như vậy, tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa.

Lúc bấy giờ, có một số thương gia đang có mặt trong nhà thờ đó. Vị thánh đã ban cho họ một miếng bánh thánh từ lễ nghi của ngài; nhưng vì bất cẩn, họ đã làm rơi nó xuống đất. Anh em Makari, khi đi ngang qua, đã phát hiện miếng bánh thánh nằm trên mặt đất và thấy một con chó đang đứng gần đó, định ăn miếng bánh nhưng lại bị lửa thiêu đốt. Anh em nhặt miếng bánh lên, mang đến cho vị thánh và kể lại tất cả những gì mình đã thấy cho các tu sĩ; họ đều ngạc nhiên trước sự việc này và ngợi khen Đức Chúa Trời.

Thấy số lượng các tu sĩ ngày càng tăng lên đến mức nhà thờ không còn đủ chỗ chứa tất cả những người tụ họp để cầu nguyện, vị thánh đã xây dựng một nhà thờ lớn hơn, đủ sức chứa tất cả mọi người, đồng thời cũng xây thêm nhiều phòng tu mới.

Vài năm sau, vị thánh nhớ đến thánh Savvati, người đã tu hành nhiều năm trên cùng hòn đảo đó, và cảm thấy tiếc nuối vì thi hài của ngài đang an nghỉ ở một nơi khác, bên bờ sông Vyga, nơi ngài đã qua đời, chứ không phải ở nơi mà vị thánh Zosima đã dành nhiều năm cùng các tu sĩ thực hành đời sống ẩn tu, và vì thế ngài đã bàn bạc với các tu sĩ về việc làm thế nào để chuyển di hài cốt của vị thánh Savvatii đến đây. Khi vị tu sĩ đáng kính vẫn đang bàn bạc về việc này với các tu sĩ, thì một bức thư từ Tu viện Đức Mẹ Rất Thánh, ở Hồ Trắng, được một tu sĩ của Tu viện Thánh Cyril mang đến, được viết nhân danh vị tu viện trưởng Cyril và các tu sĩ. Bức thư này có nội dung như sau:

– Ơn sủng và lòng thương xót từ Thiên Chúa Cha và Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, xin ban cho vị mục tử thiêng liêng, người yêu mến Thiên Chúa, vị Bề trên Zosima cùng các tu sĩ, luôn được vui mừng. Chúng tôi đã nghe từ những người từ nơi các vị đến với chúng tôi rằng hòn đảo Solovetsky, vốn chưa từng có người sinh sống kể từ khi mặt trời tỏa sáng trên bầu trời do sự khó khăn trong việc đi biển đến đó, nay đã được các tu sĩ định cư nhờ sự an bài của Đức Chúa Trời và lời cầu bầu của Đức Mẹ Đồng Trinh; chúng tôi nghe nói rằng nhờ sự cần cù của quý vị, trên đảo đã được xây dựng một tu viện để tôn vinh Lễ Biến Hình của Chúa Trời và Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô của chúng ta, nơi đã có nhiều tu sĩ đang tu hành; chúng tôi nghe nói rằng mọi việc ở đó, nhờ lời cầu nguyện của Đức Mẹ Rất Thánh, đều đã được sắp xếp chu toàn; chỉ còn thiếu một điều duy nhất – đó là không có di cốt của Thánh Savvati, người đã tu hành trước các ngài trong nhiều công việc tu hành trên hòn đảo đó và sống một cuộc đời đầy đức hạnh cao cả, giống như các vị tổ phụ tu hành thời xưa; vì yêu mến Chúa Kitô bằng cả tâm hồn, ngài đã từ bỏ thế gian và được hưởng sự ra đi thanh thản trong Chúa. Một số anh em trong tu viện của chúng tôi, khi ở Novgorod, đã nghe kể từ một người đàn ông đạo đức tên là Gioan rằng, khi ông ấy đi thuyền trên biển để buôn bán và đang ở trên sông Vyga, thì đã được hân hạnh gặp Thánh Savvatiy khi ngài còn sống và nghe ngài giảng dạy về đời sống thiêng liêng. Giăng kể rằng khi Thánh Savvati qua đời, thi hài của ngài đã được vị tu viện trưởng Nafanail an táng với những nghi thức trang trọng. Giăng cũng kể cho các tu sĩ nghe về phép lạ xảy ra trên biển, khi Đức Chúa Trời, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Savvatiy, đã cứu ông và anh trai ông là Theodor khỏi bị chìm; Thánh Gioan còn kể lại nhiều điều khác nữa, cũng như việc tại quan tài của vị thánh này đã xảy ra nhiều phép lạ và sự chữa lành khác nhau, bởi vì Thánh Savvati đã làm đẹp lòng Chúa, và chính chúng tôi cũng là những nhân chứng cho cuộc đời đạo đức của ngài, bởi vì vị cha thánh thiện này đã sống cùng chúng tôi một thời gian đủ dài tại tu viện Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội thuộc Tu viện Kirillov. Vì vậy, hôm nay chúng tôi viết thư này gửi đến Đức Thánh Cha và xin khuyên ngài – đừng tự tước đi ân huệ này, mà hãy rước thi hài thánh thiện của Thánh Savvatiy về nơi ngài với lòng tôn kính, để chúng được an táng tại chính nơi mà ngài đã cống hiến nhiều năm lao động. Hãy vui mừng trong Chúa Giêsu Kitô và cầu nguyện cho chúng con, để nhờ lời chuyển cầu của vị thánh đáng kính, Thiên Chúa giải thoát chúng con khỏi mọi tai ương đang bao vây chúng con.

Khi Thánh Zosima, vị Trưởng tu viện Solovetsky, đọc to bức thư này cho toàn thể cộng đoàn, ngài và toàn thể cộng đoàn đều hân hoan trong tinh thần, và tất cả cùng nhau, như thể bằng một giọng nói duy nhất, đã thốt lên:

– Điều này không phải từ loài người, mà là từ chính Đức Chúa Trời!

Và ngay lập tức, sau khi chuẩn bị xong con thuyền để ra khơi, họ lên thuyền sang bờ bên kia, và nhờ gió thuận, họ đã sớm đến nơi. Khi đến ngôi đền được xây dựng bên bờ sông Vyga, các tu sĩ đã đào mộ của Thánh Savvatiy, và ngay lập tức không khí tràn ngập hương thơm. Khi mở quan tài ra, họ thấy rằng xác thánh và y phục của ngài đều không hề bị phân hủy. Ngạc nhiên trước điều đó, các tu sĩ đã ngợi khen Đức Chúa Trời và rước thi hài thiêng liêng lên thuyền trong tiếng hát các bài thánh ca. Sau đó, nhờ cơn gió thuận chiều, các tu sĩ lên đường ra khơi và chẳng bao lâu đã về đến tu viện của mình, vừa vui mừng vừa tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho họ báu vật thiêng liêng này – di cốt của Thánh Savvatiy. Di cốt được an táng phía sau bàn thờ của Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, trong một nhà nguyện được xây dựng riêng biệt[3058] . Và tất cả những người đau ốm, khi đến trước quan tài của vị thánh với lòng tin, đều được chữa lành khỏi các bệnh tật của mình. Thánh Zosima mỗi đêm đều đến mộ của Thánh Savvati và cầu nguyện tại đó một cách sốt sắng, thực hiện vô số lần cúi đầu cho đến tận sáng sớm. Còn thương gia Ioan đã được nhắc đến ở trên, người từng tham gia lo liệu lễ an táng cho Thánh Savvatiy, vì lòng yêu

[3058] Xác thánh của Thánh Savvati đã được chuyển đến đây vào năm 1465.

mến sâu sắc dành cho ngài do đã cứu ông và anh trai ông là Theodor khỏi tai nạn trên biển, đã vẽ một bức tượng Thánh Savvatiy và mang đến tặng cho Bề trên Zosima, đồng thời cúng dường cho tu viện nhiều vật dụng cần thiết cho các tu sĩ. Vị tu viện trưởng Zosima, sau khi nhận bức tượng thiêng liêng của Thánh Savvatiy, đã hôn lên bức tượng và đặt nó trên di cốt của ngài. Sau đó, ngài quay sang bức tượng như thể đang nói chuyện với chính vị thánh, và nói:

– Hỡi tôi tớ của Chúa! Dù ngài đã kết thúc cuộc đời trần thế này, thân xác đã qua đời, nhưng xin linh hồn ngài đừng rời xa chúng con! Xin dẫn dắt chúng con đến với Đức Kitô, Thiên Chúa, dạy dỗ chúng con bước đi trên con đường các điều răn của Chúa và kiên nhẫn vác thập giá của mình theo dấu chân của Đấng Chủ Tể và Chúa của chúng con. Ngài, vị thánh nhân, với lòng can đảm trước Chúa Giêsu Kitô và Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ Maria, xin hãy là người cầu nguyện và cầu thay cho chúng con, những kẻ không xứng đáng, đang cư ngụ trong tu viện thánh thiêng này, nơi mà chính ngài là người sáng lập. Xin hãy là người trợ giúp và người bênh vực chúng con trước mặt Thiên Chúa, để chúng con, khi sống tại nơi này, được bình an khỏi ma quỷ và những kẻ ác nhờ những lời cầu nguyện của ngài, đồng thời tôn vinh Thánh Ba Ngôi – Cha, Con và Thánh Thần.

Thấy tu viện Solovetsky ngày càng thịnh vượng, ngày càng có thêm nhiều người mới đến và được tô điểm bởi những tu sĩ đức hạnh mới, cũng như những công đức của Thánh Zosima, quỷ dữ, kẻ thù của mọi điều thiện, đã bùng lên lòng ghen tị đối với các tu sĩ; nhưng vì không thể tự mình làm hại tu viện – bởi luôn bị Thánh Zosima và các vị tu sĩ dũng cảm khác xua đuổi và làm nhục – nên hắn đã tìm đến sự giúp đỡ của những kẻ ác, khơi dậy trong họ ý định gây hại và xúc phạm tu viện thánh thiện. Dưới sự xúi giục của ma quỷ, nhiều người trong số các tôi tớ của các quý tộc và cư dân vùng Karelia bắt đầu đổ về đảo Solovetsky; họ đi đánh cá trên các hồ, đồng thời cấm các tu sĩ đánh cá để phục vụ nhu cầu của tu viện. Những người này tự xưng là chủ nhân của hòn đảo đó, còn ngài Zosima và các tu sĩ khác thì bị họ lăng mạ bằng những lời lẽ cay độc và gây ra cho họ nhiều rắc rối, hứa hẹn sẽ phá hủy tu viện và đuổi các tu sĩ ra khỏi đây hoàn toàn. Vì vậy, Thánh Zosima buộc phải lên đường đến Novgorod gặp Tổng Giám mục Theophilus để xin ngài giúp đỡ và can thiệp trước những kẻ gây hại. Ông dẫn theo một số đệ tử của mình, cùng họ lên đường đến Novgorod; khi đến gặp vị Tổng Giám mục, ông cúi đầu chào ngài và trình bày lời thỉnh cầu từ tu viện, nơi đang phải chịu khổ vì những kẻ ác. Đức Tổng Giám mục nói với ngài: "Với sự giúp đỡ của Chúa, thưa Cha đáng kính, tôi luôn sẵn sàng giúp đỡ tu viện của ngài bằng mọi cách; nhưng trước hết, ngài cần phải xin sự giúp đỡ từ các quý tộc và quan lại đang cai quản thành phố của chúng ta."

Thánh Zosima đã đến gặp các quý tộc và, khi đi vòng quanh các ngôi nhà của họ, ngài đã khẩn thiết xin họ bảo vệ tu viện và không để những kẻ ác phá hoại nó. Tất cả các quý tộc đang cai quản thành phố đều hứa sẽ giúp đỡ ngài.

Thánh Zosima cũng phải đến nhà một quý bà – một góa phụ tên là Martha, vì những người hầu của bà, cũng như những người dân làng sống trên đất của bà, đã gây khó dễ cho các tu sĩ một cách nghiêm trọng. Khi những người hầu báo cho bà biết rằng vị thánh đã đến, bà ra lệnh đuổi ngài ra khỏi nhà một cách nhục nhã. Người tôi tớ khiêm nhường của Chúa đã kiên nhẫn chịu đựng sự sỉ nhục này và nói với các môn đệ của mình: "Sẽ có ngày những người cư ngụ trong ngôi nhà này sẽ không còn đi lại trong sân nhà mình nữa: cánh cửa ngôi nhà này sẽ đóng lại và không bao giờ mở ra nữa, và ngôi nhà này sẽ trở nên hoang vắng."

Và rồi, lời tiên tri của vị tu sĩ đã trở thành sự thật.

Trong khi đó, tổng giám mục đã triệu tập các quý tộc đến và trình bày với họ về tất cả những sự xúc phạm và rắc rối mà các tôi tớ và cư dân thuộc phe quý tộc đã gây ra cho tu viện của Thánh Zosima. Các quý tộc, sau khi nhất trí quyết định giúp đỡ và hỗ trợ vị thánh, đã trao toàn bộ hòn đảo đó cho ngài sở hữu; quyền sở hữu hòn đảo được các quý tộc xác nhận bằng một văn bản chính thức, kèm theo tám con dấu: con dấu đầu tiên của tổng giám mục, con dấu thứ hai của quan cai trị thành phố, con dấu thứ ba của chỉ huy ngàn quân và năm con dấu còn lại từ năm khu vực của thành phố. Ngoài ra, các quý tộc còn tặng vị tu sĩ tất cả những thứ cần thiết cho tu viện: các đồ dùng thờ cúng, áo lễ, vàng và bạc, cũng như một lượng lớn lương thực, và hứa sẽ tiếp tục giúp đỡ tu viện bằng mọi cách.

Khi nghe kể về tất cả những điều này, cũng như biết được cuộc đời đạo đức của vị tu sĩ Zosima, bà quý tộc Marfa nói trên đã nhận ra rằng mình đã đối xử với một tôi tớ chân chính của Chúa, và sau khi hối hận, bà đã sai người đến gặp vị tu sĩ, mời ngài đến dự tiệc tại nhà mình. Ngay khi vị tu sĩ bước vào nhà bà, bà cùng các con đã nhận lời chúc phúc từ ngài và mời ngài ngồi vào chỗ danh dự. Trong khi tất cả những người được mời đến dự tiệc đều ăn uống thỏa thích và vui vẻ, vị tu sĩ, theo thói quen của mình, chỉ ăn rất ít và suốt thời gian đó ngồi im lặng,

hiền lành. Khi ngước nhìn các quý tộc đang ngồi quanh bàn tiệc, ngài vô cùng ngạc nhiên, vì ngài đã chứng kiến một cảnh tượng kinh hoàng; sau đó, ngài cúi mặt xuống và không nói gì với ai cả. Khi nhìn lần thứ hai, vị tu sĩ lại thấy cảnh tượng đó và một lần nữa cúi mặt xuống; cuối cùng, lần thứ ba, ngài lại chứng kiến cảnh tượng kinh hoàng ấy, cụ thể là: ngài thấy sáu vị quý tộc quan trọng nhất, những người đang ngồi cùng ngài bên bàn tiệc, đều không có đầu. Vị tu sĩ kinh ngạc trước những gì mình thấy, không hiểu làm sao những người đó lại có thể dự tiệc mà không có đầu? Nhưng ngay lập tức hiểu được ý nghĩa của hình ảnh đó, ông cúi đầu, thở dài, rơi lệ và từ đó trở đi không còn nếm thử bất cứ thứ gì được dọn ra cho ông nữa, bất chấp những lời nài nỉ khẩn thiết của những người chiêu đãi.

Sau bữa tiệc, Marfa đã xin lỗi vị tu sĩ vì sự xúc phạm mà cô đã gây ra cho ngài, và tặng tu viện của ngài một mảnh đất bên sông Sume, rồi sau đó tiễn ngài ra về trong hòa bình. Khi vị tu sĩ bước ra khỏi nhà cô, một trong những đệ tử của ngài, tên là Daniel, người được vị tu sĩ đặc biệt yêu quý, đã hỏi ngài một cách khẩn thiết:

– Tại sao trong bữa tiệc, sau khi liếc nhìn các quý tộc ngồi quanh bàn ba lần, ngài lại cúi đầu xuống, thở dài, rơi nước mắt và sau đó không ăn bất cứ thứ gì được dọn ra cho ngài?

Vị thánh nhân đáp lại:

– Con ơi! Con hỏi quá khẩn thiết, giống như tiên tri Ê-li-sê đã hỏi tiên tri Ê-li[3059] ; vì vậy, ta sẽ không giấu con những định mệnh không thể diễn tả của Đức Chúa Trời, sẽ xảy ra trong tương lai, tuy nhiên, những gì ta sẽ nói với con, con phải giữ bí mật cho đến khi định mệnh của Đức Chúa Trời được thực hiện. Ta đã thấy sáu vị quan đại thần quan trọng nhất đang ngồi dự tiệc mà không có đầu; và khi nhìn thấy cảnh đó, ta đã kinh hoàng đến mức không thể ăn hay uống được. Ta nghĩ rằng những người này sẽ bị chém đầu trong thời gian tới. Nhưng hãy nghe đây, con yêu quý, đừng kể cho ai nghe những gì con đã nghe từ ta.

Sau đó, vị tu sĩ trở về tu viện của mình cùng với văn bản bảo hộ và nhiều lễ vật được cúng dường cho ngài tại Novgorod.

Một thời gian sau, vị tu sĩ nghe tin rằng Đại công tước Moskva Ioann Vasilievich[3060] , khi đến Novgorod cùng một đạo quân hùng mạnh, đã ra lệnh xử tử một số quý tộc để răn đe những người còn lại; cụ thể là, sáu quý tộc mà vị tu sĩ đã thấy ngồi không đầu tại bữa tiệc của quý bà Marfa đã bị chém đầu bằng gươm. Còn bà quý tộc Marfa, theo lệnh của Đại Công tước, cùng với các con của mình đã bị lưu đày đến Nizhny Novgorod; tài sản của bà bị cướp bóc. Như vậy, ngôi nhà của bà đã trở nên hoang vắng đúng như lời tiên tri của Thánh Zosima, như ngài đã tiên đoán vào lúc bị đuổi ra khỏi nhà bà một cách nhục nhã.

Khi vị thánh đã sống đủ lâu trên trần gian, đã lao động vất vả và rèn luyện mọi đức hạnh, thì thời khắc ra đi thanh thản của ngài đã đến gần. Thánh nhân đã chuẩn bị sẵn quan tài cho mình từ trước và thường xuyên nhìn vào đó rồi khóc, luôn suy ngẫm về cái chết và không ngừng chuẩn bị cho nó. Cảm nhận được cái chết đang cận kề, kiệt sức vì lao động và tuổi già, thánh nhân đã triệu tập các tu sĩ đến bên mình và nói với họ:

– Này, hỡi các con và các anh em, ta sắp rời khỏi cuộc đời tạm bợ này, giao phó các con cho Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót và Đức Mẹ Đồng Trinh. Hãy nói cho ta biết: các con muốn ai làm vị tu viện trưởng kế nhiệm ta?

Tuy nhiên, các tu sĩ, khóc nức nở, đồng thanh thốt lên:

– Thưa Cha và vị Mục tử của chúng con, chúng con mong được chết cùng với Cha. Nhưng điều đó không nằm trong quyền năng của chúng con, vì phán quyết của Thiên Chúa không giống như phán quyết của loài người. Chính Đấng đã báo trước cho Cha về việc Cha sẽ về với các nơi ở trên trời, là Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng con, cũng chính Ngài có thể ban cho chúng con một vị hướng dẫn, người sẽ dẫn dắt chúng con đến sự cứu rỗi. Nhưng xin những lời cầu nguyện của ngài hãy che chở chúng con, và phước lành của ngài hãy ngự trên chúng con, vì ngài là cha của chúng con trong Chúa. Và như trong cuộc đời này ngài đã chăm sóc chúng con, vậy xin ngài hãy cầu thay cho chúng con sau khi ngài về với Thiên Chúa. Xin đừng bỏ rơi chúng con như những đứa trẻ mồ côi.

Nói xong, các anh em im lặng, nhưng vẫn không ngừng khóc lóc và than thở. Vị Thánh Tăng lại nói với họ:

– Hỡi các con! Ta xin nhắc lại lần nữa rằng ta giao phó các con cho Chúa và Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm, còn Arsenius sẽ là vị tu viện trưởng của các con, vì ngài là người xứng đáng nhất và có khả năng nhất để quản lý tu viện và các tu sĩ.

Nói xong, vị thánh nhân trao chức vị trụ trì cho Arsenius và nói với ông:

[3059] Về việc ngài được ban cho thần khí tiên tri ở mức độ cao hơn so với thần khí của Ê-li (2 Vua 2:9–13).

[3060] Ivan Vasilyevich IV (Người Khủng khiếp) trị vì từ năm 1533 đến năm 1584.

– Này, anh em, ta chọn anh làm người xây dựng và lãnh đạo tu viện thánh này cùng toàn thể cộng đoàn tu sĩ đang tụ họp tại đây. Hãy chú ý kỹ lưỡng để không bỏ sót bất kỳ quy định nào của tu viện, những quy định dựa trên giáo huấn của các Tông đồ và truyền thống của các vị Thánh Tổ, chẳng hạn như việc hát thánh ca chung trong nhà thờ, việc ăn uống trong bữa ăn chung, và toàn bộ nội quy tu viện mà ta đã truyền dạy. Hãy trông nom để mọi thứ trong tu viện đều được bảo toàn nguyên vẹn. Xin Chúa hướng dẫn tất cả các con thực hành các điều răn của Ngài, nhờ lời cầu nguyện của Đức Mẹ Rất Thánh và Nữ Vương của chúng ta, Đức Mẹ Thiên Chúa, cùng tất cả các thánh, cũng như nhờ lời cầu nguyện của vị thánh được Chúa yêu mến, Thánh Savvatius. Xin Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, bảo vệ các con khỏi mọi sự vu khống của kẻ thù và củng cố các con trong tình yêu thiêng liêng của Ngài. Riêng tôi, dù thân xác tôi rời xa các con để thực hiện nghĩa vụ tự nhiên của cái chết, nhưng tinh thần tôi sẽ luôn ở bên các con không rời. Và tôi rất mong, nếu tôi được ân sủng trước mặt Thiên Chúa, thì sau khi tôi ra đi, tu viện này sẽ phát triển hơn nữa, để nơi đây quy tụ được đông đảo các tu sĩ, được kết nối bởi tình yêu dành cho Chúa Kitô, để nơi đây tràn đầy cả những ân sủng thiêng liêng lẫn những vật chất cần thiết cho sự tồn tại của thân xác.

Nói xong, vị thánh nhân còn dành thêm một khoảng thời gian để dạy dỗ các tu sĩ về cuộc sống đạo đức. Sau đó, sau khi hôn lên má và ban phước lành cho từng tu sĩ, vị thánh nhân giơ hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện cho tu viện, cho toàn thể đoàn chiên của ngài, cũng như cho chính bản thân ngài. Rồi, sau khi làm dấu thánh giá, vị thánh nhân quay sang các tu sĩ và nói:

– Bình an cho các con!

Sau đó, ngước mắt lên trời, vị thánh nói:

– Lạy Chúa, Đấng Yêu Thương Loài Người, xin cho con được đứng bên hữu Ngài, khi Ngài ngự đến trong vinh quang của Ngài để phán xét kẻ sống và kẻ chết, và ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ.

Nói xong những lời ấy, vị thánh nằm xuống giường và phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa của Ngài, Đấng mà ngài đã yêu mến bằng cả tâm hồn và cả trái tim, và Đấng mà ngài đã phụng sự từ thuở thiếu thời, miệt mài thực hành các việc thiện[3061] .

Cái chết của vị thánh được các tu sĩ trong tu viện của ngài than khóc một cách đau đớn; cuối cùng, sau khi hát những bài thánh ca phù hợp với lễ an táng, các tu sĩ đã an táng thi hài tôn kính của vị thánh vào ngôi mộ mà ngài, khi còn sống, đã tự tay đào, nằm phía sau bàn thờ của Nhà thờ Biến Hình Chúa. Tại chính nơi này, các tu sĩ sau đó đã xây dựng một nhà nguyện trên di cốt của vị thánh, đặt các bức tượng thánh và đèn thắp sáng ở đó, và mỗi khi đến đây, họ đều dâng lời cầu nguyện lên vị thánh. Tại quan tài của vị thánh, nhiều dấu hiệu và phép lạ đã xảy ra, bởi chính vị thánh, khi linh hồn ngài về với Chúa, đã nói với các tu sĩ rằng ngài sẽ không rời khỏi nơi mà ngài đã tu hành, nhưng hứa sẽ ở lại cùng các môn đệ bằng linh hồn; và quả thực, vị thánh đã thực hiện lời hứa của mình, từ các tu viện trên trời, ngài thường viếng thăm nơi tu hành trần thế của mình và hiện diện bên cạnh nó một cách vô hình; đôi khi, vị thánh còn hiện ra dưới hình dạng hữu hình cả trên đất liền lẫn trên biển, giúp đỡ tất cả những ai đang gặp khó khăn. Đã nhiều lần vị thánh hiện ra đang lênh đênh trên biển khi họ lâm vào nguy hiểm, ngài làm dịu cơn bão và cứu các con tàu khỏi bị chìm; đôi khi ngài hiện ra trong nhà thờ, đang cầu nguyện cùng các tu sĩ khác. Ngay sau khi qua đời, vào ngày thứ chín kể từ ngày ngài qua đời, vị thánh đã hiện ra trước tu sĩ Đaniel và kể cho ông nghe rằng, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, ngài đã đi qua các linh hồn trên không mà không sợ hãi, tránh được những mưu mô của chúng và được phong vào hàng các thánh.

Sau đó, vị thánh hiện ra trước mặt vị trưởng lão Tarasius trên chính quan tài của mình, cũng như trước mặt Gerasim, đệ tử của ngài. Với Gerasim, vị thánh hiện ra vào ngày Chủ nhật, sau giờ kinh sáng, và tự giới thiệu như thể đang đi từ mộ của vị thánh Savvatiy đến mộ của chính mình; khi đó, vị thánh nhìn Gerasim và nói với anh:

– Hãy nỗ lực, con ơi, và con cũng sẽ nhận được phần thưởng cho những công lao của con.

Cũng chính với Gerasim, vị thánh đã hiện ra lần thứ hai trong Thánh lễ vào Thứ Năm Tuần Thánh; lúc đó, vị thánh đang ở trong số những người cầu nguyện trong nhà thờ. Khi các tu sĩ bắt đầu rước lễ, vị thánh Zosima nói với Gerasim:

– Con hãy đến và rước Thánh Thể đi.

Sau đó, vị thánh nhân đứng suốt bên cạnh chén thánh mà các tu sĩ rước lễ; khi tất cả đã rước lễ xong, ngài bỗng chốc biến mất.

[3061] Thánh Zosima qua đời vào năm 1478. Vào ngày 8 tháng 8 năm 1566, di cốt của ngài đã được long trọng chuyển đến nhà thờ phụ thuộc của nhà thờ chính tòa mang tên Zosima và Savvatiy, nơi di cốt vẫn được an nghỉ cho đến ngày nay trong một quan tài bằng bạc.

Một lần nọ, khi tu sĩ Dosifei đang đứng cầu nguyện buổi chiều tại tiền sảnh nhà thờ và cầu nguyện cho một tu sĩ bị quỷ ám, vị thánh đã hiện ra trước mặt ông và nói:

– Việc chữa lành cho anh em mà ngươi đang cầu nguyện sẽ không mang lại lợi ích thiêng liêng cho anh ta; anh em ấy cần phải ở lại trong nỗi đau khổ đó thêm một thời gian nữa.

Có một vị tu sĩ già tên là Theodulus, vô tình trượt chân, ngã xuống đất và bị thương nặng, đến nỗi không thể tiếp tục tham gia các nghi thức cầu nguyện thường lệ nữa, mà buộc phải nằm liệt giường suốt thời gian đó. Một đêm muộn, vị thánh Zosima đã đến phòng của ông, bước vào trong, và sau khi cầu nguyện, ngài đã chữa lành cho ông.

Từ những trường hợp này và nhiều trường hợp tương tự khác, các tu sĩ đã tận mắt chứng kiến rằng vị thánh không bao giờ quên nơi mà ngài đã tu hành trong cuộc đời trần thế của mình, bởi ngài không bao giờ bỏ mặc những anh em đang gặp hoạn nạn, mà luôn ban sự giúp đỡ kịp thời cho bất kỳ ai kêu cầu ngài với lòng tin.

Một trong những tu sĩ của tu viện, tên là Mitrofan, đã kể cho các tu sĩ nghe về bản thân mình rằng, khi ông còn sống đời thế tục và làm thương gia, trong một lần đi biển, bỗng dưng một cơn bão dữ dội ập đến đến nỗi con tàu của ông gần như bị sóng nuốt chửng hoàn toàn, và tất cả những người trên tàu, đã tuyệt vọng về mạng sống của mình, bắt đầu khóc lóc cầu xin Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm giúp đỡ. Con tàu bị sóng đánh dạt trôi suốt ba mươi ngày. Những người đi tàu nhớ đến Thánh Zosima, vị thánh làm phép lạ ở Solovetsky, và cầu xin ngài đến giúp đỡ. Chẳng bao lâu sau, họ thấy vị thánh ngồi ở đuôi tàu và dùng áo choàng của mình vỗ vào những con sóng; nhờ đó, sóng gió đã dịu xuống. Và vị thánh đã điều khiển con tàu cho đến khi nó cập bến. Sau đó, người lái tàu kỳ diệu ấy đã biến mất khỏi con tàu.

Có chuyện là tu sĩ Ê-li-sê trong lúc đi biển đã bị ốm nặng và muốn nhận áo tu, nhưng chưa kịp đến bờ thì đã qua đời. Thánh Zosima đã làm cho ngài sống lại từ cõi chết, và vị tu sĩ ấy vẫn còn sống cho đến khi nhận lễ tu hành và rước Mình Thánh Chúa; sau đó, vị tu sĩ lại an nghỉ trong Chúa.

Một giáo dân tên là Nikon bị ma quỷ hành hạ dữ dội. Khi ông được đưa đến trước di cốt của vị thánh, ngài đã hiện ra với ông, giải thoát ông khỏi bệnh tật và cho ông về nhà trong tình trạng khỏe mạnh.

Một người nông dân bị mù, khi đến trước quan tài của vị thánh, đã được chữa lành và có thể nhìn thấy lại. Tuy nhiên, vì lòng thiếu đức tin, người nông dân đó lại bị mù lần thứ hai. Khi trở lại trước quan tài của vị thánh và cầu nguyện với lòng ăn năn, người nông dân đã được chữa lành lần thứ hai. Vị thánh còn chữa lành cho rất nhiều người bệnh khác, vì ngài không bao giờ từ chối giúp đỡ bất cứ ai đến cầu xin ngài với lòng tin.

Thánh Zosima thường xuất hiện trước nhiều người không chỉ một mình, mà còn cùng với Thánh Savvati; chẳng hạn, có lần anh em Joseph, khi đang ở trên đảo Kuzove (cách đảo Solovetsky ba mươi verst), đã leo lên núi vào ban đêm để cầu nguyện; khi nhìn về phía Tu viện Solovetsky, anh thấy giữa tu viện có hai cột lửa bốc lên từ mặt đất và vươn tới tận trời; khi anh tu sĩ này kể lại điều mình đã thấy cho các anh em khác, họ nói: "Đó là các vị sáng lập và trụ trì của Tu viện Solovetsky, Zosima và Savvatiy, đang tỏa sáng từ quan tài của mình, bởi vì họ là những cột trụ thiêng liêng, được soi sáng bởi ánh bình minh của ân sủng Thiên Chúa."

Hai tu sĩ, Savvati và Ferapont, sau khi Mùa Chay kết thúc, đã được cử đi Virmu để lo liệu các nhu cầu của tu viện, vì ở đó có khu kho của tu viện, nơi lưu trữ các vật dụng cần thiết. Trong lúc chèo thuyền, các hành khách tiến gần đến đảo Shuzhmuy, cách đảo Solovetsky sáu mươi verst; lúc đó, một trong hai người, Savvatiy, đã nhìn thấy trên hòn đảo ấy hai cột lửa, không quá lớn. Khi cập gần đảo, những người lữ hành nhìn thấy một túp lều nhỏ và trong đó có hai người trần truồng, đói khát, bị bệnh nặng ở chân, gần như đã chết. Vào đầu mùa đông, hai người này đã ra khơi, nhưng khi cơn bão nổi lên trên biển, con thuyền của họ bị sóng đánh đắm; trôi dạt vào bờ, họ lên bờ và ở lại qua mùa đông, vì không gặp ai có thể đưa họ rời khỏi đây. Khi những người bất hạnh này nhìn thấy các tu sĩ, họ liền hỏi:

– Các vị là ai? Chẳng phải các vị trưởng lão Solovetsky đã cử các vị đến đây với chúng tôi sao?

Savvatiy và Ferapont liền hỏi lại họ:

– Các vị đang nói đến các vị tu sĩ Solovetsky nào vậy?

Những người bệnh trả lời:

– Có hai vị tu sĩ đáng kính đã đến thăm chúng tôi; một người tên là Savvatiy, người kia tên là Zosima. Khi các ngài đến với chúng tôi, những đau khổ của chúng tôi được xoa dịu; chúng tôi không cảm thấy đói, cũng không cảm thấy lạnh . Hôm nay, trước khi các vị đến, các ngài đã ở đây và nói với chúng tôi: "Đừng buồn, chúng tôi sẽ sớm cử người đến đón các bạn."

Nghe vậy, các tu sĩ ấy rất ngạc nhiên, sau khi cho những người bệnh ăn uống no nê, họ đã đưa họ lên tàu của mình, rồi chở họ về tu viện.

Các vị thánh Zosima và Savvati đã chữa lành cho một người phụ nữ bị quỷ ám tên là Maria, người có chồng là Onisima. Tương tự như vậy, các vị thánh đã làm sống lại một người phụ nữ khác, con gái của Jeremiah, người từng là đầy tớ của Zosima, người đã tự sát dưới sự xúi giục của quỷ. Ngay cả những vết thương của cô cũng được chữa lành hoàn toàn, vì các vị thánh đã hiện ra trong giấc mơ của cô sau khi làm cô sống lại, trao cho cô một lọ thuốc mỡ và nói:

– Hãy bôi thuốc lên vết thương của con, vì vì những giọt nước mắt của cha mẹ con mà chúng ta đã đến để chữa lành cho con.

Cô gái ấy, sau khi tuân theo lời dặn của các vị thánh (trong giấc mơ), ba ngày sau đã hoàn toàn bình phục.

Có một người tên là Vasily, trước đây từng là tên cướp, sau khi ăn năn, đã đến tu viện Solovetsky và nhận chức tu sĩ tại đây. Nhưng sau một thời gian, bị ma quỷ cám dỗ, anh ta nảy sinh ý định trốn khỏi tu viện. Sau khi chuẩn bị xong chiếc thuyền, anh ta lén lút bỏ vào đó một số vật dụng của tu viện – sách vở, quần áo và đồ dùng – và dự định trốn khỏi tu viện vào ban đêm. Sau đó, anh ta cập bến đảo Anzer, cách tu viện mười lăm verst; tại đây, một cơn buồn ngủ không thể cưỡng lại ập đến; sau khi buộc thuyền vào bờ, vị tu sĩ ấy nằm xuống đất và chìm vào giấc ngủ. Trong giấc mơ, cả hai vị thánh nhân hiện ra trước mặt ông; một trong số họ – Zosima – nhìn ông với ánh mắt giận dữ và nói:

– Kẻ khốn nạn! Ngươi đang ăn cắp của ta! Ta tạo dựng, còn ngươi thì phá hoại!

Còn Vasily, trong giấc mơ đó, đã xin vị thánh nhân tha thứ, và vị thánh nhân đáp lại:

– Ngươi sẽ được tha thứ, nhưng phải ở lại nơi này ba ngày.

Khi tỉnh dậy, Vasily không thấy ai cả, cũng không tìm thấy chiếc thuyền đang neo bên bờ; sau đó, anh ngồi xuống đất và khóc nức nở, không có ý định rời khỏi đây cho đến khi hết ba ngày.

Trong khi đó, một số thương gia đang đi thuyền ngang qua hòn đảo ấy đã đưa vị tu sĩ từ đó về tu viện, nơi ông, sau khi ăn năn, đã khóc lóc trước các tu sĩ về tội lỗi của mình và kể lại về sự hiện ra của các vị thánh nhân.

Khoảng thời gian đó, những người đánh cá của tu viện đang đánh cá trên sông Umbe, cách hòn đảo khoảng năm trăm verst. Người đứng đầu nhóm họ là vị tu sĩ già Photius. Các vị thánh nhân đã hiện ra với ông trong giấc mơ và nói:

– Này, chúng tôi đã mang đến cho các anh một chiếc thuyền để đánh cá, vì chúng tôi biết các anh còn cần thêm một chiếc thuyền đánh cá nữa; chỉ cần lưu ý đừng để mất bất cứ thứ gì trong đó, mà hãy mang tất cả về tu viện một cách nguyên vẹn.

Khi tỉnh dậy, Photius đã kể lại giấc mơ của mình cho các ngư dân khác. Khi ra bờ biển, các ngư dân quả thực đã thấy ở đó một chiếc thuyền và trong đó có nhiều vật dụng thuộc về tu viện. Sau đó, các ngư dân đã mang những vật dụng này về tu viện và kể lại ở đây về sự hiện ra của các vị thánh.

Một người tên là Theodor, sống bên bờ biển gần sông Sumy, đã kể lại như sau:

"Có lần," anh ta nói, "tôi đang chèo thuyền trên biển chở hàng hóa. Bỗng nhiên một cơn bão dữ dội ập đến; sau khi thả neo và dừng lại tại chỗ, chúng tôi vô cùng hoang mang, liền cầu nguyện với Chúa, đồng thời kêu cầu sự giúp đỡ của các vị thánh Zosima và Savvatiy. Còn tôi, sau khi vào trong tàu, đã chợp mắt một lát, và bỗng thấy hai vị lão nhân, khuôn mặt hiền từ, đang đứng trên tàu và nói với người lái tàu: 'Hãy quay mũi tàu về phía gió.' Ngay lập tức tỉnh dậy, tôi bước đến chỗ những người đang tát nước ra khỏi tàu. Một trong số họ, vì quá mệt mỏi, đã chợp mắt một lát, và khi tỉnh dậy, người ấy nói với tôi: "Tôi vừa thấy hai vị tu sĩ trên tàu đang trò chuyện với nhau, và một trong hai người nói với người kia: 'Anh hãy trông chừng con tàu này đi, anh em ơi, còn tôi phải vội đến Solovki để dự Thánh lễ.'" Chúng tôi nghe thấy điều đó, vừa ngạc nhiên vừa vui mừng khôn xiết, vì giờ đây chúng tôi bắt đầu hy vọng được cứu thoát khỏi tai họa. Và quả thực, chẳng bao lâu sau, cơn bão đã dịu xuống, sự yên tĩnh trở lại, và chúng tôi tiếp tục hành trình, ca ngợi và tạ ơn Chúa cùng các thánh nhân của Ngài."

Thánh nhân Filimon đã kể lại như sau:

"Khi tôi sống ẩn dật trong sa mạc, thỉnh thoảng tôi bị cơn chán nản dữ dội ập đến, do sự xúi giục của ma quỷ; nguyên nhân của cơn chán nản này là như sau: một trong những anh em đã gửi tiền của mình cho tôi cất giữ, mười hai đồng tiền; sau một thời gian, số tiền đó, không biết bằng cách nào, đã biến mất. Vị anh em ấy, khi biết chuyện, đã rất buồn bã; tôi cũng buồn bã và đau khổ trong vài ngày. Một lần, sau khi tôi hoàn thành nghi thức cầu nguyện của mình và ngồi xuống chợp mắt một chút, hai vị tu sĩ già bước vào phòng tôi. Tôi nói với họ: "Tại sao

các vị vào đây mà không cầu nguyện?" Họ đáp lại: "Không, chúng tôi đã cầu nguyện rồi; có lẽ anh không nghe thấy thôi." Lúc đó tôi nói với họ: "Mời các vị ngồi xuống, thưa các bậc trưởng lão." Rồi tôi hỏi: "Các vị là ai? Có phải là các vị trưởng lão của tu viện chúng ta không? Tôi không nhận ra các vị." Một trong hai vị nói với tôi: "Tôi tên là Zosima, còn người này là Savvatiy. Đừng buồn, anh em ơi, vì vật đã mất của anh, bởi vì nó sẽ được tìm thấy." Các vị thánh nhân này còn nói với tôi nhiều điều khác nữa, an ủi tôi, rồi bỗng chốc biến mất. Còn tôi, khi tỉnh dậy, không còn thấy ai nữa, nhưng nỗi buồn của tôi đã tan biến, và tôi cảm nhận được niềm vui trong lòng. Số tiền bị mất cũng được tìm thấy ngay tại chính nơi nó đã được cất giữ. Cả tôi và anh trai tôi đều được an ủi, và chúng tôi cùng nhau ngợi khen và tạ ơn Đức Chúa Trời cùng các vị tu sĩ Zosima và Savvatiy."

Các vị tu sĩ đáng kính này, những vị trụ trì của Tu viện Solovetsky, đã thực hiện rất nhiều phép lạ khác; những phép lạ được đề cập ở đây xin được dùng để mang lại lợi ích cho tâm hồn chúng ta, để tôn vinh các vị thánh của Chúa, cũng như để tôn vinh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng được tôn vinh muôn đời cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Theo ý định của Trí Tuệ Thần Thánh, ngài đã đến sống trong sa mạc, và tại đó, hướng tâm trí về các nơi ở trên trời, sống đời sống như một thiên thần trên đất, qua những lời cầu nguyện, lao động và sự kiêng khem, ngài đã trở thành gương mẫu cho các môn đệ của mình. Chính vì thế, Thiên Chúa, khi thấy ý chí tốt lành của ngài, đã ban cho ngài nhiều môn đệ trong sa mạc, được tưới mát bởi dòng nước mắt của ngài. Nhưng, vì ngài có lòng can đảm trước mặt Thiên Chúa, xin hãy nhớ đến đoàn chiên mà ngài đã quy tụ, hỡi vị Thánh khôn ngoan, và xin đừng quên lời hứa của ngài, hãy đến thăm các môn đệ của ngài, hỡi Thánh Zosimo, vị Cha đáng kính của chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài đã để tình yêu của Đấng Kitô thấm nhuần tâm hồn, hỡi vị Thánh đáng kính, và đã vác Thập giá vinh quang của Ngài lên vai, được trang bị bằng ân sủng thiêng liêng, và với những lời cầu nguyện không ngừng như cây giáo trong tay, Ngài đã đánh tan mạnh mẽ các đạo quân ma quỷ. Vì thế, chúng con kêu lên cùng ngài: Hỡi Cha Zosimo đáng kính, niềm an ủi của các tu sĩ, xin hãy vui mừng.

Lễ kính Thánh Agapitus, Giáo hoàng Rôma

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 4

Thánh Agapit, Giáo hoàng[3062] , đã được Vua Theodoric Đại đế của người Goth[3063] – người lúc bấy giờ đang thống trị Ý – cử đến Constantinopolis gặp Hoàng đế Justinian[3064] để đàm phán hòa bình. Trên đường đi, ngài gặp một người mắc hai chứng bệnh: câm miệng và què chân. Thánh Agapit nắm lấy tay người ấy và chữa lành chứng què cho anh ta; sau đó, ngài ban cho anh ta rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, và anh ta liền nói được.

Trong thời gian ở Constantinople, Thánh Agapit đã gặp một người mù đang ngồi ở nơi được gọi là Cổng Vàng và xin bố thí. Thương xót người ấy, Thánh Agapit đặt tay phải lên mắt người mù, và ngay lập tức người mù đã nhìn thấy được.

Trong thời gian Thánh Agapit ở Constantinopolis, theo lệnh của Hoàng đế Justinian, Công đồng Địa phương[3065] đã được triệu tập tại đây, tại đó Đức Thượng phụ Anphim[3066] – người đã được tấn phong lên ngai Thượng phụ một cách bất hợp pháp, trái với các quy tắc của Giáo hội[3067] – đã bị phế truất. Thay thế cho Anphim bị

[3062] Thánh Agapit là Giáo hoàng từ năm 535 đến năm 536.

[3063] Theodoric Đại đế, vua của người Ostrogoth, trị vì từ năm 485 đến năm 536. Người Ostrogoth sinh sống giữa hai con sông Dnieper và Don và là nhánh phía đông của dân tộc Goth, vốn đã phân chia thành người Ostrogoth và người Visigoth vào thế kỷ IV.

[3064] Hoàng đế La Mã Justinian I trị vì từ năm 527 đến năm 565.

[3065] Đó là vào năm 536.

[3066] Anphim I giữ chức tổng giám mục từ năm 535 đến năm 536.

phế truất là một linh mục tên là Mina, người đã sống một cuộc đời thánh thiện và tu hành nghiêm ngặt. Đồng thời, tại cùng hội đồng này, tà thuyết của Severus[3068] cũng đã bị lên án.

Ngay sau đó, Thánh Agapit đã về với Chúa[3069] và được an táng tại Constantinopolis.

Tháng Năm

1 tháng 5

18 tháng 4 (theo lịch cũ)

Lễ tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta là Thánh Gioan, môn đệ của Thánh Grêgôriô Dekapolita.

Ngày tưởng niệm 18 tháng 4

Chúng ta biết có hai vùng đất mang tên Decapolis[3070] . Một trong số đó nằm ở Palestine, gần Galilee[3071] ; Thánh Mát-thêu, tác giả Tin Mừng, đã đề cập đến vùng đất này khi nói: *"Và có rất nhiều người từ Galilê, Decapolis, Giêrusalem, Giu-đê và từ bên kia sông Giô-đanh theo Ngài"* (Mt 4,25).

Còn có một vùng đất nhỏ khác cũng mang tên Decapolis, nằm ở Isauria[3072] . Chính từ Decapolis Isauria này mà Thánh Grigoriô, thầy của Thánh Gioan mà chúng ta đang tưởng niệm hôm nay, đã xuất thân. Từ thuở thiếu thời, Thánh Gioan đã từ bỏ thế gian này và yêu mến Chúa Kitô; ngài đã đến ở với vị thầy của mình là Thánh Grêgôriô Dekapolít và, sau khi được ngài truyền giới tu sĩ, đã cùng ngài tu hành, lấy đời sống đạo đức của mình để làm đẹp lòng Thiên Chúa. Ngài đã đạt đến mức độ khiêm nhường, vâng lời và sự hoàn hảo thiêng liêng đến nỗi chính vị thầy thánh Grigori của ngài cũng vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa vì ngài.

Khi hoàng đế vô đạo Lê-vê người Armenia[3073] , tái khởi xướng tà thuyết chống thánh tượng và phát động cuộc bách hại chống lại Giáo Hội của Đấng Christ, thì vị tu sĩ đáng kính Gioan này cũng đã đến vào thời điểm đó cùng với vị thầy của mình là Thánh Grêgôriô và Thánh Giuse, tác giả các bài thánh ca. Họ đi khắp thành phố, củng cố lòng tin cho các tín hữu Chính Thống, khuyên nhủ họ kiên định giữ gìn và can đảm tuyên xưng đức tin Kitô giáo thánh thiện. Không lâu sau đó, Thánh Giuse lên đường đến Rôma[3074] , nhưng trên đường đi, ngài bị những kẻ dị giáo bắt giữ và giam cầm tại đảo Crete[3075] . Còn Thánh Grêgôriô Dekapolite thì qua đời tại Rôma sau khi Thánh Giuse bị lưu đày[3076] .

[3067] Anphim là một người theo thuyết đơn tính thuyết một cách kiên định và đã giả vờ chấp nhận Chính Thống Giáo chỉ để giành được ngai tòa Thượng phụ Constantinopolis. Những người theo thuyết đơn tính đã giảng dạy sai lầm về sự kết hợp của hai bản tính trong Chúa Giêsu Kitô; chính họ đã khẳng định rằng bản tính Thần linh trong Chúa Giêsu Kitô đã nuốt chửng bản tính con người. Tà thuyết Monophysite còn được gọi là Eutychianism, theo tên người sáng lập – Archimandrite Eutychius của Constantinople. Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ IV, diễn ra vào năm 451 tại Chalcedon.

[3068] Thánh Severus, Thượng phụ Antioch (từ năm 512 đến năm 519), thuộc nhóm những người theo thuyết "đơn tính" ôn hòa; điểm khác biệt trong giáo lý của ngài so với các nhà đơn tính khác là ngài thừa nhận thân xác của Chúa Giêsu Kitô "tương tự" như thân xác chúng ta và chịu sự hư nát.

[3069] Thánh Agapitus qua đời vào năm 536.

[3070] Decapolis – liên minh mười thành phố, liên minh của một số thành phố.

[3071] Galilê (vùng, quận) – một vùng đất nằm ở phía bắc Palestine. Các ranh giới của nó là: phía bắc – Syria và dãy núi Li-băng, phía tây – Phoenicia, phía đông – sông Jordan và phía nam – Samaria. Ga-li-lê được chia thành phần trên (hoặc phía bắc) và phần dưới (hoặc phía nam).

[3072] Isauria – phần miền nam nhiều núi của Lycaonia – một vùng thuộc Tiểu Á.

[3073] Hoàng đế Lêô (V) người Armenia đã cai trị Đế chế Byzantine từ năm 813 đến năm 820.

[3074] Roma – thành phố thủ đô của nhà nước Ý, tọa lạc bên sông Tiber.

Trong thời gian ở Byzantium, Thánh Gioan tiếp tục sống đời tu hành như trước đây, không chỉ lo cho sự cứu rỗi của chính mình mà còn cho sự cứu rỗi của những người khác.

Sau vài năm, khi Thánh Giuse, sau khi được thả khỏi tù, trở về Byzantium, Thánh Gioan đã về với Chúa[3077] , để nhận phần thưởng từ Ngài cho những công lao của mình, và được Thánh Giuse an táng gần mộ cha mình, cũng tên là Giuse. Sau đó, thi hài của ngài được chuyển đến một nơi khác, như được ghi chép trong cuốn tiểu sử của Thánh Giuse, tác giả các bài thánh ca:

– Khi vào thành phố, – đoạn văn viết, – Giuse không còn gặp được vị thầy kính yêu của mình, Thánh Grêgôriô Dekapolita, còn sống. Vị này đã về với Chúa. Ông chỉ gặp được môn đệ của Thánh Grigoriô, là Thánh Gioan Đáng Kính, và đã khóc thương Thánh Grigoriô rất lâu, vì không còn cơ hội được gặp lại ngài lần nữa. Ông ở lại bên mộ ngài cùng với Thánh Gioan; nhưng sau một thời gian, Thánh Gioan cũng đã về với Chúa, và Thánh Giuse đã an táng ngài gần mộ Thánh Grigoriô. Sau đó, Thánh Giuse chuyển đến một nơi hẻo lánh và yên tĩnh khác, nằm ngoài thành phố, không xa nhà thờ Thánh Gioan Vàng Miệng. Khi định cư tại đây, Thánh Giuse đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Nicôla, và chuyển di hài của các thánh Grêgôriô và Gioan vào đó.

Một số người cho rằng vị tu sĩ Gioan này, môn đệ của Thánh Grigoriô Dekapolita, sau khi vị thầy của ngài qua đời, đã lui về Palestine và tu hành tại tu viện Thánh Chariton, nơi ngài đã an nghỉ trong Chúa. Tuy nhiên, điều này thực ra đề cập đến một vị thánh khác tên là Gioan, người thực sự đã tu hành tại tu viện Thánh Chariton vào thời kỳ tu viện này đang ở đỉnh cao của sự hưng thịnh[3078] . Còn vị Thánh Gioan mà chúng ta đang nhắc đến hiện nay đã sống nhiều năm sau vị Thánh Gioan kia, vào thời trị vì của Hoàng đế chống thánh tượng Lê-ô người Armenia, khi tu viện Thánh Chariton ở Palestine đã không còn tồn tại. Tu viện này đã bị người Hồi giáo tàn phá hoàn toàn dưới triều đại của Constantine và Irene[3079] , những người trị vì nhiều năm trước thời Leo người Armenia; sự tàn phá này được đề cập trong câu chuyện về cuộc khổ nạn của các vị tu sĩ đáng kính, những người đã bị đánh đập tại tu viện Thánh Savva thuộc tu viện Sukki của Thánh Chariton, "Tu viện Cổ". Tại đây có ghi chép rằng vào thời điểm các vị tu sĩ tại tu viện Thánh Savva bị hành hạ, tu viện Thánh Chariton cũng đã bị tàn phá hoàn toàn, và sau đó không bao giờ được khôi phục lại, mà rơi vào tình trạng hoang tàn vĩnh viễn; từ đó có thể thấy, làm sao vị Thánh Giăng mà chúng ta đang tưởng nhớ ngày nay lại có thể cư ngụ tại tu viện Thánh Hariton đã bị tàn phá hoàn toàn và hoang vắng đó, và qua đời tại đó; hơn nữa, trong cuốn tiểu sử của vị thánh Giuse Nhà soạn thánh ca có kể lại rằng chính vị thánh Giuse này đã tự tay an táng thi hài của Thánh Gioan – người mà chúng ta đang tưởng nhớ – tại Byzantium, và sau đó chuyển thi hài ngài đến một nơi khác, không xa nơi đầu tiên.

Ngày tưởng niệm Thánh Gioan Người ở Hang Đá Cổ được cử hành vào ngày 19 tháng 4.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Victor, Zotic, Zinon, Akindin và Severian.

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 4

Vào thời điểm hoàng đế vô đạo Diocletian[3080] phát động cuộc đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu, Thánh George đã bị bắt giữ và phải chịu những hình phạt tàn nhẫn không thương xót. Trong lúc chịu hình phạt, nhờ quyền năng của Thiên Chúa, Thánh George đã thực hiện những phép lạ kỳ diệu; khi chứng kiến những điều đó, nhiều người ngoại đạo đã tin vào Chúa Kitô. Tuy nhiên, những người mới tin ngay lập tức phải chịu tra tấn dưới tay những kẻ vô đạo; một số bị giam vào ngục tối , một số khác bị thiêu sống, còn lại thì bị chém bằng gươm. Chính trong số những người đó có các thánh tử đạo sau đây: Victor, Zotic, Zinon, Akindin và Severian. Khi nhìn thấy Thánh Giô-rê-gi-ô bị trói vào bánh xe (dự định sẽ tra tấn thân thể ngài) mà không hề hấn gì, họ đã tin vào Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta; vì lý do đó, những kẻ tra tấn đã lập tức chặt đầu họ[3081] .

[3075] Crete là một trong những hòn đảo lớn nhất của Địa Trung Hải.
[3076] Thánh Grigoriô Dekapolita qua đời vào khoảng năm 820.
[3077] Thánh Gioan qua đời vào khoảng năm 820.
[3078] Ở đây tất nhiên là Thánh Gioan Người ở Hang Đá Cổ
[3079] Hoàng đế Constantine trị vì Byzantium từ năm 780 đến năm 797, còn Thánh Irina (mẹ của ông) – từ năm 797 đến năm 802.
[3080] Hoàng đế Diocletian trị vì Đế quốc La Mã từ năm 284 đến năm 305.
[3081] Các thánh tử đạo qua đời vào năm 303.

Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Gioan Mới

Ngày kỷ niệm: 18 tháng 4

Quê hương của Thánh Gioan là thành phố Ioannina[3082] , nằm trong vùng Epirus của Hy Lạp[3083] . Xưa kia, thành phố này từng là nơi cư ngụ thường trực của vua Pyrrhus của Hy Lạp[3084] . Cha mẹ của Thánh Gioan là những Kitô hữu đạo đức. Sau khi cha mẹ qua đời khi còn rất trẻ, Gioan đã đến Constantinopolis với ý định tự kiếm sống bằng chính sức lao động của mình. Tại đây, giống như các thợ thủ công và thương nhân khác, ngài có một gian hàng tại quảng trường công cộng và nhờ nghề thủ công của mình mà ngài có thể tự nuôi sống bản thân, không thiếu thốn bất cứ thứ gì cần thiết. Chúa đã ban phước cho anh trong mọi việc, vì anh sống một cuộc đời đạo đức và tuân giữ nghiêm ngặt luật pháp của Chúa. Người dân Constantinople gọi anh là "Epirat", vì anh xuất thân từ Epirus.

Vào thời điểm đó, Constantinople đã nằm dưới sự cai trị của người Hồi giáo[3085] , những người theo đạo Hồi. Nhiều người Kitô hữu, bị cám dỗ bởi sự vô đạo của Hồi giáo, đã chuyển sang theo đạo Hồi; đặc biệt là có rất nhiều thợ thủ công và thương nhân, trước đây theo đạo Kitô, nhưng sau đó đã chuyển sang đạo Hồi.

Người Kitô hữu chân chính, thánh Gioan, đã phải sống giữa những con người như vậy. Xung quanh ông, những người hàng xóm trong nghề buôn bán đều là những kẻ đã từ bỏ Chúa Kitô và gia nhập đạo Hồi; Thánh Gioan thường công khai tranh luận với họ, vạch trần sự phản bội của họ, vì ngài là một thanh niên thông minh, dũng cảm trong lời nói, dám lên tiếng vì lẽ phải mà không sợ hãi. Vì tất cả những điều đó, những người hàng xóm của Thánh Gioan bắt đầu ghét ngài. Họ cũng bất mãn khi thấy thánh nhân thành công trong việc buôn bán. Vì Gioan ngày càng gặt hái được nhiều thành công hơn trong việc buôn bán, nên các thương gia và thợ thủ công khác bắt đầu ghen tị với anh và âm mưu tìm cách vu khống anh, nhằm hủy hoại anh. Còn Thánh Gioan, khi nhận ra những mưu đồ chống lại mình, không hề nao núng, mà ngược lại, với cả tâm hồn, ngài càng khao khát được chịu khổ vì lẽ thật của Chúa Kitô.

Và thế là, vào một ngày Thứ Sáu Tuần Thánh[3086] , ngài đến gặp cha linh hướng của mình – vị tổng linh mục tại Constantinople, ngài xưng tội với ngài, đồng thời kể cho ngài nghe về sự thù hận của những người láng giềng đang ghen ghét và tìm cách hủy diệt ngài, cũng như bày tỏ mong muốn chịu khổ vì Chúa Kitô, và xin cha linh hướng của mình những lời khuyên hữu ích cùng sự an ủi. Thấy vị thánh còn trẻ tuổi, vị tổng linh mục đã không khuyên ngài tự nguyện chịu khổ hình, mà nói với ngài:

– Con ơi, trước hết hãy xem xét kỹ lưỡng xem liệu ma quỷ có gieo rắc ý nghĩ đó vào lòng con hay không: vì ma quỷ đã xúi giục nhiều người đi chịu tử đạo, với ý định phơi bày họ trước sự sỉ nhục của cả thế gian, sau khi họ không thể chịu đựng được những cực hình và sa ngã khỏi đức tin.

Thánh Gioan đã trả lời ngài rằng:

– Con đặt niềm tin vào Đấng Kitô của con và tin chắc rằng Ngài sẽ không để con trở thành trò cười cho kẻ thù, nhưng sẽ củng cố con bằng quyền năng của Ngài, để con có thể chiến thắng thế lực của kẻ thù.

– Hỡi con, – vị tổng linh mục nói tiếp, – trong Lời Chúa có chép: *"Tinh thần thì tỉnh táo, nhưng xác thịt thì yếu đuối"* (Mt 26:41). Việc con sắp làm đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đòi hỏi sự kiêng ăn và cầu nguyện không ngừng ; khi con thanh tẩy bản thân khỏi mọi tội lỗi nhờ những nỗ lực kiêng ăn và cầu nguyện, thì chính Đức Chúa Trời sẽ chỉ cho con phải làm thế nào, vì Đức Chúa Trời thường ngự trong những tâm hồn trong sạch. Vậy nên, hỡi người yêu dấu, hãy tự chăm sóc bản thân và hãy đi trong bình an; còn tôi sẽ cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, để Ngài bảo vệ con khỏi mọi kẻ thù hữu hình và vô hình – từ con người đến ma quỷ – và ban cho con chiến thắng trước chúng.

Nói xong, vị phó tế trưởng đã tiễn chàng trai ra về trong bình an.

[3082] Thành phố Ioannina hay Yanina nằm ở Epirus, giữa Trikka của Thessaloniki và Ambrakia của Epirus, về phía nam.

[3083] Epirus là phần phía đông của miền bắc Hy Lạp, trải dài từ dãy núi Akrokeroan đến Vịnh Ambracia thuộc Biển Ionia.

[3084] Pyrrhus – vua của Epirus từ năm 295 đến năm 272 trước Công nguyên. Vị vua này nổi tiếng với các cuộc chiến tranh chống lại La Mã và Sparta.

[3085] Constantinople bị người Hồi giáo chiếm vào năm 1453.

[3086] Đó là vào năm 1500.

Sáng hôm sau, Thánh Gioan lại xuất hiện trước cha linh hướng của mình với khuôn mặt rạng rỡ và tâm hồn hân hoan, rồi nói với ngài:

– Thưa Cha kính mến! Đêm qua, con đã thấy mình trong giấc mơ đang đứng giữa ngọn lửa, nhưng không bị thiêu đốt, mà lại vui mừng và hân hoan, giống như ba thiếu niên trong lò lửa Babylon (Xem: Đan. 3). Vì vậy, con hy vọng rằng công việc con đang ấp ủ, với sự giúp đỡ của Đấng Tối Cao, sẽ đi đến kết quả tốt đẹp. Con cũng khẩn cầu cha, thưa cha đáng kính: xin cha củng cố con bằng những lời cầu nguyện của cha!

Vị cha linh hướng đáp lại:

– Nguyện Chúa củng cố con, hỡi con yêu dấu, để con chiến thắng con sói địa ngục – tức là con rắn vô hình – và nguyện Ngài ban cho con được đội vương miện tử đạo.

Sau khi khích lệ chàng trai trẻ bằng nhiều lời ân cần khác nữa để anh thực hiện hành động anh hùng của mình, vị tổng linh mục tiễn anh ra về, hứa sẽ cầu nguyện cho anh trước mặt Đức Chúa Trời.

Khi Thánh Gioan đến chợ, nơi có quầy hàng của mình, những kẻ thù ghét ngài – vốn đã vạch sẵn kế hoạch hủy diệt ngài – bắt đầu thì thầm với nhau:

– Người này chẳng phải chính là kẻ đã công khai chối bỏ Chúa Kitô tại Trikka[3087] sao; vậy mà sao anh ta lại tự xưng là một Kitô hữu chân chính ở đây?

Nghe những lời đó, chàng trai trẻ nhìn những người đang nói với ánh mắt nghiêm khắc và hỏi họ:

– Các ngươi đang nói về ta hay có lẽ là về ai khác?

– Là về cậu đấy, – họ đáp, – chứ không phải ai khác, và chúng tôi nói thế chẳng phải là sự thật sao?

– Chưa bao giờ và sẽ không bao giờ có chuyện – vị thánh đáp – rằng tôi sẽ từ bỏ Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, dù là ở Trikka hay bất kỳ nơi nào khác. Tôi sống và sẽ luôn sống vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, và sẵn sàng chết vì Ngài bất cứ lúc nào.

Bị kích động dữ dội bởi những lời nói ấy của vị thánh, những kẻ thù của ngài nhanh chóng xông tới, như thể sẵn sàng giết ngài ngay lập tức, và lập tức lôi ngài đến tòa án. Vị thánh trẻ bước đi vội vã, khuôn mặt rạng ngời, như thể đang trên đường đến dự tiệc. Khi vị thánh được dẫn đến trước tòa án, những kẻ thù của ngài xuất hiện ở đó với tư cách là những kẻ vu khống, những nhân chứng, và cả những thẩm phán xét xử vị thánh. Họ chỉ buộc tội anh ta duy nhất một điều: rằng tại thành phố Trikka thuộc Thessaly, anh ta đã công khai từ chối Chúa Kitô và theo đạo Hồi, nhưng khi đến Constantinople, anh ta lại giả vờ là người Kitô hữu và phỉ báng người Hồi giáo. Khi bắt đầu cuộc thẩm vấn, những kẻ thù của vị thánh trước hết đã tỏ ra thương xót giả tạo và đạo đức giả đối với ngài, như thể thương hại ngài, và bắt đầu nhẹ nhàng khuyên nhủ ngài từ bỏ Chúa Kitô. Sau đó, khi thấy ngài vẫn kiên định trong đức tin Kitô giáo, họ bắt đầu dọa nạt ngài bằng những lời đe dọa để buộc ngài từ bỏ Kitô giáo, nhưng không đạt được kết quả gì bằng cách này, họ liền đánh đập ngài một cách tàn nhẫn, rồi tống ngài vào ngục tối, với ý định giam giữ ngài ở đó cho đến khi họ quyết định sẽ xử lý ngài như thế nào tiếp theo.

Sáng hôm sau, khi dẫn vị thánh ra khỏi ngục tối, những quan tòa vô đạo bắt đầu hỏi ngài xem ngài có quyết định từ bỏ Đức Kitô và chấp nhận đức tin của họ hay không. Nhưng khi thấy ngài vẫn kiên định tuyên xưng Kitô giáo như trước, họ lại bắt đầu đánh ngài không thương tiếc bằng những cây gậy to. Còn vị thánh, cứng cỏi như kim cương, lặng lẽ chịu đựng những đòn roi giáng xuống mình, như thể người bị đánh không phải là ngài, mà là một ai đó khác. Ngài chỉ thầm cầu nguyện với Chúa, nói rằng:

– Dù có bất cứ điều gì trên đời này, tôi cũng sẽ không từ bỏ đức tin của mình; sẽ không bao giờ có chuyện tôi tin theo cách khác, chứ không phải theo cách xứng đáng với một Kitô hữu; sẽ không bao giờ có chuyện tôi bị mê hoặc bởi những lời ngọt ngào hay bị khuất phục bởi những cực hình. Hãy làm gì với tôi tùy ý, miễn là tôi sớm được chuyển từ cuộc đời ngắn ngủi này sang cuộc sống vĩnh cửu. Là tôi tớ của Chúa Kitô, tôi theo Chúa Kitô và chết vì Chúa Kitô, để được sống với Ngài mãi mãi.

Những quan tòa bất chính ra lệnh ném vị thánh vào ngục tối một lần nữa. Lúc này, vị tử đạo không còn được dẫn đi nữa, mà bị lôi lê trên mặt đất, bị túm tóc, bị tát vào má và bị chà đạp bằng chân. Cuối cùng, ngài lại bị xiềng xích.

Ngày hôm sau, vị thánh lại bị dẫn ra trước tòa, nhưng vì ngài vẫn dũng cảm tiếp tục nói những lời như trước, nên họ lại bắt đầu đánh đập ngài không thương xót. Trong lúc bị đánh, vị tử đạo hân hoan hát bài thánh ca "Đức Kitô đã sống lại từ cõi chết!"[3088] và những bài khác, vì lúc đó đang là những ngày lễ Phục Sinh. Toàn thân

[3087] Trikka – một thành phố ở Thessaly – một vùng ở phía đông bắc Hy Lạp.

vị thánh chìm trong những vết thương, và mặt đất xung quanh ngài nhuốm đỏ máu. Trong khi đó, vị thánh tử đạo dường như không phải bằng chính thân xác mình mà chịu đựng nỗi đau khổ, nhưng trong lúc bị tra tấn, ngài lúc thì hát, lúc thì quay sang những kẻ hành hạ mình và nói:

– Hãy đánh, hãy đánh tôi đi, bằng tất cả sức lực của các ngươi, hãy đánh và tăng cường những đòn roi hết mức có thể: nhưng dù thế nào đi nữa, các ngươi cũng sẽ không bao giờ có thể khiến tôi từ bỏ Đức Kitô của tôi và biến tôi thành đồng minh của các ngươi.

Sau đó, vì xấu hổ, những kẻ tra tấn lại tống vị tử đạo vào ngục tối và ở đó hành hạ ngài trong vài ngày bằng cách để ngài đói khát; rồi lại dẫn ngài ra khỏi ngục, và khi thấy rằng ngài, bất chấp mọi cực hình, vẫn không phản bội đức tin vào Chúa Kitô, họ đã kết án ngài phải bị thiêu sống.

Khi vị thánh, bị xiềng xích bằng sắt, bị dẫn đi chịu chết, *"như con chiên bị dẫn đến giết mổ"* (Is 53:7), thì trên đường đi, những kẻ tra tấn đã đánh đập ngài bằng tay, tát vào mặt và lăng mạ ngài bằng những lời tục tĩu; nhưng một số người có mặt tại đó đã bày tỏ sự cảm thông với ngài và khẩn cầu ngài đừng đánh mất tuổi trẻ của mình. Nhưng vị tử đạo của Chúa Kitô bước đi đến cái chết với sự trang nghiêm vĩ đại, như thể đang chuẩn bị nhận lấy những vinh dự cao quý nào đó.

Cuối cùng, Thánh Gioan đã đến nơi mà những kẻ hành hình đã dựng sẵn một đống lửa lớn. Thánh nhân, không chờ đợi cho đến khi bị ném vào đống lửa, đã dũng cảm tự mình bước vào đó và đứng ngay giữa ngọn lửa. Lúc đó, những kẻ hành hình, nắm lấy đầu sợi xích mà Thánh Gioan đang bị trói, đã kéo ngài ra khỏi ngọn lửa. Vị thánh tử đạo bèn nói với những kẻ tra tấn:

– Tại sao các ngươi không để ta cháy trong ngọn lửa? Tại sao các ngươi lại cản trở việc ta trở thành của lễ đẹp lòng Chúa Kitô?

Lúc đó, các quan tòa, dù biết rằng cái chết bằng cách thiêu sống là vô cùng đau đớn, nhưng vì chính vị thánh rất khao khát cái chết như vậy, nên họ đã thay đổi quyết định và kết án vị thánh không phải bằng cách thiêu sống, mà bằng cách chém đầu bằng gươm. Họ ra lệnh cho đao phủ chém đầu chàng thanh niên bất khuất, rồi ném cái đầu bị chém cùng với thi thể vào đống lửa. Như vậy, vị thánh tử đạo mới của Chúa Kitô là Gioan-Epira đã nhận lấy vương miện tử đạo vào ngày mười tám tháng Tư năm[3089] .

Mặc dù thi thể của vị thánh đã bị thiêu trên giàn hỏa, các tín hữu vẫn tìm thấy một số mảnh xương của ngài còn sót lại sau ngọn lửa; họ đã thu nhặt và cất giữ chúng một cách tôn kính, đồng thời tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được ca ngợi cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Cha Cosmas, vị Tử đạo, Giám mục Chalcedon, và Thánh Auxentius

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 4

Thánh Cosmas, vị Tử đạo của Chúa Kitô, xuất thân từ thành phố Constantinople[3090] . Từ thuở thiếu thời, ngài đã yêu mến Chúa Kitô, nên đã từ bỏ thế gian phù du này và xuất gia làm tu sĩ. Sống một đời tu hành nghiêm ngặt và đạt đến sự hoàn hảo trong nhiều đức tính, Thánh Cosmas đã trở thành nơi ngự của Thánh Thần.

Sau đó, Thánh Kosma được bổ nhiệm làm giám mục tại thành phố Chalcedon[3091] . Trong cương vị giám mục, ngài đã nhiệt thành bảo vệ giáo lý Chính Thống, vốn đang bị những kẻ dị giáo chống thánh tượng bức hại vào thời điểm đó.

[3088] Bài thánh ca Phục Sinh

[3089] Thánh tử đạo qua đời vào năm 1526.

[3090] Constantinople – thành phố nổi tiếng từ thời cổ đại – thủ đô của Đế chế Byzantine, ngày nay là thành phố Istanbul ở Thổ Nhĩ Kỳ. Constantinople tọa lạc bên bờ eo biển Bosphorus – eo biển nối với Địa Trung Hải – và nổi tiếng từ thời cổ đại nhờ nền văn hóa và thương mại phát triển.

[3091] Chalcedon, hay chính xác hơn là Chalcedon – ban đầu là một thuộc địa của Megara nằm bên bờ Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch) tại lối vào eo biển Bosphorus, được thành lập vào khoảng 2 hoặc 3 thế kỷ trước Công nguyên – sau đó trở thành một trong những thành phố chính của Bithynia – một vùng thuộc Tiểu Á. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Chalcedon nổi tiếng là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ IV, được triệu tập vào năm 451 dưới triều đại Hoàng đế Marianus, nhằm lên án tà thuyết Monophysite (chủ trương rằng Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính duy nhất – bản tính thần thánh). – Hiện nay, trên địa điểm của thành phố Chalcedon cổ đại là một ngôi làng nhỏ của Thổ Nhĩ Kỳ mang tên Kodikioy.

Những kẻ dị giáo chống thánh tượng đã nhiều lần ép buộc vị thánh không được thờ phượng các thánh tượng. Nhưng ngài đã dũng cảm bảo vệ giáo lý Chính Thống và không khuất phục trước những kẻ dị giáo.

Vì sự kiên định trong Đức tin Chính thống, vị thánh đã phải chịu nhiều cực hình từ những kẻ bách hại và bị đày đi lưu đày. Khi được gọi ra khỏi nơi lưu đày và một lần nữa bị ép buộc phải không tôn kính các bức tượng thánh, Thánh Kosma lại một lần nữa thể hiện sự kiên định trong Đức tin Chính thống. Vì điều này, ngài lại phải chịu nhiều cực hình và đau khổ, những điều mà Thánh Avksenti[3092] cũng cùng chia sẻ với ngài. Trong những đau khổ đó, Thánh Kosma đã an nghỉ trong Chúa[3093] .

Ngày 2 tháng 5

19 tháng 4 (theo lịch cũ)

Lễ tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta, Thánh Gioan Vethopeshternik

Ngày tưởng niệm 19 tháng 4

Tu viện của Thánh Chariton, tọa lạc tại sa mạc Palestine gần Jerusalem, được gọi là "Tu viện Cổ". Nơi này được gọi là "Tu viện Cổ" vì đã được Thánh Chariton thành lập trước các tu viện khác, như đã được ghi chép chi tiết trong cuốn tiểu sử của ngài[3094] . Chính tại Tu viện Cổ của Thánh Chariton này, vị Thánh John mà chúng ta đang tưởng nhớ hôm nay đã tu hành trong sự kiêng ăn. Từ thuở thiếu thời đã tràn đầy tình yêu dành cho Chúa, Thánh Gioan đã gắn bó với Thiên Chúa bằng cả tâm hồn mình, đúng như lời chép trong Kinh Thánh: *"Còn tôi, được gần gũi Thiên Chúa là điều phúc lành!"* (Thánh Vịnh 72:28). Khinh thường cuộc sống trần tục phù du, Thánh Gioan đã rời bỏ quê hương và, sau khi gánh vác thập giá đời tu, đã lang thang khắp các nơi nhân danh Chúa, Đấng mà từ ngày sinh ra cho đến lúc chết, *"không có nơi nào để gối đầu"* (Mt 8:20).

Khi đến các thánh địa ở Giê-ru-sa-lem, Thánh Gioan đã thờ lạy Mộ Thánh đầy sự sống của Chúa, sau đó ngài đến tu viện của Thánh Chariton đã được nhắc đến ở trên, nơi ngài được phong chức linh mục nhờ cuộc đời đạo đức của mình. Kiềm chế các dục vọng xác thịt bằng sự tiết độ cao cả, Thánh Gioan cũng trở thành người noi gương các vị tu sĩ ăn chay vĩ đại thời xưa: nhờ những đêm thức trắng cầu nguyện và việc không ngừng suy ngẫm về cái chết, ngài đã đạt đến sự chế ngự hoàn hảo xác thịt và trở nên như một Thiên Thần trong xác phàm.

Sau khi sống một thời gian khá dài và luôn làm đẹp lòng Chúa, Thánh nhân đã về với Chúa[3095] . Linh hồn ngài được các Thiên thần vô hình thánh thiện nâng đỡ và đưa về những nơi ở vĩnh cửu trên trời.

Thánh Gioan được gọi là "người hang động cổ xưa", thay vì "người tu viện cổ xưa", bởi vì Tu viện Cổ xưa của Thánh Chariton ban đầu tọa lạc trong một hang động của bọn cướp. Chính tại hang động này, Thánh Chariton đã bị bọn cướp giam giữ . Nhưng sau khi bọn cướp uống phải rượu có độc từ nọc rắn và chết đi, Thánh Chariton đã thoát khỏi chúng. Tìm thấy trong hang động rất nhiều vàng mà bọn cướp đã cướp bóc được, Thánh Chariton đã xây dựng một nhà thờ bên cạnh hang động; khi các tu sĩ tụ họp lại với ngài, ngài đã xây dựng một tu viện phía trên hang động. Và vì Thánh Gioan sống trong hang động cổ xưa đó, cử hành thánh lễ tại nhà thờ trong hang, nên ngài được gọi là "người sống trong hang cổ".

[3092] Lễ kỷ niệm ngài được cử hành vào cùng ngày. Thánh Auxentius được đề cập ở đây không nên nhầm lẫn với Thánh Auxentius, người được kỷ niệm vào ngày 14 tháng 2, đã tu hành trên núi Oxia gần Chalcedon và tham dự Công đồng Đại kết lần thứ IV. Ngài qua đời vào khoảng năm 470.

[3093] Thánh Kosmas qua đời vào đầu thế kỷ IX (khoảng năm 816) dưới triều đại của Hoàng đế chống thờ hình ảnh Leo (V) người Armenia (trị vì từ năm 813 đến năm 820).

[3094] Thánh Chariton đã tu hành vào thế kỷ III và đầu thế kỷ IV tại Palestine, nơi ngài đã thành lập ba tu viện: Sukkia ("Tu viện Cổ"), Farana và Jericho. – Ngày kỷ niệm ngài được tổ chức vào ngày 28 tháng 9

[3095] Thánh Gioan Người Hang Đá qua đời vào nửa sau thế kỷ VIII.

Lễ kính các thánh tử đạo Christopher, Theona và Antoninus

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 4

Các thánh tử đạo Christopher, Theona và Antoninus được tưởng niệm hôm nay từng là những chiến binh cầm giáo dưới triều vua Diocletian[3096] . Một lần nọ, khi chứng kiến cảnh thánh Đại Tử đạo Giô-rê-gi-ô chịu cực hình và thấy những phép lạ do ngài thực hiện, họ đã vứt bỏ vũ khí và thắt lưng quân sự của mình[3097] , rồi đứng trước mặt hoàng đế và dũng cảm tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Vì điều này, theo lệnh của hoàng đế, họ bị xiềng xích và giam vào ngục tối.

Ngày hôm sau, họ bị dẫn ra khỏi ngục tối và đưa đến trước tòa án của vị hoàng đế vô đạo, người đã ép buộc họ từ bỏ Đức Kitô. Khi các thánh tử đạo không tuân theo kẻ tra tấn, mà công khai tôn vinh Thiên Chúa chân thật, thì kẻ tra tấn đã ra lệnh treo cổ họ, dùng dụng cụ sắt để tra tấn và thiêu sống họ. Nhưng khi các thánh tử đạo vẫn kiên định không lay chuyển, hoàng đế đã ra lệnh thiêu sống họ trên ngọn lửa.

Như vậy, các thánh tử đạo này đã kết thúc cuộc khổ nạn vì Chúa Kitô[3098] .

Lễ kính Thánh Cha chúng ta là Thánh Giô-rê, vị Tuyên xưng Đức Tin, Giám mục Antiôkhia thuộc Pisidia

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 4

Thánh George, vị Tuyên xưng Đức Kitô, đã sống trong thời kỳ chống thánh tượng. Từ thuở thiếu thời, ngài đã yêu mến Đức Kitô, nên đã xuất gia và nhờ đời sống đạo đức cùng nhiều công lao và việc làm anh hùng, ngài đã trở thành nơi cư ngụ và đền thờ của Thánh Thần. Ngài được bổ nhiệm làm Giám mục Antioch của Pisidia[3099] và trong chức vụ này, ngài đã tận tụy dẫn dắt đoàn chiên được giao phó. Khi tà thuyết chống thánh tượng gia tăng dưới sự xúi giục của ma quỷ và, theo lời mời của hoàng đế, tất cả các giám mục đều vội vã tập trung tại Constantinople, thì vị thánh này, khi đến đó, đã dũng cảm bảo vệ Chính Thống Giáo và khuyên hoàng đế tuân theo các quyết định của Công đồng Giáo hội, được các vị Thánh Cha – những bậc thầy của Chính Thống Giáo – truyền lại cho chúng ta, đồng thời khuyên nhủ hãy noi gương đức tin của họ, "đừng bị lôi kéo bởi *những giáo lý khác biệt và xa lạ"* (Hê-bơ-rơ 13:9), đừng sa ngã, theo lời răn của Thánh Tông đồ Phao-lô. Ngay cả chính ngài cũng bị ép buộc phải từ bỏ việc thờ phượng các thánh tượng, nhưng ngài không tuân theo những kẻ chống thánh tượng vô đạo, vì thế ngài đã bị tước chức giám mục và bị lưu đày, nơi ngài đã kết thúc cuộc đời mình[3100] .

Lễ kính Thánh Trifon, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 4

Hoàng đế Byzantine Roman[3101] , cha vợ của Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus[3102] , có một người con trai út tên là Theophylact, người mà ngài đã hứa ngay từ khi mới sinh ra sẽ phong chức linh mục cho, đã muốn bổ nhiệm cậu làm Thượng phụ Constantinopolis nhân dịp Thượng phụ Stephen lúc bấy giờ qua đời[3103] . Tuy nhiên, vì Theophylact khi đó vẫn còn là một thiếu niên mới mười sáu tuổi, và theo các quy định của Giáo hội thì không thể đảm nhận chức vụ đó, nên tu sĩ Trifon[3104] đã được bầu làm người tạm thời nắm giữ và quản lý ngai tòa tổng

---

[3096] Hoàng đế Diocletian trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[3097] Dây thắt lưng, như một biểu tượng của ân sủng hoàng gia, thường được đeo bởi các chiến binh giữ chức vụ cao hoặc đặc biệt thân cận với hoàng đế (như các vị thánh tử đạo mà chúng ta đang tưởng nhớ, những người ban đầu đảm nhận nhiệm vụ là lính cầm giáo hoặc vệ sĩ của Hoàng đế Diocletian).

[3098] Các thánh tử đạo qua đời vào năm 303.

[3099] Pisidia – một vùng thuộc Tiểu Á.

[3100] Thánh George qua đời dưới triều đại của Hoàng đế chống thờ hình ảnh Leo (thứ 5) người Armenia (813–820).

[3101] Hoàng đế Roman (Lakapen) trị vì Byzantium từ năm 917 đến năm 944.

[3102] Constantine (VII) Porphyrogenitus trị vì từ năm 912 đến năm 959.

[3103] Thánh Stephanos II là Tổng Giám mục Constantinopolis từ năm 925 đến năm 928.

[3104] Thánh Trifon lãnh đạo Giáo hội Constantinopolis từ năm 928 đến năm 931.

giám mục, người này sẽ điều hành ngai tòa tổng giám mục cho đến khi con trai của nhà vua, Theophylact, đủ tuổi để kế vị ngai tòa Thánh.

Nhanh chóng thăng tiến qua các bậc trong hệ thống phẩm trật, tu sĩ Trifon được tấn phong làm giám mục và đảm nhận quyền quản lý Tòa Thượng phụ, là người thực sự xứng đáng với chức vụ này, vì ông đã sống một cuộc đời trong sạch. Sau khi điều hành Tòa Thượng phụ được hơn ba năm, ông đã bị cách chức khỏi vị trí này trong những hoàn cảnh sau đây.

Khi Theophylact mới chỉ tròn hai mươi tuổi, hoàng đế Roman đã bắt đầu gây áp lực để Trifon nhường ngai tòa Thượng phụ cho con trai mình. Nhưng Thánh Trifon không cho rằng có thể trao chức vụ cao quý như vậy cho một thanh niên còn trẻ và thiếu kinh nghiệm, bởi chức vụ này chỉ xứng đáng thuộc về một người đàn ông hoàn hảo cả về tuổi tác lẫn trí tuệ, am hiểu sâu sắc Kinh Thánh và có khả năng điều hành Giáo hội một cách xứng đáng.

Lúc đó, Hoàng đế Roman vô cùng buồn bã, không biết phải làm thế nào, vì ông không có bất kỳ cáo buộc nào chống lại Thánh Trifon để có thể phế truất ngài khỏi ngai tòa Thượng phụ, nhất là khi Thánh Trifon là một con người thánh thiện, có đời sống không tì vết. Trong hoàn cảnh đó, một người bạn của hoàng đế, Giám mục Theophanes của Caesarea, một người xảo quyệt, đã nói với hoàng đế:

– Bệ hạ, xin hãy giao việc này cho thần, thần sẽ giải quyết nó một cách hoàn hảo theo ý muốn của Bệ hạ.

Hoàng đế rất vui mừng trước đề nghị của Theophanes và bắt đầu nài nỉ ông ta nhanh chóng hoàn tất việc mà ông đã nhận làm.

Sau khi đến gặp Thánh Trifon, Theophanes bắt đầu trò chuyện với ngài, giả vờ một cách đạo đức giả rằng mình là người trung thành với ngài. Ông ta nói với ngài như sau:

– Thưa Đức Thánh Cha, hoàng đế đang âm mưu những mưu đồ lớn chống lại ngài: ông ta cùng những kẻ đồng lõa đang tìm kiếm cớ và lý do để lật đổ ngài khỏi ngai tòa tổng giám mục. Tuy nhiên, dù có cố gắng đến đâu, họ cũng khó lòng đạt được điều gì, bởi họ đang đưa ra một cáo buộc mà ngài hoàn toàn vô tội. Họ nói rằng ngài dường như là người mù chữ và hoàn toàn không biết viết; và vì thế, họ cho rằng ngài không xứng đáng với chức vụ tổng giám mục. Do đó, ngài hãy lo liệu từ sớm để làm họ bẽ mặt và bịt miệng họ lại, để họ im lặng. Nếu ngài muốn nghe lời tôi, thì hãy làm như sau. Trước sự chứng kiến của toàn thể hội đồng, hãy viết tên ngài và tước hiệu tổng giám mục lên một tờ giấy trắng, rồi gửi bản viết đó cho hoàng đế, để những kẻ vu khống ngài – những kẻ nói rằng ngài không biết viết – phải xấu hổ.

Thánh Trifon, vì tính cách hiền lành, đã không nhận ra mưu mô của Theophanes và cho rằng lời khuyên của ông ta là tốt, nên đã làm theo. Khi các phiên họp của hội đồng bắt đầu, tổng giám mục đã phát biểu trước mọi người như sau:

– Những người phục vụ bàn thờ Chúa đang vô ích tìm kiếm những cáo buộc chống lại tôi, những kẻ muốn lật đổ tôi khỏi ngai vàng. Tôi tin tưởng vào Đức Chúa Trời của tôi rằng họ sẽ không tìm thấy điều gì chống lại tôi, điều mà vì đó tôi có thể bị tước đoạt ngai vàng mà Đức Chúa Trời đã giao phó cho tôi, ngay cả khi họ cố gắng hết sức để đạt được điều đó. Ngoài ra, họ còn đưa ra lời buộc tội sai trái rằng tôi không biết chữ và hoàn toàn không biết viết. Này, trước mặt tất cả các bạn, tôi đang viết những dòng này, để những kẻ vu khống tôi phải xấu hổ và ngừng nói dối về tôi.

Nói xong, Thánh Trifon lấy một tờ giấy trắng và trước mặt mọi người, ngài viết lên đó như sau:

– Trifon, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, Tổng Giám mục Constantinopolis, New Rome, Tổng Thượng phụ Toàn cầu.

Tờ giấy đó sau đó được chuyển đến hoàng đế. Hoàng đế, theo lời khuyên của Thánh Theophanes, Giám mục Kessaria, đã ra lệnh dùng một bàn tay khác viết thêm những lời sau đây lên đó:

– Ta nhường ngôi Thượng phụ không phải vì lý do nào khác, mà chỉ đơn thuần vì ta tự nhận mình không xứng đáng với chức vụ này.

Sau khi thêm những lời này, hoàng đế ra lệnh đọc bản văn này trước sự chứng kiến của các công tước, các quý tộc và tất cả các quan chức. Sau đó, với sự giúp đỡ của những người đồng minh, ông đã dùng vũ lực lôi Đức Thượng phụ Trifon ra khỏi cung điện Thượng phụ và ra lệnh bổ nhiệm con trai mình là Theophylact lên ngôi Thượng phụ. Hậu quả là trong Giáo hội đã nảy sinh những xáo trộn và rối loạn lớn, bởi vì nhiều vị chức sắc trong Giáo hội vẫn tiếp tục coi Thượng phụ Trifon là người kế vị, chứ không phải Theophylact.

Trong khi đó, Đức Thánh Trifon, sau khi kiên nhẫn chịu đựng sự sỉ nhục này, đã lui về tu viện mà ngài từng cư ngụ trước khi được bổ nhiệm lên ngai Tòa Thượng phụ, và sau khi sống tại đó hai năm năm tháng, ngài đã an

nghỉ trong Chúa[3105] . Thi hài thánh thiện của ngài đã được rước về Nhà thờ Chính tòa, nơi được an táng bên cạnh lăng mộ các tổng giám mục.

Sau khi ngài qua đời, những xáo trộn và bất ổn trong Giáo hội đã chấm dứt, bởi vì sau khi Thánh Trifon qua đời, tất cả đều đồng ý với việc bầu chọn Theophylact làm Thượng phụ và tái hòa nhập vào sự hiệp thông với ngài[3106] . Người ta đã tôn vinh ngày kỷ niệm Thánh Trifon, ca ngợi và tạ ơn Thiên Chúa.

Ngày kỷ niệm Thánh Nikifor

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 4

Vị Cha vĩ đại của chúng ta, Thánh Nikifor, xuất thân từ thành phố Constantinople. Cha mẹ ngài, Andrei và Theodora, là những người thuộc dòng dõi quý tộc và rất giàu có. Họ đã dạy con trai mình biết kính sợ Thiên Chúa. Sau khi cha mẹ qua đời, Nikifor, nhận ra sự hư vô của thế gian, đã cảm thấy trong lòng khao khát dâng hiến bản thân để phụng sự Thiên Chúa. Vì vậy, sau khi phân phát toàn bộ gia tài của mình cho người nghèo, ngài đã rời Constantinopolis đến Chalcedon[3107] . Tại đây, ngài ghé thăm tu viện Thánh Andrei và, khi chứng kiến cuộc sống hoàn hảo của các tu sĩ, ngài đã quyết định ở lại sinh sống cùng họ. Không lâu sau đó, vị tu viện trưởng đã cử ngài đến đảo Phoenicia, nơi có tu viện Đức Mẹ Rất Thánh, để ngài làm tu viện trưởng tại đó và chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô. Khi đến đảo, vị thánh đã dùng nhiều phép lạ để dẫn dắt những người ngoại đạo sống ở đó trở lại đức tin vào Chúa Kitô, phá hủy các đền thờ của họ và xây dựng các nhà thờ thay thế. Bằng đời sống ăn chay và khổ hạnh, ngài đã vượt trội hơn tất cả mọi người. Sau khi sống tại tu viện ba mươi ba năm và cảm nhận được sự gần kề của giờ phút ra đi về với Chúa, ngài đã thông báo điều này cho các tu sĩ và bổ nhiệm một tu sĩ đạo đức tên là Giuse làm vị tu viện trưởng thay thế mình, còn bản thân ngài thì vội vã lên đường đến Chalcedon. Khi lên tàu, ngài lâm bệnh và nói với các thủy thủ:

– Hãy can đảm và bình tĩnh, vì tôi sắp về với Chúa. Hãy đưa thi thể tôi đến Chalcedon.

Nói xong những lời ấy, vị thánh đã qua đời. Nhờ gió thuận, con tàu nhanh chóng cập bến Chalcedon, và các thủy thủ đã đặt thi hài của vị thánh vào quan tài và an táng ngài một cách trang trọng.

Ngày 3 tháng 5

ngày 20 tháng 4 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm Thánh Anastasius, vị tu viện trưởng của Núi Sinai

Ngày tưởng niệm 20 tháng 4

Thánh Anastasius đã được nuôi dưỡng từ thuở thiếu thời trong lòng đạo đức sâu sắc, điều này thể hiện qua những lời chính ngài đã nói:

– Những ai đã nhìn thấy Chúa Kitô trong thân xác đã coi Ngài là một vị tiên tri; nhưng chúng ta, dù không nhìn thấy Ngài bằng mắt thịt, nhưng từ thuở ấu thơ, khi còn là trẻ sơ sinh và thiếu niên, đã luôn công nhận Ngài là Thiên Chúa, Đấng Toàn Năng, Đấng Tạo Hóa muôn thuở, và đã học cách tuyên xưng Ngài như ánh sáng vinh quang của Chúa Cha. Còn Thánh Tin Mừng của Ngài, chúng tôi lắng nghe với tình yêu thương sâu sắc, như thể đang thấy chính Đức Kitô đang nói chuyện với chúng tôi ngay trước mặt; khi rước viên ngọc vô tì vết của Thân Thể tinh tuyền của Ngài, chúng tôi tin rằng mình đang rước chính Đức Kitô. Và khi chúng ta chỉ nhìn thấy hình ảnh của Ngài trên bức tranh thánh, thì chúng ta thờ lạy, quỳ lạy và tôn kính Ngài, như thể đang nhìn thấy chính Ngài đang nhìn xuống chúng ta từ trời cao.

[3105] Thánh Trifon qua đời vào năm 933.

[3106] Tổng giám mục Theophylact đã lãnh đạo Giáo hội Constantinople từ năm 933 đến năm 956.

[3107] Thành phố Chalcedon nằm đối diện với Constantinopolis trên bờ châu Á của eo biển Bosphorus, thuộc tỉnh Bithynia của Đế quốc La Mã, nơi đây là thủ phủ của tỉnh.

Từ những lời của Thánh Anastasius, chúng ta thấy rõ rằng ngay từ thuở ấu thơ, ngài đã được dạy dỗ để nhận biết Đức Kitô là Thiên Chúa chân thật, tin tưởng vào Ngài, kính sợ Ngài bằng lòng kính sợ chân thành, yêu mến Ngài bằng cả trái tim và tôn kính Ngài bằng sự thờ phượng xứng đáng với Ngài.

Khi đến tuổi trưởng thành, Thánh Anastasius đã từ bỏ thế gian và, theo lời răn trong Phúc Âm, vác thập giá (Mt 16,24), đã tận tụy theo chân Chúa Kitô. Rời về tu viện, Anastasius đã khấn tu tại đó. Nhưng với mong muốn đạt đến những thành tựu cao nhất về đức hạnh và khao khát noi gương những bậc thánh nhân hoàn hảo về đức hạnh, Thánh Anastasius đã lên đường đến Giê-ru-sa-lem và định cư trên Núi Sinai, nơi ngài tu hành cùng với nhiều vị thánh nhân khác, những người đã thành công trong cuộc sống tu hành.

Vào thời điểm đó, vị tu viện trưởng của Núi Sinai là Thánh Gioan Thang Bậc[3108] . Nhờ lòng khiêm nhường và khôn ngoan, ngài đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng của sự hiểu biết thiêng liêng và sự khôn ngoan. Ngài đã soạn thảo nhiều bài giảng bổ ích cho tâm hồn, viết tiểu sử của một số vị thánh tổ phụ và được ban chức linh mục.

Sau Thánh Gioan Thang Bậc và anh trai ngài là Thánh Giorgi, Thánh Anastasius đã trở thành vị tu viện trưởng của Núi Sinai. Ngài đã nỗ lực rất nhiều trong việc vạch trần những kẻ dị giáo được gọi là "Akefaloi"[3109] , tức là "những kẻ không đầu", đã viết rất nhiều bài chống lại họ và, trong những cuộc tranh luận với họ, đã vạch trần và làm họ phải xấu hổ. Tà giáo "Akefaloi" nảy sinh tại Alexandria[3110] dưới triều đại của Hoàng đế Zeno[3111] ; những người sáng lập ra nó là những kẻ thù địch và chống đối Công đồng Đại kết lần thứ tư của các Thánh Tông đồ[3112] , diễn ra tại Chalcedon[3113] . Vào thời điểm tà giáo này mới nảy sinh tại Alexandria, có một vị tổng giám mục giả mạo và dị giáo tên là Phêrô, biệt danh là Mogos[3114] . Sau đó, Sevir cũng gia nhập tà thuyết "không đầu" này; ông được gọi là "Không Đầu" vì thuộc về tà thuyết này; chính là Sevir đó, người đã chiếm đoạt ngai tòa Thượng phụ Antioch[3115] dưới triều đại của Hoàng đế Anastasius[3116] .

Thánh Anastasius đã đánh bại tất cả những kẻ dị giáo này; không chỉ chiến đấu với họ trên núi Sinai, mà ngài còn đích thân đi khắp Syria, Ả Rập và Ai Cập, ở khắp mọi nơi nhổ tận gốc và xua đuổi tà giáo này, đồng thời củng cố Giáo hội của Chúa Kitô. Sau khi phục vụ Chúa theo cách đó trong một thời gian dài, Thánh Anastasius đã về với Chúa khi đã ở tuổi rất cao. Ngài qua đời vào thời trị vì của Hoàng đế Heraclius[3117] .

Cần lưu ý rằng có hai vị Anastasius cùng mang biệt danh "Sinai". Vị thứ nhất – lớn tuổi hơn và có chức vụ cao hơn, là Thượng phụ Antioch, người đã bị Hoàng đế Justin trục xuất một cách oan ức; còn vị thứ hai – người vừa được nhắc đến, sống muộn hơn một chút so với vị kia và từng là Bề trên của Núi Sinai.

Ngày tưởng niệm Thánh Anastasius Sinaita, Thượng phụ Antioch

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 4

Vào năm thứ 35 triều đại của Hoàng đế Justinian Đại đế[3118] , sau khi Thượng phụ Antioch Domnus Trẻ[3119] qua đời, Anastasius, có biệt danh là Sinaita, đã lên ngôi Thượng phụ, vì ngài được bổ nhiệm vào chức vụ này từ Núi Sinai.

[3108] Thánh Gioan Thang, vị tu viện trưởng Núi Sinai, một vị tu sĩ vĩ đại về đức hạnh, là tác giả của tác phẩm "Thang", trong đó mô tả những bậc thang dẫn lên con đường hoàn thiện đạo đức. Thánh Gioan sống vào thế kỷ VI – Xem tiểu sử của ngài vào ngày 30 tháng 3.

[3109] Akefaly (từ tiếng Hy Lạp "kefali" – đầu), là tên gọi được dùng để chỉ một số phe phái trong Giáo hội, chẳng hạn như phe phái tại Công đồng Ê-phê-sô (Công đồng Đại kết lần thứ ba) đã không muốn ủng hộ cả Cyril lẫn Gioan Antiôchia, cũng như phe phái đã tách khỏi Thượng phụ Alexandria khi ngài ký kết "Enotikon", – và một số phe phái khác.

[3110] Alexandria – một thành phố ở phía bắc Ai Cập, nổi tiếng từ thời cổ đại về nền giáo dục và thương mại.

[3111] Hoàng đế Zeno trị vì từ năm 474 đến năm 491.

[3112] Công đồng Đại kết lần thứ tư được triệu tập theo sắc lệnh của Hoàng đế Marcian (450–457) tại Chalcedon vào năm 451. Tại công đồng này, giáo lý về sự kết hợp hai bản tính trong một con người của Chúa Giêsu Kitô đã được xác định một cách dứt khoát.

[3113] Thành phố Chalcedon nằm ở Bithynia (vùng Tiểu Á), gần eo biển Bosphorus.

[3114] Pê-trô Mô-gô-s hoặc Mông – một người theo chủ nghĩa đơn tính, đã giữ chức tổng giám mục từ năm 477 đến năm 490.

[3115] Sevir – thủ lĩnh tà giáo, giữ chức tổng giám mục từ năm 512 đến năm 519.

[3116] Anastasius (Dicor) cai trị đế quốc từ năm 491 đến năm 518.

[3117] Hoàng đế Heraclius trị vì từ năm 610 đến năm 641.

[3118] Hoàng đế Justinian Đại đế trị vì từ năm 527 đến năm 565.

[3119] Tổng giám mục Antioch Domnus II đã lãnh đạo tổng giáo phận từ năm 546 đến năm 560.

Vào thời điểm đó, trong Giáo hội bắt đầu nảy sinh những xáo trộn, xuất phát từ những luận điệu bất kính của một số người liên quan đến Thân xác Thần thánh của Đức Kitô, cụ thể là – rằng dường như trong thời gian Đấng Cứu Thế ở giữa loài người, thân xác Ngài không phải chịu đau khổ một cách tự nguyện, không tuân theo các nhu cầu tự nhiên, và rằng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã ăn uống trước khi chịu đau khổ và phục sinh theo cùng cách thức như khi Ngài hiện ra với các Tông đồ sau khi phục sinh[3120] . Sự khôn ngoan vô đạo này bắt nguồn từ Constantinople. Chi tiết về điều này được ghi chép trong cuốn tiểu sử của Thánh Eutychius, Thượng phụ Constantinopolis[3121] . Ban đầu, Hoàng đế Justinian – người đã bị các kẻ dị giáo lôi kéo (nhưng sau đó ông đã từ bỏ tà thuyết này) – cũng đã tham gia vào sự suy diễn dị giáo này và muốn nâng giáo lý dị giáo này lên thành tín điều. Hậu quả là trong Giáo hội đã xảy ra một sự hỗn loạn lớn, đến nỗi Thánh Tổng Giám mục Eutychius, người đã chống lại tà thuyết, cũng bị phế truất khỏi ngai Tổng Giám mục.

Tất cả những ai còn do dự – do thiếu hiểu biết – không biết có nên chấp nhận giáo lý này hay không, đều chờ đợi lời khuyên và chỉ dẫn từ Thượng phụ An-ta-ki-ô An-ta-xi-ô Si-nai-ta, vì Thánh An-ta-xi-ô là một vị rất thông thạo Kinh Thánh, kiên định trong việc tuyên xưng đức tin Chính Thống và sống một đời thánh thiện. Những kẻ dị giáo đã dốc hết sức lực để lôi kéo Thánh Anastasius về phía mình, với hy vọng rằng nếu ngài chấp nhận giáo lý của họ, thì tất cả các tín hữu Chính Thống sẽ noi gương ngài. Với mục đích này, họ đã cầu xin sự giúp đỡ từ nhà vua, nhưng cuối cùng không thành công, vì Thánh Anastasius đã lên án nhà vua về sự lầm lạc của ông ấy bằng văn bản. Ngài cũng gửi các thông điệp mục vụ của mình đến các giáo sĩ và giáo dân ở khắp các vùng đất Syria, khuyên răn mọi người phải đề phòng tà thuyết nói trên. Ngoài ra, tại Antiôkhia, ngài hàng ngày giảng dạy trong nhà thờ, nhắc lại lời dạy của các Tông đồ: *"Nhưng dù chính chúng tôi hay một thiên thần từ trời xuống mà rao giảng cho anh em điều gì khác với điều chúng tôi đã rao giảng, thì người ấy sẽ bị nguyền rủa"* (Ga-la-ti 1:8).

Khi biết được tất cả những điều này, Hoàng đế Justinian đã nổi giận với Đức Thượng phụ Anastasius và muốn phế truất ngài khỏi ngai tòa, giống như đã làm với Đức Thượng phụ Eutychius của Constantinople, nhưng đột nhiên ngài cảm nhận được cái chết đang đến gần và đã từ bỏ ý định đó.

Trước khi qua đời, hoàng đế đã ăn năn về tà thuyết và ghi trong di chúc rằng Thánh Tổng Giám mục Eutychius phải được trả tự do khỏi nơi lưu đày và trở lại ngôi vị của mình. Như vậy, Justinian đã qua đời trong sự ăn năn và được xếp vào hàng các vị vua đạo đức; còn trong Giáo hội, hòa bình lại được lập lại.

Sau khi Justinian qua đời, người cháu trai của ông là Justin Trẻ[3122] đã tiếp quản việc cai trị đất nước. Dưới sự xúi giục của những kẻ dị giáo, vị vua này đã phế truất Đức Thánh Cha Anastasius Sinaita của Antioch khỏi ngai tòa, bằng cách gán cho ngài những cáo buộc bất công. Thánh Anastasius bị cáo buộc trước hết là đã không quản lý cẩn thận tiền bạc của Giáo hội và tiêu xài hoang phí; sau đó, là đã nói xấu hoàng đế khi trả lời câu hỏi của ông ta về lý do tại sao không bảo vệ tài sản của Giáo hội như sau: "Để kẻ hủy diệt toàn cầu Justin không cướp mất nó." Cũng có những người nói rằng khi Anastasius được tấn phong lên ngai tòa Antioch, lúc đó Justin – người phụ trách các cung điện hoàng gia dưới trướng chú mình là Justinian – đã mong đợi Anastasius tặng vàng, vì hắn là kẻ tham lam, ham mê tiền bạc. Nhưng Thánh Anastasius không cho ông ta bất cứ thứ gì, vì ngài suy luận một cách công bằng rằng không nên tặng vàng để đổi lấy chức thánh, bởi chức thánh không phải là thứ có thể mua được bằng vàng, mà là ân sủng do Thánh Thần ban tặng. Kể từ đó, Justin bắt đầu căm ghét Anastasius. Khi ông lên nắm quyền cai trị đất nước sau cái chết của chú mình, ông bắt đầu tìm kiếm những cáo buộc chống lại Thánh Anastasius, người vô tội, và lợi dụng những cáo buộc giả dối đó, ông đã phế truất ngài khỏi ngai vàng.

Sau khi Anastasius bị phế truất, vị tu viện trưởng của Tu viện Faran, Grigori[3123] , đã được bổ nhiệm lên ngai tòa Thượng phụ Antiochia trái với ý muốn của ngài; đây là một vị tu sĩ cũng nổi tiếng về đức tin, được Thượng phụ Thánh Sofronius của Jerusalem ca ngợi trong cuốn "Limonar". Sau khi Grigori qua đời, vị thánh Anastasios Sinait, sau 23 năm sống lưu đày dưới triều đại của Hoàng đế Mauricius[3124] , lại được đưa trở lại ngai Tòa Thượng

---

[3120] Những tư tưởng này được những người được gọi là dị giáo Autarchodoketes (từ tiếng Hy Lạp – "không hư nát") – một nhánh của dị giáo Monophysite – theo đuổi.

[3121] Xem tiểu sử của ngài vào ngày 6 tháng 4

[3122] Justin II trị vì từ năm 565 đến năm 578.

[3123] Tu viện Faran được đặt tên theo ngôi làng Faran nằm gần đó. Vị trí của tu viện này được đề cập trong cuốn tiểu sử của Thánh Euphymius như sau: "Euphymius đến tu viện có tên là Fara, cách thành thánh sáu dặm." – Grigory II cai quản Giáo hội Antioch từ năm 573 đến năm 596.

[3124] Thánh Mauritius cai quản Byzantium từ năm 582 đến năm 602.

phụ Antioch[3125] . Vào thời điểm đó, Giáo hoàng tại Roma là Thánh Grigorius Đại đế, có biệt danh là "Người Nói Hai Lời" hay "Người Đối Thoại"[3126] . Vị thánh này duy trì mối liên hệ tâm linh chân thành nhất với vị thánh Anastasios đáng kính, thông qua việc trao đổi thư từ với ngài. Khi Đức Giáo hoàng Grigorius nghe tin Anastasios đã trở lại ngai tòa của mình, ngài lập tức, với niềm vui mừng trước sự trở lại của ngài, đã gửi một bức thư đến ngài, trong đó viết như sau:

"Vinh quang thuộc về Thiên Chúa trên trời, còn trên đất hãy có hòa bình và niềm vui, vì dòng sông rộng lớn, từng để lại vùng đất đá khô cằn của Antioch, nay đã trở lại lòng sông của mình và tưới mát những thung lũng mà nó chảy qua."

Trong một lá thư khác, ngài lại viết:

"Thưa Cha thánh, ngài cho tôi biết rằng nếu có thể, ngài mong muốn được trò chuyện với tôi mà không cần giấy bút, và ngài lấy làm tiếc vì khoảng cách quá xa giữa Đông và Tây đã cản trở điều đó. Nhưng tôi nói thật rằng, ngay cả trên giấy, suy nghĩ của ngài vẫn đang trò chuyện với tôi – như thể không cần giấy vậy. Từ những lời trò chuyện của ngài, con thấy tình yêu của ngài dành cho con, và chúng ta, được kết nối bởi ân sủng của Thiên Chúa toàn năng qua mối dây tình yêu, – không bị khoảng cách chia cắt. Tại sao ngài lại mong muốn có đôi cánh bồ câu mạ vàng, mà ngài vốn đã có rồi? Vì đôi cánh ấy chính là tình yêu dành cho Thiên Chúa và người lân cận. Trên đôi cánh ấy, Giáo Hội thánh thiện cất cánh bay lên, nhờ chúng mà Giáo Hội vượt qua mọi sự trần thế. Nếu ngài, thưa Cha thánh, không có đôi cánh ấy, thì ngài đã không bay đến với con bằng tình yêu dạt dào như vậy trong lá thư này. Vậy nên, con khẩn cầu cha, xin hãy cầu nguyện cho con, kẻ yếu đuối này, để nhờ những lời cầu nguyện của cha, Chúa sẽ sớm giải thoát con khỏi những tai ương và biến động to lớn (do người Langobard gây ra cho Roma[3127]) và dẫn dắt con đến bến bờ bình an vĩnh cửu. Tôi đã nhận với lòng biết ơn những lời chúc tốt lành của ngài, mà ngài, một người của Chúa, với tinh thần khiêm nhường, đã bày tỏ với tôi và về điều đó ngài nói: "Người nghèo có thể cho đi điều gì ngoài những gì thuộc về người nghèo?" Nhưng nếu ngài không tự làm cho mình trở nên người nghèo khó về tinh thần, thì những lời chúc phúc của ngài sẽ không được hào phóng đến thế. Nguyện Thiên Chúa Toàn Năng che chở ngài bằng tấm màn bảo vệ của Ngài khỏi mọi điều ác. Và vì cuộc đời ngài vô cùng quan trọng đối với tất cả những người thiện lành, nên sau nhiều năm nữa, xin Đấng Tối Cao đưa ngài về những nơi ở vĩnh cửu của quê hương thiên đàng".

Từ bức thư này của Thánh Grêgôriô, Giáo hoàng Rôma, gửi cho Thánh Anastasios, Tổng Giám mục Antiôkhia, tình yêu thương lẫn nhau của cả hai trong Thánh Thần trở nên rõ ràng, và đồng thời, bức thư này cũng làm chứng cho lòng đạo đức và sự thánh thiện trong cuộc đời của Anastasios.

Đức Thánh Anastasios, sau khi trở lại ngai tòa được sáu năm, đã về với Chúa vào năm thứ mười bốn triều đại của Hoàng đế Mauritius.

Sau Thánh Anastasius Sinaita, một vị Anastasius khác đã lên ngôi Thượng phụ, nhưng không còn mang danh hiệu "Sinaita" nữa[3128] . Vị này đã bị người Do Thái sát hại dưới triều đại của Hoàng đế Phocas, kẻ bách hại Kitô hữu[3129] , và được các tín hữu tôn kính như một vị tử đạo của Chúa Kitô.

Cần lưu ý rằng có hai vị Anastasius mang danh hiệu "Sinai". Người thứ nhất là Thượng phụ Antioch, đã qua đời dưới triều đại của Hoàng đế Mauritius, còn người kia, được kỷ niệm vào ngày hôm nay, là vị tu viện trưởng của núi Sinai và qua đời dưới triều đại của Hoàng đế Heraclius[3130] , người kế vị của Fokas – kẻ đã giết Mauritius.

[3125] Thánh Anastasius của Sinai lần đầu tiên cai quản Tòa Thượng phụ từ năm 561 đến năm 572, và lần thứ hai từ năm 596 đến năm 601.

[3126] Thánh Grêgôriô Đôi Lời là Giáo hoàng Rôma từ năm 590 đến năm 604. Giáo hội cử hành lễ kính ngài vào ngày 12 tháng 3, ngày lễ Thánh Phêrô Tông đồ, tại nhà thờ phụ mang tên ngài. – Trong các tác phẩm của Thánh Grigori, đặc biệt nổi bật là: "Cuộc đối thoại về cuộc đời các vị cha Ý" (chính nhờ tác phẩm này mà ngài được gọi là "Đôi Lời") và "Quy tắc mục vụ", trong đó đề cập đến các nghĩa vụ của vị mục tử.

[3127] Người Langobard là một bộ tộc German; từ thời cổ đại, họ sinh sống giữa hạ lưu sông Elbe và sông Aller; từ thế kỷ IV, họ dần dần di chuyển về phía đông nam đến sông Danube và vào thế kỷ VI, họ đã chiếm lĩnh Pannonia. Từ đó, vào năm 568, họ tiến vào Ý và chinh phục toàn bộ lãnh thổ này trong cuộc chiến chống lại người La Mã phương Đông, ngoại trừ Liguria, Exarchate, Pentapolis, Công quốc La Mã, vùng Naples và cả hai bán đảo phía nam. Từ các vùng đất bị chinh phục ở miền trung Ý, Vương quốc Langobard đã được thành lập; đến năm 774, vương quốc này bị Charlemagne chinh phục, người đã nhận tước hiệu Vua Langobard. Các vị vua và hoàng đế Đức sau này, với tư cách là những người cai trị Ý, đều mang tước hiệu Vua Langobard.

[3128] Anastasius II cai quản Tòa Thượng phụ Antioch từ năm 602 đến năm 610.

[3129] Hoàng đế Phocas trị vì từ năm 602 đến năm 610.

[3130] Hoàng đế Heraclius trị vì từ năm 610 đến năm 641.

Vào thời kỳ đó cũng có những vị thánh phụ khác mang tên Anastasius, nổi tiếng nhờ đời sống đạo đức, nhưng không phải là người Sinai như vị Anastasius này, người đã lên ngôi tổng giám mục tại Antioch sau Anastasius người Sinai, và sau đó bị người Do Thái sát hại. Ngoài ra, trong cuốn "Limonar", tại các chương 48 và 49, có đề cập đến Abba Anastasius, người từng là người trông coi Mộ Thánh và Nhà thờ Phục Sinh của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, tại Jerusalem.

Lễ kính Thánh Grigori, Thượng phụ Antioch.

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 4

Thánh Grigori là vị tu viện trưởng của tu viện mang tên Faran, tọa lạc giữa núi Sinai và Raif. Nhờ sự an bài đặc biệt của Thiên Chúa, ngài đã được Thiên Chúa chỉ định một cách kỳ diệu là người xứng đáng với ngai tòa Thượng phụ. Điều này được kể lại trong cuốn "Limonar" của Đức Thánh Sofronius, Thượng phụ Giêrusalem.

Abba George người Armenia, đệ tử của Abba Sergius, đã kể lại cho chúng tôi như sau: "Vì Abba Gregory, cựu vị tu viện trưởng của Tu viện Faran, đã nhiều lần xin tôi dẫn ông đến gặp Abba Sergius, nên tôi đã cùng ông đến gặp vị tu sĩ cao niên, người lúc bấy giờ đang ẩn tu trong sa mạc gần Biển Chết[3131] . Vị tu sĩ cao niên, khi thấy ngài, đã chào đón và tiếp đãi ngài rất nồng hậu. Ông mang nước đến, rửa chân cho ngài và trò chuyện với ngài suốt cả ngày về sự cứu rỗi linh hồn, rồi ngày hôm sau cho ngài ra về. Khi Abba Grigori rời khỏi Abba Sergius, tôi hỏi vị tu sĩ cao niên:

– Thưa cha, cha có biết là con đã bị cám dỗ không? Bởi vì con đã dẫn nhiều giám mục, linh mục và các vị cha khác đến gặp cha, nhưng cha chỉ rửa chân cho Abba Grigori mà thôi, chứ không rửa chân cho ai khác?

Nghe những lời đó, vị tu sĩ già trả lời tôi:

– Tôi không biết Grigori là ai, nhưng tôi biết rằng tôi đã tiếp đón vị tổng giám mục trong hang động của mình, vì tôi thấy ngài đeo omophorion[3132] và cầm cuốn Phúc Âm trên tay.

Đó là Abba Sergius đang nói về Abba Grigori theo tinh thần tiên tri, bởi vì sau năm năm, theo ý định của Đức Chúa Trời, Abba Grigori đã được tấn phong làm tổng giám mục tại thành phố Antioch»[3133] .

Về Abba Grigori, Thượng phụ Antioch, một số vị trưởng lão đã kể lại rằng ngài đặc biệt sở hữu những đức tính sau: bố thí, không giữ hận thù, sám hối, khiêm nhường. Ngài cũng có lòng trắc ẩn sâu sắc đối với những người phạm tội, và đã rèn luyện được nhiều đức tính khác nữa. Đức Thánh Sofronius, Thượng phụ Giêrusalem, đã làm chứng về ngài như sau:

– Một vị như Đức Thượng phụ Antioch, Thánh Grigoriô, xứng đáng được xếp vào hàng các thánh và các vị thánh nhân: ngài đã bị đưa lên ngôi Thượng phụ trái với ý muốn của mình và đã sống một cuộc đời thánh thiện vì Chúa Kitô, Chúa chúng ta, vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Ngày tưởng niệm vị cha đáng kính của chúng ta, Thánh Theodoros Trichina

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 4

[3131] Biển Chết – một vùng nước mặn, có nhựa đường, nằm ở phía nam Palestine, hình thành trong thung lũng Siddim sau khi Sodom và Gomorrah bị hủy diệt. Chiều dài của nó là 70 verst, chiều rộng 25 verst. Phía bắc sâu hơn, còn phía nam thì cạn hơn. Mực nước của nó thấp hơn Biển Địa Trung Hải 1.200 foot. Sự dồi dào của các hạt muối đắng trong nước biển này khiến cho không có bất kỳ sự sống nào, không có cá, chim hay thực vật, cả trong lòng biển lẫn vùng lân cận. Những nỗ lực thâm nhập vào giữa hồ đều không thành công, và đối với nhiều người, đó là con đường dẫn đến cái chết. Nước Biển Chết có độ đặc biệt cao; rất khó để lặn xuống; những con sóng đập vào bờ đá giống như những mảnh đá vỡ.

[3132] Omophorion (tiếng Hy Lạp có nghĩa là "vai" và "gánh vác") – là một dải vải đeo vai, một phần của trang phục giám mục. Omophorion là một tấm vải dài và rộng, có hình thánh giá, được mặc bên ngoài các trang phục giám mục khác và buông xuống phía trước bằng một đầu, còn đầu kia buông xuống phía sau. Về mặt biểu tượng, omophorion tượng trưng cho con chiên lạc mà Đấng Chăn Chiên Tốt Lành đã gánh vác trên vai Ngài (Lc 15:4–7).

[3133] Thánh Grêgôriô I đã cai quản Tòa Thánh Antioch từ năm 573 đến năm 596.

Thánh Phê-ô-đô-ri-ô Trichina, tức là người mặc áo lông cừu ([3134]), là con trai của một gia đình giàu có và xuất thân từ thành phố Constantinople. Bỏ lại cha mẹ, của cải và danh vọng vì Chúa, ngài rời bỏ quê hương và nhập tu tại một tu viện hoang vắng.

Tại đó, ngài sống một cuộc đời khắc khổ đến mức cơ thể suy kiệt nghiêm trọng, khiến khuôn mặt ngài trông giống như người đã chết. Suốt những đêm dài, ngài đứng cầu nguyện và, bất chấp cái lạnh và sương giá, ngài không bao giờ che đầu mà chỉ mặc một bộ áo lông cừu gai góc, chính vì thế mà ngài được gọi là "người mặc áo lông cừu" hay "Trichinos", như đã nói. Sau đó, tu viện nơi vị thánh này đã sống cuộc đời khắc khổ cũng được đặt theo tên của ngài. Nhờ những công đức của mình, Thánh Theodor đã nhận được từ Thiên Chúa quyền năng chế ngự ma quỷ và, sau khi thực hiện nhiều phép lạ, ngài đã an lành về với Chúa[3135] . Ngài đã thực hiện những phép lạ không chỉ khi còn sống, mà cả sau khi qua đời, bởi từ thi hài thánh của ngài tuôn ra một loại dầu thơm có tác dụng chữa bệnh, nhờ đó, vì vinh quang của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, nhiều bệnh tật đã được chữa lành và các linh hồn ô uế đã bị xua đuổi.

Ngày 4 tháng 5

Ngày 21 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Cha Maximian, Tổng Giám mục Constantinopolis, người đã lãnh đạo Giáo hội trong hai năm rưỡi dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius II, và đã an nghỉ trong bình an vào ngày 12 tháng 4 năm 481.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Iannuaris

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 4

Vào thời điểm các hoàng đế vô đạo Diocletian và Maximian[3136] đang truy bức dữ dội các Kitô hữu, Đức Giám mục Iannarius đã bị bắt và bị đưa ra thẩm vấn trước Thống đốc Campania[3137] là Thánh Timotheus. Khi vị tướng quân thấy rằng Iannarius, dù bị ép buộc bằng đủ mọi cách để thờ lạy các thần tượng – lúc thì được dụ dỗ bằng những lời ngọt ngào, lúc thì bị đe dọa bằng những lời cảnh cáo – vẫn kiên định trong đức tin Kitô giáo, ông đã ra lệnh ném ngài vào lò lửa đang cháy rực để thiêu sống. Nhưng vị thánh, giống như ba thiếu niên trong lò lửa Ba-by-lôn (xem: Đa-ni-ên 3), vẫn bình an trước sức nóng của ngọn lửa, vì Thiên Thần của Đức Chúa Trời đã ngự xuống với ngài, làm mất đi sức mạnh của ngọn lửa, và vị thánh đã hân hoan giữa ngọn lửa, ca ngợi và tôn vinh Đức Chúa Trời.

Khi ngài bước ra khỏi lò, mọi người đều nhận thấy rằng ngọn lửa thậm chí còn không làm cháy cả áo quần của ngài, và họ vô cùng ngạc nhiên trước điều này. Còn vị tướng quân, cho rằng vị giám mục Kitô giáo đã bước ra khỏi lửa mà không hề hấn gì nhờ được một sức mạnh huyền bí nào đó bảo vệ, đã tràn ngập cơn thịnh nộ tột độ đối với vị thánh và ra lệnh trói ông vào máy tra tấn thật chặt, đến nỗi các bộ phận cơ thể ông bị tách rời khỏi các khớp xương, rồi ra lệnh đánh vị thánh không thương xót cho đến khi toàn thân ngài bị xé nát và xương trắng lòi ra, còn mặt đất xung quanh ngài nhuốm đỏ máu.

Trước cảnh tượng kinh hoàng ấy, hai vị giáo sĩ – phó tế Fest và độc giả Diziderius – đã đến; họ đứng giữa đám đông, với lòng kính trọng, dõi theo nỗi đau khổ của vị giám mục của mình. Vì họ lúc thì vui mừng trong lòng trước sự kiên nhẫn mà vị tử đạo đang thể hiện, lúc lại khóc thương trước những đau khổ tàn bạo mà ngài phải chịu, nên những kẻ ngoại đạo đã nhận ra qua những dấu hiệu đó rằng họ là Kitô hữu. Lúc đó, bọn vô đạo đã bắt giữ cả hai người, trói lại, rồi cùng với vị thánh tử đạo Giám mục Iannarius, dẫn theo sau vị tướng quân đến thành phố Puteoli[3138] , nơi họ bị ném vào ngục tối.

[3134] Từ tiếng Hy Lạp "trix" – tóc.

[3135] Thời gian sống của Thánh Theodorus không được biết chính xác. Điều duy nhất chắc chắn là ngài đã sống trong khoảng từ thế kỷ IV đến thế kỷ IX.

[3136] Diocletian cai trị Đế quốc La Mã từ năm 284 đến năm 305, còn Maximian và Galerius cai trị từ năm 305 đến năm 311.

[3137] Campania là vùng cực nam của miền trung Ý, nằm dọc theo bờ Biển Tyrrhenian từ núi Massica đến sông Silara.

Trong ngục tối này còn có Proclus và Sosios – hai phó tế của thành phố Puteola – cùng hai giáo dân là Eutychius và Acutio, những người bị giam giữ tại đây vì tuyên xưng Đức Kitô và đã bị kết án bị thú dữ xé xác.

Khi trời sáng, tất cả họ cùng với vị giám mục được dẫn ra quảng trường và bị ném cho thú dữ. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng được tôn vinh giữa các thánh của Ngài, đã bịt miệng các con thú, giống như Ngài đã từng bịt miệng những con sư tử trong hố sâu mà Đa-ni-ên bị ném xuống (Đa-ni-ên 6). Không một con thú nào trong số đó đụng chạm đến các thánh tử đạo, nhưng tất cả, trong chốc lát đã thay đổi bản tính hung dữ tự nhiên của mình thành sự hiền lành như chiên con, tiến lại gần Đức Giám mục thánh Iannarius và quỳ xuống dưới chân ngài. Sự kiện phi thường này đã khiến tất cả những người có mặt tại đó kinh ngạc và kinh hoàng. Trong khi đó, vị tướng quân, cho rằng điều này cũng là do sức mạnh phép thuật tưởng tượng của những người Kitô hữu, đang suy tính xem bằng cách nào để giết chết vị thánh của Thiên Chúa và tất cả những ai đang ở cùng ngài.

Trong khi ông ta, với đôi mắt tâm linh bị mù quáng, đang suy tính điều đó, thì đột nhiên ông ta cũng mất cả thị lực thể xác và cảm thấy cần có người dẫn đường, phải sờ soạng theo tường để đi. Khi vị thánh và vị tử đạo của Chúa Giê-su là Iannuarij, với lòng nhân từ, đã cầu nguyện cho kẻ hành hạ mình là tướng quân Timôthê, thì người này lập tức được sáng mắt về thể xác, nhưng không sáng mắt về tâm hồn. Dân chúng, khi chứng kiến tất cả những phép lạ này, đã tin vào Chúa Giê-su, với số lượng khoảng năm nghìn người. Còn vị tướng quân, người đã được chữa lành khỏi chứng mù đột ngột nhờ lời cầu nguyện của vị tử đạo, nhưng lại vô ơn và có trái tim chai sạn, không những không nhận ra lẽ thật, mà còn rơi vào cơn điên loạn còn tồi tệ hơn; thay vì ngợi khen Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, ông ta lại phỉ báng Ngài; bị cơn giận dữ bùng lên vì việc có quá nhiều người quay về với Chúa Kitô, ông đã ra lệnh chém đầu các thánh tử đạo bằng gươm. Như vậy, vị thánh tử đạo, Thánh Iannuaris của Đức Chúa Trời, cùng với những người đồng hành đầy lòng trắc ẩn của ngài – các phó tế Festus, Proclus và Sossius, cùng với người đọc kinh Diziderius và các giáo dân Eutychius và Acutio – đã nhận lấy vương miện tử đạo, khi bị họ chém chết bằng gươm bên ngoài tường thành Puteola[3139] .

Thi hài của các vị thánh tử đạo này đã được cư dân các thành phố lân cận rước về, trong đó mỗi thành phố nhận một vị tử đạo, mong muốn mỗi nơi đều có một vị trung gian cầu thay trước mặt Thiên Chúa. Thi hài của Thánh Tử Đạo Iannuarus được cư dân thành phố Naples rước về; sau khi rước thi hài về thành phố của mình một cách trang trọng, họ đã an táng ngài trong nhà thờ của họ. Vào thời điểm họ rước thi hài vị thánh từ thành phố Puteoli, họ đã thu thập máu của ngài đã khô cứng trên mặt đất tại đó, cho vào một bình thủy tinh và cất giữ một cách tôn kính. Khi đặt bình chứa máu này lên đầu vị tử đạo, máu lập tức tan ra và trở nên nóng bỏng, như thể vừa mới đổ ra vậy. Tại Naples cũng xảy ra nhiều phép lạ nhờ lời cầu nguyện của vị thánh tử đạo Iannuario. Đặc biệt, phép lạ sau đây được ca ngợi rộng rãi tại đó.

Có lần, núi Vesuvius[3140] phun trào một lượng lớn dung nham đến nỗi nỗi sợ hãi và run rẩy bao trùm không chỉ cư dân các thành phố lân cận mà cả những thành phố xa xôi. Nhưng khi dân chúng đến trước quan tài của vị thánh và bắt đầu khóc lóc cầu xin ngài giúp đỡ, thì dung nham lập tức chìm sâu vào lòng núi, và không có ai bị thương vong. Một phép lạ vinh quang khác cũng đã xảy ra đối với cậu thiếu niên đã qua đời.

Một người phụ nữ góa chồng tên là Maximilla có một người con trai duy nhất, và khi cậu bé qua đời, bà đã khóc than thảm thiết vì mất con. Khi đến nhà thờ, bà nhận thấy trên cửa nhà thờ có một bức tượng thánh vẽ hình ảnh Thánh Giám mục Iannuarij; nhớ lại phép lạ từng xảy ra trong Cựu Ước, cụ thể là cách Thánh Tiên tri Ê-li-sê đã làm sống lại con trai của người phụ nữ Sa-ma-ri (xem: 4 Vua 4), bà đã đặt niềm tin vững chắc vào Đức Chúa Trời và vào vị thánh được Đức Chúa Trời yêu mến, rồi làm theo gương của Ê-li-sê: bà cầm bức tượng thánh tử đạo Iannuarius, đặt nó lên thi thể con trai đã qua đời của mình, áp mắt vào mắt, môi vào môi và các bộ phận khác của hình ảnh trên bức tượng vào cơ thể người chết, rồi cầu nguyện trong tiếng khóc than và những giọt nước mắt nồng nàn, nói rằng:

– Vị thánh được Chúa yêu mến! Xin thương xót con và xoa dịu nỗi đau buồn của con: xin làm cho con trai duy nhất của con sống lại.

[3138] Puteoli là một thành phố ven biển ở Campania, gần Naples.

[3139] Các thánh tử đạo qua đời vào khoảng năm 305.

[3140] Vesuvius – ngọn núi lửa ở Ý, gần thành phố Naples. Năm 79 sau Công nguyên, núi Vesuvius phun trào lần đầu tiên, vùi lấp các thành phố Herculaneum, Pompeii và Stabiae. Kể từ đó, núi Vesuvius phun trào định kỳ, đôi khi vài lần trong một thập kỷ. Năm 1906, núi lửa này đã phun trào khá mạnh, phá hủy một số thành phố.

Khi bà cầu nguyện như vậy, con trai bà lập tức sống lại và đứng dậy khỏe mạnh. Tất cả những người tụ tập đến dự tang lễ của cậu bé, khi chứng kiến phép lạ vinh quang đến thế, đều kinh ngạc, ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa, Đấng thực hiện những phép lạ kỳ diệu qua các thánh của Ngài, và ca ngợi Thánh Tử đạo Iannuarius như vị trợ giúp nhanh chóng của họ, nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, xin Chúa ban cho chúng ta lòng thương xót của Ngài mãi mãi. Amen.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theodorus

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 4

Vào thời trị vì của Hoàng đế Antoninus[3141] , khi thành Pergia thuộc Pamphylia[3142] do tướng quân Theodotus cai quản, những thanh niên đẹp trai và vạm vỡ ở đây đã được tuyển mộ vào quân ngũ. Cùng với những thanh niên khác thuộc dòng dõi tốt, vị thánh Theodorô, người được nhắc đến ngày nay với vẻ ngoài tuyệt đẹp, cũng đã bị bắt và được dẫn đến trước tướng quân Theodotus. Tướng quân đã gắn dấu hiệu quân sự lên người ngài, cũng như lên những thanh niên khác. Nhưng thánh Theodorô lập tức gỡ bỏ nó khỏi người mình, và nói:

– Tôi đã được Vua Trời, Chúa Giêsu Kitô, đánh dấu ngay từ khi còn trong lòng mẹ, và tôi không muốn làm chiến binh cho một vị vua nào khác.

Lúc đó, vị tướng quân hỏi vị thánh:

– Ngươi sẽ làm chiến binh cho vị vua nào?

– Tôi là chiến binh của Vị Vua đã tạo dựng trời và đất!

Vị tướng quân, đoán ra rằng Theodore là người Kitô hữu, liền hỏi ông:

– Ngươi có chịu dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta không?

– Tôi chưa bao giờ và sẽ không bao giờ dâng lễ vật cho những ác quỷ ô uế, – vị thánh trả lời.

Lúc đó, vị tướng ra lệnh đánh đập ông một cách tàn nhẫn, sau đó lại gọi ông đến để thẩm vấn và hỏi:

– Giờ thì ngươi đã suy nghĩ lại chưa, ngươi có vâng lời ta và thờ lạy các vị thần không?

– Nếu ngài, – vị thánh đáp, – nhận biết được Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng ngài, thì chính ngài cũng sẽ mong muốn thờ lạy Ngài.

Sau đó, vị tướng ra lệnh đốt một đống lửa, mang đến một chiếc chảo sắt khổng lồ, đun chảy một lượng lớn nhựa cây, lưu huỳnh và sáp, đặt vị tử đạo trần truồng lên chảo và đổ nhựa cây sôi sùng sục lên người ông. Khi mọi thứ đang được chuẩn bị, Thiên Chúa bỗng nhiên thực hiện một phép lạ kỳ diệu: một tiếng ồn chói tai vang lên và một trận động đất xảy ra ngay tại chính nơi có ngọn lửa và chiếc chảo; sau đó, mặt đất tại chỗ đó nứt ra và nước tràn ra dồi dào từ khe nứt, dập tắt ngọn lửa và chiếc chảo. Còn vị thánh tử đạo thì vẫn hoàn toàn vô sự và nói với vị tướng quân:

– Này, ngươi thấy đó, việc này không phải do ta làm, mà là do Đấng Christ, Thiên Chúa của ta, Đấng mà ta phụng sự. Nếu ngươi muốn biết sức mạnh của các vị thần của ngươi, thì hãy chuẩn bị một đống lửa khác, lại đốt nóng chảo lên và ra lệnh nhân danh các vị thần của ngươi đặt một trong những binh lính của ngươi lên đó, lúc đó ngươi sẽ thấy sự bất lực của các vị thần mình và nhận ra quyền năng vô biên của Đức Chúa Trời tôi.

Nghe vậy, các chiến binh có mặt tại đó nói với vị thống đốc:

– Không, thưa ngài, xin đừng làm điều đó với chúng tôi, mà hãy làm như vậy với các thầy tế lễ của các vị thần chúng tôi. Chảo sẽ vâng lời thầy tế lễ cũng như vâng lời Theodora, và sẽ không thiêu đốt người đó, cũng như không thiêu đốt người trước.

Sau khi ra lệnh mời vị thầy tế đến ngay lập tức, vị tướng quân hỏi ông ta:

– Tên ngươi là gì?

– Dioscor, – vị thầy tế đáp, – đó là tên tôi.

Sau đó, vị tướng hỏi vị thầy tế:

– Những loại thảo dược phép thuật nào mà các tín đồ Kitô giáo bôi lên người khi họ dũng cảm bước vào lửa mà không hề bị bỏng, như trường hợp của Theodora hôm nay chẳng hạn?

[3141] Antoninus Pius – là hoàng đế từ năm 138 đến năm 161.

[3142] Pamphylia – một vùng đất hẹp ven biển ở phía nam Tiểu Á, trở thành tỉnh của Đế quốc La Mã vào năm 78 trước Công nguyên.

– Những người Kitô hữu không phải là pháp sư, – Dioscor trả lời, – nhưng danh Chúa Kitô mạnh mẽ đến nỗi, bất cứ nơi nào danh Ngài được kêu cầu với lòng tin, thì mọi bùa chú ma thuật đều tan vỡ và các quỷ dữ đều run rẩy.

– Thật vậy sao, – vị tướng quân hỏi, – Chúa Kitô mạnh hơn thần Zeus của chúng ta sao?[3143]

– Zeus và tất cả các vị thần khác chỉ là những tượng thần vô tri vô giác và điếc lác, – Dioscorus đáp, – và tôi van xin ngài đừng ép tôi nằm lên chảo lửa, nhưng nếu ngài muốn biết sức mạnh của Zeus, thì tốt hơn hết hãy ném chính ngài ấy vào lửa.

– Nhưng ai có thể làm được điều đó chứ, – vị tướng quân tiếp lời, – ai dám ném một vị thần vào đống lửa?

– Hãy ra lệnh cho tôi, – Dioscorus đáp, – và tôi sẽ thực hiện điều đó. Nếu Zeus chống cự lại tôi, thì tôi sẽ tin rằng ngài là vị thần và có thể tự giải thoát mình khỏi ngọn lửa.

– Ngươi thực sự không còn là một thầy tế nữa khi nói những lời như vậy về các vị thần, – vị tướng quân nhận xét.

– Tôi, – Dioscorus đáp, – trước đây cũng từng là một thầy tế lễ theo đức tin sai lầm giống như ngài, nhưng giờ đây, khi thấy Thánh Theodor không thể bị khuất phục trước những cực hình mà ngài áp đặt lên ngài ấy, thấy ngài ấy không bị lửa thiêu đốt, tôi đã nhận ra quyền năng của Chúa Kitô và hiểu rõ sự bất lực của các vị thần giả dối, tôi đã vững tin vào đức tin Kitô giáo và giờ đây mong muốn noi gương Thánh Theodor.

– Nếu ngươi nói vậy, Dioscor, – vị tướng quân nói, – thì hãy leo lên chảo nóng, giống như Thánh Theodor.

Lúc đó, Diokor quỳ xuống trước vị tử đạo của Chúa Kitô và nói với ngài:

– Hỡi Theodor, tôi tớ của Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật, xin cầu nguyện cho tôi.

Và vị thánh đã cầu nguyện cho Diokor. Khi Diokor bị lột trần và đặt lên chảo nung đỏ, ông đã cất tiếng kêu lớn:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã cho con được kể vào số các tôi tớ của Ngài. Vậy, xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an.

Nói xong những lời ấy, ông trút hơi thở cuối cùng, trong thời gian ngắn ngủi đã nhận được vương miện tử đạo, giống như tên cướp trên thập tự giá đã được vào thiên đàng.

Sau khi vị thánh Diôscô qua đời, thánh Phêôđôrô bị giam vào ngục tối. Sau đó, người ta lại lôi ông ra khỏi đó để tra tấn thêm một lần nữa: họ trói chân ông và buộc vào những con ngựa hoang, rồi để chúng kéo vị tử đạo đi khắp các đường phố trong thành, đồng thời thúc chúng chạy rất nhanh. Tại một chỗ gần tường thành, những con ngựa bị thúc giục đã ngã xuống và gãy xương, còn vị tử đạo thì được sức mạnh vô hình của Thiên Chúa cứu thoát; sau khi được tháo trói, ngài vẫn nguyên vẹn và không hề hấn gì, khiến mọi người đều kinh ngạc. Hai trong số những chiến binh đã trói vị thánh vào ngựa, là Socrates và Dionysius, đã kể lại cho mọi người nghe về một thị kiến kỳ diệu khác mà họ chứng kiến: trong lúc những con ngựa đang bị thúc chạy, họ thấy một cỗ xe lửa từ trời cao hạ xuống bên cạnh vị tử đạo, cỗ xe ấy đã đưa ngài đi và đặt ngài trở lại nơi xét xử mà không hề hấn gì. Khi kể lại điều này cho mọi người, các chiến binh đã kêu lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Nghe những lời này, vị tướng quân ra lệnh giam những người lính này cùng với thánh Theodoros vào ngục tối và chuẩn bị lò thiêu để tra tấn họ, đốt lò bằng ngọn lửa dữ dội trong ba ngày. Sau đó, ông ta ném vị tử đạo cùng hai người lính đã tin vào Chúa Kitô – Socrates và Dionysius – vào lò lửa đó. Ngay lập tức, từ trên cao, một loại sương thần thánh rơi xuống, tưới ướt các vị tử đạo và làm dịu ngọn lửa. Các thánh vẫn ở giữa lò lửa, như thể đang ở một nơi mát mẻ, và trò chuyện với nhau. Lúc đó, thánh Theodor nhớ đến người mẹ phúc lành của mình, người đã bị những kẻ ngoại bang bắt làm tù binh ba năm trước đó và bị đưa cùng với những tù nhân khác đến Ethiopia[3144] , và ngài đã cầu nguyện cho bà với Chúa, nói rằng:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa làm phép lạ! Xin hãy cho con thấy, bằng những cách mà chính Ngài biết, nhờ quyền năng thần thánh của Ngài, mẹ con, vì con mong được gặp bà. Đối với Ngài, mọi sự đều có thể. Xin hãy cho con thấy bà, để những người khác cũng nhận biết vinh quang của Ngài.

[3143] Zeus – vị thần tối cao trong tôn giáo Hy Lạp cổ đại, được coi là chúa tể của trời và đất.

[3144] Ethiopia hay Nubia – một vùng đất ở châu Phi, nằm phía nam Ai Cập.

Khi vị thánh cầu nguyện bằng những lời ấy, ngọn lửa dần dần tắt đi; hơn nữa, nhờ những lời cầu nguyện của vị tử đạo, mưa đã rơi xuống và làm nguội hẳn lò nung đang rực lửa, còn các thánh thì bắt đầu chuẩn bị ngủ trong đó, vì lúc đó đã là ban đêm. Sau đó, Thiên Thần hiện ra trong giấc mơ với Thánh Theodor và nói với ngài:

– Đừng buồn phiền, Thêôđôr, về người mẹ của con: con sẽ được gặp bà. Khi tỉnh giấc, vị thánh kể lại giấc mơ cho các bạn của mình; và ngay khi ngài đang kể lại điều đó, mẹ ngài tên là Philippia đã xuất hiện giữa lò lửa; khi nhìn thấy người con trai yêu quý của mình, bà vô cùng vui mừng, đã hôn lên mặt ngài và các chiến binh đang ở cùng ngài với tất cả tình yêu thương, rồi kể lại rằng bà đã đến đây từ đâu và bằng cách nào, được dẫn dắt bởi một bàn tay vô hình. Lúc đó, vị thánh tử đạo Theodoros giơ hai tay lên trời, dâng lên Thiên Chúa lời tạ ơn xứng đáng.

Sáng hôm sau, vị tướng quân thức dậy và nói với những người thân cận:

– Ta nghĩ rằng từ Thánh Phê-ô-đô-rô và các chiến binh bị ném vào lò lửa cùng ngài, chẳng còn lại một mảnh xương nào nữa.

Trong khi ông ta đang nói những lời đó, một trong những lính gác canh lò nung đã đến báo cho vị tướng quân biết rằng các vị tử đạo bị ném vào lò nung vẫn còn sống, và rằng từ tối hôm qua ngọn lửa đã tắt hẳn, được dập tắt bởi cơn mưa đổ xuống từ trên cao; sau đó người này còn nói rằng mẹ của Theodora, người đột ngột xuất hiện từ nơi bị giam cầm, đang ngồi trong lò như trong cung điện, trò chuyện về Đức Chúa Trời của người Kitô giáo với con trai mình và các chiến binh. Nghe vậy, vị tướng quân kinh hãi và hoảng sợ, tự mình bước đến gần lò và gọi thánh nữ Philippia, rồi hỏi bà:

– Bà có phải là mẹ của Theodor không?

– Vâng, đúng vậy, – bà đáp.

Lúc đó, vị tướng quân nói:

– Hãy khuyên con trai bà thờ lạy các vị thần, để nó không bị chết và không khiến bà trở thành người không con.

– Con trai tôi, – bà đáp, – như tôi đã được Chúa của tôi báo trước về nó trước khi nó được thụ thai, nó sẽ bị ngươi đóng đinh và dâng lên Chúa một của lễ ngợi khen.

– Vì chính ngươi đã tự tay định đoạt cho con trai mình phải chịu cái chết trên thập tự giá, – vị tướng quân nói, – thì hãy để mọi chuyện diễn ra như vậy.

Sau đó, vị tướng quân ra lệnh ngay lập tức đóng đinh Thánh Theodor lên thập tự giá, còn Thánh Philippa thì chặt đầu bằng gươm; còn hai chiến binh là Socrates và Dionysius thì cũng bị chém đầu bằng gươm.

Như vậy, các thánh tử đạo đã nhận được vương miện của mình. Còn Thánh Theodorus thì trong ba ngày liền vẫn còn sống khi bị treo trên thập tự giá, rồi sau đó cũng về với Chúa[3145] . Lúc bấy giờ, một số người đạo đức đã thu nhặt thi hài các thánh, quấn chúng trong những tấm vải quý giá, xức hương thơm lên, rồi an táng một cách trang trọng tại một nơi đặc biệt đã được chuẩn bị sẵn, đồng thời tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần – Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, được tôn vinh muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Isakiya, Apollos và Kodrat

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 4

Ban đầu, các thánh này là những người hầu của hoàng đế Diocletian[3146] . Khi chứng kiến những phép lạ của Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê, họ đã noi gương hoàng hậu Alexandra, người đã từ bỏ vinh quang trần thế và quay về với Chúa Kitô, nên chính họ cũng đã quay về với Chúa. Các thánh tử đạo đã dũng cảm lên án hoàng đế vì sự vô đạo và lòng tàn nhẫn của ông, chỉ ra rằng ông thậm chí còn không tha thứ cho chính người vợ của mình, người đã sinh con cho ông. Theo lệnh của vị hoàng đế vô đạo, các vị thánh tử đạo này ban đầu bị giam trong ngục tối, nơi họ phải chịu đói khát, và sau đó bị chém đầu bằng gươm vì đã tuyên xưng Đức Kitô[3147] .

[3145] Các thánh tử đạo qua đời vào nửa sau thế kỷ II.

[3146] Hoàng đế La Mã Diocletian, kẻ đàn áp tàn bạo đối với Kitô giáo, trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[3147] Các thánh tử đạo qua đời vào năm 303.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Cha Maximian, Tổng Giám mục Constantinopolis, người đã lãnh đạo Giáo hội trong hai năm rưỡi dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius II và đã an nghỉ trong Chúa vào ngày 12 tháng 4 năm 431.

Ngày 5 tháng 5

Ngày 22 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta là Thánh Phê-ô-đô-rô Si-kê-ô-ta, Giám mục Anasta-si-ô-pô-li

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 4

Tại xứ Galatia[3148] có một làng tên là Sikeia, cách Anastasiopolis – thành phố chính của vùng Ancyra (ở Tiểu Á) – 12 stade[3149] . Tại ngôi làng này, Thánh Theodoros Sikeot đã chào đời, là con của mẹ là Maria và cha là Kosmas, một người nổi tiếng, lúc bấy giờ đang phục vụ dưới triều vua Justinianus Đại đế[3150] với chức vụ người đưa tin nhanh[3151] . Khi Thánh Theodoros được thụ thai, đêm đó trong giấc ngủ, mẹ ngài là Maria đã được chứng kiến một điềm báo kỳ diệu: bà thấy một ngôi sao lớn và sáng chói hạ xuống trong tử cung của mình. Khi thức dậy, bà kể lại điều đó cho mẹ mình là Elpidia và chị gái Dispenia, những người đang sống cùng bà, rồi bà đi đến gặp một vị tu sĩ già có khả năng tiên tri, đang ẩn dật trong sự tĩnh lặng của cuộc sống ẩn tu, cách ngôi làng đó sáu stade, và kể cho ông nghe về giấc mơ kỳ lạ của mình. Vị tu sĩ già ấy, sau khi ban cho cô những lời dạy dỗ tâm linh về cuộc sống thánh thiện, đã nói:

– Đứa trẻ đang hình thành trong lòng con quả thực sẽ là một người vĩ đại, không chỉ giữa loài người mà còn trước mặt Đức Chúa Trời; còn ngôi sao sáng chói ấy báo hiệu vinh quang hoàng gia, như những nhà giải mộng thông thái đã giải thích; nhưng đối với con, điều con đã thấy không nên được hiểu là quyền lực vương giả trên trần gian, mà ngôi sao mà con đã thấy báo trước vinh quang của các đức hạnh và ân sủng của Thiên Chúa, mà Thiên Chúa sẽ ban cho con của con. Vì Chúa thường thánh hóa các tôi tớ của Ngài trong lòng mẹ trước khi họ chào đời.

Vị tu sĩ già có khả năng tiên tri đã tiên đoán như vậy cho Maria, và sau khi cho cô một vài lời khuyên, ông đã tiễn cô ra về trong bình an. Tất cả những điều này đã được Giám mục Theodosius của Anastasiopolis biết đến, và ngài cũng hiểu rằng đứa trẻ sắp chào đời sẽ trở thành ánh sáng cho thế gian.

Maria, sau khi trở về từ chỗ vị tu sĩ già, đã tuân theo lời khuyên của ông và sống một cuộc đời thánh thiện, trong sự trong sạch, cùng với mẹ và chị gái của mình. Khi đến ngày sinh nở, Maria sinh ra một cậu con trai, và theo phong tục Kitô giáo, cậu bé được rửa tội và đặt tên là Theodoros (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "Món quà của Chúa"), chính cái tên này đã báo trước rằng cậu bé sẽ là món quà vĩ đại mà Thiên Chúa ban tặng cho thế giới.

Khi cậu bé tròn sáu tuổi, người mẹ muốn đăng ký cho con trai mình vào quân ngũ từ sớm, và vì vậy đã chuẩn bị cho cậu những bộ quần áo quý giá, thắt lưng vàng cùng những vật dụng cần thiết khác cho nhiệm vụ này, và bà định lên đường đến Constantinople để giao con trai mình cho hoàng đế phục vụ; nhưng trong một giấc mơ, Thánh Đại Tử Đạo George đã hiện ra với bà và nói:

– Sao ngươi lại ấp ủ ý định như vậy đối với con trai mình? Hỡi người vợ, đừng vất vả vô ích, – Đức Vua trên trời đang đòi con trai ngươi về với Ngài.

Khi tỉnh dậy, Maria bắt đầu khóc và nói rằng cái chết đang cận kề con trai mình, vì bà nghĩ rằng cậu bé sẽ sớm qua đời; nhưng cậu bé ngày càng lớn lên cả về tuổi tác lẫn trí tuệ. Khi cậu bé được tám tuổi, mẹ cậu gửi cậu đi học, và nhờ ơn Chúa, cậu học giỏi hơn các bạn cùng lứa và được mọi người yêu mến vì tính cách tốt đẹp. Ngay cả

[3148] Galatia – một vùng ở Tiểu Á.
[3149] Stadia – đơn vị đo chiều dài, tương đương khoảng 88 sažen của chúng ta.
[3150] Justinian Đại đế, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 527 đến năm 565.
[3151] Skorokhodi – là những vệ sĩ của hoàng đế, thường tháp tùng ngài trong các chuyến đi.

trong những trò chơi trẻ con, trí tuệ sắc sảo của Theodoros cũng bộc lộ rõ: cậu kiêng kỵ việc thề thốt, nói xấu và khuyên răn các bạn khác tránh những điều đó, đồng thời xoa dịu những tranh cãi và xung đột giữa họ.

Trong nhà của những người phụ nữ này có một vị tu sĩ già tên là Stefan, người kính sợ Chúa và đạo đức, được mọi người yêu mến và kính trọng như cha vì cuộc sống đạo đức của ông. Cậu bé Theodor, khi thấy ông ấy ăn chay trong Mùa Chay Thánh cho đến tối và chỉ ăn một miếng bánh mì nhỏ với nước, đã bừng cháy lòng yêu mến Thiên Chúa và bắt đầu noi gương việc ăn chay của ông, cũng kiêng ăn cho đến tối. Khi đến giờ ăn trưa, cậu đi từ trường về nhà, mẹ cậu bắt cậu phải ăn cùng gia đình, nhưng cậu từ chối; để không bị ép buộc, cậu ngừng về nhà vào giờ thường lệ và cố gắng chỉ về vào buổi tối. Và ngay sau đó, từ nhà, cậu cùng với Stefan đi đến nhà thờ để tham dự thánh lễ như thường lệ; cùng với anh, cậu rước Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, về nhà muộn và chỉ ăn một miếng bánh mì với nước. Mẹ và cả nhà đều cố gắng thuyết phục cậu ăn cơm chín và các món ăn khác, nhưng cậu không đồng ý. Bà đã xin thầy giáo cho cậu về nhà vào giờ ăn trưa từ trường, để ít nhất bằng cách đó có thể ép cậu ăn chút gì đó, vì do kiêng ăn liên tục nên cơ thể cậu đã gầy đi rất nhiều. Còn Feodor, khi được cho về từ trường, không về nhà mà leo lên ngọn núi nằm gần đó, trên đỉnh núi có một nhà thờ được xây dựng để tôn vinh Thánh Tử đạo vĩ đại George; tại đó, vị Thánh Tử đạo vĩ đại, dường như hiện ra trước mặt cậu dưới hình dáng một chàng trai trẻ đẹp đẽ, đã dẫn cậu vào bên trong nhà thờ. Tại đó, cậu bé Feodor dành nhiều thời gian để đọc sách và dành trọn giờ ăn trưa của mình; khi bước ra khỏi nhà thờ như thể bước ra khỏi nhà, cậu lại tiếp tục đến trường. Buổi tối, khi mẹ hỏi tại sao không về ăn trưa, cậu trả lời rằng mình chưa thuộc lòng bài thơ nên bị giữ lại. Và một lần nữa, mẹ cậu lại đến gặp thầy giáo để xin cho cậu về nhà, còn thầy giáo thì thề thốt đảm bảo với bà rằng ngay từ lần đầu tiên bà xin, thầy sẽ cho Theodor về vào giờ ăn trưa cùng với các học sinh khác. Một lần, khi thấy cậu không về nhà mà leo lên núi đến nhà thờ, bà đã sai người hầu đi bắt cậu về bằng vũ lực và dùng nhiều lời đe dọa để thuyết phục cậu về ăn trưa, nhưng cậu, không nghe lời bà, vẫn giữ sự kiêng khem như thường lệ.

Khi cậu được mười tuổi, tại ngôi làng đó bùng phát một dịch bệnh khủng khiếp, khiến nhiều người tử vong; cậu thiếu niên thánh thiện Theodor cũng bị lây nhiễm căn bệnh này. Tất cả những người thân đều tuyệt vọng, vì cậu đã cận kề cái chết: lúc đó, họ đưa cậu, lúc đó đang trong tình trạng nửa sống nửa chết, đến nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả gần nhất, nơi họ đặt cậu trước bàn thờ. Trên cao trong nhà thờ, dưới cây thánh giá, có bức tranh chân dung của Đấng Cứu Thế; từ đó, hai giọt sương rơi xuống cậu thiếu niên đang ốm và chữa lành cho cậu; cậu đứng dậy và trở về nhà khỏe mạnh, ngợi khen Thiên Chúa. Vào ban đêm, khi cậu và cả gia đình đang ngủ, Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê đến bên cậu và đánh thức cậu dậy, nói:

– Hãy thức dậy đi, Theodore, bình minh đã ló rạng và đã đến giờ cầu nguyện buổi sáng, chúng ta hãy đến nhà thờ Thánh George.

Théodor vội vàng và hân hoan đứng dậy ngay lập tức. Lúc đầu, Thánh George hiện ra với cậu dưới hình dạng của Stefan, người đang sống trong nhà họ, sau đó ngài hiện ra với hình dạng thật của mình, đánh thức cậu mỗi đêm và dẫn cậu đến nhà thờ của ngài. Trên đường đi, các quỷ dữ muốn dọa nạt cậu thiếu niên bằng cách hiện ra dưới hình dạng những con sói và các loài thú khác, lao thẳng về phía cậu; nhưng vị thánh tử đạo, đi trước Theodor và cầm cây giáo trên tay, đã xua đuổi những bóng ma đáng sợ đó và trấn an cậu đừng sợ hãi. Điều này lặp lại mỗi đêm, và người mẹ cùng những người phụ nữ khác đi cùng bà, khi thức dậy mà không thấy Theodor trên giường, đều cảm thấy bối rối; họ biết rằng cậu đi nhà thờ vào ban đêm, và ngạc nhiên vì sao không ai nghe thấy tiếng cậu thức dậy, dù tối hôm trước cậu đã đi ngủ ngay giữa họ. Mẹ cậu lo lắng cho con trai, sợ rằng cậu sẽ bị thú dữ xé xác, vì lúc bấy giờ có tin đồn rằng có một con sói không chỉ bắt cắp gia súc mà còn bắt cả những đứa trẻ nhỏ; vì vậy, bà đã nghiêm khắc cấm cậu ra khỏi nhà để đến nhà thờ trước khi mặt trời mọc, bởi vì nơi đó rất hoang vắng. Bất chấp những lời đe dọa, cậu thiếu niên thánh thiện vẫn không nghe lời mẹ và vào giờ thường lệ ban đêm, được Thánh Giô-rê thúc giục cầu nguyện, cậu lặng lẽ đi đến nhà thờ mà không ai phát hiện. Một lần vào lúc bình minh, khi thức dậy, mẹ của Thánh Phê-ô-đô-rơ cùng những người phụ nữ khác không thấy cậu thiếu niên trên giường của mình và, vô cùng tức giận, họ vội vã chạy đến nhà thờ; tại đó, người mẹ túm lấy tóc cậu, lôi cậu ra khỏi nhà thờ, kéo lê cậu về nhà trong khi đánh đập, và không cho cậu đi đâu cả; đến đêm, bà trói cậu chặt vào giường để bằng mọi cách Theodor không thể trốn đi được. Đêm đó, Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê đã hiện ra trong giấc mơ của mẹ cậu và những người phụ nữ khác, tay cầm thanh gươm thắt ngang hông, ông đe dọa và nói với giọng điệu nghiêm khắc:

– Ta sẽ chém đầu các ngươi nếu các ngươi còn tiếp tục đánh đập đứa trẻ và cấm nó đến với ta.

Tỉnh dậy trong sợ hãi và kinh hoàng, các phụ nữ kể lại cho nhau nghe về sự hiện ra đáng sợ của vị tử đạo và những lời đe dọa của ngài, đặc biệt ngạc nhiên vì tất cả đều thấy cùng một hình ảnh, và họ lập tức cởi trói cho cậu thiếu niên thánh thiện, âu yếm cậu và khiêm tốn xin cậu đừng giận họ vì đã đánh cậu. Họ hỏi cậu rằng, làm sao cậu có thể ra khỏi nhà trước khi trời sáng mà không sợ thú dữ? Cậu trả lời rằng mỗi đêm, một thiếu niên rạng rỡ đều đánh thức cậu dậy và dẫn cậu đến nhà thờ, bảo vệ cậu trên đường đi khỏi những hồn ma đáng sợ. Lúc đó, các phụ nữ mới hiểu rằng vị thánh tử đạo vĩ đại George, người mà họ đã thấy trong ảo ảnh, chính là người hiện ra và bảo vệ cậu. Kể từ đó, họ không còn cấm cản Theodorus điều gì nữa và phó thác anh cho sự an bài của Đức Chúa Trời, nói rằng:

– Xin ý Chúa được thực hiện.

Vị thiếu niên thánh thiện này có một người em gái nhỏ tên là Vlatta, là con của người chồng thứ hai của mẹ cô, bà Theodora, người đã tái hôn khi còn trẻ theo sự thuyết phục của họ hàng. Cô thiếu nữ này rất yêu quý anh trai Theodora và thường theo anh đến nhà thờ vào ban ngày, cùng anh cầu nguyện và cố gắng noi gương lối sống của anh. Thánh Thần đã hành động trong cô cũng giống như trong Theodora. Không xa nhà họ có nhà thờ Thánh Tử đạo Emilian, người đã bị đóng đinh trên thập tự giá tại thành phố Ancyra, thuộc xứ Galatia, dưới triều đại của hoàng đế Julian Bội giáo[3152] , sau khi phải chịu những cực hình kéo dài[3153] . Thánh Theodor đã vào nhà thờ của vị tử đạo này và dành cả đêm ở đó để cầu nguyện. Vào nửa đêm, ngài chợp mắt và có một thị kiến: Thánh Phê-ô-đô-rô thấy mình đang đứng trước mặt vị vua ngự trên ngai vàng trong vinh quang rực rỡ, được bao quanh bởi vô số chiến binh, và bên cạnh vị vua là người vợ rạng ngời, mặc áo choàng màu tím, rồi ngài nghe thấy tiếng vị vua phán với ngài:

– Hãy nỗ lực, Theodore, để nhận được phần thưởng trọn vẹn trong Nước Trời; còn ta sẽ ban cho ngươi vinh dự ngay trên trần gian này và tôn vinh ngươi trước mặt mọi người.

Ông đã có giấc mơ này khi mới mười hai tuổi. Kể từ đó, ông bừng cháy với khát vọng và tình yêu mãnh liệt dành cho Thiên Chúa, và bắt đầu nỗ lực hơn nữa. Ông tự giam mình trong một căn phòng của ngôi nhà, ở đó từ Lễ Rửa Tội cho đến Tuần Lễ Cành Dừa, tuân giữ chay tịnh, cầu nguyện, đọc sách và chỉ trò chuyện với một mình Thiên Chúa. Trong tuần đầu tiên và tuần giữa của Mùa Chay, ông không nói chuyện với ai và sống trong sự im lặng sâu thẳm, dồn trọn tâm trí vào suy ngẫm về Thiên Chúa. Những ngày thánh của Mùa Chay đã kết thúc và Lễ Phục Sinh của Chúa Kitô đã đến; ma quỷ, kẻ thù ghét, không thể chịu đựng được việc nhìn thấy một thiếu niên đạo đức như vậy nữa, đã nghĩ ra cách để hủy hoại cậu và bày ra mưu kế như sau: vào một ngày nọ, hắn biến thành Gerontius, một thiếu niên học cùng lớp với Theodoros, đến gặp cậu và, dưới danh nghĩa rủ cậu đi dạo, dẫn cậu lên một ngọn đồi cao có tên là "Tzidrama", còn bản thân hắn thì đứng trên một tảng đá lớn, bắt đầu cám dỗ cậu ta giống như cách ma quỷ đã cám dỗ Chúa Kitô trong sa mạc (Mt 4:1–11), nói rằng:

– Nếu anh muốn, Theodor thân mến, thể hiện lòng dũng cảm của mình, thì hãy nhảy xuống từ đây đi.

Còn Theodor thì đáp lại:

– Tôi sợ, vì ở đây quá cao.

Quỷ nói với anh ta:

– Ngươi từng dũng cảm hơn tất cả bọn ta ở trường, mà giờ đây lại sợ cả điều này sao? Ta đây thì không sợ, ta sẽ nhảy xuống ngay lập tức.

Feodor đáp lại:

– Đừng làm thế, kẻo ngã xuống thì bị gãy xương đấy.

Quỷ tiếp tục thuyết phục rằng sẽ không có chuyện gì xảy ra cả; lúc đó, Feodor nói với hắn:

– Nếu ngươi làm trước và ta thấy ngươi vẫn nguyên vẹn, thì ta cũng sẽ nhảy theo.

Quỷ dữ lao mình từ trên cao xuống vực sâu đáng sợ và, khi đứng vững ở đó, nó gọi Theodor xuống. Theodor kinh hoàng khi thấy nó vẫn nguyên vẹn và tự hỏi làm sao Gerontius, người chưa bao giờ có đủ can đảm như vậy, lại có thể đột ngột nhảy xuống từ ngọn đồi cao như thế mà không bị thương. Ngay khi ý nghĩ đó lóe lên trong đầu anh – trong khi quỷ dữ từ dưới kia đang la hét và gọi Theodor đến với mình – thì ngay lập tức vị thánh tử đạo vĩ đại George xuất hiện, nắm lấy tay Theodor và nói:

[3152] Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363.

[3153] Thánh tử đạo Emilian qua đời vào năm 362. Giáo hội Công giáo cử hành lễ tưởng niệm ngài vào ngày 18 tháng 7.

– Hãy rời khỏi đây và theo ta! Đừng nghe lời kẻ cám dỗ đang tìm cách cướp lấy linh hồn ngươi; đó không phải là Gerontius, mà là kẻ thù của dòng dõi chúng ta.

Và ngài dẫn anh ta đến nhà thờ của mình, nơi Theodor ở lại rất lâu, đến nỗi mẹ và bà ngoại anh ta đã đến tìm anh, nài nỉ vị thánh trở về nhà, vì nhiều người thân và hàng xóm đã tụ tập tại nhà họ để dự tiệc và đang chờ anh. Biết rõ Lời Chúa *rằng "sự thân thiện với thế gian là sự thù địch với Đức Chúa Trời… và ai muốn làm bạn với thế gian thì trở thành kẻ thù của Đức Chúa Trời"* (Gia-cơ 4:4), ngài không nghe theo họ, mà cởi bỏ thắt lưng vàng[3154] , áo choàng quý giá và vòng cổ[3155] , rồi nói:

– Ta biết các ngươi lo sợ rằng ta sẽ không giữ gìn được những thứ này, hãy lấy hết đi, còn ta thì hãy để lại.

Và ông đã không tham dự bữa tiệc.

Théodore nghe nói về một vị tu sĩ đức hạnh tên là Glykerios, người sống ở mười dặm đường, tại một nơi hoang vắng, và ông đã lên đường đến gặp ông ấy, với mong muốn được học hỏi từ ông và nhận được lời chúc phúc. Glikerii là người có con mắt sáng suốt, ngài nhận ra sự hiện diện của Thánh Thần trong chàng trai trẻ và, đón nhận chàng với niềm vui, ngài mỉm cười hỏi:

– Con ơi, con có yêu mến đời sống tu hành không?

Cậu thiếu niên đáp:

– Con rất yêu mến, thưa cha, và khao khát được sống theo lối sống đó.

Lúc bấy giờ, vùng đất ấy đang trải qua thời kỳ khô hạn và hạn hán nghiêm trọng.

Cả hai cùng bước ra khỏi phòng tu và đi đến, rồi dừng lại trước nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả; và vị thánh Glicerius nói, quay sang cậu thiếu niên phúc lành Theodoros:

– Con ơi, chúng ta hãy quỳ gối và cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài thương xót và ban mưa xuống tưới mát cho đất đai khô cằn, và như vậy chúng ta sẽ biết liệu mình có nằm trong số những người công chính hay không.

Vị tu sĩ già làm điều này không phải vì muốn thử thách Chúa, mà vì ngài hy vọng rằng những lời cầu nguyện của Thêôđôr sẽ đặc biệt được Chúa chấp nhận. Sau khi quỳ gối, họ bắt đầu cầu nguyện, và ngay lập tức bầu trời được che phủ bởi những đám mây; khi họ kết thúc lời cầu nguyện, một cơn mưa rất lớn đã trút xuống và tưới đẫm mảnh đất khô cằn. Vị tu sĩ tràn ngập niềm vui trước ân sủng của Chúa và nói với Theodor một cách ân cần:

– Từ nay trở đi, con ơi, bất cứ điều gì con xin nơi Đức Chúa Trời, Ngài sẽ ban cho con, vì Ngài sẽ ở cùng con, củng cố con, để con ngày càng trưởng thành cả về thể xác lẫn đời sống thiêng liêng trong Chúa; còn con hãy thực hiện điều mình mong muốn khi thời điểm thích hợp đến.

Theodor, sau khi nhận lời chúc phúc từ vị tu sĩ già, đã trở về nhà mình.

Khi tròn mười bốn tuổi, cậu quyết tâm rời bỏ nhà mãi mãi để sống trên núi gần nhà thờ Thánh George, và nài nỉ mẹ cùng cả gia đình đừng cản trở ý định của cậu và đừng đến làm phiền cậu. Họ không dám cấm cản anh, vì biết rằng Chúa ở cùng anh. Feodor lên đường, đào cho mình một hang động trên núi dưới bàn thờ và ở lại đó, thường xuyên đến nhà thờ để cầu nguyện. Mẹ anh gửi cho anh bánh mì trắng và các loại chim luộc, nướng, nhưng anh đặt tất cả những thứ đó lên những tảng đá dọc đường đến nhà thờ, để cho chim chóc, thú rừng ăn, hoặc những người đi ngang qua lấy về; còn bản thân anh thì chỉ ăn bánh thánh được dâng lên nhà thờ, mỗi tối chỉ ăn một chiếc.

Cách hang động tám dặm có một nơi được cho là nơi cư ngụ của ma quỷ, được gọi là "Area"[3156] , người ta kể rằng nữ thần Diana bất chính[3157] cùng vô số quỷ dữ sống ở đó, đến nỗi không ai có thể đi qua nơi đó mà không gặp tai họa, đặc biệt là vào giữa trưa, vào tháng Bảy và tháng Tám, và nhiều người đã bị những con quỷ đó hành hạ đến chết. Thánh Phê-ô-đô-r đã nghe nói về điều này và trong những tháng đó, ngài đến nơi đó mỗi ngày và ở lại đó suốt cả ngày, trở về vào buổi tối mà không gặp bất kỳ tai họa nào từ lũ quỷ, vì chúng, khi nhìn thấy ngài, liền bỏ chạy, bị xua đuổi bởi quyền năng của Thiên Chúa. Vào tháng Giêng, trong lễ Hiển Linh, ngài cùng những người khác và các giáo sĩ đi dự lễ thánh hóa nước, ngài bước xuống nước bằng chân trần và đứng bất động như vậy cho

---

[3154] Thắt lưng thêu vàng thường được các chiến binh phục vụ bên cạnh hoàng đế (vệ sĩ) cũng như các tướng lĩnh cao cấp trong quân đội đeo. Cha mẹ của Thánh Phê-ô-đô-rô đã chuẩn bị cho ngài một chiếc thắt lưng như vậy từ khi ngài còn nhỏ (theo như cuốn tiểu sử kể lại), vì họ định cho ngài phục vụ trong quân đội tại triều đình hoàng gia.

[3155] Grivna – một sợi dây chuyền bằng vàng, được đeo như một món trang sức trên cổ.

[3156] Tên gọi này được người La Mã cổ đại dùng để chỉ một khu đất khô ráo, được nén chặt (và đôi khi được lát đá), thường được dùng để phơi và đập lúa (tiếng Latinh: area, từ arare – có nghĩa là khô ráo). Thỉnh thoảng, các trò chơi công cộng cũng được tổ chức tại đây.

[3157] Diana (tiếng Hy Lạp: Artemis) – nữ thần ánh sáng và sự sống của Hy Lạp-La Mã. Bà được tôn kính như người ban tặng sự sống tươi mới, tràn đầy sức sống của thiên nhiên. Diana cũng được coi là nữ thần sinh nở và là vị thần bảo hộ của động vật.

đến khi kết thúc toàn bộ phần hát. Sau lễ, ngài tự giam mình trong hang động của mình và giữ im lặng tuyệt đối, cho đến tận Tuần Thánh. Bà nội của cậu, bà Elpidia, người yêu thương cậu hơn cả hai cô con gái của mình, cảm thấy an ủi trước lối sống ấy của cậu và mang đến cho cậu rau củ cùng bánh mì mùa xuân làm thức ăn, mà cậu thưởng thức vào mỗi thứ Bảy và Chủ Nhật hàng tuần. Mọi người đều kinh ngạc trước ân sủng của Đức Chúa Trời nơi một thiếu niên còn rất trẻ như vậy, và trong khi ngợi khen Đức Chúa Trời, họ nói:

– *"Ngài đã giấu điều này khỏi những người khôn ngoan và thông thái, mà lại bày tỏ* cho đứa trẻ này*"* (Mt 11:25).

Cũng vậy, Đức Giám mục Theodosius của Anastasiopolis, khi nghe tất cả những điều này về Theodorus, đã rất vui mừng và ca ngợi cậu trước mọi người, nói rằng:

– Đứa trẻ này được chính Đức Chúa Trời dạy dỗ để sống một cuộc đời như vậy.

Một lần nọ, Theodor bị ốm vì lạnh, và khi cậu chợp mắt, Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê đã hiện ra và nói:

– Nguyên nhân bệnh tật của con là gì, hỡi con?

Théodore ngước nhìn và thấy một linh hồn ô uế đang đứng xa xa; cậu chỉ vào nó và nói với vị tử đạo:

– Chính tên xấu xa và ghê tởm kia đã gây ra căn bệnh này cho con.

Thánh George tóm lấy con quỷ, tra tấn nó dữ dội rồi đuổi đi, còn với Theodor, ngài nắm lấy tay cậu và nói:

– Hãy đứng dậy và khỏe mạnh đi; từ nay kẻ xấu xa và xảo quyệt đó sẽ không còn xuất hiện trước mặt con nữa.

Ngay lập tức, Theodor đứng dậy và cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh.

Đức Chúa Trời nhân từ, Đấng đã ban cho các Thánh Tông Đồ của Ngài quyền năng trên các linh hồn ô uế để trừ tà và chữa lành mọi bệnh tật nơi con người, cũng đã ban quyền năng tương tự cho thiếu niên yêu dấu của Ngài là Theodor, và cậu bắt đầu thực hiện những phép lạ để tôn vinh Đức Chúa Trời.

Một người đàn ông đã đưa con trai mình, người đang bị quỷ ám, đến nhà thờ gặp cậu, van nài cậu chữa lành cho con trai mình. Theodor, vì còn quá trẻ, không biết phải làm gì nên đã từ chối; lúc đó, người đàn ông ấy bắt đầu khóc và đưa cây roi vào tay Theodor, rồi nói:

– Hỡi tôi tớ của Chúa, hãy cầm lấy cây roi này và, trong khi đe dọa, hãy đánh con trai tôi, đồng thời nói những lời sau: "Hãy lui đi, hỡi linh hồn ô uế, khỏi cậu thiếu niên này, nhân danh Chúa của tôi."

Thánh Phê-ô-đô-rô đã làm theo lời người ấy dạy và bắt đầu quát tháo cậu thiếu niên:

– Tôi sẽ đi, tôi sẽ đi, chỉ xin để tôi lại một giờ thôi.

Khi Thánh Phê-ô-đô-rô bước đến bàn thờ, con quỷ liền gào thét:

– Ôi, nỗi đau khổ! Ôi, sức mạnh vĩ đại của Người Nazareth! Kể từ khi Người xuống trần gian, Người đã trang bị cho loài người sức mạnh chống lại chúng ta, và giờ đây, Người lại ban cho cậu thiếu niên tầm thường này quyền lực trên chúng ta. Ôi, tôi thật khốn khổ! Tôi bị trục xuất bởi một cậu thiếu niên còn quá trẻ như vậy, vì không thể chịu đựng được ân sủng mà trời ban cho cậu ta. Một tai họa lớn sẽ ập xuống dòng dõi chúng ta chỉ vì điều nhỏ nhoi này, bởi vì hắn sẽ đuổi nhiều kẻ trong chúng ta ra khỏi thân xác con người, và tai họa tàn khốc nhất đối với ta là hắn bắt đầu thử nghiệm quyền năng vừa được ban cho trên chính ta, và ta không dám quay về với cha ta là quỷ dữ, bị đứa trẻ nhỏ bé này đuổi đi. Nếu điều này xảy ra với tôi từ một người già nào đó, thì tôi sẽ không phải chịu sự tự trách và xấu hổ đến thế. Nguyền rủa ngày mà đứa trẻ đáng sợ này ra đời!

Trong khi con quỷ đang gào thét, Thánh Phê-rô lấy dầu từ ngọn đèn, xức lên đầu cậu bé bị quỷ ám, làm dấu thánh giá trên người cậu và ra lệnh cho con quỷ, nói rằng:

– Hãy ra khỏi đây ngay, hồn ma xảo quyệt, và đừng bao giờ thốt ra những lời như thế nữa.

Con quỷ gào thét bằng giọng vang dội, rồi ném cậu thiếu niên xuống chân Thánh Theodor và biến mất; còn cậu thiếu niên, nhờ ân sủng của Chúa, đã được lành bệnh. Mọi người sống trong vùng đất ấy đều biết đến phép lạ này và ca ngợi Chúa.

Thánh Phê-ô-đô-rô mong muốn noi gương đời sống ẩn tu của Thánh Gioan Tẩy Giả và Thánh Ê-li, vị tiên tri, và suy nghĩ xem mình có thể ẩn náu khỏi mọi người ở đâu. Để làm điều đó, ngài leo lên đỉnh núi cao và tìm thấy ở đó một nơi hẻo lánh, nơi ngài nhìn thấy một tảng đá lớn; ngài đã đào một hang động dưới tảng đá đó, rồi nhờ một trong các giáo sĩ, một phó tế đạo đức, mang đến cho ngài một ít bánh mì và nước vào một giờ nhất định, đồng thời khẩn cầu người ấy nhân danh Chúa đừng tiết lộ chuyện này cho ai. Ngài nhận từ vị tu sĩ bộ áo bằng lông cứng, trong khi trước đó ngài luôn mặc những bộ quần áo mềm mại do mẹ ngài cho, rồi tự giam mình trong hang động đó. Theo lời thỉnh cầu của ngài, vị tu sĩ đã lấp lối vào bằng đất, chỉ chừa lại một lỗ nhỏ để có thể đưa vào một miếng

bánh mì và một cốc nước. Thánh Theodor đã sống hai năm trong sự ẩn dật hoàn toàn, như một người đã chết được chôn cất, và không ai biết điều đó ngoài vị linh mục. Người dân trong làng đến nhà thờ và, khi không thấy Theodor ở đó, họ ngạc nhiên và bối rối không biết ông đã trốn đi đâu. Vào thời điểm đó, có các đoàn quân đi ngang qua vùng này, và một số người nghĩ rằng lính đã bắt Thánh Theodor đi cùng, nên họ đã xin vị công tước của mình cử người đến các đoàn quân để tìm kiếm người hầu của ngài; nhưng dù đã tìm kiếm kỹ lưỡng ở đó, họ vẫn không tìm thấy và cho rằng ngài đã bị thú dữ ăn thịt. Mẹ anh và cả gia đình đều khóc than thảm thiết như thể anh đã chết, và tất cả người dân trong làng đều thương xót cho anh. Sau hai năm, một linh mục, một phần vì những tiếng khóc than thảm thiết của mẹ Theodor, một phần vì lo sợ anh có thể chết vì không gian chật hẹp, đã kể lại chuyện này. Lúc đó, mọi người vội vã và hân hoan đến nơi, mở hang ra và đưa cậu bé ra khỏi đó trong tình trạng gần như đã chết. Còn cậu, ngay khi nhìn thấy ánh sáng ban ngày, đã im lặng suốt nhiều giờ liền. Đầu cậu phủ đầy vảy và giun, và những người trong nhà đã khóc khi nhìn thấy cậu, rồi đưa cậu đến nhà thờ Thánh George. Mẹ cậu muốn đưa Theodor về nhà để chăm sóc, nhưng cậu nhất quyết không chịu và vẫn ở lại nhà thờ của vị tử đạo như trước, còn đầu cậu thì sau vài ngày đã hoàn toàn lành lặn. Giám mục Theodosius của Anastasiopolis nghe tin này liền cùng đoàn linh mục đến làng này để gặp người tôi tớ của Chúa là Theodorus, và khi nhìn thấy anh, ngài đã kinh ngạc trước cuộc đời của anh. Được Thánh Thần thúc đẩy, ngài trước tiên ban phép lành cho Theodor lên các bậc thấp nhất trong hàng giáo sĩ, rồi phong chức linh mục cho anh, dù lúc đó anh mới chỉ mười bảy tuổi[3158] . Đức Giám mục đã nói về anh như sau:

– Một con người như thế này, trong đó ân sủng của Chúa ngự trị và làm trọn thời gian, xứng đáng được phong chức ngay cả trước thời hạn quy định, vì Thánh Tông đồ Phaolô đã phong chức linh mục cho Thánh Timôthê khi ngài còn rất trẻ.

Ngài quay sang Theodor và nói:

– Chúa, Đấng đã ban cho con chức tư tế, cũng sẽ ban cho con chức giám mục, để con chăn dắt đoàn chiên Lời của Ngài; nhưng trước hết, hãy nhận chức tu sĩ, hãy trưởng thành trong đức tin và việc lành, và hãy cầu nguyện cho tôi.

Nói xong và ban phước lành cho Thêôđôrô, vị giám mục trở về nơi ở của mình, còn Thêôđôrô, vị thánh, bắt đầu cử hành các lễ tế không đổ máu, đứng trước ngai vàng của Thiên Chúa một cách xứng đáng. Với mong muốn được chiêm ngưỡng các thánh địa ở Giêrusalem và tìm được một người bạn đồng hành tốt bụng, ngài lên đường và đến được Giêrusalem. Tại đó, với lòng nhiệt thành và sự kính sợ sâu sắc, ngài đã thờ lạy Thánh Giá, Nguồn Sự Sống, và Mộ Thánh của Chúa; sau khi viếng thăm các thánh địa khác, ngài cũng thờ lạy và cầu nguyện tại đó. Ông đã viếng thăm các vị thánh phụ đang sống tại đó trong các tu viện khép kín và trong đời sống ẩn tu sa mạc, được các ngài ban cho những lời cầu nguyện và phước lành; sau đó, ông đến Tu viện Hozevit, nằm gần Nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh bên bờ sông Jordan, nơi mà Đức Chúa Trời đã báo trước cho vị tổng tu viện trưởng về sự hiện diện của Thánh Phê-ô-đô-rô. Tại tu viện, theo lệnh của Đức Chúa Trời, ngài được mặc áo tu sĩ và được ban phước rồi trở về nhà.

Khi trở về, ngài tiếp tục sống tại nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê, thánh thiện phụng sự Thiên Chúa, tỏa sáng như vị tiên tri vĩ đại Mô-sê nhờ ân sủng của Chúa, tràn đầy trong ngài. Nhờ ân sủng ấy, ngài chữa lành mọi bệnh tật xảy ra với con người, và với quyền năng của mình, ngài trừ tà các linh hồn ô uế. Bà nội ông là Elpidia, dì Dispenia và em gái út Vlatta không muốn xa cách ông, nhưng khi chứng kiến cuộc sống thánh thiện của ông, họ đã cố gắng hết sức mình để noi gương ông cả trong việc ăn chay lẫn cầu nguyện, và từ thành quả lao động của mình, họ đã bố thí cho người nghèo.

Không lâu sau, dì Dispenia của ngài đã về với Chúa trong sự xưng tội tốt lành; sau lễ an táng, ngài đưa em gái Vlatta, lúc đó mới mười hai tuổi, đến tu viện nữ và để em lại đó, dâng em làm cô dâu cho Chúa Kitô, còn bà Elpidia thánh thiện thì tạm thời được ngài sắp xếp ở trong ngôi nhà gần bên mình. Sống một cuộc đời thánh thiện và trong sạch, trinh nữ của Chúa Kitô là Vlatta, sau ba năm, đã về với cung điện của Chàng Rể bất tử của mình. Khi biết tin về sự ra đi của cô, Thánh Theodor đã vui mừng tạ ơn Thiên Chúa. Còn Elpidia, theo lời khuyên của vị thánh, đã lui về một tu viện nữ gần đó, thuộc nhà thờ Thánh Tử đạo Christopher, nơi vị tu sĩ đáng kính gửi đến cho cô những thiếu nữ bị quỷ ám và bệnh tật mà ngài đưa đến để chữa lành, để Elpidia hướng dẫn họ cách cầu nguyện, ăn chay và dạy dỗ họ về đạo đức tốt đẹp. Sau khi người mẹ đáng kính của ngài vào tu viện, vì không còn ai phục vụ

[3158] Theo các quy định của Giáo hội, những người đủ 30 tuổi thường được phong chức linh mục, còn chức giám mục thì phải đủ 35 tuổi.

mình, ngài đã thuê một người làm để phục vụ ngài. Sự an bài của Thiên Chúa muốn biến Thêôđôr thành người đánh cá người (Mt 4,19) và bắt đầu gửi đến cho ngài một số người để chung sống. Trước hết, có một người tên là Êpiphaniô, còn trẻ tuổi, được thúc đẩy bởi lòng khao khát yêu mến Thiên Chúa, đã đến với ngài. Thánh Theodor rất vui mừng vì Chúa không bỏ rơi ông một mình. Sau khi tiếp nhận Epiphanius, ông đã cho anh ta mặc áo tu sĩ và hướng dẫn anh ta sống một đời sống thánh thiện đến nỗi anh ta có quyền năng trên cả ma quỷ, đuổi chúng ra khỏi con người. Ngoài ra, có một người phụ nữ đạo đức, sau khi được Thánh Theodor chữa lành bệnh tật, đã đưa con trai nhỏ của mình tên là Philumen đến gặp ngài; cậu bé này rất thông minh và biết đọc biết viết rất giỏi. Và ba người bạn đồng lứa này, những tôi tớ của Đấng Kitô, giống như ba thiếu niên xưa kia ở Babylon (xem: Đan. 3), được kết nối bởi cùng một tình yêu và lòng nhiệt thành dành cho Thiên Chúa; và giữa họ là chính Chúa, Đấng phán: *"Nơi nào có hai hoặc ba người tụ họp nhân danh Ta, thì Ta ở giữa họ"* (Mt 18,20).

Vài năm sau, khi Thánh Epiphanius an nghỉ trong Chúa, một người rất siêng năng trong việc thực hành đức hạnh là Gioan đã đến thay thế ngài. Vào thời điểm đó, có những người từ làng Protomaria đến gặp vị thánh, khẩn khoản xin ngài đến với họ, vì gần đó có một nơi bị nhiều linh hồn ô uế chiếm giữ, và không ai có thể đi qua đó mà không gặp nguy hiểm, dù là người hay súc vật, đặc biệt là vào giờ giữa trưa và lúc mặt trời lặn. Thánh Theodor, tôi tớ của Chúa, đã đến nơi đó và ra lệnh đào một hang động nhỏ, rồi tự nhốt mình trong đó suốt mùa đông và ở lại đó, sống trong sự ăn chay và cầu nguyện, cho đến Lễ Phục Sinh. Các quỷ dữ, không chịu nổi sự hiện diện của ngài ở đó, đã bỏ chạy, bị xua đuổi như thể bởi vũ khí, bởi những lời cầu nguyện của vị thánh, và nhiều lần người ta nghe thấy tiếng kêu khóc thảm thiết của lũ quỷ, than thở rằng chúng đã bị Thánh Feodor trục xuất. Người dân trong làng đó có đức tin mãnh liệt đến mức, mỗi khi đến, họ lấy đất từ hang động nơi vị thánh sống, trộn vào thức ăn hoặc đồ uống, rồi cho người bệnh và gia súc dùng như một phương thuốc chắc chắn, và nhờ đức tin của mình, họ đã được chữa lành.

Tại nơi đó có một người đàn ông sùng đạo, làm nghề rèn, vị thánh nhân đã ra lệnh cho ông ta làm một cái lồng sắt không có mái che, hẹp đến mức chỉ đủ cho một người đứng được, và trong đó, ngài đã nghĩ ra một hình thức tra tấn phi thường đối với thân thể mình. Nhiều người biết chuyện này nên đã mang các dụng cụ sắt đến cho thợ rèn, đến nỗi có đủ sắt để hoàn thành công việc; và khi chiếc lồng đã được rèn xong, người ta đã mang nó cùng với các cây thánh giá đến Sikeia cho vị thánh. Ngài đặt nó phía trên hang động của mình và thường xuyên tự nhốt mình trong đó trong thời gian dài, đứng đó như một cột đá bất động, chịu đựng mọi thời tiết khắc nghiệt. Vì chiếc lồng đó không có mái che, nên vào mùa hè, mặt trời oi bức thiêu đốt ngài, còn vào mùa đông, những đợt rét buốt tàn khốc làm cơ thể vị thánh tê cóng và cứng đờ. Bão tố và gió lốc ập xuống ngài, tuyết và mưa làm ngài ướt sũng, nhưng ngài vẫn bất động như tảng đá và cứng rắn như kim cương. Đức Chúa Trời Toàn Năng đã ban cho ngài sự kiên nhẫn vĩ đại đến mức vượt xa trí tuệ và bản tính con người, khiến mọi người kinh ngạc và tôn vinh danh thánh của Đức Chúa Trời. Thánh Phê-ô-đô-rô không chỉ chọn cái lồng sắt ấy làm nhà tù tự nguyện cho mình, mà còn tự trói buộc toàn bộ thân thể vào những xiềng xích sắt: ngài mang đôi ủng rèn sắt, đeo những chiếc găng tay sắt tương tự, khoác lên mình bộ giáp sắt nặng nề, thắt quanh người những sợi xích dày và cầm một cây gậy sắt có hình thánh giá ở đầu. Ngài sắp xếp cuộc sống của mình như sau: sau lễ Giáng Sinh, cho đến lễ Hiển Linh, ngài bước vào hang động với những sợi xích sắt nặng nề quấn quanh người, ở lại đó không thể ra ngoài cho đến lễ Phục Sinh; sau lễ Phục Sinh, ngài lại tự giam mình trong lồng sắt. Bằng gánh nặng của xiềng xích sắt và nhà tù tự nguyện ấy, ngài hành hạ thân xác mình, tra tấn và áp bức nó như một nô lệ và tù nhân, để nó không khơi dậy cuộc chiến nội tâm. Trong Mùa Chay Thánh, ngài tuyệt đối không ăn bất cứ thức ăn nào ngoài rau củ và bánh mì mùa xuân, và chỉ ăn vào ngày thứ Bảy và Chủ Nhật. Chúa đã khiến các loài thú hoang dã trong sa mạc phục tùng ngài; chẳng hạn, một con gấu đáng sợ đã đến với ngài trong ba năm liền và nhận thức ăn từ tay ngài, cũng như con sói cũng được ngài nuôi dưỡng. Các loài thú đến rồi đi khỏi vị thánh không gây hại gì cho con người hay động vật, dù có ai đó tình cờ gặp chúng đi chăng nữa. Điều này xảy ra nhờ quyền năng kỳ diệu của Đức Chúa Trời, Đấng đã tôn vinh vị thánh nhân của Ngài, người luôn tôn vinh Ngài.

Một lần nọ, có một người bị bệnh hủi khắp người đến gặp Thánh Phê-ô-đô-rô, người đang ẩn dật trong lồng, mong được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài. Vị thánh bảo người bệnh cởi bỏ quần áo, lấy nước rồi cầu nguyện với Đức Chúa Trời như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng con, Đấng đã dùng vị tiên tri Ê-li-sê của Ngài để chữa lành bệnh phong hủi cho Na-man, người Sy-ri[3159] và chính Ngài, bởi lòng nhân từ của Ngài, đã hạ mình xuống với chúng con và trở thành Con Người, đã dùng lời nói để chữa lành những người bị bệnh phong hủi: xin hãy nhìn

xuống chúng con và nước này, xin ban phước lành cho nó và ban cho nó sức mạnh chữa lành, để nó có thể chữa lành bệnh phong hủi cho người đang đứng trước mặt này, nhằm tôn vinh danh thánh của Ngài.

Sau khi cầu nguyện và làm dấu thánh giá trên mặt nước, ngài đã rưới nước lên đầu và khắp thân thể người bệnh; ngay lập tức, người bệnh được chữa lành khỏi bệnh phong và ra về khỏe mạnh, ca ngợi Thiên Chúa. Cũng có một linh mục bị bệnh phong, tên là Collirius, đã đến gặp vị thánh; ngay khi vừa mặc áo của ngài vào, người ấy lập tức được chữa lành. Chứng kiến cuộc đời và những phép lạ của Thánh Theodoros, Thánh nữ Elpidia đã vui mừng trong tâm hồn. Bà đã dẫn dắt nhiều phụ nữ vào đời sống tu hành và hướng dẫn họ sống đời thánh thiện, vì chính bà cũng rất đức hạnh và noi gương cháu trai mình trong những việc làm thiêng liêng. Elpidia biết được sự ra đi sắp đến của mình qua một sự mặc khải mà bà đã nhận được, và bà đã đến thăm lần cuối cùng cũng như chào tạm biệt vị tu sĩ cháu trai của mình, rồi kể cho anh nghe về thị kiến của mình, nói rằng:

– Con yêu quý và ánh sáng của đôi mắt mẹ! Trong thị kiến, con đã thấy một thiếu niên vô cùng xinh đẹp, mặc áo sáng màu, có mái tóc vàng óng và trông giống như Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê, như chúng ta thường thấy hình ảnh ngài trên các bức thánh tượng. Ngài đã đến gặp con, hỏi về con, mong muốn biết từ con về lối sống và việc hát Thánh vịnh của con. Con đã kể cho ngài nghe mọi điều một cách chi tiết. Ngài nói với con rằng:

– Khi hát các thánh vịnh, hãy nói như thế này: *"Hỡi các núi và các đồi, hãy chúc tụng Chúa!"* (Đan. 3:75).

Rồi ông nói:

– Hỡi người vợ, bà đã nhận được ân sủng lớn lao từ Thiên Chúa, khi được chứng kiến cháu trai mình trong tình trạng như vậy; còn tôi, người trợ tá của ngài, bà cũng nợ tôi rất nhiều, nhưng trên hết, chúng ta phải tạ ơn Đấng Chủ Tể và Đấng Đồng Tạo Hóa, Đấng đã ban ân sủng cho cháu trai bà được kể vào số các tôi tớ thánh của Ngài. Hãy an lòng đi, vì bà đã vất vả cho đến giờ phút này.

Thánh nữ Elpidia, sau khi kể lại thị kiến của mình cho Thánh Theodor và trao cho ngài nụ hôn cuối cùng, đã trở về phòng tu của mình; tại đó, sau khi ốm một thời gian ngắn, bà đã về với Chúa và được Thánh Theodor an táng một cách trang trọng. Sau khi bà được an táng, có một người từ thành Ankyra đến và báo tin cho vị thánh rằng mẹ ông, bà Maria, đã qua đời, đồng thời khuyên ông nên cử người đến nhận tài sản của bà, vì bà qua đời mà không có người thừa kế. Vị thánh đáp lại:

– Ngươi nói dối, vì mẹ ta chưa qua đời.

Nhưng người được cử đi vẫn khẳng định rằng mình đã tận mắt thấy bà đã chết, vị thánh lại nói:

– Điều đó không đúng, bà ấy chưa qua đời đối với tôi, linh hồn bà ấy sẽ không bao giờ chết, mà ngay cả bây giờ bà ấy vẫn còn sống và sẽ sống mãi mãi.

Và ngài không hề để ý đến tài sản còn lại, còn bản thân ngài, sau khi ăn chay suốt một tuần, đã dâng lên Chúa những lời cầu nguyện tha thiết cho linh hồn bà. Trong thời gian vị thánh sống trong hang động, một quản lý nhà thờ từ Galatia thuộc Iliopolis đã đến gặp ngài và thông qua người hầu của mình, gửi đến ngài lời thỉnh cầu đầy nước mắt, nói rằng:

– Xin thương xót tôi, tôi tớ của Chúa, trong nỗi buồn đã ập đến với tôi: tôi đã sai một người hầu đi quyên góp tiền cho nhà thờ, nhưng anh ta, sau khi thu được tiền, đã bỏ trốn; tôi đã đuổi theo hắn khắp nơi, tìm kiếm mà không thể tìm thấy hắn, xin ngài cầu nguyện với Chúa để Ngài chỉ cho tôi thấy hắn, vì toàn bộ tài sản của tôi cũng không đủ để bù đắp cho nhà thờ những gì người đầy tớ của tôi đã mang đi.

Vị thánh đáp lại:

– Nếu ngươi hứa sẽ tha cho người đầy tớ của ngươi mà không trừng phạt, cũng không lấy thêm gì của hắn nữa, mà chỉ lấy lại những gì hắn đã lấy đi, thì Chúa sẽ an ủi ngươi và đưa hắn vào tay ngươi. Nếu ngươi không hứa, thì ngươi sẽ không tìm thấy hắn.

Người quản gia hứa không chỉ không đánh anh ta và không lấy thêm gì nữa, mà còn tự mình bù đắp, miễn là có thể trả lại tài sản của nhà thờ, và nói:

– Tôi và các con tôi sẽ phải sống trong cảnh khốn cùng, nếu tôi không thể trả lại cho nhà thờ những tài sản đã bị đánh cắp.

Lúc đó, vị thánh đáp lại:

– Hãy về nhà trong bình an và đừng lo lắng, hãy tin cậy vào Chúa, vì Ngài sẽ sớm an ủi ngươi.

Người quản lý, được an ủi, đã trở về nhà với niềm tin tuyệt đối vào lời của vị thánh. Kẻ trốn chạy, người đã cướp tài sản của nhà thờ, bỗng dưng bị chặn lại, như bị trói chặt, tại một nơi gần làng có tên là Nicaea, và không thể bước thêm một bước nào nữa; hắn tưởng mình đang chạy rất nhanh, trong khi thực tế vẫn đứng nguyên tại chỗ.

Những người tình cờ đi qua con đường đó đã nhận ra tên tội phạm, bắt giữ hắn và dẫn hắn đến gặp người quản lý. Nhờ vậy, tất cả những gì hắn đã lấy được đã được trả lại cho nhà thờ, và người quản lý đã giữ lời hứa không làm điều ác nào nữa, thả hắn ra, rồi lại đến gặp vị tu sĩ để dâng lời tạ ơn.

Một lần nọ, vào dịp Lễ Ngũ Tuần, có một người đàn ông dẫn vợ mình, người đang bị quỷ ám, đến. Khi Thánh Phê-đô-rơ trừ tà, con quỷ đã la lên:

– Ôi, khốn khổ thay! Sao ngài lại giận tôi, Đấng nghiền nát sắt[3159] , tôi có lỗi gì đâu, vì tôi vào người bà ấy không phải do ý muốn của mình. Tôi được phái đến từ nhà tiên tri Theodoros, người được gọi là Karappos, đang sống ở Mazamia.

Vị thánh nhân của Đức Chúa Trời, nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, đã ra lệnh cho linh hồn ác quỷ và trục xuất nó khỏi người phụ nữ đó. Và vào mùa hè năm đó, vào tháng Sáu, dân làng Mazamia, sau khi nghe tin về những phép lạ do Thánh Theodor thực hiện, đã đến gặp ngài, khóc lóc van nài ngài đến giúp họ xua đuổi đàn châu chấu, vốn đã ập xuống như một đám mây trên những cánh đồng và vườn tược của họ. Vị thánh đi cùng họ, vào nhà thờ của họ và dành cả đêm ở đó để cầu nguyện; sáng hôm sau, ngài ra đồng lúa, cử hành lễ cầu nguyện chung tại đó, rồi cầm ba con châu chấu lên, dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa cho dân chúng; và trong lúc cầu nguyện, những con châu chấu đã chết trong tay ngài. Ngài tạ ơn Thiên Chúa, rồi nói với dân chúng:

– Hãy trở về nhà thờ đi, hỡi các con, vì Chúa sẽ sớm ban ân sủng của Ngài cho chúng ta.

Và khi trở về nhà thờ, vị thánh đã cử hành Thánh lễ, và sáng hôm sau, dân chúng thấy rằng tất cả bọ cánh cứng đều đã chết. Théodore Karappos, người sống ở vùng đó, bừng lên lòng ghen tị với Thánh Théodore, vì trước đó ông ta đã tức giận vị thánh này vì đã trừ tà khỏi người phụ nữ, con quỷ mà chính tên phù thủy đó đã ám vào cô ta. Vì tức giận vị thánh và ghen tị với quyền năng kỳ diệu của Thiên Chúa nơi ngài, tên phù thủy đã triệu tập những con quỷ dưới trướng mình, ra lệnh cho chúng tấn công Thánh Theodoros Sikeotas và tra tấn ngài đến chết. Nhưng chúng không thể đến gần ngài, bởi vì vị thánh luôn có lời cầu nguyện trên môi, và lũ quỷ phải chờ cho đến khi ngài chìm vào giấc ngủ; nhưng khi vị thánh đang ngủ, ân sủng của Thiên Chúa, như ngọn lửa tỏa ra từ ngài, thiêu đốt và xua đuổi lũ quỷ; chúng lại quay trở lại và lao vào vị thánh, nhưng một lần nữa, bị thiêu đốt và xua đuổi, chúng phải trở về trong nhục nhã trước mặt kẻ đã sai chúng đi, và kẻ đó với sự bực bội đã quở trách chúng, nói rằng:

– Quả thật, sức mạnh của các ngươi thật hèn mọn; nếu các ngươi không thể đến gần người đang ngủ, thì khi người ấy tỉnh táo, các ngươi có thể làm gì được cho người ấy?

Và lũ quỷ khẳng định, nói rằng:

– Ngay khi chúng tôi đến gần ngài, ngọn lửa rực rỡ bốc ra từ miệng ngài và thiêu đốt chúng tôi, điều mà chúng tôi không thể chịu đựng nổi.

Nhà phù thủy, bị kích động bởi sự thù hận và ghen tị ngày càng lớn, đã tẩm chất độc chết người vào con cá và gửi con cá đó làm quà tặng cho vị thánh. Vị thánh nhân của Chúa, được ân sủng của Chúa Kitô che chở, trong bữa ăn thường ngày đã nếm thử con cá đó và vẫn bình an vô sự. Nhà phù thủy Theodoros Karappos rất ngạc nhiên trước điều này, và, khi nhận ra quyền năng của Thiên Chúa và sự yếu đuối của ma quỷ, lòng ông tràn ngập sự cảm động; ông đến gặp vị thánh nhân, quỳ xuống dưới chân thánh của ngài, xưng thú tội lỗi của mình trong nước mắt, đốt cháy những cuốn sách phù thủy, từ bỏ những việc làm của Satan, và nhận phép rửa thánh.

Khi trở về tu viện, vị thánh nhân lâm vào cơn bệnh nặng và chờ đợi cái chết, vì ngài đã thấy các Thiên thần thánh thiện đến với mình và nghĩ rằng họ đã muốn rước linh hồn ngài đi; ngài khóc lóc thảm thiết vì chưa sẵn sàng để chết. Trên đầu ngài có bức tượng thánh của hai vị bác sĩ từ thiện Cosmas và Damian; họ đã hiện ra với ngài trong giấc mơ và theo thói quen của các bác sĩ, họ sờ nắn các mạch máu trên tay ngài và trò chuyện với nhau, như thể đã tuyệt vọng về sự sống của ngài, bởi vì sức lực của ngài đã suy yếu. Họ nói với ngài:

– Anh khóc và đau buồn vì điều gì vậy, anh em?

Người bệnh đáp:

– Vì con chưa ăn năn trước mặt Chúa, thưa các cha, và vì con phải để lại đàn chiên nhỏ bé này, vốn chưa hoàn toàn đi theo con đường chân chính và vẫn còn cần nhiều lời dạy dỗ.

Các vị thánh nói với anh ta:

– Anh có muốn chúng tôi cầu xin Chúa cho anh được kéo dài cuộc đời không?

[3159] Tên gọi này được đặt cho Thánh Theodor vì những hành động khổ hạnh của ngài khi tự hành xác bằng các dụng cụ sắt khác nhau, như được kể lại trong cuốn tiểu sử của ngài.

Người bệnh đáp:

– Nếu các ngài làm điều đó và xin cho tôi thời gian để sám hối, thì các ngài sẽ là những người mang lại nhiều ân huệ cho tôi và sẽ nhận được phần thưởng nhờ sự sám hối của tôi.

Các thánh quay sang các Thiên thần, xin họ hãy chờ đợi một chút, trong khi các ngài đến trước mặt Đức Vua và Thiên Chúa để cầu xin Ngài vì Theodora. Các Thiên thần đã hứa, và các Thánh Tử đạo Cosmas và Damian đi đến Đức Vua Toàn Năng, Đức Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng xưa kia đã ban thêm mười lăm năm tuổi thọ cho Ê-xê-ki-a[3160] , và sau khi khẩn cầu Ngài ban thêm tuổi thọ cho Theodorus, các ngài sớm trở về, mang theo một thiếu niên, giống như các Thiên thần ấy, nhưng tỏa sáng rực rỡ hơn. Thiếu niên ấy nói với các Thiên thần như sau:

– Hãy để Thê-ô-đô-rô được sống, vì các ngài đã khẩn cầu Đức Chúa Tể của muôn vua, Đấng vinh quang, và Ngài đã truyền cho chàng được ở lại trong xác thịt.

Và ngay lập tức, các Thiên thần thánh cùng với chàng trai rực rỡ ấy đã trở về trời. Còn các thánh Cosmas và Damian thì nói với Theodorus:

– Hãy đứng dậy, anh em ơi, và hãy chăm sóc bản thân cùng đoàn chiên của mình: Đấng Chủ Tể nhân từ và đầy lòng thương xót đã nhận lời cầu nguyện của chúng tôi cho anh và ban cho anh sự sống, để anh có thể làm việc không phải là việc hư nát, mà là việc tồn tại trong sự sống đời đời, nhằm mang lại sự cứu rỗi cho nhiều linh hồn.

Nói xong, hai vị thánh bác sĩ bỗng biến mất. Thánh Theodor tỉnh lại, cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh, liền đứng dậy ngay lập tức, ngợi khen Thiên Chúa và với lòng nhiệt thành, ông dốc lòng vào việc hát Thánh vịnh và ăn chay.

Nhờ ân sủng Thiên Chúa ban cho, ngài đã thực hiện những phép lạ, chữa lành đủ loại bệnh tật và trừ quỷ bằng lời nói. Tin tức về những phép lạ của ngài lan truyền khắp nơi; nhiều người kinh ngạc và cảm động, bỏ nhà cửa để đến với ngài và thực hành đời sống tu hành. Ngoài ra, nhiều người đã được ngài chữa lành không rời xa ngài, mà ở lại đây để phục vụ các nhu cầu của tu viện; bởi khi có đông đảo các tu sĩ tụ họp, một tu viện lớn đã được thành lập, và Theodore trở thành vị tu viện trưởng tại tu viện của mình; nhưng vì nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo George quá nhỏ và không thể chứa hết những người đến tham dự các nghi lễ thánh ca thường lệ, nên vị thánh đã lo liệu xây dựng một nhà thờ khác, không xa nhà thờ cũ, mang tên Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael, rộng rãi hơn, và, sau khi sắp xếp cho các tu sĩ ở đó, ngài đã cử môn đệ của mình là Philumen đến gặp Giám mục Anastasiopolis để nhận lễ phong chức linh mục và bổ nhiệm người đó làm Bề trên của tu viện này; còn bản thân ngài thì chuyên tâm vào đời sống im lặng.

Có nhu cầu về một bình thánh bằng bạc để cử hành Thánh lễ, vì trước đó, bí tích này được cử hành trong một bình thánh bằng đá cẩm thạch. Vị thánh đã sai phó tế của mình đến Constantinople để mua một chiếc bình bạc dùng cho việc cử hành Thánh lễ; khi chiếc bình đã được mua và mang về cho ngài – một chiếc bình sạch sẽ, được chế tác tinh xảo – thì vị thánh đã từ chối nó, không muốn cử hành Thánh lễ trong đó, vì ngài đã nhận ra rằng chiếc bình đó không phù hợp, đen xỉn và bốc mùi hôi thối. Phó tế ca ngợi tay nghề khéo léo và bạc tinh khiết của chiếc bình, nhưng vị thánh nói:

– Ta cũng thấy, con ơi, rằng chiếc bình được làm rất đẹp và bằng bạc tốt, nhưng nó đã bị ô uế bởi sự dơ bẩn vô hình; và nếu con không tin ta, thì chúng ta hãy cầu nguyện để Chúa mở mắt tâm hồn con, và con sẽ thấy.

Ngay khi họ quỳ gối cầu nguyện xong, không chỉ vị phó tế mà cả các anh em có mặt tại đó đều nhìn thấy một chiếc bình đen như than vừa lấy ra khỏi lò, và họ đều kinh ngạc. Khi vị phó tế cầm chiếc bình lên, nó lập tức trở lại sạch sẽ và sáng bóng như trước. Ông cầm nó mang đến Constantinople gặp , một thợ kim hoàn mà ông đã mua chiếc bình từ đó, và kể cho ông ta nghe lý do tại sao Thánh Phê-đô-rô không nhận nó. Thợ kim hoàn bắt đầu suy ngẫm về nguồn gốc của số bạc đó, và chợt nhớ ra rằng nó thuộc về tài sản bất chính của một người phụ nữ lăng loàn; ông kinh ngạc trước sự sáng suốt của vị tu sĩ đáng kính, xin lỗi, rồi nhận lại chiếc bình và đổi lấy một chiếc khác, tinh khiết nhất, đồng thời cầu xin những lời cầu nguyện thánh thiện cho bản thân.

Vị phó tế trở về, mang chiếc bình vào tu viện, kể cho cha và các anh em nghe rằng chiếc bình đầu tiên được làm từ loại bạc nào, và tất cả đều ngợi khen Đức Chúa Trời và kinh ngạc trước sự sáng suốt của vị thánh.

[3160] Ê-xê-ki-a – vua Giu-đa, sống vào thế kỷ VIII trước Công nguyên. Câu chuyện về việc ngài được tiên tri Ê-sai chữa lành một cách kỳ diệu được kể lại trong Sách Các Vua 4.

Một lần nọ, từ làng Vuzij, gần Gracianopol, có những người đến gặp Thánh Theodor vì lý do sau đây: họ đang xây một cây cầu đá bắc qua con sông, và khi đào đá từ đất trên ngọn đồi lân cận và đẽo các tấm ván, họ thấy vô số quỷ dữ trồi lên từ hố, chúng tấn công con người và động vật, hành hạ họ; còn một số khác thì như những tên cướp, mai phục trên đường đi, làm bị thương những người qua lại. Những người đến đã khẩn cầu vị thánh nhân đến làng của họ và giải thoát họ khỏi sự tấn công của quỷ dữ, và Thánh Theodorus đã đi cùng họ, đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời. Và ngay khi ngài vừa đến gần làng của họ, những con quỷ đang ẩn náu trong thân xác con người, cảm nhận được sự hiện diện của ngài, đã lao ra đón ngài, la hét:

– Ôi khốn khổ, ôi tai họa! Sao ngài lại rời Galatia mà đến đây, hỡi kẻ đập nát sắt? Chúng tôi biết ngài đến đây để làm gì, nhưng sẽ không nghe lời ngài, như những linh hồn ở Galatia đã làm; chúng tôi còn độc ác và mạnh mẽ hơn chúng nhiều!

Vị Thánh nhân, sau khi quát mắng chúng và ra lệnh im lặng, sáng hôm sau đã tập hợp dân chúng, rước Thánh giá đi quanh cả làng, rồi leo lên đỉnh đồi và dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện nồng nhiệt trong một thời gian dài. Và ngay lập tức, những con quỷ đã thoát ra khỏi đó, nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời, lại xuất hiện ở đó dưới hình dạng ruồi, chuột, thỏ rừng, và ngài đã đuổi tất cả chúng vào một cái hố, làm dấu thánh giá lên đó, rồi ra lệnh lấp đất và đá vào, và như vậy ngài đã giải thoát ngôi làng khỏi tai họa của lũ quỷ. Cũng bằng cách tương tự, ngài đã giải thoát nhiều làng mạc, vùng đất và ngôi nhà khác khỏi ma quỷ, đồng thời trục xuất những linh hồn xảo quyệt khỏi vô số người, những linh hồn này run rẩy chỉ khi nghe đến tên ngài.

Trong số các môn đệ của vị thánh, có nhiều người nổi tiếng và vĩ đại nhờ những đức hạnh của mình. Chẳng hạn, vị thánh hạnh phúc Arsin, một ẩn sĩ sống trong một căn phòng chật hẹp, luôn giữ im lặng, chỉ ăn vào ngày thứ ba: một ít bánh mì và rau sống hoặc rau luộc cùng một lượng nước vừa đủ; còn trong Mùa Chay Thánh, ngài chỉ ăn vào thứ Bảy và Chủ Nhật, và đó cũng chỉ là thức ăn khô. Hai vị tu sĩ khác là Evagrius và Andrei cũng sống cuộc đời như vậy, với các nơi ẩn tu của họ nằm không xa Arsina. Thánh Theodor rất vui mừng trước lối sống chân chính của họ và tạ ơn Thiên Chúa. Cả ba người đều đồng ý đi đến Giê-ru-sa-lem để hành hương đến các thánh địa và xin cha cho phép họ ra đi với lời chúc phúc. Ngài đã đồng ý, và họ đã đến đó, thăm viếng tất cả các tu viện và nơi ẩn tu lân cận. Evagrius mong muốn ở lại đó, và khi đến tu viện của Thánh Savva, ông sống một cuộc đời thánh thiện, qua chính những việc làm của mình, ông đã chứng tỏ mình là môn đệ của Thánh Theodoros. Còn Arsin và Andrei thì trở về với vị cha ở Galatia và xin ngài cho phép họ được sống ở những nơi khác nhau để tu tập trong sự im lặng. Với sự ban phước của cha, Andrei đã định cư trên ngọn đồi Vriana, cách tu viện tám dặm. Còn Arsin thì lui về vùng núi của Potamia, nơi ông chọn cho mình một chốn xa lánh các làng mạc của con người, nơi mà người ta đồn đại là nơi cư ngụ của ma quỷ. Tại đó, ông cầu nguyện và thốt lên:

– Lạy Chúa, nhờ những lời cầu nguyện của cha con là Thêôđôrô, xin hãy gìn giữ con, kẻ tội lỗi này, và bảo vệ con khỏi những mưu mô của ma quỷ, đồng thời giúp con làm đẹp lòng Ngài tại nơi này.

Trước hết, ông xây cho mình một căn phòng nhỏ bằng gỗ và trú đông trong đó; sau đó, ông dựng lên một cột cao và, sau bốn mươi năm sống trên đó với lòng kiên nhẫn vĩ đại, ông đã về với Chúa. Còn Elpidius, nhờ sự hướng dẫn của Thánh Phê-ô-đô-rô, đã tiến bộ đáng kể trong các đức tính. Sau vài năm ở cùng cha, ông đã ra đi về phía đông với sự chúc phúc của ngài, định cư gần núi Sinai và, sau một thời gian dài sống trong im lặng, đã qua đời một cách công chính; sau khi ông qua đời, nơi này được các vị thánh cha Sinai đặt tên là "Sự im lặng của Elpidios".

Cũng vậy, Leontius, môn đệ của Thánh Phê-ô-đô-rô, cha của chúng ta, đã nổi tiếng trong đời sống ẩn tu; ngài sống trong im lặng gần Permatia và, được ban ân sủng tiên tri, đã tiên đoán tương lai. Chẳng hạn, ngài đã tiên đoán về cuộc xâm lược của người Ba Tư, cũng như việc ngài sẽ bị họ sát hại – điều này đã trở thành sự thật, bởi khi ngài từ chối ra khỏi căn phòng im lặng của mình, ngài đã bị người Ba Tư giết ngay tại đó. Sau đó, Thánh Theodoros, người đã tu hành trên núi Drakonion, cùng Thánh Stefan bên sông Psilia và nhiều môn đệ khác của Thánh Theodoros đã tỏa sáng nhờ những việc làm thiện lành; một số sống cùng ngài, còn những người khác thì định cư tại các nơi hoang vắng khác nhau.

Thánh Theodoros nảy sinh mong muốn được một lần nữa viếng thăm các thánh địa ở Giê-ru-sa-lem, và ngài đã dẫn theo hai môn đệ của mình lên đường. Vào thời điểm đó, tại Palestine, nơi có thành phố Giê-ru-sa-lem, trời không mưa và đất đai khô cằn, con người và súc vật đều phải chịu cảnh thiếu thốn do khan hiếm nước; tất cả các rãnh mương và hồ chứa nước, nơi tích tụ nước , đều đã cạn khô. Dân chúng đã cầu nguyện rất nhiều, xin Chúa ban mưa, nhưng không được, bởi vì Chúa đã dành ân sủng đó cho vị thánh nhân của Ngài là Thánh Theodoros và vì

thế đã dẫn ngài đến Palestine. Ở đó có một số người đến từ xứ Galatia, những người đã biết Thánh Theodoros và nghe nói về những phép lạ của ngài; họ nói với dân chúng:

– Chúng tôi biết một vị thánh cha ở quê hương mình, người có thể chỉ bằng một lời cầu nguyện mà làm cho mưa tràn ngập cả vũ trụ, giống như tiên tri Ê-li xưa kia.

Khi vị thánh đến Giê-ru-sa-lem, ngài đã cúi đầu thờ lạy Thánh Giá và Mộ Thánh của Chúa Kitô, những người từ Ga-la-ti đã nhận ra ngài, và chẳng bao lâu sau, tin đồn về ngài lan truyền khắp thành thánh cũng như các tu viện và thánh đường lân cận. Các tu sĩ tụ tập đông đảo, và tất cả các giáo sĩ vây quanh vị thánh, vui mừng vì ngài đã đến với họ, và xin ngài nhân danh Đức Thượng phụ cầu xin Chúa ban mưa xuống vùng đất khô cằn. Vị thánh từ chối, vì tự nhận mình là kẻ có tội và không xứng đáng, nhưng họ nài nỉ ngài và nói:

– Thưa Cha, chúng con hy vọng rằng khi Cha kết hợp những lời cầu nguyện của mình với lời cầu nguyện của các vị cha khác, thì Đức Chúa Trời sẽ thương xót chúng con và ban mưa xuống đất.

Và vị thánh nói với họ:

– Nếu các con tin như vậy, thì xin cho điều đó xảy ra theo đức tin của các con.

Sau khi cử hành nghi thức rước thánh giá, khi dân chúng đang đi trong đoàn rước, vị thánh đã quay sang họ và nói:

– Hãy thay quần áo đi, hỡi các con, các con sẽ ướt sũng, vì nhờ đức tin của các con mà Chúa sẽ sớm tỏ lòng thương xót.

Khi họ đã ra khỏi thành, ngài ra lệnh dừng lại tại một nơi, rồi giang hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện hết lòng; ngay lập tức, một đám mây nhỏ xuất hiện từ phía tây, ngày càng lớn dần và chỉ trong chốc lát đã che phủ cả bầu trời. Vị thánh, sau khi kết thúc lời cầu nguyện, ra lệnh cho đám đông đang cầu nguyện nhanh chóng quay trở lại để tránh cơn mưa. Bất ngờ, một cơn mưa xối xả đổ xuống, và mọi người vội vã chạy vào thành phố đến nhà thờ, vì ai nấy đều ướt sũng. Mưa không ngừng cho đến khi tưới đẫm cả mặt đất và lấp đầy mọi rãnh nước, hồ chứa và hố sâu. Thánh Theodor, lo ngại rằng người ta sẽ ca ngợi và tôn kính ngài vì phép lạ này, đã cùng hai môn đệ rời khỏi thành phố và trở về tu viện Sikeos ở Galatia của mình. Nhưng ngay cả tại quê hương mình, ở nhiều vùng lân cận, theo lời thỉnh cầu của dân chúng, ngài cũng đã thực hiện những phép lạ tương tự: làm mưa rơi, thanh lọc không khí, làm tăng sản lượng hoa màu trên đồng ruộng và vườn cây, ngăn chặn lũ lụt và dự báo tương lai.

Ngài đã tiên đoán với Tướng Mauricius, người đang trên đường trở về Constantinople sau cuộc chiến với Ba Tư qua Galatia và đã đến gặp vị thánh để xin lời cầu nguyện và phước lành, rằng ông sẽ trở thành hoàng đế. Và khi điều đó trở thành sự thật, Mauricius[3161] đã viết thư cho vị tiên tri của mình, vị thánh cha này, xin những lời cầu nguyện cho bản thân và vương quốc của mình, đồng thời còn thêm rằng: "Hãy xin tôi bất cứ điều gì ngài muốn." Thánh Theodoros đã cử Thánh Philumen đến gặp ông và viết thư đề nghị nhà vua cấp lúa mì cho tu viện để giúp đỡ đông đảo người nghèo đến đây mỗi ngày. Vua bấy giờ đã ra lệnh cho các quan chức của mình ở Galatia rằng hàng năm họ phải cấp cho tu viện của Thánh Theodor sáu trăm chetverik lúa mì, và ngoài ra, ngài còn hiến tặng những bình thánh quý giá cho nhà thờ.

Thấy đoàn chiên của mình ngày càng đông đúc và đông đảo người dân đổ về tu viện của ngài để cầu nguyện và xin chữa lành, ngài đã dỡ bỏ nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê, vốn rất nhỏ, và xây dựng một nhà thờ lớn một cách kỳ diệu: ngài ra lệnh cho một tảng đá khổng lồ vốn đứng bất động phải dịch chuyển khỏi vị trí cũ sang một nơi khác. Và khi người ta đang chở vôi chưa hòa tan từ vùng lân cận Evarziya về để xây dựng nhà thờ, thì đột nhiên một đám mây mưa ập đến, và những người thợ lo sợ rằng vôi có thể bốc cháy và thiêu rụi xe ngựa cùng gia súc; lúc đó, Thánh Phê-đô-rô đã dùng lời cầu nguyện của mình chia đôi đám mây, và cơn mưa lớn trút xuống hai bên đường, trong khi không một giọt mưa nào rơi xuống vôi hay xe ngựa cho đến khi tất cả được vận chuyển đến công trường xây dựng nhà thờ và dỡ xuống khỏi xe.

Khi việc xây dựng nhà thờ sắp hoàn tất, Đức Giám mục Timôthê của Anastasiopolis, người kế nhiệm Thêôdôsiô, đã qua đời, và người dân đã đến gặp Đức Tổng Giám mục Phaolô của Tổng giáo phận Ancyra để xin ngài bổ nhiệm Đức Thánh Cha Thêôdorô, vị Tổng tu viện trưởng của Tu viện Sikea, làm Giám mục cho thành phố của họ. Tổng giám mục rất vui mừng và đã sai người đi đón Thánh Theodosius để đưa ngài đến gặp mình một cách trang trọng. Lúc bấy giờ, vị tu sĩ đáng kính này đang ẩn dật trong một hang động, sống trong sự im lặng và siêng năng thực hành các lời cầu nguyện thường lệ của mình. Khi các giáo sĩ và cư dân Anastasiopolis đến gặp ngài để

[3161] Mauricius trị vì từ năm 582 đến năm 602.

xin ngài đồng ý làm giám mục cho họ, ngài không thèm nghe, nhưng họ đã dùng sức mạnh mở cửa phòng tu của ngài, đưa vị thánh ra, đặt ngài lên cỗ xe của giám mục và đưa ngài về Ancyra trong niềm vui và hân hoan. Khi các tu sĩ của ngài khóc lóc và than thở vì cha của họ sắp rời xa họ, ngài đã sai người truyền đạt với họ rằng:

– Đừng buồn rầu, các anh em, nhưng hãy tin tôi rằng tôi sẽ không bỏ rơi các anh em. Trên đời này không có gì có thể chia cắt tôi khỏi các anh em.

Và như vậy, vị thánh nhân đã được Đức Tổng Giám mục Pavlô của Ankiria tấn phong làm Giám mục Anastasiopolis, mặc dù ngài không muốn nhận chức vụ này. Khi ngài nhận chức vụ đó, một vị thánh nhân nổi tiếng đã có một thị kiến như sau: một ngôi sao rực rỡ, vĩ đại từ trời cao hạ xuống nhà thờ và bằng những tia sáng của mình, không chỉ chiếu sáng thành phố và đất nước, mà còn chiếu sáng tất cả các vùng đất và thành phố lân cận. Quả thật, vị thánh này trên ngai giám mục, như ngọn nến trên giá nến, đã trở thành ánh sáng cho thế gian, soi sáng và làm kinh ngạc cả vũ trụ bằng vô số phép lạ và tấm gương đời sống cao quý của ngài. Ngài thường xuyên viếng thăm tu viện Sikeot của mình và an ủi các tu sĩ, đồng thời đã làm phép thánh hóa nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê, được xây dựng nhờ sự tận tụy của ngài. Không thể kể chi tiết được ngài đã thực hiện những phép lạ nào và bao nhiêu phép lạ khi còn là giám mục; ngài đã gánh vác những công việc nặng nhọc, luôn tận tâm chăm lo cho đoàn chiên được giao phó. Tuy nhiên, vị thánh đáng kính cũng không ít lần đau buồn vì sự im lặng của ngài đã bị gián đoạn, và trong lòng ngài luôn ấp ủ khát vọng mãnh liệt là từ bỏ chức giám mục để trở lại tu viện và tiếp tục sống trong sự im lặng.

Vài năm sau, Thánh Theodor lại nảy sinh mong muốn đến viếng các thánh địa ở Jerusalem; ngài đã dẫn theo hai tu sĩ từ tu viện của mình là Phó tế trưởng Gioan và Martin, cùng lên đường; khi đi thăm các thánh địa, ngài không tiết lộ chức vụ giám mục của mình, mà chỉ đi như một vị tu sĩ bình thường.

Ngài nảy sinh ý định không trở về nơi ở của mình, mà sẽ ở lại đó trong một tu viện nào đó, vì ngài nhận ra rằng chính chức vụ giám mục đã buộc ngài phải từ bỏ những việc tu hành. Và thế là ngài đến Tu viện Thánh Savva, xin một căn phòng nhỏ và sống trong im lặng từ lễ Giáng sinh cho đến lễ Phục sinh. Sau lễ Phục sinh, hai anh em đã cùng ngài đến đây, là Gioan và Martin, không ngừng khuyên ngài trở về nhà, nhưng ngài không muốn nghe theo họ. Và vào một đêm nọ, trong giấc mơ, Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê đã hiện ra với ngài, trao cho ngài một cây gậy và nói:

– Hãy mau rời khỏi đây và chúng ta sẽ trở về quê hương; không cần thiết phải nán lại đây khi đã rời bỏ quê hương.

Theodor nói:

– Tôi không thể về nhà, vì tôi không muốn làm giám mục.

Vị tử đạo đáp lại:

– Ta sẽ sớm giải thoát ngươi khỏi chức vụ này; chỉ cần ngươi trở về thôi, vì có rất nhiều người đang thương nhớ ngươi.

Sau lời khuyên nhủ đó, vị thánh nhân đã dẫn theo hai môn đệ của mình và trở về quê hương. Khi đến gần Galatia, ngài ghé vào Tu viện Druini mà ngài tình cờ gặp trên đường và ra lệnh cho những người đi cùng không được tiết lộ danh tính của ngài. Các tu sĩ của tu viện này từ lâu đã nghe nói về vị thánh Theodor như một con người phi thường và mong muốn được gặp ngài. Không bị các tu sĩ ở đó nhận ra, vị thánh nhân bình thản lưu trú tại nhà khách của tu viện, được người tiếp đón khách là Anikit tiếp đón, và khi các đệ tử của Thêôđôr bị hỏi về vị trưởng lão, rằng ông là ai, thì họ trả lời rằng ông đang lữ hành từ một vùng đất xa xôi nào đó. Trong bữa tối, ngài nhìn các đệ tử đang ăn uống với niềm vui đặc biệt, vì họ đang đói, và nói với họ:

– Quả thật, các con ơi, chúng ta đang ăn như người Galatia vậy.

Và một giờ sau, ông lặp lại điều đó. Nghe vậy, Anikita thầm nghĩ, không biết vị tu sĩ già này có phải đến từ Galatia không. Buổi tối, khi như thường lệ vị tu sĩ già nằm xuống đất để nghỉ đêm, Anikita gọi riêng hai môn đệ lại và thuyết phục họ nói ra danh tính của vị tu sĩ già này; lúc đó họ mới tiết lộ với ông rằng đó chính là Thánh Phê-ô-đô-rô, vị thánh làm phép lạ ở Si-kê-ô, Giám mục Anasta-si-ô-pô-lơ, và ngay lập tức Anikita vội vã báo tin này cho Bề trên Stephanos và các tu sĩ. Niềm vui của họ thật lớn lao khi được gặp người mà họ hằng mong mỏi được gặp. Đã đến giờ hát kinh buổi sáng, và khi vị tu sĩ già đứng dậy và đi về phía nhà thờ, vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ đã đón ngài ngay tại cửa, quỳ xuống dưới chân ngài, cúi đầu kính lễ ngài như một vị thánh làm phép lạ và giám mục, đồng thời xin ngài ban phước lành. Họ nài nỉ vị thánh ở lại với họ vài ngày, để được chiêm ngưỡng khuôn mặt giống như thiên thần của ngài, được thỏa lòng với những cuộc trò chuyện ngọt ngào, và vị thánh đã ở lại với họ khá

lâu. Chẳng bao lâu, tin đồn về ngài lan truyền khắp cả nước, và nhiều người dân đã đến tu viện, đưa những người bệnh của họ đến gặp vị thánh, và ngài đã chữa lành tất cả mọi người nhờ ân sủng của Chúa Kitô.

Sau đó, vị thánh trở về với đoàn chiên của mình và, trong khi tiếp tục các công việc mục vụ thường ngày, ngài không ngừng suy nghĩ về việc từ bỏ chức giám mục. Hơn nữa, vị thánh Antiókhios, người ẩn tu, khi trở về từ Constantinopolis và tình cờ ghé thăm ngài, cũng đã khuyên ngài như vậy; bởi vì vị Antiókhios này được cử từ phương Đông đến gặp vua Mauricius để xin sự bảo vệ cho thành phố Synophrinus khỏi kẻ thù. Thánh Antióch là một cụ già, đã sống được một trăm năm; trong sáu mươi năm, ngài không uống rượu hay dầu ô liu, và trong ba mươi năm, ngài không ăn bánh mì mà chỉ ăn các loại cỏ đắng trộn với muối và giấm, cùng uống nước. Vị thánh cha đáng kính này, trên đường đi qua Galatia và Anastasiopolis, đã được vị thánh nhân tiếp đón tại nhà mình với sự tôn kính và niềm vui, an ủi ông và được an ủi rất nhiều qua những cuộc trò chuyện thiêng liêng với ông. Thánh Antioch đã nói về Theodoros với các môn đệ của mình:

– Cho đến nay, tôi chưa từng thấy một vị thánh nào giống như vậy. Chúa đã cho tôi biết cuộc đời của ngài.

Cũng vậy, Thêôđôr đã nói với các anh em của mình về Antiôkhô:

– Trong cả sa mạc phương Đông, tôi chưa từng thấy hay nghe nói về một tôi tớ của Chúa nào như vậy.

Thánh Phê-ô-đô-rơ đã xin lời khuyên hữu ích từ Thánh Antê-ô, đồng thời nói với ngài về ý định từ bỏ chức giám mục; còn Thánh Antê-ô thì khen ngợi ý định đó và khuyên ngài sớm thực hiện điều mình mong muốn.

Khi Antioch ra về, Thánh Theodor cảm thấy đau buồn vì việc tài sản nhà thờ bị đánh cắp; hơn nữa, ngài còn có một số kẻ thù bí mật trong giáo phận, những kẻ bị kẻ thù vô hình xúi giục để nảy sinh lòng ghen tị và thù hận; một lần nọ, theo sự cho phép của Thiên Chúa, họ đã cho ngài uống thuốc độc, và vị thánh đã nằm bất động, không nói năng gì trong ba ngày như thể đã chết, đến nỗi trong thành phố đã lan truyền tin đồn về cái chết của vị thánh. Sau ba ngày, Đức Mẹ Thiên Chúa, Nữ Vương chí thánh của chúng ta, đã hiện ra với ngài và báo cho ngài biết nguyên nhân của căn bệnh do chất độc được cho ngài một cách bí mật, đồng thời chỉ ra những kẻ thù ghét đã cho ngài chất độc đó; rồi Người lấy từ chiếc khăn mà Người đang cầm trên tay ba hạt, đưa cho ngài và nói:

– Hãy ăn đi, từ nay trở đi ngươi sẽ không còn phải chịu đựng bất kỳ điều ác nào nữa.

Sau khi ăn những hạt này, vị thánh đã tỉnh lại, cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh và, đứng dậy, ngài tạ ơn Đức Kitô Thiên Chúa và Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội. Ngài không vạch trần những kẻ thù độc ác của mình và cũng không nói về họ với ai, nhưng đã dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa cho họ, để Ngài đừng tính điều này là tội lỗi cho họ. Ngài luôn cầu nguyện với Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê, xin ngài giải thoát ngài khỏi chức vụ giám mục, như đã hứa trong giấc mơ, khi vị tu sĩ không muốn trở về từ Palestine đến Galatia.

Không thể không nhắc đến việc tại Anastasiopolis đã được quy định một khoản thuế, phải nộp trong suốt một năm để trang trải chi phí bữa ăn của giám mục từ các điền trang của Giáo hội, với số tiền là ba trăm sáu mươi lăm đồng vàng. Từ khoản thuế này, Thánh Theodorus chỉ chi tiêu bốn mươi đồng vàng cho các bữa ăn trong cả năm, phần còn lại ngài dâng cho Giáo Hội thánh thiện, còn những khoản bố thí đến từ các nguồn khác, ngài phân phát cho người nghèo. Cuối cùng, khi quyết định từ bỏ chức vụ giám mục một cách dứt khoát, Thánh Phê-đô-rô trước hết đã dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện sốt sắng và kéo dài trong nhiều ngày, để ý định của ngài không bị coi là tội lỗi; và sau khi nhận được sự cho phép từ Thiên Chúa qua sự mặc khải, ngài đã tập hợp toàn thể hàng giáo sĩ và tất cả các công dân, rồi nói với họ:

– Các anh em biết rằng các anh em đã ép buộc tôi rời khỏi tu viện và bắt tôi phải gánh vác trọng trách giám mục; lúc đó tôi đã nói với các anh em rằng tôi không xứng đáng để lãnh đạo các anh em, nhưng các anh em đã không nghe lời tôi và làm theo ý mình. Và thế là, đã mười một năm trôi qua, tôi khiến các anh em buồn phiền và bản thân tôi cũng buồn phiền vì các anh em. Tôi khẩn khoản xin các anh em, hãy tìm cho mình một vị mục tử có thể làm vừa lòng các anh em; còn tôi thì giờ đây không thể tiếp tục làm giám mục của các anh em nữa, và tôi sẽ trở về, như một tu sĩ tầm thường, về tu viện của mình, nơi tôi đã hứa sẽ phụng sự Chúa cho đến cuối đời.

Sau những lời đó, ngài đưa phó tế trưởng Gioan từ tu viện của mình đi gặp Tổng giám mục Pavlô của Ankir, để xin ngài bổ nhiệm một giám mục khác cho Anastasiopolis. Một cuộc tranh cãi lớn đã nổ ra giữa hai người: tổng giám mục nhất quyết không muốn để vị tu sĩ đáng kính Theodorus ra đi, bởi vì, theo lời ngài, không thể tìm được người nào khác xứng đáng với chức vụ này. Còn Theodorus thì kiên quyết từ chối và nói rằng gánh nặng này vượt quá khả năng và sức lực của ngài. Cần phải báo tin này về Constantinople cho Đức Thánh Cha , Đức Thượng Phụ Kyriakos[3162] và Đức Vua đạo đức Mauritius. Theo sự mách bảo của Đức Chúa Trời, họ đã viết thư

cho Đức Tổng Giám mục Ankyra, yêu cầu ngài đừng cản trở vị thánh nhân của Đức Chúa Trời, người đang khao khát sự tĩnh lặng, và hãy cho ngài ra đi như ngài đã xin.

Vậy là, Thánh Theodoros, sau khi thoát khỏi gánh nặng của chức giám mục, tràn ngập niềm vui khi thấy mình được giải thoát khỏi nhiều lo toan; ngài trở về tu viện của mình, an cư trong phòng tu của ngài trong sự tĩnh lặng và sống một cuộc đời đầy những việc tu hành khổ hạnh. Thường xuyên, ngài cử hành thánh lễ, dâng những của lễ không đổ máu, và trong lúc cử hành Thánh lễ, ngài được ân sủng được tận mắt chứng kiến ân sủng của Thánh Thần dưới hình dạng một tấm áo choàng màu tím sáng, từ trên cao hạ xuống và bao phủ các Thánh Thể: ông đã kể lại điều này cho một trong những đồng sự của mình, tu sĩ Iulian, một người đàn ông đức hạnh, sau những lời nài nỉ khẩn thiết của ông ấy. Khi ngài chứng kiến điều đó, lòng ngài tràn ngập niềm vui thiêng liêng không thể tả xiết, và khuôn mặt tuyệt đẹp của ngài bừng sáng bởi ánh sáng kỳ diệu, biến đổi đến nỗi các linh mục và phó tế đồng tế cùng ngài đã nhìn thấy ánh sáng thiêng liêng trên khuôn mặt của vị thánh và không khỏi kinh ngạc.

Một lần nọ, sự việc sau đây đã xảy ra: vào ngày 16 tháng Bảy, ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Antiochus, tại nhà thờ, khi Thánh Phêrô, vị Thánh của Đức Chúa Trời, đang cử hành Thánh lễ và khi đến giờ dâng Thánh Thể, ngài, theo thông lệ, đã giơ cao đĩa thánh có Chiên Con Thánh lên cao và tuyên xưng: "Thánh cho các Thánh." Chiên Con Thánh Tự Nhiên trên đĩa thánh tự mình bay lên cao hơn trong không trung, được nâng lên bởi một bàn tay vô hình, rồi lại hạ xuống đĩa thánh về vị trí ban đầu. Chứng kiến phép lạ ấy, tất cả những ai đang tham dự Bữa Tiệc Thánh lúc đó đều tràn ngập sự kinh ngạc và sợ hãi tột độ, còn Thánh Phê-ô-đô-rô thì tuôn trào dòng nước mắt và, trong niềm vui khôn tả, ngợi khen Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng thực sự ngự trong các Bí tích Thánh Thiêng của Ngài.

Hoàng đế Mauricius đạo đức và Đức Thượng phụ Kyriakos thánh thiện mong muốn được gặp Thánh Theodoros, người mà họ đã nghe nói nhiều, và đã viết thư mời ngài đến Constantinople để được nhận lời cầu nguyện và sự ban phước của ngài. Vị thánh không thể từ chối lời mời của họ và đã lên đường đến đó, nơi ngài được mọi người đón tiếp với sự kính trọng vô cùng. Ngài chỉ ở lại Constantinople một thời gian ngắn, nhưng đã thực hiện nhiều phép lạ nhờ quyền năng của Thiên Chúa: ngài đã ban lại thị lực cho một thiếu niên mù, giúp một phụ nữ bị liệt đứng dậy khỏi giường bệnh, giải thoát nhiều người bị quỷ ám khỏi sự hành hạ của ma quỷ, chữa lành người phụ nữ bị chảy máu bằng lời cầu nguyện, chữa lành bệnh hủi cho hoàng tử, ban phước lành cho những cặp vợ chồng hiếm muộn để họ có con, và thực hiện nhiều việc vĩ đại khác, an ủi tất cả mọi người bằng ân sủng của Chúa; sau đó, ngài trở về tu viện của mình. Nhưng không lâu sau đó, ngài lại được triệu tập lần thứ hai đến Constantinople vào thời trị vì của Hoàng đế Phokas[3162] , theo lời mời của Đức Thượng phụ Thánh Thomas[3163] , – người đã kế vị ngai vàng sau Thượng phụ Kyriakos. Lý do ông được triệu tập là như sau: tại xứ Galatia đã xảy ra một sự kiện kỳ lạ: tại một trong những thành phố của vùng này, trong lúc toàn dân đang rước thánh giá, những cây thánh giá gỗ lớn bỗng nhiên tự mình rung lắc mạnh mẽ bởi một sức mạnh kỳ diệu nào đó, va đập vào nhau và vỡ tan. Tin đồn về phép lạ này lan truyền khắp nơi, thậm chí đến cả Constantinople; lúc đó, Đức Thượng phụ Thánh Phêrô đã sai người đến gặp Thánh Theôđôros, xin ngài mau chóng đến gặp ngài, và khi vị thánh đến nơi, Đức Thượng phụ đã hỏi ngài về phép lạ đó và điều mà nó có thể báo trước. Thánh nhân đáp rằng quả thực đó là một phép lạ, nhưng ngài từ chối nói về điều mà nó báo trước, vì ngài không biết bí mật thâm sâu của Đức Chúa Trời. Lúc đó, Đức Thượng phụ đã quỳ xuống dưới chân ngài để khẩn cầu, và nhờ sự khiêm nhường đó, ngài đã thuyết phục được vị thánh nhân tiên đoán về tương lai. Vị tu sĩ cao niên nói rằng việc những cây thánh giá dao động, va đập và nghiền nát lẫn nhau báo hiệu những tai họa lớn lao sắp ập xuống Giáo hội của Chúa và Vương quốc Hy Lạp, một mặt từ những kẻ thù bên ngoài, mặt khác từ những kẻ thù bên trong. Từ bên ngoài, một cuộc xâm lược khủng khiếp của kẻ thù đang chờ đợi; còn từ bên trong, sự chia rẽ trong đức tin giữa các Kitô hữu sẽ xảy ra, sẽ có cuộc bách hại trên diện rộng, con người sẽ tàn phá và tiêu diệt lẫn nhau, nhiều nhà thờ sẽ bị phá hủy, trở nên hoang vắng, và tất cả những điều này sẽ xảy ra trong thời gian ngắn. Nghe vậy, Đức Thượng phụ kinh hoàng và xin vị Thánh nhân cầu nguyện với Chúa cho ngài, để Ngài đón nhận linh hồn ngài trước khi sự tàn phá được tiên đoán xảy ra, để ngài không phải chứng kiến những tai họa sắp ập xuống Giáo hội.

Một thời gian ngắn sau, khi vị thánh Theodoros vẫn còn ở Constantinople tại nhà thờ Thánh Stephanos, vị tổng giám mục lâm bệnh và sai người đến gặp vị thánh – lúc đó đang ẩn tu và ăn chay – để thông báo về bệnh tình

[3162] Hoàng đế Phocas trị vì từ năm 602 đến năm 610.
[3163] Thôma giữ chức tổng giám mục từ năm 607 đến năm 610.

của mình, đồng thời xin ngài cầu xin Chúa cho ngài được ra đi sớm. Thánh nhân đã từ chối và không đồng ý; lúc đó, Đức Thượng phụ lại khẩn thiết xin ngài lần thứ hai, mong được qua đời trước khi những biến động ập đến với Giáo hội. Thánh nhân đã đáp ứng ý nguyện của Đức Thượng phụ, cầu nguyện với Chúa cho ngài được ra đi và sai người đến nói với ngài rằng:

– Ngài có muốn tôi đến gặp ngài, hay là chúng ta sẽ cùng nhau ra trước mặt Chúa của chúng ta ở đó?

Thượng phụ trả lời qua sứ giả:

– Xin cha đừng phá vỡ sự im lặng của mình; những gì cha đã nói là đủ rồi – chúng ta sẽ gặp nhau ở đó trước mặt Chúa của chúng ta.

Cùng ngày đó, trước giờ kinh chiều, Đức Thượng phụ Thánh Phêrô, trong niềm hân hoan, đã lìa khỏi thân xác và về với Chúa. Sau khi Đức Thượng phụ qua đời, Thánh Theodor đã trở về tu viện của mình, và vài năm sau đó, giờ lâm chung của ngài cũng đã đến gần; trước khi qua đời, ngài đã thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại và huy hoàng, đồng thời tiên tri nhiều sự kiện trong tương lai. Trước khi qua đời, ngài đã hai lần thấy Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê-gi, người hiện ra với ngài trong giấc mơ: lần đầu tiên, ngài hiện ra, trao cho ngài cây gậy hành trình và kêu gọi ngài cùng đi trên chặng đường xa xôi; sau đó, ngài hiện ra, ngồi trên lưng ngựa, dắt theo một con ngựa khác và nói:

– Hãy lên con ngựa này đi, Theodore, và theo ta.

Từ đó, Thánh Theodor hiểu rằng mình sắp rời bỏ cõi trần, ngài vui mừng thông báo điều này cho các môn đệ và báo trước rằng ngài sẽ qua đời sau Lễ Phục Sinh. Và điều đó đã trở thành sự thật. Khi ngài sắp trút hơi thở cuối cùng, ngài đã thấy các Thiên thần thánh thiện đang đến để đón ngài, và với khuôn mặt rạng rỡ, ngài đã trao linh hồn mình vào tay họ.

Ngài qua đời vào năm thứ ba triều đại của Hoàng đế Heraclius[3164] .

Cuộc đời và các phép lạ của ngài được ghi chép bởi đệ tử của ngài là Eleusis, người đã được vị thánh ban cho tên là George khi nhập tu. Ông kể lại rằng cha mẹ mình, dù đã kết hôn từ lâu nhưng không có con, nên đã cầu xin vị thánh Theodorus, mong rằng nhờ những lời cầu nguyện và sự ban phước của ngài, họ có thể trở thành cha mẹ của những đứa trẻ; vị thánh nhân đã cầm lấy thắt lưng của họ, ban phước lành và khi trao lại cho họ, ngài đã tiên đoán rằng họ sẽ được giải thoát khỏi tình trạng vô sinh; quả thực, họ đã sinh ra Eleusios, người mà sau khi nuôi dưỡng, họ đã đưa đến gặp vị thánh nhân và giao phó cho ngài để phục vụ Thiên Chúa. Trong mười hai năm sống cùng vị thánh, cậu đã tận mắt chứng kiến những phép lạ không thể diễn tả, mà cậu đã ghi chép rất chi tiết; nhưng chúng tôi chỉ trích dẫn và tóm tắt lại một vài điều từ tác phẩm của cậu, nhằm mang lại lợi ích cho tâm hồn chúng ta. Hãy cùng tôn vinh Thiên Chúa kỳ diệu, Đấng được tôn vinh qua các vị thánh làm phép lạ, là Cha, Con và Thánh Thần, bây giờ, muôn đời và đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 2:

Ngài đã được nhận biết từ khi còn trong tã lót, được thánh hóa và hiện ra đầy ân sủng, Ngài đã chiếu sáng thế gian bằng những phép lạ và xua đuổi vô số quỷ dữ, thánh thần đồng Theodora, xin Ngài cầu nguyện cho chúng con trước mặt Chúa.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Như đã lên cỗ xe lửa bằng các đức hạnh, hỡi Đấng mang Thiên Chúa, Ngài đã thăng thiên lên nơi ở trên trời; như một Thiên thần, Ngài đã sống giữa loài người, và như một con người, Ngài đang hân hoan cùng các Thiên thần. Vì lý do này, Ngài đã tỏ ra là nơi trú ngụ thần thánh của các phép lạ, hỡi Thánh Phê-ô-đô-rê đáng kính.

Cuộc đời của vị cha thánh của chúng ta, tu sĩ Vitaly

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 4

[3164] Hoàng đế Heraclius trị vì từ khoảng năm 610 đến năm 641. Thánh Theodoros Sikeotas qua đời vào năm 613.

Vào thời điểm Đức Thượng phụ Gioan Nhân từ đang ngự trên ngai Thượng phụ Alexandria, có một tu sĩ tên là Vitali từ tu viện của Thánh Sirid đã đến Alexandria. Vị tu sĩ này, khi đã sáu mươi tuổi, đã chọn cho mình một lối sống mà đối với những người chỉ nhìn thấy bề ngoài của con người thì có vẻ ô uế và tội lỗi, nhưng đối với Thiên Chúa, Đấng nhìn thấu nội tâm và thử thách lòng người (Thánh Vịnh 7:10), thì lại là điều đẹp lòng và đáng hoan nghênh: bởi vì vị tu sĩ già ấy, với mong muốn bí mật dẫn dắt những kẻ có tội và những người bất chính đến sự ăn năn, lại chính mình, trong mắt mọi người, lại bị coi là kẻ có tội và bất chính. Ông đã lập một danh sách tất cả những người phụ nữ làm nghề mại dâm đang sống tại Alexandria, và cầu nguyện với Đức Chúa Trời một cách hết sức sốt sắng cho từng người trong số họ, để Ngài dẫn dắt họ rời xa cuộc sống tội lỗi của mình. Vị tu sĩ già đi làm thuê trong thành phố từ sáng đến tối và nhận mười hai đồng tiền đồng cho công việc của mình. Với một đồng tiền, ông mua cho mình một hạt đậu và ăn nó sau khi mặt trời lặn, vì làm việc cả ngày nên ông đã nhịn ăn; sau đó, khi đến nhà chứa, ông đưa số tiền còn lại cho một cô gái điếm nào đó và nói với cô ta:

– Tôi xin cô, với số tiền này, hãy giữ mình trong sạch suốt đêm nay, đừng phạm tội với ai cả.

Nói xong, ông khóa cửa lại cùng cô ta trong phòng. Cô ta ngủ trên giường của mình, còn vị tu sĩ già đứng ở góc phòng, thức trắng cả đêm, lặng lẽ đọc các thánh vịnh của Đa-vít và cầu nguyện với Chúa cho cô ta cho đến sáng. Sáng hôm sau, khi rời khỏi cô ta, ông thề thốt xin cô ta đừng kể cho ai biết về hành động của mình.

Ông đã làm như vậy trong một thời gian dài, ngày nào cũng kiêng ăn, còn ban đêm thì vào gặp các cô gái điếm và thức trắng đêm để cầu nguyện. Mỗi đêm, ông lại vào gặp một người khác, cho đến khi đã gặp hết tất cả, rồi lại bắt đầu lại từ người đầu tiên.

Chúa Trời, khi thấy hành động cao cả của tôi tớ Ngài, đã ban ơn giúp đỡ cho ông, vì một số cô gái điếm, cảm thấy xấu hổ trước những đức tính cao đẹp của Vitaly, đã tự mình đứng dậy cầu nguyện và cùng với ông, quỳ gối xuống, dâng lời cầu nguyện. Vị thánh khuyên nhủ những người ấy ăn năn, cảnh báo họ về Ngày Phán Xét Đáng Sợ của Đức Chúa Trời và những cực hình vĩnh viễn trong địa ngục sau khi chết, đồng thời khích lệ họ bằng lòng thương xót của Đức Chúa Trời và niềm hy vọng được hưởng những ân huệ vĩnh cửu trên thiên đàng. Lúc đó, những người ấy, khi cảm thấy sợ hãi trước Đức Chúa Trời, đã khiêm nhường và hứa sẽ sửa đổi cuộc đời mình. Và nhiều người trong số họ đã từ bỏ cuộc sống tội lỗi trước đây và kết hôn với những người chồng hợp pháp. Còn một số khác, mong muốn sống trong sự trong sạch hoàn hảo, đã gia nhập các tu viện nữ và ở đó, họ dành cả cuộc đời trong sự ăn chay và nước mắt. Những người khác thì sống trong thế gian mà không có chồng, giữ sự trong sạch, tự nuôi sống bản thân bằng công việc lao động của chính mình. Và không một người phụ nữ nào trong số những người lăng loàn đó kể cho ai nghe về cuộc sống trong sạch của Thánh Vitali, bởi vì chỉ cần có ai trong số họ bắt đầu nói với mọi người rằng Vitali đến với họ không phải vì tội lỗi, mà là vì sự cứu rỗi của họ, thì Vitali, khi nghe được điều đó, đã vô cùng buồn bã vì cuộc sống trong sạch của mình bị phơi bày, và ngài cầu nguyện với Chúa để Ngài trừng phạt người phụ nữ đó, nhằm khiến những người khác cũng phải khiếp sợ và không dám kể lại những việc làm cao cả của ngài cho mọi người. Ngay lập tức, theo sự cho phép của Chúa, người phụ nữ ấy bỗng phát điên, khi thấy những người phụ nữ khác đều khiếp sợ và không dám tiết lộ bất cứ điều gì về sự thánh thiện trong cuộc sống của Thánh Vitali cho mọi người. Còn dân chúng thì nói với người phụ nữ đang điên cuồng ấy:

– Ngươi thấy chưa, Đức Chúa Trời đang báo ứng ngươi như thế nào vì lúc đầu ngươi đã nói rằng vị tu sĩ này đến với các ngươi không phải để phạm tội dâm dục; – giờ đây đã rõ ràng rằng ông ta là kẻ dâm đãng.

Và tất cả đều chế giễu ông ta, ngày nào cũng mắng mỏ ông ta, nói rằng:

– Cút đi, tên khốn kiếp, – những ả điếm đang chờ ngươi đấy, – rồi họ nhổ nước bọt vào ông.

Còn vị thánh, dù phải chịu đựng mọi điều với lòng khiêm nhường, vẫn vui mừng khi nghe những lời chửi rủa và chỉ trích từ mọi người, lòng được an ủi vì họ coi ngài là một tội nhân lớn. Thỉnh thoảng, ngài nói với những người chỉ trích mình rằng:

– Chẳng phải tôi cũng có thân xác như mọi người sao? Chẳng phải Thiên Chúa đã tạo ra các tu sĩ không có thân xác sao? Thật vậy, các tu sĩ cũng chỉ là con người mà thôi.

Một số người khuyên ngài:

– Thưa Cha, – họ nói, – hãy lấy một trong những người phụ nữ lăng loàn làm vợ và cởi bỏ áo tu sĩ, để đời tu không bị phỉ báng vì ngài.

Còn ngài, như thể đang giận dữ, đã trả lời họ:

– Tôi không muốn nghe các vị; lấy vợ rồi phải lo cho vợ, con cái, nhà cửa, và suốt ngày chỉ toàn lo toan, vất vả thì có gì hay ho đâu? Sao các vị lại lên án tôi? Chẳng phải các vị là người phải trả lời trước mặt Đức Chúa

Trời thay cho tôi đâu. Mỗi người hãy lo cho bản thân mình đi, còn tôi thì để tôi yên. Chỉ có một Đấng Phán Xét duy nhất, đó là Đức Chúa Trời, Đấng sẽ ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ.

Như vậy, Thánh Vitaly đã giấu kín đức hạnh của mình khỏi mọi người.

Một số giáo sĩ đã vu khống ngài trước Đức Thượng phụ Alexandria Gioan Nhân Từ, nói rằng một vị tu sĩ già đang làm hư hỏng cả thành phố, mỗi đêm đều vào nhà các cô gái điếm. Nhưng Đức Thượng phụ không tin những kẻ vu khống, vì trước đó Ngài đã từng bị những kẻ vu khống lừa dối khi một tu sĩ khiết tịnh và thánh thiện, vốn là một hoạn quan[3165] , người đã làm phép rửa tội cho một phụ nữ Do Thái vô tội, lại bị đánh đập chỉ vì Ngài tin vào những lời vu khống. Nhớ lại sự việc đó, Đức Thượng phụ đã không nghe theo những người tố cáo Vitaly và nói với họ:

– Hãy ngừng lên án, và đặc biệt đừng lên án các tu sĩ. Các ngươi chẳng lẽ không biết điều gì đã xảy ra tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất[3166] , khi một số giám mục và giáo sĩ đã nộp cho Hoàng đế Constantine Đại đế, người được tưởng nhớ với lòng kính trọng, những bản cáo trạng viết về tội lỗi của lẫn nhau. Hoàng đế ra lệnh mang đến một ngọn nến đang cháy, rồi đốt những bản cáo trạng đó mà không thèm đọc, đồng thời nói: "Nếu chính mắt ta thấy một giám mục hay tu sĩ nào đang phạm tội, thì ta sẽ che người đó bằng áo choàng của mình, để không ai thấy người ấy đang phạm tội."

Như vậy, Đức Thượng phụ đã làm cho những kẻ tố cáo phải xấu hổ. Còn vị tôi tớ của Chúa là Vitaly thì không ngừng lo lắng cho sự cứu rỗi của những linh hồn tội lỗi, và không ai biết về cuộc đời đạo đức của ngài cho đến tận lúc ngài qua đời.

Một lần nọ, khi Thánh Vitaly bước ra khỏi nhà các cô gái điếm vào lúc bình minh, ngài gặp một chàng trai dâm đãng đang trên đường đến chỗ các cô gái điếm để phạm tội với họ. Thấy Vitaly, chàng trai đó đã tát mạnh vào má ngài và nói:

– Hỡi kẻ khốn nạn và vô đạo, bao giờ ngươi mới ăn năn và từ bỏ cuộc sống ô uế của mình, để danh Chúa Kitô không bị ngươi làm ô nhục thêm nữa?

Vị thánh đáp lại:

– Hãy tin ta đi, hỡi người kia, vì ta là kẻ khiêm nhường, ngươi cũng sẽ nhận một cái tát vào má đến nỗi cả thành Alexandria sẽ đổ xô đến khi nghe tiếng la hét của ngươi.

Một thời gian ngắn sau, Thánh Vitaly tự giam mình trong căn phòng nhỏ hẹp mà ngài đã xây dựng gần cổng được gọi là "Cổng Mặt Trời", và tại đó, ngài đã an nhiên về với Chúa. Không ai trong thành phố biết về điều này. Lúc bấy giờ, con quỷ hiện ra trước mặt chàng trai dâm đãng đã tát vào má vị tu sĩ cao niên, dưới hình dạng một người Ê-ti-ô-pi đáng sợ, nó tát mạnh vào má chàng và nói:

– Hãy nhận lấy cú đánh mà tu sĩ Vitaly đã gửi đến cho ngươi.

Ngay lập tức, chàng trai rơi vào cơn điên loạn, ngã xuống đất và lăn lộn trong cơn cuồng loạn đến mức bọt mép trào ra; đồng thời, anh ta xé rách quần áo trên người và la hét ầm ĩ đến nỗi cư dân khắp thành Alexandria đổ xô đến vì tiếng thét kinh hoàng của anh ta. Anh ta đã phải chịu đựng sự hành hạ của con quỷ trong một thời gian dài. Sau vài giờ, khi đã tỉnh táo lại một chút, chàng trai vội vã chạy đến phòng tu của Vitaly, kêu lên:

– Xin hãy thương xót con, tôi tớ của Chúa, vì con đã phạm tội chống lại ngài, xúc phạm ngài nặng nề bằng một cái tát vào má. Giờ đây, theo lời tiên đoán của ngài, con đã nhận được sự trừng phạt xứng đáng.

Vừa la lên như vậy, anh ta chạy nhanh đi, được đám đông đi theo. Khi anh ta đến gần phòng của vị tu sĩ già, con quỷ liền quăng chàng trai xuống đất rồi biến mất.

Chàng trai, sau khi đã hoàn toàn tỉnh táo lại, bắt đầu kể cho mọi người nghe về việc anh ta đã tát vào má vị tu sĩ già và cách vị tu sĩ đó đã tiên đoán rằng anh ta sẽ phải gánh chịu quả báo vì hành động đó. Sau đó, người ta gõ cửa phòng tu của vị tu sĩ già, nhưng không nhận được bất kỳ câu trả lời nào. Khi họ phá cửa vào, họ thấy ông đang quỳ giữa phòng, như thể đang cầu nguyện; linh hồn thánh thiện của vị tu sĩ già đã về với Chúa. Trong tay ông cầm một tờ giấy, trên đó có viết:

– Hỡi những người Alexandria! Đừng phán xét trước thời hạn, cho đến khi Chúa, Đấng Phán Xét Công Chính, ngự đến.

[3165] Tức là người thiến.

[3166] Công đồng Đại kết lần thứ nhất được triệu tập vào năm 325 tại Nicêa để giải quyết vấn đề tà thuyết của linh mục Arius, người đã vô lễ coi Con Thiên Chúa là tác phẩm của Thiên Chúa Cha.

Lúc đó, có một người phụ nữ bị quỷ ám đến nơi, người trước đây đã muốn kể cho mọi người nghe về cuộc đời thánh thiện của Vitaly, như đã đề cập ở trên. Bà đến sau khi được một Thiên thần hiện ra báo tin về sự ra đi của vị thánh, và khi chạm vào thi hài thánh thiện của ngài, bà lập tức được chữa lành khỏi chứng bị quỷ ám. Cũng như vậy, nhiều người mù và què đã được chữa lành khi chạm vào thi hài của vị thánh.

Khi nghe tin vị thánh qua đời, tất cả những người phụ nữ mà ngài đã khuyên nhủ để họ ăn năn về tội lỗi của mình, đều cầm nến và đèn dầu thắp sáng, đổ xô đến quan tài của ngài, khóc lóc và thương tiếc người cha và vị thầy của mình. Trong lúc đó, họ kể to trước mặt mọi người về đức hạnh của vị tu sĩ già, người chưa từng chạm vào bất kỳ ai trong số họ, ngay cả bằng tay, và đến với họ không phải để phạm tội, mà để cứu rỗi họ. Dân chúng, khi nghe câu chuyện của họ, đã nổi giận và nói:

– Tại sao các ngươi lại giấu giếm sự thánh thiện trong cuộc đời của vị trưởng lão chính trực này khỏi chúng ta, vì chúng ta, do thiếu hiểu biết, đã phạm nhiều tội lỗi chống lại ngài, khi lên án và trách móc ngài?

Các phụ nữ trả lời những lời trách móc của dân chúng như sau:

– Chúng tôi sợ hãi, bởi vì vị lão nhân này đã cấm chúng tôi bằng những lời thề trang trọng không được kể cho ai nghe về cuộc đời của ngài, và ngay khi một trong những người bạn của chúng tôi bắt đầu tiết lộ bí mật của ngài cho mọi người, cô ấy đã phát điên. Vì vậy, mỗi người trong chúng tôi, vì sợ hình phạt như vậy, nên đã im lặng.

Và cả dân chúng đều kinh ngạc trước vị tôi tớ của Chúa này, người đã khiêm nhường che giấu sự thánh thiện trong cuộc đời mình khỏi mọi người. Trong khi mọi người đều nghĩ rằng ông là một tội nhân lớn, thì ông lại là bạn của Chúa và là bình chứa tinh khiết của Thánh Thần. Mọi người tự trách lẫn nhau, xấu hổ vì sự thiếu sáng suốt của mình, khi đã lên án một vị thánh nhân của Chúa như vậy và gây tổn thương cùng sỉ nhục cho một con người vô tội và có trái tim trong sạch.

Khi tin tức chi tiết về tất cả những gì đã xảy ra đến tai Đức Thượng phụ Thánh Gioan Nhân Từ, ngài cùng toàn thể hàng giáo sĩ đã đến phòng của vị tu sĩ già và, khi nhìn thấy bức thư nói trên, trong đó vị tu sĩ già khuyên họ đừng lên án ngài, cũng như khi chứng kiến những phép lạ đang diễn ra, ngài đã nói với những giáo sĩ đã tố cáo vị tu sĩ đáng kính đó:

– Các ngươi thấy đó, nếu ta tin lời các ngươi và xúc phạm vị tu sĩ thánh thiện vô tội này, thì chính ta cũng sẽ bị tát vào mặt, giống như chàng thanh niên đã vu khống vị thánh kia. Nhưng ta, với lòng khiêm nhường, tạ ơn Chúa vì đã không nghe theo những lời vu khống của các ngươi, nhờ đó mà tránh được tội lỗi và sự báo thù.

Tuy nhiên, những kẻ vu khống và kết án vị thánh nhân đã cảm thấy vô cùng hổ thẹn.

Sau đó, Đức Thượng phụ, sau khi rước thi hài thánh thiện của vị tu sĩ Vitalius, đã rước qua khắp thành phố và trước sự chứng kiến của tất cả những người phụ nữ đã ăn năn tội lỗi, đang khóc lóc và than thở, Ngài đã an táng thi hài ấy một cách trang trọng, ca ngợi Thiên Chúa, Đấng có nhiều tôi tớ trung thành mà loài người không biết đến.

Chính người đàn ông từng bị quỷ ám ấy đã từ bỏ đời sống thế tục và trở thành tu sĩ. Và nhiều cư dân thành Alexandria, được cảm hóa bởi cuộc đời đạo đức của Thánh Vitali, đã tự đặt ra cho mình nguyên tắc: không bao giờ lên án ai cả. Chúng ta cũng hãy noi gương họ trong điều này, được hỗ trợ bởi những lời cầu nguyện của vị thánh cha Vitali của chúng ta và ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang được dâng lên muôn đời. Amen.

Ngày 6 tháng 5

Ngày 23 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, kỷ niệm các thánh tử đạo Nữ hoàng Alexandra và các thánh tử đạo Anatolius và Proteleon.

Ngày kỷ niệm Thánh Đại Tử đạo Giô-rê Chiến Thắng

Ngày tưởng niệm 23 tháng 4

Vị hoàng đế bất xứng của Đế quốc La Mã, Diocletian vô đạo[3167] là một tín đồ cuồng nhiệt và là người bảo trợ cho việc thờ cúng thần tượng. Ông tôn sùng thần Apollo[3168] hơn tất cả các vị thần khác, người được coi là nhà

[3167] Hoàng đế Diocletian, kẻ bách hại Kitô giáo một cách quyết liệt, trị vì từ năm 284 đến năm 305.

tiên tri về tương lai. Bởi vì con quỷ cư ngụ trong thần tượng vô hồn của ông đã tiên tri về tương lai, nhưng những lời tiên tri đó chưa bao giờ thành hiện thực.

Một lần nọ, Diocletian đã hỏi thần Apollo về một việc nào đó[3169] . Con quỷ liền trả lời ông:

– Ta không thể tiên tri chính xác về tương lai, bởi vì những người công chính đang cản trở ta, đó là lý do tại sao những chiếc bàn thờ ba chân ma thuật trong đền thờ lại nói dối[3170] : những người công chính đang tiêu diệt sức mạnh của chúng ta.

Diocletian bắt đầu hỏi các thầy tế lễ rằng những người công chính đó là ai, mà vì họ mà thần Apollo không thể tiên tri được. Các thầy tế lễ trả lời rằng trên trần gian, những người công chính chính là các Kitô hữu. Nghe vậy, Diocletian tràn đầy cơn giận dữ và phẫn nộ đối với các Kitô hữu, và tái khởi động cuộc đàn áp đã từng bị đình chỉ đối với họ. Ông đã vung gươm lên những người công chính, vô tội và trong sạch của Đức Chúa Trời, và ra lệnh xử tử họ trên khắp các vùng đất trong vương quốc của mình. Và thế là, các nhà tù thay vì chứa những kẻ ngoại tình, cướp bóc và những kẻ vô lại, lại chật ních những người tuyên xưng Đức Chúa Trời chân thật. Các hình thức tra tấn thông thường bị bãi bỏ vì không đủ khắc nghiệt, và những hình phạt tàn bạo nhất đã được nghĩ ra, mà qua đó vô số tín hữu Kitô giáo phải chịu đựng hàng ngày và khắp mọi nơi. Từ mọi phía, đặc biệt là từ phương Đông, rất nhiều văn bản vu khống các Kitô hữu đã được chuyển đến hoàng đế. Trong những bản tố cáo này, người ta báo cáo rằng số người không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và tự xưng là Kitô hữu nhiều đến mức hoặc phải để họ tiếp tục giữ đức tin của mình, hoặc phải phát động chiến tranh chống lại họ. Lúc bấy giờ, nhà vua triệu tập các Amphipates và Hegemones từ khắp nơi đến tham dự hội nghị tại Nicomedia[3171] , tập hợp các công tước, quý tộc và toàn thể Thượng viện của mình; sau khi bày tỏ cơn thịnh nộ đối với các tín đồ Kitô giáo, nhà vua ra lệnh cho mỗi người đưa ra lời khuyên theo sự hiểu biết của mình về cách đối xử với những kẻ đã bỏ đạo ngoại giáo. Sau nhiều bài phát biểu của những người tham dự hội nghị, vị bạo chúa tuyên bố rằng không có gì chính đáng và xứng đáng hơn việc tôn kính các vị thần tổ tiên cổ xưa. Khi tất cả đều đồng ý với những gì nhà vua đã nói, ông tiếp tục:

– Nếu tất cả các ngươi đều nghĩ như vậy và mong muốn thực hiện một cách tận tụy, và nếu các ngươi trân trọng tình yêu của ta, thì hãy cố gắng bằng mọi cách tiêu diệt đức tin Kitô giáo – thứ trái ngược với các vị thần của chúng ta – trên khắp vương quốc của chúng ta. Để các ngươi có thể thực hiện điều này thành công hơn, chính ta sẽ giúp đỡ các ngươi bằng mọi sức lực.

Mọi người đều hoan nghênh lời tuyên bố của nhà vua. Diocletian và Thượng viện đã triệu tập hội đồng để bàn về việc tiêu diệt Kitô giáo, lần thứ hai và thứ ba. Sau đó, họ công bố quyết định này cho dân chúng để nó trở thành mệnh lệnh bất di bất dịch.

Vào thời điểm đó, trong quân đội La Mã có một chiến binh tuyệt vời của Chúa Kitô, Thánh George, quê ở Cappadocia[3172] , con trai của một cặp vợ chồng Kitô hữu, từ nhỏ đã được cha mẹ nuôi dạy trong sự sùng đạo. Ngay từ thuở ấu thơ, ngài đã mồ côi cha, người đã qua đời sau khi bị tra tấn vì tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Mẹ của Thánh Giô-rê-gi-ô đã cùng ngài chuyển đến Palestine, vì đó là quê hương của bà và nơi bà sở hữu những điền trang rộng lớn.

Khi trưởng thành, Thánh George nổi bật với vẻ đẹp khuôn mặt, lòng dũng cảm và thân thể cường tráng, chính vì thế mà ông được bổ nhiệm làm quan tribune[3173] trong một trung đoàn quân sự nổi tiếng. Với chức vụ này, ông đã thể hiện sự dũng cảm phi thường trên chiến trường, đến nỗi hoàng đế Diocletian, lúc đó vẫn chưa biết ông là người Kitô hữu, đã phong cho ông chức vụ comita[3174] và tổng chỉ huy quân sự. Còn mẹ của Thánh George thì vào thời điểm đó đã qua đời.

[3168] Apollon là một trong những vị thần ngoại giáo Hy Lạp-La Mã được tôn kính nhất. Apollon được coi là vị thần của mặt trời và sự khai sáng trí tuệ, đồng thời là người bảo vệ sự thịnh vượng của xã hội và người tiên tri về tương lai.

[3169] Trong mọi tình huống khó khăn của cuộc đời, các hoàng đế ngoại giáo thường có thói quen tìm đến các thầy tế – những người phụng sự các thần tượng – để xin lời khuyên, những người được cho là sẽ tiết lộ ý muốn của các vị thần cho họ. Phong tục này đặc biệt phát triển ở Hy Lạp cổ đại. Nơi đây, trong số những điều khác, đền thờ Delphi (nơi bói toán) rất nổi tiếng, nơi có những phụ nữ đặc biệt – những nữ tiên tri (Pythia).

[3170] Các thầy tế ngoại giáo thường ngồi trên những chiếc ghế ba chân khi cầu hỏi các vị thần của họ.

[3171] Nicomedia – một thành phố lớn ở Tiểu Á thời cổ đại, tọa lạc tại góc đông bắc của vịnh được hình thành bởi Biển Đá Cẩm Thạch. Thành phố này được đặt tên theo tên người sáng lập, vua Nicomedes I của Bithynia, sống vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên. Ngày nay, trên địa điểm của thành phố Nicomedia từng lừng lẫy một thời là thị trấn nhỏ Ismid.

[3172] Cappadocia – một vùng ở Tiểu Á.

[3173] Tribune – chỉ huy quân đội.

Khi Diocletian ấp ủ kế hoạch tàn sát dã man các Kitô hữu, Thánh George đang phục vụ bên cạnh hoàng đế. Ngay từ ngày đầu tiên, khi Thánh George nhận ra rằng âm mưu bất chính này không thể bị hủy bỏ bằng bất kỳ cách nào, và biết được sự tàn bạo của những kẻ vô đạo đối với các Kitô hữu, ngài đã quyết định rằng đã đến lúc phải hành động để cứu rỗi linh hồn mình. Ngay lập tức, Thánh George đã phân phát toàn bộ tài sản, vàng, bạc và quần áo quý giá của mình cho những người nghèo; ông ban tự do cho những nô lệ đang phục vụ mình, còn đối với những nô lệ ở các lãnh địa của ông tại Palestine, ông ra lệnh giải phóng một số người và trao những người còn lại cho những người nghèo khó. Vào ngày thứ ba, khi cuộc họp cuối cùng giữa nhà vua và các công tước của ông về việc giết hại phi pháp những Kitô hữu vô tội sắp diễn ra, vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô là Thánh George, đã gạt bỏ mọi nỗi sợ hãi trần tục và chỉ còn lòng kính sợ Thiên Chúa, với khuôn mặt rạng rỡ và tâm hồn dũng cảm, đã xuất hiện tại cuộc tụ họp bất chính và vô pháp đó, và lên tiếng như sau:

– Hỡi nhà vua, và các ngài, các hoàng tử cùng các cố vấn! Các ngài được đặt ra để tuân giữ những luật pháp tốt lành và những phán quyết công minh, nhưng lại điên cuồng trút cơn thịnh nộ lên các Kitô hữu, củng cố sự vô luật pháp và ban hành những phán quyết sai trái nhằm xét xử những người vô tội và chưa từng làm hại ai. Các ngài đang bức hại và hành hạ họ, ép buộc ngay cả những ai đã học được sự đạo đức phải theo sự vô đạo điên rồ của các ngài. Nhưng không, những thần tượng của các ngài – không phải là các vị thần! Đừng để bị lừa dối bởi lời dối trá này. Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa duy nhất, là Chúa duy nhất trong vinh quang của Thiên Chúa Cha, Đấng đã tạo dựng muôn loài và muôn loài tồn tại nhờ Thánh Thần của Ngài. Hoặc là các ngươi hãy tự mình nhận biết sự thật và học cách sống đạo đức, hoặc đừng làm phiền những ai đã nhận biết sự đạo đức chân chính bằng sự điên rồ của các ngươi.

Ngạc nhiên trước những lời nói của Thánh Giô-rê-gi và sự táo bạo bất ngờ của ngài, mọi người đều hướng mắt về phía nhà vua, nôn nóng chờ đợi ngài trả lời vị thánh. Còn nhà vua thì vì quá ngạc nhiên mà không thể bình tĩnh lại được, và như bị sấm sét đánh choáng váng, ngài ngồi im lặng, kìm nén cơn giận trong lòng. Cuối cùng, nhà vua ra hiệu cho người bạn của mình, Magnentius, người đang có mặt trong hội đồng với chức vụ amphipate, để ông ta trả lời Thánh George.

Magnentius gọi vị thánh lại gần và nói với ngài:

– Ai đã xúi giục ngươi dám hành động táo bạo và nói những lời ngạo mạn như vậy?

– Sự thật, – vị thánh đáp.

– Vậy sự thật đó là gì? – Magnentius hỏi. Thánh George nói:

– Sự thật chính là chính Đức Kitô, Đấng đang bị các ngài bách hại.

– Vậy thì ngươi cũng là người Kitô hữu sao? – Magnentius hỏi.

Và thánh George đáp:

– Tôi là tôi tớ của Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, và nhờ đặt niềm tin vào Ngài, tôi đã tự nguyện đến giữa các ngài để làm chứng cho sự thật.

Nghe những lời của vị thánh, cả đám đông xôn xao, ai nấy đều lên tiếng, người này nói thế này, người kia nói thế kia, và tiếng la hét hỗn loạn vang lên, như thường thấy trong một đám đông đông đúc.

Lúc đó, Diocletian ra lệnh lập lại trật tự, rồi ngước mắt nhìn vị thánh, nhận ra ngài và nói:

– Ta đã từng ngạc nhiên trước sự cao quý của ngươi, hỡi George! Nhận thấy vẻ ngoài và lòng dũng cảm của ngươi xứng đáng được tôn vinh, ta đã ban cho ngươi một chức tước không hề nhỏ. Và hôm nay, khi ngươi thốt ra những lời ngang ngạnh gây hại cho chính mình, ta, vì yêu mến trí tuệ và lòng dũng cảm của ngươi, với tư cách là một người cha, xin khuyên nhủ và khuyên can ngươi, để ngươi không đánh mất vinh quang quân sự và danh dự của chức tước mình, cũng như không để sự bất tuân khiến tuổi trẻ của ngươi phải chịu cực hình. Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, và ngươi sẽ nhận được từ chúng ta sự tôn vinh còn lớn lao hơn nữa.

Thánh Giô-rê đáp lại:

– Ôi, giá như chính ngài, thưa hoàng đế, qua con mà nhận biết được Thiên Chúa chân thật và dâng lên Ngài lễ vật ngợi khen mà Ngài yêu mến! Ngài sẽ ban cho ngài một vương quốc tốt đẹp hơn – vương quốc bất tử, vì vương quốc mà ngài đang hưởng thụ hiện nay – là vô thường, hư ảo và nhanh chóng tan biến, và cùng với nó, những thú vui ngắn ngủi cũng sẽ tan biến theo. Và những ai bị chúng mê hoặc sẽ chẳng thu được lợi ích gì. Chẳng

---

[3174] Comitus – trong nền văn minh La Mã cổ đại, là tướng quân cấp cao tháp tùng hoàng đế trong các chuyến đi. Vì các comitus là thành viên trong đoàn tùy tùng của hoàng đế và đồng thời là cố vấn của ngài, nên chức vụ này được coi là rất danh giá.

điều gì trong số đó có thể làm suy yếu lòng sùng kính của ta, và chẳng có cực hình nào có thể làm linh hồn ta khiếp sợ hay lay chuyển tâm trí ta.

Những lời này của Thánh Giô-rê đã khiến nhà vua nổi cơn thịnh nộ. Không để vị thánh nói hết lời, nhà vua ra lệnh cho các lính cận vệ dùng giáo đuổi Thánh Giô-rê ra khỏi hội trường và giam ngài vào ngục tối.

Khi các binh sĩ bắt đầu thi hành mệnh lệnh của nhà vua và một cây giáo vừa chạm vào thân thể vị thánh, ngay lập tức lưỡi giáo trở nên mềm như thiếc và uốn cong. Còn đôi môi của vị tử đạo thì tràn ngập lời ngợi khen Thiên Chúa.

Sau khi đưa vị tử đạo vào ngục tối, các binh lính đã quăng ngài xuống đất, mặt ngửa lên trời, trói chân ngài vào cọc gỗ và đặt một tảng đá nặng lên ngực ngài. Đó là lệnh của kẻ tra tấn. Còn vị thánh thì chịu đựng tất cả những điều đó, không ngừng dâng lời tạ ơn Thiên Chúa cho đến tận ngày hôm sau.

Khi ngày mới đến, nhà vua lại triệu tập vị tử đạo đến để thử thách và, khi thấy Thánh George bị đè nặng bởi tảng đá, ông hỏi:

– Ngươi đã hối cải chưa, George, hay vẫn còn bướng bỉnh?

Thánh George, bị đè nặng bởi tảng đá to đè lên ngực, gần như không thể thốt lên được:

– Hỡi hoàng đế, ngài thực sự nghĩ rằng tôi đã kiệt sức đến mức, sau một sự tra tấn nhỏ nhoi như thế này, tôi lại từ bỏ đức tin của mình sao? Thay vì tôi bị ngài tra tấn, thì chính ngài mới là người sẽ kiệt sức trước khi tra tấn tôi.

Lúc đó, Diocletian ra lệnh mang đến một bánh xe khổng lồ, dưới bánh xe có đặt những tấm ván được gắn đầy những mũi nhọn bằng sắt, giống như kiếm, dao và kim; một số mũi nhọn thẳng, một số khác uốn cong như cần câu. Trên bánh xe đó, hoàng đế ra lệnh trói vị tử đạo đang trần truồng vào và, khi quay bánh xe, dùng những mũi nhọn bằng sắt gắn trên các tấm ván để cắt xé toàn bộ thân thể ngài. Thánh George, bị xé thành từng mảnh và nghiền nát như cây sậy, đã dũng cảm chịu đựng những cực hình của mình. Lúc đầu, ngài cầu nguyện với Chúa bằng giọng lớn, sau đó thì thầm trong lòng, tạ ơn Chúa mà không thốt ra một tiếng rên rỉ nào, mà cứ nằm đó như đang ngủ hoặc bất tỉnh.

Cho rằng vị thánh đã chết, nhà vua vui mừng ca ngợi các vị thần của mình và quay sang nói với Thánh George những lời sau:

– Thần của ngươi đâu rồi, Georgios? Tại sao ngài ấy không cứu ngươi khỏi nỗi đau đớn này?

Sau đó, ông ra lệnh tháo thánh George, người được coi là đã chết, ra khỏi bánh xe, còn bản thân thì đi vào đền thờ thần Apollo.

Bỗng nhiên bầu trời tối sầm lại và một tiếng sấm kinh hoàng vang lên, và nhiều người nghe thấy tiếng nói từ trên cao:

– Đừng sợ, Georgiy, Ta ở cùng con.

Một ánh sáng rực rỡ, vĩ đại và kỳ lạ xuất hiện, và Thiên Thần của Chúa, dưới hình dáng một chàng trai trẻ đẹp đẽ, khuôn mặt rạng rỡ, được ánh sáng bao phủ, hiện ra đứng bên cạnh bánh xe. Ngài đặt tay lên người tử đạo và nói:

– Hãy vui mừng!

Và không ai dám lại gần bánh xe hay vị tử đạo chừng nào hiện tượng ấy còn tiếp diễn. Khi Thiên Thần biến mất, chính vị tử đạo đã tự mình bước xuống khỏi bánh xe, được Thiên Thần giải thoát khỏi bánh xe và chữa lành những vết thương. Thánh George lúc này đã lành lặn về thể xác và kêu cầu Chúa.

Khi chứng kiến phép lạ này, các chiến binh vô cùng kinh hoàng và bối rối, họ liền báo tin về sự việc đã xảy ra cho nhà vua, người lúc đó đang có mặt trong đền thờ để cử hành nghi lễ ô uế thờ cúng các thần tượng. Thánh George cũng theo chân các chiến binh và xuất hiện trước mặt nhà vua trong đền thờ.

Ban đầu, nhà vua không tin rằng người đứng trước mặt mình chính là Thánh George, mà nghĩ rằng đó là ai đó trông giống ngài. Những người xung quanh nhà vua nhìn chằm chằm vào Thánh George và nhận ra rằng đó chính là ngài, và chính vị tử đạo cũng đã tuyên bố bằng giọng nói vang dội:

– Ta là Thánh George.

Sự kinh hoàng và bối rối đã khiến mọi người câm lặng trong một thời gian dài. Còn hai người đàn ông có mặt tại đó, Anatoli và Proteleon, những người được tôn kính với chức vụ[3175] của quan praetor, những người trước

[3175] Pretor – thẩm phán thành phố.

đó đã được giảng dạy về đức tin Kitô giáo, khi chứng kiến phép lạ kỳ diệu này, đã hoàn toàn vững tin vào việc tuyên xưng Chúa Kitô và kêu lên:

– Chỉ có một Thiên Chúa vĩ đại và chân thật, đó là Thiên Chúa của người Kitô hữu!

Vua lập tức ra lệnh bắt giữ họ, không qua thẩm vấn, đưa ra ngoài thành và chém đầu bằng gươm.

Hoàng hậu Alexandra, người cũng có mặt tại đền thờ, khi chứng kiến sự chữa lành kỳ diệu của vị tử đạo và nghe kể về sự hiện ra của Thiên Thần, đã nhận ra lẽ thật. Nhưng khi bà muốn can đảm tuyên xưng Đức Kitô, tổng trấn đã ngăn cản bà và, trước khi hoàng đế biết chuyện, ra lệnh đưa bà về cung điện.

Còn tên độc ác Diocletian, không thể làm điều thiện, đã ra lệnh ném Thánh George xuống một hào được bao quanh bằng đá và chứa vôi sống, rồi dùng vôi đó lấp kín vị tử đạo trong ba ngày.

Khi bị dẫn đến hào, vị thánh đã lớn tiếng cầu nguyện cùng Chúa:

– Đấng Cứu Độ những người đau khổ, nơi nương tựa của những người bị bách hại, niềm hy vọng của những người tuyệt vọng, lạy Chúa, Thiên Chúa của con! Xin hãy nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài, xin hãy nhìn xuống con và thương xót con. Xin giải thoát con khỏi những mưu mô của kẻ thù và ban cho con được giữ vững việc xưng danh Thánh của Ngài cho đến cuối đời. Xin đừng bỏ rơi con, lạy Chúa, vì những tội lỗi của con, để kẻ thù của con không nói rằng: "Thiên Chúa của hắn đâu rồi?" Xin hãy tỏ ra quyền năng của Ngài và tôn vinh danh Ngài nơi con, kẻ tôi tớ hèn mọn của Ngài. Xin hãy sai một Thiên Thần đến bảo vệ con, kẻ không xứng đáng này – chính Ngài, Đấng đã biến lò lửa Ba-by-lôn thành sương mù và giữ cho các thiếu niên của Ngài được an toàn (Đa-ni-ên 3), vì Ngài được chúc tụng muôn đời. A-men.

Sau khi cầu nguyện như vậy và làm dấu thánh giá trên khắp thân thể, Thánh Giô-rê-gi-ô bước xuống hố, vừa vui mừng vừa ngợi khen Thiên Chúa. Sau khi trói vị tử đạo lại và, theo lệnh, rải vôi sống xuống hố, các tôi tớ của vua đã lui ra.

Vào ngày thứ ba, vua ra lệnh vớt xương của vị tử đạo ra khỏi hố vôi, vì ông nghĩ rằng Thánh George đã bị thiêu cháy ở đó. Khi các tôi tớ đến và dọn vôi ra, họ phát hiện vị thánh, trái với dự đoán, vẫn nguyên vẹn, còn sống, khỏe mạnh và đã được giải thoát khỏi xiềng xích. Ngài đứng đó với khuôn mặt rạng ngời, giang hai tay lên trời và tạ ơn Thiên Chúa vì mọi ân huệ của Ngài.

Các tôi tớ và dân chúng có mặt tại đó đều kinh hoàng và ngạc nhiên, và như thể cùng một miệng, họ ca ngợi Thiên Chúa của Thánh George, gọi Ngài là Đấng Vĩ Đại.

Khi biết tin về sự việc này, Diocletian lập tức ra lệnh đưa vị thánh đến trước mặt mình và ngạc nhiên nói:

– Nguồn sức mạnh ấy đến từ đâu, hỡi George, và ngươi đã dùng những phép thuật nào? – Hãy nói cho chúng ta biết. Ta nghĩ rằng ngươi đã cố tình giả vờ tin vào Chúa Kitô để thể hiện sự xảo quyệt ma thuật, làm mọi người kinh ngạc bởi phép thuật của ngươi và qua đó tự xưng mình là vĩ đại.

– Thưa bệ hạ, – vị thánh đáp, – tôi đã nghĩ rằng ngài không thể nào mở miệng để phỉ báng Đức Chúa Trời toàn năng, Đấng mà mọi sự đều có thể và Đấng giải cứu những ai trông cậy vào Ngài khỏi mọi tai ương. Thế mà ngài, bị ma quỷ dụ dỗ, đã sa vào vực thẳm của sự lầm lạc và diệt vong đến nỗi gọi những phép lạ của Đức Chúa Trời tôi – những điều mà chính mắt ngài đã chứng kiến – là phù thủy và bùa chú. Tôi than khóc vì sự mù quáng của ngài, gọi ngài là những kẻ khốn nạn và cho rằng ngài không xứng đáng nhận lời đáp lại của tôi.

Lúc đó, Diocletian ra lệnh mang đến những đôi ủng sắt, nung đỏ những chiếc đinh dài được đóng vào đế ủng, buộc vị tử đạo phải mang những đôi ủng đó và đánh đập ông ta dọc đường khi áp giải vào ngục tối. Khi áp giải vị tử đạo đang mang ủng như vậy, tên tra tấn vừa hành hạ vừa nói:

– Ngươi đi nhanh thật đấy, George, sao ngươi lại đi nhanh thế!

Còn vị tử đạo, bị lôi kéo một cách vô nhân đạo, phải chịu những cú đánh tàn bạo, thì thầm trong lòng:

– Hãy đi đi, Georgiy, để đạt được mục tiêu, vì ngươi đang đi *"không phải đến một điều gì đó* vô *định"* (xem: 1 Cô-rinh-tô 9:26, tức là đến sự cứu rỗi vĩnh cửu).

Sau đó, ngài kêu cầu Đức Chúa Trời và nói:

– Xin hãy nhìn xuống từ trời cao, lạy Chúa, hãy nhìn thấy công lao của con và lắng nghe tiếng rên rỉ của tôi tớ bị xiềng xích của Ngài, vì kẻ thù của con đã gia tăng và "chúng ghét con với lòng căm thù dữ dội" (Thi Thiên 24:19), nhưng chính Ngài hãy chữa lành con, lạy Chúa, vì xương cốt con đang tan nát, và xin ban cho con sự kiên nhẫn cho đến cùng, để kẻ thù của con đừng nói: 'Ta mạnh hơn nó.'

Với lời cầu nguyện ấy, Thánh Giô-rê-gi-ô bước vào ngục tối. Bị giam cầm tại đó, thân thể ngài kiệt quệ, đôi chân bị xé rách, nhưng tinh thần ngài không hề suy sụp. Suốt cả ngày lẫn đêm, ngài không ngừng dâng lời tạ ơn và

cầu nguyện lên Thiên Chúa. Và trong đêm đó, nhờ ơn Chúa, những vết loét của ngài đã được chữa lành, đôi chân và toàn thân ngài lại trở nên lành lặn.

Sáng hôm sau, Thánh George được dẫn ra trước mặt nhà vua tại nơi hành hình, nơi nhà vua đang ngự cùng toàn thể triều thần. Thấy vị tử đạo đi đứng bình thường và không khập khiễng, như thể chưa từng bị những vết loét hành hạ, nhà vua ngạc nhiên nói với ngài:

– Thế nào, George, – ngươi có thích đôi ủng của mình không?

– Rất thích, – vị thánh đáp.

Và nhà vua nói:

– Đừng có ngang bướng nữa, hãy khiêm nhường và phục tùng, từ bỏ những mưu mẹo phù thủy, dâng lễ vật lên các vị thần nhân từ, để ngươi không phải mất đi cuộc sống ngọt ngào này vì những cực hình.

Thánh George đáp:

– Các ngươi thật điên rồ, gọi sức mạnh của Chúa là phù phép và không biết xấu hổ khi tự hào về sự quyến rũ của quỷ dữ!

Nhìn Thánh George bằng ánh mắt giận dữ, Diocletian đã cắt ngang lời ngài bằng một tiếng thét dữ dội và ra lệnh cho những người đứng xung quanh đánh vào miệng ngài; "Hãy để hắn học cách không được làm phiền các vị vua," tên tra tấn nói. Sau đó, ông ra lệnh đánh Thánh George bằng gân bò cho đến khi thịt và máu của ngài dính chặt vào mặt đất.

Dù bị tra tấn dã man, Thánh George vẫn không thay đổi nét thanh thản trên khuôn mặt. Rất ngạc nhiên trước điều này, nhà vua nói với những người xung quanh:

– Quả thật, điều này không phải do lòng dũng cảm và sức mạnh của Thánh George, mà là do mưu mẹo huyền bí.

Lúc đó, Magnentius nói với nhà vua:

– Ở đây có một người đàn ông, rất giỏi về phép thuật. Nếu ngài ra lệnh đưa hắn đến, chẳng bao lâu nữa Thánh George sẽ bị đánh bại và phải phục tùng ngài.

Ngay lập tức, nhà phù thủy được triệu tập đến trước mặt nhà vua, và Diocletian nói với ông ta:

– Những điều xấu xa mà tên George này đã gây ra ở đây, mắt của tất cả những người có mặt đều đã chứng kiến; nhưng hắn đã làm điều đó như thế nào, chỉ có các ngươi, những người thông thạo mưu mẹo đó, mới biết. Hoặc là ngươi hãy đánh bại và tiêu diệt phép thuật của hắn, khiến hắn phải khuất phục trước chúng ta, hoặc là ngay lập tức tước đoạt mạng sống của hắn bằng các loại thảo dược phù phép, để hắn phải chịu cái chết xứng đáng với những mưu mô mà hắn đã học được. Chính vì lý do đó mà ta vẫn để hắn sống sót cho đến giờ.

Vị pháp sư tên là Afanasy hứa sẽ thực hiện mọi mệnh lệnh vào ngày hôm sau.

Sau khi ra lệnh canh giữ vị tử đạo trong ngục tối, nhà vua rời khỏi tòa án, còn vị thánh bước vào ngục tối, cầu khẩn Thiên Chúa:

– Lạy Chúa, xin hãy tỏ lòng thương xót đối với con, xin dẫn dắt bước chân con đến với sự xưng nhận Ngài và giữ gìn con trên con đường đức tin nơi Ngài, để danh thánh của Ngài được tôn vinh khắp mọi nơi.

Sáng hôm sau, nhà vua lại xuất hiện tại tòa án và ngự trên một chỗ cao, nơi mọi người đều có thể nhìn thấy. Nhà phù thủy Athanasius cũng đến, tự hào về sự thông thái của mình, mang theo những loại thuốc phép thuật trong các bình khác nhau để khoe với nhà vua và tất cả những người có mặt. Athanasius nói:

– Hãy cho người bị kết án vào đây ngay bây giờ, để hắn được chứng kiến sức mạnh của các vị thần chúng ta và phép thuật của ta.

Sau đó, cầm một chiếc bình lên, Afanasy nói với nhà vua:

– Nếu ngài muốn tên điên đó vâng lời ngài trong mọi việc, hãy để hắn uống thứ thuốc này.

Lấy một bình khác, nhà phù thủy tiếp tục:

– Còn nếu ngài muốn chứng kiến cái chết đau đớn của hắn, hãy để hắn uống thứ này.

Ngay lập tức, theo lệnh của nhà vua, Thánh George được dẫn ra trước tòa. Và Diocletian nói với ngài:

– Ngay bây giờ, những phép thuật của ngươi, George, sẽ bị phá hủy và chấm dứt.

Và ông ra lệnh ép Thánh nhân uống thứ đồ uống ma thuật đó. Uống một cách không do dự, Thánh George vẫn bình an vô sự, vui mừng và chế nhạo sự lừa dối của ma quỷ. Sôi sục vì giận dữ, nhà vua ra lệnh ép ông uống thêm một loại đồ uống khác, chứa đầy chất độc chết người. Còn vị thánh thì không chờ đợi sự cưỡng ép, mà tự

nguyện cầm lấy bình và uống chất độc chết người, nhưng vẫn không hề hấn gì, được bảo vệ khỏi cái chết nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời.

Vua và toàn thể triều đình đều kinh ngạc; nhà chiêm tinh Athanasius cũng rơi vào trạng thái bối rối. Một lúc sau, vua nói với vị tử đạo:

– Đến bao giờ nữa, hỡi Thánh George, ngươi mới thôi khiến chúng ta kinh ngạc bởi những hành động của ngươi? Đến bao giờ ngươi mới tiết lộ cho chúng ta sự thật: bằng những mưu kế huyền bí nào mà ngươi đã đạt đến mức khinh thường những cực hình giáng xuống mình và vẫn vô sự trước thứ đồ uống chết người ấy? Hãy nói cho chúng ta biết tất cả sự thật, những người đang mong muốn lắng nghe ngươi với lòng khiêm nhường.

Thánh George đáp:

– Xin đừng nghĩ, hỡi hoàng đế, rằng tôi không để ý đến những cực hình nhờ vào ý chí con người. Không, tôi được cứu rỗi nhờ sự kêu cầu Chúa Kitô và quyền năng của Ngài. Nhờ đặt niềm tin vào Ngài, theo lời dạy huyền bí của Ngài, chúng tôi coi những cực hình ấy chẳng là gì cả.

Và Diocletian nói:

– Vậy thì giáo huấn huyền bí của Đấng Kitô mà ngươi tin là gì?

Thánh George đáp:

– Ngài biết rằng sự ác độc của các ngài sẽ chẳng đạt được gì, và đã dạy các tôi tớ của Ngài đừng sợ những kẻ giết thân xác, vì họ không thể giết linh hồn. Vì Ngài đã phán: *"Ngay cả một sợi tóc trên đầu các ngươi cũng sẽ không mất đi"* (Lc 21:18), *"Họ sẽ cầm rắn; và nếu uống phải thứ gì độc hại, nó cũng sẽ không làm hại họ"* (Mc 16:18). *"Ai tin vào Ta, thì những việc Ta làm, người ấy cũng sẽ làm được"* (Giăng 14:12). Hỡi hoàng đế, xin hãy lắng nghe lời hứa chân thật này của Ngài dành cho chúng ta, điều mà tôi đang tóm tắt trình bày với ngài.

– Vậy những việc của Ngài mà ngươi đang nói đến là những việc gì? – Diocletian hỏi.

Thánh nhân đáp:

– Làm cho người mù được sáng mắt, chữa lành người hủi, giúp người què đi lại được, người điếc nghe được, trừ tà ma, làm cho người chết sống lại – đó chính là những việc làm của Đấng Christ và những việc tương tự như vậy.

Quay sang nhà tiên tri Athanasius, hoàng đế hỏi ông:

– Ngươi nói gì về điều này?

– Tôi thật ngạc nhiên, – Afanasius đáp, – rằng ông ta lại dám lạm dụng lòng hiền lành của ngài như vậy, nói dối với hy vọng thoát khỏi bàn tay quyền uy của ngài. Chúng tôi, những người hàng ngày được hưởng vô vàn ân huệ từ các vị thần bất tử của mình, chưa bao giờ thấy các vị ấy làm cho người chết sống lại. Còn người này, dựa vào một con người đã chết và tin vào Đức Chúa Trời bị đóng đinh, lại không ngần ngại nói rằng Ngài đã thực hiện những việc kỳ diệu vĩ đại. Vì George đã tuyên xưng trước mặt tất cả chúng ta rằng Đức Chúa Trời của ông là Đấng thực hiện những phép lạ như vậy, và những ai tin vào Ngài đã nhận được lời hứa chắc chắn từ Ngài rằng họ cũng sẽ làm được những việc như Ngài đã làm, vậy thì hãy để George làm cho người chết sống lại trước mặt ngài, hỡi hoàng đế, và trước mặt tất cả chúng ta. Khi đó, chúng tôi cũng sẽ quy phục Đức Chúa Trời của ông ấy, Đấng Toàn Năng. Từ đây, từ xa có thể nhìn thấy ngôi mộ, nơi mới đây người đã khuất mà tôi từng quen biết khi còn sống đã được an táng. Nếu Georgios làm cho người ấy sống lại, thì quả thực ông ấy sẽ chiến thắng chúng tôi.

Nhà vua kinh ngạc trước lời khuyên của Athanasius. Ngôi mộ mà ông chỉ ra cách nơi xét xử nửa dặm[3176]. Bởi vì phiên tòa diễn ra tại nơi từng là nhà hát, ngay cổng thành. Còn ngôi mộ đó nằm ngoài thành, vì theo phong tục của người Hy Lạp, người chết của họ được chôn cất bên ngoài thành phố. Và nhà vua ra lệnh cho vị tử đạo rằng, để chứng tỏ quyền năng của Đức Chúa Trời mình, hãy làm cho người chết sống lại. Còn Magnentius, vị phó vương, đã khẩn cầu nhà vua tháo xiềng xích cho Thánh George. Khi xiềng xích được tháo khỏi Thánh George, Magnentius nói với ngài:

– Hãy cho chúng tôi thấy, Georgios, những việc kỳ diệu của Đức Chúa Trời của ngươi, và ngươi sẽ dẫn dắt tất cả chúng ta đến với đức tin nơi Ngài.

Và vị thánh đáp lại:

– Đức Chúa Trời của tôi, Đấng đã tạo dựng vạn vật từ hư vô, có quyền năng làm cho người chết kia sống lại qua tôi; còn các ngươi, những kẻ đã làm mờ trí tuệ, không thể hiểu được lẽ thật. Nhưng vì dân chúng đang có mặt ở

[3176] Stadia – đơn vị đo chiều dài; tương đương khoảng 88 sažen của chúng ta.

đây, Chúa của tôi sẽ làm điều mà các ngươi, khi thử thách tôi, đang yêu cầu – để các ngươi đừng gán ghép điều này cho phép thuật. Lời của nhà tiên tri mà các ngươi đưa đến là đúng, rằng chẳng phải phép thuật, cũng chẳng phải quyền năng của các vị thần các ngươi bao giờ có thể làm sống lại người chết. Còn tôi, trước mặt tất cả những người đang đứng xung quanh và trước sự chứng kiến của mọi người, tôi sẽ kêu cầu Đức Chúa Trời của tôi.

Nói xong, Thánh Giô-rê quỳ gối và cầu nguyện với Đức Chúa Trời trong nước mắt một hồi lâu; sau đó, đứng dậy, Thánh Giô-rê cất tiếng kêu cầu Đức Chúa Trời bằng giọng vang dội:

– Lạy Thiên Chúa vĩnh cửu, lạy Thiên Chúa nhân từ, lạy Thiên Chúa của mọi quyền năng, Đấng Toàn Năng, xin đừng làm hổ thẹn những ai đặt niềm tin nơi Ngài, lạy Chúa Giêsu Kitô; xin hãy nghe lời con, tôi tớ khiêm nhường của Ngài, vào giờ phút này, chính Ngài, Đấng đã nghe lời các Thánh Tông Đồ của Ngài ở mọi nơi, trong mọi phép lạ và dấu chỉ. Xin ban cho dòng dõi gian ác này dấu lạ mà họ xin, và xin làm cho người chết đang nằm trong quan tài sống lại, để làm nhục những kẻ chối bỏ Ngài, vì vinh quang của Ngài, của Cha Ngài và của Thánh Thần chí thánh. Lạy Chúa, xin hãy tỏ cho những người đang hiện diện thấy rằng Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất của cả trái đất, để họ nhận biết Ngài, Chúa Toàn Năng, Đấng mà muôn loài đều vâng phục và vinh quang của Ngài tồn tại muôn đời. A-men.

Khi Người vừa dứt lời "A-men", bỗng có tiếng sấm rền vang và đất rung chuyển, khiến mọi người đều kinh hoàng. Lúc đó, mái mộ sụp xuống đất, quan tài mở ra, và người chết sống lại, bước ra khỏi quan tài. Tất cả những ai chứng kiến cảnh đó đều kinh hãi đến mức như chết lặng. Ngay lập tức, tin đồn về sự việc này lan truyền trong dân chúng, và nhiều người khóc lóc và ca ngợi Chúa Kitô là Đấng Thiên Chúa vĩ đại. Còn nhà vua và tất cả những người đi cùng ông, vừa sợ hãi vừa hoài nghi, ban đầu cho rằng Thánh George, với tư cách là một pháp sư vĩ đại, đã không làm cho người chết sống lại từ quan tài, mà chỉ là một linh hồn hay một ảo ảnh nào đó để lừa dối những người chứng kiến. Sau đó, khi nhận ra rằng trước mặt họ không phải là ảo ảnh, mà thực sự là một con người đã sống lại từ cõi chết và kêu cầu danh Chúa Kitô, nhà vua cùng các quan đại thần rơi vào sự bối rối và kinh ngạc tột độ, rồi im lặng vây quanh Thánh George, hoàn toàn không biết phải làm gì. Còn Athanasius thì quỳ sấp xuống chân vị thánh, xưng nhận rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa Toàn Năng, và cầu xin vị tử đạo tha thứ cho những tội lỗi mà ông đã phạm trong sự vô minh. Sau một thời gian dài, Diocletian cuối cùng ra lệnh cho dân chúng im lặng và nói:

– Các ngươi có thấy sự lừa dối này không, hỡi các người; các ngươi có thấy sự độc ác và xảo trá của những pháp sư này không? Athanasius, kẻ vô đạo nhất, đã giúp đỡ một pháp sư giống như hắn, không cho Georgios uống thuốc độc, mà là một loại đồ uống bị yểm bùa, nhằm giúp hắn lừa dối chúng ta. Chúng đã khiến một người còn sống trông như đã chết, rồi bằng phép thuật ngay trước mắt chúng ta, chúng đã làm cho người ấy đứng dậy, như thể đã sống lại từ cõi chết.

Nói xong, hoàng đế ra lệnh chém đầu Afanasi và kẻ được cho là đã sống lại từ cõi chết mà không cần tra hỏi hay tra tấn trước; còn vị thánh tử đạo của Chúa Kitô là Thánh George, ông ra lệnh giam giữ trong ngục tối và xiềng xích, cho đến khi chính ông rảnh rỗi khỏi việc cai trị dân chúng và nghĩ ra cách xử lý vị thánh tử đạo này. Hoàng đế lui về cung điện của mình, còn Thánh Giô-rê thì bị dẫn đi giam vào ngục, nơi ngài vui mừng và tạ ơn Thiên Chúa:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa Tể, Đấng không làm hổ thẹn những ai đặt niềm tin nơi Ngài. Con tạ ơn Ngài vì đã giúp đỡ con khắp mọi nơi và mỗi ngày đều ban cho con những ân huệ ngày càng lớn lao, đồng thời dùng ân sủng của Ngài để trang điểm cho con, kẻ không xứng đáng này. Xin hãy ban cho con, lạy Chúa, lạy Chúa của con, sớm được chiêm ngưỡng vinh quang của Ngài, và làm cho ma quỷ phải xấu hổ cho đến cùng.

Khi Thánh Tử Đạo Vĩ Đại Giô-rê đang bị giam trong ngục tối, có những người đã tin vào Chúa Kitô nhờ các phép lạ của ngài đến thăm ngài; họ đưa vàng cho lính canh, quỳ lạy dưới chân thánh nhân và được ngài dạy dỗ về đức tin thánh thiện. Bằng cách kêu cầu danh Chúa Kitô và dấu thánh giá, thánh nhân đã chữa lành cho những người bệnh, những người đã đến đông đảo thăm ngài trong ngục tối. Trong số những người đến có một người đàn ông tên là Glycerius, một nông dân bình thường, con bò của ông đã rơi từ trên núi xuống rừng và chết. Nghe tin về những phép lạ của vị thánh, Glycerius đã đến gặp ngài, đau buồn vì con bò đã chết. Vị thánh mỉm cười và nói với ông:

– Hãy đi đi, anh em, và đừng buồn rầu. Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, sẽ làm cho con bò của anh sống lại.

Người nông dân đi với niềm tin vững chắc vào lời của vị tử đạo và quả thực đã thấy con bò của mình còn sống. Ngay lập tức, ông quay trở lại gặp Thánh George và, đi giữa thành phố, ông lớn tiếng kêu lên:

– Quả thật, Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Vì điều đó, các binh lính đã bắt giữ anh ta và báo cáo với hoàng đế. Diocletian nổi giận, không muốn gặp ông, và ra lệnh chém đầu ông ngay lập tức ngoài thành. Glicerius bước đi đón nhận cái chết vì Chúa Kitô với niềm vui như đi dự tiệc, đi đầu đoàn lính, cất tiếng kêu cầu Chúa Kitô và cầu xin Ngài nhận dòng máu của ông như phép rửa tội. Glicerius đã qua đời như vậy.

Lúc bấy giờ, một số người thuộc Hội đồng Thượng viện đã tâu với hoàng đế rằng: "Giorgio, khi đang bị giam trong ngục, đang kích động dân chúng, khiến nhiều người quay lưng lại với các vị thần để theo Đấng Bị Đóng Đinh, và thực hiện những phép lạ bằng thuật phù thủy đến nỗi mọi người đều đổ xô đến với ông ta." Họ đồng thời đề nghị rằng Thánh George phải bị tra tấn lần nữa, và nếu ông không ăn năn và quay trở lại thờ các vị thần, thì phải bị kết án tử hình ngay lập tức. Sau khi triệu tập phó vương Magnentius, nhà vua ra lệnh vào sáng hôm sau phải chuẩn bị nơi xét xử tại đền thờ thần Apollo, để tra tấn vị tử đạo trước mặt dân chúng. Đêm đó, khi Thánh George đang cầu nguyện trong ngục tối, ngài chợp mắt và thấy Chúa hiện ra trong giấc mơ. Chúa đã nâng ngài lên bằng tay, ôm lấy ngài, hôn lên trán ngài và đội vương miện lên đầu ngài, nói rằng:

– Đừng sợ, hãy can đảm lên, và ngươi sẽ được cùng Ta cai trị. Đừng nản lòng, ngươi sẽ sớm đến với Ta và nhận được những gì đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi.

Khi tỉnh giấc, vị thánh vui mừng tạ ơn Chúa và gọi người canh ngục lại, nói với ông ta:

– Xin anh, anh em ơi, làm ơn giúp tôi một việc; hãy bảo người hầu của tôi vào đây. Tôi cần nói với anh ta một điều.

Người lính canh gọi người đầy tớ, người luôn đứng canh gác bên ngoài ngục và ghi chép cẩn thận mọi hành động và lời nói của vị thánh. Khi bước vào, người đầy tớ cúi đầu xuống đất trước chủ nhân của mình, người đang ngồi trong xiềng xích, rồi quỳ xuống dưới chân ngài và khóc nức nở. Vị thánh nâng anh ta dậy, bảo anh ta hãy vững lòng và kể cho anh ta nghe về giấc mơ của mình, nói rằng:

– Hỡi con yêu quý! Sắp tới, Chúa sẽ gọi con về với Ngài; còn con, sau khi con ra đi khỏi cõi đời này, hãy mang thi thể khiêm nhường của con đi, và theo di chúc mà con đã viết trước khi con bắt đầu cuộc hành trình tu hành, hãy nhờ ơn Chúa đưa thi thể ấy về ngôi nhà của chúng ta ở Palestine, và thực hiện mọi điều theo di chúc của con, với lòng kính sợ Chúa và đức tin vững chắc nơi Đấng Kitô.

Người đầy tớ, nước mắt lưng tròng, hứa sẽ tuân theo lời dặn dò. Thánh nhân âu yếm ôm lấy anh ta, trao cho anh ta nụ hôn cuối cùng và tiễn anh ta ra về trong bình an.

Sáng hôm sau, ngay khi mặt trời mọc, nhà vua ngự trên ngai xét xử và, kìm nén cơn giận, bắt đầu nói chuyện một cách ôn hòa với Georgy, người đang bị dẫn đến trước mặt ngài:

– Hỡi George, ngươi không nghĩ rằng ta tràn đầy lòng nhân ái và thương xót đối với ngươi, khoan dung tha thứ cho những tội lỗi của ngươi sao? Các vị thần là chứng nhân cho điều này, rằng ta tha thứ cho tuổi trẻ của ngươi, vì vẻ đẹp rực rỡ, trí tuệ và lòng dũng cảm của ngươi. Và ta mong muốn có ngươi làm đồng trị vì, người đứng thứ hai về danh dự trong vương quốc của ta, nếu như ngươi chỉ cần muốn quay về với các vị thần. Hãy nói cho chúng ta biết, ngươi nghĩ sao về điều này?

Thánh George nói:

– Thưa bệ hạ, lẽ ra ngài nên tỏ lòng nhân từ với con trước, chứ không phải hành hạ con bằng những cực hình tàn bạo như vậy.

Nghe những lời này của vị tử đạo với sự hài lòng, nhà vua nói:

– Nếu ngươi sẵn lòng vâng lời ta như vâng lời cha mình, thì vì tất cả những đau khổ mà ngươi đã chịu đựng, ta sẽ ban cho ngươi nhiều vinh dự.

Thánh George đáp:

– Nếu bệ hạ thấy thích, chúng ta hãy vào trong đền thờ để chiêm ngưỡng các vị thần mà bệ hạ tôn kính.

Vua vui mừng đứng dậy và cùng toàn thể hội đồng và dân chúng tiến vào đền thờ Apollon, dẫn theo Thánh George một cách trang trọng. Dân chúng reo hò chào đón nhà vua, ca ngợi quyền năng và chiến thắng của các vị thần của họ.

Khi bước vào đền thờ, nơi lễ vật đã được chuẩn bị sẵn, tất cả đều im lặng nhìn vị tử đạo, không nghi ngờ gì rằng ngài sẽ dâng lễ vật lên các vị thần. Còn vị thánh thì tiến đến tượng thần Apollon, giơ tay về phía ngài và hỏi vị thần điên rồ ấy, như thể ngài còn sống vậy:

– Ngươi có muốn nhận lễ vật từ ta, với tư cách là một vị thần không?

Khi nói những lời này, vị thánh đã làm dấu thánh giá. Con quỷ đang ngự trong tượng thần liền kêu lên:

– Ta không phải là thần, cũng không phải thần, và không ai giống ta cả. Chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất, Đấng mà ngươi tuyên xưng. Còn chúng ta là những thiên thần phản bội, từng phục vụ Ngài; chúng ta, bị ghen tị chi phối, đang dụ dỗ con người.

Vị thánh bấy giờ nói với con quỷ:

– Sao các ngươi dám cư ngụ ở đây, khi ta, người phục vụ Đức Chúa Trời chân chính, đã đến đây?

Khi vị thánh nói những lời đó, tiếng ồn ào và tiếng khóc than bỗng dấy lên từ các tượng thần. Rồi chúng ngã xuống đất và vỡ tan. Ngay lập tức, các thầy tế lễ và nhiều người trong dân chúng, như những kẻ điên cuồng, lao vào vị thánh một cách dữ dội, đánh đập và trói buộc ngài, đồng thời kêu gào với nhà vua:

– Hãy giết tên thầy phù thủy này đi, hỡi đức vua, hãy giết hắn trước khi hắn hủy diệt chúng ta.

Tin tức về sự hỗn loạn và tiếng la hét này lan truyền khắp thành phố và đến tai hoàng hậu Alexandra. Cho đến lúc đó, hoàng hậu vẫn giấu kín đức tin vào Chúa Kitô trong lòng, nhưng bà không còn sức để che giấu niềm tin của mình nữa và lập tức đến nơi thánh tử đạo vĩ đại George đang bị giam giữ.

Thấy sự hỗn loạn của dân chúng và nhìn thấy từ xa vị tử đạo đang bị trói, nữ hoàng đã cố gắng vô ích để đi qua đám đông đến chỗ ngài và bắt đầu kêu lên lớn tiếng:

– Lạy Thiên Chúa của Thánh Giô-rê, xin giúp con, vì chỉ có Ngài là Đấng Toàn Năng.

Khi tiếng la hét của dân chúng lắng xuống, Diocletian ra lệnh dẫn vị tử đạo đến trước mặt mình và, trong cơn thịnh nộ như người bị quỷ ám, nói với vị thánh:

– Đây là cách ngươi, tên khốn kiếp, đáp lại lòng nhân từ của ta, đây là cách ngươi quen dâng lễ vật cho các vị thần.

Thánh George đáp lại:

– Đúng vậy, tôi đã quen tôn kính các vị thần của ngài như thế. Hỡi vị vua điên rồ, ngài hãy hổ thẹn khi gán sự cứu rỗi của mình cho các vị thần, những vị không thể tự cứu lấy mình, cũng không thể chịu đựng sự hiện diện của các tôi tớ Chúa Kitô.

Khi vị thánh đang nói những lời ấy, hoàng hậu cuối cùng cũng len lỏi qua đám đông vào giữa, can đảm tuyên xưng trước mặt mọi người rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật. Bà quỳ xuống dưới chân vị tử đạo và, chế giễu sự điên rồ của kẻ hành hạ, bà lên án các vị thần và nguyền rủa những kẻ thờ phụng chúng. Thấy vợ mình, người đang quỳ dưới chân vị tử đạo với sự can đảm như vậy để tôn vinh Chúa Kitô và hạ nhục các thần tượng, nhà vua vô cùng kinh ngạc và nói với bà:

– Chuyện gì đã xảy ra với ngươi vậy, Alexandra, sao ngươi lại theo tên phù thủy và pháp sư này, rồi lại từ bỏ các vị thần một cách trơ trẽn như vậy?

Còn nàng thì quay mặt đi, không trả lời nhà vua. Diocletian càng thêm giận dữ và không còn tra tấn cả George lẫn hoàng hậu nữa, mà ngay lập tức tuyên án tử hình cho cả hai:

– Georgius, kẻ tồi tệ nhất, kẻ đã tự xưng là môn đồ của người Galilee[3177] và đã nhiều lần phỉ báng ta cùng các vị thần, cùng với hoàng hậu Alexandra, người đã bị mê hoặc bởi phép thuật của hắn và cũng như hắn, điên cuồng lên án các vị thần, ta ra lệnh chém đầu cả hai bằng gươm.

Các chiến binh bắt giữ vị tử đạo, người đang bị xiềng xích trói chặt, và dẫn ông ra khỏi thành. Họ cũng lôi theo cả nữ hoàng cao quý, người đã đi theo Thánh George mà không chống cự, thầm cầu nguyện trong lòng và thường ngước nhìn lên trời. Trên đường đi, nữ hoàng kiệt sức và xin phép được ngồi xuống. Khi ngồi xuống, bà tựa đầu vào tường và trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Thấy vậy, vị tử đạo của Chúa Giê-su là Thánh Giô-rê đã ngợi khen Thiên Chúa và tiếp tục đi, cầu nguyện với Chúa để hành trình của mình cũng kết thúc một cách xứng đáng. Khi Thánh Giô-rê đến gần nơi được chỉ định để hành quyết, ngài đã cất tiếng cầu nguyện bằng giọng vang dội:

– Ngợi khen Chúa, Thiên Chúa của con, vì Ngài đã không phó thác con làm mồi cho những kẻ săn lùng con, không làm cho kẻ thù con vui mừng, và đã giải cứu linh hồn con như chim thoát khỏi lưới. Xin hãy nghe con ngay lúc này, lạy Chúa, xin hãy hiện diện bên con, tôi tớ của Ngài, trong giờ phút cuối cùng này và giải thoát linh hồn con khỏi mưu mô của vua không trung và khỏi những linh hồn ô uế của hắn. Xin đừng để những ai vô tình phạm tội chống lại con phải chịu tội, nhưng xin ban cho họ sự tha thứ và tình yêu thương, để họ, khi nhận biết Ngài, cũng được dự phần vào Nước Trời của Ngài, cùng với những người được Ngài chọn. Xin hãy đón nhận linh hồn

[3177] Tức là Chúa Giêsu Kitô.

con cùng với những ai đã làm đẹp lòng Ngài từ thuở đời đời, xin bỏ qua những tội lỗi con đã phạm, dù là do cố ý hay vô tình. Xin hãy nhớ đến, lạy Chúa, những ai đang kêu cầu danh thánh của Ngài, vì Ngài được chúc tụng và tôn vinh muôn đời. Amen.

Sau khi cầu nguyện, Thánh Giô-rê-gi-ô vui mừng cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm và qua đời vào ngày 23 tháng Tư, sau khi đã hoàn thành việc làm chứng của mình một cách xứng đáng và giữ vững đức tin không tì vết. Vì thế, ngài đã được trao vương miện công chính dành cho những người được chọn[3178] .

Đó là sự vinh quang của những chiến công vĩ đại của vị chiến binh dũng cảm, đó là cuộc chiến của ngài chống lại kẻ thù và chiến thắng huy hoàng; nhờ những nỗ lực đó, ngài đã được ban tặng vương miện bất diệt và vĩnh cửu. Nhờ những lời cầu nguyện của ngài, chúng ta cũng xin được hưởng phần thưởng của những người công chính và được đứng bên hữu vào ngày Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, tái lâm, Đấng xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng đến muôn đời. Amen.

Những phép lạ của Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê

Tại các vùng đất Syria có một thành phố tên là Ramel, nơi đang xây dựng một nhà thờ bằng đá để tôn vinh Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê. Tuy nhiên, tại nơi đó không có những tảng đá phù hợp để có thể làm nên những cột đá lớn nhằm củng cố công trình nhà thờ. Những cột đá như vậy thường được mua từ những vùng đất xa xôi và vận chuyển bằng đường biển. Nhiều công dân sùng đạo ở Ramel đã lên đường đến các quốc gia khác nhau để mua những cột đá cho nhà thờ đang được xây dựng. Với mục đích đó, một góa phụ đạo đức, người có lòng nhiệt thành và đức tin sâu sắc vào Thánh Đại Tử Đạo George, cũng đã lên đường, mong muốn dùng số tiền ít ỏi của mình để mua một cột đá cho nhà thờ Thánh George. Sau khi mua được một cột đá tuyệt đẹp ở một quốc gia nào đó, bà mang nó đến bờ biển, nơi quan trưởng thành Ramel – người đã mua được vài cột đá – đang chất chúng lên tàu. Người phụ nữ ấy liền khẩn khoản van xin vị quan ấy hãy nhận cột đá của bà lên tàu của ông và chở nó đến nhà thờ của vị Tử đạo. Người giàu có không nghe theo lời thỉnh cầu của bà, không nhận cột đá của bà, mà ra khơi, chỉ chất những cột đá của mình lên tàu. Lúc đó, người phụ nữ ngã quỵ xuống đất vì đau khổ và trong nước mắt, bà cầu xin vị Đại Tử đạo giúp đỡ, để ngài bằng cách nào đó sắp xếp việc vận chuyển cột đá của bà đến Ramel, đến nhà thờ của ngài. Trong nỗi buồn và nước mắt, bà chìm vào giấc ngủ, và trong giấc mơ, vị thánh tử đạo vĩ đại George hiện ra trước mắt bà, cưỡi ngựa trong hình dáng một vị tướng quân, nâng bà dậy khỏi mặt đất và nói:

– Hỡi người phụ nữ, hãy kể cho ta nghe, chuyện gì đã xảy ra?

Cô kể cho vị thánh nghe lý do nỗi buồn của mình. Ngài xuống ngựa và hỏi cô:

– Ngươi muốn dựng cột ở đâu?

Cô trả lời:

– Ở phía bên phải nhà thờ.

Ngay lập tức, vị thánh dùng ngón tay viết lên cột như sau:

– Cột của người góa phụ này hãy được đặt làm cột thứ hai trong hàng cột ở phía bên phải nhà thờ.

Sau khi viết xong, Thánh George nói với người phụ nữ:

– Hãy giúp tôi đi.

Và khi họ cùng nhau nâng cột đá lên, cột đá bỗng trở nên nhẹ bẫng, và họ đã ném cột đá xuống biển. Đó là những gì người phụ nữ đã thấy trong giấc mơ.

Khi tỉnh dậy, bà không thấy cột đá ở vị trí cũ, nên đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời và vào tôi tớ của Ngài, Thánh George, rồi lên đường về quê hương. Nhưng trước khi bà đến nơi và trước khi con tàu cập bến, vào ngày hôm sau sau giấc mơ của bà, người ta đã tìm thấy cột đá của bà nằm trên bờ bến cảng Ramel. Khi quan trưởng thành, tên là Vasily, chở những cây cột của mình trên tàu và bước lên bờ, ông đã nhìn thấy cây cột của người góa phụ cùng dòng chữ trên đó, được khắc bằng ngón tay của vị thánh. Người đàn ông ấy vô cùng kinh ngạc, và khi nhận ra phép lạ của vị thánh tử đạo vĩ đại, ông đã nhận ra tội lỗi của mình và hối hận vì đã khinh thường lời thỉnh cầu của người góa phụ. Ông đã cầu xin Thánh George tha thứ bằng nhiều lời cầu nguyện và đã được vị thánh này tha thứ, người đã hiện ra với ông trong một giấc mơ. Cột gỗ của người góa phụ được dựng lên tại chính nơi mà

[3178] Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê qua đời vào năm 304. Vào thế kỷ thứ 4, một nhà thờ đã được xây dựng tại Rô-ma để tôn vinh Thánh Giô-rê, nơi lưu giữ một phần di cốt của ngài, cây giáo và lá cờ của ngài.

dòng chữ trên đó chỉ dẫn, để tưởng nhớ người phụ nữ đạo đức này, để làm chứng cho phép lạ do vị thánh tử đạo vĩ đại thực hiện, và để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Nguồn mạch của mọi phép lạ.

Nhiều năm sau, khi người Saracen chinh phục Syria, tại thành phố Ramel, trong nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê, một phép lạ đã xảy ra như sau:

Một quý tộc Saracen, cùng với những người đồng tộc của mình, đã bước vào nhà thờ trong giờ lễ. Khi nhìn thấy bức tượng Thánh George, cũng như vị linh mục đang đứng trước bức tượng, cúi đầu thờ lạy và dâng lời cầu nguyện lên vị thánh, ông ta đã nói với bạn bè bằng tiếng Saracen:

– Các ngươi có thấy tên điên này đang làm gì không? – Hắn đang cầu nguyện với một tấm ván. Hãy mang cho ta cung và mũi tên, ta sẽ bắn thủng tấm ván này.

Ngay lập tức, cây cung được mang đến, và người Saracen, đứng phía sau mọi người, giương cung và bắn mũi tên vào bức tượng thánh tử đạo. Tuy nhiên, mũi tên không bay về phía bức tượng, mà bay lên cao rồi rơi xuống, cắm sâu vào tay người Saracen đó, khiến anh ta bị thương nặng. Ngay lập tức, người Saracen đó trở về nhà, cảm thấy cơn đau dữ dội ở cánh tay. Cơn đau ngày càng tăng lên, cánh tay của người Saracen sưng tấy, phồng lên như một cái túi da, đến nỗi anh ta rên rỉ vì những cơn đau dữ dội.

Người Saracen này có vài nô lệ nữ theo đạo Thiên Chúa ở nhà. Anh ta gọi họ lại và nói:

– Ta đã đến nhà thờ của vị thần George của các ngươi và định bắn trúng bức tượng thánh của ngài. Tuy nhiên, ta đã bắn mũi tên từ cây cung một cách vụng về đến nỗi, khi rơi xuống, mũi tên đã làm ta bị thương nặng ở cánh tay, và giờ đây ta đang chết dần vì cơn đau không thể chịu đựng nổi.

Các nô tì liền nói với hắn:

– Theo ngươi nghĩ, ngươi đã làm đúng chưa khi dám xúc phạm bức tượng thánh tử đạo như vậy?

Người Saracen trả lời họ:

– Liệu bức tượng thánh này có sức mạnh khiến tôi bị ốm như thế này không?

Các nữ nô lệ đáp lại:

– Chúng tôi không am hiểu kinh sách nên không biết phải trả lời anh thế nào. Nhưng hãy gọi linh mục của chúng tôi đến, ngài sẽ giải thích cho anh điều anh đang thắc mắc.

Người Saracen nghe theo lời khuyên của các nô tì, gọi linh mục đến và nói với ông ta:

– Ta muốn biết tấm bảng, hay bức tượng mà ngươi đã thờ phụng, có sức mạnh gì.

Vị linh mục trả lời ông ta:

– Tôi không thờ tấm ván ấy, mà là Đức Chúa Trời của tôi, Đấng Tạo Hóa của vũ trụ. Còn về hình ảnh Thánh George, vị tử đạo vĩ đại, được khắc trên tấm ván, tôi đã cầu nguyện để ngài làm người trung gian cho tôi trước mặt Đức Chúa Trời.

Người Saracen hỏi ông:

– Vậy thì Thánh George là ai, nếu không phải là thần của các ngươi?

Vị linh mục đáp:

– Thánh Giô-rê-gi-ô không phải là thần của chúng tôi, mà chỉ là tôi tớ của Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Ki-tô của chúng tôi. Ngài là một con người, giống chúng ta về mọi mặt. Ngài đã phải chịu biết bao đau khổ từ những kẻ ngoại đạo, những kẻ ép buộc ngài phải từ bỏ Chúa Ki-tô; nhưng, bằng sự can đảm chống lại họ và trở thành người làm chứng cho danh Chúa Kitô, ngài đã nhận được ân sủng từ Thiên Chúa – đó là khả năng thực hiện các dấu lạ và phép lạ. Còn chúng tôi, những người Kitô hữu, khi tôn kính ngài, cũng tôn trọng cả bức tượng của ngài, và khi nhìn vào bức tượng ấy, như thể đang nhìn chính vị thánh, chúng tôi thờ lạy và hôn lên bức tượng. Bạn cũng làm điều tương tự; chẳng hạn, khi cha mẹ hay anh em thân yêu của bạn qua đời, bạn nhìn vào quần áo của họ, khóc trước mặt họ, hôn lên quần áo ấy, và tưởng tượng rằng chính những người đã khuất đang hiện diện trong những bộ quần áo đó. Chính xác như vậy, chúng ta tôn kính các bức tượng thánh – không phải như các vị thần (xin đừng để điều đó xảy ra!) – mà như hình ảnh của các tôi tớ Chúa, những người thực hiện phép lạ ngay cả qua chính các bức tượng của họ; chính ngươi, kẻ đã dám bắn mũi tên vào bức tượng của vị thánh tử đạo, đã được nếm trải sức mạnh của ngài để làm bài học và gương sáng cho người khác.

Nghe xong, người Saracen nói:

– Vậy giờ tôi phải làm gì đây? Ngươi thấy đó, tay tôi sưng tấy rất nặng; tôi đang chịu đau đớn không thể chịu nổi và sắp chết rồi.

Vị linh mục nói với anh ta:

– Nếu ngươi muốn sống sót và khỏi bệnh, hãy ra lệnh mang bức tượng thánh tử đạo vĩ đại George đến cho ngươi, đặt nó trên giường của ngươi, chuẩn bị một ngọn đèn dầu trước bức tượng và thắp sáng ngọn đèn đó suốt cả đêm; sáng hôm sau, hãy bôi dầu từ ngọn đèn đó lên cánh tay bị bệnh của ngươi, với niềm tin vững chắc rằng ngươi sẽ được chữa lành – và ngươi sẽ khỏe mạnh trở lại.

Người Saracen ngay lập tức xin vị linh mục mang bức tượng Thánh George đến cho mình, và sau khi nhận lấy với niềm vui sướng, anh ta làm theo những gì vị linh mục đã dạy. Sáng hôm sau, anh ta bôi dầu từ ngọn đèn lên bàn tay mình, và ngay lập tức cơn đau ở bàn tay anh ta chấm dứt, và bàn tay anh ta đã lành lặn.

Bị ngạc nhiên và kinh ngạc trước phép lạ này, người Saracen ấy hỏi vị linh mục: "Trong sách của ngài có ghi chép gì về Thánh George không?"

Vị linh mục mang đến cho ông ta cuốn sách kể về cuộc đời và những đau khổ của vị thánh, rồi bắt đầu đọc cho người Saracen nghe. Người Saracen, vừa lắng nghe chăm chú, vừa luôn cầm bức tượng thánh tử đạo trên tay, rồi quay sang vị thánh được khắc họa trên bức tượng như thể ngài là một con người sống động, và với những giọt nước mắt, ông thốt lên:

– Ôi Thánh Giô-rê! Ngài còn trẻ nhưng đã khôn ngoan, còn tôi thì già mà lại điên dại! Ngài đã làm đẹp lòng Chúa khi còn trẻ, còn tôi đã sống đến tuổi già mà vẫn chưa biết được Thiên Chúa chân thật! Xin hãy cầu nguyện cho tôi cùng Thiên Chúa của Ngài, để Ngài cũng ban ơn cho tôi được làm tôi tớ của Ngài!

Sau đó, quỳ xuống dưới chân vị linh mục, người Saracen bắt đầu nài nỉ ngài ban cho mình phép rửa tội thánh.

Ban đầu, vị linh mục không đồng ý, vì ông sợ người Saracen. Nhưng khi thấy lòng tin của anh ta và không thể từ chối lời thỉnh cầu của anh ta, ông đã rửa tội cho anh ta vào ban đêm, bí mật khỏi những người Saracen.

Khi bình minh ló rạng, người Saracen mới được rửa tội bước ra khỏi nhà mình và, đứng giữa lòng thành phố trước sự chứng kiến của mọi người, bắt đầu rao giảng về Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật, với lòng nhiệt thành mãnh liệt, đồng thời nguyền rủa đức tin của người Saracen. Ngay lập tức, một đám đông người Saracen vây quanh anh ta: tràn đầy cơn giận dữ và phẫn nộ, họ lao vào anh ta như những con thú hoang dã và dùng gươm chém anh ta thành từng mảnh nhỏ.

Như vậy, người Saracen ấy trong một khoảng thời gian ngắn ngủi đã thực hiện một hành động dũng cảm vì Đức Kitô và nhận được vương miện tử đạo, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê.

Trên đảo Mytilene[3179] có một ngôi đền vĩ đại và lừng lẫy, được xây dựng để tôn vinh Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê. Người dân trên hòn đảo này có một phong tục đạo đức – vào ngày kỷ niệm vị thánh tử đạo, họ tụ tập tại nhà thờ này để cùng nhau long trọng tôn vinh Thánh George. Những người Agaryan[3180] sống trên đảo Crete[3181] đã biết được điều này, và vào một buổi tối nọ, họ đã tấn công nơi đó. Những người Kitô hữu đang ở bên ngoài nhà thờ đã chạy trốn thoát khỏi tay người Agary; còn những người đang ở trong nhà thờ thì bị người Agary bắt giữ và đưa đi làm tù binh. Trong số những người bị bắt này có một thanh niên Kitô hữu, người đã bị đưa đến đảo Crete và được thủ lĩnh của người Agary đưa về phục vụ cho mình.

Cha mẹ của chàng trai trẻ này, dù đã mất con trai, nhưng vẫn không thay đổi thói quen sùng đạo của mình: khi đến ngày lễ kỷ niệm hàng năm của vị thánh tử đạo, họ đã đến nhà thờ để cầu nguyện cho vị thánh tử đạo, sau đó tổ chức một bữa tiệc tại nhà để tôn vinh và tưởng nhớ Thánh George. Khi các vị khách bắt đầu tụ tập để dự tiệc, mẹ của chàng trai bị bắt làm tù binh, sau khi đến nhà thờ (nằm không xa nhà bà), đã quỳ xuống tại đó trong nước mắt và tha thiết cầu xin vị thánh – giải thoát con trai bà khỏi cảnh tù đày bằng những cách mà chính vị thánh biết rõ. Lời cầu nguyện tha thiết của bà đã được đáp lại. Khi bà kết thúc lời cầu nguyện và quay trở lại dự tiệc cùng các vị khách, thì ngay lúc đó, chồng bà, sau khi thành kính kêu cầu Thánh Đại Tử Đạo và ca ngợi ngài như vị trợ giúp và

[3179] Đảo Mytilene nằm ở phía bắc Địa Trung Hải.

[3180] Người Agari cũng chính là người Saracen. Ban đầu, tên gọi "Agari" dùng để chỉ một bộ tộc du mục Bedouin Ả Rập, theo truyền thuyết có nguồn gốc từ Hagar, nữ nô lệ của Áp-ra-ham. Tuy nhiên, sau này, các nhà văn Kitô giáo đã mở rộng cách gọi này để chỉ chung tất cả người Ả Rập nói chung, cũng như người Hồi giáo.

[3181] Crete là một trong những hòn đảo lớn nhất của Địa Trung Hải; nó nằm ở phần phía đông của Địa Trung Hải, phía nam Hy Lạp. Vào khoảng 1.000 năm trước Công nguyên, những người di cư từ Hy Lạp đã định cư tại đây. Vào những năm 70 sau Công nguyên, Crete rơi vào tay người La Mã. Kể từ năm 650 sau Công nguyên, Crete phải hứng chịu nhiều cuộc tấn công tàn khốc của người Saracen, những người đã chiếm đóng hòn đảo này từ năm 823. Hiện nay, Crete đang nằm dưới sự quản lý tạm thời của hoàng gia Hy Lạp (dưới sự giám sát của các cường quốc châu Âu).

người bảo trợ, đang chuẩn bị chiêu đãi các vị khách và những người rót rượu đã sẵn sàng, – thì đột nhiên, ngay khoảnh khắc đó, chàng trai trẻ kia đã được Thánh George giải cứu khỏi nơi bị giam cầm và đưa về nhà cha mẹ mình; lúc đó, chàng trai đang cầm trên tay một bình rượu và dâng lên cho mẹ mình. Hóa ra, vào lúc đó, chàng trai trẻ ấy đang ở Crete, phục vụ cho thủ lĩnh của người Agarians khi ông ta đang dùng bữa, và đã chuẩn bị dâng rượu cho ông ta, thì đột nhiên, giống như Abacum thời xưa, chàng được nâng lên không trung và đưa đến đảo Mytilene cùng với chiếc bình đầy rượu. Tất cả những người đang ngồi quanh bàn, khi nhìn thấy chàng trai đó, đều vô cùng ngạc nhiên và đồng thanh hỏi anh ta:

– Ngươi đã ở đâu, từ đâu đến và làm thế nào mà lại ở đây?

Cậu trả lời họ:

– Tôi đã đổ đầy rượu vào bình này để dâng lên cho cấp trên của tôi. Nhưng ngay lúc đó, tôi bỗng nhiên bị một người đàn ông oai phong đang cưỡi ngựa đưa đi, và ông ấy cũng cho tôi ngồi lên ngựa. Một tay tôi bám vào thắt lưng người ấy, còn tay kia cầm chiếc bình rượu này, và rồi tôi đã đến đây, như các vị tự mình thấy đấy.

Nghe xong, mọi người đều kinh ngạc trước phép lạ vĩ đại này và đứng dậy khỏi bàn ăn, dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời và vị thánh được Ngài yêu mến, Thánh Tử đạo vĩ đại Giô-rê.

Tu sĩ Kosma cũng đã kể lại một phép lạ tương tự như thế này:

– Vào thời trị vì của vua Hy Lạp Vasilios[3182] (lúc đó tôi vẫn còn là một thiếu niên), vị chỉ huy của tôi, một tướng quân mà tôi phục vụ, đã được nhà vua cử đi đến đảo Síp[3183] . Khi đến đây, chúng tôi nghe kể về câu chuyện về phép lạ do Thánh Đại Tử Đạo George thực hiện tại nhà thờ được xây dựng để tôn vinh và ca ngợi danh Ngài, vào ngày lễ của Ngài, cụ thể là: con trai của vị linh mục phục vụ tại nhà thờ này đã bị người Saracen bắt làm tù binh, nhưng hôm nay – vào ngày kỷ niệm Thánh George – cậu lại xuất hiện ngay bên cạnh cha mình, trong lúc Thánh lễ đang được cử hành. Tỉnh trưởng đã triệu tập vị linh mục nói trên cùng con trai ông đến, rồi hỏi cậu bé:

– Ngươi đã thoát khỏi bọn Saracen như thế nào?

Chàng trai trẻ liền kể lại câu chuyện của mình như sau:

– Chúa đã muốn Thánh George giải thoát cho con. Bản thân con cũng không biết làm sao mà con lại đến được đây; con chỉ biết rằng con đã bị giam cầm suốt ba năm qua. Một lần, cha tôi cử tôi đi trên một con tàu cùng vài người bạn đồng hành để mua sắm một số thứ. Nhưng bọn Saracen đã tấn công chúng tôi, bắt giữ tất cả và đưa tôi đến Palestine (lúc bấy giờ, Jerusalem và toàn bộ Palestine đã nằm trong tay bọn Saracen). "Tại đây," chàng trai kể tiếp, "tôi đã phục vụ chủ nhân của mình được ba năm; hôm nay đã là ngày thứ mười tám kể từ khi chủ nhân ra lệnh cho tôi mang giường của ngài vào phòng tắm, với ý định tắm rửa ở đó. Khi ngài tắm xong, ngài nói với tôi:

– Ngươi có mang đồ uống cho ta để ta uống không?

Tôi liền thưa với ngài (chàng trai kể tiếp):

– Không, tôi chưa mang đến, thưa ngài.

Ngài định đánh tôi, nhưng tôi đã né được tay ngài, rồi chạy vào nhà bà chủ, lấy chiếc bình đựng đồ uống đó từ bà, và quay trở lại nhà tắm gặp chủ nhân của tôi. Con đường tôi đi qua một nhà thờ Kitô giáo, nơi lúc đó đang cử hành Thánh lễ. Tôi nghe thấy bài thánh ca ngợi khen Thánh Giô-rê-gi: "Ngài là người được Thiên Chúa chọn và tỏ ra." Tiếng hát ấy đã lay động lòng tôi đến rơi nước mắt, và tôi thốt lên từ tận đáy lòng:

– Thánh Đại Tử Đạo Giê-rô-ni-mô! Chẳng lẽ những tiếng thở dài của cha tôi đã không đến được với Thiên Chúa và với ngài sao? Chẳng lẽ ngài lại khinh thường những giọt nước mắt mà ông ấy đang rơi trong nhà thờ được dâng hiến cho danh ngài, khi ông ấy khẩn cầu ngài vì tôi, để ngài cứu tôi khỏi cảnh bị giam cầm này và giải thoát tôi khỏi ách nô lệ này sao?

Nói xong, tôi đi vào phòng tắm. Chủ nhân của tôi, khi thấy nước mắt lăn trên má tôi, bắt đầu mắng mỏ tôi và giận dữ nói:

– Rót cho ta thứ đồ uống này đi.

Tôi rót đồ uống vào bình. Rồi chủ nhân bảo tôi:

– Thêm một chút nữa đi.

Khi tôi cầm chiếc bình lên để rót đồ uống, tôi bỗng cảm thấy như mình bắt đầu không nhìn rõ chủ nhân nữa. Tôi kêu lên:

[3182] Vasili I (người Macedonia) trị vì từ năm 867 đến năm 886.

[3183] Síp – nằm ở góc đông bắc của Biển Địa Trung Hải.

– Thưa ngài, tôi không nhìn thấy gì cả!

Lúc đó, một sức mạnh nào đó đã nâng tôi lên khỏi mặt đất, và vì thế tôi không còn nghe thấy những gì ngài nói với tôi nữa, nhưng lại nghe thấy tiếng hát những lời này: "Chỉ có một Đấng Thánh, chỉ có một Chúa Giê-su Ki-tô, vì vinh quang của Đức Chúa Cha. A-men." Ngay lập tức, tôi thấy mình đang ở trong bàn thờ, và cũng thấy cha tôi đang cầm chiếc chén thánh trong tay và nói với các thừa tác viên nhà thờ:

– Hãy dâng rượu.

Đứng bên cạnh cha, tôi định rót thức uống mà tôi đang cầm trên tay vào chén thánh, bởi vì ngay khoảnh khắc đó, khi tôi đang ở trong phòng tắm và đứng bên cạnh người Saracen, tay cầm bình đựng thức uống – chính vào khoảnh khắc đó, tôi bỗng nhiên xuất hiện trong bàn thờ, gần bên cha tôi, người đang cử hành Thánh lễ. Cha tôi, sau khi nhìn tôi, đã hỏi các linh mục đồng tế:

– Chàng trai này là ai?

Họ đáp lại với vẻ ngạc nhiên:

– Chúng tôi không biết cậu ấy là ai và đến từ đâu, – vì tôi đã cạo đầu và mặc trang phục của người Saracen. Tôi liền nói với cha:

– Thưa cha! Cha không nhận ra con sao? Con là Philotheus – con trai của cha.

Lúc đó, cha tôi nói với tôi:

– Còn cái bình trong tay con là để làm gì và trong đó có gì vậy?

Tôi đáp:

– Đây là thức uống của người Saracen. Vừa nãy con đang ở trong phòng tắm cùng chủ nhân của con, gần Jerusalem, và ngay lúc con định dâng thức uống này cho ngài, bỗng dưng con lại xuất hiện bên cạnh cha trong ngôi đền này.

Nghe vậy, cha tôi vô cùng kinh hãi và suýt nữa thì làm rơi chiếc chén thánh khỏi tay. Còn tôi lúc đó cũng buông chiếc bình đựng đồ uống ra khỏi tay, rồi đỡ tay cha và nói với ông:

– Xin cha đừng bối rối, hãy tiếp tục cử hành thánh lễ.

Sau đó, cha tôi đặt chén thánh lên bàn thờ, giơ hai tay lên trời và tạ ơn Chúa cùng vị thánh tử đạo Giê-rô-ni-mô. Còn chiếc bình mà tôi làm rơi xuống sàn đá cẩm thạch thì không vỡ.

Sau khi kết thúc thánh lễ, cha tôi ôm chầm lấy tôi và hôn tôi trong nước mắt; rồi chúng tôi về nhà.

Tất cả họ hàng và bạn bè của chúng tôi, khi nghe kể về mọi chuyện đã xảy ra với tôi, đều tụ tập đến nhà chúng tôi; và khi nhìn thấy tôi, họ vui mừng khôn xiết và ngợi khen Đức Chúa Trời cùng vị thánh trung thành của Ngài, Thánh George, Đấng đã giải cứu tôi khỏi bọn Saracen chỉ trong chớp mắt.

Tổng trấn và tất cả những người đi cùng ông, sau khi nghe câu chuyện của con trai vị linh mục, đã ngợi khen Đức Chúa Trời và Thánh Giô-rê-mi; sau đó, họ tặng cho chàng trai trẻ và cha anh những món quà quý giá, rồi tiễn anh về trong vinh dự.

Người ta còn kể lại một phép lạ tương tự khác của Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê như sau.

Tại Paphlagonia[3184] , ở thành phố Amastris, có một cặp vợ chồng đạo đức là Leontius và Theophana. Cả hai đều có lòng tin sâu sắc vào Thánh Đại Tử Đạo George và thường xuyên đến nhà thờ mang tên ngài, nằm không xa nơi họ ở, gần con sông có tên là Parthenios (và nhà thờ này được gọi là "Partenie" theo tên con sông). Với lòng yêu mến dành cho vị thánh, cặp vợ chồng sùng đạo này đã dùng của cải của mình để trang hoàng nhà thờ này, coi vị thánh tử đạo này là người bảo vệ và ban phước cho toàn bộ tài sản của họ. Hàng năm, những tín hữu Kitô giáo sùng đạo này đều long trọng và thành kính cử hành lễ kỷ niệm vị thánh tử đạo, đồng thời vào ngày này, họ thực hiện nhiều việc bố thí và tổ chức tiệc cho những người nghèo khó, cũng như cho người thân và bạn bè của mình. Họ có một người con trai tên là Georgios; luôn ghi nhớ vị thánh tử đạo này, họ đã đặt tên con trai mình là Georgios.

Vào thời điểm đó, Constantine VII[3185] – con trai của Vua Leo the Wise – đang trị vì người Hy Lạp. Lúc bấy giờ, chiến tranh bùng nổ giữa người Bulgaria và người Hy Lạp; người Bulgaria, sau khi liên minh với người Hungary và người Scythia, đã tiến vào các vùng đất Hy Lạp và tàn phá chúng, bắt giữ dân cư; vì lý do này, người Hy Lạp cũng phải chuẩn bị cho chiến tranh và . Và vì Leontius – cư dân thành phố Amastris ở Paphlagonia – là một chiến binh, nên ông cũng phải ra trận chống lại người Bulgaria. Nhưng vì Leontius đã ở tuổi xế chiều, còn con trai

[3184] Vùng Tiểu Á.

[3185] Constantine VII Porphyrogenitus, con trai của Leo VI the Wise, trị vì từ năm 912 đến năm 969.

ông – George – vẫn còn trẻ, nên ông quyết định cử con trai mình thay mình gia nhập quân đội. Sau khi đưa con trai đi, Leontius và Theophana trước hết đã cùng cậu đến ngôi đền nói trên và, trong khi cầu nguyện trước bức tượng thánh tử đạo vĩ đại, họ đã nói như sau:

– Thánh Đại Tử Đạo George ơi, chúng con xin giao phó con trai duy nhất của mình cho Ngài, người mà vì yêu mến Ngài, chúng con đã đặt tên theo tên Ngài! Xin Ngài hãy là người dẫn đường cho con trên hành trình, là người bảo vệ con trong chiến trận, và xin hãy đưa con trở về với chúng tôi còn sống và khỏe mạnh, để chúng tôi, nhờ ân huệ Ngài ban cho theo đức tin của mình, luôn tôn vinh sự che chở và quan tâm của Ngài dành cho chúng tôi bằng nhiều việc lành.

Sau khi cầu nguyện như vậy, họ đã tiễn con trai mình gia nhập các đạo quân Hy Lạp.

Sau đó, chiến tranh bùng nổ. Ban đầu, người Hy Lạp áp đảo người Bulgaria, nhưng sau đó, người Bulgaria, sau khi tập hợp lực lượng, đã bắt đầu đánh bại người Hy Lạp, nhờ sự cho phép của Thiên Chúa. Một trận chiến quyết liệt đã diễn ra giữa hai phe đối địch, và rất nhiều người Hy Lạp đã ngã xuống dưới lưỡi gươm của kẻ thù.

Lúc bấy giờ, Georgiy, con trai của Leontiy, bị một người Bulgaria bắt làm tù binh; nhưng nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Georgiy, cậu đã được cứu khỏi cái chết, bởi người Bulgaria ấy, thương xót tuổi trẻ và vẻ đẹp của cậu, đã tha mạng cho Georgiy và đưa cậu về đất nước của mình, nơi Georgiy phục vụ chủ nhân của mình với tư cách là nô lệ.

Còn Leontius và Theophana, khi nghe tin quân Hy Lạp đã bị quân Bulgaria đánh bại, và thấy con trai mình không trở về, đã khóc lóc thảm thiết, nghĩ rằng con trai họ đã bị giết trên chiến trường. Khi đến ngôi đền nói trên, họ hướng về bức tượng thánh Đại Tử Đạo và thốt lên những lời như sau:

– Phải chăng, vị Tử đạo của Chúa Kitô, chúng con đã giao phó con trai mình cho ngài để nó trở thành mồi cho chim trời và thú rừng? Phải chăng ngài nghe thấy những lời cầu nguyện và tiếng thở dài hàng ngày của chúng con hướng về ngài? Nếu ngài không thương xót chúng con, những người đã bước vào tuổi già, thì ít nhất cũng hãy thương xót tuổi trẻ rực rỡ của cậu thiếu niên ấy. Vì sao ngươi lại khinh thường sự khiêm nhường của chúng ta, hỡi vị thánh được Chúa yêu mến?

Các vị trưởng lão đã nói những lời này và những lời tương tự với tiếng kêu thảm thiết và nước mắt tuôn trào, đến nỗi tất cả những ai có mặt trong ngôi đền này đều không kìm được nước mắt. Đặc biệt, mẹ của cậu thiếu niên ấy khóc không ngừng mỗi ngày.

Chiến thắng nói trên của người Bulgaria trước người Hy Lạp diễn ra vào tháng Tám. Khi mùa thu và mùa đông trôi qua, tháng Tư đến và ngày kỷ niệm Thánh Đại Tử Đạo Giê-ra-mi đang cận kề. Leontius cùng vợ, dù đã tuyệt vọng về số phận con trai mình, nghĩ rằng cậu đã hy sinh trên chiến trường, nhưng họ vẫn không quên lòng sùng kính dành cho vị thánh tử đạo và theo truyền thống, đã chuẩn bị một bữa tiệc thịnh soạn cho ngày kỷ niệm của ngài.

Khi các nghi lễ nhà thờ kết thúc, Leontius và Theophana đã mời nhiều khách đến nhà – gồm họ hàng, bạn bè, người ăn xin và những người nghèo khó. Trong bữa tiệc, các vị khách suốt thời gian chỉ nói về George, con trai của Leontius và Theophana, người chưa trở về từ trận chiến. Cha mẹ của chàng trai khóc nức nở suốt, còn các vị khách thì cố gắng an ủi họ, đặc biệt là an ủi người mẹ đang vô cùng đau buồn.

Trong khi đó, Georgiy, đang bị giam cầm, làm nhiệm vụ đầu bếp cho chủ nhân của mình. Hôm đó, trong lúc chuẩn bị bữa ăn, anh nhớ về ngôi nhà của cha mẹ mình, về bữa tiệc đang diễn ra tại đó, cũng như nhớ về người thân, bạn bè và những người quen biết, và trong lòng anh nghĩ:

– Giá mà biết được: bữa trưa hôm nay ở nhà cha mẹ tôi ra sao? Ai được mời đến dự bữa trưa? Họ nghĩ gì về tôi: tôi còn sống hay đã chết?

Nghĩ thầm như vậy, Georgy khóc nức nở.

Trong khi đó, đã đến giờ ăn trưa của chủ nhân, và Georgiy phải tự tay mang một trong những món ăn trong nồi đến cho chủ nhân. Georgiy lau nước mắt, lấy chiếc nồi nóng hổi ra khỏi lò và mang đi. Bỗng nhiên, anh cảm thấy mình đang đứng trong nhà cha mẹ, giữa tất cả các vị khách. Một phép lạ vĩ đại! Tất cả những người có mặt ở đó, khi nhìn thấy Georgy, con trai của Leontiev, đang cầm chiếc nồi nóng hổi, đều kinh hoàng tột độ; còn cha mẹ anh thì tưởng như đang nhìn thấy một hồn ma trước mặt; sau đó, khi nhận ra rằng đó không phải là hồn ma mà là sự thật, họ đã chạy đến bên con trai mình với niềm vui sướng tột độ, ôm chầm lấy ngực anh, ôm hôn anh, khóc nức nở vì niềm vui bất ngờ và to lớn đến vậy. Khi họ bắt đầu hỏi Georgy: – làm sao anh còn sống, anh đã ở đâu và làm

thế nào mà anh lại đến đây, – thì anh đã kể lại mọi chuyện một cách chi tiết, từ việc bị bắt làm tù binh cho đến việc thoát khỏi cảnh tù đày. Cụ thể, anh đã nói như sau:

– Vừa nãy tôi đang làm việc trong bếp của chủ nhân tôi. Tôi được lệnh mang món ăn trong cái nồi này đến cho chủ nhân. Cầm lấy cái nồi, tôi đi đến chỗ chủ nhân, nhưng khi vừa bước được vài bước trên cầu thang dẫn lên phòng ăn nơi chủ nhân đang dùng bữa, tôi bất ngờ nhìn thấy một chiến binh đang ngồi trên lưng ngựa và tỏa ra một ánh sáng không thể tả xiết; ông ấy đã đưa tôi cùng với cái nồi này và đặt tôi ở đây trước mặt các vị, tôi cũng không biết bằng cách nào nữa.

Nghe xong, tất cả những người có mặt ở đó, đặc biệt là cha mẹ của Thánh George, đã dâng lên lời tạ ơn chân thành đến Thiên Chúa và vị thánh trung thành của Ngài, vị đại tử đạo Thánh George.

Khi đó, khi mọi người bắt đầu dùng bữa từ chiếc bình ấy, một phép lạ mới lại xảy ra: dù lấy ra bao nhiêu từ chiếc bình, thì lượng thức ăn trong đó lại được bổ sung thêm bấy nhiêu; mặc dù chiếc bình nhỏ đến mức chỉ một người cũng có thể ăn hết số thức ăn bên trong, nhưng số người dùng bữa lại rất đông, và tất cả đều ăn no nê, ca ngợi Đức Chúa Trời và nói:

– Này, Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê đã gửi cho chúng ta thức ăn ngon từ người Bolgar nhân ngày lễ của ngài!

Sau đó, chiếc nồi ấy cùng với nhiều lễ vật và của cúng khác đã được chuyển đến nhà thờ Thánh Tử đạo vĩ đại và được lưu giữ ở đó giữa các đồ thánh, để tưởng nhớ phép lạ vinh quang do Thánh Tử đạo vĩ đại George thực hiện.

Nhà thờ Thánh George nói trên rất cổ kính và đã xuống cấp trầm trọng, đến mức có thể sụp đổ bất cứ lúc nào; nhưng không có ai xây dựng một nhà thờ mới hay tu sửa lại ngôi nhà thờ cũ nát đó: bởi vì do sự nghèo khó của người dân nơi đó, nhà thờ ấy đã bị bỏ mặc. Một lần nọ, một phép lạ đã xảy ra tại đó.

Một nhóm trẻ em tụ tập quanh nhà thờ này, chơi đùa với nhau, đồng thời chế giễu và nhạo báng một cậu bé mà chúng luôn đánh bại trong các trò chơi. Không còn kiên nhẫn trước những lời chế giễu liên tục, cậu bé ấy quay về phía nhà thờ Thánh George và nói:

– Thánh George ơi! Xin hãy giúp con đánh bại những đối thủ của con; để tỏ lòng biết ơn, con sẽ mang một chiếc bánh lớn đến nhà thờ của ngài.

Và quả thực, cậu bé đó đã đánh bại các bạn mình trong các trò chơi, không chỉ một lần, mà hai lần và còn nhiều lần nữa.

Khi về nhà gặp mẹ, cậu bé nói với bà rằng mình đã hứa dâng chiếc bánh cho thánh nhân, và xin bà làm bánh để thực hiện lời hứa với thánh nhân.

Người mẹ, vì tình yêu dành cho con và cũng vì lòng kính trọng vị thánh tử đạo, đã làm chiếc bánh theo lời xin của con trai, rồi trao cho con khi bánh còn ấm, chưa kịp nguội. Cậu bé mang chiếc bánh đến nhà thờ, đặt trước bàn thờ, cúi đầu chào rồi ra về.

Tình cờ lúc đó, có bốn thương gia đi ngang qua nhà thờ đó. Họ bước vào nhà thờ để thờ lạy Thánh George, và nhìn thấy trên sàn một chiếc bánh ngon lành (nó vẫn còn nóng hổi và tỏa ra hơi thơm phức). Các thương gia nói với nhau:

– Thánh nhân không cần cái này đâu. Chúng ta hãy ăn chiếc bánh đi, rồi thay vào đó đặt hương trầm.

Khi họ ăn xong chiếc bánh, họ đi về phía cửa ra khỏi nhà thờ; nhưng không thể tìm thấy cửa ra, vì cánh cửa hiện ra trước mắt họ như một bức tường. Lúc đó, họ đặt mỗi người một đồng tiền bạc xuống sàn, nhưng vẫn không tìm thấy lối ra. Sau đó, cả bốn người cùng đặt một đồng tiền vàng xuống và thành kính cầu nguyện với vị thánh, xin ngài giúp họ ra ngoài; nhưng lần này họ cũng không tìm thấy lối ra, như thể bị mù lòa vậy. Cuối cùng, cả bốn người cùng đặt mỗi người một đồng tiền vàng và cầu nguyện còn khẩn thiết hơn nữa, và lúc đó họ đã tìm thấy lối ra, vì thấy cửa nhà thờ đang mở và đi qua đó.

Những đồng tiền vàng và bạc này đã trở thành khởi đầu cho việc quyên góp số tiền cần thiết để trùng tu ngôi thánh đường đó, bởi vì tin đồn về phép lạ ấy đã lan truyền khắp cả vùng đất ấy và nhiều người sùng đạo đã tự nguyện mang vàng và bạc đến đó; bằng số tiền đó, một nhà thờ đá mới đã được xây dựng, rộng rãi hơn, được trang trí đầy đủ và trang bị tất cả các vật dụng cần thiết cho việc thờ phượng. Trong nhà thờ đó, nhiều phép lạ đã xảy ra để tôn vinh Đức Kitô Thiên Chúa và ca ngợi Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê.

Người ta cũng kể lại phép lạ sau đây do Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê thực hiện trên một thiếu niên bị rắn độc cắn. Câu chuyện về phép lạ này được truyền lại bởi một trong những tu sĩ sùng đạo, Abba Giô-rê, người có vị trợ tá cùng tên[3186] – Thánh Giô-rê.

– Một lần nọ, khi tôi đang đi lên núi và cầm cây thánh giá trên tay, tôi gặp một vị tu sĩ già; ông ấy nhận lấy cây thánh giá từ tay tôi rồi đi trước tôi. Đi được một đoạn, ông rẽ vào một con đường mòn. Tôi đi theo ông. Tiếp tục đi, tôi thấy một đàn cừu và một cậu bé chăn cừu đang nằm trên đất, sắp chết vì bị rắn cắn. Gần đó có một suối nước. Vị tu sĩ già nói với tôi:

– Hãy múc nước để rưới lên cây thánh giá.

Sau đó, chúng tôi múc nước, mở miệng cậu bé ra, rồi đổ nước đã tưới lên cây thánh giá vào miệng cậu; lúc đó, vị tu sĩ già nói:

– Nhân danh Chúa Ba Ngôi, Thánh Tử Đạo Vĩ Đại Giô-rê sẽ chữa lành cho con!

Cậu thiếu niên ấy cúi người xuống, nôn ra chất độc chết người rồi đứng dậy.

Sau đó, ông lão nói với cậu ta:

– Nói cho ta biết, hôm qua ngươi có thề với bà góa nghèo, người đã giao cho ngươi chăn con cừu của bà ấy, nhưng ngươi lại bán nó đi lấy ba đồng bạc không? Ngươi có nói với bà ấy rằng: "Con sói đã ăn thịt con cừu rồi" không?

Cậu thiếu niên trả lời:

– Vâng, thưa cha, đúng là như vậy. Nhưng làm sao cha biết được chuyện này?

Vị tu sĩ già nói với cậu:

– Khi ta đang ngồi trong phòng tu của mình, có một người đàn ông cưỡi con ngựa trắng đến gặp ta và nói:

– Sofronius, hãy đứng dậy và mau chóng đi đến suối nước nằm ở phía bên phải của ngươi, về phía nam. Ở đó, ngươi sẽ gặp một cậu bé bị rắn cắn, và ngươi cũng sẽ thấy một tu sĩ đang cầm trên tay một cây thánh giá được chạm khắc từ gỗ. Hãy cầm lấy cây thánh giá đó, rưới nước lên nó và cho cậu bé uống nước đó, đồng thời hãy nói những lời sau: – Nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần, tôi tớ của Chúa, vị tử đạo George, sẽ chữa lành cho con. Sau đó, hãy nói với cậu thiếu niên ấy: "Đừng thề thốt bằng danh Chúa hay các thánh của Ngài nữa, đừng đối xử bất công với ai, và hãy trả con cừu cho bà góa nghèo đó, để không có điều gì tồi tệ hơn xảy ra với con."

Khi chàng trai nghe những lời đó từ vị tu sĩ già, chàng liền quỳ xuống dưới chân ngài và nói:

– Xin tha thứ cho con, thưa cha, vì mọi chuyện quả thực đã xảy ra như vậy: con đã bán con cừu của bà góa đó với giá ba đồng bạc và hôm qua đã lừa dối bà ấy, nói rằng con sói đã ăn thịt con cừu của bà. Người phụ nữ ấy hỏi con: "Điều đó có đúng không, hay không?" Tôi đã trả lời bà ấy: 'Vâng, con có thể lấy Đức Chúa Trời chân thật làm chứng.' Người phụ nữ nói với tôi: 'Chẳng lẽ con không biết ta là một góa phụ nghèo sao? Dù sao thì con cứ làm theo ý mình. Nhưng hãy nhớ, Đức Chúa Trời và Thánh George sẽ trừng phạt con, vì ta đã hứa sẽ tặng con cừu đó cho những người nghèo vào ngày lễ Thánh George.' Còn tôi," chàng trai tiếp lời, "vì đã bị cám dỗ và sa vào tội lỗi, nên tôi xin cha, hãy cầu nguyện với Đức Chúa Trời và Thánh Giô-rê-gi-ô cho tôi, để tội lỗi của tôi được tha thứ. Còn tôi, ngay bây giờ tôi sẽ tặng người phụ nữ ấy ba con dê vào ngày lễ Thánh George, và cho đến cuối đời, mỗi năm vào ngày lễ vị Thánh Tử đạo, tôi sẽ dành một phần mười tổng thu nhập của mình để giúp đỡ những người nghèo."

Như vậy, chàng trai được chữa lành ấy, sau khi xin lời cầu nguyện và sự tha thứ từ Thánh Sofronius, đã tiếp tục công việc của mình, tạ ơn Thiên Chúa và vị thánh được Ngài yêu mến, Thánh Tử đạo vĩ đại Giô-rê.

Không thể không nhắc đến phép lạ vinh quang về việc giết con rắn, do Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê thực hiện gần quê hương Palestine của ngài, tại xứ Syro-Phoenicia, trong thành phố Beirut[3186] , nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải, không xa thành phố Lydda, nơi thi hài của Thánh Đại Tử Đạo đã được an táng. Nơi diễn ra phép lạ này được chỉ cho các du khách đến thăm Palestine. Theo lời kể của những người thuật lại về phép lạ này, sự việc đã xảy ra trong những hoàn cảnh sau đây.

Gần thành phố Beirut nói trên, gần dãy núi Lebanon, có một hồ nước lớn, nơi sinh sống của một con rắn – kẻ hủy diệt, to lớn và đáng sợ. Từ hồ nước đó, con rắn này bắt cóc nhiều người, lôi họ xuống hồ và nuốt chửng họ tại đó. Nhiều lần, dân chúng đã vũ trang và đứng lên chống lại nó, nhưng mỗi lần như vậy, con rắn lại đuổi dân chúng đi, bởi vì khi đến gần tường thành, nó thổi hơi thở tàn phá của mình vào không khí, đến nỗi chỉ riêng điều đó thôi cũng đã khiến nhiều người mắc bệnh và chết. Chính vì lý do này, trong thành phố đó luôn tràn ngập nỗi đau thương, buồn bã, tiếng kêu gào và tiếng khóc than thảm thiết. Trong thành phố này sống những người ngoại đạo – những kẻ thờ thần tượng, và chính vua của họ cũng sống tại đây.

[3186] Beirut (hay Berit) – trong thời cổ đại là một thành phố quan trọng nhất của người Phoenicia.

Một ngày nọ, dân chúng trong thành phố ấy tụ tập lại, đến gặp vua của họ và nói với ông:

– Chúng ta phải làm gì đây, vì chúng ta đang bị con rắn đó giết chết?

Vua đáp lại họ:

– Ta sẽ cho các ngươi biết điều mà các vị thần sẽ mặc khải cho ta.

Sau đó, theo lời xúi giục của những ác quỷ sống trong các thần tượng – những kẻ hủy diệt linh hồn con người – vị vua đã tuyên bố với họ quyết định như sau: nếu họ không muốn tất cả đều phải chết, thì mỗi ngày hãy bốc thăm để dâng con cái của mình, dù là con trai hay con gái, làm thức ăn cho con rắn đó. Đồng thời, vị vua còn nói thêm:

– Khi đến lượt ta, dù ta chỉ có một cô con gái duy nhất, ta cũng sẽ dâng cô ấy.

Người dân thành phố đó đã chấp nhận lời khuyên của nhà vua – hay đúng hơn là lời khuyên của quỷ dữ – và hàng ngày, bất kể là những công dân quan trọng hay bình thường, họ đều dâng một trong những con trai hoặc con gái của mình làm mồi cho con rắn, dù trong lòng vô cùng xót xa và khóc than cho chúng. Những người bị dâng làm mồi cho con rắn được đặt bên bờ hồ, mặc những bộ quần áo đẹp nhất; còn con rắn ấy, khi trồi lên khỏi mặt hồ, sẽ bắt cóc họ và nuốt chửng.

Khi đến lượt tất cả người dân trong thành phố đó, họ đến gặp chính nhà vua và nói với ngài:

– Thưa vua, theo lời khuyên và sắc lệnh của ngài, chúng tôi đã dâng con cái mình cho con rắn. Lượt đã đến với tất cả mọi người. Vậy bây giờ ngài sẽ ra lệnh cho chúng tôi làm gì?

Vua đáp lại họ rằng:

– Ta cũng sẽ giao con gái ta, dù cô ấy là con gái duy nhất của ta. Sau đó, ta sẽ cho các ngươi biết điều mà các vị thần sẽ mách bảo cho chúng ta.

Sau khi gọi con gái đến, nhà vua ra lệnh cho nàng trang điểm thật lộng lẫy; ông vô cùng thương xót nàng và khóc thương nàng cùng cả gia đình, nhưng không thể nào vi phạm sắc lệnh ấy, dường như là mệnh lệnh của Thần linh, do lũ quỷ truyền đạt. Khi chuẩn bị đưa con gái đi làm mồi cho con rắn, nhà vua nhìn nàng từ trên cao của cung điện và với đôi mắt đẫm lệ, ông tiễn biệt nàng bằng ánh mắt của mình.

Trong khi đó, cô gái đã được đưa đến vị trí quen thuộc, bên bờ hồ. Trong lúc chờ đợi giờ phút tử vong, khi con rắn trồi lên từ hồ để nuốt chửng cô, cô khóc nức nở.

Theo ý định của Đức Chúa Trời, Đấng mong muốn cứu rỗi tất cả mọi người, Đấng đã thương xót cứu thành phố đó khỏi sự diệt vong về tâm hồn và thể xác, vào lúc đó, Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê, chiến binh của Vua Trời, tay cầm cây giáo, đã cưỡi ngựa đến nơi đó.

Thấy cô gái đang đứng bên hồ và khóc nức nở, ngài hỏi cô:

– Sao con lại đứng ở đây và khóc vì điều gì vậy?

Cô gái đáp lại:

– Chàng trai tốt bụng ơi! Hãy nhanh chóng cưỡi ngựa chạy khỏi đây, để khỏi phải chết cùng với tôi.

Vị thánh bèn nói với nàng:

– Đừng sợ, cô gái ơi, nhưng hãy nói cho tôi biết, cô đang chờ đợi điều gì trước mặt cả đám đông đang nhìn cô như vậy?

Cô gái đáp lại:

– Chàng trai dũng cảm ơi! Ta thấy ngươi rất can đảm và dũng cảm. Nhưng tại sao ngươi lại muốn chết cùng ta? Hãy mau chạy khỏi nơi này đi!

Vị thánh bèn nói với nàng:

– Không, ta sẽ không rời khỏi nơi này cho đến khi nàng kể cho ta nghe tại sao nàng lại đứng ở đây, nàng đang khóc vì điều gì và nàng đang chờ đợi ai ở đây.

Sau đó, cô gái kể lại cho ngài nghe mọi chuyện theo thứ tự, từ chuyện con rắn cho đến chuyện về bản thân mình.

Thánh George nói với cô:

– Đừng sợ, cô gái ạ, vì nhân danh Chúa của tôi, Đức Chúa Trời chân thật, tôi sẽ cứu cô khỏi con rắn.

Cô đáp lại:

– Hỡi chiến binh dũng cảm! Sao ngài lại muốn cùng tôi chết? Hãy chạy đi và tự cứu lấy mình khỏi cái chết đau đớn. Chỉ cần tôi chết một mình ở đây là đủ rồi, huống chi ngài cũng không thể cứu tôi khỏi con rắn, mà chính ngài cũng sẽ chết theo.

Trong khi cô gái đang nói những lời này với vị thánh, bỗng nhiên một con rắn đáng sợ xuất hiện từ hồ nước và tiến về phía con mồi quen thuộc của nó.

Thấy nó, cô gái hét lên bằng giọng lớn:

– Chạy đi, người ơi, con rắn đang đến kìa!

Thánh George, sau khi làm dấu thánh giá và cầu khẩn Chúa với lời: "Nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần", – đã lao ngựa về phía con rắn, vung giáo lên và, đâm mạnh vào cổ họng con rắn, hạ gục nó và đè nó xuống đất; còn con ngựa của thánh nhân thì dẫm đạp con rắn bằng chân. Sau đó, Thánh Giô-rê-gi-ô ra lệnh cho cô gái dùng thắt lưng của mình trói con rắn lại, rồi dắt nó vào thành phố, với dáng vẻ khiêm nhường như một con chó; còn dân chúng, khi nhìn thấy con rắn bị cô gái dắt đi với vẻ ngạc nhiên, đã hoảng sợ và bỏ chạy. Thánh Giô-rê-gi-ô bèn nói với dân chúng:

– Đừng sợ, chỉ cần đặt niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô và tin vào Ngài, vì chính Ngài đã sai tôi đến với các bạn để cứu các bạn khỏi con rắn.

Sau đó, Thánh Giô-rê đã dùng gươm chém chết con rắn ngay giữa thành phố. Còn dân chúng trong thành phố ấy, sau khi kéo xác con rắn ra ngoài thành, đã đốt nó đi.

Sau đó, nhà vua và dân chúng sống trong thành phố ấy đã tin vào Chúa Giêsu Kitô và nhận phép rửa thánh: có 25.000 người được rửa tội, chưa kể phụ nữ và trẻ em. Sau này, tại nơi đó đã được xây dựng một nhà thờ rất rộng lớn và đẹp đẽ, mang tên Đức Trinh Nữ Maria, Con gái của Vua Trời, Thiên Chúa Cha, Mẹ của Con Ngài và Hôn thê của Thánh Thần, – cũng như để tôn vinh Thánh Giê-rô-ni-mô, Đấng Chiến Thắng, Đấng bảo vệ Giáo Hội của Đấng Christ và mọi linh hồn chính tín bằng sự trợ giúp của Ngài khỏi kẻ nuốt chửng vô hình trong vực thẳm địa ngục, cũng như khỏi tội lỗi – như khỏi con rắn chết người, – giống như cách ngài đã giải cứu thiếu nữ nói trên khỏi con rắn hữu hình[3187] .

Tại đây cũng đã xảy ra một phép lạ mới. Khi nhà thờ này được thánh hiến để tôn vinh Đức Mẹ Thiên Chúa và Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê, thì như một dấu hiệu cho ân sủng thiêng liêng tuôn tràn tại đây, từ bàn thờ của nhà thờ này đã tuôn ra một suối nước sống, chữa lành mọi bệnh tật cho tất cả những ai với lòng tin đến đây để tôn vinh chính Vua vinh quang (Đấng là nguồn sự sống đời đời), Đức Chúa Trời trong Ba Ngôi, Cha, Con và Thánh Thần, Đấng được ca ngợi trong các thánh của Ngài đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Là Đấng giải thoát những kẻ bị giam cầm và là Đấng bảo vệ những người nghèo khó, là Bác sĩ của những người ốm yếu, là Đấng chiến thắng các vua chúa, là vị Tử đạo vĩ đại và chiến thắng, thánh Giô-rê, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Và bài thánh ca, giọng như trên:

Ngài đã chiến đấu bằng những việc lành, là vị tử đạo của Chúa Kitô, bằng đức tin, và đã vạch trần sự bất chính của những kẻ hành hạ Ngài; Ngài đã dâng mình làm của lễ đẹp lòng Thiên Chúa: vì thế, Ngài đã nhận được vương miện chiến thắng, và nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của Ngài, Ngài ban cho mọi người sự tha thứ tội lỗi.

[3187] Dựa trên câu chuyện này, Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê thường được miêu tả trên các bức tranh thánh dưới hình ảnh một kỵ sĩ cưỡi ngựa trắng và dùng giáo đâm chết con rắn đáng sợ. Hình ảnh Thánh George cưỡi ngựa, như một biểu tượng của chiến thắng, đã được đưa vào quốc huy của chúng ta, cũng như trên huy hiệu được đeo trên ngực của các chiến binh Chính thống giáo để vinh danh những chiến công của họ. – Thánh Đại Tử Đạo George được coi là vị bảo hộ chính của những người chăn cừu và đàn gia súc ở nước ta, bởi vì sau khi qua đời, ngài đã nhiều lần giúp đỡ những người xung quanh khi xuất hiện trên lưng ngựa. Vì vậy, vào ngày Thánh George, hay theo cách gọi thông thường là ngày Egor, những cư dân sùng đạo ở các làng mạc và thôn xóm của Nga thường lần đầu tiên sau mùa đông đưa gia súc ra đồng cỏ, đồng thời cử hành lễ cầu nguyện dành cho vị Thánh Tử đạo vĩ đại, kèm theo nghi thức rảy nước thánh lên những người chăn cừu và đàn gia súc.

Bài Kondak, giọng 4:

Ngài được Thiên Chúa nâng cao, đã tỏ ra là người thực hành đạo đức cao quý nhất, đã thu thập cho mình những đức tính tốt đẹp; vì đã gieo trong nước mắt, nhưng gặt hái trong niềm vui; đã chịu đau khổ bằng máu, và đã đón nhận Chúa Kitô; và nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của Ngài, Ngài ban cho mọi người sự tha thứ tội lỗi.

- Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Nữ Tử Đạo Hoàng Hậu Alexandra và các Thánh Tử Đạo Anatolius và Proteleon.

Ngày 7 tháng 5

Ngày 24 tháng 4 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Savva Pechersky, người đã tu hành, rất có thể vào đầu thế kỷ XIII. Xác thánh của ngài được an táng tại các hang động của Thánh Antony.

Ngày tưởng niệm vị thánh cha của chúng ta, Thánh Phô-ma, người thánh điên.

Ngày tưởng niệm 24 tháng 4

Thánh Phô-ma là một tu sĩ tại một trong những tu viện ở Cêsarea[3188] . Ngài đảm nhận nhiệm vụ quyên góp để trang trải nhu cầu của tu viện mình. Để thực hiện việc quyên góp này, ngài được cử đến Antiôchia[3189] , gần đó có một ngôi làng thuộc sở hữu của tu viện. Khi vị tu sĩ cao niên đến thành phố, ngài giả vờ như một người điên. Một lần nọ, có một người tên là Anastasius, là người quản lý (kiến trúc sư) của một nhà thờ, đã tát vào má vị thánh vì ông đã làm anh ta chán ngán với lời xin bố thí cho tu viện của mình. Những người có mặt tại đó đã phẫn nộ với Anastasius vì hành động này. Còn Thánh Thomas, quay sang họ, đã nói một cách tiên tri:

– Kể từ lúc này, tôi sẽ không còn phải nhận bất cứ thứ gì từ Anastasius nữa, và Anastasius cũng sẽ không còn cơ hội để dâng tặng tôi bất cứ điều gì.

Cả hai điều đó đều sớm trở thành sự thật: Anastasius qua đời một ngày sau đó, còn Thánh Phêrô, trên đường từ thành phố về tu viện, bỗng ngã bệnh và phải dừng chân tại bệnh viện ở ngoại ô Daphni, gần nhà thờ Thánh Euphemia, nơi ngài, sau khi bệnh tình trở nặng, đã an nghỉ trong sự sống vĩnh hằng và được an táng tại nơi chôn cất những người lữ hành.

Một lần nọ, người ta mang một người phụ nữ lữ hành đã qua đời đến đây và chôn cất bà ngay trên quan tài của vị tu sĩ đáng kính này; bà được chôn cất vào giờ thứ hai ban ngày, nhưng đến giờ thứ sáu, đất đã nhả bà ra – và mọi người đều vô cùng ngạc nhiên trước điều này. Đến tối, họ lại chôn cất bà trong cùng chiếc quan tài đó, nhưng ngày hôm sau, họ thấy thi thể bà lại bị đẩy ra khỏi quan tài lần thứ hai; lúc đó, họ chôn cất bà ở một nơi khác.

Vài ngày sau, họ lại chôn cất một người phụ nữ khác theo cách tương tự gần mộ của Abba Thomas, vì những người dân nơi đó không hiểu rằng vị tu sĩ đã an nghỉ trong Chúa không muốn có người phụ nữ nào được chôn cất gần mình. Khi đất lại nhả ra cả người phụ nữ này, lúc đó họ mới hiểu rằng vị tu sĩ không muốn ai được chôn cất gần thi hài của ngài.

Tất cả những gì đã xảy ra đều được báo cáo cho Thượng phụ Domnus[3190] . Theo lệnh của Thượng phụ, tất cả cư dân đã cầm nến và hát thánh ca đến Daphni, lấy di cốt của vị thánh, rước về thành phố một cách trang trọng và an táng trong ngôi mộ nơi di cốt của nhiều vị thánh tử đạo đang an nghỉ. Một nhà thờ nhỏ đã được xây dựng trên di cốt của vị thánh, và nhiều phép lạ chữa lành đã xảy ra cho những người đau ốm nhờ di cốt thánh của ngài. Nhờ những lời cầu nguyện của ngài, dịch hạch đã chấm dứt tại Antioch, vì vậy cư dân Antioch đã thiết lập lễ kỷ niệm hàng năm để tưởng nhớ ngài, tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng được vinh quang muôn đời. A-men.

[3188] Césaria – thành phố chính của Cappadocia, nằm ở phía đông Tiểu Á.

[3189] Đây tất nhiên là Antioch của Syria, từng là thủ đô huy hoàng của Nhà nước Syria, nhưng nay chỉ còn là một thị trấn nghèo nàn ở Thổ Nhĩ Kỳ châu Á.

[3190] Tổng Giám mục Domnus đã lãnh đạo Giáo hội Antioch từ năm 546 đến năm 560.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Savva Stratilatas và bảy mươi chiến binh cùng ngài

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 4

Thánh Tử đạo Savva gốc là người Goth[3191] và sống tại Rôma dưới triều đại của Hoàng đế Aurelian[3192] . Ngài mang tước hiệu Stratelates, tức là một tướng quân, và luôn trung thành và làm đẹp lòng Vua Trời, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Ông thường xuyên đến thăm những người đang chịu khổ trong ngục tù vì danh Chúa Kitô, giúp đỡ họ bằng của cải của mình, khích lệ họ kiên nhẫn chịu đựng đau khổ và thúc đẩy họ thực hiện những hành động dũng cảm. Cuộc đời đạo đức của ngài đã làm đẹp lòng Thiên Chúa đến nỗi, vì sự trong sạch và đời sống ăn chay của vị thánh, Ngài đã ban cho ngài quyền năng trên các quỷ dữ, và ngài đã trừ tà khỏi những người bị ám.

Chẳng bao lâu sau, có tin báo đến nhà vua rằng Thánh Savva là một Kitô hữu, và ngài bị dẫn đến trước nhà vua để thẩm vấn.

Tại đó, ngài can đảm tuyên xưng Đức Kitô và, sau khi tháo dây thắt lưng quân sự của mình, ngài đã ném nó đi, từ chối cả chức vụ tướng quân, đồng thời thể hiện sự sẵn sàng chịu mọi hình phạt vì danh Đức Kitô.

Sau đó, theo lệnh của kẻ tra tấn, vị thánh bị treo cổ và đánh đập dã man, rồi bị thiêu đốt bằng lửa, và cuối cùng bị ném vào nồi nhựa thông sôi sục. Nhưng vị thánh, được bảo vệ bởi sức mạnh vô hình của Thiên Chúa, vẫn nguyên vẹn và bước ra khỏi nồi nhựa thông mà không hề hấn gì.

Chứng kiến phép lạ này, bảy mươi chiến binh có mặt tại đó đã tin vào Chúa Kitô và công khai tuyên xưng mình là Kitô hữu. Ngay lập tức, theo lệnh của kẻ tra tấn, họ bị chém đầu bằng gươm và nhờ đó, họ đã nhận được vương miện tử đạo, như thể từ chính tay Chúa Kitô.

Còn Thánh Savva thì bị giam vào ngục tối và tại đó, ngài đã được ban cho sự hiện ra và sự trợ giúp thiêng liêng: khi ngài cầu nguyện vào nửa đêm, Chúa Kitô đã hiện ra với ngài, chiếu sáng ngài bằng ánh sáng vinh quang của Ngài và khuyên nhủ ngài đừng sợ hãi những cực hình, mà hãy can đảm tiến bước trên con đường thánh thiện của mình. Và khi Thánh Savva lần thứ hai bị đưa ra thẩm vấn và bị ép buộc phải thờ lạy các thần tượng – lúc thì bằng lời ngọt ngào, lúc thì bằng sự dỗ dành, lúc thì bằng những hình phạt tàn bạo – nhưng ngài vẫn không tuân theo những kẻ tra tấn, nên họ đã ném ngài xuống sông, nơi ngài đã chìm xuống và kết thúc cuộc hành trình tử đạo của mình[3193] , đạt đến bến đỗ bình an trong Nước Trời của Chúa Kitô.

Bài ca Troparion, giọng 5:

Bỏ lại địa vị và vinh quang trần gian, hỡi vị tử đạo, trước mặt vị vua tra tấn đầy mưu mô, ngài đã xưng nhận Đức Kitô là Thiên Chúa, và vì Ngài, ngài đã chịu biết bao đau khổ, hỡi vị anh hùng vinh quang. Ngài đã được Đấng Vua của muôn vua trao cho vòng hoa chiến thắng tuyệt đẹp, được các thiên binh trên trời trang hoàng rực rỡ. Hỡi Savvo, xin đứng trước Ngài và cầu nguyện để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Kondak, giọng 4:

Ngài đã tỏ ra bất khả chiến bại, hỡi vị tướng quân, Ngài đã đánh bại những mưu mô của bọn man rợ, và qua những đau khổ, hỡi vị thánh vinh quang, với lòng kiên định, Ngài đã đánh bại vô số kẻ thù vô hình, nhờ đó Ngài đã dệt nên vương miện chiến thắng. Xin cầu thay cho chúng con trước Chúa Kitô, hỡi Savvo, vị thánh toàn phúc, những người tôn kính Ngài bằng đức tin.

[3191] Người Goth là một dân tộc thuộc bộ tộc German, ban đầu sinh sống dọc theo dòng sông Vistula, sau đó di cư dọc theo sông Danube.
[3192] *Aurelian*, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 270 đến năm 275.
[3193] Thánh Savva qua đời vào năm 272.

Lễ kỷ niệm Đức Mẹ Thánh Elizabeth, Đấng làm phép lạ.

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 4

Thánh nữ Ê-li-sa-bét ngay từ khi còn trong lòng mẹ đã được chọn để phục vụ Thiên Chúa, vì trước khi sinh con, mẹ ngài đã được Thiên Chúa báo trước rằng bà sẽ sinh ra một cô con gái, người sẽ là bình chứa được chọn của Thánh Thần. Từ thuở thiếu thời, đã dâng hiến cho việc phụng sự Thiên Chúa và hứa hôn với Đấng Hôn Phu Bất Tử là Đức Kitô, Thánh Nữ Êlisabét đã phụng sự Thiên Chúa trong hàng ngũ các thiên thần, cùng với các trinh nữ tu sĩ khác[3194] , bằng việc ăn chay và lao động vất vả để rèn luyện thân xác, và nhờ đó đã làm đẹp lòng Chúa đến nỗi được Ngài ban cho ân sủng chữa lành mọi bệnh tật của con người, không chỉ về thể xác mà còn về tâm hồn. Bằng lời cầu nguyện, bà chữa lành mọi bệnh tật thể xác; bằng lời nói và những lời dạy được Thánh Thần soi dẫn, bà chữa lành tâm hồn con người, hướng dẫn họ đến sự sám hối và mọi đức tính tốt đẹp. Quần áo của bà chỉ là một chiếc áo lông cừu thô ráp, và dù thân thể bà run rẩy vì lạnh, tinh thần bà luôn bừng cháy ngọn lửa tình yêu Thiên Chúa.

Khi được bổ nhiệm làm Bề trên của các chị em, Thánh nữ đã thể hiện những công đức vĩ đại hơn nữa, lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn của họ.

Sự kiêng khem của bà vô cùng khắc nghiệt, bởi bà đã trải qua nhiều năm không ăn bánh mì mà chỉ ăn trái cây và rau củ; còn dầu và rượu thì bà chưa từng nếm thử trong suốt cuộc đời mình. Rất thường xuyên, bà ăn chay suốt bốn mươi ngày, giống như vị đại thánh Mô-sê, không ăn uống gì trong thời gian đó[3195] . Trong suốt ba năm, bà noi gương sự khiêm nhường của người thu thuế trong Phúc Âm (xem: Lc 18:13), bà không ngước đôi mắt thể xác lên trời, mà luôn hướng đôi mắt tâm hồn về Đức Chúa Trời Đang ngự trên trời; và khi chiêm ngưỡng Ngài bằng tâm trí, thấy Ngài ngự trên ngai cao quý và lộng lẫy, được các Seraphim vây quanh, bà không để tâm trí mình hướng về những vật chất trần gian. Khi, như thường lệ, bà cầu nguyện một mình vào ban đêm, bà được chiếu sáng từ trên cao bởi ánh sáng thiên đàng.

Ngoài ra, Thánh Elizabeth còn thực hiện nhiều phép lạ: có lần, bà đã dùng lời cầu nguyện để tiêu diệt một con rắn hung dữ; lần khác, bà đã chữa lành cho một người phụ nữ bị chảy máu trong thời gian dài, đồng thời cũng trừ tà ma khỏi con người, và thực hiện nhiều phép lạ khác nữa. Những phép lạ do bà thực hiện không chỉ diễn ra khi bà còn sống, mà còn tiếp diễn sau khi bà qua đời trong bình an. Tại mộ của bà, nhiều người bệnh đã được chữa lành theo nhiều cách khác nhau; chẳng hạn, nhiều người mù đã được sáng mắt khi đến trước mộ bà. Xin Chúa Kitô, Đấng Thánh, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài, được tôn vinh qua bà!

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Pasikrat và Valentin

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 4

Các vị tử đạo của Chúa Kitô là Pasikrat và Valentin xuất thân từ Rodostol, một thành phố thuộc Mi-zi-a, và với tư cách là những chiến binh, họ phục vụ dưới quyền thống đốc của vùng đất đó là Avsolane. Ở vùng đất ấy có rất nhiều người thờ thần tượng, dâng lễ vật cho ma quỷ, bởi vì các nhà cầm quyền đã dùng lời đe dọa tra tấn để ép buộc dân chúng phải thờ phượng thần tượng. Các Kitô hữu ở vùng đất ấy, vì sợ hãi sự tra tấn, đã bỏ trốn và ẩn náu. Còn hai vị thánh này thì công khai và dũng cảm tuyên xưng mình là Kitô hữu, đồng thời ca ngợi Thiên Chúa duy nhất và chân thật, đồng thời nguyền rủa những thần tượng vô hồn. Vì điều này, họ bị những kẻ thờ thần tượng bắt giữ và đưa ra tòa án, nơi họ bị ép phải thắp hương trước các thần tượng. Tại đó có tượng thần Apollon. Thánh Pasikrat tiến đến trước tượng thần, nhổ nước bọt vào mặt nó và nói:

– Đó mới là sự tôn vinh xứng đáng dành cho vị thần này!

[3194] Thánh Elizabeth là một nữ tu tại tu viện Constantinople, được Hoàng đế Justin I (trị vì từ năm 518 đến năm 527) xây dựng để tôn vinh các Thánh Cosmas và Damian, những vị thánh không nhận tiền bạc. Sau này, bà trở thành nữ tu viện trưởng tại tu viện này. Không thể xác định chính xác thời gian bà sống và hoạt động do thiếu thông tin về điều này trong các tài liệu lịch sử. Tuy nhiên, dựa trên thực tế là vào nửa sau thế kỷ IX, Thánh Giuse, nhà soạn thánh ca (qua đời năm 883), đã sáng tác một bài thánh ca để tôn vinh bà, người ta kết luận rằng Thánh Elizabeth đã sống trong khoảng thời gian từ thế kỷ VI đến thế kỷ IX.

[3195] Mô-sê đã ăn chay bốn mươi ngày và bốn mươi đêm khi ngài lên núi Si-nai, nơi Thiên Chúa ban cho ngài Mười Điều Răn (Xuất Hành 24:12–18).

Ngay lập tức, Pasikrat bị trói bằng những sợi xích nặng nề và bị ném vào ngục tối. Còn vị chiến binh của Chúa Kitô, với những sợi xích ấy, như được trang hoàng bằng y phục hoàng gia bằng vàng, đã vui mừng vì được ân sủng mang những sợi xích này vì Chúa Kitô. Cùng với ngài, Valentin cũng bị giam vào ngục tối. Chẳng bao lâu sau, họ lại bị triệu tập ra tòa trước quan tổng trấn. Khi họ xuất hiện tại tòa án, anh trai của Pasikrata – Papian – cũng đến đó. Ông là một Kitô hữu, nhưng vì sợ bị tra tấn nên đã dâng lễ vật cho các thần tượng. Papian đã khóc lóc van nài anh trai mình, khuyên anh hãy noi gương mình, dâng hương cho tượng thần, để tạm thời trở thành kẻ thờ thần tượng, nhằm thoát khỏi những cực hình tàn khốc, nhưng Pasikrat đã từ chối lời cầu xin của anh trai và gọi anh ta là kẻ không xứng đáng được coi là thành viên trong dòng họ vì đã phản bội đức tin vào Chúa Kitô. Còn bản thân ông, tiến đến bàn thờ và đặt tay lên ngọn lửa, đã nói với vị thống đốc:

– Thân xác là hữu hạn và, như chính ngươi thấy, đang bị lửa thiêu đốt, còn linh hồn, vì bất tử, nên khinh thường mọi cực hình hữu hình này.

Thánh Valentine, khi bị quan tổng trấn thẩm vấn ngay tại chỗ, cũng đã nói những lời tương tự và bày tỏ sự sẵn sàng hoàn toàn để chịu đựng mọi cực hình vì Chúa Kitô. Cả hai đều bị kết án chém đầu bằng gươm. Khi các đầy tớ của kẻ hành hình dẫn họ ra ngoài thành để hành quyết, mẹ của Thánh Pasikrat đi theo sau, khuyên con trai hãy can đảm bước vào cái chết, lo lắng rằng cậu sẽ sợ hãi vì còn rất trẻ. Các thánh tử đạo đã bị chém đầu. Thánh Pasikrat lúc đó hai mươi hai tuổi, còn Thánh Valentine ba mươi tuổi. Còn người mẹ thì với niềm vui và sự hân hoan đã nhận thi thể các con và an táng họ một cách trang trọng, ca ngợi Đức Kitô, Thiên Chúa.

Cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Eusebius, Neon, Leontius, Longinus và những người khác cùng với họ

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 4

Ngay sau khi vị thánh tử đạo vĩ đại Giô-rê qua đời, hoàng đế Diocletian đã ban ra sắc lệnh – buộc tất cả các Kitô hữu, bất kể họ ở đâu, đặc biệt là những người đang bị giam cầm, phải thờ lạy các thần tượng; những ai tuân theo sắc lệnh này sẽ được trả tự do, còn những ai không tuân theo sẽ bị xử tử.

Các vị thánh tử đạo được tưởng niệm hôm nay – Eusebius, Neon, Leontius và Longinus – vào thời điểm đó đang bị giam giữ tại nhà tù[3196] ; cùng với họ còn có nhiều tín hữu Kitô giáo khác, tổng cộng khoảng bốn mươi người. Khi chứng kiến những phép lạ do Thánh Giô-rê thực hiện, họ đã tin vào Đấng Kitô và can đảm tuyên xưng Ngài trước mọi người, vì thế mà họ bị bắt và bị xiềng xích giam trong ngục tối.

Khi họ được dẫn ra khỏi ngục để ra trước quan tòa, họ không chối bỏ Chúa Kitô, mà đã làm bẽ mặt các thần ngoại đạo. Vì đã can đảm xưng danh Chúa Kitô, họ phải chịu nhiều cực hình, cụ thể là: những kẻ tra tấn đã treo họ lên, đánh đập và cạo xé thân thể họ bằng các dụng cụ sắt khác nhau cho đến khi nội tạng của họ lộ ra. Cuối cùng, các thánh tử đạo bị chém đầu và nhờ đó đã nhận được vương miện trong Nước Trời[3197] .

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Savva Pechersky, người đã tu hành, rất có thể vào đầu thế kỷ XIII. Xác thánh của ngài được an táng tại các hang động của Thánh Antony.

Ngày 8 tháng 5

Ngày 25 tháng 4 (theo lịch cũ)

[3196] Có thể các thánh tử đạo được nhắc đến ngày nay: Eusebius, Neon, Leontius và Longinus đã đảm nhận nhiệm vụ canh gác nhà tù, nơi các Kitô hữu bị giam giữ. Tuy nhiên, cũng có thể họ đã đến nhà tù với tư cách là những người thăm viếng, nhằm xoa dịu nỗi đau khổ của các Kitô hữu bằng cách bày tỏ sự cảm thông, khích lệ và hỗ trợ vật chất.

[3197] Các thánh tử đạo qua đời vào năm 304 – Đầu của thánh tử đạo Longin hiện được lưu giữ tại Ý, ở thành phố Capua (gần thành phố Naples).

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Tin Mừng Mác-cô.

Ngày tưởng niệm 25 tháng 4

Thánh Mác-cô, gốc Do Thái, thuộc chi phái Lê-vi, xuất thân từ dòng dõi tư tế, và ban đầu sống tại Giê-ru-sa-lem. Trong tiếng Do Thái, Mác được gọi là Gioan; còn tên Mác của ngài là tên Latinh. Ngài đã thêm tên này vào tên Do Thái[3198] của mình sau này, trước khi lên đường đến một đất nước xa lạ, khi ngài cùng với Thánh Tông đồ Phêrô đi rao giảng Tin Mừng tại thủ đô của thế giới lúc bấy giờ – Rôma. Theo truyền thống được Giáo Hội Chính Thống chấp nhận, phù hợp với lời chứng của một số nhà văn cổ đại[3199] , ông là một trong bảy mươi môn đệ của Chúa và, do đó, chính ông là nhân chứng trực tiếp của một số sự kiện trong cuộc đời Chúa Giêsu Kitô. Trong lời tường thuật của chính Thánh Mác-cô về việc Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta bị nộp để chịu chết tại vườn Ghết-sê-ma-ni[3200] , có đề cập đến một thiếu niên, người mà vào lúc tất cả các môn đệ của Chúa đều bỏ Ngài mà đi, đã một mình theo sau Đấng Bị Bắt, quấn một tấm vải quanh thân thể trần truồng, nhưng khi bị lính bắt giữ, anh ta đã bỏ lại tấm vải trong tay họ và chạy trốn khỏi họ trong tình trạng trần truồng (Mác 14:51–52). Bộ trang phục của chàng trai trẻ[3201] cho thấy anh ta đã bất ngờ bước ra giữa đám đông ồn ào vào ban đêm, chắc chắn là từ chính ngôi nhà sở hữu khu vườn đó. Từ thời cổ đại đã có truyền thuyết cho rằng chàng trai nói trên chính là Mác và vườn Ghết-sê-ma-ni thuộc về gia đình mà Mác xuất thân. Sách Công Vụ Các Sứ Đồ chứng thực rằng mẹ của nhà truyền giáo Mác – bà Maria – có một ngôi nhà tại Giê-ru-sa-lem[3202] , nơi mà Sứ đồ Phê-rô đã tìm được nơi trú ẩn sau khi được Thiên thần giải thoát một cách kỳ diệu khỏi ngục tối (Công Vụ 12:1–12). Sau khi Chúa thăng thiên, trong thời kỳ bách hại Kitô hữu, ngôi nhà này đã trở thành nơi tổ chức các buổi cầu nguyện cho nhiều tín hữu ở Giêrusalem và là nơi trú ẩn cho một số Tông đồ. Như vậy, Thánh Mác-cô, tại nhà mẹ mình, đã có cơ hội thường xuyên giao lưu với các Kitô hữu, tham gia các buổi cầu nguyện của họ, và trở nên thân thiết với chính các Tông đồ. Ngài đã thiết lập mối quan hệ đặc biệt thân thiết với Thánh Phêrô, người dành cho ngài tình yêu thương và sự quý mến như người cha, điều này được thể hiện rõ qua chính lời của Thánh Phêrô, người trong thư của mình đã gọi Thánh Mác-cô là con trai mình, khi nói: *"Hội Thánh được chọn tại Ba-by-lôn, cũng giống như anh em, cùng với Mác, con trai tôi, gửi lời chào đến anh em"* (1 Phê-rô 5:13). Thánh Mác có người chú là Thánh Tông đồ Ba-na-ba, vốn là người Lê-vi, quê quán ở đảo Síp. Nhờ ông, Thánh Mác-cô đã được vị Tông đồ tối cao khác – Thánh Phao-lô – biết đến, khi vị này, sau khi được hoán cải một cách kỳ diệu để tin vào Đức Kitô (xem: Công vụ 9), lần đầu tiên đến Giê-ru-sa-lem[3203] . Sau khi thiết lập mối quan hệ thân thiết với hai vị Tông đồ tối cao này – Phêrô và Phaolô, Thánh Mác-cô đã trở thành cộng sự thân cận nhất và là người thi hành các mệnh lệnh được giao phó cho ngài bởi từng vị trong số các vị Tông đồ vĩ đại này.

Khoảng năm 44 hoặc 45 sau Công nguyên, các Kitô hữu tại Giê-ru-sa-lem đã phải hứng chịu một thảm họa lớn. Khi thấy số lượng tín hữu Kitô giáo tại Giê-ru-sa-lem ngày càng gia tăng, sự thù hận của những kẻ thù của đức tin Kitô giáo – tức là người Do Thái – đã lên đến đỉnh điểm. Bị kích động bởi lòng căm thù đối với các tín hữu Kitô giáo, người Do Thái đã xông vào nhà của họ, cướp bóc không thương tiếc tất cả tài sản của họ, khiến các tín hữu Kitô giáo phải chịu cảnh đói khát tột cùng. Khi nghe tin về hoàn cảnh khốn khó của các anh em trong Chúa Kitô, các Kitô hữu tại Antiôkhia lập tức đến giúp đỡ họ; sau khi quyên góp trong nội bộ, họ đã giao phó cho chính Barnaba và Phaolô – lúc đó đang ở Antiôkhia – nhiệm vụ chuyển khoản cứu trợ đến các Kitô hữu tại Giêrusalem. Sau khi đến Giê-ru-sa-lem và hoàn thành nhiệm vụ do các tín hữu Antiôchê giao phó, Ba-na-ba và Phao-lô trở về Antiôchê và lần này họ mang theo Mác (Công vụ 12:25). Từ thời điểm đó, Mác, với tư cách là cộng sự của Barnaba và Phaolô, đã đảm nhận sứ mệnh vĩ đại trong công việc tông đồ nhằm rao giảng đức tin vào Đức Kitô cho cả người Do Thái lẫn dân ngoại. Cùng với Phaolô và Barnaba, thánh Mác-cô đã tham gia vào chuyến hành trình tông đồ đầu tiên của họ từ Antiôkhia, với tư cách là trợ tá thân cận nhất để rao giảng Tin Mừng[3204] . Cùng với Phaolô và

[3198] Theo phong tục của người Do Thái thời bấy giờ.
[3199] Origen, linh mục tại Alexandria thế kỷ III, Thánh Epiphanius, giám mục đảo Síp thế kỷ IV và những vị khác.
[3200] Vertograd – khu vườn.
[3201] Một tấm vải quấn quanh thân thể trần truồng.
[3202] Có truyền thuyết kể lại rằng, tại nhà của mẹ Marcô – bà Maria, Chúa Giêsu Kitô đã cử hành Lễ Phục Sinh.
[3203] Khoảng năm 39 hoặc 40 sau Công nguyên.
[3204] Vào năm 44 hoặc 45.

Barnaba, Mác đã có mặt tại thành phố ven biển Seleucia[3205] , từ đó ông lên thuyền đến đảo Síp và đi dọc theo đảo từ đông sang tây, từ Salamis đến Paphos. Tại Paphos, Mác đã tận mắt chứng kiến phép lạ chữa lành bệnh mù, theo lời của Sứ đồ Phaolô, đối với thầy bói người Do Thái tên là Variasus, hay còn gọi là Elima, người đã cố gắng làm cho Tổng trấn Sergius – người đã mời Barnaba và Phaolô đến để nghe Lời Chúa – từ bỏ đức tin vào Chúa (xem: Công vụ 13:6–12). Tuy nhiên, khi đến thành phố Pergia[3206] , Mác đã rời bỏ Thánh Phaolô và Varnava, rồi trở về Giêrusalem, về nhà mẹ mình. Khi đến Giê-ru-sa-lem, Mác đã gia nhập cùng Tông đồ Phê-rô và không lâu sau đó, ông cùng ngài lên đường trong chuyến hành trình tông đồ để rao giảng Tin Mừng tại Rô-ma. Vào thời điểm đó, tại Rô-ma đã có những người tin vào Đấng Christ. Sách Công Vụ Các Sứ Đồ chứng thực rằng, trong số những người chứng kiến sự biến đổi phi thường xảy ra nơi các Sứ Đồ khi Đức Thánh Linh ngự xuống trên họ, và những người nghe bài giảng đầu tiên của Sứ Đồ Phê-rô về Đấng Cứu Thế Chúa Kitô[3207] , có những người Do Thái và những người cải đạo đến từ Rô-ma, tức là những người ngoại giáo đã cải đạo sang Do Thái giáo (xem: Công vụ 2:10–41). Những người này, khi trở về Rôma, chắc chắn đã mang theo đức tin vào Đấng Kitô và truyền bá đức tin đó cho những người khác tại đó. Không còn nghi ngờ gì nữa, sau đó, nhiều người Do Thái, vốn sinh sống tại Rôma với số lượng lớn, hàng năm đến Giê-ru-sa-lem vào các ngày lễ, khi đã được thấm nhuần giáo lý Phúc Âm và nghe những bài giảng về Đấng Christ tại đó, đã trở về Rôma với tư cách là những Kitô hữu. Cuối cùng, với tư cách là thủ đô của thế giới, Rôma đã thu hút rất nhiều Kitô hữu từ khắp nơi đổ về vì các công việc dân sự và các lý do khác, và họ đã góp phần làm gia tăng số lượng những người tin vào Chúa Kitô tại đó. Thánh Tông đồ Phêrô, nhờ những bài giảng và phép lạ của ngài, cùng với sự hỗ trợ của Thánh Marcô, đã lan rộng và củng cố Giáo hội của Chúa Kitô tại Rôma một cách mạnh mẽ hơn nữa, dẫn dắt rất nhiều người, cả người Do Thái lẫn người ngoại giáo, đến với Chúa Kitô. Khi nghe những lời thánh thiêng của bài giảng Tin Mừng từ miệng các Tông đồ và tràn đầy đức tin vào Chúa Giêsu Kitô, các Kitô hữu Rôma không chỉ hài lòng với bài giảng bằng miệng của các Tông đồ về Chúa Giêsu Kitô, mà còn mong muốn có được một bản ghi chép bằng văn bản về giáo lý đã được truyền dạy cho họ bằng lời nói. Họ đã tìm đến thánh Mác-cô, người đồng hành của Thánh Phê-rô, và khẩn khoản xin ngài ghi chép lại tất cả những lời thánh thiêng mà ngài cùng với Phê-rô đã nói với họ về Chúa Kitô, và để lại cho họ bản văn thánh thiêng này như một kỷ vật. Thánh Mác-cô đã đáp ứng nguyện vọng tốt lành của các Kitô hữu Rô-ma và viết cho họ Phúc Âm của mình, trong đó[3208] , khi trình bày các sự kiện trong cuộc đời Chúa Giê-su Ki-tô trong thời gian Ngài ở trần gian, ngài đã ghi chép một cách chính xác những gì mình còn nhớ, những điều Chúa đã dạy và đã làm, đồng thời hết sức cẩn trọng để không bỏ sót bất cứ điều gì đã nghe được hay diễn giải sai lệch. Tác phẩm này, sau khi hoàn thành, thánh Mác đã dâng lên Tông đồ Phêrô để xem xét; và thánh Phêrô, bằng lời chứng của mình, đã xác nhận sự chân thật của Phúc Âm do thánh Mác viết và chấp thuận cho việc đọc nó trong các nhà thờ.[3209] Vì vậy, Phúc Âm theo thánh Mác đã được tất cả các Giáo hội chấp nhận mà không có bất kỳ sự phản đối nào, như một tác phẩm của các Tông đồ, được Thánh Thần soi dẫn[3210] .

Sau khi hoàn thành công việc tại Rôma, Thánh Mác-cô, theo lệnh của Thánh Phê-rô, đã lên đường đến thành phố Aquileia, nằm trên bờ bắc Biển Adriatic, để rao giảng Tin Mừng. Tại thành phố giàu có này, được mệnh danh là "Rôma thứ hai"[3211] , Thánh Mác-cô đã thành lập một hội thánh; đồng thời, ngài cũng đến các nơi khác dọc theo bờ biển Adriatic để rao giảng Tin Mừng, và thành lập các hội thánh của Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi. Sau đó, theo chỉ thị của Thánh Phê-rô, Thánh Mác-cô đã lên đường đến Ai Cập để rao giảng Tin Mừng. Theo lời chứng của Eutychius, Thượng phụ Alexandria, sự kiện này diễn ra vào năm thứ chín triều đại của Claudius[3212] . Tại Ai Cập, một quốc gia ngoại giáo giáp ranh với Palestine, từ thời Alexander Đại đế[3213] và vua Ai Cập Ptolemy Lagus[3214] đã có rất nhiều người Do Thái. Họ sinh sống ở đây trong cả những thành phố, có các hội đường riêng,

---

[3205] Trên bờ đông Địa Trung Hải.
[3206] Tại Tiểu Á.
[3207] Trong số đó, có khoảng 3.000 người đàn ông đã nhận phép rửa tội.
[3208] Theo lời chứng của Papias.
[3209] Trong Phúc Âm của mình, Thánh Mác-cô chủ yếu mô tả các việc làm của Đấng Cứu Thế, đặc biệt là những phép lạ, vốn có ảnh hưởng lớn hơn đến tâm trí của những người ngoại đạo so với giáo lý.
[3210] Thời điểm viết cuốn sách này ước tính vào khoảng năm 46 sau Công nguyên.
[3211] Bởi vì các hoàng đế La Mã rất ưa chuộng thời kỳ này.
[3212] Khoảng năm 49 sau Công nguyên.
[3213] Ngài trị vì từ năm 334–324 trước Công nguyên
[3214] 324–284 trước Công nguyên.

hội đồng Sanhedrin riêng, thậm chí cả một đền thờ[3215] giống như Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, cũng như các thầy tế lễ và người Lê-vi theo luật Môi-se. Tại đây, ở Ai Cập, theo lệnh của vua Ptolemy Philadelphus[3216] , các sách Kinh Thánh Cựu Ước đã được dịch từ tiếng Do Thái sang tiếng Hy Lạp, nhờ đó sự mặc khải thiêng liêng về sự cứu rỗi loài người đã trở nên dễ tiếp cận ngay cả với những người ngoại đạo. Tại đây, ký ức của dân chúng vẫn còn sống động về sự sụp đổ mang tính lịch sử của các thần tượng trong một ngôi đền Ai Cập, sự kiện này, theo lời chứng của các vị Thánh Cha, đã diễn ra cùng với sự xuất hiện của Thánh Gia cùng Hài Nhi Giêsu, khi họ đang lánh nạn khỏi bàn tay tàn bạo của vua Hê-rô-đê. Cuối cùng, thậm chí có thể là ngay tại đất nước này cũng đã có những nhân chứng chứng kiến sự giáng lâm kỳ diệu của Chúa Thánh Thần trên các Tông đồ, những người đã mang hạt giống giáo lý của Chúa Kitô đến đây. Tất cả những điều này đã chuẩn bị rất tốt cho người dân Ai Cập đón nhận giáo lý Kitô giáo và hứa hẹn một thành công lớn cho công cuộc rao giảng của Thánh Mác-cô. Và quả thực, khi Thánh Mác-cô, vị Tông đồ đầu tiên đến Ai Cập, bắt đầu rao giảng Tin Mừng, loan báo cho mọi người sự giải thoát khỏi ma quỷ[3217] , thì ngay từ những ngày đầu tiên của công cuộc rao giảng[3218] , đã có một đám đông lớn gồm cả nam lẫn nữ tin nhận Chúa Kitô. Ngay tại thành Alexandria, thủ đô của Ai Cập, Thánh Mác-cô đã thành lập một nhà thờ và trở thành vị giám mục đầu tiên của nhà thờ đó.

Tại đây, Thánh Mác-cô đã nỗ lực không ngừng trong công cuộc truyền bá ánh sáng đức tin vào Chúa Kitô cho cả người Do Thái lẫn người ngoại giáo, những người trước đó vẫn chìm đắm trong bóng tối của việc thờ phượng các thần tượng. Sau khi củng cố các giáo hội tại Alexandria và các thành phố lân cận bằng việc tấn phong các giám mục và các chức sắc giáo hội khác, Thánh Marc đã rời khỏi đất nước Ai Cập. Ông đã đi đâu từ đây và liệu ông có tham dự Công đồng Tông đồ tại Jerusalem[3219] hay không – điều này vẫn chưa được biết rõ. Nhưng khi Thánh Phaolô, trước khi khởi hành chuyến hành trình Tông đồ lần thứ hai[3220] , đang ở Antiôkhia cùng với Barnaba, thì, như sách Công Vụ Tông Đồ ghi chép, Thánh Mác-cô cũng đã gặp họ tại đây và từ đó, cùng với người chú của mình là Barnaba, ngài đã lên đường về quê hương của ngài ở Síp (xem: Công vụ 15:36–40). Sau khi cùng với Barnaba cống hiến một thời gian cho công cuộc rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô, Mác lại lên đường đến Ai Cập, nơi mà cùng lúc đó hoặc không lâu sau đó, Thánh Phêrô cũng đã đến. Trong khi rao giảng Tin Mừng tại các vùng khác nhau của Ai Cập và thành lập các hội thánh ở đó, các Tông đồ vào thời điểm này cũng đã đặt nền móng cho Hội Thánh của Chúa Kitô tại thành phố Babylon của Ai Cập, nơi mà Phêrô đã viết thư chung đầu tiên của mình gửi cho các Kitô hữu ở Tiểu Á (xem: 1 Phêrô 5:13). Thánh Mác-cô đã ở lại Ai Cập cho đến năm thứ tám triều đại của Nê-rôn[3221] .

Sau đó, Thánh Mác-cô lại hội ngộ với Thánh Phao-lô và gia nhập vào nhóm cộng sự của ngài. Trong thời gian Thánh Phao-lô bị giam cầm tại Rô-ma[3222] , Thánh Mác-cô cùng với một số người khác đã chia sẻ công việc rao giảng Tin Mừng của vị Tông đồ này. Trong thư gửi tín hữu Cô-lô-se, được viết từ Rô-ma vào thời điểm đó, Thánh Phao-lô gọi Mác là một trong số ít cộng sự của ngài cho Nước Trời, những người đã trở thành nguồn an ủi cho ngài vào thời điểm đó (xem: Cô-lô-se 4:10–11). Như có thể thấy trong chính thư gửi tín hữu Cô-lô-se, theo chỉ thị của Thánh Phaolô, Mác đã từ Rôma lên đường đến Tiểu Á, cụ thể là thành phố Cô-lô-se thuộc vùng Phrygia (Cô-lô-se 2:8–18), để chống lại những kẻ giảng dạy sai lầm đang lôi kéo các tín hữu Cô-lô-se[3223] . Thánh Mác-cô đã ở đâu trong những năm tiếp theo đó – điều này vẫn chưa rõ. Nhưng vào thời điểm gần ngày Sứ đồ Phao-lô qua đời, thánh Mác-cô đang ở Tiểu Á, cụ thể là tại thành phố Ê-phê-sô, quê hương của thánh Ti-mô-thê, giám mục của Hội Thánh Ê-phê-sô. Vào thời điểm đó, Thánh Phaolô, khi đang bị giam cầm lần thứ hai tại Rôma, đã viết thư gửi cho Thánh Timôthê, trong đó ngài kêu gọi Thánh Timôthê đến Rôma để giúp đỡ ngài, đồng thời giao phó cho ngài nhiệm vụ đưa Thánh Mác-cô theo cùng, vì ngài cần người này cho công việc mục vụ (xem: 2 Tim. 4:11)[3224] . Tại

---

[3215] Gần thành phố Iliopod.
[3216] Khoảng năm 271 trước Công nguyên.
[3217] Giống như cách đây rất lâu, Mô-sê đã giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị nặng nề của Pharaoh.
[3218] Theo lời chứng của nhà sử học Eusebius.
[3219] Khoảng năm 60 hoặc 51 sau Công nguyên.
[3220] Từ năm 52 đến năm 55.
[3221] Trị vì từ năm 54 đến năm 68.
[3222] Từ năm 61 đến năm 63 sau Công nguyên.
[3223] Khoảng năm 67.
[3224] Người cùng thời với các Thánh Tông đồ.

đây, ở Rôma, Thánh Mác-cô đã chứng kiến cái chết tử đạo vì Chúa Kitô của cả hai vị thầy của mình, là các Tông đồ vĩ đại và tối cao của Chúa Kitô là Phê-rô và Phao-lô, những người đã cùng lúc chịu khổ vì Chúa Kitô tại Rôma; Phao-lô – với tư cách là công dân Rôma – đã bị chém bằng gươm, còn Phê-rô thì bị đóng đinh trên thập giá.

Sau khi hai vị thầy vĩ đại của mình – các Tông đồ Phêrô và Phaolô – qua đời, Thánh Mác-cô, nhà truyền giáo, lại lên đường trở về Ai Cập để củng cố Giáo hội do ngài thành lập. Ngài đã nỗ lực rất nhiều trong công cuộc rao giảng đức tin Kitô giáo ngay tại thành Alexandria. Alexandria, thủ đô của Ai Cập, là trung tâm của nền văn hóa Hy Lạp. Tại đây có thư viện nổi tiếng, khoa học ngoại giáo phát triển rực rỡ; vì lý do đó, người ta từ khắp nơi đổ về đây, khiến thành phố tràn ngập các nhà học giả, triết gia, nhà hùng biện và các nhà thơ. Ngay cả những người Do Thái, sống rất đông tại Alexandria, cũng say mê học thuật ngoại giáo. Để củng cố đức tin vào Đấng Kitô và nhằm chống lại các học giả ngoại giáo và người Do Thái, Thánh Marcô đã thành lập một trường giáo lý Kitô giáo tại Alexandria. Trong thời gian sau đó, trường này đã trở thành trung tâm của nền giáo dục Kitô giáo và nổi tiếng vì đã đào tạo ra những nhà giảng dạy nổi tiếng của Giáo hội, như: Pantên, Clêment, và một số vị Giáo phụ, như: Dionysius thành Alexandria, Grêgôriô Thánh và những người khác.

Với mong muốn tổ chức các nghi lễ thờ phượng trong Giáo hội, Thánh Mác-cô đã soạn thảo Nghi thức Thánh lễ và truyền lại cho các Kitô hữu thuộc Giáo hội Alexandria. Nghi thức Thánh lễ này đã được lưu giữ trong một thời gian dài tại Giáo hội này và trong các thế kỷ sau đó. Trong các nghi lễ thờ phượng của các Kitô hữu Ai Cập (Copt), cho đến nay vẫn còn lưu giữ một số lời cầu nguyện được cho là do Thánh Mác-cô, tác giả Tin Mừng, soạn thảo.

Sau khi củng cố Giáo hội Alexandria, Thánh Mác-cô, trong nỗ lực rao giảng giáo lý của Chúa Kitô, vẫn không ngừng dành sự quan tâm và nhiệt huyết cho cư dân các thành phố và vùng miền khác của Ai Cập; nhưng với tư cách là một nhà truyền giáo kiên cường và dũng cảm, Mác, được Thánh Thần Chúa dẫn dắt, đã hăng hái và nhiệt thành mang Lời Chúa đi khắp mọi nơi. Ngài đã viếng thăm nhiều vùng sâu vùng xa của châu Phi, đến Libya, Marmorica, Cyrenaica và Pentapolis. Tất cả những vùng đất này đều chìm đắm trong bóng tối của sự thờ phượng thần tượng ngoại đạo. Khắp các thành phố, làng mạc và ngã ba đường đều có những đền thờ tà thần, nơi đặt các tượng thần và diễn ra các nghi lễ phù thủy, bói toán và phép thuật. Khi đi qua các thành phố và làng mạc này để rao giảng Tin Mừng, Thánh Mác-cô đã soi sáng tâm hồn những người đang chìm đắm trong bóng tối và sự u ám của việc thờ cúng thần tượng bằng ánh sáng của giáo lý Thần thánh, đồng thời thực hiện những phép lạ vĩ đại giữa họ. Chỉ bằng một lời của ân sủng Thiên Chúa, ngài đã chữa lành những người đau ốm, thanh tẩy những người bị bệnh hủi, và trừ tà những linh hồn ô uế và hung ác.

Và lời rao giảng của ngài, đi kèm với những phép lạ vĩ đại và kỳ diệu, đã gặt hái được thành công to lớn. Các đền thờ thần tượng sụp đổ, các tượng thần bị lật đổ và vỡ tan, con người được thanh tẩy và khai sáng, khi họ chịu phép rửa tội nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Khắp nơi, dưới sự hướng dẫn của Thánh Mác-cô, các nhà thờ của Đức Chúa Trời được thành lập, và Giáo Hội của Đấng Christ hưng thịnh trên khắp các vùng đất Ai Cập. Dưới tác động của những lời giảng thánh thiêng của Thánh Mác-cô và dưới ảnh hưởng của sự trong sạch và thánh thiện cao cả trong đời sống đạo đức của chính ngài, các Kitô hữu Ai Cập, dưới sự tác động của ân sủng Thiên Chúa, trong những nỗ lực hướng tới sự cứu rỗi, đã thể hiện sự trong sạch và mức độ hoàn hảo cao đến nỗi cuộc sống của họ, tràn đầy sự thánh thiện và đức hạnh Kitô giáo, đã trở thành đối tượng của sự ngạc nhiên và khen ngợi lớn lao ngay cả từ phía những người ngoại đạo và những người Do Thái không tin. Eusebius, Giám mục thành Caesarea ở Palestine, và Nikiforos (Xanfopulos) – những nhà sử học Giáo hội – đã lưu giữ trong các tác phẩm của mình lời chứng của một nhà triết học Do Thái tên là Philo, người khi ca ngợi cuộc sống đạo đức của các Kitô hữu Ai Cập, đã nói:

– Họ (tức là các Kitô hữu) từ bỏ mọi lo toan về của cải trần thế và không bận tâm đến tài sản của mình, không coi bất cứ điều gì trên đất này là của riêng mình hay là điều quý giá đối với bản thân. Một số người trong số họ, từ bỏ mọi lo toan về đời sống thế tục, rời khỏi các thành phố và định cư tại những nơi hẻo lánh và các khu vườn, tránh tiếp xúc với những người không đồng quan điểm với họ trong lối sống, để không bị họ cản trở trên con đường tu dưỡng đức hạnh. Họ coi sự tiết chế và chế ngự xác thịt là nền tảng duy nhất mà trên đó một cuộc sống tốt đẹp mới có thể được xây dựng. Không ai trong số họ ăn hay uống trước khi trời tối, và một số người thậm chí không dùng bữa cho đến ngày thứ tư. Còn những người khác, những người có kinh nghiệm trong việc giải thích và hiểu biết Kinh Thánh, tràn đầy khát khao tri thức và nuôi dưỡng tâm hồn bằng thức ăn tinh thần của sự suy ngẫm về Chúa, dành thời gian để nghiên cứu Kinh Thánh, nên họ quên đi thức ăn vật chất cho đến ngày thứ sáu. Không ai

trong số họ uống rượu, và tất cả đều không ăn thịt, chỉ ăn bánh mì với nước cùng muối và cây hyssop[3225] . Trong số họ có cả những người phụ nữ đã rèn luyện bản thân trong lối sống đạo đức và quen thuộc với nó đến mức vẫn giữ trinh tiết cho đến tuổi già. Nhưng họ giữ trinh tiết không phải vì bị ép buộc, mà là do ý chí tự do, được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành và tình yêu đối với sự khôn ngoan, khiến họ từ bỏ những thú vui xác thịt và hướng tới việc đạt được những thành quả không phải là những thứ hữu hạn, mà là những thành quả bất tử, những thứ chỉ có linh hồn yêu mến và hướng về Thiên Chúa mới có thể sinh ra từ chính mình. Họ giải thích Kinh Thánh một cách ẩn dụ, thông qua việc tìm kiếm ý nghĩa ẩn chứa và những mầu nhiệm; vì theo quan điểm của họ, Kinh Thánh giống như một sinh vật sống: những biểu đạt bằng lời tạo nên thân thể hữu hình của nó, còn tư tưởng và mầu nhiệm ẩn giấu đằng sau những biểu đạt ấy tạo nên linh hồn vô hình của nó. Họ dậy sớm để ngợi khen Đức Chúa Trời và cầu nguyện, để hát thánh ca và lắng nghe Lời Đức Chúa Trời – nam giới và nữ giới tách biệt nhau. Một số người trong số họ giữ chay liên tục trong suốt bảy tuần. Ngày thứ bảy được họ tôn kính đặc biệt. Để chuẩn bị cho ngày này và các ngày lễ khác, họ nằm nghỉ ngơi trên mặt đất trần. Thánh lễ được cử hành bởi các linh mục và phó tế, dưới sự chủ tọa của giám mục.

Chính Thánh Mác-cô, nhà truyền giáo thánh thiện, đã trồng và vun xới khu vườn thơm ngát của Chúa Kitô này bằng những công lao đầy gian khổ của mình tại các vùng đất Ai Cập; tại đó, ngài cũng là vị giám mục đầu tiên, nắm giữ ngai tòa giám mục tại Alexandria, nơi ngài đã chịu cái chết đầy đau khổ, trở thành vị tử đạo đầu tiên của Giáo hội Alexandria.

Về những đau khổ và cái chết tử đạo của Thánh Mác-cô, Thánh Si-mê-ôn Mê-ta-phra-st[3226] đã thuật lại như sau. Trong thời gian lưu lại tại Cyrene – thành phố thuộc Pentapolis, nơi ngài miệt mài trong công cuộc rao giảng giáo lý của Chúa Kitô và xây dựng Giáo hội của Ngài, Thánh Mác-cô đã nhận được lệnh từ Chúa Thánh Thần phải rời khỏi đó để đi rao giảng Tin Mừng tại Alexandria thuộc Pharaon[3227] . Tuân theo lời chỉ dẫn của Thánh Thần, Marc đã vội vã lên đường với tất cả sự nhiệt thành để thực hiện sứ mệnh mới. Sau khi thông báo cho các anh em về lệnh của Chúa là phải đến Alexandria, ngài đã dùng bữa tiệc chia tay với các Kitô hữu, được họ chúc phúc, rồi lên thuyền rời Kyrenia để đến Alexandria. Ngày thứ hai, ngài đến Alexandria và, sau khi rời tàu, ngài đến một nơi gọi là Mendion. Tại đây, ngay lối vào cổng thành, đôi dép của ngài bị rách làm đôi, điều mà vị thánh coi là điềm lành. Thấy ngay tại đó có một thợ đóng giày đang sửa những đôi giày cũ nát, vị thánh đã đưa đôi dép của mình cho ông ta sửa. Trong lúc sửa dép, người thợ đóng giày vô tình đâm vào tay trái của mình bằng dụng cụ và, kêu lên vì đau đớn, đã kêu cầu danh Chúa.

Nghe tiếng kêu đó, vị Tông đồ vui mừng trong lòng, vì thấy đó là dấu hiệu cho thấy Chúa sẽ ban cho ngài một hành trình bình an. Vết thương trên tay người thợ đóng giày rất đau đớn, và máu chảy ra rất nhiều. Thánh Mác-cô nhổ nước bọt xuống đất, nhổ nước bọt, rồi bôi lên vết thương của anh ta và nói:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng hằng sống muôn đời, xin anh được lành mạnh.

Và ngay lập tức, vết thương của người thợ đóng giày liền lại, và cánh tay anh ta trở nên lành lặn. Người thợ đóng giày, khi thấy sức mạnh kỳ diệu nơi người đàn ông đang đứng trước mặt mình, sức mạnh từ những lời nói của ngài, cũng như sự trong sáng và thánh thiện trong ánh mắt và cuộc sống của ngài, đã quay sang xin ngài, nói:

– Tôi xin ngài, người của Đức Chúa Trời, hãy vào nhà tôi và ở lại với tôi, tôi tớ của ngài, dù chỉ một ngày, để cùng dùng bữa với tôi, vì ngài đã ban ân huệ cho tôi hôm nay.

Vị Tông đồ vui vẻ đồng ý với lời thỉnh cầu của ông và nói:

– Nguyện Chúa ban cho ngươi bánh sự sống – bánh từ trời.

Và người ấy liền dẫn vị Tông đồ vào nhà mình với niềm vui sướng vô cùng. Khi vào nhà, Thánh Mác-cô nói:

– Nguyện ân sủng của Chúa ngự trị nơi đây! Hỡi anh em, chúng ta hãy cùng cầu nguyện với Chúa.

Và tất cả cùng nhau dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa. Khi kết thúc lời cầu nguyện và ngồi vào bàn ăn, người thợ đóng giày, với giọng điệu thân thiện, bắt đầu cuộc trò chuyện và hỏi vị thánh:

– Thưa Cha! Ngài là ai? Và tại sao lời nói của Ngài lại có sức mạnh như vậy?

[3225] Cỏ đắng.

[3226] Nhà văn Giáo hội thế kỷ IX.

[3227] Alexandria được gọi là Pharisia vì thành phố nhỏ Pharos đã được sáp nhập vào đó, nơi có một cột đá cao lớn, trên đó vào ban đêm người ta thắp lửa để chỉ đường vào bến cảng cho các tàu thuyền đến từ biển.

Thánh Marc trả lời:

– Con là tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa.

Người ấy nói:

– Con mong được gặp Con Thiên Chúa ấy.

Thánh Mác-cô đáp:

– Tôi sẽ chỉ cho anh thấy Ngài!

Và ngài bắt đầu rao giảng Tin Mừng của Chúa Giê-su Ki-tô và giải thích những lời tiên tri mà các tiên tri đã nói về Chúa chúng ta. Người ấy, khi nghe bài giảng của ngài, nói:

– Tôi chưa bao giờ nghe những lời Kinh Thánh mà ngài đang giải thích cho tôi; tôi chỉ nghe từ "Iliad", "Odyssey" và những gì các thiếu niên Ai Cập học.

Lúc đó, Thánh Mác-cô, tiếp tục giảng về Đấng Kitô, đã chỉ ra cho người ấy một cách rõ ràng rằng sự khôn ngoan của thế gian này là "sự ngạo mạn"[3228] trước mặt Thiên Chúa. Người ấy đã tin vào tất cả những gì Thánh Mác-cô nói với mình, và khi chứng kiến những phép lạ của ngài, chính ông đã chịu phép rửa, cùng với cả gia đình ông, và cùng với họ, một đám đông lớn người dân trong vùng cũng đã chịu phép rửa. Tên của người ấy là Ananias. Số người tin Chúa ở đó ngày càng gia tăng. Lúc bấy giờ, các quan chức thành phố, nghe tin có một người Galilê đến với họ, đã phỉ báng các vị thần của họ và cấm dâng lễ vật cho các vị thần ấy, nên họ tìm cách giết Thánh Mác-cô và tập hợp lại để bàn bạc cách bắt giữ ngài. Thánh Mác-cô, khi biết được quyết định này của họ, đã vội vàng phong Anania làm giám mục cho các tín hữu, cùng ba linh mục là Maleon (hay Malcha), Savin, Kerdon, bảy phó tế và mười một giáo sĩ để phục vụ trong nhà thờ; rồi ngài trốn khỏi đó và trở lại Pentapolis. Sau khi ở lại đây hai năm, củng cố cộng đoàn tín hữu tại đó và bổ nhiệm các giám mục, linh mục và tu sĩ tại các vùng lân cận và các thành phố, Thánh Mác-cô lại trở về Alexandria. Tại đây, ngài thấy cộng đoàn tín hữu đã gia tăng về số lượng và phát triển mạnh mẽ trong ân sủng và đức tin của Chúa. Tại Alexandria đã có một nhà thờ Kitô giáo, được xây dựng gần biển tại một địa điểm có tên là "Vukul"[3229] . Khi nhìn thấy nhà thờ, Thánh Marc đã rất vui mừng và quỳ gối xuống để ngợi khen Thiên Chúa. Thánh Marc đã ở lại Alexandria trong một thời gian khá dài. Số lượng tín hữu của nhà thờ đó ngày càng gia tăng, và khi đức tin của họ ngày càng vững chắc, họ đã công khai quở trách người Hy Lạp vì việc thờ lạy thần tượng. Các quan chức Hy Lạp, khi biết Thánh Marc đang ở trong thành phố của họ và nghe nói ngài đang thực hiện những phép lạ vĩ đại: chữa lành cho người bệnh, trả lại thính lực cho người điếc, ban lại thị lực cho người mù, đã bùng lên lòng căm ghét và ghen tị đối với ngài, và đi tìm ngài. Lâu mà không tìm thấy ngài, họ tụ tập trong các đền thờ ngoại đạo của mình, nghiến răng và giận dữ kêu lên:

– Ôi, tên pháp sư và phù thủy này gây ra bao nhiêu phiền toái cho chúng ta!

Lễ Phục Sinh rực rỡ đang đến gần. Và rồi, vào ngày 24 tháng 4, ngày Phục Sinh rạng ngời của Chúa Kitô – trùng với lễ hội ngoại giáo tôn vinh Serapis – những kẻ ngoại đạo đã tìm được cơ hội để bắt giữ Thánh Mác-cô. Vào ngày đó, vị thánh truyền giáo đang cử hành Thánh lễ. Những kẻ ngoại đạo vô đạo đã nhìn thấy đây là cơ hội thuận lợi, nên đã tụ tập thành một đám đông lớn nhân dịp lễ hội của họ, rồi bất ngờ tấn công vào nhà thờ. Họ bắt giữ Thánh Mác-cô, trói ông lại bằng dây thừng, rồi lôi ông đi khắp các đường phố và vùng ngoại ô thành phố, vừa đi vừa la hét:

– Chúng ta sẽ dẫn con bò này vào chuồng bò, tức là vào chuồng dành cho bò.

Còn Thánh Marcô, trong lúc chịu đau khổ, đã tạ ơn Chúa và nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã cho con được chịu những đau khổ này vì danh Ngài.

Thánh nhân bị lôi lê trên mặt đất rải đầy đá nhọn, đến nỗi thân thể Ngài, bị đá cào xé, đầy những vết thương, và máu chảy ra ồ ạt từ những vết thương ấy đã nhuộm đỏ cả con đường. Sau khi bị hành hạ như vậy, các kẻ ngoại đạo vô đạo đã tống vị thánh vào ngục tối, còn chính họ, khi chiều tối buông xuống, đã tụ họp để bàn bạc xem sẽ xử tử ngài bằng hình thức nào. Vào nửa đêm, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với vị Tông Đồ-Tử Đạo và củng cố lòng can đảm của ngài trong cuộc tử đạo bằng lời báo trước về sự hạnh phúc đang chờ đợi ngài trên thiên đàng; sau đó chính Chúa Giêsu Kitô cũng hiện ra với ngài, an ủi ngài bằng sự hiện diện của Ngài. Sáng hôm sau, đám đông những kẻ ngoại đạo điên cuồng lôi vị Tông đồ ra khỏi ngục tối và lôi kéo ngài đi khắp các đường phố trong thành.

[3228] Sự điên cuồng – sự điên rồ, sự thiếu lý trí (xem 1 Cô-rinh-tô 1:18–22).

[3229] Vukul, tức là nơi cho bò ăn, từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "con bò đực".

Vị thánh không chịu nổi những cực hình như vậy và chẳng bao lâu sau đã qua đời, tạ ơn Thiên Chúa, cầu nguyện cùng Ngài và nói rằng:

– Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài![3230]

Sự thù hận không thể dập tắt của những kẻ ngoại đạo không chỉ dừng lại ở cái chết của vị Tông đồ: họ quyết định thiêu xác ngài. Lửa đã được đốt lên, thì bỗng nhiên bóng tối bất ngờ ập đến, cùng với tiếng sấm sét kinh hoàng, động đất, mưa và mưa đá đã xua tan đám đông những kẻ vô đạo, còn cơn mưa thì dập tắt ngọn lửa. Còn những Kitô hữu đạo đức, sau khi tôn kính rước thi hài của vị thánh, đã an táng ngài trong một quan tài bằng đá tại nơi họ thường tụ họp cầu nguyện.

Năm 310, một nhà thờ đã được xây dựng trên di cốt của Thánh Marcô, và chúng vẫn được lưu giữ tại Alexandria cho đến thế kỷ IX. Trong nửa đầu thế kỷ này[3231] , khi sự thống trị của người Ả Rập Hồi giáo và tà thuyết Monophysite đã làm suy yếu hoàn toàn Chính Thống Giáo tại Ai Cập, di cốt của Thánh Tông Đồ đã được chuyển đến Venice; gần đó (tại Aquileia), ngài từng hoạt động một thời gian trong việc rao giảng Tin Mừng: tại đó, các di vật vẫn được an nghỉ cho đến ngày nay trong một nhà thờ tráng lệ mang tên ngài. Nơi đây còn lưu giữ một bản chép tay rất cổ xưa của Phúc Âm theo thánh Mác-cô, được viết trên giấy papyrus Ai Cập mỏng, theo truyền thuyết, do chính tay vị Thánh Tông Đồ viết[3232] .

Bài thánh ca, giọng 3:

Ngài đã học hỏi từ Thánh Phêrô tối cao, là Tông đồ của Chúa Kitô, và như mặt trời chiếu sáng khắp các xứ sở, ngài đã trở thành nguồn phước lành cho thành Alexandria, hỡi vị thánh phúc lành: nhờ ngài, Ai Cập đã được giải thoát khỏi sự lừa dối, và nhờ giáo huấn Phúc Âm của ngài, muôn dân được soi sáng, như ánh sáng, như cột trụ của Giáo hội. Vì lý do đó, chúng con tôn vinh và long trọng kỷ niệm ngày lễ của ngài, thánh Mác-cô, tiếng nói của Thiên Chúa: xin ngài cầu thay cho chúng con trước Thiên Chúa, Đấng đã rao giảng Tin Mừng, để Ngài ban ơn tha thứ tội lỗi cho linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Từ trên cao, ngài đã nhận lãnh ân sủng của Thánh Thần, ngài đã phá vỡ những mưu mô của những kẻ hùng biện, hỡi vị Tông đồ, và sau khi thu phục mọi ngôn ngữ, hỡi thánh Mác-cô vinh hiển, ngài đã dâng lên Chúa của ngài, bằng cách rao giảng Tin Mừng Thần thánh.

– Trên các bức tranh thánh, Thánh Mác-cô được miêu tả cùng với con sư tử. Có một chú thích về hình ảnh này ở phần mở đầu Phúc Âm theo Thánh Mác-cô. Tin Mừng của ngài bắt đầu bằng câu chuyện về sự xuất hiện của Thánh Gioan Tẩy Giả, người đã rao giảng về sự sám hối và sự đến gần của Nước Trời khắp sa mạc Do Thái, trở thành "tiếng kêu trong sa mạc", và về mặt này, ngài giống như con sư tử sống và gầm thét trong sa mạc.

– Các vị Thượng phụ Alexandria, những người đúng đắn tôn kính Thánh Mác-cô là người sáng lập và là vị bảo trợ của Giáo hội mình, đồng thời là vị Thượng phụ Alexandria đầu tiên, trong các thư tín của mình đã ban phước lành bằng những lời sau: "Xin ân phúc của Chúa Kitô, Đức Mẹ Rất Thánh và Thánh Tông đồ Mác-cô", và trên con dấu của họ có hình ảnh một con sư tử có cánh đang cầm cuốn Phúc Âm.

Ngày tưởng niệm vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta, Thánh Silvestr Obnorsky.

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 4

[3230] Thánh Mác qua đời dưới triều đại của Nê-rôn, vào khoảng năm 68 sau Công nguyên.

[3231] Năm 828.

[3232] Theo Hiến chương của Giáo hội Chính thống, Phúc âm Thánh Mác-cô, trừ những trường hợp đặc biệt, được đọc trong các thánh lễ từ tuần thứ 11 đến tuần thứ 17 sau Lễ Ngũ Tuần, sau đó từ tuần thứ 29 đến tuần thứ 34, không kể các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật, cũng như vào các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật của Mùa Chay, ngoại trừ Chủ Nhật của tuần đầu tiên.

Không có thông tin gì về nguồn gốc và nơi sinh của Thánh Silvestr[3233] . Chỉ biết rằng ngài đã được Thánh Sergius Radonezhsky truyền giới tu sĩ và ban đầu tu hành tại tu viện của ngài. Với sự ban phước của vị tu sĩ nổi tiếng ở Radonezh, Thánh Silvestr, người khao khát sự ẩn dật, đã lên đường đến vùng Viễn Đông Bắc và dừng chân bên bờ sông Obnora[3234] . Lúc bấy giờ, nơi đây toàn là những khu rừng rậm rạp, và xung quanh không có bất kỳ ngôi nhà nào. Sau khi dựng cho mình một căn phòng tu hành đơn sơ và chật hẹp, Thánh Silvestr bắt đầu tu hành trong sự cô độc tuyệt đối, chịu đựng mọi thiếu thốn, nhưng dành trọn vẹn thời gian cho việc cầu nguyện và thức trắng không ngừng nghỉ.

Trong một thời gian dài, không ai biết rằng có một vị ẩn sĩ đang tu hành trong khu rừng hẻo lánh đó. Nhưng một lần, một người dân trong vùng đi lạc đường và bất ngờ phát hiện ra căn phòng tu hành của vị ẩn sĩ trong khu rừng hẻo lánh. Người ẩn sĩ, mặc bộ quần áo rách rưới, đã bước ra đón người lữ khách ngạc nhiên , tỏ ra bối rối trước sự xuất hiện của con người tại nơi hoang vắng này, nơi mà trước đó ngài chưa từng thấy ai, và cũng không muốn gặp ai. Người lữ khách kể cho vị thánh về bản thân mình, ông là ai và làm thế nào lại đến được đây. Cùng với đó, anh ta cho biết rằng từ xa, anh ta thường thấy những tia sáng lấp lánh hoặc cột mây xuất hiện trên nơi vị ẩn sĩ đang sống. Vị ẩn sĩ rưng rưng nước mắt vì buồn bã khi nơi ẩn dật của mình đã bị lộ. Người lữ hành nài nỉ vị ẩn sĩ cho biết tên của ông và cách ông sống ở đây. Sylvester kể rằng ông đã sống ở đây một thời gian khá lâu, ăn vỏ cây và rễ cây. Lúc đầu, không có bánh mì, ông kiệt sức vì đói và mệt mỏi, ngã quỵ xuống đất, nhưng sau đó một người đàn ông kỳ diệu đã xuất hiện, chạm vào ông bằng bàn tay của mình, và kể từ đó ông không còn phải chịu cảnh khốn khổ nữa.

Người lữ hành tình cờ phát hiện ra vị ẩn sĩ này sau đó đã quay lại gặp ông một cách có chủ đích, mang theo bánh mì và bột mì để dự trữ.

Chỉ cần một lần gặp gỡ đó thôi cũng đủ để nơi ở và những việc làm cao cả của vị ẩn sĩ trở nên nổi tiếng trong các làng mạc lân cận, dù không gần lắm. Người dân làng bắt đầu đến gặp vị ẩn sĩ để trò chuyện về sự cứu rỗi linh hồn và xin lời khuyên thiêng liêng, đồng thời mang theo thức ăn cho ngài. Một số người quyết định ở lại bên ngài để thực hành đời sống tu hành cứu rỗi dưới sự hướng dẫn của ngài. Thấy được tình yêu chân thành dành cho mình và lòng khao khát tu hành tự nguyện của họ, Thánh Silvestr không cản trở việc xây dựng các phòng tu mới, đến nỗi có không ít người tu hành mới tụ tập quanh ngài và nảy sinh nhu cầu cấp thiết phải xây dựng một nhà thờ của Chúa. Lúc bấy giờ, chính Thánh Silvestr đã đích thân lên Moscow và xin Đức Tổng Giám mục Alexius ban phước lành cho việc xây dựng nhà thờ, nhận được tấm khăn thánh và được phong làm Bề trên của tu viện đầu tiên dành cho các tu sĩ, đang được thành lập tại vùng Obnorsk.

Nhờ công lao của vị tu sĩ đáng kính và các tu sĩ tụ tập xung quanh ngài, một nhà thờ đã được xây dựng để tôn vinh sự Phục sinh của Đấng Cứu Thế Kitô.

Giờ đây, ngày càng có nhiều người tìm đến Thánh Silvestr, từ dân thường cho đến các hoàng tử và quý tộc. Một số người mong muốn được gặp vị thánh, nhận lời chúc phúc từ ngài và lắng nghe những lời dạy dỗ của ngài; một số khác – để xưng tội về những lỗi lầm của mình và nhận được sự tha thứ cùng an ủi; còn một số người – với mong muốn dành trọn đời mình cho cuộc sống tu hành dưới sự hướng dẫn của một vị tu sĩ giàu kinh nghiệm.

Trong khi miệt mài với công việc xây dựng tu viện, vị tu sĩ Silvestr tận dụng mọi khoảng thời gian rảnh rỗi và thuận tiện để rời tu viện, tìm đến nơi ẩn dật trong rừng để cầu nguyện và thức trắng đêm một mình – những điều mà tâm hồn ngài vô cùng khao khát và đã trở thành thói quen. Nhưng mỗi khi ngài trở về từ những khoảng thời gian ẩn dật ấy, gần tu viện đã có một đám đông người dân chờ đợi, mong được gặp ngài và nhận lời chúc phúc cùng lời dạy dỗ[3235] . Họ đưa theo trẻ em và người bệnh, xin ngài ban phước lành và những lời cầu nguyện chữa lành. Và ngày nay, gần khu vực tu viện cũ vẫn còn một khu rừng nhỏ, là một phần của khu rừng mà vị thánh đã từng lui về để ẩn dật; cũng còn một cái giếng trên con dốc dẫn xuống sông Obnora, do vị tu sĩ Silvestr đào ngay trên nguồn suối.

[3233] Cuộc đời của Thánh Silvestr không còn được lưu giữ, và có lẽ nó cũng chưa từng được viết ra từ thời cổ đại. Chỉ có những câu chuyện về các phép lạ của ngài được biết đến qua các bản thảo. Thông tin về cuộc đời ngài chỉ được thu thập từ những ghi chép rời rạc và truyền thuyết.

[3234] Nơi này cách Yaroslavl 105 verst và cách Lubisha – thị trấn huyện hiện nay thuộc tỉnh Yaroslavl – 16 verst, nằm ở thượng nguồn sông Obnora, con sông chảy vào sông Kostroma.

[3235] Nơi ngài từng trò chuyện với dân chúng từ lâu đã được đánh dấu bằng một nhà nguyện, nhưng sau đó nó đã được di dời đến gần làng hơn, vì tại vị trí đó dự kiến sẽ xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Sergius Radonezhsky.

Như vậy, trong khu rừng hoang vắng ấy đã nảy sinh một cuộc sống năng động, là sự kết hợp giữa lao động và thức trắng, ăn chay và cầu nguyện, những đau khổ thể xác và niềm vui tinh thần.

Vị thánh nhân đã già yếu và mắc bệnh hiểm nghèo. Các tu sĩ tụ tập quanh giường bệnh của ngài trong phòng tu của ngài và với những giọt nước mắt, họ bày tỏ nỗi đau buồn khi phải chia tay người lãnh đạo và người bảo trợ của mình, đồng thời lo lắng cho số phận của tu viện. "Đừng buồn phiền vì điều này, hỡi các anh em yêu dấu của tôi," Thánh Silvestr an ủi họ, "mọi sự đều theo ý Chúa; hãy tuân giữ các điều răn của Chúa và đừng sợ phải chịu khổ trong cuộc đời này để được phần thưởng trên trời. Nếu tôi được Chúa ban ơn can đảm và công việc của tôi làm đẹp lòng Ngài, thì nơi thánh thiêng này sẽ không bị suy tàn ngay cả sau khi tôi ra đi; các con hãy chỉ cầu nguyện cùng Chúa và Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm Nguyên Tội, để được giải thoát khỏi những cám dỗ của ma quỷ."

Ngài qua đời vào ngày 25 tháng 4 năm 1379, vào ngày kỷ niệm Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Tin Mừng Mác-cô. Thi hài của ngài được an táng bên cạnh nhà thờ gỗ Phục Sinh, phía bên phải.

Tu viện do Thánh Silvestr thành lập không chấm dứt sự tồn tại sau khi người sáng lập qua đời: cuộc sống tu viện đã diễn ra tại đây hơn bốn trăm năm, các tu sĩ nối tiếp nhau, cống hiến cho việc giáo dục vùng đất hẻo lánh này.

Sau khi vị thánh qua đời, những phép lạ bắt đầu xảy ra tại quan tài của ngài, đến nỗi theo thời gian, Thánh Silvestr được tôn kính như một vị thánh làm phép lạ ở cả những nơi lân cận lẫn xa xôi.

Tu viện không lưu giữ các ghi chép liên tục về những phép lạ này; tuy nhiên, trên một số vật phẩm cổ xưa vẫn còn được bảo tồn cho đến nay tại Nhà thờ Phục Sinh, có những dòng chữ (được khắc, thêu và viết tay) ghi lại việc cúng dường những vật phẩm này cho tu viện của Thánh Silvestr, vị thánh làm phép lạ ở Obnorsk[3236] . Các bản thảo còn lưu giữ chứa các ghi chép về các phép lạ, bắt đầu từ năm 1645; tổng cộng có 23 phép lạ được mô tả. Những người bị quỷ ám, những người bị mất trí, mắc bệnh về mắt hoặc mù lòa, điếc, liệt, câm đều được chữa lành nhờ phép lạ của vị thánh. Dưới đây là một trường hợp. Năm 1645, một tu sĩ tên là Iov, đang phục vụ tại tu viện, đã ra lệnh cho các nông dân của tu viện tập trung lại và chặt khu rừng nhỏ gần tu viện để làm củi. Các nông dân bắt tay vào việc. Về phía Iov, mệnh lệnh này là một tội lỗi: ông đã tự ý xâm phạm khu rừng của Thánh Silvestr. Vì đã làm phật lòng Đức Chúa Trời, Iov bị mù và không còn nhìn thấy gì nữa. Bốn tuần sau, Iov nhận ra tội lỗi của mình và bắt đầu sám hối trước Chúa, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Thánh Silvestr, đồng thời hứa sẽ không hành động theo ý riêng mà sẽ làm mọi việc theo lời khuyên của các tu sĩ. Ông đến nhà thờ, cử hành lễ cầu nguyện, trong nước mắt cầu xin sự tha thứ cho tội lỗi và sự phục hồi thị lực. Sau khi hôn các thánh tượng, người mù Iov đến trước quan tài của vị thánh, hôn lên đó với lòng tin và bỗng nhiên sáng mắt trở lại. Sau phép lạ chữa lành kỳ diệu này, ông đã tạ ơn Chúa và Thánh Silvestro.

Ngày 9 tháng 5

ngày 26 tháng 4 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vasil, Giám mục Amasya[3237]

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 4

Sau khi tên ác quỷ vô đạo, hoàng đế La Mã Maxentius[3238] – kẻ là kẻ thù của Đức Chúa Trời – bị đánh bại bởi quyền năng của Thập tự giá Chúa, đã hiện ra trên trời trước mặt Constantine Đại đế, và chết chìm trong vực thẳm nước giống như Pharaoh xưa kia, đế chế La Mã ở phương Tây cuối cùng cũng thở phào nhẹ nhõm sau những cuộc hành quyết tàn bạo. Ở phương Đông, cuộc đàn áp các Kitô hữu vẫn tiếp diễn dưới tay một kẻ thù khác của Thiên Chúa, hoàng đế Maximian[3239] , kẻ đã phỉ báng Thiên Chúa chân thật và tàn bạo đàn áp các tôi tớ trung thành

[3236] Các hiện vật đó bao gồm: cây thánh giá bằng bạc đặt trên bàn thờ năm 1693, tấm rèm thêu lụa năm 1699, phần mở đầu có chữ ký trên từng trang năm 1661, và bức tranh thánh thêu lụa của vị thánh năm 1664.

[3237] Amasia – một thành phố nhỏ ở Tiểu Á, nằm bên bờ Biển Đen.

[3238] Con trai của Maximian, hoàng đế La Mã từ năm 306–312, bị Constantine Đại đế đánh bại và chết đuối trên sông Tiber. Ông nổi tiếng vì sự tàn bạo.

của Chúa Kitô. Hoàng đế Constantine, người có đức tin vững vàng, đã cử Licinius[3240] đến phương Đông để đối phó với hắn, đồng thời gả em gái mình cho Licinius. Licinus lúc bấy giờ đã tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và nhờ ơn Chúa, ông đã đánh bại Maximianus đến mức kẻ này chỉ vừa kịp trốn thoát cùng một đội quân nhỏ; nhưng dù thoát khỏi tay Licinus, ông ta cũng không thể trốn khỏi tay Chúa. Khi ông ẩn náu tại thành Tarsus thuộc xứ Cilicia[3241] , bỗng dưng toàn thân ông bị bao phủ bởi những vết thương không thể chữa lành, đến nỗi vì những cơn đau đớn không thể chịu đựng nổi như lửa thiêu, ông quằn quại trên mặt đất; thân thể ông, như sáp tan chảy, bong tróc từng mảnh khỏi xương, và linh hồn tội lỗi của ông chỉ còn bám víu vào bộ xương trống rỗng, không còn thịt da hay máu huyết. Cuối cùng, ngay cả xương cũng bắt đầu rụng ra từng cái một trong cơn đau đớn tột cùng, và khi nhận ra rằng vì sự vô đạo và tàn ác của mình mà ông đã truy đuổi và giết hại những tôi tớ vô tội của Đấng Christ, ông đã nguyền rủa các vị thần của mình và qua đời.

Licinus, sau khi chiếm lĩnh toàn bộ phương Đông, đã long trọng tiến vào Nicomedia cùng với vợ mình. Ban đầu, hòa bình và yên tĩnh ngự trị khắp nơi, mang lại niềm vui và hạnh phúc cho các tín hữu, những người đã được nghỉ ngơi sau cuộc bách hại tàn bạo của Maximianus; nhưng kẻ thù của mọi điều thiện – ma quỷ – lại một lần nữa đẩy các Kitô hữu vào biển khổ đau. Sau khi củng cố quyền lực ở phương Đông, Licinius đã từ bỏ Đức Kitô, Thiên Chúa, và quay trở lại với việc thờ lạy các thần tượng ghê tởm, thứ mà ông đã được nuôi dưỡng từ nhỏ. Chỉ để chia sẻ ngai vàng với Constantine và kết hôn với em gái của ông – một tín hữu Kitô giáo – ông mới chấp nhận đức tin vào Chúa Kitô và thề với Constantine rằng sẽ không bao giờ từ bỏ Kitô giáo, mà luôn bảo vệ nó. Sau đó, khi trở thành hoàng đế phương Đông, ông đã quên ân huệ của Đức Chúa Kitô, Đấng đã giúp ông đánh bại Maximian và chiếm lĩnh phương Đông; ông cũng quên ân huệ của hoàng đế Constantine, quay lưng lại với ông ta cũng như với Đức Chúa Kitô, và trở thành kẻ thù không đội trời chung của ông ta. Tại Nicomedia, ông công khai từ bỏ Kitô giáo, bắt đầu thờ lạy các thần tượng và ra lệnh khôi phục các nghi lễ hiến tế ngoại giáo khắp nơi, đồng thời lại bắt đầu đàn áp các tín hữu. Trước hết, ông trục xuất tất cả các Kitô hữu khỏi cung điện hoàng gia: từ các quan chức, người hầu đến lính cận vệ; ông chế nhạo lòng thương xót của Chúa Kitô, quay trở lại với các tín ngưỡng ngoại giáo và sa đà vào các tội lỗi xác thịt một cách không biết xấu hổ. Ông sa vào con đường trụy lạc và cưỡng ép các bà vợ và con gái của các thượng nghị sĩ, đặc biệt là những người Kitô hữu, phải phạm tội tà dâm, nhằm xúc phạm các thánh và chính Đức Kitô, Thiên Chúa. Thấy điều đó, người vợ của ông, một tín hữu Kitô trung thành tên là Constance, đau buồn tận đáy lòng và bí mật kể lại mọi chuyện trong những lá thư gửi cho anh trai mình là Constantine.

Trong số các tỳ nữ của bà tại cung điện có một thiếu nữ xinh đẹp và trong trắng, tên là Glafira, một tín đồ Kitô giáo xuất thân từ một gia đình quý tộc Ý. Licinus nhìn thấy cô và, bị dục vọng ô uế xúi giục, đã ra lệnh cho người hoạn quan trưởng trong số các hoạn quan hầu phòng, tên là Venignus, truyền đạt tình cảm của mình cho cô. Venignus nói với Glafira rằng hoàng đế, với lòng tôn vinh lớn lao dành cho cô, đã yêu cô, muốn gặp cô và ra lệnh cho cô chuẩn bị để tiếp đón hoàng đế. Nhưng cô gái đạo đức, mang trong lòng lòng kính sợ Thiên Chúa, đã phẫn nộ trước đề nghị đó và đuổi tên hoạn quan đi trong sự nhục nhã, trách mắng hắn vì sự vô liêm sỉ và bất chính. Lo sợ sẽ khơi dậy sự nghi ngờ và ghen tuông của hoàng hậu, Glafira đã kể hết mọi chuyện cho bà và khẩn cầu bà bằng những lời như sau:

– Vì danh Chúa, Đấng đã tạo dựng trời đất, Đấng mà bà kính sợ và Đấng mà anh trai bà là Constantine đang trung thành phụng sự, xin đừng để sự trinh tiết của tôi bị xâm phạm bởi một kẻ dâm đãng vô pháp.

Nghe những lời ấy, hoàng hậu đã hết mực yêu mến Glafira vì sự trong trắng và lòng kính sợ Chúa của nàng, và bắt đầu suy tính cách che chở cho nàng. Khi hoàng đế hỏi về nàng, hoàng hậu liền ra lệnh tung tin đồn trong cung rằng Glafira đã phát điên và đang ốm nặng, sắp chết. Tin đồn đó đến tai nhà vua, và ông không còn nghĩ đến Glafira nữa. Lúc đó, hoàng hậu, sau khi chờ đợi thời cơ thích hợp, đã bí mật cho Glafira, người có đức tin sâu sắc, rời khỏi cung điện, ban tặng cho cô rất nhiều vàng, bạc, đá quý, đồ dùng sang trọng, những bộ trang phục đẹp nhất và đủ loại vật dụng khác. Sau khi bố trí nhiều nô lệ nam và nữ để phục vụ nàng, hoàng hậu giao nàng cho sự chăm sóc của một số người hầu trung thực và đạo đức của mình, ra lệnh cho họ đưa cô gái đến Armenia mà không tiết lộ một lời nào về nàng cho ai, và ở lại đó cho đến khi Chúa thay đổi hoàn cảnh theo hướng tốt đẹp hơn. Các tôi tớ hứa với nữ hoàng sẽ thi hành mệnh lệnh với sự thận trọng tối đa. Họ cho Glafira và các tỳ nữ mặc trang phục nam

[3239] Hoàng đế La Mã, người cai trị Syria và Ai Cập từ năm 305 đến năm 313.
[3240] Hoàng đế từ năm 312 đến năm 324.
[3241] Một thành phố cổ ở Tiểu Á.

giới rồi đưa họ ra khỏi Nicomedia một cách an toàn. Sau một hành trình dài, khi đã gần đến Armenia, họ đến thành phố Amasia, nơi Tổng giám mục Pontus đang cư ngụ.

Vẻ đẹp của thành phố đã làm Glafira say mê; bà đề nghị những người đồng hành ở lại đó nếu tìm thấy các Kitô hữu, và ra lệnh hỏi thăm những người qua đường. Họ gặp một chàng trai trẻ, đang sống trong nhà của Quintius, một công dân Amasia được kính trọng. Chàng trai này đoán ra rằng những người lữ hành là những tín hữu Kitô giáo đang tìm kiếm những người cùng đạo, và đã báo cho chủ nhà của mình biết. Quintius lập tức đích thân ra đón những người lữ hành, mời họ đến nhà ông và ở lại đó bao lâu tùy ý. Ông nói rằng chính ông cũng là người Kitô hữu, rằng trong thành phố có rất nhiều Kitô hữu, và họ có một vị giám mục đáng kính, giống như các Tông đồ. Những người lữ hành vui mừng nghe những lời này, rồi đi theo Quintus, người đã dành cho họ một căn phòng riêng biệt và yên tĩnh để ở.

Vị giám mục của thành phố, tên là Basil, người mà chúng ta sẽ đề cập đến sau đây, cũng đã đến thăm họ; ông là một người hùng biện, được ban cho những đức tính thiêng liêng. Ông hỏi những người lữ hành rằng họ là ai và đến từ đâu. Glafira, người sống trong sự trong sạch, đã kể ra toàn bộ sự thật – rằng cô xuất thân từ Ý, theo đạo Kitô, từng là tỳ nữ của chị gái vua Constantine, vợ của vua Licinius, và cũng kể về lý do khiến cô phải lưu lạc. Sau khi nghe câu chuyện của cô, Thánh Giám mục Basil và Quintus đã cấm cô cùng các người hầu của mình ra khỏi nhà hay nói chuyện với bất kỳ ai, để quan chức thành phố không phát hiện ra cô và để tất cả các Kitô hữu ở Amasya không phải chịu tai họa vì cô.

Vào thời điểm đó, Đức Giám mục Thánh Basil đang xây dựng một nhà thờ trong thành phố, vì các tín hữu Kitô giáo chỉ có một nhà thờ nhỏ ở ngoại ô. Thánh nữ Glafira đã dâng cho Đức Giám mục rất nhiều vàng và bạc để xây dựng nhà thờ, tất cả những gì Nữ hoàng đã ban cho bà, mà không giữ lại cho mình điều gì. Cô đã viết thư cho nữ hoàng, cho biết nơi ẩn náu và ngôi nhà mà cô đang ở; cô cũng viết về việc xây dựng nhà thờ, xin gửi thêm vàng để hoàn tất công trình và trang trí nhà thờ. Nữ hoàng vui vẻ đáp ứng lời thỉnh cầu, gửi những món quà dồi dào cho nhà thờ và giám mục, đồng thời trong thư, bà giao phó Glafira, người sống trong sự trong sạch, cho sự chăm sóc của Thánh Basil. Một thời gian ngắn sau, do mưu mô của ma quỷ, bức thư của Glafira gửi cho nữ hoàng đã lọt vào tay người hầu phòng Venignus; nhờ đó, hắn biết được rằng cô gái mà mọi người đều cho là đã chết vẫn còn sống và đang ở Amasia. Venign đã báo lại tất cả những điều này cho Licinius; trong cơn thịnh nộ tột độ, Licinius đã ra lệnh cho quan cai trị thành phố Amasia xiềng xích giám mục Kitô giáo Basil và nô tì Glafira của nữ hoàng, rồi lập tức đưa họ đến Nicomedia. Nhưng theo ý Chúa, trinh nữ thánh thiện và phúc lành Glafira đã qua đời trước khi lệnh đó đến tay quan cai trị Amasia. Lúc đó, quan cai trị đã xiềng xích và gửi riêng Vasilios đến Nicomedia, còn về Glafira thì báo rằng cô đã qua đời. Cùng với vị giám mục, hai phó tế là Parthenius và Theotimus đã lên đường từ Amasia, phải chịu đựng nhiều đau khổ trên đường đi từ những người lính vô đạo và tàn bạo. Tại Nicomedia, tôi tớ của Chúa là Basil bị giam vào ngục tối, còn Parthenius và Theotimus thì ở lại gần nhà tù, tại nhà của một tín hữu Kitô giáo hiếu khách tên là Elpidiphorus.

Sau khi biết rõ về Thánh Vasilios, Elpidifora đã hối lộ bằng vàng cho một người gác ngục quen biết để có thể tiếp cận vị giám mục, cũng như bản thân ông và hai phó tế. Nhờ vậy, họ thường xuyên đến thăm Thánh Vasilios, mỗi ngày đều hát các bài thánh ca và ban đêm thì siêng năng cầu nguyện.

Vào đêm trước ngày phải ra trước mặt nhà vua để chịu thẩm vấn, vị giám mục thánh đã gọi người gác ngục và nhờ ông ta triệu tập các phó tế cùng Elpidifor. Người gác ngục vui vẻ thực hiện lời nhờ vả. Lúc đó, Thánh Basil bắt đầu hát các thánh vịnh của Đa-vít theo thông lệ, bắt đầu từ thánh vịnh *"Lạy Chúa, xin hãy nhớ đến Đa-vít và mọi sự đau khổ của ông"* (Thánh vịnh 131:1). Khi ngài đọc đến những lời: *"Dù tôi có lấy cánh bình minh mà bay đi, dù tôi có đến tận cùng biển cả, thì tay Ngài vẫn dẫn dắt tôi, và tay phải Ngài vẫn giữ gìn tôi"* (Thánh vịnh 138:9–10), ngài đã lặp lại ba lần, hai tay giơ lên trời. Thấy nỗi buồn và những giọt nước mắt của người đang cầu nguyện, các phó tế băn khoăn không biết liệu vị giám mục có đang lo sợ trước những cực hình sắp tới hay không. Nhưng ngài hiểu ý nghĩa của những lời ấy, tiên đoán rằng thi thể ngài, sau khi bị chém đầu, sẽ bị ném xuống biển. Sau khi kết thúc việc hát các thánh vịnh, vào lúc bình minh, vị giám mục nói với các phó tế:

– Hỡi các anh em, dưới sự xúi giục của ma quỷ, chúng ta sắp phải đối mặt với những cám dỗ tàn bạo. Nhưng các anh em đừng sợ hãi, đừng nản lòng vì đau khổ, hãy kiên cường và bất khuất bảo vệ đức tin, để không phải hổ thẹn vào ngày Chúa tái lâm. Hãy hướng đôi mắt tâm linh của các con về Đấng Duy Nhất có thể cứu rỗi chúng ta, Đấng có thể biến nỗi buồn thành niềm vui, tiếng khóc thành sự hân hoan, nước mắt thành tiếng cười, và sự vất vả thành sự bình an. Hãy coi mọi điều tốt lành và thú vui của đời này là hư không vì Con Thiên Chúa là Đức

Giêsu Kitô, để cùng với tất cả các thánh trở thành những người thừa kế Nước Trời của Ngài. Hãy biết rằng, hỡi các con của ta, trong đêm nay chính Chúa đã hiện ra với ta và báo cho ta biết kết cục cuộc đời ta sẽ ra sao, và vinh quang của Ngài sẽ được tỏa sáng qua ta, tôi tớ của Thiên Chúa, đến mức nào. Vậy nên, các con đừng buồn rầu, nhưng hãy trở về với nhau và củng cố anh em trong tinh thần Kitô giáo. Thay cho ta, hãy bầu Eutychius, con trai của Callistus, làm giám mục. Đó là điều Thiên Chúa đã phán với ta; Ngài sẽ trao cho các con thân xác tội lỗi của ta.

Các phó tế khóc lóc thảm thiết. Vị giám mục, sau khi giảng dạy những lời dạy dỗ thông thường, đã khuyên nhủ họ trở về Amasia. Ngài quay sang Elpidiphor và nói những lời sau:

– Anh em của tôi ơi! Anh đã được Thiên Chúa chọn để phục vụ những người lữ hành, và nhờ tình yêu của anh, anh sẽ nhận được phần thưởng vĩnh cửu trên trời. Tôi giao phó hai đứa con thiêng liêng này của tôi cho anh, đừng bỏ rơi chúng, mà hãy chia sẻ nỗi đau buồn của chúng. Khi nào Thiên Chúa kêu gọi anh vào công việc của Ngài, thì hãy nỗ lực hết mình.

Khi vị thánh tiễn Elpidifor và hai môn đệ ra về, nhà vua triệu ông đến để thẩm vấn và trước hết đã buộc tội ông rằng, khi nhận Glafira vào nhà, ông đã che giấu cô ta mà không báo cáo với nhà vua. Vị giám mục thánh thiện lập tức đưa ra câu trả lời xứng đáng với sự dũng cảm đến nỗi khiến nhà vua tức giận và ông lại bị đưa trở lại nhà tù. Lúc đó, Licinius đã cử một quan tribune tên là[3242] đến gặp ông với lời hứa không chỉ bỏ qua vụ việc liên quan đến Glafira, mà còn ban tặng vô số vinh dự, thậm chí bổ nhiệm ông làm người đứng đầu tất cả các thầy tế lễ trong thành phố, nếu vị giám mục dâng lễ vật cho các vị thần. Thánh Vasilios đã trả lời quan tribune:

– Hãy chuyển lời của tôi đến hoàng đế. Ngay cả khi ngài muốn ban cho tôi cả vương quốc này, thì điều đó cũng không thể sánh bằng những gì ngài muốn tước đoạt khỏi tôi: ngươi đang cám dỗ ta từ bỏ Thiên Chúa chân thật để phụng sự các quỷ dữ – những kẻ hủy diệt linh hồn, từ bỏ vinh quang bất diệt để hưởng thụ những vinh dự tạm bợ và chóng qua, sự hào nhoáng của chúng đối với ta thật ghê tởm, chúng không dẫn đến ánh sáng, mà dẫn đến bóng tối vô tận. Nhưng nếu ngươi muốn nghe lời khuyên tốt lành của ta, thì tốt hơn hết là ngươi hãy thú nhận tội lỗi của mình với ta và trở lại, như trước đây, với Đấng Christ, Đấng mà ngươi đã từ chối. Hãy khiêm nhường quỳ xuống dưới chân Ngài, Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, Đấng Cứu Rỗi công chính của chúng ta. Hãy ăn năn, từ bỏ sự gian ác của mình, để Đấng Phán Xét công chính – Đấng mà ngươi từng gọi là Đức Chúa Trời nhưng lại từ chối – không trừng phạt ngươi vì sự điên rồ của ngươi.

Nghe những lời của vị thánh từ trên bục, Licinius ra lệnh phải khuyên nhủ giám mục một lần nữa phải tuân phục hoàng đế; còn nếu từ chối, thì phải chặt đầu và ném xuống biển. “Lúc đó chúng ta sẽ xem,” ông nói, “liệu người Galilê có cứu được ông ta không[3243] .”

Tribun lại đến gặp vị thánh và nói với ngài:

– Hãy chọn giữa sự sống và cái chết; hãy vâng lời nhà vua và thờ lạy các vị thần của ngài, nếu không ngươi sẽ bị chém đầu ngay lập tức và bị ném xuống biển.

Nghe những lời đe dọa đó, vị thánh vui mừng thốt lên:

– Ta chỉ muốn phụng sự Vua và Đức Chúa Trời bất tử của ta, và ta chỉ tuân theo các điều răn của Ngài mà thôi. Còn những kẻ mà các ngươi gọi là thần linh, thực ra là những quỷ dữ; chúng cùng với những kẻ sùng bái chúng sẽ bị ném vào ngày Phán Xét Công Chính vào ngọn lửa địa ngục không bao giờ tắt, vào bóng tối tăm tối vô tận, nơi chúng sẽ khóc lóc và nghiến răng. Hãy làm gì với tôi tùy ý các ngươi. Tôi sẵn sàng chịu đựng vì Chúa Kitô không chỉ việc bị chém bằng gươm và bị ném xuống biển, mà còn vô số cực hình khác nữa. Cho đến hơi thở cuối cùng, tôi sẽ không từ bỏ Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của tôi, và sẽ không phải chịu lửa đời đời.

Thấy rõ từ những lời này rằng sự khuyên nhủ là vô ích, quan tòa ra lệnh đánh đập vị thánh, rồi chặt đầu ngài và ném xuống biển. Cũng theo cách đó, rất nhiều Kitô hữu, đặc biệt là các mục tử của đoàn chiên Chúa, đã chịu chết và trở thành mồi cho cá. Thánh Tử Đạo Vasilius của Chúa Kitô đã đón nhận những đòn roi với niềm vui và kêu lên:

– Không có sự tra tấn nào – dù là đau đớn, ngục tối, lửa, gươm hay chính cái chết – có thể tách rời tôi khỏi Thiên Chúa đầy lòng thương xót. Ngài có quyền năng giải thoát tôi khỏi mọi sự đau khổ.

Trên đường đến nơi hành hình, vị thánh tử đạo đã hát các thánh vịnh của Đa-vít. Đi theo sau ngài là Êlpidi-phor cùng các phó tế và một số tín hữu Kitô giáo. Khi tất cả đến nơi đã định, Êlpidi-phor đưa cho các binh lính vài

[3242] Chỉ huy một đơn vị quân sự.
[3243] Tức là Chúa Giê-su Ki-tô.

đồng tiền và xin họ cho phép Vasilios nói chuyện một chút với bạn bè. Các binh lính đồng ý. Quỳ gối trên bờ biển và giơ hai tay lên trời, vị tôi tớ trung thành của Chúa Kitô bắt đầu cầu nguyện bằng những lời sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, Đấng đã tạo dựng các thế lực vô hình trên trời, Đấng đã trải rộng bầu trời như tấm da, Đấng đã đặt đất trên mặt nước, Đấng đã tạo ra biển cả, hằng hiện diện khắp nơi và mọi lúc, đầy lòng thương xót đối với những ai kính sợ Ngài và tuân giữ các điều răn của Ngài, xin hãy lắng nghe lời cầu nguyện của con và bảo vệ đàn chiên trung thành của Ngài, mà Ngài đã đặt con, một tôi tớ hèn mọn của Ngài, làm người chăn dắt, khỏi mọi tai họa, khỏi sự vô đạo của người Hy Lạp, khỏi những lời nói ác độc của những kẻ phỉ báng Ngài. Lạy Đấng Toàn Năng, xin hủy diệt sự thờ phượng các thần tượng, phá tan mưu mô của ma quỷ, và xin tôn vinh và làm cho Giáo Hội thánh của Ngài ngày càng phát triển. Xin dẫn dắt thành phố này và tất cả các vùng lân cận đến sự đồng lòng và nhất trí, để mọi người đều xưng nhận Ngài, Thiên Chúa chân thật. Xin làm cho mọi người nhiệt thành làm điều thiện và phụng sự Ngài, để danh Cha, Con và Thánh Thần được tôn vinh nơi mọi người, bây giờ và mãi mãi, đến muôn đời. Amen.

Khi kết thúc lời cầu nguyện, vị thánh ôm và hôn Elpidifor cùng hai phó tế, rồi nói với họ những lời mà xưa kia vị Tông đồ vĩ đại Phaolô đã dùng để chào các linh mục ở Ê-phê-sô (Xem Công vụ 20:28–36):

– Ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã không để chúng ta trở thành con mồi của những kẻ thù vô hình, nhưng đã đập tan mưu đồ của chúng và giải thoát chúng ta; giờ đây, kẻ thù sẽ không dám cám dỗ chúng ta nữa. Xin thay mặt tôi, hãy cúi đầu chào các anh em và các con cái thiêng liêng của tôi. Ơn sủng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, xin ở cùng tất cả các bạn. Amen.

Sau đó, vị thánh tử đạo nói với người hành hình: "Hỡi bạn! Hãy làm theo lệnh đã được truyền", rồi lại quỳ gối xuống và vui vẻ đưa cổ ra đón lưỡi gươm, kết thúc hành trình thánh thiện của mình.

Khi vị thánh bị chém đầu, Elpidifor đã đưa vàng cho các binh lính, van nài họ đừng ném thi thể vị tử đạo xuống biển, mà hãy giao lại cho ông để an táng. Nhưng các binh lính không đồng ý, nói rằng họ sợ nhà vua, người sẽ xử tử họ vì việc này. Lúc đó, Elpidifor xin được nhận lại chỉ riêng cái đầu của vị giám mục, nhưng lại một lần nữa bị từ chối. Và thế là các binh lính đặt thi thể và cái đầu của vị tử đạo vào một chiếc thuyền đánh cá, chèo ra xa bờ biển và ném thi thể xuống nước ở một nơi, còn cái đầu thì ở một nơi khác.

Từ bờ biển, các Kitô hữu đứng nhìn và khóc than thảm thiết, trong số đó có linh mục Gioan đến từ Nicomedia, người đã chứng kiến và sau này ghi chép lại toàn bộ hành trình tử đạo của vị thánh tử đạo. Elpidifor, người tôi tớ trung thành của Chúa Kitô, đã đưa cả hai phó tế về nhà mình và an ủi họ hết sức có thể.

Cùng đêm đó, trong giấc mơ, ông đã có một thị kiến thiêng liêng; một Thiên thần hiện ra và nói với ông:

– Giám mục Basil hiện đang ở Sinope và đang chờ các ngươi ở đó. Hãy dẫn các phó tế của ngài đi và lên thuyền đến gặp ngài.

Khải tượng ấy lặp lại ba lần trong đêm. Elpidifor kể lại điều này cho các phó tế và hỏi họ có biết Sinope là vùng đất hay thành phố nào không. Parthenius trả lời:

– Sinope là một thành phố ven biển, nơi Thánh Tông đồ Anrê đã rao giảng giáo lý của Chúa Kitô. Và tôi đã thấy Thánh Basil trong giấc mơ. Tôi có cảm giác ngài đang đưa tay ra cho Thánh Tông đồ, cùng ngài bước vào nhà thờ và nói với tôi: "Những gì ngươi thấy sẽ trở thành hiện thực."

Lúc đó, Elpidifor mang theo đủ vàng và mọi thứ cần thiết cho chuyến đi, cùng các phó tế lên tàu và ra khơi đến thành phố Sinope với lời cầu nguyện tha thiết, mong Chúa giải thích giấc mơ đó.

Khi con tàu sắp đến Sinope, Elpidifor lại thấy Thiên thần trong giấc mơ, người đã nói:

– Hãy thả lưới xuống biển ở phía bên phải thành phố, và các ngươi sẽ tìm thấy báu vật mà các ngươi đang tìm kiếm.

Vừa chỉ tay vào vị trí đó, Thiên thần vừa chỉ ra những dấu hiệu để nhận biết nơi đó. Elpidifor có cảm giác như mình đang nhìn thấy một cung điện sáng chói ở đó, và trong đó có Vasilios cùng vô số chiến binh lấp lánh. "Thấy chưa," Thiên thần tiếp lời, "người mà ngươi đang tìm kiếm đó. Sáng mai hãy đưa người ấy đi." Khi tỉnh giấc, Elpidifor kể lại giấc mơ cho những người đồng hành nghe.

Sáng sớm, họ lên đường đến phía bên phải thành phố và nhờ những dấu hiệu mà Thiên thần chỉ dẫn, họ đã tìm thấy nơi đó. Tại đó, họ thấy những ngư dân đang chuẩn bị lưới để đánh cá. Elpidifor nói với những ngư dân này:

– Chúng tôi sẽ trả cho các anh bao nhiêu tùy ý, nếu các anh thả lưới để cầu may cho mỗi người trong chúng tôi và trao cho chúng tôi những gì các anh bắt được.

Những người đánh cá đồng ý và thỏa thuận về giá cả. Elpidifor cùng các phó tế bốc thăm xem ai sẽ được may mắn thả lưới đầu tiên. Kết quả rơi vào Theotimus. Họ thả lưới nhưng không bắt được gì. Sau đó, họ thử vận may của Parthenius, nhưng lại không thành công. Lúc đó, Elpidifor kêu lên:

– Ta ra lệnh cho các ngươi thả lưới không phải nhân danh ta, mà nhân danh Đức Chúa Trời của ta, và ta tin cậy nơi Ngài rằng việc đánh cá sẽ không vô ích.

Khi bắt đầu kéo lưới lên, các ngư dân cảm thấy lưới rất nặng và bắt đầu bàn tán với nhau:

– Thần của người này may mắn hơn các vị thần khác.

Khi kéo lưới lên, các ngư dân nhìn thấy thi thể một người chết, và ngược lại, họ bắt đầu nói rằng chuyến đánh cá của Elpidifor là chuyến đánh cá xui xẻo nhất. Họ định ném thi thể xuống nước, nhưng Elpidifor và những người đi cùng đã phản đối và yêu cầu các ngư dân giao thi thể lại để được an táng đàng hoàng, đồng thời nhận khoản tiền đã thỏa thuận. Các ngư dân từ chối nhận tiền, nói rằng họ bắt được thi thể chứ không phải cá, nhưng cuối cùng, trước sự khăng khăng của Elpidifor, họ đã nhận. Thi hài của vị thánh được đưa lên bờ, trong khi các phó tế và Elpidifor đã chạm vào thi hài một cách tôn kính, với những giọt nước mắt vui sướng. Họ kinh ngạc trước phép lạ khi thấy rằng cái đầu, vốn đã bị tên hành hình chặt rời khỏi thân thể và ném riêng xuống biển, lại nằm đúng vị trí của nó, và vết chém của thanh gươm chỉ còn lại như một vết sẹo trên cổ. Một mùi hương kỳ diệu tỏa ra từ thi thể vị tử đạo. Các Kitô hữu quấn thi hài vị thánh bằng những bộ áo tang tinh khiết, thuê một cỗ xe ngựa, đưa về Amasya, và tại đó, sau khi khóc thương, họ đã an táng ngài một cách trang trọng trong ngôi thánh đường do chính ngài xây dựng. Đó là hành động tử đạo vĩ đại mà Thánh Basil, Giám mục Amasya, đã thực hiện.

Ngay sau khi ngài qua đời, Hoàng đế vĩ đại Constantine, sau khi biết được từ những bức thư bí mật của em gái về sự đổi bại, sự phản bội và sự tàn bạo của Licinius, đã dẫn một đạo quân hùng mạnh tiến đánh ông ta và nhờ ơn Chúa đã đánh bại ông ta. Licinius bị bắt sống và bị lưu đày đến Gaul, nơi ông ta chết một cái chết thảm khốc. Toàn bộ phương Đông đã thoát khỏi sự bạo hành của những kẻ hành hạ và tự do thờ phượng Đức Kitô, Thiên Chúa. Danh vinh của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà mọi người sẽ tôn vinh và thờ phượng muôn đời, đã lan tỏa khắp vũ trụ. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Đã bất tuân mệnh lệnh của vua, ngài đã nhận được Nước Trời, hỡi Vasilij, xin ngài, trong niềm hân hoan tại đó, hãy nhớ đến chúng con, những người tôn kính kỷ niệm của ngài, vị thánh tử đạo.

Cuộc đời thánh thiện của Cha chúng ta Stephane, Giám mục Perm

Ngày kỷ niệm: 26 tháng 4

Thánh Stephane sinh ra vào năm[3244] tại thành phố Ustyug. Cha ngài là Simeon, một người sùng đạo gốc Nga, từng là người đọc kinh tại Nhà thờ Chính tòa Đức Mẹ. Vợ ngài, bà Maria, cũng là một tín hữu gương mẫu, trong huyết quản của bà cũng chảy dòng máu Nga. Cặp vợ chồng tuyệt vời ấy đã sinh ra một người con trai tuyệt vời, từ thuở ấu thơ đã mang lại niềm vui và sự ngưỡng mộ cho cha mẹ. Được cha mẹ gửi đi học từ khi còn rất nhỏ, nhờ trí nhớ sắc bén, trí tuệ nhạy bén và sự siêng năng vượt trội, cậu bé đã tiếp thu kiến thức với tốc độ đáng kinh ngạc và sự kiên định hiếm có. Chưa đầy một năm học tập, cậu đã xứng đáng đảm nhận chức vụ ca trưởng và người đọc kinh tại chính nhà thờ nơi cha cậu đang phục vụ. Vượt trội hơn nhiều bạn cùng lứa, cả người thân lẫn người lạ, về kiến thức Kinh Thánh, ngài còn vượt trội hơn họ gấp bội nhờ lối sống đạo đức. Ngài lớn lên trong sự trinh khiết, trong sạch, tiết độ và siêng năng, đồng thời tránh xa những kẻ sa đọa và những ai dành thời gian cho những trò chơi và thú vui phù phiếm. Nhiều cuốn sách trong Cựu Ước và Tân Ước mà ngài đã đọc đã gieo vào tâm trí ngài suy nghĩ về sự hư vô của cuộc đời hiện tại ngắn ngủi, trôi qua nhanh như dòng sông và sớm tàn lụi như bông hoa cỏ. Đồng thời, các Sách Thánh đã thắp lên trong lòng ngài tình yêu bất diệt dành cho Thiên Chúa. Dưới sức ép của suy nghĩ chi phối này, ông đã nhận lễ xuất gia từ vị tu viện trưởng Maxim tại Tu viện Thánh Grigorius Thần học ở Rostov. Tu viện có một bộ sưu tập sách phong phú. Tại đây, Stefan đã sống một cuộc đời tu sĩ đích thực, đồng thời

[3244] Năm sinh của ngài, rất có thể, là năm 1340.

thỏa mãn khát khao tri thức của mình. Ăn chay, cầu nguyện, nước mắt, sám hối, khiêm nhường, nhẫn nại, không oán hận, vâng lời, tình yêu, và việc nghiên cứu Lời Chúa ngày đêm – đó là những đức tính đã tô điểm cho vị tu sĩ mới khấn. Ngoài ra, chính ông còn viết nhiều cuốn sách, cho đến nay vẫn là minh chứng cho lòng sùng kính và tinh thần cần cù của ông. Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, ngài đã được Giám mục Arsenius của Rostov[3245] phong làm phó tế; chính dưới sự chủ trì của ngài, lễ xuất gia của ngài cũng đã được cử hành. Vài năm sau, theo lệnh của vị lãnh đạo Tổng giáo phận Toàn Nga là Mikhail, được gọi là Mitya[3246] , ngài đã được Giám mục Gerasim của Kolomna tấn phong làm linh mục.

Vị tu sĩ mới được phong chức nghe nói rằng vùng đất Perm, từ lâu đã nằm dưới sự cai trị của Nhà nước Moskva, vẫn chưa được soi sáng bởi phép rửa tội thánh và hoàn toàn chìm đắm trong sự thờ cúng thần tượng. Khi nghĩ đến vô số linh hồn con người đang chìm đắm trong bóng tối của sự vô minh về Thiên Chúa chân thật, Thánh Stefan đã tràn ngập khát vọng kiên định là phải đến với người dân Perm và cứu họ khỏi sự diệt vong vĩnh viễn. Tuy nhiên, để có thể chiếu rọi ánh sáng chân lý về Thiên Chúa – Đấng Tạo Hóa của vũ trụ – vào bóng tối đó một cách xứng đáng, vị Tông đồ mới này cần phải dịch các cuốn sách thánh quan trọng nhất sang tiếng Perm. Thánh Stefan đã nghiên cứu kỹ lưỡng ngôn ngữ này và soạn thảo bảng chữ cái tiếng Perm[3247] . Với mong muốn hiểu sâu sắc hơn về Kinh Thánh và truyền tải nó một cách chính xác nhất sang tiếng Perm, người kế nhiệm sứ mệnh Tông đồ cũng đã làm quen kỹ lưỡng với tiếng Hy Lạp. Giờ đây, ông đã có khả năng đọc các cuốn sách thánh bằng ba ngôn ngữ: tiếng Nga-Slav, tiếng Hy Lạp và tiếng Perm một cách thấu đáo.

Hiểu rõ rằng con người không thể làm được việc thiện nào mà không có sự giúp đỡ đầy ân sủng của Thiên Chúa, ngài đã cầu nguyện lâu dài và đầy nước mắt xin Thiên Chúa chúc lành cho con đường của mình.

Là một người con vâng lời của Giáo hội, không bao giờ bắt đầu bất kỳ công việc quan trọng nào mà không có sự cho phép của các vị lãnh đạo tinh thần, Thánh Stefan đã đến gặp Giám mục Gerasim của Kolomna, người lúc bấy giờ là đại diện của Tổng giáo phận Nga. Khi trình diện trước ngài, ngài đã bày tỏ khát khao cháy bỏng của mình: hoặc là dẫn dắt người Perm[3248] đến với Chúa Kitô, hoặc là chịu khổ vì họ và hiến dâng mạng sống mình vì Đấng Cứu Thế của chúng ta, để thực hiện lời các Tông Đồ: *"Các con không chỉ được ban ơn để tin vào Ngài, mà còn để chịu khổ vì Ngài"* (Pl 1,29). Vị giám mục đã ngạc nhiên trước lòng nhiệt thành của anh đối với Chúa Kitô và khát khao cứu rỗi các linh hồn con người. Nhận ra trong anh ta ơn gọi của Thiên Chúa và sự tác động của Thánh Thần, vị Giám mục đã tôn vinh Chúa Kitô và ban phước lành cho Thánh Stefano trước công cuộc anh sắp thực hiện. Đồng thời, ngài trao cho anh những mảnh xương thánh, khăn thánh, dầu thánh và mọi thứ cần thiết để thánh hiến nhà thờ.

Sau khi nhận được sự cho phép từ giới chức tôn giáo, Thánh Stefan, với tư cách là một công dân gương mẫu, đã lo liệu củng cố công việc của mình bằng sự hỗ trợ hợp pháp từ chính quyền dân sự và nhận được các văn bản bảo hộ từ Đại công tước.

Sau khi chuẩn bị kỹ lưỡng, Thánh Stefan lên đường. Khi đến vùng đất Perm vô thần, ngài dâng lên Chúa những lời cầu nguyện thành kính và bắt đầu, như con chiên giữa bầy sói, đi giữa một dân tộc ngang bướng và sa đọa để giảng dạy cho họ về đức tin Kitô giáo. Một số người, khi nghe lời giảng của ngài, ban đầu cảm thấy ngạc nhiên trước giáo lý mới này. Nhưng rồi, dần dần, họ bắt đầu nhận ra lẽ thật, chấp nhận đức tin thánh thiện, chịu phép rửa tội và tuân theo những lời dạy của vị giảng sư. Tuy nhiên, nhiều người không những không muốn nghe ngài, mà còn gây ra vô số rắc rối cho ngài. Một số người chửi rủa ngài bằng mọi cách. Những người khác tấn công ngài bằng gậy gỗ, với ý định giết ngài. Một số khác lại muốn thiêu sống ngài. Nhưng bàn tay của Chúa đã bảo vệ tôi tớ của Ngài khỏi những bàn tay sát nhân và cái chết, để danh thánh của Ngài được tôn vinh cao nhất.

[3245] Arsenius I, người giữ chức Giám mục Rostov từ năm 1374 đến năm 1380.

[3246] Mitya, linh mục và cha giải tội được yêu mến của Đại công tước Dmitri Ioannovich, sau đó là tổng tu viện trưởng Tu viện Spassky ở Moscow, đã điều hành Tổng giáo phận toàn Nga mà không qua lễ tấn phong sau khi Thánh Alexius qua đời vào năm 1378 và qua đời vào năm 1379 trên đường đến Constantinople, nơi ông lên đường để nhận lễ tấn phong.

[3247] Để biên soạn bảng chữ cái này, ông đã sử dụng các đồng tiền của người Perm, được khắc trên những que gỗ mỏng hình tứ giác.

[3248] Người Perm hoặc người Zyrya – một dân tộc thuộc nhóm Phần Lan hoặc Ural trong họ Turan. Phần lớn họ có chiều cao trung bình, vóc dáng chắc khỏe và cân đối, tóc đen với đôi mắt màu xám và nâu sẫm. Sự dũng cảm, sự hóm hỉnh, sự kiên nhẫn, sự khôn ngoan, sự tò mò và sự sáng tạo – là những phẩm chất không thể tách rời của họ. Phẩm chất cuối cùng này, nhân tiện, đã thể hiện qua vô số phương pháp đa dạng để săn bắt chim, thú và cá.

Sau khi rửa tội và dạy dỗ một số linh hồn về các chân lý Kitô giáo, ngài đã xây dựng một nhà thờ tráng lệ cho đàn chiên nhỏ của Chúa gần cửa sông Vymi, nơi đổ vào sông Vychegda lớn, nơi sau này tu viện của ngài được thiết lập. Ngài đã dâng hiến nhà thờ mới được xây dựng này để tưởng nhớ sự kiện Truyền Tin cao quý và vinh quang của Đức Mẹ Thiên Chúa. Qua việc dâng hiến này, ngài muốn bày tỏ ý tưởng rằng, cũng như sự kiện Truyền Tin là khởi đầu cho sự cứu rỗi của chúng ta, thì nhà thờ đầu tiên ở Perm cũng xuất hiện vào thời điểm khởi đầu cho việc truyền giáo tại vùng đất Perm.

Tại nhà thờ này, ngày đêm ngài đều khóc lóc cầu xin Chúa cho những người chưa tin được hoán cải, và thốt lên:

– Lạy Chúa, xin hãy quy tụ những con người lạc lõng và những con chiên lầm đường của Ngài, dẫn dắt họ vào Giáo hội thánh thiện của Ngài và đưa họ vào đàn chiên được chọn của Ngài.

Bản thân ngài không ngừng giảng dạy họ theo tinh thần tông đồ, hướng dẫn họ đi trên con đường chính trực và khẩn cầu họ từ bỏ những lầm lạc của mình. Nhưng càng lúc ngài càng nỗ lực làm điều thiện cho linh hồn họ, họ lại càng tức giận ngài hơn.

Một lần nọ, sau khi cầu nguyện cùng Chúa, Thánh Stephano đã đến ngôi đền thờ thần tượng mà họ đặc biệt tôn kính và đốt cháy nó. Vì lần này không có ai trong số những kẻ thờ thần tượng ở đó, nên ngôi đền đã bị thiêu rụi hoàn toàn cùng với tất cả các tượng thần. Thánh nhân ngồi bên cạnh ngôi đền đã cháy rụi, chờ xem những kẻ vô tín sẽ làm gì với ngài.

Những kẻ vô tín, khi thấy ngôi đền thờ tượng quý giá của họ đang bốc cháy, đã vội vã chạy đến với rìu và xà beng. Khi chạy đến nơi, họ thấy Thánh Stefan đang ngồi gần đó, liền lao vào ngài với cơn thịnh nộ, bao vây ngài từ mọi phía và định giết ngài.

Thánh nhân không nói gì để phản đối họ, nhưng ngài giơ hai tay lên cầu nguyện và, chuẩn bị chết, ngài khóc lóc kêu cầu Thiên Chúa:

– Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài, xin hãy che chở con bằng đôi cánh lòng nhân từ của Ngài.

Và bất ngờ, cơn thịnh nộ của đám đông đang cực kỳ phẫn nộ đã nhường chỗ cho sự hiền lành như con chiên. Vị thánh của Chúa vẫn bình an vô sự – không ai làm ngài bị thương hay thậm chí đánh ngài, bởi vì đám đông một phần bị khuất phục bởi sự hiền lành của vị thánh, một phần vì sợ chính quyền Moscow nên lo ngại sẽ giết hại một người đến từ Moscow với các văn thư, nhưng chủ yếu là những người ngoại đạo đã được kiềm chế bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, Đấng không để gậy của kẻ có tội giáng xuống những người công chính.

Lúc bấy giờ, Thánh Stefan, đứng ở một vị trí đặc biệt nổi bật, đã cất tiếng kêu lên, hướng về đám đông vô tín:

– Đến bao giờ nữa, hỡi mọi người, các ngươi mới từ bỏ sự cám dỗ của ma quỷ, để nhờ đó tránh khỏi sự phán xét và lửa đời đời? Tại sao các ngươi lại thờ lạy các thần tượng và gọi chúng là các vị thần của các ngươi, trong khi chúng là tác phẩm do chính tay các ngươi tạo ra, và dù có miệng thì chúng cũng không nói được, có tai mà không nghe thấy gì, có mắt mà không nhìn thấy gì; lỗ mũi chúng không ngửi được, tay không sờ được, chân không đi được và thanh quản không cất tiếng; chúng không nhận những của lễ dâng lên – không ăn, không uống; chúng không giúp ai cả, bởi vì ngay cả khi ngọn lửa thiêu đốt biến chúng thành tro tàn, chúng cũng không thể tự cứu lấy mình. Nếu chúng thực sự là các vị thần, thì tại sao chúng không dập tắt ngọn lửa, không tránh khỏi ngọn lửa, không nói lời tha thứ với kẻ đang thiêu đốt chúng và không trừng phạt hắn bằng bất cứ điều gì? Và một khúc gỗ vô tri vô giác thì có thể làm được gì? Thế mà các ngươi lại cúi lạy chúng – những kẻ câm, mù, điếc – tác phẩm do chính tay các ngươi tạo ra. Hãy nhận ra sự lừa dối đang đánh lừa các ngươi và từ bỏ sự phù phiếm tai hại này. Hãy nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng mà các tín hữu Kitô giáo tin tưởng. Hãy đến với Ngài và được soi sáng. Vì Ngài đã dựng nên trời, lập nên đất, duy trì sự sống của muôn loài và cai quản cả thế giới. Ngài biết rõ nhu cầu của mỗi người. Ngài là Đấng Quan Phòng cho tất cả, là Đấng Cứu Giúp và Đấng Bảo Vệ, và không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ngài. Vì vậy, hỡi các quý ông Perm, anh em, cha mẹ và con cái! Hãy lắng nghe tôi, người mong muốn điều tốt lành cho các bạn, và hãy tin vào Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà tôi đang rao giảng; tôi nói thật với các bạn rằng, nếu các bạn tin và chịu phép rửa, các bạn sẽ được cứu rỗi và nhận được Nước Trời. Còn nếu các bạn không tin và không chịu phép rửa, các bạn sẽ bị kết án chịu hình phạt đời đời.

Khi Thánh Stephano giảng dạy như vậy, kết hợp với những lời dạy khác, nhiều người đã được thuyết phục và, khi bắt đầu tin, đã tiến hành lễ rửa tội; và ngày qua ngày, số người tin ngày càng tăng, và Giáo hội của Chúa Kitô tại Perm ngày càng phát triển.

Thánh Stephano, ngay khi thấy những người ngoại đạo tụ tập ở đâu đó, liền tiến lại gần và, đứng giữa đám đông, rao giảng về Chúa Kitô. Đôi khi chính họ, cùng với các trưởng lão, các pháp sư và tất cả những người có địa vị cao nhất ở Perm, tụ tập lại và đến gặp vị thánh để tranh luận về đức tin, nhưng cuối cùng đều bị thuyết phục hoàn toàn bởi những lời giảng đạo thánh thiện phát ra từ đôi môi đầy ân sủng của vị giảng sư. Đặc biệt, những người Perm không tin thường đến nhà thờ mới được xây dựng không phải để cầu nguyện cứu rỗi, mà vì mong muốn chiêm ngưỡng vẻ đẹp của tòa nhà nhà thờ và sự lộng lẫy bên trong: chưa từng thấy điều gì tương tự, họ kinh ngạc trước sự trang hoàng của ngôi thánh đường và khi ra về, họ nói với nhau:

– Như chúng ta thấy, Đức Chúa Trời của Kitô giáo thật vĩ đại, – vĩ đại hơn nhiều so với các vị thần của chúng ta.

Đôi khi, khi tụ tập lại, họ bàn bạc với nhau, nói rằng:

– Nếu chúng ta không làm tổn thương Stefan và không đuổi anh ta đi, thì anh ta sẽ lấp đầy cả đất nước chúng ta bằng giáo lý của mình và phá hủy những ngôi đền cổ kính cùng các nơi thờ cúng các vị thần của chúng ta; chúng ta không thể tranh luận với anh ta bằng lời nói, và chỉ còn cách dùng vũ lực để đuổi anh ta khỏi đây.

Những người khác phản đối:

– Làm sao có thể đánh đập và đuổi hắn đi được, khi hắn đến từ Moscow và có bằng cấp.

Một số người bổ sung:

– Nếu hắn là người mở đầu cuộc chiến, thì trong lúc giao tranh chúng ta sẽ dễ dàng gây thương tích cho hắn, nhưng hắn lại theo thói quen xảo quyệt – không tự mình tấn công mà chờ chúng ta ra tay trước, để có cớ khiếu nại chúng ta lên Moscow; nếu hắn dám đánh bất kỳ ai trong số chúng ta, chúng ta sẽ lập tức xé xác hắn và có thể biện minh cho hành động của mình – vì chính hắn là người đầu tiên tấn công chúng ta. Nhưng vì hắn, trước những sự xúc phạm của chúng ta, không nói một lời giận dữ hay trách móc nào, mà chịu đựng mọi thứ với sự kiên nhẫn, nên chúng ta không biết phải làm gì với hắn.

Họ đã bàn bạc nhiều lần như vậy, nhưng không đi đến được thỏa thuận nào nên mỗi người một ngả; điều này ứng nghiệm lời tiên tri: *"Các ngươi hãy nói lời, nhưng lời ấy sẽ không thành hiện thực: vì Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta"* (Ê-sai 8:10).

Và như vậy, toàn bộ vùng Perm đã bị chia rẽ: một số cư dân nơi đây là những Kitô hữu mới được khai sáng, còn những người khác vẫn chìm trong bóng tối của tà giáo; trong khi đó, những kẻ thờ ngẫu tượng lại căm ghét các tín hữu: họ lăng mạ họ bằng những lời chửi rủa và trách móc, gây tổn thương cho họ và làm xáo trộn sự bình an của họ. Thấy các tín hữu phải chịu sự xúc phạm từ những kẻ vô tín, Thánh Stephano vô cùng đau buồn và thường xuyên, cả ngày lẫn đêm, với những giọt nước mắt, cầu xin Đức Chúa Trời nhân từ hãy bảo vệ đàn chiên mới được quy tụ của Ngài bằng sự che chở thiêng liêng, đồng thời dùng bàn tay quyền năng của Ngài để giải cứu những kẻ vô đạo khỏi lưới của ma quỷ và dẫn dắt họ đến sự hiểu biết về lẽ thật.

Nghe những lời cầu nguyện không ngừng nghỉ đầy nước mắt của vị thánh được Ngài yêu mến, và chứng kiến những nỗ lực cùng sự kiên nhẫn của ngài, Đức Chúa Trời đầy lòng nhân ái – Đấng mong muốn mọi người được cứu rỗi và đến với sự khôn ngoan của lẽ thật – đã ban ân sủng để soi sáng vùng đất Perm bằng ánh sáng của đức tin thánh thiện. Ngài đã ban cho dân Perm một tinh thần ăn năn, giống như những người xưa kia đã lắng nghe bài giảng của Thánh Tông đồ Phêrô; điều này được ghi chép trong Sách Công Vụ: *"Nghe vậy, họ cảm động trong lòng và nói với Phêrô cùng các Tông đồ khác: 'Chúng tôi phải làm gì, hỡi anh em?'"* (Công Vụ 2:37).

Vậy nên, đông đảo người dân Perm – già trẻ, lớn bé – đã tụ họp lại và nói với nhau.

– Các anh em ơi, hãy nhìn người đàn ông này, người đến từ Nga! Các anh em có nghe thấy những lời ông ấy nói không? Có nhận ra sự kiên nhẫn của ông ấy không? Có hiểu được tình yêu vĩ đại mà ông ấy dành cho chúng ta không? Ông ấy đang phải chịu đựng những khó khăn như thế này, thế mà vẫn không rời khỏi đây! Anh ta đã phải chịu đựng biết bao sự quấy rối, sỉ nhục, và tổn thương từ chúng ta, thế mà anh ta vẫn không hề giận dữ, cũng không nói với ai một lời cay độc nào, mà chấp nhận tất cả mà không phản kháng. Không hề có chút oán hận nào đối với chúng ta, anh ta không đánh đập ai, mà chịu đựng mọi thứ với sự kiên cường, không hề có sự thù hận lớn lao, và thậm chí hơn thế nữa: Ngài còn vui mừng khi chúng ta làm tổn thương Ngài, và đồng thời, Ngài không ngừng nói với chúng ta về Nước Trời, về sự đau khổ vĩnh cửu và về sự báo đáp cho mỗi người tùy theo việc làm của họ, luôn

dạy dỗ chúng ta cách thoát khỏi những đau khổ và đạt được Nước Trời. Nếu những điều ông ấy nói không phải là sự thật, thì ông ấy đã không chịu đựng và không vất vả đến thế! Quả thật, ông ấy là tôi tớ của Đức Chúa Trời Vĩ Đại và Hằng Sống mà ông ấy rao giảng, Đấng đã tạo dựng trời đất và chuẩn bị Nước Trời cho những người lành, còn cho những kẻ ác là sự đau khổ, và mọi lời của ông ấy đều chân thật!

Vậy thì, chúng ta hãy đến với ngài và xin ngài dạy dỗ chúng ta theo đức tin hoàn hảo của ngài và biến chúng ta thành những Kitô hữu.

Và một đám đông đông đảo gồm đàn ông, phụ nữ và trẻ em đã cùng nhau đến gặp vị thánh giảng đạo.

Còn Thánh Stephano, khi thấy đông đảo dân chúng đang tiến về với Đức Kitô, Thiên Chúa, đã vui mừng khôn tả: nước mắt tuôn trào vì niềm vui, ngài dâng lên những lời tạ ơn không thể diễn tả được lên Đấng Chủ Tể nhân từ, Đấng không muốn những kẻ có tội phải chết. Ngài đón tiếp họ với tình yêu thương, như người cha đón con cái, và mở miệng được Thánh Thần soi dẫn, ngài giảng dạy cho mọi người về những mầu nhiệm của đức tin thánh thiện trong một thời gian dài. Còn Đức Chúa Trời thì khai sáng tâm trí họ để họ hiểu được giáo lý của vị thánh: họ sẵn lòng đón nhận lời ngài và xin ngài làm phép rửa, và ngài đã làm phép rửa cho họ nhân danh Cha, Con và Thánh Thần.

Như vậy, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, nhờ công lao và lời cầu nguyện của Thánh Stephano, vùng đất Perm đã được khai sáng.

Những người mới được khai sáng đã phá hủy các thần tượng cũ của họ, vốn được đặt trong nhà, ở các làng mạc, ven đường, trong rừng và các khu rừng nhỏ, đồng thời phá hủy các đền thờ của chúng. Đặc biệt, chính Thánh Stefan đã nỗ lực rất nhiều trong việc này; ngài đi khắp nơi, dùng rìu chặt đứt các thần tượng và đốt chúng cùng với các lễ vật của những kẻ ngoại đạo.

Cần lưu ý rằng người ngoại đạo ở Perm có phong tục dâng lên các vị thần của họ da lông của những con thú săn được, chẳng hạn như: chồn sương, chồn nâu, chồn cừu, chồn lửng, hải ly, cáo, gấu, linh miêu và các loài khác, rồi treo chúng lên các tượng thần. Ngoài ra, họ còn phủ lên các tượng thần những tấm vải tốt nhất và quấn chúng bằng tã lót. Không ai dám lấy những lễ vật này, bởi vì nếu ai đó dám chạm vào bất kỳ thứ gì trong số đó, người đó sẽ mắc phải một căn bệnh nặng: do sự tác động của Satan, người đó sẽ bị co giật và đau đớn tột cùng. Còn Thánh Stephano, vì lòng nhiệt thành với Thiên Chúa và không sợ sức mạnh của ma quỷ, đã thu gom tất cả những gì được dâng làm lễ vật cho các thần tượng thành một đống, cùng với những tượng thần mà chính ngài đã chặt nát, rồi đốt cháy, biến chúng thành tro bụi; hơn nữa, ngài không chỉ không lấy cho mình bất cứ thứ gì từ những lễ vật đó, mà còn không cho phép các tín hữu khác làm điều đó, vì ngài coi những lễ vật ấy là một phần của ma quỷ. Chỉ có người học trò của ngài[3249] , là Matfei – một người Perm mới được rửa tội – ngài mới ra lệnh cho anh ta dùng những tấm vải và tã lót của các thần tượng để làm tất[3250] nhằm làm nhục các vị thần ngoại đạo. Người Perm vô cùng ngạc nhiên, thậm chí gấp đôi, khi thấy vị thánh không lấy cho mình bất kỳ vật quý giá nào, mà đốt hết tất cả, và – rằng ngài không hề bị ma quỷ gây hại. Điều này càng củng cố niềm tin của họ vào quyền năng của Chúa Kitô, quyền năng chiến thắng ma quỷ, và làm cho họ thêm vững vàng trong đức tin. Thánh Stefan, người đã phá hủy vô số tượng thần ở nhiều nơi khác nhau, đã xây dựng thêm hai nhà thờ nữa, bởi vì số người tin vào Chúa Kitô ngày càng tăng lên rất nhiều: trong khi đó, số người không tin thì ngày càng ít đi. Vị nhà truyền giáo Perm đã thành lập các trường học bên cạnh các nhà thờ, tập hợp thanh niên, thiếu niên và trẻ em nhỏ đến đây, ông dạy họ bảng chữ cái Perm và cách đọc Sách Giờ Kinh, Sách Thánh Vịnh và các sách khác do chính ngài dịch sang tiếng Perm, nhằm đào tạo cho người Perm các linh mục, phó tế và các giáo sĩ khác, cũng như các giáo viên, đều thuộc cùng bộ tộc và ngôn ngữ của họ. Nhờ đó, đức tin Kitô giáo thánh thiện đã nở rộ và tỏa sáng tại Perm. Trong thời gian Thánh Stefan thực hiện các hoạt động nhằm củng cố đức tin cho những người mới được rửa tội, có một pháp sư, hay phù thủy[3251] , thủ lĩnh của các pháp sư và phù thủy, đã đến gặp ngài; trước khi được rửa tội, người Perm kính trọng ông hơn tất cả các pháp sư khác, coi ông như cha và thầy, người đã dùng sức mạnh phép thuật của mình để cai trị toàn bộ vùng đất Perm. Ông ta bắt đầu làm xáo trộn tâm trí những người mới được rửa tội, nói rằng: “Hỡi các quý ông và anh em Perm, tại sao các ngươi lại từ bỏ các vị thần và đức tin của tổ tiên? Tại sao các ngươi ngừng dâng lễ vật cho họ, như cha ông các ngươi đã làm? Các ngươi đang nghe theo ai? Chẳng phải là người đàn ông đến từ Moscow

[3249] tức là người phục vụ.

[3250] “Onuch” hay “onuchki” ở đây được hiểu là những mảnh vải lanh hoặc bất kỳ loại vải nào dùng để quấn chân thay cho tất.

[3251] Người phù thủy này tên là Pamo.

sao? Liệu có điều gì tốt lành nào từ Moscow dành cho chúng ta không? Chẳng phải từ đó mà chúng ta phải gánh chịu những khoản thuế nặng nề, những hành vi bạo lực, và việc bổ nhiệm các quan tòa cùng quan chức sao? Đừng nghe lời người Nga này – lại còn là người Moskva, một kẻ xa lạ. Nhưng hãy nghe tôi, người đồng bào của các con, người mong muốn điều tốt lành cho các con. Vì tôi cùng dòng tộc với các con, cùng quê hương, và nói cùng ngôn ngữ với các con; và các con nên nghe lời tôi, người già và cha của các con, hơn là nghe lời chàng trai trẻ này, người mà xét về tuổi tác có thể là con trai hoặc cháu trai của tôi."

Đáp lại điều đó, những người mới được khai sáng nói:

– Cứ đi mà tranh cãi với ông ta đi, đừng tranh cãi với chúng tôi.

Kẻ phù thủy này hóa ra là kẻ thù kịch liệt nhất của vị thánh, và giữa họ bùng nổ một cuộc chiến khốc liệt; tên phù thủy cố gắng tiêu diệt vị thánh bằng phép thuật của mình: hắn triệu hồi quỷ dữ và thực hiện các phép thuật, nhưng đều vô ích: các phép thuật của hắn đều tan vỡ, vì lũ quỷ không thể đến gần vị thánh của Chúa. Tuy nhiên, tên phù thủy đầy thù hận vẫn không dừng lại, ngày nào cũng tiếp tục gây rắc rối cho vị thánh: hắn công khai phỉ báng đức tin Kitô giáo thánh thiện, khiến những người chưa vững vàng trong đức tin bị lung lay và lôi kéo họ trở lại con đường vô đạo trước đây; hắn dụ dỗ một số người bằng lời nói, lôi kéo những người khác về phe mình bằng quà cáp. Không ít lần hắn đến tranh cãi với vị thánh, trong những cuộc tranh luận đó, hắn dùng những lời chửi rủa và trách móc để bằng mọi cách cố gắng đánh bại vị chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô. Một lần, hắn nói với Thánh Stefano:

– Các vị thần của chúng ta, những vị bị ngươi xúc phạm, chỉ vì lòng thương xót của họ mà chưa hủy diệt ngươi. Nếu không, họ đã nghiền nát hoặc biến dạng ngươi từ lâu rồi. Nhưng họ tha thứ cho ngươi vì lòng nhân từ của họ, để ngươi, khi nhận ra lòng nhân từ ấy, sẽ ngừng gây rắc rối cho họ. Còn về việc đức tin của chúng ta tốt hơn đức tin Kitô giáo của các ngươi, ta sẽ chứng minh cho ngươi thấy rõ: các ngươi chỉ có một vị Thần, còn chúng ta có nhiều vị thần, những vị trợ thủ và bảo hộ, và họ ban cho chúng ta mọi thứ có trong nước – cá, trên không – chim chóc, trong rừng và đồng cỏ – chồn sương, chồn hôi, chồn gấu và các loài thú khác, những thứ mà chúng ta săn bắt được và thậm chí còn đưa đến tận nơi các ngươi. Nhờ chúng mà các công tước, quý tộc và quan lại của các ngươi trở nên giàu có, họ mặc trang phục và đi lại với vẻ kiêu hãnh uy nghi, tặng quà cho nhau và buôn bán, gửi sang các nước láng giềng và những vùng đất xa xôi, đến Đế chế Mông Cổ, Hy Lạp, Đức và Litva – và tất cả những thứ đó đều xuất phát từ những con mồi mà chúng ta săn bắt được, do các vị thần của chúng ta ban tặng. Đức tin của chúng tôi tốt hơn đức tin của các bạn rất nhiều, và đây là lý do nữa. Ở chúng tôi, chỉ cần một hoặc hai người đi săn gấu và giết được nó nhờ sự giúp đỡ của các vị thần, những người mà họ hứa sẽ dâng tặng tấm da gấu làm lễ vật. Còn ở các bạn, để săn một con gấu, phải có tới một trăm hoặc hai trăm người, thậm chí nhiều hơn, và dù đông như vậy, họ cũng chỉ vừa đủ để đánh bại một con thú, đôi khi còn không thể, và sau khi bị nó xé xác, họ trở về tay trắng từ cuộc săn. Hơn nữa, đức tin của chúng tôi tốt hơn đức tin của các bạn vì ở chúng tôi, ngay trong ngày hôm đó, những sự kiện – dù xảy ra ở nơi xa xôi – cũng được biết đến, còn ở các bạn thì không như vậy; phải qua nhiều ngày sau các bạn mới nhận được tin tức nào đó. Vì tất cả những lý do này, đức tin của chúng tôi tốt hơn đức tin của các bạn.

Phản bác lại điều này, Thánh Stephano đã nói rằng Đức Chúa Trời duy nhất của Kitô giáo tốt hơn nhiều vị thần ngoại giáo, bởi vì họ không phải là các vị thần, mà là những ác quỷ, bị lật đổ khỏi trời xuống vực thẳm và dụ dỗ những người điên rồ thờ lạy những thần tượng vô hồn. Chúng không những không giúp đỡ con người, mà ngược lại, còn gây hại và luôn tìm cách làm điều ác; vì bản chất xấu xa, vô nhân từ, hay giận dữ, đầy cơn thịnh nộ, ghen tị và đầy hận thù, chúng sẵn sàng tiêu diệt loài người ngay lập tức, nếu không bị sức mạnh của Đức Chúa Trời trói buộc và kiềm chế. Còn mọi sự săn bắt đều được ban cho con người không phải bởi những thần tượng đứng bất động tại một chỗ, cũng không phải bởi những quỷ dữ không có quyền lực nào đối với tạo vật của Đức Chúa Trời, mà là từ Chính Đấng Ban Phát mọi ân huệ – Đức Chúa Trời, Đấng ban phát những ân tứ của Ngài cho mỗi người tùy theo công lao của họ. Còn cuộc chiến với thú dữ không chỉ diễn ra ở Perm, mà còn ở mọi vùng đất và quốc gia. Chiến thắng của con người trước các loài thú không phải nhờ sự giúp đỡ của các vị thần của các ngươi, mà là nhờ sức mạnh thể chất, hoặc nhờ kỹ năng của người đấu sĩ; nhưng trên hết, nó dựa trên sự thật rằng Đức Chúa Trời trên trời đã đặt mọi loài thú, gia súc, chim chóc và cá dưới chân con người. Đã có rất nhiều Kitô hữu, nhờ danh Chúa Kitô, đã chế ngự được những con thú dữ tợn, bịt miệng sư tử, trói buộc gấu và báo bằng lời nói[3252] , giẫm đạp lên rắn asp[3253] , rắn basilisk[3254] và mọi loài rắn.

[3252] "Pard" cũng có nghĩa là báo.

Còn về việc viện dẫn những tin tức được các vị thần nhanh chóng truyền đạt cho các nhà chiêm tinh, vị thánh đã phản bác như sau: trong Giáo hội Kitô giáo có rất nhiều người có khả năng thấu thị, những người đã nhìn thấy bằng đôi mắt thiêng liêng của mình, như thể ngay trước mặt, không chỉ những điều đang diễn ra ở xa, mà còn tiên đoán được những điều sẽ xảy ra nhiều năm sau khi họ qua đời. Cũng như vậy, các vị tiên tri thánh trong Cựu Ước đã báo trước từ nhiều năm trước những điều sau này đã trở thành hiện thực trong Giáo hội Kitô giáo Tân Ước.

Sau những cuộc tranh luận dài và nhiều lần về đức tin, Thánh Stephano và nhà ảo thuật đã đi đến kết luận rằng tốt nhất là nên thử nghiệm bằng hành động để xem sự thật đứng về phía ai. Theo đề nghị của nhà ảo thuật, họ đã thỏa thuận như sau: đi qua lửa và nước; ai không bị cháy trong lửa và không bị chìm trong nước, thì đức tin của người đó là chân thật, và dân chúng phải theo người đó. Thỏa thuận này được toàn thể dân chúng Perm, những người đã tụ tập để nghe cuộc tranh luận, đồng tình.

Thánh Stefan nói với nhà ảo thuật:

– Ngươi đã đòi hỏi điều vượt quá khả năng khiêm nhường của ta, nhưng ta đặt niềm tin vào lòng nhân từ và ân sủng của Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đấng mong muốn sự cứu rỗi cho tất cả mọi người. Vì vinh quang của Danh Thánh Ngài, Ngài có thể kỳ diệu giữ cho ta sống sót và nguyên vẹn trong lửa và trong nước. Cầu mong phép lạ này củng cố đức tin cho dân chúng đang có mặt ở đây, còn ngươi sẽ phải xấu hổ cùng với những con quỷ mà ngươi đang trông cậy.

Nói xong những lời này với nhà chiêm tinh, Thánh Stephano quay sang dân chúng:

– Ngợi khen Chúa! Hãy lấy lửa, mang đến đây và đốt cháy túp lều trống rỗng, có lối vào mở rộng, đang đứng riêng biệt kia; còn tôi, nắm tay tên phù thủy, sẽ bước vào trong đó.

Rồi lửa được mang đến, và túp lều được đốt cháy. Còn Thánh Stephano, giơ hai tay lên trời, đã cầu nguyện với Chúa bằng những lời sau:

– Lạy Chúa đầy lòng thương xót, *"Xin ban cho chúng con sự giúp đỡ trong lúc hoạn nạn, vì sự bảo vệ của loài người là hư không"* (Thánh vịnh 59:13), xin Ngài ban ân sủng, tỏ lòng nhân từ, và thể hiện quyền năng của Ngài, để những người đang hiện diện hiểu được đức tin chân chính và nhận biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, còn con là tôi tớ của Ngài: *"vì kìa, kẻ thù của Ngài đang ồn ào, và những kẻ ghét Ngài đã ngẩng cao đầu"* (Thi thiên 82:3), *"họ ngước miệng lên trời, và lưỡi họ lang thang khắp đất"* (Thi thiên 72:9). Vì vậy, *"xin hãy tỏ ra cho con một dấu hiệu tốt lành, để những kẻ ghét con nhìn thấy và phải xấu hổ, vì Ngài, lạy Chúa, đã giúp đỡ và an ủi con"* (Thi thiên 85:17). Ngài là Đức Chúa Trời, Đấng an ủi chúng con trong mọi nỗi đau buồn bằng Đấng An Ủi là Thánh Linh của Ngài; cùng với Ngài, Ngài được ngợi khen đời đời, A-men.

Khi kết thúc lời cầu nguyện, ngài nói với dân chúng:

– Bình an cho anh em! Hãy tự cứu lấy mình, hãy cầu xin và cầu nguyện cho tôi. Vì vì đức tin thánh thiện, tôi sẵn sàng chết. Tôi đang tiến đến cuộc chiến sắp tới, đặt niềm tin vào Đấng Khởi Xướng đức tin và Đấng Hoàn Thành là Đức Giê-su.

Rồi ngài quay sang vị pháp sư và nói với ông ta:

– Hãy cùng đi, nắm tay nhau, như chúng ta đã hứa.

Nhưng tên phù thủy, vì sợ hãi trước sự tra tấn của ngọn lửa dữ dội đang bùng cháy, không muốn đi. Lúc đó, vị thánh nhân nắm chặt áo hắn, lôi hắn vào lửa một cách mạnh bạo. Hắn thì chống cự, lùi lại và, ngã xuống đất, la hét rằng hắn sẽ bị thiêu rụi ngay lập tức trong ngọn lửa, như rơm rạ và cành cây khô. Lúc đó, đám đông bực bội bắt đầu la hét yêu cầu hắn bước vào ngọn lửa theo chính lời đề nghị của mình. Nhưng hắn van xin họ tha cho mình.

Đáp lại lời van xin của anh ta, Thánh Stefan nói với anh ta:

– Chẳng phải chính ngươi đã tự chọn điều này và muốn cám dỗ Đức Chúa Trời Hằng Sống sao, vậy tại sao bây giờ lại từ chối?

Kẻ phù thủy liền cúi mình xuống đất, quỳ sấp dưới chân vị thánh, thú nhận sự bất lực của mình và, nhận ra tội lỗi của bản thân, đã vạch trần sự hão huyền của sự lừa dối mình gây ra, đồng thời tiết lộ rằng, với ý định dọa nạt Thánh Stefan, hắn đã nghĩ ra cách giải quyết tranh chấp này, tin chắc rằng tôi tớ của Đức Chúa Trời Hằng Sống sẽ khiếp sợ. Nhưng những mưu mô của nhà phù thủy đã quay lại chống lại chính hắn, và sự gian ác của hắn đã đổ xuống đầu hắn (xem: Thánh Vịnh 7:17). Cũng giống như vậy, trưởng lão của các pháp sư Perm đã không xuống

---

[3253] Asp – một loài rắn cực kỳ độc.

[3254] Vasilisk – loài rắn độc nhất, theo truyền thuyết cổ đại, có thể thiêu đốt bằng hơi thở của mình.

nước, mặc dù trên sông đã chuẩn bị sẵn hai lỗ băng: một ở thượng nguồn và một ở hạ nguồn; theo kế hoạch, cả hai sẽ nắm tay nhau bước vào một lỗ hổng, đi dưới lớp băng và ra khỏi lỗ hổng kia; khi Thánh Stephane bắt đầu ép nhà phù thủy đi cùng mình vào lỗ hổng, thì người này đã từ chối. Như vậy, sự bất lực của tất cả các phép thuật và sự dối trá trong những giáo lý từng lừa dối người ta trước đây của hắn đã bị phơi bày. Sau đó, Thánh Stephano hỏi tên phù thủy:

– Ngươi có muốn tin và chịu phép rửa tội không, vì ngươi đã bị đánh bại rồi?

Nhưng hắn từ chối chấp nhận đức tin Kitô giáo và phép rửa tội thánh. Lúc đó, vị thánh nói với dân chúng:

– Các ngươi là chứng nhân cho việc tên khốn kiếp này đã tự nghĩ ra cách thử thách đức tin chân chính bằng lửa và nước, nhưng lại không chịu thực hiện lời hứa của chính mình, không muốn bước vào lửa cũng như vào nước. Và bây giờ hắn vẫn không tin, không chịu nhận phép rửa tội. Các ngươi nghĩ sao về hắn? Hãy nói đi.

Quần chúng liền la lên:

– Phải bị tử hình!

Và họ bắt hắn lại, giao cho Thánh Stefano để ngài xử tử hắn theo cách nào tùy ý. Trong khi đó, họ nói:

– Nếu thả hắn sống, hắn sẽ gây ra cho ngài những rắc rối còn lớn hơn nữa.

Thánh nhân đáp lại:

– Không, tay chúng ta chớ đụng đến kẻ thù của chúng ta. Chúa Kitô không sai tôi đến để đánh đập, mà là để rao giảng Tin Mừng; Người không truyền cho tôi tra tấn, mà là dạy dỗ với lòng hiền lành và khuyên nhủ với sự bình tĩnh. Cũng như vậy, Chúa của tôi không truyền cho tôi xử tử, mà là trừng phạt với lòng thương xót, như lời đã phán: *"Hãy để người công chính trừng phạt tôi: đó là lòng thương xót; hãy để người ấy vạch trần tôi"* (Thánh Vịnh 140:5). Và vì hắn không muốn tin, do lòng đầy thù hận và bị che mờ bởi sự ác độc, nên hắn sẽ phải chịu hình phạt đời đời. Vì Chúa chúng ta phán: *"Ai tin và chịu phép rửa, sẽ được cứu; còn ai không tin, sẽ bị kết án"* (Mác 16:16).

Chỉ cần nghiêm khắc cấm hắn làm hư hỏng dân sự của Đức Chúa Trời bằng giáo lý dối trá của mình là đủ. Đừng để hắn sống giữa bầy chiên của Đấng Christ. Đừng để bóng tối trộn lẫn với ánh sáng, nhưng hãy loại trừ điều ác khỏi giữa mọi người. Hãy chặt đứt chi thể thối rữa bằng gươm thiêng liêng, hãy đuổi con sói này ra khỏi vùng đất này. Nếu hắn còn dám xuất hiện ở đây và giảng dạy, thì hắn sẽ không thoát khỏi án tử hình.

Với lệnh cấm như vậy, tên phù thủy đã bị trục xuất khỏi lãnh thổ Perm. Và Giáo Hội của Chúa Kitô được bình an, các nhà thờ của Thiên Chúa được xây dựng khắp nơi, còn các đền thờ thần tượng thì bị phá hủy hoàn toàn.

Chẳng bao lâu sau, Giáo hội đã phát triển mạnh mẽ đến mức tại vùng đất Perm, các tín hữu cần có một giám mục riêng – nhất là vì khoảng cách quá xa khiến việc cử các ứng viên vào hàng giáo sĩ đến gặp Tổng giám mục Moscow trở nên rất bất tiện. Perm xa xôi cách Moscow cũng xa như Moscow cách Tsargrad.

Thánh Stefan, sau khi tham vấn trước với các tín hữu của mình, đã lên đường đến Moscow để gặp Đại công tước Dimitri Ioannovich và Tổng giám mục Pimen. Ngài đã báo cáo với họ về tất cả những điều đã xảy ra nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời tại vùng đất Perm, và xin họ cử một giám mục đến đó, vì "lúa chín nhiều mà thợ gặt thì ít" (Mt 9,37).

Đại công tước, tổng giám mục cùng các giám mục và Hội đồng Thánh đã thảo luận về lời thỉnh cầu của Thánh Stefan, và quyết định phong ngài làm giám mục Perm, như một người thực sự xứng đáng với vinh dự ấy.

– Ai xứng đáng nhất và phù hợp nhất về phẩm chất để đảm nhận chức vụ giám mục tại vùng đất Perm, nếu không phải là người đã khai sáng vùng đất này bằng ân sủng của Chúa Kitô và đồng thời đã thực hiện những công lao vĩ đại và nỗ lực to lớn, khi dịch các sách thánh sang tiếng Perm, phá hủy các thần tượng và xây dựng các nhà thờ, và nhờ đó trở thành vị Tông đồ của Perm?

Và Thánh Stephano đã được tấn phong[3255] làm Giám mục Perm. Việc tấn phong này đã mang lại niềm vui lớn lao cho Đại công tước, người từ lâu đã biết và yêu mến Thánh Stephano. Sau khi ban tặng những món quà cho vị Giám mục mới được tấn phong, Đại công tước và Tổng giám mục đã tiễn ngài về Perm.

Khi trở về giáo phận mới được thành lập của mình, ngài đã mang lại niềm vui lớn lao cho các tín hữu. Trong chức vụ giám mục, Thánh Stephano vẫn làm việc siêng năng cho Giáo hội Perm như trước đây: ngài củng cố đức tin Chính thống cho những ai đã quay về với Chúa Kitô; dẫn dắt những người chưa tin vào đức tin và làm phép rửa tội cho họ; xây dựng các nhà thờ của Chúa, phong chức cho các linh mục, và tổ chức trật tự giáo hội một cách

[3255] Năm 1383

hoàn hảo nhất. Ngài cũng xây dựng các tu viện. Ngài ban phát bố thí hào phóng, cho người nghèo và khốn khó ăn, cho người trần truồng mặc, an ủi những người đau buồn và mang lại sự bình an cho những người lữ hành[3256] . Đối với mọi người, ngài là người cha nhân từ, vị ân nhân vĩ đại và vị mục tử tận tụy, không chỉ quan tâm đến linh hồn của những người được ngài chăn dắt mà còn lo lắng cho những nhu cầu vật chất của họ: chẳng hạn, trong thời kỳ nạn đói trầm trọng tại Perm, Thánh Stefan thường xuyên chở rất nhiều lúa mì từ Vologda đến đây bằng thuyền và phân phát miễn phí cho những người nghèo.

Như vậy, vị thánh nhân của Chúa, Giám mục Stefan của Perm, đã dẫn dắt toàn bộ vùng đất Perm đến với Chúa. Bằng việc quản lý một cách chính trực trong Giáo hội thánh thiện, ngài đã tạo ra mọi điều cần thiết cho đoàn chiên tinh thần mà ngài chăn dắt. Trong những năm tháng lao động miệt mài này, nhằm cứu rỗi biết bao linh hồn và khiến sức khỏe ngài suy yếu, Thánh Stefan, người đã bước vào tuổi già cao niên, đã gần kề giờ lâm chung.

Thánh Stefan qua đời dưới thời Tổng Giám mục Cyprian[3257] vào thời Đại công tước Vasily[3258] , con trai của Đại công tước Dimitri, người đã lập công lớn nhờ chiến thắng trước Mamai.

Vào những ngày cuối đời, ngài lại phải lên đường đến Moscow một lần nữa để giải quyết một số công việc liên quan đến Giáo hội. Trước khi lên đường đến thủ đô, Thánh Stefan đã triệu tập đoàn chiên của mình và giảng dạy các tín hữu bằng Lời Chúa, khuyên họ hãy giữ vững đức tin và yêu thương nhau một cách chân thành. Cảm nhận được cái chết đang đến gần, ngài kết thúc bài giảng mục vụ của mình bằng những lời sau:

– Giờ lâm chung của tôi đã gần kề, như Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã mặc khải cho tôi; và tôi giao phó các con cho Ngài.

Sau khi dâng lời cầu nguyện, ngài lên đường. Khi đến Moscow, vị thánh lâm bệnh và sau vài ngày đau ốm, ngài đã về với Chúa[3259] , Đấng mà ngài đã yêu mến từ thuở ấu thơ.

Lễ an táng long trọng của ngài có sự tham dự của các hoàng tử, các quý tộc, tổng giám mục cùng toàn thể hàng giáo phẩm và đông đảo dân chúng. Mọi người đã tiễn đưa thi hài ngài một cách trang trọng đến Tu viện Thánh Spassky, nơi hiện nay là cung điện hoàng gia. Xác thánh của vị thánh nhân đã được an táng bên trái trong nhà thờ bằng đá của tu viện.[3260]

Cộng đoàn giáo dân Perm đã than khóc thảm thiết trước sự ra đi của vị giám mục của họ, người đã mang lại niềm vui lớn lao cho các Thiên thần của Chúa, khi dẫn dắt linh hồn của biết bao tội nhân trở về với Chúa. Vì thế, linh hồn thánh thiện của ngài đã được các Thiên thần đón nhận trong niềm vui sướng và rước lên ngai ân sủng với sự hân hoan. Cùng với các vị thánh giám mục đứng trước mặt Chúa, Thánh Stephano cầu nguyện với Ngài không chỉ cho vùng đất Perm, mà còn cho cả thế giới.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Từ thuở thiếu thời, ngài đã bừng cháy bởi khát vọng thiêng liêng, hỡi Thánh Stephane đầy khôn ngoan, ngài đã mang lấy ách của Chúa Kitô và gieo hạt giống thiêng liêng vào lòng những người xưa kia đã bị băng giá bởi sự vô tín, để sinh ra nơi họ một tinh thần Phúc Âm. Vì vậy, khi tôn kính ngày kỷ niệm vinh quang của ngài, chúng con cầu xin ngài: xin ngài cầu thay cho Đấng mà ngài đã rao giảng, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài đã trở thành vị thánh mà không tự xưng, giải thoát dân chúng khỏi sự cám dỗ của các thần tượng, dẫn dắt họ đến đức tin nơi Chúa Kitô và làm bẽ mặt nhà tiên tri giả, vì thế Ngài đã trở thành vị giám mục và thầy dạy đầu tiên của Perm. Vì lý do đó, các con cái thiêng liêng của ngài, đã được ngài giải thoát khỏi các thần tượng, chúng con kêu lên với lòng biết ơn: Hãy vui mừng, Thánh Stefan, vị thầy đầy khôn ngoan.

[3256] Ông cũng đã thỉnh cầu các quan đại thần giảm thuế cho người Perm, giải thoát họ khỏi sự bạo hành và hối lộ của các tiun (quan tòa) và các quan chức.

[3257] Ông giữ chức tổng giám mục từ năm 1375 đến năm 1381 và từ năm 1383 đến năm 1390.

[3258] Vasily Dmitrievich trị vì từ năm 1380 đến năm 1425.

[3259] Ngài qua đời vào ngày 26 tháng 4 năm 1396

[3260] Xác thánh của ngài được an táng tại nhà thờ Spasskaya thuộc Kremlin, nằm ở Bor.

Lễ kính Thánh Glafira, người công chính

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 4

Cô gái Glafira, người sống trong sự trong sạch và đầy lòng kính sợ Thiên Chúa, từng phục vụ cho hoàng hậu Constance, vợ của hoàng đế Licinius[3261] . Khi biết được những ý định dâm đãng của Licinius, cô đã rời khỏi Nicomedia[3262] để đến Amasya[3263] và sống tại đây dưới sự bảo vệ và che chở của Giám mục Basil. Khi bị Licinius triệu tập để trừng phạt, bà đã lên đường đến gặp ông cùng với Giám mục Basil, nhưng trên đường đi, bà đã qua đời[3264] và về với thiên đàng.

Ngày 10 tháng 5

27 tháng 4 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Tông đồ và Thánh Tử đạo Simeon, người thân của Chúa

Ngày tưởng niệm 27 tháng 4

Thánh Simeon, được gọi là người thân theo huyết thống của Chúa Giêsu Kitô, là con trai của Clêôpas, anh trai của Thánh Giuse Hôn Phu, như được các nhà sử học Giáo hội Hy Lạp nhất trí chứng thực: Eusebius[3265] , Giám mục Cêsarea Palestine, George Kedrin và Nikiforos, con trai của Callistus, Xanphopul. Thánh Giuse, người đã đính hôn với Đức Mẹ Maria, và Cleopas có cùng cha mẹ; người thứ nhất là anh cả, người thứ hai là em út. Khi Giuse trở về từ Ai Cập, Cleopas đã cưới con gái của ông là Maria. Từ cuộc hôn nhân này, Thánh Simeon ra đời; khi đã trưởng thành, sau khi chứng kiến những phép lạ của Chúa Giêsu Kitô, ngài đã tin vào Ngài. Sau những đau khổ tự nguyện, sự Phục Sinh và Lên Trời của Chúa Giêsu Kitô, Thánh Simeon được xếp vào hàng ngũ bảy mươi Thánh Tông Đồ và, cùng với những người khác, đã rao giảng giáo lý của Chúa Kitô, đi từ thành phố này sang thành phố khác, dạy dỗ và thực hiện các phép lạ, soi sáng các dân tộc về những chân lý của đức tin thánh thiện và vạch trần sự thờ ngẫu tượng. Vào thời đó, vị giám mục đầu tiên của Giê-ru-sa-lem là Thánh Gia-cô-bê, anh em của Chúa, con trai của Giô-sép, người đính hôn với Đức Mẹ. Những người Do Thái vô đạo, vì ngài đã tôn vinh Chúa Kitô, đã đẩy ngài xuống từ bậc thềm đền thờ và giết ngài bằng một cú đánh bằng gậy vào đầu. Ngay sau vụ sát hại này, Titus, con trai của Vespasian, đã tàn phá Giê-ru-sa-lem, đúng như lời Chúa đã tiên tri. Sau khi thảm họa qua đi, các môn đệ của Chúa Kitô và những người thân thuộc về huyết thống của Ngài còn sống sót đã bầu Simeon, con trai của Clêôpa – cũng là người thân thuộc của Chúa Kitô, cháu nội đồng thời là cháu trai của Giuse Hôn Phu – làm Giám mục thứ hai của Giêrusalem, thay thế cho Thánh Giacôbê, anh em của Chúa. Giê-ru-sa-lem lại bắt đầu được tái định cư. Thánh Si-mê-ôn đã đảm nhận chức vụ Giám mục Giê-ru-sa-lem một cách vinh dự, dẫn dắt những người lầm lạc đến với Chúa Kitô.

Nhiều năm sau, vào thời trị vì của Trajan, một số kẻ dị giáo vì ghen tị đã tố cáo với Atticus, quan tổng trấn La Mã, về những tội danh bịa đặt của Simeon, rằng ông xuất thân từ dòng dõi vua Đa-vít và tuyên xưng đức tin Kitô giáo. Vào thời điểm đó, cả hai điều này đều bị các hoàng đế La Mã đàn áp. Hậu duệ của Đa-vít bị truy lùng

---

[3261] Hoàng đế La Mã Licinius trị vì từ năm 311 đến năm 324.

[3262] Nicomedia – một thành phố thuộc vùng Bithynia ở Tiểu Á, nằm ở góc đông bắc của vịnh được hình thành bởi Biển Đá Cẩm Thạch. Nicomedia được xây dựng vào năm 264 trước Công nguyên bởi vua Nicomedes I của Bithynia, và được đặt tên theo tên của ông. Nicomedia là nơi nghỉ ngơi yêu thích của các hoàng đế La Mã và các tướng lĩnh của họ khi họ tiến hành các cuộc chinh phạt về phía Đông. Hiện nay, trên địa điểm của Nicomedia cổ đại là thị trấn Ismid.

[3263] Amasya nằm ở phía bắc Tiểu Á, bên bờ Biển Đen.

[3264] Thánh Glafira qua đời vào khoảng năm 322.

[3265] Eusebius Pamphilus (283 – 340), giám mục, đại biểu tham dự Công đồng Đại kết lần thứ nhất. Georgios Kedrinos, nhà văn Byzantine vào cuối thế kỷ XI hoặc đầu thế kỷ XII. Nikiforos Xanthopoulos, tổng giám mục Constantinopolis từ năm 1350 đến năm 1362.

gắt gao khắp nơi và bị giết hại, nhằm xóa sổ hoàn toàn dòng dõi vương tộc Do Thái, để các hoàng đế La Mã có thể thống trị vĩnh viễn đất nước Do Thái. Họ cũng tra tấn và giết hại những người tin vào Đấng Christ, nhằm buộc cả vũ trụ chỉ thờ phụng các vị thần ngoại đạo. Vì vậy, Thánh Simeon, vừa là hậu duệ của Vua Đa-vít, vừa là môn đệ và họ hàng của Đấng Christ, khi đã bước sang tuổi trăm, đã bị những kẻ ngoại đạo vô đạo bắt giữ theo lệnh của quan tổng trấn Atticus. Sau những cực hình kéo dài, ngài, cũng như Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, đã bị đóng đinh trên thập tự giá và trao linh hồn mình cho Thiên Chúa.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Chúng con tôn vinh một cách thiêng liêng Simeon, vị lãnh đạo giáo hội và vị tử đạo kiên cường, người thân của Đấng Kitô, Đấng đã từ bỏ những cám dỗ và giữ vững đức tin. Vì vậy, hôm nay khi kỷ niệm ngày thánh của ngài, chúng con nhận được sự tha thứ tội lỗi nhờ những lời cầu nguyện của ngài.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Như một ngôi sao vĩ đại, hôm nay Giáo Hội có Thánh Simeon, người được Thiên Chúa chọn, chiếu sáng và kêu gọi: "Hãy vui mừng, vương miện vinh quang của các vị tử đạo."

Cuộc đời của Thánh Cha chúng ta Stephane, Giám mục Vladimir-Volyn

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 4

"Người đã quen với sự nhẫn nại," – như lời Efrem Sirin, người được Thánh Thần soi dẫn[3266] , – "sẽ hướng tới đức hạnh, vui mừng trong nỗi buồn, không nản lòng trước hoạn nạn, và hân hoan ngay cả trong cơn hoạn nạn." Đó chính là vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta, Thánh Stefan, người đã phải chịu nhiều đau khổ từ các tu sĩ trong tu viện. Nhưng nếu nỗi buồn đã ập đến với ngài, thì Thiên Chúa đã ban cho ngài niềm vui lớn lao. Nhớ đến lời của vị tiên tri, vua Đa-vít*: "Khi những nỗi buồn trong lòng tôi dâng trào, sự an ủi của Ngài làm dịu lòng tôi"* (Thánh vịnh 93:19), ngài coi mọi bất hạnh đều là ân huệ do Chúa ban và vui vẻ chịu đựng chúng. Trên hành trình dài rèn luyện đời sống đạo đức, từ thuở ấu thơ, ngài đã được sự hướng dẫn của vị tu viện trưởng đáng kính, cha chúng ta Thêôđôsiô Pechersky, luôn là môn đệ của ngài, say sưa đón nhận những lời được Thượng Đế soi dẫn từ đôi môi ngọt ngào như mật ong của vị thầy, giống như đứa trẻ bú sữa mẹ. Như một người con xứng đáng, ngài đã noi gương vị thầy đạo đức của mình. Vì vậy, Thánh Stefan được toàn thể cộng đoàn yêu mến, được bầu làm người giám sát việc tuân thủ hiến chương giáo hội, và cùng với chính vị tu viện trưởng, Thánh Theodosius, ngài đã hướng dẫn cộng đoàn trong nhà thờ một cách xứng đáng bằng những bài giảng của mình.

Khi Thánh Phê-ô-đô-xi-ô sắp kết thúc cuộc đời trần thế này, mọi người đều khẩn cầu ngài bổ nhiệm Thánh Stê-pha-nô làm vị tu viện trưởng, vì ngài là người xứng đáng nhất trong cộng đoàn. Vị Thánh đã lắng nghe những lời khẩn cầu của các tu sĩ và, sau khi gọi người môn đệ yêu quý của mình, Thánh Stefan, ngài đã giao phó cho ngài nhiệm vụ chăn dắt các tu sĩ và khẩn cầu ngài hoàn thành việc xây dựng nhà thờ, vốn được khởi công dưới những điềm báo kỳ diệu. Sau đó, sau khi dạy dỗ các tu sĩ phải tuân giữ nội quy tu viện, yêu thương anh em bằng cả trái tim trong sáng, không ngừng hướng tâm hồn về Thiên Chúa, và không quên những người lữ hành, vị Thánh đã ra đi về cõi vĩnh hằng, nhưng hứa sẽ không ngừng giúp đỡ Tu viện Pechersk mà ngài đã giao phó cho Thánh Stefan.

[3266] Êphrem Sirin – một trong những vị thầy vĩ đại của Giáo hội, sống vào thế kỷ IV. Trong các tác phẩm của ngài, đặc biệt nổi bật là rất nhiều "Lời giảng", mang tính chất đạo đức, tín lý và chú giải (giải thích). Thánh Êphrem Sirin cũng để lại nhiều lời cầu nguyện và thánh ca cảm động. Một số bài thánh ca mừng Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, cũng như những bài thánh ca sâu sắc và cảm động được hát trong lễ an táng, đều do ngài sáng tác. Trong số các lời cầu nguyện do ngài soạn thảo, đặc biệt nổi bật là lời cầu nguyện cảm động trong Mùa Chay: "Lạy Chúa, Đấng cai trị lòng con." – Ngày kỷ niệm Thánh Ephrem được Giáo hội cử hành vào ngày 28 tháng 1

Và như vậy, sau khi vị thánh Theodosius qua đời, Stefan đã đảm nhận chức vụ Bề trên tại Tu viện Pechersk thánh thiêng và, trong hành trình tu hành đầy gian khổ, với sự tận tâm đặc biệt, ngài đã dốc lòng xây dựng nhà thờ mà vị thánh Theodosius đã khởi công và đã được Chúa ban phước lành, cùng các công trình khác của tu viện.

Nhờ ân sủng của Chúa và những lời cầu nguyện của các vị thánh cha Antôn và Theodosius, sau vài năm, Thánh Stefan đã hoàn thành việc xây dựng nhà thờ và tu viện mới, nơi ngài chuyển các tu sĩ từ tu viện cũ sang. Ngài để lại một số tu sĩ tại tu viện cũ, vì theo truyền thống, đó là nơi an táng các tu sĩ đã qua đời. Thánh Stefan đã thiết lập một quy định rằng hàng ngày tại tu viện phải cử hành Thánh lễ để tưởng nhớ các tu sĩ đã qua đời và các vị sáng lập viên đáng kính. Lòng thương xót của Chúa đối với tu viện không bao giờ cạn kiệt, và tại nơi thánh thiêng này, ân sủng của Chúa ngày càng tỏa sáng rõ rệt. Nhưng kẻ thù của mọi điều thiện lành và của các tôi tớ Chúa – ma quỷ – đã căm ghét vị tu viện trưởng đáng kính vì sự quan tâm đó đối với tu viện thánh thiêng, và bằng những mưu mô độc ác của mình, hắn đã khiến một số tu sĩ gây ra hỗn loạn, không chỉ lật đổ chức vụ tu viện trưởng của Thánh Stefan – người mà họ đã nhất trí bầu chọn – mà còn đuổi ông ra khỏi tu viện một cách oan ức. Thánh Stefan đã chịu đựng mọi sự từ các tu sĩ mà không hề oán hận, và dù bị tách khỏi các tu sĩ, ngài vẫn tiếp tục yêu thương họ. Ngài cầu nguyện nhiệt thành cho họ và, noi gương Thánh Stefan, vị tử đạo đầu tiên cùng tên với ngài, đã thốt lên:

– Lạy Chúa, xin đừng quy tội này cho họ!

Như sắt bị nam châm hút, ngài không thể kìm nén được khao khát hướng về nơi an nghỉ của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Nhiều quý tộc và quan lại, những người con thiêng liêng của ngài – những người được Thánh Phê-ô-đô-xi-ô giao phó cho ngài – khi biết được nỗi buồn sâu sắc của vị thầy mình, đã cảm thông sâu sắc với người vô tội phải chịu khổ và tận tâm mang đến cho ngài mọi thứ cần thiết. Lúc bấy giờ, Thánh Stefan nhớ lại những phép lạ vĩ đại mà chính ngài đã tận mắt chứng kiến: cách các thợ thủ công từ Constantinople đến gặp các vị Thánh Antony và Theodosius của Pechersk, mang theo bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh và kể lại về thị kiến của hoàng hậu, diễn ra tại nhà thờ Vlacherna. Và nhờ ơn Chúa cùng những lời cầu nguyện của các vị thánh cha Antôn và Theodosius, Thánh Stefan đã xây dựng một tu viện gần Tu viện Pechersk tại khu vực Klov và dựng lên trong đó một nhà thờ bằng đá mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh, để tưởng nhớ nơi lưu giữ áo thánh của Mẹ, theo mẫu của Nhà thờ Vlacherna ở Constantinople. Hàng năm, vị thánh đều long trọng kỷ niệm ngày 2 tháng 7 và, sau khi tập hợp đông đảo các tu sĩ, ngài đã sống một cuộc đời hiến dâng cho Chúa. Ngài đã tiếp thu Hiến chương Giáo hội và toàn bộ cơ cấu tu viện, đồng thời ra lệnh tuân thủ theo trật tự do Thánh Phê-ô-đô-xi-ô thiết lập tại Tu viện Pechersk.

Ngài đã nỗ lực không ngừng để hoàn thiện đời sống thiêng liêng của mình, nhờ đó danh tiếng của ngài ngày càng lan rộng, đến nỗi ngay cả ở những vùng đất xa xôi nhất, người ta cũng biết đến và ca ngợi ngài vì đời sống đạo đức cao đẹp. Vì vậy, khi vị giám mục của thành phố lừng lẫy

Vladimir – thành phố do Đại công tước Vladimir thành lập để vinh danh tên mình – thì Thánh Stefan đã được bầu lên ngai giám mục của thành phố này và được Đức Thượng phụ Ioann, Tổng giám mục Kiev, tấn phong làm giám mục. Ngài là vị mục tử nhân từ của đoàn chiên được giao phó, làm gương cho đoàn chiên của mình bằng lời nói, cuộc sống đạo đức, tình yêu thương, tinh thần cao thượng, đức tin và sự trong sạch.

Khi nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa và theo ý định của Thánh Gioan, vị Bề trên Tu viện Pechersk, người ta dự định chuyển di hài cốt thiêng liêng của vị Thánh Cha Theodosius của chúng ta từ hang động sang nhà thờ được xây dựng theo chỉ dẫn của Thiên Chúa, thì Đức Giám mục Stefan đáng kính đã từ Vladimir trở về Tu viện Klov của ngài. Vào ban đêm, khi nhìn thấy ánh sáng rực rỡ phía sau cánh đồng trên hang động, ngài nghĩ rằng người ta đang rước di hài thiêng liêng của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô ( ) (vì ngài đã biết về kế hoạch này), và ngài cảm thấy buồn vì lễ rước diễn ra mà không có sự hiện diện của ngài. Ngay lập tức, ngài lên ngựa và phi nước đại đến hang động cùng với Kliment, người mà ngài đã bổ nhiệm làm vị tu viện trưởng kế nhiệm tại tu viện Klov. Khi họ đến gần hang động, họ thấy rằng ánh sáng rực rỡ mà họ nhìn thấy từ xa phát ra từ vô số ngọn nến đang cháy, nhưng khi đến gần, họ không thấy gì cả và hiểu rằng họ đã được ân sủng nhìn thấy ánh sáng vinh quang thiêng liêng phát ra từ di cốt thiêng liêng của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô: họ đã mở nắp đất che phủ di cốt và mang chúng ra lối ra của hang động. Ngày hôm sau sau thị kiến đó, trong số các giám mục đang rước thi hài thiêng liêng của cha và thầy mình, Thánh Theodosius, có cả Thánh Stefan. Khi trở về ngai tòa Vladimir, ngài đã tận tụy hướng dẫn đoàn chiên của mình trên con đường chân lý bằng những đức hạnh của mình, nhờ đó ngài đã xứng đáng nhận được vương miện vinh quang bất diệt. Để nhận lấy vương miện này, vốn đã được định sẵn bởi tên của ngài là "[3267] " và xứng đáng nhờ những việc lành của ngài, vào năm 1094 sau Giáng Sinh, ngài đã về với Chúa Kitô, Đấng Chủ Tịch của mọi

mục tử. Nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Stefan, Đấng đội vương miện, xin Chúa Kitô, Thiên Chúa, ban cho chúng con vương miện vinh quang, để tôn vinh chính Ngài, cùng với Cha Ngài vô thủy và Thánh Thần đồng bản thể, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen.

Ngày 11 tháng 5

Ngày 28 tháng 4 (theo lịch cũ)

Lễ tưởng niệm các Thánh Tông đồ Iason và Sosipater và Thánh nữ tử đạo Kerkyra

Ngày tưởng niệm 28 tháng 4

Thánh Tông đồ Jason xuất thân từ thành Tarsus[3267] , là người Kitô hữu đầu tiên tại thành phố này, còn Thánh Tông đồ Sosipater xuất thân từ Achaia[3268] . Sau khi gia nhập đức tin thánh của Chúa Kitô, cả hai đều trở thành môn đệ của Thánh Tông đồ Phaolô, người trong Thư gửi tín hữu Rôma còn gọi họ là những người thân thuộc (Rm 16,21). Jason được tấn phong làm giám mục tại thành phố quê hương Tarsus, còn Sosipater đảm nhận việc lãnh đạo Giáo hội Iconium; cả hai đều tận tụy chăn dắt và làm cho đoàn chiên của mình ngày càng phát triển. Sau khi lên đường về phía tây, họ đã đến đảo Kerkyra[3269] và xây dựng tại đó một nhà thờ tuyệt đẹp mang tên Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, cử hành thánh lễ tại đó và dẫn dắt nhiều người gia nhập đức tin Kitô giáo. Bị vu khống trước mặt Kerkylin, vua của hòn đảo, họ bị giam vào ngục, nơi có bảy tên cướp đang bị giam giữ: Satornius, Iakiskhol, Faustian, Iannuarion, Marsalius, Euphrasius và Mammius. Các Thánh Tông Đồ đã thu hút họ đến với đức tin thánh thiện bằng những lời giảng đầy cảm hứng từ Thiên Chúa và biến những con sói thành những con chiên. Lúc đó, vị vua ra lệnh đun sôi nhựa thông, lưu huỳnh và sáp trong một cái nồi lớn, rồi ném bảy tù nhân mới được khai sáng này vào đó. Như vậy, họ đã chịu tử đạo và nhận được vương miện từ Chúa. Người gác ngục cũng đã tin vào Đức Kitô. Vì điều này, người ta đã chặt tay trái của ông trước tiên, rồi cả hai chân, và cuối cùng, khi ông vẫn không ngừng kêu cầu danh Đức Kitô, họ đã chặt đầu ông. Và ông đã được kể vào hàng các thánh tử đạo. Còn các Thánh Tông đồ Iason và Sosipater, nhà vua đã đưa ra khỏi ngục tối và giao cho Công tước Cyprian tra tấn. Người này trói họ thật chặt rồi lại đưa trở lại nhà tù.

Khi nhìn thấy từ cung điện của mình cảnh các thánh tử đạo phải chịu đau khổ như vậy và biết rằng họ đang chịu khổ vì Chúa Kitô, con gái của nhà vua, tên là Kerkira, đã tuyên xưng mình là Kitô hữu, cởi bỏ những bộ trang phục quý giá và đồ trang sức, rồi phân phát cho những người nghèo.

Khi biết chuyện này, cha cô tràn ngập nỗi buồn sâu sắc và đã dùng mọi cách để khiến cô từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô. Khi mọi nỗ lực đều vô ích, nhà vua trong cơn thịnh nộ dữ dội đã nhốt cô vào một ngục tối riêng biệt và ra lệnh giao cô cho một tên dâm đãng tên là Murin để hắn làm nhục cô. Khi Murin bước đến cửa nhà tù, bỗng nhiên một con gấu chạy đến, tóm lấy hắn và bắt đầu xé xác. Nghe thấy tiếng ồn ào và nhìn qua cửa sổ thấy chuyện đang xảy ra, công chúa đang bị giam trong ngục đã xua đuổi con thú bằng danh Chúa Kitô, chữa lành vết thương cho Murin và, bằng cách khai sáng những chân lý của đức tin thánh thiện, đã khiến hắn trở thành một Kitô hữu.

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại! – Murin thốt lên vang dội, và vì điều đó, sau khi chịu những cực hình khủng khiếp, anh đã qua đời trong đau đớn và được lên gặp Chúa cùng với đoàn thể các vị tử đạo.

Lúc đó, nhà vua ra lệnh cho binh lính chất củi xung quanh ngục tối và châm lửa, để con gái ông cũng bị thiêu rụi cùng với ngục tối. Họ làm theo lệnh, và ngục tối bốc cháy. Nhưng cô gái vẫn còn sống và không hề hấn gì: ngọn lửa không hề chạm đến cô. Chứng kiến phép lạ này, nhiều người trong dân chúng đã tin vào Chúa Kitô.

Cuối cùng, vị thánh nữ bị những kẻ tra tấn treo lên cây, bị ngạt thở bởi khói độc, bị bắn bằng tên và đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa. Sau khi cô qua đời, nhà vua bắt đầu truy lùng những người tin vào Chúa Kitô.

[3267] Một thành phố ở Tiểu Á, cũng như Iconium.
[3268] Nằm ở Hy Lạp, ở phần phía bắc của bán đảo Peloponnese.
[3269] Một hòn đảo trên Biển Ionia, gần Hy Lạp.

Họ, vì sợ bị tra tấn, đã chạy trốn sang hòn đảo lân cận và ẩn náu ở đó. Biết được điều này, nhà vua đích thân chèo thuyền đến hòn đảo đó, với ý định trừng phạt họ bằng những hình phạt khủng khiếp. Nhưng khi ông đang ở giữa biển khơi, bị cơn thịnh nộ của Thiên Chúa truy đuổi, ông đã chìm xuống đáy biển sâu, giống như Pharaoh xưa kia. Các Kitô hữu, sau khi thoát khỏi kẻ hành hạ này, đã dâng lên Chúa những bài thánh ca tạ ơn. Các Thánh Tông đồ Gia-sôn và So-si-pa-trô, được giải thoát khỏi ngục tối, đã tự do giảng dạy Lời Chúa cho dân chúng.

Khi một vị vua khác lên ngôi và biết về các Thánh Tông đồ, ông đã bắt giữ họ và ra lệnh đun sôi nhựa thông, lưu huỳnh và sáp trong một cái nồi sắt, rồi ném các thánh vào đó. Nhưng nhờ ân sủng của Chúa Kitô, các Tông đồ đứng trong cái nồi đó mà không bị thiêu đốt, trong khi nhiều người ngoại đạo đứng xung quanh lại bị lửa thiêu cháy. Những người khác, khi chứng kiến phép lạ này, đã tin vào Chúa Kitô. Chính vị vua cũng đã tin, rồi tự đeo một hòn đá vào cổ, vừa khóc lóc vừa kêu lên:

– Lạy Thiên Chúa của Iason và Sosipater, xin thương xót con!

Lúc bấy giờ, các Thánh Tông đồ tập hợp tất cả những người đã tin, dạy dỗ họ Lời Chúa, và sau khi hướng dẫn nhà vua, đã làm phép rửa cho ông nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, đồng thời đặt tên cho ông là Sebastians. Vài ngày sau, con trai nhà vua lâm bệnh và qua đời. Lúc bấy giờ, các Thánh Tông đồ, sau khi cầu nguyện cùng Thiên Chúa, đã làm cho cậu bé sống lại từ cõi chết. Họ còn thực hiện nhiều phép lạ khác và cùng với nhà vua xây dựng những nhà thờ tráng lệ. Sau khi hoàn thành sứ mệnh thánh thiện của mình và làm gia tăng đoàn chiên của Chúa Kitô, các Tông đồ đã qua đời ở tuổi cao và vui mừng về với Chúa Kitô, Thiên Chúa.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Các ngài đã hiện ra như những vì sao rực rỡ, chiếu sáng cả vũ trụ bằng ánh sáng của lời rao giảng, các Tông đồ Thánh Iason và Sosipater, xin cứu rỗi những ai tôn kính các ngài bằng đức tin.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Maximus, Dada và Quintilian

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 4

Vào năm thứ hai dưới triều đại của các hoàng đế La Mã vô đạo là Diocletian và Maximian[3270] , dưới thời các tổng trấn Tarquinius và Gavius, ma quỷ đã trút cơn thịnh nộ khủng khiếp xuống các Kitô hữu. Từ các vị vua và tổng trấn này đã ban ra sắc lệnh như sau:

– Mặc dù chúng ta biết rằng tất cả thần dân của chúng ta đều kính trọng các vị thần, nhưng vì lo lắng cho sự ổn định tốt đẹp của nhà nước, chúng ta xin và khuyên nhủ tất cả những ai hiện đang sống trên lãnh thổ Đế quốc La Mã hãy tự mình hết lòng tôn kính và yêu mến các vị thần, đồng thời cố gắng dẫn dắt những người khác làm theo. Nếu có ai đó ở bất cứ đâu nhắc đến danh xưng của Đấng Christ, thì người đó sẽ phải hứng chịu cơn thịnh nộ của chúng ta.

Nghe lệnh này, tất cả các dân tộc đều vội vã tụ tập lại, dâng lễ vật cho các vị thần theo lệnh và chào mừng các vị lãnh đạo của mình bằng những lời sau:

– Xin chúc các vị lãnh chúa của chúng ta được vui vẻ và trường thọ vì đã quan tâm đến việc tôn kính các vị thần như vậy!

Thống đốc Tarquinius nói với những người có mặt:

– Thấy sự nhiệt thành của các ngươi như vậy, chúng ta xin các ngươi hãy tập hợp lại vào ngày mai để cùng dâng lễ vật lên các vị thần; còn bây giờ, hãy vui vẻ cùng chúng ta và nghỉ ngơi sau chặng đường dài, ngày mai sau khi dâng lễ vật, mỗi người hãy trở về thành phố của mình. Sáng hôm sau, mọi người đều tụ tập, tổ chức một lễ hội ghê tởm, dâng lễ vật cho các thần tượng, rồi được Tarquinius cho về nhà. Ngày hôm sau, một trong những kẻ thờ thần tượng vô đạo đã báo cáo với Tarquinius:

– Trong thành có ba người đàn ông, hôm qua đã không tuân lệnh ngài và không dâng lễ vật, mà thầm thì rằng họ thờ phượng Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng ngự trên trời.

[3270] Diocletian trị vì từ năm 284 đến năm 305, còn Maximian (Galerius) trị vì từ năm 306 đến năm 311.

Tarquinius lập tức sai các tôi tớ đi bắt những kẻ bất tuân. Khi tìm thấy họ đang cầu nguyện với Đức Chúa Trời tại làng Ozovia, các tôi tớ đã xiềng xích họ lại và nhanh chóng đưa về thành Dorostol, nơi lúc đó tình cờ có cả hai quan tổng trấn đang có mặt. Đã là buổi tối khi họ đến thành phố và báo tin về những Kitô hữu bị bắt. Tarquinius ra lệnh canh giữ các tù nhân cho đến sáng. Các thánh đã cầu nguyện suốt đêm và kêu lên:

– Lạy Chúa chúng con, Đức Giêsu Kitô! Xin ban cho chúng con sức mạnh từ trời cao để giúp chúng con chiến thắng kẻ thù, và xin cho chúng con, nhờ lòng nhân từ của Ngài, được nhận vương miện chiến thắng.

Sáng hôm sau, Tarquinius và Gavius ngồi trên ghế xét xử và ra lệnh đưa các Kitô hữu bị bắt đến trước mặt họ. Khi nhìn thấy họ, Tarquinius hỏi:

– Có phải những người này đã coi thường mệnh lệnh của chúng ta và tự ý tuyên xưng đức tin của họ không?

Sau đó, ông hỏi các thánh tên là gì. Thánh Maxim trả lời:

– Về mặt đức tin, tôi là Kitô hữu, giống như các anh em của tôi đây, còn về mặt con người, tôi được gọi là Maxim.

– Ngươi đã tuyên bố – vị thống đốc nói – rằng ngươi không thờ các vị thần của chúng ta, mà thờ một vị thần nào khác. Bạn đồng hành của ngươi tên là gì?

Người đó tự trả lời rằng tên mình là Dada và anh ta cũng là Kitô hữu, giống như người anh em của mình. Khi Tarquinius hỏi người thứ ba tên là gì, Quintilian đã nêu tên mình và tuyên bố rằng anh ta cũng là Kitô hữu. Thư ký Magnilian đã ghi chép lời khai của từng người. Thống đốc Gavius hỏi ông ta liệu đã ghi lại tên họ chưa. Magnilian nói rằng ông sẽ đọc lên nếu nhận được lệnh.

– Hãy đọc đi, – Gavius nói. Thư ký đọc:

– Tên của những người sắp trở thành Kitô hữu, theo lời khai của họ, là: Maxim, Dada, Quintilian.

Lúc đó, Tarquinius quay sang các thánh nhân và nói:

– Mạng sống của các ngươi nằm trong tay các ngươi. Nếu muốn sống, hãy dâng lễ vật cho Mẹ của các vị thần và trở thành các thầy tế lễ của bà, vì thầy tế lễ của bà đã qua đời và về với vị vua vĩ đại trên trời là Zeus, để phụng sự ngài ở đó.

– Hỡi kẻ vô đạo và vô liêm sỉ! – Maxim đáp lại. – Hay là ngươi không sợ Chúa, khi gọi tên một kẻ ngoại tình đồi bại là thần và xưng là vua? Hãy biết rằng, hỡi những kẻ điên rồ, Vua Thiên Đàng chính là Đức Kitô, Đấng chăm sóc và cai trị muôn loài. Hãy biết thêm rằng, chúng ta, những tạo vật của Thiên Chúa Chân Thật, sẽ không bao giờ tuân theo mệnh lệnh hủy diệt của các ngươi!

Thống đốc Gavius đã triệu tập Dada và Quintilian đến và có một cuộc trò chuyện dài với họ mà không thành công, cố gắng thuyết phục họ thừa nhận giáo lý bất chính và tai hại của mình. Các thánh đáp lại:

– Chúng tôi ủng hộ những gì anh em chúng tôi là Maxim đã nói. Anh ấy là người đọc Kinh Thánh trong Giáo hội Công giáo của chúng tôi, hiểu rõ Kinh Thánh và biết điều gì có lợi cho chúng tôi. Còn ngài, bị ám ảnh bởi sự điên rồ của ma quỷ, lại không biết điều gì là cần thiết cho chính mình. Nếu ngài chịu lắng nghe chúng tôi, ngài sẽ nhìn thấy ánh sáng.

Lúc đó, Gavius và Tarquinius nói:

– Này, chúng tôi đã khuyên nhủ và chỉ bảo cho ngài mọi cách về điều tốt nhất, nhưng ngài lại không chịu nghe theo và vẫn tiếp tục những hành động điên rồ của mình.

– Không, – thánh Maxim đáp lại, – chính các ngài mới là những kẻ điên cuồng, muốn lôi kéo những người sống đạo đức và phụng sự Đức Chúa Trời Duy Nhất vào đức tin ma quỷ. Hãy làm với chúng tôi bất cứ điều gì các ngài muốn, nhưng đừng bao giờ khiến chúng tôi xa rời đức tin chân chính.

Lúc đó, Gavius và Tarquinius bắt đầu bàn bạc xem phải làm gì với các thánh nhân, rồi ra lệnh đưa họ vào ngục tối. Các ngài vui vẻ đi theo, trò chuyện về sự cứu rỗi của mình. Trong ngục, các ngài tiếp tục những cuộc trò chuyện thiêng liêng, và Thánh Maxim đã giảng dạy cho Dada và Quintilian rất nhiều điều từ Kinh Thánh. Vào nửa đêm, họ chìm vào giấc ngủ và thấy trong giấc mơ con quỷ đang xông vào họ với vũ khí. Khi tỉnh giấc, họ thấy một Thiên thần đang nói với họ:

– Đừng sợ: Thiên Chúa, niềm hy vọng của các con, sẽ đón nhận các con về với Ngài. Ngài không xa các con và sẽ giúp đỡ các con.

Sự hiện ra của Thiên thần và những lời của Ngài đã tiếp thêm sức mạnh cho các vị tử đạo; họ ngợi khen Thiên Chúa, ca ngợi Ngài cho đến sáng.

Các quan chức, khi ngồi trên ghế xét xử, ra lệnh đưa các tù nhân trở lại trước mặt họ, và Gavius nói với họ:

– Chúng ta đã triệu tập các ngươi; một lần nữa, chúng ta khuyên các ngươi hãy dâng lễ vật cho các vị thần, và khi đó các ngươi sẽ nhận được từ chúng ta những vinh dự không nhỏ. Nếu các ngươi không vâng lời chúng ta, thì chính các ngươi sẽ phải chịu trách nhiệm về cái chết của mình. Đêm qua, các vị thần của chúng ta đã phán truyền ý muốn của Ngài về các ngươi trong giấc mơ.

Các thánh tử đạo đáp lại rằng chính Đức Chúa Trời cũng đã ra lệnh cho họ phải chịu mọi hình phạt vì danh thánh của Ngài. Tarquinius quay sang Gavius và nói:

– Nếu không đưa họ đi chịu hình phạt, thì họ sẽ không bao giờ nghe lời chúng ta.

Gavinus đáp:

– Chính họ đã tự chọn điều này, hãy để họ tự trách mình.

Lúc đó, các nhà cầm quyền ra lệnh cởi bỏ quần áo của các vị tử đạo. Khi việc này được thực hiện xong, Gavinius ra lệnh trói họ lại, quăng xuống đất và đánh đập. Khi việc này cũng được thực hiện xong, Tarquinius nói với các tôi tớ:

– Hãy hỏi họ xem họ có muốn vâng lời chúng ta và dâng lễ vật lên các vị thần không; nếu không, chúng ta sẽ áp dụng những hình phạt khác và giết họ bằng cái chết tàn khốc.

Trước những câu hỏi của các đầy tớ, các thánh tử đạo đồng thanh đáp lại:

– Thiên Chúa của chúng tôi ban sức mạnh cho chúng tôi, chúng tôi coi thường những hình phạt của các ngươi, sẽ không nghe theo lời xúi giục gian ác của các ngươi và sẽ không dâng lễ vật cho ma quỷ.

Tarquinius ra lệnh cho các thuộc hạ dẫn các thánh trở lại ngục tối, vì đã đến giờ ăn trưa. Khi đã qua giờ thứ bảy, các quan tòa lại ngồi vào ghế xét xử, và các vị thánh tử đạo lại được dẫn đến.

Gavinus hỏi:

– Maxim! Ngươi có định nghe theo lời khuyên của chúng ta và dâng lễ vật cho các vị thần không?

Thánh Maxim trả lời:

– Chúng tôi không chấp nhận lời khuyên của các ngài; như đã nói trước đây, và bây giờ chúng tôi lặp lại rằng, chúng tôi chỉ thờ phượng Chúa Giêsu Kitô của chúng tôi cùng với Thiên Chúa Cha và Chúa Thánh Thần.

Gavinus tức giận quát lên:

– Nếu các ngươi không chịu tỉnh ngộ và thờ lạy các vị thần, thì chúng ta sẽ tiêu diệt các ngươi: chúng ta sẽ ra lệnh đưa các ngươi đến một nơi hoang vắng và chặt đầu các ngươi tại đó.

Các thánh đã khẩn cầu các quan chức thực hiện lời đe dọa đó. Lúc bấy giờ, các quan tổng trấn ra lệnh dẫn các vị tử đạo về làng của họ và chặt đầu tại đó. Nghe bản án tử hình, các thánh ngợi khen Thiên Chúa và cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã giải thoát chúng con khỏi cuộc sống trần gian đầy tội lỗi, xin hãy đón nhận chúng con vào cung điện của Ngài và ban cho chúng con được hưởng Nước Trời của Ngài.

Các vị thánh tử đạo đang cầu nguyện đã bị dẫn đến làng Ozovia, tại đó họ bị chém đầu, và các thánh tử đạo Maxim, Dada và Quintilian đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa vào ngày 28 tháng Tư, dưới triều đại của Diocletian và Maximian, dưới thời các quan tổng trấn Tarquinius và Gavius. Chúa Giêsu Kitô, Đấng cai trị chúng con, xin được vinh quang, quyền năng và Nước Trời muôn đời. Amen.

Kỷ niệm Thánh Cyril, Giám mục Turov, cha của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 4

Thánh Cyril là con trai của một gia đình giàu có, sinh ra và lớn lên tại thành phố Turov[3271] . Không ham mê của cải và danh vọng của thế gian phù du này, ngài đã dành hết tâm huyết để nghiên cứu các sách Thánh và thông thạo Kinh Thánh một cách hoàn hảo. Khi đến thời điểm thích hợp, ngài đã vào tu viện[3272] . Sau khi nhận lễ xuất gia,

[3271] Thành phố Turov, nay là một thị trấn thuộc tỉnh Minsk, huyện Mozyr, tọa lạc bên sông Tiripeti, nằm ở giữa khoảng cách giữa hai thành phố Mozyr và Pinsk ngày nay. Theo ghi chép trong biên niên sử, thành phố này được thành lập bởi người Varangian tên là Turov, người đã vượt biển đến đây cùng với một người Varangian khác là Rogvolod – người đã thành lập Công quốc Polotsk – vào thời trị vì của Olga hoặc Sviatoslav.

[3272] Thánh Kirill đã tu hành tại tu viện Borisoglebsky, nằm gần Turov. Tu viện này được nhắc đến trong tiểu sử của Thánh Martin. Lễ kỷ niệm ngài được tổ chức vào ngày 28 tháng 6.

ngài đã phụng sự Thiên Chúa hơn tất cả các tu sĩ khác, bằng cách nhịn ăn và thức trắng đêm để làm kiệt sức thân xác mình, và nhờ đó đã biến bản thân thành nơi cư ngụ tinh khiết của Thánh Thần. Trong thời gian này, ngài đã mang lại lợi ích cho nhiều người bằng cách dạy dỗ và lấy gương sáng của mình để khuyến khích các tu sĩ luôn tuân phục và vâng lời vị Bề trên, tôn kính ngài như Thiên Chúa, và vâng theo mọi lời ngài dạy; ngài còn khẳng định rằng tu sĩ nào không vâng lời vị Bề trên của mình theo lời khấn đã thề thì không thể được cứu rỗi. Sau đó, với khát vọng hướng tới những công đức cao cả hơn, Thánh Cyril đã tự giam mình trong một cột đá, nơi ngài ở lại một thời gian, tu tập bằng việc ăn chay và cầu nguyện. Tại đây, ngài đã soạn thảo nhiều tác phẩm đạo đức, nhờ đó mà nổi tiếng khắp vùng lân cận. Trước lời thỉnh cầu tha thiết của Công tước[3273] và cư dân thành phố, Tổng giám mục đã phong ngài lên hàng giám mục và bổ nhiệm ngài làm Giám mục thành phố Turov[3274] , nơi lúc bấy giờ mang tên đó và nằm gần Kiev.

Trong chức vụ giám mục, Thánh Kirill đã tận tụy phục vụ trong việc quản lý Giáo hội của Đức Chúa Trời. Dựa trên Kinh Thánh, ngài đã vạch trần tà giáo của Theodorets[3275] — cái tên được đặt ra để chế nhạo — và tuyên bố nguyền rủa hắn[3276] . Ngài đã viết nhiều thư tín dựa trên Lời Phúc Âm và các sách tiên tri gửi cho Công tước Andrei Bogolyubsky[3277] , đồng thời gửi cho ngài những bài giảng do chính ngài soạn thảo nhân các ngày lễ của Chúa, cùng nhiều tác phẩm khác có ích cho linh hồn. Sau khi viết tất cả những điều này và soạn thảo nhiều tác phẩm khác, Thánh Kirill đã phổ biến chúng trong cộng đồng tín hữu của mình. Cho đến nay, người Nga Chính Thống vẫn tiếp tục sử dụng các tác phẩm của ngài để soi sáng và an ủi tâm hồn[3278] . Sau khi dành cả cuộc đời cho những việc làm đạo đức như vậy và quản lý đàn chiên được giao phó một cách xứng đáng, Thánh Kirill đã an nghỉ trong sự bình an vĩnh cửu của cuộc sống vô tận[3279] .

Hãy đến đây ngay bây giờ, hỡi anh em, chúng ta hãy tôn vinh vị thánh này bằng những lời sau: Hỡi vị thánh và vị thầy vinh quang, người đã giành được danh tiếng hơn tất cả những người khác với danh hiệu "Zlatoust thứ hai" tại Nga, xin hãy vui mừng. Hỡi ngài, người đã dùng lời nói sáng chói của mình để hướng dẫn tất cả các vùng đất của nước Nga về sự khôn ngoan thiêng liêng, xin hãy vui mừng. Khi dâng lên ngài lời ca ngợi khiêm tốn này, chúng con cầu xin ngài: hãy cầu nguyện cho chúng con trước Đấng Toàn Năng, Đấng mà ngài hiện đang can đảm đứng trước mặt, để Ngài giải thoát chúng con khỏi những tai ương đang ập xuống và khỏi những kẻ vô thần[3280] , những kẻ luôn đàn áp chúng con, để nhờ những lời cầu nguyện của ngài, chúng con nhận được từ Chúa lòng thương xót, sự tha thứ tội lỗi và hạnh phúc vĩnh cửu trong cuộc sống tương lai.

- Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ các thánh tử đạo: Satornius, Iakiskholos, Faustianus, Iannuarus, Marsalius, Euphrasius, Mammia (những tên cướp đã được các tông đồ Iason và Sosipater khai sáng trong ngục tối, sau đó bị ném vào nồi nhựa đường sôi sục), Zinon, Eusebius, Neon và Vitalius (cũng được các tông đồ đó khai sáng và bị thiêu sống); tất cả các vị tử đạo này đều chịu khổ nạn trên đảo Kerkyra.

Ngày 12 tháng 5

Ngày 29 tháng 4 (theo lịch cũ)

[3273] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến Công tước Yaroslav Georgievich hoặc Yaroslavovich, người đã trị vì tại Turov từ năm 1146.

[3274] Năm Thánh Kirill nhậm chức giám mục hiện chưa được xác định.

[3275] Tên "Feodorets" ở đây ám chỉ Feodor, người được Công tước Andrei Bogolyubsky sủng ái, ban đầu là tu viện trưởng ở Suzdal, sau đó là Giám mục Rostov, người đã thực hiện nhiều hành vi tàn ác và bị xử tử vào khoảng năm 1169. Trong Biên niên sử Novgorod, ông được gọi là "mũ trùm trắng" vì đã tự ý đội mũ trùm trắng thay vì mũ trùm đen.

[3276] Thánh Cyril đã có mặt tại công đồng năm 1169, nơi Feodorets bị xét xử và kết án là kẻ dị giáo và ác nhân, và cùng với các giám mục khác, ngài đã tham gia vào việc kết án ông ta.

[3277] Người ta cho rằng những thông điệp này cũng liên quan đến vụ việc của Feodorets, nhưng không có thông điệp nào trong số đó còn được biết đến.

[3278] Trong số các tác phẩm của Thánh Cyril, những gì còn lưu truyền đến ngày nay bao gồm: 9 bài giảng được trình bày trong nhà thờ trước dân chúng, 3 bài viết được trình bày dưới dạng thư hoặc lời khuyên dành cho các tu sĩ, và hơn 20 lời cầu nguyện cùng một kinh cầu nguyện. Tính xác thực của các tác phẩm này là không thể nghi ngờ.

[3279] Thánh Kirill qua đời vào khoảng năm 1183, sau khi từ bỏ chức vụ giám mục trước năm đó vì yêu thích cuộc sống ẩn dật.

[3280] Tất nhiên là người Tatar. Bài tưởng niệm về Thánh Kirill chắc chắn được soạn thảo vào thời kỳ người Tatar thống trị nước Nga. Bài tưởng niệm này, trích từ bản Prolog viết tay thế kỷ XIV, lần đầu tiên được đưa vào bản in của Prolog trong các ấn bản năm 1642 và 1643.

Cùng ngày này, tưởng niệm các thánh tử đạo Diodorus và Rodopian, phó tế, đã chịu tử đạo dưới thời Diocletian, tại Aphrodisias thuộc Caria.

Kỷ niệm chín vị thánh tử đạo, đã chịu tử đạo tại Kizik

Ngày tưởng niệm 29 tháng 4

Thành phố Kizik nằm ở vùng Mysia thuộc Tiểu Á, bên bờ eo biển Dardanelles[3281] , nơi ngăn cách châu Á với châu Âu. Thành phố này nằm gần thành phố Troas, nơi Thánh Tông đồ Phaolô – vị thầy của những người ngoại đạo[3282] – đã rao giảng và nơi đây cũng được chính vị Tông đồ ấy truyền bá đức tin Kitô giáo. Mặc dù thành phố này đã được soi sáng bởi ánh sáng của Kitô giáo, nhưng ban đầu nơi đây không có nhiều Kitô hữu, do sự đàn áp đối với đức tin Kitô giáo từ phía những người ngoại đạo. Khi các hoàng đế La Mã vô đạo, những người trị vì trước thời Constantine Đại đế, ban hành những sắc lệnh đáng sợ khắp các quốc gia – buộc tất cả những ai xưng danh Chúa Kitô, phải thờ lạy các thần tượng, và cử những quan cai trị tàn bạo đến, với nhiệm vụ hành quyết bằng nhiều cách khác nhau và giết chết tất cả những ai không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế – thì nhiều tín hữu Kitô giáo đã bỏ trốn khỏi thành phố, lang thang trên núi non và sa mạc; một số tín hữu khác thì sống giữa những người ngoại đạo, nhưng che giấu đức tin của mình trước họ; còn những ai đặc biệt yêu mến Thiên Chúa và Chúa Giêsu Kitô của mình một cách nồng nhiệt, thì công khai tuyên xưng danh Chúa Kitô giữa đám người ngoại đạo và sẵn lòng chịu đủ mọi hình thức tra tấn và cái chết vì danh Chúa Kitô. Trong số những người này có chín vị thánh tử đạo mà chúng ta đang tưởng nhớ hôm nay, những người đàn ông dũng cảm, vững vàng trong đức tin thánh thiện như núi Si-ôn[3283] , và tràn đầy lòng nhiệt thành vì Đức Chúa Trời như Ê-li. Tên của các ngài như sau: Theognus, Rufus, Antipater, Theostichus, Artema, Magnus, Theodotus, Faumasius và Philemon.

Các thánh tử đạo này đến từ nhiều thành phố khác nhau. Khi tụ họp lại tại Kizik, họ không sợ hãi trước những mệnh lệnh đáng sợ của vua chúa, cũng như trước những cực hình và cái chết, mà đã lớn tiếng tôn vinh Đức Kitô, can đảm tuyên xưng rằng Ngài là Thiên Chúa Chân Thật, Đấng Tạo Hóa và Đấng Toàn Năng của cả thế giới. Đồng thời, họ cũng vạch trần và lên án những giáo lý gian ác của những kẻ ngoại đạo thờ thần tượng, những kẻ thay vì tôn kính Thiên Chúa lại tôn sùng ma quỷ; thay vì thờ phượng Đấng Tạo Hóa của cả thế giới, họ lại thờ phượng các loài thụ tạo; thay vì thờ phượng Thiên Chúa Hằng Sống, họ lại thờ phượng những tượng thần vô hồn; thay vì tôn kính Thiên Chúa Chân Thật, họ lại tôn kính các thần giả; thay vì yêu mến Thiên Chúa Nhân Từ, Đấng ban mọi ơn lành cho loài người, họ lại dâng lễ vật cho các quỷ dữ tàn nhẫn – những kẻ hành hạ con người. Vì vậy, các thánh tử đạo này đã khuyên nhủ những người ngoại đạo bị mù quáng bởi sự vô tín hãy từ bỏ những lầm lạc của mình và nhận biết lẽ thật, để khi được soi sáng bởi ánh sáng của giáo lý Kitô giáo, họ sẽ tin vào Đấng Duy Nhất và Chân Thật ngự trên trời, Thiên Chúa nắm giữ toàn bộ vũ trụ trong quyền năng của Ngài.

Khi biết về lời rao giảng táo bạo như vậy của các thánh, những kẻ hầu hạ ma quỷ đã bắt giữ các ngài một cách tàn nhẫn, như sói bắt cừu, rồi trói lại và đưa các ngài đến trước quan trưởng thành phố để thẩm vấn, như thể các ngài là những tên ác nhân.

Các chiến binh thánh của Đấng Christ đã dũng cảm đứng trước quan tòa bất chính. Trái tim họ bừng cháy bởi ngọn lửa tình yêu dành cho Thiên Chúa và lòng nhiệt thành vì vinh quang của Ngài. Khi đứng trước kẻ hành hạ, họ đã mặc lấy toàn bộ vũ khí của Thiên Chúa (xem: Ê-phê-sô 6:11), để dũng cảm đối đầu với vị quan tòa bất chính, và hơn hết là chính vị vua của bóng tối, người mà họ đang ra trận chống lại.

Vị quan tòa bất chính đã bắt họ phải chịu đủ loại hình phạt và tra tấn; không chỉ một lần, ông ta nhốt họ vào ngục tối, rồi lại đưa ra và tra tấn họ, đòi họ phải từ bỏ Đấng Christ và dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng những chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô tuyệt đối không chịu từ bỏ Chúa Kitô, Thiên Chúa và Chúa của họ; ngược lại,

---

[3281] Eo biển Dardanelles (trong thời cổ đại gọi là Hellespont) nối liền hai vùng biển: Biển Đá Cẩm Thạch và Biển Aegean.

[3282] Tên gọi: "người dạy các dân ngoại" (hoặc những người ngoại đạo) được gán cho Thánh Tông đồ Phaolô vì ngài chủ yếu rao giảng cho những người ngoại đạo, trong khi Thánh Tông đồ Phêrô chủ yếu rao giảng cho người Do Thái. – Lễ kính các Thánh Tông đồ Trưởng Phêrô và Phaolô vào ngày 29 tháng 6.

[3283] Si-ôn – phần cao nguyên phía tây nam của Giê-ru-sa-lem. Tại đây, vào thời Cựu Ước, một pháo đài đã được xây dựng để bảo vệ Giê-ru-sa-lem. Trong Kinh Thánh, Si-ôn thường được mô tả như là nơi ngự của chính Đức Chúa Trời và nói chung là pháo đài, thành trì của Y-sơ-ra-ên (Thi Thiên 73:2, 75:3, 98:2, 109:2, 145:10, v.v.).

họ bắt đầu nói về sự hư vô của việc thờ ngẫu tượng và lên án chính vị quan tòa vì sự vô đạo của ông ta. Kết quả là, sau khi phải chịu nhiều hình phạt khác nhau, họ đã bị chém đầu. Thi thể của họ cũng được chôn cất tại khu vực đó.

Vài năm sau đó, Constantine Đại Đế lên ngôi; ngài đã nhận phép rửa tội thánh và chấm dứt cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu. Ánh sáng của đức tin Kitô giáo giờ đây đã lan tỏa khắp vũ trụ.

Lúc bấy giờ, các Kitô hữu ở Kizik đã kính cẩn khai quật thi hài các thánh tử đạo khỏi lòng đất, và thấy rằng thi hài của các ngài vẫn còn nguyên vẹn, không bị hư nát; sau đó, họ đặt các thi hài vào những quan tài mới, xây dựng một nhà thờ để tôn vinh các thánh tử đạo và kính cẩn rước báu vật quý giá của mình vào đó.

Từ những di cốt thánh này, nhiều phép lạ và sự chữa lành đa dạng đã xảy ra: ma quỷ bị trục xuất, những người bị liệt đã khỏe mạnh trở lại, những người mắc bệnh sốt đã được chữa lành hoàn toàn khỏi bệnh tật của mình.

Chẳng hạn, một người đàn ông nổi tiếng trong thành phố, mắc bệnh phù thũng, đã được chữa lành khi chạm vào hòm đựng di cốt thánh với lòng tin. Tương tự, bất kỳ ai, dù mắc bệnh gì đi chăng nữa, chỉ cần chạm vào quan tài của các thánh tử đạo với lòng tin, đều lập tức được chữa lành.

Thấy điều này, nhiều người ngoại đạo đã quay về với Chúa Kitô, đến nỗi chẳng bao lâu sau, cả thành phố đều tin vào Chúa Kitô; các tượng thần và đền thờ ngoại giáo bị phá hủy, và thay vào đó là các nhà thờ Kitô giáo được xây dựng; đức tin và sự sùng kính nở rộ tại thành phố Kizik, nhờ những lời cầu nguyện của chín vị thánh tử đạo đang an nghỉ tại đó.

Khi vị vua đạo đức Constantine và con trai ông là Constantius[3284] , những người đã trị vì trong một thời gian khá dài, qua đời, thì Julian the Apostate[3285] , một vị hoàng đế vô đạo, lên ngôi; lúc đó, một số người Hy Lạp ngoại đạo sống trong thành phố đó đã đến gặp vị hoàng đế này và tố cáo các Kitô hữu rằng họ đã phá hủy tất cả các đền thờ của họ và đập vỡ các bàn thờ hiến tế.

Nghe tin này, hoàng đế, dù đã ra lệnh khôi phục các đền thờ ngoại giáo và các tượng thần, nhưng không cho phép đàn áp những người Kitô hữu đang sinh sống trong thành phố, vì số lượng họ rất đông (do đó ông lo sợ sẽ gây ra sự phẫn nộ trong dân chúng). Tuy nhiên, vị hoàng đế vô đạo này đã ra lệnh giam giữ Giám mục Kitô giáo Eleusios vào ngục tối. Khi ông ra trận chống lại người Ba Tư và tử trận tại đó, giám mục Eleusios được thả tự do, và ánh sáng đức tin vào Chúa Kitô lại tỏa sáng tại thành phố Kizik; thành phố ấy được củng cố và vững chắc như một bức tường kiên cố, nhờ sự cầu bầu nhiệt thành trước mặt Thiên Chúa của các thánh tử đạo ấy. Nhờ những lời cầu nguyện của các ngài, xin cho chúng con cũng được chữa lành khỏi mọi bệnh tật, cả về tâm hồn lẫn thể xác, và xin cho chúng con cũng được hưởng ân sủng và lòng thương xót từ Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con. Amen.

Kondak, giọng 2:

Hình ảnh kiên định và rực rỡ của chín vị tử đạo, những người làm chứng cho Ba Ngôi Thiên Chúa, ngay từ đầu đã kêu cầu trước tòa án của Ngài: “Chúng con dâng lên Ngài, lạy Chúa, máu và linh hồn cùng thân xác của chúng con, như một của lễ vô tì vết; xin hãy ghi tên chúng con vào số những người trên trời, lạy Thiên Chúa đầy lòng thương xót.”

Lễ tưởng niệm Thánh Memnon, vị Thánh làm phép lạ

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 4

Thánh Mê-môn, vị cha đáng kính của chúng ta, từ thuở thiếu thời đã hiến dâng đời mình để phụng sự Thiên Chúa và trở thành nơi cư ngụ tinh khiết của Thánh Thần, vì ngài đã khuất phục xác thịt trước tinh thần, tiêu diệt các dục vọng xác thịt bằng nhiều công việc vất vả và gian khổ. Thánh Mê-môn được bổ nhiệm làm người đứng đầu các tu sĩ (bề trên). Nhờ đời sống thánh thiện như các thiên thần, ngài đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng dồi dào về việc làm phép lạ, chữa lành những người bệnh nan y, và cũng thực hiện nhiều phép lạ khác. Chẳng hạn, tại một nơi

[3284] Constantius cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 337 đến năm 363. Phần phía tây của đế chế vào thời điểm đó do Constant (từ năm 337 đến năm 350) và Magnentius (từ năm 350 đến năm 353) cai trị. Từ năm 353 đến năm 361, Constantius đã cai trị cả hai phần của Đế chế La Mã.

[3285] Julianus Apostata cai trị Đế chế La Mã từ năm 361 đến năm 363.

khô cằn, sau lời cầu nguyện của vị thánh, một suối nước đã tuôn trào; Ngài thường xuyên cứu các con tàu khỏi bị chìm khi chúng bị cuốn vào sóng biển dữ dội và đang chìm dần; xua đuổi đàn châu chấu đã ồ ạt đổ về vùng đất đó và đang tàn phá hết thảy hoa quả và cỏ cây; thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại khác – chính vì thế mà ngài được gọi là "người làm phép lạ".

Vậy, sau nhiều năm tu hành trong sự kiêng khem và làm đẹp lòng Chúa bằng đời sống đạo đức của mình, Memnon đã ra đi trong niềm vui về với Chúa, Đấng mà ngài đã yêu mến bằng cả trái tim mình.

Không chỉ khi còn sống, mà ngay cả sau khi qua đời, vị thánh vẫn thực hiện nhiều phép lạ đa dạng, vì từ quan tài của ngài, những người đau ốm được chữa lành, và chỉ cần gọi tên vị thánh là bầy châu chấu bị xua đuổi, mọi mưu mô của tà linh đều bị phá hủy. Chúa đã tôn vinh vị thánh nhân của Ngài như vậy, Đấng được tôn vinh trong các thánh của Ngài đến muôn đời. Amen.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ các thánh tử đạo Diodorus và Rodopian, phó tế, những người đã chịu tử đạo dưới thời Diocletian tại Aphrodisias thuộc Caria.

Ngày 13 tháng 5

30 tháng 4 (theo lịch cũ)

Tháng Năm

Lễ kính Thánh Tông đồ Giacôbê, con của Xê-đê-vê.

Ngày tưởng niệm 30 tháng 4

Thánh Giacôbê, con trai của Xê-đê-vi và là anh trai của Thánh Gioan Tông đồ, là một trong mười hai Tông đồ được Chúa chọn làm môn đệ của Ngài từ những ngư dân bình thường. Được Chúa Giêsu Kitô kêu gọi, Giacôbê cùng với anh trai mình đã bỏ thuyền, cha và lưới đánh cá để theo Chúa (Mt 4,21–22), đi theo Ngài khắp nơi, lắng nghe lời Ngài và chứng kiến những phép lạ Ngài thực hiện. Và Chúa đã yêu thương cả hai anh em đến nỗi cho một người được tựa đầu vào ngực Ngài (Ga 13:23), còn người kia (Gia-cơ) thì Ngài hứa sẽ cho uống chén mà chính Ngài phải uống (Mt 20:22–23). Và chính các Tông đồ cũng yêu mến Chúa của mình đến mức và thể hiện lòng trung thành với Ngài đến nỗi họ muốn gọi lửa từ trời xuống trừng phạt những kẻ không tin Ngài, để tiêu diệt họ (Luca 9:54); và họ đã làm điều đó nếu chính Chúa Giê-su Ki-tô đầy lòng thương xót không ngăn cản họ. Đối với hai Tông đồ này, Gia-cô-bê con của Xê-đê-bê và Gio-an, cũng như Tông đồ Phê-rô, Chúa đã đặc biệt bày tỏ các thuộc tính thần thánh và những mầu nhiệm của Ngài trước hết so với tất cả các Tông đồ khác, như đã xảy ra, chẳng hạn, trên núi Phà-vô, khi Chúa, muốn tỏ vinh quang Thần tính của Ngài, đã dẫn theo Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an (Ma-thi-ơ 17 và các câu tiếp theo)

Sau khi Chúa chúng ta tự nguyện chịu khổ nạn, phục sinh và thăng thiên, và sau khi Thánh Thần ngự xuống, Thánh Tông đồ Giacôbê đã đi khắp Tây Ban Nha và các nước khác để rao giảng Lời Chúa. Sau đó, ngài trở lại Giê-ru-sa-lem và trở thành nỗi khiếp sợ đối với người Do Thái, như tiếng sấm (Mác 3:17), vì ngài đã rao giảng về Chúa Giê-su Ki-tô một cách dũng cảm và can đảm, khẳng định rằng Ngài chính là Đấng Mê-si-a chân chính, Đấng Cứu Thế của thế gian. Gia-cơ đã chiến thắng trong các cuộc tranh luận với những người Pha-ri-si[3286] và các kinh sư[3287] , vạch trần và quở trách họ vì lòng chai đá và sự vô tín. Còn họ, vì không thể chống lại ông, đã dùng tiền thuê một nhà chiêm tinh tên là Hermogenes để đối đầu với Gia-cơ và làm ông bẽ mặt. Nhưng nhà tiên tri, vì kiêu ngạo, không muốn tự mình đối thoại với Gia-cơ, mà đã cử môn đệ của mình, tên là Phi-li-ta, đến và nói:

– Không chỉ bản thân ta, mà ngay cả đệ tử của ta, Gia-cơ cũng không thể thắng được trong cuộc tranh luận.

Philit đã đến và trò chuyện với Thánh Tông đồ Giacôbê, nhưng vì không thể chống lại sự khôn ngoan của Thánh Thần – điều mà vị Tông đồ đang tràn đầy – nên ông im lặng như người câm, và hoàn toàn không thể mở

[3286] Pharisees – một giáo phái tôn giáo xuất hiện tại Palestine khoảng hai hoặc ba thế kỷ trước Công nguyên. Mục tiêu của giáo phái này là tuân thủ một cách chính xác, thậm chí đến mức chi li và cẩn trọng, tất cả các quy định nghi lễ của Luật Mô-sê.
[3287] Nhà giáo dục dân gian, một vị rabbi.

miệng để phản bác vị Tông đồ. Sau khi nhận ra sự thật, Philit đã khiêm nhường và, khi trở về với thầy phù thủy của mình, đã báo cho ông ta biết rằng không thể đánh bại Thánh Giacôbê, người còn chứng thực lời nói của mình bằng cả những phép lạ. Khi đó, Philit khuyên thầy mình từ bỏ những suy luận và phép thuật của mình, và tự mình trở thành môn đệ của Giacôbê. Nhưng Hermogenes kiêu ngạo đã dùng phép thuật triệu hồi các quỷ dữ và ra lệnh cho chúng trói Philit tại chỗ, khiến anh ta không thể nhúc nhích, đồng thời nói:

– Ta sẽ xem xem Giacôb của ngươi sẽ giải thoát ngươi ra sao.

Còn Philit thì bí mật gửi tin cho Sứ đồ rằng anh đang bị trói bởi các quỷ dữ do phép thuật của Hermogenes. Khi biết được điều này, vị Tông đồ đã gửi chiếc khăn của mình đến cho anh ta, dặn anh ta hãy cầm lấy chiếc khăn được gửi đến và đọc những lời sau: *"Chúa giải thoát những người bị giam cầm, Chúa mở mắt cho người mù, Chúa nâng dậy những người bị khuất phục"* (Thánh vịnh 145:7–8).

Ngay khi Philit vừa thốt lên những lời ấy, anh lập tức được giải thoát khỏi những xiềng xích vô hình, vì lũ quỷ, khiếp sợ trước chiếc khăn của vị Tông đồ và sức mạnh của những lời vừa được thốt ra, đã buông tha Philit và bỏ chạy khỏi anh. Lúc đó, Philit, sau khi chế nhạo Hermogenes, đã đến gặp Thánh Giacôbê và, được ngài dạy dỗ về đức tin thánh thiện, đã chịu phép rửa tội.

Còn Hermogenes, tràn đầy cơn thịnh nộ và giận dữ, đã ra lệnh cho những con quỷ phục vụ mình phải dẫn Thánh Giacôbê và Philit đến trước mặt ông trong tình trạng bị trói. Nhưng khi các quỷ dữ đến gần nơi ở mà Thánh Giacôbê và Philit đang cư ngụ, ngay lập tức Thiên Thần của Chúa, theo lệnh của Thiên Chúa, đã bắt các quỷ dữ đó lại, trói chúng bằng những sợi dây vô hình, và bắt đầu hành hạ chúng. Các quỷ dữ, trong lúc bị hành hạ bởi quyền năng của Thiên Chúa, đã đồng thanh kêu lên:

– Thánh Giacôbê, Tông đồ của Đấng Kitô, xin hãy thương xót chúng tôi, vì chúng tôi, theo lệnh của Hermogenes, đã đến để trói buộc ngài và Philita, nhưng giờ đây chính chúng tôi lại bị trói chặt và đang phải chịu đau khổ tột cùng.

Thánh Giacôbê nói với lũ quỷ:

– Thiên thần của Đức Chúa Trời, Đấng đã trói các ngươi, xin hãy giải thoát các ngươi khỏi xiềng xích, rồi các ngươi hãy đi và dẫn Hermogenes đến đây với ta, mà không làm hại gì cho ông ấy cả.

Ngay lập tức, lũ quỷ, được giải thoát khỏi xiềng xích, đi đến chỗ Hermogenes, bắt lấy ông ta, và trong chớp mắt đã trói ông ta lại trước mặt Thánh Tông Đồ, rồi xin Thánh Tông Đồ cho phép chúng trả thù những nỗi oán hận của mình lên Hermogenes.

Sứ đồ liền hỏi lũ quỷ tại sao chúng không trói Philitas, như Hermogenes đã ra lệnh cho chúng làm. Lũ quỷ đáp lại:

– Chúng tôi thậm chí không thể động đến một con ruồi nào trong nhà ngài.

Lúc đó, vị Tông đồ nói với Philita:

– Chúa của chúng ta đã truyền phải đáp lại điều ác bằng điều thiện, vì vậy ngươi hãy giải thoát Hermogenes và cứu anh ta khỏi lũ quỷ.

Sau đó, vị Tông đồ nói với Hermogenes, người đã được giải thoát khỏi xiềng xích của lũ quỷ:

– Chúa chúng ta không muốn có những tôi tớ bị ép buộc, mà muốn có những tôi tớ tự nguyện; vì vậy, ngươi hãy đi đến nơi nào ngươi muốn.

Nhưng Hermogenes đáp:

– Ngay khi tôi bước ra khỏi nhà ngài, các quỷ dữ sẽ lập tức giết tôi, vì tôi biết cơn thịnh nộ của chúng lớn đến mức nào; tôi cũng biết rằng tôi không thể thoát khỏi chúng nếu ngài không bảo vệ tôi.

Lúc đó, vị Tông đồ trao cho anh ta cây gậy mà ngài thường dùng khi đi đường. Hermogenes mang cây gậy đó về nhà mình và trên đường đi, anh ta không gặp phải điều xấu nào từ lũ quỷ cả. Nhận ra quyền năng của Đấng Christ và thấy sự yếu đuối của lũ quỷ, Hermogenes thu gom tất cả các cuốn sách phép thuật của mình, mang chúng đến gặp Thánh Giacôbê và, quỳ xuống dưới chân ngài, kêu lên:

– Hỡi tôi tớ chân chính của Đức Chúa Trời chân chính, Đấng cứu rỗi linh hồn loài người khỏi sự diệt vong. Xin hãy thương xót con và nhận kẻ thù của Ngài làm môn đệ của Ngài!

Được Thánh Giacôbê dạy dỗ về đức tin chân chính, Hermogenes đã chịu phép rửa tội, theo lệnh của vị Tông đồ, đốt hết những cuốn sách phù thủy của mình và trở thành tôi tớ chân chính của Chúa Kitô, đến nỗi nhờ danh Chúa Giêsu Kitô, ông đã làm được những phép lạ.

Người Do Thái, khi thấy tất cả những điều đã xảy ra, đã nổi cơn thịnh nộ dữ dội và xúi giục vua Hê-rốt[3288] phát động cuộc bách hại chống lại Hội Thánh của Đấng Christ và giết chết Gia-cơ: *"Hê-rốt đã ra tay với một số người thuộc Hội Thánh để làm hại họ, và đã giết Gia-cơ, anh em của Gio-an, bằng gươm. Thấy điều đó làm vừa lòng người Do Thái, sau đó ông bắt cả Phê-rô nữa – lúc bấy giờ đang là những ngày Lễ Bánh Không Men – rồi giam giữ ông và tống vào ngục"* (Công vụ 12:1–4).

Eusebius[3289] , giám mục thành Caesarea ở Palestine, khi kể về thánh Giacôbê, đã viết rằng khi ngài bị Hê-rốt kết án tử hình, có một người tên là Giô-si-a, một trong những người đã tố cáo vị Tông đồ với Hê-rốt, khi chứng kiến sự dũng cảm và can đảm của Thánh Gia-cô-bê, và nhận ra sự vô tội cùng sự thánh thiện của ngài, cũng như sự thật trong những lời ngài đã nói (về sự giáng lâm của Đấng Mê-si-a – Đấng Ki-tô), đã tin vào Đấng Ki-tô và trở thành người làm chứng cho Ngài. Ngay lập tức, ông cùng với Thánh Tông đồ Giacôbê bị kết án tử hình. Khi họ cùng nhau đi đến nơi hành quyết, trên đường đi họ gặp một người bị liệt, đang nằm bên lề đường, và Thánh Tông đồ đã chữa lành cho người ấy. Khi họ cúi đầu xuống để bị chém, Giô-si-a đã cầu xin Thánh Gia-cô-bê tha thứ cho tội lỗi mà ông đã phạm do vô tình – tha thứ cho việc ông đã tố cáo ngài với vua. Vị Tông đồ ôm chầm lấy anh ta và hôn lên mặt, rồi nói: "Bình an cho ngươi" – và cả hai, sau khi cúi đầu đón nhận cái chết, đã cùng nhau trút hơi thở cuối cùng[3290] .

Sau khi bị chém đầu, các môn đệ của Thánh Tông đồ Giacôbê đã mang thi hài ngài, theo ý muốn của Thiên Chúa, đưa đến Tây Ban Nha[3291] , nơi mà cho đến ngày nay, từ quan tài của ngài vẫn ban ơn chữa lành cho những người đau ốm và các phép lạ vẫn diễn ra để tôn vinh Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được muôn loài tôn vinh muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 3:

Ngài là Tông đồ được Chúa Kitô chọn lựa, là anh em ruột của Thánh Giacôbê, vị Thần học gia được yêu mến, xin những ai ca ngợi Ngài hãy cầu xin sự tha thứ tội lỗi và lòng thương xót vĩ đại cho linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Khi nghe tiếng Chúa kêu gọi, ngài đã từ bỏ tình yêu của cha và chạy đến với Chúa Kitô, hỡi Giacôbê, cùng với người thân của ngài, người vinh quang, người mà ngài đã được ân sủng cùng chứng kiến sự biến hình thần thánh của Chúa.

Lễ tưởng niệm Thánh Donatus, Giám mục, cha của chúng ta.

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 4

Thánh Đô-na-tô sống dưới triều đại của Hoàng đế Thánh thiện Theodosius Đại đế[3292] và là giám mục tại thành phố Evria, nằm ở vùng Epirus cổ đại[3293] . Gần thành phố này có một nơi gọi là Soria, nơi có một suối nước; nếu ai uống nước từ suối này, người đó sẽ chết ngay lập tức trong những cơn đau đớn tột cùng. Thánh Giám mục Donat, khi biết được điều này, đã cùng các linh mục của mình đến suối nước đó.

[3288] Ở đây tất nhiên là nói đến Hê-rốt Agrippa I, con trai của Aristobulus và cháu nội của Hê-rốt Đại đế, người đã cai trị Giu-đê từ năm 40 đến năm 44.

[3289] Eusebius Pamphilus – nhà sử học Giáo hội lừng lẫy nhất, sống từ năm 268 đến năm 340. Tác phẩm "Lịch sử Giáo hội" của ông được biên soạn đến năm 324

[3290] Thánh Tông đồ Giacôbê qua đời vào khoảng năm 42.

[3291] Xác thánh của Thánh Tông đồ Giacôbê hiện đang được lưu giữ tại Compostela – thành phố chính của vương quốc Galicia thuộc Tây Ban Nha; chúng được rước về đây vào đầu thế kỷ IX.

[3292] Thánh Theodosius I Đại Đế, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 379 đến năm 395.

[3293] Ban đầu, người Hy Lạp dùng từ "Epirus" để chỉ chung lục địa (đất liền), trái ngược với các hòn đảo; cụ thể hơn, cư dân các hòn đảo phía tây của Hy Lạp (trên biển Ionia và Adriatic) dùng tên này để chỉ bờ biển đối diện của Hy Lạp, cho đến lối vào eo biển Corinth. Sau này, biên giới của Epir thu hẹp lại, và tên gọi Epir được dùng để chỉ khu vực giáp với Illyria ở phía bắc, Thessaly ở phía đông, và Aetolia cùng Acarnania ở phía nam.

Khi ngài vừa đến gần suối, một tiếng sấm rền vang lên và từ suối trồi lên một con rắn khổng lồ và đáng sợ. Con rắn lao về phía vị thánh nhân và cố gắng dùng đuôi đánh vào chân con la mà vị thánh đang cưỡi. Lúc đó, Giám mục Donat đã dùng cây roi mà ngài dùng để thúc con la quất vào lưng con rắn đang tiến lại gần, và con rắn lập tức chết ngay. Các linh mục và dân chúng đi cùng giám mục, khi chứng kiến phép lạ ấy, đã thu gom củi, đốt một đống lửa lớn và thiêu xác con rắn trên đó, để xác nó không bị thối rữa và không làm ô nhiễm không khí bằng nọc độc, nhất là khi con rắn đó rất to lớn; nhưng vẫn không ai dám uống nước từ suối đó. Lúc đó, Thánh Đô-na-tô, sau khi cầu nguyện, đã ban phước cho suối nước, rồi chính ngài múc nước và uống trước, sau đó ra lệnh cho mọi người uống mà không cần lo sợ. Sau đó, tất cả mọi người đều uống nước mà không gặp bất kỳ tổn hại nào, và sau khi ngợi khen Thiên Chúa, họ trở về nhà mình.

Một lần nọ, Thánh Đô-na-tô tình cờ đến một nơi đầy đá và khô cằn, và khi thấy những người xung quanh đang kiệt sức vì khát do cái nóng gay gắt, ngài đã dùng chính đôi tay mình đào một rãnh nhỏ và cầu nguyện với Thiên Chúa xin ban nước xuống. Ngay lập tức, một suối nước tuôn trào, và cho đến nay vẫn tiếp tục chảy ra dồi dào.

Một lần khác, Thánh Đô-na-tô đã cầu xin Chúa ban nước từ trời xuống. Trong thời kỳ khô hạn và hạn hán nghiêm trọng do thiếu mưa, ngài đã cầu nguyện với Chúa, và ngay lập tức một cơn mưa lớn trút xuống, tưới đẫm đất đai, nhờ đó năm đó đã có một vụ mùa bội thu, nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh.

Có lần, con gái của Hoàng đế Theodosius bị bệnh rất nặng, do bị một linh hồn ô uế hành hạ. Hoàng đế và Hoàng hậu vô cùng đau buồn vì bệnh tình của con gái, bởi cô là con gái duy nhất của họ. Vào thời điểm đó, họ nghe tin rằng Giám mục Donatus đang thực hiện những phép lạ. Ngay lập tức, hoàng đế ra lệnh gửi đến Epirus, yêu cầu tất cả các giám mục của vùng đất đó đến gặp ngài để nhận lời chúc phúc. Khi các giám mục Epirus đến Constantinople[3294] , hoàng đế đã tiếp đón họ với sự tôn trọng và ân cần, rồi hỏi:

– Ai trong các ngài là Giám mục Donat, người đã dùng roi đánh chết con rắn, làm cho nước chảy ra từ đất đá và cầu xin Đức Chúa Trời ban mưa từ trời xuống?

Họ chỉ cho hoàng đế thấy Thánh Đô-na-tô. Hoàng đế hôn lên mặt ngài và dẫn ngài đến gặp hoàng hậu; cả hai cùng quỳ xuống dưới chân vị thánh, khẩn cầu ngài giúp đỡ họ, nói rằng:

– Hỡi vị thánh của Chúa! Xin hãy thương xót chúng con: chúng con chỉ có một cô con gái, và con bé đang phải chịu đựng nỗi đau đớn tột cùng vì bị quỷ ám. Chúng con vô cùng đau lòng vì con bé; chúng con đã đưa con bé đến gặp nhiều bác sĩ và linh mục, nhưng không ai có thể giúp được con bé. Vì vậy, khi nghe nói về ân sủng vĩ đại của Chúa ngự trong ngài, chúng tôi đã dám xin ngài đến đây, để ngài dùng những lời cầu nguyện có sức mạnh trước mặt Chúa mà trừ tà khỏi con gái chúng tôi. Nếu ngài chữa lành cho con gái chúng tôi, ngài sẽ nhận được một nửa tài sản của con bé.

Thánh nhân đã trả lời lời thỉnh cầu của nhà vua và hoàng hậu như sau:

– Cô gái trẻ đâu rồi? Hãy cho tôi xem cô ấy.

Donata được dẫn đến chỗ cô gái. Ngay lập tức, con quỷ, không chịu nổi sự hiện diện của vị thánh nhân của Chúa, đã thét lên, quật cô gái xuống đất rồi rời khỏi thân thể cô; từ lúc đó, cô gái đã khỏe mạnh trở lại. Nhà vua và hoàng hậu vô cùng vui mừng trước sự bình phục của con gái, đã dâng tặng vị thánh những món quà quý giá, nhưng ngài không muốn nhận bất cứ thứ gì trong số những gì được dâng tặng. Thấy đức hạnh và lòng tin của đôi vợ chồng hoàng đế, ngài đã khẩn cầu họ cho ngài một mảnh đất trong giáo phận của mình, nằm gần ngôi làng tên là Omphalia, để ngài có thể xây dựng một nhà thờ tại đó. Nhà vua ngay lập tức đáp ứng lời thỉnh cầu của vị thánh và chính thức xác nhận món quà này bằng sắc lệnh hoàng gia.

Trong thời gian vị thánh ở Constantinopolis, có một người qua đời tại đây, người này có một chủ nợ mà ông chưa trả hết khoản vay. Khi người ta khiêng quan tài đi chôn cất, chủ nợ của anh ta, vì có giấy nhận nợ của người đã khuất, đã giữ lại quan tài và không cho chôn cất người chết cho đến khi khoản nợ trị giá hai trăm đồng vàng được trả xong. Thánh Donatus, lúc đó đang ở gần nhà người quá cố, nghe thấy tiếng la hét và tiếng ồn ào lớn phát ra từ đám đông tụ tập đông đúc, bèn nói với các giám mục đi cùng ngài:

[3294] Constantinople – thủ đô của Đế chế Byzantine. Constantinople được người Megara thành lập với tên gọi "Byzantium" vào năm 658 trước Công nguyên, nằm ở phía châu Âu của eo biển Bosphorus, nối Biển Đen với Biển Marmara. Vị trí chiến lược trên biển cùng với những điều kiện lịch sử thuận lợi đã biến Byzantium thành một trung tâm nổi bật trong thời cổ đại, không chỉ về thương mại mà còn về đời sống văn hóa nói chung. Trong lịch sử Giáo hội, Constantinople được biết đến là nơi diễn ra một số Công đồng Đại kết và nhiều Công đồng địa phương.

– Hãy đi và nài nỉ chủ nợ cho phép chôn cất thi thể người đã khuất, người từng là con nợ của ông ta.

Nhưng các giám mục không đồng ý đi.

Thế là Thánh Đô-na-tô đi một mình. Khi góa phụ của người quá cố nhìn thấy vị thánh, bà liền quỳ xuống dưới chân ngài và khóc lóc van xin:

– Xin ngài thương xót tôi, người của Chúa, vì tôi đang phải chịu hai nỗi đau: mất chồng và không thể chôn cất thi thể ông ấy, bởi vì chủ nợ đang cản trở tôi. Xin ngài thuyết phục ông ấy, thánh nhân ơi, để ông ấy cho phép tôi chôn cất thi thể người đã khuất.

Vị thánh hỏi người phụ nữ:

– Có thực sự chắc chắn rằng chồng cô nợ người này không?

Người phụ nữ đáp:

– Thưa ngài! Vài ngày trước, chồng tôi đã nói với tôi rằng anh ấy đã trả hết nợ, nhưng chỉ còn lại giấy nhận nợ ở chỗ người cho vay.

Lúc đó, vị thánh của Chúa Kitô nói với người cho vay:

– Hãy để con chôn cất thi thể người đã khuất; còn khoản nợ của ngươi sẽ được trả lại sau.

Nhưng người cho vay, là một người tàn nhẫn và bất công, không những không nghe lời vị thánh, mà còn mắng mỏ ngài.

Lúc đó, vị giám mục thánh thiện tiến đến chiếc giường nơi người quá cố đang nằm, chạm tay vào thi thể người chết, rồi lớn tiếng kêu gọi người ấy:

– Hãy nghe ta đây, hỡi người!

Ngay lập tức, người chết sống lại, mở mắt ra và nói:

– Con đây, thưa Đức Cha!

Vị thánh nói với anh ta:

– Hãy đứng dậy và nói cho chúng ta biết phải xử lý thế nào với chủ nợ của ngươi, người không cho phép chôn cất ngươi, với lý do ngươi chưa trả khoản nợ mà ông ta đang giữ biên nhận của ngươi.

Người chết đứng dậy và ngồi xuống, khiến tất cả những ai chứng kiến cảnh tượng kỳ diệu này đều kinh hoàng tột độ. Nhìn người cho vay với ánh mắt đầy uy hiếp, người chết bắt đầu trách mắng hắn vì đã lừa dối và vạch trần lời nói dối của hắn, nói rõ thời gian và địa điểm mà anh ta đã trả cho hắn hai trăm đồng vàng. Người cho vay, không biết phải phản bác thế nào, đứng run rẩy và im lặng như người câm. Còn người vừa sống lại thì đòi lại giấy nhận nợ từ người cho vay. Nhận được giấy, anh ta xé nát nó ngay trên giường. Sau đó, nhìn về phía vị thánh, anh ta nói với ngài:

– Ngươi đã làm rất tốt, hỡi người công chính, khi đánh thức ta dậy để vạch trần tên tội nhân này; giờ hãy ra lệnh cho ta ngủ lại đi.

Thánh Đô-na-tô nói với anh ta:

– Hãy ra đi trong bình an, hỡi con, vì con sẽ nhận lại được giấy nhận nợ của mình.

Và ngay lập tức, người đàn ông ấy lại chìm vào giấc ngủ vĩnh hằng. Tất cả những ai chứng kiến phép lạ kỳ diệu này và nghe kể lại từ người khác đều ca ngợi Thiên Chúa với niềm vui lớn lao, kinh ngạc trước sức mạnh của đức hạnh nơi vị thánh nhân của Thiên Chúa.

Trong thời gian Thánh Đô-na-tô lưu lại tại Constantinople, trời không mưa, và do đó xảy ra một đợt hạn hán lớn. Theo lời thỉnh cầu của nhà vua, vị thánh đã ra ngoài thành và cử hành nghi thức cầu nguyện[3295] , khẩn cầu Thiên Chúa ban mưa cần thiết cho vùng đất khô cằn. Ngay sau khi Thánh Đô-na-tô cầu nguyện xong, một cơn mưa lớn đã trút xuống, đến nỗi cả dân chúng đều nói:

– Đây là trận đại hồng thủy thứ hai.

Hoàng đế Theodosius lo lắng cho vị giám mục thánh Donatus, sợ rằng ngài sẽ bị ướt sũng khi đứng dưới cơn mưa lớn như vậy, vì ngài chỉ mặc duy nhất một chiếc áo choàng. Khi Thánh Đô-na-tô trở về cung điện hoàng gia sau khi cử hành nghi thức rước thánh, mọi người đều thấy rằng quần áo trên người ngài hoàn toàn khô ráo và không có chút dấu vết ẩm ướt nào, bởi vì không một giọt mưa nào chạm vào chúng.

[3295] Lithia – là nghi thức cầu nguyện chung của toàn dân, thường được cử hành tại tiền sảnh nhà thờ hoặc bên ngoài (trên quảng trường, đồng ruộng).

Mọi người đều vô cùng kinh ngạc trước phép lạ này. Hoàng đế cũng vô cùng vui mừng khi chứng kiến những việc làm vinh quang của vị thánh được Thiên Chúa yêu mến, và ngài tạ ơn Thiên Chúa vì đã sai một ngọn đèn sáng cho thế gian, vị thánh làm phép lạ kỳ diệu này, đến trong thời kỳ trị vì của ngài.

Sau nhiều cuộc trò chuyện với vị thánh và sau khi nhận được lời chúc phúc từ ngài, hoàng đế đã cho phép ngài trở về với đoàn chiên của mình. Nhân dịp này, Theodosius đã tặng Thánh Donatus một số tiền lớn để xây dựng và trang hoàng nhà thờ mới, mà vị thánh muốn xây dựng tại địa điểm đã được đề cập ở trên, nơi ngài đã xin phép hoàng đế.

Khi trở về giáo phận của mình, Thánh Đô-na-tô đã dùng món quà của nhà vua để xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp, nơi ngài đã chuẩn bị chỗ an táng cho chính mình. Khi đã cao tuổi, ngài đã về với Chúa[3296] , để đứng trước mặt Ngài cùng với đoàn thể các thánh giám mục và mãi mãi tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần – Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng được tất cả các thánh tôn vinh trong Ba Ngôi mãi mãi. Amen.

Ngày 14 tháng 5

Ngày 1 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, người ta kỷ niệm ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Macarius, Tổng Giám mục Kiev, người đã bị người Tatar sát hại vào năm 1497 tại làng Strigolove, tỉnh Minsk.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tiên tri Giê-rê-mi

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 5

Thánh tiên tri Giê-rê-mi[3297] sinh ra tại Anaphoth, một thành phố của các thầy tế lễ[3298] , thuộc chi phái Bê-na-min, không xa Giê-ru-sa-lem. Là con trai của thầy tế lễ Hê-lô-ki, ngài đã được chọn trước và định sẵn cho chức vụ tiên tri, giống như Sa-mu-ên (1 Sa-mu-ên 2), ngay từ trước khi ngài chào đời, như chính Chúa đã phán: *"Trước khi Ta hình thành ngươi trong lòng mẹ, Ta đã biết ngươi; trước khi ngươi ra khỏi bụng mẹ, Ta đã thánh hiến ngươi; Ta đã đặt ngươi làm tiên tri cho các dân tộc"* (Giê-rê-mi 1:4–5).

Thánh Giê-rê-mi-a, là linh mục theo dòng dõi, đồng thời là thầy dạy và tiên tri theo chức vụ do Đức Chúa Trời ban, theo lời chứng của Thánh Igna-ti-ô, Đấng Mang Đức Chúa Trời, đã sống đời trinh khiết suốt cả cuộc đời mình (Giê-rê-mi-a 16:2). Ngài bắt đầu sứ vụ tiên tri vào năm 630 trước Công nguyên – khi còn ở độ tuổi thiếu niên non nớt, như được thấy trong chương đầu tiên của sách ngài, nơi kể lại rằng khi nhận lời kêu gọi của Chúa để làm tiên tri, ngài đã bày tỏ sự bối rối của mình như sau:

– Lạy Chúa Trời! – con không biết nói, vì con còn trẻ – chỉ là một thiếu niên.

Chúa đã an ủi ông và, ban cho ông trí tuệ của một người trưởng thành và hoàn hảo, Ngài phán:

– Đừng nói: "Con còn trẻ", vì con sẽ đi đến với tất cả những ai Ta sai con đến, và con sẽ nói tất cả những gì Ta truyền cho con. Đừng sợ họ; vì Ta ở cùng con để giải cứu con.

Nói xong, Đức Chúa Trời giơ tay ra, chạm vào môi Giê-rê-mi và phán cùng chàng rằng:

– Này, Ta đã đặt lời Ta vào miệng ngươi. Hãy xem, hôm nay Ta đã đặt ngươi làm người cai trị các dân tộc và các vương quốc, để nhổ tận gốc và phá hủy, tiêu diệt và tàn phá (cuộc sống tội lỗi, vô luật pháp của loài người), và trên nền tảng của những gì đã bị phá hủy và nhổ tận gốc, ngươi sẽ xây dựng lại và trồng trọt» [những đức tính tốt đẹp và đời sống thánh thiện của con người] (Giê-rê-mi 1:7–10).

[3296] Thánh Donatus qua đời vào khoảng năm 387.

[3297] Giê-rê-mi-a, từ tiếng Do Thái có nghĩa là "Được Đức Chúa Trời nâng cao".

[3298] Chi phái Lê-vi khi phân chia Đất Hứa không nhận được phần đất riêng biệt; chi phái này bị phân tán và định cư giữa các chi phái khác, nơi các thành phố cùng vùng ngoại ô đã được phân bổ cho người Lê-vi theo kết quả bốc thăm. Thành phố Anaphoth nằm trong lãnh thổ của chi phái Bê-ni-a-min và thuộc về dòng dõi của A-rôn (Giô-suê 21:18; 1 Sử ký 6:60).

Lời của Đức Chúa Trời này, đã kêu gọi Giê-rê-mi vào chức vụ tiên tri, được phán ra vào thời vua Giô-si-a của Giu-đa, vào năm thứ mười ba triều đại của ngài[3299] ; còn vị tiên tri thánh thì lúc đó mới mười lăm tuổi kể từ khi sinh ra: ở độ tuổi còn rất trẻ như vậy, ông đã trở thành công cụ của ân điển hữu hiệu của Đức Chúa Trời!

Vào thời đó, dân Do Thái dù bề ngoài vẫn giữ lòng trung thành với đức tin của tổ tiên, thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật, Đấng đã từng dẫn dắt họ ra khỏi Ai Cập, nhưng trong thâm tâm lại xa rời việc phụng sự Ngài một cách chân chính. Khi có quan hệ thân thiết với các dân tộc lân cận, người Do Thái đã bị suy đồi về mặt đạo đức; khi tuân theo các phong tục ngoại lai, phần lớn trong số họ, đặc biệt là những người giàu có và có quyền thế, đã thờ phượng những điều ghê tởm của các thần ngoại đạo. Không chỉ ở vùng lân cận Giê-ru-sa-lem, trên các ngọn đồi và thung lũng, mà ngay cả tại chính Giê-ru-sa-lem, gần Đền Thờ của Chúa do Sa-lô-môn xây dựng, cũng có những tượng thần được dựng lên, và người ta dâng lễ vật cho chúng giống như dâng cho Đức Chúa Trời chân chính. Sự suy đồi đạo đức này, đã thấm sâu vào đời sống dân chúng, khơi dậy cơn thịnh nộ chính đáng của Đức Chúa Trời, đã báo trước sự tàn phá và diệt vong cho xứ Giu-đa, điều mà thánh Giê-rê-mi đã được báo trước qua hai khải tượng: cây gậy bằng gỗ óc chó và cái nồi sôi sục. Và Lời Đức Chúa Trời phán cùng Giê-rê-mi rằng:

– Ngươi thấy gì, Giê-rê-mi?

Ông đáp:

– Con thấy một cây gậy làm từ cây hạnh nhân.

Chúa phán cùng ông:

– Ngươi thấy đúng rồi; vì Ta đang canh giữ[3300] lời Ta, để nó sớm được ứng nghiệm.

Và Lời của Đức Chúa Trời lại phán cùng ông lần nữa:

– Ngươi thấy gì?

– Tôi thấy, – Giê-rê-mi trả lời, – một cái nồi đang sôi sục dưới sức gió thổi, và nó xuất hiện từ phía bắc.

Và Đức Chúa Trời phán cùng ông rằng:

– Từ phương Bắc, tai họa[3301] sẽ ập xuống trên tất cả những người cư ngụ trên đất này. Còn ngươi, hãy thắt lưng, đứng dậy và nói với họ mọi điều Ta truyền cho ngươi; đừng run sợ trước mặt họ, kẻo Ta đánh ngươi trước mắt họ. Này, Ta đã lập ngươi hôm nay thành một thành trì kiên cố, một cột sắt và một bức tường đồng trên khắp đất này, chống lại các vua Giu-đa, chống lại các quan trưởng của nó, chống lại các thầy tế lễ của nó và chống lại dân cư trên đất này. Họ sẽ tấn công ngươi, nhưng sẽ không thắng được ngươi, vì Ta ở cùng ngươi để giải cứu ngươi (Giê-rê-mi 1:17–19).

Thực hiện mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, thánh Giê-rê-mi đã bắt đầu lên án dân Giu-đa vì đã lìa bỏ Đức Chúa Trời chân thật và sa vào mê tín dị đoan của các dân ngoại, đồng thời cảnh báo về cơn thịnh nộ sắp giáng xuống họ từ Đấng Toàn Năng, và khuyên nhủ họ hãy ăn năn để thoát khỏi những hậu quả khủng khiếp của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Sứ vụ tiên tri của Giê-rê-mi-a kéo dài từ thời vua Giô-si-a, như đã nói ở trên, cho đến thời con trai ông là Giô-a-ha-xơ và Giô-a-kim – anh trai của Giô-a-ha-xơ, rồi đến thời Giê-hô-ni-a, con trai Giô-a-kim, và thời Si-đê-ki-a, con trai Giô-si-a, anh trai của Giô-a-ha-xơ và Giô-a-kim[3302] .

Nhà tiên tri của Đức Chúa Trời đã phải chịu nhiều đau khổ từ chính đồng bào của mình, những người đã đánh mất đức tin chân chính vào Đức Chúa Trời và sự kính sợ Đức Chúa Trời! – Ông đã rao giảng những hình phạt khủng khiếp của Đức Giê-hô-va Sa-va-ô-phát mà không do dự hay ngần ngại; ông đã dõng dạc và can đảm tuyên xưng Lời Chân Lý, cả trong sân đền thờ, tại cổng thành, trong cung điện vua, trong ngục tù, và khắp các vùng lân cận Giê-ru-sa-lem. Không ít lần ông được dẫn đến trước mặt các vua và các quan đại thần, và với tất cả mọi người, ông đều nói thẳng thắn, không gian dối hay e dè nhút nhát, rằng nếu họ không ăn năn và không từ bỏ sự dối trá, thì những tai họa khủng khiếp sẽ ập xuống họ. Vì đây là điều Đức Chúa Trời phán:

"Ta sẽ kêu gọi tất cả các chi tộc của các vương quốc phương Bắc, và họ sẽ đến, mỗi người sẽ dựng ngai vàng của mình tại lối vào các cổng thành Giê-ru-sa-lem, xung quanh các bức tường thành, và trong tất cả các thành

---

[3299] Giô-si-a trị vì từ năm 642 đến năm 611 trước Công nguyên.

[3300] Cây hạnh nhân thức dậy sớm hơn các loài cây khác sau giấc ngủ đông – nó nở hoa vào tháng Giêng và đến tháng Ba đã kết trái; vì vậy, người Do Thái gọi nó là "cây thức giấc".

[3301] Đối với các dân tộc phương Đông, nồi nước sôi là biểu tượng của cuộc chiến khốc liệt. Tiên tri Giê-rê-mi đã cảnh báo Giu-đa về cuộc xâm lược của người Ca-đê; Ba-by-lôn nằm ở phía đông Giu-đa, nhưng người Ca-đê đã xâm nhập vào Giu-đa để vượt qua sa mạc Ả Rập, đi vòng qua Sy-ri, cụ thể là từ phía bắc.

[3302] Thời gian ông tại vị kéo dài 42 năm, từ năm 627 đến năm 585 trước Công nguyên.

phố của người Giu-đa. Họ sẽ là những người thi hành sự phán xét của Ta đối với dân tộc phạm tội, là những người trừng phạt những kẻ vô luật pháp. Ta sẽ giáng tất cả những điều này xuống trên chúng vì chúng đã bỏ Ta, dâng hương cho các thần ngoại bang và thờ lạy những tác phẩm do tay chúng làm ra (Giê-rê-mi 1:15–16). Hỡi nhà Gia-cốp và tất cả các tôi tớ của nhà Y-sơ-ra-ên, hãy lắng nghe lời Đức Giê-hô-va! Đức Giê-hô-va phán như vầy: "Các tổ phụ các ngươi đã tìm thấy điều bất công nào nơi Ta, mà lại lìa xa Ta, trở nên hư không, và không nói rằng: 'Đức Giê-hô-va, Đấng đã dẫn chúng ta ra khỏi xứ Ê-díp-tô, dẫn chúng ta qua sa mạc hoang vắng, qua xứ khô cằn, qua xứ bóng tối của sự chết, nơi không ai đi qua và không có người ở, ở đâu?' Ta đã dẫn các ngươi vào xứ trù phú, để các ngươi được hưởng hoa quả và của cải nơi đó; nhưng các ngươi đã vào và làm ô uế xứ sở Ta, biến của cải Ta thành điều gớm ghiếc. Ta sẽ xét xử các ngươi, và Ta cũng sẽ xét xử con cháu các ngươi. Hãy đi đến các đảo của người Hittite mà xem, hãy sai người đến Kê-đa để dò xét kỹ lưỡng, và hãy xem xét: liệu có điều gì tương tự như thế này ở đó chăng? Có dân tộc nào đã thay đổi các thần của mình, dù chúng vốn không phải là thần? Còn dân Ta thì đã đổi vinh quang của mình lấy những điều vô ích. Hỡi các tầng trời, hãy kinh ngạc trước điều này; hỡi các nền tảng của đất, hãy run rẩy và kinh hoàng: Dân Ta đã phạm hai điều ác, vì đã đánh mất sự kính sợ Ta: họ đã bỏ Ta, Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ – nguồn nước sống – và đã làm ra, đục đẽo cho mình những vật vô dụng, không thể chứa nước được. Ta đã trồng dân Ta như một cây nho quý phái – bên bờ sông Giô-đanh – hạt giống tinh khiết nhất, nhưng nó đã biến thành cành hoang dã của cây nho lạ. Israel – tôi tớ và con cái nhà Ta – như con lạc đà cái hiếu động, như con lừa cái hoang dã lang thang trong sa mạc, trong cơn khát khao của tâm hồn mà hít thở không khí, đã nói: "Đừng hy vọng, không! Vì ta yêu những kẻ lạ và sẽ đi theo con đường của chúng." Nhà Y-sơ-ra-ên đã làm nhục chính mình: dân sự, các vua, các quan trưởng, các thầy tế lễ và các tiên tri của họ đã quay lưng lại với Ta thay vì quay mặt về phía Ta, và nói: "Chúng ta là chúa tể của chính mình; chúng ta sẽ không đến với Ngài nữa"; nhưng khi gặp hoạn nạn, họ sẽ kêu lên: "Hãy đứng dậy và cứu chúng tôi!" – Hỡi dòng dõi! Hãy lắng nghe lời Đức Chúa Trời: Ta có phải là sa mạc hay là xứ Israel chăng? – Có cô gái nào quên đồ trang sức của mình, hay cô dâu nào quên trang phục của mình chăng? Nhưng dân Ta đã quên Ta, những ngày họ quên Ta không thể đếm xuể! Và vì sự phản bội của mình, ngươi khéo léo điều khiển con đường của ngươi, che đậy sự ô nhục bằng áo choàng đạo đức, để tìm kiếm tình yêu! Và vì thế, ngươi thậm chí còn điều chỉnh con đường của mình để phù hợp với tội ác, đến nỗi trên mép áo của ngươi dính đầy máu của những người nghèo khổ, vô tội... (Giê-rê-mi 2:4–34). Và vì họ hành động theo sự cứng lòng của trái tim xấu xa mình, Ta sẽ giáng xuống họ từ phương Bắc tai họa và sự hủy diệt lớn lao. Vào ngày đó, Đức Giê-hô-va phán, trái tim vua sẽ ngừng đập, trái tim các quan chức cũng vậy; các thầy tế lễ sẽ kinh hoàng, và các tiên tri sẽ kinh ngạc! (Giê-rê-mi 43:17, 4:6–9). Cũng như suối phun ra nước, Giê-ru-sa-lem cũng tuôn ra điều ác: trong thành ấy đầy dẫy bạo lực và cướp bóc; trước mặt Ta luôn là những nỗi đau và vết thương. Hãy tỉnh ngộ đi, Giê-ru-sa-lem, để linh hồn Ta không lìa xa ngươi, để Ta không biến ngươi thành hoang mạc, thành đất không người ở" (Giê-rê-mi 6:7–8).

Với những lời lẽ nồng nhiệt và đầy nhiệt huyết như vậy, thánh Giê-rê-mi đã nhiều lần kêu gọi những người đồng thời với ngài; những lời ấy – giống như cái búa đập vỡ đá – được trình bày chi tiết trong sách tiên tri của ngài. Và tất cả những gì ngài đã tiên tri đều trở thành sự thật.

Những biến cố chính trị và tai ương đối với Giê-ru-sa-lem bắt đầu dưới triều vua Giô-si-a như sau: vào năm thứ ba mươi mốt của triều đại ông (2 Vua 22:1; 2 Sử Ký 34:1), pharaoh Ai Cập Nê-ha-ô đã phát động một cuộc chinh phạt chống lại vua A-si-ri dọc theo sông Êu-phơ-rát. Và vì con đường của ông phải đi qua lãnh thổ Giu-đa, nên Giô-si-a, để bảo vệ vương quốc mình khỏi sự xâm lược của người Ai Cập, đã tập hợp quân đội và quyết định chống lại họ. Pharaoh đã sai các sứ giả đến gặp ông và nói: "Ta và ngươi có liên quan gì đến nhau, hỡi vua Giu-đa? Ta không tiến quân chống lại ngươi lúc này, mà là đến nơi ta đang có chiến tranh. Và Đức Chúa Trời đã truyền cho ta phải nhanh chóng lên; chớ chống lại Đức Chúa Trời, kẻo Ngài hủy diệt ngươi."

Nhưng Giô-si-a đã không nghe theo lời cảnh báo của Nê-cô và dẫn quân ra đối đầu với ông ta tại đồng bằng Ma-gi-đôn, nơi nằm trên con đường từ bờ biển Địa Trung Hải đến sông Giô-đanh, từ đó Nê-cô dự định đi theo con đường ngắn nhất qua Đa-mách để đến bờ sông Êu-phơ-rát.

Cuộc chiến đã nổ ra; quân đội Do Thái, bị áp đảo bởi ưu thế về số lượng của địch, đã bị đánh tan tác hoàn toàn; chính Giô-si-a cũng bị thương nặng đến mức nguy kịch. Các vệ sĩ vội vàng bế vị vua yêu quý đang hấp hối của họ và đưa về Giê-ru-sa-lem, nơi ông trút hơi thở cuối cùng trước mặt Đức Chúa Trời. Vua Giô-si-a được an táng trong lăng mộ của các tổ phụ mình và được dân chúng tại Giê-ru-sa-lem cũng như khắp xứ Giu-đa thương tiếc với nỗi buồn sâu sắc, vì ngài là vị vua tốt nhất, xứng đáng nhất nhờ lòng nhân từ và sự kính sợ Đức Chúa Trời của

mình (2 Sử Ký 35:20–24; Xa-cha-ri 12:11). Giê-rê-mi cũng đã than khóc cho vua Giô-si-a trong một bài ca than khóc (2 Sử ký 35:25).

Sau đó, Pharaoh Necho tiếp tục cuộc hành quân của mình đến Assyria, còn tại Giê-ru-sa-lem, con trai thứ hai của Giô-si-a là Giô-a-ha-xơ[3303] được xức dầu lên ngôi vua; tuy nhiên, ông chỉ trị vì được ba tháng trước khi Necho trở về từ cuộc chinh phạt Assyria. Vị vua Ai Cập này, người đã nắm quyền thống trị xứ Giu-đa sau chiến thắng tại Ma-gi-đôn và lúc bấy giờ chỉ tập trung vào kẻ thù chính và hùng mạnh là đế chế A-si-ri-Ba-by-lôn, còn vương quốc Giu-đa yếu ớt thì bị bỏ qua, trên đường trở về đã chiếm được Giê-ru-sa-lem và toàn bộ Giu-đa, đặt chúng dưới quyền cai trị của mình – vị vua mới được bầu là Giô-a-ha-xơ, khi vị này đến gặp ông tại trại quân ở Ri-ve, vùng đất Ê-ma-phơ[3304] , để xin xác nhận địa vị vua của mình, ông đã phế truất và đưa ông ta sang Ai Cập như một tù nhân bị xiềng xích, rồi lập anh trai cả của ông ta là Ê-li-a-kim làm vua Giu-đa, đồng thời đổi tên ông ta thành Giô-a-kim. Cùng lúc đó, Necho đã áp đặt lên Giu-đa một khoản thuế là một trăm ta-lâng bạc và một ta-lâng vàng[3305] , một gánh nặng không thể chịu đựng nổi đối với một quốc gia nhỏ bé, nhất là khi khoản thuế này được thu với sự nghiêm khắc không khoan nhượng (4 Vua 23:35).

Vậy là dòng dõi Áp-ra-ham, dân tộc tự do, vương quốc từng huy hoàng và hùng mạnh, đã mất đi bản sắc riêng và rơi vào cảnh nô lệ. Và đó là hậu quả tất yếu của sự vô luật pháp của dân Do Thái, khi họ đã làm phật lòng Đức Chúa Trời Tối Cao, không ăn năn chân thành trước những lời khuyên răn của các tiên tri, cũng không sắp xếp đời sống đạo đức của mình theo luật pháp của Đức Chúa Trời!

Vào đầu triều đại của Joakim, vua Do Thái, có lời phán này từ Đức Chúa Trời dành cho thánh Giê-rê-mi: "Hãy đứng trong sân Đền Thờ Đức Chúa Trời và nói với tất cả dân Do Thái đến thờ phượng tại Đền Thờ Đức Chúa Trời những lời mà Ta truyền cho ngươi nói – chớ bỏ sót một lời nào. – Đức Chúa Trời phán như vầy: Nếu các ngươi không vâng lời Ta để tuân theo luật pháp Ta đã ban cho các ngươi, và không khiêm nhường lắng nghe lời các tôi tớ Ta là các tiên tri mà Ta sai đến với các ngươi từ sáng sớm, nhưng các ngươi lại phớt lờ họ, thì Ta sẽ làm với ngôi đền này, nơi mang danh Ta và nơi các ngươi đặt niềm hy vọng (xem Giê-rê-mi 7:14), Ta sẽ làm như Ta đã làm với Si-lô[3306] , và Ta sẽ biến thành phố này thành lời nguyền rủa cho mọi dân tộc trên đất" (Giê-rê-mi 26:1–6).

Khi nghe những lời tiên tri đáng sợ như vậy từ miệng vị tiên tri nhân danh Đức Chúa Trời, những kẻ tự xưng là người bảo vệ trật tự xã hội và an ninh quốc gia – các thầy tế lễ và các tiên tri giả, đầy cơn giận dữ – đã bắt Giê-rê-mi và đòi xét xử ông, đòi cả các quan trưởng lẫn dân chúng phải tuyên án tử hình cho ông. Tại Đền Thờ Chúa, đám đông dân chúng đã bị kích động chống lại Giê-rê-mi tập trung lại; các quan trưởng Giu-đa và một số người trong hoàng gia cũng đến đó và ngồi ở lối vào, gần cổng Đền Thờ Chúa. Như vậy, một phiên tòa hình thức đối với vị tiên tri đã được thiết lập. Các thầy tế lễ gian ác và các tiên tri giả, quay sang đám đông dân chúng và các quan trưởng Giu-đa, đã nói:

– Hãy xử tử người này, vì hắn đã tiên tri chống lại thành này, như các ngươi đã nghe bằng chính tai mình.

Còn Giê-rê-mi-a, để tự bào chữa, đã nói:

– Đức Giê-hô-va đã sai tôi đến để tiên tri chống lại ngôi nhà này và thành phố này, với tất cả những lời mà các ngươi đã nghe. Vậy, hãy sửa đổi đường lối và việc làm của các ngươi, hãy vâng theo tiếng phán của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các ngươi, thì Đức Giê-hô-va sẽ hủy bỏ tai họa mà Ngài đã phán trên các ngươi. Còn về phần tôi, thì đây, tôi đang ở trong tay các ngươi; hãy làm với tôi bất cứ điều gì các ngươi muốn và điều gì các ngươi thấy là tốt nhất và công bằng nhất. Nhưng hãy biết chắc chắn rằng, nếu các ngươi giết tôi, các ngươi sẽ gánh lấy tội đổ máu vô tội lên chính mình, lên thành này và lên những người cư ngụ trong thành, vì quả thật, Đức Giê-hô-va đã sai tôi đến với các ngươi để nói tất cả những lời ấy vào tai các ngươi.

Lúc bấy giờ, các quan trưởng Do Thái và các quan đại thần của vua, những người chủ tọa trong hội đồng dân chúng, đã nói với các thầy tế lễ cuồng tín và các tiên tri giả rằng:

[3303] Giô-ha-xơ là con trai thứ hai của Giô-si-a và người vợ yêu quý của ông là Ha-mu-ta-li, và được gọi là Sa-lum (2 Vua 23:31; so sánh với 22:11).

[3304] Ê-ma-vơ nằm ở chân dãy núi Anti-Li-ban.

[3305] Một talant vàng tương đương 125.000 rúp. Tổng số cống nạp tương đương 300.000 rúp theo đơn vị của chúng ta.

[3306] Điều này chỉ ra rằng khi dưới thời Thượng tế Ê-li, dân Do Thái đã phải chịu một thất bại thảm hại trước người Phi-li-tin và Hòm Giao Ước bị bắt làm tù binh, thì vinh quang đã rời khỏi Y-sơ-ra-ên. 1 Sa-mu-ên 4:10–22.

– Người này không thể bị kết án tử hình, vì ông ấy đã nói với chúng ta nhân danh Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúng ta.

Một số trưởng lão trong xứ cũng đứng ra bênh vực Giê-rê-mi và nói với dân chúng như sau:

– Hãy nhớ lại, Mi-chê, người Mô-ra-sê, đã tiên tri vào thời vua Ê-xê-ki-a, vua Giu-đa, và nói với toàn thể dân Giu-đa rằng: "Đức Giê-hô-va Vạn Quân phán như vầy: Si-ôn sẽ bị cày xới như ruộng, Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành đống đổ nát, và núi đền thờ sẽ trở thành ngọn đồi rậm rạp cây cối." – Vua Ê-xê-ki-a và dân Giu-đa có giết ông vì điều đó chăng? Họ có kính sợ Đức Giê-hô-va và khẩn cầu Ngài chăng? Và Đức Giê-hô-va đã hủy bỏ tai họa mà Ngài đã phán trên họ; còn chúng ta – chúng ta lại muốn gây ra điều ác lớn lao cho linh hồn mình (Giê-rê-mi 26:11–19). Vậy, chúng ta hãy ăn năn, từ bỏ điều ác và đừng tìm cách giết người vô tội. Vì liệu có ích lợi gì từ máu của U-ri-a, con trai của Sê-ma-i-a từ Ca-ri-a-phi-a-rim, người đã tiên tri nhân danh Đức Giê-hô-va chống lại thành này và chống lại xứ này bằng chính những lời mà Giê-rê-mi đang tiên tri? – Vua và các quan đại thần của ngài, khi nghe những lời của U-ri-a lúc bấy giờ, đã căm ghét ông và tìm cách giết ông; còn ông, bị kết án tử hình, vì sợ hãi nên đã trốn sang Ai Cập; vua Giô-a-kim đã sai người của mình sang Ai Cập, và họ đã đưa ông ta về từ đó: U-ri-a đã bị giết bằng gươm; nhưng điều gì đã xảy ra sau đó? – sự phẫn nộ của dân chúng chống lại vua và các quan đại thần Giu-đa: điều tương tự chắc chắn sẽ xảy ra nếu các ngươi kết án tử hình Giê-rê-mi.

Sau đó, trong hội đồng dân chúng đã xảy ra sự chia rẽ: một số người khăng khăng đòi giết vị tiên tri thánh thiện, trong khi những người khác lại bênh vực sự vô tội của ông. Và những kẻ thù ghét Giê-rê-mi chắc chắn đã đánh bại những người bênh vực ông, nếu không có một quan đại thần có ảnh hưởng tại triều đình, tên là A-hi-cam, con trai của Sa-pha-nô, đã che chở cho ông; ông đã cứu Giê-rê-mi khỏi tay những kẻ độc ác, sẵn sàng giết ông (Giê-rê-mi 26:20–24).

Trong khi đó, việc thờ thần tượng – thứ đã làm ô uế lương tâm dân chúng trong suốt nhiều năm trước đó và gây ra sự suy đồi đạo đức trầm trọng – ngày càng gia tăng ở Giu-đa. Trong số dân Giu-đa cũng có những người, trước lời kêu gọi của nhà tiên tri – hãy sửa đổi lối sống và tuân theo luật pháp của Đức Chúa Trời – đã mỉa mai nói rằng:

– Đừng hy vọng; chúng ta sẽ sống theo ý riêng mình và mỗi người sẽ hành động theo những ham muốn xấu xa trong lòng mình (Giê-rê-mi 18:12), – chúng ta sẽ làm tất cả những gì đã thốt ra từ miệng mình, sẽ dâng hương cho nữ thần trời và dâng rượu tế lễ cho nàng, như chúng ta và cha ông chúng ta, các vua và các quan của chúng ta đã làm, trong các thành phố của Giu-đê và trên các đường phố Giê-ru-sa-lem, vì điều đó đã mang lại cho chúng ta sự no đủ và hạnh phúc (Giê-rê-mi 44:17).

Họ không còn sự thật nữa, sự thật đã bị tước khỏi miệng họ; từ người nhỏ nhất đến người lớn nhất, ai nấy đều ham lợi lộc; từ nhà tiên tri dối trá đến thầy tế lễ – tất cả đều hành động gian dối và, khi làm những điều gớm ghiếc, họ chẳng hề xấu hổ hay đỏ mặt (Giê-rê-mi 6:13–15). Vua Giô-a-kim của Giu-đa cũng làm những điều không đẹp lòng Chúa, bị cuốn theo dòng chảy chung của sự gian ác (2 Vua 23:37, 2 Sử Ký 36:5).

Và thế là thánh Giê-rê-mi lại nhận được lệnh từ Đức Chúa Trời:

– Hãy đi vào cung điện của vua Giu-đa và nói lời này tại đó: "Hỡi vua Giu-đa, người đang ngự trên ngai Đa-vít, ngươi cùng các tôi tớ ngươi và dân ngươi đi qua cổng này, hãy nghe lời Đức Giê-hô-va." Đức Chúa Trời phán như vầy: Hãy thực thi công lý và sự công bình, và giải cứu người bị áp bức khỏi tay kẻ áp bức; chớ làm hại hay ngược đãi người ngoại kiều, góa phụ và trẻ mồ côi; chớ đổ máu vô tội tại nơi này. Vì nếu các ngươi tuân giữ lời này, thì các vua ngồi trên ngai Đa-vít, thuộc dòng dõi của ngài, sẽ đi qua cổng đền thờ này, đi trên xe ngựa và cưỡi ngựa – chính họ, các tôi tớ của họ và dân chúng của họ. Còn nếu các ngươi không vâng lời những điều này, thì chính Ta thề (Đức Giê-hô-va phán), ngôi nhà này sẽ trở nên trống rỗng, các thành phố sẽ trở nên hoang vắng, và cả xứ Giu-đa sẽ biến thành sa mạc; vì Ta sẽ chuẩn bị những kẻ tàn sát cùng vũ khí của chúng, chúng sẽ giết những người không ăn năn, như người ta chặt cây vậy. Và nhiều dân tộc sẽ đi qua thành phố hoang tàn này và nói với nhau: "Tại sao Đức Giê-hô-va lại đối xử như vậy với thành phố vĩ đại này?" Và họ sẽ trả lời: "Bởi vì họ đã bỏ Giao Ước của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của họ, và thờ lạy các thần khác, và phụng sự chúng."

Về chính vua Giô-a-kim của người Do Thái, vị tiên tri thánh đã nói nhân danh Đức Chúa Trời rằng: vì mắt và lòng ông ta hướng về sự tham lam và việc đổ máu vô tội, hướng về việc áp bức và bạo lực, nên sau khi chết, người ta sẽ không khóc thương ông ta, cũng không bày tỏ nỗi buồn bằng những tiếng kêu than: "Ôi, bệ hạ!" và "Ôi, đức vua vĩ đại!" – Ông sẽ được chôn cất như một con lừa: người ta sẽ lôi xác ông ra và quăng xa ngoài cổng thành Giê-ru-sa-lem (Giê-rê-mi 22:1–19).

Những lời táo bạo như vậy của vị tiên tri của Đức Chúa Trời, được nói công khai trước dân chúng, đã khơi dậy cơn thịnh nộ lớn lao của vua và những người thân cận của ông: Thánh Giê-rê-mi lúc đó chắc chắn đã bị xử tử, nếu như sự quan phòng của Đức Chúa Trời không bảo tồn ông để thực hiện những lời tiên tri bí ẩn trong tương lai nhân danh Đức Chúa Trời. Ông bị bắt một cách thô bạo và bị giam cầm trong xiềng xích, bị tống vào ngục tối một cách nhục nhã.

Vào thời điểm đó, sự phán xét của Đức Chúa Trời đã giáng xuống thành phố tội lỗi, nơi đã bị ô uế bởi những điều ghê tởm của các thần ngoại đạo và nhuốm máu những người vô tội. – Nebuchadnezzar, con trai của Nabopallasar, vua Ba-by-lôn, người kế thừa vương triều A-si-ri, theo lệnh của cha mình đã tiến quân chống lại vua Ai Cập Necho và, tại Karkemish[3307] , sau khi đánh bại quân đội của Pharaoh, kẻ đã âm mưu chiếm đoạt A-si-ri, ông lập tức điều quân tiến đánh cả vua Giu-đa, chư hầu của mình. Sau một thời gian ngắn bị vây hãm, Giê-ru-sa-lem đã bị Nebuchadnezzar chiếm đóng; vua Giu-đa Giô-a-kim, vào năm thứ ba của triều đại mình, đã bị bắt làm tù binh và, cùng với những thiếu niên được chọn lọc từ các gia tộc hoàng gia và quý tộc (trong đó có tiên tri Đa-ni-ên, khi đó còn là thiếu niên, và ba thiếu niên là A-na-ni-a, Mi-sa-i-l và A-xa-ri-a) (Đa-ni-ên 1:1–6), đã bị dẫn đi đến Ba-by-lôn. Một phần đáng kể dân thành Giê-ru-sa-lem cũng bị dẫn đi đến đó, và một phần các đồ thánh trong Đền Thờ của Đức Chúa Trời cũng bị cướp đi.

Một thời gian ngắn sau đó, Nebuchadnezzar, người lên ngôi tại Babylon sau khi cha ông qua đời, đã trả lại Joakim – người từng bị bắt làm tù binh – về Jerusalem, khôi phục lại tước vị vua Giu-đa cho ông, và chỉ bắt ông phải nộp cống cho mình. Ba năm trôi qua như vậy: Joakim nộp cống phẩm cho vua Ba-by-lôn, giống như trước đây ông từng nộp cống phẩm cho pharaoh Ai Cập. Sau khi thoát khỏi sự phụ thuộc vào Ai Cập – gánh nặng đè nặng lên Giu-đa – và không lường trước được mối nguy hiểm khủng khiếp trong tương lai từ Ba-by-lôn – một chế độ quân chủ còn non trẻ, lúc bấy giờ đang bận rộn với việc sắp xếp các vấn đề nội bộ – Joakim và các quan đại thần của ông, với ý định ngạo mạn lật đổ ách thống trị của người Chaldea, đã sa vào lối sống trụy lạc và đủ loại hành vi điên rồ.

Nhưng trước khi Giô-a-kim, vua Giu-đa, công khai từ chối phục tùng Nê-bu-cát-nê-xa và tuyên bố rõ ràng sự độc lập của vương quốc mình khỏi Ba-by-lôn, thì Lời của Đức Giê-hô-va đã phán với tiên tri Giê-rê-mi, người lúc bấy giờ đang bị giam trong ngục, như sau:

– Hãy lấy một cuộn da và ghi chép vào đó tất cả những lời Ta đã phán cùng ngươi về Y-sơ-ra-ên và về mọi dân tộc, kể từ ngày Ta bắt đầu phán cùng ngươi, từ thời Giô-si-a cho đến ngày nay; có lẽ nhà Giu-đa và dân Giu-đa sẽ nghe biết về mọi tai họa mà Ta định giáng xuống họ, để mỗi người trong họ quay lại khỏi con đường gian ác của mình, hầu Ta có thể tha thứ những sự bất chính và tội lỗi của họ.

Giê-rê-mi đã thi hành mệnh lệnh của Đức Chúa Trời này qua người môn đệ kiêm thư ký của mình là Ba-ru-ha, con trai của Ni-ri-a, người đã ghi chép tất cả những lời từ miệng nhà tiên tri vào cuộn sách. Sau đó, Giê-rê-mi nói với Ba-ru-ha:

– Ta đang bị giam cầm và bị canh giữ, ta không thể ra khỏi đây để đến Đền Thờ của Đức Giê-hô-va. Vậy, ngươi hãy đi và đọc to những lời của Đức Giê-hô-va mà ngươi đã chép lại từ miệng ta trước mặt dân chúng trong Đền Thờ của Đức Giê-hô-va, vào ngày ăn chay, cũng như trước mặt tất cả người Giu-đa đã đến từ các thành phố của họ; hãy đọc cho họ nghe, và có lẽ họ sẽ dâng lời cầu nguyện trước mặt Đức Giê-hô-va và mỗi người sẽ quay lại khỏi con đường gian ác của mình, vì sự phẫn nộ và cơn giận mà Đức Giê-hô-va đã tuyên bố đối với dân này thật là lớn lao.

Baruch đã đọc trước hội chúng những lời của Đức Giê-hô-va được ghi trong cuộn sách. Điều đó xảy ra vào năm thứ năm triều đại của vua Giô-a-kim (Giê-rê-mi 36:9).

Việc đọc cuộn sách đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho tất cả mọi người; hội đồng dân chúng vô cùng xôn xao. Sự việc này đã được báo cáo lên hoàng cung, nơi lúc đó có mặt tất cả các quan đại thần; họ đã yêu cầu Baruch đến gặp mình. Lời tiên tri của Giê-rê-mi, do Ba-ru-kh đọc lên, đã làm cho ngay cả những quan đại thần vô tâm, sa đọa và lương tâm đã bị tha hóa cũng phải kinh ngạc. Họ nhìn nhau với vẻ kinh hoàng và hỏi Ba-ru-kh rằng ông đã ghi chép lời tiên tri này như thế nào. Ba-ru-kh trả lời: "Giê-rê-mi đã phán những lời này qua miệng tôi, và tôi đã ghi chép chúng vào cuộn da này."

[3307] Thành phố Karkemish tọa lạc tại nơi sông Hovar đổ vào sông Euphrates.

Các quan chức nói: "Những lời tiên tri này quan trọng đến mức nội dung của chúng nhất định phải được tâu lại cho vua" (Giê-rê-mi 36:10–19).

Những người trong số họ có thiện cảm với Baruch đã khuyên anh ta nên lánh mặt một thời gian, đồng thời họ cũng ra lệnh chuyển nhà tiên tri Giê-rê-mi đến một nơi giam giữ khác, để không ai biết những người rao truyền ý định của Đức Chúa Trời đang ở đâu.

Khi vua được báo tin về cuộn sách tiên tri, Giô-a-kim ra lệnh mang cuộn sách đó đến trước mặt mình và đọc to cho tất cả các quan đại thần nghe trước sự hiện diện của ngài. Lúc bấy giờ trời đang lạnh: đó là tháng Mười Một; vua ngồi trong cung điện trước lò than đầy than hồng, còn các quan đại thần đứng xung quanh ngài. Một số quan đại thần[3308] lắng nghe những lời của Giê-rê-mi với sự chú ý cao độ, nhưng việc đọc lời tiên tri không gây được ấn tượng xứng đáng đối với trái tim chai sạn của nhà vua và các quan lại nịnh bợ của ông. Không những thế, cứ mỗi khi người đọc mở cuộn sách ra và đọc xong ba hoặc bốn cột, vua lại dùng con dao nhỏ của người chép sử cắt chúng ra và ném vào lò than đang cháy; cuộn sách đã được đọc hết và bị đốt cháy hoàn toàn (Giê-rê-mi 36:1–26). Sau đó, Giô-a-kim ra lệnh cho các thuộc hạ bắt Giê-rê-mi và Ba-ru-ca rồi xử tử cả hai. Nhưng nhờ sự quan phòng của Đức Chúa Trời, họ đã được che chở vào thời điểm đó và thoát khỏi cái chết; chẳng bao lâu sau, vương quốc Giu-đa rơi vào tình thế khiến những kẻ thù và những kẻ ghét các tiên tri không còn thời gian để nghĩ đến và thực hiện sự trả thù của mình.

Trong khi đó, theo lệnh của Đức Chúa Trời, tiên tri Giê-rê-mi đã phán ra lời mới để quở trách vị vua gian ác:

– Hãy lấy một cuộn da khác, – Đức Chúa Trời phán với ông, – và ghi lại trong đó tất cả những lời trước đây đã có trong cuộn da đầu tiên mà Giô-a-kim, vua Giu-đa, đã đốt đi. Còn với Giô-a-kim, hãy nói rằng: "Đức Giê-hô-va phán như vầy: Ngươi đã đốt cuộn sách ấy, vì trong đó có chép rằng vua Ba-by-lôn chắc chắn sẽ đến và tàn phá xứ này, tiêu diệt cả người lẫn súc vật trên đất ấy." Vì điều đó, đây là lời Đức Giê-hô-va phán về Giô-a-kim: dòng dõi của ông sẽ không còn ngồi trên ngai Đa-vít nữa, và thi thể ông sau khi chết sẽ bị vứt ra dưới cái nắng gay gắt ban ngày và cái lạnh buốt giá ban đêm (Giê-rê-mi 36:27–30).

Lời phán này của Đức Chúa Trời đã được vị tiên tri thánh thi hành: từ miệng Giê-rê-mi, Ba-ru-ca đã chép ra một cuộn sách khác, trong đó có nhiều điều được bổ sung vào những lời tiên tri trước đó.

Vào thời điểm đó, một cách bất ngờ đối với người Do Thái, Jerusalem đã bị quân đội của Nebuchadnezzar bao vây, gồm các đơn vị nhẹ của người Chaldea, Syria, Moab và Ammon. Thành thánh, vốn không được chuẩn bị để phòng thủ, đã dễ dàng rơi vào tay quân xâm lược; vua Giô-a-kim bị bắt và chết một cái chết nhục nhã: thi thể của ông bị ném ra ngoài tường thành để làm mồi cho thú dữ và chim chóc. Như vậy, lời tiên tri của Thánh Giê-rê-mi đã ứng nghiệm, rằng vua Giu-đa sẽ được chôn cất như một con lừa: người ta sẽ lôi xác ông ra và ném xa ngoài cổng thành Giê-ru-sa-lem (Giê-rê-mi 22:19), rằng thi thể ông sẽ bị bỏ lại dưới cái nắng gay gắt ban ngày và cái lạnh buốt giá ban đêm. Tuy nhiên, những phần xương còn lại của ông, sau khi bị thú dữ gặm nhấm, đã được người Giu-đa chôn cất trong lăng mộ hoàng gia của dòng họ (2 Sử ký 36:8).

Sau khi Giô-a-kim qua đời, con trai ông là Giê-hô-ni-a lên ngôi vua Giê-ru-sa-lem, nhưng ông cũng không đạo đức hơn cha mình. Thánh Giê-rê-mi-a đã tiên tri về ông rằng, cùng với cả gia đình mình, ông sẽ bị Đức Chúa Trời phó vào tay vua Ba-by-lôn – và sẽ không bao giờ được nhìn thấy đất nước mình nữa! – điều này đã sớm trở thành sự thật. Giê-hô-ni-a chỉ ngồi trên ngai vàng của Đa-vít được một trăm ngày. Khi lên ngôi thay cha, trong cơn mù quáng thiếu sáng suốt, ông đắm chìm trong giấc mơ viển vông về khả năng chống lại Nê-bu-cát-nê-xa và không muốn tự nguyện khuất phục trước ông ta, cũng như không chịu thừa nhận quyền lực của ông ta trên mình. Sa vào những hành vi vô đạo đức và thờ thần tượng ghê tởm giống như cha mình, Jehoiachin tưởng rằng mình sẽ tìm được sự an toàn sau những bức tường kiên cố của Giê-ru-sa-lem, và trong trường hợp thủ đô bị vây hãm, ông trông cậy vào sự giúp đỡ từ Ai Cập. Nhưng bị tấn công bất ngờ bởi cuộc tấn công chớp nhoáng của Nebuchadnezzar, người đã đích thân xuất hiện giữa quân đội của mình đang bao vây Giê-ru-sa-lem, ông buộc phải đầu hàng trước ý muốn của kẻ chiến thắng cùng toàn bộ gia đình, triều đình và các hoạn quan. Toàn bộ hoàng tộc, các quan đại thần, tất cả những người ưu tú nhất của xứ Giu-đa, những chiến binh và thợ thủ công xuất sắc nhất – tổng cộng khoảng

[3308] Elnathan, Delaya và Gemaria – những quan chức trong triều đình – dường như hy vọng rằng việc đọc đoạn Kinh Thánh này sẽ tác động đến nhà vua và khiến ông, giống như cha mình là Giô-si-a, hướng tới sự cải thiện đạo đức. (2 Vua 22:10–13.)

mười nghìn người được chọn lọc – đã bị đưa đến Ba-by-lôn; cùng với các tù nhân, các đồ vật bằng vàng từ Đền Thờ của Đức Giê-hô-va và kho báu hoàng gia cũng bị mang đi (2 Vua 24:8–16).

Như vậy, lời tiên tri của Giê-rê-mi đã ứng nghiệm: Giê-hô-ni-a, vua Giu-đa – chiếc nhẫn trên tay phải của Đức Giê-hô-va, Đấng đã từng dẫn dân Do Thái ra khỏi Ai Cập – đã bị gỡ khỏi vị trí của mình và như một sinh vật bị khinh bỉ và bị ruồng bỏ, như một vật dụng vô dụng, bị ném cùng với mẹ và dòng tộc của mình sang một xứ lạ, nơi họ không quen biết, nơi họ không sinh ra, và họ đã chết ở đó, không trở về được quê hương mà linh hồn họ khao khát (Giê-rê-mi 44:24–29).

Sau khi Giê-ru-sa-lem bị Na-bu-cô-đô-nô-xơ chiếm đóng và những người được kính trọng nhất, những người ưu tú nhất của vương quốc Giu-đa bị lưu đày sang Ba-by-lôn, ở Giu-đa hầu như chỉ còn lại những người nghèo khó, tầng lớp thấp kém. Để cai trị phần còn lại của Giu-đa này, vị chinh phục người Ca-đê đã bổ nhiệm Mat-pha-ni – con trai thứ ba của vua (người đạo đức) Giô-si-a, là chú của Giê-hô-ni-a, anh trai của Giô-a-ha-xơ và Giô-a-kim – người đã được đổi tên thành Si-đê-ki-a, lên thay thế Giê-hô-ni-a.

Sê-đê-ki-a, tay sai của Nê-bu-cát-nê-xa, trị vì mười một năm, và trong suốt triều đại của mình, ông hầu như chỉ làm những điều khiến sự nhẫn nại của Đức Chúa Trời phải cạn kiệt: sự suy đồi đạo đức trong ông đã đến mức nghiêm trọng đến nỗi, bất chấp những thử thách nặng nề nhất ập xuống đầu mình, ông vẫn không thể chế ngự được những khuynh hướng bất chính của bản thân, cũng không thể quay về với Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên bằng cả tấm lòng chân thành. Những người thân cận và các thầy tế lễ xung quanh ông cũng vậy. Tại Giu-đê, những điều gớm ghiếc của ngoại giáo ngày càng gia tăng; chính ngôi nhà của Đức Chúa Trời, đền thờ tại Giê-ru-sa-lem, cũng bị ô uế bởi những hành vi ghê tởm của việc thờ lạy thần tượng (Ê-xê-chi-ên 8, so sánh với Giê-rê-mi 23); họ không nghe theo những lời của Đức Chúa Trời được truyền qua miệng các tiên tri, mà lại chú ý đến những lời nịnh hót của các tiên tri giả, những kẻ chiều chuộng những ham muốn cuồng nhiệt của những con người sa đọa. Tất cả những điều này đã khiến cơn thịnh nộ của Chúa, như một đám mây u ám, bao trùm lên Giê-ru-sa-lem và khắp cả xứ Giu-đa, cho đến khi cuối cùng Chúa quay mặt đi khỏi dân Ngài và phó thành thánh Giê-ru-sa-lem cho sự hủy diệt và hoang tàn vĩnh viễn (Giê-rê-mi 52:1–3).

Thảm họa cuối cùng này, ập xuống trên Giê-ru-sa-lem, kinh hoàng hơn tất cả những thảm họa trước đó, đã diễn ra như sau. Nê-bu-cát-nê-xa, người đã trục xuất những người Do Thái mạnh mẽ và có thái độ chống đối ông sang Ba-by-lôn, đồng thời lập Si-đê-ki-a làm vua tại Giê-ru-sa-lem để cai trị phần còn lại yếu ớt của dân Chúa, đã hy vọng có được một cứ điểm vững chắc tại xứ Giu-đa đã suy yếu để chống lại Ai Cập, cuộc chiến với nước này vẫn tiếp tục chiếm trọn tâm trí ông. Vị vua Chaldea này tính toán rằng, người được ông ta dựng lên, tức là Zedekiah – một người không hiếu chiến – khi vẫn là chư hầu của ông ta, sẽ tìm kiếm chỗ dựa từ sức mạnh hùng mạnh của ông ta và duy trì sự phục tùng đối với ông ta. Và điều đó đã diễn ra trong khoảng ba đến bốn năm. Nhưng sau đó, khi đã củng cố được vị thế, hay nói chính xác hơn là chỉ mới vừa ổn định trên ngai vàng, Sedekiah không còn bằng lòng với vị thế khiêm tốn của mình nữa và muốn thoát khỏi ách thống trị của vua Babylon. Những quan lại trong triều đình xung quanh ông, bị che mờ bởi sự mù quáng điên rồ, cũng xúi giục ông làm điều đó; đặc biệt, những lời khuyên từ các vị vua láng giềng – vua Ê-đôm, vua Mô-áp, vua Am-môn, vua Ty-rơ và vua Si-đôn – những người cũng căm ghét sự phụ thuộc vào người Ca-đê – càng trở nên hấp dẫn đối với ông. Những vị vua này đã lập liên minh chống lại Nebuchadnezzar và cử phái đoàn đến Giê-ru-sa-lem với đề nghị Sê-đê-ki-a gia nhập liên minh của họ, để cùng nhau đứng lên chống lại sự thống trị của vua Ba-by-lôn, lật đổ ách thống trị đáng ghét của ông ta và không phải nộp cống nạp cho ông ta nữa.

Vào thời điểm đó, Đức Chúa Trời đã truyền lệnh cho tiên tri Giê-rê-mi: "Hãy làm cho mình những dây trói và ách, rồi đeo chúng lên cổ; hãy gửi những thứ tương tự đến các vua Ê-đu-mê, Mô-áp, A-môn, Ty-rơ và Si-đôn qua các sứ giả của họ; và hãy truyền cho họ nói với các vị vua của họ lời của Đức Chúa Trời" (Giê-rê-mi 27:2–4).

Vị tiên tri thánh đã làm đúng như vậy: sau khi đeo dây trói và ách gỗ lên cổ, ngài đến cung điện của Xê-đê-ki-a, khi các sứ giả của các vua nói trên đang có mặt ở đó, và nói:

– Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vầy – các ngươi hãy truyền lại điều này cho các vua của các ngươi: Ta đã dựng nên đất, loài người và các loài thú trên mặt đất bằng quyền năng vĩ đại của Ta, và Ta đã ban nó cho ai Ta muốn. Và bây giờ, Ta trao tất cả các xứ này vào tay Nê-bu-cát-nê-xa, vua Ba-by-lôn. Mọi dân tộc sẽ phục vụ ông ta, con trai ông ta và cháu trai ông ta, cho đến khi thời điểm đến với xứ sở của ông ta và chính ông ta. Và nếu có dân tộc hay vương quốc nào không muốn phục vụ vua Ba-by-lôn, và không chịu khuất phục dưới ách của Nê-bu-cát-nê-xa, thì Ta sẽ trừng phạt dân tộc đó bằng gươm, đói kém và dịch bệnh, cho

đến khi Ta tiêu diệt họ qua tay vua Ba-by-lôn. Các ngươi chớ nghe theo các nhà tiên tri, các thầy bói, những người mộng mị, các pháp sư và các nhà chiêm tinh của các ngươi, những kẻ bảo các ngươi rằng: 'Các ngươi sẽ không phải phục vụ vua Ba-by-lôn'; vì họ đang tiên đoán những điều dối trá cho các ngươi, nhằm lôi kéo các ngươi ra khỏi đất của các ngươi, để Ta đuổi các ngươi đi và hủy diệt các ngươi. Đừng nghe theo họ, nhưng hãy phục vụ vua Ba-by-lôn và được sống; tại sao lại để thành này và đất đai các ngươi bị hoang tàn (Giê-rê-mi 27:5–17)?

Điều đó xảy ra vào năm thứ tư triều đại của Sê-đê-ki-a, vua Giu-đa (Giê-rê-mi 28:1).

Một lần nọ, vị tiên tri của Đức Chúa Trời, với ách trên cổ, bước vào đền thờ của Đức Giê-hô-va, và tại đó, ông gặp một trong những tiên tri giả tên là A-na-ni-a, người đã nói trước mặt các thầy tế lễ và toàn thể dân chúng rằng:

– Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vầy: Ta sẽ bẻ gãy ách của vua Ba-by-lôn; trong hai năm nữa, Ta sẽ đem tất cả các đồ thánh của Đền Thờ Đức Giê-hô-va, vốn đã bị mang đi Ba-by-lôn, trở về nơi này, và Ta cũng sẽ đem vua Giê-hô-ni-a cùng tất cả dân Giu-đa trở về đây.

Anania liền cầm lấy cái ách đang đeo trên cổ nhà tiên tri Giê-rê-mi và đập vỡ nó. Giê-rê-mi ra khỏi đền thờ, nhưng chẳng bao lâu sau, khi nhận được sự mặc khải từ Đức Chúa Trời, ông quay trở lại đền thờ và nói với Anania:

– Hãy nghe đây, A-na-ni-a! Đức Giê-hô-va không sai ngươi đi, mà ngươi lại làm cho dân này hy vọng một cách giả dối. Ngươi đã đập vỡ ách gỗ; vậy thì hãy làm một ách sắt thay thế nó đi. Vì Đức Chúa Trời sẽ đặt ách sắt lên cổ tất cả các dân tộc này, để họ phải phục vụ Nê-bu-cát-nê-xa, vua Ba-by-lôn. Còn ngươi, vì đã nói dối nhân danh Đức Chúa Trời, nên trong năm nay ngươi sẽ chết, sẽ bị xóa sổ khỏi mặt đất, vì ngươi đã nói trái ý Đức Chúa Trời.

Và quả thật, chỉ một tháng sau, cái chết đã ập đến với nhà tiên tri giả.

Khi được báo tin về điều đó, Si-đê-ki-a đã hoảng loạn và lúc đó không dám công khai chống lại vua Ba-by-lôn. Sau đó, khi Pharaoh Ai Cập, Psammetich II, con trai của Necho, trở thành người đứng đầu liên minh các vua Canaan nhỏ, và sau chiến thắng trước người Ethiopia, ông ta đã bị cuốn vào một kế hoạch táo bạo nhằm mở rộng quyền lực của mình sang vùng sông Euphrates, Sê-đê-ki-a đã công khai gia nhập phe đồng minh: ông ly khai khỏi Nê-bu-cát-nê-xa, tự xưng là kẻ thù của ông ta, bất chấp những lời khuyên nhủ của thánh Giê-rê-mi, người luôn đưa ra những lời khuyên kịp thời và hữu ích cho ông và toàn thể dân chúng.

Trong khi đó, cùng thời điểm này, tiên tri Giê-rê-mi đã bí mật gửi một bức thư[3309] đến Ba-by-lôn cho những người Do Thái bị bắt làm tù binh ở đó. Trong bức thư, ngài thông báo cho đồng bào rằng theo ý định của Đức Chúa Trời, họ sẽ ở lại đó bảy mươi năm, và nhân danh Đức Chúa Trời, ngài khuyên nhủ họ "hãy xây nhà ở đó, trồng vườn nho, sắp xếp hôn nhân cho con trai và con gái mình, để trong thời gian bị lưu đày, mà dân tộc được chọn sẽ ngày càng đông đúc, cũng như chăm lo cho sự phát triển của thành phố nơi họ được định cư, và cầu nguyện cho nó với Đức Chúa Trời, vì khi thành phố thịnh vượng thì họ cũng sẽ được an lành, và họ sẽ sống trong hòa bình và yên ổn". Ngoài ra, nhân danh Đức Chúa Trời, vị tiên tri thánh đã cảnh báo đồng bào mình về những tiên tri giả, những kẻ tự xưng là yêu nước, đang ẩn náu giữa họ và hứa hẹn với họ về sự giải phóng nhanh chóng khỏi cảnh lưu đày, vì Đức Chúa Trời phán như vầy: "Khi các ngươi đã ở tại Ba-by-lôn được bảy mươi năm, thì Ta sẽ thăm viếng các ngươi và thực hiện lời hứa tốt lành của Ta dành cho các ngươi, để đưa các ngươi trở về đất này; chỉ có Ta mới biết những ý định Ta dành cho các ngươi, đó là những ý định vì điều lành chứ không phải điều ác, để ban cho các ngươi tương lai và hy vọng" (Giê-rê-mi 29:5).

Thư của Giê-rê-mi đã được những người Do Thái bị lưu đày sang Ba-by-lôn đọc và lắng nghe một cách chăm chú; những kẻ tự xưng là những người yêu mến quê hương khốn khổ của mình, tức là các tiên tri dối trá, cũng đã xem qua nó, nhưng đối với những kẻ này, nó đã khơi dậy cơn giận dữ và ý định trả thù nhà tiên tri. Họ đã tự mình viết thư gửi về Giê-ru-sa-lem cho các thầy tế lễ ở đó, yêu cầu họ cấm Giê-rê-mi tiên tri và viết thư. Không chỉ vậy, họ còn đòi hỏi Giê-rê-mi phải bị trói và đặt dưới sự giám sát nghiêm ngặt trong tù, để ông không làm xáo trộn lòng người bằng lời nói hay thư từ, đồng thời đe dọa họ bằng viễn cảnh bị lưu đày kéo dài. Tuy nhiên, vị tiên tri của Đức Chúa Trời, bất chấp những lệnh cấm và xiềng xích đã được đặt lên mình, vẫn không ngừng rao giảng Lời Đức Chúa Trời và nói rằng những người bị lưu đày sang Ba-by-lôn sẽ được Đức Chúa Trời thăm viếng bằng lòng

[3309] Thư của Giê-rê-mi đã được các sứ giả của vua, do Si-đê-ki-a cử đi cùng với các lễ vật dâng cho Na-bu-cô-đô-nô-xơ, chuyển đến đó (Giê-rê-mi 29:3).

thương xót của Ngài, còn những người còn lại ở Giê-ru-sa-lem, ngược lại, sẽ bị hủy diệt bởi cơn giận công chính của Ngài.

– Này, Ta đây, – Đức Chúa Trời phán về vị vua đang ngự trên ngai Đa-vít và về toàn thể dân chúng đang sống trong thành này, – Ta sẽ giáng gươm, nạn đói và dịch bệnh xuống trên họ, và biến họ thành như những quả vả hư thối, không thể ăn được vì sự hư thối của chúng; và Ta sẽ truy đuổi họ, giao họ làm đối tượng phẫn nộ cho mọi vương quốc trên đất, làm lời nguyền rủa và sự kinh hoàng, làm trò cười và sự sỉ nhục giữa các dân tộc, nơi Ta sẽ đuổi họ đi, vì họ đã không vâng lời Ta (Giê-rê-mi 29:1–32).

Gần Giê-ru-sa-lem có thung lũng của con cái Ên-nô-mô, được gọi là Tô-phết, nơi có những bàn thờ cao; tại đó, những người Do Thái vô đạo dâng tế lễ cho Mô-lôch, bằng cách giết mổ và thiêu sống con trai và con gái của họ; khu vực này thường vang lên những âm thanh điên cuồng của kèn và chiêng, át đi những tiếng thét tuyệt vọng và tiếng kêu la của những đứa trẻ đang bị giết. Để vạch trần sự bất chính ghê tởm và vô nhân đạo như vậy của những người cùng thời, theo lệnh của Đức Chúa Trời, tiên tri Giê-rê-mi đã mua một cái bình đất nung từ một thợ gốm, rồi đi đến thung lũng Tofet, mời các trưởng lão trong dân và các trưởng lão trong hàng tư tế đi cùng. Tại đó, ông đã cất tiếng kêu lớn:

– Hãy nghe lời Đức Giê-hô-va, hỡi các vua Giu-đa và dân cư Giê-ru-sa-lem! – Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vầy: "Này, Ta sẽ giáng tai họa xuống nơi này, đến nỗi ai nghe thấy cũng phải rùng mình, vì dân Ta đã bỏ Ta, biến nơi này thành nơi thờ phượng thần lạ, và dâng hương tại đó cho các thần khác mà trước đây cả tổ phụ lẫn các vua của họ đều chưa từng biết; họ đã làm đầy nơi này bằng máu những người vô tội, dựng nên những bàn thờ cao và thiêu sống con cái mình bằng lửa để dâng tế lễ toàn thiêu cho Ba-anh, điều mà Ta chưa từng truyền cho họ và cũng chưa từng nảy sinh trong tâm trí Ta. Vì thế, này, những ngày đang đến gần, Đức Giê-hô-va phán, khi nơi này sẽ không còn được gọi là Tô-phết – thung lũng Ê-nôm – nữa, mà là thung lũng của sự chết, của sự giết chóc, vì tại đây, vô số người Giu-đa sẽ bị giết bằng gươm của kẻ thù họ; và Ta sẽ giao xác chết của họ làm mồi cho chim trời và thú rừng. Ta sẽ biến thành Giê-ru-sa-lem này thành hoang tàn và biến nó thành đối tượng kinh hoàng và ngạc nhiên cho mọi người; ai đi ngang qua cũng sẽ kinh ngạc và huýt sáo khi nhìn thấy mọi vết thương của nó. Và họ sẽ ăn thịt con trai và con gái mình; mỗi người sẽ ăn thịt người lân cận mình, khi bị vây hãm và chật chội, khi kẻ thù bao vây và siết chặt họ, những kẻ tìm cách cướp lấy mạng sống họ (Giê-rê-mi 19:3–9)".

Sau khi thốt ra những lời đáng sợ đó thay mặt cho Đức Chúa Trời đang phẫn nộ, Thánh Giê-rê-mi đã ném chiếc bình đất sét đang cầm trên tay xuống đất, làm vỡ tan nó trước mắt mọi người và nói:

– Đức Giê-hô-va Sa-va-ô phán như vầy: Ta sẽ nghiền nát dân này và thành này, y như chiếc bình đất sét này đã bị nghiền nát và không thể phục hồi được nữa; Ta sẽ biến Giê-ru-sa-lem thành giống như Tô-phết – nhà cửa của dân Giê-ru-sa-lem và nhà cửa của các vua Giu-đa sẽ trở nên ô uế như nơi Tô-phết (Giê-rê-mi 19:10–13).

Sau khi tuyên bố lời tiên tri đáng sợ này, Giê-rê-mi rời khỏi Tô-phết và trở về Giê-ru-sa-lem. Tại đó, khi đứng trong sân Đền Thờ, ông quay sang dân chúng và nói như sau:

– Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vầy: "Này, Ta sẽ giáng xuống trên thành này và trên tất cả các thành của nó mọi tai họa mà Ta đã phán ra, vì họ là những kẻ tàn ác và không vâng lời Ta (Giê-rê-mi 19:14–15)".

Những lời tiên tri ấy khiến Pashor, vị thầy tế lễ kiêm người giám sát trong Đền Thờ, vô cùng phẫn nộ. Ông ta đánh tiên tri Giê-rê-mi và nhốt ông vào một cái cọc gỗ, nằm ở cổng trên của chi phái Bê-ni-am-min, gần Đền Thờ. Nhưng ngày hôm sau, Pashor thả Giê-rê-mi ra, và Giê-rê-mi nói với ông ta: "Tên của ngươi không phải là Pashor (bình an cho ngươi), mà là Magor-Missaviv (sự kinh hoàng bao quanh); vì Đức Giê-hô-va phán như vầy: 'Này, Ta sẽ khiến ngươi trở thành sự kinh hoàng cho chính ngươi và cho tất cả bạn bè ngươi; tất cả các ngươi sẽ ngã xuống dưới lưỡi gươm của kẻ thù mình: ngươi sẽ tận mắt chứng kiến điều đó. Ta sẽ phó cả Giu-đa vào tay vua Ba-by-lôn; ông ta sẽ dẫn họ đến Ba-by-lôn và giết họ bằng gươm. Ta sẽ phó tất cả của cải của thành phố này, tất cả tài sản của nó, cùng tất cả kho báu của các vua Giu-đa vào tay kẻ thù của họ; chúng sẽ cướp bóc, lấy đi và mang về Ba-by-lôn. Còn ngươi, Paschor, cùng tất cả những người sống trong nhà ngươi sẽ bị bắt làm tù binh; ngươi sẽ đến Ba-by-lôn và chết ở đó, ngươi và tất cả những người bạn của ngươi, những người mà ngươi đã tiên tri dối trá, sẽ được chôn cất tại đó" (Giê-rê-mi 20:1–6).

Không lâu sau, lời tiên tri của thánh Giê-rê-mi đã ứng nghiệm. Vào năm thứ chín của triều đại mình, Sê-đê-ki-a, vua Giu-đa, đã công khai ly khai khỏi vua Ba-by-lôn, chấm dứt sự phụ thuộc vào ông ta; và vào ngày mười của tháng thứ mười, Na-bu-cô-đô-nô-xơ đã tiến quân (Giê-rê-mi 52:4) đến Giê-ru-sa-lem với đạo quân hùng hậu

của mình và bao vây thành từ mọi phía; xây những đống đất cao xung quanh tường thành, trên đó đặt các tháp vây hãm. Giờ phút nguy nan đã ập đến với Giê-ru-sa-lem! Tại thủ đô của vương quốc Giu-đa, nơi được bảo vệ bởi những bức tường kiên cố và được cung cấp đầy đủ nước cùng các loại lương thực dự trữ, do sự tập trung quá đông của dân chúng đang lánh nạn trước cuộc xâm lược của người Ca-đê (Giê-rê-mi 35:11), chẳng bao lâu sau, thành phố đã lâm vào tình trạng thiếu thốn những nhu yếu phẩm thiết yếu nhất – trong thành thiếu bánh mì (Giê-rê-mi 52:6). Vào thời điểm khó khăn này, theo lệnh của Đức Chúa Trời, vị tiên tri của Ngài đã đến gặp vua Si-đê-ki-a và nói với ông cùng toàn thể dân chúng rằng:

– Đức Giê-hô-va phán như vầy: "Này, Ta sẽ phó thành này vào tay vua Ba-by-lôn; – và ông ta sẽ chiếm lấy nó rồi thiêu rụi; còn ngươi, hỡi vua, sẽ không thoát khỏi tay ông ta, nhưng chắc chắn sẽ bị bắt và nộp vào tay ông ta, rồi bị dẫn đi Ba-by-lôn" (Giê-rê-mi 34:2–3).

Tuy nhiên, với mong muốn cứu Giê-ru-sa-lem khỏi sự tàn phá hoàn toàn và vương quốc Giu-đa khỏi sự diệt vong, Giê-rê-mi đã khuyên Si-đê-ki-a tự nguyện đầu hàng Na-bu-cô-đô-nô-xơ, tin tưởng vào lòng khoan dung của ông ta. Nhưng các tiên tri giả và các trưởng lão trong hàng tư tế đã chống đối bằng mọi cách những lời khuyên của vị tiên tri của Đức Chúa Trời, và được khích lệ bởi những ảo tưởng viển vông của các quan đại thần tham lam và tham vọng, họ đã thuyết phục vua đừng nghe theo "Giê-rê-mi, người mà họ gọi là đã mất trí" (Giê-rê-mi 28).

Trong khi đó, sự say mê thiếu sáng suốt của Si-đê-ki-a và các cố vấn của ông, những người không chấp nhận việc tự nguyện đầu hàng vua Ba-by-lôn, dường như đã tìm được lý do biện minh cho mình, dù điều đó chỉ kéo dài trong một thời gian ngắn. Pharaoh Ai Cập, người mà vua Giu-đa cùng với các vị vua đồng minh đã được đề cập trước đó đặt niềm tin vào, đã tập hợp quân đội và tiến quân đến cứu Sedekiah, người đang bị người Chaldeans vây hãm. Khi biết tin đó, Nebuchadnezzar đã nhanh chóng chấm dứt cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem và dồn toàn bộ lực lượng của mình để tấn công đối thủ chính của mình (Giê-rê-mi 37:5). Lúc bấy giờ, tại Giê-ru-sa-lem bùng lên một không khí hân hoan chưa từng có. Khi các cổng thành, vốn đã bị đóng kín gần như suốt một năm, được mở ra, dân Giê-ru-sa-lem ùa ra ngoài thành để tận hưởng cảm giác tự do và xem tình hình các làng mạc, thành phố lân cận ra sao, cũng như những cánh đồng và vườn nho đã trở nên thế nào. Người Do Thái cho rằng Nebuchadnezzar đã vội vàng dỡ bỏ cuộc vây hãm khỏi thành phố của họ và rút lui vì nhận ra sự yếu kém của lực lượng mình cũng như sự bất khả thi trong việc chinh phục pháo đài thủ đô của họ. "Này," những kẻ tự huyễn hoặc, say mê với giấc mơ về sự hùng mạnh của tổ quốc mình, khoe khoang, "vua Ba-by-lôn đã không thể đánh bại chúng ta và đã bỏ chạy một cách nhục nhã." Và họ chửi rủa, phỉ báng lời tiên tri của Giê-rê-mi như thể nó chưa bao giờ thành hiện thực. Tuy nhiên, thánh Giê-rê-mi ngay cả lúc đó vẫn không ngần ngại loan báo rằng Giê-ru-sa-lem sẽ bị người Ca-đê chiếm đóng.

– Người Chaldea – ngài nói – sẽ trở lại và chiến đấu chống lại thành phố này, rồi chiếm lấy nó và thiêu rụi nó bằng lửa. Đừng tự lừa dối mình! – Dù các ngươi có đánh tan toàn bộ quân đội người Chaldeans đang tấn công các ngươi, và chỉ còn lại những người bị thương, thì ngay cả những người đó cũng sẽ đứng dậy, mỗi người từ lều của mình, và thiêu rụi thành phố này bằng lửa (Giê-rê-mi 37:7–10).

Sau khi quân Canh-đê rút khỏi Giê-ru-sa-lem, cùng với những người Do Thái khác rời khỏi thành bị vây hãm, tiên tri Giê-rê-mi, người của Đức Chúa Trời, đã cưỡi lừa lên đường về thành quê hương An-a-phốt, thuộc chi phái Bê-ni-a-min, nơi ông có tài sản riêng. Nhưng vừa mới đến cổng thành của chi phái Ben-gia-min, ông đã bị người chỉ huy đội lính canh tại cổng đó, tên là Ir-si-a, cháu nội của tiên tri giả A-na-ni-a (người đã được đề cập trước đó), người mà Giê-rê-mi đã tiên đoán sẽ chết sớm, chặn lại. Irsi này, vì lòng căm thù nhà tiên tri do ông nội mình gây ra, đã giữ ông lại, nghi ngờ ông phản bội.

– Ngươi muốn đào tẩu sang phe người Chaldeans, – Irsia nói.

Jeremiah đáp lại:

– Ngươi nói dối, – ta không đi đến chỗ người Chaldeans, mà là về thành phố của ta, nơi ta có tài sản.

Nhưng bất chấp những lời khẳng định đó, người lính gác đã bắt giữ tôi tớ của Đức Chúa Trời và dùng bạo lực thô bạo lôi ông đến trước mặt các quan trưởng; còn những người này, vui mừng vì có cơ hội thực hiện âm mưu độc ác từ lâu của họ chống lại người vô tội đã làm phiền họ, đã coi ông như một gián điệp thực sự, đánh đập ông và giam ông vào ngục tối dưới lòng đất trong nhà Giô-na-than – người thư ký, một kẻ (Giê-rê-mi 37:12–16) tàn nhẫn và vô tâm, người được giao nhiệm vụ giám sát tù nhân. Tuy nhiên, họ không dám ra tay giết nhà tiên tri, vì sợ rằng điều đó sẽ khiến họ mất lòng vua Sê-đê-ki-a, người thỉnh thoảng – dù chỉ là một cách dè dặt (Giê-rê-mi 37:19) – vẫn dành sự quan tâm cho thánh Giê-rê-mi. Theo lệnh của Sê-đê-ki-a, vị tiên tri của Đức Chúa Trời chẳng bao lâu

sau đã được chuyển từ ngục tối dưới hầm lên nhà tù trong cung điện, nơi ông được cấp bánh mì (Giê-rê-mi 37:21) và từ đó ông có thể truyền đạt những lời dạy dỗ của mình cho dân chúng.

Tuy nhiên, niềm vui hân hoan tại Giê-ru-sa-lem không kéo dài được bao lâu. Nê-bu-cát-nê-xa, người đã bao vây thủ đô của người Do Thái trong 390 ngày và dỡ bỏ cuộc bao vây này chỉ để đẩy lùi pharaoh Ai Cập đang tiến đến cứu Sê-đê-ki-a, đã nhanh chóng khiến kẻ thù của mình phải tháo chạy và quay trở lại Giê-ru-sa-lem, rồi bao vây thành phố này chặt chẽ hơn trước. Cuộc chinh phạt của người Chaldea chống lại người Ai Cập kéo dài hơn 100 ngày một chút; còn cuộc vây hãm cuối cùng của Giê-ru-sa-lem chỉ kéo dài 40 ngày (Ê-xê-chi-ên 4:5–6).

Trong suốt thời gian đó, vị tiên tri thánh Giê-rê-mi không ngừng khuyên nhủ dân Giu-đa hãy ăn năn và quay về với Đức Chúa Trời, chỉ cho họ thấy những lời tiên tri của mình, những lời tiên tri đang rõ ràng ứng nghiệm, rằng đã đến lúc phải chịu hình phạt mà Đức Chúa Trời đã định cho những kẻ phạm tội, và ngài khuyên họ đừng chống lại ý muốn của Đức Chúa Trời mà hãy đầu hàng người Chaldeans.

– Đức Giê-hô-va phán như vầy, – Giê-rê-mi nói, – ai ở lại trong thành này thì sẽ chết vì gươm, đói khát và dịch bệnh, còn ai ra đầu hàng người Canh-đê thì sẽ được sống, ít nhất cũng sẽ giữ được báu vật quý giá nhất của mình – đó là linh hồn – và sẽ được sống sót. Còn thành phố này chắc chắn sẽ bị quân đội vua Ba-by-lôn chiếm đóng (Giê-rê-mi 38:2–3).

Khi nghe những lời khuyên nhủ như vậy của nhà tiên tri, các quan trưởng Giu-đa và những kẻ cuồng tín yêu nước, những người không hiểu gì về tình yêu chân chính đối với tổ quốc, đã đến gặp vua và yêu cầu:

– Hãy xử tử người này, vì hắn làm suy yếu tinh thần của các chiến binh và của cả dân chúng khi nói những lời như vậy với họ; bởi vì người này không mong muốn sự thịnh vượng cho dân tộc mình, mà là sự hủy diệt và ô nhục.

Vua Zedekiah đã trả lời họ trong tuyệt vọng:

– Hắn đang nằm trong tay các ngươi, – hãy làm gì hắn tùy ý; vua không thể làm gì trái với ý các ngươi (Giê-rê-mi 38:4–5).

Sau đó, Thánh Giê-rê-mi-a bị thả xuống bằng dây thừng vào một cái hố sâu trong sân nhà tù hoàng cung, nơi có rất nhiều bùn bẩn. Trong cái hố đó, người của Đức Chúa Trời đã phải chịu đau khổ một cách oan ức, bị chìm ngập đến cổ trong bùn lầy; và ông đã chết ở đó vì ẩm ướt và đói khát, nếu không được một người ngoại quốc kính sợ Đức Chúa Trời cứu sống. Tại triều đình có một hoạn quan tên là Avdemelech – người Ê-thi-ô-pi; khi nghe tin Giê-rê-mi bị ném xuống hố, ông phẫn nộ trước cách đối xử không xứng đáng với vị tiên tri đáng kính, liền đến gặp vua và nói:

– Thưa Bệ hạ! Ngài đã làm điều sai trái khi đối xử với nhà tiên tri Giê-rê-mi như vậy, khiến ông phải đối mặt với nguy cơ tử vong.

Vua ra lệnh cho Avdemelech đưa ông ra khỏi hố. Sau đó, Sê-đê-kia triệu Giê-rê-mi đến và hỏi riêng ông rằng liệu tất cả những điều ông tiên tri có đúng không?

Nhà tiên tri đáp lại:

– Nếu tôi nói sự thật với ngài, liệu ngài có giết tôi không? Và nếu tôi đưa ra lời khuyên, ngài cũng sẽ không nghe theo tôi.

Vua đã thề hứa với Giê-rê-mi rằng sẽ không xử tử ông và cũng không giao ông vào tay những kẻ đang tìm cách giết ông. Lúc đó, Giê-rê-mi nói với Si-đê-ki-a:

– Đức Giê-hô-va Sa-va-ô, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vầy: Nếu ngài (tự nguyện khuất phục và) ra gặp các tướng lĩnh của vua Ba-by-lôn, thì mạng sống ngài sẽ được bảo toàn, thành này sẽ không bị thiêu rụi, và ngài cùng gia đình ngài sẽ được sống; nhưng nếu ngươi không ra gặp các tướng lĩnh của vua Ba-by-lôn, thì thành này sẽ bị giao vào tay dân Ca-đê, và họ sẽ thiêu rụi nó bằng lửa, và ngươi sẽ không thoát khỏi tay họ.

Vua, bị những người bạn giả dối của mình lừa dối, đã không nghe lời nhà tiên tri, cũng không tuân theo lời khuyên tốt lành của ông. Nhưng vì lo sợ sự phản bội từ chính những người bạn đó – không phải vì Giê-rê-mi-a, mà chủ yếu là vì bản thân mình – nên ông đã nói với người của Đức Chúa Trời rằng không ai được biết về cuộc trò chuyện bí mật của họ, và rằng nếu các quan hỏi về việc đó, ông phải trả lời: "Ta đã trình bày lời thỉnh cầu của mình trước mặt nhà vua, xin đừng đưa ta trở lại nhà Giô-na-than, kẻo ta sẽ chết ở đó."

Và vị tiên tri vẫn bị giám sát trong sân của đội vệ binh hoàng gia suốt thời gian thành Giê-ru-sa-lem bị vây hãm, cho đến chính ngày ông bị người Ca-đê bắt đi. Sự việc này xảy ra vào năm thứ mười một triều đại vua Si-đê-ki-a (Giê-rê-mi 38:1–28).

Cuối cùng, giờ phút cuối cùng đã đến với thành phố, pháo đài vinh quang của Y-sơ-ra-ên – Giê-ru-sa-lem: số lượng những người bảo vệ đã giảm sút đến mức họ không còn có thể bảo vệ các bức tường thành nữa; trong thành không còn bánh mì – nỗi kinh hoàng của cái chết vì đói đang bao trùm thủ đô của dân Do Thái; người dân Giê-ru-sa-lem, bị nỗi sợ hãi bao trùm, đã đánh mất những tàn dư cuối cùng của tình người: họ không còn "ăn thịt lẫn nhau" theo nghĩa bóng nữa, mà là theo nghĩa đen, "ăn thịt con trai, con gái và những người thân cận của mình". Lời tiên tri của Giê-rê-mi đã trở thành sự thật! (Giê-rê-mi 19:9 và các đoạn khác)

Vào ngày thứ chín của tháng Tammuz, tức ngày thứ chín của tháng thứ tư, năm thứ mười một triều đại vua Zedekiah (Giê-rê-mi 39:2) (vào tháng 6 năm 589 trước Công nguyên), quân Ca-đê đã mở một lỗ hổng lớn trên tường thành và xâm nhập vào Giê-ru-sa-lem. Bản thân Nebuchadnezzar lúc đó không có mặt. Ông đang ở Riblah, tại Syria. Các tướng lĩnh của ông, sau khi xông vào thành, đã dựng lều trại tại cổng giữa, nằm giữa Si-ôn và thành dưới (Giê-rê-mi 39:1–3). Những chiến binh hung tợn, trở nên điên cuồng vì cuộc vây hãm kéo dài, đã tản ra khắp thành phố và không tha thứ cho bất kỳ ai. Người Giu-đa, kiệt sức vì đói khát và kinh hoàng – tất cả những ai có thể đều bỏ chạy (2 Vua 25:2). Vua Sê-đê-ki-a cùng các vệ sĩ đi theo đã tìm cách lẻn qua một lối đi bí mật nằm gần vườn hoàng gia, ở phía đông bắc thành phố, vào ban đêm và trốn khỏi thủ đô. Ông định ẩn náu trong sa mạc Ga-la-át. Nhưng cuộc trốn chạy của ông nhanh chóng bị người Chaldea phát hiện, và một đội truy đuổi đã được cử đi để bắt ông cùng những người đi theo. Những kẻ trốn chạy dễ dàng bị bắt kịp trên đồng bằng Giê-ri-cô. Các chiến binh đi cùng vua thì hoặc bỏ chạy, hoặc bị giết hết. Sê-đê-kia bị bắt làm tù binh và bị dẫn đến gặp Nê-bu-cát-nê-xa tại Riba, một thành phố của Syria. Cũng tại đó, Thượng tế Seraia và Trưởng đền thờ Zephaniah, những người bị bắt trong thành, cùng với hoạn quan, Tổng tư lệnh quân đội, bảy quan đại thần cận thần của vua, và sáu mươi đại diện quý tộc trong dân chúng cũng bị dẫn đến. Kẻ chiến thắng đã tuyên án đối với những kẻ bại trận: các con trai của Xê-đê-ki-a và tất cả dân thành Giê-ru-sa-lem, những người bị dẫn đến trước ánh mắt đáng sợ của vị vua phương Đông, đã bị chém chết ngay trước mặt vị vua Do Thái bất hạnh; sau đó, chính mắt ông cũng bị móc ra, rồi ông bị xiềng xích bằng đồng và bị đưa đến Ba-by-lôn, nơi ông bị giam cầm trong ngục tối và qua đời tại đó (Giê-rê-mi 52, xem Giê-rê-mi 39:4–7).

Một tháng sau khi người Chaldea chiếm đóng Giê-ru-sa-lem (Giê-rê-mi 52:12), Nabu-zardan, chỉ huy đội cận vệ của Nebuchadnezzar, đã đến đó. Thủ đô của vương quốc Do Thái lúc bấy giờ trông như nơi ở của những người chết: tất cả các cổng thành đều hoang vắng, các con đường dẫn đến Si-ôn không còn bóng người, các thầy tế lễ kiệt quệ, còn các thiếu niên và thiếu nữ Giu-đa thì bị chà đạp như trên bàn mài (Khóc than 1:1–15). Nhưng thành phố, thủ đô của dòng dõi Đa-vít, vốn từng tuyệt đẹp và lừng lẫy, vẫn còn tồn tại, vẫn giữ được sự vĩ đại và vẻ đẹp của mình. Các tướng lĩnh đã chinh phục thành phố này không có quyền quyết định số phận của nó. Chính vị vua của người Chaldeans cũng do dự: một mặt, ông muốn có một cứ điểm ở đất Giu-đa để chống lại những âm mưu thù địch của vua Ai Cập, và Giê-ru-sa-lem với bức tường thành kiên cố của nó có thể hữu ích, nhưng mặt khác – ông không thể không nghi ngờ mối nguy hiểm đối với bản thân, rằng những người Do Thái luôn xảo quyệt và nổi loạn sẽ lợi dụng pháo đài kiên cố này cho những mưu đồ phản bội của họ. Suy nghĩ sau cùng đã chiếm ưu thế: Nebuchadnezzar đã cử Nebuzaradan đi với nhiệm vụ phá hủy Jerusalem đến tận nền móng. Sự tàn phá hoàn toàn và triệt để của Giê-ru-sa-lem đã được Thánh Giê-rê-mi-a miêu tả một cách cảm động, khi ngài trút nỗi đau thương vô bờ bến vào những câu thơ trong tác phẩm "Lời Than Khóc" của mình. Sự sụp đổ của thành thánh đã lay động sâu sắc trái tim dân Y-sơ-ra-ên – bắt đầu bằng những tiếng khóc chân thành "bên các dòng sông Ba-by-lôn" (Thánh vịnh 136), họ vẫn tiếp tục cho đến ngày nay, dành ngày tưởng niệm sự kiện này để ăn chay và đi chân trần – không mang ủng hay giày – như một dấu hiệu của sự buồn bã.

Tổng trấn Nabu-Zardan đã nhận được một mệnh lệnh đặc biệt từ chủ nhân của mình là Nebuchadnezzar liên quan đến vị tiên tri thánh Giê-rê-mi – cụ thể là: bắt giữ ông và giám sát ông một cách cẩn trọng, để ông sống mà không bị áp bức, không làm điều gì xấu với ông và để ông tự do hành động theo ý muốn của mình (Giê-rê-mi 39:11–12). Nabuchadnezzar đã biết về Giê-rê-mi, về những lời tiên tri và lời khuyên mà ông đã dâng lên vua Si-đê-ki-a; chính vì vậy, ông mới ra lệnh cho Na-bu-xa-dan về số phận của vị tiên tri.

Thánh Giê-rê-mi, người trong thời gian thành Giê-ru-sa-lem bị vây hãm đã bị xiềng xích và giam giữ dưới sự giám sát trong sân của đội vệ binh hoàng gia, đã bị người Ca-đê bắt làm tù binh cùng với những người Do Thái khác; khi Nebuzaradan đến Giê-ru-sa-lem, ngài lập tức được dẫn đến trước vị quan có toàn quyền quyết định số phận của thành phố và toàn vương quốc Giu-đa, và nghe được từ ông ta những lời ân cần như sau: "Chúa, Thiên Chúa của ngươi, đã phán xuống tai họa này trên nơi này và đã làm đúng như lời Ngài đã phán... Nhưng hôm nay

ta sẽ giải phóng ngươi khỏi xiềng xích đang trói tay ngươi: nếu ngươi muốn đi cùng ta đến Ba-by-lôn – thì hãy đi; còn nếu ngươi không muốn đi cùng ta – thì hãy ở lại. Cả đất này đều ở trước mặt ngươi; nơi nào ngươi muốn và nơi nào ngươi thích đi, thì hãy đi đến đó" (Giê-rê-mi 40:1–4). Giê-rê-mi đã bày tỏ mong muốn ở lại quê hương mình.

Sau khi được tự do và nhận thấy sự ưu ái bảo trợ từ phía Nabu-zardan, Giê-rê-mi trước hết đã lo lắng cho Đền Thánh của Đức Chúa Trời, vẻ đẹp và vinh quang cao quý nhất của Y-sơ-ra-ên mọi thời đại, tức là Hòm Giao Ước, để nó không bị những kẻ ngoại bang hủy diệt, để vinh quang của Đức Chúa Trời không bị sỉ nhục. Ngay lúc đó, vị tiên tri đã can đảm xin phép người chiến thắng được mang đi Thánh vật của Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên, trước khi Đền Thờ của Đức Giê-hô-va bị cướp bóc và thiêu rụi. Và nhờ sự cho phép đó, ngài đã tìm thấy những thầy tế lễ và người Lê-vi còn sống sót, những người đầy lòng kính sợ Đức Chúa Trời, đưa họ theo mình, rồi cùng họ đi qua giữa đám người Canh-đê một cách không sợ hãi và không gặp trở ngại nào, và bước vào đền thờ do Sa-lô-môn xây dựng. Tại đó, vị tiên tri của Đức Chúa Trời đã thắp sáng ngọn đèn mà ông đã chuẩn bị bằng ngọn lửa kỳ diệu từ Đức Chúa Trời, vốn đã giáng xuống trong thời Môi-se và A-rôn để dâng lễ toàn thiêu (Lê-vi Ký 9:24) và từ đó đến nay luôn được duy trì không tắt trên bàn thờ, rồi ông giấu ngọn đèn ấy trong một cái giếng cạn, với đức tin vững chắc và tiên tri thấy trước rằng ngọn lửa ấy, dù có tạm thời tắt đi ở đó (kỳ diệu biến đổi thành một nguyên tố khác, là nước đặc), nhưng đến thời điểm thích hợp, nó sẽ lại bùng cháy, lấy lại bản chất ban đầu của mình, điều này đã ứng nghiệm khi dân Y-sơ-ra-ên trở về từ cảnh lưu đày ở Ba-by-lôn, khi Đền Thờ được khôi phục lại vào thời Nehemia, nhiều năm sau khi vị tiên tri thánh Giê-rê-mi qua đời, người đã giam giữ ngọn lửa ấy trong giếng và lấp đầy chính nơi đó, khiến nó trở nên không thể nhận ra và trong một thời gian dài vẫn là điều bí ẩn đối với mọi người (2 Mac. 1:19–32).

Sau khi ngọn lửa tế lễ được giấu đi, vị tiên tri của Đức Chúa Trời đã lấy Hòm Giao Ước, mang nó ra khỏi Đền Thờ và cất giữ tại nhà mình cho đến khi tình trạng hỗn loạn trong thành phố chấm dứt, tình trạng này xảy ra do mệnh lệnh của Nabu-Zardan lúc bấy giờ về việc cướp bóc và đốt phá Giê-ru-sa-lem.

Khi thánh vật của Chúa được mang ra khỏi đền thờ, các binh lính Chaldea, theo lệnh của Nebuzaradan, đã ngay lập tức thu gom tất cả các vật quý giá trong đền thờ, bằng vàng, bạc và đồng, để chuyển chúng đến Babylon, và chính ngôi đền thờ cũng bị phá hủy hoàn toàn; cùng lúc đó, tất cả các cung điện hoàng gia và những ngôi nhà sang trọng nhất, vốn tọa lạc trên các đường phố Giê-ru-sa-lem, cũng bị tàn phá và thiêu rụi; các bức tường thành của thành phố cũng bị đào xới và san bằng với mặt đất. Rất nhiều người Do Thái đã ngã xuống dưới lưỡi gươm của quân xâm lược, đặc biệt là tại thung lũng Tofet, nơi trước đây những kẻ vô luật pháp đã hiến tế con trai và con gái mình cho Moloch, và giờ đây chính những người Chaldeans đã lùa họ đến đó để giết hại. Những người còn sống sót và vẫn còn sức lực sau đó bị bắt làm tù binh. Chỉ những người yếu đuối và không có gì trong số dân tộc tội lỗi này mới được để lại ở Giu-đa; theo lệnh của Na-bu-xa-dan, họ được giao các vườn nho và ruộng đồng để canh tác và kiếm sống (Giê-rê-mi 39:10; 2 Vua 25:12).

Khi rời khỏi Giê-ru-sa-lem đã bị cướp bóc và tàn phá, Na-vu-xa-dan đã bổ nhiệm Gô-đô-li, con trai của A-hi-cam – người từng cứu Giê-rê-mi khỏi tay những kẻ ám sát – làm quan tổng trấn của Giu-đê hoang tàn. A-hi-cam đã chọn nơi cư ngụ không còn ở Giê-ru-sa-lem nữa, mà là tại Ma-si-phê[3310] , gần Giê-ru-sa-lem. Nhà tiên tri Giê-rê-mi cũng định cư tại đó, để sống, theo lệnh của Na-vu-xa-dan, dưới sự bảo vệ và che chở của quan tổng trấn (Giê-rê-mi 40:5).

Tận dụng sự tự do và sự bình yên đã trở lại trên đất nước mình, thánh Giê-rê-mi cùng với các thầy tế lễ và người Lê-vi kính sợ Đức Chúa Trời đã lấy những vật thánh của Đền Thờ Chúa mà ông còn giữ được, và mang chúng lên một ngọn núi ở xứ Mo-áp, bên kia sông Giô-đanh, gần thành Giê-ri-cô, nơi mà xưa kia tiên tri Môi-se đã chiêm ngưỡng Đất Hứa, nơi ông qua đời và được chôn cất tại một địa điểm mà không ai biết (Đệ Nhị Luật 34). Trên ngọn núi đó , tiên tri Giê-rê-mi-a đã tìm thấy một hang động, mang Hòm Giao Ước vào trong đó; lối vào hang động này được chặn lại bằng một tảng đá lớn. Và hòn đá ấy dường như đã được Giê-rê-mi niêm phong, khi ông dùng ngón tay khắc tên Đức Chúa Trời lên đó – và nét chữ ấy giống như được khắc bằng mũi dao sắt, vì hòn đá cứng rắn dưới ngón tay viết của vị tiên tri lại mềm như sáp, rồi sau đó lại cứng lại theo bản chất tự nhiên của nó. Và nơi đó trở nên vững chắc, như thể được đúc từ sắt. Sau đó, thánh Giê-rê-mi-a quay sang những người đi cùng và

[3310] Massiphah nằm không xa Giê-ru-sa-lem và trong thời cổ đại là nơi cầu nguyện; Sa-mu-ên đã dâng của lễ thiêu tại đó trước khi dân Do Thái đánh lui quân Phi-li-tin tấn công (1 Sa-mu-ên 7:1–17).

nói: "Chúa đã rời Si-ôn lên trời! – và Ngài sẽ trở lại với quyền năng, còn dấu hiệu của sự tái lâm của Ngài là: khi mọi dân tộc trên đất sẽ thờ lạy cây gỗ" (thập tự giá, nơi Đấng Cứu Thế của thế gian, Chúa Giê-su Ki-tô, đã bị đóng đinh).

Ngoài ra, Giê-rê-mi còn nói thêm rằng không ai có thể mang Hòm Giao Ước đó ra khỏi nơi này, ngoại trừ Môi-se, vị tiên tri đã được Chúa hiện ra, và không một thầy tế lễ nào có thể mở ra và đọc các Bảng Giao Ước trong Hòm Giao Ước, ngoại trừ A-rôn, người được Chúa ưa chuộng; vào ngày Phục Sinh chung, nó sẽ được mang ra khỏi tảng đá được niêm phong bằng danh Chúa và đặt trên núi Si-ôn, và tất cả các thánh sẽ tụ họp quanh nó để chờ đợi sự tái lâm của Chúa, Đấng sẽ giải cứu họ khỏi kẻ thù đáng sợ – Anti-Christ, kẻ đang tìm cách giết họ. Khi thánh Giê-rê-mi-a nói những lời này với các tư tế và người Lê-vi, bỗng nhiên một đám mây che phủ hang động đã được niêm phong ấy, và không ai có thể đọc được danh Chúa được khắc trên tảng đá bằng ngón tay của Giê-rê-mi-a; thậm chí chính nơi đó cũng trở nên không thể nhận ra, đến nỗi không ai có thể chỉ ra được nó. Một số người có mặt tại đó muốn ghi nhớ nơi này và con đường dẫn đến đó, nhưng không thể làm được. Còn vị tiên tri, trong sự soi sáng thiêng liêng, đã nói với họ: "Nơi này sẽ không được ai biết đến cho đến khi Chúa quy tụ các hội thánh của dân Ngài; và khi đó, trong lòng thương xót, Ngài sẽ chỉ cho thấy nơi này – lúc ấy vinh quang của Đức Chúa Trời sẽ hiển lộ rõ ràng cho mọi người tại đó, và đám mây sẽ che phủ nơi ấy, như đã xảy ra dưới thời Môi-se (Lê-vi Ký 9:23–24) và dưới thời Sa-lô-môn" (3 Vua 8:10–11).

Vậy nên hang động ấy vẫn còn là một bí ẩn, và nơi đó sẽ không được biết đến cho đến tận cùng thế gian; nhưng vinh quang của Đức Chúa Trời vẫn chiếu sáng cách kín đáo trên Hòm Giao Ước bằng một đám mây sáng rực rỡ, như đã che phủ nó trong Lều Hội Ngộ của Môi-se và Đền Thờ của Sa-lô-môn, vì ánh sáng ấy không thể ngừng lại!

Sau bảy mươi năm, khi trở về từ cuộc lưu đày ở Ba-by-lôn, dân Do Thái đã xây dựng một đền thờ mới tại Giê-ru-sa-lem, nhưng nơi đó không còn vinh quang của đền thờ cổ xưa, nơi thánh của Đức Chúa Trời; lúc bấy giờ, một Hòm Giao Ước mới bằng vàng đã được chế tác theo mẫu của Mô-sê, và tất cả những gì ở bên trong cũng như xung quanh nó đều được sắp đặt theo mẫu cũ, nhưng trong đó đã không còn sức mạnh kỳ diệu, vinh quang của Đức Chúa Trời cũng không chiếu rọi lên nó nữa. Trong đền thờ mới chỉ còn lại ngọn lửa thiên đàng từ đền thờ cũ, được tiên tri Giê-rê-mi giấu đi, như đã nói ở trên, trong giếng nước và sau đó được các thầy tế lễ tìm thấy.

Sau khi giấu Hòm Giao Ước của Chúa, thánh Giê-rê-mi-a trở về Ma-si-fa, thủ đô mới của xứ Giu-đa, gặp Gô-đô-li-a, vị thống đốc mới của quê hương tan hoang, và sống giữa những đồng bào còn lại, khóc than thảm thiết cho quê hương bất hạnh. Những người Do Thái đã tản mác khắp các nước lân cận khi quân Canh-đê xâm lược bắt đầu tụ tập quanh Gô-đô-li-a. Gô-đô-li-a, nhờ được ân sủng của vị vua cai trị, đã khích lệ họ, hứa hẹn sẽ bảo vệ họ trước quân Canh-đê và mang lại cuộc sống bình yên. Chính Đức Chúa Trời, sau khi trừng phạt những kẻ gian ác, đã an ủi những người còn sót lại đang đau buồn của con cái Y-sơ-ra-ên ngay trong năm đầu tiên sau cuộc xâm lược của người Ba-by-lôn: trong năm đó, họ đã thu hoạch được rất nhiều loại hoa quả từ đất và rượu nho (Giê-rê-mi 40:9–12), tuy nhiên, mầm mống của những đam mê nổi loạn và sự tùy tiện không kiềm chế, không bị ràng buộc bởi luật đạo đức, đã thấm sâu vào lòng dân Do Thái đến mức sức mạnh và ảnh hưởng của nó vẫn thể hiện rõ ngay cả trong những thời kỳ khó khăn ấy. Một người tên là Ismael, con trai của Naphanias, họ hàng của vua Zedekiah, người đã bị bắt đi lưu đày tại Babylon, cùng với Giô-na-an và Giô-na-than, con trai của Ca-ri, và những tướng lĩnh Do Thái khác, những người đã chạy trốn khỏi người Canh-đê sang ở với người Mô-áp, người Am-môn và người Ê-đôm, đã trở về và định cư cùng các thuộc hạ của mình ở vùng lân cận thành Giê-ru-sa-lem đã bị phá hủy; họ cũng thiết lập quan hệ với Gô-đô-li-a, đến gặp ông tại Ma-si-phơ như thể để bày tỏ sự phục tùng của mình. Gô-đô-li-a, người dễ tin, không nghi ngờ ý đồ xấu xa của họ, đã tiếp đón họ nồng hậu và tôn trọng, thậm chí còn tổ chức tiệc tùng cho họ. Giô-na-an, con trai của Ca-rê, trong số những việc khác, đã cảnh báo Gô-đô-li-a rằng Isma-ên, theo thỏa thuận với người Am-môn, có ý định giết ông và bí mật đề nghị giúp đỡ ông bằng những hành động đê tiện:

– Hãy để tôi, – hắn nói, – tôi sẽ đi giết Ismael, con trai của Nafanias, và sẽ không ai biết; tại sao lại để hắn giết ngài, để những người Do Thái tụ tập quanh ngài phải lâm vào cảnh khốn cùng, và để phần còn lại của Giu-đa phải diệt vong?

– Đừng làm thế, – Godolia nói với hắn, – ngươi đang nói dối về Ismael.

Trong khi đó, không lâu sau, Ismail thực sự đã đến gặp Godolia cùng mười thuộc hạ của mình; vào buổi tối muộn, giữa bữa tiệc, hắn đã dùng gươm giết chết Godolia cùng tất cả người Do Thái có mặt tại đó, cũng như những người Chaldean – những binh lính đang có mặt tại đó. Sau khi thực hiện thành công hành động đẫm máu và đê hèn

đó, Ismael cùng bọn đồng phạm tham lam của mình đã cướp bóc Massifa, bắt giữ các con gái của quan tổng trấn vùng này cùng những người dân đang dần quen với cuộc sống bình yên ở đó, rồi dẫn họ đến lãnh thổ của người Ammon. Hành động tàn ác và ngang ngược của tên cướp này, dường như hành động vì lợi ích của tổ quốc, đã khơi dậy sự căm ghét chung đối với hắn. Ioanan, con trai của Karei, cùng các thủ lĩnh khác của các đơn vị quân sự nhanh chóng đoàn kết lại và quyết định trừng phạt tên ác nhân; sau khi tập hợp các đội quân của mình, họ truy đuổi Ismael và bắt kịp hắn tại Gabaon. Những người Do Thái bị Ismael bắt làm tù binh và thậm chí cả những đồng minh của hắn, ngay khi nhìn thấy Ioanan, đã vui mừng và chuyển sang phe ông. Ismael, chỉ cùng với tám người thân cận, đã trốn chạy sang phe người Ammon.

Nhưng cả Io-na-an cùng các đồng đội của mình cũng còn xa mới thực sự thấu hiểu lợi ích của quê hương bất hạnh của họ, điều mà tiên tri Giê-rê-mi-a luôn không ngừng rao giảng. Sau chiến thắng dễ dàng trước Ismael, người Do Thái dừng chân tại làng Himam, gần Bethlehem, và dưới sự lãnh đạo của Ioanan, họ đã tổ chức một cuộc họp, trong đó, vì lo sợ sự trả thù cho vụ ám sát phản bội Godolia – người được vua Babylon bổ nhiệm – họ quyết định di tản sang Ai Cập. Và họ đã bắt đầu chuẩn bị để toàn dân cùng nhau đi đến Ai Cập, nơi mà xưa kia, nhờ bàn tay hùng mạnh của Đức Chúa Trời Toàn Năng và sức mạnh vĩ đại của Ngài, tổ tiên họ đã được giải cứu!... Nhưng trước khi thực hiện quyết định đó, họ muốn nghe ý kiến của thánh Giê-rê-mi-a về việc này. Tất cả các tướng lĩnh, cùng Giô-na-than, con trai của Ca-rê, và Giê-sa-ni-a, con trai của Gô-sai-a, cùng toàn thể dân chúng, từ già đến trẻ, đều đến gặp tiên tri Giê-rê-mi-a và nói:

– Xin lời thỉnh cầu của chúng tôi được trình lên trước mặt ngài; xin ngài cầu nguyện cho chúng tôi cùng Đức Chúa Trời của ngài (“của ngài”, họ nói, chứ không phải “của chúng tôi”, – điều này đáng được chú ý đặc biệt) cho tất cả những người còn lại này, vì trong số đông đã chỉ còn lại ít người như mắt ngài đang thấy, để Đức Chúa Trời của ngài chỉ cho chúng tôi con đường mà chúng tôi phải đi và những việc chúng tôi phải làm.

Nhà tiên tri đáp lại họ:

– Ta đã nghe và sẽ cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời của các ngươi theo lời các ngươi; và mọi điều Đức Chúa Trời phán, ta sẽ báo cho các ngươi biết – ta sẽ không giấu các ngươi một lời nào.

Lúc đó, họ nói với Giê-rê-mi:

– Nguyện Đức Giê-hô-va làm chứng nhân trung thành và chân thật giữa chúng ta rằng, chúng ta sẽ chắc chắn tuân làm mọi điều mà Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ngươi, sai ngươi đến truyền cho chúng ta: dù là điều tốt hay điều xấu, chúng ta cũng sẽ vâng theo tiếng phán của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời mà chúng ta sai ngươi đến, để chúng ta được phước khi vâng theo tiếng phán của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúng ta.

Vị tiên tri đã thực hiện lời hứa đó, và sau mười ngày, ngài tuyên bố với Giô-na-than, các tướng lĩnh đi cùng ông và toàn thể dân chúng:

– Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đấng mà các ngươi đã sai ta đến để dâng lời cầu nguyện trước mặt Ngài, phán như vầy: Nếu các ngươi ở lại trên đất này, thì Ta sẽ làm cho các ngươi được bình an và không hủy diệt các ngươi; Ta sẽ trồng các ngươi và không nhổ bỏ các ngươi, vì Ta thương xót về tai họa mà các ngươi đã phải chịu. Đừng sợ vua Ba-by-lôn, Đấng mà các ngươi đang sợ; đừng sợ hắn, Đức Giê-hô-va phán, vì Ta ở cùng các ngươi để cứu các ngươi và giải thoát các ngươi khỏi tay hắn. Và Ta sẽ tỏ lòng thương xót với các ngươi: vua Ba-by-lôn ấy sẽ không trừng phạt các ngươi và sẽ cho phép các ngươi ở lại trên đất của các ngươi. Nhưng nếu các ngươi nói: “Chúng tôi không muốn sống trên đất này” và không vâng theo tiếng phán của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các ngươi, mà nói: ‘Không, chúng ta sẽ đi đến xứ Ai Cập, nơi chúng ta sẽ không thấy chiến tranh, không nghe tiếng kèn, không phải chịu đói, và sẽ sống ở đó’, thì hãy nghe lời Đức Giê-hô-va ngay bây giờ, hỡi những người còn sót lại của Giu-đa, Đức Giê-hô-va Sa-va-ô, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vầy: nếu các ngươi quyết tâm quay mặt đi để đến Ai Cập, và đi để sống ở đó, thì thanh gươm mà các ngươi sợ hãi sẽ đuổi kịp các ngươi ở đó, tại xứ Ai Cập, và nạn đói mà các ngươi lo sợ sẽ luôn bám theo các ngươi; các ngươi sẽ chết tại Ai Cập. Và tất cả những ai quay mặt đi để đến Ai Cập và sống ở đó, sẽ chết vì gươm, đói kém và dịch bệnh, và không ai trong số họ sẽ còn sót lại hay thoát khỏi tai họa mà Ta sẽ giáng xuống trên họ. Vì Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vầy: Cũng như cơn giận và sự phẫn nộ của Ta đã đổ xuống trên dân cư Giê-ru-sa-lem, thì sự phẫn nộ của Ta cũng sẽ đổ xuống trên các ngươi khi các ngươi vào Ai Cập; các ngươi sẽ trở thành lời nguyền rủa, sự kinh hoàng, sự sỉ nhục và sự khinh bỉ, và các ngươi sẽ không còn được thấy nơi này nữa. Đối với các ngươi, những người còn sót lại của Giu-đa, Đức Giê-hô-va phán: “Đừng đi xuống Ai Cập; hãy biết chắc chắn rằng Ta đã cảnh báo các ngươi ngay bây giờ! – Đừng phạm tội chống lại chính mình : các ngươi đã sai ta đến

với Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời, nói rằng các ngươi sẽ làm mọi điều Ngài phán dạy; và nay ta đã truyền đạt ý muốn của Đức Chúa Trời cho các ngươi. – Vậy, hãy biết rằng các ngươi sẽ chết tại nơi mà các ngươi định đến – nơi các ngươi muốn đến để sống trong no đủ và bình an – bởi gươm, đói khát và dịch bệnh (Giê-rê-mi 42:2–22).

Lời tiên tri này đã không tạo ra tác động cần thiết đối với những trái tim đã thấm đẫm chất độc của sự tùy tiện không kiềm chế. A-xa-ri-a, con trai của Ô-sa-i-a, và Giô-an-an, con trai của Ca-rê, cùng những người ngang ngược khác đã nói với Giê-rê-mi: "Ngươi nói dối! Không phải Đức Giê-hô-va sai ngươi đến bảo chúng ta: 'Đừng đi Ai Cập', mà là Ba-rúc, con trai Ni-ri-a, xúi giục ngươi chống lại chúng ta, để nộp chúng ta vào tay người Canh-đê, để họ hoặc giết chúng ta, hoặc bắt chúng ta đi Ba-by-lôn" (Giê-rê-mi 43:1–3).

Những người ngang bướng ấy vẫn không vâng theo lời Đức Giê-hô-va để ở lại sống trên đất Giu-đa. Giô-na-than cùng các thuộc hạ của ông và toàn thể những người còn lại của Giu-đa, sau khi thu dọn gia đình và tài sản, đã lên đường đi Ai Cập, đồng thời cưỡng ép cả tiên tri Giê-rê-mi cùng người thư ký trung thành của ông là Ba-ru-khơ đi theo.

Khi đến xứ Ai Cập, họ định cư tại thành Taphnis, nơi mà xưa kia tiên tri Mô-sê đã thực hiện những dấu lạ kỳ diệu trước mặt Pha-ra-ôn. Tại đó, giữa những người đồng hương di cư tự nguyện, Giê-rê-mi đã sống bốn năm, được người Ai Cập kính trọng sâu sắc nhờ lối sống chính trực và những ân huệ mà ngài ban cho họ, bằng những lời cầu nguyện khiến rắn độc và cá sấu phải khiếp sợ. Ngài cũng qua đời và được an táng tại đó.

Cái chết của vị thánh tiên tri là một cái chết tử đạo.

Tại Tafnis, Chúa đã phán với Giê-rê-mi:

– Hãy cầm những hòn đá lớn trong tay và giấu chúng vào đất sét đã được nhào nặn ở lối vào dinh thự của các pharaoh tại Tafnis, trước mặt dân Giu-đa, rồi nói với họ: "Đức Giê-hô-va Sa-va-ô, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vầy: này, Ta sẽ sai và đem Nebuchadnezzar, vua Ba-by-lôn, tôi tớ của Ta, đến, và Ta sẽ đặt ngai vàng của hắn trên những hòn đá mà Ta đã giấu đi này, và hắn sẽ giăng lều tráng lệ của mình trên đó; rồi hắn sẽ đến và đánh tan đất Ai Cập: ai bị định chết thì sẽ bị giết, ai bị bắt làm tù binh thì sẽ bị bắt làm tù binh, và ai phải chết dưới lưỡi gươm thì sẽ chết dưới lưỡi gươm (Giê-rê-mi 43:8–11). Và chỉ có một số ít người Giu-đa, những người đã thoát khỏi lưỡi gươm, sẽ trở về từ xứ Ai Cập về xứ Giu-đa; và những người Giu-đa còn lại, những người đã đến xứ Ai Cập để sống ở đó, sẽ biết lời của ai sẽ ứng nghiệm: lời Ta hay lời họ. "Này, đây là dấu hiệu cho các ngươi, Đức Giê-hô-va phán: Ta sẽ trừng phạt các ngươi ngay tại nơi này, để các ngươi biết rằng những lời Ta phán về các ngươi sẽ ứng nghiệm, dẫn đến sự diệt vong cho các ngươi; này, Ta sẽ phó Pha-ra-ôn Ai Cập vào tay kẻ thù của hắn, như Ta đã phó Si-đê-ki-a, vua Giu-đa" (Giê-rê-mi 44:28–30).

Sự phẫn nộ của dân Giu-đa trước những lời nói như vậy của Giê-rê-mi đã lên đến tột độ, và cuối cùng họ đã ném đá vào vị tiên tri của Đức Chúa Trời, người đã không ngần ngại nói sự thật với họ! Vào năm vị thánh tiên tri qua đời, vua Ba-by-lôn đã tiến vào Ai Cập, đánh tan quân đội Ai Cập và giết chết Pharaoh Vaphra; cùng lúc đó, những người con của Y-sơ-ra-ên đang định cư tại đó cũng bị tiêu diệt.

Nhiều năm sau, thi hài của vị tiên tri thánh Giê-rê-mi-a đã được vua Alexander Đại đế của Ma-kê-đô-ni-a[3311] chuyển đến thành phố Alexandria do ông xây dựng và an táng tại một nơi gọi là Tetrapil, nơi được người dân Alexandria vô cùng tôn kính. Nữ hoàng Helena đã cho xây dựng một công trình tại Giê-ru-sa-lem để trang hoàng nơi mà Giê-rê-mi-a từng bị ném xuống hố bùn.

Thánh Giê-rê-mi-a cũng đã tiên tri về sự đau khổ của Chúa Giê-su Ki-tô, thể hiện chính bản thân ngài như một hình ảnh bí ẩn của Ngài, "Chiên Con hiền lành bị dẫn đi giết" (Giê-rê-mi-a 2:19; so sánh với Ê-sai 53:7). Theo truyền thuyết được Thánh Epiphanius ghi chép, Tiên tri Giê-rê-mi-a đã tiên báo về sự sụp đổ và hủy diệt của tất cả các thần tượng Ai Cập vào thời điểm Đức Trinh Nữ – Mẹ cùng Hài Nhi, Đấng được sinh ra trong hang đá và đặt trong máng cỏ, sẽ đến Ai Cập; – lời tiên tri này dường như đã tạo nền tảng cho phong tục tồn tại ở người Ai Cập, đó là việc tạc hình một thiếu nữ đang nằm trên giường, với Hài Nhi được quấn tã nằm bên cạnh trong máng cỏ, và dâng lên sự thờ phượng cho hình tượng đó. Bên cạnh đó, còn có thông tin cho rằng khi vua Ptolemy hỏi tại sao lại tôn kính hình ảnh đó, các thầy tế lễ Ai Cập đã trả lời rằng đó là một bí mật đã được vị tiên tri thánh báo trước cho các tổ tiên xa xưa của họ, và rằng họ đang chờ đợi bí mật này trở thành hiện thực.

[3311] Alexandros Đại đế trị vì từ năm 336 đến năm 323 trước Công nguyên. Ông nổi tiếng là một nhà chinh phục vĩ đại. Năm 332 trước Công nguyên, Alexandros Đại đế đã đến Jerusalem.

Nhiều năm đã trôi qua kể từ khi vị tiên tri thánh Giê-rê-mi qua đời: những người Do Thái bị người Chaldeans bắt làm tù binh đã trở về quê hương; tại Giê-ru-sa-lem, một đền thờ mới của Chúa đã được xây dựng, và tại Giu-đê, trật tự đời sống giáo hội và dân sự đã được khôi phục trong phạm vi có thể. Nhưng vào thời kỳ đó, người Do Thái không còn được hưởng tự do chính trị nữa và phải chịu sự cai trị luân phiên của người Syria, người Ai Cập, rồi người Macedonia; họ còn phải chịu đựng những khổ nạn từ các bộ tộc Canaan cũng như từ những cuộc hỗn loạn và chia rẽ nội bộ.

Có một lần, khi vị tướng Syria phản bội Nicanor – kẻ đã gây ra biết bao tai họa cho dân Do Thái – với lòng kiêu ngạo tột độ, quyết tâm bằng mọi giá tiêu diệt Judas Maccabeus, người nhiệt thành bảo vệ tự do tôn giáo và là người bảo vệ đáng gờm của đức tin thiêng liêng của tổ tiên, thì chính Giu-đa này, khi trang bị cho các đồng đội của mình không phải bằng những chiếc khiên và giáo chắc chắn, mà bằng những lời nói tốt đẹp và những lời nhắc nhở về những trường hợp trước đây đã được Đấng Toàn Năng giúp đỡ một cách kỳ diệu, đã kể cho họ nghe về giấc mơ của mình và bằng câu chuyện này, ông đã làm cho tất cả mọi người vui mừng và phấn chấn (2 Mac. 15:1–11).

Còn giấc mơ của ông như sau: ông thấy Onias – cựu thượng tế, một người chính trực và nhân hậu, từ thuở nhỏ đã siêng năng học hỏi mọi điều liên quan đến đức hạnh – ông thấy người này, với dáng vẻ trang nghiêm, giang hai tay ra, cầu nguyện cho toàn thể dân Do Thái. Sau đó, một người đàn ông khác xuất hiện, với mái tóc bạc và vinh quang, được bao quanh bởi sự vĩ đại kỳ diệu và phi thường. Và Onias nói:

– Đây là người yêu thương anh em, người thường cầu nguyện nhiều cho dân tộc và cho thành thánh, đó là Giê-rê-mi, nhà tiên tri của Đức Chúa Trời.

Lúc đó, Giê-rê-mi giơ tay trao cho Giu-đa một thanh gươm vàng và khi trao, ông nói:

– Hãy nhận lấy thanh gươm thánh này; đây là ân huệ từ Đức Chúa Trời, nhờ đó ngươi sẽ đánh tan kẻ thù (2 Mac. 15:12–16).

Và các đồng đội của Giu-đa Ma-ca-vê, được an ủi và khích lệ bởi lời nói của ông, đã dũng cảm lao vào trận chiến và đánh bại kẻ thù. Câu chuyện của Giu-đa về giấc mơ của ông minh chứng rõ ràng rằng các thánh nhân của Đức Chúa Trời, sau khi qua đời, vẫn cầu nguyện cho chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời và giúp đỡ chúng ta, giống như Thánh Giê-rê-mi-a đã giúp Giu-đa Ma-ca-vê đánh bại các đối thủ của ông. Xin những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài cũng giúp chúng ta chiến thắng những kẻ thù hữu hình và vô hình, nhờ ân sủng và lòng nhân ái của Chúa và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Đức Giêsu Kitô; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Kondak, giọng 3:

Sau khi thanh tẩy tâm hồn bằng Thánh Thần, hỡi vị tiên tri vĩ đại và vị tử đạo, trái tim rực rỡ của ngài, hỡi Giê-rê-mi-a vinh quang, ngài đã nhận được ân sủng tiên tri từ trên cao và đã cất tiếng kêu lớn lao khắp các xứ sở: "Đây là Thiên Chúa của chúng ta, và không có ai sánh được với Ngài, Đấng đã nhập thể và hiện ra trên đất."

Cuộc đời của vị thánh cha Paphnutius Borovskiy[3312]

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 5

Thánh Pafnuti là cháu nội của một vị Baskak người Tatar. Khi vị vua Tatar Baty[3313] cùng đạo quân hùng mạnh của mình đến vùng đất của chúng ta, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, vua Tatar Baty cùng đạo quân hùng hậu của mình, thì sau khi tàn phá vùng đất này bằng gươm và lửa, bắt giữ các thành phố, phá hủy các nhà thờ

[3312] Thông tin về Thánh Paphnutius được ghi lại: 1) trong bản ghi chép xuất sắc của đệ tử ông là Innokenty về những ngày cuối đời của vị thánh, được soạn vào năm 1477 hoặc 1478, tức là ngay sau khi vị thánh qua đời; 2) trong cuốn tiểu sử cổ xưa về Thánh Paphnutius, do một đệ tử khác – anh trai ruột của Thánh Giuse Volokolamsk, Vassian Sanin, trong khoảng thời gian từ năm 1500 đến 1515, khi Vassian giữ chức Archimandrite của Tu viện Simonov gần Moscow (từ năm 1502 đến 1506) hoặc Tổng Giám mục Rostov (từ năm 1506 đến 1515); 3) trong hồi ký của Dosifei Toporkov, cháu trai của Thánh Giuse Volokolamsk, một tu sĩ tại tu viện của ngài; 4) trong di chúc của Thánh Giuse Volokolamsk và một số văn bản khác; cuối cùng, 5) trong các biên niên sử.

[3313] Cuộc xâm lược của Khan Baty của người Tatar vào Rus diễn ra vào các năm 1237–1238 và 1240.

của Chúa cùng các thánh tích, và chém giết các công tước và quan chức Nga như chặt cây hay cắt lúa, ông ta đã đặt các quan cai trị Tatar, được gọi là baskak[3314] , lên cai trị nơi đây.

Ông nội của Thánh Pafnuti chính là một trong những baskak đó. Trong một cuộc nổi dậy của người Nga chống lại người Tatar, ông nội của Pafnuti đã bị ép phải rửa tội và được đặt tên là Martin. Người tín đồ mới của Chúa Kitô, nổi tiếng vì lòng đạo đức, đã có một người con trai tên là Ioann, người này khi đến tuổi trưởng thành đã kết hôn với cô gái Fotini. Ioann và Fotini sống tại làng Kudino, nơi họ thừa kế, cách Borovsk bốn verst[3315] . Từ cặp vợ chồng đạo đức và yêu thương người nghèo này, vào khoảng năm 1395, Thánh Pafnutius ra đời, được đặt tên là Parfeni trong lễ rửa tội. Trong khi phát triển và lớn lên về thể xác, Parthenius cũng không ngừng hoàn thiện bản thân về mặt tinh thần. Thành công trong việc học chữ và đặc biệt là trong việc đọc các sách Thánh, cậu thiếu niên này còn rèn luyện những đức tính tốt đẹp: hiền lành, không ác ý, và tiết độ. Luôn sẵn lòng noi gương những người có đức hạnh, cậu nhanh chóng tránh xa những người hời hợt.

Khi Parfeni tròn hai mươi tuổi, cậu rời khỏi nhà cha, rời xa tình yêu thương ngọt ngào của cha mẹ, họ hàng và bạn bè; từ bỏ mọi thứ trần tục và gia nhập Tu viện Pokrovsky gần thành phố Borovsk[3316] . Từ Markell, vị trụ trì của tu viện này, Parfeni đã nhận lễ xuất gia với tên gọi Pafnuti và được giao cho sự hướng dẫn của vị tu sĩ cao niên Nikita, cựu đệ tử của Thánh Sergius[3317] . Trong bảy năm, Thánh Pafnuti đã tuân phục vị trưởng lão đạo đức và học được từ ngài những đức tính tu hành. Ông đã nhận được tình yêu mến và sự kính trọng chung của toàn thể cộng đoàn. Khi vị tu viện trưởng Markell qua đời, vị thánh Pafnutius đã được bầu làm tu viện trưởng của Tu viện Vysokaya, sau những lời thỉnh cầu lâu dài và khẩn thiết từ cộng đoàn và Công tước Simeon Vladimirovich của Borovsk. Ông đã nhận lễ tấn phong từ tay Đức Tổng Giám mục Toàn Nga Thánh Photius[3318] .

Vị Bề trên mới đã kết hợp những công đức của một tu sĩ với sự quan tâm của một vị mục tử nhân từ và tài giỏi đối với đoàn chiên tinh thần của Chúa Kitô, đồng thời là người canh gác tận tụy cho họ. Trong cuộc đời mình, ngài đã trở thành tấm gương cho đoàn chiên của mình. Ngài không ngừng làm việc cho Chúa – cả ngày lẫn đêm. Ban ngày, ngài dành thời gian để thực hiện các công việc của tu viện; ban đêm, ngài dành để cầu nguyện.

Chúa đã ban cho người tôi tớ trung thành của Ngài sự sáng suốt, sự thấu hiểu, những mặc khải kỳ diệu và các ân sủng khác của Thánh Thần. Đức Chúa Trời Toàn Tri đã ban cho Thánh Paphnutius khả năng nhận biết những đam mê và sự yếu đuối tiềm ẩn trong tâm hồn qua khuôn mặt và ánh mắt con người, còn những điều khác thì Ngài mặc khải cho vị thánh trong giấc mơ.

Đây là một câu chuyện minh chứng rõ ràng cho cả hai điều đó. Một tu sĩ, được cử đi làng để lo việc cho tu viện, đã sa vào tội xác thịt tại đó. Vào đêm vị tu sĩ ấy sa ngã, sau khi hoàn thành các nghi thức thường lệ, vị thánh ngả lưng xuống để chợp mắt một chút, và đã thấy giấc mơ sau đây. Ngài mơ thấy một khu vườn kỳ diệu với những cây ăn quả tuyệt đẹp. Với ánh mắt vui mừng và ngạc nhiên, ngài ngắm nhìn chúng và đặc biệt say mê một cây nổi bật bởi vẻ đẹp lộng lẫy. Bỗng nhiên, ngay trước mắt ngài, cây ấy bị nhổ bật gốc và ngã xuống đất. Vị thánh nhân, quên mất vẻ đẹp của những cây còn lại, đã vô cùng buồn bã trước việc cây đẹp đẽ ấy đột ngột ngã xuống. Ông bước

---

[3314] Khi dịch sang tiếng Nga, từ này có nghĩa là "kẻ áp bức". Nhiệm vụ trực tiếp của các baskak là kiểm đếm dân số và thu thuế. Trên thực tế, những quan chức Tatar này, đứng trên cả các công tước và tướng lĩnh Nga, đã trở thành những người thống trị hoàn toàn nước Nga. Khi được cử đi cùng quân đội và đông đảo các quan chức Tatar cấp thấp khác, họ còn quản lý cả các vấn đề nội bộ của Rus' đã bị chinh phục: theo dõi hành vi của các công tước, tìm hiểu mối quan hệ giữa họ, giải quyết các tranh chấp và chủ yếu là giám sát thái độ của họ đối với khan Tatar. Họ xuất hiện ở Rus không lâu sau khi chiếm được Kiev vào năm 1240.

[3315] Borovsk – hiện nay là một thị trấn cấp huyện thuộc tỉnh Kaluga. Ngày nay, một nhà nguyện còn lưu giữ dấu vết về vị trí của làng Kudinov.

[3316] Tu viện Vysokiy-Pokrovskiy tọa lạc bên sông Protva, cách Borovsk 1 verst. Tu viện được thành lập vào năm 1410. Năm 1618, tu viện này được sáp nhập vào Tu viện Pafnutiev Borovsk, và bị giải thể vào năm 1764. Tên gọi "Vysokiy" xuất phát từ vị trí địa lý của nó: khu vực này nằm cao hơn so với toàn bộ vùng lân cận. Hiện nay, tại vị trí của tu viện này là khu định cư ngoại ô Vysotskaya.

[3317] Thánh Nikita từng là vị trụ trì của Tu viện Vysotsky Serpukhovsky, kế nhiệm Thánh Afanasy Trẻ từ năm 1395. Sau 19 năm điều hành tu viện, do tuổi già và mắc bệnh về mắt, Thánh Nikita đã sống ẩn dật trong bảy năm tại Tu viện Vysokiy Borovsky. Sau khi rời tu viện này (khoảng năm 1421), Thánh Nikita đã lên phía bắc và thành lập Tu viện Bogoyavlensky tại Kostroma (khoảng năm 1426), vẫn tồn tại cho đến ngày nay (từ năm 1864 trở thành tu viện nữ). Tại đây, vị tu sĩ đã qua đời và được an táng.

[3318] Hoàng tử Simeon Borovsky là con trai của Vladimir Andreevich Serpukhovsky, qua đời vì dịch hạch vào năm 1426 với danh hiệu tu sĩ Savva và được an táng tại Tu viện Troitsa-Sergiev. – Thánh Tổng Giám mục Photius (ngày kỷ niệm của ngài là ngày 2 tháng 7) đã lãnh đạo Giáo hội Nga từ năm 1408 đến năm 1431. Từ đó có thể suy ra rằng, vị thánh Pafnutius đã trở thành vị trụ trì không muộn hơn năm 1426.

đến bên nó, nhấc lên và trồng lại vào vị trí cũ. Để cây không bị khô héo, ông phủ phân bón xung quanh và nén chặt đất. Vị thánh nhân đã phải tốn rất nhiều công sức mới có thể ổn định lại cây bị nhổ bật gốc ấy.

Khi tỉnh giấc, ngài hiểu được ý nghĩa của giấc mơ và vô cùng buồn bã. Khu vườn tuyệt đẹp tượng trưng cho tu viện của ngài. Những cây ăn quả xinh đẹp là các tu sĩ đồng môn. Còn cây bị nhổ bật gốc và ngã xuống tượng trưng cho người anh em sa ngã, người cần vị Bề trên phải bỏ ra công sức đặc biệt để dựng lại và củng cố vị trí của anh ta. Khi người đã phạm tội, sau khi hoàn thành nhiệm vụ tuân phục của mình, trở về tu viện và trình diện trước vị trụ trì, anh ta, trong lúc ăn năn về tội lỗi của mình, đã cảm thấy bối rối và khuôn mặt anh ta ửng đỏ vì xấu hổ. Vị thánh hỏi anh em ấy xem liệu có chuyện gì đáng tiếc xảy ra với anh ta trên đường đi không. Người phạm tội càng cảm thấy xấu hổ hơn, không dám xưng tội trước vị tu viện trưởng; thậm chí không thể nhìn thẳng vào mắt ngài. Thấy sự bối rối của đệ tử, vị thánh kể cho anh ta nghe giấc mơ của mình, và như một vị bác sĩ tâm linh tài ba, ngài khăng khăng yêu cầu anh ta bộc lộ vết thương sâu thẳm trong tâm hồn mình. Sau một thời gian dài được vị tu viện trưởng thuyết phục, vị tu sĩ phạm tội đã ăn năn. Vị thánh đã dành nhiều thời gian để chữa lành tâm hồn anh ta bằng phương thuốc thiêng liêng phù hợp với vết thương tâm hồn ấy, an ủi người đang có xu hướng tuyệt vọng bằng niềm hy vọng vào lòng thương xót của Thiên Chúa, và cuối cùng đã dẫn dắt người tội lỗi đến sự cải tà quy chính hoàn toàn. Đức Thánh Cha đã chăm sóc các tu sĩ của mình như vậy: như một vị bác sĩ tài ba, Ngài chữa lành những bệnh tật tâm hồn của họ; như một vị mục tử nhân từ, Ngài cứu con chiên khỏi nanh vuốt con sói và gánh vác nó trên vai mình; và như một người đàn ông mạnh mẽ, Ngài gánh vác những gánh nặng của những người yếu đuối.

Thánh Paphnutius đã làm vị tu viện trưởng tại Tu viện Vysokoye trong mười ba năm. Sau đó, ngài mắc bệnh nặng và kéo dài, và trong thời gian ốm đau, ngài đã nhận lễ tu sĩ.

Sau khi bình phục, ngài từ bỏ chức vụ Bề trên và cùng một vị tu sĩ khác lui về sống ẩn dật tại một nơi cao ráo, vô cùng xinh đẹp, được bao phủ bởi rừng rậm dày đặc bên bờ hai con sông, cách Borovsk ba verst[3319] . Nơi này không thuộc khu vực Borovsk mà thuộc khu vực Sukhodolsk. Việc Thánh Paphnutius định cư tại nơi mới diễn ra vào khoảng năm 1440. Các tu sĩ bắt đầu tìm đến ngài, dựng các phòng tu cho mình dưới sự ban phước của ngài và sống dưới sự hướng dẫn cứu rỗi của ngài. Tu viện ngày càng phát triển, và số lượng tu sĩ cũng ngày càng tăng. Các tu sĩ đã cầu xin vị thầy của mình cho phép họ xây dựng một nhà thờ. Và vì vị thánh không cấm cản họ, nên họ đã dựng lên một nhà thờ bằng gỗ để tôn vinh Lễ Giáng Sinh của Đức Mẹ Đồng Trinh. Nhà thờ này được thánh hiến theo lệnh của Thánh Iona, Tổng Giám mục Moscow.

Cần phải nói rằng, với tư cách là một tu sĩ khiêm nhường, vị thánh không cử hành Thánh lễ tại tu viện mới của mình. Và chỉ có một lần duy nhất trước khi qua đời, vào ngày Lễ Phục Sinh của Chúa Kitô, khi không thể tìm được linh mục dù đã trả một khoản tiền lớn, ngài mới cử hành Thánh lễ với sự chú tâm và lòng thành kính sâu sắc. “Giờ đây, linh hồn tôi chỉ còn lại rất ít trong thân xác này,” – ngài nói với các đệ tử sau khi cử hành Thánh lễ.

Ma quỷ, kẻ ghét điều thiện, đã xúi giục một số người gây rắc rối cho vị tu sĩ và phá hoại tu viện mới được xây dựng của ngài. Nhưng vị tu sĩ đã dùng điều thiện để chiến thắng điều ác và vượt qua mọi khó khăn bằng sự kiên nhẫn của mình.

Kẻ gây khó dễ cho Thánh Pafnuti chính là Công tước Vasili Yaroslavich của Borovsk lúc bấy giờ[3320] . Thấy tu viện Vysokaya Borovskaya mà vị thánh đã bỏ lại ngày càng suy tàn và nghèo nàn, trong khi tu viện mới nằm ngoài lãnh địa của mình lại ngày càng thịnh vượng và phát triển, Công tước Vasily đã vô cùng tức giận với vị thánh và tìm mọi cách để trục xuất vị tu sĩ cao quý khỏi nơi này. Nhưng vì không thể làm điều đó công khai trên lãnh địa của người khác, nên ông bắt đầu truy bức vị tu sĩ một cách bí mật. Ông đã nhiều lần sai những tên đầy tớ hung hăng của mình đến đốt tu viện mà ông căm ghét từ mọi phía. Và mỗi lần như vậy, khi nhìn thấy vị tu sĩ Pafnuti và các đệ tử của ngài đang miệt mài lao động, những tên đầy tớ lại trở về tay không trước mặt công tước của mình. Trong số các đầy tớ của Công tước Borovsk có một người Tatar mới được rửa tội, tên là Ermolai. Khi Công tước Vasili ra lệnh cho hắn đốt tu viện của vị thánh, tên man rợ này vội vã thực hiện với niềm vui sướng. Vị thánh, khi gặp người Tatar, đã thân thiện gọi tên hắn và hỏi tại sao hắn lại đến đây. Sự hiếu khách của vị thánh đã ngay lập tức làm thay đổi bản tính hung dữ như thú dữ của Ermolai. Anh ta hối hận về ý định xấu xa của mình và thành thật kể lại lý do tại sao mình được cử đến. Sau đó, sau khi xin sự tha thứ và lời chúc phúc, anh ta ra đi mà không làm điều gì xấu đối với tu viện của vị thánh.

[3319] Tu viện Pafnutiev-Rozhdestvo-Bogoroditsky tọa lạc tại nơi sông Istrema hợp lưu với sông Protva.

[3320] Vasili Yaroslavich, Công tước Borovsk, con trai của Công tước Yaroslav (Afanasy) Vladimirovich, qua đời vào năm 1483.

Cùng lúc đó, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, vị vua vô đạo Mamotyak[3321] đã bất ngờ xâm lược nước Nga cùng với một đạo quân lớn người Tatar. Đại công tước Vasily Vasilyevich[3322] và các công tước Nga khác, chưa kịp tập hợp đủ quân số, đã chạm trán với bọn Tatar vô thần tại Suzdal[3323] . Một trận chiến đã diễn ra, trong đó người Tatar đã đánh bại người Nga và bắt giữ nhiều người làm tù binh, trong đó có cả Đại công tước. Trong số những người bị bắt có Công tước Borovsk Vasily Yaroslavich, người từng có mâu thuẫn với vị tu sĩ. Trong thời gian bị giam cầm, vị công tước đã ăn năn về lòng thù hận tội lỗi của mình đối với vị tu sĩ Pafnuti và cầu nguyện với Chúa để được giải thoát khỏi cảnh tù đày nhờ những lời cầu nguyện của ngài. Trong khi đó, vị tu sĩ khoan dung cũng hết lòng cầu nguyện cho sự giải thoát của vị công tước. Lời cầu nguyện của vị thánh nhân đã được Chúa nhậm lời: Hoàng tử Vasily đã trốn thoát an toàn khỏi cảnh tù đày. Khi trở về quê hương, ngài lập tức đến tu viện của vị thánh nhân đã cầu nguyện cho mình và nhận được sự tha thứ cùng lời chúc phúc từ ngài. Kể từ đó, hoàng tử luôn dành niềm tin sâu sắc cho Thánh Pafnutius.

Vị thánh không chỉ không oán hận trước những lời sỉ nhục, mà còn vô cùng kiên nhẫn trước những khó khăn, luôn vững tin vào sự giúp đỡ của Chúa. Một lần, lễ Phục Sinh sắp đến, nhưng trong tu viện lại hoàn toàn không có cá. Các tu sĩ và những người phục vụ trong tu viện vì thế mà rất buồn bã và thậm chí còn than phiền với vị thánh.

– Đừng buồn phiền vì điều này, các anh em, và đừng làm phật lòng Đức Chúa Trời, – vị thánh nói với họ, – Đấng Toàn Năng đầy lòng thương xót, Đấng đã tạo dựng chúng ta và soi sáng cả thế gian bằng sự Phục Sinh (từ cõi chết) của Ngài, sẽ an ủi chúng ta, những tôi tớ của Ngài, trong nỗi buồn của chúng ta và ban phát dồi dào những ân huệ cho những ai kính sợ Ngài.

Niềm hy vọng ấy vào Đấng Toàn Lành và Đấng Sáng Suốt đã nhanh chóng mang lại kết quả tuyệt vời. Vào buổi tối Thứ Bảy Lớn, không lâu trước Đêm Phục Sinh, người phụ trách nhà thờ đi đến một suối nhỏ để múc nước cho Thánh lễ và thấy vô số cá, được gọi bằng phương ngữ địa phương là "sizhki", kích thước lớn hơn cá trích một chút. Lúc bấy giờ nước đang dâng cao, và số lượng cá tập trung đông đúc hơn bao giờ hết. Người phụ trách nhà thờ vội vàng báo tin này cho vị thánh. Vị thánh đã ngợi khen Thiên Chúa và ra lệnh cho các ngư dân thả lưới. Và họ đã bắt được một lượng cá khổng lồ đến nỗi đủ cung cấp cho cả tu viện trong suốt Tuần Thánh, cả bữa trưa lẫn bữa tối.

Danh tiếng về những kỳ công vĩ đại của vị thánh Paphnutius lan truyền xa rộng và ngày càng thu hút những người yêu mến đời sống tu hành đến tu viện thánh của ngài. Trong số họ có không ít người có đức hạnh cao cả. Chẳng hạn như Thánh Giuse, người được chính vị thánh này cắt tóc thụ giới và sau này trở thành người sáng lập tu viện Volokolamsk; vị trưởng lão Innokenty; Isaia, biệt danh là "Người Da Đen", họ hàng của vị thánh; Vassian, người viết tiểu sử của ngài, sau này trở thành Tổng Giám mục Rostov; và những người khác.

Thánh nhân là tấm gương sống động của một người tu hành dũng cảm. Ngài là người ăn chay nghiêm ngặt: không ăn gì vào các ngày thứ Hai và thứ Sáu, vào thứ Tư chỉ cho phép mình ăn thức ăn khô, và ăn rất tiết chế trong các ngày còn lại khi dùng bữa chung. "Thức ăn của ngài," – một đệ tử của Thánh nhân kể lại – "chính là việc làm hài lòng anh em tu sĩ."

Ông luôn tự chọn những thứ tồi tệ nhất cho bản thân, cả trong việc ăn uống lẫn mọi thứ liên quan đến tiện nghi. Quần áo: chiếc áo choàng và chiếc áo khoác làm từ da cừu, cùng với đôi giày – không phù hợp với bất kỳ người ăn xin nào. Cả cuộc đời của Thánh Paphnutius là một chuỗi không ngừng nghỉ của lao động vất vả, những việc làm cao cả, sự chịu đựng và cầu nguyện. Không ai đến sớm hơn ngài, dù là trong giờ cầu nguyện chung hay khi làm việc. Ngài thực hiện những nhiệm vụ nặng nhọc nhất với sự tận tụy: chặt và khiêng củi, đào đất và tưới cây trong vườn. Vào mùa đông, ngài dành thời gian để đọc sách và đan lưới đánh cá. Là kẻ thù không đội trời chung của sự lười biếng, vị tu sĩ này từ khi còn trong bụng mẹ đã là người bạn trung thành và hoàn hảo của sự trinh khiết. Vì danh nghĩa sự trong sạch, ngài không cho phép ai chạm vào thân thể mình; còn đối với phụ nữ, ngài không chỉ cấm họ vào tu viện mà còn không muốn nhìn thấy họ ngay cả từ xa; ngài không cho phép phụ nữ, kể cả những người quý tộc, đến gần cổng tu viện của mình, và nghiêm cấm các tu sĩ bàn luận bất cứ điều gì về họ.

[3321] Mamotyak – con trai của vua Magomet thuộc Đế chế Hồi giáo, là vua Kazan. Cuộc xâm lược được đề cập ở đây diễn ra vào năm 1445. Các sự kiện được kể lại theo trình tự này trong cuốn tiểu sử cổ xưa về Thánh Pafnuty. Tuy nhiên, sự kiện này xảy ra trước khi nhà thờ được thánh hiến (khoảng năm 1448) và trước khi tu viện chính thức khai trương.

[3322] Đại công tước Vasili II Vasiliyevich Temny trị vì từ năm 1425 đến năm 1462.

[3323] Suzdal – hiện nay là một thị trấn thuộc tỉnh Vladimir.

Vị Thánh nhân nổi tiếng với tài giảng dạy. Ngài sẵn lòng trò chuyện cả với các tu sĩ lẫn giáo dân. Lời nói của ngài luôn đơn giản và dễ chịu. Vị tu sĩ này không bao giờ nịnh bợ người khác – ngài chưa bao giờ tâng bốc người đối thoại; ông không e ngại trước mặt hoàng tử hay quý tộc, cũng không mềm lòng trước những lễ vật của người giàu có, mà luôn nói sự thật, theo luật pháp của Đức Chúa Trời, theo các điều răn thánh của Ngài. Ông cũng trò chuyện với những người bình dân, gọi họ là anh em, và không ai sau khi trò chuyện với ông mà ra về với tâm trạng buồn bã. Đối với nhiều người, những bí mật trong lòng, vốn trước đây không thể tiếp cận, đã được hé lộ tại đây.

Một số cuộc trò chuyện của Thánh Paphnutius đã được vị tu sĩ già Dosifei Toporkov, cháu trai của Thánh Joseph Volokolamsky, ghi chép lại. Chúng ta sẽ trích dẫn nội dung của chúng.

Vị tu sĩ kể cho anh em nghe về thảm họa lớn năm 1327. Lúc bấy giờ, cơn thịnh nộ của Chúa đã giáng xuống đất Nga vì những tội lỗi của con người, và nỗi đau khổ tột cùng ập đến các thành phố và làng mạc. Người ta bị nổi mụn nhọt, và chỉ ba ngày sau là tử vong. Rất nhiều người chết mà không được ai giúp đỡ: chẳng còn ai để chăm sóc người bệnh, vì ai nấy đều có người thân đã qua đời cần phải chôn cất và khóc thương. Nỗi sợ hãi và kinh hoàng bao trùm dân chúng. Những người đạo đức, kính sợ Chúa, đã ăn năn sám hối, nhận lễ xuất gia và bình an về với Chúa. Nhưng những người khác, vô cảm, không sợ cơn thịnh nộ của Chúa hoặc muốn quên đi mọi thứ, trong tuyệt vọng, đã sa vào cơn say khủng khiếp và uống rượu ngay cả khi đã mắc bệnh; một số người chết ngay giữa đám bạn đang tiệc tùng, còn những người kia thì đẩy xác người chết ra, nghĩ rằng anh ta đã chết vì say rượu. Rất nhiều người đã qua đời trong đợt dịch bệnh này; tài sản của người chết bị bỏ lại, và không ai muốn lấy: những người còn sống sót chỉ lấy vàng và bạc.

Vị tu sĩ đã nhiệt thành khuyên nhủ những người nghe mình hãy thực hành việc bố thí, nữ hoàng của các đức tính. Ông nêu lên những tấm gương về những người nhân ái, những người đã được ban thưởng ngay khi qua đời: Đại công tước Moskva Ioann Daniilovich Kalita[3324] , người đã phân phát tiền bố thí cho tất cả những người nghèo mà không từ chối ai; một người Hồi giáo, người mà Chúa đã cứu khỏi những cực hình địa ngục nhờ lòng từ thiện dồi dào. “Chỉ một hành động bố thí cũng có thể cứu rỗi một con người, nếu người đó sống đúng đạo,” – vị thánh nhân đã nói.

Một người hào phóng đã qua đời, và một người khác được mộng báo về số phận sau khi chết của ông. Người đã khuất được dẫn đến một con sông lửa, và bên kia sông là thiên đàng – một nơi kỳ diệu, sáng sủa và trù phú, một khu vườn tuyệt đẹp. Nhưng linh hồn người đó không thể nào vượt qua được con sông đáng sợ ấy. Và rồi, rất nhiều người ăn xin, những người từng nhận được sự bố thí của ông, đã đến; họ nằm xuống tạo thành một cây cầu bắc qua dòng sông, và người hào hiệp ấy đã đi qua cây cầu đó vào thiên đàng. Về câu chuyện này, vị tu sĩ thêm rằng linh hồn của những người công chính được các Thiên thần đưa vào thiên đàng, nhưng Chúa đã bày tỏ số phận của linh hồn công chính theo cách này để chúng ta rút ra bài học.

Khi số tu sĩ trong tu viện ngày càng đông, vị thánh, với sự giúp đỡ của họ, đã xây dựng một nhà thờ bằng đá. Trong suốt thời gian xây dựng, ngài cũng tự tay lao động như một người thợ bình thường, vác trên vai đá, nước và mọi thứ cần thiết cho công trình. Sau khi hoàn thành nhà thờ, vị thánh đã trang trí nó bằng các bức tranh thánh và mời những họa sĩ giỏi nhất đến vẽ, khiến nhà thờ trở nên “rất kỳ diệu”. Vị thánh đã trang trí nhà thờ bằng các bức tranh thánh, sách vở và mọi vật dụng thờ phượng, đến nỗi ngay cả các vị công tước, những người đã quen với sự lộng lẫy của nhà thờ, cũng phải kinh ngạc.

Khi tự tay xây dựng ngôi thánh đường đầy sức sống này, Thánh Paphnutius đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng kỳ diệu, thể hiện qua những phép lạ chữa lành, khả năng tiên tri, những mặc khải và các ân tứ khác của Thánh Thần.

Dưới đây là một số phép lạ của vị tu sĩ này.

Dionysius, một họa sĩ vẽ tranh thánh tài ba, là giáo dân, được vị thánh mời đến để vẽ tranh thánh trong nhà thờ của tu viện, nhưng vì bị bệnh ở chân nên không thể làm việc được. Vị thánh già nói với ông: “Dionysius! Cầu

[3324] Tác phẩm của Dosifei, được viết không sớm hơn năm 1546, mang tính chất giống như một cuốn “Paterikon” – một loạt những câu chuyện ngắn được nghe từ Thánh Pafnuti, Thánh Iosif và các vị tu sĩ khác của Tu viện Volokolamsk. Dosifei còn là tác giả của bài điếu văn dành cho Thánh Iosif. 16 Ioann Kalita, con trai của Thánh Công tước Daniil Alexandrovich, là Đại công tước từ năm 1328 đến năm 1340.

Chúa ban phước lành cho con, hãy bắt đầu công việc tốt lành này; Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội sẽ ban sức khỏe cho đôi chân của con."

Người vẽ tranh thánh, tin tưởng vững chắc vào lời của vị tu sĩ đáng kính, đã hân hoan bắt tay vào công việc và được chữa lành. Vị cha thánh cũng ra lệnh cho chính Dionysius và các họa sĩ vẽ tranh thánh giáo dân khác không được ăn thịt trong tu viện, mà phải ăn ở làng gần nhất. Trong một thời gian, họ tuân giữ điều răn này. Sau đó, họ quên mất và mang về tu viện một đùi cừu luộc nhồi trứng để ăn tối. Khi Dionysius là người đầu tiên nếm thử, anh ta phát hiện ra rất nhiều giun trong phần nhân và buộc phải vứt thức ăn bị cấm đó cho chó ăn. Bỗng nhiên, ông bị ngứa khắp người[3325] . Chỉ trong chốc lát, toàn thân Dionysius như biến thành một vết loét liên tục, và ông không thể cử động được. Lúc đó, người bệnh lập tức sai người đến gặp vị thánh, xin ngài chấp nhận sự hối cải của mình và ban ơn tha thứ. Vị thánh, sau khi răn dạy Dionysius không được làm bất cứ điều gì bị cấm trong tương lai, đã dẫn anh ta đến nhà thờ, nơi toàn thể cộng đoàn đang tụ họp. Sau khi cử hành lễ cầu nguyện chung, vị thánh đã thánh hóa nước và ra lệnh cho người bệnh dùng nước đó rửa sạch toàn bộ cơ thể bị bệnh. Ngay khi Dionysius làm xong việc đó, anh ta chìm vào giấc ngủ trong chốc lát. Sau đó, khi tỉnh dậy, anh cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh, như thể chưa từng bị bệnh vậy. Những vết sẹo của anh bong ra như vảy cá, và anh đã ngợi khen Thiên Chúa.

Tu viện của vị thánh Paphnutius được bao quanh bởi một khu rừng rậm rạp, nơi có rất nhiều loài chim sinh sống. Ở đây có rất nhiều quạ lông đen, chúng làm tổ gần tu viện. Nhìn chúng, vị thánh rất ngưỡng mộ và ra lệnh không được bắt hay giết chúng. Trong khi đó, một ngày nọ, con trai của quan tổng trấn thành phố đi ngang qua tu viện của Thánh Paphnutius và, khi nhìn thấy một đàn quạ, đã giương cung và bắn chết một con trong số đó. Chàng trai vui mừng, nhưng chẳng bao lâu sau, anh ta cảm thấy đầu mình, đang quay sang một bên, bỗng dưng bất động trong tư thế không tự nhiên đó. Nỗi buồn và sự kinh hoàng đã thay thế niềm vui và sự tự mãn trong lòng anh. Đồng thời, trong tâm hồn chàng trai nảy sinh nhận thức về nguyên nhân thực sự của tai họa đã ập xuống mình, và ngay sau đó là sự hối hận. Bị cảm giác đó chi phối, con trai của quan tổng trấn vội vã đến gặp vị thánh nhân, quỳ xuống dưới chân ngài, xin tha thứ và cầu xin những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài trước mặt Chúa để được chữa lành. Vị tu sĩ ra lệnh gõ chuông và bước vào nhà thờ. Các tu sĩ, ngạc nhiên trước tiếng chuông vang lên không đúng giờ, vội vã tập trung trong nhà thờ và hỏi vị thánh về lý do của tiếng chuông bất thường. Vị thánh mỉm cười nói: "Chúa đã báo thù cho máu con quạ."

Sau khi cử hành nghi thức cầu nguyện và làm dấu thánh giá trên người thanh niên đang đau khổ, vị tu sĩ hướng về anh ta và nói: "Bằng sức mạnh của Thánh Giá Thánh Thiện và Ban Sự Sống, hãy quay đầu về phía trước."

Và ngay lập tức, đầu cậu trở lại vị trí tự nhiên.

Một chàng trai khác đã thả một con chim ưng đuổi theo con quạ. Nhưng con chim ưng, sau khi giết chết con quạ, chính nó cũng ngã xuống chết. Như vậy, người thợ săn đã mất đi niềm vui của mình.

Một đêm nọ, bọn trộm đến tu viện của vị thánh và, sau khi bắt được ba con bò làm việc của tu viện đang gặm cỏ trong khu rừng lân cận, chúng định dẫn chúng về nhà mình. Bỗng nhiên chúng bị lạc đường và lang thang như những kẻ mù quanh tu viện. Khi bình minh ló rạng, bọn trộm định bỏ chạy mà không mang theo bò. Nhưng một sức mạnh vô hình của Chúa đã trói buộc họ lại, và họ không thể rời xa những con bò đã cướp được, cho đến khi những người lao động của tu viện đi tìm kiếm chúng phát hiện ra họ và sau đó dẫn họ đến gặp vị tu sĩ. Vị tu sĩ đã răn dạy họ không được chiếm đoạt tài sản của người khác, ra lệnh cho người ta cho bọn trộm ăn no rồi thả họ đi trong hòa bình.

Hai tu sĩ đã âm mưu lén rời khỏi tu viện và đã thu dọn xong đồ đạc của mình. Nhưng Đức Chúa Trời đã mặc khải điều này cho vị thánh trong giấc mơ. Sau khi hát kinh buổi sáng, ngài cúi xuống để nghỉ ngơi một chút, và thấy giấc mơ sau đây: Một người Ethiopia da đen lấy những than hồng đang cháy từ lò sưởi trong phòng ngài và ném chúng vào phòng của hai đệ tử này. Vị thánh đã nghiêm khắc cấm người ấy làm vậy, nói rằng như thế anh ta sẽ đốt cháy tu viện. Nhưng người Ethiopia trả lời rằng chính vì lý do đó mà anh ta mới ném những than hồng. Khi tỉnh dậy, vị thánh hiểu ý nghĩa của giấc mơ và lập tức sai người đi tìm các tu sĩ đó. Khi vị tu sĩ kể lại giấc mơ mình đã thấy, họ vừa kinh hãi vừa cảm động trước lời kể của vị thánh, liền đưa ra những vật dụng đã thu gom, thú nhận tội lỗi và xin tha thứ.

[3325] Ngứa – cũng giống như bệnh ghẻ, cảm giác ngứa ngáy.

Một tu sĩ hay phàn nàn, người luôn chê bai mọi việc diễn ra trong tu viện cũng như chính vị thánh, đã có một giấc mơ như sau: dường như anh ta đang đứng giữa nhà thờ cùng với những người đang hát; bỗng nhiên vị thánh cha bước vào, nhìn anh ta với ánh mắt giận dữ và nói: "Kẻ này là kẻ phỉ báng: hãy đưa hắn ra khỏi nhà thờ." Ngay lập tức, hai người Ethiopia da đen túm lấy anh ta, lôi ra ngoài và đánh đập dữ dội. Khi tỉnh dậy, vị tu sĩ cảm thấy vô cùng sợ hãi, và với nước mắt lưng tròng, anh vội vã đến gặp vị thánh để xin tha thứ.

Trong tu viện của ngài có một vị tu sĩ cao niên đạo đức tên là Constantine. Sau khi lâm bệnh, ông đã qua đời. Vào lúc ngài qua đời – điều mà lúc đó chưa ai biết – tu sĩ Giuse tiến đến cửa phòng của vị tu sĩ Paphnutius, người đang nghỉ ngơi sau giờ ca ngợi buổi sáng, và định thực hiện lời cầu nguyện của Chúa Giêsu theo truyền thống tu viện. Bỗng nhiên, vị tu sĩ mở cửa sổ nhỏ và, khi thấy Giuse, ngài nói:

– Có ai đó đã dâng lời cầu nguyện và nói: "Lão tu Konstantin đã về với Chúa." – Còn tôi, khi thức dậy và mở cửa sổ, không thấy ai cả, ngoài anh đang đi tới.

Giuse nói:

– Tôi vừa mới ra khỏi phòng của Constantine. Ông ấy vẫn còn sống.

Nhưng vị thánh ra lệnh cho đệ tử đi đến phòng của Constantine. Khi đến đó, Joseph quả thực thấy ông đã qua đời.

Thánh Paphnutius có ân sủng thấu thị: ngài có thể nhận ra qua khuôn mặt của một tu sĩ rằng người đó đang bị đam mê nào chi phối, liệu người đó đã hoàn thành hay chưa quy tắc cầu nguyện được quy định cho ngày hôm đó; ngài thậm chí còn nhận ra những tội lỗi bí mật và từ lâu của những người mà ngài mới gặp lần đầu.

Một tu sĩ mới nhập môn, đang sống chung với vị thánh và vẫn chưa chế ngự được những dục vọng trong lòng, đã ra khỏi tu viện vì một việc cần thiết. Trên đường đi, anh ta gặp một số giáo dân, trong đó có cả phụ nữ. Nhìn thấy họ, tu sĩ này bị mê hoặc bởi những ánh mắt quyến rũ của các phụ nữ và nảy sinh ý nghĩ tội lỗi. Khi trở về phòng của vị thánh, người tu sĩ phạm tội thấy ngài đang đọc kinh. Vị thánh nhìn đệ tử của mình, lập tức nhận ra anh ta đang bối rối vì những ý nghĩ ô uế, và ngài quay mặt đi, ngụ ý rằng ngài biết rõ tội lỗi của anh ta. Sợ hãi trước sự thấu hiểu sâu sắc ấy, vị tu sĩ đã kể lại chuyện này cho người bạn cùng phòng là Giuse. Người này bảo anh ta phải xưng tội với vị thánh và xin tha thứ. Khi vị tu sĩ làm theo, anh ta đã được tha thứ và nhận được lời dạy dỗ đầy tình cha con.

Một lần nọ, cũng trong lúc vị thánh đang đọc Kinh Thánh, có một người đàn ông đến gần phòng tu của ngài, dâng lời cầu nguyện, rồi nhìn vị thánh qua ô cửa sổ nhỏ và hỏi về đệ tử Giuse của ngài, người mà vị khách này là đồng hương. Thấy một người hoàn toàn xa lạ, vị thánh già nói với Giuse:

– Ra ngoài đi! Người đàn ông có ánh mắt độc ác đang hỏi về con. Đệ tử bước ra và, khi nhìn thấy người quen của mình, đã hỏi anh ta tại sao lại đến đây. Người đó trả lời:

– Tôi muốn trở thành tu sĩ.

Giuse đã kể về mong muốn của mình cho vị tu viện trưởng thánh thiện, nhưng ngài nói:

– Sau khi cho người ấy ăn no, hãy để anh ta đi, vì anh ta không phải là người tốt.

Giuse ngạc nhiên trước câu trả lời đó, nhưng không dám hỏi thêm. Sau khi làm theo lời vị tu sĩ, anh trở về phòng của ngài. Lúc đó, chính vị thánh nói với Giuse:

– Người đàn ông này là một kẻ giết người. Hồi còn trẻ, anh ta đã dùng dao đâm vào bụng một tu sĩ và giết chết người đó. Nhưng chuyện đó đã xảy ra từ lâu rồi, và anh ta đã quên đi tội lỗi của mình.

Giuse rất ngạc nhiên trước những lời này: ông chưa bao giờ nghe nói về tội lỗi này của người quen mình.

Một tu sĩ khác đến tu viện của vị thánh. Vị tu sĩ, khi nhìn thấy người đó, đã thì thầm nói với các đệ tử của mình:

– Các con có thấy không, ngay cả khi đã gia nhập dòng tu, người ấy vẫn chưa được thanh tẩy khỏi máu?

Các đệ tử ngạc nhiên, nhưng sợ không dám hỏi vị thánh nhân về ý nghĩa của những lời này. Tuy nhiên, sau đó chính vị thánh nhân đã giải thích:

– Tu sĩ này, – vị thánh nói, – khi còn là giáo dân, đã đầu độc vị công tước mà ông ta phục vụ tại Novgorod. Bị lương tâm dằn vặt, ông ta đã xuất gia.[3326]

[3326] Ở đây tất nhiên là nói đến Công tước Dimitri Georgievich Shemyaka, người bị đầu độc vào năm 1453 tại Veliky Novgorod. Chất độc được đưa cho Công tước bởi chính quan đại thần và người được sủng ái của ông là Ioann Kotov.

Bà quý tộc, vợ của Alexei Gaburin, dành sự kính trọng và lòng tin đặc biệt cho vị thánh và thường gửi con cái đến gặp ngài cùng những lễ vật, xin ngài cầu nguyện và ban phước lành. Do sự tác động của ma quỷ, bà mắc bệnh và thường thấy nhiều con quỷ đáng sợ hiện ra trước mắt. Sau đó, một vị lão nhân gù lưng, dáng người thấp bé, râu bạc dài, mặc quần áo tồi tàn đã hiện ra trước mặt bà. Vị lão nhân ấy đã mạnh mẽ xua đuổi lũ quỷ, và sau đó bà lại khỏe mạnh trở lại. Một lần nọ, khi đang bị bệnh, bà nghe thấy một giọng nói bảo bà: "Pafnuty, người đang ở Borovsk, đang xua đuổi lũ quỷ khỏi bà."

Chuyện này đã xảy ra với bà quý tộc nhiều lần. Một thời gian sau, bà hoàn toàn bình phục và mong muốn được gặp vị thánh để biết liệu ngài có thực sự hiện ra với bà và xua đuổi ma quỷ hay không. Bà quý tộc cùng các người hầu đến tu viện. Nhưng vì tu viện không cho phụ nữ vào, nên khi dừng lại ở cổng, bà đã sai các người hầu đến gặp các đệ tử của vị thánh để xin được gặp ngài. Các tu sĩ chỉ cho các người hầu thấy vị thánh nhân, rồi dặn họ chỉ cho phu nhân của họ nhận ra ngài khi ngài cùng các tu sĩ ra dùng bữa, vì đã gần đến giờ ăn trưa. Nhưng bà quý tộc, trước khi nhận được bất kỳ chỉ dẫn nào, vừa nhìn thấy vị tu sĩ, liền nhận ra ngay đó chính là vị tu sĩ già đã hiện ra với bà, và bà đã khóc nức nở: "Quả thật, đây chính là người đã xua đuổi ma quỷ khỏi tôi và ban cho tôi sự chữa lành bằng sự hiện diện của ngài."

Sau đó, bà dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và vị thánh Paphnutius, rồi gửi tặng tiền bố thí.

Một trong những đệ tử của vị thánh nhân bị đau mắt. Người bệnh, đang chịu đựng nỗi đau dữ dội, đã tìm kiếm bác sĩ một cách khẩn thiết. Vị thánh nhân đã trao cho anh ta chuỗi tràng hạt của mình và ra lệnh phải đọc kinh Chúa Giêsu một nghìn lần. Nhưng vì bị nỗi đau dữ dội hành hạ, người bệnh chỉ mới thực hiện được một nửa số lần được chỉ định. Sau khi đọc kinh được năm trăm lần và nhận thấy mắt mình đã lành, vị tu sĩ vì quá vui mừng nên vội vã đến gặp vị Thánh để báo tin về sự bình phục của mình. Nhưng vị Thánh già có tầm nhìn xa trông rộng lại ra lệnh cho đệ tử quay trở lại để hoàn thành số lần cầu nguyện đã được chỉ định.

Các giáo dân đạo đức đã kể cho vị thánh và các tu sĩ đang ngồi trong phòng của ngài nghe về việc vị tổng tu viện trưởng đương nhiệm của Tu viện Simonov gần Moscow từ chức. Nghe tin này, mọi người bắt đầu bàn luận xem ai sẽ trở thành tổng tu viện trưởng của Tu viện Simonov. Người này đề cử người này, người kia đề cử người khác. Còn vị Thánh, sau khi liếc nhìn người đệ tử mới xuất gia còn rất trẻ của mình, tên là Vassian, em ruột của Thánh Giuse (người sẽ trở thành người viết tiểu sử của Ngài sau này), rồi chỉ tay vào anh ta, mỉm cười nói: "Chính người này sẽ là Archimandrite của Tu viện Simonov."

Trong những lời nói này của vị thánh, người ta thấy được sự thấu hiểu của ngài về một tương lai xa hơn. Nhiều năm sau, Vassian thực sự đã trở thành Archimandrite của Tu viện Simonovsky[3327] .

Có lần, vị tu sĩ đã xin phép một vị công tước được câu cá trong ba ngày tại một địa điểm trên sông Oka, với điều kiện tất cả số cá bắt được sẽ được dùng để hỗ trợ tu viện. Khi cử một trong những người phục vụ đi câu cá, vị tu sĩ đã ra lệnh cho người đó năm grivna[3328] tiền để mua các thùng chứa, nhằm ướp muối cá bắt được trong thời hạn quy định. Người phục vụ không nhận số tiền đó, vì không hy vọng có thể lấp đầy được dù chỉ một thùng nhỏ bằng cá. Vị thánh nhân liền nhìn anh ta với ánh mắt giận dữ và ra lệnh phải làm theo những gì đã được chỉ thị. Lúc đó, người được cử đi đã lên đường và trong ba ngày đã bắt được 730 con cá lớn. Ngay cả những ngư dân của công tước cũng không bắt được nhiều như vậy trong suốt cả mùa hè. Nhận thấy cuộc đánh cá kỳ diệu này, vị thánh nhân mới ra lệnh mua nhiều bình như vậy.

Một thanh niên, sau khi trở thành tu sĩ, đã phải đối mặt với sự cám dỗ của ma quỷ. Kẻ thù truyền kiếp của loài người hiện ra trước mặt anh ta dưới nhiều hình dạng khác nhau: lúc thì dưới hình dạng một con thú lạ hoặc một con chó đen, và đôi khi, vào lúc tu sĩ đang ngồi trong phòng, nó đi vòng quanh phòng như một con gấu và đập vào các bức tường. Vị trưởng lão ra lệnh cho tu sĩ trẻ đọc Sách Thánh Vịnh trước mặt ngài. Ngay khi chàng trai tuân theo mệnh lệnh của vị thánh, những ảo tưởng ma quỷ hoàn toàn biến mất, và anh ta được giải thoát khỏi những bóng ma đáng sợ.

[3327] Vassian (Sanin) được Archimandrite Simonovsky đề cập đến vào năm 1502. Năm 1506, ông được tấn phong làm Giám mục Rostov. – Tu viện Simonov được thành lập vào khoảng năm 1370 bởi Thánh Sergius Radonezhsky theo lệnh của Đại công tước Dimitri Donskoy. Từ địa điểm xây dựng ban đầu (làng Staro Simonovo), tu viện nhanh chóng được chuyển đến vị trí hiện tại – trên bờ cao của sông Moskva, ở rìa phía nam thành phố. Vị tu viện trưởng đầu tiên của tu viện là cháu trai của Thánh Sergius, Feodor (sau này trở thành Tổng giám mục Rostov, năm 1395).

[3328] Về phần chúng ta, số tiền này sẽ là vài chục rúp.

Trong số các đệ tử của Thánh Paphnutius cũng có những người có khả năng thấu thị. Một trong số đó là tu sĩ Euthymius, người hay rơi lệ. Vị tu sĩ này, người không chỉ rơi lệ vì lòng thành kính trong phòng tu mà còn trong nhà thờ mỗi khi cử hành thánh lễ, đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng thấu thị, điều này đã thể hiện một lần như sau. Hai anh em có tình yêu dành cho nhau không phải theo ý Chúa, mà là tình yêu trần tục. Và vì vị thánh rất phẫn nộ với họ vì điều này, nên họ đã nảy sinh ý định lén lút rời khỏi tu viện. Trong lúc tham dự Thánh lễ với sự xúc động đầy nước mắt như thường lệ, Evfimiy nhìn về phía vị thánh cha và những người đang hát cùng ngài, trong số đó có cả hai anh em này. Và rồi ngài thấy một người Ethiopia đội mũ sắt nhọn nhô ra từ phía sau họ. Trong tay, con quỷ cầm một cái móc sắt. Bằng cách móc vào áo choàng của các tu sĩ tội lỗi, nó lôi họ ra khỏi khu vực thánh ca và, khi kéo họ lại gần, nó định tóm lấy họ bằng tay. Nhưng ngay khi hắn kéo họ lại gần mình, chiếc móc sắt lại bật ra. Điều này có nghĩa là khi hai kẻ tội lỗi bị cám dỗ bởi ý nghĩ do kẻ thù gieo vào lòng họ – ý định rời khỏi tu viện và không vâng lời vị cha – thì kẻ thù dễ dàng lôi kéo họ về phía mình; nhưng khi họ chống lại ý nghĩ đó, vũ khí của quỷ dữ trở nên vô lực và bật ra. Nhìn thấy điều này, vị thánh có khả năng thấu thị đã dùng đôi mắt tâm linh để thấu hiểu những gì đang diễn ra trong tâm hồn họ. Khi đọc Phúc Âm và trong lúc hát bài "Cherubim", người Ethiopia đó biến mất. Khi các nghi thức kết thúc, người đàn ông Ethiopia lại xuất hiện. Khi đến phần thánh hiến Thánh Thể và bài thánh ca "[3329] " dâng lên Đức Mẹ Rất Thánh, lúc đó người đàn ông Ethiopia biến mất như làn khói và không bao giờ xuất hiện trở lại. Vị tu sĩ có khả năng thấu thị đã đứng suốt cả Thánh lễ trong sự run rẩy và say mê, rồi sau đó kể lại thị kiến của mình cho Thánh Paphnutius. Thánh Paphnutius đã kêu gọi những người tội lỗi và ra lệnh cho họ phải chiến đấu với những ý nghĩ tội lỗi và loại bỏ chúng khỏi lòng mình. Sau khi được Thánh nhân giảng dạy và khuyên răn, cả hai tu sĩ đều đã ăn năn hối cải.

Cuộc đời thánh thiện của Thánh Paphnutius, sự sáng suốt và kinh nghiệm của ngài trong mọi việc, cả về mặt thiêng liêng lẫn trần thế, đã khiến không chỉ các tu sĩ mà cả nhiều giáo dân cũng chọn ngài làm cha linh hướng cho mình. Họ tìm đến ngài như một vị bác sĩ tài ba: từ quý tộc đến dân thường, từ người giàu đến người nghèo, từ người đức hạnh đến kẻ tội lỗi, và tất cả đều nhận được những lời khuyên hữu ích cùng những hình phạt sám hối thích đáng. Trong việc tiếp đón những người đến tìm ngài, vị thánh không hề có sự thiên vị. Không sợ hãi những kẻ quyền thế và không nương tay với những kẻ kiêu ngạo, vị tu sĩ này lại rất dịu dàng với những người khiêm nhường.

Thánh Giuse Volokolamsk viết về vị thầy của mình là Thánh Paphnutius rằng, khi cần thiết, ngài rất nhân từ và khoan dung, nhưng đôi khi cũng nghiêm khắc và giận dữ nếu tình huống đòi hỏi. Các con thiêng liêng của vị thánh kính này vừa kính trọng vừa e sợ ngài. Georgy Vasilyevich, Công tước Dmitrovsky, kể lại rằng mỗi khi ông đến xưng tội với vị thánh kính, đầu gối ông run rẩy. Ngược lại, các con thiêng liêng, sau khi chọn vị thánh kính làm cha tinh thần của mình, vẫn duy trì mối liên hệ với ngài ngay cả sau khi ngài qua đời. Một lần, khi chợp mắt trên ngưỡng cửa nhà thờ trước giờ lễ sáng, vị tu sĩ thấy trong giấc mơ rằng cổng tu viện mở ra và một đám đông người cầm nến bước vào, hướng về phía nhà thờ, và ở giữa là Công tước Georgy Vasilyevich. Khi đến nhà thờ, Công tước cúi đầu chào nhà thờ, rồi chào vị cha tinh thần. Vị tu sĩ hỏi ông:

– Con trai và hoàng tử ơi! Con đã qua đời rồi sao?

– Vâng, thưa cha đáng kính!

– Bây giờ con cảm thấy thế nào ở đó? – vị tu sĩ hỏi.

– Nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của cha, Chúa đã ban phước lành cho con. Đặc biệt là vì khi con tiến quân đến Alexin để đối đầu với bọn Agary vô thần, con đã xưng tội với cha về mọi tội lỗi của mình[3330] .

Lúc đó, tiếng chuông báo giờ kinh sáng bắt đầu vang lên và vị tu sĩ tỉnh giấc.

Vị tu sĩ rất nhân từ và yêu thương người nghèo. Trong khi rao giảng lòng nhân ái bằng lời nói, vị tu sĩ này còn thực hành đức tính đó trong hành động. Tại vùng Borovsk xảy ra nạn đói nghiêm trọng, và vị tu sĩ đã tận tâm nuôi dưỡng những người đói khát từ các làng lân cận tại tu viện của mình. Hàng ngày có tới hàng nghìn người, thậm chí còn hơn thế, tụ tập lại, và vị tu sĩ nhân từ đã tiêu hao hết mọi nguồn dự trữ của tu viện. Năm sau, Chúa đã ban phước cho mùa màng bội thu.

Thánh Paphnutius đã sống đến tuổi thọ cao, 83 tuổi, trong đó 63 năm ngài dành cho đời sống tu hành. Đã từ bỏ mọi thú vui trần thế, chỉ sống vì Thiên Chúa và vì cõi vĩnh hằng, vị thánh nhân chỉ còn việc giải thoát khỏi mọi

---

[3329] Tức là "Xứng đáng".

[3330] Ở đây tất nhiên đề cập đến việc thành phố Aleksin (nay là thị trấn thuộc tỉnh Tula) bị Khan Akhmat tàn phá vào năm 1472. Công tước Georgy và những người khác đã không thể và không kịp thời giúp đỡ thành phố bất hạnh này.

điều tạm bợ và bước vào cõi vĩnh hằng mà Thiên Chúa đã chuẩn bị cho những ai yêu mến Ngài, điều mà *"mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến"* (1 Cr 2,9).

Chúa đã mặc khải cho vị thánh già biết ngày ra đi thanh thản của ngài trước cả một tuần, và vị tu sĩ đã chuẩn bị để đón nhận ngày ấy một cách bình an và không hổ thẹn. Trong suốt những ngày đó, môn đệ của ngài là Innokenty luôn ở bên cạnh, người đã để lại bản tường thuật về những ngày cuối đời của vị thầy thánh của mình tại[3331] .

Sự việc này diễn ra vào mùa xuân năm 1477, ngay sau lễ Phục Sinh, rơi vào ngày 6 tháng 4 năm đó.

Vào thứ Năm của tuần thứ ba sau lễ Phục Sinh (ngày 24 tháng 4), sau giờ kinh sáng, vị thánh cùng Innokenty đi ra ao mà chính ngài đã đào. Họ nhận thấy nước đang rò rỉ qua đập. Vị thánh đã chỉ dạy Innokenty cách ngăn dòng nước; sau đó ngài trở về tu viện vì đã đến giờ cử hành Thánh lễ. Khi vị trưởng lão chuẩn bị ra về, đệ tử đã xin ngài đến giúp việc sau giờ ăn trưa. Đáp lại, vị thánh nói: "Tôi không thể đến được, vì tôi có việc khác quan trọng và cấp bách hơn."

Sau thánh lễ, vị thánh già dùng bữa cùng các tu sĩ, sau đó sai người đi gọi Innokenty và ra lệnh cho anh ta đến bên ao. Innokenty đến phòng của vị thánh và, khi thấy vị thầy của mình đang ngồi trên giường, đã nhắc nhở ngài về công việc. "Ta có một việc khác mà con chưa biết; một mối quan hệ cần phải được giải quyết," vị thánh đáp lại.

Innokenty bối rối đến mức, khi ra ngoài làm việc cùng ba tu sĩ khác, cậu không thể làm được gì cả.

Khi trở về tu viện, đệ tử lại thấy vị tu sĩ đang ngồi trên giường. Vị tu sĩ già ra lệnh chuyển lời đến Công tước Mikhail Andreevich[3332] rằng ông không nên đến tu viện, vì đã đến lúc phải lo việc khác. Vào ngày đó, vị thánh không đến nhà thờ dự lễ chiều cũng như lễ sau chiều, mà bảo Innokenty cử hành các nghi thức đó trong phòng tu của mình. Các tu sĩ đến gần phòng tu của vị thánh để hỏi tại sao ngài không tham dự thánh lễ. Nhưng vị tu sĩ khổ hạnh không cho ai vào phòng mình và yêu cầu mọi người tập trung tại vào sáng hôm sau. Khi tiễn người môn đệ ra về, vị tu sĩ nói với anh ta: "Vào một ngày thứ Năm như thế này, tôi sẽ được giải thoát khỏi bệnh tật của mình."

Thánh nhân đã dành cả đêm để cầu nguyện.

Sáng thứ Sáu, ngày 25 tháng 4, các tu sĩ trong tu viện đến gặp vị thánh để từ biệt và nhận lời chúc phúc của ngài. Lúc đó, trong tu viện có 95 tu sĩ, và tất cả, không thiếu một ai, đều tụ tập bên vị tu sĩ đang ốm đau, kể cả những người tàn tật và mù lòa. Sau khi chia tay các tu sĩ, vị thánh đi dự Thánh lễ, được các đệ tử của mình dìu dắt. Khi một trong số họ, đã cao tuổi, muốn đỡ vị thánh nên nắm lấy bàn tay ngài, thì vị thánh giận dữ rút tay lại và ra lệnh chỉ được nắm lấy áo của ngài mà thôi. Đó chính là cách ngài giữ gìn sự vô tư một cách cẩn trọng đến nhường nào: ngay cả khi đã cao tuổi và ốm yếu, trước khi lâm chung, ngài vẫn không cho phép ai chạm vào thân thể mình. Vị thánh nhân không ăn gì cả trong ngày hôm đó; ngài chỉ xin một chút "syt", tức là nước pha mật ong. Hoàng tử Mikhail Andreevich đã cử một phó tế của mình đến để hỏi thăm tình hình của vị tu sĩ và lý do tại sao ngài không cho phép ông đến gặp mình. Nhưng vị tu sĩ đã không tiếp người được cử đến. Ngài cũng không nhận lá thư và tiền bạc được gửi đến tu viện từ vùng Tver. Hôm đó, ngài vẫn tham dự lễ chiều. Do cơ thể suy yếu, vị bệnh nhân gần như không thể tự đứng vững, phải tựa tay vào cây gậy và gục đầu xuống đó. Tuy nhiên, ngài vẫn hăng hái hát theo các tu sĩ và ở lại sau lễ chiều để dự lễ cầu siêu, mặc dù các tu sĩ muốn đưa ngài về phòng. "Tôi cần lễ cầu siêu này," vị tu sĩ nói với họ, "tôi sẽ không còn được nghe nó nữa."

Vào ngày thứ Bảy, ngày 26, vị tu sĩ già ốm yếu cũng có mặt tại Thánh lễ. Sau khi Thánh lễ kết thúc, Innokenty đã chuẩn bị một ít thức ăn cho ngài và khuyên ngài nên ăn một chút, nhắc nhở rằng hôm nay là ngày thứ Bảy và ngài đã không ăn gì từ thứ Năm. Nhưng vị thánh từ chối thức ăn, nói: "Tôi cũng biết điều này: theo các quy tắc thiêng liêng, vào ngày thứ Bảy nên nếm một chút thức ăn được phép để chuẩn bị cho việc ăn chay; tuy nhiên, người bệnh nên kiêng ăn ba ngày trước khi rước Mình Thánh Chúa."

Đó là thói quen lâu năm của vị thánh già – ăn chay trước khi rước các Bí tích Thánh và sống trong im lặng suốt cả tuần.

Vào buổi tối, ngài đã xưng tội trước tu sĩ Isaia.

[3331] Những ghi chép của Innokenty được công nhận là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của văn học tiểu sử cổ Nga. Trong câu chuyện dưới đây, chúng được trích dẫn với một số cắt giảm.

[3332] Hoàng tử Mikhail Andreevich Vereysky, cháu nội của Dimitri Donskoy, đã kết hôn với Elena Yaroslavna, con gái của hoàng tử Borovsk, và có thể nhờ cuộc hôn nhân này mà ông đã nhận được công quốc Borovsk. Ông qua đời vào năm 1486 và được an táng tại tu viện của Thánh Pafnutius.

Các giáo dân vẫn tiếp tục làm phiền vị tu sĩ đang ốm nặng, người đang chuẩn bị ra đi và dồn hết tâm trí về phía Thiên Chúa. Hoàng tử Mikhail lại gửi người đến tu viện, lần này là cha linh hướng của mình, linh mục Ioann, và xin vị thánh tha thứ cũng như ban phước lành cho bản thân và con trai ông là Ioann. Innokenty đã chuyển lời thỉnh cầu của hoàng tử. Sau một lúc im lặng, vị thánh nói:

– Tôi thấy ngạc nhiên về hoàng tử, tại sao lại gửi lời: "Xin ban phước lành cho con trai tôi, hoàng tử Ioann". Chẳng phải hoàng tử Vasily cũng là con trai của ngài sao?[3333] Chỉ có Chúa mới biết, ngài đã tự chia rẽ chính mình; vậy làm sao ngài có thể tìm được sự bình an và phước lành?

Rồi ngài nói thêm:

– Ngài ấy chẳng có chuyện gì với tôi cả, dù cho ngài ấy có là hoàng tử đi chăng nữa.

Những lời này đã được truyền đạt cho vị linh mục riêng của hoàng tử, nhưng vị này vẫn muốn gặp vị tu sĩ cao niên và vì thế đã đến nhà thờ vào giờ kinh chiều. Vị tu sĩ cũng đi theo, nhưng ông vội vàng ẩn mình trong bàn thờ và ở đó cho đến khi sứ giả của hoàng tử rời khỏi tu viện. Vị thánh nhân đã cử hành cả thánh lễ suốt đêm, dù được các đệ tử của mình hỗ trợ. Sau đó, ông nói với các tu sĩ:

– Từ nay trở đi, tôi sẽ không còn được nghe lễ cầu nguyện suốt đêm nữa.

Vị thánh nhân đã chuẩn bị bằng lời cầu nguyện để rước Mình Thánh Chúa, và ngay khi trời vừa hửng sáng, ngài đã ra lệnh cho Thánh Giuse đọc quy tắc rước lễ.

Sau khi rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô trong thánh đường vào Thánh Lễ Chúa Nhật (ngày 27 tháng 4), vị thánh già được đưa về phòng tu. Một lần nữa, vị tu sĩ Innokenty chu đáo đã chuẩn bị cho ngài một ít thức ăn. Các tu sĩ khuyên ngài nên ăn chút gì đó, và để không làm phật lòng họ, vị thánh nhân đã nếm thử một chút, rồi trao lại cho các tu sĩ những gì đã được chuẩn bị cho ngài.

Vào ngày đó, Đại công tước Moskva Ioann Vasilievich[3334] , không rõ bằng cách nào đã biết tin về bệnh tình của vị thánh Pafnutiy, đã cử một sứ giả mang thư đến cho ngài. Khi đệ tử đưa bức thư của Đại công tước cho vị tu sĩ, ngài nói:

– Hãy trả lại bức thư cho người mang đến – để người ấy chuyển lại cho người đã gửi. Giờ đây, tôi không còn bị ràng buộc bởi thế gian này nữa: tôi không mong cầu vinh quang và cũng không sợ hãi trước những kẻ quyền thế.

Innocentius thưa với vị thầy của mình:

– Về phần ngài, ngài đã nói đúng; nhưng vì Chúa, xin hãy làm điều có ích cho chúng ta, đừng xúc phạm Đại công tước, đừng làm ngài phật lòng.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Ta nói thật với các ngươi: đừng làm phật lòng Đấng Duy Nhất, thì cơn giận của loài người sẽ không thể làm hại các ngươi. Còn nếu các ngươi làm phật lòng Đấng Duy Nhất – tức là Chúa Kitô – thì không ai có thể giúp các ngươi được. Còn con người, dù có giận dữ đến đâu, rồi cũng sẽ dịu lòng lại.

Học trò không dám phản đối vị thầy nữa và trả lại thư của Đại công tước cho sứ giả.

Mẹ của Đại công tước, bà Maria Yaroslavna – người rất kính trọng vị tu sĩ đức hạnh này – cũng đã cử sứ giả đến, cùng với phu nhân của công tước, bà Sofia Fominichna, người Hy Lạp[3335] , người đã gửi thư và vàng cho vị tu sĩ. Vị tu sĩ không nhận lấy gì cả và ra lệnh trả lại tất cả, thậm chí còn quở trách đệ tử của mình vì đã để người ta làm phiền ông. Nhiều quý tộc và giáo dân bình thường đã gửi quà đến tu viện cho vị tu sĩ đang ốm nặng, nhưng điều này không còn được báo cáo lại cho ngài nữa.

Thấy vị tu sĩ thánh thiện đang trong tình trạng suy nhược trầm trọng, Innokenty nói với ngài:

– Cha Pafnuti, cha có thấy khó chịu lắm không?

[3333] Công tước Mikhail Andreevich được biết là có các con: Vasily, biệt danh là Udalyi (sinh năm 1495), Ioann và con gái Anastasia, người đã kết hôn với Công tước Iosif Andreevich Dorogobuzhsky, người vào năm 1485 đã gia nhập đội ngũ phục vụ Đại công tước Moskva.

[3334] Ioann III Vasilyevich là Đại công tước từ năm 1462 đến năm 1505.

[3335] Maria Yaroslavna, con gái của Công tước Yaroslav (Afanasy) Vladimirovich, em gái của Vasily Yaroslavich đã được đề cập ở trên, vào năm 1433 đã kết hôn với Đại công tước Vasily Vasilyevich Temny, qua đời vào năm 1484 khi đã xuất gia với tên gọi Martha. – Sofia Fominichna, con gái của Foma Paleolog, Despot của Morea (anh trai của Hoàng đế Constantinople cuối cùng là Constantine XI, người đã hy sinh trên tường thành thủ đô Hy Lạp khi thành phố này bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng vào năm 1453). Bà là người vợ thứ hai của Đại công tước Ioann III, kết hôn với ông vào năm 1472, qua đời năm 1503.

Vị tu sĩ già đáp:

– Chính ngài cũng thấy rồi đó – tôi đang kiệt sức, nhưng không cảm thấy bệnh tật nào vượt quá sức chịu đựng của tôi.

Vị tu sĩ không còn ăn uống gì nữa. Ông ra lệnh cho người ta chuẩn bị một món gì đó, nhưng khi họ mang đến, sau khi khen ngợi, ông lại chia hết cho các tu sĩ khác và nói:

– Các anh em hãy ăn đi, tôi cũng ăn cùng các anh em.

Đêm xuống. Vị tu sĩ ngồi trên giường của mình và thầm cầu nguyện theo Kinh Lạy Chúa Giêsu. Buổi sáng, người ta đọc kinh cho ông nghe trong phòng.

Vào thứ Hai, ngày 28, vị tu sĩ, với sự giúp đỡ của các tu sĩ, đã chủ tế Thánh lễ. Sau thánh lễ, ngài không ăn gì cả; chỉ uống một ít nước. Innokenty tự hỏi tại sao vị tu sĩ cao niên lại không đưa ra bất kỳ chỉ thị nào về tu viện, và sau khi vượt qua sự bối rối, ngài đã hỏi vị tu sĩ đáng kính:

– Thưa Cha Pafnuti! Xin Cha hãy ra lệnh soạn thảo di chúc về việc quản lý tu viện khi còn sống: các tu sĩ sẽ sống ra sao sau khi Cha qua đời và ai sẽ làm Bề trên.

Sau một lúc im lặng ngắn ngủi, vị tu sĩ già nói trong nước mắt:

– Các anh em, hãy tự mình duy trì nghi thức thánh lễ và trật tự của tu viện. Đừng thay đổi thời gian cầu nguyện trong nhà thờ. Hãy tôn kính các linh mục như tôi đã làm và đừng tước đoạt tiền công của họ, để việc phụng vụ Thánh không bị suy giảm, vì mọi thành công đều phụ thuộc vào đó. Đừng từ chối bữa ăn của các con với người lữ hành; hãy quan tâm đến việc bố thí, đừng để người xin ăn ra về tay không. Hãy siêng năng làm các công việc thủ công; nhưng hãy tránh xa những cuộc trò chuyện thế tục; hãy cẩn trọng gìn giữ trái tim mình khỏi những ý nghĩ gian tà. Sau giờ cầu nguyện buổi tối, đừng tụ tập để trò chuyện: mỗi người hãy im lặng trong phòng tu của mình. Đừng bao giờ vắng mặt trong các buổi cầu nguyện tại nhà thờ, trừ khi vì bệnh tật; hãy tuân giữ toàn bộ hiến chương, quy tắc nhà thờ và mọi điều răn của Giáo hội một cách khiêm nhường, bình thản và lặng lẽ. Nói tóm lại, hãy hành động như tôi. Nếu các con không coi thường những điều răn của tôi, tôi tin tưởng vào Đức Chúa Trời Toàn Năng và Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, thì Chúa sẽ không tước đi mọi ân sủng của Ngài khỏi nơi này. Nhưng tôi biết – vị thánh nhân nói thêm với giọng tiên tri – rằng sau khi tôi ra đi, tại tu viện Đức Mẹ Vô Nhiễm sẽ có một kẻ gây rối; hắn đã làm xao động linh hồn tôi và sẽ gieo rắc sự hỗn loạn trong cộng đoàn. Tuy nhiên, Đức Mẹ Vô Nhiễm sẽ dẹp tan sự hỗn loạn và cơn bão tố, ban sự bình an cho tu viện của Người và cho cộng đoàn đang sống tại đó[3336] .

Nói xong, vị tu sĩ già im lặng vì kiệt sức. Đêm đó, ngài dành thời gian cho những lời cầu nguyện thường lệ.

Ngày 29, thứ Ba, vị thánh nhân giữ im lặng vì đang chuẩn bị rước Mình Thánh Chúa trong lễ Giữa Tuần Lễ Ngũ Tuần, năm đó rơi vào ngày 30 tháng Tư. Vị tu sĩ già hát các thánh vịnh, các bài cầu nguyện, các kinh thánh và các bài thơ thánh. Cả ngày trôi qua như vậy. Innocent và người hầu phòng của vị tu sĩ thánh thiện lặng lẽ lắng nghe tiếng hát phi thường này, không dám nói gì, vì vị tu sĩ đã ra lệnh cho họ không được làm phiền ngài bằng bất cứ điều gì. Đêm đó, vị tu sĩ đang ốm đã thức trắng trong cầu nguyện, hầu như suốt thời gian đều đứng, chỉ ngồi xuống trong một khoảng thời gian ngắn.

Chỉ khi ngày mới (thứ Tư) bắt đầu, vị thánh Joseph mới đọc cho vị thánh nghe quy tắc rước lễ. Ngài đã cử hành Thánh lễ trong nhà thờ và rước Mình Thánh Chúa. Sau khi nhận lời chúc lành theo thông lệ từ vị linh mục chủ tế, vị thánh được các tu sĩ dẫn về phòng tu. Đứng ở hiên phòng tu của mình, được các môn đệ đỡ hai bên, vị thánh nhìn lên bức tranh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, rồi bằng ánh mắt tâm hồn hướng về toàn thể cộng đoàn, ngài thở dài và nói trong nước mắt:

– Lạy Chúa Toàn Năng! Đấng thấu hiểu lòng dạ và ý nghĩ, Ngài biết tất cả. Nếu ai thương xót con, xin Chúa ban thưởng cho người ấy gấp trăm lần trong đời này, và trong đời sau xin ban cho người ấy sự sống đời đời. Còn nếu ai vui mừng vì cái chết của con, cái chết của một kẻ tội lỗi, xin Chúa đừng coi đó là tội lỗi của người ấy.

Những người nghe thấy điều này đều kinh hoàng và mỗi người đều tự xét lại lương tâm mình. Khi vị tu sĩ già được đưa vào phòng, ngài với khuôn mặt rạng rỡ bắt đầu an ủi các tu sĩ, như thể ngài muốn họ quên đi những lời

---

[3336] Trích từ các cuốn tiểu sử cổ xưa về Thánh Giuse Volokolamsk (ngày tưởng niệm ngài được cử hành vào ngày 9 tháng 9 tại tu viện của ngài. Theo lời tiên tri của Thánh Paphnutius, ngay sau khi ngài qua đời, trong tu viện đã nảy sinh những bất đồng và tranh cãi, và vị tu viện trưởng mới – Thánh Giuse – vào năm 1477 hoặc 1478 đã bí mật rời khỏi tu viện Borovsk.

vừa được nói. Nhớ lại những lời trước đây của vị thánh rằng bệnh tình của ngài không nặng, các tu sĩ nghĩ rằng ngài đang cảm thấy dễ chịu hơn. Họ khuyên ngài ăn chút gì đó, nhưng vị tu sĩ già không chịu. Ngài uống một ít rượu, rồi trao lại cho các tu sĩ với lời nói:

– Hãy uống chén này đi, các con; hãy uống như lời chúc phúc cuối cùng của ta, vì ta sẽ không còn uống hay nếm gì từ chén này nữa.

Ngài còn nói với các tu sĩ nhiều lời an ủi khác, rồi nằm xuống giường của mình, nơi mà một ngày sau đó ngài đã qua đời. Ngài đã để lại cho Inokenty, người đã phục vụ ngài trong thời gian ngài ốm, một bình mật ong, rồi bảo các tu sĩ đi dùng bữa, vì đã đến giờ ăn trưa. Innocentius, người không rời khỏi bên cạnh vị thầy đang ốm của mình, nhanh chóng trở về từ bữa ăn và thấy ngài đang nằm trên giường; sau đó, im lặng một lát, anh hỏi vị thánh:

– Thưa Cha Paphnutius! Cha không khỏi bệnh vì cả tuần nay cha hoàn toàn không ăn gì cả. Sao cha lại im lặng thế, thưa ngài? Cha giao tu viện của mình cho ai – cho các tu sĩ hay cho Đại công tước? Sao cha không nói gì cả?

Thánh nhân đáp:

– Đức Mẹ Vô Nhiễm.

Sau đó, ngài im lặng một lát rồi nói với ngài:

– Anh em Innokenty! Lời anh nói có đúng không?

Thấy vị tu sĩ già có vẻ bối rối, Innokenty im lặng.

– Anh ơi, ai đã ra lệnh cho tôi lập tu viện này? Chính Đức Mẹ Vô Nhiễm đã ban ân sủng. Mẹ đã yêu mến nơi này để tôn vinh danh Mẹ, đã dựng nên nhà thờ của Mẹ, đã quy tụ các tu sĩ và cả tôi, một kẻ nghèo hèn, rồi trong suốt thời gian dài, Mẹ đã nuôi dưỡng và an ủi tôi cùng các tu sĩ. Và giờ đây, khi tôi, một con người phàm trần, đang nhìn vào quan tài và không thể tự cứu lấy mình, chính Nữ Vương Thiên Đàng có thể sắp xếp những điều hữu ích cho tu viện của Ngài, như cách Ngài đã bắt đầu. Chính ngài cũng biết: ngôi đền này không được xây dựng nhờ quyền lực của các vị công tước, cũng không nhờ sự giàu có của những kẻ quyền thế, hay vàng bạc, mà là nhờ ý định của Thiên Chúa và ý muốn của Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội. Tôi đặt trọn niềm hy vọng vào Mẹ: bằng lòng thương xót của Mẹ, Mẹ sẽ che chở tôi trên hành trình trần gian khỏi sự bạo hành của những linh hồn u ám và xảo trá, và vào ngày phán xét công minh, Mẹ sẽ giải thoát tôi khỏi cực hình vĩnh cửu và đưa tôi vào hàng ngũ những người được chọn. Nếu tôi được ân sủng, tôi sẽ không ngần ngại cầu nguyện cho các con trước mặt Chúa. Vì vậy, chính các con cũng hãy siêng năng: hãy sống trong sự thanh khiết; không chỉ như khi các con còn ở bên tôi, mà còn phải tốt hơn nữa; hãy nỗ lực đạt được sự cứu rỗi với lòng kính sợ và run rẩy, để nhờ những việc lành của các con, tôi được an nghỉ trong bình an, và những người đến đây sau tôi cũng được an cư lạc nghiệp. Nguyện các con tìm được sự bình an sau khi qua đời. Mỗi người hãy ở lại trong chức vụ mà mình được kêu gọi. Đừng tự cao quá mức – điều đó không chỉ vô ích cho các con, mà còn gây tổn hại cho tâm hồn. Đừng tự cho mình cao hơn các anh em yếu đuối, dù trong suy nghĩ hay hành động, nhưng hãy kiên nhẫn chịu đựng họ như chính các chi thể của mình. Này, các con yêu dấu, hãy vội vã làm điều thiện!

Nói xong, vị thánh mệt mỏi im lặng.

Một lúc sau, người được Tổng Giám mục Gerontius của Moscow cử đến[3337] đã đến tu viện, cùng với các sứ giả mới từ Đại công tước và các Đại công nương. Họ kiên quyết đòi được gặp vị thánh và trò chuyện với ngài. Innocent đã từ chối và trì hoãn việc báo cho vị tu sĩ già đang ốm nặng biết về họ trong một thời gian dài, nhưng cuối cùng cũng đã báo cáo về những người được cử đến. Vị tu sĩ già đã giận dữ với đệ tử của mình và nói với anh ta rằng trong suốt 60 năm tu hành, ngài luôn tiếp xúc với các công tước, các quý tộc và những người thế tục khác.

– Giờ đây tôi đã hiểu rằng việc đó chẳng mang lại lợi ích gì cả – chỉ là một thử thách cho linh hồn mà thôi. Bằng lòng thương xót của Ngài, không muốn kẻ có tội chết mà không ăn năn, Chúa đã ban cho tôi sáu ngày để sám hối; còn con thì không để tôi được yên, cứ đưa những người thế tục đến quấy rầy tôi. Giờ đây tôi thậm chí không thể ra khỏi phòng tu nữa, để họ không làm phiền tôi.

Innocentius cảm thấy vô cùng đau lòng vì đã làm vị tu sĩ già bối rối, và vì không nhận được sự cho phép dành cho những người được cử đến. Ra khỏi phòng tu, ông truyền đạt lời đáp của vị tu sĩ đáng kính cho họ và yêu cầu họ rời khỏi tu viện. Tuy nhiên, sau khi rời khỏi tu viện, những người được cử đến đã qua đêm tại một làng gần

[3337] Tổng giám mục Gerontius đã lãnh đạo Giáo hội Nga từ năm 1473 đến năm 1489.

đó để sáng hôm sau có thể gặp lại vị tu sĩ khổ hạnh. Đêm tiếp theo, cũng là đêm cuối cùng của cuộc đời, vị thánh già đã thức trắng, không ngừng cầu nguyện: lúc thì hát các thánh vịnh, lúc thì đọc kinh Chúa Giêsu.

Thứ Năm, ngày 1 tháng 5, ngày vị tu sĩ Paphnutius qua đời, đã đến. Vị tu sĩ đã ra lệnh cử hành Thánh lễ sớm hơn bình thường. Bản thân ngài định đi dự lễ, vội vã chuẩn bị và lẩm bẩm: "Này, ngày ấy đã đến rồi."

Các tu sĩ nhìn nhau đầy bối rối, không hiểu vị tu sĩ già đang nói gì. Innokenty hỏi ông đang nói về ngày nào.

– Về ngày mà ta đã nói với các con trước đây, – vị thánh đáp.

Người đệ tử bắt đầu liệt kê các ngày: Chủ nhật, Thứ Hai, Thứ Ba?

Vị thánh nói:

– Ngày đó là thứ Năm, ngày mà tôi đã từng nói với các con trước đây.

Các tu sĩ đều bối rối. Họ dẫn vị tu sĩ già đến nhà thờ, nhưng chưa kịp ra khỏi phòng thì vị thánh Giuse đã đến và báo cho ông biết rằng những giáo dân được các nhân vật có thế lực cử đến đang chờ ông, rằng ngoài những người đã đến hôm qua, còn có những người mới đến: tất cả họ đã tụ tập và đang chặn đường vị tu sĩ trên đường đến nhà thờ. Lúc đó, vị thánh nhân cảm thấy bị xúc phạm vì họ đã chặn đường ngài vào nhà thờ của Chúa, nên ngài không bước ra khỏi phòng tu. Sau khi cho các tu sĩ vào nhà thờ, ngài ngồi xuống hiên và nói: "Tất cả đều do Innokenty gây ra, chính ông ta đã ra lệnh như vậy."

Còn Innokenty thì không dám biện minh cho mình.

Ông cũng đi vào nhà thờ, còn vị tu sĩ cao niên ở lại trong phòng cùng một đệ tử và khóa cửa lại để không ai trong số những người được cử đến có thể vào gặp ngài. Khi thánh lễ kết thúc, các giáo dân hiểu rằng không thể gặp vị thánh, nên họ quay trở lại. Khi các đệ tử lại đến với ngài và im lặng vây quanh giường, ngài nói như thể đang nói về một người khác:

– Ngày của người ấy đã đến, và người ấy sẽ chết.

– Cha đang nói về ai vậy, người sẽ chết? – Innokenty hỏi ngài.

– Về người mà các con đang nói đến: người đang đau ốm; người ấy, sau khi ăn năn, muốn chết, – Ngài nói.

Đến giờ ăn trưa, các tu sĩ đi dùng bữa. Chỉ còn mình Innokenty ở lại bên người bệnh.

Thánh nhân ra lệnh cho đệ tử chuyển người bệnh sang phía bên kia phòng, vì ở đó yên tĩnh hơn; ngài cũng ra lệnh không cho ai vào.

– Tôi mệt rồi, – ngài nói, – và muốn nghỉ ngơi cho đến giờ hát kinh chiều; tối nay, tất cả các tu sĩ sẽ đến thăm tôi.

Lúc đó, đệ tử mới hiểu rằng giờ lâm chung của ngài đã gần kề.

Innocent hỏi vị thánh:

– Thưa Cha, khi Cha qua đời, có nên mời vị tổng đại diện và các linh mục khác từ thành phố đến dự lễ an táng của Cha không?

Thánh nhân di chúc không gọi ai cả và chỉ cần các linh mục trong tu viện là đủ, để dân chúng không tụ tập tại tu viện và không lan truyền tin tức về cái chết của ngài khắp thành phố và các làng mạc. Đệ tử hỏi:

– Cha muốn đào mộ ở đâu?

Ngài bảo đào ở phía nam nhà thờ, gần cửa nhà thờ.

– Đừng mua quan tài gỗ sồi cho tôi, – vị thánh nói. – Hãy dùng sáu đồng tiền này để mua bánh mì và phát cho những người nghèo.

Đệ tử im lặng, còn vị tu sĩ già thì cầu nguyện cho sự cứu rỗi linh hồn mình, đặt niềm tin vào Đức Mẹ Đồng Trinh. Ông cũng giao phó tu viện của mình cho Đức Mẹ. Innokenty đánh thức người trông nom phòng của vị tu sĩ, bắt anh ta ngồi cạnh bên cạnh vị tu sĩ già đang ốm, còn bản thân thì ra ngoài đi ngủ, vì ông cũng không được khỏe. Vừa mới chợp mắt được một lát, ông đã nghe thấy tiếng hát của nhiều người trong phòng của vị tu sĩ. Ngạc nhiên trước điều này, Innokenty bước vào phòng và hỏi người trông nom:

– Ai trong số các tu sĩ đã ở đây?

– Không ai cả, – người đó trả lời. – Sau khi anh đi, ngài bắt đầu hát: "Các thánh đã tìm thấy suối nguồn sự sống", – vừa hát vừa lặp lại những câu kinh cầu siêu. Sau khi hát xong bài thánh vịnh, ngài tiếp tục hát những câu tiếp theo:

– *"Phúc cho những ai sống ngay thẳng trên con đường, tuân theo luật pháp của Chúa"* (Thi thiên 118:1), – và những câu khác.

– Vị tu sĩ già đang về với Chúa, – Innokenty nói với người trông coi phòng.

Các môn đệ quỳ xuống dưới chân vị thánh và hôn lên đó, rồi hôn lên ngực ngài, xin ngài tha thứ và ban phước lành. Nhưng vị tu sĩ già đã không còn nghe thấy lời họ nữa, mà chỉ cầu nguyện với Chúa: "Đức Vua trên trời, Đấng toàn năng! Con cầu xin Ngài, Chúa của con, Chúa Giêsu Kitô, xin hãy thương xót linh hồn con, để nó không bị những kẻ xảo quyệt giữ lại, nhưng để các Thiên Thần của Ngài đón nhận nó, dẫn dắt nó vượt qua những cạm bẫy của những thử thách tăm tối và hướng nó về ánh sáng lòng thương xót của Ngài. Con biết, lạy Chúa, rằng nếu không có sự che chở của Ngài, không ai có thể vượt qua được những mưu mô của các thần ác."

Những lời tiếp theo của người sắp qua đời không rõ ràng và các môn đệ của ông không hiểu. Bỗng nhiên ông bắt đầu quay người từ trái sang phải. Nhiều lần các môn đệ xoay ông sang bên trái, nhưng ông lại quay sang bên phải, thì thầm những lời không rõ ràng. Từ đó, họ kết luận rằng vị tu sĩ sắp qua đời đang nhìn thấy điều gì đó phi thường. Các tu sĩ đã đến gần phòng của vị thánh nhân vài lần, nhưng hai đệ tử đang ở bên cạnh ngài nói rằng vị thánh nhân đã chìm vào giấc ngủ. Vào lúc tu viện đang cử hành lễ chiều, vị thánh nhân đã chuẩn bị cho cái chết: ngài chắp tay thành hình thánh giá trên ngực và bằng ba hơi thở cuối cùng, ngài đã trao linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa.

Thánh Paphnutius qua đời vào thứ Năm, ngày 1 tháng 5 năm 1477, một giờ trước khi mặt trời lặn, tức là khoảng 7 giờ tối[3338] . Các tu sĩ bước ra khỏi nhà thờ và, khi hay tin về sự ra đi của ngài, đã khóc thương ngài một cách đau đớn. Đã quá muộn để an táng vị tu sĩ, và để thực hiện di nguyện của ngài về việc an táng mà không có sự tham dự của giáo dân, các tu sĩ đã an táng vị thầy của mình vào ngày hôm sau, thứ Sáu, ngày 2 tháng 5, lúc 5 giờ sáng. Nỗi đau buồn của các tu sĩ quá lớn đến nỗi tất cả đều khóc nức nở và rơi lệ; không ai có thể hát hay đọc kinh. Lễ an táng được cử hành bởi Inokenty, một đệ tử trung thành của vị tu sĩ đáng kính. Vì nước mắt, ông hầu như không thể đọc được nghi thức an táng. "Và không có ai trong số những người thế tục có mặt lúc đó, không ai chạm vào linh cữu của ngài, không ai chứng kiến cảnh ngài được đặt vào quan tài," – Inokenty kể lại như vậy[3339] .

Ngay sau khi lễ an táng kết thúc, tin về sự ra đi của vị tu sĩ đã lan đến Borovsk, và cả thành phố bỗng chốc náo động. Không chỉ các tu sĩ và linh mục, mà cả các quan chức thành phố và dân chúng đều đổ về tu viện của vị thánh. Và mặc dù người dân trong thành phố sớm biết rằng thi thể của vị thánh đã được an táng, nhưng người dân vẫn liên tục đổ về tu viện suốt cả ngày, và với lòng kính mến sâu sắc, tất cả đều cúi đầu trước quan tài của người đã khuất.

Lễ kỷ niệm địa phương dành cho Thánh Pafnuti bắt đầu từ năm 1531. Tổng Giám mục Moskva Daniil[3340] cùng với Hội đồng các giám mục đã ban phước cho việc hát kinh ca và đọc tiểu sử của Thánh Pafnuti trong thánh lễ, tức là đã thiết lập lễ kỷ niệm địa phương dành cho ngài. Còn Hội đồng Giám mục năm 1547 đã quyết định tổ chức lễ kỷ niệm Thánh Pafnutius trên toàn Giáo hội.

Thánh tích của vị thánh này được an táng tại nhà thờ chính của tu viện, được dâng kính Lễ Giáng Sinh Đức Mẹ, trong gian phụ được đặt tên theo ngài.

Bài thánh ca, giọng 4:

Bằng cuộc đời sáng ngời, ngài đã soi sáng quê hương mình; nhờ những lời cầu nguyện và việc ăn chay, ngài đã được tràn đầy ân sủng của Thánh Thần; và trong cuộc đời tạm bợ này, ngài đã nỗ lực tu hành một cách tốt đẹp, mở ra lòng thương xót và sự an ủi cho tất cả những ai đang đau khổ, và ngài là người bảo trợ cho những người nghèo khó. Vì vậy, chúng con cầu xin ngài, Cha Paphnutius, hãy cầu xin Đức Kitô, Thiên Chúa, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

[3338] Đó là lời kể của Innokenty. Trong biên niên sử có ghi rằng vị thánh đã qua đời vào giờ thứ 15 trong ngày (sau khi mặt trời mọc). Xét rằng vào ngày 1 tháng 5 tại Borovsk, mặt trời mọc vào khoảng 4 giờ sáng, thì theo tính toán này, thời điểm vị tu sĩ qua đời sẽ rơi vào giờ thứ 7 buổi tối.

[3339] Tuy nhiên, trong biên niên sử và tiểu sử của vị thánh Paphnutius có ghi rằng, tại lễ an táng vị tu sĩ này, có sự hiện diện của một linh mục thế tục tên là Nikita, người là cha linh hướng của Công tước Andrei Vasilyevich.

[3340] Tổng giám mục Daniel đã lãnh đạo Giáo hội Nga từ năm 1522 đến năm 1539.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Được soi sáng bởi ánh sáng của Thiên Chúa, thưa Cha, ngài đã sống đời ăn chay, hỡi vị thánh đáng kính, vị thầy tu tốt lành và là tấm gương sáng về sự ăn chay. Vì lý do đó, Chúa, khi thấy những công lao của ngài, đã ban cho ngài ân sủng của những phép lạ, vì ngài tuôn tràn những phép chữa lành. Còn chúng con, trong niềm hân hoan, kêu lên cùng ngài: Hỡi Cha Paphnutius, xin vui mừng!

- Cùng ngày này, người ta cũng kỷ niệm ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Macarius, Tổng Giám mục Kiev, người đã bị người Tatar sát hại vào năm 1497 tại làng Strigolove, tỉnh Minsk.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Vata

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 5

Thánh Tử đạo Vata xuất thân từ Ba Tư. Tổ tiên của ngài là những người Kitô hữu, và chính ngài cũng được nuôi dưỡng trong đức tin Kitô giáo. Khi bước sang tuổi ba mươi, ngài đã từ bỏ cha, mẹ, vợ và con cái, phân phát tài sản của mình cho người nghèo, rồi rời khỏi nhà cha mẹ để trở thành tu sĩ. Sau khi tận tụy tu hành trong đời sống tu sĩ, ngài mong muốn kết thúc cuộc đời mình bằng cái chết tử đạo. Vào thời điểm đó, cuộc bách hại Kitô hữu đã bùng phát[3341] , và khi tất cả các tu sĩ trong tu viện nơi thánh nhân tu hành đều bỏ chạy, chỉ còn một mình ngài ở lại đó. Chẳng bao lâu sau, ngài bị bắt và bị đưa ra xét xử trước quan tổng trấn thành phố Nizibê[3342] . Viên quan này ép ngài từ bỏ Đức Kitô và thờ lạy mặt trời cùng lửa[3343] , nhưng vị thánh không vâng lời và can đảm tuyên xưng Đức Kitô là Thiên Chúa chân thật. Vì điều này, tay ngài bị trói chặt đến mức do sức căng quá lớn mà các khớp vai bị trật ra. Sau đó, vị thánh bị lôi lê trên mặt đất và bị đánh đập khắp cơ thể. Sau tất cả những cực hình này, vị thánh tử đạo đã qua đời vì đức tin vào Chúa Kitô, khi bị chém bằng gươm.[3344]

Ngày 15 tháng 5

ngày 2 tháng 5 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Esper và Zoe

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 5

Các thánh tử đạo Esper, vợ ngài là Zoe và hai con trai của họ, Cyriacus và Theodulus – những lữ khách trên trần gian giống như Áp-ra-ham, cha của dân được chọn, đang hướng bước về quê hương thiên đàng – đã bị mua làm nô lệ[3345] bởi Catullus, một quý tộc La Mã, và vợ ông là Tertia. Catullus này đã chuyển từ Roma đến Pamphylia[3346] , đến thành phố Attalia[3347] ; khi mua nô lệ cho mình, theo phong tục của người La Mã ngoại đạo, ông đã mua được tại Phrygia[3348] những vị thánh tử đạo này, xuất thân từ một gia đình Kitô hữu và vì thế tràn đầy đức tin và hy vọng nơi Chúa.

[3341] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến cuộc đàn áp các Kitô hữu do vua Sapor II khởi xướng tại Ba Tư, người trị vì từ năm 310 đến năm 381.
[3342] Nizibya – một thành phố cổ xưa, nằm ở Mesopotamia cổ đại, ở phần phía bắc của vùng này, gần biên giới Armenia.
[3343] Người Ba Tư tôn thờ mặt trời dưới hình tượng vị thần tối cao Mithra, đồng thời cũng thờ phụng lửa.
[3344] Thánh tử đạo qua đời vào khoảng năm 364.
[3345] Chế độ nô lệ rất phổ biến trong thời cổ đại ở người La Mã, cũng như ở các dân tộc đương thời khác. Bất kỳ người La Mã nào có điều kiện kinh tế tương đối khá giả đều sở hữu nô lệ. Đối với những người La Mã rất giàu có, số lượng nô lệ của họ có thể lên đến hàng chục, thậm chí hàng trăm người.
[3346] Pamphylia – một vùng ở Tiểu Á.
[3347] Attalia – một thành phố thuộc Pamphylia, nằm trên bờ biển phía nam Tiểu Á. Thành phố này được đặt tên theo vua Attalus II của Pergamon (từ năm 159 đến năm 138 trước Công nguyên), người đã xây dựng nó. Thành phố này vẫn tồn tại cho đến ngày nay với tên gọi Adalia; có 15.000 cư dân và thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ.
[3348] Phrygia – một vùng thuộc Tiểu Á.

Gia đình ngoại đạo của Catullus, sùng bái thần tượng, theo phong tục tín ngưỡng của họ, dâng lễ vật cho các thần tượng và gọi chúng là các vị thần của mình. Còn những nô lệ trung thành của Chúa Kitô, khi chứng kiến sự vô nghĩa và tội lỗi của chủ nhân mình, đã vô cùng đau xót vì điều đó và, với tư cách là Kitô hữu, họ không thể ăn thức ăn do các chủ nhân ngoại đạo dọn ra cho họ, vì sợ bị ô uế, nhất là khi ngay trong chính ngôi nhà của chủ nhân họ cũng có các thần tượng.

Một lần nọ, Thánh Zoya, sau khi nhận thức ăn từ chủ nhà, đã đến gần cổng và nói với người gác cổng:

– Hãy ngủ và nghỉ ngơi một chút đi, còn nếu cần đến anh thì tôi sẽ đánh thức anh; anh đã mệt mỏi lắm rồi, vì cả đêm qua anh đã thức trắng, mở cửa cho những kẻ hão huyền vào ra gặp chủ nhân của chúng ta, những người đến nhà ông ta để thờ phụng nữ thần ảo tưởng – Thần May Mắn (Fortune)[3349] .

Người gác cổng, làm theo lời khuyên của cô, rời khỏi cổng và ngủ thiếp đi trong sân, còn Zoë, lo sợ rằng những con chó được buộc gần đó sẽ đánh thức anh ta bằng tiếng sủa, nên đã cho chúng một ít bánh mì, còn phần còn lại của bữa trưa thì cô phân phát cho những người ăn xin và khách lữ hành đến gần cổng, đồng thời thuyết phục họ chuyển sang đạo Kitô.

Nhiệm vụ của Zoya trong nhà Catullus là cho các con vật nuôi mà chủ nhà nuôi ăn; còn chồng và các con cô thì đảm nhận tất cả các công việc còn lại cho chủ nhà.

Họ làm việc cả ngày, và khi mặt trời lặn, họ dùng một ít thức ăn từ những món mà họ chắc chắn rằng không bị ô uế bởi các nghi lễ ngoại giáo. Thức ăn này được ban cho họ nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa; khi dùng bữa, họ nhớ lại những lời Chúa đã phán trong Phúc Âm thánh của Ngài: *"Hãy nhìn xem các loài chim trên trời: chúng không gieo, không gặt, cũng không thu thập vào kho lẫm, mà Cha các con trên trời vẫn nuôi dưỡng chúng"* (Mt 6,26).

Một lần nọ, khi Thánh Esper được các chủ nhân sai đi làm một công việc nào đó, hai con trai của ngài là Kiriak và Theodul đã nói với mẹ:

– Chúng con không muốn sống chung với những kẻ vô đạo nữa; chẳng phải chính mẹ đã dạy chúng con, theo Lời Thánh Kinh, phải tuân giữ điều răn của các Tông đồ: *"Đừng gánh ách chung với những kẻ không tin"* (2 Cr 6,14) sao? Nếu chúng con, tuân theo Kinh Thánh, muốn giữ các điều răn của Chúa nhưng không rời xa những người ngoại đạo, thì chúng con sẽ phải chịu cùng một sự trừng phạt từ Chúa như họ và sẽ bị hủy diệt như họ.

Người Mẹ đáp lại các con trai mình:

– Các con yêu quý của mẹ! Làm sao có thể rời xa họ được? Họ là chủ của chúng ta; họ có quyền trên cả thân thể chúng ta.

Các con trai đáp lại bà như sau.

– Đức Kitô đã tự hiến mình vào tay những người Do Thái vô tín vì chúng ta, bị đóng đinh, chôn cất và sống lại vào ngày thứ ba. Nếu chúng ta cũng dâng thân xác mình vào tay tên Katullô gian ác để chịu cực hình vì danh Đức Kitô, thì dù hắn có tra tấn và giết chết chúng ta sau đó, linh hồn chúng ta vẫn sẽ sống đời đời. Vậy, xin hãy tưởng tượng chúng con, đang hân hoan và vui mừng, trước mặt chủ nhân của chúng con; và bất cứ điều gì Chúa đặt vào miệng chúng con, chúng con sẽ nói với chủ nhân.

Và cả hai chàng trai tốt lành ấy, như những chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô, đã chuẩn bị cho cuộc chiến chịu khổ vì Chúa Kitô, chờ đợi cơ hội thuận lợi để ra trước mặt chủ nhân của mình và xưng danh Chúa Giêsu Kitô trước mặt ngài. Họ nói với nhau:

"Nếu Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, thấy đẹp lòng để chúng ta chết vì danh thánh của Ngài, thì phần thưởng cho điều đó là chúng ta sẽ được chiêm ngưỡng Ngài và ở cùng Ngài mãi mãi."

Khi mẹ của các em, lo sợ rằng các con mình, không sợ hãi trước những cực hình như những người khác, sẽ không sa vào việc thờ lạy các thần tượng, nên vì lý do đó mà chần chừ không đáp ứng lời thỉnh cầu của các em (lúc đó các quan vẫn chưa biết các em là Kitô hữu), thì các con trai của bà đã nói với bà:

– Sao mẹ lại chần chừ? Mẹ sợ điều gì? Chẳng lẽ mẹ không biết Kinh Thánh đã phán sao! *"Con sẽ nói về những sự mặc khải của Ngài trước mặt các vua và sẽ không hổ thẹn"* (Thánh Vịnh 118:46).

Một lần nọ, Catullus đang trên đường về nhà vào giờ ăn trưa. Hai anh em của ông, Cyriacus và Theodulus, ra đón ông và nói:

[3349] Fortuna được người La Mã coi là nữ thần của hạnh phúc và là vị thần bảo trợ cho tổ ấm gia đình.

– Chúc ngài một giờ tốt lành, thưa ngài là chủ của thân xác hữu hình của chúng tôi; còn chủ của linh hồn vô hình của chúng tôi chính là Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng ngự trên trời, là Đức Chúa Trời chân thật.

Catullus rất ngạc nhiên trước những lời của họ và nói:

– Những chàng trai này đã mất trí rồi: họ nhắc đến cái tên lạ lùng và xa lạ với tôi là Chúa Giê-su Ki-tô, gọi Ngài là Đức Chúa Trời và Chúa.

Sau đó, ông quay sang các người hầu và nói:

– Hãy gọi cha và mẹ của những chàng trai này đến gặp ta. Các người hầu lập tức đi ngay, nhưng không tìm thấy cha, nên chỉ dẫn mẹ của các chàng trai đến. Catullus hỏi bà:

– Chồng bà đâu?

Bà trả lời:

– Chẳng phải ngài đã sai ông ấy đi làm việc gì đó ở làng Tritonia sao?

– Nếu lúc này bà cũng ở cùng ông ấy tại Tritonia, – Catullus nói, – thì bà đã không làm tôi bối rối bởi những lời nói của bà về vị Thần mà bà thờ phụng, vị Thần mà cả tôi lẫn những người khác chưa bao giờ nghe nói đến. Tuy nhiên, bây giờ tôi không muốn thử thách các người; nhưng khi Tercia sinh con xong và tôi nhân dịp này dâng lễ tạ ơn lên nữ thần vĩ đại của chúng ta là Fortuna, thì lúc đó tôi sẽ thử thách các người.

Và ngay lập tức, ông ra lệnh cho Thánh Zoya cùng các con của bà được đưa về với chồng ở Tritonia.

Người mẹ và các con, sau khi chuyển đến đó, đã vui mừng và hân hoan, vừa hát vừa trò chuyện, nhớ lại những lời trong Kinh Thánh: *"Chúa là mục tử của tôi; tôi sẽ không thiếu thốn điều gì. Ngài cho tôi nghỉ ngơi trên những đồng cỏ xanh tươi"* (Thánh Vịnh 22:1–2). Và còn nữa: *"Ngài đã cứu linh hồn con khỏi địa ngục"* (Thánh vịnh 85:13) và *"cứu linh hồn con khỏi cái chết"* (Thánh vịnh 114:7) (trong thâm tâm, các thánh coi ngôi nhà của chủ nhân mình là địa ngục, Catullus là cái chết, còn các thần tượng là lửa địa ngục).

Nhưng rồi Catullus có một đứa con trai chào đời. Tất cả cư dân thành phố đều vui mừng và cùng Catullus tổ chức lễ sinh nhật cho con trai ông, dâng lễ vật tạ ơn lên nữ thần của họ – Fortuna. Lúc đó, thánh Zoya cầu nguyện với Đức Chúa Trời, xin Ngài ban cho chồng và các con cô sức mạnh để can đảm vượt qua thử thách của mình. Trong khi đó, vào cuối bữa tiệc, Catullus nói với vợ mình, Tercia:

– Hãy để tất cả người nhà và nô lệ của chúng ta cùng vui vẻ trong lễ hội này

Cô đáp lại:

– Được rồi, hãy để mọi người cùng vui vẻ.

Ngay lập tức, họ sai người mang đến cho các nô lệ của mình – trong đó có gia đình của Esper – một bình rượu từ bữa tiệc dâng cúng thần tượng và một đĩa thịt. Thánh Zoë, khi nhìn thấy từ xa những người hầu đang mang những món quà của chủ nhân, đã thở dài và nói:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa không thể diễn tả, Đấng thấu hiểu những ý nghĩ thầm kín của loài người! Xin hãy ở cùng chúng con, những lữ khách khốn khổ: ngoài Ngài, Chúa của chúng con, chúng con không biết vị thần nào khác. Xin giúp chúng con kiên định xưng danh thánh của Ngài.

Nói xong, bà tiến đến những món quà vừa được mang đến, cầm miếng thịt ném cho lũ chó, còn rượu thì đổ xuống đất. Người đầy tớ lập tức đi báo lại chuyện này cho chủ nhân của mình.

Tin tức này khiến Catullus vô cùng tức giận, và ông ra lệnh ngay lập tức đưa Esper cùng gia đình đến nhà mình. Trên đường đến gặp chủ nhân, Zoya động viên chồng và các con, nói:

– Chúng ta đừng sợ cơn giận của Catullus độc ác và những cực hình mà hắn đang chuẩn bị cho chúng ta, nhưng hãy can đảm chịu đựng chúng, để khi hoàn thành công việc của mình, chúng ta sẽ được vào Nước Trời của Chúa Kitô và các thánh của Ngài.

Khi các thánh được dẫn vào nhà ngài, Catullus hỏi họ:

– Các ngươi đã trông cậy vào ai để dám xúc phạm ta như vậy? Sao các ngươi dám ném những món quà của chúng ta cho chó ăn? Tuy nhiên, ta không chỉ bảo vệ danh dự của chính mình, mà còn bảo vệ danh dự của nữ thần vĩ đại Fortuna của chúng ta.

Thánh Zoë đã trả lời ông như sau:

– Niềm hy vọng và sự trông cậy của chúng tôi là Chúa Giê-su Ki-tô, Con của Đức Chúa Trời Hằng Sống; còn các vị thần mà ngài tôn thờ – đó là ma quỷ.

Catullus đáp lại:

– Ta sẽ khiến các con trai ngươi phải chịu cực hình; lúc đó chúng ta sẽ xem liệu Đấng Kitô, Đấng mà các ngươi gọi là Thiên Chúa, có thể giải thoát chúng khỏi những đau khổ đó hay không.

Lúc đó, những tên hành hình, sau khi lột trần hai thiếu niên, đã treo họ lên cây và bắt đầu tra tấn bằng những dụng cụ sắt. Thánh Zoya, nhìn thấy những đau khổ của các con mình, đã động viên họ bằng những lời như sau:

– Hãy can đảm chịu đựng những đau khổ này, các con ơi! Hãy kiên nhẫn, đừng sợ hãi những cực hình mà tên Catullus vô đạo đang gây ra cho các con.

Các con đáp lại bà:

– Những cực hình này quá nhẹ đối với chúng con: xin mẹ nói với ngài chủ tàn ác kia, hãy để ngài nghĩ ra những cực hình nặng nề hơn, để chúng con có thể xứng đáng nhận được vương miện tử đạo trong kiếp sau nhờ những đau khổ này.

Thánh Zoya nói với Catullus:

– Ngươi đang hành hạ các con ta bằng những hình phạt quá nhẹ; chúng không cảm thấy đau khổ gì nhiều; hãy cố gắng gia tăng nỗi đau khổ của chúng.

Lúc đó, tên vô đạo Catullus ra lệnh, sau khi đã trừng phạt Thánh Zoya, Thánh Esper và các con của họ một cách tàn nhẫn, hãy ném tất cả họ vào lò lửa đang cháy rực, và cử lính canh để canh giữ lò.

Các thánh tử đạo trong lò lửa rực cháy vẫn cất tiếng hát và ngợi khen Chúa. Còn Catullus, khi nghe tiếng hát và thấy các thánh vẫn nguyên vẹn, đã vô cùng ngạc nhiên vì sao sức mạnh tự nhiên của ngọn lửa lại không giết chết họ và không biến thân thể họ thành tro bụi. Nghĩ rằng các Kitô hữu đang dùng một loại bùa chú nào đó để chế ngự thiên nhiên, ông bắt đầu suy tính xem nên dùng cách nào khác, tàn bạo hơn, để giết chết họ. Còn các thánh tử đạo thì được Thánh Thần phán bảo:

– Hãy can đảm lên! Catullus đang nghĩ ra những hình phạt còn khủng khiếp hơn nữa để tiêu diệt các con.

Nghe vậy, các vị tử đạo đã cầu nguyện và thưa rằng:

– Lạy Thiên Chúa, Cha của Chúa Giêsu Kitô, xin hãy đón nhận linh hồn chúng con trong bình an.

Và chẳng bao lâu sau, các thánh đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa.

Sự việc này xảy ra dưới triều đại của Hoàng đế Hadrian[3350] , vào ngày thứ hai của tháng Năm.

Ngày hôm sau, tên vô đạo Catullus cùng những kẻ đồng lõa, khi đến lò thiêu, đã thấy thi thể các thánh tử đạo vẫn nguyên vẹn, không bị lửa thiêu rụi. Các thi thể nằm hướng về phía đông, còn linh hồn thánh thiện của các ngài đã gia nhập vào hàng ngũ các thánh tử đạo, các Thiên thần và các Tổng lãnh thiên thần. Và có tiếng từ trời vang lên:

– Hỡi những người công chính, hãy vào thiên đàng của Chúa các ngươi. Còn ngươi, Catullus vô đạo, sẽ xuống địa ngục và phải chịu đau khổ vĩnh viễn trong ngọn lửa không bao giờ tắt.

Vậy là, tên vô đạo Catullus phải chịu những cực hình vô tận, còn các thánh tử đạo của Chúa Kitô thì được trời mở ra đón nhận. Nhờ sự chịu khổ của mình, họ đã đạt được niềm vui vĩnh cửu, được ở cùng Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng xứng đáng nhận vinh quang muôn đời. Amen.

Sự chịu khổ và các phép lạ của các thánh tử đạo Boris và Gleb, các hoàng tử Nga[3351]

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 5

Dòng dõi những người công chính sẽ được chúc phúc đời đời (Thánh vịnh 111:2).

Thánh Vladimir, con trai của Sviatoslav, cháu nội của Igor, Đấng đã mang ánh sáng của phép rửa thánh đến khắp đất nước Nga, có 12 người con trai, không phải từ một người vợ, mà từ nhiều người vợ khác nhau.

[3350] Hoàng đế Hadrian trị vì Đế chế La Mã từ năm 117 đến năm 138. Năm qua đời của các thánh tử đạo không được biết chính xác.

[3351] Cuốn tiểu sử này là bản dịch tác phẩm của Tu sĩ Giacobbe, có tựa đề "Câu chuyện về những đau khổ và lời ca ngợi về sự tử đạo của các thánh tử đạo Boris và Gleb", được viết vài năm sau khi họ chịu tử đạo, hoặc vào cuối triều đại của Yaroslav, hoặc vào đầu triều đại của Izyaslav, dù sao thì cũng trước năm 1072, cũng như bản dịch các phần tiếp theo của cuốn tiểu sử này, đi kèm với nó trong các bản chép tay cổ xưa. Bản dịch được bổ sung dựa trên "Bài đọc về cuộc đời và sự tử đạo của các vị thánh tử đạo Boris và Gleb", do Thánh Nestor, nhà biên niên sử, soạn thảo sau Thánh Jacob, tu sĩ, trước năm 1091, và dựa trên "Câu chuyện về sự tử đạo của các vị thánh tử đạo, các hoàng tử Nga, Boris và Gleb", do Thánh Dimitri Rostovsky biên soạn (dưới ngày 2 tháng 5 trong Sách Lễ).

Con trai cả là Vyšeslav[3352] , con thứ hai là Izyaslav, còn con thứ ba là Svyatopolk, chính người này đã nảy ra ý định tàn ác là giết hại các anh em của mình. Mẹ của Svyatopolk, một phụ nữ Hy Lạp, trước đây từng là một nữ tu. Yaropolk, anh trai của Vladimir, bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của bà, đã cho bà xuất tu và cưới bà làm vợ. Vladimir, khi đó vẫn còn theo đạo ngoại giáo, đã giết Yaropolk và lấy vợ của anh ta làm vợ mình. Chính từ người vợ này mà Svyatopolk, kẻ đáng nguyền rủa, ra đời. Và Vladimir không yêu thương anh ta.

Vladimir còn có những người con trai khác – bốn người con với Rogneda: Izyaslav, Mstislav, Yaroslav và Vsevolod. Với người phụ nữ Séc – Vysheslav; với một người vợ khác – Svyatoslav và Mstislav; còn với người phụ nữ Bulgaria – Boris và Gleb. Và cha họ đã bổ nhiệm họ làm công tước cai trị các vùng đất khác nhau: Svyatopolk – tại Pinsk, Yaroslav – tại Novgorod, Boris – tại Rostov, còn Gleb – tại Murom[3353] .

Khi đã tròn 28 năm kể từ ngày rửa tội, Vladimir bỗng mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo. Vào thời điểm đó, Boris từ Rostov đã đến gặp cha mình. Người Pecheneg[3354] đang tiến quân về Rus', và Vladimir vô cùng đau buồn vì không còn sức lực để chống lại bọn vô thần. Lo lắng về điều này, ông đã triệu tập Boris, người được đặt tên là Roman[3355] trong lễ rửa tội. Cha đã giao cho Boris, người hiền lành và vâng lời, một đội quân hùng hậu và cử anh ta đi chống lại những kẻ vô thần Pecheneg. Boris vui vẻ lên đường, nói với cha mình: "Con đây, sẵn sàng làm theo ý muốn trong lòng cha."

Về những người này, trong sách Châm Ngôn có chép: *"Con trai vâng lời cha và được mẹ yêu thương"* (Châm Ngôn 4:3).

Nhưng Boris không tìm thấy kẻ thù của mình. Trên đường trở về, một sứ giả đến gặp anh và báo rằng cha anh, Vladimir, tên thánh khi rửa tội là Vasili, đã qua đời[3356] , còn Svyatopolk đã giấu kín cái chết của cha mình, vào ban đêm, ông đã tháo dỡ sàn nhà trong các cung điện ở làng Berestovo, quấn thi thể người quá cố vào một tấm thảm, thả xuống bằng dây thừng, chở bằng xe trượt tuyết[3357] đến Nhà thờ Đức Mẹ[3358] và đặt thi thể ở đó. Tất cả những việc này đều được thực hiện trong bí mật.

Nghe tin này, Boris suy sụp về thể xác, nước mắt tuôn tràn khắp khuôn mặt và anh không thể nói nên lời. Nhưng trong lòng, anh khóc than cho cha mình như thế này: "Ôi, khốn khổ cho tôi, ánh sáng của đôi mắt tôi, sự rạng rỡ và bình minh của khuôn mặt tôi, người dạy dỗ tuổi trẻ của tôi, người răn đe sự thiếu khôn ngoan của tôi; ôi, khốn khổ cho tôi, cha và chủ nhân của tôi! Ta sẽ nương tựa vào ai, ta sẽ nhìn về ai, ta sẽ tìm đâu ra sự dạy dỗ tốt lành và sự răn đe khôn ngoan của ngài? Khốn khổ cho ta, khốn khổ cho ta! Mặt trời của con đã lặn, mà con lại không có mặt ở đây, không thể tự tay mặc áo tang cho thân thể cao quý của cha và an táng cha vào quan tài. Con chưa kịp chiêm ngưỡng thân thể đẹp đẽ và oai phong của cha, chưa được hôn lên những sợi tóc bạc của cha! Hỡi người hạnh phúc của con, xin hãy nhớ đến con tại nơi an nghỉ của cha. Trái tim tôi đang bừng cháy, lý trí tôi rối bời, tôi không biết phải tìm ai để tâm sự nỗi buồn cay đắng này. Nếu là anh trai, người mà tôi coi như cha, thì dường như anh ấy chỉ nghĩ đến những điều phù du của thế gian và việc giết tôi. Nếu anh ấy quyết định giết tôi, thì tôi sẽ trở thành vị tử đạo của Chúa tôi. Nhưng tôi sẽ không chống cự, vì có lời chép rằng: *"Chúa chống lại những kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ân sủng cho những kẻ khiêm nhường"* (Gia-cơ 4:6). Sứ đồ nói: *"Ai nói: 'Tôi yêu mến Đức Chúa*

[3352] Vycheslav qua đời khi cha ông còn sống vào năm 1010.

[3353] Về thời thơ ấu của các Thánh Boris và Gleb, Thánh Nestor kể lại như sau. Thánh Vladimir đã cho tất cả các con của mình về cai quản các vùng đất mà ngài đã giao phó, nhưng ngài vẫn giữ Boris và Gleb ở bên mình, vì hai em còn rất nhỏ. Thánh Gleb khi đó vẫn còn là một đứa trẻ, còn Thánh Boris đã bộc lộ trí tuệ vượt trội, tràn đầy ân sủng của Chúa, biết chữ và rất thích đọc sách. Anh thường đọc các cuốn sách kể về cuộc đời và sự chịu khổ của các thánh, và trong khi cầu nguyện với những giọt nước mắt, anh khẩn cầu Chúa ban cho anh được chia sẻ số phận của một trong những vị thánh đó. Cậu cầu nguyện như vậy không ngừng, còn Thánh Gleb thì lắng nghe cậu, luôn ở bên cạnh cậu không rời. Khi Thánh Boris đến tuổi trưởng thành, cha cậu có ý định gả vợ cho cậu. Nhưng vị thánh không muốn kết hôn. Tuy nhiên, các quý tộc đã nài nỉ cậu đừng trái lời cha. Vì lòng vâng lời cha, vị thánh đã kết hôn theo lời thỉnh cầu của họ. Sau đó, cha ông cử ông đi cai trị tại Vladimir-Volynskyi, nơi ông đã thể hiện lòng nhân ái sâu sắc; nhưng khi biết rằng Svyatopolk, vì lòng ghen tị, đang âm mưu ám sát Boris, ông đã gọi con trai trở về Kiev. Sự việc này có thể xảy ra trước khi Boris được cử đi Rostov.

[3354] Người Pecheneg, một dân tộc du mục có nguồn gốc Thổ Nhĩ Kỳ, từ nửa sau thế kỷ X đã bắt đầu tấn công Rus'. Thánh Vladimir đã xây dựng các thành phố dọc theo các con sông Desna, Ostra, Trubezh, Sula và Stugna, như một tuyến phòng thủ chống lại người Pecheneg. Sau đó, người Thổ Nhĩ Kỳ và người Polovtsian, cũng là các dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ, đã đẩy lùi họ khỏi các thảo nguyên miền nam Rus'.

[3355] Nhân danh Thánh Roman Sladkopevets

[3356] Ngày 15 tháng 7 năm 1015

[3357] Ở Rus cổ đại có phong tục đưa thi hài người quá cố lên xe trượt tuyết để đưa đến nhà thờ làm lễ an táng.

[3358] Tất nhiên là Nhà thờ Desyatinnaya ở Kiev, được dâng hiến để tôn vinh Đức Mẹ, do Thánh Vladimir xây dựng và trang trí. Trong các bản tường thuật cổ xưa, lễ thánh hiến nhà thờ này được ghi vào ngày 11 tháng 5.

Trời', mà lại ghét anh em mình, thì người ấy là kẻ dối trá" (1 Giăng 4:20). Và còn nữa: *"Trong tình yêu không có sự sợ hãi, nhưng tình yêu trọn vẹn xua tan sự sợ hãi"* (1 Giăng 4:18). Nhưng tôi phải nói gì và phải làm gì đây? Tôi sẽ đến gặp anh trai mình và nói: 'Anh hãy làm cha cho em, anh là anh cả của em; anh muốn em làm gì, thưa ngài?'"

Suy nghĩ như vậy trong lòng, Boris đi đến gặp anh trai mình và thầm nói trong lòng: "Ở đó, tôi sẽ nhìn thấy khuôn mặt của em trai út Gleb, giống như Giô-sép nhìn thấy Bê-ni-a-min. Xin ý muốn của Ngài được thực hiện, lạy Chúa của con" (Sáng Thế Ký 43:29).

Và Boris nghĩ: "Nếu tôi về nhà cha mình, thì nhiều người sẽ xúi giục lòng tôi nảy sinh ý định trục xuất em trai mình, như cha tôi đã làm trước khi được rửa tội, vì vinh quang của chức tước cai trị thế gian này[3359] . Nhưng tất cả những điều đó đều phù du, hư nát và vô nghĩa hơn cả mạng nhện. Nếu tôi quyết định làm điều này, thì tôi sẽ đi đâu, điều gì sẽ xảy ra với tôi, tôi sẽ trả lời thế nào lúc đó, và tôi sẽ giấu đi vô số tội lỗi của mình ở đâu. Các anh em của cha tôi và chính cha tôi đã có được những gì? Cuộc sống và vinh quang trần gian của họ, áo choàng đỏ thẫm và những bữa tiệc xa hoa, bạc và vàng, rượu vang, mật ong và bột mì, những con ngựa nhanh nhẹn và cao lớn, tài sản dồi dào, cống nạp và vinh dự vô số, cùng sự kiêu hãnh về các quan đại thần của họ – tất cả những điều đó dường như chưa từng tồn tại, đã biến mất cùng với họ. Và họ không nhận được sự giúp đỡ từ ai cả, không từ của cải, không từ vô số nô lệ, cũng không từ vinh quang của thế gian này. Chính vua Salômôn đã trải nghiệm tất cả, đã thấy tất cả, đã có được tất cả, và sau khi xem xét kỹ lưỡng mọi sự, ngài đã nói: *"Hư không của hư không, tất cả đều là hư không"* (Truyền Đạo 1:2); sự giúp đỡ chỉ đến từ những việc lành, từ đức tin chân chính và từ tình yêu không giả dối".

Trên con đường của mình, Boris suy ngẫm về vẻ đẹp và sức mạnh của thân thể mình và khóc nức nở; ngài muốn kìm nén nước mắt nhưng không thể, và tất cả những ai nhìn thấy ngài khóc đều thương xót trước vẻ đẹp cao quý và trí tuệ tốt lành của ngài, và mỗi người đều đau buồn trong lòng: nỗi buồn của ngài đã làm xao xuyến tất cả mọi người. Và ai mà không khóc được, khi linh cảm trước cái chết của Boris, khi nhìn thấy khuôn mặt u sầu và nỗi đau buồn của anh! Bởi vì vị hoàng tử phúc lành ấy là người công chính, hào phóng và hiền lành, nhu mì và khiêm nhường, yêu thương tất cả mọi người và giúp đỡ mọi người.

Nhưng Thánh Boris được củng cố bởi suy nghĩ rằng, nếu anh trai ngài, theo lời xúi giục của những kẻ ác, giết ngài đi, thì ngài sẽ trở thành vị tử đạo và Chúa sẽ đón nhận linh hồn ngài. Ngài đã quên đi nỗi đau đớn trần thế, an ủi trái tim mình bằng Lời Chúa: *"Ai mất linh hồn mình vì Ta và Tin Mừng, thì sẽ giữ được nó"* (Mác 8:35) và sẽ giữ gìn nó trong cuộc sống vĩnh cửu.

Và Boris bước đi với trái tim tràn đầy niềm vui, nói rằng: "Lạy Chúa đầy lòng thương xót, xin đừng khinh dể con, kẻ đang đặt niềm tin nơi Ngài, nhưng xin cứu rỗi linh hồn con."

Còn Sviatopolk thì lên ngôi công tước của cha mình tại Kiev, triệu tập dân Kiev, ban phát cho họ nhiều quà tặng và cho họ về. Sau đó, ông sai người đến gặp Boris với những lời như sau:

– Anh ơi, ta muốn sống trong tình yêu thương với ngươi và sẽ tăng phần thừa kế của ngươi trong gia tài của cha.

Trong những lời này chứa đựng sự nịnh hót, chứ không phải sự thật.

Sviatopolk bí mật đến Vyshgorod vào ban đêm, triệu tập Putsha và các quý tộc Vyshgorod, rồi nói với họ:

– Hãy nói thật với ta, các ngươi có thiện cảm với ta không?

Putsha đáp:

– Tất cả chúng tôi đều sẵn sàng hy sinh mạng sống vì anh.

Kẻ thù truyền kiếp của những người lương thiện, quỷ dữ, khi thấy Thánh Boris đặt trọn niềm tin vào Chúa, đã gia tăng sức ép lên Sviatopolk, người mà, giống như Ca-in, đang bừng cháy ngọn lửa giết anh em, âm mưu tiêu diệt tất cả những người thừa kế của cha mình và một mình nắm lấy quyền lực của ông.

Svyatopolk, kẻ khốn nạn và bị nguyền rủa, kẻ xúi giục mọi điều ác và thủ lĩnh của mọi sự bất chính, lại triệu tập các quý ông thành Vyshgorod đến, há miệng ghê tởm, cất giọng độc ác và nói với những người của Putsh:

– Nếu các ngươi hứa sẽ hy sinh mạng sống vì ta, hãy đi một cách bí mật, hỡi các anh em của ta, tìm anh trai ta là Boris và, khi cơ hội chín muồi, hãy giết hắn.

[3359] Vladimir đã làm như vậy với người anh trai của mình là Yaropolk.

Và họ đã hứa với Sviatopolk sẽ làm như vậy. Về những kẻ như thế, Tiên tri đã phán: *"Chân họ chạy theo điều ác, và họ vội vã đổ máu người vô tội; con đường của họ là sự vô luật pháp, họ ôm lấy linh hồn mình bằng sự gian ác"* (Châm Ngôn 1:16; Ê-sai 59:6–7; Rô-ma 3:15).

Thánh Boris trên đường trở về đã dừng chân bên sông Alte[3360] trong những lều trại. Và đoàn tùy tùng của ngài đã nói với ngài:

– Hãy đi và ngồi lên ngai vàng của cha ngài, vì tất cả các chiến binh đều đang ở bên ngài[3361] .

Ngài đáp lại họ rằng:

– Ta sẽ không giơ tay chống lại anh trai mình, huống chi là người anh cả, người mà ta phải coi như cha.

Nghe vậy, các chiến binh rời khỏi Boris, và ông chỉ còn lại một mình với các thiếu niên của mình[3362] .

Hôm đó là ngày thứ Bảy.

Chìm trong nỗi buồn, ông bước vào lều của mình và khóc lóc thảm thiết:

– Xin đừng khinh dể những giọt nước mắt của con, lạy Chúa. Con tin tưởng vào Ngài rằng con sẽ chấp nhận số phận cùng với các tôi tớ của Ngài, cùng với tất cả các thánh của Ngài. Vì Ngài là Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, và chúng con dâng vinh quang lên Ngài đến muôn đời, amen.

Nói những lời ấy, ông nghĩ đến sự tra tấn và đau khổ của Thánh Nikita và Thánh Vyacheslav, tự nhủ rằng mình sẽ bị giết giống như vị công tước ấy, và về việc Thánh Varvara đã bị chính cha ruột mình sát hại. Lời của vua Salômôn khôn ngoan chợt hiện lên trong tâm trí ngài: *"Còn những người công chính thì sống đời đời; phần thưởng của họ ở nơi Chúa, và Đấng Tối Cao sẽ chăm sóc họ"* (Sách Khôn Ngoan 5:15). Chỉ với lời này, ngài đã được an ủi và vui mừng.

Chiều tối đến, Thánh Boris ra lệnh cử hành lễ chiều; còn bản thân ngài thì bước vào lều và bắt đầu cầu nguyện cùng cử hành lễ chiều trong những giọt nước mắt đắng cay, những tiếng thở dài liên miên và vô vàn tiếng rên rỉ. Sau đó, ngài nằm xuống và chìm vào giấc ngủ. Giấc mơ của ngài tràn ngập những suy tư và nỗi buồn sâu thẳm, kinh hoàng về việc ngài sẽ phải chịu đau khổ, kết thúc cuộc đời và giữ vững đức tin, để nhận lấy vương miện đã được chuẩn bị sẵn từ tay Đấng Toàn Năng.

Thức dậy sớm, ông thấy đã đến giờ làm lễ sáng. Hôm đó là ngày Chúa Nhật thánh. Ông bèn nói với vị linh mục của mình:

– Hãy thức dậy và bắt đầu thánh lễ sáng.

Còn bản thân ngài thì xỏ giày, rửa mặt và bắt đầu cầu nguyện với Chúa Trời.

Những người được Svyatopolk phái đi đã đến Alta vào ban đêm, tiến lại gần và nghe thấy tiếng của vị thánh tử đạo đang hát các thánh vịnh được dùng trong thánh lễ sáng. Tin tức về vụ ám sát sắp xảy ra đã đến tai vị thánh, và ngài hát:

– *"Lạy Chúa! Kẻ thù của con đã gia tăng biết bao! Nhiều người nổi dậy chống lại con!"* (Thi thiên 3:2) và các thi thiên khác.

Rồi ông bắt đầu hát:

– *"Bầy chó vây quanh tôi, bầy bò tót bao vây tôi*." Rồi: *"Lạy Chúa, Đức Chúa Trời của con! Con trông cậy nơi Ngài, xin cứu con!"* (Thi Thiên 21:17, 13:1–7, 7:2).

Sau đó, ngài hát kinh ca. Khi kết thúc thánh lễ sáng, Thánh Boris bắt đầu cầu nguyện trước bức tượng Chúa, nói: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Ngài đã hiện thân dưới hình dạng này trên đất, đã tự nguyện chịu đóng đinh trên thập giá và gánh chịu đau khổ vì tội lỗi của chúng con. Xin cho con cũng được chịu đau khổ."

Và khi nghe tiếng bước chân ầm ầm gần lều, Thánh Boris run rẩy, nước mắt tuôn trào và nói: "Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa, vì trong thời đại này, Ngài đã ban cho con ân sủng được chịu cái chết đắng cay vì sự ghen tị và chịu đau khổ vì tình yêu và Lời của Ngài. Vì con không muốn tìm kiếm quyền cai trị cho riêng mình. Con không hề làm điều gì theo ý riêng, như lời Thánh Tông Đồ đã dạy: *'Tình yêu kiên nhẫn, tin tưởng mọi sự và không tìm kiếm lợi ích riêng'* (1 Cr 13:4–7). Và còn nữa: *'Trong tình yêu không có sự sợ hãi, nhưng tình yêu trọn vẹn xua*

[3360] Gần Pereyaslav ở miền Nam.

[3361] Theo lời kể của Nestor, Boris có khoảng 8.000 người trong đội quân của mình.

[3362] Theo lời kể của Nestor, Thánh Boris đã từng cử một thiếu niên đến gặp Svyatopolk để cầu xin. Nhưng Svyatopolk đã giữ thiếu niên đó lại bên mình.

tan sự sợ hãi' (1 Ga 4:18). Linh hồn con nằm trong tay Ngài, lạy Chúa, con không quên điều răn của Ngài. Điều gì đẹp lòng Chúa, xin hãy để như vậy."

Vị linh mục và cậu thiếu niên, người hầu của Thánh Boris, khi thấy chủ nhân của mình suy sụp và chìm trong nỗi buồn, đã khóc nức nở và nói:

– Thưa ngài thân yêu của chúng con, ngài đã được ban ân sủng lớn lao biết bao, vì ngài đã không muốn chống lại anh em mình vì tình yêu của Đấng Christ, dù ngài có rất nhiều binh lính bên mình.

Họ nói như vậy với lòng cảm động.

Lúc đó, họ thấy những người đang chạy về phía lều, ánh sáng lấp lánh của vũ khí và những thanh kiếm trần của họ. Thân thể cao quý của Thánh Boris, vị Tử đạo Phúc lành của Chúa Kitô, đã bị đâm xuyên không thương xót. Ông bị đâm bằng giáo bởi Putsh, Talets và Elovich Lyashko.

Thấy cảnh đó, người hầu của Thánh Boris lao đến thi thể ngài và nói:

– Con sẽ không rời xa ngài, thưa ngài thân yêu của con; nơi nào vẻ đẹp thân thể ngài đã tàn phai, thì ở đó con cũng xin được vinh dự kết thúc cuộc đời cùng ngài.

Cậu là người gốc Hungary, tên là Georgy. Thánh Boris đã trao cho cậu một đồng hryvnia vàng, và cậu được hoàng tử yêu mến vô cùng. Lúc đó, cậu thiếu niên cũng bị đâm xuyên qua.

Thánh Boris, bị thương và hoảng sợ, chạy vội ra khỏi lều. Những người vây quanh ông bắt đầu nói:

– Sao các ngươi còn đứng đó mà nhìn? Hãy làm theo lệnh đã được giao.

Nghe vậy, vị thánh bắt đầu van nài và khẩn cầu họ, nói rằng:

– Hỡi các anh em thân yêu và quý mến của tôi! Hãy chờ một chút, để tôi cầu nguyện với Đức Chúa Trời của tôi.

Và ngước mắt lên trời với những giọt nước mắt, ngài thở dài đau đớn rồi bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa nhân từ, vinh quang thuộc về Ngài, vì Ngài đã giải thoát con khỏi những cám dỗ của cuộc đời này. Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng ban sự sống hào phóng, đã cho con được chia sẻ nỗi đau khổ của các thánh tử đạo của Ngài. Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa nhân ái, Đấng đã thực hiện ước nguyện trong lòng con. Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng Kitô, vì lòng thương xót của Ngài, vì Ngài đã dẫn dắt bước chân con đi trên con đường chính trực và bình an để đến với Ngài mà không bị cám dỗ. Xin hãy nhìn xuống từ đỉnh cao thánh thiện của Ngài; xin hãy nhìn vào nỗi đau khổ trong lòng con, nỗi đau mà con đã phải chịu từ người thân của mình. Vì Ngài mà hôm nay họ đang giết chết con. Họ đang nuốt chửng con như một con chiên. Chúa biết, lạy Chúa, Chúa biết rằng con không chống cự, không phản đối. Dù có trong tay tất cả các chiến binh của cha con và tất cả những người được cha con yêu mến, con cũng không hề nghĩ đến việc làm điều ác nào với anh em mình. Nhưng anh ta đã dốc hết sức lực để chống lại con. Nếu kẻ thù sỉ nhục con, con sẽ chịu đựng; nếu kẻ thù ghét con làm nhục con, con sẽ lánh xa. Nhưng Ngài, lạy Chúa, xin hãy nhìn xem và xét xử con cùng với anh em con. Xin đừng quy tội này cho anh ấy, nhưng xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an. Amen.

Sau đó, ngài quay khuôn mặt tiều tụy về phía những kẻ giết người, nhìn họ bằng ánh mắt đầy thương xót, nước mắt tuôn trào, và nói với họ:

– Hỡi các anh em, hãy đến và hoàn thành điều đã được truyền cho các anh em, và xin bình an đến với anh em tôi và các anh em.

Tất cả những ai nghe lời vị thánh đều không thể nói nên lời vì sợ hãi, nỗi buồn cay đắng và những giọt nước mắt tuôn trào. Với tiếng thở dài cay đắng, tất cả đều khóc lóc thảm thiết và mỗi người đều nghĩ:

– Ôi, thật đáng thương cho ta, vị hoàng tử yêu dấu, quý báu, phúc lành của ta, người dẫn dắt kẻ mù, áo cho người trần truồng, cây gậy của tuổi già, người dạy dỗ kẻ chưa được học! Ai sẽ sửa chữa điều này? Thật kỳ diệu làm sao khi ngài không ham muốn vinh quang và uy quyền của thế gian này, không muốn đứng giữa các quan đại thần chính trực! Ai mà không kinh ngạc trước sự khiêm nhường vĩ đại của ngài, ai mà không khiêm nhường khi nhìn thấy và nghe thấy sự khiêm nhường của ngài!

Những người được Svyatopolk phái đi đã đánh đập nhiều thiếu niên. Còn với Georgiy, họ không thể tháo được vòng cổ ra khỏi cổ anh ta, nên đã chặt đầu anh ta và vứt đi, đến nỗi sau đó không ai có thể nhận ra thi thể của anh ta. Họ quấn thi thể của Thánh Boris bằng một tấm lều, đặt lên xe ngựa và chở đi.

Khi đến khu rừng, Thánh Boris bắt đầu gục đầu xuống. Biết được điều này, Sviatopolk đã sai hai người Varangian đến, và họ đã đâm kiếm vào tim vị tử đạo. Ngay lập tức, vị thánh qua đời[3363] , trao linh hồn cho Chúa

khi còn sống, vào ngày 24 tháng Bảy. Thi thể ngài được bí mật đưa về Vyshegorod[3363] , đặt tại nhà thờ Thánh Basil và chôn cất dưới lòng đất.

Như vậy, Thánh Boris, sau khi nhận vương miện từ Đức Kitô, đã được xếp chung với những người công chính và an nghỉ cùng các tiên tri, các tông đồ và các vị tử đạo, an nghỉ trong lòng Áp-ra-ham, chiêm ngưỡng niềm vui khôn tả, cùng các Thiên thần ca ngợi, hân hoan trong hàng ngũ các thánh.

Còn những kẻ sát nhân khốn nạn kia thì đến gặp Thánh Polotsk, và với bản tính vô luật pháp, họ dường như tự cho mình là xứng đáng được khen ngợi. Đó chính là những kẻ hầu hạ của ma quỷ. Bởi vì ma quỷ thường được sai đến để làm điều ác, còn các Thiên thần thì được sai đến để làm điều thiện. Thiên thần không gây ra điều ác cho con người, mà luôn nghĩ đến điều tốt lành cho họ. Thiên Thần giúp đỡ các Kitô hữu và bảo vệ họ khỏi ma quỷ đối địch. Còn ma quỷ thì luôn rình rập điều ác, luôn ghen tị với con người, vì chúng thấy rằng con người được Thiên Chúa yêu thương. Vì ghen tị với con người, ma quỷ tìm cách gây hại cho họ. Chúa đã phán: "Ai sẽ dụ dỗ A-ha-vơ?", và ma quỷ đáp: "Đây, tôi đây" (3 Vua 22:20, 21). Còn người ác, kẻ ham muốn điều ác, thì không hề thua kém ma quỷ về sự ác. Ma quỷ sợ con người, nhưng người ác không sợ Thiên Chúa và cũng không hổ thẹn trước loài người. Ma quỷ sợ Thập giá của Chúa, nhưng người ác thậm chí còn không sợ cả Thập giá. Chính vì thế mà tiên tri Đa-vít đã nói với họ: *"Các con người ơi, các ngươi có nói sự thật và xét xử công bằng chăng? Các ngươi ấp ủ sự gian ác trong lòng, đặt những việc ác do tay các ngươi gây ra trên đất lên cân. Kể từ khi mới sinh ra, những kẻ bất chính đã sa ngã; ngay từ trong bụng mẹ, chúng đã lầm lạc, nói dối. Nọc độc của chúng – như nọc độc của rắn"* (Thi Thiên 57:1–4).

Kẻ khốn nạn Sviatopolk không dừng lại ở vụ giết người này, mà trong cơn điên cuồng, hắn còn khao khát làm điều tồi tệ hơn nữa. Khi thấy điều mình mong muốn đã thành hiện thực, hắn không hề suy ngẫm về vụ giết người tàn ác đó cũng như về sự cám dỗ của chính mình, và cũng không hề cảm thấy một chút hối hận nào. Satan đã xâm nhập vào lòng hắn và xúi giục hắn phạm tội ác lớn hơn, tồi tệ hơn, và tiếp tục giết người. Và tên khốn kiếp ấy nghĩ: "Ta phải làm gì đây? Nếu ta dừng lại ở vụ giết người này, thì hai tai họa sẽ chờ đợi ta. Các anh em ta sẽ nghe tin về việc ta đã làm và sớm muộn gì cũng sẽ trả thù ta còn tàn nhẫn hơn cả việc ta đã làm. Còn nếu họ không làm điều đó, thì họ sẽ trục xuất ta. Ta sẽ bị tách khỏi ngai vàng của cha ta, và nỗi nuối tiếc về quê hương ta sẽ gặm nhấm ta. Kẻ thù của ta sẽ nhục mạ ta, ngai vàng của ta sẽ rơi vào tay người khác, và trong các dinh thự của ta sẽ không còn ai sinh sống. Vì ta đã bức hại người được Chúa yêu thương và làm cho vết thương thêm nặng nề. Vì vậy, ta sẽ chồng thêm tội ác lên tội ác. Tội lỗi của mẹ ta sẽ không được xóa bỏ, và dù sao ta cũng sẽ không được ghi tên cùng với những người công chính. Vậy thì thà để ta bị xóa tên khỏi Sách Sự Sống còn hơn."

Sau khi ấp ủ ý định này trong lòng, tên bạn xấu xa của ma quỷ đã sai người đến báo cho Thánh Gleb[3364] : "Hãy đi ngay đi, cha đang rất ốm và đang gọi ngài."

Gleb lập tức lên ngựa và cùng một đoàn tùy tùng nhỏ phi ngựa đến nơi theo lời gọi. Khi ngài đến sông Volga, tại cửa sông Tmya, con ngựa của ngài vấp phải một rãnh nước trên cánh đồng và bị thương ở chân. Sau đó, ngài đến Smolensk và, rời khỏi Smolensk, dừng lại không xa đó trên sông Smyadyn trong một chiếc thuyền.

Lúc đó, tin tức về cái chết của cha được gửi từ Predslava đến Yaroslav. Yaroslav liền sai người đến báo cho Gleb rằng: "Đừng đi nữa, anh ơi, cha anh đã qua đời, còn anh trai anh thì bị Svyatopolk giết chết rồi."

Nghe vậy, vị thánh nhân buồn bã, khóc nức nở và nói:

– Ôi, thật đáng thương cho tôi, thưa ngài, tôi khóc bằng hai nỗi khóc và than thở bằng hai lời than. Ôi, thật đáng thương cho tôi, thật đáng thương cho tôi, tôi khóc vì cha, nhưng khóc nhiều hơn, trong tuyệt vọng, vì anh, người anh em và chủ nhân của tôi, Boris. Làm sao họ lại đâm xuyên qua anh, làm sao anh lại bị giết một cách tàn nhẫn như vậy – và không phải bởi kẻ thù, mà chính từ người anh em ruột thịt của mình, anh đã phải chịu cái chết. Ôi, thật đáng thương cho tôi! Thà tôi chết cùng ngài còn hơn là sống một mình trong cõi đời này, mồ côi vì mất ngài. Tôi đã mong được nhìn thấy khuôn mặt thiên thần của ngài. Vậy mà nỗi đau đớn này lại ập xuống đầu tôi. Thà tôi chết cùng ngài còn hơn, thưa ngài. Vậy giờ đây tôi phải làm gì, khi lòng tôi tràn ngập xúc động và đau buồn trước vẻ đẹp cùng trí tuệ sâu sắc của cha tôi? Ôi người anh em và chủ nhân thân yêu của tôi, nếu ngài đã được Chúa

---

[3363] Vyshegorod cách Kiev 15 poprishch.

[3364] Theo lời kể của Thánh Nestor, Thánh Vladimir, sau khi cử Boris lên làm công tước, đã giữ Gleb lại bên mình. Sau khi cha qua đời, Thánh Gleb, lo sợ bị Svyatopolk hành hạ, đã lên kế hoạch trốn chạy về phía bắc, đến chỗ anh trai mình. Sau khi cầu nguyện tại nhà thờ Đức Mẹ, ngài lên thuyền và trốn chạy. Sự việc này xảy ra trước khi Thánh Boris bị sát hại.

ban cho sự can đảm, xin hãy cầu nguyện cho tôi, kẻ đang chán nản này, để tôi cũng được xứng đáng đón nhận cái chết ấy và sống cùng ngài, chứ không phải trong thế gian này, nơi đầy rẫy những cám dỗ.

Khi Thánh Gleb đang rên rỉ như vậy, làm ướt đất bằng nước mắt, và liên tục kêu cầu Chúa trong tiếng thở dài, bỗng nhiên những tên đầy tớ độc ác do Svyatopolk sai đến xuất hiện – những kẻ khát máu vô nhân đạo, những kẻ thù ghét anh em một cách tàn nhẫn, có tâm hồn hung ác. Thánh nhân đang chèo thuyền, và bọn chúng đã chặn đường ngài tại cửa sông Smyadyn. Thấy họ, ngài vui mừng trong lòng, còn bọn chúng thì mặt mày u ám và bắt đầu chèo thuyền tiến về phía ngài. Còn vị Thánh thì đang chờ đón nụ hôn từ họ[3365] . Khi hai chiếc thuyền ngang hàng nhau, bọn ác nhân đã túm lấy mạn thuyền của hoàng tử, kéo lại gần mình và nhảy ùa vào thuyền, tay cầm những thanh kiếm trần lấp lánh như nước. Ngay lập tức, những người chèo thuyền đánh rơi mái chèo khỏi tay và tất cả đều cứng đờ vì sợ hãi. Vị thánh, thấy rằng họ muốn giết mình, đã nhìn những kẻ ác bằng ánh mắt đầy thương cảm và với trái tim tan nát, tâm trí khiêm nhường cùng những tiếng thở dài liên tục, nước mắt tuôn trào và thân thể yếu ớt, bắt đầu van xin họ một cách thảm thiết:

– Xin đừng động đến tôi, các anh em thân yêu và quý mến của tôi, xin đừng động đến tôi – tôi chẳng làm gì xấu với các anh cả. Xin đừng động đến tôi, các anh em thân yêu và các ngài của tôi, xin đừng giam giữ tôi. Tôi đã gây ra lỗi lầm gì cho anh trai tôi và các anh, các anh em và các ngài của tôi? Nếu quả thực có lỗi lầm, thì hãy dẫn tôi đến gặp vị công tước của các anh, cũng là anh trai và chủ nhân của tôi. Hãy thương xót tuổi trẻ của tôi, hãy tha thứ cho tôi, các ngài ơi; hãy làm chủ tôi, còn tôi sẽ là nô lệ của các ngài. Đừng gặt hái tôi khi tôi chưa chín muồi, đừng gặt hái bông lúa chưa chín, nhưng vẫn tràn đầy sữa của lòng vô hại. Xin đừng chặt cành nho chưa lớn nhưng đã có trái. Tôi xin các ngài và khẩn cầu. Hãy nhớ lời Đấng đã phán qua miệng các Tông đồ: *"Đừng là trẻ con về trí tuệ – nhưng hãy là trẻ thơ về sự ác"* (1 Cô-rinh-tô 14:20). Đây không phải là giết người, mà là chặt cành non. Hãy chứng minh cho tôi thấy tôi đã làm điều ác nào. Và tôi sẽ không hối tiếc, nếu các anh muốn no nê máu của tôi, vì tôi đã nằm trong tay các anh, hỡi các anh em, và trong tay người anh em của tôi, vị công tước của các anh.

Nhưng không một lời nào làm những kẻ sát nhân xấu hổ, và họ không thay đổi ý định của mình. Như những con thú dữ tợn, họ xông vào vị thánh và bắt giữ ngài như vậy. Còn ngài, thấy họ không nghe lời mình, bèn nói:

– Xin được cứu rỗi, cha yêu quý và chúa tể Vasily của con, xin được cứu rỗi, mẹ, phu nhân của con, xin được cứu rỗi, anh Boris, người bạn thuở thiếu thời của con, anh Yaroslav, người trợ thủ của con, xin được cứu rỗi cả anh, người anh em và kẻ thù Svyatopolk, cùng tất cả các anh em và đội quân của các anh. Tôi sẽ không còn được gặp các ngài trong cuộc đời này nữa, vì họ đang ép buộc tách tôi khỏi các ngài.

Và ngài nói trong nước mắt:

– Vasily, Vasily, cha ơi, xin hãy nghiêng tai và lắng nghe tiếng con. Hãy nhìn xem điều gì đã xảy ra với con trai của cha, khi con bị hành hình oan uổng. Ôi, khốn khổ cho con, khốn khổ cho con! Trời ơi, xin hãy lắng nghe, và đất ơi, xin hãy chú ý (xem Đệ Nhị Luật 32:1). Và anh, Boris, người anh em của tôi, hãy nghe tiếng tôi. Tôi đã kêu cầu cha tôi là Vasily, nhưng ngài không nghe tôi; chẳng lẽ anh cũng không muốn nghe tôi sao? Hãy nhìn nỗi đau trong lòng tôi và vết thương trong tâm hồn tôi, những giọt nước mắt của tôi đang tuôn trào như dòng sông. Không ai lắng nghe tôi cả. Nhưng anh hãy nhớ đến tôi và cầu nguyện cho tôi trước Đấng Tối Cao của muôn loài, vì anh có lòng can đảm và đang đứng trước ngai vàng của Ngài.

Anh ta quỳ gối xuống và bắt đầu cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa hào phóng và đầy lòng thương xót, xin đừng khinh dể những giọt nước mắt của con, nhưng xin hãy nhìn với lòng thương xót vào sự tan nát của lòng con. Này, con đang chịu đau khổ, nhưng vì lý do gì và vì sự xúc phạm nào – con không biết. Ngài biết, lạy Chúa, lạy Chúa của con. Con biết rằng Ngài đã phán với các tông đồ của Ngài: *"Vì Danh Ta, người ta sẽ đặt tay lên các con và các con sẽ bị nộp cho các dân tộc; anh em sẽ nộp anh em mình cho chết, và người ta sẽ giết các con vì Danh Ta"* (xem Mt 10:17, 21). Và còn nữa: *"Hãy dùng sự kiên nhẫn của các con để cứu rỗi linh hồn các con"* (Lc 21:19). Xin hãy nhìn xem, lạy Chúa, và phán xét. Này, linh hồn con đã sẵn sàng trước mặt Ngài, lạy Chúa, và con dâng vinh quang lên Ngài, Cha, Con và Thánh Thần.

Sau đó, ngài nhìn những kẻ sát nhân và nói với họ bằng giọng nhẹ nhàng:

[3365] Theo lời kể của Thánh Nestor, những kẻ sát nhân đã đuổi theo Thánh Gleb bằng thuyền trong một thời gian dài. Khi chúng đến gần, Thánh Gleb, nghi ngờ ý đồ xấu xa của chúng, đã khẩn khoản xin những người đồng hành đừng cầm vũ khí và đừng chống cự, nói rằng nếu họ vâng lời, chúng sẽ chỉ đưa ngài đến gặp anh trai, còn nếu chống cự, tất cả sẽ bị chém chết. Theo lời thỉnh cầu của vị thánh, những người đồng hành của ngài đã lên bờ, hướng ánh mắt đầy thương xót về phía vị thánh, người vẫn ở lại giữa dòng sông cùng các thiếu niên.

– Hãy bắt đầu đi và hoàn thành việc mà các ngươi được sai đến để làm.

Lúc đó, tên khốn kiếp Goryaser ra lệnh giết ngài ngay lập tức. Đầu bếp trưởng của Thánh Gleb, tên là Torchin, rút dao ra, quỳ xuống, nắm lấy đầu Thánh Gleb và cắt cổ vị thánh, như một con chiên vô tội. Sự việc này xảy ra vào ngày 5 tháng Chín, thứ Hai. Và của lễ tinh khiết, thánh thiện và thơm ngát đã được dâng lên Chúa, và bay lên các nơi ở trên trời đến với Đức Chúa Trời. Vị thánh đã nhìn thấy người anh em mà ngài hằng mong đợi, và cả hai đều nhận được vương miện thiên đàng mà họ hằng khao khát. Họ hân hoan trong niềm vui khôn tả, mà họ đã đạt được nhờ tình anh em của mình. *"Thật tốt lành và thật vui sướng khi anh em sống cùng nhau!"* (Thánh Vịnh 132:1).

Những kẻ sát nhân khốn nạn ấy đã trở về với kẻ đã sai khiến chúng, như lời tiên tri Đa-vít đã nói: *"Hãy để những kẻ gian ác trở về âm phủ, tất cả các dân tộc đã quên Đức Chúa Trời"* (Thi Thiên 9:18). Và còn nữa: *"Những kẻ gian ác rút gươm ra và giương cung của chúng, để đâm thấu những ai đi trên con đường ngay thẳng. Gươm của chúng sẽ đâm vào chính lòng chúng, và cung của chúng sẽ bị bẻ gãy. Còn những kẻ bất chính sẽ bị diệt vong, biến mất, tan biến trong khói"* (Thi Thiên 36:14–15, 19, 20).

Và họ nói với Sviatopolk:

– Chúng tôi đã làm theo lệnh của ngài.

Nghe vậy, lòng ông hân hoan, và lời tiên tri của vị tác giả Thi thiên Đa-vít đã ứng nghiệm: *"Sao ngươi lại khoe khoang về sự gian ác, hỡi kẻ mạnh mẽ? Lưỡi ngươi bày mưu sự diệt vong. Ngươi yêu thích điều ác hơn điều thiện, yêu thích sự dối trá hơn sự chân thật. Ngươi yêu thích mọi lời nói dẫn đến diệt vong, lưỡi ngươi xảo trá. Vì thế, Đức Chúa Trời sẽ nghiền nát ngươi tận cùng và xé ngươi ra khỏi nơi ở của ngươi, cùng nhổ rễ ngươi khỏi đất của những người sống"* (Thi Thiên 51:3–7). Như và Sa-lô-môn đã nói: *"Ta sẽ cười nhạo sự diệt vong của các ngươi, sẽ vui mừng khi sự kinh hoàng ập đến với các ngươi; vì thế, họ sẽ nếm trái của những con đường mình đã đi và no nê bởi những ý định của họ"* (Châm Ngôn 1:26,31).

Khi Thánh Gleb bị sát hại, thi thể ngài bị vứt bỏ tại một nơi hoang vắng, giữa hai khúc gỗ. Nhưng Chúa không bao giờ bỏ rơi các tôi tớ của Ngài, như Đa-vít đã nói: *"Ngài gìn giữ mọi xương của người; không một xương nào bị gãy"* (Thi Thiên 33:21). Và thế là, khi thi thể của vị thánh nằm lâu ngày trên mảnh đất hoang, Chúa không để nó bị bỏ quên và bị lãng quên, mà Ngài đã chỉ ra nơi đó bằng ngọn nến đang cháy, hoặc những người qua đường như thương nhân, thợ săn và người chăn cừu nghe thấy tiếng hát của các Thiên thần. Nhưng chẳng ai trong số những người nghe hay thấy điều này nghĩ đến việc đi tìm thi hài vị thánh, cho đến khi Yaroslav, phẫn nộ trước vụ ám sát này, đã dẫn quân ra trận chống lại kẻ giết anh em mình, tên Svyatopolk khốn nạn, người mà sau nhiều gian khổ trong chiến trận, ông đã đánh bại nhờ ơn Chúa và sự trợ giúp của các vị công tước thánh tử đạo. Kẻ vô đạo ấy đã bị làm nhục và bị đánh bại như vậy.

Sau khi giết các anh em mình, Sviatopolk lên làm công tước tại Kiev. Trong khi đó, Yaroslav vẫn chưa biết tin cha mình đã qua đời. Yaroslav có rất nhiều người Varangian, những kẻ đã gây ra bạo lực đối với người Novgorod và vợ con họ. Người dân Novgorod phẫn nộ và đã đánh đập những người Varangian trong sân nhà Paramon. Lúc đó, Yaroslav nổi giận, và với lời nói: "Ta không thể làm cho những người đã chết sống lại!", ông đã ra lệnh từ tòa án hoàng gia trong sân nhà bắt những quý tộc Novgorod đã chém giết những người Varangian, rồi bằng mưu kế, ông đã giết hết họ.

Cùng đêm đó, tin tức từ Kiev do em gái ông là Predslava gửi đến: "Cha của ngài đã qua đời. Svyatopolk đang cai trị ở Kiev, hắn đã giết Boris và cử sát thủ đi ám sát Gleb. Ngài hãy cẩn thận với hắn."

Nghe tin này, Yaroslav buồn bã vì cha, anh trai và đội quân của mình. Ngày hôm sau, ông tập hợp những người Novgorod còn lại và nói:

– Hỡi đội quân thân yêu của ta! Hôm qua ta đã giải tán họ, nhưng giờ đây họ lại rất cần thiết cho ta.

Anh lau nước mắt và nói với người dân Novgorod tại cuộc họp:

– Cha ta đã qua đời, còn Svyatopolk đang ở Kiev, giết hại các anh em của mình.

Và những người Novgorod nói với anh:

– Dù ngài đã giết các anh em của chúng tôi, nhưng chúng tôi vẫn có thể chiến đấu vì ngài.

Sau khi tập hợp được một nghìn người Varangian cùng 40 nghìn chiến binh khác, Yaroslav cầu xin Chúa giúp đỡ và tiến quân chống lại Svyatopolk, với lời tuyên bố: "Không phải ta là người bắt đầu tàn sát các anh em, mà chính là hắn. Hãy để hắn phải chịu trách nhiệm về máu của các anh em, vì hắn đã vô cớ làm đổ máu chính nghĩa

của Boris và Gleb, và hắn cũng có thể làm điều tương tự với ta. Nhưng xin Chúa phán xét theo lẽ phải, để sự ác độc của kẻ tội lỗi chấm dứt."

Và ông tiến quân chống lại Sviatopolk. Nghe tin về cuộc hành quân của Yaroslav, Sviatopolk đã tập hợp một đạo quân vô số của Rus và người Pecheneg, rồi tiến quân về phía Lyubech.

Đó là vào mùa hè năm 6524 (năm 1016).

Hai đạo quân gặp nhau tại sông Dnieper, đối đầu nhau ở hai bên bờ sông và không bên nào dám mở màn giao tranh. Thế là họ đứng đối đầu nhau như vậy khoảng 3 tháng. Tướng quân của Sviatopolk, khi cưỡi ngựa dọc theo bờ sông, đã quở trách người Novgorod:

– Sao các ngươi lại đi theo một kẻ què, các ngươi là thợ mộc, để xem chúng ta sẽ bắt các ngươi xây dinh thự cho chúng ta.

Nghe vậy, người Novgorod cảm thấy bị xúc phạm và nói với Yaroslav:

– Ngày mai chúng ta sẽ vượt sông. Ai không đi cùng chúng ta thì chính chúng ta sẽ giết người đó.

Lúc bấy giờ đã bắt đầu có sương giá. Sviatopolk đang đóng quân giữa hai hồ nước. Sau khi lên bờ, ông ta đã uống rượu suốt đêm cùng đoàn tùy tùng. Vào lúc bình minh, Yaroslav cùng quân đội đã vượt sông, lên bờ và đẩy thuyền ra xa bờ.

Và thế là hai đạo quân tiến vào nhau và đụng độ. Trận chiến diễn ra rất khốc liệt; quân Pecheneg đứng phía sau hồ và không thể giúp được Sviatopolk. Quân lính của Yaroslav đã dồn quân của Sviatopolk vào sát hồ, đẩy họ xuống băng, khiến băng dưới chân họ vỡ tan. Và Yaroslav bắt đầu chiếm ưu thế.

Thấy vậy, Sviatopolk bỏ chạy sang phe người Ba Lan. Còn Yaroslav thì lên ngôi công tước tại Kiev, nơi cha ông từng cai trị, sau khi đã sống ở Novgorod suốt 28 năm.

Hai năm sau, Sviatopolk cùng vua Bolesław và quân Lyach tiến đánh Yaroslav. Yaroslav tập hợp quân đội gồm người Rus, người Varangian và người Sloven, rồi tiến vào Volhynia. Hai đạo quân chạm trán nhau tại sông Buga và đóng quân ở hai bờ đối diện. Yaroslav có một người nuôi dưỡng từ thuở nhỏ là tướng quân Buda, và ông ta bắt đầu mắng mỏ Boleslav:

– Chúng ta sẽ dùng giáo đâm thủng bụng ngươi.

Còn Boleslav thì to lớn và nặng nề, đến nỗi hầu như không thể ngồi vững trên lưng ngựa. Boleslav bèn nói với các chiến binh của mình:

– Nếu các ngươi không cảm thấy bị xúc phạm bởi lời mắng mỏ này, thì ta sẽ chết một mình.

Rồi ông lao ngựa xuống sông, các chiến binh của ông cũng theo sau. Còn Yaroslav thì chưa kịp chuẩn bị cho trận chiến, nên Boleslav đã đánh bại Yaroslav. Boleslav cùng Svyatopolk tiến vào Kiev, còn Yaroslav thì cùng bốn người lính chạy trốn đến Novgorod. Từ đó, ông định trốn sang bên kia biển, nhưng quan tổng trấn Konstantin, con trai của Dobrynya, cùng người dân Novgorod đã phá hủy thuyền của Yaroslav, nói rằng: "Chúng ta vẫn có thể chiến đấu với Boleslav và Svyatopolk."

Họ bắt đầu quyên góp tiền, mỗi người đàn ông đóng 4 kuna, các trưởng làng đóng 9 hryvnia, còn các quý tộc đóng 80 hryvnia. Sau đó, họ chiêu mộ quân Varangian và trả cho họ số tiền đã quyên góp được. Nhờ vậy, Yaroslav đã tập hợp được một đạo quân hùng mạnh. Còn Svyatopolk, kẻ điên rồ, lại ra lệnh: "Hãy tàn sát người Lyakh ở các thành phố."

Họ đã làm đúng như vậy. Lúc đó, Boleslav bỏ chạy khỏi Kiev, mang theo tài sản và các quý tộc. Còn Yaroslav thì lao thẳng vào Svyatopolk và đánh bại hắn. Svyatopolk chạy trốn sang phe Pecheneg.

Vào mùa hè năm 6527 (năm 1019), hắn trở lại cùng một đoàn quân Pecheneg đông đảo. Yaroslav tập hợp quân đội và tiến quân chống lại hắn tại Alt. Khi đến nơi mà Thánh Boris đã bị sát hại, ông giơ hai tay lên trời và nói:

– Này, máu của anh em tôi đang kêu gào lên Ngài, lạy Chúa, như máu của A-vê-l. Xin Ngài báo thù cho anh ấy trước Sviatopolk, giống như Ngài đã trừng phạt Kain, kẻ giết anh em mình, người mà Ngài đã giáng xuống sự than khóc và run rẩy (Sáng Thế Ký 4:12). Con cầu xin Ngài, lạy Chúa, xin cho Sviatopolk cũng phải chịu số phận tương tự.

Sau khi cầu nguyện xong, Yaroslav nói:

– Hỡi các anh em của ta, dù thân xác các anh em đã chết, nhưng các anh em vẫn sống nhờ ân sủng và đang đứng trước mặt Chúa. Xin hãy giúp ta bằng lời cầu nguyện.

Nói xong, ông tiến quân về phía Sviatopolk, và cánh đồng bên sông Alta chật kín binh lính. Hai đạo quân đụng độ khi mặt trời mọc, một trận chiến khốc liệt diễn ra, hai bên giao tranh ba lần, chiến đấu suốt cả ngày, và chỉ đến chiều tối Yaroslav mới giành được chiến thắng.

Còn Sviatopolk khốn khổ kia thì bỏ chạy. Ma quỷ xâm chiếm ông ta, khiến xương cốt ông ta mềm nhũn đến nỗi không thể ngồi trên lưng ngựa được nữa, và người ta phải khiêng ông ta trên cáng. Họ khiêng ông ta đến Berezhtia như vậy. Ông ta cứ nói: "Chạy đi, họ đang đuổi theo chúng ta kìa!"

Người ta cử người đi truy tìm những kẻ đuổi theo, nhưng không tìm thấy ai cả. Nằm trong tình trạng suy nhược, Sviatopolk vẫn liên tục bật dậy và nói: "Chạy đi, họ lại đuổi theo rồi. Ôi, tôi thật khốn khổ!"

Ông không thể nào ở yên một chỗ. Và ông đã chạy qua vùng đất của người Lyach, bị cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đuổi theo, và đến được sa mạc nằm giữa vùng đất của người Lyach và người Séc. Tại đó, ông đã mất mạng và nhận lấy sự trừng phạt từ Đức Chúa Trời, bởi căn bệnh giáng xuống ông đã báo trước về sự đau khổ vĩnh viễn sau khi chết. Như vậy, hắn đã bị tước đoạt cả hai cuộc đời: ở đây, hắn không chỉ mất ngôi công tước mà còn mất cả mạng sống; còn ở đó, hắn không chỉ mất Nước Trời và cơ hội được ở cùng các Thiên thần, mà còn bị ném vào lửa và cực hình. Mộ của hắn vẫn còn đó. Từ đó tỏa ra mùi hôi thối ghê tởm, như một lời cảnh báo cho loài người rằng: ai nghe chuyện này mà vẫn làm điều tương tự, thì sẽ phải chịu hình phạt còn khủng khiếp hơn thế. Vì Ca-in, không biết về sự báo ứng, chỉ phải chịu một hình phạt, còn La-méc, vốn đã biết về Ca-in, thì bị báo ứng gấp bảy mươi lần (Sáng Thế Ký 4:24). Những kẻ làm điều ác sẽ phải nhận sự báo ứng như vậy. Giống như Hoàng đế Julian, người đã làm đổ nhiều máu của các thánh tử đạo, đã phải chịu một cái chết đắng cay và vô nhân đạo, bị một cây giáo đâm vào tim bởi một kẻ vô danh[3366] , thì kẻ này cũng đã chết trong lúc chạy trốn, không biết cái chết tàn bạo đó đến từ ai. Kể từ đó, cuộc nổi loạn trên đất Nga đã lắng xuống, còn Yaroslav đã nắm quyền cai trị ở Rus.

Ông bắt đầu hỏi về thi hài các thánh, rằng họ được an táng ở đâu và như thế nào. Người ta kể cho ông biết rằng Thánh Boris được an táng tại Vyshgorod, còn về Thánh Gleb thì không phải ai cũng biết rằng ngài đã bị sát hại tại Smolensk. Lúc đó, những người thân cận của Yaroslav kể lại rằng họ nghe từ những người trở về từ đó, rằng ở đó họ đã thấy ánh sáng rực rỡ và những ngọn nến tại một nơi hoang vắng[3367] . Nghe vậy, Yaroslav đã cử các linh mục đi tìm kiếm ở Smolensk và nói với họ: "Đó là anh trai của ta."

Họ đi và tìm thấy thi thể ngài tại chính nơi đã xảy ra những hiện tượng kỳ diệu[3368] . Với lòng tôn kính, cùng nhiều ngọn nến và lư hương, họ rước thi thể ngài lên thuyền và đưa về Vyshgorod, nơi thi thể của Thánh Boris đang an nghỉ; tại đó, họ đào một ngôi mộ và an táng thi thể ngài, không khỏi kinh ngạc trước vẻ đẹp rạng rỡ và tươi tắn của ngài. Thật kỳ diệu và lạ lùng và xứng đáng được ghi nhớ, rằng thi thể của vị thánh đã được bảo toàn nguyên vẹn suốt bao nhiêu năm, không bị các loài thú ăn thịt xâm phạm, và không những không bị thâm đen như thường thấy ở các thi thể, mà còn sáng sủa, tuyệt đẹp, nguyên vẹn và tỏa hương thơm. Như vậy, Thiên Chúa đã bảo tồn thi hài của vị tử đạo của Ngài.

Nhiều người không biết rằng thi hài của các thánh tử đạo đang an nghỉ tại đây. Nhưng như vị thánh truyền giáo đã nói: *"Không thể che giấu được một thành phố nằm trên đỉnh núi. Và khi thắp nến, người ta không đặt nó dưới cái chậu, mà đặt trên giá nến, để nó chiếu sáng cho mọi người"* (Mt 5:14, 15), cũng vậy, Chúa đã đặt các thánh nhân này để chiếu sáng cho thế gian và tỏa sáng bằng vô số phép lạ trên đất nước Nga, nơi nhiều người đau khổ đã được cứu rỗi. Người mù đã nhìn thấy, người què đã chạy nhanh như nai, người gù lưng đã thẳng lưng. Nhưng làm sao có thể kể hết và tóm tắt được tất cả những phép lạ đã xảy ra ở đó. Thật vậy, ngay cả cả thế giới cũng không thể chứa hết những phép lạ kỳ diệu đã được thực hiện, chúng nhiều hơn cát biển; các thánh nhân đã thực hiện chúng không chỉ ở đây, mà còn trên khắp các quốc gia và vùng đất, chữa lành bệnh tật và mọi chứng bệnh, thăm viếng những người bị giam cầm trong ngục tối và xiềng xích. Còn tại những nơi mà các ngài đã nhận vương miện tử đạo, người ta đã xây dựng các nhà thờ mang tên các ngài. Và các ngài đã thực hiện rất nhiều phép lạ tại đó.

Chúng tôi không có khả năng và sức lực để ca ngợi các anh em thánh! Nếu gọi các anh em là các Thiên thần, những Đấng lập tức đến giúp đỡ những người đau khổ, thì các anh em đã sống trong thân xác giữa loài người. Nếu gọi các ngài là con người, thì các ngài đã vượt xa trí tuệ con người bằng vô số phép lạ. Nếu gọi các ngài là

[3366] Hoàng đế La Mã Flavius Claudius Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363. Ông đã từ bỏ Kitô giáo và tìm cách khôi phục lại đạo ngoại. Ông bị giết trong trận chiến với người Ba Tư và qua đời với những lời cuối cùng: "Ngươi đã chiến thắng, hỡi người Galilê."
[3367] Theo lời kể của Nestor, một trưởng lão của thành phố, tại nơi thi thể nằm, ông đã nhìn thấy chính Thánh Gleb, rực rỡ như tia chớp.
[3368] Theo lời kể của Nestor, thi thể Thánh Gleb đã được tìm thấy nhờ sự giúp đỡ của những người thợ săn.

hoàng đế và công tước, thì các ngài đã đạt được sự khiêm nhường lớn hơn cả những người bình thường và khiêm nhường, và nhờ đó, các ngài đã được vào những nơi ở cao cả. Quả thật, các ngài là các vị vua trên các vị vua và các vị công tước trên các vị công tước, vì nhờ sự giúp đỡ và che chở của các ngài, các vị công tước của chúng ta đã chiến thắng oai hùng trước kẻ thù và được tôn vinh nhờ sự trợ giúp của các ngài. Các ngài là vũ khí của họ và của chúng ta, là lá chắn và chỗ dựa vững chắc của đất nước Nga, là những thanh gươm hai lưỡi mà nhờ đó chúng ta đánh bại sự ngạo mạn của kẻ thù và dẫm nát sự kiêu ngạo của ma quỷ xuống đất. Quả thực và không còn nghi ngờ gì nữa, phải nói rằng: các ngài là những con người trên trời và các Thiên thần dưới đất, là những cột trụ và sự củng cố của đất nước chúng ta. Xin hãy giúp đỡ tổ quốc của các ngài, như vị thánh Dimitri vĩ đại, người đã nói: "Nếu tôi đã ở cùng họ trong niềm vui, thì tôi sẽ chết cùng họ khi họ lâm vào cảnh diệt vong".

Nhưng vị Dimitri vĩ đại ấy đã nói điều này về một thành phố, còn các ngài thì lo lắng và dâng lời cầu nguyện không chỉ cho một thành phố, cũng không phải hai, mà là cho tất cả – cho toàn cõi đất Nga. Ôi nơi an nghỉ phúc lành, đã đón nhận thi hài cao quý của các ngài như một kho báu vô giá, ôi nhà thờ phúc lành, nơi lưu giữ các hòm thánh của các ngài, nơi an nghỉ thi hài phúc lành của các ngài! Hỡi những vị thánh trung thành của Chúa Kitô! Thật sự phúc lành và cao quý biết bao là thành phố Vyshegorod, nơi sở hữu kho báu mà cả thế giới này không thể sánh bằng. Quả thật, thành phố này được gọi là Vyshegorod, vì nó vượt trội hơn các thành phố khác. Nó đã trở thành "Thessaloniki thứ hai" trên đất Nga, mang trong mình ân sủng chữa lành vô điều kiện. Và không chỉ dân tộc chúng ta được Thiên Chúa ban ơn cứu rỗi, mà cả toàn cõi đất này cũng vậy. Người ta từ khắp các nước đổ về đó và được chữa lành miễn phí. Như trong Phúc Âm thánh, Chúa đã phán với các Thánh Tông Đồ: "Các con *đã nhận được miễn phí, hãy ban phát miễn phí"* (Mt 10,8).

Chính Chúa cũng đã phán về điều này: *"Ai tin vào Ta, thì những việc Ta làm, người ấy cũng sẽ làm được, và còn làm được những việc lớn lao hơn thế nữa"* (Ga 14,12).

Nhưng hỡi các vị Tử đạo thánh thiện của Chúa Kitô, xin đừng quên quê hương nơi các ngài đã từng sống bằng thân xác, đừng bỏ quên nơi đó, và trong các lời cầu nguyện, xin luôn cầu thay cho chúng con, để điều ác không ập xuống chúng con và bệnh tật không đụng chạm đến thân xác của các tôi tớ Ngài. Vì các ngài đã được ban ân sủng để cầu nguyện cho chúng con; Chúa đã lập các ngài làm những người cầu thay, cầu nguyện cho chúng con. Chúng con chạy đến với các ngài, khẩn cầu các ngài, quỳ lạy trước các ngài với nước mắt, chúng con cầu nguyện cùng các ngài, để chân kiêu ngạo không giẫm lên chúng con, để tay kẻ tội lỗi không hủy diệt chúng con và để mọi tai họa không ập xuống chúng con. Xua đuổi khỏi chúng con nạn đói và tai ương, giải thoát chúng con khỏi gươm đao và nội chiến, đừng để chúng con sa vào tội lỗi; chúng con trông cậy vào các ngài, xin dâng lời cầu nguyện của chúng con lên Đức Kitô Thiên Chúa một cách sốt sắng, vì chúng con đã phạm tội và gây ra những điều bất chính vô cùng. Nhưng, đặt niềm tin vào lời cầu nguyện của các ngài, chúng con kêu cầu cùng Đấng Cứu Thế: "Lạy Chúa, chỉ có Ngài là Đấng vô tội, xin hãy nhìn xuống chúng con, những kẻ khốn cùng, từ trời thánh của Ngài. Chúng con đã phạm tội – xin hãy thanh tẩy chúng con; đã gây ra sự bất chính – xin hãy thương xót; đã vấp ngã – xin hãy khoan dung; xin hãy thanh tẩy chúng con như người phụ nữ tội lỗi và tha thứ cho chúng con như người thu thuế. Xin lòng thương xót của Ngài hãy đến, xin tình yêu thương loài người của Ngài hãy tuôn đổ trên chúng con, xin đừng bỏ mặc chúng con trong tội lỗi của chúng con, xin đừng phó chúng con cho cái chết cay đắng, nhưng xin cứu chuộc chúng con khỏi sự ác của thế gian này, xin ban cho chúng con thời gian để sám hối, vì sự vi phạm của chúng con trước mặt Ngài thật lớn lao, lạy Chúa. Xin hãy đối xử với chúng con bằng lòng thương xót, lạy Chúa, vì chúng con kêu cầu danh Ngài. Xin thương xót chúng con, xin khoan dung, xin che chở chúng con bằng những lời cầu nguyện của các vị Tử đạo đáng kính của Ngài, xin đừng để chúng con phải chịu sỉ nhục, nhưng xin tuôn đổ lòng thương xót của Ngài trên những con chiên trong đồng cỏ của Ngài, vì Ngài là Thiên Chúa của chúng con, chúng con dâng vinh quang lên Ngài, Cha, Con và Thánh Thần".

Vị thánh Boris này là hậu duệ của một dòng dõi cao quý, vâng lời cha, được mọi người kính trọng; thân hình Ngài đẹp đẽ, cao lớn, vai rộng, eo thon, khuôn mặt tròn trịa, tươi vui, đôi mắt hiền từ, râu và ria mép còn nhỏ, vì Ngài vẫn còn trẻ. Ngài toát lên vẻ uy nghi của một vị vua, rạng rỡ như bông hoa của tuổi trẻ đang nở rộ. Trên chiến trường, ngài dũng cảm; trong hội đồng, ngài khôn ngoan và sáng suốt; ân sủng của Chúa tràn ngập trong ngài.

"Con người không thể kể hết mọi điều; mắt không bao giờ thỏa mãn khi nhìn, tai không bao giờ no nê khi nghe" (Truyền Đạo 1:8), – nhà Truyền Đạo đã nói như vậy, và những phép lạ của các thánh tử đạo cũng vậy: trí óc chúng ta không thể thấu hiểu, lưỡi không thể diễn tả, lời nói không thể giải thích được rằng họ đã nhận được

phần thưởng nào từ Chúa cho công lao của mình, với tư cách là con cái và những người được dự phần vào Nước Trời. Như Thánh Gioan Thần Học đã nói: *"Còn những ai đã đón nhận Ngài, thì Ngài ban cho quyền trở nên con cái Thiên Chúa"* (Ga 1,12). Và Thánh Đavít: *"Đối với các thánh trên đất – đó là tất cả khát vọng của tôi"* (Tv 15,3). Và còn nữa: *"Lạy Chúa, Ngài thật đáng kính sợ trong đền thánh của Ngài, Đấng duy nhất làm nên những điều kỳ diệu"* (Thánh Vịnh 67:36, 71:18). Còn Thánh Gioan Damasceno đã viết rằng những người như vậy, dù đã qua đời, vẫn còn sống và hiện diện trước mặt Đức Chúa Trời. Đấng Cứu Thế Kitô, Nguồn Cứu Rỗi của chúng ta, sẽ ban sự trợ giúp cho họ, vì từ thân xác các vị tử đạo tỏa ra hương thơm của sự bình an. Và còn nữa: ai tin vào Đức Chúa Trời và hy vọng vào sự sống lại, thì sẽ không gọi họ là người chết. Vì làm sao xác thịt đã chết lại có thể làm nên phép lạ, làm sao qua họ ma quỷ bị xua đuổi, bệnh tật tan biến, tật nguyền được chữa lành, người mù được sáng mắt, người phong cùi được thanh tẩy, nỗi đau khổ và bất hạnh chấm dứt, và mọi ân huệ tốt lành từ Cha Ánh Sáng đều tuôn trào qua họ, và người ta cầu nguyện cùng họ với lòng tin và không chút nghi ngờ! Ngươi phải vất vả biết bao để tìm được người cầu thay trước mặt vị vua trần gian, người phải chịu trách nhiệm thay cho ngươi, còn những vị này – những người cầu thay cho cả nhân loại, những người dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa thay cho chúng ta. Làm sao chúng ta lại không tôn kính họ, những người dẫn dắt mọi người đến với Giáo Hội và đến với Thiên Chúa! Khi tôn vinh ký ức của các ngài, chúng ta hân hoan cử hành lễ các thánh, những vị mà Chúa đã tôn vinh bằng ân sủng dồi dào và các phép lạ – những vị làm phép lạ, những người cầu thay cho mọi miền đất nước Nga của chúng ta.

Nhiều người không biết rằng tại Vyshgorod có các thánh tử đạo và những người chịu khổ vì Chúa Kitô là Roman và David đang an nghỉ, nhưng Chúa đã không để cho kho báu ấy bị chôn vùi trong lòng đất, mà đã bày tỏ nó cho mọi người. Tại nơi họ an nghỉ, thỉnh thoảng người ta thấy cột lửa, thỉnh thoảng lại nghe tiếng hát của các thiên thần. Khi nghe và thấy những điều này, mọi người đã ngợi khen Đức Chúa Trời và đến thờ lạy tại nơi đó với lòng kính sợ. Rất nhiều người từ các vùng đất khác cũng đã đến. Có người tin vào những lời đồn đại, có người lại không tin, cho rằng đó là lời dối trá, như Sứ đồ đã nói về Thập tự giá: *"Đối với những kẻ hư mất, đó là sự điên rồ; còn đối với chúng ta, những kẻ được cứu rỗi, đó là quyền năng của Đức Chúa Trời"* (1 Cô-rinh-tô 1:18). Còn Chúa đã phán trong Phúc Âm thánh *rằng*: *"Ai ngã vào hòn đá này thì sẽ bị vỡ nát"* (Ma-thi-ơ 21:44), còn ai tin vào Ngài thì sẽ không hổ thẹn. Một lần nọ, những người Varangian đến nơi các thánh được chôn cất dưới lòng đất, và một trong số họ bước lên đó; ngay lập tức, lửa bùng lên từ quan tài và thiêu cháy đôi chân người Varangian ấy. Người đó nhảy dựng lên, bắt đầu kể lại và chỉ cho đồng đội xem đôi chân bị bỏng của mình. Từ đó trở đi, họ không dám lại gần nữa, mà chỉ thờ lạy với lòng kính sợ. Một thời gian ngắn sau, nhà thờ Thánh Vasilij, nơi an táng các vị thánh, bốc cháy. Người quản lễ của nhà thờ đó, sau khi kết thúc lễ sáng, đã bị Satan xảo quyệt làm cho chìm vào giấc ngủ, và không kiểm tra nhà thờ cẩn thận, anh ta đã về nhà, còn trong nhà thờ thì quên tắt ngọn nến đang cháy ở vị trí cao. Một thời gian sau, nhà thờ bốc cháy. Mọi người đổ xô đến đó; nhà thờ bốc cháy từ trên cao; tất cả mọi thứ, từ các bức tranh thánh đến các đồ thờ cúng, đều được mang ra ngoài, nên không có gì bị thiêu rụi ngoài chính tòa nhà. Tất cả những điều này xảy ra theo sự cho phép của Đức Chúa Trời. Nhà thờ được làm bằng gỗ và đã xuống cấp. Chúa đã bày tỏ ý muốn của Ngài qua sự việc này, rằng một nhà thờ khác phải được xây dựng tại nơi đó để tôn vinh các thánh tử đạo Boris và Gleb, và thi hài của các ngài phải được lấy ra khỏi lòng đất một cách đầy yêu thương, và điều đó đã xảy ra. Tất cả những điều này đã được kể lại cho Yaroslav. Công tước đã triệu tập Tổng giám mục Ioann, kể cho ngài nghe về các anh em của mình, những vị thánh tử đạo, và ngài dường như vừa kinh hoàng, vừa nghi ngờ, vừa vui mừng, vừa can đảm trước mặt Chúa. Sau khi rời khỏi hoàng tử, tổng giám mục tập hợp các tu sĩ và tất cả các linh mục, rồi ra lệnh tổ chức một cuộc rước thánh giá đến Vyshgorod. Họ tiến về nơi các thánh đang an nghỉ, cùng đi với họ có cả hoàng tử Yaroslav. Tại nơi từng có nhà thờ bị thiêu rụi, họ đã xây dựng một nhà thờ nhỏ. Đức Tổng Giám mục, khi đến cùng các cây thánh giá, đã cử hành nghi thức thánh ca suốt đêm tại đó. Sáng sớm, Đức Tổng Giám mục mang theo các cây thánh giá đến nơi an nghỉ của thi hài các thánh, dâng lời cầu nguyện và ra lệnh đào đất phủ trên quan tài của các thánh. Sau khi đào xong, họ đã lấy quan tài ra khỏi lòng đất. Đức Tổng Giám mục Gioan cùng các linh mục tiến lại với lòng kính sợ và yêu mến, mở quan tài của các thánh ra, và chứng kiến một phép lạ vinh quang. Thi hài các thánh không hề bị tổn thương, mà vẫn nguyên vẹn và trắng như tuyết; khuôn mặt các ngài rạng ngời như các Thiên thần, và một mùi hương thơm ngát tỏa ra từ các ngài. Tổng giám mục và tất cả mọi người đều vô cùng kinh ngạc. Họ mang thi hài các thánh vào ngôi thánh đường đã được xây dựng trên nền của nhà thờ bị cháy, và đặt các thi hài đó trên mặt đất, ở phía bên phải.

Tại Vyshgorod có một người đàn ông tên là Mironeg, làm nghề trồng rau. Ông có một người con trai bị chân teo lại và cong queo. Cậu bé không thể đi lại và cũng không cảm nhận được chân mình. Cậu phải đi lại bằng cách tự làm một chiếc chân gỗ. Anh ta đến trước các thánh, quỳ xuống trước quan tài của các ngài và cầu nguyện với Chúa và các thánh, xin các thánh ban ơn chữa lành. Ngày đêm, anh ta cầu nguyện trong nước mắt. Một đêm nọ, hai vị thánh tử đạo của Chúa Kitô là Roman và David hiện ra với anh ta và nói: "Sao ngươi lại kêu cầu chúng ta?"

Anh ta chỉ vào chân mình, nơi cần được chữa lành. Các vị thánh cầm lấy chân khô héo của anh ta và làm dấu thánh giá ba lần. Khi tỉnh giấc, anh thấy mình đã khỏe mạnh và nhảy cẫng lên, ngợi khen Thiên Chúa và các thánh. Sau đó, anh kể cho mọi người nghe cách các thánh đã chữa lành cho mình, và nói rằng anh còn thấy cả Thánh George, thiếu niên thánh Boris, đang đi trước các thánh, cầm một ngọn nến. Chứng kiến phép lạ này, mọi người đã ngợi khen Thiên Chúa.

Một người mù đến, quỳ xuống trước quan tài các thánh, hôn nó với lòng yêu mến, áp mắt vào đó và cầu xin được chữa lành. Ngay lập tức, anh ta được sáng mắt. Và tất cả mọi người đều ngợi khen Đức Chúa Trời.

Lúc đó, Mironeg kể cho hoàng tử nghe về cả hai phép lạ. Hoàng tử Yaroslav ngợi khen Đức Chúa Trời và các thánh tử đạo, rồi gọi Tổng giám mục Ioann đến và vui vẻ kể lại cho ngài những điều mình đã nghe. Tổng giám mục cũng ngợi khen Đức Chúa Trời và đưa ra lời khuyên thánh thiện cho hoàng tử là nên xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp. Hoàng tử rất hài lòng với lời khuyên đó, nên đã ra lệnh cho các thợ mộc chuẩn bị gỗ để xây dựng nhà thờ. Lúc đó đã là mùa đông. Các thợ mộc đã chuẩn bị gỗ và khi mùa hè đến, họ đã xây dựng một nhà thờ vĩ đại, có năm mái vòm. Hoàng tử đã trang trí nhà thờ bằng đủ loại tranh vẽ và ra lệnh vẽ các bức tượng thánh, để các tín hữu khi vào nhà thờ có thể nhìn thấy các thánh như thể chính các ngài đang hiện diện, và họ có thể thờ lạy, hôn kính các ngài với lòng tin và tình yêu. Trong cuộc rước thánh giá, Tổng giám mục Ioann, Công tước Yaroslav, tất cả các linh mục và toàn thể dân chúng đã rước các di vật thánh vào nhà thờ và làm lễ thánh hiến. Họ cũng quy định ngày lễ vào ngày 24 tháng Bảy, ngày mà Thánh Boris đáng kính đã bị sát hại. Cũng chính vào ngày này, việc rước các di vật thánh và lễ thánh hiến nhà thờ đã được cử hành.

Khi Công tước và Tổng giám mục đang tham dự Thánh lễ, có một người khập khiễng tình cờ có mặt trong nhà thờ. Với rất nhiều khó khăn, ông bò vào nhà thờ, cầu nguyện với Chúa và các thánh. Ngay lập tức, đôi chân ông trở nên vững chắc nhờ ân sủng của Chúa và lời cầu nguyện của các thánh. Rồi ông đứng dậy và đi trước mặt mọi người. Chứng kiến phép lạ này, hoàng tử Yaroslav, vị tổng giám mục và toàn thể dân chúng đã ca ngợi Chúa và các thánh.

Sau thánh lễ, hoàng tử mời tất cả mọi người đến dự tiệc: cả tổng giám mục lẫn các linh mục, và họ đã tổ chức lễ hội một cách trang trọng. Hoàng tử còn phân phát rất nhiều tài sản cho người nghèo, trẻ mồ côi và các góa phụ.

Và rồi Yaroslav qua đời (năm 1054), sau khi sống một cuộc đời vinh quang trong 38 năm kể từ khi cha ngài qua đời, và để lại các con trai làm người thừa kế: Izyaslav, Svyatoslav và Vsevolod, chia gia tài cho họ theo đúng thứ tự: Izyaslav, người anh cả, được bổ nhiệm làm công tước tại Kiev; Svyatoslav – tại Chernihiv; Vsevolod – tại Pereyaslav; còn những người khác thì cai quản các vùng lãnh thổ khác. Công tước Izyaslav, người kế thừa ngôi đại công tước, đã an táng thi hài cha mình trong một quan tài bằng đá cẩm thạch, đặt tại tiền sảnh nhà thờ Thánh Sofia, do cha ông xây dựng[3369] .

Hai năm trôi qua, nhà thờ đã trở nên đổ nát. Một lần ghé thăm nơi đây, Izyaslav Yaroslavich thấy tình trạng xuống cấp của nó, liền triệu tập người đứng đầu đội thợ mộc và ra lệnh cho ông ta xây dựng một nhà thờ mới, có một mái vòm, để tôn vinh các Thánh Tử đạo, đồng thời chỉ định vị trí cho nhà thờ mới ngay gần nhà thờ cũ đã đổ nát. Hoàng tử cũng đã thỉnh cầu Tổng giám mục Georgy cầu nguyện tại chính nơi đó và cấp tiền cần thiết để xây dựng nhà thờ. Trưởng nhóm thợ mộc đã tập hợp tất cả công nhân của mình và nhanh chóng xây dựng nhà thờ tại vị trí đã chỉ định. Nghe tin này, hoàng tử đã cử người đến gặp trưởng lão thành phố với lời nhắn: "Ta trích từ khoản thuế của hoàng tử để trang hoàng nhà thờ."

Khi nhà thờ hoàn thành hẳn, người sùng đạo Izyaslav đã khẩn cầu Tổng giám mục Georgy tổ chức lễ rước di cốt các thánh vào nhà thờ mới. Các anh em Izyaslav và Vsevolod cùng Tổng giám mục Georgy của Kiev và những người khác, như Neofit, Giám mục Chernigov, Peter Pereyaslavsky, Nikita Belozersky, Mikhail Yuryevsky, Bề trên tu viện Pechersk Theodosius, Sofronius từ Tu viện Thánh Michael, German từ Tu viện Thánh

[3369] Nhà thờ Kiev này được khởi công xây dựng vào năm 1037.

Spas cùng tất cả các bề trên khác, và họ đã tổ chức một lễ hội rực rỡ. Trước tiên, các công tước đã cõng thi hài Thánh Boris trong quan tài gỗ trên vai và rước đi dưới sự dẫn đầu của các tu sĩ mặc áo đen cầm nến. Đi sau các tu sĩ là các phó tế và linh mục, tiếp theo là tổng giám mục và các giám mục. Khi đưa đến nơi, họ đặt quan tài vào nhà thờ, mở nắp ra, và nhà thờ tràn ngập hương thơm kỳ diệu. Tất cả những ai chứng kiến cảnh này đều ngợi khen Đức Chúa Trời. Còn tổng giám mục thì kinh hoàng, vì ông không tin chắc vào các thánh; ông quỳ sấp mặt xuống và cầu xin sự tha thứ. Sau khi hôn lên di cốt, họ đặt chúng vào quan tài đá. Rồi họ mang quan tài đá chứa thi hài Thánh Gleb ra, đặt lên xe trượt tuyết, nắm lấy dây thừng và kéo đi. Khi đã đến cửa nhà thờ, quan tài bỗng dừng lại và không chịu di chuyển thêm nữa. Lúc đó, họ ra lệnh cho dân chúng cùng hô to: "Lạy Chúa, xin thương xót!" Họ cầu nguyện cùng Chúa và các thánh. Ngay lập tức, quan tài di chuyển được. Sau đó, họ hôn lên đầu Thánh Boris. Tổng Giám mục Georgy cầm lấy bàn tay của Thánh Gleb và ban phước lành cho các hoàng tử Izyaslav, Svyatoslav và Vsevolod. Và một lần nữa, Sviatoslav cầm lấy tay Đức Tổng Giám mục – người đang nắm tay vị thánh – rồi áp tay ấy vào vết loét trên cổ mình, vào mắt và vào đỉnh đầu. Sau đó, ông đặt tay vào quan tài, và mọi người bắt đầu cử hành Thánh Lễ. Lúc đó, Sviatoslav nói với Bern: "Có gì đó đang đâm vào đầu tôi."

Bern nhấc mũ trùm đầu lên và, khi thấy móng tay của Thánh Gleb trên đầu, ông đã tháo nó ra và trao cho Sviatoslav. Sviatoslav liền ngợi khen Đức Chúa Trời về ân huệ tốt lành từ các thánh. Sau Thánh lễ, tất cả các anh em cùng đi ăn trưa với nhau. Họ đã long trọng cử hành lễ hội và ban phát nhiều bố thí cho người nghèo. Sau đó, họ hôn nhau và bình an chia tay, mỗi người về nhà mình. Và kể từ đó[3370] , ngày lễ này được thiết lập vào ngày 2 tháng Năm, để tôn vinh và ca ngợi các thánh tử đạo, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta.

Có một người câm và què, chân anh ta bị cụt đến đầu gối. Anh ta làm một cái chân gỗ và đi lại bằng nó. Anh ta thường ở gần nhà thờ các thánh cùng với những người nghèo khó khác, nhận sự bố thí từ các tín hữu, có thể là quần áo hoặc những thứ khác mà ai muốn cho. Tại Vyshegorod có một trưởng nhóm người làm vườn, tên thế gian là Zhdan, còn tên thánh sau khi rửa tội là Nikolai. Hàng năm, ông đều tổ chức lễ kính Thánh Nikolai. Vào một ngày trong lễ của ông, những người nghèo khó và người khập khiễng kia đã đến, hy vọng nhận được chút gì đó. Khi vào nhà, người khập khiễng ấy ngồi xuống trước bàn thờ. Nhưng không may thay, họ không cho anh ta ăn hay uống gì cả, và anh ta ngồi đó trong cơn đói khát. Bỗng nhiên, anh ta rơi vào trạng thái mê sảng và có một ảo giác. Anh ta tưởng tượng mình đang ngồi trước nhà thờ của các thánh. Anh ta thấy Boris và Gleb dường như bước ra từ bàn thờ và đi về phía anh ta, và anh ta liền quỳ sấp xuống. Các thánh nắm lấy tay anh ta, đỡ anh ta ngồi dậy và bắt đầu nói về việc chữa lành cho anh ta. Sau đó, họ làm dấu thánh giá trên môi anh ta, cầm lấy chân bị bệnh của anh ta, như thể xức dầu lên đó và kéo nó lên đến đầu gối. Người bệnh dường như nhìn thấy tất cả những điều này trong giấc mơ, vì anh ta đã quỳ sấp mặt xuống ngay trong ngôi nhà đó. Thấy anh ta nằm sấp trên đất, mọi người lật anh ta qua lại. Còn anh ta thì nằm bất động như người chết, không còn sức để cử động cả miệng lẫn mắt. Chỉ có linh hồn anh ta còn ở trong người và trái tim vẫn đập. Mọi người đều nghĩ rằng anh ta đã bị quỷ ám. Họ bế anh ta lên, mang đi và đặt trước cửa nhà thờ các thánh. Rất nhiều người đứng xung quanh, nhìn ngắm và kinh ngạc trước phép lạ vĩ đại này. Từ đầu gối của người đau khổ, một chân bắt đầu mọc ra và tiếp tục lớn lên cho đến khi bằng với chân kia, và điều này không diễn ra trong một thời gian dài, mà chỉ trong vòng một giờ. Thấy điều này, những người có mặt tại đó đã ngợi khen Thiên Chúa và các vị thánh của Ngài, các vị tử đạo Roman và David. Và tất cả đều reo lên:

– *"Ai có thể diễn tả được quyền năng của Chúa, ai có thể ca ngợi hết thảy những điều vinh hiển của Ngài? Ngợi khen Chúa là Đức Chúa Trời, Đấng duy nhất làm nên những điều kỳ diệu!"* (Thi thiên 105:2, 71:18).

Tại thành phố Dorogobuzh, có một người phụ nữ, là nô tì, đang làm việc trong nhà chủ của mình theo lệnh bà chủ vào ngày lễ Thánh Nicholas, khi mọi người đều đi đến nhà thờ để dự lễ. Những người phụ nữ khác, thấy cô đang làm việc, liền trách mắng và gọi cô đến nhà thờ. Nhưng cô không nghe theo họ và tiếp tục công việc của mình. Bỗng nhiên, ba người đàn ông mặc áo trắng cưỡi ngựa vào sân. Nhìn ra từ cửa, cô thấy họ. Một trong số họ là người già, hai bên là hai chàng trai trẻ. Và hai chàng trai trẻ nói với cô:

– Hỡi người phụ nữ, sao cô dám xúc phạm Thánh Nicholas, cha của chúng tôi, bằng cách làm việc vào ngày lễ của ngài mà không đến nhà thờ?

Cô đáp lại họ:

– Tôi là một góa phụ nghèo, tôi phải đi làm chứ không thể đến nhà thờ được.

Lúc đó, người đàn ông già nói với hai chàng trai:

[3370] Tức là từ năm 1072

– Các con còn nói gì với bà ta nữa? Hãy lục soát nhà bà ta đi.

Họ liền tiến đến và quét sạch một nửa căn nhà. Người chồng già tiến lại gần người phụ nữ, nắm lấy tay phải của bà và đẩy bà ra khỏi phòng. Và bà ngã xuống, chết ngay lập tức. Thấy người phụ nữ nằm bất động, những người hàng xóm bế bà lên và mang sang một ngôi nhà khác. Họ đặt cô ta xuống rồi ngồi quanh, mong nghe xem cô ta sẽ nói gì. Nhưng cô ta không thể nhúc nhích mắt hay miệng, chỉ nằm bất động như người chết và không tự ăn được gì, chỉ khi họ mở miệng cô ta ra thì mới dùng thìa múc sữa hoặc nước cho vào miệng. Cô ta ở trong tình trạng đó cho đến Mùa Chay. Vào tuần lễ Mặt-thịt, họ đưa người phụ nữ đến nhà thờ Thánh Nicola. Sau khi cầu nguyện cho cô, cô mở mắt ra một chút và, như vừa thức dậy sau giấc ngủ, xin được ăn, có thể ăn được và kể lại những gì đã xảy ra. Tay phải của cô đã teo lại và cô không còn cảm nhận được nó nữa. Và giờ đây, cô không còn sức lực để phục vụ các chủ nhân nữa. Thấy cô yếu ớt như vậy, bà chủ đã đuổi cô đi, còn đứa con trai mà cô sinh ra khi còn tự do thì trở thành nô lệ. Nhưng các quan tòa không cho phép làm như vậy, mà ra lệnh cho các chủ nhân phải trả lại số tiền đã nhận, và cả hai đều được trả tự do, vì cô đã làm việc trong tình trạng bị ép buộc và đã chịu hình phạt. Ba năm trôi qua. Người phụ nữ tay chân teo tóp nghe nói có một người bị teo tay chân đã được chữa lành tại nhà thờ các Thánh Tử đạo Roman và David. Thế là bà lên đường đến Vyshgorod. Cô đến vào ngày thứ Bảy, khi đang cử hành nghi thức kính Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, và nói chuyện với vị trưởng lão của các linh mục tại nhà thờ đó, là Lazarus. Ông bảo cô ở lại qua đêm tại nhà thờ. Sáng hôm sau, khi mọi người đang cầm thánh giá đi đến nhà thờ Đức Mẹ, người phụ nữ bị teo tay tiến đến gần Lazarus và kể cho ông nghe giấc mơ của mình như sau:

– Khi tôi ngồi ở nhà thờ đêm qua, có hai chàng trai trẻ đẹp đến bên tôi và hỏi: "Ai bảo cô ngồi ở đây?" Tôi đáp: "Linh mục Lazarus đã bảo tôi như vậy, ông ấy nói: 'Hãy ngồi đây, có thể Chúa, nhờ lời cầu nguyện của các thánh tử đạo, sẽ chữa lành cho cô.'" Nghe vậy, ngay lập tức chàng trai lớn tuổi hơn tháo chiếc nhẫn ra, đưa cho tôi và nói: "Hãy đeo nó vào tay và làm dấu thánh giá, nó sẽ chữa lành bàn tay cho cô."

Nghe vậy, Lazarus bảo cô ấy có mặt tại Thánh lễ ở cửa nhà thờ, để khi kết thúc phần hát và cầu nguyện, người ta sẽ xức dầu từ lư hương lên tay cô ấy. Họ bắt đầu cử hành Thánh lễ. Khi hát xong bài "Lạy Thiên Chúa Thánh", và người hát xướng nói: "Bài ca dâng Đức Mẹ, bài Prokimen: Linh hồn con ngợi khen", bỗng nhiên bàn tay khô héo của người phụ nữ đau nhói, miếng băng quấn tay tuột ra, và người phụ nữ lao về phía bàn thờ, run rẩy và vung vẩy bàn tay. Thấy vậy, tất cả mọi người và các linh mục đều cho rằng bà bị quỷ ám và lôi bà đến bên quan tài các thánh. Nhìn thấy bà và nhận ra bà, Lazarus kinh hoàng. Và ngay lúc đó, bàn tay bà được chữa lành. Tất cả những ai chứng kiến điều này đều ngợi khen Đức Chúa Trời vì phép lạ này, kinh ngạc trước sự viếng thăm nhanh chóng của Đức Chúa Trời và quyền năng của các thánh tử đạo của Đức Kitô.

Có một người mù sống trong thành phố. Anh ta thường đến nhà thờ Thánh Giô-rê-gi và cầu nguyện với vị thánh, xin được sáng mắt. Một đêm nọ, vị thánh tử đạo Giô-rê-gi hiện ra với anh ta và nói: "Sao ngươi lại kêu cầu Ta! Nếu ngươi muốn được sáng mắt, Ta sẽ chỉ cho ngươi cách để đạt được điều đó. Hãy đến gặp các thánh Boris và Gleb; nếu họ muốn, họ sẽ ban cho ngươi thị lực mà ngươi đang cầu xin. Bởi vì họ đã được Thiên Chúa ban ân sủng tại xứ Nga để tha thứ và chữa lành mọi đau khổ và bệnh tật."

Thấy và nghe những điều đó, người mù bừng tỉnh và lên đường theo lời chỉ dẫn. Anh ta đến nhà thờ các thánh tử đạo và ở lại đó vài ngày, quỳ lạy và cầu xin các thánh, cho đến khi các ngài hiện ra với anh ta. Và anh ta đã nhìn thấy được, ca ngợi Thiên Chúa và các thánh tử đạo, vì đã được chữa lành. Anh ta kể lại cho mọi người nghe rằng anh đã thấy các thánh tử đạo đến với mình, làm dấu thánh giá trên mắt anh ba lần, và ngay lập tức đôi mắt anh mở ra. Mọi người đều tạ ơn Thiên Chúa vì những phép lạ vinh quang, kỳ diệu và không thể tả xiết mà các thánh tử đạo đã thực hiện. Vì có chép rằng: *"Ngài thực hiện điều mong ước của những ai kính sợ Ngài, Ngài nghe tiếng kêu của họ và cứu rỗi họ"* (Thánh Vịnh 144:19), và còn nữa: *"Ngài làm mọi điều Ngài muốn"* (Thánh Vịnh 113:11)

Các phép lạ của các thánh ngày càng nhiều và ân sủng của các ngài ngày càng lớn. Và như đã chép trong Thánh Phúc Âm: *"nếu viết ra hết, thì cả thế gian cũng không đủ chỗ chứa các sách ấy"* (Ga 21:25), các phép lạ ấy diễn ra mà không được ghi chép lại, và ai biết về chúng thì kể lại. Lúc bấy giờ, Sviatoslav, con trai của Yaroslav, nảy ra ý định xây dựng một nhà thờ bằng đá dành cho các thánh; ông đã xây dựng nó cao tới 50 loket, rồi qua đời (năm 1079). Vsevolod, sau khi trở thành công tước trên đất Nga, đã hoàn tất công trình này. Khi công trình vừa hoàn thành, ngay trong đêm đó, phần mái của nó sụp đổ và toàn bộ nhà thờ bị phá hủy. Sau đó, Vsevolod qua đời (năm 1093), sau khi sống một cuộc đời bình yên và củng cố quyền lực mà Đức Chúa Trời đã giao phó cho ông. Svyatopolk Izyaslavich lên nắm quyền tại Kiev, còn David và Oleg – tại Chernihiv, còn Vladimir – tại Pereyaslavl.

Vào thời kỳ đó, kẻ thù của đất nước chúng ta đã trở nên mạnh hơn chúng ta và gây ra nhiều bạo lực cho chúng ta vì những tội lỗi của chúng ta. Nhà thờ các thánh tử đạo đã bị lãng quên, và không ai có thể lo liệu việc xây dựng lại nó cũng như ghi chép lại các phép lạ.

Đây là những gì các nhân chứng của phép lạ đã chứng kiến. Công tước Sviatopolk đã giam hai người đàn ông trong ngục tối dưới lòng đất với xiềng xích nặng nề vì một tội lỗi nào đó, mà không điều tra vụ việc, chỉ vì nghe theo những kẻ vu khống họ. Ông đã quên lời tiên tri Đa-vít đã nói: *"Trái tim gian ác sẽ bị loại bỏ khỏi Ta; Ta sẽ không nhận biết kẻ ác. Ta sẽ đuổi kẻ vu khống người lân cận mình"* (Thánh vịnh 100:4–5). Sau khi giam hai người đàn ông vào ngục tối, vị công tước đã quên mất họ. Trong hoàn cảnh khốn khổ ấy, họ đã cầu nguyện rất nhiều với các thánh tử đạo và mỗi Chủ nhật đều đưa tiền cho lính canh để anh ta mua bánh thánh và mang đến nhà thờ các thánh Roman và David. Thời gian trôi qua, những người bị giam cầm vẫn chìm đắm trong nỗi buồn và đau khổ, không ngừng cầu nguyện và kêu cầu các thánh tử đạo. Và các ngài đã không bỏ rơi họ, mà đã cứu rỗi, bênh vực và giúp đỡ họ. Một đêm nọ, khi cánh cửa ngục đã được khóa chặt và chiếc thang đã được tháo ra nằm bên ngoài, trong lúc những tù nhân này và nhiều người khác đang say giấc, bỗng nhiên một trong số những người đàn ông bị giam cầm thấy mình đang ngủ bên ngoài, trên mái nhà tù, tỉnh dậy và thấy mình đã thoát khỏi xiềng xích; anh ta nhận ra rằng những xiềng sắt từng trói buộc anh ta và người bạn đồng hành đã bị bẻ gãy và nằm rải rác xung quanh, còn những vòng sắt trói chân thì đã bị xoắn lại như sợi dây thừng. Sau khi đứng dậy, anh ta ngợi khen Thiên Chúa và các thánh nhân của Ngài. Nhớ lại những gì mình đã thấy, anh ta gọi người gác ngục, chỉ cho anh ta thấy những gì đã xảy ra, và nói: "Hãy dẫn tôi đến nhà thờ của các vị tử đạo vinh quang."

Khi đến nhà thờ dự lễ sáng – lúc đó là ngày thứ Năm – ông cúi đầu trước các hòm thánh và nói với tất cả các linh mục và giáo dân có mặt trong nhà thờ:

– Khi chúng tôi và nhiều người khác đang ngủ trong ngục tối, bỗng dưng như thể mái ngục được nâng lên, và chúng tôi thấy các thánh bước vào và hỏi: "Tại sao các ngươi lại ở đây?" – Chúng tôi đáp: "Đó là ý muốn của hoàng tử, chúng tôi đã bị vu khống." Các vị thánh bèn phán với chúng tôi: "Chúng ta ra lệnh cho ngươi: ngươi hãy đến nhà thờ và kể lại những gì đã thấy, còn người bạn của ngươi thì chúng ta để lại trong ngục tối. Chúng ta đã làm cho anh ta mù, để làm bằng chứng cho những người khác, phòng khi họ không tin. Còn chúng ta sẽ lui về xứ Hy Lạp; ba ngày sau khi trở lại, chúng ta sẽ đến thăm anh ta và trả lại thị lực cho anh ta. Vậy thì hãy đi và nói với vị công tước: tại sao ngài lại hành động như vậy, không điều tra sự việc mà lại hành hạ và tra tấn người ta. Nếu ngài không ăn năn về điều này và không ngừng làm như vậy, thì hãy biết rằng ngài sẽ không thể nào thoát khỏi địa ngục được." Nói xong những lời ấy, họ biến mất khỏi tầm mắt chúng tôi. Tôi, người đã chứng kiến cảnh này, đã kể lại cho các anh em nghe; nếu các anh em muốn nhìn và nghe rõ hơn, hãy cùng đến nhà ngục.

Khi đến nơi, mọi người đều thấy các ổ khóa vẫn nguyên vẹn và bị khóa chặt, còn chiếc thang dùng để ra vào thì nằm bên ngoài. Họ rất ngạc nhiên và ca ngợi Chúa cùng các thánh. Khi mở nhà tù ra, họ thấy rằng người tù nhân được nhắc đến quả thực đã mù lòa, đến nỗi không thể phân biệt được mí mắt hay lông mi, nhưng trên người anh ta không có vết thương nào. Khi được hỏi, anh ta cũng kể lại y như vậy. Lúc đó, cả hai tù nhân đều được thả ra và không rời khỏi nhà thờ ngày đêm, nhất là người bị mù; như thể cảm thấy xấu hổ trước các thánh và như thể đang cầu xin một ân huệ, anh ta quỳ sấp xuống trước các quan tài và, trong khi cầu nguyện, nói: "Hỡi các thánh nhân của Chúa Kitô, xin đừng khinh thường, xin đừng quên lời hứa của các ngài. Xin ban cho con theo lời thề hứa mà các ngài đã cam kết."

Anh ta làm như vậy trong ba ngày. Đến Chủ nhật, anh ta đến nhà thờ và cầu nguyện cho đến giờ lễ sáng. Tiếng kêu của anh ta làm phiền những người đang hát, đến nỗi họ nổi giận và nói:

– Phải đuổi người mù này ra ngoài, vì không thể hát được.

Nhưng ông vẫn ở lại, vừa quỳ lạy vừa ôm lấy các thánh, và kêu lên:

– Xin thương xót tôi, vì các ngài đã hứa với tôi điều này.

Rồi anh ta đột ngột quay lại và nói:

– Hãy hát: "Lạy Chúa, xin thương xót!" Hãy chiêm ngưỡng vinh quang của Thiên Chúa và các thánh: này, tôi đã nhìn thấy rồi.

Và đôi mắt ông trở nên sáng sủa, như thể chưa từng bị bệnh hay mù lòa. Lúc đó, mọi người đều ca ngợi Đức Chúa Trời và các thánh tử đạo. Sau đó, họ đi báo cho Công tước Sviatopolk biết những gì họ đã nghe và thấy. Kể từ đó, ông hiếm khi gây bạo lực với người dân và trong nhiều năm liền, ông tổ chức lễ hội để tôn vinh các thánh, thường xuyên đến Vyshegorod vào mùa hè.

Ông cũng muốn xây dựng một nhà thờ tại vị trí cũ, ngay trên ngôi mộ của các thánh, và nói: "Tôi không dám di dời nó từ nơi này sang nơi khác."

Nhưng theo sự an bài của Đức Chúa Trời và theo ý muốn của các thánh tử đạo, kế hoạch của ông đã không thành hiện thực. Vào thời đó, như đã nói, Vladimir, con trai của Vsevolod, được gọi là Monomakh, đang cai trị vùng đất Pereyaslav. Ông rất kính mến các thánh và dâng lên họ nhiều lễ vật. Ông nảy ra ý định bọc các quan tài thánh của các vị tử đạo đáng kính bằng bạc và vàng. Đến vào ban đêm, ông đo đạc các quan tài, tháo các tấm ván bạc ra rồi mạ vàng lên chúng. Sau đó, ông lại đến vào ban đêm, đúc bạc và mạ vàng cho tất cả các quan tài thánh thiêng liêng và đáng kính, rồi cũng trong đêm đó, ông rời đi. Những người đến vào buổi sáng nhìn thấy điều này với niềm vui sướng, họ cúi đầu thờ lạy và ca ngợi các thánh cũng như Đức Chúa Trời, Đấng đã gieo vào lòng vị công tước trung thành ấy ý tưởng cao quý như vậy. Họ đã dùng nhiều lời ca ngợi sự hiền lành và khiêm nhường, lòng cao thượng và trí tuệ vĩ đại, tình yêu dành cho các thánh, cùng sự tận tụy với Đức Chúa Trời và các thánh đường mà vị công tước đức tin Vladimir đã thể hiện, đặc biệt là đối với các thánh này.

Ngài đã thực hiện điều này vào mùa hè năm 6610 (năm 1102); sau khi di dời các di cốt, ngài lại thực hiện một công trình vĩ đại hơn nữa trên các quan tài thánh. Ngài đã đúc những tấm bảng bạc có hình ảnh các thánh, mạ vàng chúng, trang trí bằng bạc và vàng, cùng những giá nến lớn bằng pha lê mạ vàng, trên đó những ngọn nến đang cháy sáng. Và ngài đã sắp xếp mọi thứ một cách tuyệt vời đến nỗi không thể diễn tả hết vẻ đẹp ấy. Những người đến từ Hy Lạp và các vùng đất khác đều nói: "Chúng tôi đã thấy nhiều đền thờ thánh, nhưng chưa từng thấy nơi nào đẹp như thế này."

Ông đã sắp xếp mọi việc thật tốt đẹp để lưu giữ ký ức về những việc thiện của mình và để nhận được phước lành từ Chúa, Đấng đã phán: *"Đừng tích trữ cho mình của cải trên đất, mà hãy tích trữ trên trời"* (Mt 6:19–20), cũng như từ các thánh nhân mà ông vô cùng kính trọng, và để nhận được lời khen ngợi cùng phước lành từ những người đã tận mắt chứng kiến và tận tai nghe thấy.

Khi Vladimir đã đặt các thi hài các thánh vào quan tài, Công tước Oleg, con trai của Sviatoslav, đã nảy ra ý định xây dựng một nhà thờ bằng đá, thay thế cho nhà thờ đã bị phá hủy ở Vyshgorod. Ông đã triệu tập các thợ xây nhà thờ và ra lệnh cho họ xây dựng, đồng thời cung cấp dồi dào mọi thứ cần thiết cho công trình. Khi nhà thờ đã được xây dựng và trang trí xong, ông thường xuyên thúc giục và nài nỉ Sviatopolk chuyển các thánh tử đạo vào nhà thờ mới xây. Tuy nhiên, vì ghen tị với công lao của ông, Sviatopolk không muốn chuyển, bởi vì chính ông ta không phải là người đã xây dựng nhà thờ đó.

Một thời gian ngắn sau, Sviatopolk qua đời, vào mùa hè thứ hai kể từ khi nhà thờ được trang trí xong. Lúc bấy giờ, trong dân chúng nảy sinh cuộc nổi loạn và phản loạn dữ dội, cùng với những tiếng than vãn. Lúc bấy giờ, tất cả mọi người, đặc biệt là những bậc đại nhân và những người có danh tiếng, đã đoàn kết lại và đến gặp Vladimir với lời thỉnh cầu rằng ngài hãy dẹp tan cuộc nổi loạn. Ngài đã đến, dẹp tan cuộc nổi loạn và tiếng than vãn, rồi lên ngôi công tước trên đất Nga.

Vào mùa hè năm 6623 (năm 1115), khi Vladimir đang cai trị ở Rus', ngài nảy sinh ý định chuyển thi hài các vị thánh tử đạo này vào nhà thờ mới xây dựng và thông báo điều này cho các anh em của mình là David và Oleg. Họ luôn cầu nguyện và thúc giục Vladimir chuyển thi hài các vị thánh. Lúc bấy giờ, Vladimir cùng các con trai của mình, sau đó là David và Oleg cùng các con trai của họ, đã đến Vyshgorod; Tổng giám mục Nikifor cũng đã đến, tập hợp tất cả các giám mục: Feoktist từ Chernigov, Lazar từ Pereyaslavl, Mina từ Polotsk, Daniel từ Yuryev, và tất cả các vị tu viện trưởng: Prokhor của Pechersk, Savva từ Tu viện Thánh Spas, Silvestr từ Tu viện Thánh Michael, Peter từ Tu viện Đức Mẹ Vlacherna, Grigory từ Tu viện Thánh Andrew, Theophilus từ Tu viện Thánh Demetrius và nhiều vị tu viện trưởng khác, cùng toàn thể hàng giáo phẩm và tu sĩ, tất cả các giáo sĩ và linh mục. Và từ khắp các vùng đất Nga cũng như từ các quốc gia khác, một đám đông rất lớn gồm dân chúng và các công tước đã tụ tập về đây, bao gồm tất cả các quý tộc, các trưởng lão và các tướng quân của toàn bộ đất nước Nga cùng các vùng lãnh thổ trực thuộc, nói tóm lại, mọi người đều có mặt ở đây, từ mọi vùng miền, người giàu và người nghèo, người khỏe mạnh và người ốm yếu, đến nỗi cả thành phố chật cứng, và dân chúng thậm chí không còn chỗ đứng ngay cả dọc theo các bức tường thành. Vào ngày 1 tháng Năm, nhà thờ đã được làm lễ thánh hiến, vào ngày thứ Bảy của tuần thứ hai sau Lễ Phục Sinh. Vào buổi sáng Chủ nhật thánh, ngày 2 cùng tháng đó, người ta bắt đầu hát lễ sáng tại cả hai nhà thờ. Sau khi đặt hòm thánh cốt của Thánh Boris lên chiếc xe trượt tuyết được trang trí lộng lẫy, vốn được chế tạo riêng cho mục đích này, họ đã rước nó đi. Vladimir đi theo sau chiếc xe trượt tuyết với lòng kính cẩn và khiêm nhường, cùng với tổng giám mục và các linh mục cầm nến và lư hương. Các quan đại thần và

toàn thể các quý tộc cùng kéo xe trượt tuyết bằng những sợi dây thừng dày, chen chúc và vất vả. Những sợi dây thừng được buộc ở hai bên, và họ kéo chiếc hòm thi hài thiêng liêng bằng những sợi dây đó; do đám đông quá đông, nên không thể vừa đi vừa kéo xe trượt tuyết được. Lúc đó, Vladimir ra lệnh ném tiền, lông thú và vải cho dân chúng. Thấy vậy, một phần dân chúng lao đến nhận, còn những người khác thì bỏ qua những thứ đó, đổ xô đến các hòm thánh để được chạm vào chúng. Dù có bao nhiêu người đi chăng nữa, không ai có thể kìm được nước mắt vì niềm vui và sự hân hoan tột độ. Vì thế, họ hầu như không thể kéo được xe trượt tuyết. Tương tự, hòm thánh tích của Thánh Gleb cũng được chở trên một chiếc xe trượt tuyết khác, dưới sự hộ tống của Công tước David, các giám mục, các linh mục, các quý tộc và vô số người dân, tất cả đều đồng thanh kêu lên: "Lạy Chúa, xin thương xót" và trong nước mắt, họ khẩn cầu Thiên Chúa. Và một phép lạ vĩ đại đã xảy ra. Hài cốt của Thánh Boris được vận chuyển an toàn, chỉ có điều đám đông quá chật chội. Khi đưa Thánh Gleb đi, chiếc xe chở hài cốt bỗng đứng im. Họ cố kéo nó bằng sức mạnh, nhưng dây thừng đứt phăng, dù chúng dày đến mức một người khó lòng ôm trọn bằng cả hai tay. Và chúng đứt ngay lập tức. Mọi người đồng thanh kêu lên: "Lạy Chúa, xin thương xót." Có vô số người trên khắp thành phố, họ chen chúc dọc theo các hàng rào và tường thành. Và từ đám đông, một tiếng kêu vang lên: "Lạy Chúa, xin thương xót." Và ngay lập tức, chiếc thuyền tự di chuyển. Như vậy, thi hài của các thánh tử đạo Boris và Gleb đã được rước về và an táng một cách trang trọng tại nhà thờ mới được xây dựng vào ngày 2 tháng Năm. Sau đó, mọi người tản ra về nhà, ca ngợi Chúa và các thánh tử đạo.

Tại thành Vladimir Zalesky, cháu trai của Vladimir Monomakh, Vsevolod Yuryevich, đang cai trị. Hai người cháu trai của ông, Mstislav và Yaropolk Rostislavich (năm 1175), đã nổi dậy chống lại ông; họ đến từ Veliky Novgorod, được người dân Rostov bí mật kêu gọi lên nắm quyền cai trị. Họ đã tiến quân chống lại Vsevolod, chú ruột của mình, đến thành Vladimir, với ý định lật đổ vị công tước khỏi lãnh địa của ông và chiếm lấy một vùng đất rộng lớn hơn cho riêng mình. Sau một trận chiến khốc liệt, hai anh em Rostislavich đã bị Vsevolod đánh bại, bắt làm tù binh và đưa về Vladimir. Vsevolod đã bố trí lính canh trông chừng họ, nhưng vẫn cho phép họ đi lại tự do. Người dân Vladimir, khi thấy những vị công tước bị bắt làm tù binh này được tự do đi lại chứ không bị giam trong ngục tối, đã nổi loạn và, mang theo vũ khí đến sân cung điện của công tước Vsevolod, họ kêu lên:

– Tại sao, hoàng tử, ngài lại không giam cầm kẻ thù của chúng ta mà lại để họ tự do? Hoặc là xử tử họ, hoặc là móc mắt họ, hoặc là giao họ cho chúng tôi.

Với lòng nhân từ, Vsevolod không muốn gây hại cho các công tước bị bắt trong chiến tranh, nhưng vì dân chúng, ngài đã ra lệnh giam họ vào ngục tối để dập tắt cuộc nổi loạn của dân chúng. Một thời gian sau, người dân Vladimir lại kêu gọi Đại công tước Vsevolod:

– Hãy giao những người nhà Rostislav cho chúng tôi, chúng tôi muốn móc mắt họ.

Hoàng tử lớn cảm thấy buồn bã, nhưng không thể ngăn cản dân chúng nổi loạn. Người dân Vladimir đã phá tung nhà ngục, bắt giữ Mstislav và Yaropolk, móc mắt họ rồi thả đi. Thế là hai anh em Rostislav đáng thương, Mstislav và Yaropolk, những người từng khao khát vinh quang và quyền lực lớn hơn, đã bị khuất phục và bị móc mắt. Và thế là họ lên đường đến Smolensk, rồi đến Smyadyn, vào nhà thờ các thánh tử đạo Boris và Gleb. Hôm đó chính là ngày tưởng niệm sự tử đạo của thánh Gleb, ngày 5 tháng 9. Các hoàng tử đã cầu nguyện với Chúa bằng tất cả lòng thành kính và khẩn cầu sự giúp đỡ từ các thánh tử đạo, như những người thân của mình, để các thánh ban cho họ sự nhẹ nhõm, vì những vết loét ở chỗ mắt của họ đang mưng mủ. Khi họ cầu nguyện, trước tiên cơn đau dịu bớt, rồi bất ngờ họ được ban lại thị lực. Khi đã nhìn thấy rõ ràng, các vị hoàng tử nhà Rostislav bắt đầu ca ngợi và tạ ơn Đức Chúa Trời, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và các vị thánh hoàng tử Roman và David. Rồi họ trở về nhà trong niềm vui sướng, kể lại khắp nơi về ân sủng của Chúa đã ban cho họ nhờ lời cầu nguyện của các thánh tử đạo.

Vào thời xa xưa, tại thành phố Turov[3371] có một vị tu sĩ già tên là Martin, trước đây từng là đầu bếp cho các giám mục Turov là Simeon, Ignatius, Joachim và George. Giám mục George đã miễn nhiệm Martin khỏi chức vụ vì tuổi già của ông. Sau khi nhận tu phục, Martin bắt đầu sống trong tu viện của giám mục, gần nhà thờ các thánh tử đạo Boris và Gleb, một mình trong phòng tu. Ông thường xuyên bị đau bụng. Khi cơn đau ập đến, vị tu sĩ già nằm đó, la hét vì đau đớn, không còn sức để đứng dậy và chăm sóc bản thân. Một lần nọ, khi đang mắc căn bệnh ấy, ông nằm trong phòng tu và kiệt sức vì khát. Nhưng không ai đến thăm ông, vì lúc đó nước lũ đã tràn ngập xung quanh tu

[3371] Vào giữa thế kỷ XII.

viện. Đến ngày thứ ba, các Thánh Tử đạo Boris và Gleb hiện ra trước mặt ông, với hình dáng y hệt như được khắc họa trên bức thánh tượng, và nói:

– Ông bị bệnh gì vậy, thưa cụ?

Ông kể cho họ nghe về căn bệnh của mình. Rồi họ hỏi ông:

– Ông có cần nước không?

– Lạy các ngài, – vị tu sĩ già đáp, – tôi đã khát nước từ lâu rồi.

Một trong hai vị cầm cần gạt nước và mang nước đến, còn vị kia múc nước bằng gáo. Rồi họ cho ông lão uống. Lúc đó, ông hỏi họ:

– Các con là con của ai vậy?

Họ đáp lại:

– Chúng tôi là anh em của Yaroslav.

Vị lão nhân, nghĩ rằng họ là họ hàng của Công tước Georgy Yaroslav, nói:

– Cầu Chúa ban cho các ngài nhiều năm tháng, thưa các ngài, xin hãy tự lấy bánh mì và ăn đi, vì chính tôi không thể phục vụ các ngài được.

Họ đáp:

– Hãy để bánh mì lại cho ông, còn chúng tôi sẽ đi đây. Ông đừng ốm nữa, mà hãy ngủ đi.

Và ngay lập tức, họ biến mất khỏi tầm mắt. Khi đã bình phục, vị tu sĩ già nhận ra rằng các thánh Boris và Gleb đã viếng thăm mình, nên ông đứng dậy và ngợi khen Đức Chúa Trời cùng các vị thánh của Ngài. Kể từ đó, ông không bao giờ mắc phải căn bệnh ấy nữa, mà luôn khỏe mạnh và kể lại cho các tu sĩ về sự chữa lành mà các thánh tử đạo đã ban cho ông.

Hoàng tử Alexander Yaroslavich, người được gọi là Nevsky, trong thời gian trị vì tại Veliky Novgorod, đã tiến hành chiến tranh với người Thụy Điển. Khi ngài cùng quân đội đến sông Neva, một trong những tướng lĩnh của ngài, một người kính sợ Đức Chúa Trời tên là Philip, trong lúc thực hiện nhiệm vụ canh gác ban đêm được giao phó, đã nhìn thấy vào lúc mặt trời mọc một con thuyền đang trôi trên mặt nước; ở giữa con thuyền là hai vị thánh tử đạo Boris và Gleb, mặc áo choàng màu đỏ thẫm, còn các tay chèo thì ngồi đó, dường như được bao phủ bởi một làn sương mù. Và thánh Boris nói với thánh Gleb:

– Anh Gleb ơi, chúng ta hãy mau đi giúp người thân của chúng ta, Công tước Alexander, chống lại những kẻ thù hung hãn.

Tổng trấn đã kể lại giấc mơ này cho công tước của mình. Và vào ngày đó, nhờ sự giúp đỡ của các thánh tử đạo Boris và Gleb, công tước Alexander đã đánh bại và đè bẹp quân Thụy Điển, chính tay ông đã chém vào mặt thủ lĩnh Birger của họ bằng thanh kiếm và trở về Veliky Novgorod trong niềm hân hoan[3372] .

Cũng theo cách tương tự, khi Đại công tước Moskva Dimitri Ioannovich đang tiến hành chiến tranh với vua Tatar Mamai, lính gác đêm Foma Khatsibeev đã nhìn thấy một thị kiến mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho ông. Trên cao xuất hiện một đám mây lớn, và từ phía đông dường như có những đạo quân hùng mạnh đang tiến đến, còn từ phía nam xuất hiện hai thiếu niên rạng rỡ, tay cầm nến và những thanh kiếm sắc bén đã rút ra khỏi vỏ. Hai thiếu niên này chính là các thánh tử đạo Boris và Gleb. Họ nói với các tướng Tatar:

– Ai đã ra lệnh cho các ngươi tàn sát quê hương của chúng ta, nơi mà Chúa đã ban cho chúng ta?

Và họ bắt đầu chém giết kẻ thù, đến nỗi không một ai trong số chúng còn sống sót. Sáng hôm sau, người lính gác ấy kể lại giấc mơ của mình cho Đại công tước. Công tước ngước mắt lên trời, giơ hai tay lên và bắt đầu cầu nguyện trong nước mắt, nói rằng:

– Lạy Chúa, Đấng Yêu Thương Loài Người, xin hãy giúp con nhờ lời cầu nguyện của các thánh tử đạo Boris và Gleb! Như Ngài đã giúp Mô-sê đánh Amalec (Xuất Hành 17), như Ngài đã giúp Đa-vít đánh Gô-li-át (1 Sa-mu-ên 17), như Ngài đã giúp Ya-roslav đánh Sviatopolk, như Ngài đã giúp tổ tiên xa xưa của con là Alexander đánh vua Thụy Điển, xin Ngài cũng ban ơn giúp con đánh Mamai.

Và vào ngày đó, Đại công tước Moskva Dimitri, nhờ lời cầu nguyện của các thánh tử đạo Boris và Gleb, đã đánh bại vua Mamai của người Tatar[3373] .

[3372] Sự việc này xảy ra vào năm 1240.

[3373] Sự việc này xảy ra vào ngày 8 tháng 9 năm 1380.

Chúa đã thực hiện điều này cùng vô số phép lạ qua các thánh tử đạo, những vị mà mọi người tôn kính, cầu xin sự tha thứ tội lỗi nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 2:

Hỡi vị tử đạo chân chính và người lắng nghe Phúc Âm của Đức Kitô một cách chân thành, hỡi Romane khiết tịnh cùng David hiền lành, đừng chống lại kẻ thù vốn là anh em của các ngươi, kẻ đang giết hại thân xác các ngươi, nhưng không thể đụng chạm đến linh hồn các ngươi. Hãy để kẻ tham quyền ác độc kia than khóc: còn các ngài, đang hân hoan cùng các thiên thần, đứng trước Thánh Ba Ngôi, hãy cầu nguyện cho quyền lực của những người thân thuộc các ngài được sống theo ý Chúa, và cho con cái nước Nga được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Hôm nay, kỷ niệm vinh quang của các ngài, những vị tử đạo cao quý của Chúa Kitô, Roman và David, tỏa sáng, kêu gọi chúng con ca ngợi Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng con. Những ai chạy đến hòm thánh tích của các ngài, xin nhận lãnh ân sủng chữa lành nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của các ngài: vì các ngài là những vị bác sĩ thiêng liêng.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng niệm Thánh Athanasius Đại Đế, Tổng Giám mục Alexandria, cha của chúng ta. Lễ tưởng niệm ngài cũng được cử hành vào ngày 18 tháng 1, nơi có ghi chép tiểu sử của ngài.

Ngày 16 tháng 5

Ngày 3 tháng 5 (theo lịch cũ)

Ngày chịu tử đạo của các thánh tử đạo Timôthê và Maura

Lễ tưởng niệm ngày 3 tháng 5

Trong thời kỳ cuộc bách hại Kitô hữu do Hoàng đế La Mã vô đạo Diocletian khởi xướng[3374] , để truy bức các Kitô hữu tại vùng Thebaid[3375] , quan tổng trấn Arrian[3376] đã được bổ nhiệm. Trong số các Kitô hữu khác bị dẫn đến trước mặt ông để chịu thử thách, có cả Thánh Timôthê, một người đọc kinh trong nhà thờ[3377] ; anh ta xuất thân từ làng Perapeia, còn rất trẻ và không lâu trước đó đã kết hôn với cô gái Mavra. Hai mươi ngày sau lễ cưới, anh ta bị những người ngoại đạo bắt giữ và đưa đến thẩm vấn trước Igemon. Khi Igemon nhìn thấy anh ta, điều đầu tiên ông hỏi là:

– Ngươi là ai và đang đảm nhiệm chức vụ gì?

Timôthê trả lời:

– Tôi là một Kitô hữu và là người đọc kinh trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời.

Thống đốc nói với ông:

– Chẳng lẽ chỉ có mình ngươi là chưa nghe về sắc lệnh của hoàng đế, ra lệnh phải tra tấn và xử tử tất cả những ai không dâng lễ vật cho các vị thần vĩ đại của chúng ta sao?

Timôthê trả lời:

[3374] Diocletian đã cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[3375] Fivaida – một vùng ở Trung Ai Cập.

[3376] Hegemon Arrian sau đó đã tự mình quy y Chúa Kitô và được ban vương miện tử đạo. Ngày kỷ niệm của ngài được tổ chức vào ngày 14 tháng 12.

[3377] Người đọc kinh hoặc trợ lễ; nhiệm vụ của Timôthê không chỉ là đọc kinh, mà còn là bảo quản các sách phụng vụ.

– Tôi tin tưởng từ tận đáy lòng và hoàn toàn thuộc về Chúa của tôi, Đức Giêsu Kitô, vì vậy tôi không thể dâng lễ vật cho các vị thần của các ngài.

Hê-gê-môn Arriân tiếp tục:

– Ngươi không thấy những dụng cụ tra tấn đã được chuẩn bị sẵn, đang nằm ngay bên cạnh ngươi sao?

Timôthê đáp:

– Dù sao đi nữa, ngài cũng không thấy các Thiên thần của Đức Chúa Trời đang củng cố tinh thần cho tôi.

Higemón nói với vị thánh:

– Hãy đưa cho ta những cuốn sách của ngươi[3378] , để ta có thể hiểu được sức mạnh kỳ diệu ẩn chứa trong đó.

Vị thánh đáp lại:

– Hỡi kẻ điên rồ và vô lý! Ngươi không biết rằng không ai bao giờ giao con cái mình cho cái chết sao? Còn những cuốn sách do ta chép lại, chính là con cái của ta: khi ta đọc chúng, các Thiên thần của Đức Chúa Trời hiện ra trước mặt ta.

Vị thống đốc nói:

– Ngươi không muốn dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, cũng không muốn cho chúng ta xem những cuốn sách của ngươi. Hãy cẩn thận, đừng để sự bất tuân của ngươi trở thành nguyên nhân dẫn đến những đau khổ của chính ngươi.

Thánh Timôthê đáp lại như sau:

– Ta sẽ không dâng lễ vật và cũng không cho ngươi xem những cuốn sách của ta, vì ta là một Kitô hữu.

Lúc đó, vị thống đốc nổi giận, ra lệnh cho các đầy tớ mang đến hai cây gậy sắt nhọn, nung đỏ rực, rồi đâm vào tai Thánh Timôthê. Vì cơn đau không thể chịu đựng nổi, nước mắt tuôn trào từ mắt vị tử đạo, khiến ngài không thể nhìn thấy gì nữa.

Sau đó, các đầy tớ của vị thống đốc nói với vị thánh:

– Vì ngươi không chịu dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, nên giờ đây ngươi đã mất thị lực.

Thánh Timôthê đáp lại:

– Đôi mắt thể xác của tôi, vốn đã chứng kiến nhiều điều ghê tởm, nay đã bị tổn thương và mù lòa; nhưng đôi mắt nội tâm, đôi mắt của linh hồn, đang soi sáng tâm hồn tôi.

Sau khi vị thánh nói xong, quan tổng trấn ra lệnh trói tay ngài ra sau lưng, nhét một mảnh gỗ vào miệng ngài và treo ngài ngược đầu; để gia tăng nỗi đau khổ của vị thánh, kẻ tra tấn ra lệnh buộc một hòn đá nặng vào cổ ngài.

Khi các thuộc hạ của quan tổng trấn bắt đầu thi hành mệnh lệnh bất chính này, vị thánh ngước mắt lên trời và nói:

– Tôi tin rằng có Đức Chúa Trời ngự trên trời, Đấng có thể giải thoát tôi khỏi những cực hình này.

Những đau khổ mà Timôthê phải chịu đựng khủng khiếp đến mức ngay cả những kẻ tra tấn cũng cảm thấy thương xót ngài và xin vị thống đốc, không phải bằng sự tàn nhẫn mà bằng lòng nhân từ, hãy thuyết phục Timôthê tuân theo mệnh lệnh của nhà vua. Bên cạnh đó, với mong muốn làm hài lòng vị thống đốc, những người hầu đã nói với ông rằng Timôthê mới kết hôn được hai mươi ngày và vợ anh vẫn còn rất trẻ.

Nghe vậy, quan tổng trấn ra lệnh đưa vợ của Timôthê đến trước tòa và nói với cô ấy:

– Tên cô là gì?

– Tên tôi là Ma-va, – vị thánh nữ đáp.

Thống đốc nói với cô:

– Ta rất thương xót cho nỗi bất hạnh của ngươi, vì ngươi còn quá trẻ mà đã phải chuẩn bị làm góa phụ. Ta ra lệnh cho ngươi: hãy mặc những bộ quần áo đẹp nhất, tết tóc lại, trang điểm cho khuôn mặt và ngay lập tức đến gặp chồng ngươi; khi đến nơi, hãy thuyết phục anh ấy dâng lễ vật lên các vị thần, để cô thực sự không phải trở thành góa phụ khi còn quá trẻ. Nếu cô thuyết phục được anh ấy dâng lễ vật lên các vị thần, thì ta sẽ thưởng cho cô nhiều quà tặng, vàng và bạc.

[3378] Cần lưu ý rằng sắc lệnh của Diocletian không chỉ ra lệnh bắt bớ các Kitô hữu, mà còn phá hủy các nhà thờ của họ và đốt các sách thánh của họ. Trên cơ sở đó, Igemon Arrian đã yêu cầu Timôthê giao nộp các sách phụng vụ của mình.

Maura đã làm đúng như những gì vị thống đốc ra lệnh. Sau khi mặc bộ trang phục sáng màu, nàng đến gặp chồng và thuyết phục anh ta trong một thời gian dài hãy tuân theo lệnh của vị thống đốc, dù chỉ là tạm thời, để nhờ đó thoát khỏi những đau khổ. Nhưng chồng nàng không thể nói với nàng một lời nào, vì trong miệng anh ta có một mảnh gỗ được nhét vào, khiến anh ta không thể nói được.

Lúc đó, Maura quay trở lại gặp vị thống đốc và bắt đầu khẩn thiết xin ông ra lệnh lấy miếng gỗ ra khỏi miệng chồng cô, nhờ đó anh ta sẽ có thể nói được. Vị thống đốc đồng ý đáp ứng lời thỉnh cầu của cô. Miếng gỗ được lấy ra khỏi miệng vị tử đạo, và Maura lại đến gặp Thánh Timôthê.

Còn vị thánh (người mù) thì ngửi thấy mùi thơm tỏa ra từ áo quần của Maura, liền cất tiếng gọi lớn:

– Cha tôi, linh mục Picolpos, đang ở đâu?

Cha của ngài, đang đứng gần đó giữa đám đông và chứng kiến những đau khổ của con trai, đã bước đến bên ngài và nói:

– Con cần gì, con trai yêu dấu của cha?

Timôthê đáp:

– Con xin cha, – hãy làm cho con một việc tốt: hãy lấy một mảnh vải rách nào đó và che mặt con lại, để con không ngửi thấy mùi hương độc hại phát ra từ quần áo của Maura; mùi hương này gây hại cho con người, nó chuẩn bị cho họ địa ngục; mùi hương này là nguồn gốc của dục vọng, là bạn đồng hành của ma quỷ; nó gây ghê tởm và đáng khinh bỉ đối với những người thánh thiện và công chính.

Khi vị thánh nói xong, Maura nói với ông:

– Người yêu dấu Timôthê ơi! Sao ngài lại sỉ nhục tôi như vậy? Chẳng phải tôi chưa làm gì xúc phạm ngài sao! Mới chỉ tròn hai mươi ngày kể từ khi chúng ta kết hôn, và ngài vẫn chưa thực sự hiểu rõ tính cách của tôi, cũng như tôi vẫn chưa thực sự hiểu rõ gia đình ngài. Tôi hoàn toàn không có tội lỗi nào như anh cáo buộc, bởi vì tôi chưa từng hứa hẹn trao thân cho bất kỳ người đàn ông nào. Giờ đây, khi thấy anh phải chịu những đau khổ lớn lao như vậy, tôi khóc thương anh một cách đắng cay và lòng tôi đau đớn không thể chịu đựng nổi, bởi vì anh đang phải chịu đựng những cực hình một cách oan ức. Nỗi đau khổ của anh cũng làm tổn thương tâm hồn em, vì anh muốn để em trở thành góa phụ. Nhưng có lẽ anh đã vay tiền của ai đó và, vì không có gì để trả nợ, nên giờ đây anh đang phải chịu đựng sự hành hạ từ những người cho vay? Nếu đúng như vậy, thì chúng ta hãy bán những bộ quần áo tốt nhất của mình để trả nợ; còn nếu anh phải chịu những đau khổ lớn lao như vậy vì nợ công, vì các khoản thuế mà anh không có gì để trả, thì đây, trước mặt anh là tất cả đồ đạc, vàng bạc và tất cả quần áo của chúng ta; hãy bán tất cả những thứ này và nộp thuế cho nhà vua.

Sau đó, Thánh Timôthê nói với bà:

– Chị em của tôi, Mavra ơi! Khi tôi nhìn thấy chị bước ra khỏi nhà bằng đôi mắt tâm hồn, tôi đã nhận ra con quỷ đang đi bên phải chị. Nó cầm trên tay một chiếc chìa khóa, dùng để lôi kéo trái tim chị hướng về những thú vui và sự gắn bó trần tục.

Maura đáp lại:

– Anh trai của em, Timôthê! Em đang tìm anh; vậy thì em sẽ tìm thấy anh ở đâu đây? Khi ngày thứ Bảy hay Chủ Nhật đến, ai sẽ đọc những cuốn sách của anh đây?

Thánh Timôthê đáp lại:

– Hãy bỏ lại những lo toan trần thế này và hãy đi cùng tôi thực hiện công việc cao cả này, hỡi Ma-va! Chúa sẽ tha thứ cho chúng ta mọi tội lỗi vì công việc này và ban cho chúng ta những vương miện ân sủng trong Nước Trời của Ngài.

Còn Ma-va thì nói:

– Khi tôi đến gặp anh, trái tim tôi quả thực tràn ngập những ham muốn trần tục, nhưng ngay khi anh bắt đầu trò chuyện với tôi, ân sủng của Chúa đã bao trùm lấy tôi. Hãy biết rằng, anh em yêu dấu của tôi, tôi cũng mong muốn điều mà anh đang mong muốn.

Thánh Timôthê đáp lại:

– Nếu em thực sự nói sự thật, thì hãy đến gặp quan tổng trấn và vạch trần sự bất chính của ông ta.

Thánh Ma-va đáp lại:

– Em sợ, anh em ơi, rằng em sẽ hoảng sợ khi nhìn thấy vô số dụng cụ tra tấn và vị thống đốc đang giận dữ. Em sợ rằng em sẽ không chịu đựng nổi những cực hình tàn khốc, vì em còn quá trẻ – em mới chỉ mười bảy tuổi.

Thánh Timôthê đáp lại:

– Hãy đặt niềm tin vào Chúa và Đức Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, thì mọi đau khổ sẽ như dầu thơm được đổ lên thân thể con, và như sương mai làm tươi mát xương cốt con, làm dịu bớt mọi nỗi đau khổ của con.

Sau đó, vị thánh tử đạo bắt đầu cầu nguyện cho cô trước mặt Thiên Chúa, nói như sau: "Thiên Chúa và Cha của mọi ân sủng, Đấng đã ban sự trợ giúp cho ba thiếu niên (Đan. 3), những người bị ném vào lò lửa; Đấng đã giải cứu Đa-ni-ên khỏi miệng sư tử[3379] , Đấng đã sai thức ăn đến cho vị tiên tri qua tiên tri A-va-cum, Đấng đã giúp đỡ không chỉ trong hố sư tử mà còn trong lò lửa, và Đấng đã cứu rỗi những ai trông cậy vào Ngài để làm chứng cho lòng nhân từ của Ngài đối với loài người, nhờ sức mạnh đó mà Ngài đã biến những người bị bắt làm tù binh thành các tiên tri và các vị tử đạo: Lạy Chúa, lạy Chúa, xin hãy nhìn xuống và thương xót tôi tớ của Ngài là Mavra ngay lúc này! Lạy Chúa, Đấng đã kết hợp chúng con bằng hôn nhân, xin hãy kết hợp chúng con trong cuộc chiến đấu này, để chúng con không bị tách rời khỏi hàng ngũ các thánh tử đạo của Ngài; Lạy Chúa, xin ban cho chúng con sức mạnh để can đảm chịu đựng mọi cực hình và cả cái chết, để tất cả những kẻ thù địch của chúng con phải hổ thẹn, vì chúng sẽ không thể tách rời chúng con khỏi đức tin duy nhất nơi Đức Giêsu Kitô, Chúa của chúng con. Ngài xứng đáng nhận mọi vinh quang cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, đến muôn đời. Amen!"

Sau khi Thánh Timôthê cầu nguyện với Thiên Chúa cho người vợ của ngài là Ma-vê, bà này, được Thánh Thần soi dẫn, đã đến gặp quan tổng trấn và, khi trình diện trước mặt ông, đã nói:

– Hỡi vị thống đốc vô đạo! Ngươi đã hứa sẽ cho ta bạc và vàng để dẫn dắt linh hồn ta đến chỗ diệt vong; ngươi chẳng mong muốn gì khác ngoài việc dẫn dắt các linh hồn con người đến chỗ diệt vong! Tuy nhiên, ngươi sẽ không thể khuất phục ta bằng bất kỳ sự cám dỗ nào, vì ta đang đứng trước mặt ngươi, được trang bị đầy đủ vũ khí của Chúa và Đức Chúa Trời chúng ta.

Igemon Arrian nói với các cố vấn và đầy tớ của mình:

– Chẳng phải ta đã nói với các ngươi rằng Timôthê là một pháp sư sao? Kìa, hắn đã dùng phép thuật mê hoặc vợ mình, xúi giục nàng chống lại mệnh lệnh của chúng ta.

Sau đó, quay sang Ma-va, Igemon nói với nàng:

– Và ngươi cùng với Timôthê cũng đang chọn cái chết thay vì cuộc sống. Hãy suy nghĩ một chút, ngươi sẽ thấy rằng ngươi đang tự tước đi cuộc sống ngọt ngào này và tự đẩy mình vào những cực hình đắng cay. Nhưng có lẽ, khi nhìn thấy cái chết của chồng mình và cảnh góa bụa sắp đến, ngươi đã quyết định chết cùng với anh ta? Trong trường hợp đó, đừng bối rối hay buồn bã, vì cô sẽ không phải làm góa phụ: ta sẽ gả cô cho một trong những viên trung úy[3380] giàu có và xuất sắc nhất của ta, để cô được tận hưởng cuộc sống này cùng anh ta và càng được tôn vinh hơn nữa, vì cô sẽ có một người chồng cao quý hơn người trước.

Thánh Maura đáp lại:

– Con đã từ bỏ mọi sự hư vô trần thế; vì thế con không cần đến viên trung úy của ngài. Con xin nói thật với ngài rằng: con đã hứa hôn với Chú Rể trên trời, là Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa; nhờ đặt niềm tin nơi Ngài, con mới dám đứng trước mặt ngài với lòng can đảm và không hề sợ hãi trước phán quyết bất công của ngài.

Vị thống đốc tức giận ra lệnh tra tấn mái tóc của bà cho đến khi tất cả đều bị nhổ sạch. Sau đó, ông nói với vị thánh tử đạo:

– Tóc trên đầu ngươi đã bị nhổ hết rồi; ta khuyên ngươi nên dâng lễ vật cho các vị thần, để ngươi không phải chịu thêm nhiều hình phạt khác, còn khốc liệt hơn nữa.

Thánh Ma-va trả lời:

[3379] Đa-ni-ên là vị tiên tri thứ tư trong số các "tiên tri vĩ đại" (Ê-sai, Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên); ông xuất thân từ dòng dõi hoàng tộc và khi còn là một thiếu niên, ông đã bị đưa đến Ba-by-lôn cùng với những người Do Thái bị bắt làm tù binh khác. Được trời phú cho những phẩm chất tâm hồn và thể chất tuyệt vời, ông đã học được ngôn ngữ và sự khôn ngoan của người Chaldea tại đó, và cùng với ba người bạn của mình là Ananias, Azarias và Misael, ông được tuyển vào phục vụ tại triều đình vua. Đa-ni-ên đã giải thích những giấc mơ kỳ diệu cho vua Ba-by-lôn là Na-bu-cô-đô-nô-xơ, và chính ông cũng được ban cho nhiều thị kiến, trong đó những sự kiện thiêng liêng quan trọng và kỳ diệu nhất đã được mặc khải cho ông. Khi vua Đa-ri-ô lên ngôi, ngài được bổ nhiệm làm một trong ba quan cai trị đế quốc và đã được cứu một cách kỳ diệu khỏi bầy sư tử, nơi ngài bị ném xuống hố vì lòng trung thành với đức tin của cha mình (Đa-ni-ên 6:10–24). Lịch sử cuộc đời và hoạt động của ông được chính ông ghi lại trong cuốn sách thánh mang tên ông. Ngày kỷ niệm của ông được Giáo hội Công giáo cử hành vào ngày 17 tháng 12

[3380] Sotnik – chỉ huy một đơn vị quân lính, thường gồm 100 người.

– Giờ đây, thưa ngài thống đốc, tôi nhận ra rằng chính Chúa Kitô đang đón nhận tôi về với Ngài và tha thứ cho tội lỗi của tôi, tội lỗi do sự thiếu hiểu biết – cụ thể là việc tôi, vì nghe theo lời khuyên độc ác của ngài, đã trang điểm mái tóc để quyến rũ chồng tôi; và ngài đã làm đúng khi nhổ bỏ chúng, bởi vì khi tóc tôi bị lấy đi, tội lỗi lớn lao cũng được gột rửa khỏi tôi; giờ đây tôi sẽ không còn là cám dỗ cho những người xung quanh đang quan sát tôi nữa.

Nghe những lời ấy từ vị thánh nữ, viên quan địa phương vô cùng tức giận và ra lệnh chặt đứt các ngón tay của bà rồi ném đi. Còn thánh nữ Ma-va thì nói với ông ta:

– Bằng việc này, ngài đang làm điều tốt cho tôi, vì ngài đã tước đi những ngón tay mà tôi từng dùng để đeo những món trang sức phù phiếm; hãy biết rằng chính ngài cũng không hiểu rõ những gì mình đang làm, bởi vì ngài đã thanh tẩy tôi khỏi tội lỗi thứ hai của tôi qua việc chặt đứt những ngón tay này. Vì vậy, tôi đứng trước mặt ngài với niềm vui và sự hân hoan, sẵn sàng chịu mọi cực hình.

Igemon vô cùng kinh ngạc trước sự kiên nhẫn vĩ đại của vị thánh tử đạo. Còn Linh mục Picolpos, cha của Timôthê, đang ở gần nơi đó, giữa đám đông đang theo dõi cuộc thẩm vấn các thánh, khi chứng kiến hành động anh hùng của thánh Mavra, đã thì thầm nói với nàng:

– Ôi Maura, con gái trung thành của cha! Làm sao con có thể chịu đựng được việc bị chặt ngón tay như vậy?

Thánh Maura đáp lại:

– Giống như cha đã thấy trong vườn nho, người ta cắt cành khỏi cây, con cũng nhìn việc cắt đứt các ngón tay của mình với cảm giác tương tự, và vì thế con không cảm thấy đau đớn gì cả.

Sau tất cả những điều đó, quan tổng trấn Arrian ra lệnh cho mười hai chiến binh của mình đổ đầy nước vào một cái nồi lớn, đốt lửa lên và ném thánh Maura vào đó. Khi nước trong nồi sôi sùng sục và ầm ầm vì lửa, thánh Maura bị ném vào nồi. Nhưng, đứng giữa nồi mà không hề bị bỏng chút nào, bà nói với vị thống đốc:

– Một lần nữa, con xin cảm ơn ngài vì đã ra lệnh cho người ta tắm rửa và tẩy sạch tội lỗi của con, để con có thể đến với Thiên Chúa của con bằng một trái tim trong sạch và nhận lấy từ Ngài vương miện sự sống đời đời. Những đau khổ mà con nhận từ ngài sẽ ban cho con ơn cứu rỗi nơi Đức Kitô và Chúa của con. Nhưng ngài dường như đã quá vội vàng khi ném tôi vào cái nồi này, vốn chưa được đun nóng hẳn, bởi vì nước trong đó rất lạnh và tôi hoàn toàn không cảm thấy nóng, cũng như trước đó tôi không cảm thấy những cực hình khác.

Còn Igemon, vì tức giận tột độ, bắt đầu nghi ngờ rằng các binh lính, vì thương xót người nữ tử đạo, đã đổ nước nóng ra khỏi nồi và thay vào đó là nước lạnh, nhằm giữ cho Mavra còn sống để thỏa mãn những dục vọng xác thịt của họ. Ngay lập tức, Igemon bước xuống khỏi ghế xét xử và tiến lại gần nồi, muốn kiểm tra xem nước trong nồi có thực sự lạnh hay không. Khi đến gần nồi, ông nói với vị thánh:

– Hãy múc một ít nước lên tay ta, để ta biết nước trong đây có lạnh không.

Vị thánh nữ đáp lại:

– Nước này rất lạnh, và tôi hoàn toàn không cảm nhận được chút ấm áp nào từ nó. Vì vậy, nếu ngài không có gì để đốt nồi nữa, hãy sai một trong những người hầu của ngài đến gặp cha tôi, và ông ấy sẽ cho ngài một bó củi, vì ông ấy là thợ mộc; ngài sẽ dùng những củi đó để đốt nồi.

Nói xong, vị thánh nữ đổ nước sôi từ nồi lên tay vị thống đốc, và ngay lập tức tay vị thống đốc bị bỏng nặng đến nỗi da bong tróc; chính vị thống đốc cũng la lên thảm thiết vì đau đớn và với sự ngạc nhiên, trước sự chứng kiến của mọi người, ông thốt lên:

– Ngợi khen Chúa là Đức Chúa Trời Mavrin, và không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ngài, nhờ Ngài mà Mavrin được tôn vinh ngày nay.

Nói xong, ông ra lệnh thả thánh nữ ra. Tuy nhiên, trước khi thánh nữ kịp rời khỏi nơi tra tấn, ma quỷ lại xâm nhập vào lòng vị thống đốc và xúi giục ông chống lại tất cả những ai có đức tin chân chính vào Đức Chúa Trời và giữ lương tâm trong sạch. Gọi thánh nữ lại gần, ông nói với cô:

– Đừng tin cậy và đừng trông cậy vào Đấng Kitô của ngươi, Maura; thà dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta còn hơn.

Còn vị thánh nữ thì đáp lại:

– Tôi sẽ không dâng lễ vật cho các thần tượng, vì tôi có Chúa Kitô, Đấng sẽ bảo vệ tôi.

Igemon đáp lại:

– Ta sẽ nhét than hồng vào miệng ngươi, nếu ngươi không dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta.

Thánh nữ đáp lại:

– Ngươi không hiểu điều mà ngươi định làm trong cơn điên rồ của mình: ngươi muốn nhét than hồng vào miệng ta để ta được thanh tẩy khỏi những tội lỗi mà ta đã phạm bằng lưỡi và miệng. Vì chính Chúa của con, khi Ngài tỏ vinh quang của Ngài cho tiên tri Ê-sai và ban cho ông ân sủng được nghe tiếng hát của các thiên thần, nhằm thanh tẩy ông khỏi tội lỗi, đã sai một trong các thiên thần Sê-ra-phim đến với ông, người này cầm trên tay một than hồng, được lấy bằng kẹp từ bàn thờ; Thiên thần Serafim đã chạm than hồng ấy vào môi của vị tiên tri và nói: *"Than hồng này đã chạm vào môi ngươi, nên tội lỗi ngươi đã được xóa bỏ, và các tội lỗi đã được thanh tẩy"* (Is 6:7). Và nếu vị tiên tri đã được tha thứ tội lỗi sau khi than hồng chạm vào môi ngài, thì con xin Ngài, xin đừng chỉ lấp đầy môi con bằng than hồng đang cháy, mà hãy bao phủ cả khuôn mặt, đầu con, cũng như toàn thân con bằng than hồng đang cháy và thiêu đốt nó, để nhờ đó con trở thành hương thơm của Đấng Christ. Đức Chúa Trời, Đấng đã từng tẩy sạch tội lỗi của vị tiên tri, cũng sẽ tẩy sạch tội lỗi của con.

Nghe những lời ấy từ vị thánh, viên quan tổng trấn càng nổi giận dữ hơn và ra lệnh mang đến một ngọn đèn chứa đầy lưu huỳnh và nhựa thông, để thiêu đốt vị nữ tử đạo. Còn đám đông đứng gần đó và chứng kiến tất cả, đã cất tiếng kêu lớn lên với viên quan tổng trấn, nói rằng:

– Đến bao giờ ngài mới thôi nghĩ ra những hình phạt mới mẻ và tàn bạo hơn nữa cho cô thiếu nữ trẻ này! Xin ngài hãy ngừng giận dữ đi, thưa quan tổng trấn, vì chúng tôi thực sự kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của cô ấy.

Còn Thánh Ma-va, quay sang đám đông, nói:

– Mỗi người trong các ngươi hãy lo việc của mình: đàn ông hãy làm việc và thực hiện nghĩa vụ của mình, phụ nữ thì làm việc của họ; còn về phần ta, đừng ai trong các ngươi phải lo lắng; ta không xin sự giúp đỡ hay bảo vệ từ các ngươi, vì ta có Đấng Bảo Vệ – Thiên Chúa, Đấng mà ta đặt niềm tin.

Trong khi vị thánh đang nói những lời đó, quan tổng trấn ra lệnh dùng ngọn đèn để thiêu đốt thân thể bà. Vị thánh, nhìn vào ngọn đèn, nói với quan tổng trấn:

– Ngươi nghĩ rằng ngươi có thể dọa nạt ta bằng ngọn đèn này sao, như thể những cực hình trước đó vẫn chưa đủ để thử thách ta. Chẳng phải ngươi đã nhúng ta vào cái nồi lớn và đáng sợ, sôi sùng sục, nhưng lại không làm hại ta, vì đối với ta, nó dường như chứa đầy nước lạnh sao? Chính ngài đã chứng kiến rằng, trong khi đôi tay ngài bị nước làm bỏng, thì tôi lại không hề hấn gì. Chẳng lẽ ngài nghĩ rằng tôi sẽ sợ chiếc đèn nhỏ này sao? Nếu ngài muốn, thưa quan tổng trấn, hãy đốt cả một lò lửa và ném tôi vào đó, ngài sẽ thấy quyền năng của Đức Kitô, Đấng mà tôi là tôi tớ; tôi tin rằng Thiên Chúa của tôi, Đấng đã kêu gọi tôi thực hiện công việc này qua sự trung gian của người chồng thánh thiện của tôi là Timôthê, sẽ không bỏ rơi tôi. Còn về ngọn đèn mà ngài dùng để thiêu đốt thân thể tôi, thì đối với tôi, nó giống như sương mai, rơi xuống đất và giúp cây cối cùng hoa quả sinh trưởng.

Bị lay động bởi những lời của vị thánh tử đạo, được chứng thực bằng chính hành động của bà, và không biết còn có thể nghĩ ra hình phạt nào khác cho thánh Maura, viên quan tổng trấn vô cùng buồn bã. Sau đó, ông ra lệnh đóng đinh Timôthê và Maura lên thập tự giá, quay mặt hai người về phía nhau.

Khi các thánh đang trên đường đến nơi đóng đinh, mẹ của Maura đã ra đón và ôm con gái vào lòng, rồi nói với cô:

– Con gái của mẹ, Maura ơi! Sao con lại bỏ lại mẹ, người đang tìm kiếm con? Ai sẽ đeo những món trang sức của con đây? Bạc, vàng và những bộ quần áo quý giá của con sẽ thuộc về ai, nếu con, con gái của mẹ, không còn sống nữa?

Thánh Maura đã trả lời mẹ mình như sau:

– Vàng và bạc sẽ hư mất, còn áo quần thì sẽ bị sâu mọt gặm nhấm; vẻ đẹp của khuôn mặt trẻ trung cũng sẽ phai tàn theo thời gian, còn vương miện mà Chúa Giêsu Kitô ban cho con sẽ mãi mãi không phai tàn.

Và người mẹ không thể phản bác được điều gì với Thánh Maura. Vị tử đạo, sau khi thoát khỏi vòng tay mẹ, đã đi đến nơi bị đóng đinh, và nói với mẹ:

– Tại sao mẹ lại cản trở con khỏi thập giá và không cho con được hưởng vương miện từ Chúa của con, Đấng mà con muốn noi gương trong cái chết của mình?

Rồi các binh lính đóng đinh các thánh, quay mặt họ về phía nhau. Các thánh ở trên thập giá chín ngày chín đêm, cùng nhau khuyên nhủ và an ủi lẫn nhau. Thánh Timôthê giảng dạy cho vợ mình cho đến chiều tối, còn thánh Maura thì khuyên nhủ người bạn đồng hành của mình cho đến sáng sớm. Trong lúc đó, thánh Maura nói với Timôthê:

– Chúng ta đừng chìm vào giấc ngủ, để khi Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô, đến, Ngài không thấy chúng ta đang ngủ và nổi giận với chúng ta. Cũng như trong nhà của người không ngủ vào ban đêm, ngọn nến đang cháy

sẽ ngăn chặn bọn trộm xâm nhập; ngược lại, khi ngọn nến tắt, kẻ trộm dễ dàng xâm nhập vào nhà và cướp bóc tài sản. Vậy chúng ta hãy tỉnh thức và không ngừng cầu nguyện, để Chúa của chúng ta thấy chúng ta đang kiên nhẫn chờ đợi sự tái lâm của Ngài; cũng như kẻ thù sẽ không dám xâm phạm chúng ta, những người đang mang thập giá, và không dám xúc phạm chúng ta.

Một lúc sau, Thánh Maura lại nói với Timôthê:

– Hãy vững lòng, anh em của tôi, và xua tan cơn buồn ngủ; hãy tỉnh thức và hiểu điều mà tôi đã thấy: tôi tưởng như trước mặt tôi, khi tôi đang ở trong trạng thái như say mê, có một người cầm trên tay một chiếc chén đầy sữa và mật ong. Người ấy nói với tôi: "Hãy cầm lấy và uống đi." Nhưng tôi hỏi người ấy: 'Ngươi là ai?' Người ấy đáp: 'Ta là Thiên Thần của Đức Chúa Trời.' Lúc đó, tôi nói với người ấy: 'Chúng ta hãy cầu nguyện cùng Chúa.' Rồi người ấy nói với tôi: 'Ta đến với ngươi để làm dịu bớt nỗi đau khổ của ngươi. Ta đã thấy ngươi khao khát được ăn và uống rất mãnh liệt, vì cho đến giờ này ngươi vẫn chưa được nếm bất kỳ thức ăn nào.' Lại một lần nữa, tôi nói với ông ta: "Ai đã thúc đẩy ông ban ân huệ này cho tôi? Và ông quan tâm gì đến sự kiên nhẫn và sự kiêng khem của tôi? Chẳng lẽ ông không biết rằng Đức Chúa Trời có quyền năng làm được cả những điều mà con người không thể làm sao?" Khi tôi cầu nguyện xong, tôi thấy người đàn ông đó quay mặt về hướng tây. Từ đó, tôi hiểu rằng đó là sự cám dỗ của Satan; Satan muốn cám dỗ chúng tôi ngay cả trên thập tự giá. Rồi ngay sau đó, hình ảnh ấy biến mất. Sau đó, một người khác bước đến, và tôi có cảm giác như anh ta dẫn tôi đến một dòng sông chảy tràn sữa và mật ong, rồi nói với tôi: "Hãy uống đi." – Nhưng tôi đáp lại: "Tôi đã nói với anh rồi, tôi sẽ không uống nước hay bất kỳ thức uống trần gian nào khác cho đến khi tôi uống cốc tử thần vì Chúa Kitô, Chúa của tôi, mà chính Ngài sẽ biến thành sự cứu rỗi và sự sống vĩnh cửu bất tử cho tôi." Khi tôi nói điều đó, người đàn ông ấy uống nước từ dòng sông và đột nhiên biến mất, cả anh ta lẫn dòng sông đều biến mất cùng lúc. Tôi cũng thấy người đàn ông thứ ba, dáng vẻ tuyệt đẹp; khuôn mặt ông rạng ngời như mặt trời. Ông nắm tay tôi, đưa tôi lên trời và chỉ cho tôi thấy ngai vàng phủ áo trắng, cùng vương miện tuyệt đẹp. Ngạc nhiên trước vẻ đẹp ấy, tôi hỏi người đàn ông đã dẫn tôi lên trời: "Đây là của ai, thưa ngài?" Ông ấy đáp: "Đây là phần thưởng cho công lao của con; ngai vàng, áo choàng và vương miện này đều được chuẩn bị sẵn cho con." Sau đó, người chồng ấy đưa tôi lên cao hơn một chút và chỉ cho tôi thấy một ngai vàng khác, cũng được trang trí lộng lẫy không kém, cùng với áo choàng trắng và vương miện. Tôi lại hỏi người đàn ông đã dẫn tôi đến: "Còn cái này là của ai, thưa ngài?" Ông ấy đáp: "Đây là của chồng cô, Timôthê." – Tôi dám hỏi ông ấy: "Tại sao những ngai vàng này lại không ở gần nhau mà lại cách xa nhau như vậy?" Ông ấy đáp lại: "Bởi vì có sự khác biệt lớn giữa con và chồng con. Chẳng phải con cũng đã tự nguyện nhận lấy con đường tử đạo theo lời khuyên của anh ấy sao? Vì thế, anh ấy cũng có phần nào là người mang lại vương miện cho con. Nhưng bây giờ hãy trở về thân xác của con; vào buổi sáng, lúc sáu giờ, các Thiên thần của Chúa sẽ đến để đón linh hồn hai người và đưa lên trời. Tuy nhiên, hãy tiếp tục tỉnh thức để kẻ thù không lại bắt đầu cám dỗ hai người."

Thánh Maura đã kể lại thị kiến này cho anh trai mình là Timôthê, và họ an ủi lẫn nhau về Chúa.

Khi đến giờ thứ sáu của ngày thứ mười, các Thiên thần của Đức Chúa Trời đã đến để đón linh hồn các thánh tử đạo. Lúc đó, Thánh Maura, quay sang đám đông đang chứng kiến những đau khổ của bà, đã nói bằng giọng vang dội:

– Anh em và chị em thân mến! Hãy nhớ rằng chúng ta đã sống theo cách của loài người (theo thế gian) khi còn ở giữa mọi người; nhưng sau đó, chúng ta đã sống theo ý Chúa, với tư cách là tôi tớ của Ngài. Và giờ đây, chúng ta sắp được nhận những vương miện bất tử từ Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta. Cũng như vậy, các anh chị em, khi thực hiện mọi điều mà bản tính con người đòi hỏi, hãy cố gắng thực hiện cả những điều đẹp lòng Thiên Chúa; khi đó, các anh chị em sẽ được tha thứ tội lỗi và nhận được những vương miện từ chính Đấng Chủ Tể và Thiên Chúa của chúng ta.

Khi Thánh Maura kết thúc những lời này, cả hai vị thánh đã phó thác linh hồn trong sạch của mình vào tay Đức Chúa Trời[3381] . Như vậy, những đau khổ của họ đã được đền bù bằng vương miện công chính từ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, muôn đời. Amen.

[3381] Các thánh tử đạo qua đời vào khoảng năm 286. Sau đó, tại Constantinopolis, lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Timôthê và Maura được tổ chức long trọng tại nhà thờ được xây dựng để vinh danh các ngài, gần các cung điện của Justinian; dựa trên điều này, có thể suy đoán rằng tại nhà thờ này có lưu giữ di cốt hoặc một phần di cốt của các ngài.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Sau khi chịu đựng muôn vàn đau khổ và nhận được vương miện từ Thiên Chúa, xin cầu thay cho chúng con trước Chúa, những ai đang cử hành lễ kính các ngài, Thánh Timôthê vĩ đại và Thánh Maura vinh hiển, để thành phố và dân chúng được bình an: vì đó chính là sự củng cố cho những người trung thành.

Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Theodosius, Bề trên Tu viện Pechersk

Ngày kỷ niệm: 3 tháng 5

Sau vị Thánh Cha đáng kính và đầy ân sủng của chúng ta là Thánh Antôn, ngọn đèn sáng chói của Giáo Hội Nga và vị tu sĩ dũng cảm của Tu viện Kiev-Pechersk vinh quang, là vị Thánh Cha đáng kính và đầy ân sủng của chúng ta là Thánh Theodosius, người đã được Thiên Chúa tôn vinh qua vô số công đức và phép lạ. Đối với tất cả những ai mong muốn tìm hiểu về cuộc đời của vị thánh vĩ đại này, Thánh Nestor, nhà biên niên sử của Tu viện Pechersk, đã lưu giữ cho chúng ta những thông tin chi tiết về ngài; với tư cách là một nhân chứng trung thành từ trời cao, ngài cung cấp cho chúng ta những thông tin đáng tin cậy về cuộc đời của Thánh Theodosius. Dựa trên cuốn tiểu sử này, với một số cắt giảm nhỏ, câu chuyện được trình bày ở đây đã được biên soạn.

Quê hương của vị Thánh và Cha thánh thiện của chúng ta, Thánh Theodosius, là một trong những thành phố thuộc đất nước Nga – Vasilev[3382] . Cha mẹ đạo đức của ngài đã nuôi dạy con trai mình trong sự sùng đạo từ khi còn nhỏ, và khi ngài lớn lên, họ đã gửi ngài đi học chữ. Chẳng bao lâu, Thánh Theodosius đã nghiên cứu Kinh Thánh một cách sâu sắc đến nỗi mọi người đều ngạc nhiên trước trí tuệ và sự khôn ngoan của ngài. Từ thuở thiếu niên, Thánh Theodosius đã hằng ngày siêng năng đến nhà thờ Chúa, chăm chú lắng nghe mọi điều được đọc và hát tại đó, và luôn ở lại đến cuối các thánh lễ.

Ngay từ những năm tháng đó, cậu đã tránh xa các bạn cùng lứa tuổi và không tham gia vào bất kỳ trò chơi trẻ con nào.

Khi Theodosius tròn 13 tuổi, vì một lý do nào đó, cha mẹ cậu phải chuyển đến Kursk[3383] – một thành phố nằm gần trung tâm đất nước Nga hơn. Tại đây, không lâu sau đó, theo ý định của Thượng Đế, cha cậu đã qua đời, linh hồn công chính của ông đã rời khỏi cõi trần gian để về với thiên đàng. Mất cha, cậu bé Feodosiy mười ba tuổi sống cùng mẹ, được ân sủng của Chúa củng cố theo năm tháng. Sau khi cha trần thế qua đời, Thêôđôsiô bắt đầu nỗ lực hơn nữa để tìm kiếm sự sống đời đời trên thiên đàng: cậu khao khát thực hiện những việc làm đẹp lòng Chúa và tránh xa mọi thú vui trần tục; cậu không còn mặc quần áo đắt tiền nữa mà chỉ mặc những bộ quần áo đơn sơ. Cậu luôn chỉ có một mong muốn duy nhất – đó là đạt được sự cứu rỗi.

Một lần nọ, Theodosius tình cờ gặp những người lữ hành đến từ Jerusalem. Bị cuốn hút bởi những câu chuyện của họ và tràn ngập tình yêu mãnh liệt dành cho các thánh địa, chàng trai phúc lành này đã nài nỉ họ cùng mình đến viếng thăm những nơi thánh thiêng ấy, nơi Đấng Cứu Thế của thế gian đã ngự trị và đổ máu quý giá của Ngài vì sự cứu rỗi của chúng ta. Và thế là, thực hiện ý định của mình, vào ban đêm, Theodosius lén lút rời khỏi nhà mà không cho mẹ biết, lên đường đi một chặng đường xa xôi. Còn người mẹ thì trong ba ngày liền, nước mắt giàn giụa, đi tìm con khắp thành phố cho đến khi biết được con đã đi đâu. Lúc đó, người mẹ cùng con trai út lập tức lên đường đi tìm con và, khi đuổi kịp, trong cơn giận dữ tột độ, bà đã đánh đập con một cách tàn nhẫn, quật ngã con xuống đất và giẫm đạp lên người con. Sau đó, đưa con về nhà, bà nhốt con trong phòng. Theodosius đã chịu đựng tất cả những điều này mà không than vãn, thậm chí còn với lòng biết ơn. Cuối cùng, người mẹ thương xót anh, thả anh ra và trong nước mắt, bà bắt đầu van nài anh đừng đi đâu cả khỏi nhà bà. Lúc đó, Theodosius quay trở lại với những việc làm tốt đẹp trước đây và vẫn tiếp tục đến nhà thờ mỗi ngày.

[3382] Thành phố Vasilev mang tên Vasilkov vẫn tồn tại cho đến ngày nay và là một thị trấn cấp huyện thuộc tỉnh Kiev; nó nằm cách Kiev 36 verst về phía tây nam và tọa lạc bên sông Stugna, một nhánh của sông Dnieper. – Thánh Theodosius sinh ra trong khoảng năm 1035–1038.

[3383] Lý do khiến cha mẹ Thánh Feodosiy chuyển đến Kursk là do lệnh của hoàng tử yêu cầu cha của Thánh Feodosiy chuyển từ Vasilev đến Kursk để phục vụ. Tại Vasilev, cũng như tại Kursk, cha của Thánh Feodosiy có lẽ đã đảm nhận chức vụ "tina" của công tước, tức là thẩm phán, người hòa giải dân sự (trong các vụ việc không thuộc hình sự).

Một lần, nhận thấy rằng tại nhà thờ thường không cử hành Thánh lễ do thiếu bánh thánh, Feodosiy quyết định tự tay chuẩn bị bánh để dâng lên Thiên Chúa. Với mục đích đó, Feodosiy mua lúa mì, tự tay xay và nướng thành bánh thánh, rồi mang đến dâng cho nhà thờ. Còn nếu anh nhận được một ít tiền từ những người dâng bánh thánh cho Thánh lễ, thì Theodosius lại dành số tiền đó cho những người nghèo. Anh đã sống cuộc đời như vậy trong khoảng hai năm hoặc hơn một chút, không để ý đến những trở ngại mà kẻ thù của loài người – ma quỷ – gây ra cho anh trong việc này. Dưới sự xúi giục của ma quỷ, những người cùng lứa tuổi với Theodosius đã phẫn nộ vì điều này, và họ còn cố gắng xúi giục ngay cả mẹ của anh chống lại anh. Mẹ anh nói với Theodosius:

– Con ơi, xin con hãy bỏ công việc đó đi; vì nó mà con đang khiến gia đình mình bị người ta chỉ trích.

Còn cậu thiếu niên thánh thiện thì khiêm nhường đáp lại:

– Hãy nghe con, mẹ ơi, con xin mẹ! Chính Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, đã hạ mình vì chúng ta và qua đó đã làm gương cho chúng ta, để chúng ta cũng hạ mình vì Ngài. Chính Ngài, trong Bữa Tiệc Ly, đã biến bánh thành Thân Thể Ngài; vậy thì làm sao có thể chỉ trích hay trách móc một người đang chuẩn bị bánh, trên đó sẽ diễn ra mầu nhiệm vĩ đại của việc biến bánh thành Thân Thể Chúa Kitô?

Nghe câu trả lời ấy, người mẹ vô cùng ngạc nhiên trước sự khôn ngoan của cậu thiếu niên và từ đó không còn quấy rầy cậu nữa. Tuy nhiên, ma quỷ không ngừng xúi giục bà chống lại cậu thiếu niên khiêm nhường và siêng năng ấy, và xúi giục bà cấm con trai mình làm bánh thánh. Một năm trôi qua, người mẹ, khi thấy Theodosius đang nướng bánh thánh và da mặt đỏ ửng vì hơi nóng từ lò, lại bắt đầu thuyết phục cậu từ bỏ việc nướng bánh thánh. Bà tác động lên con trai mình lúc thì bằng lời ngọt ngào, lúc thì bằng lời đe dọa, và đôi khi thậm chí bằng những trận đòn roi. Chàng trai thánh thiện, không biết phải làm sao, đã thức dậy vào ban đêm và lén lút rời khỏi nhà. Sau khi rời khỏi đây đến một thành phố lân cận, cậu đến ở nhờ tại nhà một vị linh mục, và tiếp tục công việc của mình tại đó. Mẹ cậu lại tìm ra cậu, đánh đập cậu và ép cậu phải quay trở lại thành phố của mình.

Thị trưởng thành phố Kursk, khi nhận thấy sự khiêm nhường và những lời cầu nguyện thành kính của Thánh Theodosius trong nhà thờ, đã tặng anh bộ quần áo sáng màu để mặc. Sau khi mặc bộ quần áo mới được một thời gian ngắn, Theodosius đã tặng nó cho những người ăn xin. Thị trưởng lại cho anh ta mặc một bộ quần áo còn đẹp hơn, nhưng cậu thiếu niên cũng tặng cả bộ đó cho những người nghèo. Thánh Feodosiy đã hành động như vậy nhiều lần.

Sau đó, vị thánh hạnh phúc này đến xưởng rèn và nhờ thợ rèn rèn cho mình một chiếc thắt lưng sắt hình xích. Chiếc thắt lưng chật chội và cắm sâu vào da thịt đến chảy máu này, ngài đeo trực tiếp lên người và từ đó không bao giờ tháo ra nữa.

Một lần vào dịp lễ, quan trưởng thành phố ra lệnh cho Theodosius phải có mặt tại bữa tiệc do ông ta tổ chức, với mong muốn cậu thiếu niên sẽ phục vụ các vị khách của ông. Khi chuẩn bị đi dự tiệc, theo lời dặn dò của mẹ, cậu thiếu niên phải mặc trang phục lễ hội. Và khi cậu bắt đầu mặc quần áo, mẹ cậu đã nhìn thấy vết máu trên chiếc áo chiton (quần áo lót) của cậu, dù cậu có cố gắng che giấu điều đó với bà đến đâu đi chăng nữa. Muốn biết tại sao cơ thể cậu bé lại dính máu, người mẹ bắt đầu quan sát kỹ hơn và, khi phát hiện ra chiếc thắt lưng sắt trên người cậu, bà đã chắc chắn rằng máu chảy ra từ những vết thương do chiếc thắt lưng sắt cắm sâu vào cơ thể. Tức giận với Theodosius, người mẹ xé toạc chiếc áo choàng của cậu và dùng roi đánh để tháo chiếc thắt lưng ra khỏi người con trai. Còn vị thánh, dường như không hề cảm thấy bị xúc phạm, đã mặc quần áo vào và với sự khiêm tốn sâu sắc, phục vụ bữa tối cho quan trưởng thành phố và các vị khách của ông.

Một thời gian sau, Theodosius đã nghe được những lời trong Phúc Âm tại nhà thờ: *"Ai yêu cha hay mẹ hơn Ta, thì không xứng đáng với Ta"* (Mt 10:37); và còn nữa: *"Mẹ Ta và anh em Ta là những ai nghe Lời Chúa và thực hành Lời ấy"* (Lc 8:21). Được những lời này khơi dậy lòng nhiệt huyết hướng tới những việc làm thánh thiện, Theodosius đã lén rời khỏi nhà để đến thành phố Kiev. Tại đây, ông nghe kể về cuộc sống tu hành nghiêm ngặt trong hang động của Thánh Antony và, vì tò mò về những câu chuyện về ngài, ông mong muốn được đến thăm vị tu sĩ cao niên này. Khi đến hang động của Thánh Antôn, Thêôđôsiô quỳ gối trước mặt ngài và trong nước mắt bắt đầu nài nỉ ngài nhận mình vào để thực hành đời sống tu hành. Còn Thánh Antôn, sau khi lắng nghe lời thỉnh cầu của cậu, đã trả lời như sau:

– Hỡi cậu bé, con thấy hang động này u ám và chật hẹp thế nào rồi đó; con sẽ không chịu đựng nổi những khó khăn ở đây đâu.

Nghe vậy, chàng trai được Thánh Thần soi dẫn đã đáp lại với lòng cảm động:

– Chúa đã dẫn con đến hang động thánh thiêng của ngài, rõ ràng báo trước rằng con phải được cứu rỗi nhờ ngài. Con sẽ tuân theo mọi điều ngài truyền dạy.

Lúc đó, Thánh Antony đã đón nhận cậu với tình yêu thương, ban phước lành và giao cậu cho sự chăm sóc của vị linh mục có học thức, Thánh Nikon, người đã sớm cắt tóc cho cậu thanh niên để trở thành tu sĩ. Theodosius nhận lễ cắt tóc khi mới 23 tuổi, ngay sau khi vị hoàng tử trung thành của Kiev, Yaroslav Vladimirovich, qua đời[3384] .

Sau khi nhận chức tu sĩ thánh thiện, Thánh Theodosius đã dâng hiến trọn vẹn bản thân để phụng sự Thiên Chúa và tận tâm thực hiện ý muốn của vị sư phụ Antony. Ngài hăng hái thực hiện những công việc tu hành vĩ đại, như một người tu hành đã gánh vác ách của Chúa Kitô. Vượt qua cơn buồn ngủ, ngài thức trắng cả đêm để ngợi khen Thiên Chúa; còn ban ngày, bằng cách kiềm chế xác thịt qua việc kiêng khem và nhịn ăn, ngài thực hiện nhiều công việc nặng nhọc. Sự đạo đức, khiêm nhường, sự tỉnh táo và tinh thần cần cù của chàng trai trẻ này đã khiến ngay cả Thánh Antôn và Thánh Nikon cũng phải ngạc nhiên; khi chứng kiến cuộc sống chính trực của Thánh Theodosius, cả hai đều ngợi khen Thiên Chúa vì điều đó.

Trong khi đó, mẹ của Theodosius, sau khi tìm kiếm con trai mình khắp thành phố và vùng lân cận mà không thấy, đã khóc than như thể con trai bà đã qua đời. Chỉ sau đó, khi đã qua một thời gian dài, bà mới biết tin con trai mình đã xuất gia tại Kiev dưới sự hướng dẫn của Thánh Antony trong hang động. Lúc đó, bà đến gặp vị tu sĩ già này và xin ngài ra khỏi hang động để gặp bà. Khi vị tu sĩ cuối cùng cũng bước ra gặp bà, bà đã khóc lóc và tha thiết xin ông cho bà được gặp con trai. Biết được lời thỉnh cầu của người mẹ từ vị tu sĩ, chàng trai cảm thấy vô cùng bối rối vì không thể nào trốn tránh bà được; tuy nhiên, nghe theo lời khuyên nhủ của Thánh Antôn, anh đã bước ra khỏi hang động để gặp mẹ. Khi nhìn thấy con trai mình đã trở thành một tu sĩ với gương mặt gầy gò vì những công đức và lao nhọc vĩ đại, người mẹ ngã vào lòng con và, khóc lóc thảm thiết, nói với con:

– Hãy trở về nhà với mẹ, con trai ơi, và hãy làm theo ý mình mọi điều mà con cho là có ích cho sự cứu rỗi linh hồn con. Khi mẹ qua đời, hãy chôn cất thi thể mẹ xuống đất, rồi hãy trở lại hang động này. Mẹ không thể sống thiếu con được.

Chàng trai thánh thiện đáp lại:

– Mẹ hãy ở lại đây, tại Kiev, và xuất gia trong tu viện nữ, như vậy mẹ sẽ có cơ hội thỉnh thoảng đến gặp con. Bằng cách đó, mẹ sẽ đạt được sự cứu rỗi và được chiêm ngưỡng Thiên Chúa trong cuộc sống vĩnh cửu.

Nhưng người mẹ không thèm nghe lời con trai. Lúc đó, vị thánh, sau khi trở về hang động, bắt đầu cầu nguyện hết lòng với Chúa để cứu rỗi linh hồn mẹ mình. Và Chúa đã nghe lời cầu nguyện của vị thánh nhân của Ngài. Vài ngày sau, người mẹ đến gặp anh và nói:

– Con ơi, mẹ sẽ làm theo lời khuyên của con và sẽ không bao giờ trở về nhà nữa. Sau khi xuất gia theo ý muốn của Đức Chúa Trời, mẹ sẽ dành phần đời còn lại trong tu viện nữ, vì mẹ đã nhận ra, như con đã nói với mẹ, rằng thế gian tạm bợ này chẳng là gì cả.

Khi biết tin này, vị thánh hạnh phúc vô cùng và đã kể lại ý định của mẹ mình cho Thánh Antôn. Ngài đã ngợi khen Chúa vì đã khiến trái tim mẹ ngài quay về con đường chân lý, rồi bước ra khỏi hang động, ngài đã giảng dạy bà bằng những lời khuyên cứu rỗi linh hồn trong một thời gian dài; sau đó, ngài dẫn bà đến tu viện nữ Thánh Nicholas, nơi bà đã nhận lễ xuất gia. Sau khi sống tại đó một cách đạo đức trong vài năm, mẹ của Thánh Theodosius đã an lành về với Chúa.

Sau khi mẹ thọ giới, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã từ bỏ hoàn toàn mọi lo toan trần thế và cùng với Thánh An-tô-ni-ô và Thánh Ni-cô-nô, ngài càng nhiệt thành hơn trong việc tu hành. Trong cộng đồng các vị trưởng lão, Thánh Feodosiy sớm bộc lộ khả năng chiến thắng các thần ác bằng cách tác động lên chúng qua việc ăn chay và cầu nguyện. Chính Đức Chúa Trời đã giúp đỡ họ trong việc này, Ngài đã phán: *"Vì ở đâu có hai hoặc ba người tụ họp nhân danh Ta, thì Ta ở giữa họ"* (Mt 18:20).

Khi Thánh Nikon cần phải rời tu viện để thực hiện những công việc tu hành khắc khổ hơn tại một nơi khác, Thánh Theodosius, theo ý muốn của Đức Chúa Trời và theo nguyện vọng của Thánh Antony, đã được phong chức linh mục[3385] . Sau khi nhận chức vụ này, ngài luôn cố gắng cử hành Thánh Lễ mỗi ngày với lòng kính sợ Chúa vô cùng. Ngay sau khi Thánh Phê-ô-đô-xi được phong chức, Thánh An-tô-ni đã tập hợp 12 tu sĩ trong cộng đoàn tại

[3384] Đó là vào các năm 1055–1056. Yaroslav I Vladimirovich trị vì từ năm 1019 đến năm 1054.
[3385] Đó là vào các năm 1056–1057.

hang động, bổ nhiệm Thánh Varlaam làm Bề trên, còn bản thân ngài thì rời khỏi đó và tiếp tục tu hành tại một hang động khác do chính ngài đào. Lúc bấy giờ, Cha Thê-ô-đô-xi-ô, vị linh mục đáng kính và đầy lòng sùng kính của chúng ta, người vẫn ở lại hang động của Thánh An-tô-ni-ô cùng với vị tu viện trưởng được chúc phúc Varlaam, đã cùng nhau xây dựng một nhà thờ nhỏ trên hang động để tôn vinh Đức Mẹ Thiên Chúa, dành cho việc cầu nguyện chung của cộng đoàn.

Thánh Theodosius lúc bấy giờ vượt trội hơn tất cả mọi người nhờ những công đức vĩ đại của ngài: việc ăn chay, sự hăng hái, lao động chân tay, và hơn hết là lòng khiêm nhường và sự vâng lời. Ngài giúp đỡ các tu sĩ: lúc thì mang nước, lúc thì mang củi từ rừng về, lúc thì thực hiện vào ban đêm những công việc được giao cho các tu sĩ khác; hơn nữa, ngài luôn thức trắng cả đêm, đứng cầu nguyện. Thỉnh thoảng vào ban đêm mùa hè, ngài leo lên đỉnh hang động và, cởi trần đến thắt lưng, để cơ thể mình chịu sự đốt cắn của vô số ruồi và muỗi. Trong lúc đó, bằng đôi tay, ông quay sợi len, còn bằng đôi môi, ông ngâm những câu thơ trong sách Thánh vịnh. Do bị côn trùng đốt và cắn nhiều lần, toàn thân ông nhuốm đầy máu, nhưng ông vẫn ngồi bất động, không nhúc nhích khỏi chỗ cho đến khi tiếng chuông báo giờ cầu nguyện buổi sáng vang lên. Ông lại là người đầu tiên đến nhà thờ và, khi đã đứng vào chỗ của mình, ông miệt mài thực hiện các lời cầu nguyện trong nhà thờ, không để tâm trí bị phân tán bởi những suy nghĩ phù phiếm. Và ông là người cuối cùng rời khỏi nhà thờ. Chứng kiến tất cả những điều này, mọi người đều kinh ngạc trước sự khiêm nhường và lòng kiên nhẫn của ông, và đối xử với ông bằng tình yêu thương, như đối với một người cha.

Một thời gian sau, Thánh Varlaam, người đứng đầu các tu sĩ sống trong hang động, được Công tước Izyaslav[3386] bổ nhiệm làm vị tu viện trưởng của Tu viện Thánh Đại Tử đạo Dimitri. Lúc bấy giờ, theo nguyện vọng và lời thỉnh cầu của toàn thể các tu sĩ, Thánh Antôn đã triệu tập Thánh Theodosius đến và ban phước cho ngài đảm nhận chức vụ Bề trên của mười hai tu sĩ đang cư ngụ tại Tu viện Pechersk. Vị tu viện trưởng đáng kính này, vị cha đáng kính của chúng ta là Thánh Theodosius, ngay cả khi đảm nhận chức vụ cao quý này, vẫn không thay đổi lối sống khiêm nhường của mình và vẫn nghiêm khắc tự kiểm soát hành vi của mình, *"làm gương cho người khác về những việc lành"* (Tít 2:7); Ngài là người đầu tiên hoàn thành công việc, đến nhà thờ dự thánh lễ sớm hơn mọi người và ra về muộn nhất. Nhờ những lời cầu nguyện đẹp lòng Chúa của vị thánh nhân này, Tu viện Pechersk từ đó đã nở rộ và ngày càng thịnh vượng. Như vậy, lời chép trong Kinh Thánh đã ứng nghiệm: *"những người công chính nở rộ như cây cọ, vươn cao như cây tuyết tùng trên núi Li-băng"* (Thi Thiên 91:13). Quả thực, cũng như hạt giống nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời khi gieo vào đất tốt sẽ sinh hoa kết trái gấp trăm lần, thánh Theodosius cũng đã làm gia tăng số lượng các anh em tu sĩ trong Tu viện Pechersk. Dần dần, ngài đã quy tụ được một trăm anh em vào tu viện của mình, những người sống một cuộc đời tràn đầy đức hạnh; nhiều người trong số họ đã mang lại *"những hoa trái xứng đáng của sự sám hối"* (xem Mt 3:8).

Do số lượng anh em tăng lên đáng kể, hang động trở nên chật chội, khiến các tu sĩ khó duy trì cuộc sống thinh lặng một cách nghiêm ngặt; nhà thờ cũng trở nên quá chật chội cho việc cầu nguyện chung. Do đó, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã chọn một địa điểm đẹp, nằm không xa hang động, đủ rộng để xây dựng tường tu viện, và quyết định xây dựng tu viện tại đây. Với sự ban phước của Thánh Antôn, ngài đã xin nơi này từ Công tước Izyaslav, người yêu mến Chúa Kitô, và sau đó, nhờ ơn Chúa, ngài đã nhanh chóng xây dựng trên đó một nhà thờ gỗ rộng rãi để tôn vinh Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Sau đó, ngài dựng lên tường bao tu viện tại đó và, sau khi xây dựng đủ số phòng tu, ngài cùng các tu sĩ chuyển đến tu viện mới.

Một lần, vị thánh Efrem đã viếng thăm tu viện này; chính nhờ ngài mà Đức Chúa Trời đã dẫn dắt Thánh Theodosius đến để tìm hiểu chi tiết về Hiến chương tu viện Studion về đời sống tu hành[3387] . Sau khi nhận được từ Efrem bản sao đầy đủ của Hiến chương thánh của tu viện Studion, Thánh Theodosius đã tuân theo mọi điều trong đó và áp dụng vào các công việc của tu viện mình. Và sau này, tất cả các tu viện Nga khác cũng đã chấp nhận bộ quy tắc này, noi gương tu viện Pechersk cổ xưa nhất.

[3386] Izyaslav I Yaroslavich trị vì từ năm 1054 đến năm 1073, sau đó trị vì lần thứ hai từ năm 1076 đến năm 1078.

[3387] Thánh Ephrem đã đi đến Constantinople, nơi ngài sao chép Hiến chương của Tu viện Studion. Hiến chương này được soạn thảo bởi Thánh Phê-ô-đô-rô Studite, vị tu viện trưởng của Tu viện Studion tại Constantinopolis, vào đầu thế kỷ IX. Vào cuối thế kỷ IX, nó được áp dụng làm quy tắc hướng dẫn cho Giáo hội Nga và được duy trì tại đó cho đến giữa thế kỷ XIV, khi bắt đầu nhường chỗ cho hiến chương Giê-ru-sa-lem (bộ quy tắc này được Thánh Savva Thánh Hóa đưa vào các tu viện ở Palestine vào thế kỷ VI – Lễ kính Thánh Savva được cử hành vào ngày 5 tháng 12) các quy tắc sinh hoạt chung trong đời sống tu viện của Thánh Basil Đại Đế. Lễ kính Thánh Ephrem được Giáo hội cử hành vào ngày 28 tháng 1

Thánh Theodosius đã tận tâm dạy dỗ các môn đệ của mình, khích lệ họ hướng tới sự sám hối chân thành. Vị thầy đáng kính này có thói quen mỗi đêm đi thăm các phòng tu của các tu sĩ; qua đó, ngài nắm bắt được lối sống của các tu sĩ và đánh giá mức độ tận tâm trong các việc tu hành của từng tu sĩ. Ngài vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa khi, trong lúc đi thăm các phòng tu, nghe thấy lời cầu nguyện của một tu sĩ; nhưng khi ngài nghe thấy, sau giờ cầu nguyện buổi tối, hai hoặc ba tu sĩ tụ tập trong phòng để trò chuyện, thì Thánh Theodosius, để báo hiệu sự hiện diện của mình, gõ tay vào cửa và với trái tim tan nát, ngài lặng lẽ rời đi. Ngày hôm sau, ngài gọi những người có lỗi đến và, không chỉ trích trực tiếp, mà dùng những câu chuyện ngụ ngôn để khơi dậy lòng ăn năn nơi họ. Người anh em có lòng hiền lành, ngay khi nhận ra lỗi lầm của mình, liền xin tha thứ; còn người có lòng cứng cỏi, nghĩ rằng vị tu viện trưởng đang dùng những câu chuyện ngụ ngôn để nói về một người khác chứ không phải chính mình, nên không thừa nhận hành vi của mình cho đến khi vị tu viện trưởng, không trực tiếp chỉ trích anh ta, đã áp đặt hình phạt sám hối lên người có lỗi. Như vậy, Thánh Theodosius dạy các tu sĩ siêng năng cầu nguyện với Chúa, không nói chuyện sau giờ cầu nguyện buổi tối và càng không được đi từ phòng này sang phòng khác để trò chuyện; ngài dạy mỗi người cầu nguyện trong phòng riêng của mình, và khi làm việc tay chân thì luôn đọc to các Thánh vịnh của Đa-vít. Trong suốt cuộc đời ngài, các tu sĩ dường như sánh ngang với các Thiên thần của Chúa về những việc lành, còn Tu viện Pechersk thì giống như một tu viện trên trời. Quả thực, tại tu viện của mình, vị Thánh Cha Theodosius của chúng ta đã tỏa sáng bằng ánh sáng của những việc lành, như một ngọn đèn lớn trên trời. Nhờ cuộc đời chính trực của mình, Theodosius đã được Thiên Chúa tôn vinh trước mặt mọi người ngay khi còn sống, được chiếu rọi bởi ánh sáng hữu hình. Điều này xảy ra trong hoàn cảnh sau đây.

Một đêm tối mịt mù, vị tu viện trưởng của Tu viện Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, Sofronius, đang trên đường trở về phòng mình qua tu viện của Thánh Theodosius. Bỗng nhiên, một ánh sáng kỳ diệu hiện ra trước mắt ngài, chiếu rọi trên tu viện của vị thánh công chính. Bị ấn tượng mạnh bởi hiện tượng kỳ lạ này, Sofronius đã ngợi khen Đức Chúa Trời, nói rằng: "Lòng thương xót của Ngài thật vĩ đại biết bao, lạy Chúa! Ngài đã ban cho người dân nơi đây một ngọn đèn, đó là Thánh Theodosius, và ngài đang chiếu sáng tu viện bằng ánh sáng của mình."

Những hiện tượng tương tự đã được nhiều người khác chứng kiến nhiều lần, và vì dân chúng bàn tán nhiều về điều này, nên tin đồn đã lan đến tai vị công tước và các quan đại thần của ngài. Những ánh sáng rực rỡ ấy chính là sự phản chiếu của cuộc đời chính trực của vị thánh già. Mọi người đều giải thích hiện tượng này như vậy.

Thánh Phê-ô-đô-xi-ô được Công tước Izyaslav, người yêu mến Chúa Kitô và đã lên ngôi Công tước tại Kiev sau khi kế vị cha mình là Yaroslav, hết mực yêu mến. Izyaslav thường đến thăm vị thánh để thưởng thức những cuộc trò chuyện đầy cảm hứng từ Thiên Chúa của ngài. Cần lưu ý rằng vị thánh cha của chúng ta, Thánh Feodosiy, đã ra lệnh nghiêm khắc cho người gác cổng: trong khoảng thời gian giữa Thánh lễ trưa và Thánh lễ chiều, không được mở cổng và không cho ai vào tu viện. Bằng cách này, ngài muốn tạo điều kiện cho các tu sĩ nghỉ ngơi vào ban ngày trước những giờ cầu nguyện kéo dài suốt đêm và những bài thánh ca vào buổi sáng. Một lần nọ, vào khoảng giờ đó, Hoàng tử Izyaslav, người yêu mến Chúa, đã cưỡi ngựa đến, đi cùng một thiếu niên (trước đó, hoàng tử chưa bao giờ cưỡi ngựa đến tu viện). Sau khi xuống ngựa, Izyaslav tiến đến cổng và gõ cửa, ra lệnh cho người gác cổng mở cổng ra. Người gác cổng giải thích với ngài rằng theo lệnh của vị tu viện trưởng, không được mở cổng cho ai trước giờ kinh chiều. Lúc đó, hoàng tử, muốn cho người gác cổng biết mình là ai, đã nói:

– Là ta đây, hãy mở cửa cho riêng ta.

Người gác cổng, không biết rằng người đang nói chuyện với mình là hoàng tử, đáp lại:

– Tôi đã nói với ngài rồi: vị tu viện trưởng không cho phép mở cổng cho ai cả, ngay cả chính hoàng tử, nếu ngài có đến. Vì vậy, nếu ngài muốn, hãy đợi một chút cho đến giờ kinh chiều.

– Ta là hoàng tử, – Izyaslav nói, – ngươi thật sự không mở cửa cho ta sao?

Người gác cổng cúi xuống dưới cổng để xác nhận đó chính là hoàng tử, nhưng vẫn không mở cổng, mà đi báo tin này cho vị tu sĩ. Hoàng tử đành phải kiên nhẫn chờ đợi bên cổng. Sau đó, vị tu sĩ bước ra và, khi thấy hoàng tử, đã cúi chào ngài. Lúc đó, hoàng tử bắt đầu nói với Thánh Theodosius:

– Lệnh của cha thật nghiêm khắc, thưa cha: vị tu sĩ nói rằng cha đã ra lệnh không được cho phép ngay cả hoàng tử vào.

Vị thánh nhân đáp:

– Điều đó, thưa ngài tốt lành, là để các tu sĩ được nghỉ ngơi một chút vào buổi trưa trước khi bắt đầu công việc cầu nguyện ban đêm sắp tới. Nhưng lòng khao khát đáng khen ngợi của ngài đối với Đức Mẹ Thiên Chúa, Mẹ

Thánh của chúng ta, là điều tốt lành và cứu rỗi cho linh hồn ngài; và chúng tôi rất vui mừng vì ngài đã đến thăm chúng tôi.

Sau đó, họ vào nhà thờ; tại đây, sau khi vị tu sĩ đọc lời cầu nguyện, vị công tước yêu mến Chúa đã có một cuộc trò chuyện bổ ích cho tâm hồn với Thánh Theodosius. Sau đó, vị hoàng tử trở về nhà với nhiều lợi ích cho bản thân, ca ngợi Thiên Chúa. Kể từ ngày đó, Izyaslav càng gắn bó hơn với vị thánh và, khi thấy ngài giống như các vị thánh tổ tiên xưa, đã tuân theo mọi lời khuyên của ngài trong mọi việc.

Dù được hoàng tử và các quan đại thần kính trọng, vị tu sĩ đáng kính của chúng ta là Thánh Theodosius không hề kiêu ngạo vì điều đó, mà thực sự, giống như một vì sao sáng rực rỡ trong bóng tối, ngài càng khoác lên mình sự khiêm nhường lớn lao hơn, và càng nỗ lực hơn nữa, dạy dỗ các môn đệ không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động. Bất chấp chức vụ Bề trên, Thánh Theodosius thường ghé vào lò bánh và làm việc cùng các thợ làm bánh, nhào bột và cán bánh. Vị thánh không che giấu tài năng về sức khỏe thể chất mà Thiên Chúa đã ban cho ngài, nhưng luôn vui vẻ trong tinh thần, dùng sự hăng hái của mình để khích lệ những người khác, khuyên họ đừng bao giờ lơi lỏng trong sự tận tụy với công việc của mình.

Một lần, vào đêm trước lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, người quản lý kho thực phẩm Theodor đến gặp vị thánh và báo rằng nhà bếp thiếu nước, mà không có ai để đi lấy. Lúc đó, vị thánh đứng dậy và ngay lập tức tự mình đi múc nước từ giếng. Một vị tu sĩ trong cộng đoàn, khi thấy vị Bề trên đang làm việc đó, vội vàng kể lại cho các tu sĩ khác nghe, và họ lập tức tập trung lại, mang nước về dư dả.

Còn có một trường hợp tương tự khác. Có lần, họ không chuẩn bị đủ củi để nấu ăn; người quản lý nhà bếp lại đến gặp vị tu sĩ và nói:

– Xin cha hãy sai một người nào đó trong các tu sĩ, người chưa có việc gì làm, đi chuẩn bị đủ lượng củi cần thiết.

– Con rảnh, để con đi, – vị thánh nhân đáp.

Cuộc trò chuyện này diễn ra vào giờ ăn trưa. Vị Thánh, cầm lấy cái rìu, đi ra và tự tay chặt củi, còn các tu sĩ khác thì ngài bảo đi ăn trưa. Khi ra khỏi phòng ăn sau bữa trưa, các tu sĩ thấy vị Bề trên của mình đang làm việc. Cảm thấy xấu hổ trước sự khiêm nhường của ngài, các tu sĩ tự tay cầm rìu lên và chuẩn bị đủ lượng củi dùng trong vài ngày.

Khi vị Thánh Phúc Nikon[3388] – người đã cạo đầu cho vị Thánh Phúc – trở về Tu viện Pechersk sau chuyến hành hương tu hành của mình, thì vị Thánh Phúc Theodosius đã tỏ ra hết mực kính trọng ngài như một vị cha, mặc dù lúc đó chính ngài đang giữ chức vụ vị Trưởng tu viện. Và khi Thánh Nikon thiếu chỉ để khâu sách (ông chuyên làm việc này), Thánh Theodosius đã tự tay quay chỉ cho ông. Đó chính là sự khiêm nhường và giản dị trong muôn vàn công việc và hoạt động của vị tu sĩ được Thượng Đế soi sáng. Về trang phục, vị tu viện trưởng cũng mặc rất khiêm tốn và đơn sơ: bên trong là chiếc áo lông cừu thô ráp, bên ngoài là một chiếc áo khác đã sờn rách; ông mặc chiếc áo ngoài này để không cho người ta thấy chiếc áo lông cừu gai bên trong.

Một lần, vị thánh nhân lên đường vì một việc gì đó đến gặp vị công tước yêu mến Chúa Izyaslav; nhưng vì lúc đó vị công tước đang ở xa thành phố, nên Theodosius phải ở lại đó cho đến tối. Khi ngài chuẩn bị về nhà, vị công tước yêu mến Chúa đã ra lệnh cho người ta đưa ngài về tu viện bằng cỗ xe ngựa của mình. Trên đường đi, cậu thiếu niên chở ngài, thấy bộ quần áo tồi tàn của vị tu sĩ và nghĩ rằng đây không phải là vị trụ trì mà chỉ là một tu sĩ bình thường, bèn nói với ngài:

– Hỡi tu sĩ, ngài hãy ngồi lên ngựa, còn tôi sẽ ngồi trên xe ngựa.

Vị tu sĩ ngay lập tức khiêm nhường bước xuống xe ngựa, nhường chỗ trên xe cho cậu thiếu niên, còn bản thân thì hoặc đi bộ bên cạnh, hoặc khi mệt thì leo lên lưng ngựa. Họ đi như vậy suốt đêm. Khi bình minh ló rạng, họ bắt đầu gặp những quan đại thần đang trên đường đến gặp hoàng tử. Những người này, khi nhận ra vị tu sĩ, liền xuống ngựa và cúi đầu chào ông thật sâu. Lúc đó, vị tu sĩ quay sang cậu thiếu niên và nói:

– Đã đến ban ngày rồi, hãy xuống khỏi xe ngựa và lên ngựa của con đi.

Cậu bé, khi thấy các quan lại cúi chào vị tu sĩ, liền hoảng sợ, xuống khỏi xe ngựa và leo lên ngựa của mình. Trong khi đó, những người đi ngược chiều lại càng chào đón vị tu sĩ nồng nhiệt hơn khi ngài ngồi lên xe ngựa. Cậu bé đi cùng ngài lại càng cảm thấy bối rối hơn vì điều đó.

[3388] Thánh Nikon đã lui về phía nam nước Nga, đến Tmutarakan.

Khi họ đến tu viện như vậy, toàn thể các tu sĩ đã ra đón vị thánh nhân và chào đón ngài bằng cách cúi đầu chạm đất. Cậu bé càng thêm kinh hoàng, không hiểu đó là ai mà mọi người đều cúi đầu thờ lạy. Còn vị tu sĩ, nắm lấy tay cậu, dẫn cậu vào phòng ăn và ở đó ra lệnh cho mọi người cho cậu ăn và uống , sau đó cho cậu ra về cùng với những món quà. Sự việc này được mọi người biết đến nhờ chính cậu thiếu niên, còn vị tu sĩ thì không kể cho ai nghe, vì ngài luôn dạy các tu sĩ đừng bao giờ tự cao tự đại trong bất cứ điều gì, mà phải luôn sống khiêm nhường và tự coi mình thấp hơn tất cả mọi người.

Đó chính là sự khiêm nhường mà vị thánh nhân đã dạy cho các tu sĩ của mình. Ngoài ra, ngài còn dạy rằng trước khi bắt đầu bất kỳ việc gì, hãy xin sự chúc lành từ bậc trưởng bối, ghi nhớ lời Kinh Thánh: *"Ai gieo rộng rãi thì sẽ gặt hái rộng rãi"* (2 Cô-rinh-tô 9:6) Ngài đã chứng minh sự đúng đắn của câu nói này qua hành động thực tế. Ngài có thói quen: mỗi khi những người đạo đức đến gặp ngài vì nhu cầu của họ, vị Thánh Tăng, sau khi ban lời dạy thiêng liêng, sẽ cho họ bánh mì và thức ăn nóng từ kho dự trữ của tu viện. Một lần, chính vị hoàng tử, sau khi nếm thử món ăn của tu viện tại đó, đã nói với vị Thánh Tăng:

– Cha biết đấy, ngôi nhà của con tràn ngập mọi của cải trần gian, nhưng con chưa bao giờ được nếm món ăn nào ngọt ngào như ở đây. Dù các tôi tớ của con có chế biến đủ loại món ăn đắt tiền, nhưng chúng cũng không ngọt ngào bằng những món này. Con xin thưa, thưa cha, xin hãy cho con biết tại sao thức ăn của cha lại ngọt ngào đến vậy?

Thánh Theodosius đáp lại:

– Nếu ngài, vị lãnh chúa nhân từ, muốn biết lý do tại sao, xin hãy lắng nghe – tôi sẽ nói cho ngài biết: khi anh em chúng tôi tụ họp để nấu cháo nóng hoặc nướng bánh mì, chúng tôi tuân theo trình tự như sau: trước hết, một tu sĩ đến gặp vị Bề trên và xin sự ban phước từ ngài, sau đó, cúi lạy trước bàn thờ thánh ba lần chạm đất, thắp nến từ bàn thờ và dùng ngọn lửa đó để đốt củi trong nhà bếp và lò nướng bánh. Khi cần đổ nước vào nồi, tu sĩ nói với vị tu sĩ cao niên nhất: "Xin cha ban phước." Người trưởng lão đáp lại: "Chúa ban phước lành cho anh, anh em ạ." Mọi việc ở đây đều bắt đầu bằng lời chúc phúc, chính vì thế mà thức ăn mới có vị ngọt. Còn những người hầu của ngài, tôi nghĩ, họ làm việc trong cãi vã, than vãn và vu khống lẫn nhau, có lẽ thậm chí còn thường xuyên bị các chủ nhân đánh đập. Chính vì thế mà công việc của họ, được thực hiện không khỏi tội lỗi, nên không mang lại sự ngọt ngào.

Nghe xong, hoàng tử nói:

– Quả thật, thưa cha, đúng như lời cha nói.

Khi vị tu sĩ nghe nói về một món ăn nào đó được chế biến mà không có sự ban phước của bậc trưởng lão và trái với các quy tắc tu viện, thì ngài gọi món ăn đó là "món ăn của kẻ thù" và không cho phép đoàn chiên được ban phước của ngài nếm thử; còn thức ăn được chế biến theo cách đó, ngài ra lệnh ném xuống nước hoặc vào lửa. Điều đó cũng đã xảy ra khi vị tu sĩ cùng các tu sĩ trong tu viện lên đường đến tu viện lân cận mang tên Thánh Đại Tử Đạo Dimitri để dự lễ kính ngài. Vào ngày đó, một số người sùng đạo đã gửi đến tu viện những chiếc bánh mì rất ngon. Thánh Theodosius ra lệnh cho người quản lý nhà bếp dọn chúng ra trong bữa ăn cùng ngày cho các tu sĩ còn lại. Nhưng người quản lý kho không tuân theo lệnh của ngài, thầm nghĩ: "Đến khi toàn thể các tu sĩ tụ họp vào ngày mai, lúc đó tôi sẽ dọn những ổ bánh mì này ra trong bữa trưa, còn hôm nay, những tu sĩ còn lại cứ ăn bánh mì thông thường của tu viện."

Và ông ta đã làm đúng như vậy. Ngày hôm sau, vào giờ ăn trưa, vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ đã trở về tu viện. Trong bữa ăn, vị tu sĩ đáng kính nhận thấy rằng những ổ bánh mì được dọn ra chính là những ổ bánh mì được gửi tặng, liền gọi người quản lý nhà bếp và hỏi:

– Những ổ bánh mì này từ đâu ra?

Người quản lý kho trả lời:

– Những ổ bánh mì này được mang đến từ hôm qua, nhưng tôi chưa dọn ra vào ngày hôm đó vì lúc ăn trưa chỉ có ít tu sĩ; tôi nghĩ rằng tốt hơn là nên dọn những ổ bánh mì ngon này cho toàn thể tu sĩ khi họ tụ họp lại với nhau.

Vị thánh nhân bèn nói với anh ta:

– Đáng lẽ anh không nên lo lắng về ngày mai, mà phải làm theo lệnh của tôi. Vì Chúa, Đấng luôn quan tâm đến chúng ta, hôm nay cũng sẽ ban cho chúng ta mọi thứ cần thiết, và thậm chí còn hơn thế nữa.

Sau đó, ngài ra lệnh thu gom những lát bánh mì đã cắt vào giỏ rồi ném xuống sông, đồng thời áp đặt hình phạt sám hối lên người quản lý kho vì đã không tuân theo lệnh của ngài. Ngài cũng xử lý tương tự với các tu sĩ khác mỗi khi họ không vâng lời các bậc trưởng lão trong bất kỳ việc gì.

Thấy các tu sĩ vẫn chưa hoàn toàn buông bỏ lo toan về ngày mai và việc tích lũy của cải tạm bợ (điều này trái với lời khấn tu sĩ), Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã dạy các tu sĩ của mình tuân theo đức tính không tham lam. Ngài nói rằng các tu sĩ phải làm giàu bằng đức tin và niềm tin cậy vào Thiên Chúa, chứ không phải tìm kiếm của cải phù du. Ngài thường đi thăm các phòng tu và nếu phát hiện ai đó có những thứ dư thừa, không phù hợp với nội quy, dù đó là thức ăn, quần áo hay bất cứ thứ gì khác, ngài đều lấy đi và ném vào lò sưởi, coi đó là thứ xuất phát từ ma quỷ và trái với nội quy tu viện. Vị Thánh đã khuyên nhủ các tu sĩ về đức tính không tham lam như sau:

– Chúng ta, những tu sĩ đã từ bỏ mọi thứ trần tục, không nên tích trữ những vật vô nghĩa trong phòng tu. Làm sao chúng ta có thể dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện trong sạch, khi lại cất giữ kho tàng hư nát trong phòng tu của mình! Chẳng phải các con đã nghe lời Chúa phán: *"Nơi nào có kho tàng của các con, thì lòng các con cũng ở đó"* (Mt 6,21) sao? Và còn nữa: *"Kẻ điên rồ! Đêm nay linh hồn ngươi sẽ bị cướp đi; vậy thì những gì ngươi đã tích trữ sẽ thuộc về ai?"* (Lc 12,20). Vì vậy, anh em thân mến, – ngài nói, – chúng ta hãy hài lòng với trang phục và thức ăn được quy định, được dọn ra trong bữa ăn, còn trong phòng tu thì chúng ta không nên giữ bất cứ thứ gì tương tự. Vậy, với tất cả sự nhiệt thành và từ tận đáy lòng, chúng ta hãy dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện trong sạch.

Thánh Theodosius đã khuyên nhủ các anh em như vậy với lòng khiêm nhường sâu sắc và nước mắt.

Vị thánh là người nhân từ, hiền lành, không nóng nảy và luôn quan tâm đến mọi người. Vì vậy, mỗi khi có ai đó trong đàn chiên không ham của cải của ngài mất lòng tin và rời khỏi tu viện, vị thánh nhân lại trong nỗi buồn và đau khổ tột cùng, khóc lóc cầu nguyện với Chúa, xin Ngài đưa con chiên đã rời bỏ đàn chiên của ngài trở về. Ngài cầu nguyện như vậy cho đến khi người đó quay trở lại.

Trong số các tu sĩ của ngài có một tu sĩ nổi tiếng là hay thay đổi. Anh ta thường xuyên bỏ trốn khỏi tu viện, và mỗi lần anh ta trở về, vị thánh nhân lại vui mừng đón nhận anh ta trở lại, nói rằng Đức Chúa Trời sẽ không bỏ rơi anh ta và sẽ không để anh ta kết thúc cuộc đời mình bên ngoài tu viện: "Dù anh ta có nhiều lần rời bỏ chúng ta," vị thánh nhân nói, "nhưng cuối cùng anh ta vẫn sẽ kết thúc cuộc đời tại tu viện của chúng ta."

Và ngài đã khóc lóc cầu xin Chúa ban cho anh em ấy lòng kiên nhẫn. Một lần nọ, anh em này vắng mặt đặc biệt lâu, nhưng cuối cùng cũng trở về và như thường lệ, lại xin vị tu sĩ cao quý nhận anh ta trở lại. Thật là nhân từ, Thánh Theodosius một lần nữa đón nhận anh ta với niềm vui và đưa con chiên lạc đường đã trở về vào đàn chiên của mình. Khi trở về sau một thời gian dài vắng mặt, vị tu sĩ ấy mang theo và đặt trước mặt vị thánh một khoản tiền nhỏ, do chính tay anh kiếm được (anh làm nghề may quần áo). Lúc đó, vị thánh nói với anh:

– Nếu con muốn trở nên hoàn hảo, hãy lấy số tiền này và ném vào lò lửa đang cháy, vì những gì con mang đến là hành động bất tuân.

Anh ta, với lòng ăn năn chân thành, đã thu gom tất cả và, theo lệnh của vị tu sĩ, ném vào lò và đốt cháy. Kể từ đó, anh em này không còn rời khỏi tu viện nữa, sống nốt phần đời còn lại trong sự sám hối, và tại đây, đúng như lời tiên đoán của vị tu sĩ, anh đã qua đời trong bình an.

Thánh Phê-ô-đô-xi rất từ bi với người nghèo. Ngài đã xây dựng gần tu viện một khuôn viên có nhà thờ mang tên Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, và cho những người ăn xin, người mù, người què và người bị bệnh hủi đến ở đó, đồng thời cung cấp cho họ mọi thứ cần thiết từ tu viện. Một phần mười thu nhập của tu viện được dùng cho việc này. Ngoài ra, mỗi thứ Bảy, vị tu sĩ lại gửi một xe lúa mì cho những người bị giam giữ trong ngục tối và nhà tù.

Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, vị cha đáng kính của chúng ta, không chỉ nhân từ với người nghèo, mà còn đối xử nhân từ ngay cả với những kẻ gây hại cho tu viện của ngài. Chẳng hạn, có lần, ở vùng lân cận tu viện, người ta bắt được một nhóm cướp đến đó để trộm cắp, và dẫn họ đến gặp vị tu viện trưởng. Thấy họ bị trói và tinh thần u uất, vị tu sĩ kính yêu đã rơi nước mắt và ra lệnh tháo trói cho họ. Sau khi cho họ ăn uống no nê, ngài khuyên răn họ đừng làm hại ai, mà hãy biết hài lòng với thành quả lao động của chính mình. Sau đó, ngài cho họ một số tiền đủ dùng và thả những tên cướp đã ăn năn về trong bình an.

Thánh Phê-ô-đô-xi-ô tin chắc rằng chính Chúa sẽ bảo vệ mọi thứ cần thiết cho cộng đoàn khỏi bọn cướp. Niềm tin ấy không hề vô ích, điều này đã được chứng thực qua phép lạ tiếp theo.

Khi số lượng các tu sĩ ngày càng tăng, Đức Thánh Phê-ô-đô-xi-ô của chúng ta cần phải mở rộng tu viện, vì cần phải xây dựng thêm các phòng tu mới. Cùng với các tu sĩ, ngài bắt tay vào công việc và bắt đầu dựng lên một bức tường rào lớn. Và rồi, khi hàng rào cũ đã bị phá bỏ và tu viện không còn được bảo vệ, vào một đêm tối mịt mù, bọn cướp đã đến tu viện và bắt đầu bàn tán với nhau như sau: "Trong các phòng của nhà thờ, các tu sĩ giấu tài sản; chúng ta hãy đến đó."

Nhưng khi bọn cướp tiến lại gần nhà thờ với ý định đó, chúng nghe thấy tiếng hát. Nghĩ rằng đó là tiếng hát của các tu sĩ đang tụ họp để cầu nguyện buổi tối, bọn cướp liền bỏ đi vào khu rừng rậm rạp. Sau khi nán lại đó một lát, chúng lại tiến đến nhà thờ. Lần này, tiếng hát vẫn vang lên và bên trong tỏa ra ánh sáng kỳ diệu, còn từ nhà thờ tỏa ra mùi hương thơm ngát. Điều này xảy ra bởi vì trong nhà thờ có các Thiên thần đang ngợi khen Thiên Chúa. Còn bọn cướp, cho rằng các tu sĩ đang cử hành thánh ca nửa đêm, lại rút lui. Chúng quyết định chờ thêm một lúc nữa, để khi các tu sĩ tan lễ, chúng sẽ vào nhà thờ và cướp hết mọi thứ bên trong. Như vậy, chúng đã nhiều lần tiếp cận nhà thờ và mỗi lần đều nghe thấy tiếng hát của các Thiên thần.

Trong khi đó, giờ kinh sáng đã đến và người đánh chuông, như thường lệ, bắt đầu rung chuông. Nghe tiếng chuông vang lên, bọn cướp lẩn vào rừng, bàn tán với nhau: "Chúng ta phải làm gì đây? Chắc hẳn chúng ta đã thấy ma trong nhà thờ rồi. Chúng ta sẽ làm thế này: khi các tu sĩ tập trung trong nhà thờ, chúng ta sẽ chặn lối ra của họ và, sau khi giết hết bọn họ, chúng ta sẽ chiếm đoạt của cải của họ."

Sau khi đợi cho đến khi tất cả các tu sĩ cùng vị thầy của họ, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, tập trung tại nhà thờ để cầu nguyện buổi sáng, bọn cướp đã ùa vào nhà thờ. Họ đang tiến gần đến nhà thờ với ý đồ phạm tội thì bỗng nhiên bị choáng váng trước một phép lạ kinh hoàng: nhà thờ cùng các tu sĩ bên trong bắt đầu bay lên và dừng lại giữa không trung ở độ cao đến nỗi bọn cướp không thể bắn trúng được. Thấy cảnh đó, chúng hoảng sợ tột độ và trong sự kinh hoàng tột cùng, chúng quay về nhà. Bị ấn tượng bởi phép lạ, bọn cướp hứa với nhau từ đó sẽ không cướp bóc nữa, còn thủ lĩnh của chúng cùng ba đồng bọn đã đến gặp Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, ăn năn và thú nhận với ngài tất cả tội lỗi của mình. Sau khi lắng nghe, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã bảo vệ không chỉ tài sản của nhà thờ mà còn cả tính mạng của các tu sĩ. Được vị tu viện trưởng cho ra về cùng những lời dạy dỗ cứu rỗi, bọn cướp đã rời đi, ca ngợi và tạ ơn Thiên Chúa cùng vị thánh nhân của Ngài là Thánh Theodosius.

Một phép lạ tương tự đã xảy ra lần thứ hai tại chính nhà thờ tu viện này trong thời gian Đức Thánh Phê-ô-đô-xi-ô làm Bề trên. Quả thực, nhà thờ này được chính Đức Chúa Trời từ trên trời che chở, như thể đang lơ lửng vô hình trên không trung dưới sự che chở của Đức Mẹ Đồng Trinh.

Một trong những quan đại thần của Công tước Izyaslav, người yêu mến Chúa Kitô, có lần vào ban đêm đi ngang qua một cánh đồng, cách tu viện của Thánh Theodosius khoảng mười lăm poprishch. Bỗng nhiên, ông nhìn thấy ở phía xa một nhà thờ đang lơ lửng trên không trung dưới những đám mây. Trước cảnh tượng ấy, vị quan đại thần vô cùng kinh hãi, nhưng cùng các người hầu, ông lập tức thúc ngựa phi nhanh để tìm hiểu đó là nhà thờ nào. Khi ông đến gần tu viện của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, nhà thờ trong mắt ông bắt đầu hạ xuống mặt đất và xuất hiện đúng vị trí của nó trong khuôn viên tu viện. Lúc đó, vị quan cao cấp gõ cửa và, sau khi vào tu viện, đã kể lại giấc mơ của mình cho vị thánh. Kể từ đó, vị quan cao cấp thường xuyên đến thăm vị thánh và say sưa lắng nghe những lời giảng đầy cảm hứng từ Thiên Chúa của ngài. Sau này, vị quan cao cấp này đã dành nhiều tài sản của mình để xây dựng tu viện và trang hoàng nhà thờ được Thiên Chúa bảo vệ.

Như sẽ thấy trong trường hợp sau đây, Chúa đã bảo vệ một cách kỳ diệu không chỉ chính nhà thờ, mà cả tài sản thuộc về tu viện của vị tu sĩ Theodosius.

Có lần, một số người phải đưa những tên cướp bị bắt đến thành phố để trình diện trước quan tòa. Con đường đi qua một ngôi làng thuộc tu viện Pechersk. Khi những tên cướp bị trói được dẫn qua ngôi làng này, một trong số chúng gật đầu về phía ngôi làng và nói: "Có một đêm, chúng tôi đã đến ngôi làng này với ý định giết người và cướp bóc toàn bộ tu viện. Tuy nhiên, chúng tôi đã không thành công, bởi vì khi chúng tôi đến, ngôi làng nằm ở độ cao đến nỗi hoàn toàn không thể tiếp cận được."

Như vậy, Đức Chúa Trời Toàn Năng đã bảo vệ tài sản của tu viện, đáp lại những lời cầu nguyện của vị tu sĩ đáng kính, người đã đặt trọn niềm tin vào Ngài. Thánh Theodosius có thói quen đi vòng quanh tu viện vào ban đêm với lời cầu nguyện, và nhờ đó, như một bức tường vững chắc, ngài đã che chở cho tu viện cùng tất cả những gì bên trong.

Trong thời gian vị tu sĩ Theodosius làm Bề trên, Đức Chúa Trời và Đức Mẹ Đồng Trinh không chỉ bảo vệ tu viện khỏi bọn cướp, mà còn giúp đỡ từ trên cao để trang hoàng cho tu viện. Một quan đại thần của Công tước Izyaslav nói trên, tên là Sudislav Geievich, tên thánh là Kliment, khi cùng công tước của mình ra trận, đã hứa như sau: "Nếu Chúa cho phép tôi trở về nhà trong tình trạng sức khỏe tốt, thì tôi sẽ dâng tặng hai grivna[3389] vàng cho nhà thờ Thánh Theodosius thuộc Tu viện Pechersk , và sẽ làm một vương miện bằng vàng cho bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh."

Rất nhiều người đã ngã xuống trong trận chiến này, nhưng cuối cùng kẻ thù vẫn bị đánh bại. Vị quý tộc, sau khi trở về an toàn từ chiến trường, đã quên mất lời hứa của mình.

Vài ngày sau, ông đang ngủ yên bình vào giờ chiều tại nhà mình, thì bỗng nhiên bị đánh thức bởi một giọng nói đáng sợ gọi tên ông:

– Kliment!

Khi tỉnh dậy, ông thấy trước mặt mình bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, vốn được thờ tại tu viện của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, và nghe thấy giọng nói phát ra từ bức tượng:

– Tại sao, Kliment, ngươi lại không dâng cho Ta những gì ngươi đã hứa; chính vì thế mà giờ đây Ta nhắc nhở ngươi về điều đó; hãy cố gắng thực hiện lời hứa của mình.

Ngay khi giọng nói vừa dứt những lời ấy, bức tượng thánh lập tức biến mất khỏi tầm mắt của vị quan đại thần. Vị quan đại thần vô cùng kinh hãi trước cảnh tượng đó, liền chuẩn bị số vàng đúng như đã hứa, đồng thời làm một vương miện bằng vàng để trang trí cho bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, rồi lập tức đến tu viện và dâng tất cả những thứ đó cho Thánh Phê-ô-đô-xi-ô.

Một thời gian sau, vị quan đại thần muốn cúng dường cuốn Phúc Âm cho chính tu viện đó. Với ý định này, ông đến gặp vị tu sĩ, giấu cuốn Phúc Âm đã chuẩn bị sẵn để cúng dường dưới lớp áo của mình. Sau khi cầu nguyện, họ định ngồi xuống, nhưng vì vị quan đại thần vẫn chưa lấy cuốn Phúc Âm ra, nên vị tu sĩ nói:

– Anh em Kliment, trước tiên hãy lấy cuốn Thánh Kinh mà anh đã hứa dâng lên Đức Mẹ Rất Thánh, thứ mà anh đang giấu dưới áo, rồi chúng ta sẽ ngồi xuống.

Nghe vậy, quan đại thần kinh hãi trước sự thấu suốt của vị tu sĩ, vì ông ta tin chắc rằng không ai biết gì về cuốn Phúc Âm mà ông mang theo. Ngay lập tức, vị quan đại thần lấy cuốn Thánh Phúc Âm ra khỏi dưới lớp áo và trao cho vị tu sĩ. Sau đó, họ ngồi xuống, và vị quan đại thần, sau khi tận hưởng cuộc trò chuyện thiêng liêng với Thánh Theodosius, đã trở về nhà.

Chúa đã chứng minh qua nhiều phép lạ của Ngài rằng niềm hy vọng và sự tin cậy vào Đức Chúa Trời của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô không hề vô ích. Sự trợ giúp thiêng liêng dành cho Tu viện Pechersk đặc biệt rõ rệt mỗi khi tu viện thiếu thốn điều gì đó. Trong phòng tu của mình, vị thánh sống cùng với tu sĩ Ilarion; thông thường, Thánh Theodosius vừa lẩm bẩm những câu Thánh vịnh, vừa quay sợi len hoặc làm việc gì đó, còn Ilarion thì ngày đêm miệt mài viết sách. Chính tu sĩ này sau đó đã kể lại sự việc sau đây.

Một buổi tối nọ, khi cả hai đang làm việc riêng của mình như thường lệ, người quản lý tên là Anastasius bước vào phòng và nói với vị thánh:

– Ngày mai chúng ta không có gì để mua thực phẩm cho các tu sĩ và cũng không có tiền để đáp ứng các nhu cầu khác của tu viện.

Vị tu sĩ đáp lại:

– Bây giờ, như anh thấy, đã là buổi tối, còn ngày mai vẫn còn xa. Vì vậy, hãy đi và kiên nhẫn chờ đợi. Hãy cầu nguyện với Chúa: Ngài sẽ lo liệu cho những nhu cầu của chúng ta và thương xót chúng ta, nếu đó là ý muốn của Ngài.

Nghe xong, người quản lý ra về. Còn vị tu sĩ thì lập tức đứng dậy và đi vào phòng riêng để hát kinh theo thói quen. Sau khi cầu nguyện xong, ngài trở về, ngồi xuống và tiếp tục công việc của mình. Người quản lý lại bước vào phòng và tiếp tục nói về chuyện đó. Lúc đó, vị tu sĩ nói với ông ta:

– Chẳng phải ta đã bảo ngươi – hãy cầu nguyện với Chúa sao? Ngày mai, hãy vào thành phố và mượn những thứ cần thiết cho anh em từ các thương gia, rồi sau đó, khi Chúa giúp đỡ, chúng ta sẽ trả nợ. Chúa Giêsu Kitô đã phán thật: *"Đừng lo lắng về ngày mai"* (Mt 6,34): Chúa sẽ không bỏ rơi chúng ta nhờ ân sủng của Ngài.

Vừa khi người quản lý ra khỏi phòng, một thiếu niên rạng ngời ánh sáng trong bộ quân phục bước vào phòng. Sau khi cúi chào, cậu đặt một đồng grivna vàng lên bàn gần vị tu sĩ và, không nói lời nào, bước ra ngoài. Vị tu sĩ đứng dậy, cầm lấy đồng vàng và với những giọt nước mắt biết ơn, ngài cầu nguyện với Chúa.

Sáng hôm sau, vị tu sĩ gọi người gác cổng và hỏi xem có ai đến tu viện trong đêm qua không. Người gác cổng trả lời:

– Không, ngay khi mặt trời lặn, tôi đã lập tức đóng cổng lại và từ đó đến giờ chưa mở ra lần nào, vì không có ai đến tu viện cả.

Lúc đó, vị tu sĩ gọi người quản lý và, trao cho ông ta một hryvnia vàng, nói:

– Sao anh lại nói, anh Anastasius, rằng chúng ta không có tiền để mua những thứ cần thiết cho các tu sĩ? – Đây, hãy cầm vàng này và đi mua những thứ cần thiết đi.

Người quản lý, hiểu rằng đây là ân sủng do Chúa ban, liền quỳ lạy dưới chân vị thánh và xin tha thứ. Còn vị thánh thì nhân dịp này dạy dỗ anh ta như sau:

– Anh em ơi, đừng bao giờ rơi vào tuyệt vọng, mà hãy luôn củng cố đức tin nơi Chúa và trong mọi nỗi buồn hãy trông cậy vào sự giúp đỡ của Chúa, vì Ngài sẽ chăm lo cho chúng ta, nếu đó là ý muốn của Ngài. Vậy thì, hãy chuẩn bị bữa tiệc lễ cho các tu sĩ, vì đây chính là sự viếng thăm của Chúa. Khi chúng ta thiếu thốn, Chúa sẽ chăm lo cho chúng ta, như đã xảy ra hôm nay.

Cũng theo cách tương tự, một lần nọ, một người quản lý nhà bếp tên là Theodore đến gặp vị thánh và nói:

– Tôi không có gì để ăn cả, không thể dâng cho các anh em trong bữa trưa.

Vị tu sĩ, cũng như lần trước, đáp lại:

– Hãy đi, kiên nhẫn một chút và cầu nguyện với Chúa; Ngài sẽ lo liệu cho chúng ta; còn nếu chúng ta không xứng đáng với ân sủng của Ngài, thì hãy dọn lúa mì luộc với mật ong cho bữa trưa. Nhưng chúng ta phải hy vọng rằng Chúa, Đấng đã ban bánh mì cho dân chúng bất tuân trong sa mạc (Xuất Hành 16:15), cũng có thể ban thức ăn cho chúng ta.

Nghe xong, người quản lý nhà bếp lui ra, còn vị tu sĩ thì bắt đầu cầu nguyện với Chúa một cách sốt sắng. Và rồi, nhờ sự mách bảo bí mật của Đức Chúa Trời, vị quan đại thần đầu tiên của Công tước Izyaslav, tên là Ioann, đã gửi đến tu viện của vị tu sĩ ba xe ngựa chở đầy thực phẩm: bánh mì, cá, rau củ, lúa mạch và mật ong. Nhận được tất cả những thứ này, vị tu sĩ ngợi khen Đức Chúa Trời, rồi nói với người quản lý nhà bếp:

– Anh thấy chưa, anh Feodor, Chúa sẽ không bỏ rơi chúng ta, miễn là chúng ta đặt trọn niềm tin vào Ngài bằng cả trái tim. Vậy thì, hãy đi và chuẩn bị bữa tiệc cho các tu sĩ, vì đây là ân sủng của Chúa.

Vị thánh nhân đã cùng các tu sĩ hân hoan trong bữa ăn và tạ ơn Đức Chúa Trời, vì *"những ai kính sợ Ngài sẽ không thiếu thốn"* (Thi Thiên 33:10). Đức Chúa Trời thường thực hiện những phép lạ như vậy tại Tu viện Pechersk nhờ lời cầu nguyện của vị thánh nhân.

Một lần nọ, một linh mục từ thành phố đến gặp vị thánh với lời thỉnh cầu mượn rượu để cử hành Thánh lễ. Ngay lập tức, Thánh Theodosius gọi người quản lý nhà thờ và ra lệnh cho ông ta đổ đầy rượu vào bình mà vị linh mục mang theo. Người quản lý liền nói rằng chính họ cũng chỉ còn rất ít rượu, chỉ vừa đủ để cử hành ba hoặc bốn Thánh lễ. Vị thánh đáp lại:

– Hãy rót hết rượu cho người này, còn về phần chúng ta, chính Thiên Chúa sẽ lo liệu.

Người quản lý nhà thờ lén lút đi sang một bên và không tuân theo lệnh của vị thánh, chỉ rót một ít rượu vào bình của vị linh mục, còn phần còn lại thì giữ lại cho mình để cử hành Thánh lễ vào ngày mai. Lúc đó, vị linh mục đi đến và chỉ cho vị thánh thấy người quản lý nhà thờ đã rót cho ông ít rượu đến mức nào. Vị thánh lại gọi người quản lý nhà thờ và nói với ông ta:

– Chẳng phải ta đã bảo ngươi phải dâng hết rượu đi sao, và đừng lo lắng về ngày mai. Chúa sẽ không để nhà thờ của Mẹ Ngài ngày mai không có thánh lễ; Ngài sẽ ban rượu dư dật ngay trong ngày hôm nay.

Lúc đó, trưởng làng đã trao hết rượu của mình cho vị linh mục và cho ngài ra về. Trong khi đó, sau bữa trưa, vào buổi tối, đúng như lời tiên tri của vị thánh, người ta đã chở đến ba xe ngựa chở đầy thùng rượu. Đây là món quà mà một bà quản gia của Công tước Vsevolod, người sùng kính Chúa, đã gửi tặng cho tu viện. Thấy điều đã xảy ra, trưởng làng đã ngợi khen Đức Chúa Trời, ngạc nhiên trước việc lời tiên tri của vị thánh Theodosius đã ứng nghiệm, người đã nói rằng hôm nay chính Đức Chúa Trời sẽ ban cho tu viện rượu vang dồi dào.

Chính vị trưởng ban nhà thờ này cũng đã chứng kiến một phép lạ khác tương tự, xảy ra nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh. Chuyện xảy ra như sau.

Khi đến lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời mà không có dầu cần thiết để thắp các ngọn đèn trong nhà thờ, người quản lý nhà thờ quyết định chế biến dầu từ hạt và dùng loại dầu này thay thế cho dầu gỗ trong thánh lễ. Người quản lý đã xin phép Thánh Phê-ô-đô-xi-ô về việc này, và vì ngài không phản đối gì, nên người quản lý đã làm đúng như dự định. Nhưng khi ông định đổ dầu đã chế biến vào các ngọn đèn, thì thấy trong bình dầu có một con chuột chết đang nổi lềnh bềnh. Lúc đó, người quản lý vội vàng đến gặp vị thánh và nói:

– Tôi đã đậy kín bình đựng dầu do chính tay tôi pha chế, nên không hiểu sao con chuột lại lọt vào được.

Vị tu sĩ, hiểu rằng điều này xảy ra theo ý định của Đấng Tạo Hóa, bèn nói với người quản lý:

– Chúng ta nên đặt niềm tin vào Chúa, rằng Ngài sẽ ban cho chúng ta mọi điều cần thiết, và không nên hành động mà thiếu niềm tin vào quyền năng vô biên của Chúa: hãy đi và đổ dầu ra đất. Chúng ta sẽ chờ một chút và cầu nguyện với Chúa; Ngài sẽ ban cho chúng ta dầu gỗ dồi dào ngay trong ngày hôm nay.

Người trưởng làng làm theo lời được dặn, còn vị tu sĩ thì bắt đầu cầu nguyện. Đến chiều tối, quả thực có một người giàu có mang đến tặng tu viện một thùng dầu gỗ rất lớn. Vị tu sĩ đã ngợi khen Chúa, Đấng đã nhanh chóng đáp lại lời cầu nguyện của ngài. Dầu nhận được không chỉ đủ để đổ đầy tất cả các ngọn đèn, mà còn dư ra hơn một nửa. Nhờ vậy, các tu sĩ đã cử hành lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời với sự trang trọng xứng đáng.

Đây là một phép lạ khác tương tự, nhờ đó Chúa đã đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của tu viện qua lời cầu nguyện của vị tu sĩ thánh thiện Theodosius. Hoàng tử Izyaslav, người yêu mến Chúa và dành cho vị tu sĩ Theodosius một tình yêu Kitô giáo chân chính, thường xuyên đến thăm ngài, tìm thấy niềm vui trong những cuộc trò chuyện thú vị của ngài. Trong một lần viếng thăm như vậy, ngài đã trò chuyện với ngài một cách thầm lặng cho đến giờ hát kinh chiều; sau đó, hoàng tử cùng với vị thánh đi vào nhà thờ. Theo sự an bài của Thiên Chúa, đột nhiên lúc đó trời đổ mưa to. Nhận thấy điều này, vị thánh gọi người quản lý tu viện và ra lệnh cho ông chuẩn bị bữa tối cho hoàng tử.

– Thưa Cha, – người quản lý nói, – chúng ta hoàn toàn không còn mật ong để chiêu đãi hoàng tử và những người đi cùng ngài.

Lúc đó, vị tu sĩ hỏi:

– Chẳng lẽ ngươi không còn dù chỉ một chút nào sao?

– Vâng, thưa Cha, hoàn toàn không có, – người quản lý trả lời, – tôi thậm chí còn lật ngược cái bình rỗng từng đựng đồ uống, để đáy hướng lên trên.

Còn vị tu sĩ Thêôđôsi, tràn đầy ân sủng, như chính tên gọi của ngài "[3389] " đã chỉ ra, đã nói:

– Thôi được. Tuy nhiên, hãy đi đi, theo lệnh của ta và nhờ lòng tin vào quyền năng của danh hiệu Chúa Giêsu Kitô, Đấng ngọt ngào nhất của chúng ta, ngươi sẽ tìm thấy mật ong trong cái bình đó.

Người quản lý kho đi với lòng tin vào quyền năng vô biên của Chúa và thấy thùng mật ong vẫn đứng nguyên tại chỗ và đầy ắp mật ong, đúng như vị thánh đã tiên đoán. Người quản lý kho hoảng hốt vội vàng kể lại sự việc cho vị thánh.

– Im lặng đi, – vị thánh nhân nói với ông, – và đừng kể chuyện này cho ai cả. Hãy đi và dâng mật ong đó cho hoàng tử và các tùy tùng của ngài; cứ để họ ăn bao nhiêu tùy thích. Hãy chiêu đãi các tu sĩ bằng mật ong này: đây quả là ân sủng của Thiên Chúa.

Một lúc sau, mưa tạnh hẳn và hoàng tử lên đường về nhà. Còn lại trong tu viện vẫn còn rất nhiều mật ong, đủ để các tu sĩ dùng trong một thời gian dài.

Một lần khác, người thợ làm bánh trưởng đến gặp vị tu sĩ và nói rằng trong tu viện không còn bột mì để làm bánh.

– Hãy đi kiểm tra kho lúa đi, – vị tu sĩ đáp lại, – biết đâu anh sẽ tìm thấy một ít bột ở đó và chúng ta sẽ đủ dùng cho đến khi Chúa lại chăm lo cho chúng ta.

Người thợ làm bánh liền nói với vị tu sĩ:

– Con nói thật với cha: chính con đã lục tung kho thóc, nhưng ở đó chẳng có gì cả, ngoài ba, bốn nắm cám còn sót lại ở góc kho.

Lúc đó, vị tu sĩ nói với anh ta:

– Hãy tin tôi, con ơi, rằng Đức Chúa Trời có thể biến cả những cám còn lại này thành bột mì và dùng nó để lấp đầy kho lúa của chúng ta, giống như khi Ê-li, Ngài đã biến một nắm cám thành lượng bột mì đủ để người góa phụ cùng các con cái của bà ăn trong thời kỳ đói kém, cho đến khi mùa màng mang lại bánh mì dồi dào cho tất cả mọi người (3 Vua 17:8–16). Và bây giờ, Đức Chúa Trời vẫn quyền năng như vậy, Ngài có thể biến sự thiếu thốn thành sự dư dật cho chúng ta. Vậy, con hãy đi và xem xem liệu Chúa có ban phước lành và lòng thương xót cho nơi chúng ta cất giữ bột mì hay không.

Nghe những lời ấy, người thợ làm bánh bèn ra về. Sau đó, khi bước vào kho lúa, anh ta thấy rằng kho lúa vốn trống rỗng trước đây, nay nhờ lời cầu nguyện của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, đã đầy ắp đến nỗi bột tràn ra đất qua

[3389] Tên Feodosiy, khi dịch từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là "được ban tặng bởi Chúa"; theo nghĩa bóng: "được Chúa ban cho những ân huệ".

các mép tường. Người tu sĩ kinh ngạc khi chứng kiến phép lạ vĩ đại như vậy; trở về, anh ta kể lại tất cả cho Thánh Phê-ô-đô-xi-ô.

– Hãy đi đi, anh em ạ, – vị thánh nhân nói với anh ta, – và đừng nói với ai về chuyện đã xảy ra, cứ nướng bánh như thường lệ. Ơn lành này là do Chúa ban cho chúng ta nhờ lời cầu nguyện của các anh em thánh của chúng ta.

Ca ngợi và tạ ơn Chúa vì những ân huệ vĩ đại như vậy, vị tu sĩ đáng kính của chúng ta là Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã dành cả những đêm dài để cầu nguyện: nước mắt tuôn trào và quỳ gối, ngài tạ ơn Chúa vì những ân huệ vĩ đại của Ngài. Các tu sĩ trong tu viện, những người hàng ngày đến gặp vị tu sĩ đáng kính trước giờ kinh sáng để nhận lời chúc lành trước khi bắt đầu thánh lễ, luôn nghe thấy từ phía sau cánh cửa tiếng vị tu viện trưởng đang cầu nguyện trong nước mắt, thường xuyên đập đầu xuống đất. Còn vị tu sĩ, khi nghe thấy tiếng bước chân của họ, liền im lặng và giả vờ như đang ngủ, đến nỗi các tu sĩ đôi khi phải gõ cửa đến ba lần, mỗi lần đều thốt lên: "Xin cha ban phước lành!"

Lúc đó, vị tu sĩ, giả vờ như vừa mới thức dậy, đáp lại:

– Xin Chúa ban phước lành cho các con!

Và sau khi ban phước lành, ngài là người đầu tiên đến nhà thờ. Người ta kể rằng ngài làm như vậy mỗi đêm.

Ngoài những việc làm cao cả này, trong thời gian làm vị tu viện trưởng, ngài còn miệt mài với nhiều công việc khác. Người ta chưa bao giờ thấy ngài nghỉ ngơi trên giường; và khi vì sức khỏe suy yếu mà ngài cần nghỉ ngơi sau các giờ cầu nguyện ban ngày, ngài chỉ chợp mắt trong chốc lát và vẫn ngồi; sau đó ngài nhanh chóng thức dậy và đi dự lễ cầu nguyện suốt đêm, nơi ngài cầu nguyện, thường quỳ gối. Người ta cũng chưa bao giờ thấy ngài tắm rửa cơ thể vì mục đích hưởng thụ; ngài chỉ rửa tay và mặt bằng nước. Và khi nội quy tu viện quy định các tu sĩ phải ăn chay khô, thì chính ngài cũng chỉ ăn bánh mì khô và súp nấu bằng dầu, và chỉ uống nước lọc. Hơn nữa, chưa bao giờ người ta thấy ngài ngồi buồn bã bên bàn ăn: ngài luôn có khuôn mặt vui vẻ, bởi vì trái tim ngài được củng cố không phải bởi thức ăn, mà bởi ân sủng của Thiên Chúa.

Hàng năm, vào mùa Chay Lớn, vị thánh nhân chuyển đến sống trong một hang động (nơi sau này thi hài của ngài được an táng) và tự giam mình ở đó cho đến khi tuần lễ Hoa (tuần lễ nở hoa) bắt đầu; vào thứ Sáu trước tuần lễ Hoa, trong giờ kinh chiều, ngài trở về với các tu sĩ. Các tu sĩ đều nghĩ rằng ngài sống cô lập trong hang động mà họ biết, nhưng thực ra vào ban đêm, ngài lén lút rời đi đến một ngôi làng thuộc tu viện và ở đó, trong một hang động khác nằm ở nơi kín đáo, ngài ở một mình, đến nỗi không ai ngoài Thiên Chúa biết được nơi ở thực sự của ngài. Từ đó, trước ngày thứ Sáu của tuần thứ sáu Mùa Chay, ngài lại lặng lẽ trở về hang động đầu tiên vào ban đêm, và đến ngày thứ Sáu thì ngài mới ra khỏi đó để gặp các tu sĩ, khiến mọi người đều nghĩ rằng ngài đã ở trong hang động mà họ biết suốt cả Mùa Chay.

Lúc bấy giờ, các linh hồn ác quỷ trong hang động đã gieo rắc cho vị thánh nhân nhiều nỗi buồn phiền và những suy nghĩ phù phiếm, thậm chí đôi khi còn gây thương tích cho ngài. Nhưng Thiên Chúa đã ban cho ngài sức mạnh vô hình để chiến thắng chúng, và các linh hồn ác quỷ không thể nào ép vị thánh nhân rời khỏi hang động. Vị thánh sống một mình trong hang động tối tăm và không sợ hãi trước vô số đạo quân của chúa tể bóng tối. Nhưng chính ngài, như một chiến binh tốt lành của Chúa Kitô, đã xua đuổi các quỷ dữ khỏi mình bằng lời cầu nguyện và việc ăn chay, đến nỗi chúng không dám lại gần ngài nữa và chỉ hiện ra trước mặt ngài từ xa dưới hình dạng ma quái.

Một lần, sau khi hát kinh buổi tối trong hang động, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô ngồi xuống, muốn nghỉ ngơi một chút. Bỗng nhiên vang lên một tiếng thét kinh hoàng. Dường như trong hang động đã tụ tập vô số quỷ dữ: có kẻ cưỡi xe ngựa, kẻ khác đánh trống, kẻ khác nữa thổi sáo. Cả hang động rung chuyển vì tiếng ồn và tiếng la hét. Nghe thấy tất cả những điều đó, vị thánh nhân không hề sợ hãi hay kinh hoàng, mà dùng dấu thánh giá như một vũ khí để tự bảo vệ mình, rồi đứng dậy và bắt đầu hát những câu thơ trong Sách Thánh Vịnh. Động đất và tiếng ồn lập tức chấm dứt. Nhưng khi sau khi cầu nguyện, ngài lại ngồi xuống nghỉ ngơi, tiếng ồn và tiếng nói của vô số quỷ dữ lại vang lên. Vị thánh nhân đứng dậy, lại bắt đầu hát, và tiếng ồn lại chấm dứt. Như vậy, trong nhiều ngày đêm, những linh hồn ác quỷ đã quấy rầy ngài, không cho ngài chợp mắt dù chỉ một chút. Tình trạng này kéo dài cho đến khi vị thánh, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, cuối cùng đã đánh bại chúng hoàn toàn và giành được quyền lực đến mức chúng không còn dám đến gần nơi vị thánh đang đứng cầu nguyện nữa. Chính những con quỷ cũng bắt đầu chạy trốn khỏi ngài, như được chứng thực qua nhiều trường hợp được nêu ra dưới đây.

Trong phòng nơi người ta nướng bánh mì cho các tu sĩ, lũ quỷ đã gây không ít phiền toái cho các tu sĩ bằng những mưu mô của chúng: lúc thì rải bột mì tung tóe, lúc thì làm đổ men đã chuẩn bị để làm bánh mì, và còn gây ra

nhiều rắc rối khác cho các tu sĩ. Một lần, người thợ làm bánh trưởng đã kể cho vị tu sĩ Theodosius nghe về những mưu mô của ma quỷ. Lúc đó, ngài liền đến căn phòng đó, đóng cửa lại và ở lại đó cho đến giờ kinh sáng, suốt thời gian đó ngài không ngừng cầu nguyện với Chúa. Kể từ lúc đó, lũ quỷ đã vĩnh viễn để yên nơi này và không còn gây ra điều ác nào ở đó nữa.

Một lần khác, một tu sĩ từ làng thuộc tu viện đến gặp vị thánh và kể rằng trong chuồng gia súc, nơi người ta dồn gia súc vào, đã xuất hiện những con quỷ gây ra nhiều thiệt hại, không cho gia súc ăn. Linh mục đã nhiều lần đọc kinh và rảy nước thánh vào khu chuồng gia súc, nhưng chẳng có gì giúp được. Lúc đó, vị tu sĩ, sau khi củng cố tinh thần bằng cầu nguyện và ăn chay, đã lên đường đến ngôi làng đó. Khi chiều tối buông xuống, ngài bước vào chuồng gia súc, đóng cửa lại phía sau và ở lại đó cầu nguyện cho đến sáng. Kể từ lúc đó, lũ quỷ không còn xuất hiện ở nơi này nữa và cũng không thể gây hại cho ai trong ngôi làng đó.

Vị thánh không chỉ tự mình chiến thắng sức mạnh của ma quỷ, mà còn dạy người khác cách thoát khỏi ma quỷ. Nếu ngài biết có ai trong hàng tu sĩ đang bị ma quỷ hành hạ, ngài sẽ dạy người anh em đó đừng rời khỏi nơi đó, mà hãy tự bảo vệ mình bằng cầu nguyện và ăn chay, đồng thời kêu cầu Thiên Chúa để chiến thắng ma quỷ.

Vị Thánh nhân đã giảng dạy các tu sĩ về những mưu mô của ma quỷ như sau:

– Ban đầu, tôi cũng từng gặp phải chuyện tương tự. Một đêm nọ, khi tôi đang hát những bài thánh vịnh thường lệ trong phòng tu, bỗng nhiên một con chó đen xuất hiện trước mặt tôi, lại còn ở rất gần đến nỗi tôi không thể quỳ lạy được. Nó đứng đó rất lâu, và tôi đã định đánh nó thì bỗng nhiên nó biến mất. Lúc đó, tôi bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi và run rẩy đến mức suýt nữa thì bỏ chạy khỏi nơi đó, nếu Chúa không giúp đỡ tôi. Sau khi bình tĩnh lại một chút khỏi cơn kinh hoàng, tôi bắt đầu cầu nguyện hết lòng và liên tục cúi lạy. Kể từ đó, tôi hoàn toàn không còn sợ những sự quấy rối của ma quỷ nữa, dù chúng có hiện ra trước mắt tôi đi chăng nữa.

Một trong các tu sĩ – Ilarion (người đã được đề cập ở trên) – đã kể lại như sau:

– Các quỷ dữ đã gây ra rất nhiều điều ác cho tôi trong phòng tu. Chẳng hạn, khi tôi nằm xuống ngủ vào ban đêm, bỗng nhiên xuất hiện vô số quỷ dữ, chúng túm lấy tóc tôi, dẫm đạp lên người tôi và lôi tôi lê lết trên mặt đất; còn những con quỷ khác thì nâng bức tường lên và nói: "Kéo hắn đến đây và đè bẹp hắn bằng bức tường này." Chúng làm như vậy với tôi suốt nhiều đêm liền, còn tôi, không thể chịu đựng được nữa, bèn đi kể lại tất cả cho Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, với ý định chuyển từ đó sang một phòng tu khác. Thánh Phê-ô-đô-xi-ô bèn nói với tôi:

– Không, anh em ơi, đừng đi, để lũ quỷ không thể khoe khoang về chiến thắng trước anh và nói rằng anh đã chạy trốn khỏi chúng. Nếu anh bỏ đi, từ lúc đó trở đi, lũ quỷ sẽ gây ra cho anh nhiều điều xấu xa hơn nữa, như thể chúng đã nắm quyền lực trên anh vậy. Hãy siêng năng cầu nguyện trong phòng tu của anh, và Đức Chúa Trời, khi thấy sự kiên nhẫn của anh, sẽ giúp anh đánh bại chúng đến nỗi chúng không dám đến gần anh nữa.

Tôi lại nói với vị tu sĩ:

– Con xin cha, xin cho con chuyển sang một phòng tu khác; giờ đây con không còn sức lực nào để ở lại phòng tu cũ nữa, vì ở đó có rất nhiều quỷ dữ đang cư ngụ.

Lúc đó, vị tu sĩ làm dấu thánh giá trên đầu tôi và nói:

– Hãy đi đi, anh em, về phòng tu của anh. Từ nay trở đi, những con quỷ xảo quyệt sẽ không dám gây hại gì cho anh nữa.

Tôi đã lắng nghe những lời của Thánh Theodosius với lòng tin, rồi cúi đầu chào vị tu sĩ và ra khỏi đó. Kể từ lúc đó, những con quỷ xấc xược không còn dám đến gần phòng tu của tôi nữa, vì chúng đã bị xua đuổi vĩnh viễn nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Theodosius.

Thánh Theodosius kiên trì trong cuộc chiến chống lại những kẻ thù vô hình đến mức nào, thì ngài cũng dũng cảm không kém trong cuộc chiến chống lại những kẻ thù hữu hình của Chúa Kitô. Ngài có thói quen như thế này: thường xuyên, thức dậy vào ban đêm, bí mật khỏi mọi người, ngài đến gặp những người Do Thái và tại đó, ngài dũng cảm tranh luận với họ về Chúa Kitô. Ngài quở trách và vạch trần họ, gọi họ là những kẻ vi phạm luật pháp và những kẻ giết Chúa. Là một người noi gương Chúa Kitô đích thực, ngài khao khát được chịu chết vì tuyên xưng danh Ngài, chính từ những người mà chính Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đã chịu chết.

Sự việc sau đây chứng minh rằng vị chứng nhân dũng cảm của danh Chúa Kitô này thực sự mong muốn chịu khổ vì lẽ phải.

Trong thời gian ngài làm tu viện trưởng, kẻ thù vô hình, chúa tể bóng tối, đã khơi dậy mâu thuẫn giữa ba vị công tước Nga. Hai anh em ruột: Sviatoslav, công tước Chernihiv, và Vsevolod Pereyaslav – đã phát động một cuộc chiến tranh phi nghĩa chống lại người anh cả của họ, công tước Izyaslav Kiev, người yêu mến Chúa Kitô, và

đuổi ông ra khỏi thủ đô Kiev[3390] . Sau khi lên nắm quyền thay ông tại Kiev, họ đã cử người mời Thánh Phê-ô-đô-xi đến dùng bữa trưa cùng họ. Tuy nhiên, vị thánh này đã dũng cảm và kiên quyết từ chối lời mời của họ:

– Tôi không xứng đáng tham dự bữa tiệc của sự bất chính, giống như bữa tiệc của Jezebel[3391] .

Khi Vsevolod rút về vùng Pereyaslav của mình, còn Svyatoslav lên ngôi tại Kiev thay thế Izyaslav, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô bắt đầu không ngừng lên án Công tước Svyatoslav vì đã chiếm ngôi vua của anh trai mình một cách bất chính. Thánh nhân đã nhờ các sứ giả hoàng gia đến gặp mình chuyển lời đến công tước rằng ngài không tán thành hành động của ông. Một lần, ngài gửi cho ông ta một bức thư chỉ trích dài, trong đó có đoạn viết: "Tiếng kêu của máu người anh em cùng cha cùng mẹ của ngươi đang thét lên với Đức Chúa Trời chống lại ngươi, giống như máu của A-vê-lơ thét lên chống lại Ca-in" (Sáng Thế Ký 4:10).

Để răn dạy ngài, trong thư, ngài đã nhắc lại tên của nhiều kẻ giết anh em vô đạo thời xưa. Hoàng tử Sviatoslav tức giận đến mức, sau khi đọc xong bức thư, đã ném nó xuống đất một cách giận dữ và từ đó bắt đầu tìm cách giam lỏng vị thánh Theodosius trong tu viện. Còn các tu sĩ trong tu viện, vô cùng đau buồn trước ý định của hoàng tử, đã khẩn khoản xin vị thánh nhân ngừng việc chỉ trích hoàng tử. Tương tự như vậy, nhiều quý tộc đến thăm vị thánh nhân, khi truyền đạt cho ngài về cơn giận của hoàng tử, cũng khuyên ngài đừng chống đối hoàng tử.

– "Vì hoàng tử," họ nói, "đang có ý định giam cầm ngài."

Ngài Thánh nhân nghe họ nói về việc giam cầm, lòng ngài bừng vui và nói:

– Tôi rất vui mừng vì điều này, các anh em ơi! Trong cuộc đời này, không có gì làm tôi vui hơn là bị trục xuất vì lẽ phải; vì lẽ phải, tôi sẵn sàng chịu lưu đày, thậm chí cả cái chết.

Từ đó, vị thánh nhân càng lên án công tước vì lòng thù hận đối với anh trai mình, như thể muốn kích động công tước ra lệnh giam cầm mình vậy. Dù rất tức giận, vị công tước vẫn không dám làm điều ác nào với vị thánh nhân, vì biết rõ sự chính trực và thánh thiện của ngài; bởi trước đó, ông từng ghen tị với anh trai mình là Công tước Izyaslav vì người này có trong lãnh địa của mình một bậc chính nhân vĩ đại như Thánh Theodosius. Ngay sau đó, vị tu sĩ Theodosius, nhận ra rằng những lời quở trách gay gắt của mình không có tác dụng với hoàng tử, nên đã nhượng bộ trước những lời thỉnh cầu của các tu sĩ và các quan đại thần, ngừng chỉ trích hoàng tử và từ đó bắt đầu với những giọt nước mắt thuyết phục ông trả lại lãnh địa cho anh trai mình.

Khi vài ngày sau đó, hoàng tử Sviatoslav biết được ý định của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô về việc ngừng lên án, ngài rất vui mừng và sai người đến hỏi Thánh Phê-ô-đô-xi-ô: liệu ngài có cho phép ngài đến tu viện hay không. Và khi ngài đồng ý, hoàng tử đã hân hoan cùng các quan đại thần đến tu viện. Thánh nhân cùng các tu sĩ, sau khi ra khỏi nhà thờ, đã tiếp đón hoàng tử một cách trang trọng, đến nỗi tất cả các tu sĩ đều cúi đầu chào hoàng tử.

– Con không dám đến gặp cha, thưa cha, vì nghĩ rằng cha sẽ giận dữ và không cho con vào tu viện của cha, – hoàng tử nói với vị tu sĩ.

Vị tu sĩ thánh thiện đáp lại:

– Ý ngài nói sao, thưa vị lãnh chúa nhân từ, cơn giận của chúng tôi có nghĩa lý gì trước quyền uy của ngài? Nhưng chúng tôi có bổn phận phải chỉ ra và nói những điều mang lại sự cứu rỗi cho linh hồn, còn ngài thì nên lắng nghe điều đó.

Họ bước vào nhà thờ và cầu nguyện, sau đó vị tu sĩ Thêôđôxiô đã giảng dạy ngài rất lâu dựa trên Kinh Thánh, bàn luận về tình yêu anh em, vì hoàng tử đã đổ lỗi cho anh trai mình về nhiều điều. Sau cuộc trò chuyện dài đầy ý nghĩa cho tâm hồn, vị công tước trở về nhà, ngợi khen Đức Chúa Trời vì đã ban cho ngài cơ hội được trò chuyện với một vị thánh nhân như vậy, và từ đó ngài thường xuyên đến thăm tu viện của ngài. Sau đó, chính Đức Thánh Phê-ô-đô-xi-ô ( ) cũng nhiều lần đến gặp vị hoàng tử quyền lực Sviatoslav này, nhắc nhở ngài về lòng kính sợ Đức Chúa Trời và tình yêu thương anh em.

Trong một lần viếng thăm như vậy, vị thánh đã gặp những nhạc công đang chơi các loại nhạc cụ khác nhau tại dinh thự của vị công tước. Mọi người đều đang vui vẻ. Vị thánh ngồi im lặng bên cạnh vị công tước, mắt nhìn xuống đất, trong một thời gian dài; rồi ngài nói:

[3390] Sviatoslav II Yaroslavich trị vì tại Kiev từ năm 1073 đến năm 1076, còn Vsevolod I Yaroslavich trị vì từ năm 1078 đến năm 1093.

[3391] Iê-za-vel – vợ của vua A-háp của Y-sơ-ra-ên, nổi tiếng vì sự vô đạo và đồi trụy tột độ. Mù quáng tuân theo ảnh hưởng của bà, A-háp đã vượt qua tất cả các vị tiền nhiệm về mức độ vô đạo và sa vào sự thờ thần tượng đáng hổ thẹn nhất. Ông đã xây dựng đền thờ Ba-anh tại Sa-ma-ri, trồng những khu rừng thiêng, và cho phép Iê-za-vel dựng các bàn thờ cho các vị thần của Ty-rơ và Si-đôn (3 Vua 16:31–33). Iê-za-vel nuôi dưỡng bốn trăm nhà tiên tri giả, những người được bà chu cấp (3 Vua 18:19). Rõ ràng chính "bữa tiệc" này là điều mà Thánh Theodosius muốn nói đến trong trường hợp này.

– Liệu ở thế giới bên kia có như thế này không?

Vị công tước cảm động đến rơi nước mắt và ra lệnh cho những người đang chơi nhạc ngừng lại ngay lập tức. Và từ đó trở đi, mỗi khi vị thánh nhân tình cờ bắt gặp tiếng nhạc trong cung điện, vị công tước, sau khi biết tin ngài đến, liền ra lệnh ngừng ngay lập tức.

Khi hoàng tử được báo tin về sự hiện diện của vị tu sĩ, không ít lần chính ngài bước ra với khuôn mặt rạng rỡ và đón tiếp ngài ngay trước cửa cung điện. Tràn ngập niềm vui, hoàng tử nói với vị tu sĩ vừa đến:

– Thưa Cha, con xin thưa thật lòng với Cha rằng – nếu có ai nói với con rằng chính cha ruột của con đã sống lại từ cõi chết, con cũng sẽ không vui mừng bằng khi Cha đến đây, nhưng đồng thời con cũng sẽ không sợ hãi như con đang sợ hãi trước linh hồn thánh thiện của Cha.

– Nếu đúng như ngài nói, – vị thánh nhân đáp lại, – thì xin hãy đáp ứng lời thỉnh cầu của tôi: hãy trả lại cho anh trai ngài ngai vàng mà cha ngài, người có đức tin vững vàng, đã trao cho anh ấy.

Hoàng tử im lặng trước lời đó, không biết phải trả lời vị thánh thế nào; kẻ thù đã khơi dậy cơn giận dữ trong lòng ông đến mức ông thậm chí không muốn nghe nhắc đến người anh trai. Tuy nhiên, vị tu sĩ Theodosius đã cầu nguyện với Chúa ngày đêm cho vị công tước yêu mến Chúa Izyaslav, và trong các thánh lễ, ngài ra lệnh tưởng niệm ông như vị công tước hợp pháp của Kiev và là anh trai cả, còn Sviatoslav, người đã chiếm ngai vàng của anh trai một cách bất hợp pháp, thì bị cấm tưởng niệm trong tu viện của ngài. Và chỉ sau đó, khi được các tu sĩ nài nỉ, vị tu sĩ đáng kính mới ra lệnh tưởng niệm cả hai người, nhưng vẫn phải nhắc đến Izyaslav trước, còn Sviatoslav thì sau.

Không muốn chứng kiến sự bất hòa như vậy giữa các công tước Nga, vị thánh Nikon nói trên (người đã cạo đầu cho vị tu sĩ Theodosius và sau này luôn giúp đỡ ngài trong mọi việc), lần thứ hai rời Tu viện Pechersk đến bán đảo Tmutarakan, nơi ngài đã thành lập tu viện của riêng mình. Còn vị thánh Theodosius, sau khi ngài ra đi, vẫn tiếp tục công việc của mình một mình như trước đây.

Vì trong thời gian ngài làm Bề trên, số lượng tu sĩ đã tăng lên đến mức Tu viện Pechersk cũ kỹ trở nên quá chật chội cho cộng đoàn, nên vị Thánh Cha của chúng ta là Thánh Feodosiy bắt đầu suy tính xem làm thế nào và sẽ chuyển đến đâu, với sự giúp đỡ của Chúa, để đến một nơi rộng rãi hơn và xây dựng tại đó một nhà thờ đá lớn, cũng mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh. Chúa đã nhậm lời cầu nguyện của vị thánh nhân, chấp thuận nơi mà ngài đã chọn để di dời và ban phước cho việc xây dựng nhà thờ đá lớn. Chúa đã bày tỏ ý muốn của Ngài qua những phép lạ kỳ diệu.

Một người sùng đạo và kính sợ Chúa đang đi ngang qua Tu viện Pechersk cũ nát vào một đêm tối, và đã chứng kiến cảnh sau đây. Từ tu viện tỏa ra một ánh sáng rực rỡ, còn Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đang đứng trước nhà thờ, giơ hai tay lên trời và dâng lời cầu nguyện lên Chúa. Người qua đường vẫn tiếp tục ngắm nhìn cảnh tượng đó với sự ngạc nhiên, thì bỗng nhiên cảnh tượng thay đổi, và ông thấy một phép lạ khác: trên mái nhà thờ xuất hiện một ngọn lửa rất lớn, và sau khi biến thành hình vòng cung, nó di chuyển sang ngọn đồi khác, chính là ngọn đồi mà sau này Thánh Phê-ô-đô-xi-ô bắt đầu xây dựng nhà thờ đá mới. Và như vậy, một đầu của vòm lửa nằm trên nhà thờ cũ, còn đầu kia nằm trên nơi dự định xây dựng nhà thờ mới. Người chứng kiến phép lạ này sau đó đã kể lại sự việc cho tu viện của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô.

Một đêm nọ, người dân trong vùng bỗng bị đánh thức bởi tiếng hát của vô số giọng ca vang lên gần tu viện. Họ thức dậy, bước ra khỏi nhà và đi lên một nơi cao để xem chính xác tiếng hát ấy phát ra từ đâu. Lúc đó, họ chứng kiến cảnh tượng sau đây. Tu viện Pechersk cổ kính chìm trong ánh sáng rực rỡ; rất nhiều tu sĩ, bước ra từ nhà thờ cũ, đang tiến về một địa điểm mới: một số người khiêng bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, còn những người khác vừa hát thánh ca vừa đi theo phía trước, tay cầm những ngọn nến đang cháy. Đi đầu đoàn là cha và người hướng dẫn các tu sĩ, Thánh Phê-ô-đô-xi. Khi đến nơi mới, họ đã cử hành thánh ca và cầu nguyện tại đó, rồi sau đó quay trở lại, vừa hát vừa bước vào nhà thờ cũ. Rất nhiều nhân chứng sau đó đã xác nhận sự thật của phép lạ này. Và vì không có tu sĩ nào tham gia vào cuộc rước nói trên, nên mọi người đều hiểu rằng những người này đã nhìn thấy các Thiên thần.

Tại nơi đã được Thiên Chúa đánh dấu bằng những phép lạ vĩ đại như vậy, một nhà thờ bằng đá mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh[3392] đã được khởi công xây dựng. Chính Thánh Phê-ô-đô-xi-ô cũng đã đóng góp rất nhiều

[3392] Ngôi đền được khởi công vào năm 1073. Thánh Theodosius không kịp hoàn thành việc xây dựng ngôi đền và tu viện. Các vị kế nhiệm của Thánh Theodosius đã hoàn tất công trình: Thánh Stephen (từng là vị tu viện trưởng từ năm 1074 đến 1078), Thánh Nikon (quản lý tu viện từ năm 1078 đến 1088) và Thánh John (được bầu làm tu viện trưởng vào năm 1088 hoặc 1089). Nhà thờ bằng đá của tu viện mới,

công sức vào việc xây dựng nhà thờ này: ngài hàng ngày đến đó, theo dõi kỹ lưỡng công việc và, trong phạm vi có thể, giúp xây dựng cùng với các thợ xây. Trong lúc làm việc, ngài ăn mặc giản dị đến mức người ta có thể nhầm ngài là một tu sĩ tập sự mới vào, chứ không thể nào là vị tu viện trưởng.

Một lần, khi vị tu sĩ đang trên đường đến công trường xây dựng nhà thờ, một góa phụ bị quan tòa đối xử bất công đã gặp ngài và hỏi:

– Thưa tu sĩ, xin cho tôi biết, vị tu viện trưởng của các vị đang ở đâu? Ông ấy có ở trong tu viện không?

– Cô cần gì ở ngài chứ, – vị tu sĩ đáp, – chẳng phải ngài ấy cũng là một con người tội lỗi sao?

Người phụ nữ đáp lại:

– Tôi không biết ngài ấy có tội hay không; tôi chỉ biết rằng ngài ấy đã giải thoát nhiều người khỏi nỗi buồn và điều ác. Vì thế tôi mới đến xin ngài ấy bảo vệ tôi khỏi những sự bất công của vị thẩm phán bất công ấy.

Vị tu sĩ, sau khi tìm hiểu rõ chuyện của cô, đã thương xót cô và nói:

– Bây giờ cô hãy về nhà đi, khi vị tu viện trưởng của chúng tôi trở về, tôi sẽ kể cho ngài nghe về cô, và ngài sẽ giải thoát cô khỏi tai ương.

Nghe lời ngài, người phụ nữ về nhà, còn vị thánh thì đi gặp quan tòa. Lắng nghe lời thỉnh cầu của Thánh Theodosius, quan tòa đã thông cảm với hoàn cảnh của người góa phụ và, với lòng khoan dung, đã trả lại cho cô tất cả những gì cô đã bị ông ta chiếm đoạt.

Bằng những việc làm chính trực và xứng đáng như thế này, vị thánh Theodosius đã đồng hành cùng việc xây dựng nhà thờ Pechersk mang tên Đức Mẹ Thiên Chúa. Ngài không hoàn toàn xây dựng xong nhà thờ này trong suốt cuộc đời mình, nhưng ngay cả sau khi qua đời, nhờ những lời cầu nguyện đẹp lòng Chúa của ngài, ngài vẫn tiếp tục giúp đỡ Thánh Phêrô, người đã kế nhiệm chức vụ Bề trên sau ngài và tiếp tục công trình xây dựng nhà thờ mà Thánh Theodosius đã khởi xướng.

Trong khi đó, cuộc đời thánh thiện của vị cha đáng kính Theodosius của chúng ta đã bắt đầu đi đến hồi kết. Cảm nhận trước sự ra đi về với Chúa, vào ngày lâm chung, vị thánh đã ra lệnh tập hợp toàn thể anh em tu sĩ, không chỉ những người đang có mặt trong tu viện, mà cả những ai vắng mặt vì lý do nào đó hay đang bận rộn với công việc, và thậm chí cả toàn bộ nhân viên phục vụ của tu viện. Khi mọi người đã tập trung đầy đủ, ngài bắt đầu khuyên nhủ từng người với tất cả sự nhiệt thành và lòng kính sợ Chúa, để họ thực hiện những bổn phận được giao phó. Với những giọt nước mắt, ngài nói về sự cứu rỗi linh hồn, về cuộc sống tiết độ làm đẹp lòng Chúa, về việc siêng năng đến nhà thờ, về lòng kính sợ thánh thiêng mà mọi người phải có khi tham dự thánh lễ, về tình yêu thương và sự vâng phục không chỉ đối với những bậc trưởng bối mà còn đối với những người cùng lứa tuổi. Sau khi nói về nghĩa vụ của mỗi người, ngài ban phước lành cho các tu sĩ và cho họ ra về trong bình an. Sau đó, Hoàng tử Sviatoslav, một người sùng đạo, đến thăm vị Thánh. Ngài đã dùng những lời đầy ân sủng của mình để dạy dỗ ngài về lòng sùng đạo, việc bảo vệ Chính Thống Giáo và sự chăm sóc các thánh đường. Rồi ngài nói với ngài:

– Ta sẽ cầu nguyện cùng Chúa Trời và Mẹ Ngài Vô Nhiễm Nguyên Tội để Ngài củng cố đức tin nơi ngài. Cầu xin Chúa cho triều đại của ngài được bình an và thanh thản. Và đây, ta giao phó cho đức tin của ngài tu viện thánh Pechersk này cùng nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, được xây dựng theo ý muốn của Mẹ.

Cơn ớn lạnh kinh hoàng xen kẽ với cơn sốt bỏng rát đau đớn đã làm cơ thể vị thánh suy kiệt đến mức ngài phải nằm xuống giường, nơi mà trước đây ngài chưa bao giờ nằm. Trên giường, ngài nói:

– Xin ý Chúa được thực hiện! Như Chúa muốn, xin Ngài hãy làm theo! Nhưng con cầu xin Ngài, Chúa của con, Đức Giêsu Kitô, xin hãy thương xót linh hồn con: xin cho nó tránh khỏi những ác quỷ xảo quyệt, xin cho các

---

do Thánh Theodosius khởi công, đã được hoàn thành phần xây dựng dưới thời Stefan vào năm 1075, nhưng có lẽ do thiếu kinh phí cho công tác trang trí – vốn diễn ra chậm chạp – nên nhà thờ chỉ được làm lễ thánh hiến sau 14 năm, vào năm 1089. Năm 1108, việc xây dựng phòng ăn cho các tu sĩ đã hoàn tất, và vào năm 1182, tu viện được bao quanh bởi một bức tường đá. Tu viện cũ sau khi tu viện mới được xây dựng không bị phá hủy, mà vẫn tiếp tục tồn tại với một số ít tu sĩ còn lại; còn hang động nơi tu viện này tọa lạc, sau khi các tu sĩ rời khỏi đó, đã trở thành nơi an táng hoặc nghĩa trang cho tu viện. Năm 1240, Tu viện Pechersk bị người Tatars phá hủy phần lớn. Việc trùng tu tu viện diễn ra vào cuối thế kỷ XIII. Trong diện mạo hiện tại, tu viện chỉ còn lưu giữ từ thời kỳ trước khi người Mông Cổ xâm lược phần dưới của "nhà thờ lớn" hay nhà thờ chính, và có thể là nhà thờ ở cổng chính thờ Thánh Ba Ngôi. Các bức tường đá hiện tại của tu viện được xây dựng trên nền của những bức tường gỗ (đã thay thế cho các bức tường đá bị người Tatar phá hủy) vào cuối thế kỷ XVII, và nói chung, tất cả các tòa nhà hiện đại của tu viện đều được xây dựng vào thế kỷ XVIII (ngoại trừ phần dưới của nhà thờ chính và nhà thờ cổng vinh danh Thánh Ba Ngôi đã được đề cập).

Thiên Thần của Ngài đón nhận nó và, sau khi dẫn nó vượt qua những thử thách trên trời, xin cho họ đưa nó đến với ánh sáng lòng thương xót của Ngài!

Nói xong, ông im lặng.

Trong ba ngày, vị thánh nhân không thể nói được, cũng không mở mắt ra được, đến nỗi người ta có thể lầm tưởng ngài đã qua đời, nếu không phải vì vẫn còn thấy hơi thở yếu ớt phả ra từ đôi môi ngài. Căn bệnh nguy kịch của vị thánh nhân già đã gây ra nỗi đau buồn và xót xa vô cùng cho các tu sĩ. Sau ba ngày nằm liệt giường vì căn bệnh ấy, vị thánh nhân đứng dậy khỏi giường bệnh và nói với toàn thể các tu sĩ đang tụ tập:

– Hỡi các anh em và các cha! Cuộc đời tôi sắp kết thúc – chính Chúa đã mặc khải điều này cho tôi trong hang động vào Mùa Chay. Các anh em hãy bàn bạc với nhau xem ai là người các anh em muốn chọn làm vị tu viện trưởng thay thế tôi.

Các tu sĩ vô cùng đau buồn trước những lời này và bắt đầu khóc. Sau khi rời khỏi vị thánh và bàn bạc với nhau, tất cả các tu sĩ đều đồng ý bầu tu sĩ phụ trách tu viện[3393] Stefan làm vị tu viện trưởng mới. Ngày hôm sau, vị thánh lại triệu tập tất cả các tu sĩ và hỏi họ:

– Các con đã quyết định thế nào rồi, các con? Ai trong các con xứng đáng làm vị tu viện trưởng?

Tất cả đều nói rằng Thánh Stefan xứng đáng làm Bề trên. Sau khi gọi Thánh Stefan lại gần, vị Thánh nhân đã ban phước cho ngài để thay thế mình làm Bề trên và nói với ngài:

– Này, con yêu quý, ta giao tu viện này cho con; hãy gìn giữ nó cẩn thận; trật tự trong các nghi lễ mà ta đã thiết lập, con cũng phải tuân thủ như vậy, và trong mọi việc hãy tuân theo truyền thống của tu viện. Đừng thay đổi nội quy, mà hãy làm mọi việc theo luật lệ và nghi thức của tu viện.

Còn đối với các tu sĩ, vị thánh nhân đã giảng dạy lâu dài, dặn dò họ phải vâng lời vị tu viện trưởng mới. Sau đó, ngài cho mọi người ra về, đồng thời báo trước cho họ ngày ngài qua đời – ngày thứ Bảy.

– Sau khi mặt trời mọc, – ngài nói với các tu sĩ, – linh hồn tôi sẽ rời khỏi thân xác.

Sau đó, vị thánh lại gọi riêng một người tên là Stefan đến và dạy dỗ anh ta rất nhiều về cách chăn dắt đàn chiên thánh. Vì vị thánh đã rất suy yếu do bệnh tật, nên Stefan không rời xa Ngài, mà khiêm nhường phục vụ Ngài. Vào rạng sáng ngày thứ Bảy đó, Thánh Theodosius đã cho người đi gọi các tu sĩ. Khi tất cả các tu sĩ đã tập trung đầy đủ, vị thánh, trong lúc từ biệt, đã hôn từng người một với tình yêu thương; còn họ thì khóc nức nở, vì biết trước sự mất mát sắp xảy ra của một vị mục tử tốt lành như vậy. Thánh Theodosius, đã hoàn toàn sẵn sàng cho cái chết, nói với họ:

– Hỡi các con yêu dấu và anh em của ta! Ta đã hôn lên má tất cả các con vì ta sắp ra đi về với Chúa của ta, Đức Giêsu Kitô. Đây là vị Bề trên mà chính các con đã bầu chọn; hãy tôn kính ngài như cha thiêng liêng, vâng lời ngài và làm mọi điều đẹp lòng Chúa theo lệnh của ngài. Còn Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng muôn loài bằng Lời và sự khôn ngoan, xin chính Ngài ban phước lành cho các con và bảo vệ các con khỏi những lời vu khống của kẻ xảo quyệt; xin Ngài gìn giữ trong lòng các con, cho đến hơi thở cuối cùng, đức tin vững chắc và không lay chuyển, cùng tình yêu thương lẫn nhau. Sau đó, tôi khẩn cầu và van nài các con – hãy chôn cất tôi trong bộ quần áo mà tôi đang mặc lúc này, và đặt thi thể tôi vào hang động nơi tôi đã ở trong Mùa Chay; trong bất kỳ trường hợp nào cũng đừng tắm rửa thi thể hèn mọn của tôi. Đừng để bất kỳ ai trong số những người thế gian nhìn thấy lễ an táng của tôi; chỉ có các anh em tu sĩ mới được đặt tôi vào nơi mà tôi đã chỉ định.

Nghe những lời của vị thánh, các anh em đã khóc nức nở. Vị thánh lại an ủi họ, nói:

– Ta hứa với các anh em và các cha rằng, dù thân xác ta rời xa các anh em, nhưng linh hồn ta sẽ luôn ở cùng các anh em.

Sau những lời ấy, vị thánh nhân cho mọi người ra về, không giữ ai lại bên mình. Một vị tu sĩ trong số các anh em, người luôn phục vụ ngài, đã khoét một lỗ nhỏ trên cánh cửa để nhìn xem ngài đang làm gì. Vị thánh nhân đứng dậy khỏi giường, quỳ sấp xuống, nước mắt tuôn trào, khẩn cầu Thiên Chúa nhân từ cứu rỗi linh hồn mình. Trong lời cầu nguyện, ngài kêu gọi sự trợ giúp của tất cả các thánh, và hơn hết là Đức Mẹ Thiên Chúa, Đấng mà ngài phó thác đoàn chiên và chính tu viện của mình. Sau khi cầu nguyện, ngài lại nằm xuống giường, rồi sau khi nghỉ ngơi một chút, ngài ngước mắt lên trời và, với nét mặt rạng rỡ, cất tiếng nói lớn: "Chúa được ngợi khen! Nếu đúng là như vậy, thì giờ đây tôi không còn sợ hãi nữa, mà sẽ ra đi khỏi cõi đời này với niềm vui còn lớn lao hơn."

[3393] Người chỉ huy dàn hợp xướng – người quản lý dàn hợp xướng, người chỉ huy.

Có lẽ khi thốt lên những lời trên, ngài đang chiêm ngưỡng một khải tượng nào đó. Sau đó, ngài duỗi thẳng hai chân và chắp hai tay thành hình thánh giá trên ngực, rồi trao linh hồn thánh thiện của mình cho Thiên Chúa và gia nhập vào hàng ngũ các thánh tổ phụ. Sự việc này xảy ra vào ngày 3 tháng 5 năm 1074, vào ngày thứ Bảy, đúng như vị thánh đã tiên đoán, sau khi mặt trời mọc . Sau khi khóc thương tha thiết trước sự ra đi của Thánh Theodosius, các tu sĩ đã rước thi hài thánh của ngài vào nhà thờ và tại đó cử hành các lời cầu nguyện và thánh ca thông thường dành cho người đã qua đời.

Theo sự an bài của Thiên Chúa, rất nhiều người đã ngay lập tức biết tin về sự ra đi của vị thánh. Dân chúng và nhiều quý tộc, tự nguyện tụ tập trước cổng tu viện, chờ đợi thời khắc thi hài của vị thánh được rước ra khỏi tu viện để an táng trong hang động. Còn các tu sĩ, sau khi đóng cổng lại, không cho ai vào tu viện, chờ đến khi dân chúng tan rã để tiến hành an táng thi hài của vị thánh, như chính ngài đã di chúc, trong sự vắng mặt của giáo dân. Và rồi theo ý muốn của Thiên Chúa, bầu trời bỗng chốc bị che phủ bởi mây đen; một cơn mưa lớn đổ xuống. Vừa khi đám đông tan rã, mặt trời lại tỏa sáng. Lúc đó, các tu sĩ đã rước thi hài của vị thánh ra khỏi nhà thờ và an táng một cách trang trọng trong hang động[3394] .

Vào thời điểm vị thánh nhân qua đời, Công tước Sviatoslav đang ở gần Tu viện Pechersk; bỗng nhiên ngài nhìn thấy trên tu viện một cột lửa vươn cao từ mặt đất lên tận trời. Nhận ra rằng vị thánh nhân đã qua đời, Công tước nói với những người có mặt:

– Theo tôi nghĩ, hôm nay vị thánh Theodosius đã về trời; hôm qua tôi đã đến thăm ngài và thấy ngài đang mắc bệnh rất nặng.

Ngài sai người đi tìm hiểu về vị thánh và khi xác nhận được ngài đã qua đời, ngài đã khóc rất nhiều.

Trong năm vị thánh Theodosius qua đời, nhờ những lời cầu nguyện của ngài, tất cả của cải của tu viện đều sinh sôi nảy nở, mùa màng bội thu, và đàn gia súc của tu viện sinh sản dồi dào. Chưa từng có năm nào như vậy trước đây. Thấy điều đó, các tu sĩ nhớ lại lời hứa của vị Thánh Cha của mình và ngợi khen Thiên Chúa vì Ngài đã ban cho vị thánh nhân của Ngài, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, những ân sủng của Ngài. Những ân sủng ấy đã được thể hiện sau khi Thánh Theodosius qua đời qua nhiều phép lạ, mà vị thánh đã thực hiện nhờ những lời cầu nguyện sốt sắng của tất cả những ai kêu cầu Ngài giúp đỡ.

[3394] Năm 1091, các thánh tích của Thánh Theodosius đã được các tu sĩ chuyển từ hang động – nơi ban đầu chúng được an táng – đến Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, và được đặt ở tiền sảnh phía bên phải. Trong thời kỳ xâm lược của người Tatar, di cốt thiêng liêng của Thánh Theodosius đã được đặt dưới sàn nhà, gần cửa phía tây của chính nhà thờ đó để bảo quản, và vẫn được an nghỉ tại đó cho đến ngày nay. Sự kiện chuyển di cốt thiêng liêng của Thánh Theodosius được kỷ niệm vào ngày 14 tháng 8. Năm 1108, Tổng Giám mục Nikifor (nhiệm kỳ từ năm 1103 đến năm 1121) đã ra quyết định tại Công đồng "ghi tên Thánh Feodosiy vào Sổ ghi chép của tất cả các giáo phận". Kể từ thời điểm đó, người ta bắt đầu kỷ niệm ở khắp mọi nơi, cả ngày qua đời của Thánh Feodosiy lẫn ngày di dời di cốt thiêng liêng của ngài. Thánh Theodosius là tấm gương cho các thế hệ sau này không chỉ qua đời sống tu hành khổ hạnh của ngài, mà còn qua những lời dạy bằng văn bản, chủ yếu được lưu truyền đến ngày nay dưới dạng các bài giảng cho các dịp khác nhau. Thật đáng tiếc, vấn đề về tính xác thực của một số tác phẩm của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô vẫn chưa được làm rõ một cách dứt khoát. Chắc chắn năm bài giảng sau đây phải được quy cho Thánh Phê-ô-đô-xi-ô: 1) bài giảng vào thứ Tư tuần thứ 3 của Mùa Chay "trong giờ cầu nguyện" "về sự kiên nhẫn và tình yêu"; 2) bài giảng vào thứ Năm tuần thứ ba của Mùa Chay "về sự nhẫn nại, tình yêu thương và việc ăn chay"; 3) bài giảng vào thứ Năm tuần thứ ba của Mùa Chay "trong giờ cầu nguyện" "về sự nhẫn nại và việc bố thí"; 4) bài giảng vào thứ Sáu tuần thứ ba của Mùa Chay "về sự kiên nhẫn và sự khiêm nhường"; và cuối cùng, 5) bài giảng vào thứ Sáu tuần thứ ba của Mùa Chay "trong giờ cầu nguyện" "về việc đi nhà thờ và cầu nguyện". Ngoài ra, các bài giảng sau đây cũng được cho là của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô: 1) bài giảng "dành cho người quản lý nhà thờ" (về nhiệm vụ của người này); 2) bài giảng "về các hình phạt của Đức Chúa Trời" (người ta cho rằng bài giảng này được Thánh Phê-ô-đô-xi-ô trình bày vào năm 1067 sau trận chiến thảm khốc với người Polovtsian); 3) bài giảng về "bữa ăn và đồ uống" (dành cho các tu sĩ); 4) "lời của một người yêu mến Chúa Kitô và nhiệt thành với đức tin chân chính"; 5) "lời răn của cha linh hướng dành cho các con về việc say rượu"; 6) "lời kể về việc Vladimir làm lễ rửa tội và chiếm được Korsun"; và cuối cùng, 7) một số đoạn trích từ các bài giảng. Thánh Theodosius cũng được cho là tác giả của hai bài giảng vào thứ Ba và thứ Tư của tuần thứ ba trong Mùa Chay, mang tên Thánh Theodore Studites, cũng như một số bài giảng khác. Ngoài ra, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô còn là tác giả của một số bức thư (có lẽ hai hoặc ba bức) gửi đến Đại công tước Izyaslav (các bức thư này trong các tài liệu còn lưu truyền đến ngày nay được gọi là "các câu hỏi" của Công tước Izyaslav). Tất cả các tác phẩm nêu trên của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đều được viết rất đơn giản và chứa đựng nhiều tình cảm. Các bài giảng và thư của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô hoàn toàn không có bất kỳ sự hoa mỹ tu từ nào. Về nội dung, trong những tác phẩm dành cho các tu sĩ, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô nói về các lời thề và nghĩa vụ tu hành; ông đặc biệt đi sâu vào lời thề không tham lam; còn trong các bài giảng dành cho dân chúng, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã mạnh mẽ phản đối các phong tục ngoại đạo khác nhau, vốn lúc bấy giờ rất phổ biến ở Rus' và mới chỉ bắt đầu được các nhà truyền giáo Kitô giáo xóa bỏ. Đặc biệt, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã lên tiếng mạnh mẽ chống lại việc thờ thần tượng và thói say xỉn. Cuối cùng, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô còn được cho là tác giả của một số lời cầu nguyện, được ghi kèm tên ngài trong một số bản chép tay cổ của Sách Thánh Vịnh.

Vào thời điểm đó, Công tước Sviatoslav đã rất tức giận với một quan đại thần. Nhiều người đồn rằng hoàng tử muốn giam cầm ông ta. Còn vị quan đại thần ấy thì thành tâm cầu nguyện với Chúa và khẩn cầu sự giúp đỡ của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, nói rằng: "Con biết, thưa Cha, rằng Cha là người thánh thiện; con đang lâm vào hoạn nạn; xin Cha thương xót con: bằng lời cầu nguyện của Cha dâng lên Chúa Trời trên trời, xin cứu con khỏi hoạn nạn này."

Khi vị quý tộc chìm vào giấc ngủ, vị thánh đã hiện ra trong giấc mơ và nói:

– Sao ngài lại buồn bã như vậy? Chẳng lẽ ngài nghĩ rằng tôi đã hoàn toàn rời xa các ngài sao? Dù thân xác tôi đã ra đi, nhưng linh hồn tôi luôn ở bên các ngài. Ngày mai, hoàng tử sẽ triệu tập ngài mà không hề giận dữ và sẽ trả lại cho ngài chức tước cũ.

Khi tỉnh dậy và lấy lại tinh thần, vị quan đại thần thấy vị thánh nhân đang bước ra khỏi phòng, đứng phía sau gần cửa. Lời tiên tri của Thánh Theodosius quả thực đã thành hiện thực, và từ đó, vị quan đại thần càng thêm yêu mến Tu viện Pechersk.

Khi chuẩn bị lên đường, có một người mang đến tu viện của vị thánh Theodosius một chiếc rương bạc và giao nó cho một tu sĩ quen biết tên là Konon để cất giữ. Tu sĩ Nikolai biết được chuyện này và, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã đánh cắp chiếc rương đó rồi giấu đi. Khi trở về, Konon không tìm thấy bạc trong phòng của mình và, vô cùng đau buồn vì điều này, anh đã khóc lóc cầu nguyện với Chúa, kêu gọi sự giúp đỡ của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Sau khi cầu nguyện và chìm vào giấc ngủ, Konon thấy Thánh Phê-ô-đô-xi-ô hiện ra trước mặt và nói với anh:

– Số bạc mà ngươi đang buồn phiền ấy, tu sĩ Nikolai đã lấy đi dưới sự xúi giục của ma quỷ và giấu trong hang động.

Sau đó, ngài chỉ cho anh ta biết nơi cất giấu số vàng và nói:

– Hãy đi và, đừng nói với ai về chuyện này, hãy lấy lại của mình.

Khi tỉnh dậy, vị tu sĩ vui mừng liền đứng dậy, thắp nến rồi đi đến nơi được chỉ dẫn. Tìm thấy số bạc bị đánh cắp, ông đã tạ ơn Chúa và vị thánh được Chúa yêu mến, Thánh Theodosius.

Còn có một sự việc khác như sau. Một giáo sĩ của Nhà thờ Thánh Sofia, nhà thờ chính tòa vĩ đại ở Kiev, bị ốm nặng: toàn thân ông bốc cháy vì cơn sốt cao từ bên trong. Khi tỉnh lại, ông cầu nguyện với Đức Chúa Trời và vị thánh đáng kính của Ngài là Thánh Theodosius, xin Ngài làm dịu bớt nỗi đau khổ của ông. Vừa chợp mắt, ông đã thấy trong giấc mơ vị thánh Theodosius, người đã đưa cho ông một cây gậy và nói: "Hãy cầm lấy và đi với nó."

Khi tỉnh dậy, người bệnh cảm thấy cơn sốt trong cơ thể dần dịu đi và bệnh tật chấm dứt. Sau khi khỏi bệnh, ông đến Tu viện Pechersk và kể cho các tu sĩ nghe về cách ông được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Các tu sĩ liền ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã ban ân sủng ấy cho người công chính.

Còn có một trường hợp khác nữa. Trong thời gian làm vị trụ trì tại Tu viện Pechersk, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô đã ra quyết định rằng vào thứ Sáu của tuần đầu tiên trong Mùa Chay, các tu sĩ – với tư cách là những người tu hành đạo đức đã nỗ lực kiêng khem – sẽ được phục vụ những chiếc bánh hoàn toàn tinh khiết, nhất định phải kèm theo mật ong và hạt anh túc. Quy định này luôn được tuân thủ, kể cả dưới thời Thánh Stefan[3395] , người được chính Thánh Phê-ô-đô-xi-ô bổ nhiệm làm Bề trên. Sau Thánh Stefan, Thánh Nikon[3396] đã tiếp nhận chức vụ Bề trên tại Tu viện Pechersk, và vào ngày thứ Sáu đầu tiên của Tuần Lễ Mùa Chay, ngài đã ra lệnh cho người quản lý nhà bếp thực hiện theo quy định của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Tuy nhiên, người quản lý kho đã không tuân theo mệnh lệnh của vị tu viện trưởng và không thực hiện quy định do Thánh Phê-ô-đô-xi-ô thiết lập, với lý do là không có bột mì để làm loại bánh mì đó. Nhưng chính Đức Chúa Trời đã không để cho tập tục do Thánh Phê-ô-đô-xi-ô thiết lập bị mai một. Khi các tu sĩ đang trên đường từ Thánh lễ đến phòng ăn để dùng bữa trưa chay, bỗng nhiên từ đâu đó có một xe chở đầy bánh mì tinh khiết được đưa đến cho họ. Thấy phép lạ này, các tu sĩ đã ngợi khen Thiên Chúa và vị thánh được Ngài yêu mến, người không bỏ rơi họ ngay cả sau khi qua đời. Họ ngợi khen vị cha và người hướng dẫn của mình, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, người đã giữ gìn quy định của mình vì sự an lành của các tu sĩ và thực hiện lời hứa – luôn giúp đỡ tu viện, quyền được xin sự giúp đỡ này từ Chúa mà ngài đã xứng đáng nhận được nhờ những việc làm thánh thiện của mình. Được hỗ trợ bởi những lời cầu nguyện dũng cảm và thánh thiện của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, xin cho chúng ta cũng được nhận ân sủng của Thiên Chúa – sự sống đời đời cùng Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng Thiên Chúa Cha và Thánh Thần đến muôn đời. A-men.

[3395] Thánh Stefan – giữ chức Trưởng tu viện từ năm 1074 đến năm 1078.

[3396] Nikon – giữ chức từ năm 1078 đến năm 1088.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Ngài đã vươn lên trong đức hạnh, từ thuở thiếu thời đã yêu mến đời sống tu hành, đạt đến khát vọng cao cả, Ngài đã an cư trong hang động, và làm rạng ngời đời sống của Ngài bằng sự khiêm nhường và sáng láng, trong những lời cầu nguyện như một thực thể vô hình , chiếu sáng trên đất Nga như một ngọn đèn rực rỡ, thưa Cha Theodosius: xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để các linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Kondak, giọng 3:

Hôm nay chúng ta tôn vinh Ngôi Sao của nước Nga, đã tỏa sáng từ phương Đông và đến phương Tây: vì Ngài đã làm giàu cho cả đất nước này bằng những phép lạ và lòng nhân ái, và đã ban cho tất cả chúng ta nhờ công lao và ân sủng của Hiến chương tu viện, của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô.

Lễ kỷ niệm Thánh Phêrô, vị Thánh làm phép lạ, Cha của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 5

Quê hương của vị thánh này là thành phố Constantinople. Ngài xuất thân từ một gia đình kính sợ Thiên Chúa. Khi cha mẹ của vị thánh này nhận chức tu sĩ, và ngay sau đó hai anh em của ngài là Phaolô và Dionysius cũng xuất gia, thì ngài, noi gương họ và mong muốn sống một cuộc đời giống như họ, cũng đã nhận chức tu sĩ cùng với anh trai mình là Platon. Sau khi trở thành tu sĩ, ngài đã dấn thân vào đời sống tu hành với sự nhiệt thành đến mức vượt trội hơn tất cả các bạn cùng lứa tuổi, bởi vì, ban đầu ngài cố gắng noi gương họ, rồi sau đó là tất cả các tu sĩ khác, ngài học hỏi những đức tính tốt đẹp từ họ và áp dụng vào cuộc sống của mình. Nhờ đời sống tu hành cao cả của mình, ngài đã chiếm được tình cảm của Đức Giám mục Nicola[3397] , người lúc bấy giờ đang cai quản Giáo phận Ý, người đã có ý định phong chức giám mục cho ngài, nhưng ngài đã từ chối, với lý do rằng ngài tự cho mình là không xứng đáng với vinh dự đó. Giám mục Nicholas sau đó đã đến gặp anh trai của ngài là Phaolô, và để an ủi Giáo hội Cô-rinh-tô – lúc bấy giờ đang thiếu giám mục – ngài đã tấn phong Phaolô làm giám mục thành phố Cô-rinh-tô[3398] . Sau đó, Thánh Phêrô, trước những lời khẩn cầu ngày càng mạnh mẽ để nhận chức giám mục, đã đến gặp anh trai mình là Phaolô tại Corint và tự nguyện giữ lời thề im lặng, nhưng chỉ ở lại đó một năm, không thể hoàn thành trọn vẹn lời thề của mình, vì có những người quý tộc và chủ tàu từ một đất nước xa xôi[3399] đã đến gặp Phaolô tại Corint và xin ngài phong anh trai của ngài làm giám mục cho họ, do giám mục của họ đã qua đời. Họ đã nài nỉ Thánh Phêrô một cách khẩn thiết đến mức ngài, không đủ sức từ chối họ, đã định bỏ trốn khỏi Cô-rinh-tô; nhưng khi đã qua một thời gian khá lâu, và những người đến vẫn tiếp tục nài nỉ với sự kiên trì còn lớn hơn, thì cuối cùng, ngài đã cảm động trước những giọt nước mắt của họ và chấp nhận đề nghị của họ.

Sau khi nhận chức giám mục, vị thánh đã dốc hết lòng vào công việc giảng dạy của Giáo hội và bằng sự tận tụy của mình, ngài đã đáp lại lòng tận tụy mà đoàn chiên dành cho ngài. Trong các việc làm từ thiện, ngài đã đi đến mức không ngần ngại hiến dâng cả áo quần của mình cho người nghèo. Ngài nuôi dưỡng trẻ mồ côi, chăm sóc các góa phụ, mang thức ăn đến cho người nghèo, và bí mật ban phát bố thí cho tất cả những ai đang cần. Một lần, khi gặp năm mất mùa và nạn đói hoành hành khắp đất nước, ngài đã nuôi sống hàng ngàn người đang đói khát nhờ việc bố thí không ngừng nghỉ. Vào thời điểm đó, có lần trong một cái bình chỉ còn lại rất ít thức ăn, nhưng vị thánh nhân đã thấy nó đầy ắp ngay sau đó, đến nỗi lượng thức ăn trong đó đủ để cung cấp cho những người cần giúp đỡ suốt cả năm. Với lòng từ bi dành cho những người đau khổ, ngài đã chuộc những người bị bắt làm tù binh và giải thoát

---

[3397] Đó chính là Thượng phụ Constantinopolis Nicholas I Mystikos. Năm 895, ngài lên nắm giữ ngôi Thượng phụ Constantinopolis; năm 906, vì đã tước quyền rước lễ của Hoàng đế Lêô VI Triết gia liên quan đến việc ông này kết hôn lần thứ tư với Zoë, ngài bị hoàng đế đày đến đảo Iria; và năm 911, ông được phục chức trở lại, và giữ chức vụ này cho đến khi qua đời vào năm 925.

[3398] Corinth – là một trong những thành phố cổ nhất của Hy Lạp, nằm ở phía bắc vùng Argolis cổ đại, bên bờ Vịnh Corinth. Nền móng của Giáo hội Kitô giáo tại đây được đặt bởi Thánh Tông đồ Phaolô.

[3399] Tức là từ thành phố Argos, nằm bên bờ Vịnh Argolida. Việc Thánh Phêrô từng là giám mục tại thành phố Argos được đề cập trong một trong những cuốn Sách Lễ. Tại đây cũng ghi chép rằng ngài đã được Đức Thượng phụ Nicholas I Mystikos tấn phong làm giám mục.

những người yếu đuối khỏi sự bạo hành của những kẻ mạnh. Ngoài ra, ngài còn chữa lành cho một thiếu nữ bị quỷ ám, tiên đoán thảm họa sẽ ập xuống bán đảo Peloponnese qua một câu chuyện ngụ ngôn[3400] và từ rất lâu trước đã biết trước ngày mình qua đời. Khi bước sang tuổi bảy mươi và đã thực hiện vô số việc thiện, ngài đã dâng linh hồn hạnh phúc của mình lên Chúa. Ngay cả sau khi qua đời, ngài vẫn tiếp tục thực hiện những phép lạ: tỏa ra hương thơm từ quan tài, trừ tà và chữa lành mọi bệnh tật, cũng như khuyên răn những ai tìm đến quan tài của ngài[3401] .

Ngày 17 tháng 5

Ngày 4 tháng 5 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Pelagia

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 5

Khi hoàng đế La Mã vô đạo Diocletian[3402] phát động cuộc đàn áp các Kitô hữu, nhiều người trong số họ, vì sợ bị tra tấn, đã chạy trốn lên núi. Nhưng những Kitô hữu có đức tin vững vàng và kính sợ Thiên Chúa hơn con người đã ở lại các giáo xứ mà họ thuộc về, và tha thiết cầu xin Thiên Chúa ban sức mạnh để họ có thể vượt qua thử thách, nhằm chiến thắng trong cuộc chiến sắp tới.

Vào thời điểm đó, tại thành phố Tarsus[3403] , Clino là giám mục. Ngài đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo đến với Thiên Chúa chân thật và làm phép rửa cho họ; như một vị mục tử nhân lành, ngài đưa họ vào đàn chiên của Đức Kitô, đồng thời khuyên nhủ mỗi người hãy can đảm đứng vững trong việc tuyên xưng danh Đức Kitô và sẵn sàng hy sinh mạng sống vì Ngài, với niềm hy vọng chắc chắn sẽ nhận được vương miện chiến thắng từ Ngài trong Nước Trời.

Diocletian, lúc bấy giờ đang ở tại Cilicia, khi nghe tin về vị giám mục dũng cảm này, đã ra lệnh bắt giữ ngài và ra lệnh đóng chặt các cổng thành để ngài không thể trốn thoát khỏi thành phố. Nhưng trước khi lệnh đó được ban ra, vị giám mục đã nhận được sự mặc khải từ Thiên Chúa về mọi điều sắp xảy ra, và ngài đã bí mật rời khỏi thành phố mà không ai hay biết, vì giờ của ngài chưa đến. Ngài cùng với các Kitô hữu khác ẩn náu trong các ngọn núi và sa mạc. Còn Diocletian, tức giận vì không thể tìm thấy vị giám mục, đã trút cơn thịnh nộ lên những người mà vị giám mục đã dẫn dắt đến với Chúa Kitô; ông ra lệnh bắt giữ nhiều tín hữu Kitô mới cải đạo và giam họ vào ngục tối.

Vào thời điểm đó, tại thành phố Tarsus có một thiếu nữ tên là Pelagia, xuất thân từ gia đình quý tộc, nổi tiếng về sự giàu có và nhan sắc, tràn đầy lòng kính sợ Thiên Chúa và sự trong sạch. Khi nghe các tín hữu Kitô giáo kể về Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, lòng nàng bừng cháy tình yêu dành cho Ngài; nàng đã tin vào Ngài và thề sẽ không kết hôn với bất kỳ người phàm trần nào, quyết tâm dâng mình cho Chú Rể trên trời, bất tử và bất hoại; sau khi tin vào Đấng Christ, cô khao khát được nhận phép rửa thánh.

Nhưng khi biết rằng vị giám mục Kitô giáo đã rời khỏi thành phố, cô vô cùng buồn bã, vì cô muốn được gặp ngài và nhận phép rửa thánh từ tay ngài. Cho đến lúc đó, cô vẫn chưa từng gặp vị giám mục và chỉ mới nghe nói về ngài. Vì mẹ của Pelagia, một góa phụ, là người sùng bái thần tượng, nên Pelagia đã giấu mẹ cả đức tin vào Chúa Kitô lẫn ý định của mình.

[3400] Peloponnese là tên gọi trong thời cổ đại của phần phía nam của Hy Lạp ngày nay.

[3401] Thánh nhân qua đời vào thế kỷ X. Năm 1421, di cốt của ngài được chuyển từ Argos đến Nafplio. Khi mở quan tài, theo lời kể của những người chứng kiến, mặt đất rung chuyển, không khí tràn ngập hương thơm, và nhiều phép lạ chữa lành đã xảy ra.

[3402] Hoàng đế Diocletian đã cai trị Đế quốc La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[3403] Tarsus – một thành phố lớn và sầm uất từ thời cổ đại thuộc xứ Cilicia, vùng Tiểu Á. Thành phố này được vua Assyria Sennacherib (từ năm 705 đến năm 681 trước Công nguyên) thành lập. Nhờ vị trí nằm bên sông Cydnus, thành phố này đã phát triển mạnh mẽ về thương mại. – Đối với các Kitô hữu, thành phố Tarsus có ý nghĩa quan trọng vì đây là nơi sinh và nơi cư ngụ ban đầu của Thánh Tông đồ Phaolô. Được chính Chúa kêu gọi vào sứ vụ vĩ đại của Ngài, Thánh Tông đồ Phaolô ban đầu đã chuẩn bị tại Tarsus để bắt đầu công việc rao giảng (xem Công vụ 9:11–30). Hiện nay, Tarsus là một thị trấn nhỏ thuộc tỉnh Adana với 8.000 cư dân và thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ. Điều đáng chú ý là cho đến nay, nghề chính của người dân Tarsus và vùng lân cận vẫn là dệt thảm, làm vải nỉ cho lều trại và các loại đồ dùng khác, giống như thời Thánh Phaolô, người đã kiếm sống bằng nghề làm lều (Công vụ 18:3).

Vào thời điểm đó, hoàng tử[3404] nghe nói về vẻ đẹp kỳ diệu của thiếu nữ Pelagia; ngài đã có dịp được nhìn thấy cô. Ngài đã cử những vị quan cao cấp đến gặp cô, những người được giao nhiệm vụ truyền đạt cho Pelagia ý định của hoàng tử muốn kết hôn với cô.

Mẹ của Pelagia rất vui mừng trước diễn biến này, nhưng cô gái thánh thiện lại quyết định khác. Sau khi làm dấu thánh giá, cô không chút sợ hãi trả lời những sứ giả: "Con đã đính hôn với Con Thiên Chúa, Vua Bất Tử rồi."

Với câu trả lời đó, các sứ giả quay trở lại báo cáo với hoàng tử.

Khi nghe câu trả lời của thánh Pelagia, hoàng tử nổi cơn thịnh nộ; ông ta âm mưu trả thù cô trinh nữ một cách tàn nhẫn, nhưng không phải ngay lập tức, vì ông ta hy vọng cô sẽ suy nghĩ lại và đáp ứng mong muốn của mình.

Trong khi đó, Pelagia nói với mẹ mình rằng cô muốn đi thăm người vú nuôi, người mà cô đã lâu không gặp. Người vú nuôi của cô sống ở ngoại ô, và Pelagia định rời khỏi nhà với mục đích tìm một vị giám mục Kitô giáo, người mà cô đã nghe một số Kitô hữu nói về nơi ẩn náu bí mật của ngài. Còn mẹ của thánh Pelagia, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã không đồng ý đáp ứng lời thỉnh cầu của con gái và kiên quyết phản đối, nói: "Bây giờ con không được đi đến đó; để lần khác đi."

Điều này khiến Pelagia vô cùng buồn bã.

Cùng đêm đó, Chúa hiện ra với cô dưới hình dạng của Giám mục Clínon, mà không nói gì với cô cả. Cô rất ngạc nhiên trước hình ảnh này, bởi vì khuôn mặt thanh thản của Đấng hiện ra với cô tỏa sáng rực rỡ và y phục của Ngài thật kỳ diệu.

Khi tỉnh dậy, cô bí mật sai hai hoạn quan trung thành nhất của mình[3405] đến nhà tù nơi các Kitô hữu đang bị giam giữ, với mục đích hỏi họ về ngoại hình của vị giám mục. Họ đã hoàn thành nhiệm vụ và trở về với mô tả chi tiết về ngoại hình của vị giám mục. Cô gái trinh tiết ấy vô cùng ngạc nhiên khi thấy rằng, theo lời kể của họ, ngoại hình của vị giám mục hoàn toàn trùng khớp với những gì cô đã thấy trong giấc mơ, và cô nhận ra rằng người mà cô thấy trong giấc mơ chính là vị giám mục. Tràn ngập niềm vui, cô khao khát từ tận đáy lòng được gặp ngài trong thực tế và thành kính cầu nguyện với Chúa bằng những lời như sau: "Xin Chúa cho con được gặp người tôi tớ của Ngài, sứ giả của những ân sủng Ngài, và xin đừng tước đoạt các bí tích thánh của Ngài khỏi con."

Sau đó, cô lại nài nỉ mẹ cho phép cô đến gặp người vú nuôi, nói rằng cô nhớ người ấy vì đã lâu không gặp. Mẹ cô không muốn để cô đi. Nhưng lo sợ rằng cô sẽ ốm vì buồn bã, mẹ cô đã đáp ứng lời thỉnh cầu của cô và ra lệnh chuẩn bị xe ngựa, ngựa và người hầu cho chuyến đi. Sau đó, bà cho Pelagia mặc áo choàng hoàng gia như một cô dâu của hoàng tử, trang điểm cho cô bằng những món trang sức bằng vàng và đá quý, rồi để cô lên đường cùng với những người hầu và hoạn quan đáng tin cậy nhất trên một cỗ xe ngựa sang trọng, kèm theo lời dặn dò: "Hãy lên đường đi, con gái của ta, hãy giữ gìn sức khỏe, và gửi lời chào của ta đến người vú nuôi của con."

Pelagia hân hoan lên đường, được vây quanh bởi đông đảo người hầu. Sau khi rời khỏi thành phố khoảng mười poprishch[3406] , họ tiến gần đến một ngọn núi được bao phủ bởi khu rừng rậm rạp. Lúc đó, một trong những người hầu của nàng, tên là Longin, nhìn thấy một người đàn ông chính trực đang đi xuống từ ngọn núi. Đó chính là Giám mục Clino, người mà theo sự an bài của Đức Chúa Trời đã tình cờ gặp đoàn người ở đây. Longin, vốn là một tín đồ Kitô giáo bí mật, nhận ra người đàn ông đó chính là Giám mục Clino và nói với một người hầu khác, cũng là tín đồ Kitô giáo bí mật:

– Anh Julian ơi! Anh có nhận ra người đàn ông đang đi về phía chúng ta không? Đó là người của Chúa, Giám mục Clignon, danh tiếng của ngài lan rộng khắp phương Đông nhờ những phép lạ ngài thực hiện; nhà vua, sau khi nghe tin về ngài, đã tìm kiếm ngài rất lâu nhưng không thể tìm thấy, và vì thế đã phát động cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu.

Cuộc trò chuyện giữa Longin và Julian đã bị hai hoạn quan nghe thấy; họ là những người mà Pelagia đã cử đến nhà tù nơi các Kitô hữu bị giam giữ để tìm hiểu về ngoại hình của vị giám mục. Họ đã kể lại những gì mình nghe được cho Pelagia.

[3404] Diocletian không có con trai. Cụm từ "con trai hoàng đế" được đề cập ở đây – như Thánh Dimitri Rostovsky giải thích – ám chỉ một thiếu niên được Diocletian nhận nuôi và nhận làm con nuôi với quyền thừa kế ngai vàng.

[3405] Hoạn quan – là người hầu đã bị thiến, được dành để phục vụ trong các hậu cung của phương Đông. Tập tục thiến (cắt bỏ bộ phận sinh dục) người hầu đã tồn tại ở Hy Lạp và La Mã cổ đại, nhưng đặc biệt phổ biến ở Tiểu Á thời cổ đại.

[3406] Popritshe – đơn vị đo chiều dài, tương đương khoảng 690 saženya theo hệ đo lường hiện nay.

Thánh nữ dừng cỗ xe lại, bước xuống và tiến về phía vị tôi tớ của Chúa. Bà ra lệnh cho các tôi tớ của mình đứng xa ra và nghỉ ngơi dưới bóng cây, vì bà không muốn những người ngoại đạo nghe được những bí mật của đức tin Kitô giáo thánh thiện. Khi đến gần vị tôi tớ của Chúa, bà chào ông bằng những lời sau:

– Chúc mừng, người phục vụ Chúa Kitô!

Vị giám mục đáp lại:

– Nguyện sự bình an của Đức Kitô, Chúa của tôi, ở cùng con, hỡi thiếu nữ.

Pelagia tiếp tục:

– Ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã cho con thấy hình ảnh khuôn mặt ngài trong giấc mơ và sai ngài đến với con để cứu linh hồn con khỏi sự diệt vong. Con xin ngài, nhân danh Thiên Chúa mà ngài phụng sự, hãy cho con biết, ngài có phải là Clino, giám mục Kitô giáo không?

Clinton trả lời cô:

– Tôi là mục tử của đàn chiên thuộc về Đấng Kitô, những người hy vọng được sự sống đời đời.

– Ngài ra lệnh cho các con chiên của ngài phải làm gì để chúng có thể nhận được sự sống đời đời? – Giám mục Pelagius hỏi.

– Tôi dạy chúng nhận biết Cha, Con và Thánh Thần, và hướng dẫn chúng sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa trong sự kính sợ Đức Chúa Trời và tình yêu dành cho Đấng Christ.

– Xin cha hãy cho con biết, trước hết những ai muốn kết hiệp với Thiên Chúa của cha phải làm gì?

– Tôi xin thưa với ngài – Giám mục đáp – đó là phép Rửa tội để được tha tội và nhận được sự sống đời đời; không có gì quan trọng hơn điều này.

Quỳ xuống dưới chân vị giám mục, Pelagia khẩn khoản thưa:

– Xin ngài thương xót con, thưa Đức Cha, và ban cho con ân huệ của ngài! Kể từ khi con trò chuyện với ngài, ánh sáng của Thiên Chúa đã chiếu rọi trong lòng con; con từ bỏ Satan, các tôi tớ của hắn, những mưu mô của hắn, và những thần tượng vô hồn mà con đã ghét bỏ từ lâu, trong đó không có sự sống, mà chỉ có cái chết và sự hủy diệt vĩnh viễn. Giờ đây, con cầu xin Thiên Chúa trên trời, xin Ngài hãy hứa gả con, kẻ không xứng đáng này, cho Con của Ngài, Đấng đã soi sáng trái tim con, vì Ngài là Mặt Trời của sự công chính.

Nghe vậy, vị giám mục ngạc nhiên trước tình yêu vĩ đại dành cho Thiên Chúa của thiếu nữ này và vui mừng trong thâm tâm. Sau đó, ngài giơ hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện bằng những lời sau: "Lạy Thiên Chúa, Cha của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con! Ngài, Đấng ngự trên trời và đã kêu gọi thiếu nữ này nhận biết Ngài, xin ban cho nàng phép Rửa tội thánh của Con yêu dấu Ngài."

Đức giám mục đã cầu nguyện như vậy.

Bỗng nhiên, một suối nước sống trào lên từ mặt đất ngay trước mặt họ. Thấy phép lạ ấy, vị giám mục ngợi khen Đức Chúa Trời, nói rằng:

– Ngài thật vĩ đại, Thiên Chúa của chúng con, là Cha, là Con, và là Thánh Thần, Đấng đã ban phép Rửa Tội làm gia nghiệp cho loài người để được sự sống đời đời. Lạy Chúa, Đấng thấu hiểu lòng người! Sự khiêm nhường của tôi tớ Ngài đã được bày tỏ trước mặt Ngài. Ngài thấy rằng tôi xấu hổ khi làm phép rửa cho thiếu nữ này. Vậy xin Ngài, Đấng Toàn Năng, hãy sắp xếp mọi sự bằng ánh mắt của Ngài, và chỉ dạy cho tôi phải làm gì.

– Thưa ngài, cha của con, – lúc đó Pelagia kêu lên, – lời cầu nguyện của ngài đã được nhậm; này, con thấy hai thiếu niên rực rỡ ánh sáng đang đứng bên suối và cầm trên tay những tấm khăn trắng tinh. Ngài có thể rửa tội cho con mà không cần e ngại.

Sau khi tạ ơn Thiên Chúa, vị giám mục tiến đến suối nước và thấy hai Thiên Thần của Thiên Chúa, những vị, như Pelagia đã nói, đang cầm những tấm khăn trắng hơn cả tuyết để che phủ thân thể cô gái. Sau đó, vị giám mục làm phép nước, đồng thời đọc lời cầu nguyện sau đây trên mặt nước:

– Đấng Tối Cao của muôn loài, *"Ngài dùng các Thiên thần của Ngài làm các thần linh, và dùng các tôi tớ của Ngài làm ngọn lửa bừng cháy"* (Thánh vịnh 103:4), xin hãy cho con xứng đáng dâng lên Ngài lễ vật thiêng liêng là thiếu nữ này, người mà Ngài đã sai đến với con. Xin hãy đưa nàng vào hàng ngũ những người được Ngài chọn, để vào ngày Nước Trời của Ngài, nàng cùng với năm trinh nữ khôn ngoan được vào cung điện của Đấng Christ, Đấng của Ngài, với ngọn đèn đang cháy sáng[3407] .

[3407] Xem dụ ngôn về mười trinh nữ (Mt 25:1–13).

Sau khi dâng lời cầu nguyện, vị giám mục đã ban phép rửa thánh cho thánh nữ Pelagia nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, và ban cho nàng phần Mình Thánh Chúa Kitô mà ngài mang theo bên mình.

Sau khi cử hành bí tích, thánh Pelagia cúi đầu kính lạy vị giám mục và, hôn chân ngài, nói với ngài:

– Thưa ngài, thưa cha đáng kính, xin ngài cầu nguyện cho con trước mặt Chúa, để Ngài củng cố con bằng Thánh Thần của Ngài.

Vị giám mục nói với bà:

– Thiên Chúa, Đấng mà con đã phó thác chính mình, *"xin Ngài ban sự trợ giúp cho con từ* nơi *thánh"* (Tv 19,3) – nơi ngự của Ngài – và xin Ngài ban cho con chiến thắng trước kẻ thù.

Được tràn ngập niềm vui lớn lao từ Thánh Thần, Pelagia nói với vị giám mục:

– Thưa Cha, con xin Cha nhân danh Thiên Chúa, Đấng đã ban ơn cứu độ cho con qua Cha: xin đừng từ chối lời thỉnh cầu của con: từ đôi tay thánh thiện của Cha, con đã nhận được áo choàng bất hoại của Vua Vĩnh Cửu; vì thế, giờ đây con không nên mặc chiếc áo choàng trần thế dễ hư nát này và những món trang sức phù du này nữa. Xin ngài hãy lấy chúng từ con, bán đi và phân phát số tiền thu được cho những người nghèo khó, vì đối với con, tất cả những món trang sức quý giá này chỉ gợi lên một sự ghê tởm mà thôi.

Vị Giám mục đáp lại:

– Thật không xứng đáng để tôi cầm lấy những thứ này, tuy nhiên, tôi sẽ nhận lấy từ chị, để không làm chị phật lòng, vì chị đang xin tôi nhân danh Đức Chúa Trời. Được rồi, tôi sẽ thực hiện mong muốn của chị.

– Tôi đã nghe – Pelagia đáp lại – rằng Chúa chúng ta phán trong Phúc Âm thánh của Ngài: *"Không ai có thể phụng sự hai chủ. Các ngươi không thể vừa phụng sự Đức Chúa Trời vừa phụng sự Ma-môn"* (Mt 6:24). Vì vậy, tôi, với mong muốn phụng sự Đức Chúa Trời Duy Nhất, từ chối Ma-môn[3408] .

Vị giám mục ngạc nhiên trước sự khôn ngoan của thánh Pelagia. Sau khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho nàng, ngài ban phước lành cho nàng rồi rời khỏi nàng.

Còn Thánh Pelagia, vô cùng vui mừng vì Thánh Thần, đã hết lòng tôn vinh và tạ ơn Đức Chúa Trời vì Ngài đã ban cho bà ân sủng để nhận lãnh những ân huệ trên trời.

Khi bà đến chỗ những người hầu đang chờ đợi, bà thấy mắt họ bị che mờ bởi sự ám ảnh của ma quỷ: họ không nhìn thấy gì và không biết phải đi đâu. Thánh nữ, nhận ra rằng điều này xảy ra do sự tác động của kẻ thù sự cứu rỗi của chúng ta, đã làm dấu thánh giá trên mỗi người đầy tớ và nhờ đó giải thoát họ khỏi sự mù lòa; họ lại nhìn thấy rõ ràng như trước đây.

Khi đã nhìn thấy lại, các người hầu bắt đầu hỏi thánh Pelagia:

– Thưa bà! Người đàn ông mà bà vừa trò chuyện ở đâu rồi? Trong lúc bà vắng mặt, chúng tôi đã thấy một Người Phụ Nữ rực rỡ, đứng giữa bà và chúng tôi cùng với hai trinh nữ; trên đầu Người có hai vương miện; và trên hai vương miện ấy, cây thánh giá tỏa sáng[3409] .

Thánh Pelagia ra lệnh cho các đầy tớ im lặng; sau đó, bà bắt đầu dạy họ về đức tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta.

Các đầy tớ đáp lại:

– Làm sao chúng tôi lại không tin, thưa phu nhân, vào Đấng sau khi chết sẽ giải thoát chúng tôi khỏi những cực hình vĩnh cửu và là Đấng Duy Nhất có quyền ban cho chúng tôi sự sống đời đời trên thiên đàng!

Thánh nữ rất vui mừng khi thấy các người hầu của mình đã hoán cải, và khuyên họ hãy lập tức tiến hành lễ rửa tội thánh. Sau đó, ngài lên xe ngựa và tiếp tục hành trình đến gặp người vú nuôi của mình.

Người vú nuôi bước ra đón con nuôi của mình và nói rằng cô đã trở nên xinh đẹp hơn trước rất nhiều, nhưng lại ngạc nhiên vì cô ăn mặc quá giản dị và không đeo bất kỳ đồ trang sức nào.

Sau niềm vui đầu tiên của cuộc gặp gỡ, người nuôi dưỡng nhận thấy một sự thay đổi lớn trong tính cách của Thánh Pelagia: trước đây cô kiêu ngạo và ngạo mạn, giờ đây lại trở nên khiêm nhường và hiền lành; trước đây hay nói nhiều, giờ lại ít lời; trước đây thích các món ăn tinh tế, giờ lại sống trong sự ăn chay và kiêng khem, chỉ ăn rất ít; trước đây cô dành cả ngày cho sự nhàn rỗi và thú vui, ban đêm thì nằm nghỉ trên chiếc giường êm ái; còn bây giờ, cô dành phần lớn thời gian trong ngày để cầu nguyện, nghỉ ngơi trên chiếc giường cứng, và ban đêm cũng thức dậy

---

[3408] Mammon – tên gọi của một vị thần Syria, vị thần bảo trợ cho sự giàu có. Theo nghĩa bóng, "Mammon" được hiểu là sự giàu có nói chung, các của cải trần gian.

[3409] Rõ ràng, người Phụ nữ kỳ diệu đã hiện ra chính là Mẹ Thiên Chúa.

để cầu nguyện. Qua tất cả những dấu hiệu này, người vú nuôi hiểu rằng Pelagia đã theo đạo Kitô. Sau đó, bà nói với cô:

– Con gái yêu quý của ta! Giống như trước đây con đã làm kinh ngạc hoàng tử và tất cả những ai gặp con bằng vẻ đẹp thể xác tuyệt vời của mình, thì giờ đây hãy cố gắng làm đẹp lòng Con Thiên Chúa, Vua Vĩnh Cửu, Đấng mà con đã hứa hôn làm vợ, bằng vẻ đẹp tâm hồn chân thật của con. Ta thấy con đã tin vào Đức Chúa Trời chân thật trên trời. Nguyện Ngài củng cố con để con có thể chịu đựng sự đau khổ vì Ngài, nguyện Ngài ban cho con chiến thắng trước kẻ thù, và nguyện Ngài trao cho con vương miện vinh quang trong vinh hiển của Ngài. Còn bây giờ, con gái yêu quý của ta, hãy mau chóng ra đi trong bình an; ta không muốn con nán lại trong nhà ta, ta không dám giữ con lại, vì ta sợ cơn thịnh nộ của hoàng tử, người coi con là vị hôn thê của mình. Tuy nhiên, đừng nghĩ rằng ta sợ cho bản thân mình: nếu ta phải chịu khổ cùng con, thì cùng với con, ta cũng sẽ nhận được phần thưởng từ Đức Chúa Trời; nhưng ta lo sợ cho cả gia đình ta và tất cả những người thân của ta. Nếu hoàng tử, người đang có ý định trở thành chồng của con, biết rằng con là một tín đồ Kitô giáo, cũng như việc con đang ở trọ tại nhà tôi, thì ngài ấy sẽ hủy diệt tôi cùng cả gia đình tôi.

Sau khi nghe những lời này từ người vú nuôi của mình, Thánh Pelagia, với khuôn mặt ủ rũ, quay trở về nhà mẹ mình.

Khi Pelagia đến gần nhà, mẹ cô đã ra đón. Thấy con gái mình không mặc áo choàng hoàng gia, không đeo trang sức quý giá, mà chỉ mặc quần áo giản dị, bà kinh hoàng và bối rối.

Một trong những người hầu đã kể cho bà nghe tất cả những gì đã xảy ra trên đường đi, và cho bà biết Pelagia đã nhận phép rửa tội thánh từ một giám mục Kitô giáo như thế nào. Nghe tin này, mẹ cô như chết lặng, và vì nỗi đau buồn tột cùng, bà nằm bất động trên giường suốt một thời gian dài, như thể đã chết. Sau đó, khi đã tỉnh táo lại, bà không nói gì với con gái, vội vã đến gặp nhà vua và xin ông cho quân lính để truy tìm và bắt giữ vị giám mục đã dẫn dắt con gái bà theo đạo Kitô, rồi đưa ông ta ra tòa. Nhà vua đã cấp cho bà rất nhiều quân lính, cả kỵ binh lẫn bộ binh.

Trong khi đó, thánh nữ Pelagia, thấy mẹ mình đang trong cơn giận dữ tột độ, đã dẫn theo một số người hầu tin theo Chúa Kitô, lén lút rời khỏi nhà cùng họ và, sau khi vượt qua con sông tên là Kidn[3410] , quyết định ẩn náu tại đó.

Mẹ cô, khi trở về nhà cùng các binh lính mà không thấy Pelagia ở nhà, lại càng buồn bã hơn và đã phái binh lính đi khắp nơi, ra lệnh cho họ tìm kiếm Pelagia và Giám mục Klinon.

Các chiến binh tản ra khắp vùng lân cận, hỏi thăm về Pelagia dọc các con đường và lùng sục khắp nơi trên núi non và sa mạc, nhưng không thể tìm thấy cô, bởi chính Đức Chúa Trời đã bảo vệ cô một cách kỳ diệu. Thánh Pelagia, đang ngồi bên bờ sông, nhìn thấy những người lính đang tìm kiếm bà ở bờ đối diện; nhưng những người lính đó, lúc bấy giờ theo sự an bài của Đức Chúa Trời, đôi mắt thể xác của họ đã bị che khuất, nên không nhìn thấy bà cũng như những người đi cùng bà. Lúc đó, thánh nữ nói với các tôi tớ của mình:

– Các con có thấy Chúa của chúng ta yêu thương và che chở các tôi tớ của Ngài, những người đặt niềm tin nơi Ngài, như thế nào không?

Sau những cuộc tìm kiếm gắt gao nhưng vô ích, các chiến binh quay về mà không tìm thấy cả giám mục lẫn Pelagia. Điều này khiến mẹ của Pelagia chìm trong nỗi đau khổ và buồn bã tột cùng, đến nỗi bà dường như chỉ còn thoi thóp.

Lúc đó, Pelagia, cảm nhận được sự thúc giục của Thánh Thần trong lòng và bừng cháy tình yêu dành cho Chồng Trời của mình đến mức sẵn sàng hiến dâng bản thân chịu khổ hình vì danh Chúa Kitô, đã đến nhà mẹ và bắt đầu khuyên nhủ bà từ bỏ nỗi buồn giả tạo ấy:

– Tại sao – Pelagia nói với mẹ – mẹ lại giận dữ như vậy? Tại sao mẹ không muốn nhận biết lẽ thật? Mẹ đã không ngần ngại huy động binh lính để truy lùng vị thánh nhân, người tôn kính Thiên Chúa Tối Cao, Đấng Tạo Hóa của muôn loài. Mẹ không thấy xấu hổ khi gây chiến với Thiên Chúa trên trời sao! Mẹ không biết sao, rằng người tôi tớ của Ngài, vị giám mục, có thể cầu xin Ngài sai một trong các Thiên thần của Ngài đến với ngài, và trong chớp mắt, vị thiên thần ấy sẽ tiêu diệt hết thảy các đạo quân sao?

Thánh Pelagia đã nói những điều này và nhiều điều khác nữa về Chúa Giêsu Kitô, khuyên nhủ mẹ mình nhận biết Thiên Chúa chân thật, nhưng không thành công, vì mẹ nàng đã bị mù quáng bởi sự điên rồ và đầy lòng

[3410] Kidn – ngày nay là Tarsus-Çay – là một con sông nhỏ ở Cilicia; bắt nguồn từ núi Taurus và chảy qua thành phố Tarsus.

thù hận. Bà, không nghe theo những lời được Thiên Chúa soi dẫn của con gái, đã sai người truyền đạt với hoàng tử như sau: "Người hứa hôn của con đã dâng hiến bản thân cho Đức Chúa Trời của đạo Kitô."

Nghe vậy, chàng trai ấy vô cùng đau khổ. Những hy vọng của chàng tan vỡ. Chàng nhớ lại cha mình đã tra tấn biết bao nhiêu Kitô hữu, nhưng không thuyết phục được ai trong số họ phục tùng mình. Trong sự bối rối và buồn bã, chàng ngồi một mình trong phòng và tự nhủ: "Nếu Pelagia đã tin vào Đức Chúa Trời của Kitô giáo và đã đính hôn với Ngài, thì cô ấy sẽ không bao giờ đồng ý từ bỏ Ngài để trở thành vợ tôi. Vậy tôi phải làm gì đây? Nếu tôi bắt cô ấy chịu cực hình – điều đó sẽ chẳng dẫn đến đâu, vì tôi biết các Kitô hữu tự nguyện chịu cực hình và cái chết tàn khốc nhất vì Đức Chúa Trời của họ với niềm vui lớn lao đến nhường nào. Pelagia cũng sẽ làm như vậy; chắc chắn cô ấy thà chết còn hơn trở thành vợ tôi; còn phần tôi chỉ còn lại sự xấu hổ và nỗi đau khổ còn lớn hơn. Sự xấu hổ và nhục nhã sẽ ập đến với tôi vì sự chế giễu của những người Kitô hữu dành cho tôi, còn nỗi buồn và đau khổ sẽ đến từ cái chết của cô ấy, bởi vì tôi yêu cô ấy vô bờ bến và cả tâm hồn tôi đang bừng cháy trong ngọn lửa tình yêu dành cho cô ấy. Ta biết số phận của mình! Để không phải chứng kiến nỗi đau khổ của nàng và bản thân ta cũng không còn phải chịu đựng những cơn đau đớn trong lòng, bị tổn thương bởi tình yêu, ta sẽ tự kết liễu đời mình, vì thà chết một lần còn hơn là hàng ngày phải trải qua những cơn đau đớn của cái chết, bị khinh bỉ và ghét bỏ vì tình yêu mà ta đang bừng cháy".

Nói xong, chàng trai ấy rút thanh kiếm ra, để trần ngực và, đặt mũi kiếm vào ngực, vừa khóc vừa nói:

– Nguyền rủa giờ phút mà đôi mắt ta đã chứng kiến vẻ đẹp vĩ đại, thứ mà ta không thể tận hưởng cũng chẳng thể thỏa mãn. Nhưng giờ đây, ta sẽ thoát khỏi mọi nỗi đau khổ của mình ngay lập tức!

Nói xong, chàng trai dùng thanh kiếm đâm mạnh vào ngực mình, xuyên thủng lồng ngực, rồi ngã xuống thanh kiếm và chết.

Mẹ của Pelagia, khi biết tin này, đã kinh hoàng tột độ, lo sợ rằng hoàng đế Diocletian sẽ xử tử bà cùng cả dòng họ vì muốn trả thù cho con trai mình. Vì vậy, chính bà đã trói con gái mình lại và dẫn cô đến trước mặt hoàng đế, đổ hết tội lỗi về cái chết của con trai ông lên đầu cô và giao cô ra để chịu án tử hình. Diocletian, nhìn người mẹ và cô con gái, nói với họ với nỗi buồn sâu thẳm trong lòng:

– Các người đã làm gì vậy? Các người đã giết con trai ta.

Người mẹ trả lời ông như sau:

– Đây, tôi đã đưa kẻ gây ra cái chết của con trai ngài đến trước mặt ngài. Hãy xử tử cô ta và trả thù cho cái chết này.

Trong khi đó, Diocletian không thể rời mắt khỏi vẻ đẹp lộng lẫy của Pelagia, người đẹp hơn tất cả các vợ và thiếp của ông, đến nỗi ông chưa từng thấy người phụ nữ nào đẹp đến thế. Lúc này, ông không còn nghĩ đến việc xử tử hay trả thù nữa, mà chỉ muốn thỏa mãn cơn đam mê đang bùng cháy trong lòng. Ông bắt đầu nghĩ cách làm sao để lôi kéo Pelagia rời xa Chúa Kitô và lấy nàng làm vợ. Ông ra lệnh mang đến và đặt trước mặt thiếu nữ vô số vàng và đá quý, mong muốn dùng những thứ đó để quyến rũ cô dâu của Chúa Kitô, còn mẹ nàng thì ông ban cho một trăm talant[3411] vàng rồi cho bà ra về. Bà trở về nhà, hân hoan trong niềm vui ma quỷ. Còn Thánh Pelagia thì được để lại trong cung điện hoàng gia dưới sự chăm sóc của các cung nữ.

Ngày hôm sau, vua ra lệnh cho người ta dẫn cô trinh nữ thánh thiện đến trước mặt mình một cách trang trọng, còn bản thân ông thì ngự trên ngai vàng trong vẻ lộng lẫy tột bậc, cùng với tất cả các cố vấn của mình. Rất nhiều binh lính vây quanh ông. Trước một đám đông vĩ đại như vậy, ông quay sang cô trinh nữ thánh thiện và nói những lời sau:

– Ta chỉ xin ngươi một điều, Pelagia, đó là ngươi hãy từ bỏ Chúa Kitô; ta sẽ lấy ngươi làm vợ, và ngươi sẽ là người đầu tiên trong cung điện của ta; ta sẽ đội vương miện hoàng gia lên đầu ngươi, và ngươi sẽ cùng ta cai trị toàn bộ vương quốc của ta. Nếu ta có con trai với ngươi, thì sau khi ta qua đời, nó sẽ ngồi lên ngai vàng của ta.

Thánh Pelagia, tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng, đã không sợ hãi mà đáp lại:

– Bệ hạ thật điên rồ khi nói những lời như vậy với tôi! Hãy biết rằng ta sẽ không đáp ứng mong muốn của ngài, vì ta ghê tởm cuộc hôn nhân đồi bại của ngài, bởi ta đã có Chàng Rể – Đức Kitô, Vua Trời; ta không mong muốn vương miện hoàng gia, hư ảo và tạm bợ của ngài, vì ở Nước Trời, Chúa của ta đã chuẩn bị sẵn cho ta ba vương miện bất diệt. Vương miện thứ nhất – vì đức tin, vì tôi đã tin tưởng hết lòng vào Đức Chúa Trời chân thật;

[3411] Talent – một thỏi bạc hoặc vàng có kích thước và giá trị khác nhau, tùy thuộc vào thời gian và địa điểm lưu hành.

vương miện thứ hai – vì sự trong sạch, vì tôi đã dâng trinh tiết của mình cho Ngài; vương miện thứ ba – vì sự tử đạo, vì tôi muốn chịu mọi cực hình vì Ngài và hiến dâng linh hồn mình vì tình yêu dành cho Ngài.

Nghe những lời ấy, Diocletian nổi giận dữ dội và ra lệnh đốt nóng con bò đồng, với ý định dọa nạt cô trinh nữ thánh thiện. Khi con bò đã được nung đỏ đến mức tia lửa bắn ra như than hồng, họ dẫn cô trinh nữ thánh thiện đến gần nó. Trong đám đông tụ tập xem cảnh tượng này có rất nhiều Kitô hữu bí mật. Thấy cô gái đang chuẩn bị chịu cực hình, họ thầm cầu nguyện với Chúa cho cô, xin Ngài ban cho cô sức mạnh siêu nhiên từ trên cao. Hoàng đế và các quan đại thần vừa dùng lời ngọt ngào vừa dùng lời đe dọa để thuyết phục cô tuân theo ý muốn của hoàng đế, nhưng cô vẫn kiên định với quyết định của mình.

Lúc đó, nhà vua ra lệnh lột hết quần áo của cô. Thấy họ định lột trần mình, vị thánh đã lớn tiếng nói với Diocletian:

– Thưa hoàng đế, ngài nên nhớ đến các hoàng hậu và phi tần của ngài, vì thân thể tôi cũng giống như họ.

Nhưng hoàng đế, bừng bừng dục vọng và muốn thỏa mãn ánh mắt bằng cảnh trần truồng của một thiếu nữ, liền ra lệnh lột trần nàng ngay lập tức. Nhưng vị tử đạo, không chờ đợi cho đến khi bàn tay của những kẻ vô đạo chạm vào mình, tự mình, sau khi làm dấu thánh giá , đã nhanh chóng cởi bỏ hết y phục, ném chúng vào mặt nhà vua và đứng trần truồng trước mắt các Thiên thần và con người, khoe vẻ đẹp như chiếc áo choàng hoàng gia, chỉ với sự e thẹn thuần khiết của một thiếu nữ. Và nàng bắt đầu quở trách nhà vua bằng những lời như sau:

– Ta coi ngài, hỡi vua, giống như con rắn đã dụ dỗ Ê-va (Sáng Thế Ký 3:1–6) và xúi giục Ca-in giết A-bên (Sáng Thế Ký 4:2–16), cũng như con quỷ đã xin phép Đức Chúa Trời để cám dỗ người công chính Gióp (Gióp 1:6–12). Nhưng chẳng bao lâu nữa, kẻ thù của Đấng Christ, ngươi sẽ bị diệt vong cùng với tất cả những kẻ đồng lõa với ngươi.

Nói xong, nàng lại làm dấu thánh giá trên người mình rồi tự mình bước đến con bò đang bốc cháy, không chờ đợi ai ném nàng vào đó. Khi nàng dùng tay nắm lấy con bò đó, đôi tay nàng tan chảy như sáp trước ngọn lửa dữ dội. Nhưng nàng, dường như không cảm thấy đau đớn, đã đưa đầu vào lỗ hổng của con bò và khi bước vào bên trong, nàng bắt đầu ca ngợi Đức Chúa Trời một cách vang dội, nói rằng:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa, Con Một của Thiên Chúa Tối Cao, vì đã ban sức mạnh cho con, kẻ yếu đuối này, để thực hiện kỳ công này và giúp con chiến thắng ma quỷ cùng những mưu mô của nó. Xin vinh quang và sự thờ phượng thuộc về Ngài, cùng Cha Ngài là Đấng Vô Thỉ và Thánh Thần, đến muôn đời.

Nói xong, vị thánh đã phó thác linh hồn mình vào tay Đấng Hôn Phu Tinh Khiết và Bất Tử của mình, và cùng Ngài bước vào cung điện thiên đàng trong tiếng hân hoan và ca hát của các thiên thần[3412] . Còn thi thể cao quý của bà trong lò đồng đã tan chảy như dầu, lan tỏa như dầu thơm, đến nỗi cả thành phố tràn ngập hương thơm không thể tả xiết. Vị vua vô đạo đã ra lệnh ném những di cốt thánh thiện của bà ra khỏi thành phố, và chúng được mang lên ngọn núi có tên là Litaton. Bốn con sư tử từ sa mạc đến, ngồi bên cạnh những di cốt ấy, bảo vệ chúng khỏi các loài thú khác và các loài chim ăn thịt.

Giám mục Clino đã nhận được sự mặc khải từ Thiên Chúa về sự ra đi của Thánh Pelagia và về nơi cất giữ hài cốt. Vị giám mục bèn lên ngọn núi ấy và tìm thấy tại đó hài cốt thánh thiện của Thánh Pelagia cùng những con sư tử đang canh giữ chúng. Những con sư tử, khi nhìn thấy người của Đức Chúa Trời, đã tiến lại gần ngài, cúi đầu trước ngài, rồi quay trở lại sa mạc. Còn vị giám mục, sau khi lấy hài cốt của vị thánh tử đạo, đã mang chúng lên ngọn đồi cao nhất của ngọn núi đó và đặt một tảng đá lên trên. Sau này, dưới triều đại của Hoàng đế Constantine, khi lòng sùng đạo lan tỏa khắp nơi, ngài đã xây dựng một nhà thờ tại đó trên hài cốt thiêng liêng của vị cô dâu của Chúa Kitô. Trên bia mộ, Giám mục Clino đã khắc dòng chữ như sau: “Thánh nữ Pelagia, người đã hiến dâng bản thân cho Thiên Chúa và chiến đấu vì lẽ thật cho đến cùng, nay an nghỉ tại đây với di cốt của mình, còn linh hồn bà thì đang ngự trị trên trời cùng các Thiên thần trong vinh quang của Đức Kitô.”

Như vậy, thánh nữ tử đạo Pelagia đã kết thúc cuộc đời thánh thiện của mình vì Chúa Kitô, Chúa chúng ta, Đấng xứng đáng được vinh quang cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ, luôn luôn và đến muôn đời.

[3412] Thánh nữ tử đạo Pelagia qua đời vào năm 287. Vào thế kỷ VIII, dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Copronymus (từ năm 741 đến năm 775), di cốt thiêng liêng của ngài đã được chuyển đến Constantinopolis và an táng tại nhà thờ mang tên ngài.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Bỏ qua những điều tạm bợ trần gian, và đã được dự phần vào những ân huệ trên trời, đã nhận lấy vương miện đau khổ, thánh Pelagia đáng kính, ngài đã dâng lên Chúa Kitô những dòng máu của mình như một lễ vật. Xin cầu thay cho chúng con, những người tôn kính ngài, được giải thoát khỏi mọi tai ương.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Silvanus, Giám mục Kesius[3413] và bốn mươi vị tử đạo cùng ngài

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 5

Thánh Tử đạo Silvanus xuất thân từ vùng lân cận thành phố Gaza[3414] và ban đầu là một chiến binh. Sau đó, vì đức tin vào Chúa Kitô, ngài đã từ bỏ quân đội của vua trần gian và trở thành chiến binh của Vua trên trời – Chúa Kitô, nhờ đó ngài được ban ân sủng chức thánh: ban đầu là linh mục, rồi sau đó là giám mục. Đứng đầu Giáo hội của Chúa Kitô, ngài đã dùng lời giảng dạy của mình để dẫn dắt nhiều người không tin đến với Thiên Chúa chân thật. Vì điều này, những kẻ sùng bái thần tượng cuồng nhiệt đã bắt giữ ngài và đưa ngài ra xét xử tại thành Cêsarea[3415] . Tại đây, ngài trước tiên bị đánh đập dã man, sau đó bị treo cổ và thi thể ngài bị lột da, và cuối cùng, ngài bị kết án lao động khổ sai trong các mỏ đồng[3416] . Trong khi thực hiện những công việc này, vị thánh tử đạo đã kiệt sức hoàn toàn, nhưng vẫn không ngừng tuyên xưng Chúa Kitô là Thiên Chúa; vì điều đó, những người ngoại đạo đã chém đầu ngài bằng gươm, cũng như bốn mươi vị tử đạo khác, những người đã được ngài hướng dẫn vào đức tin nơi Chúa Kitô[3417] .

Sự tử đạo của thánh tử đạo Alvian, giám mục[3418] và môn đệ của ngài

Ngày kỷ niệm: 4 tháng 5

Thánh tử đạo Alvian đã chịu khổ nạn dưới triều đại của Hoàng đế Maximian[3419] , khi tỉnh Á Châu[3420] đang nằm dưới sự cai trị của Elian.

Thánh Alvián bị bắt vào thời điểm một thầy tế ngoại giáo tên là Agrippin đang thực hiện nghi lễ hiến tế cho các thần tượng. Thánh nhân bị ép buộc phải dâng lễ vật cho các thần tượng và đặt lòng bàn tay lên bàn thờ, nhưng ngài đã đáp lại một cách trang nghiêm: “Tôi ca ngợi đức tin vào Chúa Kitô, còn việc thờ phượng các thần tượng thì tôi khinh bỉ”.

Vì điều này, trước tiên họ đã dùng những thanh sắt nung đỏ đốt vào bụng và cẳng chân ngài, sau đó không chút thương xót, họ bắt đầu đánh ngài bằng gậy.

Bằng những hình thức tra tấn này, những kẻ hành hạ muốn ép vị thánh từ bỏ Đức Kitô và dâng lễ vật cho các thần tượng, nhưng cả ngài lẫn môn đệ của ngài – người cùng chịu cực hình với ngài – đều không đồng ý. Sau

---

[3413] Thánh Tử đạo Silvan được gọi là Giám mục Kesius, tức là Cesarea, theo nơi ngài bị kết án lao động khổ sai; còn theo nơi ngài thi hành chức vụ, ngài là Giám mục Gaza (hoặc gần Gaza), như đã được ghi chép trong Sách Lễ (Cheti-Minei).

[3414] Thành phố Gaza cổ xưa của người Philistine nằm ở Palestine, gần biên giới phía nam của Giu-đê, sát bờ Biển Địa Trung Hải. Từ thế kỷ IV, Gaza đã là một thành phố Kitô giáo; đến thế kỷ VII, thành phố này bị người Hồi giáo chinh phục.

[3415] Thành phố Cêsarea, từng là nơi cư ngụ của các quan tổng trấn La Mã tại Palestine, nằm trong phạm vi của Samaria cổ đại, bên bờ Biển Địa Trung Hải.

[3416] Eusebius, người cùng thời với các thánh tử đạo, cho biết Silvanus đã bị kết án lao động khổ sai tại các mỏ quặng của thành phố Pena, nơi mà theo một số người nằm ở sa mạc Ả Rập, còn theo Eusebius thì nằm ở Palestine.

[3417] Các thánh tử đạo đã qua đời vào năm 311.

[3418] Thánh Tử đạo Alvian là giám mục tại thành phố Ania, thuộc tỉnh Asia của Đế quốc La Mã ở Tiểu Á.

[3419] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến Maximianus Galerius, đồng trị vì của Diocletianus, người đã cai trị phần phía đông của Đế quốc La Mã từ năm 305.

[3420] “Asia” là tên gọi của một đồng bằng nhỏ, trù phú về nguồn nước và nhiều đầm lầy ở Lydia, tức là khu vực trung tâm của phần phía tây bán đảo Tiểu Á ngày nay, nằm trên bờ đông của Biển Aegean. Tại đây có bảy thành phố ở Tiểu Á được nhắc đến trong Sách Khải Huyền (Khải Huyền 1:11), và nơi đây từng là nơi hoạt động của Thánh Tông đồ Gioan Thần Học trong một thời gian.

đó, ngài bị kết án thiêu sống; họ đã nung nóng lò lửa và ném ngài cùng môn đệ vào đó, nơi các vị thánh tử đạo đã trút hơi thở cuối cùng[3421] .

Cuộc tử đạo của thánh tử đạo Erazm.

Ngày kỷ niệm: 4 tháng 5

Thánh Erazm, từ thuở thiếu thời đã tràn đầy tình yêu dành cho Chúa Kitô, đã nhiệt thành tuân giữ các điều răn của Ngài và được bổ nhiệm làm giám mục thành Formia[3422] . Khi hoàng đế vô đạo Diocletian, trong lúc tra tấn các Kitô hữu, đã gây ra sự hỗn loạn cho cư dân các thành phố trong vương quốc của mình, thì Thánh Erazm đã từ bỏ chức vụ của mình và chạy trốn lên dãy núi Lebanon[3423] , nơi ngài ẩn náu khỏi những kẻ bách hại trong suốt bảy năm. Một lần nọ, ngài nghe thấy tiếng Thiên thần từ trên trời phán: “Erazm! Không ai có thể đánh bại kẻ thù nếu cứ ngủ yên. Hãy trở về thành phố của ngươi, hãy dũng cảm chiến đấu và ngươi sẽ đánh bại kẻ thù.”

Khi nghe những lời đó, Erazm lên đường theo chỉ dẫn của Thiên thần, thì bị các binh lính chặn lại và hỏi: “Ngươi thờ phụng vị Thần nào?” Thánh Erazm tuyên bố mình là người Kitô hữu. Lúc đó, các binh lính bắt giữ ngài và đưa ngài đến Antiôkhia[3424] để trình diện trước hoàng đế Diocletian. Trên đường đi, vị thánh đã công khai thừa nhận mình là người Kitô hữu , và hoàng đế ra lệnh đánh ông bằng gậy, nhưng ông đã vạch trần tội lỗi của hoàng đế. Lúc đó, hoàng đế ra lệnh đánh ông bằng những thanh chì, và vì sau đó ông vẫn kiên định trong đức tin của mình, nên theo lệnh của kẻ tra tấn, ông đã phải chịu những hình phạt mới: trước tiên dùng những chiếc kẹp sắt cào xé toàn bộ da trên cơ thể ông, sau đó họ đun chảy nhựa thông và lưu huỳnh rồi đổ lên các vết thương, nhưng điều này không gây ra bất kỳ cơn đau nào cho ông. Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh đeo xiềng sắt nặng nề vào cổ ngài và giam ngài vào ngục tối, nhưng Thiên Thần của Chúa đã mở cửa ngục, giải thoát ngài khỏi xiềng xích và nói với ngài: “Hãy theo Ta, Ta sẽ dẫn ngươi đến Ý. Ngươi sẽ dẫn dắt nhiều người ở đó đến sự cứu rỗi.”

Sau đó, Thiên Thần dẫn Thánh Ê-ra-xơ-ma đến thành phố Lycia[3425] và để ngài lại ở đó. Ê-ra-xơ-ma bắt đầu giảng dạy cho mọi người về đức tin vào Chúa Kitô và làm phép rửa tội. Trong quá trình đó, ngài đã thực hiện những phép lạ vĩ đại, trong đó có việc làm sống lại con trai của một quý tộc tên là An-na-sta-si-a, và sau đó đã làm phép rửa tội cho mười nghìn người. Maximian[3426] , khi biết tin này, đã sai quân lính đến bắt ngài đưa về Ý; và khi thánh nhân được dẫn đến, ông ra lệnh tát vào má ngài và đe dọa sẽ đóng đinh ngài trên thập tự giá nếu ngài không dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo. Lúc đó, thánh Erazm nói với ông:

– Các vị thần của ngươi ở đâu, để ta có thể dâng lễ vật cho họ?

Vị thánh được dẫn đến đền thờ Jupiter. Tại đây, ngài cầu nguyện, và sau lời cầu nguyện của ngài, tất cả các tượng thần đều đổ sập, còn lửa bùng lên từ đền thờ thiêu rụi những kẻ thờ thần tượng, khiến Maximian buộc phải chạy trốn khỏi thành phố. Sau đó, Thánh Erasmus đã rửa tội cho rất nhiều người tại đây và lên đường đến thành phố Sirmium[3427] . Tại thành phố này, theo lệnh của Maximian, ngài lại bị bắt giữ và phải chịu những hình phạt mới. Người ta mặc cho ngài bộ giáp đồng và đặt ngài lên một chiếc giường nung đỏ, đồng thời đóng đinh chân ngài xuống đất. Sau đó, họ chất củi lên giường đến tận đỉnh, rồi châm lửa và bắt đầu tưới nhựa cây và dầu lên, nhưng củi đã cháy hết, còn vị thánh vẫn bình an vô sự. Maximian sợ dân chúng nên đã rút về cung điện, còn Thiên Thần của Chúa đã đưa vị thánh đến thành phố Formia, nơi ngài đã làm phép rửa tội cho rất nhiều người. Sau tất cả những điều đó, thánh Erasmus, với lời cầu nguyện tạ ơn về mọi sự, đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa[3428] , và các Kitô hữu đã an táng ngài một cách trang trọng.

[3421] Theo Minio, các thánh tử đạo đã qua đời vào năm 304.

[3422] Thành phố Formia nằm ở Ý, gần Vịnh Castagna, bên bờ Biển Địa Trung Hải.

[3423] Dãy núi Li-băng nằm ở Syria.

[3424] Antioch, thủ đô cổ đại của Syria, tọa lạc bên bờ sông Orontes, không xa nơi con sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải.

[3425] Vị trí của thành phố Lycia được ghi chép khác nhau. Theo Nicodemus, đó là thành phố Lichnid của Macedonia, nằm bên bờ hồ cùng tên.

[3426] Maximian Hercules, người mang tước hiệu Augustus, là đồng trị vì của Diocletian và cai trị nửa phía tây của Đế chế La Mã từ năm 285 đến năm 305.

[3427] Thành phố Sirmium nằm ở Illyria, bên bờ sông Sava – một nhánh của sông Danube.

[3428] Thánh Tử đạo đã qua đời vào ngày 10 tháng 7 năm 303. Dưới thời Đức Giáo hoàng Grigoriô (590–604), di cốt của ngài được lưu giữ tại Formia, và vào thế kỷ IX, di cốt này được chuyển đến Kaistu.

Ngày 18 tháng 5

Ngày 5 tháng 5 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Irina, vị tử đạo vĩ đại

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 5

Vào thời kỳ đó, khi ánh sáng của đức tin Kitô giáo, nhờ lời rao giảng của các Tông đồ, chiếu rọi giữa những người đang chìm đắm trong bóng tối của việc thờ cúng các thần tượng, tại thành phố Magdona[3429] có một vị công tước tên là Licinius[3430] . Ông có một người vợ cũng mang tên Licinia như ông. Con gái đầu lòng của họ được đặt tên là Penelope. Khi cô bé lớn lên và tròn 6 tuổi, gương mặt cô trở nên vô cùng xinh đẹp, đến nỗi nhan sắc của cô lấn át tất cả các bạn cùng lứa. Cha cô đã xây dựng cho cô một ngọn tháp tại một địa điểm tuyệt đẹp xa ngoài thành phố , bên trong có nhiều phòng được trang trí với gu thẩm mỹ tinh tế nhất và toát lên sự giàu có lộng lẫy. Ghế, bàn, đèn, giường và tất cả các đồ dùng ở đây đều được mạ bằng vàng nguyên chất. Ông đưa con gái Penelope cùng mười ba thiếu nữ xinh đẹp lên ngọn tháp này và đặt những tượng thần bằng vàng của mình ở đó để chúng bảo vệ con gái ông. Ông cũng chỉ định con gái phải sống trong ngọn tháp này cho đến khi cô đạt đến tuổi kết hôn. Licinus đã chỉ định một bà lão trung thực tên là Karia làm người nuôi dạy con gái mình, ra lệnh cho bà luôn ở bên con gái và dùng bữa cùng cô, đồng thời giao cho bà quyền quản lý tất cả các thiếu nữ. Ngoài ra, Licinius còn giao phó cho một vị lão niên đáng kính và sáng suốt tên là Apelian, hàng ngày đến thăm con gái ông và dạy dỗ cô về tri thức sách vở. Cô gái đã sống như vậy trong sáu năm ba tháng, và khi cô tròn 12 tuổi, cha cô bắt đầu suy tính xem nên gả cô cho ai trong số những hoàng tử danh giá nhất[3431] .

Một ngày nọ, khi cô gái đang ngồi trong phòng mình, một con bồ câu bay vào qua cửa sổ mở hướng về phía đông, trong mỏ nó ngậm một cành cây nhỏ; sau khi đặt cành cây lên bàn, nó lập tức bay ra khỏi phòng qua cửa sổ. Một giờ sau, một con đại bàng bay vào phòng với một vòng hoa làm từ nhiều loài hoa khác nhau; nó cũng đặt vòng hoa lên bàn rồi lập tức bay đi. Sau đó, qua một cửa sổ khác, một con quạ bay vào, mỏ cắp theo một con rắn nhỏ, nó đặt con rắn lên bàn rồi cũng bay đi.

Chứng kiến tất cả những điều này, cô thiếu nữ cùng với người bảo mẫu của mình vô cùng ngạc nhiên, không hiểu rằng sự xuất hiện của những con chim này báo hiệu điều gì? Khi thầy Apelian đến gặp họ, họ đã kể lại cho ông nghe những gì đã xảy ra. Apelian là một tín đồ Kitô giáo bí mật và có khả năng thấu thị. Sau khi suy ngẫm kỹ lưỡng về những điều họ kể lại, ông nói, quay sang Penelope:

– Hãy biết rằng, con gái của ta, con bồ câu tượng trưng cho tính cách tốt đẹp của con, sự hiền lành, khiêm nhường và sự trong trắng của một thiếu nữ. Cành ô liu tượng trưng cho ân sủng của Thiên Chúa, sẽ được ban cho con qua phép rửa tội. Con đại bàng bay lượn cao vút tượng trưng cho vị vua và người chiến thắng, báo hiệu rằng con sẽ làm chủ được những đam mê của mình và, nhờ lòng hướng về Thiên Chúa, con sẽ chiến thắng những kẻ thù vô hình, giống như đại bàng chiến thắng các loài chim. Còn vòng hoa là dấu hiệu của phần thưởng mà con sẽ nhận được từ Đức Vua Kitô trong Nước Trời của Ngài, nơi một vương miện vinh quang vĩnh cửu không hư nát đang được chuẩn bị sẵn cho con. Con quạ cùng con rắn tượng trưng cho kẻ thù là ma quỷ, đang cố gắng gây ra cho con nỗi đau khổ, buồn phiền và sự bắt bớ. Hãy biết rằng, hỡi thiếu nữ, vị Vua vĩ đại, Đấng nắm giữ trời và đất trong quyền năng của Ngài, muốn hứa hôn ngươi làm vợ của Ngài, và ngươi sẽ phải chịu nhiều đau khổ vì danh Ngài.

[3429] Mageddon hay Migdonia – một thành phố ở Thrace, vùng nằm dọc theo bờ bắc Biển Aegean.

[3430] Hoàng tử Licinius được nhắc đến ở đây cần được phân biệt với Hoàng đế La Mã Licinius (trị vì từ năm 311 đến năm 324), người cai trị nửa phía đông của Đế quốc La Mã. Hoàng đế Licinius kia có vợ là Constantius, em gái của Constantine Đại đế; còn vị này – Licinius – người kia sống tại thành phố lừng lẫy Nicomedia, còn người này – tại Magdona; người kia đã chết trong sự bất kính, còn người này qua đời một cách thanh thản, sau khi tin nhận Chúa Kitô; cuối cùng, người kia sống vào đầu thế kỷ IV, còn người này vào cuối thế kỷ I, gần như vào thời các Tông đồ.

[3431] Vào thời cổ đại ở phương Đông, các thiếu nữ thường được gả đi khi còn rất trẻ (đây cũng từng là phong tục ở nước ta, nước Nga, vào thời xưa).

Lắng nghe thầy mình, thiếu nữ ghi nhớ những lời ấy trong lòng, và ngọn lửa của tình yêu thiêng liêng dần dần thấm vào trái tim nàng.

Ngày hôm sau, cha cô, Công tước Licinius, cùng với Công nương và các cận thần của mình, bước vào chỗ Penelope đang ngồi trên cột. Ông muốn gặp cô và nói chuyện với cô về cuộc hôn nhân của cô. Thấy khuôn mặt cô rạng rỡ vẻ đẹp như tia nắng mặt trời, ông vô cùng vui mừng và nói với cô:

– Này, con gái yêu quý của cha, con đã đến tuổi kết hôn rồi. Giờ hãy nói cho cha biết: con trai của vị công tước nào khiến con thích nhất trong số tất cả? Cha sẽ gả con cho chàng trai đó.

Rồi ông kể cho cô nghe tên các con trai của nhiều vị công tước lân cận. Nàng Penelope đáp lại cha mình:

– Thưa cha! Xin cha cho con bảy ngày để suy nghĩ, rồi con sẽ trả lời cha.

Thực hiện theo mong muốn của con gái, người cha rời khỏi đó và trở về nhà mình.

Khi Licinius ra về, Penelope tiến lại gần các tượng thần và nói với chúng:

– Nếu các ngài là các vị thần, thì các ngài sẽ nghe thấy lời con: cha con muốn gả con đi, còn con muốn giữ trinh tiết, vì những lo toan đời thường cản trở con phụng sự Đức Chúa Trời bằng cả trái tim. Vậy xin hãy cho con biết: con có nên lấy chồng hay không?

Những tượng thần câm lặng im, vì chúng không có linh hồn. Penelope nhổ nước bọt vào chúng, rồi quay mặt về hướng đông và, ngước nhìn lên bầu trời cao, nói:

– Nếu Ngài là Đức Chúa Trời chân thật – Đấng mà các tín hữu Kitô giáo rao giảng, con xin Ngài: xin hãy cho con biết: con có nên lấy chồng hay mãi mãi giữ trinh tiết?

Vì trời đã về chiều, nên Penelope chìm vào giấc ngủ. Trong giấc mơ, nàng thấy Thiên Thần của Chúa, Người đã nói với nàng như sau: "Penelope! Từ nay trở đi, con sẽ không còn được gọi là Penelope nữa, mà là Irina, vì con sẽ trở thành nơi nương tựa và bến đỗ bình an[3432] cho nhiều người, và nhờ con, hàng ngàn linh hồn con người sẽ quay về với Chúa và được cứu rỗi. Tên của con sẽ vĩ đại và kỳ diệu khắp vũ trụ. Những gì vị tu sĩ Apelian đã nói với con về những con chim mà con đã thấy là sự thật, vì chính Thánh Thần của Chúa đã phán qua miệng ngài. Đêm nay, một người của Chúa tên là Timôthê sẽ đến với con, người đã được huấn luyện trong giáo lý Kitô giáo và nhận chức linh mục từ Thánh Phaolô. Người này đang truyền bá các thư của Thánh Phaolô đến các nhà thờ. Người ấy sẽ ban phép rửa thánh cho con và chỉ bảo con những điều con phải làm."

Sau những lời ấy, Thiên thần biến mất. Còn Penelope, khi đã bình tĩnh lại, cảm thấy niềm vui và háo hức chờ đợi sự đến của vị linh mục.

Chẳng bao lâu sau, quả thực, Timôthê, người của Đức Chúa Trời, đã đến bên cột đá, được Thiên Thần của Đức Chúa Trời dẫn dắt và đưa lên cột đá. Được cô gái đón tiếp nồng nhiệt, ông ngồi xuống và bắt đầu giảng dạy cho cô, cho người bảo mẫu của cô, cũng như cho tất cả các bạn gái của cô về giáo lý Kitô giáo, và những lời của ông khiến mọi người đều cảm thấy dễ chịu. Sau khi dạy dỗ họ đủ về đức tin và khai sáng cho họ mọi điều cần biết về Đức Chúa Trời chân thật là Đức Giê-su Ki-tô, về đức tin thánh thiện nơi Ngài và về các bí tích Ki-tô giáo, ngài đã làm phép rửa cho Penelope nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Thần. Trong lễ rửa tội, Timôthê đã đặt cho cô một tên mới là Irina và như vậy đã hiến dâng cô cho Chúa Kitô, đồng thời khuyên cô phải giữ trọn sự trinh khiết cho đến cuối đời. Timôthê cũng rửa tội cho người bảo mẫu của cô là Karia và tất cả các tớ gái của cô; sau đó, ngài bắt đầu khuyên nhủ Irina hãy can đảm trong cuộc hành trình chịu tử đạo mà cô phải đón nhận vì đã tuyên xưng danh Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa chân thật, Chàng Rể bất tử của cô. Sau đó, Thánh Timôthê ban phước lành cho Irina và các bạn cùng lứa tuổi của cô, rồi giao phó tất cả họ cho ân sủng của Thiên Chúa và từ biệt họ.

Còn Thánh Irina cùng các tỳ nữ của mình ngày đêm ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa, đồng thời siêng năng nghiên cứu các thư tín của các Tông đồ mà Thánh Timôthê đã để lại cho cô[3433] . Sau đó, cô lấy những tượng thần bằng vàng do cha cô đặt sẵn và lần lượt ném chúng xuống đất qua cửa sổ, nói: "Nếu các ngươi là thần, hãy tự cứu lấy mình đi."

Khi rơi từ độ cao lớn xuống đất, các tượng thần vỡ tan và tan thành bụi, còn thánh nữ thì cười nhạo sự bất lực của chúng và vui mừng vì Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa chân thật của chúng ta.

[3432] Tên "Irina" bắt nguồn từ từ Hy Lạp ειρήνη/eirini – hòa bình, an lành.

[3433] Tông đồ Timôthê đã tích cực truyền bá các thư của Thánh Tông đồ Phaolô trong cộng đồng Kitô hữu, đặc biệt là hai bức thư được viết riêng cho ngài.

Khi đã trôi qua bảy ngày, cha mẹ của Irina cùng các quan đại thần leo lên cột nơi cô đang ở và nói chuyện với cô về việc kết hôn. Cô trả lời họ:

– Xin các ngài hãy biết rằng tôi là tôi tớ của Đấng Christ, tôi tin vào Ngài, yêu mến Ngài, Vua vĩnh cửu trên trời. Tôi đã hứa hôn với Chàng Rể này, Đấng thanh khiết, thuộc về trời và bất tử. Tôi không mong muốn một chàng rể nào khác và cũng không thờ lạy một vị Thần nào khác, vì không có Thần nào ngoài Ngài. Các ngươi chẳng thấy sao – Irina tiếp lời – sự diệt vong của các vị thần các ngươi, những kẻ đã rơi từ cửa sổ xuống đất? Họ không thể tự cứu lấy mình. Vậy làm sao họ có thể là những người trợ giúp các ngươi được? Niềm hy vọng của các ngươi đặt vào họ là vô ích, và mọi công sức cùng chi tiêu của các ngươi dành cho các thần tượng đều là hư không. Vàng và bạc lẽ ra phải được phân phát cho những người xin ăn, người nghèo, trẻ mồ côi và góa phụ; nhưng các ngươi, sau khi gọi thợ thủ công đến, đã đúc cho mình những thần tượng vô hồn và vì thế đã tước đoạt sự bố thí dành cho người nghèo; nhờ đó, các ngươi đã trở thành kẻ thù của Đức Chúa Trời hằng sống và là tôi tớ của ma quỷ. Các ngươi sẽ còn điên cuồng như con ngựa chưa được thuần hóa đến bao giờ? Khi nào các ngươi mới nhận biết Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng có thể làm cho chết và làm cho sống lại? Khi nào ánh sáng của Đức Chúa Trời chiếu sáng trong lòng các ngươi, thì ma quỷ – kẻ lôi kéo con người từ ánh sáng vào bóng tối, vào sự hủy diệt, kẻ dụ dỗ con người rời khỏi con đường chính đạo để đi vào con đường sai lầm – sẽ chạy trốn khỏi các ngươi. Nhưng trước hết, các con hãy cố gắng chạy trốn khỏi ma quỷ ngay bây giờ, vì nó độc ác và hung dữ. Nó là kẻ cám dỗ, che khuất đôi mắt tâm hồn các con, để các con không nhận biết được lẽ thật. Con xin cha, con khẩn cầu cha: hãy nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, Đấng đã tạo dựng vạn vật bằng Lời của Ngài. Khi cha quyết định dựng cột đá này cho con, cha đã tập hợp rất nhiều người cho công việc này: riêng công nhân đã có ba nghìn năm trăm người và ba trăm người giám sát; và mặc dù vậy, họ chỉ vừa kịp hoàn thành công trình trong mười tháng. Còn Đức Chúa Trời hằng hữu, chỉ bằng một Lời của Ngài, đã tạo dựng trời và mặt trời, mặt trăng và các vì sao, ánh sáng và bóng tối, và đặt tên cho ánh sáng là ban ngày, còn bóng tối là ban đêm; Ngài giữ trái đất lơ lửng trên không trung, ra lệnh cho nước chảy để mang lại lợi ích cho chúng ta, làm cho các loại cây cối mọc lên, sắp xếp các mùa, các năm và các tháng, tạo ra các loài thú trên đất, các loài chim trên không và các loài cá trong nước; cuối cùng, bằng chính đôi tay thánh khiết của Ngài, Ngài đã tạo dựng con người từ một nắm đất, và đặt con người làm chủ tể của cả vũ trụ, ban cho con người quyền cai trị muôn loài. Và tất cả những điều này, Thiên Chúa đã thực hiện trong sáu ngày bằng một Lời duy nhất của Ngài , đó chính là Con Một của Ngài, Chúa Giêsu Kitô, Đấng được sinh ra từ Ngài mà không cần mẹ, đồng bản thể và đồng ngai với Ngài. Ngài, nhờ quyền năng của Đức Thánh Thần, đã được sinh ra và nhập thể mà không cần Cha, từ Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, và đã sống giữa loài người, thực hiện vô số phép lạ: ban lại thị lực cho người mù, chữa lành người phong cùi, làm cho người chết sống lại và chữa lành người bại liệt. Vì lòng ghen tị, dân Do Thái đã đóng đinh Ngài trên thập tự giá theo ý muốn của chính Ngài – chịu đau khổ vì sự cứu rỗi của chúng ta. Nhưng sau khi chết và được chôn cất, Ngài đã sống lại vào ngày thứ ba nhờ quyền năng Thần Tính của Ngài, thăng thiên lên trời, ngự bên hữu Thiên Chúa Cha, ban Thánh Thần xuống cho các môn đệ và sai họ đi khắp vũ trụ, để họ soi sáng những ai bị tinh thần u ám, dẫn dắt những người lầm lạc và cứu rỗi những kẻ đang lâm vào cảnh diệt vong; vì Ngài mong muốn sự cứu rỗi cho tất cả mọi người, và lòng thương xót của Ngài dành cho loài người sẽ không bao giờ cạn kiệt.

Thánh nữ đã nói như vậy, và lời nói của bà nghe thật ngọt ngào trong tai mọi người. Hoàng tử và Hoàng hậu bế cô con gái yêu quý của mình và đưa cô về thành phố. Tất cả các thiếu nữ trong thành đều ra đón nàng với những vòng hoa trên đầu và cúi chào nàng, còn toàn thể dân chúng, tụ tập trên những nơi cao, trên tường rào và trên mái nhà, đều reo hò vui mừng và ca ngợi cô thiếu nữ xinh đẹp. Khi họ đến gần cung điện của hoàng tử, thánh Irina nhìn thấy một con quỷ đang kêu lên với nàng:

– Ta chẳng có liên quan gì đến nàng trong thành phố này, thiếu nữ ạ; hãy rời khỏi thành phố của chúng ta đi, vì ở đây không có người Kitô hữu nào sống cả.

Thánh nữ liền nói với nó:

– Ta ra lệnh cho ngươi, nhân danh Chúa Giêsu Kitô, hãy nói cho ta biết ngươi là ai.

Nó đáp:

– Ta là con quỷ sống trong các thần tượng, là thầy dạy những kẻ dâm đãng và ngoại tình, là kẻ tiếp tay cho các pháp sư, là thủ lĩnh của kẻ thù, là bạn của những kẻ say sưa; ta vui mừng trước sự đổ máu, ta là cha đẻ của mọi sự bất công, dối trá và mọi điều ác. Ta lại nói với ngươi: Hãy đi và chạy khỏi thành phố của chúng ta, nếu không ta sẽ xúi giục cha ngươi chống lại ngươi, khơi dậy cơn giận của ông ấy đối với ngươi và ông ấy sẽ giết ngươi.

Nhiều người đã nghe thấy giọng nói của con quỷ này, nhưng không ai nhìn thấy nó. Còn Thánh Irina, sau khi quay lại, đã nói với nó:

– Ta ra lệnh cho ngươi, nhân danh Chúa Giêsu Kitô, hãy rời khỏi thành phố này.

Ngay lập tức, con quỷ run rẩy và biến mất. Sau đó, con quỷ nhập vào lòng vị công tước và khơi dậy cơn giận dữ trong lòng ông ta chống lại con gái mình. Gọi công nương đến, Licinius nói với bà:

– Chúng ta phải làm gì đây? Con gái chúng ta đã sa vào lưới của những người Kitô hữu. Ôi, sao ta lại dựng cột đá này lên! Ta muốn bảo vệ con mình, nhưng thay vào đó lại hủy hoại nó. Giờ đây, mọi hy vọng của ta đều tan tành rồi.

Công nương đáp lại:

– Ngươi nói những lời kỳ lạ quá! Con gái chúng ta đã bị mê hoặc bởi điều gì và nó đã làm điều xấu nào?

Hoàng tử đáp:

– Con bé tin vào Chúa Kitô và phủ nhận các vị thần của chúng ta.

– Thì cứ để chúng tiêu tan đi, – Công nương phản bác, – những vị thần không tạo ra trời đất, còn con gái ta hãy được hưởng vinh quang của Đức Kitô Vua, Đấng đã kêu gọi con bé vào cuộc sống vĩnh cửu!

Trong cơn giận dữ, hoàng tử ra lệnh đưa hoàng hậu ra khỏi cung điện. Một trong những tỳ nữ đã truyền tin này cho Irina, và cô liền đến gặp cha mình. Khi nhà vua nhìn thấy cô con gái yêu quý của mình, ông cúi đầu xuống. Nhưng trong lòng ông, do sự xúi giục của ma quỷ, cơn giận đang bùng lên dữ dội. Thánh Irina nói với cha:

– Tại sao cha lại buồn bã như vậy, thưa cha? Vương quốc của cha đang bình yên, cha không phải đối mặt với chiến tranh; con đây, con gái của cha, đã đến với cha; vậy tại sao khuôn mặt cha lại buồn bã đến thế?

Licinus trả lời cô:

– Thà cha không sinh ra con thì tốt hơn. Cha đã chăm sóc con chu đáo biết bao, dựng cho con một cột đá tuyệt đẹp, đặt những tượng thần bằng vàng vào đó để bảo vệ con, vì con mà cha đã trang trí cột đá và giường ngủ bằng vàng, vậy mà con lại đền ơn cha bằng điều ác.

– Xin cha giải thích cho con, con đã làm điều ác gì với cha? – Thánh Irina nói với ông.

– Chẳng phải nỗi đau lớn lao đối với ta là việc con gái ta công nhận Chúa Kitô là Thiên Chúa và từ chối các vị thần của ta sao?

Thánh nữ đáp lại:

– Thưa cha! Con không làm điều gì xấu cả, khi tin vào Đức Chúa Trời chân thật và đặt niềm hy vọng vào Ngài, chứ không phải vào các thần tượng của cha.

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần đi, Penelope! – tiếng hét giận dữ của hoàng tử vang lên.

– Xin cha đừng gọi sai tên con: con không phải là Penelope, mà là Irina, và tên này được một Thiên thần ban cho con trong một giấc mơ và được linh mục đặt cho con khi làm lễ rửa tội, – Thánh Irina đáp lại Licinius một cách hiền lành.

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, đứa con không phải của ta, mà là của người khác! – Licinius lại thét lên.

– Con sẽ không dâng lễ vật cho họ. Chính họ đang kích động cơn giận của ngài; nhờ họ mà ngài sẽ phải chịu cực hình trong lửa cùng với những kẻ ngoại đạo.

Phát điên vì giận dữ, hoàng tử ra lệnh trói cô gái lại và ném cô vào dưới móng những con ngựa hung dữ. Khi lệnh của Licinius bắt đầu được thi hành, chính ông ta cũng đến để chứng kiến cái chết của cô. Nhưng một con ngựa, con hung dữ nhất, đã thoát khỏi dây trói, lao vào Licinius, tóm lấy tay phải của ông ta, xé toạc nó khỏi vai, giẫm đạp hoàng tử đến chết, rồi bình thản đứng trở lại vị trí cũ. Tất cả những con ngựa còn lại đều cư xử hiền lành như những con chiên con, và không hề đụng chạm đến thánh Irina. Còn con ngựa đã giết Likinia, theo lệnh của Đức Chúa Trời, đã cất tiếng kêu bằng giọng người, an ủi vị thánh tử đạo như sau:

– Hạnh phúc thay ngươi, chim bồ câu của Chúa Kitô, người đã đạp nát con rắn[3434] . Ngươi được vinh quang trên đất và sẽ được đón nhận trong tình yêu thương trên trời. Ngươi sẽ hân hoan giữa những người công chính. Ánh sáng vĩnh cửu và cung điện của Chú Rể bất tử đang chờ đón ngươi, như một thiếu nữ khôn ngoan và dũng cảm: dù là phụ nữ theo bản tính, ngươi vẫn thể hiện lòng dũng cảm của một chiến binh.

[3434] Tức là kẻ thù của sự cứu rỗi loài người – ma quỷ.

Khi những xiềng xích được gỡ bỏ khỏi Thánh Irina, bà đã làm sống lại người cha đã qua đời của mình bằng lời cầu nguyện và chữa lành cánh tay của ông. Chứng kiến phép lạ ấy, vị công tước cùng phu nhân, cả gia đình họ và đông đảo dân chúng – tổng cộng khoảng ba nghìn người – đã tin nhận Chúa Kitô.

Licinus chẳng bao lâu sau đã từ bỏ việc cai trị vương quốc của mình để được tự do hơn trong việc phụng sự Chúa Kitô, và cùng vợ cùng những người thân cận dọn đến sống trong chính cái cột mà trước đây ông đã dựng lên cho con gái mình; còn Thánh Irina thì ở lại thành phố, giảng dạy dân chúng về đức tin vào Chúa Kitô, và đã dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô, Thiên Chúa. Cô sống trong ngôi nhà của thầy mình là Apelian.

Sau Lycinius, một vị vua khác tên là Sedekia đã lên nắm quyền cai trị. Nghe tin về Irina, ông triệu tập Apelian đến và hỏi liệu cô gái, tức công chúa Irina, có đang ở với ông không. Apelian trả lời là có. Sedekia hỏi ông:

– Ngươi có biết cô ấy sống ra sao không?

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Cô ấy sống giống như tôi và tất cả những ai tin vào Đức Chúa Trời chân thật. Cuộc sống của cô ấy là mỗi ngày nhịn ăn cho đến tối, đến tối thì ăn một miếng bánh mì nhỏ và uống một chén nước, không có giường và chỉ nghỉ ngơi một lát trên mặt đất trần; ngày đêm cô ấy dành để cầu nguyện với Đức Chúa Trời và đọc các sách Thánh.

Nghe vậy, hoàng tử rất ngạc nhiên, liền sai giám mục[3435] đi tìm Irina, ra lệnh cho ông ta phải đưa cô gái đến gặp mình một cách trang trọng. Khi đến gặp hoàng tử, thánh Irina nói:

– Xin chào, hoàng tử!

Sedechia đáp lại:

– Chúc mừng cô, thiếu nữ xinh đẹp!

– Tại sao ngài triệu tập tôi? – Irina hỏi ngài.

– Chúng ta hãy ngồi xuống và trò chuyện trong hòa bình và tình yêu thương, – đó là câu trả lời của hoàng tử.

Cô gái thánh thiện nói:

– Tôi đang tuân theo lời Kinh Thánh, rằng: *"Tôi sẽ không ngồi cùng những kẻ dối trá, cũng không đi cùng những kẻ phạm luật"* (Thi Thiên 25:4).

– Vậy thì chúng ta đã phạm tội gì? – Sê-đê-ki-a hỏi.

Cô gái thánh thiện trả lời:

– Bất kỳ kẻ ngoại đạo nào không tin vào Đức Chúa Trời chân thật và thờ lạy các thần tượng đều là kẻ phạm tội.

– Ngươi đang ép buộc ta, bất chấp sự miễn cưỡng của ta, phải tra tấn ngươi, không nương tay với ngươi, con gái của hoàng tử, – Sê-đê-ki-a phản đối.

– Sao ngài lại lãng phí thời gian vào những lời nói vô ích như vậy? – Thánh Irina dũng cảm đáp lại – Hãy bắt đầu tra tấn tôi đi: tôi sẵn sàng chịu mọi cực hình vì Đấng Kitô của tôi.

– Hãy từ bỏ sự điên rồ của cô đi, thiếu nữ, hãy dâng lễ vật lên các vị thần.

Thánh nữ đáp lại:

– Ngài lo lắng vô ích, hỡi vị vua bị Satan xúi giục: hãy biết rằng tôi sẽ không phục vụ quỷ dữ và sẽ không thương xót thân xác mình vì Chúa Kitô, Chúa của tôi.

Tràn đầy cơn giận, vị hoàng tử bắt đầu tham vấn với giám mục để quyết định hình phạt nào sẽ áp dụng cho vị thánh nữ. Theo lệnh của kẻ tra tấn, người ta đã đào một hố sâu và đổ đầy rắn, các loài bò sát và đủ loại thú độc vào đó, rồi ném vị thánh nữ xuống đó. Nhưng cô vẫn sống sót và không hề hấn gì trong suốt mười ngày, vì Thiên Thần của Chúa đã xuống hố với cô và bảo vệ cô khỏi mọi tổn thương; còn tất cả các loài bò sát ở đó đều chết hết.

Khi biết rằng vị nữ tử đạo vẫn còn sống trong hào, Sê-đê-ki-a rất ngạc nhiên và cho rằng nàng đã dùng phép thuật để mê hoặc các loài bò sát và giết chết chúng. Ông ra lệnh lôi nàng ra khỏi hào và đưa đến trước mặt ông để thẩm vấn. Ngồi trên ghế xét xử, ông nói với nàng:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần đã tha thứ cho ngươi: chính họ đã giết chết những con rắn, còn ngươi thì được giữ lại để ngươi nhận biết sức mạnh và lòng thương xót của họ, và để ngươi thờ lạy họ.

Thánh nữ đáp lại:

[3435] Eparch – người đứng đầu thành phố hoặc vùng.

– Hỡi kẻ điên rồ, bị Satan mê hoặc, kẻ mà ta khinh bỉ! Chẳng lẽ những tượng thần bằng gỗ hay đá này đã từng giết chết rắn bao giờ sao? Chính ngươi cũng sẽ sớm bị ném xuống hố sâu của địa ngục cùng với các vị thần mà ngươi đang thờ phụng, và sẽ chìm đắm *trong "bóng tối tăm tối"* mà Satan đã dành sẵn cho ngươi: *"ở đó sẽ có tiếng khóc lóc và nghiến răng"* (Mt 25:30).

Vị hoàng tử trong cơn thịnh nộ đã gọi những thợ mộc mang theo cưa sắt và ra lệnh cho họ cưa đôi cô trinh nữ thánh thiện. Khi cô thánh được trói vào cây và họ bắt đầu cưa, thì lưỡi cưa không chạm vào thân thể cô và dường như bị cùn đi khi chạm vào một hòn đá sắc nhọn; cuối cùng, nó gãy làm đôi ngay giữa. Một chiếc cưa khác được mang đến, nhưng chiếc này cũng gãy đôi, còn những người đang cưa thì ngã xuống, bị mảnh cưa găm vào người và chết. Cuối cùng, người ta mang đến chiếc cưa thứ ba, sắc bén và chắc chắn nhất, và Sê-đê-ki-a ra lệnh cưa cô gái ở phần hông. Sau khi trói cô lại, họ đặt cô xuống đất, dùng một tảng đá lớn đè lên ngực cô, rồi bắt đầu cưa thân thể thánh thiện của vị nữ tử đạo: lần này, lưỡi cưa chạm vào thân thể và máu bắt đầu chảy ra từ đó.

Lúc đó, Sê-đê-ki-a cười và nói với vị tử đạo:

– Đức Chúa Trời của ngươi đâu rồi? Hãy để Ngài đến ngay bây giờ và giúp ngươi, nếu Ngài có quyền năng.

Khi Sê-đê-ki-a vừa dứt lời, một tia chớp bất ngờ lóe lên, tiếng sấm rền vang kinh hoàng, một cơn lốc xoáy nổi lên trên không trung; những tên đầy tớ đang hành hạ thi thể vị thánh tử đạo liền ngất xỉu. Hoàng tử hoảng sợ chạy về cung điện của mình, còn dân chúng thì ùa từ quảng trường về nhà; mưa lớn trút xuống như dòng suối, kèm theo mưa đá dữ dội, và nhiều kẻ tra tấn đã ngã xuống chết, bị sét, sấm sét và mưa đá giết chết. Còn Thiên Thần của Chúa, từ trời giáng xuống, đã gỡ hòn đá khỏi ngực vị thánh tử đạo, chữa lành những vết thương của bà và nâng bà dậy trong tình trạng khỏe mạnh.

Tám nghìn người, khi chứng kiến phép lạ này, đã tin vào Đức Kitô. Nhưng vị công tước, bị ma quỷ xúi giục, lại ra lệnh bắt thánh nữ và lại bàn bạc với giám mục về cách tiêu diệt bà. Những kẻ tra tấn đã nghĩ ra hình phạt này cho bà: họ trói bà vào bánh xe cối xay, để khi bánh xe quay, nó sẽ xé nát thân thể bà. Nhưng khi nước được xả vào dưới bánh xe, dòng nước bỗng dừng lại, như thể hóa đá; không một giọt nước nào chảy ra, và vị thánh vẫn nguyên vẹn. Vị công tước cùng các cố vấn của mình đã thốt lên:

– Ôi, sức mạnh phép thuật của bà thật vĩ đại, đã biến nguyên tố nước thành một chất khác.

Dân chúng, chứng kiến phép lạ này, đã nổi dậy chống lại vị công tước bất chính và với những tiếng la hét đầy lên án và phẫn nộ, họ bắt đầu ném đá vào ông ta và đuổi ông ta ra khỏi thành phố. Còn ông ta, khi trở về quê hương, đã sống ở đó bảy ngày rồi qua đời vì buồn bã, tức giận và xấu hổ.

Sau khi Sedekiah qua đời, con trai ông là Savah, muốn trả thù cho sự nhục nhã của cha mình, đã tập hợp một đội quân hùng hậu, khoảng một trăm nghìn người, và tiến quân đánh thành phố Mageddon. Người dân thành phố này, khi biết tin vua Savah đang tiến đến, đã hoảng sợ đóng cửa thành và nói với thánh Irina:

– Vì bà mà chúng tôi sắp chết rồi.

Nhưng bà ra lệnh cho họ đừng sợ kẻ thù và bắt đầu cầu nguyện với Chúa bằng những lời như sau:

– Lạy Chúa, Đấng đã từng lắng nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài, tiên tri Ê-li-sê, xin hãy nghe lời cầu nguyện của con và hãy đánh bại một cách vô hình dân tộc này đang tiến đến để hủy diệt thành phố, xin làm mù mắt kẻ thù của chúng con, để chúng hiểu rằng Ngài là Đức Chúa Trời chân thật duy nhất.

Và ngay lập tức, khi nghe lời cầu nguyện của nàng, Chúa đã khiến vị công tước và tất cả các chiến binh đi cùng ông ta bị mù.

Tướng quân Savah nhận ra rằng chính Irina đã khiến ông và quân đội của ông bị mù, nên đã sai một sứ giả đến gặp nàng với lời thỉnh cầu như sau:

– Giờ đây tôi đã biết rằng sức mạnh của Đức Chúa Trời của chị là bất khả chiến bại; vì vậy, tôi xin chị hãy cầu nguyện với Đức Chúa Trời của chị cho tôi và các binh sĩ của tôi, để tôi và họ được sáng mắt lại!

Với lòng thương xót, vị thánh nữ đã dâng lên Chúa Tể vạn vật lời cầu nguyện khẩn thiết, và hoàng tử cùng tất cả những người đi theo ngài đều được sáng mắt trở lại. Sau đó, Savakh sai người vào thành phố để truyền đạt những lời hòa bình này đến các công dân:

– Hãy đón nhận ta làm hoàng tử của các ngươi, như các ngươi đã từng đón nhận cha ta làm hoàng tử; còn ta sẽ tha thứ cho các ngươi về sự sỉ nhục mà các ngươi đã gây ra cho cha ta.

Thấy quân đội của nhà vua hùng mạnh đến mức nào, dân chúng đã ký hiệp ước hòa bình với ngài, mở cổng thành cho ngài, cúi đầu kính lạy và công nhận ngài là vua của họ. Khi Savach lên ngôi, dưới sự xúi giục của ma quỷ, ngài nổi giận với thánh nữ Irina và, sau khi triệu tập thánh nữ đến, ngài nói với bà:

– Ta tha thứ cho thành phố về tội lỗi của nó, nhưng ta giận ngươi, vì ngươi đã xúi giục cuộc nổi loạn chống lại cha ta, và vì thế ông ấy đã bị ném đá đến chết; nhưng nếu ngươi cũng muốn được ta tha thứ, hãy làm theo ý ta: dâng lễ vật cho các vị thần, và ngươi sẽ được tự do.

Thánh nữ bắt đầu quở trách hoàng tử vì sự điên rồ của ông, và điều đó càng khiến ông nổi giận hơn nữa.

Savah ra lệnh ném bà vào ngục tối và bắt đầu bàn bạc với các quan đại thần xem nên nghĩ ra hình thức tra tấn nào cho bà. Trong khi đó, vị thánh đã ở trong ngục tối suốt bảy ngày liền. Tại đó, Chúa Kitô hiện ra với bà và nói:

– Đừng sợ, con gái của Ta, vì Ta ở cùng con, là Đấng ban sức mạnh cho con.

Sa-va-kh đã ra lệnh đưa vị thánh nữ ra khỏi ngục tối, đóng những chiếc đinh sắt vào gót chân nàng, sau đó đặt một bao cát nặng lên vai nàng, rồi ra lệnh đuổi nàng đến một nơi cách thành phố năm khoảng đường đua[3436] . Các đầy tớ nhét dây cương vào miệng vị thánh nữ và đuổi nàng, như cách người ta đuổi ngựa, đến nơi đã định. Còn vị thánh nữ, khi bị sỉ nhục như vậy, đã thưa với Chúa:

– Quả thật, *"con như con vật trước mặt Ngài"*, lạy Chúa. *"Nhưng con luôn ở cùng Ngài; Ngài nắm lấy tay phải con. Ngài dẫn dắt con bằng lời khuyên của Ngài và sẽ đón nhận con vào vinh quang"* (Thánh vịnh 72:22–24).

Nhìn sang bên phải, vị thánh nữ thấy các Thiên thần của Chúa đang đồng hành cùng mình và lòng bà tràn ngập niềm vui. Khi những kẻ hành hạ đến nơi đã định, các đầy tớ quay trở lại thành phố, kéo vị thánh nữ tử đạo bằng dây cương trong tiếng chửi rủa. Rất đông người dân đi theo sau họ, còn vị thánh nữ thì nhìn thấy trước mặt mình một Thiên thần đang dùng cây gậy đập xuống đất và thầm nghĩ: "Kẻ thù của Đức Chúa Trời sẽ bị diệt vong."

Khi họ đến nơi Thiên Thần đang đứng, mặt đất bỗng nhiên nứt ra và nuốt chửng những người hầu của kẻ hành hình đang dẫn thánh nữ đi. Thánh nữ cảm thấy mình được giải thoát khỏi xiềng xích, và những bàn tay vô hình đã gỡ chiếc bao cát khỏi vai bà, những chiếc đinh rơi ra khỏi chân bà, và bà đã đi lại bình thường, ca ngợi Thiên Chúa. Khi nghe tin này, vị công tước nói:

– Các vị thần đã mở toang mặt đất và đưa các tôi tớ của ta xuống dưới lòng đất, xa khỏi mụ phù thủy này.

Nhưng những người khác phản đối ông, nói rằng:

– Chúa Hằng Sống cùng với thánh nữ tử đạo Irina!

Còn những người khác thì lăng mạ vị trinh nữ thánh thiện bằng những lời tục tĩu. Lúc đó, Thiên thần đã mở ra mặt đất và giáng xuống cái chết bất ngờ cho nhiều kẻ vô tín, lên đến mười nghìn người; những kẻ ngoại đạo còn sống sót thì kêu lên:

– Lạy Thiên Chúa của Irina, xin thương xót chúng con, vì chúng con tin vào Ngài và nương tựa vào Ngài.

Vào thời điểm đó, thực sự có khoảng ba mươi nghìn người đã tin vào Chúa Kitô. Tuy nhiên, Công tước Savach không tin vào Thiên Chúa, và Thiên Thần của Thiên Chúa đã giáng án tử hình cho ông vì điều đó.

Trong khi đó, Thánh Irina tiếp tục rao giảng danh Chúa Kitô trong thành phố và thực hiện nhiều phép lạ nhờ quyền năng của Chúa Kitô. Bà không chỉ chữa lành người bệnh, thanh tẩy người bị bệnh hủi và trừ quỷ khỏi con người, mà còn làm sống lại một thiếu niên đã qua đời, người mà cha mẹ đang khóc than thảm thiết, và dẫn dắt đến mười nghìn người trở lại với Chúa Kitô.

Vào thời điểm đó, theo lệnh của Đức Chúa Trời, Thánh Timôthê, một linh mục, đã đến thành phố và làm phép rửa tội cho Thánh Irina. Với niềm vui sướng khi đón tiếp ngài, Thánh Irina cùng với ngài và những người khác đã tin vào Chúa Kitô, đã đến cột đá nơi cha mẹ bà đang sống, âm thầm phụng sự Thiên Chúa, và tại đó, tất cả những ai tin vào Chúa Kitô đều đã lãnh nhận phép rửa thánh.

Thánh Irina đã ở lại thành phố Magdona ba năm, dạy dỗ mọi người và củng cố đức tin của họ vào Chúa Kitô. Sau đó, bà đi đến một thành phố khác tên là Callipolis[3437] , nơi do Công tước Numerian cai trị, người có quan hệ họ hàng với những kẻ bách hại Irina, tức các vua Sedekia và Savah.

Khi Thánh Irina bước vào thành phố, những người ngoại đạo đang tổ chức một lễ hội bất kính để tôn vinh nữ thần Artemis[3438] , và vị vua đang dâng lễ vật trước tượng thần. Thánh Irina đứng trước mặt ông, vạch trần sự

[3436] "Poprište" – đơn vị đo chiều dài; tương đương khoảng 690 "sazhen" của chúng ta.

[3437] Thành phố Callipolis, cũng như Mageddon, nằm ở Thrace.

[3438] Artemis hay Diana – nữ thần ánh sáng và mặt trăng trong thần thoại Hy Lạp-La Mã, đồng thời được coi là vị thần bảo trợ cho nghề săn bắn.

bất kính của ông và tuyên xưng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật. Vị hoàng tử nói với các quan đại thần của mình:

– Cô gái này có khuôn mặt và vóc dáng giống cha mình là Licinius, nhưng những đứa con hư hỏng lại là nỗi bất hạnh cho cha mẹ chúng. Quả thật, vì cô gái này mà người cha tốt bụng của cô đã mất vương quốc. Còn cô ta, theo như ta nghe nói, là thủ phạm gây ra cái chết của anh trai ta, Sê-đê-ki-a; cô ta cũng đã dùng phép thuật giết chết con trai ông ấy, Sa-va-ha; quả thực, cô gái này là kẻ hủy diệt các vị vua.

Sau đó, Numerius nói với Thánh Irina:

– Ngươi nói sao, nữ phù thủy? Ngươi sẽ dâng lễ vật cho các vị thần hay vẫn tiếp tục lầm lạc trong sự mê tín tai hại của mình?

Thánh nữ, sau khi làm dấu thánh giá, đáp lại:

– Ta sẽ dâng lễ vật ngợi khen Thiên Chúa Tối Cao, còn những quỷ dữ và những thần tượng vô hồn của ngươi thì ta sẽ không dâng lễ vật. Còn về những người thân là các hoàng tử của ngươi, hãy biết rằng không phải ta, mà là Đức Chúa Trời của ta, Đấng nắm giữ sự sống và cái chết của mỗi người, đã ra lệnh cho họ phải chết; vậy thì ngươi cũng hãy kính sợ Đức Chúa Trời của ta, vì ngươi chỉ còn sống được ít ngày nữa thôi và cái chết sẽ sớm ập đến với ngươi.

Nghe vậy, Numerius bừng bừng giận dữ, nghiến răng, gầm lên như sư tử và ra lệnh cho các tôi tớ nung nóng ba con bò đồng, quyết định rằng nếu vị thánh nữ chịu đựng được sức nóng của ngọn lửa trong một con bò, thì sẽ bị ném vào con bò khác; còn nếu nàng làm được điều tương tự với con bò thứ hai, thì sẽ bị ném vào con bò thứ ba. Và điều đó đã xảy ra. Khi những con bò đồng đã nóng rực như than hồng, vị thánh nữ bị ném vào một trong số chúng. Tại đó, bà bắt đầu cầu nguyện lớn tiếng với những lời như sau: "Lạy Chúa! Xin hãy mau đến cứu con, kẻ đang chịu đau khổ vì danh thánh của Ngài!"

Thiên thần của Chúa đã hiện ra với nàng. Vị thiên thần khuyên nàng đừng sợ những cực hình, rồi dập tắt ngọn lửa. Còn dân chúng thì phàn nàn với Numerius, nói rằng:

– Ngài đã vô cớ hủy hoại một thiếu nữ đang trong độ tuổi thanh xuân rực rỡ.

Khi đồng đã nguội, người ta thấy thánh nữ vẫn còn sống và khỏe mạnh, không hề bị lửa làm tổn thương chút nào, và hoàng tử nói với những người xung quanh:

– Chẳng phải ta đã cảnh báo các ngươi rằng cô gái này là một phù thủy sao? Các ngươi thấy rồi đó, nàng đã dập tắt ngọn lửa như thế nào; hãy ném nàng vào lò lửa khác.

Và vị thánh nữ được ném vào lò lửa thứ hai. Khi lò lửa này cũng được làm nguội một cách kỳ diệu, cô lại bị ném vào lò thứ ba. Lúc đó, theo lệnh của Đức Chúa Trời Toàn Năng và Toàn Quyền, lò lửa thứ ba này bỗng di chuyển như có sự sống, đi được một phần tư quãng đường, rồi quay trở lại vị trí ban đầu và vỡ tan, còn vị thánh nữ tử đạo bước ra khỏi đó mà không hề hấn gì. Dân chúng, khi chứng kiến phép lạ ấy, đã đồng thanh kêu lên:

– Lạy Thiên Chúa của Irina, Ngài thật vĩ đại! Xin thương xót chúng con bởi lòng thương xót vô biên của Ngài! Ngài là Thiên Chúa của chúng con, Đấng mạnh mẽ và hùng cường, Đấng tạo nên những phép lạ kỳ diệu và vinh quang!

Và lúc bấy giờ, có tới một trăm nghìn người đã tin vào Đức Kitô. Còn Công tước Numerius không những vẫn chối bỏ đức tin, mà còn phỉ báng Thiên Chúa Tối Cao; vì thế, ông đã bị Thiên Thần của Thiên Chúa đánh trúng một cách vô hình và mắc bệnh hiểm nghèo. Trước khi qua đời, ông ra lệnh cho tổng giám mục Vavodan của mình phải tra tấn Irina bằng đủ mọi hình thức, rồi sau đó xử tử bà bằng hình phạt tàn bạo nhất.

Khi vị hoàng tử vô đạo Numerius qua đời, Thánh Irina, vẫn ở lại thành phố, tiếp tục giảng dạy dân chúng về đức tin vào Chúa Kitô và chữa lành mọi bệnh tật; còn Linh mục Timôthê, người đã đến đó vào thời điểm đó, đã làm phép rửa cho những ai tin vào Chúa Kitô.

Thị trưởng, thấy toàn thể dân chúng đều cảm thông với Thánh Irina, nên sợ không dám tra tấn bà tại thành phố này, vì lo ngại sẽ khơi dậy sự bất mãn và nổi loạn trong dân chúng. Ông ta lên đường đến một thành phố khác, tên là Constantin[3439] , và ra lệnh cho binh lính của mình dẫn Thánh nữ theo sau. Khi đến thành phố này, ông ta ngồi trên ghế xét xử và nói với Thánh nữ:

– Ngươi có biết rằng ta đã được ban quyền lực trên ngươi không? Hãy đến thờ lạy các vị thần của chúng ta và dâng lễ vật cho họ; nếu không, ta sẽ khiến ngươi phải chịu những cực hình tàn khốc.

[3439] Thành phố Constantina nằm gần Callipolis, thuộc vùng Thrace.

Vị thánh nữ đáp lại:

– Hãy nghe đây, ngài tổng trấn, câu trả lời của tôi: hãy tra tấn tôi bằng mọi hình thức mà ngài có thể nghĩ ra, và ngài sẽ thấy quyền năng của Đức Chúa Trời.

Thống đốc ra lệnh mang đến một cái lưới sắt, rồi đặt vị thánh nữ lên đó và ra lệnh trói bà lại bằng xích sắt; sau đó, ông cho chất củi dưới lưới sắt và ra lệnh đốt lửa. Ngọn lửa bùng lên dữ dội, và lúc đó, theo lệnh của quan tổng trấn, người ta bắt đầu đổ dầu, mỡ và nhựa cây lên người nữ tử đạo; họ tra tấn vị thánh như vậy trong vài giờ liền; lưới sắt và xiềng xích sắt nóng đỏ rực. Tuy nhiên, vị thánh vẫn bình an vô sự và cất tiếng ca ngợi, tôn vinh Thiên Chúa, như thể đang được tưới mát bởi sương lạnh. Sau đó, những sợi xích sắt tự tuột khỏi người bà, và bà đứng dậy, khỏe mạnh và hoàn toàn vô sự.

Thị trưởng và các cố vấn của ông, khi chứng kiến cảnh đó, đã vô cùng kinh ngạc. Quỳ xuống dưới chân vị thánh nữ, thị trưởng nói với bà:

– Nô tỳ của Đức Chúa Trời chân thật! Tôi khẩn cầu ngài, xin đừng hủy diệt tôi như ngài đã hủy diệt các hoàng tử của chúng tôi, vì tôi cũng tin vào Con Đức Chúa Trời và muốn trở thành Kitô hữu.

Và thế là giám mục Vavodan đã tin vào Chúa Kitô, cùng với rất nhiều người dân. Thiên thần của Đức Chúa Trời đã dẫn linh mục Timôthê đến thành phố này, và tất cả những ai tin vào Chúa Kitô đều được ngài rửa tội.

Sau khi ở lại thành phố này năm mươi ngày, thánh Irina rời khỏi đó và bị binh lính của công tước Savorius bắt giữ; ông ta đang sống tại thành phố Mesembria thuộc xứ Thrace. Bà bị dẫn đến trước mặt ông ta, vì vị công tước này đã nghe danh về bà và từ lâu đã muốn bắt giữ bà. Khi nhìn thấy vị thánh, ông ta nổi cơn thịnh nộ, xử tử bà bằng gươm, và bà được chôn cất bên ngoài thành phố. Sau đó, Savorius nói to cho mọi người nghe:

– Đã có những tin đồn đáng sợ về nữ phù thủy này, vì bà ta đã dùng phép thuật của mình để giết các công tước. Vậy tại sao bây giờ bà ta lại không thể giết được ta, mà lại chính ta đã giết bà ta, và Đấng Cứu Thế, người trợ giúp của bà ta, đang ở đâu? Tại sao Ngài không cứu bà ta khỏi tay ta?

Vị vua vô tín ấy đã phỉ báng quyền năng của Chúa Kitô và tự hào về bản thân mình, như một kẻ chiến thắng Irina.

Nhưng có điều gì là không thể đối với quyền năng toàn năng của Đức Chúa Trời? Đấng mà trong lúc tự nguyện chịu chết đã "làm sống lại *nhiều thi thể của các thánh đã qua đời"*, đến nỗi họ *"ra khỏi mồ sau khi Ngài sống lại, vào thành thánh và hiện ra trước mặt nhiều người"* (Mt 27:52–53). Chẳng lẽ Đấng ấy không thể làm cho vị thánh nữ này sống lại từ cõi chết, để bà vào Mesembria và hiện ra trước mặt vị công tước sao? Quả thật, Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, quyền năng trên trời và dưới đất, và Ngài làm mọi điều theo ý muốn của Ngài. Ngài đã sai Thiên Thần của Ngài và làm cho thánh Irina sống lại từ quan tài; khi đó, Thiên Thần của Chúa đã nói với bà:

– Dù ngươi đã hoàn thành cuộc hành trình chịu khổ của mình và đáng lẽ ngươi đã được an nghỉ, vì ngươi xứng đáng với sự hạnh phúc trên trời; nhưng để những kẻ vô đạo và bất chính không dám ngạo mạn trở lại, khoe khoang rằng chúng đã chiến thắng quyền năng của Đức Chúa Trời chúng ta, hãy vào thành phố để mọi người thấy ngươi còn sống, và tất cả những kẻ vô đạo sẽ phải xấu hổ khi nhận ra rằng Đức Chúa Trời chúng ta là Đấng Toàn Năng; từ nay trở đi, ngươi sẽ không còn phải chịu bất kỳ sự đau khổ nào từ ai nữa.

Và vị thánh nữ bước vào thành Mesembria, tay cầm cành ô liu. Khi dân chúng nhìn thấy bà, lòng họ tràn ngập sự kinh hoàng tột độ và họ vô cùng ngạc nhiên. Toàn thể dân chúng vây quanh vị thánh nữ với những tiếng hô vang dội:

– Đức Chúa Trời của Irina thật kỳ diệu, và không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ngài.

Thống đốc của thành phố đó được báo cáo rằng Irina đã sống lại từ cõi chết. Nghe tin này, ông ta vô cùng hoảng sợ và khi nhìn thấy vị thánh, ông quỳ xuống dưới chân bà, nói:

– Giờ đây tôi đã hiểu rằng Đức Chúa Trời của chị thật vĩ đại. Tôi xin chị hãy ở lại thành phố của chúng tôi và dẫn dắt chúng tôi trở thành Kitô hữu.

Thánh nữ ở lại với họ trong suốt bảy mươi ngày, dạy họ về đức tin thánh thiện, và tất cả cư dân thành phố đó đều tin vào Chúa Kitô; còn vị linh mục phúc lành Timôthê, đến đó theo lệnh của Thiên Chúa, đã làm phép rửa tội cho vị công tước và tất cả những người khác.

Từ đó, Thánh Irina lên đường về quê hương mình, thành phố Mageddon, nơi cha bà đã qua đời vào khoảng thời gian đó. Bà đã khóc thương cho sự ra đi của cha, đồng thời cầu nguyện cho ngài trước mặt Đức Chúa Trời. Bà ở lại với mẹ mình một thời gian, rồi được đưa đi trên một đám mây và hạ xuống thành phố Ê-phê-sô[3440] , và bà đi khắp thành phố này, rao giảng danh Chúa Kitô theo tinh thần tông đồ, thực hiện nhiều phép lạ tại đây, chữa lành

đủ loại bệnh tật. Bằng lời rao giảng của mình, Thánh Irina đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo từ bỏ việc thờ lạy thần tượng để trở về với đức tin vào Chúa Kitô.

Một thời gian sau, vị tu sĩ già Apelian – người từng là thầy dạy của thánh Irina – được Thiên Chúa sai đến gặp bà tại Ê-phê-sô. Thánh nữ, khi nhìn thấy ông, đã vô cùng vui mừng. Vài ngày sau, bà nói với dân chúng:

– Hãy vui mừng, hỡi anh em của tôi! Bình an của Chúa Giêsu Kitô ở cùng các bạn; hãy vui vẻ, hân hoan vì Chúa của chúng ta, và hãy vững vàng trong đức tin. Tôi sắp rời xa các bạn và cảm ơn các bạn đã đón nhận tôi, một người lữ hành. Hãy biết rằng, ai đón nhận những người lữ hành thì cũng là bạn của Thiên Chúa trên trời.

Người dân, sau khi nghe những lời của bà, bắt đầu hỏi nhau:

– Thầy giáo của chúng ta đang đi đâu vậy?

Một số người khác thì nói:

– Chẳng lẽ bà ấy muốn chết sao?

Một số người khác lại nói:

– Cô ấy xứng đáng với Chúa; cô ấy sẽ được đưa đi khỏi tầm mắt chúng ta, vì chúng ta là những kẻ tội lỗi.

Ngày hôm sau, thánh Irina dẫn theo lão Apelian và sáu người đàn ông sùng đạo ra ngoài thành, rồi tìm thấy một ngôi mộ mới trống rỗng trong vách đá, nơi chưa từng có ai được an táng, bà bước vào ngôi mộ đó và nói với Apelian cùng những người đàn ông khác:

– Hãy dùng đá đậy kín người tôi lại, để không ai có thể mở ra trước ngày thứ tư.

Sau đó, bà gửi lời chào tạm biệt cuối cùng đến Apelian và những người đàn ông đi cùng ông. Rồi bà làm dấu thánh giá và nằm xuống. Những người đàn ông đặt một tảng đá nặng lên trên quan tài rồi trở về thành phố.

Vào ngày thứ tư, Apelian cùng những người đàn ông đó đến bên quan tài, nhưng khi không thấy thi thể của Thánh Irina ở đó, ông thầm nghĩ rằng Chúa Kitô đã gọi bà về thiên đàng. Ông trở về thành phố để loan báo tin này. Nhiều người tụ tập quanh quan tài và khi thấy quan tài trống rỗng, họ kinh ngạc và trong sự kinh hoàng, họ ngợi khen Thiên Chúa.

Như vậy, những đau khổ của Thánh trinh nữ Irina đã kết thúc; đó chính là những chiến công của trinh nữ này – cô dâu của Chúa Kitô. Bà đã tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô trước tiên trước mặt cha mình là Licinius, sau đó trước mặt Sedekia và con trai ông là Savach, tiếp theo trước mặt Numerian, tổng trấn Vavodan và cuối cùng trước mặt Savorio. Các thành phố nơi bà chịu khổ nạn là: Mageddon – quê hương của bà, Callipolis (hay Kalinik), Constantinople và Mesembria ở Thrace. Bà đã an nghỉ trong Chúa tại thành phố Ephesus vào ngày thứ năm của tháng Năm[3440] .

Khi được diện kiến Chúa Kitô, bà khẩn cầu Ngài cho cả vũ trụ. Câu chuyện về những việc làm anh hùng và sự chịu khổ của bà được vị tu sĩ già Apelian ghi chép lại, để tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất được tôn vinh trong Ba Ngôi, Đấng xứng đáng nhận vinh quang và sự thờ phượng từ mọi loài thụ tạo, bây giờ, luôn luôn và đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Chiên Con của Ngài, lạy Chúa Giêsu, Irina kêu lên bằng giọng lớn: Con yêu mến Ngài, Chồng yêu dấu của con, và vì tìm kiếm Ngài mà con chịu đau khổ, chịu đóng đinh, chịu chôn vùi trong phép Rửa tội của Ngài, và chịu đau khổ vì Ngài, để được cai trị cùng Ngài trong , và con chết vì Ngài, để được sống cùng Ngài; xin hãy nhận con như một của lễ vô tì vết, đã tự hiến dâng cho Ngài trong tình yêu: bằng những lời cầu nguyện ấy, xin Ngài, Đấng nhân từ, cứu rỗi linh hồn chúng con.

Kondak, giọng 4:

Nàng trinh nữ được trang điểm bằng những đức tính tốt lành, Irina ơi, ngươi là người đẹp nhất nhờ sự chịu khổ, được nhuộm màu bởi máu ngươi đã đổ ra, và vẻ đẹp của ngươi đã đánh bại sự vô thần: vì lý do đó, ngươi đã nhận được vinh quang của chiến thắng, bởi bàn tay của Đấng Tạo Hóa của ngươi.

[3440] Thánh nữ tử đạo Irina qua đời vào cuối thế kỷ I hoặc đầu thế kỷ II.

Ngày 19 tháng 5

Ngày 6 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Gióp, người công chính và đầy đau khổ

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 5

Thánh Gióp công chính, theo dòng dõi, xuất thân từ chi tộc Áp-ra-ham; ngài sống ở Ả Rập – nơi ngài cư ngụ là xứ Hús[3441] , nơi được cư ngụ bởi con cháu của Uts, cháu trai của Áp-ra-ham, con trai trưởng của Na-hô-rơ, anh trai của Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 22:20–21). Gióp là một người chân thật (Gióp 6:24–30; xem so sánh Gióp 27:2–4), – ông nổi bật bởi lối sống hoàn hảo, sự công bằng cùng lòng nhân ái đối với mọi người và lòng từ thiện, nhưng trên hết là lòng kính sợ Đức Chúa Trời, giữ cho lòng mình trong sạch và tránh xa mọi điều ác, không chỉ trong hành động mà còn trong những suy nghĩ thầm kín. Ông có bảy con trai và ba con gái. Ông còn nổi tiếng trong xứ sở của mình vì sự giàu có: ông sở hữu bảy nghìn con cừu, ba nghìn con lạc đà, năm trăm cặp bò, năm trăm con lừa cái và vô số người hầu; ông tham gia một cách tích cực và sôi nổi vào đời sống của đồng bào mình và có ảnh hưởng lớn đến các vấn đề xã hội, bởi vì trên khắp phương Đông, ông được kính trọng vô cùng vì lòng cao thượng và sự chính trực của mình (Gióp 30:5–10; so sánh Gióp 30:1–3). Các con trai của Gióp, dù mỗi người sống riêng rẽ trong lều – ngôi nhà của mình, nhưng lại nuôi dưỡng trong lòng tình yêu thương lẫn nhau vô cùng bền chặt và sống trong sự hòa thuận đến mức không bao giờ cho phép mình ăn uống riêng rẽ, tách khỏi tình thân ái của gia đình. Mỗi ngày, họ lần lượt tổ chức tiệc tại nhà mình và dành thời gian trong vòng tay anh em, cùng với các chị em gái, giữa những niềm vui trong sáng, không có sự quá độ nào, xa lánh say xỉn và những hành vi vô kỷ luật. Người cha tốt bụng và công chính của họ cũng sẽ không cho phép những cuộc tụ họp thiếu đạo đức. Nhưng vì những bữa tiệc của các con Gióp là biểu hiện của tình yêu anh em và lối sống hiền lành, nên người đàn ông công chính này không những không cấm cản mà còn khuyến khích, tìm thấy niềm an ủi trong sự hòa thuận gia đình. Mỗi lần, sau bảy ngày, khi các buổi tụ họp anh em kết thúc, Gióp đề nghị các con mình phải tự kiểm điểm hành vi của mình một cách cẩn thận và với lương tâm chân thành – xem liệu có ai trong số họ đã phạm tội chống lại Đức Chúa Trời bằng lời nói hay ý nghĩ hay không; bởi vì ông rất kính sợ Đức Chúa Trời, nhưng không phải với nỗi sợ của một nô lệ, mà là với lòng kính sợ xuất phát từ tình yêu của người con, và ông luôn quan sát kỹ lưỡng cả bản thân lẫn gia đình mình, để không có điều gì xảy ra khiến Đức Chúa Trời phẫn nộ. Tuy nhiên, người công chính kính sợ Đức Chúa Trời không chỉ dừng lại ở việc quan sát các thành viên trong gia đình và khuyên răn họ để họ sống một cuộc đời trong sạch, để không ai trong số họ phạm tội trước Đấng Tạo Hóa ngay cả trong suy nghĩ – mà mỗi khi chuỗi ngày lễ hội kết thúc, Gióp, trước sự chứng kiến của cả gia đình vào sáng sớm, dâng lễ vật thiêu toàn bộ theo số lượng các con của mình và một con bò đực để chuộc tội cho linh hồn chúng, vì, ông nói, có thể các con trai tôi đã phạm tội và phỉ báng Đức Chúa Trời trong lòng; Gióp đã làm như vậy vào tất cả những ngày lễ trọng đại như thế (Gióp 1:5).

Có một lần, khi các Thiên thần của Đức Chúa Trời, những người bảo vệ loài người, tụ họp trước ngai vàng của Đức Chúa Trời Toàn Năng, để cầu thay cho loài người trước mặt Ngài và dâng lên Ngài những lời cầu nguyện của loài người về mọi nhu cầu trong cuộc sống, – thì ma quỷ, kẻ vu khống và kẻ cám dỗ loài người, đã xuất hiện giữa họ. Satan, kẻ bị đuổi khỏi thiên đàng, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, đã xuất hiện ở đó, giữa các Thiên thần, mà không thay đổi bản chất sa ngã của mình; không phải với lòng tốt để cầu thay cho điều thiện, mà là để trút cơn giận dữ và phỉ báng điều thiện. Sự kiêu ngạo của Satan, trong sự mù quáng nội tại của nó, không bao giờ chấp nhận sự thật, không nhìn thấy sự bình an đầy niềm vui trong sự khiêm nhường và sự tận hiến vâng phục ý muốn của Đức Chúa Trời Toàn Thiện; nó táo bạo đưa ra sự đánh giá lại về hiện thực, theo cái nhìn u ám của chính mình, và xâm nhập vào lĩnh vực rực rỡ của cuộc sống Thần Thánh – vốn xa lạ với nó – một cách ngang ngược, đo lường mọi thứ bằng thước đo của sự kiêu ngạo!

Và Chúa phán với Satan, kẻ đang đứng cùng các Thiên thần:

[3441] Vùng đất Hus nằm ở phía đông nam Palestine, bên kia Biển Chết.

– Ngươi từ đâu đến?

Sa-tan đáp:

– Ta đã đi khắp mặt đất và đã đi qua mọi nơi trên đó.

Chúa phán với hắn:

– Ngươi có để ý đến tôi tớ Ta là Gióp không? Trên đất này không có ai khác như ông ấy, người vô tội, công chính, kính sợ Đức Chúa Trời và tránh xa mọi điều xấu xa!

Satan đáp lại Đức Chúa Trời:

– Liệu Gióp kính sợ Đức Chúa Trời chỉ vì không có lý do gì sao? Chẳng phải chính Ngài đang bảo vệ ông ấy sao? Chẳng phải chính Ngài đã bao bọc và bảo vệ ngôi nhà của ông ấy cùng mọi thứ ông ấy có sao? Ngài đã ban phước cho công việc tay ông ấy làm, và đã làm cho đàn gia súc của ông ấy sinh sôi nảy nở và lan rộng khắp đất. Nhưng xin Ngài hãy giơ tay ra và chạm vào mọi thứ ông ấy có, hãy lấy đi những thứ đó khỏi ông ấy, thì Ngài sẽ thấy liệu ông ấy có còn chúc tụng Ngài nữa hay không?

Rồi Đức Chúa Trời phán với Sa-tan:

– Mọi thứ ông ấy có, Ta giao phó vào tay ngươi, ngươi hãy làm theo ý muốn của ngươi, chỉ đừng động đến chính ông ấy.

Sa-tan rời khỏi trước mặt Đức Chúa Trời (Gióp 1:6–12). Có một ngày, các con trai và con gái của Gióp đang dự tiệc tại nhà người anh cả. Bỗng có một sứ giả đến gặp Gióp và nói:

– Bầy bò của ngài đang cày ruộng theo cặp dưới ách, còn bầy lừa thì đang gặm cỏ bên cạnh; bỗng dưng người Sê-vi tấn công và cướp đi cả bầy, còn các đầy tớ thì bị giết hết; chỉ có tôi là thoát được và chạy đến báo tin cho ngài.

Trong khi người này còn đang nói, một sứ giả khác lại đến gặp Gióp và kể lại:

– Lửa từ trời rơi xuống và thiêu rụi hết cả đàn gia súc nhỏ lẫn những người chăn; chỉ có tôi là thoát được và đến báo cho ngài biết.

Người này chưa dứt lời, thì một sứ giả khác lại đến và báo tin:

– Bọn người Chaldea đã đến, chia thành ba đội, vây quanh đàn lạc đà và cướp đi, còn những người hầu thì bị giết hết; chỉ có tôi là người duy nhất thoát nạn và chạy đến báo tin cho ngài.

Người này còn đang nói thì một sứ giả khác lại đến và báo cho Gióp biết:

– Các con trai và con gái của ngài đang dự tiệc tại nhà người anh cả; bỗng một cơn lốc khủng khiếp ập đến từ sa mạc, cuốn lấy ngôi nhà từ bốn phía và làm sập nó xuống đè lên các con của ngài; tất cả đều đã chết; chỉ có mình tôi thoát nạn và đến báo tin cho ngài.

Sau khi nghe những tin dữ này nối tiếp nhau, Gióp đứng dậy, để bày tỏ nỗi đau buồn tột cùng, ông xé áo ngoài, cạo đầu, quỳ xuống đất và cúi mình trước Chúa, rồi nói:

– Tôi đã ra khỏi lòng mẹ mình trong tình trạng trần truồng, và cũng sẽ trở về lòng mẹ đất trong tình trạng trần truồng. Chúa đã ban cho, Chúa cũng đã lấy đi! – Theo ý muốn của Ngài, mọi sự đã xảy ra; xin danh Chúa được ngợi khen!

Vậy, trong tất cả những điều này, Gióp không phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời bằng một lời nói thiếu suy nghĩ nào cả (Gióp 1:13–22).

Có một ngày, các thiên sứ của Đức Chúa Trời lại đến trình diện trước mặt Đức Chúa Trời; trong số họ, Sa-tan cũng lại đến.

Và Đức Chúa Trời phán cùng Sa-tan rằng:

– Ngươi từ đâu đến?

Sa-tan đáp:

– Tôi đã ở trên đất và đi khắp nơi trên đó.

Chúa phán với hắn:

– Ngươi có để ý đến tôi tớ của Ta là Gióp không? Trên đất này không có ai sánh được với hắn: hắn tốt lành, trung thực và kính sợ Đức Chúa Trời, hắn tránh xa mọi điều ác! Dù gặp phải những tai ương , hắn vẫn kiên định trong sự vô tội của mình; còn ngươi thì xúi giục Ta chống lại hắn, nhằm hủy diệt hắn một cách oan uổng!

Satan đáp lại Đức Chúa Trời và nói:

– Da đổi lấy da, nhưng để cứu lấy mạng sống, con người sẽ hy sinh tất cả những gì mình có – nghĩa là: khi ở trong thân xác người khác, con người có thể chịu đựng đau khổ; khi ở trong da người khác, những cú đánh không

gây đau đớn lắm, thậm chí việc lột bỏ lớp da đó cũng có thể chịu đựng được, không gây đau đớn cho anh ta và anh ta có thể giữ được sự bình tĩnh; nhưng hãy thử chạm vào chính cơ thể anh ta xem, hãy giơ tay Ngài ra và chạm vào xương và thịt của anh ta, Ngài sẽ thấy – liệu anh ta có chúc phúc cho Ngài không?

Rồi Chúa phán với Sa-tan:

– Này, người ấy nằm trong tay ngươi. Ta cho phép ngươi làm với người ấy bất cứ điều gì ngươi muốn; chỉ cần giữ lấy linh hồn người ấy – đừng xâm phạm đến nền tảng của bản thể người ấy, đó là ý chí tự do (Gióp 2:1–6).

Sa-tan rời khỏi trước mặt Đức Chúa Trời và làm cho toàn thân Gióp bị bệnh hủi khủng khiếp, từ lòng bàn chân cho đến đỉnh đầu. Người đau khổ phải rời khỏi giữa những người sống, vì sự lây lan của căn bệnh đã bao trùm lấy ông khiến ông không thể ở cùng họ được nữa. Cơ thể ông phủ đầy những vết loét ghê tởm và hôi thối; ngọn lửa thiêu đốt lan tỏa khắp các khớp xương; ngồi ngoài làng, giữa đống tro tàn, Gióp dùng mảnh gốm vỡ cạo những vết thương mưng mủ của mình. Tất cả hàng xóm và bạn bè của ông đều xa lánh, bỏ rơi ông. Ngay cả vợ ông cũng mất đi lòng trắc ẩn đối với ông.

Sau một thời gian dài, trong cơn tuyệt vọng, một ngày nọ bà nói với Gióp: "Anh còn chịu đựng đến bao giờ nữa? – Này, em sẽ chờ thêm một chút nữa với hy vọng được cứu rỗi; vì trên đất này, ký ức về anh, các con trai và con gái em, những đứa con trong bụng em và những công việc mà em đã vất vả làm một cách vô ích, tất cả đều đã biến mất. Còn anh thì ngồi trong mùi hôi thối của giun dế, qua đêm mà không có chăn đắp, còn em thì lang thang và phục vụ, đi từ nơi này sang nơi khác, từ nhà này sang nhà khác, chờ đợi mặt trời lặn để được nghỉ ngơi khỏi những vất vả và bệnh tật đang đè nặng lên em lúc này. Đừng cứng đầu, đừng kiên quyết bảo vệ sự trong sạch của mình; nhưng hãy nói một lời nào đó với Đức Chúa Trời, phỉ báng Ngài rồi chết đi – trong cái chết, ngươi sẽ tìm thấy sự giải thoát khỏi những đau khổ của mình, và nó cũng sẽ giải thoát ta khỏi những cực hình."

Một cách đơn giản và tự nhiên, dường như thậm chí còn thỏa đáng, vợ Gióp đã giải quyết vấn đề về cuộc sống cho ông và cho chính mình, không vượt ra ngoài sự hiểu biết trần thế về ý nghĩa và mục đích của nó, theo sự xúi giục của Sa-tan – "da đổi da". Kiệt quệ và mệt mỏi về mặt tinh thần, bà sẵn sàng dập tắt ngọn lửa cuối cùng của cuộc sống chân thật: "Hãy phỉ báng Đức Chúa Trời và – hãy chết đi."

Tuy nhiên, chính người đang chịu khổ, Gióp, lại không suy luận như vậy về hoàn cảnh của mình, khi nhìn vào bản chất con người của mình không từ góc độ của lòng ích kỷ hẹp hòi. Nhìn vợ với vẻ tiếc nuối, ông nói với bà:

– Sao em lại nói như một trong những người vợ điên rồ ấy? Nếu chúng ta đã nhận điều tốt lành từ Đức Chúa Trời, thì lẽ nào chúng ta lại không thể chịu đựng điều xấu xa – chúng ta sẽ không chấp nhận!

Và lần này, Gióp đã không phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời – miệng ông không thốt ra lời nào xúc phạm đến Đức Chúa Trời (Gióp 2:7–10).

Tin đồn về tai họa ập xuống đầu Gióp đã lan truyền khắp các vùng lân cận. Ba người bạn của ông: Ê-li-pha người Tê-ma, Vi-l-đát người Sa-vê và Xô-phar người Na-ami[3442] , khi biết tin về tai họa của ông, đã tụ họp lại để đến an ủi người đang chịu khổ, chia sẻ nỗi đau với ông. Nhưng khi đến gần ông mà không nhận ra ông, vì khuôn mặt ông chỉ còn là một lớp vảy mủ dày đặc, họ đã kinh hoàng thét lên và khóc nức nở từ xa, mỗi người xé rách áo ngoài của mình và trong nỗi đau đớn tột cùng, họ tung bụi lên cao trên đầu mình. Sau đó, họ đã dành bảy ngày và bảy đêm ngồi trên đất đối diện với người bạn của mình mà không thốt lên một lời nào, vì họ thấy nỗi đau khổ của anh ta thật quá lớn và không tìm ra cách nào để an ủi anh ta trong tình trạng như vậy (Gióp 2:11–13). Sự im lặng ngột ngạt ấy đã bị chính Gióp phá vỡ. Ông là người đầu tiên cất tiếng: ông nguyền rủa ngày sinh của mình và bày tỏ nỗi đau buồn sâu sắc về việc tại sao ông lại được sinh ra để nhìn thấy ánh sáng, mà giờ đây lại bị bóng tối che phủ? Tại sao ông lại được ban cho cuộc sống, khi mà đối với ông, đó chỉ là một sự đau khổ không lối thoát?

– Điều khủng khiếp mà tôi từng kinh hoàng, chính điều đó đã ập xuống tôi, – người đau khổ nói, – và điều đáng sợ mà tôi từng lo sợ, chính điều đó đã đến với tôi. Tôi không có bình an, không có sự yên nghỉ, không có niềm an ủi! (Gióp 3:1–26).

Rồi các bạn của ông cũng tham gia vào cuộc trò chuyện với ông, dù những lời lẽ của họ, vốn nhằm an ủi ông, lại càng làm tổn thương thêm trái tim đã đầy đau khổ của ông (Gióp 21:34; Gióp 16 và các đoạn tiếp theo). Dựa trên niềm tin chân thành của họ, dựa trên đức tin rằng Đức Chúa Trời Công Bình ban thưởng cho người lành và trừng phạt kẻ ác, họ coi là điều không thể chối cãi và không thể nghi ngờ rằng: nếu ai phải chịu tai họa, thì người

[3442] Họ là hậu duệ của Ê-sau, hay còn gọi là "Ê-đôm" (xem Sáng Thế Ký 36:1–43).

đó là kẻ có tội; và tai họa càng lớn, thì tình trạng tội lỗi của người ấy càng tăm tối. Chính vì thế, khi nói về Giốp, họ cho rằng ông có những tội lỗi bí mật nào đó, mà ông đã khéo léo che giấu (Giốp 32:1–22, 33:1–33 và các đoạn khác) khỏi mọi người, và chính vì những tội lỗi đó mà Đức Chúa Trời Toàn Tri đang trừng phạt người bạn của họ. Họ đã khiến người đau khổ cảm nhận điều này ngay từ đầu cuộc trò chuyện và sau đó, trong suốt những luận bàn dài dòng của mình, họ thuyết phục ông thú nhận và ăn năn về những tội lỗi của mình. Giốp, với ý thức về sự trong sạch của mình, dù trước những lời lẽ có vẻ thuyết phục, vẫn tự coi mình là người không bao giờ chấp nhận những lập luận của họ là đúng đắn (Giốp 27:1–7; so sánh Giốp 10:17); với tất cả sức mạnh của sự vô tội, ông đã bảo vệ danh dự tốt đẹp của mình.

– Các ngươi sẽ hành hạ tâm hồn ta và làm ta đau khổ bằng những lời nói của các ngươi đến bao giờ? Này, các ngươi đã làm ta xấu hổ đến mười lần rồi mà vẫn không thấy xấu hổ khi tiếp tục hành hạ ta! Những kẻ an ủi đáng thương! – Liệu những lời nói suông của các ngươi có bao giờ chấm dứt không? (Giốp 19:2–3; so sánh Giốp 16:2).

Giốp giải thích cho các bạn mình và khẳng định với họ rằng ông không phải chịu khổ vì tội lỗi, mà là vì theo ý muốn của Đức Chúa Trời – điều mà con người không thể thấu hiểu – Ngài ban cho người này cuộc sống đầy gian truân, còn người kia thì được hạnh phúc. Những người bạn của Giốp, những người cho rằng Đức Chúa Trời cũng đối xử với con người theo những luật báo ứng giống như cách mà công lý loài người phán xét, đã không bị thuyết phục bởi những lời biện hộ của ông, mặc dù họ đã ngừng những lời buộc tội nhắm vào ông và không còn trả lời lại những lời của ông nữa (Giốp 32:1–15). Lúc bấy giờ, một thanh niên tên là Ê-li-u, con trai của Ba-ra-hi-ên, thuộc chi tộc Ra-mô, người U-xi, đã tham gia sôi nổi vào cuộc trò chuyện chung; với sự táo bạo đầy nhiệt huyết, anh ta đã lên tiếng chỉ trích người đau khổ đáng kính vì "ông ấy đã biện hộ cho chính mình, cho sự vô tội của mình, hơn là cho Đức Chúa Trời" (Giốp 32 và các câu tiếp theo). Khi gán cho Đấng Tạo Hóa sự công bằng mà con người không thể đạt tới, người đối thoại này cũng cho rằng nguyên nhân của những đau khổ mà Giốp phải chịu là do sự gian ác của ông, dù điều đó có thể không rõ ràng trước mắt mọi người.

– Đức Chúa Trời toàn năng và không khinh thường những trái tim mạnh mẽ. Ngài không ủng hộ những kẻ bất chính và cũng không ngoảnh mặt khỏi những người công chính; nhưng ngươi, – Elihu nói với Giốp, – ngươi đầy dẫy những phán xét của kẻ bất chính, vì theo quan điểm của ngươi, sự trừng phạt mà Đức Chúa Trời giáng xuống cho ngươi là không xứng đáng, "nhưng phán xét và sự kết án rất gần gũi", chúng gần gũi đến mức chạm vào nhau giữa ngươi (Giốp 36:5–17).

Cuối cùng, người đau khổ đã dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời, xin Ngài chính Ngài làm chứng về sự vô tội của mình.

Quả thật, Đức Chúa Trời đã hiện ra với Giốp trong cơn lốc dữ dội và quở trách ông vì ý định đòi giải trình về các công việc cai trị thế gian. Đấng Toàn Năng đã chỉ ra cho Giốp rằng, đối với con người, có vô số điều không thể thấu hiểu trong các hiện tượng và sự sáng tạo, ngay cả trong tự nhiên hữu hình bao quanh anh ta; và sau đó – mong muốn thâm nhập vào những bí ẩn của định mệnh Thiên Chúa và giải thích tại sao Ngài lại đối xử với con người như vậy chứ không phải khác đi – mong muốn đó chính là sự kiêu ngạo táo bạo.

– Ai là kẻ đang làm lu mờ Sự Sắp Đặt của Thượng Đế bằng những lời vô nghĩa? – Chúa hỏi Giốp từ cơn lốc cuồng phong. – Hãy thắt lưng lại như một người đàn ông và trả lời: ngươi đã ở đâu khi Ta đặt nền móng cho trái đất? – Hãy nói đi, nếu ngươi biết. Nền móng của nó được đặt trên gì, hay ai đã đặt viên đá góc cho nó trong tiếng reo hò chung của các vì sao trên trời và những tiếng tung hô vui mừng của các con cái Đức Chúa Trời? Trong suốt cuộc đời ngươi, ngươi đã bao giờ ra lệnh cho buổi sáng hay chỉ định vị trí cho bình minh chưa? Ngươi có biết các luật lệ của trời không, ngươi có thể cất cao tiếng nói lên các đám mây không, ngươi có thể phóng ra tia chớp không?.. Ngươi muốn lật đổ phán quyết của Ta, buộc tội Ta để tự bào chữa cho mình: – liệu ngươi có sức mạnh như Ta không? – Hãy trang điểm cho mình bằng sự vĩ đại và vinh quang, hãy khoác lên mình sự rực rỡ và huy hoàng; hãy trút cơn thịnh nộ của ngươi, hãy nhìn vào mọi thứ kiêu ngạo và ngạo mạn rồi khuất phục chúng, hãy nghiền nát những kẻ mạnh mẽ nhưng bất chính ngay tại chỗ của chúng. Khi đó, Ta sẽ thừa nhận rằng tay phải của ngươi đủ mạnh để bảo vệ ngươi. Ai tranh cãi với Đấng Toàn Năng, ai lên án Đức Chúa Trời, hãy trả lời Ngài.

Và Giốp đáp lại Đức Chúa Trời và nói:

– Con biết rằng Ngài có thể làm mọi sự và ý định của Ngài không bao giờ thay đổi.

– Ai là kẻ làm mờ nhạt sự an bài của Ngài, mà chẳng hiểu gì cả?

– Chính là tôi, người đã nói về những điều mình không hiểu – về những việc kỳ diệu đối với tôi, mà tôi không biết. Trước đây, tôi chỉ nghe nói về Ngài qua tai, nhưng giờ đây mắt tôi đã thấy Ngài; vì vậy, tôi từ bỏ và ăn năn trong bụi và tro; tôi hèn mọn, làm sao tôi có thể trả lời Ngài được? – Tôi đặt tay lên miệng mình (Gióp 38–40).

Và sau đó, Đức Chúa Trời ra lệnh cho các bạn của Gióp rằng họ phải đến gặp ông và xin ông dâng của lễ thay cho họ, vì chỉ có Gióp, Đức Chúa Trời phán với Ê-li-pha người Tê-ma, Ta mới chấp nhận, để không từ chối các ngươi vì các ngươi đã nói về Ta không đúng như tôi tớ Ta là Gióp (Gióp 42:7–9). Các bạn đã tuân theo mệnh lệnh của Chúa và mang đến cho Gióp bảy con bò đực và bảy con cừu đực để dâng tế lễ. Gióp đã dâng tế lễ lên Đức Chúa Trời và cầu nguyện cho các bạn mình. Đức Chúa Trời đã chấp nhận lời cầu thay của ông cho họ, ban lại cho chính ông sức khỏe thể chất và ban cho ông gấp đôi những gì ông từng có trước đây. Người thân và tất cả những người quen cũ của Gióp, khi nghe tin về sự chữa lành của ông, đã đến thăm ông để an ủi và chia vui cùng ông, và mỗi người trong số họ đều mang đến cho ông một món quà và một chiếc nhẫn vàng. Còn Đức Chúa Trời đã thương xót Gióp bằng phước lành của Ngài: sau đó, ông có mười bốn nghìn con gia súc nhỏ, sáu nghìn con lạc đà, một nghìn cặp bò đực và một nghìn con lừa cái. Thay cho những người đã qua đời, Gióp lại có thêm bảy con trai và ba con gái; và trên khắp mặt đất không có người phụ nữ nào xinh đẹp bằng các con gái của Gióp, và cha họ đã chia phần gia tài cho các con gái giữa các anh em trai của chúng (Gióp 42:10–15). Chúa không nhân đôi số con cái của Gióp như Ngài đã nhân đôi của cải chăn nuôi của ông: điều này là để không ai nghĩ rằng những đứa con đầu tiên của ông, những người đã qua đời, đã mất hẳn – không, dù họ đã qua đời, nhưng họ không mất hẳn – họ sẽ sống lại trong ngày Phục sinh chung của những người công chính.

Sau khi kiên nhẫn vượt qua những thử thách, Gióp đã sống thêm một trăm bốn mươi năm (tổng cộng ông đã sống trên đất hai trăm bốn mươi tám năm), và ông đã được chứng kiến dòng dõi của mình đến thế hệ thứ tư; ông qua đời trong sự no nê của những ngày tháng, khi đã ở tuổi rất cao (Gióp 42:16–17); còn bây giờ, ông đang sống một cuộc đời không già nua và không bệnh tật trong vương quốc của Cha, Con và Thánh Thần, Đức Chúa Trời duy nhất được tôn vinh trong Ba Ngôi, vì ngay cả khi còn phải chịu những tai ương trên đất, ông đã nhìn thấy, cũng như Áp-ra-ham, ngày vĩ đại của Chúa, đã nhìn thấy và vui mừng (Giăng 8:56).

– Tôi biết, – ông nói, trong khi bị bệnh ghẻ hôi thối hành hạ, – tôi biết Đấng Cứu Chuộc của tôi còn sống và Ngài sẽ làm cho làn da đang mục nát này của tôi sống lại từ tro bụi vào ngày sau cùng, và tôi sẽ được chiêm ngưỡng Đức Chúa Trời bằng chính thân xác mình. Chính tôi sẽ được thấy Ngài; chính đôi mắt tôi, chứ không phải mắt ai khác, sẽ nhìn thấy Ngài. Lòng tôi tan chảy trong lồng ngực vì trông đợi điều này! (Gióp 19:25–27)

Đó là lời xưng nhận của Gióp, người công chính, trước mặt các bạn mình, khuyên họ đừng "sợ" những đau khổ thể xác và sự thiếu thốn các phước lành trần gian, mà hãy "sợ gươm của Đức Chúa Trời", cơn thịnh nộ của Đấng Toàn Năng, "Đấng là Đấng báo thù sự bất công".

– Hãy biết rằng có sự phán xét (Gióp 19:29)[3443] , – ngài rao giảng để dạy dỗ chúng ta, – sự phán xét mà tại đó chỉ những ai có sự khôn ngoan chân chính – sự kính sợ Chúa – và trí tuệ chân chính – sự tránh xa điều ác – mới được xưng công chính (Gióp 28:28).

[3443] Chủ đề của Sách Gióp là giải quyết câu hỏi: Làm thế nào để dung hòa sự tồn tại của sự an bài của Đức Chúa Trời trên thế gian với hiện tượng không hiếm gặp trên đất này, đó là những người có đức hạnh phải sống trong hoạn nạn, trong khi những kẻ bất chính lại được hưởng phước lành? Những người bạn của Gióp, là Ê-li-pha, Vi-l-đát và So-phar, đã nghe tin về những tai ương ập xuống đầu người công chính Gióp; họ đến thăm người đang chịu đau khổ, và khi thấy người bạn nằm trên đống rác rưởi, họ đã im lặng than khóc cho anh ta suốt bảy ngày. Sau đó, họ bắt đầu trò chuyện với anh ta: bỏ qua quan niệm phổ biến thời Cựu Ước rằng mọi đau khổ đều là hình phạt cho một tội lỗi nào đó, trong những lời nói dành cho Gióp, họ phát triển ý tưởng rằng nếu ông đang phải chịu đau khổ lúc này, thì chắc chắn là do những tội lỗi của chính ông, và vì thế, ông phải ăn năn. Buồn bã vì những lời nói của bạn bè và cảm thấy mình đúng trước mặt Đức Chúa Trời, Gióp than thở rằng bàn tay của Đức Chúa Trời đã nặng nề trên ông, đồng thời bày tỏ niềm tin vào sự khó lường của ý định Đức Chúa Trời, trước đó trí tuệ con người trở nên bất lực, cũng như mong muốn chính Đức Chúa Trời sẽ phán xét ông. Đức Chúa Trời hiện ra với Gióp trong cơn bão. Sau khi quở trách Gióp vì đã liều lĩnh đòi Ngài giải trình về việc cai trị thế gian, Đức Chúa Trời khơi dậy trong lòng Gióp lòng kính sợ trước những con đường vô biên và không thể thấu hiểu của sự Sắp đặt của Ngài, Đấng hướng dẫn mọi sự đến những việc lành. Cuối cùng, Chúa truyền cho Ê-li-pha và các bạn đồng hành phải xin Gióp cầu thay cho tội lỗi đã kết án ông một cách bất công, còn Gióp thì được Chúa bù đắp gấp đôi cho những mất mát và đau khổ của ông. Vấn đề về tác giả của sách Gióp vẫn còn gây tranh cãi. Thánh Grêgôriô Thần Học và Thánh Gioan Kim Khẩu đều nghiêng về quan điểm cho rằng tác giả là vua Salômôn. Tuy nhiên, điều này khó phù hợp với ấn tượng chung mà cuốn sách mang lại, cho thấy nguồn gốc của nó sớm hơn rất nhiều. Cuốn sách hoàn toàn không đề cập đến các luật lệ của Mô-sê; đồng thời, trong cách trình bày của nó lại thể hiện những nét đặc trưng của lối sống thời các tổ phụ, trong đó đã lóe lên những dấu hiệu của một đời sống xã hội phát triển cao. Gióp, với tư cách là một chiến binh danh giá, một vị công tước và một quan tòa, sống một cuộc đời rực rỡ và được kính trọng mỗi khi thường xuyên ghé thăm thành phố lân cận; hơn nữa, trong sách còn có

Bài thánh ca, giọng 1:

Thấy sự giàu có của các đức hạnh nơi Gióp, kẻ thù của những người công chính đã âm mưu cướp đoạt; dù đã xé nát cột trụ thân xác, nhưng không thể cướp đi kho tàng của linh hồn, vì linh hồn vô tì vết đã được trang bị vũ khí. Còn con đây, xin hãy lột trần và bắt giữ con: xin hãy đến với con trước khi kết thúc, cứu con khỏi kẻ nịnh hót, Đấng Cứu Rỗi, và cứu rỗi con.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Vì ngài là người chân thật và công chính, kính sợ Thiên Chúa và vô tì vết, đã được thánh hóa và được tôn vinh, là tôi tớ chân chính của Thiên Chúa, ngài đã soi sáng thế gian bằng sự kiên nhẫn của ngài, người kiên nhẫn nhất và tốt lành nhất: vì thế, tất cả những ai khôn ngoan trước mặt Thiên Chúa, chúng con ca ngợi kỷ niệm của ngài.

Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Varvara, người lính, và những người cùng ngài

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 5

---

những đề cập đến các hình thức tố tụng đúng đắn, đến khả năng của những người cùng thời với Gióp trong việc quan sát các hiện tượng trên bầu trời và rút ra những kết luận thiên văn học phù hợp từ những quan sát đó; sách cũng đề cập đến các mỏ quặng, các công trình kiến trúc lớn, cũng như những biến động chính trị quy mô lớn. Tất cả những điều này cung cấp cơ sở để với mức độ khả năng rất cao, xác định thời gian sống của Gióp trùng với thời kỳ dân Do Thái lưu trú tại Ai Cập. Gióp, sau những ngày thịnh vượng đã phải trải qua mất mát tài sản, con cái và căn bệnh quái ác, rồi sau đó một lần nữa và ở mức độ còn lớn hơn (Gióp 42:10) được Đức Chúa Trời ban lại những gì đã mất, là hình ảnh tiên tri của Đấng Christ Cứu Thế, Đấng đã tự hạ mình đến mức chấp nhận cái chết nhục nhã trên thập tự giá và vì thế được Đức Chúa Cha tôn vinh (Phi-líp 2:7–9), – Đấng đã nhận lấy vinh quang mà Ngài vốn có nơi Đức Chúa Cha trước khi thế gian được dựng nên (Giăng 17:6) như một vương miện cho công cuộc cứu chuộc nhân loại. Thánh Tử đạo Zinon, Giám mục Verona, sống vào thế kỷ IV, còn tìm thấy những nét tương đồng khác – rất riêng biệt – giữa hình bóng và hình ảnh. "Theo tôi," vị Thánh Cha nói, "Gióp là hình ảnh của Đấng Cứu Thế chúng ta là Chúa Giêsu Kitô. Sự so sánh sẽ giải thích cho chúng ta chân lý này. Gióp là người công chính – Đấng Cứu Thế của chúng ta chính là Sự Thật, nguồn mạch của sự công chính nơi chúng ta, bởi vì đã được tiên báo về Ngài rằng: *'Này, ngày sẽ đến… Mặt Trời của Sự Thật sẽ mọc lên'* (Mal 4:1–2). Gióp là người chân thật – Chúa của chúng ta là Sự Thật đích thực *và* trọn vẹn: *'Ta là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống'* (Giăng 14:6). Gióp giàu có, nhưng của cải của ai có thể sánh được với của cải của Chúa chúng ta, Đấng sở hữu cả vũ trụ, như lời chứng của thánh Đa-vít: *"Của Chúa là đất và mọi vật trên đó, vũ trụ và mọi sinh vật trong đó"* (Thi Thiên 23:1)? Gióp đã ba lần bị ma quỷ cám dỗ (bị mất tài sản, con cái chết và bị bệnh); tương tự như vậy, theo lời chứng của tác giả Tin Mừng, ma quỷ cũng đã ba lần cám dỗ Chúa chúng ta (Mt 4:1–11). Gióp, bị tước đoạt hết tài sản, đã trở nên nghèo khó – Chúa chúng ta, vì tình yêu dành cho chúng ta, đã hạ mình xuống trần gian và rời bỏ thiên đàng cùng mọi ân huệ nơi đó, cũng đã trở nên nghèo khó để làm cho chúng ta trở nên giàu có. Các con cái của Gióp đã bị ma quỷ hung hãn giết chết – các con cái của Chúa chúng ta, tức các tiên tri, đã bị dân Pha-ri-si điên cuồng giết hại (Lc 13:34; Cv 7:52). Gióp bị các vết loét hành hạ – Chúa chúng ta, khi mang lấy xác thịt của chúng ta và tội lỗi của toàn thể nhân loại, đồng thời cũng đã gánh lấy mọi sự ô uế và các vết loét do tội lỗi gây ra. Những người bạn của Gióp đã tấn công ông – còn đối với Chúa chúng ta, những người nổi loạn chống lại Ngài trước hết chính là các thượng tế và các kinh sư, những người lẽ ra phải tôn kính Ngài một cách đặc biệt và trở thành bạn của Ngài. Gióp, bị bệnh hủi hành hạ, bị sâu bọ gặm nhấm, ngồi trên tro bụi bên ngoài thành – Chúa chúng ta, khi gánh lấy mọi vết thương do tội lỗi của toàn thể nhân loại, đã sống giữa thế gian ô uế này, giữa những con người đầy dẫy thói hư tật xấu và tràn ngập dục vọng, chính những kẻ đó đã kết án Ngài phải chịu cái chết nhục nhã bên ngoài thành. Gióp, nhờ sự kiên nhẫn bất khuất, đã lấy lại được cả sức khỏe lẫn của cải – Chúa chúng ta, sau khi chiến thắng cái chết bằng sự Phục Sinh của Ngài, đã ban cho những ai tin vào Ngài không chỉ sức khỏe mà còn cả sự bất tử, và đã nhận được từ Đức Chúa Cha quyền năng và quyền cai trị trên muôn loài, như chính Ngài đã làm chứng: *"Mọi sự đều đã được Cha Ta trao phó cho Ta"* (Lc 10,22). Thánh Gióp đã qua đời trong bình an – Chúa chúng ta, sau khi để lại cho chúng ta sự bình an được mua bằng giá máu của Ngài, đã lên trời trong vinh quang hiền lành và bình an để về với Cha Ngài. Vì ý nghĩa gương mẫu sâu sắc của cuộc đời người công chính Gióp, Giáo Hội từ xưa đã quy định vào những ngày tưởng niệm các cuộc khổ nạn của Đức Kitô, sẽ đọc các đoạn trích từ Sách Gióp cho các tín hữu. – Các đoạn trích từ Sách Gióp trong Tuần Thánh như sau: vào thứ Hai, trong giờ kinh chiều: Gióp 1:1–12; vào thứ Ba, trong Thánh Lễ Chiều: Gióp 1:13–22; vào thứ Tư, trong Thánh Lễ Chiều: Gióp 2:1–10; vào Thứ Năm Tuần Thánh, trong Thánh Lễ Chiều: Gióp 38:1–23, 42:1–5; vào Thứ Sáu Tuần Thánh, trong Thánh Lễ Chiều: Gióp 42:12–17.

Khi vị vua ghét Chúa là Julianus Apostata[3444] khai chiến với người Frank[3445] , ông đã cử tướng quân Bacchus đi chống lại họ; trong quân đoàn của vị tướng này có một chiến binh dũng cảm tên là Varvar, người theo đạo Kitô nhưng bí mật. Các đạo quân của cả hai bên đều chuẩn bị cho trận chiến; trong hàng ngũ người Frank có một võ sĩ mạnh mẽ, giống như Goliath (1 Sa-mu-ên 17). Bước ra trước hàng ngũ quân La Mã, hắn thách đấu tay đôi, yêu cầu ai đó bước ra đối đầu với hắn; và vì không một người La Mã nào dám bước ra đối đầu với hắn – bởi chính vẻ ngoài của hắn, thể hiện sức mạnh, đã khiến họ khiếp sợ – nên hắn đã chế nhạo họ. Lúc đó, quan tổng trấn Bacchus, biết rõ lòng dũng cảm của thánh Barbaros, đã triệu tập ngài đến và hỏi liệu ngài có thể ra đấu với võ sĩ kiêu ngạo kia, kẻ đang khoe khoang sức mạnh của mình hay không. Còn thánh Barbaros, nhờ cậy vào sự trợ giúp của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà ngài tin tưởng, đã không từ chối cuộc đấu tay đôi: với dấu thánh giá làm vũ khí, ngài tiến đến đối đầu với kẻ thù, và sau khi giao chiến với hắn, ngài đã đánh bại và giết chết hắn nhờ ơn Chúa, vì Chúa đã sai một Thiên thần xuống giúp đỡ Thánh Varvar. Lúc đó, quân Frank cảm thấy xấu hổ và hoảng sợ; còn quân La Mã, được khích lệ bởi lòng dũng cảm, đã ồ ạt tấn công họ và giành được chiến thắng quyết định. Sự dũng cảm ấy của Thánh Varvar đã mang lại cho ngài vinh dự lớn lao trong các đạo quân La Mã và sự tán thành của hoàng đế: ngài được phong tước hiệu comita[3446] .

Sau đó, tướng Bacchus, sau chiến thắng lừng lẫy trước kẻ thù này, trong thời gian đóng quân tại Thrace[3447] , đã muốn dâng lễ vật cho các thần tượng để tạ ơn chúng về chiến thắng, mà ông không quy cho Đức Chúa Trời Kitô, mà cho các thần tượng hư ảo của mình. Và thế là ông đã mời Thống đốc Varvar, với tư cách là người chiến thắng đầu tiên, tham gia vào việc dâng những lễ vật ô uế của mình. Nhưng Thánh Varvar đã công khai tuyên xưng mình là Kitô hữu và từ chối thờ lạy các thần tượng. Lúc đó, quan tổng trấn đã tâu báo việc này lên vua; nhà vua liền ra lệnh đưa chiến binh của Chúa Kitô đến trước mặt mình, và ép buộc ông dâng lễ vật cho các thần tượng; nhưng vì Thánh Varvar không tuân lệnh, nên nhà vua ra lệnh treo ông lên cây tra tấn và dùng gươm rạch bụng ông cho đến khi nội tạng của ông rơi xuống đất. Nhưng trong lúc vị thánh đang cầu nguyện, một Thiên thần hiện ra, thu thập các nội tạng của ngài, đặt chúng trở lại đúng vị trí trong bụng vị tử đạo và chữa lành cho ngài, đến nỗi trên thân thể ngài không còn lại dấu vết nào của vết thương, rồi giải thoát ngài khỏi cây tra tấn. Khi chứng kiến phép lạ ấy, quan tổng trấn Bacchus cùng hai chiến binh là Callimachus và Dionysius đã tin nhận Chúa Kitô và tuyên xưng Ngài, đồng thời phỉ báng các thần ngoại đạo xấu xa. Vì điều này, theo lệnh của vua Julian, những người mới tuyên xưng danh Chúa Kitô: Bacchus, Callimachus và Dionysius – đã bị chém đầu và nhờ đó được kể vào hàng các thánh tử đạo trên trời. Còn Thánh Barbara, vị vua vô đạo đã ra lệnh trói bà vào một bánh xe sắt, dưới đó đốt một ngọn lửa dữ dội, rồi quay bánh xe cùng với vị tử đạo bị trói vào đó, đồng thời đổ dầu sôi lên thân thể đau khổ của bà. Nhưng vị tử đạo, người đang dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện nồng nhiệt, lại hoàn toàn không bị lửa làm tổn thương: ngược lại, ngọn lửa lao vào những tên lính tra tấn, thiêu đốt họ, và biến hai trong số họ thành tro bụi. Sau đó, vị tử đạo của Chúa Kitô bị ném vào ngục tối, nơi chính Chúa đã hiện ra với ngài và ban cho ngài sức mạnh.

Sáng hôm sau, Thánh Barbara lại bị lôi ra để tra tấn; người ta trói ngài trần truồng, kéo căng ra bốn phía, rồi đánh ngài không thương tiếc vào lưng và bụng bằng gân bò. Sau đó, vị tử đạo bị ném vào lò lửa, vốn đã được

---

[3444] Julianus Apostata, cháu trai của Constantine Đại đế, sinh năm 331. Năm 345, cùng với anh trai Gallus, ông bị Constantius đày đến Cappadocia, nơi ông đã sống sáu năm dưới sự giám sát nghiêm ngặt. Năm 351, ông rời khỏi nơi lưu đày và sống vài năm tại Nicomedia, nơi ông say mê nghiên cứu triết học; năm 355, ông được Constantius bổ nhiệm làm tổng chỉ huy quân đội tại Gaul; tại đây, ông đã biết cách chiếm được tình cảm của binh lính, những người vào năm 361 đã tôn ông lên làm hoàng đế. Việc nghiên cứu triết học dưới sự hướng dẫn của một thầy giáo theo đạo ngoại giáo, những mâu thuẫn trong cộng đồng Kitô hữu do các cuộc nổi dậy của phái Arian gây ra, cùng với lòng căm ghét đối với Constantius đã khơi dậy trong Julian lòng căm ghét đối với tôn giáo của kẻ đã đàn áp ông – Kitô giáo. Ông đặt mục tiêu khôi phục đạo ngoại giáo và tiêu diệt Kitô giáo. Tuy nhiên, tất cả những nỗ lực của ông đều thất bại thảm hại. Julian qua đời vào năm 363 sau trận chiến với người Ba Tư, trong đó ông bị thương nặng đến mức tử vong do một nhát giáo; bằng những lời cuối cùng của mình – "Ngươi đã chiến thắng, hỡi người Galilê!" – Julian đã thừa nhận chiến thắng của Kitô giáo trước đạo ngoại.

[3445] Người Frank – liên minh các dân tộc Germanic ở vùng hạ lưu sông Rhine. Bằng các cuộc tấn công vào lãnh thổ La Mã, người Frank đã đẩy nhanh đáng kể sự sụp đổ của đế chế La Mã. Sau khi xâm chiếm miền bắc Gaul, người Frank đã hòa nhập với dân bản địa và phần nào tiếp thu phong tục tập quán của họ. Sau những chiến thắng trước người La Mã, các bộ tộc phía nam là Alaman và Visigoth, sức mạnh của người Frank dưới triều đại Carolingian đã vươn lên tầm vóc lịch sử toàn cầu.

[3446] "Comites" là tên gọi dành cho các vệ sĩ hoàng gia. Sau này, danh hiệu này được áp dụng cho các quan chức chính thức (thuộc đoàn tùy tùng của các quan chức cấp cao nhất – như các quan tổng trấn, quan trưởng vùng, thống đốc), những người sau này còn có nhiệm vụ thu thuế nộp vào kho bạc nhà nước.

[3447] Một vùng thuộc Đế chế Byzantine ở phía đông bắc bán đảo Balkan. Hiện nay, Thrace, với tên gọi Romolia hoặc Rumelia, là một tỉnh của Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu.

đốt nóng trước đó trong ba ngày. Sau khi ở trong đó suốt bảy ngày, vị thánh được tìm thấy vẫn còn sống, khỏe mạnh, không hề hấn gì bởi ngọn lửa; nói tóm lại, ngài bước ra khỏi lò như thể vừa ra khỏi phòng tắm, ca ngợi Thiên Chúa. Sau đó, Thánh Varvar lại bị ném vào ngục tối, nơi người ta thả vào đó vô số bọ cạp, rắn và đủ loại bò sát, với ý định rằng ngài sẽ chết vì chúng. Nhưng ngay cả trong hoàn cảnh giam cầm này, Thánh Varvar, sau khi xua đuổi lũ bò sát độc hại bằng dấu thánh giá, vẫn không hề hấn gì.

Lúc đó, tên tra tấn hung ác, không muốn nhận ra quyền năng của Chúa Kitô, đã ra lệnh nung nóng con bò đồng đến mức cao nhất có thể và ném vị tử đạo vào đó; nhưng ngay cả ở đó, vị thánh vẫn không hề hấn gì. Ngài không cảm thấy bất kỳ cơn đau nào từ ngọn lửa, còn con bò đồng, dường như cảm nhận được sức nóng của lửa, bỗng cử động như một sinh vật sống, phát ra những âm thanh kỳ lạ và đi lại. Chứng kiến phép lạ này, nhiều người ngoại đạo đã tin nhận Chúa Kitô.

Cuối cùng, sau tất cả những điều đó, kẻ tra tấn ra lệnh chặt đầu vị thánh tử đạo Barbara. Và như vậy, ngài đã anh dũng hoàn thành cuộc tử đạo vì Chúa Kitô. Thi hài thánh thiện của ngài đã được Đức Giám mục Philikius, một vị giám mục đạo đức, rước về một cách trang trọng và an táng tại thành phố Mephone thuộc bán đảo Peloponnese, đồng thời ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, Đấng được tôn vinh muôn đời, Amen.

Ngày tưởng niệm Thánh Varvara, người trước đây từng là tên cướp.

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 5

Thánh Varvara đáng kính này trước đây là một tên cướp hung ác ở vùng Lucania[3448] . Ông đã làm đổ rất nhiều máu người, và không ai có thể bắt được ông, huống chi là đánh bại ông, vì ông sở hữu sức mạnh thể chất phi thường. Nhưng Đức Chúa Trời đầy lòng nhân từ và yêu thương loài người, Đấng không muốn kẻ có tội phải chết mà mong muốn sự cứu rỗi cho tất cả mọi người, cũng như xưa kia đã làm với Thánh Phaolô (Công vụ 22:1–30), thì nay cũng dùng sự an bài của Ngài để đưa tên cướp này vào lưới cứu rỗi. Một ngày nọ, khi tên cướp này đang ngồi trong hang động và ngắm nhìn đống vàng cướp được, bỗng ân sủng của Đức Chúa Trời chạm đến trái tim hắn, dẫn dắt kẻ tội lỗi này vào con đường ăn năn. Và thế là tên cướp cảm thấy xót xa trong lòng, nhớ đến Ngày Phán Xét Lớn của Đức Chúa Trời, hắn bắt đầu đau buồn và thầm nói trong lòng: "Ôi, khốn khổ cho kẻ tội lỗi như ta, ta đã làm những điều gì! Ta đã làm đổ biết bao máu người, làm ô uế biết bao người phụ nữ, cướp bóc tài sản của người khác và gây ra biết bao điều ác khác! Trong khi đó, dù là hôm nay hay ngày mai, ta cũng phải chết; còn những gì ta đã tích lũy được – sẽ thuộc về ai đây?!" Rồi ông lại kêu lên: "Ta biết rằng Đấng Christ, nhờ lòng thương xót của Ngài (Lc 23:40–43), đã đón nhận tên cướp xưa kia về với Ngài: và Ngài cũng sẽ đón nhận ta, miễn là ta ăn năn. Vậy giờ đây ta ăn năn, hối hận về những tội ác của mình và cầu xin lòng thương xót của Ngài."

Nói xong những lời đó từ tận đáy lòng, Varvar đứng dậy, không nói gì với các đồng bọn, chỉ giấu thanh kiếm dưới áo, rồi bỏ lại tất cả, đêm đó đi đến ngôi làng gần nhất có nhà thờ. Đến nhà thờ vào giờ lễ sáng, khi lễ kết thúc, anh quỳ xuống dưới chân vị linh mục với nước mắt, kêu lên:

– Thưa Cha thánh thiện! Xin đừng từ chối con, kẻ tội lỗi khốn khổ đã đến trước sự thánh thiện của Cha: vì con muốn sám hối về những tội ác mà con đã gây ra.

Vị linh mục đỡ anh ta dậy khỏi sàn nhà, dẫn đến bàn thờ thánh và nói:

– Hãy xưng tội, con ơi, trước mặt Thiên Chúa về những tội lỗi con đã phạm; còn cha sẽ là người chứng kiến khiêm nhường cho lời xưng tội và sự sám hối của con.

Người ăn năn bắt đầu nói:

– Thưa Cha, con chính là tên cướp Barbaros, người mà con nghĩ rằng Cha cũng đã nghe nói đến. Con đầy dẫy tội lỗi, sự ô uế xác thịt, cướp bóc và giết người: vì con đã giết đến ba trăm người, trong đó có hai vị linh mục mà con đã giết bằng gươm, những người không chịu cho con được rước bí tích sám hối. Và bây giờ, thưa Cha, nếu Cha biết rằng Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận con khi con ăn năn, thì xin hãy dùng các điều răn của Đức Chúa Trời để băng

[3448] Có lẽ là ở Hy Lạp.

bó những vết thương tội lỗi của con theo ý Cha; còn nếu không, thì xin hãy cầm thanh gươm này và ra lệnh cho họ giết con.

Nhưng vị linh mục đáp lại:

– Hỡi con! Không có tội lỗi nào có thể chiến thắng lòng thương xót của Thiên Chúa: chỉ cần con đừng tuyệt vọng. Hãy đến nhà cha và làm theo những gì cha truyền dạy.

Khi bước ra khỏi nhà thờ, vị linh mục ngoái lại và thấy Varvar đang bò theo sau ông bằng khuỷu tay và đầu gối, liền nói với anh ta:

– Con đang làm gì vậy, con yêu?

Varvar trả lời:

– Kể từ lúc con quỳ xuống đất trước mặt Chúa, Thiên Chúa của con, cùng với những tội lỗi của con, con sẽ không đứng dậy khỏi mặt đất cho đến khi tất cả những việc xấu xa của con được tha thứ.

– Con ơi, – vị linh mục nói với cậu, – con đang tự nguyện thề hứa với Đức Chúa Trời. Hãy giữ vững lời thề đó – và con sẽ được tha thứ mọi điều.

Khi về đến nhà, vị linh mục lại nói với anh ta:

– Này, con ơi, đây là các con cái, các tôi tớ, gia súc và chó của ta: con muốn được coi ngang hàng với ai trong số chúng để cùng ăn uống với chúng?

Kẻ man rợ đáp lại:

– Thưa Cha, con không tự coi mình ngang hàng ngay cả với những con chó; nhưng vì nhu cầu thiết yếu của thân xác đối với thức ăn, xin hãy cho con ở cùng chúng, để con cùng chúng dùng bữa và sống không mái che suốt ngày đêm.

Nghe vậy, vị linh mục nói:

– Hãy làm như con đã thề trước mặt Chúa, hỡi con, và hãy tin tưởng vào lòng thương xót vô biên của Ngài.

Và Varvar đã sống trong tình trạng như vậy tại nhà vị linh mục ấy suốt ba năm, giống như loài vật bốn chân, bò bằng tay và chân mà không đứng dậy khỏi mặt đất, tự coi mình không xứng đáng ở cùng loài người, mà chỉ xứng đáng ở cùng các loài vật bốn chân và chó; cậu cùng ăn với chúng và ở ngoài trời cùng chúng cả ngày lẫn đêm. Khi năm thứ ba trôi qua, vị linh mục nói với anh ta:

– Đủ rồi, con ơi, đừng ăn cùng với chó nữa, vì Chúa đang ban cho con lòng thương xót của Ngài.

– Nhưng con ơi, thưa cha, – Varvar đáp, – con vẫn muốn chăn thả cùng với gia súc.

Và vị linh mục nói với anh:

– Con ơi! Đức Chúa Trời thấy cả lời thề này của con, mà con dâng lên Ngài từ sự khiêm nhường của mình, mong muốn chịu khổ như vậy vì tội lỗi của mình.

Và Varvar cùng với đàn gia súc ra khỏi làng, đi lại như loài thú bốn chân và ăn cỏ thưa thớt. Khi đến đồng cỏ, anh ở lại đó mười hai năm, sống trần truồng và thậm chí không mặc lấy một mảnh vải rách nào. Da anh trở nên giống như vỏ cây: bị nắng thiêu đốt và nứt nẻ vì giá rét, nó đen kịt như than. Và thánh Varvar đã trở thành một vị tử đạo tự nguyện.

Khi mười hai năm chịu đựng những đau khổ như vậy trong sa mạc trôi qua, ngài nhận được thông báo qua sự mặc khải thiêng liêng rằng tội lỗi của ngài đã được tha thứ và rằng ngài sắp phải hoàn tất hành trình sám hối của mình bằng cách chịu tử đạo, bằng chính máu của mình. Và rồi một ngày nọ, khi đang đi dạo trên đồng cỏ, Thánh Varvar tiến gần đến con đường nơi có một số thương nhân đang dừng chân. Họ, tưởng rằng đó là một con thú nào đó đang tiến lại gần (vì không nhìn rõ được trong đám cỏ rậm rạp), đã bắn vào ông vài mũi tên từ những cây cung đã giương sẵn và trúng ông ba mũi; khi lại gần, họ mới thấy rằng mình đã bắn trúng một con người, và kinh hoàng tột độ. Còn thánh Varvar thì bảo họ đừng sợ hãi hay buồn rầu, rồi kể hết mọi chuyện về bản thân mình, và dặn dò họ phải báo tin về sự ra đi của ngài cho vị linh mục của ngôi làng đó. Nói xong, ngài phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa.

Vị linh mục nói trên, sau khi nghe các thương gia kể lại sự việc, đã đến nơi đó và thấy thi thể của thánh Varvara tỏa sáng như ánh sáng. Sau khi cử hành nghi thức ca ngợi người quá cố theo thông lệ, ngài đã an táng ngài ngay tại chính nơi ngài bị sát hại. Sau đó, từ quan tài của Thánh Varvara bắt đầu tuôn ra những ân sủng chữa lành cho những người mắc các bệnh tật khác nhau.

Sau một thời gian, dân chúng cùng với vị linh mục đã tụ tập tại đây; họ mở quan tài ra và thấy rằng thi hài của vị thánh không chỉ không bị hư nát mà còn toát ra một loại dầu thánh có khả năng chữa lành. Lúc đó, mọi người

đều kinh ngạc và ngợi khen Thiên Chúa; còn thi hài thánh thiện của Thánh Varvara thì được rước về làng của họ với những nghi lễ long trọng và an táng trong nhà thờ, trong sự kinh ngạc trước lòng nhân ái và lòng thương xót kỳ diệu của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ca ngợi muôn đời. Amen.

Ngày 20 tháng 5

Ngày 7 tháng 5 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Akakios

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 5

Thánh Akakios đã chịu tử đạo vì tuyên xưng danh Chúa Kitô dưới triều đại của Hoàng đế Maximian[3449] , cụ thể là trong cuộc bách hại thứ ba đối với các Kitô hữu, do vị hoàng đế này phát động dưới sự xúi giục của ma quỷ.

Thánh Akakios xuất thân từ Cappadocia[3450] , là một chiến binh mang quân hàm trung úy và phục vụ trong trung đoàn Martisius[3451] dưới quyền chỉ huy của Đại tá Firmus.

Vào thời điểm đó, hoàng đế Maximian đã ra lệnh truy lùng các Kitô hữu không chỉ trong các thành phố mà còn trong hàng ngũ binh lính; và nếu phát hiện ai trong số các binh lính tin vào Chúa Kitô, người đó sẽ bị đưa ra xét xử và tra tấn; trong trường hợp người Kitô hữu không tuân theo sắc lệnh của hoàng đế, người đó sẽ bị xử tử.

Do sắc lệnh đó, Đại tá Firm gọi từng người lính đến gặp mình và tra hỏi từng người về đức tin của họ: và nếu phát hiện ra rằng có ai trong số binh lính của ông ta tin vào Chúa Kitô, thì Firm đã dùng mọi cách, cả lời dụ dỗ lẫn lời đe dọa, để ép buộc người đó thờ lạy các thần tượng. Bằng cách hành động như vậy, Firm đã lôi kéo nhiều Kitô hữu thiếu vững vàng trong đức tin và hay sợ hãi trở lại với đa thần giáo.

Khi Firmus triệu tập viên trung úy Akakios đến, người này đã nói to cho mọi người nghe:

– Tôi sinh ra trong gia đình Kitô hữu, và tôi sẽ mãi là người Kitô hữu; chính Chúa Giêsu Kitô là Đấng làm chứng cho điều này; không chỉ cha mẹ tôi, mà cả ông bà và tổ tiên tôi đều là Kitô hữu: vì thế, tôi cũng sẽ mãi là người Kitô hữu.

Sau những lời của vị thánh, Firmus bắt đầu dụ dỗ ông thờ thần tượng bằng cả lời ngọt ngào lẫn lời đe dọa; ông đã ba lần triệu tập ông đến và khuyên nhủ ông tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế. Tuy nhiên, khi thấy Akakios vẫn kiên quyết không lay chuyển, Firmus ra lệnh xiềng xích ông lại và gửi ông đến cho tướng quân Vivianus.

Trong khi tướng quân Vivian đang ngồi trên ghế xét xử và thẩm vấn các vị chứng nhân khác của Chúa Kitô, thì quan phụ tá[3452] Antonin tiến đến và nói:

– Hôm qua, Đại tá Firm của trung đoàn Martis đã xiềng xích viên trung úy Akaki của mình; giờ đây ông ta đang gửi anh ta đến ngài, vì Akaki không tuân theo sắc lệnh của hoàng đế và vẫn tuyên xưng đức tin Kitô giáo.

Ngay lập tức, Akakiy được đưa đến trước chỉ huy quân sự để thẩm vấn.

Nhìn anh ta, chỉ huy quân đội hỏi:

– Tên ngươi là gì?

Thánh nhân đáp:

– Cái tên mà tôi và tất cả họ hàng của tôi hằng mong ước chính là cái tên bắt nguồn từ danh hiệu vinh quang của Đấng Kitô – tôi tự xưng là Kitô hữu, nhưng theo cách gọi của loài người, tôi tên là Akaki.

Tư lệnh nói:

– Tên của ngươi cũng giống như tính cách của ngươi, vì ngươi là kẻ ác, khi không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua!

[3449] Maximian – cai trị nửa phía tây của Đế chế La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[3450] Vùng Tiểu Á.

[3451] Đại đội Martisius – đơn vị của những người dũng cảm (tức là những người dũng cảm)

[3452] Commentarius – người đứng đầu các nhà tù.

Vị thánh đáp lại:

– Hỡi quan chỉ huy! Ngài đang nói dối và hiểu sai ý nghĩa của tên tôi, bởi vì Akaki có nghĩa là "không độc ác"[3453] . Tôi được gọi bằng cái tên này một cách công bằng, vì tôi không muốn trở thành đồng lõa với sự độc ác của ma quỷ, kẻ uống máu người.

Thống đốc nói:

– Ngươi lấy đâu ra những lời nói vô lý như vậy?

Thánh nhân đáp:

– Tôi gốc gác từ Cappadocia; nơi đây đã có nhiều vị tử đạo vì danh Chúa Kitô, và chính tôi đã tận mắt chứng kiến những phép lạ xảy ra sau khi các thánh qua đời nhờ ân sủng và quyền năng do Chúa ban; chính tôi đã thấy những quan tài và di cốt thánh của họ tuôn ra sức chữa lành cho nhiều người bệnh. Chính vì thế, tôi muốn noi gương các vị thánh tử đạo này, chứ không phải các ngài, và vì thế tôi không tuân theo những luật lệ bất chính của các ngài, những luật lệ sẽ bị hủy diệt cùng với các ngài.

Lúc đó, quan tổng trấn nói với vị thánh:

– Đừng nghĩ rằng ngươi sẽ chỉ phải chịu những hình phạt nhỏ nhặt. Vì sự kiêu ngạo và lời nói suông của ngươi, ngươi xứng đáng nhận hình phạt nặng nề; nhưng nếu ngươi muốn thoát khỏi hình phạt đó, hãy từ bỏ đức tin Kitô giáo và tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, hãy thờ lạy các vị thần, nhờ ân sủng của các vị ấy mà các hoàng đế trị vì và giành chiến thắng trước kẻ thù của mình; hãy coi thường cả ta, người đang ngồi trên tòa án này; đừng tự cho mình thông minh hơn tất cả mọi người và đừng đặt niềm tin vào một người tên là Chúa Kitô, Đấng mà người ta nói đã phải chịu cực hình và bị kết án tử hình một cách hợp pháp.

Thánh nhân đáp lại:

– Ngài lầm rồi, thưa quan tòa, khi nói như vậy, và ngài đang phạm tội nặng nề vì bị Satan làm mù quáng, bởi vì các vị vua trị vì và giành chiến thắng không phải nhờ ân sủng của các vị thần của các ngươi, mà nhờ sự sắp đặt và sự cho phép của Đức Chúa Trời toàn năng của chúng ta. Còn về điều ngài nói rằng tôi đặt niềm tin vào một con người đã phải chịu cực hình và bị kết án tử hình – hãy biết rằng đó chính là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Con Thiên Chúa, Đấng vì sự cứu rỗi chúng ta, những con người tội lỗi, đã xuống trần gian và trở thành con người, đồng thời vẫn tiếp tục là Thiên Chúa chân thật; Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, bằng một cách kỳ diệu và không thể diễn tả được, đã nhận lấy bản tính loài người của chúng ta; điều này diễn ra như thế nào – anh không những không thể hiểu được, mà còn không thể nghe thấy, nếu trước đó anh chưa trở thành một Kitô hữu. Đức Kitô, là Thiên Chúa chân thật, như tôi đã nói, là Lời (Ga 1,1), đồng hiện hữu với Chúa Cha và đồng vĩnh cửu với Ngài, vào thời điểm Ngài thấy thích hợp, đã thực hiện công trình cứu độ chúng ta và nhờ đó giải thoát chúng ta khỏi ách nô lệ của kẻ thù là ma quỷ, kẻ đã ghen tị với chúng ta từ thuở ban đầu.

Nghe những lời này của vị thánh, vị tướng quân nói:

– Nếu các vị vua chống lại Đấng Kitô của ngươi, thì tại sao Ngài lại không giết họ, khi Ngài là Thiên Chúa Toàn Năng, như ngươi đã nói?

Vị thánh đáp lại:

– Chính vì thế mà các ngươi phải nhận biết lòng thương xót vô biên và quyền năng vô hạn của Ngài, rằng dù bị các ngươi sỉ nhục, Ngài vẫn không giết các ngươi, mà kiên nhẫn chờ đợi để các ngươi, những người Hy Lạp, ăn năn và dâng lên Ngài sự tôn kính xứng đáng với Đức Chúa Trời, chứ không phải cho ma quỷ. Hơn nữa, Ngài kiên nhẫn chờ đợi để những tôi tớ được chọn của Ngài, những người Ngài yêu thương, có thể thể hiện trước mắt mọi người những việc làm vinh quang của mình. Nếu Đức Chúa Trời của chúng ta hủy diệt các ngươi ngay lập tức, thì các ngươi sẽ bị hủy diệt mãi mãi, và những tôi tớ của Ngài sẽ không được tỏ ra trước thế gian; sức mạnh của ân sủng Ngài cũng sẽ không được bày tỏ cho loài người. Chúa của chúng ta sẽ được tôn vinh như thế nào, nếu Ngài không tỏ ra sự nhẫn nại của Ngài đối với những tội lỗi lớn lao của chúng ta? Chính vì thế mà Ngài vẫn chưa trừng phạt các ngươi; tuy nhiên, các ngươi, những kẻ khinh thường lòng nhẫn nại của Ngài, vẫn chìm đắm trong sự gian ác của mình và trút cơn giận lên chúng tôi, những người vô tội – nếu các ngươi không ăn năn, thì các ngươi sẽ tự chuốc lấy sự diệt vong và chìm đắm trong đó vì những tội ác của các ngươi; còn chúng tôi, những người biết rõ sức mạnh và quyền năng của Đức Chúa Trời chúng tôi, khi kiên nhẫn chịu đựng những đau khổ vì danh Ngài, sẽ nhận

[3453] Akakios (từ tiếng Hy Lạp Αχαχιος, bắt nguồn từ χαχος – xấu xa, độc ác, và tiền tố phủ định a) thực sự có nghĩa là "không độc ác".

được sự sống hạnh phúc vĩnh cửu từ Ngài; vinh quang của Ngài cũng sẽ được bày tỏ cho những người, khi nhận ra sự lầm lạc của mình, sẽ ăn năn và sửa đổi cuộc đời.

Ngạc nhiên trước câu trả lời khôn ngoan như vậy của vị tử đạo, tướng quân Vivian hỏi ông:

– Chẳng phải ngươi đã được học hỏi từ sách vở sao, vì ngươi đã trả lời ta một cách khôn ngoan; ngươi nói đúng rằng cuộc đời con người nằm trong quyền năng của Đức Chúa Trời, trong sự quan phòng và lòng nhẫn nại của Ngài.

Thánh nhân đáp:

– Từ việc tôi, một người chưa từng học hỏi sự khôn ngoan từ sách vở, lại trả lời ngài như vậy, ngài lẽ ra phải nhận ra quyền năng và ân sủng của Thiên Chúa chúng ta, Đấng cai trị cả thế gian; vì chính Thiên Chúa phán qua miệng các tôi tớ của Ngài, điều mà ngay cả các ngài, những người tự cho mình là khôn ngoan, cũng phải ngạc nhiên. Và ngay từ đầu, khi Chúa chúng ta muốn rao giảng Tin Mừng cho cả vũ trụ, Ngài đã chọn để rao giảng không phải những người quý tộc và giàu có, không phải những nhà triết học thông thái hay những nhà hùng biện tài ba, mà là những người đánh cá và những người thu thuế, những người đơn sơ và nghèo khó. Chúa đã làm như vậy để quyền năng khôn lường và sự khôn ngoan vượt quá mọi sự hiểu biết của Ngài được nhận biết nơi những người mà chính Thánh Thần đã dạy dỗ và hướng dẫn một cách vô hình.

Sau đó, vị tướng quân nói với vị thánh:

– Đừng nói nhiều nữa, hãy trả lời câu hỏi này cho ta: ngươi có biết sắc lệnh của hoàng đế, ra lệnh cho các ngươi, những người Kitô hữu, phải dâng lễ vật cho các thần hay phải chịu những cực hình nặng nề không? Hãy nói cho ta biết: ngươi có tuân theo sắc lệnh của hoàng đế không; ngươi có dâng lễ vật cho các thần hay không?

Vị thánh đáp:

– Tôi đã nói với Đại tá Firmus, người đã thẩm vấn tôi trước đó, và không chỉ một lần, rằng tôi là người Kitô hữu; những gì tôi đã nói với Firmus, tôi cũng nói với ngài: tôi là người Kitô hữu và sẽ không dâng lễ vật cho những ác quỷ của các ngài.

Lúc đó, vị tướng nói:

– Vì thương xót tuổi trẻ của ngươi, vì ngươi chưa quá hai mươi lăm tuổi, và tôn trọng chức vụ trung úy của ngươi, ta hoàn toàn không muốn hành hạ ngươi. Tuy nhiên, nếu ngươi vẫn tiếp tục bám giữ sự vô đạo của mình, thì ngươi sẽ buộc ta phải khiến ngươi phải chịu những cực hình tàn khốc nhất.

Vị thánh đáp lại:

– Điều này không phải là điên rồ, mà là việc khôn ngoan nhất và đẹp lòng Chúa nhất – đó là không từ bỏ đức tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất và chân thật, Đấng Tạo Hóa của tôi, nhờ ý muốn của Ngài mà tôi còn tồn tại cho đến ngày hôm nay.

Tướng quân nói với vị thánh:

– Sao ngươi lại nói rằng chỉ có một Đức Chúa Trời? Chẳng phải vừa rồi ngươi đã xưng nhận Đức Kitô, Con của Đức Chúa Trời sao? Nhưng nếu Đức Chúa Trời của các ngươi có một Con ngang hàng với Ngài, thì ngươi phải thừa nhận có hai vị thần: một là Đức Chúa Trời Cha, và một là Đức Chúa Trời Con. Vậy nếu các ngươi có hai vị thần, thì tại sao bây giờ ngươi lại chỉ xưng nhận với ta một Đức Chúa Trời duy nhất? Giờ đây tôi thấy rằng ngươi đang lầm lạc và nói dối tôi, bởi vì lời nói của ngươi tự mâu thuẫn với chính mình.

Thánh Akakios đã trả lời như sau:

– Tôi tin tưởng và đặt niềm hy vọng vào Chúa Giêsu Kitô của tôi, Đấng đã bị đóng đinh dưới thời Pontius Pilate, rằng Ngài sẽ soi sáng cho tôi bằng Thánh Thần và dạy tôi cách trả lời câu hỏi của ngươi, bởi vì câu hỏi của ngươi về lý do tại sao chúng tôi, khi gọi là hai, lại chỉ công nhận một Thiên Chúa duy nhất – đó là một câu hỏi khó và không dễ giải quyết. Nhưng tôi nói với ngài rằng, chúng tôi, những người Kitô hữu, không chỉ xưng nhận Chúa Cha và Chúa Con, mà còn xưng nhận Chúa Thánh Thần là Thiên Chúa chân thật. Trong ba danh xưng này – có ba Ngôi Vị, nhưng chỉ là một Thiên Chúa và một quyền năng. Chúng tôi công nhận một Thiên Chúa Duy Nhất, cùng với Lời và Chúa Thánh Thần, bởi vì Thiên Chúa không thể thiếu Lời và Thánh Thần ban sự sống. Để giải thích lời nói của tôi, tôi sẽ đưa ra một ví dụ: đây là một vị vua, người mà anh gọi là chúa tể, còn tôi gọi là con người – tên là Maximian; ông có một người con trai tên là Maxentius. Cả hai người họ, tuy nhiên, đều có cùng một bản tính – bản tính con người, và vương quốc của họ là không thể tách rời; con trai được tôn kính vì cha, cha được tôn vinh vì con trai; cũng giống như vậy, chúng ta suy nghĩ về Đức Chúa Trời, bởi vì bản thể thiêng liêng của Cha, Lời và Thánh Thần là một và không bao giờ thay đổi, vì Đức Chúa Trời mà chúng ta tôn kính là Đấng Duy Nhất.

Thống đốc nói với vị thánh:

– Đã không ít lần ta nhắc nhở ngươi chỉ được nói với ta về việc chính; thế mà ngươi lại dùng tất cả những lời vô nghĩa này để lạc đề khỏi chủ đề của cuộc trò chuyện. Đây là lần cuối cùng ta nói với ngươi: hãy dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, nhờ ý muốn của các vị mà thế giới này tồn tại; nếu ngươi không tuân theo mệnh lệnh này của ta, thì ta sẽ không còn chịu đựng sự bất tuân của ngươi nữa.

Vị thánh đáp lại:

– Đừng nghĩ rằng ngươi có thể dọa nạt ta bằng những cực hình; thân xác ta đây đã sẵn sàng đón nhận những vết thương; hãy tra tấn nó bao nhiêu tùy ý ngươi. Nhưng những suy nghĩ và niềm tin chân thành trong lòng ta, thì chẳng ai – dù là ngươi, nhà vua, hay những ác quỷ mà ngươi thờ phụng, cũng như bất kỳ ai khác – có thể thay đổi hay dẫn dắt chúng ta đi vào con đường tội lỗi.

Lúc đó, vị tướng quân nổi giận, ra lệnh trói vị thánh đang trần truồng vào bốn cột và bắt sáu binh lính dùng những sợi dây thừng thô ráp đánh ông không thương xót, trước tiên vào lưng, rồi đến bụng. Trong lúc đó, vị tướng quân nói: "Hãy xem, liệu Đức Chúa Trời của ông ta có giúp ông ta không?" Vị thánh tử đạo bị hành hạ như vậy trong một thời gian dài, đến nỗi những chiến binh đánh đập ngài đã phải thay nhau nhiều lần; mặt đất đã nhuốm đỏ bởi máu của ngài. Nhưng vị thánh tử đạo không nói gì khác ngoài: "Lạy Chúa Kitô, Đấng Cứu Độ của con! Xin giúp con, tôi tớ khiêm nhường của Ngài! Lạy Chúa, Thiên Chúa của con! Xin đừng bỏ rơi con!"

Khi vị tướng quân thấy vị thánh tử đạo đã đầy vết thương và đẫm máu, ông ta nói với ngài:

– Có lẽ giờ đây ngươi sẽ dâng lễ vật lên các vị thần chăng?

Thánh nhân đáp:

– Tôi sẽ không dâng lễ vật cho ma quỷ, vì tôi tin vào Chúa Giêsu Kitô của tôi, Đấng đang giúp đỡ tôi; giờ đây, giữa những cực hình, tôi cảm thấy mình còn dũng cảm và kiên định hơn trước; cho đến lúc này, việc chờ đợi những cực hình phần nào khiến tôi bối rối; nhưng ngay khi tôi bắt đầu chịu đau khổ, sức mạnh của Đấng Kitô đã củng cố tôi và tôi cảm thấy trong lòng sẵn sàng đón nhận những cực hình, dù chúng có lớn hơn và nặng nề hơn nữa, vì tôi tin chắc và đặt niềm hy vọng vào Chúa và Thiên Chúa của tôi. Nhưng hãy biết rằng, càng gây ra nhiều đau khổ cho tôi, ngươi càng mang lại nhiều lợi ích cho tôi; càng khiến tôi phải chịu những cực hình nặng nề, ngươi càng cầu xin được ân sủng lớn lao hơn từ Thiên Chúa cho tôi.

Vị tướng quân, nổi giận vì những lời của vị thánh, đã ra lệnh đánh vào miệng ngài bằng những tấm ván thiếc. Khi đôi má xinh đẹp của vị thánh bị những kẻ tra tấn làm biến dạng, vị tướng quân nói với vị tử đạo:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, và như vậy ngươi sẽ thoát khỏi những cực hình còn nặng nề hơn nữa đang chờ đợi ngươi. Vị thánh đáp lại:

– Tôi chẳng bận tâm đến những cực hình sắp tới, cũng như chẳng bận tâm đến những cực hình đã qua.

Vị tướng quân lại nói:

– Làm sao ngươi, một chiến binh lại chưa từng được học chữ, lại có thể trả lời ta một cách khôn ngoan như vậy?

Vị thánh tử đạo đáp lại:

– Thánh Thần ban cho các tôi tớ của Ngài sự kiên nhẫn và giúp họ trả lời trước tòa án, bởi vì Đấng Cứu Thế của chúng ta, Chúa Giê-su Ki-tô, đã phán với các môn đệ của Ngài: *"Khi các con bị nộp* cho các vua chúa và quan chức*, đừng lo lắng về việc phải nói gì hay nói như thế nào: vì vào giờ đó… không phải các con sẽ nói, nhưng Thánh Thần của Cha các con sẽ nói qua các con"* (Mt 10,19–20).

Lúc đó, quan án Antonin nói với vị thánh:

– Hỡi kẻ khốn nạn, ngươi nói nhiều như vậy thì có ích gì, khi ngươi chống lại mệnh lệnh của vua, và vì thế mà phải chịu cực hình? Nhưng giờ đây, họ sẽ tra tấn ngươi còn dữ dội hơn nữa; đến lúc đó, ngươi chắc chắn sẽ tuân theo mệnh lệnh của vua.

Vị thánh đáp lại:

– Hãy tránh xa ta ra và tốt hơn hết là hãy tự răn dạy chính mình đi. Nếu ta đã không vâng lời quan chỉ huy, dù đã phải chịu biết bao cực hình, thì làm sao ta lại nghe lời ngươi được?

Sau đó, vị tướng quân ra lệnh giam vị thánh tử đạo vào ngục tối của thành phố Perinfa, thuộc vùng Thrace[3454] . Tại đây, vị thánh tử đạo đã ở lại bảy ngày.

Vào thời điểm Thánh Akakios đang bị giam cầm, ngài hân hoan ca ngợi Chúa và tạ ơn Ngài vì đã ban cho ngài ân sủng được chịu khổ vì danh thánh của Ngài, thì Tướng quân Vivian nhận được một bức thư từ Hêgemon

Flakkin của Thrace; trong bức thư này, Vivian được lệnh phải đến Byzantium cùng với tất cả các tù nhân mà ông đang giam giữ. Tướng quân Vivian lập tức lên đường, và cùng đi với ông đến Byzantium còn có Thánh Akakios, người đang đi cùng với một số tù nhân khác, những người bị giam cầm vì một số tội lỗi. Vị thánh tử đạo kiệt sức nặng nề trên đường đi vì những vết thương, vì xiềng xích sắt, vì đói khát, cũng như nói chung là do chuyến hành trình dài đằng đẵng và gấp gáp, nhất là khi những binh lính hộ tống ngài lại vô nhân đạo và thường xuyên đánh đập ngài, ép ngài phải đi nhanh hơn. Giữa muôn vàn đau khổ ấy, vị thánh không còn hy vọng sống sót và nghĩ rằng mình sắp qua đời; vì thế, ngài đã nài nỉ các binh lính dẫn đường dừng lại một lúc để ngài có thể cầu nguyện với Thiên Chúa, nhưng lời thỉnh cầu của vị thánh không được đáp ứng. Khi tất cả dừng lại ở một nơi nào đó để nghỉ qua đêm, vị thánh liền ngước mắt lên trời và ngay lập tức cầu nguyện như sau: "Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Thiên Chúa, Đấng đã tỏ lòng thương xót của Ngài cho tất cả những ai yêu mến Ngài, nhờ lòng nhân từ của Ngài! Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng đã kêu gọi con, một kẻ tội lỗi, thực hiện công việc anh hùng này! Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa Giêsu Kitô, Đấng thấu hiểu sự yếu đuối của xác thịt chúng con và đã ban cho con sức mạnh để chịu đựng những đau khổ! Giờ đây, lạy Chúa, khi thấy con bị bao vây tứ phía bởi biết bao đau khổ, đến nỗi chính linh hồn con, như con cảm nhận, cũng muốn thoát khỏi sự ràng buộc với xác thịt, – xin hãy sai Thánh Thiên Thần của Ngài đến, để Ngài chữa lành vết thương của con và làm dịu bớt nỗi đau khổ của con; hoặc hãy ra lệnh cho những kẻ hành hạ tôi mau chóng giết chết tôi, để tôi sớm được về với Ngài, Chúa của con".

Vào lúc vị thánh đang cầu nguyện với những lời ấy cùng Thiên Chúa, bỗng nhiên một đám mây xuất hiện tại nơi đó, và từ đám mây ấy vang lên một tiếng nói: "Akaki! Hãy can đảm và vững lòng!"

Tất cả những người có mặt ở đó – cả binh lính lẫn tù nhân – đều nghe thấy tiếng nói ấy; họ ngạc nhiên và nói với nhau:

– Chẳng lẽ những đám mây cũng có thể nói như con người sao? Ai đã từng nghe thấy điều mà chúng ta vừa nghe hôm nay?

Và tất cả đều kinh ngạc trước sự việc vừa xảy ra. Nhiều người trong số các tù nhân, khi nghe thấy tiếng nói ấy, đã tin vào Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, và quỳ xuống dưới chân thánh Akaki, tha thiết xin ngài dạy cho họ những chân lý của đức tin Kitô giáo. Còn thánh Akaki, vị tử đạo của Chúa Kitô, đi cùng với họ và trò chuyện, nói như sau:

– Dù cho đến nay tôi không rèn luyện qua sách vở, mà qua các nhiệm vụ của quân ngũ, nhưng tôi đã được nuôi dưỡng trong một gia đình linh mục, bởi vì tôi xuất thân từ dòng dõi linh mục. Tôi còn nhớ đã nghe các linh mục nói rằng, chính Đức Chúa Trời, vì muốn cứu rỗi con người bị đuổi khỏi vườn địa đàng và giải thoát họ khỏi địa ngục, đã sai Lời Hằng Hữu của Ngài, Con Một của Ngài, xuống trần gian; Còn Con Thiên Chúa, khi đến thế gian, đã nhập thể từ Đức Trinh Nữ Maria Thánh Khiết và Vô Nhiễm, mang hình hài con người; sau đó đã chịu chết trên thập giá, để bằng cây thập giá, Ngài sửa chữa tội bất tuân lệnh Chúa của A-đam; để ban ơn cứu rỗi cho loài người bị kết án, chính Ngài đã tự mình trả món nợ công lý của Chúa cho chúng ta bằng sự chịu khổ tự nguyện trên thập giá. Khi bị đóng đinh trên thập giá, Con Thiên Chúa đã tiêu diệt bản án tội lỗi của chúng ta, chiến thắng cái chết của chúng ta bằng cái chết của Ngài, bắt giữ địa ngục và làm nhục mọi quyền lực của ma quỷ, biến chúng thành hư không. Khi Con Thiên Chúa đánh bại tất cả các quỷ dữ, đập tan các cổng đồng và xé nát các xiềng xích sắt[3454] , thì Ngài đã sống lại từ cõi chết vào ngày thứ ba và nhờ đó ban cho loài người cơ hội được sống lại và sống đời đời trong thế giới tương lai. Thế giới hữu hình này thật hèn mọn và sẽ chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi.

Khi nghe những lời này và những lời tương tự từ vị tử đạo, các tù nhân đi cùng vị thánh đã vui mừng quy y đạo Kitô.

Khi đêm xuống, đoàn lữ hành dừng chân nghỉ qua đêm tại một làng gần đó. Tại đây, vào nửa đêm, các tù nhân đã có một thị kiến kỳ diệu: họ thấy một số thanh niên mặc áo sáng màu (đó là các Thiên thần thánh), trông như những người lính, đang trò chuyện với Thánh Akakios. Những người bị giam cầm, khi nhìn thấy cảnh đó, đã nghĩ rằng đó là người thân và bạn bè của Akakios đã đến thăm ngài vào ban đêm (vì sợ kẻ tra tấn).

Sáng hôm sau, tất cả lên đường. Hôm đó, mọi người đi rất nhanh, nên đến chiều tối đã đến Byzantium; đến đêm, tất cả cùng dừng chân nghỉ lại trong một ngôi nhà. Và trong đêm đó, các tù nhân lại thấy chính những chàng trai trẻ đã trò chuyện với Thánh Akakios, giống như đêm trước; cùng lúc đó, các tù nhân nhận thấy những chàng trai rạng rỡ này đang rửa vết thương của vị tử đạo bằng nước ấm và chữa lành chúng. Nhìn thấy cảnh đó, các tù

[3454] Một câu trong bài thánh ca.

nhân thầm nghĩ: "Quả thật, thị kiến này là từ Thiên Chúa, bởi vì không phải con người, mà là các Thiên thần đã đến với vị thánh vào đêm qua; và đêm nay, các Thiên thần thánh thiện lại viếng thăm ngài".

Khi bình minh ló rạng, tất cả họ đều bị dẫn trở lại ngục tối. Còn Thánh Akakios, theo lệnh của tướng quân, bị giam riêng biệt với những người khác trong khu vực bên trong của ngục tối; ngài bị xiềng xích bằng sắt, bị trói chặt vào cột gỗ; không ai được phép vào thăm ngài, thậm chí họ còn không cho ngài uống hay ăn gì, vì những kẻ tra tấn muốn dùng đói khát và những cực hình tàn khốc để ép ngài từ bỏ Đức Kitô và tuân theo mệnh lệnh của chúng – đó là thờ lạy các thần tượng; còn tất cả các tù nhân khác thì bị giam ở khu vực bên ngoài nhà ngục.

Trước khi đêm xuống, các tù nhân lại được chứng kiến hiện tượng kỳ diệu ấy một lần nữa – cụ thể là họ thấy một ánh sáng chói lọi bừng lên trong khu vực bên trong nhà ngục; khi tiến lại gần cửa sổ để xem đó là gì, họ thấy một số người đàn ông rạng rỡ; những người này đã tháo xiềng xích cho vị tử đạo, băng bó vết thương cho ông và dâng cho ông thức ăn kỳ diệu, trắng như tuyết, cùng với nước uống.

Vì điều này diễn ra mỗi đêm, nên các tù nhân đã báo cho người gác ngục biết. Người gác ngục này, khi đến gần cửa sổ vào ban đêm, cũng thấy cảnh tượng tương tự. Nhưng khi người gác ngục bước vào khu vực bên trong ngục tối, ông ta không thấy ai cả, ngoại trừ vị thánh tử đạo vẫn đang bị xiềng xích. Tất cả những điều này đã khiến người gác ngục vô cùng kinh hãi.

Khi đã trôi qua bảy ngày kể từ khi các tù nhân đến Byzantium, tướng quân Vivian đã ngồi trên ghế xét xử và triệu tập vị thánh tử đạo Akakios đến để thẩm vấn. Thấy vị tử đạo của Chúa Kitô vẫn khỏe mạnh về thể xác và khuôn mặt rạng rỡ, Vivian vô cùng ngạc nhiên, vì ông tưởng sẽ thấy vị tử đạo ốm yếu, kiệt sức vì vết thương và xiềng xích, vì đói khát và vì chuyến hành trình dài đằng đẵng. Vivian nghĩ rằng chính các binh lính đã làm giảm bớt nỗi đau khổ của vị thánh; vì vậy, ông vô cùng tức giận với họ và nói:

– Chẳng phải ta đã ra lệnh cho các ngươi giam người này vào khu vực sâu nhất của ngục tối, trói hắn vào cọc gỗ và xiềng xích sắt, và tuyệt đối không cho hắn ăn uống gì sao? Nhưng các ngươi lại để hắn tự do và giúp hắn chữa lành vết thương. Và giờ đây ta thấy hắn còn khỏe mạnh và khuôn mặt rạng rỡ hơn trước nữa.

Tham mưu trưởng Antonin đáp lại:

– Mọi việc đã được thực hiện đúng như lệnh của ngài, Tướng quân. Từ Perinfa cho đến thành phố này, chúng tôi đã dẫn hắn đi trong những xiềng xích sắt nặng nề; chính ngài có thể thử treo chúng lên để biết chúng nặng bao nhiêu. Tại thành phố này, chúng tôi đã giam hắn trong khu vực sâu nhất và chật hẹp nhất của ngục tối, và không một binh sĩ nào cho hắn bất cứ thứ gì, dù là thức ăn hay nước uống. Hãy hỏi người gác ngục, ngài sẽ biết mọi việc có diễn ra đúng như ngài đã ra lệnh hay không.

Ngay lập tức, vị tướng ra lệnh gọi người gác ngục đến. Khi người gác ngục xuất hiện trước mặt vị tướng, vị tướng này tức giận nói với anh ta:

– Tại sao ngươi, tên khốn kiếp, lại không tuân lệnh ta, mà lại để Akakiy được ăn uống và chữa trị vết thương, đến nỗi giờ đây hắn đã khỏe mạnh đến mức hoàn toàn sẵn sàng ra trận.

Thánh Akaki đã đáp lại như sau:

– Chính Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Thế, đã ban cho tôi sức mạnh và sự dẻo dai từ trên trời, Người đã chữa lành vết thương cho tôi và làm cho tôi khỏe mạnh.

Còn vị tướng quân thì giận dữ nói:

– Hãy đánh vào mặt hắn và đập vỡ miệng hắn, để hắn không được nói khi không được hỏi.

Sau đó, các thuộc hạ bắt đầu đánh Thánh nhân. Rồi vị tướng quân nói với người canh gác nhà tù:

– Ngươi, tên khốn kiếp, sẽ trả lời ta thế nào?

Người gác ngục đáp lại:

– Ta thề bằng quyền lực của ngài rằng, tất cả những gì ngài ra lệnh cho ta làm, ta đều đã làm. Ta đã canh giữ hắn rất nghiêm ngặt và hạn chế mọi hành động của hắn; nhưng có một số người đã cho hắn ăn và chữa trị cho hắn, điều này thì tất cả những người bị giam trong ngục đều biết. Hãy hỏi họ, và nếu ngươi nghe thấy điều gì khác, thì đây, đầu ta ở trước mặt ngươi, hãy làm với ta bất cứ điều gì ngươi muốn. Chúng tôi thường thấy có những người lính nào đó đến gặp hắn, trong đó có người tháo xiềng xích cho hắn, có người rửa vết loét và chữa lành cho hắn, và cuối cùng, có người mang thức ăn và nước uống đến cho hắn và trò chuyện thân mật với hắn. Tất cả những điều này được kể lại cho tôi bởi những tù nhân bị đưa đến đây cùng với anh ta từ Perinfa; họ nói rằng điều đó đã xảy ra cả trên đường đi lẫn ở đây, trong ngục tối. Nhưng tôi không tin lời họ, nên đã tự mình muốn gặp những người đàn ông rạng rỡ ấy; và quả thực, chính tôi, bằng đôi mắt của mình, đã chứng kiến tất cả những gì họ đã kể lại. Và khi tôi

đột ngột mở cửa, bước vào khu vực bên trong nhà tù để hỏi Akakiya xem những người đến thăm anh ta là ai, họ đến từ đâu và làm thế nào họ có thể lọt qua những cánh cửa bị khóa – thì tôi không thấy ai ở đó ngoài chính người tù nhân, bị xiềng xích và cùm sắt; đôi khi tôi bắt gặp anh ta đang cầu nguyện với Chúa, đôi khi lại đang ngủ.

Sau khi nghe lời kể của người gác ngục, vị tướng quân nói với anh ta:

– Ngươi, tên khốn kiếp, chắc hẳn đã nhận vàng từ người thân của Akakiya và cho họ vào gặp anh ta cùng với thức ăn, đồ uống và thuốc men.

Và ngay khi vừa nói xong, vị tướng quân ra lệnh đánh người gác ngục thật mạnh bằng những thanh sắt.

Người gác ngục, trong lúc bị đánh, đã kêu lên:

– Tôi xin ngài, chỉ huy, trước tiên hãy điều tra kỹ lưỡng xem sự việc đã diễn ra như thế nào; nếu hóa ra không phải như tôi đã kể với ngài, thì hãy giết tôi đi.

Tướng quân đáp lại:

– Vậy thì người đó chính là một pháp sư và thầy phù thủy.

Người gác cổng đáp lại:

– Tôi chỉ kể lại những gì chính mắt tôi đã thấy; còn người đó có phải là pháp sư hay không – điều đó tôi không biết.

Sau đó, vị tướng ra lệnh đánh người gác ngục thậm chí còn dữ dội hơn. Như vậy, người gác ngục này đã phải chịu khổ oan uổng vì vị tử đạo của Chúa Kitô. Còn thánh tử đạo Akaki, khi thấy cảnh đó, đã mỉm cười trước sự thiếu sáng suốt của vị tướng quân, dù môi và má của ngài đã bị đánh đến tơi tả. Thấy vậy, vị tướng quân càng nổi giận hơn và quát tháo với vị tử đạo:

– Chẳng lẽ ngươi đến đây để chế nhạo chúng ta, hy vọng thoát chết nhờ phép thuật của mình sao?

Thánh nhân đáp lại:

– Đừng nghĩ rằng tôi đang chế giễu các ngươi và vui mừng trước sự diệt vong của các ngươi; không, tôi đau đớn và xót xa trong lòng vì sự diệt vong vĩnh viễn của các ngươi; chính các ngươi lại chế giễu và nhạo báng chúng tôi, bởi vì, đã bỏ rơi Đức Chúa Trời chân thật, Đấng Tạo Hóa trời đất, Đấng Sáng Tạo ra vạn vật, các ngươi lại thờ lạy và tôn kính như thần thánh những hòn đá và cây cối.

Sau những lời ấy, vị tướng quân ra lệnh cho mười chiến binh dùng gậy sồi đánh vào lưng và bụng vị tử đạo. Còn vị tử đạo, trong khi kiên nhẫn chịu đựng những đòn roi, đã nói: "Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin hãy giúp con, tôi tớ của Ngài!" Và có tiếng nói từ trời vang lên, củng cố tinh thần vị thánh; trong khi đó, những chiến binh đang ra tay đánh đập dường như bị tê liệt và không thể giơ tay lên đánh vị tử đạo. Còn vị tướng quân, không biết phải làm sao, đã quyết định gửi vị thánh đến gặp vị thống đốc, người lúc đó đã đến Byzantium; đồng thời, vị tướng quân đã viết cho vị thống đốc bức thư như sau: "Gửi đến vị thẩm phán thân mến và đáng kính Flaccinus, thống đốc xứ Thrace, từ Vivian, vị tướng quân – xin chúc mừng. Tôi đã tra tấn Akakios, người bảo vệ đức tin Kitô giáo gian ác, bằng đủ mọi hình thức; Firmus, chỉ huy đoàn quân Martisi, đã gửi ông ta đến cho tôi cách đây hai mươi ngày, vì ông ta không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế. Ta không thể nào buộc hắn tuân theo sắc lệnh của hoàng đế; vì ngài có thể trừng phạt người này nặng nề hơn nữa, nên ta gửi hắn đến cho ngài, kèm theo bản ghi chép về các hành vi của hắn, do các quan chức soạn thảo."

Igemon, sau khi đọc bức thư của Vivian, đã ra lệnh giam vị tử đạo vào ngục tối, nhưng không xiềng xích và cũng không có lính canh gác nghiêm ngặt; ông làm như vậy vì có một người vợ theo đạo Kitô, người sau nhiều lời van xin đầy nước mắt đã thuyết phục ông đừng tra tấn những người Kitô hữu được đưa đến để thẩm vấn quá lâu, mà hãy nhanh chóng xử tử họ, nếu không thể thả họ ra.

Năm ngày sau đó, Igemon triệu tập vị tử đạo đến để thẩm vấn, đồng thời ra lệnh đọc trước bản tường trình về tất cả các việc làm của vị tử đạo – câu chuyện về những đau khổ của ngài, bản ghi chép về những điều này đã được tướng quân Vivian gửi đến cho ông. Thống đốc vô cùng ngạc nhiên trước cả sự tàn bạo của những hình phạt lẫn lòng dũng cảm của Thánh Akakios, và đã nghiêm khắc khiển trách Vivian vì đã tra tấn người này quá lâu với tư cách là một chiến binh, thay vì sớm xử tử anh ta. Nhận ra rằng không thể nào khiến Thánh Akakios từ bỏ việc xưng danh Chúa Kitô, vị thống đốc đã ra lệnh chém đầu ngài bên ngoài thành phố (Byzantium). Khi vị thánh tử đạo được dẫn đi chịu hình phạt, ngài đã kêu lên với Thiên Chúa như sau:

– Lòng con khao khát được ngợi khen Ngài, Nguồn Sống, Đức Kitô, Con Thiên Chúa, vì Ngài đã quá nhân từ và thương xót đối với con, kẻ tội lỗi này, đến nỗi đã ban cho con ân sủng được thực hiện công việc tử đạo!

Khi vị thánh đến nơi bị chém đầu và xin các binh lính cho ngài thời gian để cầu nguyện, ngài quỳ gối xuống và nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Thiên Chúa! Ngài xứng đáng được ca ngợi không ngừng, vì Ngài được tôn vinh nơi chúng con, những con người gánh nặng tội lỗi; và càng ban cho chúng con nhiều ân sủng, càng tha thứ nhiều tội lỗi của chúng con, thì vinh quang của lòng nhân từ và lòng thương xót vô biên của Ngài càng tỏa sáng rực rỡ và mãnh liệt hơn. Xin danh thánh của Ngài được chúc tụng, lạy Thiên Chúa, vì Ngài đã ban cho con, kẻ không xứng đáng, vinh dự to lớn đến thế – quyền được gọi là vị tử đạo của Đức Kitô. Và vinh dự to lớn này, Ngài đã ban cho con không phải vì bất kỳ công đức nào của con, mà chỉ duy nhất nhờ lòng nhân từ không thể diễn tả và lòng thương xót vô biên của Ngài. Con tôn vinh và ngợi khen Ngài, lạy Chúa, Thiên Chúa Thánh của Israel, cùng với Con Một của Ngài và Thánh Thần của Ngài, vì vinh quang, danh dự và sự thờ phượng phải thuộc về Ngài, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Nói xong, vị thánh đã cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm và bị chém đ[3455] .

Vậy là vị thánh tử đạo Akakios đã kết thúc cuộc chịu khổ vì Chúa Kitô. Thi hài thánh thiện của ngài đã được các Kitô hữu an táng một cách trang trọng ngay tại chính nơi ngài bị chém đầu; nơi đó được gọi là "Stavrion". Tất cả những điều này đã xảy ra, như chúng ta đã nói, vào thời trị vì của Maximian giữa những người ngoại đạo, và vào thời trị vì của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà chúng ta dâng lên vinh quang, danh dự và sự thờ phượng muôn đời. Amen.

Lễ Kỷ niệm Dấu hiệu Thánh Giá Danh Thánh và Ban Sự Sống của Chúa hiện ra trên trời

Ngày kỷ niệm: 7 tháng 5

Sau khi vị vua Kitô hữu đầu tiên, người có đức tin vững vàng và đạo đức cao cả, Constantine Đại Đế qua đời, ngai vàng hoàng gia được kế vị bởi con trai ngài là Constantius[3456] , người đã sa vào tà thuyết độc ác của Arius, kẻ đã phỉ báng Con Thiên Chúa[3457] . Lúc bấy giờ, để làm nhục những kẻ dị giáo độc ác, để củng cố lòng tin cho những người chưa tin và khẳng định đức tin chính thống, tại thành thánh Giê-ru-sa-lem đã xuất hiện một điềm báo kỳ diệu: vào những ngày Lễ Ngũ Tuần, ngày 7 tháng 5, vào giờ thứ ba[3458] , trên bầu trời đã hiện ra hình ảnh Thánh Giá của Chúa, tỏa sáng bằng một ánh sáng không thể diễn tả, mạnh hơn cả tia nắng mặt trời, mà toàn thể dân chúng đều nhìn thấy, họ kinh hoàng và ngạc nhiên vô cùng, Dấu hiệu Thánh Giá này, bắt đầu từ trên ngọn núi thánh Golgotha, nơi Chúa chúng ta đã bị đóng đinh[3459] , kéo dài đến tận núi Eleon[3460] , cách Golgotha mười lăm stade;

[3455] Thánh tử đạo qua đời vào năm 303. Xác thánh của ngài được lưu giữ trong một thời gian dài tại nhà thờ mang tên ngài, do Hoàng đế Constantine Đại đế xây dựng tại nơi an táng của ngài, ở Stavrion hoặc Stavrodromia. Tại đây, di cốt của Thánh Akakios được lưu giữ cho đến thời kỳ của những người chống thánh tượng, khi các Kitô hữu, để bảo vệ chúng khỏi sự đàn áp của những kẻ bách hại vô đạo, đã chuyển chúng đến thành phố Skilax ở miền nam Ý.

[3456] Constantius, con trai của Constantine Đại đế, được giao phụ trách phương Đông, châu Á và Ai Cập; vào năm 357, sau khi đánh bại Magnentius – kẻ đã sát hại anh trai mình là Constans – ông đã thống nhất toàn bộ Đế quốc La Mã dưới quyền cai trị của mình. Ông phá hủy các đền thờ ngoại giáo hoặc trao chúng cho các Kitô hữu để chuyển đổi thành nhà thờ; ông đã ban hành nhiều lần luật cấm thực hành các nghi lễ ngoại giáo. Tuy nhiên, do sự đồng cảm với tà thuyết Arian, Constantius đã làm trầm trọng thêm những xung đột tôn giáo thời bấy giờ: ông đàn áp các giám mục Chính thống, phế truất họ khỏi chức vụ và thậm chí giam cầm họ; dưới triều đại của ông, những người theo tà thuyết Arian đã nắm giữ những vị trí cao nhất trong chính quyền. Constantius qua đời vào năm 361, trong cuộc chinh phạt chống lại người anh em họ của mình là Julian, người đã được quân đội ở Gaul tôn lên làm hoàng đế, nơi chính ông đã bổ nhiệm Julian làm tổng tư lệnh. Grigorius Nazianzenus cho biết rằng trước khi qua đời, Constantius đã ăn năn về việc đàn áp những người Chính thống.

[3457] Người khai sinh ra tà giáo Arian là linh mục Arius ở Alexandria. Ông phủ nhận sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Chúa Cha, coi Chúa Giêsu Kitô là một tạo vật và không công nhận các phẩm chất thần thánh nơi Ngài – toàn năng, toàn tri, v.v. Tà thuyết của Arius đã bị lên án mạnh mẽ tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất (năm 325) và lần thứ hai (năm 381), đồng thời sự bình đẳng giữa Con Thiên Chúa và Chúa Cha đã được xác lập, điều mà mọi Kitô hữu đều tuyên xưng trong điều thứ hai của Kinh Tin Kính, được soạn thảo bởi các vị cha của Công đồng Đại kết lần thứ nhất. Vào thế kỷ V, chủ nghĩa Arian hầu như không còn tín đồ nào trong Đế quốc La Mã, nhưng đã hồi sinh tại Đức giữa các bộ tộc Goth, Burgund, Vandal và Lombard, nơi nó tồn tại cho đến thế kỷ VII.

[3458] Theo cách tính của chúng ta, khoảng 9 giờ sáng. – Sự kiện chính này diễn ra vào năm 351. Trong năm đó, Lễ Phục Sinh rơi vào ngày 31 tháng 3, do đó Lễ Ngũ Tuần là ngày 19 tháng 5; ngày 7 tháng 5 trùng với thứ Ba của tuần cuối cùng trước Lễ Ngũ Tuần.

chiều rộng của dấu hiệu Thánh Giá tương ứng với chiều dài của nó; còn vẻ đẹp của nó, giống như một cầu vồng nhiều màu sắc, lại rực rỡ đến nỗi thu hút ánh mắt của tất cả mọi người. Và tất cả mọi người, dù đang làm việc gì đi chăng nữa, hay đang ở trong nhà, đều bỏ dở mọi việc và bước ra khỏi nhà, rồi với sự chú ý và lòng kính sợ, chiêm ngưỡng dấu hiệu kỳ diệu ấy. Sau đó, đám đông đông đảo người dân Giê-ru-sa-lem, tràn ngập sự kính sợ và niềm vui trước cảnh tượng thiêng liêng này, đã vội vã đến nhà thờ thánh với lòng xúc động sâu sắc và sự ấm áp chân thành – tất cả các bậc cao niên và thanh niên, nam và nữ, kể cả những người mang theo trẻ sơ sinh, cũng như các thiếu nữ chưa chồng đang chìm trong sự im lặng – tất cả đều rời khỏi nhà mình và đổ xô đến đó; nói chung, cư dân Giê-ru-sa-lem ở mọi lứa tuổi và tầng lớp, những người lữ hành và người ngoại quốc, các Kitô hữu Chính Thống và những người theo các tôn giáo khác. Và tất cả họ đều đồng lòng ca ngợi Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, Con Một Thiên Chúa, Thiên Chúa chân thật từ Thiên Chúa chân thật, Đấng thực hiện những phép lạ vĩ đại.

Lúc bấy giờ, những kẻ vô tín, dị giáo, kẻ thù và những kẻ phỉ báng Thần tính của Đấng Christ, đã tràn ngập sự xấu hổ khi chứng kiến trong sự hiện ra của Thập tự giá vinh quang và quyền năng vĩ đại, thần thánh của Chúa Kitô, và chính thực tế lúc bấy giờ đã chứng minh rằng đức tin Kitô giáo là chính đáng, chân thật và thánh thiện, không mang đến cho người tin những lời lẽ được học hỏi từ sự khôn ngoan bên ngoài của con người, mà được xây dựng trên sự mặc khải của Thánh Thần và ân sủng, và được chứng thực bằng những dấu hiệu và phép lạ trên trời. Về hiện tượng kỳ diệu được kể lại này – dấu hiệu của Thánh Giá – Đức Thượng Phụ Giêrusalem Cyril[3461] đã thông báo qua thư gửi cho Hoàng đế Constantius, khuyên ngài nên quay về với giáo lý Chính Thống. Còn Hê-rmi-ô Sozomen[3462] thì làm chứng rằng, nhờ sự hiện ra trên trời của Thánh Giá[3463] này, rất nhiều người Do Thái và Hy Lạp đã đến với đức tin chân chính, và sau khi ăn năn sám hối trước Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, họ đã nhận lãnh phép rửa thánh. Và tất cả đều thành kính tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng đồng bản thể và đồng hiện hữu với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Còn chúng ta, khi tuyên xưng quyền năng không thể thấu hiểu của Ngài, được bày tỏ qua Thánh Giá, chúng ta ngợi khen Chúa, Thiên Chúa của chúng ta, bằng những lời tạ ơn và tôn vinh, đồng thời quỳ lạy dưới chân Ngài, trước Thánh Giá, khẩn cầu lòng thương xót của Chúa, để trong lần tái lâm thứ hai đầy kinh hoàng của Ngài, Đức Kitô ban cho chúng ta được chiêm ngưỡng *"Dấu hiệu của Con Người"* (Mt 24,30), Thánh Giá, trong niềm vui và hy vọng được cứu rỗi, và nhờ đó, như một chìa khóa, Ngài mở ra cho chúng ta cánh cửa Nước Trời, giống như Ngài đã mở ra Thiên Đàng cho tên cướp khôn ngoan ngày xưa (Lc 23:40–43), và đưa chúng ta vào cùng với những con chiên được chúc phúc của Ngài mãi mãi (Mt 25:33–34). A-men.

Bài ca Thánh Giá, giọng 8:

Hình ảnh Thánh Giá của Ngài nay chiếu sáng rực rỡ hơn cả mặt trời, Thánh Giá mà Ngài đã giương cao từ núi thánh cho đến nơi hành hình: và qua đó, Ngài đã làm sáng tỏ sự Cứu Rỗi và sức mạnh của Ngài, nhờ đó củng cố

[3459] Trước đây, Golgotha nằm bên ngoài Jerusalem (Mt 27:32–33, Ga 19:17–41; Hêb 13:12); nay nằm ở phía tây bắc của Thành Thánh. Tên gọi của nó (Golgotha trong tiếng Do Thái có nghĩa là "hộp sọ", "nơi trán" (Lc 13:33)), có lẽ xuất phát từ sự giống nhau với hình dáng của một hộp sọ. Theo truyền thuyết, Adam đã được chôn cất tại đây.

[3460] Núi Eleon và Núi Ô-liu là hai ngọn núi của người Do Thái, nằm về phía đông của Giê-ru-sa-lem (Ê-xê-chi-ên 11:23); Núi Ô-liu được đặt tên như vậy nhờ có rất nhiều cây ô-liu mọc trên đó. Trong thời gian sống trên đất, Chúa Giê-su Christ thường lên núi này cùng các môn đệ của Ngài (Giăng 8:1, 18:2). Trên sườn phía tây của núi Ô-li-ve là vườn Ghết-si-ma-ni, nơi Chúa đã cầu nguyện vào đêm trước khi chịu khổ nạn và nơi Ngài bị Giu-đa phản bội (Ma-thi-ơ 26:36–57; Mác 14:26–53; Lc 22:39–54; Ga 18:1–13). Trên sườn đông nam của ngọn núi là làng Bê-tha-ni, nơi Chúa đã thực hiện cuộc rước long trọng vào Giê-ru-sa-lem (Mt 21:21; Lc 14:29). Theo truyền thuyết, từ núi Ô-li-ve, Chúa đã thăng thiên (Cv 1:12). Vào thế kỷ II, mẹ của Hoàng đế Constantine Đại đế đã cho xây dựng một nhà thờ Kitô giáo trên núi Ô-li-ve, sau này bị người Thổ Nhĩ Kỳ biến thành thánh đường Hồi giáo.

[3461] Thánh Cyril, Tổng Giám mục Giê-ru-sa-lem, giữ chức Thượng phụ từ năm 350 đến năm 387. Ngài nổi tiếng vì cuộc đấu tranh chống lại tà thuyết Arian. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 18 tháng 3.

[3462] Sozomen – nhà sử học Giáo hội thế kỷ V. Tác phẩm "Lịch sử Giáo hội" của ông bao quát khoảng thời gian từ năm 323 đến năm 439 (nhưng đến nay chỉ còn lưu giữ được phần kể đến năm 423). Sozomen cũng đã viết lịch sử ba thế kỷ đầu tiên của Kitô giáo, nhưng đáng tiếc là tác phẩm đó đã không còn tồn tại đến ngày nay. – Về dấu hiệu kỳ diệu được mô tả này, Sozomen đề cập đến trong quyển IV của tác phẩm "Lịch sử Giáo hội" của ông, tại chương 5.

[3463] Sự xuất hiện của cây thánh giá trên bầu trời báo trước những thời kỳ khó khăn cho Giáo hội – sự thống trị của chủ nghĩa Arian. Chính xác là 10 năm (tính từ năm 361), chủ nghĩa Arian nắm quyền dưới triều đại của Constantius, sau đó được thay thế bằng sự bội đạo của Julian (361–363); sau Julian, hoàng đế Valens (364–378) đã bảo trợ cho chủ nghĩa Arian trong 14 năm.

các vị vua trung thành của chúng con: xin Ngài cũng cứu rỗi họ trong bình an, nhờ lời cầu bầu của Đức Mẹ, lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa, và xin cứu rỗi chúng con.

Kondak, giọng 4:

Hỡi Đấng đã mở ra các tầng trời bị đóng kín, những tia sáng rực rỡ trên trời, Thánh Giá vô cùng tinh khiết đã chiếu sáng trên đất: nhờ đó, khi đón nhận ánh sáng của Ngài, chúng con được hướng dẫn đến ánh sáng không bao giờ tắt, và trong các trận chiến, chúng con có Ngài làm vũ khí của hòa bình, chiến thắng bất khả chiến bại.

Ngày 21 tháng 5

Ngày 8 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Arsenius Đại đế

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 5

Thánh Arsenius sinh ra tại Rome trong một gia đình Kitô hữu đạo đức, những người đã nuôi dạy ngài trong sự kính sợ Thiên Chúa và truyền dạy cho ngài các môn học. Arsenius không chỉ là một người có đức hạnh mà còn vô cùng khôn ngoan: ngài đã nghiên cứu các tác phẩm của tất cả các nhà hùng biện và triết gia, đồng thời thông thạo cả tiếng Hy Lạp lẫn tiếng tiếng Latinh. Tuy nhiên, ngài đã từ bỏ cuộc sống trần tục phù phiếm và khinh thường sự khôn ngoan của người Hy Lạp; ông gia nhập hàng ngũ các giáo sĩ, dâng hiến bản thân để phụng sự Thiên Chúa, vì ông tìm kiếm sự khôn ngoan chân chính, được Thánh Tông đồ Giacôbê ca ngợi, đó là sự khôn ngoan *"trong sạch, hiền hòa, khiêm nhường"*, vâng phục, tràn đầy *"lòng thương xót và những hoa trái tốt lành"* (Gc 3,17). Arsenius, sau khi nhận chức phó tế tại Giáo hội La Mã vĩ đại, đã sống một cuộc đời trong sạch, nỗ lực biến bản thân thành nơi cư ngụ xứng đáng cho Thánh Thần và Đấng Thánh Hóa muôn loài.

Vào thời điểm đó, phần phía đông của Đế chế La Mã do Theodosius Đại đế[3464] cai trị, còn phần phía tây do Gratian[3465] cai trị. Theodosius, có hai người con trai là Arcadius và Honorius, đã tìm kiếm cho các con một vị thầy có thể dạy dỗ họ không chỉ về sự khôn ngoan của con người mà còn cả sự khôn ngoan thiêng liêng; Theodosius mong muốn các con mình không chỉ được học triết học và các môn khoa học Hy Lạp khác, mà còn được rèn luyện lối sống Kitô giáo đạo đức và hướng về Thiên Chúa. Với mục đích này, Theodosius đã ra lệnh tìm kiếm khắp đế quốc của mình một người như vậy, tuy nhiên, ông không thể tìm thấy, bởi vì những người được cử đi đã gặp nhiều người thông minh và học thức nhưng lại sống một cuộc đời không phù hợp với ý Chúa, và ngược lại, họ cũng gặp những người sống đạo đức nhưng hoàn toàn không được đào tạo về các môn học thế tục. Do đó, Theodosius buộc phải viết thư cho Hoàng đế phương Tây Gratianus, cho biết rằng ông cần chính xác một người như đã nêu trên để dạy dỗ các con mình. Gratianus, sau khi tham vấn với Giáo hoàng Damasus[3466] , đã nói với ông: "Sẽ là nỗi hổ thẹn cho vương quốc của chúng ta nếu chúng ta không tìm được trong đó một người đức hạnh và khôn ngoan như Hoàng đế Theodosius đã yêu cầu. Chúng ta cần tìm một người như vậy, người có thể dạy dỗ các con trai của ngài về triết học, và rèn luyện cho các con lòng kính sợ Thiên Chúa không chỉ bằng lời nói, mà còn bằng gương sáng của cuộc sống đức hạnh."

Sau khi tìm kiếm kỹ lưỡng khắp thành Rome, họ không tìm thấy ai khôn ngoan và đạo đức hơn Arsenius, một phó tế, người đã sống một cuộc đời đạo đức, vượt trội hơn nhiều người nhờ những việc làm cao cả của mình, dù tuổi tác đã không còn trẻ. Họ triệu tập ông đến và truyền đạt ý nguyện của hoàng đế phương Đông, đồng thời ra lệnh cho Arsenius đến gặp ngài. Nhưng Arsenius tìm mọi cách từ chối, nói rằng ông đã từ bỏ mọi kiến thức trần thế từ lâu, vì đã quyết tâm dâng hiến bản thân để phụng sự Thiên Chúa với tư cách là một giáo sĩ; Arsenius nói rằng

[3464] Theodosius – cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 379 đến năm 395; nửa phía tây từ năm 383 đến năm 395.
[3465] Gracian trị vì từ năm 375 đến năm 383.
[3466] Damasus I – giữ chức Giáo hoàng từ năm 366 đến năm 384.

ông đã quên hết những lời hùng biện của các nhà hùng biện từ lâu, vì đã quyết tâm dốc hết sức lực để phụng sự Giáo hội và bàn thờ.

Tuy nhiên, Arsenius càng từ chối, hoàng đế và Giáo hoàng càng khuyên nhủ ông thực hiện yêu cầu của họ, vì họ đang nhờ ông làm một việc có ích cho toàn thể thế giới Kitô giáo và Giáo hội của Chúa. Họ nói với ông rằng ông phải dạy các hoàng tử không chỉ sự thông thái từ sách vở, mà còn cả đức tin Kitô giáo, để các hoàng tử không tin vào những truyền thuyết ngoại giáo, mà bảo vệ và truyền bá đức tin Kitô giáo.

Lúc đó, Arsenius, dù không muốn, cũng phải tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và Đức Giáo hoàng. Họ đã cử ngài đến Constantinopolis gặp hoàng đế Theodosius với sự tôn vinh lớn lao.

Khi vị thánh nhân đến Constantinopolis, ngài đã được Hoàng đế Theodosius tiếp đón một cách rất ân cần: ngay khi nhìn thấy ngài, Theodosius đã nhận ra ngay từ vẻ bề ngoài rằng đây là một người của Chúa, tràn đầy sự khôn ngoan và kiến thức về Thiên Chúa, và ngài đã vô cùng vui mừng trước sự có mặt của ngài. Sau khi tạ ơn Thiên Chúa, Theodosius đã dẫn hai con trai của mình là Arcadius và Honorius đến gặp Arsenius, rồi giao chúng cho ngài, nói rằng:

– Giờ đây, ngài sẽ là người cha của các con hơn cả ta, bởi vì nuôi dạy chúng còn khó hơn là sinh ra chúng. Ta giao phó các con cho ngài và sự khôn ngoan của ngài; hãy nuôi dạy chúng theo như ta xin ngài; hãy rèn luyện cho chúng đức hạnh và dạy dỗ chúng sự khôn ngoan; với tư cách là cha tinh thần của chúng, hãy chăm lo để chúng tránh xa những cám dỗ thời thanh niên. Vì tất cả những điều này, anh sẽ nhận được phần thưởng từ Đức Chúa Trời. Arsenius trung thực ơi! Ôi, giá như anh có thể nuôi dạy chúng trong sự kính sợ Đức Chúa Trời và một cuộc sống đạo đức! Tôi sẽ vui mừng biết bao và sẽ tạ ơn Đức Chúa Trời biết bao vì điều đó! Tôi nói tất cả những điều này với ngài trước mặt các con trai tôi, để chúng tự mình nghe và thấy tất cả những điều này. Đừng để ý đến việc chúng là con trai của nhà vua; hãy nuôi dạy chúng biết vâng lời và tuân phục ngài, bởi vì tôi muốn chúng vâng lời ngài trong mọi việc, như vâng lời cha và thầy của chúng, và nghe theo ngài, như con cái và học trò của ngài.

Sau khi giao các con mình cho Arsenius, Theodosius ra lệnh xây dựng một trường học cho các con gần cung điện, để chính ông có thể thuận tiện đến thăm các con và theo dõi việc học tập cũng như cuộc sống của các con; còn đối với Thánh Arsenius, hoàng đế đã dành cho ngài những vinh dự lớn lao: trao cho ngài một vị trí trong số các cố vấn của mình và ra lệnh gọi ngài không chỉ là cha của các con ngài, mà còn là cha của chính mình, đến nỗi mọi người đều gọi Arsenius là "cha của hoàng đế và các con ngài". Còn có tin cho biết rằng Thánh Arsenius là người đỡ đầu trong lễ rửa tội của hai hoàng tử Arcadius và Honorius, vì cả hai đều được rửa tội không phải khi còn là trẻ sơ sinh, mà là khi đã ở tuổi thiếu niên.

Khi nhận trách nhiệm hướng dẫn các hoàng tử, Arsenius đã tận tâm chăm lo cho việc giáo dục và đào tạo của họ; ông cùng họ nghiên cứu các tác phẩm tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh, đồng thời hướng dẫn họ sống một cuộc đời đạo đức bằng cách giải thích Kinh Thánh cho họ; đặc biệt, Arsenius dạy dỗ các em về cách các em phải ứng xử khi Chúa thương ban cho các em quyền cai trị đất nước; ngài nói với các em rằng các em không nên tự trang điểm bằng vương miện hoàng gia, mà phải bằng những việc làm tốt lành và đạo đức; – dù những kẻ vô đạo, bất chính đã từng trị vì – như tất cả các hoàng đế ngoại giáo – nhưng các vị vua Kitô giáo phải là những người có đức hạnh, phải vừa làm đẹp lòng Thiên Chúa, vừa làm điều thiện cho con người, nếu họ muốn danh tiếng của mình được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Trong khi dạy dỗ Arcadius và Honorius như vậy, Arsenius luôn tỏ ra hết mực kính trọng họ như những người con của nhà vua; vì thế, ông thường mời họ ngồi lên ngai vàng, còn bản thân thì đứng trò chuyện với họ.

Có lần, Theodosius bất ngờ ghé thăm họ trong giờ học. Thấy các con trai mình đang ngồi, còn thầy giáo của chúng là Arsenius lại đứng trước mặt, Theodosius rất buồn bã và nói với Arsenius:

– Chẳng phải ta đã ra lệnh như vậy sao? Chẳng phải ta đã bảo ngươi coi các con trai ta như học trò và con cái của chính ngươi, và đừng để ý đến việc chúng là con cái của hoàng đế sao?

Thánh Arsenius khiêm nhường trả lời Theodosius như sau:

– Bệ hạ! Mọi sự vật đều có nhiệm vụ riêng của nó: tuổi trẻ cần được dạy dỗ, còn danh dự hoàng gia thì cần được tôn kính.

Nghe những lời này, nhà vua càng cảm thấy bị xúc phạm hơn và nói:

– Vậy là ngươi coi chúng là vua sao?

Nói xong, Theodosius tước bỏ các biểu tượng hoàng gia khỏi các con trai mình, rồi ép Arsenius ngồi lên ngai vàng, còn bắt các con trai mình phải đứng trước mặt ngài và nói:

– Nếu các con học được cách kính sợ Đức Chúa Trời, tuân giữ các điều răn của Ngài và làm đẹp lòng Ngài bằng cuộc sống đạo đức, thì Vua trên trời sẽ lập các con làm vua trên đất, nếu các con xứng đáng với điều đó; nhưng nếu các con là những người xấu xa và không xứng đáng với ngai vàng, thì thà các con đừng làm vua còn hơn. Ta cầu xin Đức Chúa Trời rằng thà Ngài cất họ khỏi cuộc đời này khi còn trẻ tuổi, còn hơn là để họ lớn lên trong sự gian ác, dẫn đến sự hủy diệt cho cả linh hồn chính họ lẫn linh hồn của những người khác.

Nói xong, nhà vua ra về.

Trong thâm tâm, Arsenius tán thành lời vua và từ đó hành động theo mệnh lệnh của ngài: ông dạy dỗ các hoàng tử khi đang ngồi, trong khi họ đứng trước mặt ông.

Nhưng danh vọng bao quanh Arseniy càng lớn, lòng ông càng buồn phiền, bởi vì trái tim ông không hướng về danh vọng, cũng không hướng về của cải, hay những lời khen ngợi hão huyền của thế gian; trong sâu thẳm tâm hồn, ông khao khát được phụng sự Chúa trong cuộc sống khiêm nhường của một tu sĩ, trong sự im lặng và nghèo khó; vì vậy, Arsenius bắt đầu cầu nguyện hết lòng với Chúa, xin Ngài giải thoát ông khỏi việc phải ở trong cung điện hoàng gia và ban cho ông được sống đời tu hành ẩn dật trong sa mạc.

Có một lần, Arsenius tình cờ phát hiện Arkady phạm phải một lỗi lầm nào đó. Bực giận với cậu ta, Arsenius đã đánh cậu bằng roi, và đánh mạnh đến mức Arkady nhớ mãi hình phạt đó cho đến tận lúc lâm chung, vì những vết roi vẫn còn in hằn trên cơ thể cậu. Tất cả những điều này đều xảy ra theo ý định của Đức Chúa Trời, nhằm giải thoát Arseniy khỏi cuộc sống trần tục này và cho ngài cơ hội sống đời tu hành ẩn dật trong sa mạc, điều mà vị thánh nhân hằng khao khát. Arkady, ôm trong lòng sự tức giận đối với thầy mình và khi đã trưởng thành, bắt đầu suy tính cách giết Arseniy. Anh ta tiết lộ ý định của mình cho một cố vấn thân tín và nài nỉ người này giết Arseniy bằng bất kỳ cách nào anh ta muốn. Nhưng người này, vì kính sợ Đức Chúa Trời và Hoàng đế Theodosius, lại không muốn làm điều ác như vậy, nhất là khi ông rất kính trọng Arsenius vì nhiều đức tính tốt đẹp của ngài, nên đã bí mật, trong lúc riêng tư, tiết lộ kế hoạch của Arkady cho ngài và khuyên vị thánh nhân hãy tự bảo vệ tính mạng của mình.

Còn Arsenius, tràn ngập nỗi buồn và sợ hãi, lại bắt đầu khóc lóc cầu nguyện với Chúa, xin Ngài dẫn dắt ông đi trên con đường cứu rỗi.

Vào ban đêm, trong lúc cầu nguyện, Arsenius nghe thấy một tiếng nói từ trên cao phán: "Arsenius! Hãy chạy trốn khỏi mọi người, và ngươi sẽ được cứu rỗi."

Nghe vậy, Arsenius mặc bộ quần áo rách rưới, lén lút rời khỏi cung điện hoàng gia và đến bờ biển; tại đây, nhờ sự an bài của Chúa, ông tìm thấy một con tàu đang chuẩn bị khởi hành đến Alexandria[3467] . Ông lên tàu và lên đường, đặt trọn niềm tin vào Chúa. Khi con tàu cập bến Alexandria, Arsenius lập tức đến tu viện của các tu sĩ[3468] . Khi vào nhà thờ, ông bắt đầu khóc lóc van nài các linh mục phong chức tu sĩ cho mình và chỉ dẫn ông trên con đường cứu rỗi. Các vị linh mục này, thấy người đang nói chuyện với họ là một người chính trực và kính sợ Chúa, liền hỏi ông:

– Anh là ai và đến từ đâu?

Ông đáp lại:

– Tôi là một người lữ hành và là một người nghèo khó.

Các linh mục bàn bạc với nhau xem nên giao người khách này cho ai để hướng dẫn đời sống tu sĩ, rồi quyết định giao anh ta cho tu sĩ Giăng Kolov, và thông báo điều đó cho ông. Tu sĩ Giăng, sau khi cầu nguyện với Chúa, nói: "Xin ý Chúa được thực hiện!"

Trong khi đó, Thánh Gioan ra lệnh dọn bữa ăn cho các tu sĩ, vì lúc đó đã là giờ thứ mười trong ngày. Các tu sĩ ngồi vào bàn, nhưng Arsenius vẫn đứng, vì không ai mời anh ngồi. Các tu sĩ bắt đầu dùng bữa, nhưng Arsenius không ăn gì cả và cứ đứng đó suốt, cúi đầu xuống, như thể đang đứng trước mặt Đức Chúa Trời và các Thiên Thần thánh của Ngài. Vị tu sĩ già Ioann lấy một miếng bánh mì khô trong số những miếng được dọn ra cho bữa ăn, ném cho Arsenius và nói:

– Ăn đi, nếu con muốn.

[3467] Alexandria – thành phố nổi tiếng từ thời cổ đại, tọa lạc tại cửa sông Nile ở Ai Cập và được Alexander Đại đế (336–323 trước Công nguyên) thành lập. Trong thời cổ đại, Alexandria là trung tâm thương mại, công nghiệp và giáo dục, còn trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, nơi đây là cái nôi của nền giáo dục Kitô giáo. Hiện nay, Alexandria là một trong những thành phố cảng quan trọng nhất.

[3468] Ai Cập từng là nơi cư ngụ quen thuộc của nhiều vị tu sĩ. Các tu viện của các tu sĩ nằm cả ở Trung Ai Cập lẫn Hạ Ai Cập. Đặc biệt nổi tiếng ở Ai Cập là sa mạc Nitrian, nằm ở Hạ Ai Cập và trải sâu vào nội địa, phía sau sông Nile. Sa mạc Skit nằm gần Livia. Đây là một sa mạc hoang dã, đầy cát; nơi đây thậm chí không có con đường mòn nào – người ta phải dựa vào hướng sao để tìm đường đến đây.

Thánh Giăng làm vậy để thử lòng khiêm nhường của người mới đến và xem liệu anh ta có thực sự đến đây để từ bỏ thế gian hay không.

Trong khi đó, Arsenius thầm nghĩ: "Vị tu sĩ này là Thiên Thần của Chúa và là người có khả năng thấu thị, bởi vì ngài biết rằng tôi còn tệ hơn cả một con chó; chính vì thế mà ngài đã ném miếng bánh mì khô cho tôi như ném cho một con chó; cũng vì lý do đó, tôi phải ăn nó như một con chó vậy".

Và cúi người xuống đất, ông bò bằng bốn chân như một con vật bốn chân đến miếng bánh mì khô, nhặt nó trực tiếp bằng miệng, rồi mang nó vào góc phòng và nằm trên đất ăn hết miếng bánh đó.

Thánh Gioan, khi thấy sự khiêm nhường như vậy của Thánh Arsenius, đã nói với các linh mục:

– Anh ấy sẽ trở thành một vị tu sĩ vĩ đại.

Giăng rất yêu mến Arsenius vì sự khiêm nhường của anh và chẳng bao lâu sau đã cho anh mặc áo tu sĩ, rồi sau khi dạy anh cách sống đời tu hành, ngài đã cho anh một căn phòng gần chỗ ngài, như một tu sĩ đã vững vàng và có kinh nghiệm trong các đức tính.

Trong khi đó, Hoàng đế Theodosius bắt đầu tìm kiếm Arsenius ngay sau khi ông rời khỏi cung điện. Theodosius rất tiếc nuối về Arsenius và vì vậy đã ra lệnh tìm kiếm ông ở các thành phố khác nhau. Tuy nhiên, người ta không thể tìm thấy ông, vì Chúa đã che giấu nơi ở của vị thánh nhân của Ngài cho đến khi Ngài thấy thích hợp để cho thế gian biết đến ông, nhằm mang lại lợi ích cho nhiều người.

Còn Arsenius, sống trong căn phòng tu viện do vị tu sĩ già chỉ định, đã tu tập bằng việc ăn chay, cầu nguyện và các công việc tu hành, và đã tiến bộ vượt bậc trong mọi đức hạnh đến nỗi vượt qua nhiều vị tu sĩ già khác nhờ những công đức của mình. Một lần, khi đang cầu nguyện, anh nói:

– Lạy Chúa, xin dạy con cách được cứu rỗi!

Đáp lại điều đó, có một tiếng nói từ trời phán rằng:

– Arsenius! Hãy ẩn mình khỏi mọi người và sống trong im lặng; đó là gốc rễ của đức hạnh.

Tuân theo tiếng nói ấy, Arsenius rời khỏi nơi đó để đi sâu vào sa mạc và xây dựng cho mình một căn phòng nhỏ; trong căn phòng này, ngài luôn ở một mình, hết sức cố gắng giữ im lặng. Ngài tránh mọi cuộc trò chuyện và luôn hướng tâm trí về trời cao; dù thân xác còn ở trần gian, nhưng tinh thần ngài đã bay lên cùng các thế lực trên trời. Mỗi ngày Chủ nhật và ngày lễ, ông đều đến nhà thờ. Sau khi thánh lễ kết thúc, ông lập tức trở về phòng tu của mình trong im lặng; lúc đó, ông không bao giờ trò chuyện với ai; chỉ thỉnh thoảng, khi được hỏi, ông mới trả lời câu hỏi một cách ngắn gọn nhất có thể, rồi lại quay về nơi ở yên lặng của mình. Tất cả các tu sĩ sống trong sa mạc Skit đều vô cùng ngạc nhiên trước cuộc sống đạo đức của Thánh Arsenius. Một lần, Abba Mark hỏi ngài:

– Thưa cha đáng kính, tại sao cha lại xa lánh chúng con?

Thánh Arsenius đáp lại:

– Chỉ có Chúa mới biết tôi yêu quý các vị đến nhường nào; nhưng tôi không thể ở cùng lúc với cả Chúa lẫn con người, bởi vì trên trời, dù có rất nhiều thế lực siêu phàm – hàng ngàn, hàng vạn hay hàng chục vạn – nhưng tất cả đều có chung một ý chí và vì thế đồng lòng tôn vinh Chúa; còn trên đất này, có rất nhiều ý chí của con người, và mỗi người đều có những suy nghĩ riêng; mỗi người trong chúng ta đều có những ý định và suy nghĩ khác nhau, và vì thế tôi không thể, khi đã rời xa Chúa, mà lại sống cùng loài người.

Với khát vọng được đến gần Chúa nhất có thể, Arsenius đã bằng mọi cách tránh xa con người, đến nỗi ông thậm chí không muốn ai nhìn thấy hay biết về mình; nhưng giống như ngọn đèn, ông không thể ẩn mình trong bóng tối; tin đồn về những việc làm cao cả của ông lan truyền khắp nơi và đến tận Constantinople.

Sau khi vị hoàng đế đạo đức Theodosius Đại Đế qua đời, con trai ông là Arcadius lên ngôi[3469] . Khi biết được nơi ở và lối sống của Thánh Arsenius, Arcadius đã viết thư cho ngài, trong đó với lòng khiêm nhường, ông xin ngài tha thứ cho những tội lỗi thời trẻ của mình, đồng thời xin ngài cầu nguyện với Chúa cho ông và cho anh trai ông là Honorius, người đang cai trị nửa phía tây của Đế quốc La Mã[3470] , để triều đại của họ được Chúa ban phước. Ngoài ra, Arcadius còn trao cho Thánh Arsenius quyền sử dụng toàn bộ khoản thuế thu được từ Ai Cập, và phân phát cho các nhà thờ, tu viện và tất cả những người nghèo khó, theo ý mình. Thánh Arsenius không muốn trả lời bằng văn bản cho hoàng đế, mà chỉ nói với sứ giả rằng:

[3469] Hoàng đế Arcadius cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 395 đến năm 408.

[3470] Từ năm 395 đến năm 423,

– Hãy nói với những người đã sai ngươi đi: đây là lời của Arsenius khiêm nhường – xin Chúa tha thứ tội lỗi của các ngươi, chúc phúc cho triều đại của các ngươi và giúp các ngươi thực hiện thánh ý của Ngài. Các ngươi đã viết về tiền cống nạp; nhưng Arsenius không cần đến nó, vì ngài đã chết đối với thế gian; chớ ai coi ngài còn sống (tức là sống cho thế gian).

Với câu trả lời đó, người được cử đi đã trở về gặp hoàng đế, còn vị thánh thì lui về căn phòng ẩn dật của mình và ở đó trong im lặng, liên tục trò chuyện với Chúa qua lời cầu nguyện, và chỉ thỉnh thoảng mới ra khỏi đó để giảng dạy cho người khác về các đức tính tu hành.

Một lần nọ, Thánh Arsenius đến một nơi có rất nhiều lau sậy mọc um tùm. Ngài thấy các tu sĩ đang ngồi gần đám lau sậy. Vì lau sậy xào xạc trong gió, nên Thánh Arsenius hỏi các tu sĩ:

– Tiếng động này phát ra từ đâu vậy?

Các tu sĩ trả lời ngài:

– Đó là tiếng lau sậy xào xạc vì gió.

Lúc đó, vị thánh nhân nói với họ:

– Vậy tại sao các vị lại ngồi đây và lắng nghe tiếng sậy? Ai thực sự yêu thích sự tĩnh lặng thì không nên nghe cả tiếng chim hót, vì nó có thể làm xáo trộn sự bình an trong tâm hồn; huống chi tiếng sậy lại càng có thể làm xao động tâm hồn của một tu sĩ.

Một lần nọ, Đức Tổng Giám mục Alexandria Theophilus[3471] cùng với một vị quan cao cấp đến gặp vị thánh, mong được trò chuyện với ngài và nhận lời dạy dỗ. Vị thánh im lặng một lát, rồi nói với họ:

– Các ngài có làm theo những gì tôi sẽ nói không?

Họ hứa sẽ làm theo mọi điều ngài nói.

Rồi vị thánh nhân nói:

– Đừng bao giờ đến nơi nào có Arsenius.

Những người đến đã ngạc nhiên trước câu trả lời của vị tu sĩ, nhưng họ vẫn vâng lời và ra về.

Một thời gian sau, tổng giám mục muốn gặp Arsenius lần nữa, nên đã sai người đến hỏi ông: "Khi tổng giám mục đến thăm, ngài có mở cửa phòng tu của mình không?"

Vị thánh nhân đáp lại người được sai đi: "Nếu ngài đến, thì tôi sẽ mở cửa; nhưng nếu tôi mở cửa phòng tu cho ngài, thì tôi sẽ phải mở cửa cho tất cả mọi người; và trong trường hợp đó, tôi sẽ phải rời khỏi phòng tu."

Nghe câu trả lời như vậy, Đức Tổng Giám mục đã không đến gặp vị tu sĩ, vì ngài lo sợ rằng ngài ấy có thể sẽ rời khỏi nơi đó.

Có lần, một tu sĩ lang thang đến trước phòng tu của Thánh Arsenius, vì muốn gặp ngài. Đến gần cửa, ông gõ cửa. Arsenius, tưởng rằng đó là người phụ tá của mình, liền mở cửa ngay lập tức. Nhưng khi thấy một người lạ, ngài liền quỳ sấp mặt xuống đất, để không phải nhìn người khách. Tuy nhiên, người khách này bắt đầu nài nỉ vị tu sĩ đứng dậy. Arsenius không muốn đứng dậy và nói: "Tôi sẽ không đứng dậy cho đến khi anh rời khỏi đây."

Và quả thực, ngài đã nằm trên đất trong một thời gian dài. Tu sĩ ấy đã nài nỉ vị thánh nhân rất lâu; nhưng vì vị thánh nhân không đồng ý đáp ứng lời thỉnh cầu của anh ta, nên tu sĩ ấy đành phải rời khỏi đó.

Một lần khác, có một tu sĩ khác từ xa đến tu viện, cũng muốn gặp vị thánh, và bắt đầu nài nỉ các tu sĩ chỉ đường đến phòng của Arsenius. Khi đó, anh ta nói với các tu sĩ:

– Tôi muốn trò chuyện với Cha Arsenius.

Nhưng các tu sĩ trả lời anh ta:

– Hãy đợi đến Chủ nhật, anh em ạ, anh sẽ gặp ngài khi ngài đến nhà thờ. Vị tu sĩ ấy liền nói với các tu sĩ:

– Tôi sẽ không ăn cho đến khi được gặp vị thánh nhân.

Vì vậy, các tu sĩ đã cử một tu sĩ đi cùng người mới đến và giao cho anh ta nhiệm vụ chỉ đường đến phòng tu của vị tu sĩ cao niên Arsenius (cần lưu ý rằng phòng tu của Arsenius cách tu viện ba mươi stadia)[3472] .

Khi đến gần phòng tu, vị tu sĩ gõ cửa.

Vị tu sĩ già mở cửa và mời những người khách vào phòng; sau đó ngài ngồi xuống, cúi đầu và im lặng. Những người đến cũng ngồi im lặng. Mọi người im lặng trong một khoảng thời gian khá lâu. Cuối cùng, vị tu sĩ từ tu viện nói:

[3471] Thượng phụ Theophilus tại vị từ năm 385 đến năm 412.

[3472] Khoảng 5 verst theo cách tính của chúng ta.

– Tôi sẽ quay trở lại, vì tôi phải thực hiện nghĩa vụ của mình tại nhà thờ.

Và, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, anh ta chuẩn bị ra đi.

Còn vị tu sĩ khác đi cùng anh ta, vì không đủ can đảm để ở lại với vị tu sĩ già, nên nói với anh ta:

– Tôi cũng sẽ đi cùng anh.

Sau đó, anh ta đứng dậy, cúi chào vị tu sĩ già và bước ra khỏi phòng, mà không nghe được một lời nào từ miệng vị tu sĩ đáng kính.

Sau đó, vị tu sĩ lang thang bắt đầu nài nỉ người anh em dẫn mình đến gặp Mô-sê, người từng là tên cướp trước khi xuất gia. Người anh em đồng ý đáp ứng lời thỉnh cầu của ông và dẫn ông đến gặp vị thánh Mô-sê.

Khi họ đến gặp Mô-sê, vị này đã tiếp đón họ với niềm vui, mời họ nghỉ ngơi và dùng bữa, rồi sau khi thể hiện tình yêu thương sâu sắc dành cho họ, ngài đã tiễn họ ra về.

Trên đường đi, vị tu sĩ ở tu viện nói với người khách:

– Ngươi đã gặp cả cha Arsenius lẫn cha Mô-sê rồi. Theo ngươi, ai trong hai người tốt hơn?

Vị tu sĩ trả lời:

– Người tốt nhất trong số họ là người đã đón tiếp chúng ta với tình yêu thương.

Một tu sĩ, khi biết chuyện này, đã cầu nguyện với Chúa như sau: "Lạy Chúa! Xin hãy cho con biết, ai trong số họ hoàn hảo hơn và xứng đáng nhận được ân sủng lớn lao hơn của Ngài: người ẩn mình khỏi mọi người vì Ngài, hay người đón nhận tất cả mọi người cũng vì Ngài?"

Vị tu sĩ này, sau khi cầu nguyện, đã có một thị kiến như sau: ông thấy hai con thuyền đang trôi trên một con sông rất lớn; trên một con thuyền là Thánh Arsenius, và Thánh Thần của Chúa đang điều khiển con thuyền của ngài, giữ cho ngài được bình an trong sự tĩnh lặng tuyệt đối; trên con thuyền kia là Thánh Mô-sê; còn con thuyền của ngài thì được các Thiên thần của Đức Chúa Trời điều khiển, và họ đã nhỏ mật ong vào miệng Mô-sê.

Vị tu sĩ ấy đã kể lại giấc mơ này cho những tu sĩ khác, những người có kinh nghiệm hơn, và tất cả đều nhận thấy rằng Thánh Arsenius, người sống trong sự im lặng, hoàn hảo hơn Thánh Mô-sê, người tiếp đón những người lữ hành, bởi vì chính Đức Chúa Trời ngự cùng Thánh Arsenius, còn với Thánh Mô-sê chỉ có các Thiên thần thánh.

Arsenius luôn tránh xa việc tiếp xúc với con người và các cuộc trò chuyện với họ nói chung, nhưng ông đặc biệt cảnh giác với việc tiếp xúc với phụ nữ và nói chuyện với họ, điều này có thể thấy qua trường hợp sau đây.

Một quý bà giàu có, đạo đức, trong sạch và rất kính sợ Đức Chúa Trời, sống một cuộc đời nghiêm khắc, khi nghe nói về Thánh Arsenius, đã mong muốn được gặp ngài; với mục đích đó, bà đã từ Roma đến Alexandria gặp Tổng Giám mục và xin ngài thuyết phục Thánh Arsenius tiếp đón bà như một người lữ hành, đồng thời ban phước lành cho bà vì đã thực hiện chuyến hành trình xa xôi đến vậy. Tổng giám mục đã tiếp đón bà với sự tôn trọng đặc biệt, vì bà xuất thân từ một gia tộc thượng nghị sĩ danh giá, và đã cố gắng hết sức để thuyết phục vị thánh nhân đáp ứng lời thỉnh cầu của bà, nhưng không thành công, bởi vì vị thánh nhân không chỉ không muốn gặp bà, mà thậm chí còn không muốn nghe nói đến phụ nữ.

Khi biết được điều này, quý bà đã ra lệnh cho các tôi tớ chuẩn bị cho chuyến đi, và nói:

– Tôi đặt niềm tin vào Chúa, rằng Ngài sẽ ban cho tôi cơ hội được gặp Arsenius, bởi vì tôi không đến đây chỉ để gặp một người bình thường (và trong thành phố của chúng ta cũng có rất nhiều người bình thường); không, tôi muốn gặp một vị tiên tri. Chính vì điều đó mà tôi đã thực hiện chuyến hành trình xa xôi này.

Nói xong, bà lên đường đến sa mạc nơi các tu sĩ ẩn tu. Khi bà quý tộc đến gần phòng tu của vị tu sĩ, theo ý định của Chúa, vị tu sĩ già đang ở ngoài phòng; bà bất ngờ tiến lại gần ông và quỳ xuống dưới chân ông. Ông ra lệnh cho bà đứng dậy, rồi nhìn thẳng vào mặt bà và nói với giọng giận dữ:

– Nếu ngươi muốn nhìn thấy khuôn mặt ta, – thì đây rồi – hãy nhìn đi.

Nhưng vì xấu hổ, bà không dám ngước mắt lên nhìn ông. Lúc đó, vị tu sĩ già nói với bà:

– Nếu con đã nghe nói về những việc thiện nào của ta, thì con sẽ làm điều tốt nếu thực hành chúng. Còn khuôn mặt ta thì con chẳng cần phải nhìn. Tại sao con lại phải đi một quãng đường xa xôi như vậy? Cô không biết rằng mình là phụ nữ và vì thế phải ở trong nhà, không được ra ngoài sao? Chẳng lẽ cô đến đây chỉ để khi trở về Rome, khoe với những người phụ nữ khác rằng cô đã gặp Arsenius sao? Nếu cô làm thế, thì tất cả phụ nữ trong thành phố sẽ tìm đến tôi.

Cô ấy đáp lại:

– Nếu Chúa giúp tôi trở về, tôi sẽ không cho phép ai đến gặp ngài, để không cản trở những việc làm cao cả của ngài. Nhưng tôi xin ngài – hãy cầu nguyện cho tôi với Chúa và nhớ đến tôi trong những lời cầu nguyện của ngài.

Vị tu sĩ già nói với cô:

– Ta sẽ cầu xin Chúa xóa bỏ ký ức về nàng khỏi lòng ta.

Nghe vậy, quý bà rời khỏi vị tu sĩ với lòng vô cùng bối rối. Khi về đến thành Alexandria, bà lại chìm trong nỗi buồn còn sâu sắc hơn.

Đức Tổng Giám mục được biết rằng bà quý tộc đã trở về từ chỗ vị tu sĩ với nỗi buồn sâu sắc. Khi đến gặp bà, ngài hỏi lý do khiến bà đau buồn. Bà quý tộc đáp lại:

– Thà rằng tôi không đến đây thì tốt hơn. Tôi đã xin vị tu sĩ cầu nguyện cho tôi, nhưng ngài nói với tôi: "Tôi sẽ cầu xin Chúa xóa bỏ ký ức về cô khỏi lòng tôi." Chính vì lý do đó mà tôi đang đau khổ tột cùng.

Lúc đó, tổng giám mục nói với nàng:

– Đừng buồn vì điều đó, con gái của ta, vì vị tu sĩ già nói vậy không phải không có lý do: bởi con là phụ nữ, và qua phụ nữ, ma quỷ gây ra nhiều rắc rối cho các vị thánh nam. Chính vì thế mà vị tu sĩ già đã nói những lời đó, lo sợ sự cám dỗ của ma quỷ; còn về linh hồn con, ngài đang cầu nguyện và sẽ luôn cầu nguyện cho con.

Người phụ nữ quý tộc đã bình tĩnh lại sau những lời đó, không còn buồn bã nữa và vui vẻ lên đường trở về.

Thánh Arsenius tiếp tục sống trong sự im lặng, ngày càng đắm chìm sâu hơn vào sự suy ngẫm về Thiên Chúa; ngài bừng cháy một tình yêu mãnh liệt dành cho Thiên Chúa đến nỗi dường như luôn ở trong ngọn lửa vì những lời cầu nguyện nồng nàn của mình.

Một lần nọ, có một tu sĩ từ tu viện nhỏ đến phòng của vị tu sĩ già vì một việc gì đó; khi đến gần cửa sổ, anh ta thấy vị tu sĩ già đang đứng cầu nguyện, và ngài như bừng cháy bởi lời cầu nguyện, như ngọn lửa. Thấy cảnh đó, vị tu sĩ kinh hãi. Vì anh ta xứng đáng được chứng kiến cảnh tượng này, nên sau khi đứng đó một lát, anh ta gõ cửa. Vị tu sĩ già bước ra khỏi phòng và, khi thấy vị tu sĩ kia đang kinh hãi vì điều gì đó, liền hỏi anh ta:

– Anh đã ở đây bao lâu rồi? Anh có thấy điều gì đặc biệt không?

Nhưng vị tu sĩ đáp:

– Tôi không thấy gì cả.

Sau đó, sau khi nói chuyện với anh ta về việc cần thiết, vị tu sĩ già cho anh ta trở về tu viện.

Người ta còn kể về vị tu sĩ kỳ diệu này rằng, khi ngài còn sống trong cung điện hoàng gia, không ai mặc quần áo đẹp hơn ngài; nhưng khi ngài từ bỏ đời sống thế tục, thì không ai có quần áo tồi tàn hơn ngài.

Vị tu sĩ này vẫn giữ lại một thói quen từ thời sống trong hoàng cung, đó là: thỉnh thoảng khi ngồi, ông khoanh chân, điều này có thể trông không hoàn toàn lịch sự. Một số anh em đã nhìn thấy điều đó, tuy nhiên, không ai trong số họ dám nhắc nhở ông, bởi vì tất cả đều rất kính trọng ông. Nhưng chỉ có một vị tu sĩ già, Abba Pimen, đã nói với các anh em:

– Các con hãy đến gặp Abba Arsenius, và ta sẽ ngồi bên cạnh ngài theo cách mà thỉnh thoảng ngài ngồi; lúc đó các con hãy nhắc nhở ta rằng ta đang ngồi không đúng cách. Ta sẽ xin lỗi các con; đồng thời, chúng ta cũng sẽ giúp vị tu sĩ ấy sửa đổi.

Họ đi và làm theo như vậy. Còn vị thánh Arsenius, khi nhận ra rằng cách ngồi như vậy là không phù hợp với một tu sĩ, đã từ bỏ thói quen của mình.

Thánh Arsenius khiêm nhường đến mức thậm chí còn lắng nghe những lời dạy dỗ từ các tu sĩ bình thường. Chẳng hạn, khi trò chuyện với một vị tu sĩ già người Ai Cập, ngài đã xin được chỉ dạy cách xua đuổi những ý nghĩ tội lỗi khỏi tâm trí mình. Một tu sĩ khác biết được điều này, sau đó đã nói với Arsenius:

– Tại sao cha, một người trung thực, thông thạo các môn học, am hiểu tiếng Hy Lạp và tiếng La Tinh, lại đi xin lời khuyên từ một người đơn sơ về cách xua đuổi những ý nghĩ tội lỗi khỏi tâm trí mình?

Vị thánh nhân đáp lại vị tu sĩ đó:

– Tôi hiểu rõ các môn học thế tục của người Hy Lạp và La Mã; nhưng tôi thậm chí còn không biết những điều cơ bản nhất mà một người đơn sơ biết về cuộc sống đạo đức.

Vị thánh nhân nói điều này để chỉ ra rằng sự khiêm nhường là nền tảng của mọi đức hạnh, giống như bảng chữ cái là nền tảng của mọi khoa học; ai dù có học hết mọi sự khôn ngoan trần thế nhưng lại không có lòng khiêm nhường chân chính, thì người đó không thể được cứu rỗi.

Ngoài sự khiêm nhường, vị tu sĩ còn sở hữu ân sủng của lòng cảm động.

Suốt cuộc đời mình, mỗi khi làm việc thủ công, ngài luôn đeo một chiếc khăn trên ngực, vì nước mắt liên tục tuôn trào từ đôi mắt ngài. Ngài rất minh mẫn cả về thể xác lẫn tinh thần; cả ngày ngài làm việc và cả đêm ngài cầu nguyện với Chúa, và chỉ thỉnh thoảng mới chợp mắt. Khi đôi mắt ngài khép lại và ngài rất muốn ngủ, ngài tự nhủ: "Hãy đi đi, hỡi kẻ đầy tớ xấu xa, đừng ở lại với ta!"

Và nếu sau đó ông vẫn chìm vào giấc ngủ nhẹ khi đang ngồi, thì ngay sau đó, sau khi tỉnh táo lại, ông đứng dậy và cầu nguyện với Chúa. Ông thường nói với các môn đệ của mình:

– Một tu sĩ chỉ nên ngủ một giờ thôi.

Vào tối thứ Bảy, trước mỗi ngày Chủ nhật, ngài đã đứng cầu nguyện từ tối, giơ hai tay lên cao; ngài đứng quay lưng về phía mặt trời và đứng như vậy cho đến khi mặt trời, vào sáng hôm sau, bắt đầu chiếu thẳng vào mặt ngài.

Vị tu sĩ đáng kính luôn bận rộn với việc thủ công: cụ dệt giỏ và chiếu từ lá chà là, và không thay nước ngâm lá trong suốt cả năm; chỉ thỉnh thoảng cụ mới thêm một ít nước vào. Vì lý do này, một số anh em trong tu viện đã nói với cụ:

– Tại sao cha, người cha đáng kính, lại không thay nước ngâm lá chà là? Chẳng lẽ cha không nhận ra mùi hôi thối bốc lên từ nước đó trong phòng của cha sao?

Vị thánh nhân đáp lại họ rằng:

– Thay vì hương trầm và các loại dầu thơm mà tôi từng ngửi thấy khi còn sống trong thế gian, giờ đây tôi phải ngửi mùi hôi thối này, để vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, Chúa sẽ giải thoát tôi khỏi mùi hôi thối không thể chịu đựng nổi của địa ngục.

Thỉnh thoảng, các quỷ dữ dám cám dỗ vị tu sĩ; còn vị tu sĩ phụ trách chăm sóc ngài, khi đến gần phòng tu của ngài, đã nghe thấy vị tu sĩ già kêu cầu Chúa trong những trường hợp như vậy: "Xin đừng bỏ rơi con, lạy Chúa! Dù con chưa làm được điều gì tốt lành trước mặt Ngài, nhưng xin Ngài giúp con, nhờ ân sủng của Ngài, bắt đầu làm điều tốt lành ngay từ bây giờ!"

Có lần, Thánh Arsenius bị ốm nặng. Các tu sĩ trong tu viện đã đến với ngài, bế ngài và đưa ngài đến bệnh xá bên cạnh nhà thờ để chăm sóc ngài. Họ đặt ngài lên một chiếc giường được dọn dẹp gọn gàng và có gối đầu êm ái. Có một tu sĩ đến thăm vị thánh. Người tu sĩ ấy, khi thấy vị thánh đang nằm trên chiếc giường êm ái, đã bị cám dỗ và nói:

– Đây có phải là Cha Arsenius không! Và thật sự ngài lại đang nằm trên chiếc giường êm ái này sao?

Nghe vậy, một trong các linh mục gọi vị tu sĩ đó lại và hỏi riêng:

– Anh em ơi, khi còn ở đời, anh em đã đảm nhận nhiệm vụ gì và cuộc sống của anh em ra sao?

Anh ta trả lời:

– Tôi từng là một người chăn cừu và đã trải qua cuộc đời trong muôn vàn vất vả và đau khổ.

Sau đó, vị trưởng lão lại hỏi anh ta:

– Vậy bây giờ anh sống ra sao?

Anh ta trả lời:

– Bây giờ tôi sống trong bình an, có đủ mọi thứ cho nhu cầu của mình và không biết đến lo âu hay buồn phiền nào cả.

Lúc đó, vị linh mục nói với anh ta:

– Người mà con đang thấy đây, cha Arsenius, khi còn ở trần gian, từng là cha của các vị vua; có hàng ngàn người hầu mặc áo sáng màu, thắt lưng vàng và đeo vòng cổ bằng vàng[3473] ; giường ngủ của ngài được trang trí rất lộng lẫy và của cải của ngài thì vô số; còn con trước đây chăn gia súc và là một người nghèo; anh không có được sự bình an như thế này khi còn ở đời; anh đang nghỉ ngơi sau những vất vả trần thế, còn Cha Arsenius giờ đây lại phải lao động vất vả và chịu khổ trong cảnh nghèo khó, sau khi đã từng được hưởng sự bình an và sung túc khi còn ở đời.

Người anh em ấy, cảm động trước những lời của vị linh mục, cúi đầu chào và xin lỗi ngài, nói:

– Quả thật, thưa cha đáng kính, mọi chuyện đều đúng như cha đã nói: con đến đây để tìm sự bình an sau những vất vả, còn cha Arsenius thì đến đây để lao động sau những ngày bình an.

Sau khi nhận được lời dạy dỗ có ích cho linh hồn, vị tu sĩ ấy rời khỏi vị linh mục.

[3473] Grivna – một sợi dây chuyền bằng vàng, được đeo như một món trang sức trên cổ.

Có lần, bọn man di xâm lược vùng đất ấy. Tất cả các tu sĩ đều chạy trốn khỏi tu viện đến các thành phố và làng mạc; nhưng vị thánh nhân không muốn rời sa mạc để vào thành phố, ngài suy ngẫm như thế này: "Nếu Chúa không bảo vệ con, thì con cũng chẳng còn lý do gì để sống trên cõi đời này nữa."

Bọn man di đã cướp phá toàn bộ tu viện, nhưng không thể tìm thấy vị thánh Arsenius, vì chính Đức Chúa Trời đã che giấu tôi tớ của Ngài khỏi chúng. Tuy nhiên, sau khi suy ngẫm trong lòng, để không phải nghe những lời khen ngợi từ các vị tu sĩ khác và không sa vào sự kiêu ngạo, vị thánh đã đi theo con đường mà các vị tu sĩ khác đã chạy trốn. Arsenius đã khóc rất nhiều vì sự tàn phá của tu viện, và nói:

– "Rome đã hủy hoại thế giới[3474] , còn các tu sĩ thì đã hủy hoại tu viện."

Khi bọn man rợ rời khỏi tu viện, các tu sĩ lại trở về đó; sau khi khôi phục tu viện, họ lại tiếp tục sinh sống tại chỗ cũ. Thánh Arsenius cũng trở về phòng tu của mình cùng với họ.

Một lần nọ, người ta mang từ Rôma đến cho vị thánh một bản di chúc của một quan đại thần, người họ hàng của ngài, người đã để lại toàn bộ tài sản khổng lồ của mình cho vị thánh, để ngài sử dụng theo ý muốn của chính mình . Vị thánh, sau khi nhận bản di chúc, định xé nó đi, nhưng người mang bản di chúc đến đã xin ngài đừng xé tài liệu đó, nói rằng:

– Xin ngài, thưa cha đáng kính, đừng xé lá di chúc này, vì những người đã gửi nó sẽ truy cứu trách nhiệm với con.

Vị tu sĩ liền trả lại bản di chúc nguyên vẹn cho người đó và nói:

– Người ấy đã qua đời trước tôi (để được an nghỉ); vậy tại sao người mới qua đời này lại chỉ định tôi, một người đã chết, làm người thừa kế tài sản của mình?

Và ngài đã trả lại người được cử đi mang di chúc cho những người đã cử anh ta đi.

Vị tu sĩ không phải lúc nào cũng tu hành tại cùng một nơi, mà thỉnh thoảng lại chuyển từ sa mạc Skete sang những nơi hẻo lánh và tĩnh lặng hơn, tránh xa những người đến trò chuyện, vì họ làm xáo trộn sự bình an trong tâm hồn ngài. Vì thế, ngài đã tu hành một thời gian tại Trogine, gần Babylon và đối diện với thành phố Memphis, sau đó tại Canopus, gần Alexandria và một số nơi hoang vắng khác; rồi lại trở về tu viện, đến nỗi không ai biết được lối sống của ngài.

Một lần, khi vị thánh sống ở vùng hạ lưu Ai Cập, ngài muốn rời khỏi phòng tu của mình để đến một nơi khác, vì có quá nhiều người tìm đến làm phiền cuộc sống tĩnh lặng của ngài. Không mang theo gì cả, ngài lên đường và nói với hai đệ tử của mình là Alexander và Zoilus:

– Alexander, con hãy ở lại đây, còn Zoil, con hãy đi cùng ta ra sông và tìm cho ta một con thuyền đang chuẩn bị khởi hành đến Alexandria. Sau đó, con hãy quay trở lại với anh trai con là Alexander.

Các đệ tử của ông rất bối rối trước những lời này, tuy nhiên, không ai trong số họ dám hỏi vị tu sĩ già: "Tại sao ngài lại rời bỏ chúng con?"

Sau khi lên thuyền đi Alexandria, vị tu sĩ già lâm vào cơn bệnh nặng và nằm liệt giường khá lâu. Còn Alexander và Zoil, những người ở lại trong phòng tu của vị tu sĩ già, bắt đầu tự hỏi nhau: liệu có ai trong số họ đã xúc phạm vị tu sĩ bằng sự bất tuân nào đó không? Không tìm thấy lỗi lầm nào ở bản thân, họ chìm trong nỗi buồn sâu sắc vì vị tu sĩ già.

Khi vị tu sĩ cao niên bình phục, ngài tự nhủ: "Bây giờ ta sẽ đi gặp các đệ tử của mình."

Và ngài đứng dậy, rồi đi.

Tình cờ ngài đi ngang qua một con sông và gặp một đám đông lữ khách đang đi trên con đường đó; lúc đó, một người phụ nữ Ai Cập đã chạm vào áo của vị tu sĩ. Nhưng ngài, cảm thấy bị xúc phạm, đã nhắc nhở bà rằng phụ nữ không được phép chạm vào áo tu sĩ. Người phụ nữ ấy liền nói với ngài:

– Nếu ngươi là tu sĩ, thì hãy lên núi hoang vắng đi.

Vị tu sĩ cảm động trước lời nói của bà và thường tự nhủ, lặp lại lời người phụ nữ ấy: "Arsenius! Nếu ngươi là tu sĩ, thì hãy lên núi và lang thang trong sa mạc."

Cuối cùng, vị tu sĩ đáng kính đã đến nơi đó (được gọi là "Tảng Đá"), nơi các đệ tử của ngài đang sinh sống. Alexander và Zoil, khi gặp ngài, đã quỳ xuống dưới chân ngài và khóc vì vui sướng. Vị tu sĩ già cũng khóc, ôm chầm lấy họ. Sau đó, các đệ tử nói với vị tu sĩ già:

[3474] Ở đây, có lẽ cần hiểu là những cuộc đàn áp mà các hoàng đế La Mã đã gây ra đối với các Kitô hữu.

– Việc cha rời khỏi đây, thưa cha kính mến, đã khiến chúng con vô cùng buồn bã, bởi vì một số tu sĩ đã nói với chúng con rằng Abba Arsenius sẽ không rời khỏi phòng tu của mình nếu các đệ tử không làm ngài buồn lòng vì sự bất tuân của họ.

Vị tu sĩ già bèn nói với họ:

– Các con ơi! Ta cũng đã nghĩ rằng các tu sĩ sẽ nói như vậy về việc ta rời khỏi đây; chính vì thế mà ta đã quay trở lại với các con. Giờ đây, các tu sĩ có thể nói về ta rằng: "Con bồ câu bay ra khỏi con tàu của Nô-ê, không tìm thấy đất vững chắc dưới chân mình, nên đã quay trở lại với Nô-ê trên con tàu" (xem Sáng Thế Ký 8:8–9).

Những lời ấy của vị thánh đã an ủi các môn đệ, và từ đó họ luôn ở bên ngài không rời cho đến khi vị thánh qua đời.

Một lần nọ, khi vị thánh đang ở trong phòng tu của mình, ngài nhận được một sự mặc khải từ Thiên Chúa. Ngài nghe thấy một tiếng nói: "Hãy ra khỏi phòng tu của ngươi, và Ta sẽ cho ngươi thấy những việc làm của loài người."

Vị Thánh Tăng, sau khi ra khỏi phòng, dường như chìm đắm trong một trạng thái hân hoan. Ngài thấy một Thiên Thần của Đức Chúa Trời, người đã nắm tay ngài và dẫn ngài đến một nơi; tại đó, Thiên Thần chỉ cho ngài thấy một người đàn ông da đen đang chặt củi và đã chuẩn bị rất nhiều củi; sau đó, người đàn ông ấy muốn vác số củi đã chặt lên vai để mang đi, nhưng không thể làm được vì số củi quá nhiều. Tuy nhiên, thay vì bớt bớt một ít củi khỏi bó, người đàn ông ấy lại tiếp tục chặt củi và lại cố gắng nhấc chúng lên, nhưng đã hoàn toàn không thể, thế mà ông ta vẫn cứ chặt củi ngày càng nhiều và càng làm cho gánh nặng của mình ngày càng tăng lên. Sau đó, Thiên thần của Chúa đã chỉ cho vị tu sĩ thấy ở một nơi khác một người đàn ông đang đứng bên giếng và múc nước vào một cái bình thủng; nước chảy ra khỏi bình và lại chảy trở lại giếng, nhưng người đàn ông đang múc nước vẫn tiếp tục làm việc vô ích. Cuối cùng, Thiên thần cho vị tu sĩ thấy một hình ảnh mới: Arsenius nhìn thấy một nhà thờ với cánh cửa mở rộng và hai kỵ sĩ, mỗi người cầm một khúc gỗ trên tay; hai kỵ sĩ này muốn đi qua cửa nhà thờ, nhưng không thể, vì những khúc gỗ nằm ngang đường; một kỵ sĩ cản trở kỵ sĩ kia đặt khúc gỗ dọc theo lối đi; thay vì nhường đường cho nhau, hai kỵ sĩ cố gắng đi qua cửa cùng lúc và vì thế họ cứ loay hoay quanh cửa mãi mà không thể vào được nhà thờ.

Sau tất cả những điều đó, vị tu sĩ già hỏi Thiên thần:

– Ảo ảnh này có ý nghĩa gì?

Thiên thần đáp lại:

– Hai người, mỗi người cầm một khúc gỗ trên tay – đó là hình ảnh của những người đàn ông có đức hạnh nhưng kiêu ngạo, không muốn khiêm nhường trước mặt nhau; họ sẽ không được vào Nước Trời, mà sẽ bị bỏ lại bên ngoài, vì sự kiêu ngạo của họ, thứ sẽ hủy hoại mọi đức hạnh của họ. Người đang múc nước và đổ vào cái bình thủng, là hình ảnh của người có một số việc lành, nhưng vẫn không từ bỏ tội lỗi; người này làm việc vô ích, vì bằng những tội lỗi của mình, anh ta hủy hoại phần thưởng mà lẽ ra có thể nhận được từ Thiên Chúa. Người đàn ông da đen đang chặt củi và tự chất lên mình gánh nặng ngày càng lớn hơn – đó là hình ảnh của người sa vào nhiều tội lỗi và, thay vì ăn năn, lại tiếp tục phạm tội này đến tội khác.

Về thị kiến này, Thánh Arsenius đã kể lại cho các môn đệ của mình để họ lấy làm gương, đồng thời, với lòng khiêm nhường, ngài nói với họ rằng tất cả những điều này không phải do chính ngài nhìn thấy, mà chỉ nghe kể lại từ một vị tu sĩ cao niên khác.

Ngoài ra, Arsenius còn kể cho các môn đệ của mình nghe về một sự mặc khải đáng sợ liên quan đến những Mầu Nhiệm Thần Thánh của Đấng Christ, mà các vị tu sĩ ẩn dật khác đã từng trải qua.

– Có một vị tu sĩ già – Arsenius kể – sống trong một tu viện nhỏ, tuân giữ đời sống rất nghiêm ngặt và nổi tiếng về các đức tính tốt đẹp giữa tất cả các tu sĩ. Vị tu sĩ già này, vì sự đơn sơ của mình (ông không được học Kinh Thánh), đã bị lầm tưởng về các Bí tích Thánh Thiện của Chúa Kitô, cho rằng bánh mà chúng ta rước từ bàn thờ thánh và chén mà chúng ta dùng để rước lễ không phải là Thân Thể và Máu Thánh thật sự của Chúa Kitô, mà chỉ là hình ảnh của Thân Thể và Máu của Chúa Kitô mà thôi. Hai vị tu sĩ giàu kinh nghiệm đã biết được điều này; khi nhận ra rằng vị tu sĩ ấy suy nghĩ như vậy không phải vì ác ý, mà vì sự đơn sơ và thiếu hiểu biết của mình, họ quyết định khai sáng cho ông. Với mục đích đó, họ đến gặp ông và, sau khi trò chuyện với ông về nhiều điều có lợi cho linh hồn, trong số đó họ cũng nói như sau:

– Thưa Cha kính mến, chúng con nghe nói có một anh em suy nghĩ sai lầm về bánh mà chúng ta rước từ bàn thờ thánh, và về chén mà chúng ta uống – rằng đó không phải là Thân Thể và Máu thật của Chúa Kitô, mà chỉ là hình ảnh của chúng mà thôi.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Chính tôi cũng nghĩ như vậy.

Họ bắt đầu khuyên nhủ ông, nói rằng:

– Xin cha đừng nghĩ như vậy, thưa cha đáng kính, nhưng hãy tin theo những gì Giáo Hội Thánh Công Đồng và Tông Đồ dạy. Chúng con tin và tuyên xưng rằng bánh là Thân Thể thật của Chúa Kitô, còn rượu trong chén là Máu thật của Ngài, chứ không chỉ là hình ảnh của Thân Thể và Máu.

Sau đó, các vị cha ấy đã đưa ra nhiều bằng chứng từ Kinh Thánh và các tác phẩm của các vị cha và các vị thầy trong Giáo Hội để chứng minh sự chân thật của lời nói mình, cố gắng thuyết phục vị tu sĩ già từ bỏ niềm tin sai lầm của mình. Nhưng ông, với lòng đơn sơ, đã nói với họ:

– Nếu không được chứng thực bằng chính sự việc, thì tôi sẽ không tin.

Lúc đó, các vị trưởng lão nói với ông:

– Ba chúng ta hãy cùng cầu nguyện với Chúa về điều này, để Ngài mặc khải cho chúng ta mầu nhiệm này, sau khi đã ăn chay suốt cả tuần. Chúng tôi tin rằng Ngài sẽ mặc khải mầu nhiệm này cho chúng ta, vì Ngài sẽ không để những công lao nhiều năm của ông bị uổng phí.

Vị tu sĩ già đã lắng nghe lời khuyên của họ với lòng yêu mến, và tất cả họ đều tự giam mình trong phòng riêng suốt cả tuần, dành thời gian để ăn chay và cầu nguyện. Vị tu sĩ già ấy đã cầu nguyện với Chúa như sau:

– Lạy Chúa! Ngài biết rằng con không suy nghĩ như vậy vì lòng ác, nhưng với trí tuệ đơn sơ của mình, con không thể thấu hiểu bí mật này. Xin hãy mở ra cho con, nhờ ân sủng của Ngài, sự thật, để con không lầm lạc trong sự hoài nghi.

Còn hai vị tu sĩ kia thì cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa! Xin hãy bày tỏ bí mật vĩ đại của Ngài cho anh em chúng con, để anh ấy không còn hoài nghi về điều đó và không làm hỏng những công lao và đức hạnh của mình.

Chúa đã nghe lời các tôi tớ của Ngài và đã bày tỏ cho họ bí mật đáng sợ ấy như sau.

Một tuần trôi qua kể từ khi các vị tu sĩ bắt đầu ăn chay và cầu nguyện, và khi ngày Chủ nhật đến, ba vị tu sĩ ấy đã đến nhà thờ để tham dự Thánh lễ; trong nhà thờ, họ đứng sát bên nhau. Chúa đã mở mắt tâm linh cho họ. Khi bánh đã được chuẩn bị cho bữa tiệc thánh, họ thấy thay vì bánh là một đứa trẻ sơ sinh. Trong khi linh mục giơ tay lên để bẻ bánh, các vị tu sĩ già đã thấy Thiên Thần của Chúa từ trời giáng xuống, tay cầm một con dao. Sau khi đâm chết đứa trẻ, Thiên Thần đã đổ Máu vào chén. Khi linh mục bẻ bánh, Thiên Thần đã xé Thân Thể thành từng mảnh.

Trong khi đó, đã đến giờ rước lễ. Cùng với các anh em khác, người anh em không tin cũng đi rước lễ. Khi cầm trên tay miếng thịt[3475] , còn sống và chảy máu, và nhìn thấy máu trong chén, vị tu sĩ già kinh hoàng thốt lên:

– Con tin, lạy Chúa, rằng bánh này là Thân Thể Ngài, và rượu này là Máu Ngài.

Ngay lập tức, miếng thịt biến thành bánh và máu biến thành rượu.

Rồi vị tu sĩ già đã rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô với lòng kính sợ và xúc động sâu sắc.

Hai vị tu sĩ khác nói với ông:

– Đức Kitô, Thiên Chúa, biết rằng con người không thể ăn thịt sống và uống máu. Vì thế, Ngài ban cho các tín hữu Thân Thể Thánh Khiết của Ngài dưới hình bánh và Máu ban sự sống của Ngài dưới hình rượu.

Sau đó, các vị tu sĩ đã tạ ơn Chúa vì sự mặc khải này và vì Ngài đã không để vị tu sĩ đức hạnh ấy sa vào sự vô tín.

Một lần nọ, có một anh em hỏi Arsenius về điều gì có ích cho linh hồn. Vị thánh nhân đáp lại:

[3475] Không có gì đáng ngạc nhiên khi các tu sĩ cầm lấy Thánh Thể của Chúa Kitô; trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, ngay cả những người chưa được rửa tội cũng được phép cầm lấy các Món Quà Thánh và mang chúng về nhà hoặc mang theo khi đi du lịch; nhưng sau này, các vị Thánh Cha và các nhà giảng dạy của Giáo Hội đã cấm việc này vì lý do sau: trong thời kỳ Thánh Gioan Kim Khẩu làm Thượng Phụ tại Constantinopolis, có một người phụ nữ đã mang các Món Quà Thánh về nhà và trộn lẫn chúng với một số loại thuốc bùa chú. Khi biết được chuyện này, Thánh Gioan Vàng Miệng đã ra lệnh cho tất cả các nhà thờ rằng Thân Thể Thánh của Chúa Kitô không được trao vào tay các Kitô hữu, mà phải được phân phát cho các tín hữu cùng với Máu Thánh từ chén thánh. – Thánh Dimitri Rostovski đề cập đến điều này vào ngày 9 tháng 11, trong phần kể về cuộc đời của Thánh nữ Theoktista.

– Hãy hết sức lo lắng để những gì anh suy nghĩ trong tâm trí mình đều đẹp lòng Thiên Chúa. Làm như vậy, anh sẽ dễ dàng chiến thắng mọi tội lỗi.

Thánh nhân đã nói điều này để chỉ ra rằng mọi tội lỗi và dục vọng đều nảy sinh từ những ý nghĩ xấu xa, được trái tim chấp nhận và giữ lại với sự thích thú; còn ai biết quan sát những suy nghĩ của mình và xua đuổi những ý nghĩ tội lỗi, thì nhờ đó sẽ dập tắt được những dục vọng của mình và chiến thắng những ham muốn tội lỗi.

Một lần khác, vị thánh nói:

– Nếu chúng ta thực sự tìm kiếm Thiên Chúa bằng cả trái tim, thì chính Ngài sẽ đến với chúng ta và chúng ta sẽ được thấy Ngài; và nếu chúng ta giữ Ngài ở gần mình bằng một cuộc sống trong sạch, thì Ngài sẽ ở lại với chúng ta.

Một vị tu sĩ già đã hỏi Thánh Arsenius:

– Con phải làm sao đây, thưa cha kính mến? Con không thể nào gạt bỏ được ý nghĩ rằng con đã già, và vì thế không thể nhịn ăn cũng như thực hành các việc tu hành do tuổi già. Vì vậy, con nghĩ rằng mình nên đi thăm viếng những người bệnh, vì đó là việc làm của tình yêu Kitô giáo.

Vị thánh nhân, nhận ra rằng đó là sự cám dỗ của ma quỷ, đã nói với vị tu sĩ già ấy:

– Hãy ăn, uống, ngủ, nhưng đừng ra khỏi phòng tu của con.

Vị Thánh nhân nói như vậy vì ngài biết rằng, một tu sĩ khi ra khỏi phòng tu và đến gần các làng mạc thế gian sẽ phải đối mặt với nhiều cám dỗ và thử thách từ kẻ thù; và nói chung, người đã "chết cho thế gian" ( ) không nên ra khỏi tu viện nếu không có lý do chính đáng, giống như người chết không ra khỏi quan tài của mình. Còn tu sĩ nào tự ý rời khỏi tu viện thì thực sự trở thành người chết, bởi vì linh hồn của người ấy đã chết.

Vị thánh còn nói:

– Có rất nhiều người cố gắng bằng mọi cách để giữ sự trong sạch về thể xác và vì thế mà hành hạ thân xác mình bằng việc ăn chay, thức trắng đêm và nhiều công việc vất vả; nhưng rất ít người ghen tị bảo vệ linh hồn mình khỏi những tội lỗi như kiêu ngạo, tự mãn, tham lam, ghen tị, thù hận anh em, giận dữ, hận thù và phán xét. Những người ấy bề ngoài thì thân thể trong sạch, nhưng tâm hồn họ lại ô uế; họ giống như những quan tài, bên ngoài được trang trí lộng lẫy, nhưng bên trong lại đầy xương thối rữa. Phúc cho ai cố gắng giữ gìn cả thân thể lẫn tâm hồn khỏi sự ô uế; thật sự phúc cho những ai có lòng trong sạch (chứ không chỉ thân thể), vì họ sẽ được thấy Thiên Chúa.

Một anh em nói với vị thánh nhân:

– Thưa Cha kính mến! Con đã nghiên cứu nhiều sách và thánh vịnh, và muốn đọc chúng với lòng cảm động, nhưng con lại không có được sự cảm động ấy, vì con không hiểu được sức mạnh của Kinh Thánh, và con rất đau buồn vì điều này.

Vị thánh nhân đáp lại:

– Hỡi con! Con phải không ngừng rèn luyện việc đọc Lời Chúa, dù con có chưa hiểu được sức mạnh của nó và chưa có lòng cảm động đi chăng nữa. Tôi đã nghe Abba Pimen và các vị cha khác nói rằng, những người thuần hóa rắn chính họ cũng không hiểu những lời mà họ nói, tuy nhiên, những con rắn khi nghe lời họ, lại trở nên ngoan ngoãn, như thể hiểu được lời họ, và tự nguyện để mình vào tay họ. Chúng ta cũng có thể làm điều tương tự, dù có thể chưa hiểu được sức mạnh của Kinh Thánh. Bởi vì, khi chúng ta có những lời của Kinh Thánh trên môi miệng, thì các quỷ, khi nghe thấy, sẽ kinh hãi và chạy trốn khỏi chúng ta, không chịu nổi những lời của Thánh Thần, Đấng đã phán qua các tôi tớ của Ngài là các tiên tri và các tông đồ.

Khi thời khắc ra đi thanh thản của vị thánh nhân đã gần kề, ngài đã nói với các môn đệ của mình:

– Khi tôi qua đời, các con đừng tổ chức lễ tưởng niệm cho tôi, đừng tập hợp anh em lại để dùng bữa, mà chỉ cần lo để Lễ Tế Thánh được dâng lên cho linh hồn tội lỗi của tôi.

Các môn đệ của ngài, nghe vậy, vô cùng buồn bã và bắt đầu khóc. Nhưng vị thánh nói với họ:

– Đừng khóc, các con ơi! Giờ lâm chung của ta chưa đến, dù nó đã gần kề rồi.

Lúc đó, các môn đệ hỏi ngài:

– Phải chôn cất ngài thế nào, thưa cha đáng kính?

Ngài đáp lại:

– Hãy buộc dây thừng vào chân ta và ném ta xuống dưới chân núi.

Khi giờ lâm chung của vị thánh nhân sắp đến gần, ngài bắt đầu khóc rất nhiều và rơi vào cơn sợ hãi tột độ. Các đệ tử, thấy ngài khóc, liền hỏi:

– Chẳng lẽ ngay cả ngài, thưa cha đáng kính, cũng sợ cái chết sao?

Nhưng ngài đáp lại:

– Thật vậy, tôi luôn cảm thấy sợ hãi cái chết trong suốt những ngày sống đời tu hành của mình, kể từ ngày tôi khoác lên mình bộ áo tu sĩ.

Sau đó, vị thánh nhân đã chìm vào giấc ngủ an lành của cái chết, phó thác linh hồn chính trực của mình vào tay Chúa của ngài, Đấng mà ngài đã phụng sự hết lòng suốt cả cuộc đời.

Khi Abba Pimen nghe tin vị thánh nhân đã an nghỉ trong bình an, ngài đã rơi lệ và nói:

– Cha Arsenius ơi, cha thật hạnh phúc, vì cha đã khóc suốt cả cuộc đời mình; nhờ đó, cha sẽ được vui mừng mãi mãi. Còn ai ở đây không khóc theo ý muốn của mình, thì sau khi chết sẽ buộc phải khóc giữa những đau khổ, nhưng những giọt nước mắt đó sẽ chẳng mang lại lợi ích gì cho ai cả.

Người ta kể về vị thánh Arsenius rằng ngài thường tự nhủ những lời như thế này: "Arsenius! Ngươi đến đây để làm gì? Ngươi đến đây không phải để nghỉ ngơi, mà là để lao động; không phải để lười biếng, mà là để thực hiện những việc cao cả. Hãy nỗ lực, hãy làm việc và đừng lười biếng."

Thánh nhân cũng thường nói những lời này: "Nhiều lần tôi hối hận về những lời đã thốt ra từ miệng mình, nhưng tôi chưa bao giờ hối hận vì sự im lặng".

Thánh Abba Daniel kể về Thánh Arsenius rằng ngài chưa bao giờ đặt câu hỏi trích từ sách vở cho ai, dù ngài hoàn toàn có thể làm vậy, bởi vì ngài am hiểu Kinh Thánh rất sâu sắc. Thánh Arsenius làm như vậy vì không muốn tỏ ra là người thông thái về sách vở; Thánh nhân cũng chưa bao giờ viết thư cho ai , tự coi mình là người đơn sơ và dốt nát vì danh Chúa Kitô[3476] ; ngài cũng chưa bao giờ bước vào bàn thờ, dù có quyền làm vậy vì đã được phong chức phó tế, nhưng luôn tham dự các Bí tích Thánh cùng với các tu sĩ bình thường. Ngài làm tất cả những điều này vì lòng khiêm nhường vĩ đại của mình. Khi Thánh Arsenius đến nhà thờ dự thánh lễ, ngài đứng sau cột để ngài không nhìn thấy khuôn mặt ai, và cũng không ai nhìn thấy ngài.

Về ngoại hình, vị thánh nhân trông hiền lành như một thiên thần; tóc bạc, thân hình đẹp đẽ, gầy gò do sự kiêng khem nghiêm ngặt, râu dài đến thắt lưng; đôi mắt trũng sâu vì thường xuyên khóc lóc; ông cao lớn, nhưng lưng còng vì tuổi già. Vị thánh đã qua đời sau khi dành năm mươi lăm năm cho các công việc và việc tu hành của một tu sĩ, làm đẹp lòng Chúa bằng việc ăn chay và cầu nguyện; ngài đã ở trong tu viện bốn mươi năm; mười năm sống tại một nơi gọi là Trogin, gần Memphis; sau đó, vị thánh đã ở ba năm tại Canopus, gần Alexandria; từ đó ngài lại trở về Trogin, sống ở đây hai năm và cũng tại đây ngài an nghỉ trong Chúa. Tổng cộng, vị thánh sống khoảng một trăm năm[3477] . Xin Chúa ban cho chúng ta, nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, sự tha thứ tội lỗi và sự sống đời đời nơi Đức Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Bằng dòng nước mắt của ngài, ngài đã biến sa mạc cằn cỗi thành đất màu mỡ; và từ những tiếng thở dài sâu thẳm, qua trăm ngàn công lao, ngài đã làm cho đất đai trổ sinh hoa trái; ngài là ngọn đèn soi sáng vũ trụ, tỏa sáng những phép lạ, Arsenius, cha của chúng con. Xin cầu thay cho Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Ngài đã tỏa sáng từ Rôma như mặt trời vĩ đại, và đã đến được thành hoàng gia một cách vô cùng hạnh phúc, chiếu sáng thành phố này bằng lời nói và việc làm của Ngài, xua tan mọi bóng tối của sự ngu muội. Vì lý do đó, chúng con tôn kính Ngài, vinh quang của các vị tổ phụ, Arsenius đáng kính.

[3476] Sau khi Thánh Arsenius qua đời, chỉ còn lại một số lời dạy và lời khuyên dành cho các tu sĩ, như hai lời trên đây, được lưu giữ trong các cuốn "Paterikon" cổ xưa và các tuyển tập lời dạy của các vị Thánh Cha cổ đại – những người ẩn tu.

[3477] Cuộc đời và hoạt động của Thánh Arsenius được sắp xếp theo năm như sau: sinh năm 354, được nhận vào Hoàng cung khi 29 tuổi – năm 383, sống tại Hoàng cung 11 năm – cho đến năm 394, sống 40 năm trong sa mạc ẩn tu – cho đến năm 434, sống 10 năm tại Trogine (hay Troene), ở lại Canopus 3 năm, hai năm cuối lại trở về Trogine và qua đời ở tuổi 95 vào năm 449 hoặc đầu năm 450.

Lễ kính Thánh Tông đồ và Nhà Truyền giáo Gioan Thần Học

Ngày kỷ niệm: 8 tháng 5

Ngày an nghỉ vinh hiển của vị Thánh Tông đồ và Nhà Truyền giáo này – người bạn thân thiết, người trinh khiết và môn đệ yêu dấu của Chúa Kitô, Thánh Gioan Thần Học – được cử hành vào ngày 26 tháng Chín; cuốn tiểu sử của ngài cũng được ghi chép vào ngày này. Còn vào ngày hôm nay, người ta tưởng niệm di cốt thiêng liêng của ngài, vốn đã tỏa ra sức chữa lành từ quan tài của ngài.

Khi Thánh Gioan Thần Học sống đến tuổi trăm, sau khi đã cống hiến hết mình cho việc rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô, ngài cùng với bảy môn đệ của mình rời khỏi thành phố Ê-phê-sô[3478] và ra lệnh cho họ đào cho ngài một ngôi mộ hình thập tự, nơi ngài đã chuẩn bị để qua đời, bằng cách nằm xuống đó khi còn sống (như được kể lại trong tiểu sử của ngài). Các tín hữu Kitô giáo sống tại thành phố Ê-phê-sô, sau khi vị Tông đồ qua đời, đã đào mộ của ngài lên, nhưng không tìm thấy thi hài của ngài; sau khi than khóc cho sự ra đi vinh quang của ngài, họ trở về thành phố và sau đó thường xuyên đến mộ của vị tông đồ để dâng lên những lời cầu nguyện sốt sắng lên Thiên Chúa, xin Thánh Gioan Thần Học cầu bầu và giúp đỡ trước mặt Thiên Chúa. Đồng thời, hàng năm vào ngày và tháng này , từ quan tài của vị Tông đồ dường như tỏa ra một loại bụi mịn, mang lại sự chữa lành[3479] . Các tín hữu thu thập loại bụi này và dùng nó để chữa trị các chứng bệnh và bệnh tật khác nhau. Chính vì vậy, đã trở thành phong tục giữa các tín hữu vào ngày này, cũng như vào tháng Chín, ca ngợi và tôn vinh vị thánh vĩ đại này – người được Thiên Chúa yêu mến hơn tất cả các thánh khác – bằng những bài thánh ca[3480] . Nhờ những lời cầu nguyện của ngài, xin Chúa ban cho chúng ta sự chữa lành cho những bệnh tật về tâm hồn và thể xác, và xin cho chúng ta cũng được trở nên những người được Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, yêu mến và hài lòng.

Ngày 22 tháng 5

Ngày 9 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Tiên tri Ê-sai

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 5

Thời kỳ tiên tri của Thánh Ê-sai (trong tiếng Do Thái, tên này được phát âm là "Yeshua-Yahweh" và có nghĩa là "sự cứu rỗi của Đức Giê-hô-va", tức là sự cứu rỗi nhận được từ Chúa) là một thời kỳ khó khăn trong cuộc đời của dân tộc Do Thái: vào thời đại của vị tiên tri vĩ đại này, vương quốc Israel đã chấm dứt sự tồn tại, còn vương quốc Giu-đa đang trải qua những năm tháng cuối cùng trước khi bị lưu đày sang Ba-by-lôn. Số phận bi thảm này – việc "dân được chọn" phải khuất phục dưới bàn tay sắt của các vua ngoại đạo – là hình phạt mà Đức Chúa Trời giáng xuống vì họ đã không còn vâng lời Ngài, ngày càng sa lầy vào sự vô luật pháp và thờ thần tượng. Sự sa ngã khỏi giao ước của Đức Chúa Trời đặc biệt nghiêm trọng trong vương quốc Israel, và chính vì thế mà vương quốc này đã phải hứng chịu sự trừng phạt nhanh chóng; "còn trong vương quốc Giu-đa, thỉnh thoảng vẫn lóe lên tia hy vọng về một tương lai tươi sáng hơn", và nếu ngọn lửa nhiệt thành thánh thiện dành cho Đức Chúa Trời ở Giu-đê chưa hoàn toàn tắt lịm, và Đức Chúa Trời vẫn chậm trễ trong việc ban hình phạt để sửa chữa tình trạng đó, thì điều này chủ yếu là nhờ vào hoạt động tiên tri của Thánh Ê-sai.

[3478] Ephesus tọa lạc bên bờ Biển Aegean, tại Tiểu Á; nơi đây nổi tiếng với hoạt động thương mại sầm uất và là một trong những trung tâm khoa học và nghệ thuật hàng đầu thời cổ đại. Hiện nay, từ thành phố từng nổi tiếng này, chỉ còn lại những đống đổ nát.

[3479] Thánh Augustinô và Thánh Grêgôriô thành Tours đã đề cập đến loại tro hoặc manna này. Vị tu sĩ người Nga thế kỷ XII, Bề trên Đaniel, cũng nhắc đến việc tìm thấy những mảnh xương từ quan tài của Thánh Gioan Thần Học.

[3480] Trong các bản Tin Mừng Sinai, lễ này được gọi là ροδισμος, tức là "lễ hoa hồng"; người ta cho rằng chính "manna" phát ra từ quan tài của Thánh Gioan Thần Học được gọi là "ροδις" – dầu hoa hồng, bột hoa hồng; nhưng đúng hơn là nên hiểu "Lễ Hoa Hồng" là lễ kỷ niệm bằng cách sử dụng hoa hồng, giống như cách chúng ta dùng hoa vào Ngày Lễ Ba Ngôi.

Thánh tiên tri Isaia, xuất thân từ chi phái Beniamin, sinh khoảng năm 760 trước Công nguyên; ngài là con trai của Amos, người mà Kinh Thánh không đề cập gì đến và mà truyền thống Do Thái xác định là Amos, anh trai của vua Amasia. Nơi cư trú thường xuyên của Thánh Isaia là Giêrusalem – thủ đô của Vương quốc Do Thái. Thời thơ ấu và tuổi thiếu niên của vị tiên tri trùng với triều đại huy hoàng của Vua Ô-si-a, vị vua khôn ngoan và nhân từ; triều đại này chắc chắn đã có ảnh hưởng tích cực về mặt tôn giáo và chính trị đối với tâm hồn của vị tiên tri tương lai. Thực ra, không có thông tin gì về những ngày đầu tuổi trẻ của Thánh Isaia, nhưng việc Ngài được chiêm ngưỡng vinh quang của Chúa và được Chúa chọn cho sứ vụ vĩ đại đã là bằng chứng không thể chối cãi về lòng đạo đức của vị tiên tri ngay từ thời kỳ này; điều này cũng được thể hiện qua những lời tiên tri của ngài, từ đó cho thấy ngài có kiến thức sâu rộng về các sách thánh của dân tộc mình; rõ ràng, từ thuở nhỏ, Thánh Isaia đã được dạy dỗ về luật pháp của Thiên Chúa. Là một người đạo đức, ngài đã lấy một người vợ kính sợ Thiên Chúa, và từ người vợ ấy, ngài có hai người con trai; người ta biết rằng vợ ngài cũng là một nữ tiên tri (Is 7:3, 8:3, 8:18).

Thánh Isaia được kêu gọi vào chức vụ tiên tri vào năm vua U-xi-a qua đời (năm 737) qua một thị kiến đặc biệt. Một lần nọ, ngài đang tham dự Thánh lễ trong đền thờ; trước mắt ngài là sân của các thầy tế lễ và nơi thánh. Khi ngước mắt cầu nguyện hướng về nơi thánh, Thánh Isaia bỗng thấy đền thờ bắt đầu mở ra; trước đôi mắt thiêng liêng của ngài, phần bên trong nơi thánh thiêng mở ra, rồi bức màn che giấu nơi thánh thiêng bí ẩn biến mất, nơi đó, vị tiên tri kinh ngạc và bàng hoàng được chiêm ngưỡng khải tượng trang nghiêm của Chúa tể trời đất, "ngồi trên ngai cao và vinh hiển", – dường như đứng giữa trời và đất; viền áo hoàng gia của Đức Chúa Trời tràn ngập cả đền thờ. Xung quanh Đức Chúa Trời "có các thiên thần Serafim đứng ; mỗi thiên thần có sáu cánh: dùng hai cánh che mặt, hai cánh che chân, và hai cánh để bay. Và họ kêu lên với nhau, và nói: "Thánh, Thánh, Thánh là Chúa Sabaoth. Cả đất đầy vinh quang của Ngài!"[3481] Từ lời ngợi khen vang dội của các Seraphim, "các khung cửa rung chuyển và đền thờ tràn ngập khói hương". Thánh Isaia kinh hoàng và kêu lên trong sợ hãi:

– Khốn cho tôi! Tôi tiêu đời rồi! Vì tôi là người có miệng ô uế và sống giữa dân chúng cũng có miệng ô uế[3482] , mà mắt tôi đã nhìn thấy Vua, Chúa Sabaoth[3483] .

Lúc đó, một trong các Seraphim bay đến bên vị tiên tri đang hoang mang, tay cầm than hồng đang cháy, được lấy bằng kẹp từ bàn thờ, tức là, như Thánh Basil Đại Đế giải thích, – từ "bàn thờ trên trời". Ngài chạm vào môi vị tiên tri và nói:

– Này, điều này đã chạm vào môi ngươi, và sự vi phạm của ngươi đã được xóa bỏ, tội lỗi của ngươi đã được tẩy sạch.

Ngay lập tức sau đó, vị tiên tri nghe thấy tiếng nói huyền bí của Đức Giê-hô-va hỏi:

– Ta nên sai ai đi? Và ai sẽ đi thay Ta?[3484]

Đầy tràn niềm tin thiêng liêng, Thánh Ê-sai đã đứng lên bày tỏ mong muốn nhận lấy trách nhiệm nặng nề và đầy thử thách là trở thành người rao giảng ý muốn của Đức Chúa Trời cho dân Do Thái "tội lỗi nặng nề":

– Đây con đây, xin hãy sai con đi, – ngài nói.

Chúa không từ chối đề nghị của Thánh Ê-sai và bày tỏ sự đồng ý của Ngài bằng những lời sau:

– Hãy đi và nói với dân này: các ngươi sẽ nghe bằng tai mà không hiểu, sẽ nhìn bằng mắt mà không thấy. Vì lòng dân này đã chai sạn, tai họ khó nghe, mắt họ đã nhắm lại để không nhìn thấy bằng mắt, không hiểu bằng lòng, và không quay lại để Ta chữa lành cho họ.

Ê-sai hỏi Đức Chúa Trời: dân này sẽ còn ở trong tình trạng chai sạn về đạo đức này bao lâu nữa, và nhận được từ Ngài lời mặc khải đáng sợ về những tai họa sắp đến sẽ giáng xuống Y-sơ-ra-ên:

– Cho đến khi các thành phố trở nên hoang vắng, không còn người ở, các ngôi nhà không còn người cư ngụ, và cho đến khi đất nước này hoàn toàn trở nên hoang vắng (Ê-sai 6:1–11)

[3481] Lời ngợi khen của các Thiên thần Serafim, ba lần chỉ ra sự thánh thiện của Thiên Chúa, được công nhận là sự mặc khải về ba Ngôi của Thiên Chúa không chỉ bởi các Kitô hữu, mà còn bởi một số vị rabbi.

[3482] Ở đây, Thánh Isaia có lẽ so sánh chính mình và dân tộc mình với những người bị bệnh hủi, những người theo luật Mô-sê (Lê-vi 13:45) phải che mặt đến tận miệng, cảnh báo những người đi ngang qua bằng tiếng kêu: "Ô uế, ô uế".

[3483] Chúa đã phán với Mô-sê: *"Con người không thể nhìn thấy Ta mà vẫn còn sống"* (Xuất Hành 33:20). Sa-va-ôf – Chúa của các đạo binh (trên trời).

[3484] Đại từ số nhiều "Chúng Ta" này, dùng để chỉ Đức Chúa Trời Duy Nhất, cũng là sự mặc khải về mầu nhiệm Thánh Ba Ngôi. Xem Sáng Thế Ký 4:26, 11:7.

Khải tượng kết thúc, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống trên thánh Ê-sai, mở ra trước mắt ông một tương lai bí ẩn và xa xôi như thể là hiện tại, đồng thời củng cố ông trong cuộc đấu tranh gian nan chống lại những rối loạn đạo đức trong dân tộc của mình.

Trái tim của vị tiên tri, vốn yêu thương dân tộc, không biết đến sự chia rẽ chính trị của họ, và vì vâng phục ý muốn của Đức Chúa Trời, ông không giới hạn chức vụ tiên tri của mình trong phạm vi của một vương quốc duy nhất. Tuy nhiên, khi Thánh Isaia bắt đầu rao giảng lời tiên tri, những ngày của vương quốc Israel đã được đếm ngược, và vị tiên tri không còn cách nào khác ngoài việc tiên báo về "nỗi đau khổ" lớn lao đang bao trùm lên Samaria, thủ đô của vương quốc phía Bắc:

– Khốn thay (Samarie), vòng hoa kiêu hãnh của những người Ephraim say sưa, bông hoa héo tàn trên vòng hoa trang trí lộng lẫy của họ, nằm trên đỉnh thung lũng phì nhiêu của những kẻ bị rượu đánh gục. Kìa, Đấng Mạnh Mẽ và Quyền Năng của Đức Chúa Trời… đang dùng sức mạnh quật ngã họ xuống đất. Vòng hoa kiêu hãnh của dân Ép-ra-im say sưa bị chà đạp dưới chân. Và với bông hoa héo tàn của vẻ đẹp trang trí ấy… điều xảy ra cũng giống như quả vả chín trước mùa, mà ngay khi ai đó nhìn thấy, lập tức cầm lấy và nuốt chửng nó (Ê-sai 28:1–4).

Lời tiên tri buồn bã này chẳng bao lâu sau đã ứng nghiệm. Năm 722, Samaria bị Sargon, vua Assyria, chiếm đóng, và vương quốc Y-sơ-ra-ên chấm dứt sự tồn tại mãi mãi[3485] . Như vậy, dân Y-sơ-ra-ên, những người đã bỏ "tất cả các điều răn của Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời", đã bị Ngài từ chối khỏi mặt Ngài. "Chẳng còn ai cả, ngoại trừ chi phái Giu-đa" (2 Vua 17:16–18).

Với sự sụp đổ của Samaria, thánh Ê-sai đã tập trung cái nhìn tiên tri của mình chủ yếu vào số phận của vương quốc Giu-đa, nơi mà sự suy đồi đạo đức đã gia tăng đặc biệt kể từ khi A-cha lên ngôi. Sau các vua A-ma-si, Ô-si và Giô-a-pham, vương quốc Giu-đa – vốn đã được nâng lên một tầm vóc đáng kể về sức mạnh quốc gia – đã được truyền lại cho A-cha, đến nỗi dân Am-môn và nhiều thành phố Phi-li-tin lân cận đều trở thành chư hầu của người Giu-đa. Cùng với đó, tại Giu-đa đã tích lũy được của cải dồi dào, nhưng dưới tay A-cha-xơ gian ác, những của cải này đã bị sử dụng một cách không xứng đáng với dân tộc được Đức Chúa Trời chọn lựa. Là người gốc Y-sơ-ra-ên nhưng tâm hồn lại là người ngoại đạo, A-cha-xơ đã đặt mục tiêu biến Giê-ru-sa-lem thành bản sao hoàn toàn của các thủ đô các quốc gia ngoại đạo như Phi-ni-xi và đặc biệt là A-si-ri. Ông đã thiết lập việc thờ phượng mặt trời, mặt trăng và các thiên thể khác trên trời tại Giê-ru-sa-lem (2 Vua 23:5), thậm chí còn không ngần ngại làm ô uế chính Đền Thờ của Đức Giê-hô-va. Trong Đền Thờ của Đức Giê-hô-va, người ta đã đặt tượng thần A-s塔尔塔 , nữ thần dâm loạn, và ngay tại đây, bên cạnh đền thờ, có những "nhà chứa", nơi các phụ nữ dệt quần áo cho A-s塔尔塔 (2 Vua 23:6–7); ngay tại lối vào đền thờ có những con ngựa trắng được dâng hiến cho thần Mặt Trời; một số phòng vốn dành để cất giữ các đồ thánh và làm nơi ở cho các thầy tế lễ đang thực hiện các ca trực đã bị biến thành chuồng ngựa (2 Vua 23:11). Bàn thờ thiêu toàn bộ do Sa-lô-môn dựng lên, A-cha đã di dời khỏi vị trí trước nơi thánh sang phía bắc của đền thờ và thay thế bằng một cái mới, được thiết kế theo kiểu Assyria (2 Vua 16:14–15). Ở khắp các góc của Giê-ru-sa-lem đều có các bàn thờ được dựng lên để những người đi qua có thể dâng hương trên đó (2 Sử Ký 28:24); tại các cổng thành Giê-ru-sa-lem và các thành phố khác của người Do Thái vẫn còn tồn tại những "đồi thờ" từ thời xưa để dâng lễ vật cho Đức Giê-hô-va (4 Vua 15:4, 35); sự tồn tại của chúng sau khi Đền Thờ của Đức Giê-hô-va được xây dựng đã trở nên bất hợp pháp (3 Vua 3:2; Đệ Nhị Luật 12:13–14). Để tôn vinh vị thần Moloch của người Phoenicia, ngay dưới chân tường thành Giê-ru-sa-lem, trong thung lũng Ginhon, một đền thờ mới đã được dựng lên; tại đây có một tượng thần Moloch bằng đồng lớn; bên trong tượng có một lò lửa, còn dưới hai cánh tay dang rộng là bàn thờ, nơi người ta dâng các đứa trẻ làm của lễ. Chính A-ha-xơ đã nêu gương về sự tận tụy cuồng nhiệt đối với sự thờ lạy thần tượng vô nhân đạo này: ông đã dâng một trong những con trai của mình làm của lễ cho Mô-lô-c (4 Vua 16:3; 2 Sử Ký 28:3).

Vì sự gian ác này, đã làm suy đồi vương quốc Giu-đa và khơi dậy cơn thịnh nộ chính đáng của Đức Giê-hô-va, Giu-đa sớm phải hứng chịu sự trừng phạt, vốn là điềm báo cho những hình phạt khủng khiếp hơn của Đức Chúa

[3485] Về sự kiện này, trong biên niên sử của chính Sargon có ghi như sau: "Ta đã vây hãm thành Samaria và chiếm được nó. Ta đã bắt 27.280 công dân làm tù binh; ta đã chọn ra 50 cỗ xe ngựa trong số những cỗ xe bị bắt để dành cho mình; tất cả của cải còn lại của dân thành này, ta đã cho các tôi tớ của ta lấy đi. Ta đã bổ nhiệm các quan cai trị thường trực để quản lý họ và áp đặt lên họ mức thuế giống hệt như trước đây. Để thay thế những người bị bắt làm tù binh, ta đã đưa dân cư từ các vùng đất mà ta chinh phục được đến định cư tại đó và áp đặt lên họ mức thuế mà ta yêu cầu đối với người Assyria." Xem 4 Vua 17:6. Từ sự kết hợp giữa những người Israel còn sót lại với những người ngoại đạo bị vua Assyria cưỡng bức di dời đến đây, một dân tộc hỗn hợp đã hình thành, sau này được gọi là người Samari.

Trời trong tương lai. Vua Peke của Y-sơ-ra-ên và vua Rezin của Sy-ri đã liên quân xâm lược vương quốc Giu-đa; cướp bóc và tàn phá mọi thứ trên đường đi, họ tiến thẳng đến tận Giê-ru-sa-lem; hơn nữa, dân Ê-đôm và dân Phi-li-tin cũng nổi dậy, đòi lại độc lập cho mình. *"Đức Giê-hô-va đã làm nhục Giu-đa vì A-cha, vua Giu-đa, bởi vì ông đã làm hư hỏng Giu-đa và phạm tội nặng nề trước mặt Đức Giê-hô-va"* (2 Sử Ký 28:19).

Khi các vua đồng minh là Pha-kê và Rê-xin đứng trước cổng Giê-ru-sa-lem, thành phố chìm trong kinh hoàng và hỗn loạn, như một khu rừng sồi bị gió mạnh lay động (Ê-sai 7:2). Nhưng Đức Giê-hô-va đầy lòng thương xót đã không bỏ rơi dân sự tội lỗi của Ngài: cùng với sự trừng phạt, Ngài đã sai tiên tri Ê-sai đến để an ủi và cảnh báo họ. Theo lệnh của Đức Chúa Trời, khi gặp A-cha trên đường đến cánh đồng Bê-li-ni-chê, gần các đường ống dẫn nước của ao trên, thánh Ê-sai đã nói với ông:

– Hãy quan sát và hãy bình tĩnh; đừng sợ hãi, và đừng để lòng ngươi nản lòng... (Rezin và Pakeh – những đầu que lửa đang bốc khói kia) đang âm mưu điều ác chống lại ngươi, nói rằng: "Chúng ta hãy tiến vào Giu-đa, gây rối loạn nơi đó và chiếm lấy nó"... Nhưng Đức Chúa Trời phán như vầy: điều đó sẽ không xảy ra và sẽ không thành hiện thực.

Thấy A-cha không tin lời mình, thánh Ê-sai nói với ông:

– Hãy xin một dấu hiệu từ Đức Chúa Trời, Thiên Chúa của ngươi: hãy xin ở nơi sâu thẳm, hoặc ở nơi cao vợi.

Trước lời đó, A-cha, che giấu sự hoài nghi của mình bằng cách từ chối thử thách Đức Chúa Trời, đã phản đối:

– Ta sẽ không xin và cũng sẽ không thử thách Đức Chúa Trời.

Lúc đó, vị tiên tri, sau khi quở trách nhà vua vì sự hoài nghi, đã chỉ ra một dấu hiệu xác nhận lời tiên tri của mình sẽ ứng nghiệm, đó là sự ra đời kỳ diệu sắp tới của Đấng Mê-si-a-Ki-tô từ một trinh nữ; sau khi tiên đoán sự sụp đổ sắp xảy ra của Retsin và Pakeah, ngài đồng thời tiên đoán một cuộc xâm lược khủng khiếp hơn nữa của người A-si-ri trong tương lai:

– Hỡi nhà Đa-vít, hãy nghe đây!... Chính Chúa sẽ ban cho các ngươi một dấu hiệu: Nàng Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh ra một Con Trai, và người ta sẽ đặt tên cho Ngài là Ê-ma-nu-ên[3486] . Ngài sẽ bú sữa và mật ong; cho đến khi Ngài đủ khôn ngoan để phân biệt điều xấu và chọn điều tốt, thì đất nước mà ngươi đang sợ hãi sẽ bị cả hai vị vua của nó bỏ rơi. Nhưng Đức Chúa Trời sẽ giáng xuống trên ngươi, trên dân ngươi và trên nhà cha ngươi những ngày chưa từng xảy ra kể từ khi Éphraim ly khai khỏi Giu-đa; Ngài sẽ giáng xuống vua A-si-ri (Ê-sai 7:1–17).

Nhưng A-cha, người không tin, đã chọn đặt niềm tin vào vua A-si-ri thay vì đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, người mà nhà tiên tri đã cảnh báo ông. Để tìm kiếm sự bảo vệ trước các vua đã xâm nhập vào Giu-đa, A-cha đã kết liên minh với Phê-ga-phê-la-sa-rơ II, vua A-si-ri, và trong lúc đó đã dâng cho ông ta tất cả kho báu không chỉ từ hoàng cung của mình mà còn từ đền thờ; chính ông đã đích thân đến Damascus để triều kiến Phêglaphelassar và tại đây nhận được bản vẽ của bàn thờ Assyria đã được đề cập trước đó. Để thưởng cho sự phục tùng này, vua Assyria đã tàn phá Syria và một phần Palestine, vốn là Vương quốc Israel. Còn A-ha-xơ, sau khi cướp bóc đền thờ, đã đóng chặt những cánh cửa vĩ đại của nó; những ngọn đèn trong đền thờ đã tắt lịm; hương trầm không còn được dâng lên nữa và nơi thánh đã bị bỏ mặc trong sự khinh miệt hoàn toàn. Sự thờ phượng chân chính dành cho Giê-hô-va, bị thay thế bởi sự thờ thần tượng ghê tởm ngày càng lan tràn, đã gần như bị lãng quên (2 Vua 16:5–10; 2 Sử Ký 28:5–25).

Sau khi A-cha-xơ qua đời, con trai ông là Ê-xê-ki-a, lúc đó mới hai mươi tuổi, đã lên ngôi (năm 728), và trở thành một trong những vị vua vĩ đại nhất của dân được chọn. Ê-xê-ki-a đã thừa hưởng một di sản đau buồn từ cha mình. Vương quốc Giu-đa, vốn phải nộp một khoản thuế nhục nhã và tàn phá cho A-si-ri, còn bị lung lay bởi những tệ nạn đang gặm nhấm trật tự nội bộ của nó. Trong giới thượng lưu, những người nắm giữ quyền xét xử, sự bất công ngự trị, và việc bóc lột người nghèo là chuyện thường thấy từ phía các quan tòa tham lam (Mi-chê 3:9–11; Ê-sai 1:17, 1–23, 3:14–15); các thầy tế lễ – những người dạy dỗ dân chúng – cũng mắc phải những tệ nạn tương tự (Mi-chê 3:11), và tiếng nói của các tiên tri chân chính bị lấn át bởi các tiên tri giả ham lợi (Ê-sai 30:20–21; Ô-sê 9:8). Toàn thể dân chúng, chìm đắm trong sự đồi bại (Ê-sai 1:21), và lòng xa cách Đức Giê-hô-va, trong trường

[3486] Thánh Mát-thêu, trong sự ra đời của Chúa Giê-su Ki-tô từ Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, đã nhìn thấy sự ứng nghiệm của lời tiên tri này của thánh Ê-sai: *"Tất cả những điều này đã xảy ra để ứng nghiệm lời Chúa đã phán qua vị tiên tri, rằng: 'Này, một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh ra một Con Trai, và người ta sẽ đặt tên cho Ngài là Ê-ma-nu-ên, có nghĩa là: Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta'."* (Mt 1:22–23)

hợp tốt nhất cũng chỉ tuân giữ phần nghi lễ của luật pháp[3487] , mà không tuân theo các điều răn của Ngài trong đời sống. Vì vậy, Đức Giê-hô-va đã dùng tiên tri Ê-sai để gửi lời khuyên răn vừa cảm động vừa nghiêm khắc đến dân Ngài, kêu gọi họ ăn năn:

– Ta, – Đức Chúa Trời phán, – đã nuôi nấng và nâng cao các con trai Ta, nhưng chúng đã nổi loạn chống lại Ta. Con bò biết chủ mình, và con lừa biết máng cỏ của chủ mình; còn Y-sơ-ra-ên thì không biết Ta, dân Ta không hiểu biết. Ôi, dân tộc tội lỗi, dân tộc gánh nặng tội ác, dòng dõi những kẻ ác, những con cái hư mất! Các ngươi đã bỏ Chúa (Yehovah), khinh bỉ Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên, và quay lưng lại. Còn điều gì nữa để đánh phạt các ngươi, hỡi những kẻ vẫn tiếp tục cứng đầu? Cả đầu đầy vết loét, và cả lòng đã khô héo. Từ gót chân đến đỉnh đầu, không có chỗ nào lành lặn: đầy vết loét, vết bầm, vết thương mưng mủ, không được rửa sạch, không được băng bó, cũng không được xoa dịu bằng dầu… Hãy nghe lời Đức Giê-hô-va, hỡi các quan trưởng thành Sô-đôm; hãy chú ý đến luật pháp của Đức Chúa Trời chúng ta, hỡi dân thành Gô-mô-ra. Ta cần gì đến vô số của lễ của các ngươi?.. Ta đã chán ngấy những lễ thiêu cừu đực và mỡ của gia súc béo tốt; Ta cũng không muốn máu của bò con, chiên con và dê đực. Khi các ngươi đến trình diện trước mặt Ta, ai bắt các ngươi phải dẫm đạp lên sân nhà Ta! Đừng dâng những lễ vật vô ích nữa: khói hương khiến Ta ghê tởm; Ta không thể chịu đựng được các lễ trăng mới, ngày Sa-bát và các buổi tụ họp lễ hội: đó là sự gian ác và sự ăn chơi. Linh hồn Ta ghét các lễ trăng mới và các ngày lễ của các ngươi: chúng là gánh nặng đối với Ta; Ta cảm thấy nặng nề khi phải gánh vác chúng. Và khi các ngươi giơ tay lên, Ta nhắm mắt lại không nhìn các ngươi; và khi các ngươi cầu nguyện nhiều hơn, Ta không nghe; tay các ngươi đầy máu (Ê-sai 1:2–15). Bạc của các ngươi đã trở thành tro; rượu của các ngươi bị pha loãng bằng nước. Các quan chức của các ngươi là những kẻ vi phạm luật pháp và đồng lõa với bọn trộm cắp; tất cả họ đều ham thích quà tặng và chạy theo hối lộ; họ không bảo vệ trẻ mồ côi, và việc của góa phụ không đến tai họ (Ê-sai 1:22–23). Hãy tắm rửa, hãy thanh tẩy, hãy loại bỏ những việc ác của các ngươi khỏi mắt Ta; hãy ngừng làm điều ác; hãy học cách làm điều thiện, tìm kiếm công lý, cứu giúp người bị áp bức, bảo vệ trẻ mồ côi, bênh vực góa phụ. Rồi hãy đến, và Ta sẽ xét xử... Dù tội lỗi các ngươi có đỏ như son, Ta cũng sẽ làm cho trắng như tuyết; dù có đỏ như tía, Ta cũng sẽ làm cho trắng như sóng biển (Ê-sai 1:16–18).

Vua Ê-xê-ki-a, hậu duệ bên mẹ của tiên tri Xa-cha-ri, hoàn toàn trái ngược với cha mình, một người vô đạo và có khuynh hướng theo mọi điều của A-si-ri: Ê-xê-ki-a trung thành với các phong tục và truyền thống dân tộc, và với lòng yêu mến đức tin chân chính, ông đã đặt mục tiêu của cuộc đời mình là khôi phục sự tôn kính Đức Giê-hô-va và thanh tẩy đất nước đã bị ô uế bởi tà giáo. Công việc này không hề dễ dàng giữa một dân tộc phần lớn mang khuynh hướng ngoại đạo. Lúc này, các vị tiên tri mà vị vua đạo đức kính trọng đã đến giúp đỡ ngài, đứng đầu trong số đó là Thánh Ê-sai. Ngài đã tập hợp xung quanh mình rất nhiều môn đệ, những người sau khi được thầy mình khai sáng, đến lượt mình lại trở thành những người truyền bá ánh sáng cho dân chúng. Như vậy, trường tiên tri do Thánh Ê-sai thành lập đã mang lại sự hỗ trợ to lớn cho vua Ê-xê-ki-a trong việc phục hưng tôn giáo và đạo đức của dân chúng. – Việc đầu tiên mà Ê-xê-ki-a làm là thanh tẩy đền thờ khỏi những điều gớm ghiếc của ngoại giáo và khôi phục việc thờ phượng tại đó (2 Sử ký 29:3–36); đồng thời, bằng việc phá hủy các "đồi thờ", Ê-xê-ki-a đã chấm dứt việc thờ phượng riêng lẻ. Với quyết tâm nhổ tận gốc tệ nạn thờ thần tượng, ông thậm chí không nương tay với cả báu vật thiêng liêng của dân tộc: theo lệnh của ông, con rắn đồng – vốn được nhiều người Do Thái tôn thờ, do Môi-se chế tạo cách đây gần 800 năm (Số 21:9) và được đặt giữa thành Giê-ru-sa-lem (2 Vua 18:4). Sau đó, khi Vương quốc Israel đã sụp đổ – mà Ê-xê-ki-a, vì lo sợ cho vương quốc của mình, không thể giúp đỡ được – Lễ Vượt Qua đã được tổ chức long trọng tại Giê-ru-sa-lem trước sự chứng kiến của đông đảo người Do Thái[3488] , lễ này trước đây có lẽ chỉ được cử hành riêng tư trong các gia đình (2 Sử Ký 30).

Trong khi đó, Sargon, vị chinh phục Samaria, đã qua đời và con trai út của ông là Sennacherib lên ngôi. Cái chết của Sargon đã châm ngòi cho một cuộc nổi dậy, lan rộng như một làn sóng mạnh mẽ giữa các dân tộc đang chịu ách thống trị nặng nề của người Assyria, những người sinh sống trên một vùng đất rộng lớn bao trùm toàn bộ Tây Á và từ đó kéo dài đến tận bờ sông Nile. Đứng đầu phe nổi dậy là Pharaoh Seti của Ai Cập và Tirgak, vua Ethiopia. Vua Hê-zê-ki-a cũng gia nhập cùng các dân tộc nổi dậy. Với những đạo quân hùng hậu, Sennacherib tiến quân để đàn áp những người nổi dậy. Lấy Ai Cập làm mục tiêu cuối cùng của cuộc chinh phạt, ông trước tiên tiến

[3487] Vào cuối triều đại của A-cha, như chúng ta đã thấy, đền thờ cũng bị đóng cửa.

[3488] Mặc dù Ê-xê-ki-a đã mời những người Y-sơ-ra-ên còn sót lại sau cuộc lưu đày của Sa-rôn đến dự lễ, nhưng họ đã khinh miệt từ chối lời mời đó (2 Sử Ký 30:5–10).

vào Palestine từ phía bắc. Sau khi một lần nữa buộc một số dân tộc nổi dậy ở đây phải khuất phục trước quyền lực của người Assyria, Sennacherib điều một phần quân đội của mình tiến về Jerusalem. Sau khi chiếm đóng và cướp bóc 46 thành phố kiên cố của Giu-đa, đội quân của Sennacherib nhanh chóng bao vây thủ đô của vương quốc này – Giê-ru-sa-lem; còn bản thân Sennacherib thì bao vây La-chis, cũng là một thành phố thuộc vương quốc Giu-đa nằm trên biên giới với Ai Cập. Sự kinh hoàng bao trùm lên cư dân của Giê-ru-sa-lem đang bị vây hãm; trước hoàn cảnh đó, thánh Ê-sai đã không chậm trễ gửi đến họ lời khích lệ, tiên tri rằng dân A-si-ri sẽ phải hứng chịu sự trừng phạt của Đức Chúa Trời, và chính tại đất nước của dân được chọn (Ê-sai 14:24–25). Nhưng lời của vị tiên tri không thể truyền thêm dũng khí cho những tâm hồn đang hoảng loạn vì sợ hãi. Cuộc vây hãm thành phố kéo dài, vì Ê-xê-ki-a không muốn đầu hàng Giê-ru-sa-lem và đã nỗ lực củng cố thành; để làm trầm trọng thêm thảm họa, nạn đói ập đến, và một số người trong cơn tuyệt vọng đã sa vào lối sống trụy lạc, điều này đã khiến Thánh Ê-sai phải lên tiếng quở trách gay gắt (Ê-sai 22:1–2, 12–14). Cuối cùng, nhận thấy sự vô ích của việc chống cự lại quân Assyria, Ê-xê-ki-a quyết định đầu hàng: ông đã cử các sứ giả đến La-khis gặp Sê-na-hi-rim để bày tỏ sự phục tùng. Sennacherib đã dỡ bỏ cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem, đồng thời áp đặt lên vương quốc Giu-đa một khoản cống nạp cao hơn so với trước đây, đến nỗi để trả khoản cống nạp này, họ buộc phải tháo dỡ vàng còn sót lại từ những lần cướp bóc trước đó tại đền thờ, trên các cổng và khung cửa dẫn vào nơi thánh. Nhưng rồi Sennacherib nghe tin rằng Pharaoh Seti của Ai Cập – người từng bị ông đánh bại – cùng với Tirgak, vua Ê-thi-ô-pi, đã dẫn quân tiến quân từ bờ sông Nile Thượng. Trong hoàn cảnh đó, Sennacherib cho rằng sự phục tùng của Ê-xê-ki-a chẳng qua chỉ là một mưu đồ phản bội nhằm câu giờ, chờ các vị vua đồng minh đến cứu viện. Vì vậy, Sennacherib, bất chấp hiệp ước vừa mới ký kết với Ê-xê-ki-a, lại cử một đoàn quân gồm ba tướng lĩnh đến Giê-ru-sa-lem, trong đó có Rapsak, tham mưu trưởng. Đoàn quân phát hiện cổng thành Giê-ru-sa-lem đã bị khóa chặt và các bức tường thành đã sẵn sàng phòng thủ. Các tướng lĩnh quân đội Assyria đã tiến hành đàm phán với các đại diện của vua Ê-xê-chia, thuyết phục Giê-ru-sa-lem đầu hàng tự nguyện; do hoàn cảnh bắt buộc, các cuộc đàm phán diễn ra qua tường thành trước sự chứng kiến của đông đảo dân chúng. Cuộc đàm phán kết thúc bằng bài diễn văn báng bổ sau đây của Rapsak, hướng tới tất cả những người bị vây hãm:

– Hãy nghe lời… của vị vua vĩ đại Assyria. Vua phán như vầy: Đừng để Ê-xê-ki-a lừa dối các ngươi… và đừng để ông ta làm các ngươi hy vọng… vào Đức Giê-hô-va, khi nói rằng: "Đức Giê-hô-va sẽ cứu chúng ta, và thành này sẽ không rơi vào tay vua Assyria." Đừng nghe lời Ê-xê-ki-a, vì vua A-si-ri phán như vầy: Hãy hòa giải với ta và ra gặp ta, để mỗi người được ăn trái nho và trái vả của mình, và mỗi người được uống nước từ giếng của mình, cho đến khi ta đến và đưa các ngươi đến một xứ giống như xứ của các ngươi, vào xứ có lúa mì và rượu nho, xứ có trái cây và vườn nho, xứ có cây ô-liu và mật ong, và các ngươi sẽ được sống, chứ không phải chết. Vậy đừng nghe lời Ê-xê-ki-ên, kẻ đang lừa dối các ngươi bằng lời nói: 'Đức Giê-hô-va sẽ cứu các ngươi.' Các thần của các dân tộc ấy có cứu được xứ sở của họ khỏi tay vua A-si-ri không? Các thần của Ê-ma-phát và A-ráp-đát ở đâu? Các thần của Sepharvaim, Ena và Iva đâu rồi? Họ có cứu được Samaria khỏi tay ta chăng? Trong số tất cả các thần của các xứ ấy, có vị nào đã cứu được xứ mình khỏi tay ta chăng? Vậy thì liệu Đức Giê-hô-va có cứu được Giê-ru-sa-lem khỏi tay ta chăng? (2 Vua 18:28–35).

Khi những lời này được truyền lại cho Ê-xê-chi-ên, ông đã xé rách áo xống của mình để tỏ lòng đau buồn tột độ, rồi mặc áo vải thô và đi vào đền thờ; còn đối với tiên tri Ê-sai, ông đã sai Ê-li-a-kim và Sê-bna, hai quan đại thần, cùng với các thầy tế lễ cao cấp; các sứ giả của Ê-xê-ki-a, mặc áo vải thô theo gương vua, đã nói với thánh Ê-sai:

– Hôm nay là ngày đau buồn, ngày trừng phạt, và ngày nhục nhã... Có lẽ Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ngài, sẽ nghe tất cả những lời của Rapsak, người mà vua A-si-ri đã sai đến... để phỉ báng Đức Chúa Trời hằng sống và xúc phạm bằng những lời mà Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ngài, đã nghe thấy. Vậy xin ngài dâng lời cầu nguyện cho những người còn lại, những người vẫn còn sống (2 Vua 19:3–4).

Trước những lời nói mang chút sự thiếu tự tin ấy, vị tiên tri của Đức Chúa Trời đã trả lời với niềm tin vững chắc vào sự giúp đỡ của Đức Giê-hô-va:

– Vậy hãy nói với chúa tể của các ngươi rằng: Đức Giê-hô-va phán như vầy: Đừng sợ những lời mà ngươi đã nghe, những lời mà các tôi tớ của vua A-si-ri đã dùng để phỉ báng Ta. Này, Ta sẽ sai một thần linh đến với hắn, và hắn sẽ nghe tin đó rồi trở về xứ sở của mình, và Ta sẽ đánh bại hắn bằng gươm ngay trên đất của hắn[3489] (2 Vua 19:6–7).

Được nhà tiên tri khích lệ, Ê-xê-ki-a đã từ chối yêu cầu đầu hàng của các sứ giả vua A-si-ri, mặc dù sau đó ông đã cử một phái đoàn của riêng mình đến gặp Sê-na-hi-rim, với mong muốn cứu đất nước mình khỏi cuộc xâm lược của người A-si-ri bằng cách đảm bảo rằng mình không có ý định phản bội. Các sứ giả của Ê-xê-ki-a đã gặp Sê-na-hi-rim ngay tại La-hi-sơ nhưng không đạt được kết quả gì; Sê-na-hi-rim thậm chí còn không thèm nghe họ nói. Để bảo đảm hậu phương cho quân đội của mình, ông quyết định chiếm Giê-ru-sa-lem. Không muốn mất thời gian bao vây thành phố, ông trước tiên cố gắng thuyết phục Ê-xê-ki-a đầu hàng mà không cần giao chiến; vì vậy, Sennacherib đã cử một phái đoàn thứ hai đến gặp Ê-xê-ki-a cùng với một bức thư, trong đó, dựa vào sức mạnh của mình, ông thuyết phục vua từ bỏ hy vọng rằng Đức Giê-hô-va sẽ cứu thành. Sau khi nhận được cuộn giấy, Ê-xê-ki-a đã đến đền thờ Đức Chúa Trời, mở nó ra trước mặt Chúa và dâng lên Ngài một lời cầu nguyện đầy cảm xúc như sau:

– Lạy Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đấng ngự trên các chê-ru-bim! Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất của mọi vương quốc trên đất. Ngài đã dựng nên trời và đất. Xin Ngài, lạy Chúa, hãy nghiêng tai Ngài và lắng nghe (con); xin Ngài, lạy Chúa, hãy mở mắt Ngài và nhìn xem, và nghe những lời của Sennacherib, kẻ đã sai người đến để phỉ báng Ngài, Đức Chúa Trời hằng sống. Quả thật, lạy Chúa! Các vua A-si-ri đã tàn phá các dân tộc và đất đai của họ, và ném các thần của họ vào lửa. Nhưng đó không phải là các vị thần, mà là những vật do tay người làm ra, bằng gỗ và đá – chính vì thế mà họ đã tiêu diệt chúng. Và bây giờ, lạy Chúa, Đức Chúa Trời của chúng con, xin cứu chúng con khỏi tay hắn, để mọi vương quốc trên đất đều biết rằng Ngài, lạy Chúa, là Đức Chúa Trời duy nhất (2 Vua 19:15–19).

Thánh tiên tri Ê-sai cũng đã cùng cầu nguyện với Ê-xê-ki-a (2 Sử Ký 32:20). Và lời cầu nguyện của họ đã được nhậm lời. Đức Giê-hô-va đã phán với Ê-xê-ki-a qua tiên tri Ê-sai bằng những lời an ủi tâm hồn như sau:

– Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vầy: Ta đã nghe những điều ngươi cầu nguyện với Ta chống lại Sennacherib, vua A-si-ri. Này là lời Đức Giê-hô-va phán về hắn: Con gái Si-ôn còn trinh sẽ khinh bỉ ngươi, chế nhạo ngươi; con gái Giê-ru-sa-lem sẽ lắc đầu sau lưng ngươi. Ngươi đã chê bai và sỉ nhục ai? Ngươi đã cất cao giọng và ngước mắt lên cao nhìn ai? Chính là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên... Vì sự ngạo mạn của ngươi đối với Ta, và vì sự kiêu ngạo của ngươi đã đến tai Ta, Ta sẽ đeo vòng vào lỗ mũi ngươi... và Ta sẽ đưa ngươi trở lại theo chính con đường mà ngươi đã đến. Này, Ê-xê-ki-a, đây là dấu hiệu cho ngươi: trong năm nay, hãy ăn những gì mọc lên từ hạt giống đã rơi xuống; năm sau, hãy ăn những gì mọc tự nhiên; còn năm thứ ba, hãy gieo hạt, gặt hái, trồng vườn nho, và ăn trái của chúng. Và những gì còn sót lại trong nhà Giu-đa sẽ lại đâm rễ ở dưới, và sinh hoa trái ở trên[3489] . Vì từ Giê-ru-sa-lem sẽ có một phần còn lại, và những người được cứu từ núi Si-ôn[3490] . Vì vậy, Đức Giê-hô-va phán về vua A-si-ri như vầy: "Hắn sẽ không vào thành này, cũng không bắn tên vào đó, không tiến đến thành với khiên, và không đắp đê chống lại thành... Ta sẽ bảo vệ thành này để cứu nó vì chính Ta và vì Đa-vít, tôi tớ Ta (2 Vua 19:21–22, 28–34).

Và Đức Giê-hô-va đã không chậm trễ mà một cách kỳ diệu bày tỏ quyền năng của Ngài trên vua A-si-ri và lòng thương xót của Ngài đối với Giu-đa. Khi bình minh ló rạng, xua tan sương mù đêm tối, nỗi sợ hãi và lo âu bao trùm Giê-ru-sa-lem cũng tan biến: ngay trong đêm đó, *"Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đã đi qua và giết chết một trăm tám mươi lăm nghìn người trong trại quân A-si-ri; và khi họ thức dậy vào buổi sáng, thì thấy tất cả đều đã chết"* (4 Vua 19:35), và vua A-si-ri *"đã trở về xứ mình trong sự hổ thẹn"* (2 Sử ký 32:21). Còn dân cư Giê-ru-sa-lem thì thu được một số chiến lợi phẩm khổng lồ, lấp đầy trại quân A-si-ri đã mất đi những người bảo vệ[3491] .

Tận hưởng sự bình yên, Ê-xê-ki-a bắt tay vào việc xây dựng và phát triển đất nước một cách hòa bình, nhờ đó vương quốc của ông dần dần giành được sự kính trọng từ các dân tộc lân cận (2 Sử Ký 29:22–23). Nhưng những ngày bình yên và hạnh phúc ấy đã nhường chỗ cho một nỗi lo âu mới: vua Ê-xê-ki-a mắc bệnh hiểm nghèo; nhà

[3489] Toàn bộ mùa màng của Giu-đa đã bị quân đội A-si-ri cướp bóc hoặc chà đạp; vì vậy, dường như người Giu-đa đang phải đối mặt với nạn đói không thể tránh khỏi. Nhưng Đức Chúa Trời – như lời tiên tri – sẽ không để điều đó xảy ra: những hạt lúa rơi xuống đất sẽ sinh ra hoa trái đủ để nuôi sống, không chỉ trong năm quân Assyria rút lui, mà còn trong năm tiếp theo. Như vậy, "phần còn lại (của các loại ngũ cốc) sẽ lại đâm rễ xuống dưới và sinh hoa trái lên trên".

[3490] Ở đây, "phần còn lại" tất nhiên ám chỉ "phần còn lại" của những người trung thành với Đức Chúa Trời chân thật, những người luôn hiện diện giữa dân Do Thái bất trung (Ê-sai 1:9; 10:22; Ê-xê-chi-ên 6:8; Rô-ma 8:29), từ đó đã sinh ra các người công chính trong Cựu Ước, các sứ đồ của Đấng Christ thuộc về nhóm này, và từ đó Hội Thánh – sự cứu rỗi cho thế gian – đã phát triển.

[3491] Niềm vui sướng và lòng biết ơn nồng nhiệt của dân được chọn dành cho Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Rỗi, đã được thể hiện, như một số nhà giải thích cho rằng, trong Thi Thiên 45:1–12, 46:1–10, 75:1–13.

tiên tri Ê-sai đã đến bên giường bệnh của ông và truyền đạt lời buồn bã của Đức Chúa Trời, rằng Ê-xê-ki-a phải lập di chúc về gia đình mình, vì cái chết đang cận kề. Sống trong thời Cựu Ước, khi trong bóng tối của cõi chết chỉ lóe lên một tia sáng mờ nhạt về Đấng Cứu Chuộc Tương Lai, Đấng Chiến Thắng Địa Ngục và Cái Chết, lại còn không có người thừa kế để truyền lại vương quốc, và chưa thỏa mãn với cuộc đời, Ê-xê-ki-a trong tuyệt vọng đã quay lưng lại với ánh nắng mặt trời và khóc nức nở: "Ôi! Lạy Chúa," ông kêu lên, "xin hãy nhớ rằng con đã bước đi trước mặt Ngài một cách trung thành và với trái tim tận tụy dành cho Ngài, và đã làm những điều đẹp lòng Ngài" (2 Vua 20:3).

Tiên tri Ê-sai, sau khi rời khỏi vị vua đang ốm, "chưa kịp ra khỏi thành thì đã nhận được lời phán" của Đức Chúa Trời, Đấng đã nghe lời cầu nguyện của tôi tớ trung thành của Ngài:

– Hãy quay lại và nói với Ê-xê-ki-a, vị lãnh đạo dân Ta: Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Đa-vít, cha ngươi, phán như vầy: Ta đã nghe lời cầu nguyện của ngươi, đã thấy những giọt nước mắt của ngươi. Này, Ta sẽ chữa lành cho ngươi; đến ngày thứ ba, ngươi sẽ vào nhà Đức Chúa Trời; Ta sẽ thêm mười lăm năm vào tuổi thọ của ngươi, và Ta sẽ cứu ngươi cùng thành này khỏi tay vua A-si-ri, và Ta sẽ bảo vệ thành này vì chính Ta và vì Đa-vít, tôi tớ của Ta (2 Vua 20:5–6).

Để chữa lành bệnh cho Ê-xê-ki-a, tiên tri Ê-sai đã ra lệnh dùng một loại thuốc vẫn còn rất phổ biến ở phương Đông cho đến ngày nay, đó là miếng vả: theo lệnh của tiên tri, người ta đã đắp miếng vả đó lên vết loét[3492] xuất hiện trên thân thể nhà vua. Để khích lệ vua và theo lời thỉnh cầu của ông, Đức Giê-hô-va đã ban cho ông một dấu lạ kỳ diệu, xóa tan mọi nghi ngờ rằng Ê-xê-ki-a, sau khi bình phục, sẽ "đi vào nhà Đức Giê-hô-va". Tiên tri Ê-sai nói với vua:

– Này, đây là dấu hiệu từ Đức Giê-hô-va, chứng tỏ rằng Đức Giê-hô-va sẽ thực hiện lời Ngài đã phán: bóng tối sẽ tiến thêm mười bậc hay lùi lại mười bậc?

Hê-sê-ki-a đáp:

– Bóng râm tiến lên mười bậc thì dễ lắm; không, xin hãy để bóng râm lùi lại mười bậc.

– Tiên tri Ê-sai bèn cầu khẩn Đức Giê-hô-va, và bóng đã lùi lại mười bậc trên những bậc thang mà nó đã đi xuống theo các bậc thang của A-cha-xô[3493] (2 Vua 20:8–11).

Trong sách tiên tri Ê-sai có ghi lại lời cầu nguyện mà Ê-xê-ki-a đã dâng lên khi nhận được tin mừng về sự bình phục của mình. Lời cầu nguyện này, bằng những lời lẽ đầy xúc động, miêu tả tâm trạng của vị vua trước thềm cái chết và sau khi được giải thoát khỏi nó: "Ta đã thầm nghĩ trong lòng: 'Giữa chừng cuộc đời, ta phải bước vào cổng âm phủ; ta bị tước mất những năm tháng còn lại của mình.' Ta đã nói: 'Ta sẽ không còn được thấy Chúa, Chúa của cõi đời này; ta sẽ không còn được thấy con người giữa những kẻ đang sống trên thế gian.' Nơi ở của tôi bị dỡ bỏ và mang đi khỏi tôi, như lều của người chăn cừu; tôi phải cắt đứt cuộc đời mình như người dệt vải: Ngài (tức là Đức Chúa Trời) sẽ cắt đứt tôi khỏi nền tảng; ngày đêm tôi chờ đợi Ngài ban cho tôi cái chết. Tôi đã chờ đợi cho đến sáng; như con sư tử, Ngài đã nghiền nát mọi xương cốt của tôi; ngày đêm tôi chờ đợi Ngài ban cho tôi cái chết. Như con hạc, như con én, tôi cất tiếng kêu than, khao khát như con bồ câu; đôi mắt tôi u sầu ngước nhìn lên trời: Lạy Chúa! Tôi đang trong cảnh ngột ngạt: xin cứu tôi. Tôi sẽ nói gì đây? Ngài đã phán với tôi – và Ngài đã làm như vậy. Tôi sẽ sống những năm tháng còn lại của đời mình trong sự yên lặng, nhớ đến nỗi đau trong tâm hồn tôi... Nỗi đau đớn sâu sắc ấy đã trở thành điều tốt lành cho tôi, và Ngài đã giải cứu linh hồn tôi khỏi hố diệt vong (tức là khỏi nấm mồ), đã gánh lấy mọi tội lỗi của tôi lên vai Ngài[3494] (Ê-sai 38:11–15, 17).

Tin tức về sự chữa lành kỳ diệu của vua Ê-xê-ki-a lan truyền nhanh chóng, thậm chí đã đến tận một đất nước xa xôi như Ba-by-lôn. Vua Merodach-Baladan của xứ ấy, người vẫn duy trì được độc lập cho vương quốc mình trước sức ép hùng mạnh của người Assyria, đã nhân cơ hội này cử một phái đoàn đến gặp Ê-xê-ki-a với lý

[3492] Trong bản văn tiếng Do Thái, căn bệnh của Ê-xê-chi-ên được gọi là "shechin"; người ta cho rằng đó là một vết loét do bệnh dịch hạch gây ra.

[3493] Ở đây đề cập đến chiếc đồng hồ mặt trời do A-ha-xơ xây dựng theo mẫu của Ba-by-lôn; nó có thể là một tòa nhà cao với các bậc thang hướng lên hoặc một vòng tròn nằm ngang với các vạch được bố trí theo thứ tự nhất định; bóng mặt trời, khi chiếu xuống chiếc đồng hồ này, dần dần di chuyển dọc theo các bậc thang hoặc các vạch, và chính điều này đã đóng vai trò là chỉ báo thời gian. Điều đáng chú ý là theo các tính toán thiên văn, vào ngày 26 tháng 9 năm 703, năm trùng với thời gian vua Ê-xê-ki-a bị bệnh, đã xảy ra một hiện tượng nhật thực một phần có thể quan sát được tại Giê-ru-sa-lem; chính hiện tượng này có thể là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng kỳ diệu (bóng mặt trời lùi lại mười bậc) mà Kinh Thánh đã ghi chép.

[3494] Tức là đã tha thứ và quên đi những lỗi lầm của họ.

do chúc mừng ông khỏi bệnh và tìm hiểu kỹ hơn về dấu hiệu kỳ diệu đi kèm; nhưng mục đích thực sự của phái đoàn là ký kết một liên minh tấn công và phòng thủ với Ê-xê-ki-a; phái đoàn mang theo thư và quà tặng từ vua Ba-by-lôn gửi cho Ê-xê-ki-a. Hê-zê-ki-a rất vui mừng trước phái đoàn đến từ vị vua của một đế quốc rộng lớn, và đã cho họ xem tất cả kho báu của mình. Phái đoàn này là một thử thách mà Đức Chúa Trời đặt ra cho Hê-zê-ki-a, "để bày tỏ tất cả những gì trong lòng ông". Và vị vua kính Chúa ấy đã không vượt qua được thử thách: mới đây thôi, ông còn chứng kiến sự biểu lộ lòng thương xót của Đức Chúa Trời kết hợp với dấu lạ kỳ diệu, nhưng Hezekiah, bị cuốn vào sự kiêu ngạo – nơi không còn chỗ cho suy nghĩ về vinh quang của Chúa – đã chuyển niềm tin của mình từ Đức Chúa Trời sang con người và chính bản thân ông. Nhưng chính việc vua Ê-xê-ki-a tiết lộ cho các sứ giả của vua Ba-by-lôn tất cả những bí mật của vương quốc mình đã bộc lộ sự yếu đuối của trí tuệ con người trong việc thấu hiểu những định mệnh khó lường của Đức Chúa Trời, theo đó Giu-đa buộc phải sụp đổ chính bởi cuộc xâm lược của vị vua Ba-by-lôn. Với sự mặc khải đau buồn ấy, vốn là hình phạt dành cho Ê-xê-chi-ên vì sự kiêu ngạo của ông, tiên tri Ê-sai đã đến gặp vua Giu-đa sau khi các sứ giả đã ra về. Sau khi nghe chính Ê-xê-ki-a kể rằng các sứ giả đã đến "từ xứ xa xôi là Ba-by-lôn" và rằng "không còn một vật nào mà vua không cho họ xem trong toàn bộ vương quốc của mình", Ê-sai đã nói với vua Giu-đa:

– Hãy lắng nghe lời Đức Giê-hô-va: Sẽ có ngày đến, mọi thứ trong nhà ngài, cùng những gì tổ tiên ngài đã tích lũy cho đến ngày nay, sẽ bị mang đi Ba-by-lôn; chẳng còn lại gì cả. Trong số các con trai ngài, những người sẽ ra đời từ ngài, những người mà ngài sẽ sinh ra, họ sẽ bị bắt đi và trở thành hoạn quan trong cung điện vua Ba-by-lôn.

– Lời Đức Giê-hô-va mà ngài đã phán thật là tốt lành, – Ê-xê-ki-a, người đã ăn năn, đáp lại với lòng khiêm nhường, đồng thời cầu nguyện để hòa bình và thịnh vượng ít nhất cũng đồng hành cùng những ngày còn lại của ông (2 Vua 20:13–19; 2 Sử Ký 32:31; Ê-sai 39).

Chúa không từ chối lời cầu nguyện của vị vua đã phạm tội: trong bình an, "Hê-zê-ki-a an nghỉ cùng các tổ phụ mình" (4 Vua 20:21) và được an táng với mọi vinh dự, trước sự chứng kiến của đông đảo người Do Thái, tại các lăng mộ của các con trai Đa-vít ở Giê-ru-sa-lem[3495] (2 Sử Ký 32:33).

Không lâu sau, vị tiên tri vĩ đại thánh Ê-sai cũng kết thúc cuộc đời mình: theo truyền thuyết Do Thái, được Tertullian, Lactantius và thánh Giê-rô-ni-mô chấp nhận, thánh Ê-sai đã qua đời một cách tử đạo, bị cưa làm đôi[3496] dưới triều đại của Ma-na-se, người kế vị Ê-xê-chia.

Nếu, như Thánh Cyril thành Jerusalem đã nói, "không có vị tiên tri nào mà Đấng Kitô không được biết đến", thì điều này đặc biệt đúng với Tiên tri Isaia. Sách của ngài chứa đựng những lời tiên tri về Đấng Kitô Cứu Thế đầy đủ và rõ ràng đến mức, một cách công bằng, các vị Thánh Cha đã phong cho Thánh Isaia danh hiệu "Nhà truyền giáo Cựu Ước".

Ở vị tiên tri vĩ đại của Cựu Ước này, chúng ta tìm thấy hình ảnh được phác họa chi tiết về Đấng Mê-si-a Sắp Đến.

Được báo trước bởi sự xuất hiện của Tiền Hô (Is 40:3), Đấng Mê-si-a, về mặt nhân loại xuất thân từ dòng dõi Y-sê (Is 11:1), sẽ được sinh ra từ một Trinh Nữ chưa từng kết hôn (Is 7:14), được tràn đầy các ân sủng của Thánh Thần (Is 11:2) và mang những danh hiệu chắc chắn chỉ ra phẩm giá thần thánh của Ngài (Is 9:6). Là tôi tớ của Đức Chúa Trời khiêm nhường và hiền lành, được Chúa yêu thương và kêu gọi để rao giảng lẽ thật cho các dân tộc, Đấng Mê-si-a *"sẽ không bẻ gãy cây sậy đã gãy, cũng không dập tắt ngọn lửa đang le lói"*, đồng thời thể hiện quyền năng vĩ đại trong việc thiết lập vương quốc của Ngài trên đất (Ê-sai 9:1–4), vương quốc ấy sẽ là vương quốc của công lý, hòa bình và sự hiểu biết về Đức Chúa Trời – *"lúc bấy giờ, sói sẽ sống chung với chiên con, và báo sẽ nằm chung với dê con; và con bê, con sư tử con, và con bò sẽ sống chung với nhau; một đứa trẻ nhỏ sẽ dẫn dắt chúng; con bò cái sẽ gặm cỏ cùng con gấu cái, và con non của chúng sẽ nằm chung với nhau; một đứa trẻ nhỏ sẽ dẫn dắt chúng; con sư tử sẽ ăn rơm như con bò, và đứa trẻ sơ sinh sẽ chơi đùa trên hang rắn hổ mang, và đứa trẻ sẽ thò tay vào tổ rắn. "Trên cả núi thánh của Ta, sẽ không còn ai làm điều ác hay gây hại, vì đất sẽ tràn ngập sự hiểu biết về Chúa, như nước tràn ngập biển"* (Ê-sai 11:6–9). Nhưng trước khi vương quốc này đến, Đấng Mê-si-a phải trải qua sự hạ mình, đau khổ và cuối cùng là cái chết vì tội lỗi của loài người: "*Lạy Chúa,*" – nhà tiên tri kêu lên, như thể đang đứng bên thập tự giá của Đấng Cứu Thế bị đóng đinh – *"ai đã tin những điều chúng tôi rao giảng* (tức

[3495] Theo các nguồn tin đáng tin cậy nhất, Ê-xê-ki-a qua đời vào năm 699.
[3496] Có lẽ điều này ám chỉ đến cái chết tử đạo của Thánh Ê-sai. Hê-bơ-rơ 11:39.

là lời rao giảng về Con Đức Chúa Trời đã nhập thể) *và ai đã được bày tỏ quyền năng của Chúa? Vì Ngài đã đến trước mặt Ngài, như một chồi non và như một mầm mọc lên từ đất khô cằn; nơi Ngài chẳng có vẻ đẹp hay vinh quang nào; và chúng tôi đã thấy Ngài, nhưng nơi Ngài chẳng có vẻ đẹp nào khiến chúng tôi bị thu hút đến với Ngài. Ngài bị khinh bỉ và hạ thấp trước mặt loài người, là Đấng chịu đau khổ và đã trải qua mọi bệnh tật, và chúng tôi đã quay mặt đi khỏi Ngài; Ngài bị khinh bỉ, và chúng ta coi Ngài như không là gì cả.*" Trong khi đó, *"Ngài đã gánh lấy những yếu đuối của chúng ta, và mang lấy những bệnh tật của chúng ta; còn chúng ta thì tưởng rằng Ngài bị đánh đập, bị trừng phạt và bị Đức Chúa Trời hạ nhục. Nhưng Ngài đã bị đâm thâu vì tội lỗi chúng ta, và bị hành hạ vì sự gian ác của chúng ta; sự trừng phạt mang lại bình an cho chúng ta đã đổ trên Ngài, và nhờ những vết thương của Ngài, chúng ta được chữa lành; tất cả chúng ta đều lang thang như chiên lạc, mỗi người đi theo con đường riêng của mình, và Chúa đã đặt tội lỗi của tất cả chúng ta lên Ngài. Ngài bị hành hạ, nhưng Ngài chịu đựng một cách tự nguyện và không mở miệng; như con chiên bị dẫn đi giết, và như con chiên con trước người cạo lông nó, im lặng, vậy Ngài cũng không mở miệng. Ngài bị bắt đi vì xiềng xích và sự phán xét, nhưng ai có thể giải thích được dòng dõi của Ngài? Vì Ngài bị tách khỏi đất của những người sống; Ngài đã chịu hình phạt vì tội lỗi của dân Ngài. Người ta đã chỉ định cho Ngài một ngôi mộ giữa những kẻ ác, nhưng Ngài được chôn cất bên cạnh người giàu có, vì Ngài không phạm tội và không có sự dối trá trong miệng Ngài*." Bên cạnh hình ảnh Đấng Mê-si-a đau khổ, vĩ đại trong sự khiêm nhường vô biên của Ngài, vị tiên tri miêu tả Đấng Mê-si-a, Đấng Sáng Lập Hội Thánh, Đấng được tôn vinh vì những đau khổ của Ngài: *"Chúa đã muốn đánh đập Ngài và đã phó Ngài vào sự đau khổ; nhưng khi linh hồn Ngài dâng của lễ chuộc tội, Ngài sẽ thấy dòng dõi trường tồn, và ý muốn của Chúa sẽ được thực hiện thành công qua tay Ngài; Ngài sẽ nhìn vào công trình của linh hồn Ngài với sự hài lòng; nhờ sự hiểu biết về Ngài, Đấng Công Chính, Tôi Tớ của Ta, sẽ làm cho nhiều người được xưng công chính và gánh lấy tội lỗi của họ trên mình. Vì vậy, Ta sẽ ban cho Ngài phần thưởng giữa những bậc vĩ nhân, và Ngài sẽ được chia phần chiến lợi phẩm cùng với những người hùng mạnh, vì Ngài đã phó linh hồn Ngài cho cái chết và bị kể vào số những kẻ ác, trong khi Ngài đã gánh lấy tội lỗi của nhiều người và trở thành Đấng Cầu Thay cho những kẻ phạm tội"* (Is 53:1–12).

Bài ca Kondak, giọng 2:

Nhận lãnh ân sủng tiên tri, hỡi vị tiên tri tử đạo, hỡi Ê-sai, người rao giảng Lời Chúa, Ngài đã giải thích cho mọi người về sự nhập thể của Chúa, và đã công bố lớn tiếng lời kết: "Nàng Trinh Nữ sẽ thụ thai trong lòng."

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Christopher.

Ngày kỷ niệm: 9 tháng 5

Về vị tử đạo vinh quang này[3497] , người ta kể lại một điều kỳ lạ và phi thường, rằng ông có đầu hình con chó và xuất thân từ xứ sở của những kẻ ăn thịt người[3498] . Khi ông bị một vị bá tước[3499] bắt làm tù binh trong chiến tranh, ông không có khả năng nói tiếng người. Anh ta cầu nguyện với Chúa, và Chúa đã sai một Thiên thần đến với anh ta, người đã nói với anh ta: "Hãy can đảm lên, Reprev!" – đó là tên đầu tiên của anh ta – rồi chạm vào môi anh ta và ban cho anh ta khả năng nói chuyện. Khi sau đó anh ta đến một thành phố, anh ta bắt đầu vạch trần những kẻ đang bức hại các Kitô hữu. Vì điều này, một người tên là Bacchus đã đánh đập ông, nhưng ông đáp lại Bacchus rằng ông khiêm nhường chấp nhận những đòn roi từ hắn chỉ vì lời răn dạy của Chúa Kitô; và nếu ông để cơn giận chi phối, thì không chỉ Bacchus mà ngay cả quyền lực của hoàng đế cũng sẽ không thể chống lại được, và ông sẽ biến nó thành hư không. Chẳng bao lâu sau, hai trăm binh sĩ được cử đến để dẫn ngài đến gặp hoàng đế[3500] , và khi

---

[3497] Lễ kính Thánh Christopher được tôn vinh rộng rãi cả ở phương Đông lẫn phương Tây, đặc biệt là tại Tây Ban Nha. Ở phương Tây, người ta thường cầu khẩn ngài trong những đợt dịch bệnh lây lan.

[3498] Một số người khẳng định rằng Thánh Christopher vốn là người Canaan, trong khi những người khác cho rằng ngài có nguồn gốc từ người Canine (canis – chó) hoặc người Kinokefalos ăn thịt người. Hình ảnh đẹp đẽ của vị thánh trong "Prologue" của người Slav bị bác bỏ, còn Nicodemus trong "Synaxarion" chỉ miêu tả ngài với vẻ ngoài xấu xí.

[3499] "Komiti" là tên gọi dành cho các vệ sĩ hoàng gia, và sau này danh hiệu này được áp dụng chung cho những người thuộc đoàn tùy tùng của các tổng trấn, quan tỉnh trưởng và những chức vụ tương tự.

họ đang trên đường đi, cây gậy hoàn toàn khô héo trong tay vị thánh bỗng nở hoa một cách kỳ diệu; sau đó, khi các binh sĩ cạn kiệt bánh mì trong chuyến đi, ngài đã làm cho bánh mì nhân lên dồi dào. Phép lạ vĩ đại này đã khiến các chiến binh kinh ngạc, và họ đã tin vào Chúa Kitô; cùng với vị thánh, họ được Giám mục Antioch, Thánh Tử đạo Bavila, làm phép rửa tội, và vị thánh được đặt tên là Christopher thay cho tên Reprev. Khi vị thánh được dẫn đến trước mặt hoàng đế, nhà vua khi nhìn thấy ngài đã cảm thấy kinh hoàng và bất ngờ ngã ngửa ra sau; sau đó, khi tỉnh táo lại, ông ta nảy sinh ý định ép ngài từ bỏ Đức Kitô, nhưng không dùng những biện pháp bạo lực công khai, mà bằng mưu mẹo: trước tiên là thay đổi tâm trạng của ngài, rồi sau đó dùng sự dịu dàng để dụ dỗ ngài tuân theo ý muốn của mình. Với mục đích đó, ông ra lệnh gọi hai người phụ nữ – những kẻ dâm đãng, có nhan sắc xinh đẹp và sẵn sàng dâng hiến thân thể cho những cuộc giao hoan dâm đãng – những người này đã dùng những lời nói quyến rũ để khơi dậy trong lòng những người trẻ tuổi một khao khát không thể kìm nén, điên cuồng hướng tới việc phạm tội dâm dục. Tên của một trong hai người phụ nữ đó là Callinicia, còn người kia là Aquilina. Hoàng đế ra lệnh cho họ vào gặp vị thánh và gieo rắc vào tâm trí ngài những suy nghĩ cám dỗ, như thói quen thường lệ của họ, để, bị thúc đẩy bởi tình yêu tội lỗi dành cho họ, anh ta sẽ đồng ý từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô và dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo, nhưng Thánh Christopher lại dạy dỗ họ về đức tin vào Chúa Kitô và bằng lời nói của mình, ngài đã khiến họ từ bỏ việc thờ lạy thần tượng. Khi trở về gặp hoàng đế, họ tuyên xưng mình là Kitô hữu, vì thế đã phải chịu những hình phạt tàn bạo; và sau khi chịu đựng những đau khổ như vậy vì đức tin vào Chúa Kitô, họ đã nhận được vương miện tử đạo. Hoàng đế vô cùng tức giận trước những người phụ nữ này, nên đã ra lệnh dẫn Thánh Christopher đến trước mặt mình và bắt đầu chế nhạo ngài vì vẻ ngoài khác thường trên khuôn mặt; nhưng Thánh nhân đáp lại bằng cách gọi ông ta là "nơi trú ngụ của những hành động ma quỷ", bởi vì tên của Hoàng đế Decius mang ý nghĩa như vậy. Sau đó, hoàng đế đã kết án tử hình hai trăm chiến binh, những người được cử đi để dẫn Thánh Christopher đến trước mặt ông và những người đã nhận phép rửa tội cùng với ngài, vì họ đã đến gặp vị thánh và quỳ lạy ngài ngay trước mặt hoàng đế. Ông ra lệnh chặt đầu tất cả bọn họ và thiêu xác họ, còn Thánh Christopher thì bị nhốt vào một cái thùng đồng, đóng đinh vào người ngài, rồi nung nóng cái thùng đó; nhưng khi việc này được thực hiện xong, vị thánh vẫn hoàn toàn vô sự. Không cảm thấy bất kỳ đau đớn nào từ lửa hay từ việc bị đóng đinh, ngài đứng trong chiếc bình nung đỏ như thể đang ở trong một không gian mát mẻ dễ chịu. Nhiều người có mặt tại đó cho rằng đó là một trò lừa đảo, nhưng vị thánh đã kể lại một cách hoàn toàn chân thực và đầy hân hoan cho các tín hữu rằng, trong lúc bị tra tấn, ngài đã nhìn thấy một người đàn ông cao lớn và tuấn tú, mặc áo trắng, người tỏa ra ánh sáng rực rỡ hơn cả mặt trời và đội trên đầu một vương miện lấp lánh, người ấy được bao quanh bởi vô số chiến binh, những người đang giao chiến với một đám nô lệ da đen hôi thối, cố gắng bắt giữ và lôi kéo ngài đi; nhưng vị thủ lĩnh đáng sợ ấy đã trừng mắt nhìn họ với cơn thịnh nộ, và chỉ bằng ánh mắt, ngài đã khiến toàn bộ đạo quân địch hoảng loạn và bị đánh bại, đồng thời ban cho ngài sức mạnh để chịu đựng cực hình mà không hề hấn gì. Nghe câu chuyện ấy và thấy vị thánh hoàn toàn vô sự, nhiều người trong dân chúng đã tin theo ngài và quay về với Chúa Kitô; sau đó, họ đã đưa vị thánh ra khỏi cái nồi đang sôi sục, và vì điều đó mà họ bị các đao phủ của nhà vua chém chết . Sau đó, người ta buộc một hòn đá vào cổ Thánh Christopher và ném ngài xuống giếng, nhưng một Thiên thần đã cứu ngài ra khỏi đó; sau đó, họ mặc cho ngài bộ áo đồng nung đỏ rực, và cuối cùng, chém đầu ngài bằng gươm[3501] . Lễ kỷ niệm Thánh Christopher và các thánh tử đạo khác, những người đã chịu khổ cùng ngài, được cử hành tại Kyparissia[3502] vào ngày ngài qua đời, gần với ngày qua đời của Thánh Đại Tử Đạo George.

Bài thánh ca, giọng 4:

Hãy khoác lên mình y phục nhuốm máu, đứng trước mặt Chúa, Vua của các thế lực, Thánh Christopher, người được tưởng nhớ muôn đời: từ đó, cùng với các vị thánh vô hình và các vị tử đạo, ngài hát bài thánh ca ba lần thánh và đáng kính: xin hãy cứu rỗi đoàn chiên của ngài bằng những lời cầu nguyện của ngài.

[3500] Dựa trên các bản "Prologue" tiếng Hy Lạp, Assemani cho rằng đó là Hoàng đế Decius, người trị vì Đế quốc La Mã từ năm 249 đến năm 251.

[3501] Thánh tử đạo đã qua đời tại Lycia dưới triều đại hoàng đế Decius vào khoảng năm 250. Theo các biên niên sử về vị thánh tử đạo, ngày ngài qua đời được ghi nhận trong tất cả các lịch cổ xưa nhất, cả phương Đông lẫn phương Tây, là ngày 23 tháng 4.

[3502] Kiparisios hoặc Kiparis – một địa danh ở Constantinopolis.

Câu chuyện về việc rước di hài Thánh Nicôla, Tổng Giám mục Myra[3503]

Ngày kỷ niệm: 9 tháng 5

Vào mùa hè năm 1087, dưới triều vua Hy Lạp Alexios Komnenos[3504] và dưới thời Thượng phụ Constantinopolis Nicholas Grammatikos[3505] , khi Vsevolod Yaroslavich[3506] đang trị vì tại Kiev và con trai ông là Vladimir Vsevolodovich Monomakh[3507] đang trị vì tại Chernihiv, người Izmail[3508] đã xâm lược vùng đất Hy Lạp từ cả hai bên bờ biển. Họ đã đi qua tất cả các thành phố và làng mạc, từ Korsun[3509] đến Antioch và Jerusalem; trong quá trình đó, họ chém giết đàn ông, bắt giữ phụ nữ và trẻ em làm tù binh, đồng thời đốt phá nhà cửa và tài sản. Các nhà thờ và tu viện trở nên hoang vắng, còn các thành phố rơi vào tay những kẻ ngoại đạo. Lúc bấy giờ, các thành phố Myra thuộc Lycia cũng bị tàn phá, nơi an nghỉ của thi hài Thánh Nicholas – thi hài quý báu và đáng kính, đã thực hiện những phép lạ kỳ diệu và vinh quang. Vị thánh này có thể đã bảo vệ thành phố và Giáo hội của mình khỏi sự tàn phá, nhưng theo ý muốn của Đức Chúa Trời, ngài đã không chống cự, mà nói: "Lạy Chúa, con sẽ làm điều đẹp lòng Ngài."

Nhưng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta không thể để cho di thể của vị thánh an nghỉ tại một nơi hoang tàn và không được ai tôn vinh, như đã được chép trong Kinh Thánh: "Hãy để các thánh hân hoan trong vinh quang" (Thánh Vịnh 149:5); và còn nữa: "Vinh quang sẽ thuộc về tất cả các thánh của Ngài" (Thánh Vịnh 149:9).

Tại thành Bari, lúc bấy giờ thuộc về người Norman[3510] , có một vị linh mục, người yêu mến Chúa và công chính. Thánh Nicôla đã hiện ra với ông trong giấc mơ và nói: "Hãy đi và bảo các công dân cùng toàn thể hội đồng giáo hội rằng họ hãy đến thành Mir, rước thi hài của Ta từ đó về và an táng tại đây, vì Ta không thể ở lại nơi hoang tàn đó được nữa. Đó là ý muốn của Chúa."

Nói xong, vị thánh liền biến mất. Sáng hôm sau thức dậy, vị linh mục kể lại giấc mơ đó cho mọi người nghe. Họ vui mừng và nói: "Hôm nay, Chúa đã tỏ lòng thương xót dồi dào đối với dân Ngài và thành phố của chúng ta, vì Ngài đã ban cho chúng ta vinh dự được đón nhận vị thánh được Ngài yêu mến, Thánh Nicholas."

Ngay lập tức, họ chọn ra từ trong số mình những người kính sợ Chúa và kính trọng Ngài, rồi cử họ lên ba con tàu đi đón di cốt của vị thánh. Giả vờ là đi buôn bán, những người đó chất lúa mì lên tàu và lên đường.

Khi đến Antioch, họ bán lúa mì và mua sắm mọi thứ cần thiết. Tại đó, họ được biết rằng những người Venice đang có mặt ở đó muốn ngăn cản họ và chiếm lấy di cốt của Thánh Nicholas. Ngay lập tức, những người này vội vã lên đường, đến Myra ở Lycia và cập bến cảng thành phố. Với ý định cứu lấy bản thân và thành phố của mình, họ trang bị vũ khí và bước vào nhà thờ Thánh Nicola. Tại đây, họ thấy bốn tu sĩ và hỏi họ nơi an nghỉ của di cốt Thánh Nicola. Các tu sĩ chỉ cho họ vị trí của hòm thánh tích. Những người dân làng đã đào bới sàn nhà thờ và tìm thấy hòm thánh tích chứa đầy dầu thánh. Họ đổ dầu thánh vào một bình, rồi mang thi hài của Thánh Nicholas lên tàu, sau đó ra khơi. Hai tu sĩ ở lại Mir, còn hai người kia hộ tống thi hài Thánh Nicholas đến[3511] . Họ khởi hành

---

[3503] Cuộc đời của Thánh Nicholas, vị thánh làm phép lạ, xem mục ngày 6 tháng 12

[3504] Alexei I Komnenos trị vì Đế quốc Byzantine từ năm 1081 đến năm 1118.

[3505] Thánh Nicholas III Grammaticus giữ chức Tổng Giám mục từ năm 1084 đến năm 1111.

[3506] Vsevolod Yaroslavich, con trai của Yaroslav the Wise và cháu nội của Thánh Vladimir, làm công tước từ năm 1075 đến năm 1076 (6 tháng); sau đó lần thứ hai từ năm 1078 đến năm 1093.

[3507] Vladimir Vsevolodovich Monomakh trị vì từ năm 1073 đến năm 1125.

[3508] Ở đây, người Izmail được hiểu là các dân tộc phương Đông cùng dòng dõi: người Thổ Nhĩ Kỳ, người Pecheneg và người Polovtsian.

[3509] Một thành phố cổ ở Crimea, gần Sevastopol, còn được gọi là Chersonesos Taurica.

[3510] Thành phố Bari nằm ở phía nam bán đảo Ý, trên bờ đông giáp Biển Adriatic, thuộc vùng được gọi là Apulia. Dân cư miền nam Ý từ lâu đã là người Hy Lạp. Vào cuối thế kỷ IX, quyền lực của hoàng đế Hy Lạp đã được củng cố tại đây. Năm 1070, thành phố Bari bị người Norman – một bộ tộc phía bắc thuộc dân tộc German – chiếm từ tay người Hy Lạp, nhưng ngay cả sau đó, đức tin Chính thống giáo và các nghi lễ thờ phượng vẫn được duy trì tại một số tu viện ở Apulia, và các tu viện này vẫn trực thuộc quyền quản lý của Thượng phụ Constantinopolis.

[3511] Trong nghi lễ rước di hài Thánh Nicholas, người ta hát: "Hành trình của Thánh nhân đã trải qua biển cả, từ các thành phố Lycia đến Bargrad: vì quan tài của ngài đã được lấy ra khỏi mộ, và từ phương Đông tiến về phương Tây, cùng với các tu sĩ thành kính đi theo, những người đã tôn vinh ngài bên quan tài, theo sự chỉ dẫn của Đấng Tối Cao, Thánh Nicholas vinh quang" [Bài thánh ca thứ 2 trên bục thánh ca. – *Ban biên tập "Azbuka Very"*].

từ thành Mir vào ngày 11 tháng Tư và đến thành Bari vào ngày 9 tháng Năm, vào tối Chủ nhật. Thấy đoàn người từ thành Mir mang theo di cốt Thánh Nicholas đến, tất cả cư dân thành Bari, nam nữ, già trẻ, đều ra đón vị thánh với nến và hương trầm, tiếp nhận di cốt với niềm vui và sự tôn kính sâu sắc, rồi an táng chúng tại nhà thờ Thánh Gioan Tiền Hô bên bờ biển.

Xác thánh của vị thánh đã thực hiện nhiều phép lạ tại đây. Xác thánh đến Bari vào tối Chủ nhật và ngay sáng thứ Hai đã chữa lành cho 47 người bệnh, cả nam lẫn nữ, mắc các chứng bệnh khác nhau: người thì đau đầu, người thì đau mắt, người thì đau tay chân, đau tim, thậm chí có người cả cơ thể đều bị quỷ ám. Vào thứ Ba, có 22 người bệnh được chữa lành, còn vào thứ Tư – 29 người. Sáng sớm thứ Năm, Thánh Nicholas đã chữa lành cho một người câm điếc, người đã mắc bệnh suốt 5 năm. Sau đó, vị thánh hiện ra trước một tu sĩ đạo đức và nói: "Vậy là, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, tôi đã đến với các bạn tại xứ sở này, vào ngày Chủ nhật, lúc chín giờ, và đây, 111 người đã được tôi chữa lành."

Và Thánh Nicholas còn thực hiện nhiều phép lạ khác mỗi ngày, giống như một suối nước chảy không ngừng. Người ta dâng lên Thánh nhân nhiều lễ vật, vàng, bạc và những bộ y phục quý giá. Chứng kiến những phép lạ vĩ đại của ngài, người dân tràn ngập niềm vui lớn lao, đã xây dựng một nhà thờ vĩ đại và tuyệt đẹp mang tên Thánh nhân và Đấng làm phép lạ Nicholas[3512] , và đúc một hòm bằng bạc mạ vàng để đựng di cốt của ngài. Vào mùa hè thứ ba sau khi di dời di cốt từ Mir Licia, họ đã gửi thư đến Đức Giáo hoàng Urban ở Roma, xin ngài đến Bari cùng các giám mục và toàn thể hàng giáo sĩ để tiến hành lễ rước di cốt Thánh Nicholas. Đức Giáo hoàng đã đến cùng các giám mục và hàng giáo sĩ; họ đặt di cốt của thánh vào quan tài bằng bạc, sau đó các giám mục và các quý tộc đã rước quan tài này đến nhà thờ mới, tráng lệ và đặt vào bàn thờ, vào ngày 9 tháng Năm. Họ cũng rước quan tài cũ của vị thánh, chiếc quan tài mà ngài đã được đưa về từ Mir, đặt quan tài đó trong nhà thờ và đặt vào đó một phần cánh tay từ di cốt của thánh. Nhiều người đã đến và thờ lạy vị thánh, hôn lên di cốt và hòm thánh tích của ngài. Đức Giáo hoàng Urban, các giám mục và toàn thể dân chúng đã tổ chức vào ngày đó một lễ hội trọng thể và lễ tôn vinh vị thánh, điều mà người ta vẫn tiếp tục thực hiện cho đến ngày nay[3513] . Trong những ngày đó, họ đã vui vẻ với thức ăn và đồ uống, và sau khi phân phát những khoản bố thí hào phóng cho người nghèo, họ trở về nhà trong bình an, ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa cùng vị thánh được Ngài yêu mến là Thánh Nicola.

Bài thánh ca, giọng 4:

Ngày lễ trọng thể rực rỡ đã đến, thành phố Bars hân hoan, và cùng với nó, cả vũ trụ đều hân hoan với những bài ca và những lời thánh ca: vì hôm nay là lễ trọng thể thiêng liêng, nhân dịp rước di hài tôn kính và đầy ân sủng của Thánh Nicholas, vị thánh làm phép lạ, như mặt trời không lặn chiếu sáng rực rỡ bằng những tia sáng chói lọi, xua tan bóng tối của những cám dỗ và tai ương cho những người tín hữu đang khẩn cầu: xin cứu chúng con, hỡi Thánh Nicholas, Đấng Bào Chữa vĩ đại của chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Như ngôi sao tỏa sáng từ phương Đông sang phương Tây, thánh tích của ngài, Thánh Nicola, đã chiếu rọi; biển cả được thánh hóa nhờ cuộc rước của ngài, và thành phố Bars đã nhận được ân sủng nhờ ngài: vì ngài đã hiện ra giữa chúng con như một vị thánh làm phép lạ, cao quý, vĩ đại và đầy lòng thương xót.

Ngày 23 tháng 5

Ngày 10 tháng 5 (theo lịch cũ)

[3512] Lễ kỷ niệm việc rước di hài Thánh Nicolae tại Nga được thiết lập dưới thời Tổng Giám mục Kiev Ioann II, vào năm 1089.
[3513] Nhà thờ này vẫn tồn tại cho đến ngày nay.

Lễ kính Thánh Tông đồ Simon Zilot

Ngày tưởng niệm 10 tháng 5

Thánh Simon này xuất thân từ Cana xứ Galilê và được chính Chúa và Mẹ Thiên Chúa biết đến, vì thành Cana nằm cách Nazareth không xa. Khi Simon tổ chức tiệc cưới, ngài đã mời cả Chúa cùng các môn đệ và Mẹ Thiên Chúa đến dự tiệc. Nhưng vì không còn rượu cho khách, nên Chúa đã biến nước thành rượu (xem Ga 2:1–11). Bị ấn tượng sâu sắc bởi phép lạ này, chú rể đã tin vào Chúa Giêsu Kitô như là Thiên Chúa chân thật, và sau khi rời khỏi tiệc cưới cũng như chính ngôi nhà đó, ông đã nhiệt thành theo Chúa Giêsu; vì thế ông được gọi là Zilot, hay người nhiệt thành[3514] , bởi vì ông đã bừng cháy với lòng nhiệt thành vĩ đại đến nỗi, vì tình yêu dành cho Đấng Kitô, ông đã từ bỏ cả vị hôn thê lẫn mọi sự gắn bó của mình, dâng hiến linh hồn mình cho Đấng Hôn Phu trên trời. Vì điều này, Simon đã được kể vào hàng ngũ các môn đệ của Chúa Kitô và vào hàng ngũ các thánh mười hai tông đồ.

Khi Thánh Thần ngự xuống trên các Tông đồ vào ngày Lễ Ngũ Tuần dưới hình dạng những lưỡi lửa, các ngài đã nhận được ân sủng nói các thứ tiếng, nhờ đó có thể rao giảng Tin Mừng cho muôn dân; và Simon cùng với mười một Tông đồ khác đã được ban Thánh Thần. Sau khi nhận được Thánh Thần, ngài đã lên đường rao giảng về Chúa Kitô khắp các vùng đất khác nhau, đi qua Ai Cập, Mauritania, Libya, Numidia, Cyrene và Abkhazia. Ngài cũng đã đến Anh Quốc. Tại đây, ngài đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo, những người chưa từng biết đến Chúa Kitô, đến với đức tin Kitô giáo; vì điều đó, ngài đã bị những kẻ vô tín đóng đinh và kết thúc cuộc đời mình bằng sự đau khổ tương tự như sự đau khổ trên thập giá mà Chúa Giêsu Kitô đã phải chịu[3515] .

Bài ca Kondak, giọng 2:

Chúng ta ca ngợi Simon, người đã gieo rắc sự khôn ngoan của giáo lý vào tâm hồn những người sùng đạo, vì ngài là người nói lời của Đức Chúa Trời: bởi vì ngài hiện đang đứng trước ngai vinh quang, và vui mừng cùng các thánh linh, không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng ta.

Cuộc đời của Thánh Isidora, người thánh thiện

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 5

Tại tu viện nữ Tavenisi[3516] , tọa lạc tại Phivaida, giữa các nữ tu khác có một thiếu nữ tên là Isidora, người đã tự nguyện thực hành đời sống "người điên thánh". Cô hành xử như một người ngốc nghếch và điên dại, vì thế mà bị các nữ tu khác khinh bỉ đến mức không ai trong số họ bao giờ chịu dùng bữa cùng cô. Cô bị mọi người sỉ nhục và xúc phạm, nhưng Isidora vẫn kiên trì thực hiện con đường tu hành của mình với lòng kiên nhẫn vô bờ, luôn tạ ơn và ngợi khen Thiên Chúa.

Isidora luôn làm việc trong nhà bếp của tu viện, phục vụ tất cả các nữ tu và thực hiện mọi công việc trong tu viện, không hề chối bỏ những công việc khó khăn và bẩn thỉu nhất. Bằng chính đôi tay mình, bà đã dọn dẹp tu viện

---

[3514] "Zilot" và "người nhiệt thành" là những từ đồng nghĩa; "zilot" là bản dịch tiếng Hy Lạp của từ tiếng Do Thái "Kananit" (từ "kana" – sự nhiệt thành). Có giả thuyết cho rằng Simon Zilot, trước khi được kêu gọi làm tông đồ, từng là thành viên của giáo phái Zilot – những người nhiệt thành bảo vệ đức tin dân tộc, đặc biệt chú trọng việc tuân thủ các quy định nghi lễ của Luật Mô-sê.

[3515] Simon Zilot đã tử đạo tại Abkhazia và được an táng tại thành phố Nikopsia, nằm gần Djigeti. Người dân địa phương cho đến nay vẫn chỉ ra tàn tích của thành phố này cách Sukhum khoảng 20 verst, không xa bờ biển. Tại nơi vị thánh qua đời, một nhà thờ đã được xây dựng và được trùng tu vào năm 1875 nhờ sự nhiệt thành của một trong các Đại công tước. Vị thánh tông đồ Simon Zilot mà chúng ta đang nhắc đến ngày nay cần được phân biệt, trước hết, với Simon Phêrô, cũng là một trong mười hai tông đồ, và với Simon hay Simeon, người họ hàng theo huyết thống của Chúa (Mt 13,55), người thuộc hàng ngũ 70 tông đồ và là vị giám mục thứ hai của Giêrusalem – người kế vị tông đồ Giacôbê, anh em ruột của Chúa. – Lễ kính Thánh Simon Zilot được Giáo Hội Công Giáo cử hành vào ngày 30 tháng 6 cùng với lễ kính mười một vị tông đồ còn lại).

[3516] Tu viện Tavenisi được thành lập bởi vị tu sĩ ẩn tu nổi tiếng người Ai Cập, Thánh Pachomius Vĩ Đại (ngày kỷ niệm của ngài là ngày 15 tháng 5), tọa lạc tại vùng Thượng Phivaida. Lý do thành lập tu viện này xuất phát từ mong muốn của chị gái Thánh Pachomius được sống đời ẩn tu. Nơi được chọn làm tu viện có tên là Men và nằm bên bờ sông Nile, trong khi tu viện nam lại tọa lạc trên một hòn đảo giữa dòng sông Nile. Thánh Pachomius đã ban cho các nữ tu ẩn dật một nội quy nghiêm ngặt, gần như giống hệt với nội quy của tu viện nam.

khỏi mọi bụi bẩn và ô uế. Thánh nữ luôn làm việc như vậy, từ sáng đến tối, không nghỉ ngơi dù chỉ một giờ, luôn làm kiệt sức thân xác mình.

Đôi khi Isidora giả vờ như bị quỷ ám, để che giấu những đức tính cao đẹp của mình trước các nữ tu xung quanh. Nhờ đó, lời của Thánh Tông Đồ đã ứng nghiệm trên bà: *"Ai muốn được khôn ngoan trong thế gian* này*, hãy trở nên điên rồ để được khôn ngoan"* (1 Cô-rinh-tô 3:18)

Tổng cộng có bốn mươi nữ tu trong tu viện đó, và tất cả họ, theo quy tắc đời sống tu viện, đều đội khăn trùm đầu; còn Isidora thì chỉ dùng một mảnh vải đơn sơ để che đầu. Chưa ai từng thấy nàng ăn một miếng bánh mì hay ngồi vào bàn ăn và thưởng thức thức ăn nấu chín, bởi vì nàng nhặt những mảnh vụn rơi xuống từ bàn và dùng chúng làm thức ăn; thay vì thức ăn nấu chín, Isidora uống chính nước mà nàng dùng để rửa nồi và chảo. Thánh nữ chưa bao giờ xúc phạm ai bằng lời nói, chưa bao giờ giận dữ với ai, chưa bao giờ than vãn với Chúa, mà luôn giữ im lặng; cô chưa bao giờ trò chuyện với ai, dù dài hay ngắn, và nói chung là không nói chuyện với ai cả, mặc dù các chị em khác thường đánh đập và nói xấu cô.

Sau khi nữ tu Isidora đã dành đủ số năm thực hành những việc tu hành như vậy, có một sự mặc khải về bà dành cho Pitirim, một người đàn ông rất đạo đức đang tu hành tại sa mạc Porphyrite lân cận. Một Thiên thần của Chúa đã hiện ra với ông và nói: "Tại sao ngươi lại tự cao tự đại trong lòng và tự cho mình là người có đức hạnh, khi đang ở nơi hoang mạc này? Ngươi có muốn thấy một người phụ nữ đức hạnh hơn ngươi, người đã làm đẹp lòng Chúa bằng những việc tu hành của mình hơn cả ngươi không? Nếu ngươi muốn thấy người phụ nữ như vậy, hãy đến Tu viện nữ Tavennis; ở đó ngươi sẽ gặp một nữ tu, người đội trên đầu một mảnh vải thay vì chiếc mũ tu; nữ tu này đã làm đẹp lòng Chúa bằng những việc làm của mình hơn cả ngươi, bởi vì, dù luôn sống giữa các nữ tu khác và luôn phục vụ mọi người với tình yêu thương, cô ấy lại bị mọi người khinh miệt; nhưng bất chấp điều đó, trái tim cô ấy chưa bao giờ xa rời Chúa, cũng như tâm trí cô ấy luôn đắm chìm trong suy nghĩ về Chúa. Còn con, dù ở đây trong sự cô độc và không bao giờ rời khỏi đây, nhưng tâm trí con lại lang thang khắp các thành phố."

Pitirim lập tức lên đường đến tu viện nữ Tavennis. Khi đến tu viện nam ở Tavennis, Pitirim xin vị trụ trì tu viện này cử người dẫn đường để đưa ông đến tu viện nữ. Vì Pitirim vốn nổi tiếng ở đây nhờ những việc làm cao cả, nên vì đời sống tu hành của ngài cũng như vì tuổi già của ngài, vị trụ trì đã cử những người dẫn đường trong số các tu sĩ, những người đã cẩn thận và đầy tình thương đưa ngài qua con sông ngăn cách hai tu viện – nam và nữ – và đưa ngài đến tu viện nữ.

Khi đến tu viện, vị thánh nhân trước hết đã đến nhà thờ của tu viện. Sau khi dâng lời cầu nguyện thường lệ tại đây, Pitirim đã yêu cầu tất cả các nữ tu tập trung lại xung quanh ngài để ngài có thể nhìn thấy tất cả mọi người. Tất cả các nữ tu đều tập trung, ngoại trừ Isidora. Không thấy chính nữ tu mà Thiên thần đã báo cho ngài biết và cũng là lý do ngài đến đây, vị tu sĩ già nói:

– Hãy dẫn tất cả các nữ tu đến gặp tôi, vì tôi nghĩ rằng ở đây thiếu một người.

Các nữ tu đáp lại:

– Chúng con đều đang đứng trước mặt ngài đây.

Nhưng vị tu sĩ già nói:

– Ở đây thiếu một người, người mà tôi đã nhận được sự mặc khải từ Thiên Thần của Đức Chúa Trời.

Lúc đó, các nữ tu nói:

– Chúng con đều có mặt ở đây, thưa cha đáng kính; chỉ thiếu một chị em đang ở trong bếp, nhưng chị ấy ngốc nghếch và bị quỷ ám.

Vị tu sĩ già liền nói:

– Hãy dẫn cả chị em ấy đến gặp tôi, để tôi có thể gặp chị ấy, vì chính vì chị ấy mà tôi đã đến đây.

Các chị em đi tìm cô ấy và nói với cô ấy rằng vị tu sĩ già đang gọi cô ấy. Nhưng cô ấy không muốn đi, vì cô ấy đã hiểu bằng linh hồn về sự mặc khải mà Thiên Thần đã ban cho vị tu sĩ già.

Lúc đó, các nữ tu nắm lấy cô ấy, lôi cô ấy đi bằng sức mạnh, nói rằng:

– Cha Pitirim đáng kính đang gọi con.

Khi Isidora được dẫn đến gặp vị tu sĩ, ngài, vừa nhìn thấy cô và nhận ra rằng đây chính là nữ tu mà Thiên thần đã nói với ngài, liền quỳ xuống dưới chân cô và nói:

– Xin Mẹ ban phước lành cho con, Mẹ kính yêu!

Nhưng chính Isidora cũng quỳ xuống dưới chân ngài và nói:

– Xin cha ban phước cho con, thưa cha đáng kính!

Thấy tất cả những điều này, các nữ tu rất ngạc nhiên và nói với vị tu sĩ già:

– Xin cha đừng làm điều bất kính như vậy, thưa cha đáng kính! Vì chị em này đã mất trí rồi.

Thánh Pitirim bèn nói với họ:

– Có lẽ tất cả các con đều điên rồ; nhưng chị em này đã làm đẹp lòng Chúa hơn cả tôi và tất cả các con; chị ấy là mẹ của tất cả chúng ta, và tôi sẽ cầu xin Chúa, để Ngài ban cho tôi được chung số phận với chị ấy vào Ngày Phán Xét.

Nghe vậy, tất cả các chị em đều quỳ xuống trước vị tu sĩ già và trong nước mắt kể cho ngài nghe về tất cả những lời sỉ nhục mà họ đã gây ra cho chị ấy hàng ngày. Trong lúc đó, một trong các chị em nói:

– Tôi luôn mắng mỏ chị ấy.

Một người khác nói:

– Tôi đã đổ nước thải lên người chị ấy.

Người thứ ba:

– Tôi đã đánh cô ấy bằng tay.

Người thứ tư:

– Tôi đã dùng gậy đánh cô ấy.

Và các chị em khác cũng kể cho vị tu sĩ già nghe về nhiều hành vi xúc phạm khác mà họ đã gây ra cho bà tu sĩ. Quỳ sấp mặt trước Isidora, tất cả họ đều xin bà tha thứ.

Còn vị tu sĩ trung thực Pitirim, cùng với nữ tu Isidora, đã dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện tha thiết cho các chị em, để tội lỗi của họ được tha thứ. Sau đó, Pitirim đã dành đủ thời gian để giảng dạy các nữ tu và trò chuyện với họ vì lợi ích tâm linh của họ, và cuối cùng, ngài trở về nơi ngài đã tu hành, ca ngợi và tôn vinh Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho ngài ân sủng được nhìn thấy người tôi tớ của Ngài, người đã ẩn mình khỏi mọi người.

Còn Thánh nữ Isidora, không muốn nhận sự kính trọng từ các chị em, ngay sau khi vị tu sĩ già ra đi, đã lén lút rời khỏi tu viện đó mà không ai hay biết, và tiếp tục tu hành tại những nơi không ai biết đến cho đến ngày qua đời.

Đó chính là cuộc đời của vị thánh nữ ẩn dật trước mọi người, người đã phụng sự Chúa một cách bí mật dưới vỏ bọc của sự giả điên. Vì điều này, bà sẽ nhận được phần thưởng từ Chúa trên trời một cách công khai, trước sự chứng kiến của tất cả các công dân thiên đàng; khi đã an nghỉ cùng họ, bà ngợi khen Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi[3517] .

Lễ kỷ niệm Thánh Taísia

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 5

Tại Ai Cập có một thiếu nữ Kitô hữu tên là Taísia. Khi cha mẹ qua đời và cô trở thành trẻ mồ côi, với mong muốn giữ gìn sự trong trắng của một thiếu nữ, Taísia đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho những người nghèo, còn ngôi nhà của cô thì biến thành nơi tiếp đón các tu sĩ sống ẩn dật. Cô đã sống đời tu hành như vậy trong một thời gian dài, đón tiếp các tu sĩ về nhà và mang lại cho họ sự nghỉ ngơi sau những chuyến hành trình. Sau một thời gian khá dài, Taisia đã tiêu hết toàn bộ tài sản của mình, đến nỗi rơi vào cảnh nghèo khó tột cùng. Do mưu mô của ma quỷ, một số kẻ ham mê tội lỗi đã tiếp cận cô, dụ dỗ cô sa vào tội lỗi và lôi kéo cô rời xa con đường cứu rỗi; kể từ đó, Taisia bắt đầu sống một cuộc đời tội lỗi, sa vào dâm dục và trụy lạc.

Khi các tu sĩ ẩn tu ở Skete biết được sự thay đổi trong cuộc sống của Taisia, họ vô cùng buồn bã. Sau khi bàn bạc với nhau, họ đến gặp Abba Ioann Kolov và nói với ngài:

– Chúng con nghe nói về chị em ấy rằng chị ấy đang sống một cuộc đời tội lỗi. Nhưng vì chị ấy đã dành cho chúng con tình yêu thương lớn lao, cho chúng con nương náu trong nhà chị ấy, nên chúng con cũng sẽ thể hiện tình yêu thương thiêng liêng của mình đối với chị ấy và lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn chị ấy. Xin cha, người cha đáng kính, hãy vất vả một chút, đến gặp chị ấy và khuyên nhủ chị ấy ăn năn; cha sẽ làm được điều đó, vì cha được Thiên Chúa ban cho sự khôn ngoan. Còn chúng con sẽ ăn chay và dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện chân thành, để Chúa giúp đỡ cha.

[3517] Thánh Isidora qua đời vào cuối thế kỷ IV.

Thánh Abba Ioann Kolov, tuân theo lời thỉnh cầu của các vị cha đáng kính, đã đi vào thành phố gặp người phụ nữ ấy, trên đường đi ngài thầm cầu nguyện với Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Trợ của ngài, Đấng mong muốn tất cả mọi người đều được cứu rỗi.

Khi đến trước nhà của Taísia, vị tu sĩ già gõ cửa rồi nói với người phụ nữ đang canh gác lối vào:

– Hãy nói với bà chủ của chị rằng tôi đến để trò chuyện với bà ấy.

Người gác cổng liền trả lời ông với giọng giận dữ:

– Các tu sĩ các ông đã phung phí hết tài sản của bà ấy rồi!

Nhưng vị tu sĩ già nói với bà ta:

– Hãy nói với bà ấy rằng tôi đã mang đến cho bà ấy một thứ rất quý giá. Người gác cổng đi vào và báo lại cho bà chủ những lời vị tu sĩ già đã nói.

Người phụ nữ ấy đáp lại:

– Những tu sĩ đó, khi đi dọc Biển Đen, thỉnh thoảng tìm thấy ngọc trai. Hãy dẫn vị tu sĩ già đó đến gặp tôi.

Bước vào nhà, vị tu sĩ già ngồi xuống bên cạnh Taisia; sau đó, nhìn vào khuôn mặt cô và thở dài sâu, ông cúi đầu xuống và bắt đầu khóc.

Lúc đó, Taisia hỏi vị tu sĩ:

– Thưa cha đáng kính! Cha khóc vì điều gì vậy?

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Ta thấy Satan đang đùa giỡn trên khuôn mặt con; làm sao ta không khóc được? Tại sao con lại không muốn lấy Chúa Giêsu Kitô, Chú Rể Thánh Khiết và Bất Tử, làm chồng mình? Tại sao con lại khinh thường cung điện của Ngài và dâng mình cho Satan? Tại sao con lại làm theo những việc xấu xa của hắn?

Nghe những lời ấy, Taisia cảm thấy lòng mình xao xuyến, vì những lời của vị tu sĩ già đối với nàng như một mũi tên lửa, xuyên thấu trái tim nàng. Ngay lập tức, nàng cảm thấy ghê tởm cuộc sống tội lỗi của mình; nàng bắt đầu xấu hổ về chính bản thân và những việc làm tội lỗi của mình. Rồi nàng nói với vị tu sĩ già:

– Thưa cha đáng kính! Liệu có sự sám hối dành cho những kẻ tội lỗi không?

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Quả thật là có, và Đấng Cứu Thế đang chờ đợi sự ăn năn của con, sẵn sàng đón nhận con vào vòng tay cha mẹ của Ngài; vì Ngài không muốn kẻ tội lỗi phải hư mất, nhưng mong muốn kẻ tội lỗi quay về con đường cứu rỗi. Và đây, tôi sẽ là người bảo đảm cho con rằng, nếu con ăn năn chân thành và từ tận đáy lòng quay về với Chúa, thì Ngài sẽ lại yêu thương con như cô dâu của Ngài, và sau khi thanh tẩy con khỏi mọi ô uế của tội lỗi, Ngài sẽ dẫn con vào cung điện thiên đàng bất diệt của Ngài. Khi đó, tất cả các hàng ngũ Thiên thần sẽ hân hoan vì ngươi, bởi vì họ vui mừng ngay cả khi chỉ có một người tội lỗi ăn năn.

Taisia đáp lại:

– Xin ý Chúa được thực hiện, thưa Cha đáng kính! Xin hãy đưa con ra khỏi đây và dẫn con đến nơi nào Cha biết, nơi con có thể tìm được chỗ thích hợp để sám hối.

Vị tu sĩ già nói:

– Đi thôi.

Sau đó, ngài đứng dậy và đi về phía cửa ra vào nhà cô.

Taisia cũng đứng dậy và đi theo vị tu sĩ, không thu dọn gì trong nhà, cũng không nói gì với ai về ngôi nhà, mà bỏ lại tất cả ngay lập tức, vì Chúa Kitô.

Thấy Taisia chẳng hề bận tâm đến ngôi nhà của mình và cũng chẳng nói gì với ai, cha Gioan rất ngạc nhiên trước sự thay đổi đột ngột ấy và lòng nhiệt thành của Taisia đối với Thiên Chúa. Sau khi tạ ơn Thiên Chúa vì điều đó, ngài lên đường. Còn Taisia thì đi phía sau ngài, cách ngài một khoảng cách khá xa.

Khi những người lữ hành đến sa mạc, trời đã muộn; đêm đang buông xuống.

Sau khi dọn một chỗ nằm nhỏ bằng cát trên mặt đất, vị tu sĩ già nói với Taisia:

– Hãy ngủ ở đây dưới sự che chở của ân sủng Chúa.

Sau đó, ông làm dấu thánh giá để bảo vệ cô, rồi lùi lại một khoảng cách ngắn. Sau khi dâng những lời cầu nguyện thường lệ, vị tu sĩ già nằm xuống đất và chìm vào giấc ngủ.

Khi đến nửa đêm, vị tu sĩ già bừng tỉnh vì thấy ánh sáng trên bầu trời. Ngước mắt lên, ông thấy một dải lửa từ trời chiếu xuống hướng về phía Taisia.

Trước cảnh tượng này, Ioann kinh hoàng. Nhìn kỹ hơn về phía Taisia, ông nhận ra rằng các Thiên thần của Chúa đang đưa linh hồn Taisia lên trời theo con đường đó. Ioann nhìn chằm chằm vào cảnh tượng kỳ diệu này cho đến khi nó biến mất khỏi tầm mắt ông. Sau đó, đứng dậy, Gioan đi đến chỗ Taisia; khi đến gần, ông đẩy nhẹ cô bằng tay, nhưng thấy rằng cô đã qua đời[3518] . Lúc đó, vị tu sĩ già trong sự sợ hãi và run rẩy đã quỳ sấp xuống đất. Và có một tiếng nói từ trời vang xuống, phán rằng: "Sự ăn năn của cô ấy, dù chỉ diễn ra trong một giờ, lại đáng mến hơn sự ăn năn kéo dài trong một thời gian dài; bởi vì trong trường hợp sau, những người ăn năn không còn sự ấm áp trong lòng như vậy nữa."

Vị tu sĩ già tiếp tục cầu nguyện cho đến tận sáng sớm. Sau đó, sau khi an táng thi hài thánh thiện của thánh nữ Taisia, ông trở về tu viện và kể lại cho các vị cha về tất cả những gì đã xảy ra. Khi biết được mọi chuyện, các tu sĩ đã ngợi khen và tạ ơn Đức Kitô, Thiên Chúa, vì lòng thương xót vĩ đại của Ngài. Vinh quang thuộc về Ngài – Thiên Chúa chân thật – muôn đời. Amen.

Cuộc đời của Thánh Simon, Giám mục Vladimir và Suzdal

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 5

Những gì Chúa Giê-su, con trai của Si-ra-khô, đã nói về Si-môn, con trai của Ô-ni-a[3519] : *"vị thượng tế vĩ đại, trong suốt cuộc đời mình đã sửa chữa ngôi nhà và trong thời đại của mình đã củng cố đền thờ"* (Sir. 50:1); và còn nữa: *"như ngôi sao mai giữa những đám mây, như trăng tròn trong những ngày, như mặt trời chiếu sáng trên đền thờ Đấng Tối Cao, như cầu vồng tỏa sáng giữa những đám mây uy nghi"* (Sách Sirach 50:6–7), – đó chính là những gì chúng ta phải nói về vị cha thánh của chúng ta là Simon, Giám mục Vladimir và Suzdal, người làm chứng và ghi chép tiểu sử các vị thánh sống trong các hang động, nhà biên niên sử thứ hai sau Thánh Nestor. Quả thật, ngài đã xây dựng ngôi nhà của Chúa một cách vững chắc và củng cố Giáo Hội bằng gương sống của chính mình cùng những câu chuyện răn dạy về cuộc đời các thánh, như một trong những vị mục tử tốt lành mà Chúa đã hứa với tiên tri Giê-rê-mi-a, khi phán: *"Ta sẽ ban cho các ngươi những mục tử theo lòng Ta*, và *họ sẽ chăn dắt các ngươi bằng dấu hiệu và sự khôn ngoan"* (Giê-rê-mi 3:15). Quả thực, tất cả những danh hiệu dành cho Si-môn, vị mục tử tốt lành và người gìn giữ luật Do Thái, đều có thể áp dụng cho vị thánh Si-môn này, vị tổng giám mục của Vladimir và Suzdal.

Vị thánh Simon này đã gia nhập đời tu tại tu viện Pechersk thiêng liêng, nơi giống như bầu trời được trang hoàng bởi các vị thánh tu hành, như những vì sao thiêng liêng, mặt trăng và mặt trời. Khi vào tu viện, Simon đã siêng năng đọc các câu chuyện về cuộc đời của các thánh đã qua đời và được lòng Chúa, đông đảo như những vì sao trên trời. Chính vị thánh phúc lành Simon cũng bừng cháy tình yêu đối với những công đức của các thánh ấy và bằng mọi cách cố gắng noi gương họ. Với tình yêu thương, ngài nhớ lại những công đức của vị sáng lập đầu tiên của tu viện này, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, người đã làm gia tăng số lượng những "ngôi sao thiêng liêng" của tu viện – tức các tu sĩ – và ngài đã cố gắng hết sức để noi gương cuộc đời của ngài. Ngài cũng nhớ lại những công đức của Thánh Antôn, người đã soi sáng mọi người, giống như mặt trời, bằng ánh sáng của những việc lành; và vị tu sĩ đáng kính đã noi gương cuộc đời thánh thiện như thiên thần của ngài; khi chiêm ngưỡng các vị tu sĩ đáng kính, đông đúc như các vì sao, phụng sự mặt trăng và mặt trời, Simon đã học được đức khiêm nhường; đặc biệt, ông học được sự khiêm nhường qua gương của vị thánh Theodosius, người, giống như mặt trăng, tỏa sáng rực rỡ hơn tất cả các vì sao khác và đã xứng đáng nhận được từ Thiên Chúa một vương miện vinh quang hơn so với các anh em khác. Từ Thánh Antôn, như mặt trời lướt một mình trên bầu trời, không có các vì sao khác, Simon đã học được lối sống thầm lặng như các thiên thần. Giống như một tấm gương, ngài phản chiếu trong chính mình tất cả những vì sao thiêng liêng ấy – các vì sao, mặt trăng và mặt trời, và chính ngài cũng toả ra ánh sáng của các vì sao, mặt trăng và mặt trời.

[3518] Thánh Taisia qua đời vào thế kỷ V.

[3519] Ở đây, tất nhiên, là Simon I, Thượng tế Do Thái, con trai và người kế vị của Thượng tế Onias I, người được đồng thời gọi là "người công chính" nhờ lòng đạo đức của mình. Lợi dụng thời kỳ bình yên dưới sự cai trị của các vị vua Ai Cập, ông đã khôi phục các công sự phòng thủ của Giê-ru-sa-lem, trang hoàng đền thờ, bao quanh nó bằng những bức tường cao và thực hiện những sửa chữa cùng cải tiến đáng kể trong đó; nhưng – điều quan trọng nhất – ông đã nâng cao đời sống tôn giáo và đạo đức của dân chúng bằng tấm gương sống đạo đức của mình, chính vì thế mà ông để lại những kỷ niệm tốt đẹp nhất (Sir. 50:1–21). – Simon đảm nhận chức vụ Thượng tế vào đầu thế kỷ III trước Công nguyên.

Hơn nữa, giống như Simon, vị thượng tế thời xưa, ngài cũng là ngôi sao mai, là trăng tròn và là mặt trời chiếu sáng trên nhà thờ của Đấng Tối Cao. Ông đã siêng năng tu hành trong tu viện thánh Pechersk, nơi giống như bầu trời, và chính Simon, qua những việc làm của mình, đã trở nên giống như ngôi sao mai, luôn noi gương Đức Mẹ Thiên Chúa, xinh đẹp như mặt trăng và rực rỡ như mặt trời. Với tất cả sức lực mình có, ngài tận tụy phụng sự Đức Mẹ, luôn sống trong sự khiêm nhường cao cả, cầu nguyện siêng năng, cả khi cùng anh em tu sĩ lẫn khi ở một mình.

Khi vị thánh Simon này tỏa sáng nhờ những công đức của mình khắp nhiều vùng lân cận, đến nỗi thậm chí còn được biết đến ở những vùng đất rất xa xôi, thì vào thời điểm đó, ngai giám mục của giáo phận Vladimir và Suzdal lại đang trống. Còn Giáo hội thì xứng đáng được trang hoàng bằng vương miện sao (xem Khải Huyền 12:1), như Thánh Gioan đã viết trong sách Khải Huyền của ngài. Trên ngai tòa Vladimir và Suzdal ấy không có vị mục tử – mặt trời rực rỡ và mặt trăng xinh đẹp – nên Giáo hội đó không thể tự hào với những lời trong Thánh vịnh: "Ngai của ta như mặt trời trước mặt ta*"* và *"như mặt trăng trọn vẹn muôn đời"* (Thánh vịnh 88:38). Chính vào thời điểm đó, theo ý muốn của Đấng Chủ Tể các mục tử – Đức Giêsu, Đấng đã từng trao đàn chiên của Ngài cho người đã yêu mến "Ngài hơn tất cả" (Ga 21:15–17), thì Simon Phêrô, người đã hết lòng yêu mến Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, đã được Thiên Chúa kêu gọi lên ngai giám mục để cai quản các thành phố được Thiên Chúa bảo vệ – Vladimir và Suzdal. Nhờ đó, vương miện của Giáo hội đã được tô điểm bằng ánh sáng của các vì sao, còn ngai tòa của Giáo hội thì rạng ngời như mặt trời và như trăng tròn. Vị mục tử phúc lành này đã tỏa sáng trên ngai giám mục bằng những việc lành của mình như ngôi sao mai, như mặt trăng và như mặt trời; bằng giáo huấn của mình, ngài soi sáng mọi người, sưởi ấm họ bằng tình yêu, và ban cho tất cả sự sống (tinh thần) nhờ ân sủng đã cầu xin từ Thiên Chúa. Vị thánh Simon này luôn tự xem mình như ngôi sao mai, báo hiệu sự kết thúc của đêm và sự khởi đầu của ngày, vì vậy ngài luôn tránh xa mọi việc xấu xa và tội lỗi, và bằng mọi sức lực, ngài hướng về những việc lành và đầy ân sủng. Vị thánh này còn suy ngẫm rằng mặt trời và mặt trăng – về bản chất – giống như hai con mắt, luôn canh giữ không ngừng nghỉ trên bầu trời; vì thế, ngài đã bằng mọi cách lo toan để ngai vàng của mình tỏa sáng như mặt trời và như trăng tròn, đồng thời bản thân ngài cũng cố gắng noi gương đôi mắt thiên đàng không ngừng canh giữ ấy, nhờ đó với sự tỉnh táo không ngừng nghỉ, ngài tận tụy chăn dắt đàn chiên thiêng liêng của mình.

Thánh Simon đã dấn thân trong một thời gian dài như một vị mục tử nhiệt thành, chăm lo tận tụy và chu đáo cho đoàn chiên của mình; và cần lưu ý rằng ngài đã hoàn thành sứ vụ của mình một cách rất thành công. Đồng thời, vị thánh cũng không bỏ bê các công việc tu hành của mình, luôn ghi nhớ trong tâm trí những công lao và chiến công của các vị tu sĩ thánh thiện ở các hang động, và vui mừng trong tâm hồn vì Chúa đã ban ân cho ngài được mặc áo tu sĩ tại tu viện cao quý này và trở thành người đồng hành với các vị tu sĩ thánh thiện ở các hang động; Thánh Simon luôn kêu cầu họ đến giúp đỡ trong các lời cầu nguyện của mình, và nhờ sự chuyển cầu của họ trước mặt Thiên Chúa, cùng với ân sủng của Ngài, ngài đã thành công trong việc chăm lo cho đoàn chiên của mình, đến nỗi trên ngài đã được ứng nghiệm tất cả những hình ảnh và danh xưng khác mà Chúa Giêsu, con trai của Sirach, Simon, Thượng tế Do Thái, người đã làm đẹp lòng Thiên Chúa trong Cựu Ước. Ngoài những danh xưng đã nêu trên, Giê-su, con trai của Si-ra-khô, còn viết về Simon rằng ông như một vòm trời, như bông hoa giữa gai góc, như hoa huệ, như thân cây Li-băng, như nhũ hương trên lửa, như bình vàng rèn, như cây ô-liu và như cây bách (Sir. 50:8–11). Tất cả những đức tính của vị tổng mục tử, được gợi lên qua những danh xưng này, đều được vị mục tử nhân lành Simon thể hiện trong cuộc đời mình. Ông đã hết lòng lo lắng cho việc duy trì và thiết lập hòa bình giữa con người, như cầu vồng trên trời đã báo trước; hơn nữa, ngài đã dạy dỗ mọi người về sự kiên nhẫn qua chính hành động của mình, nảy nở như bông hoa táo giữa bụi gai, luôn lao động trong vườn tâm linh của đoàn chiên mình; ngài hướng dẫn mọi người cả bằng hành động lẫn lời nói về sự trong sạch tâm linh, như thể đang trồng những bông hoa huệ trắng; Ngài dạy dỗ mọi người về việc cầu nguyện không ngừng nghỉ với Thiên Chúa, như thể đang nhân lên những loài cây thơm ngát của núi Liban; Ngài luôn tạ ơn Thiên Chúa, ngay cả giữa những nỗi đau khổ của mình, và đồng thời dạy dỗ đoàn chiên của mình, tựa như nhang thơm bốc lên từ ngọn lửa, được dâng lên cho mọi người trong chiếc bình quý giá của tình yêu và sự khôn ngoan thiêng liêng; Ngài đã gieo rễ cây ô-liu của lòng thương xót và tình yêu thương lân cận giữa đoàn chiên của mình, đồng thời khôi phục trong đoàn chiên của mình, như cây bách, suy nghĩ bền vững về Thiên Chúa.

Vị thánh phúc lành Simon này đã nghiên cứu đời sống tu hành của các thánh tu sĩ hang động đến mức như thể đã khắc ghi nó vào những tấm bia trong lòng mình; vì vậy, ngài mong muốn rằng những người đạo đức khác cũng được biết đến đời sống của các tu sĩ hang động; và để làm điều đó, ngài đã quyết định soạn thảo một bản mô tả bằng văn bản về đời sống tu hành của các tu sĩ hang động. Cần lưu ý rằng vào thời điểm đó, do nhiều cuộc chiến

tranh và nội chiến, rất nhiều sách đã bị thất lạc, khiến nhiều sự kiện được ghi chép trong những cuốn sách ấy dần bị lãng quên. Vì lý do đó, Thánh Simon đã hết sức tận tâm tìm kiếm tất cả những người chứng kiến các sự kiện kỳ diệu này hay sự kiện kỳ diệu kia đã xảy ra tại tu viện Pechersk, và tất cả những thông tin thu thập được theo cách này, ngài đều tận tâm tổng hợp lại thành một thể thống nhất, làm việc như một con ong khôn ngoan. Chính vì thế mà ngài đã soi sáng chúng ta bằng ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và các vì sao, bởi ngài đã miêu tả cho chúng ta những phép lạ của Thánh Antôn – mặt trời rực rỡ – và sự khóa chặt kỳ diệu của hòm thánh tích Thánh Theodosius – mặt trăng tròn; ngoài ra, Thánh Simon còn bổ sung câu chuyện về nhà thờ hang động thánh thiện, giống như thiên đàng, ngai vàng của nó thực sự tỏa sáng như mặt trời và như mặt trăng tròn; – tất cả những điều này đã được Thánh Nestor ghi chép trong phần đầu của cuốn "Paterikon"[3520] . Ngoài ra, Thánh Simon trong bức thư gửi cho Polycarp đã cung cấp thông tin về cuộc đời của nhiều vị tu sĩ hang động, những người tỏa sáng như những vì sao nhờ những công đức của mình; – điều này đã được đưa vào phần thứ hai của "Paterikon". Sau đó, Simon lại viết thêm một bức thư gửi cho chính Polycarp, trong đó ngài kể về những công đức của nhiều vị tu sĩ hang động khác.

Từ các tác phẩm của vị Thánh Phúc Simon này, có thể thấy ngài có lòng yêu mến sâu sắc đối với Đức Mẹ Rất Thánh và các vị Thánh Cha – Antôn và Thêôđôxiô của Pechersk, đến nỗi ngài sống cùng các vị Thánh Cha ấy bằng tâm hồn và trí tuệ, như thể trong cùng một hang động, mặc dù thân xác ngài vẫn sống tại giáo phận của mình.

Cũng như Simon Phêrô đã yêu mến Chúa hơn các Tông đồ khác, thì vị Simon này, cùng tên với vị Tông đồ vinh hiển ấy, cũng đã thể hiện tình yêu và lòng nhiệt thành sâu sắc nhất đối với Đức Mẹ Rất Thánh và tu viện Pechersk của Mẹ.

Trong những ngày còn sống, các tín hữu đã nhìn thấy một điềm báo kỳ diệu trên trời – chính họ đã thấy rằng Một Người Phụ Nữ, Cô Dâu chưa từng có, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, dưới chân Ngài không chỉ có ánh trăng, mà còn có ánh sao và ánh mặt trời; bởi vì vị mục tử nhân từ này đã tỏa sáng qua những việc lành của mình (như chúng ta đã nói ở trên), như ngôi sao và như mặt trăng, hơn nữa, ngài còn thể hiện sự khiêm nhường vĩ đại đến nỗi, dù là giám mục, ngài vẫn viết trong thư của mình rằng ngài sẽ coi đó là vinh dự nếu được trở thành nỗi nhục, bị chà đạp và bị hất văng sang một bên bởi bước chân của những người đi qua, như thư của ngài đã chứng thực.

Vị mục tử nhân lành này đã cống hiến một thời gian khá dài, nuôi dưỡng đàn chiên thiêng liêng của mình bằng thức ăn bất diệt, dẫn đến sự sống, bởi ngài đã giới thiệu cho tất cả những người được ngài chăn dắt cuộc đời của các thánh, những vị đã tu hành tại Tu viện Pechersk, qua các tác phẩm và chính cuộc sống của ngài.

Sau mười hai năm tại vị trên ngai tổng giám mục, Thánh Simon đã về với các vị Mục tử ngự trên mười hai ngai vàng và với chính Đấng Mục tử tối cao, Chúa Giêsu, để nhận từ Ngài vương miện vinh quang bất diệt. Còn thi hài cao quý của ngài, theo ý nguyện của ngài đã được bày tỏ trong thư gửi Thánh Polykarp, cũng như để thể hiện tình yêu của ngài dành cho các vị thánh tu sĩ hang động, đã được an táng trong các hang động, nơi thi hài ngài vẫn còn nguyên vẹn cho đến ngày nay, để tôn vinh, ca ngợi và tôn kính Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Đấng Thiên Chúa Duy Nhất được tôn vinh trong Ba Ngôi, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen[3521] .

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Isichius

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 5

[3520] "Paterik", theo bản dịch từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là "tập sách về các vị thánh", tức là tuyển tập bao gồm những câu chuyện ngắn về cuộc đời của các vị tu sĩ đạo đức hoặc những lời răn dạy của họ. "Paterik Kiev-Pechersk" là tuyển tập các câu chuyện ngắn về những việc làm cao cả của các tu sĩ Pechersk. Nền tảng của cuốn Paterik này bao gồm 14 câu chuyện về Simon, Giám mục Vladimir và Suzdal, cùng với các tiểu sử của các thánh do nhà biên niên sử Nestor và những người khác biên soạn. Về các câu chuyện của Simon, chín trong số đó kể về các vị thánh làm phép lạ ở Pechersk và năm câu chuyện kể về những phép lạ đi kèm với việc xây dựng nhà thờ chính của Pechersk.
[3521] Thánh Simon qua đời vào năm 1226, vào năm thứ 11 của thời gian ngài quản lý giáo phận Vladimir và Suzdal (ngài quản lý giáo phận từ năm 1215 đến năm 1226).

Thánh Tử đạo Isichius đã chịu khổ nạn dưới triều đại của Hoàng đế Maximian[3522] . Tại triều đình của vị hoàng đế này, ngài giữ vị trí hàng đầu, mang tước hiệu magistrian[3523] và sống tại Antioch[3524] . Maximian đã loại trừ các Kitô hữu khỏi quân ngũ và ra lệnh cho những ai muốn giữ vững đức tin Kitô giáo phải tháo bỏ đai quân sự và chuyển sang làm người hầu thuê. Sau sắc lệnh hoàng gia này, nhiều người đã chọn cuộc sống vô danh của người hầu thay vì danh dự hủy hoại của quân hàm. Trong số đó có cả Isichius vĩ đại. Khi biết được điều này, Maximian ra lệnh cho ông cởi bỏ bộ áo quần quý giá của quan chức, mặc áo lông cừu thô ráp[3525] và sống chung với các nữ tỳ. Vài ngày sau đó, ông triệu Isichius đến và nói với ông:

– Isichius, hãy nói cho ta biết, ngươi không thấy xấu hổ khi phải sống trong sự ô nhục như thế này sao?

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Danh dự mà ta từng nhận được từ ngài chỉ là tạm thời.

Sau câu trả lời đó, Maximian ra lệnh buộc một hòn đá cối xay vào cổ Isichius và ném ông xuống sông. Và thế là vị thánh tử đạo[3526] đã qua đời.

Sự tử đạo của các thánh tử đạo Alfia, Filadelfa, Cyprian[3527] và những người khác đã chịu khổ cùng họ

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 5

Các thánh tử đạo của Chúa Kitô này có nguồn gốc từ Ý. Trong số đó, Alfius, Philadelphus và Cyprianus là con trai của vị công tước Ý[3528] , và họ đã được một người tên là Onesimus hướng dẫn về đức tin Kitô giáo và làm phép rửa tội. Vào thời điểm đó, từ Roma đã có sắc lệnh được gửi đến đất nước của họ yêu cầu truy lùng các Kitô hữu; và khi phát hiện ra họ là Kitô hữu, họ cùng với Onisimus, Erasmus và mười bốn Kitô hữu khác đã bị đưa đến Roma để trình diện trước Hoàng đế Licinius[3529] . Theo lệnh của hoàng đế này, người ta đã đặt một tảng đá khổng lồ lên ngực Onisimus, khiến ông qua đời. Còn Erasmus và mười bốn vị thánh tử đạo khác thì bị chém đầu bằng gươm, còn Alfius, Philadelphus và Cyprian thì bị đưa đến Seleucia[3530] và tại đó, họ đã bị giết vì đức tin vào Chúa Kitô[3531] .

[3522] Ở đây tất nhiên là nói đến Maximianus Galerius, con rể và người kế vị của Hoàng đế Diocletianus, người đã trị vì ở nửa phía đông của Đế quốc La Mã từ năm 305 đến năm 311. Năm 292, Diocletian đã chọn Galerius làm phụ tá của mình trong việc cai trị đế chế với tước hiệu Caesar và giao cho ông vùng Illyria cùng các vùng đất dọc sông Danube. Do có quan hệ họ hàng với Diocletian, Galerius có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với vị hoàng đế già nua và ngay trước khi sắc lệnh chung chống lại các Kitô hữu được ban hành vào năm 303, ông đã ép ông ta ban hành một sắc lệnh riêng, theo đó các Kitô hữu bị loại khỏi quân đội, và chính ông là người thi hành sắc lệnh này một cách nhiệt thành nhất. Ông không chỉ trục xuất các tín đồ Kitô giáo khỏi quân đội, mà còn loại bỏ họ khỏi triều đình của mình.

[3523] Tên gọi "magistrian" hay "magister" tại triều đình các hoàng đế La Mã chỉ một trong những chức vụ cao cấp nhất trong triều đình, tương tự như chức "Bộ trưởng Nội các" của chúng ta ngày nay.

[3524] Ở đây cần hiểu là Antioch thuộc Syria, từng là thủ đô lộng lẫy của Syria, nhưng nay chỉ còn là một thị trấn nghèo nàn thuộc vùng Antioch của Thổ Nhĩ Kỳ.

[3525] Vlasenitsa – loại trang phục dệt từ lông ngựa.

[3526] Thánh tử đạo này qua đời dưới thời Diocletian, nhưng năm qua đời của ngài không được biết rõ.

[3527] Theo thể thơ Hy Lạp trong Sách Lễ, Cyprian được gọi là Cyprin, còn theo các văn kiện về các thánh và các di tích cổ khác thì là Kirin.

[3528] Theo các nghiên cứu của các học giả Bollanti, quê hương của các vị thánh tử đạo này là thành phố Basta ở miền nam Ý, gần bờ biển Sicily hoặc biển Ionia; theo lịch tháng của Hoàng đế Basil, cha của các ngài tên là Vitalius.

[3529] Theo các nhà nghiên cứu Bolland, Likinio lúc đó chưa phải là hoàng đế, mà chỉ giữ chức vụ thống đốc vùng, còn người cai trị đế quốc là Decius. Theo cuốn "Lịch thánh" của Hoàng đế Basil, kẻ hành hạ các thánh anh em tử đạo và những người khác cùng chịu khổ với họ là quan tổng trấn Diomid, người mà Likinio đã giao họ cho để xét xử và trừng phạt.

[3530] Selevkia – một thành phố thuộc tỉnh Cilicia của La Mã ở Tiểu Á, nhưng ở đây, trong phần Lời mở đầu, có một lỗi in hoặc lỗi viết. Theo các biên niên sử về các thánh, ba anh em thánh tử đạo đã lang thang ở Sicily, tại thành phố Leontina.

[3531] Các thánh tử đạo qua đời vào ngày 10 tháng 5 năm 251. Quan tổng trấn Tertill ra lệnh cắt lưỡi Alfeus, và ông đã chết vì mất máu; Philadelphus bị thiêu trên lưới sắt, còn Cyprian bị thiêu trên chảo. Năm 1517, thi hài của các ngài được tìm thấy tại thành phố Leontini và được trưng bày long trọng để mọi người tôn kính.

Ngày 24 tháng 5

Ngày 11 tháng 5 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Mokia.

Ngày tưởng niệm 11 tháng 5

Dưới triều đại của Diocletian[3532] dưới thời các thống đốc[3533] Laodicea và Maximus, trong thời kỳ cuộc bách hại nhắm vào các Kitô hữu diễn ra khắp nơi, tại thành phố Amphipolis thuộc Macedonia, có một linh mục Kitô giáo tên là Mokiy đang sinh sống. Vào thời điểm những người ngoại đạo đang tổ chức lễ hội ô uế để tôn vinh vị thần bất chính của họ là Dionysius, hay Bacchus[3534] , vị trưởng lão này, tràn đầy lòng nhiệt thành vì danh Chúa Kitô, đã đứng giữa đám đông ngoại đạo và nói to cho mọi người nghe:

– Hãy nghe đây, hỡi những kẻ bị lừa dối và lạc lối! Các ngươi sẽ còn lạc lối đến bao giờ, khi vẫn liều lĩnh lang thang trong bóng tối của sự thờ thần tượng? Các ngươi sẽ còn không nhận ra sự diệt vong của mình đến bao giờ? Đến bao giờ thì tất cả những điều ghê tởm của ma quỷ này mới khiến các ngươi chán ghét? Hãy ăn năn và nhận biết Đức Chúa Trời, Đấng đã được bày tỏ cho chúng ta qua Con Một của Ngài, Chúa Giê-su Christ của chúng ta, Đấng đã xua tan bóng tối của sự vô minh bằng ánh sáng của lẽ thật.

Thánh Mô-ki đã nói rất nhiều lời tương tự như thế, và không chỉ một lần, mà hàng ngày, ngài đến gần dân chúng, trước sự chứng kiến của mọi người, vạch trần sự lầm lạc của những người ngoại đạo thờ lạy các thần tượng, và rao giảng về Đấng Christ, Thiên Chúa chân thật. Nhưng, bị mù quáng bởi sự điên rồ, dân chúng không để ý đến những lời của vị thánh và tiếp tục thực hiện các nghi lễ ô uế của họ.

Trong khi đó, từ thành phố Apollonia, cũng nằm ở Macedonia, một quan chức địa phương tên là Laodicius đã đến Amphipolis và bắt đầu dâng lễ vật cho thần Dionysus tại đây. Laodicius được nghe nói về vị tôi tớ của Chúa Kitô là Moki, rằng ngài đã khiến nhiều người từ bỏ việc tôn vinh thần Dionysus. Những người ngoại đạo đã vu khống vị thánh rất nhiều, nói rằng: "Ở đây có một vị thầy Kitô giáo, người đã cố gắng lôi kéo dân chúng bằng một giáo lý kỳ lạ nào đó; ông ta thuyết phục mọi người tin vào một Con Người đã bị đóng đinh và đã chết; và quả thực, nhiều người đã từ bỏ các vị thần của chúng ta để theo đạo của ông ta. Nếu ngài không ngăn cản ông ta truyền bá giáo lý này, thì cả thành phố sẽ theo ông ta, và khi đó sẽ không còn ai dâng lễ vật cho các vị thần nữa."

Anphipat, vô cùng tức giận, ra lệnh đánh đập vị thánh. Sau đó, ngài ngồi trên ghế xét xử và ra lệnh cho người ta dẫn thánh Mokiya đến trước mặt mình. Khi ngài được dẫn đến, Anphipat hỏi ngài:

– Hãy nói cho ta biết: ngươi là ai, người không muốn dâng lễ vật cùng chúng ta và ngăn cản mọi người dâng lễ vật cho các vị thần?

Thánh Môki trả lời:

– Hỡi kẻ ngu muội, không biết sự thật! Tại sao ngươi lại hỏi ta về điều mà ngươi vốn không thể hiểu được? Hãy suy ngẫm một chút về bản thân và thừa nhận sự thật, vì ta đã nghiên cứu Kinh Thánh và biết được từ đó rằng tất cả các vị thần ngoại đạo đều là ma quỷ (Thánh Vịnh 95:5), và niềm hy vọng vào họ là hư không.

Còn Laodicea thì nói:

– Ta thấy ngươi được huấn luyện để nói nhiều.

Mô-ki đáp lại:

– Chính những lời nói nhiều của chúng tôi dạy chúng tôi sự thật; nếu anh muốn hiểu sự thật, hãy lắng nghe những gì tôi sẽ nói với anh: các vị thần mà các anh thờ phượng thực chất là ma quỷ – chúng câm và điếc.

Laodice nói:

[3532] Diocletian cai trị Đế quốc La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[3533] Anfipat – quan cai trị vùng.

[3534] Dionysius hay Bacchus, theo thần thoại Hy Lạp, là con trai của Zeus và Semele, vị thần của nho và nghề làm rượu, người đã mang lại niềm vui cho lòng người bằng món quà là rượu vang. Dionysius được coi là vị thần bảo trợ cho tất cả những gì mọc trên đồng ruộng – hoa và trái cây. Lễ hội tôn vinh Dionysus ban đầu mang tính chất ôn hòa, nhưng sau đó đã biến thành những cuộc ăn chơi trác táng và trụy lạc. Trong những lễ hội này, những người theo đạo đa thần chạy nhảy trong trạng thái hưng phấn và say sưa, xé xác động vật và ăn thịt dính máu. Để tôn vinh vị thần Dionysus, các lễ hội được tổ chức bốn lần một năm và mỗi lần kéo dài vài ngày hoặc thậm chí vài tuần.

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, nếu ngươi muốn giữ lấy mạng sống của mình, thứ mà ngươi đang tự ý muốn hủy hoại.

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Hỡi Amphipatus! Chết vì Chúa Kitô là một ân huệ lớn lao đối với tôi.

Lúc đó, Amphipat, tràn đầy cơn thịnh nộ, ra lệnh treo thánh Mokiya lên cây tra tấn và dùng các dụng cụ sắt cạo da thịt ngài từ đầu đến chân.

Trong lúc bị tra tấn, vị thánh kêu cầu Thiên Chúa như sau: "Lạy Chúa, Đấng ngự trị muôn đời, Đấng chiếu sáng bằng những tia sáng của sự công chính! Xin hãy tỏ cho các tôi tớ của Ngài thấy quyền năng thiêng liêng của Ngài và ban cho con sức mạnh để chiến đấu đến cùng vì các điều răn thánh thiêng của Ngài."

Các tay sai của kẻ tra tấn đã hành hạ thân thể vị thánh trong một thời gian dài đến nỗi cuối cùng chính họ cũng kiệt sức. Lúc đó, Amphipatus ra lệnh cho họ lui đi vì cho rằng họ lười biếng và yếu đuối; còn vị tử đạo thì được lệnh phải được gọi lại để thẩm vấn lần nữa.

Bất chấp những cực hình đã phải chịu, vị thánh vẫn đứng trước Laodice với thân thể vững vàng, sẵn sàng làm chứng cho lẽ thật với lòng dũng cảm còn lớn lao hơn nữa. Trên đường đến gặp kẻ tra tấn, Mô-ki đã lớn tiếng ngợi khen Đức Chúa Trời.

Laodice nói với vị thánh:

– Hãy dâng lễ vật cho thần Dionysius, để ngài giải thoát ngươi khỏi muôn vàn tai ương.

Nhưng vị tử đạo đáp lại:

– Chẳng lẽ ngươi lại coi một tượng thần bất động, câm lặng, do tay người tạo ra là thần sao? Hỡi tên đầy tớ của ma quỷ đang lầm lạc! Chẳng lẽ ngươi không thấy rằng thân thể ta vẫn không hề suy yếu trước những cực hình của ngươi sao? Chẳng lẽ ngươi không thấy rằng ta hoàn toàn không cảm thấy đau đớn nào trong những vết thương của mình sao? Toàn bộ sức mạnh của ngươi – chẳng là gì cả.

Nghe những lời này, Laodice nói:

– Sự kiên cường của ngươi trước những cực hình không phải nhờ sức mạnh của Đức Chúa Trời ngươi, mà là nhờ phép thuật của chính ngươi. Này, ta ra lệnh thiêu đốt thân thể ngươi trong lửa, để mọi bộ phận trên cơ thể ngươi đều hóa thành tro bụi và bị gió thổi bay đi.

Và ngay lập tức, kẻ tra tấn ra lệnh chuẩn bị một lò lửa rất lớn, ra lệnh đổ nhựa cây và cành cây khô vào đó rồi đốt lên; khói từ lò bốc cao lên tới sáu mươi khuỷu tay, khiến không khí xung quanh lò bị che khuất trong một khoảng cách rất xa. Lúc đó, Laodice nói với vị thánh:

– Hãy dâng lễ vật lên thần Dionysius.

Vị tử đạo vẫn im lặng.

Lúc đó, Laodicius lại nói:

– Ngươi còn chống lại mệnh lệnh của ta đến bao giờ nữa? Đây là ngọn lửa đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi. Hãy nhìn vào nó và nhận ra sự vĩ đại và quyền năng của thần Dionysius của chúng ta, rồi hãy quỳ lạy ngài.

Vị thánh đáp lại:

– Ta đã nói với ngươi rồi, Amphipatus, rằng ta sẽ không quỳ lạy trước kẻ hủy diệt linh hồn loài người, kẻ điếc, mù và câm. Ngươi có muốn xác minh rằng kẻ mà ngươi gọi là thần, thực ra không phải là thần, mà chỉ là một tượng thần không?

Laodice trả lời với sự giận dữ:

– Hỡi kẻ bị nguyền rủa! Làm sao kẻ có sức mạnh thần thánh trong mình lại có thể là một tượng thần được? Ngươi tự mình thấy rằng sức mạnh ngự trong hắn nhận lễ vật từ chúng ta và ban cho chúng ta sự thịnh vượng.

Nhưng vị thánh nói với ông ta:

– Ngươi có muốn ta dâng lễ vật cho vị thần của ngươi không, để mọi người, khi thấy ta dâng lễ vật cho thần Dionysius, sẽ nhận ra sức mạnh vĩ đại của ngài?

Laodice nói:

– Hãy quỳ lạy và dâng lễ vật, rồi ngươi sẽ hiểu được sự vĩ đại của Ngài.

Lúc đó, Mô-ki bước vào đền thờ thần tượng, trước hết làm dấu thánh giá trên mình, để trang bị vũ khí của Đấng Christ chống lại ma quỷ; sau đó, đứng gần nơi đặt tượng thần Dionysius, ông cầu nguyện với Đức Chúa Trời như sau: "Lạy Chúa, Đấng nắm giữ mọi loài thọ tạo trong quyền năng của Ngài và đã tạo dựng muôn loài qua Đấng Kitô của Ngài, Đấng đã làm cho ma quỷ – kẻ không biết lẽ thật của Ngài – phải hổ thẹn, và ban ân phúc của sự nhận

biết Thiên Chúa cùng sự trong sạch cho tất cả những ai kính sợ Ngài và tôn kính danh thánh của Ngài! Ngài, lạy Chúa Thánh, Đấng đã đập tan các tượng thần Ba-by-lôn và tỏ ra đức tin chân chính của tiên tri Đa-ni-ên của Ngài; Ngài, Đấng đã phá hủy bàn thờ tà thần ghê tởm nhờ ba thiếu niên của Ngài và dập tắt ngọn lửa trong lò nung (Đa-ni-ên 3); Ngài, Đấng đã nhấn chìm Pharaoh xuống đáy biển sâu và đã nhậm lời cầu nguyện của Mô-sê (Xuất Hành 14); Ngài, Đấng đã làm cho nước tuôn ra từ tảng đá (Xuất Hành 17:1–7); Ngài, Vua vĩnh cửu, Đấng hiện đang hiện hữu, Đấng đã từng hiện hữu và sẽ mãi mãi hiện hữu – xin hãy nghe lời con, tôi tớ của Ngài! Nay con khẩn cầu Ngài: xin hãy đến giúp đỡ con và tỏ ra quyền năng của Ngài trước những kẻ lấy sự dối trá thay cho lẽ thật, để họ nhận biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất, chân thật và vĩnh cửu, và để ánh sáng của Ngài xua tan bóng tối của sự lầm lạc thờ thần tượng".

Sau khi cầu nguyện như vậy, vị thánh đã cất tiếng lớn, hướng về phía tượng thần:

– Hèn hạ và phù phiếm! Dionysius câm lặng và vô cảm! Ta ra lệnh cho ngươi nhân danh Đấng Kitô vĩ đại và vinh quang của ta, Đấng đang ngự trên trời: hãy quỳ xuống và nằm sấp trên mặt đất, để mọi người đều thấy được sự yếu đuối và bất lực của ngươi.

Và ngay lập tức, mặt đất và ngôi đền đó rung chuyển; tượng thần ngã xuống đất với tiếng ồn ào lớn và vỡ tan thành từng mảnh nhỏ. Thấy vậy, tất cả những người ngoại đạo có mặt ở đó đều hoảng sợ bỏ chạy, tự hỏi trong lòng về điều vừa xảy ra.

Sau đó, thánh Mô-ki nói với quan tổng trấn La-ô-đi-ki-a:

– Hãy nhìn sự hư vô của những thần tượng của ngươi, hỡi quỷ dữ. Hãy đến đây và thu nhặt những mảnh vỡ của vị thần mà ngươi đã đặt niềm tin, và hãy nhận ra rằng ngươi đang đứng trên con đường dẫn đến diệt vong!

Laodicius vô cùng buồn bã, tiếc nuối cho tượng thần Dionysus, và ngay lập tức ra lệnh ném vị thánh vào lò lửa đang cháy rực.

Khi vị thánh bị ném vào lửa, ngài vẫn đứng giữa ngọn lửa một cách bình thản, như thể đang ở giữa một khu vườn nào đó, và ngợi khen Thiên Chúa trước sự chứng kiến của mọi người. Trong lò lửa, người ta còn thấy ba người đàn ông khác đang hát cùng ngài; trong số ba người đó, có một người có khuôn mặt rất sáng, rực rỡ như mặt trời; ánh sáng tỏa ra từ khuôn mặt ông còn rực rỡ hơn cả ngọn lửa. Sau đó, vị thánh nói với những người đàn ông đang ở cùng ngài trong lò lửa:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa là Thiên Chúa của các tổ phụ chúng con, Đấng mà mọi sự đều tuân phục Lời Ngài; Ngài được chúc tụng, Chúa của muôn quyền năng, Đấng Tạo Hóa của mọi quyền năng trên trời, Đấng được các Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần ca ngợi, Đấng đã từng hiện diện cùng ba thiếu niên trong ngọn lửa (giữa ba thiếu niên ấy, Ngài, Đấng Thứ Tư, đã được nhìn thấy). Con cầu xin Ngài, Đấng Cứu Rỗi của con, hãy dập tắt và tiêu diệt ngọn lửa trong lò nung đang bùng cháy này, và hãy thiêu đốt tên Anphipát kia bằng ngọn lửa. Xin hãy bày tỏ cơn thịnh nộ của Ngài trên hắn và tiêu diệt hắn khỏi mặt đất, để mọi người đều thấy rằng Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, ngự trên trời.

Và ngay lập tức, ngọn lửa từ lò nung lan tới tên Anphipát và biến hắn thành tro bụi cùng với chín tên lính gác đứng gần hắn, đến nỗi không còn lại gì từ thi thể của họ, vì cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã tiêu diệt họ. Dân chúng, khi chứng kiến tất cả những gì đã xảy ra, đã vô cùng kinh hãi và chạy trốn khỏi lò nung trong sự hoảng loạn; còn Thánh Mô-ki thì bước ra khỏi lò nung hoàn toàn khỏe mạnh và không hề hấn gì.

Khi biết về phép lạ này, quan tổng trấn Phallas đã nổi cơn thịnh nộ dữ dội, bắt Thánh Môki và ra lệnh giam ngài vào ngục tối.

Hai mươi ngày sau đó, một quan án khác tên là Maxim đến thành phố này. Khi biết tất cả những gì vị thánh đã làm, cũng như biết về sự diệt vong của Laodicea, Maxim bắt đầu tìm cách để tiêu diệt vị thánh. Ngồi trên ghế xét xử, Maxim ra lệnh triệu tập vị tử đạo của Chúa Kitô đến để thẩm vấn. Khi vị thánh được dẫn đến, vị thống đốc hỏi ngài:

– Hãy nói cho ta biết, tên ngươi là gì và ngươi xuất thân từ dòng họ nào?

Vị thánh đáp:

– Nếu ngài muốn biết tên và dòng dõi của tôi, thì hãy nghe đây: cha tôi tên là Euphratius, còn mẹ tôi tên là Eustathia; khi họ nhận phép rửa thánh, họ đã đặt tên cho tôi là Mokius. Được cha mẹ nuôi dạy trong một cuộc sống đạo đức, tôi đã được ban chức linh mục trong Giáo hội của Đức Kitô, Thiên Chúa của tôi; và giờ đây, cuộc đời tôi đã gần đến tuổi già.

Lúc đó, Maxim nói:

– Cha mẹ ngươi là ai?

Thánh nhân đáp:

– Cha tôi là công dân của thành phố vĩ đại La Mã và đảm nhiệm chức vụ quân sự; còn mẹ tôi là con gái của Amphipatus Lampadius.

Maximus nói:

– Nếu ngươi xuất thân từ một gia tộc danh giá như vậy, thì tại sao lại dấn thân vào ma thuật, một việc không xứng đáng với ngươi? Tại sao ngươi lại tiêu diệt vị thần vĩ đại Dionysius và thiêu sống người bạn của hoàng đế, Amphipates Laodice? Tại sao ngươi lại cản trở việc dâng lễ vật lễ hội cho các vị thần?

Thánh Mô-ki trả lời:

– Không phải tôi, mà là Đức Chúa Trời toàn năng của tôi, Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng đã tiêu diệt và nghiền nát vị thần vô hồn Dionysius, và thiêu rụi Laodicea bằng ngọn lửa thịnh nộ của Ngài. Tôi chỉ phục vụ Đức Chúa Trời của tôi với lòng kính sợ và yêu mến, và xưng danh thánh của Ngài bằng chính đôi môi mình.

Maxim nói lại:

– Hãy từ bỏ sự điên rồ của ngươi và dâng lễ vật cho thần Apollon[3535] ; nếu không, ngươi sẽ phải chịu một cái chết thảm khốc.

Nhưng vị tử đạo đáp lại:

– Tôi sẽ chết một cái chết thảm khốc nếu tôi quên đi những ân huệ và lòng thương xót mà Đức Chúa Trời của tôi đã ban cho tôi, và nếu tôi thờ lạy và tôn kính những kẻ không phải là thần thánh, mà chỉ là những tượng thần.

Lúc đó, Maxim ra lệnh trói vị tử đạo vào hai bánh xe được chế tạo để tra tấn, sao cho khi bánh xe quay, cơ thể ông sẽ bị xé nát.

Còn vị thánh, giữa những cơn đau đớn, đã kêu lên:

– Tình yêu dành cho Thiên Chúa thật ngọt ngào biết bao!

Sau đó, ngài quay sang người tra tấn và nói:

– Hãy tận tâm thực hiện ý muốn của cha ngươi – ma quỷ. Còn về phần tôi, tôi sẵn sàng chấp nhận mọi hình phạt, thậm chí cả cái chết, vì danh Chúa Kitô.

Sau đó, vị thánh bắt đầu cầu nguyện, nói như sau: "Lạy Chúa, Nguồn suối của sự trong sạch, Đấng Cứu giúp, Đấng Bảo vệ và Đấng Giải thoát của con! Con tạ ơn Ngài vì đã ban cho con, kẻ không xứng đáng này, ân sủng thực hiện công việc này và giúp con chiến thắng ma quỷ. Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, giữ cho tâm trí con được trong sạch và bảo vệ nó khỏi những ý nghĩ ô uế. Ngài sắp đặt để tâm trí con được hân hoan trong Ngài, Đấng Tạo Hóa của con, vì danh Ngài thật vĩ đại đối với những ai yêu mến Ngài."

Sau khi vị thánh cầu nguyện như vậy, bỗng chốc những bánh xe tra tấn vỡ tan, và vị tử đạo đứng dậy trên mặt đất, hoàn toàn khỏe mạnh và không hề hấn gì.

Tất cả những ai chứng kiến phép lạ này đều vô cùng kinh ngạc trước điều đã xảy ra. Còn tên tra tấn, tràn ngập sự xấu hổ vì bị vị tử đạo đánh bại, lại càng tức giận hơn với vị thánh và ra lệnh ném ngài vào ngục tối. Ba ngày sau đó, hắn ra lệnh dẫn vị thánh ra khỏi ngục tối và ném cho thú dữ ăn thịt.

Hai con sư tử đói khát, gầm rú ầm ĩ, được thả vào chỗ vị thánh. Khi chúng tiến lại gần vị thánh, chúng nằm xuống đất trước mặt ngài, như thể đang thờ lạy ngài và ôm lấy chân ngài; sau đó, những con sư tử bắt đầu liếm chân vị thánh, như thể đang hôn lên chúng.

Dân chúng, chứng kiến tất cả những gì đã xảy ra, đã đồng thanh kêu lên rằng:

– Hãy thả người công chính này ra, người mà ngay cả thú vật cũng kính trọng và được Thiên Chúa yêu mến!

Lúc đó, Amphipatus Maxim đã gửi vị tử đạo đến thành phố Perinthus ở Thrace, nay gọi là Heraclea, đến gặp Igemon Philippissius, và đã viết thư cho ông ta kể hết mọi chuyện về vị tử đạo. Vị thống đốc này, sau khi giam giữ vị thánh trong ngục tù tám ngày, đã ra lệnh đưa ngài đến Byzantium để tại đó, đầu của vị tử đạo sẽ bị chém rơi.

Khi vị thánh được dẫn đến nơi hành hình, ngài ngước mắt lên trời và nói:

[3535] Apollon – theo thần thoại Hy Lạp, là con trai của Zeus và Leto – vị thần của sự thịnh vượng và trật tự, người bảo vệ pháp luật. Với tư cách là người truyền đạt ý chí của Zeus cho loài người, ngài cũng được coi là vị thần của những lời tiên tri và thần linh.

– Ngợi khen Chúa, Đấng đã tạo dựng muôn đời và hoàn tất những công trình của các thánh. Xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an!

Và có một tiếng nói từ trời vang xuống với vị thánh, rằng:

– Hãy vui mừng, hỡi Mokiy, vị tu sĩ tốt lành của Ta, người đã chiến thắng rõ ràng trước mặt mọi người sức mạnh của kẻ hành hình. Hãy đến và ngự cùng các vị tu sĩ khác trong Nước Trời. Ngươi đã lao động đủ rồi trên trần gian; giờ đây hãy nghỉ ngơi và vui mừng trên trời.

Sau đó, vị tử đạo của Chúa Kitô bị chém đứt đầu[3536] .

Thánh Moki đã thực hiện hành trình tử đạo của mình vào ngày mười một tháng Năm, ngày mà sau này Hoàng đế Constantine đã ấn định để kỷ niệm ngài. Chính vị hoàng đế này cũng đã xây dựng một nhà thờ để tôn vinh ngài và rước thi hài của vị tử đạo về đó. Tất cả những ai kỷ niệm ngày lễ của Thánh Tử đạo Mô-ki-ê, xin hãy được khích lệ bởi đức tin rằng chính họ cũng sẽ cùng ngài được tham dự vào vương quốc đầy ân sủng của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, vinh quang, danh dự và sự thờ phượng được dâng lên đến muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Được trang bị khiên đức tin, ngài đã tiêu diệt quân đoàn của những kẻ vô đạo, hỡi vị thánh tử đạo, và ngài đã nhận vương miện từ Chúa Kitô, hỡi Mokiya: vì thế, cùng với các Thiên Thần, xin ngài vui mừng cứu rỗi những ai ca ngợi ngài khỏi mọi tai ương, và không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Cuộc đời và công trình của các vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta là Mê-phô-đi-ô và Cô-n-stan-tin, trong đời tu là Ky-ri-lô, những vị thầy của dân Slav.

Ngày tưởng niệm 11 tháng 5

Vào thời các vị vua Hy Lạp chống thánh tượng là Lê-vê người Armenia[3537] , Mi-khail Travla[3538] , hay còn gọi là Balba, và sau đó là con trai của Mi-khail – Thê-ô-phi-lê[3539] , tại thành phố Solun, ở Macedonia, có một quý tộc danh giá và giàu có, mang tước hiệu "trung úy", tên là Lê-vê. Vợ ông tên là Ma-ri-a. Ông sống một cuộc đời đạo đức, tuân giữ mọi điều răn của Chúa, giống như Giốp xưa kia. Họ có bảy người con trai: người con cả tên là Mê-phô-đi-ô, còn người con út tên là Constantine, khi xuất gia lấy tên là Cyril.

Thánh Methodius ban đầu phục vụ trong quân đội, giống như cha ông. Khi nhà vua biết ông là một chiến binh giỏi, đã bổ nhiệm ông làm tổng chỉ huy tại một công quốc Slav là Slavinia, vốn trước đây thuộc quyền cai trị của Đế quốc Hy Lạp. Điều này xảy ra theo sự an bài đặc biệt của Thiên Chúa và nhằm giúp Methodius có thể học tiếng Slav tốt hơn, để sau này trở thành vị thầy tinh thần và mục tử của dân tộc Slav[3540] .

[3536] Thánh tử đạo qua đời vào khoảng năm 295.

[3537] Lê V người Armenia trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[3538] Michael II Balba, hay còn gọi là Người Nói Lắp, trị vì từ năm 820 đến năm 829.

[3539] Théophyle trị vì từ năm 829 đến năm 842.

[3540] Không rõ người Slav đã đến châu Âu vào thời điểm nào. Khoảng thế kỷ II sau Công nguyên, người Slav đã được biết đến dọc theo trung lưu và hạ lưu sông Danube. Tại đây, họ đã phải chịu nhiều khổ cực từ người Vlach (tức người La Mã) vào thời Trajan, đến nỗi người Slav buộc phải rời bỏ nơi cư trú dọc sông Danube của mình. Sau đó, người Slav định cư tại dãy núi Carpathian từ thế kỷ II đến thế kỷ VII. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Công tước Duleb, người Slav đã tiến hành những cuộc chiến tranh kéo dài với Đế chế Byzantine và cũng từ đây, do cuộc xâm lược của người Avar, họ đã phân tán đi khắp các vùng khác nhau. Có truyền thuyết kể rằng vào thế kỷ VII, Hoàng đế Hy Lạp Heraclius đã mời người Slav đến bán đảo Balkan để chống lại người Avar. Các bộ tộc khác thuộc cùng một bộ tộc Slav, dưới sức ép của người Avar, đã đi ngược dòng các nhánh sông của sông Danube và định cư ở đó dưới những tên gọi khác nhau. Dọc theo sông Morava là người Morava, phía tây của họ là người Séc. Phía bắc người Séc là người Serbia – người Luzica; phía đông dọc theo sông Vistula là người Ba Lan. Một phần người Slav từ dãy Carpathian đã di chuyển về phía đông và đông bắc, định cư dọc theo sông Dnieper, sông Oka và cho đến tận Novgorod – đó là người Polyan, người Drevlyan, người Severian và các bộ tộc khác, những người đã định cư trên đồng bằng Nga.

Sau khi giữ chức tổng trấn khoảng 10 năm và nhận ra sự hư vô của cuộc đời trần thế, Methodius bắt đầu hướng ý chí của mình đến việc từ bỏ mọi thứ trần thế và dồn tâm trí vào những điều thuộc về thiên đàng. Hơn nữa, vào thời điểm đó, hoàng đế Theophilus, người chống lại việc thờ phượng các thánh tượng, đã phát động cuộc đàn áp các thánh tượng. Cuộc đàn áp này càng làm cho Mefodiy nhận ra rõ hơn sự hư vô của cuộc sống trần thế, và ngài, sau khi từ bỏ chức vụ tổng trấn cùng mọi thú vui trần thế, đã vào tu viện trên núi Olympus[3541] , nơi ngài với lòng vâng phục và khiêm nhường sâu sắc, cố gắng tuân giữ các lời thề tu hành, đồng thời dành thời gian nghiên cứu các sách thánh.

Thánh Constantine, con út của vua Leo, ngay từ khi còn là trẻ sơ sinh đã bộc lộ điều kỳ diệu. Khi mẹ ngài, sau khi sinh, giao ngài cho người vú nuôi để bà ấy nuôi dưỡng, ngài tuyệt đối không chịu bú sữa của người khác, mà chỉ chịu bú sữa của chính mẹ mình. Rõ ràng, đứa con thánh thiện này không nên bú sữa của người khác. Khi Constantine chào đời, đôi vợ chồng tốt bụng đã hứa sẽ sống như anh em ruột thịt, và họ đã sống như vậy suốt 14 năm cho đến khi qua đời. Trước khi chồng qua đời, Maria đã khóc và nói:

– Chẳng có điều gì khiến tôi đau buồn bằng Constantine: không biết con sẽ sống ra sao trong cuộc đời này?

– Hãy tin em đi, vợ ơi, – Lev đáp, – anh tin tưởng vào Chúa, rằng Đức Chúa Trời sẽ biến con thành một người cha và người xây dựng vĩ đại, để con có thể chăm lo cho tất cả các tín hữu Kitô giáo.

Và điều đó đã xảy ra.

Khi mới bảy tuổi, Konstantin đã có một giấc mơ và kể lại cho cha mẹ nghe.

"Con đã mơ thấy," Constantine kể, "rằng quan tổng trấn đã tập hợp tất cả các thiếu nữ trong thành phố lại và nói với con: 'Hãy chọn một trong số họ làm vợ.' Con đã xem xét và chọn người đẹp nhất trong số họ, có khuôn mặt rạng rỡ và được trang điểm bằng nhiều đồ vàng cùng đá quý đắt tiền, tên là Sofia."

Cha mẹ hiểu rằng Chúa đang ban cho cậu bé cô gái Sofia[3542] , tức là sự khôn ngoan của Chúa, nên họ vui mừng trong lòng và bắt đầu tận tâm dạy Konstantin không chỉ cách đọc sách, mà còn cả những đức tính tốt đẹp theo ý Chúa – sự khôn ngoan thuộc linh.

"Con ơi," họ nói với Constantine bằng những lời của Vua Salomon, "*hãy tôn kính Chúa và con sẽ được vững mạnh*; *hãy tuân giữ các điều răn và con sẽ được sống*; hãy ghi những lời của Chúa vào tấm lòng con: *'Hãy nói với sự khôn ngoan: Ngươi là chị em ta! Và hãy gọi sự khôn ngoan là người thân của con"* (Châm Ngôn 7:1–4). Sự khôn ngoan tỏa sáng rực rỡ hơn mặt trời, và nếu con lấy nó làm người trợ giúp, nó sẽ giải thoát con khỏi nhiều điều ác."

Cha mẹ đã cho Constantine theo học tại trường. Cậu nổi bật với trí nhớ tốt và trí tuệ sắc sảo, nên trong học tập, cậu vượt trội hơn tất cả các bạn cùng lứa. Một sự việc sau đây đã xảy ra với cậu:

Là con trai của một gia đình giàu có, một ngày nọ, Constantine cùng các bạn đi săn bằng chim ưng. Vừa khi Constantine thả con chim ưng của mình ra, một cơn gió mạnh thổi lên, cuốn con chim ưng đi mất không biết đến đâu. Constantine buồn bã vì con chim ưng đến nỗi hai ngày liền không ăn gì, ngay cả bánh mì cũng không. Đức Chúa Trời nhân từ, không muốn chàng trai trẻ quá buồn phiền vì những chuyện đời thường, đã dùng chính con chim ưng này để thu phục lòng anh, giống như xưa kia Ngài đã dùng con nai để thu phục Plakidas. Suy ngẫm về những niềm vui của cuộc đời này, Thánh Constantine đã nói: "Cuộc đời này thật là thế nào, mà niềm vui lại không tránh khỏi mang đến nỗi buồn. Từ hôm nay, tôi sẽ đi theo con đường khác, tốt đẹp hơn con đường này, để có thể tránh khỏi những lo toan trần thế." Kể từ lúc đó, ngài hầu như luôn ở nhà, siêng năng nghiên cứu các môn học, đặc biệt là giáo lý của Thánh Grêgôriô Thần Học.

Thánh Constantine dành tình yêu sâu sắc cho vị thánh này và thuộc lòng rất nhiều giáo lý của ngài. Sau khi vẽ hình Thánh Giá lên tường, ngài đã viết lời ca ngợi Thánh Grêgôriô dưới cây Thánh Giá đó bằng những lời sau: "Ôi vị thánh của Thiên Chúa, Grêgôriô Thần Học gia! Ngài là con người về thân xác, nhưng cuộc đời Ngài lại giống như một Thiên thần, vì đôi môi Ngài, như đôi môi của các Thiên thần Serafim, đã ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa, và bằng giáo lý Chính thống của mình, Ngài đã soi sáng cả vũ trụ. Con xin Ngài, hãy đón nhận con, người đang quỳ lạy Ngài với đức tin và tình yêu, và xin hãy trở thành thầy dạy và người soi sáng cho con."

[3541] Olympus – ngọn núi ở Tiểu Á, nằm trên biên giới giữa Phrygia và Bithynia.

[3542] Sofia – trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là: "sự khôn ngoan".

Khi miệt mài nghiên cứu sách vở, Constantine nhận ra kiến thức của mình còn quá hạn hẹp do thiếu một người thầy giỏi, khiến ngài rơi vào trạng thái chán nản tột độ. Trong thành phố của họ có một người (một lữ khách) am hiểu ngữ pháp. Constantine đã tìm đến người ấy, nài nỉ và quỳ sấp xuống trước mặt ông, nói:

– Xin hãy làm ơn cho tôi: dạy tôi ngữ pháp.

Người lữ hành đáp lại:

– Này cậu bé, đừng xin tôi. Tôi đã hứa là sẽ không dạy ai nữa.

Lại một lần nữa, Constantine nước mắt lưng tròng nói với ông ta:

– Xin hãy lấy phần tài sản thuộc về con trong ngôi nhà của cha con, chỉ cần dạy con thôi.

Nhưng điều đó cũng không thuyết phục được người đàn ông ấy. Rồi Constantine trở về nhà và ở đó, cậu bắt đầu cầu nguyện hết lòng để Chúa thực hiện mong muốn trong lòng cậu, tìm cho cậu một thầy dạy. Chúa đã sớm thực hiện mong muốn của cậu.

Vào thời điểm đó, tại xứ Hy Lạp, vua Theophilus qua đời, và con trai ông là Michael lên ngôi cùng với mẹ mình, hoàng hậu Theodora, một người sùng đạo. Vị vua này còn rất nhỏ tuổi khi cha qua đời, và ba quan đại thần đã được chỉ định làm người giám hộ cho ngài: quan nội vụ[3543] Manuel, quan patrik[3544] Theoktist và quan logofet[3545] Dromi, người rất quen biết với cha mẹ của Mêphôdi và Constantine. Logofet, biết rõ về những thành tích và sự siêng năng của Constantine, đã cho người đi đón cậu để cậu cùng học các môn học với vị vua trẻ Michael, người sẽ noi gương sự chăm chỉ của Constantine. Cậu thiếu niên phấn chấn tinh thần và hân hoan lên đường, cầu nguyện với Chúa theo lời cầu nguyện của Sa-lô-môn: "Lạy Đức Chúa Trời của các tổ phụ và lạy Chúa đầy lòng thương xót," – Constantine cầu nguyện như vậy, – "Đấng đã tạo dựng con người. Xin ban cho con sự khôn ngoan ngự bên ngai Ngài và đừng loại con ra khỏi số các thiếu niên của Ngài, vì con là tôi tớ của Ngài và là con trai của nữ tớ của Ngài. Xin ban cho con để con biết tất cả những gì đẹp lòng Ngài và phục vụ vì danh Ngài suốt cả cuộc đời con."

Tại Constantinopolis, Constantine lúc thì ở nhà một quý tộc, lúc thì ở trong cung điện hoàng gia. Chỉ trong vòng 3 tháng, cậu đã nắm vững ngữ pháp, sau đó học Homer[3546] cùng hình học; còn về biện chứng học và triết học, cậu được học từ Leo và Photius[3547] . Ngoài những môn học này, cậu còn học hùng biện, số học, thiên văn học, nghệ thuật âm nhạc và tất cả các môn khoa học Hy Lạp khác. Ông không chỉ thông thạo tiếng Hy Lạp mà còn thành thạo các ngôn ngữ khác: tiếng Latinh, tiếng Syriac và một số ngôn ngữ nước ngoài. Bằng trí tuệ và sự cần cù của mình, ông đã khiến các thầy giáo phải kinh ngạc, nhờ đó sau này ông được mệnh danh là nhà triết học thông thái. Nhưng ông không chỉ thông thái trong học thuật mà còn trong cuộc sống; ông luôn cố gắng sống khiêm nhường, trò chuyện với những người mà ông mong muốn nhận được lời dạy dỗ, và tránh xa những kẻ có thể lôi kéo ông vào con đường xấu. Nói tóm lại, ông cố gắng từ bỏ những điều trần tục để hướng về những điều thiêng liêng và sống cùng Thiên Chúa.

Logofet, khi thấy cuộc sống tốt đẹp của Constantine và những thành tựu của ông trong học thuật, đã bổ nhiệm ông làm người quản lý ngôi nhà của mình, đồng thời cho phép ông tự do ra vào các cung điện hoàng gia mà không cần báo trước. Một lần nọ, Logofet hỏi Constantine:

– Nói cho ta nghe, nhà triết học, triết học là gì?

– Triết học, – Constantine đáp, – là sự hiểu biết về các công việc của Thượng Đế và con người, dạy con người, thông qua đức hạnh, đến gần Thượng Đế nhất có thể – Đấng đã tạo dựng con người theo hình ảnh và sự giống như của Ngài.

Sau đó, quan Logohet càng yêu mến Constantine hơn và mong muốn được ông chỉ dạy về triết học. Constantine đã tóm tắt giáo lý triết học cho ông ta bằng vài lời ngắn gọn, nhờ đó quan Logohet dành cho ông sự kính trọng đặc biệt và thậm chí còn đề nghị tặng rất nhiều vàng, nhưng Constantine đã từ chối.

Vị quan cao cấp này có một cô con gái đỡ đầu – một thiếu nữ xuất thân từ gia đình giàu có và danh giá. Vị quan này nảy ra ý định gả cô cho Constantine và đã thuyết phục anh như sau.

[3543] Domestikos – quan chức quân sự cấp cao nhất, thường trú tại triều đình hoàng gia. Nhiệm vụ của ông là bảo vệ an toàn cho hoàng đế.
[3544] Trong thời cổ đại, những người có xuất thân quý tộc được gọi là Patricii.
[3545] Logophet – người giữ con dấu, tương đương với chức vụ thủ tướng nhà nước của chúng ta.
[3546] Homer – nhà văn Hy Lạp cổ đại nổi tiếng, tác giả của "Iliad" và "Odyssey", sống cách đây 3.000 năm.
[3547] Sau này ông trở thành tổng giám mục.

– Vẻ đẹp và sự thông thái của ngươi – quan Logofet nói – khiến người ta không thể không yêu mến ngươi. Ta có một con gái đỡ đầu, một thiếu nữ xinh đẹp, giàu có, xuất thân từ dòng dõi tốt đẹp và danh giá. Nếu ngươi muốn, hãy lấy nàng làm vợ. Ngươi sẽ nhận được vinh dự lớn lao và một công quốc từ nhà vua, và chẳng bao lâu nữa sẽ được bổ nhiệm làm tướng quân.

– Món quà này thật lớn lao đối với những ai khao khát, – Konstantin đáp, – nhưng đối với tôi, không có gì quý giá hơn việc học hành, nhờ đó tôi có thể đạt được trí tuệ, danh dự chân chính và sự giàu có.

Sau những lời đó, quan Logofet đến gặp hoàng hậu và nói:

– Chàng triết gia trẻ này không ưa sự hão huyền của cuộc đời này. Chúng ta hãy cố gắng giữ chàng lại bên cạnh mình, và để làm được điều đó, chúng ta sẽ thuyết phục chàng thụ phong chức thánh và trở thành thủ thư của Giáo hội tại Nhà thờ Thánh Sophia. Chỉ có cách đó mới giữ được chàng lại.

Họ đã làm đúng như vậy. Constantine trở thành linh mục và thủ thư tại Nhà thờ Thánh Sophia. Nhưng ngay cả với chức vụ này, Constantine cũng không ở lại với họ lâu. Không nói một lời nào với ai, anh ta lên đường đến Vịnh Vàng[3548] và ẩn mình trong một tu viện ở đó. Họ đã tìm kiếm Constantine rất lâu và chỉ sau 6 tháng mới tìm thấy anh ta. Họ không thể thuyết phục anh ta quay lại chức vụ cũ, mà chỉ xin anh ta làm giáo viên triết học tại trường học chính của Constantinopolis.

Vào thời điểm đó, Thượng phụ Gioan[3549] đã phát động cuộc đàn áp các bức tượng thánh. Sau đó, một công đồng đã được triệu tập, tại đó các vị đã quyết định phế truất vị Thượng phụ này khỏi ngai vàng. Trước quyết định của công đồng, Gioan đã nói:

– Tôi bị phế truất bằng bạo lực, nhưng họ không thể buộc tội tôi, vì không ai có thể phản bác những lời nói của tôi.

Nhà vua cùng với vị tổng giám mục mới đã cử Constantine đến gặp John với những lời như sau:

– Nếu ngươi có thể vạch trần chàng trai trẻ này, thì ngươi sẽ được trở lại ngai tòa.

Khi nhìn thấy nhà triết học trẻ tuổi này mà không biết trí tuệ sắc sảo của anh ta, John đã nói với Constantine và những người được cử đến:

– Các ngươi không xứng đáng đứng dưới chân ta. Làm sao ta có thể tranh luận với các ngươi được?

– Đừng bám vào những tập tục của loài người, – Constantine đáp lại, – mà hãy nhìn vào các điều răn của Đức Chúa Trời. Cả ngài lẫn chúng tôi đều được tạo ra từ đất, còn linh hồn thì đến từ Đức Chúa Trời. Vì vậy, khi nhìn xuống đất, hỡi con người, đừng kiêu ngạo!

– Thật ngu ngốc khi đi tìm hoa vào mùa thu, – John nói, – cũng như việc gửi một vị lão niên ra chiến trường.

– Chính anh đang tự vạch trần mình đấy, – nhà triết học đáp lại. – Hãy nói cho tôi biết, ở độ tuổi nào thì linh hồn mạnh hơn thể xác?

– Khi về già, – Gioan đáp.

– Chúng tôi đang triệu tập ngươi tham gia cuộc chiến nào, – nhà triết học hỏi, – cuộc chiến thể xác hay cuộc chiến tinh thần?

– Cuộc chiến tinh thần, – Ioann đáp.

– Nếu giờ đây anh là người mạnh mẽ nhất về tinh thần, – nhà triết học nói, – thì đừng đưa ra những so sánh như vậy với chúng tôi. Chúng tôi không đi tìm hoa khi chưa đến mùa, cũng như không thách thức anh tranh luận khi chưa đến lúc.

Sau đó, họ chuyển sang cuộc trò chuyện. Vị lão nhân hỏi:

– Hãy nói cho ta nghe, chàng trai trẻ: nếu cây thánh giá bị gãy, chúng ta sẽ không còn thờ lạy nó, cũng không còn hôn lên nó nữa. Vậy mà các ngươi, chỉ cần có một khuôn mặt trên cây thánh giá, lại không ngần ngại tôn vinh nó như một bức thánh tượng sao?

– Thập tự giá có bốn phần, – nhà triết học đáp, – và nếu thiếu một phần, thập tự giá sẽ mất đi hình dáng của nó; còn bức tranh thánh thì vẫn giữ được hình dáng và sự giống nhau, miễn là khuôn mặt của người mà các ngươi muốn miêu tả được vẽ lên đó. Người chiêm ngưỡng không nhìn vào khuôn mặt của sư tử hay báo, mà là nhìn vào nguyên mẫu.

[3548] Vịnh Vàng – một vịnh dài và hẹp, tạo thành một phần của eo biển Bosphorus.

[3549] Giăng VII giữ chức Thượng phụ từ năm 832 đến năm 842.

– Vậy là ngài cúi đầu trước cây thánh giá, – vị tu sĩ già nói, – dù trên đó không có dòng chữ nào, còn đối với bức tượng thánh, nếu không có hình vẽ, ngài lại không tỏ lòng tôn kính.

– Mọi cây thánh giá – nhà triết học đáp – đều mang hình ảnh của Thánh Giá Chúa Kitô, còn các bức tranh thánh thì không có một hình ảnh duy nhất, mà rất đa dạng.

Cuối cùng, vị tu sĩ già nói:

– Tại sao ngài lại cúi đầu trước các bức tượng thánh, trong khi Đức Chúa Trời đã phán với tiên tri Mô-sê: "Chớ làm… bất kỳ hình tượng nào" (Xuất Ê-díp-tô Ký 20,4)?

– Nếu Chúa phán: "Chớ tạo ra bất kỳ hình tượng nào," – nhà triết học đáp lại, – thì lúc đó ngài nói đúng; nhưng Chúa phán: "bất kỳ hình tượng nào," tức là trừ những hình tượng xứng đáng.

Ngài không thể phản bác điều này nên im lặng. Khoảng thời gian đó, các sứ giả từ những kẻ ngoại đạo Agaryan hay Saracen, những kẻ đang thống trị Syria, đã đến Constantinople. Chính những người Saracen này, dưới triều vua Theophilus trước đây, nhờ sự cho phép của Đức Chúa Trời vì những tội lỗi, đã xâm chiếm đất Hy Lạp và tàn phá thành phố xinh đẹp Amoria[3550] . Kể từ đó, họ bắt đầu khoe khoang sức mạnh của mình trước các Kitô hữu và gửi một bức thư đến Constantinople với những lời phỉ báng Thánh Ba Ngôi.

– "Sao các ngươi, những người Kitô hữu," – những người Saracen viết, – "lại nói rằng chỉ có một Thiên Chúa, nhưng lại chia Ngài thành ba: các ngươi tuyên xưng Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần? Nếu các ngươi có thể chứng minh điều này, hãy gửi đến cho chúng ta những người có thể thảo luận với chúng ta về đức tin và thuyết phục chúng ta[3551] ."

Lúc bấy giờ, Thánh Constantine mới 24 tuổi. Nhà vua cùng với tổng giám mục đã triệu tập một hội đồng, mời Constantine đến và nói với anh:

– Nghe chưa, nhà triết học, những kẻ Agari xấu xa kia đang nói gì về đức tin của chúng ta. Nếu ngươi là tôi tớ và môn đệ của Thánh Ba Ngôi, hãy đi và vạch trần họ. Và Đức Chúa Trời, Đấng thực hiện mọi việc, được tôn vinh trong Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần, sẽ ban cho ngươi ân sủng và sức mạnh trong lời nói, để ngươi trở thành một Đa-vít khác, người đã đánh bại Gô-li-át bằng ba hòn đá (1 Sa-mu-ên 17), và sau đó sẽ đưa ngươi trở về với chúng ta an toàn.

Nghe những lời ấy, nhà triết học đáp lại:

– Tôi vui lòng đi vì đức tin Kitô giáo. Điều gì có thể tốt hơn đối với tôi: chết hay tiếp tục sống vì Thánh Ba Ngôi?

Họ giao cho Constantine hai phó tế[3552] và cử họ đến với người Saracen. Họ đi thẳng đến thủ đô của Công quốc Saracen – Samara, nằm gần sông Euphrates, nơi Công tước Saracen Amir-Mushna đang cư ngụ. Tại đây, họ chứng kiến những điều kỳ lạ và ghê tởm mà người A-ga-ri làm để sỉ nhục và chế giễu những người Kitô hữu đang sinh sống ở những vùng đất đó. Theo lệnh của chính quyền Saracen, những hình ảnh quỷ dữ đã được vẽ lên mặt ngoài các cánh cửa nơi các Kitô hữu sinh sống. Bằng cách này, những người Agaryan muốn thể hiện rằng họ ghê tởm các Kitô hữu như những con quỷ. Ngay khi Constantine đến gặp họ, những người Saracen chỉ vào những hình ảnh quỷ dữ và hỏi ông:

– Nhà triết học ơi, ngươi có hiểu những hình vẽ này đang nói lên điều gì không?

– Tôi thấy hình ảnh quỷ dữ, – nhà triết học đáp, – và tôi nghĩ rằng ở đây có người Kitô giáo sinh sống. Quỷ dữ không thể sống chung với người Kitô giáo và phải chạy trốn khỏi họ (nên chúng ở bên ngoài cánh cửa). Còn ở những nơi không có hình vẽ này trên mặt ngoài cánh cửa, thì rõ ràng quỷ dữ đang sống bên trong tòa nhà.

Người Saracen mời Constantine vào phòng của hoàng tử để dùng bữa trưa. Ngồi cùng bàn ăn là những người thông minh và uyên bác, đã nghiên cứu hình học, thiên văn học và các ngành khoa học khác. Họ thử thách Constantine bằng cách hỏi:

– Này, nhà triết học, hãy nhìn xem điều kỳ diệu này: Tiên tri Muhammad đã mang đến giáo lý tốt lành từ Thượng Đế và dẫn dắt nhiều người theo đạo. Tất cả chúng tôi đều tuân thủ luật pháp của ngài một cách kiên định và không thay đổi điều gì. Còn các ngươi, những người Kitô hữu tuân giữ luật của Chúa Kitô, thì người này tin theo cách này, người kia lại tin theo cách khác và sống theo ý mình. Trong số các ngươi có nhiều thầy dạy với những

[3550] Câu chuyện về điều này được kể trong phần mô tả những đau khổ của các thánh tử đạo Ammorei vào ngày 6 tháng 3.

[3551] Đó là vào năm 851.

[3552] Một người tên là George.

giáo lý khác nhau, và có những tu sĩ mặc áo đen, sống một lối sống đặc biệt. Tuy nhiên, tất cả các ngươi đều tự xưng là Kitô hữu.

– Người ta đã đặt ra cho tôi hai câu hỏi, – Thánh Constantine đáp, – về đức tin Kitô giáo và về luật Kitô giáo, hay nói cách khác: người Kitô hữu tin như thế nào và thực hành đức tin của mình trong cuộc sống ra sao. Trước hết, tôi sẽ nói về đức tin. Đức Chúa Trời của chúng ta, giống như vực thẳm biển cả – vô biên về chiều rộng và chiều sâu, không thể thấu hiểu bằng trí tuệ con người và không thể diễn tả bằng lời nói của con người, như thánh tiên tri Ê-sai đã nói về Ngài: *"Ai có thể giải thích dòng dõi của Ngài?"* (Ê-sai 53:8); dựa trên điều này, vị thầy của chúng ta, thánh tông đồ Phao-lô, đã kêu lên rằng: *"Ôi, vực thẳm của sự giàu có, sự khôn ngoan và sự hiểu biết của Đức Chúa Trời! Làm sao những định mệnh của Ngài lại không thể thấu hiểu, và những con đường của Ngài lại không thể dò xét được!*" (Rô-ma 11:33). Vào vực thẳm này có nhiều người mong muốn tìm kiếm Đức Chúa Trời, và những ai trong số họ có trí tuệ vững vàng và đã nhận được sự giúp đỡ từ chính Chúa, thì an toàn lướt trên biển cả của sự không thể thấu hiểu của Đức Chúa Trời; còn những ai yếu đuối về trí tuệ và vì sự kiêu ngạo của mình, khi mất đi sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, lại muốn vượt qua vực thẳm này trên những con thuyền rách nát, thì chìm đắm, sa vào tà giáo và lầm lạc, hoặc chỉ cố gắng bám trụ tại chỗ, lo âu trước sự bất định và nghi ngờ. Vì vậy, nhiều người (như các bạn nói) trong số các tín hữu Kitô giáo có sự khác biệt về đức tin. Tôi đã nói về đức tin, còn về những việc làm theo đức tin, tôi sẽ nói như sau: Luật của Đức Kitô không phải là luật nào khác, mà chính là luật mà Thiên Chúa đã ban cho Môsê trên núi Sinai (Xh 20:1–18), đó là: không được giết người, không được trộm cắp, không được ngoại tình, không được thèm muốn của người khác, v.v. Chúa chúng ta đã phán: *"Ta không đến để bãi bỏ luật… mà là để thực hiện"* (Mt 5:17). Để có một cuộc sống hoàn hảo hơn và làm đẹp lòng Đức Chúa Trời hơn, Chúa đã khuyên chúng ta nên sống một cuộc đời trong sạch, trinh khiết hơn và thực hiện những việc đặc biệt, dẫn đến sự sống đời đời qua con đường hẹp và đầy gian nan. Tuy nhiên, Chúa không ép buộc ai phải sống cuộc đời này, và điều này không bao giờ xảy ra bằng cách cưỡng ép. Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người giữa trời và đất: nhờ lý trí và ý thức, con người khác biệt với loài vật không biết nói; nhờ cơn giận và dục vọng, con người khác biệt với các Thiên Thần. Sau đó, Thiên Chúa ban cho con người ý chí tự do, để con người làm những gì mình muốn và hướng tới điều gì – thì sẽ có sự hiệp thông với điều đó: hoặc sẽ trở thành bạn đồng hành của các Thiên thần, phụng sự Thiên Chúa theo như lý trí được soi sáng bởi đức tin dạy dỗ con người, hoặc sẽ có sự hiệp thông với loài thú vô tri, nếu không kiềm chế mà thỏa mãn mọi dục vọng xác thịt. Và vì Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người với ý chí tự do, nên Ngài mong muốn chúng ta được cứu rỗi không phải bằng sự ép buộc, mà là theo ý muốn của chính mình, và Ngài phán: *"Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ chính mình, vác thập tự giá mình và theo Ta"* (Ma-thi-ơ 16:24); và: *"Ai có thể hiểu được, thì hãy hiểu"* (Mt 19:12). Một số tín hữu Kitô giáo bước đi trên con đường dễ dàng hơn trong cuộc đời này, sống theo luật tự nhiên một cách trong sạch trong hôn nhân chân chính; còn những người khác, nhiệt thành hơn và mong muốn trở nên hoàn hảo hơn, cố gắng sống giống như các Thiên thần, đi trên con đường hẹp. Vì vậy, các Kitô hữu có những lối sống khác nhau.

Còn đức tin và luật lệ của các ngươi – Constantine tiếp tục – thì không có gì khó khăn cả; chúng không giống như biển cả, mà giống như một con suối nhỏ, mà ai cũng có thể nhảy qua, dù lớn hay nhỏ, mà không gặp bất kỳ khó khăn nào. Trong đức tin và luật pháp của các ngươi không có gì là thiêng liêng hay được Thượng Đế soi dẫn, mà chỉ là những tập tục của con người và những suy luận trần tục, mà ai cũng có thể tuân theo một cách dễ dàng. Thật vậy, vị lập pháp của các ngươi là Muhammad cũng không ban cho các ngươi bất kỳ điều răn nào khó thực hiện: ngài thậm chí còn không ngăn cản các ngươi khỏi cơn giận dữ và dục vọng vô luật, mà còn cho phép tất cả. Vì thế, các ngươi đều tuân giữ luật pháp của mình một cách máy móc, như thể nó được ban ra theo những dục vọng của các ngươi. Còn Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đức Kitô, thì không làm như vậy. Chính Ngài, Đấng Vô Nhiễm và là nguồn mạch của mọi sự trong sạch, mong muốn các tôi tớ của Ngài sống thánh thiện, tránh xa mọi dục vọng, và những người trong sạch chỉ kết hợp với những người trong sạch, vì trong Nước Trời của Ngài *"không có gì ô uế được vào"* (Khải Huyền 21:27).

Lúc bấy giờ, các nhà thông thái Saracen đã hỏi Constantine:

– Tại sao các ngươi, những người Kitô hữu, lại chia một Thiên Chúa thành ba: gọi là Cha, Con và Thánh Thần? Nếu Thiên Chúa có thể có Con, thì hãy cho Ngài cả vợ nữa, để có nhiều vị thần?

– Xin đừng phỉ báng Thánh Ba Ngôi, – nhà triết học Kitô giáo đáp lại, – mà chúng tôi đã học cách tuyên xưng từ các vị tiên tri cổ xưa, những người mà chính các ngài cũng công nhận, vì các ngài cũng tuân giữ lễ cắt bì như họ. Chính các vị ấy dạy chúng tôi rằng Cha, Con và Thánh Thần là Ba Ngôi, nhưng bản thể của các Ngài là

một. Có thể thấy sự tương tự như vậy trên trời. Trong mặt trời, được Thiên Chúa tạo dựng theo hình ảnh của Thánh Ba Ngôi, có ba yếu tố: vòng tròn, tia sáng và hơi ấm. Trong Thánh Ba Ngôi, vòng tròn mặt trời là hình ảnh của Thiên Chúa Cha. Giống như vòng tròn không có khởi đầu cũng không có kết thúc, Thiên Chúa cũng vô thủy vô tận. Cũng như từ vòng tròn mặt trời phát ra tia sáng và hơi ấm mặt trời, thì từ Thiên Chúa Cha, Con được sinh ra và Thánh Thần phát xuất. Như vậy, tia sáng mặt trời, chiếu sáng cả vũ trụ, là hình ảnh của Thiên Chúa Con, Đấng được sinh ra từ Cha và hiện diện trong thế gian này; còn hơi ấm mặt trời, phát xuất từ chính vòng tròn mặt trời cùng với tia sáng, là hình ảnh của Đức Thánh Thần, Đấng cùng với Con được sinh ra, từ thuở đời đời phát xuất từ Đức Chúa Cha, mặc dù trong thời gian lại được sai đến loài người cùng với Con![3553] , chẳng hạn như đã được sai đến các tông đồ dưới hình dạng những lưỡi lửa. Và cũng như mặt trời, bao gồm ba yếu tố: vòng tròn, tia sáng và hơi ấm, không bị chia thành ba mặt trời, mặc dù mỗi yếu tố này đều có những đặc điểm riêng: một là vòng tròn, hai là tia sáng, ba là hơi ấm; tuy nhiên, không phải là ba mặt trời, mà chỉ là một. Cũng vậy, Thánh Ba Ngôi, mặc dù có Ba Ngôi Vị: Cha, Con và Thánh Thần, nhưng về bản chất Thần Thánh không chia thành ba vị thần, mà chỉ có Một Thiên Chúa duy nhất. Các bạn có nhớ Kinh Thánh kể lại việc Thiên Chúa đã hiện ra với tổ phụ Áp-ra-ham dưới cây sồi Mamre, nơi các bạn giữ nghi thức cắt bì không? Thiên Chúa đã hiện ra với Áp-ra-ham dưới Ba Ngôi. "Áp-ra-ham *ngước mắt lên nhìn, thì thấy ba người đàn ông đang đứng trước mặt mình. Thấy vậy, ông chạy ra đón họ từ cửa lều và cúi mình xuống đất. Rồi ông nói: 'Lạy Chúa! Nếu con được ân sủng trước mặt Ngài, xin đừng đi qua khỏi tôi tớ Ngài'"* (Sáng Thế Ký 18:2–3).

Hãy lưu ý: Áp-ra-ham thấy trước mặt mình có Ba Vị, nhưng lại nói chuyện như thể với Một Vị, rằng: *"Lạy Chúa! Nếu con được Ngài ân sủng*." Rõ ràng vị tổ phụ thánh thiện này đã tuyên xưng Đức Chúa Trời Duy Nhất trong Ba Ngôi.

Các nhà thông thái Saracen, không biết phải nói gì về giáo lý về Chúa Ba Ngôi, nên im lặng, rồi hỏi:

– Sao các ngươi, những người Kitô hữu, lại nói rằng Thiên Chúa được sinh ra từ một người phụ nữ? Liệu Thiên Chúa có thể được sinh ra từ tử cung của người phụ nữ không?

– Không phải từ một người phụ nữ bình thường, – nhà triết học đáp, – mà từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Đấng chưa từng kết hôn, Thiên Chúa Con đã được sinh ra nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần, Đấng đã cách không thể diễn tả được tạo nên thân xác cho Đức Kitô Thiên Chúa trong tử cung trinh khiết của Đức Trinh Nữ, và thực hiện sự nhập thể siêu nhiên cùng sự ra đời của Lời Chúa Cha. Vì thế, Đức Trinh Nữ đã thụ thai Con bởi Chúa Thánh Thần, cả trước khi sinh, trong lúc sinh và sau khi sinh, vẫn giữ nguyên sự trinh khiết, theo ý muốn của Thiên Chúa, Đấng mà mọi thụ tạo đều tuân phục, như lời bài thánh ca của Giáo hội: "Nơi nào Thiên Chúa muốn, trật tự tự nhiên sẽ bị vượt qua"[3554] .

Và việc Đức Kitô được sinh ra từ Đức Trinh Nữ tinh khiết bởi Chúa Thánh Thần cũng được chính vị tiên tri của các ngươi là Muhammad làm chứng, khi ngài viết như sau: "Chúa Thánh Thần đã được sai đến với Đức Trinh Nữ tinh khiết, để theo ý muốn của Ngài, Người sinh ra Con."

– Chúng tôi không tranh cãi, – những người Saracen nói, – rằng Chúa Kitô được sinh ra từ Trinh Nữ trong sạch, chỉ là chúng tôi không gọi Ngài là Thiên Chúa.

– Nếu Chúa Kitô chỉ là một con người bình thường, chứ không phải vừa là Con Người vừa là Thiên Chúa, thì tại sao Ngài lại phải được thụ thai bởi Thánh Thần? Một con người bình thường được sinh ra từ một người phụ nữ đã kết hôn, chứ không phải từ một Trinh Nữ chưa từng kết hôn, và được thụ thai theo tự nhiên từ người chồng, chứ không phải nhờ sự linh hứng và hành động đặc biệt của Thánh Thần.

Sau đó, những người Saracen hỏi:

– Nếu Chúa Kitô là Thiên Chúa của các ngươi, thì tại sao các ngươi lại không làm theo những gì Ngài truyền dạy? Vì trong Phúc Âm có chép: hãy cầu nguyện cho kẻ thù, hãy làm điều thiện cho những ai ghét bỏ và bắt bớ các ngươi, và khi bị đánh vào má này, hãy đưa má kia ra. Nhưng các ngươi lại không làm như vậy: các ngươi mài giũa vũ khí chống lại kẻ thù của mình.

Trước điều đó, nhà triết học trả lời như sau:

[3553] Tức là vì những công đức trên thập giá của Chúa Kitô: *"vì Thánh Thần chưa ngự xuống trên họ, bởi vì Chúa Giêsu chưa được tôn vinh"* (Ga 7:39).

[3554] Trích từ giáo lý giọng thứ 7. – *Ban biên tập "Bảng chữ cái của Đức tin"*

– Nếu trong một bộ luật nào đó có ghi hai điều răn và được ban cho con người để tuân giữ, thì ai trong số họ mới là người thực sự tuân giữ luật pháp: người chỉ tuân giữ một điều răn, hay người tuân giữ cả hai?

– Tất nhiên, người tuân giữ tốt nhất sẽ là người – những người Saracen đáp – tuân giữ cả hai điều răn.

– Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, – nhà triết học nói tiếp, – đã truyền cho chúng ta cầu nguyện cho những ai làm hại chúng ta và làm việc bác ái với họ, nhưng Ngài cũng đã nói điều này: *"Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu"* (Ga 15,13). Chúng ta có thể chịu đựng những sự xúc phạm nếu chúng chỉ nhắm vào một cá nhân nào đó, nhưng chúng ta sẽ đứng ra bảo vệ và thậm chí hy sinh mạng sống của mình nếu chúng nhắm vào cả cộng đồng, để anh em chúng ta không bị bắt làm tù binh, nơi họ có thể bị lôi kéo vào những việc chống lại Thiên Chúa và ác độc.

Một lần nữa, những người Saracen lại nói:

– Đấng Christ của các ngươi đã nộp cống phẩm cho chính Ngài và cho người khác (cho Thánh Phêrô). Vậy tại sao các ngươi lại không làm theo điều đó và không muốn nộp cống phẩm? Nếu các ngươi thực sự bênh vực lẫn nhau, thì chắc chắn các ngươi sẽ nộp cống phẩm cho các anh em mình trước dân tộc Ismael vĩ đại và hùng mạnh này.

– Nếu ai đó đi theo bước chân của Thầy mình và luôn mong muốn tiếp tục đi theo, – Constantine đáp, – mà có ai đó lôi kéo người ấy rời khỏi con đường đó, thì người đó là bạn hay là kẻ thù của người ấy?

– Chắc chắn là kẻ thù, – những người Saracen đáp.

– Khi Chúa Kitô nộp cống phẩm, – Konstantin hỏi tiếp, – đó là vương quốc nào: Izmail hay La Mã?

– Vương quốc La Mã, – những người Saracen trả lời.

– Vì thế, chúng tôi – nhà triết học đáp – khi noi gương Chúa Kitô, cũng nộp cống phẩm cho vị vua ngự tại "Rôma mới" (Constantinopolis) và cai trị "Rôma cổ đại". Còn các ngươi, khi đòi cống phẩm từ chúng tôi, chính là đang lôi kéo chúng tôi rời xa con đường của Chúa Kitô và trở thành kẻ thù của chúng tôi.

Sau đó, họ đặt ra cho Constantine nhiều câu hỏi khác về những lĩnh vực khoa học mà họ am hiểu. Constantine trả lời tất cả các câu hỏi một cách khiến những người Saracen không thể phản bác được. Lúc đó, họ hỏi ông:

– Tại sao ngươi lại biết tất cả những điều này?

Lúc đó, Constantine đưa ra một phép so sánh như sau:

– Có một người, – anh nói, – múc nước từ biển rồi mang đi trong một cái túi. Khi đã đi xa khỏi biển, anh ta chỉ vào cái túi nước và nói với mọi người: "Các bạn có thấy nước này không, thứ mà không ai ngoài tôi có ?" Một người dân ven biển tiến lại gần anh ta và nói: "Anh không thấy xấu hổ khi khoe khoang về cái túi nước đó sao, trong khi chúng tôi có cả một biển rộng lớn." Các anh cũng đang làm như vậy khi đặt ra những câu hỏi thuộc các ngành khoa học mà các anh đã học được từ chúng tôi (người Hy Lạp).

Sau đó, như một điều kỳ diệu, người Saracen đã cho Constantine xem một vườn nho, từng được trồng với sự tận tâm và đã phát triển tươi tốt[3555] . Constantine giải thích cách làm điều đó. Lúc đó, người Saracen đã cho ông xem tất cả sự giàu có của họ: những cung điện được trang trí bằng vàng, bạc và đá quý, và họ nói:

– Nhà triết học ơi, ngài có thấy Omar, chúa tể của người Saracen, có sức mạnh và sự giàu có đến mức nào không?

– Chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả, – nhà triết học đáp. – Tất cả những điều này đều phải ca ngợi Đức Chúa Trời, Đấng đã ban phát những của cải này để con người được hưởng thụ. Tất cả đều thuộc về Đức Chúa Trời và không thuộc về ai khác.

Cuối cùng, những người Saracen đã bộc lộ bản chất thật của họ. Họ đã bỏ độc vào đồ uống của Thánh Constantine. Nhưng Chúa, Đấng đã hứa với tất cả những ai làm việc nhân danh Ngài rằng *"nếu họ uống thứ gì gây chết người, nó cũng sẽ không làm hại họ"* (Mác 16:18), đã bảo vệ tôi tớ của Ngài được an toàn và vô sự. Những người Saracen, khi chứng kiến phép lạ này, đã tiễn Constantine cùng những sứ giả khác trở về với sự tôn trọng và những món quà từ vị thủ lĩnh của họ.

Tại Constantinopolis, hoàng đế và tổng giám mục đã tiếp đón thánh Constantine với những lời khen ngợi về công việc thánh thiện mà ngài đã hoàn thành. Nhưng Constantine không ở lại Constantinopolis lâu. Chẳng bao lâu sau, ngài rời đi đến một nơi yên tĩnh và hẻo lánh, nơi ngài chỉ lo lắng cho sự cứu rỗi của chính mình. Ngài

[3555] Rõ ràng ở đây đề cập đến một hình thức đặc biệt của việc trồng nho bằng phương pháp nhân tạo nào đó.

không mang theo bất kỳ thức ăn nào, mà đặt niềm tin vào sự quan phòng của Thiên Chúa, Đấng đã ban cho ngài thức ăn qua những người yêu mến Chúa Kitô. Từ thức ăn được mang đến, Constantine không để lại gì cho ngày hôm sau, mà sau bữa ăn thường lệ, ông phân phát tất cả phần còn lại cho những người nghèo, đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, Đấng mở rộng bàn tay hào phóng của Ngài và nuôi dưỡng mọi sinh linh bằng lòng nhân từ của Ngài.

Một lần, vào dịp lễ lớn, Constantine không có chút thức ăn nào, điều này khiến người hầu của ông vô cùng lo lắng. Thánh Constantine nói với anh ta:

– Đấng đã từng nuôi dưỡng dân Israel trong sa mạc suốt nhiều năm, há lại không nuôi dưỡng chúng ta trong ngày trọng đại này sao? Ngươi hãy đi mời ít nhất năm người nghèo đến dùng bữa trưa với chúng ta, và chúng ta sẽ chờ đợi ân sủng của Thiên Chúa, vì Ngài sẽ không bỏ rơi chúng ta.

Quả thực mọi chuyện đã diễn ra như vậy. Vào giờ ăn trưa, có một người đến và mang theo rất nhiều thức ăn đủ loại cùng mười đồng tiền vàng. Thánh Constantine nhận lấy những thứ đó và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng Nuôi Dưỡng của ngài.

Từ đó, Constantine lên núi Olympus, đến với người anh cả là Methodius, và bắt đầu sống chung với ông, thực hành đời sống tu hành trong mùa chay, dành thời gian cho việc cầu nguyện hoặc đọc sách[3556] .

Vào thời điểm đó, các sứ giả của người Kozar[3557] đã đến gặp vua Hy Lạp Michael và nói như sau:

– Trước hết, chúng tôi chỉ thờ phụng một Đức Chúa Trời duy nhất, Đấng cai trị vạn vật, và chúng tôi cầu nguyện Ngài bằng cách cúi đầu hướng về phía đông, nhưng đồng thời chúng tôi cũng duy trì một số phong tục không phù hợp.

Người Do Thái đang cố gắng thuyết phục chúng tôi chấp nhận đức tin và lối sống của họ, và đã có nhiều người trong chúng tôi trở thành người Do Thái về mặt tôn giáo. Còn người Saracen, khi kết giao với chúng tôi và dâng tặng quà cáp, lại ép buộc chúng tôi chấp nhận đạo Hồi và khẳng định rằng đức tin của người Saracen tốt hơn đức tin của tất cả các dân tộc khác. Vì vậy, từ các ngài – những người mà chúng tôi vẫn duy trì tình yêu thương và tình bạn lâu đời – chúng tôi mong nhận được lời khuyên hữu ích và xin các ngài cử một vị học giả đến với chúng

---

[3556] Tại núi Olympus, Thánh Constantine lần đầu tiên bắt đầu nghiên cứu tiếng Slav. Môi trường mà ngài phải sống đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc này. Trong các tu viện trên núi có rất nhiều tu sĩ Slav đến từ các nước láng giềng khác nhau, nhờ đó Constantine có thể thực hành thường xuyên tại đây, điều này đặc biệt quan trọng đối với ngài, vì ngài đã sống trong môi trường Hy Lạp gần như từ thuở ấu thơ. Việc các vị thánh anh em tại đây đã nghiên cứu tiếng Slav được chứng thực bởi lời kể của tu sĩ người Slav gốc Bulgaria tên là Hrabra.

[3557] Người Kozar, mà người Hy Lạp gọi là người Khazar, còn người La Mã gọi là người Gazari, được biết đến với tên gọi chung là người Scythia. Họ nói tiếng Slav hoặc tiếng Nga và sinh sống gần Hồ Meotia hay Hồ Chết (Hồ Azov), nơi sông Don đổ vào, con sông này (trong thời cổ đại) đã ngăn cách châu Âu với châu Á. Ban đầu, ở vùng đất này sinh sống bộ tộc của Gamer – con trai cả của Iafet, được gọi là Gemery, trong tiếng Hy Lạp là Kymeri, còn trong tiếng Nga là Cimbr; và từ tên gọi này, cửa sông của Hồ Meotia, nơi đổ vào Biển Pontus Euxinus (Biển Đen), được gọi là Bosporus Kymeri, tức là eo biển hẹp trên Biển Kimmeria. Khi người Cimbri di cư về các vùng đất phía bắc và hòa nhập với các dân tộc khác, được gọi là người Litva, người Žemaitija, Gothfa và các tên gọi khác, thì tại nơi họ từng sinh sống gần Hồ Meotia hay eo biển Bosporus Kimmeria, một bộ tộc Scythia có nguồn gốc Thổ Nhĩ Kỳ tên là Alans (từ dãy núi Alans) đã đến định cư, sau này được gọi là Kozars (từ sông Kozar). Bộ tộc này đã sinh sôi nảy nở mạnh mẽ và định cư dọc theo cả hai bờ sông Don: ở châu Á – đến sông Volga, chảy ra Biển Caspi hay Biển Khvalyn, ở châu Âu – đến sông Dnieper, chảy ra Biển Đen, và thậm chí xa hơn – đến Pannonia, nhưng lúc này họ đã được gọi bằng những tên khác: Avar, Hun và các tên khác. Người Kozar có tính cách thô lỗ và ngoại hình không đẹp. Là một dân tộc du mục, họ sống trong lều, di chuyển từ nơi này sang nơi khác. Họ ăn chủ yếu là rau củ và thịt chưa chín kỹ hơn là bánh mì; trong chiến tranh, họ rất dũng cảm và khiến mọi người khiếp sợ. Người đứng đầu của người Kozar được gọi là "kagan" (hagan hoặc hayan), tương tự như "tsar" hay "knyaz" ở nước ta. Có rất nhiều ghi chép về sự dũng cảm của dân tộc này trong các biên niên sử Hy Lạp và La Mã. Người Kozar đã gây ra nhiều đau khổ cho Constantinople dưới triều đại của Hoàng đế Heraclius, trong thời kỳ làm Thượng phụ của Sergius, khi họ bị đánh bại một cách kỳ diệu bởi sức mạnh bất khả chiến bại của Đức Mẹ Đồng Trinh, Đấng đã bảo vệ thành phố của Ngài khỏi những kẻ ngoại đạo Kozar và người Ba Tư đã liên minh với họ, như sự kiện này được mô tả chi tiết trong Sách Thánh, vào Thứ Bảy thứ 5 của Mùa Chay Lớn. Nhiều năm sau, vua Hy Lạp Lêô người Isauria, mong muốn sống hòa bình với người Khazar, đã gả con trai mình là Constantine (Copronymus) cho con gái của khagan người Khazar, người sau khi rửa tội được đặt tên là Irina. Họ có một người con trai tên là Lê, người được gọi là Kazarin hoặc Khazaris theo họ mẹ (người con trai Lê này có vợ là Irina, người sau khi chồng qua đời đã khôi phục lại Chính Thống Giáo, bác bỏ tà thuyết chống thánh tượng tại Công đồng Đại kết lần thứ VII). Sau cuộc hôn nhân này, người Hy Lạp bắt đầu sống hòa bình với người Khazar, và những người Khazar bắt đầu làm quen với đức tin Kitô giáo. Đạo Kitô bắt đầu lan rộng trong cộng đồng người Kozar chủ yếu nhờ người dân thành Chersonesos (Chersonesos – thuộc địa Hy Lạp) và đặc biệt là sau thời các vị thánh giáo sư Constantine và Methodius. Từ lâu, người Khazar đã thu thuế từ các bộ tộc Slav ở Nga: mỗi nhà nộp một tấm da sóc và mỗi cày nộp một đồng shilag. Loại thuế này đã bị Askold và Dir chấm dứt, khi họ giành lại các vùng đất từ tay người Khazar, người Bắc phương và người Radimich. Sviatoslav, cha của Thánh Vladimir, đã đánh bại hoàn toàn người Khazar (châu Âu), người đã chiếm thành phố Belaya Vezha của họ và áp đặt thuế lên họ; còn người Khazar châu Á (sống giữa sông Don và sông Volga) thì bị người Polovtsian và người Pecheneg chinh phục.

tôi; nếu vị ấy vạch trần được những sai lầm của người Do Thái và người Saracen, chúng tôi sẽ chấp nhận đức tin của các ngài.

Lúc bấy giờ, theo lời khuyên của Đức Thượng phụ Ignatius[3558] – người kế vị Thánh Methodius[3559] – Sa hoàng Michael đã quyết định cử Thánh Constantine, người được triệu tập từ Núi Olympus, đến với người Khazar. Sau khi truyền đạt lời thỉnh cầu của người Khazar, Sa hoàng nói với Constantine:

– Hãy đi, nhà triết học, đến với những người này và nhờ ơn Thánh Ba Ngôi, hãy rao giảng cho họ giáo lý về Thánh Ba Ngôi. Không ai có thể hoàn thành nhiệm vụ này tốt hơn ngài.

– Nếu ngài ra lệnh, thưa bệ hạ, – Thánh Constantine đáp, – tôi sẽ vui lòng đi bộ đến đó, chân trần và không mang theo bất cứ thứ gì mà Chúa không cho phép các môn đệ của Ngài mang theo khi sai họ đi rao giảng.

– Nếu ngươi làm điều này vì ý riêng của mình, – nhà vua đáp, – thì ta chẳng có gì phản đối, nhưng vì ngươi được chúng ta cử đi, nên hãy lên đường với danh dự và sự trợ giúp của hoàng gia.

Sau đó, Constantine đã thuyết phục người anh em của mình, Thánh Methodius, người thông thạo tiếng Slav, đi cùng ông trong sứ vụ tông đồ, để soi sáng những người chưa tin bằng ánh sáng của đức tin Kitô giáo. Methodius đồng ý, và họ cùng nhau lên đường. Con đường của họ phải đi qua các thảo nguyên, và vào thời điểm đó, ở các thảo nguyên này sinh sống những người Ugry, tức là người Hungary hay Magyar ngày nay. Những người Ugry này đáng sợ đến mức gần như không giống con người: họ mặc áo lông với phần lông hướng lên trên, không gieo trồng lúa mì và sống bằng cướp bóc. Khi hai vị thánh anh em dừng lại ở đây để cầu nguyện, họ bị người Ugry tấn công; bọn chúng hú lên như sói, muốn xé xác họ. Constantine không hề sợ hãi, không ngừng cầu nguyện và, kêu cầu Chúa, liên tục lặp lại: "Lạy Chúa, xin thương xót!"

Khi kết thúc lời cầu nguyện, những người Ugry, khi nhìn thấy Constantine, nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa, đã trở nên hiền lành và bắt đầu cúi đầu chào ông. Constantine đã nói với họ vài lời răn dạy, sau đó những người Ugry đã để họ tiếp tục hành trình.

Trước hết, các vị thánh anh em đã lên đường đến thành phố Hy Lạp Kherson, nằm sát biên giới với người Kozar, tọa lạc bên bờ biển không xa (thành phố) Sevastopol ngày nay. Tại đây, họ đã dành không ít thời gian để học tiếng Khazar[3560] và tiếng Hy Lạp. Chính tại đây, Constantine đã dịch tám phần của cuốn ngữ pháp tiếng Do Thái. Họ học nó nhằm mục đích truyền bá đạo giáo cho người Khazar một cách hiệu quả hơn và tranh luận với những người Do Thái, vốn có rất nhiều trong cộng đồng Khazar[3561] .

Cũng tại đây có một người Samari sinh sống, người này thường đến gặp Constantine và trò chuyện với ông về đức tin. Một lần nọ, ông mang theo những cuốn sách của người Samari và cho Constantine xem. Constantine đã xin người Samari cho mượn những cuốn sách đó, rồi tự nhốt mình trong phòng và bắt đầu cầu nguyện tha thiết với Chúa, xin Ngài giúp ông nghiên cứu chúng. Nhờ ơn Chúa, Constantine đã nhanh chóng và thành thạo nghiên cứu những cuốn sách này. Khi biết được điều này, người Samari đã thốt lên: "Quả thật, ai tin vào Đấng Christ thì sẽ sớm nhận được ân sủng của Thánh Thần."

Con trai người Samari lập tức chịu phép rửa; sau đó, chính người Samari cũng chấp nhận đức tin vào Đấng Christ.

Tại Cherson, Constantine đã tìm thấy "Tin Mừng và Thánh Vịnh được viết bằng chữ Nga", cũng như một người nói được ngôn ngữ này. Constantine, trong khi trò chuyện với người ấy, đã học được ngôn ngữ này và, dựa trên những cuộc trò chuyện, đã phân loại các ký tự thành nguyên âm và phụ âm; nhờ ơn Chúa, ông sớm bắt đầu đọc và giải thích những cuốn sách đã tìm thấy. Nhiều người, khi chứng kiến sự khôn ngoan ấy, đã kinh ngạc và ngợi khen Chúa.

Cũng tại đây, các vị thánh anh em đã biết được rằng di cốt của Thánh Clement, vị Giáo hoàng Tử đạo[3562] , đang nằm dưới biển. Họ bắt đầu thuyết phục Giám mục thành Cherson mở di cốt thánh ra. Về những di cốt này, có câu chuyện như sau:

[3558] Ignatius giữ chức Thượng phụ từ năm 847 đến năm 857; sau đó lần thứ hai từ năm 867 đến năm 877.

[3559] Ngày kỷ niệm Thánh Mê-phô-đi-ô được tổ chức vào ngày 23 tháng 10.

[3560] Người Khazar nói tiếng Slav.

[3561] Ảnh hưởng của người Do Thái ở đây mạnh mẽ đến mức ngay cả triều đại các Kagan của người Kozar cùng triều đình của họ, tức là tầng lớp thượng lưu trong xã hội Kozar, cũng đã theo đạo Do Thái.

[3562] Ngày kỷ niệm ngài được Giáo hội Công giáo cử hành vào ngày 25 tháng 11.

Khi Thánh Clément bị lưu đày từ Rôma đến Kherson và đã dẫn dắt nhiều người ở đó trở lại đức tin Kitô giáo, thì Igemon Avfidian, theo lệnh của Hoàng đế Trajan[3563] , đã ra lệnh ném ngài xuống biển, buộc một chiếc neo tàu vào cổ ngài, để các Kitô hữu không thể tìm thấy thi thể của ngài. Các môn đệ trung thành của thánh nhân đứng trên bờ biển và khóc nức nở khi chứng kiến cảnh thầy mình bị dìm chết. Sau đó, hai môn đệ trung thành nhất là Cornelius và Thebes đã nói với các tín hữu Kitô giáo:

– Hãy cùng nhau cầu nguyện để Chúa chỉ cho chúng ta thi thể của vị thánh tử đạo.

Sau lời cầu nguyện của các tín hữu, biển lùi lại ba khoảng đường chạy[3564] . Dân chúng, giống như dân Israel xưa kia tại Biển Đỏ, đi trên đáy biển khô ráo, và tìm thấy một ngôi mộ bằng đá cẩm thạch, được xây dựng giống như một nhà thờ, và tại đó họ thấy thi hài thánh và chiếc mỏ neo mà vị thánh đã bị chôn vùi cùng. Các tín hữu Kitô giáo định mang thi hài thánh ra khỏi đó, nhưng các môn đệ nói trên đã được ban cho sự mặc khải rằng thi hài thánh phải được để nguyên vẹn, và rằng hàng năm, để tưởng nhớ vị thánh, biển sẽ lùi lại bảy ngày, mở đường cho những ai muốn đến thờ lạy thi hài thánh. Tình trạng này kéo dài 700 năm, từ triều đại của Hoàng đế Trajan cho đến triều đại của Vua Nikiforos người Hy Lạp[3565] . Tuy nhiên, do những tội lỗi của con người, biển đã ngừng lùi lại vào triều đại của Nikiforos, điều này đã gây ra nỗi đau buồn lớn lao cho các tín hữu Kitô giáo.

Các thánh Constantine và Methodius đã đến Cherson khi đã hơn 50 năm trôi qua kể từ khi các thánh tích được giấu đi vĩnh viễn. Thánh George, vị giám mục đáng kính của Cherson, người đã được hai anh em thánh thuyết phục mở lại các thánh tích, trước tiên đã lên đường đến Constantinople để xin phép hoàng đế và tổng giám mục cho việc mở lại này. Cùng với vị giám mục từ Constantinopolis, toàn thể hàng giáo sĩ của Nhà thờ Thánh Sofia cũng đã đến dự lễ khai quật di hài thánh. Sau đó, tất cả mọi người, bao gồm cả các thánh Constantine và Methodius, được dân chúng hộ tống, đã lên đường ra bờ biển, hy vọng sẽ đạt được điều mong muốn. Nhưng biển không lùi bước. Lúc đó, khi mặt trời lặn, họ lên thuyền và ra khơi. Bỗng nhiên vào ban đêm, đúng lúc nửa đêm, một luồng ánh sáng rực rỡ tỏa ra từ biển và chiếc đầu thiêng liêng hiện ra, sau đó toàn bộ thi hài của Thánh Clément cũng trở nên rõ ràng. Các thánh tích được đặt lên thuyền và được rước về thành phố với sự tôn kính cao nhất, rồi an táng tại Nhà thờ Các Tông đồ[3566] . Các thánh Constantine và Methodius đã lấy một phần các thánh tích và mang theo khắp nơi họ đi qua, cho đến khi đưa phần thánh tích đó đến Rome.

Từ Cherson, Constantine và Methodius lên đường đến gặp người Khazar, nơi họ được Kagan của người Khazar tiếp đón long trọng và trao cho ông ta một bức thư từ vua Hy Lạp. Thánh Constantine đã phải tiến hành những cuộc đối thoại kéo dài với người Khazar, người Do Thái và người Saracen. Trong những cuộc đối thoại này, Mefodiy hầu như không tham gia gì cả, vì ông ít được học hành hơn Constantine: với tư cách là một cựu tướng quân, ông am hiểu cách ứng xử với dân chúng hơn là cách tiến hành các cuộc thảo luận học thuật. Vì vậy, Thánh Constantine – người từ thuở nhỏ đã thông thạo các môn học, am hiểu Kinh Thánh và là một nhà thuyết giảng tài ba, sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi – đã phải một mình dẫn dắt các cuộc đối thoại về đức tin; còn Thánh Methodius thì hỗ trợ Thánh Constantine bằng những lời cầu nguyện thánh thiện của mình.

Người Khazar đã cử một người đàn ông xảo quyệt và gian xảo đến gặp Constantine, người này nói với ông:

– Các ngươi, người Hy Lạp, có thói quen xấu là thay thế một vị vua này bằng một vị vua khác, xuất thân từ dòng dõi bình thường, không phải hoàng tộc. Ví dụ, sau Nikifor, các ngươi đã lập quan đại thần Mikhail Kuropalat làm vua; rồi bỏ ông ta, các ngươi lại đưa Lev người Armenia, xuất thân từ dòng dõi bình thường, lên ngai vàng; sau khi ông ta qua đời, các ngươi lại lập Mikhail Travla, người gốc Amoria, lên ngôi. Còn ở chúng tôi thì không như vậy: tất cả các khagan của chúng tôi đều thuộc dòng dõi khagan, và không ai trong chúng tôi có thể lên ngôi nếu không thuộc dòng dõi này.

Trước điều này, Constantine đã trả lời bằng những lời ngắn gọn:

– Chẳng phải Đức Chúa Trời đã làm điều tốt khi từ chối vua Sa-un, người không đẹp lòng Ngài, và từ số các mục tử chăn chiên, Ngài đã chọn Đa-vít, người theo ý Ngài sao?

Kozarin không thể phản bác điều này và đưa ra một câu hỏi khác:

[3563] Trajan trị vì từ năm 98 đến năm 117.

[3564] Sân thi đấu bao gồm một nghìn bước lớn, và mỗi bước như vậy được tính là năm bước chân.

[3565] Nikifor I trị vì từ năm 802 đến năm 811.

[3566] Theo bản tường thuật cuộc đời các thánh theo truyền thống Pannonian, việc khai quật di cốt các thánh diễn ra như sau: mọi người lên thuyền đến nơi được cho là có di cốt các thánh. Khi biển hoàn toàn lặng sóng, họ bắt đầu tìm kiếm và đồng thời hát các bài thánh ca. Đầu tiên, một mùi hương thơm ngát lan tỏa, như thể từ nhiều lư hương, và sau đó di cốt các thánh hiện ra.

– Ngài giảng dạy những bài học đạo đức từ những cuốn sách mà ngài đang cầm trên tay, còn chúng tôi thì không như vậy, mà chúng tôi truyền đạt toàn bộ sự khôn ngoan từ chính bản thân, không tự hào về những tác phẩm của mình như cách ngài đang làm. Dường như toàn bộ sự khôn ngoan đều nằm bên trong chúng tôi.

– Nếu gặp một người trần truồng – Konstantin đáp – người đó khẳng định rằng mình có nhiều quần áo, vàng bạc và tài sản, liệu ngài có tin anh ta không, khi thấy anh ta trần truồng và không cầm gì trong tay?

– Không, – người Kozar nói. – Nếu anh ta có gì đó, thì đã không đi lang thang trần truồng rồi.

– Nếu ngươi, như ngươi khoe khoang, đã thấu hiểu mọi sự khôn ngoan, – Konstantin nói với người Kozar, – thì hãy nói cho ta biết: từ Adam đến Mô-sê có bao nhiêu dòng dõi, và dòng dõi nào đã sống ở đâu trên trái đất?

Người Kozar không thể nói gì. Constantine tiếp tục:

– Vì thế, ta không tin lời ngươi rằng ngươi đã học hết mọi sự khôn ngoan và không cần đến sách vở.

Các vị thánh huynh đệ được mời đến dùng bữa trưa với khagan. Trước khi ngồi vào bàn, khagan hỏi họ:

– Hãy nói cho ta biết các ngươi thuộc dòng dõi nào, để chúng ta biết nên xếp các ngươi ngồi ở vị trí nào.

– Ông nội chúng tôi, – Konstantin đáp, – thuộc dòng dõi vĩ đại và lừng lẫy, từng ở gần bên Nhà vua. Nhưng ông ấy không giữ được vinh quang to lớn đã được ban tặng, bị Nhà vua trục xuất và phải lánh sang xứ người, nơi ông đã sinh ra chúng tôi. Giờ đây, chúng tôi đang tìm lại vinh quang xưa kia của ông nội và không mong muốn bất cứ điều gì khác. Ông nội của chúng tôi chính là Adam.

– Ngươi nói rất đúng đắn và hợp lý, hỡi vị khách, – Kagan nói, sau đó bắt đầu dành sự kính trọng đặc biệt cho Konstantin.

Khi mọi người ngồi vào bàn, Kagan cầm chiếc chén lên và nói:

– Tôi nâng ly để vinh danh Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng đã tạo dựng muôn loài. Còn Constantine thì cầm lấy chén và nói:

– Tôi nâng ly để tôn vinh Đức Chúa Trời Duy Nhất và Lời của Ngài, Đấng đã lập nên các tầng trời, và Thánh Thần Ban Sự Sống, Đấng duy trì sự tồn tại của muôn loài được tạo dựng.

– Này, – Kagan nói với Constantine, – chúng ta cùng chia sẻ một giáo lý giống nhau về Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của muôn loài, chỉ khác nhau ở chỗ các ngài tôn vinh Ba Ngôi, còn chúng tôi tôn vinh Đức Chúa Trời Duy Nhất, như những gì các sách Do Thái dạy.

– Nếu các ngài, – Constantine đáp lại, – đã biết từ các sách Do Thái rằng Thiên Chúa là Đấng Duy Nhất, thì cũng hãy nhận biết Ba Ngôi Thánh từ chính những sách đó. Các sách Do Thái trong những lời tiên tri của mình rao giảng không chỉ về Chúa Cha mà còn về Lời và Thánh Thần. Như vua và tiên tri Đa-vít đã nói: *"Bầu trời được dựng nên bởi Lời của Chúa, và toàn thể đạo binh của chúng được dựng nên bởi Thần Khí từ miệng Ngài"* (Thi Thiên 32:6). Chính tại đoạn này, sự thống nhất và tính Ba Ngôi được chỉ ra một cách rõ ràng: Chúa, Lời của Ngài và Thần Khí. Chúa là Đức Chúa Trời Cha, Lời là Đức Chúa Trời Con, Thánh Linh từ miệng Chúa là Đức Chúa Trời Thánh Linh. Tuy nhiên, không phải có ba Chúa, mà chỉ có Một Chúa cùng với Lời và Thánh Linh của Ngài; cũng không phải có ba vị thần trong bản thể thần thánh, mà chỉ có Một Đức Chúa Trời duy nhất được tôn kính. Hãy chú ý đến điều này: trong hai người, ai sẽ là người tôn kính ngài, vị vua, một cách tốt nhất? Người chỉ tôn vinh riêng ngài mà khinh thường Lời của ngài và Thần Khí từ miệng ngài, hay người tôn kính ngài, Lời của ngài và Thần Khí từ miệng ngài một cách như nhau?

– Chắc chắn là người sau, – Kagan đáp.

– Vì vậy, – nhà triết học tiếp lời – khi chúng tôi tôn kính Ba Ngôi Thánh: Cha, Con và Thánh Thần một cách bình đẳng, chúng tôi là những người tôn thờ Đức Chúa Trời tốt nhất và chân thật nhất so với các ngài. Chúng tôi đã học được cách tôn thờ Đức Chúa Trời như vậy từ các sách tiên tri. Ngoài đoạn trích dẫn ở trên, tôi sẽ dẫn thêm một số đoạn khác. Thánh tiên tri Ê-sai đã nói về Đức Chúa Con như sau: *"Hãy nghe Ta, hỡi Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên, những người Ta đã kêu gọi: Ta chính là Đấng ấy, Ta là Đấng đầu tiên và Ta là Đấng cuối cùng… và bây giờ Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời và Thánh Linh của Ngài đã sai Ta đến"* (Ê-sai 48:12, 16). Các vị tổ phụ cổ xưa của chúng ta[3567] đã giải thích đoạn Kinh Thánh này như sau:

– Ai là Đấng được sai đi, nếu không phải là Con? Được sai đi từ ai, nếu không phải từ Cha và Thánh Thần của Cha?

Trong bữa tiệc này có rất nhiều người Do Thái. Một số người trong số họ đã nói với Thánh Constantine:

[3567] Athanasius Đại Đế, Basil Đại Đế, Gregory Nyssa.

– Hãy nói cho chúng tôi biết, nhà triết học Kitô giáo: làm sao một người phụ nữ có thể mang trong lòng mình Thiên Chúa, Đấng mà ngay cả các Thiên thần cũng không thể ngước nhìn?

Nhà triết học chỉ tay về phía vị cố vấn trưởng của khagan và nói:

– Nếu có ai nói rằng vị cố vấn trưởng này không thể tiếp đón Kagan vào nhà mình và chiêu đãi ngài, trong khi ngay cả người nô lệ thấp nhất cũng có thể làm được điều đó, thì chúng ta sẽ gọi người đó là gì: điên rồ hay sáng suốt?

– Thậm chí là kẻ điên rồ tột độ, – những người Do Thái đáp.

Rồi nhà triết học đặt ra câu hỏi như sau:

– Trong tất cả các tạo vật có thể nhìn thấy dưới trời, tạo vật nào là chính trực nhất?

– Con người là tạo vật trung thực nhất, – những người Do Thái trả lời, – bởi vì con người có linh hồn thông minh, được tạo ra theo hình ảnh của Đức Chúa Trời.

– Vì thế, những ai cho rằng không thể nào Đức Chúa Trời ngự trong tử cung người mẹ là những kẻ thiếu lý trí, – nhà triết học đáp, – trong khi họ biết rằng Ngài đã ngự trong bụi gai (bụi rậm) thời Môi-se. Chẳng lẽ bụi gai, một tạo vật vô hồn và vô cảm, lại cao quý hơn loài sinh vật có cảm giác và lý trí, sở hữu linh hồn giống như Đức Chúa Trời sao? Ngoài bụi gai, Đức Chúa Trời còn ngự trong đám mây, khói và lửa khi Ngài hiện ra với Giốp, Môi-se và Ê-li. Điều kỳ diệu nhất là Đức Chúa Trời đã ngự trong loài thụ tạo có linh hồn cao quý nhất, mong muốn hiện ra trên đất và sống cùng loài người, để giải thoát họ khỏi vết thương chết chóc do tội lỗi của A-đam gây ra cho nhân loại. Hãy nói cho tôi biết, ngoài chính Đấng Tạo Hóa ra, còn ai khác có thể mang lại sự chữa lành và sự đổi mới cho loài thụ tạo cao quý nhất, tức là loài người? Chẳng phải chính Đa-vít đã tiên tri rằng: *"Ngài đã sai Lời của Ngài và chữa lành họ"* (Thi Thiên 106:20) sao? Vì vậy, Lời của Cha, tức là Đức Chúa Con, đã đến và chữa lành bản tính con người. Làm sao Lời của Cha có thể chữa lành con người, nếu Ngài không kết hợp với con người qua việc nhập thể và không gắn bó với con người như một miếng băng cứu thương? Chẳng phải bác sĩ, khi muốn chữa lành cho người bị thương, sẽ dán miếng băng lên cây hay đá, chứ không phải lên người bệnh sao? Vì thế, Đức Chúa Trời đã đặt Lời Duy Nhất của Ngài, giống như miếng băng, không phải lên cây cối – dù trước đây Ngài đã hiện ra giữa các cây trong bụi rậm – cũng không phải lên đá – dù Ngài đã được Mô-sê và Ê-li nhìn thấy trên những ngọn núi đá Si-nai và Hô-ri-va – mà là lên con người đang bị bệnh tật tội lỗi bao trùm. Sự kết hợp ấy đã trở nên không thể tách rời, vì Chúa đã vui lòng ngự vào tử cung trong sạch, trinh khiết – chứ không chỉ đơn thuần là tử cung của một người phụ nữ – như lời tiên tri Ê-sai đã báo trước: *"Này, một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh ra một con trai, và người ta sẽ đặt tên cho Ngài là Ê-ma-nu-ên, nghĩa là: 'Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta'"* (Ê-sai 7:14). Ở đây, vị tiên tri nói rõ rằng Đức Chúa Con sẽ được sinh ra trên đất từ một Trinh Nữ trong sạch và chưa kết hôn. Còn về việc làm sao Đức Chúa Trời có thể ngự vào tử cung của một trinh nữ vì sự cứu rỗi của chúng ta, hãy nhớ lại những gì đã được ghi chép trong các sách của các ngươi. Rabbi Achilla của các ngươi đã nói:

– Xin đừng hiện ra với chúng con trong tiếng sấm sét và tiếng kèn, lạy Chúa, xin đừng hiện ra với chúng con như vậy, lạy Chúa nhân từ, nhưng xin ngự vào tử cung của chúng con, và xóa bỏ tội lỗi của chúng con.

– Nếu Mô-sê đã cầu xin Thiên Chúa ngự vào lòng chúng ta, thì tại sao các ngươi lại chỉ trích chúng ta, những người tuyên xưng rằng Thiên Chúa đã ngự vào lòng người phụ nữ, và không chỉ là người phụ nữ bình thường, mà là lòng trinh nữ, trong sạch, vô nhiễm và chưa từng kết hôn? Ngài cũng ngự vào lòng chúng ta khi chúng ta, những người Kitô hữu, rước lễ trong hy lễ bí tích. Như các bạn thấy, lời cầu nguyện cổ xưa của Mô-sê, được ghi chép trong các sách của các bạn theo lời chứng của Rabbi Achilla, đã được ứng nghiệm: Thiên Chúa đã ngự vào lòng chúng ta, mang lấy tội lỗi của chúng ta.

Sau bữa trưa, mọi người tản ra và hẹn ngày sẽ lại trò chuyện về đức tin. Vào ngày đã hẹn, mọi người tụ họp lại và, theo lời mời của Kagan, ngồi vào những chỗ đã được chỉ định. Constantine mở đầu cuộc trò chuyện như sau:

– Tôi là người ngoại quốc duy nhất giữa các vị, nhưng tất cả chúng ta đang trò chuyện về Đức Chúa Trời, Đấng nắm giữ vạn vật, kể cả trái tim chúng ta. Khi chúng ta trò chuyện, ai trong các vị giỏi ăn nói, nếu hiểu được, hãy xác nhận những lời của chúng tôi; còn nếu không, hãy hỏi lại và chúng tôi sẽ cố gắng giải thích.

Người Do Thái bắt đầu cuộc trò chuyện bằng câu hỏi sau:

– Hãy nói cho chúng tôi biết: Đức Chúa Trời đã ban luật nào trước tiên: luật của Mô-sê, hay luật mà các anh em, những người Kitô hữu, đang tuân giữ?

– Phải chăng – Thánh Constantine đáp – các ngươi hỏi ta luật nào là luật đầu tiên, để rồi sau đó nói rằng luật đầu tiên là luật tốt nhất?

– Đúng vậy, – những người Do Thái đáp. – Và vì thế, chúng ta phải tuân theo luật đầu tiên, vì đó là luật tối cao và tốt nhất.

– Nếu các ngươi chỉ muốn tuân giữ luật đầu tiên, thì hãy từ bỏ việc cắt bì, – Thánh Constantine nói với những người Do Thái.

– Tại sao ngài lại nói như vậy? – những người Do Thái hỏi.

– Hãy nói cho tôi biết sự thật, – Constantine nói với những người Do Thái, – điều răn đầu tiên được ban hành là về việc cắt bì hay không cắt bì?

– Chúng tôi nghĩ – những người Do Thái trả lời – là qua việc cắt bì.

– Chẳng phải chính Nô-ê sao – Constantine nói – là người mà Đức Chúa Trời đã ban điều răn đầu tiên? Và điều đó xảy ra trước khi có lễ cắt bì và sau khi Đức Chúa Trời ban điều răn cho A-đam trong vườn Ê-đen sau khi ông sa ngã. Đức Chúa Trời đã truyền lệnh cho Nô-ê rằng không được đổ máu người: *"Ai đổ máu người, thì máu người ấy cũng sẽ bị đổ"* (Sáng Thế Ký 9:6). Sau đó, khi nói về việc ăn các loại thảo mộc, thú vật, gia súc, chim chóc và cá, Đức Chúa Trời phán với Nô-ê: *"Ta lập giao ước của Ta với các ngươi và với dòng dõi các ngươi sau các ngươi"* (Sáng Thế Ký 9:9).

– Nhưng giao ước không phải là luật pháp, – những người Do Thái nói. – Đức Chúa Trời không nói với Nô-ê: "luật pháp của Ta", mà là "giao ước của Ta". Còn chúng ta đang nói về luật pháp.

– Các ngươi có tuân giữ lễ cắt bì như một luật pháp hay không? – Constantine hỏi.

– Chúng tôi tuân giữ như luật pháp, – những người Do Thái trả lời.

– Còn việc cắt bì, – Constantine tiếp lời, – Đức Chúa Trời cũng không gọi là luật pháp, mà chỉ là giao ước, khi Ngài phán với Áp-ra-ham: *'Ngươi hãy tuân giữ giao ước của Ta, cả ngươi và con cháu ngươi sau ngươi qua các thế hệ... mọi nam giới trong các ngươi phải được cắt bì... và điều này sẽ là dấu hiệu của giao ước giữa Ta và các ngươi... và giao ước của Ta sẽ ở trên thân thể các ngươi như một giao ước vĩnh cửu"* (Sáng Thế Ký 17:9–13). Hãy xem này – Constantine nói – Đức Chúa Trời chưa bao giờ gọi việc cắt bì là luật pháp, mà là giao ước. Vậy các ngươi có từ bỏ việc cắt bì vì cho rằng nó là bất hợp pháp không? Nếu các ngươi tuân giữ giao ước cắt bì như một luật pháp, thì giao ước đã ban cho Nô-ê cũng phải được tuân giữ như luật pháp và gọi đó là luật pháp đầu tiên mà Đức Chúa Trời đã ban cho loài người, những người bị đuổi khỏi vườn Ê-đen và được cứu khỏi nước lụt.

– Không, – những người Do Thái đáp. – Chỉ có luật pháp được ban cho Mô-sê mới là luật pháp, và chúng tôi tuân giữ luật pháp đó.

– Nếu giao ước ban cho Nô-ê – Konstantin nói – không phải là luật pháp, mà chỉ là giao ước, bởi vì Đức Chúa Trời không gọi nó là luật pháp, mà là giao ước, thì luật pháp ban cho Môi-se cũng không phải là luật pháp, bởi vì trong chương 11 của sách tiên tri Giê-rê-mi, Đức Chúa Trời không gọi nó là luật pháp, mà là giao ước: *"Hãy nghe những lời của giao ước này... Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vầy: 'Ai không vâng theo những lời của giao ước này, mà Ta đã truyền cho tổ phụ các ngươi khi Ta dẫn họ ra khỏi xứ Ê-díp-tô, thì sẽ bị rủa sả'* (Giê-rê-mi 11:2–4). Nếu giao ước này là luật pháp đối với các ngươi, thì giao ước được ban cho Nô-ê cũng là luật pháp. Và vì luật pháp này được ban trước khi có lễ cắt bì, nên các ngươi phải tuân giữ nó như luật pháp đầu tiên và không được nghe theo các luật pháp khác được ban sau đó, tức là luật pháp của Áp-ra-ham và Môi-se. Vì chính các ngươi đã nói rằng luật pháp đầu tiên là tốt nhất và cần phải vâng theo nó.

Người Do Thái lúc đó đã lảng tránh câu hỏi này, chuyển sang nói về chuyện khác và nói:

– Ai tuân giữ luật pháp của Mô-sê thì đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Vì vậy, chúng tôi, khi tuân giữ luật pháp ấy, cũng hy vọng được Đức Chúa Trời chấp nhận. Còn các ông thì tuân giữ luật pháp mới, mà chính các ông đã tự đặt ra cho mình, còn luật pháp cũ thì các ông khinh thường.

– Khi chấp nhận luật mới, – nhà triết học đáp, – chúng tôi đã làm đúng. Bởi vì ngay cả Áp-ra-ham, nếu không chịu cắt bì mà chỉ tuân giữ giao ước của Nô-ê, thì cũng không được gọi là bạn của Đức Chúa Trời. Cũng vậy, Môi-se sau Áp-ra-ham, không bằng lòng với những luật lệ đã ban cho Nô-ê và Áp-ra-ham trước đó, nên đã soạn ra luật mới. Chúng ta cũng làm theo gương của họ. Tuy nhiên, giống như họ, khi kế tiếp nhau, không hủy bỏ các luật lệ trước đó – Áp-ra-ham không bác bỏ luật của Nô-ê, còn Mô-sê thì không bác bỏ cả hai, mà bằng cách bổ sung những điều còn thiếu, họ đã trình bày ý muốn hoàn hảo hơn của Đức Chúa Trời trong những luật lệ chi tiết hơn, để điều răn của Chúa được vững chắc; cũng vậy, chúng ta không phủ nhận Giao Ước Cũ được ghi trên các bảng đá của Mô-sê, nhưng vẫn giữ lại tất cả những điều đó để nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa của muôn loài, cũng như: không được giết người, không được trộm cắp và các điều răn khác. Chúng ta chỉ loại bỏ

những điều không được ghi trên các tấm bia của Mô-sê, chẳng hạn như: lễ cắt bì, dâng sinh tế các loài vật không biết nói và những điều tương tự khác. Chúng chỉ là bóng mờ và hình bóng của luật mới sắp đến, và vì vậy khi luật mới đến, chúng cần phải được bỏ lại. Còn cần gì phải giữ cái bóng nữa, khi chúng ta đã có chính bản thân sự vật trong tay?

– Nếu những gì ngươi nói về Giao Ước Cũ – những quy định và giao ước, ngoài các Bảng Đá của Mô-sê, chỉ là bóng mờ và hình bóng của Giao Ước Mới của các ngươi – thì các nhà lập pháp cổ đại đã biết điều đó và sẽ nói về Luật Mới của các ngươi, vốn sẽ được thiết lập trong tương lai. Vì bóng và hình ảnh phải phác họa chính điều mà người ta mong đợi được nhìn thấy bằng mắt. Còn luật pháp của các ngươi thì các nhà lập pháp không hề mong đợi, vì vậy tất cả các quy định và giao ước trong Cựu Ước, cũng như các Bảng Đá của Mô-sê, không phải là bóng mờ và hình ảnh tượng trưng, mà chính là sự thật (vật thể) đó, mà các ngươi, cũng như những gì được ghi trên các Bảng Đá của Mô-sê, cần phải giữ gìn như sự thật.

Trước điều này, nhà triết học đã trả lời như sau:

– Nếu các nhà lập pháp cổ đại trong Cựu Ước không biết rằng theo luật của họ sẽ có một luật mới xuất hiện, thì tôi sẽ hỏi các vị: khi ban đầu Đức Chúa Trời ban giao ước cho Nô-ê, mà chúng ta đã đề cập trước đó, liệu Ngài có báo trước cho ông rằng sau đó Ngài sẽ ban một luật khác cho người được Ngài ưa chuộng là Áp-ra-ham không? Tất nhiên là không, mà Ngài đã xác nhận giao ước đầu tiên sẽ tồn tại đến muôn đời. Liệu khi ban giao ước cho Áp-ra-ham, Ngài có báo trước với ông rằng sau này Ngài sẽ ban một luật pháp khác cho Môi-se không? Còn về giao ước mới của chúng ta, Ngài đã báo trước một cách chi tiết qua các vị tiên tri thánh của Ngài. Vậy hãy lắng nghe lời Giê-rê-mi nói: *"Này, những ngày đang đến, Đức Giê-hô-va phán*, Ta sẽ lập *với nhà Y-sơ-ra-ên và nhà Giu-đa một Giao Ước Mới, không phải là giao ước mà Ta đã lập với tổ phụ họ vào ngày Ta nắm tay họ để dẫn họ ra khỏi xứ Ê-díp-tô; họ đã vi phạm giao ước của Ta, dù Ta vẫn giữ giao ước với họ, Đức Giê-hô-va phán"* (Giê-rê-mi 31:31–32). Các bạn thấy đây là lời tiên tri nổi tiếng về Giao Ước Mới của chúng ta. Tương tự, tiên tri Ê-sai cũng đã tiên báo về Giao Ước Mới, nhân danh Đức Giê-hô-va, rằng: *"Nhưng các ngươi không nhớ lại những điều xưa, cũng không suy nghĩ về những điều cổ xưa. Ta sẽ làm điều mới, và ngay bây giờ nó sẽ hiện ra"* (Ê-sai 43:18–19). Vậy, các nhà lập pháp thời xưa đã biết về luật pháp mới đầy ân sủng, đã chờ đợi nó và đã tiên tri về nó. Do đó, các quy định và giao ước Cựu Ước của các ngươi chỉ là bóng mờ và hình ảnh của luật pháp mà chúng ta đang mong đợi, chứ không phải là lẽ thật đích thực; vì thế, chúng cần phải bị loại bỏ vì không còn cần thiết nữa.

– Mọi người Do Thái đều thừa nhận rằng sẽ có một luật mới, – những người Do Thái nói, – nhưng thời điểm Đấng Được Xức Dầu xuất hiện vẫn chưa đến.

– Các ngươi còn chờ đợi điều gì nữa? – Constantine đáp lại. – Chẳng phải quyền lực của vương quốc và quyền cai trị của các ngươi, vốn theo lời tiên tri của tổ phụ Gia-cốp chỉ tồn tại cho đến khi Đấng Christ-Đấng Mê-si-a đến, đã chấm dứt rồi sao? Chẳng phải Giê-ru-sa-lem đã bị phá hủy rồi sao? Chẳng phải các lễ vật đã bị từ chối rồi sao? Chẳng phải vinh quang của Đức Chúa Trời đã chuyển từ các ngươi sang các dân ngoại rồi sao, như tiên tri Ma-la-chi đã tiên tri rõ ràng về điều này, khi nói: 'Ta không còn ân sủng dành cho các ngươi nữa,' Đức Giê-hô-va Toàn Năng phán, 'và Ta sẽ không nhận các của lễ từ tay các ngươi. Vì từ nơi mặt trời mọc cho đến nơi mặt trời lặn, danh Ta sẽ được tôn vinh, và ở mọi nơi người ta sẽ dâng hương cho danh Ta, dâng của lễ tinh khiết; danh Ta sẽ được tôn vinh giữa các dân tộc, Đức Giê-hô-va Vạn Quân phán vậy" (Ma-la-chi 1:10–11).

– Chúng tôi hiểu đoạn Kinh Thánh này như thế này – những người Do Thái đáp – rằng các dân ngoại sẽ được chúc phúc nhờ chúng tôi, cũng như chúng tôi – dòng dõi Áp-ra-ham – đã được chúc phúc và sẽ được cắt bì tại thành Giê-ru-sa-lem.

– Dòng dõi Áp-ra-ham được chúc phúc nhờ Ai, – Constantine đáp lại, – thì chúng ta cũng được chúc phúc nhờ Đấng ấy, chính là Đấng Mê-si-a, Đấng xuất thân từ Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, Y-sê và Đa-vít. Vì Đức Chúa Trời đã phán cùng Áp-ra-ham: *"Mọi chi tộc trên đất sẽ được chúc phúc nhờ ngươi"* (Sáng Thế Ký 12:3), và với Y-sác: *'Tất cả các dân tộc trên đất sẽ được phước nhờ dòng dõi ngươi'* (Sáng Thế Ký 26:4), cũng như với Gia-cốp (Sáng Thế Ký 28:14); còn Đa-vít thì nói: *'Các chi tộc sẽ được phước nhờ Ngài; mọi dân tộc sẽ ca ngợi Ngài'* (Thi Thiên 71:17). Còn về việc Đấng Mê-si-a phải đến không chỉ vì dòng dõi Áp-ra-ham mà còn để cứu rỗi các dân ngoại, thì xưa kia Gia-cốp, khi ban phước cho Giu-đa, đã nói như sau: *"Quyền trượng sẽ không rời khỏi Giu-đa, và người cai trị sẽ không rời khỏi dòng dõi của ông, cho đến khi Đấng Hòa Giải đến, và các dân tộc sẽ phục tùng Ngài"* (Sáng Thế Ký 49:10). Và tiên tri Xa-cha-ri, khi loan báo cho con gái Si-ôn – Giê-ru-sa-lem – về sự đến của Vua hiền lành, Đấng ngồi trên lưng lừa và lừa con, đã nói: *"Lúc bấy giờ, Ta sẽ tiêu diệt các cỗ xe chiến của Ép-ra-*

im và các con ngựa ở Giê-ru-sa-lem; cung tên chiến trận sẽ bị bẻ gãy, và Ngài sẽ rao giảng hòa bình cho các dân tộc" (Xa-cha-ri 9:10). Các ngươi thấy đó, Đấng Mê-si-a không chỉ phải đến vì các ngươi, dân Do Thái, mà còn vì các dân ngoại nữa. Tôi nghĩ rằng Ngài đã đến vì dân ngoại nhiều hơn là vì các ngươi, bởi vì các ngươi đã không đón nhận Ngài, còn dân ngoại thì đã đón nhận Ngài; các ngươi đã giết Ngài, còn dân ngoại thì đã tin vào Ngài; các ngươi đã từ chối Ngài, còn dân ngoại thì đã yêu mến Ngài; vì thế, Ngài cũng đã từ chối các ngươi, còn dân ngoại thì Ngài đã kêu gọi, và Ngài được tôn vinh nơi họ. Còn về việc Đấng Mê-si-a thực sự được mong đợi đã đến, các ngươi có thể xác nhận điều đó qua vị tiên tri thánh Đa-ni-ên. Tại Ba-by-lôn, vào năm đầu tiên triều đại của vua Đa-ri-út ( ), Thiên Thần của Chúa là Gáp-ri-ên đã hiện ra với vị tiên tri này và từ thời điểm đó cho đến khi Đấng Mê-si-a đến thế gian, Ngài đã chỉ định 70 tuần. Mỗi tuần bảy năm kéo dài 7 năm, và tổng cộng là 490 năm. Talmud của các ngươi cũng tính toán như vậy. Những năm tháng đó đã trôi qua bao lâu rồi? Nếu các ngươi xem xét kỹ, các ngươi sẽ biết rằng đã hơn 800 năm trôi qua kể từ khi các tuần bảy năm mà Đa-ni-ên được báo trước đã hoàn tất (Đa-ni-ên 2:1–49).

– Tôi còn muốn hỏi các vị một điều nữa, – Constantine nói, – các vị nghĩ vương quốc sắt mà Đa-ni-ên đã nói với Na-bu-cô-đô-nô-xơ khi giải thích cho ông ta về giấc mơ về bức tượng khổng lồ là vương quốc nào?

– Vương quốc sắt ám chỉ Đế chế La Mã, – những người Do Thái trả lời.

– Vậy thì, – nhà triết học hỏi, – hòn đá tách ra khỏi ngọn núi mà không cần bàn tay con người và đập nát bức tượng đó tượng trưng cho ai?

– Hòn đá tượng trưng cho Đấng Mê-si-a, – những người Do Thái trả lời và đồng thời bổ sung, – nếu theo lời các tiên tri và những sự kiện khác, như ngài nói, Đấng Mê-si-a đã đến rồi, thì tại sao vương quốc La Mã vẫn còn nắm quyền lực cho đến tận bây giờ?

– Không, – nhà triết học đáp, – nó không còn nắm quyền nữa, mà đã qua đi, giống như các đế chế khác. Vương quốc của chúng ta không phải là của La Mã, mà là của Đấng Christ, như lời tiên tri đã nói: *"Đức Chúa Trời trên trời sẽ dựng nên một vương quốc sẽ không bao giờ bị hủy diệt, và vương quốc ấy sẽ không được trao cho dân tộc nào khác; nó sẽ nghiền nát và hủy diệt mọi vương quốc, còn chính nó sẽ tồn tại mãi mãi"* (Đa-ni-ên 2:44). Chẳng phải vương quốc này, được đặt tên theo danh Chúa Kitô, chính là vương quốc Kitô giáo sao? Người La Mã thờ lạy các thần tượng, còn những người này – những Kitô hữu, một phần thuộc dân tộc này, một phần thuộc các bộ tộc và dân tộc khác – đang cai trị nhân danh Chúa Kitô, như tiên tri Isaia đã mô tả khi nói: *"Các ngươi sẽ để lại danh hiệu của mình cho những người được Ta chọn làm lời nguyền rủa; còn các ngươi, Đức Giê-hô-va sẽ giết các ngươi, và Ngài sẽ đặt cho các tôi tớ của Ngài một danh hiệu khác; ai dùng danh hiệu đó để chúc phước cho mình trên đất, thì sẽ thề bằng Đức Chúa Trời chân thật"* (Ê-sai 65:15–16). Chẳng phải tất cả các lời tiên tri nói về Đấng Christ đều đã ứng nghiệm sao? Ê-sai đã tiên tri về sự ra đời của Ngài từ một trinh nữ, như sau: *"Này, một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh ra một con trai, và người ta sẽ đặt tên cho Ngài là Ê-ma-nu-ên"* (Ê-sai 7:14). Và vị tiên tri thánh Mi-chê cũng nói về sự ra đời tại Bê-lem như sau: *"Còn ngươi, hỡi Bê-lem, nhà Ê-phra-ta, ngươi có phải là nhỏ bé giữa hàng ngàn người Giu-đa chăng? Từ ngươi sẽ sinh ra cho Ta Đấng phải làm Vua cai trị Y-sơ-ra-ên, và nguồn gốc của Ngài từ thuở ban đầu, từ những ngày đời đời. Vì vậy, Ngài sẽ để họ lại cho đến khi người phải sinh con đã sinh ra"* (Mi-chê 5:2–3).

– Chúng tôi, – những người Do Thái nói, – là dòng dõi được chúc phúc của Si-ma, người đã nhận được lời chúc phúc từ cha mình là Nô-ê. Còn các ngươi thì không nhận được lời chúc phúc nào cả.

– Lời chúc phúc của Nô-ê dành cho Si-ma không liên quan gì đến các ngươi cả, – Konstantin nói, – mà chỉ là sự tôn vinh Đức Chúa Trời mà thôi, vì Nô-ê đã nói: *"Nguyện Đức Chúa Trời, Đức Chúa của Si-ma, được chúc tụng"* (Sáng Thế Ký 9:26). Ở đây, Đức Chúa Trời được chúc tụng qua lời Nô-ê vì Si-ma là người có đức hạnh, và không có gì hơn thế. Còn đối với Gia-phết, tổ tiên của chúng ta, Nô-ê đã nói: *"Xin Đức Chúa Trời làm cho Gia-phết được lan rộng; và xin Ngài ngự trong các làng mạc của Si-mô"* (Sáng Thế Ký 9:27). Chính các ngươi cũng có thể thấy, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, Kitô giáo đang lan rộng ra sao, và các ngươi đang ngày càng mất đi tầm quan trọng như thế nào. Ngay cả ở những nơi mà trước đây các ngươi từng sinh sống, giờ đây danh của Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, đang được các Kitô hữu chúc tụng và tôn vinh."

– Các ngươi đây, – những người Do Thái nói, – đặt niềm tin vào con người, lại nghĩ rằng mình sẽ được chúc phúc, trong khi các sách thánh lại nguyền rủa những kẻ như vậy.

Trước điều đó, nhà triết học đã đặt ra cho người Do Thái câu hỏi sau:

– Đa-vít bị nguyền rủa hay được chúc phúc?

– Rất được chúc phúc, – những người Do Thái trả lời.

– Vậy thì, – Constantine nói, – chúng ta cũng được chúc phúc, vì chúng ta đặt niềm tin vào Đấng mà ông ấy cũng đã đặt niềm tin khi nói trong Thi thiên: *"Người của thế gian Ta, Đấng mà Ta đã tin cậy"* (Thi thiên 40:10). Người ấy chính là – Đức Kitô, Thiên Chúa. Ai đặt niềm tin vào một con người bình thường, thì chúng ta cũng coi người đó là kẻ bị nguyền rủa.

Sau đó, những người Do Thái đặt ra một câu hỏi khác:

– Tại sao các ngươi, những người Kitô hữu, lại từ chối việc cắt bì, trong khi Đức Kitô không từ chối, mà đã tuân giữ theo luật pháp?

Nhà triết học trả lời:

– Đấng đầu tiên đã phán với Áp-ra-ham: "Điều này sẽ là dấu hiệu giữa Ta và ngươi", chính Đấng ấy, khi đến, đã thực hiện điều đó (phép cắt bì), đó là lý do tại sao nó được tuân giữ từ thời Áp-ra-ham cho đến Đấng ấy (Đức Kitô)[3568] . Thay cho phép cắt bì, Đức Kitô đã thiết lập phép rửa tội.

Lúc đó, những người Do Thái nói:

– Vậy tại sao một số người lại được lòng Đức Chúa Trời mà không nhận dấu hiệu đó (phép rửa), mà lại nhận dấu hiệu của Áp-ra-ham (phép cắt bì)?

– Trong số họ, – nhà triết học đáp, – không ai có hai vợ, ngoại trừ Áp-ra-ham. Chính vì thế, Đức Chúa Trời đã ban cho ông nghi thức cắt bì, để đặt ra giới hạn không được vi phạm thêm nữa, mà phải sống theo gương đời sống ban đầu của A-đam (chỉ có một vợ). Và Đức Chúa Trời cũng ban chỉ dẫn tương tự cho Gia-cốp khi làm tổn thương chân ông, vì ông có hai vợ. Khi Gia-cốp nhận ra lỗi lầm của mình và hiểu lý do tại sao điều đó xảy ra với ông, ông đã được đặt tên là "Y-sơ-ra-ên", tức là người nhìn thấy Đức Chúa Trời bằng trí tuệ. Còn Áp-ra-ham thì không hiểu điều đó.

– Các ông, – những người Do Thái đặt ra một câu hỏi mới, – khi cúi lạy các thần tượng, các ông nghĩ rằng mình đang làm đẹp lòng Đức Chúa Trời sao?

– Trước hết, – nhà triết học đáp, – các ngươi hãy học cách phân biệt các thuật ngữ: thế nào là "hình ảnh thánh" và thế nào là "tượng thần", rồi các ngươi sẽ thấy rằng mình đang trách móc các Kitô hữu một cách sai lầm. Trong các sách của các ngươi có rất nhiều chỉ dẫn về các hình ảnh. Tôi sẽ hỏi các vị về một số điều: Mô-sê đã dựng Đền Tạm theo hình ảnh mà ông đã thấy trên núi, hay theo hình ảnh do trí tưởng tượng của ông tạo ra? Ông đã dựng Đền Tạm bằng gỗ, da, lông cừu và những hình tượng xứng đáng với các Thiên Thần Cherubim? Nhưng vì điều đầu tiên là đúng, vậy chúng ta có nên nói rằng các bạn đang tôn vinh và thờ lạy gỗ, da và len, chứ không phải Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho Môi-se hình ảnh (hình tượng) của Đền Tạm vào thời đó không? Tôi cũng sẽ nói điều tương tự về Đền Thờ của Sa-lô-môn, nơi có rất nhiều hình tượng của các Thiên Thần Cherubim, các Thiên Thần và những hình tượng khác. Cũng vậy, chúng tôi, những người Kitô hữu, khi tôn kính các nghi lễ của những người đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, thì chúng tôi đang tôn vinh Đức Chúa Trời.

– Tại sao các ngươi lại ăn thịt heo và thịt thỏ, – những người Do Thái nói, – trong khi điều đó trái với ý muốn của Đức Chúa Trời?

– Giao Ước Thứ Nhất (của Nô-ê), – nhà triết học nói, – đã quy định: *"Mọi sinh vật sống và di chuyển đều là thức ăn cho các ngươi; Ta ban cho các ngươi mọi thứ như cỏ xanh"* (Sáng Thế Ký 9:3), bởi vì đối với người trong sạch thì mọi thứ đều trong sạch, còn đối với kẻ xấu xa thì lương tâm họ mới là điều ô uế. Cũng vậy, Đức Chúa Trời phán về mọi sự Ngài đã tạo dựng: *"Mọi sự đều rất tốt"*[3569] (Sáng Thế Ký 1:31). Vì sự no nê của các ngươi và để răn dạy các ngươi, Đức Chúa Trời đã tước đi khỏi các ngươi những điều nhỏ nhặt nhất. Và sự no nê có hại cho các ngươi như thế nào, điều này đã được chép rằng: *"Dân Y-sơ-ra-ên đã no nê và bỏ Đức Chúa Trời"* (Phục Truyền 32:15), hoặc *"Dân chúng ngồi xuống ăn uống, rồi đứng dậy vui chơi"* (Xuất Ê-díp-tô Ký 32:6).

Những cuộc đối thoại như vậy, vị triết gia thánh thiện Constantine đã tiến hành với người Do Thái về đức tin Kitô giáo. Những cuộc đối thoại này diễn ra hàng ngày trước sự chứng kiến của chính vị khagan và kéo dài

---

[3568] Phép cắt bì được ban như một dấu hiệu, bắt đầu từ thời Áp-ra-ham và kết thúc khi Đức Kitô hoàn thành nó ("giữa Ta và ngươi"), vì vậy nó phải kết thúc cùng với Đức Kitô. Phép cắt bì đã bị bãi bỏ hoàn toàn tại Công đồng Tông đồ, vì đó là gánh nặng không cần thiết đối với các Kitô hữu (Công vụ 15:1–41).

[3569] Tại Công đồng các Tông đồ, các Kitô hữu được truyền dạy phải kiêng ăn thịt dâng cho thần tượng, máu và thịt thú bị bóp chết (Công vụ 15:29).

trong một thời gian khá lâu. Sau này, chúng được thánh Methodius ghi chép lại và chia thành tám phần, trong đó chỉ có rất ít được trích dẫn ở đây.

Thánh Constantine không chỉ trò chuyện với người Do Thái, mà còn với người Saracen, những người mà ngài cũng đã vạch trần nhờ sự giúp đỡ của Chúa chúng ta, Đấng đã hứa ban cho các tôi tớ của Ngài *"lời nói và sự khôn ngoan, mà tất cả những kẻ chống đối sẽ không thể phản bác hay chống lại được"* (Lc 21:15).

Khi nghe những lời ngọt ngào và xứng đáng với đức tin nơi Đấng Kitô như vậy, hoàng đế và các cố vấn hàng đầu của ông đã nói với Constantine:

– Đức Chúa Trời đã sai ngươi đến với chúng ta để dạy dỗ chúng ta. Ngươi đã học được những điều trong sách từ Ngài, mọi lời ngươi nói đều đúng đắn, và ngươi đã cho chúng ta no nê bằng những lời ngọt ngào như mật ong từ các sách thánh. Dù chúng ta là những người bình thường và ít học ("những kẻ không biết chữ"), nhưng chúng ta tin rằng giáo lý này đến từ Đức Chúa Trời. Nếu ngươi muốn làm yên lòng tâm hồn chúng ta một cách triệt để, thì hãy nói với chúng ta không chỉ dựa trên sách vở, mà còn qua những ví dụ (truyện ngụ ngôn) về tất cả những điều chúng ta sẽ hỏi ngươi về đức tin.

Sau đó, mọi người tản ra để nghỉ ngơi. Ngày hôm sau, họ lại tụ họp và nói với Constantine:

– Hãy chứng minh cho chúng tôi, hỡi người đàn ông chính trực, bằng những lý luận và ví dụ, đức tin nào là tốt nhất?

– Có một vị Vua, – nhà triết học đáp, – đã rất sủng ái một cặp vợ chồng. Khi họ phạm tội, Ngài đã đuổi họ ra khỏi vùng đất nơi họ đang sống (thiên đàng). Họ đã sống ở đó nhiều năm và sinh con trong cảnh nghèo khó. Khi tụ họp lại, các con cái suy ngẫm xem làm thế nào để lấy lại danh dự cho cha mẹ mình. Người này nói điều này, người kia nói điều khác, mỗi người đều đưa ra lời khuyên mà theo họ, cần phải tuân theo. Vậy thì trong số những lời khuyên đó, lời khuyên nào mới là lời khuyên tốt nhất? Chẳng phải chính là lời khuyên tốt nhất sao? – Konstantin nói khi kết thúc so sánh của mình.

– Tại sao ngươi lại nói như vậy? – những người Kozar đáp lại. – Ai cũng cho rằng lời khuyên của mình tốt hơn lời khuyên của người khác. Ngươi hãy nói cho chúng ta biết để chúng ta hiểu, lời khuyên nào trong số đó là tốt nhất?

– Lửa – nhà triết học đáp – thanh lọc vàng và bạc, còn con người thì dùng trí tuệ để phân biệt sự dối trá với sự thật. Hãy nói cho tôi biết, nguyên nhân của sự sa ngã đầu tiên là gì: chẳng phải là do nhìn thấy trái cây ngọt ngào và khao khát trở thành thần thánh sao?

– Đúng vậy, – những người Kozar đáp.

Nhà triết học tiếp tục:

– Nếu mật ong hay nước lạnh có hại cho một bệnh nhân, thì bác sĩ nào sẽ đưa ra lời khuyên tốt nhất; người nói với ai rằng mật ong có hại thì hãy ăn mật ong, còn ai bị nước lạnh làm hại thì hãy uống nước lạnh và đứng trần truồng trong giá rét, hay người sẽ kê đơn thuốc trái ngược với tác hại: thay vì mật ong thì cẩn thận uống thứ đắng, thay vì nước lạnh thì uống nước ấm và làm ấm cơ thể?

– Tất nhiên rồi, – mọi người cùng nói, – ai kê đơn thuốc đối lập thì người đó sẽ đưa ra lời khuyên tốt nhất. Cũng vậy, dục vọng ham mê tội lỗi cần được dập tắt bằng nỗi buồn của cuộc sống, còn kiêu ngạo thì bằng sự khiêm nhường – nói chung, phải dùng thứ đối lập để chữa trị thứ đối lập. Chúng ta thấy rằng, nếu bụi cây mọng quả vào mùa xuân mọc đầy gai nhọn, thì đến mùa thu nó sẽ cho ra những quả ngon và ngọt.

– Các ngài nói rất hay, – Konstantin đáp. – Và luật của Chúa Kitô cũng dạy rằng sống theo ý Chúa có nghĩa là phải trải qua một cuộc sống khắc khổ (đi trên con đường hẹp), điều đó sẽ sinh ra hoa trái gấp trăm lần trong cõi vĩnh hằng.

Sau đó, một trong những cố vấn chính của Kagan, người am hiểu sâu sắc về giáo lý tà ác của Muhammad, đã hỏi nhà triết học:

– Hãy nói cho tôi biết, thưa vị khách, tại sao ngài không tôn kính Muhammad? Chẳng phải ông ấy đã ca ngợi Chúa Kitô rất nhiều trong các cuốn sách của mình và nói về Ngài rằng: từ Trinh Nữ, em gái của Mô-sê, đã sinh ra một vị tiên tri vĩ đại, Đấng đã làm cho người chết sống lại và bằng quyền năng vĩ đại đã chữa lành mọi bệnh tật.

– Hãy để chính hoàng đế phán xét chúng ta, – nhà triết học nói. – Hãy nói cho tôi biết, nếu Muhammad là một vị tiên tri, thì liệu chúng ta có nên tin vào Đa-ni-ên, người đã nói rằng với Đấng Christ, mọi sự hiện thấy và lời

tiên tri sẽ chấm dứt hay không? Vậy thì làm sao sau đó ông ấy có thể là một vị tiên tri được? Do đó, nếu chúng ta gọi Muhammad là tiên tri, thì có nghĩa là chúng ta đang bác bỏ Đa-ni-ên.

Nghe vậy, nhiều người có mặt tại đó nói:

– Chúng tôi biết rằng Đa-ni-ên đã tiên tri nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Trời, còn về Ma-homet, chúng tôi biết rằng ông ta là kẻ dối trá và là kẻ hủy diệt sự cứu rỗi của nhiều người.

Lúc đó, cố vấn trưởng của khagan quay sang phía những người Do Thái và nói:

– Nhờ ơn Chúa, vị khách này đã đánh đổ hết thảy sự kiêu ngạo của người Saracen xuống đất, còn sự kiêu ngạo của các ngươi, thì đã bị quẳng đi như rác rưởi. Sau đó, ông quay sang tất cả những người có mặt và nói:

– Đức Chúa Trời đã ban cho vị vua Kitô giáo quyền cai trị trên mọi dân tộc và sự khôn ngoan trọn vẹn; đức tin của họ là tốt nhất, và ngoài đức tin đó ra, không thể đạt được sự sống đời đời.

Mọi người cùng đáp:

– A-men.

Sau đó, nhà triết học, với đôi mắt ngấn lệ, quay sang mọi người và nói:

– Hỡi các anh em, các bậc cha ông, các bạn bè và các con cái! Nhờ ơn Chúa, chúng ta đã giải thích và trả lời mọi điều một cách thỏa đáng. Nếu bây giờ vẫn còn ai trong các bạn chưa hiểu điều gì, hãy đến hỏi tôi về điều đó. Ai nghe theo giáo lý này, hãy chịu phép rửa tội nhân danh Chúa Ba Ngôi; còn ai không nghe theo, tôi sẽ không mang tội vì điều đó, chính họ sẽ thấy tội lỗi của mình vào Ngày Phán Xét, khi Đấng Phán Xét, Đấng Vĩnh Cửu, ngự xuống để phán xét muôn dân.

Nghe vậy, những người Kozar cùng với Kagan đáp lại:

– Chúng ta không phải là kẻ thù của nhau, và chúng ta quyết định như sau: từ nay trở đi, ai muốn và ai có thể, hãy suy nghĩ kỹ rồi tiến hành lễ rửa tội. Còn ai quỳ lạy về phía tây (những kẻ ngoại đạo), hoặc thực hiện các lời cầu nguyện của người Do Thái (người Do Thái), hoặc theo đạo Hồi (người Hồi giáo), thì sẽ phải chịu cái chết nhanh chóng.

Sau khi đưa ra quyết định này, mọi người đều vui mừng ra về. Hai trăm người Kozar đã từ bỏ những điều ghê tởm của sự thờ thần tượng và lối sống vô luân, rồi chấp nhận đức tin Kitô giáo.

Sau khi truyền bá đức tin Kitô giáo trong vương quốc Khazar, các vị thánh giáo sư Constantine và Methodius đã quyết định trở về quê hương. Họ để lại các linh mục, những người đã cùng họ đến từ Cherson, ở lại với người Khazar. Kagan đã giao phó cho hai vị thánh anh em chuyển bức thư sau đây đến hoàng đế Hy Lạp: "Thưa Đức Vua! Ngài đã sai đến với chúng tôi một người như vậy, người đã rao giảng đức tin Kitô giáo và giảng dạy về Chúa Ba Ngôi. Nhờ ông ấy, chúng tôi đã biết rằng đức tin này là đức tin chân chính và đã ra lệnh cho tất cả những ai mong muốn được tự do lãnh nhận phép rửa thánh, với hy vọng chính chúng tôi cũng sẽ được lãnh nhận phép rửa đó. Tất cả chúng tôi đều là bạn bè và đồng minh của Vương quốc Ngài, và sẵn sàng phục vụ Ngài nếu Ngài muốn."

Khi tiễn đưa các vị thánh anh em, hoàng đế đã đề nghị tặng họ nhiều quà tặng, nhưng họ từ chối, nói: "Xin hãy thả tất cả các tù nhân Hy Lạp đang có mặt ở đây cùng với chúng tôi – đó sẽ là món quà quý giá nhất đối với chúng tôi."

Số tù binh lên tới hơn 200 người và tất cả đều hân hoan lên đường. Những người lữ hành phải đi qua những vùng hoang mạc khô cằn và thiếu nước. Tại đây, tất cả đều kiệt sức vì khát. Thỉnh thoảng họ gặp những hồ nước, nhưng không thể uống được vì nước chứa nhiều muối, khiến nó đắng như mật. Mọi người tản ra để tìm nước ngọt, ngoại trừ Constantine, người đã kiệt sức đến mức không thể đi tiếp được nữa. Anh ta quay sang anh trai mình là Methodius và nói:

– Tôi không thể chịu đựng cơn khát này thêm nữa. Hãy múc nước này đi, vì tôi tin rằng Đấng đã từng biến nước đắng thành nước ngọt cho dân Israel, chính Ngài cũng sẽ làm dịu đi nỗi đắng cay của dòng nước này cho chúng ta, những người đang kiệt sức vì khát.

Khi múc nước lên và nếm thử, nước đó ngọt như mật ong và mát lạnh như mùa đông. Mọi người đều đã giải khát bằng nước này và ngợi khen Thiên Chúa.

Khi đến Kherson, các thánh huynh đệ đã đến thăm vị giám mục. Trong bữa tối, Constantine nói với vị giám mục: "Xin ngài cầu nguyện cho con, thưa Đức Cha, và ban phước lành cho con, như người cha ban phước lành cuối cùng cho con cái mình."

Những người nghe thấy đều nghĩ rằng Constantine định lên đường vào sáng hôm sau và đã hỏi ông về điều đó. Nhưng ông đã bí mật nói với một số người rằng vị giám mục sẽ rời bỏ cõi đời vào sáng hôm sau và về với Chúa. Và điều đó đã xảy ra. Sáng hôm sau, vị giám mục qua đời.

Trên đường đến Tsargrad, đoàn phải đi qua vùng đất nơi dân tộc Ful[3570] s sinh sống. Dân tộc này dâng lễ vật dưới gốc cây sồi lớn mọc liền với cây anh đào, được gọi là Alexander. Phụ nữ bị cấm đến gần cây sồi này, cũng như tham gia vào các nghi lễ dâng lễ vật. Thánh Constantine đã đến gặp dân tộc này, đứng giữa họ và nói:

– Người Hy Lạp đã không thoát khỏi sự đau khổ vĩnh cửu khi thờ phụng trời và đất – những tạo vật vĩ đại và tốt lành như vậy; huống chi các ngươi, khi cúi lạy cây sồi – một tạo vật tồi tệ hơn gấp bội – thì càng không thể thoát khỏi ngọn lửa vĩnh cửu.

– Chúng tôi – những người ngoại đạo đáp lại – không phải mới bắt đầu làm như vậy từ bây giờ, mà đã tiếp nhận phong tục này từ cha ông. Khi dâng lễ vật trước cây sồi, chúng tôi nhận được những gì mình cầu xin: mưa và nhiều điều khác nữa. Và làm sao chúng tôi có thể từ bỏ sự thờ phụng này, khi không ai trong chúng tôi có thể làm được điều đó? Còn nếu có ai dám làm vậy, người đó sẽ chết mà không bao giờ được thấy mưa nữa.

Nhà triết học bắt đầu khuyên nhủ họ bằng những lời như sau:

– Đức Chúa Trời đã nói về các ngươi trong các sách thánh, vậy sao các ngươi lại có thể chối bỏ Ngài? Tiên tri Ê-sai đã kêu lên nhân danh Đức Chúa Trời, rằng: *"Ta sẽ đến để tập hợp mọi dân tộc, và họ sẽ thấy vinh quang của Ta. Ta sẽ đặt một dấu hiệu trên họ, và sai những người được cứu trong số họ đến các dân tộc: đến Pharsis, Pula và Luda, đến Tubal và Yavan, đến các hòn đảo xa xôi, những nơi chưa từng nghe về Ta và chưa từng thấy vinh quang của Ta; và họ sẽ rao truyền vinh quang của Ta cho các dân tộc..."* Chúa phán: *"Ta sẽ sai đi nhiều ngư dân, và họ sẽ bắt chúng trên mọi ngọn núi, trên mọi ngọn đồi, và trong các khe núi"* (Ê-sai 66:18–19; Giê-rê-mi 16:16).

– Hãy lắng nghe đây, hỡi anh em, – Constantine tiếp lời, – Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng các ngươi. Đây là Tin Mừng của Tân Ước, theo đó các ngươi phải nhận phép rửa thánh.

Bằng những lời như vậy, Thánh Constantine đã thuyết phục những người ngoại đạo chặt hạ và đốt cây sồi này. Một trưởng lão của dân tộc ấy tiến đến Constantine và hôn lên Phúc Âm Thánh. Những người ngoại đạo khác cũng làm theo gương ấy. Sau đó, nhà triết học phát những ngọn nến trắng, và tất cả mọi người, tay cầm nến đang cháy và vừa hát vừa tiến về phía cây sồi. Constantine cầm rìu và chém vào cây sồi 33 lần, sau đó những người khác chặt cây sồi sát gốc và đốt nó đi. Cùng đêm đó, Chúa đã ban xuống một cơn mưa lớn. Mọi người đều vui mừng ca ngợi Đức Chúa Trời, Đấng hân hoan vì sự cứu rỗi của những kẻ có tội. Tại Constantinople, Constantine và Methodius được đón tiếp với vinh dự lớn lao, như các tông đồ. Họ được đề nghị chức giám mục, nhưng họ không muốn nhận. Methodius trở thành vị tu viện trưởng của Tu viện Polychronius, còn Constantine định cư tại nhà thờ Các Thánh Tông Đồ. Chẳng bao lâu sau, cả hai đều được kêu gọi thực hiện những sứ mệnh mới.

Boris hay Bogoris, vua Bulgaria, sau cuộc chiến với người Hy Lạp, đã mong muốn theo đạo Kitô. Em gái của Boris, người vài năm trước đó từng bị bắt làm tù binh tại Constantinople, đã trở về Bulgaria với tư cách là một tín đồ Kitô giáo và cố gắng thuyết phục anh trai mình theo cùng một đức tin. Ông đã từ chối trong một thời gian dài; nhưng nạn đói và dịch bệnh chết chóc đã tàn phá vương quốc của ông. Lúc đó, theo lời khuyên của em gái, ông đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời Kitô giáo và những tai họa đã chấm dứt. Boris đã cử người đến Tsargrad để xin các vị thầy. Mefodiy đã thực hiện chuyến hành trình đến Bulgaria. Ông vẽ hình ảnh Ngày Phán Xét Cuối Cùng lên tường phòng ngai vàng và giải thích cho nhà vua về sự hạnh phúc của những người công chính và sự đau khổ của những kẻ tội lỗi. Nhà vua, vốn đã được chuẩn bị sẵn sàng nhờ những lời nói và gương sáng của chị gái cùng với việc những tai họa chấm dứt một cách kỳ diệu, đã chấp nhận đức tin Kitô giáo. Điều này xảy ra vào năm 860 hoặc 861.[3571]

Chưa kịp hoàn thành công việc rửa tội cho dân tộc Bulgaria, Konstantin và Methodius đã có một lĩnh vực mới mở ra cho hoạt động tông đồ của họ. Công tước Moravia Rostislav, theo sự hướng dẫn của Thiên Chúa, đã triệu tập hội đồng với các công tước của mình[3572] và toàn thể dân tộc Moravia để bàn về việc cử sứ giả đến gặp vua

---

[3570] Một bộ tộc ngoại giáo sinh sống gần Biển Azov.

[3571] Toàn bộ Bulgaria được rửa tội vào năm 869.

[3572] Tham gia vào hội đồng này có cả cháu trai của Rostislav là Sviatopolk, Công tước Moravia (thành Nitra), và Kocel, Công tước Blatno (ở Pannonia).

Hy Lạp Michael, xin ngài gửi các nhà giảng dạy Kitô giáo. Tại hội đồng, người ta đã quyết định cử các sứ giả với những lời như sau: "Dân tộc chúng tôi[3573] đã từ bỏ tà giáo và tuân giữ luật pháp Kitô giáo. Chỉ là chúng tôi chưa có vị thầy nào có thể giải thích đức tin vào Chúa Kitô cho chúng tôi bằng ngôn ngữ của chúng tôi. Các quốc gia khác (Slav), khi thấy điều này, sẽ mong muốn noi gương chúng tôi. Vì vậy, thưa Đức vua, xin hãy cử đến cho chúng tôi một vị giám mục và thầy giáo như vậy: từ ngài, luật pháp tốt lành lan tỏa đến mọi quốc gia"[3574] .

Hoàng đế Michael đã triệu tập một hội đồng, trong đó nhà triết học Constantine được mời tham dự. Hoàng đế đã thông báo cho ông về nguyện vọng của người Slav và nói:

– Nhà triết học ơi, ta biết ngươi đang ốm yếu; nhưng ngươi cần phải đến đó, vì không ai có thể hoàn thành việc này tốt hơn ngươi.

– Dù thân thể tôi ốm yếu và bệnh tật, – nhà triết học đáp, – nhưng tôi sẽ vui lòng đến đó, miễn là họ có chữ viết trong ngôn ngữ của mình.

– Ông nội tôi, cha tôi, và nhiều người khác, – nhà vua đáp, – đã tìm kiếm nhưng không tìm thấy chúng; vậy làm sao tôi có thể tìm ra được?

– Làm sao tôi có thể giảng đạo cho họ được? – nhà triết học nói. – Điều đó chẳng khác gì ghi chép một cuộc trò chuyện trên mặt nước. Hơn nữa, nếu người Slav hiểu lầm tôi, tôi có thể bị coi là kẻ dị giáo.

Nghe vậy, nhà vua cùng với chú mình là Varda đã nói với nhà triết học như sau:

– Nếu ngươi muốn, Đức Chúa Trời sẽ ban cho ngươi điều ngươi xin, vì Ngài ban cho tất cả những ai cầu xin Ngài với lòng tin và mở lòng cho những ai hiểu biết.

Constantine rời khỏi hoàng đế và kể lại tất cả những điều này cho anh trai mình là Methodius và một số môn đệ của ông[3575] . Theo thói quen của mình, Constantine trước hết bắt đầu bằng lời cầu nguyện, sau đó tự áp đặt cho mình một thời gian ăn chay kéo dài bốn mươi ngày. Không lâu sau, Đức Chúa Trời, Đấng lắng nghe lời cầu nguyện của các tôi tớ Ngài, đã thực hiện điều mà Constantine đã xin. Ông đã sáng tạo ra bảng chữ cái Slav, gồm 38 chữ cái, và sau đó bắt tay vào việc dịch các sách thánh Hy Lạp sang tiếng Slav. Trong công việc này, ông được Thánh Methodius và các môn đệ giúp đỡ. Việc dịch các sách thánh bắt đầu từ chương đầu tiên của Phúc Âm theo Thánh Gioan. *"Ban đầu là Lời, và Lời ở cùng Thiên Chúa, và Lời là Thiên Chúa"* – đó là những từ đầu tiên được dịch sang tiếng Slav.

Hai vị thánh anh em đã trình bản dịch của mình lên nhà vua, tổng giám mục và toàn thể hội đồng giáo sĩ để xem xét. Nhà vua rất vui mừng và cùng với toàn thể hội đồng giáo sĩ đã ngợi khen Đức Chúa Trời vì những ân sủng đã ban cho.

Sau đó, Constantine cùng với anh trai là Methodius và các môn đệ đã lên đường đến các vùng đất của người Slav. Nhà vua đã cung cấp cho họ đủ các vật dụng cần thiết cho chuyến đi, đồng thời gửi cho Rostislav bức thư sau đây: "Đức Chúa Trời, Đấng mong muốn mọi người đều có trí tuệ chân chính và vươn tới phẩm giá cao nhất, khi thấy đức tin và sự nỗ lực của ngươi, đã quyết định thực hiện mong muốn của ngươi ngay trong thời đại của chúng ta. Ngài đã khai mở các chữ cái của ngôn ngữ các ngươi, vốn cho đến nay vẫn chưa được biết đến ('chưa từng được biết, chỉ mới trong những năm đầu'), để đưa các ngươi vào hàng ngũ các dân tộc vĩ đại, những người ca ngợi Đức Chúa Trời bằng ngôn ngữ của mình. Và nay, chúng ta gửi đến ngươi người mà Đức Chúa Trời đã khai mở các chữ cái ấy cho, một người chính trực, trung thành, học rộng và là nhà triết học. Hãy nhận lấy món quà này, thứ quý giá hơn cả vàng, bạc, đá quý và của cải phù du, và hãy giúp ông ấy sớm hoàn thành sứ mệnh. Hãy hết lòng tìm kiếm Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi chung, và vì điều đó, đừng ngần ngại khuyến khích tất cả (các thần dân của ngài) lo lắng cho sự cứu rỗi của chính mình và bước đi trên con đường chân chính. Khi đó, ngài, sau khi đã nỗ lực dẫn dắt dân tộc mình đến với sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, sẽ nhận được phần thưởng cho điều này, cả trong đời này lẫn đời sau, cho tất cả những linh hồn mong muốn tin vào Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, cho đến khi lìa đời. Bằng cách này, ngài, giống như Đại công tước Constantine, sẽ để lại một ký ức chân chính cho các thế hệ sau."

[3573] Trước đây, tại Moravia đã có các nhà truyền giáo từ Constantinople và phương Tây đến làm lễ rửa tội, nhưng số người theo Kitô giáo vẫn còn rất ít. Sau đó, các linh mục người Đức đến và bắt đầu rửa tội cho tất cả mọi người liên tiếp. Các linh mục này cử hành thánh lễ bằng tiếng Latinh, nhưng lại nói chuyện với dân chúng bằng tiếng Đức. Do đó, người Slav, vốn không hiểu các ngôn ngữ này, không biết mình đang được rửa tội vì điều gì và cũng không hiểu giáo lý Kitô giáo.

[3574] Sứ mệnh này diễn ra vào năm 862.

[3575] Khi còn ở Olympus, Constantine đã có những học trò, cùng với họ, ông đã nghiên cứu tiếng Slav. Trong số những học trò này, những người được biết đến là: Gorazd, Kliment, Savva, Naum và Angelar.

Khi Constantine và Methodius đến Moravia, họ đã được đón tiếp tại đó với vinh dự lớn lao. Trước hết, Rostislav tập hợp nhiều thiếu niên và ra lệnh cho họ học chữ cái Slavic và các cuốn sách mới được dịch từ các vị thánh anh em. Sau đó, dưới sự hướng dẫn của hai vị thánh anh em, Rostislav bắt đầu xây dựng các nhà thờ. Chỉ sau một năm, nhà thờ đầu tiên tại thành phố Olomouc đã hoàn thành, sau đó còn có thêm một số nhà thờ khác mọc lên ở Moravia. Constantine đã làm lễ thánh hiến các nhà thờ này và cử hành thánh lễ theo nghi thức Slav.

Trong thời gian ở đây, Constantine cùng các môn đệ của mình đã dịch toàn bộ nghi thức phụng vụ và dạy họ về Thánh Lễ Sáng, các Giờ Kinh, Thánh Lễ Trưa, Thánh Lễ Chiều, Thánh Lễ Tối và "Thánh Lễ Bí Tích". Và theo lời tiên tri, tai những người điếc đã mở ra để nghe Lời Chúa trong Kinh Thánh, và lưỡi những người câm đã trở nên hùng hồn. Đức Chúa Trời, Đấng vui mừng vì sự cứu rỗi của một tội nhân duy nhất, đã hân hoan nhìn thấy sự cải thiện của cả một dân tộc.

Khi giáo lý thiêng liêng bắt đầu lan rộng giữa các dân tộc Slav và các nghi lễ thờ phượng được cử hành bằng ngôn ngữ của họ, thì kẻ ghen tị đầu tiên và độc ác nhất, ma quỷ, không thể chịu đựng được điều này, đã nhập vào các công cụ của mình và bắt đầu xúi giục nhiều người, nói với họ: "Điều này không tôn vinh Đức Chúa Trời. Nếu Ngài muốn điều đó, thì chẳng lẽ Ngài không thể khiến cho ngay từ đầu, để tôn vinh Ngài, Lời Chúa được ghi chép bằng ngôn ngữ của chính dân tộc mà Lời ấy được rao giảng sao? Nhưng Đức Chúa Trời chỉ chọn ba ngôn ngữ: tiếng Do Thái, tiếng Hy Lạp và tiếng La Tinh, và chỉ bằng những ngôn ngữ đó mới xứng đáng dâng vinh quang lên Đức Chúa Trời."

Đó là những gì các giám mục, linh mục La Tinh và Đức, cùng các môn đệ của họ đã nói. Constantine đã tranh luận với họ, giống như ngày xưa Đa-vít đã tranh luận với những người ngoại bang, và bằng những lời trong các sách thánh, ông đã chiến thắng và gọi họ là những kẻ nói ba ngôn ngữ, giống như Phi-lát, người đã viết các dòng chữ trên Thập tự giá của Chúa bằng ba ngôn ngữ.

Không chỉ điều này, mà các linh mục người Đức và La Mã còn dạy dân chúng nhiều điều bất chính khác nữa. Họ nói: "Dưới lòng đất có những người nhiều đầu[3576] , tất cả các loài bò sát đều là tạo vật của quỷ dữ; ai giết được con rắn thì sẽ được tha chín tội; ai giết người thì hãy uống từ cốc gỗ, còn cốc thủy tinh thì đừng đụng đến."

Họ không cấm dân chúng dâng lễ vật theo phong tục ngoại đạo xưa, cũng như không cấm đa thê.

Các vị thánh huynh đã cố gắng nhổ tận gốc những giáo lý sai lầm này, như nhổ cỏ dại, bằng ngọn lửa lời nói.

"Hãy dâng lên Đức Chúa Trời," – họ lên án bằng lời của vị tiên tri, – *"sự ngợi khen và dâng lên Đấng Tối Cao những lời cầu nguyện của ngươi"* (Thi Thiên 49:14). *"Hãy giữ gìn tâm hồn mình, và chớ ai phản bội người vợ thời thanh xuân của mình: nếu ngươi ghét nàng, hãy để nàng ra đi*, *Đức* Giê-hô-va Đấng Toàn Năng *phán*, và *Ngài sẽ che đậy sự gian ác trong lòng ngươi*; *vì vậy*, *hãy giữ gìn tâm hồn* mình… và chớ bỏ vợ mình. Và này, nếu ngươi ghét nàng, hãy nhớ rằng *Đức Giê-hô-va đã làm chứng giữa ngươi và người vợ thời thanh xuân của ngươi..., nàng là bạn đời của ngươi và là vợ hợp pháp của ngươi"* (Ma-la-chi 2:15–16, 13–14). Trong Phúc Âm, Chúa phán: *"Các ngươi đã nghe lời các tổ phụ dạy rằng: 'Chớ ngoại tình.' Còn Ta thì nói với các ngươi: Ai nhìn người phụ nữ với lòng ham muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với nàng rồi "* (Mt 5:27–28). *"Ta nói với các ngươi: Ai ly dị vợ mình mà không phải vì tội ngoại tình, rồi cưới người khác, thì người ấy đã phạm tội ngoại tình; và ai cưới người phụ nữ đã ly dị, thì cũng phạm tội ngoại tình"* (Mt 19:9)

Các thánh anh em đã sống như vậy tại Moravia trong 40 tháng, đi từ nơi này sang nơi khác, khắp nơi giảng dạy dân chúng bằng tiếng Slav. Khi trao tặng cho người Slav món quà vô giá – Lời Chúa bằng tiếng mẹ đẻ – Constantine đã nói với họ trong lời tựa của Thánh Phúc Âm: "Hỡi tất cả người Slav, hãy lắng nghe Lời này, Lời củng cố lòng và trí." Khi thành lập các trường học cho các thiếu niên Slav, họ đã thu nhận được nhiều học trò, những người sẵn sàng trở thành những thầy giáo tốt và những linh mục xứng đáng trong dân tộc mình. Với mục đích này, để phong chức thánh cho các học trò của mình, hai vị thánh anh em đã quyết định lên đường đến Roma. Hơn nữa, Đức Giáo hoàng Nicholas[3577] lúc bấy giờ, sau khi biết về những thành công trong việc rao giảng của các thánh Constantine và Methodius, đã mong muốn được gặp họ tại Roma, như những Thiên thần của Chúa[3578] .

[3576] Với những người có đầu to.

[3577] Ngài trị vì từ năm 858 đến năm 867.

[3578] Có thể suy đoán rằng Đức Giáo hoàng đã triệu tập các vị thánh truyền giáo đến Rome do sự xúi giục của các linh mục người Đức và người La Mã.

Trên đường đến Roma, các thánh Constantine và Methodius đã ghé qua Pannonia[3579] . Tại đó, Công tước Kocel, con trai của Pribina, đã mời hai vị thánh đến thành phố Blatno để chính ông được học bảng chữ cái Slav từ họ, đồng thời để họ dạy lại cho 50 học trò mà vị công tước đã tuyển chọn từ dân chúng của mình. Khi chia tay, Kotsel đã dành cho các nhà truyền giáo thánh thiện những vinh dự lớn lao và đề nghị tặng họ những món quà quý giá. Tuy nhiên, cả Constantine lẫn Methodius đều không muốn nhận vàng, bạc hay bất kỳ vật phẩm nào khác, dù là từ Rostislav của Moravia hay từ Kotsel. Họ rao giảng Lời Phúc Âm mà không đòi hỏi phần thưởng nào, và chỉ xin hai vị công tước này trả tự do cho 900 tù nhân người Hy Lạp.

Ngoài Pannonia, các thánh Constantine và Methodius còn ghé qua Venice. Tại đây, các linh mục và tu sĩ La Mã và Đức đã xông vào Constantine như những con quạ xông vào con chim ưng, rao giảng tà thuyết ba ngôn ngữ:

– Hãy nói cho chúng tôi biết, hỡi người kia, – họ nói với Constantine, – tại sao ngươi lại dịch các sách thánh sang tiếng Slav và dạy họ bằng ngôn ngữ đó, trong khi trước đây chưa ai từng làm điều này: chẳng phải các tông đồ, cũng không phải Giáo hoàng Rôma, cũng không phải Grêgôriô Thần học gia[3580] , cũng không phải Giêrônimô, cũng không phải Augustinô?[3581] Chúng tôi chỉ biết ba ngôn ngữ thích hợp để tôn vinh Đức Chúa Trời: tiếng Do Thái, tiếng Hy Lạp và tiếng La Mã.

Nhà triết học đáp lại họ:

– Chẳng phải mưa từ Thiên Chúa rơi xuống như nhau trên tất cả mọi người sao, hay mặt trời không chiếu sáng cho tất cả mọi người sao, hay mọi loài thụ tạo không hít thở cùng một bầu không khí sao? Sao các ngươi lại không xấu hổ khi nghĩ rằng, ngoài ba ngôn ngữ đó ra, tất cả các dân tộc và ngôn ngữ khác đều phải mù và điếc? Hay là các ngươi nghĩ, hãy nói cho ta biết, rằng Đức Chúa Trời không toàn năng, và vì thế không thể làm điều đó, hay là Ngài ghen tị nên không muốn làm? Chúng ta biết có nhiều dân tộc có kinh sách riêng và ca ngợi vinh quang của Đức Chúa Trời, mỗi dân tộc bằng ngôn ngữ của mình. Trong số đó, có những dân tộc nổi tiếng sau đây: người Armenia, người Ba Tư, người Abkhazia, người Iveri (người Gruzia), người Sogdian, người Goth, người Obry, người Thổ Nhĩ Kỳ, người Khazar, người Aravlan, người Ai Cập, người Syria và nhiều dân tộc khác nữa.

Nếu quý vị không muốn đồng ý với điều này, thì các sách thánh sẽ là thẩm phán của quý vị. Vì Đa-vít đã kêu lên: *"Hãy hát cho Chúa một bài ca mới; hãy hát cho Chúa, hỡi cả đất!"* (Thi thiên 95:1), và ở một đoạn khác: *"Hỡi cả đất, hãy reo hò trước mặt Chúa, hãy hát và vui mừng, hãy ca ngợi"* (Thi Thiên 97:4), và còn nữa: *"Cả đất hãy thờ lạy Ngài và hát ngợi khen Ngài, hãy hát ngợi khen danh Ngài"* (Thi Thiên 65:4), và còn nữa: *"Hỡi muôn dân, hãy ngợi khen Chúa; hỡi muôn chi tộc, hãy ngợi khen... Mọi loài thở đều ngợi khen Chúa"* (Thi Thiên 116:1, 150:6). Trong Phúc Âm có chép: *"Còn những ai đã tiếp nhận Ngài, những người tin vào danh Ngài, thì Ngài đã ban cho quyền trở thành con cái Đức Chúa Trời..."* (Giăng 1:12). *"Con không chỉ cầu nguyện cho họ, mà còn cho những ai tin vào Con nhờ lời chứng của họ: xin cho tất cả được hiệp nhất, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha"* (Giăng 17:20–21). Trong Phúc Âm theo thánh Matthêu có chép: *"Mọi quyền năng trên trời và dưới đất đã được ban cho Ta; hãy đi, dạy dỗ muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, dạy họ tuân giữ mọi điều Ta đã truyền cho các con; và nầy, Ta sẽ ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế. A-men"* (Ma-thi-ơ 28:18–20). Sứ đồ Mác cũng nói: *"Hãy đi khắp thế gian và rao giảng Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo. Ai tin và chịu phép rửa thì sẽ được cứu rỗi, còn ai không tin thì sẽ bị kết án; những người tin sẽ được các dấu lạ này đi kèm: nhân danh Ta , họ sẽ đuổi quỷ, và sẽ nói bằng những ngôn ngữ mới"* (Mác 16:15–17). Chúng ta hãy dùng lời Kinh Thánh để nói với các ngươi (các linh mục người Đức và người La Mã): *"Khốn cho các ngươi, những người thông thái và người Pha-ri-si, những kẻ đạo đức giả, vì các ngươi đóng cửa Nước Trời trước mặt mọi người; vì chính các ngươi không vào, và cũng không cho những ai muốn vào được vào"* (Mt 23:13). *"Khốn cho các ngươi, những người thông luật, vì các ngươi đã cướp lấy chìa khóa sự hiểu biết: chính các ngươi không vào, và còn cản trở những người muốn vào nữa"* (Lc 11:52). Thánh Phaolô nói với các tín hữu Cô-rinh-tô: *"Tôi mong muốn tất cả anh em đều nói được các thứ tiếng; nhưng tốt hơn là anh em hãy nói tiên tri"* (1 Cr 14,5), hay còn nữa: *"và mọi lưỡi đều xưng nhận rằng Chúa Giêsu Kitô là Đấng vinh quang của Thiên Chúa Cha"* (Pl 2,11).

Bằng những lời này và nhiều lời tương tự khác, Thánh Constantine đã lên án các linh mục La Mã và Đức.

[3579] Lãnh thổ Hungary ngày nay.

[3580] Vị cha nổi tiếng nhất của Giáo hội Đông phương, sống vào thế kỷ IV – Xem tiểu sử của ngài vào ngày 25 tháng 1

[3581] Vị Thầy của Giáo hội phương Tây; sống vào cuối thế kỷ IV và đầu thế kỷ V.

Từ Venice, Constantine và Methodius đã lên đường thẳng đến Rôma. Khi họ còn ở Venice, Giáo hoàng Nicholas qua đời và Adrian II được bầu lên thay thế[3582] . Vị Giáo hoàng mới, khi biết Constantine và Methodius đang ở Venice, đã mời họ đến Rôma. Khi hai vị thánh anh em sắp đến Rome, chính Đức Giáo hoàng cùng các linh mục và người dân thành phố đã cầm nến thắp sáng ra đón các vị thánh truyền giáo, bởi vì họ đang mang theo di cốt của Thánh Clément, vị tử đạo, và của Đức Giáo hoàng, được phát hiện tại Chersonesos. Chúa đã làm rạng danh việc rước di hài thánh bằng nhiều phép lạ. Nhờ đó, một người bị liệt đã được chữa lành, và nhiều người bệnh khác cũng được giải thoát khỏi các chứng bệnh của mình.

Đức Giáo hoàng đã nhận các sách Slav, làm phép chúng và đặt vào nhà thờ Đức Trinh Nữ Maria, được gọi là "Fatni" (máng cỏ), và từ đó, các thánh lễ bắt đầu được cử hành theo các sách này. Sau đó, Đức Giáo hoàng ra lệnh cho hai vị giám mục truyền chức cho các môn đệ người Slav, những người đã đến cùng với Constantine và Methodius. Lễ phong chức cho các môn đệ vào ngày đầu tiên được cử hành tại nhà thờ Thánh Tông đồ Phêrô và Thánh lễ được cử hành bằng tiếng Slav; ngày thứ hai – tại nhà thờ Thánh Petronilla; và ngày thứ ba – tại nhà thờ Thánh Tông đồ Anrê. Sau đó, người ta cử hành Thánh Lễ Thức Trắng bằng tiếng Slav tại Nhà thờ Thánh Phaolô, vị Thầy vĩ đại của các dân tộc, và vào buổi sáng, Thánh Lễ được cử hành trước quan tài thánh. Trong các nghi lễ này, hai vị giám mục nói trên được hỗ trợ bởi Arsenius, một trong bảy vị giám mục, và thư ký thư viện Anastasius.

Constantine và Methodius cùng các môn đệ của mình không ngừng dâng vinh quang lên Thiên Chúa về mọi sự, còn người La Mã thì không ngừng đến gặp họ, đặc biệt là Constantine, và hỏi han họ về mọi điều. Một số người đến hai, ba lần và nhận lời dạy dỗ. Một lần nọ, có một người Do Thái đến gặp Constantine và nói rằng Đấng Christ, Đấng mà các tiên tri đã nói sẽ được sinh ra từ một Trinh Nữ, vẫn chưa đến. Constantine đã tính lại cho ông ta số thế hệ từ Adam đến Đấng Christ, chứng minh rằng Đấng Christ đã đến và đã bao nhiêu năm trôi qua kể từ đó.

Ngay sau đó, Constantine – người vốn đã yếu ớt, kiệt sức vì lao động và chuyến hành trình dài – bỗng lâm bệnh nặng, và trong thời gian ốm đau, Chúa đã mặc khải cho ông về cái chết của mình. Khi biết mình sắp chết, Constantine bắt đầu hát bài thánh ca sau đây:

– "Hỡi những ai đã nói với ta: 'Chúng ta sẽ vào các sân của Chúa', hãy vui mừng hỡi linh hồn ta, và lòng ta hãy hân hoan"[3583] .

Sau đó, ngài mặc bộ quần áo đẹp nhất của mình, vui vẻ suốt cả ngày hôm đó và nói:

– Từ nay trở đi, tôi không còn là tôi tớ của ai trên trần gian này nữa, mà chỉ thuộc về Đức Chúa Trời Toàn Năng mà thôi; tôi đã, đang và sẽ mãi mãi thuộc về Ngài, amen.

Ngày hôm sau, Constantine bày tỏ mong muốn nhận lễ tu sĩ, và được đặt tên là Cyril. Cơn bệnh của ngài kéo dài 50 ngày.

Một lần nọ, trong thời gian ốm, Cyril đã nói với Methodius như sau: "Này, anh em ơi," ông nói với anh ta, "chúng ta từng như một đôi bò thân thiết cùng cày một thửa ruộng, và giờ đây tôi đang gục ngã trên cày, kết thúc cuộc đời mình. Ta biết rằng anh đã rất yêu mến núi Olympus, nhưng vì ngọn núi ấy mà đừng nghĩ đến việc từ bỏ giáo lý của mình. Bằng việc làm này, anh sẽ dễ dàng đạt được sự cứu rỗi hơn."

Khi thời khắc an nghỉ và bước sang cõi đời khác đã gần kề, Thánh Cyril giơ hai tay lên hướng về Thiên Chúa và trong nước mắt, ngài cầu nguyện như sau: "Lạy Chúa, Thiên Chúa của con! Ngài, Đấng đã tạo dựng các thiên thần vô hình, trải rộng bầu trời, lập nên trái đất và đưa mọi sự sống trên đó từ hư vô đến hiện hữu; Đấng luôn lắng nghe và đáp ứng những ai tuân theo ý muốn của Ngài, kính sợ Ngài và tuân giữ các điều răn của Ngài: xin hãy nghe lời cầu nguyện của con và bảo vệ đàn chiên trung thành của Ngài, đàn chiên mà Ngài đã giao phó cho con, một tôi tớ tội lỗi và không xứng đáng của Ngài, để chăn dắt. Xin giải thoát đàn chiên này khỏi mọi sự vô thần và bất kính, cũng như khỏi mọi lời nói dài dòng của những kẻ dị giáo, những kẻ phỉ báng Ngài. Hãy tiêu diệt tà thuyết ba ngôn ngữ và làm cho Hội Thánh của Ngài phát triển đông đảo. Xin hiệp nhất mọi người trong sự đồng lòng và làm cho tất cả cùng có chung một tâm trí về đức tin chân chính của Ngài và sự xưng nhận đúng đắn. Xin hãy thổi vào lòng họ Lời dạy của Ngài, vì đó là ân huệ của Ngài. Nếu Ngài đã ban ân cho con, kẻ không xứng đáng này, để rao giảng Tin Mừng của Đấng Christ, Đấng của Ngài, và cố gắng làm những việc lành cùng mọi điều đẹp lòng Ngài, thì xin cho con dâng lại cho Ngài, như là của Ngài, tất cả những gì Ngài đã ban cho con. Xin Ngài bảo vệ họ bằng

[3582] Adrian II trị vì từ năm 867 đến năm 872.
[3583] Antiphon, giọng thứ nhất.

bàn tay phải hùng mạnh của Ngài, che chở họ dưới bóng che chở của Ngài, để mọi người đều ca ngợi và tôn vinh danh Cha, Con và Thánh Thần đến muôn đời, amen."

Sau đó, ngài hôn lên má tất cả mọi người và nói: "Chúc tụng Thiên Chúa của chúng con, Đấng đã không để chúng con trở thành mồi cho những kẻ thù vô hình của chúng con, nhưng đã phá tan lưới của chúng và giải thoát chúng con khỏi sự hư nát."

Với những lời ấy, Thánh Cyril đã an nghỉ trong Chúa vào ngày 14 tháng 2 năm 869.

Đức Giáo hoàng Adrian đã ra lệnh cho tất cả người Hy Lạp đang ở tại Roma, cũng như người Roma, phải tham dự lễ an táng và đứng bên quan tài của Cyril với những ngọn nến đang cháy, đồng thời ra lệnh tổ chức lễ tiễn đưa theo nghi thức dành cho chính lễ an táng của Đức Giáo hoàng. Thánh Mê-phô-đi-ô, khi biết rằng người ta định an táng thi hài thánh Kirill tại Rô-ma, đã đến gặp Đức Giáo hoàng và nói với ngài:

– Mẹ chúng ta đã thề với chúng ta rằng, nếu ai trong chúng ta qua đời trước, thì người còn lại phải đưa anh em mình về tu viện của mình (trên núi Olympus) và an táng anh em ấy tại đó.

Sau đó, Đức Giáo hoàng ra lệnh đặt thi hài của Thánh Cyril vào quan tài, đóng đinh sắt lại và chuẩn bị cho hành trình. Thi hài thánh đã được giữ trong tư thế đó suốt bảy ngày.

Các giám mục La Mã thì nói với Đức Giáo hoàng:

– Vì Chúa đã dẫn Cyril, người đã đi qua nhiều vùng đất, đến đây và đã cất linh hồn ngài tại đây, nên cũng chính tại đây ngài cần được an táng như một người công chính.

– Nếu vậy, – Đức Giáo hoàng nói, – tôi sẽ thay đổi tập tục của Rôma và chôn cất Cyril, vì sự thánh thiện và tình yêu của ngài, trong quan tài của tôi, tại Nhà thờ Thánh Tông đồ Phêrô.

Lúc đó, Thánh Mê-phô-đi-ô nói:

– Nếu các ngài không nghe lời tôi và không giao thi hài ngài cho tôi, vì chính các ngài cũng mong muốn giữ ngài lại bên mình, thì trong trường hợp đó, hãy an táng ngài tại Nhà thờ Thánh Clément, người mà ngài đã cùng đến đây.

Đức Giáo hoàng ra lệnh làm theo lời Thánh Mê-phô-đi-ô. Tất cả các giám mục, các tu sĩ và dân chúng lại tụ tập, và long trọng rước các thánh tích đến Nhà thờ Thánh Clê-men-tê. Trước khi hạ quan tài xuống, các giám mục nói:

– Chúng ta hãy mở quan tài ra và xem: liệu có thứ gì bị lấy đi khỏi di thể thánh không?

Nhưng dù cố gắng thế nào, theo ý định của Thiên Chúa, họ cũng không thể mở được hòm thánh tích, và thế là các thánh tích được hạ xuống phía bên phải bàn thờ trong nhà thờ Thánh Clément. Sau đó, nhiều phép lạ đã xảy ra tại đây. Thấy điều này, người La Mã bắt đầu tôn vinh Thánh Cyril ngày càng nhiều hơn, và sau khi vẽ bức tượng thánh của ngài, họ thắp nến trước bức tượng ngày đêm, dâng lời ngợi khen lên Thiên Chúa, Đấng tôn vinh những ai yêu mến Ngài.

Sau khi Thánh Cyril qua đời, các sứ giả từ Kotsela, Công tước Pannonia, đã đến gặp Đức Giáo hoàng, xin ngài cho phép Thánh Methodius trở về với họ. Đức Giáo hoàng đã trả lời các sứ giả như sau:

– Ta không chỉ gửi ngài đến riêng các ngươi, mà còn gửi đến tất cả các dân tộc Slav, như một vị thầy đến từ Thiên Chúa và từ Thánh Phêrô, vị Tông đồ đầu tiên và người giữ chìa khóa Nước Trời.

Khi cử Thánh Mêphôdiô đến với người Slav, Đức Giáo hoàng đã trao cho ngài bức thư sau đây gửi các vị công tước Slav: "Adrian, Giám mục và tôi tớ của Chúa, gửi đến Rostislav, Sviatopolk và Kotsel: *'Vinh quang trên trời thuộc về Đức Chúa Trời, bình an dưới đất, và ân sủng nơi loài người'* (Lc 2:14). Chúng tôi vui mừng khi biết rằng Chúa đã khơi dậy lòng các ngài để tìm kiếm Ngài và chỉ cho các ngài thấy rằng không chỉ bằng đức tin, mà còn bằng những việc lành mới nên phụng sự Ngài: *"Đức tin mà không có việc làm thì là đức tin chết"* (Gia-cơ 2:26). Vì vậy, những ai tự cho mình biết Chúa mà không muốn tuân giữ luật pháp của Ngài thì đang phạm tội. Không chỉ tại bàn thờ thánh này các anh em đã xin các vị thầy, mà còn xin cả vị vua đạo đức Michael: các anh em đã xin ngài cử vị triết gia thánh thiện Constantine cùng anh trai ngài đến với các anh em. Các vị thánh huynh đệ, khi biết rằng đất nước các ngươi thuộc quyền quản lý của Tòa Thánh Tông Đồ, đã không làm gì trái với giáo luật, mà đã đến với chúng tôi và mang theo di cốt của Thánh Clément. Phía chúng tôi, sau khi vui mừng, đã quyết định cử con trai chúng tôi là Mê-phô-đi-ô – một người có trí tuệ hoàn hảo và đức tin chính thống – đến đất nước các ngài, đồng thời phong chức linh mục cho ngài và các môn đệ. Ngài có thể dạy dỗ các ngài như các ngài đã thỉnh cầu, và dịch các sách thánh sang ngôn ngữ của các ngài , đồng thời dựa vào đó cử hành Thánh lễ (Liturgy), phép Rửa tội và toàn bộ nghi thức giáo hội – những điều mà vị triết gia thánh Constantine đã khởi xướng, nhờ ơn Chúa

và nhờ lời cầu nguyện của Thánh Clément. Ngoài ra, nếu có ai khác có khả năng dịch các sách thánh sang ngôn ngữ của các ngươi một cách chính xác và đúng giáo lý, để các ngươi có thể hiểu rõ hơn các điều răn của Thiên Chúa, thì việc này hãy được coi là thánh thiêng và được Thiên Chúa, cùng Giáo Hội Công Giáo của chúng ta và toàn thể Giáo Hội Công Giáo chúc lành. Chỉ cần các con giữ vững truyền thống này: trong Thánh lễ, trước tiên phải đọc Thư Tông Đồ và Phúc Âm theo nghi thức Rôma, sau đó mới đọc theo tiếng Slav, để lời Kinh Thánh được ứng nghiệm: *"Hỡi muôn dân, hãy ngợi khen Chúa"* (Tv 116:1) và còn nữa: *"họ bắt đầu nói bằng các thứ tiếng khác…"* vinh quang của Thiên Chúa, *"như Thánh Thần đã ban cho họ để rao giảng"* (Cv 2,4). Nếu ai dám chỉ trích các vị thầy đã được chỉ định và lôi kéo mọi người rời xa sự thật để theo những chuyện hoang đường, hoặc bằng cách làm hư hỏng các con, lại phỉ báng các sách bằng ngôn ngữ của các con, thì người đó phải bị khai trừ và đưa ra xét xử trước Giáo hội, và sẽ không được tha thứ cho đến khi người ấy ăn năn hối cải. Vì họ là những con sói, chứ không phải chiên, và phải nhận biết họ qua hoa trái của họ và đề phòng họ. Còn các con, những đứa con yêu dấu, hãy lắng nghe giáo huấn của Đức Chúa Trời và đừng từ chối những lời dạy dỗ của Hội Thánh; khi đó các con sẽ là những người thờ phượng chân chính Cha các con trên trời cùng với tất cả các thánh. A-men."

Kocel đã tiếp đón Thánh Methodius với vinh dự lớn lao, nhưng chẳng bao lâu sau lại gửi ngài trở lại với Đức Giáo hoàng, cùng với 20 quý tộc, xin Đức Giáo hoàng tấn phong Thánh Methodius làm giám mục tại Pannonia, lên ngai tòa của Thánh Andronicus, một trong Bảy Mươi Tông đồ. Đức Giáo hoàng đã làm như vậy.

Sau đó, kẻ thù cũ và kẻ chống lại lẽ thật đã xúi giục Công tước Moravia[3584] cùng các giám mục người Đức và La Mã trong vùng này chống lại Thánh Mê-phô-đi-ô. Thánh Mê-phô-đi-ô được triệu tập đến một cuộc họp, tại đó ngài được đặt ra câu hỏi như sau:

– Tại sao ngài lại giảng dạy ở vùng đất của chúng tôi?

– Nếu tôi biết – Thánh Mê-phô-đi-ô đáp lại – rằng đây là vùng đất của các ngài, thì tôi đã không giảng dạy ở đây, nhưng vùng đất này thuộc về Thánh Tông đồ Phê-rô. Nếu các ngài, vì mưu cầu tranh chấp và tham lam, mà hành động trái với quy tắc, cấm cản việc rao giảng giáo lý của Chúa, thì hãy cẩn thận, kẻo khi các ngài dùng xương sọ để đục xuyên ngọn núi sắt, chính đầu các ngài lại bị vỡ.

– Nói với sự giận dữ như vậy, – các giám mục đáp lại, – chính ngài đang tự rước họa vào thân.

– Tôi không ngần ngại nói lên sự thật ngay cả trước mặt các vị vua, – Thánh Mê-phô-đi-ô đáp. – Còn các ngài, hãy đối xử với tôi tùy ý. Tôi không hơn gì những người đã phải chịu nhiều đau khổ vì sự thật trong cuộc đời này.

Có rất nhiều lời phát biểu được đưa ra trong cuộc họp này, nhưng những kẻ chống đối thánh Mê-phô-đi-ô không thể nói được điều gì chống lại ngài. Lúc đó, hoàng tử nói với giọng mỉa mai:

– Đừng làm phiền Thánh Mê-phô-đi-ô của ta. Ngài đã toát mồ hôi như thể đang đứng gần lò lửa nóng vậy.

– Vâng, thưa ngài, – Mefodiy đáp. – Có lần người ta gặp một nhà triết học đang toát mồ hôi và hỏi ông: "Tại sao ngài lại toát mồ hôi?" "Tôi vừa tranh luận với lũ đầy tớ thô lỗ," – nhà triết học trả lời.

Các giám mục đã bàn luận rất nhiều về Mefodiy. Cuối cùng, họ đày ông đến Schwaben, nơi ông bị giam giữ trong ngục tối hai năm rưỡi[3585] .

Tin tức về việc Thánh Mêphôdiô bị giam cầm đã đến tai Đức Giáo hoàng. Khi biết được điều này, Đức Giáo hoàng Gioan VIII, người kế vị Đức Giáo hoàng Adriano II, đã ban lời nguyền rủa xuống các giám mục Đức và cấm họ cử hành Thánh lễ cho đến khi thả Mêphôdiô ra. Lúc đó, các giám mục đã thả Thánh Mê-phô-đi-ô, nhưng họ nói với Kocel, công tước Pannonia: "Nếu ngài nhận Thánh Mê-phô-đi-ô về với mình, đừng coi chúng tôi là những người thiện chí"[3586] .

Tuy nhiên, chính các giám mục này cũng không thoát khỏi Sự phán xét của Đức Chúa Trời và Thánh Phêrô. Bốn người trong số họ đã qua đời không lâu sau đó.

[3584] Vào thời điểm đó, Rostislav, người đã giúp đỡ hai anh em thánh, qua đời trong tù, và người kế vị ông là cháu trai của ông, Sviatopolk, người trong những năm đầu trị vì đã có mối quan hệ thân thiết với hoàng đế Đức.

[3585] Schwaben nằm ở Đức. – Trong ngục tối, người Đức đã hành hạ Thánh Methodius bằng mọi cách: họ không cho ngài ăn trong nhiều ngày; khi mùa đông đến, họ lôi ngài ra sân nhà tù, chân trần, đầu trần, đặt ngài trên tuyết và bắt ngài phải đứng yên tại chỗ suốt một ngày, thậm chí còn lâu hơn. Họ thậm chí còn đánh Thánh Mê-phô-đi-ô bằng roi. Nhưng Chúa đã bảo vệ và củng cố đức tin cho ngài. Các môn đệ của ngài, những người thường xuyên đến thăm ngài trong ngục, đã mang lại cho ngài sự an ủi lớn lao.

[3586] Rõ ràng là Kotsel cũng đã tham gia vào việc giải cứu Thánh Mêphôdiô.

Còn tại Moravia, vào thời điểm đó, đã xảy ra mâu thuẫn giữa người Slav và các linh mục người Đức. Người Moravia nhận ra rằng các linh mục người Đức đang sống giữa họ là kẻ thù của người Slav và đang tìm cách phản bội họ cho người Đức. Họ đã trục xuất họ, đồng thời gửi lời thỉnh cầu sau đây đến Đức Giáo hoàng: "Như xưa kia cha ông chúng tôi đã nhận phép rửa tội từ Thánh Phêrô, thì nay chúng tôi cũng cần Đức Tổng Giám mục và Thầy giáo Mê-phô-đi-ô."

Đức Giáo hoàng ngay lập tức cử Thánh Mê-phô-đi-ô đến Moravia, nơi ngài được Công tước Sviatopolk – người lúc này đã cắt đứt quan hệ với người Đức – cùng người Moravia tiếp đón, và họ giao phó cho ngài toàn bộ các nhà thờ và hàng giáo sĩ tại tất cả các thành phố Slav. Thay thế cho các linh mục người Đức bị trục xuất, Thánh Mê-phô-đi-ô đã bổ nhiệm các linh mục người Slav. Do Thánh Mê-phô-đi-ô và các linh mục cử hành thánh lễ và giảng dạy dân chúng bằng tiếng Slav, nên giáo lý của Chúa đã phát triển mạnh mẽ. Nhiều người ngoại đạo đã từ bỏ những lầm lạc của mình và tin vào Đức Chúa Trời chân thật[3587] . Vào thời điểm đó, vương quốc Moravia cũng hùng mạnh hơn bao giờ hết[3588] .

Thánh Methodius có ân sủng tiên tri. Nhiều lời tiên tri của ngài đã trở thành hiện thực; trong số đó, chúng ta sẽ nêu ra một vài ví dụ.

Một vị công tước ngoại đạo sống dọc sông Vistula đã lăng mạ các Kitô hữu và gây ra nhiều khổ nạn cho họ. Thánh Methodius đã sai người đến nói với ông ta: "Con ơi, thà con tự nguyện chịu phép rửa tội trên chính mảnh đất của mình còn hơn là phải chịu phép rửa tội một cách miễn cưỡng trên đất người khác với tư cách là tù nhân."

Và điều đó đã xảy ra.

Một lần nọ, Sviatopolk giao chiến với những người ngoại đạo và cuộc chiến kéo dài. Ngày kỷ niệm Thánh Tông đồ Phêrô đang đến gần, và Thánh Methodius đã sai người truyền lời cho Sviatopolk: "Nếu ngươi hứa vào ngày Thánh Phêrô sẽ cùng quân đội của mình đến gặp ta, ta tin rằng Chúa sẽ sớm giao những người ngoại đạo vào tay ngươi."

Và điều đó đã xảy ra.

Có một người giàu có đã kết hôn với con dâu của mình. Thánh Mê-phô-đi-ô đã dạy dỗ và khuyên răn ông ta rất nhiều, nhưng không thể thuyết phục họ ly hôn. Những người khác, vì ham mê của cải, lại nịnh bợ họ. Lúc đó, Mê-phô-đi-ô nói với người giàu có này: "Sẽ đến lúc những kẻ nịnh bợ không thể giúp đỡ các ngươi được nữa, và các ngươi sẽ nhớ lại lời ta, nhưng lúc đó đã quá muộn rồi."

Bất ngờ, theo ý định của Thiên Chúa, những người giàu có này bị một căn bệnh tấn công đến mức họ không thể tìm được nơi an nghỉ. Trong tình trạng đó, họ đã qua đời.

Kẻ thù cũ và kẻ ghen tị của loài người lại một lần nữa xúi giục những kẻ thù công khai lẫn bí mật chống lại Mê-phô-đi-ô, giống như ngày xưa Đa-pha-na và A-vi-rôn đã làm với Mô-sê (Sách Dân Số 16). Vào thời điểm đó, xuất hiện những kẻ dị giáo, dạy rằng Thánh Thần cũng phát xuất từ Con. Những kẻ dị giáo này đã lôi kéo những người tin Chúa ra khỏi con đường chân chính, còn về Thánh Mê-phô-đi-ô, người đã vạch trần giáo lý bất chính của họ, thì họ nói: "Đức Giáo hoàng đã ban quyền cho chúng tôi và ra lệnh trục xuất Mê-phô-đi-ô cùng giáo lý của ông ta."

Tất cả người Moravia đều tụ tập lại và ra lệnh đọc trước toàn dân bức thư mà theo đó, dường như Thánh Methodius bị trục xuất. Dân chúng vô cùng đau buồn khi mất đi một vị mục tử và thầy giáo như vậy, ngoại trừ những người bị sự nịnh hót chi phối, giống như gió thổi lá cây. Trong bức thư của Đức Giáo hoàng đó còn có đoạn viết: "Anh em của chúng ta, Mefodiy, là người chính thống và đang thực hiện sứ vụ tông đồ. Tất cả các nước Slav đều thuộc quyền cai quản của ngài từ Ngai Tông đồ; ai mà ngài nguyền rủa thì sẽ bị nguyền rủa, ai mà ngài thánh hóa thì sẽ được thánh hóa[3589] ".

[3587] Vậy nên Borivoj, công tước của người Séc, đã cử sứ giả đến gặp Sviatopolk để báo rằng công tước Séc mong muốn được rửa tội và xin các linh mục. Sviatopolk nói với các sứ giả Séc: "Hãy hỏi Giám mục Mê-phô-đi-ô; hãy để ngài chọn hai hoặc ba linh mục và cử họ đi cùng các ngươi đến gặp công tước của các ngươi." Thánh Mê-phô-đi-ô đích thân đến Séc và làm phép rửa tội cho Bô-ri-vô, vợ ông là Lyudmila và hai con trai của họ. Thánh Mê-phô-đi-ô ở lại Séc khoảng một năm và làm lễ thánh hiến hai nhà thờ đầu tiên của người Séc: một ở thành phố Litomyšl, và một ở Levý Hradec. Sau đó, Thánh Mê-phô-đi-ô để lại tại Séc một số linh mục người Slav và trở về Moravia. Thánh Mê-phô-đi-ô đã cử các linh mục đến Ba Lan, nơi họ đã rửa tội cho nhà vua và nhiều người Ba Lan.

[3588] Đó là thời kỳ sau trận chiến Velehrad, khi Sviatopolk đánh bại người Đức và thống nhất gần như toàn bộ các dân tộc Slav.

[3589] Đến thời điểm này, tình hình đã hoàn toàn thay đổi. Các linh mục Đức, trong đó có nhiều người bị nhiễm tà thuyết nói trên, lại bắt đầu xuất hiện ở Moravia và lôi kéo Sviatopolk về phía mình. Sviatopolk, dù đã được rửa tội, nhưng lại không sống theo lối sống Kitô giáo:

Sau đó, tất cả kẻ thù của Thánh Mê-phô-đi-ô đều phải rút lui trong sự hổ thẹn. Tuy nhiên, sự thù hận của những kẻ thù đối với Thánh Mê-phô-đi-ô không dừng lại ở đó. Với ý định làm phiền Thánh nhân, họ nói rằng vua Hy Lạp đang giận dữ với ngài, và nếu Thánh Mê-phô-đi-ô nằm dưới quyền cai trị của ông ta, thì ngài sẽ không còn sống sót. Nhưng Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, không muốn các tôi tớ của Ngài bị phỉ báng vì điều này, đã đặt vào lòng vị vua – vì lòng vị vua luôn nằm trong tay Đức Chúa Trời – để gửi thông điệp này đến Thánh Mê-phô-đi-ô: "Thưa Cha đáng kính, con rất mong được gặp Cha. Xin ngài làm việc thiện và hãy cố gắng đến với chúng tôi, để chúng tôi được gặp ngài khi ngài còn sống và nhận được lời chúc lành từ ngài[3590] ".

Thánh Mê-phô-đi-ô đã lên đường đến Constantinople và được nhà vua cùng tổng giám mục nơi đây tiếp đón với vinh dự và niềm vui lớn lao. Nhà vua đã ca ngợi giáo lý của ngài và, sau khi giữ lại hai môn đệ của Thánh Mê-phô-đi-ô – một linh mục và một phó tế – cùng với các sách tiếng Slav, đã cho Thánh Mê-phô-đi-ô trở về Moravia với những món quà quý giá.

Thánh Mê-phô-đi-ô đã phải trải qua biết bao gian nan: ở sa mạc – vì bọn cướp, trên biển – vì sóng dữ, trên sông – vì những xoáy nước bất ngờ, đến nỗi lời của các Tông đồ đã ứng nghiệm trên ngài: *"Khốn khổ trên sông, khốn khổ vì bọn cướp… khốn khổ trên biển, khốn khổ vì dân ngoại; trong lao động và kiệt sức, thường xuyên trong việc ăn chay, trong đói khát"* (2 Cô-rinh-tô 11:26–27). Sau đó, bỏ lại mọi lo toan và phó thác mọi nỗi buồn cho Thiên Chúa, Thánh Mê-phô-đi-ô cùng với hai môn đệ là linh mục của mình bắt đầu dịch những cuốn sách mà ngài chưa kịp dịch cùng với anh trai mình, Thánh Cô-n-stan-tin. Cùng với họ, ngài đã dịch xong toàn bộ Cựu Ước, ngoại trừ các sách Macabe, cũng như dịch Nomokanon (các quy tắc của các thánh tổ phụ) và các sách của các thánh tổ phụ (Paterikon). Thánh Mê-phô-đi-ô bắt đầu công việc dịch thuật vào tháng Ba và hoàn thành vào ngày 26 tháng Mười. Sau khi hoàn tất bản dịch, Thánh Mê-phô-đi-ô đã dâng lên Thiên Chúa và Thánh Đê-mi-tri-ô thành Thê-sa-lô-ni-ca những lời ca ngợi và vinh quang xứng đáng; ngày hoàn thành bản dịch trùng với ngày kỷ niệm của ngài, và với tư cách là người con của Thê-sa-lô-ni-ca, ngài đặc biệt kính trọng vị thánh này.

Khoảng thời gian đó, vị vua Hungary, đang ở các vùng đất ven sông Danube, đã bày tỏ mong muốn được gặp Thánh Mê-phô-đi-ô. Nhiều người đã khuyên can Thánh Mê-phô-đi-ô, vì lo ngại những cực hình có thể xảy ra, đừng đến gặp vị vua này, nhưng Thánh Mê-phô-đi-ô vẫn quyết định đi. Hoàng tử Hungary, đúng như phẩm giá của một vị vua, đã tiếp đón Thánh Mê-phô-đi-ô một cách trang trọng, trò chuyện với ngài và tiễn ngài ra về cùng những món quà quý giá. Khi chia tay, vị vua nói với vị thánh: "Xin hãy luôn nhớ đến con, thưa Cha đáng kính, trong những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài."

ông uống nhiều rượu, có nhiều vợ và khi nổi giận thì không thể kiềm chế bản thân. Methodius đã cố gắng bằng mọi cách để thuyết phục hoàng tử từ bỏ những thói hư tật xấu của mình, ông đã chỉ trích ông ta cả khi riêng tư lẫn trước mặt mọi người, nhưng mọi nỗ lực đều vô ích. Khi các linh mục người Đức bắt đầu lui tới gặp Sviatopolk, họ bắt đầu nói với ông về Thánh Methodius: "Tại sao ngài, thưa công tước, lại nghe theo lão già này? Ngài thấy đấy, ông ta không giống những người khác, cứ phân phát mọi thứ cho mọi người và sống như một người ăn xin. Ngài, thưa công tước, là chủ nhân trên mảnh đất của mình." Bằng nhiều lời nịnh hót tương tự như vậy, các linh mục người Đức đã khiến Sviatopolk hoàn toàn bất hòa với Thánh Mefodiy. Sau đó, họ bắt đầu tố cáo Mefodiy với Giáo hoàng Gioan, buộc tội ông phạm tà giáo, và chủ yếu là tìm cách xóa bỏ nghi lễ thờ phượng của người Slav. Giáo hoàng Gioan, lúc bấy giờ mong muốn nhận được sự trợ giúp từ vua Đức để chống lại người Saracen, đã đứng về phía các linh mục Đức và gửi đến Moravia một thông điệp cấm nghi lễ Slav, chỉ cho phép giảng đạo bằng tiếng Slav. Thánh Methodius, sau khi đọc thông điệp này, đã nói: "Vậy thì bây giờ sẽ ra sao? Mọi người sẽ đến nhà thờ và đứng đó mà không hiểu gì cả. Họ sẽ quên mất giáo lý của Chúa Kitô và các phong tục ngoại giáo sẽ trỗi dậy trở lại ở Moravia. Không, tôi sẽ không cử hành thánh lễ bằng tiếng Latinh, điều đó sẽ gây hại cho mọi người." Các linh mục người Đức đã tống đạt việc này lên Đức Giáo hoàng, và Đức Giáo hoàng đã triệu tập Thánh Methodius đến Roma. Thánh Methodius đến Roma và Đức Giáo hoàng đã mở một phiên tòa xét xử ngài. Vào thời điểm đó, Đức Giáo hoàng nhận được sự trợ giúp trong cuộc chiến chống lại người Saracen từ Vua Basil người Macedonia của Hy Lạp, và vì vậy ngài đã đứng về phía Thánh Methodius. Tại phiên tòa này, Thánh Mê-phô-đi-ô đã được tuyên bố vô tội, được phục chức Tổng Giám mục tại các vùng đất Slav và được phép cử hành thánh lễ bằng tiếng Slav. Tuy nhiên, để không làm phật lòng Thánh Pô-lô, Đức Giáo hoàng đã gửi cho ông một bức thư như sau: "Nếu ngài, thưa Công tước, không ưa thích Thánh lễ bằng tiếng Slav, ngài có thể nghe Thánh lễ bằng tiếng Latinh tại cung điện của mình, do các linh mục người Đức cử hành." Cùng với Thánh Methodius, với tư cách là trợ lý của ngài, một linh mục người Viking – tay sai của vua Đức và kẻ thù không đội trời chung của người Slav – đã lên đường đến Moravia. Chính vị linh mục Viking này đã trở thành kẻ thù chính của Thánh Mê-phô-đi-ô. Các linh mục người Đức bắt đầu nói với Sviatopolk rằng Mê-phô-đi-ô đã mang đến không phải là văn bản chính thức, mà là một văn bản khác, theo đó cần phải trục xuất Mê-phô-đi-ô và bổ nhiệm Viking làm tổng giám mục. Lúc đó, Thánh Mê-phô-đi-ô đã viết một lá thư như sau gửi cho Giáo hoàng Gioan: "Thưa Cha, Cha đã bổ nhiệm ai làm tổng giám mục: con hay người Viking?" Đáp lại lá thư này, Giáo hoàng đã gửi thông điệp được đề cập.

[3590] Vào thời điểm đó, Basil người Macedonia đang là hoàng đế.

Thánh Mê-phô-đi-ô đã chăm lo cho đoàn chiên của mình như vậy, tìm kiếm những tín hữu trung thành với Chúa Kitô ở khắp mọi quốc gia và bịt miệng những kẻ hay nói nhiều. Ngài cùng với vị Tông đồ có thể nói: *"Tôi đã chạy hết chặng đường, đã giữ vững đức tin, và bây giờ vương miện công chính đang chờ đợi tôi"* (2 Tm 4:7, 8).

Khi thời điểm đến gần để Thánh Mê-phô-đi-ô được nghỉ ngơi khỏi những đau khổ và nhận phần thưởng cho bao công lao, người ta bắt đầu hỏi ngài:

– Thưa Cha và Thầy kính mến, trong số các môn đệ của Cha, Cha sẽ chỉ định ai làm người kế vị Cha?

Chỉ vào một trong những môn đệ của mình là Gorazd, vị thánh nói:

– Đây là người con của xứ sở các con, một người có đức tin chân chính và am hiểu sâu sắc các sách Latinh. Nếu đó là ý muốn của Thiên Chúa và tình yêu của các con, tôi mong muốn người ấy sẽ là người kế vị tôi.

Trong Tuần Lễ Màu, Thánh Mê-phô-đi-ô đến nhà thờ nhưng không thể cử hành thánh lễ vì quá yếu, ngài chỉ cầu nguyện cho vua Hy Lạp, các công tước Slav, các giáo sĩ và toàn thể dân chúng, rồi nói:

– Các con hãy chăm sóc cha cho đến ngày thứ ba.

Và quả thực, vào lúc bình minh ngày thứ ba, Thánh Mê-phô-đi-ô đã an nghỉ trong Chúa trên tay các linh mục, cùng những lời: "Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài." Đó là ngày 6 tháng 4 năm 885.

Lễ an táng được cử hành bằng tiếng Latinh, tiếng Hy Lạp và tiếng Slav, và thi hài ngài được an táng tại nhà thờ chính tòa ở Velegrad. Một đám đông vô số người đã tụ tập để tiễn đưa. Ở đó có cả nam lẫn nữ, người lớn lẫn trẻ nhỏ, người giàu lẫn người nghèo, người tự do lẫn nô lệ, góa phụ lẫn trẻ mồ côi, người lữ hành lẫn người bản xứ, người ốm yếu lẫn người khỏe mạnh. Tất cả đều tiễn đưa trong nước mắt vị thầy và mục tử nhân từ này, người đã là tất cả đối với mọi người, "để mọi người đều được hưởng ân sủng".

Ngài là vị thủ lĩnh thánh thiện và chính trực! Từ trên cao, xin ngài hãy nhớ đến chúng con, những người đang kêu cầu ngài, và xin giải thoát các môn đệ của ngài – những người đang truyền bá giáo lý của Chúa Kitô và vạch trần các tà thuyết – khỏi mọi tai ương, để sau khi hoàn thành xứng đáng chức vụ của mình trong cuộc đời này, họ được đứng bên phải Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, cùng với ngài và đoàn chiên của ngài, và nhận được sự sống đời đời từ Ngài. Vì Ngài xứng đáng được vinh quang và tôn kính đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Là những vị Tông đồ đồng tâm và là những vị Thầy của các dân tộc Slav, Cyril và Methodius, những vị Khôn ngoan của Đức Chúa Trời, xin cầu thay cho Chúa Tể muôn loài, để củng cố tất cả các dân tộc Slav trong Đức Tin Chính Thống và sự đồng nhất, mang lại hòa bình cho thế gian và cứu rỗi linh hồn chúng con.

Kondak, giọng 3:

Chúng con tôn vinh đôi thánh nhân, những vị khai sáng của chúng con, những Đấng đã khai nguồn tri thức về Thiên Chúa cho chúng con qua việc biên soạn các Thánh Kinh, từ đó cho đến ngày nay chúng con vẫn không ngừng múc lấy nguồn ân sủng dồi dào; chúng con ca ngợi các ngài, Cyril và Methodius, những Đấng đang đứng trước ngai vàng của Đấng Tối Cao và nhiệt thành cầu nguyện cho linh hồn chúng con.

Ngày 25 tháng 5

Ngày 12 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Cha chúng ta, Đức Thánh Cha Germanus, Tổng Giám mục Constantinople.

Ngày tưởng niệm 12 tháng 5

Thánh German sinh ra tại thành phố Constantinople. Cha ngài là Justin, một quý tộc có địa vị cao quý, là một trong những thượng nghị sĩ hàng đầu, vượt trội hơn những người khác về danh tiếng và vinh dự; ông đã bị Constantine Pogonatus[3591] tước đoạt mạng sống vì lòng ghen tị khi ông này lên ngôi vua Hy Lạp. Sau khi sát hại vị thượng nghị sĩ danh giá này, Constantine ra lệnh thiến con trai ông, lúc đó vẫn còn là một thiếu niên, là Thánh German, và giao cậu vào hàng giáo sĩ. Ông làm điều này để đảm bảo rằng khi Herman trưởng thành và đạt được địa vị cao trong xã hội cùng tước hiệu thượng nghị sĩ, anh ta sẽ không thể trả thù gia tộc Pogonat vì cái chết của cha mình. Được đưa vào hàng giáo sĩ theo cách đó, Thánh German đã sống như một Thiên thần của Chúa: xa lánh sự ham mê thế gian và những lo toan trần tục, ngài dồn trọn tâm trí về phía Chúa, luôn ngợi khen Chúa trên môi, miệt mài ngày đêm nghiên cứu các sách Thánh. Từ đó, ngài đã thấu hiểu chiều sâu của sự khôn ngoan và múc lấy nước sự sống từ những giáo lý được Thánh Thần soi dẫn, nhờ đó ngài đã tưới gội cho Giáo Hội của Đấng Kitô với tư cách là mục tử và thầy dạy. Khi Thánh German đạt đến tuổi trưởng thành, với cuộc đời đạo đức rực rỡ như ngọn đèn, ngài trước tiên được tấn phong làm giám mục thành Kizik[3592] . Tại đây, ngài đã cùng với Đức Thượng phụ Kir[3593] chống lại tà thuyết Monotelet[3594] , và cùng ngài phải chịu lưu đày dưới tay vị vua vô đạo Philip[3595] . Sau khi kẻ bách hại qua đời – người này đã chết một cách nhục nhã không lâu sau đó – và sau khi Đức Thượng phụ Cyrus qua đời trong cảnh lưu đày, cùng với việc lật đổ giả Thượng phụ, kẻ dị giáo Gioan, vào triều đại của Artemius, người được gọi là Anastasius II, Thánh Germanus đã được tôn lên ngai vàng Constantinopolis trong niềm vui của dân chúng. Ngài là một người xứng đáng, hơn nữa còn tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa, điều này được thể hiện qua việc ngài có thể nhìn thấy tương lai và tiên tri về nó. Ví dụ, khi ngài long trọng bước vào Nhà thờ Thánh Sophia lần đầu tiên trong nhiệm kỳ của mình, giữa đám đông dân chúng đang vây quanh để chiêm ngưỡng vị tổng giám mục mới được bầu, một phụ nữ mang thai tên là Anna đã tiến lại gần ngài và nói:

– Xin cha ban phước lành cho đứa con đang mang trong bụng con.

Thượng phụ nhìn bà và, bằng con mắt tâm linh nhìn thấu tương lai, ngài nói:

– Cầu xin Chúa ban phước lành cho chị nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Tử đạo đầu tiên.

[3591] Constantine Pogonatus trị vì từ năm 668 đến năm 686.

[3592] Kizik – một thành phố thuộc vùng Phrygia ở Tiểu Á.

[3593] Thánh Kyr giữ chức Thượng phụ tại Constantinople từ năm 705 đến năm 711; ngài qua đời năm 714 trong cảnh lưu đày.

[3594] Tà thuyết *Monophysitism* hay tà thuyết "một ý chí" xuất hiện vào đầu thế kỷ thứ 7 dưới ảnh hưởng của nỗ lực từ phía các vị vua Byzantine nhằm hòa giải tà thuyết *Monophysitism* đang lan rộng với Kitô giáo, tôn giáo này dạy rằng Chúa Giêsu Kitô chỉ có *một* bản tính thần thánh, bởi vì những mâu thuẫn giữa các tín hữu Chính thống và những người theo tà thuyết Monophysite không chỉ là thảm họa đối với Giáo hội mà còn là thảm họa đối với nhà nước. Các giám mục theo tà thuyết Monophysite, chủ yếu là Kyr, giám mục của Phasis ở Colchis, đã đề xuất với hoàng đế Heraclius (611–641) rằng sự hiệp nhất giữa họ và những người Chính thống có thể diễn ra nếu Giáo hội Chính thống công nhận trong Chúa Giêsu Kitô có một ý chí duy nhất và một hành động duy nhất. Năm 633, nhờ nỗ lực của hoàng đế và Kir, người được bổ nhiệm làm tổng giám mục Alexandria, sự hiệp nhất giữa các tín đồ Monophysite Ai Cập và các tín đồ Chính thống giáo đã được thiết lập; hầu hết các giám mục phương Đông và Hy Lạp, với tổng giám mục Sergius của Constantinople đứng đầu, đã gia nhập sự hiệp nhất này. Tu sĩ Sofronius, môn đệ yêu quý của Thượng phụ Alexandria Gioan Nhân từ, đã công khai phản đối thỏa thuận phi pháp này, chứng minh rằng giáo lý về "ý chí duy nhất" cũng chính là chủ nghĩa Monophysite, tức là sự thừa nhận trong Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính duy nhất (Thiên Chúa), bởi vì nếu bản tính là duy nhất, thì tự nhiên ý chí cũng phải là duy nhất. Sau khi trở thành Thượng phụ Giêrusalem vào năm 634, ngài đã bảo vệ Chính Thống Giáo với lòng nhiệt thành còn lớn hơn nữa: ngài đã triệu tập một công đồng tại Giêrusalem, tại đó ngài đã lên án chủ nghĩa Monophelitism. Với mong muốn chấm dứt các cuộc tranh cãi, vào năm 638, Hoàng đế Heraclius đã ban hành "Tuyên ngôn Đức tin" (Ekthesis), trong đó nêu rõ giáo lý Chính Thống về hai bản tính trong Chúa Giêsu Kitô và cấm đề cập đến các ý chí của Ngài, mặc dù đồng thời cũng bổ sung rằng đức tin Chính Thống đòi hỏi phải công nhận chỉ có một ý chí duy nhất. Sau khi "Tuyên ngôn Đức tin" được ban hành, tu sĩ Maximus Confessor tại Constantinople (ngày tưởng niệm 21 tháng 1) đã trở thành người bảo vệ nhiệt thành của Chính Thống giáo, người đã hoạt động thành công chống lại các tín đồ Monothelitism ở Bắc Phi và Rome. Người kế vị Heraclius là Constans II, với mong muốn loại bỏ bản "Ektesis" – vốn đã gây ra sự chia rẽ ngày càng trầm trọng – vào năm 648, đã ban hành "Typos" – một mẫu tín điều, trong đó cấm đề cập đến cả ý chí duy nhất lẫn hai ý chí, buộc mọi người phải tin theo các quyết định của năm Công đồng Đại kết trước đó. Tuy nhiên, "Typos" vẫn không chấm dứt được các tranh cãi. Cuối cùng, Hoàng đế Constantine Pogonatus đã triệu tập Công đồng Đại kết lần thứ sáu (Công đồng Trullus) tại Constantinopolis, tại đó chủ nghĩa Monophysite bị lên án là dị giáo và xác định rằng trong Chúa Giêsu Kitô phải tuyên xưng hai hành động, hai ý chí, trong đó ý chí con người hoàn toàn phục tùng ý chí Thiên Chúa mà không bị hủy diệt vì điều đó. – Những người theo chủ nghĩa Monophysite còn sót lại vẫn tồn tại cho đến ngày nay dưới hình thức các tín đồ Maronite. Ban đầu, họ tìm được nơi ẩn náu (từ năm 680) trên các ngọn núi ở Lebanon; trong thời kỳ các cuộc Thập tự chinh (năm 1182), giáo lý của phái Monophysite đã lan truyền sang phương Tây, vào châu Âu, nhưng nhờ sự can thiệp của các Giáo hoàng nên không thu hút được nhiều tín đồ, mặc dù nó vẫn tồn tại cho đến năm 1736, khi những người Do Thái theo phái Monophysite gia nhập Giáo hội Công giáo. Ở phương Đông, tại Syria, giáo lý này vẫn tồn tại cho đến ngày nay.

[3595] Philippus Bardinus, hoàng đế Byzantine (711–715).

Bằng những lời này, ngài đã tiên tri rằng đứa trẻ sắp chào đời sẽ là con trai, mang tên giống như Thánh Tử đạo đầu tiên Stephano. Đồng thời, ngài đã xác nhận lời tiên tri của mình bằng một phép lạ. Khi Đức Thượng phụ Herman nói, từ miệng ngài cùng với những lời nói ấy tỏa ra một ngọn lửa rực rỡ, mà người phụ nữ đã nhìn thấy; sau này, bà đã thề thốt khẳng định điều đó với mọi người, khiến bà tin tưởng vững chắc vào lời tiên tri của vị thánh. Quả thực, Anna đã sinh ra một đứa con trai, và bà đặt tên cho nó là Stefan theo lời tiên tri của Đức Thượng phụ Herman. Cậu bé Stefan này, khi trưởng thành, đã khoác lên mình bộ áo tu sĩ và tu hành một cách đạo đức trên núi Avksentiev, và sau này trở thành người làm chứng cho danh Chúa Kitô, chịu tử đạo vì các thánh tượng dưới tay vị vua độc ác Constantine Copronymus[3596] . Về Copronymus này, con trai của Hoàng đế Hy Lạp Lêô Isaurianus[3597] , Thánh Germanus cũng đã có lời tiên tri rằng ông ta sẽ trở thành kẻ bách hại và hành hạ dữ dội những người theo đạo chính thống. Trong lễ rửa tội của mình, do Đức Thượng phụ Thánh German chủ trì, Constantine đã làm ô uế bồn rửa tội thánh bằng phân người. Lúc đó, Thánh German đã nói về người được rửa tội:

– Đứa trẻ này, khi trưởng thành, sẽ gây ra tai họa lớn cho các Kitô hữu và toàn thể Giáo hội: nó sẽ làm ô uế thánh vật của Giáo hội bằng tà giáo và làm đổ nhiều máu của các tôi tớ trung thành của Chúa Kitô.

Sau này, Constantine được gọi là Copronymus, có nghĩa là "phân"[3598] . Lời tiên tri của Thánh German đã ứng nghiệm một cách chính xác: Copronymus đã tra tấn đến chết nhiều người vì việc thờ phượng các bức tượng thánh chính thống, trong đó có cả Stefan đã được đề cập ở trên.

Tà thuyết chống thánh tượng bắt đầu dưới triều đại của Lêô Isaurian, cha của Copronymus. Lêô Isaurian, người đã sa lầy vào tà thuyết này, đã cố gắng củng cố và lan truyền nó càng rộng rãi càng tốt trong dân chúng. Ông đã ban hành một sắc lệnh độc ác đến tất cả các tỉnh trong vương quốc của mình, ra lệnh phải vứt bỏ các thánh tượng ra khỏi các nhà thờ ở khắp mọi nơi, giẫm đạp lên chúng và đốt cháy, vì ông coi các thánh tượng là thần tượng, còn những người thờ phượng chúng là những kẻ thờ thần tượng.

Thánh Tổng Giám mục Germanus đã dũng cảm chống lại vị vua dị giáo. Ngài đã nhiều lần cử những vị linh mục khôn ngoan và chính trực đến gặp vua, đồng thời chính ngài cũng đích thân đến thuyết phục ông từ bỏ ý định xấu xa đó; nhưng những lời khuyên nhủ của Thánh Germanus đều không mang lại kết quả nào.

Một lần, Đức Thượng phụ nói với nhà vua:

– Tôi đã nghe lời tiên tri của một vị thánh rằng sẽ có lúc những kẻ vô đạo bắt bớ các thánh tượng, nhưng xin đừng để điều đó xảy ra trong triều đại của ngài.

– Vậy thì vào thời điểm nào và dưới triều đại của ai thì điều đó sẽ xảy ra? – Hoàng đế hỏi một cách chăm chú.

– Một vị vua tên là Conon – Thánh German nói – sẽ phát động cuộc đàn áp các bức tượng thánh.

– Tên tôi chính là Konon, – Lev Isavryanin đáp. – Tên đó được đặt cho tôi khi làm lễ rửa tội, còn biệt danh "Lev" thì tôi được gọi sau này.

Vì vậy, lời tiên tri chắc chắn sẽ ứng nghiệm trong thời kỳ trị vì của ta."

– Không, thưa bệ hạ, – Thánh German phản đối nhà vua, – điều đó sẽ không xảy ra, điều ác đó sẽ không xảy ra trong triều đại của ngài, vì kẻ muốn gây ra sự ác độc này chính là Antichrist, kẻ thù của sự nhập thể của Đức Chúa Trời. Hãy nhớ lại, thưa bệ hạ, rằng trước khi lên ngôi, ngài đã thề sẽ tuân giữ đức tin thánh thiện một cách trọn vẹn, không hủy bỏ bất cứ điều gì trong truyền thống của các Thánh Tông Đồ và các vị Thánh Phụ được Thánh Thần soi dẫn, cũng như không đưa vào bất cứ điều gì mới mẻ, trái với đức tin Kitô giáo.

Nhà vua, khi nghe những lời ấy của Đức Thượng phụ Thánh thiện, lúc thì cảm thấy xấu hổ, lúc lại nổi giận, cố gắng tìm ra một cáo buộc nào đó chống lại Đức Thượng phụ để truất phế ngài khỏi ngai tòa, không phải với tư cách là người làm chứng cho sự thật, mà là với tư cách là kẻ phản loạn. Ông đã tìm được đồng phạm cho mưu đồ xấu xa của mình là một linh mục tên Anastasius, môn đệ của Thánh Germanus. Với Anastasius, người có tính cách giống như Giu-đa, nhà vua hứa sẽ trao ngai tòa Thượng phụ cho hắn sau khi trục xuất Thánh Germanus, còn hắn thì đổi lại hứa sẽ giúp nhà vua củng cố tà thuyết và tiêu diệt các thánh tượng. Vì vậy, Anastasius đã trở thành kẻ thù không đội trời chung của Thánh Germanus, thậm chí còn cố gắng chiếm đoạt ngai tòa tổng giám mục ngay cả trước

[3596] Constantine Copronymus trị vì từ năm 741 đến năm 776.

[3597] Lê Isaur đã trị vì từ năm 716 đến năm 741.

[3598] Copronymus bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp "kopros" – phân, chất thải.

khi Thánh Germanus bị trục xuất. Thánh Germanus, bằng linh hồn đã nhìn thấu ý đồ xấu xa và số phận tương lai của hắn, đã tiên đoán cho Anastasius về số phận của hắn trong hoàn cảnh sau đây.

Một lần nọ, Thượng phụ German bước vào điện hoàng gia. Anastasius, đang kiêu ngạo đi theo sau ngài, vô tình giẫm phải mép áo của ngài từ phía sau. "Đừng vội," lúc đó German nói với Anastasius, "sẽ đến lúc ngươi, bị đám đông vây quanh, sẽ bị lôi đi trong tiếng la hét đến nơi hành hình"[3599] .

Tuy nhiên, vào thời điểm đó, cả Anastasius lẫn những người khác có mặt đều không để ý đến những lời của Thánh German, và chỉ nhớ lại sau này, khi những lời đó trở thành sự thật, điều mà chúng ta sẽ đề cập đến ở phần sau.

Thánh German, như một chiến binh trung thành của Chúa Kitô, đã dũng cảm và không nao núng chiến đấu chống lại những kẻ dị giáo bằng thanh gươm Lời Chúa. Ngài đã cử một trong những chức sắc giáo hội xuất sắc nhất đến gặp nhà vua với những lời như sau:

– Thưa hoàng đế, ngài không nên ngạo mạn tự cao trước mặt Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của ngài, Đấng đã ban cho ngài sự sống và vương quyền; và ngài cũng không có quyền, như người ta thường nói, lay chuyển những gì bất di bất dịch; ngài không nên vượt qua những giới hạn đã được các thánh tổ tiên thiết lập từ thời xa xưa. Bởi vì, qua hình hài con người – mà Lời Thiên Chúa đã nhận lấy từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm và Thánh Khiết – sự phụng sự ma quỷ đã bị tiêu diệt và sự thờ lạy tà thần đã bị xóa bỏ. Việc vẽ trên bảng gỗ hình ảnh giống như hình dạng con người của Đức Kitô và Đấng đã sinh ra Ngài một cách không thể diễn tả, cũng như việc vẽ các thánh nhân của Thiên Chúa, đã được truyền lại cho chúng ta để tôn kính từ 725 năm trước, khi Chúa chúng ta hiện ra trên đất dưới hình dạng con người. Sau khi Chúa lên trời, người phụ nữ đã được chữa lành khỏi chứng chảy máu nhờ chạm vào tà áo của Ngài (Mác 5:25–34), để tỏ lòng biết ơn vì điều này, đã vẽ hình ảnh Đấng Cứu Thế. Nhưng ngay cả trước đó, chính Chúa đã khắc họa Dung nhan Thần thánh của Ngài trên một chiếc khăn (ubrus) và gửi nó đến Edessa cho Avgar. Thánh Luca, tác giả Phúc Âm, đã vẽ hình ảnh Đức Trinh Nữ Maria. Vì vậy, các Công đồng Thánh đã diễn ra vào các thời kỳ và địa điểm khác nhau đã ra lệnh không được tiêu hủy, mà phải tôn kính các thánh tượng. Vậy nên, xin nhà vua hãy biết rằng, nếu ngài giúp củng cố giáo lý chống thánh tượng này, tôi sẽ là người đầu tiên chống lại nó. Tôi sẵn sàng đổ máu vì hình ảnh Đấng Kitô của tôi, Đấng đã đổ máu Ngài để làm mới lại hình ảnh linh hồn tôi đã sa ngã. Rõ ràng là sự sỉ nhục gây ra cho hình ảnh của Đấng Christ cũng ảnh hưởng đến Nguyên mẫu, tức là chính Đấng Christ, cũng như sự tôn kính dâng lên trước hình ảnh ấy. Vì vậy, chúng ta, những tôi tớ trung thành của Đấng Christ, xứng đáng phải chết vì việc tôn kính Chúa của chúng ta.

Vào một dịp khác, chính Thánh German đã nói với nhà vua như sau:

– Nếu tôi là Giô-na, xin hãy ném tôi xuống biển, vì nếu không có Công đồng Toàn cầu, tôi không có quyền ban hành bất cứ điều gì mới liên quan đến giáo lý.

Khi vị Thánh Tổng Giám mục thấy rằng mình không thể làm gì để ngăn cản nhà vua khỏi tà thuyết, ngài đã đặt chiếc áo choàng của mình trên bàn thờ Thánh, trên ngai thánh, và từ bỏ chức vụ của mình. Vua, vô cùng tức giận với Thánh German vì những lời nói táo bạo của ngài, đã sai những chiến binh vũ trang, như thể đi ra trận, đến đánh đập vị thánh và đuổi ngài ra khỏi dinh Thượng phụ một cách nhục nhã. Thánh Germanus sau đó lui về tu viện, nơi ngài sống những ngày còn lại của cuộc đời trong sự im lặng cùng các tu sĩ, và an nghỉ trong Chúa một cách bình an. Ngài đã giữ chức tổng giám mục trong 14 năm và 6 tháng[3600] .

[3599] "Dipin" là tên gọi tại Constantinopolis chỉ một địa điểm công cộng, nơi thường tổ chức các buổi biểu diễn giải trí.

[3600] Thánh German qua đời năm 740, thọ 96 tuổi, được an táng tại tu viện Chora, phía bắc Constantinopolis. Thánh German được biết đến như một nhà văn giáo hội, "các tác phẩm của ngài được ca ngợi khắp vũ trụ", như lời chứng thực của Công đồng Thứ Bảy, đã đưa ngài vào danh sách các thánh. Các tác phẩm của Thánh German rất đa dạng về thể loại. Sau khi ngài qua đời, người ta còn lưu giữ: lời giải thích về những đoạn khó hiểu nhất trong Kinh Thánh, một tác phẩm về sự báo đáp công bằng sau khi qua đời; vào 7 ngày Chúa Nhật đã đọc ba bức thư của ngài về việc tôn kính các hình ảnh thánh; còn lại từ ngài là "khá nhiều – như nhà biên niên sử cổ đại về Thánh German đã nói – những lời răn dạy cho những người sùng đạo", – những bài giảng nhân Lễ Rước Đức Mẹ vào Đền Thờ, Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, Lễ Truyền Tin, Lễ Tái Thiết Đền Thờ và Lễ Đặt Dải Lưng của Đức Mẹ. Tác phẩm về các tà thuyết từ thời các Tông đồ và về các công đồng Giáo hội dưới triều đại của Lêô Chống Thánh Tượng có giá trị quan trọng nhờ sự phong phú của các thông tin lịch sử. Thánh German đã để lại nhiều tác phẩm liên quan đến Phụng vụ; trong số đó, phần giải thích về Thánh lễ đặc biệt quan trọng; các tác phẩm khác thuộc thể loại này là những bài thánh ca do vị tổng giám mục sáng tác để ca ngợi các thánh và tôn vinh những việc lạ lùng của ân sủng.

Sau khi Đức Thượng phụ Thánh German bị trục xuất, hoàng đế đã bổ nhiệm Giám mục Anastasius đã được đề cập ở trên[3601] lên thay thế; người này cùng với hoàng đế đã loại bỏ các thánh tượng khỏi các nhà thờ và ủng hộ tà thuyết chống thánh tượng. Lời tiên tri của Thánh German về điều này đã ứng nghiệm như sau.

Khi Lev Isavrian, vị hoàng đế độc ác, qua đời, con trai ông là Constantine Copronymus lên ngôi, nhưng sau đó bị Artavasdes, con rể của Lev, lật đổ. Trong việc này, Tổng Giám mục Anastasius đã hỗ trợ Artavasdes; chính ông ta cũng là người đã cử hành lễ đăng quang cho Artavasdes và con trai ông ta là Nikephoros. Sau 3 năm, Copronymus tập hợp một đạo quân hùng mạnh và chiếm được Constantinopolis. Constantine đã móc mắt con rể mình là Artavasdes cùng các con trai của ông ta – tức các cháu trai của mình – và tiêu diệt nhiều quan lại cao cấp là những người ủng hộ Artavasdes. Còn đối với Thượng phụ Anastasius, Constantine ra lệnh lột trần và đánh đập ông trước mặt toàn thể dân chúng tại một nơi gọi là "Dippin", sau đó bắt ông ngồi ngược trên lưng lừa và dẫn đi khắp thành phố trong sự sỉ nhục. Như vậy, lời tiên tri của Thánh Germanus đã ứng nghiệm, người đã tiên đoán với Anastasius rằng ông sẽ bị dẫn đến Dippin trước sự chứng kiến của đông đảo dân chúng. Vị hoàng đế vô đạo Copronym thậm chí còn muốn phế truất Anastasius khỏi ngai Tòa Thượng phụ, nhưng vì không tìm được ai khác nhiệt thành hơn ông ta trong việc xúc phạm các thánh tượng, nên đã để ông ta ở lại trên ngai Tòa Thượng phụ, nơi ông ta ngự trị như "sự ghê tởm của sự hoang tàn tại nơi thánh" (Mt 24:15), suốt 24 năm. Vào những năm cuối đời, ông mắc phải căn bệnh được gọi là "kordaspos", đến nỗi đôi môi đáng ghê tởm, vốn đã phỉ báng các thánh tượng và chính vị thầy của mình, đã trở thành một lỗ thoát ghê tởm, từ đó mủ tự nhiên chảy ra. Anastasius đã qua đời vì căn bệnh này.

Vậy là, Anastasius đã qua đời một cách khủng khiếp, còn Thánh German cùng với các vị thánh giám mục đã được hưởng cuộc sống hạnh phúc trong Nước Trời của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ngợi khen, bây giờ và mãi mãi, đến muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Savin, Giám mục đảo Síp

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 5

Vị thánh đáng kính này xuất thân từ xứ Phê-ni-xi[3602] và sinh ra tại thành phố Ly-ki-a, nơi ngài được Thánh Epiphanius rửa tội và thụ phong tu sĩ. Khi Thiên Chúa ban vinh quang cho Thánh Epiphanius, dân chúng Ly-ki-a đã cử một người đàn ông được họ kính trọng đến tìm ngài, để phong ngài làm giám mục của thành phố họ. Vào thời điểm đó, cùng với người đàn ông này, Savin cũng đến gặp Thánh Epiphanius; sau khi từ bỏ đời sống thế tục, ông ở lại với Thánh Epiphanius và trở thành tu sĩ. Sau đó, ông cùng Thánh Epiphanius vào sa mạc và ở lại đó cùng ngài trong năm năm. Ông đã viết cuốn tiểu sử về vị thánh, trong đó mô tả những buổi cầu nguyện thâu đêm, những lần quỳ lạy thành kính và những phép lạ mà Chúa đã thực hiện qua ngài. Khi Thánh Epiphanius làm giám mục trên đảo Síp[3603] , ngài muốn tấn phong Savin lên chức linh mục, nhưng ông không đồng ý. Lúc đó, vị thánh đã dẫn ông vào nhà thờ và nói với ông:

– Hãy đứng ở đây và đứng yên.

Ông đứng đó, đôi chân dường như bị đóng đinh xuống đất, và Thánh Epiphanius đã phong chức linh mục cho ông. Sau khi Thánh Epiphanius qua đời, Savin trở thành người kế vị ngài, đảm nhận chức vụ giám mục tại cùng thành phố Constance[3604] , nơi Thánh Epiphanius từng làm giám mục. Sau khi thực hiện vô số phép lạ đáng ghi nhớ, bảo vệ Giáo hội của mình khỏi những kẻ dị giáo và sống một cuộc đời đạo đức, Thánh Savin đã về với Chúa[3605] .

[3601] Thánh Anastasius giữ chức Thượng phụ từ năm 730 đến năm 753.

[3602] Phoenicia nằm dọc theo bờ biển Địa Trung Hải, giữa Palestine và Nhà nước Syria cổ đại. Nguồn gốc của Kitô giáo tại Phoenicia được cho là bắt nguồn từ thời các Tông đồ.

[3603] Đảo Síp nằm ở Biển Địa Trung Hải, gần bờ biển của Phoenicia cổ đại. Đạo Kitô đã được Thánh Tông đồ Phaolô truyền bá tại đây trong chuyến truyền giáo đầu tiên của ngài.

[3604] Thành phố Salamis, nơi Thánh Epiphanius từng làm giám mục, còn được gọi là Constance của Síp. Thành phố này nằm ngay bên bờ biển, trên bờ đông của hòn đảo.

[3605] Thánh Savin qua đời vào khoảng giữa thế kỷ V.

Ngày tưởng niệm Thánh Cha Poluvia, Giám mục Rinokir.

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 5

Thánh Phụ Poluvius của chúng ta là môn đệ của Thánh Epiphanius. Ngài đã tháp tùng vị thầy của mình khi ngài đi thuyền trở về từ thành phố Constantinople. Lúc bấy giờ, Thánh Epiphanius đã nói với ngài:

– Hỡi con Poluvius! Ta sắp rời khỏi cõi đời này rồi; hãy tuân giữ lời dặn dò của ta, hãy đi đến Ai Cập, vì ngay cả sau khi ta qua đời, ta vẫn sẽ chăm sóc cho con.

Và khi Thánh Epiphani qua đời, Poluvius, không chờ đến lễ an táng – vì thi thể ngài chưa được chôn cất trong mười ngày – đã lên đường đến Ai Cập theo di chúc của ngài, và tại đó, ông đã gặp quan trưởng thành phố Rinokira[3606] , người đã hỏi ông:

– Ngươi đến từ đâu?

– Từ Síp, Poluvius đáp, vì tôi từng là môn đệ của Thánh Epiphanius, Tổng Giám mục Síp, người đã về với Chúa rồi.

Thống đốc thành phố Rinokira vô cùng đau buồn trước sự ra đi của vị thánh và, sau khi mời Thánh Poluvi đến gặp mình, đã phong ngài làm giám mục tại thành phố của mình. Nhờ cuộc đời đạo đức và trong sạch, Thánh Poluvi đã được ban ân sủng làm phép lạ. Chẳng hạn, nhờ lời cầu nguyện, ngài đã khiến mưa rơi xuống từ trời và nhờ đó làm tăng sản lượng hoa màu trên các cánh đồng. Khi đã cao tuổi, ngài đã về với Chúa[3607] .

Cuộc đời của Thánh Cha Epiphanius, Tổng Giám mục Síp

Ngày kỷ niệm: 12 tháng 5

Quê hương của Thánh Epiphanius, người gốc Do Thái, là Phoenicia[3608] : bên bờ sông Eleuthera, chảy từ dãy núi Lebanon ra Biển Phoenicia[3609] , cách thành phố Nicaea ba poprishcha[3610] , có một ngôi làng tên là Visanduk; cha mẹ của Thánh Epiphanius đã sinh sống và làm nông nghiệp tại đây; ngoài người con trai, họ còn có một cô con gái tên là Kallitropia, nhỏ hơn anh trai vài tuổi. Khi cậu bé được mười tuổi, cha cậu qua đời, để lại cho người vợ gánh nặng nuôi dạy các con: gia đình mồ côi này chỉ vừa đủ ăn, trong khi các con vẫn còn nhỏ. Người mẹ buộc phải nuôi nấng các con bằng chính sức lao động của mình. Thời gian trôi qua như vậy trong vài năm. Tình cờ, người góa phụ có một con lừa rất bướng bỉnh và hung hăng. Rồi một ngày nọ, người mẹ nói với Epiphanius:

– Con trai ơi, hãy dắt con lừa này đến chợ trong thành phố, bán nó đi rồi mua thức ăn về cho chúng ta.

– Mẹ biết mà – Epiphanius đáp lại – con lừa này rất hung hăng, và khi người mua ở chợ nhận ra điều đó, họ sẽ đánh con.

– Hãy đi đi, con trai ơi, Chúa của tổ tiên chúng ta sẽ thuần hóa con lừa ấy thôi," mẹ cậu nói với cậu. Lúc đó, cậu thiếu niên, tuân theo lệnh của mẹ, dắt con lừa vào thành phố để bán. Tại đó, người mua đầu tiên cũng là một người Do Thái. Khi nhận ra người bán là đồng bào của mình, ông ta nói với cậu:

– Con ơi, chúng ta cùng tin vào một Đức Chúa Trời yêu mến lẽ phải, và chúng ta không nên làm tổn thương lẫn nhau, để khỏi làm phật lòng Đức Chúa Trời của chúng ta và sau này không phải oán trách lẫn nhau. Vậy thì, hãy định giá con lừa một cách công bằng.

Epiphanius đáp lại:

– Thật ra con không muốn bán con lừa này cho anh, vì nó vẫn chưa được huấn luyện, lại còn bướng bỉnh và hung hăng; chỉ vì đói khát và không có tiền mua thức ăn, mẹ con mới quyết định bán nó. Nhưng giờ nghe anh nói rằng gây hại cho người lân cận vì lợi ích cá nhân là tội lỗi, con sợ rằng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt con.

[3606] Thành phố Rinochir nằm ở vùng núi của sa mạc Phivaid, thuộc miền thượng (miền nam) Ai Cập.

[3607] Thánh Poluvi đã qua đời vào thế kỷ V.

[3608] *Phoenicia* – một quốc gia ven biển Địa Trung Hải, nằm về phía tây bắc của Palestine; người dân nơi đây nổi tiếng là những nhà hàng hải và thương nhân.

[3609] Tức là Biển Địa Trung Hải.

[3610] Một poprishche tương đương khoảng 690 sazhen.

Bị ấn tượng bởi sự sáng suốt và tính cách tốt đẹp của cậu thiếu niên, người Do Thái đã đưa cho cậu ba đồng tiền[3611] và nói:

– Con ơi, hãy nhận lấy số tiền này, mua bánh mì cho mẹ con và dẫn con lừa về nhà. Nếu con lừa trở nên ngoan ngoãn, thì hãy giữ nó lại; còn nếu không, hãy đuổi nó đi để nó không giết ai cả.

Epiphanius lên đường về nhà và trên đường, gần làng của mình, cậu gặp một người Kitô hữu tên là Cleovius, người muốn mua con lừa. Nhưng cậu bé trung thực đã từ chối bán nó. Trong lúc họ đang trò chuyện, con lừa bỗng trở nên ngang bướng, bắt đầu hít hà và đạp loạn xạ, rồi sau đó, hất văng Epiphanius ra khỏi lưng và chạy khỏi đường. Chàng trai ngã xuống bị thương nặng đến mức không thể đứng dậy được và nằm đó khóc nức nở: hông bị bầm dập của anh đau nhói. Cleovius bước đến bên anh, sờ vào hông và làm dấu thánh giá ba lần. Ngay lập tức, Epiphanius hồi phục và đứng dậy. Sau đó, Cleovius quay sang con lừa và nói:

– Nhân danh Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô bị đóng đinh, ta ra lệnh cho ngươi phải dừng lại, và vì ngươi đã muốn giết chủ nhân của mình, nên chính ngươi cũng sẽ không thể rời khỏi nơi này.

Ngay lập tức, con lừa ngã xuống và chết. Ngạc nhiên trước sự việc vừa xảy ra, cậu bé hỏi Kleoviy:

– Thưa cha, Chúa Giê-su Ki-tô bị đóng đinh là ai mà nhân danh Ngài lại có thể thực hiện những phép lạ như vậy?

– Đó là Con Thiên Chúa, Đấng đã bị người Do Thái đóng đinh, – Cleophas đáp. Epiphanius e ngại không dám tiết lộ nguồn gốc Do Thái của mình cho cậu bé, nên cậu trở về nhà với suy nghĩ về Đức Kitô bị đóng đinh và mong muốn tin vào Ngài. Khi về đến nhà mẹ, cậu kể lại cho bà nghe tất cả những gì đã xảy ra. Trong khi đó, người mẹ, vì không có gì để nuôi con cái, đã bán mảnh ruộng của mình, và bảo Epiphanius vào thành phố học một nghề nào đó, để sau này anh có thể nuôi sống bản thân, mẹ và em gái. Ngay khi Epiphanius chuẩn bị lên thành phố, một thầy dạy luật Do Thái giàu có tên là Trifon, người rất quen biết cha mẹ cậu và sở hữu một số điền trang trong làng của họ, đã từ thành phố đến Visanduka. Biết được rằng mẹ của Epiphanius đã góa bụa và thấy bà đang sống trong cảnh nghèo khó, ông nói với bà:

– Hãy giao con trai bà cho tôi – tôi sẽ nhận nó làm con nuôi; và nếu bà đồng ý, thì từ nay trở đi, nó sẽ được coi là con trai của tôi, còn bà và con gái bà sẽ được nuôi dưỡng tại nhà tôi.

Người góa phụ với niềm vui vô bờ bến đã giao con trai mình cho vị ân nhân bất ngờ này nuôi dưỡng. Và Epiphanius sống như một người con trong nhà Trifon, được dạy dỗ theo các sách Do Thái. Khả năng tiếp thu nhanh nhạy và trí thông minh hiếm có của cậu học trò hiền lành đã khiến cậu trở thành người được thầy yêu quý nhất. Trifon thậm chí còn muốn gả con gái duy nhất của mình cho cậu. Nhưng theo ý Chúa, cô đã qua đời. Không lâu sau, cha mẹ cô và mẹ của Epiphanius cũng lần lượt qua đời. Trở thành người thừa kế duy nhất của toàn bộ tài sản nhà Trifon, Epiphanius đã nhận em gái Kallitropia về nuôi dưỡng, truyền đạt cho cô những lời dạy tốt đẹp của người cha nuôi và thầy giáo của mình.

Một lần nọ, Epiphanius trở về làng quê để xem xét tài sản mà ông thừa hưởng từ Trifon. Theo sự an bài của Chúa, trên đường đi, ông gặp nhà tu Lukian, người chuyên viết sách và bán chúng để kiếm sống cho bản thân và giúp đỡ những người ăn xin. Đúng lúc Epiphanius đang trò chuyện với nhà tu, một người ăn xin bám lấy chân Lukian và nói:

– Xin thương xót tôi, người của Chúa: đã ba ngày nay tôi chưa ăn bánh mì, và giờ không biết lấy gì để lót dạ.

Thánh Lukian, không có gì trong tay, liền cởi áo của mình ra và trao cho người ăn xin, nói rằng:

– Hãy vào thành, bán bộ quần áo này đi và mua bánh mì cho mình.” Thấy cảnh đó, Epiphanius ngạc nhiên trước lòng từ bi của vị tu sĩ vừa gặp, và như rơi vào trạng thái say mê, ông nhận ra bộ quần áo trắng sáng đang trượt xuống người vị tu sĩ và che phủ lấy ông. Hoảng sợ, ông vội vàng xuống ngựa, quỳ gối trước vị tu sĩ và nói, cúi đầu chào:

– Xin ngài hãy cho tôi biết, ngài là ai?

– Trước tiên, hãy cho tôi biết ngài theo đạo nào, rồi tôi sẽ kể cho ngài nghe về bản thân mình, – Lukian đáp lại. Epiphanius nói:

– Tôi là người Do Thái.

[3611] Penaz – bằng một phần sáu drachma.

Lúc đó, người đối thoại với ông – vị tu sĩ già có con mắt sáng suốt, khi nhận ra ân sủng cứu rỗi của Đức Chúa Trời đang tác động trên người Do Thái đang gặp mặt, đã quay sang nói với ông những lời sau:

– Sao anh, là người Do Thái, lại hỏi tôi – một người Kitô hữu – rằng tôi là ai? Vì giữa người Do Thái và người Kitô hữu có rất ít điểm chung. Giờ anh đã biết tôi là người Kitô hữu, thì anh không nên tiếp tục nói chuyện với tôi nữa.

– Vậy thì, thưa cha, điều gì cản trở con trở thành người Kitô hữu? – Epiphanius hỏi và nhận được câu trả lời như sau từ môn đệ của Chúa Kitô:

– Chỉ có một điều cản trở, đó là anh không muốn, vì mọi việc lành đều bắt đầu từ ý muốn. Nếu anh thực sự mong muốn, thì anh đã là người Kitô hữu rồi.

Những lời này đã lay động lòng Epiphanius: từ bỏ ý định ban đầu là về thăm quê hương ở làng quê, anh quay trở lại ngôi nhà ở thành phố, trước đó đã nài nỉ người bạn đồng hành đi cùng mình. Dẫn người đó về nhà, anh cho người ấy xem toàn bộ tài sản của mình.

– Đây là tài sản của con, thưa cha, – chủ nhà nói với vị khách, – con muốn trở thành Kitô hữu và gia nhập đời tu, nhưng con có một em gái còn trẻ, cha sẽ nói gì về em ấy cho con?

– Con ơi, – người Kitô hữu đáp, – con hoàn toàn có thể trở thành một Kitô hữu đích thực dù vẫn sở hữu của cải trần gian và có em gái. Cả hai điều đó đều không mâu thuẫn với đức tin Kitô giáo thánh thiện. Tuy nhiên, con không thể gia nhập đời tu. Trước hết, con hãy cùng em gái mình lãnh nhận phép Rửa tội thánh. Sau đó, hãy gả em ấy cho một người Kitô hữu với của hồi môn đủ đầy. Tiếp theo, hãy phân phát số tài sản còn lại cho những người nghèo. Và khi đó, con mới có thể trở thành một tu sĩ chân chính.

– Tất cả những điều này, thưa Cha, – Epiphanius nói – con sẽ thực sự tuân theo lời dạy của Cha; chỉ xin Cha đừng chậm trễ trong việc đưa chúng con vào cộng đồng Kitô hữu.

– Về việc này – Lucian nói – cần phải báo cho giám mục biết: không có ngài thì không thể cử hành bí tích rửa tội được. Vậy nên, tôi sẽ đi gặp ngài. Còn anh hãy giữ vững ý định và lòng nhiệt thành đối với Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. Tôi sẽ sớm quay lại gặp anh.

Lucian đi gặp giám mục địa phương. Còn Epiphanius, khi vào phòng gặp chị gái, đã nói với chị:

– Em muốn trở thành Kitô hữu và mặc áo tu sĩ.

– Anh muốn gì, – chị gái đáp lại em trai, – em cũng muốn như vậy, và điều gì anh làm, em cũng sẽ làm theo.

Khi nghe tin Epiphanius muốn chịu phép rửa tội, vị giám mục rất vui mừng và nói với người đưa tin tốt lành ấy:

– Hãy đi, dạy cho chàng trai và em gái của chàng về đức tin thánh thiện và hướng dẫn họ theo luật pháp của Chúa Kitô. Khi ngày Chúa Nhật đến và chúng ta vào nhà thờ, hãy dẫn họ đến với Thiên Chúa đầy lòng thương xót và yêu thương loài người, để chúng ta có thể kết hợp họ với Ngài qua phép rửa tội thánh.

Khi Lucian trở về gặp Epiphanius, anh và em gái đã quỳ lạy xuống đất trước vị tu sĩ già, nài nỉ ông trong nước mắt:

– Chúng con xin cha, hãy mau chóng làm cho chúng con trở thành Kitô hữu.

Lucian đã đón nhận họ và bắt đầu dạy dỗ họ về đức tin Kitô giáo: việc giảng dạy, kèm theo lời cầu nguyện, diễn ra gần như liên tục cả ngày lẫn đêm cho đến ngày Chủ nhật. Vào ngày Chủ nhật, Lucian đã dẫn Epiphanius và Callitropia đến gặp giám mục. Họ quỳ sấp mặt trước mặt giám mục, như thể đang quỳ trước chính Chúa Kitô, và xin ngài ban cho sự khai sáng thánh thiêng. Sau khi giúp họ đứng dậy và trò chuyện thân mật với họ, ngài đã làm lễ rửa tội cho họ. Sau đó, vị giám mục đi vào nhà thờ, với Lucian đi phía sau, và những người mới được rửa tội theo sau Lucian. Khi Epiphanius bước lên bậc thềm đầu tiên của lối vào nhà thờ, chiếc dép ở chân trái của ông đã tuột ra[3612] . Khi ông bước chân trần qua ngưỡng cửa, chiếc dép ở chân phải cũng tuột ra. Epiphanius không quay lại lấy đôi dép, mà bước chân trần vào nhà thờ: ông tiến đến với Thiên Chúa với lòng nhiệt thành vô cùng. Khi nhìn thấy Epiphanius trong nhà thờ, vị giám mục thấy trên đầu ông có một vương miện, và khuôn mặt ông rạng ngời vinh quang. Vị giám mục và Lucian đã dẫn Epiphanius cùng em gái vào bể rửa tội và làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Người đỡ đầu cho Epiphanius là Lucian, còn người đỡ đầu cho Callitropia là thánh nữ Veronica. Trong Thánh lễ, những người mới được rửa tội đã rước Mình Thánh Chúa. Sau đó, theo lệnh của vị giám mục, họ dùng bữa tối cùng ngài và ở lại tại tòa giám mục trong tám ngày. Rồi Epiphanius

[3612] Dép – một loại giày dép. Chúng gồm đế bằng da hoặc lau sậy, được buộc vào chân bằng dây đai.

đưa em gái, Lucian và Veronica về nhà mình: tại đây, sau khi lấy ra một nghìn đồng vàng, ngài trao số tiền đó cùng với em gái mình là Veronica – người đứng đầu các trinh nữ tu sĩ của Chúa Kitô – và cho cả hai người phụ nữ ra đi. Cuối cùng, sau khi bán hết tài sản và phân phát tiền cho những người nghèo khó, chỉ giữ lại cho mình 400 đồng vàng để mua các sách Thánh, người mới được rửa tội đã rời khỏi thành phố cùng với Lucian đến tu viện do vị tu sĩ cao niên thành lập. Tại đó, có mười tu sĩ đang tu hành, miệt mài sao chép các sách Thánh và nhờ đó mà tự nuôi sống bản thân.

Epiphanius, lúc đó 26 tuổi, đã nhận tu và được giao cho sự hướng dẫn của tu sĩ Hilarion, người đứng đầu sau Lucian; dù còn trẻ về tuổi tác nhưng ông đã hoàn hảo về đức hạnh và được ban cho những ân sủng kỳ diệu vĩ đại. Quan sát người hướng dẫn của mình, tu sĩ mới bắt đầu noi gương những công việc khổ hạnh của ngài. Anh không chỉ học đọc và viết sách tiếng Hy Lạp từ Hilarion theo sự chỉ định của Lucian, mà còn được ngài dạy dỗ về lối sống khổ hạnh và phụng sự Thiên Chúa trong đời tu. Nhờ ân sủng của Chúa Kitô, Epiphanius ngày càng tiến bộ vượt bậc. Sau khi Thánh Lukian qua đời, vị hướng dẫn của anh trở thành vị tu viện trưởng và bắt đầu sống một cuộc đời còn nghiêm khắc hơn nữa. Dường như đó không phải là một con người, mà là một trong những Thiên thần luôn phụng sự Thiên Chúa. Bữa ăn của Ilarion chỉ có một ít bánh mì với lượng muối và nước vừa phải. Và ông chỉ ăn những thứ đó cách ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, còn đôi khi cả tuần liền không ăn gì. Thấy lối sống kiêng khem như vậy, Epiphanius đã cố gắng noi gương ngài, và sau đó suốt cuộc đời mình, ông tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc kiêng khem mà ngài đã học được từ vị tu sĩ vĩ đại Hilarion. Chúa đã ban cho vị thánh nhân của Ngài ân sủng làm phép lạ. Câu chuyện về những phép lạ của ngài bắt đầu như sau. Tu viện nằm giữa vùng đất khô cằn, và các tu sĩ phải đi lấy nước cách đó 5 dặm, và chỉ có thể đi vào ban đêm vì cái nắng gay gắt không thể chịu nổi vào ban ngày. Một lần nọ, vào một ngày nắng nóng cực độ, có mấy người lữ hành đi ngang qua ghé vào tu viện để giải khát. Nhưng các tu sĩ không thể làm điều đó, vì lúc bấy giờ trong tu viện không còn một giọt nước nào. Những người lữ hành đã nghĩ rằng mình sắp chết. Epiphanius, thương xót họ, đã giơ tay về phía bình rượu mà họ đang cầm, và khi chạm vào nó, ngài nói với các tu sĩ:

– Hãy tin đi, các anh em, Đấng đã từng biến nước thành rượu, thì nay cũng có quyền năng biến rượu thành nước (Giăng 2:1–11).

Và ngay lập tức, theo lời của Epiphanius, rượu đã biến thành nước. Những người lữ hành vui mừng không chỉ tự mình uống no nê, mà còn cho cả gia súc của họ uống nữa. Sau đó, nước lại biến thành rượu. Mọi người đều không khỏi kinh ngạc trước phép lạ này và từ đó bắt đầu đặc biệt kính trọng Thánh Epiphanius vì sự thánh thiện trong đời sống của ngài. Còn ngài, vì không chịu nổi sự tôn kính của các tu sĩ, đã lén rời khỏi tu viện và ẩn náu trong sa mạc Spanidriôn, sống nhờ các loại ngũ cốc mọc ở đó.

Một thời gian sau, bốn mươi tên Saracen[3613] đang lang thang trong sa mạc đó, khi nhìn thấy Thánh Epiphanius trong bộ áo tu sĩ, đã bắt đầu chế nhạo ngài. Trong số bọn cướp, có một tên bị lé mắt, lại là kẻ nổi bật nhất về sự tàn bạo và vô nhân đạo. Hắn rút kiếm ra, định chém Thánh Epiphanius.

Nhưng ngay khi tên cướp giơ tay lên để ra đòn, mắt hắn bỗng nhiên sáng lại. Trong sự ngạc nhiên, hắn ném thanh kiếm xuống đất, chỉ cho đồng bọn xem con mắt đã được chữa lành của mình. Những người chứng kiến phép lạ này đã ép Epiphanius đi cùng họ, nói rằng:

– Ngươi là vị thần của chúng ta, hãy đi cùng chúng ta và bảo vệ chúng ta khỏi những tai ương đang ập đến.

Thánh nhân đã đi cùng họ trong ba tháng. Ngài ngăn cản họ khỏi mọi việc ác và không cho phép họ làm bất cứ điều gì vô luân trước mặt mình; suốt thời gian đó, ngài dạy dỗ họ về sự hiểu biết về Đức Chúa Trời chân thật, gieo vào lòng họ lòng kính sợ Đức Chúa Trời mang lại sự cứu rỗi.

– Nếu các ngươi không từ bỏ những việc ác của mình, – ngài nói với họ, – thì các ngươi sẽ không được hạnh phúc trên đất này và sẽ bị hủy diệt bởi cơn thịnh nộ công bằng và trừng phạt của Chúa.

Tuy nhiên, vị tu sĩ hiền lành không thể làm thủ lĩnh của bọn cướp táo tợn được lâu. Những lời răn dạy và sự kiềm chế không ngừng của Thiên Thần trong hình hài con người, sau ba tháng, đã trở nên hoàn toàn không thể chịu đựng được đối với những con quỷ mang hình dạng con người. Và nếu trước đây, khi gặp vị tu sĩ làm phép lạ, họ nài nỉ ngài đi cùng họ, thì giờ đây, ngược lại, họ van nài vị thánh rời xa họ để trở về nơi cũ. Sau khi đưa ngài đến đó, họ dựng cho ngài một túp lều. Rồi họ chia tay ngài, ngoại trừ một người đã tin vào Chúa Kitô và trở thành môn

[3613] Người Saracen – cư dân Ả Rập. Ban đầu, tên gọi này dùng để chỉ một bộ tộc du mục chuyên cướp bóc, nhưng sau đó các nhà văn Kitô giáo đã dùng tên gọi này để chỉ chung tất cả người Hồi giáo.

đệ xứng đáng của vị thánh. Trong một năm rưỡi, vị thầy yêu mến Chúa đã dạy tên cướp đã ăn năn về các sách Thánh và hướng dẫn anh ta sống đời kiêng khem. Sau đó, vị thầy cùng đệ tử của mình đến tu viện Thánh Hilarion và xin ngài làm phép rửa tội cho người mới được rửa tội. Vị tu viện trưởng vĩ đại đã cử hành bí tích này cho anh ta, đặt tên anh là Gioan. Gioan không bao giờ rời xa vị thầy của mình và đã ghi chép lại cuộc đời của ngài cho đến khi chính mình qua đời, trước khi vị thánh qua đời.

Trên đường trở về từ tu viện đến căn phòng ẩn tu trong sa mạc, Thánh Epiphanius và đệ tử mới được rửa tội của ngài là Gioan đã gặp một chàng trai bị quỷ ám, đang lang thang trần truồng trong sa mạc. Thương xót cho chàng, vị thánh sau khi cầu nguyện với Chúa Trời đã trừ quỷ ra khỏi người ấy. Con quỷ, khi rời khỏi nạn nhân cũ của mình, đã gào thét:

– Hỡi Epiphanius, ngươi đuổi ta khỏi nơi ta đã sống suốt hai mươi hai năm, nhưng ta sẽ lôi ngươi đến Ba Tư, nơi ngươi sẽ phải ra trước mặt nhà vua dù không muốn.

Nói xong, con quỷ biến mất. Chàng trai thì hoàn toàn bình phục và, quỳ sấp xuống chân vị thánh đã chữa lành cho mình, cảm tạ ngài. Sau khi dạy người được chữa lành dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời, vị thánh cho anh ta về nhà. Trong khi đó, con quỷ bị trục xuất, khi đến Ba Tư[3614] , đã nhập vào công chúa và bắt đầu hành hạ cô ta dữ dội. Lúc đó, nó gào thét:

– Nếu Epiphanius không đến đây, ta sẽ không rời khỏi cô gái này. Epiphanius, người gốc Phoenicia, hãy đến đây, và ta sẽ rời khỏi công chúa.

Nhà vua, khi nghe nói về xứ Phoenicia, đã sai các tôi tớ của mình đến đó để tìm Epiphanius. Tuy nhiên, khi họ đi hỏi thăm về ông ta ở khắp các thành phố và làng mạc của Phoenicia, họ không thể tìm ra thông tin gì và suýt nữa thì bị người bản địa giết chết vì bị nhầm là gián điệp. Sau khi họ trở về tay trắng trước mặt vua, con quỷ đang ở trong cô gái trẻ tiếp tục la hét lớn:

– Epiphanius đang sống trong sa mạc có tên là Spandrion, hãy đưa hắn về đây.

Lúc đó, vị vua gọi ba mươi cận thần lại và nói với họ:

– Hãy cởi bỏ y phục Ba Tư và mặc y phục Hy Lạp, rồi đi đến Phê-ni-xi và tìm một nơi hoang mạc tên là Spandriôn. Ở đó các ngươi sẽ gặp một người tên là Epiphanius. Hãy đưa ông ta về đây cho ta.

Sau khi thay trang phục, những người được sai đi đã lên đường và đến được sa mạc nói trên. Họ đã tìm kiếm Epiphanius ở đó rất lâu. Cuối cùng, theo chỉ dẫn của một người, họ đến căn phòng tu hành của ngài vào ban đêm, lúc đó vị thánh đang thực hiện nghi thức cầu nguyện ban đêm cùng với đệ tử của mình theo thông lệ. Họ gõ cửa rất mạnh. Nhưng vị tu sĩ của Chúa Kitô, không muốn gián đoạn nghi thức cầu nguyện của mình, vẫn tiếp tục cầu nguyện, không hề sợ hãi trước tiếng gõ cửa và dường như không để ý đến nó. Bị kích động đến mức giận dữ tột độ, những người Ba Tư cuối cùng quyết định phá cửa phòng tu. Một trong số họ giơ vũ khí lên để đập vào cửa. Và bỗng dưng, cánh tay đang giơ lên của hắn bỗng cứng đờ và khô héo. Những người còn lại vì hoảng sợ nên vô tình lùi lại một khoảng cách nhất định khỏi phòng tu và bắt đầu chờ đợi bình minh. Khi trời sáng, Epiphanius, người đã hoàn thành các bài cầu nguyện ban đêm và buổi sáng, mở cửa và bước ra. Khi nhìn thấy vị thánh, người bị thương đã quỳ sấp xuống trước mặt ngài và nói:

– Xin thương xót con, tôi tớ của Đức Chúa Trời bất tử.

– Ngươi xin gì ở một con người tội lỗi như ta? – vị thánh nhân khiêm nhường của Đức Chúa Trời hỏi.

– Tôi đến nơi này khi còn khỏe mạnh, – người ấy đáp, – nhưng giờ đây tay tôi đã khô cứng.

– Ngươi đã đến đây khi còn khỏe mạnh, – vị thánh nhân nói, – thì hãy cứ khỏe mạnh như vậy.

Nói xong, ngài chạm vào cánh tay teo tóp, và ngay lập tức nó trở nên lành lặn như cánh tay kia. Thấy phép lạ ấy, những người bạn của người được chữa lành tiến lại gần vị thánh, cúi đầu chào và tiết lộ mục đích chuyến viếng thăm: họ khẩn cầu ngài đến gặp nhà vua để chữa lành cho con gái ông. Vị thánh nhân, sau khi nhận ra rằng linh hồn mà ngài đã trục xuất khỏi chàng trai trẻ đã nhập vào con gái của vua Ba Tư, đã trang bị cho mình bằng lời cầu nguyện để chống lại ác quỷ và, với niềm tin vào Đức Chúa Trời, ngài cùng với đệ tử lên lưng những con lạc đà của những người Ba Tư. Sau ba mươi lăm ngày, đoàn lữ hành đến được Ba Tư và dừng chân tại thành phố Urion. Ba người Ba Tư đã đến gặp vua để báo tin về sự đến của Thánh Epiphanius. Vua lập tức ra lệnh cho đưa ngài đến gặp mình. Vị thánh đã đến gặp vua như gặp một người bình thường, chứ không phải như gặp một vị vua. Vị vua trần gian đã đứng dậy khỏi ngai vàng để chào đón người tôi tớ trung thành của Vua Trời. Thánh nhân đã trò

[3614] Ba Tư chiếm phần phía tây của cao nguyên Iran.

chuyện với nhà vua về Đức Chúa Trời chân thật, là Đấng Cứu Thế Kitô của chúng ta, về quyền năng bất khả chiến bại của Ngài, có thể xua đuổi mọi dòng dõi ma quỷ. Sau cuộc trò chuyện, cô con gái bị quỷ ám của nhà vua được dẫn đến trước vị thánh làm phép lạ. Sau khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho người đang đau khổ, vị thánh đã làm dấu thánh giá ba lần trên cô gái. Vừa mới làm xong, quỷ dữ đã rời khỏi cô gái, và cô trở nên hoàn toàn khỏe mạnh. Vui mừng vì con gái mình được chữa lành, vị vua đã cúi đầu kính lạy vị thánh.

Một trong những nhà chiêm tinh Ba Tư[3615] , người đã chứng kiến phép lạ, đã kêu lên với vị thánh:

– Hỡi nhà chiêm tinh đáng kính, người đã đến đây để sửa chữa giáo lý của chúng tôi, xin hãy ở lại đây với chúng tôi và dạy dỗ chúng tôi; tất cả chúng tôi, các nhà chiêm tinh Ba Tư, sẽ lắng nghe ngài.

Đáp lại lời của nhà chiêm tinh, vị thánh nhìn ông ta với ánh mắt nghiêm khắc và nói với ông ta trong cơn giận dữ:

– Hỡi kẻ thù của lẽ thật! Cầu cho đôi môi dối trá của ngươi, kẻ gọi ta – tôi tớ của Chúa Giê-su Ki-tô – là nhà chiêm tinh, bị bịt lại.

Và ngay lập tức, nhà chiêm tinh ấy bị câm. Mọi người không khỏi kinh hoàng. Còn người bị câm thì quỳ sấp xuống dưới chân người tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao và cúi đầu khẩn cầu ngài cho phép mình nói lại được. Sau khi răn dạy đủ, vị thánh nhân nhân từ đã chữa lành cho người bị trừng phạt.

– Tôi đã phạm tội chống lại ngài, tôi tớ của Đức Chúa Trời, – người được chữa lành kêu lên, – xin ngài tha thứ cho tôi.

Trong khi đó, vị vua đầy lòng biết ơn đã ra lệnh dâng tặng vị thầy thuốc kỳ diệu này một lượng lớn vàng, bạc và đá quý. Vị tu sĩ không tham lam đã không nhận lấy gì cho riêng mình.

– Chúng tôi không đòi hỏi – ông nói với nhà vua – những của cải tạm bợ này, vì chúng tôi hy vọng vào những của cải vĩnh cửu tốt đẹp hơn trong cuộc sống tương lai, những điều đã được Chúa Kitô của chúng ta hứa ban. Còn ngài thì hãy giữ lấy của mình; ngài ham mê của cải, và vì thế mà ngài đang hủy hoại linh hồn mình, bởi vì, với lòng tham vàng bạc, ngài cướp đoạt của người khác, mà lại không chia sẻ cho những người nghèo khó.

Ông cũng từ chối lời mời dùng bữa trưa cùng nhà vua.

– Chỉ cần một miếng bánh làm từ cám lúa mì và một chút muối là đủ để nuôi dưỡng thân thể yếu ớt của tôi rồi, – vị tu sĩ vĩ đại đã trả lời như vậy trước lời mời của nhà vua. Khi nhà vua, bất chấp lời từ chối của vị thánh, ra lệnh dẫn ngài cùng với Gioan vào một căn phòng riêng, đến bàn tiệc bày đầy những món ăn đắt tiền, thì vị tu sĩ nghiêm khắc ấy không nếm thử gì ngoài bánh mì.

Vị môn đệ chân chính của Chúa Kitô đã ở lại cung điện mười ngày, giảng dạy cho nhà vua về đức tin Kitô giáo thánh thiện. Nhưng những hạt giống của lời rao giảng Kitô giáo lại rơi vào trái tim đã hóa đá và trí óc bị che mờ bởi sự mê tín. Trong lần gặp gỡ cuối cùng với vị vua vô tín, Thánh Epiphanius đã giảng dạy trước mặt ông về những phán xét công chính, về lòng thương xót, về các nhà chiêm tinh như những đầy tớ của ma quỷ, và về việc không được phép tuyên chiến với các vị vua Kitô giáo:

– Nếu ngài ra trận chống lại họ, thì ngài sẽ trở thành kẻ thù của chính Đức Kitô bị đóng đinh và sẽ phải chết một cách khủng khiếp, – vị thánh công chính kết thúc bài giảng của mình, trong khi được chính vị vua tiễn đưa ra khỏi cung điện. Khi bước ra khỏi đó, vị tôi tớ của Đức Chúa Trời Hằng Sống đã thấy một thi thể đang được khiêng đi chôn cất. Sau khi ra lệnh cho những người khiêng thi thể dừng lại, Thánh Epiphanius ngước mắt lên trời và nói:

– Con Thiên Chúa, Đấng đã làm cho La-za-rô, người đã chết được bốn ngày, sống lại (Ga 11:39–44), xin hãy làm cho người chết này sống lại để tôn vinh danh thánh của Ngài.

Sau khi cầu nguyện, Thánh Epiphanius chạm tay vào người chết, và người ấy lập tức sống lại. Những người xung quanh kinh hoàng và lầm tưởng vị thánh làm phép lạ này là một vị thần nào đó. Còn vị tu sĩ khiêm nhường ấy, tự xưng là tôi tớ của Đức Chúa Trời, đã rao giảng cho họ về Đức Chúa Trời chân thật, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi Thánh. Vì những người nghe ngài không phải là chiên của Đấng Kitô, nên ngài vội vã trở về quê hương. Nhà vua định cử một đội quân hộ tống ngài đến tận biên giới Ba Tư. Nhưng vị chiến binh dũng cảm của Đấng Kitô đã từ chối.

[3615] Trong thời cổ đại, thuật ngữ "các nhà chiêm tinh" dùng để chỉ những người thông thái, sở hữu kiến thức sâu rộng, đặc biệt là kiến thức về các sức mạnh bí ẩn của thiên nhiên và các thiên thể. Họ quan sát các hiện tượng tự nhiên, giải mã giấc mơ, tiên đoán tương lai; phần lớn trong số họ đồng thời cũng là các thầy tế và được kính trọng sâu sắc tại các triều đình hoàng gia cũng như trong dân chúng.

– Tôi có Đức Chúa Trời bảo vệ tôi, – ông nói với nhà vua, – và các chiến binh của Ngài – các Thiên thần thánh thiện.

Rồi nhà vua, sau khi chia tay vị ẩn sĩ, tiễn ông đi với những lời:

– Hãy đi bình an, Epiphanius, vinh quang của người Hy Lạp, và hãy nhớ đến chúng tôi, những người đang ở Ba Tư.

Và vị thánh được Thiên Chúa che chở ấy đã trở về căn phòng ẩn tu của mình, nơi được người Saracen xây dựng dành riêng cho ngài. Khi đến nơi, ngài lại chìm đắm trong sự im lặng.

Xung quanh làng, trong một khoảng cách rất xa, không có nước. Vị thánh được Chúa yêu mến, sau khi cầu nguyện sốt sắng với Chúa, đã làm cho một suối nước tuôn trào từ đất khô cằn, giống như xưa kia Mô-sê đã làm từ tảng đá trong sa mạc (Sách Dân Số 20:11). Sau đó, vị ẩn sĩ, với sự giúp đỡ của đệ tử, đã khai hoang một khu vườn nhỏ, trồng các loại ngũ cốc ăn được và tưới nước cho chúng từ nguồn nước kỳ diệu ấy. Nhưng những con thú đến vườn đã ăn hết chúng. Một lần nọ, khi nhìn thấy những vị khách không mời này trong vườn, vị thánh nhân đã nói với chúng, như thể đang nói với con người, bằng những lời như sau:

– Đừng làm hại người nghèo khổ và tội lỗi này, người đã đến đây để sám hối về những tội lỗi của mình: tôi vốn đã có rất ít các loại ngũ cốc này, do Đức Chúa Trời ban cho để nuôi sống tôi.

Và những con thú, dường như hiểu được, đã xấu hổ bỏ đi và không còn gây hại cho vị thánh nữa. Danh tiếng về vị tu sĩ thánh thiện ở sa mạc Spanidri lan truyền khắp xứ Phoenicia. Điều này lại thu hút những người Saracen đến với ngài, những người mong muốn nhận được lời chúc phúc từ ngài và đã xây thêm ba căn phòng tu hành cho đông đảo các đệ tử tụ tập xung quanh ngài. Chẳng bao lâu sau, một tu viện thực sự đã được hình thành tại đây, với 50 tu sĩ. Trong số họ có Aetius Callistus, con trai của tổng trấn La Mã[3616] . Ông đã nhận lễ xuất gia từ Epiphanius vì lý do sau đây. Khi còn là thiếu niên, ông bị quỷ ám, và một lần nọ, trong giấc mơ, ông thấy Epiphanius nói với mình:

– Callistus ơi, con có muốn ta xua đuổi tà linh khỏi con không?

– Ngài là ai, thưa ngài, mà có thể xua đuổi kẻ hành hạ tàn nhẫn này khỏi con? – cậu thiếu niên hiện ra hỏi. Ngài đáp lại:

– Ta là Epiphanius, đang sống tại Phê-ni-xi thuộc Pa-lê-tin, trong một tu viện hoang vắng có tên là Spandriion. Nếu ta xua đuổi tà linh khỏi con, thì con có đến với ta và sống cùng ta trong tu viện của ta không?

– Thưa ngài, – người bệnh đáp lại, – chỉ cần ngài xua đuổi kẻ hành hạ tôi ra khỏi người tôi, tôi sẽ lập tức đến sống với ngài.

– Hãy cẩn thận, con ơi, – Epiphanius cảnh báo Callistus, – đừng vi phạm lời hứa của con.

Khi tỉnh dậy, người bị quỷ ám cảm thấy mình hoàn toàn khỏe mạnh và kể cho cha mẹ nghe về sự chữa lành kỳ diệu của mình. Sau ba tháng, Callistus đã đến gặp họ với lời thỉnh cầu như sau.

– Xin hãy cho con đến Phê-ni-xi ở Pa-lê-tin để tìm ngài Ê-pi-pha-ni-ô, để ở lại với ngài – con sợ rằng con quỷ hành hạ ấy sẽ quay lại với con.

Cha mẹ lập tức cho con trai mình đi gặp vị thánh cùng với các nô lệ và một lượng lớn vàng bạc. Khi đến gặp vị thánh đã chữa lành cho mình, người được chữa lành đã nhận áo tu sĩ từ tay ngài và dâng số vàng bạc mang theo để xây dựng tu viện; còn các nô lệ của mình thì ông gửi về cho cha mẹ.

Vào thời điểm đó, khắp Palestine đang lan truyền danh tiếng về một vị tu sĩ khác của Chúa Kitô – Thánh Hilarion Vĩ Đại, người có tu viện của mình ở sa mạc gần Gassky Maium. Một lần nọ, Thánh Epiphanius cùng môn đệ Gioan của mình đến thăm ngài. Vị trụ trì cùng các tu sĩ đã nồng nhiệt tiếp đón các vị khách và giữ họ lại ở lại vài ngày. Trong thời gian đó, ma quỷ, hóa thân thành hình dạng của Epiphanius, đã đến tu viện của ngài, như thể vừa trở về từ nơi của Thánh Hilarion Vĩ Đại. Một tu sĩ bất cẩn và lơ là, đã ra khỏi tu viện mà không có lý do chính đáng, đã nhìn thấy con quỷ đã biến hình. Anh ta lầm tưởng đó là Thánh Epiphanius thật, nên đã cúi đầu chào, và ngay lập tức, con quỷ nhập vào anh ta và bắt đầu hành hạ anh ta. Các tu sĩ, khi thấy người anh em đang bị quỷ ám, bối rối không hiểu tại sao căn bệnh này lại ập đến với một tu sĩ vốn khỏe mạnh, và họ đau buồn vì anh ta. Điều mà các tu sĩ ở cùng anh ta không thể hiểu được, thì vị trụ trì có tầm nhìn xa trông rộng, dù đang vắng mặt, đã nhìn thấu bằng linh hồn của mình.

[3616] Eparch – quan trưởng vùng.

– Thưa Cha, – lúc đó Epiphanius nói với Ilarion, – con sói đã xâm nhập vào đàn chiên của con và làm rối loạn đàn chiên của con: con đi để đuổi nó ra.

Nói xong, ngài từ biệt vị trưởng lão vĩ đại và các tu sĩ. Trở về tu viện gấp gáp, chỉ bằng sự hiện diện của mình, ngài đã buộc ma quỷ phải rời khỏi nạn nhân của mưu mô nó. Người được chữa lành kể lại cho ngài nghe chuyện mình đã bị quỷ ám như thế nào. Sau khi nghe câu chuyện đó, vị thánh đã dạy các tu sĩ phải tự bảo vệ mình khỏi những mưu mô của ma quỷ.

Không xa tu viện Epiphanius, dọc theo con đường chạy qua sa mạc, có một con sư tử hung dữ đã giết chết nhiều người qua đường, đến nỗi những người lữ hành chỉ dám đi thành những đoàn rất đông. Một lần nọ, họ tụ tập lại và đến tu viện gặp vị thánh, báo cáo về sự hung dữ của con thú đã giết chết nhiều người. Sau khi lắng nghe họ, vị thánh nói với họ:

– Hãy đi nào, các con, nhân danh Chúa, chúng ta hãy đi xem con sư tử đó.

Và tất cả cùng đi. Khi đến gần hang sư tử, mọi người đều hoảng sợ và muốn chạy trốn. Nhưng vị thánh nói:

– Hãy chỉ cho ta nơi nó ở.

Họ chỉ cho ngài từ xa. Rồi vị thánh nhân tiến về phía con thú, hỏi:

– Nơi ở của con sư tử ở đâu?

Ngay lập tức, con sư tử, nghe thấy tiếng người, lao ra khỏi hang; nhưng khi nhìn thấy khuôn mặt của vị thánh, nó ngã xuống chết ngay. Những người đang đứng xa xa, khi thấy con sư tử lao ra, vì sợ hãi đã chạy trốn và lo rằng nó sẽ xé xác Thánh Epiphanius. Vị thánh của Chúa liền hét lớn với họ:

– Đừng sợ, hỡi các con: hãy đến và xem xác con thú kia. Sau một hồi do dự, họ mới dám đến gần vị thánh, và khi thấy con sư tử đã chết nằm dưới chân ngài, họ vô cùng ngạc nhiên và ngợi khen Thiên Chúa.

Cùng với ân sủng làm phép lạ và nhiều ân sủng khác, Chúa đã ban cho tôi tớ trung thành của Ngài ân sủng vĩ đại về tri thức và khả năng giải thích Kinh Thánh. Khi đọc Kinh Thánh cho các anh em nghe, ngài giải thích một cách rõ ràng và dễ hiểu cho tất cả mọi người. Một nhà triết học Hy Lạp đã nghe nói về sự uyên bác và trí tuệ cao siêu của ngài. Từ Edessa[3617] , vị triết gia này đã đến tu viện của vị thánh và tranh luận với ngài dựa trên các tác phẩm của các nhà hiền triết Hy Lạp: ông ca ngợi chủ nghĩa đa thần của Hy Lạp, còn Epiphanius thì dùng giáo lý của Kinh Thánh để chứng minh sự chân thật của đức tin Kitô giáo vào Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi Thánh. Nhà học giả Hy Lạp đã ở lại tu viện của vị hiền triết Kitô giáo suốt một năm, vừa tranh luận với ngài vừa quan sát lối sống thánh thiện như các thiên thần của vị thánh và các môn đệ của ngài. Khi chứng kiến cả những phép lạ do Thánh Epiphanius thực hiện, nhà triết học dần dần nhận ra chân lý của Đức Kitô. Cuối cùng, phép lạ sau đây đã gây ấn tượng đặc biệt với ông và khiến ông hoàn toàn quy y Kitô giáo . 60 người đã đưa một người bị quỷ ám, bị trói bằng xiềng xích, đến tu viện[3618] . Vị thánh nói với nhà triết học:

– Hãy nghe đây, nhà triết học đang tranh cãi với Epiphanius tội lỗi: hoặc ngươi hãy trừ tà con quỷ hung ác khỏi người này bằng cách cầu khẩn các vị thần của ngươi, để ta tin vào chúng; hoặc ta sẽ cầu khẩn Đức Chúa Trời của ta, là Đức Giêsu Kitô bị đóng đinh, và trừ tà con quỷ đó, và khi đó ngươi hãy quy y đức tin Kitô giáo của chúng ta.

Nhà triết học im lặng, không tìm được lời đáp. Lúc đó, vị thánh, sau khi kêu cầu danh Chúa, đã ra lệnh cho con quỷ và trục xuất nó khỏi tạo vật của Chúa. Sau phép lạ này, nhà triết học quỳ xuống dưới chân vị thánh làm phép lạ, xin được rửa tội và tuyên xưng Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, là Chúa Giê-su bị đóng đinh. Vị thánh đã gửi người mới được rửa tội đến với Ilarion, người đã rửa tội cho anh ta với tên là Epiphanius. Người mới được rửa tội sau đó đã gia nhập đời tu, trở thành linh mục và là vị trụ trì của các tu sĩ.

[3617] Edessa, ngày nay là Urfa, là một thành phố ở phía bắc Mesopotamia bên bờ sông Euphrates; từ năm 137 trước Công nguyên, đây là thủ đô của Nhà nước Ozroene hay Edessa mới được thành lập; vào năm 217 sau Công nguyên, thành phố này đã bị người La Mã biến thành một thuộc địa ở phương Đông. Đạo Kitô đã sớm lan rộng tại Edessa; vào thế kỷ IV, Thánh Ephrem the Syrian đã thành lập một trường thần học tại đây, đến thế kỷ V, trường này nghiêng về phái Nestorian, và linh mục Iva – một giáo sư của trường Edessa – đã hoạt động rất tích cực để ủng hộ phái này. Năm 641, Edessa bị các caliph Ả Rập chinh phục; năm 1098, Bá tước Baldwin chiếm được thành phố này và biến nó thành thủ đô của Công quốc Edessa; năm 1144, thành phố bị người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục và từ đó liên tục thay đổi chủ quyền, cho đến khi vào năm 1637, nó chính thức rơi vào quyền cai trị của Thổ Nhĩ Kỳ.

[3618] Verigi – xiềng xích, dây xích.

Hàng ngày, rất đông các tu sĩ và giáo dân từ nhiều nơi khác nhau đến gặp vị thánh. Để tránh những kẻ xâm phạm đông đảo và không mong muốn này làm phiền sự ẩn dật thánh thiện của mình, Epiphanius quyết định lui về đất Ai Cập. Biết rõ rằng các tu sĩ sẽ không để ông ra đi, ông đã gọi họ lại và nói:

– Tôi muốn đi thăm vị trưởng lão vĩ đại Ilarion.

Các tu sĩ, khi hiểu được ý định của vị thầy mình, đã quỳ sấp xuống trước mặt ngài và khóc lóc van nài ngài đừng bỏ rơi họ. Vị tu sĩ già hứa sẽ không rời bỏ họ và ở lại trong phòng tu. Nhưng 10 ngày sau, cùng với đệ tử Gioan, ngài đã bí mật rời tu viện và lên đường đến Giê-ru-sa-lem[3619] . Tại đây, sau khi cúi đầu thờ lạy Thánh Giá Cứu Thế của Chúa, ngài đã cầu nguyện tại các thánh địa khác ở Giê-ru-sa-lem. Sau đó, ngài đi đến Giô-pi[3620] , nơi có bến cảng, và lên một con tàu đang khởi hành đến Alexandria[3621] . Khi vào thành phố này, ngài được vị thầy luật Do Thái tên là Aquila đón tiếp; người này muốn tranh luận với ngài về đức tin dựa trên Kinh Thánh. Cuộc tranh luận kéo dài hai ngày. Cuối cùng, người Do Thái ấy, sau khi bị người Kitô hữu thuyết phục, đã xin được rửa tội. Vị thánh đã dẫn ông đến gặp Tổng Giám mục Athanasius. Vị thánh đã vui mừng đón nhận cả hai: người Do Thái như một người đã quay về với Chúa Kitô, còn Epiphanius như người đã dẫn dắt anh ta vào con đường chính trực. Một thời gian ngắn sau, Epiphanius từ Alexandria cùng với môn đệ của mình đi đến Fivaida[3622] . Tại đây, họ được Paphnutius, một cựu môn đệ của Thánh Antôn Cả[3623] , đón tiếp.

– Xin cha ban phước lành cho chúng con, – vị thánh nhân nói với ông.

Ngài đáp lại:

– Các con được Chúa ban phước lành.

Sau khi cầu nguyện, họ ngồi xuống và trò chuyện: Epiphanius hỏi ông về cuộc đời của Thánh Antony, còn ông thì kể lại cho ngài nghe.

– Thưa Cha, – ông nói với ngài sau khi nghe câu chuyện đó, – con muốn sống trong sa mạc Nitria[3624] .

– Hãy đi đi, – người bạn đồng hành của Epiphanius đáp, – và hãy tận hưởng những cuộc trò chuyện với các vị thánh phụ đang sống ở Nitria, đồng thời thu thập từ họ những thức ăn thiêng liêng, để ngài dùng nó nuôi dưỡng đàn chiên thuộc về lời Chúa trên đảo Síp[3625] .

Lời của Paphnutius là lời tiên tri về chức giám mục tương lai của Epiphanius trên đảo Síp. Sau khi dâng lời cầu nguyện, hai người chia tay và mỗi người đi theo con đường của mình. Khi đến gần thành phố Leonitopolis, Epiphanius nghe nói rằng gần thành phố có một tu viện, nơi tu sĩ Ieraks đang sinh sống – một người trông có vẻ đạo đức, nhưng thực chất lại là kẻ dị giáo, vì ông ta giảng dạy sai lầm về thân xác của chúng ta theo quan điểm không chính thống. Theo quan điểm của ông ta, thân xác sẽ không sống lại, mà thay vào đó, Thiên Chúa sẽ ban cho một thân xác khác trong cuộc sống tương lai. Vì đã chép rằng: *"Ngươi là bụi đất, và ngươi sẽ trở về bụi đất"* (Sáng Thế Ký 3:19).

[3619] *Giê-ru-sa-lem,* trong tiếng Do Thái có nghĩa là "nơi cư ngụ của hòa bình", là thành phố cổ xưa nhất và nổi tiếng nhất của Palestine. Thành phố này nằm ở nguồn suối Kedron, không xa sông Jordan và Biển Chết, trên sườn của ba ngọn núi thuộc dãy núi Giu-đê là A-kra, Si-ôn và Mô-ri-a. Nguồn gốc của Jerusalem được cho là bắt nguồn từ thời Áp-ra-ham, người ta tin rằng đây chính là thành phố Sa-lút, nơi Mê-lích-xê-đéc từng là vua và thượng tế (Sáng Thế Ký 14:18). Thành phố này, được biết đến như trung tâm của các sự kiện lịch sử của dân tộc Do Thái được chọn trong Cựu Ước và Tân Ước, vô cùng quý giá đối với mỗi tín hữu Kitô giáo như nơi Chúa Giêsu chịu khổ nạn và phục sinh, cũng như là cái nôi của Giáo hội Kitô giáo, từ đó Lời Tin Mừng đã lan tỏa khắp vũ trụ.

[3620] Ioppia (ngày nay là Jaffa) – một trong những thành phố cổ xưa nhất của châu Á nằm trên bờ biển phía tây bắc Địa Trung Hải. Nơi đây đã là cảng của người Do Thái từ thời vua Sa-lô-môn trị vì.

[3621] Alexandria – thành phố cảng quan trọng của Ai Cập, được Alexander Đại đế thành lập vào năm 332 trước Công nguyên trên một mũi đất nhô ra bờ nam Địa Trung Hải, nằm hơi về phía nam so với thành phố cùng tên ngày nay; từng là trung tâm khoa học và thành phố thương mại hàng đầu thế giới; vào đầu thế kỷ IV, nơi đây trở thành trung tâm của Kitô giáo và là nơi cư ngụ của tổng giám mục.

[3622] Khu vực của thành phố Thebes nổi tiếng từ thời cổ đại; toàn bộ Ai Cập Thượng (phía nam) cũng được gọi chung bằng tên này, theo tên của thành phố chính. Sa mạc nằm ở đây từng là nơi ẩn dật yêu thích của các tu sĩ phương Đông vào thế kỷ IV và V.

[3623] Thánh Antôn Cả, người khai sinh ra đời sống tu hành, gốc Ai Cập, đã tu hành tại bờ đông sông Nile, gần Thebaid. Tại đó, ngài mặc áo lông cừu, chỉ ăn cỏ và rễ cây, và trong 20 năm, ngài đã sống trong sự vô danh, không ngừng lao động và cầu nguyện, và nhờ ân sủng của Thiên Chúa, ngài đã chiến thắng thần cám dỗ, kẻ luôn quấy rầy ngài bằng những cám dỗ và nỗi sợ hãi. Cuối cùng, cuộc sống thánh thiện và những phép lạ đã thu hút nhiều người tu hành đến với Thánh Antôn trong sa mạc; họ định cư gần ngài và lấy các quy tắc do Thánh Antôn đề ra làm gương mẫu, và đó chính là khởi đầu của đời sống tu hành. Thánh Antôn qua đời ở tuổi 105, vào năm 366. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 17 tháng 1.

[3624] Tất nhiên là những người ẩn tu sống trong sa mạc Nitria, giáp với núi Nitria, nằm ở phía tây bắc Ai Cập.

[3625] Đảo Síp nằm ở cực đông bắc của Biển Địa Trung Hải.

Ông ta còn nói rằng trẻ em sẽ chưa hoàn thiện trong thế giới đó. Thánh Epiphanius đã nghe nói về ông ta từ khi còn ở Palestine và mong muốn được gặp ông ta. Tương tự như vậy, Ierakh cũng đã nghe nói về vị tu sĩ đáng kính này. Khi đến tu viện này, vị thánh đã thấy rất đông người đang lắng nghe lời giảng dạy của Ierakh: tất cả đều coi ông là người có đức hạnh, là một người ăn chay nghiêm ngặt, không ăn dầu mỡ và không uống rượu. Thấy hai tu sĩ lang thang, Ierakh hỏi họ:

– Các anh đến từ đâu?

– Từ Palestine, – hai vị khách lữ hành đáp. Sau khi hỏi tên họ, ông cảm thấy buồn bã: ông không ưa Epiphanius, người nổi tiếng ở Ai Cập vì sự thánh thiện và trí tuệ của mình. Không còn để ý gì đến Epiphanius nữa, ông tiếp tục giảng dạy cho dân chúng. Khi tên dị giáo đó trong bài giảng của mình đề cập đến sự phục sinh của người chết và bắt đầu dạy rằng thân xác con người sẽ không sống lại, thì Epiphanius, không thể chịu đựng được sự lầm lạc của hắn, đã quay sang nói với hắn những lời cảnh cáo như sau:

– Hãy để miệng ngươi bị bịt lại, – để ngươi học được bài học đừng phỉ báng niềm hy vọng của chúng ta.

Và ngay lập tức, kẻ lầm lạc đó câm lặng và bất động. Những người chứng kiến phép lạ này đã vô cùng kinh hoàng. Còn vị thánh làm phép lạ thì bắt đầu giảng dạy về sự sống lại của người chết, khẳng định rằng họ sẽ sống lại trong chính thân xác mà họ đã sống trên thế gian này, chỉ là đã được biến đổi mà thôi. Sau vài giờ giảng đạo, vị thánh nói với người bị trừng phạt:

– Hãy học đức tin chân chính và dạy lại cho người khác.

Và người câm bỗng nhiên cất tiếng nói, thú nhận sự lầm lạc của mình và hứa sẽ ăn năn. Vị thánh đã dạy dỗ anh ta đủ về đức tin chân chính, rồi sau đó đi đến Thượng Phivaida. Ở đó có một nơi hoang vắng, được gọi là Vuvulie. Sau khi định cư tại đó, vị thánh đã ở lại đây bảy năm. Nhưng ngay cả sa mạc này cũng không thể giúp ngài tránh khỏi những vị khách viếng thăm. Trong số đó có một nhà triết học bản địa tên là Evdemon, đến để tranh luận với vị thánh về đức tin; nhà triết học này đi cùng con trai mình, người có một mắt bị lệch. Sau một cuộc tranh luận dài, vị thánh nhìn vào con trai của nhà triết học và nói với ông ta:

– Tại sao ngài không lo lắng cho con trai mình, để giúp nó thoát khỏi khuyết tật thể chất này?

– Nếu trên khắp thiên hạ, – người được hỏi đáp lại trong tiếng cười, – chỉ có một mình con trai của Evdemon là người một mắt, thì quả thực tôi nên lo lắng cho nó. Nhưng vì trên đời này có rất nhiều người một mắt, nên cứ để nó như vậy đi.

– Nhưng nếu thực sự trên khắp thiên hạ chỉ có một mình con trai ông là người bị lệch mắt, còn tất cả những người khác trên đời đều nhìn thấy bằng cả hai mắt, thì lúc đó ông sẽ làm gì để chữa lành cho nó? – Epiphanius tiếp tục hỏi Evdemon.

– Chẳng có gì khác cả, – nhà triết học đáp lại, – ngoài việc tự nhủ với chính mình: trên thế gian này không có ai bất hạnh hơn con trai tôi.

– Đừng coi lời tôi nói là đùa, – vị thánh nói, – nhưng hãy để tôi chữa lành cho con trai ngài, và ngài sẽ được chứng kiến vinh quang của Đức Chúa Trời, – vị thánh phản bác. Sau đó, ngài bế cậu bé lên, làm dấu thánh giá ba lần trên mắt cậu, và chữa lành cho cậu. Khi chứng kiến phép lạ này, nhà triết học cùng con trai mình đã tin vào Đấng Christ. Sau khi được dạy dỗ đầy đủ về đức tin chân chính, Evdemon cùng cả gia đình đã nhận phép rửa tội từ vị giám mục địa phương.

Chính danh tiếng về Thánh Epiphanius, vốn đã thu hút đông đảo dân chúng đến với ngài, đã khơi dậy trong lòng các giám mục Ai Cập mong muốn ép buộc vị thánh này trở thành vị thánh bảo trợ của một thành phố nào đó trong vùng. Nhưng vị thánh đã nhìn thấu ý định của các giám mục và nói với môn đệ của mình:

– Hãy trở về quê hương của chúng ta, con ơi.

Và cả hai cùng lên đường về Phoenicia. Trên đường đi, họ ghé qua tu viện của vị thánh vĩ đại Ilarion, nhưng không gặp được vị tu sĩ cao niên ở đó: vì có quá nhiều khách viếng thăm tu viện này nên ngài đã quyết định lui về một nơi hoang vắng, nằm trong phạm vi thành phố Paphos của đảo Síp[3626] . Các tu sĩ, vốn đang khóc than vì vị cha đã rời bỏ họ, khi thấy Thánh Epiphanius hiện diện tại đó, đã được an ủi trong nỗi buồn: ngài đã an ủi họ suốt bốn

[3626] Trong thời cổ đại, trên đảo Síp có hai thành phố mang tên Paphos hoặc Pafos: *Thành phố Cổ,* nằm trên bờ biển phía tây, cách biển 10 stade, và *thành phố Mới* (nay là Baffo), một thuộc địa của người Phoenicia, nằm cách thành phố Cổ 15 verst về phía tây bắc. Hiện nay, chỉ còn lại những tàn tích của cả hai thành phố này. Tuy nhiên, không rõ Thánh Epiphanius đã sống ở vùng lân cận của thành phố nào trong số đó.

mươi ngày. Sau đó, ngài lên đường trở về tu viện Spandriion của mình, nơi mọi người đều vui mừng chào đón sự trở về của ngài. Năm đó, tại Phoenicia xảy ra nạn đói do hạn hán. Khi biết tin vị thánh làm phép lạ vĩ đại đã trở về, đông đảo dân chúng đã đến tu viện của ngài, tha thiết cầu xin ngài khẩn cầu Thiên Chúa ban mưa, để đất đai sinh hoa kết trái.

– Sao các con lại làm phiền tôi thế này? – vị thánh nói với họ – Tôi chỉ là một con người tội lỗi mà thôi.

Nhưng họ vẫn nài nỉ ngài không ngừng nghỉ. Cuối cùng, vị thánh đã tự giam mình trong phòng tu và bắt đầu dâng lời cầu nguyện khẩn thiết. Bỗng chốc, bầu trời vốn trong xanh bỗng chốc bị che phủ bởi những đám mây giông, và trong ba ngày liền, mưa lớn không ngớt trút xuống khắp xứ Phê-ni-xi. Lúc đó, dân chúng bắt đầu cầu xin vị thánh của Chúa cho mưa ngừng lại. Nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, mưa đã ngừng lại, và năm đó, đất đai trĩu nặng hoa màu.

Càng ngày danh tiếng của vị thánh càng lan rộng, thu hút vô số đám đông đến viếng thăm mỗi ngày, thì ngài lại càng suy nghĩ nhiều hơn về việc rời khỏi Phê-ni-ki một lần nữa. Ý định của ngài chẳng bao lâu sau đã trở thành quyết định. Tại Lycia[3627] , nơi Thánh Epiphanius được rửa tội, một vị giám mục đã qua đời, và các vị giám mục từ các thành phố lân cận đã tụ họp để bầu chọn vị giám mục mới; trong lúc đó, họ đã nhớ đến Thánh Epiphanius. Trong số những người tham dự hội đồng có một tu sĩ trẻ tuổi nhưng sống đời hoàn hảo, trong sạch và đạo đức tên là Poluvius, người đã từng quen biết vị thánh đáng kính. Các giám mục ra lệnh cho anh ta phải nhanh chóng cưỡi ngựa đến tu viện Spanidion và bí mật tìm hiểu kỹ lưỡng: liệu Thánh Epiphanius có thực sự trở về từ Ai Cập hay không và liệu ngài có đang ở trong tu viện của mình hay không.

– Đừng tiết lộ nhiệm vụ này cho ai cả, ngay cả với chính Epiphanius, – các vị cha trong hội đồng nói với Poluvii. Anh ta tìm thấy vị thánh trong tu viện và chào hỏi ngài.

– Con đến đây làm gì, con trai của ta? – vị thánh hỏi Poluvia. Poluvia đáp:

– Con đến thăm Đức Thánh Cha.

– Con ơi, con đến đây – vị thánh có khả năng thấu thị phản bác – để dò xét sự hèn mọn của ta, xem ta có ở đây hay không. Đừng giấu ta điều đã được truyền lệnh, vì nói dối là tội lỗi: hãy nói sự thật, bởi vì Đức Chúa Trời đang ở giữa chúng ta – hãy thực sự là người phục vụ sự thật, còn Epiphanius, kẻ tội lỗi, đang lang thang từ nơi này sang nơi khác, rên rỉ và sợ hãi trước vô số tội lỗi của mình. Nhưng hãy nghe đây, Poluvius: con hãy ở lại đây, còn con ngựa thì hãy gửi đến các giám mục. Hãy để họ tìm kiếm người mà họ biết là xứng đáng để làm giám mục; còn tôi sẽ vẫn là người vô danh đối với họ.

Poluviy đã nghe theo lời nhà tiên tri: sau khi gửi con ngựa và người hầu đi, chính anh ta ở lại với vị thánh nhân. Khi đêm xuống, Epiphanius cùng với môn đệ thân tín của mình là John và Poluviy, người mới đến, đã lén lút rời khỏi tu viện mà không ai hay biết. Đầu tiên, ngài đến Jerusalem để thờ lạy Thánh Giá Cứu Thế và các thánh tích khác tại Jerusalem cùng vùng lân cận. Sau ba ngày lưu lại thành phố thiêng liêng đối với người Kitô hữu, Thánh Epiphanius nói với hai môn đệ của mình:

– Các con ơi, ta nghe nói rằng vị cha vĩ đại của chúng ta, Thánh Hilarion, hiện đang cư ngụ tại đảo Síp, không xa thành phố Paphos; vậy thì chúng ta hãy đến gặp ngài và nhận lời chúc lành từ ngài.

Nói xong, ngài cùng họ đi đến Cêsarea Philippi[3628] , thuộc Palestine, để lên một con tàu khởi hành đến đảo Síp. Khi cập bến Síp, ngài đi vào sa mạc Paphos để gặp vị ẩn sĩ vĩ đại Hilarion. Khi gặp lại nhau sau một thời gian dài xa cách, cả hai vị ẩn sĩ đều tràn ngập niềm vui lớn lao. Thấy Ilarion buồn phiền vì có quá nhiều khách viếng thăm và ý định chuyển đến nơi khác, Epiphanius đã quyết định rời khỏi người chủ nhà hiếu khách của mình sau hai tháng. Khi chia tay, Ilarion hỏi vị khách của mình:

– Ngươi muốn đi đâu, Epiphanius?

– Tôi sẽ đi đến Ascalon và Gaza[3629] rồi tiếp tục đi cho đến khi tìm được một nơi yên tĩnh nào đó trong sa mạc.

Đáp lại điều đó, thánh Epiphanius đã nghe được lời khuyên sau đây từ vị thánh có tầm nhìn xa trông rộng:

[3627] Licia, rất có thể, là thành phố chính của vùng núi cùng tên ở bờ nam Tiểu Á.

[3628] Césarea Philippi hay Paneia – một thành phố ở cực đông bắc Palestine, gần các nguồn suối của sông Jordan. Thành phố này được đặt tên là Philippi theo tên Herod, con trai của Philip, người đã nhận nó làm lãnh địa của mình, và để phân biệt với Césarea Palestine, nằm trên bờ Biển Địa Trung Hải

[3629] Ascalon và Gaza – là một trong những thành phố chính của người Philistine trên bờ Biển Địa Trung Hải.

– Hãy đi, con ơi, đến thành phố Salamis[3630] , nằm trên đảo Síp. Và con sẽ có một quãng thời gian tốt đẹp tại thành phố này.

Thánh Epiphanius không muốn nghe những lời tiên tri này, vốn chứa đựng lời tiên đoán rằng ngài sẽ trở thành tổng giám mục tại thành phố đó. Lúc đó, vị thánh tiên tri lặp lại lời khuyên của mình với ngài, nói:

– Ta nói với con đây, hỡi con yêu dấu, rằng con nên đến thành phố đó và sống ở đó. Vì vậy, đừng cãi lại ta, kẻo tai họa sẽ ập xuống con trên biển.

Sau khi chia tay với Hilarion, Epiphanius cùng các môn đệ của mình đi đến bến cảng. Ở đó có hai con tàu: một con đang chuẩn bị khởi hành đến Ascalon, con còn lại – đến Salamis. Vị thánh nhân lên con tàu đầu tiên. Vài giờ sau, một cơn bão lớn bất ngờ ập đến trên biển. Những con sóng dữ dội sẵn sàng bất cứ lúc nào cũng có thể đánh tan và nhấn chìm con tàu xuống đáy biển sâu thẳm. Mọi người đều tuyệt vọng về tính mạng của mình. Thảm họa này kéo dài suốt ba ngày đêm. Cuối cùng, vào ngày thứ tư, những con sóng đã đẩy con tàu dạt vào thành phố Salamis. Khi bước xuống tàu, những người lữ hành, kiệt sức vì nỗi sợ hãi kéo dài và cơn đói cồn cào, đã ngã quỵ xuống đất như những người đã chết. Họ phải dừng lại ba ngày để những người chèo thuyền mệt mỏi được nghỉ ngơi, đồng thời sửa chữa con tàu bị hư hỏng. Và chỉ đến ngày thứ tư, con tàu mới sẵn sàng ra khơi. Vị tu sĩ cũng định tiếp tục hành trình trên biển. Nhưng ý Chúa lại khác.

Chính vào thời điểm đó, tại thành phố đang diễn ra cuộc bầu chọn tổng giám mục. Các giám mục tụ họp nhân dịp này đã cầu nguyện với Chúa trong vài ngày, xin Ngài chỉ dẫn cho họ một người xứng đáng với chức vụ cao quý như vậy. Trong số họ có vị thánh Pappius, một vị cao niên có tầm nhìn xa trông rộng đến từ Kifer ([3631]), người đã làm giám mục suốt năm mươi năm và đã chịu nhiều đau khổ vì danh Chúa Kitô cùng với giám mục Gelasius của Salamis. Vị chứng nhân của Chúa Kitô này, được tất cả các giám mục Síp kính trọng như một người cha, đã được Thiên Chúa mặc khải rằng Thánh Epiphanius đã đến Salamis, và Ngài đã được truyền phải phong ngài làm giám mục của thành phố. Lúc bấy giờ là mùa thu và đã đến mùa thu hoạch nho.

– Hãy đi nào, các con, vào thành phố, – Thánh Epiphanius nói với các môn đệ của mình, – và chúng ta sẽ mua vài chùm nho để mang theo trên đường đi.

Khi họ đến chỗ người bán nho ở chợ, Thánh Epiphanius cầm hai chùm nho lớn và hỏi ông ta:

– Ông muốn bán chúng với giá bao nhiêu? – thì bỗng nhiên ngạc nhiên khi thấy bốn vị giám mục đang tiến lại gần mình. Trong số họ, Pappius – một vị cao niên được hai phó tế dìu đỡ – nhờ Thánh Thần đã nhận ra vị thánh khi nhìn thấy ngài và nói với ngài:

– Thưa Abba Epiphanius, hãy bỏ những chùm nho lại và đi cùng chúng tôi đến nhà thờ thánh.

Khi được mời, ngài nhớ lại lời của Đa-vít: *"Tôi vui mừng khi người ta nói với tôi: 'Hãy đi đến nhà Đức Chúa Trời'"* (Thi Thiên 121:1), nên đã bỏ lại những chùm nho và đi cùng các giám mục. Khi vị thánh bước vào nhà thờ, toàn thể hội đồng giám mục đã chào đón ngài bằng những lời:

– Chúa đã sai ngài đến với chúng tôi, thưa Abba, xin ngài hãy trở thành tổng giám mục của thành phố này và toàn bộ đảo Síp.

Còn vị thánh, tự xưng mình là kẻ có tội và không xứng đáng, đã từ chối đảm nhận chức vụ cao quý như vậy. Nhưng các giám mục, không để ý đến lời thỉnh cầu của ngài, bắt đầu phong chức cho ngài theo từng bậc của hàng giáo phẩm. Người được tấn phong thì khóc nức nở, vì cho rằng gánh nặng của chức thánh là điều mình không thể gánh vác nổi. Thấy những giọt nước mắt của vị được tấn phong đang đau khổ, Pappius nói với ngài:

– Con ơi, lẽ ra chúng ta nên giữ im lặng về sự mặc khải mà chúng ta đã nhận được về con, nhưng vì ta thấy con đang đau buồn và khóc lóc, nên ta cần phải thông báo cho con điều mà Thiên Chúa đã thương xót mặc khải cho chúng ta. Chính các vị giám mục thánh thiện đang tụ họp ở đây đã trao cho kẻ bất xứng như ta chức vụ tổng giám mục, và nói với kẻ tội lỗi như ta rằng: 'Hãy siêng năng cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, vì chúng tôi tin rằng Đức Chúa Trời sẽ chỉ cho con một người xứng đáng với chức Tổng Giám mục.' Còn tôi, sau khi đóng cửa trong phòng

---

[3630] Salamis – thành phố lớn nhất và được phòng thủ kiên cố nhất ở Síp, nằm trên bờ đông của đảo. Thành phố này có một cảng tuyệt đẹp, đủ sức chứa cả một hạm đội. Salamis bắt đầu suy tàn dưới thời Trajan (98–117) trong cuộc nổi dậy của người Do Thái, những người đã phá hủy một phần đáng kể của thành phố. Sau đó, trận động đất xảy ra dưới thời Constantine Đại đế (306–337) đã phá hủy hoàn toàn thành phố này, cướp đi sinh mạng của gần như toàn bộ dân cư. Thành phố được Constantius (337–361) tái thiết và đặt tên là "Constantius". Các di tích của nó hiện nằm gần Famagusta.

[3631] Kifera hay Kiter, còn gọi là Cythera – là thành phố chính trên bờ nam của hòn đảo cùng tên, hòn đảo cực nam thuộc quần đảo Ionian ở Biển Địa Trung Hải.

ngủ của mình, đã cầu nguyện cùng Chúa Cứu Thế, và bỗng chốc một luồng ánh sáng chói lòa như tia chớp chiếu rọi tôi, và tôi nghe thấy một tiếng nói cất lên với tôi, kẻ tội lỗi này: – Pappius, Pappius, hãy nghe đây! – Tôi, đầy sợ hãi, thưa: – Ngài muốn gì, lạy Chúa của con? – Và giọng nói ấy nhẹ nhàng phán với tôi: – Hãy đứng dậy và đi đến chợ, ở đó con sẽ thấy một tu sĩ đang mua những chùm nho, khuôn mặt và dáng vẻ giống như tiên tri Ê-li-sê, và đi cùng hai môn đệ. Hãy đưa người ấy đi và tấn phong làm tổng giám mục; tên của vị tu sĩ ấy là Epiphanius. – Và thế là tôi đứng dậy, làm theo lời được truyền. Còn con, hỡi con cái, đừng chống lại ý muốn của Thiên Chúa, *"hãy chăm sóc chính mình và cả bầy chiên mà Thánh Thần đã đặt các con làm người chăn dắt"* (Công vụ 20:28).

Sau bài giảng của Papias, Epiphanius đã cúi đầu chào ngài và, tuân theo ý muốn của Chúa, đã nhận lễ tấn phong làm giám mục. Sau đó, các giám mục vui mừng chia tay nhau và trở về nơi ở của mình. Còn vị tổng giám mục mới được tấn phong thì bắt đầu chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô đã được giao phó cho ngài trên đồng cỏ thiêng liêng, không chỉ bằng lời giảng dạy mà còn bằng gương sáng của đời sống đạo đức.

Vào những ngày đầu của sứ vụ mục vụ, Thánh Epiphanius, một quý tộc La Mã tên là Evgnomon đã bị giam vào ngục vì nợ 100 đồng vàng cho Drakon, một công dân thành Salamis. Không ai có thể cứu giúp người tù nhân này: vì ông đang ở xa quê hương La Mã của mình[3632] , nên không ai muốn đứng ra bảo lãnh cho ông. Nghe tin này và thương xót người mắc nợ, vị thánh đã đến gặp Drakon, một người ngoại đạo giàu có nhưng keo kiệt, để xin ông ta thả Eugnomon ra khỏi xiềng xích. Lời thỉnh cầu của vị thánh đã khiến kẻ thờ thần tượng nổi cơn thịnh nộ.

– Kẻ ngoại lai đến thành phố của chúng ta! – hắn đáp lại với giọng đầy thù hận, – nếu ngươi muốn ta thả con nợ cho ngươi, thì hãy đi mang đến cho ta một trăm đồng vàng.

Thánh Epiphanius đã trao cho hắn một trăm đồng vàng từ kho vàng của nhà thờ, và nhờ đó đã giải thoát người mắc nợ khỏi cả xiềng xích lẫn món nợ. Về việc phân phát số vàng này, vị phó tế kiêu ngạo và độc ác tên là Karin bắt đầu phàn nàn về vị thánh, đồng thời kích động sự bất mãn chống lại ngài trong số các giáo sĩ khác.

– Các ngươi có thấy kẻ ngoại lai này không, – ông ta nói với họ, – hắn muốn cướp bóc tất cả những gì có trong nhà thờ, còn chúng ta sẽ phải chịu tội vì đã tham ô kho báu của nhà thờ.

Karin, vốn là một người giàu có, đã lợi dụng chuyện này để tìm cớ lật đổ Thánh Epiphanius khỏi ngai tổng giám mục, nhằm tự mình ngồi lên đó. Tất cả các giáo sĩ, bị hắn xúi giục chống lại hành động nhân từ của vị tổng giám mục, đã nói với Epiphanius:

– Danh dự thánh phẩm mà ngài đã nhận được chẳng lẽ vẫn chưa đủ sao? Nhưng ngài còn phung phí tài sản của Giáo hội như một người lữ hành và khách lạ, người đã đến đây trong cảnh nghèo khó và trần truồng. Vậy thì, hoặc là hãy trả lại cho Giáo hội một trăm đồng vàng, hoặc là hãy rời khỏi đây, trở về nơi ngài đã đến.

Vị thánh im lặng chịu đựng. Sau khi được giải thoát khỏi xiềng xích, ông lên đường đến Roma, bán hết tài sản của mình và trở về với vị thánh cùng một số lượng vàng lớn. Ông trao toàn bộ số tiền thu được từ việc bán tài sản vào tay Thánh Epiphanius, rồi dâng hiến chính bản thân mình để phụng sự Thiên Chúa và vị giám mục của Ngài, và sống bên cạnh Thánh Epiphanius cho đến khi qua đời. Còn vị Thánh, sau khi lấy 100 đồng vàng từ số vàng được dâng cho ngài, đã trao cho Karina và nói:

– Đây là vàng của Giáo hội, được mượn để giải thoát người mắc nợ.

Karin nhận lấy. Trong khi đó, số vàng còn lại, vị thánh đã phân phát cho những người nghèo khó. Còn Karin, sau khi triệu tập các linh mục, đã khoe khoang một cách kiêu ngạo trước mặt họ.

– Này, – ông ta nói với họ, – đây là số vàng mà Epiphanius đã phung phí, mà tôi đã đòi lại từ ông ta.

Nhưng các giáo sĩ bắt đầu chỉ trích Karin, người đã lôi kéo họ vào tội phàn nàn và xúc phạm vị thánh, và giận dữ ra lệnh cho anh ta phải trả lại số vàng này cho vị thánh:

– Bởi vì vị thánh, – họ nói, – có quyền sử dụng của cải của Giáo hội cho các việc bác ái.

Karina còn gây ra nhiều rắc rối khác cho vị thánh nhân của Chúa, nhưng ngài vẫn chịu đựng tất cả với lòng hiền lành.

Một lần nọ, khi vị thánh đang dùng bữa trưa tại nhà mình, với sự hiện diện của tất cả các giáo sĩ, và đang giải thích một số mầu nhiệm trong Kinh Thánh, thì một con quạ bay đến bên cửa sổ và bắt đầu kêu quác quác. Còn Karin, vừa cười nhạo bài giảng của vị thánh, vừa nói với các giáo sĩ khác:

– Ai trong các anh biết con quạ này đang kêu gì không?

Vì mọi người đều đang chăm chú lắng nghe bài giảng, nên không ai trả lời câu hỏi của phó tế.

[3632] Rome – thành phố chính của Ý, nằm dọc theo cả hai bờ sông Tiber, tại nơi sông này đổ ra biển.

Và Karin lại hỏi lần thứ hai, rồi lần thứ ba:

– Ai đủ thông minh để hiểu được tiếng kêu của con quạ này?

Nhưng vẫn không ai để ý đến lời anh ta, mà tiếp tục lắng nghe bài giảng đầy cảm hứng từ Thánh Epiphanius. Cuối cùng, vị phó tế táo bạo đã hỏi chính vị thánh:

– Nếu ngài là người khôn ngoan, hãy nói cho tôi biết con quạ này đang nói về điều gì, và nếu ngài nói được, thì ngài sẽ được sở hữu toàn bộ tài sản của tôi.

Vị thánh nhìn anh ta và nói:

– Ta biết con quạ đang nói gì: nó nói rằng từ nay trở đi, ngươi sẽ không còn làm phó tế nữa.

Và ngay lập tức, sau lời nói của vị thánh, Karina cảm thấy kinh hoàng, hơn nữa, anh ta còn bị một căn bệnh nào đó hành hạ, đến nỗi không thể ngồi tiếp bên bàn ăn nữa và đã được các nô lệ của mình đưa về nhà.

Sáng hôm sau, ông qua đời. Tất cả các giáo sĩ đều kinh hoàng tột độ và từ đó trở đi, họ đều kính sợ và tôn kính Thánh Epiphanius, vị thánh của Chúa Kitô. Còn người góa phụ kính sợ Thiên Chúa và không có con của người bị trừng phạt kia, đã mang tài sản còn lại của chồng đến nhà thờ dâng cho giám mục và hiến dâng bản thân để phụng sự Thiên Chúa; một cánh tay của bà bị liệt hoàn toàn, căn bệnh đã ập đến với bà mười năm trước; sau khi làm dấu thánh giá trên cánh tay bị bệnh của người góa phụ – người thậm chí không thể cầm nắm được gì – Thánh Epiphanius đã chữa lành cho bà hoàn toàn. Sau đó, ngài phong bà làm nữ phó tế[3633] , vì bà là người trong sạch và xứng đáng với việc phụng sự Giáo hội. Thánh Epiphanius, vị tổng giám mục vĩ đại của Đức Chúa Trời, cũng được ân sủng từ Chúa để nhìn thấy, trong lúc dâng lễ vật không đổ máu, sự ngự xuống của Đức Thánh Linh trên các Thánh Thể được dâng lên, và thường không kết thúc lời cầu nguyện dâng lễ cho đến khi được ân sủng chiêm ngưỡng sự ngự xuống của Đức Thánh Linh. Một lần nọ, khi đang đọc lời cầu nguyện dâng lễ, vị Giám mục chủ tế không thấy dấu hiệu ấy. Ngài đã lặp lại lời cầu nguyện đó hai lần từ đầu, nhưng vẫn không thấy hiện tượng ấy; lúc đó, vị Thánh đã khóc lóc cầu xin Chúa chỉ ra nguyên nhân của hiện tượng đau buồn này. Khi ngước nhìn vị phó tế cầm cây gậy đứng bên trái, ngài nhận thấy khuôn mặt ông ta đen sạm, còn trán thì bị bệnh hủi bao phủ[3634] . Sau khi nhận cây gậy từ tay ông ta, vị thánh nhẹ nhàng nói với ông:

– Hỡi con, hôm nay đừng rước Mình Thánh Chúa, mà hãy về nhà đi.

Sau khi người ấy rời khỏi bàn thờ, vị thánh thấy ân sủng của Thánh Thần ngự xuống trên các lễ vật đã dâng. Sau thánh lễ, vị thánh gọi vị phó tế vừa bị đuổi ra đến bên mình và hỏi xem liệu anh ta có đang mang trong lòng tội lỗi đặc biệt nào không. Vị phó tế thú nhận rằng đêm vừa qua, anh ta đã quan hệ với vợ mình. Lúc đó, vị thánh triệu tập toàn thể hàng giáo sĩ và nói:

– Hỡi các con, những người được ban ân sủng phục vụ tại bàn thờ, hãy cởi bỏ đôi giày của những dục vọng xác thịt vô ngôn – đừng bước vào bàn thờ Thánh khi còn bị trói buộc bởi những ham muốn xác thịt, hãy nghe lời Thánh Tông Đồ phán: *"Những ai có vợ phải sống như thể không có vợ"* (1 Cô-rinh-tô 7:29).

Kể từ đó, Thánh Epiphanius của Chúa Kitô chỉ phong chức phó tế và linh mục cho những tu sĩ đạo đức và những người góa vợ trong sạch, tuyệt đối không cho phép những người đã kết hôn. Và Giáo hội của ngài, được trang hoàng bởi những người phục vụ trong sạch, rạng ngời như một cô dâu xinh đẹp.

Cho đến nay, cuộc đời của Thánh Epiphanius đã được mô tả bởi môn đệ của ngài là Gioan, người đã an nghỉ trong chức vụ linh mục. Những điều còn lại về cuộc đời của vị thánh này đã được một môn đệ khác của ngài – Poluvius – ghi chép lại. Ông bắt đầu như sau.

– Tạ ơn Thiên Chúa, Đấng ban sự sống và tôn vinh những ai tôn vinh Ngài, như Ngài đã tôn vinh vị thánh nhân Epiphanius của Ngài bằng ân sủng kỳ diệu, và tôi cũng được ân sủng để trở thành người ghi chép lại những

---

[3633] Diaconissa – nữ thừa tác viên trong Giáo hội Cơ đốc cổ đại, bao gồm các góa phụ hoặc các thiếu nữ đã lớn tuổi. Nhiệm vụ của các diaconissa trước hết thể hiện qua một số trách nhiệm trong Giáo hội liên quan đến phụ nữ. Chẳng hạn như: chuẩn bị cho phụ nữ trước khi rửa tội, hướng dẫn họ trả lời đúng các câu hỏi của người làm lễ rửa tội, hỗ trợ giám mục khi cử hành bí tích này cho họ, xức dầu lên các bộ phận cơ thể (trừ trán), dạy dỗ về cách ứng xử đúng đắn sau khi rửa tội, giám sát việc họ đứng đúng tư thế trong nhà thờ và tham dự các buổi trò chuyện giữa giám mục, linh mục và phó tế với họ. Ngoài ra, các nữ phó tế còn chăm sóc những người nghèo và bệnh tật, những người cần sự từ thiện và sự chăm sóc.

[3634] Bệnh phong là một trong những căn bệnh lây lan nhanh nhất, khủng khiếp nhất và, phần lớn, gây tử vong. Thông thường người ta phân biệt ba loại bệnh này: trắng, đen và đỏ, hay còn gọi là bệnh phong voi. Loại cuối cùng là loại lây lan mạnh nhất. Các tên gọi này tương ứng với ba màu sắc khác nhau của các vết trên cơ thể, xuất hiện trước khi các vảy thối rữa hình thành trên đó.

việc làm kỳ diệu của ngài. Vị linh mục đáng kính Gioan, môn đệ của Thánh Phụ Epiphanius của chúng ta, khi lâm bệnh nặng sắp qua đời, đã gọi tôi đến bên mình và nói:

– Con yêu quý Poluviy!

– Cha muốn con làm gì, thưa cha? – tôi hỏi ngài. Nghe vậy, Gioan đáp:

– Vì Thánh Phụ Epiphanius của chúng ta cấm ghi chép lại những phép lạ mà Thiên Chúa đã thực hiện qua sự thánh thiện của ngài, nên hãy lấy những tờ giấy này, nơi tôi đã bí mật ghi chép cho đến ngày hôm nay tất cả những gì tôi đã chứng kiến ngài thực hiện; con cũng hãy ghi chép những gì con sẽ chứng kiến từ nay về sau, vì Thiên Chúa phán rằng: *"Tuổi thọ của con sẽ được gia tăng"* (Châm Ngôn 9:11), và ngươi sẽ ở lại bên ngài suốt cuộc đời mình. Còn ta thì sắp lên đường, con đường mà mọi người trần gian đều không thể tránh khỏi. Hãy nhớ đừng lười biếng trong việc ghi chép, vì ta được Đức Chúa Trời thúc giục phải viết những điều này... hãy đi xin cha đến gặp ta", – ông nói thêm sau đó.

Tôi đi và gọi vị giám mục của Đức Chúa Trời. Khi đến bên người bệnh, ngài nói:

– Ngươi đã lười biếng, Gioan, khi không cầu xin Chúa cho Epiphanius, kẻ tội lỗi này.

– Thưa Cha, – người bệnh phản đối, – giờ đây, sẽ thích hợp hơn nếu Cha cầu nguyện cho con, tôi tớ của Cha.

Sau khi vị thánh chủ tế cầu nguyện cho người bệnh, ông nói với vị thánh:

– Xin cha lại gần con hơn một chút.

Vị thánh tiến lại gần.

– Xin cha hãy đặt tay lên mắt con và hôn con một nụ hôn cuối cùng, vì con sắp ra đi rồi, – người sắp qua đời nói.

Và ngay khi vị giám mục đặt tay lên mắt anh ta và hôn anh ta, anh ta đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Sau khi khóc than thảm thiết vì người môn đệ yêu quý của mình, vị thầy – giám mục – đã tổ chức cho anh ta một lễ tang trang trọng.

Sau đó, vị thánh nhân nảy sinh ý định xây dựng một nhà thờ mới thay thế cho ngôi nhà thờ cũ nhỏ bé và đã rất cũ nát. Ông cầu xin Chúa giúp đỡ và trong lúc cầu nguyện, ông nghe thấy tiếng nói từ trên cao hứa hẹn sự giúp đỡ và ra lệnh cho ông bắt tay vào việc mình đã định mà không do dự. Lời hứa chắc chắn của Chúa không chậm trễ mà đã ứng nghiệm. – Con trai của người Hy Lạp tên là Drakon nói trên đã ốm lâu ngày. Người cha, dù đã mời những bác sĩ giỏi nhất đến chữa trị cho con trai, nhưng điều đó chẳng mang lại lợi ích gì, và cuối cùng, chính ông cũng bị ốm. Vị thánh, khi đến nhà ông, đã chữa lành bằng lời cầu nguyện, trước tiên là cho người con trai, rồi đến người cha. Lúc đó, Drakon, sau khi tin nhận và chịu phép rửa tội cùng cả gia đình, đã dâng năm nghìn đồng vàng để xây dựng nhà thờ. Và một nhà thờ lớn bằng đá, tuyệt đẹp đã được xây dựng để tôn vinh Đức Chúa Trời.

Một công dân khác trong cùng thành phố đó, một người ngoại đạo giàu có tên là Sinisius, đã mất đi người con trai duy nhất mười ba tuổi tên là Eustorgius: căn bệnh đã làm cong cổ cậu bé và khiến cậu bị nghẹt thở. Trong nhà của người giàu có gốc Hy Lạp này, tiếng khóc than vang lên thảm thiết. Nghe thấy tiếng khóc, người hàng xóm là Hermias, một tín đồ Kitô giáo, đã nói với mẹ của cậu bé đã qua đời:

– Thưa bà, nếu vị thánh vĩ đại Epiphanius đến đây, ngài sẽ làm cho con trai bà sống lại.

Bà, tin vào lời người hàng xóm, đã nhờ ông ấy đưa Thánh Epiphanius đến nhà mình. Hermias đã mời vị Giám mục của Chúa đến nhà họ. Khi vị khách quý bước vào, bà chủ nhà quỳ xuống dưới chân ngài, nói:

– Vị thầy thuốc vĩ đại của Chúa Kitô, xin ngài hãy thể hiện tài năng chữa bệnh của ngài trên đứa con của chúng tôi và làm cho nó sống lại từ cõi chết. Nếu ngài làm được điều đó, thì ngay lập tức cả gia đình chúng tôi sẽ theo Chúa Kitô của ngài.

– Nếu bà tin vào Đấng bị đóng đinh, – vị thánh nói với bà, – bà sẽ thấy con trai mình còn sống.

– Trong lòng tôi không có ý nghĩ nào khác, – bà đáp, – ngoài việc tin vào Ngài: liệu tôi có được thấy con mình còn sống không?

Rồi vị thánh tiến đến bên giường người đã khuất, dùng tay phải xoa nhẹ cổ cậu bé và với ánh mắt rạng ngời hướng về cậu, nhẹ nhàng thốt lên:

– Eustorgius!

Cậu bé lập tức mở mắt và ngồi dậy trên giường. Trước phép lạ vĩ đại này, tất cả những người có mặt trong nhà đều kinh ngạc và kinh hoàng. Cha của cậu bé được hồi sinh, cùng với vợ và cả gia đình, đã chịu phép rửa tội nhân danh Chúa Kitô và dâng cho vị thánh ba nghìn đồng vàng. Nhưng vị thánh làm phép lạ nói với ông:

– Tôi không đòi hỏi điều đó, hãy mang số tiền này đến cho những người thợ xây nhà thờ.

Và nhà thờ mới được xây dựng tại Sinisia đã được trang hoàng lộng lẫy bằng vàng, đồng thời đón nhận Poluvia – môn đệ của vị thánh – làm linh mục.

Một lần nọ, có một phó tế từ Giê-ru-sa-lem đến đảo Síp, người này kể cho vị thánh nghe về Giám mục Giăng của Giê-ru-sa-lem, một kẻ ham tiền và khinh miệt những người ăn xin. Giăng từng là bạn cùng tu viện với Epiphanius tại tu viện của vị thánh vĩ đại Hilarion. Ngài đã viết một lá thư khuyên nhủ người quen của mình về việc đối xử nhân từ với những người nghèo khổ. Nhưng kẻ ham tiền đã không nghe theo lời khuyên nhủ của vị thánh nhân. Vài năm sau, Tổng giám mục Síp nói với môn đệ Poluvia của mình:

– Hãy đi nào, con yêu, chúng ta sẽ đến Giê-ru-sa-lem để thờ lạy Thánh Giá và Mộ Thánh của Chúa. Sau khi thờ lạy xong, chúng ta sẽ trở về.

Và họ đã lên thuyền từ Síp đến Cêsarea Philippi, rồi từ đó đi bộ đến Giê-ru-sa-lem. Sau khi thờ lạy các thánh địa ở đó, họ đến gặp Giám mục Gioan, người đã rất vui mừng khi gặp lại Epiphanius. Vị thánh của Síp nói với ông:

– Anh ơi, xin cho tôi một chỗ ở, vì tôi muốn ở lại đây một thời gian.

Vị giám mục Giê-ru-sa-lem đã đáp ứng lời thỉnh cầu của vị khách. Sau khi dành cho ngài một ngôi nhà tuyệt đẹp, ngài mời ngài đến dùng bữa cùng mình hàng ngày. Vị khách, một mặt nhìn thấy vô số đồ dùng bằng bạc được mang đến cùng với các món ăn và đồ uống, mặt khác lại nghe thấy tiếng phàn nàn của đám người nghèo về sự keo kiệt của Gioan, nên đã nghĩ cách khơi dậy lòng từ bi nơi ngài. Và rồi một ngày nọ, ngài nói với chủ nhà giàu có của mình:

– Xin cha Gioan cho con mượn tạm những đồ dùng bằng bạc này: có những vị khách quý từ Síp đến thăm con, và con muốn bày chúng ở nhà mình, để khoe với họ về lòng hiếu khách của cha và những đồ bạc trong ngôi nhà của cha, nơi cha đã cho con ở để nghỉ ngơi. Điều này sẽ mang lại vinh quang cho ngài, vì khi trở về nhà, những vị khách ấy sẽ kể lại cho những người có địa vị khác biết rằng ngài đã thể hiện tình yêu thương lớn lao như thế nào đối với tôi, và vinh quang, danh dự cùng sự giàu có của ngôi nhà ngài vĩ đại ra sao. Vậy nên, xin hãy cho tôi mượn tất cả số bạc này chỉ trong một thời gian ngắn. Tôi sẽ sớm trả lại cho ngài với lòng biết ơn.

Giăng mang đến cho ông rất nhiều đồ đựng bằng bạc khác nhau. Lúc đó, Epiphanius hỏi:

– Thưa cha, cha còn nhiều hơn nữa không?

– Của ngài thế này là đủ rồi, – người ham danh lợi đáp lại, – chỉ cần thế này thôi.

– Không, – Epiphanius nói, – nhưng hãy đưa hết những gì quý giá nhất và tốt nhất mà ngài có, để khách khứa phải kinh ngạc và ngài được vinh quang tột bậc.

Giăng mang đến cho ngài những chiếc bình tốt nhất, nói:

– Bất cứ thứ gì cha Epiphanius muốn, xin hãy lấy đi.

Vị thánh đã nhận từ ông ta khoảng 1.500 lít[3635] bạc, rồi mang về phòng riêng của mình. Vào thời điểm đó, một thương gia buôn bạc tên là Asterius từ Rome đến Jerusalem để giải quyết công việc. Vị thánh đã bán cho thương gia này số bạc mà vị giám mục địa phương đã trao cho ngài với giá hợp lý. Sau khi mua xong, Asterius trở về nhà. Còn vị thánh nhân của Đức Chúa Trời thì ngày đêm phân phát cho những người nghèo số tiền thu được từ việc bán bạc – cho đến đồng xu cuối cùng. Vài ngày sau, Gioan nói với Epiphanius:

– Xin cha hãy trả lại cho con số bạc mà con đã đưa cho cha.

– Xin cha hãy kiên nhẫn một chút, – Tổng giám mục đảo Síp đáp lại, – con sẽ trả lại cho cha tất cả: con còn muốn chiêu đãi khách tại nhà mình một lần nữa.

Sau vài ngày nữa, vị Giám mục Giê-ru-sa-lem lại nhắc nhở vị thánh nhân về việc trả lại số bạc tại nhà thờ nơi lưu giữ Thánh Giá Cứu Thế.

– Hãy trả lại cho tôi, – ngài nói với ngài, – số bạc mà ngài đã lấy của tôi.

– Con đã nói với cha rồi, thưa cha, – Epiphanius nhẹ nhàng đáp, – con sẽ trả lại tất cả, chỉ xin cha kiên nhẫn thêm một chút thôi.

Sau câu trả lời đó, Gioan, tràn đầy cơn thịnh nộ, túm lấy áo của Epiphanius, siết chặt rồi đe dọa:

[3635] Litra – đơn vị đo lường trọng lượng, tương đương 72 zolotnik. Một litra bạc có giá lên đến 42 rúp, còn một litra vàng có giá lên đến 506 rúp.

– Ngươi sẽ không được ra khỏi đây, không được ngồi, không được nghỉ ngơi cho đến khi trả lại bạc của ta. Hỡi kẻ độc ác và xảo trá! Hãy trả lại cho ta những gì ngươi đã lấy, hãy trả lại của nhà thờ cho nhà thờ.

Epiphanius không hề bối rối trước thái độ giận dữ của người kia. Ông vẫn giữ vẻ hiền lành như trước. Trong khi đó, vị giám mục Giê-ru-sa-lem đang tức giận đã quấy rầy vị thánh nhân suốt hai giờ đồng hồ. Tất cả những người có mặt trong nhà thờ, khi nghe những lời tàn nhẫn mà ông ta dành cho vị thánh nhân của Chúa, đều kinh ngạc. Còn vị thánh bị sỉ nhục, khi thấy cơn giận dữ và sự phẫn nộ không thể kiềm chế của kẻ mắng chửi, đã thổi một hơi vào mặt ông ta, và ngay lập tức người đó bị mù. Bị kinh hãi một cách bất giác trước hình phạt kỳ diệu đó cùng với tất cả những người có mặt, Gioan quỳ sấp xuống trước mặt vị thánh, xin ngài cầu nguyện với Chúa để ông được sáng mắt trở lại.

– Hãy đi thờ lạy Thánh Giá của Chúa, – vị thánh đáp lại lời cầu xin của ông, – và ngươi sẽ được sáng mắt.

Nhưng người bị trừng phạt vẫn không rời xa Thánh Epiphanius, không ngừng nài xin ngài. Lúc đó, vị thánh vĩ đại, mở miệng đầy sự khôn ngoan của Chúa, đã giảng dạy người tham lam ấy một hồi lâu về lòng từ bi và việc bố thí. Sau đó, nhờ lời cầu nguyện và việc đặt tay lên người anh ta, ngài đã mở lại mắt phải cho anh ta. Người được chữa lành một nửa đã xin vị thánh làm phép cho mắt trái của mình cũng được sáng lại. Nhưng vị thánh đáp lại:

– Đó không phải là việc của ta, hỡi con, mà là việc của Đức Chúa Trời: vì Đức Chúa Trời đã làm mù con mắt đó, nên chính Đức Chúa Trời sẽ mở lại, để con tỉnh ngộ.

Sau khi bị trừng phạt, Gioan đã ăn năn, trở nên nhân từ với người nghèo và công chính trong mọi việc.

Trên đường trở về từ Giê-ru-sa-lem về giáo phận của mình, Thánh Epiphanius đã gặp hai tên hề, những kẻ muốn chế nhạo ngài như sau. Thấy vị thánh từ xa, một trong số họ giả vờ chết. Còn người kia, khi vị thánh đến gần, đã nói với ngài:

– Thưa Cha, xin hãy đến viếng người chết và dùng một tấm vải nào đó che thân thể trần truồng của anh ta.

Vị thánh, sau khi nhìn người giả vờ chết, đã quay mặt về hướng đông để cử hành lời cầu nguyện cho người đã khuất. Sau khi cầu nguyện xong, ngài cởi áo của mình ra, dùng nó che phủ người chết, rồi tiếp tục đi trên con đường của mình.

Sau khi ngài đi khỏi, người còn sống nói với người giả chết:

– Dậy đi, anh em ơi, tên ngốc đó đã đi rồi.

Nhưng người kia không đáp lại. Sau khi gọi thêm lần nữa và lay nhẹ, anh ta mới phát hiện ra người đó thực sự đã chết. Đầy kinh hoàng, gã hề vội chạy theo vị Giám mục của Chúa. Khi đuổi kịp vị thánh làm phép lạ vĩ đại, anh ta quỳ sấp xuống dưới chân ngài, xin tha thứ cho tội lỗi của mình và khẩn cầu ngài cởi bỏ áo quần cùng xiềng xích của cái chết khỏi người mà anh ta đã trừng phạt.

– Hãy đi đi, con ơi, – vị thánh đáp, – hãy chôn cất người chết của con đi: vì anh ta đã chết trước khi con kịp xin ta áo quần để che phủ cho anh ta.

Khi Giám mục Síp trở về thành phố giáo phận của mình, những sứ giả từ La Mã đã đến tìm ngài với lời thỉnh cầu chữa lành căn bệnh mãn tính và nan y cho Proklisia – con gái của Hoàng đế Theodosius Đại đế[3636] và là em gái của Arcadius và Honorius[3637] , người đã được gả cho một quý tộc nổi tiếng. Tin tức về sự đến của các sứ

[3636] Thánh Theodosius Đại Đế trị vì từ năm 389 đến năm 395 ở phương Đông, và từ năm 392 đến năm 395 ở phương Tây của Đế chế Hy Lạp-La Mã. Ông đã giáng đòn quyết định vào đạo ngoại giáo: sau khi trở thành hoàng đế độc tài vào năm 392. Theodosius đã ban hành một đạo luật, theo đó việc thờ phụng các vị thần bị coi là tội ác ngang với tội xúc phạm hoàng quyền.

[3637] Arcadius, hoàng đế Đông La Mã, con trai của Theodosius Đại đế, sau khi cha qua đời (năm 395) đã kế thừa cái gọi là Đế chế Đông La Mã, trong khi anh trai ông là Honorius kế thừa Đế chế Tây La Mã; sinh năm 377, mất năm 408. Trong suốt thời gian trị vì của ông, nhà nước được điều hành bởi những người biết cách chi phối vị hoàng đế có tính cách yếu đuối. Chẳng hạn, vào đầu triều đại của ông, nhà nước do Rufinus điều hành; ông này đã tăng thêm gánh nặng thuế má vốn đã rất nặng nề, nhân lên số lượng các khoản phạt và qua đó gieo rắc nỗi kinh hoàng khắp đế chế. Sau khi Rufinus qua đời, vị trí của ông được thay thế bởi hoạn quan Eutropius; và khi Hoàng hậu Eudoxia buộc ông phải chịu án tử hình (năm 399), Arcadius hoàn toàn khuất phục trước ảnh hưởng của vợ mình, người nổi tiếng với thái độ thù địch đối với Thánh Gioan Kim Khẩu, lúc bấy giờ là Tổng Giám mục Constantinopolis. Dưới triều đại Hoàng đế Arcadius, các nhà truyền giáo, được cấp giấy phép của ông, đã rao giảng Kitô giáo tại những vùng thuộc các tỉnh nơi vẫn còn người ngoại đạo sinh sống.
Honorius, em trai của Arcadius, là hoàng đế La Mã phương Tây. Vào đầu triều đại của ông, người đứng đầu chính quyền là Stilicho – một chính trị gia tài ba và vị tướng lừng danh, người đã nhiều lần đẩy lùi các cuộc tấn công vào đế chế từ phía người Visigoth, người Vandal, người Suevi và người Burgundian. Sau khi ông bị lật đổ và xử tử, tình hình đế chế ngày càng xấu đi. Năm 408, thủ lĩnh người Visigoth Alaric đã vây hãm Rome và buộc thành phố phải nộp một khoản cống nạp nặng nề; đến năm 410, ông chiếm được thành phố và để quân lính cướp bóc. Sau khi Alaric qua đời, anh rể của ông là Ataulf đã ký hiệp ước hòa bình với Honorius, sau đó người Visigoth rút lui về

giả từ nhà vua đã đến tai Faustinian, một người ngoại đạo địa phương rất giàu có và được kính trọng, người vốn nuôi dưỡng lòng thù hận sâu sắc đối với Thánh Epiphanius. Faustinian mời họ đến nhà mình và chiêu đãi họ hàng ngày. Trong suốt thời gian họ ở lại nhà ông, ông gần như không ngừng phỉ báng vị thánh.

– Tại sao các ngươi lại tin vào kẻ lừa dối này như thể là Thượng Đế? – ông ta nói với họ – Tại sao các ngươi lại nghe theo những lời hão huyền của hắn? Hắn chẳng nói gì ngoài những lời dối trá và theo những tập tục rất xấu xa.

Nhưng rồi có một lần, tại công trường xây dựng một nhà thờ, Thánh Epiphanius – được những người La Mã tháp tùng – và Faustinian tình cờ gặp nhau. Ngay trước mắt họ, khi họ đang đứng trong nhà thờ đang được xây dựng, một thợ mộc vấp ngã, rơi từ trên cao xuống đất, và dùng chân đập trúng kẻ thù của vị thánh. Điều khiến mọi người ngạc nhiên là người thợ mộc ngã xuống không hề bị thương và lập tức đứng dậy; còn Faustinian, bị chấn thương, thì ngã xuống và chết ngay tại chỗ. Thánh Epiphanius bước đến bên ông, nắm lấy tay ông và nói:

– Hãy đứng dậy, con ơi, nhân danh Chúa và hãy về nhà trong sự bình an.

Và ngay lập tức, người đã chết sống lại, đứng dậy và đi về nhà. Vợ của Faustinian, khi biết tin về cái chết và sự hồi sinh bất ngờ của chồng mình, đã mang đến cho vị thánh chữa lành 1.000 đồng vàng.

– Đừng đưa cho tôi, – vị thánh nhân nói với bà, – mà hãy dùng số tiền này để xây dựng nhà thờ, và bà sẽ có kho báu trên trời.

Sau đó, vị thánh nhân của Chúa đã lên đường đến Roma. Tại đây, nhờ lời cầu nguyện và dấu thánh giá, ngài đã chữa lành cho Proklisia, làm sống lại con trai mới sinh của bà, rửa tội cho cậu bé cùng hai hoàng tử Honorius và Arcadius. Sau đó, vị thánh làm phép lạ vĩ đại này được chính hoàng đế Theodosius Đại Đế mời đến Constantinople, người đang mắc phải căn bệnh không thể chữa khỏi và vô cùng đau đớn ở chân. Thánh Epiphanius chỉ trong chốc lát đã chữa lành cho ông bằng dấu thánh giá, nhờ đó ngài được Theodosius đặc biệt ưu ái.

Một năm nọ, trên đảo Síp xảy ra nạn đói khủng khiếp. Rất nhiều người ăn xin và người nghèo đã chết vì nạn đói này. Trong khi đó, Faustinian, một người giàu có keo kiệt, dù sở hữu vô số kho lúa chứa đầy lúa mì, lúa mạch và các loại ngũ cốc khác, lại bán bánh mì với giá rất đắt.

– Người bạn tốt bụng ơi, – một lần vị thánh nói với ông ta, – hãy cho tôi ít lúa mì từ kho lúa của ông để nuôi những người ăn xin, tôi sẽ mang ơn ông.

– Hãy cầu xin Chúa Giêsu mà ngươi tin tưởng, – tên ngoại đạo tàn nhẫn đáp lại với nụ cười nhạo báng, – để Ngài ban cho ngươi lúa mì nuôi sống những người bạn ăn mày của ngươi.

Nhưng những lời nói ra với ý chế giễu ấy lại trở thành sự thật. Thánh Epiphanius có thói quen đạo đức là mỗi đêm đều đến viếng mộ các thánh tử đạo và tại đó cầu xin Thiên Chúa ban cho những gì đang thiếu thốn; ngài củng cố lời cầu nguyện của mình bằng cách xin các thánh tử đạo chuyển lời khẩn cầu lên

Chúa, và luôn nhận được điều mình xin. Và giờ đây, theo thói quen, Thánh Epiphanius lại đến lăng mộ các thánh tử đạo vào ban đêm, nơi ngài đã khóc lóc cầu xin Thiên Chúa nhân từ cứu giúp những người đang chết vì đói. Trong lúc cầu nguyện, ngài nghe thấy một giọng nói bảo ngài:

– Epiphanius! Hãy đến đền thờ thần Die[3638] mà đừng sợ, cánh cửa sẽ mở ra trước mặt ngươi và ngươi sẽ tìm thấy vàng và bạc bên trong; hãy lấy những thứ đó, mua lúa miến, lúa mạch và các loại ngũ cốc khác từ Faustinianus, rồi cho những người nghèo ăn.

Cần lưu ý rằng ngôi đền thờ này, được gọi là "Pháo đài của Dieva", đã bị khóa kín kể từ khi các vị vua Kitô giáo, những người đã chiếm lĩnh đất nước, ra lệnh đóng cửa và niêm phong tất cả các ngôi đền thờ bằng quyền lực hoàng gia, để những lễ tế ma quỷ đáng ghê tởm không còn được thực hiện ở đó nữa. Trong dân chúng lan truyền những tin đồn, được những người ngoại đạo coi như niềm tin sắt đá, rằng không ai có thể đến gần và chạm vào ngôi đền thờ thần tượng nói trên: người đó (theo lời đồn) sẽ phải đối mặt với cái chết bất ngờ ngay tại chỗ. Và mọi người đều đi vòng xa ngôi đền thờ thần tượng đó, nhất là khi các quỷ dữ dọa nạt con người và thậm chí còn giết những Kitô hữu mà chúng, theo sự cho phép của Thiên Chúa, có quyền lực tương tự như đối với những tín đồ ngoại đạo của chúng.

---

phía sau dãy Alps. Dưới triều Honorius, vào năm 411, một công đồng đã được triệu tập để chống lại các giáo phái ly khai Donatist, những người đã tách khỏi Giáo hội vì lý do Giáo hội chấp nhận những kẻ bội đạo đã ăn năn trong thời kỳ bách hại; bởi theo quan điểm của họ, Giáo hội sẽ không còn là thánh thiện nữa nếu trong số các thành viên có những kẻ tội lỗi. Theo lệnh của Honorius, tất cả các đền thờ ngoại giáo còn lại đều bị phá hủy, còn những người ngoại giáo thì bị loại khỏi các chức vụ nhà nước.

[3638] Ngôi đền thờ thần tượng này được gọi là "Điê-vô" vì được dâng hiến cho vị thần ngoại giáo Điê-vô, hay còn gọi là Zeus.

Tuân theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, Thánh Epiphanius lập tức đến ngôi đền thờ thần tượng, cánh cửa của nó ngay lập tức mở ra trước mặt ngài; tại đây, ngài tìm thấy vô số vàng và bạc. Với những của cải được có được một cách kỳ diệu này, ngài bắt đầu mua bánh mì từ Faustinianus. Người giàu ham tiền đã vui vẻ bán cho Thánh Epiphanius toàn bộ số bánh mì dự trữ trong nhà; nhờ sự bố thí của vị giám mục nhân từ, số bánh mì đó đã đến tay những người nghèo khó và ăn xin. Nhờ vậy, những người đói khát đã có thức ăn, còn ngôi nhà giàu có của Faustinianus thì bị thiếu thốn và nạn đói ập đến. Vì xấu hổ khi phải xin Thánh nhân thức ăn cho gia đình mình, người giàu có đã cử người bạn thân là Longinus mang theo vàng và mười một con tàu đến Calabria[3639] . Nhưng trên đường trở về, những con tàu chở đầy bánh mì bất ngờ bị đắm trong một cơn bão dữ dội cách thành phố một trăm stade. Khi biết tin về tai họa này, Faustinian, trong nỗi đau buồn tột cùng, đã phỉ báng Đấng Tối Cao và vị thánh của Ngài.

– Hãy nhìn xem, – ông ta nói, – tên pháp sư Kitô giáo này đang gây ra những điều xấu xa gì cho tôi: hắn không chỉ trên đất liền dùng mưu mô cướp đi lương thực khỏi nhà tôi, mà còn trên biển hủy hoại lúa mì của tôi, đánh chìm các con tàu của tôi nhờ tay lũ quỷ.

Trong khi đó, biển động đã trôi dạt những hạt lúa bị chìm lên bờ biển Salamis. Những người ăn xin đã nhặt chúng lên. Như vậy, những lời trong Thánh vịnh đã ứng nghiệm: *"Những kẻ gian ác phải chịu cảnh khốn cùng và đói khát, còn những ai tìm kiếm Chúa thì không thiếu thốn bất cứ điều tốt lành nào"* (Thánh vịnh 33:11).

Gần như chết đói, vợ của người giàu bị trừng phạt đã gửi vàng đến vị thánh với lời cầu xin bán bánh mì cho gia đình bà, nhưng vị thánh đã gửi lại vàng cho bà kèm theo lời nhắn:

– Bây giờ hãy lấy từ tôi miễn phí bao nhiêu tùy ý, và hãy trả lại khi mùa gặt đến.

Chính tên giàu có, vì căm ghét vị thánh, đã xúi giục Rufinus, một phó tế tính tình xấu xa, giết chết vị thánh, hứa hẹn sẽ dùng của cải và mối quan hệ của mình để giúp hắn được tấn phong lên ngôi giám mục. Nhưng Đức Chúa Trời đã bảo vệ vị thánh của Ngài khỏi mưu mô của kẻ vô đạo. Tên này đã chuẩn bị một con dao sắc bén, rồi cắm đầu dao hướng lên trên vào chiếc ghế giám mục cao nhất đặt trong nhà thờ; sau đó, hắn phủ lên ghế bằng tấm khăn che thông thường: hắn làm vậy với ý đồ rằng khi vị thánh ngồi lên ghế vào giờ lễ theo nghi thức, ngài sẽ bị một vết đâm chí mạng. Nhưng rồi đã đến lúc, theo nghi thức phụng vụ, vị giám mục phải ngự lên ghế trên cao; khi đến gần ghế, Thánh Epiphanius nói với phó tế Rufinus:

– Con ơi, hãy lấy tấm khăn phủ trên ghế ngồi đi.

Nhưng Rufinus không nghe theo, dù vị thánh đã lặp lại mệnh lệnh ba lần. Lúc đó, Thánh Epiphanius tự tay gỡ tấm khăn che ra, và con dao rơi xuống, lưỡi dao đâm thẳng vào chân phải của phó tế.

Nhận ra mưu đồ xảo quyệt của phó tế, Thánh Epiphanius nói:

– Hãy từ bỏ những mưu mô của con đi, hỡi con trai, để con không phải gánh chịu tai họa lớn hơn nữa; bây giờ hãy ra khỏi nhà thờ, vì con không xứng đáng rước các Bí tích của Chúa.

Vị phó tế, khi về đến nhà, bỗng lâm bệnh và qua đời vào ngày thứ ba. Còn Faustinian thì chẳng bao lâu sau bị cáo buộc trước mặt nhà vua về tội phỉ báng ngài và bị giam vào ngục tối ở Constantinople. Với lòng yêu thương kẻ thù, vị thánh định can thiệp với nhà vua để xin tha cho người bị giam. Nhưng nhà vua, trong cơn giận dữ, đã cấm vị thánh không được can thiệp gì cho anh ta. Vị thánh im lặng và một thời gian ngắn sau đó, ngài đã than khóc trước cái chết bất ngờ của Faustinian trong ngục tối. Sau khi chồng qua đời, vợ của Faustinian đã dâng toàn bộ tài sản cho nhà thờ và theo nguyện vọng của mình, bà được vị thánh phong làm nữ phó tế.

Trong số tám mươi tu sĩ đang cư ngụ tại dinh thự của Thánh Epiphanius, có phó tế Savin, người nổi bật nhờ đời sống đạo đức, trí tuệ và tài năng soạn thảo những cuốn sách hùng hồn. Trong số những tác phẩm của mình, ông đã ghi chép lại cuộc đời của Thánh Epiphanius; trong câu chuyện của mình, ông kể về những đêm thức trắng cầu nguyện, những lần quỳ gối và những phép lạ của ngài. Nhận thấy những phẩm chất hiếm có của vị phó tế tu sĩ này, vị tổng giám mục đã bổ nhiệm ông làm thẩm phán xét xử các vụ việc thuộc lĩnh vực tâm linh. Một lần nọ, có hai người đến trước tòa của ngài: một người giàu có, nói sự thật, và một người nghèo, đưa ra lời khai dối trá. Vị thẩm phán, thương xót người nghèo, đã bênh vực anh ta. Trong lúc phiên tòa đang diễn ra, vị thánh đã đến một cách bí mật, ẩn mình trong một nơi kín đáo, và bước ra khỏi đó ngay khi nghe thấy vị thẩm phán tuyên bố người nghèo bất chính vô tội.

[3639] Calabria – tên cổ của đảo Poros ở Vịnh Saronic.

– Hỡi con, – vị Tổng Giám mục nói với vị thẩm phán, – hãy đi, hãy viết sách và suy ngẫm Lời Kinh Thánh để học cách xét xử công minh, vì có chép rằng: *'Chớ làm điều bất công trong tòa án; chớ thiên vị người nghèo và chớ nịnh bợ người quyền thế; hãy xét xử người lân cận ngươi theo lẽ công bình'* (Lê-vi 19:15).

Từ đó trở đi, Thánh Epiphanius luôn tự mình xét xử tất cả những ai đến gặp ngài.

Với lòng quan tâm sâu sắc dành cho đoàn chiên của mình, ngài đã đánh bại những kẻ dị giáo bằng cả lời nói lẫn phép lạ. Ngài đã khiến Aetius[3640] , một giám mục dị giáo, câm lặng, và người này đã qua đời vào ngày thứ sáu sau đó; nhiều tín đồ của hắn, khi chứng kiến phép lạ này, đã quy y Chính Thống Giáo, quỳ lạy dưới chân vị thánh làm phép lạ. Ngoài ra, người bảo vệ đức tin chân chính còn tâu trình với nhà vua về tất cả những kẻ dị giáo chưa ăn năn. Nhà vua đã ban cho ngài quyền trục xuất họ khỏi đảo Síp. Nhờ tất cả những điều này, đàn chiên tinh thần của vị mục tử nhân lành đã được an toàn trước những con sói hung dữ.

Sau nhiều năm gánh vác gánh nặng của chức thánh và khi đã bước vào tuổi già, Thánh Epiphanius đã đến gần giờ phút ra đi thanh thản. Không lâu trước khi qua đời, ngài phải lên đường đến Constantinople vì lý do sau đây. Eudoxia, vợ của hoàng đế Arcadius – người trị vì ở phương Đông sau khi kế vị cha mình là Theodosius Đại đế – đã đồng ý với Thượng phụ Theophilus của Alexandria[3641] về việc trục xuất Thượng phụ Constantinopolis là Gioan Vàng Miệng, và đã dùng những lá thư xảo trá để lôi kéo Thánh Epiphanius đến Constantinopolis tham dự công đồng. Trong những lá thư đó, Thêôphil đã vu khống Gioan, cho rằng ngài là kẻ dị giáo, chia sẻ quan điểm của Origên[3642] . Vì tính cách đơn sơ, vị thánh đã tin vào những lời đó và lên đường đến Constantinopolis. Trong cuộc gặp gỡ với hoàng đế, vị hoàng đế đã nhận lời chúc phúc từ ngài và hỏi ngài đã bao nhiêu tuổi kể từ khi sinh ra.

– Sáu mươi năm, – Thánh Epiphanius đáp, – tôi được tấn phong làm giám mục, và đã giữ chức vụ này trong 55 năm và ba tháng. Như vậy, – tổng cộng tôi đã 115 năm và ba tháng.

Hoàng đế tỏ lòng kính trọng trước mái tóc bạc trắng và khuôn mặt thánh thiện của ngài. Còn Hoàng hậu Eudoxia, sau khi gọi Thánh Epiphanius đến bên mình, đã nói với ngài:

– Thưa Cha Epiphanius, ngài biết rằng toàn bộ Đế quốc La Mã đang nằm trong tay chúng ta: và hôm nay, tôi sẽ trao cho ngài toàn bộ quyền lực trong Giáo hội, nếu ngài vâng lời tôi, xoa dịu nỗi đau trong lòng tôi và làm theo ý tôi.

– Hãy nói đi, con gái của ta, – vị thánh đáp lại, – chúng ta sẽ cố gắng hết sức để làm những gì có thể mang lại sự cứu rỗi cho linh hồn con.

Lúc đó, hoàng hậu, với ý định dùng mưu mô để lôi kéo vị thánh vào âm mưu của mình, bắt đầu nói với ngài về Thánh Zlatoust như sau:

– Chính Giăng này đã trở nên không xứng đáng để lãnh đạo Giáo hội và mang chức tước cao quý như vậy, vì ông ta đã nổi loạn chống lại nhà vua và không dành cho chúng ta sự tôn kính xứng đáng. Hơn nữa, nhiều người nói rằng từ lâu ông ta đã là kẻ dị giáo. Vì vậy, chúng ta đã quyết định triệu tập công đồng và, sau khi truất phế chức

---

[3640] Aetius hay Aetius – phó tế tại Antioch, qua đời năm 370, sau Arius đã đứng đầu phe Arian, những người phủ nhận sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Thiên Chúa Cha và do đó công khai khẳng định sự bất bình đẳng giữa Ngôi Hai của Thánh Ba Ngôi với Ngôi Một.

[3641] Théophile giữ chức Thượng phụ từ năm 386 đến năm 412

[3642] Origen – vị thầy Kitô giáo lừng danh của Giáo hội Alexandria (sinh năm 254) – là một kỳ tài của thời đại mình nhờ trí tuệ vĩ đại và sự uyên bác sâu sắc. Nhiều vị Giáo phụ vĩ đại nhất đã dành sự kính trọng sâu sắc đối với các tác phẩm thần học và công lao của Origen; nhưng sau đó, ngay khi còn sống, ông đã bị kết án là kẻ dị giáo tại hai Công đồng địa phương ở Alexandria, và sau khi qua đời, tại Công đồng địa phương ở Constantinople năm 543. Mặc dù không trình bày những quan điểm phi chính thống của mình như những chân lý bất di bất dịch, Origen vẫn có những suy nghĩ sai lầm về nhiều chân lý trong giáo lý của Giáo hội Kitô giáo, khiến một số người nghi ngờ sự kiên định của ông đối với các tín điều Kitô giáo quan trọng nhất. Khi phát triển học thuyết phi Chính thống về sự tồn tại trước của các linh hồn, ông đã suy nghĩ sai lầm về Đấng Kitô, cho rằng Thiên Chúa đã tạo dựng một số lượng nhất định các thực thể thiêng liêng có phẩm giá ngang nhau, có khả năng thấu hiểu Thiên Chúa và trở nên giống Ngài; một trong những linh hồn được tạo dựng này đã hướng về Thiên Chúa với tình yêu nồng cháy đến mức hòa nhập không thể tách rời với Lời Thiên Chúa, hay trở thành phương tiện hữu hình của Ngài; theo quan điểm của Origen, đó chính là linh hồn con người, nhờ đó Thiên Chúa-Lời có thể nhập thể trên trần gian, bởi vì theo quan điểm *sai lầm* của ông, việc Thiên Chúa trực tiếp nhập thể là điều không thể tưởng tượng được. Bám vào quan điểm dị giáo về sự nhập thể của Thiên Chúa-Lời cũng như việc tạo dựng thế giới và con người, Origen cũng hiểu cái chết của Chúa Kitô theo nghĩa không chính thống, coi đó là điều lặp lại về mặt thiêng liêng trong thế giới thiêng liêng và có tác dụng giải thoát các Thiên thần ở đó, đồng thời gán cho các sức mạnh thông thường mà bản tính loài người được ban tặng một vai trò quá lớn trong công cuộc cứu rỗi. Origen cũng suy nghĩ sai lầm trong một số điểm của giáo lý về sự phục sinh và cuộc sống tương lai, chẳng hạn như quan điểm rằng ma quỷ có thể được cứu rỗi, và trong việc giải thích Kinh Thánh, ông đã hiểu quá mức theo nghĩa huyền bí, từ đó làm mất đi ý nghĩa lịch sử của Kinh Thánh.

vụ của ông ta, sẽ bổ nhiệm một người khác thay thế, người có thể điều hành Giáo hội một cách tốt đẹp, để từ nay vương quốc của chúng ta được bình an.

Nói đến đây, nữ hoàng run rẩy vì cơn giận dữ tột độ.

– Không cần thiết – bà tiếp lời – phải làm phiền nhiều vị cha bằng cách triệu tập các ngài đến hội đồng này; nhưng xin Đức Thánh Cha hãy quyết định trục xuất hắn khỏi Giáo hội và bổ nhiệm người khác thay thế, người mà Thiên Chúa chỉ định cho ngài. Còn tôi sẽ sắp xếp để mọi người tuân theo lời ngài.

– Con gái của ta, – vị thánh phụ đáp lại, – hãy lắng nghe cha con mà đừng giận dữ! Nếu Gioan, như con nói, là kẻ dị giáo, và nếu hắn không ăn năn về tà thuyết đó, thì hắn không xứng đáng với chức vụ tổng giám mục, và chúng ta sẽ xử lý hắn theo lệnh của con. Còn nếu con muốn trục xuất ông ta chỉ vì một tội duy nhất là đã xúc phạm đến con, thì Epiphanius sẽ không đồng ý với điều đó. Bởi vì các vị vua phải biết không giữ hận thù, mà phải nhân từ, hiền lành và tha thứ cho những lời xúc phạm nhằm vào mình, vì chính con cũng có một Vua trên trời và con cũng mong Ngài tha thứ cho những lỗi lầm của con. *"Vậy, hãy thương xót, như Cha các ngươi cũng thương xót vậy"* (Lc 6:36).

Sau những lời đó của ngài, cơn giận của nữ hoàng kiêu ngạo càng bùng lên dữ dội hơn. Nước mắt tuôn trào vì cơn tức giận tột độ, bà giận dữ thốt lên:

– Nếu ngươi cản trở việc trục xuất Gioan, thì ta sẽ mở lại các đền thờ thần tượng và làm cho nhiều người, sau khi lìa xa Thiên Chúa, bắt đầu thờ lạy các thần tượng, và tình trạng sau này sẽ còn tồi tệ hơn trước.

Epiphanius, ngạc nhiên trước cơn giận dữ dữ dội của bà, nói:

– Ta vô can trước sự kết án đó.

Nói xong, ông rời khỏi điện hoàng gia. Trong thành phố, tin đồn lan truyền khắp nơi về cuộc gặp gỡ giữa Epiphanius và hoàng hậu liên quan đến việc truất phế Gioan, cũng như về thỏa thuận giữa ông và bà. Tin đồn này đã đến tai người bị ảnh hưởng trực tiếp nhất. Vị thánh của Constantinopolis lập tức viết thư cho Epiphanius như sau:

– Anh em Epiphanius, tôi nghe nói rằng anh đã đưa ra lời khuyên để trục xuất tôi; hãy biết rằng anh sẽ không còn được ngồi trên ngai của mình nữa.

Thánh Epiphanius đã trả lời như sau:

– Thánh Gioan, người chịu khổ vì đức tin, dù bị xúc phạm, anh hãy chiến thắng, nhưng anh cũng sẽ không đến được nơi mà anh sẽ bị trục xuất.

Và lời tiên tri của cả hai đều trở thành sự thật.

Thấy ý định kết án Thánh Gioan một cách bất công, Thánh Epiphanius không muốn tham gia vào phiên tòa phi pháp đó. Ngài bí mật lên tàu cùng những người thân cận và trở về quê hương. Trong chuyến hành trình trên biển, cảm nhận sự suy yếu do tuổi già và tiên đoán sự ra đi sắp tới để về với Chúa, ngài đã bắt đầu trò chuyện với các môn đệ như sau:

– Hỡi các con của ta, hãy tuân giữ các điều răn của ta, và tình yêu của Thiên Chúa sẽ ở cùng các con: các con biết cuộc đời ta đã trải qua bao nhiêu đau khổ, nhưng ta không coi đó là nỗi đau, mà luôn vui mừng trong những điều đó nhờ Thiên Chúa, và Thiên Chúa đã không bỏ rơi ta, mà đã bảo vệ ta khỏi mọi tai ương thù địch: *""Mọi sự đều hiệp lại làm ích cho những ai yêu mến Đức Chúa Trời*" (Rô-ma 8:28). Hỡi những người yêu dấu của ta, có lần khi ta đang sống trong sa mạc và cầu nguyện cùng Đức Chúa Giê-su Christ xin Ngài giải cứu ta khỏi những mưu mô của kẻ thù, bỗng nhiên, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, một đám quỷ dữ ập đến tấn công ta; chúng đánh ta ngã xuống đất, nắm lấy chân ta và lôi ta lê trên mặt đất; một số trong chúng còn đánh đập tôi. Chúng đối xử với tôi như vậy trong mười ngày, rồi biến mất. Kể từ lúc đó, tôi không còn thấy chúng nữa trong suốt cuộc đời mình. Chỉ có những kẻ ác, những kẻ dị giáo mới gây rắc rối cho tôi. Hãy cẩn trọng, hỡi các con của ta, và hãy lắng nghe lời của Epiphanius, kẻ tội lỗi. Đừng ham muốn của cải, và các con sẽ được ban cho nhiều của cải. Đừng nuôi dưỡng lòng hận thù đối với bất kỳ ai, và các con sẽ được Thiên Chúa yêu thương. Đừng vu khống anh em mình, và lòng ghen tị của ma quỷ sẽ không chi phối các con. Hãy tránh xa những tà thuyết như những con rắn độc, mà ta đã viết cho các con trong cuốn sách "Panari"[3643] . Hãy xa lánh và tự bảo vệ mình khỏi những dục vọng trần

[3643] Tác phẩm "Panari" (nhà thuốc, hộp thuốc) của ông trình bày và bác bỏ 20 tà thuyết tiền Kitô giáo và 80 tà thuyết Kitô giáo. Một tác phẩm khác của Thánh Epiphanius, mang tên "Ankorat" (mỏ neo), cũng dành riêng để vạch trần các tà thuyết, trong đó trình bày giáo lý Chính Thống về Ba Ngôi, sự Nhập Thể, sự Phục Sinh của người chết và cuộc sống tương lai, chủ yếu nhằm chống lại các tà giáo Arian,

tục, thứ kích thích cả thân xác lẫn tâm trí. Hãy biết rằng đó là mưu mô của Satan, vì dù thân xác của những người thiếu thận trọng có không gây ra sự xung đột, thì tâm trí họ vẫn mơ tưởng đến điều xấu xa. Còn nếu tâm trí chúng ta tỉnh táo và luôn nhớ đến Đức Chúa Trời, thì chúng ta có thể dễ dàng chiến thắng kẻ thù.

Sau những lời khuyên răn thiêng liêng này và rất nhiều lời khuyên răn khác dành cho các môn đệ, vị thánh đã tiên đoán với Poluvius rằng ông sẽ sớm trở thành giám mục của thành phố Rinokirsk, nằm ở Thượng Phivaida. Còn với các thủy thủ trên tàu karabel, ngài đã tiên đoán về một cơn bão sắp ập đến, đồng thời dặn dò họ đừng hoảng sợ, mà hãy đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời. Ngài nói với một trong số họ:

– Đừng cám dỗ người khác, để chính mình không bị cám dỗ.

Thánh nhân đã nói tất cả những điều này vào lúc 11 giờ trưa. Khi mặt trời lặn, một cơn bão lớn ập đến, kéo dài suốt hai ngày đêm và khiến tất cả những người đi thuyền đều kinh hoàng. Còn vị thánh, trên giường bệnh trước khi qua đời, đã cầu nguyện với Chúa để bảo vệ con tàu và tất cả những người trên đó. Đến ngày thứ ba, ngài ra lệnh cho các môn đệ thắp than hồng, đặt hương trầm lên đó và cầu nguyện với Chúa. Sau khi tự mình cầu nguyện xong, ngài ôm lấy tất cả họ, hôn họ và nói những lời cuối cùng như sau:

– Hãy tự cứu lấy mình, hỡi các con, vì Epiphanius sẽ không còn ở bên các con trong cuộc đời này nữa.

Sau khi nói xong, ngài đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa[3644] . Cái chết của ngài đã hòa quyện nỗi buồn với niềm vui. Các môn đệ và thủy thủ, những người đang than khóc thảm thiết cho người đã khuất, bỗng vui

---

Semi-Arian, Duhobor và Apollinarian. Thánh Epiphanius còn là tác giả của các tác phẩm sau đây: a) "Về các viên đá", giải thích về 12 viên đá trên áo choàng của Thượng tế Do Thái; b) "Về 22 vị tiên tri trong Cựu Ước và ba vị trong Tân Ước, cùng 12 tông đồ và 70 môn đệ của Chúa Kitô", trong đó chứa đựng không ít truyền thuyết lịch sử Giáo hội quý giá được truyền miệng; c) "Cuốn sách về cân và thước (theo Kinh Thánh)", ngoài các thông tin về hệ thống đo lường trong Kinh Thánh, còn chứa một số chỉ dẫn về các bản dịch Kinh Thánh sang tiếng Hy Lạp; d) lời chú giải cho cuốn sách "Nhà sinh lý học" (quan sát các đặc tính của các loài động vật trong Kinh Thánh) và e) có thể là 12 bài giảng, tính xác thực của chúng đang bị tranh cãi.

Các tác phẩm của Thánh Gioan Vàng Miệng đã trở nên nổi tiếng khắp thế giới Kitô giáo ngay từ thế kỷ IV và V: chúng được cất giữ như báu vật trong các cung điện hoàng gia và được chép bằng chữ vàng. Cho đến ngày nay, nhiều tác phẩm của ngài đã không còn tồn tại, tuy nhiên, số lượng tác phẩm còn lưu giữ lại của ngài vẫn nhiều hơn bất kỳ vị Thánh Cha hay Thầy dạy nào của Giáo Hội. Theo Sách Giờ Kinh Hy Lạp, tổng số tác phẩm của Thánh Gioan Vàng Miệng còn lưu truyền đến ngày nay lên tới 1.447, và số thư từ là 244. Số lượng lớn nhất còn lưu giữ được từ Thánh Gioan Vàng Miệng là các bài giảng và các bài thuyết giảng trong nhà thờ. Các bài giảng của Thánh Gioan gây ấn tượng mạnh mẽ bởi sự mạch lạc, chiều sâu tư tưởng và sự đa dạng về nội dung. "Tôi không nói đến những người khác," Thánh Isidore viết về Thánh Gioan Vàng Miệng, "chính Libanius – người nổi tiếng về tài hùng biện – cũng phải kinh ngạc trước tài hùng biện của Thánh Gioan lừng danh, sự tinh tế trong tư tưởng và sức mạnh của các luận chứng." Những bài giảng hay nhất của Thánh Gioan Vàng Miệng được công nhận một cách xứng đáng là các bài giảng dành cho dân chúng Antioch về các bức tượng, bài giảng về Evtropia, bài giảng "về những người nghèo", bài giảng khi rời khỏi thủ đô và khi trở về thủ đô, cùng những lời ca ngợi dành cho Thánh Phaolô Tông đồ. Trong các bài giảng của mình, vị Thầy Vàng Miệng đã đưa ra những lời dạy dỗ về hầu hết mọi khía cạnh cụ thể trong đời sống Kitô hữu. Hơn nữa, trong suốt thời gian phục vụ cộng đồng, ngài đã giải thích Kinh Thánh, chủ yếu là Tân Ước, qua các bài giảng của mình. Mỗi bài giảng giải thích của Thánh Gioan Vàng Miệng bao gồm hai phần: trong phần đầu, ngài tập trung giải thích các đoạn Kinh Thánh, còn phần sau đưa ra những lời khuyên răn về đạo đức. Thực ra, các tác phẩm thần học thuần túy của Thánh Gioan Zlatoust không nhiều, và tất cả đều thể hiện sự quan tâm sâu sắc của ngài đối với việc cải thiện đạo đức của các tín hữu. Trong số các tác phẩm thuộc loại này, cần lưu ý cuốn sách gửi cho Stagirius, nơi giải đáp câu hỏi: tại sao nỗi đau khổ lại ập đến cả những người công chính, bất chấp sự hiện hữu của Sự Sắp Đặt của Thiên Chúa? Cũng đáng chú ý là "6 Lời về điều không thể thấu hiểu", được trình bày để vạch trần các dị giáo Anomoeans, những người cố gắng dựa trên suy luận riêng của mình để làm rõ mối quan hệ giữa Thiên Chúa Cha và Thiên Chúa Con, và dạy rằng Con Thiên Chúa là một thực thể hữu hình và được Cha tạo dựng từ hư vô. Ngoài ra, cuốn sách của Thánh Gioan Kim Khẩu về Thánh Thần, liên quan đến giáo lý về sự phát xuất của Thánh Thần từ Chúa Cha, cũng rất đáng chú ý. Trong tác phẩm "Chống lại người Do Thái và người ngoại đạo", ngài chứng minh tính Thần thánh của giáo lý Kitô giáo qua việc ứng nghiệm các lời tiên tri và ảnh hưởng của Tin Mừng Kitô giáo đối với tâm hồn con người; còn trong "Tám lời chống lại người Do Thái", ngài chỉ ra rằng các nghi lễ Do Thái đã bị bãi bỏ, và do đó, việc thực hành chúng hiện nay có nghĩa là đi ngược lại ý muốn của Thiên Chúa. Thánh Gioan Vàng Miệng còn nổi tiếng vì đã thiết lập một nghi thức Thánh lễ đặc biệt, mà cho đến nay vẫn mang tên ngài. Thánh Proclus, môn đệ của Thánh Gioan Vàng Miệng và sau này là một trong những người kế vị ngài trên ngai tòa Constantinopolis, đã viết về sự thiết lập này của vị thánh như sau: "Thánh Basil (Đại Đế), đối xử với mọi người như những người bệnh, đã trình bày Thánh lễ dưới hình thức rút gọn. Một thời gian sau, vị Cha của chúng ta, Thánh Gioan Vàng Miệng, một mặt với tư cách là vị mục tử nhân từ, tận tâm lo lắng cho sự cứu rỗi của đoàn chiên, mặt khác, khi nhìn thấy sự yếu đuối của bản tính con người, đã quyết tâm nhổ tận gốc mọi cớ bận của ma quỷ. Vì vậy, ngài đã lược bỏ nhiều phần và thiết lập một nghi thức Thánh lễ rút gọn nhất". Nghi thức Thánh lễ do Thánh Gioan rút gọn ban đầu không có đầy đủ các bài thánh ca như hiện nay, nhưng những thay đổi đó không làm thay đổi trật tự cơ bản của Thánh lễ. Nói chung, Epiphanius là một học giả uyên bác, theo lời chứng của Thánh Giêrônimô, ông thông thạo các ngôn ngữ Do Thái, Syria, Hy Lạp và La Tinh, và là "một vị mục tử xuất sắc nhất về kiến thức". Công đồng Đại kết lần thứ bảy không chỉ gọi ngài là Cha của Giáo hội, mà còn là Thầy của Giáo hội.

[3644] Thánh nhân qua đời vào tháng 4 năm 403 và được an táng vào ngày 12 tháng 5.

mừng khi cơn bão trên biển đột ngột và hoàn toàn chấm dứt. Trong khi đó, người thủy thủ mà vị thánh đã nói: "Đừng cám dỗ, để khỏi bị cám dỗ", vì tò mò đã muốn biết liệu Thánh Epiphanius có được cắt bì hay không. Khi anh ta bắt đầu cởi bỏ y phục trên thi thể thanh khiết của vị thánh, thì vị thánh làm phép lạ đã qua đời, giơ chân phải lên và đá mạnh vào mặt người tò mò đến nỗi anh ta ngã xa khỏi thi thể và chết ngay tại chỗ. Mọi người đều kinh hãi, còn những người bạn thủy thủ, thương xót kẻ bị trừng phạt, đã đặt anh ta xuống dưới chân Thánh Epiphanius. Ngay khi thi thể anh ta chạm vào thi thể của vị thánh, người thủy thủ đã qua đời bỗng sống lại. Và nỗi kinh hoàng càng lan rộng hơn nữa. Khi cập bến Salamis, các môn đệ của vị thánh đã loan báo tin về sự ra đi của ngài trong thành phố. Ngay lập tức, đông đảo dân chúng từ khắp nơi đổ về, khóc lóc thảm thiết. Sau khi rước thi hài cao quý của cha mình, những đứa con mồ côi đã rước thi hài vào nhà thờ do chính ngài xây dựng. Tại quan tài của vị thánh, nhiều phép lạ đã xảy ra đối với những người mắc đủ loại bệnh tật. Trong số đó, ba người mù đã được ban cho ánh sáng. Vào ngày thứ mười, các vị thánh, các linh mục, các vị tu viện trưởng và vô số người dân từ khắp hòn đảo đã tụ họp lại và long trọng an táng thi hài tôn kính của Thánh Epiphanius tại chính nhà thờ đó, tưởng nhớ những công lao, phép lạ và giáo lý được Thánh Thần soi dẫn của vị tổng giám mục đã qua đời, đồng thời ngợi khen Đức Chúa Trời Ba Ngôi, Vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hỡi các tín hữu trung thành, chúng ta hãy ca ngợi đôi thánh nhân kỳ diệu, cùng với Thánh Germanus và Thánh Epiphanius Thần Thánh: vì hai ngài đã đánh bại những kẻ vô thần, truyền bá những giáo lý khôn ngoan nhất cho mọi người, và luôn ca ngợi mầu nhiệm vĩ đại của sự đạo đức theo chính thống.

Ngày 26 tháng 5

Ngày 13 tháng 5 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Glyceria và Laodicia, người canh gác ngục tối

Ngày tưởng niệm 13 tháng 5

Vào năm đầu tiên của triều đại hoàng đế La Mã vô đạo Antoninus[3645] , dưới sự cai trị của tổng trấn Savinus tại Hy Lạp, các Kitô hữu sống tại thành phố Traianopolis thuộc vùng Thrace hàng ngày tụ họp tại nhà thờ của họ; tại đó, họ thành tâm cầu nguyện xin Thiên Chúa ban bình an và gia tăng số tín hữu, vì lúc bấy giờ số Kitô hữu kính sợ Thiên Chúa còn rất ít, và những người đó cũng đang phải chịu nhiều khổ cực do các cuộc bách hại. Cuộc bách hại đối với các Kitô hữu bùng phát vì hoàng đế Antoninus, vốn là người ngoại đạo, đã dâng lễ vật cho các thần tượng ô uế và ban hành lệnh khắp nơi, ra lệnh giết chết tất cả những ai không dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo. Khi sắc lệnh hoàng gia này đến Thrace, thống đốc Savin đã mang sắc lệnh này đến thành phố Traianopolis và ấn định cho cư dân thành phố này một ngày mà họ phải tham gia lễ hội tôn vinh vị thần Dia[3646] ; lễ hội này được gọi là "Lampadophoria"[3647] , tức là lễ rước đèn, và dự kiến sẽ bắt đầu ba ngày sau khi Savin đến Trajanopolis.

Tại thành phố này có một thiếu nữ Kitô hữu tên là Glyceria, con gái của Macarius, người trước đây từng là Amphipatus của La Mã[3648] . Glyceria đã chuyển đến đây từ La Mã cùng với cha mẹ mình, sau đó mồ côi; tại đây, cô đã tin nhận Chúa Kitô và gia nhập cộng đồng Kitô hữu; hàng ngày cô cùng họ đến nhà thờ của Chúa và siêng

---

[3645] Antoninus Pius trị vì Đế quốc La Mã từ năm 138 đến năm 161.

[3646] Zeus – vị thần tối cao trong tôn giáo Hy Lạp cổ đại, được coi là tổ tiên của các vị thần khác.

[3647] "Lampadophoria" hay "Lampadodromia" trong tiếng Hy Lạp cổ đại là tên gọi của môn chạy đua với đuốc. Những cuộc đua này chủ yếu có sự tham gia của các thanh niên. Các cuộc đua này được tổ chức để trao giải thưởng, và những thanh niên chạy được quãng đường nhất định với ngọn đuốc hoặc đèn đang cháy sẽ giành chiến thắng. Các lễ hội Lampadophoria thường gắn liền với các lễ hội và nghi lễ tôn giáo khác nhau, thường là để tôn vinh các vị thần của ánh sáng và lửa (Prometheus, Pan), cũng như vị thần tối cao Zeus.

[3648] Anfipat – quan trưởng thành phố.

năng cầu nguyện tại đó, cả với Chúa Giêsu Kitô lẫn Mẹ Thiên Chúa, Đấng mà cô dành tình yêu đặc biệt sâu sắc, như dành cho Mẹ của Con Thiên Chúa; noi gương sự trinh khiết vô tì vết của Mẹ, Glyceria đã hứa hôn với Chúa Giêsu Kitô như một cô dâu. Bà thường dạy dỗ các tín hữu Kitô giáo, nói như sau:

– Hỡi các anh em, các chị em, các cha và tất cả những ai thay thế cho mẹ trần gian của tôi! Hãy lắng nghe tôi: hãy nhớ lại chúng ta đang phụng sự Vua nào, mang hình ảnh của Vua nào trên mình và được bảo vệ bởi dấu hiệu nào. Vậy thì chúng ta hãy cố gắng hết sức để tuân giữ các điều răn của Vua ấy, hầu được sự cứu rỗi vĩnh cửu, điều chỉ được ban cho những ai trung thực và can đảm hoàn thành mọi bổn phận của danh hiệu Kitô hữu.

Các Kitô hữu đáp lại:

– Tất cả chúng tôi đều sẵn sàng, ngay cả ngay lúc này, dâng hiến linh hồn mình vì Chúa của chúng tôi.

Nghe vậy, Glyceria nói với họ:

– Xin các anh chị em hãy cầu nguyện cùng Chúa cho tôi, để Ngài củng cố tinh thần cho tôi cùng thực hiện công việc này với các anh chị em, để Ngài cũng cho phép tôi được chịu khổ vì danh Ngài. Xin các anh chị em cầu nguyện cùng Chúa cho tôi, để Ngài cũng kể tôi vào hàng ngũ các cô dâu bất diệt của Ngài, đang ngự trong cung điện thiên đàng của Ngài.

Và các Kitô hữu đã cầu nguyện cho bà.

Trong khi đó, ba ngày sau khi Savina đến Traianopolis, một lễ hội ngoại đạo vô đạo đức đã bắt đầu; những công dân ngoại đạo sống trong thành phố đó đã tụ tập lại, cầm những ngọn nến đang cháy, tất cả cùng đổ xô đến đền thờ Dia. Thấy vậy, trinh nữ thánh thiện Glykeria bừng lên lòng nhiệt thành vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của mình; sau khi làm dấu thánh giá trên mình, nàng vội vã đi đến đền thờ của thần Dia và, đứng trước đám đông những người ngoại đạo, nàng lớn tiếng nói với vị thống đốc:

– Thưa ngài Igemon đáng kính! Tôi muốn bắt đầu dâng lễ vật cho Đức Chúa Trời chân thật. Về nguồn gốc, tôi cao quý hơn tất cả cư dân thành phố này, bởi vì cha tôi từng giữ chức vụ danh dự là Amphipata của thành phố vinh quang La Mã. Vì vậy, tôi mới là người đầu tiên phải dâng lễ vật lên Đức Chúa Trời.

Vị thống đốc liền nói với nàng:

– Nhưng ngọn đèn của cô đâu rồi, để cô dùng nó thắp lửa dâng lễ vật?

Thánh Glyceria đáp lại:

– Ngọn đèn của tôi được khắc trên trán tôi; nó không bao giờ tắt và chiếu sáng mọi lễ vật dâng lên Đức Chúa Trời chân chính.

Tuy nhiên, Igemon không hiểu những lời Glykeria nói. Vì vậy, ông quay sang cô và nói:

– Được rồi. Hãy đến đây và dâng lễ vật trước mọi người.

Nhưng vị thánh đáp:

– Đức Chúa Trời vĩnh cửu không đòi hỏi người ta phải thắp những ngọn đèn tỏa khói dâng lên Ngài. Vì vậy, hãy ra lệnh dập tắt tất cả các ngọn đèn, để không còn thấy làn khói ghê tởm này nữa. Lúc đó, các ngươi sẽ thấy lễ vật tinh khiết của ta, mà ta định dâng lên Đức Chúa Trời của ta.

Igemon ra lệnh dập tắt tất cả các ngọn đèn.

Lúc đó, thánh nữ Glykeria đứng trên một chỗ cao, để mọi người dân đều có thể nhìn thấy, bà vén tóc che trán lên và cho mọi người thấy dấu Thánh Giá của Chúa Kitô được khắc trên trán bà; sau đó, bà nói to cho tất cả những người có mặt nghe:

– Các ngươi có thấy ngọn đèn rực rỡ đang chiếu sáng trên trán ta không?

Sau đó, ngước mắt lên trời và giơ hai tay lên, bà nói:

– Lạy Thiên Chúa toàn năng, Đấng được các tôi tớ của Ngài tôn vinh, Đấng đã hiện ra trong lò lửa Ba-by-lôn trước mặt ba thiếu niên của Ngài và giải cứu họ khỏi ngọn lửa (Đa-ni-ên 3), Đấng đã bịt miệng những con sư tử (Đa-ni-ên 6), Đấng đã ban chiến thắng cho tôi tớ Ngài là Đa-ni-ên, Đấng đã phá hủy tượng thần Vê-la[3649] , Đấng đã giết con rắn[3650] và Đấng đã đập tan hình tượng ma quỷ trên cánh đồng Đê-i-rê! (Đa-ni-ên 3) Ngài, Chúa Giê-su Ki-

[3649] Vil hoặc Baal – vị thần tối cao của người Babylon, thần Mặt Trời và Ánh Sáng nói chung. Để tôn vinh ngài, tại Babylon đã được xây dựng một ngôi đền lớn, có hình dáng như một ngọn tháp cao hình tứ giác. Tại đây, ở tầng dưới cùng, có một chiếc giường và một chiếc bàn bằng vàng, trên đó hàng ngày các thầy tế lễ đặt thức ăn dành cho Vil. Người Babylon coi Vil là một vị thần sống, người ăn và uống. Nhưng sự lừa dối này đã bị nhà tiên tri Đa-ni-ên vạch trần (Đa-ni-ên 14:1–22).

[3650] Con rắn, vốn được người Ba-by-lôn tôn kính sâu sắc và có tượng đúc bằng vàng trong cùng ngọn tháp với Víl, đã bị tiên tri Đa-ni-ên đánh bại và tan thành tro bụi (xem Đa-ni-ên 14:23–27).

tô, Đấng Thánh Khiết của Đức Chúa Trời, Chiên Con Thánh! Con khẩn cầu Ngài, xin hãy đến và giúp đỡ con, tôi tớ khiêm nhường của Ngài, đập tan tượng thần này do tay người làm ra và tiêu diệt những lễ vật ghê tởm và hư không của ma quỷ.

Trong khi vị thánh nữ đang cầu nguyện như vậy với Thiên Chúa, bỗng nhiên có tiếng sấm rền vang, và tượng thần Diev ngã xuống đất, vỡ tan thành từng mảnh nhỏ (nó được làm bằng đá).

Igemon và các thầy tế lễ, khi chứng kiến cảnh đó, đã nổi cơn thịnh nộ và ra lệnh cho dân chúng ném đá vào vị thánh nữ. Tuy nhiên, những hòn đá ném về phía vị thánh nữ không chạm vào bà, mà rơi xuống xung quanh bà, tạo thành một pháo đài bao quanh vị thánh nữ, bảo vệ bà khỏi bọn ngoại đạo. Những kẻ ngoại đạo vô đạo, không nhận ra quyền năng của Đức Chúa Trời, đã gọi vị thánh nữ là phù thủy. Nhưng bà đã nói với họ:

– Sức mạnh của Đấng Kitô, đang hoạt động qua tôi, vạch trần sự lầm lạc của các ngươi; còn sự giúp đỡ của Thiên Chúa tôi sẽ biến mọi sự tra tấn mà các ngươi dự định dành cho tôi thành hư không.

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh trói thánh nữ lại và đưa bà vào ngục tối. Đối với các lính canh ngục, quan tổng trấn ra lệnh phải theo dõi thánh nữ một cách cẩn thận, và nói với họ:

– Hãy để ý, đừng để nàng trốn khỏi ngục bằng phép thuật của mình. Khi đó, nàng sẽ nói rằng chính Đức Chúa Trời của nàng đã giải cứu nàng; và qua đó, nàng có thể lừa dối nhiều người.

Còn vị thánh nữ thì nói với vị thống đốc:

– Hỡi kẻ điên rồ, vô đạo và liều lĩnh! Chẳng lẽ ngươi không hiểu rằng ta bị ràng buộc bởi các điều răn của Chúa, Thiên Chúa của ta, và bị trói buộc bởi luật pháp của Ngài sao? Ta không thể tự giải thoát mình khỏi những ràng buộc này, dù chúng mang lại niềm vui cho ta; vì thế, ta cũng không thể trốn tránh cuộc hành trình đầy đau khổ mà chính ta tự nguyện bước vào vì Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của ta.

Sau khi vị thánh nữ thốt lên những lời này, bà đã bị đưa vào ngục tối.

Trong thời gian thánh nữ Glykeria ở trong ngục, linh mục của Chúa là Philokrat đã đến thăm bà, với mong muốn viếng thăm người tù nhân của Chúa Kitô. Thánh nữ nói với ngài:

– Xin ngài làm dấu Thánh Giá trên tôi; sau khi ban cho tôi dấu thánh này, như một sự xức dầu thiêng liêng, xin ngài cầu nguyện cho tôi, để tôi được đẹp lòng Thiên Chúa và Vua của tôi, Đấng mà ngài đang phụng sự; xin ngài cầu nguyện cho tôi, để tôi, được che chở bởi dấu Thánh Giá, có thể chiến thắng sự độc ác của ma quỷ.

Vị linh mục, sau khi làm dấu Thánh Giá trên Glykeria, nói:

– Nguyện dấu thánh của Chúa Kitô giúp đỡ con; nguyện chính Chúa Kitô, Đấng xức dầu cho con bằng ân sủng của Ngài, trở thành sự bình an thiêng liêng cho con, để con có thể can đảm hoàn thành sứ mệnh của mình.

Sau khi củng cố đức tin của Glykeria nơi Chúa và ban bình an cho cô, Philokrat rời khỏi ngục tối.

Sáng hôm sau, quan tổng trấn Savin đến triều đình, với ý định tra tấn thánh Glykeria tại đây. Ông gọi cô đến trước tòa án của mình và nói với cô:

– Giờ đây, Glykeria, ngươi có đồng ý dâng lễ vật lên vị thần vĩ đại Dii, Đấng mà chính Hoàng đế của chúng ta cũng tôn thờ và dâng lễ vật không?

Thánh nữ đáp lại:

– Làm sao tôi có thể thờ phụng ngài hay dâng lễ vật được, khi vị thần của các ngài đã rơi xuống đất, vỡ tan thành từng mảnh, mà không thể tự cứu lấy chính mình? Tôi chỉ biết một vị Thần duy nhất, Đấng ngự trên trời, Đấng đã giúp tôi đập tan tượng thần ô uế của các ngài. Chính vị Thần này mới là Đấng mà chúng ta nên thờ phụng, dâng lễ vật và làm vui lòng.

Igemon lại nói:

– Hãy dâng lễ vật đi, nếu ngươi không muốn phải chịu cực hình.

Còn vị thánh nữ đáp lại:

– Đức Chúa Trời của tôi sẽ trừng phạt tôi nếu tôi nghe lời ngài.

Igemon nói:

– Vậy là ngươi muốn chết sao?

Vị tử đạo đáp lại:

– Tôi muốn dùng những đau khổ thể xác của mình để chữa lành những bệnh tật trong tâm hồn.

Lúc đó, Igemon ra lệnh treo thánh nữ lên cây tra tấn bằng tóc và dùng móng sắt cào xé thân thể bà cho đến khi bà qua đời.

Khi vị thánh nữ bị treo cổ và tra tấn, bà hoàn toàn không cảm thấy đau đớn vì những cực hình đó và nói với Igemon:

– Hỡi kẻ vô đạo, đầy dẫy mọi sự ác độc, tay sai của ma quỷ! Tất cả những cực hình mà ngươi áp đặt lên ta chẳng là gì cả, vì ta hoàn toàn không cảm nhận được chúng. Chúa và Đức Chúa Trời của ta, Đức Giê-su Ki-tô, Đấng luôn ở bên ta và giúp đỡ ta. Hãy chuẩn bị cho ta những cực hình còn khủng khiếp hơn nữa, vì ta hoàn toàn không cảm nhận được đau đớn từ những cực hình này.

Trong khi vị thánh nữ đang nói những lời đó, những tên đầy tớ đang tra tấn bà đã kiệt sức. Còn Igemon, khi thấy những hình phạt mà hắn nghĩ ra để tra tấn Glykeria đã bị vị thánh nữ đánh bại, liền ra lệnh tháo Glykeria xuống khỏi cây tra tấn và đánh vào mặt bà.

Trong lúc bị đánh, vị thánh nói:

– Đức Chúa Trời của con là ánh sáng của con, còn Đức Kitô là pháo đài của con. Ngài sẽ che chở tôi tớ của Ngài bằng lòng nhân từ.

Sau đó, ngước mắt lên trời, vị thánh nói:

– Con cầu xin Ngài, lạy Chúa, xin soi sáng khuôn mặt con và giúp con can đảm chịu đựng những đòn roi này. Xin Ngài củng cố con, lạy Chúa, vì Ngài là Thiên Chúa chân thật, Đấng ban cho mọi người những kho tàng của Thánh Thần, những ai can đảm xưng danh thánh thiêng liêng của Ngài trước mặt những kẻ tra tấn. Ngài là Chúa, Đấng giúp đỡ tất cả những ai làm đẹp lòng Ngài trên đất; Ngài là Đấng bảo vệ các thánh của Ngài, nhờ các ngài mà con cũng đã nhận biết Ngài, Thiên Chúa chân thật, và yêu mến Đấng Tạo Hóa của con. Xin hãy nghe lời con lúc này, người tôi tớ khiêm nhường của Ngài, đang nỗ lực vì danh Ngài, và xin giúp con thoát khỏi những cái bẫy của ma quỷ và những lời độc ác của con rắn.

Trong khi vị thánh nữ đang thốt lên những lời ấy, những kẻ tra tấn vô nhân đạo đã đánh đập vào miệng bà. Nhưng bỗng nhiên, giữa họ xuất hiện một Thiên Thần của Chúa, khiến những kẻ tra tấn kinh hoàng đến nỗi tất cả đều ngã xuống đất như người chết. Còn Igemon, người không nhìn thấy các Thiên Thần, đã nói với vị thánh nữ:

– Hãy nói cho ta biết, Glykeria: tại sao ngươi không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế?

Thánh nữ đáp lại:

– Tôi phải vâng lời vị vua nào đây? Igemon nói:

– Hoàng đế La Mã, người đã ra lệnh thi hành luật cổ xưa này, được cha ông chúng ta truyền lại, quy định phải thờ phượng các vị thần của chúng ta.

Nhưng vị thánh nữ đáp:

– Tôi vâng lời Đức Chúa Trời Toàn Năng và tuân theo luật pháp của Ngài. Tôi giữ luật pháp của Ngài và vì thế tôi dâng chính mình làm của lễ, giống như xưa kia Áp-ra-ham đã dâng Ít-sa-ác, con trai mình, làm của lễ cho Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 22:1–19), nhờ đó Áp-ra-ham được Đức Chúa Trời chân thật hài lòng; vì sự hiến tế này, Đức Chúa Trời đã ban phước lành cho ông và phán rằng ông sẽ trở thành tổ phụ của nhiều dân tộc.

Igemon nói:

– Vậy thì hãy làm theo lệnh ta ngay đi, nếu không muốn phải chết một cái chết thảm khốc như một người phụ nữ bị lừa dối.

Nhưng vị nữ tử đạo đáp lại:

– Đấng Kitô, Đấng Lãnh đạo của chúng ta, những người Kitô hữu, và là Người Khởi xướng Công cuộc Thánh chiến đầu tiên của chúng ta, không chỉ củng cố tinh thần chiến đấu cho nam giới, mà còn cho cả phụ nữ nữa; và những ai trong số họ đã dũng cảm chiến đấu chống lại cha ngươi, tức là ma quỷ, thì Ngài sẽ ban thưởng cho họ bằng vương miện sáng chói.

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh đưa vị tử đạo vào ngục tối và ra lệnh để bà phải chịu đói khát ở đó trong nhiều ngày liền.

Thánh nữ bước vào ngục tối với niềm vui, dâng lời ngợi khen lên Thiên Chúa. Khi ngài bước vào khu vực bên trong của ngục tối và khi cánh cửa được đóng lại sau lưng ngài, ngài đã ngợi khen Chúa bằng những lời như sau: "Chúc tụng Ngài, Chúa và Thiên Chúa của các tổ phụ chúng con! Ngợi khen Ngài, Thiên Chúa, Đấng được các thánh của Ngài nhận biết, những người trung thành tuân giữ các điều răn của Ngài, Đấng đã hiện ra với thánh tông đồ Phêrô khi ngài rời khỏi Rôma[3651] , Đấng đã làm bẽ mặt kẻ thù của ngài là Simon, thầy phù thủy[3652] , Đấng đã giúp đỡ Đavít, người mà Ngài đã khiến Goliat quỳ gối dưới chân (1 Sa-mu-ên 17:4–51). Lạy Đức Chúa Trời chí

thánh và chí thanh khiết, xin hãy nghe lời con và đến giúp đỡ con, tôi tớ của Ngài. Xin giải thoát con khỏi những mưu mô của kẻ thù và khỏi sự cám dỗ của tên thống trị bất chính này".

Ba ngày sau đó, tên thống đốc nói với quan tòa: "Hãy lấy nhẫn của ta và dùng nó để đóng dấu vào phòng giam nơi nữ phù thủy đó đang bị giam giữ."

Viên quan lập tức đi đến, đóng dấu cánh cửa ngục tối và ra lệnh cho lính canh ngục phải theo dõi cẩn thận để không ai đưa thức ăn hay nước uống cho vị tử đạo. Nhưng các Thiên thần của Đức Chúa Trời đã mang thức ăn và nước uống đến cho vị thánh tử đạo và củng cố sức mạnh cho cô dâu của Đấng Christ.

Vài ngày sau đó, viên quan tổng trấn, với ý định đi đến thành phố Heraclea, đã đến nhà ngục để thăm nữ tử đạo, vì ông muốn đưa cô ấy đi cùng. Khi nhìn thấy con dấu của mình trên cửa nhà ngục, ông nghĩ rằng Glyceria đã chết vì đói và khát, bởi vì đã nhiều ngày trôi qua kể từ khi cô bị giam trong nhà ngục. Nhưng khi mở cửa ra và thấy vị thánh nữ vẫn còn sống, đã được cởi trói, đồng thời thấy cả những đĩa thức ăn đặt trước mặt Glykeria (trong đó có bánh mì sạch, sữa, và cả nước trong chén), viên quan đã vô cùng kinh ngạc trước tất cả những điều này, bởi vì tên khốn nạn ấy không hiểu rằng chính Đức Chúa Trời đã nuôi dưỡng nữ tớ của Ngài. Sau đó, viên quan ra lệnh đưa vị thánh tử đạo ra khỏi ngục tối và dẫn bà theo mình đến thành phố Heraclea[3651] . Còn vị thánh thì dâng lời tạ ơn lên Chúa vì tất cả, và nói như sau: "Lạy Chúa Trời! Ngài, Đấng dạy dỗ chúng con nhận biết lẽ thật của Ngài, Đấng chăm lo cho các tôi tớ trung thành của Ngài, Đấng đã sai thức ăn cho Đa-ni-ên khi ông ở trong hố sâu[3652] , Đấng đã sai thức ăn cho tiên tri Ê-li (3 Vua 17:2–6) khi ông ở gần suối, Đấng dẫn dắt những kẻ lầm lạc trở về với lẽ thật, Đấng soi sáng cho những người mù! Con tạ ơn Ngài vì Ngài đã nhớ đến con, người tôi tớ khiêm nhường của Ngài, và đã nuôi dưỡng con trong cơn đói khát bằng bàn tay hào phóng của Ngài từ những kho tàng vô tận của Ngài".

Nói những lời ấy, vị thánh nữ tiến vào thành Heraclea. Còn Igemon, đã đến đó trước đó, đang dâng lễ vật tại đền thờ dành riêng cho thần Dios.

Trong khi đó, các Kitô hữu đang sinh sống tại thành phố Heraclea, khi biết rằng Glyceria – người đã chịu khổ vì Chúa Kitô tại Traianopolis – đang trên đường đến với họ, đã cùng với vị giám mục đáng kính Dometius của họ ra đón bà. Khi đã đi ra khỏi thành phố ba khoảng đường đua và nhìn thấy vị thánh, họ đã lớn tiếng ca ngợi bà vì những đau khổ vì Chúa Kitô, còn vị giám mục thì công khai dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, nói như sau: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Ánh Sáng không bao giờ tắt, Đấng soi sáng cho tất cả những ai đang ở trong bóng tối, Đấng Dẫn dắt những kẻ lầm lạc, Đấng đã dẫn Mô-sê qua biển như đi trên đất khô, còn Pha-ra-ôn thì bị chìm trong biển (Xuất Hành 14), chúng con cầu xin Ngài: xin hãy là Đấng Dẫn dắt và là tôi tớ của Ngài, xin giúp nàng đến cùng can đảm xưng nhận danh thánh và toàn thánh của Ngài!"

Trong khi đó, vị thánh nữ được các binh lính hộ tống dẫn vào thành trong tình trạng bị xiềng xích.

Sáng hôm sau, quan tổng trấn quyết định thiêu sống vị thánh tử đạo nếu bà không dâng lễ vật cho các vị thần. Sau khi triệu tập bà đến trước tòa án của mình, ông nói với bà:

– Glykeria ơi, ngươi có định dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta không?

Vị thánh đáp lại:

– Trong luật pháp mà Đức Chúa Trời chân thật đã ban cho chúng ta, có chép rằng: *"Chớ thử thách Đức Chúa Trời của ngươi"* (Đệ Nhị Luật 6:16), vậy xin đừng cố thuyết phục tôi nữa. Tôi đã nói rồi, tôi đã hoàn toàn kết hiệp và hoàn toàn phục vụ Đấng Christ, Thiên Chúa và Chúa của tôi, và tôi từ chối ma quỷ, kẻ mà ngươi đang phục vụ. Nhưng nếu tôi đã kết hiệp với Đấng Christ, nếu tôi đã hứa hôn với Đấng Christ, thì liệu ngươi có nghĩ rằng tôi sẽ bao giờ từ bỏ Đấng Christ, Thiên Chúa của tôi, và chọn cái chết thay vì sự sống đời đời không? Ngươi có thể

[3651] Trong thời cổ đại, có khoảng 20 thành phố mang tên Heraclea; trong trường hợp này, tất nhiên là thành Heraclea nằm ở Thrace và gần Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch).

[3652] Một lần nọ, vào thời vua Cyrus, vua Ba Tư, Đa-ni-ên đã giết con rắn mà người Ba-by-lôn tôn thờ như thần, mà không cần dùng gươm hay gậy. Lúc đó, người Ba-by-lôn nổi loạn dữ dội chống lại Đa-ni-ên và nài nỉ vua cho phép họ ném Đa-ni-ên xuống hố. Trong hố đó có 7 con sư tử, chúng không được cho ăn để chúng ăn thịt Đa-ni-ên. Lúc bấy giờ, tại Giu-đê có nhà tiên tri A-ba-cút. Ông nấu thức ăn và mang ra đồng ruộng để phát cho dân chúng. Nhưng một Thiên thần hiện ra với ông và nói: *"Hãy mang bữa ăn mà ngươi có đến Ba-by-lôn cho Đa-ni-ên, trong hố sư tử." "Lạy Chúa," Habakuk đáp, "tôi chưa từng thấy Babylon và cũng không biết hố đó ở đâu*." Lúc đó, Thiên thần nắm lấy tóc Habakuk và đặt ông lên trên miệng hố ở Babylon. Habakuk kêu lên: *"Đa-ni-ên, Đa-ni-ên! Hãy nhận bữa ăn mà Đức Chúa Trời đã sai đến cho ngươi*." Đa-ni-ên đáp: *"Lạy Đức Chúa Trời, Ngài đã nhớ đến con và không bỏ rơi những ai yêu mến Ngài*." Sau đó, Đa-ni-ên đứng dậy và ăn bữa ăn mà Áp-ba-cum mang đến (Đa-ni-ên 14:29–42)

làm với ta bất cứ điều gì ngươi muốn; nhưng ta khinh bỉ và sẽ luôn khinh bỉ mọi của cải trần gian phù du, vì ta muốn đạt được và giành lấy cho mình những ân huệ trên trời.

Sau khi vị thánh nữ nói xong, quan tổng trấn ra lệnh ném bà vào lò lửa.

Khi lò lửa đã được đốt lên, vị thánh làm dấu thánh giá và nói:

– Lạy Chúa, Đấng Toàn Năng! Con ngợi khen Ngài và tôn vinh danh thánh của Ngài vì Ngài đã ban cho con ngày hôm nay và giờ phút này trong niềm vui vĩnh cửu, vì Ngài đã ghi chép lời xưng tội của con trước mặt các Thiên thần và loài người. Con xin Ngài – hãy thực hiện ước nguyện của linh hồn con: hãy cho tên thống đốc gian ác và ghê tởm này thấy rằng Ngài thực sự là Đấng Cứu giúp của con.

Khi vừa dứt lời, vị thánh nữ bị ném vào lò lửa. Nhưng ngay lập tức, sương từ trời rơi xuống và dập tắt ngọn lửa trong lò. Còn vị thánh nữ, đứng giữa lò lửa như một con chiên non tinh khiết,

đã cất tiếng hát những lời này: "Ngài là Đấng Thánh, lạy Thiên Chúa! Ngài thật đáng ngợi khen, Đấng đã ban cho con, tôi tớ khiêm nhường của Ngài, sự cứu giúp từ trời cao; xin cho mọi người đều nhận ra rằng mọi loài thọ tạo đều phục tùng Ngài; xin cho mọi người đều nhận ra rằng theo ý muốn của Ngài, ngọn lửa trong hang động này đã mất đi sức mạnh của nó." Nói xong, vị thánh bước ra khỏi hang động mà không hề hấn gì. Còn Igemon, nghĩ rằng Glykeria nhờ phép thuật của mình nên không bị lửa làm hại, đã ra lệnh lột da trên đầu bà. Khi các đầy tớ của Igemon bắt đầu thi hành mệnh lệnh của ông ta, vị thánh tử đạo đã kêu cầu Thiên Chúa, nói như sau: "Lạy Chúa, Đấng đã tạo ra ánh sáng! Ngài, Đấng đã cho phép lẽ phải nở rộ giữa những cực hình này, xin hãy cho vị thống đốc vô đạo Savin thấy rằng bất cứ ai vững tin vào Ngài và trông cậy vào quyền năng của Ngài, sẽ không bao giờ sợ hãi những cực hình vì danh Ngài, mà thậm chí còn khao khát một hành động tử đạo vĩ đại hơn nữa, để được nhận vương miện tử đạo vinh quang hơn. Con ca ngợi và tạ ơn Ngài vì Ngài đã khai mở bản chất sâu thẳm của linh hồn con, sau khi da trên đầu con bị lột đi, để con, được chiếu sáng bởi ánh sáng của Ngài, giờ đây có thể nói về chính mình: *"Xin mở mắt con, để con được thấy những điều kỳ diệu của luật pháp Ngài"* (Thánh Vịnh 118:18).

Còn Igemon, khi thấy những lời của vị thánh này là sự sỉ nhục đối với mình, đã ra lệnh đưa bà vào ngục tối, trói tay chân bà lại, rồi ra lệnh đặt bà trần truồng lên tảng đá nhọn.

Khi đến nửa đêm, Thiên Thần của Chúa đã ngự xuống ngục tối. Sau khi chiếu sáng ngục tối, Ngài đã cởi trói cho vị thánh và chữa lành cho bà, phục hồi lại lớp da trên đầu bà – vốn đã bị những kẻ tra tấn lột ra – đến nỗi trên khuôn mặt vị thánh không còn thấy bất kỳ vết thương nào, và bà hoàn toàn khỏe mạnh với gương mặt rạng rỡ.

Sáng hôm sau, quan tổng trấn ra lệnh đưa thánh nữ đến trước mặt mình để thẩm vấn lần nữa. Khi Laodicius, người canh gác ngục tối, mở cửa ngục và thấy thánh nữ đã được giải thoát khỏi xiềng xích, ông ta liền hoảng sợ và kinh hoàng; không nghĩ rằng đó là Glyceria, anh ta định tự sát, vì cho rằng Glyceria đã trốn khỏi ngục (người lính canh muốn làm vậy vì rất sợ bị thống đốc trừng phạt). Nhưng vị thánh nữ nói với anh ta:

– Đừng làm hại bản thân, vì chính là ta – Glykeria.

Người lính gác, đang hoảng sợ, nói:

– Xin thương xót con, xin cứu con, để con khỏi chết vì sợ hãi, vì con tin vào Đức Chúa Trời, Đấng giúp đỡ ngài.

Vị thánh nữ bèn nói với anh ta:

– Hãy theo Chúa Kitô, và ngươi sẽ được cứu rỗi.

Người lính canh, sau khi ra khỏi ngục tối, đã đeo lên mình những xiềng xích mà vị tử đạo từng bị trói, và mang chúng trên người, đi đến gặp quan tổng trấn.

Khi quan tổng trấn nhìn thấy anh ta, ông nói:

– Ngươi đã làm gì vậy, Laodicius? Nữ tù nhân được giao cho ngươi canh giữ đâu rồi? Laodicius đáp lại:

– Nàng đang đứng trước mặt ngài đây. Đêm nay, nàng đã được ánh sáng của Đức Chúa Trời chiếu rọi và được Thiên Thần do Đức Chúa Trời sai đến chữa lành, Người đã giải thoát nàng khỏi xiềng xích; chính tôi đã đeo những xiềng xích đó lên người mình; đồng thời, nàng đã lấy lại vẻ đẹp ban đầu trên khuôn mặt và được Thiên Thần chữa lành hoàn toàn khỏi những vết thương. Khi chứng kiến tất cả những phép lạ của Đức Chúa Trời này, tôi đã tin vào Đức Chúa Trời và mong muốn được cùng chia sẻ cái chết với Glykeria.

Lúc đó, vị thống đốc, tràn đầy cơn giận, nói:

– Hãy chém chết tên khốn kiếp này đi, rồi chúng ta sẽ xem liệu Chúa Kitô có đến cứu hắn không!

Khi thời khắc bị chém bằng gươm đã đến gần, Laodicius ngước mắt lên trời và lớn tiếng kêu lên:

– Lạy Thiên Chúa và Chúa của các Kitô hữu! Xin hãy cho con được ở cùng với nữ tỳ thánh của Ngài là Glykeria trong Nước Trời của Ngài.

Còn Thánh Glyceria thì cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho ông, rằng: "Lạy Cha của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng đã chữa lành những bệnh tật chết người, Đấng đã giải thoát con người bị tội lỗi giam cầm khỏi xiềng xích của địa ngục, xin Ngài cũng giải thoát tôi tớ của Ngài là Laodice khỏi quyền lực của ma quỷ; xin giúp anh ấy hoàn thành đến cùng công cuộc làm chứng đức tin của mình và xin đón nhận linh hồn anh ấy trong bình an."

Còn Laodicia, khi nghe lời cầu nguyện của Glyceria, đã nói: "A-men."

Sau đó, ông bị chém đầu; còn thi thể của ông, các Kitô hữu trung thành đã bí mật mang đi và an táng một cách trang trọng.

Trong khi đó, quan tổng trấn quay sang Glykeria và nói với cô:

– Chúng tôi biết cha cô từng là một quan Anphipat của La Mã, cũng biết mẹ cô cũng có xuất thân cao quý không kém; nhưng chúng tôi không biết ai đang giúp đỡ cô; chính cô hãy nói cho chúng tôi biết điều đó.

Thánh nữ đáp:

– Đấng giúp đỡ tôi là Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của thế gian và Nguồn mạch của mọi niềm vui, Đấng đã ban cho tôi thức ăn trong ngục tối, giải thoát tôi khỏi xiềng xích và phục hồi vẻ đẹp trên khuôn mặt tôi, vốn đã bị ngài chà đạp.

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh ném vị thánh cho thú dữ ăn thịt.

Thánh nữ bước về phía các con thú với niềm vui và hân hoan, như thể đang đến dự một bữa tiệc nào đó. Khi ngài đến nơi các con thú được thả ra, ngài dừng lại. Ngay lập tức, một con sư tử cái to lớn, gầm gừ dữ dội, được thả ra hướng về Glykeria; nhưng khi đến gần thánh nữ, nó nhẹ nhàng nằm xuống dưới chân ngài và bắt đầu liếm chân ngài. Còn vị thánh, ngước mắt lên trời, nói: "Con tạ ơn Ngài, Thiên Chúa toàn năng, Thiên Chúa của các tổ phụ, Thiên Chúa của lòng thương xót! Con tạ ơn Ngài, Đấng đã chế ngự cơn thịnh nộ của con thú, để tỏ cho mọi người thấy quyền năng thần thánh của Ngài! Con tạ ơn Ngài vì đã làm cho mọi sự đau khổ, dù là tàn nhẫn nhất, cũng trở nên nhẹ nhàng đối với con. Xin Ngài hãy nghe lời con, lạy Chúa, và trừng phạt tên thống trị độc ác này theo những việc làm của hắn; còn con, xin đừng tước đoạt vương miện ân sủng của Ngài dành cho con cùng với các thánh nhân khác của Ngài."

Sau khi vị thánh cầu nguyện như vậy, có tiếng từ trời vang lên rằng: "Ta đã nghe lời cầu nguyện của con! Hãy đến với Ta trong bình an! Này, cánh cửa Nước Trời đang mở ra cho con!"

Chẳng bao lâu sau, một con sư tử cái khác được thả xuống; nó tiến lại gần vị thánh và cắn vào người bà, nhưng thân thể vị thánh không bị con sư tử xé nát. Thế là vị thánh đã phó thác linh hồn mình vào tay Đức Chúa Trời[3653] . Còn các con thú thì ngay lập tức quay trở về chuồng của chúng. Cùng lúc đó, viên quan tổng trấn bỗng mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo – toàn thân sưng phù vì bệnh phù thũng và phình to đến mức ông ta qua đời ngay trên đường phố, vì không kịp đưa ông về nhà. Còn Đức Giám mục Dometius đã rước thi hài đầy đau khổ của Thánh Tử đạo Glyceria và an táng tại một nơi đẹp đẽ gần thành phố Heraclea. Sau đó, từ thi hài thánh thiện của Thánh Glykeria đã tuôn ra dầu thánh chữa lành[3654] , chữa lành nhiều loại bệnh tật khác nhau, để tôn vinh Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất được tôn vinh trong Ba Ngôi, Đấng mà vinh quang, danh dự và sự thờ phượng được dâng lên, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Kondak, giọng 3:

Nàng trinh nữ yêu mến và là Mẹ Thiên Chúa, Maria, đã gìn giữ sự trinh khiết của mình một cách bất diệt: nhờ lòng yêu mến Chúa mà nàng đã tận tụy, và đã chịu khổ một cách khôn ngoan cho đến chết. Vì lý do đó, Chúa Kitô, Thiên Chúa, đã trao cho nàng, hỡi trinh nữ tử đạo, một vương miện đặc biệt.

[3653] Thánh nữ tử đạo qua đời vào khoảng năm 177.

[3654] Trong số những người chứng kiến dầu thánh chảy ra từ quan tài của thánh nữ tử đạo Glyceria có Hoàng đế Mauricius (trị vì từ năm 582 đến năm 602). Dưới triều đại của ông, một phép lạ đã xảy ra tại mộ của vị thánh tử đạo: Giám mục thành Heraclius muốn thay thế chiếc bình đồng, nơi dầu thánh chảy ra, bằng một chiếc bình bạc, và vì mục đích đó, ông đã mua nó tại Constantinople. Nhưng khi chiếc bình này được đặt bên cạnh quan tài của vị thánh, dầu thánh đã ngừng chảy. Sau những lời cầu nguyện khẩn thiết và việc thay lại bằng chiếc bình cũ, dầu thánh lại tiếp tục chảy ra. Hóa ra, chiếc bình bạc này trước đây thuộc về một người hành nghề phù thủy và đã được hắn sử dụng cho những việc tà ác.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Alexander

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 5

Dưới triều đại của hoàng đế La Mã vô đạo Maximian, một cuộc bách hại tàn bạo đối với các Kitô hữu đã được phát động trên khắp các vùng đất của Đế quốc La Mã. Một trong những sĩ quan chỉ huy trăm người, là người sùng bái nhiệt thành các vị thần ngoại đạo , theo lệnh của hoàng đế đã xây dựng một đền thờ dành cho vị thần xấu xa của mình là Dii[3655] , không xa Rome, cách đó khoảng một khoảng đường đua. Đồng thời, tất cả các Kitô hữu đều bị buộc phải dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo, cũng như tập trung lại để tu sửa đền thờ của Dii. Các sứ giả của hoàng đế đi khắp nơi và lớn tiếng tuyên bố:

– Hãy nghe đây, những người bạn của các vị thần! Sáng ngày mai, các ngươi phải tập trung cùng hoàng đế tại đền thờ thần Diya.

Tất cả những người ngoại đạo nghe thấy những lời hô hào của các sứ giả hoàng gia đều chuẩn bị từ sớm, dự định sẽ đến đền thờ của thần Diev. Sáng hôm đó, nhiều người ngoại đạo sau khi mua sắm trong thành phố đã lên đường đến đền thờ, một phần để thờ cúng và dâng lễ vật cho thần Diev, một phần để bán những thứ đã mua.

Vào thời điểm đó, có một người đàn ông quý tộc và giàu có tên là Tiberian, giữ chức vụ tribune[3656] , dưới quyền chỉ huy của ông là nhiều binh sĩ do tướng Philax giao phó. Ông đã triệu tập những binh sĩ này lại và nói với họ:

– Hãy nghe đây, các anh em! Các anh có biết sắc lệnh của hoàng đế, ra lệnh cho chúng ta hôm nay phải cùng hoàng đế đến đền thờ của thần Diev không? Hãy sẵn sàng đi.

Trong lúc ông đang nói những lời đó, có người báo cáo rằng hoàng đế đã đến ngôi đền đó. Ngay lập tức, tất cả đều vội vã tiến về ngôi đền để có mặt cùng hoàng đế. Nhưng một trong số những chiến binh đó, tên là Alexander, từ thuở nhỏ đã được dạy dỗ về đức tin Kitô giáo và kính sợ Thiên Chúa, đã nói với viên quan:

– Ngài sẽ làm đúng nếu nói rằng chúng ta phải đi thờ lạy Đức Chúa Trời chân thật, Đấng ngự trên trời; còn những kẻ mà các ngài gọi là thần, thực ra không phải là thần, mà là ma quỷ.

Tiberius nói với anh ta:

– Hôm nay chúng ta sẽ dâng lễ vật không phải cho tất cả các vị thần, mà chỉ cho một vị duy nhất là Dii, dù chúng ta có rất nhiều vị thần mà cả hoàng đế lẫn chúng ta đều tôn kính.

Thánh Alexander đáp lại:

– Dii, vị mà ngươi gọi là thần, cũng giống như những quỷ dữ nịnh hót khác, lôi kéo những kẻ thờ phụng mình vào con đường diệt vong, dụ dỗ họ làm những việc ghê tởm và vô luật pháp, những việc mà chính các vị thần của các ngươi, như các ngươi nói về họ, cũng đã bị ô uế bởi, cụ thể là, đôi khi chúng, bị kích động bởi dục vọng xác thịt, đã dụ dỗ phụ nữ và thực hiện những hành vi ghê tởm với họ, làm ô uế không chỉ đất liền mà cả biển cả và không khí[3657] . Nhưng ai đã từng nghe hay thấy vị thần nào lại phạm tội tà dâm? Còn Đức Chúa Trời của chúng ta là Đấng không thể nhìn thấy bằng mắt xác thịt, nhưng chỉ có thể nhận biết qua đức tin, là Đức Chúa Trời Tinh Khiết, Toàn Năng, Đấng Sáng Tạo trời và đất. Đức Chúa Trời của chúng ta không đòi hỏi những của lễ như những gì các ngươi dâng cho những ác quỷ ô uế của các ngươi; thay vì những của lễ đó, Ngài đòi hỏi chúng ta dâng lên một của lễ tinh khiết và không đổ máu.

Sau khi nghe Alexander nói, Tiberius nói:

– Hãy từ bỏ sự điên rồ của ngươi đi, Alexander! Đừng phỉ báng các vị thần, những ân nhân của chúng ta, kẻo nhà vua nghe được chuyện này sẽ giận ta vì đã để một kẻ báng bổ thần thánh như ngươi ở trong quân đoàn của ta!

Nói xong, Tiberian đi gặp nhà vua, còn Alexander thì về nhà mình.

Khi đến giờ dâng lễ vật, nhà vua bắt đầu dâng lễ vật cho vị thần ghê tởm của mình là Diya tại ngôi đền đó. Lúc này, Tiberian báo với nhà vua rằng một trong những chiến binh của ngài, tên là Alexander, không tuân theo

---

[3655] Hoàng đế Maximian trị vì từ năm 285 đến năm 305.

[3656] Tribune – chỉ huy của một bộ lạc hoặc một trung đoàn.

[3657] Trong trường hợp này, Thánh Alexander ám chỉ những câu chuyện thô tục và bẩn thỉu trong thần thoại Hy Lạp về những cuộc phiêu lưu của các vị thần. Theo quan điểm của người Hy Lạp cổ đại, các vị thần của họ cũng có những khuyết điểm giống như con người.

mệnh lệnh của nhà vua, không dâng lễ vật cho thần Diya, mà còn phỉ báng và xúc phạm các vị thần. Ngay lập tức, nhà vua ra lệnh cho người đi tìm anh ta và bắt anh ta phải đến trước mặt mình trong xiềng xích sắt.

Lúc đó là giờ thứ sáu trong ngày[3658] . Alexander lúc đó đang nằm trên giường, chìm vào giấc ngủ. Bỗng nhiên, Thiên Thần của Chúa hiện ra với anh ta trong một giấc mơ và nói: "Alexander! Hãy can đảm và vững lòng, vì ngươi sẽ phải chịu nhiều đau khổ vì danh Chúa Giê-su Ki-tô. Này, những cực hình không nhỏ đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi; này, binh lính đang tiến đến để bắt ngươi. Nhưng ngươi đừng sợ họ; đừng để lòng ngươi run sợ trước họ, vì ta được sai đến để giúp đỡ ngươi. Hãy đứng dậy và cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, và ta sẽ ở cùng ngươi trong suốt hành trình của ngươi."

Thức dậy khỏi giường, Alexander bắt đầu hát Thánh vịnh của Đa-vít: *"Ai ở dưới bóng che chở của Đấng Tối Cao, dưới bóng mát của Đấng Toàn Năng, sẽ an nghỉ và thưa cùng Chúa: 'Ngài là nơi nương náu và sự che chở của con, là Đức Chúa Trời mà con tin cậy'"* (Thánh vịnh 90:1–2), và những lời còn lại của Thánh vịnh đó cho đến hết. Sau đó, khi bước ra khỏi nhà, Alexander gặp các chiến binh đang đi theo ngài; những chiến binh này là đồng đội của ngài trong trung đoàn. Khi nhìn thấy Thánh Alexander, tất cả họ đều ngã quỵ xuống đất vì sợ hãi, bởi vì khuôn mặt của vị thánh rực rỡ như tia chớp. Nhưng vị thánh nói với họ:

– Hãy đứng dậy đi, các anh em! Sao các anh lại sợ hãi vậy?

Các chiến binh đáp:

– Chúng tôi tưởng rằng ngài đang được bao bọc bởi quyền năng của Đức Chúa Trời; vì thế chúng tôi mới ngã quỵ xuống đất vì sợ hãi.

Nhưng vị thánh nói với họ:

– Hãy nghe ta đây, các anh em! Đức Chúa Trời của trời và đất đã viếng thăm tôi tớ của Ngài; nhưng các ngươi đừng lo lắng: hãy làm theo lệnh đã được giao; vì các ngươi được sai đi để bắt ta, trói lại và đưa ta đến trước mặt vua để thẩm vấn.

Các binh lính liền đáp lại:

– Chúng tôi đã thỏa thuận là sẽ không nói gì với ngài cả. Vậy làm sao ngài biết được chuyện này, – hãy nói cho chúng tôi biết.

Vị thánh đáp:

– Ta không nên nói nhiều với các ngươi, vì ta đang háo hức hướng tới cuộc hành trình phía trước, do Vua trên trời đã chuẩn bị cho ta. Ta sẽ phải đi từ Rôma đến Byzantium.

Nói xong, vị thánh quỳ gối xuống và cầu nguyện với Chúa như sau: "Lạy Chúa, Thiên Chúa của các tổ phụ chúng con, Đấng được ngợi khen và chúc tụng muôn đời! Con xin và khẩn cầu Ngài, xin đừng tách con khỏi hàng ngũ các thánh nhân của Ngài, xin đừng từ chối con, kẻ đang đến với Ngài, vì Ngài đã mặc khải cho con danh thánh và uy nghiêm của Ngài. Lạy Chúa, Đấng Cứu giúp và Đấng Bênh vực của con, xin hãy sai Thiên thần của Ngài đến với con, để ngài giúp đỡ và dạy dỗ con phải trả lời thế nào trước kẻ tra tấn."

Sau khi vị thánh kết thúc lời cầu nguyện, các binh lính đã đặt tay lên người ngài và xiềng xích ngài bằng xiềng sắt; rồi họ dẫn ngài đến trước hoàng đế Maximian. Mẹ của vị thánh, tên là Pimenia, vẫn chưa biết rằng con trai bà, Alexander, đã bị đưa đi thẩm vấn trước hoàng đế. Vị thánh có thân hình vạm vỡ, cao lớn, khuôn mặt đẹp đẽ và còn trẻ, vì ngài mới chỉ tròn mười tám tuổi kể từ khi chào đời. Khi vị thánh được đưa đến trước hoàng đế để thẩm vấn, Maximian đã hỏi ngài:

– Ngươi có phải là kẻ đã dám xúc phạm ta không? Ngươi có phải là kẻ không vâng lời cấp trên và không chịu thờ lạy vị thần vĩ đại của ta, thần Dium, không?

Vị thánh đáp lại rằng:

– Ta thờ phượng Đức Chúa Trời của ta, Đấng ngự trên trời, và Con Một của Ngài, Chúa Giê-su Ki-tô, cùng Đức Thánh Thần. Ta không biết và sẽ không xưng nhận bất kỳ vị thần nào khác. Vì vậy, xin đừng hỏi ta về vị thần nào khác. Còn về quyền lực của ngươi, ta không hề sợ hãi hay run rẩy chút nào; ta không sợ những lời đe dọa của ngươi, cũng không sợ những hình phạt mà ngươi sẽ giáng xuống cho ta.

Nghe vậy, Maximian rất tức giận và nói:

– Vị Thiên Chúa mà ngươi tuyên xưng có thể làm được gì?

Thánh nhân đáp:

[3658] Theo cách tính của chúng ta – 12 giờ trưa.

– Đức Chúa Trời của tôi là Đấng vô hình và toàn năng, nên không có gì là không thể đối với Đức Chúa Trời của tôi.

Maximian đáp lại:

– Liệu kẻ bị con người đóng đinh và chết vì bị giết có thể là Đức Chúa Trời được chăng? Thánh nhân đáp lại:

– Im đi, Satan, vì ngươi không được phép dùng cái miệng dơ bẩn của mình để nhắc đến danh hiệu tinh khiết và thánh thiêng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã tự nguyện chịu đóng đinh và chết! Hỡi kẻ điên rồ! Nếu ngươi gọi Ngài là Đấng bị đóng đinh và bị kết án tử hình, thì tại sao ngươi lại không nói rằng Ngài đã sống lại từ cõi chết và ban sự sống cho nhiều người đã chết?

Maximian nói:

– Ta muốn tha thứ cho tuổi trẻ của ngươi, vì ta thấy ngươi còn rất trẻ. Nhưng vị thánh đáp lại:

– Tốt hơn là ngươi hãy thương xót chính mình và cố gắng thoát khỏi cái lưới mà ma quỷ đã lôi kéo ngươi vào. Còn về phần ta, ta không sợ bất kỳ sự tra tấn nào, vì ta có Thiên Chúa làm trợ thủ.

Maximian nói:

– Ta đã nói rồi, ta muốn tha cho ngươi. Hãy đến đây và dâng lễ vật; khi đó ngươi sẽ được ở trong cung điện hoàng gia mãi mãi và thậm chí còn chiếm vị trí hàng đầu ở đây.

Thánh nhân đáp:

– Ngươi sẽ ra lệnh cho ta thờ lạy vị thần nào?

Maximian đáp:

– Hãy thờ lạy và dâng lễ vật lên vị thần vĩ đại Diya.

Vị thánh giơ hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện như sau: "Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin đừng bỏ rơi con, tôi tớ khiêm nhường của Ngài, xin giúp đỡ con, kẻ tội lỗi và không xứng đáng này."

Khi ngài đang cầu nguyện như vậy, ngài ngước mắt lên trời và thấy các tầng trời đã mở ra; ngài cũng thấy Con Thiên Chúa đang ngự bên hữu Chúa Cha. Trước cảnh tượng ấy, vị thánh tràn ngập niềm vui thiêng liêng vô cùng. Sau đó, ngài lại hỏi Maximian:

– Ngươi muốn ta dâng lễ vật cho vị thần nào?

Maximian nói:

– Hãy dâng lễ vật cho vị thần vĩ đại Diya.

Vị thánh đáp:

– Ngươi không biết sao, rằng kẻ mà ngươi gọi là thần ấy xưa kia từng là một con người, và hơn nữa còn là một kẻ đồi bại và ghê tởm, bởi vì có lần, bị dục vọng xác thịt đối với một người phụ nữ chi phối, hắn đã hóa thân thành hình dạng con bò và dùng phép thuật của mình để quyến rũ và làm ô uế người phụ nữ ấy?[3659]

Maximian, nghe vậy, liền cười lớn và nói:

– Điều này chứng tỏ sức mạnh của các vị thần của chúng ta, bởi vì các ngài hiện thân trước con người dưới hình dạng mà chính các ngài mong muốn.

Vị thánh bèn nói với hắn:

– Hỡi kẻ khốn nạn! Ngươi ca ngợi những việc làm xấu xa và ghê tởm của các vị thần ngươi, bởi chính ngươi cũng giống như họ với những việc làm ô uế của mình, vì ngươi không muốn nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, Đấng đã ban cho ngươi cả vinh quang lẫn vương quốc.

Maximian nói:

– Các vị thần của ta đã ban cho ta quyền lực vương giả.

Vị thánh nói:

– Ta ngạc nhiên về ngươi, vì ngươi tự cho mình là thông minh, nhưng lại tự hủy hoại chính mình, bởi ngươi tin vào ma quỷ và thờ phượng những thần tượng câm lặng và vô hồn, bỏ rơi Đức Chúa Trời hằng sống và bất tử. Tại sao ngươi lại theo Satan, cha của ngươi? Tốt hơn hết là ngươi hãy quay lưng lại với bóng tối và hướng về ánh sáng, để không phải bị hủy diệt mãi mãi trong hỏa ngục.

Lúc đó, Maximian, tràn đầy cơn giận, đã giao Alexander cho quan tribune Tiberius, ra lệnh cho hắn tra tấn vị thánh. Đồng thời, Maximian ra lệnh cho Tiberius không chỉ tra tấn Alexander mà còn tất cả các Kitô hữu nói

[3659] Trong trường hợp này, Thánh Alexander cũng ám chỉ những câu chuyện trong thần thoại Hy Lạp về cuộc phiêu lưu của các vị thần.

chung; với mục đích đó, ông đã cử quan tribune đến Thrace, ra lệnh cho hắn truy lùng các Kitô hữu khắp mọi nơi. Maximian ra lệnh dẫn Alexander theo mình đến Byzantium. Khi thánh Alexander nghe tin này, ngài đã nói với hoàng đế:

– Tôi cảm ơn ngài, kẻ hành hình, vì ngài muốn làm cho danh tiếng của tôi được biết đến ở nhiều quốc gia. Xin Chúa và Đức Chúa Trời của tôi ban cho tôi ân sủng để chịu đựng mọi bệnh tật và cực hình vì danh thánh này ở khắp mọi nơi trên trái đất.

Còn Maximian thì ra lệnh đưa vị thánh ra khỏi tầm mắt mình. Quan tribune Tiberius nhận vị thánh vào quyền quản lý của mình, và vào sáng hôm sau, ông ra lệnh treo vị thánh lên cây tra tấn, rồi dùng móng sắt cạo da thịt ngài. Trong lúc chịu cực hình, Thánh Alexander không thở dài một tiếng nào, nhưng ngước mắt lên trời, dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa. Sau đó, khi hạ Thánh nhân xuống khỏi cây tra tấn, quan tribune Tiberius ra lệnh xiềng xích Ngài bằng xiềng sắt và giao cho binh lính dẫn Ngài đến Thrace.

Vào lúc thánh Alexander đang bị các binh lính dẫn đi đến Thrace, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra trong giấc mơ của mẹ ngài, bà Pimenia, và nói với bà: "Hãy thức dậy, rời khỏi giường, dẫn theo các đầy tớ và gia súc của bà, rồi hãy theo con trai bà đến Thrace; con trai bà đang bị dẫn đến đó để chịu khổ vì danh Chúa Kitô; còn bà, sau khi con trai bà qua đời, hãy an táng thi thể cao quý của con trai bà."

Thánh nữ Pimenia, khi tỉnh dậy, không hề buồn bã hay khóc lóc, mà trái lại, lòng bà tràn ngập niềm vui thiêng liêng lớn lao về con trai mình. Ngay lập tức, bà đứng dậy, chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho chuyến đi, rồi vội vã lên đường theo chính con đường mà con trai bà đã đi. Pimenia đã đuổi kịp Alexander tại thành phố Catargene.

Khi bước vào thành phố này, bà thấy con trai mình đang đứng trước mặt Tiberian, người đang xét xử cậu. Thấy Alexander bắt đầu bị tra tấn và hành hạ, đồng thời vô cùng vui mừng trước hành động anh hùng của người con trai yêu quý, Pimenia đã cất tiếng kêu lớn, nói như sau:

– Lạy Đức Chúa Trời Tối Cao, Đấng Chăn Chiên nhân lành, xin hãy giúp đỡ con, con trai của mẹ!

Khi Tiberian nghe thấy giọng nói của bà, ông liền hỏi:

– Giọng nói này là của ai vậy?

Tuy nhiên, không ai có thể nói được giọng nói đó phát ra từ đâu, vì có quá nhiều người đang đứng xung quanh nơi đó. Sau đó, Tiberius nói với vị tử đạo:

– Hỡi kẻ khốn nạn, hãy dâng lễ vật lên các vị thần!

Vị thánh đáp lại:

– Tôi đồng ý dâng lễ vật ngợi khen lên Đức Chúa Trời.

Kẻ tra tấn liền nói:

– Chẳng phải ngươi đã nói với ta rằng Đức Chúa Trời của các ngươi không đòi hỏi bất kỳ lễ vật nào sao?

Vị thánh đáp lại:

– Quả thật, Đức Chúa Trời của tôi không đòi hỏi những lễ vật mà các ngươi dâng lên các thần tượng của mình, nhưng Ngài đòi hỏi lễ vật trong sự chân thật và thánh khiết, vì Ngài là Đức Chúa Trời thánh khiết và công chính.

Lúc đó, Tiberius ra lệnh dùng nến thiêu đốt thân thể vị thánh, và nói:

– Hãy xem xem Đức Chúa Trời của ông có đến cứu ông khỏi tay ta không.

Còn vị thánh, khi đang bị thiêu đốt, ngước mắt lên trời và nói: "Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã sai Tổng lãnh thiên thần Micae của Ngài đến Babylon và đã giải cứu ba thiếu niên khỏi lò lửa (Đan. 3), lạy Chúa, xin Ngài cũng giải thoát con khỏi cơn đau đớn này và làm cho kẻ hành hạ con phải hổ thẹn, để con cùng với vị hát Thánh vịnh Đa-vít có thể thốt lên: *'Chúng con đã đi qua lửa và nước, nhưng Ngài đã dẫn chúng con ra nơi tự do'* (Thánh vịnh 65:12).

Tiberius, khi thấy ngọn lửa không gây hại gì cho vị tử đạo, đã vô cùng xấu hổ và ra lệnh cho binh lính trói Alexander lại và dẫn anh ta theo mình trên chặng đường tiếp theo. Còn mẹ của vị thánh, khi thấy con trai mình bị binh lính dẫn đi khỏi kẻ hành hạ, đã nài nỉ binh lính cho phép bà được gặp con. Các binh lính không cản trở bà. Vị thánh tử đạo, khi nhìn thấy mẹ mình, đã nói:

– Mẹ đã làm rất đúng khi đến đây, thưa bà. Hãy đồng hành cùng con đến chính nơi mà con sẽ hoàn thành cuộc hành trình của mình[3660] , như Chúa đã mặc khải cho con.

[3660] Tức là đến thành phố Byzantium.

Một số binh lính lúc đó nói:

– Hạnh phúc thay cho ngươi, Alexander, vì đức tin của ngươi thật lớn lao; Đức Chúa Trời của người Kitô hữu cũng thật vĩ đại. Ngươi đã phải chịu biết bao đau khổ, thế mà vẫn không hề suy giảm chút nào trong việc tuyên xưng đức tin của mình.

Họ đã nói như vậy trong suốt cuộc hành trình được thực hiện theo lệnh của Tiberius.

Khi đoàn lữ hành đến gần một suối nước chảy ngẫu nhiên bên đường, họ dừng lại và bắt đầu dùng bữa. Đồng thời, họ cũng nài nỉ Alexander dùng bữa cùng họ, nhất là khi anh đã mười bốn ngày không ăn bánh mì và không uống nước. Còn vị Thánh, thay vì dùng bữa, ngài quỳ gối và bắt đầu hát Thánh vịnh: *"Con ngước mắt lên các núi, nơi sự cứu giúp của con sẽ đến: sự cứu giúp của con đến từ Chúa, Đấng đã dựng nên trời và đất"* (Thánh vịnh 120:1–2). Rồi ngài bắt đầu cầu nguyện như sau: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin hãy gìn giữ con, con chiên của Ngài, khỏi mọi vết nhơ, để kẻ thù của con không được vui mừng vì con, vì con đã nhận biết danh thánh của Ngài. Xin chớ để con phải hổ thẹn trước kẻ hành hạ, lạy Chúa, nhưng xin sai Thánh Thiên Thần của Ngài và bàn tay phải của Ngài đến giúp đỡ con, và xin Ngài là Đấng Bảo Vệ, Đấng Cứu Giúp và Đấng Che Chở cho con."

Khi vị thánh kết thúc lời cầu nguyện, Thiên Thần của Chúa hiện ra và nói: "Đừng sợ, Alexander! Chúa đã nghe lời cầu nguyện của con, và Ta được Thiên Chúa sai đến để giúp đỡ con."

Khi Thiên Thần nói những lời ấy, các binh sĩ nghe thấy có ai đó đang nói với Alexander, nhưng họ không thấy rõ đó là ai; vì thế, họ vô cùng kinh hãi và vì sợ hãi cùng kinh hoàng, họ đã quỳ sấp mặt xuống đất. Còn Thánh Alexander thì nói với họ:

– Các anh em đã thấy gì mà lại sợ hãi đến thế?

Họ đáp:

– Chúng tôi đã nghe tiếng Đức Chúa Trời của ngài đang nói với ngài; vì thế chúng tôi mới hoảng sợ và vì sợ hãi mà ngã sấp mặt xuống đất.

Trong khi các chiến binh đang nói những lời này với vị thánh, Tiberius, được các quan chức thành phố tháp tùng, đã đến gần nơi đó. Tiberius hỏi các quan chức:

– Nơi này tên là gì?

Họ trả lời:

– Nơi này gọi là "Nơi Phán Xét".

Tiberius đáp lại:

– Nếu đây là "Nơi Phán Xét", thì phải tiến hành phiên tòa tại đây. Hãy dẫn người Kitô hữu Alexander đến gặp ta.

Khi vị thánh đứng trước mặt Tiberius, ông ta nói với ông:

– Chẳng lẽ ngươi vẫn còn chìm đắm trong sự điên rồ của mình và vẫn không chịu thờ lạy các vị thần của chúng ta sao? Ta thấy lòng ngươi đã trở nên cứng cỏi, tuy nhiên, ta rất thương xót ngươi và vì thế muốn dẫn dắt ngươi đến việc tôn kính các vị thần, những vị chúa tể của cả vũ trụ.

Vị tử đạo đáp lại:

– Hỡi kẻ vô đạo, bị mù quáng bởi trí óc, con trai của ma quỷ, kẻ phục vụ cha mình – Satan. Làm sao ngươi có thể thương xót ta và tỏ lòng nhân từ với ta, khi mà Satan, cha ngươi, không hề nhân từ với ai cả, ngược lại, hắn muốn lôi kéo tất cả vào địa ngục lửa và hủy diệt cùng với chính hắn.

Tiberius nói:

– Hỡi kẻ độc ác và không hối cải! Sao ngươi dám nói với ta như vậy? Ta có ngang hàng với ngươi đâu mà ngươi lại nói những lời ngạo mạn như thế? Chẳng phải ngươi đang sỉ nhục ta chỉ vì ta tha thứ cho ngươi sao? Nhưng lẽ ra ngươi phải kính trọng và tôn vinh ta nhiều hơn vì lòng nhân từ và thương xót của ta, chứ không phải lăng mạ ta bằng những lời thô tục!

Vị thánh đáp lại:

– Quả thật, ngươi giống hệt cha ngươi, Satan, vì ngươi có trái tim cứng cỏi như hòn đá nào đó. Ngươi không hiểu sao, nơi này được gọi là Nơi Phán Xét. Điều này rõ ràng cho thấy rằng chẳng bao lâu nữa, ngươi sẽ phải đối mặt với sự phán xét công minh của Đức Chúa Trời, Đấng sẽ phán xét tất cả mọi người, cả người sống lẫn người chết, và Đấng sẽ ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ. Lúc đó, ngươi mới biết rằng những gì ta nói với ngươi là sự thật. Đức Chúa Trời sẽ phán xét ngươi vì ngươi đã hành hạ ta một cách vô nhân đạo. Ngài biết rõ

ngươi đang hành hạ ta một cách tàn nhẫn và vô cớ đến mức nào. Nhưng hãy biết rằng những đau khổ này sẽ mang lại vinh quang cho ta, còn ngươi thì sẽ phải đối mặt với sự hủy diệt vĩnh viễn.

Nghe những lời đó, Tiberius càng nổi cơn thịnh nộ hơn nữa và ra lệnh trải những chiếc gai sắt trên mặt đất rồi lôi vị thánh tử đạo lê trên đó. Còn vị thánh, trong lúc chịu cực hình tàn bạo như vậy, vẫn im lặng, như thể hoàn toàn không cảm thấy đau đớn gì. Thấy rằng những cực hình đó không đạt được mục đích, Tiberius lại càng tức giận hơn và ra lệnh cho bốn chiến binh đánh vị thánh bằng những cây gậy có gai. Trong lúc chịu cực hình, vị thánh, vừa chịu đòn vừa nói với Tiberius:

– Hỡi kẻ vô đạo! Ngươi chỉ nghĩ ra những cực hình này cho ta thôi. Hãy thêm những cực hình khác, nặng nề hơn nữa, vì từ những cực hình này, ta hoàn toàn không cảm thấy đau đớn nào cả, bởi vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của ta, đang giúp đỡ ta.

Tiberian đáp lại:

– Ta sẽ chặt xác ngươi ra từng mảnh, ném vào lửa, biến thành tro bụi, để trên đời này không còn chút ký ức nào về ngươi. Lúc đó ta sẽ xem liệu Chúa Kitô có đến cứu ngươi và giải thoát ngươi khỏi tay ta hay không.

Thánh nhân đáp lại:

– Chúa Kitô của ta sẽ tiêu diệt ngươi ngay lập tức. Thân thể ngươi sẽ bị xé nát thành từng mảnh và xương cốt ngươi sẽ bị vương vãi khắp mặt đất; ngươi sẽ không bao giờ còn được nhìn thấy Rôma nữa, cũng như không bao giờ còn được nhìn thấy khuôn mặt của vị hoàng đế vô đạo của ngươi, bởi vì Chúa sẽ xóa bỏ mọi ký ức về ngươi khỏi mặt đất. Và tất cả những điều này sẽ là hình phạt dành cho ngươi vì ngươi đã không nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, và ngươi, kẻ khốn nạn, đã không tôn kính Đấng đã ban cho ngươi vinh dự và quyền lực này. Nhưng nếu ngươi đã nhận biết Đức Chúa Trời, thì ngươi đã có thể đạt được sự sống đời đời trên trời; nhưng giờ đây, ngươi đã bỏ Đức Chúa Trời chân thật, và yêu mến cha ngươi là Sa-tan bằng cả trái tim; ngươi sẽ cùng hắn bị quăng xuống hỏa ngục. Còn ta thì sẽ luôn tôn vinh Chúa và Đấng Cứu Rỗi của ta, là Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng sẽ giải thoát ta khỏi tay ngươi và ban cho ta ân sủng của Ngài trong vương quốc vĩnh cửu của Ngài.

Nghe những lời ấy, khuôn mặt tên tra tấn bỗng biến đổi vì cơn giận dữ và phẫn nộ. Tuy nhiên, hắn ra lệnh chấm dứt việc tra tấn.

Trong khi đó, ngày đã nghiêng về chiều tối. Khi đêm xuống, Tiberius nghỉ qua đêm tại nơi đó. Khi chìm vào giấc ngủ, ông thấy trong giấc mơ một Thiên Thần của Đức Chúa Trời hiện ra trước mặt ông với dáng vẻ đáng sợ, tay cầm thanh gươm. Thiên Thần nói với ông: "Kẻ vô đạo! Ta đã đến với ngươi, vì ngươi đã khiến người tôi tớ của Chúa là Alexander phải chịu những cực hình tàn khốc; hãy biết rằng ta có thể giết ngươi bằng chính thanh gươm này. Nhưng ta sẽ chờ thêm một thời gian nữa. Khi thức dậy, hãy nhanh chóng đi qua Illyria đến Byzantium, vì giờ phút lâm chung của người tôi tớ của Chúa là Alexander đã gần kề."

Tiberian tỉnh dậy vì sợ hãi. Cả thân thể hắn run rẩy vì kinh hoàng. Hắn gọi các cố vấn đi cùng mình lại gần, rồi kể lại cho họ về giấc mơ của mình. Họ liền nói với hắn:

– Từ lâu chúng tôi đã muốn nói với ngài rằng đừng hành hạ người đó một cách tàn nhẫn và bất công như vậy. Nhưng chúng tôi không dám làm điều đó. Chúng tôi nghe nói rằng Đức Chúa Trời của người Kitô giáo là Đấng vĩ đại, và Ngài sẽ kết án những ai hành hạ các tôi tớ của Ngài phải chịu cực hình vĩnh viễn trong ngọn lửa không bao giờ tắt.

Sau những lời đó, Tiberius càng thêm sợ hãi và kinh hoàng, liền ra lệnh cho binh lính dẫn vị tử đạo đi trước. Còn bản thân ông thì đi theo sau. Tiberius đi qua nhiều thành phố, nhưng không ghé vào hay dừng lại ở đó, vì theo lệnh của Thiên thần, ông đang rất vội vã đến Byzantium. Nhưng hình ảnh trong giấc mơ ấy vẫn ám ảnh trong đầu ông suốt nhiều ngày; vì thế, Tiberian vô cùng sợ hãi và không dám gây đau khổ cho Thánh Alexander. Khi Tiberian đi qua Illyria và đến gần thành phố Sardica, quan tổng trấn và các quan đại thần của thành phố đã ra đón ông; nhưng Tiberian không vào thành, mà đi ngang qua. Những người Kitô hữu đang ở trong thành đó, khi nghe tin rằng quan tribune Tiberian, người đang trên đường từ Roma, đang dẫn theo vị tử đạo, đã ra khỏi thành, nhưng không phải để đón quan tribune, mà để được nhìn thấy vị tử đạo. Thấy vị tử đạo đi một mình, các tín hữu Kitô giáo đã tiến lại gần ngài, quỳ xuống dưới chân ngài và nói:

– Xin cầu nguyện cho chúng con trước mặt Thiên Chúa, hỡi người chịu khổ vì Chúa Kitô!

Ngài đáp lại:

– Các anh em hãy cầu nguyện cho tôi nữa, để tôi có thể hoàn thành đến cùng công việc của mình vì Chúa Giêsu Kitô và xứng đáng nhận được vương miện đã hứa ban cho tôi từ tay phải thánh của Ngài.

Sau đó, vị tử đạo được các binh lính dẫn đi tiếp. Sau khi đi qua thành phố Klisura, đoàn người tiến gần đến nơi được gọi là "Đội quân Vonomasi", cách Philippopolis bốn mươi dặm, và dừng chân tại đó. Đến lúc này, Tiberian đã bắt đầu quên đi hình ảnh kinh hoàng mà ông từng thấy về vị tử đạo Alexander. Sau khi triệu tập vị thánh đến để thẩm vấn, ông hỏi:

– Alexander ơi, chẳng lẽ đến giờ này ngươi vẫn còn chìm đắm trong cơn điên loạn của mình sao? Ngươi có muốn dâng lễ vật lên các vị thần nhân từ của chúng ta là Dios và Asclepius[3661] , những vị thần cai trị vũ trụ không?

Vị thánh đáp lại:

– Hỡi kẻ mù quáng, con trai của Satan! Ngươi còn muốn nghe gì nữa từ ta? Ta đã nói với ngươi rồi, ta sẽ không dâng lễ vật cho ma quỷ.

Tiberius nói:

– Không, ta không ép ngươi dâng lễ vật cho ma quỷ; ta chỉ xin ngươi dâng lễ vật cho Diya và Asclepius, những vị thần vĩ đại của chúng ta.

Vị thánh đáp lại:

– Kẻ điên rồ! Ngươi không hiểu rằng Diy và Asclepius của ngươi chính là những con quỷ sao? Tiberian nói:

– Không, họ là các vị thần của ta. Và ta sẽ làm cho tên tuổi ngươi bị phỉ báng khắp cả thế gian vì sự xúc phạm to lớn này đối với ta và các vị thần của ta.

Thánh nhân đáp:

– Chính tôi cũng mong muốn danh Chúa Kitô được tôn vinh khắp cả thế gian nhờ tôi.

Lúc đó, Tiberius ra lệnh cho các binh sĩ đứng trước mặt mình:

– Hãy dẫn hắn đi khỏi trước mặt ta, vì ta không thể chịu đựng được những lời xúc phạm của hắn. Hãy đưa hắn đến Philippopolis và giam hắn vào ngục ở đó, giữ hắn trong ngục cho đến khi ta đến thành phố đó.

Theo lệnh của Tiberius, vị tử đạo đã bị các binh lính dẫn đến Philippopolis và bị giam vào ngục ở đó.

Trong khi đó, dân chúng thành phố ấy, khi biết rằng Tiberian sắp đến thành phố của họ, đã ra đón ông. Khi vào thành phố, Tiberian chuẩn bị dâng lễ vật cho Dios và Asclepius. Còn các Kitô hữu đang sinh sống tại thành phố đó, khi biết rằng vị thánh tử đạo Alexander đang bị giam trong ngục thành phố của họ, đã đến gần nhà ngục và nài nỉ người canh ngục cho họ vào trong, để họ có thể được gặp vị tử đạo của Chúa Kitô. Người canh ngục không cản trở họ, vì chính ông cũng kính sợ Thiên Chúa. Khi bước vào trong ngục và thấy vị thánh đang bị xiềng xích, các Kitô hữu đã quỳ xuống dưới chân ngài và hôn lên xiềng xích của ngài, nói rằng: "Xin ngài ban phước lành cho chúng con, vị tử đạo của Chúa Kitô, xin cũng ban phước lành cho quê hương chúng con, vì chúng con là những Kitô hữu; chúng con đang sống trong thành phố này, luôn bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi lớn lao, vì quan tổng trấn của thành phố này không ngừng truy lùng chúng con, nhằm dùng cực hình để khiến chúng con từ bỏ Đức Kitô. Tuy nhiên, cho đến nay, ông ta vẫn chưa thể khiến chúng con từ bỏ việc xưng danh Đức Kitô. Nhờ ân sủng của Thiên Chúa, chúng con có rất đông ở đây; trong số chúng con, những người Kitô hữu, thậm chí còn có những công dân nổi tiếng và danh giá nhất của thành phố này. Chúng tôi hy vọng rằng quyền năng của Chúa Kitô sẽ chiến thắng đức tin vô đạo của người Hy Lạp, và cuối cùng cả thành phố của chúng tôi sẽ đồng lòng tôn vinh danh Chúa Kitô. Còn ngươi, người chịu khổ vì Chúa Kitô, hãy kiên trì đến cùng trong cuộc chiến vì Chúa Kitô."

Trong khi đó, Tiberius, khi dâng lễ vật ghê tởm lên các thần tượng, chợt nhớ đến Alexander đang bị giam trong ngục và nói với các quan chức thành phố:

– Các ngươi phải biết rằng ta đang giữ một người Kitô hữu, người đã bị giao cho ta để thử thách; ta đã ép buộc hắn bằng đủ mọi hình thức tra tấn để hắn thờ lạy các vị thần của chúng ta, nhưng không thành công chút nào. Trước những câu hỏi của ta, hắn trả lời một cách rất thô lỗ và liên tục lăng mạ cả ta lẫn các vị thần của chúng ta. Hãy cho người ta dẫn hắn đến đây. Biết đâu hắn sẽ cảm thấy xấu hổ trước tất cả các vị đang có mặt ở đây và dâng lễ vật lên các vị thần.

Ngay lập tức, Alexander được dẫn đến. Tiberian, ngồi bên cạnh vị thống đốc, nói với vị tử đạo:

[3661] Asclepius được người Hy Lạp cổ đại coi là vị thần của y học.

– Nói cho ta nghe, Alexander: cho đến giờ này, ngươi vẫn không chịu dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta sao? Tất cả các Kitô hữu sống trong thành phố này đều đã thờ lạy Dios và Asclepius, chỉ có một mình ngươi là chống lại chúng ta.

Vị thánh đáp lại:

– Ngươi đang nói dối, tên khốn kiếp, giống như cha ngươi, Satan: không một Kitô hữu nào ở đây đã tuân theo mệnh lệnh bất chính của các ngươi. Còn về phần ta, ngươi cũng sẽ không nghe được gì từ ta ngoài những gì ta đã nói với ngươi trước đây, đó là: ta là người Kitô hữu, và ta sẽ không dâng lễ vật cho những ác quỷ bẩn thỉu của các ngươi. Và ngay lúc này, trước sự chứng kiến của tất cả những người có mặt ở đây, tôi lại một lần nữa khẳng định rằng tôi là tôi tớ của Thiên Chúa trên trời và tôi sẽ không bao giờ từ bỏ Đức Kitô, Thiên Chúa của tôi.

Tiberius, cảm thấy xấu hổ, nói với các binh lính: "Hãy trói ông ta bằng xiềng xích sắt và dẫn ông ta đến trước mặt ta; còn ta sẽ đi theo các ngươi ngay sau đó."

Và vị thánh được dẫn đi tiếp trên con đường phía trước.

Khi đến một suối nước tên là Sirmia, vị tử đạo rửa mặt và tay. Sau đó, ngài quay về hướng đông và bắt đầu cầu nguyện, nói: "Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của con, vì Ngài đã cho con được xưng danh thánh của Ngài tại Philippopolis."

Nhưng các binh lính không cho ngài cầu nguyện thêm nữa và ép ngài phải tiếp tục lên đường.

Khi đến nơi gọi là Polchishnoe (nơi đây từng diễn ra các lễ hội ngoại giáo), Tiberian đã đuổi kịp đoàn người. Gọi Alexander lại gần, Tiberian nói với anh ta:

– Chẳng lẽ ngươi không biết sao, Alexander, rằng ta đã nói với ngươi một cách ôn hòa trước mặt vị thống đốc, khuyên nhủ ngươi dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta; nhưng ngươi, trước sự chứng kiến của một nhóm người cao quý như vậy, lại khinh thường lời thỉnh cầu của ta. Trong trường hợp đó, ít nhất bây giờ hãy tuân theo mệnh lệnh của ta, và ta sẽ giải thoát ngươi khỏi những đau khổ.

Thánh nhân đáp lại:

– Những gì tôi đã nói với ngài trước mặt vị thống đốc, tôi sẽ nói ở bất cứ nơi nào. Vì vậy, hỡi con trai của Satan, kẻ bị ma quỷ mê hoặc, đừng nghĩ rằng ngươi có thể khiến tôi từ bỏ việc tuyên xưng danh Chúa Kitô.

Lúc bấy giờ, Tiberian ra lệnh cho binh lính đóng bốn cọc xuống đất, rồi kéo người tử đạo ra bốn phía, ra lệnh trói ông vào những cọc đó và đánh ông hai trăm roi. Còn người tử đạo, trong im lặng chịu đựng những vết thương giáng xuống mình, vẫn cầu nguyện cùng Chúa, Thiên Chúa của mình. Lúc đó, từ trên trời vang lên một tiếng nói: "Hãy can đảm lên, Alexander, và đừng sợ những cực hình, vì chúng chỉ là tạm thời và sẽ sớm qua đi. Còn Ta thì luôn ở bên con."

Nghe thấy tiếng nói từ trời, Tiberius vô cùng kinh hãi, liền ra lệnh ngừng tra tấn và sau đó tiếp tục lên đường. Khi đến thành phố tên là Karasura, nằm giữa Philippopolis và Berea, Tiberian bước vào thành; còn các chiến binh đi cùng Tiberian thì không vào thành, mà dừng lại dưới bóng cây gần thành. Lúc đó là sáu giờ chiều. Vì trời rất nóng, nên vị thánh nói với các chiến binh:

– Hỡi các anh em, tôi khát lắm.

Nhưng họ đáp lại:

– Chúng tôi cũng rất khát, nhưng làm sao chúng tôi lấy nước ở đây được? Vị thánh nói với họ:

– Hãy đợi ở đây một lát, vì có thể Chúa sẽ ban cho chúng ta nước ngay tại nơi này.

Nói xong, vị thánh quỳ gối xuống và cầu nguyện với Chúa bằng những lời sau: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng xưa kia đã làm cho nước chảy ra từ tảng đá trong sa mạc để giải khát cho dân Israel (Xuất Hành 17:1–7), xin Ngài hãy thương xót tôi tớ Ngài và ban cho chúng con nước ngay tại nơi này, để tôi và tất cả những ai đang ở cùng tôi có thể giải khát. Nhờ đó, danh thánh của Ngài sẽ được tôn vinh."

Khi vị thánh cầu nguyện như vậy, bỗng nhiên mặt đất nứt ra và dưới gốc cây sồi, một suối nước trong vắt và mát lạnh tuôn trào. Thấy phép lạ ấy, các chiến binh nói:

– Quả thật, Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, Đấng đáp ứng những lời cầu xin của các tôi tớ trung thành của Ngài.

Sau đó, vị tử đạo và các chiến binh đã nếm nước từ suối và ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa.

Sau khi đi một quãng đường khá xa, các chiến binh đến một con sông tên là Arzon. Vì tất cả đều mệt mỏi sau chặng đường dài, họ dừng lại ở đây để nghỉ ngơi. Alexander cũng ngồi xuống nghỉ ngơi. Tại đây, Tiberian đuổi kịp các chiến binh và khi thấy vị tử đạo đang ngồi đó, ông ta tức giận nói với các chiến binh:

– Tại sao các ngươi, lũ khốn kiếp, lại để cho kẻ vô đạo kia ngồi đó?

Sau đó, họ đứng dậy và tiếp tục hành trình về phía thành phố Verea.

Khi sắp đến thành phố này, người dân đã long trọng đón tiếp Tiverian. Trong thành phố này có rất nhiều Kitô hữu – hơn một nửa dân số, tuy nhiên, vì sợ bị những kẻ ngoại đạo tra tấn, họ đã bí mật giữ vững đức tin vào danh Chúa Kitô. Thấy vị tử đạo của Chúa Kitô đang đi riêng biệt với quan tòa, họ tiến lại gần ngài và nói:

– Chúc mừng, vị tử đạo của Chúa Kitô! Hãy can đảm và vững lòng, vì những kẻ tra tấn vô đạo sẽ không bao giờ chiến thắng được quyền năng toàn năng của Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô.

Trong khi đó, Tiberius gọi vị tử đạo lại gần và nói với ngài:

– Hãy nghe ta, Alexander, như nghe chính cha ruột của ngươi vậy: hãy cùng ta dâng lễ vật lên các vị thần của chúng ta ngay bây giờ. Nếu ngươi làm điều đó, ta hứa trước mặt tất cả những người có mặt ở đây rằng ta sẽ thả ngươi ra, và nếu ngươi muốn, ngươi có thể đảm nhận chức vụ chỉ huy trong quân đoàn của ta; còn nếu ngươi không muốn làm chỉ huy quân đoàn, thì ngươi có thể đi bất cứ đâu ngươi muốn.

Vị thánh mỉm cười và nói với ông:

– Ôi, giá như ngươi biết được lời an ủi mà ngươi đang dành cho ta đắng cay đến nhường nào! Bởi vì những lời nói của ngươi đang gây ra nỗi đau đớn tột cùng cho tâm hồn ta. Nhưng Đức Chúa Trời sẽ giúp ta không nghe theo lời khuyên của ngươi. Ta đã nói với ngươi nhiều lần trước đây, và bây giờ ta lại nói, và sẽ lặp lại một lần nữa rằng: ta là người Kitô hữu và sẽ không dâng lễ vật cho những con quỷ của ngươi.

Và Tiberius rời khỏi đó và đi tiếp. Vị tử đạo đi theo sau ông, bị xiềng xích bằng sắt. Họ đến một nơi khác, nằm bên bờ cùng con sông Arzona. Nơi này cách thành Verea mười bốn dặm. Ở đây có nhiều nhà trọ và nhà tiếp khách. Tiberian nghỉ đêm tại đây, chờ đợi vị tử đạo, người được nhiều Kitô hữu từ thành Verea tháp tùng.

Khi các binh lính cùng vị tử đạo đến nơi Tiverian đang ở, vị tử đạo xin phép Tiverian được cầu nguyện với Thiên Chúa của mình trong một thời gian ngắn. Tiverian đã cho phép. Thánh nhân, khi thấy một cây óc chó lớn gần đó, đã bước đến và đứng dưới những cành cây ấy, quỳ gối xuống, cầu nguyện với Thiên Chúa bằng những lời như sau: "Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin hãy sai Thánh Thiên Thần của Ngài đến và đón linh hồn con, vì con không thể chịu đựng những cực hình này nữa, bởi thân xác con đã kiệt sức rồi."

Tiberius, khi thấy vị tử đạo đang cầu nguyện, bèn nói với các binh sĩ:

– Ta thật ngạc nhiên, không biết Alexander đã học được những lời cầu nguyện thần kỳ từ đâu. Chẳng phải hắn lớn lên ngay trước mắt ta sao? Chính ta đã phong cho hắn làm chiến binh và không thể nào ngờ rằng hắn lại biết phép thuật.

Sau đó, ông gọi Alexander lại và nói với anh ta:

– Alexander, hãy dâng lễ vật lên các vị thần!

Vị thánh đáp lại:

– Quả thật, tâm trí ngài đã bị che mờ, vì ngài lại muốn nghe từ tôi điều mà tôi đã nói với ngài nhiều lần rồi.

Sau những lời đó của vị thánh, Tiberius ra lệnh cho các đầy tớ của mình đổ dầu sôi lên lưng vị tử đạo. Nhưng Thiên Thần của Chúa, hiện ra một cách vô hình bên cạnh vị tử đạo, đã đập vỡ bình đựng dầu; lúc đó, dầu tràn ra đổ lên các đầy tớ của kẻ hành hình và thiêu đốt họ rất nặng. Còn Tiberian, khi thấy không phải vị tử đạo mà chính các đầy tớ của mình bị dầu bỏng, đã vô cùng tức giận và ra lệnh cho bốn binh sĩ trói chặt vị tử đạo dưới gốc cây óc chó rồi đánh ông bằng gậy không thương xót. Cuộc đánh đập kéo dài cho đến khi các binh sĩ kiệt sức. Khi những kẻ tra tấn ngừng đánh, Thánh Alexander nói: "Lạy Chúa! Xin ban phước lành cho cây này và ban cho nó sức mạnh chữa lành, vì con đã chịu đau khổ dưới gốc cây này vì danh thánh của Ngài."

Kể từ đó, quả và lá của cây này đã có sức mạnh chữa lành và giúp những người có đức tin khỏi nhiều loại bệnh tật và đau ốm khác nhau.

Sau đó, các binh lính lại dẫn vị tử đạo lên đường, đi về phía Tiberius. Khi đi qua Andrianopolis, họ đến gần một nơi tên là Vurtodexion. Tại đây, vị thánh đã gặp lại người mẹ đáng kính của mình là Pimenia, người đã đến đây trước vị tử đạo. Khi nhìn thấy người con trai yêu quý của mình, bà đã quỳ xuống dưới chân ngài, khóc lóc thảm thiết. Sau đó, bà đứng dậy và hôn lên người ngài. Vị thánh nói với bà:

– Đừng khóc, mẹ ơi, vì con đặt niềm tin vào Chúa của con, rằng Ngài sẽ giúp con hoàn thành sứ mệnh của mình vào sáng ngày mai.

Tại đây, Tiberian đã đuổi kịp đoàn quân. Vì trời đã gần tối, nên Tiberian dừng lại ở đây để nghỉ qua đêm và chìm vào giấc ngủ. Vào giờ thứ tám ban đêm[3662] , ông đứng dậy khỏi giường và đi đến con sông có tên là

Zionkel, nơi có một nhà trọ. Mặt trời đã mọc. Sau khi nghỉ ngơi một chút tại đây sau chặng đường dài, Tiverian nói với vị tử đạo:

– Ta đã khiến ngươi phải chịu biết bao cực hình, thế mà ngươi vẫn không chịu thờ phụng các vị thần của ta. Hãy biết rằng từ nay ta sẽ xử tử ngươi nếu ngươi không tuân theo mệnh lệnh của ta.

Nói xong, Tiberian rời khỏi nơi đó. Khi đến gần Byzantium và đến thành phố Driziper, nằm bên sông Erigone, Tiberian quyết định tiến hành phiên tòa cuối cùng đối với vị tử đạo tại đây và nói với ông:

– Này, cái chết của ngươi, Alexander, đang ở trước mặt ngươi. Ngươi sẽ nói gì: ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta hay không? Ta sẽ giết ngươi ngay tại đây và ném thi thể ngươi xuống sông để cá ăn thịt.

Vị thánh đáp lại:

– Ta sẽ vô cùng biết ơn ngươi nếu ngươi làm đúng như lời ngươi nói; khi đó ta sẽ sớm thoát khỏi tay ngươi. Nhưng ta tuyệt đối sẽ không dâng lễ vật cho các vị thần ghê tởm của ngươi, dù ngươi có thể giết ta bằng hàng ngàn cái chết đi chăng nữa.

Sau đó, kẻ tra tấn đã kết án Alexander tử hình và giao anh ta cho các binh lính, ra lệnh chặt đầu anh ta và ném thi thể anh ta xuống sông. Rồi hắn tiếp tục lên đường; còn các binh lính thì ở lại đây để thi hành mệnh lệnh của Tiberius. Rất đông người dân đã tụ tập về đây, mong được chứng kiến cái chết của vị tử đạo vì Chúa Kitô; trong số đó cũng có không ít Kitô hữu. Vị thánh tử đạo, quay sang người hành hình, xin ông ta hoãn việc chém đầu lại một chút để ngài có thể cầu nguyện; đồng thời, ngài cũng xin một ít nước. Một người trong đám đông đến xem cảnh tượng đó đã lấy một cái bình, múc nước từ sông và mang đến cho vị tử đạo. Vị thánh, sau khi rửa mặt và tay bằng nước, đã quay mặt về hướng đông; rồi, làm dấu thánh giá, bắt đầu cầu nguyện, nói như sau: "Vinh quang thuộc về Ngài, Thiên Chúa của các tổ phụ chúng con! Vinh quang thuộc về Ngài, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, của I-sa-ác và Gia-cóp! Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng mà muôn loài run rẩy và mọi sự đều thờ lạy, vì Ngài là Đấng Tạo Hóa của trời và đất! Ngài, Thiên Chúa của muôn loài, Thiên Chúa vô hình và bất diệt, các Seraphim đứng trước Ngài với lòng kính sợ, không dám ngước nhìn Ngài và không ngừng kêu lên: *'Thánh, thánh, thánh là Chúa Sabaoth! Cả đất đầy vinh quang của Ngài!'* (Is 6:3). Mặt trời, khi đi vòng quanh bầu trời, chúc tụng Ngài; đất và mọi sự trên đất, loài người và loài vật, mọi sinh linh đều ca ngợi Ngài, vì Ngài là Đức Chúa Trời chân thật, Cha, Con và Thánh Thần, hằng hữu muôn đời. Xin hãy nhớ đến những ai kính sợ Ngài, lạy Chúa, và những ai dâng lời tạ ơn lên Danh Thánh của Ngài. Xin đừng khinh dể con, tôi tớ của Ngài, kẻ khiêm nhường và không xứng đáng, lạy Chúa yêu thương loài người."

Sau đó, quay sang các tín hữu, vị thánh nói:

– Hỡi anh em và các cha! Hãy nhớ đến những gian khổ của tôi, vì tôi đã không ngần ngại chịu đau khổ vì danh Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô, để Ngài thương xót tôi và tất cả các Kitô hữu khác. Hãy biết rằng chặng đường dài mà tôi đã đi từ Rôma đến nơi này, bị trói buộc khắp nơi bằng dây thừng và xiềng xích, bị lôi kéo trong những trận đòn roi, bị tra tấn đủ mọi cách – chặng đường gian khổ ấy tôi đã vượt qua không phải bằng sức lực của chính mình, mà nhờ sự giúp đỡ của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Bằng sức mạnh của Chúa Giêsu Kitô, tôi đã chiến thắng cả kẻ hành hạ tôi là Tiberius lẫn tay sai của hắn, ma quỷ. Giờ đây, tôi sắp rời khỏi nơi này để đến trước mặt Chúa của tôi. Còn các bạn, hãy cầu nguyện cho tôi, để tôi được Chúa thương xót.

Sau đó, vị thánh xin người hành hình chờ thêm một lúc nữa, rồi quỳ gối xuống và bắt đầu cầu nguyện với Chúa như sau: "Lạy Chúa Giê-su Ki-tô! Xin hãy lắng nghe tôi tớ của Ngài, người đang chịu đau khổ vì danh thánh của Ngài! Xin ban ân sủng cho thân xác con; xin làm cho thân xác này, dù được an táng ở đâu, cũng mang lại sự chữa lành cho những người bệnh khắp nơi, để tôn vinh danh thánh của Ngài."

Ngay lập tức, một tiếng nói từ trời vang lên, hứa sẽ đáp ứng lời cầu xin của vị tử đạo.

Sau đó, vị tử đạo nói với các binh lính:

– Hỡi các anh em! Hãy mau chóng thi hành điều đã được truyền lệnh cho các anh em! Còn người hành hình, tên là Celestine, nói với vị thánh:

– Vị tử đạo của Chúa Kitô! Hãy cầu nguyện với Thiên Chúa của ngài, để Ngài đừng coi việc này là tội lỗi đối với tôi, vì tôi đã được lệnh phải giết ngài.

Vị thánh đáp lại:

– Ngươi làm điều này không phải theo ý riêng, mà là theo lệnh của người khác. Ai ra lệnh thì người ấy sẽ gánh tội, còn ngươi hãy mau làm theo lệnh đã được truyền, vì ta đang vội vã trở về với Chúa của ta.

Celestino dùng một chiếc khăn sạch bịt mắt vị thánh lại, rồi rút gươm ra khỏi vỏ, định chém vị tử đạo. Nhưng khi nhìn thấy các Thiên thần thánh thiện đến đón linh hồn vị tử đạo, hắn hoảng sợ tột độ và đứng đó, không biết phải làm gì. Còn vị thánh, biết rằng đầu mình sắp bị chém, bèn nói với người hành hình:

– Hãy làm đi, anh em, điều mà anh được lệnh phải làm.

Nhưng người hành hình đáp lại:

– Tôi sợ, hỡi tôi tớ của Chúa, vì tôi thấy những người đàn ông kỳ diệu đang đứng gần ngài.

Lúc đó, vị thánh kêu cầu Chúa, nói như sau: "Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin cho con được hoàn thành công cuộc của mình vào giờ phút này!"

Sau đó, các Thiên thần lùi lại một khoảng cách ngắn khỏi vị thánh. Lúc bấy giờ, đao phủ Celestino đã chém đứt cái đầu cao quý của vị tử đạo, và ngay lập tức linh hồn thánh thiện của ngài được các Thiên thần rước lên trời; các Thiên thần đưa linh hồn ấy lên trời trong tiếng ca ngợi Thiên Chúa. Tiếng hát của các Thiên thần ấy được tất cả các Kitô hữu đang đứng gần nơi đó nghe thấy.

Như vậy, vị thánh tử đạo của Chúa Kitô là Alexander đã kết thúc cuộc hành trình chịu khổ nạn của mình[3662] , còn thi thể cao quý của ngài thì bị các binh lính của Tiberius ném xuống sông, theo lệnh của kẻ hành hình. Nhưng, theo ý định của Thiên Chúa, thi thể cao quý của vị tử đạo đã được bốn con chó vớt lên bờ từ dòng nước. Những con chó liếm thi thể thánh và, ngồi bên cạnh, bảo vệ thi thể khỏi những loài chim và thú săn mồi. Khi mẹ của vị tử đạo, thánh nữ Pimenia, đến nơi đó, bà đã đón nhận thi thể đầy đau khổ của người con yêu dấu, xức hương thơm lên thi thể, quấn trong tấm vải liệm tinh khiết, rồi an táng một cách trang trọng bên bờ sông Erigone. Từ quan tài của vị tử đạo, những phép lạ chữa lành dồi dào đã được ban cho tất cả những ai đến với lòng tin.

Không lâu sau, vị thánh tử đạo đã hiện ra với mẹ mình trong một giấc mơ, an ủi bà và báo trước rằng chẳng bao lâu nữa, bà cũng sẽ được về với Chúa. Cùng với bà, vị thánh tử đạo này hiện đang đứng trước ngai vinh quang của Thiên Chúa trong đoàn thể các thánh tử đạo khác, cầu nguyện cho chúng ta cùng Chúa, Đấng Yêu Thương Loài Người, và tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Đức Chúa Trời Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng được mọi loài thụ tạo, hữu hình và vô hình, tôn vinh và ngợi khen, bây giờ, mãi mãi, và đến muôn đời. A-men.

Lễ kỷ niệm Thánh Pávsikakí, Giám mục Sinad

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 5

Quê hương của Thánh Pavsikakie là thành phố Apamea[3663] , và ngài xuất thân từ một gia đình quý tộc, cao quý và tận tụy với đức tin Kitô giáo chân chính. Trong thời gian trưởng thành, khi còn rất trẻ, ngài đã tuân giữ việc ăn chay nghiêm ngặt, cầu nguyện và thực hành những việc khổ hạnh khác, chính vì thế mà sau này ngài đã quyết định trở thành tu sĩ. Chỉ ăn một lượng nhỏ bánh mì và uống nước, và nhờ cầu nguyện mà ngài đã nhận được ân sủng chữa lành, ngài đã chữa lành những bệnh tật về thể xác, đồng thời cả những bệnh tật về tâm hồn. Như vậy, khi bước vào cuộc chiến với các quỷ dữ, ngài đã trừ tà từ xa khỏi những người bị quỷ ám, giúp người mù lấy lại thị lực, làm cho những người bị cong vẹo cơ thể trở nên thẳng thắn, và thực hiện nhiều phép lạ kỳ diệu khác. Khi tin đồn về điều này lan rộng, ngài đã được Tổng Giám mục Constantinopolis, Thánh Kyriakos[3664] biết đến; ngài đã cử hành nghi thức tấn phong giám mục cho ngài và bổ nhiệm ngài làm Giám mục Giáo hội Synada[3665] .

Sau khi trở thành giám mục, Thánh Pausikakios ngay lập tức dùng "súng cao su"[3666] của lời nói để đuổi những "con sói trong Giáo hội"[3667] ra khỏi đoàn chiên của mình, và như những chi thể bị nhiễm bệnh, ngài đã dùng thanh gươm lời nói của mình để chặt đứt và đuổi chúng ra ngoài, để chúng không gây hại cho những chi thể lành

---

[3662] Thánh tử đạo Alexander qua đời vào cuối thế kỷ III hoặc đầu thế kỷ IV.

[3663] Thành phố Apamea nằm ở phía tây nam Syria, bên bờ sông Orontes. Thành phố này trong thời cổ đại là thủ phủ của vùng Apamea thuộc Syria và được đặt tên theo Apama, vợ của Seleucus I, vị vua cai trị Syria.

[3664] Kyriakus là tổng giám mục tại Constantinopolis từ năm 592 đến năm 606.

[3665] Sinad hoặc Sinady – một thành phố ở phía bắc Phrygia, hiện nay là những tàn tích gần Eskipar – Gassaf.

[3666] Súng cao su – một loại vũ khí cầm tay dùng để bắn đá. "Súng cao su của lời nói" – sức mạnh của lời nói.

[3667] Cụm từ "những con sói trong Giáo hội" dùng để chỉ những kẻ dị giáo và những người tư tưởng tự do, cũng như những người có lối sống đồi bại và cố chấp trong sự sa đọa của mình.

mạnh. Với lòng tận tụy chăm lo cho đoàn chiên của mình và qua đó giúp đỡ họ trên con đường cứu rỗi, vị thánh đã thực hiện chuyến hành trình đến thành phố Constantinople và tại đó đã chữa lành cho Hoàng đế Mauritius khỏi căn bệnh mà ông đang mắc phải lúc bấy giờ; nhờ đó, Hoàng đế đã gửi đến thành phố của ngài phần thưởng xứng đáng bằng con dấu vàng, trị giá một lít[3668] vàng. Khi vị thánh trở về từ Constantinople đến Sinada, khi đang ở Silon[3669] , ngài đã cầu nguyện và làm cho một suối nước phun trào từ lòng đất, và những người đồng hành của ngài đã được giải khát. Sau khi sống một cuộc đời đạo đức và đẹp lòng Chúa, đồng thời cứu rỗi được nhiều người, Thánh Pausikakios đã từ giã cõi đời này và về với Chúa mà ngài yêu mến[3670] .

Lễ kính Thánh Giô-rê, vị Tử đạo.

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 5

Thánh Tử đạo và Người làm chứng cho Chúa Giê-su, Thánh Giô-rê, sinh ra tại thành phố Constantinople. Vì việc thờ phượng các thánh tượng chân chính và tôn kính chúng, ngài đã bị những kẻ chống thánh tượng bắt giữ và dẫn đến trước hoàng đế vô đạo Theophilus[3671] . Hoàng đế này lúc thì dùng lời đe dọa, lúc thì dùng lời thuyết phục để ép ngài từ bỏ Đức Kitô và việc thờ phượng các thánh tượng , nhưng vị thánh đã không đồng ý. Phẫn nộ trước những lời lẽ đê tiện và dối trá của kẻ tra tấn, ngài nói với hắn: “Mọi Kitô hữu chân chính đều phải thờ phượng các thánh tượng chính đáng và tôn kính chúng, vì sự tôn kính dành cho chúng sẽ được chuyển sang nguyên mẫu.”

Vì những lời nói đó, Thánh George bị trói một sợi dây vào cổ và bị lôi kéo khắp các đường phố thành phố như một tên tội phạm, sau đó bị giam vào ngục tối và cuối cùng, sau khi bị tịch thu và cướp bóc toàn bộ tài sản, ngài cùng vợ là Irina và các con bị đày đi lưu đày, nơi ngài đã trải qua vô số tai ương và cuối cùng vui mừng về với Chúa[3672] .

Ngày 27 tháng 5

Ngày 14 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Isidor, người giả điên vì Chúa, vị thánh làm phép lạ ở Rostov, đã qua đời vào năm 1474.

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ vị thánh cha Nikita của chúng ta, người ẩn tu tại Pechersk, sau này trở thành Giám mục Novgorod, đã qua đời vào năm 1108.

Ngày chịu khổ nạn của Thánh Tử đạo Isidore

Ngày tưởng niệm 14 tháng 5

Vào năm đầu tiên của triều đại Hoàng đế Decius[3673] , một sắc lệnh hoàng gia đã được ban hành đến tất cả các vùng và quốc gia trong Đế quốc La Mã, yêu cầu kiểm đếm binh lính và tập hợp họ thành các trung đoàn. Nhân dịp này, các tàu của Tướng Numerius đã cập bến đảo Chios[3674] để tập hợp tại đây tất cả các thanh niên đủ điều kiện nhập ngũ.

[3668] Litra – đơn vị đo lường trọng lượng, tương đương với 72 zolotnik (1 zolotnik ≈ 4,265 gam).
[3669] Silon, hay theo phần mở đầu bằng tiếng Hy Lạp là Solon, không rõ nơi sinh.
[3670] Thánh Pausikakios qua đời vào năm 606.
[3671] Hoàng đế Byzantine Theophilus, con trai và người kế vị của Hoàng đế Michael II, dưới ảnh hưởng của người thầy dạy dỗ mình là John Grammaticus, từ thuở nhỏ đã mang trong lòng sự ghê tởm sâu sắc đối với các bức tượng thánh, nên đã đàn áp tàn bạo những người tôn kính các bức tượng thánh, dù không ra lệnh xử tử họ. Ông trị vì từ năm 829 đến năm 842.
[3672] Thời điểm qua đời của Thánh George không được biết rõ. Dù sao đi nữa, ngài đã qua đời khi Theophilus còn tại vị, do đó là vào cuối nửa đầu thế kỷ IX.
[3673] Đế vương Decius trị vì từ năm 249 đến năm 251.
[3674] Đảo Chios nằm trên Biển Địa Trung Hải (ở phần phía bắc của biển này).

Vào thời điểm đó, trên đảo Chios có Thánh Isidore, người gốc từ thành phố Alexandria, có thân thể cường tráng và tinh thần dũng cảm, đồng thời là một tín đồ Kitô giáo. Ngài sống một cuộc đời thánh thiện, luôn tuân giữ việc ăn chay và làm việc thiện; ngài xa lánh những việc phù phiếm và những thú vui ô uế của thế gian này; ngài cũng tránh xa những việc ô uế của người Hy Lạp. Chính Isidor này, nhờ sự dũng cảm và can đảm của mình, đã được ghi danh vào hàng ngũ binh lính và được biên chế vào trung đoàn của Numerius.

Không lâu sau, hoàng đế ban ra một sắc lệnh mới, yêu cầu buộc tất cả các Kitô hữu phải thờ lạy các vị thần La Mã; còn những ai không thờ phụng thì phải bị ép buộc bằng hình phạt: đặc biệt có lệnh phải giám sát các chiến binh; nếu trong số họ có người Kitô hữu, thì phải ép buộc người đó thờ phụng và dâng lễ vật cho các thần tượng, theo phong tục cổ xưa của La Mã.

Vào thời điểm đó, một trung úy tên là Julius đã đến gặp tổng trấn Numerian và báo cáo rằng Thánh Isidore là một Kitô hữu. Tổng trấn lập tức ra lệnh bắt giữ vị thánh. Khi vị thánh được đưa ra trước tòa án của Numerian, ông đã hỏi ngài:

– Tên ngươi là gì?

– Tôi tên là Isidore, – vị thánh đáp.

Tổng trấn nói:

– Chính ngươi là người không tuân theo mệnh lệnh của Hoàng đế Decius của chúng ta và không muốn dâng lễ vật cho các vị thần sao?

Thánh Isidore đã trả lời như sau:

– Các vị thần của các ngươi là ai mà ta, một người Kitô hữu, lại phải dâng lễ vật cho họ? Chẳng phải họ là những tượng thần điếc, mù và vô cảm sao?

Thống đốc nói lại:

– Hỡi kẻ phỉ báng độc ác và vô đạo! Quả thật, ngươi xứng đáng phải chịu những cực hình và án tử!

Thánh nhân đáp:

– Quả thật, tôi xứng đáng phải chịu đau khổ vì danh Chúa của tôi; vì danh thánh của Ngài, tôi sẵn lòng chấp nhận mọi hình phạt và cả cái chết, để Chúa của tôi ban cho tôi được chung số phận với các thánh tử đạo, những người đã chịu đau khổ vì danh thánh của Ngài trước tôi. Nhưng tôi tin và vững tin rằng tất cả những ai tin vào Ngài và trông cậy vào danh thánh của Ngài sẽ không bao giờ chết, như chính Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã phán: *"Ai tin vào Ta"* (Ga 6,47), *"dù có chết đi chăng nữa, cũng sẽ sống lại"* (Ga 11,25).

– Isidor ơi, – Numerian nói, – ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần không, nếu ngươi muốn sống sót, hay không?

Vị thánh đáp:

– Dù ngươi có giết ta đi chăng nữa, ngươi cũng không có quyền lực nào trên linh hồn ta. Vì vậy, hãy tra tấn ta tùy ý ngươi, vì ta có Đấng Cứu Trợ là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, là Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng hiện đang ở cùng ta và sau khi ta chết cũng sẽ ở cùng ta, và ta sẽ ở cùng Ngài. Ta sẽ không ngừng xưng danh Thánh của Ngài chừng nào linh hồn sự sống còn ngự trong thân xác ta.

Tổng trấn nói:

– Ít nhất một lần, hãy dâng của lễ để tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, rồi sau đó ngươi cứ làm theo ý mình.

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Đừng nghĩ, hỡi kẻ vô đạo, rằng ngươi có thể lừa dối ta bằng mưu mô của ngươi. Ai đã một lần từ chối Chúa Kitô và Thiên Chúa của mình, thì làm sao có thể được gọi là tôi tớ trung thành của Ngài? *"Ai bất trung trong việc nhỏ thì cũng bất trung trong việc lớn"* (Lc 16,10), nhưng tôi sẽ không cho phép bản thân mình, ngay cả trong suy nghĩ, nghĩ đến bất cứ điều gì không đẹp lòng Chúa.

Tổng trấn nói:

– Ta khuyên ngươi, Isidor, vì lợi ích của chính ngươi. Hãy nghe ta. Nếu ngươi không nghe ta, ta sẽ bắt ngươi chịu những cực hình tàn khốc, và ta sẽ tra tấn ngươi cho đến khi ngươi xưng nhận sự vĩ đại của các vị thần của chúng ta.

Ngay sau đó, quan tổng trấn ra lệnh cho binh lính của mình trói thánh lại và giao cho bốn người đánh đập ngài không thương xót.

Khi những kẻ tra tấn đang đánh vị thánh, những người dân xung quanh đã nói với ngài:

– Hãy tuân theo ý muốn của hoàng đế đi, Isidore, nếu ngươi không muốn kết thúc cuộc đời trong đau đớn.

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Ta tuân theo ý muốn và mệnh lệnh của Đức Chúa Trời của ta, Vua trên trời, Đấng hằng hữu. Ta tuyên xưng và tôn kính Đức Chúa Trời này; ta sẽ không từ bỏ Ngài, và sẽ không bị Ngài từ chối vào ngày phán xét.

Sau khi đánh đập, kẻ tra tấn đã dùng cả lời dụ dỗ lẫn lời đe dọa để cám dỗ vị thánh thờ lạy thần tượng trong một thời gian dài, nhưng hoàn toàn không thành công và chỉ nghe thấy từ vị tử đạo những lời mắng chửi và trách móc dành cho cả chính hắn lẫn các vị thần của hắn. Cuối cùng, tràn đầy cơn giận dữ, hắn nói:

– Ta sẽ ra lệnh cắt lưỡi bẩn thỉu của ngươi thành từng mảnh.

Vị thánh đáp lại:

– Dù ngươi có cắt lưỡi ta đi chăng nữa, ngươi cũng không thể tước đoạt lời xưng danh Chúa Kitô khỏi miệng ta.

Và theo lệnh của kẻ tra tấn, lưỡi của vị thánh đã bị cắt đứt. Tuy nhiên, ngay cả sau khi lưỡi bị cắt, vị thánh vẫn nói khá rõ ràng, ngợi khen Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật: còn viên tổng trấn thì vì sợ hãi mà ngã xuống đất và trở nên câm lặng. Khi người ta đỡ ông ta dậy, ông ta không thể thốt ra một lời nào và chỉ có thể diễn đạt suy nghĩ của mình bằng cách vẫy tay. Sau đó, ông xin một tờ giấy và viết lên đó:

– Ta ra lệnh chém đầu Isidore, kẻ không tuân theo sắc lệnh của hoàng đế.

Khi những lời này được đọc cho vị tử đạo nghe, ông đã vui mừng kêu lên rằng:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã không tước đi ân sủng của Ngài khỏi con! Con ngợi khen Ngài, Chúa của con, là sự sống và hơi thở của con! Con ca ngợi Ngài, lạy Chúa, là sức mạnh và ánh sáng soi sáng tâm trí con! Con tôn vinh Ngài, Đấng đã ban cho con cái lưỡi để con không ngừng ngợi khen sự vĩ đại của Ngài!

Còn tên đao phủ, sau khi bắt vị tử đạo, đã dẫn ngài đến nơi hành hình. Thánh Isidore bước đi với niềm vui và sự hăng hái, lao mình như con chiên đến chỗ bị giết. Rồi, ngước nhìn lên trời với khuôn mặt rạng rỡ và đôi mắt tràn đầy niềm vui, vị thánh nói:

– Lạy Chúa Thánh! Con ngợi khen Ngài vì nhờ lòng thương xót của Ngài, giờ đây Ngài sẽ đón nhận con vào các nơi ở của Ngài và vào nơi an nghỉ.

Khi đến nơi mà việc chặt đầu vị tử đạo sẽ diễn ra, vị thánh xin phép người hành hình cho được cầu nguyện. Sau đó, sau khi cầu nguyện đủ lâu, ngài đã cúi đầu thánh thiện của mình xuống dưới lưỡi gươm[3675] và như vậy đã bị chém đầu vì đã tuyên xưng danh Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng đã cúi đầu thánh thiện của Ngài trên thập giá vì chúng con, những kẻ tội lỗi.

Sau khi bị chém đầu, thi thể cao quý của vị thánh tử đạo đã bị những kẻ hành hình vứt bỏ mà không được chôn cất, để làm mồi cho chó và thú dữ. Nhưng một trong số những người bạn của vị thánh, tên là Ammonius, một Kitô hữu bí mật, đã lấy thi hài của vị thánh tử đạo, cùng với các anh em tín hữu khác đào một ngôi mộ và an táng thi hài cao quý của Isidore dưới đất, như một kho báu vô giá. Người Kitô hữu này cũng đã tự chứng tỏ mình là người noi gương hành động anh hùng của Isidore; khi đang đi thuyền qua eo biển Hellespont, ông đã nhận vương miện tử đạo tại Kizik[3676] . Sau đó, thi hài thiêng liêng của Thánh Isidore đã được một người phụ nữ đạo đức tên là Miropia, đến từ thành phố Ephesus, lấy lên khỏi lòng đất; sau khi xức dầu thơm quý giá lên thi hài và quấn trong tấm vải liệm tinh khiết, bà đã an táng chúng tại một nơi trang nghiêm. Khi cuộc bách hại các Kitô hữu chấm dứt, một nhà thờ đã được xây dựng để tôn vinh Thánh Tử đạo Isidore, nơi đây đã diễn ra nhiều phép lạ chữa lành cho những người đau ốm nhờ các di vật thánh của vị Tử đạo Chúa Kitô, để tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh muôn đời cùng với Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã tỏ mình là Đấng cai quản vĩ đại của vũ trụ, hỡi vị thánh, nhờ những lời cầu nguyện của Ngài dâng lên Thiên Chúa: vì thế, hôm nay chúng con ca ngợi Ngài, vị tử đạo khôn ngoan của Thiên Chúa, Isidore vinh quang.

[3675] Thánh tử đạo Isidore qua đời vào năm 250.

[3676] Kizik nằm trên bán đảo Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch) thuộc Arktonisse.

Cuộc đời của vị thánh cha Serapion Sindonita

Ngày kỷ niệm: 14 tháng 5

Tại Ai Cập có một vị tu sĩ già tên là Serapion, được gọi là "Sindonita"[3677] , vì ngài chỉ dùng một chiếc áo choàng để che thân thể trần trụi của mình. Từ thuở thiếu thời, ngài đã sống đời tu hành; ngài không sở hữu tài sản nào, thậm chí không có cả một căn phòng tu hành; ngài không có nơi nương tựa và sống như một con chim trời. Ông chưa bao giờ bước vào nhà để nghỉ ngơi hay nằm trên giường. Ông chỉ mặc duy nhất một chiếc áo choàng nhỏ và chỉ có một cuốn Phúc Âm nhỏ; Serapion đi từ nơi này sang nơi khác và dừng lại qua đêm ở bất cứ nơi nào đêm buông xuống. Sáng hôm sau, khi thức dậy, ông không ở lại chỗ cũ, mà lại tiếp tục cuộc hành trình của mình, như thể không có thân xác, vì thế nhiều người gọi ông là "người vô cảm". Nhiều lần người ta gặp ông gần ngôi làng nơi ông từng dừng chân. Họ thấy ông ngồi bên đường khóc, và hỏi ông:

– Ông khóc vì điều gì vậy, ông lão?

Ông đáp lại những người hỏi:

– Chúa của tôi đã giao phó cho tôi của cải của Ngài. Nhưng tôi đã đánh mất nó, và giờ đây Ngài muốn trừng phạt tôi.

Thánh nhân nói như vậy theo cách ẩn dụ, gọi Thiên Chúa là "Chủ nhân", còn "của cải" là linh hồn của ngài, được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa và được cứu chuộc bằng máu Con Thiên Chúa.

Những người nghe câu trả lời đó, không hiểu ý nghĩa, lại nghĩ rằng vị tu sĩ già đang nói về vàng; vì thế, họ ném cho ông những gì họ có thể – người thì bánh mì, người thì rau củ – và nói:

– Hãy nhận lấy đi, anh em, dù chỉ là chút này; còn về của cải mà anh đã mất, đừng buồn phiền, vì có thể Đức Chúa Trời sẽ trả lại cho anh.

Và vị tu sĩ già đáp lại:

– A-men! A-men!

Khi Serapion đến Alexandria, ông gặp một người ăn xin, hoàn toàn trần truồng, run rẩy vì lạnh. Và vị tu sĩ già tự nhủ:

– Làm sao lại có thể như vậy được, khi mà tôi, người tự cho mình là người ăn chay và tuân giữ các điều răn của Chúa Kitô một cách trung thành, lại mặc quần áo, trong khi người ăn xin này – người mà chính Chúa Kitô hiện thân – lại đang chịu đựng cái lạnh? Làm sao tôi có thể không thương xót anh ta được! Quả thật, nếu tôi không che chở cho anh ta và để anh ta chết vì lạnh, thì vào Ngày Phán Xét, tôi sẽ bị kết án như một kẻ giết người.

Sau đó, Serapion cởi áo choàng ra, trao nó cho một người ăn xin, rồi tự mình ngồi trần truồng gần đó, chỉ ôm trên ngực cuốn Phúc Âm Thánh mà ông chưa bao giờ rời xa.

Tình cờ có một người đi ngang qua, người này biết vị tu sĩ già. Thấy Serapion đang trần truồng, người đó liền hỏi:

– Cha Serapion ơi! Ai đã làm lộ thân thể trần trụi của cha vậy?

Serapion chỉ vào cuốn Phúc Âm Thánh và trả lời:

– Chính cuốn sách này đã phơi bày sự trần truồng của con.

Sau đó, vị thánh nhân gặp một người đàn ông đang bị dẫn vào ngục vì nợ nần. Thương xót người ấy nhưng không có gì để cho, vị thánh nhân đã bán cuốn Phúc Âm mà ngài luôn mang theo bên mình, rồi dùng số tiền thu được để trả nợ cho người đó. Sau đó, Serapion trở về túp lều mà ngài thỉnh thoảng ở lại. Một đệ tử của vị thánh, khi thấy ngài trần truồng, đã hỏi:

– Áo choàng của cha đâu rồi, thưa cha đáng kính?

Vị tu sĩ già đáp:

– Ta đã gửi nó đến nơi mà thay vì nó, chúng ta sẽ tìm thấy thứ tốt hơn gấp nhiều lần.

Đệ tử lại nói:

– Còn cuốn Phúc Âm nhỏ thì ở đâu?

Vị tu sĩ già đáp:

[3677] Tên gọi "Sindonita" được đặt cho Thánh Serapion vì ngài chỉ mặc duy nhất một chiếc sindon – bộ quần áo bằng vải lanh thô.

– Con ơi, nó (Tin Mừng) mỗi ngày đều nói với ta: *"Hãy bán tài sản của ngươi và phân phát cho người nghèo"* (Mt 19:21), để có được nó vào Ngày Phán Xét. Ta đã nghe theo và làm theo lời nó khuyên. Ta đã bán nó đi và dùng số tiền thu được để giúp đỡ những người khó khăn, nhằm xin được ân sủng từ Đức Chúa Trời của chúng ta, Đức Giê-su Ki-tô, vì ta đã vâng theo Phúc Âm Thánh của Ngài.

Một thời gian sau, một người quen đã tặng vị tu sĩ một chiếc áo choàng cũ và rách nát, để ngài có thể dùng nó che đi sự trần truồng của thân thể mình.

Vị tu sĩ không ham của cải này đã từng đến Hy Lạp và ở lại Athens ba ngày; ngài rất đói, nhưng không thể xin được miếng bánh mì nào từ ai cả, vì chẳng ai cho ngài thứ gì, còn ngài thì không có tiền để mua bánh mì. Tuân theo lời dạy của Chúa Kitô, ngài không bao giờ mang theo tiền xu, túi đựng tiền hay quần áo (Mt 10:9–10), ngoại trừ chiếc áo choàng mỏng manh dùng để che thân. Vào ngày thứ tư ở Athens, Serapion cảm thấy đói cồn cào. Đứng trên một nơi cao trong thành phố, ông bắt đầu khóc và kêu lên lớn tiếng:

– Hỡi các người Athens! Hãy giúp tôi!

Các nhà triết học và các quan chức thành phố tiến lại gần ông và hỏi:

– Ông già ơi, ông đến từ đâu? Và ông đang gặp nỗi đau nào vậy?

Ông trả lời:

– Tôi là người Ai Cập. Khi rời khỏi quê hương, tôi ngay lập tức vướng vào ba khoản nợ, cụ thể là: tôi còn hai chủ nợ, những người không còn gì để lấy từ tôi nữa, còn chủ nợ thứ ba thì cho đến nay vẫn không buông tha tôi, mà còn hành hạ tôi, đòi tôi trả nợ.

Các nhà triết học liền hỏi anh ta:

– Những chủ nợ của ngươi là ai và ai đang hành hạ ngươi? Hãy nói cho chúng ta biết, chúng ta sẽ giúp ngươi.

Lúc đó, ông lão nói với họ:

– Từ thuở thiếu thời, tôi đã bị cám dỗ bởi dục vọng xác thịt, lòng tham tiền bạc và thói ham ăn; tôi đã thoát khỏi hai điều đó và chúng không còn làm phiền tôi nữa, vì tôi không còn cảm thấy dục vọng xác thịt; tôi cũng không có tài sản hay của cải; nhưng cơn thèm ăn vẫn không buông tha tôi: đã bốn ngày nay tôi chưa ăn gì cả; vì thế, cơn thèm ăn vẫn không buông tha tôi, làm tôi bối rối và đòi hỏi những gì nó thường đòi hỏi.

Một số nhà triết học nghĩ rằng ông đang lừa họ, nên đã đưa cho ông một đồng tiền vàng, nhưng vẫn theo dõi ông từ xa để xem ông sẽ làm gì.

Còn vị lão nhân, sau khi nhận đồng tiền, vội vã đi đến chỗ những người bán bánh mì, đặt đồng tiền trước mặt họ, lấy một ổ bánh mì rồi rời khỏi đó, và không bao giờ trở lại thành phố đó nữa. Lúc đó, các nhà triết học mới tin chắc rằng vị lão nhân này thực sự là một người đức hạnh. Khi đến chỗ những người bán bánh mì, họ đưa cho họ số tiền tương ứng với giá trị số bánh mì mà vị lão nhân đã mua, còn đồng tiền vàng thì họ giữ lại cho mình.

Thánh Serapion, khi đến Lacedaemon[3678] , và biết rằng một trong những quan chức địa phương ở đó là người theo đạo Manichaeism[3679] , nhưng đồng thời lại sống một cuộc đời đạo đức, – đã đến gặp ông ta và tự nguyện làm nô lệ cho ông ta. Hai năm sau, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, Thánh Serapion đã thuyết phục ông từ bỏ tà giáo, khiến ông cùng cả gia đình gia nhập Giáo Hội Chính Thống Thánh Thiện. Lúc bấy giờ, mọi người ở đây đều yêu mến vị tu sĩ già không phải như một nô lệ trung thành, mà như một người cha ruột thịt, và hết mực kính trọng ngài, vui mừng vì đã được cứu rỗi khỏi tà giáo, đồng thời ngợi khen Thiên Chúa. Còn vị tu sĩ già, sau khi sống ở đó đủ thời gian mà ngài cho là cần thiết để cứu rỗi linh hồn những người đó và trả lại cho họ số tiền đã nhận từ họ, đã rời khỏi đó, theo thói quen của mình, đi qua nhiều quốc gia và thành phố.

Còn có câu chuyện kể về vị tu sĩ này rằng, khi còn là một thiếu niên, ông đã bán mình cho một nghệ sĩ hài người Hy Lạp với giá hai mươi đồng bạc, và trong khi giữ số tiền đó, ông sống cùng người Hy Lạp ấy cho đến khi dẫn dắt ông ta và cả gia đình ông ta trở về với Đức Chúa Trời. Điều này xảy ra bởi vì người nghệ sĩ đường phố ấy

---

[3678] Lacedaemon hay Laconia – vùng phía đông nam của bán đảo Peloponnese, giáp với Argolis và Arcadia ở phía bắc, với Biển Myrtoa ở phía đông, với Vịnh Laconia hay Vịnh Gifea ở phía nam, và với Messenia ở phía tây.

[3679] Thuyết Mani – một tà thuyết, là sự pha trộn giữa giáo lý Kitô giáo với các nguyên lý của tôn giáo Zoroaster. Người sáng lập thuyết Mani là Manes, một pháp sư người Ba Tư. Manes dạy rằng từ thuở khai thiên lập địa đã tồn tại hai vương quốc độc lập – thiện và ác, luôn ở trong tình trạng đấu tranh không ngừng với nhau. Theo giáo lý của Manes, con người cũng được cấu thành từ sự pha trộn của hai yếu tố – ánh sáng và bóng tối – và dường như có hai linh hồn – thiện và ác – luôn đấu tranh với nhau. Trong cuộc sống, các tín đồ Manichaeism rất tiết chế: họ chủ trương sống độc thân và ăn chay liên tục. Đạo Manichaeism đã lan rộng khá mạnh mẽ vào thế kỷ III và IV.

thấy người nô lệ của mình ngày nào cũng ăn chay, chỉ ăn bánh mì và uống nước vào buổi tối với lượng rất ít, còn ban đêm thì luôn thức dậy khỏi giường và cầu nguyện với Đức Chúa Trời trong nước mắt; thấy tất cả những điều đó, người tu sĩ cảm động sâu sắc và, sau khi tin vào Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật, đã chịu phép rửa tội; tiếp theo, vợ ông và cả gia đình ông cũng chịu phép rửa tội. Sau đó, người Hy Lạp ấy nói với Serapion:

– Hãy đi đi, anh em ơi, vì chúng tôi muốn giải thoát anh khỏi ách nô lệ của anh, như anh đã giải thoát chúng tôi khỏi ách nô lệ của ma quỷ.

Ông đáp lại:

– Vì Thiên Chúa của tôi đã ban ơn cứu rỗi cho các anh, nên tôi sẽ tiết lộ bí mật của mình cho các anh: tôi không phải là nô lệ, mà là một người Ai Cập tự do; nhưng khi thấy các anh đang lầm lạc và sắp rơi vào sự hủy diệt, tôi đã thương xót các anh và vì lý do đó đã tự bán mình làm nô lệ cho các anh, để nhờ ơn Chúa dẫn dắt các anh vào con đường cứu rỗi. Nhưng vì giờ đây các ngươi đã được dẫn dắt vào con đường này rồi, hãy lấy lại bạc của các ngươi; còn ta sẽ đi lo việc cứu rỗi những người khác.

Nhưng họ nài nỉ ông rất lâu, nói rằng:

– Chúng tôi sẵn sàng tôn kính ngài như cha và chủ của chúng tôi; vì vậy, từ nay trở đi, xin ngài hãy làm chủ chúng tôi, còn chúng tôi sẽ làm nô lệ cho ngài. Chỉ xin đừng rời xa chúng tôi!

Tuy nhiên, họ không thể thuyết phục ông ở lại nơi đó bằng mọi cách. Hơn nữa, họ không muốn nhận những đồng bạc từ vị lão nhân và nói với ông:

– Thưa cha đáng kính, xin hãy chia số tiền này cho những người nghèo; đối với chúng con, chỉ cần ngài đã dẫn dắt chúng con vào con đường cứu rỗi là đủ rồi.

Nhưng người của Đức Chúa Trời đáp lại họ:

– Các con có thể tự phân phát những gì thuộc về mình; còn tôi thì không thể phân phát bạc của người khác cho những người nghèo được.

Họ lại nài nỉ ngài rằng ít nhất một năm sau hãy quay lại thăm họ. Sau đó, vị thánh nhân rời khỏi đó để đến một vùng đất khác.

Một lần nọ, khi gặp một con tàu đang khởi hành từ Alexandria đến Rome, Serapion đã lên tàu, mong muốn đến Rome. Các thủy thủ, sau khi rời bến, lại không hỏi vị tu sĩ già rằng: "Ông đã trả đủ tiền cước vận chuyển chưa?" Họ đều nghĩ thầm rằng chắc hẳn có ai đó trong số họ đã nhận tiền và đồ đạc từ vị tu sĩ; dù họ thấy ông mặc một chiếc áo choàng rất tồi tàn, nhưng vẫn cho rằng ông sẽ có tiền để trả phí vận chuyển.

Khi các thủy thủ đã rời bờ khoảng năm trăm stadia, họ bắt đầu dùng bữa vào buổi tối. Không thấy ông lão ăn gì, họ nghĩ rằng ông đang ăn chay trong ngày hôm đó. Thấy điều tương tự lặp lại vào ngày thứ hai và thứ ba, và không hiểu tại sao vị tu sĩ lại không ăn, họ nghĩ rằng ông đã bị cảm lạnh trên biển và đang chịu đựng vì gió biển. Khi thấy vị tu sĩ vẫn không ăn vào ngày thứ tư và thứ năm, họ hỏi ông:

– Này ông! Sao ông không ăn gì cả?

Ông trả lời họ:

– Tôi không ăn vì tôi không có gì để ăn.

Sau khi bàn bạc với nhau về việc ai là người đã mang hành lý của người đó lên tàu, và biết rằng ông ta chưa trả tiền cước vận chuyển, các thủy thủ bắt đầu phàn nàn với vị tu sĩ, giận dữ nói:

– Sao ngươi lại lên đây mà không mang theo gì cả? Ngươi sẽ ăn gì ở đây? Ngươi sẽ trả tiền vận chuyển cho chúng ta bằng gì?

Vị tu sĩ già đáp lại họ:

– Tôi chẳng có gì ngoài bộ quần áo rách rưới này, như các anh thấy đấy. Nếu các anh không muốn chở tôi đi cùng, hãy đưa tôi quay lại và đưa tôi về nơi các anh đã đón tôi.

Nhưng những người chèo thuyền nói với ông lão:

– Dù ông có cho chúng tôi cả trăm đồng vàng để chúng tôi quay lại chỉ vì một mình ông, thì chúng tôi cũng không đồng ý, huống chi bây giờ gió đang thổi thuận chiều cho chúng tôi.

Và họ cho phép ông lão ở lại trên tàu, chăm sóc ông vì danh Chúa.

Còn vị tu sĩ, khi đến Rome, đã đi thăm từng nhà của tất cả những công dân mà ngài nghe nói là đang sống một cuộc đời đạo đức. Khi trò chuyện với họ, ngài đã thu được những lợi ích thiêng liêng cho chính mình. Chính vì điều này mà ngài đã lang thang khắp nơi, thu thập của cải thiêng liêng, để đổi lấy những ân huệ trên trời trong sự

bình an vĩnh cửu. Ngài đã nhận được những ân huệ này nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang được dâng lên muôn đời. Amen[3680] .

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Maximus

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 5

Thánh Tử đạo Maximus của Chúa Kitô, với lòng nhiệt thành hướng về Thiên Chúa, một lần nọ đã thấy rằng những kẻ thờ ngẫu tượng không chỉ tự mình dấn thân vào việc thờ phượng các thần tượng, mà còn lôi kéo người khác vào việc đó, ép buộc họ phải quỳ lạy trước đền thờ ngoại giáo. Sau đó, ngài bắt đầu cầu nguyện với Thiên Chúa để Ngài chấm dứt cuộc bách hại đối với các Kitô hữu, và chính ngài đã làm phép rửa cho nhiều người ngoại đạo. Một lần, khi lễ thờ cúng các thần tượng đang diễn ra, và tất cả những người ngoại đạo đều hăng hái tụ tập lại để dâng lễ vật cho các vị thần của họ, không chỉ là động vật mà còn cả con người, vị thánh tử đạo, không thể chịu đựng được cảnh tượng đó, đã bước vào giữa đám người thờ thần tượng và công khai vạch trần họ, gọi các thần tượng của họ là gỗ và đá, những thứ thậm chí không thể tự giúp chính mình. Lúc đó, những người ngoại đạo đã bắt giữ ngài, trước tiên đánh đập ngài dã man, rồi sau đó ném đá ngài đến chết. Vị thánh tử đạo[3681] đã qua đời như vậy.

Ngày 28 tháng 5

Ngày 15 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Isaia, Giám mục Rostov, người đã qua đời vào năm 1090.

Cùng ngày này, kỷ niệm sự tử đạo của Thánh Hoàng tử Dimitri, người làm phép lạ tại Moscow và toàn nước Nga, vào năm 1591.

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Isaia Pechersky, người làm phép lạ, đã qua đời năm 1115.

Cuộc đời của vị thánh đáng kính, Cha Pachomius Đại đế

Ngày tưởng niệm 15 tháng 5

Pachomius sinh ra ở Thượng Ai Cập – tại Phivaida, cụ thể là ở vùng lân cận thành phố Esna[3682] , vào thập niên cuối cùng của thế kỷ III.[3683] Cha mẹ ngài là những người theo đạo ngoại giáo nhiệt thành. Ngài làm quen với các Kitô hữu muộn hơn nhiều, trong thời gian phục vụ ngắn ngủi trong quân đội. Những dấu hiệu của một cuộc sống trong sạch đã bộc lộ ở anh từ rất sớm, ngay cả trước khi biết đến Chúa Kitô.

Một lần, cha mẹ giao cho Pachomius mang một nồi thịt bò đến cho các công nhân. Do phải qua đêm tại đó vì hoàn cảnh bắt buộc, Pachomius đã gặp phải cám dỗ. Một trong những cô con gái của chủ nhà, một thiếu nữ rất xinh đẹp, đã cố thuyết phục anh phạm tội với cô ta. Pakhomius, người sống trong sự trong sạch, đã trả lời cô ta một cách nghiêm khắc: “Tôi không thể làm điều xấu xa này; lẽ nào đôi mắt tôi lại là đôi mắt của con chó, để tôi phạm tội với em gái mình?”

Ngay lập tức, ông trở về nhà. Sau này, chính ông đã kể lại sự việc này cho các tu sĩ, khuyên họ phải lường trước kỹ lưỡng những cám dỗ và chiến thắng chúng.

Thánh Pahomius không xa lạ gì với nền giáo dục học thuật. Những hoạt động sau này của ngài đã chứng minh điều đó. Hơn nữa, cha mẹ ngài là những người khá giả, và người Ai Cập thời bấy giờ rất coi trọng việc học

---

[3680] Thánh Serapion qua đời vào thế kỷ V.

[3681] Theo lịch của Hoàng đế Basil, Thánh Tử đạo Maxim đã qua đời trong cuộc bách hại dưới thời Decius vào ngày 14 tháng 5 năm 250.

[3682] Metaphrastus và sau đó là Thánh Dimitri Rostovski – Oxyrich, nổi tiếng vì lòng đạo đức của cư dân nơi đây, theo lời chứng của Rufinus, nơi này có tới mười nghìn nam trinh và hai mươi nghìn nữ trinh. Tuy nhiên, các tài liệu mới được phát hiện đã chỉ ra rõ ràng tên của thành phố này là Esne.

[3683] Khoảng năm 295.

hành. Trẻ em được gửi đến trường từ rất sớm, khi mới 5 đến 8 tuổi. Tại đây, các em học đọc và viết, đồng thời được dạy các quy tắc đạo đức: những quy tắc này được thể hiện ngay trong chính các bài tập viết.

Khi Pachomius tròn hai mươi tuổi, ông được tuyển vào quân đội. Vào thời điểm đó, Hoàng đế Constantine đang có cuộc chiến với một "bạo chúa" nào đó, có lẽ là Maxentius, vào năm 315. Pachomius cùng các đồng đội – những chiến binh mới được tuyển mộ – đã lên đường. Đến chiều tối, họ đến thành phố Esne. Tại đây, Pachomius và các đồng đội của ông bị giam giữ trong một nhà tù dưới sự canh gác của lính gác. Chẳng bao lâu sau, những người Kitô hữu đã đến đây mang theo lương thực và các món ăn, và nài nỉ những người lữ hành hãy dùng bữa để lấy lại sức. Khi Pachomius sau đó hỏi tại sao những người này lại quan tâm đến họ đến vậy, dù hoàn toàn không quen biết, họ trả lời rằng họ là những người Kitô hữu, và họ làm như vậy vì Chúa. Điều này đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn nhạy cảm của Pachomius.

Ngày hôm sau, Pahomius và những người đồng hành tiếp tục lên đường, hướng về thành phố Antinoe[3684] . Tại đây, rất nhiều chiến binh trẻ đắm chìm trong đủ loại thú vui và khoái lạc xác thịt. Họ muốn dụ dỗ cả Pahomius, nhưng ông đã vượt lên trên cám dỗ và kiên trì khuyên can các bạn đồng hành tránh xa điều ác.

Vào thời điểm đó, Hoàng đế Constantine đã giành chiến thắng trước kẻ thù và ra lệnh giải tán quân đội. Cùng với những người khác, Pachomius cũng được giải phóng khỏi nghĩa vụ phải tham gia cuộc hành quân. Giờ đây, đã đến lúc anh trở thành một Kitô hữu. Anh khao khát mãnh liệt được trung thành phụng sự Đức Kitô, giữ cho mình trong sạch khỏi mọi ô uế của xác thịt và tinh thần, và làm điều thiện cho người lân cận trong khả năng của mình. Lời thề trung thành tuyệt đối với Đức Kitô, anh đã lập ngay từ khi còn bị giam cầm tại thành phố Esne, sau khi bị lay động bởi lòng thương xót của các Kitô hữu.

Sau khi được trả tự do, Thánh Pahomius lên đường đến ngôi làng hẻo lánh Shenesit (Khinovsk). Tại đây, ngài được giảng dạy về những chân lý của đức tin Kitô giáo và nhận phép rửa tội tại nhà thờ địa phương. Pachomius đã sống khá lâu ở vùng lân cận làng Shenesit. Ông định cư tại đây trong ngôi đền Serapis cổ kính, lúc bấy giờ đã bỏ hoang. Cần lưu ý rằng khi Kitô giáo lan rộng, nhiều đền thờ ngoại giáo có thể đã bị bỏ hoang. Ông kiếm sống bằng lao động cần cù, trồng rau và một số cây cọ. Những loại rau củ và trái cây này không chỉ là thức ăn cho những ai tình cờ hoặc cố ý ghé qua đây, mà còn dành cho những người nghèo sống tại Shenesita. Pachomius đã thể hiện tình yêu thương lân cận một cách xuất sắc tại đây. Nhiều người tìm đến ông để được an ủi. Danh tiếng của ông lan rộng ra ngoài cả Shenesita. Sự đạo đức, lòng yêu thương người lân cận và sự sáng suốt của Pachomius ngay từ thời điểm đó đã thu hút nhiều người đến định cư lâu dài tại đây. Vào thời điểm đó, lòng khao khát làm đẹp lòng Chúa đã thúc đẩy rất nhiều người rời bỏ những thành phố và làng mạc ồn ào; và nếu ở đâu đó xuất hiện một vị tu sĩ đặc biệt siêng năng, những người yêu thích cuộc sống ẩn dật sẽ đổ xô đến với ngài. Chúng ta thấy rằng chẳng bao lâu sau, Pachomius bắt đầu tìm kiếm sự cô độc sâu sắc hơn, và tự mình tìm kiếm một vị hướng dẫn trong các hành trình tu hành. Có lẽ chính kinh nghiệm lãnh đạo các đồng tu đã khơi dậy trong Pachomius nhu cầu có một vị hướng dẫn cho chính bản thân mình. Khi sống ở vùng lân cận Shenesit, Pachomius đã mang lại nhiều lợi ích cho cư dân của ngôi làng này. Khi một căn bệnh khủng khiếp và lây lan bắt đầu hoành hành trong làng, khiến rất nhiều người tử vong, Pachomius đã chăm sóc những người bệnh và thậm chí còn cung cấp cho dân làng một lượng lớn cành cây acacia để họ đốt lên, nhằm thanh lọc không khí.

Trong những năm đầu đời tu hành, Pachomius vẫn chưa phân biệt rõ ràng giữa giáo lý Chính Thống Giáo và những thuyết dị giáo, cũng chưa hoàn toàn xác định được đâu là Giáo Hội chân chính của Chúa Kitô. Các tín đồ của dị giáo Marcion[3685] đã cố gắng lôi kéo ông về phía họ. Nhưng ông biết rằng còn có những giáo lý khác, mỗi giáo lý đều cố gắng chứng minh tính chân thực của mình. Bối rối trước sự bất đồng này, ông đã khóc lóc cầu xin Thiên Chúa chỉ cho ông biết đâu là chân lý. Trong sự kinh ngạc, ông nghe thấy một tiếng nói rằng chân lý được lưu giữ trong Giáo hội do Đức Giám mục Alexandre của Alexandria lãnh đạo. Tất nhiên, Pachomius lúc này đã khao khát bằng cả trái tim được nhận biết chân lý ấy và luôn trung thành tuyệt đối với nó.

Nhu cầu về một người dẫn dắt đã thúc đẩy Pachomius rời khỏi nơi ở của mình ở vùng lân cận Shenesit. Động lực cho việc này còn là mong muốn cống hiến trọn vẹn bản thân cho Chúa, cho sự thanh tẩy và hoàn thiện

---

[3684] Thành phố nằm trên bờ phải sông Nile, đối diện với Hermopolis, được Hoàng đế Hadrian xây dựng để vinh danh người tình yêu quý của ông là Antinous.

[3685] Marcion, một kẻ dị giáo thế kỷ II, đã dạy rằng trên thế giới tồn tại hai nguyên lý độc lập: cái thiện – là Đức Chúa Trời tốt lành, và cái ác – là vật chất nằm dưới sự thống trị của ma quỷ.

tâm linh. Pachomius cũng lo ngại rằng việc ông liên tục lo lắng cho các nhu cầu khác nhau của giáo dân – những việc vốn phù hợp hơn với các linh mục và giáo dân trung thành – có thể cám dỗ những tu sĩ yếu đuối hơn: họ, theo gương Pachomius, có thể bị cuốn vào việc phục vụ thế gian và đồng thời không thể giữ cho bản thân không bị ô uế bởi thế gian. Pachomius rời khỏi vùng lân cận Shenesit sau ba năm sinh sống tại đây. Khi rời đi, ngài đã nhờ một vị tu sĩ già trồng rau và cây cọ tại đây để giúp đỡ những người nghèo đến đây.

Rồi Pachomius tìm đến căn phòng của vị tu sĩ già Palamon, người nổi tiếng với những công đức của mình. Vị tu sĩ già này sống cách xa các thành phố và làng mạc. Ông được kính trọng khắp vùng lân cận. Xung quanh ông còn có những tu sĩ khác, những người tuân theo lời khuyên của ông và noi gương lối sống của ông. Nhưng rất nhiều người trong số họ sớm rời khỏi đây, vì cảm thấy không đủ sức chịu đựng lối sống khắc khổ như vậy. Khi Pachomius gõ cửa phòng của Abba Palamon, vị tu sĩ già hỏi:

– Sao con gõ cửa?

Pachomius trả lời rằng anh cũng muốn trở thành tu sĩ.

Vị tu sĩ cao niên phản đối, khuyên anh nên quay về để thử thách bản thân, xem liệu anh có thể chịu đựng được lối sống khắc khổ mà các đệ tử của Palamon đang theo đuổi hay không. Ông nói với Pahomius:

– Trước hết, ta phải nói cho con biết tiêu chuẩn của đời sống tu sĩ là như thế nào. Đây là nó. Bất cứ lúc nào, chúng ta cũng thức trắng nửa đêm để suy ngẫm Lời Chúa; rất thường xuyên, chúng ta làm việc bằng tay từ chiều tối đến sáng sớm, đan dây thừng để chống lại cơn buồn ngủ và tự cung cấp những thứ cần thiết để duy trì cơ thể. Những gì dư thừa so với nhu cầu của chúng tôi, chúng tôi dành cho người nghèo. Còn về việc ăn dầu mỡ hay đồ nấu chín, uống rượu, chúng tôi không biết đó là gì. Chúng tôi ăn chay mỗi ngày cho đến tối trong suốt mùa hè, còn vào mùa đông, chúng tôi ăn chay hai hoặc ba ngày liên tiếp. Quy tắc cầu nguyện chung là cầu nguyện sáu mươi lần vào ban ngày và sáu mươi lần vào ban đêm, ngoài những lời cầu nguyện mà chúng tôi dâng lên từng giây từng phút và không thể đếm được.

Abba Palamon khuyên Pachomius hãy thử thách bản thân thêm một lần nữa, rồi sau đó hãy quay lại gặp ông.

Pachomius đã trả lời vị trưởng lão một cách dứt khoát:

– Tôi đã tự thử thách bản thân trong mọi việc suốt nhiều ngày liền trước khi đến gặp ngài.

Lúc đó, Palamon mở cửa, hôn lên má Pachomius một cách thân thiết và vội vàng giải thích rằng tất cả những điều ông nói không phải vì kiêu ngạo, mà là vì sự cứu rỗi của anh, và rằng họ không tiết lộ điều này cho những người thế tục. Tuy nhiên, Abba Palamon lại bày tỏ mong muốn Pachomius trở về nơi ở cũ của mình để tiếp tục thử thách bản thân ở đó.

Nhưng Pahomius phản đối:

– Ta đã thử thách tâm hồn mình trong mọi việc và tin chắc rằng, nhờ ơn Chúa và những lời cầu nguyện thánh thiện của con, trái tim con sẽ được an lòng về ta.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Rất tốt.

Pachomius ngay lập tức được nhận vào. Abba Palamon đã quan sát Pachomius một cách đặc biệt cẩn thận trong vài ngày để thử thách anh ta trong việc cầu nguyện, thức trắng đêm và ăn chay. Khi đến giờ ăn bánh mì, vị tu sĩ già để Pachomius ăn một mình.

Sau ba tháng thử thách, Abba Palamon mặc cho Pahomi áo tu sĩ, thắt cho anh ta đai tu sĩ[3686] , trước đó cả hai vị tu sĩ đã cùng nhau cầu nguyện suốt cả đêm. Giờ đây, Palamon đặc biệt cố gắng rèn luyện Pakhomios thói quen thức trắng đêm để cầu nguyện. Từ buổi tối, họ đã chuẩn bị nguyên liệu cho công việc thủ công, sau đó cầu nguyện lâu dài với lòng thành kính, cuối cùng mới bắt tay vào làm việc, cố gắng không để mất tâm trạng cầu nguyện và không để cơn buồn ngủ lấn át.

Khi lễ Phục Sinh đến, Palamon nói với Pachomius rằng vào ngày này, ông sẽ được ăn hai bữa. Khi nấu ăn, Pachomius đã cho một ít dầu vào thức ăn. Nhưng Palamon không muốn nới lỏng việc ăn chay như vậy, ngay cả vào

[3686] Chúng ta đã biết về sự tồn tại của những bộ áo tu sĩ đặc biệt trong thời kỳ đầu của đời tu từ những lời dạy của Thánh Antôn Vĩ Đại. Xem cuốn sách của Archimandrite Palladius "Những lời dạy mới được phát hiện của Thánh Antôn Vĩ Đại. Dựa trên tuyển tập các câu chuyện bằng tiếng Coptic về ngài" (Kazan, 1898), trang 30.

ngày Lễ Phục Sinh. Với nỗi buồn sâu sắc, ông nói: "Chúa của tôi đã bị đóng đinh vì tôi, vậy mà tôi lại ăn dầu, thứ mang lại sức mạnh cho thân xác!"

Anh suýt nữa đã quyết định nhịn ăn hoàn toàn cho đến ngày hôm sau. Vị tu sĩ già chỉ đồng ý dùng bữa khi Pachomius bỏ đi lọ muối có chứa một ít dầu, và dâng cho ông lọ muối rắc tro. Pachomius với lòng khiêm nhường sâu sắc đã xin lỗi. Tất nhiên, cả hai đều nếm thử bánh mì với muối. Nước mắt lăn dài trên gò má của vị tu sĩ nghiêm khắc và người đệ tử khiêm nhường, người luôn mong muốn noi gương thầy mình trong mọi việc.

Pachomius thường lui về ẩn dật giữa núi non và ở đó, ông dành cả đêm để cầu nguyện với lòng nhiệt thành. Nơi ông cầu nguyện dưới cái nắng gay gắt của mùa hè, giơ hai tay lên trời và không cho phép mình hạ tay xuống, đôi khi thậm chí còn bị bùn bám đầy do mồ hôi tuôn ra ồ ạt từ cơ thể ông. Pachomius không để ý đến việc thỉnh thoảng những chiếc gai nhọn của cây gai đâm vào chân ông. Dù cuộc sống ẩn dật có gặp phải những khó khăn nào đi chăng nữa, ông cũng chịu đựng tất cả một cách thanh thản, luôn hướng mắt về những đau khổ mà Chúa Giêsu Kitô đã chịu đựng vì sự cứu rỗi của chúng ta.

Luôn nghiêm khắc với bản thân nhưng đồng thời cũng khiêm nhường, Palamon và Pachomius không dám xin Chúa ban cho mình dấu lạ, cũng không bao giờ tự tin vào sự công chính của mình. Trong những năm cuối đời của Abba Palamon, có một sự việc được ghi lại, cho thấy vị thầy của Pachomius đã nghiêm khắc với bản thân như thế nào, ngay cả khi sức lực của ông đã suy yếu rất nhiều do tuổi già và những công việc vất vả.

Một lần, Palamon bị ốm nặng. Các tu sĩ đã mời một bác sĩ có kinh nghiệm đến thăm ông. Nhưng vị bác sĩ từ chối chữa trị cho vị tu sĩ già, nói rằng trước hết ông cần phải cải thiện chế độ dinh dưỡng. Các tu sĩ bắt đầu thuyết phục vị tu sĩ già nghe theo lời bác sĩ. Ông đồng ý ăn những món ăn dành cho người bệnh. Khi Palamon vẫn không khỏi bệnh sau đó, ông bắt đầu nói với các tu sĩ với niềm tin sâu sắc:

– Đừng nghĩ rằng sức khỏe đến từ thức ăn phù du: vì sức mạnh và sức khỏe đến từ Chúa Kitô; vì các vị tử đạo của Chúa Kitô đã để cho người ta chặt đứt các chi thể của mình, chịu đựng lửa và mọi hình thức tra tấn, cho đến khi cuối cùng họ bị chém đầu. Còn tôi! Tôi không thể chịu đựng nổi một căn bệnh nhẹ, tôi đã xin bác sĩ chăm sóc cho tôi; tôi đã dùng thuốc; nhưng sau khi đồng ý dùng chúng, tôi lại chẳng thu được lợi ích gì từ đó. Tôi chỉ còn một cách duy nhất – đó là bắt đầu lại những việc tu hành của mình; đó là liều thuốc tốt nhất, và Đấng mà tôi đang đi theo con đường của Ngài, chắc chắn sẽ biết ý định của tôi, sẽ chăm sóc tôi nhiều hơn cả những gì chính tôi có thể làm.

Abba Palamon đã dốc lòng vào những việc tu hành với sự nhiệt thành và kiên trì như xưa, đồng thời hạn chế mọi nhu cầu của mình. Đức Chúa Trời nhân từ đã phục hồi sức khỏe cho ông trong một thời gian.

Một lần nọ, Pachomius đi bộ qua sa mạc. Cuối cùng, ông đến được những tàn tích của làng Tavenisi, nằm hơi về phía nam của Shenesit, thuộc vùng Tentir[3687] . Tại đây, Pahomius nghe thấy một tiếng nói: "Pahomius, Pahomius, hãy tu hành và ở lại nơi này; hãy xây dựng cho mình một tu viện, và nhiều người sẽ đến với ngươi để trở thành tu sĩ bên cạnh ngươi, và họ sẽ được lợi ích cho linh hồn mình."

Pachomius lập tức đến gặp Abba Palamon và báo cho ông biết điều này. Sau đó, cả hai cùng lên đường đến Tavenisi và xây dựng một tu viện tại đây, cụ thể là một nơi ở nhỏ dành cho các tu sĩ. Palamon lại trở về nơi ông từng tu hành trước đây. Khi đó, ông đã ám chỉ rằng ngày qua đời của mình đã gần kề và tiên đoán về vinh quang tương lai của tu viện Pachomius. Vị trưởng lão đã trấn an đệ tử yêu quý của mình rằng Chúa sẽ ban cho ông sức mạnh và sự kiên nhẫn để quản lý đông đảo các tu sĩ. Sau một thời gian dài cầu nguyện, họ chia tay nhau. Palamon được một số đệ tử của ông tháp tùng, những người đã đến thăm thầy của mình.

Một thời gian sau, Abba Palamon lâm bệnh nặng. Các đệ tử của ngài đã sai người đi tìm Pachomius. Ông nhanh chóng lên đường đến gặp vị tu sĩ cao niên và ở lại bên cạnh ngài để phục vụ cho đến khi ngài qua đời. Cuối cùng, vị tu sĩ cao niên đã an nghỉ trong sự công chính vào lúc mười giờ ngày 25 tháng Aviv. Các đệ tử của ngài đã dành cả đêm để đọc và hát các thánh vịnh bên thi thể vị tu sĩ cao niên. Sáng hôm sau, họ cử hành lễ cầu nguyện thường lệ, rồi rước thi hài của vị trưởng lão đã qua đời lên ngọn núi, cách phòng tu của ngài một quãng đường; tại đó, họ an táng ngài, đồng thời một lần nữa dâng lên lời cầu nguyện tha thiết xin linh hồn vị trưởng lão quá cố được an nghỉ cùng các thánh. Tất cả họ lúc này đều chìm trong nỗi buồn sâu sắc. Mất đi những lời khuyên và sự an ủi của vị trưởng lão vĩ đại Abba Palamon, họ tự coi mình như những đứa trẻ mồ côi. Pachomius trở về phòng tu của

[3687] Hiện nay, làng Tavenisi đã hoàn toàn không còn tồn tại.

mình ở Tavenisi, thương tiếc vị thầy đã qua đời, và trong sự ẩn dật, ông dốc lòng thực hành những việc đạo đức một cách nghiêm túc. Chẳng bao lâu sau, chính ông trở thành người dẫn dắt những người khác trên con đường cứu rỗi.

Khi Pahomius sống một mình tại Tavenisi, anh trai cả của ông, Gioan, đã đến thăm. Pahomius đã đón tiếp anh trai mình với tình yêu thương. Đã nhiều năm trôi qua kể từ ngày họ chia ly, vì Pachomius không trở về nhà sau khi bị gọi nhập ngũ. Những cuộc trò chuyện đầy đức tin của Pachomius đã tác động mạnh mẽ đến John, và anh quyết định ở lại Tavenisi mãi mãi.

Hai anh em giờ đây cùng nhau lao động. Những gì họ kiếm được nhờ lao động cần cù, họ dành tặng cho những người nghèo khó. Họ sống một cuộc đời rất khắc khổ. Mặc áo len thô, họ đi đến những nơi nóng bức, nơi họ đứng cầu nguyện đến sáng mà không gập đầu gối hay khuỷu tay, vẫn giơ tay hướng lên trời. Họ thực hiện những buổi cầu nguyện suốt đêm như vậy rất thường xuyên, mặc dù đôi khi chân họ sưng tấy vì căng thẳng, và muỗi cắn tay họ đến chảy máu. Nếu các tu sĩ bị cơn buồn ngủ áp đảo, họ sẽ ngồi xuống ngay tại chỗ họ đã cầu nguyện, nhưng không cho phép mình tựa vào bất cứ thứ gì. Trong suốt ngày, họ làm việc chân tay cho đến khi cái nóng từ những tia nắng gay gắt của mặt trời phương Nam trở nên không thể chịu đựng nổi.

Vì những người đồng tu tương lai, Pachomius bắt đầu lo việc xây dựng hàng rào xung quanh nơi ông tu hành cùng anh trai. Pachomius mong muốn hàng rào đó bao quanh một khu vực rộng nhất có thể: ông dự định sẽ đón nhận nhiều tu sĩ khác đến ở cùng. Nhưng Ioann, cho rằng hai người sẽ mãi mãi chỉ có hai người, đã nhìn công việc này với thái độ không thiện cảm. Anh ta thậm chí còn cố tình phá hỏng bức tường mà họ đang xây. Một lần, Pachomius đã nói với anh ta về điều này: "Đủ rồi, đừng điên rồ nữa!"

Ioan rất tức giận và sau đó rất lâu mới bình tĩnh lại được, dù Pachomius đã xin lỗi.

Vào buổi tối hôm đó, Pachomius xuống khỏi bức tường và cầu nguyện rất lâu. Lúc đó, ông cảm nhận rõ hơn nữa lỗi lầm của mình đối với John và sáng hôm sau, với lòng khiêm nhường hơn nữa, ông đã xin lỗi anh ta. Tất nhiên, các anh em tu sĩ giờ đây càng yêu thương nhau hơn và khiêm nhường trước mặt nhau; Gioan ngày càng tiến bộ trong các việc thực hành đạo đức và tự chế. Chẳng bao lâu sau, khi đã đạt đến sự hoàn thiện tâm linh cao độ, ông qua đời, được anh em Pachomius thương tiếc.

Lúc bấy giờ, Pachomius đã là một tu sĩ hoàn hảo. Chính vì thế, những cám dỗ mà ông phải đối mặt cũng vô cùng mãnh liệt, nhưng nhờ lời cầu nguyện và sự kiên nhẫn, ông luôn thành công trong việc đẩy lùi những mưu mô đáng sợ nhất của kẻ thù.

Đây là những gì đã xảy ra với ông. Đôi khi, khi ông muốn quỳ gối để cầu nguyện, trước mặt ông, do sự tác động của ma quỷ, dường như xuất hiện một cái hố; nhưng Pachomius vẫn cầu nguyện một cách không sợ hãi. Đôi khi trên đường đi, ma quỷ vây quanh ông như một đội vệ binh danh dự và la lớn: "Hãy nhường đường cho người của Chúa."

Ma quỷ rất muốn gieo rắc sự kiêu ngạo và tự mãn vào lòng Pahomius; nhưng ông hoàn toàn không bị lay động trước cám dỗ này. Rồi đột nhiên, ma quỷ khiến căn phòng của Pahomius rung lắc và chao đảo, như thể sắp sụp đổ; nhưng Pachomius không hề nao núng trước điều đó và với sự bình tĩnh sâu sắc nhất, ngài lặp lại những lời trong Thánh vịnh: *"Chúa là nơi nương náu và sức mạnh của chúng ta, là Đấng cứu giúp nhanh chóng trong hoạn nạn. Vì vậy, chúng ta đừng sợ hãi, dù đất có rung chuyển và núi non có lay động giữa lòng biển cả"* (Thánh vịnh 45:2–3).

Một lần, các quỷ hiện ra trước Pachomius dưới hình dạng những người lao động, đang cố gắng hết sức để di chuyển tảng đá khỏi chỗ bằng dây thừng, nhưng không thành công. Lời cầu nguyện của Pachomius đã khiến chúng biến mất. Nhiều lần, khi Pachomius ngồi xuống ăn bữa cơm đạm bạc, các quỷ dữ hiện ra trước mặt ông dưới hình dạng những người phụ nữ khỏa thân; nhưng Pachomius nhắm mắt lại và hướng lòng mình tránh xa những hình ảnh đó – và các quỷ dữ liền biến mất. Cuộc chiến chống lại các thế lực bóng tối của địa ngục đòi hỏi Pachomius phải dốc hết sức lực và đôi khi khiến ông vô cùng mệt mỏi. Một lần nọ, Chúa đã sai đến cho ông một người an ủi mới, đó là tu sĩ Apollon[3688] . Khi đến gặp Pachomius, vị tu sĩ đạo đức, giàu kinh nghiệm và nhân hậu này đã cương quyết nói với ông:

– Hãy can đảm lên, Pachomius: đừng sợ bất kỳ hành động nào từ phía các linh hồn, vì sự giúp đỡ của Chúa sẽ ban cho ngươi chiến thắng trước chúng.

[3688] Cuốn "Tiểu sử" bằng tiếng Ả Rập gọi nơi này bằng tên Amriaragabul. Một biến thể khác của tên này là Ierakapolon.

Vị tu sĩ già này đã ở lại với Pachomius, mang lại sự an ủi lớn lao cho cả hai. Tuy nhiên, tu sĩ Apollon đã qua đời không lâu sau đó. Một lần nọ, khi Pachomius đang hái lau sậy để làm đồ thủ công, Thiên thần của Chúa hiện ra và nói với ông: "Pachomius, Pachomius, Pachomius! Ý Chúa là để con phục vụ loài người và hàn gắn mối quan hệ giữa con người với Chúa."

Khi Thiên Thần của Chúa lui đi, Pachomius vẫn đứng đó nhìn theo, nói: "Đây là công việc của Chúa."

Sau khi hái được một ít lau sậy, ông trở về nơi ở của mình.

Ngay sau khi Thiên thần hiện ra, ba người – Pshentaïsi, Surus và Pshoui – đã đến gặp Thánh Pachomius. Họ nói với Pachomius: "Chúng tôi muốn trở thành tu sĩ bên cạnh ngài và trở thành tôi tớ của Chúa Kitô".

Sau khi xác nhận lòng thành kính chân thành của họ, Thánh Pahomius đã đón nhận họ với tình yêu thương và niềm vui, đồng thời trao cho họ áo tu sĩ.

Ba tu sĩ này, với lòng nhiệt thành và kiên trì, dấn thân vào những công việc khó nhọc nhất, được dẫn dắt bởi gương sáng và lời dạy của Thánh Pahomius. Họ vô cùng ấn tượng trước tinh thần cần cù của ngài. Thánh Pahomius tự tay lo liệu mọi việc, tự tay dọn dẹp và tưới vườn, mở cửa đón tiếp những người đến thăm và trò chuyện với họ, đồng thời tận tâm chăm sóc những người bệnh. Về các tu sĩ mới, ngài nói: "Họ là những cây non, chưa đủ trưởng thành để phục vụ người khác."

Khi giải thoát các tu sĩ mới khỏi mọi lo toan bên ngoài, Pahomius khuyên nhủ họ hãy siêng năng thực hành những việc trực tiếp dẫn đến sự thanh tẩy tâm hồn và củng cố ý chí hướng thiện. Khi những đệ tử đầu tiên công khai bày tỏ với Pahomius sự tiếc nuối về những nỗ lực không ngừng nghỉ của ông dành cho họ, ông đã nói với họ bằng niềm tin sâu sắc: "Có người nào lại có thể buộc một con vật vào cỗ xe[3689] rồi bỏ mặc nó cho đến khi nó gục ngã và chết đi? Khi Chúa thấy tôi mệt mỏi, Ngài sẽ sai những người đến giúp đỡ chúng ta trong mọi việc thiện."

Để củng cố đức hạnh cho những môn đệ đầu tiên của mình, Thánh Pachomius đã đặt ra một số quy tắc cho họ. Sự đồng nhất trong ăn uống và trang phục được coi là điều cần thiết ngay cả trong cộng đồng nhỏ bé này.

Tin đồn về lòng đạo đức và sự khôn ngoan của Thánh Pachomius ngày càng lan rộng khắp Ai Cập. Những người này nọ, tràn đầy khát khao thực hiện những việc làm cao cả, lần lượt tìm đến ngài. Thỉnh thoảng cũng có những ẩn sĩ, những người đã đạt đến sự hoàn thiện tâm linh cao độ, đến để phó thác bản thân dưới sự hướng dẫn của Thánh Pachomius. Như vậy, năm vị tu sĩ vĩ đại, những người trước đây đã sống đời ẩn tu, đã đến với ngài. Đó là: Abba Pechos (hay Pekusios), Abba Cornelius, Abba Paul, Abba Pachomius và Abba John. Pachomius đã đón nhận tất cả họ với niềm vui. Thỉnh thoảng cũng có những người có tâm hồn u ám và thói quen xấu đến với ngài. Nhận thấy rằng họ không thể được cải tạo, mà ngược lại, họ có thể làm hư hỏng các tu sĩ khác bằng gương xấu của mình, Pachomius đã đuổi họ ra khỏi cộng đồng tu viện. Rất nhiều người tìm đến Thánh Pachomius, và ngài là người hướng dẫn và thầy dạy thường trực của họ.

Được thúc đẩy bởi tình yêu thương đối với người lân cận, Thánh Pahomius, với sự giúp đỡ của các tu sĩ, đã xây dựng một nhà thờ tại làng gần tu viện nhất, để cư dân nơi đây có thể rước lễ Thánh Thể thường xuyên hơn và được xây dựng đức tin qua việc lắng nghe Lời Chúa. Do hoàn cảnh nghèo khó của người dân, Thánh Pahomius đã tự mình chi trả toàn bộ chi phí cho việc cử hành Thánh Thể. Chính ngài cùng các tu sĩ đã đọc Lời Chúa tại nhà thờ này. Khi không tìm được linh mục, Thánh Pahomius đến nhà thờ và răn dạy những người có mặt bằng cách đọc Lời Chúa. Các tu sĩ trong nhà thờ cư xử rất kính cẩn, và Thánh Pahomi thực hiện nhiệm vụ đọc Lời Chúa một cách tận tụy đến nỗi những người đến nhà thờ này dần dần từ bỏ tội lỗi, quan tâm đến việc thanh tẩy tâm hồn, và trở thành Kitô hữu không chỉ trên danh nghĩa. Họ không xem Thánh Pahomi như một con người, mà như một Thiên thần của Chúa.

Số lượng tu sĩ tại cộng đồng Tavenisi ngày càng tăng lên. Khi con số này đạt đến một trăm người, Pachomius nảy ra ý tưởng rằng cần phải xây dựng một nhà thờ ngay trong chính tu viện. Khi nhà thờ đã được xây dựng xong, các tu sĩ vẫn tiếp tục, như trước đây, vào thứ Bảy đến nhà thờ nằm trong làng, còn vào Chủ Nhật, vị linh mục sẽ đến tu viện và cử hành Thánh lễ tại đây. Sau đó, việc các tu sĩ ra làng để tham dự Thánh lễ vào thứ Bảy đã chấm dứt.

Trong số các tu sĩ của tu viện Pakhomius, không ai có chức linh mục. Bản thân Pakhomius cũng không muốn nhận chức vụ này. Ông thường nói với các tu sĩ: "Thật tốt cho chúng ta khi không cầu xin việc như vậy, để giữa các tu sĩ không có sự ghen tị, tranh cãi, bất tuân hay chia rẽ, trái với ý muốn của Đức Chúa Trời. Giống như

[3689] Tất nhiên là máy thủy lực, nơi người ta buộc con vật vào để buộc nó quay bánh xe bơm nước lên.

ngọn lửa trên sân đập lúa, nếu không nhanh chóng dập tắt, nó sẽ hủy hoại công sức cả năm: suy nghĩ kiêu ngạo cũng vậy, ngay từ khi mới nảy sinh. Tốt nhất là chúng ta hãy vâng phục Giáo hội của Chúa một cách vững vàng và bình thản. Và bất cứ lúc nào, ai mà chúng ta thấy được các giám mục tấn phong, người đó sẽ là đủ cho chúng ta trong việc này.

Các linh mục cũng đến gặp Thánh Pachomius với mong muốn trở thành tu sĩ. Thánh Abba không từ chối nhận họ vào tu viện. Tất nhiên, họ phải tuân theo tuyệt đối mọi quy tắc của đời sống tu sĩ và các tập tục của cộng đoàn. Trong sứ vụ cứu rỗi anh em, Thánh Pahomius đã nhờ cậy sự hợp tác của họ, miễn là họ luôn khiêm nhường và vâng lời. Bản thân Thánh Pahomius tuyệt đối không đồng ý trở thành linh mục, dù các phẩm chất của ngài được mọi người đánh giá rất cao.

Có một câu chuyện nổi tiếng trong cuộc đời ngài như sau. Một lần nọ, Thánh Athanasius, Tổng Giám mục Alexandria, đi thăm viếng giáo dân. Ngài được chào đón long trọng ở khắp mọi nơi. Các giám mục, linh mục và dân chúng đều ra đón ngài. Một số giám mục, linh mục và đông đảo giáo sĩ tháp tùng ngài. Chính Pachomius cùng các tu sĩ của mình cũng ra đón vị thánh vĩ đại. Họ hát các thánh vịnh cho đến khi tổng giám mục bước vào tu viện. Lúc đó, Serapion, giám mục Tenti, nắm tay tổng giám mục Athanasius và nói với ngài:

– Xin ngài thương xót phong chức linh mục cho Abba Pahomius, cha của các tu sĩ, để ngài có thể quản lý tất cả các tu sĩ trong giáo phận của tôi.

Nghe vậy, Thánh Pahomius lập tức lẩn trốn. Đức Tổng Giám mục ngồi xuống. Một đám đông đông đảo vây quanh ngài. Thánh Athanasius nói to, hướng về phía Giám mục Serapion:

– Tôi đã nghe nói về đức tin của Pachomius khi còn ở Alexandria, trước khi tôi được tấn phong.

Sau đó, Thánh Athanasius đứng dậy, dâng lời cầu nguyện và nói với các môn đệ của Pachomius:

– Hãy chào hỏi cha các con và nói với ngài rằng: ngài đã lánh xa tôi và tránh được những điều có thể khơi dậy lòng ghen tị và sự ganh đua; ngài đã chọn đức hạnh, điều sẽ tồn tại mãi mãi cùng Chúa Kitô. Xin Chúa chúng ta ban cho ngài theo ý nguyện của ngài.

Tất nhiên, sự khiêm nhường của Thánh Pahomius cũng đã khơi dậy tinh thần khiêm nhường trong cộng đoàn tu viện Tavenisi. Giống như vị Abba vĩ đại của mình, họ không tìm kiếm và thậm chí còn e ngại sự thăng tiến. Cả các sử gia Hy Lạp lẫn Coptic đều không đề cập đến sự hiện diện của các linh mục trong số họ.

Với sự gia tăng số lượng tu sĩ tại Tavenisi, đã xuất hiện cơ hội để củng cố trật tự nghiêm ngặt của tu viện, đưa mọi hoạt động của các tu sĩ vào khuôn khổ các quy tắc tu viện nghiêm ngặt. Chính Thánh Pahomius là người hướng dẫn ([3690]), là thầy và là quan tòa đối với các tu sĩ, đồng thời là quy tắc và là tấm gương cho mọi hoạt động của mỗi người.

Trên hết, chính vị Abba vĩ đại Pahomius là người quan tâm đến lợi ích của tất cả mọi người và từng cá nhân. Ngài không ngừng khuyên nhủ các tu sĩ đừng lơ là trong việc cầu nguyện, đừng ngừng kêu cầu danh Chúa, để không bị Satan bắt quả tang khi thiếu cầu nguyện. Thánh Pahomius tận dụng mọi cơ hội để nói lời răn dạy với người anh em này hay người anh em khác. Tuy nhiên, ngoài những cuộc trò chuyện riêng tư này, ngài thường còn giảng thêm ba bài giảng chung trong tuần – một vào thứ Bảy và hai vào Chủ Nhật. Ngài đã truyền lệnh rằng người đứng đầu tu viện cũng phải soạn thảo và giảng ba bài giảng mỗi tuần. Ngoài ba bài giảng của vị trưởng tu viện, trong các buổi họp của các tu sĩ vào thứ Bảy và Chủ Nhật, các vị trưởng nhà bắt buộc phải giảng dạy cho các tu sĩ của mình vào hai ngày ăn chay trong tuần, tức là vào thứ Tư và thứ Sáu.

Các tu sĩ mỗi tối đều tụ họp để trò chuyện về đời sống tâm linh và nói chung rất thích khuyên răn lẫn nhau bằng những bài học mà mỗi người rút ra từ việc đọc Lời Chúa và từ việc quan sát cuộc sống của những người này hay người kia. Các tu sĩ thích lặp lại những câu nói trong Kinh Thánh và suy ngẫm về chúng. Chính vì vậy, trong các cuộc trò chuyện với nhau, họ luôn có thể khuyên răn lẫn nhau bằng những suy nghĩ và lời lẽ trong Kinh Thánh. Chúng ta không thấy những cuộc trò chuyện vô bổ hay những lời bàn tán ở Tavenni. Trong khu nội trú có nhiều nhà; mỗi nhà do một vị trưởng nhà riêng biệt quản lý, người này có một trợ lý đứng thứ hai sau mình. Người trợ lý này sẽ thay thế vị trưởng nhà trong trường hợp ông vắng mặt hoặc ốm đau.

Thánh Pachomius đã sắp xếp để mỗi anh em mới gia nhập tu viện đều được đón tiếp bởi những tu sĩ đặc biệt đạo đức và khôn ngoan. Các tu sĩ gác cổng này đón tiếp mỗi tu sĩ mới, sắp xếp chỗ ở cho họ và trong suốt ba năm

[3690] Kinoviya (từ tiếng Hy Lạp κοινος – chung và βιος – cuộc sống) là tên gọi của các tu viện cộng đồng, nơi các tu sĩ được tu viện chu cấp và đổi lại, họ cống hiến sức lao động của mình vì lợi ích chung của tu viện.

thử thách, trước khi trao cho họ áo tu sĩ, họ siêng năng khuyên răn bằng những cuộc trò chuyện, bảo vệ họ khỏi mọi điều xấu xa. Nhờ vậy, các tu sĩ mới tại Tavenisi đã tìm thấy những người hướng dẫn giàu kinh nghiệm và kiên định, và có thể rèn luyện đức tin ngay từ những năm đầu tiên sống trong tu viện. Chính Thánh Pahomius cũng đã theo dõi các tu sĩ mới một cách cẩn thận. Ngài vui mừng biết bao trước những thành công và sự siêng năng của các tu sĩ trẻ. Ngài đã quan tâm đến nhu cầu của họ biết bao! Ngài đã bảo vệ họ khỏi mọi cám dỗ và thử thách, cũng như khỏi sự mê đắm vào những ý nghĩ ô uế!

Các tu sĩ ốm đau tại Tavenisi được chăm sóc rất chu đáo. Họ được các tu sĩ được chỉ định đặc biệt để phục vụ tại nhà bệnh viện cùng với người đứng đầu của họ chăm sóc, và chính Thánh Pahomius cũng đích thân quan tâm đến họ.

Có những tu sĩ đặc biệt phụ trách phục vụ bữa ăn chung của các tu sĩ. Họ thay ca sau mỗi ba tuần. Những tu sĩ này phải luôn tận tụy, nhất là khi các tu sĩ không dùng bữa cùng một lúc. Trong vòng ba giờ, các tu sĩ phục vụ bữa ăn sẽ chuẩn bị, phân phát và bày biện bánh mì, các loại rau củ và ô liu. Vào những ngày được phép, bữa ăn có phô mai, trứng, rau luộc và súp làm từ ngũ cốc luộc. Mỗi tu sĩ đến bàn ăn vào thời điểm mình muốn và nhận phần ăn của mình. Nhưng điều này chỉ diễn ra một lần trong ngày: một số người ăn vào lúc sáu giờ, số khác vào lúc bảy giờ, một số vào lúc tám giờ, một số vào lúc chín giờ, mười giờ, mười một giờ, còn một số khác thì vào buổi tối, khi những vì sao bắt đầu xuất hiện trên bầu trời. Một số tu sĩ rất nghiêm khắc với bản thân, đến mức chỉ ăn một lần trong hai ngày. Nói chung, việc ăn chay[3691] , theo quy chế ban đầu, không bắt buộc ai phải thực hiện trái với ý muốn của họ. Chỉ những tu sĩ thân cận với mình, Thánh Pahomius mới khuyên họ ăn chay, tức là kiêng ăn hoàn toàn vào các ngày thứ Tư và thứ Sáu. Nhưng nhiều tu sĩ tự nguyện áp đặt cho mình chế độ ăn chay nghiêm ngặt hơn.

Với số lượng tu sĩ đông đảo tại cộng đồng Tavenisia, có rất nhiều chức vụ và nhiệm vụ khác nhau. Việc thực hiện một số chức vụ đặc biệt khó khăn. Tất cả những ai đảm nhận "nhiệm vụ" này hay "nhiệm vụ" kia trong tu viện, đặc biệt là các vị lãnh đạo, đều rất tận tụy. Sau một thời gian, Thánh Pahomius thỉnh thoảng thay thế những người đang đảm nhận một "nhiệm vụ" nhất định bằng những người khác. Trong trường hợp này, ngài mong muốn đạt được hai mục đích. Thứ nhất, ngài mong muốn người được bổ nhiệm mới thu được những thành quả thiêng liêng từ "nhiệm vụ" của mình, để người đó có thể nhận được từ Chúa phần thưởng cho công lao tận tụy của mình vì lợi ích của cộng đoàn. Thánh Pachomius cho rằng bất kỳ "nhiệm vụ" nào trong tu viện, nếu được thực hiện với lòng nhiệt thành, đều mang lại cho tu sĩ phần thưởng không kém gì phần thưởng mà một tu sĩ sẽ nhận được nếu anh ta siêng năng ăn chay, thức đêm và cầu nguyện với Thiên Chúa. Thứ hai, Pachomius mong muốn những người lao động tận tụy có cơ hội nghỉ ngơi sau khi làm việc, dù chỉ trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên, các tu sĩ, những người đang miệt mài thực hiện các "nhiệm vụ" của mình, lại miễn cưỡng chấp nhận việc nghỉ ngơi mà vị Abba vĩ đại cho phép. Họ tin chắc rằng thế gian này không phải là nơi để nghỉ ngơi, mà ngược lại – là nơi của lao động vất vả, cuộc đấu tranh không ngừng và những hành động hy sinh, và chỉ những ai lao động ở đây mới nhận được sự an nghỉ đích thực và hạnh phúc vô tận trong kiếp sau. Và mỗi người đều tiếp tục tận tâm làm công việc hay nghề nghiệp mà mình biết, hoặc nói chung là bất kỳ công việc nào cho tu viện, tuân theo chính xác các chỉ thị của người đứng đầu.

Mỗi tu sĩ, dù đảm nhận chức vụ nào trong tu viện, đều phải tuyệt đối tuân phục người đứng đầu và thực hiện nghiêm ngặt, không điều kiện các quy định của tu viện. Đây chính là điểm khác biệt chính giữa đời sống tu viện theo truyền thống Kinovian với đời sống ẩn tu theo nghĩa hẹp của từ này. Sự vâng lời trọn vẹn cũng chính là nền tảng cho sự hoàn thiện tâm linh của các tu sĩ thuộc dòng tu cộng đồng. Trong sự vâng lời ấy nằm một ưu thế đạo đức to lớn của dòng tu cộng đồng. Việc vi phạm các chỉ thị của người đứng đầu hoặc các quy định của nội quy, dù là xuất phát từ lòng nhiệt thành trong việc tu hành, cũng luôn có thể dẫn đến sự bất mãn từ phía những người khác và trở thành nguyên nhân gây ra mọi rối loạn trong cộng đồng tu viện. Vì vậy, Pachomius đã trừng phạt nghiêm khắc những ai vi phạm nghĩa vụ vâng lời, bất kể họ biện minh như thế nào. Những trường hợp như vậy cũng từng xảy ra tại cộng đồng Tavenisi, dù rất hiếm khi.

Để mua sắm những vật dụng cần thiết và bán các sản phẩm thủ công của tu viện, người ta chọn những tu sĩ đặc biệt đáng tin cậy, sở hữu đủ mọi đức tính tốt đẹp, để thế gian không thể cám dỗ họ, và họ sẽ trở thành gương

[3691] Chay tịnh, tiếng Hy Lạp là νηστεια, có nghĩa là hoàn toàn không ăn uống.

sáng cho thế gian. Người ta đặc biệt chú ý để họ không ham mê của cải, dù rằng từ những của cải đó, tu viện có thể thu được lợi ích đáng kể.

Khi số lượng tu sĩ tại Tavenisi ngày càng gia tăng, các cơ sở kinh tế tại đây cũng phải được mở rộng. Số lượng những người đảm nhận các "nhiệm vụ" khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của tu viện cũng phải tăng lên. Khi số lượng tu sĩ và tu viện trong cộng đoàn tu viện của Pachomius gia tăng, chúng ta thấy ở đó có rất nhiều tu sĩ được giao phó các nhiệm vụ khác nhau trong tu viện. Chúng ta thấy ở đây các lò làm bánh mì được tổ chức một cách khoa học, ban đầu chỉ ở Tavenisi, sau đó là tại các tu viện Pevou (tu viện chính) và Fenum. Tại các xưởng làm bánh này, các tu sĩ làm việc trong sự tĩnh lặng sâu thẳm, điều này không chỉ góp phần vào hiệu quả công việc mà còn giúp họ giữ được sự tập trung tinh thần. Ở đây không có lời nói nào. Thậm chí không được phép hỏi xin nước hay bột: họ phải gõ vào thùng ủ bột để yêu cầu những thứ cần thiết. Trong lúc làm việc, họ đọc thuộc lòng những đoạn đã học từ Lời Chúa.

Có thời điểm, tại ký túc xá Tavennis có 15 thợ may, 7 thợ rèn, 4 thợ mộc, 15 thợ nhuộm, 20 thợ thuộc da, 12 người chăn lạc đà, 20 người làm vườn, 15 thợ đóng giày, 12 tu sĩ chuyên dệt khăn trải giường, 10 người gác đêm và 10 người chép kinh. Các tu sĩ tự tay làm ra mọi thứ cần thiết cho tu viện, và họ chỉ phải mua một ít thứ từ các thành phố. Việc dệt chiếu là nghề rất phổ biến trong cộng đồng tu sĩ Kinovite, và đây không chỉ là một nghề thủ công tốt cho các tu sĩ, mà còn có thể tăng cường nguồn tài chính cho tu viện, và tiền bạc ở đây cũng rất cần thiết.

Tiền được cất giữ, theo lời dạy của Thánh Pachomius, tại một nơi duy nhất, dưới sự quản lý của người quản lý tài chính. Chính người quản lý này đảm nhiệm việc đáp ứng mọi nhu cầu của cộng đồng tu sĩ. Tuy nhiên, các tu sĩ không được phép sở hữu tiền riêng. Trong số các tu sĩ có rất nhiều người đã vào tu viện từ khi còn nhỏ cùng với cha mẹ. Khi trưởng thành, họ không biết phân biệt vàng với bạc và hoàn toàn thờ ơ với tiền bạc.

Những nhu cầu của cộng đoàn rất khiêm tốn. Tinh thần không tham lam đến mức mỗi người chỉ có một bộ quần áo và một tấm chăn làm từ da cừu hoặc da dê. Một tu sĩ được chỉ định riêng phải vá lại quần áo rách, giặt sạch và sau đó cất giữ trong kho quần áo cũ. Khi có tu sĩ nào muốn giặt áo của mình, người đó sẽ lấy một bộ quần áo đã được vá sẵn, và sau khi giặt xong áo của mình, sẽ trả lại bộ quần áo đó cho tu sĩ phụ trách kho.

Trong tu viện có rất nhiều người sao chép sách. Những người sao chép giàu kinh nghiệm này miệt mài chép lại những cuốn sách đặc biệt hữu ích cho các tu sĩ, theo chỉ thị của người đứng đầu. Họ làm việc rất hiệu quả: kho sách của tu viện ngày càng phong phú, và mỗi tu sĩ đều có thể tìm thấy ở đó nguồn thức ăn tinh thần cho bản thân.

Trong mọi mối quan hệ với thế gian, các tu sĩ phải tuân thủ sự thận trọng đặc biệt. Trong suốt hành trình, họ phải lặp lại thầm trong lòng những câu nói nổi tiếng trong Kinh Thánh mà họ biết và suy ngẫm về chúng. Khi lên đường, luôn có vài người đi cùng nhau, ít nhất là hai người. Nếu trên đường gặp một người phụ nữ muốn nói chuyện với họ, thì tu sĩ lớn tuổi nhất sẽ tiến lại gần cô ấy và, với ánh mắt cúi xuống, với sự khiêm tốn sâu sắc, trao đổi một cuộc trò chuyện ngắn gọn. Khi gặp quan chức hoặc chiến binh trên đường, mỗi tu sĩ đều xuống khỏi lừa của mình và cầu nguyện ở một góc, nhường đường cho người lữ hành.

Tại các nhà dân, các tu sĩ thường không dùng bữa. Trong trường hợp bất khả kháng, họ chỉ ăn những gì được quy định trong nội quy tu viện.

Để thế gian không gây ảnh hưởng xấu đến các tu sĩ qua các thư từ, thư từ gửi đến tu viện đều do vị trưởng tu viện nhận; và nếu ông thấy bức thư chứa đựng những suy nghĩ tốt đẹp, ông sẽ chuyển nó đến người nhận. Không ai trong tu viện được kể lại những điều mình đã thấy hoặc nghe được ở thế gian, trừ khi điều đó mang lại bài học chung cho mọi người. Chỉ khi được sự cho phép của vị trưởng tu viện, người ta mới được chia sẻ những điều có giá trị giáo dục. Nói chung, thói quen nói nhiều không được khuyến khích trong hàng tu sĩ.

Những người lữ hành được tiếp đón tại một phòng riêng biệt. Không ai trong số các tu sĩ được phép tiếp đón họ tại phòng riêng của mình. Ngay cả khi có người thân nào đó đến thăm, cũng không ai được phép thông báo cho các tu sĩ biết: chỉ có những người gác cổng mới được phép thông báo cho những người có liên quan về sự xuất hiện của những người lữ hành. Tại nhà trọ, những người lữ hành được tiếp đón một cách nồng hậu nhất. Có một khu riêng biệt dành cho phụ nữ, tách biệt với nam giới. Ngay cả các tu sĩ ngoại đạo, Thánh Pahomius cũng không cho ở chung với các tu sĩ của mình, không cho phép họ tham gia bữa ăn chung, mặc dù ngài vẫn thể hiện với họ mọi dấu hiệu của tình huynh đệ và cho phép họ vào nhà thờ trong giờ cầu nguyện chung, miễn là họ là người Chính Thống chứ không phải dị giáo.

Danh tiếng của Thánh Pahomi ngày càng lan rộng khắp Ai Cập. Cuối cùng, chính người em gái ruột của ngài là Maria, người đã được rửa tội và vẫn còn trinh tiết, cũng biết đến những kỳ công vĩ đại của ngài. Rất mong

được gặp anh trai Pahomi, cô lên đường đến Tavenisi. Người ta báo cho Pahomi biết về sự có mặt của cô. Đã từ bỏ mọi ham muốn trần tục và tránh gặp gỡ phụ nữ, Thánh Pahomius từ chối cho em gái gặp mặt, nhưng đồng thời, qua vị tu sĩ gác cổng, ngài chỉ cho cô một con đường sống mới. Ông nói với cô rằng cuộc sống hiện tại chỉ là sự chuẩn bị cho cuộc sống ở thế giới tương lai, còn cuộc sống tách biệt khỏi thế gian, cuộc sống tu viện, mới có thể mang lại mọi phương tiện để đạt được sự cứu rỗi. Pachomius hứa với em gái rằng các tu sĩ sẽ xây dựng cho cô một nơi ở tách biệt nếu cô muốn sống cuộc đời tu viện. Khi đó, ông nói, những người phụ nữ khác, khi đến sống cùng cô, cũng có thể toàn tâm toàn ý dấn thân vào việc đạt đến sự hoàn thiện tâm linh. Maria cảm thấy buồn khi nghe tin anh trai mình không muốn trực tiếp trò chuyện với cô. Cô đã khóc. Nhưng những lời của Pachomius, được truyền đạt cho cô qua vị tu sĩ gác cổng, cũng chứa đựng nhiều điều an ủi. Cô đồng ý với điều mà Pachomius kêu gọi. Sau đó, Pachomius sai các tu sĩ xây dựng cho cô một nơi ở gần làng, cách tu viện nam một khoảng cách khá xa, ở bên kia sông Nile.

Chẳng bao lâu sau, đã có rất nhiều phụ nữ tìm đến Maria để ở lại sống cùng cô mãi mãi. Em gái của Thánh Pachomius trở thành người mẹ, người bà đối với họ. Bà dẫn dắt họ trên con đường cứu rỗi cho đến tận lúc qua đời.

Về phần mình, Abba Pachomius cũng hết lòng chăm lo cho tu viện này. Để trực tiếp hướng dẫn đời sống thiêng liêng tại tu viện nữ, ngài đã bổ nhiệm vị tu sĩ cao niên Phêrô. Chính Pachomius đã soạn thảo một cuốn sách đặc biệt về các quy tắc đời sống tu hành, và các nữ tu trong tu viện phải siêng năng học hỏi và tuân giữ những quy tắc này.

Tất nhiên, có thể có những trường hợp một tu sĩ nam cần phải đến thăm một nữ tu nào đó. Những cuộc gặp gỡ này, nếu cần thiết, sẽ được chính Pachomius cho phép. Sau khi nhận được sự cho phép của Pachomius, tu sĩ nam đó sẽ đến gặp tu sĩ trưởng Phêrô, người phụ trách tu viện nữ. Vị trưởng lão sẽ cho người đi gọi Mẹ Bề trên, nữ tu mà tu sĩ nam cần gặp, và một nữ tu thứ ba nữa: tất cả cùng ngồi xuống, và cuộc trò chuyện bắt đầu, tất nhiên, mọi người đều ý thức rằng những cuộc trò chuyện dài dòng và đặc biệt là những cuộc trò chuyện vô bổ là không phù hợp với đời sống tu hành.

Nếu có nữ tu nào sắp qua đời, các chị em sẽ đưa người ấy đến nơi họ thường tụ họp cầu nguyện. Mẹ Bề trên sẽ mặc cho bà tấm áo liệm. Thánh Phêrô báo tin về cái chết của nữ tu cho Thánh Pachomius. Những tu sĩ nam do ngài chỉ định, những người đã sống một cuộc đời hoàn hảo, sẽ lên đường đến tu viện nữ. Họ dừng lại ở cổng nhà nguyện và tại đó hát những bài thánh ca thiêng liêng. Cuối cùng, người quá cố được an táng; các nữ tu đi trước, dẫn đầu là Mẹ Bề trên, cùng hát thánh ca tiễn đưa bà đến mộ, còn vị tu sĩ cao niên đi phía sau họ. Mọi người chia tay sau khi chôn cất người quá cố và dâng lời cầu nguyện cuối cùng cho bà. Đôi khi các nữ tu được an táng ngay trong tu viện, còn đôi khi thi thể của họ được đưa đến ngọn núi gần nhất.

Còn trong một trường hợp khác, các tu sĩ nam tại Tu viện Tavenisi đã giúp đỡ rất nhiều cho tu viện nữ. Khi có nhu cầu sửa chữa hoặc xây dựng lại một công trình nào đó trong tu viện nữ, Pachomius cử những tu sĩ đạo đức nhất đến thực hiện. Họ ở đó dưới sự giám sát chặt chẽ của vị tu sĩ trưởng lão Peter. Họ không được ở lại tu viện nữ để dùng bữa, mà phải trở về tu viện của mình ngay trong ngày.

Số lượng các nữ tu trong tu viện nữ nhanh chóng tăng lên đến bốn trăm người. Thức ăn hàng ngày của các nữ tu, các kỳ ăn chay, trang phục của họ – ngoại trừ khăn che đầu – tất cả đều tuân theo các tập tục được áp dụng tại tu viện nam. Các nữ tu cũng làm việc để phục vụ tu viện nam: họ may quần áo len cho các tu sĩ nam. Đổi lại, họ nhận được những vật dụng cần thiết từ người quản lý tài chính của tu viện nam.

Có một sự việc quan trọng được ghi nhận trong đời sống của tu viện nữ. Một nữ tu nọ có lần bước ra ngoài hàng rào tu viện. Cô gặp một thợ may là giáo dân và, với vẻ ngạc nhiên, hỏi anh ta lý do đến nơi này. Anh ta trả lời rằng anh ta muốn tìm việc làm. Nữ tu đó phản đối rằng họ đã có thợ may riêng. Người thợ may liền rời đi. Một nữ tu khác đã chứng kiến cuộc trò chuyện này. Sau khi cãi nhau với nữ tu đó, cô ta bắt đầu chỉ trích cô và nhắc lại với giọng trách móc về cuộc trò chuyện của cô với người thợ may. Nữ tu trẻ, bị kích động bởi lời buộc tội oan, đã khóc nức nở. Cô tưởng tượng một cách quá đà về sự ô nhục mà, theo cô, đang chờ đợi mình tại tu viện. Bị nỗi đau buồn đè nặng, cô lén lút đi ra sông, lao mình vào dòng nước và chết đuối. Khi biết tin này, nữ tu kia – người đã vô cớ trách móc nữ tu trẻ bất hạnh – rơi vào tuyệt vọng tột cùng và tự kết liễu đời mình bằng cách thắt cổ bằng dây thừng.

Không lâu sau, Thánh Pahomius biết được chuyện này. Vô cùng đau buồn trước sự việc này, vị tu sĩ già đã cấm nhắc đến tên họ trong các lời cầu nguyện tại tu viện, cử hành Thánh lễ và bố thí cho họ. Thánh Pahomius cũng đã xử lý nghiêm khắc với tất cả các nữ tu trong tu viện. Do họ đã không nỗ lực đủ để tìm ra người vô tội và kẻ gây

hấn, hòa giải và an ủi họ, đồng thời coi thường hoàn cảnh và sự bình an của họ, hoặc có thể đã tin vào lời vu khống của một trong các nữ tu, nên vị tu sĩ cao niên đã cấm họ rước lễ trong bảy năm.

Rất nhiều người từ khắp nơi đã tìm đến Pachomius để vĩnh viễn quy y dưới sự hướng dẫn của ngài. Số lượng tu sĩ tại Tavenisi đã tăng lên quá nhiều. Nơi ở trở nên chật chội. Theo sự mách bảo của Thiên Chúa, Thánh Pachomius đã đi tìm một địa điểm khác, thuận lợi để xây dựng một tu viện mới. Một địa điểm rất thuận lợi nằm ở phía bắc Tavenisi, không xa nơi đây. Nơi này được gọi là Pevou ([3692]). Tại đây, một tu viện mới đã được xây dựng, rất rộng lớn và nhanh chóng trở thành trung tâm của toàn bộ cộng đồng tu sĩ.

Tu viện này được bao quanh bởi một hàng rào. Giám mục của vùng Diospolis đối xử rất tốt với các tu sĩ. Theo ý kiến của ngài, Thánh Pachomius đã xây dựng một nhà thờ tại đây.

Giờ đây, cộng đồng đã có thể tiếp nhận tất cả những ai mong muốn định cư vĩnh viễn tại đây. Từ tu viện cũ, Thánh Pahomius đã chuyển nhiều tu sĩ sang tu viện mới, đặc biệt là những người đã quen thuộc với các quy tắc của cộng đồng và có thể trở thành những người lãnh đạo giàu kinh nghiệm cũng như là tấm gương tốt cho các tu sĩ mới. Tại đây cũng đã được bổ nhiệm một vị trưởng tu viện, một quản lý và các tu sĩ để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau. Mọi người đều phải tuân thủ nghiêm túc các quy định của cộng đồng, luôn ghi nhớ rằng những quy định này áp dụng như nhau cho cả những người mới nhập tu lẫn chính các vị lãnh đạo.

Một thời gian trôi qua, hai tu viện không còn đủ chỗ để chứa tất cả những ai mong muốn tu hành tại đây. Dần dần, bảy tu viện nữa được thành lập. Số lượng tu sĩ trong cộng đồng Tavenisi đã lên tới bảy nghìn người. Tất nhiên, có những tu viện đông đúc hơn, có những tu viện thưa thớt hơn. Và toàn bộ cộng đồng tu sĩ đông đảo này, rải rác khắp nhiều tu viện, đã trở thành một cộng đoàn tu sĩ thống nhất.

Thánh Pachomius thường xuyên viếng thăm tất cả các tu viện. Bản thân ngài đã đến sống tại tu viện Pevou, nơi tập trung việc quản lý chung của tất cả các tu viện. Tu viện này có số lượng tu sĩ đông nhất. Từ đây, các tu sĩ của các tu viện khác nhận được những vật dụng cần thiết. Người quản lý tài chính của tu viện này được báo cáo về các công việc tại . Các tu sĩ từ tất cả các tu viện đều tụ họp tại đây hai lần mỗi năm, tham gia các buổi cầu nguyện và lắng nghe những bài giảng, đồng thời nhận được sự ban phước của Thánh Pahomius cho những nỗ lực tu hành của mình. Tại tu viện Pevou, lễ rửa tội cho những người dự tòng cũng được cử hành vào những ngày của Mùa Chay. Lúc đó, những người dự tòng được đưa đến đây từ tất cả các tu viện. Như vậy, trong số các tu sĩ có những người chưa nhận lễ rửa tội nhưng đang chuẩn bị cho việc đó, tức là những người dự tòng. Họ được đưa đến Pevou để rửa tội có lẽ vì ở đó có các linh mục, trong khi các tu viện khác thì không. Tất nhiên, sự giao lưu giữa tất cả các tu viện này vô cùng hữu ích cho các tu sĩ: nó gắn kết tất cả các tu sĩ trong các tu viện của Thánh Pahomius bằng những sợi dây tình yêu thiêng liêng chặt chẽ nhất, nó khích lệ những người thiếu can đảm, khơi dậy lòng nhiệt thành nơi những người đã suy yếu, còn đối với những tu sĩ siêng năng và thành công, điều rất quan trọng là họ được chứng kiến những tấm gương cao quý về đời sống tu hành và học cách noi gương họ cũng như khiêm tốn nhìn nhận những thành tựu của chính mình. Nhưng điều quan trọng nhất của những chuyến đi đến Pevou chính là việc chúng tạo cơ hội cho tất cả các tu sĩ được chứng kiến cuộc sống thường nhật của Thánh Pahomius và lắng nghe những lời dạy dỗ của ngài. Và trong những chuyến đi thăm các tu viện, Thánh Pahomius không chỉ dạy dỗ các tu sĩ bằng lời nói mà còn bằng chính tấm gương của mình. Ngài sẵn sàng vâng lời mọi người, khiêm nhường trước những người thấp kém hơn và sẵn lòng tiếp thu bài học ngay cả từ thành viên trẻ nhất trong cộng đoàn. Dưới đây là một trong vô số trường hợp như vậy.

Thánh Pahomi thường xuyên đến Tavenisi. Trong những chuyến viếng thăm này, ngài vẫn không ngừng công việc thủ công thường ngày của mình. Theo chỉ thị của Abba Theodoros, ở đây người ta áp dụng một phương pháp đan chiếu đặc biệt: không nên thắt dây quá chặt; như vậy vừa giảm bớt công sức, vừa cho ra những tấm chiếu đẹp hơn. Khi Pachomius đang đan chiếu tại đây, một cậu bé sống trong tu viện – người đang thực hiện lượt trực của mình trong tuần đó cho công việc này – đã thẳng thắn chỉ ra rằng ngài không đan đúng theo chỉ dẫn của Abba Theodoros. Pachomius đã lắng nghe lời nhận xét của cậu bé với niềm vui khiêm nhường và xin được chỉ dạy cách làm việc đúng đắn. Cậu bé đã chỉ cho Pachomius cách mọi người ở đó làm việc. Abba Pachomius ngay lập tức bắt đầu đan chiếu theo đúng cách đó.

Những bộ lạc man rợ sống gần đó đã gieo rắc nỗi sợ hãi lớn lao trong lòng người dân Tavennisi; họ không chỉ lúc bấy giờ mà cả sau này còn liên tục tấn công các làng mạc và tu viện, gây ra những thiệt hại nặng nề: cướp

[3692] Tu viện Pevou nằm cách Tavenisi một chút về phía bắc, trên bờ đông sông Nile, thuộc vùng Diospolis.

bóc, tàn phá, tống tiền cư dân hoặc bắt họ làm nô lệ. Các tu sĩ ở các tu viện phía bắc đã phải bỏ chạy khỏi bọn chúng. Để các tu viện phía bắc không bị phá hủy hoàn toàn và các tu sĩ không lâm vào cảnh khốn cùng, Thánh Pahomius đã cử một số lượng lớn tu sĩ đến các tu viện phía bắc. Còn ngài thì ở lại tu viện Pevou, còn đệ tử yêu quý của ngài là Theodorus, ngài đã gửi đến các tu viện phía bắc cùng với những cuốn sách để các tu sĩ ở đó đọc. Khi tiễn Theodorus đi, Pachomius đã an ủi anh bằng niềm hy vọng vào sự giúp đỡ của Thiên Chúa. Pachomius đã thề rằng – nếu bọn man di rút lui, ngài sẽ gửi đến nhà thờ mà chúng đã cướp phá những cuốn sách, nhiều lúa mì và tất cả những gì nhà thờ đó cần. Ngày hôm sau, bọn man di, bị quân đội hoàng gia đánh tan tác hoàn toàn, đã rút lui. Điều này làm các tu sĩ an tâm.

Khi bọn man di chưa bị đánh bại, chúng đã tìm thấy một ẩn sĩ và ép ông phải rót rượu cho chúng. Nhưng khi ông định rót rượu cho chúng, chúng đòi ông phải dâng lễ vật cho các vị thần của chúng trước. Vị ẩn sĩ không đồng ý. Bọn man di bắt đầu đe dọa sẽ giết ông nếu ông không tuân theo yêu cầu của chúng. Vị ẩn sĩ khốn khổ không đủ can đảm để từ chối dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo. Ông đã tuân theo yêu cầu của bọn man rợ. Sau đó, ông bắt đầu rót rượu cho bọn chúng. Chúng say rượu và chìm vào giấc ngủ. Điều này đã tạo cơ hội cho vị ẩn sĩ trốn thoát khỏi chúng. Nhưng lòng vị ẩn sĩ không thể nguôi ngoai. Ông chìm đắm trong nỗi đau khổ đến mức không thể cầu nguyện nổi. Nhớ lại lòng nhân từ và sự khôn ngoan của Thánh Pahomius, vị tu sĩ này vội vã đến gặp ngài, quyết tâm phó thác hoàn toàn bản thân mình cho sự phán xét của vị trưởng lão vĩ đại. Với nỗi đau buồn sâu sắc, ông thú nhận với Thánh Pahomius rằng sau khi công khai từ bỏ Chúa Kitô bằng cách dâng lễ vật cho các thần giả, ông không còn thấy khả năng nào để sám hối và được tha thứ tội lỗi nữa, vì vậy đã cả tháng nay ông không cầu nguyện với Thiên Chúa.

Thánh Pahomius đã khiển trách anh ta một cách đầy tình cha con vì anh ta dường như đã ném vào lửa chiếc vương miện mà Thiên Thần đang cầm trên đầu anh ta và đã sẵn sàng đội lên đầu anh ta. Thấy những giọt nước mắt chân thành của vị tu sĩ đã vô tình phản bội Chúa Kitô, Pachomius chỉ cho anh ta con đường để tìm lại sự bình an. Ông khuyên anh ta hãy cầu nguyện càng nhiều càng tốt cả ngày lẫn đêm, luôn ăn chay cho đến chiều tối, và tuyệt đối không ăn bất cứ thứ gì đã được nấu chín, trừ khi bị bệnh nặng. Khi đó, anh ta mới có thể tìm được ân sủng của Thiên Chúa, được tha thứ và trở thành tôi tớ trung thành của Chúa Kitô một lần nữa. Niềm tin của Thánh Pahomius đã tiếp thêm sức mạnh cho vị tu sĩ này: ông không còn tuyệt vọng nữa và bắt đầu thành tâm sám hối về tội lỗi của mình, với niềm hy vọng vào lòng thương xót của Đức Chúa Trời.

Trong một thời gian dài, chỉ có các tu sĩ Coptic tu hành tại cộng đoàn Tabenisi[3693] . Cuối cùng, danh tiếng của Thánh Pachomius đã lan đến cả người Hy Lạp và người La Mã. Và một số người trong số họ đã tìm đến cộng đoàn dưới sự hướng dẫn của vị Abba Pachomius khôn ngoan và trở thành tu sĩ tại đây. Thánh Pahomius cũng chăm sóc họ rất tận tình: đối với ngài, họ quý giá không kém gì các tu sĩ Coptic.

Một khó khăn nhất định đối với Pachomius khi tiếp xúc với các tu sĩ Hy Lạp (số lượng họ đông hơn người La Mã) là việc ông không thông thạo tiếng Hy Lạp. Tương tự, các tu sĩ Copt khác cũng không biết ngôn ngữ này. Ngay cả ở những vùng lân cận Alexandria[3694] , ngôn ngữ giao tiếp không phải là tiếng Hy Lạp mà là tiếng Copt. Ngay cả những vị tu sĩ sống tương đối gần Alexandria, chẳng hạn như Thánh Antôn Vĩ Đại, người sinh ra gần Heracleopolis Magna, Thánh Pimen Vĩ Đại, người đã dành cả cuộc đời ở Hạ Ai Cập, tại Skete, Terenuofe và miền Bắc Diolke, cũng không nói tiếng Hy Lạp; và càng khó gặp một tu sĩ nào biết tiếng Hy Lạp ở Thebaid[3695] . Trong việc chăm sóc cộng đồng người Hy Lạp, Thánh Pachomius đã được Theodore, cựu người đọc kinh của Nhà thờ Alexandria, hỗ trợ. Tuy nhiên, chính Thánh Pachomius cũng đã tự mình nỗ lực học tiếng Hy Lạp.

Thánh Pachomius dạy các tu sĩ bằng cả lời nói lẫn gương sáng. Lời dạy của ngài càng có sức ảnh hưởng mạnh mẽ hơn bởi các tu sĩ nhìn thấy ở ngài tấm gương của mọi đức tính tốt đẹp. Tâm hồn luôn hướng về cầu nguyện của Thánh Pahomius, sự khiêm nhường sâu sắc, sự nghiêm khắc với chính mình – ngay cả khi ốm đau, tình yêu thương dành cho mọi người, sự sáng suốt và trí tuệ – tất cả những điều này đã thu hút trái tim các tu sĩ hướng về ngài, khiến mọi người vô điều kiện tuân theo lời ngài và chấp nhận những lời khuyên của ngài.

[3693] Người Copt – người Ai Cập (Kitô hữu).

[3694] Alexandria – thành phố nổi tiếng về trình độ học vấn, tầm quan trọng chính trị và thương mại, được hoàng đế Hy Lạp Alexander Đại đế thành lập tại Ai Cập vào khoảng năm 333 trước Công nguyên.

[3695] Thivaida – một vùng ở Thượng Ai Cập.

Sự khiêm nhường của Thánh Pahomiô vô cùng lớn lao, dù ngài đã thực hiện những kỳ công phi thường, dù ngài được cả các tu sĩ, giáo dân, và thậm chí cả các giám mục – những người thỉnh thoảng cử các tu sĩ đến để ngài phán xét họ – dành cho ngài những vinh dự cao quý nhất. Thánh Pahomiô e ngại việc lên án người khác ngay cả trong suy nghĩ. Được ban cho những thị kiến và mặc khải từ Thiên Chúa nhiều lần, ngài chỉ kể lại cho các tu sĩ khi ngài thấy câu chuyện của mình có thể mang lại lợi ích đạo đức cho cộng đoàn.

Một lần, các tu sĩ xin ngài kể lại một trong những thị kiến của ngài. Câu trả lời của ngài thật đáng chú ý. Không muốn nói về những thị kiến mà ngài đã trải qua, nhằm cảnh báo các tu sĩ – những người mà Chúa đã ban cho những ân sủng thiêng liêng đặc biệt – khỏi sự kiêu ngạo, Thánh Pahomius đã nói: "Ai đầy dẫy tội lỗi sẽ không nhận được ân sủng của những thị kiến thiêng liêng. Nhưng nếu anh em mong muốn có một thị kiến tuyệt vời và đáng kinh ngạc, thì tôi sẽ chỉ cho anh em một trong số đó: khi anh em nhìn thấy một người đạo đức, khiêm nhường trong lòng, trong sạch – đó chính là thị kiến tuyệt vời nhất: anh em nhìn thấy Thiên Chúa vô hình trong con người hữu hình ấy. Đừng tìm kiếm một thị kiến nào khác mà lại tốt hơn thị kiến này."

Thánh Pahomius khiêm nhường không muốn có bất kỳ ưu thế nào so với các anh em. Ngài gọi người anh em nào không chia cho ngài phần thức ăn nhiều hơn so với những người khác là người thực sự công bằng. Và ngài mong muốn làm việc ngang hàng với những người khác. Ngài không cho phép ai đó làm nhẹ bớt công việc của mình.

Một lần nọ, vị Abba vĩ đại cùng các anh em đi làm việc. Mỗi người cùng với người đồng hành của mình phải mang theo một lượng bánh mì nhất định. Người đồng hành của Pachomius muốn tự mình mang hết. Nhưng Pachomius không đồng ý, nói rằng người đứng đầu phải gánh vác những công việc giống hệt như các anh em.

Là người vô cùng khiêm nhường, Pakhomius mặc một bộ áo rất đơn sơ. Bộ áo đó vừa là quần áo, vừa là chăn đắp cho ông vào mùa lạnh. Trong bộ áo đó, ông tiếp đón các linh mục và tu sĩ đến thăm mình.

Một tu sĩ tên là Athanasius, người phụ trách việc quản lý quần áo trong tu viện, đã đến gặp Thánh Theodore và xin ông hãy gửi bộ áo của Abba vào kho khi ông cởi ra, rồi thay vào đó một bộ áo khác, mới và xứng đáng với chức vụ của người đứng đầu.

Thánh Theodorus đã nghe theo lời Afanasy và thay bộ áo này bằng bộ áo khác.

Nhưng rồi Pachomius đi tìm bộ áo cũ của mình. Theodore chỉ vào bộ áo mới, nhưng Pachomius khăng khăng đòi lấy lại bộ áo cũ. Trước lời thỉnh cầu của vị tu sĩ già, được lặp lại ba lần, Theodor trả lời rằng giờ đây không thể tìm thấy bộ áo đó nữa; tuy nhiên, Theodor cảm thấy vô cùng hối hận vì đã tước đi của vị tu sĩ già bộ áo mà đối với ông, nó còn là tấm chăn che thân trong những ngày giá lạnh. Anh thậm chí còn khóc vì điều đó. Nhưng Pakhomius cũng không cho rằng mình đúng trong trường hợp này. Ông đã cầu xin Chúa tha thứ trong một thời gian dài vì, trong khi dạy người khác về sự vâng lời, chính ông lại không vâng lời người phụ trách việc phân phát quần áo trong tu viện. Thật là một sự khiêm nhường vĩ đại!

Một lần, khi Pahomi bị ốm, Theodor đã đưa ông đến nơi các tu sĩ ốm đang dùng bữa. Người ta đã chuẩn bị cho ông một món súp ngon. Ông nói với người anh em đang nấu món ăn đó:

– Anh không biết nấu ăn; cho tôi một ít nước đi.

Pachomius đã đổ nước được đưa đến vào món ăn đó. Ngay lúc đó, Theodore đổ nước lên tay Pachomius trước khi bắt đầu bữa ăn. Pachomius, đến lượt mình, đổ nước lên chân Theodore.

Sau bữa ăn, hai người bắt đầu trò chuyện. Khi Theodor hỏi tại sao anh lại làm hỏng món ăn bằng nước, Pachomius trả lời:

– Anh em đã nấu ăn cho tôi đã làm việc đó với tất cả sự tận tâm, nhưng sự tận tâm như vậy giữa con người với nhau không thể kéo dài mãi. Và tôi tự nhủ: "Lần này tôi sẽ ăn ngon miệng, nhưng đến ngày mai, tôi sẽ ốm, tôi sẽ lại phải chờ đợi anh em cho tôi ăn ngon, và chính vì lý do đó mà lòng tôi sẽ cảm thấy bối rối." Chính vì thế mà tôi đã làm hỏng món ăn ngon được dọn ra cho tôi, để lần sau, nếu anh ấy lơ là và không nấu ngon như trước nữa, thì điều đó cũng không còn quan trọng với tôi nữa.

Feodor hỏi vị tu sĩ già tại sao ông lại đổ nước lên chân mình. Thánh Pachomius đã đưa ra một câu trả lời tuyệt vời.

– Tôi làm vậy để, nếu ở thế giới bên kia người ta nói với tôi: "Feodor đã đổ nước lên tay ngài", thì tôi có quyền đáp lại: "Chính tôi đã rửa chân cho anh ấy."

Khi ốm, Thánh Pahomius không muốn ăn món có dầu. Một lần khác, trong lúc ốm, ngài từ chối dùng tấm chăn tốt hơn thay cho tấm chiếu và nhận một nắm quả chà là. Thật là sự nghiêm khắc với chính bản thân mình!

Pachomius dành tình yêu thương đặc biệt cho các tu sĩ đang ốm đau. Hơn hết, ngài quan tâm đến việc cứu rỗi linh hồn của người anh em đang ốm. Ngài khuyên người bệnh tạ ơn Thiên Chúa, khơi dậy trong lòng họ những suy nghĩ đạo đức, cảnh báo họ khỏi sự gắn bó với trần gian, khỏi bị cuốn vào những ý nghĩ ô uế, khuyên họ xin Thiên Chúa tha thứ và nhìn về tương lai với tinh thần lạc quan, đặt niềm tin vào Chúa. Ông cũng luôn quan tâm đến thể xác của anh em đang ốm. Những người ốm trong tu viện không bao giờ bị ép buộc phải ăn chay nghiêm ngặt, dù cũng không bị cản trở khi muốn ăn chay. Thỉnh thoảng, Pachomius thấy cần phải nới lỏng việc ăn chay nếu nhận thấy rằng việc ăn chay đang làm kiệt sức người bệnh và không giúp họ hồi phục.

Chẳng hạn, có một anh em bị ốm trong những ngày Mùa Chay. Tuy nhiên, anh ta không chịu ăn bất cứ thứ gì được nấu chín, cũng không chịu uống rượu. Anh ta không muốn cho phép mình nới lỏng quy định, ngay cả khi điều đó có nghĩa là anh ta sẽ phải chết vì kiêng khem quá mức. Vị tu sĩ khôn ngoan Pachomius khuyên anh ta rằng, nếu không muốn từ bỏ hoàn toàn việc ăn chay này, hãy hoãn việc ăn chay lại cho đến khi sức khỏe hồi phục hoàn toàn, lúc đó anh ta sẽ có thể thực hiện việc ăn chay nghiêm ngặt trong số ngày tương ứng với số ngày lẽ ra phải ăn chay vào lúc này.

Trong số các tu sĩ phục vụ tại bệnh viện, có những người không muốn đáp ứng một số yêu cầu của bệnh nhân, vì họ cho rằng đó là những ham muốn không phù hợp với một tu sĩ. Nhưng Thánh Pahomius lại nhìn nhận vấn đề này theo cách khác. Ông sẵn sàng mang lại sự an ủi tối đa có thể cho bệnh nhân.

Chẳng hạn, có lần chính Thánh Pahomius cũng bị ốm nặng. Tại bệnh viện, người ta đề nghị ngài ăn một ít rau luộc. Lúc đó, trong bệnh viện có một tu sĩ đang ốm nặng, thân thể chỉ còn da bọc xương: ngài đã gầy đi trông thấy sau một thời gian dài mắc bệnh. Khi tu sĩ này xin các tu sĩ trong bệnh viện cho ngài một ít thịt bò, họ đã từ chối. Lúc đó, người bệnh xin được đưa đến gặp Abba Pahomius. Vị Abba vĩ đại đã vô cùng kinh ngạc trước tình trạng suy kiệt tột độ của vị tu sĩ và sự thiếu vắng lòng trắc ẩn khôn ngoan ở các tu sĩ trong bệnh viện. Ông nghiêm khắc nói với họ: "Những kẻ điên rồ, lòng kính sợ Thiên Chúa của các ngươi đâu rồi? Chẳng phải Thiên Chúa đã phán: 'Hãy yêu thương người lân cận như chính mình' sao?" Các ngươi không thấy rằng anh em này gần như đã chết rồi sao? Tại sao các ngươi không cho anh ta thứ mà anh ta đã xin các ngươi ? Bây giờ ta không thể ăn cũng không thể uống được. Vì có sự khác biệt giữa các căn bệnh, và có những căn bệnh tàn khốc hơn những căn bệnh khác."

Pachomius không kìm được nước mắt khi chứng kiến vị tu sĩ đang ốm nặng và sự ganh tị vô tâm của những người khác trong việc tuân thủ nghiêm ngặt quy định về ăn uống. Giờ đây, các tu sĩ mới nhận ra mình đã sai. Họ lập tức sai người đi mua một con dê con và chế biến thành món ăn, giúp bồi bổ cơ thể suy nhược của người anh em bệnh nhân và an ủi tâm hồn u sầu của anh.

Pachomius luôn cố gắng khơi dậy niềm tin vào Chúa nơi các môn đệ của mình. Dưới đây là một trường hợp minh chứng cho điều đó.

Một buổi tối nọ, các tu sĩ trở về để chất lau sậy lên thuyền. Feodor lo lắng rằng món hầm[3696] do anh nấu sẽ không đủ cho mọi người. Pakhomius hiểu được suy nghĩ của anh và khuyên anh đừng quá lo lắng về thức ăn cũng như đừng có những nỗi sợ hãi hèn nhát liên quan đến nó, đồng thời chỉ ra sự chăm sóc của Thiên Chúa dành cho con người. Niềm tin ấy đã không làm Pakhomius thất vọng.

Một lần nọ, tu viện gặp phải tình trạng thiếu lúa mì. Điều này khiến các tu sĩ rất buồn bã và lo lắng. Muốn xua tan nỗi lo lắng của họ về tương lai gần, Pachomius chỉ cho họ hai tấm thảm tuyệt đẹp do một người tốt bụng cúng dường: trong trường hợp khẩn cấp, họ có thể bán chúng và dùng số tiền thu được để mua lúa mì. Pachomius đã dành cả đêm để cầu nguyện nhiệt thành.

Sáng hôm sau, quan trưởng của một thành phố gõ cửa tu viện. Khi người gác cổng mở cửa cho ông, ông nói rằng mình đã thề sẽ tặng một lượng lúa mì nhất định cho những người nghèo khó, và rằng đêm qua ông đã biết được trong giấc mơ rằng chính các tu sĩ của tu viện này đang cần lúa mì; xin hãy để ai đó nhận số lúa mì mà ông mang đến. Khi tin này được báo lại cho chính Pachomius, ông rất vui mừng và nói với quan trưởng thành phố rằng họ thực sự cần bánh mì, nhưng cần được hoãn việc trả tiền. Người Kitô hữu tốt bụng ấy nói: "Tôi không mang thứ này đến vì tiền, mà vì các vị là những người của Chúa. Hãy bảo các tu sĩ mang vào đi."

Pachomius, với lòng biết ơn chân thành dành cho người tốt bụng đã giúp đỡ tu viện trong lúc khốn khó tột cùng, đã tặng ông ấy bánh mì và rau củ của tu viện như một lời chúc phúc. Thị trưởng thành phố vui vẻ nhận lấy và

[3696] Một loại thực phẩm thực vật.

ra về với lòng mãn nguyện vì đã giúp đỡ các tôi tớ của Chúa. Các tu sĩ ngạc nhiên và vui mừng trước món quà bất ngờ từ vị thị trưởng yêu mến các tu sĩ.

Thánh Pahomius lo ngại rằng các tu sĩ có thể bị cuốn hút bởi bất kỳ vẻ đẹp nào trên trần gian. Ngài thậm chí còn lo ngại rằng sự hài hòa, thanh nhã và vẻ đẹp của nhà thờ có thể làm phân tâm các tu sĩ. Thánh Pahomius đã nghiêm khắc cảnh báo các môn đệ của mình về sự kiêu ngạo. Ngài thuyết phục các tu sĩ thực hiện những việc thánh thiện trong thầm lặng, vì Chúa, chứ không phải để nhận lời khen ngợi từ con người. Ngài khuyên họ đừng để ngoại hình nổi bật so với cộng đồng tu sĩ. Dưới đây là một số trường hợp cho thấy ngài đã kiên trì chiến đấu với kẻ thù này của những người tu hành như thế nào.

Một tu sĩ đã dành nhiều đêm để thức trắng cầu nguyện liên tục, đắm chìm trong hy vọng sẽ được mọi người đặc biệt kính trọng. Pachomius đã thuyết phục anh ta thay đổi lối sống, khuyên anh ta nên đến bữa ăn khi các tu sĩ được gọi đến đó và dùng bữa cùng họ, nhưng không ăn đến no nê; nên thực hiện số lượng lời cầu nguyện như đã quy định cho tất cả các tu sĩ; và khi ra khỏi phòng tu, hãy đối xử thân thiện với mọi người và đừng tỏ ra u ám. Tất nhiên, không nên từ bỏ những việc tu hành của mình, vì điều đó cũng sẽ là làm vừa lòng Satan; nhưng cần phải làm mọi việc vì Chúa, không để ma quỷ có chỗ đứng trong lòng mình. Khi vị tu sĩ này vẫn tiếp tục hành động như trước, lo sợ rằng mình sẽ bị các anh em coi là yếu đuối và đáng thương, Pachomius lại khuyên nhủ anh ta một cách kiên quyết rằng hãy giảm bớt các việc tu hành của mình. Ông đã nhiều lần nhắc nhở vị tu sĩ kiêu ngạo về những lời dạy trước đây của mình và cuối cùng nói với anh ta rằng anh ta sẽ rơi vào tình trạng điên loạn nếu cứ khăng khăng theo đuổi những việc tu hành bề ngoài chỉ để được người khác kính nể, chứ không phải để chế ngự các dục vọng. Nhưng vị tu sĩ vẫn làm theo ý mình, và lời tiên đoán của Pahomius đã trở thành sự thật. Vị tu sĩ kiêu ngạo, ngày càng phình to lòng kiêu hãnh vì sự đạo đức bề ngoài của mình, đã rơi vào trạng thái điên loạn, đến mức mất đi lý trí. Hắn thậm chí còn sẵn sàng giết Thánh Theodoros, khi vị Abba sai hắn đến để ngăn cản vị tu sĩ này khỏi lời cầu nguyện kiêu ngạo và không đẹp lòng Chúa. May mắn thay, đôi tay anh ta, đang giơ cao khúc gỗ, bỗng tê cứng, và anh ta chỉ biết gào thét điên cuồng vào mặt Thánh Theodoros, gọi ông là kẻ thù của Chúa. Anh ta ở trong tình trạng thảm hại đó suốt một thời gian dài. Cuối cùng, anh ta đã được chữa lành khỏi cơn điên loạn và đồng thời thoát khỏi sự kiêu ngạo cứng đầu trước đây.

Một lần nọ, Thánh Pahomius đang ngồi cùng một số vị tu sĩ cao niên bên ngoài phòng tu, trò chuyện với họ về Lời Chúa. Lúc đó, một anh em đang chuẩn bị chiếu cói trước cửa phòng tu của mình. Anh ta làm việc với sự siêng năng đặc biệt và trong ngày hôm đó đã dệt xong hai tấm chiếu. Anh ta mong đợi lời khen ngợi từ Abba Pahomius. Thấy tâm trạng của anh ta, Pachomius nói với những người đang trò chuyện cùng mình: "Các anh có thấy anh em bất hạnh này không? Hôm nay anh ta đã đánh mất công sức của mình, vì anh ta yêu mến vinh quang từ loài người hơn là vinh quang từ Thiên Chúa; anh ta đã làm chính mình mệt mỏi và tước đi mọi thành công và lợi ích cho linh hồn mình."

Pachomius gọi tu sĩ này lại và nghiêm khắc khiển trách anh ta vì những suy nghĩ đó. Sau đó, dịu bớt lời khiển trách, Pachomius bảo anh ta mang hai tấm chiếu này đến khi các tu sĩ tụ họp trong nhà thờ, và xin các tu sĩ tha thứ cùng cầu nguyện cho mình. Anh ta cũng phải làm điều tương tự trong bữa trưa. Để chữa lành tâm hồn anh ta nhiều hơn nữa, Pahomius ra lệnh cho anh ta phải ở trong phòng tu một cách tuyệt đối, hàng ngày phải dệt hai tấm thảm thay vì một, chỉ ăn bánh mì và muối, không được nói chuyện với ai, ngoại trừ một tu sĩ sẽ mang bánh mì đến cho anh ta, và phải thành tâm cầu xin Chúa tha thứ cho tội lỗi của mình. Hình phạt này nhắm thẳng vào đam mê chính của vị tu sĩ: anh ta phải làm điều mà trước đây anh ta làm vì lòng kiêu ngạo, như một hình phạt. Hình phạt này liên tục nhắc nhở ông về tội lỗi mình đã phạm và nhằm khơi dậy trong lòng ông sự ăn năn sâu sắc nhất. Ông rất coi trọng lời khen ngợi của Thánh Pahomius: tất nhiên ông không thể không hiểu rằng vị Abba vĩ đại đã không vô cớ mà trừng phạt ông nghiêm khắc như vậy, sau khi đã vạch trần lỗi lầm của ông trước mặt mọi người.

Một trường hợp đáng chú ý khác. Một lần, Thánh Pahomius phải ghé thăm một tu viện, nơi các tu sĩ đã bị nhiễm những quan điểm dị giáo. Tại đó, các tu sĩ đã truyền đạt lại cho các môn đệ của Pachomius rằng vị trưởng tu viện của họ đề nghị Pachomius cùng nhau băng qua con sông, để chứng minh ai trong số họ là người đúng, ai được lòng Chúa hơn. Khi các môn đệ kể lại điều này cho Pachomius, ngài vô cùng buồn bã vì các tu sĩ của mình đã nghe theo và truyền đạt lại lời đề nghị như vậy. Pachomius nghiêm khắc nói với họ: "Kẻ dị giáo có thể băng qua sông trên mặt nước, như đi trên đất liền, nhờ sự cho phép của Đức Chúa Trời và sự giúp đỡ của Satan, kẻ muốn củng cố niềm tin bất chính của hắn và lôi kéo người khác theo niềm tin đó. Bây giờ các con hãy đi và nói với những người đó rằng: 'Người tôi tớ của Chúa là Pachomius nói: những nỗ lực và lo toan của tôi không nhằm mục đích đi bộ qua

sông, mà là để tránh những hình phạt của Chúa và vượt qua dòng sông lửa đó, dòng sông mà tất cả chúng ta, loài người, đều phải vượt qua trước ngai vàng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Hơn nữa, Phúc Âm dạy: 'Chớ cám dỗ Chúa, Thiên Chúa của ngươi'.

Thánh Pahomius nhìn thấy trong đề nghị của những kẻ dị giáo mưu mô của Satan, kẻ muốn dùng hiện tượng kỳ diệu để lung lay đức tin của các tu sĩ và khơi dậy lòng kiêu ngạo trong họ. Ngài khuyên nhủ các môn đệ đừng bao giờ bị cám dỗ bởi những điều tương tự và đừng để lòng kiêu ngạo chi phối.

Khi một tu sĩ nào đó bộc lộ dù chỉ một đức tính tốt, không bị sự kiêu ngạo làm hư hỏng, Thánh Pahomius cũng vui mừng trước thành tựu nhỏ bé đó của anh em và cẩn trọng vun đắp đức tính ấy, vì ngài xem đó là bảo đảm cho sự cứu rỗi của người ấy. Thánh Pahomius không muốn các tu sĩ thực hành những việc tu hành khắc khổ vì bị ép buộc, mà phải xuất phát từ lòng tự nguyện. Điều này được minh chứng một cách sinh động qua sự việc sau đây trong đời sống của tu viện.

Một lần nọ, khi Thánh Pahomius trở về tu viện nơi ngài thường trú sau khi thăm viếng các tu viện khác, các tu sĩ đã ra đón ngài. Ngay khi gặp mặt, một thanh niên đã lớn tiếng nói với ngài rằng kể từ ngày Pahomius rời bỏ họ, họ không được chuẩn bị bất cứ thứ gì từ ngũ cốc hay rau củ. Thánh Pahomius đã trả lời anh ta một cách hiền lành và thân thiện:

– Đừng buồn, con ơi; từ nay trở đi, ta sẽ lo liệu công việc của các con và chăm lo cho bữa ăn của các con.

Sau khi vào tu viện và dâng lời cầu nguyện trong nhà thờ, Pachomius đi thẳng đến nhà bếp. Các đầu bếp đang đan chiếu, Pachomius hỏi đầu bếp trưởng:

– Từ bao giờ ngươi không nấu súp cho các tu sĩ nữa? Hóa ra đã hai tháng rồi, anh ta chưa một lần nấu súp cho họ. Pachomius hỏi anh ta:

– Tại sao anh lại làm như vậy, trong khi quy định yêu cầu phải phục vụ súp cho các tu sĩ vào tất cả các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật?

Đầu bếp trưởng trả lời rằng các tu sĩ, vì lòng yêu mến các việc tu hành, không ăn súp, mà chỉ ăn một lượng nhỏ rau và dầu; trước đây, súp nấu với dầu đều bị vứt đi; giờ đây, ông đã chỉ định một tu sĩ mang ô liu, rau củ và giấm ra bàn ăn, còn bản thân ông cùng những người khác thì đang miệt mài dệt chiếu. Trong thời gian đó, nhà bếp đã hoàn thành năm trăm chiếc chiếu.

Thánh Pahomius vô cùng buồn bã trước hành động tự ý của vị tu sĩ phụ trách nhà bếp. Sau khi ra lệnh đốt những tấm chiếu được dệt một cách tự ý, Thánh Pahomius đã nghiêm khắc nhắc nhở vị tu sĩ này rằng, bằng sự siêng năng quá mức cần thiết, anh ta đã coi thường các quy tắc. Hơn nữa, việc kiêng ăn của các tu sĩ trong trường hợp này không còn là vấn đề của sự tự do ý chí, mà là kết quả của sự cần thiết: không ai còn có cơ hội thể hiện sự nhiệt tình của mình nữa, tất cả đều phải kiêng ăn một cách bất đắc dĩ.

– Riêng về phần tôi, – thánh Pahomius nói, – tôi thà chuẩn bị các món ăn đa dạng và nấu chín đủ loại trái cây, rồi dọn tất cả ra trước các anh em, để nếu họ kiềm chế được ham muốn của mình và tự nguyện, vì lòng dũng cảm, từ chối ăn những thứ đó, thì họ sẽ thực hiện một việc làm vĩ đại và tốt lành trước mặt Thiên Chúa. Nếu trong bữa ăn không phục vụ những món được quy định trong nội quy, thì các anh em yếu đuối sẽ không thể bù đắp đủ sức lực đã suy kiệt của mình: họ có thể trở nên hoàn toàn suy nhược. Hơn nữa, trong số các tu sĩ có nhiều người mới nhập tu, trong đó một số còn rất trẻ và thể chất yếu ớt: họ không thể sánh ngang với những người đã hoàn thiện trong các việc tu hành. Sẽ đặc biệt khó khăn cho họ nếu ngay cả vào các ngày thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ, họ cũng bị tước đoạt thức ăn: họ có thể rơi vào trạng thái chán nản vì lối sống nghiêm khắc mà họ chưa quen.

Thật là một cái nhìn đúng đắn về vấn đề! Sự nghiêm khắc khôn ngoan đối với những người vi phạm quy tắc, sự quan tâm đến việc duy trì trật tự trong cộng đoàn, và tình yêu thương dành cho các anh em yếu đuối – tất cả đều thể hiện rõ trong lời khiển trách dành cho người đầu bếp đã vi phạm quy định về thực phẩm do quá nhiệt tình trong việc kiêng khem!

Thánh Pahomius luôn ý thức rằng sự nghiêm khắc quá mức có thể đẩy một số tu sĩ vào tuyệt vọng. Đối với các tu sĩ mới nhập môn, thiếu kinh nghiệm, ngài đối xử với sự quan tâm và dịu dàng đặc biệt, xem họ như những "cây non" cần được chăm sóc và nâng đỡ. Thánh Pahomius đã khiển trách người đệ tử yêu quý của mình là Theodorus vì sự khắc nghiệt của anh ta đối với người anh em Paphnutius. Chỉ có tình yêu và sự khôn ngoan của Thánh Pahomius mới giữ được Paphnutius ở lại tu viện. Dưới đây là một trường hợp thể hiện sự quan tâm và tình yêu tương tự đối với một tu sĩ thuộc tu viện khác.

Không xa Tavenisi có một tu viện nhỏ, không thuộc về cộng đồng tu viện. Vị trưởng tu viện này thường đến gặp Thánh Pahomius để lắng nghe những lời dạy khôn ngoan của ngài, nhằm sau đó truyền đạt lại cho các tu sĩ của mình. Một tu sĩ trong tu viện đó đã cố gắng hết sức để giành lấy một chức vụ mà anh ta không xứng đáng. Một lần, vị trụ trì đã trả lời những lời thỉnh cầu của anh ta rằng Thánh Pahomius khuyên không nên trao chức vụ đó cho anh ta, vì anh ta không xứng đáng, mặc dù Thánh Pahomius chưa từng nói điều đó. Vị tu sĩ kiêu ngạo gần như đã lôi kéo vị abba của mình đến gặp Thánh Pachomius để đòi giải thích. Vị trưởng tu viện, mặt tái nhợt và chìm trong suy tư sâu sắc, đi theo vị tu sĩ của mình, bối rối trước cơn giận dữ không kiềm chế được của anh ta.

Họ bắt gặp Pachomius đang xây tường rào tu viện. Trong cơn giận dữ tột độ, tu sĩ hét lên với Pachomius:

– Hãy xuống đây để chứng minh tội lỗi của tôi đi, Pachomius – tên dối trá!

Với tính cách vô cùng hiền lành và kiên nhẫn, Pachomius không trả lời gì với vị tu sĩ thô lỗ đó. Tuy nhiên, vị tu sĩ vẫn tiếp tục chửi bới. Pachomius hiểu được tâm trạng của ông ta và bình tĩnh đáp lại:

– Xin tha thứ cho tôi, tôi đã phạm tội; còn anh thì chưa bao giờ phạm tội sao?

Cơn giận của vị tu sĩ dịu xuống. Sau đó, Pakhomius dẫn vị trưởng tu viện sang một bên và hỏi ông ta xem chuyện gì đang xảy ra. Abba đã cho anh lời khuyên như sau:

– Hãy nghe lời tôi và đáp ứng lời thỉnh cầu của anh ta, để giải thoát linh hồn anh ta khỏi tay kẻ thù.

Vị trưởng tu viện đã làm theo lời khuyên đó. Cả ông lẫn vị tu sĩ kia đều được Pachomius an ủi và xoa dịu.

Vài ngày sau, vị tu sĩ này hối hận vì sự thô lỗ của mình đối với Pahomius và đến gặp ông để xin lỗi. Ông thừa nhận rằng Pahomius còn vĩ đại hơn những gì người ta nói về ông, và nói với ông như sau: "Chúa biết rằng, nếu ngài không khoan dung với tôi và nói với tôi dù chỉ một lời thô lỗ, thì tôi, kẻ tội lỗi này, đã từ bỏ đời tu và trở lại làm giáo dân. Xin ngài được chúc phúc, hỡi người của Chúa, vì Chúa đã ban sự sống lại cho tôi nhờ lòng khoan dung của ngài."

Thánh Pahomi thường nhắc nhở các tu sĩ về lòng nhiệt thành mà họ phải có. Ông tận dụng mọi cơ hội để khơi dậy trong họ lòng nhiệt thành hướng tới những việc lành, hướng tới việc sám hối về tội lỗi, và hướng tới sự tiến bộ thiêng liêng.

Một lần, khi đi ngang qua khu mộ cùng với đệ tử Theodorus, Pachomius thấy có vài người phụ nữ đang khóc lóc thảm thiết. Ông nói với Theodorus:

– Con có thấy những người phụ nữ này đang rơi lệ vì những người đã khuất, những người mà họ không thể làm sống lại được không? Huống chi chúng ta, những người được gọi là tu sĩ, chẳng lẽ lại không nên khóc than cho linh hồn của chính mình, những linh hồn đã chết vì tội lỗi, và sẽ được Chúa Kitô làm sống lại nhờ lòng nhân từ của Ngài sao! Dù sao đi nữa, những giọt nước mắt cũng đáng khen ngợi, nếu chúng được rơi ra với ý định tốt lành.

Thánh Pachomius và các tu sĩ của ngài không chỉ vui mừng vì sự cứu rỗi và hạnh phúc của chính mình, mà còn vì sự cứu rỗi của những người lân cận và hạnh phúc chân chính của họ. Những giáo lý sai lầm làm xáo trộn lòng tin của các tín hữu, gây ra xáo trộn và chia rẽ trong Giáo Hội: Thánh Pachomius đau buồn vì điều này. Các tín hữu Chính Thống hân hoan, tà thuyết suy yếu: niềm vui nào đang tràn ngập trái tim người dân Tavenni với Thánh Pahomi đứng đầu! Nạn đói hay một thảm họa xã hội nào khác ập xuống đất nước: nỗi đau chung của Ai Cập sớm đến tai vị thủ lĩnh Tavenni, và tại đây, nỗi đau của người khác khơi dậy lòng trắc ẩn sâu sắc nhất.

Chẳng hạn, có lần Thánh Pachomius được báo tin rằng ở Ai Cập đang xảy ra một trận đói lớn, kèm theo đó là dịch hạch – kẻ đồng hành gần như không thể tách rời của nạn đói. Đã là ngày thứ hai Pachomius không ăn gì. Nhưng ngài cảm nhận sâu sắc nỗi đau khổ của nhiều người vì nạn đói đến mức ngài không đụng đến thức ăn cho đến ngày hôm sau và nói với lòng cảm thông sâu sắc nhất dành cho những người đang chịu khổ: "Tôi không thể ăn khi anh em tôi đang đói và không có bánh mì."

Và trong suốt thời gian nạn đói hoành hành ở Ai Cập, Pachomius luôn chìm trong nỗi đau buồn sâu sắc, tuân giữ chế độ ăn chay nghiêm ngặt nhất và cầu nguyện cho thảm họa của dân chúng chấm dứt.

Với lòng trắc ẩn sâu sắc dành cho tất cả mọi người, đặc biệt là các tu sĩ, Thánh Pahomius đã cầu nguyện hết lòng cho tất cả mọi người. Ngài cầu nguyện để Chúa giúp các tu sĩ thực hiện những lời khấn cao cả của mình và để mỗi người trong số họ trở thành đền thờ tinh khiết của Thánh Thần. Khi cầu nguyện cho người khác, ngài trước hết cầu nguyện cho những ai làm điều thiện, để Chúa xóa bỏ khỏi lòng họ mọi lo toan về những điều trần thế, ngoại trừ những gì cần thiết cho cuộc sống. Vị Abba vĩ đại cũng cầu nguyện cho những ai vẫn còn bị nô lệ bởi tội lỗi hoặc bị che mờ bởi tà giáo, để Chúa ban cho họ sự sám hối. Ngài cũng cầu nguyện cho các vị vua và tất cả các nhà cai trị, để họ được sống trong tình yêu của Thiên Chúa và của mọi người, để họ thực thi công lý cho những người bị áp

bức, để họ không say mê danh vọng phù du, để họ giống như những vị vua đã thực hiện ý muốn của Thiên Chúa và được Thiên Chúa hài lòng, như Vua Đavít chẳng hạn. Thánh Pahomius cũng cầu nguyện cho các mục tử, để Chúa giúp họ trở thành những người kế vị trung thành của các Tông đồ, tuân giữ mọi điều răn của Chúa một cách vô tì vết, được trang điểm bằng sự hiểu biết chân chính, đức tin vững chắc theo truyền thống Tông đồ, sự trong sạch và lòng đạo đức.

Thánh Pahomius, người đã cầu nguyện cho sự bình an của thế giới, đã giúp đỡ mọi người bất cứ khi nào có thể. Nhiều người đã quay về với lối sống tốt đẹp dưới ảnh hưởng của đời sống thánh thiện của ngài và những lời nói hiền lành thay vì cứng rắn. Nhiều tu sĩ đã được cứu rỗi dưới sự hướng dẫn trực tiếp của ngài. Không chỉ có thế. Thánh Pahomius, nhờ ơn Chúa, đã ban cho mọi người sự giúp đỡ kỳ diệu trong những bệnh tật thể xác của họ.

Một vị linh mục tên là Dionysius đã dẫn một người phụ nữ bị chảy máu đến cổng tu viện; người phụ nữ này trước đó không nhận được sự giúp đỡ từ ai, nhưng giờ đây đã được chữa lành hoàn toàn nhờ chạm vào tà áo của Thánh Pachomius. Thánh Pahomius đã chữa lành con gái của một người đàn ông được đưa đến bằng cách xức dầu thánh, đồng thời nói với cha cô rằng cô không sống trong sự trong sạch của trinh nữ và ra lệnh cho cô, qua người cha, phải sống tiết độ. Một người khác đã đưa con trai mình, người bị quỷ ám, đến gặp Thánh Pahomius. Chàng trai trẻ đã được chữa lành. Và vị Abba vĩ đại cũng đã chữa lành một người bị quỷ ám khác ngay sau đó. Còn có một trường hợp chữa lành tương tự như vậy nữa.

Một lần, Thánh Pahomius cầu nguyện cho một người bị quỷ ám, nhưng ngài nhận được tiếng phán từ trên cao rằng ngài phải ngừng cầu nguyện cho người đó, vì tai họa này ập đến với anh ta là để mang lại lợi ích cho tâm hồn anh ta.

Tại tu viện Pevou, có một tu sĩ bị bệnh. Đã ba ngày nay anh ta phải vật lộn với căn bệnh. Khi đến gặp Pachomius, anh ta đã khóc lóc xin ngài cầu nguyện cho mình được chữa lành, đồng thời chỉ ra rằng nhiều giáo dân đã được chữa lành. Pachomius đã phản bác lại như sau: "Đức tin của giáo dân mang lại sự chữa lành cho thân xác họ, và nhờ sự chữa lành mà Thiên Chúa ban cho, họ có động lực để làm điều thiện. Còn đối với chúng ta, những người phục vụ Chúa Kitô, đức tin của chúng ta chính là sự an nghỉ bất diệt mà Thiên Chúa ban cho chúng ta ở thế giới bên kia; nếu không có bệnh tật, không có đau khổ, chúng ta sẽ hành động trái với giới răn."

Lời dạy dỗ của Pachomius đã an ủi vị tu sĩ đang ốm.

Một thời gian sau, khi bệnh tình của anh ta vẫn tiếp diễn, anh ta được các tu sĩ trong tu viện tháp tùng đến gặp Pachomius. Mọi người đều xin vị Abba vĩ đại cầu nguyện cho anh em này được chữa lành. Pachomius bắt đầu cầu nguyện, nhưng ngay lập tức nghe thấy một tiếng nói: "Đừng cầu nguyện cho anh em này, vì Chúa đã sai căn bệnh này đến với anh ta để cứu anh ta khỏi mưu mô của ma quỷ."

Lúc đó, toàn thể các tu sĩ đều ngợi khen Chúa, Đấng chăm sóc các tôi tớ của Ngài và sắp xếp sự cứu rỗi cho họ.

Mặc dù qua tay Pachomius, Chúa đã thực hiện nhiều phép chữa lành, nhưng vị Abba vĩ đại luôn coi việc chữa lành linh hồn khỏi sự thờ phượng thần tượng, khỏi sự dối trá, khỏi sự dâm dục và mọi loại ô uế, nói chung là khỏi mọi tội lỗi, là điều cao cả và cần thiết hơn cả. Và khi ban sự chữa lành cho thân xác, ngài luôn nỗ lực chữa lành cả linh hồn con người cùng lúc.

Thành quả của hoạt động thánh Pahomius thật vĩ đại. Các tu sĩ dưới sự hướng dẫn của ngài đã đạt đến sự hoàn hảo cao độ. Ngay cả những người lười biếng và đã chìm đắm trong thói hư tật xấu cũng được cải thiện và cố gắng đạt đến mức độ hoàn hảo cao nhất. Giữa những vị tu sĩ vĩ đại, thật khó để ai đó nổi bật lên bằng điều gì đó đặc biệt. Chính vì vậy mà rất ít tên tuổi của các tu sĩ này được lưu truyền đến ngày nay. Dưới đây là một số vị tu sĩ xuất sắc.

Chúng ta thấy tấm gương về sự cần cù, kiên nhẫn và sự từ bỏ thân xác nơi người làm vườn Iona. Ông đã dành 85 năm cho những công việc tu hành. Tất cả các cây trong vườn đều do ông trồng, nhưng ông chưa bao giờ nếm trái của chúng. Những trái cây đó mang lại sức mạnh và sự an ủi cho các tu sĩ đến thăm Iona. Bộ quần áo của ông là loại nghèo nàn nhất, giống như một tấm áo choàng da, chỉ vừa đủ che thân. Ông chỉ mặc bộ quần áo bằng len thô trước khi rước Thánh Thể, rồi ngay lập tức cởi ra; bộ quần áo đó đủ dùng cho ông suốt cả cuộc đời. Ông chưa bao giờ ăn bất kỳ món ăn nào được nấu trên lửa. Bữa ăn thường ngày của ngài, gồm bánh mì và giấm, ngài chỉ dùng vào buổi tối, và ngay cả lúc đó cũng không ăn no. Ngài hoàn toàn không màng đến sự thoải mái về thể xác, và ngay cả khi ốm đau, thậm chí khi ngài sắp chết, người ta cũng không thể thuyết phục ngài đến bệnh viện: ngài tự cho mình là không xứng đáng để nhận sự giúp đỡ của người khác. Làm việc cả ngày trong vườn dưới những

tia nắng gay gắt, Iona chỉ ngừng công việc vất vả này vào buổi tối. Khi đêm xuống, ông trở về phòng tu, ngồi giữa phòng trên chiếc ghế của mình và đến nửa đêm vẫn tiếp tục đan dây thừng, miệng và lòng cùng ca ngợi Thiên Chúa. Sau đó, ông chỉ chợp mắt một lát, vẫn ngồi trên chiếc ghế của mình, và không buông sợi dây ra khỏi tay. Với tinh thần sảng khoái, Abba Iona sớm thức dậy để dâng mình cho việc cầu nguyện, rồi lại bắt tay vào công việc trong vườn. Vào ban đêm, trong lúc cầu nguyện và làm việc thủ công, ngài không bao giờ thắp đèn. Ngài còn thực hiện nhiều việc đáng kinh ngạc khác nữa. Ngài qua đời khi đang ngồi trên ghế của mình: những sợi dây vẫn còn nằm trong tay ngài. Khi muốn an táng ngài, các tu sĩ không thể gập hai chân ngài lại, không thể gập hai tay ngài sát vào thân thể, cũng không thể cởi bộ quần áo da thường ngày của ngài ra để mặc cho ngài bộ áo len sạch sẽ. Họ đã an táng ngài đúng như lúc ngài qua đời, chỉ quấn cho ngài một tấm vải liệm bằng len. Trong tu viện của Pakhomius có một tu sĩ mắc bệnh hủi tên là Athinodor. Tu sĩ này là một tấm gương hiếm có về sự kiên nhẫn, lòng nhân ái và tinh thần cần cù dù phải chịu đựng căn bệnh dai dẳng và tàn khốc. Sống tách biệt với mọi người như một người mắc bệnh hủi, Athinodor chỉ ăn bánh mì và muối, và thậm chí chỉ vào buổi tối sau hai ngày. Giống như tất cả các tu sĩ trong tu viện, hàng ngày ông dệt thảm bằng cỏ, dù đôi tay bị bệnh hủi tàn phá khiến máu chảy rỉ ra khi làm việc. Ban ngày, ông không bao giờ cho phép mình nằm nghỉ ngơi. Dần dần, ông học thuộc lòng các đoạn Kinh Thánh. Trước khi đi ngủ, ngài cầu nguyện rất lâu, và vào nửa đêm, ngài tham dự buổi cầu nguyện chung của anh em. Nhưng điều đáng ngạc nhiên nhất ở ngài chính là sự kiên nhẫn chịu đựng bệnh tật. Thánh Pachomius thường cử ngài đến các tu viện khác nhau, tin chắc rằng chỉ cần nhìn thấy vị tu sĩ này thôi cũng đủ khơi dậy lòng nhiệt thành đạo đức nơi nhiều người. Một lần nọ, một tu sĩ tốt bụng bước vào phòng của ngài. Ông rất xúc động trước sự kiên nhẫn và dáng vẻ ốm yếu của Abba Athinodoros. Với tình yêu thương anh em, vị tu sĩ này khuyên ngài ngừng việc đan chiếu, vì điều đó gây ra cơn đau khủng khiếp cho đôi tay ngài. Vị tu sĩ ấy nói rằng mỗi người trong số họ sẽ vui lòng làm việc thay cho ngài và điều đó sẽ không gây gánh nặng gì cho họ cả. Dù sao thì họ cũng đang phục vụ những người bệnh và khách lữ hành vì Chúa. Nhưng Athinodor, người kiên nhẫn và thấm nhuần ý thức về tầm quan trọng của lao động đối với mỗi con người, đặc biệt là đối với một tu sĩ, đã dứt khoát nói với người bạn tốt bụng của mình rằng ngài không thể ngừng làm việc được.

Vị tu sĩ nhân từ khuyên anh ít nhất hãy xoa dầu lên tay để da mềm đi một chút và không còn nứt nẻ nữa. Athinodor đã làm theo lời khuyên đó. Nhưng dầu lại khiến da tay anh trở nên mỏng manh hơn; khi làm việc, anh lại cảm thấy đau đớn còn dữ dội hơn. Pachomius nhận thấy vị tu sĩ này đang nhờ cậy vào dầu . Abba đã nhẹ nhàng nhắc nhở Athinodor rằng anh không nên đặt hy vọng vào dầu, mà phải hoàn toàn phó thác mình cho ý muốn của Chúa, vì căn bệnh này ập đến với anh không phải là vô cớ, mà là do sự an bài của Chúa, và nó mang lại lợi ích cho cả anh lẫn những người khác. Athinodor đã thừa nhận lỗi lầm của mình và xin Pachomius tha thứ. Sau đó, anh ta đã ăn năn về tội lỗi này suốt cả một năm. Các tu sĩ trong cộng đoàn của Pachomius nghiêm khắc với chính mình đến như vậy. Thánh Pachomius biết rõ nên nghiêm khắc với ai và nên khoan dung với ai.

Một lần nọ, có hai chàng trai trẻ đến gặp Pachomius. Cả hai đều mong muốn trở thành tu sĩ. Một trong số họ, Silvan, một chàng trai mười sáu hoặc mười bảy tuổi, cho đến lúc đó vẫn sống trong sự ô uế xác thịt. Thánh Pahomius tiếp đón họ với suy nghĩ như sau: "Ta sẽ cho họ trở thành tu sĩ; nếu chàng trai từng sống cuộc đời xấu xa này đã ăn năn, ta sẽ giữ lại; còn nếu anh ta không hối cải, ta sẽ đuổi anh ta đi."

Abba Pachomius đã nói chuyện riêng với Silvan, và chàng trai đã thành thật kể về những tội lỗi trong quá khứ của mình. Anh hứa sẽ trở thành một con người mới và không phạm tội nữa. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, Silvan lại sa vào những tội lỗi cũ. Abba Pachomius đã định trục xuất anh ta để tấm gương của anh ta không làm hư hỏng ai trong tu viện. Abba đã gọi một tu sĩ đạo đức đến và giao phó cho người ấy đi cùng Silvan và năm tu sĩ khác đến tu viện mà Abba chỉ định, và chờ đợi anh ta ở đó.

Ngày hôm sau, ngài dự định sẽ thông báo cho Silvan quyết định trục xuất anh ta khỏi cộng đồng tu viện. Nhưng ân sủng của Chúa đã chạm đến trái tim chàng trai trẻ vào chính đêm trước ngày đó; anh ta đã quyết tâm thay đổi lối sống và sửa đổi tâm hồn mình. Còn trong đêm đó, anh đã thức dậy khỏi giường, tìm đến một vị tu sĩ kính Chúa, người sẽ đồng hành cùng anh đến tu viện này: anh ngồi xuống bên cạnh vị tu sĩ ấy và khóc nức nở. Khi vị tu sĩ hỏi lý do tại sao anh lại khóc, Silvan đã trả lời: "Tôi khóc vì tôi không sống trong sự kính sợ Chúa; nếu tôi kính sợ Chúa, tôi đã tuân giữ lời dạy của Abba Pachomius, người của Chúa."

Vị tu sĩ nhân từ cố gắng an ủi anh. Ông đưa ra lời khuyên cho chàng trai trẻ như sau: "Cho đến ngày hôm nay, con vẫn sống mà không có lòng kính sợ Chúa, nhưng giờ đây, hãy dâng trọn tâm hồn mình cho tất cả những gì Ngài đã truyền dạy, và con sẽ có được lòng kính sợ Chúa nếu tuân giữ điều đó."

Sáng hôm đó, Thánh Pahomius cùng hai tu sĩ khác đến tu viện này. Ngài bí mật gọi Silvanus đến và trò chuyện với cậu từ sáng cho đến bảy giờ chiều. Trong cuộc trò chuyện đó, ngài đã chỉ ra cho chàng trai tình trạng tâm hồn của cậu, chỉ rõ tội lỗi lớn lao của cậu và tuyên bố rằng ngài không thể giữ cậu lại trong tu viện được nữa. Những lời của vị Abba vĩ đại đã làm chàng trai bàng hoàng. Chàng đã từng nghĩ đến việc tự sửa đổi, thanh tẩy tâm hồn, và tái sinh về mặt tinh thần, nhưng giờ đây lại nghe tin rằng mình sắp bị đuổi khỏi cộng đồng các tu sĩ, những người mà chàng yêu mến và kính trọng một cách chân thành. Với những giọt nước mắt đắng cay, Silvan quỳ sấp xuống dưới chân Pachomius. Trong khi van xin vị trưởng lão tha thứ, anh nói: "Lần này con sẽ ăn năn và tuân theo mọi điều ngài truyền dạy, không phải chỉ vì ngài, mà vì Đức Chúa Trời, Đấng ngự trong ngài và Đấng đã bày tỏ sự ô uế của con cho ngài."

Anh xin vị tu sĩ cao niên đừng đuổi anh ra khỏi tu viện, nếu anh không vi phạm lời hứa của mình nữa. Sự chân thành trong sự sám hối của Silvan là điều hiển nhiên. Pachomius tạm thời rời khỏi anh ta để đến một nơi vắng vẻ và cầu nguyện cho anh ta, xin Chúa ban cho anh ta sự kiên định trong việc thực hiện lời hứa của mình. Sau đó, ngài gọi vị tu sĩ đạo đức Sanamon đến và giao phó cho ông chăm sóc Silvanus, đồng thời kể cho ông nghe về hành vi của chàng trai trẻ này, đồng thời yêu cầu ông giữ kín chuyện này. Pachomius đã cảnh báo vị tu sĩ này rằng ông sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc uốn nắn Silvanus, và chỉ khi vị tu sĩ đạo đức này bày tỏ sự đồng ý sẽ tận tâm chăm lo cho sự tái sinh tâm linh của chàng trai, ngài mới giao Silvanus cho ông. Sau đó, Pahomius gọi Silvan đến và dạy dỗ cậu, khuyên cậu phải luôn ở bên vị tu sĩ già này, noi gương cuộc sống của ngài, không được rời xa ngài và không được làm gì mà không có sự cho phép. Silvan hứa sẽ tuân theo lời dạy của Pahomius. Pachomius dặn dò vị trụ trì tu viện này rằng trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được tách rời hai tu sĩ này; nhưng ông không tiết lộ gì về hành vi trước đây của Silvan. Giờ đây tràn đầy tình yêu dành cho Thiên Chúa, Silvan cầu xin sự trợ giúp từ trên cao và hứa sẽ sẵn sàng chịu đựng mọi đau khổ và sự xúc phạm như những điều mình xứng đáng nhận, đồng thời hứa sẽ không ngừng tỉnh thức để canh giữ trái tim mình; Silvan đã thực hiện lời thề của mình. Ông ngày càng tăng cường những việc tu hành của mình. Ông chỉ ăn một bữa mỗi ngày và uống nước mà không uống cho đến khi cơn khát hoàn toàn được dập tắt. Ông cầu nguyện siêng năng và thậm chí dành phần lớn thời gian ban đêm để cầu nguyện; còn khi cơn buồn ngủ đã lấn át, ông ngồi xuống trên tấm chiếu của mình, không cho phép bản thân tựa vào tường. Anh làm tất cả những điều này mà không hề có chút kiêu ngạo nào, với sự khiêm tốn tột bậc, chỉ nhằm thanh tẩy trái tim mình, kìm chế những ham muốn xấu xa và đạt được tình yêu hoàn hảo nhất dành cho Chúa. Sự khiêm nhường của ngài còn thể hiện ở chỗ ngài tự chọn cho mình những loại rau củ kém chất lượng nhất và cố gắng tìm loại lau sậy kém nhất để đan chiếu và giỏ, tự coi mình là người kém nhất trong số các tu sĩ.

Trong một thời gian ngắn, Silvan đã đạt đến sự thanh tịnh hoàn hảo của tâm hồn. Chính Pachomius cũng vui mừng khi chứng kiến sự tiến bộ về mặt tâm linh của vị tu sĩ trẻ, người đã gặt hái được thành quả của sự sám hối.

Một lần nọ, các tu sĩ trong tu viện nơi Silvan sinh sống đang đi hái lau sậy. Lần này, Pachomius cũng đi cùng họ, khích lệ họ bằng Lời Chúa. Cuối cùng, ngài nói với các tu sĩ:

– Tôi muốn thông báo cho các anh em về phép lạ mà Chúa đã thực hiện giữa các anh em. Trong số các anh em có một người đã ăn năn và trở thành con người mới nhờ sự tái sinh, đến nỗi anh ta đã trở nên hoàn hảo về sự trong sạch của lòng.

Pachomius còn chỉ ra rằng, với mức độ thanh khiết thiêng liêng cao độ như vậy, vị tu sĩ này hoàn toàn không có chút kiêu ngạo nào, và không có ai trong cộng đoàn có thể sánh ngang với anh ta về sự thanh khiết và cao thượng của tâm hồn. Các tu sĩ đều ngạc nhiên khi biết rằng Pachomius đang nói về Silvanus. Giờ đây, toàn thể anh em đều bày tỏ sự kính trọng tột bậc đối với Silvan. Người này nối tiếp người kia tìm đến ông để nghe những lời răn dạy. Họ giờ đây chỉ gọi ông bằng danh xưng "Abba Silvan". Nhưng vị tu sĩ khiêm nhường ấy với lòng hiền lành vô bờ đã nói với họ: "Có thật là tôi là Abba của các anh không?"

Ông đã nỗ lực hết sức mình để đạt đến đỉnh cao ấy. Sau đó, ông không còn sống lâu nữa. Ông qua đời trong sự bình an với Thiên Chúa và lương tâm.

Chúa đã mặc khải cho Thánh Pachomius về số phận tương lai của đời tu. Một lần nọ, nhiều tu sĩ cùng với Pachomius đi chặt lau sậy. Một số tu sĩ khác tiễn họ. Trong số đó có cả đệ tử yêu quý của Pachomius, Thánh Theodore. Khi đã đến lúc phải rời bến, Pachomius nói với Theodore: "Hãy nhanh chóng lên thuyền."

Thánh Theodor, không hỏi lý do, lập tức tuân lệnh vị trưởng lão, bước lên thuyền và thậm chí không nghĩ đến việc mang theo cuốn sách mà ngài đang đọc những ngày ấy để rèn luyện đức tin. Anh vui mừng vì vị tu sĩ già

đã cho anh cơ hội thể hiện sự vâng lời, một sự vâng lời không hỏi xem mình sẽ đi đâu và vì sao, giống như Áp-ra-ham, người đã rời khỏi quê hương mình theo lệnh của Đức Chúa Trời, dù ông không biết mình sẽ đi đâu. Khi thuyền đã được chất đầy lau sậy, Pahomius nhìn thấy một cảnh tượng rất đáng sợ. Anh tưởng tượng rằng một số tu sĩ đang nằm trong miệng sư tử, một số khác trong miệng cá sấu, một số khác giữa ngọn lửa, và một số dưới chân ngọn núi đang bị sóng biển dồn ép – họ cố gắng leo lên ngọn núi, nhưng mọi nỗ lực của họ đều vô ích. Tất cả họ đều kêu lên: "Lạy Chúa, xin giúp chúng con!"

Thấy các tu sĩ lâm vào cảnh khốn khó như vậy, Pachomius liền ném cây sậy đang vác trên vai xuống đất, giang hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện rất to, xin Chúa giúp đỡ những người bất hạnh này. Thấy vậy, tất cả các tu sĩ cũng bỏ gánh nặng xuống và bắt đầu cầu nguyện. Lời cầu nguyện khẩn thiết của đông đảo các tu sĩ kéo dài đến tận chiều tối. Pachomius được mặc khải rằng thị kiến này liên quan đến thời điểm khi ông đã không còn trên cõi đời này nữa. Buổi tối, trong bữa ăn, Pachomius không ăn gì cả. Thánh Theodore, người được cử đi cùng một tu sĩ khác trong lúc thu hoạch lau sậy để lo một việc gì đó, không biết gì về những gì đã xảy ra. Sau đó, người ta mới báo cho ông biết về thị kiến của Pakhomius. Khi biết vị trưởng lão chưa ăn gì, Thánh Theodor đã ngâm bánh mì, chuẩn bị thêm một món ăn khác và nhờ một tu sĩ khác chuyển lời đến Pakhomius rằng ông muốn gặp ngài. Nghe tin Thánh Theodor gọi mình, Pakhomius lập tức đến gặp ông. Nghĩ đến số phận của nhiều tu sĩ, vị tu sĩ già vẫn tiếp tục khóc. Và ông nói với Theodor rằng chính ông cũng phải khóc trước mặt Chúa. Lúc đó, một tu sĩ nhận thấy Theodor vẫn chưa ăn gì. Pachomius đáp lại: "Các anh có liên quan gì đến anh ấy? Hãy để anh ấy không ăn và khóc đi."

Bản thân vị tu sĩ già, để không làm người đệ tử yêu quý của mình buồn thêm, đã ăn thức ăn mà Theodor đưa cho, dù nỗi buồn vẫn còn rất sâu trong lòng ông.

Trong những năm cuối đời, Thánh Pahomius còn có một thị kiến khác liên quan đến số phận của đời tu. Một lần nọ, sau khi tự giam mình trong phòng tu, Pahomius cầu nguyện từ giờ thứ mười một (theo giờ của chúng ta: từ năm giờ chiều) cho đến nửa đêm. Bỗng nhiên, một ánh sáng chói lọi chiếu rọi căn phòng của ngài. Ngài nghe thấy một giọng nói: "Thế hệ sẽ tiếp bước ngài sẽ sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa, giống như những ngày này."

Sau đó, ông được mách bảo rằng các tu viện sẽ lan rộng ra như thế nào. Nhưng rồi, trong sự kinh ngạc, ông nhìn thấy một con hào rất sâu, dốc đứng và u ám. Trong con hào đó, vô số tu sĩ đang đi lại, không phân biệt được ai là ai và va vào nhau. Một số người đã cố gắng hết sức để thoát ra khỏi con hào này . Một số trong số họ đã kịp leo lên đến nửa độ sâu, nhưng sau đó lại rơi xuống như lao đầu xuống vực. Nhiều người khẩn thiết kêu cầu lòng thương xót. Một số người cuối cùng cũng thành công trong việc leo lên đến điểm cao nhất của vực thẳm này – đến chính lỗ hổng, nơi ánh sáng chiếu rọi cho Pahomius thấy bóng tối kinh hoàng ấy; họ liền dâng lên Thiên Chúa những lời ngợi khen vĩ đại. Khi tỉnh táo lại, Pahomius nhận ra rằng trong thị kiến này, tương lai của các linh hồn các tu sĩ – những người hành xử sai trái, dù là do sự lơ là của chính họ hay do lỗi lầm của những vị lãnh đạo kém cỏi – đã được bày tỏ cho ông. Pachomius đã kêu cầu Thiên Chúa với nỗi đau buồn tột cùng, xin Ngài ban ân sủng cho các tu viện và các tu sĩ. Ông gần như tuyệt vọng vì họ. Đáp lại những tiếng kêu khẩn thiết của mình hướng về Thiên Chúa, ông nghe thấy một giọng nói: "Pachomius, đừng quên rằng ngươi là con người: mọi sự đều tùy thuộc vào lòng thương xót của Ta."

Nằm sấp xuống đất, Pahomius cầu xin Chúa thương xót cho chính mình. Lúc đó, ông được an ủi bởi sự hiện ra của chính Đấng Cứu Thế Kitô dưới hình dạng một thanh niên, với vẻ đẹp không thể tả xiết, đội vương miện gai trên đầu. Đức Kitô đã mặc khải cho ông rằng các môn đệ của ông sẽ nhìn ngài như một ngọn đèn, từ đó họ có thể mượn ánh sáng cho chính mình. Hành vi của họ sẽ tuân theo các quy tắc. Tâm trạng bên trong của họ sẽ tốt lành. Các tu sĩ thế hệ sau sẽ noi gương họ. Nhưng sẽ đến lúc đức tin suy yếu và các thói hư tật xấu gia tăng. Sự lười biếng và sự ham mê các thú vui giác quan sẽ là đặc trưng của các tu sĩ thời đó. Bóng tối tâm linh sẽ gia tăng. Họ sẽ tranh giành với nhau để chiếm đoạt các của cải trần thế. Sẽ có rất ít người tu hành chân chính. Họ sẽ không có người hướng dẫn. Chính họ phải tự khích lệ bản thân làm điều thiện, tránh xa điều ác. Tất nhiên, những công đức của họ sẽ không đáng kể so với công đức của các tu sĩ đầu tiên. Tuy nhiên, họ sẽ nhận được phần thưởng ngang bằng với những người đi trước, bởi vì họ sẽ phải chịu đựng không ít đau khổ do những điều kiện sống thời đại của họ – vốn rất khắc nghiệt đối với các tu sĩ. Pachomius đã rất vui mừng khi được tiết lộ tất cả những điều này. Ông đã nhịn ăn nhiều ngày liền. Ngày hôm sau, khi các tu sĩ tập trung để cầu nguyện, Abba đã cùng họ đến nhà thờ. Tại đó, sau khi cầu nguyện xong, ông đã có một bài giảng cảm động dành cho các tu sĩ có mặt.

"Cuộc sống thực sự," ngài nói, "trôi qua rất nhanh, và cái chết đang đến gần chúng ta. Cái chết có thể ập đến bất ngờ khi chúng ta vẫn chưa sẵn sàng. Vì vậy, con người luôn phải siêng năng tuân giữ các điều răn của Chúa, không bỏ qua bất kỳ điều nào. Suy nghĩ về sự hạnh phúc của những người công chính và sự đau khổ của những kẻ tội lỗi phải luôn hiện diện trong tâm trí chúng ta." Khi nhìn thấy những ngôi mộ của các anh em chúng ta, chúng ta không thể không nghĩ đến sự phù du của con người, rằng cuộc đời này không chứa đựng điều gì đáng tự hào, hay điều gì đáng để chúng ta say mê. Thánh Pahomius khẩn thiết cảnh báo các tu sĩ rằng chính họ, những người đã từ bỏ thế gian, sẽ là những người đáng thương nhất nếu họ hành động trái với bổn phận của mình, nếu họ phụng sự ma quỷ và tội lỗi thay vì phụng sự Thiên Chúa. Vị Abba vĩ đại kêu gọi các môn đệ của mình siêng năng lao động vì sự cứu rỗi của chính mình, làm mọi điều có thể và luôn đặt niềm tin vào Thiên Chúa.

Sau khi kiệt sức vì những công việc vất vả, Thánh Pahomius đã mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo ngay sau lễ Phục Sinh, căn bệnh mà đã cướp đi sinh mạng của rất nhiều tu sĩ. Khi ai đó mắc phải căn bệnh này, người đó bắt đầu cảm thấy sốt cao, mắt đỏ ngầu, sắc mặt thay đổi và có cảm giác khó thở. Tại tất cả các tu viện, các tu sĩ lần lượt qua đời, và số người mắc bệnh còn nhiều hơn thế. Khi Thánh Pahomi mắc bệnh, Thánh Theodor đã chăm sóc ngài với tình yêu thương như cha con. Cơn bệnh của vị Abba vĩ đại kéo dài nhiều ngày. Ngài dần dần suy yếu. Cơn sốt vô cùng dữ dội. Vị tu sĩ cao niên đã ba ngày liền không ăn uống gì, kể cả nước. Tuy nhiên, ngài vẫn tiếp tục trò chuyện với các tu sĩ. Pakhomius nằm viện suốt bốn mươi ngày. Ngài được chăm sóc ngang hàng với tất cả các bệnh nhân khác. Ngài suy yếu đến mức tấm chăn dày khiến ngài cảm thấy vô cùng nặng nề. Ngài nhờ Theodor lấy cho ngài một tấm chăn nhẹ hơn. Theodor lập tức mang đến một chiếc chăn nhẹ và còn mới, rồi đắp lên người vị tu sĩ già. Pakhomi nhận ra rằng mình đang được đối xử ưu ái hơn, và ông cho rằng điều đó là bất công. Vị tu sĩ già lo ngại rằng điều này có thể khiến ai đó sa ngã. Lúc đó, Theodor đã gỡ chiếc chăn đó ra và đắp cho ông một chiếc khác, giống như tất cả các bệnh nhân khác.

Sau khi truyền lại cho các tu sĩ, đặc biệt là các vị lãnh đạo của họ, nhiều lời dạy hữu ích, Thánh Pahomi đã qua đời vào ngày thứ mười bốn của tháng Pashons[3697] , rất có thể là vào năm 348, khi ngài 53 tuổi.

Bàn tay của Theodor đã khép đôi mắt của vị thánh vĩ đại Pachomius. Các tu sĩ đổ xô đến thi hài thánh, trong nước mắt, họ hôn lên đôi môi và thi thể thánh của Abba Pachomius. Họ đọc những lời cầu nguyện cho linh hồn ngài được an nghỉ suốt cả ngày hôm đó và suốt cả đêm. Sáng hôm sau, Lễ Tế Vô Huyết đã được dâng lên thay cho ngài. Sau đó, các tu sĩ vừa hát vừa rước thi hài của Pachomius lên núi và an táng theo phong tục. Đó là vào ngày thứ mười lăm của tháng Pashons.

Khi trở về tu viện, các tu sĩ với nỗi buồn sâu sắc đã nói với nhau:

– Quả thật, hôm nay chúng ta đã mồ côi.

Bài thánh ca, giọng 8:

Bằng dòng nước mắt của ngài, ngài đã biến sa mạc cằn cỗi thành đất màu mỡ, và từ sâu thẳm những tiếng thở dài, ngài đã làm cho trăm công việc sinh hoa kết trái; ngài là ngọn đèn soi sáng vũ trụ, tỏa sáng những phép lạ, thánh Pahomi, cha của chúng con. Xin cầu thay cho Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã hiện ra như ngọn đèn sáng chói khắp bốn phương, và đã biến sa mạc thành những thành phố tu viện đông đúc: Ngài tự đóng đinh mình, vác thập giá lên vai, và đã làm kiệt sức thân xác bằng sự kiêng khem, không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Lễ kỷ niệm Thánh Cha Euphrosynus, vị Thánh làm phép lạ tại Pskov

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 5

[3697] Tháng Pashons tương ứng với tháng 5 của chúng ta, bắt đầu từ ngày 26 tháng 4. Do đó, ngày 14 Pashons tương ứng với ngày 9 tháng 5.

Thánh Tử đạo Eleazar[3698] xuất thân từ hòn đảo vĩ đại của Nga, nằm giữa phía bắc và phía tây trong lãnh địa của Iafet, từ miền bắc, từ vùng lân cận thành phố vĩ đại Pskov được Chúa bảo vệ[3699] . Ngài sinh ra và lớn lên tại làng Videlebyi[3700] , cách thành phố Pskov ba mươi poprishch[3701] . Danh tính cha mẹ trần thế của ngài không được biết đến; chỉ có một điều chắc chắn là ngài đã được sinh ra theo cách thiêng liêng, và Cha của ngài chính là Thiên Chúa, Đấng đã sinh ra ngài bằng nước và Thánh Thần, còn Mẹ của ngài là Giáo Hội Chính Thống của các tổ phụ, chính vì thế ngài đã được nuôi dưỡng trong đức tin chân chính và sự dạy dỗ đúng đắn. Khi đến tuổi trưởng thành, cha mẹ đã gửi ngài đi học các sách Thánh, và chẳng bao lâu sau, ngài đã thấu hiểu Kinh Thánh đến mức không chỉ có thể giải thích chúng bằng lời nói, mà còn có thể soạn thảo những tác phẩm giáo huấn của riêng mình. Bên cạnh đó, ngài còn nghiên cứu các môn triết học, đến nỗi ngay cả những bậc cao niên cũng ngạc nhiên trước sự khôn ngoan của ngài và ca ngợi ngài. Cậu chưa bao giờ bộc lộ sở thích với các trò chơi hay các buổi biểu diễn, mà yêu thích nhất là đọc các Kinh Thánh và hát thánh ca; hơn nữa, từ khi còn nhỏ, cậu đã tuân theo lối sống tiết chế nghiêm ngặt, hoàn toàn từ bỏ việc ăn đồ ngọt. Thấy sự tiết chế của cậu thiếu niên, cha mẹ đã nói với cậu:

– Con trai của cha mẹ! Tại sao con lại làm kiệt sức thân thể mình bằng lối sống khắc khổ như vậy và khiến cha mẹ phải đau lòng đến thế?

– Thưa cha mẹ, – cậu thiếu niên đáp lại, – Kinh Thánh có chép rằng thức ăn và đồ uống không làm chúng ta gần gũi với Chúa (1 Cô-rinh-tô 8:8), mà chỉ có việc ăn chay, cầu nguyện, sự trong sạch về thể xác và sự kiêng khem – đó mới là những điều đưa chúng ta đến gần Chúa.

Sau đó, cha mẹ của Ê-lê-a-xa muốn gả anh cho một người vợ hợp pháp, nhưng chàng trai sáng suốt đã bỏ trốn khỏi cha mẹ mình, như con nai thoát khỏi lưới[3702] . Cha mẹ anh đã khóc lóc tìm kiếm anh khắp nơi trong một thời gian dài mà không thể tìm thấy ở đâu, nhưng ân sủng của Đức Chúa Trời đã bảo vệ anh. Không lâu sau, cha anh qua đời, và mẹ anh trở thành góa phụ. Lúc bấy giờ, Đức Chúa Trời nhân từ, Đấng mong muốn mọi người được cứu rỗi và đến với lẽ thật, đã gieo vào lòng cậu ý nghĩ tốt lành về cách cậu có thể lo liệu sự cứu rỗi cho mình và rời xa thế gian. Cậu đã thực hiện ý nghĩ đó ngay lập tức. Sau khi đến tu viện Lễ Giáng Sinh của Đức Mẹ Đồng Trinh, tọa lạc trên Núi Tuyết, – tên gọi của vùng đất bên bờ sông Velikaya, cách thành phố Pskov ba dặm – ông đã nhận lễ cắt tóc tu sĩ từ vị tu viện trưởng của tu viện này, đồng thời vĩnh viễn từ bỏ những ý nghĩ lôi kéo về thế gian và hoàn toàn hiến dâng mình cho những lời thề của đời tu. Khi cắt tóc tu sĩ, ông được đặt tên là Evfrosin.

Sau khi trở thành tu sĩ, Thánh Euphrosynus đã siêng năng tu tập trong việc ăn chay, thức trắng đêm, cầu nguyện và các buổi cầu nguyện suốt đêm, đồng thời không ngần ngại phục vụ các tu sĩ khác trong nhà bếp, lò bánh và tất cả các công việc khác của tu viện, theo truyền thống của nơi đây, nhờ đó ngài đã chiếm được thiện cảm của tất cả các tu sĩ sống trong tu viện. Chẳng bao lâu, danh tiếng về vị tu sĩ đáng kính này, nhờ lối sống đạo đức của ngài, đã lan truyền khắp nơi. Ngài biết được điều này với lòng buồn bã, vì ngài ghét danh vọng của loài người và coi đó là tội lỗi và sự sỉ nhục đối với bản thân, nên ngài bắt đầu suy nghĩ về việc tránh xa danh vọng ấy và, để làm điều đó, ngài đã chọn một cuộc sống ẩn dật và tĩnh lặng, chỉ tu hành vì Chúa. Ngài đã chia sẻ ý định này với cha linh hướng của mình, và vị cha linh hướng, thấy ngài đang phát triển mạnh mẽ trong các đức hạnh, đã ban phước lành cho ngài và nói: "Hãy đi trong bình an, con của ta! Chúa sẽ ở cùng con; Ngài sẽ soi sáng cho con và dẫn dắt con đến công việc tốt lành mà Ngài đã kêu gọi con."

Sau đó, Thánh Euphrosynus, sau khi nhận được lời chúc phúc từ cha linh hướng của mình, đã rời khỏi tu viện Đức Mẹ Vô Nhiễm và bắt đầu đi qua nhiều nơi, tìm kiếm một nơi mà ở đó ngài có thể sống ẩn dật trong sự tĩnh lặng. Theo sự an bài đặc biệt của Thiên Chúa, ngài đã nghe nói về nơi đó bên bờ sông Tolva, cách thành phố Pskov

---

[3698] Đó là tên mà Euphrosyne mang trên thế gian.

[3699] Mô tả về vùng đất nơi vị thánh này xuất thân được trình bày một cách hoa mỹ đến mức khó có thể hiểu được ý nghĩa thực sự của những lời văn đó. Khu vực này được gọi là "hòn đảo" có lẽ vì ở phía bắc của nó là Vịnh Phần Lan và Hồ Ladoga, được nối với nhau bởi sông Neva; ở phía đông là sông Volkhov, nối Hồ Ladoga với Hồ Ilmen, còn ở phía tây là Hồ Chudskoye, nối với Vịnh Phần Lan qua sông Narova, và tiếp tục về phía nam là phần nối dài của Hồ Chudskoye, tức Hồ Pskovskoye. Hồ Pskovskoye nối liền với Hồ Ilmen ở phía nam qua các con sông Velikaya và Shelon. Ở phía bắc vùng đất này sinh sống các bộ tộc ngoại tộc Vod và Izhora, còn ở phía tây là các bộ tộc Chud, Liv và người Litva; còn chính vùng đất này được cư trú bởi người Slav, những người được gọi, có lẽ là "lãnh địa của Iafet".

[3700] Videlebye – một ngôi làng thuộc huyện Pskov. Đây là nơi sinh của Thánh Nikandr Pskov, ngày kỷ niệm của ngài được tổ chức vào ngày 24 tháng 9

[3701] Poprišče – đơn vị đo khoảng cách bằng 690 sažen.

[3702] "Tenenami" là tên gọi của loại lưới dùng để bắt chim và thú.

hai mươi lăm po-prishch, và nhờ ân sủng của Đức Kitô, hiện nay tại đó có tu viện[3703] . Chủ nhân của nơi này, qua sự trung gian của một số người đạo đức, đã mời ngài đến; điều này không phải do ý muốn của họ, mà chủ yếu là theo ý muốn của Chúa, Đấng đã muốn để danh thánh của Ngài được tôn vinh ngay tại nơi đây. Tại nơi này, vị thánh nhân đã định cư để sống một cuộc đời thầm lặng và ẩn dật, như lời vị Tiên tri Thánh đã phán: *"Ta sẽ đi xa và ở lại trong sa mạc.* Tôi *sẽ vội vã lánh xa cơn lốc, cơn bão"* (Thánh Vịnh 54:8–9). Ngài dựng một túp lều tại đây và với lòng nhiệt thành, Ngài dấn thân vào các việc tu hành, chống lại mưu mô của kẻ thù vô hình bằng việc ăn chay, thức trắng, cầu nguyện, thức suốt đêm và quỳ lạy xuống đất. Một lần nọ, vào mùa hè oi bức, khi vị thánh ra khỏi lều và nằm xuống đất để nghỉ ngơi một chút sau những công việc tu hành, ngài lập tức chìm vào giấc ngủ mùa hè, và trong lúc đó, các vị thầy vĩ đại của toàn thể nhân loại là Basil Đại Đế, Grigori Thần Học và Gioan Vàng Miệng, và chỉ cho ngài nơi để xây dựng một nhà thờ mang tên các ngài tại vùng đất mà ngài đang tu hành. Khi ngài tỉnh giấc, ngài không còn thấy ai nữa, và giấc mơ kỳ lạ đó khiến ngài vô cùng bối rối.

Sau đó, một thời gian dài trôi qua, và mẹ của vị thánh đã nghe được từ một số người về nơi ngài đang ở. Mang theo tất cả những thứ cần thiết cho chuyến đi, bà đã đến nơi đó bên bờ sông Tolva, nơi vị thánh đang sống. Khi đến gần túp lều của ngài, bà bắt đầu nài nỉ ngài, nói rằng:

– Con yêu quý của mẹ ơi! Hãy an ủi người mẹ già này, hãy cho mẹ được chiêm ngưỡng khuôn mặt thiên thần của con, đừng để mẹ phải mang nỗi buồn xuống mồ, nơi các tổ tiên của chúng ta đang an nghỉ.

Qua khe hở, Thánh Euphrosyne nhìn thấy mẹ mình và, nhận ra bà, đã nói với bà:

– Đừng buồn, mẹ ơi, hãy rời khỏi đây và đừng làm vất vả tuổi già của mẹ. Nếu mẹ muốn gặp con ở đây, thì mẹ sẽ không còn được gặp con trong kiếp sau nữa. Hãy đến tu viện và, bằng sự tu hành, cứu rỗi linh hồn của mẹ.

Và mẹ của vị thánh đáng kính ấy đã không thể thực hiện được điều mình mong muốn. Trong nỗi buồn, bà rời xa con trai, vào một tu viện và, dành những ngày tháng của mình cho những việc làm đạo đức, ở lại đó cho đến khi qua đời. Còn vị thánh đáng kính Evfrosin, sau khi sống một cuộc đời anh hùng và vinh quang, đã về với Chúa[3704] .

Lễ kỷ niệm Thánh Achillius, Giám mục Larissa

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 5

Vị thánh này sống dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Đại đế và xuất thân từ một gia đình sùng đạo. Sau khi dấn thân vào đời sống đạo đức và kính sợ Thiên Chúa, đồng thời học hỏi các môn khoa học thế tục và triết học cao siêu, ngài đã làm rạng rỡ bản thân bằng mọi việc làm đẹp lòng Thiên Chúa; chính vì thế, ngài được tấn phong làm Giám mục vùng Thượng Larissa thuộc Thessaly[3705] để chăm sóc các Kitô hữu sinh sống trên khắp Hy Lạp. Khi tham dự Công đồng Đại kết tại Nicêa[3706] , ngài đã vạch trần Arius và những người cùng quan điểm với ông ta[3707] . Sau đó, khi trở về Larissa, ngài đã phá hủy nhiều đền thờ thần tượng, trừ tà cho những người bị quỷ ám và thực hiện vô số phép lạ khác. Ngoài ra, ngài còn xây dựng lại các nhà thờ và trang trí chúng rất lộng lẫy, sau đó ngài đã an lành ra đi[3708] .

[3703] Tất nhiên là Tu viện Spaso-Veliko-Pustynsky Eleazarov ở tỉnh Pskov, nằm bên sông Tolva, cách Pskov 30 verst.

[3704] Thánh Euphrosyn qua đời vào ngày 15 tháng 5 năm 1481, thọ 95 tuổi. Xác thánh của ngài ban đầu được an táng tại Tu viện Spaso-Velikopustynsky Eleazarov do chính ngài sáng lập. Sau đó, tu viện này được di dời lên núi, tại đó người ta đã xây dựng một nhà thờ đá mới mang tên Ba Thánh Tông Đồ, và di cốt của vị thánh được chuyển đến đây, hiện đang được an táng dưới nền nhà thờ, gần bức tường phía sau hàng ghế đầu tiên.

[3705] Thessaly – một vùng ở Hy Lạp cổ đại. Vùng Thessaly Thượng được gọi là Larissian, theo tên thành phố Larissa, nằm bên sông Peneus.

[3706] Thành phố Nicaea nằm ở Tiểu Á, thuộc tỉnh Bithynia của Đế quốc La Mã cổ đại, trên bờ đông của hồ Ascania.

[3707] Trong Sách Lịch Thánh của Hoàng đế Basil, có ghi rằng vị thánh Achillius, khi vạch trần các kẻ dị giáo tại Công đồng Chung lần thứ nhất, đã gây nên sự ngạc nhiên cho tất cả mọi người.

[3708] Thánh Achillius qua đời vào khoảng năm 330. Từ năm 978, di cốt của ngài được lưu giữ tại làng Agil ở Bulgaria, nơi được đặt tên theo ngài.

Ngày 29 tháng 5

ngày 16 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Cha chúng ta là Thánh George, Giám mục Mytilene, người được tấn phong làm giám mục vào năm 842.

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ các thánh tử đạo Vita, Modesta và Criscentia, những người đã chịu khổ nạn dưới triều đại của Hoàng đế Diocletian.

Cùng ngày này, người ta kỷ niệm việc di dời thi hài của Thánh Ephrem Perekopsky, vị thánh làm phép lạ ở Novgorod, người đã qua đời vào ngày 26 tháng 9 năm 1523. Việc di dời thi hài diễn ra vào ngày 16 tháng 5 năm 1545.

Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta là Thánh Theodoros Osvyashchenny, môn đệ của Thánh Pachomius

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 5

Thánh Pahomius đã là một vị tu sĩ nổi tiếng khắp nơi khi Thánh Theodoros được Thánh hiến còn là một cậu bé. Ông đã biết đến Thánh Pahomius khi đang sống tại một trong những tu viện và với nhiệt huyết của tuổi trẻ, ông khao khát đạt đến sự hoàn hảo cao nhất.

Thánh Phê-ô-đô-rơ là con trai của một gia đình giàu có và danh giá[3709] . Khi được mười hai tuổi, theo ý muốn của cha, cậu đi học hàng ngày. Cậu được mẹ yêu quý hơn tất cả các anh chị em khác vì sự thông minh và lòng đạo đức. Một lần, vào ngày lễ Hiển Linh, cha mẹ cậu đã chuẩn bị những món ăn ngon tuyệt, bày ra nhiều loại rượu vang, và trải thảm trong tất cả các phòng. Cậu bé Feodor, khi nhìn thấy không khí trang trọng trong nhà và bàn tiệc sang trọng, đã cảm thấy vô cùng bối rối vì một suy nghĩ. Cậu tự nhủ: "Nếu con ăn những món ăn này, thì Chúa sẽ không ban cho con những ân huệ của cuộc sống tương lai". Cực kỳ xao xuyến vì suy nghĩ này, cậu bé đi đến một nơi vắng vẻ, quỳ gối xuống và khóc lóc cầu nguyện với Đấng Cứu Thế.

– Con không muốn – cậu nói – những thức ăn phù du này, thứ dẫn đến sự diệt vong; nhưng con chỉ mong muốn Ngài, Đấng Duy Nhất, cùng với những ân huệ mà Ngài đã dành sẵn cho những người trung thành ở thế giới bên kia.

Cậu lặp đi lặp lại những lời ấy trong nước mắt suốt một hồi lâu. Lúc đó, mẹ cậu đang tìm kiếm cậu khắp nhà. Mọi người đang đợi Theodor đến bàn ăn và không ai dám bắt đầu ăn. Khi tìm thấy cậu và nhận ra những giọt nước mắt trên khuôn mặt cậu, mẹ cậu nói với cậu bằng tình yêu thương dịu dàng:

– Con đã khóc, con trai ơi! Con đã đi đâu vậy? Mẹ đã đi tìm con.

Feodor trả lời rằng con không sao cả. Mẹ gọi con vào ăn tối, đồng thời nói thêm rằng nếu con không ăn thì cũng chẳng ai ngồi vào bàn cả. Feodor kiên quyết từ chối thưởng thức bữa tiệc lễ. Anh còn sống ở nhà cha mẹ một thời gian nữa, dành trọn thời gian cho việc ăn chay, cầu nguyện và khóc lóc. Vì những giọt nước mắt ấy, đôi mắt của chàng thanh niên Feodor thậm chí còn bị đau. Trong thời gian đó, anh vẫn tiếp tục đi học. Nhưng rồi năm học cũng kết thúc. Không xa ngôi làng nơi cha mẹ Feodor sinh sống có một tu viện. Tại đây, mỗi tu sĩ sống tách biệt với những người khác, trong phòng riêng của mình. Feodor đến đây và bắt đầu sống như một ẩn sĩ. Mọi người ở đây nhanh chóng yêu mến anh vì trí tuệ, lòng đạo đức và sự khiêm tốn của anh.

Tại tu viện nơi Thánh Phê-ô-đô-rơ định cư, có một tập tục là mỗi tối sau bữa ăn, mọi người lại tụ họp lại với nhau để trò chuyện về đời sống tâm linh. Họ chia sẻ những điều mà ai đó đã học được từ Kinh Thánh hoặc nghe được, miễn là điều đó có thể mang lại sự rèn luyện cho cả cộng đồng. Những cuộc trò chuyện này mang lại nguồn dinh dưỡng dồi dào cho tâm hồn và giúp tránh xa những cuộc trò chuyện vô bổ hay bị cuốn vào những ý nghĩ xấu xa. Trong một buổi trò chuyện như vậy, một tu sĩ vừa mới đến thăm tu viện của Pachomius đã nhớ lại lời giải thích về một đoạn trong Kinh Thánh mà ông đã nghe từ chính Pachomius. Tu sĩ này hào hứng kể về nề nếp sinh hoạt tại cộng đồng Tavenni, về sự đón tiếp đầy tình yêu thương mà ông nhận được ở đó, và hơn hết là về chính Pachomius. Như thường lệ, chàng thanh niên Theodorus – người luôn giữ im lặng – đã lắng nghe một cách đặc biệt chăm chú.

[3709] Ngài sinh ra vào khoảng năm 316.

Sau bài phát biểu đầy nhiệt huyết về Pachomius, Theodorus bừng cháy khao khát được gặp vị Abba vĩ đại. Khi chỉ còn một mình, anh đã cầu nguyện với tất cả nhiệt huyết. Đây là nội dung lời cầu nguyện của vị tu sĩ trẻ:

– Lạy Chúa, Đấng Tạo Hóa muôn loài! Nếu Ngài nghe lời con và ban cho con điều con xin; nếu Ngài cho con cơ hội được gặp người tôi tớ của Ngài là Pachomius: thì con sẽ phụng sự Ngài suốt cả cuộc đời và sẽ không bao giờ xa rời Ngài cho đến ngày con qua đời. Xin ý Ngài được thực hiện, nhưng xin hãy cho con xứng đáng được gặp người tôi tớ của Ngài!

Cả đêm ông không thể chợp mắt, đắm chìm trong những suy tư về cuộc gặp gỡ với vị thầy vĩ đại của các tu sĩ. Cho đến sáng, anh đã nhiều lần thức dậy, nước mắt lưng tròng khẩn cầu Chúa cho anh xứng đáng được gặp Pachomius. Sau đó, anh đến phòng của vị tu sĩ đang ở tại Tavenisi và xin ông ấy nhất định kể cho anh nghe chi tiết hơn về cuộc đời của Pachomius, về những quy tắc mà ngài đã ban cho các tu sĩ. Vị tu sĩ đó đã kể cho anh nghe một cách chi tiết những gì mình biết về Pahomius, cuộc đời và các quy tắc của ngài. Kể từ lúc đó, Theodore cầu nguyện với Chúa một cách khẩn thiết hơn nữa, mong Ngài ban cho anh cơ hội được gặp Pahomius. Theodore hy vọng nhờ sự hướng dẫn của Pahomius, anh sẽ hiểu rõ hơn về Chúa và thánh ý của Ngài.

Lúc bấy giờ, Theodore bị ốm. Cha mẹ mang thức ăn đến cho anh. Theodore từ chối ăn. Nhưng rồi bệnh tình của anh trở nên trầm trọng hơn. Cha mẹ đã đưa anh từ tu viện về nhà. Anh thậm chí không nhận ra điều đó, vì đã bất tỉnh một thời gian do bệnh tật. Khi tỉnh lại, anh vô cùng buồn bã khi thấy mình lại ở trong nhà cha mẹ. Cha mẹ, sau khi nhận ra sự kiên định trong quyết định của cậu, đã đưa cậu trở lại tu viện. Lúc này, chính các tu sĩ đã tận tình chăm sóc vị tu sĩ trẻ cho đến khi cậu hoàn toàn bình phục.

Thêm bốn tháng trôi qua, và Feodor vẫn không ngừng cầu nguyện để được gặp lại Pakhomius. Vào thời gian đó, Abba Pechosh (hay Pekusiy), một tu sĩ thuộc tu viện Pakhomius, đã đến tu viện nơi Feodor đang sống. Ông được giao nhiệm vụ phục vụ các tu sĩ trong thời gian lưu lại đây. Sự khiêm nhường, tâm thế cầu nguyện, cùng mọi hành vi của ông đã khiến tất cả các tu sĩ đều ngạc nhiên và kính trọng, và trái tim mọi người đều tự nhiên cảm mến Pechosh. Tất nhiên, Feodor cũng đã làm quen với ông. Cậu nhận ra rằng nhờ sự giúp đỡ của vị tu sĩ này, cậu sẽ dễ dàng thực hiện được mong muốn của mình nhất. Cậu đã xin Pechosh giúp đỡ trong việc này. Tuy nhiên, Pechosh vẫn chưa dám đưa Feodor đi cùng, vì lo sợ sự phẫn nộ của cha mẹ cậu bé. Feodor rất kiên định với ý định của mình. Khi vị tu sĩ Pechosh cùng một số tu sĩ khác lên thuyền để đến tu viện Pakhomius, Feodor đi bộ theo sau họ. Vẫn chưa bị ai phát hiện, cậu đi dọc theo bờ sông Nile, cách chiếc thuyền không xa. Cuối cùng, một số tu sĩ đã nhận ra cậu. Họ chỉ cho Abba Pechos thấy cậu, nhớ lại rằng chính cậu là người đã xin Abba cho cậu đi cùng trên thuyền. Cuối cùng, họ cũng đến được Tavenisi.

Khi nhìn thấy những bức tường của tu viện, Phê-đô-rơ đã tạ ơn Chúa vì đã thực hiện mong ước của mình và trong niềm vui sướng, anh hôn lên những bức tường ấy. Khi nhìn thấy chính Pha-cô-mi-ô, anh đã chào đón vị trưởng lão vĩ đại với những giọt nước mắt của niềm vui sướng tột độ. Pachomius chỉ cho anh hướng về Chúa, Đấng sẽ thực hiện mọi ước nguyện trong trái tim đạo đức của anh, bởi vì anh đã từ bỏ thế gian vì Chúa. Theodore ở lại Tavenisi, sẵn sàng tuân giữ mọi quy tắc của đời sống tu sĩ và vâng phục mọi ý muốn của các vị lãnh đạo. Lúc đó anh mới chỉ mười bốn tuổi. Đã tròn năm năm kể từ ngày thành lập cộng đoàn của Pahomius.

Theo lời kể của Giám mục Ammon, việc Theodor đến Tavenisi đã được chính Pachomius tiên đoán một cách chính xác.

Sau khi định cư tại Tavenisi, Theodor bắt đầu thể hiện lòng nhiệt thành tột bậc trong việc làm đẹp lòng Chúa. Vị tu sĩ trẻ thật hạnh phúc vì những lời dạy dỗ và những cuộc trò chuyện riêng tư của Pachomius đã chỉ cho anh con đường đúng đắn để đạt đến sự hoàn hảo trong đời sống tu hành, còn toàn bộ trật tự sinh hoạt trong tu viện không để lòng nhiệt thành của anh suy giảm.

Một lần, trong cuộc trò chuyện với các tu sĩ, Thánh Pahomius đã bày tỏ suy nghĩ như sau: "Nếu con người sở hữu sự hiểu biết chân chính, thì người ấy sẽ không phạm tội chống lại Thiên Chúa cũng như chống lại người lân cận." Lòng Theodor bừng cháy khát khao có được sự hiểu biết chân chính ấy. Tuy nhiên, ông cũng vô cùng đau buồn khi nghĩ rằng mình sẽ khó lòng thực hiện được ước nguyện đó. Ông tha thiết cầu xin Thiên Chúa ban cho mình sự hiểu biết chân chính, khiêm nhường thừa nhận sự bất xứng của mình, cũng như sự bất lực trong việc nhận thức chân lý.

– Lạy Chúa, – anh thưa trong lời cầu nguyện, – lạy Chúa, Đấng mà con nương tựa! Xin ban cho con sự hiểu biết, như Ngài đã hứa với những ai yêu mến Ngài, để con có thể làm mọi điều có thể làm hài lòng Ngài.

Théodore thậm chí còn thường xuyên khóc vì thấy mình còn xa vời với sự hiểu biết chân chính. Pakhomius trong thâm tâm rất vui mừng trước những giọt nước mắt của chàng trai trẻ, và khuyến khích khát vọng tìm kiếm sự hiểu biết chân chính của anh. Mỗi khi gặp nhau, ông không ít lần nói với Théodore:

– Hãy cố gắng đạt được sự hiểu biết chân chính.

Một đêm nọ, khi trăng sáng rực rỡ, ngài gọi Theodor đến. Nhìn lên bầu trời kỳ diệu với những vì sao, hướng tâm trí chàng trai trẻ về Đấng Tạo Hóa vô hình của vạn vật, Abba Pachomius nói với Theodor:

– Hãy kính sợ Ngài trong suốt cuộc đời con; hãy biết rằng chính Ngài đã tạo dựng chúng ta cùng muôn loài, và rằng chúng ta nằm trong tay Ngài. Khi con có lòng kính sợ Thiên Chúa và ý thức rằng Ngài đang nhìn thấy con trong từng khoảnh khắc, hãy cẩn trọng đừng phạm tội chống lại Ngài, và như vậy, sự trợ giúp trung thành từ Ngài sẽ được ban cho con. Hãy tôn vinh Ngài mỗi ngày.

Những giọt nước mắt tuôn trào đã chứng minh sự chân thành trong cuộc trò chuyện của họ. Họ kết thúc cuộc trao đổi về Đức Chúa Trời và việc làm đẹp lòng Ngài bằng lời cầu nguyện.

Họ đã có những cuộc trò chuyện như vậy không chỉ một lần. Đối với Theodor, một thanh niên vô cùng nhạy cảm, tràn đầy lòng nhiệt thành thánh thiện trong việc làm đẹp lòng Chúa, mỗi lời của Thánh Pachomius đều có ý nghĩa to lớn: trong tâm hồn anh, không chỉ những cảm xúc và khát vọng đạo đức được củng cố, mà sự khôn ngoan thiêng liêng cũng được phát triển. Thông qua những cuộc trò chuyện, đặc biệt là sự giao lưu thân thiết với Theodor, dù có chủ ý hay vô tình, Thánh Pachomius đã chuẩn bị cho Theodor để trong tương lai, anh sẽ phục vụ các tu sĩ với tư cách là người hướng dẫn họ trong đời sống thiêng liêng.

Thánh Pachomius đã quan tâm đến từng việc làm và thậm chí từng lời nói của Theodor như thế nào, và ngài đã dẫn dắt vị tu sĩ trẻ này hướng tới sự hoàn hảo cao nhất một cách kiên định ra sao!

Một lần, Theodor gặp một tu sĩ đang vác tấm thảm trên vai, vừa trở về sau khi hoàn thành một nhiệm vụ nào đó của tu viện. Theodor hỏi anh ta rằng anh ta vừa đi từ đâu về. Pachomius nghe thấy câu hỏi đó. Ông gọi Theodor lại gần và nói với cậu:

– Theodor, hãy nhớ, hãy làm chủ trái tim mình trong từng khoảnh khắc. Đừng hỏi anh em: "Anh từ đâu đến?" Điều đó có thể trở thành thói quen. Có cần thiết gì phải nói như vậy? Vì lời nói ấy chẳng mang lại sự an ủi hay sự cứu rỗi nào cả.

Théodore thường nhớ lại lời dạy này của thầy mình và coi trọng nó vô cùng: anh biết rằng sự trung thành trong những việc nhỏ sẽ dẫn đến sự trung thành trong những việc lớn, và đó là điều mà lời răn của Đấng Cứu Thế đòi hỏi.

Một lần, Theodor than thở với Pachomius rằng anh đang bị đau đầu dữ dội. Pachomius đáp lại rằng một người có đức tin không nên nói với ai về những bệnh tật thể xác của mình, trừ những trường hợp không thể giấu bệnh khỏi người khác, nhưng ngay cả những bệnh tật như vậy cũng cần phải chịu đựng với sự kiên nhẫn cần thiết. Bởi vì cả những đau khổ tự nguyện lẫn bất đắc dĩ đều giống như một hình thức chịu khổ vì đức tin. Hơn nữa, nói chung, người ta cần phải rèn luyện thân xác vì tình yêu dành cho Thiên Chúa. Thánh Phê-ô-đô-rô đã tiếp nhận lời dạy này của Thánh Pha-chô-mi-ô với đức tin sâu sắc nhất và bắt đầu giấu mọi người cơn đau đầu mà ông đã phải chịu đựng từ lâu. Ông phải chịu đựng cơn đau này thêm hai mươi năm nữa, nhưng không ai còn nghe thấy ông than phiền nữa. Théodore còn mắc phải những căn bệnh khác, kéo dài ít nhiều – chẳng hạn như đau tai, sốt, bệnh về mắt: ngài đều chịu đựng tất cả một cách im lặng và thanh thản. Và nói chung, không có tu sĩ nào tự hành xác như Théodore, người đã cẩn thận che giấu những việc làm cao cả của mình khỏi mọi người. Hàng ngày, ngài chỉ dùng bữa vào tối muộn, và đôi khi nhịn ăn liên tiếp hai ngày, chỉ ăn vào cuối ngày thứ hai. Đôi khi ngài ăn nhưng không uống nước trong hai ngày liền. Ngài chỉ ăn thức ăn nấu chín khi bị ốm. Ngài hoàn toàn kiêng ăn các loại trái cây ngon miệng. Nhưng nếu các tu sĩ ăn quả chà là, ngài cũng ăn cùng với họ, thậm chí còn mang theo khá nhiều, nhưng sau đó chỉ ăn không quá hai quả. Ngài thích thức trắng đêm. Thánh Theodor đã đạt được nhiều thành quả thiêng liêng trong một thời gian ngắn.

Thánh Theodor đã gắn bó hết lòng với vị trưởng lão vĩ đại của mình là Thánh Pachomius và với các tu sĩ đồng hành. Tất cả họ đều là những người thân thiết với ngài về mặt tinh thần, và tất cả họ cũng đều yêu mến ngài. Nhưng vị tu sĩ trẻ này hoàn toàn không có tình cảm thiên vị đối với những người thân ruột thịt: họ gần như không tồn tại đối với Thánh Theodor, họ không thể làm ngài xao lãng khỏi tình yêu dành cho Thánh Pachomius và các tu sĩ.

Sự việc sau đây cho thấy Theodorus đã e ngại những tình cảm gắn bó với người thân đến mức nào. Đã tròn mười năm kể từ ngày anh đến Tavenisi. Mẹ anh, người từ lâu đã mong được gặp con trai, đã đến đây mang theo một lá thư từ giám mục vùng Esne. Vị thánh đã xin Pachomius cho phép người phụ nữ này được gặp con trai mình. Sau khi đọc thư của giám mục, Pachomius bảo Theodorus hãy đi gặp mẹ, vì mẹ anh rất mong muốn điều đó và giám mục cũng đã xin như vậy. Nhưng Theodorus không dám tuân theo mệnh lệnh này và nói với thánh Pachomius:

– Tôi muốn hỏi ngài một điều. Hãy nói cho tôi biết: nếu tôi đi gặp mẹ, liệu tôi có phạm tội trước mặt Chúa không, vì đã không tuân theo các điều răn được ghi trong Phúc Âm, bởi vì Chúa của chúng ta đã phán: *"Ai yêu cha hay mẹ hơn Ta, thì không xứng đáng với Ta."* (Ma-thi-ơ 10:37).

Pachomius nói rằng ông hoàn toàn không muốn ép buộc anh ta vi phạm điều răn trong Phúc Âm về việc từ bỏ tình cảm gia đình để hoàn toàn làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, nhưng ông đề nghị anh ta đi gặp mẹ vì biết về những giọt nước mắt của bà và lo ngại rằng chính Theodor cũng sẽ đau buồn trước nỗi đau của mẹ. Pachomius, thừa nhận rằng chính ông cũng rất vui mừng vì môn đệ của mình đã tuân giữ nghiêm ngặt điều răn của Đức Chúa Trời, đã bày tỏ ý kiến rằng vị giám mục cũng sẽ vui mừng về điều này, vì chính các giám mục là những người giảng dạy những điều được chứa đựng trong Phúc Âm. Một số anh em, mong muốn mang lại chút an ủi cho mẹ của Theodor, đã nghĩ ra một công việc chung cho các tu sĩ bên ngoài tu viện. Theodor cũng tham gia công việc này. Mẹ anh được an ủi khi từ xa nhìn thấy con trai mình, một tu sĩ tu hành, đang ở giữa các tu sĩ khác.

Một lần nọ, khi Theodor đang ở ngoài tu viện để thực hiện một nhiệm vụ nào đó, anh trai ruột của anh là Pafnutius đã đến tu viện. Anh ta bày tỏ mong muốn trở thành tu sĩ, nhưng với điều kiện là được ở cùng với Theodor. Khi Theodor trở về tu viện, người ta đã chuyển lời của người em trai cho anh. Nhưng đối với một tu sĩ nhiệt thành như anh, việc người em trai muốn trở thành tu sĩ dường như chỉ vì anh thôi thì không phải là điều tốt. Vì vậy, anh không muốn gặp mặt người em trai. Tuy nhiên, Pahomius đã thuyết phục anh đừng từ chối cuộc gặp gỡ với người em trai. Sau khi chào hỏi lẫn nhau, Theodor nói với người em trai:

– Nếu anh đến đây vì em, thì hãy quay về nơi anh đã đến; còn nếu anh đến vì Chúa, thì tại sao anh lại không đồng ý trở thành tu sĩ trước khi em đến gặp anh?

Nói xong, Feodor lập tức bỏ đi. Nhưng Pafnuti đi theo anh ta và khi đuổi kịp, ông nói với anh ta trong nước mắt:

– Bao nhiêu ngày nay tôi đã mong chờ anh đến, vậy mà khi anh xuất hiện, anh lại nói với tôi những lời tàn nhẫn như thế!

Théodore trả lời anh ta:

– Nếu anh đến vì tôi để giờ đây trở thành tu sĩ, thì anh có thể từ bỏ đời sống tu viện nếu tôi cũng từ bỏ nó. Nhưng nếu anh làm vậy vì kính sợ Chúa, thì dù tôi có chịu đựng được đời sống này hay không – anh vẫn sẽ ở lại tu viện mãi mãi.

Theodor đưa người anh em vào tu viện. Chẳng bao lâu sau, sau khi hỏi phòng của Theodor, Paphnutius bước vào và ngồi xuống. Thấy người anh em trong phòng mình, Theodor rất bối rối và nói với anh ta:

– Anh hãy ở lại đây; nhưng tôi không muốn sống ở đây nữa vì lo sợ rằng chúng ta sẽ giống như những người có quan hệ huyết thống với nhau. Hãy để tôi sống gần anh như tất cả các anh em khác, bởi vì trong tu viện này không có sự phân biệt, chúng ta đều là những người phục vụ Chúa và là con cái của cha chúng ta.

Những lời nói gay gắt của Theodor đã khiến anh em của ông vô cùng đau lòng. Paphnutius lập tức đến gặp Thánh Pachomius và trong nước mắt, xin ngài cho phép anh trở về nhà, vì đối với anh, cách đối xử thiếu tình anh em của Theodor là điều không thể chịu đựng nổi. Lúc đó, Pachomius gọi Theodor lại và nghiêm khắc nói với ông:

– Tại sao ngươi lại nói với anh ấy một cách tàn nhẫn như vậy? Chẳng lẽ ngươi không biết rằng anh ấy còn non nớt sao? Ngươi không nghĩ rằng bất cứ ai đến đây để trở thành tu sĩ đều đã có sự kính sợ Thánh Thần rồi sao? Vì có những người đến để cứu rỗi linh hồn mình, còn những người khác lại đến vì những động cơ khác.

Pachomius chỉ ra cho Theodorus rằng, dù trong bất kỳ trường hợp nào, các tu sĩ cũng phải đối xử với những người như vậy bằng sự kiên nhẫn trọn vẹn, với niềm hy vọng rằng cuối cùng họ cũng sẽ nhận ra con đường của Chúa và từ bỏ những suy tính trần tục của mình. Cuối cùng, Pachomius đã nhờ Theodorus làm người hướng dẫn cho anh em ấy trong đời sống tu sĩ, cho đến khi chính anh ta có được sự hiểu biết chân chính về các bổn phận của một tu sĩ.

Dưới sự hướng dẫn trực tiếp của Thánh Pahomius và với lòng nhiệt thành không mệt mỏi trong việc tuân theo mọi lời dạy của ngài, Thánh Theodorus nhanh chóng trở thành tấm gương sáng cho tất cả các tu sĩ noi theo. Thánh Pahomius thậm chí còn cử nhiều tu sĩ đến gặp ngài để được hướng dẫn và an ủi. Bằng những lời khôn ngoan và tràn đầy tình yêu thương, Thánh Theodor đã an ủi và xoa dịu được nhiều người. Có một tu sĩ không thể chịu đựng nổi những lời phê bình nghiêm khắc của Thánh Pachomius. Anh ta thậm chí đã sẵn sàng rời bỏ cộng đoàn. Chỉ có Thánh Theodor mới tìm ra cách xoa dịu anh ta.

– Không chỉ mình anh phải chịu đựng đâu, – Thánh Phê-ô-đô-ri-ô nói, – tôi cũng buồn lòng vì ông ấy, bởi vì ông ấy thường quở trách tôi. Giờ chúng ta hãy ở lại bên nhau để an ủi lẫn nhau, cho đến khi xem liệu ông ấy có ngừng quở trách chúng ta hay không; còn nếu không, chúng ta sẽ đi đến một nơi khác.

Những lời này đã xoa dịu tâm hồn vị tu sĩ. Trong khi đó, Theodore đã bí mật báo cáo mọi chuyện cho Pachomius mà không cho ai khác biết. Một tháng sau, Theodore mời vị tu sĩ này đến gặp Pachomius. Tất nhiên, Pachomius đã tiếp đón hai tu sĩ với sự hiền lành vô cùng và tình thương như cha. Cả hai đều cảm thấy an lòng: vị tu sĩ trước đây từng buồn bã vì Pachomius giờ đây vui mừng vì vị Abba đã thay đổi thái độ đối với mình, còn Theodor thì vui mừng vì sự an lòng của anh ta và tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho anh cơ hội trở thành công cụ cứu rỗi cho vị tu sĩ đang đau khổ.

Đây là một trường hợp khác, minh chứng cho tình yêu thương chu đáo dành cho các anh em tu sĩ, điều đã làm nên nét đặc trưng của cả Pachomius lẫn Theodorus. Một tu sĩ trẻ nhất quyết muốn đi gặp cha mẹ. Pachomius rất lo ngại rằng anh ta sẽ không trở lại tu viện nữa. Vì vậy, vị tu sĩ khôn ngoan này không cho anh ta đi một mình, mà cử Theodor đi cùng làm bạn đồng hành.

– Hãy đồng ý với anh ta trong mọi việc, để anh ta trở về đây cùng với con, – Pachomius nói với Theodora.

Cha mẹ của vị tu sĩ trẻ đã đón tiếp con trai và người bạn đồng hành của cậu với tình yêu thương. Trong một căn phòng riêng, họ dọn ra cho họ những món ăn được phép theo tập tục tu viện. Vị tu sĩ trẻ mời cả Theodor cùng ăn. Ban đầu, Theodor từ chối. Nhưng người anh em nói rằng, nếu Theodor không ăn cùng cậu, thì cậu sẽ không quay trở lại tu viện nữa. Theodor nhớ lại lời răn của Pachomius, đưa tay lấy thức ăn và ăn một chút. Nhưng khi tuân theo lời răn cuối cùng của Pachomius như vậy, Theodor cũng nhớ rất rõ một trong những lời răn đầu tiên, vô cùng quan trọng. Thánh Pachomius từng nói với anh rằng, trong suốt cuộc đời tu hành của mình, ngài không bao giờ cho phép bất kỳ người thế tục nào nhìn thấy ngài ăn. Do đó, theo quan điểm của Thánh Pahomius, một tu sĩ không được phép dùng bữa trong nhà thế tục, trừ trường hợp cực kỳ cần thiết. Điều này đã khiến lòng Theodor day dứt trong một thời gian dài, và ông đã cầu xin Chúa tha thứ cho tội lỗi mà ông đã phạm phải, chỉ để không cho vị tu sĩ trẻ có cơ hội ở lại thế gian mãi mãi. Thánh Theodor đã nghiêm khắc với chính mình như vậy.

Sự nghiêm khắc của Thánh Theodor đối với bản thân, sự hoài nghi đối với quan điểm của chính mình – đó là những phẩm chất nổi bật của ngài. Đây là một trường hợp thể hiện rõ nét sự nghiêm khắc của ngài đối với bản thân. Có một tu sĩ ăn nhiều hành tây. Nghĩ rằng việc ăn nhiều hành tây không tốt cho tu sĩ trẻ vì nó làm cơ thể trở nên khỏe mạnh, Thánh Theodor đã nhẹ nhàng nhắc nhở anh ta. Sau đó, Thánh Theodor bắt đầu suy ngẫm xem liệu mình đã làm đúng hay chưa: có lẽ chính tu sĩ đó cũng sẽ tự sửa đổi. Tuy nhiên, những lời của Thánh Theodor đã tác động rất mạnh mẽ đến vị tu sĩ trẻ: từ đó cho đến khi qua đời, trong suốt hai mươi chín năm, anh ta hoàn toàn không ăn hành tây nữa. Khi biết về sự kiêng khem của vị tu sĩ này, Thánh Theodor cũng không ăn hành tây cho đến khi qua đời, để không bị Chúa trách là đã vi phạm chính quy tắc mà ngài đã đặt ra cho người khác.

Với đức tính hy sinh và sự cao thượng tinh tế ấy, Thánh Theodor, cũng như trong mọi khía cạnh khác, đã trở thành một môn đệ chân chính của Thánh Pachomius.

Thánh Pachomius gặp không ít khó khăn trong việc quản lý cộng đoàn đông đảo, phân tán khắp chín tu viện. Ngài cần một người trợ tá. Thánh Theodore, người được xức dầu, là môn đệ xuất sắc nhất của vị trưởng lão vĩ đại, cũng có thể trở thành trợ tá xuất sắc nhất trong công việc phục vụ sự cứu rỗi của các tu sĩ. Cuốn "Tiểu sử" của Thánh Pahomius kể lại rằng ngài đã nhận được một sự mặc khải từ trên cao, củng cố quyết định của ngài trong việc chọn Thánh Theodor làm trợ thủ.

Thánh Theodoros được Thánh Thần soi sáng không chỉ nổi bật bởi đời sống đạo đức, mà còn bởi tài hùng biện đặc biệt và kiến thức sâu rộng về Kinh Thánh. Một lần nọ, Thánh Pachomius giao phó cho ngài nhiệm vụ giảng dạy cho các tu sĩ vào ngày Chúa Nhật. Theodoros, không hề kiêu ngạo, đã thay thế vị trí của Pachomius và trình bày bài giảng, coi ý muốn của vị trưởng lão như luật lệ cho chính mình. Chính Thánh Pahomius cũng lắng nghe bài giảng đầy cảm hứng của đệ tử mình với sự chú tâm sâu sắc, ngồi trong hàng ngũ các tu sĩ. Tuy nhiên, một

số tu sĩ không hài lòng khi thấy Thêôđôr, một tu sĩ trẻ, lại giảng dạy thay cho Thánh Pahomius. Họ nảy sinh lòng ghen tị mãnh liệt. Thậm chí, họ còn bỏ ra khỏi buổi họp. Buổi giảng đạo kết thúc. Pahomius gọi những tu sĩ đã bỏ đi và khiển trách họ vì sự kiêu ngạo đã khiến họ không chịu lắng nghe bài giảng của Theodor, trong khi ngài đã ra lệnh cho họ phải làm như vậy ngay trước mặt họ, và hơn nữa, chính ngài cũng đã lắng nghe bài giảng của đệ tử mình một cách chăm chú và có ích cho linh hồn. Pachomius khẳng định với họ rằng họ sẽ không nhận được ân sủng nào từ Thiên Chúa nếu không thể hiện sự sám hối chân thành. Tất nhiên, nhiều người đã tỉnh ngộ nhờ bài giảng nghiêm khắc của vị tu sĩ cao niên, và nhiều người đã chấp nhận lời khuyên của ông là phải loại bỏ sự ghen tị và kiêu ngạo khỏi lòng mình. Tuy nhiên, cũng có những tu sĩ sau khi bị vị trưởng lão vạch trần lại càng căm ghét Theodorus hơn, đến nỗi thậm chí không thể nhìn anh ta một cách bình thản. Bản thân Theodorus không những không hề nuôi dưỡng chút thù hận nào đối với họ, mà còn luôn đối xử với họ bằng sự quan tâm và tình yêu thương đặc biệt.

Chẳng bao lâu sau, Thánh Pahomius đã bổ nhiệm Theodor làm người phụ trách xây dựng tại Tavenisi. Vị trưởng lão vĩ đại này đã chuyển đến sống tại một tu viện khác ở Pevou. Ông hy vọng rằng Theodor sẽ điều hành theo tinh thần của mình, và rằng những cuộc trò chuyện đầy trí tuệ cùng tấm gương răn dạy của Theodor sẽ mang lại lợi ích to lớn cho các tu sĩ.

Mức độ thăng hoa tâm linh mà Theodorus đạt được vào thời điểm đó được thể hiện rõ qua lời chứng của Abba Cornelius – một vị tu sĩ giàu kinh nghiệm và nhiệt thành, là một trong những môn đệ đầu tiên của Pachomius. Thánh Cornelius, người coi Thánh Pachomius như một Thiên thần trong hình hài con người, đã nhìn thấy ở Thánh Theodore người học trò xuất sắc nhất của Thánh Pachomius và từng nói rằng ngài mong muốn trong kiếp sau được kế vị ngay sau Thánh Theodore.

Sau khi trở thành người đứng đầu tại Tavenisi, Thánh Theodor thường xuyên đến Pevou để xin lời khuyên từ Abba Pachomius hoặc lắng nghe những bài giảng chung của ngài. Khi trở về với các tu sĩ của mình, ngài truyền đạt lại những điều đã nghe được từ Pachomius. Thánh Phê-ô-đô-ri cũng đã tiếp thu thói quen này. Về phần mình, ngài coi việc giảng dạy là điều cần thiết, vì ngài cảm nhận được niềm vui lớn lao khi tiếp thu và truyền đạt Lời Chúa cho người khác.

Pachomius thỉnh thoảng cũng đến Tavenisi và tại đây trò chuyện với mọi người hoặc với ai đó riêng rẽ về sự cứu rỗi linh hồn. Sự khôn ngoan của ngài, các đức tính của ngài, đặc biệt là sự khiêm nhường trước mọi người, ngay cả trước những thành viên trẻ nhất trong cộng đoàn, tất cả những điều đó đều là nguồn cảm hứng cho mọi người. Nhưng đặc biệt là Theodor rất trân trọng những chuyến viếng thăm này và ghi nhớ trong lòng những bài học từ cuộc sống hay từ lời dạy của vị trưởng lão vĩ đại.

Pachomius theo dõi kỹ lưỡng mọi hành động của Theodorus, để kịp thời đưa ra những lời khuyên tốt lành cho anh. Khi Theodor không nghiêm khắc giám sát việc tuân thủ tất cả các quy tắc do Pachomius đề ra, Pachomius đã chỉ ra cho anh rằng cần phải đòi hỏi các tu sĩ phải vâng lời tuyệt đối, vâng lời ngay cả trong những việc nhỏ nhặt, bởi vì việc vi phạm dù chỉ một quy tắc nhỏ nhất cũng làm xáo trộn trật tự đời sống tu viện và dẫn đến việc hình thành tinh thần bất tuân trong các tu sĩ.

Khi hai tu sĩ tự ý trò chuyện trong lúc làm việc tại xưởng làm bánh, mà Theodore lại không để ý đến điều đó, Pachomius đã nghiêm khắc và kiên quyết nhắc nhở anh rằng anh phải giám sát việc tuân thủ các quy tắc ứng xử bên ngoài.

Khi Theodore, ngày càng hoàn thiện bản thân, cuối cùng đã đạt đến mức độ cao về sự trong sạch của lòng và sự khôn ngoan thiêng liêng, Thánh Pachomius đã triệu tập anh từ Tavenisi về bên mình tại Pevou, mong muốn Theodore cùng chia sẻ với ngài công việc quản lý tất cả các tu viện. để anh trở thành người trợ tá cho ngài, giống như Giê-su Na-vin đối với Mô-sê. Giờ đây, Pahomi thường giao cho Feodor những nhiệm vụ rất quan trọng. Ngài cử anh thay mặt mình để theo dõi tình trạng tâm linh của các tu sĩ, nhằm chữa lành tâm hồn họ. Theodorus có quyền quyết định việc tiếp nhận các tu sĩ và trục xuất khỏi tu viện những người, do không thể cải tà quy chính, đã gây ra sự cám dỗ trong cộng đoàn bằng hành vi của mình. Khi giải thích Kinh Thánh, Pachomius cho Theodorus ngồi bên cạnh mình. Giờ đây, Theodor giảng đạo thay cho Pachomius còn thường xuyên hơn trước. Lời giảng của ông mang lại ảnh hưởng vô cùng tích cực cho những người nghe. Tình yêu thương mà Theodor, theo lời chứng của nhà biên niên sử cổ đại, dành không chỉ cho từng tu sĩ mà còn cho mọi người, đã giúp ông thấu hiểu những nhu cầu tâm linh của các anh em và giúp đỡ họ bằng những lời khuyên khôn ngoan và ấm áp. Về phần mình, Pahomius là một cố vấn giàu kinh nghiệm và một người chỉ trích nghiêm khắc đối với ông: ông mong muốn Theodorus không dừng lại

ở bậc thanh tịnh đạo đức và trí tuệ tâm linh mà ông đã đạt được quá nhanh chóng, mà phải ngày càng hoàn thiện hơn nữa, để trở nên hoàn toàn thanh tịnh về tinh thần và không bao giờ mất đi sự thanh tịnh ấy.

Thánh Theodor thường giảng dạy các tu sĩ. Trong những dịp đó, ngài không hiếm khi hướng đến các tu sĩ bằng những bài giảng, trong đó ngài chỉ trích hoặc những khuyết điểm chung của nhiều người, hoặc những khuyết điểm, lỗi lầm của cá nhân cụ thể, mà không nêu tên những người có lỗi. Đôi khi, chính họ tự mình xưng tội trước toàn thể cộng đoàn và xin tha thứ từ các anh em.

Sau khi Thánh Pahomi qua đời và người kế vị ngài là Abba Petronius, người chỉ sống thêm một thời gian ngắn sau Pahomi, Thánh Theodoros đã trở thành vị lãnh đạo khôn ngoan trên con đường cứu rỗi cho tất cả các tu viện ở Tavenni, một phần giúp Abba Orsisius quản lý các tu viện, một phần thay mặt ngài điều hành các tu viện, mặc dù luôn hoàn toàn hiệp nhất với ngài, như thể là đồng quản trị viên của ngài. Cả bằng đời sống lẫn lời nói, ngài đã mang lại lợi ích to lớn cho các tu sĩ và còn được ca ngợi nhờ những phép lạ của mình. Nhờ những công đức và sự khôn ngoan của ngài, Thánh Athanasius Đại Đế đã dành cho ngài sự kính trọng đặc biệt. Ngài qua đời khoảng hai mươi năm sau khi Thánh Pachomius qua đời[3710] . Các tu sĩ, với Abba Orsisius đứng đầu, đã thương tiếc ngài trong một thời gian dài. Thánh Athanasius cũng chân thành chia sẻ nỗi buồn của họ. Để an ủi các tu sĩ, vị Thánh của Alexandria đã gửi cho họ một bức thư dài, trong đó ngài đã nói nhiều và hùng hồn về các đức tính và công đức của Abba Theodoros, người được Thánh hiến.

Bài thánh ca, giọng 1:

Ngài là người sống ẩn dật, là Thiên Thần trong thân xác, là Đấng làm phép lạ, là vị Cha mang Thánh Thần của chúng con, Thánh Phê-ô-đô-rô: nhờ ăn chay, thức đêm và cầu nguyện, ngài đã nhận được ân sủng từ trời, chữa lành những người bệnh tật và những linh hồn chạy đến với ngài bằng đức tin. Vinh quang thuộc về Đấng đã ban cho ngài sức mạnh; vinh quang thuộc về Đấng đã trao vương miện cho ngài; vinh quang thuộc về Đấng thực hiện mọi sự chữa lành qua ngài.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Trong nhà Chúa, ngài đã nở rộ như cây phượng vĩ, và đã dâng lên Chúa những hoa trái của đức hạnh nhờ lối sống thanh tịnh, hỡi vị Cha đáng kính. Vì thế, ngài được tôn vinh, ngang hàng với các thánh vô hình.

Lễ kỷ niệm Thánh nữ Múza

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 5

Thánh Grêgôriô Đôi Lời, Giáo hoàng Rôma[3711] , đã kể cho tổng phó tế Phêrô của ngài nghe câu chuyện sau đây về thiếu nữ phúc lành Múza (theo lời kể của Prova, anh trai của Múza):

"Khi Muza còn là một thiếu nữ trẻ, Đức Mẹ Đồng Trinh Maria đã hiện ra với cô trong một giấc mơ ban đêm; cùng đi với Đức Mẹ là nhiều thiếu nữ khác, cũng ở độ tuổi trẻ như Muza. Đức Mẹ hỏi Muza:

– Con có muốn sống cùng với các thiếu nữ này và luôn theo Mẹ không?

Muza đáp lại:

– Con rất mong muốn, thưa Mẹ.

Lúc đó, Đức Mẹ bảo Muza rằng cô phải kiêng những trò chơi trẻ con và mọi điều không xứng đáng với Chúa, vì sau ba mươi ngày, Muza sẽ đến với Mẹ và gia nhập vào hàng ngũ các thiếu nữ trẻ khác.

[3710] Rất có thể là vào năm 368.

[3711] Thánh Grêgôriô Cả (Người Đôi Lời) – một nhà giảng dạy nổi tiếng của Giáo hội phương Tây, sống vào thế kỷ VI. Trong số các tác phẩm của ngài, đặc biệt đáng chú ý là: "Cuộc đối thoại về cuộc đời các vị Thánh Cha Ý" (chính nhờ tác phẩm này, được viết dưới dạng đối thoại, tức là theo lối trò chuyện, mà Thánh Grêgôriô đã được đặt biệt danh là Người Đôi Lời); "Quy tắc Mục vụ", trong đó trình bày những suy luận về phẩm chất của một vị mục tử và cách thức thực hiện nhiệm vụ của mình; Nghi thức Thánh lễ các Món Quà Đã Thánh Hiến; các bài giảng về Phúc Âm và sách Tiên tri Ê-xê-chi-ên, v.v. – Ngày kỷ niệm ngài được Giáo hội Công giáo cử hành vào ngày 12 tháng 3

Từ đó, Musa đã thay đổi cuộc sống của mình: từ bỏ những trò chơi và vui đùa trẻ con, cô hoàn toàn dâng hiến bản thân cho cuộc sống thánh thiện.

Thấy sự thay đổi lớn lao trong cuộc sống của con gái mình, cha mẹ của Muza đã vô cùng ngạc nhiên. Khi họ hỏi cô về lý do của sự thay đổi ấy, Muza đã kể cho họ nghe rằng cô đã thấy Đức Mẹ Đồng Trinh trong giấc mơ; cô kể cho họ nghe về lời răn mà Đức Mẹ đã ban cho cô; cô cũng tiết lộ ngày mà cô sẽ rời bỏ cuộc đời này và gia nhập vào đoàn các trinh nữ khác đã đồng hành cùng Đức Mẹ.

Khi đến ngày thứ hai mươi lăm kể từ khi Đức Mẹ hiện ra với Muza, thiếu nữ lâm vào cơn bệnh nặng; toàn thân cô bừng cháy như trong lửa. Vào ngày thứ ba mươi, khi thời khắc ra đi của thiếu nữ thánh thiện đã gần kề, Muza lại thấy Đức Mẹ, Người đến với cô cùng với những thiếu nữ kia. Đức Mẹ bắt đầu gọi Muza đến với Người. Còn thiếu nữ thánh thiện thì đáp lại Người bằng giọng nói nhẹ nhàng:

– Con đi đây, thưa Mẹ, con đi đây!

Với những lời ấy, thánh nữ Muza đã phó thác linh hồn mình vào tay Đức Mẹ Thiên Chúa và, rời bỏ cuộc sống trần gian này, đã về an nghỉ trong những nơi ở vĩnh cửu cùng với các trinh nữ khác, những người đã đồng hành cùng Đức Mẹ Thiên Chúa"[3712] .

Khi phó tế trưởng Phêrô nghe xong câu chuyện này, ngài đã hỏi Đức Thánh Cha Grêgôriô:

– Thưa Đức Thánh Cha kính mến, con muốn biết liệu linh hồn của những người công chính có thể được đón nhận trên thiên đàng trước khi họ lìa khỏi thân xác hay không?

Thánh Grêgôriô đáp lại:

– Chúng ta không thể khẳng định rằng linh hồn của tất cả những người công chính, không trừ một ai, đều sẽ được đón nhận trên thiên đàng; cũng như vậy, chúng ta cũng không thể khẳng định linh hồn của ai sẽ không được đón nhận trên thiên đàng. Tuy nhiên, có lẽ vẫn có những người công chính mà linh hồn của họ dường như còn cách xa Nước Trời một khoảng cách nào đó. Nguyên nhân của điều này chính là do những người đó trong suốt cuộc đời trần thế của mình chưa đạt được mức độ hoàn thiện nhất định trong đời sống đạo đức. Còn về việc linh hồn những người công chính, những người đã sống theo ý Chúa trên trần gian, khi thoát khỏi sự ràng buộc với xác thịt, sẽ được an nghỉ trong các nơi ở trên trời, thì sự thật này rõ ràng hơn cả ánh sáng mặt trời, vì chính Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta đã phán: *"Vì nơi nào có xác chết, thì nơi đó chim ưng sẽ tụ tập"* (Mt 24:28), nghĩa là, nơi nào có Chúa Giêsu Kitô của chúng ta với thân xác loài người mà Ngài đã nhận lấy, thì chắc chắn nơi đó cũng sẽ có linh hồn của những người công chính. Và Thánh Tông Đồ Phaolô đã khao khát *"được giải thoát và ở cùng Chúa Kitô"* (Pl 1:23). Ai tin rằng Chúa ngự trên trời thì cũng phải tin rằng linh hồn của Phaolô cũng ngự trên trời cùng với Đấng Christ. Chính vị Tông đồ này đã làm chứng rõ ràng cho mọi người rằng, sau khi lìa khỏi thân xác, linh hồn những người công chính sẽ được an nghỉ trong quê hương thiên đàng, vì ngài nói: *"Chúng ta biết rằng, khi ngôi nhà trần gian của chúng ta, tức là túp lều này, bị phá hủy, thì chúng ta có nơi ở trên trời do Đức Chúa Trời ban cho, một ngôi nhà không do tay người làm ra, vĩnh cửu"* (2 Cô-rinh-tô 5:1). Nguyện vinh quang, danh dự và sự thờ phượng được dâng lên Đức Chúa Trời của chúng ta, bây giờ và cho đến muôn đời. A-men.

Ngày 30 tháng 5

Ngày 17 tháng 5 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Tông đồ Andronicus và Junia, người trợ tá của ngài

Ngày tưởng niệm 17 tháng 5

Thánh Tông đồ Andronikos thuộc về hàng ngũ bảy mươi Tông đồ; ngài đã tin vào Đấng Christ trước Thánh Tông đồ Phaolô, người mà ngài có quan hệ họ hàng, như Thánh Tông đồ Phaolô đã làm chứng trong Thư gửi tín hữu Rôma, khi ngài nói: *"Hãy chào Andronikos và Junia, những người thân của tôi và là những người bị giam cầm cùng với tôi, những người đã nổi tiếng giữa các Tông đồ và đã tin vào Đấng Kitô trước cả tôi"* (Rm 16,7).

[3712] Thánh nữ trinh nữ Muza qua đời vào thế kỷ V.

Thánh Andronicus là Giám mục của Pannonia[3713] , tuy nhiên, ngài không chỉ là nhà truyền giáo và thầy dạy cho một thành phố hay một quốc gia nào đó, – mà ngài đã giảng dạy khắp cả vũ trụ; ngài đã du hành qua nhiều quốc gia khác nhau, khắp nơi rao giảng danh Chúa Kitô và trừ khử sự lừa dối của ma quỷ. Người trợ giúp trong mọi công việc rao giảng của ngài chính là Iunia vinh quang. Andronikos, cùng với Iunia, đã hy sinh mạng sống vì Chúa Kitô, nhằm dẫn dắt nhiều người đến với sự nhận biết Thiên Chúa chân thật. Quả thực, Andronikos cùng với Junia, qua lời rao giảng của mình, đã phá hủy nhiều đền thờ thần tượng và thay vào đó xây dựng các nhà thờ Kitô giáo, ở khắp mọi nơi xua đuổi các linh hồn ô uế khỏi con người và chữa lành các bệnh tật cho những người yếu đuối và đau ốm. Khi các thánh Andronik và Iunia, trong khi thực hiện bổn phận chung của mọi người, đã đón nhận cái chết, thì họ đã được Chúa ban tặng vương miện Tông đồ và vương miện của sự chịu khổ, vì họ đã phải chịu nhiều đau khổ từ tay những người ngoại đạo. Xác thánh của các ngài đã được tìm thấy cùng với xác thánh của nhiều vị thánh tử đạo khác tại Evgenia[3714] . Về những xác thánh này, các tín hữu Kitô giáo đã được báo tin nhờ một sự mặc khải đặc biệt của Thiên Chúa, như đã được kể chi tiết trong bài tường thuật vào ngày 22 tháng Hai.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Chúng ta hãy ca ngợi Andronikos, Tông đồ của Chúa Kitô, ngôi sao rực rỡ đã soi sáng các dân tộc bằng ánh sáng của sự hiểu biết về Thiên Chúa, cùng với Junia, người phụ nữ khôn ngoan đã cùng ngài nỗ lực rao giảng Tin Mừng, và khẩn cầu: xin các ngài không ngừng cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, cho tất cả chúng ta.

Lễ kính Thánh Tử đạo Solokhon

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 5

Thánh Tử đạo Solokhon sống vào thời vua Maximian[3715] , gốc gác là người Ai Cập, và là một Kitô hữu. Ngài phục vụ với chức vụ chiến binh dưới quyền của quan tribune Campan, người chỉ huy ba nghìn chiến binh. Khi, theo lệnh của hoàng đế, Campan cùng đoàn quân của mình từ Ai Cập đến Chalcedon[3716] , thì tất cả các tướng lĩnh cùng với binh lính của họ đều được ra lệnh dâng lễ vật cho các thần tượng. Tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, Campan bắt đầu tiến hành nghi lễ dâng lễ.

Trong khi các chiến binh trong trung đoàn của Kampan đang dâng lễ vật cho các thần tượng, thánh Solokhon cùng với hai chiến binh, Pamfir và Pamfalon, đã tự xưng là Kitô hữu và công khai tuyên bố rằng ông sẽ không bao giờ từ bỏ Chúa Kitô, ngay cả khi phải chịu những cực hình tàn bạo nhất, mà hứa sẽ trung thành với Chúa Kitô cho đến cuối đời. Khi sau đó các thánh bị tra tấn bằng đủ loại hình phạt tàn bạo và bị đánh đập dã man, thì Pamfir và Pamfalon đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa, còn Thánh Solokhon vẫn tiếp tục can đảm tuyên xưng danh Chúa Kitô trước mặt mọi người. Biết được điều này, Kampan vô cùng tức giận và ra lệnh cho các thuộc hạ dùng gươm rạch miệng vị tử đạo rồi đổ máu hiến tế cho thần tượng vào miệng ngài. Nhưng vị tử đạo, nhờ

[3713] Đúng vậy, ngài là Giám mục Sirmium thuộc Pannonia. Pannonia là một trong những vùng đất quan trọng ở phía nam sông Danube của Đế quốc La Mã, với các ranh giới như sau: phía tây là dãy Alps, phía nam là sông Sava, phía đông và phía bắc là sông Danube – Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Pannonia nổi tiếng là nơi các thánh Cyril và Methodius, những vị thánh ngang hàng với các Tông đồ và là những vị thầy đầu tiên của người Slav, đã thực hiện công cuộc rao giảng.

[3714] Các thánh Andronikos và Junia qua đời vào nửa sau của thế kỷ thứ nhất. – Eugenia là tên gọi của một khu vực ở Constantinopolis, nổi tiếng vì tại đây đã tìm thấy nhiều di cốt thánh trong thời trị vì của các hoàng đế Arcadius (từ năm 396 đến năm 408) và Honorius (từ năm 396 đến năm 423). Trong số các di cốt khác, người ta cũng đã tìm thấy di cốt của các thánh Andronikos và Iunia. Vào thế kỷ XII, hoàng đế Andronikos I (trị vì từ khoảng năm 1183 đến năm 1185) đã cho xây dựng một nhà thờ tại đây để tôn vinh Thánh Tông đồ Andronikos. – Lễ kính Thánh Andronikos được cử hành vào ngày 30 tháng 7 cùng với lễ kính các Tông đồ trong nhóm Bảy Mươi: Silo, Siluan, Kriskent và Epenet.

[3715] Maximian, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[3716] Chalcedon – hay chính xác hơn là Chalcedon – ban đầu là một thuộc địa của Megara trên bờ Biển Đá Cẩm Thạch. Dưới thời các hoàng đế Kitô giáo, Chalcedon là thủ đô của vùng Bithynia thuộc Tiểu Á. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Chalcedon nổi tiếng là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ IV, được Hoàng đế Marcian triệu tập vào năm 451 (từ năm 460 đến năm 467) nhằm lên án tà thuyết Monophysite (tà thuyết Monophysite do Eutyches, vị Archimandrite của Constantinople, khởi xướng; ông này dạy rằng bản tính con người trong Chúa Giêsu Kitô đã hoàn toàn bị bản tính Thiên Chúa nuốt chửng, và do đó chỉ nên công nhận duy nhất một bản tính Thiên Chúa trong Ngài).

sức mạnh của hàm răng, đã nghiền nát lưỡi kiếm sắt, sau đó tự giải thoát khỏi xiềng xích và đứng trước kẻ tra tấn với tư cách một người tự do, ca ngợi danh Chúa Kitô và lên án sự vô đạo của Kampan. Lúc đó, một tiếng nói từ trời vang lên, củng cố lòng can đảm của vị thánh trong cơn đau khổ và kêu gọi ngài hãy kiên cường. Ngay sau đó, vị thánh phải chịu nhiều hình phạt khác: những kẻ tra tấn đánh đập ngài không thương xót, lôi ngài đi bằng chân trên những viên ngói và đá nhọn; sau đó, họ treo ngài lên cây bằng tay phải, cây này được buộc vào ngôi nhà, còn chân trái của ngài thì bị buộc vào một tảng đá lớn; vị thánh bị treo trong tư thế đó từ giờ thứ sáu đến giờ thứ chín; trong suốt thời gian đó, những kẻ tra tấn đã dùng mọi cách để thuyết phục Solokhon từ bỏ Đức Kitô, nhưng ngài không đáp ứng mong muốn bất chính của họ. Khi đến chiều tối, vị thánh được tháo xuống khỏi cây tra tấn và đặt xuống đất, thì trước sự ngạc nhiên của mọi người, ngài vẫn có thể đứng vững như người khỏe mạnh. Cuối cùng, vào lúc đêm khuya, Kampan, trong cơn thịnh nộ, đã cầm lấy cây gậy mà người ta thường dùng để viết, rồi giận dữ đâm nó vào tai vị thánh, khiến nó xuyên qua cả đầu ngài. Khi các binh lính rời khỏi nơi hành hình, các Kitô hữu đã đến đây và mang thi thể cao quý của vị thánh tử đạo – người đã suy kiệt nghiêm trọng vì những cực hình – về; sau khi đặt ngài lên giường, họ đưa ngài đến nhà một góa phụ Kitô hữu. Tại đây, vị thánh đã ăn một ít bánh mì và uống nước. Sau khi hồi phục chút ít, ngài bắt đầu trò chuyện với các tín hữu Kitô giáo đang vây quanh giường ngài, khuyên nhủ họ hãy kiên định và can đảm trong việc tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Sau đó, ngước mắt lên trời và cầu nguyện với Thiên Chúa một thời gian đủ lâu, vị thánh đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa Kitô[3717] , Thiên Chúa của chúng ta, Đấng đáng được tôn vinh muôn đời. Amen.

Ngày 31 tháng 5

Ngày 18 tháng 5 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theodotus và bảy trinh nữ đi cùng ngài: Faina, Claudia, Matrona, Tekusa, Julia, Alexandra và Euphrasia

Ngày tưởng niệm 18 tháng 5

"Sau khi được trải nghiệm nhiều ân huệ của Thánh Tử đạo Theodotus," – Nil, tác giả cuốn tiểu sử về vị Thánh Tử đạo này, nói – "tôi cảm thấy mình có nghĩa vụ không chỉ ca ngợi những hành động chịu khổ của ngài bằng lời nói, mà còn phải tạ ơn ngài bằng hành động; và mặc dù tôi không thể thực hiện điều này một cách hoàn hảo bằng cả lời nói lẫn hành động, nhưng tôi sẽ cố gắng làm những gì có thể, vì tôi thấy rất cần thiết phải ghi chép lại câu chuyện cuộc đời của Thánh Tử đạo Theodotus, cũng như câu chuyện về những đau khổ của ngài, để những người yêu mến Thiên Chúa biết đến và để mang lại lợi ích cho tâm hồn họ. Một số người nói về ngài rằng ban đầu ngài sống như đa số những người tội lỗi khác trên thế gian này, vì ngài cũng quan tâm đến việc kiếm tìm những của cải trần gian; họ nói rằng, sau khi kết hôn hợp pháp, ngài đã mua một nhà trọ để sinh lợi. Tuy nhiên, cả cuộc đời ngài được tô điểm và làm rạng rỡ bởi hành động tử đạo của ngài. Dù người ta có nói gì về ngài đi chăng nữa, tôi sẽ kể lại về ngài tất cả những gì mà tôi, người đã sống chung với ngài, đã tận mắt chứng kiến, đồng thời cũng sẽ truyền lại những cuộc trò chuyện mà tôi đã được thánh nhân ban cho.

Ngay từ rất lâu trước khi thực hiện hành động tử đạo, vị thánh đã làm rất nhiều việc thiện. Chẳng hạn, ngài đã chiến đấu hết mình chống lại những ham muốn xác thịt; mặc dù ngài đang sống trong hôn nhân hợp pháp, nhưng ngài vẫn chiến đấu với xác thịt của mình, khuất phục nó trước tinh thần, theo lời của Thánh Tông Đồ: *"Những ai có vợ phải sống như thể không có"* (1 Cô-rinh-tô 7:29), vị thánh đã thành công đến mức trong đức tính này, đến nỗi ngài có thể trở thành người thầy về sự trong sạch và tiết độ cho nhiều người khác. Vị thánh đã kiêng khem mọi sự ham muốn xác thịt và mọi sự ô uế tội lỗi, đồng thời khuất phục thân xác mình trước tinh thần bằng việc ăn chay và kiêng khem. Xem việc ăn chay là khởi đầu và nền tảng của mọi việc lành, vị thánh đã dùng nó như một tấm khiên để chuẩn bị cho cuộc chiến thiêng liêng. Vị thánh coi việc chế ngự xác thịt là bổn phận của mỗi Kitô hữu; ngài đã

[3717] Sự qua đời của các thánh tử đạo Solokhon, Pamphira và Pamphalon diễn ra vào cuối thế kỷ III hoặc đầu thế kỷ IV.

chiến thắng lòng tham lam và ham muốn tích lũy của cải bằng cách hào phóng phân phát tất cả tài sản của mình cho người nghèo. Điều đáng học hỏi trong cuộc đời ngài là, dù sở hữu một nhà trọ, ngài vẫn thực hiện việc mua chuộc linh hồn một cách dồi dào và đã mang lại cho Thiên Chúa nhiều linh hồn con người; lý do cho điều này là vì Thánh Theodotus, dưới vỏ bọc của nghề kinh doanh nhà trọ, đã thực hiện nhiệm vụ Tông đồ; bằng những lời giảng dạy và trò chuyện được Thánh Thần soi dẫn, ngài đã dẫn dắt nhiều người Hy Lạp và Do Thái đến với Chúa Kitô, đồng thời khuyến khích nhiều tội nhân ăn năn về tội lỗi của mình. Thánh Theodotus còn có ân sủng chữa lành bệnh tật: bằng cách đặt tay và cầu nguyện, ngài đã chữa lành nhiều bệnh tật về thể xác, còn bằng lời nói của mình, ngài đã chữa lành những vết thương trong tâm hồn.

Nguyên nhân khiến Thánh Theodotus phải chịu đau khổ vì danh Chúa Kitô là như sau. Có một vị thống đốc tên là Theotekn, đã nắm quyền cai trị vùng Ankyra thuộc Galatia[3718] . Vị thống đốc này là một người vô cùng tàn bạo và vô đạo; ông ta tìm niềm vui trong những cảnh máu me và giết chóc, còn sự vô đạo đức của ông ta lại lớn đến mức khó có thể diễn tả bằng lời người phàm. Theotekn, khi nhận quyền cai trị từ hoàng đế Diocletian[3719] , đã hứa với ông ta rằng sẽ sớm khiến tất cả các Kitô hữu đang sinh sống tại Ankyra quay trở lại với đạo ngoại giáo.

Quả thực, khi Theoktinos đến Ankira, chỉ cần nghe tin ông đến, các tín hữu Kitô giáo đã hoảng sợ và run rẩy đến mức lập tức bỏ chạy khỏi nơi đó; ngôi làng trở nên hoang vắng, còn sa mạc và núi non thì chật kín những người tị nạn. Theoktinos đã cử các sứ giả lần lượt đi khắp nơi nhân danh mình, họ đi khắp nơi để truyền đạt mệnh lệnh nghiêm khắc của hoàng đế, ra lệnh phá hủy các nhà thờ Kitô giáo và san bằng chúng với mặt đất, còn tất cả những ai xưng danh Chúa Kitô thì phải bị trói lại và ném vào ngục tối, nơi các Kitô hữu sẽ phải chịu đựng những cực hình khủng khiếp; đồng thời, tài sản của các Kitô hữu cũng phải bị tịch thu và cướp bóc. Vào thời điểm đó, Giáo hội của Chúa Kitô giống như một con tàu đang lâm vào cảnh khốn cùng giữa những con sóng lớn và lo sợ bị chìm xuống đáy biển, bởi vì những kẻ ngoại đạo vô đạo đức đã tấn công các ngôi nhà của các Kitô hữu, cướp bóc tài sản của họ, không chút xấu hổ lôi kéo đàn ông, phụ nữ, các thiếu niên và thiếu nữ, rồi lôi kéo họ đến những nơi dâng lễ vật vô đạo của chúng hoặc tống vào ngục tối. Thật khó để kể hết những nỗi khổ mà các Kitô hữu phải gánh chịu vào thời điểm đó. Nhiều linh mục vì sợ bị tra tấn đã bỏ chạy khỏi các nhà thờ của mình; các cánh cửa nhà thờ vẫn để mở; tuy nhiên, chính những người chạy trốn cũng không tìm được nơi nào để ẩn náu khỏi sự truy đuổi của những kẻ ngoại đạo. Khi tài sản của các Kitô hữu bị cướp bóc, nạn đói ập đến, khắc nghiệt không kém gì những hình phạt tàn bạo của những kẻ ngoại đạo. Lúc đó, nhiều Kitô hữu đang ẩn náu trên núi và trong sa mạc, không thể chịu đựng nổi nỗi đau đớn của cái chết vì đói, đã tìm đến những kẻ ngoại đạo và tự nộp mình vào tay họ, hy vọng nhận được lòng thương xót từ phía họ. Thời kỳ đó thật gian nan đối với tất cả những người lánh nạn đang cố tìm nơi trú ẩn trong sa mạc và núi non: đặc biệt khó khăn là những Kitô hữu trước đây sống trong sung túc và dư dả, chưa từng biết đến cảnh thiếu thốn; giờ đây, những Kitô hữu ấy phải nhai rễ cây mà họ tìm thấy ở những nơi hoang vắng và ăn các loại cỏ dại.

Chính vào thời điểm đó, Thánh Theodotus đã nỗ lực rất nhiều để tuân giữ các điều răn của Chúa, dấn thân vào nhiều nguy hiểm mà không hề sợ hãi; ngài không kinh doanh quán trọ với mục đích kiếm vàng, như một số người nói về ngài, mà ngài mở quán trọ để cung cấp nơi ẩn náu và sự an nghỉ cho tất cả các Kitô hữu bị bách hại. Ngoài ra, ngài còn hết lòng chăm lo cho các Kitô hữu đang bị giam cầm, đồng thời che chở những Kitô hữu đang trốn chạy khỏi những kẻ tra tấn ngoại đạo tại nhà mình; ngài cũng cung cấp thức ăn cho tất cả các Kitô hữu đang ẩn náu trên núi và trong sa mạc; còn thi thể các thánh tử đạo, bị những kẻ ngoại đạo vứt ra để cho chó, thú dữ và chim chóc ăn thịt, ngài đã bí mật chôn cất (cần lưu ý rằng vị thống đốc đã ra lệnh xử tử những Kitô hữu nào chôn cất thi thể anh em mình; vì vậy, Thánh Theodotus đã lén lút mang thi thể họ đi và bí mật an táng). Như vậy, ngôi nhà của Thánh Theodotus vừa là nhà trọ, vừa là nơi ẩn náu cho các Kitô hữu, bởi vì Theodotus, với tư cách là một chủ quán trọ, không gây nghi ngờ cho những người ngoại đạo rằng ông là Kitô hữu. Và ngài là vị thánh cho tất cả mọi người: là người bảo trợ cho những ai bị bách hại, là người nuôi dưỡng cho những ai đói khát, là bác sĩ cho những ai ốm đau, là sự xác nhận vững chắc cho những ai đang nghi ngờ, là thầy dạy về đức tin và sự đạo đức, là người hướng dẫn lối sống đẹp lòng Chúa, và là người khích lệ thực hiện hành động tử đạo.

Vào thời điểm đó, viên tổng trấn vô đạo Theoktinos đã ra lệnh rảy máu hiến tế cho thần tượng lên mọi thức ăn và đồ uống được bày bán tại các chợ. Ông làm vậy nhằm vào các Kitô hữu, với ý định ép buộc họ, dù là trái với ý

[3718] Galatia – một vùng thuộc Tiểu Á.
[3719] Hoàng đế Diocletian đã cai trị Đế quốc La Mã từ năm 284 đến năm 305.

muốn của họ, phải ăn thức ăn đã bị ô uế bởi máu hiến tế cho thần tượng; do đó, trong các nhà thờ Kitô giáo không thể dâng lễ vật lên Thiên Chúa chân thật, vì trong toàn thành phố không còn bánh mì và rượu vang nào chưa bị những kẻ ngoại đạo làm ô uế. Biết được điều này, Thánh Theodotus bắt đầu phân phát cho các tín hữu lúa mì, lúa mạch và rượu vang, những thứ mà ngài đã mua sẵn và có sẵn rất dồi dào. Bằng cách phân phát thức ăn và đồ uống khắp nơi, đồng thời tiếp đãi nhiều tín hữu Kitô tại nhà mình, Thánh Theodotus đã biến ngôi nhà trọ của ngài thành con tàu của Nô-ê, đã cứu tất cả những ai ở trên đó khỏi nước lụt (Sáng Thế Ký 7:1–24). Vì cũng giống như thời Nô-ê, không ai có thể thoát khỏi nước lụt, ngoại trừ những người ở trong con tàu của Nô-ê, thì bây giờ tại thành phố của chúng ta (như tác giả cuốn tiểu sử Thánh Theodotus đã viết), không một tín hữu Kitô giáo nào có thể tự bảo vệ mình khỏi sự ô uế do những điều ghê tởm từ các lễ tế thần tượng gây ra, nếu không đến nhà của Theodotus. Như vậy, nhà trọ của Thánh Theodotus đã trở thành nơi tiếp đón khách lữ hành, thành nhà thờ cầu nguyện, và thành bàn thờ cho các linh mục của Đức Chúa Trời, những người cử hành tại đây Lễ Tế Thần không đổ máu. Mọi người đều đổ xô đến nhà Thánh Theodotus, như đổ xô lên một con tàu trong cơn đại hồng thủy. Đó chính là vai trò cứu rỗi của vị thánh phúc lành Theodotus này, đó chính là thành quả và công lao của ngài. Nhưng thôi, nói về điều này đến đây là đủ. Chúng ta hãy kể thêm về những việc làm khác của vị thánh tử đạo này.

Trong thời kỳ cuộc bách hại nhắm vào các Kitô hữu này, một người bạn của Thánh Theodotus tên là Victor đã bị những kẻ ngoại đạo bắt giữ vì lý do sau đây: một số thầy tế lễ của nữ thần Artemis[3720] đã vu khống Victor trước quan tổng trấn, nói rằng Victor đã phỉ báng nữ thần của họ, bằng cách nói rằng thần Apollo[3721] đã cưỡng hiếp người em gái cùng mẹ khác cha của mình là Artemis và làm ô uế nàng tại Dele trước bàn thờ hiến tế[3722] , và nhận xét rằng người Hy Lạp nên cảm thấy xấu hổ vì những vị thần của họ – những kẻ dâm đãng, dám làm những việc ghê tởm mà những người trong sạch không thể nào nghe nổi. Sau khi bắt giữ Victor, người bị vu khống như vậy, Igemon ra lệnh giam anh ta vào ngục tối. Nhiều người Hy Lạp đã đến thăm tù nhân, họ nịnh nọt và khuyên nhủ anh ta như sau:

– Hãy tuân theo mệnh lệnh của vị thống đốc; khi đó ngươi sẽ được tôn vinh với vinh dự to lớn, trở thành bạn của nhà vua, nhận được từ ngài nhiều của cải phong phú và sẽ được sống trong các cung điện hoàng gia. Nhưng nếu ngươi không vâng lời thống đốc, hãy nghĩ đến những cực hình đang chờ đợi ngươi; khi đó, cả gia đình và tài sản của ngươi sẽ bị cướp bóc, tất cả họ hàng của ngươi sẽ bị tiêu diệt, và chính thân thể ngươi, sau nhiều cực hình tàn khốc, sẽ phải chịu cái chết đau đớn và bị ném ra cho chó ăn.

Họ đã nói những điều này và nhiều điều khác nữa với Victor.

Còn vị bảo vệ đức tin, Theodotus, đã đến thăm Victor trong ngục vào ban đêm, khích lệ anh ta cho cuộc chiến sắp tới, và nói với anh ta như sau:

– Dù trong bất kỳ trường hợp nào, Victor ơi, cũng đừng nghe những lời nịnh hót mà bọn ngoại đạo vô đạo đang nói với ngươi, đừng chấp nhận lời khuyên xảo trá của chúng, đừng đi theo vết xe đổ của chúng, đừng bỏ rơi chúng ta, đừng chọn sự ô uế và vô đạo thay vì sự trong sạch, và đừng yêu sự dối trá hơn sự thật. Đừng làm điều đó, hỡi người bạn của ta! Đừng làm thế, khi biết rõ rằng những kẻ vô đạo ấy đang cố lôi kéo ngươi vào con đường diệt vong bằng những lời hứa xảo trá và nịnh hót của chúng. Chẳng phải chính bằng những lời hứa như thế mà người Do Thái đã dụ dỗ Giu-đa, kẻ phản bội, sao? Ba mươi đồng bạc mà hắn nhận được từ họ có mang lại lợi ích gì cho hắn không? Hắn chẳng thu được gì khác từ ba mươi đồng bạc ấy, ngoài sợi dây thừng mà hắn đã dùng để treo cổ mình (Mt 27:3–5). Đừng bao giờ nghĩ rằng ngươi sẽ nhận được điều gì tốt lành từ những kẻ ác, vì những lời hứa của chúng đang dẫn đến cái chết vĩnh cửu".

Bằng những lời này và những lời tương tự, Thánh Theodotus đã củng cố đức tin cho Victor. Và Victor thực sự đã dũng cảm kiên trì trong cuộc chiến đức tin của mình cho đến khi còn nhớ những lời Thánh Theodotus đã khuyên nhủ anh. Tất cả những ai chứng kiến sự đau khổ của vị thánh đều ca ngợi hành trình vinh quang của ngài. Khi thời khắc cuối cùng của hành trình tử đạo sắp đến và giờ phút ngài rời khỏi cõi đời này đã gần kề, Victor đã xin người tra tấn tạm ngừng sự đau khổ của mình trong chốc lát, để ngài có thời gian suy ngẫm trong lòng. Ngay

---

[3720] Artemis hay Diana – nữ thần săn bắn và là vị thần bảo trợ của các khu rừng.

[3721] Apollon – vị thần mặt trời, vị thần bảo trợ cho nghệ thuật.

[3722] Điều này ám chỉ những truyền thuyết trong thần thoại Hy Lạp về cuộc đời của các vị thần. Cần lưu ý rằng tôn giáo Hy Lạp cổ đại không chỉ ban cho các vị thần của mình những sức mạnh ban phước, nghệ thuật và tri thức, mà còn cả những khuyết điểm đặc trưng của những con người có đạo đức thấp kém nhất.

lập tức, các thuộc hạ của quan tổng trấn đã ngừng tra tấn và đưa Victor vào ngục tối. Nhưng Victor đã qua đời trong ngục vì những vết thương, để lại kết cục của việc làm chứng đức tin của mình trong sự mờ ảo.

Sau đó, vị thánh phúc lành Theodotus đã lên đường đến một ngôi làng tên là "Malos", cách thành phố mười bốn stade. Thánh nhân đến đây vì biết rằng tại đây, thánh tử đạo Valens – người trước đó đã chịu khổ hình tại Midikina – đã kết thúc cuộc tử đạo của mình và bị ném xuống con sông tên là Galios. Thánh Theodotus đã đến ngôi làng này, nhưng không vào trong làng, mà dừng lại gần đó, bên bờ sông, cách ngôi làng hai khoảng đường chạy. Sau khi tìm thấy thi hài của vị thánh tử đạo, Thánh Theodotus đã an táng chúng một cách trang trọng. Khi ông trở về từ đó, ông gặp một số tín hữu Kitô giáo; khi nhìn thấy ông, họ đã cảm tạ ông rất nhiều, coi ông như ân nhân của tất cả các tín hữu Kitô giáo; đặc biệt, họ cảm ơn ngài vì một ân huệ vĩ đại mà vị thánh đã ban cho họ, cụ thể là: khi bàn thờ Artemidin bị phá hủy, những Kitô hữu này đã bị giao nộp cho quan tổng trấn để chịu tra tấn; nhưng thánh Theodotus đã chuộc họ ra sau nhiều nỗ lực, và đã phải trả một giá không hề nhỏ. Chính vì điều này mà giờ đây các tín hữu Kitô giáo cúi đầu chào ngài, chào đón ngài và dâng lên ngài lòng biết ơn. Vị thánh, sau khi bày tỏ niềm vui vì được gặp lại họ, đã mời họ cùng dùng bữa với ngài. Tìm được một nơi cao ráo và xinh đẹp, họ nằm xuống trên thảm cỏ; tại nơi đó mọc nhiều cây cối xinh đẹp, có rất nhiều hoa và tiếng chim hót vang lên khắp nơi. Trước khi bắt đầu dùng bữa, vị thánh đã sai hai người trong số họ vào làng để tìm một linh mục, người sẽ ban phép lành cho bữa ăn của họ, dùng bữa cùng họ, và sau đó ban lời chúc lành cho họ bằng những lời cầu nguyện thông thường (cần lưu ý rằng Thánh Theodotus có thói quen luôn dùng bữa sau khi được linh mục ban phép lành và thậm chí, nếu có thể, trong sự hiện diện của ngài). Khi những người được cử đi đến gần ngôi làng đó, họ thấy một linh mục đang bước ra khỏi nhà thờ sau khi hát kinh giờ thứ sáu; tuy nhiên, họ không biết đó chính là vị linh mục của ngôi làng ấy. Thấy những con chó trong làng sủa ầm ĩ về phía những người lữ hành, vị linh mục tiến lại gần họ, xua đuổi lũ chó, chào đón họ, rồi hỏi:

– Các anh có phải là Kitô hữu không? Nếu các anh là Kitô hữu, hãy vào nhà tôi để chúng ta cùng vui mừng trong tình yêu của Chúa Kitô.

Họ đáp lại rằng:

– Vâng, chúng tôi là Kitô hữu và đang tìm kiếm những người Kitô hữu. Vị linh mục mỉm cười và thầm nghĩ trong lòng:

– Fronton! (đó là tên của ông). Thấy chưa, những giấc mơ của ngươi đang trở thành sự thật!

Sau đó, ông quay sang các lữ khách và nói:

– Đêm qua, tôi đã mơ thấy hai người đàn ông rất giống các anh; họ nói với tôi: "Chúng tôi đã mang kho báu đến vùng đất này"; vì tôi thấy các anh rất giống hai người đó, nên hãy nói cho tôi biết: kho báu mà các anh mang theo là gì?

Những người đàn ông ấy đáp:

– Quả thực, chúng tôi có mang theo một người, đó là Thánh Theodotus, người quý giá hơn bất kỳ kho báu nào; nếu ngài muốn, ngài có thể gặp ông ấy, nhưng trước tiên hãy chỉ cho chúng tôi gặp vị linh mục của làng này.

Ông ấy đáp:

– Chính tôi là người mà các anh đang tìm. Hãy đi cùng tôi để đưa người của Chúa về nhà tôi.

Sau đó, tất cả cùng đi đến gặp thánh Theodotus.

Khi vị linh mục nhìn thấy Thánh Theodotus, ông đã chào đón ngài với tình yêu thương; ông cũng chào đón các Kitô hữu khác, rồi bắt đầu nài nỉ mọi người cùng đến nhà ông. Nhưng Thánh Theodotus không muốn đi, ngài nói:

– Tôi đang vội vã đến thành phố càng sớm càng tốt, vì giờ đây các Kitô hữu đang phải đối mặt với một thử thách lớn; vì vậy, tôi phải phục vụ các anh em của mình, những người đang lâm vào hoạn nạn và nguy hiểm lớn, hết sức mình.

Sau đó, vị linh mục dâng lời cầu nguyện, rồi mọi người cùng dùng bữa. Khi bữa ăn kết thúc, Thánh Theodotus mỉm cười nói với vị linh mục:

– Nơi này thật đẹp và thật thích hợp để an táng các thánh tích!

Vị linh mục đáp lại:

– Xin ngài hãy giúp chúng tôi đưa những di cốt thiêng liêng đến đây.

Thánh Theodotus đáp lại:

– Xin cha hãy bận tâm xây dựng một nhà thờ cầu nguyện tại nơi này, nơi có thể an táng các thánh tích, và chẳng bao lâu nữa, các thánh tích của các vị tử đạo sẽ được mang đến cho cha.

Sau đó, vị thánh tháo chiếc nhẫn ra khỏi ngón tay, trao cho vị linh mục và nói:

– Xin Chúa làm chứng giữa con và cha rằng, chẳng bao lâu nữa, di cốt của các vị tử đạo sẽ được mang đến đây.

Thánh nhân đã nói như vậy, tiên tri về nơi an nghỉ của di cốt ngài tại đây, vì ngài khao khát bằng cả tâm hồn được thực hiện công đức tử đạo.

Ngay sau đó, Thánh Theodotus trở về thành phố và ngôi nhà của mình, và thấy nơi đây đã bị cướp bóc và tàn phá nặng nề, như thể vừa xảy ra một trận động đất lớn.

Trong thành phố đó có bảy trinh nữ đạo đức, từ thuở thiếu thời đã được nuôi dạy trong sự đạo đức và lòng kính sợ Thiên Chúa, giữ gìn sự trong sạch về thể xác lẫn tâm hồn, và đã hứa hôn với Chú Rể bất diệt và bất tử, là Đức Kitô, Con Thiên Chúa. Sống một cuộc đời đạo đức và làm đẹp lòng Thiên Chúa, những trinh nữ này đã bước vào tuổi già; người lớn tuổi nhất trong số họ là Tekusa, là dì của Thánh Theodotus. Sau khi bắt giữ những trinh nữ thánh thiện này, viên quan đã tra tấn họ bằng đủ mọi hình thức; nhưng vì những cực hình đó không thể lay chuyển đức tin của họ, nên ông ta đã giao họ cho những thanh niên dâm đãng để làm nhục, đồng thời sỉ nhục và chửi rủa đức tin Kitô giáo. Khi các trinh nữ ấy bị dẫn đi để bị làm ô uế, họ thở dài từ tận đáy lòng, ngước mắt lên trời và giơ hai tay lên cao, rồi bắt đầu cầu nguyện với Đức Chúa Trời bằng những lời như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Ngài biết rằng chúng con đã giữ trinh tiết của mình với sự chú tâm và tận tụy như thế nào cho đến khi điều đó còn nằm trong quyền năng của chúng con; nhưng giờ đây, những thanh niên vô liêm sỉ đã chiếm quyền kiểm soát thân thể chúng con. Xin hãy giữ cho chúng con được trong sạch, bằng những cách mà chính Ngài biết.

Khi các trinh nữ thánh thiện đang khóc lóc cầu nguyện với Chúa bằng những lời ấy, một chàng trai vô liêm sỉ đã lôi kéo Tekusa, người lớn tuổi nhất trong số các trinh nữ, với ý định làm ô uế nàng. Nàng liền nắm chặt chân hắn và nói với hắn trong nước mắt:

– Hỡi con ơi! Thân xác chúng ta, đã tiều tụy vì tuổi già, vì ăn chay, vì bệnh tật và đau khổ, như chính con cũng thấy đây, thì có thể mang lại niềm vui sướng gì cho con được chứ! Ta đã hơn bảy mươi tuổi rồi. Còn các chị em khác của ta cũng chỉ trẻ hơn ta một chút thôi. Không xứng đáng cho các con, những người còn trẻ như vậy, lại chạm vào những thân thể như thể đã chết này, mà chẳng bao lâu nữa các con sẽ thấy chúng bị thú dữ và chim chóc ăn thịt, vì quan tổng trấn đã gần như tuyên án tử hình cho chúng ta rồi. Đừng làm hại chúng ta, và các con sẽ nhận được phần thưởng từ Đức Chúa Trời của chúng ta, Chúa Giê-su Ki-tô.

Nói xong, thánh Tekusa cởi khăn trùm đầu ra và, khi cho chàng trai thấy mái tóc bạc của mình, lại nói với chàng:

– Hỡi con ơi! Hãy biết xấu hổ đi, vì con cũng có mẹ, như ta nghĩ, cũng đã già nua như ta đây, nếu bà ấy còn sống; còn nếu bà ấy đã qua đời, thì hãy nhớ đến bà ấy, hãy bỏ chúng ta đi, và con sẽ nhận được phần thưởng từ Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, vì niềm hy vọng nơi Ngài không phải là vô ích.

Những lời ấy của Tekusa đã làm cho chàng trai trẻ và các bạn đồng hành của anh ta cảm động; từ bỏ dục vọng xác thịt, những chàng trai ấy bắt đầu khóc và rời xa các trinh nữ thánh thiện, không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho họ.

Khi Theotekn biết rằng các trinh nữ ấy chưa bị ô uế, ông đã từ bỏ ý định cưỡng hiếp họ và ra lệnh cho họ trở thành các nữ tư tế của nữ thần Artemis, với nhiệm vụ là phải tắm rửa các tượng thần trong hồ nước gần nhất, theo phong tục ngoại giáo.

Ngày rửa sạch các tượng thần đã đến, được những người ngoại đạo tổ chức rất long trọng. Sau khi đặt các tượng thần, mỗi tượng lên một cỗ xe riêng, những người ngoại đạo đã rước chúng trước sự chứng kiến của toàn dân, vừa hát vừa reo hò, đến hồ nước. Theo lệnh của vị thống đốc, những người theo đạo ngoại giáo còn đưa các trinh nữ thánh đi trước các tượng thần, mỗi người trên một cỗ xe riêng ; các trinh nữ bị lột trần để làm trò giải trí và bị những người theo đạo ngoại giáo chế giễu. Tất cả công dân đều đổ ra đường để tham dự lễ hội này, nhằm lắng nghe tiếng kèn, tiếng kimval và tiếng hát của những người phụ nữ đang đi dọc các con phố với đầu trần và tóc xõa. Vì tiếng ồn ào và tiếng bước chân của đám đông, cũng như tiếng kèn, dường như cả mặt đất đều rung chuyển. Cùng với toàn thể dân chúng, Igemon Theotekn – con của con rắn độc, tay sai của quỷ dữ – cũng đi theo. Những người ngoại đạo nhìn chằm chằm vào các trinh nữ khỏa thân; trong số họ, có người cười nhạo, có người ngạc nhiên trước

sự kiên nhẫn và dũng cảm của các cô, còn một số khác, thương xót cho thân thể kiệt quệ vì vết thương của các cô, đã khóc nức nở và đau xót trong lòng.

Khi lễ hội vô đạo đức này diễn ra trong hoàn cảnh như vậy, Thánh Theodotus đã vô cùng đau buồn vì các trinh nữ thánh thiện, vì ngài lo sợ rằng có thể một trong số họ, do sự yếu đuối của bản tính phụ nữ, sẽ suy sụp trong cuộc đấu tranh chịu khổ và mất đi niềm hy vọng vào sự giúp đỡ của Chúa Giêsu Kitô. Suy nghĩ về điều này, Thánh Theodotus bắt đầu cầu nguyện hết sức sốt sắng cho các nữ tu thánh thiện, xin Chúa củng cố các trinh nữ thánh thiện trong cuộc đấu tranh của họ. Để cầu nguyện, Thánh Theodotus đã tự giam mình cùng với người thân của mình là Polychronius, cùng với Theodotus trẻ tuổi, cũng là người thân, và cùng với những Kitô hữu khác trong nhà của một Kitô hữu nghèo khó tên là Theocharidas, nằm gần nhà thờ thờ các Thánh Tổ phụ: Áp-ra-ham, I-sa-ác và Gia-cóp. Thánh Theodotus và các Kitô hữu khác đang cầu nguyện cùng ngài đã quỳ sấp mặt xuống đất, nằm trên mặt đất và cầu nguyện từ giờ thứ nhất đến giờ thứ sáu, cho đến khi vợ của Theocharidas báo tin rằng thi thể của các trinh nữ thánh thiện đã được chôn cất dưới hồ[3723] . Nghe tin ấy, Thánh Theodotus hơi ngẩng người lên khỏi mặt đất; sau đó, quỳ gối, ngài giơ hai tay lên trời và, nước mắt tuôn trào như những giọt mưa, ngài cầu nguyện như sau:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa, vì Ngài đã nghe tiếng khóc than của con và không để những giọt nước mắt của con trở nên vô ích!

Sau đó, ngài bắt đầu hỏi vợ của Thêôharid rằng: "Các trinh nữ đã bị dìm chết dưới nước như thế nào và ở đâu, là gần bờ hay giữa dòng sông?" Bà ấy đáp lại:

– Tôi đứng gần nơi đó cùng với những người phụ nữ khác và thấy rằng vị thống đốc đã khuyên nhủ các trinh nữ trong một thời gian dài để họ phục vụ các thần tượng bằng cách tắm rửa cho các thần, đồng thời hứa hẹn với họ nhiều món quà, – tuy nhiên, vị thống đốc không thành công chút nào trong lời thỉnh cầu của mình, mà còn bị sỉ nhục thêm bởi những lời quở trách của thánh Tekusa. Còn các thầy tế của Artemis và Athena[3724] thì đưa cho các cô những bộ áo trắng và những chiếc vương miện trang trí lộng lẫy, để trong trang phục và vương miện đó, họ sẽ thực hiện nghi lễ tẩy rửa cho các thần tượng. Nhưng các nữ tử đạo, sau khi nhận lấy những bộ quần áo và vòng hoa đó, đã ném chúng xuống đất và bắt đầu giẫm đạp lên chúng. Lúc đó, vị thống đốc ra lệnh buộc những tảng đá nặng vào cổ các thánh nữ, sau đó, đưa họ lên thuyền, ra lệnh chở họ đến một nơi nước sâu và ném họ xuống nước. Họ bị ném xuống nước cách bờ khoảng hai stadia.

Nghe tin này, vị thánh đã bàn bạc với Polychronius và Theocharides cho đến tối, để tìm cách vớt thi thể thánh thiện của các nữ tử đạo ra khỏi nước, nhằm an táng họ. Khi mặt trời lặn, một thanh niên Kitô hữu tên là Glykerios đến gặp họ và nói rằng viên quan đã bố trí lính canh bên hồ, đồng thời ra lệnh cho lính canh phải theo dõi chặt chẽ để đảm bảo thi thể các nữ tử đạo không bị vớt lên khỏi hồ. Nghe tin này, Thánh Theodotus vô cùng buồn bã, vì giờ đây ngài khó có thể vớt thi hài các thánh nữ tử đạo lên được, một phần vì đội lính canh, một phần vì những tảng đá nặng nề được buộc vào cổ các thánh nữ; những tảng đá này nặng đến mức hầu như không thể chở được trên xe ngựa. Vào buổi tối, Thánh Theodotus đi đến nhà thờ các Thánh Tổ Phụ gần đó, lối vào nhà thờ này đã bị những kẻ ngoại đạo chặn lại để ngăn cản các Kitô hữu vào trong. Khi đến nhà thờ, vị thánh quỳ sấp xuống trước cửa và cầu nguyện rất lâu. Sau đó, ngài đứng dậy và đi về phía lối vào nhà thờ; nhưng khi thấy lối vào bị chặn lại, ngài dừng lại và lại quỳ xuống cầu nguyện tại đó. Nghe thấy tiếng la hét và tiếng ồn ào từ đâu đó phía xa, và nghĩ rằng đó là những kẻ ngoại đạo đang truy đuổi mình, vị thánh lập tức đứng dậy và đi đến nhà của Theocharides. Tại đó, ngài chợp mắt một lúc. Trong giấc mơ, dì của ngài, thánh Tekusa, hiện ra và nói:

– Con đang ngủ, con trai của Feodot, mà chẳng hề quan tâm đến chúng ta chút nào. Chẳng lẽ con không nhớ rằng ta đã dạy dỗ con như thế nào khi con còn là một thiếu niên sao? Con không nhớ sao, ta đã hướng dẫn con sống một cuộc đời đạo đức như thế nào, thay thế cả cha lẫn mẹ cho con? Và khi ta còn sống, con chưa bao giờ xúc phạm ta, mà luôn kính trọng ta, như chính mẹ ruột của con. Nhưng giờ đây, sau khi ta qua đời, con đã quên ta, dù lẽ ra con phải phụng sự ta cho đến cuối đời. Nhưng, ta xin con, đừng để thi thể của chúng ta nằm lại trong nước, kẻo chúng trở thành mồi cho cá, mà hãy nhanh chóng vớt chúng lên khỏi mặt nước, vì chính con cũng sẽ lên đường thực hiện cuộc tử đạo sau hai ngày nữa. Hãy đứng dậy khỏi giường, đi đến hồ nước, nhưng hãy đề phòng kẻ phản bội.

Nói xong, vị thánh nữ rời khỏi Theodotus.

[3723] Các thánh nữ tử đạo đã qua đời vào đầu thế kỷ thứ 4.

[3724] Athena hay Minerva – nữ thần của sự khôn ngoan.

Khi tỉnh dậy, Thánh Theodota kể lại giấc mơ của mình cho những Kitô hữu khác đang ở trong ngôi nhà đó, và tất cả đều bắt đầu khóc lóc cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài giúp tìm thấy thi thể của các thánh nữ tử đạo. Còn Thánh Theodotus, khi suy ngẫm về giấc mơ, đã băn khoăn không hiểu ý nghĩa của những lời cuối cùng mà Tekusa đã nói với ngài: "Hãy đề phòng kẻ phản bội". Nhưng sau đó, những lời này đã trở thành sự thật, như sẽ được thấy trong câu chuyện dưới đây.

Khi bình minh ló rạng, Thánh Theodotus đã sai chàng trai Glykerios nói trên cùng với Theocharides đi tìm hiểu kỹ hơn về những người lính đang đóng quân gần con sông, vì ngài nghĩ rằng họ đã rời đi do lễ hội của nữ thần Artemis, mà những người ngoại đạo đang cử hành vào ngày hôm đó. Những người được cử đi đã lên đường, nhưng khi đến nơi thì thấy các chiến binh vẫn chưa rời đi; khi trở về, họ báo tin này cho các Kitô hữu khác, và tất cả đã dành cả ngày hôm đó để ăn chay và cầu nguyện. Khi chiều tối buông xuống, các tín hữu Kitô giáo vẫn chưa ăn gì, liền đi về phía hồ, mang theo những chiếc liềm sắc bén để có thể cắt đứt những sợi dây thừng quấn quanh cổ các thánh nữ tử đạo. Lúc đó trời rất tối, vì đêm ấy không có trăng cũng chẳng có sao. Khi mọi người đến gần nơi từng thi hành án tử hình đối với bọn ác nhân và cướp bóc (và nơi này rất đáng sợ, đến nỗi không ai dám đi qua đây sau khi mặt trời lặn; ở đó có xác chết, xương cốt và những cái đầu bị chặt lìa khỏi thân thể, trong đó một số cái đầu còn bị cắm lên những cây gậy), thì tất cả đều cảm thấy vô cùng sợ hãi, nhưng chẳng bao lâu sau họ đã lấy lại tinh thần, vì nghe thấy một giọng nói cất lên:

– Hãy tiến lên với lòng can đảm, Feodot!

Sau khi lắng nghe những lời này với lòng kính sợ, mọi người đều làm dấu thánh giá. Ngay lập tức, từ phía đông, một cây thánh giá rực rỡ xuất hiện trên không trung, tỏa ra những tia lửa rực rỡ khắp bốn phương. Khi nhìn thấy cây thánh giá này, mọi người đều vui mừng và kinh ngạc; sau đó, quỳ gối xuống, tất cả đều cúi đầu trước cây thánh giá và cầu nguyện với Chúa. Sau khi cầu nguyện xong, mọi người đứng dậy và đi về phía hồ; nhưng vì lúc đó hình ảnh cây thánh giá đã biến mất, nên trời lại tối sầm đến mức không ai nhìn thấy ai. Lúc đó trời bắt đầu mưa, khiến con đường trở nên trơn trượt, gây nhiều khó khăn cho hành trình. Lúc đó, mọi người cùng cầu nguyện, xin Chúa giúp đỡ trong cơn hoạn nạn này, và ngay lập tức một ngọn đèn lửa xuất hiện, chỉ đường; cùng lúc đó, hai người đàn ông chính trực mặc áo trắng, tóc và râu bạc phơ, hiện ra trước Thánh Theodotus và nói với ngài:

– Hãy can đảm lên, Thánh Theodotus, vì Chúa và Đức Chúa Trời của chúng ta là Đức Giêsu Kitô đã ghi tên ngươi vào danh sách các vị tử đạo, sau khi nghe lời cầu nguyện đầy nước mắt của ngươi về việc tìm lại thi hài các thánh nữ của Ngài. Chúng tôi được Ngài sai đến để giúp đỡ ngươi; chúng tôi thuộc về hàng ngũ các vị thánh tổ, trước nhà thờ của các ngài mà ngươi đã cầu nguyện vào đêm qua. Khi ngươi đến hồ nước, ngươi sẽ thấy tại đó vị tử đạo Sosandra, đang mang vũ khí, khiến các binh lính canh gác hồ phải khiếp sợ và bỏ chạy; tuy nhiên, ngươi không nên mang theo kẻ phản bội.

Nói xong, các thánh bỗng biến mất.

Thánh Theodotus vẫn không biết ai trong số những người đi cùng mình là kẻ phản bội.

Theo ánh sáng bỗng xuất hiện, tất cả đều tiến đến hồ. Lúc đó, tiếng sấm rền vang, tia chớp lóe sáng, mưa xối xả trút xuống, một cơn bão khủng khiếp ập đến; các chiến binh đang đứng bên bờ hồ, hoảng sợ tột độ, vội vã bỏ chạy khỏi đó; tuy nhiên, họ không sợ tiếng sấm, tia chớp hay cơn bão bằng việc chứng kiến một hình ảnh kinh hoàng; bởi vì họ nhìn thấy một người đàn ông to lớn, tay cầm áo giáp, khiên và giáo; trên đầu ông đội mũ sắt; từ người đàn ông ấy tỏa ra một luồng ánh sáng rực rỡ bao quanh. Đó chính là vị tử đạo Sosander. Hoảng sợ trước hình ảnh đó, các chiến binh bỏ chạy trong cơn kinh hoàng tột độ. Trong khi đó, nước trong hồ bị gió thổi từ bên này sang bên kia, khiến đáy hồ lộ ra, và trước mắt các Kitô hữu hiện lên thi thể của các thánh nữ tử đạo đang nằm dưới đáy hồ. Tiến lại gần các thánh nữ tử đạo, các tín hữu Kitô giáo đã dùng liềm cắt đứt những sợi dây thừng dùng để buộc đá vào cổ các thánh nữ; sau đó, họ nâng những thi hài thánh thiện lên, đặt lên xe ngựa và đưa đến nhà thờ các thánh tổng giám mục, nơi họ được an táng một cách trang trọng. Tên của các nữ tử đạo đó là: Tekusa, Alexandra, Claudia, Faina, Euphrasia, Matrona và Julia. Các trinh nữ thánh này đã chịu tử đạo vào ngày mười tám tháng Năm.

Sáng hôm sau, tin tức lan truyền khắp thành phố rằng thi thể các thánh nữ tử đạo đã được các Kitô hữu vớt lên từ hồ. Khi biết tin này, quan tổng trấn, các thầy tế lễ thờ thần tượng và tất cả những người ngoại đạo thờ thần tượng khác đều tràn ngập cơn thịnh nộ tột độ, đến nỗi họ lôi kéo bất kỳ Kitô hữu nào tình cờ gặp trên đường phố để tra hỏi. Trong thời gian đó, nhiều tín hữu Kitô giáo đã bị bắt đi thẩm vấn và phải chịu cái chết tàn bạo, đau đớn; họ bị những kẻ tra tấn xé xác như thể bằng răng thú dữ. Khi thánh Theodotus biết tin này, ngài đã muốn tự nộp mình cho những kẻ ngoại đạo, nhưng người thân đã ngăn cản ngài. Còn Polychronius, sau khi thay đổi trang phục và giả

dạng thành một người nông dân, đã đến quảng trường thành phố để tìm hiểu mọi chuyện đang diễn ra trong thành, nhưng ngay lập tức bị những kẻ ngoại đạo bắt giữ và đưa đến thẩm vấn trước quan tổng trấn. Polychronius đã phải chịu nhiều trận đòn roi và vết thương từ những kẻ tra tấn, nhưng vẫn giữ im lặng. Tuy nhiên, khi nhìn thấy thanh gươm được giơ lên trên đầu mình, ngài đã vô cùng hoảng sợ và kể cho những kẻ tra tấn nghe về việc người chèo thuyền Theodotus đã vớt thi hài các thánh nữ tử đạo lên từ hồ và chôn cất họ tại ngôi đền được xây dựng để tôn vinh các thánh tổ phụ. Biết được điều này, những kẻ ngoại đạo lập tức đến nơi chôn cất thi hài các thánh nữ tử đạo, đào mộ lên và thiêu hủy thi hài; sau đó, họ đi tìm Theodotus, và điều này đã được báo cho ông biết một cách bí mật vào buổi tối cùng ngày. Lúc bấy giờ, thánh Theodotus nhận ra rằng Polychronius – người thân và bạn của ông – chính là kẻ phản bội mà các vị Thượng phụ thánh đã cảnh báo phải đề phòng. Quyết tâm tự nguyện chịu khổ hình, Theodotus đã nói với những người thân của mình như sau:

– Hãy cầu nguyện cho tôi cùng Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, để Ngài ban cho tôi vương miện tử đạo.

Và tất cả mọi người đã cùng ngài cầu nguyện suốt cả đêm, trong khi Thánh Theodotus cầu nguyện bằng những lời như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, niềm hy vọng của những người tuyệt vọng, – xin giúp con dũng cảm hoàn thành công cuộc tử đạo của mình và xin nhận lấy máu của con, mà những kẻ hành hạ con sẽ đổ ra, như một của lễ dâng lên Ngài thay cho tất cả các Kitô hữu đang bị bách hại. Xin Ngài làm dịu bớt nỗi đau khổ của họ, xoa dịu cơn bão táp dữ dội của sự bắt bớ, để những người tin Chúa được sống trong sự bình an và yên tĩnh.

Khi ngày đã đến, vị thánh quyết định đi đến gặp những kẻ hành hạ và tự nộp mình vào tay họ. Biết được điều này, tất cả người thân của ngài đều khóc lóc thảm thiết, ôm lấy ngài và nói:

– Nguyện ngài được cứu rỗi, ngọn đèn và vinh quang của Giáo Hội, thánh Theodotus đáng kính! Khi kết thúc những đau khổ của mình, nguyện ngài được dự phần vào ánh sáng thiên đàng, được xếp chung với đoàn thể các Thiên Thần và Tổng Lãnh Thiên Thần, và vinh quang của Thánh Thần cùng Chúa Giêsu Kitô, Đấng ngự bên hữu Thiên Chúa Cha, sẽ chiếu sáng trên ngài. Cầu mong ngài được ban cho tất cả những ân huệ này vì công đức mà ngài đang thực hiện. Nhưng xin hãy biết rằng, đối với chúng tôi, những người còn lại giữa những nỗi khổ này, sự ra đi của ngài sẽ mang lại nhiều đau buồn và nước mắt.

Khi mọi người đều khóc lóc và thốt lên những lời ấy, Thánh Theodotus ôm lấy và hôn lên trán từng người bằng nụ hôn vĩnh biệt; sau đó, ngài ra lệnh giao thi thể của mình – nếu có thể bí mật lấy lại từ tay những kẻ hành hạ – cho Linh mục Fronton, người sẽ đến từ làng Malos cùng với chiếc nhẫn của ngài.

Cuối cùng, Thánh Theodotus làm dấu thánh giá và dũng cảm bước ra khỏi nhà mình.

Trên đường đi, ngài gặp hai vị trưởng lão của thành phố đó. Muốn bày tỏ tình yêu và sự kính trọng dành cho ngài, họ khuyên ngài nên nhanh chóng trốn đi đâu đó và nói:

– Các thầy tế lễ của Athena và Artemis cùng với những người ngoại đạo khác đang vu khống ngài trước quan tổng trấn, nói rằng ngài khuyên tất cả các Kitô hữu đừng thờ lạy đá và gỗ vô tri; họ còn nói nhiều điều khác về ngài nữa; còn Polychronius thì nói rằng ngài đã lén lút cướp xác các trinh nữ. Hãy trốn đi, Théodote, trước khi quá muộn, vì thật điên rồ khi tự giao mình vào tay những kẻ tra tấn.

Vị thánh đáp lại họ rằng:

– Nếu các ngươi là bạn của ta và nếu các ngươi thực sự muốn thể hiện tình yêu dành cho ta, thì đừng cản trở con đường mà ta đang đi, mà ngược lại, hãy đến tòa án và nói với các trưởng lão ở đó: "Kìa, Theodotus, người đang bị các thầy tế lễ và dân chúng vu khống, đang đứng ngay đây, trước cửa."

Nói xong, vị thánh vội vã bước đi trước, đứng giữa tòa án, với khuôn mặt rạng rỡ nhìn vào các dụng cụ tra tấn; ở đó có lò lửa đang cháy rực, những nồi nước sôi sùng sục, những bánh xe, và nhiều dụng cụ tra tấn khác. Nhìn thấy tất cả những điều đó, vị thánh không hề run sợ trong lòng hay bối rối trong suy nghĩ, mà vẫn tiếp tục đứng đó với khuôn mặt rạng rỡ, thể hiện sự dũng cảm của mình trước mọi người. Khi quan tổng trấn nhìn thấy vị thánh, ông ta nói với ngài:

– Ngươi sẽ không phải chịu đau đớn chút nào từ bất kỳ dụng cụ tra tấn nào ở đây, nếu ngươi dâng lễ vật cho các vị thần; khi đó ngươi sẽ được miễn trừ mọi tội lỗi mà các thầy tế lễ và cả thành phố chúng ta đang buộc tội ngươi; hơn nữa, – khi đó ngươi sẽ trở thành bạn của chúng ta và được nhà vua yêu mến, người sẽ ban cho ngươi những vinh dự lớn lao; chỉ cần ngươi từ bỏ Chúa Giê-su, Đấng đã bị Phi-lát – người từng cai trị trước chúng ta – đóng đinh trên thập tự giá tại Giu-đê. Hãy suy nghĩ kỹ về điều này, Theodotus! Ngươi dường như là một người

khôn ngoan; còn người khôn ngoan thì phải hành động trong mọi việc với sự thận trọng và lý trí. Hãy từ bỏ mọi sự điên rồ; hãy thuyết phục cả những Kitô hữu khác từ bỏ sự điên rồ của họ, và khi đó ngươi sẽ trở thành người đứng đầu cả thành phố này; anh sẽ trở thành thầy tế lễ của vị thần tối cao của chúng ta là Apollon, Đấng ban cho con người nhiều ân huệ, tiên đoán tương lai và chữa lành bệnh tật bằng y thuật của Ngài; nếu anh phụng sự vị thần này, anh sẽ được quyền bổ nhiệm các thầy tế lễ khác để phụng sự tất cả các vị thần còn lại. Tất cả các quyết định bổ nhiệm vào các chức vụ quan trọng nhất đều sẽ thông qua ngươi, ngươi sẽ là người đại diện trước các quan tòa; ngươi sẽ soạn thảo các bức thư gửi đến các dân tộc khác nhân danh nhà vua về những nhu cầu khác nhau của dân chúng; ngươi sẽ trở nên vô cùng giàu có, và tất cả họ hàng của ngươi sẽ được tôn vinh. Nếu ngươi cần của cải và tài sản, thì ta có thể trao cho ngươi ngay lập tức.

Trong khi vị thống đốc đang nói những lời đó, giữa đám đông bỗng vang lên tiếng reo hò vang dội, tán thành lời nói của vị thống đốc và khuyên nhủ Thánh Theodotus hãy nhận lấy của cải và vinh dự từ vị thống đốc. Nhưng Thánh Theodotus đã trả lời vị thống đốc Theoteknos như sau:

– Trước hết, tôi cầu xin sự giúp đỡ từ Chúa của tôi, Đức Giêsu Kitô (Đấng mà ngài đã gọi là một con người bình thường), để Ngài ban cho tôi ân sủng vạch trần sự lầm lạc của các ngài và chỉ ra sự hư vô của các vị thần của các ngài; đồng thời, bằng những lời ngắn gọn, tôi sẽ kể cho ngài nghe mầu nhiệm Nhập Thể của Chúa tôi và những phép lạ mà Ngài đã thực hiện. Ôi, Theotekn! Tôi lẽ ra phải nói với ngươi về đức tin và những việc làm của tôi; nhưng tôi sẽ vạch trần trước mặt tất cả các ngươi, để các ngươi phải xấu hổ, những việc làm của các vị thần của các ngươi, những việc mà ngay cả việc nói ra cũng đã là điều đáng xấu hổ. Kẻ mà các ngươi gọi là Dios[3725] và coi là thần, vinh quang hơn tất cả các vị thần khác của các ngươi, đã sa vào những ham muốn xác thịt ghê tởm đến mức có thể được xem là khởi đầu và kết thúc của mọi điều ác. Nhà thơ của các ngươi, Orpheus[3726] , kể lại rằng Dii đã giết chính cha ruột mình là Saturn[3727] , rồi lấy chính mẹ ruột mình là Rhea làm vợ và sinh ra con gái Persephone; nhưng hắn không dừng lại ở đó; ông ta còn ngoại tình với chính con gái mình và thậm chí còn lấy em gái mình là Juno[3728] làm vợ; cũng giống như vậy, Apollo đã làm ô uế em gái mình là Diana trước bàn thờ trên đảo Delos. Tương tự như vậy, thần Mars[3729] cũng đã sa vào dục vọng xác thịt với thần Venus[3730] , thần Vulcan[3731] với thần Minerva – những người anh em ruột với các chị em ruột của mình. Chẳng lẽ ngài không thấy, hỡi vị lãnh đạo, những hành vi phạm pháp của các vị thần của ngài ghê tởm đến mức nào sao? Chẳng phải luật pháp của các ngài trừng phạt tất cả những ai phạm phải những tội ác như vậy sao? Vậy mà các ngươi lại tự hào về những việc làm của các vị thần dâm loạn của mình và không hề xấu hổ khi thờ phượng những kẻ giết cha, loạn luân, ngoại tình, làm ô uế trẻ em, và những thầy phù thủy (tất cả các nhà thơ của các ngươi đều đã viết về những điều này, ca ngợi những việc làm ghê tởm của các vị thần các ngươi). Còn những việc làm và phép lạ của Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, thì trong sạch và không có một tì vết nào. Về mầu nhiệm Nhập Thể của Chúa Giê-su Ki-tô, các thánh tiên tri đã báo trước, rằng vào những ngày sau cùng, Đức Chúa Trời sẽ từ trời xuống với loài người, sẽ sống giữa loài người như một con người, sẽ thực hiện những dấu lạ và phép lạ không thể tả xiết, chữa lành muôn vàn bệnh tật và dẫn dắt loài người vào Nước Trời. Và không chỉ về sự Nhập Thể của Chúa, mà cả về sự chịu khổ tự nguyện của Ngài vì chúng ta, về cái chết và sự an táng của Ngài, các vị tiên tri thánh thiện ấy cũng đã tiên báo trước với độ chính xác cao; những người làm chứng cho điều này là các nhà chiêm tinh Chaldea và các nhà thông thái Ba Tư, những người đã tìm thấy nơi Ngài sinh ra nhờ ngôi sao và đến với Ngài mang theo lễ vật, để thờ lạy Ngài như Thiên Chúa. Còn những người làm chứng cho sự phục sinh của Ngài là các binh lính La Mã, những người canh giữ mộ Ngài. Chính họ đã tận mắt chứng kiến Chúa phục sinh từ mộ; và họ đã báo tin này cho các thượng tế. Nhưng ai có thể kể hết mọi việc kỳ diệu và vinh quang mà Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô, đã thực hiện trong thời gian Ngài sống trên trần gian? Trước hết, Ngài đã biến nước thành rượu; sau đó, với năm chiếc bánh và hai con cá, Ngài đã cho năm nghìn người ăn no trong

---

[3725] Zeus – vị thần tối cao của tôn giáo Hy Lạp cổ đại, được coi là tổ tiên của các vị thần khác.

[3726] Orpheus – một trong những nhân vật nổi bật của thần thoại Hy Lạp cổ đại. Orpheus được coi là con trai của vua Eager xứ Thrace và nữ thần thi ca Calliope. Theo truyền thuyết thần thoại, cây đàn lyre của ông phát ra những âm thanh kỳ diệu đến nỗi các loài thú hoang dã đều rời khỏi hang ổ của chúng và đi theo ông. Orpheus được coi là một nhà thơ tài ba, người khai sinh ra thi ca Hy Lạp cổ đại.

[3727] Sa-tơn – vị thần của đất đai và mùa màng.

[3728] Juno được coi là nữ thần bảo trợ cho cuộc sống gia đình.

[3729] Mars – vị thần chiến tranh.

[3730] Venus hay Aphrodite – nữ thần tình yêu và sắc đẹp.

[3731] Vulcan – vị thần của lửa và kim loại.

sa mạc; Ngài chữa lành cho những người đau ốm, đi trên mặt biển như đi trên đất liền; bản chất của lửa cũng phải khiếp sợ quyền năng của Ngài; Ngài đã ban cho người mù bẩm sinh được nhìn thấy, biến những người què thành những người đi nhanh; theo lệnh của Ngài, người chết đã sống lại; Ngài đã làm cho La-xa-rơ, người đã chết được bốn ngày, sống lại và trở về với cuộc sống. Tất cả những phép lạ vinh quang và kỳ diệu này đều chứng tỏ rõ ràng cho mọi người thấy rằng Chúa Giê-su Ki-tô là Đức Chúa Trời chân thật, chứ không phải chỉ là một con người bình thường.

Khi vị thánh làm chứng về Thần tính của Chúa Giêsu Kitô bằng những lời ấy, tất cả những người ngoại đạo đang đứng gần đó đều rơi vào sự hỗn loạn tột độ và ồn ào như biển động vì gió. Các thầy tế lễ xé tóc, xé rách áo quần, xé nát vòng hoa; còn dân chúng thì càng lúc càng phẫn nộ và giận dữ chất vấn quan tổng trấn: tại sao ông lại cho phép một kẻ báng bổ, đáng chết như vậy, được nói nhiều đến thế, mà không giao hắn ra để hành hình và tra tấn?

Lúc đó, vị thống đốc, càng thêm giận dữ, ra lệnh cho binh lính lột bỏ quần áo của vị thánh, treo ông trần truồng lên cây tra tấn và dùng các dụng cụ sắt hành hạ thân thể ông; chính vị thống đốc cũng đứng dậy khỏi chỗ ngồi, định tự tay tra tấn vị thánh. Lúc này, một cơn bão thực sự nổi lên từ tiếng la hét của dân chúng; dân chúng la hét, đòi hỏi và ra lệnh cho các tôi tớ của vị thống đốc bắt đầu tra tấn; các tôi tớ chuẩn bị các dụng cụ tra tấn; và chỉ có một mình vị thánh tử đạo vẫn đứng yên lặng, tâm hồn không hề nao núng và lòng không hề sợ hãi. Theodotus bình tĩnh đến mức dường như những cực hình đó không phải dành cho ngài.

Sau đó, vị thánh bị treo cổ trên cây. Khi các binh lính bắt đầu hành hạ thân thể vị thánh một cách tàn nhẫn bằng những móng sắt, khuôn mặt ngài dường như rạng ngời niềm vui, vì ngài có Chúa Giêsu Kitô làm Đấng trợ giúp. Vị thánh đã phải chịu cực hình như vậy trong một thời gian dài. Các đầy tớ đã kiệt sức và được thay thế bởi những người khác. Còn vị tử đạo vẫn kiên định trong việc xưng danh Chúa Kitô, đến nỗi dường như ngài không phải đang chịu đau khổ trong thân xác của chính mình, mà như thể trong thân xác của người khác; ngài dồn hết mọi suy nghĩ của mình vào Chúa Giêsu Kitô, Đấng đang giúp đỡ ngài.

Một thời gian sau, quan tổng trấn Theoktinos ra lệnh đổ giấm đặc nhất, trộn với muối, lên các vết thương của vị thánh, rồi ra lệnh dùng nến thiêu đốt những xương sườn thiêng liêng của vị tử đạo. Vị tử đạo, khi bị lửa thiêu đốt, cảm nhận được mùi hôi thối bốc lên từ khắp các bộ phận cơ thể đang bị thiêu đốt, liền bắt đầu quay mặt sang một bên; nhận thấy điều đó, vị Igemon lập tức bước đến bên ngài và nói:

– Nào, Theodotus, những lời ngạo mạn của ngươi đâu rồi? Ta thấy ngươi đang khuất phục trước những cực hình. Nhưng nếu ngươi không phỉ báng các vị thần của chúng ta và nếu ngươi đã thờ lạy họ, thì giờ đây ngươi đã không phải chịu đau khổ như thế này. Nhưng chẳng phải ta đã khuyên ngươi – một người xuất thân thấp hèn, từng làm chủ quán rượu – đừng chống lại mệnh lệnh của nhà vua, người nắm trong tay quyền sinh sát đối với ngươi sao?

Vị thánh tử đạo đáp lại:

– Xin đừng nghĩ, thưa quan tổng trấn, rằng những cực hình của ngài có thể khuất phục tôi, chỉ vì ngài thấy tôi quay mặt đi để không phải ngửi mùi hôi thối từ thân thể đang bị thiêu đốt của tôi. Thay vào đó, xin hãy ra lệnh cho các tôi tớ của ngài thực hiện những gì được giao phó với sự tận tâm hơn, vì tôi thấy họ đang thi hành nhiệm vụ một cách quá lười biếng. Còn ngài hãy tự nghĩ ra những hình phạt tàn bạo hơn nữa dành cho tôi, để biết sức mạnh của Chúa Giêsu Kitô, Đấng củng cố tôi giữa những cực hình này, lớn lao đến chừng nào. Dựa vào và trông cậy vào sự giúp đỡ của Thiên Chúa tôi, tôi khinh bỉ không chỉ ngài, mà cả vua của ngài nữa, như một tù nhân hèn mọn nhất.

Khi vị thánh nói như vậy, viên quan tổng trấn ra lệnh cho binh lính đánh vào miệng vị tử đạo và nghiền nát hàm và răng của ngài. Còn vị thánh, trong khi chịu đòn, đã nói với viên quan tổng trấn:

– Dù ngươi có cắt nát lưỡi ta thành từng mảnh đi chăng nữa, thì ngươi cũng sẽ không đạt được điều gì trong những mưu đồ của mình, vì Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta vẫn lắng nghe cả những tôi tớ im lặng của Ngài.

Sau khi vị thánh bị các binh lính tra tấn và hành hạ trong một thời gian đủ lâu, đến nỗi tất cả các tôi tớ của quan tổng trấn đều kiệt sức, quan tổng trấn ra lệnh tháo Thánh Theodotus xuống khỏi cây tra tấn và giam ngài trong ngục tối cho đến lần tra tấn tiếp theo.

Các binh lính dẫn thánh Theodotus đi qua khắp thành phố đến ngục tối. Toàn thân vị thánh đầy những vết thương loét lở, nhờ đó Theodotus đã cho mọi người thấy chiến thắng của mình trước kẻ tra tấn và trước ma quỷ. Trong suốt hành trình đến ngục tối, vị thánh được rất đông người dân vây quanh, họ nhìn vị tử đạo của Chúa Kitô

như một cảnh tượng kỳ lạ . Còn vị thánh thì công khai tuyên xưng quyền năng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, bằng những lời như sau:

– Hãy nhìn xem, quyền năng của Chúa Kitô, Chúa của tôi, vĩ đại và vinh quang biết bao. Chính các bạn cũng thấy rằng, theo sự an bài của Ngài, những ai chịu đau khổ vì danh thánh của Ngài không cảm thấy đau đớn từ những vết thương và sự tra tấn; các bạn thấy rằng Ngài biến thân xác yếu đuối của con người thành thứ vững chắc hơn cả lửa; các ngươi thấy rằng Ngài ban cho những người xuất thân khiêm tốn một lòng dũng cảm và sức mạnh vĩ đại đến nỗi họ coi thường cả mệnh lệnh của chính các vua và các hoàng tử. Chúa của chúng ta ban ân sủng của Ngài cho tất cả những ai tin vào Ngài, dù là người bình dân hay quý tộc, nô lệ hay tự do, người ngoại bang hay người Hy Lạp.

Sau đó, Ngài chỉ vào những vết thương của mình và lại nói:

– Những người tin Chúa phải dâng lên Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta một của lễ như thế này, Đấng mà chính Ngài đã chịu đau khổ vì tất cả chúng ta.

Khi vị thánh nói xong, ngài bị dẫn vào ngục tối và bị giam giữ tại đó, trong một không gian chật hẹp và ngột ngạt.

Sau mười sáu ngày kể từ khi Thánh Theodotus bị giam vào ngục tối, quan tổng trấn ra lệnh chuẩn bị một tòa án công khai ngay giữa thành phố, tại nơi thường diễn ra các cuộc biểu diễn. Vị thánh tử đạo được dẫn ra khỏi ngục tối và đưa đến tòa án. Khi nhìn thấy ngài, quan tổng trấn nói với ngài:

– Hãy lại gần chúng ta hơn, Thêôdot, vì ta thấy rằng ngươi, sau khi đã chịu đủ hình phạt trước đây, giờ đây đã từ bỏ hết sự kiêu ngạo và đã thay đổi theo hướng tốt hơn. Quả thật, ngươi đã hành động thiếu khôn ngoan khi tự chuốc lấy những cực hình khủng khiếp đến vậy. Chúng ta vốn không muốn hành hạ ngươi. Nhưng giờ đây, hãy từ bỏ sự cứng đầu của mình, hãy nhận ra sức mạnh và quyền năng của các vị thần của chúng ta; khi đó, chúng ta sẽ ban tặng cho ngươi những ân huệ mà chúng ta đã hứa trước đây. Chúng ta đã hứa với ngươi những món quà này từ trước, và giờ đây chúng ta vẫn hứa; ngươi sẽ nhận được chúng nếu ngươi thờ lạy các vị thần của chúng ta; nhưng nếu ngươi không thờ lạy các vị thần, thì ngay lập tức ngươi sẽ thấy ngọn lửa đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi, những dụng cụ sắt sắc nhọn, và hàm răng của những con thú sẵn sàng xé xác ngươi.

Vị thánh tử đạo đáp lại như sau:

– Hỡi Theotekn! Ngươi có thể nghĩ ra hình phạt nào có thể đánh bại sức mạnh của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đang củng cố ta giữa những cực hình này không? Dù thân thể tôi đã đầy những vết thương do các dụng cụ tra tấn gây ra, như chính ngươi cũng thấy, – hãy thử thách sức mạnh của tôi một lần nữa; hãy giao tôi cho những cực hình mới, và ngươi sẽ thấy rằng tôi sẽ dũng cảm chịu đựng cả những cực hình này, cũng như những cực hình trước đó.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh treo thánh nhân lên cây tra tấn một lần nữa và hành hạ thân thể ngài bằng các dụng cụ sắt, làm tái phát những vết thương cũ. Trong lúc chịu cực hình, thánh nhân đã lớn tiếng xưng danh Chúa Kitô. Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh cho binh lính tháo thánh nhân xuống khỏi cây tra tấn và lôi ngài lê trên những mảnh gốm nung đỏ. Sau đó, vị thánh lại bị treo lên cây và tiếp tục bị tra tấn bằng các dụng cụ sắt, đến nỗi trên thân thể vị tử đạo không còn một chỗ nào nguyên vẹn, không bị thương tích: toàn thân ngài dường như chỉ là một vết loét liên tục; chỉ có lưỡi ngài là còn nguyên vẹn, nhờ đó ngài ngợi khen Thiên Chúa, còn những kẻ tra tấn và binh lính thì ngài mắng chửi như những kẻ yếu đuối. Không biết còn có thể tra tấn vị thánh bằng cách nào nữa, quan tổng trấn đã ban lệnh kết án tử hình vị thánh và tuyên bố như sau:

– Chúng ta ra lệnh chém đầu bằng gươm Theodotus, người bảo vệ đức tin xứ Galilê, kẻ thù của các vị thần chúng ta, kẻ chống lại các mệnh lệnh của hoàng đế và kẻ phỉ báng ta; thi thể của hắn phải bị thiêu hủy, để những người Kitô hữu không thể chôn cất hắn.

Và vị thánh được dẫn ra ngoài thành, đến một cánh đồng, để bị chém đầu. Rất đông người dân, cả nam lẫn nữ, theo sau ngài, mong muốn chứng kiến cái chết của ngài. Khi đến nơi đã định, vị thánh bắt đầu cầu nguyện với Chúa bằng những lời sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng Tạo Hóa trời đất, Đấng không bao giờ bỏ rơi những ai đặt niềm tin vào Danh Thánh của Ngài! Con tạ ơn Ngài vì đã cho con được trở thành công dân của quê hương thiên đàng và được dự phần vào Nước Trời của Ngài. Con tạ ơn Ngài vì đã giúp con chiến thắng con rắn và đập nát đầu nó. Con cầu xin Ngài – xin ban sự an ủi cho các tôi tớ trung thành của Ngài khỏi những tai ương đang bao vây họ; xin cho sự bắt bớ mà những kẻ ngoại đạo vô đạo đã gây ra cho Giáo Hội của Ngài chấm dứt cùng với cái chết của con. Xin ban bình an cho Giáo Hội của Ngài và giải thoát Giáo Hội khỏi những lời vu khống của kẻ thù.

Khi kết thúc lời cầu nguyện và nói: "A-men", vị thánh quay lại và thấy những người Kitô hữu đang khóc thương cho ngài. Lúc đó, vị thánh nói với họ:

– Đừng khóc thương cho tôi, hỡi anh em, nhưng hãy ca ngợi quyền năng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã giúp tôi can đảm hoàn thành sứ mệnh của mình và chiến thắng kẻ thù. Còn tôi, tôi sẽ ở trên trời và can đảm cầu nguyện cho anh em trước mặt Thiên Chúa.

Nói xong, vị tử đạo đã cúi đầu cao quý của mình xuống dưới lưỡi gươm và bị chém đầu vào ngày thứ bảy của tháng Sáu năm[3732] .

Trong khi đó, các thuộc hạ của quan tổng trấn mang đến nơi đó rất nhiều củi, chất thành đống lửa và đặt thi thể vị tử đạo của Chúa Kitô lên đó, với ý định thiêu đốt theo lệnh của quan tổng trấn. Nhưng đột nhiên, theo ý định của Đức Chúa Trời, một cơn bão lớn nổi lên, một ánh sáng rực rỡ tỏa ra xung quanh thi thể vị tử đạo như tia chớp, đến nỗi không một người lính nào dám lại gần đống củi để châm lửa.

Khi quan tổng trấn biết được chuyện này, ông ra lệnh cho các binh lính không được rời khỏi nơi đó và phải canh giữ thi thể vị tử đạo, để các Kitô hữu không cướp lấy. Tuân theo mệnh lệnh của quan tổng trấn, các binh lính dựng lều bằng cành liễu và lau sậy, rồi ngồi trong lều đó, canh giữ thi thể vị tử đạo khỏi các Kitô hữu.

Trong khi đó, theo sự an bài của Thiên Chúa, tình cờ linh mục Fronton đi ngang qua nơi đó, trên tay ông đeo chiếc nhẫn của vị tử đạo Theodotus. Ông đang đi từ làng của mình đến làng lân cận và không biết gì về những gì đã xảy ra với thánh Theodotus. Fronton chở trên lưng lừa một loại rượu rất ngon, đã được ủ từ lâu; Fronton dự định bán loại rượu này ở thành phố, vì ông có vườn nho riêng và cùng gia đình sống nhờ vào nó. Khi Fronton đến gần nơi có lều của các binh lính và thi thể vị tử đạo đang nằm đó, con lừa bỗng vấp ngã và ngã xuống đất. Thấy vậy, các binh lính liền đến giúp Fronton và nói với ông:

– Ngươi đi đâu vậy, người lữ hành? Đêm đã xuống rồi. Tốt hơn là ngươi nên ở lại với chúng ta, nhất là khi ở đây còn có đồng cỏ cho gia súc nữa.

Vị linh mục đồng ý ở lại qua đêm với họ và đi vào lều của họ (cần lưu ý rằng thi thể vị tử đạo đã được phủ bằng cành cây và rơm). Bên cạnh lều, lửa đã được đốt lên và thức ăn đã sẵn sàng. Các chiến binh mời Fronton cùng dùng bữa với họ. Fronton lấy một chiếc bình từ họ, rót đầy rượu vào đó và mời các chiến binh uống. Sau khi nếm thử, các chiến binh khen ngợi rượu, vì rượu thực sự rất ngon. Sau đó, các chiến binh hỏi Fronton:

– Rượu này đã ủ được bao nhiêu năm rồi?

Fronton trả lời:

– Đã được năm năm rồi.

Các chiến binh uống rượu mà không biết rằng vị khách của họ là một Kitô hữu, hơn nữa còn là một linh mục; trong bữa ăn, các chiến binh trò chuyện với Fronton về những sự việc đã xảy ra trong những ngày gần đây; họ kể cho ông nghe về việc bảy trinh nữ đã bị dìm chết vì không chịu rửa sạch các tượng thần, về việc người chủ quán rượu Theodotus đã vớt thi thể họ lên khỏi hồ vào ban đêm và chôn cất, về việc chính quyền thành phố truy lùng ông ta vì việc đó, về việc chính ông ta đã tự đến tòa án và tự nguyện chịu hình phạt, về việc ông ta đã dũng cảm chịu đựng những cực hình đó như thế nào, và như thể có một thân thể bằng sắt vậy. Sau đó, họ nói:

– Đây là thi thể bị chặt đầu của người mà chúng tôi đang canh giữ theo lệnh của quan tổng trấn.

Nghe những lời họ nói, vị linh mục đã tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã cho ngài được biết về sự đau khổ và cái chết của thánh tử đạo Theodotus. Sau đó, vị linh mục bắt đầu suy nghĩ làm thế nào để mang thi thể cao quý của vị tử đạo Chúa Kitô ra khỏi đây. Sau khi đổ đầy bình đến miệng, ông đưa nó cho các binh lính và bảo họ rằng họ có thể uống rượu bao nhiêu tùy thích. Khi các binh lính say rượu và chìm vào giấc ngủ, Fronton tiến lại gần thi hài thánh thiện của vị tử đạo Chúa Kitô, cởi bỏ áo choàng che phủ và bắt đầu hôn lên thi hài với những giọt nước mắt; sau đó, ông tháo chiếc nhẫn khỏi ngón tay mình, đeo nó vào ngón tay của vị tử đạo cùng những lời sau:

– Hỡi vị thánh tử đạo của Chúa Kitô, Théodote! Ngươi thực sự đã làm điều mà ta đã xin ngươi.

Sau đó, Fronton buộc chặt thi thể và đầu của vị tử đạo lên lưng con lừa của mình, rồi để con lừa tự trở về làng của ông. Con lừa đi về phía làng của Fronton, mang trên lưng thi thể của vị tử đạo; còn Fronton thì lại đặt những cành cây và rơm rạ tại chỗ thi thể vị tử đạo từng nằm, rồi bước vào lều và chìm vào giấc ngủ.

[3732] Thánh Tử đạo Theodotus qua đời vào năm 303 hoặc 304 – Lễ tưởng niệm Thánh Tử đạo này cũng được cử hành vào ngày 7 tháng 6, ngày ngài qua đời. Cuộc đời của ngài được đề cập vào ngày 18 tháng 5 vì hành động tử đạo của ngài có mối liên hệ mật thiết với sự tử đạo của bảy trinh nữ thánh được tưởng niệm vào ngày này.

Sáng hôm sau, Fronton dậy rất sớm và dường như bắt đầu lo lắng cho con lừa, nói rằng:

– Con vật của tôi đã bỏ chạy khỏi đây: liệu có ai đã đánh cắp nó không?

Các chiến binh cảm thông với Fronton, không biết rằng thi thể cao quý của vị tử đạo đã bị mang đi khỏi đây, vì họ thấy cành cây và rơm vẫn nằm nguyên tại chỗ. Sau khi để lại rượu cho họ, vị linh mục bước ra khỏi lều của họ, như thể để đi tìm con lừa của mình, nhưng không quay lại với họ nữa, vì ông đã trở về làng của mình.

Còn con lừa, theo sự an bài của Thiên Chúa, đã đến chính nơi mà trước đây Thánh Theodotus đã trò chuyện với Fronton và ca ngợi nơi này là rất đẹp và thuận tiện để an táng các thánh tích tại đây; chính tại nơi này, vị tử đạo của Chúa Kitô đã khuyên Fronton xây dựng một nhà thờ và hứa sẽ gửi thi hài của các vị tử đạo đến đó. Khi đến nơi này, con lừa dừng lại và không chịu đi tiếp cho đến khi chủ nhân của nó là Fronton đến và lấy thi hài thiêng liêng ra khỏi lưng nó. Sau đó, Fronton đã triệu tập các tín hữu Kitô giáo đến đây và an táng thi hài thánh của vị tử đạo một cách trang trọng; rồi sau này, ngài đã xây dựng tại đây một nhà thờ mang tên Thánh Tử đạo Theodotus, để tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Tất cả những điều này được ghi chép lại bởi tôi, Nil khiêm nhường (người viết tiểu sử của vị thánh tử đạo Theodotus); tôi đã viết những điều này cho tất cả các anh em yêu mến Chúa Kitô với sự chú tâm và nhiệt thành lớn lao, vì tôi biết rõ cuộc đời của vị thánh tử đạo và đã cùng ngài chịu tù đày trong ngục tối. Còn các bạn, hãy đọc với lòng tin và tình yêu, để được chia sẻ phần thưởng trong Nước Trời cùng với Thánh Tử đạo Theodotus và tất cả các thánh đã chiến đấu vì đức tin, và để được vui mừng trên trời trong Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta, Đấng mà vinh quang, danh dự và sự thờ phượng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Thánh Theodotus ơi, ngài đã cùng các thánh tử đạo của ngài chịu khổ một cách cao thượng, và đã nhận được vương miện vinh quang cùng với các trinh nữ thánh tử đạo. Vì vậy, xin ngài không ngừng cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, cho tất cả chúng con.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Phêrô, Dionysius, Anrê, Sa-lô-môn, Christina, Heraclius, Pavlin và Venedim.

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 5

Trong thời kỳ các tín hữu Kitô giáo bị những người ngoại đạo bắt bớ, các chiến binh trung thành của Chúa Kitô đã hiến dâng linh hồn mình vì Chúa, đến nỗi cả vũ trụ nhuốm đỏ bởi máu của các vị tử đạo. Vào thời điểm đó, người Kitô hữu Phêrô, một thanh niên đẹp trai, mạnh mẽ cả về thể xác lẫn tinh thần, cũng bị những người ngoại đạo bắt giữ; ông bị bắt tại Lampsacus, một thành phố thuộc vùng Hellespont. Khi Phêrô được dẫn đến trước quan tổng trấn Opitimus để thẩm vấn, vị quan này đã hỏi ông:

– Ngươi có phải là Kitô hữu không?

– Vâng, tôi là người Kitô hữu, – Phêrô đáp. Thống đốc nói:

– Ngươi đang nhìn thấy trước mắt những sắc lệnh của các vị vua bất khả chiến bại của chúng ta; hãy dâng lễ vật lên nữ thần vĩ đại của chúng ta, thần Vệ Nữ.

Chàng trai đáp:

– Tôi thật ngạc nhiên trước ngài, thưa Igemon, sao ngài lại dám thuyết phục tôi thờ lạy một người phụ nữ đồi bại và dâm đãng, người đã dám làm những việc ghê tởm đến mức ngay cả việc nhắc đến cũng khiến người ta phải xấu hổ? Chẳng phải hiện nay các ngài đang truy tố và trừng phạt theo luật pháp những kẻ dám làm những việc mà các ngài gán cho nữ thần Venus của các ngài sao? Nhưng nếu các ngài coi nữ thần của mình là kẻ dâm đãng, thì làm sao tôi có thể thờ lạy và dâng lễ vật cho một kẻ dâm đãng ghê tởm như vậy? Không, tôi phải thờ lạy Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, Vua của muôn đời, Đức Kitô, Chúa của tôi; chỉ một mình Ngài mới xứng đáng nhận được lễ vật của lời cầu nguyện, lời ngợi khen và lòng kính mến.

Nghe những lời ấy, viên quan tổng trấn ra lệnh cho binh lính trói chàng trai vào bánh xe và tra tấn thân thể chàng bằng các dụng cụ bằng gỗ và sắt, nghiền nát xương cốt của chàng. Nhưng tôi tớ của Đức Chúa Trời là Phêrô, càng bị tra tấn dữ dội, thì lòng tin cậy vào sự giúp đỡ của Chúa Giêsu Kitô càng trở nên vững chắc và kiên cường

hơn, đồng thời chế nhạo sự điên rồ của viên tổng trấn. Sau đó, Phêrô ngước mắt lên trời và bắt đầu cầu nguyện như sau:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giê-su Ki-tô, vì đã ban cho con sự kiên cường và vững vàng giữa những cực hình; xin cho con được can đảm hoàn thành đến cùng công cuộc của mình và chiến thắng kẻ thù gian ác.

Nhận ra rằng những cực hình không thể làm gì được trước chàng thanh niên dũng cảm Phêrô, quan tổng trấn ra lệnh chém đầu anh bằng gươm.

Cùng lúc đó, Dionysius, người cũng tuyên xưng đức tin Kitô giáo, cũng bị bắt và giam vào ngục tối. Khi vị thống đốc chuẩn bị lên đường từ Lampsacus đến Troas – một thành phố nằm gần vùng Hellespont – hai chiến binh Kitô hữu đến từ Mesopotamia[3733] , tên là

Andrei và Pavel; cùng với họ còn có một người Kitô hữu tên là Nikomakh, người đã lớn tiếng và không ngừng kêu lên:

– Tôi là người Kitô hữu!

Hê-gê-môn, khi thấy Nicomachus công khai tuyên xưng mình là người Kitô hữu trước mặt mọi người, đã hỏi An-rê và Phao-lô:

– Còn các ngươi thì sao?

Họ đáp:

– Chúng tôi cũng là Kitô hữu.

Lúc đó, Igemon nói với Nicomachus:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần theo lệnh của hoàng đế.

Nicomachus đáp:

– Chẳng lẽ ngài không biết rằng người Kitô hữu không dâng lễ vật cho ma quỷ sao?

Ngay lập tức, quan tổng trấn ra lệnh cho binh lính lột trần Nicomachus, treo ông lên cây tra tấn và hành hạ thân thể ông bằng các dụng cụ sắt.

Khi Nicomachus đã gần kề cái chết và chỉ còn phải chịu đựng thêm một chút nữa là sẽ nhận được vương miện tử đạo (mà dường như đã nằm trong tay ông), thì bất ngờ ông lại tự tước đi vương miện vinh quang đó. Bỏ qua lời xưng tội chân thành, ông đã chối bỏ Chúa Kitô và kêu lên cho mọi người nghe:

– Tôi chưa bao giờ là Kitô hữu! Tôi đồng ý dâng lễ vật cho các vị thần.

Và ngay lập tức, các binh lính ngừng tra tấn ông và tháo ông xuống khỏi cây tra tấn.

Khi tên bội đạo khốn kiếp này dâng lễ vật cho các thần tượng và quỳ lạy chúng, thì một con quỷ xông vào tấn công anh ta và đập mạnh anh ta xuống đất, khiến Nicomachus trở nên điên cuồng, cắn lưỡi mình và phun ra bọt máu cho đến khi thổi hồn khốn kiếp của mình ra khỏi cõi đời.

Trong khi tất cả những điều này đang diễn ra, một thiếu nữ mười sáu tuổi tên là Christina, đang đứng giữa đám đông, đã quay sang Nikomachos đang bị quỷ ám và nói với hắn:

– Hỡi người khốn khổ và sắp chết! Chỉ vì một giờ duy nhất mà giờ đây ngươi đã tự chuốc lấy sự đau khổ vĩnh viễn và không thể tả xiết.

Nghe vậy, quan tổng trấn ra lệnh bắt cô gái đó và đưa ra trước tòa; sau đó ông hỏi cô:

– Ngươi có phải là người Kitô hữu không?

Cô gái đáp:

– Vâng, tôi là người Kitô hữu, và giờ đây tôi đang khóc lóc và thương xót cho sự diệt vong của người khốn khổ kia; người đã không chịu chịu đựng nỗi đau khổ ngắn ngủi để đổi lấy sự bình an vĩnh cửu cho chính mình.

Igemon nói với cô:

– Giờ đây anh ta đã được an nghỉ, vì đã dâng lễ vật lên các vị thần; nhưng để các ngươi, những người Kitô hữu, không phỉ báng anh ta, hai vị nữ thần vĩ đại của chúng ta là Diana và Venus đã thương xót đưa anh ta đi khỏi đây. Nhưng ta muốn ngươi cũng phải dâng lễ vật lên các vị nữ thần này, nếu không muốn bị sỉ nhục và bị thiêu sống trên ngọn lửa.

Thánh nữ đáp lại:

[3733] Mesopotamia – một vùng đất đá và cát, nằm giữa hai con sông Tigris và Euphrates, trải dài từ Armenia ở phía bắc đến Vịnh Ba Tư ở phía nam.

– Đức Chúa Trời của tôi quan trọng hơn ngươi, và vì thế tôi không sợ những lời đe dọa của ngươi. Tôi đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời của tôi, và tin rằng Ngài sẽ bảo vệ tôi và ban cho tôi sự kiên nhẫn trong mọi việc.

Lúc đó, vị thống đốc ra lệnh giao nàng cho hai thanh niên dâm đãng để chúng làm ô uế và làm nhục nàng. Còn Andrei và Pavel thì bị ra lệnh giam vào ngục tối, trong khu giam giữ nơi Dionysius đang bị giam.

Trong khi đó, hai thanh niên vô liêm sỉ kia, sau khi bắt được cô thiếu nữ trong sạch và thánh thiện, vội vã dẫn cô về nhà mình với ý định làm nhục cô; nhưng ngay khi vừa đưa cô về nhà, dục vọng xác thịt của họ bỗng dưng tắt lịm và họ không thể làm ô uế cô cho đến tận nửa đêm. Đêm đó, một chàng trai rạng rỡ xuất hiện bên cạnh Thánh Christina, ánh sáng của chàng chiếu rọi khắp cả ngôi nhà. Những chàng trai ấy vì sợ hãi mà ngã xuống đất như người chết; khi tỉnh lại, họ quỳ sấp xuống chân thánh Christina, van xin nàng cầu nguyện với Đức Chúa Trời của nàng để họ không phải chịu bất kỳ hình phạt nào từ Ngài. Nàng bèn đỡ họ dậy khỏi mặt đất và nói với họ:

– Đừng sợ, hãy biết rằng chàng trai mà các con đã thấy chính là Thiên Thần thánh, được Chúa Kitô, Thiên Chúa của ta, sai đến để bảo vệ sự trinh khiết của ta, luôn sẵn sàng tiêu diệt bất cứ ai dám đụng chạm đến ta.

Như vậy, trinh nữ thánh Christina đã giữ được sự trong sạch, được chính Thiên Chúa bảo vệ.

Sáng hôm sau, dân chúng trong thành phố đó, bị các thầy tế lễ thờ thần tượng xúi giục, đã đến gặp quan tổng trấn và đòi ông giao những người Kitô hữu đang bị giam trong ngục cho họ. Quan tổng trấn dẫn Dionysius, Andrew và Paul ra khỏi ngục và nói với họ:

– Các ngươi phải dâng lễ vật cho nữ thần vĩ đại Diana.

Nhưng các thánh đáp lại:

– Chúng tôi không biết Diana hay bất kỳ ác quỷ nào khác trong số những vị mà các ngài tôn thờ; chúng tôi chỉ biết và tôn thờ Đức Chúa Trời của chúng tôi, là Chúa Giê-su Christ.

Dân chúng, nghe câu trả lời như vậy từ các vị tử đạo, lại bắt đầu lớn tiếng đòi quan tổng trấn giao nộp cho họ những người Kitô hữu đang phỉ báng các vị thần của họ. Quan tổng trấn liền ra lệnh đánh đập các vị tử đạo, rồi sau đó ra lệnh giao họ cho dân chúng.

Lúc đó, đám đông buộc dây thừng vào chân các thánh, kéo các ngài ra khỏi thành trong tiếng la hét ầm ĩ, với ý định ném đá các ngài tại đó.

Khi các thánh tử đạo đang bị ném đá, thánh Christina, khi biết tin này, vội vã chạy đến nơi đó và, quỳ xuống bên thi thể các thánh đang bị ném đá, nước mắt tuôn trào, bà nói:

– Con muốn chết cùng các ngài trên trần gian này, để được sống cùng các ngài trên thiên đàng!

Trong khi đó, thống đốc được báo tin rằng một thiếu nữ Kitô hữu, vốn bị giao cho hai thanh niên để làm nhục, đã được một chàng trai trẻ rạng rỡ nào đó giải cứu khỏi tay họ; sau khi trốn khỏi nhà hai thanh niên đó, cô đã đến nơi các Kitô hữu đang bị ném đá và quỳ xuống bên thi thể các ngài. Khi biết được điều này, vị thống đốc đã ra lệnh xử tử cô bằng cách chém đầu bằng gươm.

Như vậy, tất cả các thánh tử đạo đã được nhắc đến, những người đã chiến đấu chống lại ma quỷ, thế gian và thống đốc Opitimina, đã được ban ơn trở thành những người chiến thắng kẻ thù của mình nhờ sự trợ giúp của Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta; trong đó, Phêrô đã bị hành hình sau nhiều hình thức tra tấn khác nhau, Đionisiô, Andrei và Pavel bị ném đá đến chết, còn thánh nữ Christina thì bị chém bằng gươm. Tất cả những sự kiện này diễn ra tại thành phố Lampsacus, dưới triều vua Decius[3734] .

Còn các thánh tử đạo – Heraclius, Pavlin và Venedim – là công dân Athens. Họ đã rao giảng danh Chúa Kitô tại Athens với lòng can đảm lớn lao và khuyên nhủ tất cả những kẻ vô đạo từ bỏ việc thờ lạy thần tượng phù phiếm của mình và chịu phép rửa tội nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Vì việc rao giảng này, các ngài đã bị bắt và đưa ra thẩm vấn trước quan tổng trấn Athens. Trong buổi thẩm vấn, các ngài đã xưng nhận Đức Chúa Trời chân thật, Đấng Tạo Hóa của muôn loài, còn gọi các thần tượng là những hòn đá và cây cối vô tri, là sản phẩm do tay người tạo ra. Vì đã xưng danh Chúa Kitô, các thánh tử đạo này đã phải chịu nhiều hình phạt tàn bạo và cuối cùng, cùng với các môn đệ của mình, họ bị ném vào lò lửa, sau đó đã qua đời[3735] . Nhờ công đức của mình, họ đã nhận được những vương miện bất diệt từ Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng mà vinh quang được dâng lên muôn đời. Amen.

[3734] Decius trị vì từ năm 249 đến năm 251.

[3735] Năm qua đời của các thánh tử đạo – Heraclius, Paulinus và Venedimus – không được biết rõ. Có lẽ sự kiện này diễn ra vào thế kỷ IV hoặc thế kỷ V.

Sự tử đạo của các thánh tử đạo Simeon, Isaac và Vachtis.

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 5

Các thánh tử đạo của Chúa Kitô là Simeon, Isaac và Vachtisi xuất thân từ Ba Tư và đã chịu khổ nạn dưới triều đại của vua vô đạo Sapor[3736] . Vì họ là Kitô hữu, nên những kẻ thờ ngẫu tượng đã bắt giữ họ và ép buộc họ từ bỏ Chúa Kitô để thờ phượng mặt trời và lửa[3737] , nhưng họ đã đáp lại rằng:

– Chúng tôi sẽ không từ bỏ Đấng Tạo Hóa của muôn loài và cũng sẽ không thờ phượng mặt trời và lửa.

Lúc đó, những kẻ tra tấn đã trói tay chân họ và đánh đập họ dã man, sau đó ném họ vào ngục tối, nơi họ không được ăn uống gì trong suốt bảy ngày. Sau đó, họ bị lôi ra khỏi ngục tối và phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn, cuối cùng, đầu của họ đã bị chém đứt bằng gươm. Các thánh tử đạo đã qua đời như vậy.

Tháng Sáu

1 tháng 6

19 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, người ta tưởng nhớ Thánh Kornilii Komelsky, vị thánh làm phép lạ ở Vologda, người đã qua đời năm 1537 tại tu viện Komelsky do chính ngài thành lập (cách thành phố Gryazovets 5 verst), nơi lưu giữ thi hài thánh của ngài.

Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Patrik và ba linh mục cùng ngài: Akakiy, Menandros và Polien

Ngày kỷ niệm: 19 tháng 5

Ngai giám mục của Thánh Patrik nằm tại thành phố Prussa thuộc Bithynia[3738] . Một lần nọ, ngài bắt đầu công khai vạch trần những lầm lạc của những người ngoại đạo và rao giảng đức tin vào Đấng Christ; lời rao giảng của ngài đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo đến với Chúa Kitô; vì điều này, ngài đã bị những người ngoại đạo bắt giữ cùng với ba linh mục – Akakios, Menandros và Polyienos – và bị đưa đến thẩm vấn trước Igemon Julius của Bithynia, một người sùng bái thần tượng cuồng nhiệt. Vị quan này, lúc đó đang trên đường đến các suối nước nóng[3739] , đã ra lệnh cho người ta dẫn theo cả vị giám mục Kitô giáo cùng các linh mục của ngài, những người đang bị xiềng xích bằng sắt. Khi đến các suối nước nóng và tắm rửa tại đó, Julius đã dâng lễ vật cho vị thần ô uế của mình là Asclepius[3740] và nữ thần đồi bại Sotiria[3741] . Sau đó, ông ta ngồi trên ghế xét xử và gọi Thánh Patricius cùng các linh mục đến, rồi nói với ngài:

[3736] Sapor II Đại đế trị vì ở Ba Tư từ năm 310 đến năm 381. Ông nổi tiếng với những cuộc chiến thắng lợi trước người La Mã; đồng thời là kẻ đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu.

[3737] Người Ba Tư tôn sùng Mifru, hay mặt trời, là vị thần tối cao. Họ cũng thờ phụng lửa.

[3738] Vùng Tiểu Á.

[3739] Igemon Julius đã đến các suối nước nóng với mục đích chữa bệnh. Những suối nước này thực sự có tác dụng chữa bệnh, nhờ vào các chất khoáng khác nhau hòa trộn trong nước. Trong thời cổ đại, có rất nhiều suối nước nóng như vậy được biết đến ở Ý, trên đảo Sicily.

[3740] Asclepius hay Aesculapius – vị thần Hy Lạp-La Mã, được coi là vị thần bảo trợ của nghệ thuật y học.

[3741] Sotiria (từ tiếng Hy Lạp) – "người cứu rỗi" – là tên gọi chung dành cho các nữ thần chữa bệnh, theo quan niệm của những người theo đạo đa thần. Thông thường, danh xưng này được gán cho các nữ thần Athena hoặc Aphrodite.

– Kẻ điên rồ, kẻ kêu cầu Chúa Kitô và tin vào những chuyện hoang đường! Hãy nhìn xem, quyền năng của các vị thần chúng ta vĩ đại biết bao. Hãy nhìn xem, họ đã ban cho những suối nước này sức mạnh chữa lành như thế nào để mang lại lợi ích cho chúng ta. Và trước hết, hãy hiểu rõ quyền năng và lòng thương xót của cha chúng ta, Asclepius, vĩ đại biết bao! Nếu ngươi muốn thoát khỏi xiềng xích và đau khổ, và sống bình an trên quê hương mình, thì hãy quỳ xuống, thờ lạy ngài với lời cầu khẩn khiêm nhường và dâng lễ vật lên ngài.

Thánh Patricius đáp lại như sau:

– Ôi, ngài đã thốt ra biết bao điều ác độc trong bài diễn văn ngắn ngủi của mình, ngài Igemon!

Igemon tức giận nói với ngài:

– Ta đã nói điều gì sai trái chứ? Ngươi có thể buộc tội ta về điều gì, hỡi kẻ khốn nạn! Chính ngươi cũng phải thừa nhận điều hiển nhiên, không cần đến sự lừa dối hay mưu mô nào cả: chẳng phải chính mắt ngươi đã thấy những phép chữa lành được ban tặng từ những suối nước ấm nhờ sức mạnh của các vị thần toàn năng của chúng ta sao?

Thánh Patricius đáp lại:

– Thưa ngài Igemon sáng suốt! Nếu ngài muốn biết sự thật về nguồn gốc, dòng chảy và sức mạnh chữa lành của suối nước ấm này, thì tôi sẽ kể cho ngài nghe tất cả những điều đó, nếu ngài vui lòng lắng nghe tôi với lòng khiêm nhường.

Thống đốc đáp lại:

– Dù tôi không nghĩ rằng mình sẽ nghe được gì khác từ ngài ngoài những câu chuyện ngụ ngôn đầy hư cấu, nhưng hãy cứ nói đi, để tôi nghe xem ngài muốn nói gì.

Vị thánh đáp:

– Tôi không muốn kể chuyện bịa đặt, mà muốn nói với ngài sự thật.

Thống đốc nói:

– Vậy ngươi chỉ ra nguồn sức mạnh nào khác của nước nóng ngoài sức mạnh của các vị thần của chúng ta?

Vị thánh đáp lại:

– Tôi là một Kitô hữu, và bất cứ ai tuyên xưng đức tin Kitô giáo này và thờ phượng Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, thì bằng trí tuệ của mình có thể thấu hiểu những mầu nhiệm của Đức Chúa Trời; vì vậy, dù tôi là kẻ có tội, nhưng khi tự xưng mình là tôi tớ của Đức Kitô, tôi biết và có thể nói cho ngài nghe sự thật về những dòng nước này.

Igemon nói:

– Chẳng lẽ ngươi lại táo bạo và liều lĩnh đến mức tự cho mình thông minh hơn các nhà triết học của chúng ta sao?

Thánh nhân đáp:

– *"Sự khôn ngoan của thế gian này là sự điên rồ trước mặt Đức Chúa Trời, như đã chép: 'Ngài bắt những người khôn ngoan phải sa vào mưu mô của chính họ'"* (1 Cô-rinh-tô 3:19). Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, khi tôn vinh Cha Ngài, đã phán: *"Con ngợi khen Cha, Chúa của trời và đất, vì Cha đã giấu điều này khỏi những người khôn ngoan và thông thái, mà lại bày tỏ cho những trẻ thơ"* (Lc 10:21). Và Sứ đồ cũng nói: họ không hiểu được lẽ thật: *"vì nếu họ hiểu được, thì họ đã không đóng đinh Chúa vinh quang"* (1 Cr 2:8).

Vị trưởng tu viện nói với vị thánh:

– Ngài nói những điều khó hiểu. Tốt hơn là hãy nói, nhờ sức mạnh và sự sắp đặt của ai mà những dòng nước ấm áp và chữa lành này chảy ra? Riêng phần tôi, tôi cho rằng đó là sự an bài của các vị thần của chúng ta, những Đấng đã muốn giúp đỡ loài người theo cách này.

Đáp lại điều đó, Thánh Patricius, vị thánh của Chúa Kitô, đã nói với vị thống đốc:

– Trước khi tôi bắt đầu nói, thưa ngài Igemon, xin hãy ra lệnh dỡ bỏ hàng rào[3742] để mọi người đều có thể nghe thấy lời tôi.

Theo lệnh của vị thống đốc, hàng rào đã được dỡ bỏ và dân chúng tràn ngập khắp nơi xung quanh. Sau đó, vị thánh bắt đầu nói to như sau:

[3742] Thông thường, nơi mà vị thống đốc (igemon) ngự trị và xét xử các Kitô hữu được rào chắn lại, vì trong hầu hết các trường hợp, việc xét xử các Kitô hữu diễn ra ngoài trời.

– Chính Đức Chúa Trời toàn năng và vĩnh cửu, Đấng là Đấng Sáng Tạo loài người, đã tạo ra lửa và nước từ hư không qua Con Một duy nhất của Ngài. Từ lửa, Ngài đã dùng Lời của Ngài tạo ra ánh sáng, mặt trời và các thiên thể khác, và chỉ định chúng chiếu sáng cả ngày lẫn đêm: quyền năng toàn năng của Ngài đã lan tỏa đến mức độ mà Ngài muốn. Từ nước, Ngài đã tạo ra vòm trời và đặt trái đất trên mặt nước. Bằng sự an bài toàn tri của Ngài, Ngài đã sắp đặt trên trời và dưới đất mọi thứ mà con người – những người cũng do Ngài tạo dựng – không thể thiếu để sống. Nhưng khi thấy rằng những con người do Ngài tạo dựng sẽ làm phật lòng Ngài, Đấng Tạo Hóa của họ, và bỏ qua việc tôn kính Đức Chúa Trời chân thật để tự tạo ra những thần tượng vô hồn và thờ lạy chúng, – vì lý do đó, Ngài đã chuẩn bị hai nơi để con người chuyển đến sau khi kết thúc cuộc đời trần thế. Nơi thứ nhất, Ngài đã chiếu sáng bằng ánh sáng vĩnh cửu và tràn ngập những ân huệ dồi dào và không thể tả xiết; còn nơi kia thì Ngài lấp đầy bằng bóng tối vô tận, ngọn lửa không thể dập tắt và những cực hình vĩnh viễn; những ai tuân giữ các điều răn của Ngài và làm đẹp lòng Ngài sẽ được chuyển đến nơi sáng; còn những ai làm phật lòng Đấng Tạo Hóa bằng cuộc sống bất chính của mình và vì thế xứng đáng chịu hình phạt sẽ bị ném vào nơi tối tăm. Và như vậy, những ai được an cư tại nơi sáng sủa sẽ sống cuộc đời bất tử trong niềm vui không ngừng và vô tận, còn những ai ở nơi tối tăm sẽ phải chịu đau khổ liên miên suốt vô số thế kỷ. Sau khi tách lửa khỏi nước và ánh sáng khỏi bóng tối, Đấng Tạo Hóa đã tạo ra từng thứ một cách riêng biệt và chỉ định cho mỗi thứ vị trí của nó. Lửa và nước đều hiện diện cả trên vòm trời lẫn dưới lòng đất; nước mà ta thấy trên mặt đất, được tập trung vào các kho chứa của nó, được gọi là biển (Sáng Thế Ký 1:10), còn nước nằm dưới lòng đất được gọi là vực thẳm; từ vực thẳm này, vì lợi ích của con người sống trên đất và nói chung là vì lợi ích của mọi sinh vật, nước được đưa lên cao qua lòng đất, như thể qua các ống dẫn nước; khi trào lên bề mặt đất, chúng tạo thành các suối, giếng hoặc sông. Những dòng nước chảy dưới lòng đất đi qua gần ngọn lửa sẽ trào lên bề mặt với nhiệt độ ấm, còn những dòng chảy xa ngọn lửa thì trào lên bề mặt đất với nhiệt độ lạnh. Chính vì thế mà những dòng nước này ấm, bởi vì trong quá trình chảy, chúng đi gần ngọn lửa dưới lòng đất; còn ở những nơi khác, có những dòng nước lạnh buốt, đóng băng thành băng, vì chúng nằm ở khoảng cách xa ngọn lửa. Vậy nên, ngọn lửa dưới lòng đất được dành để hành hạ những linh hồn bất chính; còn nước của địa ngục, khi hóa thành băng, được gọi là Tartarus[3743] , nơi các vị thần của các ngươi và những ai thờ phụng họ sẽ phải chịu cực hình vô tận, như một trong những nhà thơ của các ngươi đã ca ngợi, rằng: "Các ranh giới (cuối cùng) của đất và biển chẳng là gì khác ngoài những cực hạn, nơi Iapet và Saturn[3744] (đó là tên của các vị thần của các ngươi) không được hưởng ánh sáng rực rỡ của mặt trời, cũng như không được hưởng những cơn gió mát mẻ"; nói cách khác: các vị thần của các ngươi, những vị ngự trong bóng tối và ở Tartarus, không được ánh sáng mặt trời chiếu rọi hay sưởi ấm, còn những vị ngự trong lửa thì không được gió làm mát. – Tartarus dưới lòng đất nằm sâu hơn tất cả các vực thẳm khác, cũng như bầu trời cao hơn tất cả các đỉnh núi trên mặt đất. Và việc ngọn lửa dành cho những kẻ bất chính đã được chuẩn bị sẵn dưới lòng đất, điều này được xác nhận bởi những suối nước sôi sục, vốn ở Sicily[3745] phun trào từ lòng đất[3746] .

Sau khi nghe những lời của vị thánh, vị thống đốc hỏi ngài:

– Vậy thì, Đấng Kitô của các ngươi chính là Đấng Tạo Hóa của tất cả những điều mà ngươi vừa nói.

Thánh Patricius đáp:

– Quả thật, chính Chúa Kitô, chứ không phải ai khác, là Đấng Tạo Hóa của muôn loài; vì có chép rằng: *"Mọi sự đều nhờ Ngài mà có, và không có Ngài thì chẳng có gì đã có"* (Ga 1,3). Và còn nữa: *"Vì các thần của các dân tộc đều là hư không, còn Chúa là Đấng đã tạo dựng các tầng trời"* (1 Sử ký 16:26).

Higemón lại hỏi vị thánh:

– Ngươi có gọi Đức Kitô là Đấng Tạo Hóa của các tầng trời không?

[3743] Khi bàn luận về Tartarus, Thánh Patricius cố gắng thấu hiểu những người ngoại đạo xung quanh mình và trình bày cho họ chính quan điểm của họ về Tartarus. – Theo thần thoại Hy Lạp cổ đại, Tartarus là một vực thẳm tăm tối, cách xa bề mặt trái đất bằng khoảng cách từ trời đến đất. Theo quan niệm của người Hy Lạp, Tartarus được bao quanh bởi ba lớp bóng tối và một bức tường sắt; nơi đây là nơi giam giữ các vị thần bị phế truất.

[3744] Iapet – một trong những Titan – con của Uranus (bầu trời) và Gaia (trái đất). Theo thần thoại Hy Lạp, Iapet (cùng với Cronus) đã nổi loạn chống lại vị thần tối cao – Zeus, và vì thế đã bị Zeus giam cầm trong Tartarus. – Saturn – vị thần La Mã cổ đại, được coi là vị thần bảo hộ của đất đai và mùa màng. Theo thần thoại Hy Lạp, Saturn cũng giống như Iapetus, đã bị Zeus lật đổ khỏi trời và bị giam cầm tạm thời trong Tartarus.

[3745] Sicily – một trong những hòn đảo lớn nhất của Địa Trung Hải, hiện nay thuộc Vương quốc Ý.

[3746] Hòn đảo Sicily, nhờ có nhiều khe nứt và hố sâu trong các dãy núi đá vôi bao phủ nó, nên có rất nhiều suối nước nóng.

Vị thánh đáp:

– Tôi gọi Đấng Christ là Đấng Tạo Hóa của muôn loài, vì có chép rằng: *"Khi tôi ngước nhìn lên các tầng trời của Ngài – công trình của các ngón tay Ngài, lên mặt trăng và các vì sao mà Ngài đã đặt"* (Thi Thiên 8:4).

Thống đốc nói:

– Vậy, nếu ta ném ngươi vào dòng nước nóng này, mà ngươi gọi Đấng Christ là Đấng Tạo Hóa của nó chứ không phải các vị thần của chúng ta, thì liệu Đấng Christ có bảo vệ ngươi khỏi ngọn lửa của nó không?

Thánh nhân đáp:

– Tôi biết quyền năng của Đấng Christ của tôi; tôi biết rằng Ngài có thể giữ cho tôi nguyên vẹn và không bị tổn hại trước những dòng nước này, nếu Ngài muốn: còn bản thân tôi thì mong muốn, nhờ những dòng nước ấy, được giải thoát khỏi cuộc đời tạm bợ này, để được sống đời đời với Đấng Christ; tuy nhiên, xin cho ý muốn thánh thiêng của Ngài, chứ không phải ý muốn của tôi, được thực hiện trên tôi; vì không có ý muốn ấy, thì không một sợi tóc nào trên đầu con người sẽ rụng xuống, và không một con chim nào sẽ sa vào lưới. Nhưng xin tất cả những ai đang nghe lời tôi lúc này hãy biết rằng, những kẻ cùng với ngươi thờ lạy hòn đá vô tri như thần linh sẽ phải chịu sự đau khổ vĩnh viễn trong ngọn lửa không tắt dưới lòng đất và trong địa ngục Tartarus.

Nghe vậy, quan tổng trấn nổi cơn thịnh nộ dữ dội và lập tức ra lệnh lột trần vị thánh, rồi ném ngài xuống chính nơi suối nước sôi sục đang phun trào. Còn vị thánh, khi đang bị ném xuống, đã kêu cầu Thiên Chúa, nói rằng:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin giúp con, tôi tớ của Ngài!

Khi vị thánh bị ném xuống nước, những giọt nước bắn ra từ suối nóng như những tia lửa cháy bỏng, và khi văng trúng những người đứng xung quanh, đã gây ra những vết bỏng nặng nề cho họ. Còn thánh Patricius thì vẫn an toàn trong dòng nước ấy, như đang ở nơi mát mẻ, và trong niềm hân hoan, ngài ca ngợi Đức Chúa Kitô.

Thấy vậy, những kẻ tra tấn càng nổi cơn thịnh nộ hơn. Hê-gê-môn ra lệnh cho binh lính vớt vị thánh ra khỏi nước và dùng rìu chém đầu ngài, cùng với ba vị linh mục.

Chuẩn bị cho việc bị chém đầu, vị tử đạo và người làm chứng cho Chúa Kitô đã giơ hai tay lên trời và nói:

– Lạy Thiên Chúa, Vua của muôn loài và Chúa Tể, Đấng nắm giữ trong quyền năng của Ngài mọi thụ tạo hữu hình và vô hình, Đấng lắng nghe mọi lời kêu cầu chân thành hướng về Ngài, Đấng đã tạo dựng cả những dòng nước này để cứu rỗi những người công chính và trừng phạt những kẻ bất chính! Xin Ngài hiện diện cùng con lúc này, khi con sắp lìa đời để làm chứng cho đức tin nơi Ngài!

Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, vị thánh đã cúi đầu thánh của mình để bị chém và qua đời một cách tử đạo. Cùng với ngài, ba vị linh mục thánh của ngài là Akakios, Menandros và Polien cũng bị chém đầu, và tất cả cùng nhau được đón nhận trước mặt Đức Kitô, Thiên Chúa, trong vinh quang của các thánh. Còn thánh Patricius cùng các thừa tác viên của ngài đã bị sát hại vào ngày mười chín tháng Năm[3747] và đã nhận được vương miện vinh quang từ Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Đấng xứng đáng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được tôn vinh và ca ngợi ngay bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Vì ngài được chiếu sáng bởi lòng nhân từ của chức thánh, và được tô điểm bởi máu của sự chịu khổ, cùng với những người đã chịu khổ với ngài, thánh Patricius, khi đứng trước Chúa Kitô, xin hãy nhớ đến chúng con, như một vị tử đạo cao quý.

Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Kaluf người Ai Cập

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 5

Thánh Tử đạo Kaluf của Chúa Kitô đã chịu tử đạo dưới triều đại của Hoàng đế Maximian[3748] . Ngài sinh ra tại thành phố Thebes của Ai Cập[3749] và vì tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô mà bị bắt và giao nộp cho quan tổng

[3747] Thời điểm họ qua đời không được biết chính xác, người ta cho rằng điều đó xảy ra vào giữa thế kỷ IV.

[3748] Ở đây, tất nhiên, là Maximianus Herculus, đồng trị vì với Diocletianus, người mang tước hiệu Augustus và cai trị Ý cùng châu Phi từ năm 284 đến năm 305.

trấn. Vị quan này ra lệnh buộc một tảng đá lớn vào cổ ngài và treo ngài ngược đầu xuống, sau đó các đao phủ bắt đầu đánh đập ngài, nhưng vị thánh tử đạo đã nói với họ:

– Tôi khao khát sự hạnh phúc trong cuộc sống tương lai và vì điều đó, tôi kiên nhẫn chịu đựng những trận đòn và đau khổ.

Sau khi bị tra tấn như vậy, vị thánh được tháo xuống khỏi cây và bị ép phải dâng lễ vật cho các thần tượng, nhưng ngài đã từ chối làm điều đó. Lúc đó, ngài bị ném vào lửa, nơi ngài đã kết thúc cuộc đời trần thế.

Ngày lễ kính Thánh Công tước Gioan Uglich, với tên tu sĩ là Ignatius, vị thánh làm phép lạ của Vologda

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 5

Thánh Công tước John, người có đức tin vững vàng, là con trai của Công tước Andrei Vasilyevich Uglichsky[3750] – một vị công tước có đức tin vững vàng và yêu mến Chúa Kitô – và Công nương Elena, người có đức tin vững vàng. Ngài đã nhận phép rửa tội tại thành phố Velikie Luki[3751] và khi đến tuổi, ngài nhanh chóng học được chữ viết. Ngài có tính cách hiền lành và ôn hòa, không thích các trò chơi trẻ con và, luôn giữ sự tiết độ trong mọi việc, ngài đã sống tại nhà cha mình cho đến năm ba mươi tuổi. Trong thời gian này, kẻ thù của loài người, kẻ ghét điều thiện, đã xúi giục Đại công tước Ioann Vasilievich của Moskva[3752] căm ghét anh trai ruột của mình, Công tước Andrei Vasilievich của Uglich, cùng các con trai của ông, là Ioann và Dimitri, và ông đã ra lệnh bắt giữ họ, xiềng xích họ bằng những chiếc cùm nặng nề, đưa họ đến thành phố Pereyaslavl[3753] và giam họ vào ngục tối. Sau đó, họ được chuyển trước tiên đến Belozero[3754] , rồi đến thành phố Vologda[3755] , nơi họ, bị xiềng xích trong ngục tối dưới sự canh gác nghiêm ngặt, đã sống nhiều năm. Hoàng tử thánh thiện Ioann Andreevich, nổi tiếng vì sự khôn ngoan, đã an ủi người anh em của mình, Hoàng tử Dimitri, và nói với ông:

– Anh ơi! Đừng buồn phiền vì bị giam trong ngục tối và phải chịu đựng xiềng xích này. Chúa đã thúc giục chú của chúng ta, Đại công tước Ioann Vasilievich, đối xử với chúng ta như vậy để mang lại lợi ích cho linh hồn chúng ta, vì qua đó Ngài đã khiến chúng ta không thể bận tâm đến những điều phù du của thế gian này. Vậy chúng ta hãy cầu nguyện cùng Chúa Trời, để Ngài ban cho chúng ta ân sủng của Ngài, giúp chúng ta vui vẻ chịu đựng những đau khổ này nhân danh Ngài và thoát khỏi những cực hình vĩnh cửu.

Sau khi tìm được sự an ủi trong những đau khổ và sự ăn năn về tội lỗi của mình, vị Công tước thánh thiện đã ở trong ngục tối và bị xiềng xích suốt ba mươi hai năm, và cuối cùng, khi lâm bệnh nặng, ngài cảm nhận được cái chết đang cận kề. Ngài đã mời Thánh Dimitri[3756] và vị tu viện trưởng Misail từ Tu viện Spassky đến bên mình, và nhận lễ cắt tóc tu sĩ từ họ, đồng thời được đặt tên là Ignatius. Niềm vui và sự hân hoan tràn ngập tâm hồn vị hoàng tử thánh thiện khi ngài khoác lên mình phẩm trật Thiên Thần. Sau khi rước Mình Thánh Chúa, ngài làm dấu thánh giá và an nghỉ trong cõi vĩnh hằng. Sự việc này xảy ra vào ngày mười chín tháng Năm năm 1522[3757] . Sau khi vị

[3749] Thành phố Thebes nằm ở Thượng Ai Cập và tọa lạc trên cả hai bờ sông Nile.

[3750] Thành phố Uglich, hiện là thị trấn huyện thuộc tỉnh Yaroslavl, nằm bên sông Volga.

[3751] Thành phố Velikie Luki, trước thế kỷ XV chỉ được gọi đơn giản là Luki, không có tính từ "Velikie", thuộc số những thành phố cổ xưa nhất của Nga: nó được đề cập trong Biên niên sử Novgorod vào năm 1166. Hiện nay, đây là một thị trấn huyện thuộc tỉnh Pskov, nằm dọc hai bờ sông Lovat và trên đảo Dyatlovka.

[3752] Đại công tước Ioann III Vasilyevich trị vì tại Moskva từ năm 1462 đến năm 1505. Ông nghi ngờ anh trai mình là Andrei phản bội vì người này đã không điều quân đến hỗ trợ ông chống lại người Tatar, và vì lý do đó, ông đã giam giữ anh trai cùng gia đình vào ngục tối.

[3753] Vào thời Thánh Công tước Ioan, ở vùng Đông Bắc Nga có hai thành phố mang tên Pereyaslavl. Một thành phố nằm ở tỉnh Vladimir ngày nay và có tên là Pereyaslavl-Zalessky, còn thành phố kia nằm ở tỉnh Ryazan ngày nay và vào năm 1778, khi khu hành chính Ryazan được thành lập, đã được đổi tên thành Ryazan và trở thành thành phố cấp tỉnh. Thành phố sau được thành lập vào khoảng năm 1095 bởi Công tước Murom Konstantin Yaroslav Svyatoslavich, còn Pereyaslavl-Zalessky tại vị trí hiện nay được thành lập vào năm 1162 bởi Công tước Suzdal Yuri Vladimirovich Dolgoruky. Có thể suy đoán rằng nơi giam giữ Công tước Andrei và gia đình ông là Pereyaslavl Ryazansky, vì tại đây vào khoảng năm 1513 có đề cập đến một nhà tù được bao quanh bởi tường gỗ.

[3754] Bêlo-Ozero – nay là Bêlozersk, một thị trấn cấp huyện thuộc tỉnh Novgorod. Các hoàng tử anh em đã được chuyển đến Bêlo-Ozero sau khi cha họ qua đời vào ngày 7 tháng 10 năm 1443. Mẹ của họ, Công chúa Elena, đã qua đời trước đó, vào năm 1442.

[3755] Vologda, hiện là thành phố cấp tỉnh, nằm bên sông Sukhona, một nhánh của sông Severnaia Dvina.

[3756] Tất nhiên, nơi đây có Tu viện Spaso-Prilutsky, được thành lập vào năm 1371, cách Vologda 5 verst bởi Thánh Dimitri, người đầu tiên đưa chế độ sống cộng đồng vào vùng Vologda. Ngày kỷ niệm Thánh Dimitri được tổ chức vào ngày 11 tháng 2.

hoàng tử thánh thiện qua đời, từ thi thể ngài toát ra một mùi hương thơm ngát, lan tỏa khắp thành phố. Lúc bấy giờ, cư dân thành phố đã chuẩn bị thi thể ngài để an táng, rồi rước đến tu viện của Thánh Phụ Dimitri Prilutsky, vào nhà thờ Đức Chúa Cứu Thế Toàn Năng và an táng dưới bàn thờ gần Thánh Dimitri Tạo Phép Lạ; tại nơi này, các vị thánh vẫn tiếp tục ban ơn chữa lành cho những ai đến với lòng tin cho đến ngày nay.

Ngày tưởng niệm Thánh Cha Gioan, Giám mục Gotha.

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 5

Thánh Cha Gioan của chúng ta đã sống tại xứ Gotf[3758] dưới triều đại của Hoàng đế Constantine[3759] . Ngài được sinh ra nhờ lời cầu nguyện của cha mẹ, giống như tiên tri Samuel trong thời cổ đại (1 Sa-mu-ên 1:9–20), và từ thuở thiếu thời đã dấn thân vào đời sống tu hành, trở thành nơi ngự của Chúa Kitô. Ngài đã thực hiện một chuyến hành hương đến Giê-ru-sa-lem và, sau khi viếng thăm tất cả các thánh địa trong vòng ba năm, ngài trở về quê hương. Vào thời điểm đó, Hoàng đế Constantine đã chuyển vị giám mục tại địa phương đến Heraclea của Thrace[3760] , và các Kitô hữu Chính thống người Goth đã nài nỉ Thánh Gioan làm giám mục cho họ. Họ đưa ngài đến Iberia[3761] , nơi ngài được tấn phong làm giám mục và sau đó lại trở về quê hương. Khi đất nước ông xảy ra hỗn loạn do Kagan gây ra[3762] , người đã dùng gươm tàn sát nhiều dân vô tội, thì ông may mắn tìm được cơ hội trốn thoát và đến Amastrida[3763] , nơi ông sống trong bốn năm. Nghe tin Kagan qua đời, ông nói với những người từng theo ông:

– Bốn mươi ngày nữa, ta sẽ ra trước mặt Chúa Kitô để đối chất với hắn.

Và điều đó quả thực đã xảy ra. Bốn mươi ngày sau đó, Thánh Gioan giảng dạy dân chúng, hướng dẫn họ đến sự cứu rỗi linh hồn, và vào lúc đó, ngài đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[3764] . Ngay lập tức, đúng như lời tiên đoán của ngài, một con tàu đã cập bến, và lúc đó, Đức Giám mục Thánh George của Amastris, sau khi đặt thi hài ngài vào quan tài, đã cùng với nến và hương trầm, dưới sự tiễn đưa của toàn thể cư dân thành phố, đưa thi hài lên tàu. Trên con tàu, thi hài của vị thánh được đưa đến tu viện Parthenit của ngài[3765] và được an táng tại đây, tại nơi an táng các tu sĩ của tu viện. Tại nơi này, sau khi an táng Thánh Gioan, đã xảy ra và cho đến tận ngày nay vẫn tiếp tục xảy ra nhiều phép lạ. Vị thánh này cũng đã thực hiện nhiều phép lạ khi còn sống.

Ngày 2 tháng 6

Ngày 20 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cũng vào ngày này, Thánh Dovmont-Timofey, Công tước Moscow, đã qua đời vào năm 1299.

[3757] Vị thánh công tước này qua đời khi mới 45 tuổi.

[3758] Tên gọi "vùng đất của người Goth" ở đây ám chỉ khu vực thuộc quyền cai trị của người Goth vào thời điểm đó, nằm trên bờ nam bán đảo Crimea, được biết đến với tên gọi Tavroskyphia. Nơi cư ngụ của Thánh Gioan là cảng Parfenitsky, nằm dưới chân núi Ayudag.

[3759] Đó là Hoàng đế Constantine Copronymus, người được biết đến trong lịch sử với cuộc đàn áp các bức tượng thánh; ngài trị vì từ năm 741 đến năm 775.

[3760] Thành phố Heraclea Thracia, hay còn gọi là Perinph, tọa lạc bên bờ Propontis, hay Biển Đá Cẩm Thạch. Năm 754, vị giám mục Gothia đã ký vào nghị quyết của công đồng chống thánh tượng, và vì điều này, Constantine Copronymus đã bổ nhiệm ông làm tổng giám mục Heraclea.

[3761] Iberia – tức là Gruzia ngày nay. Vào thời điểm đó, vùng đất này chưa bị ảnh hưởng bởi tà thuyết chống thánh tượng, điều này giải thích tại sao Thánh Gioan lại được cử đến quốc gia này để thụ phong giám mục.

[3762] Người Khazar đã chiếm đóng Dori – thành phố chính của giáo phận Thánh Gioan – bằng một đơn vị quân đồn trú; ngài đã thuyết phục vị vua của Gotfia trục xuất người Khazar, nhưng hoàng đế Khazar lại chiếm lại thành phố, xử tử nhiều người, và giam giữ Thánh Gioan; nhờ sự giúp đỡ của các Kitô hữu Gotfia, ngài đã trốn thoát qua biển đến Amastrida.

[3763] Thành phố Amastris nằm trong tỉnh Paphlagonia thuộc Tiểu Á thời La Mã cổ đại, bên bờ Biển Euxine hay Biển Đen.

[3764] Thánh Gioan qua đời vào ngày 26 tháng 6 vào cuối thế kỷ VIII, khoảng năm 790.

[3765] Trong phần mở đầu, nơi an táng Thánh Gioan đã bị nhầm lẫn là Parthenon. Parthenon nằm gần Chersonesos ở Crimea, còn tu viện nơi thi hài của vị thánh được an táng lại tọa lạc ở chân núi Ayudag. Tại đây, Thánh Gioan đã sinh sống và cũng chính tại đây, ngài đã xây dựng một nhà thờ lớn mang tên các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, được Tổng Giám mục Damian của toàn Gotfia trùng tu vào năm 1425 và hiện nay không còn tồn tại.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Falalei

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 5

Dưới triều đại của Hoàng đế Numerian[3766] , thống đốc Theodore đã phát động cuộc đàn áp Giáo hội của Đức Chúa Trời tại thành phố Egea[3767] và khiến các tôi tớ trung thành của Chúa Kitô phải chịu đủ loại hình thức tử hình. Vào thời điểm đó, một thanh niên Kitô hữu tên là Falalei, có khuôn mặt và vóc dáng đẹp, tóc vàng, khoảng mười tám tuổi, là một bác sĩ chữa bệnh miễn phí cho mọi loại bệnh tật, đã bị những kẻ hành hình bắt giữ. Chàng trai trẻ bị đưa ra trước tòa án bất chính trong đền thờ Hadrian[3768] . Nhìn thấy chàng và ngạc nhiên trước vẻ đẹp của chàng, vị thống đốc nói với những người xung quanh:

– Các ngươi tìm được chàng trai xinh đẹp này ở đâu vậy?

Họ đáp:

– Khi đang trên đường đến thành phố Anazar[3769] , chúng tôi thấy cậu ấy đi phía trước; còn cậu ấy, khi nhận ra chúng tôi, đã nhanh chóng trốn vào rừng sồi. Chúng tôi bắt đầu tìm kiếm cậu ấy rất kỹ lưỡng và cuối cùng cũng tìm thấy cậu ấy đang ngồi dưới một cây ô liu hoang dã; sau đó, chúng tôi bắt cậu ấy và đưa đến đây để ngài xét xử.

Vị thống đốc nói với vị thánh:

– Hãy nói cho chúng ta biết, chàng trai trẻ: ngươi theo đạo nào, đến từ thành phố nào, cha mẹ ngươi là ai và tên ngươi là gì?

Vị thánh đáp:

– Tôi là người Kitô hữu, tên tôi là Falalei, quê ở Li-băng[3770] , cha tôi tên là Berukiy, từng là tướng quân; mẹ tôi tên là Romilia; tôi còn có một người anh trai đang phục vụ trong hàng giáo sĩ, với chức vụ phó phó tế; tôi đã học nghề y từ bác sĩ Makari. Khi tất cả các Kitô hữu sống tại Lebanon phải chạy trốn lên núi và sa mạc vì bị những người ngoại đạo bắt bớ, tôi đã bị bắt và dẫn đến Edessa[3771] gặp thống đốc Tiberius; khi bị ông ta tra tấn, tôi đã xưng danh Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa chân thật và toàn thiện, Đấng Tạo Hóa của muôn loài, và nhờ ơn Chúa của tôi, tôi đã được giải thoát khỏi tay những kẻ tra tấn và trốn thoát; nhưng giờ đây, khi lại bị bắt, tôi đang nằm trong tay ngài. Hãy làm với tôi bất cứ điều gì ngài muốn, vì tôi xứng đáng phải chết vì Đấng Christ, Thiên Chúa trên trời, Đấng Cứu Rỗi của tôi.

Thống đốc nói:

– Ngươi, kẻ khốn nạn, có hy vọng thoát khỏi tay ta, như đã thoát khỏi tay Tiberius không?

Thánh nhân đáp:

– Ta không còn muốn trốn chạy nữa, vì ta tin vào Chúa Giêsu Kitô của ta và đặt niềm tin vào Ngài, rằng Ngài sẽ không để ta phải chịu nhục, nhưng sẽ giúp ta chịu đựng những cực hình cho đến cùng.

Gần vị thánh có hai đao phủ, là Alexander và Asterius; vị thống đốc ra lệnh cho họ dùng mũi khoan đục vào ống chân của vị tử đạo, rồi luồn dây thừng qua lỗ đó để treo cổ ngài. Nhưng nhờ sự an bài của Đức Chúa Trời, mắt tâm hồn họ bỗng mở ra, và thay vì đục vào vị thánh, họ lại đục vào một cái cây và treo cổ nó lên. Một tín hữu, môn đệ của Thánh Falaleus, tên là Timôthê, đang đứng đó và chứng kiến tất cả những gì đang diễn ra, đã gật đầu với vị thánh và nói:

– Ngài có thấy họ đang làm gì không?

Thánh nhân đáp lại:

– Hãy im lặng, anh em ơi; Chúa Kitô đang ở cùng tôi và giúp đỡ tôi.

[3766] Hoàng đế La Mã Numerian trị vì từ năm 283 đến năm 284.

[3767] Egea hay Eg – là một thành phố ven biển ở Cilicia – một vùng thuộc Tiểu Á. Tên gọi Ayaska vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay.

[3768] Tức là trong ngôi đền được xây dựng để vinh danh Hoàng đế Hadrian (trị vì từ năm 117 đến năm 138). Cần lưu ý rằng người La Mã cổ đại có phong tục xây dựng các ngôi đền để vinh danh các hoàng đế của họ, cũng như đặt tượng của họ trong các ngôi đền và trên các quảng trường.

[3769] Thành phố Anazar nằm ở Cilicia.

[3770] Lebanon – một ngọn núi ở Syria; thuộc dãy núi bắt đầu từ Sinai, kéo dài về phía bắc qua Ả Rập, Palestine và Syria song song với bờ đông Địa Trung Hải và tiếp giáp với dãy Taurus. Lebanon tạo thành phần giữa và cao nhất của dãy núi này.

[3771] Edessa – một thành phố ở Macedonia.

Còn Igemon, khi nhìn lên, không thấy vị tử đạo mà chỉ thấy cây treo lơ lửng, liền nói với những kẻ hành hình:

– Các ngươi đã làm gì vậy? Ta đã ra lệnh cho các ngươi treo cổ một người, vậy mà các ngươi lại treo cổ một cái cây sao?

Và, nổi giận, viên quan tổng trấn, nghĩ rằng họ đang chế nhạo mình, đã ra lệnh đánh cả hai không thương xót. Còn họ, trong lúc bị đánh, đã nói:

– Nguyện danh Chúa được chúc tụng, vì từ nay chúng tôi cũng trở thành Kitô hữu, bởi chúng tôi tin vào Chúa Giêsu Kitô và chịu đau khổ vì Ngài!

Nghe những lời ấy, quan tổng trấn lập tức ra lệnh chém đầu họ bằng gươm, và họ, sau khi chịu chết trong đau đớn, đã được Chúa Kitô ban cho vương miện cùng với các thánh tử đạo khác.

Còn với Thánh Falale, viên quan tổng trấn nói:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, ngươi sẽ được sống và được hưởng những điều tốt lành của thế gian này.

Vị tử đạo đáp lại:

– Ngươi không thể thuyết phục tôi tớ của Đấng Kitô dâng lễ vật cho ma quỷ được đâu.

Vị thống đốc, tràn đầy cơn thịnh nộ, định tự tay đâm xuyên qua ống chân của vị thánh, nhưng ngay lúc định đứng dậy khỏi chỗ ngồi, ông cảm thấy sức lực suy yếu và không thể đứng dậy được. Tất cả những người ngoại đạo có mặt trong đền thờ Hadrian, khi chứng kiến sự việc xảy ra, đã đồng thanh reo lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, Đấng thực hiện những phép lạ như thế này!

Còn Igemon, tràn ngập sự xấu hổ, bắt đầu cầu xin vị tử đạo, nói:

– Hãy cầu nguyện với Đức Chúa Trời của ngươi, Falalei, để ta có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vì quả thật Đức Chúa Trời của ngươi thật vĩ đại.

Khi vị thánh cầu nguyện xong, Igemon đứng dậy, nhưng khi thấy đó không phải là quyền năng của Đức Chúa Trời mà là phép thuật của Falalei, ông ta đã nổi giận dữ dội với vị thánh, nghiến răng ken két. Rồi ông ta nắm lấy mũi khoan và tự tay khoan vào chân vị tử đạo, nhưng ngay lập tức hai tay ông ta teo lại. Igemon lại kêu lên với vị tử đạo, nói:

– Ta lại xin ngươi, Falalei, hãy cầu nguyện cho ta, để đôi tay ta được lành lại.

Vị thánh đã dùng lời cầu nguyện của mình để chữa lành đôi tay cho hắn. Lúc đó, Igemon nói với những người xung quanh:

– Hãy mang tên phù thủy này đi khỏi trước mắt ta và dìm hắn xuống đáy biển, để hắn phải chết.

Và vị thánh nói với ông ta:

– Ngươi đã khởi xướng cuộc điều tra về ta; vì vậy, ngươi phải hoàn tất nó.

Thống đốc đáp lại:

– Hãy biến khỏi đây, tên phù thủy, và chết đi ở nơi khác; vì ta chưa làm hại ngươi điều gì, nhưng ngươi đã gây ra biết bao điều ác cho ta bằng phép thuật của ngươi!

Vị thánh nói:

– Đừng nghĩ, hỡi kẻ hành hạ, rằng ta sẽ sợ lời đe dọa của ngươi và từ bỏ Đức Chúa Trời của ta; hãy biết rằng, trong bất kỳ trường hợp nào, ta cũng sẽ không dâng lễ vật cho các vị thần của ngươi; ta sẽ không thờ lạy những con quỷ mà ngươi đang phụng sự.

Nghe những lời đó, các đầy tớ của Igemon liền bắt vị thánh, đưa ngài lên thuyền, chèo ra giữa lòng biển sâu và dìm ngài xuống đó. Khi đang bị dìm xuống, vị thánh đã dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con! Xin đừng để con chết ngay lúc này, vì con còn muốn chịu khổ vì Danh Thánh của Ngài, để sau khi hoàn thành một công trình tử đạo vĩ đại hơn nữa, con sẽ nhận được từ Ngài vương miện bất diệt trong cuộc sống vĩnh cửu.

Những người hầu trở về sau khi dìm vị tử đạo xuống biển đã nói với vị tu viện trưởng:

– Chúng tôi đã làm theo lệnh ngài: chúng tôi đã ném Thánh Phalalei xuống biển và ngài đã chìm ngay trước mắt chúng tôi.

Nhưng ngay khi các tôi tớ còn đang nói điều đó với vị thống đốc, thánh Falalei đã xuất hiện, mặc áo trắng. Vị thống đốc và tất cả những người đi cùng ông, khi nhìn thấy vị thánh, đều vô cùng kinh ngạc. Vị thống đốc nói với vị thánh:

– Vậy là phép thuật của ngươi đã chế ngự cả biển cả rồi sao!

Thánh nhân đáp lại:

– Giờ đây, sức mạnh và quyền năng của các vị thần của các ngươi ở đâu? Niềm kiêu hãnh của các ngươi ở đâu? Chính Chúa của tôi, Chúa Giê-su Ki-tô, đã phá hủy mưu đồ của các ngươi và không để tôi chết, để tôi có thể chiến thắng ma quỷ, cha của các ngươi.

Thống đốc nổi giận và nói với những người xung quanh:

– Hãy xem, tên pháp sư này đã dùng phép thuật chế ngự cả biển cả, và đang sỉ nhục chúng ta; nếu chúng ta thả hắn đi như thế này, thì hắn sẽ hủy diệt tất cả chúng ta bằng phép thuật của mình.

Lúc đó, có một pháp sư tên là Urviky đang ở bên cạnh vị thống đốc; người này đã khuyên vị thống đốc rằng:

– Thưa ngài, xin hãy ra lệnh ném hắn cho thú dữ ăn thịt.

Ngay lập tức, vị thống đốc gọi người lính gác đang cho thú ăn, ra lệnh cho anh ta chuẩn bị một nơi để diễn ra cuộc hành hình, rồi nói với vị thánh:

– Falalei, ngươi có dâng lễ vật lên các vị thần không, hay ngươi muốn thân thể ngươi trở thành thức ăn cho thú dữ?

Vị thánh tử đạo đáp lại:

– Chẳng lẽ ngươi vẫn chưa nhận ra quyền năng và vinh quang của Chúa và Đức Chúa Trời của ta là Đức Giê-su Ki-tô sao? Ta sẽ tuyên bố với ngươi bằng những lời tiên tri: *"Tay phải của Chúa cao cả, tay phải của Chúa làm nên quyền năng! Ta sẽ không chết, nhưng sẽ sống và rao giảng những việc làm của Chúa"* (Thánh Vịnh 117:16–17).

Sau đó, người ta dẫn vị thánh ra quảng trường và ném cho thú dữ xé xác. Nhưng lũ thú không hề động đến vị thánh. Một con gấu cái hung dữ tiến lại gần, nằm xuống dưới chân ngài và bắt đầu liếm chân ngài. Thấy vậy, quan tổng trấn nghiến răng và gầm lên như sư tử vì cơn thịnh nộ. Sau đó, ông ta ra lệnh thả một con sư tử đói và một con sư tử cái vào ngài, nhưng cả hai con, khi đến gần, cũng quỳ xuống dưới chân vị tử đạo và liếm chân ngài. Viên quan, vì cơn thịnh nộ, đã xé rách áo quần của mình, còn dân chúng bắt đầu la hét ầm ĩ, nói rằng:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại! Đức Chúa Trời của Falaleia, xin thương xót chúng con!

Các pháp sư liền bắt Urvikia và ném hắn cho thú dữ, và ngay lập tức hắn bị chúng xé xác và ăn thịt. Igemon đứng dậy khỏi chỗ ngồi, ra lệnh chém chết vị tử đạo bằng gươm.

Vị thánh tử đạo được dẫn đến một nơi đã được chuẩn bị sẵn, gọi là Edessa, để bị chém đầu; và sau khi cầu nguyện, ngài đã trút hơi thở cuối cùng vào ngày 20 tháng 5[3772] , vì vinh quang và danh dự của Chúa Giêsu Kitô, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Ngài là vị tử đạo đầy lòng thương xót và là chiến binh, một chiến sĩ xuất sắc của Đức Vua vinh quang; Ngài đã đạp đổ sự kiêu ngạo của những kẻ thờ ngẫu tượng bằng những cám dỗ và đau khổ: vì lý do này, chúng con ca ngợi ký ức cao quý của Ngài, hỡi Falalee khôn ngoan.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Ascalon.

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 5

Khi thống đốc Arrian đang trên đường từ thành phố Hermopolis[3773] đến thành phố Antinoe[3774] , thì có một tín hữu Kitô giáo tên là Ascalon được dẫn đến gặp ngài. Thấy người ấy, thống đốc hỏi:

– Ai vậy?

Một trong những cố vấn của Igemon, tên là Apollonid, nói:

[3772] Thánh Falaleus qua đời vào năm 284.

[3773] Có hai thành phố mang tên Hermopolis ở Ai Cập: một thành phố (Hermopolis Nhỏ) nằm ở Hạ Ai Cập, thành phố kia (Hermopolis Lớn) nằm ở Trung Ai Cập. Trong trường hợp này, tất nhiên là thành phố thứ hai.

[3774] Thành phố Antinoia nằm ở Trung Ai Cập, đối diện với Hermopolis Lớn trên bờ đối diện của sông Nile.

– Tôi nghĩ đó là một tín đồ Kitô giáo.

Thống đốc nói với Apollonid:

– Hãy hỏi anh ta xem anh ta là ai.

Apollonides hỏi vị thánh:

– Ông là ai?

Vị thánh đáp:

– Tôi là một Kitô hữu.

Vị thống đốc nói với ông:

– Ngươi có nghe nói về các sắc lệnh của hoàng đế, được ban hành khắp các nước, bắt buộc các tín đồ Kitô giáo phải dâng lễ vật cho các vị thần không?

Thánh Ascalon đáp:

– Vâng, tôi đã nghe nói về những sắc lệnh bất chính đó, được ban hành nhằm cám dỗ nhiều người.

Vị thống đốc nói:

– Sao ngươi dám phỉ báng các vị vua như vậy, gọi những sắc lệnh thiêng liêng và cứu rỗi của họ là sự cám dỗ?

Thánh nhân đáp:

– Hãy làm với tôi bất cứ điều gì ngài muốn, vì tôi không tuân theo những sắc lệnh đó, bởi chúng được ban hành một cách phi pháp, không phải để mang lại lợi ích mà là để hủy diệt con người; bởi lẽ làm sao những sắc lệnh kêu gọi thờ lạy các thần tượng lại có thể mang lại lợi ích được?

Thống đốc nói:

– Ngươi không chỉ xúc phạm các vị vua của chúng ta mà còn gọi các vị thần của chúng ta là thần tượng. Ta thề trước chính các vị thần rằng, nếu ngươi không thờ lạy họ và dâng lễ vật cho họ, thì ngươi sẽ phải chịu những cực hình dành cho những kẻ bất tuân.

Thánh nhân đáp:

– Ta không sợ lời đe dọa của ngươi, mà ta sợ Đấng đã phán: *"Chớ sợ những kẻ giết thân xác mà không thể giết linh hồn; nhưng hãy sợ Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác trong hỏa ngục"* (Mt 10:28). Vì vậy, cần phải kính sợ Đức Chúa Trời, Đấng có thể hành hạ cả con người mãi mãi, chứ không phải các ngươi, những kẻ chỉ hành hạ thân xác, và điều đó cũng không phải mãi mãi, mà chỉ trong một thời gian ngắn.

Igemon nói:

– Hãy nghe ta và dâng lễ vật cho các vị thần bất tử; vì nếu ngươi không vâng lời, thì nơi tra tấn và những kẻ tra tấn đã được chuẩn bị sẵn rồi.

Thánh nhân đáp:

– Chúng ta sẽ xem ai trong chúng ta mạnh hơn: liệu ngươi có dùng sự tra tấn để thuyết phục ta gọi các thần tượng là thần, hay ta sẽ thuyết phục ngươi công nhận Đức Kitô, Chúa của ta, là Thiên Chúa chân thật và Đấng Tạo Hóa của muôn loài.

Vị thống đốc tức giận ra lệnh đánh đập vị thánh tử đạo đang bị lột trần và treo trên cây, rồi dùng các dụng cụ sắt để cạo da thịt ngài. Còn vị thánh, khi thân thể ngài bị tra tấn và hành hạ tàn nhẫn đến nỗi các bộ phận cơ thể rơi xuống đất, vẫn im lặng, không thốt ra tiếng rên rỉ đau đớn nào và không phát ra dù chỉ một âm thanh nào.

Vị thống đốc bèn nói với ngài:

– Lòng ngươi có phải đã mềm lòng để dâng lễ vật cho các vị thần chăng?

Một nhà hùng biện[3775] , tên là Vizamon, đang đứng ngay tại đó, đã nói:

– Cái chết đã cận kề với anh ta và anh ta đã rơi vào trạng thái mê sảng.

Ngay lập tức, vị thánh đáp lại một cách hùng hồn:

– Ta không hề mất trí, và ta sẽ không bao giờ từ bỏ Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của ta.

Arrian nói:

– Lòng ngươi lại đang trở nên cứng cỏi. Tuy nhiên, nơi này, trên đường đi, không đủ thuận tiện để ngươi chịu hình phạt xứng đáng; vậy chúng ta hãy vào thành phố, và ở đó ngươi sẽ nhận được những hình phạt xứng đáng với sự bất tuân của ngươi.

[3775] Thầy dạy hùng biện.

Nói xong, vị thống đốc ra lệnh ngay lập tức tháo trói vị tử đạo và dẫn ngài đi cùng mình. Trên đường gần thành phố có một con sông lớn chảy qua, tên là sông Nile. Thánh tử đạo Ascalon đã được đưa vào thành phố Antinoe, vì vị thống đốc đi chậm rãi ở phía sau. Các công dân thành Antinoe, ra đón vị thống đốc, đã vây quanh vị thánh, người đang nằm trần truồng và đầy vết thương trên mặt đất, bên bờ sông (vì những vết thương khiến ngài không thể đứng hay ngồi được), và bày tỏ sự thương xót với ngài, và ngay lập tức, khi thấy vị thống đốc đã đến bên sông và đang lên thuyền, họ chuẩn bị ra đón và chào mừng ông. Còn vị thánh tử đạo, nghe mọi người nói rằng vị thống đốc đang sang sông bằng thuyền, liền lấy hết sức lực, đứng dậy khỏi mặt đất và giơ hai tay lên trời, kêu cầu Chúa, nói rằng:

– Lạy Chúa của con, Đức Giêsu Kitô, vì Danh Ngài mà con đang chịu những cực hình này và vì tình yêu dành cho Ngài mà con đang đứng trần truồng trước sự sỉ nhục của mọi người! Xin hãy nghe con ngay lúc này để tôn vinh Danh Thánh của Ngài và hãy giang rộng cánh tay toàn năng của Ngài: xin giữ con thuyền này, nơi vị quan tòa bất chính đang ngồi, lại giữa dòng sông và đừng để hắn đến được bờ này, cho đến khi hắn xưng nhận Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, Đấng Tạo Hóa và Chủ Tể của vạn vật, và trước mặt toàn thể dân chúng, ca ngợi Danh Thánh của Ngài, Đấng mà hắn ghét bỏ.

Khi vị thánh cầu nguyện như vậy, đột nhiên chiếc thuyền chở vị thống đốc dừng lại giữa dòng sông và hoàn toàn không thể di chuyển được nữa. Thấy vậy, Arrian ngạc nhiên và, nhớ lại lời hứa của vị tử đạo rằng sẽ dẫn dắt ông đến việc thừa nhận Chúa Kitô là Thiên Chúa, ông nói với các đầy tớ của mình:

– Các ngươi nghĩ sao về việc chiếc thuyền dừng lại giữa biển? Chẳng phải điều này xảy ra do phép thuật của người Kitô hữu đó sao?

Nói xong, Igemon ra lệnh mang đến một chiếc thuyền khác và lên ngồi vào đó – và chiếc thuyền mà Igemon vừa bước ra lập tức rời khỏi chỗ đứng; còn chiếc thuyền mà ông vừa lên ngồi thì đứng im như trên đất liền, và không thể di chuyển được dù có nhiều người chèo, buồm đã được giương lên, và gió cũng thuận lợi. Thấy vậy, vị thống đốc sai người truyền lời cho vị tử đạo:

– Vì ngươi sợ những cực hình mà ta đã đe dọa ngươi, nên vì lý do đó, ngươi đã dùng phép thuật của mình khiến ta không thể vượt sông và vào thành.

Vị tử đạo đáp lại người được sai đến:

– Chúa, Đức Chúa Trời của tôi, hằng sống, và chiếc thuyền chở Arrian sẽ không di chuyển được cho đến khi anh ta xưng danh Chúa Giê-su Christ của tôi, như tôi đã nói với anh ta trước đây.

Người được sai đến nói với ông:

– Ngay cả khi vị thống đốc xưng danh Đức Chúa Trời của ngươi khi đang ở giữa dòng sông, như ngươi mong muốn, thì làm sao ngươi, đang ngồi trên bờ, có thể nghe thấy tiếng nói của ông ấy, vì dòng sông, như ngươi thấy, rất rộng?

Vị tử đạo đáp lại:

– Hãy để ông ấy viết lời xưng nhận Đức Chúa của tôi lên giấy da và gửi cho tôi, và ngay lập tức chiếc thuyền sẽ rời khỏi chỗ của nó và cập bến.

Khi trở về, người được cử đi đã truyền đạt lời của vị tử đạo cho vị thống đốc. Vị thống đốc liền lấy tờ giấy ra và tự tay viết những lời sau đây:

– Chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật, Đấng mà Ascalon tôn kính, và không có ai khác ngoài Ngài. Ngài là Đấng Tạo Hóa và Chủ Tể của vạn vật.

Sau khi viết xong, thống đốc gửi tờ giấy đó đến Ascalon. Còn vị tử đạo, sau khi đọc những lời đó, đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và ngay lập tức chiếc thuyền chở thống đốc khởi hành và cập bến.

Khi vào thành, vị thống đốc ngồi trên ghế xét xử và khi vị tử đạo được dẫn đến trước mặt, ông nói với người ấy:

– Ngươi đã dùng toàn bộ sức mạnh phù thủy đầy thù hận đối với Đức Chúa Trời để chống lại ta, nhằm giữ ta lại trên sông, nhưng trên đất liền, ta sẽ thể hiện toàn bộ quyền năng của ta lên ngươi.

Và ngay lập tức, ông ra lệnh lột trần vị tử đạo, treo ông lên cây và thiêu đốt xương sườn cùng bụng ông, cho đến khi toàn bộ thân thể ông tan chảy.

Còn vị thánh, dù đang bị thiêu đốt, vẫn im lặng.

Và Arrian nói với ngài:

– Theo như ta thấy, ngươi đã chết rồi, Ascalon.

Vị thánh đáp:

– Dù tôi có chết đi chăng nữa, tôi vẫn sẽ sống lại.

Và vị thống đốc nói với các thuộc hạ của mình:

– Chúng ta chỉ đang tự làm mình mệt mỏi khi tra tấn ông ta; tôi thấy ông ta thà chết còn hơn là từ bỏ đức tin của mình. Tuy nhiên, chúng ta sẽ làm những gì có thể.

Nói xong, thống đốc ra lệnh buộc một tảng đá lớn vào chân vị thánh và ra lệnh ném vị thánh xuống đáy sông. Các binh lính bắt vị thánh và dẫn ngài ra sông. Rất đông người dân đi theo sau ngài, trong đó có không ít Kitô hữu đến để chứng kiến cái chết của vị tử đạo. Các Kitô hữu mang theo bánh mì, nài nỉ vị thánh hãy nếm thử. Nhưng ngài từ chối, nói rằng:

– Ta sẽ không nếm bất cứ thứ gì trong thức ăn phù du của thế gian này, vì ta đã sẵn sàng ra đi và đón nhận điều mà *"mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến"* (1 Cô-rinh-tô 2:9). Vậy các anh em hãy cố gắng để nhận được những ân huệ mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn cho các thánh.

Khi vị thánh nói như vậy, các binh lính đưa ngài lên thuyền và sau khi rời khỏi bờ, họ bắt đầu buộc một tảng đá lớn vào chân ngài. Còn ngài, quay lại nói với các Kitô hữu đang đứng trên bờ, rằng:

– Hỡi các con của ta, đừng bỏ bê việc an táng ta, nhưng hôm nay và ngày mai đừng đi tìm thi thể ta; đến ngày thứ ba, hãy đến phía bắc thành phố, ở đó các con sẽ tìm thấy thi thể ta với hòn đá buộc vào chân trên bờ; hãy chôn cất ta cùng với hòn đá đó.

Và mọi chuyện đã diễn ra đúng như vậy. Vào ngày thứ ba sau khi vị tử đạo bị chìm xuống nước, các tín hữu đã tìm thấy thi hài thánh của ngài đúng như lời ngài đã dặn, với hòn đá được buộc vào thi hài, và họ đã an táng ngài một cách trang trọng, ngợi khen Chúa chúng ta là Đức Giêsu Kitô, Đấng được tôn vinh và thờ phượng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Việc tìm thấy và rước di thể thánh của Thánh Alexius, Tổng Giám mục toàn nước Nga và vị làm phép lạ

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 5

Vào thời đại của Đại công tước Vasili Vasiliévich[3776] , người cai trị toàn Nga, sau khi đã trôi qua khoảng 60 năm kể từ ngày thánh Alexius qua đời, Đức Chúa Trời, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài và tôn vinh họ bằng ân sủng vô biên, đã tiết lộ kho báu vô giá này, tức là di cốt chữa lành muôn bệnh của vị thánh vĩ đại này, Tổng Giám mục Alexius.

Vì ngôi đền đầu tiên được xây dựng tại tu viện này[3777] bởi chính Thánh Alexius để tôn vinh Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, để tưởng nhớ phép lạ mà ngài đã thực hiện tại Khona, là một ngôi đền bằng gỗ, nên đã xảy ra chuyện mái của ngôi đền này, do đã cũ nát sau một thời gian dài, đã sụp đổ trong lúc đang cử hành Thánh lễ, nhưng theo sự an bài của Đức Chúa Trời, tất cả những ai có mặt trong đền thờ lúc đó đều không bị thương tích gì. Lúc bấy giờ, Đại công tước đã ra lệnh xây dựng một nhà thờ bằng đá; và khi người ta bắt đầu đào hào để làm móng cho nhà thờ mới bên trong khuôn viên của nhà thờ gỗ cũ, họ đã tìm thấy thi hài của Thánh Alexis vĩ đại vẫn còn nguyên vẹn, thậm chí cả y phục trên người ngài cũng chưa hề hư nát. Ngay sau đó, một nhà thờ bằng đá được xây dựng để tôn vinh Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, với một gian phụ ở phía nam để tôn vinh Lễ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh. Nhà thờ này có ba bậc thang so với mặt đất, nhưng nhỏ hơn nhà thờ gỗ cũ, vốn dù rộng rãi hơn nhưng chỉ có một bậc thang, và sàn nhà được lát trực tiếp trên mặt đất. Khi ngôi đền mới được trang hoàng và thánh hiến một cách trang trọng, các di cốt có khả năng chữa lành của Thánh Alexius đã được rước vào và an táng trong gian phụ kính Đức Mẹ Truyền Tin.

[3776] Ở đây tất nhiên là Đại công tước Vasily Vasilyevich Temy. Ông trị vì từ năm 1425 đến năm 1462.

[3777] "Tu viện này" tất nhiên là Tu viện Chudov, được Thánh Tổng Giám mục Alexei thành lập vào năm 1365 tại Kremlin, trên mảnh đất mà Nữ hoàng Tatar Taidula – người đã được ngài chữa lành – đã tặng cho ngài. Tu viện được đặt tên là Chudov để tưởng nhớ việc Thánh nhân đã chữa lành bệnh mù lòa cho Nữ hoàng Taidula một cách kỳ diệu.

Nhiều năm trôi qua sau đó, vào thời kỳ trị vì của Đại công tước Ioann Vasilievich[3778] dưới sự lãnh đạo của Đức Tổng giám mục Gerontius[3779] nhờ những nỗ lực của Archimandrite Gennadiy – người đứng đầu tu viện này – việc xây dựng một nhà thờ mới kèm phòng ăn mang tên Thánh Tổng giám mục Alexius đã được khởi công, nhưng ngôi thánh đường này lúc đó chưa được hoàn thành, vì Archimandrite Gennady đã được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục tại Veliky Novgorod[3780] . Một thời gian sau đó, nhờ sự tận tụy của chính Tổng Giám mục Gennady, nhà thờ và phòng ăn, cũng như các công trình khác đã được hoàn thành, và nhà thờ đã được trang hoàng và làm lễ thánh hiến, thì di thể thiêng liêng của Thánh Alexius đã được chuyển từ nhà nguyện Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh và được an táng bên tường phía nam trong nhà thờ được xây dựng để tôn vinh ngài. Năm 1534, Đại công tước Vasily Ioannovich[3781] đã ra lệnh chế tác một hòm thánh bằng bạc để đựng di cốt của vị thánh làm phép lạ Alexius, trên tấm nắp trên cùng của hòm phải chạm khắc hình ảnh Thánh Alexius bằng bạc và trang trí bằng vàng, đá quý và ngọc trai. Hộp đựng di cốt được hoàn thành sau khi Đại công tước qua đời, vào năm 1535, và thi hài của Thánh Alexius được an táng trong đó dưới sự chứng kiến của con trai ngài, Đại công tước Ioann Vasilyevich[3782] , vào ngày Thánh Alexius qua đời, tức ngày 12 tháng 2, từ thứ Năm sang thứ Sáu của tuần đầu tiên trong Mùa Chay.

Hộp đựng di cốt của Thánh Alexius đã được đặt tại vị trí đó khoảng hai trăm năm, cho đến năm 1686. Vì nhà thờ và phòng ăn, do Tổng giám mục Novgorod Gennadi xây dựng, đã trở nên cũ nát, nên vào năm 1683 , theo lệnh của Sa hoàng và Đại công tước Theodor Alexeyevich[3783] , người cai trị toàn Nga, và với sự ban phước của Ioakim, Đức Thượng phụ Moscow và toàn Nga, cùng với sự nỗ lực và tận tâm của vị trụ trì tu viện lúc bấy giờ là Archimandrite Adrian, người không lâu sau đó đã trở thành Tổng Giám mục của thành phố hoàng gia Kazan[3784] , và sau này, nhờ ân sủng của Chúa, được tấn phong lên chức Thượng phụ Thánh thiện của thành phố vĩ đại Moscow và toàn Nga[3785] , – một phòng ăn lớn mới đã được xây dựng tại vị trí mới. Phần lớn công trình này được di dời ra ngoài khuôn viên tu viện, và chỉ có một phần nhỏ cùng với bức tường phía bắc nằm trong khuôn viên tu viện cùng với các nhà thờ, trong đó nhà thờ đầu tiên – để tôn vinh Lễ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh, trước đây là nhà thờ phụ thuộc trong nhà thờ Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael, và nhà thờ thứ hai nằm cạnh nhà thờ đầu tiên, như chúng ta đã thấy, – được dâng kính Thánh Tổng Giám mục Alexius; bên cạnh đó còn có hai tiền sảnh, hay phòng ăn, được bố trí để đón tiếp những người đến viếng các thánh tích làm phép lạ, nhằm thờ lạy, cầu nguyện và tham dự thánh lễ. Trên cùng khu đất đó, giữa hai nhà thờ này, một nhà thờ mới được xây dựng để tôn vinh Thánh Tông đồ An-rê Đầu tiên dành cho các tu sĩ trong tu viện, để họ luôn có thể, đặc biệt là vào mùa đông, tham dự các nghi lễ nhà thờ một cách riêng biệt so với những khách viếng thăm bên ngoài các nhà thờ của tu viện. Ngoài ra, ở phía tây của tất cả các tòa nhà này, một phòng ăn khác đã được bố trí để các tu sĩ dùng bữa, nhằm đảm bảo họ được tách biệt hoàn toàn khỏi những người thế tục hời hợt đến tu viện – để họ chỉ suy nghĩ về một mình Thiên Chúa và lo lắng cho sự cứu rỗi của mình, tận tâm tu tập trong cầu nguyện, ăn chay và làm việc thủ công, vì đó chính là toàn bộ cuộc sống tu hành. Vì mục đích này, các lối vào nhà thờ từ bên ngoài tu viện cũng được bố trí riêng biệt: dành cho nam giới là lối vào riêng vào Nhà thờ Thánh Alexius, còn dành cho phụ nữ là lối vào riêng vào Nhà thờ Truyền Tin của Đức Mẹ, để những người đến viếng di cốt chữa lành của vị thánh có thể vào các nhà thờ này từ bên ngoài tu viện và đứng trong đó mà không lẫn lộn, mỗi giới tính ở một nhà thờ riêng, nam giới riêng và nữ giới riêng. Còn đối với các tu sĩ sống trong tu viện này, các lối vào khác từ bên trong tu viện đã được bố trí dẫn đến các nhà thờ và phòng ăn. Điều này nhằm giúp các tu sĩ có thể sống một cuộc đời tĩnh lặng, xa lánh sự hối hả, cũng như để tuân theo truyền thống của các vị Thánh Tổ và nội quy của tu viện, luôn giữ cổng tu viện đóng kín, qua đó ngăn cản giáo dân vào tu viện không đúng lúc, đồng thời cho phép các tu sĩ ra khỏi tu viện bất cứ lúc nào. Bởi vì trước đây, tu viện có quy định rằng trong ba ngày mỗi tuần, cụ thể là: thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu, các tu sĩ tuyệt đối không

---

[3778] Ioann III Vasilievich là Đại công tước Moscow từ năm 1462 đến năm 1505.

[3779] Tổng giám mục Gerontius giữ chức vụ Tổng giám mục Moscow từ năm 1473 đến năm 1489.

[3780] Sự kiện này diễn ra vào ngày 12 tháng 12 năm 1484. Tổng giám mục Gennadi đã tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh chống lại tà giáo của những người theo Do Thái giáo. Vào tháng 6 năm 1504, "vì sức khỏe suy yếu", ngài từ chối việc quản lý giáo phận, chuyển đến sống tại Tu viện Chudov và qua đời tại đây vào ngày 4 tháng 12 năm 1505.

[3781] Vasili IV Ioannovich, người kế vị Ioann III, là Đại công tước Moscow từ năm 1505 đến năm 1533; do đó, năm mà vị công tước ra lệnh chế tác hòm đựng di cốt của vị thánh được ghi trong phần mở đầu là không chính xác.

[3782] Ioann IV Vasilyevich Grozny là Sa hoàng Moscow từ năm 1533 đến năm 1584.

[3783] Fyodor III Alexeyevich trị vì từ năm 1676 đến năm 1682.

[3784] Kazan được gọi là "thành phố hoàng gia", có lẽ bởi vì nơi đây từng là thủ đô của vương quốc Tatar Kazan.

[3785] Thượng phụ Adrian, vị thượng phụ toàn Nga cuối cùng, đã lãnh đạo Giáo hội Nga từ năm 1690 đến năm 1700.

được phép ra khỏi tường tu viện; còn trong bốn ngày còn lại, họ chỉ được phép ra ngoài trong trường hợp có nhu cầu thiết yếu, và ngay cả khi đó cũng không được tự ý, mà phải xin phép trước với vị trụ trì hoặc người quản lý tu viện.

Khi các nhà thờ và phòng ăn đã được hoàn thiện và trang hoàng lộng lẫy một cách xứng đáng, thì chính bằng tay của các vị vua và đại công tước đạo đức là Ioann Alexeyevich và Peter Alexeyevich, trên toàn bộ vùng Nhỏ và Trắng, cùng các quan đại thần hoàng gia của họ, dưới sự tháp tùng của Đức Thượng phụ Toàn Nga Ioakim, các giám mục đang có mặt tại Moscow lúc bấy giờ, toàn thể giáo sĩ và đông đảo dân chúng, di cốt đầy ân sủng của vị thánh vĩ đại, Tổng giám mục Alexius, đã được rước từ nhà thờ cũ sang nhà thờ mới xây dựng, trong tiếng hương trầm và hương thơm, và được an táng tại vị trí đã chuẩn bị sẵn giữa hai nhà thờ: Nhà thờ Truyền Tin của Đức Mẹ và Nhà thờ Thánh Alexius. Sự kiện này diễn ra vào ngày 20 tháng 5 năm 1686. Nhà thờ tôn vinh Thánh Tổng Giám mục Alexius đã được chính Đức Thượng phụ Ioakim chủ trì lễ thánh hiến trong một buổi lễ long trọng, để tôn vinh Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần.

Bài thánh ca, giọng thứ 4:

Người đồng tế với các vị giám mục kế vị các Tông đồ, vị mục tử và thầy dạy của toàn thể nước Nga, Cha Alexius đầy phúc lành, xin cầu nguyện cùng Đấng Tối Cao, ban bình an cho đoàn chiên của ngài, sự cứu rỗi cho các linh hồn, và lòng thương xót vô biên.

Bài thánh ca, giọng 2:

Như một kho tàng vô cùng quý giá, được chôn giấu lâu đời dưới đất, các thánh tích cao quý của ngài đã được tìm thấy và ban phát phép lạ, hỡi Đức Cha Alexius, vị thánh đầy phúc lành: nhờ đó, chúng con được chữa lành và trở nên giàu có, và chúng con ngợi khen Chúa Kitô, nói rằng: vinh quang thuộc về Đấng tôn vinh các thánh của Ngài.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Như mặt trời không lặn, từ ngôi mộ, những di cốt thiêng liêng và bất hoại của ngài, vốn đã được giấu kín trong lòng đất suốt nhiều năm, đã chiếu sáng cho chúng con, Thánh Alexius ơi, nhờ ngài mà chúng con nhận được ân sủng. Vì ngài làm giàu cho cả đất nước này và mọi phép lạ bằng lòng nhân từ qua hành động của ân sủng, nên chúng con hát lên với ngài: Hãy vui mừng, thưa Cha, ánh sáng của nước Nga.

Ngày 3 tháng 6

Ngày 21 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Cassian người Hy Lạp, vị thánh làm phép lạ ở Uglich, đã qua đời vào ngày 2 tháng 10 năm 1504.

Cuộc đời của Thánh Constantine, Vua ngang hàng các Tông đồ, và Thánh Mẹ Elena của ngài

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 5

Trong khi thế giới ngoại đạo, trang bị lửa và gươm để chống lại Kitô giáo, vào cuối thế kỷ III và đầu thế kỷ IV đã toan tính xóa sổ hoàn toàn tên gọi của các Kitô hữu khỏi mặt đất[3786] , thì sự an bài của Thiên Chúa đã chuẩn bị cho Giáo hội của Đức Kitô, ngay giữa chính những hoàng đế bách hại Kitô giáo, một vị bảo trợ vương giả cho

Giáo hội, đó là Constantine – vị vua, ngay khi còn sống đã được phong tặng danh hiệu "Tương đương các Tông đồ", danh hiệu này đã mãi mãi được ghi nhận trong lịch sử Kitô giáo, và trong lịch sử thế giới là "Đại đế".

Sinh năm 274 trong một gia đình, dù cha mẹ không phải là Kitô hữu nhưng quen thuộc với Kitô giáo và đã bảo trợ cho ngài, Constantine từ thuở nhỏ đã xa lánh những mê tín dị đoan ngoại giáo và đến gần với Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật. Chính bàn tay phải của Chúa đã dần dần chuẩn bị cho ngài và thanh tẩy ngài bằng nhiều cách khác nhau, như một bình chứa vinh quang của Thiên Chúa đã được chọn.

Cha của Constantine là Constantius Chlorus, Caesar ở nửa phía Tây của đế chế[3786] , dù bề ngoài – về mặt chính thức – là người thờ thần tượng, nhưng trong lòng lại xa lánh những mê tín dị đoan ngoại giáo; trong thâm tâm, ông đã từ bỏ việc thờ phượng nhiều vị thần giả dối và công nhận Đấng Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật – chỉ Ngài mà thôi, ông và cả gia đình, cùng với các con cái và người hầu, đều dâng hiến cho Vị Vua Duy Nhất – Đức Chúa Trời[3787] . Mức độ mà Constantius xa lánh việc thờ phượng thần tượng một cách mê tín được minh chứng qua sự kiện đáng chú ý sau đây trong cuộc đời ông. Constantius, người đã từ chối việc thờ cúng các thần tượng bằng lễ vật và hương khói, một lần nọ muốn thử lòng trung thành thực sự của các quan lại trong triều đình; ông giả vờ muốn thực hiện các nghi lễ ngoại giáo mê tín và nói với các quan lại của mình:

– Ai muốn được ta ưu ái và yêu mến, đồng thời giữ được các vinh dự, thì phải dâng lễ vật cho các thần tượng; còn ai từ chối điều này, thì hãy rời khỏi tầm mắt ta và đừng trông chờ vào sự ân sủng của ta nữa, vì ta không thể tiếp tục giao du với những kẻ không cùng tín ngưỡng.

Sau khi coi những lời của hoàng đế là chân lý, các quan lại ngay lập tức chia thành hai phe: một phe là những kẻ đạo đức giả, không có niềm tin tôn giáo thực sự, với lương tâm dễ uốn nắn, có thể nghiêng về bên phải hay bên trái, ngay lập tức bày tỏ sự đồng ý với đề nghị của hoàng đế, mặc dù trước đó, vì những toan tính thấp hèn, họ vẫn noi gương tốt của ngài trong việc từ chối thờ cúng thần tượng; còn những người khác, những ai từ tận đáy lòng đã khinh thường những mê tín dị đoan ngoại giáo và giờ đây vẫn trung thành với niềm tin của mình, như những tôi tớ chân chính của Đấng Christ, từ chối những vinh quang trần thế và phù du, đã bắt đầu rời khỏi đoàn tùy tùng của nhà vua. Thấy vậy, Constantius đã gọi những Kitô hữu chân chính đang rời khỏi cung điện trở lại và nói với họ:

– Vì ta thấy các ngươi trung thành phụng sự Đức Chúa Trời của mình, nên ta muốn các ngươi cũng trở thành tôi tớ, bạn bè và cố vấn của ta, bởi ta hy vọng các ngươi sẽ trung thành với ta như đã trung thành với Đức Chúa Trời của mình.

Rồi quay sang những người có xu hướng từ bỏ đạo Kitô và thờ lạy các thần tượng, nhà vua nói:

– Ta không thể dung thứ các ngươi ở triều đình của ta – nếu các ngươi không trung thành với Đức Chúa Trời của mình, thì làm sao các ngươi có thể trung thành với ta được!

Và sau khi làm họ xấu hổ như vậy, ông đã đuổi những kẻ đạo đức giả này ra khỏi mặt mình; còn những tôi tớ trung thành của Đức Chúa Trời thì ông đưa họ đến gần mình và bổ nhiệm họ làm quan chức trong lãnh địa của mình[3788] . Và như vậy, vào thời điểm mà trên khắp các vùng đất khác của Đế chế La Mã rộng lớn, cuộc đàn áp của Diocletian đang diễn ra dữ dội, thì tại lãnh địa của Constantius, các Kitô hữu vẫn sống trong hòa bình và thịnh vượng[3789] . Tuy nhiên, do không thể chống lại ý muốn của Diocletian, vị hoàng đế cao tuổi nhất, Constantius chỉ cho phép một điều duy nhất – đó là phá hủy một số nhà thờ Kitô giáo[3790] .

Đó chính là Constantius Chlorus, cha của Constantine, vị thánh được coi ngang hàng với các tông đồ. – Sự thiện cảm của ông đối với các Kitô hữu và việc ông ưu ái họ hơn những người ngoại đạo; việc vợ ông, Thánh Helena, mẹ của Constantine, và con gái của Constantius[3791] , em gái của Constantine, từ thuở nhỏ đã quy y Chúa

---

[3786] Để thuận tiện cho việc cai trị Đế chế La Mã rộng lớn, Hoàng đế Diocletian đã chia đế chế thành hai phần, trong đó ông tự mình cai trị phần Đông, sống tại Nicomedia và có Caesar Galerius làm đồng trị vì, còn ở nửa kia – miền Tây – ông đã bổ nhiệm Hoàng đế Maximian làm người cai trị, với Caesar Constantius Chlorus làm đồng trị vì, người trực tiếp cai quản Gaul và Britannia.

[3787] Eusebius. "Cuộc đời Constantine", quyển I, chương 17

[3788] Eusebius. "Cuộc đời Constantine", quyển I, chương 16

[3789] Eusebius. "Lịch sử Giáo hội", quyển VIII, 13; "Cuộc đời của Constantine", quyển I, 13

[3790] Lactantius: "Về cái chết của những kẻ bách hại", chương 15.

[3791] Constantine là con trai duy nhất của Thánh Helena; Constantius là con gái của người vợ khác của ông là Chloris Theodora, người mà Constantius còn có những đứa con khác. Thật đáng tiếc, những người cùng thời không đề cập đến ảnh hưởng của Thánh Helena đối với Constantine trong thời thơ ấu.

Kitô, đã gieo vào tâm hồn Constantine tình yêu chân thật đối với Thiên Chúa và Lề Luật của Ngài, đồng thời đặt nền tảng vững chắc cho việc giáo dục và củng cố nhân cách đạo đức của ông. Và hạt giống nhỏ bé được gieo vào tâm hồn trẻ thơ ấy sau này đã lớn lên thành một cây đại thụ.

Những năm tháng tuổi trẻ của Constantine không phải trôi qua trong vòng tay gia đình ruột thịt, mà tại triều đình của Diocletian ở Nicomedia, nơi anh bị đưa đến gần như với tư cách một con tin – dù là con tin danh dự – để đảm bảo lòng trung thành của cha anh, Constantius, đối với Hoàng đế Diocletian. Cuộc sống tại triều đình ở thủ đô lúc bấy giờ là một bản thu nhỏ của mọi sự suy đồi về đạo đức và tôn giáo mà loài người có thể sa vào, khi bị nô lệ bởi những dục vọng bất chính và cuồng nhiệt trong lòng, và rơi vào "tâm trí sai lầm" (Rô-ma 1:28). Sự hào nhoáng và xa hoa phù phiếm, say sưa và ăn uống vô độ, sự đồi trụy không kiềm chế trong tư tưởng và lối sống, những âm mưu và phản loạn, sự thù hận đối với sự thờ phượng Chúa chân chính cùng sự kính trọng giả dối, dối trá dành cho các vị thần hư ảo, – đó là bức tranh u ám mà Đấng Toàn Năng đã trình bày cho Constantine thấy tất cả sự hư vô và ô nhục của chủ nghĩa đa thần. Tuy nhiên, ngay tại đó, đồng thời, và vì thế càng gây ấn tượng mạnh mẽ hơn, cuộc sống của một xã hội khác hiện lên trước mắt Constantine, – cộng đồng Kitô giáo, nơi các cụ già nam nữ, thanh niên và thiếu nữ, những người dân thường lẫn các nhà thông thái uyên bác, thậm chí cả trẻ em đều chứng minh sự thật của đức tin mình, sự trong sạch và cao cả của nội dung đức tin ấy không chỉ bằng lời nói, mà còn bằng hành động, bằng việc sống đức tin qua đời sống đạo đức, và bằng sự chịu khổ vì đức tin ấy cho đến chết. Bởi vì vào thời điểm đó, một cuộc bách hại khủng khiếp nhất đối với Giáo hội của Chúa Kitô đã bùng nổ, vượt trội hơn tất cả các cuộc bách hại khác về sự tàn ác của những kẻ bách hại, về sự đa dạng của các hình thức tra tấn, về số lượng các vị tử đạo, và – về sự chiến thắng, chiến thắng vang dội của đức tin Kitô giáo trước mọi mưu mô ngoại giáo. Constantine, người được Thiên Chúa an bài đặt ngay tại trung tâm của sự ác độc ngoại giáo, không thể không nhận ra sự vô ích của mọi nỗ lực nhằm khuất phục điều không thể khuất phục; bằng chính đôi mắt mình, ngài đã chiêm ngưỡng quyền năng của Thiên Chúa được thể hiện ngay trong sự yếu đuối và chinh phục mọi sự. Trong mỗi tín hữu Kitô giáo, trong mỗi hành động tử đạo, trước mắt Constantine đều hiện lên bằng chứng không thể chối cãi về sự chính đáng của đức tin vào Chúa Kitô, về sự vượt trội của nó so với ngoại giáo, và về nguồn gốc thiêng liêng của nó. Và Constantine đã giữ gìn trong tâm hồn mình hạt giống thiện lành được gieo trồng từ thuở ấu thơ – giữ gìn sự trong sạch và ngây thơ của trái tim cùng lòng tôn trọng luật pháp của Đức Chúa Trời, dù phải sống trong một môi trường đạo đức suy đồi. Nhưng sự xa cách nội tâm của Constantine đối với cuộc sống cung đình sa đọa, trí tuệ ham học hỏi và sự thanh thản tâm linh được che đậy bởi sự khiêm tốn của ông, tự nhiên đã khơi dậy sự thù hận của những quan lại xung quanh ông; còn dáng vẻ uy nghi, đẹp đẽ của ngài, cùng với chiều cao vượt trội và sức mạnh thể chất phi thường, đã thu hút ánh nhìn của dân chúng và giành được tình yêu mến của toàn quân, lại trở thành nguyên nhân khiến nhiều người ghen tị, đặc biệt là Hoàng đế Galerius. Người này đã âm mưu tiêu diệt ông và thậm chí lập ra một âm mưu để ngăn cản Constantine lên ngôi hoàng đế, ngôi vị mà ông có quyền thừa hưởng theo dòng dõi.

Cuộc sống của Constantine lâm vào nguy hiểm, nhưng bàn tay của Thượng Đế đã cứu người được Ngài chọn và ban cho ông điều mà sự ghen tị vô độ, xảo quyệt kia muốn tước đoạt khỏi ông. Constantine lui về Gaul để gặp cha mình, người mà ông tìm thấy khi đang nằm trên giường bệnh và người này đã qua đời không lâu sau đó.

Sau khi Constantius Chlorus qua đời, quân đội từng phục vụ dưới trướng ông đã tôn vinh (vào năm 306) Constantine, khi đó đã 32 tuổi, làm Hoàng đế của Gaul và Britannia, với tư cách là người con trai được yêu mến của vị Caesar được mọi người kính trọng. Với ấn tượng sâu sắc về những cuộc đàn áp khủng khiếp đối với các Kitô hữu ở phương Đông mà ông đã chứng kiến, Constantine, sau khi kế thừa quyền lực từ cha mình, đã coi việc xác nhận lại tất cả các sắc lệnh của cha mình nhằm bảo vệ các Kitô hữu là nhiệm vụ đầu tiên của mình – ông đã tuyên bố tự do tín ngưỡng Kitô giáo trong các vùng lãnh thổ của mình. Như vậy, giờ phút chiến thắng của đức tin Kitô giáo trước sự mê tín dị đoan ngoại giáo đã đến gần! Nhưng trước khi những thời kỳ tươi đẹp hơn đến với Giáo hội, đã có thời kỳ Thiên Chúa phán xét những kẻ bách hại Giáo hội. – Các hoàng đế Diocletian và Maximian, mệt mỏi vì chính sự thù hận của mình đối với những người chịu khổ vì lẽ thật thánh thiêng, đã quyết định tìm kiếm sự bình an bằng cách từ bỏ ngai vàng; nhưng việc họ từ bỏ quyền lực, không mang lại bình an cho chính những kẻ bách hại tàn bạo nhất, lại trở thành nguyên nhân dẫn đến những rối loạn xã hội. Galerius, người lên ngôi ở phương Đông thay cho Diocletianus và không hài lòng với việc Constantine lên ngôi ở phía tây bắc, đã không công nhận Constantine là hoàng đế, mà công nhận Severus, người đang cai trị Ý và châu Phi; trong khi đó, tại Ý, Maxentius, con trai của Maximianus, đã được tuyên bố là hoàng đế. Với việc ủng hộ Severus, Galerius đã phát động chiến tranh chống lại Maxentius, người đã cầu xin sự bảo vệ từ cha mình – và người cha này lại tiếp quản quyền lực.

Severus đầu hàng Maximian và bị xử tử. Lúc đó, Galerius đã phong tướng của mình là Licinius làm hoàng đế, còn quân đội thì tôn Caesar Maximian làm hoàng đế. Như vậy, trong Đế chế La Mã cùng lúc có sáu hoàng đế trị vì và tất cả đều thù địch lẫn nhau. Chỉ có thần dân của Constantine mới được hưởng hòa bình và thịnh vượng; ông hài lòng với phần lãnh địa thừa kế từ cha mình và không muốn tham gia vào cuộc đấu tranh lẫn nhau giữa các đồng trị vì khác – ông đã toàn tâm toàn ý cống hiến cho việc cai trị đất nước theo sự mách bảo của trái tim trong sáng và trí tuệ sáng suốt, trong sự vâng phục trước Ý định Thần thánh.

– Tôi đã tách mình ra – Constantine nói về bản thân – khỏi các vị vua trước đây, bởi vì tôi đã thấy sự man rợ trong phong cách cai trị của họ[3792] .

Đối với các Kitô hữu, ông đã theo gương cha mình, thực hiện chính sách hòa bình, vì ông đánh giá cao họ như những thần dân siêng năng và trung thành. Constantine hiểu rằng Kitô giáo là một sức mạnh vĩ đại, có khả năng tái tạo thế giới. Tuy nhiên, ông vẫn chưa phải là một Kitô hữu; dù có sự kính trọng sâu sắc đối với các tôi tớ của Chúa Kitô, ông không thể dễ dàng, mà không trải qua cuộc đấu tranh nội tâm, từ bỏ các giao ước của thời đa thần giáo xưa. Và chỉ khi những hoàn cảnh đầy hiểm nguy và khó khăn ập đến, ngài mới sẵn lòng công khai cúi đầu trước sự vĩ đại của "Đức Chúa Trời bị đóng đinh", Đấng đã một cách kỳ diệu đưa ngài ra khỏi trạng thái do dự và củng cố quyết tâm trở thành một tín đồ Kitô giáo.

Sau khi Galerius qua đời (năm 311) vì một căn bệnh cực kỳ dữ dội, và Maximianus – vị vua cai trị Syria – qua đời (năm 313) một cách nhục nhã – tự sát, ở nửa phía Đông của đế chế, Licinius trở thành người cai trị duy nhất, người sau đó đã kết hôn với em gái của Constantine. Còn ở nửa phía Tây – tại vùng Ý, sau khi Maximian lên ngôi lần thứ hai, Maxentius lại lên ngôi, bất chấp ý muốn của nhân dân La Mã. Constantine đã công nhận ông ta là hoàng đế tại Rome và thậm chí còn cử một phái đoàn hòa bình đến gặp ông ta. Tuy nhiên, Maxentius không những không muốn thiết lập quan hệ hòa bình với Constantine, mà còn từ chối gọi ông ta là hoàng đế, mong muốn tự mình trở thành người cai trị độc tôn trên tất cả các vùng đất và quốc gia thuộc khu vực La Mã. Sau khi củng cố vị thế trên ngai vàng, ông ta đã bộc lộ trọn vẹn bản chất xảo quyệt, tàn bạo và tham lam vốn có của mình, không chỉ đối với các Kitô hữu mà còn đối với cả những người đồng đạo ngoại giáo của mình. Khi mới lên ngôi, ông đã dụ dỗ những người cần thiết cho mình bằng quà tặng và lời hứa, rồi bắt đầu bức hại và tra tấn các thượng nghị sĩ danh giá, cướp bóc tài sản của họ, bắt cóc vợ và con gái họ để thỏa mãn những dục vọng thú tính của bản thân cũng như của những kẻ được ông sủng ái. Và ông ta thực sự là một gánh nặng và nỗi kinh tởm đối với toàn bộ Rome vì sự tàn bạo và lối sống đồi bại của mình. Người La Mã, phải chịu đựng ách thống trị nặng nề của ông ta, đã quyết định bí mật tìm kiếm sự bảo vệ từ Constantine, cầu xin ông đến và giải thoát họ khỏi tên bạo chúa này. Trước hết, Constantine đã gửi một bức thư cho Maxentius nhân dịp này, thân thiện khuyên ông ta chấm dứt các hành động bạo lực. Nhưng Maxentius không những không nghe theo lời khuyên tốt đẹp của ông và không sửa đổi, mà còn trở nên hung hăng hơn nữa. Sự hung hăng của ông ta đã lên đến mức ông bắt đầu chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại Constantine.

Nghe tin này, vào năm 312, Constantine quyết định tiến hành một cuộc chinh phạt chống lại Hoàng đế La Mã: ông muốn giải cứu Rome khỏi tay tên bạo chúa độc ác. Nhưng cuộc chinh phạt này gặp phải những khó khăn không thể vượt qua. – Ngay cả với vị tướng dũng cảm nhất, được quân đội yêu mến, cũng không dễ dàng gì để buộc quân đội tiến vào trái tim nước Ý với thanh gươm trong tay, mang chiến tranh đến mảnh đất vĩ đại của La Mã, nơi thiêng liêng đối với các dân tộc thời bấy giờ: một hành động như vậy chắc chắn sẽ gây ra tác động chấn động đối với quân đội đế quốc và những tiếng phàn nàn bất mãn sâu sắc. Và chính Constantine cũng không thể thoát khỏi cảm giác sợ hãi bất giác khi thực hiện cuộc hành quân này, nhất là khi ông chưa bao giờ tận mắt nhìn thấy Rome, nơi có thể hiện ra trước mắt ông như một người khổng lồ đáng sợ. Hơn nữa, Constantine cũng biết rằng quân đội của đối thủ đông hơn quân mình và rằng Maxentius đặt niềm tin vững chắc vào sự trợ giúp của các vị thần dân tộc của mình, những vị thần mà ông ta đã cố gắng lấy lòng bằng những lễ vật hào phóng, thậm chí là việc hiến tế các thiếu niên nam và nữ, – rằng Maxentius đang bảo vệ bản thân và quân đội của mình bằng đủ loại bùa chú và phép thuật, đồng thời có được sức mạnh ma quỷ to lớn đứng về phía mình. Chỉ trông cậy vào sức mạnh và phương tiện của con người là chưa đủ đối với Constantine, và ông nảy sinh mong muốn chân thành được sự trợ giúp từ trên cao. Khi suy ngẫm về tình trạng bi thảm của đế chế, vốn vô vọng tìm kiếm sự bảo vệ từ những thần tượng vô hồn, về sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời đã nhiều lần hiển lộ cho cha ông và chính ông, về những cuộc đảo chính chính

[3792] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", quyển II, 49

trị đã diễn ra ngay trước mắt ông, về cái chết nhục nhã trong thời gian ngắn của ba nhân vật từng chia sẻ quyền lực tối cao trong đế chế với ông, ông nhận ra rằng việc bám víu vào những vị thần không tồn tại là một sự điên rồ, và sau bao bằng chứng như vậy mà vẫn còn lạc lối là điều vô lý[3793] .

Giữa những suy tư đầy lo âu ấy, Constantine bắt đầu dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời, Cha của mình, bắt đầu xin Ngài khai sáng cho ông về chính Ngài, ban cho ông lòng can đảm và giang tay giúp đỡ ông trong công việc sắp tới[3794] . Và lời cầu nguyện của ông, giống như lời cầu nguyện của người cai ngục xưa kia (Công vụ 16), đã được lắng nghe – Chúa đã nhanh chóng an ủi ông bằng sự hiện ra trực tiếp và chỉ dẫn cho ông biết điều ông nên làm. Eusebius, người cùng thời với sự kiện này và đã nghe kể trực tiếp từ chính nhà vua, thuật lại:

– "Một buổi chiều nọ, khi mặt trời đã bắt đầu nghiêng về phía tây," nhà vua nói, "tôi đã tận mắt chứng kiến một dấu hiệu hình thập tự được tạo nên từ ánh sáng, nằm dưới ánh mặt trời, với dòng chữ: 'Hãy chiến thắng bằng điều này'."

Cảnh tượng này đã khiến cả hoàng đế lẫn quân đội xung quanh đều kinh hoàng, bởi vì cây thập tự, vốn là công cụ hành hình nhục nhã, được người ngoại đạo coi là điềm gở. Constantine cảm thấy bối rối và tự hỏi: "Hiện tượng này có ý nghĩa gì?" Nhưng trong khi ông đang suy ngẫm, đêm đã buông xuống. Lúc đó, trong giấc mơ, Chúa Kitô hiện ra với dấu hiệu đã thấy trên trời và ra lệnh cho ông làm một lá cờ giống như lá cờ đã thấy trên trời, và dùng nó để bảo vệ khi bị kẻ thù tấn công.

Sau khi thức dậy, Constantine đã kể cho bạn bè nghe về bí mật trong giấc mơ của mình, rồi triệu tập các thợ thủ công lành nghề đến, mô tả cho họ hình ảnh lá cờ kỳ diệu đó và ra lệnh chế tác một lá cờ bằng vàng và đá quý theo mẫu đó; còn đối với các chiến binh của mình, ông ra lệnh khắc hình thánh giá lên khiên và mũ sắt. Bị ấn tượng sâu sắc bởi hình ảnh kỳ diệu đó, Constantine đồng thời quyết tâm không thờ phượng bất kỳ vị Thần nào khác ngoài Đức Kitô, Đấng đã hiện ra với ông; ông mời những người am hiểu Lời Ngài – các linh mục Kitô giáo – đến gặp mình, và hỏi họ: vị Thần đó là ai và ý nghĩa của dấu hiệu mà ông đã thấy là gì? Sau khi lắng nghe câu trả lời của họ về Đấng Thiên Chúa duy nhất, về mầu nhiệm Nhập Thể của Con Một Ngài để cứu rỗi loài người, về cái chết trên thập tự giá của Chúa Giêsu, Đấng đã chiến thắng quyền lực của cái chết, và về dấu hiệu thập tự giá đã hiện ra với ông – rằng đó là dấu hiệu của chiến thắng – Constantine đã hoàn toàn và ý thức trong tâm hồn mình trở thành một Kitô hữu. Từ đó, ông bắt đầu miệt mài đọc Kinh Thánh và luôn có các linh mục bên cạnh, dù lúc đó ông vẫn chưa chịu phép rửa tội[3795] .

"Sau khi cầu khẩn Thiên Chúa của muôn loài và Đức Kitô, Đấng là Đấng trợ giúp và bảo vệ của Ngài, đồng thời giương cao trước các chiến binh của mình lá cờ chiến thắng mang dấu hiệu cứu rỗi, Constantine đã dẫn toàn bộ quân đội của mình rời khỏi lãnh thổ Gaul để tiến quân chống lại Maxentius tại vùng Ý."[3796]

Cuộc chinh phạt do Constantine tiến hành nhằm giải phóng Rome khỏi tên bạo chúa tàn ác đã không làm hắn ta tỉnh ngộ. – Maxentius, kẻ gian ác, sau khi dâng những lễ vật dồi dào cho các vị thần trong những nghi lễ long trọng, và sau khi nghe những lời tiên tri từ các nhà bói toán dựa trên nội tạng của phụ nữ mang thai, đã dẫn một đạo quân hùng hậu tiến đánh Constantine; nhưng hắn không thể tránh khỏi sự trừng phạt xứng đáng cho sự gian ác của mình. Constantine, được che chở bởi điềm lành của Thánh Giá, sau ba trận giao tranh với kẻ thù, đã tiến đến tận thành phố vĩnh cửu và tại đây đã giáng cho hắn một thất bại quyết định. Maxentius, trong lúc chạy trốn qua sông Tiber, đã thiệt mạng khi cây cầu sụp đổ, giống như một vị pharaoh cổ đại, cùng với những kỵ binh tinh nhuệ của mình chìm sâu trong dòng nước. Người chiến thắng đã long trọng tiến vào Rome và được dân chúng chào đón trong niềm hân hoan tột độ. Nhận thức rằng chiến thắng này là nhờ sự trợ giúp của Thượng Đế, Constantine đã dựng lá cờ thiêng liêng tại nơi đông đúc nhất của thành phố; sau đó, khi người dân La Mã biết ơn dựng tượng để vinh danh vị hoàng đế mới, ông ra lệnh khắc vào tay bức tượng của mình một cây giáo cao hình chữ thập và ghi dòng chữ như sau: "Bằng dấu hiệu cứu rỗi này, ta đã giải phóng thành phố của các ngươi khỏi ách thống trị của bạo chúa và trả lại cho nhân dân La Mã cùng Thượng viện sự huy hoàng và danh tiếng xưa kia"[3797] .

Trở thành người cai trị toàn bộ nửa phía tây của Đế chế La Mã, Constantine là vị hoàng đế đầu tiên ban hành sắc lệnh (năm 313) tuyên bố sự khoan dung tôn giáo hoàn toàn đối với các dân tộc dưới quyền cai trị của

---

[3793] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", quyển I, 27

[3794] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", quyển I, 36; Lactantius: "Về cái chết của những kẻ bắt bớ", 44.

[3795] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", quyển I, 28–32.

[3796] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", quyển I, 37.

[3797] Eusebius. "Lịch sử Giáo hội", quyển IX, 9; "Cuộc đời của Constantine", quyển I, 40.

mình: ông cho phép những người theo đa thần tiếp tục thực hiện các nghi lễ thờ cúng của họ, đồng thời cho phép các Kitô hữu tự do thờ phượng Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật. Sau sắc lệnh này là một loạt các sắc lệnh[3798] có lợi cho Giáo hội của Chúa Kitô: hình phạt đóng đinh trên thập tự giá bị cấm, các cuộc đấu thú đẫm máu trong đấu trường bị bãi bỏ; các nghi lễ hiến tế và đốt hương theo phong tục ngoại giáo vào các ngày lễ trọng đã bị chấm dứt; việc cử hành ngày Chúa Nhật được thiết lập, kèm theo lệnh cấm tiến hành các phiên tòa vào ngày này và ngừng mọi công việc đối với cả công dân tự do lẫn nô lệ; các trẻ mồ côi và trẻ em bị cha mẹ bỏ rơi, những người nghèo khó và khốn cùng, những người mà tôn giáo ngoại đạo đã bỏ mặc không giúp đỡ và thương xót, đã được đưa vào sự bảo trợ của hoàng gia; tại tất cả các thành phố, các lễ hội tái thiết và thánh hiến các nhà thờ đã bắt đầu; khắp nơi vang lên những bài ca ngợi khen và những lời cầu nguyện tạ ơn Thiên Chúa; các giám mục tự do tụ họp để bàn luận về những nhu cầu của Giáo hội. Chính Constantine đôi khi cũng tham dự các cuộc họp này, tìm hiểu sâu sắc các vấn đề liên quan đến đức tin và sẵn lòng làm mọi điều cần thiết vì lợi ích của cộng đồng Kitô giáo. Ngài đã miễn cho các linh mục khỏi mọi chức vụ ngoài Giáo hội và các khoản thuế – giống như các thầy tế ngoại giáo cũng được miễn thuế – để họ có thể hoàn toàn dâng hiến bản thân cho việc phụng sự Thiên Chúa; ông không chỉ trả lại cho Giáo hội các lăng mộ và tất cả những nơi đã bị những kẻ bách hại chiếm đoạt, mà còn ban tặng cho việc thờ phượng một số tòa nhà rộng lớn, được gọi là các nhà thờ lớn (basilica), nơi các thẩm phán từng họp và vốn có cấu trúc bên trong dễ dàng chuyển đổi thành nhà thờ; – ông trao quyền cho các mục sư giải quyết các tranh chấp và bất đồng lẫn nhau giữa các Kitô hữu. Trên mũ giáp của mình, như một dấu hiệu rõ ràng cho mọi người thấy về sự tôn kính đối với Đức Kitô Thiên Chúa, ông mang chữ viết tắt "Christus"[3799] , Constantine đã ban cho các chiến binh của mình một lời cầu nguyện mà họ phải đọc vào các ngày Chủ nhật và , lời cầu nguyện này, là sự tuyên xưng đức tin chân thành từ tận đáy lòng của chính hoàng đế, đã khiến mọi người công nhận Đấng Duy Nhất Toàn Năng, Đấng Ban Phát ân huệ, và tìm kiếm sự giúp đỡ của Ngài trong mọi việc[3800] .

Sự ân sủng của hoàng đế đã gây nên sự hân hoan trong cộng đồng Kitô hữu: lòng họ tràn ngập niềm vui thiêng liêng tột độ khi được nếm trải sự ngọt ngào của cuộc sống dưới chính quyền mới. Eusebius, một người cùng thời, đã miêu tả thời kỳ đó như sau:

– Giờ đây, một ngày tươi sáng và trong trẻo, không bị bất kỳ đám mây nào che phủ, đã chiếu rọi những tia sáng thiên đàng lên Giáo hội của Đấng Kitô. Chúng ta phải thừa nhận rằng hạnh phúc của chúng ta vượt xa những công đức của chúng ta; chúng ta vô cùng kinh ngạc trước ân sủng của Đấng ban tặng những ân huệ vĩ đại như vậy: chúng ta kính ngưỡng Ngài một cách xứng đáng và cùng với vị tiên tri thốt lên: *"Hãy đến và xem những việc làm của Chúa – những sự tàn phá mà Ngài đã gây ra trên đất"* (Thánh Vịnh 45:9). Mọi người ở mọi lứa tuổi, nam lẫn nữ, với tất cả sức mạnh của tâm hồn, vui mừng hân hoan, bằng trí tuệ và trái tim dâng lên những lời cầu nguyện và tạ ơn lên Thiên Chúa[3801] .

Tuy nhiên, trong khi ở phương Tây, các Kitô hữu được hưởng cuộc sống thịnh vượng dưới sự cai trị của Constantine, thì ở phương Đông, nơi Licinius đang trị vì, tình hình lại hoàn toàn khác: được nuôi dưỡng tại triều đình của Diocletian, từng là tướng quân dưới thời Galerius, khi đạt đến địa vị hoàng đế, trong lòng ông lại căm ghét các Kitô hữu. Sau khi kết thân với Constantine, Licinius ban đầu không dám chống lại người anh rể quyền lực của mình[3802] – thậm chí còn ký vào sắc lệnh (Milan) do người này ban hành về sự khoan dung tôn giáo; nhưng ngay sau đó, khi trở thành người cai trị toàn quyền của toàn bộ phương Đông sau cái chết của hoàng đế Maximian, ông bắt đầu đàn áp và sỉ nhục các Kitô hữu. Lo sợ mất quyền lực hoàng gia và nghe theo những lời vu khống từ phía các đại diện của đạo thờ thần tượng, ông đã đóng cửa và phá hủy các nhà thờ Kitô giáo với lý do rằng người ta cầu nguyện trong đó để phản bội ông về Constantine, đồng thời yêu cầu tất cả mọi người, nhất là quân đội của mình, phải tuyên thệ theo đạo ngoại giáo và dâng lễ vật cho các thần tượng; còn những ai không tuân theo ý muốn của ông thì bị giam cầm và tra tấn dã man, đẩy họ đến cái chết của các vị tử đạo. Trong thời gian này, một nhóm các vị tử đạo dũng cảm – gồm 40 vị – cũng đã phải chịu khổ nạn. – Tuy nhiên, Licinius không chỉ tàn bạo với riêng các Kitô hữu: tất cả các dân tộc dưới quyền cai trị của ông đều phải chịu đựng nhiều đau khổ vì lòng tham và sự độc ác của ông. Chỉ riêng việc ông ta ra lệnh xử tử vợ và con gái của người bảo trợ cũ – Diocletian – cùng với việc tiêu

[3798] Eusebius. "Lịch sử Giáo hội", quyển X, 5 và 6.
[3799] Biểu tượng này bao gồm hai chữ cái X và P, trong đó chữ cái đầu tiên che phủ chữ cái thứ hai.
[3800] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", quyển IV, 19.
[3801] Eusebius. "Lịch sử Giáo hội", quyển X, 1–3.
[3802] Ông kết hôn với em gái của Constantine vào năm 313.

diệt tất cả con cái của các hoàng đế – Maximian, Severus và Galerius – đã đủ chứng minh sự đa nghi và tàn bạo của ông ta. Theo mô tả của Eusebius, Đế chế La Mã, bị chia thành hai phần, tượng trưng cho hai mặt đối lập của ngày và đêm: cư dân phương Đông chìm trong bóng tối của đêm, còn cư dân phương Tây được chiếu rọi bởi ánh sáng chói lọi nhất của ban ngày.

Mối quan hệ giữa Licinius và Constantine không thể và cũng không bao giờ thân thiện. Licinius thể hiện sự xảo trá và hai mặt trong mối quan hệ đó; ông ta cam đoan với Constantine về tình bạn, nhưng bí mật lại căm ghét ông, cố gắng gây ra mọi điều xấu xa cho ông; những mưu mô của ông ta không thành công, và không ít lần giữa họ nảy sinh mâu thuẫn, dẫn đến chiến tranh. Constantine vẫn là người chiến thắng, nhưng bị lừa dối bởi những lời cam kết dối trá của con rể, ông đã ký kết hòa bình với hắn. Tuy nhiên, theo thời gian, mối quan hệ giữa hai hoàng đế ngày càng trở nên căng thẳng. Những thần dân bị áp bức của Licinius và những người Kitô hữu bị hắn bức hại không thấy được điểm dừng cho những đau khổ của mình. Cuối cùng, Licinius không còn che giấu âm mưu chống lại Constantine nữa và đã bước vào cuộc chiến công khai. Năm 323, một cuộc chiến khốc liệt bùng nổ giữa hai người. Cuộc chiến này được cho là sẽ quyết định vĩnh viễn số phận của Kitô giáo trong Đế chế La Mã, vốn bao trùm "toàn bộ vũ trụ".

Cả hai hoàng đế đều tập hợp lực lượng hùng hậu và chuẩn bị cho trận chiến quyết định, mỗi người theo niềm tin của mình: dường như nền đa thần giáo đã suy tàn đang nổi dậy chống lại Kitô giáo, tôn giáo đã xuất hiện trên thế gian để đổi mới nhân loại. – Vào đêm trước trận chiến, Licinius, được bao quanh bởi các thầy tế và những người bói toán, đã tập hợp những chiến binh tinh nhuệ và những người bạn thân thiết nhất của mình tại một khu rừng râm mát, nơi có những tượng thần, tiến hành một nghi lễ hiến tế trang trọng và, hướng về tất cả những người có mặt tại đó, ông nói:

– Hỡi các bạn! – Đây là các vị thần của cộng đồng chúng ta, những vị mà chúng ta phải kính sợ, như tổ tiên đã dạy dỗ. Còn thủ lĩnh của đạo quân thù địch với chúng ta, đã từ chối các tập tục của cha ông, chấp nhận những quan điểm sai lầm và tôn vinh một vị Thần ngoại lai, vô danh nào đó. Bằng lá cờ ô nhục của hắn (Thập tự giá), hắn làm nhục quân đội của mình; khi đặt niềm tin vào nó, hắn giương vũ khí lên không phải chủ yếu chống lại chúng ta, mà là chống lại các vị thần. Chính sự việc sẽ làm sáng tỏ ai đúng và ai sai – nếu chúng ta chiến thắng, thì rõ ràng các vị thần của chúng ta là các vị thần chân chính; còn nếu vị thần của Constantine, vị thần ngoại lai mà chúng ta chế giễu, giành chiến thắng, thì cứ để họ tôn thờ hắn. Nhưng điều chắc chắn là các vị thần của chúng ta sẽ chiến thắng, vì vậy hãy dũng cảm lao vào những kẻ vô thần với vũ khí trong tay![3803]

Ngược lại, trước trận chiến, Constantine lui vào lều của mình và ở đó, ông chuẩn bị cho trận đánh bằng cầu nguyện và ăn chay; trong những giây phút quyết định của cuộc đời, ông hồi tưởng về quá khứ, lục lọi trong ký ức những sự kiện trong cuộc đời mình, những nguy hiểm mà ông đã phải đối mặt và đã vượt qua một cách an toàn, – ông nhớ lại cái chết nhục nhã của những kẻ bách hại Kitô giáo và cái chết can đảm nhưng thanh thản của các môn đệ Chúa Kitô; và, nhìn thấy trong tất cả những điều đó sự sắp đặt kỳ diệu của Đấng Tối Cao, ông phó thác chính mình và toàn bộ sự nghiệp của mình cho sự dẫn dắt và che chở tối cao từ trời cao. Các Kitô hữu đã siêng năng cầu nguyện cho hoàng đế, vị bảo trợ của họ; lá cờ thiêng liêng vươn cao giữa các đạo quân của Constantine và thổi bùng hy vọng về sự trợ giúp từ trời cao. Quân đội của ông nhìn lá cờ chiến thắng ấy với lòng kính sợ, còn kẻ thù thì nhìn nó với sự kinh hoàng; tại nhiều thành phố trong vương quốc của Licinius, ngay giữa ban ngày, người ta đã nhìn thấy những bóng ma của quân đội Constantine đang tiến quân chiến thắng với lá cờ này. Chính Licinius đã khuyên các chiến binh của mình đừng để ý đến lá cờ của kẻ thù, "bởi vì," ông nói, "nó đáng sợ bởi sức mạnh của nó và thù địch với chúng ta."

Các thầy tế ngoại giáo và những người bói toán đã tiên đoán chiến thắng cho Licinius, nhưng Đức Chúa Trời lại ban chiến thắng cho Constantine. Licinius đã nhiều lần tấn công kẻ thù đang tiến đến, nhưng lần nào cũng bị đánh bại và phải tháo chạy; giả vờ ăn năn, xin hòa bình, nhưng bí mật lại tập hợp các lực lượng dân quân mới, tìm kiếm sự trợ giúp từ các bộ tộc man di. Cuối cùng, chiến thắng trên biển của Crispus, con trai Constantine, gần Byzantium, và trận chiến tại Adrianople đã quyết định dứt khoát kết quả của cuộc chiến. Licinius đã đầu hàng, nhưng một thời gian sau bị hành quyết tại Thessalonica, vì sau khi đầu hàng người chiến thắng, ông ta lại âm mưu chống lại Constantine. Năm 323, Constantine trở thành hoàng đế duy nhất của toàn bộ Đế chế La Mã.

[3803] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", quyển XI, 9.

Chiến thắng trước Licinius này một lần nữa đã thuyết phục Constantine một cách rõ ràng và sâu sắc rằng những ân huệ và thành công trần thế được ban tặng cho những ai tôn kính Đức Chúa Trời chân chính. Và đây là cách ông, tự xem mình là công cụ khiêm nhường trong tay Đấng Tối Cao, đã khiêm nhường dâng vinh quang lên một mình Đức Chúa Trời vì những thành công của mình:

– Chắc chắn sẽ không có sự kiêu ngạo nào – ông nói trong một sắc lệnh – khi tự hào về những ân huệ mà người đó nhận được từ Đấng Tối Cao. Đức Chúa Trời đã nhận thấy sự phục vụ của tôi và phán rằng nó xứng đáng để thực hiện ý muốn của Ngài. Bắt đầu từ Biển Anh, nhờ một sức mạnh tối cao nào đó, tôi đã xua tan mọi nỗi kinh hoàng gặp phải trên đường đi, để loài người được tôi ảnh hưởng có thể được kêu gọi phục vụ luật pháp thiêng liêng nhất và, dưới sự dẫn dắt của Đấng Tối Cao, nuôi dưỡng đức tin hạnh phúc nhất.

– Tôi tin tưởng vững chắc – ông nói thêm – rằng cả tâm hồn mình, tất cả những gì tôi hít thở, tất cả những gì tồn tại trong sâu thẳm tâm trí tôi – tất cả những điều đó tôi đều phải dâng lên Đức Chúa Trời vĩ đại.

Với tâm thế như vậy, sau khi chiến thắng, Constantine vội vàng mở rộng cho các Kitô hữu trong Đế quốc Đông La Mã những quyền lợi tương tự như những gì họ được hưởng ở phương Tây. Và ở phương Đông, ông cấm việc dâng lễ vật cho các thần tượng nhân danh hoàng đế; chủ yếu bổ nhiệm các tín đồ Kitô giáo làm quan cai trị các vùng; quan tâm đến việc tu sửa và xây dựng các nhà thờ; trả lại tài sản cho các tín đồ đã bị tịch thu trong thời kỳ bách hại.

– Ai đã mất tài sản, – một sắc lệnh nêu rõ, – khi dũng cảm và kiên định bước qua con đường vinh quang và thiêng liêng của sự tử đạo, hoặc trở thành người làm chứng và giành được những hy vọng vĩnh cửu, hay những ai đã mất tài sản do bị buộc phải di dời vì không chịu khuất phục trước những kẻ bách hại đòi hỏi phải phản bội đức tin – thì tài sản của tất cả những người đó phải được trả lại.

Trong những trường hợp không tìm thấy người thân cận, tài sản bị tịch thu từ các Kitô hữu sẽ được chuyển giao cho các giáo xứ địa phương; còn những cá nhân bị tịch thu tài sản của các vị tử đạo sẽ nhận được phần thưởng từ kho bạc hoàng gia. Tình cảm Kitô giáo của Constantine được thể hiện một cách trọn vẹn và đặc trưng nhất trong sắc lệnh của ông gửi các quan chức địa phương:

– Giờ đây, – ông hướng lời đến Thiên Chúa như vậy, – con cầu xin Ngài, lạy Thiên Chúa vĩ đại! Xin hãy thương xót và ban ân sủng cho các dân tộc phương Đông của Ngài; và qua con, tôi tớ của Ngài, xin ban sự chữa lành cho tất cả các quan tổng trấn.... Dưới sự dẫn dắt của Ngài, con đã bắt đầu và hoàn thành công cuộc cứu rỗi; giương cao lá cờ của Ngài khắp mọi nơi, con đã dẫn dắt đạo quân chiến thắng; và bất cứ nơi nào có nhu cầu công cộng kêu gọi con, con đều theo dấu hiệu quyền năng của Ngài và tiến đánh kẻ thù. Chính vì thế, con đã dâng lên Ngài linh hồn con, đã được thử thách kỹ lưỡng trong tình yêu và sự kính sợ, vì con chân thành yêu mến danh Ngài và kính sợ trước quyền năng mà Ngài đã bày tỏ qua nhiều thử thách, và nhờ đó Ngài củng cố đức tin của con.... Con mong dân Ngài được hưởng sự bình an và thanh thản; con mong rằng, giống như những người có đức tin, cả những kẻ lầm lạc cũng được nếm trải niềm vui của hòa bình và sự yên tĩnh, vì sự phục hồi mối quan hệ này có thể dẫn dắt họ trở lại con đường chân lý. Xin đừng để ai làm phiền ai.... Những người sáng suốt phải biết rằng chỉ những ai được chính Ngài kêu gọi sống theo các luật thánh của Ngài mới được sống thánh thiện và trong sạch; còn những kẻ quay lưng lại, nếu họ muốn, hãy để họ tự gánh lấy số phận của giáo lý sai lầm của mình... Chớ ai làm hại người khác; điều gì một người đã biết và hiểu, hãy dùng nó, nếu có thể, vì lợi ích của người lân cận; còn khi điều đó không thể, hãy để họ yên, vì một chuyện là tự nguyện chấp nhận cuộc chiến vì sự bất tử, còn một chuyện khác là bị ép buộc vào đó thông qua hình phạt... Khi loại bỏ lương tâm khỏi mọi điều trái ngược, chúng ta hãy tận dụng phần phước lành đã được ban tặng, tức là phước lành của hòa bình[3804] .

Sau khi trở thành vị hoàng đế duy nhất của toàn bộ Đế quốc La Mã và tuyên bố sự khoan dung tôn giáo "trên khắp vũ trụ" (Lu-ca 2:1), Constantine, tuy nhiên, không phải là người "lạnh nhạt" (Khải Huyền 3:15) trong cuộc đời hoàng gia của mình. Sau khi từ bỏ đa thần giáo và trở thành người đứng đầu cộng đồng Kitô giáo, ông coi Kitô giáo là trụ cột quan trọng nhất của đế chế, là bảo đảm chính cho sức mạnh và sự thịnh vượng của nhà nước, vốn theo quan điểm của ông, phải mở đường cho việc thiết lập Nước Trời trên đất một cách tự do và không bạo lực, – chỉ dẫn và cung cấp phương tiện để giáo dục và hoàn thiện loài người theo tinh thần của Đấng Christ. Constantine, với tư cách là người bảo trợ rõ ràng của các Kitô hữu, không được yêu mến lắm tại Rome, nơi vẫn còn tồn tại nhiều phong tục và tập quán ngoại giáo. Bản thân ông cũng không ưa Rome với Đền Pantheon của nó, nơi

[3804] Lịch sử Giáo hội Chính thống, ấn bản năm 1892 của Pobedonoscev, tr. 73–74.

mà, có thể nói là một cách máy móc, các vị thần ngoại giáo của tất cả các dân tộc bị chinh phục đã được tập hợp lại, và ông hiếm khi và miễn cưỡng ghé thăm thủ đô cũ. Còn người La Mã, dù biết ơn vị giải phóng đã cứu họ khỏi tên bạo chúa (Maxentius), lại không hiểu và không thể đánh giá đúng đắn những hoạt động của hoàng đế; họ coi ông là kẻ phá vỡ trật tự truyền thống của dân tộc mình, là kẻ thù của tôn giáo họ – vốn gắn bó mật thiết với sự vĩ đại chính trị của La Mã. Sự bất mãn và tiếng than vãn của họ, thậm chí là những âm mưu và – đôi khi là những cuộc nổi loạn công khai – đã là nguyên nhân khiến ý tưởng xây dựng cho mình một thủ đô mới, một thành phố Kitô giáo, không có bất kỳ liên hệ nào với đa thần giáo, nảy sinh và chín muồi trong tâm trí Constantine. Constantine đã say mê vị trí của Byzantium, một thị trấn cổ nhỏ bé bên bờ eo biển Bosphorus, nơi còn được đánh dấu bằng chiến thắng trên biển trước Licinius, và ông đã chọn nơi này làm thủ đô mới của đế chế; chính ông đã đích thân dẫn đầu một đoàn rước long trọng để vạch ra ranh giới xa xôi của thành phố mới và bắt đầu xây dựng nó với những công trình tráng lệ. Những cung điện rộng lớn, hệ thống cấp nước, nhà tắm công cộng, nhà hát đã tô điểm cho thủ đô; nơi đây tràn ngập những báu vật nghệ thuật được mang về từ Hy Lạp, Ý và châu Á. Tuy nhiên, người ta không còn xây dựng các đền thờ dành cho các vị thần ngoại đạo nữa, và thay vì Đấu trường La Mã, nơi từng diễn ra các trận đấu của các đấu sĩ, người ta đã xây dựng một trường đua ngựa. Điểm nhấn chính của thành phố mới chính là những nhà thờ dành riêng cho Đức Chúa Trời chân chính, và chính vị bảo trợ vĩ đại của Kitô giáo đã trực tiếp tham gia vào việc xây dựng chúng. Sự quan tâm của ngài lần này không chỉ dành cho sự tráng lệ của các nhà thờ, mà thậm chí còn bao gồm cả những chi tiết nhỏ nhặt – phù hợp với địa vị cao quý của ngài: khi các nhà thờ mới được xây dựng tại thủ đô, người ta nhận thấy sự thiếu hụt sách thánh lễ, và vị vua đã lo lắng về việc in ấn chúng càng sớm càng tốt, – một phái đoàn đặc biệt đã được cử đến Giám mục Eusebius của Caesarea với lệnh rằng "những người chép sách giỏi nhất phải chép năm mươi bản sách trên giấy da đã được xử lý" và những cuộn sách này phải được chuyển đến cho ngài, còn "phần thưởng xứng đáng cho công sức của họ thì ngài sẽ tự quyết định"[3805] .

Theo lệnh của ông, các sách phụng vụ trong các nhà thờ ở thủ đô phải được bọc trong những bìa sách trang nhã và sang trọng.

Được thấm nhuần bởi tình cảm tôn giáo sâu sắc, Constantine đã sắp xếp cuộc sống hàng ngày của mình tại thủ đô mới sao cho phù hợp với các yêu cầu về sự sùng đạo và thánh thiện. Bản thân cung điện chính là sự phản ánh rõ ràng về tâm hồn Kitô giáo của ông. "Trong các cung điện hoàng gia, người ta đã thiết lập một nơi giống như Nhà thờ của Chúa, và hoàng đế, bằng sự tận tâm của mình đối với các nghi thức sùng đạo, đã làm gương cho người khác; hàng ngày vào những giờ nhất định, ngài lui vào những căn phòng kín đáo và ở đó, một mình trò chuyện với Chúa, quỳ gối trong lời cầu nguyện , xin những điều cần thiết cho bản thân, và đôi khi ngài mời cả các quan lại trong triều tham gia vào những lời cầu nguyện đó. Với lòng kính sợ đặc biệt, ngài dành ngày Chủ nhật và ngày thứ Sáu – ngày Chúa Giêsu chịu chết trên thập tự giá – vào những ngày này, ngài ngừng các công việc thường ngày và dâng hiến bản thân để phụng sự Đức Chúa Trời. Cung điện của Constantine vì thế hoàn toàn khác biệt so với các cung điện của các hoàng đế La Mã trước đây: ở đây không có những lời nói suông hay những âm mưu xảo quyệt, cũng không có những cuộc vui ồn ào, phù phiếm và thường xuyên đẫm máu; ở đây chỉ vang lên những "bài thánh ca ngợi khen Đức Chúa Trời". Những người đối thoại với nhà vua là "những người giữ bí mật Lời Đức Chúa Trời" – các giám mục và linh mục – còn những người phục vụ ngài và canh gác toàn bộ cung điện là những người đàn ông nổi bật bởi lối sống trong sạch và đức hạnh; ngay cả những người cầm giáo, những vệ sĩ cũng noi gương nhà vua đạo đức. Người Kitô hữu – chủ nhân của cung điện – đã in dấu ấn Kitô giáo lên mọi thứ. Trong đại sảnh chính, ở phần lõm mạ vàng trên trần nhà, có một bức tranh Thánh Giá được chế tác từ đá quý trong khung vàng. Phía trên cánh cửa dẫn vào các phòng ngủ hoàng gia, "nơi ai cũng có thể nhìn thấy", có treo một bức tranh sáp đầy màu sắc. Bức tranh này miêu tả như sau: khuôn mặt của hoàng đế, trên đầu ngài là Thánh Giá, còn dưới chân là con rồng đang bị quăng xuống vực thẳm; ý nghĩa của bức tranh này là: con rồng – kẻ thù của loài người – đã bị Constantine, dưới hình hài của những kẻ bách hại Kitô giáo – các hoàng đế ngoại đạo – quăng xuống vực thẳm diệt vong nhờ sức mạnh cứu rỗi của Thánh Giá. Bức tranh này gợi lên trong lòng mỗi người rằng chủ nhân của họ là người tôn kính Đức Chúa Trời chân chính, Đấng đã ban tặng sự sống mới cho nhân loại qua cái chết trên Thập tự giá của Con Ngài.

Thủ đô Kitô giáo mới, được đặt tên theo người sáng lập – "thành phố của vua Constantine", Constantinopolis, nằm ở vị trí trung tâm giữa hai thủ đô cũ của đế chế – Rome và Nicomedia, giống như Jerusalem

[3805] Eusebius. "Cuộc đời Constantine", quyển III, 1.

xưa kia – "thành phố của Vua David", vốn không thuộc riêng về bất kỳ chi phái nào của Israel[3806] , nhờ vị trí địa lý thuận lợi, và được đặt dưới sự che chở của Đức Mẹ, đã nhanh chóng phát triển rực rỡ và làm lu mờ vinh quang và sự vĩ đại không chỉ của Nicomedia tráng lệ, mà cả của chính Rome vĩ đại. Và cũng giống như trong thời cổ đại, khi Đa-vít định cư tại Si-ôn, ông đã cảm thấy bối rối vì mình "sống *trong ngôi nhà bằng gỗ tuyết* tùng", *"còn Hòm Giao Ước* vẫn nằm *dưới những tấm* da" (2 Sa-mu-ên 5:9–11, 7:2; 1 Sử ký 17 và các đoạn tiếp theo), thì giờ đây, Constantine, sau khi định cư tại thành Byzantium xinh đẹp, không thể nào thờ ơ trước "cái nôi[3807] của Kitô giáo" – nơi Chúa Giêsu đã sống trên trần gian, chịu đau khổ, chết và phục sinh. Với lòng kính sợ trước dấu hiệu Thánh Giá, ngài mong muốn tôn vinh chính "Cây Sự Sống, nơi mà Vua và Chúa đã bị đóng đinh". Tuy nhiên, với tư cách là một chiến binh và lại là người đã đổ nhiều máu, ông tự nhận mình không xứng đáng để đích thân thực hiện việc đó. Ý định đạo đức này của hoàng đế đã được người mẹ đáng kính của ông, Hoàng hậu Helena, thực hiện. Ông đã cho bà lên đường đến Jerusalem, trao cho bà quyền hạn và những món quà quý giá.

Theo lời kể của Eusebius[3808] , Nữ hoàng Helena, một bà lão với sự nhanh nhẹn của tuổi trẻ, đã vội vã lên đường về phương Đông để thực hiện nghi thức thờ lạy xứng đáng trước dấu chân của Chúa – như lời tiên tri đã phán: *"Chúng ta hãy thờ lạy dưới chân Ngài"* (Thánh Vịnh 131:7).

Tại vùng đất thiêng liêng, nơi ghi dấu những sự kiện kỳ diệu, nơi mọi thứ đều gợi nhắc về "Mầu nhiệm vĩ đại của đức tin – sự hiện thân của Thiên Chúa trong xác phàm", sự vĩ đại của tâm hồn khiêm nhường nơi bà lão hoàng gia đã được thể hiện rõ ràng; tại đó, Thánh Helena không mặc những bộ trang phục xứng đáng với địa vị của mình, mà trong bộ quần áo khiêm nhường nhất, bà hòa mình vào đám đông dân chúng, cố gắng không để ai nhận ra, và hào phóng ban phát tiền bố thí; Học theo Chúa Giêsu, sự khiêm nhường của bà đã đi xa đến mức bà đón nhận các trinh nữ về nhà mình, đãi họ ăn uống và tự tay phục vụ bàn ăn như một người hầu gái bình thường[3809] . Gương mẫu về lòng đạo đức chân thành của nữ hoàng đã để lại ấn tượng sâu sắc không chỉ đối với những người tin vào Chúa Kitô, mà còn đối với cả những người không tin.

Thời gian Nữ hoàng Mẹ lưu lại tại "cái nôi của Kitô giáo" còn được đánh dấu bằng việc ứng nghiệm những lời tiên tri về Con trai vương giả của bà. Tại Palestine, tất cả những địa điểm được thánh hóa bởi các sự kiện trong Phúc Âm từ lâu đã bị tàn phá. Những kẻ ngoại đạo, vì lòng căm ghét Kitô giáo, đã cố gắng xóa bỏ ngay cả ký ức về những nơi đó; nơi thiêng liêng nhất trong trái tim người Kitô hữu – hang động Mộ Thánh – đã bị lấp đầy rác rưởi và bị che khuất khỏi ánh mắt tôn kính; không chỉ vậy, như để chế nhạo "Đức Chúa Trời bị đóng đinh" và những người tôn kính Ngài, trên ngọn đồi được đắp lên phía trên hang thánh, người ta đã xây dựng một đền thờ dành cho "quỷ tình ái dâm đãng" (Venus). Theo chỉ thị của Helena, các đền thờ thần tượng được dựng lên tại những nơi thiêng liêng đối với các Kitô hữu đã bị phá hủy và thay vào đó là những nhà thờ thánh. Như vậy, những nhà thờ tuyệt đẹp đã được xây dựng theo ý muốn và bằng kinh phí của hoàng hậu tại Bê-lem, trên hang động Giáng sinh của Chúa Kitô; trên núi Ô-li-ve – nơi Chúa Kitô lên trời; các nhà thờ đã được xây dựng tại Ghết-si-ma-ni – nơi Đức Mẹ Maria qua đời, và nơi Thiên Chúa hiện ra với Áp-ra-ham dưới cây sồi Mamre.

Nhưng mối quan tâm lớn nhất của bà hoàng hậu già là hiện thực hóa ý tưởng của người con vĩ đại của bà, đó là tìm ra chính Cây Thập Tự mà Đấng Cứu Thế của thế gian đã bị đóng đinh.

Nơi cất giấu Thánh Giá của Chúa vẫn còn là một bí ẩn; để tìm ra nó, Nữ hoàng Helena, một người sùng đạo, đã dùng mọi phương tiện và ảnh hưởng hoàng gia của mình. Và sau những cuộc tra hỏi và tìm kiếm kéo dài và vất vả, nơi đó đã được chỉ ra bởi một người tên là Giu-đa, một người Do Thái, một cụ già, con trai của một thầy giáo Do Thái – nơi đó nằm dưới một đền thờ ngoại đạo, được xây dựng trên ngọn đồi che phủ hang động Mộ Chúa. Theo lệnh của hoàng hậu, nữ thần Vệ-na-đê ghê tởm đã bị lật đổ, đền thờ của bà ta lập tức bị phá hủy; Thánh Macariô, Giám mục Giê-ru-sa-lem, đã cử hành lời cầu nguyện tại nơi bị ô uế; công việc dọn dẹp ngọn đồi được tiến hành. Và lòng nhiệt thành đạo đức đã nhận được sự củng cố kỳ diệu: những tín hữu đang lao động, đào xới đất đã ngửi thấy mùi hương thơm ngát tỏa ra từ dưới lòng đất. Lòng nhiệt thành vì vinh quang danh Chúa Kitô đã thúc đẩy những người lao động, theo ý nguyện của Thánh Helena, mang các vật liệu từ đền thờ ngoại giáo bị phá hủy và

[3806] Núi Si-ôn với pháo đài Giê-vu-sơ (Giê-ru-sa-lem) sừng sững trên ranh giới giữa các chi phái Giu-đa và Bê-ni-a-min; được Đa-vít chiếm lại từ bộ tộc Giê-vu-sơ thuộc dân Ca-na-an, nó dường như nằm ngoài phạm vi phân chia đất hứa theo các chi phái.

[3807] "Toàn bộ tôn giáo của chúng ta có nguồn gốc từ đất nước này (Palestine) và thành phố này (Jerusalem)" – lời của Thánh Giê-rô-ni-mô. Tác phẩm, tập II, trang 6.

[3808] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", quyển III, 42.

[3809] Lịch sử Giáo hội của Rufinus, quyển I, trang 8.

toàn bộ rác rưởi dưới đó ra càng xa nơi an táng Chúa Giêsu càng tốt, để như vậy không có gì bị ô uế bởi việc thờ ngẫu tượng chạm vào thánh địa vĩ đại của Kitô giáo. Hang Mộ Chúa đã được tìm thấy và dọn dẹp sạch sẽ; gần đó, ở phía đông, người ta đã tìm thấy ba cây thập tự giá và bên cạnh chúng là một tấm ván có dòng chữ cùng những chiếc đinh thiêng liêng. – Nhưng làm sao biết được cây thập tự nào trong ba cây đó là cây thập tự của Đấng Cứu Thế? – Sự bối rối chung về vấn đề này đã được giải quyết, theo sự an bài của Thiên Chúa, qua một sự kiện kỳ diệu như sau: lúc đó, người ta đang khiêng thi thể một người chết qua nơi này để chôn cất; Thánh Macarius đã ra lệnh cho những người khiêng thi thể dừng lại; theo lời khuyên của vị giám mục, họ bắt đầu lần lượt đặt từng cây thập tự đã tìm thấy lên thi thể người quá cố; và khi Thập tự giá của Chúa Kitô được đặt lên, người chết đã sống lại. Tất cả mọi người, khi chứng kiến phép lạ này, đều vui mừng và ca ngợi quyền năng kỳ diệu của Thánh Giá ban sự sống của Chúa. Nữ hoàng già đã kính cẩn cúi đầu trước Thánh Giá và hôn lên nó. Và vì trước đám đông đông đảo, không thể làm theo gương của nữ hoàng, mỗi người lần lượt bày tỏ lòng tôn kính đối với Thánh Giá vừa được tìm thấy, nên Thánh Macarius, để đáp ứng mong muốn chung – dù chỉ là được chiêm ngưỡng Thánh Vật từ xa – đã trang trọng nâng Thánh Giá lên và đứng trên một vị trí cao, thực hiện nghi thức Nâng Cao Thánh Giá của Chúa trước sự chứng kiến của đông đảo các tín hữu, những người lúc đó đã đồng thanh kêu lên: "Lạy Chúa, xin thương xót!" Đó là Lễ Nâng Thánh Giá Thánh và Ban Sự Sống lần đầu tiên; lễ này diễn ra vào năm 326. Giáo Hội Chính Thống kỷ niệm sự kiện này hàng năm vào ngày 14 tháng 9[3810] . Nhiều người ngoại đạo và người Do Thái lúc bấy giờ đã quy y Chúa Kitô; trong số những người đã trở lại có cả người tên Giu-đa, người đã chỉ ra nơi Thánh Giá được cất giữ[3811] . Thánh Giá sau đó được đặt vào một hòm bạc để bảo quản; vào Thứ Sáu Tuần Thánh, Thánh Giá được rước lên Núi Sọ (tại nhà thờ được xây dựng ngay sau đó, nơi Thánh Giá được cất giữ) để mọi người chiêm bái. Tuy nhiên, khi rời Jerusalem, Thánh Helena đã mang theo một mảnh của Cây Thánh ban sự sống làm quà tặng cho con trai mình là Constantine. Không lâu sau đó, vị hoàng hậu phúc lành này qua đời và được an táng một cách trang trọng.

Sau khi nhận được từ mẹ mình, Thánh Helena, kho báu vô giá – mảnh Thánh Giá – Constantine quyết định trang hoàng hang động Mộ Chúa và xây dựng bên cạnh đó một nhà thờ "tráng lệ hơn tất cả các nhà thờ hiện có trên thế gian"… "Theo lời Eusebius, hang động – như là trung tâm của toàn bộ công trình – đã được lòng hào hiệp yêu mến Chúa của vị vua trang hoàng bằng những cột trụ tuyệt đẹp và vô số đồ trang trí. Từ hang động có lối ra một quảng trường rộng lớn dưới trời mở. Quảng trường này được lát bằng đá sáng bóng và được bao quanh bởi những hàng cột liên tục ở ba phía." Và với sự quan tâm đáng kinh ngạc mà vị vua Kitô hữu dành cho việc xây dựng nhà thờ ở phía đông của hang động, những dòng sau đây trích từ thư của Constantine gửi cho Thánh Macarius tại Jerusalem sẽ cho thấy rõ nhất điều đó: "Về việc xây dựng và trang trí tinh xảo các bức tường của nhà thờ, xin ngài biết rằng tôi đã giao trách nhiệm này cho các quan chức Palestine. Tôi đã sắp xếp để dưới sự chăm lo của họ, các họa sĩ, thợ thủ công và mọi thứ cần thiết cho công trình sẽ được chuyển đến cho ngài ngay lập tức. Còn về các cột và đá cẩm thạch, những loại nào ngài cho là quý giá và hữu ích nhất – xin hãy xem xét kỹ lưỡng, và đừng chậm trễ chút nào mà hãy viết thư cho tôi, để qua lá thư của ngài, tôi có thể biết cần bao nhiêu và loại vật liệu nào, rồi sẽ vận chuyển chúng từ khắp nơi đến. Ngoài ra, tôi muốn biết ngài thích mái vòm của nhà thờ được trang trí bằng mosaic hay theo kiểu khác. Nếu là mosaic, thì các phần còn lại có thể được trang trí bằng vàng. Ngài hãy sớm thông báo cho các vị lãnh chúa đã nêu biết số lượng thợ thủ công và họa sĩ cần thiết, cũng như chi phí dự kiến. Hãy cố gắng báo cáo ngay cho ta không chỉ về đá cẩm thạch và cột trụ, mà còn về loại khảm mà ngài cho là tốt nhất."

Ngoài ra, chính Constantine đã nảy ra ý tưởng rằng ngôi đền sẽ trở nên lộng lẫy hơn nếu được trang trí bằng mười hai cột – tương ứng với số lượng các Tông đồ – trên đỉnh mỗi cột sẽ đặt những chiếc bình đúc bằng bạc. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi ngôi đền này là một kỳ quan về vẻ đẹp và khiến những người đương thời phải say mê trước vẻ ngoài của nó. Nhà sử học Eusebius, trong số những điều khác, đã mô tả di tích này – biểu tượng cho lòng sùng đạo nhiệt thành của vị hoàng đế Kitô giáo đầu tiên – như sau: "Nhà thờ (basilica) – một công trình phi thường, có chiều cao không thể đo lường, chiều rộng và chiều dài vô cùng ấn tượng. Bên trong được ốp bằng đá cẩm thạch nhiều màu, còn mặt ngoài của các bức tường, lấp lánh với những viên đá được đánh bóng và ghép chặt

---

[3810] Vào lễ Nâng Thánh Giá – một ngày ăn chay – thánh lễ của Giáo hội Chính thống được dành để tôn vinh Thánh Giá của Chúa, tưởng nhớ cái chết trên thập giá của Đấng Cứu Thế; trong buổi cầu nguyện suốt đêm, sau bài ca ngợi khen vĩ đại, các linh mục long trọng rước Thánh Giá từ bàn thờ ra giữa nhà thờ và tại đây diễn ra nghi thức thờ lạy Thánh Giá. Nghi thức tôn vinh Thánh Giá tại các nhà thờ chính tòa đặc biệt trang nghiêm, do các giám mục chủ sự trong khi hàng giáo sĩ liên tục hô vang: "Lạy Chúa, xin thương xót".

[3811] Giu-đa, sau khi chịu phép rửa tội có tên là Ki-ri-ác, sau này trở thành Thượng phụ Giê-ru-sa-lem và đã chịu tử đạo dưới thời Hoàng đế Giu-li-an Bội giáo. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 28 tháng 10.

vào nhau, trông vô cùng đẹp đẽ và không hề thua kém đá cẩm thạch. Trần nhà hình vòm được trang trí bằng những hoa văn chạm khắc tuyệt đẹp, trải rộng như biển cả bao trùm toàn bộ nhà thờ bằng những vòm cong liên kết với nhau và lấp lánh vàng khắp nơi, chiếu sáng toàn bộ nhà thờ như những tia sáng. Điểm nhấn chính của toàn bộ công trình là hình bán nguyệt nằm ở rìa ngoài cùng của nhà thờ (phía đông), được trang trí bằng mười hai cột tượng trưng cho mười hai Tông đồ, đỉnh các cột được trang trí bằng những chiếc bình lớn đúc bằng bạc – một lễ vật tuyệt đẹp dâng lên Thiên Chúa từ chính vị vua."

Tuy nhiên, vị vua sùng đạo này không chỉ giới hạn sự quan tâm của mình đối với Kitô giáo ở việc chăm lo cho sự vinh quang bên ngoài của nó; ngài còn quan tâm đến đời sống nội tại của Giáo hội Kitô giáo. Theo quan điểm của Constantine, Giáo hội phải là trụ cột quan trọng nhất của đời sống nhà nước; sự thống nhất tôn giáo phải là bảo đảm vững chắc cho sự thịnh vượng của đế chế. Giáo hội, rực rỡ bởi sự vĩ đại và vẻ lộng lẫy bên ngoài, phải thu hút dân chúng ngoại giáo bằng sự bình an nội tại của mình, từ từ biến toàn bộ quốc gia thành một cơ thể thống nhất từ bên trong, được Thánh Thần duy nhất của Chúa Kitô ban sự sống. Sự thống nhất và thịnh vượng của Giáo hội như vậy "đã mang lại cho vị hoàng đế chu đáo những ngày bình yên và những đêm thanh thản", trong đó ông nhìn thấy hạnh phúc của chính mình và của tất cả các dân tộc dưới quyền cai trị của ông trên thế giới".

Tuy nhiên, những "ngày bình yên và đêm thanh thản" ấy không phải lúc nào cũng đến với vị hoàng đế vĩ đại, và cũng không phải là điều dễ dàng. Vào thời của ông, Giáo hội của Chúa Kitô, vốn đã được đội vương miện chiến thắng của sự tử đạo và được công nhận quyền tồn tại như một thực thể dân sự, thậm chí còn có những đặc quyền so với các tôn giáo ngoại đạo, lại đang bị xáo trộn bởi những bất ổn nội bộ, vốn đã nảy sinh và chín muồi từ những thời khắc khó khăn của cuộc bách hại. Vừa mới lên ngôi tại Rome, Constantine đã ngạc nhiên và đau buồn khi biết rằng cả một vùng đất trong đế chế của ông đang chìm trong cuộc nội chiến giữa những con cái của Đấng Cha Duy Nhất. – Trong cộng đồng Kitô hữu tại châu Phi, một cuộc xung đột đã bùng nổ liên quan đến việc bổ nhiệm Cecilian làm Giám mục Carthage – "kẻ phản bội"[3812] ; những người đối lập đã bầu Maiorin làm Giám mục, và không lâu sau – sau khi Maiorin qua đời – họ đã đưa Donatus, kẻ chủ mưu chính của cuộc phản kháng, lên thay thế[3813] . Những người ủng hộ Donatus – "những người theo phái Donatus" – sau khi xích lại gần với "những người theo phái Novatian"[3814] , đã khẳng định rằng chỉ có họ mới là Giáo hội của Chúa Kitô và trong cơn cuồng tín mù quáng, họ không ngần ngại vu khống các đối thủ của mình, thậm chí dùng vũ lực cướp lấy các nhà thờ của họ; tình hình thường xuyên dẫn đến đổ máu giữa các phe đối địch. Để hòa giải họ và xem xét các khiếu nại lẫn nhau, Constantine ban đầu đã cử vị giám mục "yêu quý và được kính trọng" của mình là Osia đến Carthage[3815] , đồng thời giao cho ông nhiệm vụ phân phát tiền cứu trợ cho các Kitô hữu nghèo khó tại đó[3816] ; sau đó, theo lệnh trực tiếp của hoàng đế liên quan đến vụ việc của phái Donatist, hai công đồng đã được triệu tập – một công đồng nhỏ tại Rome và một công đồng "gồm nhiều giám mục từ các địa phương khác nhau" tại Arles[3817] . Phán quyết được các công đồng này đưa ra đối với những kẻ ly giáo gây rối cuối cùng đã được xác nhận tại Milan vào năm 316 dưới sự chủ tọa trực tiếp của Constantine, và vụ việc dường như đã được giải quyết.

Nhưng càng tìm hiểu sâu hơn về tình hình thực tế của Kitô giáo, vị hoàng đế sùng đạo này càng thấy rằng thực tế đó không đáp ứng được hình ảnh lý tưởng của ngài về sự hiệp nhất thánh thiêng của các con cái Giáo hội Chúa Kitô. Vụ việc của phái Donatist, vốn khiến Constantine lo ngại ngay từ những bước đầu của triều đại, không quan trọng bằng bản chất vấn đề, mà chủ yếu nằm ở sự cuồng nhiệt của những người tranh đấu. Năm 323, sau chiến thắng trước Licinius và trở thành người cai trị duy nhất của toàn đế chế, Constantine tiến về phương Đông, tràn đầy khát vọng chân thành tái thiết toàn bộ nhà nước trên những nền tảng tốt đẹp và vững chắc hơn. Trong các kế hoạch

---

[3812] Tên gọi này được các Kitô hữu sử dụng trong thời kỳ bách hại để chỉ những người vì sợ hãi mà giao nộp cho những kẻ ngoại đạo các vật phẩm tôn kính của mình: người ta từng nói rằng Thánh Cecilian đã giao nộp các sách thánh cho những kẻ bách hại – nhưng lời buộc tội này hóa ra là sai sự thật.

[3813] Donatus là một linh mục tại Carthage.

[3814] Những người theo phái Novatian dạy rằng những ai sa ngã trong thời kỳ bách hại và nói chung là những người phạm tội nặng – "tội chết" – cần được tiếp nhận trở lại vào cộng đoàn Giáo hội không phải qua việc sám hối, mà qua việc rửa tội lại.

[3815] Ô-si-a, người gốc Tây Ban Nha, đã làm giám mục hơn 60 năm, trong cuộc bách hại dưới thời Đế vương Diocletian đã nổi tiếng như một vị chứng nhân vì Chúa Kitô. Ông là giám mục của Córdoba. Hoàng đế Constantine đã mời ông đến triều đình và dành cho ông tình yêu thương và sự tin cậy. Trong cộng đồng Kitô giáo thời bấy giờ, có quan điểm phổ biến rằng vị cố vấn được Constantine yêu mến này đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến ông (Socrates. "Lịch sử Giáo hội", 1, 7).

[3816] Eusebius. "Lịch sử Giáo hội", X, 6.

[3817] Cùng tác phẩm, X, 5.

của mình, ông dành vị trí hàng đầu cho Giáo hội Kitô giáo, vốn theo quan điểm của ông, phải là lực lượng tinh thần gắn kết đế chế toàn cầu vốn đã thống nhất về mặt chính trị. Nhưng ở đó, tại phương Đông, ông phải đối mặt với sự thất vọng còn tàn khốc hơn cả ở phương Tây. Ông đến đây vào thời điểm mà những tranh cãi, được khơi dậy bởi tà thuyết Arius[3818] , không bị kiềm chế bởi bất cứ điều gì, đã đạt đến đỉnh điểm. Eusebius miêu tả thời kỳ này như sau: "Không chỉ các vị lãnh đạo Giáo hội tranh luận với nhau, mà cả dân chúng cũng bị chia rẽ; tình hình đã trở nên tồi tệ đến mức giáo lý thiêng liêng bị chế giễu một cách xúc phạm ngay cả trong các nhà hát ngoại giáo". Thời kỳ này rất thuận lợi cho hoạt động của những kẻ phỉ báng thần tính của Chúa Giêsu Kitô. Licinius – em rể của Constantine, lúc bấy giờ đang trải qua những năm cuối cùng của triều đại mình, người từng ký cùng Constantine Sắc lệnh Milan về sự khoan dung tôn giáo, lại có thái độ nghi kỵ đối với các Kitô hữu nói chung, coi họ là những người không đáng tin cậy đối với mình, ông đã căm ghét và thậm chí đàn áp họ một cách tàn bạo. Tuy nhiên, trong những mâu thuẫn giữa họ do tà thuyết Arian gây ra, ông có thể nhìn thấy một hiện tượng mong muốn, có lợi cho bản thân. Những tranh cãi này, khi làm suy yếu sức mạnh của Giáo hội, có thể khơi dậy ở ông hy vọng về sự ủng hộ cho những âm mưu của mình chống lại người anh rể quyền lực. Và những toan tính của Licinius không phải là vô ích. Ví dụ, chính Constantine đã nhận xét về Giám mục Eusebius của Nicomedia như sau: "Ông ta thậm chí còn cử người do thám đến với tôi và cung cấp cho tên bạo chúa (Licinius) sự trợ giúp gần như có vũ trang"[3819] .

Khi đến Nicomedia, Constantine đã vô cùng kinh ngạc trước những mâu thuẫn do chủ nghĩa Arian gây ra. Tuy nhiên, ông không ngay lập tức nhận ra tầm quan trọng của những sự kiện này. Cả bản thân ông lẫn các nhà thần học của giáo lý Thần thánh đi cùng ông từ phương Tây đều chỉ nhận được những thông tin một chiều về vụ việc Arius từ người dân Nicomedia, những người coi các vấn đề giáo lý không phải là đối tượng của đức tin sùng kính mang ý nghĩa sống còn, mà là lĩnh vực nghiên cứu khoa học, thậm chí là những cuộc tranh luận suông. Tuy nhiên, Constantine không bỏ qua vụ việc Arian; ban đầu, ông đã gửi một bức thư hòa giải dài đến Alexandria với lời thỉnh cầu thuyết phục gửi đến Giám mục Alexander và Arius, yêu cầu họ chấm dứt sự bất hòa lẫn nhau. Theo quan điểm của hoàng đế, Giám mục cũng có lỗi do sự thiếu thận trọng và những câu hỏi gay gắt của mình, còn Arius cũng có lỗi vì đã cắt đứt mối quan hệ, không tuân theo Giám mục; ông khuyên cả hai nên noi gương các nhà triết học, những người dù tranh luận với nhau nhưng vẫn chung sống hòa bình. Hơn nữa, cả hai đều đứng trên nền tảng chung: cả hai đều công nhận Sự Sắp Đặt của Thượng Đế, và vì thế họ dễ dàng hòa giải[3820] ...

Cùng với bức thư này, Constantine đã cử vị giám mục "yêu quý" của mình là Osia đến Alexandria, với nhiệm vụ điều tra vụ việc này tại chỗ và góp phần xoa dịu người dân Alexandria. Osia đã hoàn thành nhiệm vụ mà hoàng đế giao phó. – Dù ông không thể hòa giải các phe đối lập, nhưng qua việc điều tra các tranh cãi, ông đã đi đến kết luận rằng tà thuyết Arius không phải là những lời nói suông vô nghĩa, mà đe dọa làm lung lay nền tảng của đức tin Kitô giáo – dẫn đến việc phủ nhận toàn bộ Kitô giáo. Năm 324, Osia của Corduba trở về gặp hoàng đế và giải thích cho ngài về mối nguy hiểm nghiêm trọng của phong trào Arian. Lúc đó, Constantine quyết định triệu tập Công đồng Toàn cầu, mà theo ông, là phương tiện duy nhất để mang lại hòa bình cho Giáo hội. Theo ý tưởng của

---

[3818] Arius đã giảng dạy một cách báng bổ rằng Chúa Giêsu Kitô không phải là Thiên Chúa vĩnh cửu và vô thủy, rằng Ngài không đồng bản thể với Chúa Cha và là tạo vật của Ngài – đã có một thời điểm Ngài không tồn tại. Arius đã theo học thần học tại Antioch trong trường của vị tử đạo Lucian; sau khi trở thành linh mục tại Alexandria, ông đã thu hút sự chú ý của mọi người ở đó nhờ cả tài năng trí tuệ lẫn lối sống nghiêm khắc và tiết độ. Kiêu ngạo về trí tuệ và học vấn, Arius không nghe theo những lời khuyên răn và khuyên nhủ của Giám mục Alexander; ông cũng không tuân theo Hội đồng Giám mục do vị Giám mục này triệu tập và đã kết án ông. Không chỉ vậy, bằng tài hùng biện của mình, ông đã lôi kéo hàng giáo sĩ và dân chúng, cố gắng lan truyền những tà thuyết của mình ra ngoài phạm vi Giáo hội địa phương. Với số lượng tín đồ đông đảo, ông đã cử phái đoàn mang đơn khiếu nại đến nhiều giám mục của các Giáo hội phương Đông. Tại đó, ông ta tìm được những người ủng hộ, đứng đầu là Eusebius của Nicomedia, người trước đây đã quen biết Arius tại trường học của Lucian – một "nhà học giả", đồng thời là họ hàng của hoàng tộc và do đó là một nhân vật có ảnh hưởng. Eusebius, giám mục của thủ đô (lúc bấy giờ hoàng đế Licinius vẫn còn tại vị, và Nicomedia là nơi ngài cư ngụ), đã không công nhận thẩm quyền của tòa án do giám mục Alexandria đứng đầu. Trong thư gửi Arius, ông trả lời: "Ngài suy luận rất hay, hãy mong rằng mọi người đều suy luận như vậy, bởi vì ai cũng rõ rằng điều được tạo dựng không tồn tại cho đến khi nó được đưa vào hiện hữu; còn điều đã được đưa vào hiện hữu thì có khởi đầu." Do đó, Giám mục Alexandria lâm vào tình thế bi đát; vào khoảng năm 318, Alexander đã quyết định thực hiện biện pháp cực đoan: triệu tập một công đồng gồm một trăm giám mục; khai trừ Arius và những người ủng hộ ông khỏi Giáo hội; trục xuất kẻ báng bổ khỏi Alexandria và thông báo điều này đến tất cả các nhà thờ qua một thông điệp chung (xem Tạp chí Thần học. năm 1906, tháng 12: A. A. Spassky, tr. 584). Biện pháp này càng làm bùng lên các cuộc tranh luận về Arian và lan rộng ngọn lửa tranh cãi khắp phương Đông. Vụ việc của Arius giờ đây không còn mang tính chất địa phương nữa mà đã trở thành vấn đề của toàn Giáo hội.

[3819] Tạp chí Thần học, tháng 12 năm 1906, tr. 694.

[3820] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", II, 64–72.

hoàng đế, Công đồng này, "tuyên chiến chống lại kẻ thù chính" đang gây rối loạn hòa bình trong Giáo hội lúc bấy giờ, tức là tà thuyết Arian báng bổ, phải xem xét cả những vấn đề khác và đưa ra các câu trả lời – các định nghĩa về việc tổ chức đời sống nội bộ của các Kitô hữu[3821] .

Theo sắc lệnh của Hoàng đế, Công đồng Toàn cầu được ấn định tổ chức tại thành phố Nicaea[3822] . Constantine đã làm mọi cách để tạo điều kiện thuận lợi cho các giám mục được triệu tập trong hành trình đến địa điểm họp, đồng thời chi trả toàn bộ chi phí sinh hoạt cho những người đã đến Nicaea bằng ngân sách nhà nước. Các vị thánh từ Ai Cập và Palestine, từ Syria và Mesopotamia, từ Tiểu Á, Hy Lạp, Ba Tư và Armenia, cũng như từ các bộ tộc Goth bên kia sông Danube đã đến Nicaea; từ Roma, thay cho vị giám mục cao tuổi, có hai linh mục đã đến. Trong số các vị thánh phụ tham dự có: Đức Alexander cao niên của Alexandria, người đầu tiên vạch trần tà thuyết Arian, mang theo mình phó tế trưởng Athanasius, một chiến binh dũng cảm và tài ba trong cuộc chiến chống lại những người theo tà thuyết Arian (sau này trở thành Thánh Athanasius Vĩ đại, Tổng giám mục Alexandria); Thánh Nicholas của thành phố Myra thuộc Lycia; và Thánh Spiridon, vị thánh làm phép lạ. Tổng cộng có hơn 2.000 người tham dự Công đồng (bao gồm các linh mục và phó tế đi cùng các giám mục), trong đó riêng các vị thánh đã có 318 người.

Công đồng khai mạc vào tháng 6 năm 325 tại một đại sảnh rộng lớn trong cung điện hoàng gia. Các ghế ngồi được bố trí xung quanh phòng dành cho các giám mục, còn ở giữa là một chiếc bàn, trên đó đặt cuốn Kinh Thánh, như một bằng chứng trung thực về chân lý. Khi mọi người đã tập trung đầy đủ, Hoàng đế Constantine xuất hiện trong toàn bộ sự uy nghi của chức vụ hoàng đế, nhưng không có đội vệ binh vũ trang, được tháp tùng bởi các quan lại trong triều là những người Kitô hữu, mặc những bộ trang phục hoàng gia lộng lẫy nhất, lấp lánh vàng và đá quý. Sự xuất hiện của ngài đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho toàn thể hội nghị, đặc biệt là những người có mặt tại đó, những người đến từ những vùng đất xa xôi, chưa bao giờ được chiêm ngưỡng dung nhan hoàng gia hay sự uy nghi hoàng gia của ngài; nhưng chính ngài cũng cảm thấy bối rối trước cảnh tượng một hội nghị gồm các vị mục tử vinh quang của Giáo hội Chúa Kitô, trong số đó có những vị tu sĩ nghiêm khắc và những người làm phép lạ, những vị tuyên xưng đức tin và các vị tử đạo với đôi tay bị thiêu đốt và đôi mắt bị đâm thủng[3823] , những người đã chịu khổ vì đức tin, Trong im lặng, với ánh mắt cúi xuống, ngài bước đến chiếc ngai vàng đã được chuẩn bị sẵn cho mình và đứng chờ cho đến khi các vị thánh phụ mời ngài ngồi xuống. Sau khi lắng nghe những bài phát biểu chào mừng và tri ân của Eustathius thành Antioch và nhà sử học Eusebius thành Caesarea, Constantine tự mình phát biểu trước hội nghị, bày tỏ niềm vui khi được chứng kiến một hội nghị vĩ đại của các vị cha thánh như vậy, và khẩn cầu họ giải quyết các vấn đề tranh cãi một cách hòa bình. "Chúa đã giúp tôi," ngài nói, "lật đổ quyền lực bất chính của những kẻ bách hại, nhưng đối với tôi, cuộc chiến tranh nội bộ, cuộc xung đột huynh đệ trong Giáo hội của Chúa còn đau buồn hơn bất kỳ cuộc chiến nào, bất kỳ trận chiến đẫm máu nào, và còn tai hại hơn gấp bội."

Những người Arian đã đến tham dự Công đồng và thể hiện sự dũng cảm và tự tin tại đó; họ không lường trước được rằng sự nghiệp của họ sắp phải đối mặt với một thất bại hoàn toàn và toàn diện; ngược lại, họ kỳ vọng vào thành công rực rỡ cho những kế hoạch của mình: – họ có tới 17 giám mục đứng về phía mình; đứng đầu họ là vị giám mục thủ đô, người có quan hệ với hoàng cung. Những người theo phái Arius hy vọng rằng, dù Công đồng có thể không đồng ý với quan điểm của họ, thì cũng sẽ không kết án họ một cách nghiêm khắc.

Arius kiên quyết bảo vệ giáo lý của mình, vận dụng hết sức mạnh của tài hùng biện. Nhưng lòng trung thành vững chắc và đầy thuyết phục đối với giáo lý chân chính của Giáo hội từ các vị cha trong Công đồng đã làm bẽ mặt sự khôn ngoan giả dối của kẻ báng bổ. Những người bảo vệ Chính Thống Giáo hiểu rõ bản chất của tà

[3821] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", III17, V:6.

[3822] Nicaea, nay là İznik – một làng quê nghèo nàn, lúc bấy giờ là một thành phố rộng lớn và giàu có – là trung tâm của vùng ven biển Bithynia; thành phố này nối liền với biển qua một hồ nước và có thể tiếp cận dễ dàng cả từ biển lẫn từ đất liền; tại đó có một cung điện hoàng gia rộng lớn và nhiều tòa nhà, đủ chỗ để các giám mục và giáo sĩ tham dự Công đồng có thể lưu trú thoải mái; Nicaea chỉ cách Nicomedia, nơi ở của hoàng đế lúc bấy giờ, vỏn vẹn 20 dặm, do đó hoàng đế có điều kiện thuận lợi để tham dự Công đồng. Theo gợi ý của Eusebius, việc lựa chọn Nicaea làm địa điểm tổ chức Công đồng dường như còn bị ảnh hưởng bởi chính tên gọi của thành phố này – "chiến thắng" (theo bản dịch tiếng Nga). Eusebius. "Cuộc đời của Constantine" III, 6.

[3823] Số lượng các vị cha tham dự Công đồng không được các nhà sử học ghi chép thống nhất; ví dụ, Eusebius ("Cuộc đời của Constantine", III, 8) ước tính có tới 250 vị; Thánh Athanasius thành Alexandria trong các tác phẩm của mình, cũng như chính hoàng đế, cho biết con số lên tới 300. Con số 318 được Thánh Athanasius đề cập trong một bức thư gửi Giáo hội châu Phi; khi viết bằng chữ Hy Lạp – TIH – nó gợi nhớ đến "thập tự giá của Chúa Giêsu", vì vậy đã được sử dụng phổ biến, đến nỗi Công đồng Nicaea cũng được gọi là Công đồng 318 vị Cha.

thuyết Arian và đã bác bỏ nó một cách xứng đáng, với lòng sùng kính sâu sắc và trí tuệ được soi sáng chân chính. Trong số đó, Thầy phó tế Athanasius của Alexandria nổi bật nhờ sức mạnh đặc biệt của lời nói và sự chính xác trong việc vạch trần những lời lẽ ngụy biện của tà giáo: lời nói của ngài đã xé tan những lời lẽ xảo trá của kẻ dị giáo như xé tan một mạng nhện mỏng manh. Các cuộc tranh luận diễn ra gay gắt và kéo dài; Constantine đã vô ích khi dùng ảnh hưởng của mình để hòa giải những người tranh luận và đưa ra một giải pháp thân thiện cho cuộc tranh cãi; càng tranh luận lâu, càng rõ ràng rằng những người Arian đã đi chệch khỏi lẽ thật đến mức nào. Bản tuyên xưng đức tin do Eusebius của Nicomedia – thủ lĩnh của phái Arian – trình lên Công đồng, trong đó khẳng định rõ ràng rằng "Con Thiên Chúa" là "sản phẩm", "sinh vật", và "đã có lúc Ngài không tồn tại", đã bị các vị cha của Công đồng nhất trí bác bỏ là dối trá và bất kính – chính cuộn giấy mà bản tuyên xưng đó được viết lên cũng đã bị xé nát.

Sau khi lên án triệt để chủ nghĩa Arian như vậy, các vị cha của Công đồng đã quyết định ban cho các tín hữu một tuyên xưng chính xác về giáo lý Chính thống – đó là Kinh Tin Kính. Eusebius, Giám mục thành Caesarea, đã trình bày trước các vị "Tuyên xưng Rửa tội", vốn đã được sử dụng từ lâu trong Giáo hội của ngài và được trình bày gần như hoàn toàn bằng những lời lẽ trích từ Kinh Thánh. Các vị cha đã đón nhận Kinh Tin Kính này với sự tán thành; nhưng để loại bỏ triệt để khả năng lồng ghép tư tưởng dị giáo vào đó, họ nhận thấy cần phải thay thế một số cụm từ chung chung trong đó bằng những cụm từ xác định một cách hoàn hảo chân lý của Giáo hội. Hoàng đế, người có mặt tại Công đồng, đã cùng các vị cha chấp thuận Tín điều Caesarea và bày tỏ sự đồng tình hoàn toàn với nó; nhưng đồng thời, Constantine đề nghị đưa vào Tín điều một công thức mà các vị lãnh đạo Giáo hội đã thống nhất ngay từ các cuộc họp sơ bộ để diễn tả tư tưởng Giáo hội về Con Thiên Chúa và mối quan hệ của Ngài với Thiên Chúa Cha – đó là danh xưng "cùng bản thể" với Cha. Lời phát biểu của hoàng đế đã được Công đồng nhất trí thông qua và trở thành nền tảng quyết định cho giáo lý về Ngôi Lời Chúa Giêsu, giáo lý trung tâm của Kitô giáo.

Tuyên xưng "rửa tội" đã được sửa đổi và Công đồng đã soạn thảo Tuyên xưng Đức tin Nicêa mới, không thể tranh cãi đối với toàn thể Giáo hội Toàn cầu.

Buổi họp long trọng cuối cùng của các vị cha tại Nicêa diễn ra tại cung điện hoàng gia vào ngày 25 tháng 8 năm 325; sự kiện này trùng với lễ kỷ niệm 20 năm trị vì của Constantine[3824] .

Khi tiễn các vị cha tham dự Công đồng ra về, Constantine đã khẩn khoản cầu xin họ hãy giữ hòa bình với nhau trong bài phát biểu chia tay.

– Hãy cẩn trọng, – ông nói, – trước những tranh cãi cay đắng giữa các ngài. Đừng để ai ghen tị với những ai tỏ ra có sự khôn ngoan đặc biệt: hãy coi phẩm giá của mỗi người là tài sản chung của toàn thể Giáo hội. Hỡi những vị cao quý và ưu tú, đừng nhìn những người thấp kém hơn với thái độ kiêu ngạo: chỉ có một mình Thiên Chúa mới biết ai là người ưu tú hơn; sự Hoàn hảo hiếm khi có ở đâu, và cần phải khoan dung với những anh em yếu đuối nhất; sự hòa hợp bình an là điều quý giá nhất. Khi cứu rỗi những người chưa tin, hãy nhớ rằng không phải ai cũng có thể được cải đạo bằng lý luận học thuật – việc giảng dạy cần phải phù hợp với tính cách khác nhau của mỗi người, giống như các bác sĩ dùng thuốc khác nhau cho các bệnh khác nhau.

Như vậy, ước nguyện thiêng liêng của vị hoàng đế đạo đức – điều mà ngài đã tuyên xưng, thậm chí từng lấy chính Đức Chúa Trời làm chứng – đã trở thành hiện thực: đó là ước nguyện "hợp nhất giáo lý của tất cả các dân tộc trong đế quốc về Thần Tính thành một hệ thống chung". Ý tưởng vĩ đại, được gợi lên trong lòng vị hoàng đế bởi lòng sùng đạo thánh thiện của ngài, việc hiện thực hóa nó đã trở thành nhiệm vụ cả đời mà ngài đặt ra cho bản thân với khát vọng chân thành – ý tưởng này, đáng kinh ngạc bởi sự cao cả trong nội dung và sự bao la về quy mô, của Đại đế Constantine nay đã được đưa vào ý thức chung, trở thành tài sản chung của toàn thể thế giới Kitô giáo. Không chỉ vậy – để hiện thực hóa tư tưởng này trong đời sống Kitô giáo, vị hoàng đế đạo đức đã chỉ ra con đường chính xác nhất – Công đồng Toàn cầu – nhờ đó, những con chiên trong đàn của Chúa Kitô, cả những ai đã được kêu gọi lẫn những người khác – chưa được kêu gọi – nhờ ân sủng của Thiên Chúa, sẽ bước vào sân của Cha Trên Trời một cách chắc chắn, để có được sự sống đích thực (Ga 10:9). Và lễ kỷ niệm chiến thắng đích thực này của vị vua ngang hàng các Tông đồ còn được tô điểm thêm vào thời điểm đó bằng việc ngài nhận được một kho báu vô giá, một mảnh Thánh Giá ban sự sống của Chúa, được Hoàng hậu Helena mang từ Giê-ru-sa-lem về tặng ngài.

Sau đó, Constantine còn sống thêm hơn 10 năm nữa và trong suốt thời gian trị vì của mình, ngài luôn trung thành bất biến với Tín điều Nicêa[3825] , đồng thời nỗ lực hết mình để củng cố tinh thần đạo đức Kitô giáo trong

[3824] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", quyển II, 65.

vương quốc của mình, tự bản thân ngài trở thành một tấm gương đáng noi theo. Với nền tảng học vấn vững chắc, đặc biệt là về thần học, ông đã trao đổi thư từ rộng rãi với các vị lãnh đạo Giáo hội về các vấn đề liên quan đến đức tin, sự sùng đạo và cách tổ chức đời sống Kitô giáo; đồng thời, không ít lần tại cung điện, ông còn đứng trước hội đồng các quan lại và dân chúng để giảng dạy những bài giảng "thánh thiện". Tinh thần cần cù của ngài thật phi thường, ngài không dung thứ cho sự lười biếng: ngay cả khi đã cao tuổi, ngài vẫn không coi việc tự tay soạn thảo những văn bản luật pháp đồ sộ là gánh nặng[3826] . Với bản tính chân thật, hào hiệp và khiêm tốn, ông không bị mê hoặc bởi uy quyền hoàng gia hay những tràng pháo tay nồng nhiệt của đám đông – những sự hân hoan đó thậm chí còn khiến ông cảm thấy nhàm chán. Với trình độ phát triển đạo đức cao, Konstantin mong muốn nâng tất cả những ai tiếp xúc với mình lên cùng mức độ đó. Vì vậy, một lần nọ, ông đã khuyên răn một quan đại thần tham lam như sau: sau khi mời người đó đến gặp mình, ông nắm lấy tay người ấy và nói:

– Chúng ta sẽ để lòng tham của mình vươn xa đến đâu?

Rồi ông nói, dùng ngọn giáo vạch ra một khoảng không gian bằng chiều cao của một người:

– Giả sử ngươi có được tất cả của cải trên đời và làm chủ mọi nguyên tố trên trái đất, thì ngươi cũng chẳng thể tận dụng được gì hơn mảnh đất nhỏ này, và thậm chí, liệu ngươi có xứng đáng để sở hữu cả mảnh đất này hay không!

Một ví dụ khác: – Sau khi nghe bài diễn văn nịnh hót của một nhân vật có uy tín (trong giới tu sĩ), người này gọi nhà vua là "người hạnh phúc" và khẳng định rằng "ngài đã được ban cho quyền cai trị tuyệt đối trên tất cả mọi người ngay trong kiếp này, và trong kiếp sau sẽ cùng cai trị với Con Thiên Chúa", Constantine đã đáp lại kẻ nịnh hót ấy:

– Tốt hơn là ngươi hãy cầu nguyện cho nhà vua, để trong kiếp sau, ngài cũng được xứng đáng trở thành tôi tớ của Đức Chúa Trời.

Theo lời chứng của một người cùng thời, lòng từ thiện của nhà vua tràn ngập khắp nơi: "Từ sáng đến tối, ngài luôn tìm kiếm những người để ban ân huệ"; ông cung cấp cho những người ăn xin và những người bị bỏ rơi ngoài đường cả tiền bạc, thức ăn lẫn quần áo tươm tất; ông chăm sóc những đứa trẻ mồ côi thay cho cha chúng; những thiếu nữ mồ côi cha mẹ, ông sắp xếp cho họ lấy chồng và cung cấp của hồi môn từ kho bạc của mình. Ông đặc biệt thực hiện nhiều việc thiện vào ngày Lễ Phục Sinh. Tại thủ đô mới của mình, Constantine đã thiết lập phong tục rằng vào đêm Phục Sinh, trên khắp các con phố đều được thắp sáng bằng những cột sáp cao – "như những ngọn đèn lửa" – khiến cho đêm huyền bí ấy trở nên sáng hơn cả ban ngày, và ngay khi bình minh ló rạng, Constantine giơ bàn tay phải ra với tất cả những người nghèo khó, phát quà cho họ. Với sự hào phóng tương tự, hoàng đế cũng phát tiền bố thí nhân các dịp vui trong gia đình, chẳng hạn như đám cưới của các con trai ông; – trong những dịp này, người ta tổ chức những bữa tiệc và bữa ăn xa hoa cho các vị khách được mời, niềm vui lúc đó lan tỏa từ cung điện ra tận đường phố, – nhà vua nồng nhiệt đón nhận những điệu múa vòng tròn của các phụ nữ. Nhưng dưới triều đại của nhà vua, sự đoan trang luôn được tuân thủ tuyệt đối trong mọi hoàn cảnh và không cho phép bất cứ điều gì thiếu đoan trang hay khiêu khích.

Những năm cuối đời, đặc biệt là những ngày cuối cùng của Sa hoàng Konstantin và sự ra đi của ông, đã trở thành một kết thúc xứng đáng cho lòng sùng đạo Kitô giáo của ông. Từ rất lâu trước khi qua đời, Constantine đã bắt đầu chuẩn bị cho sự ra đi của mình. – Tại thủ đô mới của mình, ông đã xây dựng một nhà thờ mang tên các Thánh Tông đồ. Nhà thờ này được trang trí, trong số những thứ khác, bằng mười hai hòm thánh để tôn vinh hình ảnh các Thánh Tông đồ, và giữa những hòm thánh đó có một lăng mộ được xây dựng. Ban đầu, mục đích xây dựng ngôi mộ này vẫn còn là một ẩn số, nhưng sau đó mọi chuyện đã được làm sáng tỏ và hóa ra vị hoàng đế sùng đạo này đã cho xây dựng ngôi mộ đó dành cho chính mình. Ý nghĩ về cái chết đã trở thành chủ đề suy ngẫm sâu sắc của Constantine ngay khi ông bắt đầu cảm nhận sự suy yếu của thể lực.

Năm 337, Constantine đã long trọng cử hành Lễ Phục Sinh lần cuối cùng tại Constantinople và không lâu sau đó ngài lâm bệnh. Cảm nhận được cái chết đang cận kề, ông hoàn toàn dấn thân vào các việc đạo đức: thường

[3825] Tà thuyết Arian không hoàn toàn chấm dứt ngay cả sau Công đồng. Với sự xảo quyệt và gian trá của mình, những người Arian đôi khi chiếm được lòng tin của hoàng đế và, lợi dụng lòng khoan dung và tính hiền hòa của ngài, thỉnh thoảng lại tiến hành những cuộc tấn công vô lễ nhằm vào các tín hữu Chính thống; đặc biệt là Thánh Athanasius Vĩ đại đã phải chịu đựng rất nhiều từ họ.

[3826] Eusebius. "Cuộc đời của Constantine", quyển IV:66, IV

xuyên quỳ gối, nhiệt thành dâng lên những lời cầu nguyện nồng nhiệt trước mặt Thiên Chúa; theo lời khuyên của các bác sĩ, ông đã chuyển đến thành phố Eleonopolis vào thời điểm đó để điều trị bằng các bồn tắm nước ấm.

Nhưng cho đến thời điểm đó, Constantine vẫn chưa được rửa tội! Điều này trong thời đại chúng ta và đối với chúng ta có thể là một hiện tượng rất kỳ lạ, nhưng vào thời kỳ sơ khai của Giáo hội Kitô giáo, nhiều người đã nhận phép rửa tội khi đã trưởng thành hoặc thậm chí khi đã cao tuổi; một số người – vì lòng kính trọng sâu sắc đối với bí tích cao cả này, mà họ cho rằng cần phải có sự chuẩn bị lâu dài để đón nhận, – còn những người khác thì không phải không có ý định xảo trá – muốn trước tiên sống trong những thú vui tội lỗi của mình, rồi sau đó mới được tái sinh cho một cuộc sống thiêng liêng mới (Chúa là Đấng phán xét họ!). Constantine, người từ thuở thiếu thời đã mang Chúa Kitô trong lòng, từ lâu đã trở thành Kitô hữu trong tâm hồn, nhưng lại trì hoãn việc rửa tội vì ý thức khiêm nhường về tội lỗi của mình, mong muốn dành cả cuộc đời để chuẩn bị cho điều đó. Hơn nữa, trong lòng ông còn ấp ủ khát vọng chân thành được rửa tội trong dòng nước sông Jordan.

Không tìm được sự nhẹ nhõm tại Eleonopolis và cảm thấy sức lực thể xác suy kiệt đến cùng cực, Constantine đã sang Nicomedia và tại đây, sau khi triệu tập các giám mục, ngài đã xin họ ban cho ngài phép rửa tội thánh.

Trước khi chịu phép rửa tội, vị hoàng đế đang hấp hối đã phát biểu như sau:

– Thời khắc mong đợi đã đến, thời khắc mà ta đã khao khát từ lâu và luôn cầu nguyện như là thời khắc cứu rỗi. Đã đến lúc chúng ta nhận lấy dấu ấn bất tử, được tham dự vào ân sủng cứu rỗi. Ta đã định thực hiện điều này tại dòng sông Jordan, nơi chính Đấng Cứu Thế đã chịu phép rửa để làm gương cho chúng ta; nhưng Thiên Chúa, Đấng biết điều gì là tốt lành, đã ban cho ta ân sủng này ngay tại đây.

Sau khi nhận Phép Rửa Thánh, Constantine "vui mừng trong tâm hồn, trái tim ngài tràn ngập niềm vui sống động. Được mặc bộ áo trắng rực rỡ như ánh sáng trong lễ rửa tội, ngài không cởi bỏ nó cho đến khi qua đời. Ngài trút hơi thở cuối cùng trên chiếc giường phủ chăn trắng, còn những tấm áo choàng màu đỏ tía – biểu tượng của địa vị hoàng gia – thì "nô bộc của Đức Chúa Trời" này đã không còn muốn chạm vào nữa. Trong lời cầu nguyện tạ ơn cuối cùng, "nâng cao giọng nói", nhà vua kết thúc bằng những lời như sau:

– Giờ đây, tôi thực sự cảm thấy mình thật hạnh phúc, vì tôi có niềm tin vững chắc rằng tôi đã được hiệp thông với Ánh sáng Thần thánh và được ban cho sự sống bất tử.

Thánh Constantine vĩ đại và ngang hàng với các Tông đồ đã qua đời, để lại vương quốc cho ba người con trai của mình, vào chính ngày Lễ Ngũ Tuần năm 337, vào năm thứ ba mươi hai của triều đại ngài, khi ngài đã sáu mươi lăm tuổi. Thi hài của ngài đã được rước về thành Constantinopolis do chính ngài sáng lập trong một lễ nghi long trọng, và được an táng theo di nguyện của ngài tại Nhà thờ Các Thánh Tông đồ, trong lăng mộ do chính ngài chuẩn bị sẵn. Nay ngài đang sống cuộc đời vĩnh cửu trong Nước Trời vĩnh hằng của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ca ngợi muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Khi nhìn thấy hình ảnh Thập tự giá của Ngài trên trời và biết rằng ngài, giống như Thánh Phaolô, không nhận chức vụ từ loài người, lạy Chúa, xin hãy đặt thành phố vương giả này vào tay Ngài, vị Tông đồ vĩ đại nhất trong các vị Tông đồ: xin hãy luôn cứu rỗi thành phố này trong bình an, nhờ lời cầu nguyện của Đức Mẹ, Đấng duy nhất yêu thương loài người.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Hôm nay, Constantine cùng với mẹ là Helena, đã trình bày Thánh Giá, Cây Thánh Tối Cao, là sự sỉ nhục đối với tất cả những người Do Thái, và là vũ khí chống lại các vị vua trung thành: vì chúng con, dấu hiệu vĩ đại này đã hiện ra, và là sự đe dọa trong các trận chiến.

Lễ kính Thánh Công tước Constantine và các con trai của ngài: Michael và Theodore, các vị làm phép lạ tại Murom.

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 5

Thánh Công tước Constantine Svyatoslavich, người có đức tin vững vàng, xuất thân từ dòng dõi của Công tước Vladimir vĩ đại, người đã rửa tội cho đất nước Nga. Năm 1192,[3827] cùng với các con trai là các hoàng tử Mikhail và Feodor, từ thành phố Sheva lừng lẫy, ngài đã đến vùng Ryazan, đến thành phố Murom. Vào thời điểm đó, thành phố này có những người theo đạo ngoại, chưa được khai sáng về sự hiểu biết về Đức Chúa Trời chân chính[3828] . Rất lâu trước khi Thánh Công tước Konstantin đến, người thân của ngài, Công tước Gleb – con trai của Đại Công tước Vladimir và là người có đức tin vững vàng, người được chỉ định cai quản thành phố Murom – đã nỗ lực rất nhiều để chiếm lĩnh thành phố này và thuyết phục cư dân nơi đây chấp nhận phép rửa tội thánh, nhưng không thể thực hiện được điều đó và đã sống xa thành phố này trong hai năm, cách đó hai poprishch[3829] , sau đó, Sviatopolk đã dùng mưu lừa gạt để gọi ông về gặp cha mình, và trên đường đi, ông đã bị sát hại[3830] . Vị Công tước thánh thiện Konstantin cùng các con trai và quân đội đi theo đã giao chiến với người dân Murom ngay dưới chân thành phố, và một trận chiến rất lớn đã diễn ra, trong đó Công tước thánh thiện Mikhail đã bị giết. Sau đó, ông lại giao chiến với cư dân trong thành và sau khi giành chiến thắng trước họ, ông đã chiếm Murom làm lãnh địa của mình và bắt đầu cai trị tại đó.

Trước hết, ngài đã xây dựng trong thành phố, tại khu vực núi cổ xưa của nó, nhà thờ đầu tiên để tôn vinh Lễ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh, và an táng tại đây người con trai đã hy sinh của mình, Hoàng tử đức tin Mikhail; sau đó, ngài đã dẫn dắt những cư dân ngoại đạo trong thành phố trở lại đức tin Kitô giáo và rửa tội cho họ bằng phép rửa thánh. Sau khi tạ ơn Thiên Chúa vì thành công trong việc này, vị công tước thánh thiện đã xây dựng thêm nhiều nhà thờ khác[3831] và thành lập một giáo phận tại thành phố của mình. Sau đó, ngài sống trọn đời trong đức tin chân chính và sự trong sạch tuyệt đối, luôn là người bảo vệ những người nghèo khó và trẻ mồ côi, rồi không lâu sau đó, ngài đã về với Chúa. Sự ra đi của ngài đã gây nên nỗi đau buồn sâu sắc cho dân chúng. Mọi người đều thương tiếc ngài như thương tiếc cha mình, và an táng ngài tại nhà thờ Truyền Tin do chính ngài xây dựng, gần bên cạnh hai người con trai của ngài, các hoàng tử đức tin Mikhail và Feodor.

Một thời gian sau, người thân của Thánh Công tước Konstantin, Công tước đức tin Georgy Yaroslavich, đã trùng tu lại nhà thờ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh ban đầu[3832] , và kể từ đó, Chúa đã tôn vinh các vị thánh công tước Konstantin và các con trai của ngài, vì những phép lạ bắt đầu xảy ra tại các quan tài của họ.

Nhiều năm sau đó, vào năm 1553, Sa hoàng và Đại Công tước toàn Nga Ioann Vasilyevich, trong chuyến hành quân chống lại bọn Tatars vô đạo hướng về thành phố Kazan, đã ghé qua thành phố Murom và ở lại đây hai tuần. Sau khi cử hành lễ cầu nguyện trước quan tài của các vị thánh làm phép lạ, ngài đã hứa sẽ xây dựng một tu viện nếu trở về từ cuộc chinh phạt với chiến thắng. Nhờ ơn Chúa, ngài đã chiếm được thành phố vinh quang Kazan và, khi trở về thủ đô Moscow của mình, ngài đã ra lệnh xây dựng một nhà thờ bằng đá trước quan tài của các vị thánh làm phép lạ. Và khi bắt đầu đào hào cho nhà thờ này, người ta đã tìm thấy di cốt của các vị thánh công tước

---

[3827] Constantine-Yaroslav Svyatoslavich là con trai út của Svyatoslav Yaroslavich, ban đầu là công tước Chernigov, sau đó là đại công tước Kiev (1073–1077), cháu nội của Yaroslav Đại đế và chắt nội của Thánh Vladimir. Theo quyết định của các công tước tại Đại hội Công tước Lyubech năm 1097, Murom đã được xác nhận thuộc về Constantine-Yaroslav. Ông là công tước Murom đầu tiên sau Thánh Gleb và là tổ tiên của dòng họ các công tước Murom và Ryazan sau này. Thánh Konstantin trị vì tại Murom từ năm 1096 cho đến khi qua đời vào năm 1129. Thông tin trong Phần Mở đầu đề cập đến năm 1192 (1092?) như là năm Thánh Công tước đến Murom cần được coi là sai sót.

[3828] Murom – trung tâm của vùng phía bắc Rostov-Suzdal, hiện là một thị trấn huyện nhỏ thuộc tỉnh Vladimir – vào thời cổ đại từng thuộc về các khu định cư của các bộ tộc Phần Lan, như Muroma, Mery và Mordva; mặc dù thành phố này được cư trú bởi những người ngoại tộc theo đạo đa thần, nhưng tại đây đã tồn tại Tu viện Spassky từ thời đó cho đến nay. Trong Biên niên sử Lavrentiev, tu viện này được đề cập vào năm 1096. Có cơ sở để cho rằng tu viện này được thành lập nhờ công lao của các giám mục Chernigov, vì Murom thuộc lãnh địa của các công tước Chernigov.

[3829] "Poprishche" là đơn vị đo khoảng cách tương đương 690 sajeen. Người ta cho rằng, sau khi gặp phải sự chống đối của người dân Murom, Thánh Gleb đã định cư bên sông Ishne, cách Murom 12 verst.

[3830] Thánh Công tước Gleb qua đời vào năm 1015. Ngày kỷ niệm ngài được tổ chức vào ngày 6 tháng 9.

[3831] Như vậy, họ đã xây dựng một nhà thờ mang tên các thánh Boris và Gleb.

[3832] Việc khôi phục Nhà thờ Truyền Tin do Yuri Yaroslavich thực hiện diễn ra vào năm 1351.

vẫn còn nguyên vẹn và không hề bị hư hại chút nào. Sau khi hoàn thành việc xây dựng nhà thờ, một nơi đặc biệt đã được bố trí trong hốc tường nhà thờ, và di cốt thánh của các ngài đã được an táng tại đó. Sa hoàng và Đại công tước Ioann Vasilievich, người cai trị toàn cõi Nga, đã ra lệnh cho Giám mục Guri của Ryazan làm lễ thánh hiến nhà thờ mới xây dựng và gửi đến các vật dụng thờ cúng cần thiết cho lễ thánh hiến. Nhà thờ đã được thánh hiến, một tu viện được thành lập bên cạnh đó, và sự kiện này đã được tổ chức long trọng. Vào thời điểm đó, nhiều phép lạ đã xảy ra tại các quan tài của các vị công tước thánh, và những phép lạ này vẫn tiếp tục diễn ra cho đến ngày nay để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa.

Bài thánh ca, giọng 4:

Hôm nay, Constantine hân hoan ca ngợi[3833] , đứng trước ngai của Thánh Ba Ngôi, nhìn thấy quê hương mình rực rỡ trong vinh quang thiêng liêng[3834] , cùng với hai con trai của ngài là Michael và Theodore, những người đã theo bước chân ngài: và cả ba cùng cầu nguyện cho linh hồn chúng ta.

Kondak, giọng 8:

Quê hương của ngài, tự hào vì có ngài làm người lãnh đạo và người bảo vệ, cùng với con trai ngài, kêu cầu vị tướng tài ba và hoàng tử chính thống Constantine: vì nhờ ngài mà họ đã được giải thoát khỏi sự lừa dối và ô uế của các thần tượng. Vì lý do này, chúng ta kêu cầu ngài như sau: Hãy vui mừng, hoàng tử Constantine, người được chúc phúc.

Ngày 4 tháng 6

22 tháng 5 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vasilisk

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 5

Sau khi các thánh tử đạo Evtropiô và Kleonikô bị giết, cùng với họ, thánh Vasilisk cũng đã chịu nhiều đau khổ (mặc dù ngài vẫn còn sống nhưng đang bị giam trong ngục), cũng như sau khi vị thống đốc Asklipiôdotô qua đời, một vị thống đốc khác tên là Agrippa, được các kẻ hành hình Maximian và Maximin cử đến, một quan tổng trấn khác tên là Agrippa, với mệnh lệnh tiếp tục cuộc bách hại và giết hại những người tin vào Đấng Kitô. Ngay trước khi ông ta đến thành phố Amasya, Thánh Vasilisk, lúc đó đang bị giam cầm tại đó, đã cầu nguyện với nước mắt trước Thiên Chúa bằng những lời như sau: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin hãy nhớ đến con và đừng quên con cho đến giây phút cuối cùng của sự đau khổ, nhưng xin giúp con sớm được nhận vương miện tử đạo, để con không bị tách rời khỏi những vị thánh đã bị bắt cùng với con, những người đã chịu đau khổ trước con và đã nhận vương miện tử đạo."

Vào nửa đêm, Chúa hiện ra với anh trong một giấc mơ và phán: "Ta nhớ đến con và sẽ không bao giờ quên con; tên con đã được ghi (trong danh sách các vị tử đạo) đứng đầu những người cùng bị bắt với con. Đừng buồn vì con sẽ phải chịu khổ sau họ, vì con sẽ cảnh báo cho nhiều người; còn danh tiếng của con, Ta sẽ làm cho rạng ngời khắp vũ trụ. Bây giờ, hãy đi, chào tạm biệt lần cuối cùng với mẹ, các anh em và người thân của ngươi; và khi ngươi trở về, ngay lập tức ngươi sẽ nhận được vương miện tử đạo và sẽ được an táng tại Komana[3835] . Đừng sợ những cực hình mà ngươi sẽ phải chịu, vì Ta ở cùng ngươi, và sự ác độc của loài người không thể hủy diệt linh hồn ngươi được."

[3833] Tức là hân hoan ăn mừng.
[3834] Tức là thành phố này theo đạo Chính thống giáo và sống theo đức tin Kitô giáo.
[3835] Thành phố này cách Amasia 4 ngày đường.

Khi tỉnh dậy, Thánh Vasilisk tràn ngập niềm vui và tạ ơn Thiên Chúa. Sau đó, ngài thấy cửa ngục đã mở. Khi bình minh ló rạng, ngài nói với những người lính canh gác và trưởng lính canh ngục:

– Xin hãy cho tôi được tự do trong bốn ngày, để tôi có thể từ biệt mẹ và các anh em của tôi, những người đang sống tại làng Kumial; khi trở về, tôi sẽ đi theo Cha thật sự của tôi, là Chúa Giêsu Kitô.

Các binh lính và người cai ngục đáp lại ông như sau:

– Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng mà ngươi luôn luôn phụng sự, xin làm chứng rằng chúng ta đã sẵn sàng thả ngươi ra khỏi ngục nếu không vì sợ vị quan cai trị, người mà chúng ta đang chờ đợi sẽ đến trong thời gian ngắn nữa.

Thánh nhân phản bác:

– Tôi không muốn được thả hoàn toàn, nhưng như đã nói, tôi chỉ muốn đi chào tạm biệt mẹ, các anh em và họ hàng của mình, vì Chúa của tôi đã truyền cho tôi phải làm như vậy.

– Chúng tôi lo ngại rằng, ngay sau khi ngài bị trục xuất, – các binh lính vẫn khăng khăng – họ sẽ yêu cầu chúng tôi giao nộp ngài, bởi vì, theo như chúng tôi nghe nói, hôm nay quan tổng trấn sẽ đến thành phố, và tất cả các tù nhân đều đã được ghi vào sổ tòa án.

Thánh Vasilisk đáp lại như sau:

– Ý muốn của Đức Chúa Trời tôi là tôi phải trở về làng quê của mình; vì vậy, nếu các anh đồng ý, hãy để một vài người trong số các anh đi cùng tôi và sau đó trở về cùng tôi.

Lúc đó, các binh lính đã đồng ý với lời thỉnh cầu của ngài, và một số người trong số họ đã tập hợp lại và cùng Thánh Vasilisk trở về làng của ngài.

Các anh em của vị thánh (ông có ba người anh em) và mẹ ông đã đón tiếp ông với niềm vui vô bờ bến, còn các chiến binh thì được tiếp đón tại nhà họ với sự tôn kính cao độ.

Sáng hôm sau, vị thánh triệu tập tất cả người thân của mình và giảng dạy họ rất nhiều về những điều có lợi cho tâm hồn, đồng thời hướng dẫn họ về những chân lý của giáo lý Kitô giáo; ngài cũng giảng dạy họ rất nhiều về việc chỉ qua những đau khổ, chúng ta mới có thể bước vào Nước Trời của Chúa Kitô.

Sau khi an ủi mọi người và hôn tạm biệt người thân lần cuối, vị thánh đã phán:

– Hỡi anh em, các bậc cha mẹ và con cái trong Chúa Kitô! Hãy vững tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và đừng bao giờ xa lìa Ngài, bởi vì thế gian và mọi sự trong đó chỉ là bóng mờ, nhanh chóng tan biến; còn Chúa thì tồn tại muôn đời. Tôi khẩn cầu các bạn hãy cầu nguyện cho tôi cùng Đấng Tối Cao của tất cả chúng ta – Thiên Chúa, để Ngài ban cho tôi sức mạnh thực hiện những kỳ công và chịu đựng những đau khổ, như Thánh Theodoros Tyron, Eutropios và Kleonikos – những người đã bị bắt cùng với tôi – đã từng làm. Hãy cẩn trọng, hỡi các ông, các bà, các anh em, các chị em và các con, vì tôi sắp rời xa các bạn, và các bạn sẽ không còn được gặp tôi nữa trong cuộc đời tạm bợ này.

Khi vị thánh nói xong những lời này, tiếng khóc than và tiếng nức nở vang lên dữ dội, và mọi người đều cầu xin vị thánh:

– Khi ngài kết thúc cuộc đời thánh thiện của mình, xin hãy cầu nguyện cho chúng tôi và cho tất cả các Kitô hữu trước mặt Chúa, để cuộc bách hại đối với đức tin Chính Thống do những kẻ hành hạ gây ra chấm dứt, và việc thờ phượng các thần tượng bị tiêu diệt; còn ân sủng của Chúa Kitô xin chiếu sáng khắp mặt đất.

Sau đó, Thánh Vasilisk lên đường cùng các chiến binh để trở về nhà tù.

Lúc bấy giờ, quan tổng trấn Agrippa đến thành Amasia, triệu tập tất cả các công dân danh giá nhất, rồi cùng họ vào đền thờ ngoại giáo có tên là Petason[3836] , sau đó vào một đền thờ khác có tên là Serapion[3837] , và dâng lễ vật cho các vị thần ô uế của mình. Và vào sáng hôm sau, quan tổng trấn đến nơi xét xử và tra hỏi về những người bị giam cầm, trước hết là hỏi về Vasilisk, vì ông đã nghe nói về anh ta và muốn đưa anh ta ra xét xử ngay từ đầu.

Thị trưởng đi đến ngục tối, muốn dẫn Vasilisk đến trước mặt quan tòa, nhưng không tìm thấy anh ta ở đó, nên đã bắt giữ người canh ngục, trói lại và dẫn anh ta ra trước tòa án. Quan tòa, sau khi tra tấn anh ta, hỏi:

– Sao ngươi dám thả kẻ thù của các vị thần chúng ta và kẻ bất tuân mệnh lệnh hoàng gia ra khỏi ngục?

[3836] Rõ ràng, ở đây đề cập đến ngôi đền thờ vị thần Ai Cập-Hy Lạp Ptah – vị thần của người chết.

[3837] Serapion – ngôi đền thờ Serapis – vị thần Ai Cập-Hy Lạp Hellenistic, tương ứng với thần Zeus của Hy Lạp cổ đại. Cả Serapis lẫn (như đã đề cập ở trên) thần Ptah – đều là các vị thần thuộc chính tôn giáo Ai Cập. Tuy nhiên, trong thời kỳ say mê các tôn giáo phương Đông (thế kỷ II trước Công nguyên), người Hy Lạp đã dành sự tôn kính lớn lao cho các vị thần này và xây dựng rất nhiều đền thờ để tôn vinh họ.

– Đã là ngày thứ hai rồi, – người lính canh ngục trả lời, – kể từ khi Vasilisk cùng các chiến binh rời đi về làng của hắn.

– Ta sẽ ra lệnh xử tử ngươi, – vị thống đốc nổi giận thét lên, – nếu ngươi không đưa kẻ đã phỉ báng các vị thần của chúng ta đến trước mặt ta!

– Đến ngày thứ tư, tôi sẽ đưa hắn ra trước mặt ngài, – người lính canh ngục đáp.

Và ngay lập tức, vị thống đốc cử một quan chức cấp cao[3838] , một người tính tình độc ác và hung dữ, đi cùng người lính canh đó, cùng với các chiến binh, và giao nhiệm vụ cho hắn như sau:

– Chỉ khi nào ngươi bắt được tên phỉ báng thần linh đó và dẫn hắn đến trước mặt ta, ta mới tin rằng ngươi là người trung thành với các vị thần của chúng ta. Hãy dẫn hắn đến Komany, vì chính ta cũng đang trên đường đến đó.

Magistrian, sau khi rời khỏi nhà vua, đã chế tạo một đôi ủng đồng có rất nhiều đinh sắt nhọn và dài bên trong, rồi cùng với lính canh ngục và các chiến binh, lên đường đến làng quê của Vasilisk, mang theo trên lưng lừa những sợi xích sắt nặng nề đã chuẩn bị sẵn cho vị tử đạo.

– Tôi cũng đi theo, – người tường thuật những sự kiện tiếp theo, thánh Evsignius[3839] , – nói, – đi theo họ với hy vọng được chứng kiến những đau khổ và cái chết của thánh Vasilisk. Khi đến ngôi làng đó, họ bắt được vị tử đạo, người đang bước ra khỏi nhà hướng về thành phố Amasia để trở về nhà tù của mình, và trói ông bằng hai lớp xiềng xích; họ còn xích cổ ngài bằng xích sắt, và mang vào chân ngài những đôi ủng đồng có đinh bên trong, đến nỗi những chiếc đinh đâm sâu vào chân thánh nhân đến tận xương, và máu chảy ra ồ ạt từ đôi chân bị thương của ngài; đồng thời, những kẻ tra tấn đã đánh đập dữ dội vị tử đạo của Chúa Kitô khi dẫn ngài đến thành phố Comana. Mẹ, các anh em và họ hàng của ngài tiễn đưa ngài trong tiếng khóc than. Khi chia tay, mẹ ngài nói với ngài:

– Con trai yêu dấu của mẹ! Chúa Kitô, Đấng mà con đã yêu mến, xin hãy là Đấng trợ giúp con trong cuộc tử đạo này. Cuộc đời con ở đây sẽ không kéo dài, nhưng trong thế giới mai sau, sự sống đời đời đang chờ đón con; hiện tại con đang chịu những cực hình nặng nề, nhưng con sẽ nhận được vương miện vinh quang từ Chúa Kitô, Thiên Chúa; những kẻ ác hành hạ con trên trần gian, nhưng các Thiên thần của thế giới sẽ đón nhận con trên thiên đàng; người ta xét xử con như một tên cướp, nhưng chính tên cướp đã bị đóng đinh cùng với Chúa Kitô sẽ đón nhận con vào thiên đàng; các vị vua phàm trần và dễ hư nát tước đoạt mạng sống của con, nhưng Thiên Chúa Vĩnh Cửu sẽ ban lại sự sống cho con và đưa con vào hàng ngũ các Thiên thần. Và hãy nhớ đến chúng ta, con trai yêu dấu của mẹ, trên con đường đến với Chúa mà con đang bước đi!

Nói xong những lời ấy, người mẹ quay trở về nhà mình, cầu nguyện cùng Chúa cho con trai mình, xin Ngài ban cho con sức mạnh để can đảm chịu đựng những đau khổ.

Còn vị Thánh, khi ngoái lại và thấy ba người anh em của mình đang theo sau, cùng với họ hàng và nhiều người dân đang khóc thương cho ngài, đã khẩn khoản nài nỉ họ trở về nhà bằng những lời như sau:

– Đừng khóc vì con, mà hãy cầu nguyện với Chúa, xin Ngài ban cho con sức mạnh để chiến thắng ma quỷ và làm bẽ mặt các tay sai của nó.

Sau đó, ngài hôn lên má từng người và, khuyên nhủ mọi người hãy trở về, ngài nói với họ:

– Chúng ta sẽ gặp lại nhau vào ngày Phục Sinh và sự sống đời đời.

Nhưng những người tiễn đưa vị thánh không muốn quay về và vẫn khóc lóc theo sau ngài.

Và vị thánh lại khuyên nhủ họ bằng những lời như sau:

– Tại sao các con lại làm xao xuyến lòng ta bằng tiếng khóc và nước mắt của các con? Ôi, giá như ta được phép chết nhiều lần vì Chúa Giêsu Kitô của chúng ta! Ta van xin các con, hãy quay về và cầu nguyện cho ta trước mặt Thiên Chúa!

Nhưng vì họ vẫn không muốn quay trở lại, nên vị thánh đã nói với họ:

– Ta thề bằng sức khỏe của các vị vua của ta rằng, nếu các ngươi không quay lại, ta sẽ trói tất cả các ngươi lại và dẫn đến trước quan tổng trấn.

[3838] Magistrian – là phụ tá của quan cai trị vùng, có trong tay một số lượng binh lính nhất định, người mà thông thường được quan cai trị cử đi đến các tỉnh với các nhiệm vụ khác nhau.

[3839] Thánh tử đạo Eusignius, người đã ghi chép cuộc đời và những chiến công của thánh tử đạo Vasilisk, trong suốt 60 năm đã phục vụ như một chiến binh dưới thời ba hoàng đế La Mã: Diocletian (284–305), Maximian (305–311) và Constantine Đại đế.

Nhưng khi họ không nghe theo cả lời ông nữa, thì viên quan cùng các binh lính bắt đầu đánh đập họ và chỉ vừa kịp đuổi họ ra khỏi nơi thánh.

Khi bị dẫn đi như vậy, vị thánh dũng cảm chịu đựng sức nặng của xiềng xích sắt và kiên cường chịu đựng cơn đau ở đôi chân, bị đâm xuyên ở nhiều chỗ bởi những chiếc đinh nhọn rải rác trên đôi ủng đồng, và con đường của ngài nhuốm đầy máu. Còn bản thân ngài thì hân hoan hát lên:

– "Dù cả một đạo quân nổi dậy chống lại tôi, lòng tôi cũng không sợ hãi" (Thánh vịnh 26:3), vì Ngài, Chúa Kitô, ở cùng tôi.

Vị thánh còn nói lên nhiều điều khác nữa, khi ngài hướng về Chúa trong tiếng hát và lời cầu nguyện. Còn viên quan thẩm phán và những người đi cùng ông, khi thấy vị tử đạo bước đi nhẹ nhàng, dù đôi chân ngài đang mang đôi ủng đinh, đã vô cùng ngạc nhiên; nhưng Chúa ở cùng vị thánh tử đạo ấy, làm dịu bớt những đau khổ của ngài.

Khi họ đến một ngôi làng tên là Dakozaria, vị quan chức và các chiến binh muốn nghỉ ngơi vì trời nóng và đã đến giữa trưa. Nữ chủ nhân của ngôi làng đó, một góa phụ tên là Troiana, khi thấy vị quan chức đi cùng các chiến binh, đã mời họ vào nhà dùng bữa; tổng cộng có khoảng bốn mươi người. Khi họ bước vào, bà đã chuẩn bị mọi thứ chu đáo cho họ. Thế là, họ ăn, uống và vui vẻ, còn vị thánh tử đạo Vasiliska, với hai tay bị trói ra sau lưng, bị buộc vào một cây sồi khô mọc gần cổng nhà bà. Một đám đông người dân, cả nam lẫn nữ, cùng với trẻ em, đã tụ tập xung quanh vị thánh. Thấy ngài bị xiềng xích nặng nề và bị trói dưới cái nắng gay gắt, cũng như thấy máu chảy ra từ đôi chân ngài, họ cảm động và bày tỏ sự cảm thông với ngài. Còn vị thánh thì cầu nguyện với Thiên Chúa, kêu lên: "Lạy Chúa, xin hãy viếng thăm con, như Ngài đã viếng thăm Giuse trong ngục tối (Sáng Thế Ký 41), Đaniel trong hố sư tử (Đaniel 6), ba thiếu niên trong lò lửa Ba-by-lôn (Đaniel 3). Và như Ngài đã tỏ lòng thương xót cho Susanna (Đa-ni-ên 13), người đã phải chịu tai họa từ những lão già gian ác, đã giải cứu Phê-rô khỏi ngục tối (Công vụ 5:17–20), và đã bảo vệ Phê-cla khỏi sự sỉ nhục, xin Ngài cũng hãy tỏ lòng thương xót kỳ diệu của Ngài trên con, tôi tớ khiêm nhường và không xứng đáng của Ngài, và tỏ ra những phép lạ của Ngài để tôn vinh danh thánh của Ngài!"

Khi vị thánh kết thúc lời cầu nguyện, bỗng nhiên xảy ra một trận động đất và có tiếng nói từ trên cao vang lên: "Đừng sợ, Ta ở cùng con!"

Và bỗng chốc, đôi ủng đồng trên chân vị tử đạo tan chảy như sáp trước lửa; những xiềng xích rơi khỏi người vị thánh, còn cây sồi khô cằn bỗng xanh tươi trở lại, vươn những cành lá rậm rạp che phủ vị thánh và tỏa bóng mát ra một vùng rộng lớn xung quanh. Và tại nơi vị thánh từng đứng, nơi mặt đất nhuốm đỏ bởi máu của ngài, một suối nước đã tuôn trào.

Sau đó, vị thánh đã dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa như sau: "Chúa Giêsu Kitô, Lời Hằng Hữu và Con của Cha không thể thấu hiểu và không thể diễn tả, Đấng đã thương xót xuống trần gian và trở thành con người, để cứu chuộc chúng con khỏi kẻ hành hạ từ thuở xa xưa là ma quỷ và giải thoát chúng con khỏi mọi mưu mô xảo quyệt của nó, Đấng đã đưa chúng con lên trời, đồng thời đánh bại và kết án nó phải ở trong vực thẳm, Đấng đã ban cho chúng con sự sống mới, – bằng đôi môi nào tôi sẽ ngợi khen Ngài, bằng những lời nào tôi sẽ bày tỏ với Ngài những cảm xúc của mình, làm sao tôi sẽ ca ngợi Ngài và loan báo những việc làm vĩ đại cùng quyền năng của Ngài, mà Ngài đã tỏ ra trên tôi, tôi tớ của Ngài, như trước đây Ngài đã tỏ ra trên các thánh của Ngài, Eutropia và Cleonice, khi họ bị tra tấn theo lệnh của quan tổng trấn Asclepiodotus! Thật vậy, tôi là ai, kẻ không xứng đáng, mà Ngài lại ban cho tôi ân sủng vĩ đại và kỳ diệu đến thế; chính mặt đất, khi chứng kiến quyền năng của Ngài, cũng đã rung chuyển".

Còn viên quan và các binh lính, vì hoảng sợ trước trận động đất, đã chạy trốn khỏi ngôi nhà đó; và khi chứng kiến những phép lạ vừa xảy ra, họ rơi vào trạng thái bối rối tột độ. Một số người trong số họ nói rằng đó chỉ là ảo giác, số khác lại cho rằng đó là phép thuật, còn dân chúng đứng xung quanh vị thánh thì kinh ngạc và thán phục trước điều đó, đồng thời ca ngợi quyền năng của Đức Kitô, Thiên Chúa. Và nhiều người đã tin vào Đức Kitô, nói rằng: "Đây là vị thánh được Thiên Chúa sai đến đây để thánh hóa nơi này của chúng ta."

Họ đưa một người bị liệt, đang nằm trên giường, đến trước vị thánh; khi vị tử đạo của Chúa Kitô chạm vào người ấy, ngay lập tức người bị liệt đứng dậy như người khỏe mạnh, rồi cầm lấy giường của mình và trở về nhà, ca ngợi Thiên Chúa; họ còn đưa cả những người bị bệnh phong đến, và ngài cũng chữa lành cho họ bằng cách chạm vào họ; tất cả những ai mắc chứng sợ nước và các cơn sốt, cũng như những người mắc đủ loại bệnh tật khác hoặc bị quỷ ám – vị thánh đều chữa lành cho họ bằng lời nói của mình. Tất cả những ai chứng kiến những phép lạ này đều

ngợi khen Thiên Chúa chân thật và tin vào Ngài; còn cư dân của ngôi làng ấy thì tràn ngập niềm vui lớn lao. , nữ chủ nhân của làng Troiana, cùng con trai mình là Troyn, cũng đã tin vào Đấng Kitô và xin được rửa tội. "Tôi, Eusignius tội lỗi," người kể chuyện nói, "khi chứng kiến tất cả những điều đã xảy ra, đã ngợi khen Chúa từ tận đáy lòng." Cùng ngày đó, vào buổi tối, một đàn bò đang trên đường từ đồng cỏ về làng và đi qua con đường nơi vị thánh tử đạo của Chúa đang đứng, như thể đang ngợi khen những việc làm vĩ đại của Đức Chúa Trời, đã quỳ gối trước mặt vị thánh.

Lúc đó, viên quan và các binh lính đã hối hận về những hành động tàn bạo mà họ đã gây ra cho vị thánh, bởi vì nỗi kinh hoàng đã bao trùm họ khi họ chứng kiến những phép lạ kỳ diệu mà Chúa đã thực hiện nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh. Ngày hôm sau, viên quan nhẹ nhàng nói với vị tử đạo:

– Nếu ngài đồng ý, thưa ngài Vasilisk, thì chúng ta hãy lên đường, để vì ngài mà chúng ta không phải chịu hình phạt từ nhà vua.

– Được, chúng ta hãy lên đường, – vị thánh đáp, – vì tôi muốn chết vì Chúa của tôi.

Khi tất cả họ ra khỏi làng đó, toàn thể dân chúng, cùng với nữ chúa Troiana, đã tiễn đưa vị thánh. Còn vị thánh tử đạo thì khẩn khoản xin mọi người quay trở lại: một số người đã quay về, còn những người khác thì tiếp tục theo sau ngài. Khi họ bước lên cây cầu lớn bắc qua sông Ireos, cây cầu rung chuyển vì sự hiện diện của Chúa Kitô, Đấng đang đi cùng với tôi tớ của Ngài, thánh Vasilisk, một cách vô hình, như chính vị thánh tử đạo Vasilisk sau này đã kể lại cho tôi, Eusignius, kẻ không xứng đáng này, – người kể chuyện nói. – Khi cây cầu rung chuyển, vị thánh dừng lại và, ngợi khen Thiên Chúa, đã khẩn cầu dân chúng quay trở lại, và chỉ vừa thuyết phục được họ thực hiện lời thỉnh cầu của Ngài.

Trong suốt cuộc hành trình, mỗi khi đến một nơi cao và đẹp, vị thánh lại quỳ gối xuống và cầu nguyện với Chúa bằng những lời như sau: "Hỡi linh hồn ta, hãy chúc tụng Chúa ở mọi nơi trong vương quốc của Ngài!" (Thánh vịnh 102:22).

Khi tất cả đã đến một ngôi làng tên là Saon, các chiến binh và các quan chức chuẩn bị dùng bữa và khuyên vị thánh cùng dùng bánh với họ. Nhưng ngài từ chối, nói rằng: "Chúa là mục tử của tôi; tôi sẽ không thiếu thốn điều gì" (Thánh vịnh 22:1); Chúa của tôi, Đức Giêsu Kitô, là Đấng nuôi dưỡng tôi."

Họ lại tiếp tục nài nỉ Ngài, nói:

– Xin ngài hãy dùng bữa, thưa ngài, để ngài khỏi chết đói và chúng tôi cũng khỏi bị trừng phạt vì ngài, nếu chúng tôi không dẫn ngài đến gặp quan tổng trấn; vì đã ba ngày rồi ngài chưa ăn gì cả.

Thánh nhân đáp lại:

– Tôi đã được no nê bằng thức ăn bất tử, nên tôi không muốn nếm thức ăn trần tục. Các ngươi được nuôi dưỡng bằng bánh trần gian, còn tôi được nuôi dưỡng bằng Lời Thiên Chúa từ trời; các ngươi vui mừng vì rượu, còn tôi – nhờ ân sủng của Thánh Thần; các ngươi được no nê bởi thịt, còn tôi – nhờ sự kiêng ăn; các ngươi được củng cố bởi sức khỏe thể xác, còn tôi – nhờ Thập giá nhân danh Đức Kitô; vàng làm các ngươi giàu có, còn ta thì nhờ tình yêu dành cho Chúa Giêsu Kitô; quần áo làm các ngươi lộng lẫy, còn ta thì nhờ các đức tính; các ngươi tìm niềm vui trong tiếng cười, còn ta thì an ủi tâm hồn mình bằng lời cầu nguyện; các bạn yêu mến vị vua trần thế, tạm bợ, phàm trần và dễ hư nát của mình, khao khát được gặp ngài và tuân giữ luật pháp của ngài, còn tôi thì yêu mến Thiên Chúa và Vua Trời của tôi, tôn kính luật pháp của Ngài và khao khát được nuôi dưỡng bằng việc chiêm ngưỡng Ngài; các bạn mong đợi vinh quang trên đất, còn tôi thì mong đợi vinh quang trên trời; các ngươi tìm kiếm danh tiếng giữa loài người, còn tôi hy vọng được vinh quang trong Ngày Phán Xét Cuối Cùng khi những người công chính sống lại, khi Chúa tôi phán: "Hãy đến đây, hỡi những người được Cha Ta chúc phúc, hãy thừa hưởng Nước Trời đã được chuẩn bị cho các ngươi từ khi tạo dựng thế gian" (Mt 25,34).

Khi vị thánh nói như vậy, viên quan đã ra lệnh chuẩn bị lừa và đề nghị vị tử đạo ngồi lên một con lừa, nói rằng:

– Ngươi đã đi ba ngày liền trong cơn đói; ít nhất hãy ngồi lên con vật để ngươi không kiệt sức hoàn toàn.

Nhưng vị thánh không đồng ý ngồi, và nói:

– Chúa của tôi, Đức Giêsu Kitô, là Đấng ban sức mạnh cho tôi, còn Thánh Thần thì ban cho tôi sự bình an và niềm vui.

Sau đó, tất cả lên đường, và đến chiều tối, họ đến một ngôi làng, nơi họ dừng lại nghỉ qua đêm. Khi các binh lính ngồi vào bữa tối, viên quan đã nài nỉ Thánh Vasilisk dùng bữa cùng họ, nhưng ngài từ chối và dành cả đêm để cầu nguyện và hát thánh ca, trong khi chính các Thiên thần thánh cũng hát cùng với vị thánh của Chúa Kitô.

Khi trời sáng, mọi người lại tiếp tục lên đường và đến thành phố Komana vào giờ thứ tư buổi chiều. Khi họ đến gần thành phố, họ nghe nhiều người gặp trên đường kể rằng quan tổng trấn đang ra lệnh xử tử tất cả những ai không chịu quỳ lạy các thần tượng. Nhưng Chúa đã hiện ra với thánh Vasilisk và phán với ngài: "Hãy can đảm lên, đừng sợ những lời đe dọa của những kẻ thờ thần tượng, vì Ta ở cùng ngươi."

Khi họ bước vào thành phố, những người lính đi cùng vị thánh đã hỏi cư dân nơi đây:

– Hiện tại quan tổng trấn đang ở đâu?

Họ được cho biết rằng quan tổng trấn đang ở trong đền thờ thần Apollon[3840] và đang dâng lễ vật cho các vị thần tại đó.

Vị Thẩm phán, sau khi đến gặp vị quan trưởng, đã báo cáo rằng ông đã đưa Vasilisk đến. Vị quan trưởng rất vui mừng trước tin này. Vị Thẩm phán cũng kể lại những phép lạ đã xảy ra trên đường đi, nhưng vị quan trưởng không tin ông, và nhận xét:

– Tất cả những điều này đều là phép thuật của những người Kitô hữu.

Sau đó, ông ra lệnh đưa Thánh Vasilisk đến đền thờ Apollon, với ý định ép ông phải dâng lễ vật tại đó. Ngay lập tức, các binh lính của vị vua chạy đến chỗ Thánh Vasilisk và lôi ông vào đền thờ một cách bạo lực, nói:

– Hãy vào đền thờ gặp nhà vua và thờ lạy các vị thần, nếu ngươi muốn sống.

Còn vị Thầy Tu và các chiến binh đi cùng ông trong chuyến hành trình thì bắt đầu kể cho các chiến binh của nhà vua nghe về những phép lạ mà họ đã chứng kiến, và họ nói thêm:

– Quả thực, chúng tôi đã chứng kiến những dấu hiệu kỳ diệu và quyền năng của Đức Chúa Trời, không phải trong giấc mơ hay ảo giác, mà là những điều đã thực sự xảy ra.

Sau đó, họ quay sang vị thánh và nói với ngài:

– Xin ngài tha thứ cho những hành động tàn nhẫn, thưa ngài Vasilisk, mà chúng tôi đã gây ra cho ngài do sự thiếu hiểu biết của mình, và xin ngài cầu nguyện cho chúng tôi với Đức Chúa Trời của ngài!

Trong khi họ đang nói những lời đó, những binh lính mới do quan tổng trấn cử đến đã bắt vị tử đạo và dẫn ngài vào nhà thờ. Vị thánh bước vào nhà thờ với khuôn mặt rạng rỡ, hân hoan vì Chúa, Thiên Chúa của ngài.

Thấy ngài, quan tổng trấn hỏi:

– Ngươi là Vasilisk phải không?

– Vâng, chính là tôi, – vị thánh đáp.

– Vậy hãy nói đi, – quan tổng trấn tiếp lời, – ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần hay không?

– Ai đã nói với ngươi về ta, – vị thánh phản bác, – rằng ta không dâng lễ vật cho Đức Chúa Trời? Mỗi phút giây, ta đều dâng lễ vật ngợi khen để tôn vinh Đức Chúa Trời của ta.

Vị vua, không hiểu những lời đó, nói với vị thánh:

– Được rồi; vậy thì, hãy dâng lễ vật cho bất kỳ vị thần nào trong số các vị thần của chúng ta mà ngài muốn.

Thánh Vasilisk tiến lại gần tượng thần, rồi hỏi những người xung quanh:

– Vị thần của các ngươi tên là gì?

Họ trả lời:

– Apollo.

– Các ngươi nói đúng, tên ngài ấy là Apollon, – vị thánh xác nhận; – Apollon có nghĩa là kẻ hủy diệt[3841] và thực sự dẫn dắt những ai tin tưởng và thờ phụng ngài như một vị thần đến chỗ diệt vong, vì ngài không phải là thần.

– Vậy tên của vị thần mà ngài muốn dâng lễ vật là gì? – vị quan hỏi.

– Đức Chúa Trời của tôi, – vị thánh đáp, – Đấng không thể diễn tả, không thể thấu hiểu, vô hình và không thể giải thích được về các thuộc tính của Ngài.

– Vậy vị Thần của ngươi có tên không? – vị quan tiếp tục truy hỏi.

– Những tên của vị Thần của tôi được ghi chép trong các sách thánh, – vị thánh đáp, – và nếu ngài muốn nghe, tôi sẽ cho ngài biết.

– Hãy nêu tên chúng ra, – vị quan cai trị nói với ngài. Lúc đó, vị thánh tử đạo nói:

[3840] Apollon – theo thần thoại Hy Lạp – là vị thần ánh sáng, con trai của Zeus và Leto.

[3841] Apollon – khi dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "kẻ hủy diệt". Người Hy Lạp thường miêu tả ngài với cung, mũi tên và túi đựng tên, như kẻ thù và người chiến thắng các thế lực gây hại cho ánh sáng, tức là trật tự đạo đức của vạn vật.

– Đức Chúa Trời của tôi được gọi là Cha và Đấng Toàn Năng, Chúa Sabaoth[3842] , Vua của muôn loài, Đấng Cứu Rỗi nhân từ, thương xót và nhẫn nại. Tôi chỉ dâng lễ ngợi khen lên một mình Ngài!

– Ngươi muốn dâng lễ vật cho vị thần nào cũng được, với ta thì chẳng có gì khác biệt cả, – chỉ cần dâng đi thôi, – vị quan cai trị khăng khăng, – vì ngươi được gọi đến đây không phải để tranh luận, mà chỉ để dâng lễ vật mà thôi.

– Vậy thì, hãy lắng nghe, – vị thánh nói với vị quan, – lễ vật của tôi là gì.

Và ngài giơ hai tay lên trời, cầu nguyện với Đức Chúa Trời như sau:

– Lạy Đức Chúa Trời vĩnh cửu, Đấng Tạo Hóa trời đất, Đấng lắng nghe tất cả những ai thật lòng phụng sự Ngài, xin hãy nghe lời con, tôi tớ của Ngài, và ngay lúc này, xin hãy đập tan con thần tượng câm điếc, mù lòa và vô cảm này, để các dân tộc vô đạo hiểu được họ đang thờ phượng vị thần nào, và họ sẽ hổ thẹn và tin rằng chỉ có Ngài – Đấng Chúa Trời duy nhất toàn năng.

Vừa khi vị thánh kết thúc lời cầu nguyện, đất liền rung chuyển, tượng thần ngã xuống đất và vỡ tan thành từng mảnh. Vị vua và dân chúng đang có mặt trong đền thờ hoảng sợ chạy ra ngoài, chỉ còn một mình thánh Vasilisk ở lại trong đền thờ và hát:

– "Xin Đức Chúa Trời ngự lên, và kẻ thù của Ngài sẽ tan rã, và những kẻ ghét Ngài sẽ chạy trốn khỏi mặt Ngài. Như khói tan đi, xin Ngài làm cho chúng tan rã… như sáp tan chảy trước lửa, vậy những kẻ gian ác sẽ bị diệt vong trước mặt Đức Chúa Trời" (Thi Thiên 67:2–3).

Một lúc sau, vị quan cai trị ra lệnh đưa vị thánh ra khỏi đền thờ và, nghiến răng đầy căm hận với ngài, nói:

– Hỡi kẻ thù của các vị thần chúng ta! Sao ngươi hứa một đằng mà làm một nẻo? Ngươi hứa sẽ dâng lễ vật cho thần, nhưng lại dùng phép thuật của mình khiến thần Apollon của chúng ta ngã xuống và vỡ tan.

Vị thánh đáp lại:

– Kẻ đã nghiền nát vị thần của các ngươi, chính kẻ đó sẽ thiêu rụi cả đền thờ của ngài.

Vừa dứt lời, ngọn lửa từ trời đổ xuống đền thờ Apollon và thiêu rụi nó đến tận nền móng. Trong sợ hãi, vị quan và toàn thể dân chúng bỏ chạy khỏi đó. Sau đó, sau khi triệu tập thánh Vasilisk, vị quan nói với ngài như sau:

– Ôi, phép thuật của ngài thật vĩ đại! Ngài đã đánh bại vị thần ấy và thiêu rụi đền thờ của hắn!

Nhưng vị thánh đã phản bác lại:

– Nếu vị thần của ngài thực sự là thần, như ngài đã gọi, thì hãy để ngài tự mình báo thù cho chính mình.

– Các vị thần của chúng ta là những vị thần nhân từ, – vị vua phản bác, – và không gây ra bất kỳ điều ác nào cho kẻ thù của mình.

– Ôi, người thiếu lý trí! – vị thánh kêu lên. – Làm sao những con quỷ lại có thể làm điều thiện được, khi bản chất chúng vốn xấu xa: chúng sẽ lôi cả các ngươi, những kẻ tôn sùng chúng, xuống địa ngục cùng chúng.

– Hỡi tên pháp sư khốn kiếp, – vị quan thuyết phục vị thánh, – hãy dâng lễ vật lên các vị thần; nếu không, ta sẽ xử tử ngươi một cách tàn nhẫn.

Nghe vậy, vị thánh đáp lại vị vua:

– Con thú sống trong rừng, con chó liếm máu, Agrippa dâm đãng, hình ảnh của quỷ dữ, kẻ hành hạ vô pháp! Sao ngươi còn giữ ta lại? Ta đang vội kết thúc cuộc đời mình!

Vị vua nổi giận dữ dội với vị thánh và ra lệnh chém đầu ngài bằng gươm.

Các binh lính bắt vị thánh, dẫn ngài ra khỏi thành phố để hành quyết tại một nơi gọi là Dioscoria; lúc đó, đông đảo dân chúng tiễn đưa vị thánh. Vị vua đã ra lệnh rằng, sau khi hành quyết, phải ném thi thể vị thánh xuống sông.

"Khi vị tử đạo của Chúa Kitô[3843] , bị chém đầu, chúng tôi (theo lời kể của Thánh Evsignius), những người được ban ơn chứng kiến, đã thấy một phép lạ kinh ngạc: vô số Thiên thần thánh thiện đã hiện ra, đón nhận linh hồn vị thánh và đưa nó lên trời. Chúa Giêsu Kitô của chúng ta hiện ra đang đứng trên trời và phán: 'Hãy đến đây, hỡi tôi tớ tốt lành và trung thành của Ta, Vasilisk, hãy bước vào Nước Trời cùng với đoàn thể những người công chính, nơi các tôi tớ của Ta đang ngự, những người đã cùng với ngươi chịu khổ hình vì Ta.'

Chúng tôi, những người đã nhìn thấy và nghe thấy tất cả những điều này – người kể chuyện tiếp tục – đã quỳ sấp xuống đất và thờ lạy Chúa, tạ ơn Ngài vì đã ban cho chúng tôi được chứng kiến cảnh tượng ấy.

[3842] Chúa Sabaoth – Chúa của các đạo binh, Chúa của các thế lực (1 Sa-mu-ên 1:3, 11).

[3843] Thánh tử đạo qua đời vào đầu thế kỷ IV.

Sau đó, tên đao phủ tên là Prisk, cầm thi thể vị tử đạo, kéo nó ra sông. Chúng tôi tiến lại gần hắn (Eusignius kể lại) và xin hắn chờ một lát cho đến khi đám đông tan đi, rồi đưa cho hắn ba mươi đồng vàng để chuộc lại thi thể vị tử đạo. Hắn trao thi thể vị tử đạo cho chúng tôi và nói:

– Hãy cẩn thận đừng để ai nhận ra và báo cho quan tổng trấn biết chuyện này; nếu không, cả các ngươi lẫn ta đều sẽ gặp rắc rối.

Còn chúng tôi, sau khi nhận thi thể cao quý ấy – Evsigni tiếp tục – đã giấu đi, rồi vào ban đêm mang ra một cánh đồng đã cày xới, chôn cất và gieo hạt giống tại chính nơi đó. Ngay trong đêm đó, hạt giống đã nảy mầm, và ngày hôm sau đã nở hoa và kết trái. Khi chúng tôi đào mộ cho vị tử đạo, một số người trong chúng tôi khát nước; nhờ lời cầu nguyện của Thánh Vasilisk, người mà chúng tôi đã kêu cầu, ngay lập tức một suối nước xuất hiện gần ngôi mộ; sau khi uống no nê, chúng tôi đã ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa. Suối nước đó vẫn tồn tại cho đến ngày nay, và những người bệnh, khi uống nước từ đó với lòng tin, đều được chữa lành".

Sau tất cả những điều đó, một linh hồn ô uế đã ám vào quan tổng trấn Agrippa, và ông ta bắt đầu đi tìm thi thể của vị tử đạo, tự nhủ trong lòng: "Nếu ta chạm vào thi thể của Vasilisk, chắc chắn ta sẽ thoát khỏi tai ương này."

Và không ai dám nói với ông rằng thi thể vị tử đạo đã được chôn cất dưới đất. Một số người nói với ông: "Ngài đã ra lệnh ném thi thể xuống sông; vậy tại sao bây giờ ngài lại đi tìm nó?"

Lúc đó, Agrippa đã đến nơi vị tử đạo của Chúa Kitô bị chém đầu, tìm thấy ở đó vài giọt máu của ngài và, dùng chính tay mình thu thập chúng cùng với bụi đất, rồi buộc vào thắt lưng của mình. Ngay lập tức, ông được giải thoát khỏi tà linh và tin nhận Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta.

Một thời gian sau, một công dân của Comana tên là Marin, một người đàn ông đạo đức, đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Tử đạo Vasilisk và, sau khi đào các di cốt thánh của ngài lên khỏi mặt đất, đã rước chúng về nhà thờ này. Từ di cốt của thánh nhân, đã xảy ra vô số phép lạ chữa lành mọi bệnh tật, nhờ những lời cầu nguyện của ngài và nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ngợi khen, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài đã tỏ ra kiên cường và dũng cảm trong đau khổ, và kỳ diệu trong các phép lạ, công khai tôn vinh danh Chúa Kitô, và đã làm cho kẻ hành hạ phải xấu hổ. Vì thế, chúng con tôn kính ngài, Vasiliska, luôn luôn kêu cầu với danh hiệu cao quý: Hỡi sự nhân từ rạng ngời của các vị tử đạo, xin vui mừng.

Ngày 5 tháng 6

Ngày 23 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, người ta kỷ niệm việc tìm thấy (năm 1164) di cốt của Thánh Leontius, Giám mục Rostov, vị thánh làm phép lạ.

Cũng trong ngày này, người ta tưởng nhớ Thánh Paissios của Galich, cựu tu viện trưởng Tu viện Thánh Mẹ Maria và Thánh Nicholas (gần thành phố Galich), người đã qua đời vào năm 1460.

Kỷ niệm vị Thánh Cha của chúng ta, Thánh Michael, Người Xưng Tội

Ngày tưởng niệm 23 tháng 5

Thánh Mihaïl, Giám mục Sinad[3844] , người được tưởng nhớ hôm nay, mang tên giống hệt tên của Tổng lãnh thiên thần chỉ huy các lực lượng thiên đàng, và đã sống một cuộc đời như thiên thần, được tô điểm bởi sự trong trắng của người trinh nữ và mọi đức tính cao quý. Ngay từ khi còn là trẻ sơ sinh, ngài đã được dâng hiến cho Thiên Chúa, và khi còn trẻ, ngài đã gia nhập đời tu và trở thành một người phục vụ xứng đáng cho Thiên Chúa, cùng với Thánh Theophylact, Giám mục Nicomedia[3845] , phụng sự dưới thời Thượng phụ Thánh Tarasius, người đã sai cả

[3844] Synope – một trong những thành phố cổ ven Biển Đen.

hai đến tu viện nằm bên bờ Biển Đen. Trong thời gian tu hành tại đây, cả hai vị thánh đều tiến bộ vượt bậc trong các đức tính, và những lời cầu nguyện của họ có sức mạnh to lớn trước mặt Thiên Chúa.

Một lần nọ, vào mùa gặt, khi không khí oi bức đến mức không thể chịu nổi, khiến nhiều người kiệt sức vì khát do thiếu nước ở nơi đó, các thánh đã cầu nguyện với Chúa, và nhờ những lời cầu nguyện của họ, một chiếc bình đồng rỗng bỗng tuôn ra nước với lượng đủ dùng. Như vậy, Chúa đáp ứng những lời thỉnh cầu và lời cầu nguyện của những ai tôn kính Ngài, và Ngài lắng nghe những lời cầu nguyện của họ. Phép lạ này gợi nhớ đến phép lạ đã từng xảy ra trong sa mạc, khi Đức Chúa Trời làm cho nước chảy ra từ tảng đá cho dân Y-sơ-ra-ên đang khát khô cổ (Xuất Ê-díp-tô Ký 17:6), và một phép lạ khác, – khi, vì Samson (một quan xét của dân Y-sơ-ra-ên) đang chết khát, Đức Chúa Trời đã làm tuôn trào suối nước sống từ chiếc xương hàm lừa đã khô cạn (Các Quan Xét 15:19).

Sau đó, Đức Thượng phụ Thánh Tarasius, khi chứng kiến cuộc đời đạo đức cao cả của các vị cha thánh này, những người tỏa sáng như những vì sao trên trời, đã công nhận họ xứng đáng với chức vụ giám mục cao quý. Ngài đã tấn phong Thánh Phêôphilact thành Tổng Giám mục Nicomedia, còn Thánh Michael thì tấn phong làm Giám mục thành Sinad; cả hai đều chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô, bằng chính cuộc đời mình đã nêu gương tốt đẹp cho đoàn chiên của mình.

Khi Đức Thượng phụ Tarasius an nghỉ về với Chúa, và sau đó Thánh Nikiforos lên ngôi lãnh đạo Giáo hội Constantinopolis, cơn bão dị giáo chống thánh tượng – vốn đã bị các vị Thánh Phụ lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ bảy[3846] – lại bùng phát. Hoàng đế vô đạo Lê-vê người Armenia[3847] , bị lây nhiễm bởi tà thuyết đó, đã phát động cuộc đàn áp chống lại Giáo hội của Chúa Kitô, phủ nhận việc tôn kính các thánh tượng và gọi chúng là thần tượng; những ai thờ phượng chúng thì bị tra tấn và xử tử. Trước hết, ông đã trục xuất Đức Thượng phụ Nikiforos cùng các giám mục Chính Thống Giáo khác khỏi ngai tòa của họ, và thay vào đó bổ nhiệm những kẻ đồng chí hướng với mình – những kẻ dị giáo – khiến sự ghê tởm của sự hoang tàn ngự trị trên các thánh địa (Đa-ni-ên 9:27).

Vào thời điểm đó, Thánh Michael đã tỏ mình là người bảo vệ nhiệt thành cho Chính Thống Giáo và là người vạch trần sự gian ác của tà giáo. Được củng cố và ban cho sự khôn ngoan bởi ân sủng của Thánh Thần, ngài đã chống lại những kẻ tà giáo và bịt miệng những kẻ phỉ báng các bức tượng thánh. Vị hoàng đế vô đạo Lê-v, không chịu nổi những lời vạch trần của vị thánh, người đã táo bạo lên án sự lầm lạc dị giáo của ông, đã ra lệnh tra tấn vị thánh của Chúa Kitô. Còn vị thánh, không sợ hãi trước những cực hình, đã dũng cảm bảo vệ niềm tin của mình và nói với hoàng đế:

– Tôi tôn kính các thánh tượng của Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô, của Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Ngài, và các thánh khác, và tôi thờ lạy chúng; còn lệnh của ngài, tôi không thể tuân theo được.

Lê-v, bị sỉ nhục và tràn đầy cơn giận, đã kết án vị chứng nhân của Đấng Kitô phải lưu đày[3848] .

Bị đuổi từ nơi này sang nơi khác, vị thánh đã phải chịu đựng biết bao nỗi đau khổ và gian truân, cho đến khi Ngài đạt đến ngôi nhà thiên đàng và nhận được sự an nghỉ vĩnh cửu. Như vậy, Ngài đã kết thúc cuộc đời công chính của mình, được trang hoàng bằng hai vương miện: được xếp vào hàng các giám mục như một vị giám mục, và vào hàng các vị tử đạo như một vị tử đạo, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta[3849] .

Bài ca Kondak, giọng 8:

Là vị giám mục vô cùng thánh thiện, và là vị tử đạo đầy đức tin, ngài không sợ hãi sự vu khống, đã chiến thắng sự chống đối của những kẻ dị giáo, và cất tiếng hô to rõ ràng: "Tôi thờ lạy hình ảnh của Đấng Kitô, và Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội." Vì lý do này, chúng con tôn kính ngài, hỡi Thánh Michael.

[3845] Nicomedia – một thành phố nằm ở góc đông bắc của vịnh được hình thành bởi Biển Đá Cẩm Thạch. Thành phố này được xây dựng vào năm 264 trước Công nguyên và được đặt tên theo vua Nicomedes I của Bithynia. Nơi từng là thành phố cổ Nicomedia ngày nay là thành phố Isnid.

[3846] Công đồng Đại kết lần thứ bảy diễn ra vào năm 787 tại thành phố Nicaea.

[3847] Hoàng đế Lêô (V) người Armenia trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[3848] Ban đầu, Thánh Michael bị lưu đày đến thành phố Evdokiadou thuộc vùng Thrace.

[3849] Thánh tử đạo qua đời vào khoảng năm 818.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Mihaïl Chernorizets

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 5

Thánh Tử đạo Mi-khail xuất thân từ thành phố Ê-đê-sa ([3850]) và là con của một gia đình Kitô hữu. Sau khi cha mẹ qua đời, ngài đã phân phát hết tài sản thừa kế từ cha mẹ cho những người nghèo và lên đường đến Giê-ru-sa-lem để viếng thăm các thánh địa. Vào thời điểm đó, Giê-ru-sa-lem đã thuộc về người Hồi giáo.

Sau khi hành hương đến các thánh địa, ngài lui về tu viện của Thánh Savva và nhập tu tại đây.

Một thời gian sau, ông được vị thầy hướng dẫn cử đến Jerusalem để bán các sản phẩm do các tu sĩ làm ra. Tại đây, ông gặp[3851] , một hoạn quan của nữ hoàng Hồi giáo Seida, người đã đưa ông theo mình vì những đồ gốm mà ông bán rất đẹp và được làm rất tinh xảo, rồi dẫn ông đến gặp nữ hoàng. Nữ hoàng, khi nhìn thấy vị tu sĩ trẻ tuổi, khuôn mặt đẹp đẽ nhưng gầy gò vì ăn chay, đã say mê anh, bắt đầu dụ dỗ anh ngoại tình và nói:

– Hãy vâng lời ta, và nếu ngươi bị bệnh, ta sẽ chữa lành cho ngươi.

Nghe những lời đó của nữ hoàng, thánh Michael đã trả lời như sau:

– Ta đang đau khổ vì những tội lỗi của mình; ta phụng sự Chúa của ta, Đức Giêsu Kitô, và không muốn nghe lời ngươi.

Nữ hoàng đã dùng mọi cách ép buộc vị thánh phạm tội, giống như xưa kia ở Ai Cập, vợ của Phentêphria đã ép buộc Giô-sép Đẹp Trai phạm tội (Sáng Thế Ký 39:1–23); nhưng Mi-chail, người sống trong sự trong sạch, không đồng ý phạm tội, và đã thuyết phục nữ hoàng như sau:

– Tôi không thể làm điều đó, vì tôi là tu sĩ và đã thề với Đức Chúa Trời rằng cho đến cuối đời, tôi sẽ giữ gìn sự trong sạch của thân thể mình một cách vô tì vết.

Người phụ nữ vô đạo ấy, khi nhận ra rằng vị tu sĩ trong sạch tuyệt đối sẽ không bao giờ đồng ý với yêu cầu vô đạo của mình, tràn ngập sự xấu hổ và giận dữ, đã ra lệnh đánh vị thánh bằng gậy. Sau đó, bà ta gửi vị tu sĩ đến gặp nhà vua – người lúc bấy giờ đang ở gần Jerusalem – như thể ông ta là kẻ chỉ trích đức tin của họ.

Vua, sau khi tra hỏi vị thánh, đã ra lệnh tháo trói cho ngài và thuyết phục ngài chuyển sang đạo Hồi.

Vị thánh đáp lại với nhà vua:

– Tôi không thể từ bỏ Đức Chúa Trời của tôi để trở thành tín đồ của ma quỷ.

Vua lại tiếp tục dụ dỗ ngài:

– Hãy xin ta bất cứ điều gì ngươi muốn, và ngươi sẽ cùng ta cai trị.

– Ta xin ngài một trong ba điều này, – vị thánh đáp lại, – hoặc thả ta về với vị thầy của ta, hoặc hãy rửa tội nhân danh Đức Chúa Trời của ta, hoặc dùng lưỡi gươm chém ta để ta về với Đấng Christ, Đức Chúa Trời của ta.

Nhưng nhà vua ra lệnh mang đến cho vị thánh một chén độc dược chết người. Vị thánh uống độc dược ấy mà vẫn bình an vô sự, theo lời Chúa Kitô đã phán trong Phúc Âm Thánh của Ngài: *"Dù họ có uống thứ gì gây chết người đi chăng nữa, cũng sẽ không hại được họ"* (Mc 16,18).

Vị vua bị sỉ nhục đã ra lệnh chém đầu tôi tớ của Chúa Kitô bằng gươm ngay giữa thành Giê-ru-sa-lem[3852] .

Các tu sĩ của tu viện Thánh Savva đã rước thi hài vị thánh tử đạo về tu viện của mình và an táng vị tử đạo của Chúa cùng với các vị thánh tổ phụ một cách trang trọng, ca ngợi Chúa là Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài. Amen.

Cuộc đời của Thánh nữ Euphrosyne, Bề trên tu viện Polotsk

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 5

Tại thành phố Polotsk có một vị công tước tên là Vseslav[3853] , có một người con trai tên là Georgy. Chính từ người con trai Georgy này mà vị thánh phúc Euphrosyne đã ra đời.

[3850] Edessa – một thành phố nằm ở phía bắc Mesopotamia trong thời cổ đại.

[3851] Hoạn quan – người hầu đã bị thiến, thường được chỉ định phục vụ trong các hậu cung ở phương Đông.

[3852] Thánh tử đạo qua đời vào thế kỷ IX.

[3853] Vseslav Bryachislavich, con trai của Bryachislav Izyaslavich, làm công tước tại Polotsk từ năm 1044 đến năm 1101.

Trước khi nhập tu, Thánh Euphrosyne mang tên là Predislava. Được học chữ từ khi còn rất nhỏ, Euphrosyne đã miệt mài nghiên cứu Kinh Thánh và các sách cứu rỗi linh hồn khác. Chính từ Kinh Thánh, bà đã học được lòng kính sợ Thiên Chúa và tình yêu nồng nhiệt dành cho Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của mình.

Thánh nữ có khuôn mặt vô cùng xinh đẹp, đến nỗi khi ngài tròn mười hai tuổi, nhiều vị công tước danh giá đã xin cha của Thánh nữ Euphrosyne gả ngài cho các con trai của họ[3854] . Nhưng thiếu nữ này tuyệt đối không đồng ý gả mình cho một người chồng trần thế, vì cô đã hứa hôn với Chú Rể bất tử trên trời, là Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa. Mọi suy nghĩ của vị thánh nữ đều hướng về Thiên Chúa. Tuy nhiên, cha của Euphrosyne đã quyết định gả cô cho một vị hoàng tử , dù phải đi ngược lại ý muốn của cô. Khi Euphrosyne biết được điều này, cô đã lén lút rời khỏi nhà để vào tu viện nữ dưới sự hướng dẫn của vị Bề trên đáng kính, Công chúa Romana, và bắt đầu tha thiết xin được thụ giới tu sĩ. Còn Đức Mẹ Romana thì lâu nay vẫn chưa đồng ý, một phần vì Euphrosyne còn quá trẻ, một phần vì sợ cha cô; vì vậy, Romana khuyên cô nên tiếp tục sống đời thế tục, nói rằng cô còn quá trẻ và khuôn mặt lại quá xinh đẹp. Nhưng khi thấy Euphrosyne có ý định kiên quyết xuất gia để giữ trinh tiết và đạt được Nước Trời, cũng như thấy cô dành tình yêu sâu sắc trong lòng dành cho Chúa Giêsu Kitô, Romana đã ra lệnh cho vị linh mục đang ở trong tu viện của bà cạo đầu cho Predislava và mặc cho cô bộ áo tu sĩ giống như thiên thần; đồng thời, công chúa trẻ này được đặt tên là Euphrosyne.

Khi cha mẹ của thiếu nữ thánh thiện này biết được tất cả những gì đã xảy ra, họ tràn ngập nỗi đau buồn tột cùng và lập tức lên đường đến tu viện đó. Khi nhìn thấy con gái mình trong bộ áo tu sĩ tại đó, họ đã khóc nức nở không kìm nén được. Nhưng thánh nữ Euphrosyne, không nao núng trước những giọt nước mắt của cha mẹ, đã khuyên họ đừng khóc, mà hãy vui mừng vì con gái họ đã được hứa hôn với Chúa Giêsu Kitô, Vua trời.

Tại tu viện, Thánh nữ Euphrosyne luôn sống trong sự ăn chay và cầu nguyện không ngừng, đồng thời cùng với các nữ tu khác thực hiện mọi công việc của tu viện, vâng phục mọi người với lòng khiêm nhường sâu sắc.

Một thời gian sau, Thánh nữ Euphrosyne bắt đầu thỉnh cầu Giám mục Ilya của Polotsk cho phép bà được cư ngụ trong một lều được dựng bên cạnh nhà thờ chính tòa vĩ đại thờ Đức Thánh Sofia (bằng hành động này, Thánh nữ Euphrosyne đã noi gương các trinh nữ cổ xưa ở Jerusalem, trong đó có Đức Trinh Nữ Maria; các trinh nữ ấy sống gần Nhà thờ Solomon, trong những lều đặc biệt được dựng sát tường nhà thờ[3855] . Đức Giám mục, khi chứng kiến cuộc đời thánh thiện như thiên thần và tình yêu Seraphim dành cho Thiên Chúa của vị thánh, đã không cản trở ý nguyện tốt lành từ trái tim bà. Và vị thánh, như một Thiên thần của Chúa, đã ở trong lều bên cạnh nhà thờ, liên tục, ngày đêm không ngừng, cầu nguyện với Chúa và ngợi khen Ngài. Trong thời gian rảnh rỗi sau khi cầu nguyện, bà tự tay viết sách và bán chúng; tất cả số tiền thu được từ việc này, bà đều phân phát cho những người nghèo.

Sau khi vị thánh đã tu hành đủ lâu tại nhà thờ Thánh Sofia, một đêm nọ, bà thấy Thiên Thần của Chúa trong giấc mơ. Nắm lấy tay bà, Thiên thần dẫn bà ra khỏi thành phố, đến một nơi gọi là Selets; ở đây có Cung điện Thánh Sofia; cũng có một nhà thờ gỗ nhỏ thờ Thánh Cứu Thế; khi đó, Thiên thần nói với vị thánh:

– Ngươi nên ở lại đây, vì qua ngươi, tại nơi này, Thiên Chúa sẽ dẫn dắt nhiều người đến sự cứu rỗi.

Hình ảnh này lặp lại lần thứ hai và thứ ba. Vị thánh nữ ngạc nhiên, bối rối trước những gì mình thấy và tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho bà được chiêm ngưỡng hình ảnh ấy. Tuy nhiên, tuân theo mệnh lệnh của Thiên Chúa, Euphrosyne đáp lại:

– Lòng con đã sẵn sàng, lạy Chúa, lòng con đã sẵn sàng!

Và một Thiên thần đã hiện ra trong khải tượng với vị giám mục ấy và nói:

– Hãy dẫn nữ tỳ của Chúa là Euphrosyne đến nhà thờ Đấng Cứu Thế, nằm gần Selets, và cho nàng cư ngụ tại nhà thờ đó, để nơi đó trở thành tu viện của những trinh nữ dâng hiến cho Chúa, những người mà Chúa muốn cứu rỗi qua vị thánh nữ Euphrosyne này. Lời cầu nguyện của nàng như hương thơm ngào ngạt bay lên đến Chúa, và Thánh Thần ngự trên nàng, như ngự trên đầu vị vua; và như mặt trời chiếu sáng khắp vũ trụ, cuộc đời nàng cũng sẽ rạng ngời trước mặt các Thiên thần của Chúa.

Vị giám mục, sau khi tỉnh giấc, đã đến gặp thánh nữ Euphrosyne để truyền đạt ý muốn của Đức Chúa Trời cho bà. Euphrosyne liền kể lại cho vị giám mục nghe về giấc mơ của mình, và cả hai cùng tạ ơn Đức Chúa Trời.

[3854] Tuổi kết hôn sớm là hiện tượng phổ biến ở Nga cổ đại.

[3855] Có thể đọc câu chuyện chi tiết hơn về điều này trong truyền thuyết về Lễ Rước Đức Mẹ vào Đền Thánh, được ghi vào ngày 21 tháng 11.

Sau đó, vị giám mục triệu tập Công tước Boris, chú của Euphrosyne, Công tước George, cha của nàng, cùng nhiều quý tộc và các bậc hiền nhân khác; sau khi kể lại giấc mơ cho họ nghe, ngài nói:

– Trước mặt các vị, tôi trao cho Euphrosyne một khu đất bên cạnh Nhà thờ Thánh Cứu Thế ở Selets, để ở đó sẽ có một tu viện dành cho các thiếu nữ. Chớ ai được cản trở cô ấy hay tước đoạt những gì tôi đã ban cho cô ấy.

Mọi người đều đồng ý với vị giám mục.

Sau đó, thánh Euphrosyne được an cư tại nhà thờ Thánh Cứu Thế và người ta đã xây dựng tại đây một tu viện dành cho các thiếu nữ mong muốn sống trong sự trong sạch để phụng sự Chúa Giêsu Kitô. Nhờ vậy, thánh Euphrosyne đã trở thành người hướng dẫn và người lãnh đạo cho nhiều thiếu nữ, những người đã từ bỏ đời sống trần tục và chấp nhận đời sống tu hành. Nhìn vào cuộc đời thánh thiện của Thánh nữ Euphrosyne, các thiếu nữ khác cũng được khích lệ để thực hiện những việc làm thánh thiện.

Một thời gian sau, vị thánh nữ đã sai người truyền lời cho cha mình:

– Xin cha cho em gái con là Gradislava đến với con, để con dạy em ấy đọc các sách thánh.

Cha bà đã cho Gradislava đi. Thánh Euphrosyne đã dạy em gái mình cách đọc sách và, sau khi hướng dẫn em bằng nhiều lời khuyên cứu rỗi linh hồn, đã dâng em cho Chúa Kitô, vì đã khuyến khích em nhận lấy đời sống tu sĩ với tên gọi Eudokia.

Một thời gian sau, cha của Thánh Euphrosyne đã sai người đến nói với bà:

– Hãy cho em gái con về với chúng ta.

Còn Euphrosyne thì đáp lại:

– Hãy để em ấy ở lại với con thêm một thời gian nữa, vì em ấy vẫn chưa học hết Kinh Thánh.

Tuy nhiên, cha mẹ của Evfrosiniya chẳng bao lâu sau đã biết tin về việc con gái thứ hai của họ cũng đã xuất gia. Tràn ngập cơn giận dữ, họ đến tu viện và với nỗi đau đớn trong lòng, họ nói với thánh nữ Evfrosiniya:

– Ôi con gái của chúng ta! Con đã làm gì với chúng ta vậy! Con đã thêm nỗi buồn mới vào nỗi buồn cũ của chúng ta, và thêm nỗi đau mới vào nỗi đau cũ! Chẳng lẽ việc bỏ rơi chúng ta vẫn chưa đủ sao? Giờ đây, con lại cướp đi đứa con khác của chúng ta, đứa con mà chúng ta vô cùng yêu quý! Chúng ta sinh ra các con để làm điều này sao, chúng ta nuôi nấng các con để làm điều này sao! Chẳng lẽ chúng ta sinh ra các con chỉ để trước khi chết, các con lại tự nhốt mình như trong quan tài, trong những bộ áo tu sĩ màu đen này, vào sống trong tu viện và tước đi những niềm an ủi mà chúng ta từng mong đợi từ các con sao?..

Còn Thánh nữ Euphrosyne thì bắt đầu an ủi cha mẹ mình bằng những lời trò chuyện cứu rỗi linh hồn. Sau khi được an ủi phần nào, họ trở về nhà, xoa dịu nỗi buồn tự nhiên trong trái tim người làm cha mẹ bằng niềm vui thiêng liêng.

Không lâu sau, Công chúa Zvenislava, người thân của Thánh nữ Evfrosiniya, con gái của chú Boris, đã đến gặp bà. Zvenislava mang đến cho Thánh nữ tất cả những bộ trang phục quý giá của mình, vốn được chuẩn bị cho lễ cưới, và nói với Thánh nữ:

– Thưa bà và chị em của con! Con coi tất cả của cải trần gian này chẳng đáng gì cả; con dâng những trang sức cưới này cho Nhà thờ Đấng Cứu Thế, còn bản thân con mong muốn kết hôn thiêng liêng với Chúa và Đức Chúa Trời của con, và cúi đầu dưới ách nhẹ nhàng và tốt lành của Ngài.

Thánh nữ Euphrosyne đã đón nhận nàng với niềm vui và ngay lập tức ra lệnh cạo đầu cho nàng, đặt tên cho nàng là Eupraxia. Và cả hai nữ tu sĩ đều sống trong sự khổ hạnh và những lời cầu nguyện suốt đêm, cùng một tâm hồn phụng sự Chúa trong sự thánh thiện và chân lý.

Thấy số lượng các nữ tu trong tu viện ngày càng tăng, Thánh nữ Euphrosyne đã mong muốn xây dựng một nhà thờ bằng đá để tôn vinh Đấng Cứu Thế. Nhờ ơn Chúa phù hộ, sự nhiệt thành của bà đã được đền đáp. Chẳng bao lâu sau, cùng năm đó, một nhà thờ bằng đá tuyệt đẹp đã được xây dựng xong. Người giám sát công trình là một người đàn ông tên là Gioan. Một lần nọ, khi ông đang ngủ vào ban đêm, trước khi mặt trời mọc, ông đã nhiều lần nghe thấy một giọng nói bảo ông:

– Ioann! Hãy thức dậy, đi và giám sát việc xây dựng nhà thờ để tôn vinh Đấng Toàn Năng.

Một lần nọ, ông đến gặp Euphrosyne và hỏi bà:

– Thưa bà, có phải bà đang sai tôi đến đánh thức và nhanh chóng bắt tay vào công việc không?

Còn Euphrosyne, khi nhận ra rằng giọng nói đó không phải từ con người, mà là từ Đức Chúa Trời, đã trả lời John:

– Dù không phải tôi sai người đến đánh thức anh, nhưng anh hãy vâng lời tiếng nói đang kêu gọi anh làm việc và làm theo những gì nó truyền lệnh, vì đây là công việc của Đức Chúa Trời.

Công việc xây dựng nhà thờ đã gần hoàn tất. Chỉ còn thiếu những viên gạch cần thiết để xây dựng nhà thờ. Lúc đó, vị thánh nữ đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời, nói như sau:

– Con tạ ơn Ngài, Đấng Chủ Tể Yêu Thương Loài Người, Thiên Chúa Toàn Năng! Ngài đã ban cho chúng con những điều lớn lao, xin hãy ban cho chúng con cả những điều nhỏ bé nữa, để chúng con có thể hoàn thành công việc xây dựng ngôi đền thờ, được dựng lên để tôn vinh danh thánh tối cao của Ngài.

Sáng hôm sau, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, những người thợ xây đã tìm thấy một lò nung đầy gạch đã nung chín, đã nguội hẳn và rất chắc chắn. Những viên gạch này được tạo ra bởi bàn tay vô hình và trong một thời gian rất ngắn – chỉ trong một đêm, điều kỳ diệu này đã xảy ra. Mọi người đều tràn ngập niềm vui và ngợi khen Đức Chúa Trời. Như vậy, việc xây dựng nhà thờ đã được hoàn tất. Ngay sau đó, vị giám mục cùng các linh mục, các hoàng tử và toàn thể cư dân thành phố đã đến đây để làm lễ thánh hiến nhà thờ; tất cả đều hân hoan mừng lễ thánh hiến. Còn Thánh nữ Euphrosyne, quỳ sấp mặt trong nhà thờ, đã khóc lóc cầu nguyện với Chúa bằng những lời như sau:

– Lạy Chúa, Đấng Thấu Hiểu Lòng Người, Đấng Toàn Năng, xin hãy nhìn xuống ngôi thánh đường này, được xây dựng nhân danh Ngài, như xưa kia Ngài đã nhìn xuống ngôi đền của vua Salomon; xin hãy nhìn xuống đoàn chiên của Ngài, đang tụ họp tại ngôi thánh đường này. Xin hãy thương xót tất cả chúng con, những người đang phụng sự Ngài tại ngôi thánh đường thánh thiêng này. Xin ban cho chúng con sự trợ giúp trong mọi việc lành, để chúng con có thể gánh vác gánh nặng được đặt lên vai mình một cách thành công và bước theo dấu chân Ngài, Chú Rể của chúng con. Chính Ngài hãy bảo vệ đàn chiên Lời này. Xin hãy là Mục Tử, Người Canh Cửa và Người Bảo Vệ của chúng con, để không một chị em nào bị sói – kẻ hủy diệt linh hồn con người, tức là ma quỷ – bắt đi. Lạy Chúa, xin hãy là vũ khí và sự bảo vệ vững chắc cho chúng con, để "*sự ác* không chạm đến chúng con *và vết thương không* đến *gần* thân thể chúng con" (Thánh Vịnh 90:10), và xin đừng hủy diệt chúng con vì những tội lỗi của chúng con. Chúng con đặt trọn niềm tin vào Ngài, vì Ngài là Thiên Chúa đầy lòng thương xót và nhân từ đối với tất cả những ai tin tưởng vào Ngài. Chúng con sẽ không ngừng dâng vinh quang lên Ngài cho đến cuối đời.

Sau đó, vị thánh nữ bắt đầu giảng dạy các chị em, nói như sau:

– Này, tôi đã tập hợp các chị em lại vì danh Chúa, giống như chim mẹ tập hợp chim con dưới cánh mình; tôi đã tập hợp các chị em như những con chiên của Đức Chúa Trời trên đồng cỏ thiêng liêng: hãy chăn dắt bản thân trong các điều răn của Chúa, hãy ngày càng trổ sinh đức hạnh, để tôi cũng có thể với niềm vui chứ không phải nỗi buồn mà lo lắng cho sự cứu rỗi của các chị em và dạy dỗ các chị em, và để tôi được hân hoan trong tinh thần khi nhìn thấy những thành quả thiêng liêng từ công lao của các chị em. Các chị em tự mình thấy đấy, tôi đã gieo Lời Chúa vào lòng các chị em với bao nhiêu công sức lớn lao; tuy nhiên, đôi khi những cánh đồng lòng các chị em dường như vẫn chưa chín muồi, chưa phát triển về đức hạnh, trong khi mùa gặt đang đến gần. Cái xẻng đã sẵn sàng trên sân đập lúa, nó sẽ tách cỏ dại ra khỏi lúa mì. Tôi rất lo sợ, hỡi các chị em của tôi, rằng trong số các chị em có thể có những cỏ dại, những kẻ sẽ bị ném vào lửa không thể dập tắt. Xin các chị hãy vội vàng, tôi khẩn khoản xin các chị, hãy giữ mình khỏi những cỏ dại tội lỗi, để các chị có thể tránh được lửa địa ngục. Hãy biến chính mình thành lúa mì tinh khiết của Chúa Kitô, hãy hoàn thiện bản thân qua những nỗ lực ăn chay, siêng năng trong sự khiêm nhường, trong sạch, tình yêu và cầu nguyện, và như vậy các chị sẽ biến chính mình thành bánh ngon lành dâng lên Thiên Chúa.

Đó là những lời dạy của Thánh nữ Euphrosyne dành cho các chị em trong tu viện của mình, người đã chăm sóc họ một cách chu đáo như một người mẹ yêu thương dành cho những đứa con thiêng liêng của mình. Nhờ những lời dạy dỗ và lời cầu nguyện của bà, tất cả các nữ tu đều tiến bộ trong cuộc sống đạo đức và tự biến mình thành những bình chứa xứng đáng để Thánh Thần ngự trị.

Ngoài nhà thờ bằng đá đã được đề cập, Thánh nữ Evfrosiniya còn xây dựng thêm một nhà thờ bằng đá khác để tôn vinh và ca ngợi Đức Mẹ Thiên Chúa. Sau khi trang trí nhà thờ bằng các bức tranh thánh, bà đã trao nó cho các nữ tu, những người mà bà đã xây dựng cả một tu viện bên cạnh nhà thờ này[3856] .

[3856] Tu viện do Thánh Euphrosyne thành lập vẫn tồn tại cho đến ngày nay với tên gọi Tu viện Spaso-Euphrosyne. Năm 1579, tu viện này bị các tu sĩ Dòng Tên chiếm đóng, và được giải phóng khỏi sự cai trị của họ vào năm 1820. Trong tu viện lưu giữ cây thánh giá trên bàn

Thánh nữ Euphrosyne mong muốn có trong tu viện của mình một bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, được gọi là "Odigitria"[3857] – chính là một trong những bức tượng do chính Thánh Luca, tác giả Phúc Âm, vẽ khi còn sống. Thánh nữ biết rằng ba bức tượng do Thánh Luca vẽ hiện đang được lưu giữ – một ở Jerusalem, một ở Constantinople, và bức thứ ba ở Ephesus. Sau khi thành kính cầu nguyện với Chúa trong nước mắt, xin Ngài ban cho điều mình mong ước, bà đã cử một người hầu trong tu viện của mình, tên là Michael, đến Constantinople gặp vị vua đạo đức Manuel[3858] và Đức Thượng phụ thánh Luca[3859] cùng nhiều lễ vật, và xin họ gửi cho bà một trong những bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh do Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, vẽ, cụ thể là bức tượng đang được lưu giữ tại thành phố Ephesus. Nhà vua và Đức Thượng phụ, khi thấy lòng sùng kính sâu sắc của Thánh nữ Euphrosyne đối với Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, đã quyết định đáp ứng lời thỉnh cầu của bà và cử một sứ giả đến châu Á; người này đã mang bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội từ Ephesus về Constantinople. Sau khi trao bức tượng cho người hầu của tu viện Euphrosyne, hoàng đế và tổng giám mục đã cho anh ta ra về và trao cho anh ta một văn thư, trong đó bày tỏ lời khen ngợi dành cho nữ tu của Chúa Kitô và ban cho cô sự chúc lành của tổng giám mục.

Sau khi nhận được bức tượng thánh quý giá này, Thánh nữ Euphrosyne tràn ngập niềm vui lớn lao và dâng lời tạ ơn lên Chúa Giêsu Kitô và Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội. Thánh nữ Euphrosyne đã đặt bức tượng này trong nhà thờ Thánh Cứu Thế, trang trí nó bằng vàng và đá quý[3860] .

Trong khi đó, cha mẹ của Thánh nữ Evfrosini đã qua đời. Sau khi dành đủ số năm để thực hành đời sống tu hành, Thánh nữ Evfrosini mong muốn được chiêm ngưỡng các thánh địa của thành phố Giê-ru-sa-lem và thờ lạy quan tài thánh của Chúa Kitô. Thánh nữ dự định sẽ kết thúc cuộc đời mình tại đó, và đã hết lòng cầu nguyện với Chúa về điều này. Khi những người xung quanh biết được ý định của bà, họ đều tràn ngập nỗi buồn sâu sắc. Họ đến gặp bà và trong nước mắt, tất cả đều nài nỉ bà đừng bỏ lại họ cũng như quê hương của mình. Còn vị thánh nữ thì an ủi mọi người bằng những lời nói đầy tình yêu thương và mang lại sự an ủi cho tâm hồn, giống như một người mẹ an ủi các con của mình. Trong số đó, người anh trai yêu quý của bà là Vyacheslav cùng vợ và các con đã đến gặp bà Euphrosyne. Sau khi cúi đầu chào bà, anh nói trong nước mắt:

– Thưa bà, chị gái và mẹ của con. Sao giờ đây chị lại muốn bỏ con đi! Sao chị lại bỏ rơi chúng con, ánh sáng của đôi mắt con và người dẫn dắt cuộc đời con!

Thánh nữ đáp lại:

– Tôi không muốn rời bỏ các con, mà muốn cầu nguyện cho bản thân và cho các con tại những nơi thánh thiêng ấy.

Khi Thánh nữ Euphrosyne kết thúc cuộc trò chuyện tâm linh với người anh trai, bà dặn anh để hai con gái của anh, Kirinia và Olga, ở lại với chị gái bà là Eudokia; bởi vì Thánh nữ Euphrosyne có ân sủng thiêng liêng đến nỗi, chỉ cần nhìn ai bằng ánh mắt của mình, bà lập tức nhận ra liệu người đó có tinh thần đức hạnh hay không và liệu người đó có thể trở thành bình chứa được Chúa chọn hay không. Chính nhờ đó mà bà đã biết trước rằng hai thiếu nữ trẻ tuổi, con gái của anh trai bà, sẽ làm đẹp lòng Chúa Kitô bằng cuộc sống đức hạnh của mình. Khi Vyacheslav rời khỏi Euphrosyne, vị thánh đã nói với các con gái của ông:

– Ta muốn hứa hôn các con với Chàng Rể bất tử, để đưa các con vào cung điện Nước Trời.

Các thiếu nữ ấy, được an ủi bởi lời nói đầy ân sủng của bà, lòng tràn ngập xúc động, liền quỳ xuống dưới chân bà và thưa:

– Xin ý Chúa được thực hiện! Xin lời cầu nguyện thánh thiện của bà sắp xếp cho chúng con theo ý bà muốn.

---

thờ do Thánh Euphrosyne dựng lên; các tín hữu được tham quan hai phòng tu, nơi mà Thánh Euphrosyne đã tu hành. Bên cạnh tu viện có một trường học dành cho các thiếu nữ theo con đường tu hành.

[3857] Odigitria (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "người dẫn đường") – người chỉ đường. Tên gọi này được dùng cho một số bức tượng thánh để tôn vinh Đức Mẹ, với tư cách là Người Dẫn Đường thiêng liêng của các tín hữu. Cụ thể, bức tượng Đức Mẹ Odigitria, từng được đặt tại Nhà thờ Vlacherna ở Constantinople, được đặt tên như vậy bởi vì một lần, chính Đức Mẹ đã hiện ra trước mặt hai người mù, dẫn họ đến Nhà thờ Vlacherna trước bức tượng của Mẹ và ban cho họ khả năng nhìn thấy trước bức tượng đó. Tên gọi "Odigitria" cũng được dùng cho những bức tượng Đức Mẹ mà các thủy thủ thường đặt ở mũi hoặc đuôi tàu. Vì vậy, ở nhiều nơi vẫn duy trì phong tục sùng kính là khi lên đường cho một chuyến đi xa, đặc biệt là hành trình trên biển, người ta sẽ cử hành nghi thức cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Odigitria. Lễ kỷ niệm bức tượng Đức Mẹ Odigitria được tổ chức vào ngày 21 tháng 1, 28 tháng 7 và các ngày khác.

[3858] Hoàng đế Manuel Komnenos trị vì từ năm 1143 đến năm 1180.

[3859] Thượng phụ Luca Chrysovergos tại vị từ năm 1186 đến năm 1196.

[3860] Năm 1239, bức thánh tượng này được vợ của Thánh Đại Công tước Alexander Nevsky chuyển đến thành phố Toropets.

Euphrosyne, trong lòng hân hoan trước ý định tốt lành của các thiếu nữ ấy, đã dạy dỗ họ bằng những lời giảng cứu rỗi linh hồn và nuôi dưỡng trong lòng họ tình yêu dành cho Chúa Kitô.

Sau đó, một thời gian, Euphrosyne gọi anh trai mình là Vyacheslav và nói với anh:

– Ta muốn cho các con gái của ngươi xuất gia, để chúng trở thành những cô dâu của Chúa Kitô.

Nhưng Vyacheslav bực bội trước những lời của bà và nói với bà:

– Thưa phu nhân và mẹ của con! Mẹ định làm gì với con vậy? Mẹ muốn thêm nỗi đau này vào nỗi đau kia của con; mẹ muốn con phải khóc, trước hết là vì mẹ sẽ rời xa chúng con để đến một xứ sở xa xôi; sau đó, mẹ muốn con phải khóc vì các con của con, khi con bị tước đoạt niềm an ủi từ chúng!

Vợ của Vyacheslav, mẹ của những thiếu nữ ấy, lại còn đau khổ hơn cả chồng mình và khóc lóc rất nhiều, rất lâu. Tuy nhiên, Vyacheslav và vợ ông không dám chống lại lời của Thánh nữ Euphrosyne, vì họ coi những lời của bà như chính lời của Đức Kitô, và biết rằng bà là tôi tớ chân chính của Đức Kitô và là nơi cư ngụ xứng đáng của Thánh Thần.

Ngay sau đó, Euphrosyne đã thỉnh cầu Đức Giám mục Dionysius lúc bấy giờ đến tu viện, dẫn các thiếu nữ vào nhà thờ và cạo đầu cho họ; trong lễ này, Kirini được đặt tên là Agathia, còn Olga được đặt tên là Euphemia. Sau đó, Đức Giám mục đã ban phước lành cho họ bằng lời chúc phúc của các thánh tổ phụ và thánh tổ mẫu từ thuở xưa đã làm đẹp lòng Thiên Chúa.

Một thời gian sau, Thánh nữ Euphrosyne giao tu viện của mình cho em gái là Eudokia, rồi sau khi hôn tạm biệt tất cả các chị em, cầu nguyện với Thiên Chúa và đặt trọn niềm tin vào Ngài, bà lên đường đến Jerusalem; lúc đó, mọi người tiễn đưa Euphrosyne, rơi những giọt nước mắt đắng cay. Mang theo người anh trai khác tên là Đa-vít và người họ hàng tên là Êu-pra-xi-a, Êu-phro-si-ni-a đầu tiên đến Constantinople. Tại đây, bà được hoàng đế và tổng giám mục tiếp đón với vinh dự lớn lao. Sau đó, sau khi chiêm bái các thánh đường và nhiều di cốt của các thánh tại đây, bà lên đường đến Giê-ru-sa-lem. Khi đến thành phố này, bà đã thờ lạy quan tài thánh của Chúa Kitô, sau đó đặt một lư hương bằng vàng bên quan tài và dâng nhiều lễ vật cho Giáo hội Giêrusalem và Đức Thượng phụ. Thánh nữ Euphrosyne đã viếng thăm các địa điểm linh thiêng khác trong vùng lân cận Giêrusalem; sau khi chiêm bái các thánh tích với lòng thành kính sâu sắc, Euphrosyne đã cư ngụ tại một tu viện mang tên "Tu viện Nga", nằm cạnh nhà thờ được xây dựng để tôn vinh và ca ngợi Đức Mẹ Đồng Trinh Thánh Thiện. Sau đó, bà lại đến Thánh Mộ Chúa và bắt đầu cầu nguyện tại đây với nước mắt và lòng thành kính sâu sắc bằng những lời như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và Thánh Khiết, vì sự cứu rỗi của chúng con, đã phán: "Các con hãy xin, thì sẽ được ban cho" (Mt 7,7). Con tạ ơn lòng nhân từ của Ngài vì con, một kẻ tội lỗi, đã nhận được từ Ngài điều con đã xin, bởi con đã được ân sủng được chiêm ngưỡng những thánh địa này, mà Ngài đã thánh hóa bằng đôi chân vô nhiễm của Ngài, và được ân sủng được hôn lên Thánh Mộ của Ngài, nơi Ngài đã an nghỉ trong thân xác vô nhiễm của Ngài, khi Ngài chịu chết vì chúng con. Lạy Chúa Tối Cao! Con xin Ngài một điều nữa: xin cho con được qua đời tại nơi thánh thiêng này. Xin đừng khinh dể lời cầu nguyện khiêm nhường của con, lạy Đấng Tạo Hóa của con! Xin hãy đón nhận linh hồn con tại thành thánh này và cho con được an nghỉ cùng với những người khác đã làm đẹp lòng Ngài, trong lòng Áp-ra-ham.

Sau khi cầu nguyện như vậy, vị thánh nữ đã đến nhà thờ đã được nhắc đến, nơi bà đã định cư. Tại đây, bà lâm vào cơn bệnh tật. Nằm trên giường bệnh, bà đã cầu nguyện với Chúa như sau:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa của con, Chúa Giêsu Kitô! Con tạ ơn Ngài vì đã lắng nghe con, một tôi tớ bất xứng của Ngài, và đã đối xử với con theo ý muốn của chính Ngài.

Thánh nữ Euphrosyne mong muốn được đến sông Jordan, nhưng vì bệnh tật nên không thể đi được nữa. Vì vậy, bà đã sai anh trai mình là David và Eupraxia đến sông Jordan. Khi trở về, họ mang theo nước sông Jordan cho bà. Thánh nữ đã nhận lấy nước đó với niềm vui sướng và lòng biết ơn vô cùng; bà uống nước đó và rảy lên khắp thân thể mình. Sau đó, khi nằm xuống giường, bà nói:

– Ngợi khen Thiên Chúa, Đấng soi sáng và thánh hóa mọi người đến với thế gian.

Trong thời gian bị bệnh đó, vị thánh nữ đã có một thị kiến về các Thiên thần, qua đó Thiên Chúa đã báo cho bà biết về cái chết an lành của bà, cũng như về nơi an nghỉ đã được chuẩn bị sẵn cho bà. Và vị thánh nữ đã vui mừng trong tâm hồn vì Thiên Chúa, Đấng Cứu Rỗi của bà, ca ngợi và tôn vinh Ngài vì vô vàn ân huệ của Ngài.

Sau đó, vị thánh đã sai người đến Tu viện Thánh Savva để hỏi vị tổng tu viện trưởng và các tu sĩ xem liệu có thể dành cho bà một nơi an táng tại đó hay không.

Họ đáp lại:

– Chúng tôi có lệnh truyền từ Thánh Cha Savva của chúng tôi – tuyệt đối không được chôn cất phụ nữ trong tu viện của ngài. Có tu viện cộng đồng Thánh Theodosius, được xây dựng để tôn vinh và ca ngợi Đức Mẹ Thiên Chúa. Nhiều vị thánh nữ đang an nghỉ tại đó. Mẹ của Thánh Savva, mẹ của Thánh Theodosius, mẹ của Thánh Theodotius – vị thánh không ham tiền bạc – cùng nhiều vị thánh nữ đáng kính khác cũng đang an nghỉ tại đó; và Đức Mẹ Euphrosyne cũng xứng đáng được an táng tại đó.

Nghe được câu trả lời như vậy, vị thánh nữ đã tạ ơn Thiên Chúa vì thi hài của bà sẽ được an táng cùng với các di cốt của các thánh nữ, và ngay lập tức bà đã sai người đến tu viện của Thánh Theodosius với lời thỉnh cầu – hãy chuẩn bị nơi an táng. Các tu sĩ trong tu viện đã chỉ định một nơi gần tiền sảnh nhà thờ và chuẩn bị quan tài để an táng vị thánh.

Thánh nữ Euphrosyne nằm trên giường bệnh thêm hai mươi bốn ngày nữa. Khi thời khắc an nghỉ trong bình an của bà sắp đến, bà đã gọi linh mục, rước Mình Thánh Chúa từ ngài và giữa lúc cầu nguyện, bà đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa vào ngày thứ hai mươi ba của tháng tháng Năm[3861] . Thi hài thánh thiện của bà được an táng tại tu viện của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, ngay tại hiên nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội[3862] .

Sau đó, anh trai bà là David và người thân là Eupraxia, sau khi trở về quê hương của họ, thành phố Polotsk, đã mang tin về sự ra đi thanh thản và lễ an táng trang nghiêm của Thánh nữ Euphrosyne đến nơi đây. Sau khi thương tiếc sự ra đi của Thánh nữ Evfrosini, mọi người đã quyết định hàng năm sẽ cử hành lễ tưởng niệm ngài để tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Đấng được muôn loài ca ngợi và tôn vinh, bây giờ và đến muôn đời. Amen.

Ngày 6 tháng 6

Ngày 24 tháng 5 (theo lịch cũ)

Thánh Cha Simeon Divnogorets của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 5

Một chàng trai tên là Gioan đã cùng cha mẹ mình từ Edessa[3863] đến Antioch[3864] . Gioan đã đến tuổi lập gia đình, nên khi cha mẹ anh thấy ở đây có một thiếu nữ rất xinh đẹp tên là Martha, họ đã hỏi cha mẹ cô ấy xem liệu họ có đồng ý gả con gái cho con trai mình hay không. Cha mẹ cô ấy đã nói chuyện này với Martha. Nhưng cô gái không muốn kết hôn, vì cô đã quyết định hiến dâng mình cho Chúa Kitô, Thiên Chúa và Chúa của mình, để giữ gìn sự trinh khiết của mình. Nhưng vì cha mẹ ép buộc cô phải kết hôn, nên Marfa đã bỏ nhà ra đi và vội vã đến nhà thờ Thánh Gioan Tiền Hô, nằm gần thành phố Antioch. Khi đến nơi, cô quỳ sấp xuống và trong nước mắt bắt đầu cầu nguyện với Chúa, xin Ngài sắp xếp mọi việc sao cho có lợi và mang lại ơn cứu rỗi cho cô. Và tại nhà thờ này, Martha đã nhận được một thị kiến, truyền lệnh cho cô phải vâng lời cha mẹ và kết hôn. Tuân theo ý muốn của Đức Chúa Trời, cô gái đã kết hôn với Gioan; không chỉ là người trợ giúp anh trong mọi việc đời thường, mà còn là người hướng dẫn, khuyên bảo anh làm mọi việc thiện lành; Martha làm đẹp cuộc đời mình bằng sự khiêm nhường, tiết độ và cầu nguyện, luôn khao khát làm đẹp lòng Chúa. Martha, người phụ nữ chính trực, thường xuyên đến nhà thờ Thánh Gioan Tiền Hô và cầu nguyện tại đó với lòng thành kính sâu sắc dành cho Thánh Gioan Tiền Hô, xin ngài cầu thay cho cô trước mặt Chúa để được ban ân sủng – sinh được một đứa con trai; đồng thời, Martha hứa sẽ

[3861] Thánh nữ Euphrosyne qua đời vào năm 1178.

[3862] Xác thánh của Thánh Euphrosyne sau đó đã được chuyển (theo một số người cho rằng vào năm 1187) đến Kiev, nơi hiện đang an nghỉ trong các hang động của Thánh Theodosius.

[3863] Có một số thành phố mang tên Edessa. Trong trường hợp này, có lẽ người ta đang đề cập đến Edessa (nay là Urfa), nằm ở phía bắc Mesopotamia.

[3864] Tất nhiên là Antioch của Syria.

dâng con trai mình để phụng sự Chúa, giống như Anna đã từng dâng Samuel (1 Sa-mu-ên 1:11). Một năm sau đó, khi Martha đang cầu nguyện tại đây vào ban đêm và chợp mắt, Thánh Gioan Tiền Hô hiện ra với bà và nói:

– Hãy vững tin, hỡi người vợ. Lời cầu nguyện của chị đã được chấp nhận, và chị sẽ nhận được điều chị xin. Như một dấu hiệu của ân sủng Chúa, hãy nhận lấy hương thơm này (rồi ngài trao cho bà một lư hương đựng hương); hãy dùng lư hương này để xông hương cho ngôi nhà của chị.

Khi tỉnh giấc, Martha thấy trong tay mình chiếc lư hương tỏa ra mùi hương không thể tả xiết.

Sau đó, Tiền Hô của Chúa lại hiện ra với nàng và nói:

– Hãy về với chồng con, vì con sẽ thụ thai một con trai và đặt tên cho nó là Simeon. Nó sẽ chỉ bú sữa từ vú bên phải của con, còn vú bên trái thì hoàn toàn không chạm vào. Nó sẽ là con trai của bàn tay phải; nó sẽ không ăn thịt, rượu, hay bất kỳ thức ăn nào khác được chế biến bằng tay người; thức ăn của nó chỉ có bánh mì, mật ong, muối và nước. Ngươi phải nuôi dạy con trai mình với sự quan tâm đặc biệt, như một bình thánh được dành riêng để phụng sự Đức Chúa Trời của chúng ta. Hai năm sau khi con trai ngươi chào đời , ngươi hãy đưa con đến nhà thờ của ta và tại đây, các ngươi sẽ làm lễ rửa tội cho con; khi đứa trẻ được ban ân sủng của phép rửa tội, lúc đó mọi người sẽ thấy rõ con sẽ trở thành người như thế nào.

Martha, tràn ngập cả sự sợ hãi lẫn niềm vui trước thị kiến ấy, đã dâng lên Thiên Chúa và Thánh Gioan Tiền Hô, Tiền Sứ của Chúa, lời tạ ơn sâu sắc. Sau đó, khi trở về nhà chồng, bà thụ thai với ông, và khi đến kỳ, bà sinh ra một cậu con trai khỏe mạnh mà không gặp biến chứng nào, và đặt tên cho con là Simeon. Martha cho con bú bằng vú bên phải. Thỉnh thoảng, để thử nghiệm những lời Thánh Giăng Tẩy Giả đã nói với bà trong thị kiến, bà cho con bú bằng vú bên trái; nhưng đứa trẻ khóc lóc và quay mặt đi khỏi vú bên trái, và trong mọi trường hợp đều không chịu bú sữa từ đó. Điều kỳ diệu nữa là vào những ngày nào Martha ăn thịt hoặc uống rượu, thì ngày đó đứa trẻ hoàn toàn không bú sữa từ vú mẹ và vẫn đói cho đến tận ngày hôm sau. Hiểu được lý do tại sao đứa trẻ không chịu bú, Martha bắt đầu kiêng ăn thịt và uống rượu, và nuôi dưỡng đứa trẻ – người sau này sẽ trở thành một người ăn chay vĩ đại – trong khi bản thân bà luôn sống trong sự ăn chay và cầu nguyện liên tục.

Sau khi đứa trẻ tròn hai tuổi, cha mẹ đã đưa em đến nhà thờ Thánh Tiền Hô và làm lễ rửa tội tại đó. Ngay sau khi được rửa tội, đứa trẻ lập tức cất tiếng nói, rõ ràng thốt lên những lời sau:

– Con có cha, nhưng cũng không có cha; con có mẹ, nhưng cũng không có mẹ!

Cậu bé lặp đi lặp lại những lời này trong suốt bảy ngày. Cha mẹ vô cùng ngạc nhiên trước điều này và tiên đoán rằng đứa con của họ sẽ noi gương những việc thuộc về trời, chứ không phải những việc trần thế. Khi đứa trẻ đã cai sữa mẹ, người ta bắt đầu cho em ăn bánh mì, mật ong và nước, vì em tuyệt đối không chịu ăn thịt, cũng như không ăn bất cứ thứ gì được nấu chín.

Khi đứa trẻ tròn sáu tuổi, một trận động đất đã xảy ra tại Antioch (vào thời trị vì của Justinian Đại đế)[3865] . Trong trận động đất này, ngôi nhà bằng đá nơi cha mẹ Simeon sinh sống đã sụp đổ; cha cậu đã qua đời do bị ngôi nhà đổ sập đè lên, còn mẹ cậu thì vẫn sống sót, bởi vì, theo ý định của Đức Chúa Trời, trong lúc động đất xảy ra, bà đã ra khỏi nhà và đang ở trong nhà thờ; cậu bé Simeon lúc đó cũng không có mặt trong nhà mình, mà đang ở nhà thờ Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano, nơi cậu được Chúa bảo vệ an toàn và không hề hấn gì. Khi ra khỏi nhà thờ, Simeon không biết phải đi đường nào để về nhà, vì khắp nơi đều ngổn ngang những mảnh vỡ từ những ngôi nhà bị sập. Không tìm thấy nhà mình, cậu lang thang rất lâu giữa những đống đổ nát của Antioch; cuối cùng, một người phụ nữ đạo đức, người quen biết cha mẹ cậu, đã cõng cậu trên vai và đưa cậu lên ngọn núi nằm gần thành phố, nơi bà đang sinh sống.

Còn Thánh nữ Martha, mẹ của Simeon, khi biết ngôi nhà của mình đã sụp đổ và nghĩ rằng chồng mình cùng con trai đã thiệt mạng do bị những bức tường đá đè bẹp, đã khóc lóc thảm thiết. Bảy ngày sau đó, Thánh Gioan Tiền Hô hiện ra với bà và nói rằng cậu bé vẫn còn sống, đồng thời chỉ cho bà biết nơi cậu đang ở. Martha lập tức lên ngọn núi đó. Khi đến nơi, bà tìm thấy Simeon đang ở cùng người phụ nữ đã được nhắc đến, và người phụ nữ này ngạc nhiên nói với mẹ của Simeon rằng trong suốt bảy ngày qua, cậu bé không ăn gì ngoài một ít bánh mì và nước. Sau khi đón con trai về, người mẹ cùng cậu bé đến nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả và dâng lời tạ ơn Thiên Chúa cùng vị thánh của Ngài là Thánh Gioan Tẩy Giả vì đã giữ cho cậu bé được sống; sau đó, bà trở về nhà.

Một lần nọ, khi Martha đang suy ngẫm trong lòng về những thị kiến mà bà đã có về cậu bé, cũng như về nhiều điều kỳ diệu đã xảy ra liên quan đến cậu, bà băn khoăn không biết tương lai của con trai mình sẽ ra sao; khi

[3865] Justinian I (Đại đế) trị vì từ năm 527 đến năm 565.

chìm vào giấc ngủ, bà có một thị kiến như sau: bà tưởng tượng mình mọc ra đôi cánh và bay lên cao, tay ôm chặt cậu bé; khi dâng cậu bé làm lễ vật lên Chúa, bà nói:

– Con ơi, mẹ mong được chứng kiến sự thăng tiến vĩ đại này của con. Xin Đấng Tạo Hóa của mẹ cho mẹ ra đi trong bình an, vì mẹ đã được ân sủng trở thành người phụ nữ được nhiều người chúc phúc, bởi mẹ đang dâng lên Đấng Tối Cao thành quả của tử cung mình

Sau đó, Martha cùng con trai mình định cư tại một nơi ở Antioch, được gọi là "Cherubim". Tên gọi này được đặt cho nơi đó vì lý do sau đây: Tít, con trai của Vespasian, hoàng đế La Mã[3866] , sau khi chinh phục Giê-ru-sa-lem, đã lấy từ đền thờ Giê-ru-sa-lem hai bức tượng vàng của các thiên thần Cherubim, vốn đứng trên Hòm Giao Ước, và mang chúng về Antiôkhia. Chính nơi mà những bức tượng Cherubim này được đặt, đã được gọi là "Cherubim".

Trong khi thánh nữ Martha đang ở đây cùng con trai mình, Simeon đã có một thị kiến: ông thấy Chúa Giêsu Kitô ngự trên ngai cao, và từ mọi phía có rất nhiều người công chính tụ tập xung quanh Ngài; trước ngai có cuốn sách sự sống được mở ra, theo đó sự phán xét được thực hiện; phía đông hiện ra vườn địa đàng ngọt ngào, còn phía tây là địa ngục lửa. Sau đó, Thánh Thần phán với Simeon:

– Hãy lắng nghe, hỡi thiếu niên, và hiểu rõ mọi điều con thấy ở đây; hãy cố gắng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, thì con sẽ được hưởng vinh quang và danh dự ngang bằng với các thánh nhân khác, và nhận được những ân huệ khôn tả, đã được chuẩn bị sẵn cho tất cả những ai yêu mến Chúa.

Sau thị kiến đó, cậu thiếu niên tràn đầy sự khôn ngoan thiêng liêng và nhận được sự mặc khải cùng thị kiến về nhiều mầu nhiệm kỳ diệu và chưa từng được biết đến.

Một thời gian sau, Simeon thấy một người đàn ông có khuôn mặt kỳ diệu, mặc áo trắng, nói với cậu:

– Hãy theo ta.

Simeon đi theo người ấy. Người đàn ông hiện ra với cậu đã dẫn cậu đến xứ Tiverin, nằm gần Seleucia. Người ấy dẫn cậu thiếu niên đến một nơi gọi là Pila. Tại đây, cậu thiếu niên sống trên một ngọn núi hoang vắng, chung sống với các loài thú như với những con chiên. Chỉ có các loài thú là bạn đồng hành của cậu, nên không một ai trong số loài người nhìn thấy cậu. Cả ngày lẫn đêm, cậu đều được chiếu rọi bởi một ánh sáng không thể diễn tả. Simeon nhận thức ăn từ tay người đàn ông rạng rỡ ấy, người đã dẫn cậu đến đây. Người đàn ông ấy thường xuyên hiện ra trước mặt cậu, dạy dỗ cậu về mọi điều và đưa thức ăn cho cậu vào đúng thời điểm.

Một thời gian sau, theo lời chỉ dẫn của chính vị tu sĩ ấy, Simeon leo lên đỉnh núi và tìm thấy ở đó một tu viện nhỏ, nơi vị tu viện trưởng là Thánh Gioan, người đang đứng trên cột. Vị tu viện trưởng này thường xuyên có những thị kiến, báo trước rằng cậu thiếu niên thánh thiện Simeon sẽ đến với ngài: chẳng hạn, ngài thấy cậu thiếu niên mặc áo trắng, lúc thì đi về phía tu viện trên cỗ xe ngựa, lúc thì bay lượn trên không trung và lơ lửng trên tu viện, lúc thì đứng trên cột sáng và cùng với cột đó tiến gần đến tu viện. Vị thánh Gioan này còn thấy một Thiên thần chỉ vào cậu thiếu niên đó và nói:

– Đây chính là người nhờ đó ngươi sẽ được cứu rỗi.

Vị tu viện trưởng Gioan đã kể lại tất cả những thị kiến này cho các tu sĩ đang ở cùng ngài.

Khi, theo ý định của Thiên Chúa, vị thánh Simeon đến tu viện của ngài, các tu sĩ đã vô cùng ngạc nhiên khi thấy một đứa trẻ còn quá nhỏ, chưa đầy sáu tuổi, lại có thể một mình đi qua sa mạc rộng lớn như vậy và tìm được tu viện. Còn vị tu viện trưởng Gioan, khi nhìn thấy Simeon từ trên cột canh của mình, đã nhận ra rằng đây chính là cậu bé mà ngài đã nhiều lần chiêm ngưỡng trong những thị kiến của mình. Rất vui mừng trước tất cả những gì đã xảy ra, Gioan gọi Simeon lại gần, bế cậu lên tay và hôn lên mặt cậu, đồng thời khóc lóc tạ ơn Thiên Chúa. Cậu bé có khuôn mặt rất đẹp, mái tóc vàng óng, ánh mắt trong sáng và rạng rỡ, thể hiện lòng nhân ái của cậu cho mọi người thấy; cậu bé hiền lành, ít nói, chậm trả lời, lời nói khôn ngoan, tràn đầy ân sủng từ trời. Simeon sống trong tu viện đó tách biệt với mọi người, giữ im lặng. Chế độ ăn uống của cậu như sau: thỉnh thoảng ba ngày một lần, thỉnh thoảng bảy ngày, và thỉnh thoảng mười ngày, cậu mới ăn đậu Hà Lan ngâm nước và uống rất ít nước. Thấy tất cả những điều này, vị tu viện trưởng Gioan vô cùng ngạc nhiên.

Trong tu viện đó có một người dân thường sống, chuyên chăn đàn gia súc. Khi chứng kiến lối tu hành phi thường của cậu thiếu niên ấy, hắn bừng lên lòng ghen tị quỷ quyệt và nảy sinh ý định giết cậu. Nhưng khi hắn bắt đầu thực hiện mưu đồ độc ác của mình, ngay lập tức bàn tay hắn khô héo; toàn thân hắn đau nhức đến mức suýt

[3866] Vespasian cai trị Đế chế La Mã từ năm 70 đến năm 79 sau Công nguyên. Con trai ông, Titus, trị vì từ năm 79 đến năm 81.

chết; vì thế, hắn đã xưng tội với vị tu viện trưởng và thánh Simeon, đồng thời ăn năn về tội lỗi của mình. Còn cậu thiếu niên, vì lòng nhân từ, không những tha thứ tội lỗi cho hắn mà còn cầu nguyện với Chúa để hắn được chữa lành; và ngay lập tức, chỉ cần cậu chạm vào cánh tay teo tóp của hắn, nó liền được chữa lành và toàn thân người đàn ông ấy trở nên khỏe mạnh. Từ đó, vị tu viện trưởng và các tu sĩ càng kính trọng vị thiếu niên thánh thiện này hơn, vì họ nhận ra ở anh là người mà Thiên Chúa đã tiền định để phục vụ Ngài ngay từ khi còn trong bụng mẹ.

Một thời gian sau, thánh Simeon bắt đầu tha thiết xin các tu sĩ xây cho ngài một cột gần cột của Abba Gioan; theo nguyện vọng của ngài, cột đó đã được xây dựng bên cạnh cột của Gioan. Cậu bé leo lên đó khi mới chỉ bảy tuổi, được Thánh Gioan mặc cho bộ áo tu sĩ. Và cậu đứng trên cột, noi gương Thánh Gioan.

Khi ngài bắt đầu cuộc hành hương trên cột, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã hiện ra trước mặt ngài dưới hình dáng một Thiếu Nhi, toát lên vẻ đẹp không thể diễn tả. Khi nhìn thấy Thiếu Nhi ấy, thánh Simêon đã bừng cháy tình yêu dành cho Ngài từ tận đáy lòng. Khi nhận ra rằng đó chính là Thiên Chúa và Chúa của mình, ngài đã can đảm thưa hỏi Ngài:

– Lạy Chúa, sao dân Do Thái lại đóng đinh Ngài?

Chúa liền dang rộng hai tay thành hình chữ thập và nói với ông:

– Chính như thế này, dân Do Thái đã đóng đinh Ta; tuy nhiên, chính Ta đã tự nguyện dâng mình để bị đóng đinh. Còn ngươi, hãy can đảm và vững lòng, hãy đồng hành cùng Ta trong suốt những ngày còn lại của cuộc đời ngươi.

Từ lúc đó, thánh Simeon dường như đã hoàn toàn quên đi thân xác mình và trở nên giống như những sinh vật vô hình, sống một cuộc đời như thiên thần và vượt trội hơn cả thánh Gioan về những công đức của mình. Thánh Gioan mỗi đêm hát ba mươi thánh vịnh, còn Thánh Simeon thì hát năm mươi, đôi khi tám mươi, và thường xuyên hát hết cả sách Thánh Vịnh trong một đêm, hoàn toàn không chợp mắt; còn ban ngày, ngài không ngừng ngợi khen Chúa. Còn vị tu sĩ cao niên, vì thương xót tuổi trẻ của Simeon và lo ngại rằng cậu có thể kiệt sức vì những công việc vất vả đến thế, đã khuyên nhủ cậu như sau:

– Con ơi! Hãy từ bỏ những công việc vượt quá sức người của con, đến nỗi con thậm chí không cho chúng ta chợp mắt; đối với con, việc từ khi mới sinh đã đồng chịu khổ với Chúa Kitô đã là quá đủ rồi; con cần phải dành một chút, dù chỉ là ít ỏi, để chăm sóc cho thân xác của mình; con cần phải chợp mắt dù chỉ một chút và ăn uống điều độ, để con có thể kiên trì đến cùng trong cuộc sống kiêng khem; vì thức ăn và nước uống không làm ô uế con người, như chính Chúa đã phán trong Thánh Kinh: *"Mọi loài động vật sống đều là thức ăn cho các con; Ta ban cho các con mọi thứ như cỏ xanh"* (Sáng Thế Ký 9:3).

Thánh Simeon đã trả lời vị tu sĩ già rằng:

– Dù thức ăn không làm ô uế con người, nhưng nó sinh ra những ý nghĩ tội lỗi, làm mờ trí tuệ, củng cố dục vọng, biến con người thuộc linh thành con người thuộc xác thịt, hướng tâm trí họ về những ham muốn trần thế; còn chúng ta, những tu sĩ, phải ngày đêm học hỏi Lời Chúa, để không sa vào cám dỗ của giấc ngủ, và không rơi vào sự chán nản, như lời tiên tri đã nói: *"Linh hồn con tan nát vì buồn phiền"* (Thánh Vịnh 118:28). Đặc biệt, để ngợi khen Đức Chúa Trời, chúng ta phải mở miệng với sự tỉnh táo không ngừng nghỉ, và khi đó chúng ta sẽ thu hút được ân sủng của Đức Thánh Linh. Tuy nhiên, thưa cha đáng kính, những lời của con có ý nghĩa gì với cha? Con chỉ nêu ra luật pháp cho chính bản thân mình, chứ không phải cho người khác, vì con cần phải rèn luyện thân thể trẻ trung của mình bằng những việc làm vĩ đại như vậy.

Vị tu sĩ già rất ngạc nhiên trước câu trả lời khôn ngoan của cậu thiếu niên.

Một lần nọ, khi Simeon được chiếu sáng bởi ánh sáng của Thánh Thần, toàn bộ vương quốc của ma quỷ và mọi ảo mộng của quỷ dữ đã được bày tỏ trước mắt cậu, bởi cậu đã nhìn thấy chính vị vua của bóng tối đang ngự trên ngai vàng lớn, đội vương miện lấp lánh trên đầu, trong khi các đạo quân quỷ dữ đứng xung quanh ngài; trước mặt vị chúa tể bóng tối, người ta thấy tất cả những cám dỗ trần tục do hắn chuẩn bị: vàng, bạc, đá quý, ngọc trai; tất cả những thứ đó dường như nằm trong một vùng đầm lầy; khắp nơi vang lên tiếng kèn, sáo và các nhạc cụ khác. Và tội lỗi hiện ra dưới hình dạng một người phụ nữ xinh đẹp, phía sau là những kẻ hầu cận cám dỗ, lôi kéo con người vào tội lỗi: người ta thấy tinh thần hư vô, tinh thần ô uế, tinh thần lười biếng và tinh thần tham lam; người ta thấy con rắn, miệng nó chẳng bao giờ no nê, sẵn sàng nuốt chửng cả thế giới. Những linh hồn cám dỗ này cũng đã cố gắng lôi kéo Simeon vào tội lỗi; chúng kêu gọi ông phạm tội bằng những lời lẽ xảo trá khác nhau, nhưng ông, sau khi tự bảo vệ mình bằng vũ khí quen thuộc – dấu hiệu Thánh Giá – và kêu cầu danh Chúa Kitô, luôn xua đuổi khỏi mình mọi ảo tưởng ma quỷ ấy, giống như mặt trời xua tan bóng tối. Khi nhìn vào nhà thờ, Simeon đã thấy ngai

vàng của Đức Chúa Trời, từ đó tỏa ra vinh quang của Đức Chúa Trời, chiếu sáng cả Simeon; cùng lúc đó, từ nhà thờ, một vị tổng giám mục được sai đến gặp thánh Simeon, tay cầm dầu thơm; sau khi đổ dầu lên đầu Simeon, ngài nói:

– Bằng sức mạnh của sự xức dầu này, ngươi hãy xua đuổi ma quỷ! Hãy thắt lưng bằng sức mạnh thiêng liêng từ trên cao, để ngươi có thể tiêu diệt chúng hàng ngàn và đánh bại chúng hàng chục ngàn. Hãy can đảm lên, đặt niềm tin vào Đấng Tạo Hóa của ngươi, vì *"Kẻ thù sẽ không thắng được người ấy, và con trai của sự gian ác sẽ không áp bức người ấy"* (Thi Thiên 88:23).

Từ lúc đó, thánh Simeon đã nắm quyền trên các linh hồn ô uế và đuổi chúng ra khỏi những người mà ngài chữa lành, cũng như khỏi mọi bệnh tật khác.

Một lần nọ, người tôi tớ của Đức Chúa Trời là Simeon, người sống trên cột, đã thưa với vị trưởng lão đáng kính như sau:

– Thưa Cha! Cách đây không lâu, chỉ vài ngày trước, Chúa đã cho con thấy quyền lực của Satan và tất cả những của cải hủy hoại của hắn; con đã thấy hết sự nịnh hót và mưu mô của hắn, cách hắn chiến đấu chống lại những người có đức hạnh.

Còn Thánh Gioan thì đáp lại Simeon:

– Xin Chúa bảo vệ con, hỡi con yêu dấu, khỏi mọi mưu mô của nó.

Simeon nói:

– Dù cho thế lực ma quỷ gian ác có âm mưu gây ra nhiều điều xấu xa cho chúng ta đi chăng nữa, nó cũng sẽ không thể thành công chút nào.

Còn vị tu sĩ già, thấy cậu thiếu niên coi thường những cám dỗ của ma quỷ, và lo ngại cậu có thể sa vào kiêu ngạo, bèn nói với cậu:

– Dù sao đi nữa, con ơi, chúng ta phải đề phòng đủ loại mưu mô của ma quỷ, và không thể chỉ trông cậy vào đức hạnh của mình; vì kẻ thù của chúng ta đã mang giày sắt[3867] , luôn tìm cách lôi kéo các tu sĩ vào cám dỗ; và mỗi khi thấy cơ hội thuận lợi, hắn liền phát động cuộc tấn công dữ dội vào các tu sĩ. Còn chúng ta thì cần phải luôn cầu nguyện cùng Thiên Chúa và kêu cầu sự trợ giúp của Đấng Emmanuel[3868] , để Ngài luôn ở cùng chúng ta và đánh bại mọi thế lực của kẻ thù.

Trong khi các thánh nhân đang trò chuyện như vậy, Satan, nghe thấy cuộc trò chuyện của họ, bừng lên cơn thịnh nộ và bắt đầu nghiến răng với vị tu sĩ trẻ; sau đó bắt đầu dọa nạt anh bằng những hình ảnh ảo giác khác nhau, lúc thì biến thành những con rắn dữ tợn, lúc thì thành những con thú, lao vào anh ngày này qua ngày khác, đêm này qua đêm khác, như thể định nuốt chửng anh vậy. Còn Thánh Simeon, với Đức Chúa Trời Tối Cao làm trợ thủ, tự bảo vệ mình bằng dấu thánh giá, đã nói:

– Ta sẽ không sợ *"những điều kinh hoàng trong đêm, mũi tên bay ban ngày, bệnh tật rình rập trong bóng tối, dịch bệnh tàn phá vào giữa trưa"* (Thánh Vịnh 90:5–6).

Vào một đêm tháng Mười Hai, cụ thể là vào ca canh thứ hai, ma quỷ, sau khi tập hợp toàn bộ đạo quân của mình, bất ngờ tiến đến Thánh Simeon và, sau khi xé toạc mái che được dựng lên trên cột, đã hất Thánh Simeon xuống từ cột. Nhưng bàn tay của Đức Chúa Trời đã che chở cho vị thánh trẻ; vì thế vị thánh vẫn đứng bên cột mà không hề hấn gì, tinh thần sảng khoái, bởi ngài không hề nao núng trước cuộc tấn công của kẻ thù. Sau đó, ma quỷ đã dấy lên từ biển một cơn gió dữ dội và gắt gao; cơn bão nổi lên, tiếng sấm rền vang, tia chớp lóe sáng, liên tục đánh vào cột của Thánh Simeon suốt cả đêm. Còn Thánh Gioan, nghĩ rằng Simeon đã bị sấm sét giết chết, liền khóc lóc và xin các tu sĩ đi xem cậu thiếu niên còn sống hay không và có còn ở trên cột hay không. Các tu sĩ không trả lời Thánh Gioan, vì sợ bị ma quỷ ám nên họ không dám ra khỏi phòng tu của mình; trong số các tu sĩ cũng có những người nuôi dưỡng lòng thù hận đối với cậu bé Simeon, vì đã sa vào cám dỗ của ma quỷ. Các tu sĩ nói với nhau:

– Sự tu hành của cậu thiếu niên đó, vốn vượt quá sức người, đâu rồi? Những chiến công của cậu đâu rồi? Những phép lạ đâu rồi? Giờ thì hãy tự cứu lấy mình đi!

[3867] Đây là một cách diễn đạt ẩn dụ, thể hiện sức mạnh và sự xảo quyệt của các quỷ dữ.

[3868] Ê-ma-nu-ên – tên gọi của Đấng Mê-si-a hay Chúa Giê-su Ki-tô trong lời tiên tri nổi tiếng của Ê-sai về sự ra đời của Con từ Trinh Nữ (Ê-sai 7:14). Tên gọi này có nghĩa từ tiếng Do Thái là: "Thiên Chúa ở cùng chúng ta".

Còn Thánh Simeon, khi nghe tin vị tu sĩ già Gioan đang khóc thương cho mình, đã lớn tiếng kêu lên với ông, nói rằng:

– Xin cha đừng buồn vì con, thưa cha, vì con không hề bị tổn hại gì cả, nhờ được ân sủng của Chúa Kitô che chở; còn ma quỷ thì đã bị làm nhục.

Khi trời sáng, các tu sĩ đi đến cột của Simeon, nghĩ rằng sẽ thấy cậu thiếu niên đã chết, nhưng khi thấy cậu còn sống và tràn đầy niềm vui, khuôn mặt rạng ngời như Thiên Thần của Chúa, họ cảm thấy xấu hổ. Sau khi bị vị tu sĩ già Gioan khiển trách, họ trở về phòng tu của mình trong sự xấu hổ.

Ephrem, Tổng Giám mục Antioch, đã nghe nói về Thánh Simeon. Khi biết được những việc làm vĩ đại mà cậu đã thực hiện trong suốt cuộc đời mình, Ephrem đã đến gặp cậu. Thấy cậu thiếu niên còn rất trẻ về thể xác nhưng đã đủ hoàn thiện trong đời sống đạo đức, đã tự hiến mình cho Chúa Kitô, ngài đã ngợi khen Thiên Chúa và trở về thành phố của mình trong nước mắt, kể lại khắp nơi về đời sống ăn chay nghiêm ngặt của người tôi tớ Chúa Kitô, nhằm mang lại lợi ích cho các công dân.

Từ đó, nhiều người, cả tu sĩ lẫn giáo dân, bắt đầu tìm đến Thánh Simeon – có người để được gặp ngài, có người để thưởng thức những lời giảng đầy cảm hứng từ Thiên Chúa, và cuối cùng, có người để được chữa lành những bệnh tật thể xác, vì họ xem Simeon như một vị bác sĩ và nhà chữa lành không đòi hỏi bất cứ sự đền đáp nào.

Một lần nọ, Thánh Simeon đã xin những người đến thăm mình một sợi dây thừng chắc và cứng, rồi bí mật quấn nó quanh thân thể mình, đến nỗi sợi dây thừng thấm sâu vào tận xương; thân thể ngài phủ đầy vết loét, từ đó máu tuôn trào; chiếc áo lông dê, sau khi thấm đẫm máu, đã dính chặt vào thân thể vị thánh; thịt da của ngài bắt đầu thối rữa, nhưng Thánh Simeon vẫn kiên cường chịu đựng thử thách của mình; cuối cùng, mùi hôi thối bắt đầu bốc lên từ thịt da đang thối rữa của ngài. Các tu sĩ leo lên cột để thăm ngài ban đầu không biết mùi hôi thối này phát ra từ đâu; sau đó, khi hiểu được thử thách vĩ đại của vị thánh, họ đã báo cáo mọi chuyện cho Abba John. Giăng, kinh hoàng trước sự hy sinh vĩ đại đến thế, đã ra lệnh từ từ tháo sợi dây ra khỏi thân thể Simeon và cấm ngài không được để thân thể mình phải chịu những cực hình dữ dội như vậy.

Thánh Simeon còn được ban ân sủng giảng dạy, tuôn trào như dòng sông từ miệng ngài. Khi triệu tập các tu sĩ, vị tu sĩ già Gioan ra lệnh cho Simeon giảng dạy, và chính ông cũng lắng nghe với lòng yêu mến. Và như vậy, cậu thiếu niên này đã trở thành một vị thầy khôn ngoan và hữu ích cho những người lớn tuổi, vì miệng cậu tràn đầy ân sủng của Thánh Thần.

Vị trưởng lão Gioan gọi Simeon là "Đavít mới" vì ân sủng giảng dạy của cậu; ngài cũng kể cho cậu nghe về một thị kiến mà ngài đã thấy trong giấc mơ liên quan đến cậu, cụ thể là ngài nói rằng ngài đã thấy như thể một sức mạnh thần thánh nào đó, tay phải cầm một bình mật ong, mật ong chảy xuống trên đầu cậu thiếu niên.

Một vị tu sĩ khác từng hỏi các tu sĩ, chỉ tay về phía cột của Simeon:

– Có chim bồ câu ở trong cột này không?

Các tu sĩ trả lời ông:

– Không.

Rồi vị lão nhân nói:

– Tôi đã thấy một con bồ câu, trông rất sáng sủa, bay vào gặp cậu thiếu niên qua cánh cửa nhỏ, rồi một giờ sau bay ra khỏi cậu ấy và bay lên trời.

Trong khi vị tu sĩ già đang trò chuyện với các tu sĩ, thánh Simeon đã có một thị kiến: ông cảm thấy như mình được nâng lên cao và bay vòng quanh cả vũ trụ, như thể có đôi cánh; sau đó, ông tưởng tượng mình được dẫn lên một ngọn núi cao qua bảy bậc thang, nơi đó, giống như Thánh Tông đồ Phaolô, ông đã thấy những điều *"mắt chưa từng thấy"*, nghe những điều *"tai chưa từng nghe"* (1 Cr 2,9).

Thánh Simeon, khi xuống khỏi đó, đã hỏi người dẫn đường cho mình:

– Tôi vừa thấy gì vậy?

Người đó đáp:

– Đó là bảy tầng trời, nơi ngài đã được đưa lên.

Sau đó, vị thánh đã nhìn thấy thiên đàng, những khu vườn tuyệt đẹp, những cung điện rực rỡ và rộng lớn, cùng với suối nguồn bình an chảy ở đó. Tại đây, vị thánh không thấy ai khác ngoài A-đam và tên cướp khôn ngoan.

Khi Simeon tỉnh lại, ông kể lại tất cả những gì mình đã thấy cho vị trưởng lão Gioan. Vị trưởng lão, sau khi nghe xong, nói:

– Con ơi! Ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban cho con ân sủng như vậy.

Trong khi đó, cậu thiếu niên ngày càng tiến bộ hơn trong việc tu hành. Nếu có ai đến gặp cậu mà không có quần áo, cậu liền cởi áo của mình ra cho người đó, còn bản thân thì ở trần; cậu làm như vậy không chỉ vào mùa hè mà cả mùa đông nữa. Còn vị tu sĩ già Gioan thì không chỉ một lần mà nhiều lần mặc quần áo cho cậu, dù cậu không muốn điều đó, vì lo sợ cậu bé có thể chết vì lạnh và giá rét. Nhưng cậu bé, vừa đập ngực vừa khóc, nói:

– Khốn khổ cho tôi, kẻ tội lỗi này! Các vị thánh Tứ Thập Tử Đạo đã vì danh Chúa Kitô mà chịu đựng cả giá rét và băng giá trong hồ[3869] , còn tôi lại sợ cả việc bị lạnh một chút. Vậy thì làm sao tôi có thể thoát khỏi tiếng rít răng vĩnh viễn? Làm sao tôi có thể được chia sẻ số phận với các thánh?

Và Simeon đã khóc lóc với những lời như thế và những lời tương tự trong một thời gian dài.

Còn vị tu sĩ già, cảm thấy buồn bã, đã nói:

– Ngươi còn muốn làm gì với bản thân nữa, Simeon? Giờ đây, ngươi chỉ thiếu mỗi con dao để tự sát mà thôi!

Một thời gian sau, Simeon nghĩ ra một hình thức hành xác cho thân xác mình: ông ngồi trên đôi chân của mình và không đứng dậy suốt cả năm; do đó, đùi và cẳng chân của vị thánh bắt đầu thối rữa, khiến mùi hôi thối lan tỏa khắp nơi. Abba Giăng đã gọi bác sĩ đến và nhờ ông ấy chữa trị những vết loét của Simeon, nhưng Simeon mỉm cười và nói:

– Chúa của con hằng sống! Xin đừng để bàn tay hay sự giúp đỡ của con người chạm đến con.

Chúa, nhờ ân sủng của Ngài, đã ban cho cậu sức khỏe, và cậu thiếu niên đứng dậy, hai chân và hai đùi đều lành lặn, đến nỗi trên đó không còn chút dấu vết nào của vết loét do vết thương để lại. Quỳ gối xuống, vị thánh đã dâng lời tạ ơn Chúa trong một thời gian dài vì sự chữa lành của mình.

Khi lễ Ngũ Tuần đến, vào buổi sáng ngày lễ, thánh Simeon đã hỏi thánh Gioan:

– Thưa Cha, ai xứng đáng được đón nhận Thánh Thần, giống như các Thánh Tông Đồ đã đón nhận Ngài trong những lưỡi lửa? (Công Vụ 2:1–4).

Vị trưởng lão trả lời ngài:

– Đừng tìm kiếm những điều cao siêu hơn bản thân, và đừng mổ xẻ những điều mà con chưa hiểu rõ; hãy suy ngẫm về những điều con được truyền dạy.

Cậu thiếu niên đáp lại:

– Trong Kinh Thánh có chép: *"Ngài thực hiện điều mong ước của những ai kính sợ Ngài, Ngài nghe tiếng kêu của họ và cứu rỗi họ"* (Thánh Vịnh 144:19).

Nói xong, cậu thiếu niên ngước mắt lên trời và từ tận đáy lòng, cậu cầu nguyện với Đức Chúa Trời bằng những lời như sau:

– Lạy Chúa, Đấng đã sai Thánh Thần của Ngài xuống trên các môn đệ và các Tông đồ thánh của Ngài, xin hãy ban ân sủng của Ngài cho con; *"xin soi sáng tâm trí con, để con học được các điều răn của Ngài"* (Thánh vịnh 118:73), vì Ngài có thể *"từ miệng trẻ thơ"* (Thánh vịnh 8:3) khiến chúng ca ngợi Ngài. Xin hãy ban Thánh Thần của Ngài xuống cho con, để con có thể rao giảng cho mọi người những lời về sự sống đời đời.

Trong khi vị thánh đang cầu nguyện như vậy, Thánh Thần đã ngự xuống từ trời dưới hình dạng ngọn nến đang cháy và làm tràn đầy lòng ngài bằng sự khôn ngoan và trí tuệ, đến nỗi vị thánh bắt đầu nói nhiều điều, giảng dạy mọi người từ Kinh Thánh; không ai có thể chống lại sự khôn ngoan của Thánh Thần ngự trong ngài. Và không chỉ bằng lời nói, mà còn qua các tác phẩm, vị thánh đã truyền đạt nhiều bài giảng cứu rỗi linh hồn về đời sống tu hành, sự sám hối, sự nhập thể của Đấng Kitô, và Ngày Phán Xét Tương Lai; ngoài ra, ngài còn giải thích nhiều đoạn khó hiểu trong Kinh Thánh.

Thánh nhân Gioan rất ngạc nhiên trước ân sủng đặc biệt của cậu thiếu niên này và nói:

– Trên cậu thiếu niên này đã ứng nghiệm lời Đa-vít đã viết: *"Lời Chúa đã thử thách cậu ấy"* (Thi Thiên 104:19). Giờ đây tôi đã hiểu rằng cậu ấy sẽ thực hiện nhiều việc kỳ diệu, gần như vinh quang chẳng kém gì các việc của các Tông đồ.

Và tất cả các tu sĩ khác đều vô cùng kinh ngạc trước cậu thiếu niên ấy, thậm chí bắt đầu e sợ cậu, không chỉ vì giáo lý của cậu mà còn vì những phép lạ cậu thực hiện.

[3869] Đây là để chỉ công đức của 40 vị thánh tử đạo, những người đã chịu tử đạo tại thành phố Sebaste của Armenia vào thế kỷ IV. Ngày tưởng niệm các ngài được Giáo hội Công giáo cử hành vào ngày 9 tháng 3.

Một số tu sĩ trong số họ đã thấy trong giấc mơ ba cung điện, ba ngai vàng trong đó và ba vương miện đặt trên các ngai vàng. Khi các tu sĩ đó hỏi vinh quang ấy dành cho ai, thì họ nghe thấy một giọng nói phán:

– Dành cho cậu bé Simeon!

Còn Thánh Simeon, với cuộc đời thánh thiện như ánh mặt trời, ngày càng vươn cao khỏi mọi sự trần thế để hướng về thiên đàng. Ngài mong muốn tu hành trên một cột cao hơn nữa, vì vậy người ta đã xây dựng cho ngài một cột cao bốn mươi bậc. Khi Simeon chuẩn bị leo lên cột thánh này, thì Tổng Giám mục Antioch và Giám mục Seleucia, những người đã nghe nói trước đó về những kỳ công của cậu thiếu niên, đã đến gặp ngài. Khi đến tu viện cùng đoàn linh mục của mình, họ đã đón vị thiếu niên thánh thiện với lòng kính trọng, rồi dẫn ngài đi cùng những ngọn nến đang cháy vào nhà thờ trước tiên – đến bàn thờ thánh, nơi ngài được phong chức phó tế, sau đó, trong tiếng hát các thánh vịnh, họ đưa ngài lên cột đó. Và thánh Simeon đã ở trên cột đó suốt tám năm. Vị tu sĩ già Gioan vô cùng xót xa trong lòng vì cậu thiếu niên, bởi ông không được nhìn thấy khuôn mặt của cậu. Còn Simeon, khi tu hành trên cột cao, đã thể hiện cho mọi người thấy cuộc sống thánh thiện như thiên thần của mình, giống như các Thiên thần Cherubim, và không ngừng ngợi khen Thiên Chúa.

Nhưng để không ai tự hào hay kiêu ngạo trước mặt Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời đã cho phép Sa-tan gây ra một cuộc chiến thể xác nặng nề chống lại Si-mê-ôn: Sa-tan muốn làm ô uế cậu bằng những giấc mơ khi ngủ, nhưng cậu thiếu niên đã dũng cảm chống lại sự cám dỗ; Simeon không cho đôi mắt mình chợp mắt và siêng năng cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài trở thành Đấng trợ giúp chống lại kẻ thù đang nổi dậy chống lại mình. Sau đó, Simeon thấy một người đàn ông chính trực, khuôn mặt rạng rỡ, tóc bạc phơ, từ trời bước xuống, mặc áo lễ và tay cầm chén chứa các Bí tích Thánh Thể và Máu Thánh của Chúa Kitô; lúc đó, không khí xung quanh tràn ngập hương thơm không thể tả xiết; khi người đàn ông rạng rỡ ấy đến gần thánh Simeon, ngài đã ban cho ông những Bí tích thánh thiêng và ban sự sống, rồi nói:

– Hãy vững lòng, và lòng ngươi hãy được củng cố! Từ nay trở đi, những giấc mơ mộng mị sẽ không còn quấy rầy ngươi nữa, chỉ cần ngươi cẩn trọng theo dõi những suy nghĩ của mình và đặt niềm tin vào Thiên Chúa.

Còn Thánh Simeon, tràn ngập niềm vui vô bờ và sự ngọt ngào không thể tả trong lòng nhờ thị kiến ấy, đã ngợi khen Thiên Chúa.

Thánh thiếu niên này tự bảo vệ mình khỏi những suy nghĩ trái ý Chúa cũng như khỏi những cuộc trò chuyện với người đời: mỗi ngày ngài tự giam mình cho đến giờ thứ chín, và không muốn trò chuyện với ai, ngoại trừ một mình Thiên Chúa.

Trong khi đó, đã đến lúc Thánh Giăng, vị tu sĩ sống trên cột, an nghỉ trong Chúa. Nhận biết trước sự ra đi này, Thánh Simeon đã sai người truyền lời cho Giăng rằng:

– Xin đừng buồn, thưa Cha đáng kính, nếu Cha nghe tin về ngày lâm chung của mình, vì cái chết là số phận chung của mọi người. Con biết rằng giờ đây Đức Kitô, Thiên Chúa, đang kêu gọi Cha đến nơi an nghỉ, để sau những công lao của mình, Cha được an nghỉ cùng với các thánh khác. Xin cha đáng kính ban cho con phước lành của Áp-ra-ham và hãy nhớ đến con khi cha đến thờ lạy ngai vinh quang của Ba Ngôi Thánh và Đồng Bản Thể; xin cầu nguyện cho chúng con, để chúng con, sau khi chiến thắng thế gian, cũng được Nước Trời, và được gặp lại nhau trong đó.

Giăng, sau khi nghe những lời này, không nghi ngờ gì về sự thật của chúng; ngài cũng không sợ hãi trong lòng, vì luôn sẵn sàng đón nhận cái chết, dù lúc đó ngài không mắc bất kỳ bệnh tật nào, thân thể vẫn hoàn toàn khỏe mạnh. Giăng đáp lại Simeon qua người được sai đến:

– Nguyện Thiên Chúa Cha, Đấng mà con đã tìm kiếm, và Con Một của Thiên Chúa Cha, Đấng mà con đã yêu mến, cùng Thánh Thần Hằng Sống của Thiên Chúa, Đấng mà con đã khao khát bằng cả trái tim mình, ban phước lành cho con, hỡi con yêu dấu của ta. Ngôi Ba Ngôi Thánh duy nhất xin trở thành pháo đài và sự che chở cho con, và xin Ngài hướng dẫn và an ủi con. Xin chúc phúc cho tất cả những ai chúc phúc cho con, còn những ai nguyền rủa con thì sẽ bị nguyền rủa. Xin Chúa ban cho con vinh quang và danh dự vì con đã tôn kính cha, cha thiêng liêng của con, như cha ruột của con. Xin mẹ con, người đã phục vụ cha rất nhiều, cũng nhận được ân sủng và lòng thương xót từ Chúa.

Các tu sĩ đứng bên cạnh vị trưởng lão, khi nghe những lời ấy, bỗng chốc đầy sợ hãi và hỏi thánh Gioan:

– Thưa cha đáng kính, cha đang dặn dò điều gì về cậu bé Simeon vậy?

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Ta rất mong tất cả các con đều noi gương Simeon trong lời cầu nguyện nồng nhiệt của cậu ấy dâng lên Thiên Chúa; để các con cũng được hưởng ơn trợ giúp qua lời cầu nguyện của cậu thiếu niên này, vì cậu ấy là một khí cụ được chính Thiên Chúa chọn lựa, vĩ đại và đáng kính.

Sau đó, Abba Gioan giảng dạy các tu sĩ bằng những lời dạy cứu rỗi linh hồn và cầu nguyện cho họ; rồi ngài nằm xuống giường như để nghỉ ngơi một lát, và chẳng bao lâu sau đã chìm vào giấc ngủ ngọt ngào vĩnh viễn, không hề đau đớn về thể xác – và như thế, ngài đã về với các vị cha thánh phúc lành khác.

Sau khi vị trưởng lão phúc lành Gioan qua đời, thánh Simêon bắt đầu dấn thân vào những công việc còn vất vả hơn nữa. Thói quen sinh hoạt của ngài như sau: từ sáng sớm cho đến chín giờ, ngài cầu nguyện; sau chín giờ, ngài dành thời gian đọc sách và chép lại các tác phẩm cho đến khi mặt trời lặn; khi mặt trời lặn, ngài lại bắt đầu cầu nguyện và thức trắng cả đêm trong sự cầu nguyện không ngừng cho đến khi bình minh ló rạng. Khi ngày mới bắt đầu, Simeon cho phép giấc ngủ, như thể một người đầy tớ nào đó, đến với mình trong một khoảng thời gian ngắn. Sau khi chợp mắt một chút, ông lập tức thức dậy và bắt đầu thói quen cầu nguyện thường lệ của mình. Trong lúc cầu nguyện, ông cầm lư hương trong tay phải, thứ mà dù không có than hồng vẫn tỏa hương thơm ngát xung quanh ông . Thỉnh thoảng, ông nghe thấy một giọng nói như của một đám đông lớn đang lơ lửng trên không trung, cùng hát theo và hô vang:

– Alleluia!

Đó là tiếng của các Thiên thần thánh.

Thánh nhân thường xuyên trải qua những ngày và đêm hoàn toàn không ngủ. Có lần, ngài đã không chợp mắt chút nào trong suốt ba mươi ngày và ba mươi đêm, cầu xin Thiên Chúa xua đuổi giấc ngủ khỏi đôi mắt ngài. Và Thiên Chúa đã phán với ngài:

– Ngươi nên, dù chỉ trong một thời gian ngắn, cho thân xác mình được nghỉ ngơi bằng giấc ngủ.

Còn ma quỷ, không chịu nổi hành động cao cả như vậy của thánh Simeon, lại một lần nữa tập hợp toàn bộ đạo quân của mình để tấn công ngài, tìm cách dọa nạt ngài bằng những hình ảnh ảo mộng khác nhau; lúc thì nó biến thành rắn, lúc thì thành các loài thú khác nhau, lao miệng về phía vị thánh; đôi khi biến thành một loài chim kỳ lạ, có khuôn mặt như thiếu niên và lao về phía vị thánh; đôi khi lại hiện ra trước mặt ngài dưới hình dạng nhiều chiến binh, tiến vào trận chiến với những tiếng la hét vang dội, nhằm đuổi vị thánh khỏi cột và lật đổ chính cột đó xuống đất. Một lần, quỷ dữ ném một tảng đá lớn vào cột; cột nghiêng đi, như thể sắp đổ, nhưng một sức mạnh vô hình của Đức Chúa Trời đã nâng đỡ và làm cho nó đứng thẳng trở lại. Lần khác, con quỷ hiện ra dưới hình dạng một thiếu nữ, da đen, tính cách vô liêm sỉ, cố gắng ôm lấy cổ vị thánh bằng đôi tay của mình và nói:

– Đây là lần cuối cùng ta đấu tranh với ngươi, và nếu ngươi chiến thắng ta, thì ta sẽ rời xa ngươi cho đến một thời điểm nào đó.

Tất cả những ảo tưởng và ảo ảnh ma quỷ như thế này, vị thánh đều xua đuổi bằng lời cầu nguyện và dấu thánh giá.

Vị thánh còn có một thị kiến thần thánh kỳ diệu: ngài thấy trời mở ra và Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, được bao quanh bởi một ánh sáng không thể diễn tả, như thể một ngọn lửa rực rỡ; Trước mặt Chúa là các Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần, Mi-chên và Ga-ri-ê-l, một vị ở bên phải, một vị ở bên trái. Dưới chân Chúa là một đám mây màu đỏ thẫm. Thấy tất cả những điều này, Thánh Si-mê-ôn đã quỳ lạy Chúa của mình và giang hai tay về phía Ngài, xin Ngài ban ơn giúp đỡ để ngài có thể dâng lên những thành quả tốt lành. Chúa Kitô đã ban phước cho Simeon ba lần bằng các ngón tay của Ngài. Sau đó, khi nhìn xuống, Simeon thấy trên mặt đất có rất nhiều quỷ dữ, mang nhiều hình dạng khác nhau: một số có hình dạng lợn rừng, số khác có hình dạng dê. Và Chúa đã ban cho Simeon quyền năng trên tất cả những con quỷ ấy, để ông có thể xua đuổi chúng. Như một dấu hiệu của quyền năng này, Chúa đã ban cho Simeon một cây gậy làm từ cành cây chà là. Ngay lập tức, tất cả các con quỷ đều chạy trốn khỏi mặt Simeon và biến mất không biết đi đâu.

Thánh Simeon cũng xua đuổi tất cả các linh hồn gian ác ra khỏi những người bị quỷ ám, những người được đưa đến gặp ngài; vị thánh còn chữa lành nhiều bệnh tật khác và thậm chí còn làm cho người chết sống lại. Một lần nọ, có một người đàn ông đến gặp vị thánh, người này vừa mất con trai. Người ấy quỳ xuống trước mặt vị thánh với nước mắt, cầu xin vị thánh của Chúa cứu anh ta khỏi nỗi đau khổ lớn lao này và cầu nguyện với Chúa cho con trai đã qua đời của anh ta. Vị thánh, sau khi dâng lời cầu nguyện lên Chúa, đã nói với người ấy:

– Hãy đi nhân danh Chúa! Con trai ngươi còn sống!

Người đàn ông ấy tin vào lời của vị thánh. Khi về đến nhà, anh ta quả thực thấy con trai mình đã sống lại từ cõi chết. Ôm lấy con trai, người đàn ông ấy cùng con trai trở lại gặp vị thánh với niềm vui khôn tả và dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa và vị thánh được Ngài yêu mến, thánh Simeon.

Sau đó, Simeon lại được chiêm ngưỡng Chúa và Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được các hàng Thiên thần vây quanh; trong đó, những Thiên thần cao quý nhất đang cầm trên tay một vương miện hoàng gia, được trang trí bằng những viên ngọc quý; trên đỉnh vương miện là một cây thánh giá, lấp lánh như tia chớp. Với vương miện này, các Thiên thần muốn phong vương cho Simeon. Thấy tất cả những điều này, Simeon nói với các Thiên thần:

– Xin đừng lấy đi chiếc áo lông dê mà tôi đã mặc vì danh Chúa Kitô.

Các Thiên thần đáp lại:

– Chính vì điều này mà ngươi sẽ nhận được vương miện Nước Trời đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi, và ngươi sẽ mặc lấy ân sủng của Thánh Thần như mặc áo tím, và ngươi sẽ cùng các thánh khác trị vì trong Nước Trời vĩnh cửu.

Thánh Simeon, khi ngước nhìn Chúa, đã thưa:

– Lạy Chúa và Đấng Tạo Hóa muôn loài! Nếu Ngài vui lòng cho con được chia sẻ vinh quang cùng các thánh của Ngài trong Nước Trời của Ngài, – thì con xin lòng nhân từ của Ngài, xin cho con đừng phải nếm thức ăn phàm trần của loài người!

Và Simeon nghe thấy rằng Chúa đã chấp nhận lời thỉnh cầu của ông. Ngay sau đó, các Thiên thần tiến đến bên vị thánh, khoác lên bộ áo lông cừu ăn chay của ông bộ áo hoàng gia rực rỡ, đội vương miện lên đầu ông và cất tiếng hát vang dội, nói như sau:

– Đức Kitô, Thiên Chúa, Vua trời đất, thật là vinh quang; xin ngợi khen người tôi tớ của Ngài là Simeon!

Sau thị kiến đó, thánh Simeon không còn ăn thức ăn trần gian nữa cho đến cuối đời, mà chỉ nuôi sống bằng thức ăn thiên đàng do các Thiên thần mang đến cho ngài.

Về những phép lạ vĩ đại mà Thánh Simeon đã thực hiện và những chiến công vinh quang của ngài, có rất nhiều câu chuyện được kể lại; ở đây, chúng tôi xin giới thiệu một vài trong số rất nhiều chiến công của Thánh Simeon.

Một lần nọ, Thánh Simeon được mặc khải về tất cả những tai họa sắp ập xuống thành phố Antioch và toàn bộ vùng lân cận: Simeon đã thấy một Thiên thần đang lơ lửng trên không trung phía trên thành phố Antioch, tay cầm thanh gươm. Lúc đó, vị thánh bắt đầu cầu nguyện với lòng nhiệt thành trước Chúa từ tận đáy lòng, cầu thay cho thành phố Antioch trước mặt Thiên Chúa như một Mô-sê mới, và xin Chúa xoay chuyển cơn thịnh nộ của Ngài khỏi dân chúng. Và Chúa phán với ngài rằng:

– Tiếng kêu than về tội lỗi của thành phố này đã đến tai Ta; vì thế Ta đã nổi giận với thành phố này và sẽ hủy diệt nó, bằng cách giáng xuống đó lửa, gươm và cái chết. Vì thành phố này đã chọc giận Ta bằng những tội lỗi của mình, Ta sẽ giao nó làm tù binh cho một dân tộc dại dột.

Thánh Simeon đã kể lại thị kiến này cho tất cả những cư dân thành phố đến gặp ngài và khuyên nhủ họ ăn năn về tội lỗi của mình.

Không lâu sau đó, quả thật Chúa đã khiến Khosrow, vua Ba Tư (ông nội của Khosrow trẻ tuổi, người đã chiếm đoạt Cây Thập Tự Sống Lại của Chúa tại Giê-ru-sa-lem) tấn công Antiôkhia[3870] . Hozroi đã đến với một đạo quân hùng mạnh gồm người Ba Tư và người Chaldea, và bắt đầu một cuộc chiến khốc liệt với cư dân thành phố Antioch. Còn Thánh Simeon, khi đang ở trên cột và được Thiên Chúa che chở khỏi bọn man rợ đã xâm chiếm vùng đất ấy, đã sốt sắng cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài xoay chuyển cơn thịnh nộ khỏi thành phố và đừng để nó rơi vào tay kẻ thù; tuy nhiên, ngài không thể van xin Thiên Chúa và xoa dịu cơn thịnh nộ chính đáng của Ngài. Thánh Simeon đã có một thị kiến mới: trong cơn hân hoan, ngài thấy trước mặt mình một cây thánh giá rực rỡ, và bên cạnh cây thánh giá là hai Thiên thần, tay cầm những cây cung đã giương sẵn cùng những mũi tên đã chuẩn bị. Các Thiên thần nói với ngài:

[3870] Hozroy (hay chính xác hơn là Khosrow) trong tiếng Ba Tư có nghĩa chung là "vua". Danh xưng này thường được thêm vào tên riêng của vị vua này hay vị vua kia. Trong trường hợp này, tất nhiên là đề cập đến Hozroy I Anushirvan, người trị vì từ năm 531 đến năm 579. Cháu trai của ông, Khosrow II Parvez (trị vì từ năm 590 đến năm 628), đã chiếm được Cây Thánh Giá của Chúa tại Jerusalem vào năm 614, trong cuộc chiến với hoàng đế Hy Lạp Phokas. Cây Thánh Giá đã được trả lại vào năm 628 bởi người kế vị Khosrow II là Sroes, sau khi ký kết hiệp ước hòa bình với hoàng đế Hy Lạp Heraclius.

– Thập tự giá này do Chúa gửi đến cho ngươi để bảo vệ ngươi, như một dấu hiệu của hòa bình, vì cơn thịnh nộ của Chúa đang giáng xuống đất nước này sẽ không chạm đến ngươi; còn những mũi tên này được chuẩn bị để xua đuổi kẻ thù, nếu chúng dám tiến gần đến nơi ngươi đang tu hành. Chúng ta được sai đến để bảo vệ ngươi.

Sau đó, Simeon thấy trong thị kiến rằng thành phố đã bị chiếm; kẻ thù đang đi qua giữa thành; khắp nơi vang lên tiếng la hét và khóc lóc thảm thiết; trong khi đó, một số cư dân bị chém bằng gươm, một số khác bị bắt làm tù binh, còn một số thì nhảy xuống từ tường thành và bỏ chạy; trong số những người này, ngài cũng thấy hai tu sĩ của tu viện mình, những người vì sợ hãi trước cuộc xâm lược của bọn man rợ nên đã bỏ tu viện và ngọn núi để chạy trốn vào thành phố; nhưng ngay khi hai tu sĩ này đang chạy trốn khỏi thành phố, bọn man rợ đã đuổi kịp họ, một người bị giết bằng gươm, còn người kia bị bắt làm tù binh.

Tất cả những gì vị thánh đã thấy đều thực sự trở thành hiện thực chỉ vài ngày sau khi có thị kiến. Thành phố Antioch bị kẻ thù chiếm đóng, bị tàn phá bằng gươm và lửa, và nhiều cư dân bị bắt làm tù binh. Nhưng nhờ lời cầu nguyện của Thánh Simeon, một số cư dân đã thoát khỏi tay bọn man rợ. Vì vậy, khi bọn man rợ xông vào thành phố, nhiều cư dân đã kịp chạy thoát qua những cổng thành khác chưa bị kẻ thù chiếm giữ; nhiều người khác cũng trốn thoát bằng cách nhảy qua tường thành. Những người trốn chạy ẩn náu trong núi non và sa mạc, được sự thương xót của Thiên Chúa che chở, ngoại trừ hai tu sĩ đã được nhắc đến trước đó.

Bọn man rợ cũng đã đến ngọn núi nơi có tu viện và cột tu hành của Simeon, nhưng chúng phải quay về tay trắng; vì ngọn núi ấy được che chở khỏi chúng, giống như ngọn núi Sinai xưa kia, bởi bóng tối và đám mây “ ” (Xuất Hành 19:16), đến nỗi bọn man rợ không nhìn thấy cả tu viện lẫn cột tu hành. Nhiều kẻ thù đã bị một sức mạnh vô hình nào đó khiến kinh hoàng và phải tháo chạy; chúng chạy trốn trong nỗi sợ hãi tột độ, như thể đang bị những đạo quân vũ trang truy đuổi; bởi vì lời cầu nguyện của Thánh Simeon là vũ khí đáng sợ và bất khả chiến bại đối với kẻ thù. Không một tu sĩ nào trong số tất cả những người tu hành tại tu viện bị những kẻ man rợ đó làm hại, ngoại trừ hai tu sĩ đã được đề cập ở trên, những người đã chạy trốn khỏi tu viện vào thành phố vì sợ hãi trước kẻ thù.

Khi bọn man rợ rời khỏi đất nước ấy, rất nhiều người bị thương đã tìm đến vị thánh; Thánh Simeon đã ban ơn chữa lành cho tất cả họ. Ngoài ra, vị thánh còn giải thoát khỏi xiềng xích và cảnh bị bắt làm tù binh cho nhiều công dân đã bị bắt đi; bởi vì bất cứ ai chỉ cần nhắc đến danh hiệu của Thánh Simeon khi đang bị xiềng xích, ngay lập tức được giải thoát khỏi chúng; xiềng xích rơi khỏi tay và chân họ, và họ đi lại giữa đám man di mà không bị phát hiện, rồi trở về quê hương mình mà không gặp bất kỳ trở ngại nào từ phía kẻ thù. Vị tu sĩ được nhắc đến ở trên (người bạn đồng hành của ông đã ngã xuống dưới lưỡi gươm của kẻ thù) đã được cứu khỏi cảnh bị bắt làm tù binh chính bằng cách đó. Sau khi thoát khỏi tay kẻ thù cùng với một chiến binh Antioch, vị tu sĩ ấy đã kể lại về bản thân như sau:

– Ngay khi chúng tôi nhớ đến Thánh Simeon và với những giọt nước mắt xúc động, chúng tôi đã cầu xin ngài giúp đỡ, thì ngay lập tức những xiềng xích trói buộc chúng tôi đã tự động lỏng ra và rơi xuống; sau đó, chúng tôi đi qua giữa đám man di, vì không ai trong số họ hỏi chúng tôi điều gì hay cản trở chúng tôi.

Gần thành phố Antioch, bên sườn núi, có một vị tu sĩ già mù đang ngồi; ông sống nhờ vào sự bố thí, mà ông xin từ tất cả những ai đi qua con đường đó. Khi bọn man di vội vã chạy đến thành phố, một trong số chúng đã chém vào cổ vị lão nhân bằng thanh kiếm, tuy nhiên, không chặt đứt đầu ông, mà chỉ gây ra vết thương chí mạng; vị lão nhân nằm lăn lộn trong vũng máu chảy ra từ người ông, chỉ còn thoi thóp. Thánh Simeon, nhìn thấy tất cả những điều này bằng con mắt thấu thị của mình, đã sai một số anh em đi đón vị tu sĩ già đó về cho ngài. Các tu sĩ đặt vị tu sĩ già lên một tấm chiếu và mang đến cột của Thánh Simeon. Thánh nhân cầm lấy đất, rảy nước thánh lên đó, rồi đặt lên vết thương, nói:

– Nhân danh Emmanuel, hãy trở về vị trí của ngươi và vững chắc tại đó.

Và ngay lập tức, đầu của vị tu sĩ già trở về vị trí cũ, liền lại với các mạch máu và hoàn toàn khỏe mạnh. Khi vị tu sĩ già được chữa lành khỏi vết thương khủng khiếp như vậy, Thánh Simeon nói:

– Kìa, đôi mắt ông ấy đã mở ra rồi!

Tất cả những ai chứng kiến phép lạ đó đều ngợi khen Đức Chúa Trời.

Một thời gian sau, Thánh Simeon cảm thấy phiền muộn vì sự xáo trộn liên tục do vô số người từ các quốc gia khác nhau đổ về, mang theo nhiều người bệnh tật và yếu đuối. Vì tất cả những điều này cản trở cuộc sống tĩnh lặng của ngài, nên ngài quyết định rời bỏ cột đá này – nơi ngài đã tu hành suốt tám năm – để lui về một nơi khác,

yên tĩnh hơn. Cách đó không xa có một ngọn núi cao và rất hoang vắng, vì trên đó hoàn toàn không có nước. Không ai dám leo lên đó vì thiếu nước; trên đó chỉ có thú hoang, rắn và các loài bò sát độc khác sinh sống.

Chính ngọn núi này là nơi mà Thánh Simeon dự định chuyển đến. Khi ngài nghĩ đến điều đó, Chúa đã hiện ra cùng với nhiều Thiên thần, từ trời giáng xuống ngọn núi ấy trong một đám mây sáng chói. Chúa phán với ngài:

– Hãy cố gắng, Simeon, leo lên ngọn núi Tuyệt vời này[3871] , vì từ nay trở đi, ngọn núi này sẽ được gọi bằng tên đó; trên đó, Ta sẽ tỏ lộ ân sủng của Ta dành cho con trước sự kinh ngạc của mọi người.

Và ngay lập tức, trên ngọn núi ấy, vị thánh được chỉ cho một ngọn đồi cao và một tảng đá, nơi chân Chúa đã đứng; và chân núi ấy bừng sáng bởi vinh quang của Chúa như mặt trời; trên tảng đá ấy, Chúa truyền cho Simeon đứng lên và tu hành.

Khi thị kiến kết thúc, Simeon gọi các anh em tu sĩ đến và kể cho họ nghe về sự cho phép của Chúa để ngài chuyển đến ngọn núi ấy. Sau khi bổ nhiệm một vị tu sĩ già dặn và giàu kinh nghiệm làm Bề trên cho các tu sĩ, Simeon xuống khỏi cột tu của mình và lên đường đến Núi Kỳ Diệu, được các anh em tu sĩ tiễn đưa trong nước mắt vì sự ra đi của ngài.

Khi vị thánh đến gần ngọn đồi mà Thiên Chúa đã chỉ định cho ngài, ngài dừng lại và cầu nguyện với Thiên Chúa trong một thời gian dài. Khi kết thúc lời cầu nguyện, tiếng của vô số Thiên thần vang lên, hô to: "A-men!"

Sau đó, Thánh Simeon ra lệnh cho các môn đệ dựng một cây thánh giá bằng đá tại nơi đó để làm kỷ niệm vĩnh viễn về tiếng nói của các Thiên thần mà ngài đã nghe được tại nơi ấy. Khi nhìn lên ngọn đồi nằm trên Núi Divna, vị thánh đã thấy vinh quang của Đức Chúa Trời chiếu sáng ngài; sau đó, với niềm vui sướng, ngài leo lên đó và đứng trên chính tảng đá mà ngài đã nhìn thấy Chúa. Lúc bấy giờ, Thánh Simeon mới mười chín tuổi kể từ khi sinh ra.

Tuy nhiên, Thánh Simeon cũng không tìm thấy sự bình an tại đây vì những người đến thăm ngài. Vào sáng sớm ngày hôm sau, đám đông đến tu viện của Thánh Simeon, khi không tìm thấy vị thánh nhân của Chúa ở đó, đã khóc lóc thảm thiết. Khi biết rằng vị thánh đã chuyển đến một ngọn núi khác, cả đám đông vội vã đi đến đó, mang theo nhiều người bệnh tật và yếu đuối. Khi thấy những người đến, vị thánh cảm thấy buồn bã, vì ngay cả ở đây, ngài cũng không được ở một mình với Chúa. Tuy nhiên, vì thương xót những người mới đến, ngài đã nhân từ, đặt tay lên những người bệnh tật trong khi cầu khẩn danh Chúa Kitô, chữa lành cho họ và cho họ về nhà trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh.

Có lần, một con sư tử sống trên ngọn núi đó lao vào một người đang trên đường đến gặp vị thánh; con sư tử đã sẵn sàng xé xác người đó; còn người đó, không hy vọng chạy trốn khỏi con thú, đã kêu lên:

– Xin đừng làm hại tôi, vì Simeon, vị thánh được Chúa yêu mến!

Và ngay lập tức, khi nghe đến tên Simeon, con sư tử liền dịu lại và không gây hại gì cho người đàn ông đó cả.

Người đàn ông ấy, khi đến gặp vị thánh, đã kể lại cho ngài nghe chuyện đã xảy ra. Những người khách khác, vì sợ con thú, đã xin vị thánh đuổi nó khỏi ngọn núi đó, để mọi người đều có thể đến gặp vị thánh mà không sợ hãi. Vị thánh nhân bèn gọi đệ tử Anastasius của mình đến bên, người mà ngài đã trừ khỏi bảy con quỷ[3872] , giống như Chúa Kitô đã làm xưa kia, rồi nói với anh ta:

– Hãy đến hang sư tử và nói với nó rằng:

– Simeon, tôi tớ của Chúa Kitô, nhân danh Thiên Chúa, nói với ngươi: hãy rời khỏi ngọn núi này; đừng lấy nơi đây làm hang ổ, để ngươi không làm các anh em đến đây phải khiếp sợ.

Anastasius đi đến hang sư tử và, khi thấy con thú trong đó, đã truyền lại lời của vị thánh cho nó, trò chuyện với nó như với một sinh vật có trí tuệ.

Con sư tử, tuân theo lời của vị thánh, vội vã rời khỏi đó đến những nơi hoang dã khác, không làm hại ai trên đường đi.

Vào thời điểm đó, các loại bệnh tật đã gia tăng đáng kể trong vùng đất ấy, khiến rất nhiều người qua đời. Còn vị thánh, bằng linh hồn mình, đã nhận ra rằng điều này xảy ra do cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vì tội lỗi của loài người, nên ngài bắt đầu cầu nguyện sốt sắng với Chúa trong nước mắt, xin Ngài thương xót dân Ngài và rút lại cơn thịnh nộ công chính của Ngài khỏi họ. Và vị thánh nghe thấy tiếng nói từ Đức Chúa Trời phán rằng:

[3871] Ngọn núi kỳ diệu nằm trong tam giác được tạo thành bởi các thành phố: Antioch bên sông Orontes, Seleucia-Sheria và Ros.
[3872] Chúa Giêsu Kitô đã trừ bảy quỷ khỏi Maria Ma-đa-len (xem Mc 16:9).

– Sao ngươi lại đau lòng vì những người này? Chẳng lẽ ngươi yêu thương họ hơn Ta sao? Vì tội lỗi và sự vi phạm của họ đã gia tăng, nên họ xứng đáng bị trừng phạt. Tuy nhiên, để không làm ngươi buồn lòng, Ta ban cho ngươi quyền năng chữa lành các bệnh tật và đau ốm của họ.

Đức Chúa Trời đã phán như vậy với tôi tớ của Ngài là Simeon.

Những người sống gần nơi đó, chỉ cần mắc bệnh là ngay lập tức cầu xin sự giúp đỡ của vị thánh được Chúa yêu mến là Thánh Simeon, và họ thấy ngài (trong những giấc mơ) viếng thăm nhà họ, làm dấu thánh giá trên họ và ban sự chữa lành cho tất cả. Khi những giấc mơ đó kết thúc, họ thức dậy và cảm thấy khỏe mạnh. Họ cầu khẩn danh thánh Simeon như sau: họ thắp những ngọn đèn chứa đầy dầu trong nhà mình và đốt hương, đồng thời nói:

– Lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng con, nhờ lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài là Simeon, người đang tu hành trên Núi Thánh, xin thương xót chúng con!

Và họ đã nhận được ân sủng từ Chúa.

Còn những người trong số họ không có nhiều dầu, thì đổ dầu vào lư hương và thắp lên; lư hương đó không tắt cho đến ngày thứ ba và thứ tư, như thể luôn có dầu mới được đổ vào; như vậy, một cách kỳ diệu, dầu trong lư hương của họ không bao giờ cạn, nhờ việc kêu cầu danh thánh Simeon.

Một lần nọ, Chúa đã mặc khải cho Thánh Simeon về sự ra đi sắp tới của Đức Tổng Giám mục Efrem của Antioch. Sau khi triệu tập các tu sĩ lại, Thánh Simeon đã thông báo điều này cho họ; sau đó, Simeon xin các tu sĩ cầu nguyện sốt sắng hơn với Chúa, vì – như ngài nói – "cột trụ vĩ đại của Giáo hội sắp sụp đổ". Nhưng các tu sĩ đáp lại:

– Chúng tôi nghe nói Đức Tổng Giám mục vẫn khỏe mạnh.

Ngày hôm sau, sau giờ hát sáng (và ngày đó là thứ Sáu), Thánh Simeon lại triệu tập các tu sĩ đến và nói với họ bằng giọng đầy xúc động:

– Thánh Ephrem của Đức Chúa Trời đã qua đời trong đêm nay, vì tôi đã thấy linh hồn ngài được các Thiên thần thánh đưa lên trời. Khi đi ngang qua tôi, Ephrem đã hôn lên má tôi và nói:

– Xin anh, hãy nhớ đến tôi trong những lời cầu nguyện của anh dâng lên Chúa.

Sau đó, Thánh Simeon, với đôi mắt đẫm lệ, bắt đầu nói như sau:

– Khốn thay cho Antiôkhia, vì giờ đây thành phố này không còn Efrem nữa! Khốn thay cho thành phố, vì Efrem đã được rước lên trời![3873]

Sau khi Thánh Ephrem qua đời, ngai tòa tổng giám mục được trao cho Domnus[3874] , người đã đến Antioch từ Constantinople. Domnus này đối xử tàn nhẫn với những người nghèo khổ. Khi biết được điều này, Thánh Simeon đã tiên đoán rằng Domnus sẽ phải chịu sự trừng phạt của Đức Chúa Trời vì sự vô nhân đạo của mình. Và quả thực, không lâu sau đó, Domn mắc phải một căn bệnh nặng: tay và chân ông co quắp lại, đến nỗi ông không thể đi lại hay cử động tay được nữa, mà chỉ nằm bất động như một khúc gỗ.

Sau đó, Thánh Simeon được báo trước về một trận động đất sắp xảy ra tại Antioch, còn khủng khiếp hơn cả trận đầu tiên. Sau khi thông báo điều này cho tất cả những người có mặt, Thánh Simeon bắt đầu khóc lóc và cầu xin Đức Chúa Trời – xin Ngài xoa dịu cơn thịnh nộ của Ngài. Vào buổi tối cùng ngày đó, mặt đất rung chuyển dữ dội đến nỗi các bức tường thành và nhiều tòa nhà trong thành đều sụp đổ, san bằng với mặt đất; tất cả mọi người đều rơi vào cơn sợ hãi và kinh hoàng tột độ. Nhiều người dân đã bị các bức tường thành đè chết; nhưng những người còn lại vội vã chạy đến Núi Kỳ Diệu để tìm vị thánh nhân của Chúa, và trong nước mắt, họ nài nỉ ngài cầu xin Chúa chấm dứt thảm họa. Khi vị thánh cầu nguyện với lòng thành kính sâu sắc, trận động đất chấm dứt; sau đó, vị thánh thấy bầu trời mở ra ở phía đông; từ đó tỏa ra một ánh sáng không thể diễn tả, biểu thị sự hài lòng của Đức Chúa Trời đối với những người đã ăn năn. Sau đó, theo lệnh của Đức Chúa Trời, Thánh Simeon đã xây dựng một tu viện trên Núi Kỳ Diệu, đồng thời xây dựng một nhà thờ bằng chính đôi tay của những người đã được ngài chữa lành (vì có rất nhiều người đã được chữa khỏi bệnh tật nhờ lời cầu nguyện của Thánh Simeon); sau đó, vị thánh bằng lời cầu nguyện của mình đã xin Chúa ban đủ lượng nước cho tu viện; nhờ lời cầu nguyện của ngài, lúa mì trong kho lúa của tu viện cũng được nhân lên, đến mức số lượng gần như không hề giảm sút trong suốt ba năm, mặc dù người ta đã lấy ra từ kho lúa với số lượng lớn để nuôi sống vô số khách hành hương.

[3873] Ephrem giữ chức Thượng phụ từ năm 527 đến năm 545.

[3874] Domnus II giữ chức Thượng phụ từ năm 546 đến năm 560.

Sau đó, Thánh Simeon đã xây dựng một cột tu mới, nơi mà (như vị thánh đã thấy rõ ràng) chính Chúa Giêsu Kitô cùng các Thiên thần thánh của Ngài đã ngự xuống và thánh hiến cột tu đó. Thánh Simeon đã leo lên cột tu với niềm vui lớn lao, và tu hành trên đó cho đến tận cuối đời.

Khi Thánh Simeon tròn ba mươi ba tuổi, theo lệnh của Đức Chúa Trời (được mặc khải cho ngài), Simeon đã quyết định nhận chức linh mục, mặc dù trước đó ngài không muốn nhận chức vụ cao quý này. Theo sự an bài của Đức Chúa Trời, Đức Thánh Simeon đã được Đức Giám mục Dionysius của Seleucia đến thăm, và ngài đã phong chức linh mục cho Simeon.

Sau khi được phong chức linh mục, Thánh Simeon đã cử hành Thánh Lễ Thánh Thể và Máu Thánh Chúa Kitô với lòng kính sợ sâu sắc, phụng sự Thiên Chúa trong sự trong sạch, như một Thiên Thần. Thánh nhân thường nhận được nhiều thị kiến và mặc khải kỳ diệu từ Thiên Chúa. Ngài tiên đoán những sự kiện tương lai, nhìn thấy những điều xa xôi như thể đang diễn ra trước mắt; ngài còn thấu hiểu cả những ý nghĩ thầm kín trong lòng con người. Ngài đã thực hiện vô số phép lạ, cả trên đất liền lẫn trên biển, qua những thị kiến; Ngài ban lại thị lực cho người mù, thanh tẩy người bị bệnh hủi, ban sức khỏe cho người què, trừ quỷ khỏi con người, ngăn chặn miệng thú vật, chữa lành mọi vết loét và mọi bệnh tật, làm cho người chết sống lại, đến nỗi lời của Đức Kitô đã được ứng nghiệm nơi Ngài: *"Ai tin vào Ta, thì những việc mà Ta làm, người ấy cũng sẽ làm được"* (Ga 14,12). Quả thật, Thiên Chúa thật kỳ diệu, đã hiện ra nơi tôi tớ của Ngài, vị thánh Simeon kỳ diệu!

Khi thánh Simeon tròn bảy mươi lăm tuổi, ngài, biết trước rằng mình sắp về với Chúa, đã gọi các anh em đến bên mình, dạy dỗ họ trong một thời gian đủ dài, sau đó, vào giờ chiều, ngài trao nụ hôn vĩnh biệt cho mọi người, rồi phó thác linh hồn mình vào tay Đức Chúa Trời vào ngày 24 tháng 5 năm[3875] , đúng vào giờ mà ngài thường nhận thức ăn từ Thiên Thần. Cùng với các Thiên Thần thánh thiện, ngài hiện đang tận hưởng trong Nước Trời vô tận niềm vui chiêm ngưỡng dung nhan Thiên Chúa, tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà vinh quang được dâng lên ngay bây giờ và đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Ngài là người ẩn tu, là Thiên Thần trong thân xác, và là Đấng làm phép lạ, hỡi Cha Simeon, người mang Thiên Chúa: nhờ chay tịnh, thức đêm và cầu nguyện, Ngài đã nhận được ân sủng từ trời, chữa lành những người bệnh tật và những linh hồn chạy đến với Ngài bằng đức tin. Vinh quang thuộc về Đấng đã ban cho ngài sức mạnh; vinh quang thuộc về Đấng đã tôn vinh ngài; vinh quang thuộc về Đấng hành động qua ngài để chữa lành mọi người.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã từ bỏ những điều trần thế để hướng về cõi cao, và như một cột trụ của trời: nhờ đó, ngài đã tỏa sáng như bình minh của các phép lạ, hỡi vị thánh đáng kính, và xin ngài không ngừng cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa của muôn loài, cho tất cả chúng con.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Meletius Stratilates và 1.318 chiến binh cùng ngài

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 5

[3875] Các sự kiện quan trọng nhất trong cuộc đời của Thánh Simeon Cột được phân chia theo năm như sau: Thánh Simeon sinh năm 521; năm 527, khi mới 6 tuổi, ngài leo lên cột; 8 năm sau, vào năm 535, ngài chuyển sang một cột khác; năm 22 tuổi, ngài chuyển đến Núi Divna, tức là vào năm 543; năm 560, khi 39 tuổi, ngài được tấn phong làm linh mục. Ngài qua đời năm 596, thọ 76 tuổi. – Thánh Simeon Cột, người được tưởng niệm ngày nay, cần được phân biệt với một Simeon khác, cũng là Thánh Cột, ngày tưởng niệm của ngài được cử hành vào ngày 1 tháng 9; ngài cũng tu hành trong vùng Antioch của Syria, nhưng sống sớm hơn nhiều (qua đời năm 459).

Thánh Tử đạo Meletius sống dưới triều đại của Hoàng đế La Mã Antoninus[3876] , giữ chức vụ Stratelates[3877] và xuất thân từ các vùng phía nam của tỉnh Galatia[3878] . Là một Kitô hữu, ngài cầu nguyện cùng Thiên Chúa để sự lầm lạc ngoại giáo hoàn toàn biến mất. Khi đó, các quỷ dữ, thấy sự diệt vong của mình đang đến gần, đã nhập vào thân xác những con chó và bắt đầu than khóc cho sự diệt vong của chúng. Chúng lang thang khắp nơi, tru lên và gieo rắc nỗi sợ hãi cho mọi người, nhưng Thánh Meletius cùng với các chiến binh dưới quyền đã đánh đuổi chúng và phá hủy các đền thờ ngoại đạo. Vì điều này, Maximian[3879] , quan cai trị thành phố nơi vị thánh tử đạo[3880] đang ở, đã ra lệnh bắt giữ ngài và ép buộc ngài dâng lễ vật cho các thần tượng, nhưng vị thánh không thèm nghe theo. Kẻ tra tấn liền ra lệnh đánh ngài bằng búa sắt và áp dụng các hình thức tra tấn khác. Sau đó, thánh Meletius bị treo lên một cây thông và bị đóng đinh vào đó, khiến ngài qua đời. Còn các quan[3881] là Stephanos và là Ioannis, cùng tất cả các chiến binh từng thuộc quyền chỉ huy của họ, cùng với vợ con của họ, đều bị chém đầu bằng gươm. Như vậy, các thánh tử đạo[3882] đã qua đời vì Chúa Kitô.

Cuộc tử đạo của thánh tử đạo Serapion cùng với Kallinikos, Theodoros và Faustus

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 5

Thánh Tử đạo Serapion của Chúa Kitô là người gốc Ai Cập. Vào thời điểm thánh Meletius đang thực hiện hành trình tử đạo của mình, ngài đã từ Ai Cập đến và, khi chứng kiến những người cùng chịu khổ hình với ngài, ngài đã tin nhận Chúa Kitô. Vì lý do đó, ngài bị bắt và bị giam vào ngục tối, nơi Thiên Thần của Chúa đã phong ngài làm giám mục để hướng dẫn những ai mong muốn chịu khổ vì Chúa Kitô. Vào ngày đó, những người thân cận của Thánh Meletius, các quan chức và binh lính, đã tụ tập lại và lớn tiếng tuyên bố rằng họ cũng là Kitô hữu, điều này đã khơi dậy cơn thịnh nộ của nhà cầm quyền. Giám mục Serapion và nhà tiên tri Kallinikos, người đã tin vào Chúa Kitô, bị chém đầu bằng gươm; Theodor và Faustus cùng nhiều người khác bị thiêu sống, còn phụ nữ và trẻ em thì bị các đao phủ chém chết bằng những thanh gươm gỗ. Như vậy, các thánh tử đạo đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa.

Lễ kính Thánh Cha Nikita, người đứng trên cột, vị thánh làm phép lạ tại Pereyaslav

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 5

Vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta này sinh ra và lớn lên tại thành phố Pereyaslav-Zalessky[3883] . Từ khi còn trẻ, ngài đã nổi tiếng với tính cách hung hăng và hay ghen tị, thường gây ra các cuộc bạo loạn và gây nhiều tai họa cho người khác, lôi kéo họ ra tòa và thực hiện các vụ cướp bóc. Ngài cũng có những người bạn giống như chính mình. Một lần nọ, sau khi kết thúc các buổi học, trong lúc tham dự thánh lễ buổi tối, ngài đến nhà thờ và nghe những lời sau đây của tiên tri Ê-sai được đọc tại đó: *"Hãy tẩy rửa, hãy thanh tẩy; hãy loại bỏ những việc ác của*

[3876] Trong Sách Thánh Nhân, tên "Nicodemus" và các tên khác được gọi là "Antoninus" thực chất đề cập đến Hoàng đế La Mã Antoninus Heliogabalus, người trị vì từ năm 218 đến năm 222.

[3877] "Stratilat" có nghĩa là tổng trấn, chỉ huy quân sự.

[3878] Galatia nằm gần như ở trung tâm bán đảo Tiểu Á. Phía bắc giáp với Paphlagonia, phía tây giáp với Bithynia và Phrygia, phía nam giáp với Lycaonia và Cappadocia, còn phía đông giáp với Pontus.

[3879] Hegemon Maximian hay Maxim ban đầu là thống đốc Ai Cập, sau đó Antoninus đã cử ông đến Galatia để đàn áp các Kitô hữu.

[3880] Thành phố này có tên là Tavia. Nó nằm ở phía đông Galatia, gần biên giới với Pontus.

[3881] Comites – là vệ sĩ hoàng gia, người thu thuế cho kho bạc hoàng gia, quan trưởng thành phố, nhưng ở đây từ "comites" được hiểu là các quan quân sự, tức là các quan trưởng thành phố.

[3882] Sự tử đạo của Thánh Meletius và các thánh tử đạo khác cùng chịu khổ với ngài được ghi nhận vào năm 218.

[3883] Pereyaslavl-Zalessky, hiện là một thị trấn huyện thuộc tỉnh Vladimir, ban đầu tọa lạc bên hồ Kleschino, gần thượng nguồn nhánh sông Klyazma thuộc Perm, và sau đó vào khoảng năm 1152, Công tước Yuri Dolgoruky của Suzdal đã chuyển thị trấn này đến một địa điểm mới, cách đó 5 verst về phía nam. Thành phố được gọi là Zalesky vì nằm giữa những khu rừng rậm rạp, ngăn cách nó với các thành phố khác.

các ngươi khỏi trước mặt Ta; hãy ngừng làm điều ác" (Ê-sai 1:16), v.v. Nghe những lời này, anh ta lập tức kinh hoàng và, khi trở về nhà, đã thức trắng cả đêm, suy ngẫm về những lời ấy. Ngày hôm sau, theo thói quen, ông đến gặp bạn bè, vui vẻ cùng họ và mời họ đến nhà ông dùng bữa trưa hôm đó. Sau đó, ông ra chợ mua thực phẩm, mang về nhà rồi bảo vợ chuẩn bị bữa trưa. Khi người vợ bắt đầu rửa thịt, cô nhận thấy máu chảy ra từ miếng thịt một cách bất thường; rồi khi cô cho thịt vào nồi và bắt đầu nấu, cô thấy máu sủi bọt trong nồi và lần lượt một cái đầu người, một cánh tay, rồi đôi bàn chân nổi lên trên mặt nước. Điều này khiến cô kinh hoàng và kể lại cho chồng nghe. Khi anh ta về và tận mắt chứng kiến những gì vợ kể, anh ta đã bị nỗi kinh hoàng bao trùm trong một thời gian dài, nhưng sau đó, khi bình tĩnh lại, anh ta thở dài từ tận đáy lòng và nói:

– Ôi, khốn khổ cho ta! Ta đã phạm nhiều tội lỗi.

Sau những lời đó, vừa cầu nguyện vừa khóc nức nở, anh ta bước ra khỏi nhà và đi một quãng đường khỏi thành phố, rồi đến tu viện Thánh Đại Tử Đạo Nikita[3884] . Tại đây, anh ta quỳ xuống dưới chân vị tu viện trưởng của tu viện này và nói:

– Xin cứu lấy linh hồn đang lâm vào cảnh diệt vong này.

Ngạc nhiên trước sự thay đổi bất thường của Nikita, vị tu viện trưởng nói với anh ta:

– Hãy thử thách bản thân: hãy ở lại ba ngày trước cổng tu viện, khóc lóc và xưng tội trước mặt tất cả những ai đi vào và ra khỏi tu viện.

Nikita đã làm đúng như vậy. Trong ba ngày, anh khóc lóc và cầu nguyện, xưng tội trước mặt mọi người. Sau đó, anh ta nhìn thấy gần tu viện có một vùng đầm lầy mọc đầy lau sậy, với vô số muỗi và ruồi bay lượn trên đó. Anh ta đến nơi đó, cởi bỏ quần áo, rồi bước vào đầm lầy trong tình trạng hoàn toàn trần truồng, ngồi xuống giữa đám lau sậy và bắt đầu cầu nguyện với Chúa. Sau ba ngày, vị tu viện trưởng sai một tu sĩ đi xem Nikita đang làm gì. Tu sĩ ấy đến, không thấy anh ta ở cổng tu viện, nên sau một hồi tìm kiếm ngắn ngủi, đã phát hiện anh ta đang nằm giữa đám lau sậy. Ruồi muỗi bay thành một đám mây khổng lồ lượn lờ trên đầu anh ta. Khi trở về tu viện, tu sĩ kể lại chuyện này cho vị tu viện trưởng. Lúc đó, vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ trong tu viện đến gặp Nikita và, khi thấy anh ta trong tình trạng không thể nhìn rõ cơ thể (vì máu chảy ra quá nhiều), đã nói với anh ta:

– Con ơi! Con đang làm gì với bản thân mình vậy!

Nikita không trả lời gì khác, mà chỉ nói với vị tu viện trưởng:

– Thưa Cha! Xin cứu lấy linh hồn đang lâm nguy này.

Sau đó, vị tu viện trưởng đưa anh ta vào tu viện, truyền giới tu sĩ và sắp xếp cho anh ta ở trong một căn phòng chật hẹp, nơi anh ta sống trong những lời cầu nguyện và ăn chay liên tục, thức trắng cả ngày lẫn đêm. Trong thời gian đó, kẻ thù xảo quyệt bắt đầu gieo rắc nỗi sợ hãi cho anh ta bằng những ảo ảnh khác nhau, nhưng anh ta tự bảo vệ mình khỏi những ảo ảnh đó bằng cách làm dấu thánh giá, cầu xin sự giúp đỡ của Thánh Tử đạo Nikita, và không nói với ai về điều này. Chẳng bao lâu sau, Nikita dựng cho mình một cột tu[3885] gần nhà thờ và đào một lối đi hẹp dọc theo tường nhà thờ, qua đó ngài vào nhà thờ để cầu nguyện. Nhờ những việc làm cao cả ấy, ngài đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng làm phép lạ, bởi vì nhiều người mắc các bệnh tật khác nhau khi đến với ngài đều được ngài chữa lành.

Vào thời điểm đó, Hoàng tử Mikhail của Chernigov[3886] , một vị hoàng tử có đức tin, mắc phải căn bệnh liệt. Nghe nói về Thánh Nikita, ngài ra lệnh cho các quan đại thần đưa mình đến thành phố Pereyaslav để gặp vị thánh này nhằm được chữa lành. Khi ngài đang trên đường đi, một con quỷ hiện ra dưới hình dạng một tu sĩ và tự xưng là người cùng tu viện với Thánh Nikita. Hoàng tử hỏi về vị tu sĩ đáng kính, và con quỷ nói rằng ngài là kẻ lừa dối. Điều này khiến hoàng tử vô cùng buồn bã. Một thời gian sau, chính con quỷ đó, dưới một hình dạng khác, lại gặp công tước trên đường và nói với ông:

– Thưa hoàng tử, ngài đang tự làm khổ mình một cách vô ích khi phải đi một quãng đường dài như vậy.

Khi hoàng tử đến cách tu viện nơi vị thánh sống một khoảng cách bằng một sân thi đấu, ngài ra lệnh dựng lều để nghỉ ngơi sau chặng đường dài, và cử một trong những quan đại thần của mình đến tu viện để báo cho vị

[3884] Tu viện Nikitsky tọa lạc trên một cánh đồng cách thành phố 3 verst về phía bắc. Nơi này được biết đến qua cuốn tiểu sử của Thánh Nikita. Thời điểm thành lập tu viện vẫn chưa được xác định.

[3885] Cột tu mà vị thánh đã dựng lên để thực hành các việc tu hành của mình không nằm trên mặt đất mà nằm sâu dưới lòng đất. Đó là một hố tròn hình cột hoặc đơn giản là một hang động, do đó, việc tu hành trên cột của Thánh Nikita về bản chất là một hình thức ẩn tu.

[3886] Hoàng tử Mikhail là con trai của Vsevolod, hoàng tử Chernigov. Sự chữa lành của ngài được ghi nhận vào năm 1186.

thánh biết về sự có mặt của ngài. Lúc đó, chính con quỷ ấy đã chặn người được cử đi dưới hình dạng một nhà tu mù một mắt, tay cầm xẻng, và nói với người ấy rằng vị thánh nhân đã qua đời và rằng hắn đã chôn cất ngài rồi.

Nhận ra sự lừa dối, quan đại thần đã trấn áp con quỷ bằng lời cầu nguyện của vị thánh, và con quỷ liền đứng bất động hoàn toàn tại chỗ nó đang đứng. Quan đại thần sau đó đến cột thiền định của Thánh Nikita và báo cho ngài biết về sự có mặt của hoàng tử cùng căn bệnh nặng của ông; sau đó, vị thánh đã gửi cây gậy của mình cho hoàng tử. Hoàng tử Mikhail, người có đức tin vững vàng, cầm cây gậy đó trong tay và đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh, đến nỗi ngài đã đi bộ đến cột của vị thánh, nhận lời chúc phúc từ ngài và kể lại cho ngài nghe tất cả về sự cám dỗ của quỷ dữ đã xảy ra với ngài trong suốt chuyến đi. Lúc đó, vị thánh nhân đã quở trách con quỷ nhân danh Đức Chúa Trời và ra lệnh cho nó phải đứng bất động bên cột của mình trước mặt mọi người trong vòng ba giờ; sau đó, con quỷ đã thề với vị thánh nhân rằng sẽ không bao giờ làm hại con người nữa và lập tức biến mất. Sau khi được chữa lành, hoàng tử đức tin Mikhail đã nhiệt thành tạ ơn Thiên Chúa và vị thánh già, rồi tặng một món quà quý giá cho tu viện, sau đó trở về thành phố của mình.

Như vậy, vị thánh cha của chúng ta là Nikita, khi ở trong cột tu của mình và không ngừng dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, đã ban sự chữa lành cho tất cả những ai đến với ngài để được chữa trị các bệnh tật.

Một đêm nọ, một số người thân của ngài đến gặp vị thánh, xin ngài cầu nguyện cho họ; khi thấy trên người ngài những sợi xích nặng nề, do cọ xát lâu ngày với cơ thể nên đã trở nên sáng bóng, họ lầm tưởng đó là xích bạc. Bị xúi giục bởi ma quỷ, họ nảy sinh ý định giết vị thánh và, khi đến gần cột, họ gỡ tấm vải che trên đó ra, chui vào trong và dùng vũ lực tách linh hồn vị thánh khỏi thân xác ngài[3887] .

Sau đó, chúng lấy những sợi xích, quấn chúng vào một tấm vải thô rồi bỏ chạy. Trước thánh lễ buổi sáng, phó quản lý nhà thờ[3888] theo thông lệ đã đến cột thánh để xin phước lành từ ngài, và khi thấy tấm vải che cột đã bị gỡ bỏ, ông liền đến gặp vị tu viện trưởng và báo cáo sự việc. Lúc đó, họ đến cột thánh và phát hiện thi thể vị thánh vẫn còn ấm, đồng thời tỏa ra mùi hương thơm ngát. Họ đã tôn kính đưa thi hài ngài ra khỏi cột thánh, rồi trong không khí trang nghiêm với nghi thức xông hương và hát thánh vịnh, đã an táng ngài tại nhà thờ Thánh Tử đạo Nikita, ở phía bên phải gần bàn thờ. Lúc đó, tất cả những người bệnh tật có mặt tại đó đều được chữa lành.

Còn những kẻ sát nhân vô đạo của vị thánh, tưởng rằng mình đã chiếm được một kho báu quý giá, tiếp tục chạy trốn và chẳng bao lâu đã đến sông Volga. Tại đó, họ mở tấm vải ra và, khi thấy ba cây thánh giá và những sợi xích sắt nặng nề – vốn đã được mài mòn sáng bóng do ma sát lâu ngày – họ đã ném chúng xuống sông gần thành phố Yaroslavl, gần Tu viện Thánh Tông đồ Phêrô[3889] . Ngay trong đêm đầu tiên sau đó, một tu sĩ của tu viện này, tên là Simeon, đã nhìn thấy tại nơi đó, không xa bờ sông, ba cột sáng rực rỡ. Chúng vươn lên từ mặt đất lên trời và tỏa ra những tia sáng. Vị tu sĩ đã kể lại điều này cho vị Archimandrite của tu viện, và ngài đã báo cho quan trưởng thành phố; được đông đảo dân chúng tháp tùng, họ đã đến địa điểm đó và tìm thấy những sợi xích thiêng liêng của vị thánh, đang trôi nổi kỳ diệu trên mặt nước như những cành cây khô. Họ đã cẩn trọng nhặt chúng lên, vừa hát thánh vịnh vừa rước về thành phố; trên đường đi, họ gặp một người què đang bò lê trên mặt đất, liền dùng những cây thánh giá gắn trên xiềng xích để làm dấu thánh cho người ấy; sau đó, bàn chân và đầu gối của người ấy trở nên vững chắc, và anh ta đứng dậy, hoàn toàn khỏe mạnh. Ngoài ra, còn có nhiều người bệnh khác, mắc các chứng bệnh khác nhau, cũng được chữa lành nhờ những sợi xích của vị thánh. Một thời gian sau, vị thánh Nikita hiện ra trước vị tu sĩ Simeon nói trên và nói với ông:

– Xin hãy sớm chuyển dấu hiệu cao quý này, biểu tượng cho những công đức của tôi, khỏi nơi đây và đặt lên quan tài của tôi.

Sau đó, những chiếc xiềng xích của vị thánh đã được rước trong sự tôn kính từ thành phố Yaroslavl đến thành phố Pereyaslavl và được đặt trên quan tài thiêng liêng của ngài. Chúng mang lại nhiều sự chữa lành cho tất cả những ai đến với lòng tin, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa.

[3887] Thánh Nikita qua đời vào ngày 24 tháng 5 năm 1186.

[3888] Paraekklisiarch – người thắp đèn trước các bức tranh thánh trong các tu viện, người phụ trách nhà thờ.

[3889] Tu viện Thánh Phêrô và Phaolô ở Yaroslavl tọa lạc bên bờ sông Volga, tại vị trí mà ngày nay là Nhà thờ Thánh Phêrô.

Bài thánh ca, giọng 4:

Bằng đức tin Chính Thống, ngài đã khinh ghét những ham muốn tuổi trẻ, và tiếp nhận những đức tính cao quý, ngài đã chiến thắng kẻ thù, và bằng sự khôn ngoan, ngài đã làm đẹp lòng Thiên Chúa: và từ Ngài, ngài đã nhận được ân sủng làm phép lạ, xua đuổi ma quỷ, chữa lành bệnh tật. Nikita vinh quang, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô Thiên Chúa để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Kondak, giọng 8:

Vì Chúa Kitô, ngài đã chịu cái chết cần thiết vì các tôi tớ của ngài và đã nhận được vương miện bất diệt từ Ngài: đối với những ai đến với lòng tin, ngài ban phát sự chữa lành từ ngôi mộ tôn kính của ngài, hỡi Nikita đáng kính, người cầu nguyện cho linh hồn chúng con.

Ngày 7 tháng 6

Ngày 25 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, người ta cũng kỷ niệm lần thứ ba tìm thấy thi hài tôn kính của Thánh Gioan Tẩy Giả (về sự kiện này, xem mục ngày 24 tháng 2)

Kỷ niệm Thánh Tê-ra-pôn-tô, Giám mục Síp, vị tử đạo

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 5

Thánh Phê-ra-pôn-tô này là một tu sĩ và với chức vụ giám mục, ngài đã thi hành sứ vụ trên đảo Síp[3890] . Trong thời kỳ bách hại do những người ngoại đạo gây ra đối với các Kitô hữu[3891] , ngài đã can đảm tuyên xưng danh Chúa Giêsu Kitô và nhận lấy vương miện tử đạo[3892] . Xác thánh của ngài ban đầu được an táng tại Síp, nơi đã ban phát nhiều phép lạ cho mọi người; nhưng sau đó đã được chuyển đến Constantinople vì lý do sau đây: khi những kẻ Agari, theo sự cho phép của Thiên Chúa, tàn phá tất cả các nước phương Đông vì tội lỗi của chúng ta, bắt giữ cư dân của các nước đó làm tù binh, thì chúng cũng tiến đến đảo Síp, với ý định làm với đảo này điều tương tự như những gì chúng đã làm với các nước phương Đông khác. Vào thời điểm đó, Thánh Ferapont đã hiện ra trước người quản lễ của nhà thờ mình và nói với ông:

– Hãy mau đi, lấy thi hài của ta và mang đến Constantinople, vì những kẻ thù của Thập tự giá Chúa Kitô muốn xâm chiếm hòn đảo này và tàn phá nó; hãy báo cho các Kitô hữu khác biết điều này, để họ có thể rời khỏi đây trước khi quân Agary xâm lược.

Ngay lập tức, người phụ trách nhà thờ đã thông báo cho tất cả các tín hữu Kitô giáo về sự hiện ra của vị thánh và mệnh lệnh của ngài; chẳng bao lâu sau, các tín hữu đã chuẩn bị lên đường bằng thuyền; sau khi làm một chiếc hòm thánh mới, họ đặt thi hài thiêng liêng của Thánh Ferapont vào đó, mang theo lên thuyền và lên đường.

Khi những người lữ hành đã vượt qua phần lớn biển và đang tiến gần đến Constantinopolis, bỗng nhiên một cơn bão lớn nổi lên trên biển; tất cả đều rơi vào sự sợ hãi và hoang mang tột độ; nhưng vào lúc đó, từ chiếc hòm đựng di cốt bắt đầu tỏa ra (như một làn hơi mỏng manh) một mùi hương tuyệt vời; mùi hương ấy không chỉ tràn ngập khắp con tàu, mà còn lan tỏa ra biển trong phạm vi ba dặm xung quanh con tàu: và ngay lập tức cơn bão dịu xuống, như thể được xoa dịu bởi mùi hương kỳ diệu và không thể diễn tả ấy. Còn người phụ trách nhà thờ, người đã tận tình bảo vệ thánh tích thiêng liêng của vị thánh tử đạo, đã nghe thấy một tiếng nói phát ra từ quan tài và gọi ông đến gần. Cuối cùng, tất cả những người xung quanh đều nghe thấy giọng nói ấy, qua đó Thánh Ferapont kêu gọi

---

[3890] Đảo Síp nằm ở phần đông bắc của Biển Địa Trung Hải, gần bờ biển của Phoenicia cổ đại. Đạo Kitô đã được Thánh Tông đồ Phaolô truyền bá tại đây.

[3891] Cần hiểu đây là cuộc bách hại dưới thời Đế vương Diocletian (trị vì từ năm 284 đến năm 305).

[3892] Thời điểm Thánh Ferapont qua đời được xác định dựa trên cuộc đàn áp của Diocletian. Ngày qua đời của ngài không được biết rõ. Ngày 25 tháng 5, rất có thể, là ngày di dời thi hài của ngài đến Constantinople.

người trông nom di cốt của ngài đến bên mình; lúc đó, mọi người đều tiến lại gần hòm thánh với sự kinh ngạc và lòng kính sợ, để chiêm ngưỡng di cốt của vị Thánh Tử đạo. Khi đến gần quan tài, mọi người đều thấy hương thơm ngào ngạt tỏa ra từ thi hài vị Thánh Tử đạo và tràn ngập khắp quan tài. Các tín hữu Kitô giáo trên tàu đã múc hương thơm đó vào các bình thủy tinh và xức lên mình với lòng tin để được chữa lành cả linh hồn lẫn thể xác.

Khi đến Constantinople, các tín hữu Kitô giáo đã an táng di cốt thiêng liêng của vị thánh tử đạo Ferapont trong một nhà thờ được xây dựng để tôn vinh và ca ngợi Đức Mẹ Thiên Chúa[3893] . Tất cả những điều này xảy ra dưới triều đại của Nikiforos[3894] . Một thời gian sau đó, do nhiều phép lạ xảy ra từ những di cốt thiêng liêng đó, các tín hữu Kitô giáo đã xây dựng một nhà thờ khác mang tên Thánh Tử đạo Ferapont; di cốt thiêng liêng của vị thánh được Chúa yêu mến này đã được chuyển đến nhà thờ này.

Trong số rất nhiều phép lạ do vị thánh được Chúa yêu mến Ferapont thực hiện, chỉ có một số ít được ghi chép lại. Dưới đây là những câu chuyện về một số phép lạ đó.

Có một người đàn ông gốc Ý tên là Florin, khi đang bị một đạo quân ma quỷ hành hạ, đã được chữa lành nhờ thánh tích của Thánh Ferapont và trở về nhà trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh. Ông kể rằng đã nhìn thấy một làn hơi mỏng manh, tỏa ra mùi thơm ngát, bốc lên từ hòm đựng di cốt thiêng liêng; lũ quỷ không thể chịu đựng được mùi thơm này, nên đã bỏ chạy khỏi đó, như thể bị ai đó đuổi theo vậy.

Anastasius, một công dân của thành phố Vixinia, từ lâu đã bị tay teo lại, treo lủng lẳng trên vai như một cánh tay chết. Nhưng khi ông đến nhà thờ Thánh Tử đạo Ferapont vào đêm trước Lễ Hiển Linh của Chúa, ông đã được chữa lành hoàn toàn: cánh tay của ông đã khỏe lại và trở nên lành lặn như cánh tay kia; trước sự chứng kiến của mọi người, Anastasius đã dùng cánh tay đã được chữa lành để cầm lấy một chiếc bình và đổ đầy nước rửa tội vào đó. Tất cả mọi người, khi chứng kiến điều này, đã tạ ơn Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh qua vị thánh nhân trung thành của Ngài là Thánh Ferapont.

Còn có một người đàn ông khác tên là Georgiy, giữ chức vụ đội trưởng[3895] , là một chiến binh; do mưu mô của ma quỷ, khuôn mặt ông bị xoay ngược lại và ông bị mù một mắt. Người tên Georgy này, sau khi cầu nguyện trước quan tài của vị tử đạo, đã được chữa lành ngay lập tức: khuôn mặt ông quay trở lại vị trí cũ và mắt ông đã sáng lại, vì thế Georgy đã dâng lời tạ ơn lên vị bác sĩ vô tư của mình.

Một người bị liệt, tên là Feodor, được đưa đến nhà thờ được xây dựng để tôn vinh vị thánh tử đạo. Trong giấc mơ, vị thánh đã hiện ra với anh ta và trao cho anh ta bánh mì cùng chén rượu. Anh ta, trong giấc ngủ, đã nhận lấy những thứ đó từ tay vị thánh, rồi ngay lập tức tỉnh dậy và cảm thấy sức mạnh tràn đầy; đứng dậy khỏi giường, anh ta ngợi khen Chúa Giêsu Kitô và vị thánh tử đạo của Ngài, nói rằng:

– Ôi, thánh Ferapont ơi, ngài chữa lành mọi bệnh tật và đau ốm thật dễ dàng và nhanh chóng biết bao!

Một cô bé được đưa đến nhà thờ của vị thánh tử đạo; từ khi mới sinh, hai chân cô bé đã dính liền vào nhau, cong ngược ra sau và dính vào lưng; nhưng sau khi cha mẹ cô bé dâng lên Thánh Ferapont một lời cầu nguyện tha thiết, ngay lập tức hai chân cô bé đã trở về vị trí bình thường; chúng duỗi thẳng và tách ra, đến nỗi khi cô bé trưởng thành, cô đã có thể đi lại, ca ngợi và tạ ơn Thiên Chúa.

Một người phụ nữ tên là Maria mắc phải căn bệnh nan y trên cơ thể, được gọi là ung thư; trong cơn đau đớn tột cùng và đã gần như tuyệt vọng về việc khỏi bệnh, Maria vội vã đến trước quan tài của vị thánh tử đạo với lời cầu nguyện thành kính và tại đó, bà đã được chữa lành nhanh chóng và hoàn toàn khỏi căn bệnh của mình.

Một người phụ nữ khác, đã bị chảy máu suốt bảy năm, đã chạy đến với lời cầu nguyện nồng nhiệt và lòng tin nơi Thánh Ferapont; ngay khi vừa chạm vào quan tài của ngài, máu của bà lập tức ngừng chảy, và bà trở về nhà trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh.

Một người phụ nữ khác, mắc bệnh phù thũng, khi đến trước di cốt của Thánh Ferapont, đã thấy trong giấc mơ hình ảnh vị thánh tử đạo đang bôi một loại thuốc mỡ nào đó lên chỗ bị bệnh trên cơ thể bà. Khi tỉnh dậy, bà thấy có rất nhiều mủ chảy ra từ chỗ bị bệnh, sau đó bà cảm thấy mình hoàn toàn khỏe mạnh.

Stefan, một chiến binh thuộc quân đoàn Armenia, bị đau đớn dữ dội về thể xác; anh ta bị co quắp và khom người sát đất; cũng giống như vậy, một chiến binh khác tên là Theodore cũng mắc phải căn bệnh tương tự. Khi cả

[3893] Nhà thờ này được xây dựng để tôn vinh và ca ngợi bức tượng Đức Mẹ Eleina hay Đức Mẹ Nhân Từ. Lễ kỷ niệm để tôn vinh bức tượng Đức Mẹ này được cử hành trong Giáo hội Chính thống vào ngày 12 tháng 11.

[3894] Hoàng đế Nikifor I trị vì từ năm 802 đến năm 811. Việc rước di hài của vị thánh tử đạo Ferapont diễn ra vào năm 806.

[3895] Tức là chỉ huy trưởng của 10 chiến binh.

hai cầu xin sự giúp đỡ từ vị thánh của Chúa và dâng lên ngài những lời cầu nguyện chân thành, họ đã được chữa lành hoàn toàn.

Một người mắc bệnh hủi, khi đến trước quan tài của vị thánh, đã được chữa lành khỏi bệnh hủi nhờ những lời cầu nguyện của ngài và đã dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa.

Một nhà triết học, người có một vết loét nguy hiểm và rất lớn trên ngực, khi đến trước quan tài của vị thánh và chợp mắt tại đó, đã thấy vị thánh đặt một miếng gạc lên chỗ bị bệnh trên ngực ông. Khi tỉnh dậy, ông cảm thấy bệnh tình thuyên giảm đáng kể, và chỉ một ngày sau, ông đã hoàn toàn khỏi bệnh, vì thế ông đã tạ ơn Đức Chúa Trời.

Nhiều căn bệnh và chứng bệnh khác cũng được chữa lành nhờ việc xức dầu thánh phát ra từ di cốt thiêng liêng của vị thánh nhân Ferapont; cũng chính nhờ dầu thánh ấy mà các tà thần bị trục xuất khỏi con người, những người sắp chết được hồi sinh; và tất cả những điều này đều được thực hiện nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Tử đạo Ferapont, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang được dâng lên mãi mãi. Amen.

Ngày 8 tháng 6

ngày 26 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, người ta tưởng niệm các thánh tử đạo Averky và Elena, theo một số tài liệu, là con của Thánh Tông đồ Alfeus. Thánh Averky đã chịu khổ vì Chúa Kitô khi bị trói trần truồng giữa đàn ong và bị chúng đốt đến đầy vết thương; còn em gái ngài là Elena thì bị ném đá đến chết.

Cũng trong ngày này, người ta kỷ niệm việc tìm thấy di cốt của Thánh Makari Kalazinsky. Xem tiểu sử của ngài vào ngày 17 tháng 3

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Giô-rê Mới[3896]

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 5

Thánh George là con trai của một cặp vợ chồng sùng đạo; cha ngài tên là John, thuộc hàng quý tộc danh giá nhất thành phố Sredets[3897] , còn mẹ ngài tên là Maria. Thánh George là ân huệ mà Chúa ban cho cha mẹ ngài nhờ những lời cầu nguyện sốt sắng của họ, vì lúc đó họ đã ở tuổi xế chiều mà vẫn chưa có con, giống như Áp-ra-ham và Sa-ra trong Kinh Thánh; vì lý do đó, Ioann và Maria đã siêng năng cầu nguyện cùng Chúa, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Thánh Đại Tử Đạo Georgius Cappadocianus; họ đến nhà thờ của vị thánh này hàng ngày, thực hiện việc bố thí tại đây và siêng năng cầu xin Chúa để giải thoát họ khỏi tình trạng vô sinh. Và Chúa đã không bỏ qua những lời cầu nguyện của họ, mà đã ban cho họ, khi đã cao tuổi, một đứa con trai. Gioan và Maria đã dâng đứa trẻ đến nhà thờ Thánh Tử đạo vĩ đại Giô-rê, làm phép rửa cho em trong danh Cha, Con và Thánh Thần, và đặt tên cho em là Giô-rê trong phép rửa thánh.

Cậu bé được nuôi dạy trong sự kính sợ Thiên Chúa và được dạy đọc sách; Georgios nhanh chóng học thuộc lòng Kinh Thánh đến mức kiến thức của cậu vượt trội hơn tất cả các bạn cùng lứa tuổi. Khi Georgios bước vào tuổi thiếu niên, cậu rất giống Thánh Giuse thời xưa về vẻ đẹp khuôn mặt và sự trong sạch.

Vào thời đó, Bulgaria nằm dưới sự cai trị của người Saracen; khi thánh George tròn hai mươi lăm tuổi kể từ ngày sinh (lúc này cha mẹ ngài đã về với Chúa), người Saracen bắt đầu dụ dỗ ngài theo tà đạo của họ, nói với ngài rằng:

– George, hãy từ bỏ Kitô giáo và chấp nhận đức tin của chúng ta. Hãy nghe theo sứ giả của Thiên Chúa là Muhammad[3898] ; hãy chấp nhận luật pháp của chúng ta.

[3896] Tên gọi "Mới" được gắn cho Thánh Giô-rê để phân biệt với các thánh khác cùng tên Giô-rê, những người đã sống và làm chứng đức tin từ rất lâu trước ngài, chẳng hạn như Thánh Giô-rê Đại Tử Đạo (ngày kỷ niệm của ngài là ngày 23 tháng 4, v.v.).

[3897] Sredets hay Sofia – thủ đô của công quốc Bulgaria. Ngay từ thời cổ đại, Sofia đã là một trung tâm thương mại quan trọng và là thành phố chính của tỉnh Dacia thuộc Đế quốc La Mã. Năm 441, Sofia bị người Hung tàn phá; năm 809, thành phố này bị người Bulgaria chinh phục; năm 1382, nó rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ. Ngày 22 tháng 12 năm 1877, thành phố này được quân Nga dưới sự chỉ huy của Gurko chiếm lại, và phần lớn dân số Hồi giáo đã bỏ chạy.

Khi nói những lời này, bọn Saracen bắt đầu đội lên đầu thánh Gioan chiếc mũ taffia (một loại mũ), thứ mà theo phong tục của họ, họ đội trên đầu và mang vào các nhà thờ của mình. Nhưng vị thánh đã đáp lại họ như sau:

– Chúng ta, những người Kitô hữu, không nên bắt chước những phong tục vô đạo của các ngươi và đội taffiya trên đầu; chúng ta không nên từ bỏ Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật, Đấng Tạo Hóa trời đất, và tự tước đoạt những ân sủng của phép Rửa Tội thánh thiêng. Hãy nói cho tôi biết: liệu tôi có thể tin vào Ma-homet, người không được sai phái bởi Thiên Chúa, cũng không phải bởi các vị tiên tri hay các tông đồ của Ngài, mà chỉ là một tướng quân bình thường của đạo quân Satan, mang theo cờ hiệu của ma quỷ? Chính các ngươi cũng không biết mình đang tin vào điều gì; chính các ngươi đã tự mình rời bỏ con đường chân lý.

Sau khi vạch trần bọn Saracen như vậy, Thánh George bắt đầu công khai tuyên xưng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân chính, Đấng Tạo Hóa và Đấng Sáng Tạo của mọi sự hiện hữu, hữu hình và vô hình, trên đất và trên trời.

Sau đó, nhổ vào mặt những kẻ vô đạo và gọi họ là những kẻ vô thần, vị thánh ném lá cờ tà giáo xuống đất và bắt đầu giẫm đạp lên nó, tự nhủ: "Ôi, George! Sao ngươi còn chần chừ? Chúa Kitô đang kêu gọi ngươi!"

Những kẻ Saracen vô đạo, tràn đầy cơn giận dữ, đã bắt vị thánh và sau khi đánh đập dã man cùng chửi rủa tàn nhẫn, họ đưa ngài đến trước mặt vị vua của họ, tố cáo ngài và nói:

– Kẻ này đang phỉ báng và sỉ nhục đức tin của chúng ta.

Còn Igemon, bị ấn tượng bởi vẻ đẹp trên khuôn mặt vị thánh và ánh mắt dũng cảm của ngài, bắt đầu nịnh hót ngài:

– Nếu ngươi từ bỏ Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà các ngươi gọi là Con Thiên Chúa, và nếu ngươi tuân theo mệnh lệnh của vị độc tài Selim[3899] và thực hiện ý muốn của ông ta (nhiều vương quốc đều phục tùng Selim này), thì ngươi sẽ nhận được nhiều ân huệ và mọi vinh dự từ vua của chúng ta, và sẽ được bổ nhiệm làm chỉ huy trưởng của tất cả các tướng lĩnh trong thành phố vĩ đại Sredets.

Nhưng vị tử đạo của Chúa Kitô lại một lần nữa tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô trước mặt đám đông đông đảo, đồng thời vạch trần và lên án đức tin của người Saracen. Lúc đó, kẻ tra tấn, trong cơn thịnh nộ, đã ra lệnh đánh vị thánh bằng gậy không thương xót. Và Thánh George đã bị tra tấn dã man đến nỗi da thịt ngài dính chặt vào những cây gậy, còn máu ngài chảy thành từng giọt từ những vết thương. Nhưng bất chấp điều đó, vị thánh vẫn không tỏ ý định tuân theo mệnh lệnh vô đạo của nhà vua.

Lúc đó, quan cai trị ra lệnh dùng dao rạch khắp thân thể ngài, từ đầu đến chân, và dùng nến đang cháy hơ lên các vết thương; toàn thân vị thánh bị hơ bằng nến đến nỗi không còn nhìn thấy khuôn mặt ngài nữa, và thịt ngài bắt đầu tan chảy như sáp tan chảy dưới lửa. Nhưng vị tử đạo của Chúa Kitô đã dũng cảm chịu đựng những đau khổ, vừa kêu cầu vừa xưng danh Chúa Giêsu Kitô.

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh cho binh lính dẫn vị tử đạo đi quanh thành phố, đánh trống và la lớn: "Đừng lăng mạ sứ giả của Đức Chúa Trời là Muhammad và đừng phỉ báng những giáo lý về đức tin của người Saracen."

Còn vị thánh thì cầu nguyện cùng Chúa Kitô và khuyên nhủ những người Saracen hãy tin vào Chúa Kitô.

Sau đó, bọn vô đạo đã dựng một đống lửa lớn ngay giữa thành phố, với ý định thiêu sống vị thánh. Vị tử đạo của Chúa Giêsu Kitô là Thánh Giô-rê đã bị dẫn đến nơi đã được chuẩn bị sẵn để thiêu sống.

Nhưng vì kiệt sức vì những vết thương, ngài ngã xuống đất mà không thốt nên lời, chỉ có đôi môi ngài vẫn cử động, kêu cầu Chúa cứu giúp. Còn những người Saracen, bắt vị thánh khi ngài vẫn còn sống, đã ném ngài vào đống lửa. Như vậy, vị tử đạo của Chúa Giê-su là Thánh George đã kết thúc cuộc hành trình chịu khổ của mình. Những kẻ Saracen vô đạo còn ném nhiều con chó vào đống lửa để người Kitô hữu không thể nhận ra thi hài của vị tử đạo. Nhưng Thiên Chúa đã tôn vinh vị thánh của Ngài: đột nhiên, một đám mây kèm theo sấm sét và chớp nhoáng xuất hiện tại nơi đó, và một cơn mưa lớn trút xuống, dập tắt ngọn lửa, đến nỗi từ đống lửa thậm chí không còn một làn khói nào. Còn những kẻ Saracen, hoảng sợ trước phép lạ vĩ đại như vậy, đã bỏ chạy khỏi nơi đó. Trong khi đó, cơn mưa vẫn tiếp tục rơi cho đến tận đêm khuya.

Khi đêm xuống, một ánh sáng vô cùng rực rỡ bỗng xuất hiện trên chính nơi thi thể cao quý của vị tử đạo đã bị thiêu đốt, và ánh sáng ấy đã chiếu rọi khắp cả khu vực đó. Lúc đó, vị tổng linh mục của nhà thờ chính tòa thánh hiến cho Thánh Đại Tử đạo Giô-rê-gi-ô xứ Ca-pa-đô-ki-a đã cùng với các tín hữu Kitô giáo khác đến gặp các

---

[3898] Mahomet hay Mohammed – người sáng lập tôn giáo Hồi giáo (sống vào cuối thế kỷ VI và đầu thế kỷ VII).

[3899] Selim I, Sultan Thổ Nhĩ Kỳ, trị vì từ năm 1512 đến năm 1529; nổi tiếng với sự cuồng tín phi thường (sự không khoan dung về tôn giáo).

quan tòa, đưa tiền cho họ và xin phép được lấy thi hài thánh thiện của vị thánh tử đạo để an táng theo nghi thức thông thường. Khi các quan tòa đồng ý với lời thỉnh cầu này, vị linh mục trưởng ấy đã đến gặp Đức Tổng Giám mục Giê-rê-mi và báo cáo với ngài mọi chuyện về vị thánh tử đạo. Đức Tổng Giám mục liền vội vã đến nơi lưu giữ thi hài của vị thánh tử đạo với lòng tin vững chắc, cùng với toàn thể Hội đồng Linh mục và đông đảo những người yêu mến Chúa Kitô, trong tiếng hát các thánh vịnh và thánh ca, cùng với nến và lư hương. Sau khi dọn tro ở nơi tỏa ra ánh sáng, các tín hữu đã tìm thấy di cốt thiêng liêng của vị thánh tử đạo George Mới, vẫn nguyên vẹn không bị lửa thiêu rụi. Còn xương của những con chó thì đã hóa thành tro bụi.

Tại chính những nơi mà vị thánh tử đạo của Chúa Kitô đã bị dẫn đi khắp thành phố vào ban đêm và nơi máu của ngài đã rơi xuống, vào ban đêm có ánh sáng tỏa ra, như thể từ một ngọn nến đang cháy; tất cả các tín hữu Kitô giáo đều chứng kiến điều này.

Sau khi nhận được di cốt thiêng liêng của vị thánh tử đạo, Đức Tổng Giám mục đã đặt chúng vào quan tài trong nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê-gi-ô xứ Ca-pa-đô-ki-a. Di cốt thiêng liêng của vị thánh tử đạo vẫn an nghỉ tại đây cho đến ngày nay và nhờ ân sủng của Thiên Chúa, chúng ban ơn chữa lành cho tất cả những ai với lòng tin thành kính đến cầu xin.

Thánh Tử đạo Giê-hô-va, Thánh Giô-rê, đã chịu tử đạo tại thành phố Sredets của Bulgaria, nơi ngài được nuôi dưỡng; Ngài đã thực hiện hành trình tử đạo vào năm 7022 kể từ khi thế giới được tạo dựng, tức là năm 1514 kể từ khi Đức Chúa Lời ( ) nhập thể, vào ngày 26 tháng Năm[3900] , trong thời kỳ trị vì của Đức Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang được dâng lên cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Bởi ý muốn thiêng liêng, từ thuở thiếu thời, ngài đã dâng trọn bản thân mình cho Chúa, trở thành gương mẫu về đức hạnh trong cầu nguyện và ăn chay; ngài đã khinh thường của cải, vinh quang và nhan sắc trần thế như những điều hư vô, và từ tận đáy lòng, ngài đã yêu mến Đức Kitô Duy Nhất, và Ngài, Đấng là Thiên Chúa chân thật, được thờ phượng trong Ba Ngôi, Ngài đã rao giảng trước những kẻ Thổ Nhĩ Kỳ vô đạo: Ngài đã giẫm nát đức tin Sa-tan và luật pháp của Ma-homet dưới chân, làm kinh hoàng kẻ hành hình, và được trang hoàng bằng vương miện vinh quang từ những cực hình, Ngài đã bay lên trời trong sự hân hoan, hỡi Thánh Giô-rê-gi-ê khôn ngoan. Xin cầu xin Đức Kitô, Thiên Chúa, bảo vệ quê hương của ngài, và cứu rỗi hoàng đế Chính Thống, cùng dân chúng và thành phố, những người luôn tôn kính những chiến công của ngài.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã hiện ra như một ngôi sao rực rỡ, không bị cám dỗ bởi thế gian, loan báo về Mặt Trời Công Chính là Đức Kitô; hỡi Thánh George, vị Tử Đạo vĩ đại của Đức Kitô, qua những đau khổ của Ngài, Ngài đã dập tắt sự quyến rũ của Saracens, và đã chà đạp dưới chân Ngài những truyền thống và luật lệ của Moameth: và Ngài đã làm kinh hoàng vị vua vô luật pháp cùng những kẻ hành hạ bằng sự kiên nhẫn vững vàng của Ngài; và Ngài ban ánh sáng cho những người trung thành, không ngừng cầu nguyện cùng Thiên Chúa cho tất cả chúng con.

Lễ kính Thánh Cha Gioan Psychaitis

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 5

Thánh Cha Gioan của chúng ta, từ thuở thiếu thời đã yêu mến Chúa Kitô, và tính cách của ngài đã trở nên giống như các thánh tiên tri Ê-li và Gioan. Bỏ lại thế gian, ngài đã đến Tu viện Psychait[3901] và nhận chức tu sĩ tại đó, sau đó được Thiên Chúa ban ân sủng để trừ tà và chữa lành bệnh tật. Ngài đã hoạt động trong thời kỳ phong trào chống thánh tượng, củng cố đức tin cho các tín hữu Chính Thống Giáo bằng những lời dạy dỗ của mình. Người ta

[3900] Theo một số ý kiến, Thánh George đã chịu tử đạo vào ngày 11 tháng 2. Trong trường hợp này, ngày 26 tháng 5 được coi là ngày di dời di cốt của ngài.

[3901] Tu viện Psikhaia, theo ghi chép của các nhà Bolandist, tọa lạc tại Constantinopolis.

đã tố cáo ngài với hoàng đế, kẻ bách hại các thánh tượng[3902] , và hoàng đế, sau khi triệu tập ngài đến, đã ép buộc ngài từ bỏ việc thờ phượng các thánh tượng đáng kính, gia nhập tà thuyết của mình và ký tên vào cuộn giấy vô đạo, nhưng vị thánh nhân đã không đồng ý làm điều đó và thậm chí còn vạch trần hoàng đế, gọi ông ta là kẻ dị giáo. Vì điều này, ngài bị đày đi lưu đày, nơi ngài phải chịu đựng vô số tai ương từ những kẻ chống thánh tượng vô pháp và bất công, và tại đó ngài đã kết thúc cuộc đời mình.

Ngày kỷ niệm Thánh Karpos, một trong Bảy Mươi Tông Đồ

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 5

Thánh Tông đồ Carp trong số Bảy Mươi là môn đệ và người phục vụ của Thánh Tông đồ Phaolô; ngài đã truyền bá các thư tín của ngài đến những nơi mà chúng được gửi đến. Trong một thời gian dài, Thánh Carp đã đồng hành cùng Thánh Phaolô, rao giảng Lời Chúa khắp mọi nơi[3903] , và đã phải chịu đựng không ít gian nan và thử thách vì điều đó. Sau đó, Thánh Carp được Thánh Phaolô bổ nhiệm làm Giám mục thành Bêria ở xứ Phracia[3904] .

Thánh Tông đồ Carpus đã nỗ lực rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô tại đảo Crete[3905] ; tại đây, ngài đã tiếp đón Thánh Dionysius Areopagite vào nhà mình[3906] và được chiêm ngưỡng Chúa hiện ra trong một thị kiến, vào lúc Thánh Carp đang cầu xin Ngài trừng phạt hai kẻ tội lỗi; ngài cũng nghe thấy tiếng Chúa phán: "Hãy hành hạ Ta thêm nữa, vì Ta sẵn sàng chịu đau khổ và bị đóng đinh một lần nữa vì sự cứu rỗi loài người"[3907] .

Thánh Dionysius Areopagite làm chứng về vị thánh Carp này và rằng ngài chưa bao giờ bắt đầu cử hành các Bí tích thánh khiết và ban sự sống trước khi được ban cho một thị kiến thần thánh từ trời hiện ra với ngài.[3908]

[3902] Hoàng đế Hy Lạp Constantine Copronymus (743–775) là kẻ đàn áp các bức tượng thánh một cách đặc biệt tàn bạo; ông có ý định tiêu diệt việc thờ phượng các bức tượng thánh như một tà giáo một cách long trọng và tuân thủ pháp luật, vì vậy vào năm 754, ông đã triệu tập một công đồng và gọi đó là Công đồng Toàn cầu. Hoàng đế Lêô người Armenia (813–820) cũng đàn áp việc tôn kính các bức tượng thánh một cách tàn bạo không kém – ông đã ban hành một sắc lệnh cấm các tu sĩ giảng dạy về việc tôn kính các bức tượng thánh, và tất cả các tu sĩ đều phải ký tên vào sắc lệnh này. Có lẽ "dưới thời vị hoàng đế, kẻ bách hại các bức tượng thánh" ở đây, tất nhiên, ám chỉ vị hoàng đế cuối cùng.

[3903] Nhân tiện, tại Troad, Thánh Phaolô đã để lại cho ông chiếc áo choàng và các sách khác nhau, trong đó vị Tông đồ đặc biệt đề cập đến những cuốn sách viết trên da cừu (2 Tm 4:13).

[3904] Phraekia là tên gọi của phần bán đảo Balkan nằm về phía bắc của Macedonia, Biển Aegean và Biển Marmara. Hiện nay, trên lãnh thổ của Thrace cổ đại bao gồm các vùng đất sau: phần phía đông của Hungary, Transylvania, Bessarabia, Moldova, Wallachia, Bulgaria, Serbia và phần phía đông của Rumelia. Thành phố Beria hiện nay được gọi là Verria hoặc Kara-Verria; nơi đây có khoảng 12.000 cư dân. – Sứ đồ Phao-lô đã đến Beria trong chuyến truyền giáo thứ hai của mình.

[3905] Đảo Crete (hay còn gọi là Candia – theo tên thành phố chính cùng tên) nằm ở phần giữa của Biển Địa Trung Hải, phía nam Biển Aegean. Nền tảng của Kitô giáo tại đây được đặt ra bởi sự kiện Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các tông đồ, vì trong sự kiện đó cũng có người Crete (Công vụ 2:11). Sau đó, Kitô giáo được củng cố tại đây bởi Thánh Phaolô, người đã bổ nhiệm Tít làm giám mục tại đây để ông *"hoàn tất những việc còn dang dở và bổ nhiệm các linh mục tại các thành phố"* (Tít 1:5). – Vào thế kỷ XVII, đảo Crete rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ.

[3906] Dionysius Areopagite – thành viên của Areopagus – tòa án tối cao của Athens. Ông được Thánh Phaolô dẫn dắt vào đạo Kitô trong chuyến truyền giáo thứ hai của ngài (khoảng năm 54). Ông được Giáo hội công nhận là thánh. – Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 3 tháng 10.

[3907] Để hiểu được những lời này, cần phải nhớ lại sự việc sau đây trong cuộc đời của Thánh Tông đồ Karpos. Một người không tin đã dụ dỗ một tín hữu Kitô giáo sa vào con đường tội lỗi. Karpos vô cùng đau buồn vì điều này. Dù trước đây chưa bao giờ tỏ ra thiếu kiên nhẫn, nhưng lần này Karpos lại vô cùng đau khổ trong lòng. Ngài thầm nghĩ rằng những kẻ vô đạo, những kẻ làm hư hỏng và hủy diệt con người, không nên được sống trên đất; và ngài bắt đầu cầu xin Thiên Chúa cho lửa từ trời giáng xuống thiêu rụi hai kẻ vô đạo ấy – cả kẻ dụ dỗ lẫn kẻ bị dụ dỗ. Khi ông đang cầu nguyện như vậy, bỗng nhiên căn phòng nơi ông đang đứng rung chuyển và tách làm hai. Ngước mắt lên, ông thấy trời mở ra và Chúa Giê-su Ki-tô đang ngự trong hình dạng con người. Khi ngước mắt xuống, ông thấy một vực thẳm sâu thẳm, và đứng ở mép vực là hai kẻ tội lỗi mà Carp đã cầu xin cho họ phải diệt vong. Carp, thấy những kẻ đã làm mình buồn phiền sắp rơi xuống vực thẳm và bị con rắn đang bò dưới đáy nuốt chửng, liền tràn ngập niềm vui; nhưng vì họ vẫn chưa rơi xuống vực thẳm, nên Carp lại bắt đầu bực bội và đau buồn, rồi lại cầu xin Đức Chúa Trời cho họ phải chết. Khi ông ngước mắt lên trời, ông thấy Chúa đã đến gần những kẻ tội lỗi ấy và giơ tay ra giúp đỡ họ. Rồi Chúa phán với Carp: "Hãy tiếp tục hành hạ Ta, vì Ta sẵn sàng chịu đau khổ và bị đóng đinh một lần nữa vì sự cứu rỗi loài người." Câu chuyện này được Thánh Dionysius Areopagite thuật lại trong bức thư gửi cho tu sĩ Demophilus. Bức thư này có thể được đọc vào ngày 3 tháng Mười (ngày kỷ niệm Thánh Dionysius Areopagite).

Trong thời gian làm Giám mục tại Bê-ri-a, Thánh Carpus đã dẫn dắt nhiều người Hy Lạp ngoại đạo đến với Chúa Kitô; khi vạch trần những người Do Thái, ngài nói với họ rằng Chúa Kitô, Đấng đã bị họ đóng đinh, chính là Thiên Chúa chân thật và Đấng Tạo Hóa của vạn vật. Sau đó, ngài đã bị người Do Thái sát hại một cách tàn bạo và như vậy, ngài đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa[3909] . Xác thánh của ngài đã được những người trung thành và kính sợ Thiên Chúa an táng tại chính thành phố nơi ngài từng làm mục vụ, và nhờ những di cốt này, nhiều phép lạ chữa lành đã được ban cho những người đau khổ, để tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Bài ca Troparion, giọng 3:

Thánh Tông đồ Karpe, xin cầu thay cho chúng con trước Thiên Chúa nhân từ, để Ngài ban ơn tha thứ tội lỗi cho linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Giống như một ngôi sao sáng chói, Giáo hội luôn coi ngài là Tông đồ Karpe, được soi sáng bởi vô số phép lạ của ngài: xin cứu rỗi những ai tôn kính ngài bằng đức tin.

Lễ kính Thánh Tông đồ Alfeus

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 5

Thánh Tông đồ Alfeus là cha của các Tông đồ Giacôbê Alfeus và Lêvi. Chính Lêvi này là người thu thuế[3910] và chính ông đã được Chúa kêu gọi, phán rằng: *"Hãy theo Ta!"* (Mc 2,14).

Bỏ lại tất cả, Lê-vi đã theo Chúa Kitô và luôn là người bạn đồng hành trung thành của Ngài.

Tông đồ Lê-vi còn được gọi là Ma-thi-ơ, và chính ông là người đã viết cuốn Phúc Âm đầu tiên.

Thánh Tông đồ Alfeus xuất thân từ thành phố Capernaum, nhưng không rõ ông đã rao giảng Tin Mừng ở đâu.

Ngày 9 tháng 6

27 tháng 5 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Theodora và Didymus

Ngày tưởng niệm 27 tháng 5

Trong thời trị vì của các hoàng đế Diocletian[3911] và Maximian[3912] , khi thành phố Alexandria[3913] do Công tước Eustratius cai quản, một sắc lệnh hoàng gia đã được ban hành, buộc các Kitô hữu phải dâng lễ vật cho các vị thần hoặc chấp nhận chịu khổ hình.

[3908] Thánh Dionysius Areopagite đã dành những lời khen ngợi cao quý cho Thánh Tông đồ Karpos. Chẳng hạn, trong bức thư gửi tu sĩ Demophilus, ngài nói về Karpos như sau: "Người đàn ông này vĩ đại nhờ các đức tính của mình và nổi bật bởi sự trong sáng cao cả của tâm hồn, đến nỗi ngài sở hữu khả năng lớn lao để chiêm ngưỡng Thiên Chúa".

[3909] Thánh Tông đồ Karpas qua đời vào cuối thế kỷ I.

[3910] Người thu thuế.

[3911] Diocletian cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[3912] Maximian cai trị nửa phía tây của Đế chế La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[3913] Alexandria – thành phố nổi tiếng, được Alexander Đại đế thành lập vào khoảng năm 333 tại Ai Cập, bên bờ Biển Địa Trung Hải; nổi tiếng từ trước Công nguyên như một trung tâm khoa học và thương mại; từ đầu thế kỷ thứ 4, nơi đây trở thành một trong những trung tâm quan trọng nhất của đời sống Kitô giáo và là nơi cư ngụ của tổng giám mục.

Hoàng tử Eustratius, khi ngồi trên ghế xét xử tại Alexandria, đã ra lệnh đưa Theodora, một thiếu nữ Kitô hữu vừa bị bắt và giam giữ trong ngục tối, đến trước tòa. Khi cô được dẫn đến, quan tòa hỏi cô:

– Nàng theo đạo nào, thiếu nữ?

Thánh nữ đáp:

– Tôi là người Kitô hữu.

Thẩm phán nói:

– Cô là người tự do hay nô lệ?

– Tôi đã nói với ngài rồi, – Theodora đáp, – rằng tôi là một tín đồ Kitô giáo; chính Chúa Kitô, khi ngự xuống trần gian, đã giải thoát tôi khỏi tội lỗi; còn tôi thì được sinh ra bởi những bậc cha mẹ vinh quang trong thế giới phù du này.

Hoàng tử nhìn vị quan thành trưởng tên là Lukiy và hỏi ông ta:

– Ngươi có biết cô gái này không?

Luki trả lời:

– Vâng, tôi biết cô ấy xuất thân từ một gia đình quý tộc và chính trực.

Rồi hoàng tử nói, quay sang Theodora:

– Nếu cô, cô gái, xuất thân từ một gia đình quý tộc và chính trực, thì tại sao đến giờ cô vẫn chưa kết hôn?

Cô gái đáp:

– Tôi đã từ bỏ hôn nhân vì Chúa Kitô, bởi vì Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, khi ngài đến thế gian và được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, đã giải thoát chúng ta khỏi sự hư nát và hứa ban cho chúng ta sự sống đời đời. Và vì vậy, tôi, với lòng tin vào Ngài, đã quyết định vì tình yêu dành cho Ngài mà giữ gìn sự trinh khiết của mình cho đến khi chết.

Thẩm phán nói:

– Các vị vua đã ra lệnh cho chúng tôi buộc tất cả các thiếu nữ muốn giữ sự trong trắng phải thờ lạy các vị thần của chúng tôi; nếu các cô không chịu thờ lạy các vị thần, thì sẽ bị đưa vào nhà chứa.

Cô gái đáp lại:

– Chắc hẳn ngài cũng hiểu rằng Đức Chúa Trời trước hết nhìn vào ý định trong lòng. Là Đấng Thấu Hiểu Lòng Người, Ngài biết mọi suy nghĩ của chúng ta và coi những ý định sâu thẳm nhất của chúng ta như hành động thực tế. Thượng Đế của tôi biết ý định của tôi – đó là giữ gìn sự trinh trắng của mình; vì vậy, dù ngươi có ra lệnh, như ngươi khoe khoang, giao tôi cho những kẻ dâm đãng, thì điều đó sẽ không phải là tội ngoại tình đối với thân thể tôi, mà sẽ là sự cưỡng bức và đau khổ đối với tôi; và nếu ngài chặt đầu, tay hay chân tôi, hoặc cưỡng bức tước đoạt sự trinh trắng của tôi, thì qua việc đó, ngài sẽ không biến tôi thành kẻ dâm đãng, mà là một vị tử đạo. Nhưng hãy biết rằng Chúa và Đức Chúa Trời của tôi có quyền năng giữ gìn sự trinh trắng của tôi trong sự tinh khiết, nếu Ngài muốn.

Thẩm phán nói:

– Đừng có ý định làm ô uế phẩm giá cao quý của mình, đừng để bản thân trở thành đối tượng bị sỉ nhục và chế giễu, vì con là con gái của những bậc cha mẹ chính trực và danh giá, như những lời làm chứng về con ở đây.

Cô gái đáp:

– Con ngợi khen Đức Kitô và Thiên Chúa của con, Đấng đã ban cho con sự cao quý và sự trong sạch, và con hy vọng rằng Ngài sẽ gìn giữ con chim bồ câu của Ngài được nguyên vẹn.

Thẩm phán nói:

– Tại sao con lại tự lừa dối mình, tin vào một người bị đóng đinh như thể Ngài là Đức Chúa Trời? Chẳng lẽ Ngài sẽ cứu con khỏi những bàn tay định bắt con đi để làm ô uế sao? Đừng nghĩ rằng khi bước vào nhà chứa, con sẽ ra khỏi đó mà vẫn trong sạch.

Theodora đáp lại:

– Tôi tin rằng Chúa Kitô, là Thiên Chúa của tôi, Đấng đã chịu khổ hình dưới thời Philatô xứ Pontus, sẽ giải thoát tôi khỏi bàn tay ô uế của những kẻ dâm đãng và sẽ gìn giữ sự trong sạch cho tôi tớ của Ngài.

Sau đó, quan tòa cho Theodora ba ngày để suy nghĩ. Nhưng nàng bày tỏ sự sẵn sàng chịu khổ, nói rằng dù sau ba ngày, cũng như sau nhiều ngày hơn nữa, nàng sẽ không có ý định hay mong muốn nào khác ngoài việc chết vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của nàng.

Sau đó, vị thánh nữ được đưa vào ngục tối và ba ngày sau lại bị đưa ra thẩm vấn. Khi quan tổng trấn nhận ra rằng cô vẫn kiên định trong đức tin Kitô giáo thánh thiện, ông ra lệnh đưa cô vào nhà chứa. Khi được dẫn đến đó, vị thánh nữ đã cầu nguyện với Chúa, nói như sau:

– Lạy Chúa Kitô, Đấng đã chế ngự những con thú câm trước mặt vị thánh tử đạo của Ngài là Thánh Thekla (xem tiểu sử của ngài vào ngày 24 tháng 9), xin hãy chế ngự cả những con thú có lời nói hung ác nhất, những kẻ dâm đãng, những kẻ có ý định làm ô uế sự trong sạch của thân xác con. Lạy Chúa, Đấng đã giải cứu Susanna khỏi tay những lão già ngoại tình (Đan. 13), xin hãy cứu con, tôi tớ của Ngài, khỏi những kẻ dâm đãng như vậy; xin đừng để đến thờ chỉ dành riêng cho một mình Ngài bị ô uế. Ngài, Đấng đã xua đuổi khỏi con những kẻ thù vô hình, những kẻ âm mưu bí mật cướp đi kho báu trinh tiết của con, xin hãy xua đuổi cả những kẻ hiếp dâm công khai này, những kẻ có ý định cướp đoạt tài sản của con một cách tàn bạo. Xin hãy đến bảo vệ con, lạy Chúa, Thiên Chúa của con, và bằng quyền năng toàn năng của Ngài, xin hãy làm cho con được ra khỏi đây trong sự thanh khiết, để những bàn tay gian ác ấy không chạm vào con, hầu con có thể tôn vinh danh thánh của Ngài.

Trong khi vị thánh nữ đang cầu nguyện như vậy, những kẻ dâm đãng xấu xa đứng gần ngôi nhà ấy và tranh cãi với nhau xem ai sẽ là người đầu tiên vào gặp thiếu nữ. Lúc đó, một chàng trai trẻ, vóc dáng vạm vỡ, mặc trang phục như một chiến binh, tiến lại gần họ, xua đuổi họ khỏi ngôi nhà ấy, rồi bước vào gặp thiếu nữ, và không ai cản trở anh ta đi đến chỗ nàng. Đó là một tín hữu Kitô giáo tên là Didymus, người mà theo sự an bài của Thiên Chúa, đã cố ý hóa trang thành chiến binh để bước vào ngôi nhà ấy như thể vì tội lỗi, nhưng thực ra là để bảo vệ thiếu nữ. Khi nhìn thấy anh, thánh Theodora đã vô cùng ngạc nhiên. Nhưng thánh Didymus nói với cô:

– Đừng sợ, chị em ơi! Người mà từ bên ngoài trông như con sói đối với chị, thực ra là con chiên và là anh em của chị trong đức tin thánh thiện. Ta đến để cứu em, người tôi tớ và chim bồ câu của Đức Chúa Trời ta. Chúng ta hãy đổi quần áo cho nhau – em hãy mặc quần áo của ta, còn ta sẽ mặc quần áo của em, để em có thể mang trinh tiết của mình ra khỏi đây một cách nguyên vẹn, được che chở bởi quần áo của ta. Còn ta, trong bộ quần áo của em, sẽ bước vào cuộc hành trình tử đạo và chứng tỏ mình là một chiến binh đích thực của Đức Kitô, Thiên Chúa.

Cô gái thánh thiện đã đồng ý với việc làm này, vì hiểu rằng Didymus được Thiên Chúa sai đến với nàng. Sau khi đổi quần áo, họ đã mặc vào – cô gái mặc trang phục nam giới, còn chàng trai mặc trang phục nữ giới. Rồi chàng trai nói với cô gái:

– Khi ra khỏi đây, hãy che mặt lại, như thể cô đang xấu hổ, vì mọi người đều rời khỏi đây với vẻ xấu hổ; như vậy sẽ không ai nhận ra cô.

Cô gái làm theo lời ấy, bước ra ngoài trong bộ quân phục với khuôn mặt che kín; cô nhanh chóng đi về nhà mình, ngợi khen Đức Chúa Trời vì sự quan phòng của Ngài dành cho cô, vì Ngài đã giải cứu cô khỏi những kẻ dâm đãng như giải cứu một con chim khỏi lưới, hay như giải cứu một con cừu khỏi bầy sói.

Khi Theodora bước ra khỏi nhà chứa, một chàng trai trẻ bị ám ảnh bởi dục vọng dâm đãng bước vào; khi thấy một người đàn ông thay vì cô gái, anh ta vô cùng ngạc nhiên và thốt lên:

– Chuyện gì thế này? Làm sao mà cô gái lại biến thành đàn ông được? Tôi từng nghe nói rằng ngày xưa, theo lời các Kitô hữu, Chúa Kitô đã biến nước thành rượu (Ga 2:1–11), nhưng giờ đây tôi thấy Ngài đã biến giới tính nữ thành giới tính nam.

Và khi bước ra khỏi nhà chứa, anh ta nói với bạn bè mình:

– Nhanh lên, chạy khỏi đây đi, chạy đi kẻo Chúa Kitô biến chúng ta thành phụ nữ!

Họ chạy đi và báo cáo mọi chuyện cho quan tòa Eustratius. Eustratius ra lệnh đưa Didymus đến tòa án và hỏi anh ta:

– Ngươi là ai?

Didymus đáp:

– Tôi là tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô; tên tôi là Didymus.

Thẩm phán nói:

– Tại sao chúng tôi thấy ngươi mặc quần áo phụ nữ chứ không phải quần áo nam giới?

Didymus trả lời:

– Tôi đã mượn chúng từ Theodora, còn quần áo của mình thì tôi đã đưa cho cô ấy, để cô ấy không bị bọn dâm tặc nhận ra và thoát khỏi tay chúng.

Thẩm phán hỏi:

– Ai đã ra lệnh cho ngươi làm như vậy?

Didymus trả lời:

– Chúa của tôi, Chúa Giê-su Ki-tô, đã dạy tôi phải làm như vậy; Ngài đã sai tôi đi cứu con chiên của Ngài khỏi nanh vuốt của thú dữ, để nó được an toàn và nguyên vẹn.

Thẩm phán nói:

– Vậy Theodora đâu rồi? Hãy nói cho chúng tôi biết cô ấy ở đâu, nếu cậu không muốn chúng tôi tra tấn cậu.

Didymus đáp:

– Thật sự tôi không biết cô ấy hiện đang ở đâu; tôi chỉ biết rằng cô ấy là một tôi tớ trung thành và chân thành của Đấng Christ, rằng cô ấy tuyên xưng danh thánh của Đấng Christ, Thiên Chúa của chúng ta; chính vì thế mà Đấng Christ đã yêu thương cô ấy và giữ gìn cô ấy trong sự trong sạch, như cô dâu của Ngài.

Còn vị hoàng tử, tràn đầy cơn giận dữ, đã ra lệnh chém đầu Didymus bằng gươm, còn thi thể của ông thì ra lệnh ném vào lửa.

Thánh Didymus, khi biết về án tử hình của mình, đã tràn ngập niềm vui và kêu cầu Thiên Chúa, nói như sau:

– Ngợi khen Chúa, Thiên Chúa, Cha của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã không khinh dể lời cầu nguyện của con và đã thực hiện ước nguyện của con, vì Ngài đã gìn giữ nữ tỳ của Ngài, Thánh Theodora, trong sự trong sạch và toàn vẹn, và ban cho con vương miện tử đạo!

Và vị thánh được dẫn ra ngoài thành để chịu chém đầu. Khi thánh Theodora biết tin này, bà đã đi theo vị thánh tử đạo Didymus và, khi đến nơi hành hình, bà bắt đầu tranh luận với ngài về vương miện tử đạo, nói rằng:

– Dù ngươi đã cứu ta khỏi sự ô uế, nhưng ta không cầu xin ngươi cứu ta khỏi cái chết. Ta là người đầu tiên bị bắt, người đầu tiên bị tra tấn và xét xử; hãy nhường cho ta cái chết của một vị tử đạo; hãy để ta bị chém đầu, còn ngươi thì hãy đi đâu tùy ý; chỉ riêng việc ngươi đã giữ gìn sự trinh trắng của ta trong sự tinh khiết, ngươi sẽ nhận được phần thưởng vĩ đại từ Chúa; tôi không muốn anh chết thay cho tôi và chiếm lấy vương miện của tôi trước; tôi không muốn trở thành nguyên nhân dẫn đến cái chết của anh; chính tôi sẽ chết, chính tôi sẽ trả món nợ của mình, vì tôi có cái đầu; hãy để nó bị chém đứt vì danh Chúa Kitô; tôi có máu; xin để nó được đổ ra vì Chúa của chúng ta; tôi không muốn và cũng không bao giờ muốn bị ô uế, nhưng tôi đã mong và giờ đây vẫn mong được chịu cực hình; xin đừng tước đi vương miện mà tôi đã bắt đầu đan trước khi gặp anh. Nhưng nếu anh ghen tị với sự tử đạo của tôi, thì hãy để tôi bước lên lưỡi gươm trước, còn anh có thể trở thành vị tử đạo của Chúa Kitô sau tôi; tôi muốn anh ở lại sau tôi, chứ không phải tôi ở lại sau anh, bởi vì sự trong sạch của anh không thể bị tước đoạt, còn tôi thì có thể bị tước đoạt sự vô tội. Nếu anh đã cứu tôi ra khỏi nhà chứa trong sự trong sạch, thì hãy để tôi được hiện diện trước mặt Chúa Kitô trong sự trong sạch.

Thánh Didymus bèn nói với nàng:

– Chị em yêu dấu! Chúa chúng ta, Đấng đã một lần bảo vệ chị khỏi sự ô uế, có thể luôn gìn giữ sự trong sạch của chị; còn tôi, kẻ đã bị kết án tử hình, xin đừng cản trở tôi chết; tôi sẽ chết vì Chúa Kitô và dùng máu mình để rửa sạch tội lỗi của mình.

Trong khi họ đang tranh luận với nhau trong tình yêu thương, lệnh đã được ban ra để chém đầu cả hai bằng gươm; thánh nữ tử đạo Theodora là người đầu tiên cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm, và sau đó, thánh nam tử đạo Didymus cũng cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm[3914] . Thi thể của họ sau đó bị ném vào lửa. Như vậy, họ đã nhận được vương miện chiến thắng từ Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng mà vinh quang, danh dự và sự thờ phượng được dâng lên cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần mãi mãi. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Phêrapont

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 5

Thánh Ferapont này là vị thánh chủ chăn của Giáo hội Sardis[3915] ; tại đây, ngài đã dẫn dắt nhiều người Hy Lạp thờ thần tượng đến với Chúa Kitô nhờ lời giảng dạy của mình và ban cho họ phép rửa thánh. Thánh Ferapont

[3914] Các thánh tử đạo Theodora và Didymus qua đời vào năm 303 hoặc 304.

[3915] Thành phố Sardis hay Sard nằm ở vùng Lydia thuộc Tiểu Á; trong thời cổ đại, nơi đây từng là thủ đô của vương quốc Lydia và nổi tiếng với sự giàu có. Ngay từ thời các Tông đồ, đã có rất nhiều Kitô hữu sinh sống tại đây. Giáo hội Sardis được đề cập trong Sách Khải Huyền (Khải Huyền 1:11, 3:1–4).

đã bị quan tổng trấn Julian bắt giữ và bị xiềng xích giam trong ngục tối; ngài phải chịu đói khát trong một thời gian dài; khi được dẫn ra khỏi ngục, ngài phải chịu đủ loại hình tra tấn; sau đó, ngài bị trói và dẫn đến Sinaon, một thành phố thuộc Phrygia[3916] , rồi đến Ankir, một thành phố thuộc Galatia, và ở khắp nơi, ngài đều phải chịu đủ loại hình tra tấn khác nhau. Khi vị thánh được dẫn đến con sông tên là Astala, ngài bị lột trần và trói chặt vào bốn cọc gỗ cắm sâu xuống đất; sau đó, những kẻ tra tấn đánh đập ngài dữ dội đến mức da thịt bong tróc khỏi thân thể, và đất đai thấm đẫm máu ngài. Những cọc gỗ ấy bỗng nảy mầm, mọc cành và lá; sau đó vươn lên thành những cây lớn và bằng lá của mình đã chữa lành đủ loại bệnh tật cho con người. Cuối cùng, thánh Ferapont được đưa đến một vùng đất thuộc Lydia, gần sông Hermus (chảy qua Lydia) trong giáo phận Satalia (thuộc tổng giáo phận Sardis), và tại đây, sau nhiều cực hình, ngài đã bị giết vì tuyên xưng danh Chúa Kitô và nhờ đó đã nhận được từ Chúa vương miện bất diệt[3917] .

Lễ rước di hài thánh của các thánh Cyprian, Photius và Jonah, các vị làm phép lạ tại Kiev và toàn nước Nga

Ngày kỷ niệm: 27 tháng 5

Vào tháng 4 năm 1472, dưới triều đại của Đại công tước toàn Nga Ioann Vasilievich, người yêu mến Chúa[3918] dưới sự chủ trì của Đức Tổng Giám mục Philip[3919] tại thành phố Moscow vinh quang, người ta đã khởi công xây dựng Nhà thờ Thánh và Vĩ đại dành cho Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Và khi bắt đầu tháo dỡ ngôi thánh đường đầu tiên, vốn được Thánh Phêrô, vị Thánh làm phép lạ, xây dựng[3920] , và tháo dỡ đến tận sàn nhà, thì lúc đó người ta đã phát hiện ra các quan tài của các vị thánh tổ Nga xưa kia, các Đức Tổng Giám mục Kipriân, Phốt-ti và Iô-na. Vào ngày 28 tháng 5, vào đầu giờ thứ hai buổi chiều, các quan tài của các ngài đã được chôn cất, và lúc đó Đức Tổng Giám mục toàn Nga Philip đã đến cùng các Tổng Giám mục, cùng với toàn thể hàng giáo sĩ Moscow; cũng có mặt Đại Công tước John Vasilyevich cùng con trai mình, mẹ của Đại Công tước, các anh em của ngài là các Công tước George, Andrew, Boris và Andrei, tất cả các quan chức trong triều đình Đại công tước, các công tước và các quý tộc, cùng đông đảo tín hữu Chính thống giáo, cư dân của thành phố Moscow vinh quang, cả nam lẫn nữ. Sau khi hát các thánh vịnh phù hợp với dịp này, trước tiên họ rước quan tài của Tổng Giám mục toàn nước Nga Cyprian và đặt nó vào vị trí đã chuẩn bị sẵn trong nhà thờ mới được xây dựng, trong một hòm thánh đặc biệt ở phía bên phải; sau đó, họ rước quan tài của Tổng Giám mục Photius và đặt vào cùng vị trí đó. Các y phục thánh và áo choàng thánh mà các vị thánh từng mặc vẫn còn nguyên vẹn, bất chấp đã trôi qua nhiều năm kể từ ngày các ngài qua đời; bởi vì kể từ khi Tổng Giám mục Cyprian qua đời đã trôi qua 65 năm, thiếu 18 ngày, còn kể từ khi Tổng Giám mục Photius qua đời đã trôi qua 41 năm, thiếu 34 ngày. Sau khi di dời di cốt của các thánh Cyprian và Photius, mọi người tiến đến quan tài của Đức Tổng Giám mục Iona, và ngay khi nắp quan tài được mở ra, một mùi hương thơm ngát lan tỏa mạnh mẽ đến nỗi tất cả những ai đứng xung quanh nơi đó đều cảm nhận được. Lúc đó, mọi người đều thấy rằng di thể của vị thánh vẫn còn nguyên vẹn, chỉ có thi thể đã khô lại dính chặt vào xương, còn y phục mà ngài mặc cũng vẫn nguyên vẹn và không bị phân hủy, mặc dù lúc đó đã tròn 11 năm và 2 tháng kể từ khi ngài qua đời. Sau khi mang quan tài của vị thánh ra, họ đặt nó trên mặt đất, phía bên trái của nhà thờ.

Hoàng tử đạo đức Ioann và Đức Tổng Giám mục, cùng với đông đảo tín hữu Chính Thống Giáo, sau đó đã tạ ơn Thiên Chúa về điều này và ra lệnh tổ chức lễ kỷ niệm việc tìm thấy thi hài thánh của các vị thánh vào ngày 27 tháng Năm.

[3916] Vùng Tiểu Á.

[3917] Thời điểm qua đời của Thánh Ferapont không được biết rõ.

[3918] Ở đây tất nhiên là Đại công tước Ioann Vasilievich III, người trị vì tại Moscow từ năm 1462 đến năm 1505.

[3919] Đó là Tổng giám mục Philip I, người đã nắm giữ chức vụ Tổng giám mục Moscow dưới thời Đại công tước Ioann III từ năm 1465 đến năm 1473.

[3920] Tất nhiên là Thánh Tổng Giám mục Phêrô, người vào năm 1325 đã chuyển từ Vladimir đến Moscow và chính nhờ sự thúc giục của ngài mà ngôi thánh đường bằng đá đầu tiên kính Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời đã được Công tước Moscow Ioann Kalita xây dựng.

Ngày kỷ niệm Thánh Phêrô, vị Thánh làm phép lạ tại Belozero

Ngày kỷ niệm: 27 tháng 5

Vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta là Ferapont xuất thân từ vùng Moscow, cụ thể là thành phố Voloka Lamskoye[3921] . Ngài là con trai của một cặp vợ chồng sùng đạo họ Poskochin và tên thế tục là Feodor. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài tràn đầy lòng kính sợ Thiên Chúa và mong muốn từ bỏ đời sống trần thế. Rời bỏ gia đình và cha mẹ, ngài đến thành phố Moscow lừng lẫy và tại Tu viện Simonova của Đức Mẹ Đồng Trinh[3922] , ngài đã nhận lễ xuất gia, đồng thời được đặt tên là Ferapont. Sau đó, trong sự vâng phục, cầu nguyện và ăn chay, ngài đã tu hành tại tu viện này trong nhiều năm. Một lần nọ, vì một số nhu cầu của tu viện, ngài được vị tổng tu viện trưởng cử đi đến vùng Hồ Trắng[3923] , ngài đã khảo sát những địa điểm ở đó, rất yêu mến chúng và trở về tu viện của mình.

Theo sự an bài của Thượng Đế, lúc bấy giờ tại tu viện này, trong sự im lặng, có vị thánh Kirill, người sau này trở thành vị thánh làm phép lạ của Belozersky, và vào thời điểm đó, ngài đã được ban cho một thị kiến về Đức Mẹ Đồng Trinh, Đấng đã truyền lệnh cho ngài đi đến vùng Hồ Beloye, như được kể chi tiết hơn trong cuốn tiểu sử của ngài[3924] . Các vị thánh Kirill và Ferapont, sau khi bàn bạc với nhau, đã cùng nhau rời khỏi Tu viện Simonov và đến vùng Hồ Trắng. Sau khi đi qua tất cả các nơi hoang vắng ở đó, họ đến địa điểm mà ngày nay là Tu viện Kirillov[3925] . Tại đây, Thánh Kirill đã kể cho Thánh Ferapont nghe về sự hiện ra của Đức Mẹ Đồng Trinh mà ngài đã trải qua, và họ bắt đầu xây dựng một căn phòng tu hành cho mình tại nơi này. Tuy nhiên, Thánh Ferapont không sống cùng Thánh Kirill được bao lâu. Chẳng bao lâu sau, ngài rời khỏi ngài và tìm thấy một nơi giữa hai hồ mà ngài ưng ý. Ngài bắt đầu dọn dẹp khu đất đó và xây dựng cho mình một căn phòng tu hành. Sau đó, các tu sĩ bắt đầu tụ tập về với ngài, họ xây dựng tu viện và dựng lên trong đó một nhà thờ để tôn vinh Lễ Giáng Sinh của Đức Mẹ Đồng Trinh[3926] . Thánh Phêrapont thường đến gặp Thánh Cyril để trao đổi về đời sống thiêng liêng và sắp xếp cuộc sống tu viện, vì ngài sống không xa tu viện của ngài, chỉ cách mười hai poprishch, và đã nhận được nhiều lợi ích lớn lao từ ngài. Các vị thánh đã sống cuộc đời của mình trong Chúa như vậy.

Nhờ lối sống đạo đức như vậy, danh tiếng của các ngài đã lan đến tai các nhà cai trị của vùng đất ấy và thậm chí đến cả Đại công tước Andrei Dimitrievich, người có lãnh địa bao gồm cả vùng Hồ Trắng. Khi nghe tin về các vị thánh tu hành, Đại công tước vô cùng vui mừng vì trong lãnh địa của mình lại có những vị thánh tu hành như vậy, ngài đã ngợi khen Đức Chúa Trời và trích từ kho bạc của mình những món quà quý giá để xây dựng các tu viện. Tình cờ, người đại diện của Đại công tước tại vùng Bêlozêrskia lại là một quan đại thần thân cận của ngài. Ông đã đến thăm tu viện Đức Mẹ Đồng Trinh, gặp gỡ vị tu sĩ cao niên thánh thiện Ferapont, trò chuyện với ngài và rất mến mộ ngài. Sau đó, khi trở về Mozhaisk, ông đã kể lại chuyện về vị tu sĩ thánh thiện cho công tước nghe, và công tước đã vô cùng xúc động trước câu chuyện này, bởi ngài là người rất sùng đạo và yêu mến Thiên Chúa.

Một thời gian sau đó, hoàng tử nảy sinh mong muốn mãnh liệt là xây dựng một tu viện tại thành phố Mozhaisk của mình, nơi ông có dinh thự hoàng gia. Ngài đã hỏi ý kiến các quan đại thần của mình để tìm một người có thể xây dựng tu viện, và các quan đại thần đã nhắc ngài về Thánh Ferapont, nói rằng ngài sẽ không tìm được ai khác có kinh nghiệm hơn để thực hiện công việc thánh thiện này. Lúc đó, hoàng tử đã cử một trong những quan đại thần của mình mang theo thư và quà tặng đến gặp vị thánh già, xin ngài đừng từ chối lời thỉnh cầu của

---

[3921] Volok Lamsky, hay còn được gọi đơn giản là Volok, nay là thị trấn quận Volokolamsk thuộc tỉnh Moscow, được thành lập bởi những người định cư từ Novgorod bên sông Gorodenka, một nhánh của sông Lama, và đã tồn tại từ năm 1135. Trong thời cổ đại, thành phố này rất rộng lớn và đông dân, còn hiện nay chỉ là một thị trấn nhỏ với 1.000 cư dân.

[3922] Tu viện Simonov, được đặt tên theo địa danh gần sông Moskva là Simonovo, được thành lập vào khoảng năm 1370 bởi một đệ tử và cũng là cháu ruột của Thánh Sergius Radonezhsky người Rostov, người đã xây dựng ngôi đền đầu tiên tại đây để tôn vinh Đức Mẹ Đồng Trinh, nhân dịp Lễ Giáng Sinh vinh quang của Người. Ngày kỷ niệm của ngài được tổ chức vào ngày 28 tháng 11

[3923] Hồ Bêloye hay Bêloozero nằm ở tỉnh Novgorod ngày nay.

[3924] Thánh Kirill là đệ tử của Thánh Theodor, người sáng lập Tu viện Simonovo ở Moscow. Sau khi Thánh Theodor được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục Rostov, vào năm 1390, ngài được bầu làm Trưởng tu viện, nhưng chỉ giữ chức vụ này trong thời gian ngắn. Cảm thấy phiền lòng vì thường xuyên có những người giàu có và quý tộc đến thăm, ngài đã tự giam mình trong căn phòng tu hành cũ của mình và cố gắng sống trong im lặng; nhưng ngay cả ở đó, tâm hồn ngài vẫn khao khát sự cô độc và im lặng trọn vẹn tại một nơi hoang vắng. Ngày kỷ niệm ngài được tổ chức vào ngày 9 tháng 6.

[3925] Nơi này nằm gần núi Maury, không xa sông Sheksna. Tu viện được thành lập vào năm 1397 trên bờ bắc của hồ Siversky.

[3926] Tu viện này, hiện mang tên Tu viện Belozersky Ferapontov, được thành lập vào năm 1398 trên bờ cao của hồ Borodavsky, cách thành phố Kirillov hiện nay 14 verst.

mình. Vị thánh, sau khi lắng nghe lời thỉnh cầu của hoàng tử, đã suy ngẫm kỹ lưỡng và báo lại cho các tu sĩ; các tu sĩ đã khuyên ngài nên đáp ứng lời thỉnh cầu của hoàng tử. Vị thánh nhân tuân theo ý muốn của cộng đoàn, rồi cùng một tu sĩ khác đến gặp Công tước Andrei. Công tước tiếp đón vị thánh nhân và người đồng hành của ngài với sự kính trọng cao độ, và bắt đầu xin ngài tìm một địa điểm để xây dựng tu viện. Vị thánh nhân đã từ chối điều này trong một thời gian dài, khẩn khoản xin hoàng tử cho ngài trở về tu viện của mình, nhưng cuối cùng không thể từ chối được nữa. Tuân theo ý muốn của hoàng tử, ngài đi tìm và đã phát hiện ra một địa điểm thuận lợi và xinh đẹp gần sông Moskva, cách thành phố Mozhaisk một khoảng cách bằng một sân thi đấu[3927] . Sau đó, cùng với hoàng tử, ngài đã nhận được sự ban phước từ giám mục, họ đã xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Lễ Giáng Sinh của Đức Mẹ Đồng Trinh, cùng tên với nhà thờ của tu viện đầu tiên của vị tu sĩ đáng kính, và theo truyền thống tu viện, họ đã xây dựng tất cả các công trình xung quanh, trang trí chúng một cách lộng lẫy và tập hợp các tu sĩ[3928] . Hoàng tử rất tôn kính tu viện này, hơn cả những tu viện khác nằm gần đó. Ông đã can thiệp để vị trụ trì được phong chức archimandrite, bổ nhiệm Thánh Phêrapont làm vị trụ trì đầu tiên và chu đáo chăm lo cho ngài trong những năm tháng tuổi già.

Sau đó, vị thánh nhân, sau khi sống phần đời còn lại theo ý Chúa, đã về với Chúa[3929] trong tuổi già sâu thẳm – Đấng mà ngài đã yêu mến từ thuở thiếu thời – và được an táng với đầy đủ vinh dự tại tu viện này. Vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời của chúng ta, bây giờ, luôn luôn và mãi mãi.

Ngày 10 tháng 6

28 tháng 5 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Elikonida

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 5

Thánh nữ tử đạo Elikonida sống dưới triều đại của Gordian[3930] và Philip[3931] ; bà sinh ra và lớn lên tại Thessalonica[3932] . Khi cuộc bách hại Kitô hữu bắt đầu, bà đã đến thành phố Corinth[3933] . Thấy ở đó người ta dâng lễ vật cho các thần tượng, bà đã đứng trên một nơi cao và lớn tiếng kêu lên:

– Hỡi những người đàn ông Cô-rinh-tô vô minh và tàn nhẫn! Ta thấy các ngươi thật sự vô đạo, vì các ngươi đã bỏ Đấng Thiên Chúa vĩnh cửu và bất diệt để quay sang thờ phượng những thần tượng hủy hoại linh hồn. Xin hãy nhìn lên bầu trời cao vợi và nhìn xuống mặt đất bao la; hãy suy ngẫm về Đấng đã trải rộng bầu trời như tấm da trên đầu các ngươi? Ai đã đặt nền đất trên vực thẳm? Ai có thể chế ngự những con sóng biển hung dữ bằng Danh Thánh đáng kính và vinh quang của Ngài? Ai đã tạo dựng con người từ đất và thổi hơi thở sự sống vào mặt người ấy? Chỉ có Đấng đang nắm giữ muôn loài trong bàn tay Ngài, mới là Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, ngự trên trời. *"Vì tất cả các thần của các dân tộc* đều là tượng *thần"* (Thi Thiên 95:5), câm lặng và vô hồn; xin cho tất cả những ai thờ lạy chúng cũng trở nên giống như chúng!

[3927] Nơi này được gọi là Luzhki, và từ đó tu viện được đặt tên là Luzhetsky.

[3928] Đó là vào năm 1408.

[3929] Thánh Ferapont qua đời vào khoảng 90 tuổi, vào ngày 27 tháng 5 năm 1426, sau khi sống tại Tu viện Luzhetsk trong 18 năm. Việc tôn vinh ngài đã bắt đầu từ cuối thế kỷ XV, và ngài được phong thánh tại Công đồng Moscow năm 1547. Xác thánh của ngài được an táng dưới nền nhà thờ chính tòa của Tu viện Luzhetsky, còn tại Tu viện Belozersk có một nhà thờ được đặt tên theo ngài.

[3930] Hoàng đế Gordian trị vì từ năm 238 đến năm 244.

[3931] Hoàng đế Philip trị vì từ năm 244 đến năm 249.

[3932] Thessaloniki hay Solun – là một thành phố rất quan trọng của Macedonia trong thời cổ đại, nằm bên bờ vịnh Ferme thuộc Biển Aegean. Trong lịch sử Giáo hội Nga, thành phố này nổi tiếng là quê hương của các thánh Cyril và Methodius, những vị thầy đầu tiên của người Slav (xem tiểu sử của các ngài vào ngày 11 tháng 5). Thành phố này được gọi là Thessaloniki và có thể được coi là một trong những thành phố thương mại đầu tiên (sau Constantinople) của Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu.

[3933] Corinth – thành phố nổi tiếng từ thời cổ đại, tọa lạc ở góc đông nam Vịnh Corinth, giữa Biển Ionia và Biển Aegean. Hiện nay, trên địa điểm của thành phố Corinth cổ đại là thị trấn Kuronto với 5.000 cư dân.

Trong khi vị thánh nữ nói những lời đó một cách tự do và to tiếng, những kẻ ngoại đạo vô đạo đã bắt giữ bà và lôi bà ra trước tòa án của quan tổng trấn Perinnius.

Vị thống đốc, sau khi nhìn nàng và thấy nàng có khuôn mặt rất xinh đẹp và trong sáng, đã bắt đầu trò chuyện với nàng một cách hiền lành, nói như sau:

– Nguyện mọi điều tốt lành sẽ đến với con, con gái xinh đẹp của ta, vì ta nghĩ rằng con tin rằng các vị thần của chúng ta tồn tại vĩnh cửu; ta rất vui mừng vì con.

Vị thánh nữ đáp lại:

– Làm sao những kẻ vô đạo lại có thể có niềm vui được? Niềm vui của ngài, thưa ngài thống đốc, sẽ biến thành nước mắt, và sự kiêu ngạo của ngài sẽ biến thành sự yếu đuối. Con tin vào Đức Chúa Trời, Đấng cai trị vạn vật, và con vui mừng vì đã được ân sủng, vì Đức Chúa Trời của con, để tham gia vào cuộc chiến này, trong đó con chắc chắn hy vọng sẽ nhận được vương miện chiến thắng.

Thống đốc nói:

– Đừng bắt chước những người phụ nữ điên rồ bằng những lời nói dài dòng, mà hãy nhẹ nhàng và ngắn gọn nói cho chúng tôi biết tên của ngươi là gì?

Thánh nữ đáp:

– Tôi không điên rồ, mà là người khôn ngoan về Đức Kitô Giêsu, Chúa của tôi; nếu ngài muốn biết tên tôi, thì tôi tên là Ê-li-cô-ni-đa.

Thống đốc nói:

– Ngươi được đặt tên là Ê-li-cô-ni-đê không phải vì công đức, bởi vì do sự điên rồ tột độ của ngươi, ngươi đang tự chuẩn bị thân thể mình cho những cực hình và vết thương.

Thánh nữ đáp:

– Không, tôi được gọi là Elikonida một cách công bằng, bởi vì lòng thương xót của Đức Chúa Trời tôi luôn ở cùng tôi, và tôi bắn những mũi tên vào cha ngươi là ma quỷ[3934] . Cũng giống như vậy, ngươi hoàn toàn xứng đáng được gọi là " " Perinnia, bởi vì thân xác bất chính và đáng nguyền rủa của ngươi, cùng với linh hồn ô uế của ngươi, sẽ bị những cây đinh ba lửa kéo vào sự diệt vong.

Igemon nói:

– Hãy nói cho chúng ta biết ngắn gọn: ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần hay không? Ta thề bằng vị thần của ta, Asclepius, vị thần y học[3935] , rằng ta sẽ không tha thứ cho ngươi nếu ngươi không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua và không thờ lạy các vị thần của chúng ta.

– Ngươi nghe rõ rồi đó – vị thánh nữ đáp – ta nói một cách tự do: ta là tôi tớ của Đấng Christ; còn Asclepius của ngươi là ai – ta không biết. Hãy làm với ta bất cứ điều gì ngươi muốn.

Lúc đó, viên quan tổng trấn, tràn đầy cơn giận, bắt đầu tra tấn vị thánh nữ. Ban đầu, ông ra lệnh lột trần nàng, quăng nàng nằm sấp trên mặt đất, đánh đập và cắt chân nàng; sau đó, ông ra lệnh ném vị thánh nữ vào một cái nồi chứa đầy nhựa cây đang sôi sùng sục. Nhưng bỗng nhiên Thiên Thần của Chúa hiện ra, làm nguội nồi nhựa, biến nhựa sôi sục thành sương lạnh, đến nỗi từ nồi tỏa ra mùi hương thơm ngát. Thấy vậy, vị thống đốc kêu lên:

– Ôi, Đấng Christ thật vĩ đại biết bao, Đấng có thể biến lửa thành nước!

Còn vị thánh nữ thì quay sang vị thống đốc và nói:

– Giờ đây ngài còn coi các vị thần của mình là vĩ đại nữa chăng: Dia[3936] và Asclepius, sau khi họ bị một người phụ nữ, một tôi tớ của Đấng Christ, làm cho phải xấu hổ?

Nghe những lời ấy, vị thống đốc càng thêm giận dữ, gọi vị thánh nữ là phù thủy, rồi ra lệnh lột tóc cùng da trên đầu bà và dùng nến thiêu đốt đầu và ngực bà. Vị thánh nữ đã chịu đựng tất cả những cực hình này một cách dũng cảm, như thể không cảm thấy đau đớn gì.

Sau đó, vị thống đốc, từ cơn giận dữ chuyển sang sự hiền lành, bắt đầu nói với vị thánh bằng những lời nịnh hót:

[3934] Tên gọi "Elikonida" bắt nguồn từ hai từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "lòng thương xót" và "ném". Elikonida, tức là người ném mũi tên vào quỷ dữ nhờ lòng thương xót của Đức Chúa Trời.

[3935] Asclepius được người Hy Lạp cổ đại coi là vị thần của y học.

[3936] Zeus là vị thần tối cao trong tôn giáo Hy Lạp cổ đại.

– Con gái yêu quý! Hãy đến và dâng lễ vật lên các vị thần bất khả chiến bại của chúng ta, đặc biệt là thần Venus[3937] và thần Minerva[3938] , thì ta sẽ phong ngươi làm nữ tư tế của nữ thần Diana vĩ đại[3939] và nâng ngươi ngang hàng với các phu nhân của các thượng nghị sĩ. Để vinh danh ngươi, ta sẽ dựng một cột vàng ngay giữa thành phố, gửi thư báo tin về ngươi cho các vị vua, và ngươi sẽ như là người mẹ của cả thành phố này.

Còn Thánh nữ Elikonida đáp lại:

– Hãy dẫn ta đến đền thờ các vị thần của ngươi, để ta dâng lễ vật cho họ.

Nghe vậy, vị thống đốc tràn ngập niềm vui lớn lao và ngay lập tức ra lệnh cho các nhà thuyết giáo và những người thổi kèn loan báo điều này khắp thành phố; sau đó, trong không khí long trọng, ông dẫn thánh nữ vào đền thờ thần tượng. Khi bước vào đền thờ, thánh nữ nói với các thầy tế lễ:

– Ta muốn một mình, trong sự tĩnh lặng, dâng những lễ vật tinh khiết; vì vậy, hãy ra lệnh cho tất cả mọi người ra khỏi đền thờ; các ngươi cũng hãy ra ngoài và đóng cửa lại sau lưng.

Các thầy tế lễ tuân theo lệnh của bà và để bà lại một mình trong đền thờ, còn bản thân họ thì đứng bên ngoài đền thờ, hân hoan và thổi kèn cùng trống.

Trong khi đó, Cô Dâu của Chúa Kitô, khi bước vào bên trong đền thờ, đã cầm lấy tượng thần Vệ Nữ và đập vỡ nó thành ba mảnh; bà cũng lật đổ tượng thần Minerva, khiến nó rơi xuống đất và vỡ tan tành. Sau đó, bà lật đổ tượng thần Asclepius khỏi bàn thờ và chặt đứt tay, chân và đầu của nó; bà cũng làm điều tương tự với thần Zeus. Nhưng những người đứng bên ngoài đền thờ không nghe thấy những gì đang diễn ra bên trong, vì tiếng kèn và trống đã át hết mọi âm thanh, và tất cả đều đứng bên ngoài đền thờ, chờ đợi cho đến khi thiếu nữ hoàn tất các lời cầu nguyện và lễ vật của mình.

Sau một thời gian khá lâu, các thầy tế, vì chán ngán việc chờ đợi, đã lẻn vào đền thờ và, khi thấy các vị thần của họ bị quật ngã xuống đất, cũng như thấy vị thánh nữ đang ngự trên bàn thờ và ca ngợi Chúa Kitô, Đức Chúa của họ, họ lập tức nhảy dựng lên, xé rách áo quần, với cơn thịnh nộ tột độ, bắt lấy thiếu nữ và lôi cô đến trước mặt quan tổng trấn. Khi đến trước mặt quan tổng trấn, họ nói:

– Hãy tiêu diệt mụ phù thủy này đi!

Và tiếng ồn ào cùng tiếng la hét vang lên giữa toàn thể dân chúng, những người đang phẫn nộ vì việc phá hủy các thần tượng; tất cả đều la hét, kêu gào:

– Hỡi ngài Igemon! Hãy mau chóng tiêu diệt mụ phù thủy này đi!

Igemon ra lệnh cắt bỏ vú của vị thánh tử đạo và giam bà vào ngục tối, để có thời gian suy nghĩ xem nên xử tử bà bằng hình thức tàn bạo nào. Vị thánh đã ở trong ngục tối năm ngày.

Trong thời gian đó, một vị thống đốc khác tên là Justin đã đến Corinth để thay thế Perinnius. Ông được báo tin về vị thánh tử đạo Elikonide, về những đau khổ của bà và việc bà đã đập phá các tượng thần. Justin, người rất ghen tị với các vị thần của mình, đã tràn ngập cơn thịnh nộ lớn đối với Elikonida vì việc bà phá hủy các tượng thần, và ra lệnh đốt lò lửa thật mạnh nhất có thể. Lò lửa đó được đốt liên tục trong ba ngày; sau đó, Justin ra lệnh ném vị thánh Elikonida vào lò lửa đó. Còn vị thánh nữ, giống như các thiếu niên xưa ở Babylon, đã hân hoan giữa lò lửa, ngợi khen và chúc tụng Chúa, vì lửa đối với bà như sương mai, còn ngọn lửa rực cháy như làn gió mát. Sau đó, một ngọn lửa lớn bùng lên từ lò và lao vào những kẻ ngoại đạo đang đứng xung quanh; lúc đó, có tới bảy mươi người đàn ông bị thiêu cháy; còn vị thánh nữ, sau một khoảng thời gian khá lâu, đã bước ra khỏi ngọn lửa mà không hề hấn gì.

Igemon nói, quay sang bà:

– Nói cho chúng ta biết đi, con đàn bà xấu xa, bằng những phép thuật nào mà ngươi có thể chế ngự được sức mạnh của ngọn lửa?

Thánh nữ đáp:

– Chúa Kitô, Chúa của tôi, Đấng mà ngươi chưa từng thấy và cũng không thể thấy, đã đến với tôi và làm nguội ngọn lửa trong lò.

Không tin điều đó, quan tổng trấn ra lệnh mang một chiếc giường đồng đến trước tòa án; ông ra lệnh đốt nóng nó và đặt vị thánh nữ lên đó trước mắt mình. Sau khi ra lệnh đốt than từ dưới lên, quan tổng trấn nói:

[3937] Venus hay Aphrodite – nữ thần tình yêu và sắc đẹp.

[3938] Minerva hay Athena – nữ thần của sự khôn ngoan.

[3939] Diana hay Artemis – nữ thần săn bắn và là vị thần bảo hộ của rừng.

– Bây giờ chúng ta hãy xem, liệu Chúa Kitô có đến cứu bà ấy không.

Trong khi vị thánh nữ bị tra tấn như vậy, máu chảy ra từ người bà nhiều đến nỗi đã dập tắt ngọn lửa; còn chiếc giường của bà thì đã nguội lạnh.

Sau đó, vị tử đạo được đưa xuống khỏi giường và bị dẫn vào ngục tối, nơi bà quỳ sấp xuống đất và cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu, sức mạnh và sự vững chắc của chúng con! Lạy Chúa Giêsu, vinh quang của chúng con! Lạy Chúa Kitô, niềm hy vọng của chúng con! Xin hãy là Đấng trợ giúp con và chữa lành những vết thương của con, hỡi Vị Bác sĩ nhân từ, Đấng cứu độ tất cả những ai đặt niềm tin nơi Ngài nhờ lòng nhân từ của Ngài.

Khi nàng đang cầu nguyện bằng những lời ấy, Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của thế gian, hiện ra trước mặt nàng, được bao quanh bởi một ánh sáng rực rỡ, cùng với Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Micae và Tổng Lãnh Thiên Thần Gabriel. Ngài bước đến gần nàng, đưa tay ra và nói:

– Hãy đứng dậy, hãy đứng lên và hãy vững lòng! Ta luôn ở cùng con! Ta đang dõi theo công trình của con, Ta dùng quyền năng Thần thánh của Ta để làm dịu bớt nỗi đau khổ của con và chữa lành những vết thương của con.

Sau khi đứng dậy, vị tử đạo quỳ sấp mặt trước Chúa, cúi đầu thờ lạy Ngài và thưa rằng:

– Lạy Chúa Giêsu, Đấng Kitô, Thiên Chúa của con! Xin chữa lành con, tôi tớ của Ngài! Xin giúp con chiến thắng kẻ thù của con, để con, sau khi vượt qua sức mạnh của nó, có thể bước vào đền thờ của Ngài với tiếng hát và tiếng reo vui.

Chúa bèn phán cùng nàng:

– Hãy can đảm lên, con gái của Ta! Này, Ta sẽ chữa lành cho con và chuẩn bị cho con một vương miện bất tử trong Nước Trời vĩnh cửu của Ta.

Nói xong, Chúa trở về trời, còn các Thiên thần thánh đã ban cho Ê-li-cô-ni-đa bánh tinh khiết, sáng chói như mặt trời. Sau khi nếm miếng bánh ấy, Elikonida cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh; khuôn mặt nàng rạng ngời như mặt trời, và thân thể nàng trở nên trắng như tuyết. Và vị thánh đã tạ ơn Thiên Chúa, ngợi khen Ngài cho đến tận lúc bình minh.

Khi sáng sớm, vị thánh được dẫn ra khỏi ngục tối, sau đó được đưa đến nơi xét xử, rồi bị ném cho thú dữ ăn thịt. Hai con sư tử đói khát, đã ba ngày liền không ăn gì, được thả ra để tấn công bà. Nhưng khi đến gần vị thánh, những con sư tử ấy đã cúi đầu trước bà và bắt đầu liếm chân bà. Dân chúng, khi chứng kiến cảnh đó, đã la lên, hô to:

– Quả thật, người phụ nữ này là một phù thủy, vì bà đã mê hoặc cả thú dữ, khiến chúng không dám lại gần bà. Hỡi quan tổng trấn! Hãy tiêu diệt người phụ nữ này đi! Hãy tiêu diệt bà ta ngay lập tức!

Trong khi dân chúng đang nói như vậy, các cánh cửa của tòa nhà bỗng sụp đổ và mở ra nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời; chính những con sư tử ấy lao ra và xông vào đám đông với cơn thịnh nộ dữ dội, gầm rú ầm ĩ; dân chúng hoảng loạn bỏ chạy ; chính vị thống đốc cũng vì sợ hãi mà chạy trốn vào dinh thự[3940] . Còn những con sư tử, đuổi theo những người đang chạy trốn, đã giết chết một trăm hai mươi người trong đám đông. Lúc đó, vị thống đốc, không biết phải làm gì thêm với vị thánh tử đạo, đã ra lệnh chém đầu bà bằng gươm.

Khi vị thánh nữ bị dẫn ra ngoài thành để bị chém đầu, bà giơ hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện, nói như sau:

– Lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa của con! Xin hãy đến với con ngay lúc này! Xin hãy hiện diện bên người tôi tớ của Ngài trong giờ phút này! Xin hãy thực hiện lời hứa của Ngài và đưa con vào hàng rào thánh của Ngài, xin hãy kể con vào số những con chiên được chúc phúc của Ngài. Xin hãy kể con vào số những người phụ nữ đã làm đẹp lòng Ngài: Sara, Rebecca, Rachel, Lea, Susanna và Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội của Ngài, Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm, cũng như Martha và Maria, hai chị em nhà Lazarus, và nữ tiên tri Anna, người đã làm chứng về Ngài cùng với thánh Simeon, người đón Chúa, trong lễ Đón Chúa; xin hãy kể tôi vào số những người như Ê-li-sa-bét, mẹ của Thánh Gio-an Tiền Hô, và nữ tử đạo đầu tiên là Tê-cla; xin hãy cho tôi được gia nhập vào hàng ngũ của họ và ban cho tôi ân sủng được an nghỉ cùng họ mãi mãi.

Trong khi vị thánh đang cầu nguyện như vậy, có tiếng từ trời vang lên, tuyên bố:

– Hãy đến đây, con gái Ta! Vương miện và ngai vàng đã được chuẩn bị sẵn cho con. Này, các Thiên thần đang bắt đầu cất lên những bài thánh ca trang nghiêm để chào mừng con lên trời.

[3940] Praetoria – một địa điểm công cộng trong thành phố, nơi thường diễn ra các phiên tòa.

Nghe thấy tiếng nói ấy, thánh nữ Elikonida tràn ngập niềm vui lớn lao, và với sự hân hoan, bà cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm. Khi bà bị chém, từ vết thương chảy ra sữa thay vì máu, đó là dấu hiệu cho thấy sự trong sạch của bà[3941] . Còn thi thể của bà, các Kitô hữu đã an táng với lòng tôn kính, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi, Đấng đáng nhận vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Cha Nikita, Giám mục Chalcedon[3942]

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 5

Thánh Cha Nikita của chúng ta đã yêu mến Chúa Kitô từ thuở thiếu thời; từ bỏ thế gian và mọi sự gắn bó trần tục, ngài đã làm đẹp lòng Thiên Chúa bằng đời sống đạo đức của mình, và được tấn phong lên ngai giám mục Chalcedon, nơi ngài, như ngọn nến đứng trên giá nến, chiếu sáng cho thế gian và làm rạng ngời Hội Thánh của Chúa Kitô.

Thánh Nikita rất nhân từ với những người nghèo khổ; ngài cho người đói ăn, cho người trần truồng mặc, đón tiếp những người lữ hành vào nhà mình và an ủi họ; ngài là người cha của những đứa trẻ mồ côi, là người bảo vệ cho các góa phụ và là vị cứu tinh cho tất cả những người bị áp bức.

Khi thời kỳ khó khăn của tà thuyết chống thánh tượng[3943] ập đến, dưới triều đại của Vua Lê người Armenia[3944] , Thánh Nikita đã chứng tỏ mình là một vị chứng nhân dũng cảm của danh Chúa Kitô, vì ngài đã nỗ lực không ngừng trong cuộc chiến chống lại giáo lý tà ác, vạch trần các tín điều phi Chính Thống, khuyên nhủ mọi người hãy tôn kính và thờ phượng hình ảnh Chúa Kitô và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, cũng như các hình ảnh của các thánh khác; Vị chứng nhân dũng cảm của Chúa Kitô đã phải chịu nhiều cực hình từ vị vua vô đạo và những kẻ đồng lõa với ông; ngài cũng đã phải chịu lưu đày, sỉ nhục và những tai ương khác vì lòng trung thành với đức tin chân chính của mình.

Sau một thời gian đủ dài, sau nhiều công lao làm chứng cho đức tin, Thánh Nikita đã từ trần gian về với thiên đàng[3945] ; Chúa đã tôn vinh ngài trên trời trước mặt các Thiên thần của Ngài, còn trên đất – trước mặt loài người, vì từ di cốt thánh thiêng của ngài đã xảy ra nhiều phép lạ, mang lại sự chữa lành cho mọi bệnh tật để tôn vinh Chúa, Đấng được tôn vinh qua các thánh của Ngài.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài đã tỏa sáng bởi sự rạng ngời của các việc làm, hỡi vị thánh đáng kính, Ngài là người kế vị ngai tòa Tông đồ, hỡi Nikita: và như mặt trời, Ngài đã chiếu sáng đoàn chiên của mình, hỡi vị Cha, tràn đầy mọi giáo lý thiêng liêng. Vì vậy, chúng con kêu lên cùng Ngài: Hãy vui mừng, niềm an ủi của Chalcedon.

[3941] Thánh tử đạo Elikonida qua đời vào năm 244.

[3942] Chalkidon, hay chính xác hơn là Chalcedon, ban đầu là một thuộc địa của Megara trên bờ Biển Đá Cẩm Thạch. Dưới thời các hoàng đế Kitô giáo, Chalkidon là thủ đô của vùng Bithynia thuộc Tiểu Á. – Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Chalcedon nổi tiếng là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ IV, được Hoàng đế Marcian triệu tập vào năm 451 (từ năm 450 đến năm 457) nhằm lên án tà thuyết Monophysite (tà thuyết này do Eutyches, một vị tu sĩ cao cấp tại Constantinople, khởi xướng; ông này dạy rằng bản tính con người trong Chúa Giêsu Kitô đã hoàn toàn bị bản tính Thiên Chúa nuốt chửng, và do đó chỉ nên công nhận một bản tính duy nhất trong Ngài – đó là bản tính Thiên Chúa).

[3943] Tà thuyết chống thánh tượng xuất hiện vào thế kỷ VIII. Những người chống thánh tượng đã nhầm lẫn một cách vô lý giữa việc tôn kính thánh tượng với việc thờ lạy thần tượng. Người được coi là người sáng lập tà thuyết này là Constantine, giám mục Nakole (tại Phrygia – một vùng thuộc Tiểu Á). Những người ủng hộ nhiệt thành nhất cho chủ nghĩa chống thánh tượng là các hoàng đế Lêô III người Isauria (717–741) và Constantine V Copronymus (741–776). Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ VII (diễn ra vào năm 787 tại thành phố Nicaea).

[3944] Lê V người Armenia trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[3945] Thánh Nikita qua đời vào đầu thế kỷ IX.

Lễ kính Thánh Ignatius, Giám mục Rostov

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 5

Thánh Ignatius sinh ra trong một gia đình sùng đạo và được cha mẹ nuôi dạy trong mọi đức tính Kitô giáo. Nhận ra sự hư vô của thế gian này, ngài từ bỏ thế gian và nhận lễ xuất gia. Vì ngài sống một cuộc đời đầy đức hạnh, nên ban đầu ngài được bổ nhiệm làm tổng tu viện trưởng, sau đó là giám mục thành phố Rostov[3946] . Sau khi nhận trách nhiệm chăm sóc giáo phận Rostov, ngài đã chăn dắt đoàn chiên của mình với sự quan tâm sâu sắc. Sau 26 năm phục vụ trong chức thánh, ngài đã về với Chúa vào mùa hè năm 6796 kể từ khi thế giới được tạo dựng, tức năm 1288 kể từ khi Đức Chúa Lời nhập thể, vào ngày 28 tháng 5, thứ Sáu, sau giờ kinh chiều[3947] .

Khi hay tin vị thánh qua đời, cả thành phố Rostov đã tụ tập bên thi hài ngài; tất cả đều khóc lóc thảm thiết, thương tiếc sự ra đi của vị mục tử chung và thầy dạy của mọi người, người trợ giúp và bảo trợ trong hoạn nạn và đau khổ, người bênh vực các góa phụ và trẻ mồ côi, người nuôi dưỡng những người nghèo khó và khốn cùng, người hướng dẫn và thầy dạy cho hàng giáo sĩ và tu sĩ, cũng như cố vấn cho các hoàng tử và quý tộc. Sau khi rước thi hài tôn kính của Thánh Ignatius, mọi người cùng khiêng ngài vào nhà thờ, nhưng do đám đông tụ tập quá đông, họ không thể đưa thi hài vào bên trong nhà thờ, nên đã đặt thi hài trước cửa nhà thờ; sau đó, họ bắt đầu hát những bài thánh ca tang lễ.

Lúc đó, có hai nữ tu đạo đức đi ngang qua nhà thờ, một trong số họ tên là Theodosius; bà là vợ của Thánh Phaolô, phó tế trưởng, nhưng ngay sau khi kết hôn hợp pháp, họ đã dâng hiến cuộc đời mình cho một cuộc sống trinh khiết và trong sạch. Suốt cuộc đời, họ đã tu hành trong sự ăn chay và cầu nguyện. Nhiều người có thể làm chứng về sự trong sạch trong cuộc sống của họ. Khi Thánh Phaolô an nghỉ trong Chúa, vợ ngài đã nhận lễ xuất gia. Khi biết tin Thánh Ignatius qua đời, bà đã đến chiêm bái di cốt của ngài; cùng đi với bà còn có một nữ tu khác tên là Xenia, người cũng sống một cuộc đời đạo đức và hiến dâng cho Chúa không kém. Hai nữ tu sĩ này cùng với một số người đạo đức khác, những người đã được ân sủng nhận được sự mặc khải của Thiên Chúa, đã chứng kiến một phép lạ như sau: khi di thể thiêng liêng của Thánh Ignatius được rước về nhà thờ, vị Thánh của Thiên Chúa đã đứng dậy khỏi quan tài trong bộ lễ phục giám mục, bay lơ lửng trên không trung và dừng lại ở độ cao trên nhà thờ; sau đó ngài ban phước lành cho toàn thể dân chúng và cả thành phố; rồi ngài bước vào hang động được đào trong lòng đất gần bàn thờ, nơi đã được chuẩn bị sẵn một quan tài cho ngài.

Chúa đã mặc khải điều này cho các nữ tu lúc bấy giờ, cũng như cho một số người đạo đức khác, nhằm tôn vinh vị thánh được Chúa yêu mến và làm chứng cho sự thánh thiện của ngài trước mọi người; qua đó, Chúa đã cho mọi người thấy rằng Thánh Ignatius đã xứng đáng nhận được ân sủng từ Chúa và được hưởng phần thưởng ngang hàng với các thánh.

Cũng vào khoảng thời gian đó, một phép lạ khác đã xảy ra: một vị tu sĩ trưởng tên là Stephane, từ khi mới sinh ra đã có một ngón tay bị cong vào lòng bàn tay; khi ngài chạm vào thi hài thánh Ignatius, ngay lập tức ngón tay bị cong của ngài đã duỗi thẳng ra, trở nên lành lặn như các ngón tay khác.

Sau đó, thi hài của Thánh Ignatius được rước vào nhà thờ. Sáng hôm sau, mọi người lại tụ tập quanh thi hài của vị thánh được Chúa yêu mến, để cử hành thánh lễ thường lệ và hát các bài thánh ca tang lễ. Khi đặt thi hài của vị thánh vào quan tài và đặt vào tay ngài những cuộn giấy ghi tên tất cả những người mà Thánh Ignatius đã phong chức linh mục và phó tế, thì vị thánh, như thể còn sống, đã giơ tay ra và nhận lấy những cuộn giấy đó. Tất cả những ai chứng kiến phép lạ này đều tràn ngập sự kính sợ và niềm vui lớn lao, và đã ngợi khen Thiên Chúa. Nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh nhân này, Thánh Ignatius, xin cho chúng ta cũng được cùng ngài tham dự vào những ân huệ vĩnh cửu, đã được chuẩn bị bởi Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta, Đấng mà vinh quang được dâng lên mãi mãi. Amen.

[3946] Thánh Ignatius được tấn phong làm giám mục vào ngày 19 tháng 9 năm 1262.

[3947] Có tin cho rằng vào năm 1269, Thánh Ignatius đã thành lập một tu viện tại cửa sông Sheksna, bên bờ Hồ Trắng, mang tên Thánh Ba Ngôi. Các tu sĩ của tu viện này đã nỗ lực rất nhiều trong việc truyền giáo cho người Chudi và người Korel. Năm 1274, Thánh Ignatius đã tham dự Công đồng địa phương tại Vladimir. Hai lần, ngài phải thực hiện chuyến hành trình gian nan đến Đế quốc Mông Cổ để can thiệp vì lợi ích của giáo phận mình. Thánh Ignatius được biết đến như người hòa giải giữa hai hoàng tử Dimitri và Konstantin Borisovich. Để tưởng nhớ sự hòa giải này, Nhà thờ Boris và Gleb đã được xây dựng tại Rostov. Thánh Ignatius qua đời vào năm 1288. Xác thánh của ngài cho đến nay vẫn được an táng tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời ở Rostov.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài đã được soi sáng bởi đức tin chân chính, tiếp nhận giáo huấn thánh thiện và chăm sóc đoàn chiên; là người kế thừa các Tông đồ, Ngài đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng làm phép lạ, hỡi Thánh Ignatius, Cha thánh. Xin cầu thay cho chúng con trước Chúa Kitô, Thiên Chúa, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hôm nay, kỷ niệm rực rỡ của ngài, Thánh Ignatius đầy phúc lành, đã hiện ra, chiếu sáng rực rỡ trên thế gian và tỏ lộ vinh quang Thiên Chúa cho mọi người.

Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Helladius

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 5

Thánh Elladius, sau khi chịu đủ mọi hình phạt, bị ném vào lửa mà vẫn không hề hấn gì, đã qua đời vì bị đánh đập. Trong nghi lễ tưởng niệm ngài có kể rằng, trong ngục tối, Chúa Kitô đã viếng thăm ngài và chữa lành các vết thương, và xiềng xích trên người ngài đã tự động rơi xuống. Người ta cho rằng ngài đã chịu khổ vì tay người Ba Tư trong cuộc xâm lược của họ vào các tỉnh phía đông của Đế quốc La Mã.

Ngày 11 tháng 6

29 tháng 5 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh nữ tử đạo Theodosia

Ngày tưởng niệm 29 tháng 5

Về Thánh Theodosia thành Tyre[3948] , Thánh Eusebius[3949] , Giám mục thành Caesarea ở Palestine[3950] , người chứng kiến trực tiếp, đã thuật lại như sau: “Trong khi cuộc bách hại do những kẻ thờ thần tượng vô đạo gây ra đối với các Kitô hữu đã kéo dài suốt năm năm tại đất nước chúng ta, vào ngày mười bảy tháng Tư, đúng vào ngày lễ Phục Sinh của Chúa Kitô, một thiếu nữ đạo đức và kính sợ Thiên Chúa đến từ thành phố của chúng ta, – Eusebius kể lại – quê ở Tyre, chưa đầy mười tám tuổi, đã đến gần các tù nhân Kitô hữu đang bị giam giữ tại dinh tổng trấn; lúc đó, các Kitô hữu đang mạnh dạn bàn luận với nhau về Nước Trời; khi đến gần họ, Theodosius bắt đầu xin họ cầu nguyện cho cô trước mặt Chúa, khi họ, sau khi hoàn thành cuộc chịu khổ của mình, sẽ được đứng trước mặt Chúa. Còn các binh lính, khi thấy cô gái cúi đầu chào các tù nhân Kitô hữu, đã bắt giữ cô và, như thể cô đã phạm phải một hành vi xấu xa nào đó, lôi cô đến trước quan tổng trấn Urvan để thẩm vấn. Thống đốc, tràn ngập

---

[3948] Quê hương của Thánh Tử đạo Theodosius là thành phố Tyre. Tyre nằm ở bờ đông bắc Biển Chết, trên sườn phía tây nam của dãy núi Gilead.

[3949] Evsevius, Giám mục thành Caesarea (sống từ năm 268 đến năm 340), là một nhà sử học Giáo hội nổi tiếng, người đã đặt nền móng cho lịch sử Giáo hội; ngài nổi bật với sự uyên bác sâu rộng. Các tác phẩm của ngài bao gồm: 1) “Lịch sử Giáo hội”, ghi chép từ thời các Tông đồ cho đến năm 324; được chia thành 10 quyển; 2) “Cuộc đời của Constantine”; gồm 4 quyển và là phần tiếp nối trực tiếp của “Lịch sử Giáo hội”, 3) “Chronographia”. Ngoài ra, Eusebius còn là tác giả của nhiều tác phẩm nhỏ mang tính chất biện hộ, tranh luận và giải thích Kinh Thánh.

[3950] Césarea Palestine tọa lạc trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải. Vào thời cổ đại, Césarea là nơi cư ngụ của các quan tổng trấn La Mã và là trung tâm của đời sống chính trị-xã hội của đất nước. – Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Cêsarea Palestine nổi bật bởi đây là nơi lần đầu tiên các dân ngoại được phép vào Giáo hội của Chúa Kitô nhờ Thánh Phêrô, người đã làm phép rửa cho viên sĩ quan Cornelius (Công vụ 10). Cũng tại đây đã diễn ra phiên tòa cuối cùng đối với Thánh Phaolô, sau đó ngài được đưa đến Rôma (Công vụ 26; Công vụ 27). – Ở Palestine còn có một thành phố Caesarea khác, khác với thành phố này, được gọi là Caesarea của Philip. Thành phố này nằm ở thượng nguồn sông Jordan.

cơn thịnh nộ và giận dữ tột độ, đã ra lệnh tra tấn cô bằng những hình phạt tàn bạo. Xương sườn và núm vú của cô bị xé rách bởi những móng vuốt sắt, đến nỗi thịt trên người cô bong tróc chỉ còn lại xương; sau đó, vị tử đạo của Chúa Kitô, vẫn còn sống và chịu đựng cực hình với khuôn mặt rạng ngời niềm vui, đã bị thống đốc ra lệnh dìm chết dưới biển".

Đó là lời kể của Eusebius, người đã tận mắt chứng kiến tất cả.

Ngoài ra, người ta còn kể thêm rằng vị thánh tử đạo của Chúa Kitô là Thánh Theodosia, sau khi bị ném xuống biển, đã được các Thiên thần vớt lên khỏi nước và đưa vào bờ trong tình trạng hoàn toàn còn sống. Và vị thánh đã đi lại, mang trên tay một hòn đá được buộc vào cổ. Sau đó, vị thánh lại bị những kẻ ngoại đạo bắt giữ và đưa đến tòa án. Thánh nữ Theodosia bị kết án cho thú dữ xé xác, nhưng bà vẫn hoàn toàn vô sự trước chúng. Cuối cùng, kẻ tra tấn ra lệnh chém bà bằng gươm. Trong lúc bị chém, người ta thấy một con bồ câu bay ra từ miệng bà, sáng chói như vàng và bay lên trời[3951] .

Khi đêm xuống, vị thánh tử đạo đã hiện ra trước cha mẹ mình cùng với nhiều trinh nữ thánh khác; ngài mặc bộ áo trắng hơn cả tuyết; trong tay ngài cầm một cây thánh giá bằng vàng, và trên đầu đội một vòng hoa; lúc đó, vị thánh đã nói với cha mẹ mình:

– Các cha mẹ hãy nhìn xem, vinh quang và ân sủng của Đấng Kitô của con vĩ đại biết bao! Hãy nhìn xem, vinh quang mà các cha mẹ đã muốn tước đoạt khỏi con vĩ đại biết bao.

Thánh nữ đã nói những lời này bởi vì cha mẹ bà, khi nhận ra trong bà khát khao chịu khổ vì Chúa Kitô, đã tìm mọi cách cản trở bà; nhưng bà đã lén lút rời khỏi họ để đến với các tù nhân của Chúa Kitô, và như chúng ta đã nói, bà đã bị bắt để chịu cực hình và được Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đấng ban ân sủng, trao vương miện.

Cuộc tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Theodosius

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 5

Thánh nữ Theodosia, vị hôn thê của Chúa Kitô, sinh ra tại Constantinople trong một gia đình giàu có, trung thực, sùng đạo và đạo đức. Ban đầu, họ không có con trong suốt nhiều năm. Buồn bã vì điều này, họ cầu nguyện và ăn chay nhiều, ngày đêm đến các nhà thờ của Đức Chúa Trời, và hào phóng bố thí cho người nghèo.

Một lần nọ, khi họ đang tham dự lễ cầu nguyện suốt đêm tại nhà thờ được xây dựng để tôn vinh Thánh Nữ Tử đạo Anastasia, mẹ của Thánh Theodosius đã cầu nguyện nhiệt thành hơn bao giờ hết để xin Chúa giải thoát khỏi tình trạng vô sinh; khi bà chợp mắt một chút, Thánh Nữ Tử đạo Anastasia đã hiện ra và nói:

– Đừng buồn, hỡi người phụ nữ, vì bà sẽ thụ thai và sinh con.

Khi tỉnh dậy, bà tràn ngập niềm vui lớn lao và kể lại giấc mơ cho chồng nghe. Lúc đó, chồng bà nói với bà:

– Chúa hằng sống! Nếu Ngài giải thoát chúng ta khỏi tình trạng vô sinh và nếu chúng ta sinh được con trai hay con gái, chúng ta sẽ dâng điều đó làm lễ vật cho Chúa của chúng ta, Đức Kitô Thiên Chúa.

Một thời gian sau, người vợ quả thực đã thụ thai và sinh ra cô thiếu nữ thánh thiện này, người được đặt tên là Theodosius, tức là "được ban tặng bởi Thiên Chúa", vì cô là món quà do Thiên Chúa ban tặng. Sau đó, đứa trẻ được rửa tội theo nghi thức thánh.

Sau bốn mươi ngày kể từ khi chào đời, người mẹ bế con gái trên tay và đưa em đến nhà thờ Thánh Anastasia, với những giọt nước mắt vui sướng, bà dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa và vị thánh tử đạo, hứa sẽ dâng con gái mình vào đời sống tu hành, để cô được xếp vào hàng ngũ các trinh nữ và các cô dâu của Chúa Kitô (cần lưu ý rằng bên cạnh nhà thờ đó còn có một tu viện dành cho các thiếu nữ đã hiến dâng đời mình để phụng sự Thiên Chúa).

Sau khi nhận được ân sủng của Chúa, người mẹ trở về nhà và bắt đầu nuôi dạy đứa con đã hứa dâng cho Chúa với sự quan tâm sâu sắc, dạy Theodosius đọc các sách Thánh và lòng kính sợ Chúa, đồng thời thắp lên trong lòng cô ngọn lửa tình yêu Thiên Chúa.

[3951] Thánh nữ tử đạo qua đời vào năm 307 hoặc năm 308, vào ngày 6 tháng 4. Ngày 29 tháng 5 là ngày rước di cốt của ngài. Di cốt của thánh nữ tử đạo ban đầu được rước về Constantinopolis, sau đó được chuyển đến Venice.

Khi Theodosius tròn bảy tuổi kể từ ngày sinh, cha cô qua đời; lúc đó, người mẹ bế cô bé đưa đến tu viện Thánh Anastasia và giao cô cho tu viện để thụ giới vào hàng tu sĩ Thiên Thần.

Ba năm sau, mẹ của Theodosius cũng qua đời, để lại toàn bộ tài sản cho con gái mình, một nữ tu. Nhưng Feodosia, khi đã trưởng thành, tràn đầy trí tuệ và tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, không muốn nhận tài sản mà mẹ để lại cho mình, mà đã dâng hiến nó cho Đức Chúa Trời, Đấng mà cô đã dâng hiến cả chính bản thân mình: bà đã mời một thợ kim hoàn đến, trao cho ông ta đủ lượng vàng và bạc để đúc ba bức tượng thánh: Chúa Cứu Thế, Đức Mẹ Đồng Trinh và Thánh Tử Đạo Anastasia. Các bức tượng này cao ba khuỷu tay[3952] . Thánh nữ Theodosia đã đặt các bức tượng này trong nhà thờ, còn toàn bộ tài sản còn lại của mình thì bà phân phát cho những người nghèo, khốn khó, trẻ mồ côi và góa phụ; còn bản thân bà, trong sự nghèo khó của đời tu, tiếp tục phụng sự Chúa ngày đêm, được Chúa ban cho sự giàu có về mặt tinh thần. Với áo giáp cầu nguyện chống lại kẻ thù vô hình, bà đã chế ngự xác thịt – vốn luôn chống lại tinh thần – bằng những việc tu hành khổ hạnh, đánh bại kẻ thù vô hình, đạp nát đầu con rắn địa ngục và hạ bệ con quỷ kiêu ngạo[3953] bằng sự khiêm nhường, hiền lành, tình yêu thương làm đẹp lòng Chúa, sự trong sạch, lòng kính sợ Chúa, sự vâng lời và các đức tính tu sĩ khác.

Một lần nọ, khi vị thánh đang cầu nguyện vào ban đêm, ma quỷ tiến lại gần và nói:

– Này, ngươi đang chống lại ta: vậy thì ta cũng sẽ chống lại ngươi, và không chỉ chống lại ngươi, mà còn chống lại tất cả các Kitô hữu, vì ta đã tìm được một người, nhờ người đó ta sẽ có thể gây chiến với Giáo Hội; ta sẽ khiến nhiều người chán ghét việc thờ lạy hình ảnh Chúa Kitô; nhiều người sẽ theo ta và thực hiện ý muốn của ta.

Còn Thánh Theodosia, sau khi làm dấu thánh giá, đã nói:

– Ngươi hãy bị nguyền rủa, hỡi ma quỷ, kẻ thù của các Kitô hữu! Nguyện mọi mưu mô của ngươi đều bị tiêu diệt và hủy diệt bởi quyền năng của Chúa Kitô, Thiên Chúa của ta!

Và quỷ dữ biến mất. Còn Thánh nữ Theodosia, sau khi làm dấu thánh giá, bắt đầu hát Thánh vịnh của Đa-vít: *"Xin Thiên Chúa ngự lên, và kẻ thù của Ngài sẽ tan rã; những kẻ ghét Ngài sẽ chạy trốn khỏi mặt Ngài"* (Thánh vịnh 67:2).

Về hình ảnh đáng sợ này và tất cả những lời kiêu ngạo của ma quỷ, Thánh Theodosia đã kể lại cho bà Bề trên của mình và hỏi bà:

– Thảm họa mà kẻ thù hứa hẹn sẽ giáng xuống các Kitô hữu có thể đến từ đâu?

Bà Bề trên trả lời cô:

– Con gái của ta! Sứ đồ làm chứng *rằng*: *"Và tất cả những ai muốn sống đạo đức trong Đức Kitô Giêsu đều sẽ bị bách hại"* (2 Tm 3:12). Vì đoàn chiên của Chúa Kitô từ xưa đến nay luôn bị những kẻ xảo quyệt quấy rối, những kẻ dùng mưu mô sai trái, lừa dối mọi người và chính bản thân họ cũng bị lừa dối; những kẻ xảo quyệt ấy chính là công cụ của ma quỷ. Tương tự như vậy, ngay cả trong thời đại này, ma quỷ cũng sẽ gây ra sự rối loạn và bách hại cho Hội Thánh của Thiên Chúa. *"Còn anh, hãy bám chặt vào những điều anh đã được dạy dỗ và được giao phó, vì anh biết ai là Đấng đã dạy dỗ anh. Hơn nữa, từ thuở nhỏ anh đã biết các Kinh Thánh, những điều có thể làm cho anh khôn ngoan để được cứu rỗi nhờ đức tin nơi Đức Giê-su Ki-tô"* (2 Ti-mô-thê 3:13–15).

Một thời gian sau, vị vua chính thống Theodosius, người được gọi là Adramittinus[3954] , đã bị một quan tổng trấn của ông tên là Leo, còn được gọi là Conon, người gốc Isauria[3955] , nổi loạn chống lại. Sau khi tước đoạt quyền lực hoàng gia khỏi tay Theodosius, Leo đã tự xưng làm vua[3956] .

Trong những ngày đầu trị vì, ông tỏ ra là người sùng đạo, nhưng chẳng bao lâu sau đã biến thành một Valtasar mới[3957] , người làm ô uế thánh vật của Giáo hội và không thờ phượng Đức Kitô, Thiên Chúa Tối Cao, cũng như hình ảnh thánh của Ngài. Ông đã thổi vào Giáo hội nọc độc của loài rắn hổ mang qua tà thuyết Manichaeism gây tổn hại cho tâm hồn; hơn nữa, con người giống thú dữ này, gầm lên như tiếng sư tử, đã thốt ra những lời phỉ báng dị giáo nhắm vào các thánh tượng, gọi chúng là thần tượng, còn những ai thờ phượng chúng thì

[3952] Một lokot tương đương với 8–10 vershok.

[3953] Veliar, hay chính xác hơn là Veli'al – theo bản dịch từ tiếng Do Thái có nghĩa là: vô dụng, bất chính, độc ác. Tên gọi này được Thánh Phaolô dùng để chỉ ma quỷ, nguồn gốc của mọi điều ác (2 Cr 6,15).

[3954] Théodosius III Adramyttium trị vì từ năm 715 đến năm 716.

[3955] Isauria – một vùng ở Tiểu Á, giáp với Lycaonia ở phía đông, Phrygia ở phía bắc, Pisidia ở phía tây và Cilicia ở phía nam.

[3956] Lêô III Isaur, trị vì từ năm 716 đến năm 741.

[3957] Belteshazzar – một trong những hậu duệ của Nebuchadnezzar, vua Ba-by-lôn – được biết đến là một người vô đạo và đồi trụy (xem Đa-ni-ên 5:1–4, 22–23). Ông đã làm ô uế các đồ thánh của dân Do Thái, vốn đã bị Nebuchadnezzar cướp từ Giê-ru-sa-lem (Đa-ni-ên 5:3).

ông ta gọi là những kẻ thờ thần tượng. Vị hoàng đế vô đạo này đã ban hành sắc lệnh, ra lệnh tiêu diệt việc thờ phượng thánh tượng trên khắp vương quốc của mình.

Vào thời điểm đó, Thánh German đang nắm giữ ngai tòa Constantinople. Ngài cùng với các giám mục Chính Thống khác đã kiên quyết chống lại vị vua này và không chấp nhận sắc lệnh dị giáo của ông, vốn ra lệnh từ bỏ việc tôn kính các bức tượng thánh. Thánh German đã nói với kẻ phỉ báng này:

– Sau khi Chúa chúng ta và Đấng Cứu Thế nhập thể từ dòng máu cao quý của Đức Mẹ Đồng Trinh và hoàn thành mọi kế hoạch thiêng liêng của Thiên Chúa về sự cứu rỗi của chúng ta, – mọi hình thức thờ phượng thần tượng đã bị xóa bỏ và tất cả các hình tượng thần tượng đều bị thiêu hủy. Đã hơn bảy trăm năm trôi qua kể từ khi các Tông đồ rao giảng và truyền bá giáo lý cứu rỗi của Chúa Kitô cho thế gian. Trong bảy trăm năm qua, đã có rất nhiều vị cha thánh thiện và đáng kính, và không một ai trong số họ phỉ báng các thánh tượng; huống chi, không một ai trong số họ từng nghe nói đến những lý luận vô đạo mà các ngươi đang đưa vào Giáo Hội, khi từ chối việc tôn kính các thánh tượng – một nghĩa vụ đã được thực hiện đối với các thánh tích từ thời xa xưa. Bởi vì Giáo Hội thánh thiện đã tiếp nhận truyền thống tôn kính các thánh tượng từ thuở xa xưa, bắt đầu từ hình ảnh không do tay người tạo ra mà chính Đấng Cứu Thế đã ban cho Avgar, hoàng tử thành Edessa, trên một tấm vải. Sau đó, người phụ nữ bị chảy máu, người đã được chữa lành nhờ chạm vào tà áo của Chúa Kitô, sau khi Chúa lên trời, đã tạc một hình tượng Chúa Giêsu Kitô từ đá. Tiếp theo, thánh Luca, nhà truyền giáo, đã vẽ bức thánh tượng Đức Trinh Nữ Maria; từ thời điểm đó, phong tục đạo đức về việc vẽ các bức thánh tượng và trang trí các nhà thờ của Chúa cũng như các ngôi nhà của các tín hữu Kitô giáo đã bắt đầu. Chính sáu Công đồng Đại kết đã diễn ra trước chúng ta[3958] cũng không lên án phong tục này, mà ngược lại, đã ra lệnh phải tôn kính các hình ảnh của các thánh, chứ không phải từ chối chúng. Hãy biết rằng, thưa Hoàng đế, vì các bức thánh tượng, tôi không chỉ sẵn sàng chịu đựng mọi sự ác, mà còn sẵn sàng chấp nhận cả cái chết, bởi vì thánh tượng của Chúa Kitô mang tên chính Chúa Kitô, Đấng đã nhập thể từ Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và đã sống trên đất cùng loài người. Mỗi Kitô hữu đạo đức đều phải sẵn sàng chết vì danh Chúa Kitô cũng như vì các bức tượng thánh của Ngài, bởi vì ai làm ô uế bức tượng thánh, thì cũng làm ô uế chính Đấng được khắc họa trên bức tượng đó."

Nghe vậy, nhà vua tràn ngập cơn giận dữ và phẫn nộ; gầm lên như sư tử, ông bắt đầu hành động tàn bạo với sự hung ác tột độ, truy đuổi các tín hữu và kết án tử hình bằng nhiều hình thức khác nhau đối với tất cả những ai chống đối ông. Trước hết, ông sai quân lính mang vũ khí đến và ra lệnh cho họ đuổi Thánh Germanus khỏi chức vụ tổng giám mục một cách nhục nhã và đầy bạo lực; thay thế cho Germanus, Leo đã bổ nhiệm tổng giám mục giả mạo Anastasius[3959] , một kẻ dị giáo và đồng minh của mình. Sau đó, Leo ra lệnh thiêu hủy tất cả các sách Thánh và các tác phẩm của các vị thầy thông thái. Cần lưu ý rằng tại Nhà thờ Thánh Sophia có một thư viện với khoảng ba trăm nghìn cuốn sách; thuộc thư viện này có mười hai trường học và cùng số lượng các vị thầy thông thái; người đứng đầu các vị thầy này là một hiệu trưởng trường trung học thông thái, người đã nhận vinh dự này từ hoàng đế và tổng giám mục. Tất cả các vị thầy này đều chống lại mệnh lệnh vô thần của vị hoàng đế bất chính; vì vậy, tên bạo chúa vô pháp, cùng với binh lính của mình, đã bao vây thư viện đó và tất cả các trường học cùng các thầy giáo và học sinh, rồi châm lửa từ mọi phía và thiêu rụi, đến nỗi không ai trong số những người có mặt ở đó thoát khỏi ngọn lửa, và không một cuốn sách nào còn sót lại.

Lúc bấy giờ, toàn thành Constantinople chìm trong nỗi đau thương và buồn bã tột cùng; mọi người đều khóc lóc và than thở; một số người than thở về việc Đức Thượng phụ Thánh Germanus bị trục xuất một cách bất công, số khác than thở về việc một số lượng lớn sách bị thiêu rụi và sự ra đi của các thầy giáo uyên bác, còn một số khác thì than thở về sự sỉ nhục lớn lao đối với các bức tượng thánh, vì các bức tượng thánh khắp nơi đều bị đập vỡ, ném xuống đầm lầy và thiêu rụi trên các đống lửa.

Còn vị tổng giám mục dị giáo mới được bổ nhiệm, Anastasius, đứng tại nơi thánh thiêng như "sự ghê tởm của sự hoang tàn" (Mt 24:15), lại rất được lòng hoàng đế, vì ông ta đã hết lòng ủng hộ hoàng đế trong chủ nghĩa bài tượng dị giáo của mình. Vị tổng giám mục giả mạo này ngay lập tức đã vứt bỏ các bức tượng thánh ra khỏi nhà thờ lớn và ra lệnh làm tương tự tại tất cả các nhà thờ khác.

Tại Constantinopolis có một cổng được gọi là "cổng đồng"; cổng này được xây dựng từ thời Hoàng đế Constantine Đại đế và dẫn vào cung điện hoàng gia. Trên cánh cổng này có một bức tượng đồng của Đấng Cứu

[3958] Hội đồng Công giáo Toàn cầu lần thứ VII vẫn chưa được triệu tập vào thời điểm đó.
[3959] Anastasius giữ chức Thượng phụ từ năm 730 đến năm 753.

Thế, đã được treo ở đó suốt bốn trăm năm, thậm chí còn lâu hơn nữa. Vị tổng giám mục độc ác đó đã quyết tâm tháo dỡ và thiêu hủy bức tượng thiêng liêng này, vì vậy ông ta đã cử binh lính mang rìu đến thực hiện việc làm tà ác đó. Khi chỉ huy của những người lính đó, mang chức vụ Spafarios, đặt thang dựa vào cổng, bắt đầu leo lên với chiếc rìu trong tay và đã chuẩn bị thực hiện hành động chống lại Thiên Chúa của mình, – một số phụ nữ sùng đạo tình cờ đi ngang qua đó đã nhìn thấy ông ta; các nữ tu sĩ cũng nhìn thấy ông ta, trong số đó có cả Thánh nữ Theodosia; bị thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành bảo vệ bức tượng Chúa Kitô và được Thánh nữ Theodosia – người hơn ai hết nhiệt thành bảo vệ các bức tượng thánh và tràn đầy lòng dũng cảm và sự can đảm thiêng liêng – khích lệ, các nữ tu sĩ ấy đã chạy đến chiếc thang và lật đổ nó xuống đất; cùng lúc đó, họ cũng hất ngã người lính kia, người này rơi từ trên cao xuống và bị thương rất nặng. Họ lôi anh ta lê trên mặt đất và đánh đập cho đến khi anh ta chết; sau đó, họ vội vã đến gặp Thượng phụ Anastasius và bắt đầu lên án sự vô đạo đức của ông; họ chỉ trích ông như một con sói, một kẻ săn mồi, một kẻ dị giáo và kẻ thù của Giáo hội Chúa Kitô; rồi họ bắt đầu ném đá vào ông. Còn Anastasius, tràn ngập sự xấu hổ và lo sợ rằng một cuộc nổi loạn của toàn dân có thể bùng phát chống lại mình, đã vội vã đến gặp hoàng đế và báo cáo với ngài về sự sỉ nhục mà những người phụ nữ đó đã gây ra cho mình, đồng thời cũng báo cáo về vụ sát hại viên spharagios tại cổng Đồng. Nhà vua, tràn ngập cơn giận dữ và phẫn nộ, ngay lập tức sai các binh sĩ của mình với gươm trần, ra lệnh cho họ trả thù cho sự sỉ nhục mà vị tổng giám mục phải chịu và cái chết của quan thái giám. Và những người phụ nữ thánh thiện ấy đã bị chém chết vì lòng nhiệt thành mà họ đã thể hiện trong sự sùng đạo; còn nữ tu phúc lành Theodosius, vì xuất thân cao quý hơn và đã dũng cảm tuyên xưng đức tin một cách mạnh mẽ, đồng thời bị coi là thủ phạm của toàn bộ sự việc, nhà vua đã ra lệnh bắt giữ và giam vào ngục tối, mỗi ngày đánh bà một trăm roi. Vị thánh nữ đã phải chịu cực hình như vậy trong suốt bảy ngày.

Vào ngày thứ tám, tên tra tấn ra lệnh dẫn thánh nữ đi khắp thành phố và đánh đập bà không thương xót. Khi vị thánh được dẫn đến một nơi gọi là "Chợ Bò" (nơi đây người ta bán và giết mổ gia súc)[3960] , tình cờ một chiến binh đi cùng vị thánh vô tình dẫm phải một chiếc sừng dê lớn và làm bị thương chân mình. Trong cơn giận dữ, hắn nhặt chiếc sừng đó lên và bắt đầu dùng nó đánh vào đầu vị thánh tử đạo một cách tàn nhẫn, sau đó dùng chiếc sừng đó đâm vào cổ họng vị thánh và đâm thủng nó; và ngay lập tức, vị thánh nữ tử đạo Theodosia, cô dâu thiêng liêng của Chúa Kitô, đã trao linh hồn trong sạch của mình vào tay Chàng Rể bất tử của mình và về với cung điện thiên đàng của Ngài, được đội lên đầu vương miện kép của sự trinh khiết và sự tử đạo[3961] . Còn thi thể đầy đau khổ của ngài, bị quăng xuống đất, đã được các tín hữu Kitô giáo thu nhặt với lòng kính trọng và an táng tại một nơi đặc biệt. Từ các di cốt thánh thiện của Thánh Theodosia, những phép lạ chữa lành đã được ban cho những người đau khổ, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen[3962] .

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài đã đạt được đức hạnh một cách xứng đáng, hỡi vị tử đạo, là nơi trú ngụ tinh khiết của Đấng Kitô, và là ngôi nhà được yêu mến của Thánh Thần: từ đó, Ngài đã làm bẽ mặt kẻ thù đang chống lại loài người, đã chịu đau khổ một cách cao thượng, và đã chém đứt Copronymus, hỡi Thánh Theodosius, bằng thanh gươm của đức tin: và Ngài đã được đưa về cung điện thiên đàng trong niềm vui sướng. Xin Ngài luôn cầu xin ân sủng lớn lao cho những ai tôn kính Ngài bằng đức tin.

[3960] Theo lời giải thích của một số người, nơi này được gọi là "Volovyi" vì ở đây có một lò thiêu hình con bò, nơi các tội phạm bị thiêu sống.

[3961] Thánh nữ tử đạo Theodosius qua đời vào năm 730.

[3962] Còn lưu truyền những ghi chép về các phép lạ từ di cốt của Thánh Tử đạo, do Konstantin – một Logofet vĩ đại (người giữ con dấu của Thượng phụ) – người sống vào thế kỷ XIII – ghi lại. Một thanh niên đến từ Phrygia, bị liệt hai chân, đã được chữa lành hoàn toàn sau khi được đưa đến trước quan tài của vị thánh tử đạo; một thanh niên khác, ngã ngựa và mất trí, đã được chữa lành ngay lập tức sau khi được đưa đến trước quan tài của Thánh Theodosia và được xức dầu từ ngọn đèn thánh tại đó; chính Constantine Logothete cũng kể về bản thân rằng ông đã phải chịu đựng căn bệnh nặng ở chân mà ngay cả những bác sĩ giỏi nhất cũng không thể chữa khỏi; nhưng khi cầu khẩn Thánh nữ Tử đạo, ông đã được chữa lành hoàn toàn. Constantine Logothete trong tác phẩm của mình nhận xét rằng những phép lạ do Thánh nữ Theodosia thực hiện là vô số kể. Thánh tích của vị thánh tử đạo đã được an táng tại tu viện Diokratis hoặc Dexiokratis (tên của vị quý tộc đã xây dựng nhà thờ tu viện), gần Vịnh Vàng ở Constantinopolis.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Bằng những công lao, ngài đã đạt được cuộc sống thanh thản, và bằng máu của Kopronym, ngài đã bóp nghẹt tên kẻ thù đồi bại của Giáo hội Chúa Kitô, hỡi Thánh nữ Theodosius đầy phúc lành: và ngài đang hân hoan cùng các đạo binh trên trời, những người tôn vinh và che chở cho ký ức của ngài.

Lễ kỷ niệm Thánh Gioan, vị thánh điên, nhà làm phép lạ ở Ustyuzhna.

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 5

Thánh Gioan Đấng Thánh Tâm sinh ra trong một gia đình sùng đạo – cha tên là Savva, mẹ tên là Natalia – tại vùng lân cận thành phố vĩ đại Ustyug[3963] , trong một ngôi làng mang tên Pukhovo, nằm bên kia con sông Sukhona, nơi tọa lạc thành phố cổ Ustyug. Từ thuở thiếu thời, ngài đã bộc lộ sự tiết độ phi thường. Vào các ngày thứ Tư và thứ Sáu, ngài không ăn gì cả, còn những ngày khác chỉ ăn bánh mì và uống nước; hơn nữa, ngài luôn thức trắng đêm để cầu nguyện và luôn đi lại với khuôn mặt u sầu và bi thương, đến nỗi những ai nhìn thấy ngài đều nghĩ rằng ngài không còn tỉnh táo. Thanh niên thánh thiện ấy luôn hành xử như vậy, và mẹ ngài đã nhiều lần khuyên ngài thay đổi lối sống đó, nói rằng:

– Con ơi, đừng làm kiệt sức thân thể con bằng cách nhịn ăn; sự kiêng khem khắc nghiệt như vậy có thể khiến con bị bệnh.

– Xin đừng ép con làm điều đó, mẹ ơi, – cậu thiếu niên đáp lại, – sự kiêng khem sẽ giải thoát con khỏi tội lỗi.

– Những tội lỗi nào, con yêu của mẹ, – mẹ hỏi, – con có thể mắc phải khi còn ở độ tuổi non nớt như vậy? Trong con chỉ có ân sủng của Chúa, và chúng ta không thấy con có bất kỳ tội lỗi nào cả.

Nghe vậy, cậu thiếu niên đáp lại mẹ:

– Mẹ ơi! Xin đừng nói những lời như vậy nữa, hãy nghe những gì Kinh Thánh dạy: chớ ai trong loài người tự hào rằng mình vô tội; chỉ có một mình Đức Chúa Trời là vô tội (Rô-ma 3:10, 23; 1 Giăng 1:8, 9). Và còn nữa: thức ăn và đồ uống không thể đưa chúng ta đến gần Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 8:8). Vì vậy, chúng ta đừng nuôi dưỡng thân thể mình, để nó không trở thành kẻ thù của chúng ta.

Đó là những lời mà Thánh Gioan đã khuyên nhủ mẹ mình. Dù bản thân ngài không biết chữ, nhưng ngài đã được Thánh Thần ban ân sủng để dạy dỗ, như lời tiên tri đã nói: *"Con sẽ suy ngẫm về quyền năng của Chúa là Đức Chúa Trời; con sẽ nhớ đến sự công chính của Ngài – chỉ riêng của Ngài mà thôi"* (Thánh Vịnh 70:15–16).

Sau đó, cha của vị thánh từ làng Pukhova chuyển đến một thị trấn cũng nằm trong vùng lân cận Ustyug, tên là Orlets[3964] , bên sông Yug, và qua đời tại đó. Lúc bấy giờ, mẹ ngài đã đến tu viện Thánh Ba Ngôi Sáng Tạo ở đó, nhận lễ xuất gia và chẳng bao lâu sau được bầu làm nữ tu viện trưởng của tu viện này. Bà luôn giữ con trai bên mình, nhưng cậu thiếu niên thánh thiện, sau khi nhận ra sự hư vô của thế gian này, đã giả vờ như một người điên[3965] , và người mẹ, thấy con trai hành xử như vậy, đã phó thác con cho ý muốn của Đức Chúa Trời.

Sau đó, Thánh Gioan rời tu viện và, khi đến thành phố Ustyug, ngài định cư gần Nhà thờ Chính tòa Đức Mẹ Rất Thánh, Lễ Lên Trời của Mẹ, trong một căn lều canh gác của nhà thờ. Vào ban đêm, ngài thức trắng để dâng lên Chúa những lời cầu nguyện không ngừng, còn ban ngày thì cố gắng tỏ ra như một người điên trước mặt mọi người và chạy nhảy trên các con phố để không ai nhận ra sự giả vờ của ngài. Ngài thường nghỉ ngơi trên đống phân và đi lại hoàn toàn trần truồng, chỉ quấn một mảnh vải rách nát quanh eo. Nhưng khi thỉnh thoảng ngài mặc áo sơ mi, thì chiếc áo đó cũng luôn cũ nát và ngài chưa bao giờ giặt nó. Vị thánh nhân đã phải chịu đựng rất nhiều sự sỉ nhục, chế giễu và đánh đập từ những người vô tâm, luôn phải chịu đói khát, nhưng ngài không bao giờ nhận bất cứ thứ gì từ ai. Một lần, do cái lạnh mùa đông, ngài chui vào lò lửa đang rực cháy, nằm trên than hồng như nằm trên giường,

---

[3963] Veliky Ustyug, hiện là thị trấn cấp huyện thuộc tỉnh Vologda, nằm trên bờ trái sông Sukhona, tại điểm sông Yuga đổ vào sông này.
[3964] Thành phố Orlets nằm cách Ustyug 40 verst trên sông Yuga, một nhánh của sông Sukhona.
[3965] "Yurodivy" thực chất có nghĩa là ngốc nghếch, điên rồ. Đó là cách gọi những người tu hành Kitô giáo, những người tự cho mình là ngốc nghếch hoặc kỳ lạ vì lòng khiêm nhường và vì sự cứu rỗi vĩnh cửu của chính họ.

mà không hề bị tổn thương chút nào. Ngoài ra, ngài còn chữa lành cơn sốt cho vợ của một vị công tước tên là Theodor, người được gọi là "Người Đỏ" ([3966]), và cho một nữ công tước tên là Maria.

Sau khi sống một cuộc đời như vậy, Thánh Gioan, khi biết mình sắp về với Chúa, đã cầu nguyện cho toàn thế giới, làm dấu thánh giá, rồi nằm xuống đất và phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa. Sự việc này xảy ra vào năm 1494, vào ngày 29 tháng Năm. Vị thánh này được an táng gần nhà thờ chính tòa và vẫn thực hiện những phép lạ cho những ai thành kính cầu xin ngài[3967] .

Bài thánh ca, giọng 5:

Bằng sự trần truồng của thân xác và lòng kiên nhẫn, ngài đã vạch trần mưu mô xảo quyệt của kẻ thù, lên án hành động vô nhân đạo của chúng; ngài đã chịu đựng những cơn nắng gắt như lửa, những cơn lạnh buốt giá, băng giá và lửa thiêu đốt, nhưng nhờ sự che chở của Chúa, ngài đã không hề nao núng, hỡi Thánh Gioan khôn ngoan. Xin ngài cầu thay cho những ai với lòng tin kính nhớ đến ngài và thành kính, nhiệt thành đến thánh tích của ngài, để họ được giải thoát khỏi tai ương và tránh khỏi sự sa ngã.

Kondak, giọng 8:

Khao khát vẻ đẹp trên cao, ngài đã từ bỏ cẩn thận những thức ăn trần tục dưới đất, không ham muốn những điều hư ảo của thế gian, ngài đã yêu mến cuộc sống của các Thiên thần, và đã qua đời trong sự thanh thản, hỡi Thánh Gioan hạnh phúc: xin ngài cùng với các Thiên thần không ngừng cầu nguyện với Đức Kitô, Thiên Chúa, cho tất cả chúng con.

Ngày 12 tháng 6

Ngày 30 tháng 5 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Isaak, vị Tuyên xưng đức tin

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 5

Ngay sau khi Thánh Giá vinh hiển và ban sự sống của Chúa Giêsu Kitô được tìm thấy dưới triều đại của Hoàng đế Constantine vĩ đại, vào ngày 21 tháng 5, kẻ thù ghét của dòng dõi Kitô hữu và đặc biệt là chính Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, kẻ chống đối đức tin thánh thiện, bằng mưu mô xảo quyệt của mình đã gây ra sự hỗn loạn trong Giáo Hội của Thiên Chúa, cụ thể là: hắn đã xúi giục hoàng đế Valens[3968] , kẻ vô đạo và bất chính, bảo vệ tà thuyết Arian[3969] và thúc đẩy sự lan truyền của nó. Vị hoàng đế vô đạo này đã phát động cuộc bách hại chống lại các Kitô hữu chính thống; ra lệnh đóng cửa các thánh đường để không thể cử hành các Thánh lễ thường lệ tại đó, một số thánh đường khác bị biến thành chuồng ngựa, còn một số khác thì bị phá hủy tận gốc rễ. Cuộc đàn áp này kéo dài trong một thời gian dài. Vào thời điểm đó, có tiếng khóc than và nỗi đau buồn lớn lao giữa các tín hữu Kitô giáo, những người ngày đêm cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài thương xót Hội Thánh thánh thiện của Ngài và thực thi sự phán xét công chính cùng sự trừng phạt đối với vị vua vô đạo. Thời kỳ đó giống như thời các Tông đồ, khi vua Hê-rốt *"đã ra tay chống lại một số người thuộc Hội Thánh để làm hại họ"* (Công vụ 12:1).

[3966] Đó là quan tổng trấn Ustyug, Công tước Feodor Krasny.

[3967] Người dân thành phố Ustyug đã cầu nguyện với Thánh Gioan trong thời kỳ hỗn loạn giữa các triều đại và họ tin rằng chính nhờ lời cầu nguyện của ngài mà quân đội hoàng gia đã chiến thắng Sapieha vào năm 1610; còn vào năm 1613, nhờ lời cầu nguyện của các vị thánh làm phép lạ ở Ustyug (Prokopius và Gioan), họ không chỉ bảo vệ thành phố khỏi quân Ba Lan mà còn đánh bại chúng. Tại Ustyug, một nhà thờ mang tên Thánh Gioan đã được xây dựng.

[3968] Valens trị vì từ năm 364 đến năm 378.

[3969] Về tà thuyết Arius, xem phần dưới đây trong bài viết bổ sung về Công đồng Toàn thể lần thứ nhất

Một thời gian sau, để bảo vệ Giáo Hội, Đức Chúa Trời đã dựng nên tôi tớ của Ngài là tu sĩ Isaak, giống như xưa kia Ngài đã dựng nên tiên tri Đa-ni-ên để bảo vệ Su-san-na vô tội[3970] . Vị thánh Isakhi này ban đầu tu hành tại sa mạc phía đông, noi gương thánh Ê-li, vị tiên tri, và sống một cuộc đời giống như các thiên thần. Khi biết về cuộc bách hại do những người Arian gây ra đối với Hội Thánh của Đức Chúa Trời, cũng như biết rằng chính vua cũng tiếp tay cho việc lan truyền tà giáo, ngài đã vô cùng đau buồn; ông rời sa mạc và đến Constantinople để củng cố lòng tin của các tín hữu; lời nói của ông như ngọn nến đang cháy; Thánh Thần ngự trên ông và ân sủng thiên đàng chiếu sáng ông. Khi tận mắt chứng kiến những tai ương lớn lao mà các tín hữu phải chịu đựng dưới tay vị vua vô đạo và những kẻ đồng lõa với ông ta, ngài đã cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, xin Ngài từ trên ngai cao của Ngài nhìn xuống những người bị bách hại oan uổng và tỏ lòng thương xót cho họ, đồng thời làm khiêm nhường lòng kiêu ngạo của những kẻ bách hại.

Đức Chúa Trời, Đấng xưa kia đã nghe lời cầu nguyện của vị thánh nhân Môi-se, người đã cầu thay cho dân Ngài đang lâm vào hoạn nạn (1 Sa-mu-ên 28:17–22), cũng đã nghe lời người tôi tớ của Ngài là Isaak, và đã khiến các bộ lạc man rợ nổi dậy chống lại vị vua bất chính Valens; cụ thể là: những bộ lạc man rợ sống dọc theo sông Đanube vào thời đó, sau khi tập hợp toàn bộ quân đội của họ, đã khai chiến với người Hy Lạp; họ đã chiếm được Thrace và đang tiến gần đến Constantinople. Vua Valens buộc phải tập hợp binh lính để ra trận chống lại kẻ thù; nhưng lúc này, điều đã từng xảy ra với Sa-un, vua Y-sơ-ra-ên, kẻ thù của Đa-vít, lại xảy ra với vị vua này; vì Sa-un đã không trở về từ chiến trường, theo lời tiên tri của thánh Sa-mu-ên, do đã làm phật lòng Đức Chúa Trời (3 Sa-mu-ên 22:1–53).

Trong khi Valent đang dẫn quân rời khỏi Constantinopolis, Thánh Isaac đã đi trước ông và lớn tiếng kêu lên:

– Bệ hạ! Hãy mở cửa các nhà thờ cho những người theo đạo chính thống, và khi đó Chúa sẽ ban phước lành cho hành trình của ngài.

Nhưng nhà vua không trả lời ngài, coi thường ngài như một kẻ ngốc nghếch và điên rồ; không để ý đến những lời ngài nói, ông tiếp tục con đường của mình.

Sáng hôm sau, vị thánh nhân già bước đến gần nhà vua và lại nói:

– Hỡi nhà vua, xin hãy mở cửa các nhà thờ cho những người có đức tin chân chính, và khi đó cuộc chiến sẽ kết thúc tốt đẹp cho ngài: ngài sẽ đánh bại kẻ thù và trở về nhà bình an, khỏe mạnh.

Vua, nghe theo lời ông: "Ngài sẽ trở về nhà bình an và khỏe mạnh", đã muốn mở cửa các nhà thờ và trao lại các nhà thờ cho những người theo đạo chính thống, và đã bắt đầu tham khảo ý kiến về việc này với các quan đại thần của mình. Nhưng một vị tướng quân, người theo tà thuyết Arian, đã khuyên nhà vua đừng nghe lời nhà tu, mà hãy đuổi ông ta đi một cách nhục nhã. Sau khi mắng mỏ vị tu sĩ già, nhà vua đã đuổi ông ta đi một cách nhục nhã và đánh đập ông, rồi tiếp tục lên đường.

Và vào ngày thứ ba, vị tu sĩ đáng kính lại đến gần nhà vua; nắm lấy dây cương con ngựa mà nhà vua đang cưỡi, Isaak bắt đầu khẩn khoản van nài và khuyên nhủ nhà vua mở cửa các nhà thờ; nếu không, ông đe dọa nhà vua sẽ phải đối mặt với sự phán xét của Đức Chúa Trời.

Tại nơi đó có một vực thẳm sâu, dưới đáy mọc đầy gai góc và là một đầm lầy; khi bất kỳ con thú nào rơi vào đầm lầy này, nó sẽ không thể thoát ra được nữa, mà bị đầm lầy hút chìm và chết. Nhà vua ra lệnh ném Isaac vào đầm lầy đó để ông phải chết tại đó; sau đó, ông tiếp tục lên đường.

Còn Thánh Isaak, dù bị ném xuống đầm lầy đó, vẫn được bàn tay phải của Đức Chúa Trời che chở và không hề hấn gì: gai góc không làm ông bị thương, đầm lầy cũng không nuốt chửng ông; ông nằm giữa bụi gai như nằm trên một chiếc giường êm ái giữa những bông hoa, ca ngợi và tạ ơn Thiên Chúa cho đến khi ba người đàn ông rạng rỡ hiện ra trước mặt ông, họ đã kéo ông ra khỏi đầm lầy trong tình trạng khỏe mạnh và vô sự, rồi đặt ông lên một nơi khô ráo; còn chính họ thì biến mất khỏi tầm mắt.

Lúc đó, Thánh Isaak hiểu rằng chính Chúa đã sai các Thiên thần của Ngài đến cứu ông khỏi vực thẳm ấy; ông quỳ gối xuống, dâng lời tạ ơn Đấng Cứu Thế vì Ngài đã chăm sóc các tôi tớ của Ngài và không bỏ rơi những ai kính sợ Ngài và đặt niềm tin nơi Ngài.

[3970] Câu chuyện về Susanna được kể trong sách Đa-ni-ên 13

Sau khi cầu nguyện đủ lâu và được Thánh Thần củng cố, Isaac đứng dậy; rồi ông vội vã đi đường vòng và, vượt qua nhà vua, dừng lại trên đường đi của ông ta. Thấy vị thánh, nhà vua vô cùng kinh hãi và vì sợ hãi lẫn ngạc nhiên nên im lặng. Còn vị thánh thì can đảm nói với ông ta:

– Này, ngươi đã muốn tiêu diệt ta trong bụi gai và đầm lầy; nhưng Chúa đã giữ ta sống sót và sai các Thiên Thần của Ngài đến đưa ta ra khỏi vực thẳm ấy. Hãy nghe ta đây, hỡi nhà vua! Hãy mở cửa các nhà thờ cho những người theo đạo chính thống; khi đó ngài sẽ đánh bại kẻ thù và trở về trong vinh quang; nhưng nếu ngài không nghe lời ta, thì ngài sẽ không trở về từ chiến trường, mà sẽ chết tại đó.

Vua vô cùng ngạc nhiên trước sự táo bạo của vị tu sĩ và vẻ rạng rỡ trên khuôn mặt ông, nhưng dù vậy, ông vẫn không nghe theo lời ông, vì lòng ông đã trở nên cứng cỏi và xa cách Đức Chúa Trời. Sau đó, vua giao vị thánh nhân cho hai quan đại thần của mình là Saturninus và Victor, và ra lệnh cho họ giam giữ ông trong xiềng xích. Khi đó, ông nói với họ:

– Hãy giam giữ lão già phiền phức này cho đến khi ta trở lại và trừng phạt hắn vì sự trơ trẽn và táo bạo của hắn.

Còn Thánh Isaak, được tràn đầy ân sủng của Thánh Thần, lại bừng lên một lòng nhiệt thành còn mãnh liệt hơn (giống như ngày xưa tiên tri Mi-chê chống lại A-háp, vua Y-sơ-ra-ên), và đã lớn tiếng kêu lên với Valens:

– *"Nếu ngươi trở về bình an,"* thì hãy biết rằng *"không phải Chúa đã phán qua ta. Và Người phán: 'Hỡi toàn thể dân chúng, hãy nghe đây!'"* (3 Vua 22:28). Ta nói với ngươi rằng: ngươi, khi dẫn quân ra chiến trận, sẽ không đánh bại được bọn man di, mà sẽ chạy trốn khỏi chúng, bị chúng bắt giữ và bị thiêu sống trong lửa.

Khi vị thánh nói xong, nhà vua tức giận tiếp tục lên đường, còn vị thánh thì bị trói lại và dẫn đi.

Trong khi đó, quân Hy Lạp giao chiến với bọn man di; trận chiến diễn ra vô cùng khốc liệt; theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, bọn man di đã chiến thắng, đúng như lời tiên tri của thánh Isaak; nhiều người Hy Lạp đã ngã xuống dưới lưỡi gươm; chính vua Valent cũng bị thương và, không còn sức chống cự kẻ thù, đã phải bỏ chạy. Còn bọn man di thì truy đuổi người Hy Lạp và chém giết các chiến binh Hy Lạp như cắt cỏ; chúng đã đuổi kịp cả chính vị vua, người chỉ chạy trốn cùng một cố vấn duy nhất của mình, một tướng quân theo phái Arian, người đã khuyên ông đừng nghe theo Isaak. Khi đến gần một ngôi làng nào đó, ông nhìn thấy một kho thóc chứa đầy rơm; vì con ngựa của ông đã kiệt sức, ông xuống ngựa và ẩn náu trong kho thóc đó cùng với vị cố vấn của mình. Nhưng ông ta không thể trốn thoát khỏi bàn tay trừng phạt của Đức Chúa Trời, bởi vì bọn man di đang truy đuổi ông ta, khi đến ngôi làng đó và biết rằng người Hy Lạp đang ẩn náu trong kho rơm ấy, đã châm lửa từ mọi phía và thiêu rụi nó đến tận nền móng. Thế là vị vua khốn nạn ấy cùng vị cố vấn độc ác của ông ta đã perish.

Sau trận chiến đó, quân đội Hy Lạp còn nguyên vẹn đã tiến ra đón hoàng đế La Mã Gratianus[3971] , người đang trên đường đến cứu giúp người Hy Lạp. Khi đến các vùng đất Hy Lạp, Gratian đã phong Theodosius, người được gọi là Đại đế[3972] , làm vua cho người Hy Lạp. Theodosius, sau khi tập hợp binh lính, đã tiến đánh các bộ tộc man rợ, đánh bại và đuổi chúng đi, rồi trở về Constantinople trong sự hân hoan.

Trong khi đó, một số binh sĩ Hy Lạp, những người chưa biết về cái chết của Valens, đã đến gặp Thánh Isaac – người đang bị giam cầm – ngay sau khi ông qua đời và nói với ngài:

– Hãy chuẩn bị tinh thần để trả lời, vì chẳng bao lâu nữa hoàng đế sẽ trở về từ chiến trường và sẽ tra hỏi cũng như tra tấn ngài.

Nhưng vị thánh đáp lại họ:

– Đã bảy ngày trôi qua kể từ khi tôi ngửi thấy mùi hôi thối từ xương của hắn bị thiêu cháy; vì, như tôi đã nói, hắn đã bị thiêu sống.

Những người nghe điều này đều kinh hoàng tột độ; và quả thực, chẳng bao lâu sau, tin tức về cái chết của Valens đã đến. Sau đó, Thánh Isaac được thả ra khỏi xiềng xích, và mọi người bắt đầu tôn kính ngài như một vị tiên tri của Chúa.

Khi Theodosius tiến vào thành phố trong không khí long trọng, các quan đại thần đã được nhắc đến ở trên, là Saturninus và Victor, đã tâu trình với ngài mọi điều về Thánh Isaac – kể về sự can đảm và lời tiên tri của ngài. Nhà vua, vì kính trọng vị thánh nhân ấy, đã ra lệnh đưa ngài đến trước mặt mình với vinh dự cao cả, rồi cúi đầu kính lạy ngài, tôn vinh ngài là vị thánh nhân vĩ đại của Chúa và xin ngài cầu nguyện với Chúa cho bản thân ông cũng

---

[3971] Hoàng đế Gratian trị vì từ năm 375 đến năm 383.

[3972] Thánh Theodosius Đại Đế cai trị nửa phía đông của Đế quốc La Mã từ năm 379 đến năm 395; nửa phía tây – từ năm 393 đến năm 396.

như cho toàn vương quốc của ông. Còn vị thánh thì khuyên nhủ nhà vua hãy sống trong sự đạo đức, khôi phục hòa bình cho Giáo hội và an ủi những người bị bách hại. Nhà vua đã nghe theo lời vị thánh và làm đúng như lời ngài dạy: trục xuất những người Arian khỏi Constantinopolis, điều này khiến các tín hữu vô cùng vui mừng.

Còn Thánh Isaak, sau khi tạ ơn Thiên Chúa về mọi sự, định lên sa mạc để tu hành; nhưng Saturninus và Victor đã nài nỉ vị thánh không rời khỏi kinh thành, mà hãy ở lại bên cạnh họ và góp phần bằng lời cầu nguyện cùng giáo huấn của mình để duy trì cuộc sống hòa bình cho các Kitô hữu; vị thánh đã đồng ý đáp ứng lời thỉnh cầu của họ.

Lúc bấy giờ, giữa Saturninus và Victor nảy sinh một cuộc tranh cãi, vì mỗi người đều muốn vị thánh an cư tại nhà mình. Biết được nguyên nhân tranh cãi của họ, vị thánh đã nói, quay sang họ:

– Hỡi các con! Ta thấy tình yêu của các con dành cho ta. Nhưng vì các con mong muốn làm dịu lòng khiêm nhường của ta, nên ta nói với các con rằng: ta sẽ ở lại với người nào xây dựng ngôi nhà cho ta trước tiên, suốt những ngày còn lại của cuộc đời ta.

Và cả hai đều bắt tay vào việc xây dựng ngôi nhà cho vị thánh nhân càng sớm càng tốt.

Saturnin có một nơi rất đẹp ở ngoại ô, rất thuận tiện cho đời sống của các tu sĩ; tại nơi này, ông vội vàng xây dựng một tu viện cho vị thánh của Chúa; và chính tại đây, Thánh Isaak đã định cư. Tương tự như vậy, Victor cũng đã xây dựng một nơi ở đẹp đẽ cho vị thánh và rất tiếc nuối vì Saturnin đã đi trước mình. Khi đến gặp vị thánh, ông bắt đầu nài nỉ ngài chuyển đến căn phòng đã được xây dựng dành riêng cho ngài. Nhưng vị thánh vẫn tiếp tục tu hành tại tu viện của Saturnin, mặc dù thỉnh thoảng ngài cũng ghé thăm Victor và ở lại nhà ông vài ngày, không muốn làm ông buồn lòng bằng lời từ chối.

Trong khi đó, nhiều người bắt đầu tụ tập quanh vị thánh, mong muốn cùng ngài tu hành trong các công việc tu viện. Nhờ vậy, một tu viện lớn đã được xây dựng bằng nguồn tài trợ của những người yêu mến Thiên Chúa là Saturninus và Victor. Vị thánh nhân đã trở thành người hướng dẫn và vị tu viện trưởng của nhiều tu sĩ, đồng thời là một vị thầy hữu ích cho cả giáo dân, bởi ngài dẫn dắt mọi người trên con đường cứu rỗi bằng cả lời nói lẫn gương sáng của cuộc đời đạo đức. Vị thánh rất nhân từ với người nghèo, đến nỗi nếu đôi khi không có gì để cho người xin, ngài liền cởi áo của mình ra và trao cho họ; ngài còn thực hiện nhiều việc thiện lành khác vì Chúa. Cuối cùng, khi đã về già, ngài sắp sửa ra đi. Sau khi triệu tập toàn thể cộng đoàn và truyền đạt những lời dạy có ích cho linh hồn, Thánh Isaak đã bổ nhiệm một người đàn ông chính trực, sống đời thánh thiện, là Thánh Dalmat, làm vị tu viện trưởng thay thế ngài; chính từ tên của ngài mà tu viện đó sau này được gọi là Tu viện Dalmat.

Sau khi cống hiến hết mình cho nhiều công việc thánh thiện, Thánh Isaak đã về với Chúa để an nghỉ vĩnh hằng[3973] ; cả thành phố đã tụ tập để tiễn đưa ngài; thi hài của ngài được an táng tại nhà thờ Thánh Tê-pha-nô, vị Tử đạo đầu tiên; còn linh hồn thánh thiện của ngài đang hiện diện trước ngai vàng của Chúa Ba Ngôi, cùng với các thánh và các vị cha thánh, và cùng với họ cầu nguyện cho chúng ta với Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà vinh quang được dâng lên muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Là vị thánh trung thành của Thiên Chúa, ngài đã bừng cháy lòng nhiệt thành vì Hội Thánh của Đức Kitô, giữ vững những nguyên tắc của Thánh Valento, và như một nhà tiên tri, ngài đã tiên báo về cái chết tai hại sẽ ập xuống Hội Thánh khi nó bị đóng cửa, hỡi vị thánh đáng kính. Vì thế, xin ngài luôn cầu nguyện cho chúng con, những người tôn kính ngài, hỡi Thánh Isaak đáng kính.

Ngày 13 tháng 6

31 tháng 5 (theo lịch cũ)

Tháng 6

[3973] Thánh Isaak qua đời vào cuối thế kỷ IV. Xác thánh của ngài ban đầu được an táng tại nhà thờ Thánh Stephano, nằm sát bên tu viện Dalmatia; sau đó được chuyển đến nhà thờ Các Thánh.

Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Hê-ri-mi

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 5

Trong thời kỳ cuộc đàn áp nhằm vào các Kitô hữu dưới triều đại của hoàng đế La Mã vô đạo Antoninus[3974] , một quan đại thần tên là Sebastians đã được hoàng đế chỉ định để tra tấn các Kitô hữu. Khi từ Cilicia đến Cappadocia[3975] , ông đã gặp tại Comana[3976] một chiến binh tên là Hermia, một người già tóc bạc phơ, là Kitô hữu, tin vào Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, và sống một cuộc đời đạo đức. Vị quan đó nói với Hermia:

– Ta đã nhận được sắc lệnh của Hoàng đế La Mã Antoninus, ra lệnh cho tất cả các Kitô hữu phải dâng lễ vật cho các vị thần La Mã; nếu các Kitô hữu không chịu dâng lễ vật, họ sẽ phải chịu nhiều hình phạt tàn khốc. Vì vậy, ngươi, Hermias, hãy dâng lễ vật cho các vị thần: khi đó ngươi sẽ trở thành bạn của nhà vua; ngươi sẽ được ban tặng những vinh dự to lớn. Hãy nghe lời ta, nếu không, ta sẽ khiến cả linh hồn lẫn thân xác ngươi phải chịu cực hình.

Hermes, vị thánh tử đạo của Chúa Kitô, đã đáp lại như sau:

– Ta là chiến binh của Đức Vua Thiên Đàng và Bất Tử là Đức Kitô, Nước Trời của Ngài sẽ không bao giờ chấm dứt; vì thế, ta sẽ không tuân theo mệnh lệnh của vị vua phàm trần và vô đạo, triều đại của hắn chỉ là tạm thời, trong khi triều đại của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, sẽ tồn tại vĩnh cửu; ai tin vào Ngài sẽ được hưởng sự sống đời đời. Và tôi cũng tin vào Ngài. Trước đây tôi đã phụng sự Ngài trong bí mật, nhưng giờ đây tôi phụng sự Ngài công khai; ma quỷ sẽ không thể đánh bại tôi; còn ngươi chỉ có quyền lực trên thân xác tôi mà thôi, và điều đó cũng chỉ nhờ sự cho phép của Đức Chúa Trời; còn về linh hồn tôi, không ai có quyền lực nào cả, ngoại trừ một Đức Chúa Trời duy nhất, Đấng sẽ ban cho tôi sự kiên nhẫn và gìn giữ tôi được an toàn mãi mãi.

Sau khi nghe Thánh Hermias nói xong, Thánh Sebastian quay sang ngài và nói:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, nếu ngươi muốn tận hưởng những niềm vui của cuộc đời này.

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Làm sao tôi có thể có niềm vui, sự hưởng thụ và cuộc sống nào, nếu tôi quay lưng lại với Đấng Tạo Hóa của mình để thờ lạy ma quỷ? Quả thật, đó không phải là niềm vui, mà là nỗi buồn; đó không phải là sự hưởng thụ, mà là nỗi đau khổ; đó không phải là cuộc sống, mà là cái chết vĩnh cửu.

Hoàng tử nói:

– Ta thấy ngươi thật sự rất khôn ngoan.

Vị thánh đáp:

– Tôi khôn ngoan về Chúa, Thiên Chúa của tôi, Đấng mà tôi tin tưởng và phụng sự bằng tất cả lòng thành; vì Ngài, tôi sẵn sàng chịu khổ và vui lòng chấp nhận cái chết.

– Kính trọng mái tóc bạc và trí tuệ của ngài, – vị công tước nói, – ta sẵn sàng tha thứ và ân xá cho ngài.

Vị thánh đáp:

– Tôi không cầu xin lòng thương xót từ ngài, mà cầu xin lòng thương xót từ Đức Chúa Trời, Đấng ban sự khôn ngoan cho các tôi tớ của Ngài qua Thánh Thần.

Nghe vậy, hoàng tử nói:

– Vậy là ngài thà chọn cái chết hơn là sự sống sao?

– Cái chết này, – vị thánh đáp, – không phải là cái chết, mà là sự sống đời đời, nếu tôi kiên nhẫn chịu đựng những cực hình mà ngài đã định sẵn.

Lúc đó, hoàng tử ra lệnh dùng đá đập vỡ mặt vị thánh, đánh vào miệng ngài và lột da mặt ngài. Vị thánh nói:

– Con tạ ơn Thiên Chúa của con, vì ân sủng của Ngài luôn ở cùng con.

Sau đó, vị công tước hỏi người lính:

– Tại sao ngươi không thu thuế của mình, như tất cả các chiến binh khác đều làm?

[3974] Hoàng đế Antoninus I trị vì từ năm 138 đến năm 161.

[3975] Cilicia và Cappadocia – các vùng thuộc Tiểu Á.

[3976] Thành phố Comana nằm ở phía đông bắc Tiểu Á, thuộc tỉnh Pontus. – Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, thành phố này được biết đến là nơi lưu đày của Thánh Gioan Vàng Miệng (xem tiểu sử của ngài vào ngày 13 tháng 11). Tuy nhiên, một số người cho rằng đây là thành phố Comana nằm ở Cappadocia.

– Bởi vì các ngài bất công cướp bóc những người nghèo khổ, – vị tử đạo đáp, – nên vì lý do đó, tôi không nhận phần thuế của các ngài, cũng không dùng chúng làm thức ăn, vì tôi có thức ăn thiêng liêng do Thánh Thần ban cho, nhờ đó tôi không bao giờ đói khát.

Lúc đó, hoàng tử ra lệnh đốt lò và ném vị tử đạo của Chúa Kitô vào đó. Ba ngày sau, họ mở lò ra, nhưng thấy vị thánh vẫn còn sống và không hề hấn gì, đang ngợi khen Thiên Chúa, vì lửa không hề chạm đến thân thể ngài.

Sau đó, vị hoàng tử gọi một thầy phù thủy đến và ra lệnh cho hắn đưa chất độc cho Ê-rê-mi.

Còn vị thánh, sau khi cầu nguyện với Thiên Chúa, đã uống thứ nước độc đó mà không hề hấn gì, đúng như lời Chúa Kitô đã phán: *"Nếu họ uống thứ gì gây chết người, nó cũng sẽ không làm hại họ"* (Mc 16,18).

Pháp sư đã pha chế một loại độc dược còn nguy hiểm hơn nữa và đưa cho vị tử đạo, nói rằng:

– Nếu ngươi không hề bị tổn hại chút nào bởi chất độc này, thì ta sẽ từ bỏ phép thuật của mình và tin vào Đức Chúa Trời bị đóng đinh, Đấng mà ngươi đang phụng sự.

Còn Thánh Hê-rmi-ô, sau khi nếm thử chất độc này và uống cạn đến giọt cuối cùng, không hề bị tổn hại chút nào, mà vẫn tiếp tục khỏe mạnh và vô sự. Lúc đó, thầy phù thủy kêu lên:

– Ngươi đã đánh bại ta, Hê-ri-mê! Ngươi đã chiến thắng và vượt qua ta, hỡi tôi tớ của Đấng Christ! Ngươi đã cứu linh hồn hư mất của ta khỏi địa ngục và thúc đẩy ta phụng sự Đức Chúa Trời. Giống như một bức tượng cũ làm bằng sắt, khi được rèn lại thì được làm mới; linh hồn ta, người đã già nua trong tội lỗi và sự vô đạo, cũng được làm mới; ta được làm mới khi quay về với Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng tồn tại vĩnh cửu. Lạy Thiên Chúa trên trời, Đấng Duy Nhất và Chân Thật, Đấng đã giải thoát con khỏi sự lừa dối của ma quỷ và khỏi sự ô uế của việc thờ ngẫu tượng nhờ người tôi tớ của Ngài là Giê-rê-mi! Xin hãy đón nhận con, kẻ tội lỗi đang quay về với Ngài, và xin thương xót con, kẻ đang xưng nhận Ngài!

Khi ngài kêu cầu như vậy, vị hoàng tử bừng lên cơn thịnh nộ và ra lệnh chém đầu ngài. Vị pháp sư ấy đã bị chém đầu, được rửa tội bằng chính máu của mình; và người Kitô hữu mới, cũng là vị tử đạo, đã về với Chúa Kitô, Đấng mà vì Ngài, ngài đã hiến dâng mạng sống mình.

Còn đối với Thánh Giê-rê-mi-a, vị công tước ra lệnh tra tấn không thương xót, lột da và rút gân khắp cơ thể ngài. Trong lúc bị tra tấn dã man như vậy, vị thánh đã nói:

– Tôi hoàn toàn không cảm thấy đau đớn nào từ sự tra tấn này; vì, cũng giống như con dao khi cắt đứt gân, thải ra máu xấu và mang lại sức khỏe cho cơ thể; thì tôi cũng vậy, khi chấp nhận việc các gân bị lôi ra khỏi thân thể mình, tôi càng ngày càng trở nên vững vàng hơn trong đức tin vào Chúa Kitô.

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh ném vị thánh vào một cái nồi chứa đầy dầu sôi. Nhưng cái nồi lập tức nguội lạnh, và dầu sôi biến thành sương mát. Vị tử đạo của Chúa Kitô đã lớn tiếng kêu lên:

– Ta không cảm thấy đau đớn và sẽ không tuân theo mệnh lệnh của ngươi, kẻ tra tấn! Ta chỉ tuân theo ý muốn của Cha trên trời, Đấng mà ta dâng chính bản thân mình làm của lễ tinh tuyền, vì Ngài là Chúa tể của linh hồn và thân xác chúng ta.

Trong khi vị thánh đang nói như vậy, kẻ tra tấn ra lệnh đổ giấm đắng trộn với mật vào cổ họng ngài. Vị tử đạo lại nói:

– Vị đắng này đối với tôi chẳng khác gì trăm thùng mật ong vì Đức Chúa Trời của tôi, nhân danh Ngài mà tôi chịu đựng tất cả những điều này.

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh móc mắt thánh Hê-rê-mi. Nghe vậy, vị thánh nói với kẻ tra tấn:

– Nếu ngươi cần đôi mắt thể xác của ta, những đôi mắt nhìn thấy sự hư vô của thế gian này, thì hãy lấy đi; ta còn có đôi mắt của trái tim, nhờ đó ta chiêm ngưỡng rõ ràng ánh sáng chân lý.

Và đôi mắt của vị thánh tử đạo đã bị móc ra.

Sau đó, vị thánh bị treo ngược đầu xuống và treo lơ lửng trong tư thế đó suốt ba ngày, đến nỗi máu chảy ra rất nhiều qua lỗ mũi của ngài. Sau ba ngày trôi qua, có một số người đến xem vị thánh, nghĩ rằng ngài đã qua đời, nhưng họ thấy ngài vẫn còn sống và đang ngợi khen Thiên Chúa, điều này khiến họ vô cùng ngạc nhiên. Nhưng vì sự vô tín của họ, đôi mắt họ bị bóng tối che phủ; họ bị mù và bắt đầu kêu lên:

– Xin thương xót chúng tôi, tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật, vì chúng tôi đã bị mù lòa!

Vị thánh bèn nói với họ:

– Hãy đến gần Ta!

Khi họ đến gần ngài, ngài đặt tay lên họ và nói:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của con, hãy mở mắt ra.

Và ngay lập tức, tất cả đều nhìn thấy được, rồi họ trở về và kể lại tất cả những gì đã xảy ra.

Còn vị công tước, càng thêm giận dữ, đã ra lệnh lột da toàn thân vị tử đạo. Khi các tôi tớ thi hành mệnh lệnh của kẻ hành hình, vị thánh đã mắng chửi vị công tước và lên án các vị thần ghê tởm của ông ta, khiến vị công tước càng thêm phẫn nộ. Hống lên như sư tử, ông ta dùng dao chặt đứt cái đầu cao quý của vị thánh tử đạo.

Vậy là vị tử đạo của Chúa Kitô, Hermias, đã kết thúc cuộc đời anh hùng của mình[3977] .

Các tín hữu Kitô giáo, sau khi bí mật đến nơi đó, đã rước thi hài thánh thiện của ngài và an táng tại Cappadocia, ở một nơi gọi là Comana. Tại đây, nhiều phép lạ đã xảy ra từ thi hài thánh của vị tử đạo, và nhiều sự chữa lành đa dạng đã được ban cho để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được dâng lên vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 6:

Ngài đã tận tụy phục vụ Chúa Kitô, và khi đã tóc bạc, ngài đã đạt được lòng dũng cảm, hỡi vị tử đạo Ermée: bằng quyền năng của Chúa Kitô, ngài đã đánh bại những mưu đồ gian ác của bọn vô luật pháp, và vẫn bình an trước những thứ đồ uống bị yểm bùa, ngài đã tuyên xưng: "Chúa ở cùng tôi, và không ai có thể chống lại tôi."

Những đau khổ của Thánh Tử đạo Triết gia

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 5

Vị thánh tử đạo của Chúa Kitô, Triết gia[3978] , xuất thân từ vùng lân cận thành phố Alexandria[3979] . Về ngài, cũng như về cách ngài đã thực hiện hành trình tử đạo của mình, đã được vị tu sĩ vĩ đại Antôn[3980] thuật lại.

Có một khu vườn tuyệt đẹp, tràn ngập đủ loại cây cỏ nhiều màu sắc và thơm ngát. Trong khu vườn ấy, người ta đã dựng lên một chiếc giường được trang trí lộng lẫy để tra tấn, và vị thánh tử đạo Triết gia này, bị trói tay chân, đã bị đặt nằm trên đó. Khi nghe những lời dụ dỗ và vô liêm sỉ từ người vợ lăng loàn đến gặp mình, vị tử đạo dũng cảm nhắm mắt lại để không nhìn nàng, nhưng ông không thể che được mí mắt và tai, vì ông bị trói chặt, nên không thể làm gì để ngăn cản điều đó. Lúc đó, ngài đã làm như sau. Ngài cắn chặt lưỡi mình bằng răng, gây ra cơn đau dữ dội, nhờ cơn đau ấy mà ngài không nghe thấy những lời xúi giục của người vợ vô liêm sỉ; và vì không thể bịt mũi lại, ngài đã dùng lưỡi đẩy máu của mình làm ướt chiếc giường ô uế, làm ướt đẫm máu bộ quần áo của mình, và nhờ đó vẫn giữ được sự trong sạch trước cám dỗ từ . Vị tử đạo dũng cảm đã thực hiện kỳ tích như vậy, nhưng không khuất phục trước kẻ tra tấn. Sau đó, đầu ông bị chém rơi[3981] , và ông đang vui vẻ mãi mãi trên thiên đàng[3982] .

Ngày 14 tháng 6

Ngày 1 tháng 6 (theo lịch cũ)

[3977] Thánh tử đạo Hê-rmi-a qua đời vào khoảng năm 166.

[3978] "Triết gia" không phải là tên riêng, cũng như các tên khác được gán cho vị thánh này. Ngày 31 tháng 5 được dành để tưởng nhớ ngài với tên gọi Justin Triết gia, người được kỷ niệm vào ngày 1 tháng 6

[3979] Alexandria – một thành phố ở Ai Cập, được Alexander Đại đế thành lập tại cửa sông Nile, bên bờ Biển Địa Trung Hải.

[3980] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến Thánh Antôn Vĩ Đại, người sáng lập đời sống ẩn tu tại Ai Cập. Ngày kỷ niệm của ngài được cử hành vào ngày 17 tháng 1.

[3981] Thánh Tử đạo Triết gia đã chịu tử đạo dưới thời Hoàng đế Decius vào khoảng năm 252.

[3982] Câu chuyện về những chiến công của Thánh Tử đạo Triết gia được kể lại một cách chi tiết và dễ hiểu hơn trong cuốn "Cuộc đời và những việc làm của Thánh Phaolô thành Thebes".

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Justinus, Nhà Triết học

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 6

Thánh Tử đạo Giustinus, nhà triết học, đã sinh ra tại Syria thuộc Palestine, trong vùng Samaria, tại một thành phố ban đầu có tên là Shechem, sau này được gọi là[3983] Neapolis Flavius[3984] . Cha ngài, tên là Priscus, là một người ngoại đạo có địa vị cao; bản thân Justinus cũng từng là người ngoại đạo cho đến khi được soi sáng bởi ánh sáng của đức tin thánh thiện. Được thúc đẩy bởi lòng yêu mến sự thật, từ thuở thiếu thời, ngài đã siêng năng học tập và nhờ trí tuệ sắc sảo, ngài đã đạt được thành tích xuất sắc trong các môn học được giảng dạy tại các trường học ngoại đạo Hy Lạp. Sau khi thành thạo nghệ thuật hùng biện, ông cảm thấy khao khát tìm hiểu triết học và ban đầu trở thành học trò của một nhà triết học thuộc trường phái Khắc kỷ[3985] , để tìm hiểu giáo lý của trường phái này. Justin khao khát tìm hiểu về Thiên Chúa, nhưng sau một thời gian theo học nhà triết học Stoic này, ông không học được gì về Thiên Chúa từ ông ta, vì nhà triết học Stoic đó không biết đến Thiên Chúa và cũng không coi việc giảng dạy về Ngài là cần thiết. Sau đó, Justin rời bỏ vị thầy này và tìm đến một nhà triết học khác, thuộc phái Peripatetic[3986] , người được coi là một bậc hiền triết. Chỉ vài ngày trôi qua, vị triết gia này đã bắt đầu thương lượng với Justin về tiền công, không muốn dạy anh miễn phí. Thấy lòng tham tiền của thầy mình, Justinus cảm thấy khinh bỉ ông ta như một kẻ tham lam, và quyết định rằng vị thầy này thậm chí không xứng đáng được gọi là triết gia, vì ông ta không biết đến sự khinh bỉ đối với của cải trần thế. Sau khi từ chối các nhà triết học thuộc trường phái Khắc kỷ và Peripatetic vì những lý do nêu trên, Justin, được thúc đẩy bởi khát vọng chưa được thỏa mãn đối với triết học chân chính dẫn đến sự hiểu biết về Thượng Đế, đã định chọn một nhà triết học Pythagore nổi tiếng làm thầy của mình[3987] . Vị này cho rằng Justin trước hết phải học thiên văn học, hình học, số học, âm nhạc và một số môn khoa học khác, vì theo ông, những môn này là cần thiết trong cuộc sống trần thế. Nhưng Justin nhận định rằng để học những môn khoa học này sẽ phải mất nhiều năm, trong khi chúng không mang lại lợi ích gì cho linh hồn; và vì không nghe được từ vị thầy này điều gì có thể thỏa mãn khát khao trong lòng mình – khát khao ngày càng bùng cháy mãnh liệt bởi tình yêu Thiên Chúa – Justinus cũng đã rời bỏ ông ta. Sau đó, anh tìm đến một trong những nhà triết học Platon[3988] , học thuyết của họ vào thời bấy giờ được tôn vinh và kính trọng vô cùng; nhà triết học Platon đã hứa sẽ dạy anh ta cách nhận thức các đối tượng vô hình từ sự tương tự với các đối tượng hữu hình, kiến thức cao siêu từ sự tương tự với kiến thức thấp kém, và sự hiểu biết về Thiên Chúa từ sự hiểu biết về các ý niệm – bởi vì mục tiêu cuối cùng được cho là của học thuyết Platon này chính là sự chuyển tiếp từ việc nhận thức các ý niệm sang sự hiểu biết về Thiên Chúa. Thánh Justin đã sẵn lòng theo con đường ấy, với hy vọng đạt được mục tiêu khao khát của mình – sự khôn ngoan thần thánh, mang lại sự hiểu biết về Thiên Chúa và ban phát ân sủng của Ngài. Ông đã ở lại với vị thầy triết gia Platon khá lâu, nhanh chóng nắm vững các giáo lý và nguyên tắc của Platon, và đạt đến sự hoàn hảo và danh tiếng như một triết gia Hy Lạp ( ). Tuy nhiên, Justin vẫn chưa thể đạt được sự nhận thức chân chính về Thiên Chúa theo con đường Kitô giáo qua lối đi này, bởi vì các triết gia Hy Lạp, khi tôn kính Thiên Chúa bất diệt dưới hình ảnh hữu hạn của con người, chim chóc, thú bốn chân và loài bò sát, đã không tôn vinh Ngài xứng đáng. Tuy nhiên, Justinus vẫn có được một chút an ủi thiêng liêng khi rèn luyện việc suy ngẫm về Thiên Chúa và học hỏi về sự hiểu biết Thiên Chúa, trong phạm vi mà trí tuệ của ông – vốn chưa được soi sáng bởi giáo lý chân chính – có thể thấu hiểu.

Một lần nọ, khi đang dạo chơi ngoài thành phố, tại một nơi vắng vẻ gần biển và suy ngẫm trong lòng về các học thuyết triết học khác nhau, Justin đã nhìn thấy một vị lão niên đáng kính, tóc đã bạc phơ, mà anh chưa từng gặp trước đây. Khi anh chăm chú nhìn vị lão niên ấy, người đó nói:

– Chẳng lẽ ngươi biết ta mà lại nhìn ta chăm chú như vậy sao?

[3983] Sau khi người La Mã chinh phục Palestine (thế kỷ I sau Công nguyên).

[3984] Nablus ngày nay.

[3985] Người sáng lập học thuyết Khắc kỷ là Zeno (thế kỷ III trước Công nguyên); học thuyết này chủ yếu mang tính thực tiễn và nhằm mục đích dạy con người làm chủ các dục vọng và giữ thái độ thản nhiên trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống.

[3986] Những người theo trường phái Peripatetic – các môn đệ của Aristotle (thế kỷ IV trước Công nguyên); họ dạy rằng mọi tri thức đều bắt nguồn từ kinh nghiệm.

[3987] Bản chất của học thuyết Pythagoras (thế kỷ V trước Công nguyên) thể hiện rõ qua những lời dạy của nhà Pythagoras tên là Justinus.

[3988] Platon (thế kỷ IV trước Công nguyên) thừa nhận rằng các khái niệm về Thượng Đế, chân lý và điều thiện là bẩm sinh, cũng như sự tồn tại độc lập của linh hồn, v.v. Học thuyết của ông gần gũi với Kitô giáo hơn so với các học thuyết triết học cổ đại khác.

– Tôi không biết, – Justinus đáp, – nhưng tôi thật ngạc nhiên khi thấy ngài ở nơi hoang vắng này, nơi tôi không ngờ sẽ gặp ai cả.

– Những người thân yêu của tôi, – vị lão nhân nói, – đã đi về phía kia; trong lúc chờ họ trở về, tôi ra đây để đón họ, mong được nhìn thấy họ từ xa. Còn cậu thì đang làm gì ở đây?

Justine đáp:

– Tôi thích đi dạo một mình để có thể suy ngẫm về triết học một cách thoải mái.

– Cậu thu được lợi ích gì từ triết học? – vị tu sĩ già hỏi.

Justine đáp:

– Có gì hữu ích hơn triết học chăng? Triết học là ánh sáng soi rọi tâm trí, là người dẫn đường và người hướng dẫn cho mọi suy luận, là người chỉ đạo cuộc sống; ai hiểu rõ triết học thì sẽ nhìn thấy sự ngu dốt và lầm lạc của người khác như trong gương; không có giáo lý triết học và việc sử dụng lý trí một cách đúng đắn thì không thể có sự khôn ngoan. Vì vậy, mỗi người đều phải học triết học, để biết điều gì có ích và điều gì không, điều gì nên giữ lấy và điều gì nên từ bỏ.

– Nhưng liệu triết học có mang lại hạnh phúc cho con người không? – vị lão nhân hỏi.

Iustin trả lời:

– Tất nhiên là có.

– Vậy hãy nói cho tôi biết, triết học là gì, và hạnh phúc đến từ triết học ở điểm nào?

– Triết học – Justin trả lời – là sự hiểu biết về mọi sự tồn tại và sự nhận thức về chân lý; chính việc sở hữu sự hiểu biết và sự khôn ngoan đó cũng chính là hạnh phúc mà triết học mang lại.

Vị tu sĩ già hỏi:

– Nếu chân lý được nhận thức nhờ sự hiểu biết triết học đúng đắn, vậy anh nghĩ sao về Đức Chúa Trời?

Justin trả lời:

– Một thực thể – không bao giờ thay đổi, mà luôn tồn tại trong cùng một trạng thái, là nguyên nhân đầu tiên của mọi sự tồn tại – đó là cách tôi nghĩ về Đức Chúa Trời.

Vị tu sĩ già hài lòng với câu trả lời này và tiếp tục hỏi:

– Liệu tất cả những gì tồn tại có chung một trí tuệ không? Bởi vì người ta thường nói rằng ai am hiểu một nghệ thuật nào đó thì người ấy hiểu rõ nghệ thuật ấy: dù là đo đạc đất đai, hàng hải hay y học; liệu điều này có áp dụng tương tự đối với những điều khác thuộc về Thượng Đế và con người không? Hãy nói cho tôi biết thêm: liệu có một trí tuệ nào đó, từ đó phát sinh sự hiểu biết về cả những điều thuộc về Thượng Đế lẫn con người không?

– Quả thực là có, – Justin trả lời.

– Liệu việc hiểu biết về Đức Chúa Trời có giống như việc hiểu biết về âm nhạc, số học, thiên văn học hay bất cứ điều gì tương tự không?

– Hoàn toàn không. Hiểu biết về Đức Chúa Trời là một chuyện, còn hiểu biết về một nghệ thuật nào đó lại là chuyện khác.

– Cậu trả lời hay lắm, – vị trưởng lão nói, – một số kiến thức chúng ta thu nhận được hoặc từ việc nghe và học hỏi, hoặc từ việc quan sát đối tượng bằng chính đôi mắt mình. Ví dụ, nếu có ai đó nói với cậu rằng ở Ấn Độ có một loài thú nào đó, không giống bất kỳ loài thú nào khác, mà hoàn toàn khác biệt với chúng về các đặc tính đa dạng của nó, thì nếu không tận mắt nhìn thấy nó, cậu sẽ không thể biết về nó; và nếu ban đầu không tự mình nghe kể về loài thú này, cậu cũng sẽ không thể kể lại cho người khác nghe. Vậy bây giờ tôi hỏi bạn: làm sao các nhà triết học Hy Lạp của các bạn có thể hiểu đúng về Đức Chúa Trời và khẳng định bất cứ điều gì chân thật về Ngài, nếu họ chưa bao giờ nhìn thấy Ngài, chưa từng nghe nói về Ngài, và do đó, không có bất kỳ sự hiểu biết nào về Ngài?

Justin trả lời:

– Thưa Cha! Sức mạnh của Thần Thánh không thể nhìn thấy bằng mắt xác thịt, như cách con người quan sát các sinh vật sống trên trần gian, mà chỉ có thể thấu hiểu Đức Chúa Trời bằng trí tuệ, như Plato đã nói, người mà tôi đang theo học thuyết của ngài.

Vị tu sĩ già hỏi:

– Liệu trong tâm trí chúng ta có một sức mạnh nào đó với những đặc tính như vậy và đủ mạnh mẽ, nhờ đó chúng ta có thể thấu hiểu những điều vô hình nhanh hơn so với việc nhận thức bất kỳ vật gì bằng các giác quan thể xác không?

Justin trả lời:

– Quả thực có một sức mạnh như vậy; Plato gọi nó là "con mắt của lý trí", mà theo học thuyết của ông, được ban cho con người với mục đích để, khi đã được thanh tẩy và soi sáng bởi học thuyết của sự khôn ngoan, nó có thể chiêm ngưỡng chính Sự Thật Thần Thánh, nguyên nhân của mọi sự vật mà lý trí có thể thấu hiểu. Còn Chân lý này thì không có hình dạng cụ thể, hay bất kỳ sự tương đồng nào, hay tuổi tác, hay bất cứ điều gì mà đôi mắt thể xác có thể tiếp cận được, mà là một Thực thể cao hơn tất cả các thực thể, không thể thấu hiểu, không thể diễn tả, là sự kết hợp giữa lòng nhân từ và vẻ đẹp; chính Thực thể này từ thuở ban đầu đã gieo vào những tâm hồn cao quý khát vọng nhận biết Ngài – vì Ngài yêu thích khi những tâm hồn ấy nhận biết và chiêm ngưỡng Ngài.

Vị tu sĩ già cảm thấy vui khi nghe những lời ấy, nhưng ông vẫn chưa hoàn toàn hài lòng với luận giải của Justin về Thiên Chúa theo học thuyết của Plato, vì cho rằng nó chưa hoàn hảo do thiếu vắng sự tuyên xưng Kitô giáo; và không tán thành Plato, ông nói:

– Nếu Plato dạy như những gì con tuyên xưng, thì tại sao chính ông ấy lại không nhận biết và thấu hiểu được lẽ thật của Đức Chúa Trời? Khi khẳng định rằng Thiên Chúa là Đấng vô hình và không thể thấu hiểu, ông lại thờ lạy các thụ tạo hữu hình – bầu trời, các vì sao, cây cối và những tảng đá được tạc thành hình người – như chính Thiên Chúa; đồng thời, biến lẽ thật của Thiên Chúa thành sự dối trá, ông vẫn bám giữ việc thờ ngẫu tượng và dạy điều đó cho người khác. Tôi không nghĩ rằng Plato và các nhà triết học Hy Lạp khác sở hữu trí tuệ đúng đắn, có khả năng đạt đến sự nhận thức chân chính về Đức Chúa Trời: *"Họ đã trở nên hư không trong những suy luận của mình, và lòng họ vô trí đã bị che khuất; tự xưng là khôn ngoan, nhưng lại trở nên điên rồ"* (Rô-ma 1:21–22). Tóm lại, tôi sẽ nói như thế này: trí tuệ con người, nếu không được Thánh Thần hướng dẫn và không được đức tin soi sáng, thì hoàn toàn không thể nhận biết và hiểu được Thiên Chúa.

Và vị tu sĩ già đã nói nhiều điều tương tự như vậy về sự hiểu biết đúng đắn về Đức Chúa Trời, sự thờ phượng chân chính và những điều thiêng liêng khác, đồng thời vạch trần sự lầm lạc của các triết gia Hy Lạp. Ngạc nhiên trước những lời của vị tu sĩ già, Justin hỏi:

– Vậy thì phải tìm thầy ở đâu và thầy như thế nào để được dạy dỗ về lẽ thật, nếu như trong Plato và các nhà triết học khác không có lẽ thật?

Lúc đó, vị tu sĩ già bắt đầu kể cho anh nghe về các vị tiên tri thánh thiện, và nói:

– Vào thời xa xưa, từ rất lâu trước khi các nhà triết học xuất hiện, đã có những người thánh thiện, công chính và được lòng Chúa; được đầy dẫy Thánh Thần, họ đã tiên tri về những điều đang xảy ra ngày nay, và những người ấy được gọi là các vị tiên tri. Chính họ là những người đầu tiên nhận biết sự thật, và khi rao giảng sự thật ấy cho mọi người, họ không hề nao núng trước ai và cũng không sợ hãi ai; không ai có thể thuyết phục họ từ bỏ sự thật dù chỉ một lời, và danh vọng hão huyền cũng không thể đánh bại họ. Về mọi điều họ đã chiêm ngưỡng hoặc nghe được từ Đức Chúa Trời trong những sự mặc khải dành cho họ, họ đã nói một cách đơn giản, chân thật và không sợ hãi. Các tác phẩm của họ vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay; ai đọc chúng với lòng tin, thì chúng sẽ mang lại nhiều lợi ích và soi sáng tâm trí để nhận biết lẽ thật. Các vị tiên tri thánh thiện này không dùng lời lẽ xảo trá, cũng không dùng bất kỳ luận chứng hay suy luận ngụy biện nào[3989] để chứng minh lời nói của mình, mà trong những cuộc trò chuyện giản dị, họ đã phán ra chính sự thật, bởi chính họ – vượt lên trên mọi luận chứng ngụy biện – là những nhân chứng trung thực nhất của sự thật, với tư cách là những người tin vào Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, Đấng Tạo Hóa của vạn vật, và là những người đã báo trước sự giáng sinh của Con Ngài, Chúa Kitô, xuống trần gian. Và không còn nghi ngờ gì nữa, các vị tiên tri xứng đáng được tin tưởng, bởi vì một số lời tiên tri của họ đã ứng nghiệm, còn những lời khác thì đang ứng nghiệm. Còn sự thật của một số lời tiên tri của họ, họ đã chứng thực bằng những phép lạ, thực hiện những việc kỳ diệu nhờ sức mạnh được ban cho từ trên cao bởi ân sủng của Đức Chúa Trời, điều mà những nhà tiên tri giả dối, không được Đức Chúa Trời sai phái, không bao giờ có thể làm được, mà chỉ dọa nạt mọi người bằng những ảo ảnh và mưu mẹo của ma quỷ.

Một vị thánh nhân mà Justin chưa từng quen biết đã trò chuyện với anh như vậy, và cuối cùng, ngài nói với anh:

– Trước hết, hãy siêng năng cầu nguyện cùng Thiên Chúa chân thật, để Ngài mở ra cho con cánh cửa ánh sáng, vì chỉ ai được chính Thiên Chúa ban ơn mặc khải mới có thể chiêm ngưỡng và thấu hiểu những điều thiêng liêng; còn Ngài thì mở ra cho bất cứ ai tìm kiếm Ngài bằng lời cầu nguyện và đến gần Ngài bằng tình yêu.

[3989] Các nhà triết học Sophist phủ nhận khả năng có được kiến thức chắc chắn về các sự vật và cố gắng chứng minh bất kỳ ý tưởng nào, ngay cả những ý tưởng sai lầm. Từ đó nảy sinh khái niệm "sophism" – kết luận đúng đắn dựa trên tiền đề sai lầm.

Nói xong, vị tu sĩ già rời khỏi anh và biến mất; từ đó về sau, Justin không bao giờ và ở đâu có thể tìm thấy hay nhìn thấy người đàn ông ấy nữa. Về những cảm xúc trong lòng mình sau khi vị tu sĩ già ra đi, chính Justin, trong cuộc trò chuyện với Trifon, một người Do Thái nổi tiếng, đã kể lại như sau:

– Một ngọn lửa nào đó bùng lên trong lòng tôi, thắp sáng tinh thần tôi bằng khát khao hướng về Thiên Chúa, và tình yêu dành cho các vị tiên tri thánh thiện cùng những người là bạn của Đức Kitô đã trỗi dậy trong tôi. Khi suy ngẫm về những lời của vị tu sĩ cao niên, tôi nhận ra rằng triết lý mà ngài rao giảng là triết lý duy nhất chân thật; tôi bắt đầu đọc các sách tiên tri và các thư của các tông đồ, và nhờ đó, tôi thực sự trở thành một nhà triết học, tức là một Kitô hữu chân chính.

Sau này, khi kể lại điều này cho Trifon, Thánh Justin cũng đồng thời ghi nhớ lại khởi đầu của hành trình hướng về Thiên Chúa của mình, khi ông được một người đàn ông lạ mặt – dường như được sai phái từ trời cao – dẫn dắt vào con đường chính đạo.

Sau cuộc trò chuyện đầy ý nghĩa với vị tu sĩ già được Thượng Đế soi sáng, Justinus ngay lập tức tìm đến các sách Kitô giáo và với lòng thành kính, ông bắt đầu đọc các Kinh Thánh. Ông so sánh những lời tiên tri cổ xưa của các nữ tiên tri[3990] với những lời tiên tri của các thánh tiên tri về sự nhập thể của Đấng Kitô từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, về những đau khổ tự nguyện của Ngài, về ngày phán xét tương lai và về sự kết thúc của thế giới hữu hình; khi nhận thấy sự nhất quán hoàn toàn giữa hai nguồn này, ông đã kinh ngạc, và dần dần, dưới sự hướng dẫn nội tâm của Thánh Thần, ông đi đến sự hiểu biết trọn vẹn hơn về Thiên Chúa và Con Thiên Chúa. Ngày qua ngày, khát vọng hướng tới sự đạo đức trong tâm hồn ông ngày càng mạnh mẽ, và khi nghiêng về đức tin Kitô giáo, ông lên án sự điên rồ của người Hy Lạp trong chính bản thân mình. Vào thời điểm đó, những cuộc bách hại thường xuyên và dữ dội đối với các Kitô hữu, cũng như vô số lời vu khống vô liêm sỉ, đáng xấu hổ, những lời vu khống về các tội lỗi không thể tưởng tượng nổi, được những người ngoại đạo gán ghép sai trái cho các Kitô hữu – như thể các Kitô hữu trong các buổi họp (cầu nguyện) ban đêm của họ, sau khi tắt đèn, cũng dập tắt luôn ánh sáng của sự trong sạch, làm ô uế lẫn nhau bằng sự dơ bẩn, và giống như thú vật, ăn thịt người. Bằng những lời vu khống ghê tởm như vậy và những lời tương tự, những người ngoại đạo và người Do Thái đã bôi nhọ các Kitô hữu vô tội trước mặt mọi dân tộc. Những lời dối trá của những kẻ vô đạo và điên rồ lại được tin như thể chính là sự thật; và tất cả những kẻ ngoại đạo đều căm ghét các Kitô hữu – những người công chính và thánh thiện – khinh bỉ họ, coi thường và xa lánh họ như những kẻ phạm pháp tột độ, mắc phải những tội lỗi nặng nề, và đã kết án các Kitô hữu tử hình sau nhiều hình thức tra tấn đa dạng. Những hoàn cảnh này ban đầu đã cản trở Justus trong ý định gia nhập cộng đồng Kitô hữu; nhưng dù sao, ông cũng không tin tưởng lắm vào những cáo buộc nhằm vào các Kitô hữu, vì ông biết rõ rằng thường thì trước tòa án dân gian thiếu lý trí, những người vô tội lại bị kết án như kẻ có tội, những người trong sạch bị bôi nhọ như những kẻ đồi bại, và những người công chính lại bị coi là tội nhân. Khi thấy các Kitô hữu trả lời một cách không sợ hãi trước tòa án, can đảm chịu đựng những cực hình, khinh thường mọi của cải trần gian như rác rưởi, tự nguyện chịu khổ hình vì Chúa của mình và háo hức đón nhận cái chết như một bữa tiệc, – Justin đã tự nhủ trong lòng:

– Những điều người ta nói về các Kitô hữu là sai lầm, rằng họ phạm những tội ác như vậy: kẻ tội lỗi, chìm đắm trong những khoái lạc xác thịt không kiềm chế và vì ham muốn dục vọng mà ăn thịt người, không chịu đựng được cực hình, không tự nguyện chịu thương tích, mà luôn tìm cách trốn tránh; khi bị đưa ra tòa, hắn sẽ tìm mọi cách để thoát tội và không tiếc bất cứ giá nào để chuộc tội, nhằm sau đó sống một cuộc đời không đau khổ và, nhờ sức khỏe thể chất, càng đắm chìm sâu hơn vào những dục vọng của mình. Các Kitô hữu thì không như vậy: khi tự nguyện chọn sự đau khổ vì Chúa Kitô, Đấng mà họ tin tưởng, và khi chọn cái chết thay vì cuộc sống, làm sao họ có thể yêu thích tội lỗi đến mức đó được?

Suy luận như vậy, ông đã tìm hiểu kỹ lưỡng về cuộc sống của các Kitô hữu và hoàn toàn tin chắc rằng họ sống trong sự kính sợ Chúa một cách trong sạch và vô tì vết, cẩn trọng giữ gìn sự trong sạch, liên tục tự chế ngự bản thân bằng việc ăn chay và kiêng khem, thường xuyên cầu nguyện và luôn thực hành mọi việc lành. Sau khi xác tín tất cả những điều này, Justin đã hết lòng yêu mến các Kitô hữu, gắn bó với họ và nhận phép rửa thánh . Ông trở thành một vị bảo vệ vĩ đại cho đức tin Kitô giáo, một chiến binh bằng lời nói và văn chương chống lại người Hy Lạp và người Do Thái, một chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô, một tu sĩ kiên cường và dũng cảm.

[3990] Các nữ tiên tri Sibyl – những người tiên đoán tương lai của người Hy Lạp và La Mã. Trong những lời tiên tri được gán cho họ, các hoàn cảnh khác nhau trong cuộc đời trần thế của Đấng Cứu Thế được nêu ra khá rõ ràng.

Với khát vọng cứu rỗi linh hồn loài người, ngài đã đi khắp các quốc gia: giảng dạy và rao giảng về danh Chúa Kitô, dẫn dắt những người chưa tin từ sự lầm lạc của họ trở về với Thiên Chúa. Ngài cũng đã đến Rôma[3991] với tư cách là một nhà triết học – trong trang phục của một nhà triết học, cùng với các môn đệ của mình. Vì có nhiều người tìm đến ngài để học hỏi, nên ngài đã thành lập các trường học và dưới vỏ bọc của triết học thế gian, ngài đã giảng dạy triết lý Kitô giáo chân chính. Khi gặp Marcion[3992] , người sáng lập tà thuyết, tại đó, ngài đã mạnh mẽ chống lại ông ta, bác bỏ và viết các cuốn sách chống lại các tà thuyết của ông ta, cũng như chống lại các giáo lý tà đạo khác. Cũng tại Rôma, có một triết gia ngoại giáo thuộc trường phái Khắc kỷ[3993] là Criscent, kẻ thù lớn của các Kitô hữu; vị triết gia Kitô giáo chân chính là Thánh Giustinô đã không ngừng đấu tranh bằng lời nói với triết gia vô đạo này và viết các cuốn sách chống lại ông ta. Nhà triết học thuộc trường phái Cynic này, bản thân sống một cuộc đời ô uế và vô cùng vô luật pháp, đã căm ghét các Kitô hữu vì lối sống trong sạch theo ý Chúa của họ, và ghen tị với danh tiếng tốt đẹp của Thánh Giustino, người được tất cả người La Mã kính trọng nhờ sự khôn ngoan được Thiên Chúa soi sáng và cuộc sống trong sạch, vô tì vết của ngài. Trong cơn giận dữ, tên theo chủ nghĩa hoài nghi đã vu khống các Kitô hữu, buộc tội họ về nhiều hành vi đáng hổ thẹn, nhằm làm ô danh Thánh Giustino cùng các tín hữu đồng đạo trong mắt dân chúng và khơi dậy sự ghê tởm đối với họ. Nghe và thấy điều đó, Thánh Giustino đã nói:

– Tôi sẵn sàng chịu khổ vì đức tin vào Đấng Kitô và chịu chết dưới tay những kẻ vô tín; và tôi nghĩ rằng cái chết ấy sẽ đến với tôi qua tay tên Criscentus, kẻ hoài nghi điên rồ, người yêu thích sự kiêu ngạo hơn cả sự khôn ngoan, kẻ không xứng đáng với danh hiệu triết gia, vì hắn dám khẳng định những điều mà hắn chắc chắn không biết, rằng các Kitô hữu là những kẻ vô thần (không có Thiên Chúa), và làm nhiều điều ô uế và trái luật; anh ta phỉ báng chúng ta như vậy vì lòng hận thù và ác ý, và còn tệ hơn cả những người bình thường, bởi vì những người sau này không dám nói gì về những điều mà họ không biết.

Lúc bấy giờ, Antoninus[3994] , người kế vị Hoàng đế Hadrianus, đang trị vì tại La Mã. Bản thân Antoninus không hề thù hận người Kitô hữu; tuy nhiên, do các sắc lệnh của các vị vua tiền nhiệm, những kẻ vô đạo và thờ thần tượng đang cai trị dân chúng đã bức hại và giết hại người Kitô hữu vì lòng căm thù sâu sắc dành cho họ, cũng như vì lòng tham lam nhằm cướp bóc tài sản của họ; và không phải vì họ tuyên xưng danh Chúa Kitô, mà chủ yếu dựa trên những cáo buộc vu khống sai trái về nhiều tội ác, các tín hữu đã bị đưa ra tòa, bị tra hỏi về những lời vu khống bị bịa đặt và bị xử tử bằng nhiều hình thức khác nhau. Vào thời điểm đó, tại Rôma đã xảy ra một sự việc như sau: một người phụ nữ ngoại đạo, sống trong sự ô uế, sau khi nghe các Kitô hữu rao giảng về Thiên Chúa chân thật và giáo lý về đời sống trong sạch, về phần thưởng dành cho người công chính và sự trừng phạt dành cho kẻ có tội, đã cảm động tận đáy lòng và tin nhận Chúa Kitô. Bà đã khuyên nhủ chồng mình – một kẻ sùng bái thần tượng cuồng nhiệt, chìm đắm trong sự dâm dục – bằng mọi cách, mong muốn dẫn dắt anh ta đến cuộc sống tiết độ và hướng về đức tin chân chính. Khi thấy mình hoàn toàn không thể cải hóa được ông ta, bà đã tìm cách chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với ông ta, để không còn phải sống chung và không bị ô uế bởi sự dâm dục nữa. Người chồng, khi biết được người Kitô hữu nào đã dạy vợ mình về đức tin Kitô giáo, đã đến gặp quan tổng trấn để tố cáo người Kitô hữu đó, tên là Ptolemy. Người tôi tớ của Chúa Kitô là Ptolemy bị bắt, bị giam giữ lâu ngày trong ngục tối hôi thối, và sau khi bị đưa ra xét xử, đã bị quan tổng trấn kết án tử hình. Trong phiên tòa bất công đó, có một người đàn ông tên là Lucius đứng đó; khi thấy vị thánh Ptolemy bị kết án oan uổng, ông đã nói với vị quan tòa bất công:

– Vì tội gì, thưa quan thành trưởng, mà ngài lại kết án tử hình một người vô tội? Anh ta không phải là kẻ ngoại tình, không phải là kẻ hiếp dâm, không phải là kẻ giết người, không phải là kẻ trộm cắp, không phải là kẻ cướp bóc, cũng không bị buộc tội về bất kỳ hành vi phạm pháp nào khác. Tội duy nhất của anh ta là đã xưng mình là Kitô hữu.

[3991] Rome – thủ đô của Đế chế La Mã, nằm ở vùng trung tâm Ý, trải dài hai bên bờ sông Tiber, tại nơi con sông này đổ ra biển.

[3992] Marcion thuộc về nhóm dị giáo – những người theo thuyết Gnosticism – và dạy rằng thế giới hữu hình không phải do Đức Chúa Trời tạo ra, mà là do các thế lực thấp kém hơn của Ngài; ông bác bỏ Cựu Ước.

[3993] Những người theo chủ nghĩa hoài nghi (người sáng lập học thuyết này là Antisthenes, thế kỷ IV trước Công nguyên) đã đẩy học thuyết về lối sống giản dị đến mức cực đoan, bác bỏ khoa học, nghệ thuật và toàn bộ nền văn hóa bên ngoài.

[3994] Có hai tác phẩm biện hộ nổi tiếng của Thánh Giustino: tác phẩm đầu tiên được viết không sớm hơn năm 150 và gồm 68 chương, trong đó ngài cố gắng xin hoàng đế Antoninus bảo trợ cho các Kitô hữu; tác phẩm thứ hai (được viết vào khoảng năm 162) nhằm thuyết phục Marcus Aurelius đối xử ôn hòa hơn với các Kitô hữu. Trong các tác phẩm biện hộ của mình, nhà triết học Justin nói "thay mặt cho những người Kitô hữu bị ghét bỏ và bách hại một cách bất công".

Nhìn người đang nói với ánh mắt dữ tợn, quan thành chủ hỏi với giọng đầy giận dữ:

– Còn ngươi, chẳng phải cũng là một Kitô hữu sao?

Lukiy trả lời:

– Vâng, tôi là người Kitô hữu.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh xử tử ông. Một người thứ ba, bạn của hai Kitô hữu này, cũng công khai tuyên xưng mình là Kitô hữu; và cả ba người đều đã hiến dâng linh hồn mình vì Chúa Kitô.

Thánh Giustinô, khi biết tin về vụ sát hại bất công các thánh nhân này, đã tràn ngập nỗi buồn, liền viết một cuộn giấy, hay còn gọi là bản bào chữa[3995] , chứng minh sự vô tội của các Kitô hữu, rồi trao nó cho hoàng đế, các con trai của ngài và toàn thể Thượng viện, sẵn sàng không sợ hãi chịu cực hình và cái chết vì Chúa Kitô. Vua đã đọc bản văn này một cách chăm chú, ngạc nhiên trước sự thông thái của nhà triết học Kitô giáo, và không những không giận dữ với ông hay kết án tử hình ông, mà còn khen ngợi trí tuệ của ông. Trong cuộn giấy này, Justin đã vạch trần sự giả dối của các vị thần ngoại đạo, mô tả rõ ràng quyền năng vô biên của Chúa Kitô, chứng minh rằng những cáo buộc nhằm vào các Kitô hữu là sai trái, và rằng cuộc sống của họ trong sạch và chính trực. Được cảm động, hoàng đế ra lệnh rằng không được tra tấn các Kitô hữu vì họ tuyên xưng danh Chúa Kitô, cũng như không được cướp bóc tài sản của họ, trừ những trường hợp phạm tội thực sự đáng bị lên án và tử hình.

Thánh Giustinô đã ghi chép lại sắc lệnh này của hoàng đế; sau khi được hoàng đế tha bổng, ngài đã được phép lên đường đến châu Á, nơi mà lúc bấy giờ các Kitô hữu đang phải chịu sự bách hại đặc biệt nghiêm trọng. Trong bộ trang phục triết gia mà ngài không bao giờ cởi bỏ cho đến khi qua đời, Thánh Giustinô đã đến Ê-phê-sô[3996] , công bố và giải thích sắc lệnh của hoàng đế cho mọi người, đồng thời gửi nó đến các vùng lân cận và các thành phố. Sự bình yên đã trở lại trong Giáo Hội của Chúa Kitô, cuộc bách hại tạm thời chấm dứt, và các tín hữu tràn ngập niềm vui lớn lao. Trong thời gian ở Ê-phê-sô, Thánh Giustinus đã tranh luận với Trifon, một vị rabbi Do Thái rất thông thái, và đã giành chiến thắng bằng cách trích dẫn Kinh Thánh Cựu Ước; về cuộc tranh luận này, cũng như về bản bào chữa nói trên, có một bài viết dài trong cuốn sách của Giustinus[3997] .

Sau khi ở lại Ê-phê-sô một thời gian khá lâu, ngài lại trở về Ý và, noi gương các Tông đồ, ngài rao giảng về Chúa Kitô khắp nơi trên đường đi, dùng các cuộc tranh luận để dẫn dắt người Do Thái và người Hy Lạp đến với đức tin thánh thiện, đồng thời củng cố đức tin cho các tín hữu. Khi ngài đến Rôma, nhà triết học Hy Lạp thuộc phái Khắc Kỷ tên là Criscent, người đã được nhắc đến ở trên, đã nổi dậy chống lại ngài với lòng căm thù mãnh liệt và sự ác độc tột độ; Thánh Giustinus thường xuyên tranh luận với ông ta, luôn luôn chiến thắng và làm ông ta bẽ mặt trước mặt mọi người. Không thể chống lại Thánh Giustinô và không biết phải làm gì khác, Criscent đầy ác ý đã vu khống ngài bằng nhiều cáo buộc giả dối trước tòa án La Mã. Thánh nhân bị bắt giữ và, như một kẻ đáng bị trừng phạt, bị xiềng xích và tra tấn tại tòa; nhưng không tìm thấy bất kỳ tội lỗi nào ở ngài. Kẻ ghen tị, lo sợ rằng Justin sẽ được trả tự do, đã bí mật chuẩn bị một loại thuốc độc chết người, và bằng cách đó, hắn đã lừa dối và cướp đi mạng sống của vị chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô.

Vậy là Thánh Giustinus, nhà triết học Kitô giáo chân chính ([3998]), đã qua đời, để lại nhiều tác phẩm rất hữu ích cho Giáo Hội của Chúa Kitô và tràn đầy sự khôn ngoan của Chúa Thánh Thần ([3999]). Khi được dâng lên Chúa

---

[3995] Những người đàn ông dũng cảm, trong thời kỳ các cuộc bách hại khốc liệt đối với các Kitô hữu vào thế kỷ II và III, đã đứng ra trước chính quyền La Mã và xã hội với tư cách là những người bảo vệ Kitô giáo qua văn chương và những người vạch trần sự sai lầm của ngoại giáo; trong lịch sử Giáo hội, họ được biết đến với tên gọi các nhà biện hộ – tức là những người bảo vệ, còn các tác phẩm của họ được gọi chung là các tác phẩm biện hộ. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, có những nhà biện hộ sau đây: ở phương Đông: Aristides, Codratus, Meliton, Giám mục Sardis, Tatian, Athinogenes, Miltiades, Thánh Theophilus, Giám mục Antioch; ở phương Tây: Minucius Felix, Quintus Septimius Tertullian, Arnobius, Lactantius và Thánh Cyprian, Giám mục Carthage

[3996] Ê-phê-sô – thành phố chính của tỉnh Á-si-a thuộc Tiểu Á; nằm bên sông Cai-sơ-trê. Hiện nay, trên địa điểm của thành phố cổ Ê-phê-sô là một ngôi làng Thổ Nhĩ Kỳ nghèo khó, có tên là Seysia-Seljuk.

[3997] "Cuộc đối thoại với Trifon, người Do Thái".

[3998] Vào các năm 165–166.

[3999] Ngoài những tác phẩm đã nêu, người xưa còn biết đến các tác phẩm của Thánh Justine: "Lời bàn về linh hồn", cũng như: "Lời vạch trần chống lại người Hy Lạp", "Bài diễn văn chống lại người Hy Lạp", trong đó chứa đựng sự vạch trần chủ nghĩa đa thần. Thánh Gioan Damasceno đã lưu giữ một phần đáng kể của tác phẩm "Về Sự Phục Sinh" của Thánh Giustino, vốn không còn tồn tại đến ngày nay. Nhà sử học Giáo hội nổi tiếng Eusebius khẳng định rằng Thánh Giustino đã viết cuốn "Người Ca Ngợi", "Lời Vạch Trắng Các Tà Giáo Trong Quá Khứ" và cuốn "Chống Lại Marcion". Chính nhà triết học Justinus trong bản Bào chữa thứ nhất đã đề cập đến tác phẩm của mình chống lại các tà giáo. Tác phẩm đáng chú ý nhất của nhà triết học Justinus là một tác phẩm đối thoại chống lại người Do Thái mang tựa đề "Cuộc đối thoại với Trifon, người Do Thái".

Kitô, Đấng ban ân sủng, ngài đã nhận từ Ngài vương miện đau khổ và được xếp vào hàng các thánh tử đạo, những người tôn vinh Thánh Ba Ngôi, Cha, Con và Thánh Thần, muôn đời, amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Nhờ sự khôn ngoan của những lời Thánh của Ngài, hỡi Justine, toàn thể Giáo hội của Chúa đã được trang hoàng, và thế gian được chiếu sáng bởi sự rạng ngời của cuộc đời ngài: vì đã đổ máu mà nhận vương miện, và cùng các Thiên thần đứng trước mặt Chúa Kitô, xin ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Justine và các đồng đạo

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 6

Vào thời điểm đó, những kẻ thờ thần tượng ở khắp các quốc gia và thành phố đã ban ra một sắc lệnh bất chính chống lại các Kitô hữu đạo đức và tuân giữ luật pháp tốt lành, buộc mọi người tin vào Chúa Kitô phải dâng lễ vật cho các thần tượng; các thánh tử đạo Justine, Chariton và Charita (một phụ nữ), Evelpist, Hierax, Peon và Valerian bị bắt, bị dẫn đến Rôma và đưa ra xét xử trước quan tổng trấn Rusticus. Ông ta nói với Justin:

– Hãy tuân phục các vị thần và các sắc lệnh của hoàng đế, để khỏi bị kết án.

Thánh Justinus đáp lại:

– Không ai và không bao giờ có thể bị kết án, nếu tuân theo các điều răn của Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô của chúng ta.

"Ngươi theo giáo lý nào?" – quan tổng trấn hỏi.

Thánh Justinus đáp:

– Tôi đã miệt mài nghiên cứu mọi giáo lý bên ngoài và đạt đến trình độ thông thạo trong mọi lĩnh vực tri thức, nhưng sau đó tôi đã gia nhập giáo lý Kitô giáo chân chính – dù nó có thể không được những ai lầm lạc trong những suy luận sai trái chấp nhận.

Rusticus liền nói:

– Vậy là ngươi, tên khốn kiếp, lại ưa chuộng những giáo lý trái ngược với triết lý của chúng ta sao?

– Vâng, tôi yêu mến, – Thánh Giustinô đáp – vì tôi tuân theo giáo lý công chính của các Kitô hữu.

– Đó là giáo lý gì?

– Giáo lý chân chính mà chúng tôi, những người Kitô hữu, kiên định tuân giữ, chính là: nhận biết Thiên Chúa duy nhất, Đấng Tạo Hóa và Đấng Sáng Tạo của mọi sự hữu hình và vô hình, và tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng đã được các ngôn sứ báo trước từ lâu, Đấng sẽ đến để phán xét loài người. Ngài là Đấng rao giảng ơn cứu rỗi và là Thầy của những ai mong muốn vững vàng trong đức hạnh. Về Thần tính vô biên của Ngài, tôi, một con người yếu đuối, là kẻ hèn mọn nhất trong tất cả, không thể nói lên với đủ sức mạnh, nhưng tôi xưng nhận rằng điều này đã được các tiên tri báo trước: họ đã báo trước từ nhiều thế kỷ trước về sự giáng trần của Đấng mà tôi gọi là Con Thiên Chúa.

Thị trưởng hỏi:

– Các Kitô hữu tụ họp ở đâu?

Justin trả lời:

– Mỗi người đến nơi nào họ muốn và có thể. Ngài có nghĩ rằng tất cả chúng tôi đều tụ họp tại một nơi duy nhất không? Điều đó là không thể: vì Đức Chúa Trời của người Kitô hữu không ngự tại bất kỳ nơi nào cụ thể, nhưng, với tư cách là Đấng vô hình, Ngài tràn ngập cả trời và đất; những người trung thành thờ phượng Ngài khắp mọi nơi, và vinh quang của Ngài được rao truyền khắp nơi.

Thống đốc nói:

– Dù sao đi nữa, hãy trả lời chúng tôi, các ngươi tụ họp ở đâu, và ngươi tập hợp các môn đệ của mình ở đâu.

Justin trả lời:

– Cho đến nay, tôi vẫn ở gần nhà của một người tên là Martin, gần nhà tắm có tên là Timio-tini; đây là lần thứ hai tôi đến thành phố La Mã, và tôi không biết nơi nào khác ngoài nơi đã nêu; bất cứ ai muốn đến với tôi, tôi đều dẫn dắt họ đến với giáo lý chân chính.

– Vậy, ngươi là người Kitô hữu sao? – Rusticus hỏi.

– Vâng, tôi là người Kitô hữu, Justin trả lời. Lúc đó, quan tổng trấn quay sang Chariton:

"Còn ngươi, ngươi có phải là người Kitô hữu không?"

Thánh Chariton đáp:

– Nhờ ơn Chúa, tôi cũng là người Kitô hữu.

Sau đó, Rusticus hỏi người vợ thánh thiện của Chariton, Charita, liệu cô ấy có theo đạo Kitô hay không; Charita cũng tuyên bố mình là người Kitô hữu, nhờ ân sủng của Chúa. Rồi Rusticus hỏi Evelpist:

– Còn ngươi thì sao?

– Tôi là nô lệ của hoàng đế, – người ấy đáp – nhưng với tư cách là một Kitô hữu, chính Chúa Kitô đã ban cho tôi tự do; nhờ lòng thương xót và ân sủng của Ngài, tôi đã trở thành người cùng chia sẻ niềm hy vọng ấy, giống như những người mà ngài đang thấy.

Sau đó, quan tổng trấn hỏi Ieraks xem liệu anh ta có phải là Kitô hữu hay không. Ieraks trả lời:

– Quả thật, tôi cũng là người Kitô hữu, vì tôi tôn kính cùng một Thiên Chúa và thờ phượng Ngài.

– Chính Justin đã biến các ngươi thành Kitô hữu sao? – quan tổng trấn hỏi.

Ieraks đáp:

– Tôi đã và sẽ mãi là một Kitô hữu.

Ngay lúc đó, Thánh Peon, người từng ở đây, nói:

– Tôi cũng là một Kitô hữu.

– Ai đã dạy ngài về đạo Kitô?

– Tôi đã nhận được đức tin tốt lành này từ cha mẹ mình, – Peon trả lời.

Sau đó, Evelpist nói:

– Tôi cũng được cha mẹ dạy dỗ về đạo Kitô, và nhờ lắng nghe những lời của Thánh Justin, tôi càng thêm vững vàng trong đức tin Kitô giáo.

– Cha mẹ anh ở đâu? – quan tổng trấn hỏi:

– Ở Cappadocia.

Sau đó, quan thành chủ hỏi Ieraks:

– Cha mẹ anh sống ở nước nào?

Ierax trả lời:

– Cha thật sự của chúng ta là Đấng Christ, còn mẹ là đức tin nơi Ngài; cha mẹ trần thế của tôi đã qua đời, còn tôi thì đến đây từ Iconium thuộc Phrygia.

Thống đốc quay sang Valerian, thúc giục ông ta trả lời:

– Ngươi cũng là Kitô hữu và không sùng bái các vị thần sao?

Valerian trả lời:

– Tôi cũng là người Kitô hữu, tôi tôn kính và thờ phượng Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, còn các vị thần của các ngài thì tôi khinh bỉ.

Thị trưởng lại quay sang Justus:

– Nghe đây, kẻ tự xưng là người hùng biện và được coi là tín đồ của giáo lý chân chính: nếu từ đầu đến chân ngươi đều bị lở loét, thì ngươi có nghĩ rằng nhờ đó mà được vào thiên đàng không?

Justin đáp lại:

– Nếu tôi chịu đựng sự tra tấn mà ngài vừa nêu ra, thì tôi hy vọng sẽ nhận được phần thưởng từ Chúa của tôi, giống như phần thưởng đã được dành sẵn cho những ai giữ vững giáo lý của Đấng Christ; vì tôi biết rằng tất cả những ai đã sống đạo đức và chịu đau khổ vì Đức Chúa Trời dưới bất kỳ hình thức nào, đều sẽ được hưởng ân sủng thánh thiêng của Đức Chúa Trời cho đến khi thế gian này chấm dứt.

Nghe vậy, quan tổng trấn Rusticus nói:

– Vậy là ngươi tin rằng mình sẽ được lên trời và nhận được phần thưởng nào đó từ Đức Chúa Trời của ngươi sao?

– Tôi không tin là vậy, – Justin phản bác, – nhưng tôi biết chắc chắn và hy vọng điều đó mà không hề nghi ngờ.

Rusticus nói:

– Tuy nhiên, chúng ta hãy bắt tay vào việc trước mắt: hãy tập hợp lại và cùng nhau dâng lễ vật lên các vị thần.

Justin phản đối:

– Không ai có lý trí lại muốn từ bỏ đức tin và sa vào lầm lạc và sự vô luật pháp.

Thị trưởng Rusticus nói:

– Nếu các ngươi không tuân theo mệnh lệnh của chúng ta, các ngươi sẽ phải chịu những cực hình mà không được khoan hồng.

Justin đáp lại:

– Quả thật, chúng tôi mong muốn chịu khổ hình vì Chúa Giêsu Kitô của chúng tôi và được cứu rỗi, vì những khổ hình này mang lại cho chúng tôi sự cứu rỗi và sự can đảm trước Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Ngài, ngày mà theo lệnh của Thiên Chúa, cả thế giới sẽ phải ra trước mặt Ngài.

Tất cả các thánh tử đạo khác cũng nói như vậy, đồng thời thêm rằng:

– Hãy mau thực hiện ý định của ngài đi; chúng tôi là những người Kitô hữu, sẽ không dâng lễ vật cho các thần tượng.

Nghe xong những lời đó, quan tổng trấn đã tuyên án:

– Những ai không muốn dâng lễ vật cho các vị thần và không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế thì sẽ bị trừng phạt bằng roi và bị dẫn đi chịu án tử hình bằng cách chém đầu, theo như luật pháp La Mã quy định.

Vậy là các thánh tử đạo, những người tôn vinh Thiên Chúa, đã bị dẫn ra nơi hành quyết thường lệ, chịu những vết thương và, sau khi bị chém bằng rìu, đã kết thúc cuộc khổ nạn trong lời tuyên xưng cứu rỗi. Sau đó, một số tín hữu đã bí mật thu nhặt thi hài cao quý của các ngài và an táng tại một nơi xứng đáng, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

Cuộc đời của vị thánh cha Agapit của chúng ta, người ở Pechersk, vị bác sĩ không nhận thù lao

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 6

Khi vị Thánh Cha của chúng ta là Thánh Antôn Pechersky được ban ân sủng chữa lành, Thánh Agapit, người được chúc phúc, đã từ Kiev đến hang động của ngài, mong muốn được chữa lành tâm hồn qua việc thụ phong tu sĩ; sau khi được toại nguyện, ngài đã hết lòng noi gương đời sống thánh thiện như thiên thần của Thánh Antony, đồng thời tuân theo những lời dạy của ngài. Thánh Agapit đã tận mắt chứng kiến vị thánh vĩ đại này tự mình phục vụ những người đau ốm và chữa lành cho họ bằng lời cầu nguyện của mình; đồng thời, ngài giấu đi ân sủng được ban cho lời cầu nguyện của mình, và trao cho những người bệnh những loại thảo dược từ bữa ăn của ngài dưới danh nghĩa là thuốc. Nhìn thấy điều đó, Thánh Agapit bắt đầu noi gương vị thánh trưởng lão trong các việc lành và miệt mài tu hành suốt nhiều năm; khi có ai trong anh em bị ốm, vị thánh hạnh phúc này rời khỏi phòng tu của mình – nơi không có gì để bị đánh cắp – đến bên người anh em đang ốm và chăm sóc họ: nâng họ dậy, đặt họ nằm xuống, bế họ trên tay, và không ngừng cầu nguyện với Chúa để người bệnh được chữa lành; còn nếu đôi khi bệnh tình kéo dài, thì chính qua điều đó, Chúa muốn làm tăng thêm đức tin và củng cố lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài là Agapit. Học theo những việc làm cao cả của Thánh Antôn, Thánh Agapit đã được ban ân sủng để trở thành người đồng hành và ngang hàng với ngài: nhờ lời cầu nguyện của mình, ngài đã chữa lành cho tất cả những người đau ốm, đồng thời cho họ dùng những loại thảo dược mà ngài đã nấu để làm thức ăn cho chính mình; chính vì điều này mà ngài được gọi là "bác sĩ". Tin đồn về ngài lan rộng khắp Kiev, và nhiều người bệnh đã tìm đến ngài, rồi ra về trong tình trạng khỏe mạnh.

Vào thời đó, tại Kiev có một vị bác sĩ, gốc gác và tín ngưỡng là người Armenia, tài giỏi đến mức trước đó chưa từng có ai sánh kịp. Chỉ cần liếc nhìn một bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo, ông liền nhận ra và dự đoán chính xác ngày giờ người đó qua đời, và luôn luôn chính xác; ông tuyệt đối không bao giờ chịu chữa trị cho những bệnh nhân như vậy. Một trong những bệnh nhân thuộc loại này, đó là quan đại thần hàng đầu dưới triều Đại công tước Vsevolod[4000] , người đã bị vị bác sĩ người Armenia đẩy vào tuyệt vọng khi ông ta tiên đoán rằng ông sẽ chết sau

[4000] Vsevolod Yaroslavich trị vì lần đầu tiên trong sáu tháng (1075–1076) và lần thứ hai từ năm 1078 đến năm 1093.

tám ngày, đã được đưa đến Tu viện Pechersk. Nhưng Thánh Agapit, sau khi dâng lời cầu nguyện cho người ấy, đã cho anh ta ăn những loại thảo mộc mà chính ngài cũng đã dùng, và đã chữa lành cho anh ta; và ngay lập tức, danh tiếng về ngài lan truyền khắp đất nước Nga. Người Armenia, bị mũi tên ghen tị đâm trúng, bắt đầu chỉ trích vị thánh và gửi đến Tu viện Pechersk một tử tù, người này phải uống thuốc độc trước mặt Thánh Agapit và chết. Vị thánh, khi thấy người này đang hấp hối, đã cho anh ta loại thảo dược mà chính ngài đã dùng, kèm theo lời cầu nguyện cho anh ta, và nhờ đó đã cứu người bị kết án tử hình khỏi cái chết. Kể từ đó, người Armenia càng thêm thù hận vị thánh và xúi giục những người cùng đạo với mình đưa cho chính Agapit một thức uống pha lẫn chất độc chết người; nhưng vị thánh nhân đã uống và vẫn bình an vô sự. *"Chúa biết cách giải cứu những người kính sợ Ngài khỏi sự cám dỗ"* (2 Phê-rô 2:9) theo lời Ngài: *"nếu họ uống thứ gì gây chết người, nó cũng sẽ không làm hại họ"* (Mác 16:18).

Sau đó, Công tước Vladimir Vsevolodovich Monomakh[4001] bị ốm tại Chernihiv. Mặc dù một bác sĩ người Armenia đã tận tâm chữa trị cho ông, nhưng không thành công, khiến bệnh tình ngày càng trầm trọng hơn. Khi đã cận kề cái chết, Công tước đã xin vị Bề trên Tu viện Pechersk lúc bấy giờ là Thánh Gioan cử Thánh Agapit đến Chernihiv để chữa trị cho ông. Vị tu viện trưởng đã triệu tập ngài và thông báo về lời thỉnh cầu của hoàng tử, nhưng Thánh Agapit, người mà chưa ai từng thấy bước ra khỏi cổng tu viện để chữa bệnh bên ngoài, đã khiêm nhường nói:

– Nếu con đi gặp hoàng tử vì việc này, thì con cũng phải đi gặp tất cả mọi người. Con xin cha, xin đừng ép con bước ra khỏi cổng tu viện vì danh vọng trần thế, điều mà con đã hứa trước mặt Chúa là sẽ tránh xa cho đến hơi thở cuối cùng. Nếu cha cho phép, thà con sẽ lui về một vùng đất khác và sau đó sẽ trở lại đây khi nhu cầu này qua đi.

Sứ giả của hoàng tử, sau khi nhận ra rằng mình không thể thuyết phục được chính vị thánh Agapit đến gặp chủ nhân của mình, đã bắt đầu xin ngài cho ít thảo dược để chữa bệnh. Theo lời khuyên của vị tu viện trưởng, vị thánh đã cho sứ giả một ít thảo dược từ bữa ăn của mình; chúng được mang đến cho hoàng tử, người này nếm thử và lập tức khỏi bệnh, nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh.

Khi đó, Công tước Vladimir Monomakh đích thân đến Tu viện Pechersk, mong được gặp người mà nhờ đó Thiên Chúa đã ban lại sức khỏe cho ngài; trước đây ngài chưa từng gặp vị thánh này và giờ đây mong được tôn vinh ngài bằng những món quà hào phóng. Nhưng Agapit, không mong muốn danh vọng trần thế, đã lẩn trốn; lúc đó, hoàng tử đã trao số vàng mang đến cho vị thánh nhân của Chúa cho vị tu viện trưởng. Nhưng không lâu sau, chính Vladimir lại cử một trong những quan đại thần của mình mang theo nhiều lễ vật đến gặp thánh nhân Agapit. Người được cử đi đã tìm thấy thánh Agapit trong phòng tu và đặt những món quà của hoàng tử trước mặt ngài. Thánh nhân nói với người ấy:

– Hỡi con, ta chưa bao giờ nhận bất cứ thứ gì từ ai cả (để chữa lành), bởi vì ta chữa lành không phải bằng sức mạnh của chính mình, mà là nhờ sức mạnh của Đấng Christ; và ngay cả bây giờ ta cũng không đòi hỏi điều đó.

Vị quý tộc đáp:

– Thưa Cha. Người sai con đến đây biết rằng Cha không đòi hỏi gì cả; nhưng con xin Cha hãy nhận lấy điều này để an ủi con trai Cha, người mà nhờ Cha mà Thiên Chúa đã ban cho sức khỏe; còn món quà này, nếu Cha muốn, xin hãy tặng cho những người nghèo.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Nếu anh nói vậy, thì tôi sẽ vui lòng nhận. Hãy nói với người đã sai anh đến rằng những thứ khác mà anh ta có – đều là của người khác, và anh ta sẽ không mang theo được gì khi rời xa cõi đời; vì vậy, hãy để anh ta phân phát phần còn lại cho những người nghèo. Vì chính Chúa, Đấng luôn ở giữa những người khốn khó, đã cứu anh ta khỏi cái chết, còn riêng tôi thì tự mình chẳng thể làm được gì cả; và tôi xin anh ta đừng phớt lờ những lời khuyên này của tôi, để khỏi phải chịu đau khổ thêm nữa.

Nói xong, vị thánh Agapit cầm lấy số vàng vừa được mang đến và bước ra khỏi phòng tu, như thể để giấu đi; ông mang ra ngoài rồi ném xuống, còn bản thân thì chạy trốn và ẩn mình. Một lúc sau, vị quan đại thần bước ra, thấy những món quà bị vứt trước cổng, liền nhặt lên và trao lại cho vị tu viện trưởng Gioan. Khi trở về gặp hoàng tử, ông kể lại tất cả những gì đã thấy ở vị thánh và những gì đã nghe từ ngài; và mọi người đều nhận ra rằng đây là một tôi tớ chân chính của Chúa, người tìm kiếm phần thưởng từ một mình Thiên Chúa, chứ không phải từ

[4001] Sau đó, Vladimir Vsevolodovich trị vì tại Kiev từ năm 1114 đến năm 1125.

con người. Còn hoàng tử, không dám trái lời vị thánh, đã bắt đầu phân phát những khoản bố thí hào phóng cho những người nghèo.

Sau nhiều công việc và hành động thánh thiện, chính vị bác sĩ không nhận thù lao, vị thánh nhân già Agapit, cũng lâm bệnh. Biết được điều này, vị bác sĩ người Armenia nói trên đã đến thăm ông và bắt đầu tranh luận với ông về nghệ thuật y học, hỏi rằng bệnh của Agapit được chữa trị bằng phương thuốc nào.

Vị thánh đáp:

– Bằng chính phương thuốc mà chính Chúa, Đấng chữa lành cho linh hồn và thể xác, ban tặng.

Người Armenia cho rằng ngài hoàn toàn không biết gì về y học và nói với những người đi cùng:

– Ông ta chẳng biết gì về nghệ thuật của chúng ta cả.

Sau đó, anh ta nắm lấy tay ngài và nói:

– Tôi nói sự thật: vào ngày thứ ba, ông ta sẽ chết; nếu lời tôi nói sai, thì tôi sẽ từ bỏ cuộc đời này, và chính tôi cũng sẽ trở thành một tu sĩ như vậy.

Vị Thánh nhân nói với sự nồng nhiệt:

– Vậy ra đó là cách chữa bệnh của ngươi: nói về cái chết nhiều hơn là nói về sự cứu giúp! Nếu ngươi giỏi giang, hãy cứu sống ta; nếu không thể làm được điều đó, tại sao lại sỉ nhục ta và kết án ta phải chết vào ngày thứ ba? Chính Chúa đã báo cho ta biết rằng sau ba tháng nữa, ta sẽ về với Ngài.

Người Armenia lại nói với ông:

– Này, ngươi đã hoàn toàn thay đổi rồi; những người như thế này chẳng bao giờ sống sót quá ba ngày.

Thánh Agapit thực sự đang trong tình trạng kiệt sức tột độ, đến nỗi không thể cử động được nếu không có sự giúp đỡ của người khác. Trong khi đó, người ta mang một bệnh nhân từ Kiev đến để Thánh Agapit, người đang đau đớn tột cùng, chữa lành. Nhờ ơn Chúa, vị thánh lập tức đứng dậy, như thể không hề ốm đau, lấy loại thảo dược thường dùng mà ngài hay dùng, rồi chỉ cho người Armenia, nói:

– Đây là loại thảo dược mà tôi dùng để chữa bệnh: hãy nhìn và hiểu đi.

Người ấy nhìn rồi nói với vị thánh:

– Đây không phải là loại thảo dược của chúng tôi, nhưng tôi nghĩ là từ Alexandria.

Vị Thánh, lên án sự thiếu hiểu biết của người ấy, đã cho người bệnh nếm thử loại thảo dược, cầu nguyện và ngay lập tức chữa lành cho anh ta. Sau đó, ngài nói với người Armenia:

– Con ơi, xin con hãy nếm thử loại thảo dược này cùng với ta, nếu con muốn, vì ta không có gì khác để chiêu đãi con.

– Thưa Cha, – người Armenia đáp lại, – tháng này chúng con ăn chay bốn ngày, và hiện tại con đang ăn chay.

Nghe vậy, vị thánh hỏi anh ta:

– Con là ai, và theo đạo nào?

Người ấy đáp:

– Chẳng lẽ ngài chưa nghe nói về con, rằng con là người Armenia sao?

Lúc đó, vị thánh nhân nói với anh ta:

– Sao ngươi dám bước vào đây và làm ô uế phòng tu của ta, lại còn nắm lấy bàn tay tội lỗi của ta nữa? Hãy biến khỏi đây, kẻ ngoại đạo[4002] và kẻ vô đạo.

Và người đó, cảm thấy xấu hổ, đã bỏ đi.

Sau đó, vị thánh Agapit đã sống thêm ba tháng như đã tiên đoán trước đó, và sau khi ốm một thời gian ngắn, ngài đã về với Chúa. Khi còn ở trần gian, ngài là một bác sĩ không nhận thù lao, và ngài đã nhận được phần thưởng vĩ đại trên thiên đàng, nơi không có bệnh tật. Các tu sĩ đã chuẩn bị thi hài tôn kính của ngài để an táng và, trong

[4002] Người Armenia theo tà thuyết Monophysite, đã bị lên án tại Công đồng Chung thứ tư tại Chalcedon (năm 451), và họ bác bỏ tất cả các Công đồng Chung diễn ra sau đó. Bản chất của tà thuyết Monophysite nằm ở giáo lý cho rằng Chúa Giêsu Kitô, Đấng được sinh ra từ hai bản tính, không tồn tại trong hai bản tính – bởi vì bản tính con người trong Ngôi Lời của Thiên Chúa đã hòa hợp chặt chẽ với bản tính thần linh của Ngài đến mức chỉ có thể phân biệt được về mặt lý thuyết. Ở nước Nga cổ đại, người ta thường coi người Armenia là những kẻ dị giáo độc ác: chẳng hạn, Tổng giám mục Cyprian (1376–1406) trong các câu trả lời theo giáo luật của mình đã viết cho Tu viện trưởng Athanasius rằng: "Tà thuyết Armenia là tà thuyết ghê tởm nhất trong tất cả các tà thuyết; vì lý do này, một nông dân Chính thống (tức là một Kitô hữu) không xứng đáng có bất kỳ sự giao tiếp nào với họ"

tiếng hát thông thường, đã an táng ngài trong hang động của Thánh Antôn[4003] . Sau khi vị thánh qua đời, một người Armenia đã đến Tu viện Pechersk và nói với vị tu viện trưởng:

– Từ nay, tôi từ bỏ tà giáo Armenia và chân thành tin vào Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài mà tôi mong muốn phục vụ trong hàng tu sĩ thánh thiện. Thánh Agapit đã hiện ra với tôi và nói:

– Ngươi đã hứa sẽ nhận lấy đời sống tu sĩ; nếu ngươi nói dối, thì ngươi sẽ hủy hoại cả cuộc đời lẫn linh hồn. Tôi tin rằng vị đã hiện ra với tôi là thánh nhân, và nếu ngài muốn sống lâu hơn ở đây, thì Chúa sẽ ban cho ngài điều đó. Tôi đã nghĩ rằng ngài sẽ không sống qua được ba ngày, nhưng Chúa đã ban thêm cho ngài ba tháng, và nếu ngài muốn, thì ngài có thể sống đến ba năm. Nhưng tôi nghĩ rằng chính ngài, với tư cách là một vị thánh, đã muốn rời bỏ chúng ta để hướng về Nước Trời của các thánh; và nếu Chúa đã gọi ngài ra khỏi cuộc sống trần thế tại tu viện này, thì Ngài cũng đã ban cho ngài sự sống vĩnh cửu trong các tu viện trên trời. Vì vậy, tôi mong muốn sớm thực hiện mệnh lệnh của vị thánh nhân này.

Vị Trưởng tu viện, sau khi lắng nghe người Armenia, đã cạo đầu cho ông theo nghi thức tu sĩ và dành nhiều thời gian dạy dỗ vị "bác sĩ của thân xác" này, để ông, noi gương Thánh Agapit, trở nên thành thạo trong việc chữa lành linh hồn mình. Người Armenia ấy đã sống đời tu hành đẹp lòng Chúa, và sau khi dành phần đời còn lại tại chính Tu viện Pechersk này, ông cũng đã an nghỉ trong bình an tại đây, phó thác linh hồn mình vào tay vị Bác sĩ của linh hồn và thân xác, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Cha vô thủy và cùng với Thánh Thần chí thánh, nhân lành và ban sự sống, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Kỷ niệm Thánh Cha Dionysius, Bề trên Tu viện Glushitsky, vị Thánh làm phép lạ mới

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 6

Vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta là Dionysius ban đầu tu hành gần một hồ nước có tên là Velikoye Kubenskoye[4004] , nằm cách thành phố Vologda mười bốn poprishcha[4005] về phía đông. Sau đó, ngài rời khỏi nơi này và cùng với một tu sĩ tên là Pakhomii, bắt đầu đi thăm nhiều nơi nằm xung quanh hồ nói trên, tìm kiếm một nơi yên tĩnh để ngài có thể dâng hiến bản thân cho việc phụng sự Chúa. Thánh Dionysius và Pachomius đã đến một làng có tên là Luchitsa[4006] , và tại đây, trước hết họ đã xây dựng cho mình một căn phòng tu hành, rồi ngay sau đó họ cũng xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Nicholas, được thánh hiến dưới sự ban phước của Giám mục Grigory của Rostov. Sau đó, các tu sĩ bắt đầu tụ tập về với họ để cùng sinh sống và tu hành vì sự cứu rỗi linh hồn. Sau khi lập tu viện tại địa điểm nói trên, Thánh Dionysius đã thiết lập khu nội trú tại đó và, sau khi được phong chức linh mục[4007] , ngài đã dâng lễ tế cho Chúa trong sự thanh khiết.

Ngay sau đó, vị thánh đã bổ nhiệm đệ tử của mình, tức là Pachomius đã được nhắc đến ở trên, làm viện trưởng tu viện do ngài thành lập; sau khi ban phước lành bình an cho các tu sĩ, chính ngài đã rời khỏi tu viện một quãng đường mười lăm poprishch, đến sông Glushitsa, và dừng chân ở đó qua đêm. Trong giấc ngủ mơ màng, ngài nghe như có một tiếng nói vang lên từ nơi hoang vắng này và đang gọi tên ngài. Ngài lập tức tỉnh giấc, cảm thấy niềm vui lớn lao, và sau khi dâng lời cầu nguyện, ngài đã dựng cây thánh giá mà ngài mang theo tại chính nơi đó; rồi dưới gốc một cây – cây này cho đến nay vẫn mọc trong khuôn viên tu viện, có quả màu đen và được gọi là cây cheryumha – ngài đã dựng cho mình một căn phòng nhỏ. Có một người đang bị đau răng, đã ăn một quả mọng từ cây đó với lòng tin và ngay lập tức cảm thấy khỏe mạnh trở lại. Sau đó, Thánh Dionysius đã tuân giữ lối sống khắc

---

[4003] Thánh Agapit qua đời không muộn hơn năm 1095, di cốt của ngài được an táng trong hang động Thánh Antôn.

[4004] Thánh Dionysius, tên thế tục là Dimitri, sinh năm 1362 tại vùng lân cận thành phố Vologda. Không còn thông tin nào được lưu giữ về cha mẹ và cuộc đời của ngài trước khi nhập tu. Ngài được Thánh Dionysius, vị tu viện trưởng của Tu viện Spasokamennaya nằm bên Hồ Kubenskoye, cắt tóc xuất gia và tu hành tại tu viện này trong 9 năm. Hồ Kubenskoye được gọi là "Lớn" có lẽ vì trong số tất cả các hồ ở vùng Vologda, đây là hồ lớn nhất.

[4005] "Poprishche" là đơn vị đo khoảng cách tương đương 690 sajeen.

[4006] Làng Luchitsa, còn được gọi là "Thánh Luka", nằm bên bờ hồ Kubensky, gần cửa sông Kubeni. Tại đây, trước khi Thánh Dionysius đến, đã có một tu viện bị bỏ hoang, và Thánh Dionysius đã khôi phục lại tu viện này.

[4007] Thánh Dionysius đã được Tổng Giám mục Grigory của Rostov tấn phong làm linh mục, và theo lời Đức Tổng Giám mục Filaret ("Cuộc đời các thánh", tháng 6, trang 11), việc này diễn ra trước khi việc xây dựng nhà thờ tại Luchitsa hoàn tất.

khổ tại nơi này, bao gồm việc thức trắng đêm, ăn chay và cầu nguyện. Và không lâu sau, các tu sĩ bắt đầu lần lượt tìm đến nơi này, khiến số lượng môn đệ của ngài ngày càng tăng lên. Thấy vậy, vị thánh đã xây dựng tại đây một nhà thờ mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh, kính mừng Lễ Che Chở của Mẹ[4008] , và thành lập một tu viện. Vài năm trôi qua sau đó, số lượng tu sĩ tăng lên đến mức không gian trong nhà thờ trở nên chật hẹp đối với họ, và họ bắt đầu xin Thánh Dionysius xây dựng cho họ một nhà thờ khác, lớn hơn nhà thờ này. Để đáp ứng lời thỉnh cầu của các tu sĩ, vị thánh đã xây dựng một nhà thờ mới,[4009] lớn hơn nhà thờ đầu tiên rất nhiều, trang trí nó một cách tuyệt đẹp bằng các bức tranh thánh[4010] , cung cấp sách vở và không ngừng giảng dạy các tu sĩ, hướng dẫn họ những điều mang lại lợi ích tinh thần cho họ.

Một lần nọ, khi vị tu sĩ chuẩn bị đến nhà thờ để dự thánh lễ, ông bị một đám quỷ dữ tấn công. Chúng nghiến răng, đánh đập ông, rồi nhấc sàn nhà lên, đặt ông xuống đó và nói với ông:

– Hãy rời khỏi nơi này, nếu không ngươi sẽ chết một cái chết thảm khốc!

Nhưng vị thánh nhân đã dùng lời cầu nguyện để chiến thắng sức mạnh yếu ớt của chúng, và chúng lập tức biến mất. Trong khi đó, các tu sĩ, không thấy vị thánh nhân đâu, đã đến phòng của ngài và, khi thấy ngài bị những tấm ván sàn đè lên, họ đã nhấc sàn nhà lên, sau đó ngài nói với họ:

– Các anh em ơi, các anh em thấy rồi đó, kẻ thù của chúng ta đang chiến đấu với chúng ta như thế nào, nhưng đừng để điều đó làm chúng ta sợ hãi.

Sau đó, Thánh Dionysius đã bí mật rời tu viện mà không cho các tu sĩ biết, và đến một nơi hoang vắng nằm cách tu viện lớn[4011] bốn dặm về phía nam, bên bờ cùng con sông Glushitsa, nơi được gọi là Sosnovets. Tại đây, ngài đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Gioan Tẩy Giả[4012] , dựng các phòng tu và đưa một số tu sĩ từ tu viện của mình đến định cư tại đây. Ngài nói với họ rằng thi hài của ngài sẽ được an táng tại đây, đồng thời dặn dò họ rằng mọi thứ cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày đều phải nhận từ tu viện lớn. Tại nơi cuối cùng này của những công đức của mình, bảy năm trước khi qua đời, chính vị thánh nhân đã tự tay đào một ngôi mộ cho mình, để mỗi ngày nó nhắc nhở ngài về giờ khắc mà thi hài ngài sẽ được an táng tại đó. Kể từ đó, ngài càng nỗ lực hơn nữa trong các việc thánh thiện như ăn chay, cầu nguyện và thức trắng, và nhiều lần ngài đã đứng suốt đêm trong giá rét, để rèn luyện thân xác mình. Sau khi thực hiện vô số phép lạ nhờ sức mạnh của Chúa Kitô và rước Mình và Máu Thánh trước khi linh hồn ngài ra đi, vị thánh Dionysius đã an nghỉ trong sự bình an vĩnh cửu”[4013] .

Bài thánh ca, giọng 1:

Được thắp sáng bởi tình yêu thiêng liêng từ thuở thiếu thời, thánh Dionysius kính yêu ơi, ngài đã ghét bỏ mọi điều trần tục trên đời, và chỉ yêu mến một mình Chúa Kitô: vì lý do đó, ngài đã dọn vào sa mạc nội tâm, sống cùng các loài thú, dâng trọn mình cho Chúa Kitô[4014] . Chính vì thế, Đấng Toàn Năng và Toàn Tri[4015] , khi thấy những công lao của ngài, đã ban cho ngài ân sủng của các phép lạ và làm cho ngài trở nên giàu có ngay cả sau khi ngài qua đời. Vì vậy, chúng con kêu cầu ngài: xin ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con, những người luôn tôn vinh ký ức cao quý của ngài trong các bài thánh ca.

[4008] Nhà thờ này được xây dựng vào năm 1403. Công tước Dimitri của Kuben, mong muốn giúp đỡ Thánh Dionysius, đã cử các thợ mộc của mình đến để xây dựng nhà thờ.

[4009] Nhà thờ thứ hai này được xây dựng 9 năm sau nhà thờ đầu tiên, vào năm 1412.

[4010] Thánh Dionysius tự tay vẽ các bức tranh thánh, vì ngài là một họa sĩ tài ba. Cho đến nay, vẫn còn lưu giữ những bức tranh thánh do chính tay ngài vẽ. Chẳng hạn, tại Tu viện Prilutsk, người ta trưng bày bức tranh thánh Dimitri do ngài vẽ; tại Tu viện Kirillo-Belozersky, trong bức tường thánh của nhà thờ chính tòa có bức tranh thánh Kirill – cũng là tác phẩm của ngài, v.v.

[4011] Tu viện Pokrovsky được nhắc đến ở đây chính là nơi mà vị thánh đã rời đi.

[4012] Ngôi thánh đường này được xây dựng vào năm 1420.

[4013] Thánh Dionysius qua đời ở tuổi 74 vào ngày Chủ nhật, 1 tháng 6 năm 1437. Hội đồng Moscow năm 1547 dưới thời Tổng giám mục Makarii đã phong thánh cho ngài, và vào thế kỷ 16, nhà thờ đầu tiên mang tên ngài đã được xây dựng. Xác thánh của ngài được an táng dưới nền nhà thờ tại Tu viện Sosnovetsky, trong nhà thờ mang tên các thánh Dionysius và Amphilochius. Trong tu viện lưu giữ hai bức tranh thánh: một bức là “Sự Che Chở” và bức kia là “Dấu Hiệu của Đức Mẹ”, cả hai theo truyền thuyết đều do Thánh Dionysius vẽ. Diện mạo của vị thánh như sau: ngài có vóc dáng thấp bé và thân hình rất gầy gò, đầu khá to, lông mày hình bán nguyệt, khuôn mặt dài, má hóp, đôi mắt hiền từ, râu dài đến ngực và rậm rạp, tóc màu vàng nhạt và đã pha chút bạc.

[4014] Hoàn toàn thuộc về Chúa Kitô, tức là đã hiến dâng toàn bộ bản thân cho Chúa Kitô, dành hết sức lực để tuân giữ các điều răn của Ngài.

[4015] Con mắt toàn tri, tức là Đức Chúa Trời toàn tri.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài đã hướng mọi khát vọng trí tuệ của mình về phía Thiên Chúa, và từ tận đáy lòng, Ngài đã theo Ngài một cách không thể quay lại, dọn về sống trong sa mạc, và tại đó, Ngài đã sống như một thiên thần, trở thành con đường dẫn dắt nhiều người đến sự cứu rỗi: vì lý do này, Đức Kitô đã tôn vinh Ngài và ban cho Ngài ân sủng của những phép lạ. Vì thế, tất cả chúng con cùng kêu lên với ngài: Hãy vui mừng, thánh Dionysius, vị ẩn sĩ trong sa mạc.

Ngày 15 tháng 6

Ngày 2 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cuộc đời thánh thiện của Cha chúng ta Nicophore, vị Tuyên xưng đức tin, Thượng phụ Constantinople

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 6

Là vị bảo vệ vĩ đại của đức tin, Thánh Nikiforos sinh ra tại Tsargrad[4016] trong gia đình của cha mẹ sùng đạo và kính sợ Chúa là Theodoros và Eudokia. Cha ngài đã được ban vương miện của người làm chứng đạo, sau khi chịu những vết thương và bị lưu đày vì việc tôn kính các thánh tượng. Trong triều đại của Hoàng đế Kopronymos[4017] , ngài giữ chức vụ thư ký[4018] phụ trách các công việc bí mật của hoàng gia; và ngài đã bị tố cáo với vị hoàng đế độc ác rằng ngài sùng kính các thánh tượng một cách thành kính, thờ phượng hình ảnh Đấng Cứu Thế, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và tất cả các thánh. Vua lập tức triệu tập Thánh Theodor đến, tra hỏi ông và, sau khi xác nhận tính xác thực của lời tố cáo, đã ép buộc ông từ bỏ việc tôn kính các bức tượng thánh trong một thời gian dài; nhưng khi người tôi tớ của Chúa Kitô không tuân theo ý muốn của hoàng đế, thì sau những trận đòn roi tàn bạo, ông bị đày đến thành phố Molin, bị ném vào một ngục tối khủng khiếp, nơi ông đã chịu đau khổ vì đức tin chân chính. Một thời gian sau, ngài lại bị triệu hồi về Constantinople và bị ép buộc thậm chí còn quyết liệt hơn để theo tà thuyết do hoàng đế rao giảng; nhưng ngài vẫn kiên định như kim cương[4019] trong đức tin, thà chấp nhận thương tích và cái chết còn hơn là vi phạm các luật lệ của Giáo hội và truyền thống của các Thánh Tổ. Theo lệnh của vị hoàng đế vô pháp, ngài lại phải chịu nhiều hình phạt tàn bạo khác nhau, và một lần nữa bị đày ải; sau sáu năm sống tại Nicêa[4020] trong cảnh tù đày và đau khổ, ngài đã về với Chúa để hưởng sự tự do vĩnh cửu của cuộc sống hạnh phúc.

Vợ ngài, bà Eudokia đức hạnh, đã cùng chia sẻ mọi gian truân và khổ nạn với chồng, theo ngài vào nơi lưu đày, chịu đựng trong xiềng xích, không bao giờ xa cách ngài cả về thể xác lẫn tinh thần. Sau khi chồng qua đời, bà trở về Constantinople và sống những ngày còn lại theo ý Chúa, như một góa phụ Kitô hữu đáng kính. Trong thời gian đó, con trai bà là Nikifor, sau khi hoàn thành việc học, đã được bổ nhiệm vào chức vụ của cha mình tại triều đình hoàng gia. Sau đó, thánh nữ Evdokia được ân sủng được chứng kiến con trai mình trước tiên trong hình ảnh

---

[4016] Constantinople hay Tsargrad – thủ đô của Đế quốc Byzantine, nay là Thổ Nhĩ Kỳ; được Hoàng đế Constantine Đại đế thành lập vào thế kỷ IV sau Công nguyên trên nền tảng của thành phố Byzantium cũ.

[4017] Constantine V Copronymus trị vì từ năm 741 đến năm 775.

[4018] Thuật ngữ "notary" (notary) thực chất có nghĩa là "người ghi chép nhanh". Trong những thế kỷ đầu Công nguyên, đây là tên gọi dành cho các thư ký hoàng gia, những người chịu trách nhiệm chứng thực các văn bản. Dưới thời Constantine Đại đế, một văn phòng bí mật của các notary đã được thành lập, những người này ghi chép biên bản các cuộc họp nhà nước quan trọng nhất. Các thư ký của Thượng phụ Constantinopolis cũng được gọi là notary.

[4019] "Adamant" khi dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "kim cương" – loại đá nổi tiếng về độ cứng.

[4020] Nicaea vào thời điểm được đề cập là một thành phố quan trọng thuộc vùng ven biển Bithynia, ngày nay chỉ còn là một làng quê nghèo mang tên İznik. Nơi đây nổi tiếng trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo vì là nơi diễn ra Công đồng Đại kết đầu tiên (năm 325).

của một thiên thần, rồi sau đó là trong chức thánh; lúc bấy giờ, sau khi tạ ơn Thiên Chúa, bà lui về tu viện nữ, thọ giới tu sĩ và sau những công đức thánh thiện, bà đã về với Chúa trong tuổi già đáng kính.

Thánh Nikifor, người mà chúng ta đang nói đến, là cành thánh từ gốc thánh: được nuôi dưỡng trong sự sùng đạo từ khi bú sữa mẹ, được rèn luyện trong đức hạnh và được dạy dỗ để sống một cuộc đời thánh thiện, ông đã trải qua những năm tháng tuổi trẻ một cách trong sạch, với sự tiết độ cao độ, và tràn đầy sự khôn ngoan cả bên ngoài lẫn bên trong – cả về thế gian lẫn thiêng liêng: ông không chỉ nghiên cứu một cách thuần thục các tác phẩm của những nhà hiền triết Hy Lạp, mà còn cả Kinh Thánh; là một nhà hùng biện tài ba, được trang bị mọi đức tính tốt đẹp, nổi bật bởi trí tuệ và đạo đức, ngài được mọi người yêu mến và kính trọng. Khi trưởng thành, vào triều đại của Lêô, con trai của Kopronim[4021] , Nikifor được phong chức Cố vấn Hoàng gia và giữ vững đức tin chính thống giữa những kẻ bội đạo, vừa tôn kính các thánh tượng, vừa dẫn dắt người khác đến cùng đức tin ấy bằng những lời khuyên răn đầy khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Khi Lê-vô qua đời, vào thời trị vì của con trai ông là Constantine và mẹ của Constantine là Irina[4022] , Công đồng Đại kết lần thứ bảy đã được triệu tập tại Nicaea để chống lại tà thuyết chống thánh tượng[4023] , thì Thánh Nikifor, khi đó vẫn còn là giáo dân, đã hỗ trợ đáng kể cho các vị Thánh Phụ tham dự Công đồng, với tư cách là một người khôn ngoan và am hiểu sâu sắc Kinh Thánh; với tư cách là một quý tộc có địa vị cao, ngài được giao nhiệm vụ phát biểu tại Công đồng thay mặt cho hoàng đế.

Như vậy, ngay trước khi được tấn phong làm giám mục, ngài đã thể hiện mình là người bảo vệ và là thầy dạy của Đức Tin Chính Thống, làm bẽ mặt những kẻ dị giáo khi giải quyết các vấn đề tranh cãi, nhờ đó các vị thánh phụ tại công đồng đã ca ngợi và ban phước lành cho ngài.

Sau công đồng đó, Nikifor vẫn giữ chức vụ danh dự thế tục là Cố vấn Hoàng gia trong vài năm nữa. Sau đó, khi nhận ra rằng việc cống hiến cho thế gian phù du và đầy loạn lạc không mang lại lợi ích gì cho linh hồn – ngài thấy rằng trong hoàng cung đang nảy sinh mâu thuẫn giữa con trai và mẹ, – Nikifor, khinh thường vinh quang phù du , đã từ bỏ chức tước cao quý, rời khỏi thành phố và định cư tại một nơi hẻo lánh và tĩnh lặng bên eo biển Bosphorus của Thrace[4024] ; tại đó, ngài bắt đầu sống ẩn dật để phụng sự duy nhất Thiên Chúa, thông qua cầu nguyện và ăn chay nhằm tìm kiếm sự cứu rỗi cho chính mình. Sau một thời gian, ngài đã xây dựng một nhà thờ, tập hợp các tu sĩ và thành lập một tu viện; dù bản thân chưa chính thức mặc áo tu sĩ, ngài đã sống và làm việc như một tu sĩ, tự thử thách bản thân xem liệu mình có thể chịu đựng được cuộc sống tu hành đầy gian khổ hay không. Ngài đã sống như vậy trong nhiều năm, gần như suốt nửa thời gian trị vì của Nikiforos[4025] .

Sau khi Đức Thượng phụ Thánh Tarasius của Constantinople về với Chúa, Đức Nikiforos, một người thế tục về bề ngoài nhưng là tu sĩ hoàn hảo trong lối sống, đã được bầu làm Thượng phụ và vào thời điểm đó lần đầu tiên nhận chức tu sĩ; sau đó, ngài được tấn phong làm linh mục, rồi, trái với ý muốn của mình và theo sự thuyết phục của Hoàng đế Nikifor, vào ngày Phục Sinh thánh thiện nhất, ngài được tấn phong lên ngôi Giám mục. Ngài đã làm rạng rỡ Giáo hội thánh thiện bằng lời giảng dạy và đời sống đạo đức, uốn nắn những kẻ sa ngã, củng cố những người chính trực và xua đuổi những kẻ dị giáo như những con sói khỏi đàn chiên của Lời Chúa. Vào những năm đó, người Hy Lạp đang chiến tranh với người Bulgaria, và vua Nikiforos, khi ra trận, đã bị giết. Sau ông, con trai ông là Stavrikios lên ngôi, nhưng không lâu, chỉ vỏn vẹn hai tháng, rồi qua đời. Sau Stavrikios, người đàn ông đạo đức tên là Michael, được gọi là Rangav, người trước đây từng giữ chức kiropalata[4026] , đã lên ngôi. Hai năm sau, ông bị Lev người Armenia[4027] , kẻ đã cướp lấy quyền trượng của vương quốc Hy Lạp, lật đổ. Đức Thánh Nikifor đã cử các giám mục mang theo Tuyên xưng Đức tin Chính thống đến gặp tên cướp này, trước khi ông ta được đăng quang, để yêu cầu vị vua mới ký tên bằng chính tay mình, theo truyền thống của các vị vua sùng đạo trước đây, cam kết tuân thủ bất di bất dịch các giáo lý của đức tin thánh thiện, được nêu rõ trong bản Tuyên xưng đó. Vị vua xảo trá

[4021] Lêô IV Khazar trị vì từ năm 776 đến năm 780.

[4022] Do con trai bà, Hoàng đế Constantine (Porphyrogenitus), còn quá nhỏ tuổi, nên ban đầu Irina là người nắm quyền cai trị.

[4023] Công đồng Đại kết lần thứ bảy năm 787, diễn ra tại Nicaea, đã lên án chủ nghĩa chống thánh tượng và khôi phục việc tôn kính thánh tượng.

[4024] Eo biển Bosphorus hay eo biển Constantinople, nối Biển Đen với Biển Marmara, được gọi là eo biển Phratius để phân biệt với nhiều eo biển khác cũng mang tên này.

[4025] Nikifor trị vì từ năm 802 đến năm 811.

[4026] Michael I – từ năm 811 đến năm 813. Kiropalat – chỉ huy đội vệ binh hoàng cung.

[4027] Lê-vê người Armenia trị vì từ năm 813 đến năm 820.

và đạo đức giả này đã tỏ ra nhiệt thành với đức tin trên lời nói và hứa sẽ ký vào bản tuyên xưng, nhưng chỉ sau khi lễ đăng quang:

– Khi nào – ông ta nói – vương miện hoàng gia được đội lên đầu ta, thì ta sẽ ký.

Và họ đã tin con cáo xảo quyệt này. Thay vì ký vào bản tuyên xưng đức tin thánh thiện, tên nịnh hót đã ký vào cuốn sách mà những kẻ dị giáo lén lút đưa cho hắn, tuân theo những con sói săn mồi giống hắn hơn là những vị mục tử chân chính. Sau đó, với sự hoành tráng và vinh quang hoàng gia, hắn bước vào Nhà thờ Thánh Sofia; khi nghi thức đăng quang hoàng gia thông thường đang diễn ra, và Đức Thượng phụ Thánh thiện đang đội vương miện lên đầu hắn – một kẻ không xứng đáng – thì Đức Chúa Trời đã cho Đức Thượng phụ Thánh thiện thấy vị vua này sẽ ra sao: bởi vì vương miện hoàng gia đang được đội lên đã biến đổi trong tay vị Thượng phụ như thể thành một vương miện gai, và những mũi gai nhọn hoắt đâm vào tay vị Thượng phụ một cách đau đớn; ngài đã nhận ra rằng điều này là điềm báo cho cuộc bách hại và tra tấn sắp xảy ra từ vị vua đó, và với lòng đau xót, ngài đã thông báo điều này cho các linh mục của mình.

Một ngày sau lễ đăng quang, Thánh Nikifor lại xin nhà vua thực hiện lời hứa và ký vào bản tuyên xưng đức tin chính thống, noi gương các vị vua đạo đức trước đây, nhưng Lê đã bước vào con đường dối trá và, làm ô uế áo choàng hoàng gia, kiên quyết từ chối thực hiện đề nghị của vị thánh. Một thời gian trôi qua, nhà vua bắt đầu công khai phỉ báng các thánh tượng, không phải để chống lại những kẻ thù đang từ khắp nơi xâm lược và tàn phá Hy Lạp, mà là chống lại các thánh tượng của Chúa Kitô, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và tất cả các thánh, cũng như chống lại những người thờ phượng các ngài. Sau khi triệu tập tất cả các giám mục và linh mục – những người đã bị tước quyền phục vụ tại bàn thờ Thánh theo quy định vì các tội lỗi khác nhau – về Constantinople, ông đã sắp xếp chỗ ở cho họ trong các cung điện hoàng gia và nuôi dưỡng họ như những con thú được vỗ béo; qua đó, ông tìm cách lấy lòng những kẻ mà tên gọi là "[4028] "; Nhà vua thường trò chuyện với họ, học hỏi về tà thuyết chống thánh tượng, và tham vấn xem nên dùng những phương pháp nào để khôi phục lại giáo lý báng bổ chống lại các thánh tượng, vốn đã bị Công đồng Đại kết lần thứ bảy bác bỏ. Để dễ dàng thuyết phục họ đồng lòng với mình hơn, ông hứa với họ không chỉ khôi phục lại các tước vị cũ mà họ đã bị tước đoạt, mà còn tăng thêm các vinh dự cho họ. Với sự kiêu ngạo nhờ ân sủng của nhà vua, họ bắt đầu nhiệt tình giúp đỡ ông, khắp nơi gây rối và bức hại những người theo chính thống. Nhân danh nhà vua, họ thu thập từ khắp nơi vô số sách vở và cùng nhau xem xét chúng; và nếu tìm thấy cuốn sách dị giáo nào chống lại các hình thánh, họ sẵn lòng chấp nhận nó như một cuốn Phúc Âm chân chính và cất giữ cho riêng mình; còn nếu gặp cuốn sách nào, chống lại tà thuyết chống hình thánh, họ lập tức ném nó vào lửa như một thứ ghê tởm và thiêu rụi. Sau đó, hoàng đế ra lệnh cho tất cả các giám mục Hy Lạp tập trung tại Constantinople để tham dự công đồng. Các giám mục khởi hành từ nơi ở của mình và, khi đến thành phố, họ đến gặp Đức Thượng phụ Nikiforos theo thông lệ. Hoàng đế liền ra lệnh bắt giữ ngay lập tức những giám mục đó và giam họ vào ngục tối; những ai trong số họ, vì sợ phải gánh chịu cơn thịnh nộ và sự truy bức khủng khiếp của ông, đã khuất phục trước quan điểm dị giáo của ông, thì ông giải thoát họ khỏi xiềng xích và ngục tối, đồng thời ban tặng những vinh dự; còn những ai kiên định giữ vững đức tin chính thống thì bị ông đàn áp một cách nhục nhã bằng xiềng xích, tra tấn bằng đói khát. Rất nhiều người, dưới sự chi phối của nỗi sợ hãi, đã gia nhập vào quan điểm đồng nhất với nhà vua, và đám đông dị giáo đã trở nên rất mạnh mẽ. Những kẻ giảng dạy sai lầm bắt đầu táo bạo và không bị cản trở truyền bá những giáo lý báng bổ của mình khắp các nhà thờ, xúi giục dân chúng không tôn kính các thánh tượng, còn các vị thầy chân chính của Chính Thống Giáo thì bị họ đuổi khỏi các nhà thờ, bị gây hại, và thậm chí cả Đức Thượng Phụ Thánh Thiện, tiếng kèn của Đức Chúa Trời, cũng bị họ cố ép im lặng và cấm không cho vào nhà thờ chính tòa.

Vị tôi tớ của Chúa, Thánh Nikifor, khi nghe và chứng kiến tất cả những gì đang diễn ra trong Giáo hội, đã không ngừng cầu nguyện với Chúa trong nước mắt, xin Ngài giữ cho Giáo hội của Ngài được trong sạch và bảo vệ đoàn chiên của Ngài khỏi sự tổn hại của những kẻ dị giáo. Ngài tập hợp nhiều tín hữu chính thống lại, khuyên nhủ, nài xin và dạy dỗ họ: đừng liên kết với những kẻ dị giáo, hãy tránh men độc (Mt 16:6; Lc 12:1–9) và những giáo lý của họ, giống như nọc độc của con rắn, đừng sợ hãi sự tàn bạo của thời đại đó cũng như những lời đe dọa của kẻ hành hình, kẻ chỉ giết thân xác chứ không giết linh hồn (Lc 12:4–10).

[4028] *"Sự kết thúc của họ là sự hủy diệt, thần của họ là bụng dạ, và vinh quang của họ là sự ô nhục; họ chỉ nghĩ đến những điều trần thế"* (Phi-líp 3:19).

– Nếu, – Ngài dạy – cả dân chúng theo vua sa vào tà giáo, và chỉ còn ít người trung thành với đức tin chân chính, thì những người còn lại cũng đừng nao núng vì số lượng ít ỏi của mình, vì Chúa không ưa chuộng số đông: Ngài nhìn đến một người biết kính sợ và run rẩy trước lời Ngài hơn là nhìn đến đám đông coi thường sự kính sợ Thiên Chúa, theo lời Ngài trong Phúc Âm: *'Đừng sợ, đoàn chiên nhỏ bé! Vì Cha các con đã vui lòng ban Nước Trời cho các con'* (Lc 12,32).

Sau đó, Đức Thượng Phụ đã triệu tập các vị giám mục nổi tiếng nhất đến gặp Ngài: Emilianus của Kizik, Euphemius của Sardis, Joseph của Thessalonica, Eudoxius của Ammoea, Michael của Synada, Theophylactus của Nicomedia, Peter của Nicaea và nhiều vị Thánh Phụ khác, trong số đó có Theodore Studites[4029] , Nikitas, vị tu viện trưởng của Midiki, cùng các vị nam tu chính thống khác. Sau một cuộc trò chuyện dài với họ về việc tôn kính các thánh tượng, dựa trên Kinh Thánh và truyền thống của các vị thánh phụ, ngài đã đến nhà thờ chính tòa Thánh Sofia vào buổi tối và bắt đầu nghi thức thánh ca suốt đêm, cầu xin Thiên Chúa ban bình an cho Giáo hội và giải thoát Giáo hội khỏi tà giáo. Khi biết tin này, hoàng đế bối rối và lo sợ rằng tổng giám mục có thể kích động một cuộc nổi loạn chống lại ngài trong số đông dân chúng tụ tập tại nhà thờ để tham dự nghi thức thánh ca suốt đêm: ngài biết rằng dân chúng yêu mến tổng giám mục, và tất cả đều sẵn lòng tuân theo ngài, thậm chí sẵn sàng hy sinh mạng sống vì ngài. Và vào lúc bình minh, nhà vua sai người đến nhà thờ gặp Đức Thượng phụ để nói:

– Tại sao ngươi lại làm dân chúng hoang mang và âm mưu chống lại nhà vua, người mong muốn hòa bình chung và sự đồng lòng? Tại sao ngươi lại xúi giục những kẻ điên rồ nổi loạn, và muốn lấp đầy kinh thành bằng máu của cuộc nội chiến?

Đức Thượng phụ tối cao đáp lại những sứ giả của nhà vua:

– Chúng tôi chẳng hề nghĩ đến điều gì giống như những gì các ngươi nói; thậm chí điều mà vị vua đã cử các ngươi đến đây nghĩ về chúng tôi cũng chưa bao giờ lóe lên trong tâm trí chúng tôi. Chúng tôi tụ họp tại nhà Chúa không phải để bàn bạc bất kỳ kế hoạch thù địch nào chống lại nhà vua, mà là để ngợi khen Chúa, để cầu nguyện và khẩn cầu, mong Chúa thương xót và ban bình an cho Giáo hội của Ngài, cho nhà vua và toàn thể dân chúng, để loại bỏ những sai lầm dị giáo, và củng cố mọi người trong đức tin chính thống và đồng lòng.

Những người được phái đến nói:

– Không, không phải như ngươi nói: miệng ngươi nói một đằng, lòng ngươi nghĩ một nẻo, và ngươi muốn biến những điều mình nghĩ thành hiện thực. Và vì ngươi rõ ràng đang có ý định nổi loạn chống lại nhà vua, nên chính ngươi cùng những người đồng chí hướng của ngươi, khi ngày đó đến, hãy đến cung điện hoàng gia, và tại đó trả lời trực tiếp với nhà vua về câu hỏi mà chúng tôi đã đưa ra, để nhà vua có thể hiểu rõ hơn về ý định của các ngươi.

Nói xong, các sứ giả ra về. Tất cả những ai có mặt trong nhà thờ, khi thấy và nghe điều này, đều hiểu rõ những gì sẽ xảy ra sau đó – những cuộc bách hại và tai ương mà vị tôi tớ của Chúa và toàn thể Giáo hội của Đức Kitô sắp phải gánh chịu – và họ bắt đầu cầu nguyện còn sốt sắng hơn nữa, với biết bao giọt nước mắt và tiếng thở dài. Khi buổi cầu nguyện suốt đêm kết thúc, Đức Thánh Nikifor bước ra giữa nhà thờ và giảng dạy trước toàn thể mọi người:

[4029] Thánh Theodoros Studites đã bước vào con đường tu hành ngay từ thuở thiếu thời, ban đầu tu tập dưới sự hướng dẫn của người chú mình, Thánh Platon (ngày tưởng niệm là 5 tháng 4, được tôn vinh tại Công đồng Đại kết lần thứ VII). Sau đó, Thánh Theodoros trở thành vị trụ trì của Tu viện Studion tại Constantinople; tu viện này, dưới sự quản lý của ngài, đã đạt đến đỉnh cao chưa từng có. Thánh Theodoros đã hai lần bị trục xuất khỏi Constantinopolis vì đã lên án Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus, người đã ly dị bất hợp pháp với vợ mình là Maria và làm trầm trọng thêm tội lỗi của mình bằng cuộc hôn nhân bất hợp pháp với Theodota. Khi trở về Tu viện Studion từ nơi lưu đày, đúng lúc cuộc đàn áp các thánh tượng bùng phát, Thánh Theodoros, bất chấp những lời đe dọa của phe chống thánh tượng, đã công khai tổ chức các cuộc rước thánh giá cùng với các tu sĩ trung thành. Khi đó, Hoàng đế Lêô người Armenia đã ra lệnh giam cầm ngài, nơi ngài bị giam giữ trong những ngục tối ẩm ướt và ngột ngạt, nhiều lần phải chịu những trận đòn roi tàn bạo. Dưới triều đại của Hoàng đế Michael Lưỡi Cứng, Thánh Theodoros được trả tự do khỏi nơi lưu đày, nhưng ngài không sống được lâu do cơ thể đã kiệt quệ vì thời gian bị giam cầm. Ngài qua đời ở tuổi 67 vào ngày 11 tháng 11 năm 826, và ngày này được chọn để tưởng niệm ngài. Vào giây phút Thánh Phê-ô-đô-r qua đời, Thánh I-la-ri-ôn Dalmatia đã nhìn thấy đoàn thiên thần từ trời giáng xuống và nghe thấy tiếng nói: "Này, linh hồn của Phê-ô-đô-r, vị tu viện trưởng tu viện Studion, đang hân hoan thăng thiên và được các thế lực thiên đàng đón rước".
Thánh Theodor đã để lại rất nhiều tác phẩm dưới dạng các bài giảng, thông điệp, thư từ, kinh cầu, thánh ca, bài thơ ngắn và tiểu sử. Bản tổng hợp đầy đủ nhất các tác phẩm của Thánh Theodor bằng tiếng Nga đã được ban biên tập tạp chí "Đọc sách Kitô giáo" thực hiện dưới dạng phụ lục kèm theo tạp chí này trong các năm 1907 và 1908.

– Hỡi hội thánh, được Thánh Thần của Đức Chúa Trời quy tụ lại! Ai có thể ngờ rằng Giáo Hội thánh thiện lại phải gánh chịu những tai ương như thế này, những điều mà chúng ta đang chứng kiến!? Thay vì niềm vui, Giáo Hội lại phải chịu nỗi buồn, và từ sự yên tĩnh chuyển sang sự bối rối. Đàn chiên Lời Chúa, vốn được chăn dắt trên đồng cỏ tốt lành, đang bị những kẻ sa ngã cướp bóc, và Mẹ, Đấng khuyên nhủ tất cả các con cái của Mẹ hướng đến sự hiệp nhất, đang bị xé nát thành từng mảnh! Giáo Hội mà Đức Kitô đã mua chuộc bằng chính Máu Thánh của Ngài, mà Ngài đã gìn giữ trong sự tinh tuyền khỏi mọi tội lỗi (Ep 5,27), đã được Ngài bảo vệ bằng các Tông Đồ, các ngôn sứ, các vị tử đạo và các thánh thuộc mọi bậc, và được Ngài trình bày như một thiên đàng được trang hoàng và bao bọc bởi những bức tường, – thì nay Giáo Hội ấy đang phải chịu những tai ương nào từ những kẻ bề ngoài giống chúng ta, nhưng thực ra lại cách xa chúng ta, đã trở thành kẻ thù của chúng ta và trong cơn độc ác của họ đã đi đến mức cùng với hình ảnh, họ làm ô nhục cả Đấng được khắc họa trên đó, và cùng với hình ảnh Chúa Kitô được vẽ trên tấm ván, họ từ chối chính Chúa Kitô: vì cả sự tôn kính lẫn sự sỉ nhục dành cho hình ảnh đều liên quan đến Đấng được khắc họa trên bức thánh tượng. Hiện nay, những kẻ thù của lẽ thật đang hủy diệt truyền thống cổ xưa của Giáo hội về việc tôn kính các thánh tượng và hợp pháp hóa một truyền thống mới, trái ngược với truyền thống cũ, do những kẻ dị giáo bịa đặt ra, và qua đó làm xáo trộn tâm hồn các tín hữu. Anh em và các con! Tôi khẩn cầu anh chị em, đừng sợ hãi hay nao núng, đừng để những lời đe dọa của chúng làm kinh hoàng lòng chúng ta; hãy trông cậy vào sự giúp đỡ của Thiên Chúa. Những kẻ thù địch với chúng ta và tìm cách tiêu diệt lẽ thật trong Giáo Hội giống như những người bơi ngược dòng sông: cuối cùng, họ sẽ chìm xuống vực sâu vì kiệt sức, vì lẽ thật là bất khả chiến bại, và nó sẽ ban vinh quang cho những ai tôn kính nó, đồng thời đánh bại những kẻ chống lại nó. Ai bám chặt vào sự thật thì dù không vũ khí cũng sẽ đánh bại kẻ thù; ai mất đi sự thật thì sẽ dễ dàng bị đánh bại, dù có là chiến binh được trang bị đầy đủ cho trận chiến đi chăng nữa. Những người mà chúng ta đang nói đến chính là những chứng nhân cho lời nói của chúng ta: họ không có chút hiểu biết nào về sự thật, ngay cả những đứa trẻ đang học chữ cái cũng chế giễu họ, bởi vì họ tự mâu thuẫn với chính mình trong những suy luận hão huyền của mình, như thể đang gặm nhấm chính xác thịt của mình, giống như những kẻ bị quỷ ám. Các anh em có hiểu những gì tôi đang nói không?

Tất cả những người có mặt trong nhà thờ đều đồng thanh thốt lên:

– Chúng con biết và tin chắc, thưa Đức Thánh Cha, rằng đức tin Chính Thống của chúng con là chân lý, và vì đức tin ấy, tất cả chúng con đều sẵn sàng hy sinh tính mạng.

Đức Thượng phụ nói:

– Anh em ơi, chúng ta phải luôn đồng lòng và nhất trí trong việc tuyên xưng đức tin Chính Thống, để kẻ thù không thể lôi kéo bất kỳ ai trong chúng ta về phía sự gian ác của chúng: vì nhờ ân sủng của Chúa Kitô, chúng ta đông hơn chúng.

Mọi người, với giọng nói vang dội, một lần nữa hứa hẹn vững chắc sẽ bảo vệ Giáo hội cho đến chết. Sau cuộc trò chuyện kéo dài với dân chúng trong nhà thờ, khi trời sáng, Đức Thượng phụ đã khoác omophorion lên vai và cùng các giám mục, các vị tu viện trưởng và toàn thể hàng giáo sĩ đi đến cung điện hoàng gia. Rất đông dân chúng cũng theo sau họ. Khi Đức Thượng phụ cùng các tín hữu Chính Thống Giáo đến cổng hoàng cung, tất cả đều bị chặn lại, chỉ có một mình vị Thượng phụ được phép đi qua. Thông thường, các vị vua Hy Lạp sẽ nhận lời chúc phúc từ Đức Thượng phụ và cùng nhau hôn tay phải như một dấu hiệu của tình yêu thiêng liêng. Còn Lev người Armenia, kẻ vô đạo, không dành cho Đức Thượng phụ đang bước vào lời chào kính trọng thông thường, không xin sự ban phước của ngài, thậm chí không mời ngài ngồi, mà chỉ nhìn ngài với ánh mắt đe dọa và bắt đầu nói với giọng giận dữ:

– Sự chia rẽ nào đã nảy sinh giữa các ngươi, cùng với những âm mưu và cuộc nổi loạn chống lại danh dự hoàng gia? Các ngươi triệu tập các công đồng mà không có sự cho phép của chúng ta, gây rối loạn dân chúng và xúi giục họ nổi loạn và phản loạn sao? Việc triệu tập các hội đồng mà không có sự cho phép và tham vấn của chúng ta, rồi lan truyền trong dân chúng rằng chúng ta tuân theo mê tín dị đoan chứ không phải giáo lý của Giáo hội, chẳng phải đó là sự thù địch rõ ràng và khởi đầu của sự chia rẽ sao? Nếu chúng ta muốn xóa bỏ các quy tắc chính đáng, mà các ngươi gọi là "cổ xưa", thì việc các ngươi phỉ báng, hạ nhục và buộc tội chúng ta về tà giáo độc ác vào lúc đó là điều có thể hiểu được; nhưng bây giờ, khi vì lòng yêu mến đức tin chân chính, chúng tôi mong muốn xóa bỏ những chia rẽ và bất đồng, và dẫn dắt mọi người đến sự hiệp nhất trong đức tin, tại sao các ngươi lại phỉ báng chúng tôi, gây thù địch và nói rằng chúng tôi đang làm tổn hại Giáo Hội, trong khi chúng tôi lại lo lắng cho sự bình an và yên ổn của Giáo Hội? Chẳng lẽ ngươi không biết rằng nhiều người đang hoang mang nên rời bỏ Giáo hội chỉ

vì việc vẽ và đặt các bức tượng thánh; những người rời bỏ mang theo sách và chỉ ra trong đó những lời của Kinh Thánh, cấm việc làm và tôn kính các bức tượng thánh sao? Và nếu không có câu trả lời cho những câu hỏi mà họ nêu ra, thì điều gì có thể ngăn cản sự chia rẽ trong đức tin, một sự chia rẽ mà sau này sẽ không bao giờ có thể hàn gắn được nữa? Vì vậy, vì những người đang bối rối trong tâm trí và hoang mang vì sự băn khoăn, các ngươi cần phải ngay lập tức tranh luận với những kẻ ly khai (khỏi Giáo hội) vì vấn đề các bức tượng thánh. Chính quyền của chúng tôi mong muốn và ra lệnh rằng hoặc các ngươi phải bác bỏ lập luận của họ và dẫn dắt họ vào sự khôn ngoan của các ngươi, hoặc, nếu bị đánh bại trong cuộc tranh luận, chính các ngươi phải khuất phục trước họ; khi đó, chúng tôi, sau khi nhận ra đâu là sự thật, sẽ đứng về phía đúng đắn và củng cố nó bằng quyền lực hoàng gia của chúng tôi, để từ đó kiên định bảo vệ nó một cách vững chắc.

Đức Thánh Nikifor đã trả lời nhà vua:

– Không, thưa Bệ hạ, xin đừng coi chúng tôi là những kẻ có tội trong các cuộc ly giáo và nổi loạn. Ngay cả lời cầu nguyện, như một vũ khí chống lại quyền lực hoàng gia của Bệ hạ, chúng tôi cũng không sử dụng, vì từ Kinh Thánh, chúng tôi đã học được cách cầu nguyện cho nhà vua, chứ không phải mong điều xấu xảy ra với ngài (1 Ti-mô-thê 2:2). Chúng tôi cũng không biến những lời nói và giáo lý lành mạnh của đức tin thành những suy luận dị giáo và sự hủy hoại, bởi vì vị Thầy của sự thật, Thánh Gioan Thần Học, đã ra lệnh rằng những ai dám làm những việc như vậy thì không được tiếp đón trong nhà và không được chào đón (2 Giăng 1:10). Không chỉ chúng ta mà bất cứ ai có chút lý trí nào cũng đều biết chắc chắn rằng hòa bình và sự yên tĩnh là điều rất tốt lành: và nếu ai đó phạm tội phá hoại hòa bình, thì theo lẽ công bằng, mọi người đều phải gọi người đó là kẻ ác. Vị vua nào biết biến chiến tranh thành hòa bình, và biến nổi loạn thành sự yên tĩnh, thì đó là vị vua tốt; còn ngươi, cùng với những kẻ đồng lòng với ngươi, đã âm mưu gây chiến tranh chống lại Giáo Hội đang sống trong hòa bình, và, bỏ qua những luật thánh thiêng, nhờ đó Thập Tự Giá của Đấng Christ được tôn vinh và lòng đạo đức chiếu sáng vũ trụ, đã đề xuất áp dụng giáo lý u ám của những kẻ độc ác, mà không một Giáo Hội nào chấp nhận: vì chẳng phải Giê-ru-sa-lem, cũng chẳng phải Rô-ma, cũng chẳng phải A-lê-xan-đri-a, cũng chẳng phải An-ti-ô-ki-a nào từ chối các hình ảnh của Chúa Kitô, Đức Mẹ Thiên Chúa, các Tông đồ và các vị thánh khác của Thiên Chúa; trái lại, họ tôn kính các ngài một cách đạo đức theo truyền thống của các Thánh Tổ. Có Công đồng Toàn cầu nào, vốn đã xác lập các tín điều của đức tin Chính thống nhờ Thánh Thần, lại tán thành và chấp nhận những tư tưởng chống thánh tượng ấy chăng? Vì vậy, thưa Hoàng đế, xin ngài đừng phục hồi tà thuyết đã bị bác bỏ và đừng đưa những luận điệu đã bị lên án vào Giáo hội thánh thiện. Phía chúng tôi sẽ không tranh luận với những kẻ dị giáo, vì sao phải tranh cãi về điều mà các vị Thánh Tổ đã bác bỏ, từ chối và tuyên bố là bị vạ tuyệt thông trong các Công đồng?

Nhà vua phản bác lại Đức Thượng phụ như sau:

– Chẳng phải Thiên Chúa đã phán với Mô-sê rằng: *"Chớ làm cho mình hình tượng nào, cũng chớ làm hình ảnh nào của những gì ở trên trời cao, những gì ở dưới đất thấp, và những gì ở dưới nước dưới đất; chớ thờ lạy chúng và chớ phụng sự chúng"* (Xuất Hành 20:4–5) sao? Vậy thì trên cơ sở hợp lý nào mà các ngài lại vẽ các bức thánh tượng, và dành sự tôn kính vốn chỉ dành cho chính Đức Chúa Trời cho những hình ảnh và thánh tượng do chính các ngài tạo ra? Những gì những kẻ thờ hình tượng đã làm trong quá khứ, thì các ngươi bây giờ cũng đang làm, coi thường điều răn của Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se, và qua ông ấy cho tất cả mọi người, không chỉ những người thời Cựu Ước xưa kia, mà còn cả chúng ta, những Kitô hữu trung thành thuộc thời Tân Ước.

Đức Thánh Nikifor đáp:

– Ngươi chẳng biết sao, tại sao khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, Đức Chúa Trời đã ban cho họ điều răn không được tạo ra các thần tượng và mọi hình tượng giống như vậy? Bởi vì cuộc sống ở Ai Cập đã khiến dân Y-sơ-ra-ên quen với sự gian ác và đa thần giáo của người Ai Cập, những người tôn thờ hoặc là những người đã chết từ lâu, hoặc là các loài chim trên trời, thú vật dưới đất, các loài bò sát, cá và đủ loại quái vật, họ tạc hình tượng của chúng và thờ lạy chúng như Đức Chúa Trời thật. Để nhổ tận gốc tệ nạn thờ thần tượng mà dân Y-sơ-ra-ên đã quen thuộc khi còn ở Ai Cập, Đức Chúa Trời đã ban cho họ điều răn cấm tạo ra các tượng thần hay bất kỳ hình tượng nào, nhưng Ngài không cấm tạo ra những hình ảnh và biểu tượng trang nghiêm, vốn không nhằm hạ thấp mà nhằm tăng cường sự tôn kính Đức Chúa Trời. Chẳng phải chính theo lệnh của Đức Chúa Trời ấy mà Môi-se đã dựng Lều Hội Ngộ và bọc Hòm Giao Ước bằng vàng từ mọi phía, nơi lưu giữ các bảng đá, cây gậy của A-rôn và manna sao? (3 Vua 7 và các đoạn tiếp theo) Chẳng phải Đức Chúa Trời đã truyền lệnh làm những thiên thần Cherubim bằng vàng và đặt chúng trên Hòm Giao Ước trong Đền Tạm sao? Và trên các bức màn của Đền Tạm, chẳng phải đã được dệt những hình ảnh khuôn mặt của các thiên thần Cherubim sao? Và tất cả những điều này chẳng phải đã được dân

Y-sơ-ra-ên tôn kính như những vật thiêng liêng và thuộc về Đức Chúa Trời sao, và trước tất cả những điều này, chẳng phải dân Y-sơ-ra-ên đã thờ phượng Đức Chúa Trời và dâng của lễ sao? Khi họ cúi lạy và dâng của lễ trước Đền Tạm, Hòm Giao Ước và các thiên thần Cherubim, thì họ không thờ lạy hay dâng của lễ cho Đền Tạm, Hòm Giao Ước hay các thiên thần Cherubim, mà là cho chính Đức Chúa Trời, Đấng ngự trên trời; còn Đền Tạm, Hòm Giao Ước cùng những gì chứa đựng trong đó, và hình tượng các Thiên Thần Cherubim, họ tôn kính một cách trang nghiêm như những vật thiêng liêng, chứ không phải là những vật được thờ phượng như thần linh, giống như cách chúng ta hiện nay đang làm khi thờ phượng các thánh tượng, thắp nến trước chúng và dâng đèn cầy. Chúng ta không cúi lạy trước tấm ván hay màu sơn, mà là trước chính hình ảnh của Đức Kitô, Thiên Chúa nhập thể, được khắc họa trên bức tượng thánh; và chúng ta không vẽ bản thể Thiên Chúa của Đức Kitô trên bức tượng thánh – vì bản thể ấy, vốn vô hình và siêu việt, không thể diễn tả được, – mà chúng ta vẽ nên nhân tính của Chúa Kitô, vốn đã từng được mắt người nhìn thấy và tay người chạm vào; và chúng ta không gọi bức thánh tượng của Chúa Kitô là Thiên Chúa, mà là hình ảnh khuôn mặt của Chúa Kitô, Thiên Chúa. Chúng ta cúi đầu trước Đức Kitô, Thiên Chúa, trước bức thánh tượng thánh thiêng của Ngài như trước Thiên Chúa, và tôn kính bức thánh tượng của Đức Kitô như một vật thiêng liêng, nhưng không thờ phượng nó. Điều tương tự cũng phải nói về bức thánh tượng Đức Mẹ Rất Thánh, và về các thánh khác, trong đó chính Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài, được tôn kính. Nhưng khi đã bắt đầu nói về Cựu Ước, chúng ta vẫn chưa kết thúc. Chẳng phải Thiên Chúa đã truyền cho Mô-sê dựng con rắn đồng lên trong sa mạc, để những người bị rắn cắn có thể đến và nhìn lên nó sao? Và con rắn đồng ấy chẳng phải là một hình ảnh làm phép lạ, đã chữa lành một cách kỳ diệu cho những ai bị rắn sống cắn sao? Bởi vì con rắn đồng ấy không tự nó có sức mạnh chữa lành, mà là nhờ Đấng mà nó là hình bóng. Nó tượng trưng cho Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đấng phải bị treo lên cây thập giá, theo lời chính Đức Kitô đã phán sau này trong Tin Mừng: *"Cũng như Mô-sê đã giương con rắn đồng lên trong sa mạc, thì Con Người cũng phải bị giương lên như vậy"* (Ga 3,14)

Vậy thì có gì đáng ngạc nhiên khi ngày nay các bức thánh tượng vẫn có thể làm phép lạ, nếu ngay từ thời Cựu Ước, con rắn đồng đã làm nên những phép lạ? Nhưng giống như con rắn đồng ấy không tự mình làm phép lạ, mà nhờ quyền năng của Đấng mà nó là hình ảnh tiên báo: các bức thánh tượng cũng làm phép lạ nhờ quyền năng của Đấng được khắc họa trên đó. Hãy nhớ lại Đền thờ của Sa-lô-môn: liệu Đức Chúa Trời có quy tội cho Sa-lô-môn vì trong đền thờ do ông xây dựng, ông đã tạo ra những thiên thần Hê-ru-vi-mô bằng vàng lớn hơn những cái do Môi-se làm, và khắc hình ảnh của chúng lên tường, cột và cửa, cũng như tạo ra Biển Đồng trên mười hai con bò đúc không? Không những Đức Chúa Trời không quy tội này cho Sa-lô-môn, mà Ngài còn cho thấy việc này đẹp lòng Ngài, khi chính Ngài đã viếng thăm đền thờ đó và mọi thứ trong đó, vì có chép rằng: *"Một đám mây đã tràn ngập nhà Đức Giê-hô-va; và các thầy tế lễ không thể đứng làm lễ vì đám mây, vì vinh quang của Đức Giê-hô-va đã tràn ngập đền thờ"* (3 Vua 8:11).

Vậy nên, điều răn của luật pháp Đức Chúa Trời về việc không được tạo ra bất kỳ hình tượng nào, mà ngài đã đề cập trước đó, hỡi Đức Vua, đã được ban cho Môi-se, chỉ nhằm loại bỏ sự thờ lạy thần tượng ngoại giáo, chứ không phải lòng sùng kính Kitô giáo của chúng ta – việc tôn kính các thánh tượng. Nếu Đức Chúa Trời, qua điều răn ban đầu này, cũng cấm hoàn toàn mọi hình vẽ và hình tượng của những người công chính, giống như Ngài đã cấm các hình tượng gian ác, thì Ngài sẽ tự mâu thuẫn với chính mình, khi sau đó Ngài truyền cho Môi-se, như đã được nói, dựng nên Đền Tạm và các vật dụng của nó, thậm chí còn ra lệnh treo con rắn bằng đồng lên. Nhưng không nên nói như vậy: Đức Chúa Trời không tự mâu thuẫn với chính Ngài, và như Ngài trung thành trong mọi lời nói của Ngài, thì Ngài cũng thánh khiết trong mọi việc làm của Ngài. Ngài đã ra lệnh bằng lời không được tạo ra các thần tượng ngoại đạo; còn việc vẽ các bức thánh tượng để trang trí nhà thờ và tôn vinh Đức Chúa Trời – điều này Ngài đã dạy bằng hành động, chính Ngài đã chỉ dẫn cho Mô-sê, khi ra lệnh khắc họa hình ảnh khuôn mặt của các thiên thần Hê-ru-bim.

Và còn nhiều điều khác nữa mà nhà vua và tổng giám mục đã nói về các bức thánh tượng, ban đầu là trong riêng tư, sau đó các giám mục và giáo sĩ đang đứng ngoài cửa cũng được phép vào trong. Nhiều thượng nghị sĩ cũng đã vào; nhà vua còn cho gọi các chiến binh vũ trang với gươm trần vào đó, nhằm răn đe những ai không muốn đồng ý với ngài. Những gì đã xảy ra ở đó, những cuộc tranh luận ra sao, và sự vĩ đại của tâm hồn cùng lòng dũng cảm mà những trái tim không sợ hãi đã thể hiện, tất cả đều được ghi chép trong cuốn tiểu sử của Thánh Phê-ô-đô-rô Studita, ngày 11 tháng 11, và trong cuốn tiểu sử của Thánh Ni-ki-ta, vị chứng nhân, ngày 3 tháng 4. Cuối cùng, tất cả những điều này đã kết thúc trong cơn thịnh nộ và giận dữ của nhà vua, cùng với việc tổng giám mục và toàn bộ

đoàn tùy tùng của ngài bị trục xuất khỏi cung điện hoàng gia trong sự nhục nhã. Các giám mục từng phục vụ dưới thời Đức Thánh Nikifor ngay lập tức bị đày đến các nơi khác nhau, nhưng vị tổng giám mục thì tạm thời vẫn được giữ nguyên chức vụ, một phần vì họ chưa dám ra tay hại ông một cách dứt khoát, một phần vì lo sợ dân chúng sẽ nổi dậy và gây loạn vì ông. Còn các giáo sĩ và nhiều tu sĩ thì bị tra tấn trong ngục tối và nhà giam bằng những vết thương, bị bỏ đói và khát, bị ép buộc phải theo tà giáo.

Đức Thượng phụ, khi thấy nhà vua đã hoàn toàn xa rời đức tin chính thống, và Giáo hội đang lâm vào tình trạng hỗn loạn, còn hàng giáo sĩ thì phải chịu sự đàn áp và đau khổ, đã viết thư cho hoàng hậu, khuyên bà nên khuyên nhủ nhà vua chấm dứt cuộc đàn áp đó; ngài cũng viết thư cho tổng trấn Eutychianus, người đồng quan điểm với nhà vua và là cố vấn hàng đầu của ông. Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành tông đồ và tinh thần tiên tri, ngài đã kèm theo những lời khuyên nhủ đó một lời cảnh báo nghiêm khắc như sau:

– Nếu các ngươi không ngừng lôi kéo người ta rời xa con đường chính trực của Chúa, bàn tay trừng phạt của Chúa sẽ sớm giáng xuống các ngươi.

Tuy nhiên, vị Thượng phụ thánh thiện không những không thể thuyết phục được những kẻ cứng đầu, mà thậm chí còn khiến họ càng thêm phẫn nộ. Nhà vua đã cử một quý tộc tên là Phô-ma đến tước quyền quản lý Nhà thờ Thánh Sofia của Đức Thượng phụ và cấm ngài cử hành thánh lễ cũng như giảng dạy cho dân chúng tại đó, đến nỗi Đức Thượng phụ phải sống trong nhà mình như bị giam cầm, không được ra ngoài đâu cả. Vì nỗi buồn và những nỗ lực không ngừng, ngài kiệt sức về thể xác, lâm bệnh và nằm trên giường bệnh, chờ đợi cái chết của mình; còn bọn dị giáo thì không ngừng xôn xao và muốn tranh luận với ngài. Nhà vua cùng những người đồng chí hướng đã cử anh trai của hoàng hậu, tên là Theophanes, chức vụ Spatharios[4030] , đến gặp Đức Thượng phụ để đưa ngài đến tranh luận với họ. Thánh nhân đã trả lời sứ giả:

– Người chăn chiên bị tước mất đàn chiên thì không ra trận chống lại bầy sói, và người tìm kiếm sự bình an cho bản thân thì không chiến đấu với thú dữ. Tại sao các ngươi, sau khi tước đoạt khỏi ta những con chiên mà Đấng Christ đã giao phó, lại kêu gọi ta đến tranh luận, để ta một mình chiến đấu với những kẻ dị giáo, như chiến đấu với bầy sói? Nếu các ngài mong muốn điều đó, thì hãy trả lại cho tôi đàn chiên của tôi, thả các linh mục và giáo sĩ ra khỏi xiềng xích và ngục tù, và để mỗi người trở về vị trí của mình; các giám mục bị lưu đày hãy được trở về và tái nhậm chức trên ngai tòa của họ, còn những kẻ dị giáo, những giám mục giả mạo hiện đang chiếm giữ vị trí của họ, những kẻ được tấn phong sai trái, hãy bị lật đổ, và tất cả những người chính thống, đang bị bách hại và đau khổ, hãy được nghỉ ngơi (khỏi sự bách hại) và lấy lại tự do ban đầu của mình: khi đó, nếu Chúa muốn và nếu tôi hồi phục, chúng ta sẽ sẵn sàng cùng nhau vạch trần sự độc ác hủy diệt mà những kẻ dị giáo đã chấp nhận. Còn Hội đồng và cuộc thảo luận về đức tin phải diễn ra trong Giáo hội vĩ đại, nơi chính Đức Kitô Thiên Chúa hiện diện trong các Bí tích thánh khiết, chứ không phải trong các cung điện hoàng gia, vì những vấn đề thuộc về Giáo hội phải được bàn luận trong Giáo hội, còn trong các cung điện thì chỉ để giải quyết các công việc dân sự.

Với câu trả lời như vậy, Thánh Theophanes đã trở về với những người đã cử ngài đi. Họ càng thêm phẫn nộ với vị thánh, và lại cử một số người trong nhóm của họ đến gặp ngài để triệu tập ngài ra tòa. Đức Thượng phụ thánh đã phản bác họ:

– Ai đang triệu tập tôi ra tòa? Có phải là một trong các vị tổng giám mục – Rôma, Alexandria, Antioch hay Jerusalem? Nếu họ không có mặt trong hội đồng của các ngươi, thì tôi phải đến gặp ai? Hay chính các ngươi, những kẻ vô pháp, đang triệu tập tôi, một vị tổng giám mục? Chính các ngươi, những kẻ vô pháp, lại định xét xử ta, vị mục tử hợp pháp sao? Ta sẽ không đến với những kẻ thù rõ ràng của ta, những kẻ như những con thú dữ, đã chuẩn bị xé xác ta mà ta chẳng có tội gì. Hơn nữa, làm sao ta có thể đi được khi đang ốm nặng, thậm chí không thể đứng dậy khỏi giường bệnh? Chẳng lẽ các ngươi sẽ mang cả giường bệnh của ta đi sao?

Và những người được cử đi đã trở về tay trắng. Lúc bấy giờ, đám tụ tập dị giáo, tràn đầy sự thù hận tột độ, đã bất hợp pháp tước bỏ chức vụ của vị thánh nhân vô tội, thánh thiện và được Chúa yêu mến, Đức Thượng phụ Nikiforos, và tuyên bố ngài bị vạ tuyệt thông, trong khi chính chúng mới là những kẻ xứng đáng bị trục xuất và nguyền rủa đến tột cùng; họ không chỉ tuyên bố vạ tuyệt thông đối với Thánh Nikiforos, mà còn đối với các vị tiền nhiệm của ngài, các vị tổng giám mục chính thống thánh thiện đã về với Chúa sau khi qua đời trong bình an, là Thánh Tarasius và Thánh Germanus. Cuộc họp tà giáo xảo trá đó đã kết thúc như vậy.

[4030] Người mang thanh gươm hoàng gia

Vào tối muộn, hoàng đế đã sai binh lính đến bắt Thánh Nikifor khỏi dinh tổng giám mục và dẫn ngài đi lưu đày. Những binh lính hung tợn tiến đến dinh với vũ khí và gậy gộc; họ gây ồn ào và hỗn loạn, đồng thời lăng mạ Đức Thánh Nikifor cùng các vị tổng giám mục tiền nhiệm là Thánh German và Thánh Tarasius. Nghe thấy điều đó, Đức Thượng phụ đã rơi lệ và tạ ơn Thiên Chúa vì đã cho ngài được nhận những lời vu khống như vậy vì Đức Tin Chính Thống. Quý tộc Phô-ma nói trên, người mà hoàng đế đã giao phó nhà thờ Thánh Sofia, đồng thời cũng là người bảo vệ dinh thự của tổng giám mục, đã ra lệnh cho các chiến binh ngừng ồn ào, khóa chặt cửa ra vào dinh thự của tổng giám mục, rồi đến gặp hoàng đế và nói với ngài:

– Thưa Bệ hạ! Không cần đến đông đảo binh lính, nếu không dân chúng nghe thấy tiếng ồn ào sẽ tụ tập lại và gây ra điều gì đó xấu; chỉ cần cử hai người đàn ông cùng vài người hầu đi, để họ khiêng Đức Thượng phụ ra, vì ngài đang rất ốm và không thể tự đi được.

Nhà vua đã làm đúng như vậy – ông ra lệnh cho binh lính rút lui khỏi khuôn viên của Tòa Thượng phụ, và một giờ sau, ông cử hai người từ cung điện của mình đến; và Đức Thánh Nikifor đã được dẫn ra, hay đúng hơn là được khiêng ra khỏi nhà của ngài. Với mong muốn cầu nguyện tại nhà thờ chính tòa vĩ đại Thánh Sofia, ngài bước vào đó, được hai người đàn ông dìu đỡ, ra lệnh thắp nến và xông hương, rồi quỳ sấp xuống đất theo hình chữ thập và cầu nguyện rất lâu, khóc nức nở và làm ướt đất bằng những giọt nước mắt.

Sau đó, ngài đứng dậy khỏi mặt đất; khi thấy một số tín hữu Chính Thống cũng đã đến nhà thờ và khóc thương cho Đức Thượng Phụ, ngài ban phước lành cho họ, rồi lần cuối cùng từ biệt họ với những lời:

– Hỡi các con, ta đã thấy các con là những Kitô hữu chính thống và ta để các con lại với tư cách là những Kitô hữu chính thống.

Và ngài bước ra khỏi nhà thờ. Các binh lính đưa ngài lên xe ngựa, và vào nửa đêm, khi mọi người đang ngủ, họ đưa ngài ra bờ biển. Tại đây, họ đặt ngài lên một chiếc thuyền và chở ngài đến Chrysopolis[4031] , đến một nơi gọi là Volue[4032] , nơi có một tu viện. Vậy là vị thánh nhân vĩ đại của Đức Chúa Trời, Đức Thượng phụ Nikifor, đã bị truất phế một cách oan ức khỏi ngai vàng của mình, sau chín năm lãnh đạo Giáo hội của Đức Kitô. Không lâu sau đó, ngài lại bị đày tiếp đến đảo Prokonnis[4033] , vào tu viện của Thánh Đại Tử đạo Theodoros. Khi đang trên đường đến hòn đảo này, khi con thuyền chở ngài đi ngang qua vùng đất nơi Thánh Theophan, vị tu viện trưởng của ngôi làng lớn, đang cư ngụ, cả hai vị thánh nhân đều nhìn thấy nhau bằng đôi mắt sáng suốt và chào hỏi lẫn nhau. Thánh Phêôphan, khi đang ở trong phòng tu của mình, đã ra lệnh cho đệ tử đặt than hồng vào lư hương, thắp nến, đặt nhang lên than và cúi đầu xuống đất, như thể đang trò chuyện với một người nào đó đang đi ngang qua. Đệ tử hỏi ngài:

– Thưa Cha! Cha đang làm gì vậy? Cha đã cúi đầu chào ai và đang trò chuyện với ai?

Vị thánh nhân đáp:

– Đức Thượng phụ Nikifor, người đã bị trục xuất một cách oan ức vì giữ vững đức tin, đang trên đường bị lưu đày trên một con tàu đi ngang qua đất nước này; vì thế, chúng ta đã thắp nến và hương trầm để bày tỏ sự kính trọng xứng đáng đối với Đức Thượng phụ.

Cùng lúc đó, Đức Thượng phụ Nikifor, đang ở trên tàu, bỗng quỳ gối, cùng cúi đầu chào vị thánh nhân già và, giơ hai tay lên trời, ban phước lành. Một người trong số những người đi cùng Đức Thượng phụ trên tàu hỏi ngài:

– Ngài đang ban phước lành cho ai vậy, thưa Đức Thánh Cha, và ngài quỳ gối trước ai vậy?

Đức Thượng phụ đáp:

– Thánh Theophanes, vị tu sĩ tuyên xưng đức tin, vị tu viện trưởng của ngôi làng lớn, đã chào đón chúng ta và tỏ lòng kính trọng bằng những ngọn nến thắp sáng cùng hương trầm; còn tôi, từ phía mình, đã cúi đầu chào ngài, vì ngài cũng sẽ phải chịu khổ trong thời gian không lâu nữa, giống như chúng ta.

Điều đó chẳng bao lâu sau đã trở thành sự thật. Khi đến nơi lưu đày đã được chỉ định, Thánh Nikifor của Chúa Kitô đã sống ở đó trong cảnh chật chội và thường xuyên ốm đau, chịu đựng sự thiếu thốn những nhu cầu thiết yếu, suốt mười ba năm, rồi an nghỉ vĩnh hằng trong Chúa. Khi lâm chung, với tâm hồn tràn đầy niềm vui, ngài đã

[4031] Chrysopolis – ở Bithynia gần Byzantium, nay là Shkodër.

[4032] Theo bản gốc tiếng Hy Lạp là tu viện của Đấng Tốt Lành, tức là Chúa Kitô, nhưng người sao chép bản dịch tiếng Latinh đã thay thế từ "Vopi" (Đấng Tốt Lành) bằng từ "vola" (con bò), do đó trong bản dịch tiếng Slav đã xuất hiện từ "Volue".

[4033] Prokonnis – một hòn đảo trên Biển Marmara; ngày nay là Marmara.

thốt lên những lời của Đa-vít: *"Chúc tụng Chúa, Đấng đã không phó chúng ta làm mồi cho răng chúng! Linh hồn chúng ta đã thoát khỏi lưới của những kẻ săn bắt như chim: lưới đã bị xé rách, và chúng ta đã được giải thoát"* (Thánh vịnh 123:6–7).

Nói xong, ngài phó thác linh hồn mình vào tay Chúa của ngài, và những tín hữu trung thành khóc than thương tiếc ngài, còn những kẻ dị giáo thì hân hoan. Thi hài thánh thiện của ngài được an táng tại nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Phê-ô-đô-rô. Sau đó, khi các thủ lĩnh dị giáo bị tiêu diệt, cuộc bách hại chống thánh tượng chấm dứt và sự bình an cùng đức tin chân chính lại tỏa sáng, thi hài thánh thiện của Thánh Ni-ki-phô-rô được rước về Constantinople vào ngày 13 tháng 3 năm 846, dưới triều đại của Michael, con trai của Theophilus, và mẹ ngài là Theodora, và được an táng một cách trang trọng tại Nhà thờ Thánh Sophia, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời, Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Vương miện chiến thắng từ trời cao, hỡi Thánh Nikifor vinh hiển, vì ngài đã nhận lãnh từ Thiên Chúa, xin cứu rỗi những ai tôn kính ngài bằng đức tin, như vị thủ lãnh thánh của Đức Kitô và vị thầy.

Ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử Đạo Gioan Mới

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 6

Có rất ít các vị thánh nam, bằng đời sống đạo đức và xứng lòng Chúa, đã để lại cho chúng ta gương mẫu để noi theo; trong số đó có vị thánh được Chúa yêu mến này, không kém gì các vị thánh đầu tiên, dù ngài là người cuối cùng về mặt thời gian. Chúa Kitô không chỉ ban vương miện vinh quang cho các vị tử đạo của các thế kỷ đầu tiên, mà ngay cả ngày nay, trong những thời kỳ cuối cùng, Ngài cũng mở cửa (Nước Trời) cho những ai tìm kiếm điều đó, ban cho họ cùng một vinh quang và ân sủng. Vậy, chúng ta hãy bắt đầu câu chuyện về Thánh Gioan, vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô, tràn đầy ân sủng của Chúa Thánh Thần – ngài là ai, xuất thân từ đâu và làm thế nào ngài được ban cho danh hiệu và vương miện của vị tử đạo.

Quê hương của vị thánh này là Trebizond, một thành phố vinh quang và vĩ đại, nằm ở các vùng đất phương Đông, gần Assyria và biên giới của vương quốc Armenia vĩ đại. Với đầy đủ mọi thứ cần thiết, thành phố này là bến đỗ thuận tiện cho các con tàu từ khắp nơi đổ về; còn cư dân nơi đây, sống ven biển, làm nghề buôn bán và đi biển, nhờ đó mà kiếm sống. Chính xác như vậy, Thánh Gioan cũng đã tham gia buôn bán, thường xuyên thực hiện những chuyến đi biển đến các thành phố khác nhau. Một lần nọ, ngài phải mang theo một lượng hàng hóa đáng kể lên tàu của một người đàn ông nước ngoài, người này là người Frag[4034] , không theo tôn giáo phương Đông, tính cách thô lỗ, không nhân từ và vô nhân đạo. Trong suốt chuyến hành trình trên biển cùng người đàn ông đó, kẻ thù là ma quỷ bắt đầu ghen tị với cuộc sống trong sạch của Thánh Gioan: hắn không thể chịu đựng nổi lối sống đạo đức của vị thánh, thường thấy ngài cầu nguyện và ăn chay, có tính cách hiền lành và cởi mở với mọi người, đầy lòng thương xót đối với những người khốn khó trên tàu và những ai đang ốm đau. Người tôi tớ của Chúa an ủi những người ấy, chia sẻ những thứ cần thiết từ của cải của mình, giang tay hào phóng giúp đỡ họ; với đôi mắt ngập tràn nước mắt, ngài thầm nói trong lòng:

– Nếu ngươi tỏ lòng thương xót với người anh em đang đau khổ, chính ngươi cũng sẽ được thương xót; và nếu ngươi an ủi người đang đau buồn, chính ngươi cũng sẽ được Chúa an ủi.

Kẻ thù vô hình đã nhìn thấy điều này, ghen tị và cố gắng cản trở vị thánh trên con đường dẫn đến sự cứu rỗi. Trước hết, nó âm mưu lôi kéo ngài rời xa đức tin chân chính và đã xúi giục một kẻ thù hữu hình chống lại ngài, đó là thuyền trưởng – người theo một tín ngưỡng khác – người này bắt đầu quấy rối người tôi tớ trung thành của Chúa Kitô bằng những cuộc tranh luận về đức tin Đông phương (Chính Thống). Trong vô số cuộc tranh luận bằng lời nói về đức tin diễn ra giữa họ trong suốt hành trình trên biển, Thánh Gioan, với tư cách là một người vô cùng khôn ngoan và thông thạo học thuật, luôn chiến thắng tên thủy thủ và vạch trần những tư tưởng sai lầm của hắn; còn tên đó thì tức giận trước vị chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô, bực bội, quấy rối ngài bằng nhiều lời

[4034] Người Frya trong thời xưa ở Nga chủ yếu là người Genoa, sau đó là người châu Âu phương Tây nói chung.

trách móc và vì lòng thù hận nên đã ấp ủ ý đồ xấu xa đối với ngài. Khi lòng thù hận ấy bùng lên trong lòng hắn, con tàu đã cập bến gần Belgrade, gần eo biển Bosphorus[4035] . Tại đó, tên thuyền trưởng độc ác đã đến gặp quan tổng trấn địa phương, người gốc Ba Tư và theo đạo Ba Tư[4036] , một người bảo vệ nhiệt thành các truyền thống của tổ tiên mình, và đã vu khống Thánh Gioan trước mặt ông ta như sau:

– Thưa quan trưởng! Cùng với tôi trên con tàu này có một người đàn ông đã đến đây, người này mong muốn từ bỏ đức tin Kitô giáo mà cha ông đã truyền lại, để theo đạo của ngài và trở thành người cùng chia sẻ truyền thống của ngài; trong suốt hành trình trên biển, anh ta đã thông báo điều này với tôi và bằng nhiều lời thề đã khẳng định rằng sẽ không thay đổi ý định của mình. Nếu ngươi nhanh chóng lo liệu để đưa anh ta đến sự đồng nhất tín ngưỡng với các ngươi, thì ngươi sẽ nhận được lời khen ngợi lớn lao từ dân chúng của ngươi, vì người đàn ông này rất giỏi ăn nói và không phải là người tầm thường trong số các quý tộc danh giá nhất của thành phố Trapezunt.

Nghe vậy, viên quan vô đạo tràn ngập niềm vui; ngồi vào vị trí xét xử thường lệ, ông ra lệnh đưa Thánh Gioan đến trước mặt mình với sự tôn kính và nói với ngài:

– Ta đã nghe nói nhiều về ngươi, hỡi người đáng kính, – ta nghe nói ngươi đã yêu mến đức tin của chúng ta và muốn gia nhập vào đó. Đức tin của chúng ta lấy những điều chính trực làm đối tượng suy ngẫm và thắp lên trong lòng những ai hiểu biết nó ngọn lửa yêu mến; đối với những ai đón nhận nó với niềm vui, nó ban tặng cuộc sống an lành và tuổi thọ; còn đức tin Kitô giáo thì đáng bị chế giễu. Hỡi người bạn đáng kính! Xin đừng chần chừ mà hãy gạt nó ra xa khỏi mình, và trước mặt hội chúng đông đảo này, hãy công khai phỉ báng các truyền thống và luật lệ Kitô giáo; chính vì vậy mà tất cả mọi người, kể cả vợ con, đã tụ họp tại đây, vì đã nghe nói về mong muốn của ngài muốn tuyên xưng đức tin sáng ngời và vinh quang của chúng tôi. Hãy đi đi, hỡi người đàn ông tuyệt vời, hãy đứng cùng chúng tôi, bằng giọng nói rõ ràng nhất, hãy ca ngợi mặt trời rực rỡ, hãy tôn vinh ngôi sao đi trước mặt trời, và dâng lễ vật lên các vì sao trên trời, những vì sao chiếu sáng vũ trụ; lúc đó ngươi sẽ được ban tặng nhiều vinh dự và tước vị cao quý từ vị vua của chúng ta, còn đối với chúng ta, ngươi sẽ là người anh em chân thành và được tận hưởng cuộc sống mà mọi người đều yêu mến.

Trong khi vị quan trị vì, với sự pha trộn giữa sự độc ác và xảo quyệt, đang thốt ra những lời nịnh hót ấy, Thánh Gioan, ngước đôi mắt tâm linh lên trời, đã kêu cầu sự trợ giúp của Chúa, Đấng đã phán: "Khi các con bị dẫn ra trước các vua và các quan vì danh Ta, đừng lo lắng trước về việc phải nói gì hay trả lời thế nào vào lúc đó: vì các con sẽ được ban cho lời nói mà tất cả những ai chống đối các con sẽ không thể chống lại được (xem Mc 13,11). Sau đó, ngài nhìn thẳng vào kẻ tra tấn bằng đôi mắt thể xác và dũng cảm giơ tay lên, rồi đáp lại:

– Tôi nghĩ rằng ngài rõ ràng đang nói dối, hỡi quan trưởng! Tôi chưa bao giờ nói rằng tôi muốn chối bỏ Đấng Kitô của tôi; xin đừng để điều đó xảy ra với tôi, xin Chúa Giêsu Kitô của tôi đừng bao giờ cho phép ngay cả ý nghĩ về điều đó nảy sinh trong lòng tôi; đó là mưu đồ của kẻ thù của sự thật, cha của ngài, là Satan. Khi xâm nhập vào ngài như vào một bình chứa đích thực của mình, hắn dùng ngài để nói chuyện với tôi, hy vọng lôi kéo tôi vào sự hủy diệt, và ép buộc tôi từ bỏ Đức Chúa Trời chân thật, Đấng Tạo Hóa của tất cả các loài hữu hình và vô hình, cũng như chính mặt trời này, mà ngươi tôn thờ như Đức Chúa Trời, bị quyền lực của bóng tối mê hoặc, và trong cơn điên loạn, ngươi dành cho loài thụ tạo sự tôn kính vốn chỉ dành cho chính Đức Chúa Trời. Vậy đừng dụ dỗ tôi nghiêng về sự dối trá, mà trái lại, khi đã tự mình nhận biết từ tôi mầu nhiệm của sự thật, xin hãy gạt bỏ, tôi nài xin anh, màn sương u ám của sự vô đạo đang bao trùm tâm hồn anh, và xứng đáng trở thành con của ánh sáng, tỏa sáng rực rỡ hơn cả mặt trời nhờ bình minh của phép Rửa tội Thần thánh. Và đừng coi mặt trời, thứ hiện ra trên bầu trời, là Đức Chúa Trời, nhưng hãy biết rằng đó là một thiên thể có bản chất lửa, được Đấng Tạo Hóa đặt ra để phục vụ loài người và được tạo ra vào ngày thứ tư. Làm sao một tạo vật lại có thể là Đức Chúa Trời được?

Nói xong, Thánh Gioan giơ hai tay lên và ngước mắt lên trời, rồi cất tiếng kêu lớn cho mọi người cùng nghe:

[4035] Theo ý kiến của nhà sử học Giáo hội nổi tiếng E. E. Golubinsky, "Belgrad" được đề cập ở đây chính là thành phố Bălți thuộc Bessarabia ngày nay. Một số người khác lại hiểu "Belgrad" là Akkerman.

[4036] Theo cuốn tiểu sử về Thánh Gioan, do một linh mục của Giáo hội Moldavia-Wallachia biên soạn (từ năm 1416 là Tổng giám mục miền Nam Nga năm 1419), cũng như theo nghi thức phụng vụ, vị tử đạo đã chịu khổ hình dưới tay những kẻ thờ lửa; còn theo Sách Tử đạo Hy Lạp, thì là do những người Hồi giáo. Tuy nhiên, từ các tư liệu lịch sử, chúng ta không thấy những kẻ thờ lửa này là người Ba Tư hay người Hồi giáo: vào giữa thế kỷ XIV, khoảng thời gian mà vị đại tử đạo Gioan qua đời, Akkerman thuộc quyền kiểm soát của người Polovtsi, những người này, giống như người Tatar dưới thời Batu, có thể đã thực hành việc thờ lửa.

– Con sẽ không từ bỏ Ngài, Đấng Kitô Cứu Thế của con, cùng với Cha Ngài vô thủy và Thánh Thần, Đấng Thiên Chúa được tôn vinh! Con sẽ không thờ lạy mặt trời, không phụng sự lửa, không dâng lễ vật cho ngôi sao mà truyền thuyết ngoại giáo gọi là Vệ Nữ, cùng tên với dục vọng dâm đãng!

Vị tử đạo đã nói như vậy bằng giọng điệu cương quyết và khuôn mặt rạng rỡ. Bị ngọn lửa giận dữ bên trong thiêu đốt, tên tra tấn thường xuyên biến đổi nét mặt và không thể chịu đựng được quá lâu những lời của người đàn ông đang nói ngược lại với mình, bởi vì Thánh Gioan, giữa đám đông đông đảo, đã tôn vinh Đấng Kitô mà viên quan trưởng đang phỉ báng, xưng nhận Ngài là Thiên Chúa chân thật, và đến cùng đã hạ nhục và lật đổ đức tin vô đạo, hay hay nói đúng hơn, sự lừa dối của vị quan cai trị. Lúc đó, tên tra tấn ra lệnh cho binh lính lột bỏ y phục của vị tử đạo, và các binh lính lập tức thi hành mệnh lệnh đó: vị thánh đứng trần truồng – nhưng được mặc lấy Đức Kitô. Sau đó, viên quan ra lệnh đặt trước mặt vị tử đạo rất nhiều cây gậy và nói với ngài:

– Ngươi đã hứa không kể những câu chuyện hoang đường, mà là từ bỏ đức tin vô ích của ngươi, và đã khao khát gia nhập đức tin sáng ngời của chúng ta và tuân theo các luật lệ của chúng ta. Vậy hãy từ bỏ những lời nói xấu xa kéo dài của ngươi và thực hiện điều ngươi đã hứa, – hãy gia nhập đức tin vinh quang của chúng ta và thờ lạy mặt trời rực rỡ: nếu ngươi không làm điều đó, thì vì đức tin của chúng ta, vốn nổi bật bởi lòng nhân từ, ta không chỉ dùng những cây gậy này để nghiền nát thân thể ngươi, mà còn dùng những hình phạt tàn khốc khác, không thể chịu đựng nổi đối với con người, để tra tấn ngươi và cuối cùng, ta sẽ khiến ngươi phải chịu cái chết đắng cay nhất.

Vị thánh tử đạo đáp lại:

– Hỡi kẻ tra tấn, kẻ đầy dẫy mọi sự ô uế! Ta không phải là kẻ tin vào những điều huyền hoặc, mà là tôi tớ và người rao giảng về Đức Chúa Trời chân thật, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi, Đấng mà ta đã được học tin từ tổ tiên và cha mẹ ta; hiện nay ta chỉ thờ phượng Ngài mà thôi, dâng lên Ngài của lễ ngợi khen, công nhận và tuyên xưng Ngài là Đấng Tạo Hóa của vạn vật, và trông đợi Ngài như Đấng Phán Xét cho cả người sống lẫn người chết; Ngài sẽ đến để ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ vào thời điểm mà theo lệnh của Ngài, mặt trời hữu hình này – vốn được đặt ra để phục vụ loài người – sẽ tắt lịm. Vì vậy, đừng hy vọng nghe từ tôi điều gì khác – điều tôi đã nói từ đầu, nay tôi vẫn nói: chừng nào tôi còn minh mẫn và làm chủ lý trí của mình, chừng đó tôi sẽ không tôn kính các loài thụ tạo thay vì Đấng Tạo Hóa và không thờ lạy tạo vật thay vì Đấng Tạo Hóa. Và sau đó, hỡi kẻ làm điều bất chính, đừng chần chừ mà hãy bộc lộ rõ ràng bản tính dã man và vô nhân đạo ẩn giấu trong ngươi, và hãy giải thoát bản thân khỏi những lo toan về việc nghĩ ra những cực hình dành cho ta – bằng bất kỳ hình thức tra tấn và cái chết nào, hãy gửi ta đến với Chúa Trời, Đấng mà chính ta đang hướng tới. Ngươi muốn làm gì thì hãy làm mau đi, để tai ta không phải nghe những lời bất chính của ngươi quá lâu – những lời mà vị tiên tri đã nói: *"Họ ấp ủ điều ác trong lòng, ngày nào cũng tìm cách gây chiến"* (Thi Thiên 139:3) – và để mắt ta không còn phải nhìn thấy khuôn mặt đầy tội lỗi của ngươi nữa. Đây, thân thể trần trụi của tôi đã sẵn sàng chịu sự tra tấn của ngươi. Hãy đánh bằng gậy, thiêu đốt bằng lửa, dìm chết trong nước hay chém bằng gươm; và nếu ngươi còn có những hình phạt khác, tàn bạo hơn, thì đừng ngần ngại giáng xuống tôi: tôi sẵn sàng vui vẻ đón nhận tất cả vì tình yêu dành cho Đấng Kitô của tôi.

Những lời nói của vị tử đạo đã khơi dậy cơn thịnh nộ của tên tra tấn tàn bạo; hắn lập tức ra lệnh trói vị thánh xuống đất và đánh đập không thương tiếc bằng những cây gậy đầy gai góc. Các đầy tớ đánh vị tử đạo của Chúa Kitô một cách tàn nhẫn đến nỗi nhiều mảnh thịt bị nghiền nát của ngài cùng với những cây gậy bay lên không trung, và toàn bộ nơi hành hình vị thánh đều nhuốm đỏ bởi máu. Còn vị tử đạo dũng cảm ấy thì kiên cường chịu đựng sự tra tấn này, và ngước đôi mắt sáng suốt lên trời, ngài nói:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Trời, vì đã cho con được thanh tẩy tội lỗi của mình bằng chính máu của con, những tội lỗi mà do sự yếu đuối của con người, con đã sa vào sau khi chịu phép rửa tội.

Những kẻ con cái sự hủy diệt, khi nghe lời cầu nguyện của vị tử đạo dâng lên Thiên Chúa, lại càng tràn đầy cơn thịnh nộ và đánh đập ngài một cách tàn nhẫn cho đến khi tiếng nói của ngài im bặt. Khi chiều tối buông xuống, quan tổng trấn ra lệnh trói vị tử đạo – người lúc đó chỉ còn thở thoi thóp – bằng hai sợi xích, ném vào ngục tối và canh giữ cho đến sáng để tra tấn dã man nhất. Và vì vị tử đạo không thể tự đi được do những vết thương nặng nề, nên họ lôi ông như một xác chết và quăng vào ngục tối.

Sáng hôm sau, tên tra tấn tàn bạo, ngồi trên ghế xét xử như thường lệ, ra lệnh dẫn thánh tử đạo Gioan đến. Vị tử đạo của Chúa Kitô xuất hiện với khuôn mặt rạng rỡ và tâm hồn tràn đầy niềm vui. Nhìn vị tử đạo và thấy khuôn mặt rạng rỡ và hân hoan của ngài, vị thẩm phán vô đạo vô cùng ngạc nhiên, tự hỏi làm sao sau những cực

hình tàn khốc như vậy, tâm hồn ngài lại được bình an và ngài vẫn vui vẻ – như thể chưa từng phải chịu bất kỳ đau khổ nào.

– Ngươi thấy chưa, Gioan, – hắn nói, – sự bất tuân của ngươi đã đẩy ngươi đến mức nhục nhã đến chừng nào? Ngươi suýt nữa đã mất đi cuộc sống ngọt ngào và đáng yêu nhất đối với mọi người. Tuy nhiên, nếu ngươi tuân theo những lời khuyên nhủ hợp lý của ta, thì sức khỏe sẽ trở lại với ngươi: trong vòng vài ngày, thân thể đầy vết thương của ngươi sẽ được chữa lành, vì chúng ta có những bác sĩ rất tài giỏi đến từ Ấn Độ và Ba Tư; còn nếu ngươi vẫn muốn tiếp tục theo đạo Kitô, thì hãy biết rằng một tai họa còn lớn hơn đang chờ đợi ngươi.

Vị thánh tử đạo đáp lại:

– Thưa quan tòa, tôi chẳng bận tâm chút nào đến thân xác đầy thương tích của mình! Bởi vì khi con người bên ngoài của chúng ta hư nát đi, thì con người bên trong lại được đổi mới, như vị Tông đồ vĩ đại của Chúa đã nói (2 Cô-rinh-tô 4:16). Tôi chỉ quan tâm đến một điều: chịu đựng đến cùng những cực hình mà ngài gây ra cho tôi, hỡi Đấng Kitô, Đấng củng cố tôi, Đấng đã phán: *"Ai kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu rỗi"* (Mc 13,13). Nếu ngươi còn nghĩ ra thêm bất kỳ hình phạt nào khác dành cho ta, thì hãy cứ thi hành đi: vì những vết thương đầu tiên mà ngươi đã gây ra cho ta, đối với ta chẳng là gì cả.

Bị những lời khôn ngoan của vị thánh này làm cho bẽ mặt, tên tra tấn điên cuồng run rẩy vì giận dữ và, gầm lên như một con thú, ra lệnh lại quật ngã vị tử đạo xuống đất và đánh đập còn tàn bạo hơn nữa; các đầy tớ thay nhau đánh đập vị tử đạo một cách không thương xót, đến nỗi cả nội tạng của ngài cũng bị thương tích; còn ngài, thì thầm bằng đôi môi, vẫn dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa. Khi những chiến binh đánh đập thân thể bao bọc linh hồn cứng cỏi như kim cương đã kiệt sức, và những người thuộc mọi lứa tuổi tụ tập để chứng kiến cảnh tra tấn bắt đầu la hét lên với vị quan tòa độc ác, lên án tính cách vô tình và khắc nghiệt của hắn, thì tên tra tấn ra lệnh dẫn đến một con ngựa hoang dã và hung dữ, buộc chặt hai chân của vị thánh tử đạo vào đuôi con ngựa, và ra lệnh cho một trong những chiến binh, sau khi leo lên lưng ngựa, thúc ngựa chạy dọc các con phố trong thành phố và lôi kéo vị thánh tử đạo của Chúa Kitô, cho đến khi con ngựa còn đủ sức chạy. Thế là vị thánh bị lôi kéo khắp thành phố, và thật đau lòng khi những đôi mắt đạo đức phải chứng kiến cảnh tượng đó. Khi người kỵ sĩ đang lôi kéo vị thánh, đến khu nhà của người Do Thái và phi ngựa qua các con phố của họ, thì đám đông người Do Thái đã chửi rủa vị thánh đang bị lôi kéo; những kẻ độc ác này, với khuôn mặt biến dạng, vừa la hét vừa ném vào ngài bất cứ thứ gì họ cầm trên tay, đồng thời phát ra những tràng cười vô lễ và lố bịch. Cuối cùng, một người Do Thái chạy vào nhà, rút thanh gươm ra, đuổi kịp vị thánh đang bị lôi đi và chém đứt đầu thánh thiện của ngài. Như vậy, vị chiến binh dũng cảm của Chúa Giêsu Kitô đã kết thúc cuộc hành trình chịu khổ của mình, phó thác linh hồn thánh thiện của ngài vào tay Chúa của ngài[4037] . Người lính đã tháo thi thể cao quý của ngài ra khỏi đuôi ngựa và ném lại ngay tại chỗ đó; thi thể nằm đó với cái đầu bị chém đứt, không được chôn cất hay ai chăm sóc, và không một tín hữu Kitô giáo nào dám chạm vào, vì sợ cơn thịnh nộ của những kẻ vô đạo.

Khi đêm xuống, người ta có thể thấy rõ một phép lạ kỳ diệu trên thi thể vị tử đạo: vô số ngọn đèn sáng rực, và ba vị thánh nhân rạng ngời đang hát những bài thánh ca thiêng liêng không thể diễn tả, đồng thời thực hiện nghi thức xông hương, và một cột lửa hiện lên trên thi thể vị thánh: nhiều người đã chứng kiến phép lạ này. Một người Do Thái, nhà của ông ta ở gần nơi thi thể đầy đau khổ ấy nằm, nghĩ rằng đó là các linh mục Kitô giáo đã đến để mang thi thể đi và an táng theo nghi thức thông thường; anh ta cầm cung và mũi tên, tiến lại gần đó và, với ý định bắn trúng một trong những vị linh mục (mà anh ta tưởng tượng) đang hiện diện, anh ta đặt mũi tên vào, rồi dùng hết sức có thể để giương cung. Khi anh ta định bắn mũi tên, thì mũi tên cùng dây cung bám chặt vào các ngón tay của bàn tay phải anh ta, còn cây cung thì bám vào bàn tay trái, và anh ta không thể bắn mũi tên cũng như không thể giải thoát đôi tay khỏi cây cung và mũi tên; và người Do Thái này, một sinh vật quái dị như rắn, đã phải chịu đựng như vậy suốt cả đêm. Khi bình minh ló rạng, những người đàn ông kỳ diệu bỗng trở nên vô hình; cột lửa và những ngọn đèn cũng biến mất; còn những người thuộc mọi lứa tuổi, tụ tập tại nơi này, đều thấy tên cung thủ khốn khổ vẫn ở nguyên tư thế đó – y đã giương cung cùng mũi tên như thế nào, thì vẫn bị trói chặt bởi sức mạnh vô hình của Đức Chúa Trời, như thể bị xiềng xích bằng sắt vậy. Bất chấp ý muốn của mình, người Do Thái này buộc phải kể lại chi tiết tất cả những gì anh ta đã chứng kiến trên thi thể vị tử đạo, cũng như sự trừng phạt mà anh ta nhận được từ Đức Chúa Trời vì hành động táo bạo nhằm thực hiện việc ác độc đó. Sau khi kỳ tích này được công bố rộng rãi, tay anh ta được thả lỏng, và anh ta được giải thoát khỏi hình phạt. Vị quan cai trị, khi biết chuyện này, đã vô cùng kinh

[4037] Thánh Tử đạo này qua đời, có lẽ không muộn hơn năm 1340.

hãi và ra lệnh cho các Kitô hữu chôn cất thi thể vị tử đạo: các Kitô hữu đã mang thi thể ấy đi và an táng một cách trang trọng tại nhà thờ của họ.

Vài ngày sau, tên lính đã tố cáo vị thánh để ông phải chịu cực hình, muốn đánh cắp thi hài thiêng liêng của ngài và mang về quê hương mình: lúc này hắn đã hối hận về sự độc ác của mình. Một đêm nọ, chọn thời điểm thuận lợi, hắn cùng đồng bọn đến bên quan tài của vị tử đạo, đào bới nơi chôn cất, mở nắp quan tài và định lấy thi hài thiêng liêng. Nhưng vào lúc đó, vị chiến binh của Chúa đã hiện ra trong giấc mơ của vị linh mục nhà thờ ấy và nói:

– Hãy thức dậy và mau đến nhà thờ, vì họ đang muốn cướp thi hài của ta.

Vị linh mục lập tức đứng dậy, vội vã đến nơi, thấy quan tài đã bị đào lên và mở ra, còn thi hài của vị thánh suýt nữa thì bị mang đi. Ông đã triệu tập những người đạo đức, kể cho họ nghe về sự việc đã xảy ra, và tất cả đều ngợi khen Thiên Chúa, Đấng tôn vinh các thánh của Ngài; sau khi lấy được di cốt thiêng liêng của vị thánh tử đạo, họ mang chúng vào nhà thờ và đặt tại bàn thờ gần ngai thánh. Tại đó, di cốt thánh đã được lưu giữ hơn bảy mươi năm, và thường xuyên có những hiện tượng kỳ diệu xảy ra cả ngày lẫn đêm: đôi khi xuất hiện một ánh sáng kỳ diệu, đôi khi là một cột lửa, đôi khi một mùi hương không thể tả được tỏa ra từ quan tài, và những sức mạnh chữa lành cũng được thể hiện. Tin đồn về điều này đã đến tai vị Tướng quân vĩ đại Alexander, người đang cai trị Moldavia và Pomorje vào thời điểm đó – một vị Tướng quân đạo đức và yêu mến Chúa Kitô, người đã trang bị cho mình nhiều đức tính cao quý và yêu mến các vị tử đạo; và ngài rất mong muốn sở hữu kho báu vô giá này – di cốt thiêng liêng của Thánh Tử đạo Gioan, môn đệ của Chúa Kitô. Sau khi tham vấn với Đức Tổng Giám mục Thánh Joseph[4038] , ngài đã cử một số quan đại thần cùng một lực lượng quân đội đủ mạnh đến Belgrade, và họ đã nhanh chóng mang thi hài vị tử đạo về từ đó. Tổng tư lệnh vĩ đại cùng toàn thể các quan đại thần, Đức Tổng Giám mục cùng đoàn tu sĩ và toàn thể dân chúng đã ra đón, hân hoan chào mừng sự trở về của vị tử đạo với nến, lư hương và dầu thơm. Vị Tướng quân vĩ đại, quỳ sấp xuống trước quan tài của vị thánh, ôm lấy thi hài đầy đau khổ của ngài, chạm mắt và môi vào đôi tay thánh thiện của vị tử đạo, và trong khi rơi những giọt nước mắt vui sướng và dạt dào, ngài cầu xin vị thánh trở thành người bảo vệ vương quốc của mình. Với vinh dự lớn lao, thi hài thiêng liêng của vị tử đạo đã được an táng tại Tổng giáo phận thánh thiêng, tại thành phố thủ đô Sočava của Nhà nước Moldavia-Wallachia[4039] . Về những phép lạ chữa lành đã xảy ra vào thời điểm đó và sau này, những phép lạ mà di cốt của vị tử đạo đã và đang ban cho những người mắc các bệnh tật khác nhau, chúng tôi để – người ghi chép lưu ý – cho chính những người được ban ơn ấy kể lại, để họ rao giảng về những ân huệ đã nhận được từ ngài. Tại đây, chỉ cần kể lại những cực hình mà Thánh Gioan đã phải chịu đựng, cách ngài đã làm bẽ mặt viên quan thành phố vô đạo, những chiến công ngài đã lập nên và cách ngài nhận vương miện từ tay Đấng ban thưởng các chiến công là Chúa Kitô. Đó chính là thành quả tốt lành của Thánh Gioan: ngài đã cho đi ít nhưng nhận lại nhiều, bỏ lại thân xác mình như một gánh nặng cho kẻ tra tấn xảo quyệt, không hướng về Trapezunt mà hướng về Giêrusalem trên trời – vào hàng ngũ các vị tử đạo với tư cách là một vị tử đạo, vào lòng Áp-ra-ham, vào cộng đồng các thánh, vào những nơi nương náu tốt lành, vào những cung điện bất diệt, nơi ngài đã hiện diện trước Ba Ngôi Thánh và Thánh Thần Tối Cao, Đấng mà vinh quang, quyền năng, danh dự, sự tôn vinh và sự thờ phượng thuộc về Ngài, bây giờ và đến muôn đời, amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Người đã sống cuộc đời trên trần gian một cách tốt đẹp, hỡi vị tử đạo, bằng lòng bác ái, những lời cầu nguyện thường xuyên và những giọt nước mắt; rồi lại dũng cảm lao vào đau khổ, Người đã vạch trần sự bất chính của người Ba Tư, nhờ đó Người đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho Giáo hội và là niềm tự hào của các Kitô hữu, hỡi Gioan, người được tưởng nhớ muôn đời.

[4038] Ngài được phong làm Tổng giám mục Moldavia-Wallachia vào năm 1401 hoặc 1402.

[4039] Theo một số người cho rằng, thành phố Zhurja ngày nay – một thành phố của Romania, nằm trên bờ trái sông Danube, đối diện với Ruschuk.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã lướt qua biển cả bằng nghề buôn bán, từ phương Đông tiến về phương Bắc; nhưng khi Thiên Chúa kêu gọi Ngài, giống như Ngài đã kêu gọi Matthêu, người thu thuế, thì Ngài cũng bỏ nghề buôn bán, và theo Ngài trong cuộc khổ nạn đẫm máu, chuộc tội cho nhân loại bằng sự hy sinh vô cùng vĩ đại, và nhận lấy vương miện bất khả chiến bại.

Ngày 16 tháng 6

Ngày 3 tháng 6 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Tử đạo Lucillian và bốn thiếu niên đi cùng ngài là Claudius, Hypatia, Paul và Dionysius, cùng Thánh Trinh nữ Paula

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 6

Thánh Tử đạo Lucillian, người đã chịu khổ nạn dưới thời hoàng đế La Mã Aurelian[4040] , ban đầu sống trong sự thờ phượng đa thần và thậm chí từng là thầy tế lễ của các thần tượng, đã bước vào tuổi già uy nghiêm, tóc bạc phơ và dáng vẻ trang nghiêm. Ông sống gần thành Nicomedia[4041] , phục vụ các vị thần xấu xa trong các đền thờ. Sau đó, nhờ ân sủng của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng mong muốn mọi người được cứu rỗi và không ai phải hư mất (xem 1 Tm 2:4), ông đã nhận ra sự lừa dối của ma quỷ và sự lầm lạc của tôn giáo ngoại đạo, đạt đến sự hiểu biết về chân lý, tin vào Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, là Chúa Giê-su Christ của chúng ta, từ chối và khinh bỉ các thần tượng, và tuổi già của ông đã được trẻ lại như chim đại bàng (Thi Thiên 102:5). Khi đó, ông được tái sinh nhờ phép rửa thánh và bằng cả tâm trí lẫn linh hồn, ông đã hoàn toàn hiến dâng mình cho tình yêu dành cho Đấng Christ.

Ông đã giải thích cho những người ngoại đạo khác về sự hư vô và tai họa của sự vô đạo đức của họ, hướng dẫn họ đến sự cứu rỗi và bằng giáo lý của mình, dẫn dắt họ đến với Đấng Christ, đến nỗi đối với nhiều người, ông là tấm gương về sự trở lại với Đức Chúa Trời. Những người Do Thái địa phương, khi thấy Lucillian đã từ bỏ việc thờ thần tượng để theo đạo Kitô và rằng nhiều người, theo gương và giáo lý của ngài, đã từ bỏ việc thờ cúng thần tượng, gia nhập cộng đồng Kitô hữu và nhận phép rửa thánh, đã tràn ngập cơn giận dữ và lòng thù hận. Là những kẻ tàn ác và hung dữ, vì ghen tị, họ đã vu khống ông và đưa ông ra trước tòa án của những kẻ vô đạo; và người tôi tớ của Chúa Kitô đã bị đưa ra thẩm vấn trước Thống đốc Nicomedia là Silvanus. Thống đốc đã ép buộc vị lão niên từ bỏ Chúa Kitô và quay trở lại thờ cúng thần tượng, nhưng ông đã từ chối tuân theo. Lúc đó, quan tổng trấn nổi cơn thịnh nộ và ra lệnh tra tấn Lucillian bằng nhiều hình thức khác nhau: họ đã đập vỡ hàm ông, đánh đập không thương tiếc bằng gậy, treo ngược đầu xuống, và sau đó, sau một thời gian dài chịu đựng những cực hình tàn bạo, ông bị tống vào ngục tối. Tại đó, thánh Lucillian đã gặp bốn thiếu niên bị giam cầm vì đức tin vào Chúa Kitô: Claudius, Hypatia, Paul và Dionysius. Ngài hân hoan trò chuyện với các em về Đức Kitô, Thiên Chúa, và khích lệ các em hướng tới việc làm chứng tử đạo, để khi nhớ đến phần thưởng vĩnh cửu trên trời, các em không sợ những đau khổ tạm thời, không khiếp sợ cái chết vì cuộc sống mai sau, và không tiếc nuối tuổi trẻ rực rỡ của mình vì Đức Kitô, Đấng đang chuẩn bị cho các em niềm hạnh phúc bất diệt trong Nước Trời của Ngài. Tất cả cùng nhau cầu nguyện với Thiên Chúa ngày đêm và an ủi nhau bằng niềm hy vọng nơi Đức Kitô. Sau một thời gian khá dài, Thánh Lucillian lại phải chịu tra tấn cùng với các thiếu niên, và cùng với họ, ngài bị ném vào lò lửa đang cháy rực. Nhưng Đức Chúa Trời toàn năng đã tỏ ra lòng thương xót kỳ diệu của Ngài đối với họ, giống như xưa kia đối với các thiếu niên Do Thái bị ném vào lò lửa Babylon (Đa-ni-ên 3): lửa biến thành lạnh, ngọn lửa biến thành sương, và cơn mưa dồi dào đổ xuống từ trên cao đã làm nguội hẳn cả lò lửa, và Thánh Lucillian cùng các thiếu niên bước ra an toàn. Những kẻ ngoại đạo, bị che mờ bởi sự vô tín và lòng thù hận, đã quy phép lạ vinh quang này của Thiên Chúa không phải là do quyền năng của Ngài, mà là do phép thuật của các Kitô hữu. Lúc bấy giờ, vị quan tòa bất

[4040] *Aurelian* trị vì từ năm 270 đến năm 275.
[4041] Nicomedia – một thành phố thuộc vùng Bithynia ở Tiểu Á, nằm bên bờ Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch).

công đã kết án các thánh tử đạo phải chịu tử hình và gửi họ đến Byzantium[4042] để họ chịu hình phạt tại đó. Khi họ đến Byzantium, bốn thiếu niên thánh là Claudius, Hypatius, Paul và Dionysius đã bị chém bằng gươm, còn thánh Lucillian thì bị treo trên thập tự giá, toàn thân bị đóng đinh vào đó, và như vậy đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Ngài đã bị người Do Thái đóng đinh trên thập tự giá, như được đề cập trong bài ca thứ ba của thánh ca dành cho ngài, nơi có đoạn viết như sau: "Giu-đa đã phản bội Đấng Cứu Thế Kitô cho những kẻ giết Chúa xưa kia; còn ngài thì nay đã bị những người Do Thái vô luật pháp phản bội."

Thánh nữ Phaolô cũng đã gia nhập vào vòng vinh quang đau khổ của các ngài. Sinh ra trong một gia đình Kitô hữu, từ thuở thiếu thời, nàng đã nuôi dưỡng trong lòng một tình yêu nồng nàn dành cho Chúa Kitô, giữ trinh tiết dâng hiến cho Chàng Rể Bất Tử và luôn cố gắng xứng đáng với cung điện thiên đàng. Mồ côi sau khi cha mẹ qua đời và có gia tài dồi dào, nàng thường lui tới các nhà tù; bằng cách dùng vàng mua quyền vào từ lính canh, nàng đến thăm các tù nhân đang chịu khổ vì Chúa Kitô. Cô phục vụ các tôi tớ của Chúa Kitô, cung cấp cho họ mọi thứ cần thiết từ tài sản của mình; mang thức ăn và nước uống cho những người đang khát khao và đói khát; trao áo quần cho những người trần truồng; chữa lành những vết thương rỉ mủ và thối rữa trên thân thể các vị tử đạo, bằng cách rửa sạch, lau khô, đắp thuốc và băng bó bằng vải sạch. Trong khi hôn lên những vết thương mà họ chịu vì Chúa Kitô, bà đã khóc lóc xin họ cầu nguyện cho bà trước Chúa Kitô, để Ngài đừng tước đoạt ân sủng của Ngài khỏi bà. Cô dâu được chọn của Chúa Kitô này cũng đã đến thăm Thánh Lucillian, người đang bị giam cầm tại Nicomedia cùng với các thiếu niên trong ngục tối, và bà đã được hưởng những lời dạy dỗ hữu ích từ ngài. Khi thánh nhân và các thiếu niên bị tra tấn, bà đã chứng kiến sự anh hùng của họ, và trong thâm tâm, bà siêng năng cầu nguyện với Chúa Kitô cho họ, xin Ngài củng cố các tôi tớ của Ngài và ban cho họ lòng dũng cảm cùng sự trợ giúp, để họ có thể chịu đựng những cực hình đến cùng, vì vinh quang của Danh Thánh Ngài. Khi đám đông tan rã sau khi các cuộc hành hình kết thúc, bà đến nơi các thánh chịu khổ hình, thu nhặt máu của họ đã đổ trên mặt đất và cất giữ như một vật thánh; khi vị tu sĩ cao niên và bốn thiếu niên bị dẫn đến Byzantium để chịu tử hình, bà đã theo sau họ và phục vụ họ; còn khi các thiếu niên thánh bị chém đầu, vị trinh nữ thánh đã thu nhặt thi hài cao quý của họ và an táng với lòng tôn kính. Sau khi Thánh Lucillian và các thiếu niên thánh qua đời, bà trở về Nicomedia và tiếp tục hành động như vậy. Những kẻ vô đạo biết được rằng bà là người Kitô hữu, liền bắt bà và đưa ra xét xử trước chính quan tổng trấn Silvanus. Khi thấy bà vẫn kiên quyết không khuất phục sau nhiều lời dụ dỗ ngọt ngào lẫn đe dọa dữ dội, ông ta ra lệnh đánh đập bà một cách tàn nhẫn và không thương xót bằng roi và gậy trên thân thể trần trụi; nhưng khi thân thể bà kiệt sức vì quá nhiều vết thương, nhưng tinh thần vẫn kiên cường, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra và chữa lành cho cô; sức khỏe thể xác của vị tử đạo đã được phục hồi, và cô tỏ ra còn dũng cảm và kiên cường hơn nữa trong những cực hình. Sau đó, họ đánh đập cô dã man vào miệng vì cô đã làm kẻ tra tấn bực bội bằng những lời trách móc. Sau đó, cô bị tống vào ngục tối, rồi lại bị lôi ra tra tấn và ném vào lò lửa đang cháy rực. Nhưng cô bước ra khỏi lò lửa mà không hề hấn gì, vì đối với cô, cũng như đối với các thánh tử đạo trước đây, quyền năng của Đức Chúa Trời đã tiêu diệt sức mạnh của ngọn lửa, để ngọn lửa thiêu đốt không chạm đến cô dâu của Đấng Christ. Sau tất cả những điều đó, kẻ tra tấn đã kết án cô tử hình bằng cách chém đầu bằng gươm và gửi cô đến Byzantium, để cô chịu hình phạt tại chính nơi mà thánh Lucillian cùng các thiếu niên đã qua đời. Khi được dẫn đến nơi mà Thánh Lucillian đã chịu chết trên thập tự giá vì Chúa Kitô, vị tử đạo của Chúa Kitô đã nhiệt thành tạ ơn Thiên Chúa , Đấng ban cho nàng vương miện tử đạo và sự hiệp thông với các thánh. Sau khi thành kính cầu nguyện cùng Chúa, nàng vui mừng cúi đầu trinh nữ của mình xuống dưới lưỡi gươm và chấp nhận bị chém đầu. Như vậy, nàng đã từ cõi trần gian bước vào cõi thiên đàng, vào cung điện thiên quốc, trong niềm vui của Chúa của nàng, được vị Hôn Phu yêu dấu nhất của nàng, là Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, trao cho vương miện kép – vương miện trinh khiết và vương miện tử đạo.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Lucian

Ngày kỷ niệm: 3 tháng 6

[4042] Byzantium – một thuộc địa của Megara, được thành lập vào năm 658 trước Công nguyên ở phía châu Âu của eo biển Bosphorus, chiếm vị trí thống trị tại eo biển hẹp nối Biển Đen với Biển Marmara. Năm 330, sau khi đánh bại Licinius, Hoàng đế Constantine Đại đế đã chuyển thủ đô của Đế quốc La Mã đến đây, và Byzantium được đổi tên thành Constantinopolis, tức "Rome Mới".

Nhớ lại những chiến thắng của các vị tử đạo vinh quang trước ma quỷ và các tay sai của nó, cũng như những hành động chịu khổ của các vị tu sĩ theo Chúa Kitô, có nghĩa là loan báo vinh quang của Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, và rao giảng quyền năng của Ngài, được thể hiện qua những việc làm tốt lành của các vị tử đạo, những người đã chịu khổ vì vinh quang của Danh Thánh Ngài. Chính Chúa Kitô là Đấng Chiến Thắng trong mọi sự, theo lời Ngài: *"Hãy can đảm: Ta đã chiến thắng thế gian"* (Ga 16,33), và ban đầu, một mình Ngài đã chiến đấu chống lại kẻ thù vì tất cả mọi người. Các thánh tử đạo, những người chịu đau khổ sau Ngài, là các chi thể (của Thân Thể) Ngài (1 Cô-rinh-tô 12:27), đã bù đắp, theo lời của các tông đồ, *"sự thiếu hụt của những đau khổ của Đấng Christ"* (Cô-lô-se 1:24) trong thân xác mình; và vì họ, khi chiến đấu vì Danh thánh của Ngài, đã chết mà không bị đánh bại, nên trong họ, Đấng Christ là Đấng Chiến Thắng, bởi vì trong họ, Ngài chịu đau khổ như trong các chi thể của Thân Thể Ngài, trong họ, Ngài bày tỏ chiến thắng của Ngài trước kẻ thù, và khi được tôn vinh, Ngài cũng cùng với chính mình tôn vinh các chi thể của Ngài, những người đã chịu đau khổ vì Ngài, tức là các thánh tử đạo, những người càng gần gũi với Ngài về vinh quang bao nhiêu, thì họ càng là những người noi gương Ngài trong sự đau khổ bấy nhiêu. Vì vậy, chúng ta cũng nên tôn vinh và ca ngợi những chiến binh tốt lành của Đức Kitô, nhờ giáo huấn và gương sáng về những hành động dũng cảm của họ mà Giáo Hội Đức Kitô tỏa sáng khắp vũ trụ; còn chính họ, dưới bàn thờ, mặc áo trắng nhuốm máu của chính mình, nhưng được tẩy trắng bởi máu Chúa Kitô, đang an nghỉ trong hạnh phúc (xem Mt 5,14).

Thánh Lucian cũng thuộc hàng các vị tử đạo; ngay khi ân sủng Thiên Chúa rửa sạch ngài bằng nước rửa tội, người ta đã có thể nhận ra rằng ngài sẽ trở thành một vị vĩ đại và vinh quang giữa loài người. Cha mẹ trần thế đã đặt tên ngài là Lucius, để vinh danh vị tổng trấn vĩ đại Lucius, người mà ngài có nguồn gốc từ đó; sau đó, nhờ ân sủng của Chúa Thánh Thần và theo truyền thống của các Thánh Tổ, tên của ngài trong lễ rửa tội đã được đổi thành một cái tên tốt đẹp hơn. Được cha mẹ đặt tên là Lucius, tức là "tỏa sáng", nhờ sự gia tăng các ân sủng của Thiên Chúa trong ngài, ngài đã nhận được một danh hiệu hoàn hảo hơn, được gọi là Lucian, có nghĩa là "được tỏ sáng". Điều này là dấu chỉ cho thấy rằng trong ánh sáng của ân sủng mới, ngài sẽ là ánh sáng cho thế gian về Chúa (Mt 5,14). Ông là người La Mã, xuất thân từ dòng dõi quý tộc, nhưng lại càng được tôn vinh hơn nhờ sự tái sinh trong đức tin Kitô giáo (Ga 3:3), được ban ân sủng trở thành con nuôi của Vua vĩnh cửu. Ông thông thạo sự khôn ngoan, thông thạo tiếng Hy Lạp và tiếng La Mã, nhưng đã đạt được sự khôn ngoan trọn vẹn nhờ sự dạy dỗ của Thánh Tông đồ Phêrô; vì ngài đã gắn bó chặt chẽ với ngài, trở thành môn đệ của ngài, và được ngài truyền cho sự khôn ngoan thiên thượng. Ngài cũng học được từ ngài những đức tính và công việc tông đồ: sau khi ngài qua đời trong đau khổ, ngài đã đi đến nhiều nơi ở Ý, gieo rắc hạt giống Lời Chúa.

Lucian đã đạt đến sự hoàn hảo trong sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời khi Thánh Dionysius Areopagite[4043] , được Đức Chúa Trời dẫn dắt, đến Rôma với mong muốn viếng thăm các thánh tù nhân là các Tông đồ Phêrô và Phaolô, nhưng không còn thấy họ còn sống nữa. Vào thời điểm đó, Đức Giáo hoàng Clément đang cai quản ngai Tông đồ. Ngài đã tiếp đón Thánh Dionysius một cách thân thiện và với sự tôn kính cao độ, vì sự thánh thiện của ngài và vì tình yêu thiêng liêng lâu dài giữa họ trong Đức Kitô; và Thánh Dionysius đã ở lại với ngài một thời gian không ngắn; họ an ủi nhau bằng việc được gặp mặt, tận hưởng những cuộc trò chuyện bổ ích cho linh hồn và củng cố lẫn nhau không chỉ bằng lời nói, mà còn bằng những gương mẫu về đức hạnh. Một lần nọ, Thánh Clément, được tràn đầy Thánh Thần, đã nói:

– Hỡi anh em yêu dấu của tôi, Dionysius! Anh có thấy mùa gặt của Chúa dồi dào biết bao trong số những người ngoại đạo, và những người rao giảng Lời Chúa lại ít ỏi biết bao (Mt 9:37). Và vì anh đã được dạy dỗ đầy đủ về đức tin Chính Thống và đã đạt đến sự hoàn hảo trong các đức hạnh của luật Kitô giáo, nên – tôi xin anh – hãy đi đến các nước phương Tây vì danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, như một chiến binh tốt lành của Ngài, hãy đứng lên chống lại kẻ thù của Chúa chúng ta và chiến thắng chúng bằng sức mạnh của Thiên Chúa, Đấng củng cố anh.

Thánh Dionysius đã đồng ý điều này từ tận đáy lòng, và lúc đó, Thánh Clément bắt đầu tìm kiếm và tập hợp cho ngài những người bạn, những người trợ giúp và đồng sự, những người đạo đức và khôn ngoan, những người tỏa sáng bởi đời sống thánh thiện. Trong số họ, ngài đã chọn Thánh Lucian, phong ngài làm giám mục và kết bạn

[4043] Thánh Dionysius Areopagite (thành viên của Areopagus – cơ quan chính quyền cao nhất tại Athens) đã quy y Kitô giáo dưới ảnh hưởng của bài giảng của Thánh Phaolô (Công vụ 17:34) và chính ngài đã được Thánh Phaolô tấn phong làm Giám mục Athens; sau đó vào năm 90, ngài được cử đến Gaul để rao giảng Tin Mừng cùng với linh mục Rusticus và phó tế Eleutherius. Ngài đã chịu tử đạo cùng với họ vào năm 96 dưới triều Domitian. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 3 tháng 10

với Thánh Dionysius, để ngài trở thành người đồng hành và cộng sự của ngài trong việc rao giảng Lời Chúa, còn đối với những người khác – là cha trong Thánh Thần, là thầy và là người hướng dẫn. Sau khi sắp xếp như vậy, Thánh Clément đã khích lệ những người được chọn bằng những lời thân ái, nói rằng:

– Hãy tiến lên, hỡi các anh em thân mến, hãy đi đi, hỡi những chiến binh bất khả chiến bại của Đấng Kitô, và như Chúa đã ở cùng các thánh tổ phụ của chúng ta là các tông đồ và các cộng sự viên của họ, thì Ngài cũng sẽ ở cùng các anh em, những người rao giảng danh thánh của Ngài: vì (rất nhiều và) vô số dân ngoại sẽ được các anh em thu phục cho Chúa và dẫn vào vòng tay của Ngài.

Sau một cuộc trò chuyện dài, Thánh Clément đã chân thành chia tay với họ, ban phước lành và tiễn họ ra đi trong bình an; còn họ thì cùng nhau lên đường, và rao giảng về Chúa Kitô trước hết khắp nước Ý.

Khi họ đến gần thành phố Ticino[4044] , Thánh Lucian đã rao giảng Lời Chúa cho dân chúng tại một nơi tên là Parma, và khuyên họ từ bỏ việc thờ cúng thần tượng vô nghĩa. Người dân địa phương, những kẻ vô tín và là những người thờ thần tượng quá khích, không chịu đựng được sự sỉ nhục gây ra cho các vị thần của họ, và không chịu lắng nghe Lời Chúa, đã nhanh chóng bắt giữ Thánh Lucian và, sau khi gây ra cho ngài nhiều sự sỉ nhục, đã tống ngài một mình vào ngục tối của dân chúng. Khi bước vào đó, vị thánh với niềm vui lớn lao đã hát lên: *"Xin Chúa chỉ dẫn con trên con đường của Ngài, và con sẽ bước đi trong lẽ thật của Ngài"* (Thánh vịnh 85:11), và còn nữa: *"Xin củng cố bước chân con trên con đường của Ngài, để chân con không bị lung lay"* (Thánh vịnh 16:5). Với niềm vui dạt dào nơi Chúa, vị thánh nhân ấy ở trong ngục như được che chở dưới đôi cánh của Đức Chúa Trời, và với niềm hy vọng trọn vẹn vào sự che chở của Đấng Christ, ngài đã cầu nguyện với Ngài như sau: *"Xin giải thoát linh hồn con khỏi ngục tù, để con được ngợi khen danh Ngài"* (Thi Thiên 141:6) vì những người sẽ trở thành người công chính đang chờ đợi con, – để qua con, những người ngoại giáo đã được tiền định cho sự sống đời đời sẽ quay về với Ngài, Đấng Christ, Đấng Cứu Thế của thế gian (Rô-ma 8:28). Thánh nhân đã dâng lên những lời cầu nguyện như vậy và những lời tương tự từ tận đáy lòng, và lời cầu nguyện của ngài, vượt qua trời cao, đã được Chúa nghe thấy: vì ngài đã xin để không phải tiếp tục con đường mà không có các đồng hành của mình, những người mà ngài mong muốn cùng chia sẻ sự đau khổ và đến được nơi mà ngài được sai đi. Vị chiến binh dũng cảm của Đấng Christ không cầu nguyện điều này vì sợ phải chết vì Chúa của mình, nhưng ngài mong muốn trước hết làm gia tăng hoa trái thiêng liêng cho Chúa, và sau đó, sau khi gặt hái được mùa màng dồi dào và thịnh vượng, cùng với các bạn hữu của mình, nhận lấy vương miện tử đạo và phần thưởng cho những công lao của mình. Và chẳng bao lâu sau, ngài đã nhận được sự trợ giúp của Thiên Chúa: một số Kitô hữu, khi biết được hoàn cảnh của vị thánh nhân, đã đến nhà tù vào ban đêm, được thúc đẩy bởi tình yêu dành cho Chúa Kitô, và bằng mọi cách có thể, họ đã giải thoát Lucian khỏi xiềng xích và tạo điều kiện cho ngài lên đường cùng với các bạn thánh của mình.

Đoàn thánh nhân, được Chúa hướng dẫn, đã đến an toàn thành phố vinh quang Ticino thuộc xứ Ý, còn được gọi là Pavia; sau khi nghỉ ngơi một chút tại đó sau những vất vả, họ tiếp tục làm rạng rỡ vinh quang của Chúa, không ngừng nghỉ và dồi dào rao giảng Lời Chúa ở nhiều nơi khác nhau, đến nỗi người ta có thể thấy lời tiên tri được ứng nghiệm trên họ: *"Làm sao đẹp đẽ biết bao trên các ngọn núi đôi chân của người rao tin, người loan báo hòa bình, người rao giảng niềm vui"* (Ê-sai 52:7; Rô-ma 10:15). Không thể mô tả được có bao nhiêu ngàn người đã được họ dẫn dắt đến với Chúa Kitô trong thời gian ngắn, khi họ rao giảng Lời cứu độ cho mọi người; và quyền năng của Thiên Chúa đã hỗ trợ họ đến nỗi những ai nhìn thấy họ đều nghĩ rằng mình đang chiêm ngưỡng những công dân trên trời, vì họ tỏa sáng giữa mọi người bằng những dấu lạ và phép lạ, soi sáng tâm hồn những người được Thiên Chúa chọn. Sau đó, họ rời Ý; khi đến bờ biển, họ lên tàu và ra khơi, đi theo nơi Thánh Thần hướng dẫn. Họ vui mừng cập bến thành phố Aréla, lên bờ và được cư dân nơi đây đón tiếp với sự tôn trọng và thân thiện; tại đây, họ nghỉ ngơi và bắt đầu, theo gương các thánh tông đồ, chọn những vùng đất để rao giảng Lời Chúa. Để qua việc rao giảng Tin Mừng của Đức Kitô, mở rộng và làm phát triển Hội Thánh Chúa khắp nơi giữa các dân ngoại, thậm chí cho đến tận biển Anh, thánh Marcellinus cùng một số ít anh em đã lên đường đến Tây Ban Nha, Thánh Saturninus đến Gaul, còn Thánh Dionysius cùng với Thánh Lucian và những người khác đã đến vùng Paris. Từ đó, Thánh Lucian cùng với Linh mục Maxian và Phó tế Julian đã lên đường rao giảng tại Bỉ. Được tràn đầy ân sủng của Chúa Thánh Thần, ngài đã rao giảng danh Chúa tại đó, chiến thắng quyền lực của kẻ thù, xây dựng Hội Thánh của Chúa Kitô và hướng dẫn dân chúng đến sự cứu rỗi không chỉ bằng lời nói mà còn bằng gương sống đạo đức. Ngoài ra, Thiên Chúa còn ban cho ngài quyền năng làm phép lạ và chữa lành mọi bệnh tật, đau ốm nơi con người;

[4044] Ticin, nay là Pavia, là một thành phố cổ ở Gaul Cisalpina, nằm trên bờ trái sông Ticino, không xa nơi sông này đổ vào sông Po.

còn đối với các quỷ dữ, ngài được ban quyền năng đến nỗi chúng, ngay khi vừa nghe lệnh của ngài, liền lập tức buông tha những người đang bị chúng hành hạ.

Ngày đêm không ngừng rao giảng về Chúa Kitô, Lucian luôn sống trong cầu nguyện và thức canh, trong việc ăn chay hàng ngày, trong sự tiết độ và sự từ bỏ hoàn toàn xác thịt, và như vậy ông không ngừng tự rèn luyện bản thân, cho đến khi, theo lời của vị Tông đồ, *"dâng thân xác mình làm của lễ sống động, thánh thiện, đẹp lòng Thiên Chúa"* (xem Rm 12,1). Thức ăn thường ngày của ngài chỉ là một miếng bánh mì nhỏ và rau xanh, nước uống là nước; nhưng sức mạnh của Thiên Chúa nuôi dưỡng ngài và ân sủng của Chúa củng cố các chi thể mệt mỏi của ngài. Vị Thánh này khao khát vương miện tử đạo đến nỗi dường như đã chết đối với thế gian.

Đó là cách vị môn đệ chân chính của Chúa Kitô này vác thập giá của mình. Ngài biết rằng sự đau khổ có hai loại: một là bí mật, hai là công khai; và trước khi thực hiện công việc tử đạo công khai và được Chúa ban cho vương miện bất diệt, ngài đã tự hành xác trong bí mật, dù mọi người đều biết đến sự kiêng khem của ngài. Bằng việc chế ngự xác thịt, ngài đã kiệt sức, nhưng được trang điểm bằng sự kiên nhẫn; sở hữu lòng khiêm nhường kỳ diệu, tràn đầy sự hiền lành, ngài đã đạt đến sự hoàn hảo trong các đức tính đến nỗi, dù còn sống trong xác thịt trên trần gian, nhưng về tinh thần, ngài dường như đã sống cùng các Thiên thần trên trời. Vì thế, khuôn mặt ngài luôn rạng rỡ và hiếu khách, tâm hồn thanh thản, và toàn bộ dáng vẻ của vị tu sĩ già này, được tô điểm bởi mái tóc bạc kỳ diệu, đã hiện lên như một Thiên thần trần gian, một con người thiên đàng.

Khi danh tiếng về Lucian lan rộng khắp Bỉ, dân chúng bắt đầu tìm đến ngài với mong muốn được rửa tội, và họ đã được ngài rửa tội nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, sau đó phá hủy các thần tượng mà trước đây họ từng tôn thờ. Còn ma quỷ, kẻ thù cổ xưa, khi thấy sự sỉ nhục từ những người mà Đức Kitô đã thu hút về với Ngài qua các tôi tớ của Ngài, đã dồn hết mọi mưu mô và thủ đoạn để hủy diệt Hội Thánh thánh thiện của Thiên Chúa; hắn đã khơi dậy cơn giận dữ và lòng thù hận chống lại các Kitô hữu trong lòng Đô-mi-ti-an, người đã phát động cuộc bách hại thứ hai chống lại các Kitô hữu sau khi Nê-rôn – lúc đó đã qua đời – qua đời: hắn đã xúi giục Đô-mi-ti-an ép buộc các Kitô hữu trên khắp đế quốc La Mã phải dâng lễ vật cho các thần tượng, còn những ai kiên định trong đức tin thì bị đánh đập sau khi phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn. Domitian đã ban hành một sắc lệnh tà ác đến tất cả các thành phố và làng mạc trong vương quốc của mình, yêu cầu tất cả các quan chức địa phương phải thuyết phục các Kitô hữu thờ lạy các thần tượng và dâng lễ vật cho chúng; những ai không tuân theo sẽ bị tiêu diệt bằng đủ loại hình tra tấn. Những kẻ bách hại danh Chúa Kitô đã được cử đến Gaul để truy lùng các chiến sĩ của Chúa Kitô, chủ yếu là những người đã đến đây từ Roma, danh tiếng của họ đã lan rộng khắp nơi; họ muốn tiêu diệt cả chính danh xưng của Chúa Kitô cùng với họ. Ba kẻ bách hại đã được cử đến đây: Latrin, Arius và Antor. Họ nhận được mệnh lệnh đặc biệt – phải tìm ra thánh nhân của Đức Chúa Trời là Lucian, bắt giữ ông và đưa ra trước tòa của hoàng đế, hoặc thậm chí giết ngay lập tức bằng gươm nếu ông từ chối dâng lễ vật cho các thần tượng. Những kẻ bắt bớ đã đi qua các thành phố và làng mạc của Gaul, nhưng không tìm thấy người mà họ đang tìm kiếm ở bất cứ đâu. Sau đó, họ nhận được tin rằng người của Chúa là Lucian, khi rao giảng Tin Mừng về Nước Trời vĩnh cửu, đang khai sáng cho dân tộc Bỉ. Nghe tin này, những kẻ hành hạ, bị kích động bởi cơn thịnh nộ và giận dữ tột độ, đã nhanh chóng lên đường đến Bỉ.

Thánh Lucian đã biết trước sự xuất hiện của những kẻ tra tấn, trước khi họ đến, nhờ sự mặc khải của Thánh Thần. Ngài vẫn ở lại nơi mà ngài đang giảng dạy dân chúng những lời sự sống, và cùng với ngài là một đám đông lớn những người đã được ngài dẫn dắt đến với Chúa Kitô qua lời rao giảng của ngài. Với niềm hy vọng về vinh quang đời đời và phần thưởng hạnh phúc, ngài khuyên nhủ họ bằng cả trái tim, nói rằng:

– Hỡi anh em và con cái yêu dấu trong Chúa Kitô! Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi, đã vui lòng cho tôi thấy thành quả của những nỗ lực của mình và ban cho tôi phần thưởng đã hứa từ trước. Hỡi những người thân yêu nhất, hãy vững vàng và bất khuất trong đức tin vào Chúa Kitô. Tôi đã già yếu và mệt mỏi, nhưng tôi vui mừng vì vương miện tử đạo, mong được rời xa các con để về với Chúa; còn các con, hãy luôn ở trong ân sủng của Thiên Chúa mà các con đã nhận lãnh. Xin đừng để nỗi sợ hãi trước những kẻ hành hạ làm các con xa rời đức tin nơi Chúa Kitô, đừng để những lời đe dọa làm các con khiếp sợ, đừng để sự nịnh hót lôi kéo, đừng để những lời hứa về vinh quang hay của cải nào đó làm các con chùn bước, nhưng hãy tận hưởng niềm vui vĩnh cửu trong cuộc sống mai sau, nơi những phần thưởng không thể diễn tả bằng lời đang chờ đón các con. Tôi cũng hướng về những phần thưởng ấy với niềm hy vọng tốt lành, và vì chúng mà tôi không sợ hãi trước cơn thịnh nộ của những kẻ bắt bớ.

Nói xong, Lucian ngước mắt lên trời và trước mặt mọi người, ngài tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã cho ngài được chia sẻ số phận của các thánh tử đạo và không tách rời ngài khỏi các bạn hữu. Ngài nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa Giêsu Kitô, Con của Thiên Chúa hằng sống, Đấng đã cho con được kết bạn với thánh Dionysius và những người đồng hành trong giờ lâm chung của ngài, và đã cho con được sánh ngang với họ trong những gian khổ; con xin Ngài, xin cho con được ở cùng họ trong Nước Trời.

Nói xong, ngài rời khỏi thành Bellovac[4045] không phải vì sợ hãi mà trốn tránh sự hành hạ, mà là để, theo lời răn của Chúa, truyền phải lánh xa những kẻ bắt bớ (Mt 10,23), làm gương cho đoàn chiên của mình. Trong suốt chặng đường đi cùng với những người đồng hành đầy lòng thương xót của mình, là linh mục Maxian và phó tế Julian, ngài không ngừng trò chuyện mang lại lợi ích cho linh hồn và cầu nguyện; cuối cùng, ngài đã đến đỉnh ngọn núi mà ngài đang hướng tới, nằm gần con sông tên là Fara, chảy từ phía tây cách thành phố ba po[4046] . Khi ngài đến đó, ngài giống như một thành phố tọa lạc trên đỉnh núi, không thể ẩn mình được (Mt 5:14); vì chính ngọn núi ấy, sừng sững một cách hùng vĩ trên dòng sông, có thể nhìn thấy từ xa. Tại đó, vị thánh, đứng vững vàng như trên một sân khấu công khai, đã quyết tâm chờ đợi vương miện tử đạo.

Những kẻ tra tấn nói trên, khi đến thành phố mà không tìm thấy thánh Lucian, bắt đầu tìm hiểu kỹ hơn xem ngài đã đi đâu. Người ta nói với họ rằng ngài đang giảng dạy dân chúng không xa thành phố; họ lập tức phi ngựa nhanh đến đó và đến được ngọn núi, nơi người của Đức Chúa Trời đang ở cùng dân chúng và các môn đệ. Đầu tiên, họ bắt các vị thánh tôi tớ của Đức Chúa Trời là Maxian và Julian, nhằm dùng sự tra tấn và cái chết của họ để dọa nạt Thánh Lucian và ép ngài phải thờ lạy các thần tượng. Họ ra lệnh một cách hung hăng cho các vị tử đạo bị bắt phải quỳ lạy các thần tượng và cố gắng gieo rắc nỗi sợ hãi vào lòng họ, nói rằng:

– Nếu các ngươi không dâng lễ vật cho các vị thần bất tử của chúng ta, chúng ta sẽ lập tức xử tử các ngươi bằng gươm.

Nhưng các vị tử đạo kiên định trong đức tin đã đáp lại một cách không sợ hãi:

– Chúng tôi sẽ không bao giờ thờ lạy các thần tượng, vì chúng là hư vô và do tay người tạo ra: chúng tôi đã nhận biết Chúa Giêsu Kitô, Đấng duy nhất và chân thật, Con của Thiên Chúa hằng sống, và vì đức tin vào Ngài, chúng tôi sẵn sàng chết.

Nghe vậy, bọn ác nhân lập tức giết họ bằng gươm ngay trước mặt thánh Lucian. Như thế, các thánh đã nhận được vương miện mà Chúa đã hứa ban cho họ và được ghi danh vào hàng ngũ các thánh tử đạo. Thánh Lucian, vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa vì công đức của họ, đã nói trước mặt mọi người:

– Con vui mừng và hân hoan vì Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của con, vì con thấy các con cái của con đã đi trước con để nhận vương miện vinh quang của Ngài.

Lúc đó, Latrin, Arius và Antor, với sự giận dữ và phẫn nộ, đồng thanh nói những lời cay độc với vị thánh:

– Chính ngươi dùng phép thuật để dụ dỗ dân chúng không tuân theo mệnh lệnh của Hoàng đế toàn năng và Thượng viện La Mã, và không dâng những lễ vật may mắn lên các vị thần bất tử sao?

Vị thánh Lucian đã trả lời:

– Tôi không phải là nhà tiên tri, mà là tôi tớ của Chúa Giê-su Ki-tô; tôi không được dạy về phép thuật, mà là về sự khôn ngoan thiêng liêng; nhờ sức mạnh của sự khôn ngoan ấy, tôi chỉ cho dân Chúa con đường chân lý, và dạy dỗ họ cách để họ có thể theo Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của tôi, mà không gặp trở ngại nào. Ngài đã từ trời xuống đất, để bằng chính máu của Ngài, cứu chuộc tạo vật của Ngài khỏi ách nô lệ của kẻ thù, khiến họ từ bỏ việc thờ lạy các thần tượng – hay nói đúng hơn là các quỷ dữ – và ban ơn cứu rỗi cho những ai được dẫn dắt từ bóng tối của sự mê tín vào ánh sáng chân lý: và thật công bằng khi họ chỉ hướng lòng mình về một Đấng duy nhất, Đấng đã vui lòng chịu đóng đinh và chết để cứu chuộc tất cả mọi người.

Những kẻ tra tấn phản đối:

– Sao ngươi lại xưng Đấng mà ngươi gọi không chỉ là Đấng đã chết, mà còn là Đấng bị đóng đinh, là Thiên Chúa?

Thánh Lucian đã trả lời họ:

– Dù các ngươi vì sự vô tín của mình mà không xứng đáng nghe những mầu nhiệm của Vua Trời, nhưng vì đông đảo các tín hữu đang có mặt ở đây, ta sẽ tóm tắt một điều: Đức Chúa Trời chân thật, Con của Đức Chúa Trời chân thật, Đấng từ muôn đời luôn hằng ở cùng Đức Chúa Cha, vào cuối các thời đại, vì muốn đổi mới dòng dõi loài người đang hư mất do tội lỗi của A-đam, đã vui lòng sinh ra một cách bất hoại và không thể diễn tả được từ

[4045] Ngày nay là Beauvais ở Pháp.

[4046] Chiều dài đường đua – khoảng 690 sazen.

Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, để trở thành Đức Chúa Trời chân thật và con người chân thật, trong một ngôi vị với hai bản tính, là Đấng Christ Duy Nhất, là Con thật của Thiên Chúa và của loài người. Và Ngài, vốn vô cảm về bản tính Thiên Chúa và luôn hằng ở cùng Chúa Cha, đã trở thành không chỉ hiện ra trước mắt chúng ta, mà còn, theo bản tính loài người, chịu đau khổ vì chúng ta: vì Ngài đã vâng phục Thiên Chúa Cha cho đến chết, thậm chí là cái chết trên thập giá, để chuộc tội cho chúng ta (xem Pl 2,8). Nếu Con Thiên Chúa không muốn trở thành Con Người và không mặc lấy hình hài phàm nhân, thì loài người sẽ không được Thiên Chúa tha thứ, và những người phàm cũng sẽ không được mặc lấy sự bất tử.

Những lời này và nhiều lời khác của thánh Lucian đã khiến những kẻ tra tấn càng thêm giận dữ, và họ nói:

– Ngươi đã bước vào tuổi già, đã đến lúc ngươi phải từ bỏ những lời nói suông trẻ con; chính vì thế mà ngươi dám không do dự bước vào cái chết, chính vì thế mà ngươi không sợ hãi khi bị sự phù phiếm vĩ đại mê hoặc và bị những lời nói thừa thãi cướp đi lý trí. Chúng ta nói thật với ngươi: nếu ngươi không sớm ăn năn, không từ bỏ sự điên rồ và sự liều lĩnh của mình, và không dâng lên các vị thần bất tử một lễ vật thuận lợi, thì ngay lập tức chúng ta sẽ không thương xót mà bắt ngươi, một người già, phải chịu những cực hình tàn bạo.

Sau đó, những kẻ tra tấn ngồi xuống và bắt đầu chất vấn ông ta một cách đe dọa:

– Hãy nhanh chóng cho chúng ta biết tên và xuất thân của ngươi.

Chiến binh của Đấng Christ trả lời họ:

– Cha mẹ tôi đã đặt tên tôi là Lucius, nhưng trong phép rửa thánh, nhờ đó tôi được tái sinh vào cuộc sống vĩnh cửu trong Chúa Kitô, tôi đã được đổi tên thành Lucian. Tôi là người La Mã; nguồn gốc này được tôn kính trên toàn thế giới. Nhưng tôi không tự hào vì là người La Mã, mà vì tôi là tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô, Đấng của tôi, điều mà các ngươi cũng có thể thấy rõ nơi tôi: vì đối với tôi, không có cuộc sống và vinh quang nào khác ngoài Chúa Giêsu Kitô, Đấng của tôi, và chết vì Ngài là một ân huệ (xem Pl 1,21).

Lúc đó, những kẻ tra tấn nói:

– Chúng tôi đã nói đúng: ngươi là một thầy phù thủy và kẻ dụ dỗ những ai nghe theo ngươi; hơn hết, ngươi là kẻ kiêu ngạo, vì ngươi không ngừng nói những lời vô liêm sỉ và thậm chí không nương tay trước tuổi già của chính mình. Nếu ngươi là người La Mã, thì tại sao lại điên rồ từ bỏ việc tôn kính các vị thần La Mã, những vị mà hoàng đế cùng toàn thể Thượng viện La Mã và cả thế giới đều thờ phụng?

Thánh Lucian đã trả lời:

– Nhờ ân sủng của Đức Kitô, Đấng mà tôi đã chịu phép rửa và đã nhận biết là Thiên Chúa chân thật, tôi đã từ bỏ trong đức tin của mình không chỉ ma quỷ và các thần tượng, mà còn cả mọi việc làm của chúng. Còn những lời nói và bài giảng của tôi về Chúa Kitô, các ngươi không muốn nghe cũng chẳng muốn ghi nhớ, bởi vì sự vô tín của các ngươi đã làm mù quáng các ngươi và hoàng đế của các ngươi cùng với Thượng viện của ngài, những người đã ra lệnh cho các ngươi rằng chúng tôi, những con người, loài thụ tạo có lý trí, phải dâng lễ vật cho ma quỷ, và cúi đầu trước những thần tượng vô tri vô giác do bàn tay con người tạo ra.

Latrius, Arius và Antorus, không thể chịu đựng thêm sự sỉ nhục đối với các vị thần của họ và của hoàng đế, đã đặt tay lên vị thánh, trói ngài lại và giao nộp cho binh lính; những người này đã trói chặt vị tử đạo và đánh đập ngài bằng những roi da tàn nhẫn trong một thời gian dài mà không hề thương xót. Dù phải chịu đựng những cực hình, chiến binh của Đấng Kitô vẫn không bị khuất phục bởi đau đớn và không sợ hãi trước những lời đe dọa, nhưng vẫn kiên định trong đức tin vào Đấng Kitô và bằng sự can đảm của tinh thần, ngài đã tiếp thêm sức mạnh cho những chi thể đã kiệt sức vì tuổi già và bị thương tích. Vẫn kiên định cả về khuôn mặt lẫn tâm trí, ngài không ngừng xưng danh Đấng Kitô bằng giọng nói vang dội, nói rằng:

– Tôi sẽ không bao giờ ngừng ca ngợi Chúa Kitô, Con Thiên Chúa, bằng trái tim, đức tin và đôi môi của mình.

Những kẻ tra tấn, càng thêm phẫn nộ, ra lệnh chém đầu vị thánh tử đạo bằng gươm; lúc đó, một chiến binh rút gươm ra, chém vào cổ thánh nhân đã được chuẩn bị sẵn để chém, và chặt đứt cái đầu đáng kính. Khi thi thể thánh nằm đó, đã bị chặt đầu nhưng vẫn còn cử động, tất cả mọi người, kể cả chính những kẻ sát nhân, đều chứng kiến một ánh sáng vĩ đại chiếu rọi từ trời xuống trên thi thể ngài, và cùng với ánh sáng ấy, một tiếng nói từ trên cao vang lên:

– Hãy vui mừng, hỡi người tôi tớ tốt lành Lukian, người đã không sợ hãi khi đổ máu mình vì Ta. Hãy đến và nhận lấy vương miện đã hứa từ trước cho ngươi, và ngự trị trên trời cùng các thánh: hãy đến và thừa hưởng nơi ở vinh quang vĩnh cửu, đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi cùng các Thiên thần.

Tiếng nói ấy không phải dành cho vị thánh, người luôn vững tin vào phần thưởng mà Thiên Chúa đã hứa ban cho ngài, mà là dành cho đám đông đang đứng xung quanh, để họ càng thêm vững tin vào Đức Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà thánh Lucian đã rao giảng trong suốt một thời gian dài như vậy. Tất cả những điều này xảy ra vào ngày thứ Bảy, trên ngọn núi đã được nhắc đến, cách thành phố ba dặm. Khi chứng kiến và nghe thấy điều này, cả những người tin lẫn những người không tin đều bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi tột độ. Một số người bỏ chạy khỏi đó, một số khác thì ngạc nhiên và vui mừng khi thấy mình được giải thoát khỏi những cái bẫy của ma quỷ; tuy nhiên, vì không đủ sức để nhìn thẳng vào ánh sáng chói lọi đang tỏa ra, họ đã lùi lại một chút khỏi nơi đó. Lúc đó, thánh Lucian, dù thân xác đã chết, nhưng nhờ ân sủng kỳ diệu từ Thiên Chúa, đã nhận được sức mạnh để cử động, đứng dậy từ mặt đất như người còn sống và đứng vững trên đôi chân; sau đó, cầm lấy cái đầu thánh thiêng liêng nhất của mình trên tay, ngài bước đi một cách tự do, được dẫn dắt bởi ân sủng của Thánh Thần ngự trong ngài và sự trợ giúp của các Thiên thần, rồi với những bước chân vững chắc như một thân xác sống, ngài bắt đầu cuộc hành trình, mang theo cái đầu thánh thiêng liêng của mình, giống như người bạn của ngài, Thánh Dionysius, đã làm tại thành phố Paris. Sau khi đi qua khoảng ba dặm và băng qua dòng sông Fara nói trên, người của Chúa đã đến nơi mà ngài đã tự chọn để an táng. Tại đó, ngài nằm xuống đất và an nghỉ trong Chúa một cách bình an.

Những người đạo đức, đã được dẫn dắt đến với Chúa Kitô nhờ lời rao giảng của vị tử đạo, đã đến và xức hương lên thi hài thánh của ngài, quấn trong tấm vải trắng tinh khiết và an táng với nhiều nghi lễ trang trọng, không thiếu sự hiện diện của các Thiên thần: vì khi thi thể thánh thiện được an táng, người ta không chỉ ngửi thấy mùi hương trần gian mà còn cảm nhận được một mùi hương kỳ diệu và không thể diễn tả nào khác. Tất cả những ai có mặt tại đó đều kinh ngạc và hỏi nhau:

– Đây là gì vậy?

Rồi họ nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì đã ban cho chúng con được ngửi thấy mùi hương này, thứ mà mũi chúng con chưa từng ngửi thấy bao giờ! Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng Cứu Thế Kitô: vì chúng con đã được an ủi bởi mùi hương này đến nỗi, từ nay trở đi, chúng con tin rằng sẽ không còn bị thiếu thốn bất kỳ ân huệ nào nữa!

Và trong khi họ còn đang nói những lời ấy, hương thơm thiêng liêng vẫn tiếp tục lan tỏa đến họ. Từ đó, không còn nghi ngờ gì nữa, người ta nhận ra sự hiện diện của các Thiên thần thánh thiện, những vị đã luôn ở bên cạnh vị tử đạo từ khi bắt đầu cuộc khổ nạn cho đến tận lúc ngài qua đời và được an táng. Sau khi hoàn tất lễ an táng trang nghiêm, những người an táng đạo đức đã quỳ lạy xuống đất, với trái tim tan nát, họ kêu lên:

– Chúng con tin, lạy Chúa Giêsu Kitô, rằng Ngài là Con Thiên Chúa đích thực, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần ngự trị trên trời, như chúng con đã nghe bằng tai và được dạy để tin bằng lòng từ vị thánh tử đạo của Ngài là Lucian.

Đám đông dân chúng tụ tập đến dự lễ an táng từ các thành phố và làng mạc lân cận, khi chứng kiến cảnh đó, còn những người đến muộn hơn thì nghe kể lại từ những người đã chứng kiến, đều cảm động sâu sắc trong lòng, và ngay trong ngày hôm đó, khoảng năm trăm linh hồn đã tin nhận Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, trước đó, nhờ giáo huấn của Thánh Lucian tại vùng đất ấy, đã có tới ba mươi nghìn người, cả nam lẫn nữ và mọi lứa tuổi, được dẫn dắt đến với Chúa Kitô; họ đã từ bỏ các thần tượng, tuyên xưng Thiên Chúa Cha, Đấng không sinh ra, và Con Một của Ngài, cùng với Chúa Thánh Thần, trong Ba Ngôi của Thiên Chúa chân thật và duy nhất. Sau đó, một số người trong số những người đã được cải đạo, vì lòng nhiệt thành, đã xây dựng một nhà thờ trên ngôi mộ của vị tử đạo, để tôn vinh Thiên Chúa và để tưởng nhớ vị thánh được Ngài yêu mến, Thánh Lucian. Thi hài của các thánh tử đạo Maxian và Julian ban đầu được an táng trên ngọn núi nơi họ bị giết, nhưng sau đó, khi số lượng Kitô hữu gia tăng, thi hài của họ đã được chuyển từ đó đến và an táng cùng với thi hài của thánh Lucian. Và nhiều ân sủng đã được ban phát tại đó từ Chúa Giêsu Kitô của chúng ta nhờ lời cầu bầu của các thánh tử đạo của Ngài. Như họ đã có cùng một đức tin, cùng một tình yêu, và cùng một lời tuyên xưng trong những đau khổ, thì – chúng ta tin rằng – trong sự hạnh phúc vĩnh cửu, họ cũng sẽ cùng chung sống và cùng thừa hưởng Nước Trời vĩnh cửu. Chúng ta tạ ơn Đấng Tạo Hóa của chúng ta vì ba vị chứng nhân của Ngài, khi tuyên xưng Ba Ngôi, đã đạt đến sự hoàn hảo qua sự tử đạo; chúng con kính trọng họ, biết rằng nhờ họ mà người mù được sáng mắt, người què được đi lại: ma quỷ bị trục xuất, và nhiều phép chữa lành khỏi các bệnh tật khác nhau được thực hiện nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của họ, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ngợi khen muôn đời, amen.

Ngày 17 tháng 6

Ngày 4 tháng 6 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm Thánh Cha Mitrofan, Tổng Giám mục Constantinople

Ngày tưởng niệm 4 tháng 6

Thánh Phụ Mitrofan của chúng ta đã sống vào thời Constantine Đại Đế – vị hoàng đế Kitô giáo đầu tiên[4047] . Ngài là con trai của Dometius, một người La Mã có nguồn gốc từ dòng dõi hoàng gia. Dometius này, còn được gọi là Dometian, là anh trai của Probus, người từng ngồi trên ngai vàng của hoàng đế La Mã[4048] . Là một người sáng suốt, Dometius sớm nhận ra sự dối trá của việc thờ thần tượng, từ bỏ các vị thần ngoại đạo giả dối và tin vào Đức Chúa Trời chân thật – Chúa Giê-su Christ của chúng ta. Và vì vào thời điểm đó, La Mã tràn ngập sự gian ác của tôn giáo ngoại đạo và các Kitô hữu phải chịu sự bắt bớ tàn bạo tại đó, nên Dometius đã rời khỏi thủ đô của đế quốc và cùng hai con trai của mình là Provus và Mitrophan đến Byzantium. Lúc bấy giờ, tại Byzantium có vị giám mục là ngài Tít (còn được gọi là Trat hoặc Torat)[4049] – một vị thánh nhân đáng kính; chính dưới sự hướng dẫn của ngài, Dometius cùng các con trai đã định cư tại đó, được dạy dỗ về đức tin Kitô giáo và Lề luật của Chúa, đồng thời được rèn luyện để sống một cuộc đời đạo đức. Thấy rằng Dometius đã gắn bó với Chúa Kitô bằng cả trái tim và linh hồn, đồng thời tràn đầy lòng nhiệt thành cháy bỏng để phục vụ Chúa, vị giám mục đã đưa ông vào hàng giáo sĩ, phong chức linh mục cho ông. Khi Tít qua đời sau khi đã huấn luyện Dometius, Dometius đã kế vị ngai giám mục[4050] , và sau khi vị giám mục đáng kính Dometius qua đời, ngai giám mục được con trai ông là Prov kế vị[4051] . Sau khi Prov qua đời, con trai của Dometius và anh trai của Prov – Thánh Mitrofan[4052] – đã được tấn phong lên ngôi giám mục Byzantium, và đây chính là nhân vật mà chúng ta sẽ đề cập đến.

Vào thời điểm đó, Hoàng đế Constantine Đại đế đã đến vùng Thrace[4053] và dừng chân tại Byzantium. Khi gặp Thánh Mitrophan tại đây, qua những cuộc trò chuyện với ngài, hoàng đế nhận ra rằng ngài là một vị thánh vĩ đại của Chúa, và ngài vô cùng ngưỡng mộ cuộc đời đạo đức cùng sự khôn ngoan của vị thánh này. Với tình cảm sâu sắc dành cho ngài và mong muốn được lắng nghe những lời giảng đầy ân sủng của ngài, hoàng đế đã đưa ngài về cùng mình đến Roma.

Không lâu sau đó, Hoàng đế Constantine muốn chuyển thủ đô từ Rome sang Byzantium. Ngài rất ưng ý thành phố này, cả về vẻ đẹp lẫn vị trí đắc địa của nó. Thành phố này nằm ở góc đông nam của bán đảo Balkan, bên bờ eo biển Bosphorus – eo biển nối Biển Đen với Biển Địa Trung Hải và Biển Marmara. Những con đường tuyệt đẹp cả trên đất liền lẫn trên biển đều dẫn đến thành phố này, và toàn bộ vùng lân cận trù phú với đủ loại hoa màu. Tất cả những điều này đã làm Constantine say mê đến mức ông quyết định chuyển thủ đô của đế chế đến đây. Hoàng đế đã trang hoàng thủ đô mới bằng những công trình kiến trúc tuyệt đẹp và đặt tên cho nó là "Rome Mới".

Tuy nhiên, theo tên người sáng lập, thành phố thường được gọi là Constantinopolis, tức là thành phố của Constantine, và với tư cách là nơi ở của các hoàng đế, nó còn được gọi là Tsargrad. Sau khi chuyển thủ đô đế quốc đến Byzantium, Constantine cũng đưa Thánh Mitrophan từ Rome Cổ đến đây, phong ngài làm cha mình và xin các giám mục tham dự Công đồng Đại kết lần thứ nhất tại Nicaea[4054] trao cho ngài tước hiệu tổng giám mục. Như vậy, Mitrophan đã trở thành tổng giám mục đầu tiên của Constantinople.

[4047] Hoàng đế Constantine Đại đế trị vì từ năm 306 đến năm 337.
[4048] Prov hoặc Prob trị vì từ năm 276 đến năm 282.
[4049] Thánh Tít giữ chức Giám mục Byzantium từ năm 242 đến năm 272.
[4050] Dometius là giám mục Byzantium từ năm 272 đến năm 303.
[4051] Prov được phong thánh từ năm 303 đến năm 315.
[4052] Thánh Mitrophan, vị tổng giám mục đầu tiên của Constantinopolis, đã nắm giữ ngai tổng giám mục Constantinopolis từ năm 315 đến năm 325.
[4053] Thrace nằm ở cực đông của bán đảo Balkan và giáp với Biển Đen và Biển Marmara. Hiện nay, đây là vùng Rumelia phía đông, một tỉnh của Thổ Nhĩ Kỳ.

Do tuổi già và sức khỏe suy yếu, chính Thánh Mitrophan đã không thể tham dự Công đồng tại Nicaea. Thay cho mình, ngài đã cử vị giám mục phụ tá[4055] của mình là Alexander – một người đáng kính, thánh thiện và cao tuổi, người đã cống hiến nhiều công lao vì lợi ích của thế giới Giáo hội tại Thrace và Illyria[4056] – đến tham dự. Tại công đồng, ông đã thay mặt Thượng phụ Mitrofan của mình và đối đầu với Arius.

Sau khi Đại hội Công đồng này kết thúc, Hoàng đế Constantine Đại đế, một vị hoàng đế sùng đạo, đã khẩn khoản thỉnh cầu tất cả các vị thánh tham dự Đại hội cùng ngài đến Constantinopolis để thăm viếng Đức Thượng phụ Mitrophan đang ốm nặng tại đó, người đang nằm trên giường bệnh chờ chết. Vào một ngày Chủ nhật, các vị thánh cùng với hoàng đế đã đến thăm Mitrophan và trò chuyện với ngài trong một thời gian dài. Trong cuộc trò chuyện đó, hoàng đế đã nói với vị thánh:

– Thưa Đức Cha kính mến! Tôi thấy ngài đã kiệt sức vì tuổi già và bệnh tật. Vậy, xin ngài hãy cho chúng tôi biết, ai xứng đáng trở thành người kế vị ngài?

Nghe những lời này, Thánh Mitrofan với ánh mắt rạng ngời đã trả lời hoàng đế:

– Quả thật, chính Thánh Thần đang phán qua miệng ngài lúc này. Thật vậy, khi bảy ngày trước thời điểm này, tôi suy ngẫm về điều này, Chúa đã mặc khải cho tôi rằng sau mười ngày nữa, tôi sẽ ra đi khỏi cõi đời này. Và khi tôi kết thúc cuộc đời, xin hãy để đồng sự của tôi là Alexander lên ngôi sau tôi – người thực sự xứng đáng được bầu chọn và nhận ân sủng của Thánh Thần. Sau ông ấy, người kế vị ngai vàng sẽ là Paul, hiện đang là người đọc kinh[4057] .

Sau đó, ngài nhìn vào Thánh Alexander, Tổng Giám mục Alexandria[4058] , và nói với ngài:

– Anh em ơi! Anh cũng sẽ để lại một người kế vị xuất sắc.

Và, nắm lấy tay phó tế trưởng của ngài là Athanasius, ngài nói:

– Đây là một chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô; ngài sẽ là người kế vị sau ngài[4059] , và không chỉ kiên quyết đứng lên, cùng với anh em tôi là Alexander, chống lại sự bất kính của phái Arian, mà còn thành công trong những chiến công vĩ đại, đến nỗi ngài, cùng với Phaolô dũng cảm, – sẽ phải đối mặt với nhiều đau khổ.

Thánh nhân đã tiên tri về tương lai như vậy, và mười ngày sau khi nhận được sự mặc khải của Chúa, ngài đã an nghỉ trong bình an vào ngày thứ tư của tháng Sáu, sau khi sống trọn vẹn một trăm mười bảy năm kể từ ngày sinh. Giờ đây, vị thánh đang an nghỉ trong sự sống vĩnh cửu, đứng trước ngai vàng của Đấng Thượng Tế Vĩ Đại, Đấng đã vượt qua các tầng trời – chính là Đức Kitô, Đấng Cứu Chuộc của chúng ta; vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã rao giảng rõ ràng đức tin vào Đấng Kitô, và nhờ tuân giữ đức tin ấy, Ngài đã thực sự làm cho đoàn chiên trung thành của Ngài tăng trưởng đông đảo: vì thế, cùng với các Thiên Thần, Mitrofan hân hoan, không ngừng cầu nguyện cùng Đấng Kitô cho tất cả chúng ta.

[4054] Công đồng diễn ra vào năm 325 và được triệu tập để lên án tà thuyết của Arius, người dạy rằng Con Thiên Chúa không đồng bản thể với Chúa Cha, mà chỉ giống như Chúa Cha và là một thực thể được tạo dựng, tuy nhiên lại cao hơn các loài thụ tạo khác. Có 318 giám mục tham dự Công đồng này, họ đến từ các quốc gia khác nhau nằm trong phạm vi Đế quốc La Mã.

[4055] Giám mục vùng – giám mục ở vùng nông thôn, trực thuộc giám mục thành phố.

[4056] Illyria – một tỉnh bao trùm toàn bộ bờ biển phía đông của Biển Adriatic cùng các vùng đất nằm phía sau nó. Ngày nay, trên lãnh thổ của tỉnh này là Albania, Dalmatia và Bosnia.

[4057] Sau Thánh Mitrophan, người thực sự trở thành tổng giám mục Constantinopolis là Thánh Alexander, và sau đó là Thánh Paul, người đã nắm giữ ngai tổng giám mục với một số khoảng thời gian gián đoạn từ năm 341 đến năm 350.

[4058] Thánh Alexander đã nắm giữ ngai Tòa Alexandria từ năm 312 đến năm 326.

[4059] Sau Thánh Alexander, Thánh Athanasius thực sự đã trở thành Thượng phụ Alexandria cho đến năm 373. Ngài phải chịu nhiều cuộc bức hại từ những người Arian và các hoàng đế theo chủ nghĩa Arian. Ông đã nhiều lần phải lánh khỏi thành phố để tìm nơi ẩn náu ở phương Tây; đôi khi ông bị những người Arian trục xuất khỏi Alexandria. Thánh Phaolô, Tổng Giám mục Constantinopolis, cũng phải chịu chung số phận như ngài.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Từ thuở ấu thơ, ngài đã tỏ ra là một bình thánh, được Thiên Chúa chọn làm vị thánh, và ngài đã hân hoan kêu cầu Ngài: "Chúa Kitô, Ngài ngang hàng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần."

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Concordia

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 6

Trong thời trị vì của Hoàng đế Antoninus[4060] , tại thành Rome đã nổ ra một cuộc bách hại tàn bạo chống lại các Kitô hữu đến nỗi không ai – nếu không dâng lễ vật cho các thần – có thể mua hay bán bất cứ thứ gì. Lúc bấy giờ, tại thành Rome có một người đàn ông tên là Concordia. Ông xuất thân từ một gia đình quý tộc. Cha của Concordi, Gordian, là một linh mục. Khi có con trai là Concordi, Gordian đã dạy dỗ con về sự hiểu biết Kinh Thánh và đức tin vào Chúa Kitô. Chính vì vậy, Đức Giám mục Piô của Rôma – người đã chịu khổ hình vì Chúa Kitô dưới triều đại của Hoàng đế Marcus Aurelius[4061] , Concordius đã được phong làm phó tế. Vị thánh phúc này, cùng với cha mình, ngày đêm tuân giữ việc ăn chay và cầu nguyện; hơn nữa, họ còn hào phóng bố thí cho người nghèo và tất cả những ai đang gặp khó khăn. Về phần mình, họ cầu xin Chúa ban cho họ cơ hội để tránh khỏi những sự tàn bạo của cuộc bách hại nhắm vào các Kitô hữu.

Một lần nọ, vị thánh Concordius nói với cha mình:

– Thưa cha! Nếu cha không phản đối ý định của con, xin cha ban phước lành cho con được đến với Thánh Eutychius và ở lại với ngài một thời gian ngắn, cho đến khi sự hung bạo của kẻ thù chúng ta, Hoàng đế Antoninus, chấm dứt.

– Tốt hơn là chúng ta nên ở lại đây, con ơi, – cha của Concordia đáp lại lời thỉnh cầu đó, – để chúng ta cũng được Chúa ban cho vương miện tử đạo.

Vị Thánh đáp:

– Con có thể nhận vương miện tử đạo ở bất cứ nơi nào mà Đức Kitô, Thiên Chúa, muốn – vì vậy xin cha cho phép con thực hiện ý định của mình.

Sau những lời đó, cha đã cho phép ngài ra đi, và Concordia đến ở với người thân của mình là Eutychius, người lúc bấy giờ đang ở tại điền trang của mình trên con đường Salaria, gần thành phố Trebula[4062] .

Chào đón Concordia với niềm vui lớn lao, vị thánh Eutychius bắt đầu dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, và họ cùng nhau ở lại nơi đó, tuân giữ việc ăn chay và cầu nguyện. Nhiều người mắc các bệnh tật khác nhau đã đến tìm họ. Còn họ, khi cầu nguyện nhân danh Chúa Giêsu Kitô, đã ban cho những người ấy sự chữa lành – và nhờ đó, danh tiếng của họ lan rộng trong dân chúng đến tận những nơi xa xôi. Giám mục Tussus, Torquatus[4063] , lúc bấy giờ đang cư ngụ tại thành phố Spoleto[4064] , đã nghe nói về họ. Sau khi triệu tập Thánh Concordia đến, ngài trước hết hỏi vị thánh về tên của ngài.

– Tôi là một Kitô hữu, – Concordia đáp.

– Tôi đang hỏi anh về tên của anh, – vị giám mục lại nói, – chứ không phải về Chúa Kitô của anh.

– Ta đã nói với ngươi rồi, – Thánh Concordi trả lời, – rằng ta là người Kitô hữu và tuyên xưng Đức Kitô.

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần bất tử, – vị tổng giám mục nói, – và ngươi sẽ trở thành bạn của chúng ta; ta sẽ coi ngươi như cha mình và xin Hoàng đế Antoninus – chủ nhân của ta – bổ nhiệm ngươi làm thầy tế lễ của các vị thần.

– Thà để các vị thần của ngài ở lại với ngài còn hơn, – Thánh Concordius đáp lại.

[4060] Hoàng đế La Mã Antoninus, được những người ngoại đạo gọi là Shem, tức là "Người đạo đức", trị vì từ năm 138 đến năm 161.

[4061] Marcus Aurelius đã ngồi trên ngai vàng La Mã từ năm 161 đến năm 180.

[4062] Có ba thị trấn mang tên Trebula ở vùng đất Sabina, nằm ở miền trung Ý, phía đông Rome. Do sau này có đề cập đến việc Thánh Concordia đã được vị giám mục Tusculum, người cư ngụ tại Spoleto, mời đến, thuộc tỉnh Umbria, nên có thể suy luận rằng thành phố được gọi là Trebula ở đây nằm ở phần phía bắc của vùng Sabina, không xa Umbria, một tỉnh nằm về phía đông bắc Rome.

[4063] Người La Mã gọi cư dân của Etruria – một tỉnh nằm ở phía tây Trung Ý, phía bắc Rome – là "Tusci". Như vậy, Giám mục Tusci là người cai trị Etruria.

[4064] Spoleta, ngày nay là Spoleto, là một thành phố ở Trung Ý, thuộc vùng Umbria cổ đại, giáp ranh với Etruria. Có lẽ Umbria và Etruria đều nằm dưới sự cai trị của cùng một vị vua.

– Hãy nghe lời ta và dâng lễ vật cho các vị thần bất tử đi, – vị giám mục tiếp tục thuyết phục ngài.

– Thà ngài hãy nghe lời tôi đi, – Thánh Concordi trả lời, – và dâng lễ vật lên Chúa Giêsu Kitô, để ngài tránh khỏi những cực hình vĩnh cửu. Nếu ngài không làm điều đó, ngài sẽ bị trừng phạt trong cuộc sống vĩnh cửu và phải chịu cực hình trong ngọn lửa không bao giờ tắt.

Lúc đó, vị tổng giám mục ra lệnh đánh ngài bằng gậy và ném ngài vào ngục chung.

Vào ban đêm, Thánh Eutychius cùng với Thánh Giám mục Anphim đã đến gặp Thánh Concordi. Anphim là bạn của Torquatus và đã nài nỉ ông ta thả tù nhân đó cho mình trong một thời gian ngắn. Và thế là, vào ban đêm, Concordius được thả ra khỏi ngục và đã sống cùng với Anphim một thời gian khá dài. Trong thời gian đó, Anphim đã phong chức linh mục cho Concordius, và họ, khi sống cùng nhau, đã tuân giữ việc ăn chay và cầu nguyện.

Sau một thời gian, Torquat cho người đi tìm Concordia và hỏi anh ta:

– Ngươi đã quyết định thế nào về cuộc đời mình?

– Cuộc đời tôi là Đức Kitô, Đấng mà tôi dâng lên lời ngợi khen mỗi ngày, còn ngài sẽ bị thiêu đốt trong hỏa ngục, – thánh Concordius nói với tổng giám mục.

Lúc đó, Torquatus ra lệnh trói vị thánh vào cột nhục nhã. Nhưng vị thánh vẫn vui vẻ nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa Giêsu Kitô!

– Hãy dâng lễ vật lên vị thần vĩ đại Zeus[4065] , – vị giám mục khăng khăng đòi hỏi.

– Tôi sẽ không dâng lễ vật cho hòn đá câm điếc, – vị thánh Concordi trả lời, – vì Chúa Giêsu Kitô của tôi đang ở cùng tôi, Đấng mà linh hồn tôi phụng sự!

Sau đó, vị tổng giám mục, vì tức giận, đã ra lệnh giam Concordia vào một ngục tối chật hẹp, ra lệnh trói tay và cổ ngài bằng xiềng sắt, đồng thời cấm bất cứ ai vào thăm ngài, vì ông muốn làm thánh nhân chết đói.

Nhưng Thánh Concordi, dù bị giam trong ngục tối, vẫn không nản lòng, mà với niềm vui sướng, ngài bắt đầu dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa toàn năng:

– *"Vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời trên trời cao, bình an trên đất, và ân sủng nơi loài người,"* – ngài ca ngợi.

Vào nửa đêm, Thiên Thần của Chúa hiện ra với ngài và nói:

– Đừng sợ, hãy kiên cường giữ vững đức tin, vì Ta ở cùng ngươi.

Ba ngày sau, tổng giám mục sai hai lính gác của mình đến gặp ngài vào ban đêm và ra lệnh cho họ:

– Hãy đi và báo cho tù nhân biết rằng hắn phải dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, nếu không, đầu hắn sẽ bị chém rơi.

Hai lính gác mang theo tượng thần Zeus đến gặp Concordia và hỏi ông:

– Ngươi có nghe lệnh của tổng giám mục chưa?

– Tôi không biết điều đó, – vị thánh đáp.

– Hãy dâng lễ vật cho thần Zeus, – các lính gác tiếp tục, – nếu không, ngươi sẽ bị chặt đầu!

Lúc đó, Thánh Concordi, nhờ ơn Chúa, đã nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa Giêsu Kitô. Rồi ngài nhổ nước bọt vào mặt thần Zeus.

Thấy vậy, một trong những binh lính rút gươm ra và chém đứt đầu vị thánh; và như thế, vị thánh Concordi, trong khi làm chứng cho Chúa, đã trút hơi thở cuối cùng[4066] .

Sau đó, hai linh mục và một số người đạo đức đã đến nhà tù; họ mang thi hài của vị thánh đi và an táng gần thành phố Spoleto, tại một nơi được tưới mát bởi những dòng suối chảy dồi dào. Tại đây, bên mộ vị tử đạo, những người bị quỷ ám và mắc các bệnh tật khác nhau đã được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Concordia, người đang đứng trước mặt Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần ngự trị muôn đời. Amen.

[4065] Zeus, hay Jupiter theo cách gọi của người La Mã, được tôn kính như vị thần tối cao, cha của các vị thần và loài người; ngài là chúa tể của trời và đất, sấm sét, gió và mưa.

[4066] Đó là vào khoảng năm 175.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Frontasius, Severinus, Severianus và Silanus

Ngày kỷ niệm: 4 tháng 6

Các thánh Frontasius, Severinus, Severianus và Silanus đã được Fronton[4067] , vị giám mục đầu tiên của Petragoria, sai đi rao giảng Lời Chúa. Trong khi đang rao giảng, họ bị quan tổng trấn Squiridon bắt giữ và tra hỏi:

– Hãy nói cho ta biết: các ngươi từ đâu đến và tên các ngươi là gì? Vì các ngươi không những không dâng lễ vật cho các vị thần, mà còn khiến nhiều người khác từ bỏ việc đó và thậm chí phá hủy cả các đền thờ của các vị thần. Vậy hãy nói đi, các ngươi dựa vào quyền lực nào mà làm như vậy?

Họ trả lời ông ta:

– Tại sao ngài lại thẩm vấn chúng tôi, thưa quan tổng trấn, khi ngài lại xa lạ với đức hạnh thiêng liêng? Chẳng lẽ ngài lại muốn tiêu diệt công lý sao? Vậy thì, trước khi thực hiện ý định của mình, hãy suy ngẫm xem: ai đã tạo ra linh hồn và thân thể của ngài? Bởi vì các thần tượng ngoại đạo chỉ là sản phẩm do bàn tay con người tạo ra, chúng không thể mang lại lợi ích cho chính mình, cũng không thể giúp đỡ ai khác, huống chi là tạo ra bất cứ điều gì.

– Ta thấy rồi, – Squiridon nói, – các ngươi thật ngạo mạn và nhiều lời, được Thầy của các ngươi dạy dỗ đủ thứ lời vô nghĩa.

– Lời nói của chúng tôi chứa đựng sự thật, – Severin và Severian đáp lại, – còn ngài thì tôn thờ những thần tượng, vốn chỉ là những tảng đá do quỷ dữ dựng lên; chúng điếc, câm và trống rỗng.

– Hãy bỏ những lời tranh luận đó đi, – Squiridon ngắt lời họ, – và nếu các ngươi muốn sống sót, hãy dâng lễ vật cho các vị thần.

– Mục đích của chúng tôi là, – Frontasius đáp, – để sống và chết vì Chúa Kitô!

Sau đó, vị thống đốc quay sang Silan, người biết chơi đàn gusla, đàn kimval và đàn lyre, rồi hỏi anh ta:

– Còn ngươi, chàng trai trẻ, tại sao ngươi không dâng lễ vật lên các vị thần?

– Tôi đã sẵn sàng, – thánh Silan đáp, – dâng chính mình làm của lễ cho Chúa Giêsu Kitô của tôi, Đấng đã dùng ân sủng của phép rửa tội để tẩy sạch thế gian khỏi vết nhơ tội lỗi.

– Rửa sạch bằng cách nào? – vị thống đốc hỏi.

Silán đáp:

– Chúa Giê-su Ki-tô của tôi đã phán với các môn đệ: *"Hãy đi, rao giảng cho muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Cha, Con và Thánh Thần"* (Mt 28,19), *"Ai tin và chịu phép rửa thì sẽ được cứu; còn ai không tin thì sẽ bị kết án"* (Mc 16,16). Vì vậy, thưa ngài Igemon, nếu ngài tin vào Đấng Christ và chịu phép rửa, ngài sẽ được cứu rỗi; còn nếu ngài không tin, ngài sẽ bị kết án.

Trong cơn thịnh nộ, quan tổng trấn ra lệnh dẫn họ ra nơi hành hình ngoài thành và tra tấn họ một cách tàn bạo nhất. Trong lúc đó, những kẻ tra tấn đã đóng những chiếc đinh sắt vào đầu các vị tử đạo, giống như vương miện gai của Đấng Cứu Thế chúng ta, và đóng đinh họ vào cột. Trên đầu mỗi người có chín chiếc đinh. Nhưng cơn thịnh nộ tàn bạo của những kẻ tra tấn không thể khiến các chiến binh của Chúa Kitô rời xa Ngài. Sau khi quan tổng trấn không thể khuất phục các thánh nhân bằng những hình phạt nêu trên, ông đã đưa ra quyết định cuối cùng đối với họ – ra lệnh chém đầu họ. Lúc đó, các thánh tử đạo, quỳ gối xuống đất và phó thác linh hồn mình cho Thiên Chúa, đã đưa cổ ra cho những kẻ hành hình và đón nhận cái chết tử đạo vì tuyên xưng danh Chúa Kitô. Những binh lính vô đạo, sau khi chặt đầu các vị tử đạo, đã ném thi thể họ xuống đất để làm nhục, bỏ lại những thi hài cao quý mà không chôn cất. Nhưng quyền năng Thần thánh đã thực hiện phép lạ sau đây.

Thi thể các thánh, nhờ sự cảm hứng bất ngờ của Thánh Thần, đã sống lại; mỗi người cầm lấy đầu mình đang nằm gần đó, tự đứng dậy mà không cần sự giúp đỡ nào của con người, và như vậy đã đi đến con sông mang tên Il. Khi bước xuống nước, những thi thể đã sống lại của các vị tử đạo đi trên mặt nước như thể đang đi trên đất khô. Sau khi băng qua con sông, trước sự chứng kiến của nhiều người đang kinh ngạc trước phép lạ, họ leo lên một ngọn đồi cao. Tại đó, họ đến nhà thờ Đức Mẹ Đồng Trinh Maria, nơi Thánh Giám mục Fronton đang cầu nguyện. Các thánh tử đạo bước vào trong nhà thờ, quỳ gối, cúi đầu xuống dưới chân vị giám mục, rồi nằm sấp trên mặt đất theo hình chữ thập, và họ lại trở nên bất động như người chết. Lúc bấy giờ, Đức Giám mục Thánh Fronton, cùng

[4067] Tòa giám mục Petragoria còn được gọi là Perigoria. Thành phố Perigord nằm ở miền nam Gaul.

với Linh mục Anian và sự tham dự của đông đảo dân chúng, đã tổ chức lễ an táng Frontasia, Severina và Silana tại ngôi thánh đường nói trên với sự tôn kính và những bài thánh ca. Còn Severian, theo lời thỉnh cầu của một người phụ nữ sùng đạo, ngài đã an táng ông một cách trang trọng tại một nơi khác, nằm trong khu đất của bà, không xa các vị thánh đồng hành của ông.

Các thánh tử đạo đã chịu tử đạo dưới triều đại của hoàng đế La Mã Claudius[4068] , và đã được tôn vinh nhờ những việc làm cùng sự tuyên xưng vững vàng về Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ngợi khen muôn đời. Amen.

Cuộc đời của vị thánh cha Zosima, Giám mục Babylon.

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 6

Thánh Zosima, còn được gọi là Kilikos (vì ngài xuất thân từ Kilikia[4069]), đã yêu mến Thiên Chúa ngay từ thuở thiếu thời. Từ bỏ đời sống trần thế, ngài lên Núi Sinai[4070] , tại đây ngài mặc áo tu sĩ và bắt đầu tu hành bằng việc ăn chay và cầu nguyện. Tuy nhiên, ngài không ở lại Sinai lâu. Với khát khao tìm kiếm sự tĩnh lặng và im lặng, Zosima khi còn trẻ đã rời Núi Sinai để đến sa mạc Libya[4071] , và định cư tại một nơi hoang vắng có tên là Ammoniac. Tại đây, ngài sống trong sự cô độc hoàn toàn, chỉ lo làm vui lòng Đức Chúa Trời duy nhất. Một lần nọ, ông nhìn thấy trong sa mạc ấy một vị tu sĩ già, mặc áo lông dê gai. Tiếp cận ông, Zosima định cúi đầu chào vị tu sĩ già và theo thông lệ xin ông ban phước lành. Nhưng vị tu sĩ già đã cảnh báo ông, nói rằng:

– Ngươi đến đây làm gì, Zosima? Hãy đi đi, vì ngươi không nên ở lại đây.

Nghĩ rằng vị tu sĩ già đã biết mình từ lâu, Zosima cúi đầu chào ông và xin lời chúc phúc, rồi nói:

– Xin cha hãy thương xót con! Hãy cho con biết, tại sao cha lại biết con?

Vị tu sĩ già đáp:

– Cách đây hai ngày, có một người đàn ông, trông rất kỳ lạ, đã đến gặp tôi và nói: "Này, sẽ có một tu sĩ từ núi Sinai tên là Zosima đến gặp ngài; đừng ban phước lành cho anh ta để ở lại sa mạc này. Tôi muốn giao phó cho anh ta nhà thờ Babylon ở Ai Cập."

Nói xong, vị ẩn sĩ lùi lại cách Zosima một khoảng bằng một hòn đá ném và đứng cầu nguyện, giơ hai tay lên hướng về Thiên Chúa. Ông cầu nguyện khoảng hai giờ; sau đó, khi kết thúc lời cầu nguyện, vị tu sĩ già lại bước đến gần Zosima, ôm anh ta như một người cha, hôn lên mặt anh ta và nói:

– Con yêu quý của ta, thật tốt là con đã đến đây. Quả thật, chính Đức Chúa Trời đã dẫn con đến với ta, để con an táng thi thể ta, vì ta sắp về với Chúa.

Lúc đó, Zosima hỏi vị tu sĩ già:

– Thưa cha, cha đã ở nơi này bao nhiêu năm rồi?

Và vị tu sĩ già đáp:

– Đã tròn bốn mươi lăm năm ta ở đây rồi.

Khi nghe những lời của vị tu sĩ, khuôn mặt anh bừng sáng như ngọn lửa. Quay lại với Zosima, vị tu sĩ nói:

– Bình an cho con, hỡi con yêu quý, hãy cầu nguyện cho cha!

Và sau những lời đó, ngài nằm xuống đất và lặng lẽ về với Chúa.

Thánh Zosima đã đào một ngôi mộ, chôn cất thi hài cao quý của vị tu sĩ vĩ đại ấy, và sau khi ở lại nơi đó hai ngày, ngài trở về núi Sinai, ngợi khen Đức Chúa Trời.

[4068] Hoàng đế La Mã Claudius trị vì từ năm 41 đến năm 54.

[4069] Cilicia – một vùng thuộc Tiểu Á, nằm ở phía đông nam của lục địa này, giáp biên giới với Syria và dọc theo bờ biển phía nam của Địa Trung Hải.

[4070] Núi Sinai thực chất là một nhóm núi, bao gồm các vách đá granit, được cắt xẻ và bao quanh bởi những thung lũng dốc đứng và gồ ghề. Nó nằm gần như ở giữa các nhánh nổi tiếng của Biển Đen (Biển Đỏ), tạo thành bán đảo Sinai. Nó bao gồm ba dãy núi. Đỉnh phía đông nam của dãy núi giữa chính là nơi diễn ra sự kiện ban hành Luật Sinai nổi tiếng. Từ thế kỷ IV sau Công nguyên, núi Sinai trở thành nơi ưa thích của các nhà tu hành và được bao phủ bởi vô số tu viện.

[4071] Livia – một tỉnh ở Bắc Phi, nằm về phía tây của Ai Cập. Giáp với Biển Địa Trung Hải, một phần của Libya có người sinh sống, trong khi phần còn lại, nằm sâu vào lục địa, là sa mạc với một vài ốc đảo. Đây là cực đông của sa mạc Sahara nổi tiếng, trải dài từ Ai Cập gần như đến tận bờ biển Đại Tây Dương.

Trong thời gian ngài trở lại núi Sinai lần thứ hai, một tên cướp đã đến gặp ngài và khẩn cầu bằng những lời như sau:

– Xin hãy thương xót con, thưa Abba[4072] , xin ban cho con lễ cắt tóc tu sĩ, để con có thể trong sự im lặng sám hối về những tội lỗi của mình. Con đã gây ra nhiều vụ giết người, và giờ đây con đã hối cải về cuộc đời tội lỗi và đầy tội ác của mình, và con muốn dành phần đời còn lại để khóc lóc và sám hối từ tận đáy lòng về vô số tội ác của con.

Thánh Zosima, sau khi hướng dẫn người này, đã cho anh ta mặc áo tu sĩ; nhưng sau một thời gian, ngài gọi tên cướp đã ăn năn đến bên mình và nói với anh ta:

– Con ơi, hãy tin ta, con không thể ở lại đây được. Nếu có quan chức nào biết rằng con đang lánh nạn ở đây, họ sẽ bắt con. Hơn nữa, có thể ai đó trong số những người từng bị con làm hại sẽ nhận ra con và tố cáo con. Vì vậy, hãy nghe lời ta, ta sẽ đưa con đến một tu viện xa xôi hơn.

Vị tu sĩ đồng ý với lời khuyên nhủ của vị thánh, và vị thánh già đã đưa anh ta đến tu viện của Abba Dorotheus, nằm gần Gaza[4073] . Sau khi đưa anh ta vào tu viện này, Zosima quay trở lại núi Sinai.

Còn vị tu sĩ đó đã sống tại tu viện của Abba Dorotheus trong chín năm. Nhưng sau đó, sau khi học thuộc lòng Sách Thánh Vịnh và rèn luyện trong các công việc tu hành, anh ta lại trở về gặp vị tu sĩ đáng kính Zosima và nói với ngài:

– Xin cha thương xót con, thưa cha, – xin hãy trả lại cho con những bộ quần áo thế tục của con, và lấy lại những bộ áo tu sĩ của con.

Vị thánh nhân hỏi anh ta với vẻ buồn bã:

– Tại sao vậy, con ơi?

Lúc đó, vị tu sĩ nói với ngài:

– Thưa Cha, như chính Cha cũng biết, trong suốt chín năm qua, con đã ở trong tu viện, tu tập việc ăn chay và mọi sự kiêng khem, làm việc với lòng khiêm nhường, im lặng và kính sợ Thiên Chúa, vâng phục mọi người, với niềm hy vọng vào lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa và sự tha thứ cho vô số tội lỗi của con. Và thế mà, dù đã không ngừng nỗ lực và lao động, con vẫn luôn thấy trước mặt mình một đứa trẻ, nó nói với con: "Tại sao cha lại giết con?" Con không chỉ thấy hình ảnh này trong giấc mơ, mà còn cả khi tỉnh táo: khi con đứng trong nhà thờ, khi con rước Mình Thánh Chúa, và khi con dùng bữa cùng các anh em trong bữa ăn chung. Tôi không có một giây phút nào được yên bình: ngay cả khi tôi đang đi, tôi cũng thấy trước mặt mình đứa trẻ ấy, luôn nói với tôi cùng một câu: "Tại sao ngươi lại giết ta?" Vì vậy, thưa Cha, tôi đã quyết định trở về nơi tôi đã gây ra những vụ cướp bóc đó, để bị bắt và đưa ra xét xử. Tôi cần phải chết vì hành vi giết người vô cớ đối với đứa trẻ ấy.

Vậy là, sau khi nhận bộ quần áo thế tục từ vị tu sĩ đáng kính, vị tu sĩ ấy đã ra đi vào thế gian. Khi ngài đến thành phố Diospol[4074] , ngài bị bắt giữ, và ngay ngày hôm sau, ngài đã chịu hình phạt tử hình bằng cách bị chém bằng gươm. Như vậy, ngài đã về với Chúa Trời, rửa sạch tội lỗi của mình bằng chính máu của mình.

Ngay sau sự kiện đó, vị tu sĩ Zosima, bị dằn vặt bởi khao khát không thể kìm nén được là được sống trong sự tĩnh lặng và im lặng của sa mạc, lại nảy sinh ý định rời khỏi núi Sinai. Và thế là, mang theo đệ tử của mình là Gioan, vị tu sĩ cùng anh ta lên đường đến sa mạc mang tên Porphyrion[4075] . Khi đi qua sa mạc này, họ gặp hai vị ẩn sĩ: một người gốc Galatia[4076] tên là Phaolô, còn người kia đến từ vùng Meletina[4077] tên là Théodore, người đã

[4072] "Avva" là từ tiếng Syriac, có nghĩa là "cha". Danh xưng này thường được dành cho các vị trụ trì tu viện, cũng như các tu sĩ cao niên. Một tu sĩ mới nhập môn, được giao cho một vị tu sĩ cao niên giàu kinh nghiệm để rèn luyện, cũng gọi vị ấy bằng từ này – "avva".

[4073] Thành phố Gaza nằm trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải, ở cực nam của Palestine, không xa Ai Cập; xưa kia, đây từng là ranh giới phía nam của dân Canaan. Trong thời kỳ hùng mạnh của người La Mã, Gaza là một thành phố thương mại quan trọng của Palestine; vị thế này vẫn được duy trì trong một thời gian và sau đó vào thời Đế chế Byzantine. Nhưng theo thời gian, thành phố từng phồn thịnh này đã mất hết tầm quan trọng, và giờ đây chỉ còn những ngọn đồi cát và những tàn tích thê thảm làm chứng cho sự tồn tại của một thành phố vĩ đại tại đây.

[4074] Diospol – một thành phố ở Palestine, nằm trên con đường phía bắc từ Jerusalem đến Ioppia (Jaffa).

[4075] Tất nhiên, có vẻ như đó là sa mạc nằm gần thành phố Porphyrgon, thuộc Phoenicia, gần núi Karmel (phía nam Ptolemais). Sa mạc này, và đặc biệt là núi Karmel, từng chật kín các tu sĩ.

[4076] Galatia – một tỉnh nhỏ, nhiều núi nhưng màu mỡ ở Tiểu Á, nằm giữa Bithynia, Pontus và Cappadocia. Tên gọi này bắt nguồn từ người Galati – những bộ tộc hiếu chiến có nguồn gốc từ người Gaul hoặc người Celtic.

[4077] Meletina – một vùng ở phía bắc Tiểu Armenia, gần sông Euphrates. Dưới thời hoàng đế Trajan (98–117), một thị trấn cùng tên với vùng này đã phát triển thành một thành phố đáng kể.

thụ phong tu sĩ tại tu viện của Abba Euphimius Đại Đế. Cả hai vị ẩn sĩ này đều mặc áo làm từ da trâu. Thánh Zosima cùng đệ tử của mình định cư gần những người ẩn tu đó, cách khoảng hai poprishche[4078] , và sống ở đó hai năm.

Nhưng sau đó, đệ tử của Thánh Zosima, là Gioan, bị rắn cắn: toàn thân anh ta ngấm đầy nọc rắn, máu tuôn trào ra từ mắt, lỗ mũi, tai và tất cả các lỗ trên da, và Gioan đã qua đời.

Thánh Zosima vô cùng đau buồn và đi tìm hai vị ẩn sĩ nói trên. Khi thấy ngài đang chìm trong nỗi đau buồn sâu sắc, trước khi Zosima kịp nói gì, họ đã lên tiếng an ủi ngài:

– Sao vậy, thưa Abba Zosima, anh em của ngài đã qua đời rồi sao?

Zosima, kinh ngạc trước sự thấu hiểu của họ, đã kể cho họ nghe về hoàn cảnh cái chết của đệ tử mình, điều mà các vị tu sĩ già vốn đã biết rõ.

Lúc đó, cả hai vị ẩn sĩ đều đứng dậy, cùng với Zosima, đi đến chỗ anh em Ioann. Thấy người đã qua đời nằm trên mặt đất, họ nói:

– Đừng buồn, Abba Zosima, – Chúa sẽ giúp ngài.

Và sau những lời đó, họ cất tiếng gọi to, hướng về người đã qua đời:

– Anh em Gioan, hãy đứng dậy, vì Abba của anh đang gọi anh.

Người đã chết lập tức sống lại và đứng dậy khỏi mặt đất. Lúc đó, các vị tu sĩ tìm thấy con rắn và xé nó làm đôi; sau đó, họ nói với Thánh Zosima:

– Thưa Thầy, chúng con không nói dối khi truyền đạt ý muốn của Đức Chúa Trời cho Thầy: hãy lên núi Sinai; vì Đức Chúa Trời muốn giao phó chức giám mục trong Giáo hội Babylon, ở Ai Cập, cho Thầy.

Nghe vậy, Thánh Zosima nhận lời chúc phúc từ các vị ẩn sĩ thánh thiện và, cùng với môn đệ của mình là Gioan, lại trở về núi Sinai.

Sau một thời gian, vị tu sĩ trưởng núi Sinai[4079] đã cử Thánh Zosima, cùng với hai tu sĩ khác, đến Alexandria[4080] để giải quyết những nhu cầu của các tu viện trên núi Sinai. Thượng phụ Alexandria đã rất quý mến các vị tu sĩ đáng kính này và, sau khi giữ họ lại trong thành phố, đã tấn phong họ làm giám mục: một người tại Iliopolis[4081] , một người tại Leontopolis[4082] , còn Zosimus thì tại Babylon thuộc Ai Cập. Vì trong thời cổ đại có hai thành Babylon: thành đầu tiên – nổi tiếng nhất và cổ xưa nhất – nằm ở xứ Chaldea[4083] , nơi mà Nebuchadnezzar và tất cả các vị vua Chaldea từng trị vì; còn thành kia – ít được biết đến hơn và nhỏ hơn về diện tích cũng như số lượng dân cư – nằm ở Ai Cập. Thành phố này được những người di cư từ Babylon cổ đại thành lập bên bờ sông Nile; họ đã đặt tên cho nơi định cư mới của mình theo tên quê hương mà họ đã bỏ lại.

Chính tại thành Babylon Ai Cập này, theo ý muốn của Đức Chúa Trời và theo lời tiên tri của các ẩn sĩ, Thánh Zosima đã nhận chức giám mục và bắt đầu chăn dắt đoàn chiên của Đấng Christ. Ngài đã cai quản Giáo hội thánh một cách tốt đẹp, làm gương cho đoàn chiên bằng lời nói, hành động và sự trong sạch (1 Ti-mô-thê 4:12). Ngài đã ở lại lãnh đạo Giáo hội Babylon trong một thời gian khá dài và đã dẫn dắt nhiều người vào con đường cứu rỗi. Khi vị thánh đã bước vào tuổi già, thấy thân xác mình yếu đuối và dự cảm cái chết đang cận kề, ngài đã từ bỏ ngai giám mục và trở lại núi Sinai, nơi ngài từng cư ngụ trước đây. Tại đây, sau một thời gian ngắn, vị thánh đã an nghỉ trong Chúa[4084] và nay đang hiện diện trước mặt Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô, cùng với các vị thánh giám mục; vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

[4078] Poprišče – đơn vị đo khoảng cách; nó tương đương với 690 saženya của chúng ta. Như vậy, hai poprišče tương đương với 1.380 saženya hoặc 2 verst.

[4079] Các tu viện trên núi Sinai đều thuộc quyền quản lý của một vị thủ lĩnh chung – Abba của núi Sinai.

[4080] Alexandria là thành phố chính của Ai Cập và các tỉnh Bắc Phi. Thành phố này được Alexander Đại đế thành lập ở Hạ Ai Cập (Bắc Ai Cập), tại cửa sông Nile. Sau La Mã, Alexandria được coi là thành phố hàng đầu thế giới và là trung tâm thương mại, công nghiệp, đặc biệt là nền giáo dục ngoại giáo; còn trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, nơi đây là cái nôi của nền giáo dục Kitô giáo. Từ thế kỷ V, giám mục Alexandria được phong tước hiệu tổng giám mục và tất cả các nhà thờ ở Ai Cập, Libya và Bắc Phi đều thuộc quyền quản lý của ngài. Bán đảo Sinai, với các tu viện của nó, cũng thuộc quyền quản lý của tổng giám mục Alexandria. Hiện nay, Alexandria (trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Ả Rập là Iskenderun) là một trong những trung tâm thương mại quan trọng nhất ven Biển Địa Trung Hải, với dân số lên tới 230.000 người.

[4081] Iliopolis – một thành phố ở châu Phi; nằm trên bờ phải sông Nile, tại một trong những nhánh phía đông của con sông này – ở phía nam Hạ Ai Cập

[4082] Leontopolis – một thành phố ở Ai Cập Trung Bộ.

[4083] Chaldea nằm ở Mesopotamia, dọc theo các con sông Tigris và Euphrates.

Ngày 18 tháng 6

Ngày 5 tháng 6 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm Thánh Tử đạo Dorotheus, Giám mục thành Tyre.

Ngày tưởng niệm 5 tháng 6

Trong thời trị vì của hoàng đế La Mã vô đạo Diocletian[4085] , Thánh Dorotheus là giám mục thành Tyre[4086] . Khi vị hoàng đế vô đạo này phát động cuộc bách hại tàn bạo đối với các Kitô hữu, Thánh Dorotheus đã từ bỏ chức vụ của mình và ẩn náu tại những nơi không ai biết. Nhưng khi Hoàng đế Constantine Đại Đế, người trị vì từ năm 306 đến năm 337, lên ngôi và tình hình trong Giáo hội đã ổn định trở lại, Thánh Dorotheus lại trở về Tyre để tiếp tục đảm nhận chức vụ của mình và an lành chăn dắt đàn chiên của Lời Chúa, dẫn dắt nhiều người thoát khỏi sự lầm lạc của việc thờ thần tượng để trở về với Thiên Chúa. Cuộc đời của Thánh Dorotheus kéo dài cho đến thời Hoàng đế Julianus Bội giáo[4087] . Khi lên ngôi, Julianus ban đầu không công khai đàn áp các Kitô hữu, mà ra lệnh cho các quan tổng trấn đồng chí hướng với ông tìm mọi cách để kìm kẹp và hành hạ các Kitô hữu. Lúc bấy giờ, Thánh Dorotheus, thấy rằng một cuộc bách hại mới đang ập xuống các tín hữu, lại một lần nữa rời bỏ chức vụ tại Giáo hội Tyre, nhằm tránh khỏi tay những kẻ hành hạ: vì Chúa đã truyền không nên để mình rơi vào những tai họa rõ ràng từ phía những kẻ bách hại, mà phải tránh né chúng; Ngài đã phán: *"Khi người ta bắt bớ các con ở một thành phố, hãy chạy sang thành phố khác"* (Mt 10,23).

Vậy, sau khi rời Tyre, Dorotheus đã đến Tiểu Á, nhưng ngay cả ở đây, ngài cũng không thể ẩn náu khỏi những kẻ thờ thần tượng, vì Thiên Chúa đã kêu gọi ngài đến với vương miện tử đạo. Ngài đã bị bắt bởi tay sai của vị vua bất chính tại thành phố Udsk[4088] . Sau khi chịu đựng đủ loại cực hình tại đây, giữa những đau khổ, ngài đã phó thác linh hồn phúc lành của mình vào tay Chúa, khi đã tròn 107 tuổi[4089] .

Sau khi nghiên cứu một cách toàn diện cả các môn học thế tục lẫn thần học, Thánh Dorotheus đã để lại nhiều tác phẩm bằng tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh, rất quan trọng đối với các Kitô hữu, vì ngài rất thông thạo cả hai ngôn ngữ này. Trong số đó, ngài đã biên soạn các cuốn tiểu sử về các vị tiên tri và các Tông đồ, cũng như các tác phẩm và câu chuyện hữu ích khác[4090] . Và giờ đây, khi tên ngài đã được ghi vào Sách Sự Sống, ngài đang an nghỉ tại các nơi ở trên trời cùng với các vị thánh, những người mà ngài đã biên soạn tiểu sử trong suốt cuộc đời trần thế của mình.

Bài ca Kondak, giọng 5:

Ngài đã tỏa sáng bằng những đức hạnh này, bằng những giáo huấn thiêng liêng rực rỡ hơn cả mặt trời, và bằng những đau khổ đầy phúc lành; và ngài đã soi sáng trái đất, hỡi Dorotheus, xua tan màn sương mù của đa thần giáo và những tà thuyết hung ác. Vì lý do này, chúng con long trọng kỷ niệm ngày lễ của ngài.

[4084] Ông qua đời vào cuối thế kỷ VI.
[4085] Diocletian trị vì ở nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 284 đến năm 305.
[4086] Tir nằm ở Phoenicia và tọa lạc bên bờ Biển Địa Trung Hải.
[4087] Julianus Apostata là hoàng đế từ năm 361 đến năm 363.
[4088] Thành phố Ud hoặc Ud nằm ở tỉnh Mysia thuộc Tiểu Á. Nơi từng là thành phố cổ Ud ngày nay là thành phố Varna.
[4089] Đó là vào khoảng năm 362.
[4090] Không rõ chính xác những tác phẩm nào do Thánh Dorotheus viết; người ta cho rằng ngài là tác giả của "Synopsis" hay tuyển tập các câu chuyện về cuộc đời các tiên tri và tông đồ; nhưng không phải tất cả các học giả đều đồng tình với quan điểm này.

Ngày lễ tưởng niệm vị Thánh Cha đáng kính Anuvius, vị Tuyên xưng Đức Tin và ẩn sĩ Ai Cập

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 6

Thánh Anuvi, người có đức tin và tình yêu lớn lao dành cho Đức Kitô, Thiên Chúa, là người gốc Ai Cập. Trong thời kỳ những kẻ thờ ngẫu tượng vô đạo gây ra cuộc bách hại đối với các Kitô hữu, ngài đã can đảm tuyên xưng Đức Kitô trước mặt những người ngoại đạo, và vì thế đã phải chịu nhiều cực hình. Nhưng, theo ý định của Đức Chúa Trời, ngài đã được giải thoát khỏi tay những kẻ ngoại đạo và lên đường vào sa mạc; trong khi tu hành và làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, ngài đã lang thang ở đó cho đến khi về già. Ngài qua đời trong hoàn cảnh như sau.

Theo sự an bài của Đức Chúa Trời, tại một nơi bên bờ sông Nile, con sông tưới mát cho đất nước Ai Cập, có lần ba vị ẩn sĩ đã gặp nhau: Abba Sur, Ê-sai và Phao-lô. Sau khi hỏi han lẫn nhau về việc ai đang đi đâu, họ nhận ra rằng cả ba đều có cùng một ý định; vì mỗi người trong số họ đều đang trên đường đến gặp Abba Anuvia. Từ nơi các ẩn sĩ gặp nhau đến tu viện Anuvia là một chặng đường ba ngày đi thuyền; hơn nữa, họ phải chèo thuyền ngược dòng. Và thế là các ẩn sĩ ngồi trên bờ chờ đợi, hy vọng có chiếc thuyền nào đó đang chèo về phía đó xuất hiện, để họ có thể lên thuyền và đến được nơi Thánh Anuvi cư ngụ. Nhưng vì đã lâu mà vẫn không thấy chiếc thuyền nào xuất hiện, nên họ trở nên chán nản và tự nhủ với nhau:

– Chúng ta hãy cầu nguyện cùng Chúa, để Ngài, nhờ lòng thương xót của Ngài, thực hiện mong muốn của chúng ta và giúp chúng ta vượt qua trở ngại trên hành trình đã định.

Isaiah và Paul nói với Abba Sura:

– Đặc biệt, xin cha hãy cầu nguyện, vì chúng con tin rằng qua cha, Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng con điều chúng con xin.

Sura ra lệnh cho họ cùng quỳ gối cầu nguyện với ngài, còn bản thân ngài thì nằm sấp trên mặt đất theo hình thánh giá và sấp mặt xuống trước mặt Chúa. Khi kết thúc lời cầu nguyện, các vị trưởng lão đứng dậy khỏi mặt đất, họ nhận thấy một chiếc thuyền đang đậu gần bờ. Vui mừng, họ tạ ơn Chúa và lên thuyền. Khi khởi hành, chiếc thuyền lướt đi, được gió đẩy và được sức mạnh vô hình của Chúa điều khiển, ngược dòng nước. Nó lướt đi nhanh đến nỗi chỉ trong một giờ đã vượt qua quãng đường mà lẽ ra phải mất ba ngày mới đi được với nhiều vất vả.

Khi chiếc thuyền cập bến đối diện với tu viện của Anuvie, các vị tu sĩ bước lên bờ. Lúc đó, Isaia cất tiếng nói:

– Lạy Chúa, xin cho người mà chúng con đang tìm đến hiện ra, ra đón chúng con và bày tỏ những bí mật trong lòng mình cho từng người trong chúng con!

Lúc đó, cha Phaolô nói với họ:

– Chúa đã mặc khải cho con rằng, sau ba ngày nữa, Ngài sẽ rước Abba Anuvia về với Ngài khỏi thế gian này.

Sau đó, họ đi từ bờ sông về phía tu viện, và khi đã đi được một đoạn khỏi dòng sông, vị thánh Anuvia bước ra đón họ, rồi chào hỏi và nói:

– Ngợi khen Chúa, Đấng đã ban ơn cho tôi được gặp các con hôm nay bằng thân xác, giống như trước đây tôi đã gặp các con trong tinh thần.

Sau khi nồng nhiệt dẫn họ vào phòng tu của mình, ngài bắt đầu kể cho từng người nghe về những việc lành của họ, những điều mà không ai biết ngoài Đức Chúa Trời – cụ thể là ai đang tu hành trong sự cô độc hoàn toàn để làm vui lòng Chúa của mình – Đức Kitô, Chúa của chúng ta, và ai đang nhận được ân sủng nào từ Chúa.

Sau đó, Abba Isaia nói với Anuvia:

– Vì Chúa đã mặc khải cho chúng con, thưa Cha đáng kính, rằng sau ba ngày nữa Ngài sẽ đưa Cha ra khỏi cuộc đời tạm bợ này, nên chúng con khẩn khoản xin Cha hãy kể lại những công việc và việc làm thánh thiện của Cha trong sa mạc, nhờ đó Cha đã làm đẹp lòng Thiên Chúa. Đừng nghĩ rằng ngài sẽ sa vào sự kiêu ngạo: bởi vì, khi rời xa thế gian này, ngài sẽ để lại cho hậu thế hình mẫu cuộc đời thánh thiện của mình, để có những người noi gương ngài.

Rồi vị tu sĩ già kể cho họ nghe về bản thân như sau:

– Tôi không nhớ mình đã làm điều gì vĩ đại hay đáng ca ngợi. Điều duy nhất tôi còn ghi nhớ, nhờ ân sủng của Thiên Chúa tôi, là kể từ khi tôi xưng danh Đấng Cứu Thế trước mặt những kẻ tra tấn, trong thời kỳ bách hại Kitô hữu, không một lời dối trá nào thoát ra khỏi miệng tôi. Vì một khi đã xưng nhận lẽ thật, tôi không muốn sau

này thốt ra điều gì sai trái; và một khi đã yêu mến những điều thuộc về trời, tôi không còn muốn yêu mến bất cứ điều gì thuộc về trần gian nữa. Trong điều đó, ân sủng của Đức Chúa Trời đã giúp đỡ tôi, vì Chúa đã ban cho tôi sức mạnh để không bao giờ tìm kiếm bất kỳ phước lành trần gian nào. Các Thiên Thần thánh thiện đã mang đến cho tôi thức ăn cần thiết. Còn Chúa của tôi thì không giấu diếm tôi điều gì về những gì đang diễn ra trên trần gian. Trong khi đó, trái tim tôi luôn tràn ngập khát khao được hiệp thông với Ngài. Hướng mọi suy nghĩ về Chúa Kitô, Đấng mà linh hồn tôi đã yêu mến, để luôn được chiêm ngưỡng Ngài bằng đôi mắt tâm hồn và tận hưởng sự chiêm ngưỡng ấy, tôi không chợp mắt cả ngày lẫn đêm. Tôi cũng luôn luôn thấy Thiên Thần của Đức Chúa Trời hiện diện bên cạnh tôi và chỉ cho tôi thấy tất cả những vị cai quản thế giới này. Ánh sáng của tâm trí tôi chưa bao giờ tắt. – Mọi điều tôi xin nơi Chúa, tôi đều nhận được ngay lập tức. Tôi đã nhiều lần chiêm ngưỡng các vị Thiên thần đang đứng trước mặt Thiên Chúa; chiêm ngưỡng các vị thánh tử đạo và các vị chứng nhân đức tin, các cộng đoàn tu sĩ và tất cả các thánh, nhất là những người những người trong suốt cuộc đời trên trần gian không có việc gì khác ngoài việc luôn ca ngợi và chúc tụng Chúa với lòng đơn sơ và đức tin. Tôi cũng đã thấy Sa-tan và các thiên thần của hắn, những kẻ bị ném vào lửa đời đời. Và một lần nữa, ở phía đối diện với họ, tôi thấy những người công chính đang tận hưởng niềm vui vĩnh cửu.

Trong ba ngày liền, Thánh Anuvius đã kể lại những điều này cùng nhiều điều tương tự khác cho các vị cha đến thăm ngài; ngài kể không phải vì kiêu ngạo, mà vì lợi ích của những người lắng nghe. Bởi vì ngài nói những điều đó với lòng khiêm nhường sâu sắc, do bị thúc giục bởi những lời thỉnh cầu của những người đến thăm. Vào cuối ngày thứ ba, ngài đã an bình và hân hoan trao linh hồn mình cho Thiên Chúa – và ngay khi linh hồn ngài rời khỏi thân xác, ngay lập tức các đoàn thiên thần thánh thiện xuất hiện, đón linh hồn vị thánh và đưa nó lên cao trời. Lúc đó, trong không trung vang lên những bài thánh ca ngọt ngào nhất của các thiên thần. Như vậy, vị thánh Anuvius, người đã tuyên xưng danh Chúa Kitô trước mặt những người ngoại đạo và phải chịu những cực hình vì điều đó[4091] , đã rời khỏi trần gian để về với các nơi ở trên trời. Nay ngài được tôn vinh trước các Thiên thần trên trời trong hàng ngũ các vị chứng nhân của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được dâng lên vinh quang và tôn kính muôn đời. A-men.

Lễ kỷ niệm Thánh Phêrô, vị cha thánh của chúng ta, người ẩn sĩ

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 6

Thánh Cha Theodor của chúng ta đã sống đời độc thân từ thuở thiếu thời. Ngài từ bỏ thế gian, nhận lãnh đời tu và lui về sa mạc Jordan. Với lòng khao khát làm đẹp lòng Thiên Chúa, ngài đã lao động vất vả tại đó, nhờ đó mà được Thiên Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ. Một lần, ngài phải lên đường đến Constantinople. Khi đến bờ biển, ngài thấy một con tàu đã sẵn sàng ra khơi và lên tàu. Trong chuyến đi, con tàu bất ngờ lạc hướng và lang thang mãi không tìm được đường, đến nỗi tất cả những người trên tàu cùng với lương thực và nước uống đều cạn kiệt. Các thủy thủ và tất cả những người trên tàu đều hoang mang và chán nản tột độ. Lúc đó, Thánh Theodor giơ tay lên trời, thành kính cầu nguyện với Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi con người khỏi hoạn nạn. Sau đó, ngài làm dấu thánh giá trên mặt nước biển trong khi cầu nguyện và nói với các thủy thủ:

– Ngợi khen Đức Chúa Trời! Hãy múc nước bao nhiêu tùy ý các anh.

Họ múc nước lên, nếm thử và thấy rằng nước biển đã biến từ đắng thành ngọt, giống như nước sông. Sau đó, họ đổ đầy các bình chứa của mình bằng nước ngọt từ biển, cũng như tất cả những người khác, rồi ca ngợi Đức Chúa Trời và cúi đầu xuống đất để tôn kính vị tu sĩ già. Nhưng vị tu sĩ nói:

– Xin các ngài tha thứ cho tôi! Phép lạ này của Đức Chúa Trời toàn năng không phải vì tôi, mà là vì các ngài, những người đang đau khổ vì thiếu nước. Bởi vì Đức Chúa Trời, khi thấy nỗi đau khổ và sự buồn bã tột cùng của các ngài, đã thương xót các ngài và biến nước biển mặn thành nước sông ngọt.

Ngay sau đó, nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh nhân, con tàu đã nhanh chóng cập bến nơi mà nó đang hướng tới. Vị thánh nhân Theodoros này đã thực hiện nhiều phép lạ khác nữa, và sau đó đã về với Chúa[4092] .

[4091] Thánh Anuvia qua đời vào thế kỷ IV.
[4092] Thánh Theodor đã tu hành vào thế kỷ VI.

Câu chuyện về sự ra đi của Thánh Konstantin, Tổng Giám mục Kiev

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 6

Ngay sau khi ngai vàng Đại công tước Kiev bị tước khỏi tay Thánh Igor[4093] và bị Izyaslav Mstislavich[4094] , cháu nội của Vladimir Monomakh[4095] , chiếm đoạt, Đức Tổng Giám mục Kiev Michael II[4096] đã về với Chúa . Sự việc này xảy ra không lâu trước khi Igor bị sát hại. Thay thế cho Mikhail, Đại công tước Izyaslav đã chọn một tu sĩ rất uyên bác, đó là Kliment nhà triết học[4097] , người đã thọ giới tu sĩ. Izyaslav đã đưa vị tu sĩ này từ Smolensk về, và rất mong muốn lễ tấn phong của ông được các giám mục Nga cử hành tại Kiev, vì do khoảng cách quá xa nên ông không muốn gửi ông đến Tsargrad để xin sự chúc phúc của Đức Thượng phụ Toàn cầu (như thông lệ trước đây). Izyaslav đã triệu tập một hội đồng gồm các giám mục Nga và ra lệnh cho họ tấn phong tu sĩ Klement làm tổng giám mục Kiev. Tuy nhiên, không phải tất cả các giám mục đều đồng ý với điều này, vì họ không dám tiến hành lễ tấn phong mà không có sự ban phước của tổng giám mục Constantinople. Tuy nhiên, cũng có những giám mục, vì muốn làm vừa lòng hoàng tử, đã tấn phong Kliment làm giám mục dưới sự chứng giám của thánh tích đầu của Thánh Kliment, Giáo hoàng Rôma, do Thánh Vladimir mang từ Chersonesos về Kiev. Về hội đồng này và việc phong chức giám mục cho Clement, có ghi chép chi tiết hơn trong cuốn tiểu sử về cuộc đời Thánh Nifont, vào ngày 8 tháng Tư (vị thánh phúc lành Nifont này đã không chấp thuận việc phong chức trái phép này).

Sau Izyaslav Mstislavich, ngai vàng Kiev được truyền lại cho Georgy Vladimirovich[4098] , con trai của Monomakh. Ông không muốn Clement làm tổng giám mục Kiev vì ông này đã được tấn phong một cách bất hợp pháp. Chính vào thời điểm này, theo yêu cầu của Đại công tước, Đức Tổng Giám mục Konstantin[4099] đã từ Constantinopolis đến Kiev theo lệnh của Đức Thượng phụ Toàn cầu, và đây chính là nhân vật mà chúng ta sẽ đề cập đến. Với quyền hạn được Thượng phụ trao cho, Konstantin này đã tước bỏ chức vụ giám mục và ngai tòa tổng giám mục của Kliment, đồng thời cũng tước bỏ chức vụ và mọi chức sắc mà Kliment đã phong cho những người khác.

Vài năm sau, Đại công tước Kiev Georgy Vladimirovich Monomakh qua đời. Và những bất đồng lớn đã nảy sinh giữa các công tước Nga, cả về ngai vàng Đại công tước lẫn ngai Tổng giám mục: bởi vì một số người coi Constantine là người chăn dắt, trong khi những người khác đòi hỏi phải phục chức Tổng giám mục Clement; đặc biệt, con trai của Đại công tước đã qua đời Izyaslav Mstislavich, Mstislav Izyaslavich[4100] , chắt của Vladimir Monomakh, không ủng hộ Konstantin mà ủng hộ Clement. Ông đã nói như sau:

– Ta không muốn Constantine trở thành Tổng giám mục Kiev, bởi vì nhiều người đã nguyền rủa cha ta vì Clement.

Do đó, các công tước Nga buộc phải phế truất cả hai tổng giám mục, cả Kliment lẫn Konstantin. Sau đó, các công tước đã gửi một lời thỉnh cầu đến Đức Thượng phụ tại Constantinopolis, xin ngài cử một tổng giám mục mới đến với họ. Đức Thượng phụ, mong muốn chấm dứt những xáo trộn và bất hòa giữa các công tước Nga, đã cử một tổng giám mục mới tên là Theodor đến Kiev. Lúc đó, Thánh Constantine, thấy sự bất hòa giữa các công tước và mong muốn tránh xa cuộc nổi loạn, đã từ bỏ ngai tòa trước cả khi tổng giám mục mới đến Kiev. Rời khỏi Kiev, Constantine lên đường đến Chernihiv. Tại đây, ngài lâm bệnh nặng. Cảm nhận được cái chết đang đến gần, ngài đã viết một bức thư, đóng dấu và giao cho Antony, giám mục Chernihiv; đồng thời, Constantine đã yêu cầu Antony thề hứa rằng sau khi ngài qua đời, sau khi bóc dấu và đọc bức thư, sẽ thực hiện tất cả những gì được ghi trong đó.

[4093] Igor Olegovich chỉ cai trị Kiev trong vỏn vẹn hai tuần (năm 1146). Ông được Giáo hội phong thánh. – Ngày tưởng niệm ông là ngày 5 tháng 6.

[4094] Izyaslav Mstislavich là Đại công tước Kiev từ năm 1146 đến năm 1149; sau đó lần thứ hai từ năm 1150 đến năm 1154

[4095] Vladimir Vsevolodovich Monomakh cai trị Kiev từ năm 1114 đến năm 1125.

[4096] Tổng giám mục Mikhail II giữ chức vụ tại Kiev từ năm 1131 đến năm 1146.

[4097] Kliment đã lãnh đạo Tổng giáo phận Kiev từ năm 1147 đến năm 1164.

[4098] Georgy (hay Yuri) Vladimirovich Dolgoruky đã ba lần lên ngôi Đại công tước Kiev: lần đầu tiên từ năm 1149 đến năm 1160; lần thứ hai vào cuối năm 1150 và lần thứ ba từ năm 1154 đến năm 1157.

[4099] Tổng giám mục Konstantin đã lãnh đạo Tổng giáo phận Kiev từ năm 1155 đến năm 1158.

[4100] Mstislav Izyaslavich đã lên ngôi Đại công tước Kiev vào năm 1158; sau đó là vào năm 1168.

Ngay sau khi Đức Tổng Giám mục Konstantin qua đời[4101] , Giám mục Antony đã lấy bức thư được Đức Tổng Giám mục niêm phong, mang theo đến gặp Công tước Sviatoslav Olgovich của Chernihiv[4102] . Tại đó, Antony đã mở niêm phong bức thư và đọc nó trước sự chứng kiến của tất cả mọi người.

Và trong bức thư đó có ghi một điều kỳ lạ và kinh hoàng, cụ thể là:

– Sau khi ta qua đời, đừng chôn cất thi thể ta, mà hãy buộc dây thừng vào chân ta, lôi ta ra khỏi thành phố và ném cho chó ăn; tôi đã phạm tội; vì tôi mà cuộc nổi loạn đã xảy ra; xin bàn tay của Chúa giáng xuống tôi vì điều này; xin cho tôi phải chịu khổ, để Chúa xua đuổi sự bất hòa và chia rẽ khỏi dân Ngài.

Nghe vậy, mọi người đều kinh hãi và run rẩy. Còn vị công tước thì nói với vị giám mục:

– Hãy làm theo như ngài thấy cần thiết.

Vị giám mục, không dám phớt lờ mệnh lệnh của tổng giám mục và cũng không dám vi phạm lời thề của mình, đã thực hiện tất cả những gì được ra lệnh trong văn thư: ông mang thi thể người đã khuất ra khỏi thành phố và vứt nó xuống đồng ruộng. Và thi thể của tổng giám mục nằm đó ba ngày mà không được chôn cất; mọi người đều tràn ngập nỗi sợ hãi và kinh hoàng tột độ khi chứng kiến sự việc kỳ lạ đến vậy.

Vào ngày thứ ba, Công tước Sviatoslav Olgovich, tràn ngập lòng kính sợ Thiên Chúa (ông đã bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi và kinh hoàng tột độ sau sự việc khủng khiếp đó), đã ra lệnh chôn cất thi thể của vị giám mục Thiên Chúa với những nghi lễ trang trọng. Và thi thể ngài được rước về thành phố với sự tôn kính cao cả, rồi được an táng tại Nhà thờ Thánh Cứu Thế, trong Terem Krasny, nơi vị tử đạo mới, Thánh Igor, Công tước Kiev, người đã bị chính người dân Kiev sát hại, cũng được an táng.

Vào những ngày thi thể cao quý của Constantine bị quăng ra khỏi thành phố Chernihiv, tại Kiev, mặt trời bỗng tối sầm lại và một cơn bão khủng khiếp ập đến đến nỗi đất trời rung chuyển, sấm sét vang dội, chớp lóe sáng, khiến tất cả người dân Kiev đều rơi vào nỗi sợ hãi và tuyệt vọng tột độ. Lúc đó, một tiếng sấm đã đánh trúng tám người chỉ trong một lần – hai linh mục, hai phó tế và bốn giáo dân.

Hoàng tử Rostislav Mstislavich của Kiev[4103] , cháu nội của Vladimir Monomakh, lúc đó đang ở Povar gần Vyshgorod; cơn bão đã phá hủy lều trại gần nơi ông đang ở. Tràn ngập nỗi sợ hãi và nhớ lại cái chết của tổng giám mục (tin này được công tước Chernigov thông báo cho ông qua một sứ giả), ông đã cử một sứ giả đặc biệt đến Kiev, đến nhà thờ Thánh Sophia và các nhà thờ chính tòa khác với lời thỉnh cầu tổ chức lễ cầu nguyện suốt đêm tại tất cả các nhà thờ.

– Đây là sự trừng phạt, – ông nói, – mà Chúa đã giáng xuống chúng ta vì những tội lỗi của chúng ta.

Tất cả những nỗi sợ hãi và kinh hoàng đó chỉ xảy ra ở Kiev; còn tại Chernihiv, trong những ngày đó, mặt trời vẫn chiếu sáng rực rỡ và không có bất kỳ sự kinh hoàng nào. Vào ban đêm, trên thi hài của Đức Tổng Giám mục Konstantin được vứt bỏ ngoài thành, xuất hiện ba cột lửa, tỏa sáng rực rỡ và vươn cao tới tận trời.

Sau khi thi hài thánh thiện của Thánh Constantine được an táng, Kyiv trở lại bình yên hoàn toàn; mọi người, kinh ngạc trước những gì đã xảy ra, đều ngợi khen Thiên Chúa, Đấng mà chúng ta dâng lên vinh quang, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen.

Sự tử đạo của các thánh tử đạo: Marcian, Nicander, Hyperchius, Apollonius, Leonidas, Arius, Gorgias, Selinius, Irineus và Pamvon

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 6

Các thánh tử đạo của Chúa Kitô là Marcian và Nicander cùng đoàn tùy tùng của họ xuất thân từ Ai Cập. Vì đức tin vào Chúa Kitô, họ đã bị bắt theo lệnh của quan tổng trấn vùng đó, và bị ép buộc phải từ bỏ Chúa Kitô và thờ lạy các thần tượng, nhưng họ đã không đồng ý. Sau đó, họ bị đánh đập dã man trước tiên, rồi bị đốt xương sườn bằng nến, và cuối cùng, sau khi bị treo lên, họ bị cào xé bằng móng sắt cho đến khi những mảnh thịt bị xé ra rơi xuống đất. Sau đó, họ được đưa vào ngục tối trong tình trạng gần như đã chết, nhưng tại đó, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra và chữa lành cho họ. Sau nhiều ngày, họ bước ra khỏi ngục tù với sức khỏe nguyên vẹn và lại ra hầu tòa

[4101] Thánh Konstantin qua đời vào năm 1159.
[4102] Sviatoslav Olgovich trị vì từ năm 1137 đến năm 1165.
[4103] Rostislav Mstislavich cai trị Kiev vào năm 1154 (chỉ trong một tuần); sau đó lần thứ hai từ năm 1158 đến năm 1167.

trước quan tổng trấn. Chứng kiến những phép lạ này, nhiều người ngoại đạo đã quay về tin vào Đức Chúa Trời chân thật. Tại phiên tòa của quan tổng trấn, các thánh tử đạo lại bị kết án giam cầm trong ngục tù và tại đó, trong cơn đói khát dằn vặt, họ đã qua đời[4104] .

Ngày 19 tháng 6

Ngày 6 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Vissarion của chúng ta.

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 6

Vissarion, vị thánh vĩ đại trong số các vị tổ phụ của chúng ta, sinh ra và lớn lên tại Ai Cập; từ thuở thiếu thời, ngài đã yêu mến Thiên Chúa, và ánh sáng ân sủng của Thiên Chúa đã chiếu rọi trong lòng ngài. Ngài giữ mình trong sạch khỏi mọi vết nhơ tội lỗi, cố gắng không làm ô uế bộ áo thiêng liêng mà ngài đã nhận lãnh trong phép rửa thánh.

Thánh Vissarion đã thực hiện chuyến hành hương đến các thánh địa ở Giê-ru-sa-lem; tại đây, ngài đã gặp vị tu sĩ Gerasim, người đang sống đời ăn chay và ẩn tu bên bờ sông Giô-đanh, và có một con sư tử phục vụ ngài. Ngài cũng gặp gỡ nhiều vị tu sĩ khác đang sống rải rác tại các nơi khác nhau ở đó, những người sau này đã tỏa sáng nhờ các đức tính cao quý của mình; qua những cuộc trò chuyện với họ, Thánh Vissarion đã thu được nhiều lợi ích cho linh hồn mình.

Khi trở về quê hương, Vissarion đã tìm được một vị cha linh hướng là Isidor Pelusiotsky; ông thường xuyên đến gặp ngài, học hỏi về đức hạnh và được khuyến khích sống một cuộc đời nghiêm khắc; cuối cùng, sau khi phân phát hết tài sản còn lại từ cha mẹ cho người nghèo và các tu viện, Vissarion từ bỏ thế gian và nhận lễ xuất gia.

Rời đến một nơi hoang vắng, Vissarion đã thề giữ im lặng; bằng cách tự hành xác qua vô số công việc vất vả và chế ngự xác thịt bằng những việc ăn chay khổ hạnh, ông, dù còn mang thân xác, đã trở nên giống như những vị thánh không còn thân xác. Việc ăn chay của ngài là vô song: có khi cả tuần ngài không ăn gì, có khi lại nhịn ăn uống suốt 40 ngày. Một lần nọ, ngài đứng tại một nơi trống trải giữa bụi gai, giơ tay và mắt lên trời, hướng tâm trí về đó, ngài đã dành 40 ngày đêm để cầu nguyện, đứng bất động. Trong suốt bốn mươi ngày đó, ngài không di chuyển khỏi chỗ đứng, không ăn gì, không nói gì với ai, không chợp mắt, không kiệt sức vì sự yếu đuối tự nhiên, tâm trí không nghĩ đến bất cứ điều gì trần tục, mà toàn bộ con người ngài, giống như những vị thánh vô hình, đã hướng đôi mắt thiêng liêng của mình về phía Thiên Chúa. Chính vì điều này mà vị thánh đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng vĩ đại: ngài được ban cho ân tứ làm phép lạ, đến nỗi ngài trở nên giống như các vị tiên tri thánh xưa. Như vậy, ngài đã trở nên giống như Mô-sê: cũng như xưa kia Mô-sê đã dùng cây do Thiên Chúa chỉ định để biến nước đắng trong sa mạc thành nước ngọt, nhằm cho dân Y-sơ-ra-ên đang khát được uống (Xuất Hành 17:6), thì Thánh Vissarion cũng đã dùng lời cầu nguyện và dấu thánh giá để làm dịu đi vị đắng của nước biển, nhằm cho đệ tử của ngài – người đang kiệt sức vì khát – được uống nước; cụ thể là: khi vị thánh cùng đệ tử đi dọc bờ biển hoang vắng, đệ tử đã mệt mỏi vì cái nắng gay gắt và, cảm thấy khát dữ dội, đã nói với vị thánh:

– Thưa Cha, con khát quá.

Vị Thánh, sau khi dâng lời cầu nguyện và làm dấu thánh giá trên mặt biển, đã nói:

– Nhân danh Chúa, hãy múc nước và uống đi.

Đệ tử múc nước biển vào một chiếc bình nhỏ mà cậu mang theo; nếm thử nước, cậu thấy nó rất ngon[4105] và mát lạnh, như thể chảy ra từ một suối nước sống; sau khi uống no và giải khát, đệ tử lại múc thêm nước vào bình để mang theo trên đường. Thấy vậy, vị thánh nhân nói với đệ tử:

[4104] Năm qua đời của các thánh tử đạo không được biết chính xác. Đức Cha Filaret (“Cuộc đời các thánh”, tháng 6, trang 31) cho rằng năm họ qua đời là vào thời kỳ trị vì của Maximus, người vào năm 305 đã nắm quyền tối cao tại Syria và Ai Cập và đã đàn áp dã man các Kitô hữu trong lãnh địa của mình. Ông trị vì từ năm 305 đến năm 312.

[4105] Như đã biết, nước biển thường có vị mặn.

– Sao con lại múc nước vào bình?

Đệ tử đáp:

– Xin tha lỗi cho con, thưa thầy! Con lấy nước mang theo để trên đường đi không phải chịu khát nữa.

Vị tu sĩ nói:

– Đức Chúa Trời, Đấng hiện diện tại nơi này, cũng hiện diện khắp mọi nơi; và dù ở đây hay ở nơi khác, Ngài đều có thể ban cho người khát nước ngọt ngào.

Tên của đệ tử đó là Dula.

Thánh Vissarion cũng giống như Giê-su Na-vi: giống như khi ông ấy đánh bại dân A-mô-rít[4106] và làm cho mặt trời đứng yên (Giê-su Na-vi 10:12–13), vị thánh này cũng đã làm như vậy, cụ thể là: khi ông đang đi cùng một đệ tử đến gặp một vị tu sĩ già, mặt trời đang nghiêng về phía tây, còn quãng đường phía trước vẫn còn rất xa; lúc đó, vị trưởng lão đã hướng về Đức Chúa Trời và cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, xin Ngài ra lệnh cho mặt trời dừng lại cho đến khi con đến gặp tôi tớ của Ngài.

Và điều đó đã xảy ra: mặt trời không lặn cho đến khi vị thánh nhân đến gặp vị tu sĩ già ấy.

Thánh Vissarion cũng giống như tiên tri Ê-li của Đức Chúa Trời. Chẳng hạn, trong thời kỳ hạn hán, ngài đã khiến mưa dồi dào từ trời đổ xuống đất (3 Vua 18:1–46); điều này không chỉ xảy ra một hay hai lần, mà vị thánh đã thực hiện điều đó rất nhiều lần.

Còn về Ê-li-sê: giống như người ấy đã dùng áo choàng của Ê-li để chia nước và băng qua sông Giô-đanh (2 Vua 4:14–15), thì vị thánh này cũng đã dùng lời cầu nguyện của mình biến nước thành con đường khô ráo và đi trên mặt nước: ngài đã băng qua con sông lớn Nile như đi trên đất khô, và ở bất cứ nơi nào ngài gặp sông trên đường đi, ngài đều băng qua chúng như đi trên đất khô.

Một lần nọ, khi vị thánh đang ở trong tu viện, có một người bị quỷ ám được đưa đến nhà thờ; người ta đã cầu nguyện cho anh ta trong nhà thờ, để anh ta được giải thoát khỏi tà linh; nhưng quỷ không ra khỏi anh ta, vì nó rất hung dữ. Các linh mục bàn tán với nhau:

– Chúng ta phải làm gì với người bị quỷ ám này đây?

Còn một số người thì nói:

– Không ai có thể trừ được con quỷ này ngoài Cha Vissarion, nhưng nếu chúng ta xin ngài làm việc này, thì ngài sẽ không đến nhà thờ; vì vậy, chúng ta hãy làm như thế này: sáng hôm sau, ngài sẽ là người đầu tiên đến nhà thờ, nhưng chúng ta sẽ đến trước ngài và đặt người bị quỷ ám vào chỗ của ngài; sau đó, chúng ta sẽ nói với vị tu sĩ cao niên: "Hãy đánh thức người đang ngủ dậy."

Các tu sĩ đã làm đúng như vậy.

Khi vị tu sĩ bước vào nhà thờ, ngài nhận thấy một người đang ngồi ở chỗ của mình. Không muốn đuổi người đó đi, ngài đứng lại bên cạnh người ấy. Ngay khi bắt đầu đọc nghi thức nhà thờ, các tu sĩ nói với vị tu sĩ:

– Thưa Cha, xin đánh thức người đang ngủ dậy.

Vissarion tiến lại gần người đó, đẩy anh ta một cái và nói:

– Hãy đứng dậy và rời khỏi đây.

Và ngay lập tức, con quỷ, bị xua đuổi bởi lời của vị thánh, đã rời khỏi người đó; anh ta đứng dậy và bắt đầu tạ ơn Chúa vì Ngài đã giải thoát anh ta khỏi cơn ám ảnh; từ đó trở đi, người đó hoàn toàn khỏe mạnh.

Như vậy, các tu sĩ đã thúc giục vị thánh thực hiện phép lạ trừ quỷ, bởi vì vị cha đáng kính này không muốn công khai làm phép lạ để tránh bị người đời ca ngợi; với lòng khiêm nhường và tự nhận mình là kẻ có tội, ngài luôn tránh né những lời khen ngợi của con người.

Có lần, một tu sĩ trong tu viện đã phạm phải một lỗi lầm nào đó, nên vị linh mục đã ra lệnh cho anh ta phải ra khỏi nhà thờ, vì không xứng đáng được ở cùng với các tu sĩ khác; Thánh Vissarion đứng dậy, đi ra ngoài cùng với người đã phạm tội, và nói:

– Tôi cũng là kẻ có tội.

Đó chính là sự khiêm nhường của Thánh Vissarion.

[4106] Người Amori là một trong những bộ tộc ngoại giáo sinh sống trên đất Canaan. Tên "Amori", theo dịch từ tiếng Do Thái, có nghĩa là "những người sống ở vùng cao"; đối lập với họ là người Pherez – "những người sống ở vùng trũng". Không lâu trước khi dân Do Thái ra khỏi Ai Cập, người Amori đã chiếm lĩnh vùng đất phía đông sông Jordan, một vùng đất rất màu mỡ. Giô-suê đã chiến đấu với người Amori và đánh bại năm vị vua Amori (Giô-suê 10:5–11).

Các đệ tử của ngài kể lại rằng trong suốt 40 năm, ngài không bao giờ nằm trên giường để nghỉ ngơi; ngài chỉ cho phép mình chợp mắt trong một khoảng thời gian ngắn, và khi ngủ thì hoặc đứng, hoặc ngồi. Vị thánh thường khuyên nhủ các đệ tử của mình phải tỉnh thức và bằng mọi cách đề phòng những cám dỗ của kẻ thù. Ngài nói:

– Người tu hành nên trở thành như một con mắt, giống như các Thiên thần Cherubim và Seraphim; và nếu ai sống bình an, không gặp cám dỗ, thì người ấy càng cần phải tỉnh thức và khiêm nhường trước mặt Thiên Chúa, để tránh trường hợp vì kiêu ngạo mà sa vào một tội lỗi nghiêm trọng nào đó; vì do kiêu ngạo, nhiều người đã sa vào cuộc chiến với ma quỷ ; đôi khi, vì sự yếu đuối của chúng ta, Đức Chúa Trời không gửi đến cho chúng ta những thử thách, để chúng ta không bị hủy diệt hoàn toàn.

Cuộc đời của vị thánh cha này giống như cuộc đời của một loài chim trời, vì ngài chưa bao giờ sở hữu bất cứ thứ gì thuộc về trần gian, không có phòng riêng hay nơi trú ngụ nào; ngài lang thang trong sa mạc, đi từ nơi này sang nơi khác: đi qua các ngọn núi và khu rừng như một lữ khách lạc lối; Ngài chẳng hề bận tâm đến những nhu cầu thể xác của mình; ngài không lo lắng về thức ăn hay quần áo; trên người ngài chỉ khoác bộ áo rách rưới, vừa đủ che đi sự trần truồng. Dù ban ngày ngài phải chịu cái nắng gay gắt, ban đêm lại phải đối mặt với cái lạnh buốt giá, ngài hiếm khi vào trong nhà; ông lang thang trên núi như một con chim, tìm kiếm sự tĩnh lặng, hướng tâm trí về Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và chỉ tập trung suy nghĩ vào Ngài mà thôi. Nước mắt không ngừng tuôn trào từ đôi mắt ông, những tiếng thở dài thường xuyên vang lên từ sâu thẳm trái tim ông, bởi suốt những ngày tháng cuộc đời, ông đã sống trong nước mắt, luôn khóc lóc và than thở. Khi đã đến tuổi già, ngài đã an nghỉ trong sự sống vĩnh cửu[4107] và từ những giọt nước mắt, ngài đã bước vào niềm vui vĩnh cửu cùng với tất cả các thánh nhân về Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta, Đấng mà vinh quang được dâng lên muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Học theo các quyền năng trên cao, thưa vị thánh đáng kính, ngài đã sống cuộc đời như loài chim, bỏ lại những điều tạm bợ trong quên lãng, được dẫn dắt bởi khát vọng không ngừng hướng về những ân huệ thiên đàng của Đức Kitô, Vua của chúng ta, cho đến khi ngài đạt đến Ngài, Vissarion: xin ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Lễ kỷ niệm vị Thánh Cha Ilarion Mới của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 6

Thánh Hilarion là con trai của Phêrô người Cappadocia[4108] , người từng phục vụ tại bàn ăn của hoàng gia, và mẹ là Theodosia – những người đạo đức và kính sợ Thiên Chúa; từ thuở thiếu thời, ngài đã được học hỏi Kinh Thánh một cách chu đáo. Khi ngài tròn 20 tuổi, theo lời Phúc Âm (Mt 10,37; Lc 14:26), đã từ bỏ cha mẹ, nhà cửa và của cải, rồi trở thành tu sĩ tại tu viện Isichia gần Byzantium. Sau đó, ngài đến tu viện Dalmatia[4109] , tại đây ngài đã nhận hình ảnh thiên thần cao quý và trở thành môn đệ của Thánh Grigori Dekapolita, người lúc bấy giờ đang sống tại đây; Thánh Hilarion tu hành trong sự vâng phục, im lặng và lòng khiêm nhường sâu sắc. Ngài làm việc trong vườn tu viện và tận tụy với nhiệm vụ này trong mười năm; khi đọc về cuộc đời đạo đức và thánh thiện của vị thánh cùng tên là Thánh Hilarion Vĩ Đại, ngài đã cố gắng hết sức để noi gương vị thánh được Thiên Chúa yêu mến này qua việc ăn chay, cầu nguyện suốt đêm và tất cả các công việc tu hành khác: chính vì thế mà ngài được gọi là Hilarion Mới. Sau khi thanh tẩy và soi sáng tâm hồn mình như mặt trời, ngài đã nhận được từ Thiên Chúa quyền năng trên các thần ô uế, đến nỗi có thể trừ tà chúng.

Vị Bề trên của tu viện đó đã phong ngài làm linh mục trái với ý muốn của ngài, khi Thánh Grigoriô Dekapolít đã rời khỏi đây để đến những nơi khác. Vài năm sau, khi vị Bề trên qua đời, Thánh Ilarion, sau khi biết

---

[4107] Thánh Vissarion qua đời vào cuối thế kỷ IV hoặc đầu thế kỷ V.

[4108] Cappadocia – một vùng thuộc Tiểu Á.

[4109] Tu viện Dalmatia được chính Thánh Isaak thành lập (xem tiểu sử của ngài vào ngày 30 tháng 5) theo tên của vị tu viện trưởng Dalmatia – người kế nhiệm Isaak – người đã điều hành tu viện trong suốt 55 năm.

rằng các tu sĩ muốn bầu ngài làm Bề trên, đã quyết định rời khỏi nơi này; với mục đích đó, ngài đã lén lút rời tu viện vào ban đêm mà không ai hay biết và đi đến Byzantium, với hy vọng tìm thấy ở đây vị thầy của mình là Thánh Grigoriô, nhưng vị này đã lên thuyền đi Rome và, sau khi trở về từ đó, đã định cư trên núi Olympus[4110] . Còn Ilarion thì đến một tu viện ở Byzantium; các tu sĩ của tu viện Dalmatia, khi biết được điều này, đã bắt đầu thỉnh cầu Đức Thượng phụ Nikiforos[4111] bổ nhiệm Ilarion làm tu viện trưởng, dù có đi ngược lại ý muốn của ông. Đức Thượng phụ đã báo cáo việc này với hoàng đế: sau khi triệu tập Ilarion đến, hoàng đế và Đức Thượng phụ đã khuyên nhủ ông nhận chức tu viện trưởng tu viện Dalmatia. Không dám chống lại ý muốn của hoàng đế và tổng giám mục, Ilarion đã nhận chức vụ tu viện trưởng và tận tụy chăn dắt đàn chiên tinh thần được giao phó cho ông trong suốt tám năm. Sau đó, quyền trượng của vương quốc Hy Lạp được trao cho kẻ bách hại tàn bạo như thú dữ là Lê-vê người Armenia[4112] , người đã bắt đầu gây rối loạn cho Giáo hội của Chúa Kitô bằng tà thuyết chống thánh tượng[4113] , ép buộc nhiều người phải theo những luận điệu tà giáo của mình; còn những ai không tuân theo ông ta, thì hoặc bị tra tấn, hoặc bị trục xuất đến những vùng đất xa xôi. Theo lệnh của ông ta, Thánh Ilarion đã bị dẫn từ tu viện đến trước mặt hoàng đế, người đã ép buộc ngài phải chấp nhận giáo lý dị giáo. Vị chiến binh trung thành của Chúa Kitô không những không tuân theo vị hoàng đế dị giáo, mà còn dũng cảm vạch trần ông ta, gọi ông ta là kẻ vô thần và tội phạm mới, và qua đó đã khơi dậy cơn thịnh nộ dữ dội của nhà vua đối với mình. Nhà vua độc ác đã gây ra nhiều vết thương và các hình thức tra tấn khác nhau cho vị thánh, rồi sau đó giam ông vào ngục tối. Một thời gian sau, hoàng đế lại triệu ngài đến, tra tấn ngài dã man nhưng không đạt được kết quả gì, nên đã giao ngài cho người đồng chí hướng của mình là Thượng phụ Theodotus[4114] , biệt danh là Cassiter, người đã lên ngôi sau khi Đức Thánh Nikiforos bị lưu đày vì lòng sùng đạo. Vị tổng giám mục giả mạo Theodotus này đã đối xử với vị thánh như chính nhà vua đã làm: nhốt ngài vào ngục tối u ám và hành hạ ngài bằng đói khát suốt nhiều ngày, ra lệnh không cho ngài ăn bánh mì hay uống nước. Các tu sĩ tại tu viện do vị thánh làm viện trưởng đã đến gặp nhà vua và khẩn cầu:

– Thưa hoàng đế, xin hãy trả lại cha của chúng con; đổi lại, chúng con hứa sẽ tuân theo ý muốn của ngài.

Vua rất vui mừng trước lời hứa này và đã trả lại vị tu viện trưởng cho họ.

Vị thánh, sau khi trở về tu viện, đã sống ở đó một năm; vừa kịp nghỉ ngơi một chút sau những cực hình và đói khát, vị thánh lại tự đặt mình vào cảnh khổ đau, vì nhà vua, vốn đang chờ các tu sĩ thực hiện lời hứa, đã nhận ra rằng mình bị lừa dối[4115] , nên đã sai quân lính đến tu viện và trừng phạt các tu sĩ, còn vị tu sĩ đáng kính thì bị bắt và lại bị giam vào ngục tối; sau đó, ông ta gửi ngài đến tu viện Faneev[4116] và ra lệnh giam vị thánh trong ngục tối chật hẹp nhất tại đó. Trong ngục tối đó, vị thánh đã phải chịu đựng suốt sáu tháng, hứng chịu đủ mọi khổ cực và sự hành hạ từ vị tu viện trưởng tàn nhẫn của tu viện ấy. Sau đó, theo lệnh của hoàng đế, ngài lại bị đưa trở lại Constantinople: tại đây, người ta lại dùng đủ mọi lời nịnh hót để dụ dỗ ngài chấp nhận tà thuyết chống thánh tượng. Nhưng vì vị thánh chịu khổ vì Chúa không nghe theo những kẻ dị giáo, nên hoàng đế đã gửi ngài đến một tu viện khác, được gọi là Kikloveeva[4117] ; tại đây, ngài đã ở lại hai năm và sáu tháng, chịu đựng trong ngục tối chật hẹp và trải qua đủ loại cực hình. Từ đó, vị thánh lại bị đưa đến trước mặt hoàng đế và sau khi bị đánh đập dã man, ngài bị giam cầm tại thành phố Protilsky[4118] .

[4110] Olympus – ngọn núi ở vùng Mysia thuộc Tiểu Á, nằm trên biên giới giữa Phrygia và Bithynia. Tại đây, trong số những nơi khác, có tu viện "ở Symbolae", nổi tiếng với lối sống tu hành nghiêm ngặt của các tu sĩ.

[4111] Nikifor I giữ chức Thượng phụ từ năm 806 đến năm 815.

[4112] Lê V người Armenia trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[4113] Người được coi là người sáng lập tà thuyết chống thánh tượng là Constantine, giám mục thành Nikolaia, sống vào thế kỷ VIII. Bằng cách nhầm lẫn một cách thiếu sáng suốt giữa việc tôn kính thánh tượng với việc thờ cúng thần tượng, những người chống thánh tượng đã tiến hành cuộc đàn áp tàn bạo và dai dẳng nhằm xóa sổ việc tôn kính thánh tượng khỏi Giáo hội Chính thống. Những người ủng hộ nhiệt thành nhất cho tà thuyết này là các hoàng đế: Lêô Isaurian (trị vì từ năm 717 đến năm 741) và Constantine Copronymus (từ năm 741 đến năm 775). Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ VII, diễn ra vào năm 787 tại thành phố Nicaea.

[4114] Thượng phụ Theodotus I Cassiter tại vị từ năm 815 đến năm 821.

[4115] Các tu sĩ rõ ràng đã hứa sẽ tuân theo hoàng đế trong mọi mệnh lệnh của ông; tuy nhiên, đối với những mệnh lệnh trái với đức tin Chính thống, họ tất nhiên không thể thi hành.

[4116] Tu viện Faneev nằm giữa Byzantium và Pontus.

[4117] Vị trí của tu viện này hiện vẫn chưa được xác định.

[4118] Thành phố Protil hoặc, chính xác hơn, trại Protil; vị trí của nó vẫn chưa được xác định.

Vị vua độc ác, sau khi hủy diệt nhiều người, cuối cùng cũng phải chịu cái chết thảm khốc: ông ta bị chính các binh lính của mình chém chết bằng gươm trong nhà thờ, ngay tại chính nơi mà lần đầu tiên, sau khi xúc phạm bức tượng thánh của Chúa Kitô, ông ta đã ném nó xuống; như vậy, kẻ vô đạo đã hủy diệt linh hồn khốn khổ của mình một cách tàn nhẫn.

Mikhail Travl[4119] , người lên ngôi sau ông, đã ra lệnh giải phóng tất cả những người theo đạo chính thống khỏi xiềng xích và sự giam cầm. Thánh Ilarion, cùng với những người khác, đã được giải thoát khỏi ngục tối, nhưng ngài không trở về tu viện của mình, vì tà thuyết chống thánh tượng vẫn chưa chấm dứt, và các ngai giám mục đang bị chiếm giữ bởi những kẻ dị giáo, những kẻ giảng dạy sai lầm và những mục sư giả mạo; thay vào đó, ngài ở lại với một người phụ nữ trung thành và đạo đức, người đã dành cho ngài một nơi yên tĩnh trong điền trang của mình, sắp xếp cho ngài một căn phòng nhỏ có vườn và cung cấp cho ngài mọi thứ cần thiết.

Vào thời gian đó, Thánh Phê-ô-đô-rô Stoudios đã trở về từ nơi lưu đày và an nghỉ trong Chúa; ngài cũng đã phải chịu nhiều đau khổ từ những kẻ dị giáo vì sự trung thành với đức tin; Thánh Hilarion đã chứng kiến linh hồn thánh thiện của ngài được các Thiên thần đưa lên trời, như đã được ghi chép trong cuốn tiểu sử về Thánh Phê-ô-đô-rô. Vào ngày Thánh Theodoros Studites qua đời, Thánh Ilarion, khi đang đi dạo trong vườn của mình, làm việc và hát các thánh vịnh của Đa-vít, bỗng nghe thấy những tiếng nói kỳ diệu vang lên trong không trung và cảm nhận được một mùi hương tuyệt vời; bối rối, ngài dừng lại, nhìn xem tất cả những điều này đến từ đâu; khi ngước mắt lên, ngài thấy vô số Thiên thần mặc áo trắng, khuôn mặt rạng ngời, đang tiến về phía ai đó trong tiếng hát. Thấy tất cả những điều này, Thánh Hilarion trong sự kinh hoàng tột độ đã quỳ sụp xuống đất và nghe thấy một giọng nói cất lên:

– Đó là linh hồn của Thêôđôr, vị tu viện trưởng Tu viện Studion, người đã chịu đau khổ đến đổ máu vì các bức thánh tượng và đã rất dũng cảm trong những đau khổ ấy, và giờ đây đã qua đời và đang long trọng thăng thiên, được các thế lực thiên đàng đón rước.

Được chứng kiến cảnh tượng kỳ diệu như vậy, Thánh Ilarion tràn ngập niềm an ủi và niềm vui thiêng liêng; trong nhiều ngày liền, tâm hồn ngài tràn ngập niềm vui và khuôn mặt ngài rạng ngời vì hạnh phúc, như khuôn mặt của một Thiên thần.

Thánh Hilarion đã ở lại với người phụ nữ ấy hơn bảy năm. Khi con trai của Michael Travla là Theophilus[4120] lên ngôi, ông ta đã tập hợp tất cả các vị chứng nhân và một lần nữa bắt đầu ép buộc họ, theo gương các vị vua độc ác trước đây, phải từ bỏ việc thờ phượng các bức tranh thánh; những ai không tuân lệnh thì bị tra tấn dã man. Vào thời điểm đó, vị thánh Ilarion cũng bị bắt và dẫn đến trước mặt nhà vua; khi bị ép buộc phải từ bỏ việc thờ phượng các hình ảnh thánh, ngài đã không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua và một lần nữa vạch trần ông ta là một kẻ vô đạo, vi phạm luật pháp, chà đạp lên các giáo lý chân chính của đức tin; vì điều này, vị thánh đã phải chịu một trăm bảy mươi roi vào lưng và bị đày đến đảo Afusia[4121] . Một điều an ủi lớn lao đối với vị thánh là ngài không bị giam trong ngục tối hay bị xiềng xích, mà được sống trong một căn phòng tu, dù rất chật hẹp. Ngài đã sống trong căn phòng tu này cho đến khi vua Theophilus qua đời. Khi vị vua vô đạo này qua đời, hoàng hậu Theodora đã tập hợp tất cả các vị chứng nhân về thủ đô, khôi phục đức tin Chính Thống và ra lệnh đưa các thánh tượng vào các nhà thờ; lúc đó, vị thánh Ilarion cũng được trả tự do. Ông lại đảm nhận chức vụ tu viện trưởng tại tu viện Dalmatia của mình và nổi tiếng nhờ các phép lạ. Sau ba năm sống tại đây và hướng dẫn các môn đệ trên con đường cứu rỗi linh hồn, ngài đã về với Chúa[4122] . Linh hồn cao quý và thánh thiện của ngài, cũng như linh hồn của Thêôđôrô mà ngài đã nhìn thấy, đã được các Thiên thần đưa lên trời và hiện đang đứng trước ngai vinh quang của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà vinh quang được dâng lên muôn đời. A-men.

[4119] Michael II Travlos (Người Nói Lắp) trị vì từ năm 820 đến năm 829

[4120] Théophilos trị vì từ năm 829 đến năm 842

[4121] Đảo Afusia, hay Ofiussa, nằm trong vịnh Pasa-Limani, gần Constantinopolis

[4122] Thánh Ilarion qua đời vào năm 845.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã bảo vệ đồng cỏ tươi tốt của Ngài như những hàng rào sống, chăn dắt đàn chiên an toàn như một vị mục tử, và đã tỏa sáng như một vị thánh vĩ đại nhờ những việc làm cao cả, hỡi Ilarion mới, người đã chịu biết bao đau khổ và buồn phiền vì lòng đạo đức. Nay Ngài đã an nghỉ trong cuộc sống tràn đầy niềm vui tại Si-ôn trên trời, xin ngài cầu bầu cho chúng con, hỡi vị thánh đáng kính.

Ngày tưởng niệm các thánh nữ tử đạo Archelâ, Thekla và Susanna

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 6

Sự trinh khiết, chiến thắng thế gian và chế ngự những dục vọng xác thịt, là điều mà Ê-va, mẹ của loài người, không hề biết đến, vì Đức Chúa Trời đã phán với bà: *"Ngươi sẽ sinh con trong đau đớn; và lòng ngươi sẽ khao khát chồng ngươi"* (Sáng Thế Ký 3:16). Còn sự trinh khiết thì thoát khỏi điều đó; nó không phai tàn theo năm tháng, mà luôn nở rộ và tô điểm cho cuộc đời những người giữ trinh; người trinh nữ trở thành cô dâu của Đấng Kitô và bước vào cung điện thiên đàng của Chàng Rể mình.

Bằng ân huệ cao quý và thiêng liêng này – sự trinh khiết thuần khiết – thánh nữ Archelaya đã được trang điểm, người đã trở thành cô dâu của Chúa Kitô và chứng tỏ mình là người chiến thắng thế gian. Bà sống tại một nơi gần thành Rome, trong một tu viện nhỏ bé và ít người biết đến, như những tu viện thường có trong thời kỳ khó khăn đầy tà thần đối với các Kitô hữu.

Khi vị vua vô đạo Diocletian[4123] phát động cuộc đàn áp lớn đối với các Kitô hữu tại Roma, thánh nữ Archelaya, cùng với hai người chị em và đồng hành trong Đức Kitô là Thecla và Susanna, đã rời Roma và chạy trốn đến Campania[4124] để thoát khỏi sự truy đuổi của những kẻ hành hạ; tất cả họ đều thay quần áo thành trang phục nam giới, để không ai nhận ra rằng họ là các trinh nữ; tại đó, không xa thành phố có tên là Nola[4125] , các trinh nữ thánh thiện đã định cư ở một nơi hẻo lánh và vắng vẻ, ngày đêm dành trọn cho những lời cầu nguyện sốt sắng dâng lên Thiên Chúa, thực hành các việc lành và chữa lành bệnh tật cho những người đau khổ, bởi nhờ cuộc sống trong sạch và thánh thiện, họ đã được ban ân sủng chữa lành bệnh tật một cách kỳ diệu. Khuôn mặt các bà khiêm nhường, hiền lành và đồng thời rạng rỡ, bởi vì lòng các bà luôn vui mừng vì Chúa Giêsu Kitô; trong ánh mắt các bà toát lên sự trong sạch và thánh thiện. Quần áo họ mặc làm bằng lông thú, đơn sơ và thô sơ, và dáng vẻ của họ mang nét của những người ẩn tu và ăn chay. Tóc trên đầu họ được cắt ngắn như nam giới, đến nỗi nhiều người lầm tưởng họ là nam giới chứ không phải phụ nữ. Dần dần, người dân vùng lân cận bắt đầu tụ tập đến với họ, lúc thì để được chữa lành, lúc thì để nhận sự hướng dẫn thiêng liêng; bởi vì ngoài ân tứ chữa bệnh, họ còn có khả năng giảng dạy được Thánh Thần soi dẫn; họ không chỉ chữa lành thân thể mà còn chữa lành tâm hồn con người, và đã dẫn dắt nhiều người từ sự vô đạo của các thần ngoại giáo trở về với đức tin nơi Đức Kitô; danh tiếng về họ lan rộng khắp cả nước.

Tin tức về các trinh nữ thánh cũng đến tai quan chỉ huy vùng Campania tên là Leontius, bởi vì để giám sát các Kitô hữu, binh lính đã được bố trí ở nhiều nơi; họ đã báo cáo với quan chỉ huy về các trinh nữ thánh này. Quan chỉ huy này ra lệnh bắt họ và đưa đến thành phố Salerno[4126] , nơi lúc bấy giờ các Kitô hữu đang bị xét xử và tra tấn. Các trinh nữ thánh thiện đã bị bắt và bị dẫn đến Salerno để thẩm vấn. Họ nhận ra rằng Chúa Giêsu Kitô – Chàng Rể bất tử và bất hoại của họ – đang kêu gọi họ đến vương miện tử đạo, để đón nhận họ vào cung điện thiên đàng của Ngài, được trang hoàng không chỉ bằng sự trinh khiết, mà còn bằng máu chịu khổ, như thể là áo choàng hoàng gia màu đỏ thẫm. Đầy dũng khí và niềm tin nơi Thiên Chúa, các cô đã can đảm bước đến trước mặt kẻ tra tấn và bằng giọng nói tự do, kể cho hắn nghe toàn bộ sự thật về bản thân – họ là ai và đến từ đâu; họ không che giấu cuộc sống của mình, cũng không che giấu đức tin Kitô giáo, và cũng không che giấu rằng họ – những trinh nữ – đã đính hôn

---

[4123] Diocletian trị vì từ năm 284 đến năm 305

[4124] Campania nằm ở Ý cổ đại và giáp với Latium ở phía tây, Samnium ở phía bắc, Lucania ở phía đông và Biển Tyrrhenian ở phía nam. Tại tỉnh Ý này, người ta bắt đầu đúc chuông lần đầu tiên (từ thế kỷ VIII), đó là lý do tại sao chúng được gọi là "campana" trong Hiến chương Giáo hội (trước đó người ta sử dụng búa hoặc tấm sắt).

[4125] Thành phố Nola nằm ở phía nam của Capua; thành phố này vẫn tồn tại cho đến ngày nay (hiện thuộc tỉnh Caserta của Ý) và có khoảng 15.000 cư dân.

[4126] Thành phố Salerno nằm bên bờ Biển Tyrrhenian; thành phố này vẫn tồn tại cho đến ngày nay.

với Chúa Kitô và hứa với Ngài sẽ giữ mình trong sự trong sạch cho đến khi lìa đời. Thống đốc Leontius, khi nhìn họ và thấy rằng trinh nữ Archelaya đáng kính lớn tuổi hơn những người khác, dạn dĩ hơn trong lời nói, đồng thời nhận thấy khuôn mặt nàng đặc biệt hiền lành, liền quay sang nàng và nói:

– Nghe đây, Archelaya! Bằng quyền gì mà ngươi lại tập hợp đủ loại người, tốt lẫn xấu, và dạy họ thờ phượng Chúa Giêsu người Nazareth, Đấng đã không thể tự cứu lấy chính mình khi bị tra tấn, huống chi là giúp đỡ ai khác? Sao ngươi dám dùng những lời phù phép để lừa gạt mọi người; sao ngươi lại táo tợn đến mức mặc áo quần nam giới, giả vờ là đàn ông, trong khi thực ra ngươi là một phù thủy xấu xa và độc hại? Có lẽ ngươi cũng đã dạy hai cô gái này phép thuật; nếu ta không tiêu diệt ngươi ngay bây giờ, thì ngươi sẽ lừa dối tất cả những người phụ nữ và đàn ông thiếu kinh nghiệm bằng giáo lý sai lầm của ngươi.

Trước lời đó, cô gái thánh thiện đáp lại:

– Ta chà đạp sức mạnh và quyền lực của ma quỷ bằng sức mạnh của Đấng Christ; còn con đã dạy con người điều thiện – chính là để họ nhận biết Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, Đấng đã tạo dựng trời, đất, biển và mọi sự trong đó: sự chữa lành được ban cho mọi người đau khổ nhân danh Chúa Giê-su Christ của con, Con Một của Đức Chúa Trời, qua con, tôi tớ của Ngài; tôi không giả vờ là đàn ông, vì giờ đây tôi đã tự xưng là một trinh nữ và là tôi tớ của Đấng Christ; còn hai chị em của tôi trong Chúa này, từ thuở thiếu thời đã được nuôi dưỡng trong đức tin của Đấng Christ.

Và quan tổng trấn nói:

– Ai không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế sẽ bị xử tử một cách tàn nhẫn.

Thánh nữ đáp:

– Chúng tôi có một Vua – là Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vì Ngài, chúng tôi đã khinh bỉ thế gian và mọi sự trong đó; chúng tôi tuân theo mệnh lệnh của Ngài và trông đợi lòng thương xót từ Đấng sở hữu trời đất và muôn vật.

Thống đốc nói:

– Các vị thần của chúng ta nuôi dưỡng và cai trị vạn vật; họ có nhiều danh hiệu: Kronos[4127] , Trismegistus[4128] , Hermes[4129] , Aphrodite[4130] , Hera[4131] , Athena[4132] , Zeus[4133] , Đấng cao cả hơn tất cả. Chính những quyền năng thần thánh này nuôi dưỡng và cai trị toàn bộ vũ trụ.

Cô gái đáp lại:

– Các vị thần của ngươi – mù lòa, và những kẻ mù lòa thì thờ phụng và tin tưởng vào họ.

Igemon nói:

– Đức Chúa Trời của các ngươi chỉ có một, và Ngài không có khả năng tự bảo vệ mình, vì Ngài đã bị đóng đinh trên thập tự giá, bị ép uống giấm, đội vương miện gai, và bị đâm bằng giáo.

Thánh nữ đáp lại:

– Tất cả những điều đó, Đức Chúa Trời của chúng tôi đã chịu đựng vì sự cứu rỗi của chúng tôi, để tất cả những ai tin vào Ngài không bị hư mất, mà được sự sống đời đời; còn các vị thần của ngươi thì không thấy, không nghe, không nói, và vì thế không thể giúp được chính mình cũng như người khác.

Sau những lời đó, viên quan tổng trấn nổi giận, ra lệnh ném vị thánh nữ cho những con sư tử đói ăn, nghĩ rằng chúng sẽ xé xác bà ngay lập tức; nhưng những con thú trở nên hiền lành như những con cừu, và nằm dưới chân vị thánh nữ. Còn bà thì cầu nguyện với Thiên Chúa, nói như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa, Cha, Con và Thánh Thần, Đấng đã gìn giữ thân xác con cho đến nay được trong sạch khỏi mọi ô uế! Như hôm nay Ngài đã làm cho các con thú trở nên hiền lành và ban cho con sức mạnh để chiến thắng vị thống đốc, kẻ hung ác hơn cả các con thú, thì xin Ngài cũng luôn là Đấng trợ giúp không ngừng cho con, tôi tớ của Ngài.

[4127] Cronos – theo thần thoại Hy Lạp, là con trai út của Uranus và Gaia, một trong những vị Titan. Ông được coi là vị thần bảo trợ cho mùa màng và thu hoạch, chính vì vậy mà ông thường được miêu tả với chiếc liềm trên tay.

[4128] Tên gọi Trismegistus được gán cho Jupiter hoặc Zeus.

[4129] Hermes – vị thần của sự thịnh vượng.

[4130] Aphrodite hay Venus – nữ thần tình yêu và sắc đẹp.

[4131] Hera – nữ thần bảo trợ cho hôn nhân và việc sinh nở.

[4132] Athena hay Minerva – nữ thần của sự khôn ngoan.

[4133] Zeus hay Jupiter – vị thần tối cao trong tôn giáo Hy Lạp cổ đại, được coi là tổ tiên của các vị thần khác và là nguồn gốc của vạn vật.

Hê-gê-môn, khi thấy vị thánh nữ vẫn bình an trước những con thú, lại càng nổi cơn thịnh nộ hơn và ra lệnh cho binh lính giết chết những con thú, còn vị thánh nữ tử đạo cùng các bạn đồng hành của bà thì trói lại và giam vào ngục tối. Nhưng trong ngục tối, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với các vị thánh nữ tử đạo, chiếu sáng họ bằng ánh sáng không thể tả xiết và phán rằng:

– Đừng sợ, hỡi các thiếu nữ của Chúa Kitô! Lời cầu nguyện của các con đã đến với Thiên Chúa và vương miện trên trời đã được chuẩn bị sẵn cho các con rồi.

Khi các lính canh nhìn thấy ánh sáng kỳ lạ này trong ngục tối, họ đã nói trong sợ hãi và kinh hoàng:

– Quả thật, Đức Chúa Trời mà các thiếu nữ này tuyên xưng chính là Đức Chúa Trời chân thật.

Sáng hôm sau, quan tổng trấn nói với các đầy tớ:

– Hãy dẫn đến cho ta mụ phù thủy hôm qua đã xúc phạm ta và các vị thần của ta bằng những lời lăng mạ đủ thứ.

Và ngay lập tức, thánh nữ tử đạo Archelaya được đưa ra xét xử và nói:

– Hỡi quan tổng trấn, không phải tôi, mà chính những việc ác của ngài đang mang lại sự phỉ báng và ô nhục cho ngài, đồng thời chuẩn bị ngọn lửa không thể dập tắt, nơi ngài sẽ phải chịu đau khổ vĩnh viễn cùng với các vị thần của ngài; còn nếu ngài muốn thoát khỏi những cực hình vĩnh cửu, thì hãy lắng nghe những lời có ích cho linh hồn của tôi và hãy chấp nhận lời khuyên tốt lành của tôi: hãy tin vào Đức Chúa Cha, Đấng đã tạo dựng ngài, và vào Con Một của Ngài là Chúa Giê-su Ki-tô, và vào Đức Thánh Thần phát xuất từ Đức Chúa Cha; Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất, được tôn vinh trong Ba Ngôi cả trên trời lẫn dưới đất!

Vị quan trưởng, cho rằng những lời này là sự chế giễu và điên rồ, đã phản bác vị thánh, nói rằng:

– Nếu ngươi nghe lời ta và tin vào các vị thần của ta, thì ngươi sẽ được ban cho của cải và vinh quang, và sẽ có một vị trí đáng kính giữa các bà vợ La Mã danh giá; còn nếu ngươi không nghe lời ta, thì ta sẽ giao ngươi cho bọn dâm đãng làm trò nhạo báng, sau đó sẽ tra tấn ngươi một cách tàn nhẫn, và cuối cùng, ta sẽ kết liễu ngươi bằng cái chết khủng khiếp; còn thi thể của ngươi, ta sẽ ném cho chó, thú dữ và chim chóc xé xác.

Thánh nữ đáp lại:

– Tôi có Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi, làm Đấng trợ giúp, Đấng là Đấng bảo vệ cả linh hồn lẫn thân xác tôi. Ngài sẽ bảo vệ tôi khỏi sự ô uế mà ngươi đang chuẩn bị cho tôi, như Ngài đã từng bảo vệ nhiều trinh nữ thánh đã chịu khổ trước đây; còn cái chết thì tôi không sợ, vì tôi hy vọng sẽ nhận được sự sống đời đời nơi Chúa của tôi, Đấng sẽ ban cho tôi niềm vui vô tận và đưa tôi vào hàng ngũ các Thiên Thần thánh của Ngài.

Sau đó, vị thống đốc ra lệnh lột trần thánh nữ, dùng các dụng cụ sắt cạo xước thân thể trinh trắng của nàng và đánh đập dã man; đồng thời ra lệnh đổ dầu nóng và nhựa cây đã chuẩn bị sẵn lên các vết thương; và thân thể thánh nữ đã bị cạo xước và thiêu đốt đến tận xương. Tất cả những người có mặt tại đó, khi chứng kiến sự đau khổ của vị thánh tử đạo, đều vô cùng ngạc nhiên và bối rối, không hiểu làm sao một thiếu nữ yếu ớt như vậy lại có thể chịu đựng được những cực hình tàn bạo đến thế mà vẫn còn sống. Còn vị thánh, ngước mắt lên trời và giơ hai tay thành hình thánh giá, đã nói:

– Lạy Chúa, xin hãy nhìn xuống từ trời cao, từ ngai vàng thánh thiêng của Ngài, xuống người tôi tớ trung thành của Ngài! Xin dập tắt ngọn lửa đang cháy bằng sương ân sủng của Ngài và ban cho thân thể con sự an ủi trong những cực hình mà viên tổng trấn đang gây ra cho con.

Vừa dứt lời, ngay lập tức một luồng ánh sáng rực rỡ chiếu xuống trên đầu thánh nữ và có tiếng nói vang lên:

– Đừng sợ! Ta ở cùng con.

Thấy vị thánh nữ vẫn bình an vô sự, tên thống đốc tức giận đến mức nghiến răng ken két.

Gần nơi đó có một tảng đá lớn, mà vài người cũng khó lòng di chuyển được; tên thống đốc ra lệnh nhấc tảng đá đó lên và đặt lên người nữ thánh tử đạo, để nàng bị tảng đá đó nghiền nát. Khi các đầy tớ bắt đầu thi hành mệnh lệnh của Igemon, Thiên Thần của Chúa, đang hiện diện một cách vô hình bên cạnh vị thánh nữ, đã nhanh chóng đẩy tảng đá sang hướng khác, khiến nó đè bẹp các đầy tớ của kẻ hành hình, còn vị thánh nữ thì vẫn sống sót và ngợi khen Thiên Chúa, hát lên:

– Ngợi khen Chúa, Thiên Chúa của các tổ phụ chúng con, Đấng cứu độ những ai đặt niềm tin nơi Ngài!

Dân chúng, khi chứng kiến cảnh đó, đã kêu lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, – Đấng mà thiếu nữ này tuyên xưng!

Còn Igemon thì nói:

– Giờ phải làm gì với mụ phù thủy này đây? Nàng vượt qua mọi hình phạt; hãy bắt nàng và dẫn ra khỏi thành; cùng với nàng, hãy bắt cả hai thiếu nữ đang theo sau nàng, rồi dùng gươm chém chết cả ba người.

Các binh lính lập tức bắt các thánh nữ tử đạo, trói tay họ ra sau lưng và dẫn ra khỏi thành.

Khi tất cả đến nơi đã định, các binh lính đã sẵn sàng chém đứt những cái đầu trong sạch của các thánh nữ tử đạo; lúc đó, họ nhìn thấy các Thiên thần và hoảng sợ; còn các Thiên thần thánh thiện, nhìn thấy sự đau khổ của các thánh nữ, đã sẵn sàng đón nhận linh hồn các thánh nữ tử đạo trong vinh quang. Các binh lính, cảm nhận được sự hiện diện của các Thiên thần này theo một cách nào đó, đã kinh hoàng, run rẩy và dường như quên mất chính mình. Nhưng thánh Archelaya, sau khi dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, đã nói với các binh lính:

– Hãy làm theo những gì các ngươi đã được lệnh.

Các binh lính đáp lại:

– Chúng tôi không dám, thưa bà, vì nỗi sợ hãi đã bao trùm lấy chúng tôi.

Lúc đó, các trinh nữ cùng nhau nói với họ:

– Nếu các anh không tuân lệnh, thì sẽ không được ở cùng chúng tôi.

Nghe vậy, các chiến binh rút gươm ra và chém đầu họ[4134] .

Như vậy, ba vị thánh nữ tử đạo – Arhelaya, Thekla và Susanna, những trinh nữ trong sạch – đã hoàn thành công đức của mình, bước vào cung điện thiên đàng và hiện nay cùng các Thiên thần đứng trước mặt Cha, Con và Thánh Thần, Đấng Duy Nhất, được tôn vinh trong Ba Ngôi, Thiên Chúa, Đấng mà vinh quang được dâng lên mãi mãi. A-men.

Ngày 20 tháng 6

Ngày 7 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Tử đạo Theodotus của Ancyra, người đã bị chém đầu bằng gươm vào năm 303 (xem tiểu sử của ngài vào ngày 18 tháng 5

Ngày chịu tử đạo của Thánh Tử đạo Marcellus, Giáo hoàng Rôma, cùng các vị khác đồng hành

Ngày tưởng niệm 7 tháng 6

Thánh Marcellius là người gốc La Mã; cha ngài tên là Benedict. Ngài lên ngôi Giáo hoàng của Giáo hội Rôma sau Thánh Tử đạo Marcellinus và tại vị trong thời kỳ trị vì của các hoàng đế La Mã vô đạo là Diocletian[4135] , Maximianus Hercules[4136] , Maximianus khác, có biệt danh là Galerius[4137] , và Maxentius[4138] trong suốt năm năm sáu tháng. Vào những ngày đó, tại Rôma đã xảy ra những sự kiện sau đây. Hoàng đế Maximianus, có biệt danh là Hercules, đã được Diocletianus bổ nhiệm làm đồng trị vì. Sau khi trở về Rome từ các tỉnh châu Phi[4139] và mong muốn lấy lòng Hoàng đế Diocletianus, người đang trì hoãn việc trở về từ phương Đông, Maximianus bắt đầu xây dựng tại Rome những nhà tắm bằng đá để vinh danh ông, những nơi mang lại sự mát mẻ ghê tởm cho những người ngoại đạo[4140] . Sau khi tìm ra trong các đạo quân La Mã rất nhiều chiến binh tin vào Chúa Kitô, Maximian đã tước bỏ quân hàm của họ và bắt họ làm công việc giống như những gì Pharaoh từng bắt người Israel làm ở Ai Cập[4141] ,

---

[4134] Các thánh nữ tử đạo qua đời vào năm 293.

[4135] Hoàng đế Diocletian cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[4136] Maximian Hercules cai trị nửa phía tây của Đế chế La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[4137] Maximian Galerius cai trị miền Đông từ năm 305 đến năm 311.

[4138] Maxentius cai trị miền Tây từ năm 305 đến năm 312.

[4139] Maximian phụ trách châu Phi, Tây Ban Nha và Ý.

[4140] Cần lưu ý rằng các nhà tắm công cộng của người La Mã cổ đại theo đạo đa thần không chỉ là nơi tắm rửa mà còn là nơi sa đọa.

[4141] Với mục đích kìm hãm và làm suy yếu dân Y-sơ-ra-ên, pharaoh Ai Cập đã bắt họ làm những công việc nặng nhọc. Trong một khoảng thời gian tương đối ngắn (từ khi Giô-sép qua đời cho đến khi ra khỏi Ai Cập), người Do Thái đã xây dựng cho người Ai Cập ba thành phố – Pithom, Ramses và Heliopolis (Xuất Ê-díp-tô Ký 1:1–14).

cụ thể là: ông bắt một số người làm gạch, một số khác làm vôi, số còn lại đào đất và vận chuyển đá để xây dựng các nhà tắm đã đề cập. Ông làm tất cả những điều này để đe dọa các Kitô hữu đang ở tại Rôma, vì ông biết rằng nhiều người Rôma, không chỉ dân thường mà cả những người thuộc tầng lớp quý tộc, đều theo đạo Kitô, dù không công khai.

Vào thời điểm đó, tại Rome có một tín hữu Kitô giáo giàu có và chính trực tên là Frason. Nhận thấy các tín hữu Kitô giáo đang phải chịu đựng những công việc nặng nhọc và kiệt sức vì đói khát, Frason đã quyết định bí mật giúp đỡ họ bằng tài sản của mình; ông đã chọn bốn người đàn ông kính sợ Thiên Chúa làm trung gian, và qua họ, ông cung cấp cho các Kitô hữu lương thực, quần áo và mọi thứ cần thiết. Bốn người này tên là: Sisinius, Cyriacus, Smaragdus và Largius.

Khi Đức Giáo hoàng Markell biết được điều này, ngài đã vô cùng vui mừng trong lòng vì những ân huệ được ban cho các tín hữu Kitô giáo; ngài đã triệu tập bốn người đàn ông nói trên đến và sau khi nghe họ kể lại tất cả về lòng hào phóng của Frason, ngài đã cảm ơn ông ta rất nhiều, đồng thời phong Sisinio và Cyriacus làm phó tế của Giáo hội Rôma.

Một đêm nọ, khi hai phó tế này đang vác trên vai thức ăn do Frasono gửi cho các thánh tử đạo, họ bị những kẻ ngoại đạo vô đạo bắt giữ và dẫn đến trước quan tòa Exuperius. Ngay khi họ vừa được dẫn đến, quan tribune đã ra lệnh giam họ vào ngục chung của thành phố, và đến ngày thứ ba, đã tâu báo về họ lên hoàng đế Maximian. Hoàng đế liền ra lệnh giao cho họ làm cùng công việc mà các Kitô hữu khác đang thực hiện, và như vậy, họ được đưa vào nhóm những người đang vận chuyển cát để xây dựng một tòa nhà bằng đá.

Trong số những Kitô hữu đó có một người đàn ông tên là Saturninus; vì tuổi già, ông không thể vác được gánh nặng được giao. Lúc bấy giờ, các phó tế thánh Sisinnius và Cyriacus bắt đầu giúp đỡ người già này và không chỉ làm công việc của mình mà còn làm cả công việc của người khác; đồng thời, họ không ngừng ngợi khen và tôn vinh Thiên Chúa bằng chính lời nói của mình. Những người lính gác đã báo cáo tất cả những điều này lên quan tổng trấn, và quan tổng trấn lại báo cáo lên hoàng đế.

Lúc đó, hoàng đế ra lệnh cho gọi Sisinius đến, và khi ông này xuất hiện trước mặt ngài, hoàng đế hỏi:

– Tên ngươi là gì?

– Tôi là kẻ tội lỗi, – vị thánh đáp, – tên tôi là Sisinia; tôi là nô lệ của các nô lệ của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta.

– Những bài thánh ca mà các ngươi đang hát là gì vậy? – Maximian hỏi.

– Nếu ngài hiểu được ý nghĩa của những bài thánh ca mà chúng tôi đang hát, – vị thánh đáp, – thì ngài cũng sẽ hiểu được Đấng Tạo Hóa của chính ngài.

Nghe vậy, hoàng đế nói:

– Vậy Đấng Tạo Hóa của chúng ta là ai, nếu không phải là Hercules[4142] , vị thần bất khả chiến bại!

Thánh phó tế Sisinius đáp:

– Đối với chúng tôi, không chỉ việc nhắc đến tên ngài mà cả việc nghe nói về ngài cũng là điều ghê tởm.

– Hãy chọn một trong hai điều này, – hoàng đế tiếp tục: dâng lễ vật cho thần Hercules; nếu không, ta sẽ thiêu đốt thân xác ngươi trên ngọn lửa.

– Từ lâu tôi đã mong muốn chịu khổ vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, – thánh Sisinius đáp – để được nhận vương miện tử đạo mà tôi hằng khao khát.

Lúc đó, hoàng đế nổi giận, giao thánh nhân cho tổng trấn Laodicea để tra tấn.

Người này đã giam thánh nhân vào ngục Mamertine[4143] , nơi vị tử đạo đã ở lại mười bảy ngày. Khi thời hạn này kết thúc, tổng trấn ra lệnh đưa thánh phó tế Sisinius trở lại để thẩm vấn.

[4142] Hercules hay Heracles – anh hùng dân tộc của Hy Lạp cổ đại. Theo truyền thuyết thần thoại Hy Lạp, Hercules là con trai của Zeus và Alcmene, vợ của vua Amphitryon xứ Tiryns. Hercules được ban cho sức mạnh thể chất phi thường, chính vì vậy ông được coi là vị thần bảo trợ của các vận động viên thể dục và các đấu sĩ.

[4143] Nhà tù Mamertine nằm ở phía bắc thành phố Rome. Nơi này chủ yếu dành cho những kẻ phạm tội chống lại nhà nước, trong đó có cả các tín đồ Kitô giáo. Theo truyền thuyết, các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô đã bị giam giữ tại nhà tù này. Nhà tù này vẫn còn tồn tại đến ngày nay dưới hình thức đã được trùng tu (phục hồi), trong đó khu vực nhà tù nơi các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô từng bị giam giữ, với tư cách là một địa điểm thiêng liêng, được các tín hữu Công giáo bảo vệ một cách đặc biệt cẩn trọng.

Từ ngục tối, tù nhân trước tiên được dẫn đến gặp trưởng ngục Apronianus. Nhìn ngài, Apronianus nhận thấy khuôn mặt ngài tỏa sáng một ánh sáng thiên đàng kỳ diệu; đồng thời, ông cũng nghe thấy một giọng nói cất lên:

– *"Hãy đến đây, hỡi những người được Cha Ta chúc phúc, hãy nhận lấy Nước Trời đã được chuẩn bị sẵn cho các ngươi từ khi tạo dựng thế gian"* (Mt 25,34).

Lúc đó, Apronian, trong sự sợ hãi và kinh hoàng, quỳ xuống dưới chân Thánh Sisinius và nói:

– Tôi khẩn cầu ngài nhân danh Đấng Kitô, Đấng mà ngài tuyên xưng, hãy làm phép rửa cho tôi ngay lập tức và cho tôi được cùng chia sẻ vương miện của ngài.

Ngay lập tức, nước được mang đến nơi đó.

Rồi Thánh Phó tế Sisinio, sau khi thực hiện nghi thức giảng đạo[4144] cho Apronian, đã ban phép lành cho nước; sau đó, ngài ra lệnh cho Apronian cởi trần bước vào chậu nước đã được đổ đầy và hỏi anh ta:

– Ngươi có tin vào Đức Chúa Cha, Đấng Toàn Năng, và vào Con Một của Ngài, Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, và vào Đức Thánh Thần không?

Ông đáp:

– Tôi tin.

– Nguyện Cha, Con và Thánh Thần soi sáng cho ngươi, – Thánh Sisinius nói.

Sau đó, vị thánh ra lệnh cho Apronian ra khỏi nước.

Sau đó, Thánh Sisinius dẫn Apronian, người vừa được rửa tội, đến gặp Đức Giáo hoàng thánh Marcellus. Đức Giáo hoàng đã xức dầu thánh cho người mới được rửa tội, rồi cử hành Thánh Lễ, và ban Thánh Thể cùng Máu Thánh của Chúa Giêsu Kitô cho cả hai – Thánh Sisinius và Apronianus – cũng như cho tất cả các Kitô hữu có mặt tại đó.

Vào giữa trưa cùng ngày đó, quan tổng trấn Laodicius ra lệnh triệu tập phó tế Sisinio đến để thẩm vấn. Cùng đi với ông còn có người cai ngục, vị thánh hạnh phúc Apronian – một tôi tớ mới được rửa tội của Chúa Kitô. Khi đến trước mặt Laodicius, Apronian đã lớn tiếng kêu lên, hướng về phía ông ta:

– Tại sao ma quỷ lại xúi giục ngài chống lại các tôi tớ của Đức Chúa Trời, dạy ngài gây ra biết bao đau khổ cho những người vô tội như vậy?

Ngạc nhiên trước những lời của Aphronian, quan tổng trấn nói với ông:

– Theo tôi thấy, dường như ngài cũng đã trở thành Kitô hữu rồi.

– Khốn cho tôi, kẻ tội lỗi này, – thánh Aphronian đáp, – vì tôi đã phung phí những ngày tháng của mình trong sự vô đạo, cho đến nay vẫn chưa biết đến Đức Chúa Trời chân thật.

– Quả thật, – quan tổng trấn kêu lên, – giờ đây ngươi sẽ tự hủy hoại những ngày còn lại của mình!

Sau đó, ông ra lệnh chém đầu ông, nói:

– Nếu tên này không bị giết, thì sẽ có nhiều người khác bị giết.

Sau đó, các binh lính dẫn Thánh Apronian ra khỏi thành. Sau khi đi xa khỏi thành phố khoảng hai miliaria[4145] , các binh lính đã chém đầu Thánh Apronian trên con đường Salaria[4146] ; như vậy, Apronian, người

---

[4144] Lễ Giảng Giáo – là sự giảng dạy bằng lời nói về các chân lý của đức tin Chính Thống, được truyền dạy trong Giáo Hội cổ đại cho tất cả những ai mong muốn tham dự Bí tích Rửa tội. Những người được phép vào nhà thờ để nghe Kinh Thánh và các bài giảng, thậm chí tham dự phần thứ nhất và thứ hai của Thánh lễ (phần chuẩn bị và "Thánh lễ dành cho những người được giảng giáo"), những người được giảng dạy phải lập tức rời khỏi nhà thờ trước khi phần thứ ba, phần quan trọng nhất của Thánh lễ ("Thánh lễ của các tín hữu") bắt đầu; điều này được thông báo bởi phó tế qua một tiếng hô, và cho đến nay vẫn được duy trì trong Giáo hội Chính thống khi cử hành Thánh lễ. Thời gian làm người dự tòng không cố định; nhiều người duy trì tư cách này suốt cả cuộc đời. Trong trường hợp cần thiết, thời gian làm người dự tòng có thể được rút ngắn xuống còn vài ngày hoặc thậm chí vài giờ (như trong trường hợp này). – Nghi thức làm người dự tòng vẫn được cử hành trong Giáo hội Chính thống cho đến ngày nay; nghi thức này bao gồm việc đọc các lời cầu nguyện cho người sắp chịu phép rửa và tuyên bố lời nguyền rủa ma quỷ; trong khi đó, người sắp chịu phép rửa từ bỏ Satan, kết hiệp với Chúa Kitô và tuyên xưng đức tin của mình bằng cách đọc Kinh Tin Kính (điều này được thực hiện bởi những người đỡ đầu khi rửa tội cho trẻ sơ sinh).

[4145] Miliari – dặm La Mã hoặc, chính xác hơn, cột mốc dặm La Mã, bởi vì ở cuối mỗi miliari đều có một cột đá được dựng lên như một dấu hiệu. Một miliari tương đương với 8 stadia (một stadia bằng 88 sazhen), tương đương khoảng 1,5 verst của chúng ta. Các cột mốc dặm được rải rác khắp Ý; trên đó thường khắc tên người xây dựng hoặc tên hoàng đế dưới triều đại của người đó. Cột mốc dặm đầu tiên, là điểm khởi đầu của tất cả các cột mốc còn lại và là nơi giao nhau của tất cả các con đường, nằm gần đền thờ Saturnus. Trong các cuộc khai quật tại Rome, người ta đã tìm thấy tàn tích của cột mốc này.

mới được khai sáng, đã nhận lấy vương miện tử đạo. Còn Thánh Phó tế Sisinius, cùng với vị tu sĩ già Saturninus đã được nhắc đến, thì quan tổng trấn ra lệnh giam họ vào ngục tối, và nói với họ:

– Nếu các ngươi không dâng lễ vật cho các vị thần, ta sẽ tiêu diệt các ngươi bằng đủ mọi hình thức tra tấn.

Trong thời gian các thánh này ở trong ngục, nhiều người ngoại đạo đã đến gặp họ và không sợ hãi mà xin được rửa tội từ họ. Sau bốn mươi ngày, quan tổng trấn Laodicius biết được chuyện này; ông ra lệnh chuẩn bị một chỗ làm tòa án trong đền thờ nữ thần Tellura[4147] và khi đã ngồi trên đó, Laodicius ra lệnh dẫn lão nhân Saturninus và phó tế Sisinius đến trước mặt mình. Các tù nhân của Chúa Kitô bị dẫn đến trước mặt kẻ hành hạ trong tình trạng chân trần và bị xiềng xích sắt.

– Vậy thì, – quan tổng trấn hỏi họ, – cuối cùng các ngươi đã từ bỏ sự mê hoặc hão huyền của đạo Kitô chưa? Chẳng lẽ ngay cả bây giờ các ngươi vẫn không chịu thờ lạy các vị thần mà các vị vua của chúng ta đang thờ phụng sao?

– Chúng tôi là những kẻ tội lỗi, – thánh phó tế Sisinius đáp, – chúng tôi thờ phượng Chúa Giêsu Kitô của chúng tôi và sẽ không bao giờ cúi đầu trước ma quỷ và hòn đá vô hồn.

Lúc đó, Laodicius nói:

– Hãy mang đến đây những giá ba chân bằng đồng, dùng để đốt hương dâng các vị thần.

Ngay lập tức, những giá ba chân với than hồng được mang đến. Kẻ tra tấn bắt đầu ép các thánh dâng hương cho các thần tượng.

Thánh lão Saturninus nói với kẻ tra tấn:

– Xin Chúa biến các thần tượng ngoại đạo thành tro bụi.

Và ngay lập tức, những chiếc giá ba chân bằng đồng tan chảy, tràn ra như nước.

Hai chiến binh có mặt tại đó, tên là Papius và Maurus, khi nhìn thấy cảnh này, đã lớn tiếng kêu lên:

– Quả thật, Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà Sisinio và Saturninus tôn kính, chính là Thiên Chúa chân thật.

Thống đốc Laodicea, trong cơn thịnh nộ, ra lệnh treo các thánh tử đạo Saturninus và Sisinnius lên cột nhục nhã và đánh đập họ không thương xót bằng dây thừng và gậy có gai. Trong lúc bị hành hạ như vậy, các thánh kêu lên rằng:

– Chúng con tạ ơn Ngài, lạy Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã cho chúng con được trở thành những người đồng hành với các tôi tớ của Ngài, những người đã chịu đau khổ vì Ngài.

Lúc đó, hai người lính là Papius và Maurus, khi chứng kiến sự đau khổ của các thánh, lại một lần nữa lên tiếng, quay sang nói với quan tổng trấn:

– Tại sao ma quỷ lại xúi giục các ngài chống lại các tôi tớ của Đức Chúa Trời, dạy các ngài hành hạ những người vô tội này một cách tàn nhẫn như vậy?

Laodicius, bừng bừng cơn giận trước những binh lính này, đã ra lệnh ném đá vào miệng họ; sau khi làm vỡ miệng các thánh nhân, ông ta giam họ vào ngục tối. Cùng lúc đó, hắn ra lệnh cho các thuộc hạ dùng nến thiêu đốt hai bên sườn các vị tử đạo đang bị treo trên cột nhục nhã. Nhưng dù phải chịu đựng những đau khổ tột cùng như vậy, họ vẫn với khuôn mặt rạng ngời, tạ ơn Thiên Chúa.

Cùng ngày đó, tên tra tấn đã ban hành án tử hình đối với các thánh. Vì vậy, họ bị tháo xuống khỏi cột nhục nhã, bị dẫn ra ngoài thành theo con đường Numantia[4148] và bị chém đầu bằng gươm.

Người đàn ông đạo đức Frason nói trên, cùng với linh mục Gioan, đã mang thi hài các thánh tử đạo về chôn cất trên mảnh đất của mình bên đường Salaria.

Còn hai chiến binh Papius và Maurus, những người bị giam trong ngục tối, rất mong muốn được lãnh nhận phép rửa tội; sau khi cầu nguyện cùng Chúa, họ đã ra khỏi ngục qua những cánh cửa mở rộng mà không ai phát hiện. Sau đó, khi đến gặp Đức Giáo hoàng thánh thiện Marcellus, họ đã lãnh nhận phép rửa tội từ ngài. Sau khi chịu phép rửa tội, họ lại tự nguyện giao mình cho những người lính đang truy lùng họ, và được đưa đến trước quan tổng trấn để thẩm vấn. Khi nhìn thấy họ, quan tổng trấn nói:

– Giờ thì tôi đã biết các ngươi là Kitô hữu rồi.

[4146] Con đường Salaria là một trong những con đường lớn nhất của La Mã cổ đại. Con đường này chạy dọc theo sông Tiber đến Curia, đi qua Latium, Sabinia, v.v. cho đến Ardia. Tên gọi của con đường này xuất phát từ việc người Sabinia vận chuyển muối (vai) từ bờ biển về đất nước của họ qua con đường này.

[4147] Tellura hay Gaia – nữ thần đất và sự màu mỡ trong thần thoại Hy Lạp-La Mã.

[4148] Con đường Numantia chạy từ Rome về phía thành phố Numantia.

– Đúng vậy, chúng tôi thực sự là Kitô hữu, – Thánh Papias đáp lại.

– Hãy từ bỏ sự mê hoặc hão huyền của Kitô giáo, – Laodice tiếp lời, – và hãy thờ lạy các vị thần mà các vị vua của chúng ta đang thờ phụng!

– Hãy để những ai đã đánh mất linh hồn mình thờ lạy các vị thần ấy, nếu họ muốn bị hủy diệt vĩnh viễn, – Thánh Maurus đáp lại Laodiceus.

Thống đốc Laodicea liền nói:

– Nếu các ngươi không dâng lễ vật ngay bây giờ cho các vị thần bất tử của chúng ta, thì các ngươi sẽ mất linh hồn. Hãy nghe lời ta và làm theo những gì ta nói, nếu các ngươi muốn được sống.

– Hãy dâng lễ vật cho họ đi, – Thánh Papius đáp lại, – nếu ngươi muốn chịu đau khổ vĩnh viễn!

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh quăng các thánh xuống đất và đánh họ không thương xót bằng gậy. Còn các ngài, dù bị đánh đập dã man, vẫn chỉ lặp đi lặp lại những lời sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin giúp đỡ các tôi tớ của Ngài!

Sau đó, Laodicea ra lệnh đánh các thánh bằng những cây gậy bằng thiếc. Trong khi họ bị đánh như vậy trong một thời gian dài, họ đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa.

Linh mục Gioan, vào ban đêm, đã mang thi thể các thánh đi và an táng họ một cách trang trọng tại mộ của các thánh tử đạo Sisinia và Saturnina, những người đã chịu khổ trước đó (ông làm điều này theo lệnh của Đức Giáo hoàng thánh Marcella).

Vào thời điểm đó, Hoàng đế Diocletian đã trở về Roma. Thống đốc Laodicea đã báo cáo với Diocletian và Maximian mọi chuyện liên quan đến các thánh tử đạo, kể lại cách ông đã tra tấn và giết chết họ một cách tàn nhẫn. Các hoàng đế rất vui mừng trước tin này và đã khen ngợi thống đốc vì sự tận tụy của ông.

Trong khi đó, Thánh Cyriacus đã được đề cập ở trên, người được Đức Thánh Cha Marcellus phong làm phó tế, lúc bấy giờ đang bị giam cùng với Thánh Sisinnius trong ngục tối; tại đây còn có Smaragd và Largius, cũng như các tù nhân khác của Chúa Kitô. Tất cả họ đều phải thực hiện công việc nặng nhọc được giao. Ban ngày, họ bị dẫn ra làm việc, còn ban đêm lại bị nhốt trở lại trong ngục tối. Thiên Chúa đã ban cho Thánh Kyriak ân sủng chữa lành bệnh tật; nhiều người đã đến với ngài và đưa những người bệnh của họ đến, và Thánh Kyriak đã chữa lành cho họ sau khi cầu nguyện với Thiên Chúa; nhờ đó, những người mù đã được sáng mắt, những người bị liệt đã được lành bệnh, ma quỷ bị trục xuất khỏi con người, và nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, những người mắc đủ loại bệnh tật đã được chữa lành.

Hoàng đế Diocletian có một người con gái tên là Artemia. Theo ý định của Đức Chúa Trời, cô bị quỷ ám và bị linh hồn ô uế hành hạ. Khi biết tin này, Diocletian vô cùng đau buồn, đến nỗi ngày hôm đó vì quá đau khổ mà ông không ăn uống gì. Khi ông bước vào phòng con gái mình, lúc đó cô đang bị quỷ ám, thì con quỷ đã cất tiếng qua miệng cô gái:

– Ta sẽ không ra khỏi đây, và không ai có thể đuổi ta đi ngoại trừ phó tế Kyriakos.

Lúc đó, Diocletian ra lệnh tìm kiếm phó tế Cyriacus, và khi ông được tìm thấy trong ngục tối và được dẫn đến trước hoàng đế cùng với hai người bạn của mình là Smaragd và Largius, hoàng đế đã nài nỉ ông vào phòng con gái mình và chữa lành cho cô. Thánh Kyriakos, khi bước vào phòng con gái hoàng đế, đã quay sang linh hồn ô uế đang hành hạ cô ấy và nói những lời sau:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Ta ra lệnh cho ngươi: hãy ra khỏi thiếu nữ này.

Con quỷ liền đáp lại qua miệng cô gái:

– Nếu ngài muốn ta ra khỏi cô ấy, thì hãy chỉ cho ta một nơi ở khác để ta có thể nhập vào.

– Đây là thân thể của ta, – Thánh Cyriacus đáp; – nếu ngươi có thể, hãy nhập vào đó!

– Ta không thể nhập vào thân thể ngươi được, – con quỷ tiếp lời, – vì nó đã bị đóng kín và niêm phong từ mọi phía.

Lúc đó, Thánh Kyriakos nói với nó:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Đấng bị đóng đinh trên thập giá, hãy ra khỏi cô gái này, để cô ấy trở thành một bình chứa tinh khiết phục vụ Thánh Thần.

Lúc đó, linh hồn ô uế la lên, nói:

– Ôi, Kyriak! Nếu ngươi đuổi ta ra khỏi đây, ta sẽ sắp xếp để ngươi bị gửi đến Ba Tư[4149] .

Nói xong, tà linh ấy liền ra khỏi người. Còn thiếu nữ Artemia, sau khi được giải thoát khỏi sự hành hạ của ma quỷ, đã nói với vị thánh:

– Ta xin thề trước Thiên Chúa mà ngài tuyên xưng: hãy rửa tội cho con, vì con thấy Chúa, Đấng mà ngài rao giảng, đang ở nơi xa xăm.

Tại đó, mẹ của Artemia là Hoàng hậu Sirena cũng đang đứng đó, bà tràn ngập niềm vui khôn tả: vừa vì sự chữa lành của con gái mình, vừa vì sự hiện diện của quyền năng Chúa Kitô (vì bà là một Kitô hữu bí mật).

Sau khi chuẩn bị nước, vào ngày hôm sau, họ đã làm phép rửa cho thiếu nữ Artemisia nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, trong bí mật trước mặt hoàng đế Diocletian.

Từ đó, Thánh Kyriakos được hoàng đế Diocletianus ưu ái, người đã ban cho ngài và các bạn của ngài, là Smaragdus và Lagria, tự do, đồng thời tặng ngài một ngôi nhà gần nhà tắm công cộng của mình tại Roma, hứa hẹn cho ngài một cuộc sống bình an.

Trong khi đó, Hoàng hậu Sirena dạy dỗ con gái mình phải yêu mến Chúa Kitô bằng cả trái tim và luôn tuân giữ luật pháp của Ngài.

Một thời gian ngắn sau, Diocletian nhận được một bức thư từ vua Ba Tư; trong bức thư này, vua Ba Tư xin Diocletian gửi phó tế Cyriacus đến gặp ông, vì con gái ông đang bị quỷ ám, và con quỷ đã lên tiếng qua miệng cô, nói rằng:

– Không ai có thể đuổi ta ra ngoài ngoại trừ phó tế Kyriakos người La Mã.

Lúc đó, hoàng đế bảo vợ mình, hoàng hậu Sirene, hãy gọi Kyriakos đến và nài nỉ ông đến Ba Tư để giúp công chúa đang bị quỷ ám.

Khi thánh Kyriakos được triệu kiến đến gặp hoàng hậu và biết được sứ mệnh từ Ba Tư, ngài đã nói:

– Nhân danh Chúa của tôi, Chúa Giêsu Kitô, tôi sẽ lên đường mà không do dự!

Thánh Kyriakos được Hoàng hậu trang bị đầy đủ mọi thứ cần thiết, sau đó ngài lên đường đến Ba Tư cùng với hai người bạn của mình là Smaragd và Largius.

Khi ngài đến Ba Tư và được dẫn đến gặp công chúa đang bị quỷ ám, thì ma quỷ đã lên tiếng qua miệng nàng:

– Này, Kyriak, ta đã không khiến ngươi phải vất vả đến đây sao, như ta đã nói với ngươi trước đó?

– Ta đã đến đây, – Kiriak đáp, – nhờ sự giúp đỡ của Chúa của ta, Chúa Giêsu Kitô, để trục xuất ngươi khỏi nơi này. Vậy nên, hỡi linh hồn ô uế, ta ra lệnh cho ngươi nhân danh Chúa Giêsu Kitô: hãy ra khỏi thiếu nữ này và đừng bao giờ quay trở lại trong cô ấy nữa.

– Nhưng mà, Kiriak, ngươi đã mệt rồi và trước hết ngươi cần phải nghỉ ngơi sau chuyến đi, – con quỷ nói.

– Nhờ sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, Đấng sắp xếp mọi sự, tôi không cảm thấy mệt mỏi, – Kiriak đáp lại.

– Còn ta đây, – con quỷ tiếp lời, – ta muốn gì thì làm nấy: ta đã hứa sẽ ép ngươi đến Ba Tư, và ngươi đã đến.

– Ngươi, kẻ yếu đuối và khốn khổ, không thể làm điều mình muốn; ngươi chỉ có thể làm những gì Đấng Tạo Hóa của chúng ta cho phép mà thôi.

Lúc đó, con quỷ bắt đầu hành hạ cô gái. Còn Thánh Kyriak, quỳ sấp xuống đất, bắt đầu khóc lóc cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Trong khi đó, con quỷ gào thét với vị thánh:

– Nếu ngài đuổi ta khỏi đây, thì hãy chỉ cho ta một nơi trú ẩn mà ta có thể vào được.

Thánh nhân đáp:

– Hỡi kẻ điên rồ! Ngươi sẽ không tìm thấy nơi ẩn náu nào trong vạn vật do Chúa tạo dựng, vì sức mạnh bất khả chiến bại và toàn năng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa của ta, sẽ đuổi ngươi đi khắp mọi nơi.

Lúc đó, ma quỷ lập tức rời khỏi cô gái trẻ và, trong lúc chạy trốn, gào thét vang trời, nói:

– Ôi, danh hiệu của Đấng đuổi ta đi thật đáng sợ biết bao!

Kể từ lúc đó, cô gái trẻ đã được lành bệnh. Tên cô là Iovia. Cô đã tin vào Đấng Christ và nhận phép rửa thánh. Nhiều người trong hoàng tộc cũng đã tin vào Đấng Christ và chịu phép rửa, tổng cộng khoảng bốn trăm người. Vua Ba Tư đã dâng nhiều lễ vật cho Thánh Kyriakos. Nhưng ngài không nhận gì cả, chỉ hài lòng với một miếng bánh mì và nước. Sau khi ở lại Ba Tư bốn mươi lăm ngày, ngài rời khỏi đó, trở về từ vua Ba Tư đến hoàng đế La Mã với một lá thư cảm ơn, mà Diocletian đã tiếp nhận một cách tôn kính. Hoàng hậu Sirena và con gái bà là Artemia rất vui mừng trước sự trở về của Kyriakos.

Một thời gian ngắn sau đó, Diocletian rời Rome đi về phía Đông, còn Maximian Hercule thì đến Mediolanum[4149] , nơi cả hai đều từ bỏ ngôi vị hoàng đế của mình. Lúc bấy giờ, (Maximian khác), có biệt danh là Galerius, người mà Diocletian đã nhận làm con nuôi, rồi sau đó gả con gái mình – Valeria, chị gái lớn của Artemia – cho ông ta, đã đến Rome và bắt đầu truy lùng và giết hại các Kitô hữu. Sau khi bắt thánh phó tế Kyriak cùng với

những người khác – vì ông ta tức giận Kyriak vì Artemisia, người mà Kyriak đã dẫn dắt vào đạo Kitô – ông ta đã giam ông cùng với các bạn của ông, là Smaragd và Largius, vào ngục tối; đồng thời, tên tra tấn ra lệnh bắt Kyriakos phải đi theo sau mình trong tình trạng trần truồng và bị xiềng xích sắt ở mọi nơi mà hắn đến. Hắn làm điều này để đe dọa các Kitô hữu khác.

Một lần nọ, khi tên tra tấn đang đi đến một thành phố nào đó, ngài đã gặp Thánh Giáo hoàng Marcellus, người đã lớn tiếng nói với hắn:

– Tại sao ngươi lại giết những tôi tớ của Chúa, những người đang cầu nguyện cho vương quốc của ngươi!

Lúc đó, tên bạo chúa nổi giận, ra lệnh đánh thánh nhân bằng gậy không thương xót và bắt ông phải làm người trông coi súc vật. Vậy là, Thánh Giáo hoàng Marcellus được giao nhiệm vụ cho gia súc ăn, và các lính canh giám sát để đảm bảo ngài không lơ là trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Còn Thánh Cyriacus cùng các bạn của ngài, hoàng đế đã giao cho quan tổng trấn Carpasius của mình với lời dặn:

– Hãy thuyết phục những kẻ phù thủy này, những kẻ đang lôi kéo dân chúng theo Kitô giáo, dâng lễ vật; hãy buộc họ phải làm điều đó, dù phải dùng đến hình phạt đi chăng nữa.

Carpasius, sau khi bắt Thánh Kyriakos cùng các Kitô hữu đi cùng, đã giam họ vào ngục tối; rồi ngài ngồi trên ghế xét xử tại đền thờ Tellura, triệu tập các thánh tử đạo – phó tế Kyriakos, các bạn của ngài, Smaragda và Largia, cùng với một tù nhân thứ tư tên là Criscentia, người cũng bị giam trong ngục vì tuyên xưng danh Chúa Kitô. Karpas đã nói với các Kitô hữu như sau:

– Tại sao các ngươi không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và không dâng lễ vật cho các vị thần bất tử của chúng ta?

Kiriak và các bạn của ông đã trả lời:

– Chúng tôi dâng chính bản thân mình làm của lễ cho Đức Chúa Trời hằng sống và Chúa Giêsu Kitô của chúng tôi.

– Tuổi già của ngươi – Karpasiy nói với Kyriakos – đã làm tóc ngươi bạc trắng; nhưng giờ đây ta sẽ biến tuổi già của ngươi thành tuổi trẻ.

Nói xong, ông ra lệnh đun chảy nhựa thông và đổ lên đầu vị thánh. Còn vị thánh thì kêu lên rằng:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa, vì Ngài đã cho phép chúng con, những tôi tớ của Ngài, được bước vào cổng Nước Trời của Ngài!

Còn về thánh Criscentian, tên tra tấn đã ra lệnh treo ông trần truồng trên cột nhục nhã, đánh đập bằng dây thừng và gậy gộc, cào xé bằng móng sắt và thiêu đốt bằng lửa. Trong những cực hình đó, thánh Criscentian đã trút hơi thở cuối cùng, suốt thời gian đó vẫn không ngừng dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa.

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh mang thi thể ngài đi và vứt lại mà không chôn cất để cho chó ăn thịt, còn các thánh tử đạo khác thì lại bị giam trở lại vào ngục tối. Nhưng vị linh mục Gioan nói trên, đã đến vào ban đêm và bí mật mang thi thể vị tử đạo đi, rồi chôn cất ngài cùng với các thánh tử đạo khác.

Bốn ngày sau đó, tên tra tấn gọi riêng Kyriakos đến để thẩm vấn và hỏi ông:

– Tại sao ngươi lại muốn tự đẩy những ngày tuổi già của mình xuống địa ngục trong những cực hình khủng khiếp như vậy? Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, ngươi sẽ được sống.

– Tôi, – vị thánh đáp, – rất mong được chịu cực hình vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi; còn những ai chưa nhận biết Thiên Chúa chân thật, Đấng Tạo Hóa của họ, thì hãy dâng lễ vật cho các vị thần của các ngươi.

Karpasius, trong cơn thịnh nộ, ra lệnh treo vị thánh trần truồng lên cột nhục nhã và tra tấn ngài theo cách tương tự như đã làm với thánh Criscentius, bằng cách đánh đập bằng dây thừng và gậy, cạo da bằng móng tay, và thiêu đốt bằng lửa.

Trong khi đó, vị tử đạo của Chúa Kitô, dũng cảm chịu đựng tất cả những điều này, đã kêu lên:

– Xin thương xót con, kẻ có tội, lạy Chúa Giêsu Kitô của con! Vinh quang thuộc về Ngài, Con Thiên Chúa!

Karpasius, sau khi nhận ra rằng dù dùng bất kỳ hình thức tra tấn nào cũng không thể ép Kyriakos dâng lễ vật, đã ra lệnh chấm dứt việc tra tấn; sau đó, ông báo cáo với hoàng đế mọi điều liên quan đến Kyriakos và các vị tử đạo còn lại. Hoàng đế liền ra lệnh xử tử Kyriakos và tất cả những người đang bị giam chung với ngài trong ngục tối.

Chính trong ngục tối mà thánh Kyriak cùng các bạn hữu của ngài đang bị giam giữ, có tổng cộng hai mươi mốt tín hữu Kitô giáo, cả nam lẫn nữ. Sau khi dẫn tất cả họ ra ngoài thành, những kẻ ngoại đạo đã chặt đầu họ cùng với Thánh Kyriakos, Smaragd và Largios. Vào ban đêm, Linh mục Gioan cùng một số tín hữu Kitô giáo đã đến nơi

này; ngài đã mang thi hài các thánh tử đạo và chôn cất họ ngay tại chính nơi mà thi hài các thánh tử đạo khác đã được an táng.

Cũng vào thời điểm đó, con gái của Diocletian, công chúa hạnh phúc Artemia, lúc bấy giờ đang ở Roma, cũng đã bị tra tấn và giết chết vì tuyên xưng danh Chúa Kitô. Cô đã bị giết theo lệnh của chính tên bạo chúa vô đạo Maximian. Kẻ khốn nạn đó thậm chí còn không tha cho chính người thân ruột thịt của mình, vì Artemia là em gái ruột của vợ ông ta là Valeria, và đối với chính ông ta – người được Diocletian nhận làm con nuôi – cô cũng là em gái.

Sau khi thánh Kyriakos và các Kitô hữu khác cùng bị giam trong ngục bị sát hại, Karpasios nói trên đã xin hoàng đế cho mình ngôi nhà của gia đình Kyriakos, nằm gần các nhà tắm công cộng của Diocletian; ngôi nhà này từng được Diocletian tặng cho Kyriakos. Khi bước vào ngôi nhà này, Carpasius đã nhìn thấy trong đó một suối nước tuyệt đẹp, do Thánh Cyriacus xây dựng và được Giáo hoàng Marcellus thánh hiến; tại suối nước này, nhiều người ngoại đạo đã được rửa tội khi họ cải đạo sang Kitô giáo. Để nhạo báng và sỉ nhục các Kitô hữu, Carpasius đã biến ngôi nhà đó thành một nhà tắm công cộng và nơi đồi trụy, và bản thân ông ta thường xuyên đến đó để tắm rửa, hay nói đúng hơn là làm ô uế bản thân, bởi vì khi tổ chức tiệc tùng tại đây cùng với bạn bè, ông ta và đồng bọn đã tự làm ô uế mình bằng những tội lỗi xác thịt ghê tởm.

Một lần, hắn ra lệnh tổ chức một bữa tiệc tại đó cho riêng mình và đến đây cùng với mười chín người bạn để ăn, uống, tắm rửa và phạm tội dâm dục. Và ngay khi họ đang đắm chìm trong những hành vi ghê tởm đó, tất cả bỗng ngã xuống chết, bị một sức mạnh vô hình của Đức Chúa Trời đánh gục. Tất cả cư dân xung quanh đều kinh hoàng trước sự việc này và đã đóng đinh ngôi nhà đó lại, vì không ai dám bước vào trong.

Trong khi đó, hoàng đế vô đạo Maximianus Galerius đã rời Roma để đi về phía Đông; ngai vàng hoàng đế lúc bấy giờ thuộc về Thánh Constantine từ năm 337 (xem tiểu sử của ngài vào ngày 21 tháng 5). Cùng lúc đó, các giáo sĩ La Mã đã tụ tập vào ban đêm, đến khu sân nơi Thánh Marcellus được giao nhiệm vụ chăn nuôi gia súc, và đưa vị tổng giám mục của họ ra khỏi đó.

Sau khi chiếm đoạt ngai vàng La Mã một cách tham lam, Maxentius, cũng như những người tiền nhiệm của ông, bắt đầu đàn áp các Kitô hữu.

Vào thời điểm đó, tại Rôma có hai người phụ nữ thuộc dòng dõi quý tộc thượng nghị sĩ, tên là Priscilla và Lucina. Cả hai đều là góa phụ và là những tôi tớ trung thành của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà họ phụng sự với lòng nhiệt thành sâu sắc. Hai người phụ nữ này sở hữu nhiều tài sản, nhờ đó họ đã giúp đỡ các thánh trong mọi nhu cầu của họ.

Họ đã xây dựng những ngôi mộ rất đẹp trong các điền trang của mình để an táng thi hài các thánh tử đạo, vì lúc bấy giờ có vô số tín hữu Kitô giáo bị giết hại vì tuyên xưng danh Chúa Kitô. Priscilla đã xây dựng một ngôi mộ cách thành phố ba po, dọc theo con đường Salaria, còn Lucina – cách bảy po dọc theo con đường Ostia[4149] . Vào ban đêm, họ lén lút thu thập thi thể các vị tử đạo, những thi thể bị những kẻ ngoại đạo ném cho chó, thú dữ và chim chóc ăn thịt, rồi an táng họ một cách trang trọng trong các ngôi mộ của mình. Và rồi, khi Thánh Marcellus được các linh mục của ngài dẫn ra khỏi sân, nơi ngài đang cho thú vật ăn, ngài cùng với Thánh nữ Lukina đã đến nơi mà Thánh tử đạo Cyriacus cùng với Smaragdus và Largius đã bị chém đầu; sau khi đào các thánh tích của các ngài lên khỏi mặt đất và quấn chúng trong những tấm vải sạch có hương thơm, họ mang các thánh tích về lăng mộ thuộc về Lukina, rồi an táng chúng một cách trang trọng trong những quan tài bằng đá.

Vào thời điểm đó, Thánh nữ Lukina đã hiến tặng nhiều tài sản của mình cho Giáo hội Rôma; còn ngôi nhà tuyệt đẹp của bà, tọa lạc ngay trung tâm thành phố Rôma, bà đã hiến tặng cho các tín hữu để họ biến nó thành nhà thờ. Đức Giáo hoàng đã làm phép ngôi nhà này theo nghi thức giáo hội quy định và cử hành Thánh lễ tại đó, dâng những của lễ vô huyết lên Thiên Chúa, ngày đêm ngợi khen Thiên Chúa. Và như vậy, ngôi nhà của Lukina đã trở thành nhà của Thiên Chúa và là nhà thờ chính tòa tại Roma.

Sự việc này đã đến tai vị hoàng đế vô đạo. Vị hoàng đế này, vì tức giận với Lukina, đã ra lệnh trục xuất bà khỏi thành phố một cách nhục nhã như một kẻ tội lỗi lớn, đồng thời ra lệnh tịch thu toàn bộ tài sản của bà để phân phát cho đám đông cướp bóc. Ông ta cũng cố gắng lôi kéo Đức Giáo hoàng Marcellus theo con đường vô đạo của mình, nhưng hoàn toàn thất bại. Khi biết rằng Thánh Marcellus đã bị người tiền nhiệm của ông là Maximian kết

[4149] Con đường Ostia dẫn đến Ostia, cảng của thành phố Roma, được xây dựng tại cửa sông Tiber. Những tàn tích của cảng này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay; do sự bồi đắp của cát ven bờ, nó hiện đã cách bờ khoảng một giờ đi đường.

án phải làm công việc chăn nuôi gia súc, ông cũng ra phán quyết tương tự đối với vị thánh này. Muốn làm nhục không chỉ Đức Giáo hoàng mà cả Giáo hội, ông đã biến ngôi nhà tuyệt đẹp của Lukina – vốn được thánh hiến cho Giáo hội – thành chuồng gia súc và ra lệnh nuôi rất nhiều gia súc ở đó. Còn đối với Đức Giáo hoàng Thánh Marcellus, hắn ra lệnh rằng trong suốt quãng đời còn lại cho đến khi qua đời, ngài phải sống dưới sự canh giữ và chăn dắt gia súc trong ngôi nhà đó.

Vậy là, vị mục tử thánh thiện nhất và người dẫn dắt các linh hồn con người này đã phải làm công việc chăn nuôi gia súc trong suốt chín tháng; vị tôi tớ vĩ đại của Chúa, giống như một nô lệ bị bắt làm tù binh, đã trở thành đối tượng bị những kẻ thờ thần tượng vô đạo nhạo báng. Ngài luôn bận rộn với công việc, đến nỗi hoàn toàn không có chút nghỉ ngơi hay bình an nào, và phải chịu thiếu thốn trầm trọng ngay cả những thứ thiết yếu nhất; ngài không có đủ thức ăn cũng như quần áo, vì những người canh gác không cho phép ai đến gặp ngài hay mang bất cứ thứ gì đến cho ngài. Quần áo của ngài chỉ gồm duy nhất một chiếc áo lông dê gai trên người. Do những vất vả, đau khổ, thiếu thốn những thứ thiết yếu nhất, cũng như do mùi hôi thối của gia súc, Thánh Marcellus đã suy kiệt về thể xác, lâm bệnh và phó thác linh hồn đầy đau khổ của mình vào tay Thiên Chúa[4150] . Chính linh mục Gioan đã mang thi hài ngài đi vào ban đêm, đưa về lăng mộ Priscillina và, sau khi triệu tập các giáo sĩ, đã an táng ngài tại đó một cách trang trọng.

Vậy là Đức Giáo hoàng Rôma thánh thiện nhất Marcellus đã kết thúc cuộc đời mình, trước tiên đã dẫn dắt vô số con cái của ngài trên con đường tử đạo về với Thiên Chúa, rồi sau đó chính ngài cũng theo chân họ để cùng các vị thánh giám mục trình diện trước ngai vàng của Đấng Thượng Tế Vĩ Đại, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng mà vinh quang được dâng lên ngay bây giờ và cho đến muôn đời. A-men.

Lễ kính các thánh nữ tử đạo Kyriakia, Kaleria và Maria

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 6

Các nữ tử đạo của Chúa Kitô là Kyriakia, Kaleria (hay Valeria) và Maria xuất thân từ thành phố Caesarea ở Palestine[4151] . Được một tín hữu Kitô giáo hướng dẫn về đức tin Kitô giáo, họ đã từ bỏ những lễ tế tà thần ghê tởm, đến với Chúa Kitô và chịu phép rửa tội. Sau đó, họ định cư trong một túp lều, sống trong im lặng và cầu nguyện cùng Thiên Chúa, mong rằng sự lừa dối của việc thờ ngẫu tượng sẽ tan biến, đức tin vào Chúa Kitô sẽ chiếu sáng khắp thế giới, và nhờ đó, sự bắt bớ đối với các Kitô hữu sẽ chấm dứt. Khi họ đang sống như vậy trong sự tôn kính và cầu nguyện, họ đã bị những kẻ thờ ngẫu tượng vu khống trước mặt quan cai trị của đất nước đó và bị ép buộc phải từ bỏ Chúa Kitô để thờ lạy các thần tượng. Nhưng họ tuyệt đối không muốn làm điều đó. Vì thế, họ đã bị tra tấn dã man một cách không thương xót, và trong những cực hình ấy, họ đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa.

Lễ kính Thánh Tử đạo Marcellinus.

Ngày kỷ niệm: 7 tháng 6

Đức Giáo hoàng Marcellinus lên ngôi vào thời trị vì của Diocletian và Maximian, sau khi Đức Giáo hoàng Cai qua đời[4152] , trong thời kỳ bách hại tàn bạo nhất đối với các Kitô hữu, khi trong vòng ba mươi ngày tại Rôma, mười bảy nghìn Kitô hữu nam nữ đã bị tiêu diệt sau khi phải chịu đủ loại hình tra tấn. Cũng trong thời gian này, Đức Giáo hoàng Marcellinus đã bị bắt và bị đưa đến thẩm vấn trước Diocletian. Tuy nhiên, vì sợ hãi trước những

---

[4150] Thánh Tử đạo Marcellus, Giáo hoàng Rôma, đã qua đời vào năm 310. Ngài đã lãnh đạo Giáo hội Rôma trong vòng năm năm sáu tháng (từ năm 304 đến năm 310). Các vị tử đạo nam và nữ khác được nhắc đến trong tiểu sử của Thánh Giáo hoàng Marcellius đã chịu tử đạo sớm hơn một chút, vào các năm 305 và 306.

[4151] Césarea Palestine tọa lạc trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải. Vào thời cổ đại, Césarea là nơi cư ngụ của các quan tổng trấn La Mã và là trung tâm của đời sống chính trị-xã hội của đất nước. – Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Cêsarea Palestine nổi bật bởi đây là nơi lần đầu tiên các dân ngoại được phép vào Giáo hội của Chúa Kitô nhờ Thánh Phêrô, người đã làm phép rửa cho viên sĩ quan Cornelius (Công vụ 10). Cũng chính tại đây đã diễn ra phiên tòa cuối cùng đối với Thánh Phaolô (Công vụ 25 – Công vụ 27). Ở Palestine còn có một thành phố Caesarea khác, khác với thành phố này, được gọi là Caesarea Philippi. Thành phố này nằm ở thượng nguồn sông Jordan.

[4152] Caio đã lãnh đạo Giáo hội La Mã từ năm 283 đến năm 296.

hình phạt tàn bạo, ngài đã thắp hương trên bàn thờ thần tượng và dâng lễ vật cho Vesta và Isis[4153] . Muốn thưởng cho ngài, hoàng đế đã cho ngài mặc áo quần quý giá và gọi ngài là bạn của mình.

Sau đó, khi trở về nhà, Marcellinus đã khóc nức nở và than khóc như Thánh Phêrô ngày xưa, người đã chối Chúa Kitô (Mt 26:75). Marcellinus bắt đầu tự trách móc và tự quở trách bản thân, bởi dù đã củng cố đức tin cho nhiều người và khích lệ họ thực hiện hành động tử đạo, nhưng chính ông lại sa ngã khỏi đức tin một cách nhục nhã nhất. Suy ngẫm về điều này, Đức Giáo hoàng vô cùng đau buồn trong lòng.

Vào thời điểm đó, tại thành phố Sinuessa thuộc vùng Campania[4154] , đang diễn ra một công đồng giáo hội địa phương[4155] , nơi quy tụ nhiều giám mục và linh mục, tổng cộng một trăm tám mươi người. Marcellinus cũng đã đến tham dự công đồng này. Mặc bộ áo vải thô, rắc tro lên đầu với lòng ăn năn, ngài bước vào hội đồng trước các vị cha và, đứng trước mặt họ như một bị cáo, ngài đã công khai thú nhận tội lỗi của mình trước mọi người. Trong khi rơi những giọt nước mắt đắng cay, ngài xin các vị cha đáng kính xét xử mình. Các vị cha thì nói:

– Hãy tự kết án chính mình bằng chính đôi môi của ngươi: tội lỗi đã phát ra từ miệng ngươi; thì cũng chính đôi môi ấy hãy thốt lên lời kết án. Chúng ta biết rằng ngay cả Thánh Phêrô cũng đã chối Chúa vì sợ hãi, nhưng sau khi khóc than cay đắng vì tội lỗi của mình, ngài đã lại được Chúa thương xót.

Rồi Markellin đã tuyên án như sau đối với chính mình:

– Tôi thừa nhận mình bị tước bỏ chức thánh, chức vụ mà tôi không xứng đáng. Vì điều này, sau khi tôi qua đời, thi thể tôi đừng được chôn cất theo nghi thức thông thường, mà hãy để nó bị ném cho chó ăn; ai dám chôn cất nó thì sẽ bị nguyền rủa.

Sau khi trở về Rôma sau khi các phiên họp công đồng kết thúc, Marcellinus mang theo bộ áo quần quý giá mà ông nhận được từ Diocletian, đến gặp vị hoàng đế này, ném bộ áo quần xuống trước mặt ông ta, vạch trần ông ta, lên án các vị thần giả dối của ông ta, và tự xưng mình là một tội nhân nặng nề, đồng thời khóc lóc thảm thiết. Tràn đầy cơn giận, hoàng đế ra lệnh tra tấn ngài, rồi kết án tử hình. Và thế là vị thánh Marcellinus được dẫn ra ngoài thành cùng với ba tín hữu Kitô giáo – Claudius, Cyrinus và Antoninus – để bị chém đầu. Đi theo sau ngài là linh mục Marcellus, người sau này kế vị ngai tòa Giáo hoàng. Khi được gọi lại, vị tử đạo của Chúa Kitô là Marcellinus đã khuyên nhủ ông hãy vững vàng trong đức tin. Ông cũng nói về thi thể của mình rằng đừng ai dám chôn cất nó dưới đất, mà hãy ném nó cho chó ăn:

– Tôi không xứng đáng – ngài nói – được chôn cất theo nghi thức của loài người, không xứng đáng để đất nhận lấy tôi, vì tôi đã từ chối Chúa của tôi, Đấng Tạo Hóa trời đất!

Khi đến nơi hành hình, vị thánh tử đạo Marcellinus đã sốt sắng cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Đấng đón nhận những tội nhân ăn năn, và sẵn lòng dâng cổ mình để bị chém, rồi ngài đã chết vì Chúa Kitô, Đấng mà trước đó ngài đã từ chối vì sợ hãi những cực hình[4156] . Cùng với ngài, ba người đàn ông đã được nhắc đến là Claudius, Cyrinus và Antoninus cũng bị chặt đầu, và thi thể của họ bị vứt bỏ bên đường mà không được chôn cất. Tuy nhiên, sau vài ngày, các tín hữu đã lén lấy thi thể của Claudius, Cyrinus và Antoninus vào ban đêm – và chôn cất họ; còn thi thể của Marcellinus thì không ai dám mang đi chôn cất, vì ông đã thề không để thi thể mình được chôn cất; và thi thể cao quý của vị tử đạo vì Chúa Kitô đã nằm bên đường suốt ba mươi sáu ngày. Sau khoảng thời gian đó, Thánh Tông đồ Phêrô đã hiện ra với Đức Giáo hoàng Marcellus mới được tấn phong và nói:

– Tại sao cho đến giờ này ngươi vẫn chưa chôn cất thi thể của Marcellinus?

– Tôi sợ lời thề của ngài, – Marcellus đáp, – vì ngài đã thề sẽ không chôn cất thi thể của mình.

[4153] Vesta hay Hestia – được người La Mã và Hy Lạp cổ đại coi là nữ thần bảo trợ cho lò sưởi gia đình và ngọn lửa hiến tế. Người ta thường dâng lễ vật cho bà trước khi bắt đầu bất kỳ việc quan trọng nào, chính vì vậy mà người ngoại đạo đã có câu ngạn ngữ: "bắt đầu từ Vesta". Tại Rome, một ngôi đền đã được xây dựng để tôn vinh nữ thần Vesta trong một khu rừng nhỏ, trên sườn đồi Palatine. Trong ngôi đền này có một bàn thờ, trên đó ngọn lửa luôn bùng cháy, được duy trì bởi các nữ tu của nữ thần – các Vesta. Lễ hội chính để tôn vinh nữ thần Vesta được tổ chức tại Rome vào tháng Sáu. – Isis – nữ thần của sự sinh sôi nảy nở. Isis vốn là nữ thần của Ai Cập cổ đại, nhưng vào những thế kỷ đầu sau Công nguyên, tín ngưỡng thờ phụng bà đã lan rộng sang Hy Lạp và Ý, nơi người ta đã xây dựng rất nhiều đền thờ để tôn vinh bà.

[4154] Campania – một vùng đất ở Ý cổ đại, giáp với Latium ở phía tây, Samnium ở phía bắc, Lucania ở phía đông và Biển Tyrrhenian ở phía nam. Chính tại vùng đất Ý này, người ta bắt đầu đúc chuông lần đầu tiên (từ thế kỷ VIII), đó là lý do tại sao trong các quy định của Giáo hội, chúng được gọi là "campana".

[4155] Lễ tấn phong này diễn ra vào khoảng năm 300.

[4156] Thánh Giáo hoàng Marcellinus qua đời vào khoảng năm 300.

– Ngươi chẳng nhớ sao, – vị Tông đồ nói, – lời đã chép rằng: *"Ai hạ mình xuống thì sẽ được nâng lên"* (Lc 18,14). Vậy thì, hãy đi và an táng thi hài ngài một cách trang trọng.

Rồi Đức Giáo hoàng Marcellinus đã nhận lấy thi hài thánh của vị tử đạo và an táng chúng trong lăng mộ của Priscilla – nằm bên đường Salaria.

Vậy là vị thánh tử đạo Giáo hoàng Marcellinus đã qua đời, để lại gương mẫu sám hối cho nhiều người vào thời đó đã sa vào tội lỗi tương tự (vì lúc bấy giờ nhiều người đã từ bỏ Chúa Kitô vì sợ hãi trước những cực hình). Còn chúng ta, chúng ta luôn ca ngợi lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa, mãi mãi và đến muôn đời. Amen.

Ngày 21 tháng 6

Ngày 8 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Cha Efrem, Tổng Giám mục Antioch

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 6

Thánh Ephrem ban đầu là một tướng quân ở phương Đông dưới triều đại các hoàng đế Anastasius[4157] và Justinus[4158] . Sau đó, ngài được bổ nhiệm làm Thượng phụ Antioch[4159] , với tư cách là một người đạo đức, sống một cuộc đời đức hạnh và làm đẹp lòng Chúa, rất nhân từ với những người nghèo khó, đầy lòng thương xót đối với tất cả những ai đang gặp hoạn nạn và bất hạnh. Việc ngài được bầu làm Thượng phụ là nhờ ân sủng của Thiên Chúa và sự mặc khải dành cho vị giám mục thánh thiện duy nhất còn sống vào thời điểm thành phố Antioch đang được tái thiết sau khi bị tàn phá.

Vào thời điểm đó, do sự gia tăng của các tà thuyết và những kẻ tà giáo tại Antioch – như những người theo phái Nestorian[4160] , phái Eutychian[4161] và những phái khác – đã có những lời phỉ báng về thần tính của Đức Kitô và làm tổn hại đến danh dự của Đức Mẹ Thiên Chúa; vì vậy, cơn thịnh nộ của Thiên Chúa đã giáng xuống thành phố Antioch. Vào ngày 29 tháng 5, vào giữa trưa, vào ngày thứ Sáu, một trận động đất kinh hoàng đã bắt đầu tại đây; đồng thời, ngọn lửa đã bao trùm toàn bộ thành phố. Trận động đất đã phá hủy các tòa nhà bằng đá và tường thành; còn ngọn lửa thì thiêu rụi tất cả những gì còn lại; điều này nhằm cho mọi người thấy cơn thịnh nộ vĩ đại của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi của loài người. Antioch suýt nữa đã trở thành như Sodom và Gomorrah[4162] , bởi phần lớn thành phố đã bị hủy diệt, và cùng với đó là vô số cư dân đã thiệt mạng; trong số đó, một số người bị chôn vùi dưới những tòa nhà sụp đổ, số khác bị thiêu rụi trong ngọn lửa; trong số những người khác, Đức Thượng phụ Euphrasius của Antioch đã qua đời dưới một cột đá sụp đổ[4163] . Lúc đó, giữa những người còn sống sót vang lên tiếng khóc than và tiếng nức nở đau đớn; còn cư dân của tất cả các thành phố và vùng lân cận đều rơi vào sự sợ hãi và kinh hoàng tột độ trước những gì đã xảy ra. Cơn thịnh nộ thiêng liêng này, đã giáng xuống Antioch một cách dữ dội, đã

[4157] Anastasius I trị vì từ năm 491 đến năm 518.

[4158] Giustinus I trị vì từ năm 518 đến năm 527.

[4159] Ephrem giữ chức Tổng Giám mục từ năm 527 đến năm 545.

[4160] Thuyết Nestorian được thành lập bởi Nestorius, Giám mục Constantinople (giữ chức từ năm 428 đến năm 431), người đã dạy rằng Chúa Giêsu Kitô không phải là Thiên Chúa thật, mà chỉ là con người, con của Giuse và Maria, được ban ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa nhờ đời sống thánh thiện, và cứu độ chúng ta không phải nhờ công nghiệp cứu chuộc của Ngài, mà chỉ nhờ giáo huấn và gương sáng của đời sống Ngài. Thuyết Nestorian đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ III, diễn ra tại Ê-phê-sô (năm 431). Mặc dù bị công đồng lên án, tà thuyết Nestorian vẫn tồn tại cho đến thế kỷ VII tại Ba Tư, Ấn Độ và Trung Quốc.

[4161] Tà thuyết Eutychian được thành lập bởi Archimandrite Eutychius của Constantinople, người dạy rằng Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính – bản tính thần thánh, trong khi Giáo hội Chính thống luôn công nhận và vẫn công nhận trong Chúa Giêsu Kitô hai bản tính, không hợp nhất và không tách rời: bản tính thần thánh và bản tính con người; những người theo Eutychianism còn được gọi là những người theo thuyết đơn bản tính (hoặc "những người tin vào bản tính duy nhất" – từ tiếng Hy Lạp μονος – một và φυσις – bản tính). Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ IV, diễn ra tại thành phố Chalcedon vào năm 451, nhưng vẫn tồn tại cả vào thời Thánh Ephrem (thế kỷ VI), và thậm chí còn kéo dài đến tận thời gian muộn hơn nhiều.

[4162] Sô-đôm và Gô-mô-ra – là hai thành phố ở Palestine, nằm trong thung lũng sông Giô-đanh và nổi tiếng vì sự gian ác, chính vì thế mà đã bị Đức Chúa Trời hủy diệt (xem Sáng Thế Ký 19:1–28).

[4163] Euphrasius giữ chức Thượng phụ từ năm 523 đến năm 527.

được một số vị thánh phụ nhìn thấy bằng con mắt thiêng liêng, dù họ đang ở rất xa thành phố (chẳng hạn như Thánh Theodosius Đại Đế, lúc đó đang ở Palestine, và Thánh Zosima, lúc đó đang ở Caesarea thuộc Palestine). Vì vậy, họ đã khóc lóc và khẩn cầu Thiên Chúa đừng hủy diệt hoàn toàn thành phố mà Ngài đã phẫn nộ một cách công chính.

Sau trận động đất kinh hoàng và trận hỏa hoạn dữ dội đó, Hoàng đế Justin đã cử Tướng quân phương Đông, vị thánh Ephrem đáng kính này, đến Antioch với mục đích xây dựng lại thành phố bằng những công trình mới. Ephrem đã tận tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trong số những người làm việc ở đó có một vị giám mục, lúc bấy giờ chưa ai biết đến, người đã từ bỏ chức vụ và danh hiệu giám mục, rồi dưới vỏ bọc của một người ăn xin, cùng các công nhân khác tham gia xây dựng công trình.

Một lần nọ, vị tướng quân Ephrem đã nhận được sự mặc khải sau đây về vị giám mục này. Mệt mỏi vì công việc, vị giám mục nằm xuống đất để ngủ; lúc đó, người ta thấy trên đầu ông một cột lửa vươn cao chạm tới trời. Thánh Efrem ( ) đã chứng kiến điều này không chỉ một, hai lần, mà nhiều lần, và ông vô cùng kinh hoàng trước những gì mình thấy, vì quả thực phép lạ này thật đáng sợ và đầy kinh hoàng.

Trong khi đó, quan tổng trấn không biết rằng người lao động này chính là vị giám mục, bởi vì nhìn bề ngoài thì không thể nhận ra ông là ai. Ông trông giống như một người ăn xin bình thường: đầu ông luôn phủ đầy bụi, quần áo chỉ là những mảnh vải rách rưới, dính đầy bùn đất, thân thể ông tiều tụy vì lao động vất vả và sự kiêng khem vô độ. Sau khi gọi người lao động này lại, Ephrem bắt đầu hỏi riêng anh ta xem anh ta là ai, đến từ đâu và tên là gì. Anh ta trả lời:

– Tôi là một trong những người nghèo nhất thành phố này; vì tôi không có đủ thức ăn để sinh tồn, nên tôi làm việc để kiếm tiền, và Chúa nuôi dưỡng tôi.

Lúc đó, Efrem, được Chúa soi sáng, nói với anh ta:

– Hãy tin tôi, tôi sẽ không để anh đi cho đến khi anh nói cho tôi biết toàn bộ sự thật.

Không còn cách nào để che giấu thân phận nữa, vị giám mục nói với vị tướng quân:

– Hãy hứa với tôi trước mặt Đức Chúa Trời rằng anh sẽ không nói với ai về tôi chừng nào tôi còn sống.

Ê-phra-im đã thề hứa với ông ta điều đó. Lúc đó, người lao động nói:

– Tôi từng là giám mục, nhưng đã từ bỏ chức vụ đó vì Chúa và đến đây sống giữa những người lạ mặt; bằng công việc lao động ở đây, tôi kiếm được miếng ăn khiêm tốn; nhưng tên tôi và thành phố nơi tôi từng làm giám mục, tôi sẽ không nói cho ngài biết. Còn ngươi, hãy thêm một ân huệ nữa vào những ân huệ mà ngươi đang ban phát. Trong những ngày tới, Chúa sẽ đưa ngươi lên ngai giám mục của Giáo hội Antiôkhia này – *"để chăn dắt Hội Thánh của Chúa và Đức Chúa Trời, mà Ngài đã mua chuộc bằng chính Huyết của Ngài"* (Công vụ 20:28) – Đức Chúa Trời chân thật của chúng ta. Vậy, hãy ban phát, như tôi đã dặn ngài, những ân huệ dồi dào và, khi đối đầu với những kẻ dị giáo, hãy kiên định bảo vệ đức tin Chính Thống. Bằng những việc làm cao cả ấy, ngài sẽ làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Nói xong, vị giám mục vô danh ấy đã rời khỏi Ephrem.

Trong khi đó, thánh Ephrem, sau khi nghe những lời ấy, vô cùng kinh ngạc và tự nhủ: "Chúa có biết bao nhiêu tôi tớ thầm kín, mà chỉ một mình Ngài mới biết!"

Còn vị giám mục ấy thì không còn ở lại giữa những người lao động nữa, mà đã lui về một nơi khác; ngài không muốn bị người ta nhận ra, vì ngài tránh xa sự vinh quang hão huyền của loài người. Lời tiên tri của ngài đã ứng nghiệm ngay sau đó, vì chỉ sau vài ngày, Thánh Ephrem, theo ý định của Thiên Chúa, đã được bổ nhiệm làm tổng giám mục của thành phố vĩ đại Antioch.

Sự nhiệt thành của Đức Thượng phụ Ephrem đối với đức tin và sự thánh thiện là như thế nào, điều này được thể hiện rõ ràng qua những điều sau đây.

Một lần nọ, ông được báo tin về một vị tu sĩ sống trên cột, cư ngụ ở vùng lân cận Hierapolis[4164] – chính Ephrem đã được cho biết rằng vị tu sĩ trên cột ấy có quan hệ với những kẻ dị giáo thuộc phái Severian[4165] . Vị Tổng

[4164] Hierapolis nằm ở vùng Phrygia thuộc Tiểu Á.

[4165] Những người theo phái Severian là những kẻ dị giáo đã chấp nhận tà thuyết Monophysite dưới một hình thức biến thể. Dù cũng chỉ công nhận một bản tính duy nhất trong Đức Giêsu Kitô – đó là bản tính thần linh – giống như các dị giáo phái Monophysite, nhưng những người theo phái Severian lại thừa nhận sự khác biệt giữa các thuộc tính thần linh và nhân loại trong bản tính đó; do đó, họ khẳng định rằng

Giám mục vĩ đại của Đức Chúa Trời khi đó đã đích thân đến gặp ông ta và khuyên nhủ, thậm chí còn khóc lóc van nài, để ông ta từ bỏ sự lầm lạc của Severian và gia nhập vào sự hiệp thông với Giáo Hội Thánh Tông Đồ. Nhà tu hành trên cột đã trả lời Đức Thượng Phụ như sau:

– Tôi sẽ không bao giờ gia nhập Giáo hội của ngài!

– Ngươi muốn bằng cách nào – vị Thượng phụ hỏi – để thấy bằng chứng rằng nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Giáo Hội Thánh Tông Đồ thống nhất được giải thoát khỏi sự lầm lạc của những kẻ vô tín?

Với ý định dọa nạt Đức Thượng phụ, người tu hành trên cột trả lời:

– Thưa Đức Thượng phụ, hãy ra lệnh đốt một đống lửa lớn và cả hai chúng ta cùng bước vào đó: ai bước ra khỏi lửa mà vẫn nguyên vẹn và không bị thương tích thì người đó mới là người có đức tin chân chính; và tất cả chúng tôi sẽ theo người đó!

Đức Thượng phụ đáp lại người tu hành trên cột:

– Ngươi nên nghe lời ta như nghe lời cha, và đừng thử làm những điều vượt quá sức lực của chúng ta. Nhưng nếu ngươi muốn thử những điều vượt quá sức lực của kẻ hèn mọn như ta, thì ta, nhờ cậy vào lòng thương xót của Con Thiên Chúa toàn năng, tin rằng Ngài sẽ thực hiện điều này để cứu rỗi linh hồn ngươi.

Sau đó, Đức Thượng phụ nói với những người có mặt:

– Nguyện Chúa được ngợi khen! Hãy mang củi đến đây.

Khi đã mang đến rất nhiều củi, vị tổng giám mục ra lệnh đốt một đống lửa khổng lồ gần cột, rồi nói với người tu hành trên cột:

– Hãy xuống khỏi cột, và theo lời ngươi đã nói, cả hai chúng ta sẽ cùng bước vào ngọn lửa.

Trong khi đó, người tu trên cột kinh ngạc trước đức tin nồng nàn của vị tổng giám mục và niềm tin vững chắc của ngài vào Đức Chúa Trời, nên không muốn xuống khỏi cột.

Lúc đó, vị tổng giám mục nói với anh ta:

– Chẳng phải chính ngươi đã quyết định như vậy sao? Chẳng phải chính bằng cách này mà ngươi muốn thử thách Đức Chúa Trời sao? Vậy tại sao bây giờ ngươi lại không muốn bước vào ngọn lửa?

Sau đó, vị Thượng phụ cởi áo choàng, bước đến gần đống lửa, ngước mắt lên trời và cầu nguyện với Đức Chúa Trời, nói: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đức Chúa Trời của chúng con, Đấng đã thương xót nhập thể và sinh ra từ Đức Mẹ Maria, Nữ Vương Vô Nhiễm Nguyên Tội và Trinh Nữ Vĩnh Cửu của chúng con, vì sự cứu rỗi của chúng con! Xin hãy chỉ cho chúng con đức tin chân chính ngay lúc này."

Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, Đức Thượng phụ ném chiếc áo choàng của mình vào giữa ngọn lửa.

Mặc dù ngọn lửa đã cháy khoảng ba giờ và củi đã bùng cháy dữ dội, Đức Thượng phụ vẫn lấy chiếc áo choàng của mình ra khỏi lửa, vẫn nguyên vẹn và không hề hấn gì.

– Ngạc nhiên trước tất cả những gì đã xảy ra, vị tu sĩ sống trên cột nhận ra rằng đức tin chân chính chính là đức tin của Đức Thượng phụ; vì vậy, ông đã từ bỏ sự vô đạo của mình, nguyền rủa Severus, quay về với Giáo Hội Thánh Tông Đồ và từ tay Đức Thượng Phụ Ephrem, ông đã rước Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô, và ngợi khen Thiên Chúa.

Vị thánh nhân vĩ đại này của Đức Chúa Trời đã thực hiện nhiều phép lạ khác nữa.

Sau khi chăn dắt đoàn chiên một cách xứng đáng, ngài đã về với Thiên Chúa[4166] , Đấng mà ngài đã phụng sự bằng đức tin và sự trung thành trong suốt những ngày sống trần thế của mình. Ngài đã bước vào niềm vui của Chúa mình, và Đấng mà ngài đã tôn vinh cách thánh thiện trên trần gian, nay ngài đang tôn vinh Ngài trên trời cùng với tất cả các thánh. Amen.

---

xác thịt của Đức Kitô trước khi phục sinh cũng là xác thịt hư nát, giống như xác thịt của chúng ta. Tên gọi của tà thuyết này bắt nguồn từ tên của Severus, Thượng phụ Antioch (từ năm 512 đến năm 518).

[4166] Thánh Ephrem qua đời vào năm 545. Thánh Simeon của Mount Athos đã được báo trước từ trên cao về sự ra đi của ngài; vào lúc ngài qua đời, ngài đã thấy linh hồn của Thánh Ephrem được các Thiên thần đưa lên cùng Thiên Chúa (để biết thêm chi tiết về điều này, quý vị có thể đọc trong cuốn tiểu sử của Thánh Simeon của Mount Athos – vào ngày 24 tháng Năm). Thượng phụ Photius (đã lãnh đạo Giáo hội Constantinopolis từ năm 857 đến năm 867; sau đó lần thứ hai – từ năm 877 đến năm 886) làm chứng về Thánh Ephrem rằng, mặc dù ngài là người gốc Syria về nguồn gốc và ngôn ngữ, nhưng ngài cũng thông thạo tiếng Hy Lạp một cách điêu luyện. Hầu hết các tác phẩm của Thánh Ephrem đều được viết để bảo vệ giáo lý Chính thống về Ngôi Vị của Chúa Giêsu Kitô và sự kết hợp trong Ngài của hai bản tính – thần tính và nhân tính – chống lại các nhà đơn tính luận.

Lễ kỷ niệm Thánh Zosima, vị cha đáng kính của chúng ta.

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 6

Thánh Zosima là người gốc Phoenicia, sinh ra tại làng Sindé ven biển thuộc Phoenicia, cách thành phố Tyre hai mươi stade. Thông qua việc tu tập các công đức tu hành, Thánh Zosima, nhờ sự tiết độ, ăn chay và các đức tính cao quý khác tỏa sáng trong ngài, đã xin được ân sủng vĩ đại từ Thiên Chúa đến nỗi không chỉ luôn thanh thản trong lương tâm mà còn nhìn thấu tương lai xa xôi như thể đó là hiện tại bằng đôi mắt thiêng liêng của mình. Tu viện của ngài nằm gần làng Sindy, nơi ngài sinh ra.

Một lần nọ, ngài có dịp đến thành Cêsarea ở Palestine, nơi lúc bấy giờ Đức Giám mục là Thánh Gioan, biệt danh là Hozevit, người đã được bổ nhiệm vào chức vụ giám mục nhờ đời sống đạo đức, mặc dù ngài không muốn rời khỏi tu viện Hozevit, nằm không xa Jerusalem, trên con đường dẫn đến Jericho[4167] . Cũng tại thành phố Caesarea đó, có một quý tộc[4168] tên là Arkesilaus – một người đàn ông đạo đức, được trang bị đủ mọi đức hạnh. Tại nhà ông, vị thánh Zosima đang cư ngụ, người trước đây đã được tiếp đón với sự tôn kính và niềm vui. Ngay tại thời điểm thành Antioch sụp đổ vì trận động đất[4169] , vị tu sĩ già bỗng nhiên rên rỉ, khóc lóc thảm thiết và thở dài từ tận đáy lòng; ông đã rơi rất nhiều nước mắt. Sau đó, ngài xin một lư hương, đổ đầy nhũ hương và than hồng vào đó, rồi xông hương cho tất cả những người có mặt tại đó; sau đó, ngài nằm sấp trên mặt đất theo hình chữ thập và bắt đầu cầu nguyện với Chúa một cách đầy xúc động. Lúc đó, Arkesilaus hỏi ngài:

– Tại sao ngươi lại buồn bã đến thế?

Ông trả lời trước mặt mọi người:

– Tiếng ồn ào về sự tàn phá khủng khiếp và sự sụp đổ của Antioch đã văng vẳng đến tai tôi; tiếng ồn ào ấy vẫn còn vang vọng trong tai tôi cho đến bây giờ.

Arkesilaus và những người khác có mặt tại đó, vừa ngạc nhiên vừa kinh hoàng, đã ghi lại thời khắc mà vị thánh nhân nói ra những lời ấy; rồi chẳng bao lâu sau, họ nhận ra rõ ràng rằng những gì vị lão nhân nói là sự thật, bởi vì Antioch đã sụp đổ chính vào thời điểm mà vị lão nhân, với đôi mắt đẫm lệ, nằm sấp xuống để cầu nguyện và báo trước về sự sụp đổ đó. Vị thánh nhân còn thực hiện nhiều phép lạ khác nữa; chúng ta sẽ đề cập đến một số trong số đó ở đây.

Có lần, Arkesilaus, người đã được nhắc đến ở trên, đến tu viện của vị thánh ở Sindus. Tu viện này cách Caesarea ở Palestine năm trăm stadia. Vào thời điểm đó, vợ của Arkesilaus do bất cẩn đã đâm vào mắt mình bằng một cây kim và phải chịu đau đớn tột cùng. Khi Đức Giám mục thánh Gioan Hozevit biết tin này, ngài vội vã đến thăm bà để kiểm tra vết thương và thấy rằng lông mi của bà đã rụng hết, còn con mắt thì đã lồi ra khỏi hốc mắt. Ngài liền ra lệnh cho một trong những bác sĩ có mặt tại đó lấy một miếng bọt biển, đặt con mắt đã rơi ra vào đúng vị trí, rồi dùng một chiếc khăn quấn chặt miếng bọt biển lại.

Khi tất cả những điều này đang diễn ra, một sứ giả đã vội vã đến gặp Arkesilaus để báo cáo mọi chuyện đã xảy ra tại nhà ông. Lúc đó, Arkesilaus đang ở tu viện Sindia và trò chuyện với Thánh Zosima. Khi biết tin về những gì đã xảy ra tại nhà mình, Arkesilaus bắt đầu khóc lóc thảm thiết và giật tóc mình. Thánh Zosima hỏi ông lý do tại sao lại khóc, và sau khi nghe câu trả lời, ngài đi vào phòng riêng của mình, nơi ngài thường cầu nguyện theo thói quen. Sau đó không lâu, ngài bước ra gặp Arkesilay với khuôn mặt rạng rỡ và hân hoan, rồi nói: "Hãy về nhà với niềm vui, vì Hozevit, nhờ ân sủng Thiên Chúa ban cho, đã chữa lành cho vợ ngươi; giờ đây cả hai mắt nàng đều hoàn toàn khỏe mạnh; căn bệnh không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho nàng, vì nàng đã được Hozevit chữa lành một cách kỳ diệu."

Hai phép lạ này đã được hai vị thánh nhân thực hiện trong vòng một giờ. Thánh Giám mục Gioan đã chữa lành con mắt bị móc của người phụ nữ, còn Thánh Zosima, bằng đôi mắt thiêng liêng của mình, đã nhìn thấy phép lạ đó từ xa và báo cho Arkesilaus biết.

[4167] Thành phố Giê-ri-cô tọa lạc trên bờ tây sông Giô-đanh, trong một thung lũng rất màu mỡ, giữa những vườn cây trù phú với những cây cọ, chính vì thế mà nó được gọi là "thành phố của những cây cọ". Ngày nay, trên nền tảng của Giê-ri-cô cổ đại là ngôi làng nghèo nàn Ri-ha.

[4168] Giới quý tộc (Patrician) ở La Mã là tầng lớp cao nhất, tương tự như tầng lớp quý tộc của chúng ta.

[4169] Đây là ám chỉ trận động đất xảy ra tại Antioch vào năm 526.

Một lần nọ, Thánh Zosima lên đường đến Cêsarea; ngài mang theo một con lừa để chất đồ đạc lên lưng. Trên đường đi, ngài gặp một con sư tử; con thú vồ lấy con lừa rồi kéo nó chạy vào sa mạc. Thánh Zosima bám theo dấu vết của con thú.

Khi con sư tử đã ăn xong con lừa và no nê, vị tu sĩ già tiến lại gần nó và mỉm cười nói:

– Này, bạn ơi! Tôi đi rất vất vả, vì tôi đã rất mệt mỏi do tuổi già; tôi không còn đủ sức trên đôi vai già nua này để mang gánh nặng đã được đặt lên lưng con lừa của tôi; vì vậy, hãy mang gánh nặng này đi, dù điều đó trái với bản tính của ngươi, nếu ngươi muốn thoát khỏi Zosima; sau đó, ngươi có thể trở lại hung dữ và dữ tợn theo bản chất của mình.

Lúc đó, con sư tử dường như đã quên đi cơn thịnh nộ bẩm sinh, bắt đầu âu yếm vị thánh và trở nên hiền lành như con chiên, đồng thời thể hiện sự vâng lời qua chính sự âu yếm của mình. Thánh Zosima, sau khi đặt lên lưng nó gánh nặng mà con lừa từng mang, đã dẫn nó đến cổng thành Caesarea; sau đó, tại đây, ngài gỡ bỏ gánh nặng và lại thả con thú trở về sa mạc. Ở đây, một mặt, sức mạnh toàn năng của Chúa đã được bộc lộ, khiến những con thú hung dữ phải vâng phục các tôi tớ của Ngài, mặt khác – rõ ràng cho thấy rằng đối với người có đức hạnh, tuân giữ các điều răn của Chúa và hết lòng phụng sự Đức Chúa Trời Tạo Hóa của mình – thì mọi sự khác, ngay cả những loài sinh vật không có lý trí, cũng đều vâng phục và phụng sự. Và cuối cùng, sự kiện này đã chứng minh một cách chắc chắn cho mọi người về sự thánh thiện của Zosima người Phoenicia[4170] . Xin vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời của chúng ta vì tất cả những điều này, bây giờ và đến muôn đời. A-men.

Lễ rước di cốt Thánh Đại Tử Đạo Theodoros Stratilates[4171]

Ngày kỷ niệm: 8 tháng 6

Thánh Đại Tử Đạo Theodore đã chịu tử đạo vì danh Chúa Kitô dưới triều đại của hoàng đế La Mã vô đạo Licinius[4172] , tại thành phố Heraclea[4173] , nơi ngài từng là tổng trấn; ngày ngài chịu tử đạo là ngày 8 tháng 2; ngày nay, người ta kỷ niệm việc rước di thể thiêng liêng của ngài từ thành phố Heraclea về quê hương của ngài là Euchaita[4174] theo di chúc của ngài, bởi vì Thánh Theodore đã để lại di chúc như sau cho người đầy tớ của mình là Uar, người đã chứng kiến và ghi chép lại những đau khổ của vị tử đạo:

"Hãy chôn cất thi thể ta tại Evkhaiti, trong khu đất của cha mẹ ta."

Tất cả những ai muốn biết thêm chi tiết về vị thánh này đều có thể đọc bản tường thuật chi tiết về những đau khổ của ngài, được đăng vào ngày 8 tháng Hai. Tại đây, chúng tôi chỉ nhắc lại về phép lạ kỳ diệu đã xảy ra từ bức tượng thánh của ngài. Anastasios Sinait và Gioan Damascene đã làm chứng về phép lạ này. Phép lạ đó diễn ra như sau.

Cách Damascus[4175] bốn nghìn bước chân có một nơi gọi là Karsata; tại đây có một nhà thờ được xây dựng để tôn vinh Thánh Đại Tử Đạo Theodoros Stratilates. Khi người Saracen chiếm đóng nơi này và định cư tại đây, nhiều người trong số họ đã xâm nhập vào nhà thờ này và làm ô uế nó bằng mọi cách; chẳng hạn, họ dắt gia súc vào nhà thờ, dẫn vợ con vào đó và thực hiện những hành vi xác thịt tội lỗi ghê tởm. Trên một trong những bức tường của nhà thờ đó có bức tranh vẽ Thánh Đại Tử Đạo Theodoros bằng màu. Một lần nọ, khi nhiều người Saracen tụ tập trong nhà thờ này và đang trò chuyện với nhau, một trong số họ đã lấy cung và mũi tên, ngắm kỹ rồi bắn vào bức tranh thánh; mũi tên cắm sâu vào vai phải của vị thánh, và ngay lập tức máu chảy ra từ bức tranh như thể từ một con người còn sống. Khi chứng kiến phép lạ vĩ đại như vậy, những người Saracen vô cùng kinh ngạc, tuy nhiên,

---

[4170] Thánh Zosima qua đời vào giữa thế kỷ VI.

[4171] "Stratilat" trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là chiến binh, tướng quân; danh hiệu này được dành cho Thánh Theodorus vì ngài, dù là tướng quân của vị vua trần gian, đã chứng tỏ mình là một chiến binh chân chính của Chúa Kitô, "vị tướng quân cao quý của Vua Trời", như Giáo Hội ca ngợi ngài trong bài thánh ca.

[4172] Licinus cai trị nửa phía đông của Đế quốc La Mã từ năm 307 đến năm 324 – Cuộc tử đạo của Thánh Theodorus diễn ra vào năm 319.

[4173] Heraclea nằm ở Pontus, một tỉnh phía bắc của Tiểu Á.

[4174] Thành phố Evkhait nằm ở phía bắc Tiểu Á, không xa Heraclea; ngày nay là thị trấn Marsivan.

[4175] Damascus – thành phố cổ nhất của Syria, đã được nhắc đến trong Kinh Thánh ngay từ câu chuyện về Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 14:15); thành phố này nằm ở phía đông bắc Palestine, trên một đồng bằng xinh đẹp và màu mỡ, nằm ở chân phía đông dãy núi Anti-Lebanon. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Damascus nổi tiếng là nơi xảy ra sự hoán cải kỳ diệu của Sa-lô-môn về với Chúa Kitô (Công vụ 9:1–22). Năm 634, thành phố này bị người Ả Rập chinh phục, và từ năm 1516, nó được sáp nhập vào Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ.

họ không rời khỏi nhà thờ, mà tiếp tục sinh sống ở đó và thực hiện những việc ô uế theo phong tục của họ. Tổng cộng có hai mươi người Saracen cư ngụ trong nhà thờ này, mỗi người trong số họ đều có vợ con; tất cả họ đều qua đời ngay sau sự kiện kỳ diệu đó, khi bị một cái chết đau đớn ập đến bất ngờ; trong khi đó, những người Saracen sống bên ngoài nhà thờ vẫn khỏe mạnh và an toàn vào thời điểm đó.

Anastasius Sinait nói về bức tranh thánh này rằng chính ông đã tận mắt nhìn thấy nó, và trên bức tranh có vết máu chảy ra từ vết loét.

Phép lạ này do Chúa thực hiện để răn đe những người Saracen vô đạo, còn đối với chúng ta, những người tín hữu, là để nhắc nhở rằng chúng ta phải tôn kính các bức tượng thánh, vì nhờ các bức tượng đó mà ân sủng kỳ diệu của Đức Chúa Trời chúng ta hiện diện và hoạt động.

Bài thánh ca, giọng 4:

Với lòng dũng cảm chân chính của một vị tử đạo, ngài là vị tướng quân cao quý của Đức Vua trên trời, hỡi Thánh Phê-ô-đô-rơ: vì ngài đã khôn ngoan trang bị vũ khí của đức tin, và đã đánh bại các đạo quân ma quỷ, và ngài đã tỏ ra là một vị tử đạo chiến thắng. Vì thế, chúng con luôn tôn vinh ngài bằng đức tin.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Bằng lòng dũng cảm của tâm hồn, ngài đã bám chặt vào đức tin, và cầm Lời Chúa như cây giáo trong tay, ngài đã đánh bại kẻ thù, hỡi Thánh Tử Đạo vĩ đại Phê-ô-đô-rơ: xin đừng ngừng cầu nguyện cùng các thánh tử đạo cho tất cả chúng con trước mặt Đức Kitô, Thiên Chúa.

Ngày 22 tháng 6

Ngày 9 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ các thánh nữ tử đạo: Thekla, Martha và Maria, những người đã chịu tử đạo tại Ba Tư vào năm 346.

Cũng trong ngày này, Thánh Cyril, Bề trên tu viện Belozersk, đã an nghỉ vào năm 1427.

Cuộc đời của Thánh Cyril, Tổng Giám mục Alexandria, Cha Thánh của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 6

Vị thầy vĩ đại của Giáo hội – Thánh Cyril thành Alexandria – sinh ra tại chính thành Alexandria. Ngài xuất thân từ một gia đình quý tộc – những người Kitô hữu, và về phía mẹ, ngài là cháu trai của Thánh Theophilus nổi tiếng, Tổng Giám mục Alexandria[4176] . Cyril đã nhận được một nền giáo dục rất xuất sắc theo tiêu chuẩn thời bấy giờ: ngài đã nắm vững toàn bộ tri thức thế tục của Hy Lạp, đồng thời cũng nghiên cứu sâu sắc Kinh Thánh và giáo lý Kitô giáo. Chú của Cyril, Thượng phụ Theophilus, khi thấy tài năng xuất chúng và lối sống trong sạch của cháu

[4176] Théophilus giữ chức Tổng Giám mục Alexandria từ năm 385 đến năm 412. Ông được biết đến trong lịch sử chủ yếu vì mối thù địch với Gioan Vàng Miệng; với lòng tham vọng, ông đã tìm cách đưa Tổng Giám mục Constantinopolis vào tầm ảnh hưởng của mình, và vì vậy, sau khi Nectarius – người nắm giữ chức vụ tại Giáo hội Byzantine từ năm 381 đến năm 397 – qua đời, ông đã dàn xếp để một người trung thành với mình, Theophilus, được bầu vào chức vụ này. Khi Thánh Gioan Vàng Miệng, người trước đó từng là linh mục tại Antioch, được bầu làm giám mục thủ đô bất chấp kế hoạch của Theophilus, Theophilus đã ôm hận thù đối với ngài và trở thành trụ cột của phe đối lập với Thánh Gioan Vàng Miệng. Ông đã tích cực tham gia vào một âm mưu phức tạp chống lại vị thánh của Constantinopolis, dẫn đến việc ngài bị phế truất và hai lần bị trục xuất khỏi thủ đô. Tại công đồng ở Dubna, được tổ chức bởi những kẻ thù của Zlatoust nhằm mục đích phế truất ngài, Theophilus đã chủ trì với tư cách chủ tọa. Nói chung, mối quan hệ của ông với Zlatoust mang tính chất khiến danh tiếng của ông bị vấy bẩn. Tuy nhiên, về mặt khác, Theophilus là một vị giám mục khá khôn ngoan và đã đóng góp nhiều điều hữu ích cho Giáo hội Alexandria.

trai, đã đưa cậu vào hàng giáo sĩ của mình, phong cho Cyril trẻ tuổi chức phó tế trưởng. Và thế là Thánh Cyril giống như một bông hoa thơm ngát, được trồng trong vườn thánh của Giáo hội, nở rộ với sự trong sạch cao cả và tỏa hương thơm ngát của giáo lý khôn ngoan từ Thiên Chúa cho Giáo hội của Đức Kitô.

Sau khi Thánh Theophilus qua đời, Thánh Cyril đã được bầu chọn nhất trí lên ngai tòa Thượng phụ[4177] và, ngay khi trở thành Thượng phụ, ngài lập tức trục xuất khỏi thành phố những kẻ dị giáo tự xưng là Novatian, những người giống như những người Pha-ri-si, tự biện minh trước mắt mọi người và khẳng định rằng họ trong sạch, công chính và không dính líu đến bất kỳ tội lỗi nào. Để thể hiện cuộc sống được cho là vô tì vết của mình, những người Novatian mặc áo trắng và dạy rằng người nào sau khi chịu phép rửa tội mà sa vào tội trọng thì không nên được tiếp nhận vào cộng đoàn Giáo hội. Họ khẳng định rằng không thể có sự tha thứ cho tội trọng của người đó, và chỉ có phép rửa tội lần thứ hai mới có thể tẩy sạch tội lỗi của người ấy.

Tà thuyết này bắt nguồn từ Novatian, người từng là linh mục tại Rôma dưới triều đại hoàng đế Decius[4178] và, sau khi Đức Giáo hoàng Fabian tử đạo[4179] , đã tìm cách giành lấy ngai tòa Giáo hoàng[4180] . Tuy nhiên, bất chấp mọi mưu mô, ông ta không thể đạt được điều mình mong muốn, và Đức Thánh Cornelius[4181] đã được bầu làm Giáo hoàng. Vì ghen tị với Cornelius, Novatian bắt đầu giăng bẫy chống lại ngài và chống đối ngài trong mọi việc. Vào thời điểm đó, Giáo Hội đang phải chịu sự bách hại tàn bạo từ phía những người ngoại đạo[4182] , và nhiều tín hữu, vì sợ những cực hình tàn khốc, đã hèn nhát dâng lễ vật cho các thần tượng, rồi sau đó, khi trở lại ăn năn, họ đã khóc lóc xưng thú tội lỗi của mình. Thấy sự ăn năn của họ, Đức Thánh Cha Cornelius đã đón nhận họ trở lại vào sự hiệp thông với Giáo Hội thánh thiện, giống như cách Đức Kitô đã đón nhận Phêrô đang khóc lóc thảm thiết. Trong khi đó, linh mục Novatian đã chống đối Đức Giáo hoàng, khẳng định rằng những ai đã từ bỏ Chúa Kitô và dâng lễ vật cho ma quỷ thì không xứng đáng ở trong hàng ngũ Giáo hội của Chúa Kitô[4183] . Đồng thời, ông ta đã phỉ báng Đức Giáo hoàng thánh thiện, vu khống ngài là đồng lõa với những kẻ thờ ngẫu tượng. Bản thân ông đã cắt đứt quan hệ với Đức Giáo hoàng và, sau khi tìm được một số người cùng chí hướng, đã tự xưng là Giáo hoàng thứ hai tại Rôma[4184] : Như vậy, sự ly giáo của Novatian đã nảy sinh[4185] .

[4177] Thánh Cyril giữ chức Thượng phụ Alexandria từ năm 412 đến năm 444.

[4178] Hoàng đế La Mã Decius trị vì từ năm 249 đến năm 251.

[4179] Fabian, Giám mục Rôma, đã nắm giữ chức vụ Giám mục Rôma từ năm 236 đến năm 250.

[4180] Thánh Fabian đã bị hành hình vào tháng 1 năm 250, và ngôi vị của ngài vẫn trống cho đến tháng 6 năm sau, vì sự tàn bạo của cuộc bách hại không cho phép tiến hành việc bầu chọn một vị Giáo hoàng mới. Decius, theo lời đồn, đã nói rằng ông thà chấp nhận thấy một ứng cử viên tranh giành ngai vàng hoàng đế còn hơn là một vị giám mục mới tại Rôma. Trong khoảng thời gian một năm mà Giáo hội Rôma không có giáo hoàng, Novatian, người nổi tiếng về tài hùng biện và học thức, cũng như lối sống khắc khổ, đã có ảnh hưởng lớn và có thể hy vọng được bầu làm giám mục. Tuy nhiên, những kỳ vọng này đã không thành hiện thực.

[4181] Thánh Cornelius là Giáo hoàng tại Roma từ năm 251 đến năm 252.

[4182] Đây là cuộc bách hại chung thứ bảy nhắm vào các Kitô hữu. Cuộc bách hại này chủ yếu nhắm vào các giám mục và hàng giáo sĩ. Trong số các nạn nhân của cuộc bách hại có Thánh Fabianus của Rôma, Thánh Babylas của Antiôkhia, Thánh Alexander của Giêrusalem; đồng thời, đối với các vị thánh khác (như Thánh Cyprianus của Carthage, Thánh Origen, Thánh Grigorius Thánh nhân, Thánh Dionysius của Alexandria), giai đoạn này được đánh dấu bằng những cuộc lưu đày và các hình thức đau khổ khác. Tuy nhiên, mục đích chính của cuộc bách hại không phải là giết chết các Kitô hữu, mà là ép buộc họ từ bỏ đức tin. Với mục đích đó, họ bị tra tấn, giam cầm và bỏ đói, và trước những thử thách như vậy, sự kiên định của nhiều người đã không thể chịu đựng nổi.

[4183] Ban đầu, Novatian không tỏ ra thiếu khoan dung đối với những người sa ngã; Cyprian, Giám mục Carthage, chứng thực rằng ông là tác giả của bức thư trong đó hàng giáo sĩ La Mã thừa nhận rằng những người sa ngã có thể được phép vào nhà thờ nếu họ đang đối mặt với nguy cơ tử vong. Nhưng sau khi Cornelius được bầu làm giáo hoàng, ông trở thành thủ lĩnh của một phe phái theo quan điểm hoàn toàn khác. Novatian bắt đầu giảng dạy rằng, mặc dù những người sa ngã đã ăn năn có thể được đón nhận vào lòng thương xót của Thiên Chúa, và do đó có thể được khuyên nhủ để ăn năn, nhưng Giáo hội không có quyền ban ân xá cho họ và phải vĩnh viễn loại trừ họ khỏi sự hiệp thông; nếu không, Giáo hội sẽ mất đi bản chất Kitô giáo và những đặc ân của mình.

[4184] Lễ tấn phong Novatian làm giám mục được thực hiện bởi ba vị giám mục của các thành phố nhỏ, những người đã được các tín đồ của ông mời đến dưới những lý do vô nghĩa và đã đặt tay lên đầu ông vào buổi tối, sau bữa tối.

[4185] Chủ nghĩa Novatian thu hút được nhiều tín đồ ở phương Tây, và các nguyên tắc của nó thậm chí còn trở nên nghiêm ngặt hơn trước đây. Án phạt khai trừ vĩnh viễn khỏi cộng đồng, ban đầu chỉ áp dụng cho những ai từ bỏ đức tin, sau đó đã được mở rộng sang tất cả những ai đã phạm các tội lỗi nặng nhẹ khác nhau sau khi chịu phép rửa tội. Bên cạnh đó, những người theo phái Novatian đã tự gọi mình là "Kafar", tức là "những người tinh khiết". Họ làm lễ rửa tội lại cho những người chuyển sang phe họ từ Giáo hội, vì cho rằng việc hiệp thông với Giáo hội là ô uế và do đó các nghi lễ thánh của Giáo hội là vô hiệu. Một số người trong phái Novatian lên án việc tái hôn, coi đó ngang hàng với tội ngoại tình. Về các chân lý chính của Phúc Âm, những người theo phái Novatian vẫn luôn là những tín hữu chính thống, và nhiều người trong số họ thậm chí đã chịu khổ nạn cho đến chết vì đức tin của mình.

Sau đó, sự ly giáo của Novatian lan rộng khắp nơi, vươn tới Alexandria và tồn tại ở đó cho đến thời Thánh Cyril. Tại đây, những người theo phái Novatian đã thực hiện không ít hành động trái với Chính Thống Giáo. Chẳng hạn, họ tiến hành rửa tội lần thứ hai cho những người bị lôi kéo vào cuộc ly giáo, những người trước đó đã được rửa tội trong Giáo hội Công giáo, và không cho phép tái hôn, gọi đó là tội ngoại tình. Họ còn có những cải cách vô lý khác nữa.

Ngay từ khi bắt đầu nhiệm kỳ tổng giám mục, Thánh Cyril đã trục xuất những kẻ dị giáo này, cùng với giám mục Theopemptus của họ, khỏi Alexandria. Sau đó, ngài tiếp tục chiến đấu chống lại những kẻ thù của loài người – các linh hồn ô uế, mà ngài đã đuổi khỏi nơi cư ngụ của chúng.

Cách Alexandria 120 stade[4186] có một làng tên là Konop[4187] . Không xa đó là một nơi gọi là Manufin[4188] (trước đây từng là một làng). Tại đây có một đền thờ cổ xưa, từng là nơi cư ngụ của các quỷ dữ: nơi này gieo rắc nỗi kinh hoàng cho tất cả mọi người, và ngay cả Đức Thượng phụ Theophilus cũng đã muốn thanh tẩy nơi này khỏi các quỷ dữ và thánh hiến nó để tôn vinh Đức Chúa Trời. Nhưng vì bị phân tâm bởi những lo toan khác, ngài đã không kịp thực hiện ý định của mình. Thánh Cyril, người kế vị Thượng phụ Theophilus trên ngai tòa Alexandria, đã quyết tâm thực hiện mong muốn của người chú và tiền nhiệm của mình, và đã sốt sắng cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài ban cho sự trợ giúp từ trên cao và sức mạnh để đánh bại và trục xuất các linh hồn ô uế khỏi Manufin. Và rồi, trong một thị kiến, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với vị thánh nhân, truyền lệnh cho ngài mang các di cốt thiêng liêng của các vị tử đạo Kyra và Gioan đến Manufin, để xua đuổi sức mạnh của ma quỷ khỏi nơi đó. Thánh Cyril đã làm đúng như vậy – ngài mang thi hài các thánh đến Manufin và xây dựng một nhà thờ tại đó nhân danh các ngài. Các linh hồn ô uế lập tức bị xua đuổi khỏi nơi đó, và nơi ấy trở thành nguồn chữa lành nhờ thi hài các vị tử đạo.

Sau khi đã xua đuổi những con quỷ vô hình khỏi các vùng ngoại ô Alexandria như vậy, vị thánh đã dốc hết sức lực để thanh tẩy hoàn toàn thành phố khỏi những con quỷ hữu hình, đó chính là những người Do Thái thù ghét Chúa Kitô. Từ lâu đời, họ đã sinh sống tại thành phố này với số lượng không thể đếm xuể. Ngay từ thời Alexander Đại đế và khi thành phố Alexandria được thành lập[4189] , đã có không ít người nhập cư từ xứ Giu-đê đến định cư tại đây, và họ đã phát triển thành một cộng đồng đông đảo. Với lòng căm ghét Chúa Kitô và những người mang danh Ngài, họ đã công khai lẫn bí mật gây ra đủ mọi sự ác ý và rắc rối cho các Kitô hữu. Những kẻ dị giáo thuộc phái Novatian đã được đề cập ở trên là mối nguy hại cho thành phố, nhưng những kẻ thù độc ác và nguy hiểm hơn gấp bội chính là người Do Thái, những kẻ không chỉ kích động nội chiến trong thành phố, mà còn gây ra vô số vụ giết người và đổ máu. Sau khi triệu tập các thủ lĩnh của các hội đường Do Thái[4190] , vị Thánh của Đức Chúa Trời đã

[4186] Một stadia tương đương với 87,5 sazhen. Như vậy, 120 stadia tương đương với 21 verst.

[4187] Konop nằm ở cửa sông Nile, nơi được gọi là Konop theo tên của nó. Trước khi thành phố Alexandria được thành lập, Konop là thành phố quan trọng nhất trong khu vực này, nhưng với sự ra đời của thủ đô Ai Cập này, tầm quan trọng của nó bắt đầu suy giảm và vào thời điểm Kitô giáo được du nhập, thành phố này đã biến mất – sau đó, tại vị trí đó chỉ còn lại một ngôi làng nhỏ.

[4188] Theo tin tức về việc di dời thi hài các thánh tử đạo Kyra và Ioann (xem phần dưới, ngày 28), địa điểm này cách Konop hai poprishcha, tức là khoảng hai verst.

[4189] Alexandros Đại đế, vua Macedonia, người đã chinh phục toàn bộ phương Đông văn minh dưới quyền cai trị của mình, sống vào cuối thế kỷ IV trước Công nguyên. Thành phố Alexandria ở Ai Cập do ông thành lập vào năm 332 trước Công nguyên nhằm củng cố quyền thống trị của người Hy Lạp. Trở thành một trong những thành phố giàu có và thịnh vượng nhất của phương Đông, ngay sau khi được thành lập, thành phố này đã thu hút những người di cư có tinh thần kinh doanh từ các quốc gia khác, trong đó có Palestine – từ cộng đồng người Do Thái sinh sống tại đó vào thời điểm đó. Người Do Thái ở Alexandria tạo thành một cộng đồng khá lớn, và khu phố Do Thái rất đông đúc. Philo, một nhà văn Do Thái sống vào thế kỷ I trước Công nguyên, cho biết rằng vào thời ông, ở Ai Cập, chủ yếu là tại Alexandria, có hơn một triệu người Do Thái. Sau khi chiếm được Jerusalem, Ptolemy I đã định cư một cộng đồng Do Thái đông đảo tại Alexandria và trao cho họ quyền bình đẳng với người Hy Lạp. Người La Mã đã công nhận những quyền này cho họ, và Hoàng đế Augustus đã thành lập một hội đồng Do Thái đặc biệt để quản lý các vấn đề của người Do Thái dưới sự chỉ đạo của quan tổng trấn hoàng gia. Tuy nhiên, dưới triều đại của Caligula, họ đã mất đi phần lớn các đặc quyền của mình.

[4190] Nhà hội – nơi tổ chức các buổi tụ họp tôn giáo của người Do Thái. Đó là những công trình kiến trúc mở, được dành riêng cho việc cử hành các nghi lễ thờ phượng cộng đồng của người Do Thái. Theo luật, các nghi lễ này lẽ ra phải được cử hành trong Lều Hội Ngộ và sau đó tại Đền Thờ Giê-ru-sa-lem. Nhưng trong thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn, đền thờ đã bị phá hủy, và do đó nảy sinh nhu cầu về những địa điểm đặc biệt để tụ họp. Đó là cách các hội đường ra đời. Hội đường có thể được thiết lập ở bất kỳ nơi nào có đủ số lượng tín đồ Do Thái chân chính. Do đó, ngay từ thời Chúa Giê-su và các tông đồ, chúng đã phổ biến khắp mọi nơi có người Do Thái sinh sống. Có một số điểm tương đồng giữa cấu trúc của hội đường và đền thờ. Trong phòng chính của hội đường có đặt một tủ để lưu giữ các cuộn sách Luật Môi-se, được đưa ra để đọc cho dân chúng nghe. Ở giữa hội đường có một bục giảng thấp hơn. Một số chỗ ngồi được làm cao hơn những chỗ khác và dành riêng cho các trưởng lão, tức là những người cao tuổi hoặc có ảnh hưởng trong cộng đồng. Các trưởng lão tạo thành một hội đồng, chịu trách nhiệm quản lý cao nhất của hội đường. Chủ tịch của hội đồng này được gọi là người đứng đầu hoặc người cai quản

khuyên răn họ, để họ ngăn cản dân chúng của mình khỏi những hành vi ác độc như vậy. Nhưng các trưởng lão Do Thái không những không nghe theo lời khuyên răn của vị Thánh, mà còn lao vào những hành động ác độc còn tồi tệ hơn nữa.

Trong thành phố có một nhà thờ lớn và đẹp, được gọi là Nhà thờ Alexander, theo tên người sáng lập ra nó, Giám mục Alexander[4191] . Một lần nọ, những người Do Thái trang bị vũ khí như đi chiến tranh, và khi đêm xuống, họ gây ra tiếng ồn ào và hỗn loạn trên đường phố giữa các ngôi nhà của người Kitô hữu, la hét: "Nhà thờ Alexander đang cháy".

Nghe thấy tiếng la hét, các Kitô hữu lần lượt lao ra khỏi nhà để đối phó với đám cháy tưởng tượng đó, với ý định dập tắt nó. Và thế là những người Do Thái tàn nhẫn – những người Kitô hữu vừa bước ra khỏi cổng nhà mình – lập tức bị chém bằng gươm, hoặc đâm bằng giáo, hoặc đâm bằng dao – nói tóm lại, họ giết người bằng bất cứ thứ gì có trong tay. Và rất nhiều người Kitô hữu đã bị giết trong đêm đó.

Khi trời sáng, Đức Thượng phụ Cyril đã biết tin về cuộc thảm sát vừa xảy ra. Sau khi vượt qua nỗi đau thương vì những người bị giết, ngài bắt đầu tìm cách đòi công lý đối với những người Do Thái. Tuy nhiên, Giám mục thành phố Orest, dù theo đạo Kitô, nhưng vì nuôi dưỡng lòng thù hận đối với vị thánh, đã giúp đỡ người Do Thái và bao che cho những kẻ sát nhân. Lúc đó, Thánh Cyril đích thân dẫn theo đông đảo tín hữu Kitô đến nơi tụ tập của người Do Thái, trục xuất tất cả người Do Thái ra khỏi thành phố, phá hủy nhà cửa của họ và đốt cháy hội đường của họ.

Vị tổng giám mục, vì tức giận với vị thánh về việc này, đã bắt đầu gây hại cho những người thân cận của vị thánh, cũng như các công dân nổi tiếng khác, những người ủng hộ tổng giám mục. Ông đã tra tấn dã man nhà ngữ pháp học[4192] Ieraks trên quảng trường, bằng cách lột trần ông ta. Giữa tổng giám mục và tổng giám mục giáo phận đã nảy sinh mâu thuẫn lớn. Bởi vì Đức Tổng Giám Mục đã bảo vệ các Kitô hữu, trong khi tổng giám mục giáo phận lại ủng hộ người Do Thái. Mỗi người trong số họ đều tự mình viết thư gửi Hoàng đế Theodosius II[4193] , cho đến khi vị hoàng đế này ban hành sắc lệnh cấm người Do Thái cư trú trong thành phố.

Vào thời điểm đó, trên các đường phố thành phố thường xuyên xảy ra các cuộc bạo loạn và nổi dậy, trong đó có không ít người vô can đã thiệt mạng. Tại Alexandria có một thiếu nữ tên là Hypatia, con gái của nhà triết học Theon. Cô là một người phụ nữ có đức tin và đạo đức, nổi bật bởi sự khôn ngoan theo đạo Kitô, sống những ngày tháng trong sự trong sạch và vô tì vết, giữ trọn sự trinh khiết. Từ thuở thiếu thời, cô đã được cha mình là Theon dạy dỗ về triết học, và cô đã đạt được thành tựu xuất sắc trong lĩnh vực triết học đến mức vượt trội hơn tất cả các nhà triết học sống vào thời đó, như được ghi chép bởi Sisinnius, Giám mục Ptolemais[4194] , và Suidas, những người đã ca ngợi cô bằng nhiều lời khen ngợi. Cô cũng không muốn kết hôn, một phần vì mong muốn được tự do theo đuổi triết học và nghiên cứu sách vở, nhưng đặc biệt là cô giữ trinh tiết vì tình yêu dành cho Chúa Kitô. Tất cả những người yêu thích tri thức từ khắp nơi đều đổ về Alexandria để được chiêm ngưỡng thiếu nữ thông thái Hypatia và lắng nghe những lời nói sáng suốt của cô, đến nỗi cô đã trở thành người thầy của rất nhiều người. Cô được tất cả các nhà lãnh đạo tôn giáo và thế tục kính trọng, cũng như được toàn thể dân chúng tôn kính, và nhiều người đã tìm đến cô để xin những lời khuyên khôn ngoan. Với mong muốn hòa giải giữa giám mục và tổng giám mục, cô đã khiêm nhường và hiền lành đến gặp cả hai, dùng những lời khôn ngoan để thuyết phục họ hòa giải. Ngay cả Đức Tổng Giám Mục cũng tìm cách hòa giải với giám mục, nhưng người này, vì tính cách xấu xa, thậm chí không muốn nghe đến chuyện hòa giải. Một lần nọ, khi Hypatia đang trên đường trở về nhà bằng xe ngựa từ một nơi nào đó, những kẻ nổi loạn căm ghét hòa bình đã tấn công bà; chúng lôi bà ra khỏi xe ngựa, xé rách quần áo trên người bà và đánh đập bà đến chết. Nhưng cơn thịnh nộ dã man của chúng không dừng lại ở hành vi tàn ác đó, và trong cơn mù quáng của sự thù hận, chúng còn tiếp tục hành hạ cả thi thể của cô gái. Sau khi xẻ thi thể thành từng mảnh, chúng đã thiêu rụi nó tại một nơi gọi là Kinarón[4195] .

---

hội đường (Mác 5:22; Công vụ 13:15). Các trưởng hội đường có quyền trục xuất những kẻ vi phạm luật ra khỏi cộng đồng và trừng phạt họ bằng roi vọt. Các vụ kiện tụng khác nhau cũng được xét xử tại hội đường.

[4191] Tất nhiên, Thánh Alexander, người từng là giám mục Alexandria từ năm 312 đến năm 326, là một trong những người tiên phong bảo vệ chính thống giáo, đã đứng lên chống lại tà thuyết Arius.

[4192] Grammatik – giáo viên. Tên gọi này không chỉ dùng để chỉ những người dạy chữ, mà còn chỉ những người thực sự am hiểu toàn bộ văn học cổ điển Hy Lạp – những người nghiên cứu nó một cách phê phán – cả về cấu trúc câu lẫn nội dung.

[4193] Theodosius II hay Theodosius Trẻ trị vì ở phương Đông từ năm 408 đến năm 450.

[4194] Ptolemaida, được đề cập ở đây, nằm ở Thượng Ai Cập (Thebaid), bên bờ sông Nile.

Khi người dân thành phố biết được chuyện đã xảy ra, tất cả mọi người, đặc biệt là những người yêu thích khoa học, đều vô cùng thương xót Hypatia. Bên cạnh đó, tin đồn về cuộc nổi loạn đã lan đến các tu sĩ trên Núi Nitrian[4196] . Họ tràn ngập nỗi buồn và lòng thương xót dành cho những nạn nhân vô tội của cuộc nổi loạn, và tập hợp thành một đoàn lên đến năm trăm người, từ sa mạc tiến vào thành phố với mong muốn bảo vệ vị tổng giám mục. Tình cờ, họ gặp vị tổng giám mục đang đi ngược chiều trên một cỗ xe ngựa. Khi nhìn thấy vị thống đốc, các tu sĩ bắt đầu la hét, trách mắng ông và gọi ông là người Hy Lạp và kẻ thờ thần tượng, bởi trước đây ông theo đạo Hy Lạp[4197] và chỉ mới đây mới chịu phép rửa tội tại Constantinople. Một trong số các tu sĩ đã ném một hòn đá vào vị giám mục và trúng vào đầu ông ta. Khi tiếng la hét của đám đông vây quanh vị giám mục thu hút đông đảo người dân chạy đến, các tu sĩ đã lùi xa khỏi ông ta; còn các thuộc hạ của vị giám mục thì bắt giữ một tu sĩ tên là Ammonius. Vị tổng trấn, cho rằng các tu sĩ đã bị Đức Thượng phụ xúi giục chống lại mình, đã nổi giận dữ dội và ra lệnh tra tấn Ammoni một cách tàn bạo, khiến ông qua đời trong những cực hình đó. Khi biết tin này, Đức Thượng phụ vô cùng đau buồn và đã ra lệnh mang thi thể vị tử đạo về, rồi an táng ông một cách trang trọng.

Trong khi đó, những người Do Thái bị trục xuất khỏi thành phố đã dựng lên một nơi dành cho các trò giải trí và trò chơi; họ dựng một cây thập tự dài để nhạo báng Chúa Kitô và sỉ nhục các Kitô hữu, rồi bắt một thiếu niên Kitô hữu nào đó và đóng đinh anh ta trên cây thập tự với tư thế tay chân dang rộng. Họ không dùng đinh để đóng cậu vào thập tự giá, mà dùng dây thừng trói lại và chửi rủa cậu trong một thời gian dài, vừa cười nhạo vừa nhổ nước bọt vào cậu. Sau khi châm chọc xong, họ đánh đập cậu cho đến khi cậu chết trên thập tự giá, và như vậy, vị tử đạo của Chúa Kitô đã trở thành người noi gương những đau khổ của Chúa Kitô. Thánh Cyril, khi biết về hành vi tàn ác mới này của người Do Thái, đã gửi thư cho hoàng đế, trong đó ngài trình bày tất cả các chi tiết về sự việc đã xảy ra – và từ phía hoàng đế, dù không ngay lập tức, nhưng cuối cùng cũng có một sắc lệnh công bằng được ban hành. Theo sắc lệnh này, các quan chức Do Thái đứng đầu âm mưu gây ra hành vi tàn ác nói trên đã bị xử tử, còn tổng giám mục thì bị cách chức.

Sau đó, Thánh Cyril, người của Chúa Kitô, sau khi đã chiến thắng sự hỗn loạn, sự thù hận và mâu thuẫn của những kẻ thù chống lại danh Chúa Kitô, đã an toàn chăn dắt đàn chiên Lời Chúa được giao phó cho ngài.

Nhưng khi những cuộc hỗn loạn nêu trên tại Alexandria lắng xuống, khắp thiên hạ lại bùng lên một làn sóng xáo trộn còn lớn hơn, do tà thuyết của Nestorius gây ra, và Thánh Cyril phải thực hiện một kỳ công mới – vĩ đại hơn nữa. Trong Giáo hội Constantinopolis, sau khi Thượng phụ Sisinius[4198] – người kế vị Atticus[4199] – qua đời, Nestorius[4200] , được chuyển đến từ Antioch[4201] , đã được tấn phong lên ngai Thượng phụ. Ông là người được cho là

[4195] Kinarón là tên của một khu phố gần quảng trường nhà thờ chính tòa.

[4196] Núi Nitria nằm ở phía nam Alexandria, phía tây sông Nile, gần sa mạc Libya. Núi này được đặt tên như vậy do sự phong phú của nitrat trên các hồ nước liền kề. Trong số các vùng sa mạc khác của Ai Cập, núi Nitria là nơi cư ngụ ưa thích của các ẩn sĩ.

[4197] Người Hy Lạp được gọi là "Ellins". Tôn giáo của họ là biểu hiện rõ nét của chủ nghĩa nhân hình, tức là việc thần thánh hóa bản chất con người với tất cả những ưu điểm và khuyết điểm của nó, cũng như việc thần thánh hóa các biểu hiện khác nhau của thiên tài con người. Các vị thần của người Hy Lạp là hiện thân của các đặc tính và biểu hiện khác nhau của bản chất thể xác và tinh thần của con người.

[4198] Thánh Sisinius đã đảm nhiệm chức vụ giám mục tại Constantinople từ năm 426 đến năm 427.

[4199] Thánh Atticus lên ngôi giám mục tại Constantinopolis vào năm 406 và giữ chức vụ này cho đến năm 425.

[4200] Nestorius giữ chức Giám mục Constantinopolis từ năm 428 đến năm 431. Trước khi được bầu làm Giám mục thủ đô, ngài là linh mục tại Antioch (xem phần dưới đây). Ngài nổi bật với lối sống khổ hạnh và bắt đầu hoạt động trong Giáo hội bằng cách xuất gia làm tu sĩ. Hơn nữa, Nestorius có thiên hướng học thuật và nổi tiếng với tài hùng biện trôi chảy và vang dội; nhưng đồng thời, ông cũng bị cáo buộc là kiêu ngạo và tham vọng, người ta nói rằng lòng ham danh vọng đã khiến ông phải giả vờ thánh thiện trong cuộc sống và sử dụng ngôn từ hoa mỹ trong các bài giảng. Dù sao đi nữa, trước khi được bầu làm Giám mục Constantinopolis, ông vẫn được đánh giá cao. Bên cạnh danh tiếng cá nhân, điều khiến người dân Constantinopolis đặc biệt tin tưởng vào ông là việc ông xuất thân từ cùng một giáo hội với Thánh Gioan Kim Khẩu, vị thánh được kính trọng vô cùng. Sau khi trở thành giám mục của thủ đô, Nestorius ban đầu đã thể hiện mình là một người bảo vệ nhiệt thành cho chính thống giáo. Khi giảng đạo tại nhà thờ chính tòa vào ngày nhậm chức, ông đã nói với hoàng đế: "Hãy ban cho tôi một vùng đất đã được thanh tẩy khỏi những kẻ dị giáo, và tôi sẽ ban cho ngài Nước Trời." Những lời này đã nhận được sự hoan nghênh nồng nhiệt, nhưng những diễn biến sau đó cho thấy chính Nestorius cũng không vững vàng trong đức tin Chính thống và thực chất là một con sói đội lốt cừu.

[4201] Antioch của Syria – một trong những thành phố cổ xưa và giàu có nhất của Syria, đồng thời là thủ đô của nước này; nằm bên sông Orontes, cách nơi sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải khoảng 10 verst; được thành lập 300 năm trước Công nguyên bởi Seleucus Nicator và được đặt tên theo Antiochus, cha của ông. Đối với Giáo hội Kitô giáo, Antioch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa là trung tâm lớn thứ hai của Kitô giáo sau Jerusalem, vừa là "mẹ" của các Giáo hội Kitô giáo được thành lập từ những người ngoại giáo. Chính cái tên "Kitô hữu" lần đầu tiên được đặt cho các môn đệ của Chúa Giêsu tại Antiôkhia; cũng chính tại đây, các cuộc truyền giáo Kitô giáo lần đầu tiên ra đời, bởi vì chính từ nơi này: Thánh Phaolô và Thánh Barnaba đã khởi hành chuyến truyền giáo đầu tiên của họ và cũng trở về nơi này

vững vàng trong đức tin và có đời sống đạo đức, nhưng bên trong lại là một kẻ dị giáo bí mật. Ông gieo rắc những hạt giống của giáo lý dị giáo giữa các tín hữu, như cỏ dại giữa lúa mì, ban đầu không phải do chính ông trực tiếp, mà thông qua những người cùng chí hướng. Tội dị giáo của ông nằm ở việc phỉ báng Đức Kitô là Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ Maria; vì hắn, kẻ khốn nạn, khẳng định rằng từ Đức Trinh Nữ Maria đã sinh ra một con người bình thường là Chúa Kitô, chứ không phải Thiên Chúa, bởi vì tử cung của người phụ nữ không thể chứa đựng Thiên Chúa, mà chỉ có thể chứa đựng con người. Theo giáo lý của Nestorius, Thiên Chúa Lời đã kết hợp với Con Người Giêsu ngay từ khoảnh khắc thụ thai chỉ nhờ ân sủng và ngự trong Ngài như trong một đền thờ. Vì vậy, Nestorius không gọi Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ Thiên Chúa, mà là Mẹ Đấng Kitô. Tà thuyết của Nestorius được các tín đồ của ông, gồm Giám mục Dorotheus và Linh mục Anastasius – những người ông đã đưa theo từ Antioch – lan truyền rộng rãi trong dân chúng.

Một lần nọ, vào một ngày lễ nào đó, Anastasius, khi đang giảng dạy cho dân chúng tại nhà thờ chính tòa Constantinople, đã chỉ trích việc sử dụng từ "Theotokos" – Mẹ Thiên Chúa – khi đề cập đến Đức Trinh Nữ Maria [4202] . Chính ông đã khẳng định rằng không thể gọi Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ Thiên Chúa, vì Bà là con người, vậy làm sao Thiên Chúa có thể sinh ra từ xác thịt con người được? Bài giảng đã gây ra tiếng xì xào và ồn ào trong nhà thờ. Anastasius bị đổ lên đầu những cáo buộc về dị giáo.

Khi Nestorius được hỏi trực tiếp về vấn đề này, ông ta bắt đầu bộc lộ rõ sự điên rồ của mình và tuôn ra những lời phỉ báng độc địa nhắm vào Đức Kitô Thiên Chúa và Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội.

"Tôi không thể," ông ta nói, "gọi người phụ nữ đã sinh ra Con Người theo xác thịt, có bản tính giống như chính mình, là Mẹ Thiên Chúa, vì Bà là Mẹ của Đền Thờ, được Thánh Thần chuẩn bị để Lời Thiên Chúa ngự trị. Vì vậy, gọi Bà là 'Người Sinh Chúa' sẽ công bằng hơn. Từ này sẽ chỉ ra mối quan hệ của Bà với Đấng mà Thần Tính ngự trong Ngài."

Và thế là trong dân chúng nảy sinh những tranh cãi và chia rẽ: một số người chống lại tà thuyết và không muốn giao du với Nestorius, còn những người khác, ngược lại, bị cám dỗ bởi những lý luận tà thuyết và chấp nhận giáo lý của những kẻ dị giáo. Tà thuyết này không chỉ gây xáo trộn tại Constantinople, mà còn lan rộng khắp mọi miền đất đai, bởi vì Nestorius, kẻ vô đạo, cùng với những người đồng chí hướng, đã viết rất nhiều tác phẩm để bảo vệ giáo lý của mình, và ông đã gửi chúng đến các thành phố lân cận, các quốc gia xa xôi và các sa mạc, cũng như trong giới tu sĩ[4203] . Bằng cách đó, hắn đã gây ra sự chia rẽ trong hàng ngũ Kitô hữu, giống như sự chia rẽ mà tên vô đạo Arius – kẻ đã xé áo của Chúa Kitô – từng gây ra trước đó[4204] , bởi vì nhiều người trong hàng giáo sĩ và giáo dân đã đi theo vết xe đổ của Nestorius, giống như trước đây nhiều người đã đi theo vết xe đổ của Arius.

Thánh Cyril, Thượng phụ Alexandria, khi biết về giáo lý dị giáo của Nestorius và những thành công trong việc rao giảng của ông ta, đã vô cùng phẫn nộ; và với tư cách là một tôi tớ trung thành và một chiến binh dũng cảm của Đức Kitô Thiên Chúa và Đức Mẹ Thiên Chúa vô nhiễm nguyên tội, ngài đã đứng lên chống lại kẻ thù của Đức Kitô và kiên quyết bảo vệ danh dự của Thiên Chúa và Đức Mẹ Thiên Chúa vô nhiễm nguyên tội. Ngài đã tỏ ra là vị

(Công vụ 13:1–4, 14:26). Chuyến đi thứ hai của họ cũng bắt đầu tại đó, mặc dù lúc này họ không còn đi cùng nhau nữa (Công vụ 15:39–40). Cũng tại đó, chuyến đi thứ hai của Thánh Phaolô kết thúc và chuyến đi thứ ba bắt đầu (Công vụ 18:22–23). Trong thời gian sau đó, tại Antiôkhia đã diễn ra không ít hội đồng quan trọng, được triệu tập để giải quyết các tranh cãi về tà giáo. Giáo hội Antiôkhia từ xưa đã được hưởng những đặc ân đặc biệt, ngang hàng với các giáo hội tại Alexandria, Giê-ru-sa-lem và Rô-ma. Từ thời cổ đại, tại đây đã hình thành một trường phái thần học đặc biệt, nổi bật với hướng tiếp cận lý trí và tỉnh táo, trình bày rõ ràng quá trình phát triển có hệ thống của sự mặc khải Thần thánh, và áp dụng phương pháp lịch sử-ngữ pháp (tức là thông qua các tài liệu tham khảo lịch sử và ngữ pháp) để giải thích Kinh Thánh. Trường phái này có nguồn gốc từ linh mục Lucian của Antioch và người đồng thời với ông là Dorotheus, những người sống vào thế kỷ III. Từ trường phái này sau này đã xuất hiện các nhân vật như Gioan Vàng Miệng, Theodore, Giám mục Mopsuestia, Theodoret của Cyrrhus và những người khác. Nestorius cũng thuộc về trường phái này, nhưng ông đã đẩy những nguyên tắc lý trí và tỉnh táo của nó đến mức cực đoan và, trong nỗ lực làm cho mầu nhiệm Nhập Thể trở nên dễ hiểu hơn đối với chúng ta, đã sa vào tà thuyết.

[4202] Danh hiệu "Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ Thiên Chúa", vốn bị Anastasius và Nestorius chỉ trích, đã được Eusebius của Caesarea, Athanasius Đại Đế, Gregory Đại Đế, Gregory của Nyssa và những người khác sử dụng từ thế kỷ trước; nó không có nghĩa là Đức Trinh Nữ đã truyền bản tính Thần Thánh cho Đấng Cứu Thế, mà chỉ khẳng định sự hiệp nhất giữa Thần Tính và Nhân Tính trong một con người duy nhất, "bởi vì Con Thiên Chúa đã nhận lấy không phải nhân cách con người, mà chỉ là bản tính con người".

[4203] Ngoài ra, các bản sao các bài giảng của Nestorius đã được lưu truyền trong giới tu sĩ Ai Cập, và do đó, nhiều người trong số họ đã ngừng gọi Đức Trinh Nữ là Mẹ Thiên Chúa.

[4204] Giám mục Alexander của Alexandria đã thấy Chúa hiện ra trong giấc mơ, trên Người là bộ áo quần bị xé rách. Khi ngài hỏi Đấng hiện ra: "Lạy Chúa, ai đã xé rách áo quần của Ngài?", thì ngài nghe được câu trả lời như sau: "Arius, kẻ điên cuồng và vô luật pháp". Ngay sau đó, Arius đã công bố học thuyết dị giáo của mình về Thân vị của Chúa Giêsu Kitô.

mục tử chân chính của đoàn chiên Chúa Kitô, luôn cảnh giác canh giữ đàn chiên của mình và chiến đấu chống lại con sói. Ban đầu, Thánh Cyril đã viết thư một cách ôn hòa cho Nestorius, khuyên nhủ ông từ bỏ những giáo lý sai lầm và bằng việc tuyên xưng đức tin chân chính, chấm dứt sự hỗn loạn mà ông đã gây ra trong Giáo hội của Chúa Kitô[4205] . Sau đó, khi thấy Nestorius không chịu sửa đổi, ngài đã viết cho ông một bức thư nghiêm khắc, vạch trần sự lầm lạc của ông. Thánh Cyril cũng đã viết thư cho hàng giáo sĩ của Giáo hội Constantinopolis và triều đình hoàng gia[4206] , khuyên họ đừng để bị cám dỗ bởi giáo lý của Nestorius. Ngài đã gửi thư cho Đức Giáo hoàng Celestine của La Mã cổ đại[4207] và các vị tổng giám mục khác[4208] , thông báo cho họ về tà thuyết của Nestorius và khẩn cầu họ khuyên nhủ ông ta ăn năn. Ngoài ra, ngài còn gửi thư đến tất cả các nhà cầm quyền và các giám mục ở các quốc gia và thành phố khác nhau, trong đó ngài cảnh báo mọi người không nên bị lôi cuốn bởi tà thuyết của Nestorius. Vì tà thuyết này đã lôi kéo, trong số những người khác, nhiều tu sĩ, nên ngài cũng viết thư cho họ, giải thích cho họ về sự hại linh hồn do tà thuyết gây ra và khuyên họ tránh xa sự lừa dối của nó. Nói tóm lại, Thánh Cyril không ngừng lên tiếng chống lại con sói này cho đến khi hoàn toàn xua đuổi nó khỏi đàn chiên của Chúa Kitô.

Trong khi đó, Nestorius không những không sửa đổi sau khi nhận được các bức thư của Cyril, mà còn cùng với những người ủng hộ mình lao vào những điều tồi tệ hơn nữa. Chính một trong những người ủng hộ ông, Giám mục Dorotheus, trước sự chứng kiến của chính Nestorius, đã đứng lên trên bục trong hội đồng và lớn tiếng tuyên bố:

– Ai gọi Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ Thiên Chúa, thì sẽ bị vạ tuyệt thông.

Sau đó, chính Nestorius bắt đầu tra tấn những thành viên trong hàng giáo sĩ và các tu sĩ của Giáo hội Constantinopolis, những người chống đối ông và không đồng tình với tà thuyết của ông. Đồng thời, ông cũng kịch liệt chống lại Thánh Cyril, kiêu ngạo và ngạo mạn chống lại ngài, gọi ngài là kẻ dị giáo, trong khi chính ông mới là kẻ như vậy. Sau đó, ông ta bịa đặt ra nhiều lời vu khống bất công và sai trái chống lại vị thánh công chính này, rồi lan truyền chúng trong dân chúng, phỉ báng và làm ô uế danh dự của Thánh Cyril. Nhưng vị thánh của Alexandria không hề để ý đến những lời vu khống đó và chỉ quan tâm duy nhất đến việc cứu rỗi linh hồn con người.

Bất chấp những nỗ lực của Cyril, tình trạng bất ổn và hỗn loạn vẫn tiếp diễn, và tà thuyết Nestorian ngày càng lan rộng và trở nên mạnh mẽ hơn. Đã có rất nhiều giám mục bị lây nhiễm bởi giáo lý dị giáo hủy hoại linh hồn này và trở thành những tín đồ của Nestorius. Bên cạnh đó, ông còn nhận được một chút ủng hộ từ Gioan[4209] , Thượng phụ Antioch, người dù không tán thành những điều Nestorius đã nói, nhưng vẫn khuyên Cyril đừng quá coi trọng những lời đó. Tuy nhiên, điều này không thể dập tắt ngọn lửa đang bùng cháy. Chỉ còn một cách duy nhất để chấm dứt cuộc hỗn loạn, đó là triệu tập Công đồng Toàn cầu. Cả những người chống đối Nestorius lẫn những người ủng hộ ông đều mong muốn công đồng được triệu tập, và mỗi bên đều hy vọng rằng giáo lý của mình sẽ chiến thắng. Và thế là Theodosius II, nhượng bộ trước những yêu cầu chung, đã quyết định triệu tập công đồng này[4210] .

Ông đã chỉ định thành phố Ê-phê-sô ở Tiểu Á[4211] làm địa điểm tổ chức công đồng, và mời tất cả các tổng giám mục và giám mục trong đế quốc tập trung tại đây vào dịp Lễ Ngũ Tuần năm 431. Đồng thời, ông đã cử quan tổng trấn[4212] Candidianus đến Ê-phê-sô để tham dự công đồng với tư cách là đại diện của hoàng đế.

[4205] Với lời khuyên răn như vậy, Cyril đã gửi đến Nestorius trong thông điệp Phục Sinh năm 430.

[4206] Thánh Cyril đã viết hai bài luận đặc biệt, một bài gửi cho Hoàng đế Theodosius II, và bài kia gửi cho các Hoàng hậu Pulcheria và Eudokia, trong đó người đầu tiên là em gái, còn người thứ hai là vợ của Hoàng đế.

[4207] Celestine I là giám mục tại Rome từ năm 422 đến năm 432.

[4208] tức là các tổng giám mục Antioch và Jerusalem.

[4209] Giăng I, tổng giám mục Antioch, nắm giữ chức vụ này từ năm 423 đến năm 440.

[4210] Sắc lệnh triệu tập Công đồng Đại kết không chỉ được ký bởi Theodosius, mà còn bởi Hoàng đế phương Tây Valentinian III, người trị vì từ năm 423 đến năm 455.

[4211] Ê-phê-sô – thành phố chính của tỉnh I-cô-ni-a thuộc Tiểu Á, gần cửa sông Cai-sơ (nay là Kyuchuk-Menderes); từng là trung tâm thương mại của toàn bộ khu vực Tiểu Á. Nơi đây từng nổi tiếng với đền thờ Diana lừng lẫy. Trong lịch sử Kitô giáo, Ephesus được biết đến là nơi Thánh Gioan Thần Học, một trong các Tông đồ, đã sống những năm cuối đời. Do đó, Giáo hội tại Ephesus được kính trọng sâu sắc vì có nguồn gốc từ các Tông đồ, và các giám mục Ephesus đã được trao quyền tổng giám mục vào thế kỷ V, dù quyền này chỉ tồn tại trong thời gian ngắn.

[4212] Comite – người tháp tùng. Đó là tên gọi dành cho những người thuộc đoàn tùy tùng của các hoàng đế. Vào thời kỳ được đề cập, danh xưng "comite" đã trở thành một tước hiệu danh dự, được trao cho các quan chức cao cấp nhất của đế chế.

Nestorius đã đến Ephesus ngay sau Lễ Phục Sinh (ngày 19 tháng 4), cùng với 16 giám mục; ngay trước Lễ Ngũ Tuần, Thánh Cyril đã đến dẫn đầu đoàn 50 giám mục Ai Cập. Khoảng 40 giám mục đã đến từ các thành phố lân cận ở Tiểu Á[4213] . Đức Giáo hoàng Celestine, do bệnh tật và tuổi già, không thể có mặt và đã cử hai giám mục cùng một linh mục làm đại diện cho ngài và "toàn thể công đồng phương Tây", với chỉ thị phải tuân theo phán quyết của Thánh Cyril. Tổng cộng có khoảng 200 giám mục tham dự, nhưng Thánh Gioan Antiôchia và các giám mục Syria khác – những người phần lớn ủng hộ Nestorius – đều vắng mặt. Các giám mục tham dự công đồng đã chờ đợi họ vô ích cho đến ngày 21 tháng 6 và, do không đợi được, cuối cùng đã khai mạc các phiên họp (ngày 21 tháng 6 năm 431). Nhờ uy tín của chức vụ Giám mục, Thánh Cyril đảm nhận vai trò chủ tọa tại công đồng này, với các đồng chủ tọa là Juvenal của Jerusalem và Memnon của Ephesus. Tuy nhiên, Nestorius, kẻ vô đạo, đã chống đối công đồng đã được triệu tập và không tham dự với lý do rằng ông sẽ chờ sự có mặt của Thánh Gioan Antiôchia và các giám mục xứ Syria. Các vị cha trong công đồng đã ba lần mời ông đến, nhưng ông kiên quyết từ chối. Sau đó, các vị bắt đầu xem xét các tác phẩm của Nestorius và, sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng, đã kết án chúng là dị giáo. Thánh Cyril đã trình bày trước công đồng các bức thư của ngài gửi cho Nestorius và những người khác, trong đó ngài vạch trần những luận điệu vô đạo của kẻ dị giáo, đồng thời trình bày các quyết định của công đồng địa phương đã diễn ra trước đó tại Alexandria. Các vị cha trong công đồng đã đồng ý với giáo lý của vị thánh nhân, công nhận ngài là người chính thống và thông thái về Thiên Chúa, đồng thời tán thành quyết định của công đồng địa phương tại Alexandria.

Trong khi đó, Gioan Antiôchia cùng các giám mục xứ Syria đã đến Êphêsô. Khi biết được diễn biến của vụ việc, ngài đã triệu tập một công đồng riêng để bênh vực Nestorius, với sự tham dự của Nestorius và tất cả những người ủng hộ ông. Bị nhiễm tà thuyết, Candidian đã hỗ trợ cho công đồng phi pháp này, và tại đó, Thánh Cyril đã bị cáo buộc một cách bất công về tà thuyết Apollinarian[4214] , phủ nhận bản tính con người thực sự của Chúa Kitô và khẳng định rằng Chúa Kitô không có linh hồn, mà thay vào đó, Ngài chứa đựng Thần Tính trong chính mình. Bằng cách gán cho vị thánh này một cáo buộc như vậy, vu khống ngài một cách sai trái, những người ủng hộ Nestorius đã tìm cách kích động chính hoàng đế chống lại ngài. Ban đầu, họ đã đạt được mục đích của mình. Hoàng đế tin vào những lời vu khống của họ và ra lệnh giam cầm Thánh Cyril cùng với Đức Memnon, Giám mục Ephesus, vào ngục tối[4215] . Nhưng sau đó, sau khi xem xét kỹ lưỡng mọi chi tiết và nhận thấy, một mặt là sự vô tội của Thánh Cyril công chính, mặt khác là sự dối trá và ác ý rõ ràng của những kẻ thù ông, Theodosius đã phục chức cho vị thánh và vị giám mục dũng cảm cùng người ủng hộ ông là Memnon, đồng thời ca ngợi sự kiên nhẫn và hiền lành của Thánh Cyril; còn những kẻ dị giáo thì ngài ra lệnh phải trừng trị.

Như vậy, Thánh Cyril lại trở thành người đứng đầu các vị Thánh Phụ, những người đã tụ họp tại Ê-phê-sô để xem xét các luận điểm của Nestorius. Tại công đồng này, giáo lý đức tin đã được xác lập rằng: Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã nhập thể từ Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm, là Thiên Chúa thật, còn Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm, Đấng đã sinh ra Ngài, là Mẹ Thiên Chúa thật. Khi quyết định này được công bố trước dân chúng, niềm vui lớn lan tỏa khắp các tín hữu, và tất cả cư dân thành phố Ê-phê-sô đều hân hoan reo hò, nhưng không phải như xưa kia khi họ từng nói: "Artemis của Ê-phê-sô vĩ đại"[4216] , – mà là những lời hoàn toàn khác: "Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ

[4213] Đứng đầu các giám mục này là Memnon, giám mục Ê-phê-sô, giáo phận của ngài lúc bấy giờ được hưởng các quyền hạn của tổng giám mục. Sau này, giám mục Ê-phê-sô, với tước hiệu tổng giám mục vùng, đã thuộc quyền quản lý của tổng giám mục Constantinopolis.

[4214] Apollinaris là giám mục Laodicea, tại Syria (qua đời năm 390). Ban đầu, ông là một trong những người ủng hộ chính của Tín điều Nicêa; nhưng sau đó, trong cuộc đấu tranh chống lại tà thuyết Arius, ông đã rơi vào cực đoan ngược lại. Xuất phát từ quan điểm rằng Thiên Chúa toàn hảo và con người toàn hảo không thể hợp nhất thành một Ngôi Vị, và rằng nếu Chúa Kitô là con người toàn hảo, thì Ngài không thể giữ mình trong sạch khỏi tội lỗi và thực hiện sự cứu chuộc, – Apollinaris đã dạy rằng Chúa Kitô chỉ có hai phần của bản thể con người – thân xác và linh hồn, còn phần thứ ba, tức là Thần Khí, thì được thay thế bởi Thần Tính. Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Alexandria năm 362.

[4215] Cùng với Thánh Cyril và Memnon, Nestorius cũng bị giam giữ theo lệnh của hoàng đế. Hành động này cho thấy Theodosius đã nghĩ rằng bằng cách loại bỏ những đại diện chính của hai phe đối địch, ông có thể đạt được sự hòa giải và thỏa hiệp giữa các phe phái. Sau khi tìm hiểu kỹ hơn về hoàn cảnh của vụ việc, ông đã quyết định hủy bỏ biện pháp này và trả tự do cho Cyril và Memnon.

[4216] Đây là một ám chỉ đến sự kiện nổi tiếng được mô tả trong Sách Công vụ các Tông đồ (Công vụ 19:24–28). Sự kiện này xảy ra vào thời các Tông đồ tại chính thành Ê-phê-sô, nơi lúc bấy giờ có đền thờ nổi tiếng của Artemis (hay Diana, nữ thần săn bắn) và nơi tên của nữ thần này được tôn sùng một cách đặc biệt. Theo lời kể trong Sách Công vụ, khi các Tông đồ Phaolô và Barnaba đến Ê-phê-sô và rao giảng tại đây về sự hư vô của các thần tượng, những nghệ nhân – những người kiếm sống nhờ việc chế tác các mô hình đền thờ Diana – đã kích động sự phẫn nộ của dân chúng chống lại các Tông đồ, trong khi đám đông la hét: "Artemis của Ê-phê-sô vĩ đại!" Tuy nhiên, cuộc bạo loạn đã bị lực lượng duy trì trật tự dập tắt.

Thiên Chúa, vĩ đại". Nestorius bị kết án là kẻ dị giáo và phạm thượng, không chỉ bị tước bỏ chức vụ mà còn bị khai trừ khỏi Giáo hội của Chúa Kitô và bị nguyền rủa vĩnh viễn. Sau đó, Gioan Antiôkhia cùng các giám mục xứ Syria cũng đã đồng thuận với quyết định của Công đồng này. Hoàng đế đã đày Nestorius đến một vùng đất xa xôi nhất, được gọi là Oasis[4217] . Tại đây, vẫn không hối cải, Nestorius gian ác đã kết thúc cuộc đời trong những cực hình khủng khiếp. Chính tại nơi đó, khi còn sống, lưỡi báng bổ của hắn đã bị sâu bọ gặm nhấm.

Sự phỉ báng Đức Mẹ do kẻ dị giáo Nestorius gây ra đã trái ngược với Chính Thống Giáo đến mức nào, điều này được minh chứng qua sự việc sau đây, mà Thánh Gioan đã kể lại trong tác phẩm "Cánh đồng thiêng liêng"[4218] : "Một lần," ngài viết, "chúng tôi đến gặp vị linh mục của Tu viện Koloman[4219] , là Cha Ki-ri-a-cô, và ngài đã kể cho chúng tôi nghe điều sau đây: 'Một lần nọ, tôi thấy trong giấc mơ rằng, đứng sau cánh cửa phòng tu của tôi là một Trinh Nữ rực rỡ, tuyệt đẹp, mặc áo choàng màu đỏ thẫm, và cùng với Người là hai người đàn ông rạng ngời. Và tôi nhận ra rằng đó chính là Nữ Vương của chúng ta, Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, còn hai vị nam giới đi cùng Người là Thánh Gioan Tẩy Giả và Thánh Gioan Thần Học. Ngay lập tức, tôi bước ra khỏi phòng tu của mình, cúi đầu kính lạy và khẩn cầu Ngài hãy vào thăm tôi và ban phước lành cho phòng tu của tôi, nhưng Ngài không muốn. Tôi đã khẩn cầu Mẹ trong một thời gian dài, nói rằng: "Nữ Vương! Xin đừng để tôi tớ khiêm nhường và hổ thẹn của Mẹ phải rời xa Mẹ." Và tôi đã dâng lên Mẹ nhiều lời cầu xin khác nữa. Lúc đó, thấy sự khẩn cầu chân thành của tôi, Mẹ đã đáp lại:

– Ngươi đang có kẻ thù của Ta trong phòng tu của ngươi, vậy mà ngươi còn dám thỉnh cầu Ta vào gặp ngươi sao?

Nói xong, Người đã lui đi. Khi tỉnh giấc, tôi bắt đầu khóc lóc và đau buồn, tự hỏi liệu mình có phạm tội gì trước Đức Trinh Nữ trong những suy nghĩ của mình hay không; vì ngoài tôi ra, không có ai khác trong phòng tu của tôi. Sau khi tự kiểm điểm kỹ lưỡng, tôi không tìm thấy điều gì có thể khiến tôi phạm tội trước mặt Ngài. Thấy nỗi buồn đang gặm nhấm tâm hồn mình, để tìm chút an ủi giữa nỗi buồn, tôi lấy cuốn sách ra đọc. Đó là cuốn sách của vị linh mục thánh thiện Isichius ở Jerusalem[4220] , mà tôi đã mượn tạm từ ngài. Sau khi đọc xong cuốn sách, tôi thấy ở phần cuối có hai lời của Nestorius, kẻ vô đạo, và nhờ đó tôi mới nhận ra rằng kẻ thù của Đức Mẹ Thánh Thiện đang ở ngay trong phòng tu của tôi. Lúc đó, tôi đứng dậy, mang cuốn sách đến cho người đã cho tôi mượn và nói với ông ấy:

– Anh ơi, hãy lấy lại cuốn sách của anh đi; tôi không thu được nhiều lợi ích từ nó, mà ngược lại còn bị hại nhiều hơn.

Anh ấy hỏi tôi tại sao cuốn sách của anh ấy lại gây hại cho tôi thay vì mang lại lợi ích. Và tôi kể cho anh ta nghe về thị kiến mà tôi đã trải qua. Lúc đó, tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng, anh ta đã cắt bỏ hai từ của Nestorius khỏi cuốn sách và đốt chúng trong lửa, đồng thời nói: "Xin đừng để kẻ thù của Đức Mẹ chúng ta – Đức Trinh Nữ Maria – còn lại trong phòng tu của tôi."

Chúng ta cũng không nên bỏ qua việc Thánh Cyril, vị thánh vĩ đại của Chúa Kitô – người được Thiên Chúa yêu mến – dù với sự thánh thiện cao cả như vậy, vẫn có trong mình điều gì đó đáng xấu hổ và trái với đức tin, để chứng kiến sự cải thiện kỳ diệu của ngài. Ngài đã nổi giận vô cớ với Thánh Gioan Vàng Miệng – một vị thánh đối với một vị thánh khác. Điều này không nên khiến chúng ta ngạc nhiên, bởi vì sự hoàn hảo chỉ thuộc về một mình Thiên Chúa; còn trong số loài người, không ai có thể tự mình trở nên hoàn hảo, trừ khi người đó *"Từ sự trọn vẹn của Ngài, chúng ta đã nhận được ân sủng trên ân sủng"*[4221] (Ga 1,16) của Đức Kitô; chính vì thế, các thánh, với tư

[4217] Tên Oasima được biết đến với ốc đảo trong sa mạc Libya, nằm ở phía tây của Thượng Ai Cập (Thebaid); nơi này còn được gọi là Ốc đảo Lớn của Libya. Từ xa xưa, tại đây đã tồn tại một thuộc địa Hy Lạp, đồng thời cũng là nơi lưu đày.

[4218] "Đồng cỏ thiêng liêng" (tiếng Hy Lạp: Limonar) – tác phẩm của tu sĩ Ioannes Moschos (mất năm 622); tác phẩm này được viết vào đầu thế kỷ VII và chứa đựng những câu chuyện ngắn về các vị tu hành ở Palestine, Ai Cập và Syria.

[4219] Các tu viện được gọi là "Laura" là những nơi tu hành nổi bật bởi số lượng tu sĩ đông đảo và tầm quan trọng của chúng. "Laura" – trong tiếng Hy Lạp – có nghĩa là một phần của thành phố, một con hẻm; đó là tên gọi dành cho dãy phòng tu được bao quanh bởi hàng rào hoặc tường thành, nằm xung quanh nhà thờ hoặc nơi ở của vị tu viện trưởng, được bố trí theo hình thức các con hẻm trong thành phố. Các tu sĩ trong các tu viện "Lavra" sống cuộc đời ẩn dật và tu hành trong phòng riêng của mình, chỉ tụ họp lại để cử hành Thánh lễ vào ngày đầu tiên và ngày cuối cùng của tuần, còn những ngày còn lại thì giữ im lặng. Trật tự đời sống tu hành như vậy được duy trì ở nhiều tu viện "Lavra", đặc biệt là tại tu viện Kolomanova đã được đề cập. Tu viện này tọa lạc tại sa mạc Jordan, gần sông Jordan và Biển Chết.

[4220] Lễ kính Thánh Isichius, Linh mục Giêrusalem – vào Thứ Bảy trước Lễ Phục Sinh.

[4221] Trích dẫn từ đoạn nổi tiếng trong Phúc Âm theo Thánh Gioan Thần Học: (Ga 1,16), tức là nhờ sự trọn vẹn của các ân sủng trong Đức Giêsu Kitô, tất cả chúng ta đã nhận lãnh dồi dào ân sủng của Thiên Chúa.

cách là con người, cũng phải chịu những yếu đuối của loài người. Thánh Cyril cũng có sự yếu đuối như vậy, cụ thể là trong mối quan hệ của ngài với Thánh Gioan Vàng Miệng: ngài đã tức giận vị thánh này không chỉ khi ngài còn sống, mà thậm chí cả sau khi ngài qua đời, và không muốn tôn vinh ngài trong danh sách các thánh. Cơn giận dữ đó của Cyril không xuất phát từ lòng ác độc, mà từ sự thiếu hiểu biết. Một mặt, từ người chú của mình là Thượng phụ Theophilus, mặt khác từ những người khác nuôi dưỡng lòng thù hận đối với Zlatoust, ngài đã nghe nhiều lời vu khống bất công nhắm vào vị ngọn đèn soi sáng toàn cầu này, và vì bản tính không ác ý, ngài đã tin những lời dối trá ấy như thể là sự thật. Vì có chép rằng: *"Kẻ dại dột tin mọi lời"* (Châm Ngôn 14:15). Thượng phụ Atticus của Constantinople, người sống trước thời Nestorius, trong các thư tín của mình đã thuyết phục ngài ghi tên Thánh Gioan Vàng Miệng vào các cuốn diptych của Giáo hội[4222] , tức là vào các cuốn sách ghi tên các thánh. Bản thân Atticus trước đây cũng từng là một trong những kẻ thù của Thánh Gioan Vàng Miệng, nhưng sau đó, khi nhận ra sự vô tội của vị thánh này và đồng thời nhận ra tội lỗi của mình đối với ngài, ông đã ăn năn. Sau khi kế vị Arsakios lên ngai Tòa Thượng phụ Constantinopolis, ông đã ghi tên Zlatoust vào các cuốn sổ danh sách các thánh và, trong suốt thời gian còn sống, đã khuyên nhủ Thánh Cyril qua các bức thư, trong đó ông xin ngài làm theo như vậy. Nhưng Thánh Cyril không nghe theo lời ngài, vì không muốn phủ nhận ý nghĩa của công đồng trước đó chống lại Thánh Gioan, công đồng này đã được Thánh Theophilus[4223] triệu tập.

Tương tự như vậy, Thánh Isidore Pelusiot[4224] – người thân của Cyril, một vị cao niên – khi thấy sự phẫn nộ của nhiều người đối với Thánh Cyril vì ngài loại bỏ Thánh John Chrysostom khỏi danh sách các thánh, đã can đảm viết thư khuyên ngài xem xét một cách công bằng các tình tiết liên quan đến việc kết án Thánh John Chrysostom.

"Sự thiên vị khiến người ta thiển cận, còn lòng hận thù thì hoàn toàn mù quáng," – Pelusiot đã viết như vậy trong một trong những bức thư gửi Thánh Cyril. – "Vì vậy, nếu ngài mong muốn được thanh tịnh khỏi cả hai khuyết điểm đó, xin đừng đưa ra những phán quyết vội vàng, mà hãy đưa các hành vi ra xét xử một cách công bằng; bởi vì chính Thiên Chúa, Đấng biết trước mọi sự trước khi chúng xảy ra, đã nhân từ hạ mình từ trời xuống để chứng kiến tiếng kêu than của Sodom (Sáng Thế Ký 18:20), dạy chúng ta phải làm mọi việc sau khi đã điều tra kỹ lưỡng. Vì nhiều người đã cùng ngươi tham dự Công đồng Ê-phê-sô, đang chế giễu rằng ngươi chỉ đang thỏa mãn lòng thù hận cá nhân, chứ không tìm kiếm điều chính thống cần thiết cho Đức Giê-su Ki-tô. Họ nói về ngươi rằng ngươi là cháu trai của Thê-ô-phi-lô, và ngươi đang theo tinh thần của ông ấy. Cũng như Thêôphil đã công khai trút cơn cuồng nộ của mình lên thánh Gioan, người mang ơn Chúa và yêu mến Chúa, thì người này cũng muốn khoe khoang điều đó, mặc dù tình thế của bị cáo đã có sự thay đổi lớn, vì thánh Gioan đã phải chịu lưu đày và giờ đây không còn sống nữa".

Trong một bức thư khác, Thánh Isidore Pelusiot đã viết cho Cyril như sau: "Những ví dụ trong Kinh Thánh khiến tôi lo sợ và buộc tôi phải viết về những điều cần thiết. Vì nếu tôi là người cha, như chính ngài đã nói, thì tôi sợ sự lên án mà Ê-li đã phải chịu vì đã không giữ cho các con trai phạm tội của mình sống trong sự trong sạch[4225] ; còn nếu, như tôi biết rõ hơn, tôi là con trai trước mặt ngài, người mang hình ảnh của vị thánh vĩ đại Mác – thì tôi cũng sợ hình phạt mà Giô-na-than đã phải chịu vì đã không ngăn cản cha mình đi tìm nữ phù thủy[4226] . Bởi vì lẽ ra anh ta có

[4222] "Diptych" là tên gọi của những tấm bảng nhỏ bằng gỗ, xương hoặc kim loại, được buộc với nhau bằng dây thừng và được người Hy Lạp và La Mã cổ đại sử dụng như những cuốn sổ ghi nhớ. Trong Giáo hội Kitô giáo, từ thời cổ đại, các cuốn "diptych" đã là những cuốn sổ tưởng niệm, trong đó ghi chép tên các giám mục, các vị tử đạo và tất cả các thánh nói chung.

[4223] Tất nhiên, có vẻ như đó là công đồng diễn ra tại Dubna, gần Chalcedon, do Thánh Theophilus chủ tọa, và tại đó Thánh Gioan Kim Khẩu đã bị kết án và phế truất.

[4224] Thánh Isidore Pelusian, một vị tu sĩ nổi tiếng với lối sống khắc khổ, đã tu hành gần thành phố Pelusium của Ai Cập. Ngài qua đời vào khoảng năm 436. Dựa trên các tác phẩm của mình, ngài được coi là một trong những vị Giáo phụ vĩ đại của Giáo hội. Các tác phẩm của ngài bao gồm các bức thư, phần lớn trong số đó là những bài giải thích Kinh Thánh. Tuy nhiên, cũng có nhiều bức thư được viết với mục đích khuyên răn và khai sáng cho những người đương thời với ngài, cũng như nhằm hòa giải những bên đang thù địch. Số lượng tất cả các bức thư của Thánh Isidore, theo các nguồn ghi chép, lên tới 10.000, nhưng chỉ còn lại khoảng 2.090 bức đến ngày nay.

[4225] Tất nhiên là Thượng tế Ê-li, người sống vào thời Tiên tri Sa-mu-ên. Ông nổi tiếng vì lòng nhân từ, nhưng lòng nhân từ đó lại gần như là sự yếu đuối. Điều này đặc biệt bộc lộ qua cách ông đối xử với các con trai mình, những vị tư tế là Ô-phni và Phi-nê-a, những người đã tự cho phép mình phạm đủ loại tội lỗi trong Đền Tạm. Ê-li, người có tính cách yếu đuối, đã không chú ý đúng mức đến điều này, bất chấp những lời răn dạy lặp đi lặp lại của Đức Chúa Trời. Khi đó, sự phán xét của Đức Chúa Trời đã nhanh chóng giáng xuống trên gia đình Ê-li. Cuộc chiến với dân Philistine bùng nổ, và khi trong chiến trận, các con trai của Ê-li mang Hòm Giao Ước ra chiến trường của quân Do Thái, thì thảm họa đã xảy ra: các con trai của Ê-li bị giết, Hòm Giao Ước bị bắt làm tù binh, còn Ê-li, khi nghe tin này, đã ngã khỏi ghế và qua đời (1 Sa-mu-ên 4:1–22).

thể ngăn cản được, nhưng lại chết trong trận chiến trước cả người đã phạm tội. Vì vậy, để tôi không bị kết án, và để Đức Chúa Trời cũng không kết án ngài, xin hãy chấm dứt những xung đột, và đừng mang sự trả thù cho sự sỉ nhục cá nhân – vốn lẽ ra phải dành cho những kẻ phàm trần – vào trong Hội Thánh còn sống; – đừng lấy danh nghĩa sự đạo đức làm cớ để gây ra sự chia rẽ vĩnh viễn trong Hội Thánh"[4227] .

Và ở một đoạn khác, vị thánh đã viết cho Cyril như sau: "Ngươi hỏi ta về hoàn cảnh bị trục xuất của vị thánh nhân Gioan: nhưng ta sẽ không viết chi tiết về điều đó, để ta không bị coi là người chỉ trích và lên án người khác, vì vô số sự bất công của con người đối với vị thánh đã vượt quá mọi giới hạn. Tôi sẽ tóm tắt cho anh thấy bản tính tàn bạo của Ai Cập, đất nước nằm gần anh[4228] : họ đã từ bỏ Mô-sê, quy phục Pha-ra-ôn, gây ra những vết thương cho những người khiêm nhường, làm cho những người lao động phẫn nộ, xây dựng các thành phố và không trả lương cho công nhân[4229] . Với những hành động như vậy, hắn đã sinh ra Theophilus, kẻ vô luật pháp, người tôn thờ vàng như Thượng Đế[4230] ; cùng với những kẻ đồng lõa, hắn đã nổi loạn chống lại Thánh Gioan – người yêu mến Thượng Đế và rao giảng về Ngài. Mặc dù vậy, dòng dõi của Đa-vít vẫn vững mạnh và ngày càng phát triển, còn dòng dõi của Sau-lơ, như ngươi thấy, đang suy tàn[4231] ".

Đó chính là những lời viết của Thánh Isidore Pelusian gửi cho Thánh Cyril. Chúng đã tác động đến ngài đến mức, sau khi đọc xong, ngài bắt đầu nhận ra tội lỗi của mình. Đặc biệt, ngài đã nhận ra điều đó và hoàn toàn ăn năn khi bị kinh hoàng bởi một thị kiến sau đây. Ngài thấy mình đang ở một nơi vô cùng tuyệt đẹp và tràn ngập niềm vui khôn tả. Tại đó, ngài nhìn thấy những vị thánh vĩ đại – Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cóp, cùng các thánh khác, cả trong Cựu Ước lẫn Tân Ước. Đồng thời, ngài cũng thấy ở đó một ngôi đền rộng lớn và rực rỡ, vẻ đẹp của nó không thể diễn tả bằng ngôn từ, và nghe thấy tiếng hát du dương vang lên từ bên trong. Khi bước vào ngôi đền này và kinh ngạc trước vẻ đẹp cùng sự lộng lẫy của nó, Cyril đã nhìn thấy trong ánh hào quang vinh quang Đức Mẹ Đồng Trinh, được bao quanh bởi vô số Thiên thần. Giữa những người đứng xung quanh Đức Mẹ, Thánh Gioan Vàng Miệng đang đứng ở vị trí danh dự, tỏa sáng như một Thiên thần của Chúa với ánh sáng kỳ diệu và cầm trên tay cuốn sách các tác phẩm của ngài; vô số những người đàn ông vĩ đại vây quanh ngài, như những người hầu. Tất cả họ đều mang vũ khí, như thể đã sẵn sàng cho một cuộc tấn công. Và khi Cyril định quỳ xuống dưới chân Đức Mẹ để thờ lạy, Thánh Gioan cùng các người mang vũ khí đi theo ngài lập tức lao tới, cấm ông lại gần Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và đuổi ông ra khỏi ngôi đền thánh diệu kỳ. Kirill, khi thấy Thánh Gioan đang phẫn nộ với mình và bản thân bị đuổi ra khỏi nhà thờ, đã run rẩy. Nhưng đột nhiên, anh nghe thấy Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội lên tiếng cầu xin Thánh Gioan tha thứ cho Kirill và đừng đuổi anh ra khỏi nhà thờ, vì anh đã phạm lỗi trước mặt ngài không phải do ác ý, mà do thiếu hiểu biết. Nhưng Gioan dường như không muốn tha thứ cho Cyril. Lúc đó, Đức Mẹ Maria đã nói: "Hãy tha thứ cho anh ấy vì Ta, vì anh ấy đã vất vả rất nhiều vì vinh quang của Ta – đã tôn vinh Ta giữa loài người và gọi Ta là Mẹ Thiên Chúa."

Khi Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội thốt lên những lời ấy, Gioan lập tức mềm lòng và đáp lại Đức Mẹ:

[4226] Giô-na-than – con trai của Sa-un, vua Do Thái. Khi Đức Chúa Trời quay lưng lại với Sa-un và trong cuộc chiến với dân Phi-li-tin không ban cho ông sự mặc khải về kết quả cuộc chiến, ông đã quyết định tìm đến mê tín dị đoan và đến gặp một nữ phù thủy sống tại A-en-đô-ra, một thị trấn nhỏ thuộc chi phái Y-sa-ca. Tại đó, ông đã triệu hồi bóng ma của Sa-mu-ên và cố gắng tìm hiểu về số phận đang chờ đợi mình. Trong trận chiến diễn ra sau đó, quân đội của Sau-lơ đã bị đánh bại, và ba người con trai lớn của ông đã bị giết ngay trước mắt ông; còn bản thân Sau-lơ thì đã tự đâm mình bằng thanh gươm của mình.

[4227] Sau khi Zlatoust qua đời, đã nảy sinh nhiều tranh cãi lớn. Trong khi các đại diện chính thức của Giáo hội Constantinople và Alexandria không công nhận ông là thánh, thì ở các giáo hội khác, chẳng hạn như Giáo hội La Mã và Antioch, ông đã được ghi tên vào danh sách các thánh và được xếp vào hàng ngũ các thánh. Tuy nhiên, ngay cả trong hai Giáo hội đầu tiên cũng có không ít những người ủng hộ Thánh Gioan Vàng Miệng, những người không đồng tình với quan điểm của các đại diện chính thức và coi ngài là thánh. Trên cơ sở này, các cuộc tranh cãi và bất đồng đã nổ ra. Tại Constantinopolis, những người ủng hộ Thánh Gioan Vàng Miệng được gọi là các tín đồ Gioan. Sự chia rẽ này chỉ được xóa bỏ tại đây vào năm 438.

[4228] Alexandria, nằm ngay bên bờ Biển Địa Trung Hải, và là một thành phố có nguồn gốc Hy Lạp, nên ở đây được coi như nằm ngoài phạm vi của Ai Cập cổ đại thực sự.

[4229] Ở đây có đề cập đến những cuộc đàn áp tàn bạo mà các pharaoh Ai Cập đã gây ra đối với nô lệ – những người xây dựng kim tự tháp và các công trình kiến trúc Ai Cập khác, cũng như đối với người Do Thái. Bị vắt kiệt sức bởi công việc quá sức, họ bị bỏ đói và không nhận được bất kỳ khoản thù lao nào cho công sức của mình.

[4230] Người tiền nhiệm của Cyril trên ngai tòa Alexandria, chú của ông là Theophilus, nổi tiếng vì lòng tham, như được ghi chép trong cuốn tiểu sử của Thánh Gioan Kim Khẩu (ngày 14 tháng 11).

[4231] Cụm từ này mang tính ẩn dụ – ám chỉ sự vinh quang của vị thánh chính trực Zlatoust sau khi ngài qua đời, người đã được công nhận là thánh trong nhiều Giáo hội và có rất nhiều tín đồ cùng những người tôn kính.

"Theo lời cầu xin của Mẹ, Nữ Vương, con tha thứ cho anh ấy." Sau đó, ông thân thiện bước đến bên Cyril, ôm lấy và hôn lên mặt anh ta, và như vậy, họ đã hòa giải với nhau trong giấc mơ.

Sau thị kiến đó, Thánh Cyril thường xuyên sám hối và tự trách mình vì trước đó đã vô cớ giữ lòng oán hận đối với một vị thánh nhân của Chúa như vậy. Sau đó, ngài tập hợp tất cả các giám mục Ai Cập, cử hành lễ kỷ niệm long trọng để tôn vinh Thánh Gioan Vàng Miệng và ghi tên ngài vào sổ sách Giáo hội trong hàng ngũ các thánh vĩ đại. Như vậy, vết nhơ đè nặng trên vị thánh Cyril – người từng thù địch với Thánh Gioan Vàng Miệng – đã được xóa bỏ, và chính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã xoa dịu mối thù hận giữa các tôi tớ của Ngài. Kể từ đó, cho đến khi Thánh Cyril qua đời, ngài luôn ca ngợi Thánh Gioan Vàng Miệng bằng những lời khen ngợi.

Thời gian còn lại của cuộc đời, Thánh Cyril đã sống trong những việc làm vĩ đại, không chỉ lo cho sự cứu rỗi của chính mình mà còn cho sự cứu rỗi của người khác, đồng thời hướng dẫn nhiều người đi trên con đường chính trực. Người ta kể lại một sự việc như thế này trong cuộc đời của vị thánh được Thiên Chúa yêu mến là Cyril. Vào thời đó, ở Hạ Ai Cập có một vị tu sĩ già, nổi tiếng vì đời sống thánh thiện. Mặc dù vậy, với tư cách là một người ít học và giản dị, ông lại bám giữ một quan điểm sai lầm; chính vì sự thiếu hiểu biết của mình mà vị tu sĩ già khẳng định rằng Melchizedek là Con Thiên Chúa[4232] . Những suy luận như vậy của ông đã được báo cáo cho Đức Thánh Cyril, và ngài đã mời vị tu sĩ già đó đến gặp mình. Biết rằng vị tu sĩ già có thể làm phép lạ và được Thiên Chúa yêu mến đến nỗi Ngài đáp ứng mọi lời cầu xin của ông – và rằng ông chỉ suy nghĩ sai lầm về Melchizedek do sự đơn sơ của mình – Đức Thượng phụ đã dùng sự khôn ngoan để dẫn dắt ông trở lại con đường chân lý. Ngài nhẹ nhàng quay sang vị tu sĩ già và nói:

– Thưa Abba, con xin ngài giúp con giải quyết một điều băn khoăn: một mặt, lý trí dẫn con đến kết luận rằng Melchizedek là Con Thiên Chúa, nhưng mặt khác, có điều gì đó mách bảo con rằng điều đó là không công bằng và rằng ngài chỉ là một con người bình thường và là vị thượng tế của Thiên Chúa. Và thế là con đang rơi vào sự nghi ngờ và bối rối, không biết nên đi đến kết luận nào. Vì vậy, con đã cố ý mời ngài đến đây, để ngài cầu nguyện với Chúa về điều này, xin Ngài mặc khải cho ngài biết. Và bất cứ điều gì Chúa mặc khải cho ngài, xin đừng ngần ngại chia sẻ với con.

Dựa vào cuộc đời thánh thiện của mình, vị tu sĩ già đã dũng cảm trả lời Thánh Cyril:

– Xin ngài cho phép con được ở một mình trong ba ngày; sau đó, con sẽ cầu xin Chúa về điều này và sẽ báo lại cho ngài những gì được mặc khải cho con.

Sau đó, ngài lui về phòng tu của mình và đóng cửa lại trong ba ngày, vị tu sĩ già cầu nguyện với Đức Chúa Trời để Ngài mặc khải cho ngài về Melchizedek. Sau khi nhận được điều mình cầu xin, ngài đến gặp Thánh Cyril và nói:

– Melchizedek là một con người, chứ không phải Con Thiên Chúa. Và xin Đức Cha hãy biết rằng điều này quả thực là như vậy.

Thánh Cyril rất vui mừng vì đã cứu rỗi linh hồn vị tu sĩ già ấy, và sau khi cảm ơn, ngài đã cho ông ra về. Vị tu sĩ già, sau khi ra về, bắt đầu rao giảng cho mọi người rằng Melchizedek là con người, chứ không phải Con Thiên Chúa. Như vậy, vị thánh của Thiên Chúa đã khôn ngoan dẫn dắt người thiếu hiểu biết trở về con đường chân lý.

Sau khi tại vị trên ngai Thượng phụ Alexandria trong ba mươi hai năm và trong suốt cuộc đời đã thanh tẩy Giáo hội của Chúa Kitô khỏi mọi tà thuyết tồn tại vào thời bấy giờ, đồng thời viết nhiều tác phẩm bổ ích cho linh hồn[4233] , Thánh Cyril đã an nghỉ trong Chúa[4234] . Khi ngài trút hơi thở cuối cùng, chính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên

---

[4232] Melchizedek, vua thành Salem, tư tế của Đức Chúa Trời Tối Cao, được nhắc đến trong Sách Sáng Thế Ký (14:18) (xem Thánh Vịnh 109:3; Thư Hê-bơ-rơ 5:6, 10, 6:20, 7:1, 10, 11, 15). Khi Áp-ra-ham trở về sau chiến thắng trước vua Ê-lam và các đồng minh của ông ta, những kẻ đã cướp bóc Lót, Mê-lích-xê-đéc đã ra đón ông với bánh và rượu, và ban phước nhân danh Đức Chúa Trời Tối Cao. Áp-ra-ham đã đón nhận lời chúc phước này với lòng kính trọng và tôn kính đến mức đã dâng cho Mê-lích-xê-đéc một phần mười toàn bộ chiến lợi phẩm của mình. Melchizedek là ai vẫn còn là một bí ẩn. Rất có thể, ông thuộc bộ tộc Amori, sống tại Palestine vào thời đó, vì ông vừa là vua vừa là thượng tế của họ. Người ta cho rằng Salem chính là thành phố sau này được gọi là Jebus, rồi sau đó là Jerusalem (Thi Thiên 75:3). Có thể suy đoán rằng Melchizedek là một người đặc biệt, nổi tiếng khắp Palestine, là người phụng sự Đức Chúa Trời chân thật. Kinh Thánh đã che giấu những chi tiết về ông, để cho thấy ông là hình bóng của Đấng Christ. Vua và tiên tri Đa-vít cũng đã chỉ ra ý nghĩa tiên tri của chức tư tế Melchizedek khi nói về Con Đức Chúa Trời: *"Ngài là thầy tế lễ đời đời theo chức vụ của Melchizedek"* (Thi Thiên 109:4). Nhưng ý nghĩa tiên tri của Melchizedek được Thánh Phaolô trình bày một cách đặc biệt rõ ràng và chi tiết trong Thư gửi người Do Thái (Hê-bơ-rơ 7:1–28).

Tội đã hiện diện bên cạnh, bởi ngài đã trung thành phục vụ Mẹ và dũng cảm chiến đấu vì vinh quang của Mẹ. Ngài xứng đáng được xếp ngang hàng với Thánh Xa-lô-tô, và cùng với ngài, với lòng yêu mến không bao giờ phai nhạt, ngài sẽ đứng trước cả Chúa Kitô và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ngự trong vinh quang của Mẹ, gần ngai vàng của Mẹ, và ca ngợi Đức Trinh Nữ Đáng Chúc Phúc cùng với Thiên Chúa chân thật do Mẹ sinh ra, cho đến muôn đời. A-men.

Kondak, giọng 6:

Ngài đã tuôn tràn cho chúng con dòng suối vô tận của các giáo lý thần học, từ nguồn suối của Đấng Cứu Thế, chôn vùi tà thuyết, hỡi Thánh Cyril đáng chúc tụng, và cứu rỗi đoàn chiên khỏi mọi xáo trộn. Ngài là vị thầy của muôn dân, hỡi vị thánh đáng kính, như chính Ngài là hiện thân của Thiên Chúa.

Lễ kỷ niệm Thánh Alexander, Bề trên Tu viện Kush.

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 6

Vị thánh này xuất thân từ thành phố Vologda và đã nhận lễ xuất gia tại Tu viện Kamennoe[4235] dưới sự hướng dẫn của vị tu viện trưởng Dionysius[4236] . Để tránh sự vinh danh từ con người, ngài đã rời tu viện này, đến bên dòng sông tên là Kushta, nằm gần hồ Kubenskoye, và dưới sự ban phước của Tổng Giám mục Rostov Dionysius[4237] , ngài đã xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Đức Mẹ Thiên Chúa, sự Lên Trời vinh hiển và đáng kính của Mẹ. Các công tước Yaroslav là Dimitri và Simeon[4238] , khi biết tin về vị thánh này, đã vô cùng vui mừng và trao cho ngài một khoản trợ cấp đáng kể để phục vụ các nhu cầu của nhà thờ và tu viện; còn sau khi công tước Dimitri qua đời, phu nhân của ngài, công nương Maria, khi chứng kiến những việc làm cao cả của vị thánh, đã quyên góp cho ngài để duy trì tu viện, nhằm tưởng nhớ chồng mình, cùng với những người nông dân. Sau đó, Thánh Alexander càng nỗ lực hơn nữa trong công việc của mình. Ông cùng các tu sĩ tự tay canh tác đất đai và thu hoạch được nhiều hoa màu.

[4233] Các tác phẩm của Thánh Cyril thành Alexandria, xét về nội dung, được chia thành các thể loại: giải thích, biện hộ (bảo vệ Kitô giáo), giáo lý và răn dạy đạo đức. Trong số các tác phẩm giải thích của Cyril, xuất sắc nhất là bản chú giải về Phúc Âm Luca, nổi bật bởi sự ngắn gọn nhưng chính xác trong việc giải thích các lời trong Kinh Thánh. Các bản chú giải của ngài về Thư gửi người Do Thái và Thư gửi người Cô-rinh-tô cũng rất đáng chú ý. Trong số các tác phẩm chú giải về Cựu Ước, cần kể đến các bài giải thích về "Bài ca của các bài ca", tiếp theo là về Tiên tri Isaia và các tiên tri nhỏ. Tác phẩm xuất sắc của Thánh Cyril chống lại Julian là một bài phản bác tác phẩm mà Julian, với sự trợ giúp của các nhà triết học ngoại giáo, đã viết để bảo vệ ngoại giáo và chống lại Kitô giáo. Phần lớn các tác phẩm giáo lý của Cyril được viết liên quan đến vụ việc về Nestorius. Đó là năm cuốn sách chống lại Nestorius. Trong đó, vị thánh của Alexandria, mà không nêu tên Nestorius, đã phân tích học thuyết của ông ta. Về tác phẩm đồ sộ về Thánh Ba Ngôi, được biết đến với tên gọi "Kho báu", Đức Thánh Cha Photius (Tổng Giám mục Constantinopolis) nhận xét rằng tác phẩm này nổi bật bởi tính thấu đáo và hướng đến việc bác bỏ các học thuyết dị giáo của Arius và Eunomius. Tác phẩm này vượt trội hơn tất cả các tác phẩm khác về độ rõ ràng. Hai tác phẩm giáo lý không quá dài về Thánh Ba Ngôi và một tác phẩm về sự Nhập Thể mang tính chất giáo lý: những tác phẩm này quan trọng nhờ sự chính xác trong việc trình bày giáo lý Chính Thống. Đặc biệt đáng chú ý ở đây là giáo lý về sự hiện diện của Thánh Thần. Tác phẩm chống lại thuyết nhân hình được Thánh Cyril viết cho một số tu sĩ Ai Cập, những người do thiếu hiểu biết nên đã hình dung Thiên Chúa dưới hình dạng con người. Thánh Cyril đã soạn nhiều bài giảng. Lời giảng của ngài về sự ra đi của linh hồn thật đáng chú ý, cả về chiều sâu cảm xúc của một trái tim tan nát lẫn những suy tư về trạng thái của các linh hồn khi đã tách rời khỏi thân xác. Bài giảng này được đưa vào Thánh Vịnh Slawic và Sách Giờ Kinh Hy Lạp, như một bài học rất bổ ích cho các Kitô hữu.

[4234] Thánh Cyril qua đời vào ngày 27 tháng 6 năm 448.

[4235] Tu viện Kamenny hoặc Kamensky tọa lạc trên một hòn đảo hoang vắng thuộc hồ Kubensky, trong tỉnh Vologda ngày nay.

[4236] Thánh Dionysius, một tu sĩ được thụ giới tại Athos, nổi tiếng vì đã áp dụng Hiến chương nghiêm ngặt của Athos tại Tu viện Spasokamensky và bằng gương sống của mình, ngài đã thu hút nhiều người đến với tu viện hẻo lánh này. Thánh Alexander đã nhận lễ thụ giới từ ngài.

[4237] Năm 1418, Thánh Dionysius, một trong những vị tu viện trưởng của Tu viện Spasokamenny, đã được tấn phong làm Tổng giám mục Rostov.

[4238] Hoàng tử Dimitri Vasilievich không phải là hoàng tử Yaroslavl, mà là hoàng tử Zaozersk hoặc Kubensk, và nơi cư ngụ của ông là một thị trấn nhỏ, nay là làng Kubenskoye Ustye, nằm cách tu viện của Thánh Alexander 3 verst; còn Công tước Yaroslav là anh trai của Dimitri, Simeon Vasilyevich, người đã qua đời vào khoảng năm 1320.

Vị thánh đã sống được 60 năm, 2 tháng và 2 ngày kể từ khi sinh ra, và đã về với cuộc sống vĩnh hằng vào năm 1439, vào ngày 9 tháng 6[4239] . Ngài có vóc dáng trung bình, thân hình rất gầy, đầu có kích thước trung bình, khuôn mặt tròn, đôi mắt hiền từ, râu rậm và tròn, dài đến ngực, tóc màu nâu sẫm pha chút bạc.

Ngày 23 tháng 6

ngày 10 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Cha Vassian, Giám mục Lodi[4240]

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 6

Việc ghi chép cuộc đời các thánh, những người đã dũng cảm, nhờ ơn Chúa, chống lại những dục vọng xác thịt, và truyền lại ký ức về họ cho các thế hệ sau, là điều hữu ích vì hai lý do. Thứ nhất, khi tưởng nhớ những chiến công dũng cảm của các thánh, chúng ta tin rằng các thánh cũng sẽ cầu thay cho chúng ta trước mặt Thiên Chúa; thứ hai, khi ghi chép lại những chiến công và lòng dũng cảm của các thánh, chúng ta qua đó khích lệ chính mình và người khác noi gương những chiến công ấy. Với ý nghĩ đó, chúng ta sẽ cố gắng tóm tắt cuộc đời và những chiến công của Thánh Vassian, Giám mục Lodi và vị Tử đạo; nhờ vị thánh nhân này, chúng ta sẽ trình bày những chiến công của ngài, nhờ đó ngài đã được xứng đáng trở thành thành viên của Nước Trời.

Vị thánh này từ thuở nhỏ đã là một bậc trưởng lão, tất nhiên không phải về tuổi tác, mà là về trí tuệ và đức hạnh. Cha ngài là Sergius, người cai trị vùng Syracuse[4241] , theo đạo Hy Lạp ngoại giáo.

Ông đã gửi con trai mình đến Rôma để học triết học ngoại giáo, với hy vọng con trai sẽ trở thành người kế vị quyền lực của cha và là một nhà cai trị tài ba cho dân chúng. Bẩm sinh đã thông minh và sáng suốt, Vassian đã siêng năng học tập triết học và đạt được nhiều thành tựu trong việc học. Vào thời điểm đó, anh nghe nói về danh Chúa Kitô và về đời sống của các Kitô hữu[4242] và ngay lập tức, anh khao khát bằng cả trái tim mình từ bỏ triết học Hy Lạp để theo đuổi sự khôn ngoan Kitô giáo cứu rỗi linh hồn; vì thế, anh bắt đầu suy ngẫm – trong số các tôi tớ của cha mình (những người được giao phó cho anh), anh có thể tiết lộ bí mật trong lòng mình cho ai.

Còn Chúa, không muốn để chiến binh của Ngài phải xa rời công việc đã được định sẵn quá lâu, đã ba lần báo cho một vị linh mục đạo đức biết qua những giấc mơ về mong muốn và ý định của chàng trai trẻ Vassian muốn trở thành Kitô hữu. Khi tỉnh giấc, vị linh mục bắt đầu đi khắp các trường học trong thành phố Rôma, cố gắng tìm kiếm chàng trai mà Chúa đã chỉ cho ông trong giấc mơ. Cuối cùng, sau một thời gian dài tìm kiếm, nhờ ơn Chúa, vị linh mục đã tìm thấy người mình đang tìm và hỏi anh ta: “Anh đến từ đâu? Cha mẹ anh là ai? Và tại sao anh lại sống ở Rôma?”

Vị linh mục ngạc nhiên trước những câu trả lời khôn ngoan và sáng suốt của cậu thiếu niên Vassian, khi cậu kể lại mọi chuyện về bản thân một cách chi tiết, và ngài nhận ra rằng đây chính là chàng trai mà ngài đang tìm kiếm.

Như một người cha đầy yêu thương, vị linh mục ôm chầm lấy chàng trai và hôn lên mặt cậu; sau đó, ông đưa cậu về nhà, nơi ông kể cho cậu nghe về thị kiến mà ông đã nhận được từ Thiên Chúa; sau đó, cả hai cùng ngợi khen Thiên Chúa. Ngay sau đó, Vassian quỳ xuống dưới chân vị linh mục và nài nỉ ông hãy sớm rửa tội cho cậu. Trước hết, vị linh mục bắt đầu giảng dạy cho chàng trai những chân lý của đức tin thánh thiện và giải thích cho anh ta về các bí tích của luật Kitô giáo. Chàng trai, khi nghe những lời giảng dạy này, đã cảm động sâu sắc và lòng tràn

---

[4239] Việc tôn kính Thánh Alexander bắt đầu từ thế kỷ 16. Xác thánh của ngài được lưu giữ tại Tu viện Kushch, nơi vào năm 1838 đã được sáp nhập vào Tu viện Spasokamennoye.

[4240] Lodia hay Lavda nằm gần Mediolan (xem trang 384 bên dưới)

[4241] Syracuse – một trong những thuộc địa Hy Lạp đầu tiên trên bờ đông đảo Sicily, được thành lập vào thế kỷ VIII trước Công nguyên; sau này trở thành thành phố lớn nhất và giàu có nhất trên đảo.

[4242] Từ phần kể tiếp theo có thể thấy rằng Thánh Vassian đã nghe nói về các Kitô hữu ngay từ thuở ấu thơ (cuốn tiểu sử kể lại rằng khi còn là một đứa trẻ sơ sinh, Vassian đã vẽ dấu thánh giá trên mặt đất); nhưng tại Roma, Vassian đã tìm hiểu sâu hơn về Kitô giáo và có cơ hội tận mắt chứng kiến cuộc sống thực tế của các Kitô hữu.

đầy tình yêu dành cho Chúa Kitô. Sau đó, vị linh mục đã công bố tên rửa tội cho anh là "[4243] " và dạy anh cách phải cư xử như thế nào trong lễ rửa tội thánh. Kể từ lúc đó, Vassian thường xuyên đến gặp vị linh mục đáng kính cùng với một người nô lệ già nhất của mình, người luôn trung thành với anh trong mọi việc, để học hỏi sự khôn ngoan Kitô giáo từ những lời giảng đầy ân sủng của vị thầy thiêng liêng.

Sau khi được công bố, Vassian bắt đầu sống một cuộc đời khắc khổ: ban ngày ông ăn chay và cầu nguyện, ban đêm thì hoặc cầu nguyện, hoặc đọc sách, chỉ chợp mắt một chút. Trong số thức ăn được dọn ra, ông chỉ ăn một phần ba, còn hai phần còn lại thì phân phát cho những người nghèo.

Thời gian trôi qua khá lâu; cuối cùng, giờ lễ rửa tội của Vassian cũng đã đến. Vassian cùng với người đầy tớ trung thành của mình đến nhà vị linh mục, nơi lễ rửa tội thiêng liêng được cử hành. Khi Vassian, theo nghi thức rửa tội thông thường, bước vào bể rửa tội, ngài thấy một thiếu niên có khuôn mặt tuyệt đẹp, rạng rỡ như mặt trời; thiếu niên này đang phụ giúp trong lễ rửa tội và cầm bộ quần áo mà người mới được rửa tội sẽ mặc sau khi ra khỏi bể rửa tội. Thánh Vassian đã dám hỏi anh ta:

– Ngươi là ai? Ngươi từ đâu đến?

– Ta đã được sai đến với ngươi từ lâu rồi, – chàng trai trẻ đáp, – để giúp ngươi thực hiện ý định thánh thiện của mình và xua đuổi mọi điều trái ngược với ý định đó.

Nói xong, chàng trai bỗng biến mất. Sau khi chàng trai ra đi, căn phòng tràn ngập một hương thơm kỳ diệu, kéo dài suốt nửa giờ, đến nỗi tất cả những ai có mặt ở đó đều nghĩ rằng họ không còn ở trần gian nữa, mà đang ở trên thiên đàng.

Sau lễ rửa tội thiêng liêng, Vassian bắt đầu sống một cuộc đời còn khắc khổ hơn nữa, kìm chế thân xác trẻ trung của mình và khuất phục nó trước tinh thần. Các quan chức và người hầu, những người mà quan tổng trấn Sergius đã ra lệnh phải bảo vệ Vassian như con ngươi trong mắt, không biết đến bí mật của Vassian[4244] , đã vô cùng ngạc nhiên, thậm chí lo lắng, khi chứng kiến sự tiết chế bất thường của anh; họ bối rối không hiểu tại sao ông lại ăn uống ít đến vậy, tại sao ông lại thức trắng đêm, tại sao khuôn mặt ông ngày càng xanh xao, còn thân thể thì ngày càng tiều tụy? Nhìn thấy tất cả những điều đó, họ hỏi nhau với vẻ bối rối: "Vì lý do gì mà ngài của chúng ta lại tự hành hạ bản thân như vậy?"

Còn người đầy tớ già nhất, người trung thành với Thánh Vassian và biết bí mật của ngài, đã nói với họ: "Đừng ngạc nhiên về điều này, vì giáo lý triết học chỉ có thể được thấu hiểu bởi những môn đệ đã khinh thường mọi dục vọng và chỉ hài lòng với những gì cần thiết để duy trì sự sống. Vì vậy, các ngươi hãy biết rằng chủ nhân của chúng ta, vì mong muốn nghiên cứu sự khôn ngoan cao siêu nhất, nên đã tự đặt ra cho mình sự kiêng khem và thức trắng như vậy."

Nhưng những người hầu không hài lòng với câu trả lời này; đồng thời, họ nhớ lại rằng khi còn là một đứa trẻ sơ sinh, Vassian thỉnh thoảng vẽ dấu thánh giá trên cát hoặc xếp rơm thành hình thánh giá, điều này khiến người vú nuôi thường hay mắng mỏ cậu. Cuối cùng, sau nhiều lần điều tra và theo dõi xem Vassian đi đâu, các người hầu bắt đầu nghi ngờ rằng chủ nhân của họ đã theo đạo Kitô và sống theo giáo lý Kitô giáo. Điều này khiến họ rơi vào tình trạng hoang mang và sợ hãi không nhỏ, vì họ lo sợ cơn giận của cha Vassian, là Sergius. Họ cuối cùng đã chắc chắn rằng Vassian là một Kitô hữu qua sự việc sau đây.

Một lần nọ, sau khi tham dự Thánh Lễ Thức Trắng và hoàn thành các công việc suốt đêm, chàng thanh niên thánh thiện, vì mệt mỏi, đã chìm vào giấc ngủ say. Trong giấc ngủ, anh bắt đầu thốt lên những lời cầu nguyện, kêu cầu Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, và xin Ngài dẫn dắt anh trên con đường dẫn đến vinh quang đã hứa ban cho tất cả những ai yêu mến Ngài. Sau lời cầu nguyện, một tiếng nói từ trên cao vang lên: "Hãy vui mừng và hân hoan, hỡi Vassian, chiến binh trung thành nhất của Đấng Kitô! Lời cầu nguyện của con đã được Thiên Chúa chấp nhận và một chỗ tốt nhất trên thiên đàng đã được dành sẵn cho con."

[4243] Thông thường, tất cả những ai chuẩn bị chịu phép rửa tội trong Giáo hội cổ đại đều phải trải qua giai đoạn "nghe giảng" trước đó – tức là được hướng dẫn bằng lời nói về các chân lý của đức tin Kitô giáo. Những người đang trong giai đoạn "nghe giảng" chỉ được phép tham dự phần thứ nhất (phần dâng bánh) và phần thứ hai (thánh lễ dành cho những người đang nghe giảng) của Thánh lễ; trước phần thứ ba (Thánh lễ của các tín hữu), những người đang trong giai đoạn chuẩn bị phải ra khỏi nhà thờ, điều này được thông báo bằng lời tuyên xưng của phó tế: "Những người đang trong giai đoạn chuẩn bị, hãy ra ngoài." Thời gian của giai đoạn chuẩn bị này rất khác nhau: nó kéo dài từ vài ngày hoặc vài tuần đến vài tháng, thậm chí vài năm.

[4244] Tức là không biết rằng mình là Kitô hữu.

Sau sự kiện này, các tôi tớ đã hoàn toàn tin chắc rằng Vassian là một Kitô hữu; vì vậy, họ lần lượt bí mật trở về Syracuse gặp chủ cũ của mình, quan tổng trấn Sergius, mang theo tin tức không vui cho ông; họ báo cho quan tổng trấn biết rằng con trai ông, Vassian, đã theo đạo Kitô.

Sergius, vốn là một người thờ thần tượng, đã vô cùng buồn bã vì điều này và bắt đầu suy tính xem làm thế nào để khiến con trai mình từ bỏ Kitô giáo: bằng sự dịu dàng hay bằng những lời đe dọa.

Dần dần, tất cả các người hầu của Vassian đều rời khỏi Rome; chỉ còn lại một người hầu già và trung thành, người cũng là một Kitô hữu. Để thay thế những người đã ra đi, cha của Vassian muốn cử những người hầu mới đến, để họ đưa Vassian rời khỏi Rome và đưa anh về với ngài.

Vào thời điểm đó, Thánh Vassian đã phải vào nhà thờ Thánh Gioan Tông đồ, nhà thần học, vào ban đêm, khi gà gáy lần đầu tiên[4245] . Tại đây, trong lúc cầu nguyện theo thông lệ, ngài đã thấy một người đàn ông chính trực, tóc đã bạc phơ, người này đã nói với ngài như sau:

"Hãy biết rằng, hỡi người làm chứng trung thành cho Đấng Kitô, ngươi cần phải cùng với người tôi tớ trung thành của ngươi rời khỏi đây để đến thành Ravenna[4246] , vì cha ngươi, người đã sinh ra ngươi trong cuộc sống trần thế, đang có ý định cản trở sự cứu rỗi linh hồn ngươi; hãy chạy trốn khỏi đây, để ông ta không lôi kéo ngươi ra khỏi con đường chính đạo. Vì lý do đó, Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, Đấng không bao giờ bỏ rơi các tôi tớ của Ngài, đã sai tôi, vị tông đồ của Ngài, đến báo cho ngươi biết điều này, để những người được cha ngươi sai đi, khi tìm thấy ngươi ở đây, sẽ không cản trở ngươi trốn khỏi nơi này".

Sau những lời ấy, Thánh Gioan Thần Học đã rời khỏi Vassian.

Thánh Vassian, lòng tràn ngập niềm vui vì sự hiện ra của vị tông đồ, liền quỳ lạy nhiều lần và cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài đừng bỏ rơi anh bằng ân sủng của Ngài. Sau khi cầu nguyện, Vassian kể lại tất cả những gì mình đã thấy và nghe cho người đầy tớ của mình. Sáng hôm sau, họ phân phát hết tài sản của mình cho những người nghèo khó và, sau khi nhận lời chúc phúc từ vị cha linh hướng của mình là Gordian, vào buổi tối họ rời khỏi Roma và lên đường đến Ravenna.

Sau vài ngày lữ hành, trên đường đi, Thánh Vassian đã nhìn thấy một con nai cái cùng hai con non; những con vật này đã kiệt sức và suy kiệt vì bị những thợ săn đuổi theo. Những thợ săn đã gần như đuổi kịp đàn nai. Thấy vậy, vị thánh động lòng thương xót con nai cái và những con non của nó, rồi nói với nó: "Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Ta ra lệnh cho ngươi hãy đến với Ta mà đừng sợ."

Con nai cái ngay lập tức, như thể hiểu được những lời ấy, trở nên hiền lành, dừng lại và không chút sợ hãi tiến đến gần vị thánh cùng với những con non của mình. Vassian bắt đầu vuốt ve nó bằng tay, như thể con vật đã quen thuộc với ông từ lâu; còn con nai cái thì liếm chân ông.

Khi những thợ săn đang đuổi theo con nai chạy đến nơi, thấy con nai đang đứng trước người lữ hành với vẻ hiền lành và người ấy đang vuốt ve nó bằng tay, họ vô cùng ngạc nhiên, không hiểu sao sự hoang dã của con vật lại có thể biến thành sự hiền lành nhanh đến vậy. Lúc đó, một trong những thợ săn, người có tính cách xấu xa và tàn nhẫn, nói với các đồng đội của mình: "Mấy tên điên! Sao chúng ta còn chần chừ và tại sao không bắt con mồi của mình?"

Nói xong, hắn liền giật con nai cái khỏi tay vị thánh.

"Không phải tôi, mà là Đức Chúa Trời Tối Cao đang ra lệnh cho ngươi," thánh Vassian nói với người thợ săn, "đừng làm điều ác nào đối với con thú hoang dã này, cũng như với những con non của nó."

Với sự giận dữ và ngang ngược, tên thợ săn đã dám hất tay vị thánh của Chúa ra; nhưng ngay lập tức, vì hành động ngang ngược đó, một con quỷ đã xông vào tấn công tên thợ săn tàn nhẫn ấy và bắt đầu hành hạ hắn một cách dữ dội. Trong cơn đau đớn, hắn ngã xuống đất, la hét thảm thiết, sùi bọt mép và, cứng đờ người, trông như đã chết. Lúc đó, những thợ săn còn lại đều kinh hoàng và run rẩy vì sợ hãi; họ quỳ sấp xuống dưới chân vị thánh, nước mắt tuôn trào, van xin sự tha thứ, lo sợ rằng số phận tương tự cũng sẽ ập xuống đầu họ. Vassian ra lệnh cho họ rời khỏi nơi này, còn bản thân ông thì nằm sấp xuống, tay chân dang rộng hình chữ thập để cầu nguyện, và hướng toàn bộ tâm trí về phía Chúa, ông bắt đầu cầu nguyện: "Lạy Chúa – Đấng Tạo Hóa kỳ diệu của vạn vật, lạy Chúa đầy

[4245] Các Kitô hữu đầu tiên, theo gương người Do Thái cổ đại, chia đêm thành bốn phần (mỗi phần 3 giờ), được gọi là các ca trực. Tiếng gáy của gà trống vào ca trực thứ ba được gọi là tiếng gáy báo hiệu hoặc tiếng gáy của gà trống.

[4246] Ravenna nằm ở vùng được gọi là Gaul Cispadane, bên bờ Biển Adriatic. Thiên nhiên và nghệ thuật đã biến thành phố này thành một pháo đài vững chắc, gần như bất khả xâm phạm, chính vì vậy Ravenna được coi là pháo đài của Ý. Các hoàng đế La Mã, bắt đầu từ Honorius (395–423), đã chọn nơi đây làm nơi cư ngụ của mình.

lòng thương xót – Đấng Cứu Rỗi loài người sa ngã, Đấng không vui mừng trước sự diệt vong của người chết, mà vui mừng trước sự cứu rỗi của người sống: xin tha thứ cho người đang nằm trong cảnh bất hạnh này, người đã phạm tội vì vô minh và làm phật lòng lòng nhân từ của Ngài!"

Với những lời cầu nguyện cảm động như thế và những lời tương tự, vị thánh đã cầu nguyện. Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, ngài bước đến gần người đang nằm trên mặt đất, nắm lấy tay phải của anh ta và nói với con quỷ đang ngự trong anh ta: "Ma quỷ! Đấng đã quăng ngươi từ đỉnh cao thiên đàng xuống vực thẳm, ra lệnh cho ngươi ngay lập tức rời khỏi hình ảnh của Đức Chúa Trời – con người này – và lui về Tartarus[4247] đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi, nơi ngươi sẽ phải chịu đau khổ muôn đời."

Vị thánh chưa kịp nói hết những lời ấy, thì kẻ thù của loài người đã rời khỏi người thợ săn, người mà nó đã hành hạ đến mức suýt chết chỉ trong chốc lát. Khi người thợ săn bắt đầu tỉnh lại, anh ta không nhìn thấy gì bằng đôi mắt của mình và nằm bất động trên mặt đất.

Vị thánh lại cầu nguyện với Chúa, và sau khi cầu nguyện, ngài làm dấu thánh giá lên đôi mắt người thợ săn; ngay lập tức đôi mắt ấy mở ra, khiến người thợ săn có thể nhìn thấy trở lại. Sau đó, Vassian làm dấu thánh giá bao quanh toàn thân anh ta và ra lệnh cho anh ta đứng dậy; người thợ săn liền đứng lên, khỏe mạnh như thể chưa từng chịu bất kỳ tổn thương nào.

Những thợ săn khác đang đứng xa xa đã nhìn sự kiện kỳ diệu này với lòng kính sợ; sau đó, họ tiến lại gần vị thánh và cúi đầu chào ngài. Người được chữa lành cũng cúi đầu cùng với họ, xin thánh nhân tha thứ và chân thành cảm ơn vị đã chữa lành cho mình. Sau đó, mọi người tản ra về nơi của mình: các thợ săn về nhà, con nai cái cùng đàn con được thả về tự do, còn thánh Vassian cùng người đầy tớ của mình tiếp tục lên đường.

Khi đến thành phố Ravenna, Vassian đã đến gặp giám mục của thành phố này, là Ursu, người có quan hệ họ hàng với ông. Vị giám mục, khi nhìn thấy người thân của mình, đã vô cùng vui mừng, đặc biệt là khi biết rằng ông tin vào Chúa Kitô và vì tình yêu dành cho Chúa Kitô mà đã từ bỏ mọi thứ để đi lang thang. Theo nguyện vọng của Vassian, vị giám mục đã dành cho ông một nơi yên tĩnh bên ngoài thành phố, gần nhà thờ Thánh Tử đạo Apollinaris – vị giám mục đầu tiên của thành Ravenna, người được Thánh Tông đồ Tối cao Phêrô tấn phong và đã chịu tử đạo dưới triều đại của Vespasian[4248] vì danh Chúa Kitô. Tại nhà thờ này, Vassian đã tìm được một nơi rất thuận tiện: ở đây, sống trong sự ẩn dật, từ bỏ thế gian và mọi điều trần tục, ông có thể tận tâm phụng sự Thiên Chúa, tu luyện bằng việc ăn chay và cầu nguyện.

Chúa đã sớm tôn vinh tôi tớ của Ngài: Ngài ban cho ông ân sủng kỳ diệu để chữa lành các bệnh tật thể xác bằng lời cầu nguyện và các bệnh tật tâm hồn – bằng những lời giảng dạy được Thánh Thần soi dẫn. Nhờ tất cả những điều này, ông đã nhận được sự kính trọng, tình yêu mến và danh tiếng từ tất cả những người xung quanh.

Vào thời điểm đó, từ vua Valentinianus[4249] đã có một sắc lệnh gửi đến quan cai trị thành phố Ravenna và tất cả công dân của thành phố này: phải xử tử quan tòa thành phố tên là Vithimnius; việc này xảy ra là do những kẻ vu khống đã tố cáo Viphimni trước mặt nhà vua về những tội ác nghiêm trọng mà người ta cho rằng ông đã phạm phải. Viphimni bị trói lại và dẫn đến nơi mà ông sẽ bị chém đầu. Tại đó, ông nhớ đến Thánh Vassian và thầm nói với chính mình: "Nô lệ của Chúa, Vassian! Nhờ ân sủng mà Đức Chúa Trời đã ban cho ngài, xin hãy giúp đỡ tôi!"

Chính quan cai trị thành phố và đông đảo dân chúng đều có mặt tại đó, mong muốn chứng kiến cái chết của Vithimni. Và lúc này, Vithimni đã cúi đầu xuống để bị chém, còn tên đao phủ cầm thanh kiếm hai lưỡi đã giơ cao lên, định chém mạnh vào cổ Vithimni. Nhưng ngay lúc đó, một sự việc bất ngờ đã xảy ra. Thanh kiếm tuột khỏi tay người hành hình và rơi xuống một nơi xa đó. Người hành hình lại cầm lấy thanh kiếm, nắm chặt hơn trước, giơ lên để chém đầu Viphimni, nhưng ngay khi vung kiếm, thanh kiếm lại, như trước đó, tuột khỏi tay anh ta và rơi xuống xa. Người hành hình lại giận dữ nắm lấy thanh kiếm, nhưng điều tương tự lại xảy ra. Mọi người đều kinh ngạc trước phép lạ này. Quan thành chủ, nghĩ rằng người hành hình đang tha cho kẻ bị kết án vì phần thưởng mà hắn tưởng sẽ nhận được, đã đuổi người hành hình đó đi và ra lệnh cho một người khác chém đầu Viphimnia. Nhưng với người kia cũng xảy ra chuyện tương tự: thanh kiếm đã ba lần bị một sức mạnh vô hình giật khỏi tay người hành hình và rơi xa tít tắp. Sau đó, quan thành chủ, vừa ngạc nhiên vừa sợ hãi trước những gì đã xảy ra, đã ra lệnh đưa

[4247] Dưới cái tên "Tartarus", người Hy Lạp cổ đại hiểu đó là vực thẳm tối tăm nằm sâu trong lòng đất.
[4248] Hoàng đế Vespasian trị vì từ năm 70 đến năm 79.
[4249] Hoàng đế Valentinian II trị vì từ năm 383 đến năm 392.

người bị kết án ra khỏi nơi hành hình, nhất là khi dân chúng cũng đòi thả Viphimni, vì sức mạnh của Đức Chúa Trời đang bảo vệ anh ta khỏi cái chết.

Vithimni được giam vào ngục tối và người ta gửi tin báo cho nhà vua rằng hai đao phủ không thể chém chết người bị kết án. Ngay khi nhận được tin này, nhà vua lập tức ban ra sắc lệnh nhân từ – tha cho Vithimni khỏi án tử hình và tha thứ tội lỗi của anh.

Viphimni không giấu giếm điều này, mà ngược lại, ông đã kể về vị thánh bảo trợ của mình theo ý Chúa, thánh Vassian, người mà ông đã cầu khẩn trong lời cầu nguyện để được giúp đỡ. Sau khi được thả khỏi ngục tối, ông đến gặp vị thánh và, hôn chân ngài, dâng lời tạ ơn, nhưng vị thánh được Chúa yêu mến đã ra lệnh cho ông chỉ được tạ ơn một mình Đức Chúa Trời, Đấng đã cứu ông khỏi cái chết. Từ đó, tất cả cư dân trong thành đều đối xử với vị thánh với sự kính trọng sâu sắc, coi ngài như một Thiên thần của Chúa và tìm đến ngài để cầu xin sự giúp đỡ.

Còn các giáo sĩ và những công dân danh giá thì cùng nhau thỉnh cầu giám mục thuyết phục thánh Vassian nhận chức linh mục, vì khi đó lời cầu nguyện được Thiên Chúa chấp nhận của Vassian, được ngài dâng lên trong khi cử hành hy lễ không đổ máu, sẽ có sức mạnh hơn trước mặt Thiên Chúa. Như vậy, vị thánh nhân của Chúa, dù không phải theo ý muốn của mình, đã được tấn phong làm linh mục, và ngài đã đảm nhận chức vụ này trong một thời gian khá dài.

Vào thời điểm đó, người đầy tớ trung thành của Thánh Vassian, người đã cùng ngài từ Roma đến, đã qua đời. Thánh Vassian bắt đầu cử hành Thánh lễ không đổ máu để cầu cho linh hồn người ấy được an nghỉ. Vào ngày thứ bảy sau khi người đầy tớ qua đời, trong lúc cử hành Thánh lễ, vị thánh, đang thành kính cầu nguyện cho linh hồn người mới qua đời được an nghỉ, đã nghe thấy một tiếng nói từ trời báo cho ngài biết rằng linh hồn người đã khuất đã nhận được ân sủng của Đức Chúa Trời và được xếp vào hàng các thánh. Vassian đã kể lại tin này cho Vithimnius, người đang có mặt trong nhà thờ để tham dự Thánh lễ, và lúc đó cả hai đều hân hoan trong lòng vì linh hồn người đã qua đời đã được cứu rỗi.

Cũng vào khoảng thời gian đó, tại thành phố Lodi, thuộc vùng Liguria[4250] , một vị giám mục đã qua đời. Người dân thành phố này đã tự nguyện ăn chay ba ngày và cầu nguyện sốt sắng cùng Chúa, xin Ngài sai một người xứng đáng, người mà khi lên ngôi giám mục, có thể điều hành Giáo hội của Chúa Kitô một cách thành công.

Trong thời gian ăn chay và cầu nguyện chung, một trong những linh mục của nhà thờ chính tòa, tên là Clément, một người đức hạnh và chính trực, sau khi hoàn thành các công việc nhà thờ và chìm vào giấc ngủ, đã thấy trong giấc mơ một người đàn ông rực rỡ ánh sáng hiện ra và nói: "Hãy biết rằng, Đức Chúa Trời đã định sẵn cho các ngươi vị giám mục là linh mục Vassian, người đang cư ngụ tại thành Ravenna và được ban cho những ân sủng của Đức Chúa Trời."

Khi tỉnh giấc, Clément lập tức triệu tập những người đáng kính nhất trong hàng giáo sĩ và giáo dân, rồi thông báo cho họ về những gì Chúa đã phán với ngài trong giấc mơ. Sau đó, họ đã chọn ra những người có uy tín và cử họ đến Ravenna để thỉnh cầu Thánh Vassian – hãy đến với họ tại Lodia và nhận lấy ngai giám mục.

Còn đối với Thánh Vassian, trước khi những người được cử đi đến Ravenna, Thiên Chúa đã mặc khải cho ngài trong giấc mơ ban đêm về sự đến của họ và truyền lệnh rằng ngài đừng từ chối, mà hãy đi cùng họ.

Vào buổi sáng, các sứ giả từ Lodi đã đến gặp vị thánh và thông báo cho ngài về mệnh lệnh mà họ nhận được. Vị thánh đã nói với các sứ giả như sau: "Đức Chúa Trời đã tạo ra con người bất tử, để con người luôn tuân theo ý muốn và chỉ dẫn của Đấng Tạo Hóa. Nhưng con người, khi vi phạm mệnh lệnh của Đức Chúa Trời ban cho trong vườn Địa Đàng, đã tự biến mình thành sinh vật hữu hạn, và cũng khiến con cháu mình trở thành sinh vật hữu hạn. Vì vậy, con người không nên chống lại ý muốn của Đức Chúa Trời và vi phạm các điều răn của Ngài, mà mỗi người cần phải hết lòng cố gắng thực hiện những điều đẹp lòng Đức Chúa Trời và được Ngài truyền dạy. Chính vì lý do này, tôi, không phải vì ham muốn vinh quang, mà vì nhu cầu của các anh em đồng đạo, theo lệnh của Đức Chúa Trời, không từ chối gánh vác ách được đặt lên vai mình."

Nói xong, Thánh Vassian đề nghị các lữ khách nghỉ ngơi sau chặng đường gian nan. Nhưng những người được cử đi, dù vui mừng trước sự đồng ý của vị thánh, lại không có ý định ở lại nghỉ ngơi, mà mong muốn sớm mang kho báu vô giá này về thành phố của họ, họ háo hức muốn lên đường trở về ngay lập tức và nài nỉ vị thánh hãy đi cùng họ càng sớm càng tốt; vì vậy, vào buổi tối, vị thánh và những người được cử đi đã lên đường.

[4250] Liguria ở Ý là tên gọi của một vùng đất có người Liguria sinh sống – một bộ tộc có nguồn gốc Celtic. Liguria giáp ranh với Gaul.

Khi họ đến gần Lodia, cả dân chúng đã hân hoan và vui mừng ra đón vị mục tử do Thiên Chúa ban tặng cho họ.

Lúc đó, trong đám đông có một người bị liệt, không thể nói được. Cùng với mọi người, người bệnh này, dù rất vất vả, đã tiến lại gần vị thánh và hôn lên bàn tay phải của vị thánh nhân được Chúa yêu mến. Ngay lập tức, thân thể anh ta khỏe mạnh trở lại; lưỡi anh ta được giải thoát, và anh ta bắt đầu ca ngợi vinh quang của Chúa. Dân chúng càng thêm hân hoan khi thấy Thiên Chúa đã ban cho họ một vị mục tử thánh thiện và một vị làm phép lạ như thế nào.

Để cử hành lễ tấn phong Thánh Vassian lên hàng giám mục, Thánh Giám mục Ambrose từ Mediolanum và người thân của Thánh Vassian là Urs từ Ravenna đã đến Lodia. Vào ngày đầu tiên của tháng Giêng, lễ tấn phong Vassian – người được Thiên Chúa chọn – làm giám mục đã diễn ra, mang lại niềm vui lớn lao và không khí lễ hội rộn ràng cho cả thành phố.

Sau khi trở thành giám mục, Thánh Vassian bắt đầu dạy dỗ đoàn chiên của mình bằng lời nói và hành động, nhưng chủ yếu là qua gương sống đạo đức của chính mình. Ngài dành cho Thánh Ambrose một tình yêu sâu sắc về Chúa Thánh Thần, và cũng nhận được tình yêu tương tự từ Thánh Ambrose, điều này được thể hiện qua những lá thư thân ái mà hai ngài thường xuyên gửi cho nhau.

Sau một thời gian, Thánh Vassian, vị thánh của Chúa Kitô, đã xây dựng một nhà thờ tráng lệ mang tên các Thánh Tông đồ ở vùng ngoại ô phía đông thành phố và mời Thánh Ambrose của Milan cùng Thánh Philax của Comana[4251] (lúc bấy giờ Thánh Ursus của Ravenna đã an nghỉ trong Chúa) đến dự lễ thánh hiến nhà thờ này.

Vào lúc các vị giám mục đang làm lễ thánh hiến nhà thờ, trong đám đông tụ tập để tham dự lễ, có một thiếu nữ bị quỷ ám; qua miệng cô, ma quỷ đã lớn tiếng kêu lên: "Tại sao các ngươi, những người của Chúa, lại nổi loạn bất chính chống lại ta? Tại sao cả ba người lại cùng nhau trang bị vũ khí bất khả chiến bại để chống lại một mình ta? Chẳng lẽ các ngươi chưa thấy đủ khi đã tước đi quyền năng của chúng ta để gây hại cho bất kỳ ai trong số các ngươi sao? Giờ đây các ngươi lại đuổi chúng ta khỏi những người mà chúng ta từng có quyền lực. Nếu các ngươi đuổi ta khỏi đây, thì ta sẽ mang theo hai hoặc nhiều (quỷ) khác, và đi đến một nơi khác mà các ngươi không thể đến được."

Các tôi tớ của Chúa Kitô, khi nghe tiếng gào thét của ma quỷ, đã quỳ gối xuống và cầu nguyện với Chúa một cách sốt sắng hơn. Trong lúc cầu nguyện, con quỷ, không chịu nổi sức mạnh của lời cầu nguyện, đã quật cô thiếu nữ xuống đất và với một tiếng thét kinh hoàng, nó rời khỏi thân thể cô. Lúc đó, các vị thánh tiến lại gần cô thiếu nữ, nâng cô dậy khỏi mặt đất khi cô đã khỏe mạnh trở lại, rồi trao cô cho cha mẹ, khuyên họ hãy tạ ơn Chúa vì đã giải thoát con gái họ khỏi sự hành hạ của quỷ dữ.

Sau khi làm lễ thánh hiến nhà thờ, một bữa tiệc đã được tổ chức để tôn vinh Đức Chúa Trời, trong bữa tiệc đó, các vị thánh nhân đã trò chuyện về những điều có ích cho Giáo Hội của Đức Chúa Trời. Sau bữa tiệc và cuộc trò chuyện thân mật, các giám mục đã đến dự tiệc lên đường trở về nơi của mình, và Thánh Vassian đã tiễn đưa từng người trong số họ một cách trang trọng.

Một lần nọ, vào mùa gặt, một cậu bé đang gom những bó lúa giữa đám thợ gặt thì bị rắn cắn và qua đời. Cha mẹ cậu, khóc lóc thảm thiết vì cái chết của con, đã mang thi thể cậu đến an táng tại nhà thờ mới được Thánh Vassian xây dựng để tôn vinh và ca ngợi các Thánh Tông đồ, nơi mà lúc đó chính vị Giám mục của Chúa, Thánh Vassian, cũng tình cờ có mặt. Ngài thường xuyên đến nhà thờ này và cử hành thánh lễ tại đó. Trong lúc hát bài thánh ca tang lễ thông thường, tiếng khóc than của cha mẹ dành cho cậu thiếu niên đã lấn át tiếng hát của các ca viên. Đức Giám mục, thương xót những người đang khóc than, đã ra lệnh cho mọi người ra khỏi nhà thờ; sau đó, ngài ở lại một mình, quỳ sấp xuống đất trước mặt Chúa với những giọt nước mắt và khẩn cầu Ngài, để Chúa ra lệnh cho linh hồn cậu thiếu niên trở lại thân xác. Trong lúc vị thánh đang cầu nguyện, thi thể của cậu bé đã qua đời bắt đầu cử động, lúc đầu chỉ một chút, rồi ngày càng rõ rệt hơn. Vị thánh đứng dậy sau khi cầu nguyện, nắm lấy tay cậu bé và ra lệnh cho cậu đứng dậy. Cậu thiếu niên, như vừa thức dậy sau giấc ngủ, mở mắt ra, bắt đầu gọi mẹ và đứng dậy. Cha mẹ và dân chúng đang ở bên ngoài nhà thờ, khi nghe tiếng cậu thiếu niên, vì quá vui mừng nên không thể đứng yên tại chỗ, liền mở cửa nhà thờ và ùa vào trong. Khi thấy cậu bé sống lại từ cõi chết, mọi người đều kinh ngạc và kinh hoàng; họ quỳ xuống trước vị thánh, vui mừng hôn lên tay và áo của ngài. Còn vị thánh, sau khi dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa toàn năng và giảng dạy một bài huấn từ, đã cho mọi người ra về trong bình an.

[4251] Thành phố Comana nằm ở tỉnh Ponte, phía đông bắc Tiểu Á. Ngày nay, tại vị trí của thành phố này là làng Gumenek.

Vài năm sau đó, Thánh Ambrose, vị thánh của Chúa Kitô, lâm bệnh nặng. Đức Giám mục Vassian, khi biết tin về bệnh tình của người anh em yêu quý, của Thánh Thần, của người cha và người bạn, đã vội vã lên đường đến Mediolan để thăm người bệnh. Tại đó, khi thấy Ambrose đang nằm trên giường bệnh, ngài ở lại để phục vụ ngài, cầu nguyện cùng ngài và an ủi ngài bằng niềm hy vọng nơi Chúa Kitô.

Thánh Ambrôsiô đã có một thị kiến: ngài thấy Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đang bước đến với ngài, khuôn mặt rạng ngời và mỉm cười thân ái với ngài.

Thánh Ambrose đã kể lại thị kiến này cho Thánh Vassian, người đang ở bên cạnh ngài. Lúc đó, Thánh Vassian, nhận ra rằng giờ lâm chung của Thánh Ambrose đã gần kề, bắt đầu khóc và đồng thời vui mừng. Ông vui mừng vì vị thánh nhân đang ra đi về với Chúa Kitô, Đấng đang kêu gọi ngài – còn khóc thương vì phải chia tay người bạn thân yêu của mình trong cuộc đời tạm bợ này: nhưng ông có niềm hy vọng vững chắc nơi Chúa Kitô rằng sẽ được gặp lại Ngài trong cuộc sống mai sau và được ở cùng với vị thánh đã an nghỉ trong hàng ngũ các vị giám mục.

Sau khi Thánh Ambrose qua đời, Vassian và tất cả cư dân Mediolan đã khóc thương vị thánh và an táng thi hài thánh của ngài một cách trang trọng. Sau đó, Vassian trở về thành phố của mình, nơi ngài dâng lên Chúa của lễ không đổ máu cùng lời cầu nguyện xin linh hồn Ambrose được an nghỉ, dù ngài hoàn toàn tin chắc rằng linh hồn ngài đã an nghỉ cùng các thánh; nhưng lời cầu nguyện và của lễ không đổ máu, cũng như những lời cầu nguyện cho các thánh, không bao giờ vô ích. Nếu lời cầu nguyện cho vị thánh không thể giúp ích gì cho ngài, thì nó sẽ trở về lòng người cầu nguyện – mang lại lợi ích cho chính người đó, như Đavít đã nói: *"Lời cầu nguyện của tôi đã trở về lòng tôi"* (Thánh vịnh 34:13).

Sau một thời gian khá dài, Thánh Vassian lại phải lên đường đến Mediolan để lo các công việc của Giáo hội. Khi vào thành phố, ngài thấy trên quảng trường có một người cân hàng đang cân các loại hàng hóa khác nhau trên chiếc cân. Người cân hàng này là kẻ bất chính, lừa gạt nhiều người và nhờ đó mà kiếm lợi cho bản thân. Thánh nhân nhìn thấy trên chiếc cân một con quỷ, dưới hình dạng một cậu bé người Ê-thi-ô-pi, đang kéo lệch chiếc cân, và người cân hàng bất chính đã lợi dụng điều đó. Thánh nhân hỏi những người đi cùng: "Các con có thấy điều gì kỳ lạ không?" Họ trả lời rằng không thấy gì đặc biệt cả. Lúc đó, vị thánh cầu nguyện để những người khác cũng được mở mắt ra, nhìn thấy những gì ngài đã thấy, nhằm làm chứng xác thực. Và quả thực, đôi mắt thiêng liêng của Linh mục Clément và Phó tế Elvonius đã được mở ra: họ nhìn thấy chính điều mà vị Giám mục của Chúa đã thấy, đó là một cậu bé người Ê-ti-ô-pi đang ngồi trên chiếc cân và tuân theo mệnh lệnh của người cân hàng. Họ kể lại cho vị thánh những điều mình đã thấy và xác nhận lời của Đa-vít, người đã nói: *"Con cái loài người là dối trá; nếu đặt chúng lên cân, tất cả chúng cộng lại còn nhẹ hơn cả hư không"* (Thi Thiên 61:10). Vị thánh gọi người cân hàng lại và hỏi ông ta:

– Bằng cách gian lận nào mà ngươi tăng trọng lượng và lừa dối các thương gia?

– Tôi không làm điều gian dối nào cả, – người cân hàng trả lời và thề rằng cân của ông ta là chính xác.

Lúc đó, vị thánh chỉ vào người Ê-ti-ô-bi từ địa ngục đang nằm trên cân và nói:

– Người Ê-ti-ô-bi này sẽ ngay lập tức nhập vào người ngươi, nghiền nát thân thể ngươi và xé linh hồn ngươi ra khỏi thân xác với những cực hình khủng khiếp.

Người cân hàng bất chính run rẩy vì sợ hãi, quỳ xuống dưới chân vị thánh với lòng ăn năn và hứa sẽ từ bỏ sự gian dối. Vị thánh đã khuyên răn anh ta dựa trên Kinh Thánh và ra lệnh cho anh ta phải phân phát tất cả những gì đã kiếm được bằng sự gian dối cho những người nghèo. Sau đó, vị thánh đã dùng lời cầu nguyện để xua đuổi con quỷ khỏi chiếc cân và tiếp tục lên đường.

Khi trở về thành phố của mình, vị thánh của Đức Chúa Trời tiếp tục các công việc thường ngày để phụng sự Đức Chúa Trời và chăm sóc đoàn chiên. Ngài đã giữ chức vụ giám mục trong năm năm và an lành về với Đức Chúa Trời, Đấng mà ngài đã trung thành và chân thành phụng sự, khi đã chín mươi tuổi[4252] . Các con chiên trung thành đã an táng vị mục tử của mình một cách trang trọng tại Nhà thờ Tông đồ do chính ngài xây dựng, và họ đã khóc rất nhiều khi mất đi vị cha như vậy. Vị thánh qua đời vào thời trị vì của Hoàng đế Honorius[4253] ở phương Tây và Hoàng đế Theodosius[4254] , con trai của Arcadius, – ở phương Đông. Cả khi còn sống lẫn đặc biệt là sau khi qua đời,

[4252] Thánh Vassian qua đời vào khoảng năm 409.

[4253] Hoàng đế Honorius trị vì phương Tây từ năm 395 đến năm 423.

[4254] Hoàng đế Theodosius II trị vì phương Đông từ năm 408 đến năm 450.

ngài đều là vị thánh làm phép lạ: từ quan tài của ngài, những người đau ốm đã được chữa lành một cách kỳ diệu nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài và nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được dâng lên vinh quang và tôn kính, bây giờ và đến muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Theophanes.

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 6

Thánh Theophanes xuất thân từ cha mẹ ngoại đạo. Khi ngài đến tuổi thanh niên, ngài đã kết hôn với một thiếu nữ, nhưng cô ấy qua đời không lâu sau đó, còn Thánh Theophanes thì tin nhận Chúa Kitô và chịu phép rửa tội. Sau đó, ngài từ bỏ mọi thứ, ẩn dật trong một túp lều gần thành phố đó và sống ở đó khá lâu, dạy dỗ những người đến với ngài về việc tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa và lối sống trong sạch. Khi nghe nói về một người phụ nữ lăng loàn, người đã làm hư hỏng nhiều người bởi vẻ đẹp của mình, Thánh Theophanes đã rời khỏi nơi ẩn dật, mặc lên mình bộ quần áo sáng màu, rồi xin cha mình chín lít vàng, như thể muốn chuộc lại người phụ nữ đó. Sau đó, ngài đến gặp người phụ nữ đó, trao cho cô ta số vàng và, sau khi thuyết phục cô ta thay đổi cuộc đời, ngài đã rửa tội cho cô ta. Sau đó, Thánh Theophanes dựng thêm một túp lều khác gần túp lều của mình, và giam giữ người phụ nữ nói trên tại đó. Ngài đã biến người phụ nữ từng là "vật chứa tội lỗi" thành nơi ngự của Thánh Thần, còn số vàng thì phân phát cho những người nghèo. Cả hai người đều được Chúa hài lòng và cùng ngày đó, họ đã về với thiên đàng[4255] .

Lễ kính Thánh Tử đạo Timôthê, Giám mục Prussia

Ngày 10 tháng 6

Tại thành phố Prusse, nằm ở ranh giới giữa Bithynia, Phrygia và Lydia[4256] , gần núi Olympus[4257] , Thánh Timôthê là giám mục, nhờ lối sống trong sạch và sự thánh thiện, ngài đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng làm phép lạ. Có lần, ngài đã tiêu diệt một con rắn khổng lồ, vốn ẩn náu trong hang động dưới gốc cây bách và gây ra nhiều tai họa cho động vật và con người. Thánh nhân đã tiêu diệt con rắn này bằng cách ném vào miệng nó tấm vải dùng để che bánh thánh (chiên con) trên bàn thờ Thánh. Một lần khác, ngài đã chữa lành cho một vị vua tên là Arita, người đang mắc bệnh nặng đến mức đã cận kề cửa tử. Cũng bằng cách tương tự, ngài không chỉ cứu một nữ hoàng khỏi cõi chết mà còn dẫn dắt bà từ bóng tối của việc thờ thần tượng trở về với ánh sáng của đức tin chân chính. Ngoài ra, Thánh Timôthê, nhờ ân sủng Thiên Chúa ban cho, đã chữa lành nhiều bệnh tật khác nhau và thực hiện nhiều phép lạ khác nữa nhờ quyền năng của Đức Kitô. Bằng lời rao giảng của mình, ngài đã soi sáng toàn thể đoàn chiên và dẫn dắt vô số người ngoại đạo trở về với Chúa Kitô. Khi hoàng đế Julian[4258] lên ngôi tại Roma, người đã từ chối Chúa Kitô, bắt đầu thờ lạy các thần tượng và phát động cuộc bách hại tàn bạo chống lại Hội Thánh của Thiên Chúa, – thì Thánh Timôthê đã bắt đầu làm việc với lòng nhiệt thành đặc biệt trong việc rao giảng Lời Chúa, củng cố đức tin cho các tín hữu và vạch trần những lầm lạc của những người ngoại đạo. Nghe tin về vị thánh này, Hoàng đế Julian vô đạo đã ra lệnh bắt ngài và đưa đến trước mặt mình, – và sau đó giam ngài vào ngục tối. Rất đông người dân đã đổ xô đến gặp vị thánh này, và ngài đã rao giảng cho họ về Đức Kitô, Thiên Chúa chân thật. Julian được báo cáo rằng vị giám mục Kitô giáo đang bị giam trong ngục đang dạy đức tin của mình cho những người đến gặp ngài. Julianus liền ra lệnh cấm ngài giảng dạy về danh Chúa Giêsu Kitô. Nhưng Thánh Timôthê không tuân theo mệnh lệnh của vị hoàng đế vô đạo và bất chính ấy, và vẫn tiếp tục, không hề sợ hãi, làm tròn bổn phận của một giám mục Kitô giáo là giảng dạy cho dân chúng. Khi hoàng đế Julian lại biết được rằng Thánh Timôthê vẫn tiếp tục rao giảng về Chúa Kitô một cách can đảm, ông đã nổi giận và sai đao phủ đến chém đầu vị thánh trong ngục tối[4259] . Sau khi vị thánh tử đạo qua đời trong bình an, các tín hữu đã rước thi hài thánh của ngài và

[4255] Thánh Theophanes qua đời vào nửa sau của thế kỷ IV.
[4256] Bithynia, Phrygia và Lydia là các vùng thuộc Tiểu Á.
[4257] Núi Olympus nằm ở góc đông bắc Tiểu Á, giáp ranh với Phrygia, Mysia và Bithynia.
[4258] Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363.
[4259] Thánh Timôthê qua đời vào nửa sau thế kỷ IV.

an táng ngài một cách trang trọng. Từ quan tài của ngài đã xảy ra vô số phép lạ chữa lành các bệnh tật khác nhau, để tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta[4260] .

Cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Alexander và Antonina

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 6

Trong một đợt bách hại Kitô hữu, khi rất nhiều tín hữu tin vào Chúa Kitô đã bị giết hại sau những hình phạt tàn bạo, một thời gian dài sau khi cuộc bách hại bắt đầu, một thiếu nữ Kitô hữu tên là Antonina, quê ở thành phố Krodamna, đã bị bắt và dẫn đến trước vị quan cai trị tàn bạo tên là Fistus[4261] . Nhờ cuộc đời đạo đức và đầy đức hạnh của mình, Chúa đã ban cho cô ân sủng được thực hiện hành trình tử đạo, nhằm làm nhục và chiến thắng con quỷ xảo quyệt.

Khi thiếu nữ Antonina được dẫn đến trước vị quan tàn bạo Fista, hắn bắt đầu dụ dỗ cô bằng nhiều lời lẽ xảo trá, nói với cô như sau: "Thưa cô Antonina, ta muốn biến cô, một thiếu nữ trong sạch và trinh tiết, thành nữ tư tế của nữ thần Artemis[4262] , ban cho cô nhiều quà tặng và vinh dự, đồng thời phong cô làm người quản lý toàn bộ tài sản của ta".

Trước lời đề nghị của Fist, thánh Antonina đã im lặng một thời gian dài, nhưng sau đó bà nói: "Tại sao ngươi lại hứa hẹn với ta những món quà phù du? Thà rằng chính ngươi, Fist, hãy chia sẻ với ta những của cải của ta, để nhờ đức tin vào Chúa Giêsu Kitô của ta mà nhận được kho tàng của những ân huệ vĩnh cửu."

– Chớ có như vậy, – Fist phản đối, – những gì ngươi nói, xin các vị thần bảo vệ ta khỏi điều đó, để ta không tin vào một vị Thần như vậy, hay đúng hơn là một Con Người, Đấng đã bị đóng đinh trên thập tự giá và chết trên đó!

Thánh Antonina đáp lại Fist như sau:

– Tôi không giấu giếm rằng Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta đã bị đóng đinh trên thập giá và sau khi chết được đặt vào quan tài, nhưng tôi cũng rao giảng về Ngài rằng Ngài đã sống lại từ cõi chết vào ngày thứ ba và hiện đang ngự bên hữu Đức Chúa Cha của Ngài, như đã được chép trong các sách của chúng ta: *"Chúa đã phán cùng Chúa của tôi rằng: 'Hãy ngự bên hữu Ta, cho đến khi Ta đặt các kẻ thù của Ngươi dưới chân Ngươi'* (Thi Thiên 109:1).

– Tất cả những lời dài dòng của ngươi đều là dối trá, – Phist nói. – Tại sao ngươi không chịu vâng lời ta và dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, để được hưởng mọi phước lành có trên đời này?

– Ta sẽ không thờ lạy những vị thần vô hồn như vậy, – trinh nữ thánh đáp, – vì chúng là ma quỷ, như đã được chép trong luật pháp của Chúa ta: *"Vì tất cả các thần của các dân tộc đều là tượng thần, còn Chúa là Đấng đã tạo dựng các tầng trời"* (Thi Thiên 95:5).

– Sao ngươi dám – Fist hét lên – gọi các vị thần của chúng ta là quỷ dữ?

– Vâng, tôi gọi chúng như vậy, – thánh Antonina đáp, – bởi vì chúng chẳng có chút quyền năng nào; ngươi sẽ chẳng nhận được sự giúp đỡ nào từ chúng cả – thực sự chúng không phải là các vị thần, mà là ma quỷ.

Nghe những lời này của Thánh Antonina, Fist nổi cơn thịnh nộ dữ dội và ra lệnh cho binh lính đánh mạnh vào hai má bà, để bà không còn dám ngạo mạn như vậy nữa. Sau đó, ông lại quay sang bà và nói:

– Ta thề trước các vị thần rằng, nếu ngươi không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, sau khi tra tấn ngươi một cách tàn bạo nhất, ta sẽ ra lệnh đưa ngươi đến một nơi ô uế – và bằng cách đó, ta sẽ khiến ngươi phải chịu sự sỉ nhục tột cùng. Vì vậy, ta cho ngươi ba ngày để suy nghĩ – liệu ngươi có hoàn toàn từ chối tuân theo mệnh lệnh của ta, hay ngươi muốn hối cải và dâng lễ vật lên các vị thần? Bởi vì nhiều người cùng chia sẻ đức tin của các ngươi ban đầu cũng hành động giống như ngươi, nhưng sau đó đã thay đổi suy nghĩ và thờ phụng các vị thần của chúng ta.

Lúc đó, thánh Antonina nói với quan tổng trấn:

– Hãy làm gì tùy ý, hỡi kẻ tra tấn vô đạo!

[4260] Xác thánh của Thánh Timôthê được lưu giữ tại Constantinopolis, trong nhà thờ mang tên ngài, được xây dựng gần Cổng Melandese (ở khu vực thứ 12 của Constantinopolis).

[4261] Thành phố Krodamn nằm ở vùng Thrace thuộc Tiểu Á.

[4262] Artemis hay Diana – nữ thần ánh sáng và mặt trăng trong thần thoại Hy Lạp-La Mã.

Sau đó, thánh nữ được giao cho bốn người lính canh giữ, và với lòng vui mừng cùng nét mặt rạng rỡ, bà đã bước vào ngục tối. Còn vị quan cai trị, sau khi bí mật triệu tập chỉ huy đội canh gác ngục tối đến, đã ra lệnh cho ông ta không được làm hại thánh nữ, mà phải dùng những lời lẽ dịu dàng để thuyết phục bà từ bỏ đức tin Kitô giáo và dâng lễ vật cho các thần tượng, bởi vì, như Phist đã nói thêm, rất khó để buộc các Kitô hữu từ bỏ đức tin của họ. Khi người chỉ huy lính canh nhà tù đưa thánh nữ vào ngục, ông ta đến bên cô và bắt đầu thuyết phục bằng những lời như sau:

– Nàng trinh nữ thuần khiết Antonina ơi, sao nàng lại cứng đầu như vậy? Vì lý do gì mà nàng không muốn thay đổi suy nghĩ của mình! Hãy dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, để thoát khỏi những cực hình đang chờ đợi nàng.

Nhưng vị thánh không trả lời gì cả, khiến viên chỉ huy lính canh vô cùng ngạc nhiên và bối rối, không hiểu tại sao trinh nữ thánh lại không thốt ra một lời nào. Còn thánh Antonina, quỳ gối xuống đất, ngày đêm cầu nguyện với Chúa Trời, suốt thời gian đó không ăn uống gì.

Sau ba ngày thánh nữ Antonina ở trong ngục, bỗng nhiên vang lên tiếng sấm rền: các then cài ngục sụp đổ và cánh cửa tự mở ra, bên trong, cả ngục tối bừng sáng bởi một ánh sáng chói lọi, và từ trên trời vang lên một tiếng nói như sau:

– Hãy đứng dậy, Antonina, và hãy ăn uống cho khỏe, hãy nếm bánh mì và nước, hãy can đảm và đừng sợ chút nào trước vị vua bất chính Fista, vì Ta ở cùng con.

Vị thánh nữ, sau khi kết thúc lời cầu nguyện, đã thốt lên:

– A-men.

Sau đó, bà đứng dậy khỏi đầu gối, ăn bánh mì và uống nước, rồi nằm xuống ngủ một lát.

Khi ngày hôm sau đến, vị quan ngồi vào ghế xét xử và nói: "Hãy dẫn người phụ nữ ngang ngược đó đến đây, để chúng ta biết được suy nghĩ của nàng."

Các binh lính, tuân theo mệnh lệnh của quan tổng trấn, đã dẫn thánh nữ đến trước mặt ông. Khi thánh nữ được dẫn ra tòa, nàng ngước mắt lên trời và cầu nguyện.

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của con, vì Ngài đang thực hiện ý muốn của Ngài trên con; con xin Ngài – xin đừng bỏ rơi con, ngay cả cho đến khi con chết.

Và bỗng nhiên, một tiếng nói từ trời vang lên, phán rằng:

– Hãy đi trên con đường của con mà không sợ hãi, vì Ta ở cùng con!

Khi cô gái thánh thiện Antonina được dẫn đến nơi xét xử, nơi Fist đang ngự, cô đã mỉm cười.

Phist, thấy cô cười, liền hỏi:

– Tại sao con lại cười?

Thánh nữ đáp lại:

– Ta sẽ cho ngươi biết lý do tại sao ta cười, vì ta thấy ngai vàng mà ngươi đang ngồi sẽ sớm sụp đổ, và ngươi sẽ chết – đó là lý do tại sao ta cười.

Vị vua, khi thấy bà đang chế giễu mình, đã ra lệnh đánh bà bằng roi. Còn vị thánh nữ, ngước đôi mắt thiêng liêng lên trời, đã cầu nguyện như sau: "Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của con, vì Ngài đã ban ơn cho con, kẻ khốn khổ và tội lỗi này, được chia sẻ số phận cùng các thánh của Ngài – xin hãy sớm quăng tên vô pháp này, kẻ đổ máu vô tội, xuống đáy địa ngục, để hắn nhận ra sự bất lực của những vị thần giả dối mà hắn đặt trọn niềm tin vào."

Nghe những lời ấy, viên quan khát máu càng nổi cơn thịnh nộ hơn và nói với các binh lính: "Người phụ nữ độc ác và ngạo mạn này không chỉ dám phỉ báng các vị thần của chúng ta, mà còn đe dọa chính chúng ta; vì vậy, hãy dẫn nàng đến nhà chứa để làm nhục nàng."

Lúc đó, các binh lính đã bắt thánh nữ và đưa bà đến một ngôi nhà riêng biệt. Thánh Antonina, khi ở một mình trong căn phòng riêng, đã hết lòng cầu nguyện với Thiên Chúa. Lúc bấy giờ, Thiên Thần của Chúa hiện ra trước một trong những binh lính của quan tổng trấn, người này hai mươi ba tuổi và tên là Alexander. Khi hiện ra trước mặt anh ta, Thiên Thần nói:

"Hãy đến gặp quan tổng trấn và nói với ông ta rằng hãy cho phép ngươi vào gặp Antonina. Khi ngươi lên gặp nàng, hãy khoác áo choàng của ngươi lên người nàng và để nàng rời khỏi ngôi nhà đó, để tên quan tổng trấn độc ác kia không nhận ra nàng."

Vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô, tuân theo mệnh lệnh của Thiên thần, đã đến gặp vị quan và thỉnh cầu: "Xin hãy cho phép tôi vào gặp Antonina; nếu tôi thuyết phục được cô ấy, thì xin hãy thả cô ấy ra; còn nếu không, thì ngài hãy làm với cô ấy theo ý muốn của ngài."

Vị quan chấp thuận lời thỉnh cầu của anh và nói với anh: "Hãy làm với cô ấy bất cứ điều gì anh muốn." Lúc đó, Alexander bước vào căn phòng nơi cô trinh nữ thánh thiện đang ở, quỳ xuống dưới chân cô và bắt đầu nói với cô như sau: "Nô tỳ của Chúa, trinh nữ Antonina! Chúa đã sai tôi đến với cô để báo cho cô biết (như Ngài đã phán với tôi) rằng sự trinh khiết của cô sẽ được bảo toàn."

Thánh nữ cảm thấy sợ hãi. Nhưng bỗng nhiên, một ánh sáng chói lọi chiếu rọi căn phòng và có một giọng nói vang lên: "Đừng sợ, Antonina! Đấng đã kêu gọi con thực hiện công việc anh hùng này là Đấng hào phóng và đầy lòng thương xót – và Ngài cũng đang kêu gọi Alexander thực hiện cùng một công việc tử đạo đó. Hãy mặc áo choàng của anh ta, cúi đầu xuống và che mặt lại, rồi ra khỏi đây như vậy, để quan tổng trấn không nhận ra con trong hình dạng này. Ta sẽ che giấu con sao cho ông ta không nhận ra con!"

Lúc đó, thánh Antonina nhận lấy áo choàng của Alexander và khoác lên mình, che kín đầu, rồi bước ra khỏi nhà, ra hiệu bằng tay cho quan tổng trấn, như thể nói: "Hãy làm theo ý ngài." Như vậy, trinh nữ thánh của Chúa Kitô, như con nai thoát khỏi lưới, đã tiếp tục con đường của mình, vui mừng vì đã được giải thoát. Còn viên quan, nghĩ rằng chính Alexander đã ra khỏi nhà, liền sai thêm bốn binh lính đến chỗ Antonina, bảo họ: "Hãy đến chỗ nàng và làm gì tùy ý các ngươi; sau khi đã làm nhục nàng, hãy lôi nàng ra ngoài, để nàng phải chịu sự sỉ nhục tột độ và tất cả chúng ta sẽ cùng cười nhạo nàng."

Các binh lính, tuân theo mệnh lệnh của quan tổng trấn, bước vào để làm nhục cô gái, nhưng không thấy cô ấy, mà chỉ thấy một mình Alexander. Rất ngạc nhiên, họ hỏi anh ta: "Người phụ nữ đó đâu rồi? Sao chỉ có một mình anh ở đây?"

Sau đó, họ bắt anh ta, dẫn đến trước mặt quan tổng trấn và nói: "Chúng tôi chỉ tìm thấy một mình anh ta trong căn phòng đó, còn cô gái thì không có ở đó."

Vị quan cũng vô cùng ngạc nhiên trước sự việc xảy ra và bắt đầu chất vấn Alexander: "Hãy nói cho chúng ta biết, tên phản bội và kẻ lừa dối kia, sao ngươi dám lừa gạt chúng ta? Cô gái đồi bại đó đâu rồi? Ngươi đã làm nhục nàng, rồi sau đó, khoác áo choàng của ngươi lên người nàng và thả nàng đi, với ý định lấy nàng làm vợ; nhưng điều đó sẽ không xảy ra, và ngươi sẽ không thể thoát khỏi cơn thịnh nộ của ta."

Khi Alexander không trả lời gì với vị vua, ông ta suy nghĩ một hồi lâu, rồi ra lệnh treo cổ anh ta để tra tấn và đánh đập anh ta không thương xót. Khi họ thi hành mệnh lệnh của vị vua và đánh thánh Alexander, vị vua lại hỏi anh ta: "Người phụ nữ vô đạo đức mà ngươi đã vào cùng đang ở đâu?" Alexander lại không trả lời gì, mà chỉ hướng mắt lên trời.

Và bỗng nhiên, một tiếng nói từ trời vang lên, nói với vị vua:

– Phist tàn nhẫn ơi, tại sao ngươi lại hành hạ một người vô tội?

Nghe thấy tiếng nói ấy, nhà vua ra lệnh ngừng tra tấn vị thánh, rồi cho tháo vị tử đạo xuống khỏi cây và đưa vào ngục tối, đồng thời ra lệnh truy lùng cô gái thánh Antonina khắp nơi.

Sau năm ngày, quan tổng trấn lại ra lệnh đưa Alexander đến trước mặt mình để xét xử, và bắt đầu hỏi anh ta:

– Ngươi đã quyết định thế nào? Ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần hay không?

Thánh Alexander trả lời quan tổng trấn:

– Làm sao tôi có thể thay đổi ý định của mình được, hỡi kẻ tra tấn vô đạo và tàn nhẫn!

– Còn người phụ nữ mà ngươi đã vào phòng cùng thì đâu? – Phist hỏi.

– Tôi không biết cô ta đang ở đâu, – Alexander trả lời.

Trong khi họ đang nói chuyện như vậy, chính Chúa Giêsu Kitô đã hiện ra trước mặt thánh nữ Antonina và nói:

– Hãy can đảm lên và đến nơi mà vị quan bất công và tàn nhẫn kia đang ở.

Rồi vị thánh đi đến và, không chút sợ hãi, xuất hiện trước mặt vị quan đó, nói với hắn:

– Fist, kẻ vô đạo và tàn bạo, ngươi đang tìm ai, chẳng phải là ta sao? Chính ta đây đã tự mình đến trước mặt ngươi để làm nhục và tiêu diệt quyền lực của ngươi.

Khi nhìn thấy vị thánh nữ, Phist nổi cơn thịnh nộ dữ dội và ra lệnh cho binh lính treo cổ bà, đánh đập tàn nhẫn và tra hỏi:

– Ngươi có phải là trinh nữ hay không?

Dù bị đánh đập dữ dội, vị thánh nữ vẫn không thốt ra một tiếng rên rỉ nào. Khi họ tháo bà xuống khỏi cây, chính vị vua đã tự mình hỏi bà: liệu bà có còn là trinh nữ hay không? Lúc đó, vị thánh nữ tử đạo đã trả lời vị vua:

– Hỡi kẻ tra tấn vô đạo và tàn nhẫn! Chúng tôi, những người Kitô hữu, hoàn toàn không bị khuất phục trước dục vọng ô uế của ngài, vì chính Chúa và Thiên Chúa của chúng tôi, nhờ lòng thương xót của Ngài, đã giữ cho tôi được trong sạch.

Phist nhìn nàng với vẻ ngạc nhiên và nói:

– Nếu ngươi vẫn còn trinh, thì hãy đến cùng với Alexander, dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, và các ngươi sẽ được an toàn.

Trước đề nghị của vị thống đốc, các thánh tử đạo của Chúa Kitô là Alexander và trinh nữ Antonina dường như cùng một lúc đáp lại vị thống đốc:

– Không có sự tra tấn nào, hỡi Phist tàn ác, có thể ép buộc chúng tôi phải thờ lạy các vị thần ghê tởm của ngài, những vị thần không có trí tuệ cũng như quyền năng.

Sau câu trả lời của các thánh tử đạo, vị quan đã ra lệnh chặt tay họ. Các chiến binh dũng cảm và cao thượng của Chúa Kitô liền giơ tay ra để bị chặt và nói:

– Trước hết, hỡi kẻ tra tấn vô đạo và tàn bạo, ngươi hãy biết rằng không có hình phạt nào có thể đánh bại những suy nghĩ đạo đức của chúng ta – hãy làm với chúng ta theo ý ngươi muốn!

Các chiến binh rút gươm ra và chặt đứt tay các thánh tử đạo. Còn các ngài, dường như không cảm thấy đau đớn, vẫn ngợi khen Chúa, rồi quay sang nói với quan tổng trấn rằng:

"Hỡi vị quan tàn bạo và đồi bại nhất! Chúng tôi chẳng cảm thấy chút đau đớn nào từ những cực hình mà ngươi đã gây ra cho chúng tôi; còn chính ngươi, Chúa của chúng tôi – những tôi tớ của Ngài – sẽ sớm ném ngươi vào hỏa ngục, nơi ngươi sẽ phải chịu đựng những cực hình không ngừng nghỉ mãi mãi."

Trước những lời vạch trần của các thánh tử đạo, quan tổng trấn nổi cơn thịnh nộ tột độ và ra lệnh đào một cái hố sâu, đồng thời trước hết phải treo cổ các thánh tử đạo lên, rồi đánh đập họ cho đến khi họ cảm thấy đau đớn vì những cú đánh giáng xuống. Ông ta còn ra lệnh chất đầy hố bằng vô số củi và cành cây khô, sao cho hố đầy đến tận miệng, rồi thiêu sống các vị thánh tử đạo trong đó. Trong khi đó, dù phải chịu những trận đòn tàn bạo, họ vẫn không cảm thấy đau đớn gì, như thể không phải thân thể họ đang phải chịu những cực hình ấy, mà vẫn không ngừng ngợi khen Chúa Giêsu Kitô. Thấy vậy, quan tổng trấn ra lệnh tra tấn họ bằng những hình phạt mới, dùng những ngọn nến đang cháy rực để thiêu đốt xương sườn họ. Lúc đó, các thánh tử đạo Alexander và Antonina đã cất tiếng kêu lớn lên với quan tổng trấn: "Fist vô đạo! Chúng tôi chịu đựng những đau khổ này vì tình yêu dành cho Chúa Giêsu Kitô của chúng tôi, với niềm tin vững chắc rằng trong cuộc sống mai sau, sau cuộc đời tạm bợ này, chúng tôi sẽ nhận được phần thưởng vĩnh cửu trong Nước Trời, còn ngươi, Chúa và Thiên Chúa của chúng tôi sẽ sớm đưa ngươi vào sự diệt vong vì đã khiến các tôi tớ vô tội của Ngài phải chịu đau khổ tột cùng như vậy!"

Phist, nghe những lời này, trong cơn thịnh nộ dữ dội, đã ra lệnh cho các thuộc hạ của mình: "Hãy đốt đống củi trong hố để mau chóng ném những người này vào lửa."

Khi lệnh của quan tổng trấn được các binh lính thi hành xong, tên tra tấn tàn bạo liền ra lệnh cho họ đổ nhựa thông lên các thánh tử đạo rồi ném họ xuống hố đang bốc cháy. Đồng thời, hắn ra lệnh đổ thêm nhựa thông khô lên trên đống củi, để các thánh tử đạo bị thiêu rụi hoàn toàn và ngay cả xương cốt của họ cũng hóa thành tro bụi. Sau khi thi hành án tử hình, quan tổng trấn ra lệnh lấp hố đó bằng đất, nói: "Đừng để các bà vợ của họ có thể thu nhặt xương cốt của họ, như phong tục của người Kitô hữu!"

Theo lệnh của Phist, các thánh tử đạo bị ném vào lửa và hố đó được lấp lại. Sau đó, Phist trở về nhà mình, nhưng không thể ăn uống gì và trở nên câm lặng, vì linh hồn ác quỷ do các Thiên thần thánh phái đến đã hành hạ ông trong suốt bảy ngày. Sau bảy ngày chịu những cực hình khủng khiếp do ma quỷ gây ra, viên quan đã trút bỏ linh hồn bất chính của mình. Vậy là ông ta qua đời, và cuộc bách hại các Kitô hữu ở những vùng đó chấm dứt. Còn sự ra đi an lành của các thánh tử đạo Alexander và Antonina diễn ra vào ngày thứ ba tháng Năm[4263] , vào ngày thứ

[4263] Các thánh tử đạo qua đời vào ngày 3 tháng 5 năm 313, nhưng câu chuyện về cuộc đời của các ngài được đề cập vào ngày 10 tháng 6 vì ngày này được ghi trong phần mở đầu. Xác thánh của các ngài sau đó được chuyển đến Constantinopolis và an táng tại tu viện Maximus.

Bảy, lúc chín giờ sáng, dưới quyền cai trị của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang và danh dự được dâng lên mãi mãi. Amen.

24 tháng 6

Ngày 11 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và những đau khổ của Thánh Tông đồ Bartholomew

Ngày tưởng niệm 11 tháng 6

Thánh Tông đồ Bartholomew là một trong mười hai Tông đồ của Chúa Kitô. Sau khi nhận được Chúa Thánh Thần, Đấng đã ngự xuống trên các tông đồ dưới hình dạng những lưỡi lửa (Công vụ 1:13, 2:1–4), Thánh Bartholomew đã được bốc thăm cùng với Thánh Philip để đi rao giảng Tin Mừng tại Syria và Tiểu Á. Cả hai đã lên đường đến đó – lúc thì rao giảng cùng nhau, lúc thì tách ra đi riêng lẻ đến các thành phố khác nhau, rồi lại hội ngộ và dẫn dắt mọi người đến sự cứu rỗi nhờ đức tin vào Chúa Giê-su Ki-tô.

Trong khi rao giảng Tin Mừng tại Tiểu Á, Thánh Philip đã tạm thời tách khỏi Thánh Bartholomew và dẫn dắt những cư dân hoang dã và ngang bướng ở Lydia và Mysia đến với Chúa Kitô[4264] . Trong thời gian đó, Thánh Bartholomew, người đang rao giảng về Chúa Kitô tại các thành phố lân cận, đã nhận được lệnh từ Chúa để đến giúp đỡ Thánh Philip. Sau khi gia nhập cùng ngài, Thánh Bartholomew đã đồng lòng cùng ngài dấn thân vào các công việc và chiến công tông đồ. Theo sau Thánh Philip còn có em gái ngài – thiếu nữ Mariamna, và tất cả cùng nhau cống hiến cho công cuộc cứu rỗi loài người. Khi đi qua các thành phố ở Syria và Mysia để rao giảng Lời Chúa, họ phải chịu nhiều thử thách, đòn roi và đau khổ từ những kẻ vô tín; họ bị giam cầm trong ngục tối, bị ném đá, nhưng bất chấp mọi sự bắt bớ, nhờ ân sủng của Chúa, họ vẫn sống sót để tiếp tục công việc truyền bá đức tin vào Đức Kitô.

Tại một làng ở Lydia, họ đã gặp vị môn đệ yêu dấu của Chúa Kitô, Thánh Gioan Thần Học, và cùng ngài lên đường đến xứ Phrygia. Khi vào thành phố Hierapolis[4265] , họ đã rao giảng về Chúa Kitô tại đó. Thành phố này chật ních các thần tượng mà tất cả cư dân nơi đây đều thờ phượng; trong số các vị thần giả mạo khác, có một con rắn khổng lồ[4266] , được xây dựng một đền thờ riêng; người ta mang thức ăn đến cho nó và dâng lên vô số lễ vật đa dạng; những kẻ điên cuồng còn tôn sùng cả các loài bò sát và rắn độc khác nữa. Thánh Philip, trước hết, cùng với em gái mình, đã dùng lời cầu nguyện làm vũ khí chống lại con rắn độc đó, và Thánh Gioan Thần Học, người lúc bấy giờ đang ở cùng họ, cũng giúp đỡ họ trong việc này. Tất cả họ cùng nhau, bằng lời cầu nguyện như một cây giáo, đã đánh bại con rắn đó và bằng quyền năng của Chúa Kitô, đã tiêu diệt nó. Sau đó, Thánh Gioan Thần Học chia tay họ, giao phó thành Hierapolis cho họ để rao giảng Lời Chúa, còn ngài thì đi đến các thành phố khác, truyền bá Tin Mừng thánh thiện khắp nơi. Còn Thánh Philip, cùng với Thánh Bartholomew và Thánh Mariamna, vẫn ở lại Hierapolis, nỗ lực hết mình để xóa bỏ bóng tối của sự thờ ngẫu tượng, để ánh sáng của sự hiểu biết chân lý chiếu rọi lên những người lầm lạc; họ đã miệt mài làm việc ngày đêm vì mục đích này, dạy dỗ những người chưa tin về Lời Chúa, khuyên răn những người thiếu hiểu biết và dẫn dắt những người lầm lạc trở về con đường chân lý.

Trong thành phố đó có một người tên là Stachius, đã mù suốt bốn mươi năm. Các thánh tông đồ, nhờ sức mạnh của lời cầu nguyện, đã khai sáng đôi mắt thể xác của ông, và nhờ lời rao giảng về Đức Kitô, đã khai sáng sự mù quáng tâm hồn của ông . Sau khi rửa tội cho Stachius, các thánh ở lại nhà ông. Tin đồn lan truyền khắp thành phố rằng người mù Stachius đã được sáng mắt. Đám đông bắt đầu tụ tập trước nhà ông. Các thánh tông đồ đã giảng dạy cho tất cả những ai đến với họ về đức tin vào Chúa Giêsu Kitô. Người ta cũng đưa nhiều người bệnh đến đó, và

[4264] Lydia và Mysia – là các vùng phía tây bắc của Tiểu Á.

[4265] Thành phố Hierapolis (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "thành phố thiêng liêng") – tọa lạc tại vùng Phrygia thuộc Tiểu Á. Hierapolis từng có một vị giám mục tham dự Công đồng Đại kết lần thứ nhất vào năm 325. Hiện nay, nơi đây chỉ còn lại những đống đổ nát, và địa điểm này trở thành nơi trú ẩn cho những người mắc bệnh hủi.

[4266] Echidna – loài rắn độc, dài hơn một sazen, vết cắn của nó rất nguy hiểm và trong hầu hết các trường hợp đều dẫn đến cái chết nhanh chóng.

các thánh tông đồ đã chữa lành tất cả bằng lời cầu nguyện và trừ quỷ, đến nỗi rất nhiều người đã tin vào Chúa Kitô và được rửa tội.

Vợ của quan trưởng thành phố đó, tên là Nicanor, bị rắn cắn và đang nằm ốm, sắp chết. Nghe tin về các thánh tông đồ đang ở trong nhà Stachius, rằng họ chỉ cần một lời nói là có thể chữa lành mọi bệnh tật, bà đã ra lệnh cho các nô lệ của mình, trong lúc chồng vắng nhà, đưa bà đến gặp họ và đã được chữa lành cả hai mặt: sức khỏe thể xác – khỏi vết cắn của rắn, và sức khỏe tâm hồn – khỏi sự cám dỗ của ma quỷ, vì được các thánh tông đồ dạy dỗ, bà đã tin vào Đức Kitô. Khi quan trưởng thành trở về nhà, các nô lệ báo cho ông biết rằng vợ ông đã được một số người ngoại quốc đang cư ngụ tại nhà Stachius dạy dỗ để tin vào Đức Kitô. Cơn giận dữ bùng lên, Nicanor ra lệnh bắt ngay các tông đồ và đốt cháy ngôi nhà của gia đình Stachius – và lệnh đó đã được thi hành. Một đám đông tụ tập lại – và các thánh tông đồ Philip, Bartholomew, cũng như thánh nữ Mariamna, bị lôi kéo khắp thành phố trong tiếng la ó và bị đánh đập, rồi cuối cùng bị ném vào ngục tối. Sau đó, quan trưởng thành phố ngồi lên ghế thẩm phán để xét xử các nhà truyền giáo của Chúa Kitô: và tất cả các thầy tế lễ thờ thần tượng cùng các thầy tế lễ của con rắn độc đã chết đều tụ tập quanh ông, đưa ra những lời tố cáo chống lại các thánh tông đồ và nói: "Thưa quan trưởng! Hãy trả thù cho sự sỉ nhục mà các vị thần của chúng ta phải chịu, vì kể từ khi những kẻ ngoại quốc này xuất hiện, các bàn thờ của các vị thần vĩ đại của chúng ta trong thành phố đã trở nên hoang vắng, và dân chúng quên mất việc dâng những lễ vật thường lệ cho các ngài; nữ thần rắn nổi tiếng của chúng ta đã chết, và cả thành phố tràn ngập sự vô luật pháp. Hãy giết chết những nhà tiên tri này!"

Lúc đó, quan trưởng thành phố ra lệnh cởi bỏ áo quần của Thánh Philip, cho rằng trong đó ẩn chứa bùa chú phù thủy, nhưng sau khi cởi bỏ áo quần của ngài, họ chẳng tìm thấy gì cả. Họ cũng làm như vậy với Thánh Bartholomew – và trong áo quần của ngài cũng chẳng tìm thấy gì. Khi họ tiến lại gần Mariamne với ý định tương tự, nhằm cởi bỏ quần áo và phơi bày thân thể trinh nữ của cô, thì đột nhiên, trước mắt họ, cô biến thành ngọn lửa rực rỡ, và những kẻ vô đạo đã hoảng sợ bỏ chạy khỏi cô. Các thánh tông đồ bị quan cai trị kết án đóng đinh.

Thánh Philip là người đầu tiên phải chịu khổ hình. Sau khi khoan lỗ vào bàn chân ngài và luồn dây thừng qua đó, những kẻ tra tấn đã đóng đinh ngài lên thập tự giá với đầu hướng xuống trước cửa đền thờ của con rắn độc, đồng thời ném đá vào ngài. Sau đó, họ đóng đinh Thánh Bartholomew lên thập tự giá bên tường đền thờ. Và bỗng nhiên xảy ra một trận động đất lớn: mặt đất nứt ra và nuốt chửng quan tổng trấn cùng tất cả các thầy tế lễ và vô số kẻ vô tín. Tất cả những người còn sống sót – cả tín hữu lẫn những người ngoại đạo – đều kinh hoàng tột độ và khóc lóc van xin các thánh tông đồ thương xót họ, đồng thời cầu khẩn Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật của họ, để đất đừng nuốt chửng họ như đã nuốt chửng những người kia. Họ vội vã chạy đến để tháo các tông đồ bị đóng đinh xuống khỏi thập tự giá. Thánh Bartholomew bị treo ở độ cao không cao lắm, nên họ nhanh chóng hạ ngài xuống. Nhưng họ không thể nhanh chóng hạ Thánh Philip xuống khỏi thập giá, bởi vì ngài bị treo ở độ cao lớn, và đặc biệt là vì đó là ý muốn đặc biệt của Thiên Chúa, để vị Tông đồ của Ngài, qua những đau khổ và cái chết trên thập giá này, được chuyển từ trần gian lên thiên đàng, nơi mà suốt cuộc đời ngài luôn hướng về. Trong tư thế treo như vậy, Thánh Philip đã cầu nguyện với Thiên Chúa cho những kẻ thù của mình, xin Chúa tha thứ tội lỗi cho họ và soi sáng tâm trí họ để nhận biết sự thật. Chúa đã nhậm lời cầu nguyện của ngài, và ngay lập tức ra lệnh cho đất nhả ra những nạn nhân còn sống mà nó đã nuốt chửng, ngoại trừ quan thành và các thầy tế lễ của loài rắn độc. Lúc đó, tất cả đều cất tiếng lớn xưng nhận và ngợi khen quyền năng của Đấng Kitô, bày tỏ mong muốn được rửa tội. Khi họ định hạ Thánh Philip xuống khỏi thập giá, họ thấy ngài đã dâng linh hồn thánh thiện của mình lên Thiên Chúa, và họ hạ ngài xuống khi ngài đã qua đời. Chị ruột của ngài, thánh Mariamna, người đã chứng kiến suốt quá trình đau khổ và cái chết của anh trai mình là Philip, đã ôm lấy và hôn lên thi thể của ngài vừa được hạ xuống khỏi cây thập tự với tất cả tình yêu thương, và vui mừng vì Philip đã được ân sủng chịu khổ vì Chúa Kitô[4267] . Thánh Bartholomew đã làm phép rửa tội cho tất cả những ai tin vào Chúa và phong Stachius làm giám mục cho họ. Những người mới được rửa tội đã an táng thi thể của Thánh Tông đồ Philip một cách trang trọng. Tại nơi Thánh Tông đồ đã đổ máu, chỉ trong ba ngày đã mọc lên một cây nho, như một dấu hiệu cho thấy Thánh Philip, nhờ máu mình đã đổ ra nhân danh Chúa Kitô, đang hưởng phúc vĩnh cửu cùng Chúa của ngài trong Nước Trời.

Sau khi an táng Thánh Tông đồ Philip, Thánh Bartholomew cùng với trinh nữ Mariamna đã ở lại Hierapolis vài ngày để củng cố đức tin Kitô giáo cho Giáo hội mới được thành lập, rồi mỗi người tiếp tục lên đường theo con đường riêng của mình. Thánh Mariamna đã lên đường đến Lycaonia và tại đây, trong bối cảnh công cuộc

[4267] Lễ kính Thánh Tông đồ Philip (một trong 12 Tông đồ) được cử hành vào ngày 14 tháng 11

rao giảng Lời Chúa diễn ra thành công , bà đã an lành về với Chúa[4268] . Còn Thánh Tông đồ Bartholomew thì lên đường đến các nước Ấn Độ, nơi ngài ở lại khá lâu, miệt mài rao giảng Tin Mừng về Chúa Giêsu Kitô, đi qua các thành phố và làng mạc, và chữa lành những người đau ốm nhân danh Ngài. Sau khi khai sáng nhiều người ngoại giáo qua lời giảng dạy của mình và thành lập các Hội Thánh, ông đã dịch Phúc Âm theo thánh Matthêu sang ngôn ngữ của họ – bản Phúc Âm mà ông mang theo và trao lại cho họ. Ông cũng để lại cho họ bản Phúc Âm viết bằng tiếng Do Thái, và sau một trăm năm, bản Phúc Âm này đã được Pantên, một nhà triết học Kitô giáo, mang đến Alexandria[4269] . Từ Ấn Độ, thánh Bartholomew đã lên đường đến Đại Armenia[4270] . Khi ngài xuất hiện tại đây, các thần tượng – hay đúng hơn là các quỷ dữ ngự trong các thần tượng – bỗng im lặng, sau khi hét lên những lời cuối cùng rằng Thánh Bartholomew đang hành hạ chúng và sắp đuổi chúng đi. Quả thực, không chỉ khỏi các thần tượng mà cả khỏi con người, các linh hồn ô uế đều bị trục xuất ngay khi vị tông đồ chỉ cần đến gần; và vì lý do này, nhiều người đã quay về với Chúa Kitô.

Vua Polymia của xứ sở đó có một cô con gái bị quỷ ám, và qua miệng cô, con quỷ đã gào thét: “Bartholomew, ngươi cũng đuổi chúng ta khỏi đây nữa sao!”

Vua nghe tin này liền ra lệnh tìm Bartholomew ngay lập tức; và khi vị tông đồ của Chúa Kitô đến bên cô gái bị quỷ ám, con quỷ lập tức chạy trốn khỏi cô, và công chúa được chữa lành. Sau đó, nhà vua, muốn bày tỏ lòng biết ơn đối với vị thánh, đã sai người mang đến cho ngài những con lạc đà chở đầy vàng, bạc, ngọc trai và các món quà quý giá khác. Còn vị Tông đồ, tràn đầy sự nghèo khó thiêng liêng (xem Mt 5,3), không giữ lại cho mình bất cứ thứ gì trong số những món quà được gửi đến, mà đã gửi trả lại tất cả cho nhà vua cùng với lời nói: “Tôi không tìm kiếm những vật chất này, mà tìm kiếm các linh hồn con người; và nếu tôi có được họ và dẫn họ vào các nơi ở trên trời, thì tôi sẽ trở thành một thương gia vĩ đại trước mặt Chúa.”

Vua Polymius, cảm động trước những lời ấy, đã tin nhận Chúa Kitô cùng cả gia đình mình, nhận phép rửa từ chính vị Thánh Tông đồ, cùng với hoàng hậu, con gái đã được chữa lành của ngài, cùng đông đảo các quan đại thần và rất nhiều người dân: vì lúc bấy giờ, có đến mười thành phố và hơn thế nữa đã nhận phép rửa thánh, theo gương của nhà vua.

Thấy cảnh đó, các thầy tế lễ thờ thần tượng đã nổi giận với vị Tông đồ thánh, vô cùng đau buồn vì các vị thần của họ bị tiêu diệt, việc thờ cúng thần tượng biến mất, và các đền thờ của họ – nơi họ kiếm sống – trở nên hoang tàn. Họ tìm đến Astyages, anh trai của nhà vua, và xúi giục ông ta giết thánh Phêrô để trả thù cho các vị thần của họ. Astyages, nhân lúc thuận lợi, đã bắt giữ vị thánh tông đồ và tại thành phố Albana[4271] , ông ta đã đóng đinh ngài lên thập giá với đầu hướng xuống dưới. Còn vị thánh tông đồ thì vui mừng chịu khổ vì Chúa Kitô và, khi đang treo trên thập giá, ngài không ngừng rao giảng Lời Chúa; ngài củng cố đức tin cho những người tin, còn khuyên nhủ những người không tin hãy nhận biết sự thật và từ bóng tối của ma quỷ quay về với ánh sáng của Chúa Kitô. Kẻ tra tấn không thể chịu đựng được điều này nên ra lệnh lột da vị Tông đồ; nhưng vị thánh, với lòng kiên nhẫn vô biên khi chịu những cực hình này, vẫn không ngừng giảng dạy mọi người về Thiên Chúa và dâng lên Ngài những lời ngợi khen. Cuối cùng, kẻ tra tấn ra lệnh chặt đầu Thánh Bartholomew cùng với da. Lúc đó, đôi môi từng rao giảng Lời Chúa của ngài im bặt, còn thân thể, khi đầu đã bị cắt rời, vẫn treo lơ lửng trên thập tự giá, với đôi chân hướng lên trên, như thể biểu thị hành trình của vị tông đồ hướng về trời cao. Thế là Thánh Tông đồ Bartholomew của Chúa Kitô đã qua đời, sau nhiều bệnh tật và gian khổ, ngài đã bước vào sự an nghỉ không đau đớn, trong niềm vui của Chúa của ngài[4272] . Các tín hữu có mặt khi vị thánh tông đồ qua đời đã hạ thi thể, đầu và da của ngài xuống khỏi thập tự giá, đặt chúng vào một quan tài bằng thiếc và an táng tại chính thành phố Alban, thuộc Đại Armenia[4273] . Và từ các di vật của vị Tông đồ, những phép lạ chữa lành kỳ diệu đã xảy ra cho những người đau ốm, nhờ đó nhiều người không tin đã quay về với Giáo Hội của Chúa Kitô.

[4268] Ngày tưởng niệm Thánh Mariamna được cử hành vào ngày 17 tháng 2

[4269] Pantên (sống vào thế kỷ III) là một trong những nhà giáo nổi tiếng của Trường Alexandria, nơi nhiều vị Giáo phụ đã nhận được sự giáo dục Kitô giáo.

[4270] Armenia Lớn – một vùng đất núi non nằm giữa sông Kura và thượng nguồn các sông Tigris và Euphrates; vùng đất này được gọi là Armenia Lớn để phân biệt với Armenia Nhỏ – khu vực nằm giữa thượng nguồn các sông Euphrates và Galas, vốn thuộc về vương quốc của Mithridates Ponticus, và từ năm 70 sau Công nguyên, thế kỷ X – thuộc Đế chế La Mã.

[4271] Albán (hay Albanopol, còn gọi là Abarnopol) – thành phố nằm trên bờ tây Biển Caspi – nay là Baku.

[4272] Thánh Tông đồ Bartholomew qua đời vào năm 71 sau Công nguyên.

Sau một thời gian khá dài, những kẻ bách hại tàn bạo, đã chiếm quyền kiểm soát đất nước đó, bị che mờ bởi sự sùng bái thần tượng, khi nghe kể từ người khác và chính mắt chứng kiến những phép lạ xảy ra từ thánh tích của vị thánh, nhưng không muốn nhận biết quyền năng của Thiên Chúa, đã lấy những thánh tích thiêng liêng đó trong quan tài bằng thiếc và ném chúng xuống biển. Chiếc quan tài bằng thiếc ấy, trôi trên mặt nước như một chiếc thuyền nhẹ, đã cập bến đảo Lipari.[4274] Giám mục Agathon tại đó, sau khi được mặc khải trong giấc mơ rằng thi hài thánh đã trôi dạt đến hòn đảo của họ, đã cùng với hàng giáo sĩ và toàn thể dân chúng ra bờ biển. Khi nhìn thấy di cốt của vị thánh tông đồ, vị giám mục và tất cả những người có mặt đều vô cùng ngạc nhiên vì sao chiếc hòm thi hài bằng thiếc lại không chìm trong nước, mà lại lướt đi trên quãng đường biển xa xôi ấy còn nhẹ nhàng hơn cả một chiếc thuyền. Và tất cả đều ngợi khen Thiên Chúa, Đấng thực hiện những việc làm kỳ diệu và lạ lùng như vậy. Sau khi nhận lấy hòm đựng di cốt thánh, họ đã rước nó về nhà thờ của mình trong niềm vui sướng tột độ, kèm theo những bài thánh vịnh[4275] .

Cũng không thể không nhắc đến câu chuyện sau đây về Thánh Tông đồ Bartholomew, được ghi chép trong cuốn "Cuộc đời của Thánh Giuse, Nhà soạn thánh ca".

Một lần nọ, khi đang ở Thessaly, Thánh Giuse đã nhận được từ một người đàn ông đạo đức mà ngài quen biết một phần di cốt của Thánh Tông đồ Bartholomew. Sau khi mang phần di cốt đó về tu viện của mình, nằm gần Constantinopolis, và xây dựng tại đó một nhà thờ đặc biệt mang tên Thánh Tông đồ Bartholomew, Thánh Giuse đã long trọng an táng phần di cốt thánh của ngài tại đó. Với lòng yêu mến và đức tin sâu sắc dành cho Thánh Tông đồ, ngài thường được ân sủng nhìn thấy ngài trong giấc mơ và vì thế mong muốn làm rạng rỡ ngày lễ của Thánh Tông đồ bằng những bài thánh ca ngợi khen, tuy nhiên, ngài không dám thực hiện điều này vì băn khoăn không biết việc này có làm hài lòng vị Thánh Tông đồ hay không, và ngài đã thành tâm cầu nguyện cùng Thiên Chúa và vị Tông đồ của Ngài để được soi sáng và ban cho sự khôn ngoan từ trên cao nhằm sáng tác những bài thơ ngợi khen xứng đáng với Thánh Bartholomew. Thánh Giuse đã cầu nguyện trong bốn mươi ngày với sự ăn chay và nước mắt, và khi ngày kỷ niệm vị Tông đồ sắp đến, vào đêm trước lễ, ngài thấy Thánh Bartholomew hiện ra trên bàn thờ, mặc áo lễ trắng, và mở bức màn bàn thờ, gọi ngài đến bên mình. Khi Thánh Giuse tiến lại gần hơn, vị Tông đồ thánh đã lấy cuốn Phúc Âm Thánh từ ngai vàng và đặt lên ngực Thánh Giuse, cùng với những lời: "Cầu xin Tay Phải của Đức Chúa Trời Toàn Năng ban phước lành cho ngươi, và xin cho dòng nước của sự khôn ngoan thiên thượng tuôn tràn trên lưỡi ngươi: lòng ngươi hãy trở thành đền thờ của Thánh Thần, và những bài thánh ca của ngươi hãy làm say đắm cả vũ trụ."

Thánh Tông đồ Bartholomew đã nói như vậy rồi biến mất, còn Thánh Giuse, khi cảm nhận được ân sủng của sự khôn ngoan trong lòng, đã tràn ngập niềm vui và lòng biết ơn khôn tả. Kể từ đó, ngài bắt đầu sáng tác các bài thánh ca và các bài kinh thánh, qua đó làm rạng rỡ không chỉ lễ kính Thánh Tông đồ Bartholomew, mà còn của nhiều vị thánh khác; đặc biệt, ngài đã tôn vinh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Thánh Nicholas bằng rất nhiều bài kinh thánh. Ngài đã làm phong phú thêm Giáo Hội thánh bằng những bài thánh ca, nhờ đó mà ngài được gọi là "nhà soạn thánh ca". Vì tất cả những điều này, vinh quang thuộc về Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, đến muôn đời. Amen.

Một số người cho rằng Bartholomew chính là Naphtali, người mà Philip đã dẫn đến với Chúa Kitô (Ga 1:45). Cụ thể, họ cho rằng tên thật của vị tông đồ này là Naphtali, còn biệt danh – hay đúng hơn là theo tên cha – ông được gọi là Bartholomew, tức là con trai của Pholomeus. Bởi vì từ "var" trong tiếng Do Thái có nghĩa là "con

---

[4273] Trong trường hợp này, tác giả cuốn tiểu sử về Thánh Dimitri Rostovski đã nhầm lẫn khi đặt thành phố Alban vào lãnh thổ của Đại Armenia. Alban (ngày nay là Baku), nơi Thánh Tông đồ Bartholomew chịu tử đạo, về mặt lịch sử chưa bao giờ nằm trong lãnh thổ thuộc Đại Armenia, mà là một thành phố của Albania Kavkaz, điều này cũng được thể hiện qua chính tên gọi của nó. – *Chú thích của "Azbuka Very*".

[4274] Lipara – một trong những hòn đảo thuộc quần đảo Zoli, nằm giữa Ý và Sicily.

[4275] Dưới triều đại Hoàng đế Anastasius, vào khoảng năm 508, di cốt của Thánh Tông đồ Bartholomew đã được chuyển từ Alban sang thành phố Dara (ở Mesopotamia). Năm 574, khi người Ba Tư chiếm đóng thành phố này, một số tín hữu Kitô giáo ở Dary đã mang theo di cốt của Thánh Tông đồ và rút lui về bờ Biển Đen, nơi họ bị kẻ thù truy đuổi; những kẻ này đã ném di cốt thiêng liêng xuống biển; nhưng di cốt không chìm mà kỳ diệu trôi dạt đến đảo Lipari. Sau đó, hòn đảo này bị người Ả Rập chiếm đóng, họ đã phân tán các di vật của Thánh Tông đồ Bartholomew, nhưng chúng đã được thu thập lại một cách kỳ diệu; Thánh Bartholomew đã hiện ra với một tu sĩ và chỉ cho anh ta nơi để tìm thấy chúng. Sau đó, di cốt của Thánh Tông đồ được chuyển đến thành phố Benevento thuộc vùng Naples (vào thế kỷ IX), từ đó chúng được chuyển (ít nhất là một phần di cốt) đến Rome vào thế kỷ X. Việc chuyển di cốt của Thánh Tông đồ đến đảo Lipari được Giáo hội tưởng niệm vào ngày 25 tháng 8

trai", giống như ở một đoạn khác, Chúa Kitô đã nói với Tông đồ Phêrô: *"Phúc cho ngươi, Simon, con trai của Giô-na"* (Mt 16,17), tức là con trai của Giô-na. Và người mù ở Giê-ri-cô cũng được gọi là Bartimê, tức là con trai của Timê. Người ta cũng giải thích về Ba-thô-lô-mê như vậy, rằng theo tên cha, ông được gọi là Ba-thô-lô-mê – con trai của Phô-lô-mê; vì Phô-lô-mê là một tên cổ xưa và thường được sử dụng trong dân Do Thái, còn tên thật của Ba-thô-lô-mê, người ta cho rằng, là Na-pha-na-ên. Người ta đưa ra giả thuyết này dựa trên những căn cứ sau đây. Trước hết, trong Phúc Âm không có chỗ nào đề cập đến việc Bartholomew được kêu gọi làm tông đồ, trừ khi coi tên Naphanel là tên của ông. Tiếp theo, ba tác giả Phúc Âm đầu tiên: Matthêu, Mác và Luca, khi kể về Ba-thô-lô-mê, không đề cập gì đến Na-tha-na-ên, còn tác giả Tin Mừng Gio-an, khi kể về Na-tha-na-ên, lại không đề cập đến Ba-thô-lô-mê; và khi nói về việc đánh cá trong lần hiện ra của Đấng Cứu Thế Phục Sinh, ngài đã nêu tên Na-tha-na-ên trong số những người thân cận với các tông đồ – cụ thể, ngài viết: *"Có Simon Phêrô, Tôma, Nathanael và các con trai của Xê-đê-ai"* (Ga 21,2). Tuy nhiên, một số nhà giải thích không đồng ý với điều này và, theo Lời mở đầu, họ cho rằng Simon Zelotes chính là Naphanel, trong khi một số khác lại cho rằng Naphanel là một trong số 70 môn đệ của Chúa Kitô.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã hiện ra như mặt trời vĩ đại của vũ trụ, chiếu sáng bằng những giáo huấn và những phép lạ đáng kinh ngạc, dẫn dắt những ai tôn kính Ngài, thánh Phêrô, Tông đồ của Chúa.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Barnaba.

Ngày kỷ niệm: 11 tháng 6

Thánh Tông đồ Barnaba thuộc hàng ngũ bảy mươi vị tông đồ: tên ban đầu của ngài là Giuse, nhưng sau đó ngài được gọi là Barnaba, như chúng ta sẽ đề cập đến điều này ở phần thích hợp. Ngài sinh ra trên đảo Síp[4276] trong một gia đình Do Thái thuộc dòng dõi Lê-vi; từ dòng dõi Lê-vi này cũng đã sinh ra các vị tiên tri vĩ đại thời xưa của Đức Chúa Trời – Môi-se, A-rôn và Sa-mu-ên.

Tổ tiên của Barnabas đã di cư từ Palestine sang đảo Síp vì những cuộc chiến tranh xảy ra tại Palestine. Cha mẹ ông rất giàu có và sở hữu một ngôi làng gần Giê-ru-sa-lem, nơi tràn ngập vườn cây và các loại trái cây, được tô điểm bởi một tòa nhà lớn, vì đó chính là nơi họ có ngôi nhà của mình. Bởi vì từ thời thánh tiên tri Ê-sai đã viết: "Họ sẽ xây dựng nhà cửa và ở trong đó, vì họ sẽ là dòng dõi được Chúa ban phước" (Is 65:21–23), những người Do Thái sống ở các xứ xa xôi, không hiểu ý nghĩa thiêng liêng của những lời này, đã cố gắng có những ngôi nhà riêng của mình tại Giê-ru-sa-lem; vì lý do đó mà cha mẹ của Ba-na-ba cũng có ngôi nhà và ngôi làng riêng gần Giê-ru-sa-lem.

Khi người mà chúng ta đang nói đến chào đời, họ đặt tên cho cậu là Giô-sép và nuôi dạy cậu trong việc học kinh sách; khi cậu thiếu niên đến tuổi trưởng thành, họ gửi cậu đến Giê-ru-sa-lem gặp thầy Ga-ma-li-ên, người nổi tiếng nhất thời bấy giờ, để thầy ấy dạy Ba-na-ba hiểu sâu sắc hơn về các sách Do Thái và toàn bộ luật pháp của Đức Chúa Trời. Tại đây, Giuse có Sa-lô-môn, người sau này được gọi là Phao-lô, trong số các bạn cùng lứa tuổi; cả hai đều học với cùng một thầy là Ga-ma-li-ên, và tiến bộ vượt bậc về trí tuệ, sự hiểu biết Kinh Thánh cũng như đời sống đạo đức.

Hàng ngày, vào buổi sáng và buổi tối, Giô-sép đều đến Đền Thờ Sa-lô-môn và tại đó ông thành tâm cầu nguyện với Đức Chúa Trời, dành những ngày tuổi trẻ của mình cho việc ăn chay thường xuyên và sống tiết độ cao độ; với mong muốn giữ gìn sự trinh khiết của mình, anh tránh xa những thanh niên phóng túng và tuyệt đối không muốn nghe những lời nói có thể làm mờ trí tuệ của một thiếu niên, nhưng bằng cách tự kiểm soát bản thân một cách cẩn trọng, anh không ngừng học hỏi Lề Luật của Chúa cả ngày lẫn đêm.

Vào thời điểm đó, Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, ba mươi năm sau khi Ngài nhập thể, bắt đầu tỏ mình ra cho thế gian, đã đến từ Ga-li-lê; tại đây, Ngài giảng dạy trong đền thờ, thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại và huy hoàng; mọi người đều kinh ngạc trước Ngài; từ khắp nơi, người ta đổ xô đến với Ngài để chiêm ngưỡng dung nhan thánh

[4276] Đảo Síp nằm ở góc đông bắc của Biển Địa Trung Hải.

thiện của Ngài và lắng nghe những lời Thánh Thiêng của Ngài, ngọt ngào hơn cả mật ong và tổ ong. Chàng trai Giuse cũng đã nhìn thấy Ngài, và khi lắng nghe những lời giảng dạy phát ra từ đôi môi thánh thiêng của Ngài, lòng chàng tràn ngập xúc động và vô cùng kinh ngạc trước những phép lạ mà Ngài đã thực hiện; khi chứng kiến Ngài chữa lành người bại liệt bên hồ nước Chiên (Ga 5:1–15) bằng lời Ngài, cũng như chứng kiến nhiều việc kỳ diệu khác của Đấng Christ, Giuse bừng cháy tình yêu trong lòng dành cho Chúa và, tiến đến gần Ngài, quỳ sấp xuống dưới chân Ngài; lúc đó, Giuse xin Chúa ban phước lành cho mình và nhận ông vào hàng ngũ các môn đệ của Ngài. Chúa, Đấng thấu hiểu những bí mật trong lòng con người, khi thấy lòng Giuse bừng cháy tình yêu thiêng liêng, đã ân cần ban phước cho ông và không cấm ông theo Ngài. Giuse trước hết vội vã đến nhà người dì của mình, tên là Maria, mẹ của Gioan, người sau này được gọi là Mác-cô, và nói với bà: " " "Hãy đến và nhìn xem Đấng mà các tổ phụ chúng ta hằng mong mỏi được thấy; vì có một vị tiên tri tên là Giê-su, đến từ Na-xa-rét xứ Ga-li-lê, đang giảng dạy trong đền thờ và thực hiện những phép lạ vĩ đại, đến nỗi nhiều người coi Ngài là Đấng Mê-si-a mà mọi người hằng mong đợi."

Ngay khi người phụ nữ nghe thấy điều đó, bà lập tức bỏ lại mọi việc và vội vã đến đền thờ; khi nhìn thấy Chúa Giê-su Ki-tô, bà quỳ sấp xuống dưới chân Ngài và khẩn cầu: "Lạy Chúa! Nếu con được ân sủng trước mặt Ngài, xin hãy vào nhà nữ tỳ của Ngài, để sự hiện diện của Ngài ban phước lành cho cả gia đình con."

Thấy lòng tin của bà, Chúa đã vào nhà bà và ban phước lành cho bà cùng tất cả những người có mặt trong nhà bà. Chúa được Maria tiếp đón với sự kính trọng sâu sắc, cùng niềm vui và lòng kính sợ Chúa; từ đó trở đi, mỗi khi đến Giê-ru-sa-lem, Chúa luôn ghé thăm nhà Maria cùng các môn đệ của Ngài.

Khi Chúa trở về từ Giê-ru-sa-lem về Ga-li-lê, Giô-sép cùng các môn đệ khác cũng đi theo Ngài. Và khi Chúa muốn sai các tông đồ của Ngài đi rao giảng *"cho những con chiên lạc của nhà Y-sơ-ra-ên"* (Mt 10,6), Ngài thấy số môn đệ còn ít, nên đã phán: *"Mùa gặt thì nhiều, mà thợ gặt thì ít"* (Mt 9,37); vì lý do đó, Chúa đã giới thiệu với thế gian thêm bảy mươi môn đệ khác, và sai họ đi từng đôi một trước mặt Ngài đến mọi thành phố và làng mạc (Lc 10,1). Trong số bảy mươi môn đệ của Chúa ấy, Thánh Giuse là một trong những người đầu tiên, được các thánh tông đồ đặt tên lại là Barnaba, tức là "con của sự an ủi", bởi vì qua lời rao giảng về Đấng Mêsia đã đến thế gian, ngài đã an ủi những người đang háo hức mong chờ sự giáng lâm của Đấng Mêsia. Cũng như các con trai của Xê-đê-vê đã được gọi là "các con trai của sấm sét" (Mác 3:17), vì lời rao giảng của họ sẽ vang dội khắp vũ trụ như tiếng sấm, thì Thánh Giuse này cũng được gọi là "con trai của sự an ủi", bởi vì công việc tông đồ của ngài sẽ mang lại niềm vui lớn lao cho những người được Chúa chọn. Và Thánh Giuse Vàng Miệng, khi giải thích lý do đổi tên của ngài, đã nói (Công Vụ Tông Đồ 11:1–30): "Tôi nghĩ rằng ngài đã được đặt tên như vậy nhờ những công đức của mình, vì ngài hoàn toàn xứng đáng để trở thành 'Con của Sự An Ủi'."

Sau khi Chúa thăng thiên lên trời, các thánh tông đồ đều sống chung với nhau tại Giê-ru-sa-lem, như đã được ghi chép trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ: *"Cả cộng đoàn những người tin đều có một lòng một ý; không ai coi tài sản của mình là của riêng, nhưng mọi thứ đều thuộc về chung. Không có ai trong số họ phải thiếu thốn; vì tất cả những ai sở hữu ruộng đất hay nhà cửa, sau khi bán đi, đều mang số tiền thu được và đặt dưới chân các Tông đồ"* (Công vụ 4:32–35). Vào thời đó, thánh Giuse, được gọi là Tông đồ Barnaba, đã bán ngôi làng nói trên, nằm gần Giêrusalem, mà ông đã thừa kế từ cha mẹ; ông đã mang số tiền thu được đặt dưới chân các Tông đồ, không giữ lại cho mình điều gì, vì ông mong muốn trở nên giàu có trong Chúa, Đấng mà ông thực sự đã trở nên giàu có, như lời chứng thực: *"Ông là một người tốt lành, đầy dẫy Thánh Thần và đức tin"* (Công vụ 11:24). Varna-va thường gặp Sa-lô-môn, và ông đã tranh luận với ông ta dựa trên Kinh Thánh về Chúa Giê-su Christ, đồng thời dốc hết sức mình để dẫn dắt Sa-lô-môn đến với đức tin thánh thiện; nhưng Sa-lô-môn lại là người rất nhiệt thành bảo vệ các truyền thống của tổ tiên; vì thế, ông chế giễu thánh Barnaba như một người bị lừa dối, thậm chí còn nói những lời xúc phạm đến Chúa Giê-su Ki-tô, gọi Ngài là con trai thợ mộc, một người thuộc tầng lớp bình dân, đã chịu cái chết nhục nhã. Khi người Do Thái giết chết thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, Sa-lô-môn bắt đầu bắt bớ Hội Thánh, *"xông vào nhà các tín hữu, lôi kéo cả nam lẫn nữ và giam họ vào ngục"* (Công vụ 8:3), lúc bấy giờ Thánh Barnaba đã vô cùng thương xót ông và siêng năng cầu nguyện cùng Thiên Chúa, giơ đôi tay trong sạch lên, xin Ngài soi sáng đôi mắt tâm hồn của Sa-lô-môn, để ông nhận biết lẽ thật; ông rất mong muốn có Sa-lô-môn làm bạn đồng đạo trong đức tin Kitô giáo, giống như khi ông từng coi ông là bạn tại trường học của Ga-ma-li-ên.

Những giọt nước mắt và lời cầu nguyện của Barnabas không hề uổng phí; khi thời khắc của lòng thương xót Chúa đến, Sa-lô-môn đã quay về với Đấng Christ, được tiếng gọi của Chúa từ trên cao kêu gọi, trên đường đến Đa-mách[4277] . Và con sói đã trở thành con chiên; kẻ từng phỉ báng danh Chúa Giê-su Christ nay bắt đầu tôn vinh

Chúa Giê-su Christ; người trước đây từng là kẻ bắt bớ, nay đã trở thành người bảo vệ Hội Thánh; vì sau khi nhận phép rửa thánh, Sa-lô-môn lập tức đến các hội thánh Do Thái và bắt đầu rao giảng về Đức Giê-su, nói rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời, đồng thời cũng vạch trần những người Do Thái đang cư ngụ tại Đa-mách. Khi Sa-lô-môn trở về Giê-ru-sa-lem, thì *"ông cố gắng tiếp cận các môn đệ, nhưng tất cả đều sợ ông, không tin rằng ông là môn đệ"* (Công vụ 9:26). Lúc đó, thánh Barnaba gặp ông và nói: "Sao ngươi, hỡi Sa-lô-môn, vẫn còn tiếp tục phỉ báng danh thánh vĩ đại của Chúa Giê-su Ki-tô và bắt bớ các tôi tớ trung thành của Ngài? Ngươi sẽ chống đối mầu nhiệm vĩ đại này đến bao giờ, mầu nhiệm đã được các tiên tri báo trước từ thuở xa xưa, và nay đã ứng nghiệm vì sự cứu rỗi của chúng ta?"

Sa-lô-môn liền quỳ xuống dưới chân ngài, nước mắt tuôn trào, đáp lại như sau: "Xin tha thứ cho con, thưa thầy của lẽ thật, Ba-na-ba! Giờ đây tôi đã hiểu rằng tất cả những gì ngài đã nói với tôi về Đấng Christ đều là sự thật; Đấng mà trước đây tôi đã phỉ báng, gọi là con trai thợ mộc, chính Đấng ấy mà giờ đây tôi xưng nhận là Con Một của Đức Chúa Trời, đồng bản thể với Cha và đồng nguyên thủy, *"Đấng ấy, là sự chiếu sáng vinh quang của Cha và là hình ảnh của bản thể Ngài"* (Hê-bơ-rơ 1:3), trong những ngày cuối cùng này*, Ngài đã "hạ mình xuống, mang lấy hình dạng của một tôi tớ"* (Phi-líp 2:7), trở thành con người trọn vẹn, được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, tự nguyện chịu đau khổ và thập tự giá; sau đó Ngài đã sống lại vào ngày thứ ba, hiện ra với các con, các Tông đồ của Ngài, lên trời và ngự bên hữu Thiên Chúa Cha; Ngài sẽ trở lại trong vinh quang của Ngài để phán xét kẻ sống và kẻ chết, và Nước Trời của Ngài sẽ không bao giờ chấm dứt".

Nghe những lời ấy từ người trước đây từng là kẻ phỉ báng và bắt bớ, thánh Варнава đã ngạc nhiên; nước mắt tuôn trào vì vui mừng, ông ôm lấy Sa-lô-môn và nói:

"Ai đã dạy ngươi, hỡi Sa-lô-môn, để nói những lời được Thánh Thần soi dẫn như vậy? Ai đã thuyết phục ngươi xưng nhận Chúa Giê-su Na-xa-rét là Con Thiên Chúa? Ngươi đã học được sự hiểu biết hoàn hảo về các giáo lý thiêng liêng ấy từ đâu?"

Lúc đó, Sa-lô-môn, với nước mắt và trái tim tan nát, đáp lại: "Chính Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà tôi, kẻ tội lỗi, đã phỉ báng và bách hại, chính Ngài đã dạy tôi tất cả những điều này; vì Ngài đã hiện ra với tôi, một kẻ bị ruồng bỏ, và ngay cả bây giờ tôi vẫn nghe thấy tiếng nói thiêng liêng của Ngài vang vọng trong tai mình. Khi ánh sáng kỳ diệu từ trên cao chiếu rọi tôi và tôi ngã xuống đất vì sợ hãi, tôi nghe thấy một tiếng nói phán: *'Sa-un, Sa-un! Sao ngươi lại bắt bớ Ta?'* Còn tôi, trong sợ hãi và kinh hoàng, đã thốt lên:

– *"Ngài là ai, lạy Chúa?"*

Ngài đã đáp lại tôi với sự hiền lành và nhân từ: *"Ta là Giê-su, Đấng mà ngươi đang bắt bớ*."

Rất ngạc nhiên trước lòng nhẫn nại của Ngài và sau khi cầu nguyện, tôi nói:

– *"Lạy Chúa, Ngài muốn con làm gì?"*

Rồi Ngài dạy tôi tất cả những điều mà tôi đã kể cho anh nghe (Công vụ 9:3–6).

Sau những lời đó, thánh Barnaba nắm tay Sa-lô-môn và dẫn anh đến với các tông đồ, nói:

– Đây là người đã từng bách hại chúng ta, giờ đây đã thuộc về chúng ta. Người từng chống đối chúng ta, nay cùng chúng ta suy nghĩ về Chúa của chúng ta; người trước đây là kẻ thù của chúng ta, nay đã trở thành bạn và đồng sự của chúng ta trong vườn nho của Đấng Christ. Đây, tôi xin giới thiệu với các anh em một con chiên hiền lành, người trước đây từng là một con thú dữ tợn.

Trong lúc đó, Sa-lô-môn kể cho các tông đồ nghe về việc ông đã thấy Chúa trên đường đi, và những gì Ngài đã phán với ông; ông cũng kể về việc ông đã chiến đấu vì danh Chúa Kitô tại Đa-mách.

Các Tông đồ, khi nghe tất cả những điều này, đã ngạc nhiên, vui mừng và ngợi khen Đức Chúa Trời. Và Sa-lô-môn ở cùng với họ; ông cùng họ ra vào Giê-ru-sa-lem, rao giảng vì danh Chúa Kitô và can đảm vạch trần những người Do Thái và người Hy Lạp. Chính những người Hy Lạp này lại rất ngạc nhiên trước việc một người mà cách đây không lâu còn bắt bớ tất cả những ai kêu cầu danh Chúa Giê-su, giờ đây lại chính mình rao giảng về Chúa Giê-su; và họ tìm cách giết ông. Nhận ra ý định đó của những kẻ ngoại đạo, các anh em đã đưa Sa-lô-môn rời khỏi Giê-ru-sa-lem đến Cêsarê và cho ông trở về Tarsus[4277] , quê hương của ông, để ông rao giảng về Chúa Giê-su Ki-tô tại đó.

[4277] Tarsus là một thành phố lớn trong thời cổ đại, nằm ở vùng Cilicia thuộc Tiểu Á. Những di tích của thành phố này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Vào thời điểm đó, tại Antiôkhia thuộc xứ Sy-ri, một thành phố lớn và lừng lẫy, đức tin thánh thiện vào Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta bắt đầu lan rộng. Vì khi thánh tử đạo đầu tiên là Stephano bị giết, vào ngày đó đã nổ ra một cuộc bách hại lớn đối với Hội Thánh Giê-ru-sa-lem, đến nỗi tất cả các tín hữu đều tản mác khắp các vùng đất của người Do Thái và Sa-ma-ri, ngoại trừ các sứ đồ; lúc bấy giờ, một số người trong số những người bị phân tán đã đi *"đến Phê-ni-xi, Síp và An-ti-ô-khia, không rao giảng Lời cho ai ngoài người Do Thái"* (Công vụ 11:19); nhưng sau đó, họ cũng bắt đầu rao giảng Tin Mừng về Chúa Giê-su cho người Hy Lạp; *"Và tay Chúa ở cùng họ, nên có rất nhiều người tin và quay về với Chúa"* (Công vụ 11:21). Hội thánh Giê-ru-sa-lem nghe tin này; vì vậy, các sứ đồ đã sai thánh Ba-na-ba đến An-ti-ô-chê thuộc xứ Sy-ri, để ông tìm hiểu chi tiết về mọi việc đã xảy ra ở đó và củng cố đức tin cho những người mới tin Chúa. Ông đến đó, khi thấy ân sủng của Đức Chúa Trời, đã rất vui mừng và an ủi mọi người bằng Lời Chúa, khuyên nhủ mọi người hãy luôn bám chặt lấy Chúa. Trong thời gian Thánh Barnaba rao giảng ở đó, dù không lâu, đã có rất nhiều người gia nhập vào Chúa. Vì số môn đệ ngày càng tăng lên, trong khi số thầy lại ít, khiến cho mùa gặt dồi dào mà không có người gặt, nên Thánh Barnaba, tạm thời rời Antioch, đã lên đường đến Tarsus, mong tìm thấy người bạn của mình là Sa-lô-môn; khi tìm thấy ông, ngài đã đưa ông về Antiôkhia; và cả hai cùng nỗ lực dẫn dắt các linh hồn đến với Đức Kitô, Thiên Chúa, giúp người Do Thái và người Hy Lạp tin vào Đức Kitô. Họ ở lại Antiôkhia suốt một năm, thường xuyên tụ họp tại nhà thờ và giảng dạy dân chúng. Chính tại đây, các môn đệ của họ lần đầu tiên được gọi là Kitô hữu.

Sau một năm, Barnaba và Sa-lô-môn quyết định trở về Giê-ru-sa-lem để báo tin cho các thánh tông đồ về cách ân sủng của Đức Chúa Trời đã hoạt động tại An-ti-ô-ki-a. Cùng với đó, mỗi người dân Antiôkhia, tùy theo khả năng của mình, đã gửi cùng với Barnaba và Sa-lô-môn tất cả những thứ cần thiết cho các hội thánh của họ đang sinh sống tại Giu-đê, những người đã trở nên nghèo khó và khốn cùng, vì lúc bấy giờ có một nạn đói lớn tại Giu-đê, theo lời tiên tri của thánh A-ga-vô: A-ga-vô này cũng là một trong bảy mươi tông đồ[4278] . Sau khi quyên góp đủ số tiền bố thí, các tín hữu tại Antioch đã gửi số tiền đó đến các trưởng lão qua sự trung gian của Barnabas và Sa-lô-môn.

Khi Barnaba và Sa-lô-môn, người giờ đây được gọi là Phao-lô, đến Giê-ru-sa-lem, họ đã làm cho Hội Thánh vô cùng vui mừng khi loan báo về sự gia tăng số tín hữu tại An-ti-ô-ki-a và mang theo số tiền bố thí hào phóng từ họ.

Vào thời điểm đó, trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem bỗng dưng xảy ra một sự xáo trộn lớn, vì *"vua Hê-rốt đã ra tay bắt bớ một số người thuộc Hội Thánh"* (Công vụ 12:1), và *"đã dùng gươm giết Gia-cơ, con trai của Xê-đê-vê, anh em của Giăng"* (Công vụ 12:2). Thấy điều đó làm vừa lòng người Do Thái, ông ra lệnh bắt Phê-rô và giam ông vào ngục, nhưng sau đó Thánh Phê-rô đã được một thiên thần thánh giải thoát khỏi đó. Trong suốt thời gian đó, khi tình trạng hỗn loạn do những kẻ bắt bớ gây ra cho Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem vẫn chưa lắng xuống, Ba-na-ba và Sa-lô-môn ẩn náu tại nhà của Ma-ri đã được nhắc đến ở trên, tức là dì của Ba-na-ba, nơi mà Thánh Phê-rô cũng đã đến sau khi Thiên Thần đưa ngài ra khỏi ngục. Sau đó, Barnaba và Sa-lô-môn, sau khi hoàn thành công việc tại Giê-ru-sa-lem, lại trở về An-ti-ô-ki-a, mang theo cả con trai của Ma-ri, tên là Gio-an, còn được gọi là Mác-cô. Sau khi tất cả họ đã ở lại Antiôkhia một thời gian đủ dài, chuyên tâm vào việc ăn chay, cầu nguyện, cử hành Thánh lễ và rao giảng Lời Chúa, Thánh Thần đã thấy đẹp lòng sai họ đi rao giảng cho dân ngoại. Thánh Thần phán với các tiên tri và thầy dạy đang ở Antiôkhia rằng*: "Hãy dành riêng cho Ta Ba-na-ba và Sa-lô-môn để làm công việc mà Ta đã kêu gọi họ. Rồi họ, sau khi ăn chay và cầu nguyện, đã đặt tay lên họ và tiễn họ đi"* (Công vụ 13:2,3). Trước hết, họ đi đến Seleucia[4279] , từ đó họ lên thuyền sang đảo Síp và dừng chân tại Salamis[4280] . Bất cứ nơi nào họ đi qua, họ đều rao giảng Lời Chúa; họ có người hầu là Giăng đã được nhắc đến ở trên, người sau này được gọi là Mác, con trai của Maria. Sau khi đi qua hòn đảo đến Paphos[4281] , họ gặp một thầy bói giả mạo là người Do Thái, tên là Elima, tại nơi ở của Thống đốc Sergius, một người rất thông minh. Tại đây, họ đã truyền bá đức tin

---

[4278] Nạn đói mà tiên tri A-ga-vô đã tiên đoán quả thực đã xảy ra tại Palestine vào năm 44, dưới triều đại của Hoàng đế Claudius (Công vụ 11:28). Nhiều nhà văn thế tục thời bấy giờ, chẳng hạn như Giô-sép Flavius, Suetonius, Tacitus và những người khác, cũng đã làm chứng về nạn đói nghiêm trọng hoành hành tại Palestine vào thời điểm đó. Sau đó, trong thời gian Thánh Phaolô lưu lại tại Cêsarea, ngài cũng đã tiên tri rằng ngài sẽ bị xiềng xích (Công vụ 21:10–11). Giáo Hội Thánh kỷ niệm Thánh Tiên Tri Agabus vào ngày 8 tháng 4.

[4279] Selêucia – một thành phố ven biển ở Syria, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải, gần cửa sông Orontes, cách Antiôchia 25 verst. Thành phố này được vua Selêucus Nicator của Syria thành lập cách đây 300 năm trước Công nguyên.

[4280] Thành phố Salamis nằm ở phía đông đảo Síp. Các di tích của thành phố này được xác định gần làng Famagusta.

[4281] Thành phố Paphos nằm ở bờ đối diện với Salamis trên đảo Síp. Paphos là thành phố chính của đảo và là nơi cư ngụ của tổng trấn.

thánh thiện cho Thống đốc, còn Elima, thầy bói đã chống đối họ, thì bị họ làm mù mắt bằng Lời Chúa. Rời Paphos, họ đến Pergi ở Pamphylia. Còn người hầu của họ là Giăng, tức là Mác, khi thấy những đau khổ lớn lao mà họ phải chịu đựng vì rao giảng danh Chúa Kitô (vì họ không hề sợ chết chút nào), đã sợ hãi không dám đi cùng họ vì còn quá trẻ; vì vậy, anh đã rời bỏ họ và trở về Giê-ru-sa-lem, về với mẹ mình. Còn Ba-na-ba cùng Phao-lô, sau khi đi qua Pergi, đã đến Antiôkhia thuộc Pisidia (một thành phố khác với Antiôkhia vĩ đại thuộc Syria). Khi bị đuổi khỏi đó, họ lắc bụi khỏi chân mình và đến I-cô-ni-a[4282] ; nhưng ngay cả ở đây, người Do Thái và dân ngoại cũng định ném đá họ; khi biết điều này, họ vội vã đi đến các thành phố thuộc Lycaonia[4283] , Lystra và Derbe, cùng các vùng lân cận, và rao giảng Tin Mừng tại đó. Tại đây, họ đã chữa lành cho một người què, người đã bị tật từ khi mới sinh và chưa bao giờ đi lại được; các sứ đồ đã giúp anh ta đứng dậy, khiến anh ta có thể đi lại hoàn toàn tự do. Dân chúng, lầm tưởng các ngài là các vị thần, đã định dâng lễ vật cho các ngài; trong lúc đó, dân chúng gọi Barnaba là Zeus[4284] , còn Phaolô là Hermes[4285] , và các thánh tông đồ chỉ vừa kịp thuyết phục dân chúng đừng dâng lễ vật cho các ngài. Sau đó, chính đám đông này, bị người Do Thái xúi giục, đã nổi loạn chống lại các thánh tông đồ: sau khi ném đá Phaolô, họ lôi ông ra khỏi thành, tưởng rằng ông đã chết; nhưng ông đứng dậy, trở vào thành, và sáng hôm sau, ông cùng Barnaba rời thành và lên đường đến Derbe. Sau khi rao giảng Tin Mừng đủ cho thành phố này và dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô tại đây, các thánh tông đồ đã lên đường trở về Antiôkhia xứ Sy-ri, đi qua các thành phố và làng mạc như trước. Trên suốt chặng đường, họ củng cố tinh thần các môn đệ, khuyên nhủ họ hãy bền vững trong đức tin và dạy dỗ họ rằng: "Chúng ta phải trải qua nhiều gian nan mới được vào Nước Trời." Sau khi tấn phong các trưởng lão cho các Hội Thánh và cầu nguyện cùng ăn chay, họ giao phó các môn đệ của mình cho Chúa, Đấng mà họ đã tin nhận. Khi đến Pergia và rao giảng Lời Chúa tại đó, các Tông đồ đã khởi hành từ đây đến Attalia[4286] , sau đó lên thuyền đến Antiôkhia xứ Sy-ri, nơi họ được Thánh Thần sai đi rao giảng Lời Chúa cho dân ngoại. Khi đến thành phố và tập hợp tất cả các tín hữu, họ kể cho họ nghe mọi điều Đức Chúa Trời đã làm cùng họ, và có bao nhiêu người ngoại giáo họ đã dẫn dắt đến với Đấng Christ, rồi họ ở lại Antiôkhia một thời gian khá dài.

Không lâu sau đó, giữa những người Do Thái và người Hy Lạp đã tin Chúa nảy sinh tranh cãi về việc cắt bì, vì một số người Do Thái cho rằng những ai không cắt bì theo luật Mô-sê thì không thể được cứu rỗi. Còn những người Hy Lạp đã tin Chúa thì coi việc cắt bì là một gánh nặng lớn đối với họ. Barnaba và Phaolô đã phản đối những người Do Thái và bênh vực những người Hy Lạp khỏi việc cắt bì. Nhưng vì tranh cãi và bất đồng về vấn đề này vẫn không chấm dứt, nên Barnaba và Phaolô thấy cần phải rời Hội Thánh Antiôkhia để trở lại Giê-ru-sa-lem gặp các sứ đồ và các trưởng lão, nhằm hỏi ý kiến họ về việc cắt bì. Ngoài ra, Ba-na-ba và Phao-lô còn cần phải báo cho các sứ đồ biết rằng Đức Chúa Trời *đã "mở cửa đức tin cho dân ngoại"* (Công vụ 15:4). Barnaba và Phaolô, được Hội Thánh (Antioch) sai đi, khi đi qua Phê-ni-xi và Sa-ma-ri, đã rao giảng khắp nơi về sự hoán cải của dân ngoại, khiến các tín hữu rất vui mừng.

Khi họ đến Giê-ru-sa-lem, các thánh tông đồ và các trưởng lão đã tiếp đón họ với tình yêu thương; mọi người đều vui mừng lắng nghe Ba-na-ba và Phao-lô kể lại tất cả những dấu lạ và phép lạ kỳ diệu mà Đức Chúa Trời đã thực hiện qua tay họ giữa các dân ngoại. Về vấn đề cắt bì, các Tông đồ, sau khi bàn bạc chung, đã quyết định bãi bỏ vĩnh viễn việc này đối với các tín hữu, không chỉ những người Hy Lạp mà cả người Do Thái, vì cho rằng điều đó là thừa thãi trong ân sủng mới. Bên cạnh đó, các Tông đồ thấy cần phải cử một số tín hữu đi cùng với Barnaba và Phaolô đến Antiôkhia, đến với những người Hy Lạp đã tin Chúa; vì mục đích này, họ đã chọn Giuđa, người được gọi là Barsaba, và Sila, những người nổi tiếng nhất trong anh em, và viết như sau: *"Các Tông đồ, các trưởng lão và anh em tại Antiôkhia, Sy-ri và Ki-li-ki gửi đến các anh em là người ngoại giáo: xin hãy vui mừng. Vì chúng tôi nghe nói rằng một số người đã rời khỏi chúng tôi đã làm các anh em bối rối bằng những lời nói của họ và làm lung lay tâm hồn các anh em, khi nói rằng phải chịu cắt bì và tuân giữ luật pháp, điều mà chúng tôi không hề giao phó cho họ: nên chúng tôi đã họp lại, nhất trí quyết định, chọn ra những người để sai họ đến với các anh em cùng với những người thân yêu của chúng tôi là Ba-na-ba và Phao-lô, những người đã hiến dâng linh hồn mình vì danh Chúa Giê-su Christ của chúng ta. Vậy, chúng tôi đã sai Giu-đa và Si-la, những người sẽ giải thích điều này*

[4282] Iconium – một thành phố ở Tiểu Á. Ngày nay là Konya.
[4283] Lycaonia – một vùng ở Tiểu Á.
[4284] Zeus, hay Jupiter, là vị thần tối cao trong tôn giáo Hy Lạp-La Mã.
[4285] Hermes hay Mercury được người Hy Lạp và La Mã cổ đại coi là vị thần bảo trợ cho thương mại và công nghiệp.
[4286] Thành phố Attalia nằm ở tỉnh Pamphylia thuộc Tiểu Á, gần Pergia, không xa bờ biển Địa Trung Hải. Ngày nay, nơi đây là thị trấn Antalya với 800 cư dân.

cho các anh em bằng lời nói. Vì Thánh Thần và chúng tôi đều thấy rằng không nên đặt lên các anh em bất kỳ gánh nặng nào nữa, ngoài điều cần thiết này: phải kiêng thịt cúng thần tượng, máu, thú vật bị siết chết, và sự dâm dục; cũng như đừng làm cho người khác điều mà chính các anh em không muốn. Nếu tuân giữ những điều này, các anh em sẽ làm điều tốt. Chúc các anh em bình an" (Công vụ 15:23–29).

Với thông điệp như vậy, các thánh tông đồ Barnaba và Phaolô đã lên đường, cùng với họ là Giuđa và Sila, từ Giêrusalem đi đến Antiôkhia. Vào thời điểm đó, người được nhắc đến là Gioan, còn gọi là Mác-cô, con trai của Ma-ri-a, dì của Ba-na-ba, không dám đến gần thánh Phao-lô, nên đã đến gặp chú mình là thánh Ba-na-ba với lòng ăn năn và nước mắt, hối hận vì đã rời xa họ khi họ đang rao giảng cho dân ngoại: Giăng bắt đầu xin Thánh Barnaba nhận anh ta trở lại, hứa sẽ không sợ hãi mà sẵn sàng chịu mọi đau khổ và cả cái chết vì Chúa: Barnaba đã nhận anh ta như cháu ruột của mình. Cả nhóm cùng nhau đến Antioch. Sau khi tập hợp các tín hữu, các tông đồ đã trao cho họ bức thư; khi đọc xong, mọi người đều rất vui mừng. Còn Giu-đa và Si-la thì bằng lời nói của mình đã an ủi anh em và củng cố đức tin của họ nơi Chúa. Một thời gian sau, Giu-đa trở về Giê-ru-sa-lem, nhưng Si-la vẫn ở lại đó. Còn Phao-lô và Ba-na-ba thì ở lại An-ti-ô-chê, dạy dỗ và rao giảng Lời Chúa cho những người khác.

Một thời gian sau đó, Phaolô nói với Barnaba: "Chúng ta phải đến thăm các anh em của chúng ta một lần nữa; chúng ta phải đi qua tất cả các thành phố mà chúng ta đã rao giảng danh Chúa, để xem các anh em đang sống ra sao."

Thánh Barnaba đồng ý với điều đó. Tuy nhiên, Barnaba muốn mang theo Giăng, còn gọi là Mác, cháu trai của mình; còn Phaolô thì không muốn điều đó, và nói: "Tại sao chúng ta lại phải mang theo một chàng trai nhút nhát, người trước đây đã bỏ rơi chúng ta ở Pamphylia, không muốn đi cùng chúng ta thực hiện sứ mệnh mà chúng ta được sai đi, và sau khi rời bỏ chúng ta, đã quay về với gia đình mình?"

Một cuộc tranh cãi đã nổ ra giữa hai người, vì Barnaba muốn đưa Giăng đi, còn Phaolô thì không; vì thế, họ chia tay nhau, mỗi người định đi theo con đường riêng của mình.

Tất cả những điều này xảy ra theo ý định của Đức Chúa Trời, để khi họ đi riêng rẽ, họ có thể cứu được nhiều linh hồn hơn. Chỉ cần một vị thầy vĩ đại rao giảng ở nơi mà hai vị thầy vĩ đại dự định đến là đã đủ rồi; nhưng mỗi người, khi rao giảng riêng rẽ, lại mang lại lợi ích to lớn cho Giáo Hội – một người ở một quốc gia, người kia ở một quốc gia khác, dẫn dắt các dân tộc khác nhau đến với đức tin nơi Đức Kitô. Thánh Phaolô, cùng với thánh Silo, đã lên đường đến Derbe và Lystra, còn thánh Barnaba thì lên thuyền đến đảo Síp cùng với cháu trai mình là Gioan[4287] .

Khi đến đảo Síp – quê hương của mình, Thánh Barnaba đã nỗ lực không ít, vì ngài đã dẫn dắt nhiều người ở đây đến với Chúa Kitô. Sau khi làm gia tăng số lượng tín hữu tại Síp, Barnaba lên đường đến Rôma và, theo một số người kể lại, ngài là người đầu tiên rao giảng về Chúa Kitô tại Rôma. Sau đó, sau khi thành lập và củng cố ngai giám mục tại thành phố Mediolanum[4288] , Thánh Barnaba lại trở về Síp. Khi ngài đang giảng dạy về Chúa Kitô tại thành phố Salamis, một số người Do Thái từ Syria đã đến đây và bắt đầu chống đối ngài, kích động dân chúng, nói rằng tất cả những gì Thánh Barnaba rao giảng đều trái với Thiên Chúa và Luật Mô-sê; những người Do Thái này đã phỉ báng danh dự của Barnaba bằng nhiều lời lăng mạ và âm mưu giết ông, xúi giục nhiều người chống lại ông. Còn vị Tông đồ, khi thấy trước cái chết tử đạo của mình, đã triệu tập tất cả các tín hữu đang sống trong thành phố đó; sau khi dạy dỗ họ đầy đủ về đức tin và các việc lành, và khuyên họ hãy can đảm trong việc xưng danh Chúa Kitô, ngài đã cử hành Thánh lễ và ban Thánh Thể cho tất cả các tín hữu. Sau đó, ngài gọi riêng Mác-cô, người đồng hành của mình, và nói với anh ta: "Vào ngày này, ta sẽ kết thúc cuộc đời mình, chấp nhận cái chết từ tay những người Do Thái vô tín, như Chúa đã phán với ta; còn ngươi, hãy mang thi thể ta – mà ngươi sẽ tìm thấy bên ngoài thành phố, ở phía tây – chôn cất nó, rồi hãy đến gặp người bạn của ta, Tông đồ Phaolô; hãy báo cho ngài biết tất cả những gì ngươi biết về ta."

[4287] Công vụ 15:36–41, 16:1. Một số người cho rằng thánh tông đồ Barnaba, sau khi rao giảng trên đảo Síp và ở những nơi khác, đã tái hợp với thánh tông đồ Phaolô và cùng chia sẻ công việc rao giảng với ngài; người ta cũng cho rằng chính Barnaba chính là người anh em được Thánh Phaolô sai đi cùng với Tít đến với các tín hữu Cô-rinh-tô, người mà theo lời Thánh Phaolô, được ca ngợi trong mọi Hội Thánh vì công việc rao giảng Tin Mừng (2 Cô-rinh-tô 8:18).

[4288] Mediolan hay Milan – là một thành phố của Ý, thuộc tỉnh Lombardia. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, nơi đây được biết đến như là nơi Thánh Ambrôsiô, vị cha và thầy nổi tiếng nhất của Giáo hội Tây phương, sống vào thế kỷ IV, đã thực hiện các hoạt động mục vụ. Giáo hội Công giáo cử hành lễ kính ngài vào ngày 4 tháng 12.

Thánh Barnaba mang theo Phúc Âm theo thánh Matthêu do chính tay ngài viết; ngài đã dặn dò thánh Marcô chôn cất ngài cùng với cuốn Phúc Âm đó. Sau đó, sau khi trao nụ hôn vĩnh biệt cho người thân của mình là thánh Marcô, Barnaba đã đến hội trường của người Do Thái. Khi ngài bắt đầu giảng tại đó về Đấng Kitô dựa trên các sách tiên tri, thì những người Do Thái đến từ Syria đã nổi loạn chống lại ngài, xúi giục những người Do Thái khác, rồi giơ tay sát nhân lên, lôi ngài ra khỏi thành về phía tây và ném đá ngài tại đó; sau đó, họ đốt một đống lửa và ném thi thể Thánh Tông đồ vào đó để thiêu đốt. Nhưng sau đó, khi thánh Mác-cô cùng các anh em khác bí mật đến đây, ngài đã tìm thấy thi hài của thánh tông đồ Ba-na-ba vẫn nguyên vẹn, hoàn toàn không bị lửa thiêu tổn hại; ông đã mang thi hài ấy đi chôn cất trong một hang động cách thành phố năm stadia, đồng thời, theo di chúc của vị tông đồ, ông đặt cuốn Phúc Âm lên ngực ngài[4289] . Sau đó, ông lên đường đi tìm tông đồ Phaolô; khi gặp ngài tại Êphêsô[4290] , ông đã kể lại cho ngài nghe tất cả về sự ra đi của thánh tông đồ Barnaba; Thánh Phaolô đã than khóc trước sự ra đi của Barnaba, còn giữ Mác lại bên mình.

Sau khi Thánh Barnaba bị sát hại tại thành Salamis, một cuộc bách hại lớn từ phía người Do Thái đã bùng phát nhằm vào các tín hữu; vì vậy, tất cả đều bỏ chạy khỏi thành phố này và ẩn náu ở bất cứ nơi nào có thể. Kể từ thời điểm đó, nơi an táng các di cốt thiêng liêng của Thánh Barnaba đã chìm vào quên lãng. Nhiều năm sau, khi đức tin vào Chúa Kitô đã lan rộng khắp bốn phương trời, khi Đế quốc Hy Lạp-La Mã được cai trị bởi các vị vua Kitô hữu và khi đảo Síp rạng ngời bởi lòng đạo đức và đức tin chân chính, Chúa đã thương xót làm rạng danh nơi an nghỉ của thánh tích Thánh Tông đồ Barnaba. Tại nơi này, nhiều phép lạ kỳ diệu bắt đầu xảy ra. Ban đầu, có một người ốm yếu đã qua đêm tại nơi đó và được chữa lành. Điều tương tự cũng xảy ra với một người bệnh khác. Khi các tín hữu biết được điều này, họ đã cố ý đến nơi đó, qua đêm tại đây và được chữa lành khỏi các bệnh tật của mình. Nhờ vậy, nơi này trở nên nổi tiếng khắp nơi; vì thế, người ta đã đưa nhiều người tàn tật và liệt đến đây; tất cả đều được chữa lành hoàn toàn khỏi bệnh tật và trở về nhà trong tình trạng khỏe mạnh. Người bị quỷ ám cũng được đưa đến đây, và ngay lập tức những linh hồn ô uế chạy trốn khỏi con người với những tiếng thét chói tai. Tại đây, người què được đi lại, người mù được sáng mắt, và nói chung, bất cứ ai bị mắc bệnh gì cũng đều được chữa lành tại đây. Người dân thành Salamina rất vui mừng vì điều này, dù họ không biết lý do tại sao những phép lạ vĩ đại như vậy lại xảy ra tại nơi này, bởi không ai biết gì về các di cốt của các Tông đồ; vì vậy, nơi đó được gọi là "Nơi Chữa Lành". Nhưng cần phải biết cách mà các di cốt thiêng liêng của Thánh Tông đồ đã được tìm thấy.

Một kẻ dị giáo độc ác tên là Phêrô người tẩy trắng, biệt danh là Knafei, kẻ chống đối Công đồng Đại kết lần thứ IV của các Thánh Cha[4291] , diễn ra tại thành phố Chalcedon[4292] , đồng thời là người bảo vệ tà thuyết Eutychian, cũng như là đồng lõa với tà thuyết Apollinarian[4293] , dưới triều đại của Hoàng đế Zeno[4294] , bằng mưu mô đã chiếm đoạt ngai tòa Thượng phụ Antioch và gây ra thiệt hại rất lớn cho Giáo hội của Đấng Christ bằng những giáo lý sai lầm của mình. Nhưng ông ta không hài lòng với giáo phận Antioch được chỉ định cho mình, nơi ông ta đã đàn áp và truy bức các Kitô hữu, khiến họ phải chịu nhiều cực hình; ông ta còn muốn chiếm đoạt đảo Síp – vốn tự do từ thuở xa xưa – để gieo rắc giáo lý sai lầm của mình tại đó và đàn áp tất cả những ai chống đối ông ta (cần lưu ý rằng người Síp, với tư cách là những Kitô hữu chính thống, đã bác bỏ luận điệu sai lầm của ông ta rằng chính Thần Tính đã chịu đau khổ trên thập giá).

Nhưng hắn đã cố gắng bằng mọi cách để lôi kéo họ về phía mình, nói rằng: "Vì Lời Chúa đã đến Síp từ Antiôkhia, nên vì lý do đó, Giáo hội Síp phải tuân phục Thượng phụ Antiôkhia".

Vì tất cả những điều này, Tổng giám mục Síp tên là Anphim đã chìm trong nỗi buồn sâu sắc, bởi ông biết rằng người tên Phêrô ấy, nhờ được vua sủng ái, có thể dễ dàng đạt được bất cứ điều gì ông ta muốn. Và quả thực, không lâu sau đó, sắc lệnh của hoàng đế đã được gửi đến Síp, ra lệnh cho tổng giám mục Síp phải đến

---

[4289] Thánh Tông đồ Barnaba qua đời vào khoảng năm 62.

[4290] Ê-phê-sô – một thành phố ở Tiểu Á, nằm giữa Smyrna và Milet, bên bờ sông Caistrus, không xa nơi sông này đổ ra Biển Icarus.

[4291] Công đồng Đại kết lần thứ IV diễn ra vào năm 451 và được triệu tập để lên án tà thuyết của Archimandrite Eutyches của Constantinople, người khẳng định rằng bản tính con người trong Chúa Giêsu Kitô đã bị bản tính thần linh nuốt chửng hoàn toàn, và do đó chỉ công nhận trong Ngài một bản tính duy nhất – bản tính thần linh.

[4292] Chalkidon, hay Chalcedon, ban đầu là một thuộc địa của Megara trên bờ biển Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch). Dưới thời các hoàng đế Kitô giáo, Chalkidon là thủ đô của tỉnh Bithynia thuộc Tiểu Á.

[4293] Apollinaris, giám mục Laodicea, đã dạy một cách sai lầm rằng Con Thiên Chúa, khi nhập thể, không nhận lấy bản tính con người trọn vẹn, mà chỉ nhận lấy linh hồn và thân xác con người, còn trí tuệ con người của Ngài thì được thay thế bởi bản tính thần linh. Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ II, diễn ra tại thành phố Constantinople vào năm 381.

[4294] Zeno trị vì từ năm 474 đến năm 491.

Constantinople để trả lời tại công đồng trước tổng giám mục Antioch, người đang yêu cầu đảo Síp phải tuân thuộc giáo phận Antioch.

Tổng giám mục không biết phải làm thế nào, vì ông không dám bất tuân mệnh lệnh của hoàng đế, nhưng lại sợ phải đến Constantinople. Mặc dù ông sống một đời thánh thiện, nhưng lại không có tài hùng biện và lo sợ rằng mình sẽ bị các đối thủ đánh bại trong cuộc tranh luận. Vì vậy, ngài bắt đầu ăn chay và cầu nguyện một cách siêng năng, trong nước mắt khẩn cầu sự giúp đỡ, sự che chở và lời khuyên hữu ích từ chính Thiên Chúa.

Một đêm nọ, khi Anphim chợp mắt vì mệt mỏi sau những giờ cầu nguyện miệt mài, một vị thánh nhân mặc áo lễ sáng chói, được chiếu rọi bởi những tia sáng thiên đàng, đã hiện ra trước mặt ngài. Vị ấy nói: "Tại sao ngài, Đức Tổng Giám mục, lại buồn bã và đau khổ đến thế? Đừng sợ, vì ngài sẽ không hề bị tổn hại gì từ những kẻ thù của mình cả."

Nói xong, vị thánh nhân ấy bỗng chốc biến mất. Tổng giám mục tỉnh giấc, lòng tràn ngập kinh hoàng; rồi ngài quỳ xuống đất theo hình thánh giá để cầu nguyện và bắt đầu khẩn cầu trong nước mắt, thốt lên như sau: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con của Thiên Chúa Hằng Sống! Xin đừng bỏ rơi Hội Thánh của Ngài, nhưng xin ban ơn giúp đỡ cho Hội Thánh vì vinh quang danh thánh của Ngài. Nếu thị kiến này đến từ Ngài, thì xin Ngài sắp xếp để con được thấy nó một lần nữa, con cầu xin Ngài, và cả lần thứ ba nữa, để con, kẻ tội lỗi này, có thể chắc chắn một cách dứt khoát rằng Ngài, Đấng Cứu Trợ của con, đang ở cùng con!"

Đêm hôm sau, tổng giám mục lại có cùng một thị kiến; vị nam nhân rực rỡ ấy lại hiện ra với ngài và nói: "Ta đã nói với ngươi rồi, ngươi sẽ không hề bị tổn hại gì bởi những kẻ thù của ngươi, vậy nên, đừng sợ hãi gì cả, hãy đi đến Constantinople."

Nói xong, vị khách ấy bỗng biến mất.

Tổng giám mục Anphim, một lần nữa tạ ơn Thiên Chúa và không nói với ai về điều mình đã thấy, liền dâng lời cầu nguyện nối tiếp lời cầu nguyện và nước mắt nối tiếp nước mắt, mong được ban cho thị kiến này lần thứ ba và được biết người hiện ra là ai.

Đêm thứ ba, người đàn ông ấy lại hiện ra và nói: "Ngươi còn chần chừ đến bao giờ nữa mới tin vào những lời của ta, những lời sẽ thành hiện thực trong những ngày sắp tới? Hãy đến thành phố hoàng gia mà không sợ hãi, vì ngươi sẽ trở về từ đó trong vinh quang, không hề chịu tổn thất nào từ kẻ thù của ngươi; chính Đức Chúa Trời, vì ta, tôi tớ của Ngài, sẽ là Đấng bảo vệ ngươi."

Lúc đó, tổng giám mục đã dám thưa với vị hiện ra rằng: "Xin ngài, thưa ngài, hãy cho tôi biết ngài là ai, người đang nói những lời này với tôi?"

Người ấy đáp: "Ta là Barnaba, môn đệ của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà Thánh Thần đã sai đi cùng với thánh Tông đồ Phaolô, khí cụ được chọn của Ngài, để rao giảng Lời Chúa cho dân ngoại. Để ngươi có thể xác minh sự thật trong lời ta, đây là dấu hiệu cho ngươi: hãy ra khỏi thành về phía tây khoảng năm stade, và tại nơi được gọi là 'Nơi Hồi Phục' (vì ở đó, vì ta, Đức Chúa Trời đã ban sự lành một cách kỳ diệu cho những người đau ốm), hãy đào đất dưới gốc cây mọc ra những chiếc sừng: ở đó ngươi sẽ tìm thấy một hang động và một hòm thánh, nơi lưu giữ di cốt của ta; ngươi cũng sẽ tìm thấy Phúc Âm do chính tay ta viết, mà ta đã chép lại từ Thánh Tông đồ Mát-thêu, nhà truyền giáo Phúc Âm. Và khi những kẻ thù địch của ngươi, những kẻ có ý định đặt nhà thờ này dưới quyền cai trị của chúng, bắt đầu nói rằng Antiôkhia là ngai tòa tông đồ, thì ngươi hãy phản bác lại và nói: – Thành phố của ta cũng là ngai tòa tông đồ, vì ta có một vị tông đồ đang an nghỉ trong thành phố của ta."

Khi Thánh Barnaba nói điều này với tổng giám mục, ngài lập tức biến mất. Còn tổng giám mục, tràn ngập niềm vui lớn lao và hết lòng tạ ơn Thiên Chúa, đã triệu tập các linh mục, các quan chức thành phố và toàn thể dân chúng, rồi kể cho mọi người nghe về ba lần hiện ra và những lời của Thánh Tông đồ Barnaba; sau đó ngài cùng mọi người hát thánh vịnh tiến về nơi đó, rước Thánh Giá Thánh. Khi đến nơi đã chỉ định, họ bắt đầu đào đất dưới gốc cây, như vị Tông đồ đã nói trong thị kiến; sau khi đào lớp đất trên cùng, họ tìm thấy một hang động bị đá che lấp; sau khi dời những tảng đá ra, họ thấy một hốc đá và cảm nhận được một mùi hương tuyệt vời và không thể tả xiết; khi mở hốc đá ra, họ thấy trong đó thi hài thiêng liêng của Thánh Tông đồ Barnaba còn nguyên vẹn và không hề hư hại, họ cũng thấy cuốn Phúc Âm nằm trên ngực ngài[4295] . Mọi người trong niềm vui sướng và hân hoan tột độ đã ngợi khen Thiên Chúa và với lòng kính cẩn, họ đã thờ lạy các thánh tích, chạm vào chúng với đức tin và tình yêu. Vào thời điểm đó, nhiều phép lạ đã xảy ra: bất cứ ai đang mắc phải bệnh tật nào cũng được chữa lành sau khi chạm

[4295] Xác thánh của Thánh Tông đồ Barnaba đã được tìm thấy vào khoảng năm 485 đến 488.

vào các thánh tích. Sau đó, Tổng Giám mục Anphim, không dám mang hòm đựng di cốt các Tông đồ ra khỏi nơi đó, đã niêm phong nó bằng thiếc và ra lệnh cho hàng giáo sĩ túc trực bên hòm, đồng thời thực hiện các bài thánh vịnh thường lệ ngày đêm bên quan tài của các Tông đồ. Bản thân ngài thì lên đường đến Constantinople; khi trình diện trước Hội đồng Thánh , ngài đã đáp lại những kẻ đối địch theo đúng lời dạy của Thánh Tông đồ Варнава. Hoàng đế Зенон vô cùng vui mừng vì trong thời gian trị vì của mình đã tìm thấy một kho tàng thiêng liêng vĩ đại đến vậy, và ngay lập tức ra lệnh rằng đảo Кипр không còn thuộc quyền quản lý của Thượng phụ, mà sẽ được tự trị dưới sự lãnh đạo của Tổng giám mục riêng của mình; ông cũng ra lệnh rằng Tổng Giám mục Síp sẽ tự bổ nhiệm các giám mục của mình.

Sự tự do này đã được ban cho đảo Síp vì di cốt của Thánh Tông đồ Barnabas: kể từ thời điểm đó, ngai tòa giám mục Síp bắt đầu được gọi là ngai tòa tông đồ, giống như các ngai tòa tổng giám mục khác. Còn Đức Anphim, Tổng giám mục Síp, đã được nhà vua và toàn thể hội đồng giáo phẩm ban tặng những vinh dự lớn lao. Vua đã xin cuốn Phúc Âm được tìm thấy trên ngực vị Tông đồ; sau khi nhận được, ngài đã trang trí nó bằng vàng và đá quý, rồi đặt nó trong phòng hoàng gia của nhà thờ mình; còn đối với Tổng Giám mục, ngài đã ban tặng một lượng vàng rất lớn để xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp ngay tại chính nơi mà di cốt thiêng liêng của Thánh Tông đồ Barnabas được tìm thấy.

Như vậy, tổng giám mục đã trở về với vinh quang và danh dự, và chẳng bao lâu sau đã xây dựng một nhà thờ vĩ đại và đẹp đẽ mang tên vị tông đồ; Ngài đã an táng di cốt thiêng liêng của vị thánh tông đồ tại bàn thờ thánh, phía bên phải, và quy định tổ chức lễ kỷ niệm thánh tông đồ Варнава vào ngày mười một tháng Sáu (ngày mà di cốt thiêng liêng của ngài được tìm thấy), để tôn vinh Đức Kitô, Đức Chúa Trời của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Đức Cha và Đức Thánh Thần, bây giờ và đến muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Ngài là tôi tớ chân thật của Chúa, và là vị Tông đồ thứ bảy mươi mốt: cùng với Phaolô, Ngài đã chiếu sáng lời rao giảng của mình, loan báo Đấng Kitô Cứu Thế cho muôn người: vì lý do đó, chúng con cử hành lễ kỷ niệm thiêng liêng của Ngài, thánh Barnaba, qua những bài thánh ca.

Ngày 25 tháng 6

Ngày 12 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, Thánh Arsenius Konevsky, vị thánh làm phép lạ ở Novgorod, đã an nghỉ vào năm 1447.

Cũng vào ngày này, Thánh Onufriy Malsky qua đời vào năm 1492.

Cùng ngày này, người ta tưởng nhớ các vị thánh Onuphrius và Auxentius của Vologda, những vị đã tu hành vào cuối thế kỷ XV và đầu thế kỷ XVI.

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ các vị thánh Vassian và Iona của Pertominsk, những người đã chết đuối ở Biển Trắng vào năm 1561.

Cuộc đời của vị thánh cha Onufri Đại

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 6

Thánh Paphnutius[4296] , người đã tu hành tại một trong những tu viện ẩn tu ở Ai Cập, đã để lại cho chúng ta câu chuyện về cách ngài đã gặp Thánh Onuphrius Vĩ Đại cũng như các ẩn sĩ khác trong sa mạc. Ngài bắt đầu câu chuyện của mình như sau:

[4296] "Không thể xác định chính xác," Thánh Dimitri Rostovski nhận xét, "rằng chính vị tu sĩ Paphnutius nào đã gặp Thánh Onuphrius trong sa mạc, bởi vì trong các sử sách Giáo hội và các cuốn Paterikon, chúng ta gặp nhiều vị thánh mang tên Paphnutius." Có một vị Paphnutius khác – giám mục của vùng núi Thebaid, một trong những vùng đất của Ai Cập, người đã chịu khổ nạn dưới thời hoàng đế La Mã vô đạo Maximian (305–311), và mắt phải của ngài đã bị móc ra. Sau đó, dưới triều đại của Hoàng đế vĩ đại Constantine (306–337), ngài đã tham dự Công đồng Đại kết lần thứ nhất, được triệu tập tại thành phố Nicaea (năm 325). Khi các vị Thánh Phụ muốn ban hành

Một lần nọ, khi tôi đang sống trong sự im lặng tại tu viện của mình, tôi bỗng nảy sinh mong muốn đi vào sa mạc sâu thẳm[4297] để xem liệu ở đó có tu sĩ nào phục vụ Chúa tận tụy hơn tôi không? Tôi đứng dậy, mang theo một ít bánh mì và nước, rồi lên đường; tôi rời khỏi tu viện của mình mà không nói với ai lời nào, và hướng thẳng vào sa mạc sâu thẳm nhất. Tôi đi bộ suốt bốn ngày, không ăn bánh mì cũng không uống nước, và cuối cùng đến một hang động nào đó, bị bao quanh tứ phía và chỉ có một ô cửa sổ nhỏ. Tôi đứng trước ô cửa sổ đó suốt một giờ, hy vọng rằng, theo thông lệ của các tu sĩ, sẽ có ai đó bước ra khỏi hang động và chào hỏi tôi nhân danh Chúa Kitô; nhưng vì không ai nói gì với tôi và cũng không mở cửa, nên tôi tự mở cửa, bước vào và ban phước lành. Trong hang động, tôi thấy một vị tu sĩ già đang ngồi đó, trông như đang ngủ. Tôi lại cầu chúc phước lành cho ông và chạm vào vai ông, định đánh thức ông dậy, nhưng thân thể ông nhẹ như bụi đất; khi sờ vào bằng tay, tôi nhận ra rằng ông đã qua đời từ nhiều năm trước. Thấy bộ quần áo treo trên tường, tôi chạm vào nó; và nó cũng nhẹ như bụi trong tay tôi. Lúc đó, tôi cởi áo choàng của mình ra và dùng nó che phủ thi thể người đã khuất, sau đó, dùng tay đào một cái hố trên đất cát, rồi chôn cất thi thể vị tu sĩ với những bài thánh vịnh, lời cầu nguyện và nước mắt như thường lệ. Sau đó, tôi ăn một ít bánh mì và uống nước; tôi lấy lại sức lực rồi qua đêm bên mộ vị tu sĩ già ấy.

Sáng hôm sau, sau khi dâng lời cầu nguyện, tôi tiếp tục hành trình vào sâu trong sa mạc; đi bộ trong vài ngày, tôi tình cờ gặp một hang động khác; nghe thấy tiếng người la hét gần đó, tôi nghĩ rằng có lẽ có ai đó đang sống trong hang động ấy; tôi gõ cửa; nhưng không nhận được câu trả lời, tôi bước vào trong hang; không thấy ai ở đó, tôi bước ra ngoài, thầm nghĩ rằng có lẽ ở đây có một trong những tôi tớ của Chúa đang sống, người đã vào sa mạc vào thời điểm này. Tôi quyết định chờ người tôi tớ của Chúa tại nơi này, vì mong được gặp và chào hỏi anh ta về Chúa; và tôi đã ở lại chờ đợi suốt cả ngày, không ngừng hát các thánh vịnh của Đa-vít. Nơi đó trông rất đẹp trong mắt tôi: ở đây có cây cọ chà là đang trĩu quả, và một dòng suối nhỏ chảy qua; tôi vô cùng ngạc nhiên trước vẻ đẹp của nơi này và ước ao được sống tại đây, nếu điều đó có thể đối với tôi.

Khi ngày bắt đầu nghiêng về chiều, tôi thấy một đàn trâu đang đi về phía tôi; tôi cũng thấy người tôi tớ của Chúa đang đi giữa đàn vật (đó là Timôthê, người ẩn sĩ[4298]). Khi đàn trâu đến gần tôi, tôi thấy một người đàn ông không mặc quần áo, chỉ dùng tóc để che đi sự trần truồng của cơ thể mình. Khi đến chỗ tôi đang đứng và nhìn thấy tôi, người ấy lầm tưởng tôi là một linh hồn hay một bóng ma, nên liền quỳ xuống cầu nguyện, vì có nhiều linh hồn ô uế đã cám dỗ ông bằng những ảo ảnh tại nơi đó, như chính ông đã kể lại cho tôi nghe sau này.

Còn tôi thì nói với anh ta:

– Sao ngươi lại sợ hãi, hỡi tôi tớ của Đức Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa của chúng ta? Hãy nhìn ta và những dấu chân của ta, và hãy biết rằng ta cũng là con người như ngươi; hãy sờ vào để xác nhận rằng ta là thịt và máu.

---

luật quy định rằng các linh mục và phó tế không được kết hôn, ngài đã đứng giữa hội đồng và lớn tiếng tuyên bố: "Xin đừng đặt gánh nặng và ách nặng nề lên vai những người phục vụ Giáo hội". Và Paphnutius đã kiên quyết phản đối các vị Thánh Phụ trong vấn đề này một cách hết sức nhiệt thành, mặc dù chính ngài là người sống độc thân từ khi còn trong bụng mẹ. Không ai có thể phản bác ngài, vì vậy vấn đề này được để cho mỗi người tự quyết định; do đó, các linh mục và phó tế của Giáo hội Đông phương cho đến nay vẫn chấp nhận hôn nhân được chúc phúc. Các sử gia Hy Lạp đã ghi chép về điều này: Socrates (quyển 1, chương 8), Sozomen (quyển 1, chương 22) và Nikiforos (quyển 8, chương 19). Ngày tưởng niệm Paphnutius này trong Sách Lễ Rôma được ấn định vào ngày 11 tháng Chín; trong các Lịch Thánh của Nga, cũng như trong các Prologue, không có chỗ nào nhắc đến ngài. Có một vị thánh tử đạo khác tên là Paphnutius, cũng đã tu hành trong các sa mạc Ai Cập, chịu khổ nạn dưới triều đại của Diocletian (284–305), và bị đóng đinh trên cây cọ. Câu chuyện về ngài được ghi trong Phần Mở Đầu ngày 25 tháng Chín, từ thành phố Alexandria của Ai Cập, cha của Thánh nữ Euphrosyne, ngày kỷ niệm của bà được cử hành vào ngày 25 tháng Chín. Một vị Paphnutius khác, cũng là người Ai Cập, đã dẫn dắt Taisia, một người phụ nữ sa ngã, đến sự sám hối; ngày kỷ niệm của bà được cử hành vào ngày 8 tháng Mười. Còn có một vị tu sĩ khác tên là Paphnutius, đệ tử của Thánh Macarius thành Alexandria, người đã kể lại câu chuyện về việc con thú hyena mang con non mù của nó đến gặp Thánh Macarius để được chữa lành. Còn có một vị Paphnutius khác, biệt danh là Kefal, được nhắc đến trong cuốn sách "Những lời dạy của các bậc tiền bối" của Rufinus (nhà sử học thế kỷ IV) và trong cuốn "Lavsaik" (chương 91) của Palladius, người đã mặc cùng một bộ quần áo suốt tám mươi năm. Trong các "Prologues" còn có những câu chuyện về một số vị Paphnutius khác; chẳng hạn, vào ngày 25 tháng 11 có câu chuyện về tu sĩ Paphnutius, người đã cứu một tên cướp bằng cách uống cạn chén rượu; vào ngày 9 tháng 3 có câu chuyện về tu sĩ Paphnutius, người đã cầu xin Chúa cho biết mình giống ai; và ông đã nhận được lời báo rằng mình giống như một trưởng làng; về chính Paphnutius này, vào ngày 27 cùng tháng đó, có một câu chuyện kể rằng ông giống như một người thổi sáo. Còn về Paphnutius, người đã tìm thấy Thánh Onuphrius, chúng ta không có bất kỳ thông tin nào.

[4297] Ai Cập là nơi cư ngụ quen thuộc của nhiều vị tu sĩ. Các tu viện nằm cả ở Hạ Ai Cập lẫn Trung Ai Cập. Đặc biệt nổi tiếng ở Ai Cập là sa mạc Nitrian, nằm ở Hạ Ai Cập và trải dài sâu vào nội địa, phía sau sông Nile. Sa mạc Nội địa hay còn gọi là sa mạc Skete nằm cách sa mạc của các tu viện cộng đồng vài ngày đường. Đó là một sa mạc cát hoang vu, nơi chỉ thỉnh thoảng mới có những suối nước; ở đây cũng không có con đường mòn nào – người ta định hướng đường đi theo hướng của các vì sao.

[4298] Lễ tưởng niệm ngài vào cùng ngày đó.

Sau khi nhìn tôi và xác nhận rằng tôi thực sự là con người, anh ta đã an lòng và, sau khi tạ ơn Đức Chúa Trời, đã nói:

– A-men.

Rồi anh ta bước đến gần tôi, hôn lên mặt tôi, dẫn tôi vào hang động của anh ta và mời tôi ăn quả chà là; anh ta cũng rót nước sạch từ suối cho tôi uống, và chính anh ta cũng uống một ngụm vì tôi; sau đó, anh ta hỏi tôi:

– Anh đã đến đây bằng cách nào, anh em? Tôi bèn bày tỏ suy nghĩ và ý định của mình trước mặt ông ấy, rồi trả lời:

– Với mong muốn được gặp các tôi tớ của Chúa Kitô đang tu hành trong sa mạc này, tôi đã rời tu viện của mình và đến đây; và Thiên Chúa đã không làm tôi thất vọng, vì Ngài đã cho tôi được chiêm ngưỡng sự thánh thiện của anh.

Sau đó, tôi hỏi ngài:

– Thưa Cha, Cha đã đến đây như thế nào? Cha đã tu hành trong sa mạc này bao nhiêu năm rồi, Cha ăn gì và tại sao Cha lại đi bộ trần truồng, không mặc gì cả?

Lúc đó, ngài kể cho tôi nghe về bản thân như sau: "Ban đầu, tôi sống trong một tu viện ở vùng Phivaid[4299] , sống đời tu sĩ và tận tâm phụng sự Đức Chúa Trời. Tôi làm nghề dệt vải. Nhưng trong lòng tôi nảy sinh một ý nghĩ: hãy rời khỏi tu viện và sống một mình, lao động và tu hành để nhận được phần thưởng lớn từ Chúa, vì từ thành quả lao động của chính mình, anh không chỉ có thể nuôi sống bản thân mà còn có thể nuôi những người nghèo và mang lại sự an lành cho các anh em lữ hành. Lắng nghe suy nghĩ ấy với lòng yêu mến, tôi rời khỏi cộng đoàn, xây cho mình một căn phòng nhỏ gần thành phố và tiếp tục công việc thủ công của mình; đối với tôi, mọi thứ đều đủ đầy, vì nhờ công sức lao động của đôi tay, tôi thu thập được mọi thứ cần thiết cho bản thân; nhiều người đến tìm tôi, mua những sản phẩm do tay tôi làm ra và mang đến cho tôi mọi thứ cần thiết; tôi cho những người lữ hành trú ngụ, còn những gì dư thừa thì phân phát cho người nghèo và những ai đang thiếu thốn. Nhưng kẻ thù của sự cứu rỗi chúng ta, ma quỷ – kẻ luôn chiến đấu với tất cả mọi người – đã ghen tị với cuộc sống của tôi; muốn hủy hoại mọi công sức của tôi, hắn đã xúi giục một người phụ nữ nào đó đến gặp tôi vì nghề thủ công của tôi và xin tôi dệt vải; sau khi dệt xong, tôi đã trao nó cho cô ta. Rồi cô ta lại xin tôi dệt thêm vải cho cô ta; và giữa chúng tôi đã nảy sinh cuộc trò chuyện, sự táo bạo đã xuất hiện; khi bắt đầu phạm tội, chúng tôi đã sinh ra sự vô luật; và tôi đã ở cùng cô ta trong suốt sáu tháng, phạm tội suốt thời gian đó. Nhưng cuối cùng, tôi tự nhủ rằng hôm nay hay ngày mai cái chết sẽ ập đến với tôi và tôi sẽ phải chịu đau khổ vĩnh viễn. Và tôi tự nói với mình: "Ôi, linh hồn tôi ơi! Tốt hơn hết là ngươi nên chạy trốn khỏi đây, để thoát khỏi tội lỗi và đồng thời thoát khỏi sự đau khổ vĩnh viễn!"

"Vì vậy, bỏ lại tất cả, tôi đã lén lút trốn khỏi đó và đến sa mạc này. Khi đến nơi này, tôi tìm thấy hang động này, một suối nước và một cây cọ có mười hai cành; mỗi tháng, một trong những cành đó cho ra một lượng quả đủ để nuôi sống tôi trong suốt ba mươi ngày. Khi tháng kết thúc và quả trên một cành cũng hết, thì một cành khác lại chín. Như vậy, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, tôi được nuôi dưỡng, và không có gì khác trong hang động của mình. Còn quần áo của tôi, sau một thời gian dài đã trở nên cũ nát và hư hỏng; sau nhiều năm (vì tôi đã tu hành trong sa mạc này được ba mươi năm), tóc tôi đã mọc dài ra như anh thấy; chúng thay thế quần áo cho tôi, che đi sự trần truồng của tôi".

Sau khi nghe hết những điều này từ vị ẩn sĩ (theo lời kể của Paphnutius), tôi hỏi ông:

– Thưa Cha! Khi mới bắt đầu cuộc tu hành tại nơi này, Cha có gặp phải trở ngại nào không?

Ông trả lời tôi:

– Tôi đã phải chịu đựng vô số cuộc tấn công của ma quỷ. Nhiều lần chúng giao chiến với tôi, nhưng không thể đánh bại tôi, vì tôi được ân sủng của Đức Chúa Trời giúp đỡ; tôi chống lại chúng bằng dấu thánh giá và lời cầu nguyện. Ngoài những cuộc tấn công của kẻ thù, hành trình tu hành của tôi còn bị cản trở bởi bệnh tật thể xác; vì tôi bị đau dạ dày rất nặng, đến nỗi ngã quỵ xuống đất vì cơn đau dữ dội; tôi không thể thực hiện những lời cầu nguyện thường lệ của mình, nhưng khi nằm trong hang động của mình và lăn lộn trên mặt đất, tôi đã phải rất vất vả mới có thể hát kinh, và hoàn toàn không còn sức lực để ra khỏi hang động. Tôi đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, xin Ngài ban cho tôi sự tha thứ tội lỗi vì căn bệnh của tôi. Một lần nọ, khi tôi đang ngồi trên đất và bị đau dạ dày dữ dội, tôi thấy một người đàn ông chính trực đứng trước mặt tôi và nói với tôi:

[4299] Các tu viện cộng đồng (từ tiếng Hy Lạp "koinon" – chung và "zoe" – sự sống) là những nơi các tu sĩ được tu viện chu cấp sinh hoạt và đổi lại, họ cống hiến sức lao động của mình vì lợi ích chung của tu viện.

– Ngươi đang đau khổ vì điều gì?

Tôi gần như không thể trả lời ông ấy:

– Thưa ngài, tôi đang bị đau dạ dày.

Ông ấy nói với tôi:

– Hãy chỉ cho tôi chỗ đau.

Tôi chỉ cho ông ấy. Rồi ông ấy giơ tay ra và đặt lòng bàn tay lên chỗ đau; tôi lập tức khỏi bệnh. Ông ấy nói với tôi:

– Giờ thì anh đã khỏe rồi, đừng phạm tội nữa để không bị nặng hơn, mà hãy phục vụ Chúa và Đức Chúa Trời của anh từ nay cho đến muôn đời.

Từ đó đến nay, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, tôi không còn bị bệnh nữa, và tôi luôn ca ngợi và tôn vinh lòng thương xót của Ngài.

Trong cuộc trò chuyện như vậy (Paphnutius kể lại), tôi đã dành gần như cả đêm với vị cha thánh đó; đến sáng, tôi thức dậy để cầu nguyện như thường lệ.

Khi trời sáng, tôi bắt đầu tha thiết xin vị cha thánh đó cho phép tôi được sống gần ngài hoặc ở đâu đó riêng biệt nhưng vẫn gần ngài. Ngài nói với tôi: "Anh ơi, anh sẽ không chịu nổi những cám dỗ của ma quỷ ở đây đâu." Chính vì lý do đó mà ngài không cho phép tôi ở lại với ngài. Tôi cũng xin ngài cho biết tên của ngài. Và ngài nói: "Tên tôi là Timôthê. Hãy nhớ đến tôi, anh em yêu dấu, và cầu nguyện với Đức Kitô Thiên Chúa cho tôi, để Ngài ban cho tôi lòng thương xót của Ngài cho đến cùng, vì Ngài đã cho tôi được xứng đáng với điều đó."

Paphnutius kể lại rằng, tôi đã quỳ xuống dưới chân ngài, xin ngài cầu nguyện cho tôi. Ngài nói với tôi: "Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, xin Ngài ban phước lành cho anh, xin Ngài bảo vệ anh khỏi mọi cám dỗ của kẻ thù và xin Ngài dẫn dắt anh trên con đường chính trực, để anh có thể đạt đến sự thánh thiện một cách suôn sẻ."

Sau khi ban phước lành cho tôi, vị thánh Timôthê đã tiễn tôi ra về trong bình an. Tôi nhận từ tay ngài những quả chà là để làm lương thực cho chuyến đi, múc nước từ suối vào bình của mình, rồi sau khi cúi đầu kính lễ vị thánh nhân cao niên, tôi rời khỏi ngài, ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã ban ơn cho tôi được gặp vị thánh nhân của Ngài, được nghe lời ngài và nhận được lời chúc lành từ ngài.

Trên đường trở về từ đó vài ngày sau, tôi đến một tu viện hoang vắng và dừng chân tại đó để nghỉ ngơi và ở lại một thời gian. Với lòng buồn bã, tôi tự hỏi trong lòng: Cuộc đời tôi ra sao? Những việc làm cao cả của tôi là gì? Cuộc đời tôi thậm chí không thể được gọi là một cái bóng so với cuộc đời và những việc làm cao cả của vị thánh nhân vĩ đại này, người mà tôi vừa được gặp. Tôi đã dành không ít ngày để suy ngẫm như vậy, mong muốn noi gương người đàn ông công chính ấy trong việc phụng sự Chúa. Nhờ lòng thương xót của Chúa, Đấng đã thúc đẩy tôi quan tâm đến linh hồn mình, tôi không nản lòng mà lại tiếp tục đi vào sa mạc nội địa qua con đường hiểm trở – con đường nơi sinh sống của một bộ tộc man rợ được gọi là Mazik. Tôi rất muốn biết liệu còn có vị ẩn sĩ nào khác như vậy, đang phụng sự Chúa hay không? Tôi rất muốn tìm gặp ngài, để nhận được sự lợi ích cho linh hồn mình từ ngài.

Khi lên đường vào hành trình sa mạc mà tôi đã quyết tâm thực hiện, tôi mang theo một ít bánh mì và nước, đủ dùng trong một thời gian ngắn. Khi bánh mì và nước đã cạn kiệt, tôi cảm thấy đau buồn vì không còn thức ăn, nhưng tôi vẫn cố gắng và tiếp tục đi thêm bốn ngày bốn đêm mà không ăn uống gì, đến nỗi thân thể tôi kiệt sức vô cùng; tôi ngã xuống đất và chờ chết. Lúc đó, tôi thấy một người đàn ông trông như thánh nhân, xinh đẹp và rực rỡ, bước đến gần tôi; ông đặt tay lên môi tôi, rồi biến mất. Ngay lập tức, tôi cảm thấy sức lực tràn trề, đến nỗi tôi không còn muốn ăn hay uống gì nữa.

Tôi đứng dậy, lại đi vào sa mạc sâu thẳm và tiếp tục đi thêm bốn ngày bốn đêm mà không ăn uống gì; nhưng chẳng bao lâu sau, tôi lại bắt đầu kiệt sức vì đói khát. Tôi giơ hai tay lên trời, cầu nguyện với Chúa, và lại thấy người đàn ông ấy, người đã bước đến gần tôi, đặt tay lên môi tôi rồi biến mất. Từ đó, tôi nhận được sức mạnh mới và tiếp tục lên đường.

Vào ngày thứ mười bảy của cuộc hành trình, tôi đến gần một ngọn núi cao; mệt mỏi vì đường đi, tôi ngồi xuống chân núi để nghỉ ngơi một chút. Lúc đó, tôi thấy một người đàn ông đang tiến lại gần tôi, trông rất đáng sợ; toàn thân ông ta phủ đầy lông như thú rừng, và mái tóc ông ta trắng như tuyết, vì ông ta đã bạc tóc do tuổi già. Tóc trên đầu và râu của ông ta rất dài, thậm chí chạm xuống đất và bao phủ toàn bộ cơ thể ông ta như một bộ áo quần, còn hông ông ta thì được quấn bằng lá của những loài thực vật sa mạc . Khi tôi nhìn thấy người đàn ông này đang tiến về phía tôi, tôi hoảng sợ và chạy trốn lên một tảng đá nằm trên đỉnh núi. Còn ông ấy, khi đến chân núi, đã ngồi

xuống dưới bóng râm, định nghỉ ngơi, vì ông đã rất mệt mỏi do cái nóng oi ả, cũng như do tuổi già. Nhìn lên ngọn núi, ông ấy thấy tôi và quay sang nói: "Hãy đến với tôi, người của Chúa! Tôi cũng là con người như anh; tôi sống trong sa mạc này, tu hành vì Chúa."

Tôi (Paphnutius kể lại) nghe vậy, vội vã chạy đến bên ông và quỳ xuống dưới chân ông. Ông liền nói với tôi:

"Hãy đứng dậy đi, con trai của ta! Vì con cũng là tôi tớ của Đức Chúa Trời và là bạn của các thánh của Ngài; tên con là Paphnutius."

Tôi đứng dậy. Rồi ông bảo tôi ngồi xuống, và tôi vui mừng ngồi bên cạnh ông. Tôi bắt đầu nài nỉ ông – xin ông cho biết tên mình và kể cho tôi nghe về cuộc đời ông – rằng ông tu hành trong sa mạc như thế nào và đã sống ở đây bao lâu rồi. Trước những lời nài nỉ không ngừng của tôi, ông bắt đầu kể về bản thân mình như sau: "Tên tôi là Onuphrius; tôi đã sống trong sa mạc này sáu mươi năm, lang thang khắp các ngọn núi; tôi chưa từng gặp một người nào, và bây giờ chỉ thấy một mình anh thôi. Trước đây, tôi sống trong một tu viện chính trực, tên là Eriti[4300] , nằm gần thành phố Hermopolis, thuộc vùng Thebaid. Trong tu viện đó có một trăm tu sĩ; tất cả họ đều sống trong sự hòa thuận trọn vẹn với nhau, cùng chia sẻ một cuộc sống hòa hợp trong tình yêu dành cho Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Họ dùng chung thức ăn và quần áo; họ sống một cuộc đời kiêng khem, thầm lặng trong bình an, ca ngợi lòng thương xót của Chúa. Trong những ngày thơ ấu, khi còn là một tu sĩ mới nhập môn, tôi đã được các vị cha thánh tại đó dạy dỗ về đức tin và tình yêu nồng nhiệt dành cho Chúa, đồng thời cũng được học hỏi về các quy tắc của đời sống tu hành. Tôi đã nghe họ trò chuyện về vị tiên tri thánh của Đức Chúa Trời là Ê-li, cụ thể là ngài, được Đức Chúa Trời củng cố, đã sống bằng cách ăn chay trong sa mạc; tôi cũng nghe kể về Thánh Gioan Tiền Hô của Chúa, người mà chưa từng có ai sánh được (Mt 11,11), về cuộc đời ngài trong sa mạc, cho đến ngày ngài hiện ra trước dân Israel. Nghe tất cả những điều này, tôi hỏi các vị thánh phụ: "Vậy thì, những ai tu hành trong sa mạc có phải là cao quý hơn các vị trong mắt Thiên Chúa không?"

Họ đáp lại tôi rằng: "Đúng vậy, con ơi, họ cao quý hơn chúng ta; vì chúng ta hàng ngày gặp gỡ nhau, cùng nhau hát thánh ca trong nhà thờ với niềm vui; nếu muốn ăn, chúng ta đã có bánh sẵn, cũng như vậy, nếu muốn uống, chúng ta có nước sẵn; nếu có ai trong chúng ta bị ốm, người đó sẽ nhận được sự an ủi từ anh em, vì chúng ta sống chung với nhau, giúp đỡ và phục vụ lẫn nhau vì tình yêu của Đức Chúa Trời; còn những người sống trong sa mạc thì bị tước đoạt tất cả những điều này. Nếu một người sống trong sa mạc gặp phải bất kỳ điều không may nào, ai sẽ an ủi anh ta khi ốm đau, ai sẽ giúp đỡ và phục vụ anh ta nếu anh ta bị sức mạnh của Satan tấn công, anh ta sẽ tìm đâu ra người để an ủi tâm hồn và dạy dỗ anh ta, vì anh ta chỉ có một mình? Nếu anh ta không có thức ăn, anh ta sẽ lấy nó ở đâu mà không tốn công sức; tương tự, nếu khát, họ cũng không tìm thấy nước ở gần đó. Ở đó, hỡi con, sự vất vả lớn hơn gấp bội so với chúng ta, những người sống chung với nhau; những ai chọn cuộc sống ẩn dật bắt đầu phụng sự Chúa với lòng nhiệt thành hơn, tự áp đặt cho mình chế độ ăn chay nghiêm ngặt hơn, chịu đựng đói khát, cái nóng gay gắt giữa trưa; họ kiên nhẫn chịu đựng cái lạnh ban đêm, kiên quyết chống lại những mưu mô của kẻ thù vô hình, bằng mọi cách cố gắng đánh bại nó, và với lòng nhiệt thành, họ nỗ lực đi trên con đường chật hẹp và đầy gian nan dẫn đến Nước Trời. Vì lý do đó, Thiên Chúa sai các Thiên Thần thánh đến với họ, những vị mang thức ăn cho họ, làm cho nước chảy ra từ đá và củng cố họ đến mức những lời của Tiên tri Isaia trở thành hiện thực đối với họ, khi ngài phán: *"Những ai trông cậy vào Chúa sẽ được đổi mới sức mạnh: họ sẽ vỗ cánh như đại bàng, bay đi mà không mệt mỏi, đi mà không kiệt sức"* (Is 40:31). Nếu có ai trong số họ không được ân sủng chiêm ngưỡng các Thiên thần, thì ít nhất họ cũng không bị tước mất sự hiện diện vô hình của các Thiên thần của Đức Chúa Trời, những Đấng bảo vệ vị ẩn sĩ ấy trên mọi nẻo đường, che chở khỏi những lời vu khống của kẻ thù, hỗ trợ họ trong những việc lành và dâng lên Đức Chúa Trời những lời cầu nguyện của vị ẩn sĩ. Nếu có ai trong số những người ẩn tu gặp phải tai họa bất ngờ nào từ kẻ thù, thì người ấy sẽ giơ tay lên cầu xin Đức Chúa Trời, và ngay lập tức sự giúp đỡ từ trên cao sẽ được ban xuống, và mọi tai họa sẽ bị xua đuổi vì sự trong sạch của lòng người ấy. Con ơi, con chẳng nghe thấy lời trong Kinh Thánh chăng, rằng Đức Chúa Trời không bỏ qua những ai tìm kiếm Ngài, vì người nghèo khó sẽ không bị quên lãng mãi mãi, và hy vọng của những người khốn cùng sẽ không bị tiêu tan hoàn toàn (Thi Thiên 9:19). Và còn nữa: Nhưng họ đã kêu cầu Chúa trong nỗi đau khổ của mình, và Ngài đã giải cứu họ khỏi những tai ương của họ (Thi Thiên 106:6): vì Chúa ban thưởng cho mỗi người tùy theo công lao mà người đó tự gánh vác. Phúc cho người thực hiện ý muốn của Chúa trên đất và siêng năng làm việc cho Ngài: các Thiên thần

[4300] Hoặc Erati.

phục vụ người ấy, dù chỉ là vô hình: họ làm cho lòng người ấy vui mừng bằng niềm vui thiêng liêng và củng cố người ấy mọi lúc, chừng nào người ấy còn ở trong xác thịt".

Tất cả những điều này, – tôi, Onuphrius khiêm nhường, – đã nghe được tại tu viện của mình từ các vị thánh phụ, và những lời ấy đã làm lòng tôi ngọt ngào, vì những lời ấy đối với tôi còn ngọt ngào hơn mật ong, và tôi cảm thấy như mình đang ở trong một thế giới khác; vì trong lòng tôi đã nảy sinh một khao khát không thể cưỡng lại được là đi vào sa mạc. Đêm đó, tôi thức dậy, lấy một ít bánh mì – vừa đủ dùng trong bốn ngày – rồi rời tu viện, đặt trọn niềm tin vào Đức Chúa Trời; tôi đi theo con đường dẫn lên núi, với ý định từ đây tiến vào sa mạc. Vừa mới bước vào sa mạc, tôi bỗng thấy trước mặt một tia sáng rực rỡ. Rất hoảng sợ, tôi dừng lại và bắt đầu nghĩ đến việc quay trở lại tu viện. Trong khi đó, tia sáng ấy đang tiến lại gần tôi, và tôi nghe thấy một giọng nói phát ra từ đó, phán rằng: "Đừng sợ! Ta là Thiên Thần đã đồng hành cùng con từ ngày con chào đời, vì Ta được Đức Chúa Trời sai đến để bảo vệ con; Ta đã nhận lệnh từ Chúa – dẫn con đến sa mạc này. Hãy sống hoàn hảo và khiêm nhường trước mặt Chúa, hãy vui vẻ phụng sự Ngài, còn ta sẽ không rời xa con cho đến khi Đấng Tạo Hóa ra lệnh cho ta đón nhận linh hồn con."

Nói xong những lời ấy từ trong tia sáng rực rỡ, Thiên Thần đi trước tôi, còn tôi thì vui vẻ theo sau Ngài. Sau khi đi khoảng sáu hoặc bảy milliar[4301] , tôi nhìn thấy một hang động khá rộng rãi; lúc đó, tia sáng của Thiên Thần đã biến mất khỏi tầm mắt tôi. Khi đến gần hang động, tôi muốn biết liệu có ai ở trong đó không. Tiếp cận cửa hang, theo tập tục của các tu sĩ, tôi cất tiếng: "Xin ban phước!"

Và tôi thấy một vị tu sĩ già, dáng vẻ chính trực và hiền lành; trên khuôn mặt và trong ánh mắt của ngài, ân sủng của Chúa và niềm vui thiêng liêng đang tỏa sáng. Thấy vị tu sĩ già này, tôi quỳ xuống dưới chân ngài và cúi đầu kính lễ. Ngài liền dùng tay nâng tôi dậy, hôn lên trán tôi và nói: "Có phải là anh, anh Onuphrius, người đồng hành của tôi trong Chúa không? Hãy vào đây, con ơi, vào nơi ở của tôi. Cầu Chúa giúp đỡ anh; hãy giữ vững chức vụ của mình, làm những việc lành trong sự kính sợ Chúa."

Bước vào hang động, tôi ngồi xuống và ở lại với ông ấy không ít ngày; tôi cố gắng học hỏi từ ông những đức tính tốt đẹp, và tôi đã thành công, vì ông đã dạy tôi những nguyên tắc sống của người ẩn sĩ. Khi vị tu sĩ già thấy rằng tâm hồn con đã được soi sáng đến mức con hiểu rõ những việc nào là đẹp lòng Chúa Giêsu Kitô; đồng thời thấy rằng con đã vững vàng để dũng cảm chiến đấu với những kẻ thù ẩn náu và những nỗi kinh hoàng mà sa mạc mang lại, vị tu sĩ già nói với con: "Hãy đứng dậy, con yêu; ta sẽ dẫn con đến một hang động khác, nằm sâu trong sa mạc nội địa; hãy sống một mình ở đó và chuyên tâm phụng sự Chúa; vì chính vì điều này mà Chúa đã sai con đến đây – để con trở thành một ẩn sĩ của sa mạc nội địa."

Nói xong, ngài nắm tay tôi và dẫn tôi vào sâu nhất trong sa mạc: chúng tôi đã đi suốt bốn ngày bốn đêm. Cuối cùng, vào ngày thứ năm, chúng tôi tìm thấy một hang động nhỏ. Vị thánh nhân ấy bấy giờ nói với tôi: "Đây chính là nơi mà Đức Chúa Trời đã dành sẵn cho những việc tu hành của con." Vị tu sĩ già ở lại với tôi ba mươi ngày, dạy dỗ tôi về việc làm lành; sau ba mươi ngày, ông giao phó tôi cho Đức Chúa Trời, rồi quay trở lại nơi tu hành của mình. Kể từ đó, ngài đến thăm tôi một lần mỗi năm; ngài viếng thăm tôi hàng năm, cho đến khi ngài về với Chúa; vào năm cuối cùng, ngài đã về với Chúa sau khi ở lại với tôi theo thói quen của ngài; còn tôi thì khóc rất nhiều và chôn cất thi hài ngài gần nơi ở của tôi.

Sau đó, tôi, Paphnutius khiêm nhường, đã hỏi ngài: "Thưa Cha đáng kính! Khi mới đến sa mạc, Cha đã phải trải qua bao nhiêu gian khổ?"

Vị tu sĩ đáng kính đã trả lời tôi: "Hãy tin lời ta, anh em yêu dấu của ta, rằng ta đã phải trải qua những gian khổ vô cùng nặng nề, đến nỗi đã nhiều lần tuyệt vọng trong cuộc đời mình, tự cho rằng mình sắp chết: vì ta kiệt sức vì đói khát; từ khi mới đặt chân đến sa mạc, tôi chẳng có gì để ăn uống, chỉ thỉnh thoảng tình cờ tìm được một loại thảo dược hoang dã, đó chính là thức ăn của tôi; còn cơn khát của tôi chỉ được xoa dịu bởi sương trời; ban ngày, cái nắng gay gắt thiêu đốt tôi, còn ban đêm, tôi lại run rẩy vì lạnh: cơ thể tôi ướt đẫm những giọt sương trời như mưa; còn điều gì khác mà tôi chưa phải trải qua, những gian khổ và kỳ công nào mà tôi chưa từng thực hiện trong sa mạc hoang vu này? Không thể kể lại hết mọi gian khổ và kỳ công ấy, và cũng không tiện tiết lộ những điều mà

[4301] Miliari – dặm La Mã, hay chính xác hơn là cột mốc dặm La Mã, bởi vì ở cuối mỗi miliari đều có một cột đá làm dấu hiệu. Một miliari tương đương với 8 stadia (một stadia bằng 88 sazhen), tương đương khoảng 1,*12 verst của chúng ta. Các cột mốc dặm được rải rác khắp Ý; trên đó thường khắc tên người xây dựng hoặc tên hoàng đế dưới triều đại của người đó. Cột mốc dặm đầu tiên, là điểm khởi đầu của tất cả các cột mốc còn lại và là nơi giao nhau của tất cả các con đường, nằm ở Rome, gần đền thờ Saturn. Trong các cuộc khai quật tại Rome, người ta đã tìm thấy tàn tích của cột mốc này.*

con người phải thực hiện một mình vì tình yêu của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời nhân từ, thấy rằng tôi đã dâng hiến toàn bộ bản thân cho những việc tu hành khổ hạnh, tự nguyện chịu đói khát, đã ra lệnh cho Thiên Thần của Ngài chăm sóc tôi và mang đến cho tôi mỗi ngày một ít bánh mì và nước để nuôi dưỡng thân thể tôi. Như vậy, tôi đã được Thiên Thần nuôi dưỡng trong suốt ba mươi năm. Khi ba mươi năm trôi qua, Đức Chúa Trời đã ban cho tôi nguồn thức ăn dồi dào hơn, vì gần hang động của tôi, tôi đã tìm thấy một cây cọ chà là có mười hai cành; mỗi cành đều kết trái riêng biệt so với các cành khác – cành này vào tháng này, cành kia vào tháng khác, cho đến khi hết cả mười hai tháng. Khi một tháng kết thúc, quả trên một cành cũng hết; khi tháng khác bắt đầu, quả lại bắt đầu chín trên một cành khác. Ngoài ra, theo lệnh của Đức Chúa Trời, một suối nước sống cũng chảy gần chỗ tôi. Và đã ba mươi năm nay, tôi sống trong sự phong phú ấy, đôi khi nhận bánh từ Thiên Thần, đôi khi lại thưởng thức quả chà là cùng rễ cây sa mạc, mà theo sự an bài của Đức Chúa Trời, đối với tôi chúng ngọt ngào hơn cả mật ong; còn nước thì tôi uống từ suối này, tạ ơn Chúa; nhưng trên hết, tôi được nuôi dưỡng và thỏa mãn bởi sự ngọt ngào của Lời Chúa, như đã chép: *"Con người không chỉ sống bằng bánh mà thôi, nhưng bằng mọi lời phát xuất từ miệng Chúa"* (Mt 4:4). Anh em Paphnutius! Nếu anh hết lòng thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời, thì anh sẽ nhận được từ Đức Chúa Trời mọi điều cần thiết; vì trong Phúc Âm thánh có chép: *"Vậy, đừng lo lắng và đừng nói: Chúng ta sẽ ăn gì? Uống gì? Hay mặc gì đây?" Vì những điều đó, dân ngoại mới tìm kiếm, và vì Cha các con trên trời biết các con cần tất cả những điều đó. Hãy tìm kiếm Nước Trời và sự công chính của Ngài trước hết, thì tất cả những điều đó sẽ được ban cho các con"* (Mt 6,31–33).

Khi Onuphrius nói tất cả những điều này, – tôi (Paphnutius kể lại) đã vô cùng ngạc nhiên trước cuộc sống kỳ diệu của ngài. Rồi tôi lại hỏi ngài: "Thưa Cha, bằng cách nào Cha rước Mình Thánh Chúa vào ngày thứ Bảy và ngày Chúa Nhật?

Ngài đáp lại với tôi: "Một Thiên Thần của Chúa đến với tôi, Người mang theo các Bí tích Thánh Thiện của Chúa Kitô và ban Thánh Thể cho tôi. Và Thiên Thần không chỉ đến với riêng tôi để ban Thánh Thể, mà còn đến với các ẩn sĩ khác đang sống vì Chúa trong sa mạc và không bao giờ nhìn thấy khuôn mặt con người; khi ban Thánh Thể, Ngài làm tràn ngập lòng họ bằng niềm vui khôn tả. Nếu có ai trong số những người ẩn tu này mong muốn được nhìn thấy con người, thì Thiên Thần sẽ đưa người ấy lên trời, để người ấy được chiêm ngưỡng các thánh và hân hoan; linh hồn của người ẩn tu ấy sẽ được soi sáng như ánh sáng, và tâm hồn người ấy sẽ vui mừng vì được chiêm ngưỡng những ân sủng trên trời; và lúc đó, người ẩn sĩ quên hết mọi vất vả mà mình đã trải qua trong sa mạc. Khi người tu hành trở về nơi ở của mình, anh ta bắt đầu phụng sự Chúa một cách siêng năng hơn nữa, với hy vọng sẽ nhận được trên thiên đàng những điều mà anh ta đã được chiêm ngưỡng".

Onuphrius (Paphnutius kể lại) đã trò chuyện với tôi về tất cả những điều này dưới chân ngọn núi nơi chúng tôi gặp nhau. Còn tôi thì tràn ngập niềm vui lớn lao từ cuộc trò chuyện với vị thánh nhân ấy và cũng quên hết mọi vất vả của chuyến đi, kèm theo đó là đói khát. Sau khi được tiếp thêm sức mạnh cả về tinh thần lẫn thể xác, tôi nói: "Phúc cho người nào được chiêm ngưỡng ngài, thưa Thánh Phụ, và được nghe những lời nói tuyệt vời và ngọt ngào nhất của ngài!" Ngài liền nói với tôi: "Hãy đứng dậy đi, anh em, và chúng ta hãy đến nơi ở của tôi."

Và đứng dậy, chúng tôi đi.

Tôi (Paphnutius kể lại) không ngừng kinh ngạc trước ân sủng của vị tu sĩ đáng kính; sau khi đi được hai hoặc ba miliaria, chúng tôi đến gần hang động thiêng liêng của vị thánh. Gần hang động đó có một cây cọ khá lớn mọc lên và một suối nước sống nhỏ chảy qua. Dừng lại gần hang động, vị thánh nhân đã cầu nguyện. Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, ngài nói: "A-men."

Sau đó, ngài ngồi xuống và mời tôi ngồi bên cạnh. Chúng tôi trò chuyện, chia sẻ với nhau về những ân sủng của Đức Chúa Trời.

Khi ngày bắt đầu nghiêng về chiều và mặt trời đã lặn về phía tây, tôi thấy một miếng bánh mì trắng nằm giữa chúng tôi, cùng với nước đã được chuẩn bị sẵn. Vị thánh nhân ấy bèn nói với tôi: "Anh em ơi, hãy nếm miếng bánh trước mặt anh và uống nước để lấy lại sức; vì tôi thấy anh đã kiệt sức vì đói khát và vì những vất vả của cuộc hành trình."

Tôi đáp lại: "Chúa của tôi ơi! Tôi sẽ không ăn và uống một mình, mà chỉ cùng với ngài thôi."

Nhưng vị tu sĩ già không chịu nếm thử; tôi đã nài nỉ ông rất lâu và gần như không thể thuyết phục ông đáp ứng lời thỉnh cầu của tôi; chúng tôi giơ tay lên, cầm lấy bánh, bẻ ra và nếm thử; chúng tôi đã no nê, thậm chí còn thừa bánh; sau đó chúng tôi uống nước và tạ ơn Đức Chúa Trời; rồi chúng tôi dành cả đêm đó để cầu nguyện với Đức Chúa Trời.

Khi trời sáng, tôi nhận thấy khuôn mặt của vị tu sĩ đã thay đổi sau bài thánh ca buổi sáng, và tôi rất lo sợ điều đó. Ngài, nhận ra điều đó, đã nói với tôi: "Đừng sợ, anh em Paphnutius, vì Đức Chúa Trời, Đấng nhân từ với mọi người, đã sai anh đến với tôi, để anh an táng thi thể tôi; hôm nay tôi sẽ kết thúc cuộc đời tạm bợ của mình và ra đi đến cuộc sống vĩnh cửu trong sự bình an đời đời cùng Đấng Christ của tôi."

Lúc bấy giờ là ngày mười hai tháng Sáu; và vị thánh Onuphrius đã để lại di chúc cho tôi, Paphnutius, rằng: "Anh em yêu dấu! Khi anh trở về Ai Cập, hãy nhắc nhở tất cả các anh em và tất cả các Kitô hữu về tôi."

Còn tôi (Paphnutius kể lại), đã thưa với ngài: "Thưa Cha! Sau khi Cha qua đời, con mong được ở lại đây thay thế chỗ của Cha."

Nhưng vị thánh nhân nói với tôi: "Con ơi! Con được Thiên Chúa sai đến sa mạc này không phải để tu hành ở đây, mà để chứng kiến các tôi tớ của Thiên Chúa, rồi trở về và kể lại cho các anh em về đời sống đạo đức của các ẩn sĩ, vì lợi ích tâm linh của họ và để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. Hãy đi đi, con ơi, đến Ai Cập, về tu viện của con, cũng như đến các tu viện khác, và kể lại tất cả những gì con đã thấy và nghe được trong sa mạc; hãy kể cả những điều con sẽ còn thấy và nghe được nữa; còn bản thân con, hãy tu hành trong những việc lành, phụng sự Chúa."

Khi vị thánh nhân nói xong, tôi quỳ xuống dưới chân ngài và thưa: "Xin cha ban phước lành cho con, hỡi vị cha đáng kính, và xin cha cầu nguyện cho con, để con được ơn trước mặt Thiên Chúa: xin cha cầu nguyện cho con, để Đấng Cứu Thế của con cho phép con được gặp lại cha trong đời sau, giống như Ngài đã cho phép con được gặp cha trong cuộc đời này."

Còn vị Thánh Onuphrius, sau khi nâng tôi dậy khỏi mặt đất, đã nói với tôi: "Con yêu quý Paphnutius ơi! Xin Chúa đừng bỏ qua lời cầu xin của con, nhưng xin Chúa hãy đáp ứng lời cầu xin đó; xin Chúa ban phước lành cho con, củng cố con trong tình yêu của Ngài và soi sáng đôi mắt trí tuệ của con để con được chiêm ngưỡng Thiên Chúa; xin Ngài giải thoát con khỏi mọi tai ương và những cạm bẫy của kẻ thù, và xin Ngài tiếp tục công việc thiện lành mà con đã khởi sự; xin các Thiên Thần của Ngài gìn giữ con trên mọi nẻo đường (Thánh Vịnh 90:11), xin họ bảo vệ con khỏi những kẻ thù vô hình, để những kẻ đó không thể vu khống con trước mặt Thiên Chúa vào giờ thử thách kinh hoàng."

Sau đó, vị cha thánh ban cho tôi nụ hôn cuối cùng nhân danh Chúa; rồi ngài bắt đầu cầu nguyện với Chúa trong nước mắt và những tiếng thở dài từ tận đáy lòng. Sau khi quỳ gối và cầu nguyện trong một thời gian khá lâu, ngài nằm xuống đất và thốt lên lời cuối cùng: "Lạy Chúa của con, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài!" Trong lúc ngài nói những lời ấy, một ánh sáng kỳ diệu từ trời chiếu rọi xuống, và dưới ánh sáng rực rỡ ấy, vị tu sĩ, với khuôn mặt rạng ngời, đã trút hơi thở cuối cùng[4302] . Ngay lập tức, tiếng hát và lời chúc tụng Thiên Chúa của các Thiên thần vang lên trong không trung; vì các Thiên thần thánh thiện đã đón nhận linh hồn của vị tu sĩ và hân hoan đưa nó lên cùng Chúa.

Còn tôi (Paphnutius kể lại) thì bắt đầu khóc lóc và than thở bên thi hài đáng kính của ngài, đau đớn vì đã bất ngờ mất đi người mà tôi mới tìm thấy cách đây không lâu. Sau đó, tôi cởi áo ra, xé lớp lót bên trong và dùng nó để che phủ thi hài của vị thánh, còn lớp áo bên ngoài thì tôi mặc lại vào người, để không phải trở về với anh em trong tình trạng trần truồng. Tôi tìm thấy một tảng đá lớn, trong đó, theo sự an bài của Đức Chúa Trời, có một hốc sâu giống như quan tài; tôi đã đặt thi hài thánh thiện của vị thánh nhân vĩ đại của Đức Chúa Trời vào tảng đá đó, kèm theo việc hát thánh vịnh xứng đáng với dịp này. Sau đó, tôi thu thập nhiều viên đá nhỏ và dùng chúng để che phủ thi hài của vị thánh.

Sau tất cả, tôi bắt đầu cầu nguyện với Chúa, xin Ngài cho phép tôi ở lại nơi đó; tôi định bước vào hang động, nhưng ngay lập tức trước mắt tôi, hang động sụp đổ, cây cọ đã nuôi dưỡng vị thánh bị nhổ bật gốc, và suối nước sống cạn khô; chứng kiến tất cả những điều này, tôi hiểu rằng Đức Chúa Trời không muốn tôi sống ở đây.

Với ý định rời khỏi đó, tôi ăn miếng bánh còn lại từ hôm qua, và cũng uống hết nước còn trong bình; sau đó, tôi giơ hai tay lên trời và ngước mắt lên trời, rồi lại bắt đầu cầu nguyện. Lúc đó, tôi thấy chính người đàn ông mà trước đây tôi đã gặp khi đi qua sa mạc; đó chính là người đàn ông đã động viên tôi và đi trước tôi.

Khi rời khỏi nơi đó, tâm hồn tôi vô cùng buồn bã, tiếc nuối vì không được gặp Thánh Onuphrius khi ngài còn sống lâu hơn nữa. Nhưng sau đó, tâm hồn tôi lại tràn ngập niềm vui khi nghĩ rằng mình đã được thưởng thức

[4302] Thánh Onuphrius qua đời vào thế kỷ IV.

những lời giảng thánh thiện của ngài và nhận được lời chúc phúc từ chính miệng ngài; và thế là tôi tiếp tục đi, ngợi khen Thiên Chúa.

Sau bốn ngày, tôi đến một căn phòng tu nhỏ nằm cao trên núi, có một hang động; khi bước vào đó, tôi không thấy ai cả; ngồi lại một lát, tôi bắt đầu tự hỏi: "Liệu có ai sống trong căn phòng tu này, nơi mà Đức Chúa Trời đã dẫn dắt tôi đến không?"

Trong khi tôi đang suy nghĩ như vậy, một vị thánh nhân tóc bạc phơ bước vào; dáng vẻ của ngài thật kỳ diệu và rạng ngời; ngài mặc bộ áo được đan từ cành liễu. Thấy tôi, ngài nói:

"Có phải anh là anh Paphnutius, người đã an táng thi hài của thánh Onuphrius không?"

Tôi hiểu rằng ngài đã nhận được sự mặc khải từ Đức Chúa Trời về tôi, nên liền quỳ xuống dưới chân ngài. Ngài an ủi tôi và nói: "Hãy đứng dậy đi, anh em! Chúa đã ban cho anh được làm bạn với các thánh của Ngài; vì tôi biết, theo sự an bài của Chúa, rằng anh phải đến với tôi. Tôi sẽ tiết lộ cho anh, anh em yêu dấu, về chính tôi, rằng tôi đã ở trong sa mạc này sáu mươi năm và trong suốt thời gian đó chưa từng thấy ai đến với tôi, ngoại trừ các anh em đang sống cùng tôi ở đây."

Trong khi chúng tôi đang trò chuyện với nhau, ba vị tu sĩ khác, giống như vị thánh ấy, bước vào. Và ngay lập tức họ nói với tôi: "Xin chúc lành, anh em! Anh là anh Paphnutius, người đồng lao vì Chúa của chúng tôi. Anh đã an táng thi hài của Thánh Onuphrius. Hãy vui mừng đi, anh em, vì anh đã được ân sủng lớn lao của Chúa. Chúa đã báo cho chúng tôi biết về anh, rằng hôm nay anh sẽ đến với chúng tôi. Chúa đã truyền cho anh ở lại cùng chúng tôi một ngày. Chúng tôi đã ở trong sa mạc này được sáu mươi năm rồi, mỗi người sống riêng rẽ; nhưng từ ngày thứ Bảy đến ngày Chủ Nhật, chúng tôi lại tụ họp tại đây. Chúng tôi chưa từng thấy ai cả, chỉ đến bây giờ mới thấy một mình anh thôi."

Sau khi chúng tôi trò chuyện về Thánh Onuphrius và các thánh khác, hai giờ sau, các vị trưởng lão ấy nói với tôi: "Hãy lấy một ít bánh mì, anh em ơi, và ăn cho no, vì anh đã đến từ xa; chúng tôi phải cùng anh vui mừng."

Chúng tôi đứng dậy, cùng nhau dâng lên Chúa lời cầu nguyện và thấy trước mặt năm chiếc bánh trắng tinh, rất ngon, mềm mại, ấm áp, như thể vừa mới ra lò. Sau đó, các vị trưởng lão mang đến một ít trái cây của đất. Chúng tôi cùng ngồi xuống và bắt đầu thưởng thức những chiếc bánh mì. Các vị tu sĩ nói với tôi: "Như chúng tôi đã nói với anh, chúng tôi đã sống trong sa mạc này sáu mươi năm, và theo lệnh của Đức Chúa Trời, chúng tôi luôn chỉ nhận được bốn chiếc bánh mì; nhưng hôm nay, nhân dịp anh đến với chúng tôi, chiếc bánh mì thứ năm đã được gửi đến. Chúng tôi không biết những chiếc bánh này đến từ đâu, nhưng mỗi người trong chúng tôi, khi vào hang động của mình, hàng ngày đều tìm thấy một chiếc bánh trong đó. Còn khi chúng tôi tụ họp tại đây vào ngày trước ngày Chúa Nhật, thì chúng tôi tìm thấy ở đây bốn chiếc bánh, mỗi người một chiếc."

Sau khi dùng bữa, chúng tôi đứng dậy và tạ ơn Chúa.

Trong khi đó, ngày đã nghiêng về chiều; đêm sắp buông xuống; từ tối thứ Bảy, chúng tôi đã bắt đầu cầu nguyện và thức trắng cả đêm, cầu nguyện cho đến sáng Chủ Nhật.

Khi sáng sớm, tôi bắt đầu tha thiết xin các vị cha cho phép tôi được ở lại cùng các ngài cho đến khi tôi qua đời. Nhưng các ngài nói với tôi: "Đức Chúa Trời không muốn con ở lại sa mạc này cùng với chúng ta; con cần phải đi đến Ai Cập, để con có thể truyền đạt cho các anh em yêu mến Chúa Kitô về tất cả những gì con đã thấy, nhằm tưởng nhớ đến chúng ta và mang lại lợi ích cho những ai lắng nghe."

Khi họ nói vậy, tôi đã tha thiết xin họ tiết lộ tên của họ cho tôi. Nhưng họ không muốn nói cho tôi biết. Tôi đã nài nỉ họ rất lâu với tất cả sự khẩn thiết, nhưng không đạt được điều mình mong muốn: họ chỉ nói với tôi: "Chúa, Đấng biết tất cả, cũng biết cả tên của chúng tôi. Hãy nhớ đến chúng tôi, để chúng ta có thể gặp lại nhau trong các nơi ở trên trời của Đức Chúa Trời. Hãy cố gắng hết sức, hỡi người yêu dấu, để tránh những cám dỗ và sự quyến rũ của thế gian, đừng để bị chúng đánh bại; vì chúng đã lôi kéo nhiều người vào sự hủy diệt."

Sau khi nghe những lời ấy từ các vị cha thánh, tôi quỳ xuống dưới chân các ngài và, sau khi nhận được lời chúc phúc từ các ngài, tôi lên đường với sự bình an của Chúa. Các vị cha ấy đã tiên đoán cho tôi về một số sự kiện, và những sự kiện đó quả thực đã xảy ra.

Rời khỏi đó, tôi đi về phía sa mạc nội địa trong một ngày; khi đến một hang động nào đó, nơi có một suối nước sống, tôi ngồi nghỉ ngơi ở đó và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nơi ấy; vì nơi đó thật sự rất đẹp; xung quanh suối nước ấy mọc rất nhiều cây ăn quả, trĩu quả. Sau khi nghỉ ngơi một lát, tôi đứng dậy và đi dạo giữa những cây đó, ngạc nhiên trước số lượng trái cây dồi dào và tự hỏi trong lòng: "Ai đã trồng tất cả những thứ này ở đây nhỉ?" Ở đây có đủ loại trái cây từ các loại cây khác nhau, chẳng hạn như: quả chà là, quả chanh, táo to và đỏ, quả sung, quả

đào và cây nho[4303] , treo lủng lẳng những chùm to, ngoài ra còn có rất nhiều loại cây ăn quả khác mọc ở đây; quả của chúng ngon hơn cả mật ong; từ chúng toát ra một hương thơm ngào ngạt, còn dòng suối chảy qua đó tưới mát cho tất cả những vườn cây ấy. Nhìn thấy tất cả những điều này, tôi nghĩ rằng đây chính là thiên đàng của Đức Chúa Trời.

Trong khi tôi đang ngạc nhiên trước vẻ đẹp tuyệt vời của nơi đó, tôi thấy bốn chàng trai trẻ tuấn tú đang đi từ xa qua sa mạc về phía tôi: những chàng trai đó thắt lưng bằng da cừu. Khi đến gần tôi, họ nói: "Hãy vui mừng, anh em Paphnutius!"

Tôi quỳ sấp mặt xuống đất, cúi đầu chào họ.

Họ liền đỡ tôi dậy, ngồi bên cạnh tôi và bắt đầu trò chuyện. Khuôn mặt những chàng trai ấy rạng ngời ân sủng của Đức Chúa Trời; tôi cảm thấy như họ không phải là con người, mà là các Thiên thần từ trời xuống. Các chàng trai rất vui mừng khi tôi đến và, lấy những quả cây, mời tôi nếm thử; và lòng tôi tràn ngập niềm vui vì tình yêu thương của họ. Tôi ở lại với họ bảy ngày, ăn những quả từ những cây đó. Trong lúc đó, tôi hỏi họ: "Làm sao các anh đến được đây? Các anh từ đâu đến?"

Họ đáp lại: "Anh ơi! Vì chính Đức Chúa Trời đã sai anh đến với chúng tôi, nên chúng tôi sẽ kể cho anh nghe về cuộc đời của chúng tôi. Chúng tôi đến từ thành phố Oxyrhynchus[4304] ; cha mẹ chúng tôi từng là quan chức của thành phố đó; mong muốn cho chúng tôi được học chữ, họ đã gửi chúng tôi vào một trường học, nơi chúng tôi nhanh chóng học được những kiến thức cơ bản về chữ viết (đọc)." Khi chúng tôi bắt đầu tiến bộ trong việc học tập cao hơn, lúc đó tất cả chúng tôi đều có những niềm tin chung và nhất quán, vì Chúa đã ban ơn cho chúng tôi: chúng tôi quyết định nghiên cứu sự khôn ngoan tâm linh cao cả. Kể từ lúc đó, hàng ngày tụ họp lại với nhau, chúng tôi khích lệ lẫn nhau để tận tâm phụng sự Đức Chúa Trời; với ý định tốt lành trong lòng, chúng tôi mong muốn tìm một nơi vắng lặng, hẻo lánh nào đó và ở lại đó vài ngày để cầu nguyện, nhằm tìm hiểu ý định của Đức Chúa Trời đối với chúng tôi. Mỗi người trong chúng tôi mang theo một ít bánh mì và nước, vừa đủ dùng trong bảy ngày; sau đó, chúng tôi rời khỏi thành phố. Sau vài ngày đi bộ, chúng tôi đến sa mạc; khi bước vào sa mạc, chúng tôi kinh hoàng vì thấy trước mặt một người đàn ông rạng rỡ, toả sáng vinh quang thiên đàng; ông nắm tay chúng tôi và dẫn chúng tôi, như anh thấy, đến nơi này; sau đó, ông giao chúng tôi cho một người đàn ông đã cao tuổi, người đã phụng sự Chúa. Và thế là chúng tôi đã ở đây được sáu năm rồi. Chúng tôi đã tu hành cùng vị lão nhân ấy trong một năm, trong thời gian đó, ông đã dạy dỗ và hướng dẫn chúng tôi – cách phải phụng sự Chúa như thế nào. Sau một năm, cha chúng tôi đã về với Chúa, và từ đó đến nay, chúng tôi sống ở đây một mình. Này, anh em yêu dấu, chúng tôi đã kể cho anh nghe – chúng tôi là ai và đến từ đâu. Trong suốt sáu năm qua, chúng tôi không ăn bánh mì hay bất kỳ thức ăn nào khác ngoài trái cây từ những cây trong vườn này; mỗi người trong chúng tôi sống trong sự im lặng, tách biệt với những người khác. Khi ngày Sabát đến, chúng tôi đều tụ họp tại nơi này, gặp gỡ nhau và an ủi nhau về Chúa. Sau khi ở bên nhau hai ngày, thứ Bảy và Chủ Nhật, mỗi người lại trở về chỗ của mình."

Nghe họ kể hết những điều này, tôi, với lòng khiêm nhường, Paphnutius nói, đã hỏi họ: "Vậy thì vào ngày thứ Bảy và Chủ Nhật, các anh chị em rước Mình và Máu Thánh của Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, ở đâu?"

Họ trả lời tôi: "Chính vì thế mà chúng tôi tụ họp tại đây vào mỗi ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật, vì Thiên Thần thánh thiện, được Thiên Chúa sai đến, sẽ đến với chúng tôi và ban cho chúng tôi Bí tích Thánh Thể."

Còn tôi, khi nghe điều này, đã vô cùng vui mừng và mong muốn ở lại với họ cho đến ngày thứ Bảy, để được chiêm ngưỡng Thiên Thần Thánh và nhận Bí tích Thánh Thể từ tay Ngài. Tôi đã ở lại đó cho đến ngày thứ Bảy. Họ cũng ở lại cùng một nơi vì tôi, không ai về phòng riêng của mình. Chúng tôi đã dành những ngày đó để ngợi khen Thiên Chúa và cầu nguyện, ăn trái cây trong vườn và uống nước từ suối. Khi ngày Sabát đến, các tôi tớ của Chúa Kitô nói với tôi: "Hãy chuẩn bị đi, anh em yêu dấu, vì hôm nay Thiên Thần của Thiên Chúa sẽ đến và mang Thánh Thể Thần Thánh đến cho chúng ta. Ai được ân sủng rước Thánh Thể từ tay Ngài sẽ được tha thứ mọi tội lỗi và trở nên đáng sợ đối với ma quỷ, đến nỗi sự cám dỗ của Satan không thể đến gần người ấy được."

Trong khi họ nói với tôi điều đó, tôi ngửi thấy một mùi hương kỳ diệu, như thể từ một ngọn hương trầm mạnh mẽ, và tôi vô cùng ngạc nhiên, vì chưa bao giờ ngửi thấy mùi hương kỳ diệu như vậy. Tôi hỏi các chàng trai:

[4303] Cần lưu ý rằng Ai Cập, đặc biệt là ở những vùng nằm gần sông Nile, rất giàu có về hệ thực vật. Ở đó, các loài cây mọc rất phong phú: cây cọ chà là, cây keo, cây dâu tằm, cây bông, cây mía, cây chàm, v.v.

[4304] Thành phố Oxyrhynchus nằm ở thượng lưu vùng Phivaida. Nơi đây nổi tiếng với lòng đạo đức của cư dân; theo lời kể của nhà sử học Rufinus (sống vào thế kỷ IV), thành phố này có tới mười nghìn chàng trai còn trinh và hai mươi nghìn cô gái còn trinh. Ngày nay, đây là làng Benezech.

– Mùi hương tuyệt vời đến mức không thể diễn tả này phát ra từ đâu vậy?

Họ trả lời tôi:

– Thiên Thần của Chúa đang đến cùng các Bí tích thánh khiết của Đức Kitô.

Ngay lập tức, chúng tôi đứng dậy cầu nguyện, bắt đầu hát và ngợi khen Đức Kitô Vua, Thiên Chúa của chúng tôi. Bất ngờ, một ánh sáng từ trời chiếu rọi xuống; chúng tôi thấy Thiên Thần của Thiên Chúa đang từ trên cao ngự xuống, rực rỡ như tia chớp. Tôi quỳ sấp xuống đất vì sợ hãi. Còn những chàng trai trẻ kia thì đỡ tôi dậy và bảo tôi đừng sợ. Lúc đó, tôi thấy Thiên Thần của Đức Chúa Trời đang đứng trước mặt chúng tôi, dưới hình dáng của một chàng trai trẻ tuyệt đẹp; vẻ đẹp của ngài thật khó tả; ngài cầm trên tay chiếc chén thánh (potir) chứa các Món Quà Thần Thánh. Những tôi tớ của Đức Chúa Trời lần lượt tiến đến và rước lễ. Sau họ, tôi, kẻ tội lỗi và không xứng đáng, cũng tiến đến với sự run rẩy và kinh hoàng tột độ, nhưng đồng thời cũng tràn ngập niềm vui khôn tả, và được ân sủng rước lễ những Bí tích Thánh khiết của Đức Kitô từ tay Thiên Thần. Trong lúc rước lễ, tôi nghe thấy lời của Thiên Thần:

– Nguyện Thân Thể và Máu của Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, trở thành thức ăn bất hoại, niềm vui vô tận và sự sống đời đời cho các con.

Chúng tôi đáp lại:

– A-men.

Sau khi rước lễ thánh, chúng tôi đã nhận được lời chúc lành từ vị Thiên thần vinh hiển ấy. Rồi ngài bay lên trời ngay trước mắt chúng tôi, còn chúng tôi thì quỳ xuống đất, thờ lạy Thiên Chúa, tạ ơn Ngài vì ân sủng vĩ đại dành cho chúng tôi. Trái tim chúng tôi tràn ngập niềm vui lớn lao, đến nỗi tôi cảm thấy như mình không còn ở trên đất, mà đang ở trên trời; vì niềm vui lớn lao ấy, tôi như chìm đắm trong trạng thái hân hoan. Sau đó, những tôi tớ thánh thiện của Đức Chúa Trời mang rau củ đến và mời tôi, và khi ngồi xuống, chúng tôi đã nếm thử chúng.

Trong khi đó, ngày thứ Bảy đã kết thúc và đêm đã buông xuống; chúng tôi đã dành cả đêm đó để hát Thánh vịnh và ngợi khen Đức Chúa Trời mà không chợp mắt. Vào ngày Chủ Nhật, chúng tôi lại được hưởng ân sủng của Đức Chúa Trời giống như ngày thứ Bảy; vì Thiên Thần của Đức Chúa Trời đã đến với chúng tôi theo cùng một trật tự và dưới cùng một hình dạng, và sau khi ban Thánh Thể cho chúng tôi, Ngài đã làm tràn ngập lòng chúng tôi bằng niềm vui lớn lao. Còn tôi, lấy hết can đảm, đã bắt đầu xin Thiên Thần của Chúa cho phép tôi được ở lại đó cùng với các tôi tớ thánh thiện của Chúa cho đến khi kết thúc cuộc đời. Nhưng ngài nói với tôi: "Chúa không muốn ngươi sống ở đây; Ngài truyền cho ngươi phải lập tức đi đến Ai Cập và loan báo cho tất cả các anh em về những điều ngươi đã thấy và nghe trong sa mạc, để các anh em khác cũng nỗ lực sống đời thánh thiện và làm đẹp lòng Đức Kitô Thiên Chúa. Đặc biệt, hãy kể cho mọi người nghe chi tiết hơn về đời sống thánh thiện và cái chết hạnh phúc của Thánh Onuphrius, người mà ngươi đã chôn cất trong tảng đá. Hãy truyền lại cho các anh em tất cả những gì ngươi đã nghe từ chính miệng ngài. Ngươi thật hạnh phúc vì đã được chứng kiến những việc làm kỳ diệu và vĩ đại của Thiên Chúa, được thể hiện qua các thánh của Ngài. Hãy đặt niềm tin vào Chúa, để Ngài cũng sẽ đưa ngươi vào đời đời cùng với các thánh mà ngươi đã thấy và đã trò chuyện cùng. Hãy lên đường ngay bây giờ, và bình an của Đức Chúa Trời ở cùng ngươi."

Nói xong, Thiên Thần bay lên trời.

Còn tôi (Paphnutius kể lại), vì tràn ngập nỗi sợ hãi tột độ lẫn niềm vui trước những lời của Thiên Thần, đến nỗi không thể đứng vững và ngã xuống đất như người mất trí. Các tôi tớ thánh thiện của Chúa đã đỡ tôi dậy và an ủi; sau đó, họ dọn ra các loại rau củ, cùng dùng bữa với tôi và tạ ơn Chúa.

Cuối cùng, sau khi chào tạm biệt các thánh, tôi lên đường. Những chàng trai chân chính ấy đã cho tôi rau củ để mang theo và tiễn tôi đi được năm miliari. Tôi nài nỉ họ cho tôi biết tên của họ. Họ nói: người đầu tiên tên là Gioan, người thứ hai là Anrê, người thứ ba là Iraklamvon, người thứ tư là Theophilus; và họ dặn tôi hãy nói tên của họ cho các anh em để họ cầu nguyện cho họ. Tôi cũng xin họ cầu nguyện cho tôi trong những lời cầu nguyện của họ. Sau đó, chúng tôi lại trao nhau nụ hôn vì Chúa, rồi chia tay; họ trở về nơi ở của mình, còn tôi thì đi về hướng Ai Cập.

Khi lên đường vào sa mạc, tôi vừa buồn bã vừa hân hoan; tôi buồn vì phải xa rời sự hiện diện và những cuộc trò chuyện ngọt ngào với những vị thánh nhân vĩ đại của Chúa, những người mà cả thế gian này cũng không xứng đáng; nhưng tôi cũng vui mừng vì đã được nhận phước lành của họ, được chiêm ngưỡng Thiên Thần, cũng như được rước lễ từ tay các Thiên Thần.

Tôi đi suốt ba ngày; rồi đến một tu viện nhỏ; tại đó, tôi gặp hai vị tu sĩ đang tu hành trong sự ẩn dật. Tôi ở lại với họ mười ngày và kể cho họ nghe tất cả những gì tôi đã thấy và nghe được trong sa mạc . Họ lắng nghe tôi với lòng xúc động và niềm vui vô cùng; rồi họ nói: "Quả thật, thưa Cha Pafnuti, ngài đã được hưởng ân sủng lớn lao của Chúa, vì ngài đã được thấy những tôi tớ vĩ đại của Chúa như vậy."

Hai anh em ấy đã sống một cuộc đời đầy đức hạnh và yêu mến Thiên Chúa bằng cả trái tim; họ đã ghi chép lại tất cả những gì họ nghe được từ miệng tôi. Sau khi chào tạm biệt họ, tôi trở về tu viện của mình. Còn bản ghi chép về câu chuyện của tôi, họ đã gửi đến tất cả các vị thánh phụ và các tu sĩ đang sống trong các tu viện nhỏ; tất cả, khi đọc và lắng nghe, đều nhận được lợi ích tâm linh to lớn và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng bày tỏ những ân sủng vĩ đại của Ngài trên các tôi tớ của Ngài. Sau đó, họ đã treo bản ghi chép về những điều tôi đã nói trong nhà thờ, để tất cả những ai mong muốn đều có thể đọc nó, vì nó rất có giá trị răn dạy và hướng dẫn suy niệm về Thiên Chúa. Còn tôi, người tôi tớ hèn mọn Paphnutius, được ban ân sủng của Thiên Chúa (mà tôi hoàn toàn không xứng đáng), nên tôi loan báo cho mọi người, cả bằng lời nói lẫn bằng văn bản, những điều mà tôi đã được lệnh phải loan báo để tôn vinh Thiên Chúa, để tưởng nhớ các thánh của Ngài, và để mang lại lợi ích cho những ai đang tìm kiếm sự cứu rỗi cho linh hồn mình. Xin ân sủng và bình an của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, ở cùng tất cả anh chị em, nhờ lời cầu nguyện của các vị thánh và các vị cha thánh đáng kính đã làm đẹp lòng Ngài, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Được chiếu sáng bởi Thánh Thần, ngài đã từ bỏ những lời đồn đại trong cuộc đời, và đã đến với sa mạc, hỡi vị cha đáng kính, ngài đã làm vui lòng Đức Chúa Trời và Đấng Tạo Hóa trên hết mọi sự. Vì lý do này, Đức Kitô, Đấng ban ân sủng vĩ đại, tôn vinh ngài, hỡi vị thánh hạnh phúc.

Cuộc đời của vị Cha đáng kính của chúng ta, Thánh Phêrô Athos.

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 6

Thánh Phêrô là người gốc Hy Lạp, có chức vụ là chiến binh và hàm là tướng quân. Ngài đã trở thành tu sĩ nhờ một sự kiện như sau.

Một lần nọ, Phêrô cùng với các chiến binh khác được cử đến Syria[4305] để tham chiến[4306] . Quân đội Hy Lạp đã bị kẻ thù đánh bại; Phêrô bị bắt làm tù binh[4307] và cùng với nhiều tù binh khác bị đưa đến Ả Rập[4308] , đến thành phố Samara, nằm gần sông Euphrates[4309] . Tại đó, ngài bị giam trong ngục tối và bị xiềng xích bằng những chiếc cùm sắt nặng nề. Trong lúc ở trong ngục tối và suy ngẫm kỹ lưỡng về cuộc đời trước đây của mình, Phêrô nhớ lại rằng ông đã nhiều lần nghĩ đến việc từ bỏ thế gian và gia nhập đời tu. Lúc đó, ông nhận ra rằng Thiên Chúa đã trừng phạt ông bằng sự giam cầm nặng nề này vì ông đã không cố gắng thực hiện ý định tốt đẹp của mình. Hối hận vì sự lơ là của mình và tha thiết than khóc cho cuộc đời trước đây, Phêrô kiên nhẫn chịu đựng những đau khổ mà theo nhận thức của ông, ông hoàn toàn xứng đáng phải chịu.

Sau một thời gian dài bị giam cầm và không còn hy vọng được ai đó giải cứu, Phê-rô bắt đầu dâng lên những lời cầu nguyện tha thiết đến Đức Chúa Trời toàn năng, Đấng có thể, bằng những con đường mà loài người không thể hiểu thấu, giải thoát ông khỏi ngục tù, giống như Ngài đã từng giải cứu A-đam khỏi địa ngục (1 Phê-rô 3:18–19) và như Ngài đã giải thoát Thánh Phê-rô, vị Tông đồ bị Hê-rốt giam cầm (Công vụ 12:1–25). Cùng với đó, Phê-rô còn kêu cầu sự giúp đỡ và xin những lời cầu thay đầy quyền năng trước mặt Đức Chúa Trời từ vị thánh làm phép lạ vĩ đại là Thánh Ni-cô-la, Đấng nhanh chóng giúp đỡ những ai đang gặp hoạn nạn: Phê-rô từ lâu đã có, nhờ Đức Chúa Trời, đức tin và tình yêu lớn lao dành cho Thánh Ni-cô-la và thường xuyên cầu xin Ngài giúp đỡ. Phaolô

[4305] Syria – một vùng nằm trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải.
[4306] Với người Ả Rập.
[4307] Năm 667.
[4308] Ả Rập – bán đảo rộng lớn ở phía tây nam châu Á, được ngăn cách với lục địa châu Á bởi Vịnh Ba Tư và nối liền với đất liền bằng các đồng bằng của sa mạc Ả Rập Syria.
[4309] Con sông lớn nhất châu Á, hợp lưu với sông Tigris, tạo thành hệ thống thủy văn chính của châu lục này.

đã kèm theo lời hứa này trong lời cầu nguyện của mình: nếu ông được giải thoát khỏi xiềng xích, thì ông sẽ không bao giờ trở lại thế gian nữa, thậm chí không về nhà mình, mà sẽ lập tức lên đường đến nơi nào mà Thiên Chúa chỉ dẫn để thực hiện cuộc đời tu hành. Ông đã nghĩ rằng, chỉ cần Chúa giải thoát ông khỏi xiềng xích, ông sẽ lên đường đến Roma, để tại đó, trước mộ của Thánh Phêrô, vị Tông đồ tối cao, ông sẽ cắt tóc và thề từ bỏ thế gian. Trong khi cầu nguyện về điều này, Thánh Phêrô đã tự áp đặt cho mình việc ăn chay: ngài chỉ ăn mỗi hai hoặc ba ngày một lần, và mỗi lần chỉ một ít, và cuối cùng, ngài đã kiêng ăn hoàn toàn trong suốt một tuần. Khi tuần lễ đó sắp kết thúc, Thánh Nicholas, vị thánh của Chúa Kitô, đã hiện ra với Thánh Phêrô trong một giấc mơ và nói: "Ta đã nghe lời cầu nguyện của ngươi, đã đón nhận tiếng thở dài từ trái tim ngươi và đã cầu xin cho ngươi trước mặt Thiên Chúa nhân từ và yêu thương loài người. Nhưng vì chính ngươi đã không siêng năng tuân giữ các điều răn của Ngài, nên Ngài cũng không muốn sớm giải thoát ngươi khỏi xiềng xích, mà đang sắp xếp cho ngươi điều tốt nhất để được cứu rỗi. Tuy nhiên, ngươi hãy tin tưởng vào lời hứa của Chúa đầy lòng thương xót, Đấng đã khích lệ chúng ta trong Phúc Âm thánh bằng những lời: *'Hãy xin, thì sẽ được… Hãy gõ cửa, thì sẽ mở cho các ngươi'* (Lc 11,9), đừng ngừng dâng lời cầu nguyện và gõ cửa lòng nhân từ của Ngài, để Chúa, nhờ lòng thương xót của Ngài, giải thoát ngươi khỏi xiềng xích và mở cánh cửa ngục tù cho ngươi. Hãy kiên nhẫn trong lời cầu nguyện, chờ đợi ân sủng của Thiên Chúa".

Nói xong, Thánh Nicôla ra lệnh cho tù nhân Phêrô dùng bữa để bồi bổ cơ thể, rồi ngài biến mất. Thức dậy sau giấc ngủ và dùng bữa xong, Phêrô lại tiếp tục cầu nguyện một cách siêng năng hơn, cả ngày lẫn đêm, với niềm hy vọng tốt lành về sự giải thoát, không ngừng kêu cầu vị thánh bảo trợ của mình là Thánh Nicôla.

Sau một thời gian, Thánh Nicholas lại hiện ra với Thánh Peter trong giấc mơ, dưới hình dáng của một người đàn ông dường như đang buồn bã, và nói với anh bằng những lời nhẹ nhàng và hiền lành: "Anh em ơi, hãy tin chắc rằng tôi chưa bao giờ ngừng khẩn cầu lòng nhân từ của Thiên Chúa cho anh, nhưng tôi không biết vì những định mệnh và những sự an bài nào mà Chúa đang trì hoãn việc giải thoát anh. Tuy nhiên, đừng tuyệt vọng về lòng thương xót của Ngài: Đấng Chủ Tể nhân từ thường trì hoãn việc đáp ứng những lời cầu xin của chúng ta vì lợi ích của chính chúng ta, để không ai, khi sớm nhận được điều mình cầu xin, lại coi thường ân sủng của Ngài. Đồng thời, Chúa mong muốn những lời cầu nguyện cho anh và những người khác đã làm đẹp lòng Ngài. Ta sẽ chỉ cho con vị người cầu nguyện vĩ đại ấy; nếu con kêu cầu sự giúp đỡ của ngài, ngài sẽ là người cầu thay cho con, và ta tin rằng, nếu chúng ta cùng nhau cầu nguyện cho con, Đấng Yêu Thương Loài Người sẽ nghe thấy chúng ta."

– Vậy thì ai, thưa Đức Thánh Cha, – Phêrô hỏi Thánh Nicôlaô, – có thể khẩn cầu Thiên Chúa nhanh hơn ngài? – Nhờ lời cầu bầu của ngài mà cả thế giới được cứu rỗi: vì toàn thể dân Kitô giáo, khi nương tựa vào ngài, đều nhờ ngài mà thoát khỏi những nỗi khổ của mình.

– Này Phêrô, – Thánh Nicôla hỏi, – ngài có biết ông Simêon công chính, người được gọi là "Người đón nhận Chúa", vì ông đã bế Chúa Kitô, Đấng được dâng vào Đền Thờ, trên tay mình vào ngày thứ bốn mươi sau khi Ngài chào đời không?

– Con biết, thánh nhân của Chúa, – Phêrô đáp, – đó là vị thánh nhân được nhắc đến trong Phúc Âm thánh (Lc 2:25–36).

– Cả hai chúng ta, tôi và anh, sẽ cùng cầu khẩn ngài, – Thánh Nicôla tiếp lời, – và khi đó mọi việc còn dang dở sẽ kết thúc tốt đẹp: Thánh Simeon công chính có quyền năng và lòng can đảm lớn lao trước mặt Thiên Chúa, nơi ngài đứng gần ngai vàng của Ngài cùng với Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, và Thánh Gioan Tiền Hô.

Nói xong, Thánh Nicholas lui ra.

Còn Phêrô, sau khi thức dậy khỏi giấc ngủ, lại tiếp tục cầu nguyện sốt sắng và sám hối vô bờ bến, đồng thời kêu cầu sự giúp đỡ của Thánh Nicôla và Thánh Simêon, người đón nhận Chúa.

Khi Đức Chúa Trời toàn năng, được các vị thánh vĩ đại của Ngài khẩn cầu, đã muốn giải thoát người đang đau khổ khỏi xiềng xích, thì theo ý muốn thiêng liêng của Ngài, Thánh Nicholas, vị thánh của Chúa Kitô, đã hiện ra với Phêrô lần thứ ba, không phải trong giấc mơ như trước đây, mà là trong thực tế, và không phải một mình, mà cùng với Thánh Simeon, người đón Chúa.

"Hãy can đảm lên, anh em Phêrô," vị thánh nói, "và hãy gác nỗi buồn sang một bên, hãy kể về những lời thề nguyện của anh em cho Đấng Cầu Thay chung và người đồng cầu nguyện của tôi, và hãy dâng lên Ngài lời tạ ơn, nhân danh Đức Chúa Trời."

Petr, ngước mắt lên, thấy Thánh Simeon với dáng vẻ trang nghiêm, được bao quanh bởi ánh sáng rực rỡ, tay cầm cây gậy vàng và mặc bộ áo lễ của các tư tế trong Cựu Ước[4310] . Khi nhìn thấy vị lão nhân kỳ diệu này, Petr

kinh hãi. Thánh Simeon bèn nói với ông: "Chính ngươi là người đã khẩn thiết cầu xin anh em Nicola giải thoát ngươi khỏi xiềng xích sao?"

Pê-trô vì quá kinh hoàng nên gần như không thể mở miệng để trả lời Thánh Si-mê-ôn:

– Vâng, thưa người được Chúa yêu mến, – chính tôi là người đã nhờ ngài làm trung gian cầu xin Chúa cho tôi.

– Con có thực hiện lời thề của mình không, – Thánh Simeon nói với anh, – đó là trở thành một tu sĩ và sống một cuộc đời đạo đức.

– Vâng, thưa Đức Cha, – Phêrô đáp, – với sự giúp đỡ của Chúa, con sẽ thực hiện.

Thánh nhân nói:

– Nếu con hứa sẽ thực hiện điều này, thì con có thể tự do ra khỏi đây và đi bất cứ đâu con muốn: không có chướng ngại nào có thể giữ con lại ở đây.

Lúc đó, Phêrô chỉ cho vị thánh xem đôi chân mình bị xiềng xích bằng sắt; và ngay khi Thánh Simeon chạm vào xiềng xích bằng cây gậy vàng, sắt lập tức tan chảy, như sáp tan trong lửa. Sau đó, Phêrô đứng dậy, thấy nhà tù đã mở, liền bước ra và đi theo các thánh Simeon và Nicola. Khi họ đã ra khỏi thành, Phêrô, sau khi suy ngẫm về hoàn cảnh của mình, nói:

– Chẳng lẽ tất cả những gì tôi đang thấy chỉ là một giấc mơ sao?

Lúc đó, thánh Simeon quay sang ông và nói:

– Tại sao ngươi lại coi ân sủng của Đức Chúa Trời, vốn đang hiển hiện trước mắt ngươi, là giấc mơ? Chẳng phải ngươi đang nhìn thấy rõ ràng mình đang ở đâu và đang đi theo ai sao?

Nói xong, Thánh Simeon giao Phêrô cho Thánh Nicola, và Phêrô liền đi theo vị thánh. Khi trời sáng, Thánh Nicola hỏi Phêrô:

– Con có mang theo gì để ăn trên đường đi không?

– Không, thưa ngài, con không mang theo gì cả, – Phêrô đáp. Lúc đó, Thánh Nicôla ra lệnh cho anh vào khu vườn nằm gần đó và nói:

– Ở đó con sẽ gặp một người sẽ cho con trái cây. Hãy lấy bao nhiêu tùy thích để mang theo trên đường và đi theo ta.

Petrus quả thực đã gặp một người trong vườn rau, người này đã cho anh trái cây. Sau khi nhận lấy, Petrus lại tiếp tục đi theo Thánh Nicholas, và dưới sự dẫn dắt của ngài, không lâu sau anh đã đến được đất Hy Lạp. Lúc đó, Thánh Nicholas nói với Petrus: "Này, anh em, giờ anh đã về đến quê hương rồi, và có thời gian rảnh rỗi để thực hiện lời thề của mình. Hãy thực hiện lời thề đó sớm, để anh không phải trở lại nhà tù Samara một lần nữa."

Sau những lời đó, Thánh Nicholas, vị thánh của Chúa Kitô, bỗng biến mất. Phêrô, sau khi ngợi khen Thiên Chúa và các vị trung gian của mình – Thánh Nicholas và Thánh Simeon, đã quyết tâm thực hiện ngay ý định của mình. Anh không về nhà để gặp gỡ người thân, mà lên đường đến La Mã Cổ[4310] , để *"trả lại cho Đấng Tối Cao những lời hứa của mình"* (Châm Ngôn 7:14) và thực hiện tất cả những điều mà miệng anh đã thốt ra trong những ngày đau buồn. Thánh Nicholas, người được Chúa Kitô tôn vinh, đã nhận Phêrô dưới sự che chở của mình, không bao giờ rời xa anh, và cũng như trước đây, khi Phêrô đi từ Ả Rập đến Hy Lạp, dường như ngài đã đồng hành cùng anh, thì trong suốt chuyến hành trình từ Hy Lạp đến Ý, ngài cũng luôn ở bên anh một cách vô hình. Thánh nhân của Chúa luôn dõi theo ông, che chở ông như một người cha yêu thương con cái hay như một người thầy nhân từ, một người bảo vệ tỉnh táo và không rời bỏ.

Khi Phêrô sắp đến Rôma – Thánh Nicholas đã hiện ra trước mặt Đức Giáo hoàng vào ban đêm, trong một giấc mơ, nắm tay người đàn ông ấy và chỉ cho Đức Giáo hoàng thấy, rồi kể lại từng chi tiết cách ngài đã giải thoát ông khỏi ngục tối ở Samaria, đồng thời cũng nhắc đến việc người đàn ông này đã hứa sẽ xuất gia trước quan tài của Thánh Tông đồ Trưởng Phêrô. Thánh nhân đã nêu tên người đàn ông đó và ra lệnh cho Đức Giáo hoàng tiếp nhận ông ta và sớm thực hiện nguyện vọng của ông. Sau khi thức dậy và suy ngẫm về giấc mơ, Đức Giáo hoàng đã đến Nhà thờ Thánh Phêrô Tông đồ Trưởng để cử hành Thánh lễ, với mong muốn được nhìn thấy bằng mắt thường người đàn ông mà ngài đã thấy trong giấc mơ. Nhưng vì hôm đó là ngày Chủ nhật, nên trong nhà thờ có rất đông người tụ tập, vì vậy Đức Giáo hoàng không thể tìm thấy người mà ngài mong muốn giữa đám đông đông đúc đó. Lúc đó, sau một hồi tìm kiếm lâu dài, Đức Giáo hoàng đã lớn tiếng kêu lên:

[4310] Đó là tên gọi của thành Rome, nằm bên sông Tiber ở Ý, để phân biệt với "Rome Mới", tức là Constantinople.

– Phêrô, người đến từ xứ Hy Lạp, người mà Thánh Nicôla đã giải thoát khỏi ngục tối tại Samaria – hãy đến với ta.

Pê-trô lập tức bước ra khỏi đám đông, tiến đến gần Đức Giáo hoàng và quỳ xuống dưới chân ngài, nói:

– Con đây, tôi tớ của ngài, thưa Đức Thánh Cha.

Petr đã bày tỏ sự ngạc nhiên với Đức Giáo hoàng về việc ngài gọi tên anh, Petr, trong khi Đức Giáo hoàng không chỉ chưa bao giờ biết anh, mà còn chưa từng gặp anh, và chính Petr cũng chưa từng kể cho ai nghe về việc mình được giải thoát.

Nghe vậy, Đức Giáo hoàng nói:

– Đừng ngạc nhiên về điều này, Phêrô, – Thánh Nicholas vĩ đại đã kể cho ta nghe tất cả những gì liên quan đến con.

Sau đó, Đức Giáo hoàng đã đón nhận Phêrô với tình yêu thương và cạo đầu cho anh bên quan tài của vị Tông đồ, như Ngài đã hứa. Sau khi cạo đầu, Đức Giáo hoàng đã giữ Phêrô bên mình trong một thời gian khá lâu, dạy dỗ và hướng dẫn anh trên con đường cứu rỗi, rồi theo ý Chúa, Ngài cho anh rời khỏi Roma với những lời sau:

– Hãy đi đi, con yêu dấu, đến nơi mà Đức Chúa Trời muốn dẫn dắt con. Nguyện ân sủng của Ngài ở cùng con, hướng dẫn con trên con đường và bảo vệ con khỏi những mưu mô xảo quyệt của ma quỷ.

Thánh Phêrô, quỳ xuống dưới chân Đức Giáo hoàng, nói:

– Xin Đức Thánh Cha bình an – xin vĩnh biệt – Đức Cha đáng kính, xin Đức Thánh Cha, môn đệ của Chúa Kitô và đồng sự của vị thánh bảo trợ của con là Thánh Nicôla, hãy cầu nguyện cho con, kẻ tội lỗi này.

Sau khi nhận lời chúc lành từ Đức Giáo hoàng và chia tay toàn thể hàng giáo sĩ, Phêrô, với niềm tin vào sự che chở của Thiên Chúa, rời khỏi Rôma, mong muốn trở về đất Hy Lạp. Khi đến bờ biển, ngài thấy một con tàu đang khởi hành về phía đông, liền lên tàu và ra khơi. Gió thuận chiều và chuyến đi bắt đầu suôn sẻ.

Họ đã lênh đênh trên biển suốt một quãng đường dài mà không dừng lại, và chỉ khi thiếu bánh mì, các thủy thủ mới buộc phải cập bến gần một ngôi làng. Lúc đó, các thủy thủ đi vào một ngôi nhà trong làng để nướng bánh mì, và họ thấy chủ nhà cùng cả gia đình đều đang ốm. Tại đó, họ nướng bánh mì và khi nếm thử, họ bảo một người trong số họ: "Hãy lấy bánh mì còn ấm này mang lên tàu đưa cho người lái tàu và cha."

Nghe nhắc đến cha, chủ nhà liền hỏi các thủy thủ rằng vị cha nào đang đi cùng họ. Các thủy thủ trả lời rằng có tu sĩ Phêrô từ Rôma đang đi cùng họ.

"Tôi xin các ngài, thưa các vị," chủ nhà lúc đó nói với các thủy thủ, "hãy nài nỉ vị cha đó đến nhà tôi để cầu nguyện cho chúng tôi, những người đang ốm đau, và ban phước lành cho chúng tôi. Vì các ngài cũng thấy rằng chúng tôi đang gần như chết vì căn bệnh quái ác này."

Các thủy thủ liền đi báo tin này cho vị tu sĩ. Lúc đầu, vì lòng khiêm nhường và không muốn lộ diện, thánh Phêrô từ chối đến gặp người ấy; nhưng sau đó, trước những lời nài nỉ và được thúc đẩy bởi lòng nhân ái – vì ngài biết rằng cái chết thực sự đang cận kề người ấy – ngài đã đồng ý. Khi bước vào cửa nhà, ngài nói: "Bình an cho ngôi nhà này và những người sống trong đó" (xem Mt 10,12). Ngay khi nghe lời của Thánh Phêrô, chủ nhà lập tức được chữa lành khỏi căn bệnh hiểm nghèo và, cảm thấy khỏe mạnh, ông nhanh chóng đứng dậy khỏi giường bệnh, như vừa thức giấc, rồi quỳ xuống bên chân vị thánh với những giọt nước mắt biết ơn, hôn lên chân ngài. Tất cả những ai chứng kiến phép lạ chữa lành đều kinh ngạc và ngợi khen Thiên Chúa. Còn chủ nhà, người vừa được chữa lành, đã nắm tay vị thánh và cùng ngài đi qua từng giường nơi những người bệnh đang nằm. Vị thánh làm dấu thánh giá trên mỗi người bệnh, và họ đều được chữa lành khỏi bệnh tật. Sau đó, Thánh Phêrô vội vã trở lại con tàu, nơi tất cả những người có mặt đều cúi đầu kính lạy ngài như một vị thánh vĩ đại của Đức Chúa Trời. Người được chữa lành cùng với cả gia đình, mang theo bánh mì, rượu và dầu, đã đến con tàu để cảm ơn vị thánh vì sự chữa lành mà họ đã nhận được. Thánh nhân khen ngợi lòng thành của ông, nhưng bảo rằng đừng cảm ơn ngài, mà hãy cảm ơn Thiên Chúa; còn những lễ vật thì ngài không muốn nhận. Lúc đó, người đàn ông ấy quỳ xuống bên chân vị thánh nhân, nước mắt lưng tròng, nói: "Hỡi tôi tớ yêu dấu của Chúa Kitô, nếu ngài không nhận món lễ vật nhỏ bé này từ tay chúng tôi, thì sẽ không có niềm vui trong nhà chúng tôi."

Trong khi đó, các thủy thủ cũng nài nỉ vị thánh nhận những món quà. Và chỉ đến lúc đó, vị thánh mới miễn cưỡng đồng ý nhận chúng; sau khi ban phước lành, ngài cho người đàn ông và những người đi cùng ra về, còn những món quà mang đến thì trao lại cho các thủy thủ, bản thân ngài không nếm thử chút nào. Trong suốt hành trình tiếp theo, thức ăn của vị thánh là một miếng bánh mì, và vào buổi tối, thức uống là một chén nhỏ nước biển (đắng), mà Chúa đã biến thành nước ngọt cho ngài.

Một lần nọ, Thánh Phêrô chợp mắt và trong giấc mơ, ngài thấy Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, Đức Trinh Nữ Maria, rực rỡ hơn cả mặt trời bởi ánh sáng vinh quang thiên đàng, và bên cạnh Người là Thánh Nicôla, đang đứng trước Người với lòng kính sợ. Thánh Nicôla, chỉ tay về phía Phêrô, nói với Đức Mẹ: "Đức Mẹ! Ngài đã thương xót giải thoát tôi tớ của Ngài khỏi những xiềng xích nặng nề, chính Ngài hãy chỉ cho anh ta nơi mà anh ta sẽ kết thúc cuộc đời mình."

"Trên núi Athos[4311] ," Đức Mẹ đáp, "anh ta sẽ được an nghỉ. Nơi này là phần định mệnh của Ta, do Con Ta và Thiên Chúa ban cho Ta, để những ai từ bỏ những xao động trần thế và dấn thân vào những công việc thiêng liêng theo khả năng của mình, với đức tin và tình yêu khi kêu cầu danh Ta, sẽ sống qua cuộc đời tạm bợ này mà không buồn phiền, và nhờ những việc làm đẹp lòng Thiên Chúa, họ sẽ được hưởng sự sống đời đời. Ta rất yêu mến nơi ấy và mong muốn gia tăng số lượng các tu sĩ, những người sẽ không bao giờ bị ân sủng của Con Ta và Thiên Chúa rời bỏ, miễn là họ tuân giữ các điều răn cứu rỗi. Ta sẽ mở rộng các tu viện trên ngọn núi ấy về phía nam và phía bắc, và các tu sĩ sẽ sở hữu ngọn núi này từ biển này đến biển kia, và danh tiếng của họ sẽ lan tỏa khắp vũ trụ – Ta sẽ là nơi nương tựa cho những ai kiên nhẫn tu hành bằng việc ăn chay trên núi Athos."

Đức cha Phêrô đã được ban ơn chiêm ngưỡng thị kiến này. Khi thức dậy khỏi giấc ngủ, ngài đã dâng lời tạ ơn và ngợi khen lên Đức Kitô Thiên Chúa, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Thánh Phêrô, vị Thánh Tổ vĩ đại. Con tàu nhờ gió thuận nên lướt đi nhanh chóng. Nhưng ngay khi đến gần rìa núi Athos, con tàu bỗng đứng im, dù gió vẫn thổi căng buồm và nơi đó nước rất sâu. Lúc đó, các thủy thủ hoảng hốt hỏi nhau: "Điều này có nghĩa là gì?"

Thánh Phêrô, thấy sự bối rối của họ, bèn nói:

– Các con ơi, hãy cho cha biết nơi này tên là gì.

– Đó là núi Athos, – các thủy thủ trả lời.

– Ta nghĩ rằng, vì ta, – vị thánh nói với họ, – con thuyền mới đứng yên như vậy. Hãy đưa ta vào bờ và để ta lại đó. Nếu các con không làm điều đó, thì các con sẽ không thể rời khỏi đây được.

Các thủy thủ, không muốn chống lại ý muốn của Chúa, đã phải chia tay vị thánh cha trong nỗi buồn. Họ tiến gần vào bờ, đưa vị thánh ra khỏi thuyền và để ngài lại đó, vừa khóc vừa nức nở nói:

– Hôm nay chúng ta mất đi sự che chở và sự giúp đỡ vĩ đại.

– Thiên Chúa yêu thương loài người, – vị thánh an ủi họ, – Ngài hiện diện khắp nơi và thực hiện mọi sự, Ngài sẽ là Đấng Đồng Hành của các con và bảo vệ các con khỏi mọi điều ác.

Nói xong, vị thánh nhân gửi lời chào tạm biệt các thủy thủ nhân danh Chúa, làm dấu Thánh Giá để ban phước cho con thuyền, chúc phúc cho tất cả mọi người và tiễn họ lên đường trong bình an. Còn ngài thì lên đường đến những vùng núi đá hiểm trở, băng qua nhiều đầm lầy, vực thẳm và rừng rậm, cho đến khi tìm được một hang động rất tối tăm làm nơi cư ngụ, nơi có vô số loài bò sát và thậm chí cả ma quỷ. Không thể kể xiết những tai ương mà vị thánh đã phải chịu đựng từ ma quỷ và bao nhiêu thảm họa ngài đã trải qua ở đó. Ở đây, chúng ta chỉ nhắc lại một số trong số đó để làm gương.

Thánh Phêrô, sau khi định cư trong hang động nói trên, ngày đêm dành trọn cho việc cầu nguyện, hoàn toàn từ chối thức ăn trong suốt hai tuần. Ma quỷ không thể chịu đựng nổi sự kiên nhẫn trong việc ăn chay như vậy: hắn tập hợp toàn bộ quân đoàn của mình và trang bị cho chúng, như thể chuẩn bị ra trận, bằng cung tên, gươm và giáo, rồi xông vào hang động trong cơn thịnh nộ, kèm theo tiếng gầm rú khủng khiếp và dữ dội, với ý định đuổi vị thánh ra khỏi đó. Lúc đó, một số quỷ dữ giương cung, dọa nạt vị thánh bằng mũi tên, số khác dùng giáo; một số khác rút kiếm ra, định đâm xuyên qua sườn ngài, còn một số thì ném những tảng đá lớn với sức mạnh khủng khiếp đến nỗi mặt đất rung chuyển và hang động suýt sụp đổ. Vị thánh, không còn hy vọng sống sót, chỉ lặp đi lặp lại: "Tôi sẽ chết ở đây, nếu đó là ý muốn của Thiên Chúa tôi."

Rồi, ngài ngước mắt lên trời và giơ hai tay lên, thốt lên: "Đức Mẹ Rất Thánh, Đức Trinh Nữ Maria, xin giúp con, tôi tớ của Mẹ."

[4311] Núi Athos (Athos), trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "ngọn núi thánh" – là một bán đảo hẹp và đồi núi, nhô ra vào Quần đảo Aegean (Biển Aegean), được biết đến như trung tâm đời sống tu hành của Đông Hy Lạp. Đời sống tu hành ở đây đã xuất hiện từ thời cổ đại, mặc dù muộn hơn một chút so với ở Syria và Palestine. Đối với Giáo hội Nga, Athos từng có ý nghĩa rất lớn cho đến thế kỷ XVII. Tại đây, vị cha đẻ của đời tu Nga, Thánh Antony, đã nhận lễ xuất gia; từ đây, Thánh Theodosius đã lấy Hiến chương Studion cho tu viện của ngài (tu viện Pechersk), sau đó, theo lời nhà biên niên sử, hiến chương này cũng được truyền sang các tu viện khác; tại đây, trong các thư viện tu viện phong phú, các tu sĩ của chúng ta từng đến Athos (ví dụ như Thánh Nil Sorsky) đã nhận được nền giáo dục tôn giáo toàn diện nhất vào thời điểm đó.

Ngay khi lũ quỷ nghe thấy danh hiệu Đức Mẹ – điều đáng sợ và kinh hoàng đối với chúng, nhưng lại ngọt ngào và êm ái đối với chúng ta – chúng lập tức biến mất trong tiếng ồn ào, còn vị thánh, vừa kêu cầu danh Chúa Giêsu Kitô bằng giọng lớn – "Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin đừng bỏ rơi con" – như thể dùng roi hay súng cao su để xua đuổi lũ quỷ đang chạy trốn. Kể từ đó, những mưu mô của lũ quỷ tạm thời chấm dứt, và Thánh Phêrô, trong sự bình an, ngợi khen Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Trong những ngày đầu tiên sống trên núi, thức ăn của vị thánh là bánh mì, mà ngài đã mang theo từ con tàu với số lượng ít , và sau đó, khi bánh mì hết, ngài ăn các loại ngũ cốc hoang dã và trái cây từ những cây hoang mọc trên ngọn núi đó. Thánh Phêrô đã sống như vậy cho đến khi một Thiên thần mang manna từ trời xuống cho ngài, điều mà chúng ta sẽ kể sau. Bây giờ, chúng ta sẽ kể lại theo trình tự.

Sau năm mươi ngày kể từ cuộc xâm lược của kẻ thù nói trên, ma quỷ lại một lần nữa, cùng với đạo quân hùng hậu của mình, giống như lần đầu tiên, tấn công vị chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô, để làm điều đó, quỷ dữ đã ép buộc mọi loài thú và mọi loài bò sát đang ở trên ngọn núi ấy phải đến hang động nơi vị thánh đang ẩn cư; cùng với chúng, chính hắn và các đồng bọn của hắn cũng đến đó, sau khi biến hình thành các loài thú và bò sát khác nhau. Lúc đó, một cảnh tượng kinh hoàng và đáng sợ đã diễn ra: một số con thú bò lê dưới chân vị thánh, một số khác rít lên bằng giọng nói ghê rợn, còn một số thì há miệng rộng và lao về phía vị thánh, như thể muốn nuốt chửng ngài khi còn sống. Vị thánh, sau khi làm dấu thánh giá để tự bảo vệ và kêu cầu danh Chúa Kitô và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, đã tiêu diệt sức mạnh của chúng và xua đuổi chúng ra xa khỏi mình, đồng thời hân hoan ca ngợi Thiên Chúa, Đấng Cứu Chuộc của ngài.

Trong những cuộc chiến đấu liên miên với ma quỷ, vị thánh đã phải trải qua năm đầu tiên của cuộc đời ẩn tu. Sau đó, ma quỷ bắt đầu dùng những cách khác để cám dỗ vị thánh.

Nó đã hóa thân thành một trong những thiếu niên của Phêrô, người từng phục vụ ngài khi ngài còn là một tướng quân trong thế gian; dưới hình dạng thiếu niên đó, ma quỷ đến gần vị thánh và quỳ xuống trước ngài, muốn hôn vị thánh, trong lòng đầy sự ghê tởm. Rồi, vừa khóc vừa nói: "Chúng con đã nghe nói, thưa ngài, rằng ngài đã bị bắt trong chiến tranh, bị đưa đến Samara và bị giam trong một ngục tối khủng khiếp ở đó, và rằng nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Cha Nicola của chúng ta, Thiên Chúa đã giải thoát ngài khỏi ngục tối đó và đưa ngài đến đất Hy Lạp. Khi biết được điều này, tất cả chúng tôi – những người thân trong gia đình ngài – vừa khóc vừa than thở, đi khắp nơi tìm kiếm ngài và, đi qua nhiều thành phố và làng mạc, hỏi han về ngài. Không tìm thấy và cũng không biết ngài đang ở đâu, chúng tôi đã dâng lên Thánh Nicholas những lời cầu nguyện tha thiết cùng với nước mắt, xin ngài chỉ cho chúng tôi biết ngài – báu vật quý giá nhất của chúng tôi – đang ở đâu. Thánh Nicholas, Đấng luôn sẵn lòng giúp đỡ mọi người, đã không bỏ qua những lời cầu nguyện của chúng tôi, mà đã tiết lộ cho chúng tôi mọi điều liên quan đến ngài, và chúng tôi, những tôi tớ của ngài, đã vô cùng vui mừng. Còn tôi, đi trước mọi người, đã vội vã đến với ngài, chủ nhân của tôi, và ngài, hãy thức dậy và trở về nhà mình, để tất cả những ai mong muốn được nhìn thấy dung nhan ngài đều có thể thấy ngài, và ca ngợi Thiên Chúa, Đấng đã kỳ diệu giải thoát ngài khỏi xiềng xích và cảnh tù đày. Còn về việc sống trong im lặng, xin đừng buồn phiền, vì ở đó cũng có các tu viện và những nơi thuận tiện cho các ẩn sĩ sống trong im lặng, và ngài có thể định cư tại tu viện nào mà ngài mong muốn. Hơn nữa, chính ngươi hãy suy xét một cách công bằng: trong hai điều này, điều nào được Thiên Chúa yêu mến hơn – cuộc sống ẩn tu trong sa mạc, trong các khe núi, chỉ mang lại lợi ích cho chính người ẩn tu, hay cuộc sống của một người đàn ông thánh thiện và được Thiên Chúa soi dẫn, người dùng giáo lý của mình để dẫn dắt nhiều người trở về với Thiên Chúa và chỉ dẫn họ trên con đường cứu rỗi. Quả thật, điều thứ hai tốt hơn, như chính Đức Chúa Trời đã chứng thực trong Kinh Thánh: "Ngươi sẽ lấy điều quý giá từ điều vô giá trị, thì ngươi sẽ giống như miệng Ta" (xem Giê-rê-mi 15:19). Vì ngài biết rằng, trong thành phố của chúng ta, có nhiều người đang chìm đắm trong vực thẳm của những đam mê và đang cần một người có thể kêu gọi họ ăn năn. Thưa ngài, ngài sẽ được Đức Chúa Trời ban thưởng lớn lao hơn nếu ngài đến đây và dẫn dắt họ trở về với Đức Chúa Trời. Vậy mà ngài lại khinh thường chúng tôi, những tôi tớ của ngài, những người yêu mến ngài bằng cả trái tim, tại sao ngài lại xa lánh chúng tôi và ẩn náu trong sa mạc?"

Con quỷ đã nói những lời này và nhiều điều tương tự trong nước mắt, đến nỗi vị thánh hơi bối rối và, cũng rơi lệ, nói với nó: "Không phải con người, cũng không phải Thiên Thần, mà chính Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã dẫn con đến đây, và nếu không có lệnh từ Ngài và Mẹ để con rời khỏi đây, con sẽ không rời khỏi nơi này."

Còn con quỷ, vừa nghe đến danh Chúa và Đức Mẹ, liền biến mất ngay lập tức. Vị thánh ngạc nhiên trước những mưu mô của quỷ dữ, nhưng sau khi làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình và hướng tâm trí về Chúa, ngài vẫn giữ được sự bình an.

Sau bảy năm, kẻ thù xảo quyệt lại hóa thân thành một Thiên thần rực rỡ, tay cầm vũ khí trần, đứng gần hang động và kêu lên:

– Phêrô, tôi tớ của Chúa Kitô, hãy đến với ta, và ta sẽ báo cho ngươi một tin mừng.

– Ngươi là ai, – vị thánh đáp lại, – người muốn báo tin mừng cho ta?

– Ta là Tổng lãnh thiên thần của Chúa, – kẻ lừa dối xảo quyệt đáp lại, – được sai đến với ngươi. Hãy vững lòng, hãy can đảm, hãy vui mừng và hân hoan, vì Chúa đã chuẩn bị cho ngươi một ngai vàng vinh quang và một vương miện bất diệt. Bây giờ, hãy rời khỏi nơi này và đi ra thế gian, để mang lại lợi ích cho nhiều người. Vì suối nước gần ngài đã cạn khô theo lệnh của Đức Chúa Trời, để tất cả các loài thú từng đe dọa ngài đều chết khát.

Nói xong, kẻ thù xảo quyệt đã sai một con quỷ khác, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, ngăn chặn dòng chảy của con suối. Còn Thánh Phêrô, với lòng khiêm nhường và khôn ngoan, đã đáp lại những lời nịnh hót của ma quỷ như sau:

– Tôi là ai mà lại giống như một con chó hôi thối, đến nỗi Tổng chỉ huy của Chúa lại hiện ra trước mặt tôi?

– Đừng ngạc nhiên về điều này, hỡi tôi tớ của Chúa, – con quỷ đáp. – Lúc này, ngươi đã vượt qua Mô-sê, Ê-li, Đa-ni-ên và Giốp: ngươi vượt qua Mô-sê và Ê-li về sự khinh miệt, vượt qua Đa-ni-ên nhờ những loài bò sát và thú dữ mà ngươi đã bịt miệng chúng lại, vượt qua Giốp nhờ sự kiên nhẫn của ngươi; vì thế, ngươi sẽ được gọi là người vĩ đại trên trời. Hãy đứng dậy và nhìn xem – nước đã cạn khô rồi – hãy đi đến các tu viện nằm giữa thế gian; Ta sẽ ở cùng ngươi và qua ngươi, Ta sẽ cứu rỗi nhiều người, Đức Chúa Trời Toàn Năng phán.

– Ngươi hãy biết điều này – vị thánh đáp lại con quỷ – ta sẽ không rời khỏi đây cho đến khi Đấng Cứu Trợ của ta – Đức Mẹ Đồng Trinh và vị Đấng Bào Chữa ấm áp trong những hoạn nạn của ta – Thánh Nicholas – chỉ dẫn cho ta.

Kẻ ác, vừa nghe đến danh Đức Mẹ và Thánh Nicôla, liền biến mất ngay lập tức. Còn vị thánh, khi nhận ra mưu mô của ma quỷ, cũng như sự bất lực của nó, đã hướng về Thiên Chúa và thưa rằng: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con! Kẻ thù của con, như con sư tử gầm gừ, đang rình rập, tìm cách nuốt chửng con (xem 1 Phê-rô 5:8), nhưng Ngài đã che chở con, tôi tớ của Ngài, bằng bàn tay quyền năng của Ngài. Con tạ ơn Ngài, vì Ngài đã không bỏ rơi con; con cầu xin Ngài, Đấng Tối Cao Nhân Từ, xin đừng bỏ rơi con cho đến cùng."

Sau khi ngày đó trôi qua, vào ban đêm, trong một giấc mơ, vị thánh Phêrô đã được Đức Mẹ, Đấng Cứu Giúp Nhanh Chóng của các Kitô hữu, Đấng Mẹ Nhân Từ, Đức Trinh Nữ Maria cùng với Thánh Nicôla hiện ra và nói:

"Giờ đây, đừng sợ những mưu mô của ma quỷ, vì Chúa ở cùng con. Sáng mai, Thiên Thần của Chúa sẽ viếng thăm con và mang manna đến làm thức ăn cho con, vì Chúa đã truyền cho ngài mỗi bốn mươi ngày một lần, trong suốt cuộc đời con, phải mang manna đến để nuôi sống con."

Khi chỉ cho Thánh Phêrô xem manna, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã nói:

"Thức ăn này sẽ được mang đến mỗi bốn mươi ngày trong suốt cuộc đời con."

Nói xong, Đức Mẹ ban phép bình an cho Thánh Phêrô rồi rời khỏi đó. Còn Thánh Phêrô thì quỳ sấp xuống, hôn lên nơi mà chân Đức Mẹ và Thánh Nicôla từng đứng. Sáng hôm sau, Thiên Thần của Chúa hiện ra, đúng như Đức Mẹ đã báo trước, mang thức ăn từ trời xuống cho Thánh Phêrô, rồi trao cho ngài và rời đi. Lúc đó, Thánh Phêrô tạ ơn Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm, rồi nếm thử manna do chính tay các Thiên Thần mang đến, và nhờ đó được tiếp thêm sức mạnh đến nỗi ngài có thể sống suốt bốn mươi ngày mà không cần thức ăn. Sau đó, cứ sau mỗi bốn mươi ngày, Thiên Thần lại mang manna đến cho vị thánh, và Thánh Phêrô lại được nuôi dưỡng bằng nó trong bốn mươi ngày. Như vậy, vị thánh đã sống trong sự im lặng, ăn chay và cầu nguyện suốt 53 năm. Trong thời gian này, mọi mưu mô của ma quỷ – vốn thường xuyên quấy rối Thánh Phêrô vào những ngày đầu – đã chấm dứt: những ảo ảnh, những giấc mơ kỳ lạ, những nỗi sợ hãi đều đã bị xua đuổi nhờ ơn Chúa. Sống trên núi suốt bao nhiêu năm, vị thánh không nhìn thấy khuôn mặt con người, không có quần áo để che thân thể trần trụi và không có bất cứ thứ gì cần thiết cho bản tính con người; chỉ có bầu trời là mái che, còn mặt đất là giường ngủ của ngài. Vào mùa hè, ngài bị nắng gắt thiêu đốt; vào mùa đông, ngài run rẩy vì giá rét: ngài đã chịu đựng tất cả những điều đó vì tình yêu của Chúa và phần thưởng trong tương lai.

Khi Đức Chúa Trời muốn cho mọi người biết về tôi tớ của Ngài, thì theo sự an bài đặc biệt của Ngài, sự việc sau đây đã xảy ra. Một thợ săn, mang theo cung và túi tên, lên núi Athos để săn bắn. Sau khi đi qua những vùng đá cheo leo, những thung lũng sâu thẳm, xen kẽ với những ngọn đồi cao và dày đặc, anh ta đến nơi mà Thánh Phêrô đã sống một cuộc đời thánh thiện như thiên thần. Khi người thợ săn đến gần nơi này, anh ta thấy một con hươu lớn chạy ra từ rừng, đang vui đùa và chạy xa phía trước anh ta. Thấy con nai tuyệt đẹp, người thợ săn liền đuổi theo và truy đuổi nó, cố gắng bắn hạ nó suốt cả ngày, cho đến khi con nai, theo ý định của Đức Chúa Trời, chạy đến hang động của vị thánh, rồi đứng im tại đó. Người thợ săn, trong lúc theo dõi con hươu, bỗng thấy ở phía bên phải con vật ấy một người đàn ông trần truồng, râu rậm, tóc dài chạm đến thắt lưng, thân thể mọc đầy lông như loài thú. Thấy vị thánh nhân, người thợ săn hoảng sợ tột độ và vội vã chạy tháo thân. Lúc đó, Thánh Phêrô, thấy người thợ săn đang chạy thục mạng về phía sau, liền gọi to với anh ta, nói: "Anh ơi! Sao anh lại sợ hãi và chạy trốn khỏi tôi? Tôi cũng chỉ là một con người như anh thôi, chứ không phải là hồn ma quỷ dữ như anh đã nghĩ. Hãy quay lại và đến gần ta, ta sẽ kể cho anh nghe tất cả về bản thân ta, vì chính Chúa đã sai anh đến đây."

Người thợ săn, nghe thấy tiếng nói, liền dừng lại và run rẩy bước đến gần vị tu sĩ đã gọi mình. Vị thánh an ủi người thợ săn, ôm lấy anh ta và hôn lên má anh ta nhân danh Chúa, rồi ngồi xuống và bắt đầu trò chuyện với anh ta, kể chi tiết mọi điều về bản thân: về việc ngài, khi còn là một tướng quân, đã bị bắt trong chiến tranh, về thời gian bị giam giữ trong ngục tối Samara, về việc nhờ sự hiện ra của Thánh Nicholas và Thánh Simeon Người Chào Đón mà ngài đã thoát khỏi xiềng xích, về việc ngài đã đến Rome và trở về từ đó, về việc ngài định cư trên ngọn núi này, cũng như cách ngài đã chiến đấu, ăn uống ra sao và đã sống bao nhiêu năm trong sự ẩn dật; tóm lại, ông đã kể lại toàn bộ cuộc đời mình cho người thợ săn. Người thợ săn ngạc nhiên khi nghe câu chuyện của vị thánh, kinh ngạc và xúc động nói: "Giờ đây con đã hiểu rằng Chúa đã viếng thăm con nhờ ân sủng của Ngài: Ngài đã cho con được chiêm ngưỡng vị thánh ẩn dật của Ngài – chính là cha. Từ ngày hôm nay, con sẽ luôn ở bên cha, tôi tớ của Chúa."

"Đừng làm như vậy, con ơi," vị thánh nhân đáp lại. "Trước tiên, con hãy trở về nhà và thử thách bản thân: liệu con có thể thực hành những việc tu hành và sống ẩn dật không? Hãy tự thử thách mình như thế này: kiêng thịt, rượu, phô mai và bơ, và trên hết là kiêng vợ; hãy phân phát tài sản của con cho người nghèo, siêng năng cầu nguyện và ăn chay, tự thử thách mình với tâm hồn khiêm nhường. Hãy sống như vậy trong một năm, và sau khi hết năm đó, hãy đến gặp ta; điều gì Chúa muốn, con sẽ phải thực hiện."

Nói xong, vị thánh ban cho người thợ săn lời cầu nguyện và phước lành như một lời hứa. Sau đó, khi tiễn anh ta về với gia đình, ngài dặn dò: "Con ơi! Hãy đi bình an và đừng tiết lộ bí mật đã được truyền cho con cho ai cả: kho báu mà nhiều người biết đến có thể bị đánh cắp."

Người thợ săn cúi đầu chào vị thánh rồi ra về, ngợi khen và tạ ơn Chúa vì Ngài đã ban ân cho anh được gặp gỡ và trò chuyện với vị thánh nhân của Ngài. Về đến nhà, người thợ săn đã làm theo tất cả những gì vị thánh đã dặn dò.

Một năm trôi qua, người thợ săn cùng với hai tu sĩ và anh trai mình lên thuyền và dừng lại đối diện với nơi thánh Phêrô đang cư ngụ. Bước xuống thuyền, họ đi thẳng vào sa mạc phía trên. Trên đường đến nơi vị thánh sống, người thợ săn, được thúc đẩy bởi tình yêu nồng nhiệt, đã vượt lên trước mọi người và vội vã chạy đến hang động. Anh ta thấy vị thánh đang nằm chết trên mặt đất: hai tay ngài chắp lại thành hình thánh giá trên ngực, đôi mắt nhắm lại một cách trang nghiêm, và các bộ phận còn lại của cơ thể đều gọn gàng, tươm tất[4312] . Thấy cảnh đó, người thợ săn kinh hoàng và bắt đầu khóc nức nở bên thi thể vị thánh nhân. Khi những người bạn đồng hành của anh ta đến và thấy thi thể kỳ lạ như vậy cùng người bạn của họ đang khóc lóc bên cạnh, họ hỏi: "Người chết mà anh tìm thấy là ai, và tại sao anh lại khóc thương xót cho người ấy đến vậy?"

Lúc đó, người thợ săn, trong nước mắt và tiếng khóc nức nở, đã kể cho họ nghe chi tiết về cuộc đời của vị thánh nhân, những điều mà chính anh đã nghe từ miệng vị thánh nhân vào mùa hè năm ngoái. Câu chuyện về những việc làm kỳ diệu của vị thánh đã an nghỉ đã lay động trái tim những người nghe: họ khóc những giọt nước mắt đắng cay, tiếc nuối vì không được hân hạnh gặp vị tôi tớ vĩ đại của Chúa khi ngài còn sống và trò chuyện với ngài. Anh trai của người thợ săn, người bị quỷ ám, ngay khi chạm vào di cốt của vị thánh, lập tức được chữa lành. Con quỷ quật anh ta xuống đất và gào thét: "Ôi, Phêrô! Chẳng lẽ việc ngươi đuổi ta khỏi hang ổ của ta vẫn chưa đủ sao; giờ đây ngươi lại đuổi ta khỏi chính nơi ở hiện tại của ta nữa!"

[4312] Thánh Phêrô qua đời vào khoảng năm 734.

Với những lời ấy, ông như làn khói bốc lên từ miệng người đàn ông đang nằm bất động như đã chết. Một lúc sau, ông đứng dậy với thân thể và tâm hồn lành lặn, rồi nói với anh trai mình: "Cảm ơn anh, anh trai của em, vì anh đã đưa em đến đây vì lợi ích của chính em." Sau đó, người được chữa lành đã quỳ xuống trước di cốt của vị thánh, rồi với niềm vui và lòng biết ơn, anh ta hôn lên chúng. Sau đó, họ lấy di cốt thiêng liêng của vị thánh được Chúa yêu mến, mang chúng lên bờ, đặt lên thuyền của mình và chở đến một ngôi làng khá nổi tiếng, thuộc quyền cai trị của người Macedonia; khi nghe tin về nhiều phép lạ chữa lành phát xuất từ di cốt của vị thánh, giám mục thành phố cùng với các linh mục trong giáo phận đã đón nhận di cốt chữa lành của Thánh Phêrô, rước chúng một cách trang trọng về giáo phận của mình và, sau khi đặt chúng cùng với hương liệu vào một hòm thánh quý giá, đã an táng trong nhà thờ, sau ba ngày và ba đêm toàn dân cùng ca ngợi Thánh Ba Ngôi, Cha, Con và Thánh Thần – Thiên Chúa được muôn loài ca ngợi mãi mãi, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Đã từ bỏ cuộc sống chung với loài người, Ngài đã sống trong các hang đá và khe núi, nhờ ý muốn thiêng liêng và tình yêu của Chúa, hỡi Phêrô, Ngài đã nhận vương miện từ Chúa của Ngài: xin cầu nguyện không ngừng để chúng con được cứu rỗi.

Ngày 26 tháng 6

Ngày 13 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cũng vào ngày này, Thánh Andronikos của Moscow qua đời, năm 1395.

Ngày chịu tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Akilina

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 6

Tại thành phố Vivlos[4313] ở Palestine, nơi có cộng đồng Kitô hữu từ thời các Thánh Tông đồ, có một Kitô hữu tên là Eutolmius, người có cuộc hôn nhân hạnh phúc và được Chúa ban phước với sự ra đời của một cô bé tên là Akilina. Bốn tháng sau ngày bé gái chào đời, người mẹ đã đưa con đến gặp Giám mục Euphalios, ngài đã làm lễ rửa tội sơ sinh cho em bé bằng cách làm dấu thánh giá; sau đó hai tháng, ngài đã làm lễ rửa tội chính thức cho cô bé. Khi Akilina được hai tuổi, cô mất cha, người đã về với Nước Trời, và cô được mẹ chăm sóc; người mẹ nuôi dạy con gái mình, truyền dạy cho cô những nguyên tắc của một cuộc sống Kitô hữu đạo đức; đến bảy tuổi, cô bé đã hoàn toàn thấm nhuần những lời dạy ấy. Khi lớn lên, Akilina ngày càng được tràn đầy Thánh Thần, được trang điểm bằng ân sủng của Chúa Kitô, và cô thấm nhuần ân sủng ấy đến mức, ngay trong những năm tháng non nớt và chưa hoàn thiện của tuổi trẻ, cô đã dũng cảm chiến thắng, như thể đó là điều vô nghĩa, những sắc lệnh của các vị vua vô đạo buộc mọi người phải thờ lạy các thần tượng. Đây chính là điều chúng ta sẽ nói đến ngay bây giờ.

Khi Akilina, người không ngừng kêu cầu Thiên Chúa trong những lời cầu nguyện, tròn mười tuổi, đó là năm thứ bảy dưới triều đại của Diocletian[4314] ; vào thời điểm đó, quyền cai trị vùng Palestine được giao cho một

---

[4313] Vivlos, hay Byblos, là một thành phố thuộc vùng Phoenicia.

[4314] Trong triều đại của Diocletian (284–305), bốn sắc lệnh chống lại các Kitô hữu đã được ban hành. Sắc lệnh đầu tiên được công bố vào tháng 2 năm 303. Sắc lệnh này ra lệnh phá hủy các nhà thờ và đốt các sách thánh; đồng thời, các Kitô hữu bị tước đoạt quyền công dân, danh dự, sự bảo hộ của pháp luật và các chức vụ của họ; những nô lệ theo Kitô giáo sẽ mất quyền tự do nếu, sau khi được giải phóng vì bất kỳ lý do nào, họ vẫn tiếp tục theo đạo Kitô. Ngay sau đó, sắc lệnh thứ hai được ban hành, ra lệnh giam giữ tất cả các vị chủ chăn và các chức sắc tôn giáo khác vào ngục tối; do đó, sắc lệnh này chỉ áp dụng riêng cho các chức sắc tôn giáo; họ bị cáo buộc trước hoàng đế là những kẻ chủ mưu cuộc nổi dậy ở Syria và Armenia, vốn không may cho người Kitô giáo đã bùng phát ngay sau khi sắc lệnh đầu tiên được ban hành. Cũng trong năm 303, sắc lệnh thứ ba được ban hành: tất cả những người bị giam giữ theo sắc lệnh thứ hai đều bị ép buộc phải dâng lễ vật dưới sự đe dọa tra tấn nếu chống đối. Cuối cùng, vào năm 304, sắc lệnh thứ tư và cũng là cuối cùng được công bố, tuyên bố cuộc đàn áp Kitô hữu trên toàn cõi. Chính sắc lệnh này đã gây ra nhiều thương vong nhất cho các Kitô hữu: nó có hiệu lực suốt 8 năm, cho đến năm 311, khi Hoàng đế Galerius ban hành một sắc lệnh đặc biệt công nhận Kitô giáo là "tôn giáo được phép". Cuộc đàn áp dưới

người tên là Volusian, kẻ này thực ra là sản phẩm của ma quỷ hơn là của con người. Không công nhận Thiên Chúa chân thật, Đấng Tạo Hóa của vạn vật, Volusian với lòng thù hận vô độ đã bắt đầu bức hại những tín hữu đạo đức của Đấng Cứu Thế Kitô – và nhiều chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô, những người đã can đảm chịu đựng những đau khổ, đã được ban tặng những vương miện bất diệt.

Trong những ngày ấy, thiếu nữ thánh thiện Akilina, tràn đầy sự hiểu biết về Thiên Chúa, thường khuyên nhủ các bạn cùng lứa tuổi của mình như sau:

– Việc thờ phượng những thần tượng câm lặng và vô tri vô giác mang lại lợi ích gì cho các bạn? Các bạn chẳng biết rằng những ai thờ phượng chúng với lòng tin thì đang tự lừa dối mình bằng một niềm hy vọng hão huyền, tai hại và ma quỷ sao? Đó là những vị thần đã chết và vô lực, làm sao chúng có thể ban ân huệ được?

– Vậy thì con thờ phụng vị Thần nào? – các bạn cùng lứa hỏi Akilina.

Cô trả lời:

– Tôi thờ phượng và tôn kính Đấng Thượng Đế Duy Nhất xứng đáng được tôn thờ, Đấng đã tạo dựng trời, đất, biển cả và mọi sự vật trong đó. Ngài từ thuở ban đầu đã ban ân huệ cho tất cả những ai tin tưởng và trông cậy vào Ngài, và với tư cách là Đấng Toàn Năng, Ngài sẽ tuôn đổ ân huệ của Ngài xuống những ai kêu cầu Ngài cho đến tận cùng thế gian.

– Chúng tôi đã nghe nói, – những người đối thoại với Akilina phản bác, – rằng Đức Chúa Trời mà chị rao giảng đã chết trên thập tự giá, bị người Do Thái đóng đinh.

– Cái chết – vị thánh đáp lại – không có quyền lực trên Ngài: Ngài không chỉ tự mình sống lại, mà còn làm cho những người đã chết sống lại, chuộc tội cho họ bằng Máu thánh của Ngài. Thấy loài người đã lạc lối khỏi con đường chân chính, Ngài đã thương xót mà nhập thể, trở thành con người, để tiêu diệt sự cám dỗ của ma quỷ và ban cho chúng ta ân sủng cùng lẽ thật, rao giảng và dẫn dắt dòng dõi loài người đã sa ngã trở lại con đường cứu rỗi.

– Nhưng Đấng mà người ta nói là đã bị đóng đinh là ai vậy? – các bạn cùng lứa tuổi tiếp tục hỏi Akilina.

– Đấng Cứu Thế của muôn loài, Đấng đã yêu thương loài người, – cô trả lời. – Ngài đã tự nguyện chịu đựng những đau khổ để từ con người cũ, nhờ nước và Thánh Thần[4315] , tạo nên con người mới; Ngài đã chịu đóng đinh trên Thập tự giá, mong muốn không chỉ cứu rỗi những ai đang sống trên đất, mà còn giải thoát những linh hồn đang bị giam cầm trong địa ngục khỏi xiềng xích của cái chết; qua sự Phục sinh sau ba ngày, Ngài đã công bố như một chân lý bất di bất dịch rằng, vào lần tái lâm thứ hai của Ngài, sự sống lại từ cõi chết sẽ đến với tất cả mọi người.

– Nhưng nếu, – những người hỏi Akilina bối rối thắc mắc, – Đấng mà chị đang nói đến đã ban cho thế gian những ân huệ vĩ đại đến thế, thì tại sao người Do Thái, đồng bào của Ngài, lại không tôn kính Ngài như Thiên Chúa?

– Dân tộc này, – cô thiếu nữ thánh thiện giải thích, – luôn đi chệch khỏi con đường chính đạo; với tâm hồn ngang bướng trong sự hung hăng và bị che mờ bởi lòng thù hận, họ thường từ chối những gì chân thật và công chính; chính vì thế mà người Do Thái đã từ chối Đấng đã ban ân huệ cho họ, và đã nộp Ngài cho Phi-lát để bị kết án tử hình trên thập tự giá.

Một trong những nô lệ của quan tổng trấn, tên là Nicôđêm, đã nhiều lần nghe những cuộc trò chuyện như vậy giữa thánh nữ Aquilina và các bạn cùng lứa tuổi của cô; cuối cùng, anh ta đã báo cho chủ mình biết rằng trong thành phố có một thiếu nữ đang sống, người gọi những vị thần mà theo cô là tầm thường và không tuân theo các sắc lệnh của các vị vua về việc tôn kính các vị thần đó; hơn nữa, khi rao giảng về một vị Thần nào đó đã bị đóng đinh, cô ta khiến một số người xa lánh tôn giáo của tổ tiên. Nghe tin này, quan tổng trấn đã sai người đến bắt cô thiếu nữ. Thánh nữ tử đạo Akilina bị bắt để chịu khổ hình vào năm thứ hai dưới triều đại của Volusian tại vùng này và khi cô mới mười hai tuổi. Khi cô được dẫn đến tòa án bất chính, Volusian nhìn cô và hỏi:

– Chẳng phải chính ngươi đang chống lại các sắc lệnh của hoàng đế, xúi giục người khác không tôn kính các vị thần của chúng ta, mà lại thờ phượng Đấng bị đóng đinh sao? Chẳng lẽ ngươi không biết lệnh của các vị vua là phải tra tấn bằng mọi cách những ai xưng danh Chúa Giê-su, cho đến khi bị tử hình sao? Vậy hãy từ bỏ Đấng bị

---

thời Diocletian là cuộc đàn áp cuối cùng; trong cuộc đàn áp này, sau gần ba thế kỷ đấu tranh, Kitô giáo đã giành được chiến thắng cuối cùng trước các tôn giáo ngoại giáo.

[4315] Tức là bằng nước rửa tội, mang lại sự tái sinh cho cuộc sống mới và được ân sủng của Thánh Thần củng cố trong cuộc sống đó (xem Ga 3:5–6).

đóng đinh và dâng lên các vị thần bất tử những sự tôn kính và của lễ xứng đáng với họ, để chúng ta không phải ép buộc ngươi chịu tra tấn.

– Nếu ngài, ngài Amphipatus[4316] , – thánh Akilina đáp lại, – kết án tôi phải chịu những cực hình cay đắng, thì chính điều đó sẽ mang lại cho tôi vương miện bất diệt, mà tôi hy vọng sẽ nhận được từ Đấng Cứu Thế của tôi, vì tôi xưng danh Ngài, Đấng mà tôi sẽ không bao giờ từ bỏ, dù phải chịu những cực hình tàn khốc nhất. Vậy thì đừng chần chừ nữa, – hãy nghĩ ra cho tôi bất kỳ hình phạt nào ngài muốn, và ngài sẽ tự mình chứng kiến rằng tôi, được trang bị bằng đức tin, không hề sợ hãi những hình phạt của ngài.

Rồi Volusian bắt đầu dịu dàng khuyên nhủ cô thiếu nữ thánh thiện:

– Nhìn thấy tuổi trẻ và nhan sắc của con, ta thương xót con, bởi vì nếu ta giao con cho những cực hình, thân thể non nớt của con sẽ ngay lập tức tan nát; những kẻ tra tấn tàn nhẫn sau những cực hình dữ dội sẽ đẩy con vào cái chết đắng cay, và con sẽ mất mạng khi còn trẻ, trong khi Đức Chúa Trời Kitô giáo mà con tuyên xưng sẽ không thể cứu giúp con.

– Tôi không cầu xin sự thương xót của ngài, – thánh Akilina Volusianu phản bác, – ngài, tưởng rằng đang thể hiện lòng nhân từ với tôi, lại càng gây hại cho tôi hơn nữa khi cố gắng lôi kéo tôi xa rời Đức Chúa Trời chân chính. Tôi xin ngài, đừng thương xót, mà hãy đối xử với tôi bằng sự tàn nhẫn vô cùng, và khi đó, qua sự kiên nhẫn của tôi, ngài sẽ biết rằng những ai đặt niềm tin vào Đấng Kitô sẽ không bao giờ bị đánh bại.

Anfipat, sau khi nhận ra rằng không lời khuyên nhủ nào có thể khiến người tôi tớ của Chúa Kitô từ bỏ việc tuyên xưng Đức Giêsu, đã ra lệnh đánh vào mặt bà và nói:

– Đây là khởi đầu của những cực hình, – liệu điều này có ngọt ngào và dễ chịu với ngươi không?

– Kẻ tra tấn vô nhân đạo! – Akilina kêu lên – Vì ngươi dám đánh vào mặt một người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, thì hãy biết rằng Đấng mà ta mang hình ảnh của Ngài cũng sẽ không tha thứ cho ngươi điều này vào ngày phán xét của Ngài.

– Ta tin rằng, – vị thẩm phán nói, – các vị thần vĩ đại của chúng ta, những Đấng hiện đang nắm giữ sự cứu rỗi của cả thế giới trong tay, thì trong thế giới tương lai cũng sẽ nắm giữ sự cứu rỗi của tất cả mọi người.

Sau những lời đó, ông ra lệnh lột trần cô thiếu nữ, rồi ra lệnh cho hai chiến binh trói cô lại và đánh đập, đồng thời kèm theo những lời tra tấn như sau:

– Giờ thì Đức Chúa Trời của ngươi đâu rồi, Akilina, Đấng mà ngươi đã nói rằng Ngài sẽ không tha thứ cho ta trong ngày phán xét của Ngài? Hãy để Ngài đến đây và giải cứu ngươi khỏi tay ta.

Sau đó, Volusian ra lệnh cho những kẻ đánh cô dừng lại và nói với thánh Akilina:

– Hãy nghe ta, người mong muốn điều tốt lành cho ngươi: hãy từ bỏ sự điên rồ của ngươi và, nếu muốn thoát khỏi những cực hình này, hãy từ bỏ tà thuyết Kitô giáo: liệu có ai trong số những người đặt niềm tin vào Đấng mà chính Ngài cũng không tự cứu lấy mình khi bị đóng đinh, đã thoát khỏi tay ta một cách an toàn hay không? Trong số những người tôn kính Chúa Giêsu, các vị vua của chúng ta đã để ai được sống trên đất này?

– Chẳng lẽ ngươi nghĩ, hỡi tên đao phủ vô nhân đạo, – thánh Akilina đáp lại, – rằng ta cảm nhận được những cực hình đang giáng xuống mình sao? Hãy biết rằng Thiên Chúa của ta sẽ ban cho ta sức mạnh và lòng kiên nhẫn vượt trội hơn hẳn những mưu mô mà ngươi đang tìm cách giăng ra chống lại ta theo sự xúi giục của cha ngươi, quỷ dữ.

Volusian, bối rối trước sự dũng cảm của thiếu nữ thánh thiện, nói với nàng:

– Ta sẽ cho ngươi vài ngày để suy nghĩ, để ngươi, dựa trên lý trí sáng suốt, thờ lạy các vị thần và nhờ đó giữ được mạng sống, đồng thời nhận được phần thưởng xứng đáng từ các vị vua.

– Ngươi cho ta bao nhiêu ngày để suy nghĩ? – Thánh Akilina hỏi.

– Bấy nhiêu tùy ý ngươi, – Volusian đáp.

– Vậy thì con xin ngài, – vị nữ tử đạo nói, – đừng để con có dù chỉ một giờ để suy nghĩ về những điều như thế: từ khi còn nhỏ, con đã được dạy chỉ thờ phượng Đấng Duy Nhất, chạy đến với Đấng đang ngự trên trời, với ánh mắt nhân từ nhìn xuống những đứa con của Ngài trên trần gian.

Thấy tình yêu kiên định của thiếu nữ dành cho Đức Chúa Trời, Volusian tự nhủ: "Những lời khuyên răn và nỗ lực của ta đều vô ích!" Và trong cơn giận dữ, ông ra lệnh dùng những thanh sắt nung đỏ xuyên qua đầu thánh nữ qua hai tai. Khi những thanh sắt nung đỏ xuyên qua não của thiếu nữ, chất não cùng với máu chảy ra từ lỗ mũi

[4316] Tức là quan tổng trấn.

của cô. Nhưng ngay cả trong những đau khổ tột cùng ấy, vị nữ tử đạo vẫn cầu nguyện với Chúa: "Lạy Chúa của con, Đức Giêsu Kitô! Kể từ thuở ấu thơ, Ngài đã dẫn dắt con, soi sáng những suy nghĩ thầm kín trong lòng con bằng ánh sáng chân lý của Ngài, và củng cố con trong cuộc chiến chống lại ma quỷ bằng quyền năng hùng mạnh và bất khả chiến bại của Ngài, Ngài, Đấng đã mở ra cho các tín hữu những vực thẳm của sự khôn ngoan chân thật và vĩ đại, xin hãy đưa cuộc chiến đấu của con đến cùng và giữ cho ngọn đèn trinh khiết của con không bao giờ tắt, để con cùng với các trinh nữ khôn ngoan có thể bước vào cung điện tinh khiết của Ngài và tại đó được vinh dự dâng vinh quang lên Ngài, Đấng Hoàn Thành mọi khát vọng của con."

Sau lời cầu nguyện ấy, thánh Akilina vì những đau đớn không thể chịu đựng nổi đã ngã xuống đất như đã chết. Anfipat, nghĩ rằng nàng thực sự đã chết, ra lệnh ném xác nàng ra ngoài thành để cho chó ăn; ông ta không coi vị tử đạo này xứng đáng được chôn cất theo nghi thức thông thường, vì nàng đã vi phạm mệnh lệnh hoàng gia và phỉ báng các vị thần La Mã. Và suốt cả ngày, Thánh Akilina nằm bất động bên lề đường. Vào giờ nửa đêm, Thiên Thần của Chúa hiện ra trước mặt thiếu nữ phúc lành ấy, chạm vào nàng và nói: "Hãy đứng dậy và được bình an! Hãy đi và vạch trần Volusian, vì cả bản thân hắn lẫn ý định của hắn đều vô nghĩa trước mặt Thiên Chúa."

Ngay lập tức, Thánh Akilina đứng dậy mà không hề hấn gì và nói, ngợi khen Thiên Chúa: "Con tạ ơn Ngài, Đấng Tạo Hóa của cuộc đời con, Đấng ban lại sức khỏe cho con và giải thoát các tôi tớ của Ngài khỏi sự gian ác. Ngài, lạy Chúa, là Đấng Hằng Hữu, và không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ngài. Con khiêm nhường xin Ngài một điều: khi con hoàn tất cuộc hành trình chịu khổ này, xin Ngài ban cho con vương miện vinh quang của Ngài, và khi được hưởng trọn những lời hứa của Ngài, con sẽ ca ngợi Ngài giữa hàng ngũ các thánh, những người đã chịu khổ vì làm chứng cho danh Ngài."

Chúa từ trên cao đã đáp lại lời cầu nguyện của người tôi tớ khiêm nhường của Ngài: "Hãy đi, – điều con xin sẽ được thực hiện." Nghe vậy, cô thiếu nữ thánh thiện với niềm vui khôn tả đã đi vào thành phố. Khi cô đến cổng thành, cổng thành tự mở ra; được Thiên Thần của Chúa dẫn dắt, Thánh Akilina đã đến cung điện của Volusian và, bước vào bên trong một cách dễ dàng, đứng trước vị Amphipát đang ngủ. Vị này, khi tỉnh dậy, nhận ra người đang đứng trước mặt; trong cơn kinh hoàng, ông gọi các cận thần của mình[4317] và hỏi họ: "Người này là ai, đang đứng trước mắt ta?"

Các người gác đêm giơ đèn lên và nói: "Chắc chắn đó là Akilina, người mà sau khi chết vì những cực hình, ngài đã ra lệnh ném cho chó ăn."

Amphipatus càng kinh hoàng hơn khi nghe những người lính gác nói vậy, nhưng ông vẫn ra lệnh giam giữ thiếu nữ đó cho đến sáng.

Khi trời sáng, Volusian lại yêu cầu đưa thánh Akilina đến trước tòa án của mình. Ông bắt đầu bằng một câu hỏi dành cho cô gái trẻ:

– Có phải là ngươi không, Akilina?

– Chẳng lẽ ngươi, tên vô pháp, với đôi mắt tâm hồn đã bị cha ngươi là ma quỷ làm mù quáng, giờ đây lại không thể nhìn thấy bằng chính đôi mắt thể xác của mình sao? – cô thiếu nữ thánh thiện hỏi lại.

– Đúng vậy, tôi, người tôi tớ của Chúa đang đứng trước mặt ngài, chính là Akilina.

Trong sự bối rối tột độ, vừa dụi mắt, viên quan địa phương tự nhủ: "Làm sao những cực hình này có thể làm hại nàng được, nếu nàng vẫn chưa chết, dù não bộ đã chảy ra từ cái đầu đang bốc cháy của nàng?"

Sau khi suy nghĩ như vậy, ông đưa ra phán quyết sau đây về việc chém đầu thiếu nữ bằng gươm: "Akilina, người bảo vệ tà giáo vô thần của Kitô giáo, dù còn trẻ tuổi nhưng là một phù thủy vĩ đại, không tôn kính các vị thần bất tử và không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, chúng ta đã khuyên răn cô ta trong một thời gian dài và tận tâm, tuy nhiên, vẫn không thể khiến cô ta từ bỏ sự điên rồ, vì vậy, sau nhiều hình phạt tra tấn mà không hề làm lay chuyển nữ phù thủy này, chúng tôi quyết định xử tử cô ta ngoài thành bằng cách chém đầu".

Sau khi nhận án tử hình, thánh Akilina được dẫn đến nơi hành quyết; khi đến nơi, thiếu nữ thánh thiện đã xin được thời gian để cầu nguyện. Ngước mắt lên trời, vị tử đạo đã cầu nguyện bằng những lời sau:

"Lạy Chúa Toàn Năng và Thiên Chúa của con! Con tạ ơn Ngài, Đấng đã dẫn con đến chặng cuối của cuộc hành trình thánh thiện: con ngợi khen Ngài, Thiên Chúa của con và Đấng Tạo Hóa muôn loài, vì con đã hoàn thành chặng đường đau khổ của mình một cách không vô ích; con chúc tụng Ngài, Đấng Tạo Hóa của muôn loài, vì Ngài

[4317] Tức là những người phục vụ giường chiếu.

đã làm cho kẻ hành hạ phải hổ thẹn, và ban cho con vương miện bất diệt; xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an – để khi rời bỏ trần gian, con được hưởng phúc thiên đàng".

Đáp lại lời cầu nguyện của vị thánh nữ, một tiếng nói từ trời vang lên: "Hãy đến đây, trinh nữ được chọn, người đã chế ngự cơn thịnh nộ của kẻ hành hình và xóa bỏ nọc độc của ma quỷ bằng hành động anh hùng của mình, và hãy nhận lấy phần thưởng đã được chuẩn bị sẵn cho con."

Và ngay lập tức, ngay sau tiếng nói ấy, vị thánh tử đạo của Chúa Kitô đã chìm vào giấc ngủ vĩnh hằng, trước khi tên hành hình giơ gươm lên trên đầu nàng. Tên hành hình, dù đã chứng kiến điều đó, nhưng không dám vi phạm mệnh lệnh của quan tổng trấn, nên đã chém đứt đầu người đã qua đời, và từ vết thương, thay vì máu, sữa đã tuôn ra. Các Kitô hữu có mặt tại nơi hành hình đã thu thập thi hài của vị tử đạo như một báu vật vô giá: sau khi xức dầu thơm quý giá lên thi hài và quấn trong những tấm vải liệm mới, họ đã an táng thi hài một cách trang trọng trong lăng mộ, ngay tại thành phố Vivlos. Và nhiều phép lạ chữa lành đã tuôn tràn xuống những người đau ốm từ ngôi mộ của thánh nữ tử đạo Akilina, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh muôn đời cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Amen[4318] .

Kondak, giọng 2:

Bằng những đức hạnh của sự trinh khiết, ngài đã thanh tẩy linh hồn mình, và nhờ sự chịu khổ, ngài đã vươn lên chốn cao cả, hỡi Akilina, vị thánh đáng kính, người đã để cho tình yêu của Chú Rể ngài là Đức Kitô làm tan chảy trái tim, và hiện đang đứng trước Ngài cùng các Thiên Thần trong niềm hân hoan: xin đừng ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con cùng với các ngài.

Cuộc đời của Thánh Cha Trifillia, Giám mục Leukousia

Ngày kỷ niệm: 13 tháng 6

Sinh ra tại Constantinople, Thánh Trifillius đã theo học tại Berytus[4319] , còn Thánh Spiridon, Giám mục Trimythous, là người dạy dỗ ngài về đức tin. Thánh Trifilius đã được chính Chúa chọn trước và chỉ định làm giám mục: trước khi được phong chức với danh hiệu cao quý này, ngài đã hiện ra trong một thị kiến trước mặt hoàng đế Constantius với tư cách là một vị giám mục, điều này được ghi chép trong cuốn tiểu sử của Thánh Spiridon như sau.

Sau khi Hoàng đế Constantine Đại đế qua đời, quyền lực đối với Đế quốc La Mã-Hy Lạp được chuyển giao cho các con trai của ngài; sau khi chia quyền, người con cả tên là Constantius[4320] được giao quản lý miền Đông. Một lần nọ, ngài phải đến thăm Antioch[4321] , và tại đây, ngài bất ngờ mắc bệnh nặng đến mức các bác sĩ không thể

[4318] Thánh nữ tử đạo Akilina qua đời vào ngày 13 tháng 6 năm 283. Xác thánh của ngài hoặc một phần trong đó đã được chuyển đến Constantinopolis, và lễ kỷ niệm ngài được tổ chức long trọng tại nhà thờ mang tên ngài. Nhà thờ này vào năm 532, dưới triều đại của Justinian, đã bị cháy rụi, nhưng sau đó được xây dựng lại. Chúng ta có thể tìm thấy đề cập đến nhà thờ này trong phần mở đầu bằng thơ của thế kỷ XII.

[4319] Berytus trong thời cổ đại là một cảng của người Phoenicia, sau đó rơi vào tay người Ai Cập, rồi bị Antiochus III chiếm lại từ tay nhà Ptolemy; vào năm 140 trước Công nguyên, thành phố này bị người Syria Diotos Trifon phá hủy, nhưng dưới thời hoàng đế La Mã Augustus, thành phố đã được xây dựng lại. Hoàng đế Claudius đã làm cho thành phố trở nên vô cùng lộng lẫy, còn Hoàng đế Theodosius II đã nâng nó lên thành tổng giáo phận. Dưới thời các hoàng đế sau đó, Beryt nổi tiếng với các trường dạy hùng biện, chính trị và chủ yếu là luật pháp. Ngày nay, Beryt là Beirut, thành phố chính của vilayet (tổng đốc) Thổ Nhĩ Kỳ-Á châu thuộc Syria.

[4320] Constantius, con trai của Constantine Đại đế, sau khi cha qua đời đã được giao quyền cai quản phương Đông, châu Á và Ai Cập; vào năm 351, sau khi đánh bại Magnentius – kẻ đã sát hại anh trai mình là Constans – ông đã thống nhất toàn bộ Đế chế La Mã dưới quyền cai trị của mình. Ông phá hủy các đền thờ ngoại giáo hoặc trao chúng cho người Kitô giáo để chuyển đổi thành nhà thờ; ông đã nhiều lần ban hành luật cấm các nghi lễ ngoại giáo dưới hình phạt tử hình. Tuy nhiên, do sự đồng cảm với tà thuyết Arian, Constantius đã làm trầm trọng thêm các mâu thuẫn trong Giáo hội thời bấy giờ: ông đàn áp các giám mục Chính thống, phế truất họ khỏi chức vụ và thậm chí giam cầm họ; dưới triều đại của ông, những người theo tà thuyết Arian đã nắm giữ các vị trí cao nhất trong chính quyền. Constantius qua đời vào năm 361 trong cuộc chinh phạt chống lại người anh em họ của mình là Julian, người đã được quân đội ở Gaul tôn lên làm hoàng đế – chính ông đã bổ nhiệm Julian làm tổng tư lệnh tại đó. Gregory of Nazianzus cho biết rằng trước khi qua đời, Constantius đã ăn năn về việc đàn áp những người theo Chính thống giáo.

chữa khỏi. Lúc đó, sau khi đã từ bỏ hy vọng vào các bác sĩ, vị vua đang ốm đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời, Đấng chữa lành cả thân xác lẫn linh hồn: ông tha thiết xin Ngài ban sự chữa lành, và trong giấc mơ, ông thấy một Thiên thần chỉ cho ông cả một đoàn các thánh nhân, trong đó có hai vị nổi bật hơn hẳn so với những người khác, như thể là thủ lĩnh và người đứng đầu của họ: cùng lúc đó, Thiên thần nói với nhà vua rằng chỉ có họ mới có thể giải thoát ông khỏi căn bệnh này. Khi tỉnh dậy và suy ngẫm về giấc mơ, nhà vua không nhận ra những vị giám mục đã hiện ra với mình là ai: quả thực, làm sao ông có thể nhận ra những người mà ông không biết tên cũng như nơi sinh? Đặc biệt là khi xét đến việc một trong những người được chỉ cho ông với tư cách giám mục lúc đó vẫn chưa phải là giám mục và chỉ mới sắp trở thành giám mục mà thôi. Vua băn khoăn rất lâu và cuối cùng đã đi đến một quyết định tốt lành như sau: ông triệu tập các giám mục từ tất cả các thành phố lân cận đến, cố gắng tìm trong số họ hai người đã xuất hiện trong giấc mơ của mình nhưng không tìm thấy. Sau đó, vua triệu tập nhiều giám mục từ những vùng đất xa xôi hơn, nhưng vẫn không tìm thấy những người mà ông cần. Sau đó, ngài ban chiếu chỉ đến khắp các vùng đất trong đế quốc, ra lệnh cho các giám mục đang cư ngụ tại đó tập trung về gặp ngài. Lệnh này, hay đúng hơn là lời thỉnh cầu của nhà vua, cũng đã đến vùng đất Síp[4322] gửi đến Thánh Spiridon Trimythous, người đã được Thiên Chúa mặc khải về tất cả những gì đã xảy ra với nhà vua. Sau khi tập hợp, Thánh Spiridon lên đường đến gặp nhà vua, mang theo môn đệ của mình là Trifillius, người đã cùng ngài hiện ra trước mặt nhà vua trong một thị kiến – như đã đề cập – lúc đó Thánh Trifillius vẫn chưa phải là giám mục. Khi đến Antioch, các vị hành hương đã đến gặp nhà vua. Thánh Spiridon ăn mặc giản dị, tay cầm cây gậy làm từ cành cây chà là, trên đầu đội một chiếc mũ giám mục đơn sơ, gần như của người ăn xin; trên ngực ngài đeo một chiếc bình đất sét, trong đó, theo phong tục của người dân Giê-ru-sa-lem, ngài mang theo dầu thánh từ Thánh Giá. Vì vậy, khi ngài bước vào cung điện của nhà vua, một trong những người hầu trong cung, nhầm tưởng vị giám mục thánh là một người ăn xin bình thường, không chỉ chế giễu ngài, không cho phép ngài đi tiếp, mà thậm chí còn tát vào má ngài. Với lòng từ bi, Thánh Spiridon, tuân theo mệnh lệnh của Chúa, đã đưa má bên kia ra cho người vừa tát. Người này, khi nhận ra rằng trước mặt mình là một vị giám mục, đã nhận ra lỗi lầm của mình và khiêm nhường xin tha thứ, và đã được tha thứ. Vừa khi Thánh Spiridon bước vào gặp nhà vua, nhà vua đã nhận ra ngài, nhớ lại giấc mơ mà mình từng thấy: đứng dậy khỏi chỗ ngồi, nhà vua tiến lại gần và cúi đầu kính lễ vị tôi tớ của Chúa, rồi với nước mắt, xin vị giám mục cầu nguyện cùng Chúa để được chữa lành khỏi bệnh tật. Vị thánh được Chúa yêu mến đã chạm tay vào đầu nhà vua, và nhà vua lập tức được lành bệnh. Vui mừng vì sự chữa lành do Chúa ban tặng nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, nhà vua đã tỏ lòng kính trọng sâu sắc đối với vị thánh và dành cả ngày hôm đó để vui vẻ bên ngài, chiêu đãi vị bác sĩ tốt bụng của mình. Còn Thánh Trifilius thì vô cùng ngạc nhiên trước vinh quang hoàng gia – vẻ đẹp của các cung điện, dáng vẻ uy nghi của nhà vua đang ngự trị, với các quan đại thần đứng xung quanh, trang phục lộng lẫy của các thị thần và những điều khác nữa, cùng lối sống giàu có và phi thường trong cung đình. Thấy vậy, Thánh Spiridon nói với môn đệ của mình: "Sao anh lại ngạc nhiên thế, anh em? Chẳng lẽ sự kiêu ngạo và vinh quang hoàng gia lại khiến nhà vua trở nên công chính hơn những Kitô hữu khác sao? Chẳng lẽ nhà vua không chết giống như người ăn mày nghèo nhất và cũng được chôn cất như người ấy sao? Chẳng lẽ ngài không cùng với tất cả mọi người phải ra trước Đấng Phán Xét công minh và đáng sợ sao? Vậy tại sao anh lại coi cái tạm thời như cái vĩnh cửu và biến cái hèn mọn thành điều đáng ngạc nhiên, trong khi lẽ ra phải hướng tới cái vô hình và vĩnh cửu, và chỉ yêu mến duy nhất vinh quang thiên đàng bất diệt mà thôi."

Sau đó, một thời gian ngắn, Thánh Trifilius được bổ nhiệm làm giám mục thành phố Lefkosia trên đảo Síp, nhưng dù đã là giám mục, ngài vẫn không ngừng giữ liên lạc với cha và thầy của mình, Thánh Spiridon: vì lợi ích tâm linh của bản thân, Thánh Trifilius thường xuyên đến thăm ngài, như có thể thấy qua câu chuyện sau đây. Một lần nọ, Thánh Spiridon đang trên đường từ Trimifunt đến thành phố Kirinou, và Thánh Giám mục Trifillius cũng đi cùng ngài. Khi họ đi qua ngọn núi Pentidaktil và đến một nơi gọi là Parimna, – nơi này, với vẻ đẹp thiên nhiên, tràn ngập vườn cây và vườn nho – Thánh Trifilius, say mê trước thiên nhiên xung quanh, đã mong muốn được làm chủ một vườn nho nào đó ở Parimna; ngài đã suy ngẫm lâu trong lòng về cách thực hiện ước nguyện của mình. Điều này không thể che giấu được trước đôi mắt sáng suốt của Thánh Spiridon: thấu hiểu những suy nghĩ của môn

[4321] Antioch, thành phố cổ nhất của Syria, nằm bên sông Orontes giữa các dãy núi Lebanon và Taurus; được thành lập cách đây 300 năm trước Công nguyên.

[4322] Đảo Síp nằm ở cực đông bắc của Biển Địa Trung Hải, gần bờ biển của Phoenicia cổ đại. Đạo Kitô đã được Thánh Tông đồ Phaolô truyền bá tại đây trong chuyến truyền giáo đầu tiên của ngài.

đệ mình, ngài nói: "Tại sao, Trifillius, con lại không ngừng suy nghĩ về những điều phù du, mong muốn có được những cánh đồng và vườn nho, những thứ thực ra chẳng có giá trị gì và chỉ đánh lừa trái tim con người bằng giá trị ảo tưởng? Chúng ta có một gia tài bất khả xâm phạm trên trời – ngôi đền không do tay người tạo nên; hãy tìm kiếm nó, còn bây giờ hãy tận hưởng những ân huệ thiên đàng trong sự suy ngẫm về Thiên Chúa, những ân huệ ấy không chuyển từ người này sang người khác, mà mãi mãi thuộc về ai trở thành chủ nhân của chúng."

Những lời dạy như thế đã mang lại lợi ích to lớn cho tâm hồn Thánh Trifillia, đến nỗi sau này, trong suốt cuộc đời mình, ngài đã trở thành, giống như Thánh Phaolô, một khí cụ được Chúa Kitô chọn lựa, tràn đầy những ân sủng thiêng liêng vô số.

Các sử gia Hy Lạp, Nikiforos[4323] và Sozomen[4324] , còn ghi chép thêm điều sau đây về cả Thánh Trifillios lẫn Thánh Spiridon. Một lần nọ, vì nhu cầu của Giáo hội, tại Síp đã diễn ra một cuộc họp của tất cả các giám mục trên đảo: Thánh Spiridon và Thánh Trifillios – một người thông thái và am hiểu kinh sách, vì thuở trẻ ngài đã dành nhiều thời gian học tập tại Berytos – đều có mặt tại cuộc họp này; do đó, các vị cha trong công đồng đã thỉnh cầu Thánh Trifillios giảng dạy cho dân chúng trong nhà thờ. Trong lúc giảng đạo, ngài cần trích dẫn những lời của Chúa Kitô dành cho người bị liệt và được Thánh Tông đồ Mác-cô ghi lại: *"Hãy đứng dậy, vác giường của ngươi đi"* (Mc 2,11); tuy nhiên, Thánh Trifilius đã thay đổi câu nói nguyên văn trong Phúc Âm, gọi "odr" thành "giường": "Hãy đứng dậy và mang giường của ngươi đi". Thánh Spiridon, không thể chấp nhận việc thay đổi lời của Chúa Kitô, đã nói với Thánh Trifillius: "Chẳng lẽ ngươi giỏi hơn Đấng đã phán 'giường', đến nỗi ngươi lại xấu hổ trước lời của Ngài sao?"

Sau đó, ngài công khai rời khỏi nhà thờ trước mặt mọi người. Và không có gì đáng trách trong hành động này của Thánh Spiridon: là một người không biết chữ, ngài đã dùng lời quở trách của mình để làm Thánh Trifillius – người tự hào về tài hùng biện của mình – phải xấu hổ, đồng thời dạy cho ngài sự khiêm nhường và hiền lành.

Thánh Trifillius đã làm đẹp lòng Thiên Chúa bằng cuộc đời mình, như những bài thánh ca phụng vụ do Giáo Hội sáng tác để tôn vinh ngài đã chứng minh: trong đó khẳng định rằng Thánh Trifillius có tâm hồn nhân từ, ý nghĩ trong sáng, trái tim không ác ý và đức tin chân chính, tình yêu chân thành, những công đức trinh khiết nổi bật, những giọt nước mắt đầy ân sủng và sám hối, cùng sự kiêng khem khiến cả các thực thể vô hình cũng phải kinh ngạc – rằng khi đi khắp các vùng lân cận, ngài đã dùng giáo lý của Chúa Kitô, như những tia nắng mặt trời, soi sáng những tâm hồn bị tội lỗi che phủ.

Sau khi chăn dắt đoàn chiên của mình trong tình yêu và sự chân thật, ngài đã ra đi khỏi cõi đời này, để ở trên trời, trong đoàn thể các vị thánh, đứng trước mặt Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta; vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen[4325] .

Bài ca Kondak, giọng 8:

Bằng lối sống chính trực, ngài đã giữ gìn sự trong sạch của đời sống trinh khiết, hỡi Trifillia; ngài đã hiện ra tại Leukousia với tư cách là vị chủ chăn đầu tiên, và trở thành người rao giảng Tin Mừng cũng như người hướng dẫn về sự hiểu biết về Thiên Chúa cho họ. Vì lý do đó, chúng con hân hoan kêu lên cùng ngài: Hỡi niềm vinh quang của các vị thánh, xin vui mừng!

[4323] Nikiforos Kallistos, một tu sĩ của Tu viện Hagia Sophia, qua đời vào khoảng năm 1350.

[4324] Sozomen, nhà sử học Giáo hội thế kỷ V.

[4325] Khi còn là giám mục của Leukousia, Thánh Trifilius đã dùng tiền của mẹ mình để xây dựng một tu viện; ngài qua đời ở tuổi già vào khoảng năm 370. Trong Biên bản của Công đồng địa phương Sardica (năm 347) có chữ ký của ngài. Thánh Giê-rô-ni-mô, vị cha của Giáo hội phương Tây (qua đời năm 420), đã nói về Thánh Trifilius như sau: "Trifilius, Giám mục đảo Síp, là người hùng biện nhất trong thế hệ của ngài và nổi tiếng nhất dưới triều vua Constantius. Tôi đã đọc những lời giải thích của ngài về 'Bài ca các bài ca'; người ta nói rằng ngài còn soạn thảo nhiều tác phẩm khác nữa, nhưng những tác phẩm đó đã không còn lưu truyền đến ngày nay." Thánh Trifilius đã miêu tả cuộc đời của vị thầy mình, Thánh Spiridon của Trimythous. Vào đầu thế kỷ 12, thi hài của Thánh Trifilius đã được vị tu viện trưởng người Nga của chúng ta là Daniel nhìn thấy trên đảo Síp, khi ngài đang hành hương đến các thánh địa.

Ngày 27 tháng 6

Ngày 14 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và các phép lạ của Thánh Tiên tri Ê-li-sê

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 6

Thánh Tiên tri Ê-li-sê là con trai của Sa-phát, thuộc chi phái Ru-bên[4326] . Ngài sinh ra tại thành A-vel-Me-hô-lê[4327] (3 Vua 19:16) và là một vị thánh làm phép lạ vĩ đại. Ngay từ khi sinh ra, ngài đã được bao quanh bởi những hiện tượng kỳ diệu: tại thành Silô, cách xa Giê-ru-sa-lem, có một con bò cái bằng vàng, mà những người Y-sơ-ra-ên đã sa ngã vào việc thờ lạy thần tượng đã thờ phượng nó như Thượng Đế và dâng lễ vật. Ngay vào giờ Ê-li-sê chào đời, con bò cái vô hồn ấy đã rống lên thật to, đến nỗi tiếng rống của nó vang vọng tận Giê-ru-sa-lem. Khi mọi người đều kinh ngạc trước điều này, một vị thầy tế lễ, được Thánh Linh đầy dẫy, đã nói: "Vị tiên tri vĩ đại của Đức Chúa Trời đã ra đời hôm nay, và ngài sẽ phá hủy các tượng thần và đè bẹp những kẻ mạnh!"

Khi Ê-li-sê đã trưởng thành, sống cuộc đời trong sự trong sạch trinh khiết để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời đã kêu gọi ông vào chức vụ tiên tri. Sự kêu gọi này diễn ra như sau. Một lần nọ, Ê-li-sê đang cày ruộng bằng mười hai đôi bò. Tiên tri thánh Ê-li, lúc đó đang ở trên núi Hô-ri-vê[4328] để trò chuyện với Đức Chúa Trời, đã nhận được lệnh từ Đức Chúa Trời là phải xức dầu cho Ê-li-sê thay thế mình làm tiên tri. Và khi Ê-li-sê đang ở ngoài đồng, vị tiên tri thánh Ê-li đã đến gần ông, đặt áo choàng của mình lên vai ông[4329] , rồi truyền lại ý muốn của Chúa cho ông, phong ông làm tiên tri và ra lệnh cho ông đi theo mình. Ê-li-sê lập tức bỏ lại mọi việc và sẵn sàng hết lòng đi theo vị tiên tri thánh của Đức Chúa Trời là Ê-li; ông chỉ xin phép được về nhà một thời gian ngắn để từ biệt cha mẹ. Về đến nhà, ông lấy đôi bò mà chính ông dùng để cày ruộng, giết chúng, rồi chặt cái cày ra làm củi, chất lên lửa, nướng thịt trên đó và đãi những người tình cờ ghé qua cùng hàng xóm; sau đó, sau khi hôn cha và mẹ, Ê-li-sê lập tức theo Ê-li và phục vụ ngài, học hỏi từ ngài về những mầu nhiệm của Đức Chúa Trời; nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, ông đã trở thành một nhà tiên tri, không kém gì thầy và người hướng dẫn của mình – thánh Ê-li. Khi Đức Chúa Trời muốn rước tôi tớ của Ngài là Ê-li lên trời trong cơn lốc trên cỗ xe lửa (2 Vua 2:1–15) và đưa ông vào thiên đàng, thì Ê-li đã hỏi Ê-li-sê rằng anh muốn nhận ân tứ nào từ Đức Chúa Trời, để ông, Ê-li, sẽ cầu thay cho anh bằng lời cầu nguyện của mình.

"Hãy xin," ông nói, "ngươi muốn Ta làm gì cho ngươi trước khi Ta được rước khỏi ngươi."

Ê-li-sê không xin bất cứ điều gì thuộc về trần gian hay tạm thời, vì đối với ông, người đã từ bỏ mọi sự vì Đức Chúa Trời và nghèo khó về tinh thần, coi mọi sự như hư không, thì không cần gì trên đất cả; ông không xin Ê-li sức khỏe cho thân thể, cũng không xin được sống lâu, vì, trong sự trông đợi cơ nghiệp sự sống đời đời, ông không mong muốn ở lại lâu dài trong cuộc sống tạm bợ này, nhưng đã xin cho mình ân sủng của Thánh Thần, dồi dào hơn so với ân sủng ngự trên vị tiên tri thánh Ê-li.

"Xin cho," ông nói, "ơn tiên tri và ơn làm phép lạ mà ngài có, hãy ban cho tôi gấp đôi! Để tôi có thể dùng lời tiên tri dạy dỗ những người lầm lạc, những kẻ đã sa ngã vào việc thờ phượng Ba-anh, củng cố những lời dạy của mình bằng các phép lạ, và qua đó dẫn dắt họ trở lại với Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật."

Ê-li đồng ý với điều Ê-li-sê xin, nhưng với một điều kiện, ông nói với anh ta: "Nếu ngươi thấy ta được cất lên khỏi ngươi, thì điều đó sẽ xảy ra với ngươi." Và khi họ tiếp tục đi đường và trò chuyện, bỗng xuất hiện một cỗ xe lửa và những con ngựa lửa, chúng tách hai người ra khỏi nhau, và Ê-li được cuốn lên trời trong cơn lốc. Ê-li-sê nhìn theo và kêu lên: "Cha ơi, cha ơi! Cỗ xe của Y-sơ-ra-ên và kỵ binh của nó!"[4330]

[4326] Còn theo một số truyền thuyết khác, ngài xuất thân từ chi phái Ma-na-si.

[4327] Thành phố Avel-Mechola nằm không xa sông Jordan.

[4328] Hô-rít – một ngọn núi trong sa mạc Ả Rập, là phần cao nguyên phía tây của cùng một dãy núi, phần phía đông của dãy núi này là núi Si-nai.

[4329] Milot – áo khoác ngoài, áo choàng.

[4330] Các vua của các dân tộc khác trong chiến tranh thường sử dụng ngựa và xe ngựa. Vì vậy, Ê-li-sê đã gọi Ê-li vĩ đại là "chiếc xe ngựa của Y-sơ-ra-ên" và "kỵ sĩ", bởi vì chỉ riêng ông đã đủ để đánh bại kẻ thù và mang lại chiến thắng cho đồng bào (Thánh Theôđôros, câu hỏi 8).

Cuối cùng, khi Ê-li-sê không còn nhìn thấy cỗ xe lửa nữa, đã biến mất xa khỏi tầm mắt ông cùng với Ê-li trên cao, ông bắt đầu khóc than cho ông ấy như khóc cho cha mình, xé áo mình làm đôi. Nhưng rồi ông thấy chiếc áo choàng do Ê-li thả xuống từ trên cao, chiếc áo đã che phủ ông, và ông nhận lấy nó như một dấu hiệu của Thánh Linh đặc biệt mà Ê-li đã ban cho, và nhờ đó ông được an ủi trong nỗi buồn vì sự ra đi của ông ấy. Ông cất giữ tấm áo đó như một kho báu vĩ đại, hay như tấm áo choàng hoàng gia quý giá – và bằng tấm áo đó, ông đã thực hiện một phép lạ giống hệt như Ê-li trước đây. Khi muốn băng qua sông Giô-đanh, ông dùng tấm áo đó vỗ xuống mặt nước – nước liền tách ra, và Ê-li-sê đã đi qua trên đất khô. Các môn đệ tiên tri đang sống tại Giê-ri-cô, khi chứng kiến phép lạ này, đã tin chắc rằng Thần Khí của Ê-li đã ngự trên Ê-li-sê; họ liền đến trước mặt ngài và thờ lạy ngài.

Thánh Ê-li-sê đến Giê-ri-cô và ở lại đó một thời gian. Dân thành đến gặp ngài và nói: "Vị trí thành phố chúng tôi rất tốt, như chính ngài cũng thấy; nhưng nước thì không tốt, và vì thế đất đai cũng trở nên cằn cỗi!"

Ê-li-sê yêu cầu họ mang đến cho ngài một cái bình nước mới và đổ muối vào đó. Khi họ làm theo, ngài cầm lấy cái bình nước và đi đến nơi có các mạch nước, rồi đổ muối xuống đó và nói:

– Đức Giê-hô-va phán như vầy: 'Ta đã làm cho nước này trở nên lành mạnh: từ nay trở đi, nó sẽ không còn là nguyên nhân gây chết chóc và đất đai cằn cỗi nữa.'

Sau đó, từ Giê-ri-cô, Ê-li-sê lên đường đến thành Bê-tên, nơi dân cư là người Y-sơ-ra-ên, những người đã xa lìa Đức Chúa Trời và thờ lạy các thần tượng. Khi ông đến gần thành, những đứa trẻ nhỏ đang chơi đùa trên đường, gặp ông và thấy cái đầu hói của ông, liền bắt đầu chế nhạo và la lên: "Biến đi, ông hói! Biến đi, ông hói!"

Ê-li-sê đi ngang qua, ngoái lại nhìn và thấy chúng đang bám theo mình, vẫn tiếp tục chế nhạo và la hét, nên đã nguyền rủa chúng nhân danh Đức Chúa Trời. Và thế là hai con gấu cái lao ra từ rừng và xé xác bốn mươi hai cậu bé trong số đó, những đứa còn lại may mắn thoát thân chạy vào thành phố. Bằng hình phạt này, vị tiên tri của Đức Chúa Trời, theo sự phán xét công chính, đã trừng phạt những đứa trẻ đó vì đã xúc phạm và chấm dứt cuộc đời chúng, để khi chúng trưởng thành, chúng không còn trở thành những kẻ ác nữa; còn cha mẹ chúng thì bị trừng phạt vì tội thờ thần tượng, và cả gia đình đều nhận được bài học cay đắng về việc phải nuôi dạy con cái trong sự kính sợ Đức Chúa Trời và dạy dỗ chúng tôn kính các tôi tớ của Ngài. Từ Bê-tên, Ê-li-sê đi lên núi Ca-rêm[4331] và từ đó trở về Sa-ma-ri.

Vào thời điểm đó, người Y-sơ-ra-ên bắt đầu cuộc chiến chống lại người Mô-áp. Vua Mô-áp, người có đất nước trù phú với đàn gia súc dồi dào, thường hàng năm gửi cho vua Y-sơ-ra-ên cống nạp gồm một trăm nghìn con cừu con và một trăm nghìn con cừu có lông[4332] . Sau khi A-ha-áp, vua Y-sơ-ra-ên, qua đời, Mô-sa, vua Mo-áp, đã ly khai khỏi vương quốc Y-sơ-ra-ên và ngừng gửi cống phẩm thường niên.

Lúc bấy giờ, Joram, con trai của A-ha-áp, người trị vì Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri và tiếp tục con đường gian ác của cha mình, đã tập hợp lực lượng quân sự của mình và mời Giô-sa-phát, vị vua kính Chúa của Giu-đa tại Giê-ru-sa-lem, cùng với vua Ê-đôm, người dưới quyền ông, tham gia hỗ trợ; rồi ông tiến quân chống lại dân Mô-áp qua sa mạc Ê-đôm. Theo ý định của Đức Chúa Trời, trong các đạo quân còn có vị tiên tri thánh Ê-li-sê. Ba vị vua cùng các đạo quân của họ đã hành quân suốt bảy ngày mà không có nước cho cả người lẫn súc vật; tất cả đều kiệt sức vì khát. Giô-ram, vua Y-sơ-ra-ên, thở dài và nói:

– Chúa đã tập hợp chúng ta – ba vị vua – lại để giao vào tay dân Mo-áp.

Vua Giu-đa liền hỏi:

– Có ai trong số các tiên tri ở đây không, để chúng ta có thể nhờ họ hỏi ý Chúa?

Một tôi tớ của vua Y-sơ-ra-ên báo rằng trong quân đội có Ê-li-sê, con trai của Sa-phát, người từng phục vụ tiên tri Ê-li bằng cách rót nước lên tay ông[4333] . Vua Giô-sa-phát làm chứng về Ê-li-sê, nói rằng:

– Lời của Đức Chúa Trời ngự trong người này.

Và thế là ba vị vua đã đến gặp thánh Ê-li-sê và xin ông cầu nguyện cho họ với Chúa, để Ngài bày tỏ cho ông biết điều gì đang chờ đợi họ.

Nhưng thánh Ê-li-sê đáp lại Giô-ram, vua Y-sơ-ra-ên:

[4331] Carmel – ngọn núi thuộc chi phái Issachar; nơi đây thường là nơi tiên tri Ê-li lui tới (3 Vua 18:19).

[4332] Runo – lông cừu, da cừu.

[4333] "Đổ nước lên tay Ê-li", tức là ông là người hầu cận thường trực của tiên tri Ê-li, và vì thế là một tiên tri xứng đáng được tin cậy hoàn toàn, như vua Giô-sa-phát của Giu-đa đã nói về Ê-li-sê (4 Vua 3:12), có lẽ ngài đã nghe nói về ông từ trước.

– Tôi có liên quan gì đến ngài? Hãy đến gặp các tiên tri của cha ngài là A-háp và mẹ ngài là I-za-bê-lơ, rồi hỏi họ để họ nói cho ngài biết điều gì đang chờ đợi các ngài.

Vua Giô-ram của Y-sơ-ra-ên bèn khiêm nhường thưa với ngài rằng:

– Chẳng lẽ Đức Giê-hô-va đã tập hợp ba vị vua chúng ta lại để phó chúng ta vào tay dân Mo-áp sao?

Ê-li-sê đáp lại:

– Ta xin lấy danh Đức Giê-hô-va, Đấng Toàn Năng, Đấng mà ta đang đứng trước mặt, làm chứng rằng: Nếu ta không kính trọng Giô-sa-phát – vị vua kính sợ Đức Chúa Trời của Giu-đa – thì ta đã chẳng thèm nhìn mặt ngươi, kẻ thờ thần tượng.

Sau đó, Ê-li-sê ra lệnh cho người ta dẫn ca sĩ[4334] đến gặp ông. Và khi người ca sĩ thuộc chi phái Lê-vi, người biết hát các thánh vịnh của Đa-vít một cách tuyệt vời, xuất hiện và cất tiếng hát, thì Thánh Linh của Đức Giê-hô-va ngự xuống trên Ê-li-sê, và ông, trong lúc tiên tri, đã nói:

"Hãy đào những hào sâu, vì Đức Giê-hô-va phán như vầy: Các ngươi sẽ không thấy mưa hay gió, nhưng những hào sẽ đầy nước, mà các ngươi và súc vật của các ngươi sẽ uống, và chính dân Mo-áp, Đức Giê-hô-va sẽ phó vào tay các ngươi; các ngươi sẽ đánh bại quân địch của họ, phá hủy mọi thành trì kiên cố của họ, chặt hết các cây ăn quả, và lấp mọi nguồn nước bằng đá và đất, rồi tàn phá toàn bộ xứ Mo-áp."

Và tất cả những lời của nhà tiên tri đều ứng nghiệm. Sáng hôm sau, khi vua Giô-sa-phát, vị vua thành Giê-ru-sa-lem đầy đức tin, theo thói quen của mình, dâng của lễ lên Đức Chúa Trời qua tay các thầy tế lễ, người ta thấy nước chảy dọc theo con đường Ê-đôm, ban đầu tràn đến nơi các đạo quân của Giô-sa-phát đang đóng quân, rồi lan tỏa ra khắp vùng lân cận, lấp đầy mọi rãnh nước và khe suối trong thung lũng; cả vùng đất đều thấm đẫm nước và trở nên ẩm ướt. Dân chúng đã giải khát và, sau khi lấy lại sức lực, tiến đánh dân Mo-áp và gây cho họ một thất bại nặng nề; toàn bộ đất nước của họ bị bắt làm tù binh, và theo lệnh của vị tiên tri, họ đã tàn phá nó, rồi sau đó trở về đất nước mình trong niềm hân hoan.

Một lần nọ, một góa phụ là vợ của một môn đệ tiên tri đã buồn bã thưa với Ê-li-sê rằng: "Nô tỳ của ngài, tức là chồng tôi, đã qua đời; ngài biết rõ ông ấy là người kính sợ Đức Chúa Trời. Giờ đây, chủ nợ đang đến, người mà chồng tôi đã nợ rất nhiều, nhưng ông ta không tìm thấy gì ở tôi để lấy, vì tôi chẳng có gì cả; và vì thế, ông ta muốn bắt hai con trai của tôi đi làm thuê cho ông ta, những đứa con còn lại là niềm an ủi duy nhất của tôi trong cảnh góa bụa và quý giá với tôi như con ngươi mắt tôi."

Người góa phụ ấy đã than khóc thảm thiết như vậy trước mặt vị tiên tri của Đức Chúa Trời. Theo lời kể của một số người, người góa phụ này là vợ của tiên tri Obadiah, người quản lý nhà Ahab, người đã che chở một trăm tiên tri của Đức Chúa Trời khỏi lưỡi gươm của hoàng hậu Jezebel và nuôi dưỡng họ bằng tiền của mình, đến nỗi tiêu hết toàn bộ tài sản, mắc nợ các chủ nợ[4335] . Trước khi qua đời, ông đã phó thác vợ và các con cho sự quan phòng của Đức Chúa Trời, dặn dò họ phải đặt niềm tin vững chắc nơi Chúa. Thánh tiên tri Ê-li-sê, thương xót người góa phụ và các con của bà, đã hỏi bà:

– Ngươi muốn ta làm gì cho ngươi? Hãy nói xem, hiện giờ ngươi còn gì trong nhà?

Bà đáp:

– Nô tỳ không có gì trong nhà cả, ngoài một cái bình chứa một ít dầu.

Lúc đó, Ê-li-sê nói với bà:

– Hãy đi xin hàng xóm của chị càng nhiều bình rỗng càng tốt, rồi đóng cửa lại trong nhà cùng các con trai, đổ dầu từ bình của chị vào tất cả những bình đó, và chúng sẽ đầy lên.

[4334] Việc tiên tri Ê-li-sê sử dụng âm nhạc dây để chuẩn bị tâm hồn mình đón nhận sự mặc khải hoặc để xoa dịu cơn giận đối với vua Giô-ram (4 Vua 3:13–14), sau đó "Tay của Đức Giê-hô-va ở trên ông" (xem 3 Vua 18:16; Giê-rê-mi 1:9), điều này cho thấy, thứ nhất, một phong tục đã có từ thời cổ đại – đó là sử dụng âm nhạc (xem 1 Sa-mu-ên 16:16) để giúp tâm hồn tách biệt khỏi thế giới bên ngoài, xoa dịu và khơi dậy cảm hứng; thứ hai, việc sử dụng âm nhạc (kèm theo hát thánh ca) trong các trường tiên tri (1 Sa-mu-ên 10:5), nơi tiên tri Ê-li-sê có mối liên hệ mật thiết. Theo lời của Thánh Theodoret, "các thầy tế lễ theo Luật Môi-se dùng kèn, còn người Lê-vi dùng đàn hạc, Sách Thi Thiên, cimbalom và các nhạc cụ khác. Trong việc sử dụng những nhạc cụ này, họ còn có những bài thánh ca ngọt ngào của Đa-vít. Tiên tri đã ra lệnh gọi một trong những ca sĩ này đến. Và khi ca sĩ cất tiếng hát, ân sủng của Thánh Linh đã chỉ dẫn phải làm gì" (câu hỏi 12 về 4 Vua).

[4335] 3 Vua 18 và các câu tiếp theo. Ý định của chủ nợ muốn bán con cái của góa phụ làm nô lệ được biện minh bằng chữ nghĩa của luật pháp (Lê-vi 25:39; Xuất Ê-díp-tô Ký 21:2) và thực tế khắc nghiệt của cuộc sống (Ma-thi-ơ 18:25).

Người góa phụ đã làm theo lời dặn của vị tiên tri của Đức Chúa Trời. Bà thu thập những bình rỗng từ hàng xóm, đặt chúng trong nhà, đóng cửa lại và đổ dầu từ bình của mình vào những bình đã xin được; các con trai bà, giúp đỡ mẹ, đưa các bình đến và rót dầu vào, và dầu trong bình của bà không bao giờ cạn, mà tuôn trào như từ một suối nguồn. Khi tất cả các bình đã được đổ đầy, người phụ nữ nói với các con trai: "Hãy đưa thêm một bình nữa."

Nhưng các con trai trả lời rằng không còn bình rỗng nào nữa, và dầu ngừng chảy ra từ bình của người góa phụ. Người góa phụ với niềm vui sướng tột độ vội vã đến gặp người của Đức Chúa Trời và kể cho ông nghe về phép lạ này. Ê-li-sê bèn bảo bà hãy đi bán số dầu đó để trả nợ cho chồng mình, còn phần còn lại thì dùng để nuôi sống bản thân và các con trai.

Có lần, vị tiên tri thánh Ê-li-sê đi ngang qua thành Sô-nam[4336] . Tại đó, một người phụ nữ giàu có đã nài nỉ ngài đến nhà mình dùng bữa và đã tiếp đãi vị tiên tri của Đức Chúa Trời với tất cả lòng thành. Tiên tri Ê-li-sê thường xuyên phải đi qua thành phố đó trong những chuyến đi từ Ca-mi-lê đến sông Giô-đanh, hoặc đến Ga-la-la, hoặc đến Giê-ri-cô, rồi từ đó trở về Ca-mi-lê; sau lời mời của người phụ nữ ấy, ngài thường xuyên ghé vào nhà bà để dùng bữa, vì bà là người kính sợ Đức Chúa Trời và có đức hạnh. Một lần nọ, người phụ nữ ấy nói với chồng: "Em đã chắc chắn rằng người của Đức Chúa Trời, người thường đi ngang qua nhà chúng ta, là một người thánh thiện. Chúng ta hãy dọn cho ngài một căn phòng nhỏ, đặt ở đó giường, bàn, ghế và đèn, để khi ngài ghé vào nhà chúng ta từ đường đi, ngài có thể nghỉ ngơi."

Và họ đã làm như vậy. Vị tiên tri thánh thiện ấy mỗi lần ghé qua thành phố này đều dừng chân tại căn phòng nhỏ đó. Một lần nọ, khi đang nghỉ ngơi trong căn phòng được chuẩn bị sẵn cho mình, người của Đức Chúa Trời suy nghĩ xem nên làm gì để đền ơn người phụ nữ hiếu khách và đức hạnh này. Ông bảo người đầy tớ của mình là Giê-xi đi gọi người phụ nữ đó đến gặp mình. Khi bà bước vào, người của Đức Chúa Trời nói với bà:

– Bà đã chăm sóc chúng tôi chu đáo như vậy; tôi có thể đền ơn bà bằng cách nào đây? Bà có điều gì muốn thỉnh cầu với vua, hoàng tử hay tướng quân không?

Bà đáp:

– Tôi không có điều gì xin họ cả, vì tôi đang sống giữa dân tộc mình.

Khi người phụ nữ ra về, vị thánh quay sang Giê-xi, hỏi ý kiến ông xem nên làm gì để đền ơn người phụ nữ ấy vì ân huệ của bà. Giê-xi đáp lại:

– Người phụ nữ này không có con, còn chồng bà ấy thì đã cao tuổi, xin ngài cầu khẩn Đức Chúa Trời ban cho bà ấy một người con trai để kế thừa.

Vị thánh đã làm như vậy. Ngài đã dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện nồng nhiệt và tha thiết cho người phụ nữ ấy, và sau khi nhận được lời báo từ Ngài, ngài đã ra lệnh gọi bà đến gặp mình lần thứ hai. Khi bà bước vào và đứng ở cửa, vị thánh nói với bà rằng bà sẽ thụ thai và sinh ra một người con trai. Người phụ nữ cúi đầu chào ngài, và như thể không tin nổi vì quá vui sướng, bà khẩn khoản xin vị thánh xác nhận điều đó. Vị thánh đã thuyết phục bà hãy vững tin vào lời hứa chân thật ấy. Người phụ nữ quả thực đã thụ thai và khi đến kỳ, bà sinh ra một cậu con trai, rồi cho con bú sữa mẹ. Một lần nọ, khi cậu bé đã lớn lên, vào mùa hè, đúng lúc mùa gặt, cậu đi ra đồng gặp cha mình, nơi đang diễn ra vụ gặt. Sau khi ở đó một lúc, cậu bị đau đầu và la lên: "Đau đầu quá, đau đầu quá!"

Người cha ra lệnh cho người hầu đưa con trai ốm về nhà. Về đến nhà, cậu bé ốm nằm trên đùi mẹ chỉ đến trưa thì qua đời[4337] . Người mẹ bế thi thể con trai, mang vào phòng của nhà tiên tri, đặt cậu lên giường, rồi đóng cửa lại, ra ngoài và gọi chồng mình. Không nói gì với ông về cái chết của con trai, bà xin ông, hãy gửi cho bà một người hầu và một con lừa, vì bà phải đi gặp người của Đức Chúa Trời ở Karmel, và sẽ sớm trở về.

Chồng bà hỏi: "Sao em lại đi gặp ông ấy? Hôm nay đâu phải là ngày trăng mới, cũng không phải là ngày Sa-bát?"

(Vào những ngày ấy, mọi người thường tụ tập tại núi Karmel để ca ngợi Đức Chúa Trời và nghe lời giảng dạy của vị tiên tri thánh Ê-li-sê.) Người vợ đáp lại rằng dù hôm nay không phải là ngày Sa-bát cũng không phải là ngày trăng mới, nhưng cô phải đi – và vội vã lên đường đến gặp vị thánh. Khi cô đến gần núi Ca-rêm, người của Đức Chúa Trời, nhìn thấy cô đến, bèn nói với người đầy tớ của mình là Giê-xi:

– Đó là người phụ nữ thành Sô-na-mi. Hãy chạy ra đón bà ấy và hỏi: 'Bà có khỏe không? Chồng bà có khỏe không? Con trai bà có khỏe không?'" Bà nói với Giê-xi, người đã ra đón bà:

[4336] Thành Sonam hay Sunem nằm trong chi phái Issachar (Công vụ 19:18), đối diện với dãy núi Gelbua (1 Sử ký 28:4), gần núi Karmel.
[4337] Căn bệnh của con trai người phụ nữ đạo đức này dường như là say nắng (Judith 8:2–3; Thi thiên 120:6).

– Mọi người đều khỏe.

Nhưng khi bà đến gặp vị thánh trên núi, bà liền quỳ xuống dưới chân ngài. Giê-xi định kéo bà ra khỏi ngài, nhưng Ê-li-sê nói:

– Hãy để cô ấy lại, vì lòng cô ấy đang đau buồn; còn Chúa thì đã giấu tôi về nỗi buồn của cô ấy và không cho tôi biết.

Người phụ nữ nói:

– Tôi có xin con trai từ ngài chăng? Chẳng phải chính ngài, thưa ngài, đã cầu xin Đức Chúa Trời ban cho tôi sao? Tôi chẳng phải đã nói: "Xin đừng để tôi bị lừa dối" sao? Và giờ đây, con trai tôi đã chết rồi.

Người của Đức Chúa Trời động lòng thương xót cô và, trao cây gậy của mình cho Giê-xi, bảo anh ta mau đi và đặt cây gậy đó lên thi thể cậu thiếu niên đã qua đời. Còn mẹ của cậu bé đã qua đời thì không bằng lòng với điều đó, bà quỳ xuống trước vị tiên tri thánh và nói với ông: "Chúa hằng sống, và linh hồn ngài cũng hằng sống, tôi sẽ không rời xa ngài." Lúc đó, thánh Ê-li-sê đứng dậy và đi cùng bà. Còn Giê-xi, đến trước ngài, đã đặt cây gậy lên mặt cậu bé, nhưng cậu bé không có dấu hiệu nào của sự sống. Lúc đó, Giê-xi quay trở lại và, gặp người của Đức Chúa Trời, nói với ngài rằng cậu bé chưa sống lại. Cuối cùng, chính vị tiên tri thánh Ê-li-sê đã đến thành phố, bước vào nhà người phụ nữ và đi lên phòng trên. Tại đó, cậu bé đã qua đời đang nằm trên giường. Thánh Ê-li-sê đóng cửa lại, cầu nguyện với Chúa, rồi nằm sấp lên người cậu bé, áp môi mình vào môi cậu, mắt mình vào mắt cậu, đặt tay mình lên tay cậu, đầu gối mình lên đầu gối cậu, và thổi hơi vào cậu – và thân thể cậu bé bắt đầu ấm lên. Vị tiên tri đứng dậy, đi lại trong phòng rồi lại nằm sấp lên người cậu bé. Cứ như vậy đến bảy lần, sau đó cậu bé mở mắt ra. Ê-li-sê gọi Hi-ê-xi và bảo ông ta gọi mẹ của cậu bé đến. Khi bà bước vào, Ê-li-sê nói với bà:

– Hãy bế con trai bà đi!

Người phụ nữ quỳ sấp xuống chân người của Đức Chúa Trời, rồi ôm lấy con trai còn sống của mình, vui mừng ngợi khen Đức Chúa Trời[4338] .

Sau đó, tiên tri của Đức Chúa Trời Ê-li-sê đến Ga-la-ga, nơi mà xưa kia dân Y-sơ-ra-ên đã băng qua sông Giô-đanh trên đường đến Đất Hứa. Tại đây, tiên tri Ê-li-sê ở lại một thời gian dài. Rồi nạn đói ập đến trên đất nước ấy. Cùng với vị tiên tri còn có các môn đệ của ngài, những người sống theo gương ngài, trong sự thanh khiết và nghèo khó, giống như các tu sĩ của ân sủng mới. Vị người của Đức Chúa Trời cùng các môn đệ ở tại một nơi hẻo lánh đặc biệt. Ê-li-sê ra lệnh cho người hầu của mình đặt một cái nồi lớn lên bếp lửa và nấu súp cho các môn đệ tiên tri, số lượng lên đến một trăm người. Một môn đệ đi ra đồng hái rau và tìm thấy một loại quả dại, trông giống nho, được gọi là kolokinhida, rất đắng, nên người ta còn gọi nó là "mật đất". Loại quả này rất có hại cho sức khỏe, dù đôi khi được dùng trong y học, nhưng nếu ăn với số lượng lớn sẽ gây tử vong. Người đi hái không biết hết tác hại của loại quả này nên đã hái đầy cả áo quần và đổ vào nồi để nấu. Khi thức ăn được dọn ra cho các môn đệ và họ bắt đầu ăn, họ lập tức cảm thấy vị đắng và bị ốm.

– "Cái chết trong nồi, hỡi người của Đức Chúa Trời!" – họ kêu lên trong sợ hãi, quay sang Ê-li-sê, và ngừng ăn vì không thể nuốt nổi.

Ê-li-sê ra lệnh đổ một ít bột mì vào nồi (không phải để làm mất độc tính của thức ăn, mà để che giấu phép lạ của mình) – thức ăn trở nên ngon miệng và vô hại, và những người ăn nó đã no nê và được chữa lành.

Lúc đó, có một người đạo đức từ thành Ba-anh-Sa-li-si[4339] đến gặp vị tiên tri thánh Ê-li-sê và mang theo hai mươi chiếc bánh lúa mạch nhỏ từ vụ thu hoạch đầu tiên. Người của Đức Chúa Trời ra lệnh phân phát những chiếc bánh đó cho những người có mặt. Nhưng người đầy tớ của ông nói rằng những chiếc bánh nhỏ này không đủ cho một trăm người.

Ê-li-sê đáp lại:

– Hãy chia cho mọi người, để họ ăn; vì Đức Giê-hô-va phán như vậy, tất cả họ sẽ được no nê, và còn dư lại nữa.

[4338] Hành động của vị tiên tri khi làm sống lại đứa trẻ đã chết về bản chất rất giống với hành động của tiên tri Ê-li khi làm sống lại con trai của góa phụ Sa-rê-pt (3 Vua 17:19–23). Tiên tri Ê-li-sê "đã đặt các giác quan của chính mình lên các giác quan của người đã chết, để người đã chết được tham dự vào sự sống của người sống, rõ ràng là nhờ tác động của ân sủng thiêng liêng, Đấng ban sự sống" (Thánh Theôđôros, câu hỏi 18). Phép lạ này là hình bóng của sự phục sinh của Chúa Giêsu Kitô. (Câu chuyện trong 4 Vua 4:8–37 được đọc như bài đọc thứ 12 trong Thánh Lễ Chiều vào Thứ Bảy Lớn).

[4339] Baal-Shalisha (xem 1 Sa-mu-ên 9:4) – một thành phố, theo giả thuyết, thuộc chi phái Ép-ra-im.

Quả thật, một trăm người đã no nê, và theo lời Đức Chúa Trời phán qua miệng vị tiên tri, vẫn còn lại rất nhiều miếng bánh.

Vào thời đó,[4340] , một tướng quân nổi tiếng của vua Sy-ri tên là Na-man, bị bệnh hủi: ông nổi tiếng vì sự dũng cảm và những chiến thắng quân sự, nên được vua rất kính trọng. Bị bệnh trong một thời gian dài, Na-man không tìm được bác sĩ nào có thể chữa lành cho ông. Một ngày nọ, các chiến binh Syria dẫn về một cô gái bị bắt làm tù binh từ xứ Israel và giao cô ấy làm người hầu cho vợ của Neeman. Cô gái ấy đã nghe cha mẹ kể về vị tiên tri thánh Elisha và những phép lạ vĩ đại xảy ra nhờ lời cầu nguyện của ngài, nên đã kể lại điều đó cho bà chủ mà cô đang phục vụ.

– Ôi, giá như chồng tôi – cô bé nói – được đến gặp vị tiên tri của Đức Chúa Trời đang ở Samaria, thì ngài sẽ chữa lành bệnh hủi cho ông ấy!

Vợ của Na-man đã truyền lại chính xác những lời của cô bé đó cho chồng mình. Na-man đến gặp vua của mình và xin vua cho phép ông đến xứ Y-sơ-ra-ên, tại Sa-ma-ri – gặp vị tiên tri của Đức Chúa Trời để được chữa lành. Vua không chỉ cho phép ông đi, mà còn trao cho ông một lá thư gửi đến vua Y-rê-am của Y-sơ-ra-ên, con trai của A-háp. Neeman, mang theo những món quà dành cho người của Đức Chúa Trời – mười ta-lâng bạc, sáu nghìn đồng vàng và mười bộ quần áo sang trọng – đã đến xứ Y-sơ-ra-ên và dâng lá thư của vua mình cho vua Giô-ram. Trong thư có viết:

– Qua bức thư này mà ngươi sẽ nhận được, hãy biết rằng ta đã sai người đầy tớ của ta là Nehemiah đến với ngươi, để ngươi chữa lành bệnh phong hủi cho người ấy.

Vua Giô-ram của Y-sơ-ra-ên, sau khi đọc bức thư của vua Sy-ri, đã vô cùng buồn bã, xé rách áo mình và nói:

– Chẳng lẽ ta là Đức Chúa Trời, Đấng duy nhất có thể khiến người chết sống lại và khiến người sống chết đi, mà hắn lại gửi một người bị bệnh hủi đến với ta để ta chữa lành bệnh hủi cho hắn sao? Các ngươi không thấy rằng hắn đang tìm cớ để khai chiến chống lại ta sao?

Thánh tiên tri Ê-li-sê, khi biết vua rất buồn bã và đã xé rách áo xống của mình, liền sai người truyền lời cho vua rằng: "Sao ngài lại buồn bã và tại sao ngài lại xé rách áo xống của mình? Hãy để Ni-ê-man đến ngay lập tức và biết rằng có một tiên tri của Đức Chúa Trời ở Y-sơ-ra-ên."

Nê-man đến cùng ngựa và xe ngựa, rồi dừng lại trước cửa nhà Ê-li-sê. Vị tiên tri thánh qua người đầy tớ được sai đi đã nói với ông:

– Hãy đi, ngâm mình bảy lần trong sông Giô-đanh, thì thân thể ngươi sẽ trở lại như xưa, và ngươi sẽ được thanh tẩy[4341] .

Naaman cảm thấy bị xúc phạm bởi những lời của vị tiên tri và bỏ đi, nói: "Tôi đã mong rằng chính ông ấy sẽ ra gặp tôi, đứng trước mặt tôi, kêu cầu danh Đức Chúa Trời của ông ấy, dùng tay chạm vào những chỗ bị hủi trên thân thể tôi và chữa lành bệnh hủi, nhưng ông ấy lại ra lệnh cho tôi đi đến sông Giô-đanh. Các con sông ở Damascus, Awan và Farfar[4342] chẳng phải tốt hơn sông Giô-đanh và tất cả các dòng nước của Y-sơ-ra-ên sao? Chẳng lẽ tôi không thể tắm rửa trong đó và được thanh tẩy sao?"

Và Na-man quay trở về từ Sa-ma-ri trong cơn giận dữ tột độ. Nhưng trên đường đi, các đầy tớ của ông khuyên ông nên vâng theo lệnh của nhà tiên tri của Đức Chúa Trời và nói: "Nếu nhà tiên tri ra lệnh cho ngài làm điều gì đó rất khó khăn, chẳng phải ngài cũng sẽ tuân theo lệnh của ông ấy sao? Nhưng ngài chỉ bảo ngài: 'Hãy ngâm mình trong sông Giô-đanh thì ngài sẽ được thanh tẩy,' mà ngài lại không muốn làm điều đó."

Nehemiah nghe theo lời khuyên của các tôi tớ, đi đến sông Giô-đanh, xuống khỏi xe ngựa và nhúng mình vào sông bảy lần, như người của Đức Chúa Trời đã truyền, và ngay lập tức thân thể ông được thanh tẩy; ông bước

---

[4340] Bệnh hủi là căn bệnh truyền nhiễm kinh hoàng và ghê tởm nhất; nó chủ yếu hoành hành ở các nước có khí hậu nóng, đặc biệt là ở Ai Cập, Palestine, Syria, Ả Rập, Ấn Độ và nói chung là ở phương Đông. Khi bệnh tiến triển, da trở nên trắng bệch, sau đó sưng phồng, khô ráp, phủ đầy vảy và vết loét có mùi hôi thối; tiếp theo, các chi bị rụng dần, và phần lớn những người mắc bệnh này cuối cùng đều qua đời trong những cơn đau đớn khủng khiếp.

[4341] Khi Na-man đến nhà tiên tri Ê-li-sê, "ông, tuân giữ luật pháp như những người sống dưới luật pháp, đã không đồng ý tiếp Na-man như một người bị bệnh hủi (theo luật Lê-vi 13:14), mà ra lệnh cho ông ta tắm rửa bảy lần trong sông Giô-đanh" (Thánh Thê-ô-đô-rô, câu hỏi 19).

[4342] Theo quan điểm chung, hai con sông A-va-na và Pha-phar của Syria chảy ra từ dãy núi Anti-Li-ban và tưới mát cho thành Đa-mách.

ra khỏi sông, tràn đầy sức sống và khỏe mạnh như một thanh niên. Nehemiah cùng tất cả những người đi theo trở về gặp thánh Ê-li-sê, đứng trước mặt ông và nói:

– Giờ đây tôi biết rằng trên cả đất này, không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên; vì vậy, xin hãy nhận những món quà này mà tôi đã mang đến dâng lên ngài.

Rồi ông dâng cho người của Đức Chúa Trời vàng, bạc và áo xống. Nhưng thánh Ê-li-sê nói với ông:

– Thề bằng Đấng mà tôi phụng sự, tôi sẽ không nhận bất cứ thứ gì từ ngài.

Nê-man bắt đầu thuyết phục vị tiên tri nhận những thứ đã mang đến, nhưng ngài vẫn kiên quyết và không nhận lấy gì cả.

Lúc đó, Na-man quay sang vị thánh và thỉnh cầu:

"Xin cho tôi tớ ngài được lấy đất[4343] , bao nhiêu có thể chở được trên hai đôi la; khi mang về nhà, tôi sẽ dựng bàn thờ dâng lên Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, vì từ nay trở đi, tôi tớ ngài sẽ không dâng của lễ cho bất kỳ vị thần nào khác ngoài Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật"[4344] .

Thánh Ê-li-sê cho phép ông lấy những gì đã xin và để ông ra về bình an. Khi Na-man rời khỏi Ê-li-sê, người của Đức Chúa Trời, người hầu của ông là Giê-xi bắt đầu suy nghĩ: "Chủ tôi đã mang lại niềm vui lớn lao như thế nào cho Na-man, người Sy-ri, mà ông ấy lại không nhận lấy một món quà nào từ tay chủ tôi; tôi sẽ đi theo ông ấy, đuổi kịp và lấy một thứ gì đó từ ông ấy."

Và anh ta đứng dậy, vội vã đuổi theo Na-man. Na-man, thấy Giê-xi đang vội vã đuổi theo mình, liền xuống khỏi xe ngựa và đi ra đón anh ta. Khi hai người gặp nhau, Giê-xi, sau khi chào hỏi, nói với Na-man:

– Chủ nhân của tôi đã sai tôi đến nói với ngài rằng, vừa có hai môn đệ của các tiên tri từ núi Éphraïm đến gặp ngài, và ngài xin ngài ban cho họ một talant bạc và hai bộ quần áo thay.

Neeman nói:

– Hãy lấy hai ta-lâng đi.

Ngay lập tức, ông ra lệnh cho người ta bỏ bạc vào hai bao, rồi giao cho Giê-xi hai người đầy tớ của mình mang số bạc đó đi, ngoài ra còn tặng thêm cho ông ta hai bộ quần áo. Giê-xi, khi về đến nhà cùng với hai người đầy tớ vào lúc hoàng hôn, đã nhận lấy những thứ họ mang về, rồi cho họ quay trở lại, giấu những thứ đó trong nhà, còn bản thân thì đến gặp chủ của mình.

Thánh Ê-li-sê hỏi ông:

– Ngươi từ đâu về, Giê-xi?

Giê-xi trả lời:

– Nô bộc của ngài không đi đâu cả.

Lúc đó, Thánh Ê-li-sê nói với anh ta:

– Chẳng phải lòng ta đã đi cùng ngươi và đã thấy người ấy xuống khỏi cỗ xe rồi đi đến gặp ngươi, và ngươi đã nhận bạc và quần áo từ người ấy sao? Chẳng phải ta biết rằng ngươi định dùng số bạc đó để mua cây ô liu và vườn nho, cừu và bò, nam tớ và nữ tớ sao? Vì điều đó, bệnh hủi của Na-man sẽ bám lấy ngươi và dòng dõi ngươi mãi mãi.

Rồi Giê-xi-a ra khỏi chỗ Ê-li-sê, người bị bệnh hủi và trắng như tuyết.

Một lần nọ, các môn đệ của các tiên tri nói với Ê-li-sê rằng:

– Ngôi nhà mà chúng con đang ở gần ngài quá chật chội; chúng con sẽ đi đến sông Jordan, mỗi người mang theo một khúc gỗ để dựng cho mình một ngôi nhà ở đó.

Vị thánh đã cho họ đi. Một trong các môn đệ nhẹ nhàng mời cả ngài đi cùng họ, nói với ngài: "Xin cha hãy đi cùng các tôi tớ của cha." Người của Đức Chúa Trời đứng dậy và đi cùng họ. Khi họ đến sông Giô-đanh và bắt đầu chặt gỗ, rìu của một người trong số những người đang chặt gỗ tuột khỏi cán và rơi xuống nước, anh ta kêu lên: "Ôi, thưa ngài! Chiếc rìu này tôi mượn của một người bạn."

[4343] Lời thỉnh cầu của Na-man đối với vị tiên tri: xin được một lượng đất nhất định từ đất nước Y-sơ-ra-ên, được giải thích bởi lòng kính sợ sâu sắc của Na-man đối với Đức Giê-hô-va – chính mảnh đất của đất nước mà ông tôn kính, Na-man coi là thánh thiêng, và ông lấy một phần đất đã được thánh hóa bởi lời chúc phước của tiên tri Ê-li-sê, người của Đức Giê-hô-va.

[4344] Ngoài ra, Nehemiah, người Syria, đã nói với vị tiên tri của Đức Chúa Trời rằng, với tư cách là một tôi tớ của vua, ông buộc phải tháp tùng chủ nhân của mình đến đền thờ Remman và ở đó cúi lạy cùng với nhà vua, người quỳ sấp xuống đất trước tượng thần, tựa vào tay ông; và giờ đây, Na-man hỏi Ê-li-sê rằng liệu Đức Giê-hô-va có tha thứ cho ông vì đã quỳ lạy tại đền thờ Rê-man hay không? Ê-li-sê đã trấn an ông, và ông lên đường (2 Vua 5:18–19).

Người của Đức Chúa Trời hỏi anh ta rìu rơi ở đâu, và khi anh ta chỉ chỗ đó, Ê-li-sê chặt một khúc gỗ, ném xuống nước, và chiếc rìu nổi lên mặt nước. Vị thánh ra lệnh cho người thợ rừng nhặt nó lên, và người ấy đưa tay ra, nhặt lấy nó. Sức mạnh được ban cho vị thánh nhân vĩ đại đến nỗi ngài thậm chí có thể làm giảm trọng lượng tự nhiên của sắt, đến mức chiếc rìu sắt nổi trên mặt nước như một chiếc lá rơi từ cây.

Thánh tiên tri Ê-li-sê đã nhìn thấy những gì đang diễn ra từ xa với sự rõ ràng đến mức dường như tất cả những điều đó đang xảy ra ngay trước mắt ngài. Vua Sy-ri, người đang giao chiến với dân Y-sơ-ra-ên, đã nhiều lần bàn bạc với các cận thần của mình về cách bố trí phục kích vua Y-sơ-ra-ên, và chỉ định chỗ này hay chỗ kia để đội quân được giao nhiệm vụ phục kích ẩn nấp.

Nhưng thánh Ê-li-sê, khi nhìn thấy điều này, đã sai người đến cảnh báo vua Y-sơ-ra-ên, nói rằng: "Hãy cẩn thận đừng đi qua nơi này, vì quân Sy-ri đang mai phục ở đó."

Vua sai người đi xác minh xem điều đó có đúng không, và sau khi chắc chắn, ngài đã thận trọng, không đến gần nơi đó, mà tự mình sai quân lính của mình bất ngờ tấn công quân Syria và đánh bại họ. Điều này đã xảy ra vài lần. Vua Sy-ri, khi nghe tin này, bối rối và gọi các thuộc hạ của mình lại, nói với họ: "Tại sao các ngươi không nói cho ta biết ai đang tiết lộ bí mật của ta cho vua Y-sơ-ra-ên và giao nộp ta vào tay ông ta?" Một trong số họ trả lời: "Không ai cả, thưa bệ hạ, và điều này không phải do chúng tôi gây ra! Còn người Y-sơ-ra-ên có tiên tri Ê-li-sê, người này kể lại cho vua Y-sơ-ra-ên nghe ngay cả những lời ngài nói trong phòng ngủ của mình."

Vua nói:

– Hãy tìm hiểu xem vị tiên tri đó ở đâu? Ta sẽ sai quân lính đi bắt và đưa ông ta về đây.

Các binh sĩ đi thám thính về báo lại rằng Ê-li-sê đang ở tại Đô-pha-im[4345] . Vua liền sai kỵ binh, xe ngựa và một đạo quân hùng hậu đến đó; họ tiến đến vào ban đêm và bao vây thành phố. Sáng sớm, người hầu của Ê-li-sê bước ra khỏi nhà, thấy quân đội A-ram với ngựa và xe ngựa, đông đảo bao vây thành phố, liền chạy vào báo cho Ê-li-sê và kêu lên:

– Chúng ta phải làm gì đây, thưa ngài?

Thánh Ê-li-sê đáp:

– Đừng sợ: những người ở bên chúng ta đông hơn những người ở bên họ.

Và Ê-li-sê dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời, nói rằng:

– Lạy Chúa! Xin mở mắt cho tôi tớ của Ngài, để người ấy được chiêm ngưỡng quyền năng của Ngài.

Và Đức Chúa Trời đã mở mắt cho người hầu của Ê-li-sê, – anh ta thấy cả ngọn núi đầy ngựa và xe lửa bao quanh Ê-li-sê. Thánh Ê-li-sê cùng người hầu của mình ra khỏi thành phố đến gặp người Sy-ri, còn họ thì tiến đến gặp ông. Ê-li-sê cầu nguyện với Chúa, nói:

– Lạy Chúa, xin hãy làm cho dân này bị mù.

Và Chúa đã khiến họ bị mù, như Ê-li-sê đã cầu xin. Rồi Ê-li-sê nói với họ:

– Đây không phải là con đường và thành phố mà các ngươi cần đến; nhưng hãy theo ta, ta sẽ dẫn các ngươi đến gặp người mà các ngươi đang tìm kiếm.

Và ông dẫn họ đến Sa-ma-ri. Khi họ đến Sa-ma-ri, Ê-li-sê cầu nguyện với Đức Chúa Trời và nói:

– Lạy Chúa! Xin mở mắt cho họ, để họ thấy được mình đang ở đâu.

Và Chúa đã mở mắt họ ra, và họ thấy rằng mình đang ở tại Samaria. Vua Y-sơ-ra-ên, khi biết tin họ đã đến và nhìn thấy họ, bèn hỏi thánh Ê-li-sê:

– Thưa cha, cha có muốn tiêu diệt họ không?

Nhưng vị thánh đáp:

– Không, đừng tiêu diệt họ, vì không phải ngài đã dẫn họ đến đây, cũng không phải ngài đã bắt họ làm tù binh bằng vũ khí của mình; nhưng hãy đãi họ một bữa tiệc, để họ trở về với vua của họ.

Vua đã đãi họ một bữa tiệc thịnh soạn; họ ăn uống no nê, rồi được thả về với vua của họ, và từ đó họ ngừng các cuộc xâm lược từ Syria vào đất Israel.

Một thời gian khá dài trôi qua, vua Syria là Ben-hadad đã khai chiến với Giô-ram, vua Y-sơ-ra-ên. Ông tập hợp toàn bộ quân đội và bao vây Sa-ma-ri, thủ đô của các vua Y-sơ-ra-ên, nơi lúc bấy giờ có vị tiên tri thánh Ê-li-sê

[4345] Dophim – một thành phố trên con đường thương mại từ Gilead đến Ai Cập, nằm về phía bắc Samaria; chính tại đây, Giô-sép từng bị bán (Sáng Thế Ký 37:17, 25).

đang ở. Trong thành phố xảy ra nạn đói khủng khiếp đến nỗi những người nghèo nhất phải ăn thịt con cái mình. Một ngày nọ, khi vua Y-sơ-ra-ên đang đi dạo trên tường thành, một người phụ nữ tiến lại gần và kêu lên với ngài:

– Xin ngài cứu giúp tôi, thưa đức vua!

Vua đáp lại:

– Nếu Chúa không giúp bà, thì làm sao tôi có thể giúp bà được? Tôi lấy thức ăn từ kho thóc hay từ cối xay để cho bà ăn sao? Dù sao thì hãy nói xem bà cần gì?

Bà bắt đầu than thở về một người phụ nữ khác, nói:

– Người phụ nữ kia đã nói với tôi: "Hãy cùng ăn con trai của chị hôm nay, còn ngày mai thì ăn con trai của tôi", và chúng tôi đã nấu con trai tôi rồi ăn. Ngày hôm sau, tôi nói với cô ta: "Hãy cùng ăn cả con trai của chị nữa", nhưng cô ta đã giấu con trai mình đi.

Vua Y-sơ-ra-ên, sau khi nghe câu chuyện kinh hoàng của người phụ nữ, đã xé rách áo mình và vô cùng tức giận với tiên tri Ê-li-sê của Đức Chúa Trời, vì ông đã khuyên vua không được khuất phục trước vua A-ram và không được giao nộp thành phố cho ông ta, mà phải chờ đợi sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời.

"Xin Đức Chúa Trời trừng phạt tôi và gia tăng hình phạt của tôi, nếu hôm nay đầu của Ê-li-sê vẫn còn trên cổ ông ấy!" – vua nói trong cơn giận dữ.

Và ngay lập tức, một người thi hành án tử hình được cử đi để chém đầu vị tiên tri. Vị tiên tri của Đức Chúa Trời lúc đó đang ở nhà mình, và có các trưởng lão Y-sơ-ra-ên ở cùng ông.

"Các ông có biết không," ông nói với các trưởng lão, "rằng vua Giô-ram, con trai của A-ha-áp – kẻ đã vô cớ giết Na-bu-tê – đã sai người thi hành án đến chém đầu tôi ngay lúc này? Nhưng các ông hãy khóa chặt cửa lại và đừng để hắn vào đây cho đến khi chủ của hắn đến, vì đã nghe thấy tiếng bước chân của chủ hắn, bởi vì ông ấy đang vội vã đuổi theo hắn."

Vị thánh nhân còn chưa dứt lời thì vua đã đến và ngăn người thi hành án lại; bởi vì sau quyết định tàn ác của mình, nhà vua đã hối hận, và chính ông vội vã đuổi theo người được sai đi để ngăn chặn việc thi hành mệnh lệnh tàn nhẫn ấy, vì nhà vua biết về sự thánh thiện của tiên tri Ê-li-sê, sự vô tội của ông, cũng như tất cả những ân huệ mà ông đã ban cho vương quốc Y-sơ-ra-ên và cho nhiều người. Khi bước vào gặp tiên tri, nhà vua nói:

– Này, tai họa lớn lao nào đã được Đức Chúa Trời giáng xuống trên chúng ta! Ta còn có thể trông chờ gì nơi Ngài nữa? Ta sẽ giao thành phố này cho vua Sy-ri và khuất phục trước mặt ông ta, để chúng ta không phải chết đói hết cả; thà tuân phục ông ta mà tất cả chúng ta được sống, còn hơn là chống cự rồi chết đói.

Nhưng thánh Ê-li-sê, quay sang vua và tất cả những người có mặt, nói:

– Hãy nghe lời Đức Chúa Trời! Này, Đức Chúa Trời phán như vầy: Vào giờ này ngày mai, tại cổng thành Samaria[4346] , người ta sẽ bán một mè lúa mì với giá một si-cơ-lơ, và hai mè lúa mạch với giá một si-cơ-lơ.

Một trong những quan đại thần, người thân cận nhất với vua, người mà vua đang tựa tay vào, đã nói với Ê-li-sê như sau:

– Dù cho Đức Chúa Trời có mở ra các tầng trời đi chăng nữa, thì điều ngươi nói cũng sẽ không xảy ra.

Thánh Ê-li-sê đáp lại:

– Chính ngươi sẽ tận mắt chứng kiến điều đó, nhưng sẽ không được nếm miếng bánh nào cả.

Sau khi bình tĩnh lại một chút, vua trở về lều của mình. Vào ban đêm, khi Thánh Ê-li-sê cầu nguyện với Đức Chúa Trời để giải cứu thành phố, Đức Chúa Trời đã giáng xuống một sự hỗn loạn lớn trên quân đội Sy-ri: người Sy-ri nghe thấy tiếng ồn ào lớn từ vũ khí và tiếng hí của ngựa, như thể có một đạo quân lớn đang tập trung, và họ bàn tán với nhau rằng đó là các vua Hê-tít và Ai Cập, được vua Y-sơ-ra-ên thuê, đã đến giúp ông ta cùng với quân đội của họ.

– Chạy đi, chạy đi! – họ la lên trong cơn hoảng loạn tột độ.

Và vào ban đêm, cùng với vua của mình, họ chạy trốn về, bỏ lại lều trại, ngựa, lừa và tất cả những gì họ có trong trại, chỉ lo cứu lấy mạng sống của mình. Cùng đêm đó, gần cổng thành có bốn người bị bệnh hủi đang ngồi đó, họ bàn luận với nhau và nói: "Tại sao chúng ta lại ngồi đây chờ chết? Nếu vào thành, chúng ta sẽ chết đói, còn ở lại đây thì cũng chết thôi; hay là chúng ta hãy đến trại quân Syria, và nếu họ không tha cho chúng ta, thì thà chết dưới lưỡi gươm còn hơn phải chịu đựng những cực hình không thể chịu nổi vì đói."

[4346] Nhà tiên tri nói với vua và các trưởng lão dân chúng về việc giá lúa mì sắp giảm bất thường, cụ thể là: "tại cổng thành Samaria" – tại cổng thành, nơi tập trung toàn bộ đời sống xã hội ở phương Đông, trong đó có cả hoạt động thương mại.

Và sau khi đồng ý, họ đứng dậy và đi đến trại quân Syria, nơi vẫn còn chìm trong bóng tối của đêm. Khi vào trại, họ không thấy một ai cả; đi đến giữa trại mà vẫn không thấy ai, họ rất ngạc nhiên về điều này. Họ bước vào một trong những lều trại, ăn uống thỏa thích, lấy từ đó bạc, vàng và quần áo, rồi rời đi và giấu đi. Trở lại, họ vào một lều trại khác và lấy từ đó tất cả những gì họ muốn và bao nhiêu có thể mang đi, rồi lại giấu đi. Sau đó, họ bắt đầu bàn bạc với nhau, nói: "Chúng ta đang làm điều không đúng; hôm nay là ngày mang tin vui, mà chúng ta lại im lặng: nếu ở lại đây đến rạng sáng, chúng ta sẽ phạm tội lớn; vì vậy, hãy nhanh chóng đến thành phố và báo tin cho triều đình."

Họ vội vã trở về thành phố và khi đến cổng thành, họ nói với lính gác: "Chúng tôi đã đến trại quân Syria và không thấy một người nào ở đó, thậm chí không nghe thấy tiếng người; chỉ còn lại những con ngựa bị buộc và những con lừa, cũng như những chiếc lều vẫn đứng nguyên tại chỗ, chứa đầy của cải".

Họ lập tức báo cáo mọi chuyện cho nhà vua. Nhà vua thức dậy vào ban đêm, triệu tập các cận thần và bắt đầu bàn bạc với họ; rồi, với vẻ nghi ngờ, ngài nói với họ: "Ta sẽ tiết lộ cho các ngươi âm mưu xảo quyệt của người Syria, âm mưu mà họ đã vạch ra chống lại chúng ta. Họ biết rằng chúng ta đang bị đói; vì vậy, họ đã rời khỏi trại, ẩn náu ở đâu đó trên đồng ruộng, với ý định khi chúng ta ra khỏi thành vì bị đói hành hạ, họ sẽ bắt sống chúng ta và xâm nhập vào thành của chúng ta."

Các quan của vua đề nghị cử người đi thám thính. Hai kỵ sĩ được cử đi; khi đến trại quân Syria mà không thấy ai ở đó, họ liền phi ngựa theo dấu vết của quân Syria đến tận sông Jordan. Suốt dọc đường, quần áo và vũ khí mà quân Syria bỏ lại trong cơn hoảng loạn trải dài khắp nơi. Những người được cử đi trở về và báo cáo mọi chuyện cho vua và dân chúng. Dân chúng ùa ra khỏi thành và cướp phá toàn bộ trại quân Syria; một mera bột lúa mì và hai mera lúa mạch được bán với giá một shekel, đúng như lời Đức Chúa Trời đã phán qua vị tiên tri. Vị quan cao cấp nói trên, người mà vua tin cậy, đã nhận lệnh từ vua đứng canh gác tại cổng thành để duy trì trật tự. Và khi ông ta định ra lệnh để dân chúng không chen lấn ở cổng thành, đám đông đã xô đẩy và đè chết ông ta, đúng như lời tiên tri của Ê-li-sê, người của Đức Chúa Trời, đã báo trước; khi vị quan này, không tin lời Đức Chúa Trời phán qua miệng các tiên tri về sự dồi dào của bánh mì, đã phản đối rằng: "Dù Chúa có mở trời ra đi chăng nữa, điều đó cũng sẽ không xảy ra" (1 Sa-mu-ên 6 và các đoạn tiếp theo).

Vị thánh nhân vĩ đại này của Đức Chúa Trời còn được ca ngợi vì những ân tứ và việc làm tiên tri kỳ diệu khác, như đã được kể chi tiết trong các sách Các Vua. Ông đã tiên tri về nạn đói kéo dài bảy năm trên đất Y-sơ-ra-ên (4 Các Vua 8:10). Sau khi tiên đoán về cái chết của vua Ben-hadad của Syria, ông đã tiên tri rằng vương quốc Syria sẽ rơi vào tay A-xa-ên. Sau khi xức dầu phong vương cho Giê-hu – một trong các quan trưởng của Y-sơ-ra-ên – (2 Sử ký 9:3), ông đã khích lệ ông ta tiêu diệt dòng dõi A-ha-áp, những kẻ thờ thần tượng và ghét Đức Chúa Trời. Jehu đã giết hai vị vua thờ thần tượng: Joram của Y-sơ-ra-ên và Ahaziah của Giu-đa, cháu nội của vua Josaphat người công chính, người đã không noi gương ông nội mình mà sa vào con đường gian ác. Ông đã giết Jezebel, người vợ gian ác của A-ha-vơ, mẹ của Joram, và tiêu diệt tất cả các thầy tế lễ và các thầy bói thờ Ba-anh. Trong tất cả những việc làm này, ông được sự ban phước và những lời cầu nguyện của vị tiên tri thánh Ê-li-sê hỗ trợ. Sau khi Giê-hu qua đời, con trai ông là Giô-a-hát lên ngôi vua tại Y-sơ-ra-ên, và người kế vị ông là Giô-a-s, cháu nội của Giê-hu. Vào thời vua Giô-a-s trị vì, có một người của Đức Chúa Trời đang cư ngụ tại Sa-ma-ri, và khi đã cao tuổi, ông lâm bệnh. Vua Giô-ách của Y-sơ-ra-ên đến thăm ông và, vừa khóc vừa nói:

– Cha ơi, cha ơi, cỗ xe và ngựa của Y-sơ-ra-ên!

Ê-li-sê nói với ông:

– Hãy lấy cung và mũi tên, mở cửa sổ hướng về phía đông, nơi có xứ Sy-ri, rồi giương cung lên.

Vua làm theo lời ấy. Còn vị tiên tri của Đức Chúa Trời, đặt hai tay mình lên tay vua, nói: "Hãy bắn mũi tên về phía Syria."

Và vua bắn mũi tên. Nhà tiên tri nói:

– Mũi tên này là mũi tên cứu rỗi của Đức Giê-hô-va, và ngươi sẽ chiến thắng Sy-ri.

Rồi ngài lại ra lệnh cho vua cầm cung và mũi tên lên. Vua làm theo. Nhà tiên tri nói với vua:

– Hãy bắn mũi tên xuống đất.

Vua bắn ba lần rồi dừng lại. Người của Đức Chúa Trời nổi giận với ông, nói:

"Nếu ngươi bắn năm hoặc sáu lần, thì ngươi sẽ đánh bại Syria một cách triệt để; nhưng bây giờ, ngươi chỉ gây ra cho chúng ba thất bại mà thôi"[4347] .

Sau khi tiên tri như vậy cho nhà vua, thánh Ê-li-sê qua đời và được an táng với đầy đủ nghi lễ[4348] .

Không chỉ khi còn sống, tiên tri Ê-li-sê đã làm nên những phép lạ, mà ngay cả sau khi qua đời, ngài vẫn tỏ ra là một vị thánh làm phép lạ. Một năm sau khi ngài qua đời, người ta đang khiêng thi thể một người chết ra ngoài thành để chôn cất. Lúc đó, một đám đông người Mo-áp xuất hiện, chúng đang tiến hành một cuộc cướp bóc trên đất Y-sơ-ra-ên. Những người khiêng thi thể người chết đã nhìn thấy kẻ thù từ xa và vội vàng ném thi thể vào một hang động gần đó. Đó chính là hang động nơi an nghỉ của tiên tri Ê-li-sê. Ngay khi thi thể người chết chạm vào xương của tiên tri, người ấy lập tức sống lại, bước ra khỏi hang động và trở về thành phố[4347] .

Như vậy, ngay cả sau khi qua đời, Đức Chúa Trời vẫn tôn vinh vị thánh nhân của Ngài[4348] . Vì tất cả những điều này, xin dâng lên Đức Chúa Trời của chúng ta vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men[4349] .

Bài thánh ca, giọng 4:

Thiên thần trong xác phàm, nền tảng của các tiên tri, Tiền Hô thứ hai cho sự giáng lâm của Đấng Kitô, Ê-li vinh quang, Đấng được sai xuống từ trên cao ban ân sủng cho Ê-li-sê để xua đuổi bệnh tật và thanh tẩy những người bị hủi: vì thế, Ngài cũng ban ơn chữa lành cho những ai tôn kính Ngài.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã hiện ra là Tiên tri của Thiên Chúa, nhận được ân sủng dồi dào, thực sự xứng đáng với ngài, Ê-li-sê đáng chúc tụng: vì ngài là bạn đồng hành của Ê-li, xin ngài cùng với ngài không ngừng cầu nguyện với Chúa Kitô, Thiên Chúa, cho tất cả chúng con.

Cuộc đời của Thánh Cha Mê-phô-đi-ô, Tổng Giám mục Constantinople.

Ngày kỷ niệm: 14 tháng 6

Sinh ra tại Sicily[4350] , Thánh Mê-phô-đi-ô, vị thánh của Chúa Kitô, đã nhận lấy đời sống tu sĩ từ thuở thiếu thời và sống một cuộc đời đạo đức. Trong thời trị vì của Lê-ô người Armenia[4351] , người chống thánh tượng, ngài đã đảm nhiệm chức vụ thư ký ngoại giao[4352] dưới thời Đức Thánh Phụ Nikifor, Tổng Giám mục Tsargrad. Đức Thánh Phụ Nikifor đã cử Thánh Mê-phô-đi-ô đến gặp Đức Giáo hoàng tại Rô-ma[4353] với một nhiệm vụ liên quan

---

[4347] Theo Thánh Phê-ô-đô-ri-tô, phép lạ sau khi qua đời của vị tiên tri có ý nghĩa như sau: "Ngay cả sau khi qua đời, vị tiên tri vẫn làm sống lại người chết được mang đến trước mặt ngài, để phép lạ này cũng làm chứng về ân sủng đặc biệt mà ngài đã nhận được, trái ngược với vị thầy của ngài". Ngoài ra, mục đích tạm thời của phép lạ có thể là khích lệ dân Israel chiến đấu chống lại kẻ thù, còn mục đích vĩnh cửu và cốt lõi là làm chứng cho sự thật về sự phục sinh chung của người chết trong tương lai. Cụ thể, điều này chứng minh tính chân thực của việc Giáo hội Chính thống tôn kính các di cốt của các thánh nhân được Chúa yêu mến. Như vậy, quyền năng của Chúa, vốn ở trên nhà tiên tri Ê-li-sê khi còn sống, đã được truyền sang các di cốt của ông qua phép lạ này.

[4348] Ngoài vô số lời tiên tri, phép lạ và ân huệ ban cho con người, Tiên tri Ê-li-sê còn đóng góp rất nhiều vào sự phát triển và nâng cao các trường đào tạo tiên tri (2 Vua 2:1–25, 3:1–27, 5:1–27 v.v.) và không nghi ngờ gì nữa, phần lớn các tiên tri xuất hiện vào thời các vua – những người đã phần thì bằng lời nói, phần thì bằng văn bản – để duy trì đức tin và lòng kính sợ Đức Chúa Trời trong dân chúng – đều xuất thân từ các trường học này.

[4349] Giê-su, con trai của Si-ra-khô, trong lời ca ngợi tiên tri Ê-li-sê, đã nói như sau: *"Được tràn đầy Thánh Thần của Ê-li, Ê-li-sê không hề run sợ trước vua trong suốt cuộc đời mình, và không ai có thể chế ngự được ngài; không điều gì có thể đánh bại ngài, và sau khi ngài qua đời, thi thể ngài vẫn tiếp tục tiên tri; như khi còn sống ngài đã thực hiện những phép lạ, thì sau khi qua đời, những việc làm của ngài cũng thật kỳ diệu"* (Sách Sirach 48:12–16). Trong Tân Ước, chính Chúa đã nhắc đến Ê-li-sê như một vị tiên tri vĩ đại của Đức Chúa Trời, qua những phép lạ và sự chữa lành của ông, Ngài cho thấy những con đường khôn ngoan của sự quan phòng của Đức Chúa Trời. *"Có rất nhiều người bị bệnh hủi ở Israel dưới thời tiên tri Ê-li-sê," Ngài nói để chỉ trích sự thiếu đức tin của đồng bào mình, "nhưng không ai trong số họ được thanh tẩy, ngoại trừ Na-man, người Sy-ri"* (Lc 4:23–27).

[4350] Sicily là một trong những hòn đảo lớn nhất của Địa Trung Hải; nó được ngăn cách với lục địa bởi eo biển Messina.

[4351] Lê V người Armenia trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[4352] Các "apokrisiaris" là những đại diện tạm thời hoặc thường trực của các giám mục thuộc các giáo hội quan trọng nhất tại triều đình nhà vua, những người phụ trách mọi mối quan hệ giữa giáo hội của họ và các đại diện của giáo hội đó với chính quyền tối cao.

đến các vấn đề Giáo hội; tại đây, ở Roma, ngài đã cố ý ở lại trong một thời gian khá dài, bởi vì tên vô đạo Lê-vơ, sau khi lật đổ Đức Thánh Cha Nikiforos khỏi ngai Tòa Thượng phụ, đã đưa tên dị giáo chống thánh tượng Theodotus Melissius, biệt danh Cassiter, lên thay thế[4354] . Sau khi vua Lê-ô và vị tổng giám mục giả mạo Thê-ô-đốt qua đời, thánh Mê-phô-đi-ô đã trở về từ Rô-ma Cổ về Rô-ma Mới[4355] . Với chức vụ linh mục, ngài đã phụng sự Chúa trong sự công chính và đạo đức, không ngừng đấu tranh chống lại tà thuyết chống thánh tượng, vốn đang gia tăng mạnh mẽ vào thời điểm đó: sau khi Vua Lê người Armenia băng hà, một kẻ dị giáo chống thánh tượng khác là Michael Valvos hay Travlos[4356] đã lên ngôi; các tổng giám mục trong thời kỳ của ngài đều là những người vô đạo. Và vị thánh phúc lành Mê-phô-đi-ô đã đảm nhận một công việc vĩ đại, tranh luận với những kẻ dị giáo và làm họ phải xấu hổ. Vì những hoạt động như vậy, vị vua vô đạo đã hành hạ và giam cầm thánh Mê-phô-đi-ô trong ngục tối, như nhà sử học Hy Lạp Zonaras đã ghi chép[4357] : ông kể lại rằng, vào đầu triều đại của mình, Mi-khail Travlos đã tỏ ra là một vị vua nhân từ: ông đã giải thoát nhiều vị thánh phụ, những người bị Lê-ô người Armenia giam cầm vì việc tôn kính các bức tượng thánh, khỏi xiềng xích và nhà tù; nhưng sau đó, khi đã trôi qua một khoảng thời gian khá dài, Mi-khail đã hủy bỏ việc làm tốt đẹp này – vốn được thúc đẩy bởi sự giả dối – và, không che giấu sự độc ác vô đạo của mình, đã phát động cuộc đàn áp chống lại các tín hữu Chính Thống. Với cơn thịnh nộ, ông đã tấn công Thánh Mêphôdiô và Thánh Êu-phim, Giám mục Sardis – chưa kể đến nhiều người khác, những người đã phải chịu nhiều đau khổ dưới tay ông. Ông đã đày Euphymius đi lưu đày vì việc tôn kính các bức tượng thánh, còn Thánh Methodius thì bị giam cầm trong ngục tối tại Akrit[4358] . Chính Zonaras đã mô tả sự vô đạo đức của Michael Traulos như sau: theo lời ông, Michael đã bắt chước Hoàng đế Kopronymus trong mọi việc[4359] ; vì nể trọng người Do Thái, ông ra lệnh phải ăn chay vào ngày Sabát; không tin vào sự phục sinh của người chết, Michael chế giễu niềm hy vọng về cuộc sống hạnh phúc sau khi chết; ông chế nhạo những lời tiên tri của các thánh tiên tri, khẳng định rằng ma quỷ không tồn tại và không coi những hành vi xác thịt đồi bại là tội lỗi: tôn vinh Giu-đa, kẻ phản bội, như một vị thánh, Michael cho rằng người này sẽ được cứu rỗi. Ông ta căm ghét giáo lý Kinh Thánh và cản trở các bậc cha mẹ gửi con cái vào các trường học Chính Thống Giáo, để khi học Kinh Thánh, chúng không vạch trần sự điên rồ của ông ta, mà vẫn ở trong tình trạng mù chữ và thiếu học thức, từ đó đi theo sự lầm lạc dị giáo của ông ta. Đó là lời của Zonara. Thánh Mê-phô-đi-ô đã dũng cảm chống lại vị vua tà đạo, như một vị mục tử khôn ngoan, thông thạo Kinh Thánh, các tín điều Chính Thống và truyền thống của các vị Thánh Tổ; vì điều này, với tư cách là người làm chứng cho sự thật, ngài không chỉ phải chịu xiềng xích và ngục tù, mà còn cả những vết thương.

Sau khi Michael Travlos qua đời, con trai ông là Theophilus[4360] lên ngôi – người thừa kế không chỉ ngai vàng mà còn cả sự tà tín của cha mình. Theophilus đã tra tấn nhiều người vì việc tôn kính các thánh tượng một cách chân thành; tuy nhiên, vì yêu thích học vấn, ông đã khôi phục lại các trường học đã bị bỏ hoang ở Constantinople và ra lệnh cho các lớp học tại đó tiếp tục hoạt động. Chính ông cũng đã giải thoát Thánh Mêphôdiô khỏi nhà tù, như nhà sử học Hy Lạp Michail Glykos đã thuật lại: "Một cách chưa từng có," ông nói, "và kỳ diệu, Đức Chúa Trời đã giải thoát Mêphôdiô khỏi nhà tù u ám: Theophilus, vì tình yêu với tri thức, thường dành thời gian để đọc sách; một lần, hoàng đế tình cờ cầm được một cuốn sách mà nội dung của nó ông không hiểu rõ; một trong những cận thần đã nói với Theophilus rằng Thánh Methodius, người đang bị giam cầm trong ngục tối ở Akrit, nổi tiếng với khả năng giải thích những đoạn khó hiểu trong sách. Ngay lập tức, nhà vua ra lệnh đưa Thánh Mê-phô-đi-ô từ nhà tù đến gặp mình; sau khi gặp gỡ và trò chuyện với ngài, nhà vua nhận ra rằng Thánh Mê-phô-đi-ô là một người khôn ngoan, và đã phóng thích ngài vì lòng kính trọng.

[4353] Rome, thủ đô của Đế chế La Mã, nằm ở vùng trung tâm của Ý và tọa lạc hai bên bờ sông Tiber, tại nơi con sông này đổ ra biển.
[4354] Theodor I Cassiter là tổng giám mục từ năm 815 đến năm 822.
[4355] Tức là Tsargrad hay Constantinople.
[4356] Michael II, người nói lắp, trị vì từ năm 820 đến năm 829.
[4357] Zonaras Ioannes – nhà sử học và nhà luật học giáo hội Byzantine, là người cùng thời với Hoàng đế Alexios Komnenos (1080–1118). Vị trí hàng đầu về giá trị trong các tác phẩm văn học của Zonaras thuộc về bản chú giải của ông về toàn văn các quy tắc giáo hội. Một tác phẩm lớn khác của Zonara là "Ἐπιτομη ιστοριων" – bản tóm tắt theo trình tự thời gian các sự kiện lịch sử thế giới từ khi thế giới được tạo dựng cho đến khi Hoàng đế Ioannes Komnenos lên ngôi (năm 1118). Ngoài ra, Zonara còn để lại các bức thư, tiểu sử các thánh, các bài thánh ca, v.v.
[4358] Có lẽ là gần Mũi Akrit.
[4359] Constantine Copronymus trị vì từ năm 741 đến năm 778.
[4360] Théophyle trị vì từ năm 829 đến năm 842.

Sau khi được trả tự do, Thánh Methodius lại tiếp tục cuộc tranh luận với những kẻ dị giáo, dạy rằng cần phải dành cho các thánh tượng sự tôn kính và sự thờ phượng xứng đáng; vì thế, ngài lại một lần nữa gánh chịu cơn thịnh nộ của những kẻ chống thánh tượng: hoạt động của Thánh Mê-phô-đi-ô nhằm bảo vệ Chính Thống Giáo đã đến tai nhà vua, người đã vô cùng tức giận với vị thánh của Chúa, nhưng lại giấu kín sự bất mãn của mình cho đến khi thời cơ thuận lợi hơn. Vào những ngày đó, người Hy Lạp đang giao chiến với người Saracen[4361] , và nhà vua buộc phải đích thân có mặt tại quân đội. Khi lên đường đến các đạo quân, nhà vua đã mang theo cả Thánh Mê-phô-đi-ô, một phần như để cầu nguyện, một phần để trao đổi về Kinh Thánh và giải đáp những thắc mắc khó hiểu, mà nhà vua đã nhận thấy rằng Thánh Mê-phô-đi-ô rất giỏi trong việc giải thích. Thực ra, nhà vua đưa vị thánh nhân của Chúa đi cùng vì lo ngại rằng, nếu Thánh Mê-phô-đi-ô ở lại thủ đô, có thể sẽ nảy sinh sự phẫn nộ của dân chúng chống lại những kẻ bài tượng: dân chúng yêu mến vị thánh nhân này như một người thánh thiện và có học thức, am hiểu sâu sắc không chỉ về lĩnh vực quản lý tinh thần mà còn cả lĩnh vực dân sự; chính vì thế mà nhà vua không để ngài ở lại kinh đô trong thời gian mình vắng mặt, mà đã đưa ngài theo cùng. Nhưng rồi, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, quân Izmail đã đánh bại quân Hy Lạp, tiêu diệt gần như toàn bộ quân đội của nhà vua, đến nỗi nhà vua chỉ vừa kịp thoát thân cùng một số ít tàn quân còn sót lại từ các trung đoàn của mình; lúc đó, nhà vua vô đạo đã trút cơn giận lên Thánh Mê-phô-đi-ô, cơn giận mà ông đã giấu kín trong lòng bấy lâu nay:

– Chính vì thế mà Đức Chúa Trời đã ban chiến thắng cho kẻ thù của chúng ta, – Theophilus nói, – bởi vì trong số chúng ta có những kẻ thờ thần tượng.

Thánh Mê-phô-đi-ô đã phản bác lại như sau:

– Chúa, Đấng bị các Kitô hữu xúc phạm qua hình ảnh thánh của Ngài, đã nổi giận với họ và để cho kẻ thù chiến thắng chúng ta.

Tràn ngập cơn thịnh nộ, nhà vua đã đày Thánh Mê-phô-đi-ô, sau khi tra tấn dã man bằng roi da[4362] , đến một hòn đảo: tại đó, ông ra lệnh giam ông cùng với hai tên cướp trong một hang mộ sâu thẳm, nơi ánh sáng mặt trời không thể lọt vào. Vậy là Thánh Mê-phô-đi-ô trở thành người chết mà vẫn còn sống, giống như Giô-na trong bụng cá voi, ở trong lòng đất và tạ ơn Chúa. Một ngư dân được giao nhiệm vụ mang thức ăn cho ngài, nhưng với lượng rất ít, chỉ đủ để ngài không chết đói; những kẻ hành hạ muốn kéo dài sự sống của vị thánh nhân, và cùng với đó là những đau khổ của ngài trong ngôi mộ ấy.

Trong thời gian Thánh Mê-phô-đi-ô bị giam cầm, vua Thê-ô-phi-lô đã ra lệnh tra tấn hai vị thánh chứng nhân Thê-ô-đô-rô và Thê-ô-pha-nô vì họ tôn kính các bức tượng thánh: trên khuôn mặt họ, người ta đã dùng sắt nung đỏ để khắc dòng chữ chứng tỏ việc họ thờ phượng các bức tượng thánh, sau đó nhà vua đã đưa các vị tử đạo vào tù đày. Con đường của họ đi ngang qua hòn đảo nơi Thánh Mê-phô-đi-ô đang chịu khổ, bị giam cầm trong hang mộ. Tình cờ gặp một ngư dân đang mang thức ăn cho người tù, các vị thánh chứng nhân đã hỏi han từ ông ta mọi chi tiết về vị thánh được Chúa yêu mến. Vì không thể gặp mặt thánh Mê-phô-đi-ô do những người áp giải họ đi giam cầm rất nghiêm khắc, nên Thê-ô-đô-rô và Thê-ô-phân đã viết cho ngài lời chào sau đây, và chính ngư dân đó đã nhận trách nhiệm chuyển lời đến nơi cần đến:

"Gửi đến người còn sống nhưng như đã chết, đang nằm trong quan tài; gửi đến người trần thế nhưng đang lang thang trên các miền trời; gửi đến người đang mang xiềng xích, những người bị xiềng xích, những người có 'khuôn mặt in hằn dấu vết'."

Sau khi đọc lời chào này, được gửi đến cùng với người đánh cá, và nghe người này kể về những chiến công của các thánh tử đạo, Thánh Mê-phô-đi-ô đã tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho họ lòng dũng cảm như vậy. Sau đó, ngài cũng đáp lại lời chào của họ bằng bức thư như sau: "Người đã bị chôn vùi trước khi chết và bị xiềng xích chào hỏi những tù nhân ấy, trong số đó mỗi người, với 'khuôn mặt được khắc ghi', đã ghi nỗi đau vào Sách Sự Sống."

Trong thời gian bị giam cầm trong quan tài, Thánh Mê-phô-đi-ô đã ở đó cho đến khi Vua Thê-ô-phi-lô qua đời, và khi (một) quan tài đã thực sự đón nhận người chết[4363] , thì quan tài kia, giống như con cá voi đã nhả ra nhà

[4361] Người Saracen – hay còn gọi là người Ả Rập.

[4362] Théophyle đã ra lệnh đánh vào má Thánh Mêphôdiô, khiến hàm của ngài bị gãy đến mức Thánh Mêphôdiô mang một vết sẹo xấu xí suốt đời. Khi trở thành tổng giám mục, Thánh Mê-phô-đi-ô đã cắt hai đầu mũ trùm đầu và dùng chúng buộc quanh hàm để che đi vết sẹo, như một sự tôn kính dành cho vị chứng nhân; và tất cả các tu sĩ, noi gương ngài, đều bắt đầu đội mũ trùm đầu có cắt hai đầu.

[4363] Tức là vua Theophilus.

tiên tri Giô-na từ bụng mình, đã ban tặng cho thế gian "người chết còn sống"[4364] . Khi cái chết dùng ngón tay của cái chết che mắt Theophilus và đóng chặt đôi môi bất kính của ông, khiến cái lưỡi phỉ báng phải im lặng, thì vị chứng nhân vinh quang ấy đã nhìn thấy ánh sáng ban ngày và một lần nữa mở miệng ra để rao giảng đức tin. Sau khi Theophilus qua đời, con trai ông là Michael III lên ngôi, và do ông còn nhỏ tuổi nên mẹ ông là Theodora đã nắm quyền cai trị[4365] . Mối quan tâm hàng đầu của nữ nhiếp chính là việc duy trì hòa bình trong Giáo hội, vốn đã bị xáo trộn hoàn toàn bởi phong trào chống thánh tượng: từ thời vị vua chống thánh tượng đầu tiên là Lêô Isaurian[4366] cho đến khi Thêôphila qua đời đã trôi qua một trăm hai mươi năm; trong suốt thời gian đó, hình ảnh Chúa Kitô bị chính các Kitô hữu xúc phạm, và Đức Chúa Trời phẫn nộ đã giáng xuống vương quốc Kitô giáo không ít tai họa vì điều này. Trong những năm đó, người Saracen đã chiếm đóng nhiều quốc gia Kitô giáo và bắt nhiều cư dân làm tù binh đưa về lãnh thổ của họ. Cùng thời điểm đó, Nhà nước Hy Lạp-La Mã bị chia rẽ thành hai vương quốc: trong khi trước đây, vị vua của Tân La Mã (hay vua Hy Lạp) còn cai trị cả Cựu La Mã, khiến Đông và Tây được thống nhất dưới quyền cai trị của một vị vua Hy Lạp duy nhất. Tuy nhiên, do sự phát triển của tà thuyết chống thánh tượng, gắn liền với những cuộc tra tấn đẫm máu tàn bạo đối với vô số những người kiên trì đức tin, phương Tây đã tách khỏi quyền cai trị của các vị vua Hy Lạp và tự lập ra một vị vua riêng cho mình. Do đó, vị vua Hy Lạp buộc phải cai trị chỉ riêng Hy Lạp, và thậm chí không phải toàn bộ, bởi vì Palestine cùng thành phố thánh Jerusalem, Syria, Ả Rập, cũng như Ai Cập cùng các vùng lãnh thổ thuộc quyền cai trị của ông, đã bị người Saracen chiếm đóng. Tất cả những điều này đều do Đức Chúa Trời cho phép xảy ra vì những tội lỗi của các Kitô hữu, những người đã sa ngã khỏi đức tin vào tà giáo và xúc phạm các thánh tượng. Xét đến hoàn cảnh này, Nữ hoàng Theodora – người đạo đức và tràn đầy trí tuệ được Thiên Chúa soi sáng – đã dốc hết sức lực để, bằng cách tiêu diệt tà thuyết chống thánh tượng đáng nguyền rủa trong Vương quốc Kitô giáo, củng cố đức tin chân chính, và khôi phục việc tôn kính các thánh tượng cao quý như món trang sức quý giá của Cô dâu Chúa Kitô, tức là Giáo hội Thánh. Bà ra lệnh giải phóng khỏi xiềng xích và tù đày, cũng như đưa tất cả các vị chứng nhân đức tin trở về từ nơi lưu đày, để họ có thể tham dự Công đồng tại Constantinopolis, nơi sẽ đưa các thánh tượng trở lại các nhà thờ với sự tôn kính xứng đáng. Theo sắc lệnh này, Thánh Mê-phô-đi-ô cũng đã được giải thoát khỏi nhà tù chôn sống. Trên ngai Thượng phụ, như một sự ghê tởm của sự hoang tàn tại nơi thánh thiêng, vẫn còn hiện diện tên giả Thượng phụ Gioan, biệt danh là Anni[4367] , – một kẻ dị giáo và phù thủy, được vua Theophilus đưa lên ngai tòa; và vì các vị thánh phụ không muốn có bất kỳ mối quan hệ nào với hắn, nên hoàng hậu đạo đức Theodora đã tước bỏ ngai tòa của vị giả mạo tổng giám mục nói trên và trục xuất hắn khỏi Giáo hội như đuổi một con lợn rừng ra khỏi vườn nho. Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, Thánh Mê-phô-đi-ô, vị chứng nhân đức tin, đã được tấn phong lên ngai tòa tổng giám mục, mang lại niềm vui khôn tả cho tất cả các tín hữu Chính Thống.

Việc thánh Mê-phô-đi-ô được tấn phong này, xảy ra nhờ sự lựa chọn của Thiên Chúa hơn là của con người, đã được thánh Ioannikios Vĩ Đại tiên báo từ trước, như cuốn tiểu sử của ngài ghi chép như sau: Vị tu viện trưởng tu viện Agavron, Evstratius, đã từng hỏi thánh Ioannikios:

– Thưa Cha, đến bao giờ các thánh tượng mới không còn bị chà đạp nữa (và tình trạng này sẽ kéo dài đến bao giờ), khi mà các Giáo hội không được phục hồi, những kẻ bách hại ngày càng gia tăng và bầy chiên của Chúa Kitô bị các thú dữ cướp bóc?

Thánh Cha đã trả lời như sau:

– Hãy chờ thêm một chút nữa, anh em ơi, và anh sẽ thấy sự biểu lộ quyền năng của Thiên Chúa: một người tên là Mê-phô-đi-ô sẽ đảm nhận việc quản lý Giáo hội; được Thánh Thần soi sáng, ngài sẽ lãnh đạo Giáo hội theo lẽ thật, tiêu diệt các tà thuyết, củng cố Giáo hội bằng các tín điều chính thống, mang lại sự bình an và sự đồng lòng; còn những kẻ chống đối sẽ bị bàn tay phải của Đấng Tối Cao khuất phục,

Lời tiên tri của Thánh Ioannikios đã ứng nghiệm một cách rõ ràng nơi Thánh Methodius. Sau khi Vua Theophilus qua đời, ngài được tấn phong làm Thượng phụ Constantinopolis, với tư cách là người xứng đáng với chức vụ cao quý ấy, là trụ cột vững chắc của đức tin chính thống và là sự khẳng định bất di bất dịch của lòng đạo đức, là chiến binh của Chúa Kitô được trang hoàng bằng sự tử đạo, được Thiên Chúa báo trước và được vị thánh có

[4364] Tức là Thánh Mê-phô-đi-ô.
[4365] 842–855. Michael III "Kẻ Say Rượu" trị vì từ năm 855 đến 867.
[4366] Lev III Isavrian trị vì từ năm 716–741.
[4367] Ông là tổng giám mục trong giai đoạn 832–842.

tầm nhìn xa trông rộng chỉ định trước cho chức vụ giám mục vĩ đại. Thánh Mê-phô-đi-ô cùng với Hoàng hậu Thánh Thê-ô-đô-ra đã triệu tập Công đồng Địa phương tại Constantinople, công đồng này đã xác nhận các quyết định tín lý của Công đồng Đại kết lần thứ bảy, được triệu tập dưới triều đại của Constantine và Irene tại Nicaea để đối phó với những người chống thánh tượng[4368] . Còn những ai không chấp nhận các giáo lý của Công đồng Toàn cầu này, Công đồng Địa phương do Thánh Mê-phô-đi-ô chủ trì đã tuyên bố họ bị vạ tuyệt thông lần thứ hai. Mang lại niềm vui cho các tín hữu Chính Thống, biến sự hỗn loạn trong Giáo hội thành hòa bình, biến cơn bão táp và xáo trộn thành sự tĩnh lặng, các vị cha của Công đồng đã long trọng rước các bức thánh tượng chính thống vào Nhà thờ Chúa trong tuần đầu tiên của Mùa Chay. Và niềm vui lớn lao không chỉ tràn ngập tại Constantinople, mà còn lan tỏa khắp mọi nơi trên thế gian, nơi có các tín hữu Chính Thống giáo sinh sống.

Khi các tín hữu Chính Thống Giáo khắp nơi đang cử hành lễ hội thiêng liêng, lòng ghen tị đã dày vò trái tim những kẻ mà trong tâm hồn họ đã ăn sâu tà thuyết chống thánh tượng: đó chính là vị giả mạo Thượng phụ Annius đã bị lật đổ khỏi ngai vàng, cùng người anh em của ông là Areabor, người mang tước hiệu thượng nghị sĩ và từng ngồi trong hội đồng hoàng gia; cũng như một số quan lại cao cấp và những người có địa vị thấp hơn. Không biết phải làm gì, vì lòng thù hận, họ đã nghĩ ra cách để vu khống Đức Thánh Mê-phô-đi-ô. Để đổi lấy vàng, bọn dị giáo đã thuê một phụ nữ quý tộc có cùng quan điểm với chúng – con trai bà ta là Ipat[4369] tại Smyrna – để bà ta, theo chỉ dẫn của chúng, đến gặp hoàng hậu và các gia sư của vị vua trẻ, và báo cho họ biết rằng, dường như vị tổng giám mục mới được tấn phong là Mefodiy đã có quan hệ bất chính với bà ta. Những kẻ vu khống đã hành động như vậy với toan tính rằng, nếu họ thành công trong việc làm ô danh tổng giám mục bằng cách lan truyền những lời đồn đại xấu xa về ông trong dân chúng và qua đó làm nhục danh tiếng của ông, thì họ sẽ dễ dàng hơn trong việc bôi nhọ cả giáo lý của Thánh Mê-phô-đi-ô – người bảo vệ việc tôn kính các bức tượng thánh – lẫn chính các bức tượng thánh đó. Người phụ nữ bị những kẻ dị giáo xúi giục đã đến gặp hoàng hậu và những người dạy dỗ vị vua trẻ, rồi công khai trước mặt mọi người vu khống Thánh Mê-phô-đi-ô, đệ trình đơn tố cáo chống lại người chồng vô tội. Để lời vu khống của cô ta được coi là sự thật, cô ta đã khóc lóc, như thể là nạn nhân của hành vi cưỡng hiếp từ vị tổng giám mục mới được bổ nhiệm. Họ ngạc nhiên trước hành động của vị Thượng phụ, hành động đã gây ra một cám dỗ lớn; ngay lập tức, tin đồn lan truyền khắp thành phố, khiến những người Chính Thống giáo hoang mang, trong khi mang lại niềm vui và sự hân hoan cho những kẻ vô đạo. Những kẻ dị giáo chế giễu những người Chính Thống giáo: "Đây là vị Thượng phụ mà các ngươi có, đây là người mà các ngươi đang theo."

Khi những lời vu khống lan đến tai Đức Thánh Phê-rô Mê-phô-đi-ô, ngài băn khoăn không biết chúng thực sự xuất phát từ đâu. Nhưng với lương tâm trong sáng, ngài thầm vui mừng trước tai họa vô cớ này; đồng thời, Đức Thượng phụ cũng đau buồn khi chứng kiến sự cám dỗ lớn lao trong dân chúng và sự chế giễu của những kẻ dị giáo đối với các tín hữu Chính Thống. Vậy vị thánh vĩ đại này, người vô tội về hành động và trong sạch về lòng, người đã giữ gìn sự trong sạch nguyên vẹn của thân thể mình ngay từ khi còn trong bụng mẹ, đã hành động ra sao? Không phải vì muốn tự minh oan cho bản thân trước lời buộc tội sai trái, mà là để loại bỏ cám dỗ khỏi Giáo hội và bịt miệng những kẻ dị giáo dối trá, Thượng phụ đã quyết định, hy sinh lòng tự trọng của mình, tiết lộ căn bệnh mà trước đó chưa ai biết đến, căn bệnh mà ngài đang mắc phải và điều này rõ ràng chứng minh rằng vị Thượng phụ không thể phạm tội giao hợp xác thịt. Sau khi gửi thư đến cung điện hoàng gia, Đức Thượng phụ đã yêu cầu một phiên tòa công bằng để điều tra vụ việc giữa ngài và người vợ nói trên. Khi ra trước tòa án gồm những người chính trực, Đức Thượng phụ, không muốn tranh cãi với người phụ nữ vô liêm sỉ và mong muốn chứng minh một cách không thể chối cãi về sự vô tội của mình, đồng thời bị buộc phải gạt bỏ sự e thẹn tự nhiên – điều mà việc tuân thủ đặc biệt bắt buộc đối với một người ở địa vị của ngài, – Đức Thánh Phêrô đã phơi bày "chỗ kín" trên cơ thể mình, vốn đang bị bệnh tật hành hạ, đến nỗi "thân xác" dường như đã chết đi; và mọi người đều nhận ra lời vu khống của người phụ nữ đó sai lầm đến mức nào, vì họ thấy rằng một người ốm yếu như vậy không thể phạm tội xác thịt được. Và các tín hữu Chính Thống Giáo đã hân hoan vì cám dỗ trong Giáo Hội đã bị tiêu diệt và sự sỉ nhục đã được gỡ bỏ khỏi các con cái của đức tin. Còn những kẻ dị giáo thì chìm trong sự xấu hổ và miệng lưỡi gian ác của chúng đã bị bịt kín; căn bệnh của chúng đã quay lại giáng xuống đầu chúng, và sự chế nhạo của chúng đã mang lại sự sỉ nhục và sự hủy diệt cho chính chúng.

[4368] Vào năm 787.

[4369] Thống đốc.

Khi các quan tòa hỏi Đức Thánh Mê-phô-đi-ô rằng căn bệnh này đã ập đến với ngài như thế nào, ngài, khi tiết lộ căn bệnh của mình, cũng đã nói ra nguyên nhân của nó, điều mà cho đến nay ngài cũng chưa từng nói với ai: "Khi ấy," ngài nói, "tôi được Đức Thượng phụ Nikiforos cử đi gặp Đức Giáo hoàng tại Rôma và ở lại đó một thời gian, vào lúc đó, dưới sự xúi giục của kẻ thù của xác thịt, Thiên thần Sa-tan, tôi đã bị cơn ham muốn xác thịt mãnh liệt tấn công, kèm theo sự kích thích của các bộ phận sinh dục; nhiều ngày đêm tôi đã chiến đấu với dục vọng, kiệt sức vì nhịn ăn và thức trắng, và tự hành xác bằng đủ loại lao động; và vì dục vọng vẫn không buông tha tôi, và tôi cảm thấy mình sắp sa ngã, nên tôi đã quỳ xuống trước Thánh Tông đồ Phêrô tối cao với nước mắt, phó thác bản thân cho sự giúp đỡ của ngài và cầu xin ngài ban ơn tha thứ: tôi đã cầu xin ngài, bằng sức mạnh ân sủng mà Thiên Chúa đã ban cho ngài, hãy giải thoát tôi khỏi cuộc chiến xác thịt và nhờ đó đừng để thân xác tôi, vốn đã được thánh hiến cho sự trong sạch, bị ô uế. Khi tôi chìm vào giấc ngủ ngắn trong nỗi buồn, Thánh Tông đồ Phêrô đã hiện ra và chạm tay phải vào những bộ phận kín đáo của thân thể tôi; từ cái chạm đó, tôi cảm thấy cơn đau dữ dội – như thể ai đó đã dùng lửa thiêu đốt chỗ bị bệnh; tôi rên rỉ thảm thiết. Thánh Tông đồ Phêrô bèn nói với tôi: "Từ nay trở đi, ngươi sẽ không còn phải chịu những cám dỗ tội lỗi xác thịt nữa." "Tôi lập tức tỉnh giấc và phát hiện ra vết thương mà các ngài đã thấy."

Câu chuyện của Thánh Mê-phô-đi-ô đã làm lay động lòng các quan tòa: họ tuyên bố ngài vô tội; còn người phụ nữ kia, họ ra lệnh trừng phạt để buộc cô ta phải khai ra ai đã xúi giục cô vu khống vị giám mục vô tội và trong sạch của Đức Chúa Trời. Ngay lập tức, các đao phủ xuất hiện để dẫn cô ta đi chịu hình phạt; còn bà ta, khi nhìn thấy thanh gươm trần, ngọn lửa đã được chuẩn bị sẵn, những cây gậy gai nhọn hoắt, đã vô cùng hoảng sợ và, trước khi bị hành quyết, đã nói ra sự thật: bà nêu tên tất cả những kẻ đã thuê mướn và dạy dỗ bà, tiết lộ về số vàng lớn nhận được từ những kẻ xúi giục, đồng thời chỉ ra nơi cất giấu số vàng đó trong nhà mình. Các thẩm phán đã cử những người hầu đáng tin cậy đến nhà người phụ nữ; họ đi đến đó và quả thực đã tìm thấy số vàng tại nơi mà người phụ nữ chỉ định, rồi mang số vàng đó đến trình cho các thẩm phán. Các thẩm phán đã tuyên án tử hình đối với cả người phụ nữ lẫn những kẻ đã xúi giục cô vu khống Thánh Mêphôdiô. Còn Đức Thượng phụ, với lòng nhân từ và là môn đệ trung thành, chân thật của Chúa, không những không cho phép thi hành án tử hình, mà còn tha thứ cho những kẻ thù của mình và giải thoát họ khỏi những đau khổ sắp phải chịu; Ngài chỉ áp đặt một hình phạt duy nhất lên họ, đó là trong tất cả các ngày lễ lớn, họ phải trang nghiêm cầm nến thắp sáng, đi từ Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội ở Vlacherna[4370] đến Nhà thờ Thánh Sofia, và tại cổng nhà thờ, họ phải lắng nghe lời nguyền rủa, điều này đã được tuân thủ. Khi đó, những lời phỉ báng của bọn dị giáo đã im bặt, và tà thuyết chống thánh tượng đã bị tiêu diệt hoàn toàn tại Constantinople nhờ ân sủng của Thiên Chúa, lời cầu nguyện và sự tận tụy không ngừng nghỉ của vị thánh nhân của Thiên Chúa, Đức Thượng phụ Thánh Mê-phô-đi-ô, người đã bước ra khỏi cơn hoạn nạn oan ức mà ngài phải chịu với vinh quang còn lớn lao hơn nữa.

Các kẻ thù của ngài không được ban cho điều mà Đa-vít đã cầu xin Đức Chúa Trời dành cho những kẻ phạm tội: *"Xin hãy làm cho mặt họ đầy ô nhục, để họ tìm kiếm danh Ngài, lạy Chúa"* (Thi Thiên 82:17). Bị che mờ bởi sự thù hận và có trái tim cứng như đá, họ đã thêm vào những việc ác ban đầu của mình những việc mới, không kém phần tồi tệ. Vị giả Thượng phụ Gioan nói trên, hay còn gọi là Annius, kẻ gây ra mọi điều ác, đã được cử đi viếng một tu viện; trong thời gian lưu lại đó, khi nhìn thấy các thánh tượng của Đấng Cứu Thế Kitô, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và các Thánh Thiên Thần – những thánh tượng vừa được các tín hữu sùng đạo phục hồi sau cuộc tàn phá của phong trào chống thánh tượng – Annius đã ra lệnh cho phó tế của mình móc mắt các thánh tượng đó. Phó tế đã làm theo lệnh. Chuyện này đã được báo cáo cho Hoàng hậu Theodora, người có đức tin vững vàng. Với lòng nhiệt thành vì Chúa Kitô, Đức Chúa Trời, bà đã ra lệnh móc mắt chính vị giả mạo tổng giám mục đó, nhưng sau đó, do bị thuyết phục bởi lời thỉnh cầu của một số thượng nghị sĩ, bà đã thay thế hình phạt ban đầu bằng hình phạt đánh roi: Nữ hoàng ra lệnh đánh hai trăm roi bằng những cây roi cứng vào vị giả mạo tổng giám mục, kẻ xứng đáng chịu vô số cực hình và nhiều cái chết; vì trong thời gian cầm quyền, hắn đã tra tấn đến chết nhiều tín hữu Chính Thống Giáo và ngay cả khi đang bị giam cầm, hắn vẫn không ngừng xúc phạm các thánh tượng.

Còn Đức Thượng phụ Thánh Mê-phô-đi-ô, sau tất cả những biến động trong Giáo hội và sau nhiều tai ương mà ngài phải chịu đựng vì bức tượng Chúa Kitô, đã dành phần đời còn lại của mình để lãnh đạo Giáo hội trong bình an và tĩnh lặng, tô điểm ngai tòa Thượng phụ tại Constantinople bằng dung nhan như thiên thần và đời sống thánh thiện như thiên thần, dẫn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô đến với chân lý và nuôi dưỡng họ bằng những giáo lý được

[4370] Vlacherna – một khu vực ở Constantinople.

Thánh Thần soi sáng. Dưới ảnh hưởng của ngài, lòng tôn kính các thánh tượng ngày càng gia tăng, bởi thực chất, chính những nhân vật được khắc họa trên đó mới là đối tượng được tôn kính; đồng thời, ngài cũng quan tâm đến việc tại Constantinople, các di cốt thiêng liêng của các vị thánh được tôn vinh xứng đáng như xưa; trong thời kỳ những kẻ chống thánh tượng cầm quyền, các di cốt thiêng liêng đã bị sỉ nhục giống như các bức thánh tượng – người ta nhổ nước bọt lên chúng, giẫm đạp lên chúng, lôi kéo chúng một cách nhục mạ trên các đường phố, ném chúng vào đầm lầy và phân bón, đôi khi còn tiêu hủy chúng bằng cách đốt cháy hoặc nhấn chìm; chỉ những di cốt nào được bàn tay của những người sùng đạo vội vàng chôn giấu dưới đất để tránh khỏi tay những kẻ vô đạo mới được bảo toàn nguyên vẹn. Tất cả những điều này đã dẫn đến việc ngay cả tin đồn về các di cốt của các thánh nhân được Chúa yêu mến cũng biến mất khỏi Constantinople; chính vì lý do đó, Thánh Mê-phô-đi-ô của Chúa Kitô đã dốc hết sức lực để một lần nữa làm phong phú thêm Constantinople bằng các di cốt thiêng liêng và dạy dỗ các tín hữu Chính Thống Giáo cách tôn kính chúng một cách xứng đáng. Trước hết, ngài đã long trọng rước di hài của Thánh Phê-ô-đô-rô Stoudita từ nơi an táng ban đầu về thủ đô; di hài này vẫn còn nguyên vẹn sau mười tám năm kể từ ngày ngài về với Chúa. Sau đó, ngài đã rước thi hài thánh của Thượng phụ Nikiforos về Tsargrad, vốn đang an nghỉ tại nơi ngài bị lưu đày; việc Thượng phụ Methodius rước thi hài thánh của vị Thượng phụ mà ngài từng là thư ký và người đã cử ngài đi Roma này được ghi chép chi tiết vào ngày 13 tháng Ba. Cuối cùng, ngài đã chuẩn bị thân thể đầy gian khổ, đau khổ và được thánh hóa bởi sự trong sạch của mình như một kho báu quý giá, để trở thành di thể bất hoại cho Giáo hội Constantinopolis: ngài đã gần kề cái chết của mình, điều mà chính ngài đã tiên đoán và cũng đã nhận được lời tiên tri từ Thánh Ioannikios. Sau khi tiên đoán cho ngài chức Thượng phụ ngay từ đầu, ngài sau đó đã tiên đoán về sự ra đi của ngài. Cả hai, được Thánh Thần ban cho sự sáng suốt, đã tiên đoán trước sự ra đi của nhau, như được ghi chép trong cuốn tiểu sử của Thánh Ioannikios. Vào năm thứ năm triều đại của Michael, Thánh Thượng phụ Methodius, khi thấy sự ra đi về với Chúa của Thánh Ioannikios đang đến gần, đã đến gặp ngài cùng toàn thể hàng giáo sĩ của mình, để xin lời chúc lành và những lời cầu nguyện cuối cùng. Thánh Ioannikios, sau khi trò chuyện đủ lâu với Thánh Mêthodius và giảng dạy cho những người đi cùng ngài về đức tin Chính Thống, đã tiên đoán với Thượng phụ Mêthodius rằng chính ngài, sau khi ngài qua đời, cũng sẽ sớm chuyển từ cuộc sống tạm bợ sang cuộc sống vĩnh cửu; sau đó, sau khi cầu nguyện và chia tay lần cuối, họ chia tay nhau. Đức Thượng phụ trở về nơi ở của mình, còn Thánh Ioannikios ở lại trong phòng tu của ngài, cầu nguyện và chuẩn bị cho giờ lâm chung. Vào ngày thứ ba sau khi Đức Thượng phụ ra đi, vị Thánh và Cha thánh thiện của chúng ta, Ioannikios, đã về với Chúa (ngày 4 tháng 11); bảy tháng sau, vào ngày 14 tháng Sáu, Đức Thượng phụ Thánh Mê-phô-đi-ô[4371] cũng an nghỉ trong Chúa. Như vậy, lời tiên tri của Thánh Giô-an-ni-ki đã ứng nghiệm, rằng Đức Thượng phụ sẽ không chậm trễ sau khi ngài qua đời mà cũng sẽ ra đi về cõi vĩnh hằng.

Sau khi Đức Thánh Mê-phô-đi-ô qua đời, tiếng khóc than và tiếng nức nở vang dội khắp Giáo hội Constantinopolis, nơi đã mất đi một vị Cha vĩ đại và một ngọn đèn soi sáng toàn thế giới; ngài được an táng với những nghi lễ trang trọng, xứng đáng với một vị Giám mục có cuộc đời và sự phục vụ cao cả như vậy. Thánh Mê-phô-đi-ô đã chăn dắt Giáo hội của Đấng Christ trong bốn năm và ba tháng, rồi sau đó bước vào cuộc sống vĩnh cửu không bị thời gian làm phai mờ; được tôn vinh trong hàng ngũ các vị thánh giám mục, ngài đã trình diện trước Đấng Chăn Chiên Tối Cao và vị Giám mục vĩ đại, Đấng đã vượt qua cõi trời, là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Thiên Chúa được mọi thánh nhân tôn vinh; xin Ngài cũng nhận lấy vinh quang và danh dự từ chúng con, những kẻ tội lỗi, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã tu hành trên trần gian như một vị vô hình, và đã được thừa hưởng thiên đàng, hỡi Thánh Mê-phô-đi-ô, Đấng đã làm sáng tỏ sự thờ phượng các thánh tượng khắp nơi: vì đã kiên trì trong lao nhọc và đau khổ, Ngài không ngừng can đảm vạch trần những kẻ khinh miệt các thánh tượng của Đấng Christ.

[4371] Ngài qua đời vào năm 847; đã lãnh đạo Giáo hội trong 4 năm và 3 tháng. Thánh Methodius đã soạn thảo các quy tắc dành cho những người mới gia nhập đạo, được Giáo hội chấp nhận làm kim chỉ nam: ba nghi thức liên quan đến hôn nhân, các quy tắc sám hối và một số bài thánh ca; sau khi Thánh Methodius qua đời, còn lại một số bài giảng mục vụ.

Ngày 28 tháng 6

Ngày 15 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Iona, Tổng Giám mục Moscow và toàn nước Nga, vị thánh làm phép lạ.

Kỷ niệm Thánh Tiên tri Amos.

Ngày tưởng niệm 15 tháng 6

Thánh tiên tri Amos, sinh ra tại thành phố Fekui, thuộc xứ Giu-đa, gần Bê-lem, xuất thân từ một gia đình bình dân và không giàu có: ngài dành cả cuộc đời để chăn cừu. Còn Đức Chúa Trời, Đấng không nhìn đến những người giàu có và quyền thế, mà nhìn đến những người khiêm nhường và nghèo khó, đã chọn ngài, giống như Mô-sê và Đa-vít, từ việc chăn chiên để phục vụ trong chức vụ tiên tri (xem Xuất Hành 3:1–22, 1 Sa-mu-ên 16:1–23). Ngài đã truyền cho ông rời khỏi xứ Giu-đa và đi đến xứ Y-sơ-ra-ên, để tại đó, qua lời rao giảng tiên tri, dẫn dắt những người đã sa ngã vào sự thờ lạy thần tượng trở lại con đường ăn năn. Cần lưu ý rằng sau khi Sa-lô-môn qua đời (năm 954 trước Công nguyên) Giê-rô-am (953–931 TCN) cùng với mười chi phái Y-sơ-ra-ên đã ly khai khỏi Rô-bô-am, con trai của Sa-lô-môn (954–937 TCN), người đang trị vì tại Giê-ru-sa-lem: từ các chi phái ly khai này đã hình thành nên một vương quốc Israel riêng biệt, với Giê-rô-a-môn là vị vua đầu tiên (3 Vua 12:1–33). Kể từ thời vua Giê-rô-a-m, dân Y-sơ-ra-ên đã từ bỏ việc thờ phượng Đức Chúa Trời chân chính và bắt đầu thờ lạy các thần tượng. Giê-rô-a-m, với mong muốn củng cố quyền lực của mình đối với dân Y-sơ-ra-ên và lo sợ rằng họ, khi đi dự lễ tại đền thờ ở Giê-ru-sa-lem, có thể lại gia nhập với vua Giu-đa, nên đã lật đổ và giết chết vua đó, rồi đúc hai con bò vàng – ông biết rõ khuynh hướng thờ lạy thần tượng của thần dân mình – ngay cả tổ tiên của họ, khi ra khỏi Ai Cập qua Biển Đỏ vào sa mạc, cũng đã đúc cho mình một con bò bằng những chiếc bông tai vàng (Xuất Ê-díp-tô Ký 32:1–35). Sau khi làm xong hai con bò vàng nói trên, Giê-rô-am đặt một con ở Đan, còn con kia ở Bê-tên – hai thành phố trong lãnh địa của ông; đồng thời, ông ra lệnh cho dân Y-sơ-ra-ên không được lên Giê-ru-sa-lem, mà phải thờ lạy và dâng của lễ cho những con bò vàng đó, tổ chức các lễ hội long trọng để tôn vinh chúng; trong khi đó, vua nói với dân chúng: *"Này, đây là các thần của các ngươi, hỡi Y-sơ-ra-ên, những vị đã dẫn các ngươi ra khỏi Ai Cập"* (3 Vua 12:28).

Như vậy, Giê-rô-am đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên sa ngã. Dù Đức Giê-hô-va đã sai các tiên tri thánh của Ngài đến với dân Y-sơ-ra-ên để quở trách họ và dẫn dắt họ trở lại con đường chính trực, nhưng trong số họ chỉ có rất ít người ăn năn và trở về với Đức Chúa Trời chân thật; còn một số người thì vừa thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật, vừa thờ phượng những con bò vàng. Trong số các tiên tri này, Đức Chúa Trời đã sai người tôi tớ của Ngài, thánh A-mốt, đến với những lời cảnh cáo nghiêm khắc. Vị tiên tri của Đức Chúa Trời này tuy đơn sơ và không khéo léo trong lời nói, nhưng không phải vì thiếu trí tuệ: bởi vì chính Thánh Linh, Đấng đã hành động và phán qua miệng tất cả các tiên tri, cũng đang hành động và phán qua miệng ông. Thánh Amos đã thực hiện chức vụ tiên tri của mình vào thời vua Ô-si-a của Giu-đa (809–758 trước Công nguyên), với thủ đô là Giê-ru-sa-lem, và dưới triều vua Giê-rô-bô-am của Y-sơ-ra-ên, người có thủ đô tại Sa-ma-ri; nhưng đây không phải là Giê-rô-bô-am, người đã ly khai khỏi vương quyền Giu-đa và đúc những con bò vàng, mà là một người khác, sống muộn hơn[4372] ; tuy nhiên, giống như người tiền nhiệm cùng tên với mình, ông cũng là kẻ thờ thần tượng, phụng sự những con bò vàng. Thánh Amos bắt đầu tiên tri vào thời các vị vua này, hai năm trước trận động đất kinh hoàng ở Palestine, nguyên nhân của nó, theo các nhà văn cổ đại, là như sau: vua Giu-đa Ô-si-a, còn được gọi là A-xa-ri-a[4373] , vì lòng kiêu ngạo đã dám bước vào nơi thánh của đền thờ và dâng hương trên bàn thờ hương theo nghi thức của các thầy tế lễ; khi các thầy tế lễ phản đối việc này, ông đã đe dọa giết họ, và ngay lúc đó, một trận động đất kinh hoàng đã xảy ra tại Jerusalem và khắp Palestine, không chỉ khiến nhiều tòa nhà bị sụp đổ, mà thậm chí một số ngọn núi cũng bị dịch chuyển khỏi vị trí ban đầu[4374] , còn mái đền thờ thì nứt toác ở phía trên, và qua khe nứt đó, một tia nắng chiếu thẳng vào mặt nhà

[4372] 789–737 trước Công nguyên

[4373] Tức là những người bị bệnh hủi.

vua; ngay lập tức sau đó, trán nhà vua và toàn thân ông đều bị bệnh hủi bao phủ. Như vậy, Đức Chúa Trời đã không dung thứ cho sự bạo lực đối với bàn thờ của Ngài và sự sỉ nhục gây ra cho các linh mục của Ngài.

Trong những lời tiên tri của mình, được trình bày chi tiết trong cuốn sách mang tên ngài, Thánh Amos đã cảnh báo về những thảm họa khủng khiếp sẽ giáng xuống từ Đức Chúa Trời, không chỉ đối với Y-sơ-ra-ên mà còn đối với các quốc gia, thành phố và dân tộc lân cận: Syria, dân Philistine, Tyre, Edom, dân Ammon và dân Moab, đặc biệt là dân Israel, vì họ, sau khi đã biết Chúa, lại quay lưng lại với Ngài. Chúa không phẫn nộ trước tội lỗi của những dân ngoại chưa biết Ngài bằng tội lỗi của những người đã biết Ngài và được hưởng ân huệ của Ngài. Và Chúa đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên vô ơn những ân huệ nào chứ?! Ngài đã giải phóng họ khỏi ách nô lệ ở Ai Cập, dẫn họ qua biển như đi trên đất khô, ban manna cho những người đói khát trong sa mạc, làm cho nước chảy ra từ tảng đá cho những người khát, đuổi các dân tộc ra khỏi trước mặt họ và dẫn họ vào Đất Hứa, nơi tràn ngập mật ong và sữa. Thế mà họ lại tổ chức những lễ hội long trọng để tôn vinh những tượng thần bằng vàng được tạc hình con bò con, và reo lên: "Này, đây là các thần của các ngươi, hỡi Israel!" Những lễ hội này được cử hành với sự hoành tráng đặc biệt và đặc biệt thường xuyên tại Bê-tên, trên ngọn núi cao, nơi có tượng con bò con bằng vàng. Chính vì vậy, thánh A-mốt thường xuyên đến nơi này nhất; ngài cất cao tiếng nói trước dân chúng, cảnh báo họ về những hình phạt sắp đến của Đức Chúa Trời, khẩn cầu và khuyên răn họ từ bỏ sự vô thần, nhưng ít ai lắng nghe vị tiên tri. Lúc bấy giờ, tại Bê-tên có một thầy tế lễ phụng sự con bò vàng nói trên; khi thấy vị tiên tri của Đức Chúa Trời là Amos phỉ báng thần tượng, chê trách những của lễ dâng cho con bò vàng và khiến dân chúng xa lánh những lễ hội ô uế bằng cách nhắc nhở về sự phán xét đáng sợ của Đức Chúa Trời đối với những kẻ thờ lạy, vị thầy tế lễ đó đã vu khống ông trước mặt vua Giê-rô-bô-am của Y-sơ-ra-ên: "A-mốt," ông ta tố cáo, "đang gây rối loạn chống lại ngài trong nhà Y-sơ-ra-ên; đất nước không thể chịu đựng nổi mọi lời nói của ông ta, vì A-mốt đã phán như vầy: 'Hê-rô-am sẽ chết bởi gươm, còn Y-sơ-ra-ên chắc chắn sẽ bị bắt làm tù binh khỏi đất nước mình.'"

Bằng lời vu khống đó, thầy tế lễ A-ma-si-a muốn khơi dậy cơn giận của vua đối với nhà tiên tri A-mốt, nhưng vua không mấy để ý đến lời thầy tế lễ: dù là kẻ thờ thần tượng, ông vẫn kính trọng nhà tiên tri của Đức Chúa Trời và không muốn làm phiền ông. Thầy tế lễ, sau khi nhận ra rằng mình không thể xúi giục vua chống lại người của Đức Chúa Trời, đã tự mình bắt đầu dùng bạo lực để đuổi ông đi: ông ta đã nhiều lần đánh đập thánh Amos và đuổi ông khỏi Bê-tên, cấm ông đến dự các lễ hội tôn vinh con bò vàng và ngăn cản dân chúng dâng lễ vật và vui chơi trong các lễ hội; còn vị tiên tri thánh thì phớt lờ những lệnh cấm của thầy tế lễ cũng như những vết thương do ông ta gây ra; ông lại đến Bê-tên và lại nói với dân chúng bằng những lời tiên tri đầy giáo huấn và khuyên răn, và một lần nữa vị thầy tế lễ lại bắt giữ ông và đánh đập ông. Một lần nọ, vị thầy tế lễ gian ác đã nài nỉ thánh A-mốt: "Người tiên tri! Hãy đi và lánh sang xứ Giu-đa; ở đó ngài hãy ăn bánh và ở đó hãy tiên tri, còn tại Bê-tên thì đừng tiên tri nữa, vì nơi đó là thánh địa của vua và là cung điện của nhà vua."

A-mốt đáp lại và nói với A-ma-si-a: "Tôi không phải là tiên tri, cũng không phải con trai của tiên tri; tôi từng là người chăn cừu, hái quả si-cô-mô-[4375] . Nhưng Đức Giê-hô-va đã gọi tôi khỏi đàn cừu và phán với tôi: 'Hãy đi, rao giảng cho dân Y-sơ-ra-ên của Ta.' Bây giờ, hãy nghe lời Đức Giê-hô-va. Ngươi nói: 'Đừng rao giảng về Y-sơ-ra-ên và đừng nói lời nào về nhà Y-sác.' Vì điều đó, Đức Giê-hô-va phán như vầy: Khi dân A-si-ri đến xứ Y-sơ-ra-ên, chúng sẽ bắt dân làm tù binh và tàn phá xứ ấy, phá hủy các thành của nó và chiếm lấy thành này, thì trước mắt ngươi, những chiến binh vô liêm sỉ sẽ làm ô uế vợ ngươi bằng sự tà dâm, vì chính ngươi cũng đã góp phần vào sự lầm lạc của Y-sơ-ra-ên trước mắt Đức Chúa Trời, Đấng thấy tất cả, và đã dạy dỗ những người này làm những việc ô uế trong đền thờ ghê tởm của con bò vàng, thần của ngươi; các con trai và con gái ngươi sẽ chết trước mặt ngươi dưới lưỡi gươm, còn chính ngươi sẽ qua đời trên đất ngoại giáo; còn dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị bắt làm tù binh khỏi đất nước mình" (xem A-mốt 7:12–17).

Những lời của thánh A-mốt đã khơi dậy cơn thịnh nộ dữ dội trong lòng vị tư tế, và ông ta bắt đầu đánh đập vị tiên tri của Đức Chúa Trời không thương xót; cuối cùng, con trai của vị tư tế là Ô-xia hung dữ, trong cơn thịnh nộ, đã dùng hết sức đánh thánh A-mốt bằng một cây gậy nặng vào giữa hai lông mày và gây ra vết thương chí mạng. Nhưng ông không chết ngay lập tức: ông được đưa về xứ Giu-đa trong tình trạng thoi thóp, và sau vài ngày,

---

[4374] Nhà sử học Do Thái Josephus Flavius (qua đời vào thế kỷ II sau Công nguyên), trong số những điều khác, cho biết rằng một trận động đất ở phía tây đền thờ đã làm sụp đổ một nửa ngọn núi, và phần núi này, lăn về phía đông trong khoảng 4 stadia, đã vùi lấp các khu vườn hoàng gia trên đường đi.

[4375] Cây sycamore là một loại cây thuộc họ sung, có quả thuộc loại sung cấp thấp.

ông đã qua đời[4376] tại quê hương mình, thành phố Tê-cô-a; tại đó, ông cũng được an táng cùng các tổ phụ của mình. Ai muốn đọc các lời tiên tri của Thánh A-mốt có thể tìm thấy chúng trong sách của ngài; còn chúng ta, xin ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã soi sáng cho ngài, ngay bây giờ, muôn đời và đến muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Sau khi thanh tẩy tâm hồn bằng Thánh Thần, hỡi vị tiên tri, trái tim rực rỡ của ngài, hỡi Amos vinh quang, ngài đã nhận được ân sủng tiên tri từ trên cao, và đã cất tiếng kêu lớn giữa các dân tộc: "Đây là Thiên Chúa của chúng ta, và không có ai sánh được với Ngài."

Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Dula

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 6

Vào thời điểm đó, khi những kẻ con cái ma quỷ đang phụng sự nó, và sự phù thủy thờ ngẫu tượng cùng sự lầm lạc ngày càng gia tăng, dưới triều đại của Thống đốc Maximus tại Ciliquia[4377] , một tôi tớ của Chúa Kitô tên là Dula[4378] , người thuộc chính vùng Ciliquia đó, đã bị kết án trước vị thống đốc này. Ông là một người công chính và kính sợ Đức Chúa Trời, và theo lời chứng của toàn dân, ông luôn cố gắng sống một cuộc đời đạo đức và tuân giữ lẽ thật trong mọi việc.

Một lần nọ, thống đốc nhận được tin báo rằng Dula là người tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, và ngay sau đó, người tôi tớ của Chúa Kitô này đã bị tống vào ngục; lúc đó, thư ký[4379] đã nói với thống đốc:

– Thưa Thống đốc, theo lệnh của ngài, các tướng lĩnh của ngài đã tuần tra khắp xứ Cilicia cho đến tận các thành phố Zephyrit[4380] , và trong thời gian đó đã bắt giữ một tín đồ của đạo Kitô tà ác, và chính người này bây giờ chúng tôi đã đưa ra trước tòa án công minh và sáng suốt của ngài.

Nghe vậy, vị thống đốc nói:

– Khi chính ta đi tuần tra các thành phố này, ta sẽ ra lệnh dẫn theo những tù nhân hiện đang bị giam trong ngục, và trong suốt quãng đường đi, tại những địa điểm được bố trí sẵn cho mục đích đó, ta sẽ tra tấn họ.

Và ngay sau đó, ông ta lên đường đến một trong những thành phố thuộc xứ Zephyrit, có tên là Pretoriada[4381] ; tại đây, vị thống đốc, sau khi ngồi vào ghế xét xử, trước hết đã ra lệnh đưa thánh Dula đến trước mặt mình. Người tôi tớ của Đấng Christ, khi bước vào cuộc tra tấn, đã cầu nguyện với Chúa như sau: "Lạy Chúa Giê-su Christ, Con Thiên Chúa, nguồn mạch của mọi ân sủng, – Ngài đã từng phán qua vị tiên tri Đa-vít của Ngài: *'Hãy mở miệng ra, Ta sẽ làm đầy miệng ngươi'* (Thi Thiên 80:11); và trong Phúc Âm của Ngài, Ngài cũng phán: *'Đừng lo lắng về việc phải nói gì hay nói như thế nào'* (Mt 10,19), – vậy xin hãy sai Thánh Thiên Thần của Ngài đến và ban cho con lời nói khi con phải lên tiếng, để khi đứng trước tên vô đạo Maxim, con có thể vạch trần sự vô đạo của hắn; và nếu con phải chịu khổ, con sẽ không sợ hãi những cực hình, vì con sẽ luôn hướng mắt về Ngài và sẵn lòng dâng thân xác mình ra chịu tra tấn: bởi vì nếu con không dâng thân xác mình ra để bị thiêu đốt, thì con có thể được hưởng ân huệ nào? Con sẽ nhận được vương miện nào? Và lúc đó con có thể cho Ngài, Chúa của con, thấy những vết thương nào, để khi Ngài nhìn thấy chúng, Ngài sẽ tỏ lòng thương xót trên con và ban sự tha thứ cho những lỗi lầm của con?"

Khi Dula cầu nguyện như vậy, các binh lính đã lột áo ngoài của ông và dẫn ông, trong tình trạng bị trói, đến trước mặt quan tổng trấn.

Và quan tổng trấn Maxim nói với anh ta:

[4376] Khoảng năm 783 trước Công nguyên

[4377] Cilicia – trong thời cổ đại là vùng phía đông nam của Tiểu Á, có lẽ được đặt tên theo bộ tộc Semit là Cilici, và nhờ đất đai màu mỡ mà từ sớm đã thu hút các cư dân Hy Lạp đến định cư.

[4378] Trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "nô lệ".

[4379] Notary – quan chức có nhiệm vụ, trong số những việc khác, là giám sát việc thi hành luật một cách chính xác tại các tòa án, còn các notary cấp dưới thì phụ trách việc trao đổi văn bản liên quan đến các vụ việc đó.

[4380] Tức là – cho đến tận quận Zephyria, một thành phố ven biển thuộc Cilicia.

[4381] Pretoriada – thực ra là một trong những thị trấn nhỏ của Kilikia, nằm gần thành phố Zephyria.

– Hãy nói cho ta biết, tên ngươi là gì?

Thánh nhân đáp:

– Tôi là tôi tớ của Đấng Christ.

Nghe vậy, quan tổng trấn phản bác:

– Hãy nói cho chúng tôi biết tên thật của ngươi, chứ không phải tên Kitô giáo: cái tên đó không thể mang lại cho ngươi bất kỳ sự bào chữa hay sự nhẹ nhõm nào cả.

Lúc đó, vị thánh Dula nói:

– Chẳng phải tôi đã nói rõ tên mình trước mặt ngài rồi sao? Tên thật của tôi là Kitô hữu; tên mà mọi người gọi tôi là Dula – và tôi được gọi như vậy vì thực sự tôi là tôi tớ của Chúa Kitô.

Nghe vậy, quan tổng trấn nói:

– Ngươi vẫn chưa nếm trải nỗi sợ hãi trước tòa án và mọi hình thức tra tấn, nên mới dám nói chuyện với chúng ta một cách ngang ngược như vậy. Vậy thì, hãy nói cho chúng ta biết: ngươi đến từ quốc gia nào, làng nào và dòng họ nào?

Thánh nhân đáp:

– Tôi xuất thân từ vùng Cilicia này, từ thành phố Zephyrit – Pretoria; tôi thuộc một gia tộc danh giá và từ khi còn rất nhỏ đã được coi là một Kitô hữu.

Lúc đó, vị lãnh chúa nói:

– Nếu ngươi xuất thân từ một dòng dõi cao quý, thì ngươi phải tuân phục các vị vua bất khả chiến bại; vì vậy, hãy đến đền thờ ngay bây giờ và thành tâm dâng lễ vật lên các vị thần ở đó, thì ngươi sẽ được chúng ta tôn vinh, và nhận được sự tôn kính vĩ đại và lừng lẫy từ các vị vua vĩ đại.

Vị thánh đáp lại:

– Những vinh dự của các ngài và mọi quyền lực mà các vị vua ban cho loài người, xin hãy để chúng ở lại với các ngài và với tất cả những ai không tôn kính Đức Chúa Trời chân thật; còn đối với tôi, xin Đức Chúa Trời của tôi hãy khiến tôi tránh xa tất cả những điều đó, để tôi chỉ được giàu có trong đức tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ, Chúa của chúng ta mà thôi.

Nghe những lời của vị thánh, quan tổng trấn ra lệnh đặt ngài xuống đất và đánh bằng những cây gậy sắt; đồng thời, ông nói với các đầy tớ của mình:

– Hãy thuyết phục ông ta từ bỏ sự điên rồ của mình.

Còn Thánh Dula, trong lúc chịu những đòn roi, đã kêu cầu Chúa như sau:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa Kitô, vì Ngài đã cho con được chịu đựng tất cả những điều này vì danh thánh của Ngài!

Nghe những lời của vị tử đạo, Maxim bắt đầu quở trách Thánh Dula và nói với ngài như sau:

– Làm sao Chúa Kitô có thể giúp ngươi bây giờ, khi ngươi đã đầy những vết thương? Hay là ngươi vẫn chưa hiểu điều này, hỡi kẻ điên rồ?

Vị tử đạo đáp lại:

– Chẳng phải vị thầy của đức tin chúng ta, thánh Tông đồ Phaolô, *đã* nói rằng không ai có thể được vinh quang *"nếu thi đấu trái luật"* (2 Tm 2,5) sao?

Lúc đó, quan tổng trấn hỏi ông:

– Vậy thì, người đang chịu cực hình lúc này, – sau này ngươi sẽ được nhận vương miện sao?

Vị thánh đáp lại:

– Hiện nay tôi đang chiến đấu chống lại cha của ngươi là ma quỷ, và nếu tôi chiến thắng được quân đội của Satan, tức là chiến thắng ngươi, kẻ hầu của quỷ, thì tôi sẽ nhận được vương miện bất diệt trên thiên đàng.

Kẻ tra tấn liền nói:

– Tại sao ngươi lại điên rồ như vậy, lại tin vào Đấng đã bị đóng đinh trên thập tự giá?

Thánh Dula đáp lại:

– Điều nào tốt hơn: tin vào những tượng thần bằng đá và gỗ, là tác phẩm của bàn tay con người, hay tin vào Đấng Thiên Chúa-Con Người hằng sống và là Chúa thật, Đấng đã tự nguyện chịu đóng đinh vì chúng ta?

Lúc đó, Maxim nói:

– Hỡi kẻ vô đạo! Ngươi nghĩ rằng vị thần vĩ đại Apollon[4382] là tác phẩm của bàn tay con người sao?

Nghe vậy, vị thánh đáp lại:

– Ngươi đã gọi Apollon bằng cái tên đó một cách chính xác, vì nó có nghĩa là "kẻ hủy diệt"[4382] : khi dâng trái tim mình cho hắn, ngươi đang hủy diệt linh hồn mình, và không chỉ linh hồn mình, mà còn cả những người mà ngươi ép buộc phải thờ phượng hắn; nhưng hãy biết rằng, Đức Chúa Trời chân thật ngự trên trời sẽ đòi lại từ tay ngươi linh hồn của những người mà ngươi đã hủy diệt, khi ép buộc họ thờ lạy các thần tượng. Vậy thì Apollon gian ác kia ra sao – điều này ta sẽ kể cho ngươi nghe ngay bây giờ: hắn, cũng như ngươi bây giờ, là kẻ không kiềm chế và bị ám ảnh bởi tình yêu ô uế dành cho một người vợ tên là Daphne[4383] ; hắn đã ban cho nàng rất nhiều vàng, nhưng lại không nhận được điều đã hứa từ nàng. Vậy nên, ta hỏi ngươi: hãy nói cho ta biết – hắn là vị thần như thế nào, nếu khi bị tình dục trần tục chi phối, lại không thể chiếm được lòng người phụ nữ mà hắn vô cùng yêu thương? Làm sao ngươi có thể trông cậy vào hắn trong bất cứ điều gì? Thật sự, tất cả những điều được kể lại giữa các ngươi đều đáng cười, và nhiều điều thậm chí còn đáng khóc: thực sự, hãy nói cho ta biết, liệu ngươi có đang thờ phụng vị Apollon đó như một vị thần, người mà ngay cả một ả điếm ghê tởm và đầy dẫy mọi sự ô uế cũng coi thường và nhổ nước bọt vào mặt ngài? Ngươi thấy chưa, những việc làm vô đạo đức của các ngươi đáng khóc biết bao!

Nghe vậy, Maxim nói với những người hầu đang đánh đập vị tử đạo:

– Hãy lật anh ta nằm ngửa và đánh vào bụng.

Lúc đó, Athanasius, chỉ huy đội lính canh, nói với vị thánh:

– Hãy khuất phục trước quan tổng trấn đi, – chẳng phải ngươi đang cảm thấy toàn thân mình đầy vết thương sao?

Vị thánh đáp lại:

– Thà ngươi hãy nghe lời ta đi, kẻ cố vấn của quỷ dữ và tay sai của nó, và hãy tự khuyên chính mình cùng vị chỉ huy của ngươi, – làm sao để thuyết phục cô gái điếm Daphne càng sớm càng tốt, để cô ta đồng ý sống trong tội dâm dục với thần Apollo của các ngươi và thực hiện ý muốn của hắn, để hắn, bị tình yêu thiêu đốt mà không được thỏa mãn, sẽ không phải chịu cái chết tàn khốc – còn ta chỉ có một vị cố vấn duy nhất – là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta.

Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh mang một tấm ván sắt đến và nói với các đầy tớ:

– Hãy nung nó thật nóng trên lửa và đặt tên phỉ báng các vị thần của chúng ta vào đây.

Ngài Thánh, nghe vậy, bèn nói:

– Thần Apollon của ngươi, kẻ đang ở trong địa ngục, cảm ơn ngươi vì đã làm cho ngọn lửa địa ngục mà hắn đang chịu đựng trở nên dữ dội hơn nữa; hắn sẽ báo đáp ngươi bằng cách khiến ngươi cùng hắn bị ném xuống bóng tối tăm tối nhất – khi đó ta sẽ cười nhạo ngươi, kẻ bất chính, người bảo trợ của thần Apollon.

Khi những kẻ tra tấn vị thánh nhân, suýt chút nữa đã thiêu rụi ông, vẫn không đạt được gì, và không thể dùng lời khuyên nịnh hót để lừa dối tôi tớ của Đức Chúa Trời, cũng không thể dùng cực hình để thuyết phục ông từ bỏ đức tin vào Đấng Christ, thì vị thống đốc đã ra lệnh cho binh lính dẫn vị thánh, người đã bị tra tấn tàn khốc đến vậy, vào một phòng giam riêng biệt và để ông ở đó hoàn toàn một mình, không có ai chăm sóc – và ông ta còn nói thêm:

– Đừng để bất kỳ kẻ Kitô hữu vô đạo nào gọi ngài là người có phúc, vì đã ngang nhiên xúc phạm các vị thần của chúng ta, nên giờ đây ngài phải chịu những cực hình khủng khiếp.

Nhưng thánh Dula vẫn ở trong ngục tối đó, không ngừng ngợi khen Thiên Chúa và cầu nguyện – xin Ngài cho ngài được thực hiện một hành động tử đạo cao cả.

Sau năm ngày, Maxim lại ngồi vào ghế xét xử và hỏi:

– Kẻ theo chủ nghĩa Kitô giáo gian ác và đầy thù hận ấy còn sống không? Hãy dẫn hắn đến đây! Tướng quân Athanasius đáp lại:

– Hắn rất kiên định trong việc tuyên xưng giáo lý của mình và lại còn tỉnh táo đến mức dường như không có một vết thương nào trên thân thể.

Và ông ra lệnh dẫn vị tử đạo vào. Khi thấy toàn thân Thánh Duly vẫn nguyên vẹn và khuôn mặt ngài rạng ngời, Igemon nói với các binh lính:

[4382] Từ "Apollon" bắt nguồn từ động từ tiếng Hy Lạp: ..., có nghĩa là: hủy diệt, giết chết.

[4383] Theo thần thoại Hy Lạp, Daphne là con gái của thần sông Ladon và Gaia (Đất Mẹ), đồng thời là người tình của cả Apollon lẫn Leucippus. Leucippus, sau khi cải trang thành một thiếu nữ, đã theo sau Daphne cùng với các bạn gái của cô, nhưng đã bị Apollon giết chết. Sau đó, mẹ của Daphne, Gaia, đã biến cô thành cây nguyệt quế.

– Hỡi lũ lính canh khốn kiếp! Chẳng phải ta đã ra lệnh cho các ngươi – đừng chữa trị hay chăm sóc hắn sao?

Nghe vậy, Pigasius, trưởng phòng công chứng, đáp:

– Chúng tôi thề trước uy quyền của ngài rằng, theo lệnh của ngài, chúng tôi đã giam giữ ngài ở nơi sâu nhất trong ngục tối và trên cổ ngài luôn đeo một bức tượng sắt của Hercules[4384] , nặng ba trăm lít[4385] ; vậy mà giờ đây ngài lại hoàn toàn khỏe mạnh – điều này không ai trong chúng tôi biết được.

Lúc đó, vị thánh tử đạo nói:

– Hê-gê-môn điên rồ! Chính Chúa Kitô của tôi đã chữa lành cho tôi và ban cho thân thể tôi sức khỏe cùng sự mạnh mẽ để chịu đựng ngay cả những cực hình mà ngươi sắp lại bắt tôi phải chịu; và Ngài đã làm điều đó để ngươi nhận ra rằng Đức Chúa Trời của chúng ta chính là Vị Bác sĩ, Đấng chữa lành một cách kỳ diệu những ai đặt niềm tin nơi Ngài, – cũng như để ta được nhận vương miện tử đạo cao quý, còn ngươi sẽ phải chịu cực hình vĩnh cửu gấp bội; vì nếu ngươi phải chịu những cực hình như vậy vì thần Apollon của ngươi, – thì liệu vị thần của ngươi có thể chữa lành cho ngươi như cách Đấng Christ của ta đã chữa lành cho ta không?

Nghe vậy, vị thống đốc nổi giận và đáp lại:

– Vì người này không ngừng phỉ báng các vị thần của chúng ta với lòng thù hận, nên hãy đổ dầu lên đầu hắn và thiêu sống hắn đi.

Vị tử đạo đáp lại:

– Nếu ngươi thiêu rụi não ta, thì ngươi sẽ đạt được gì? Tốt hơn là hãy nghĩ ra những hình phạt khác đi.

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh nhét thật nhiều hạt mù tạt vào lỗ mũi của vị tử đạo.

Lúc đó, thánh Dula đã nói:

– Ngay cả bây giờ, ta vẫn cười nhạo tất cả những hình phạt của ngươi!

Sau đó, Igemon ra lệnh cho các đầy tớ dùng móng sắt đánh thật mạnh vào cột sống của vị thánh, đồng thời rưới giấm đặc lên các vết loét của ngài và chà xát bằng những mảnh gốm sắc nhọn.

Khi tất cả những điều này đang diễn ra theo lệnh của Maxim, vị thánh chịu khổ vì đức tin đã cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin hãy hiện ra trước mặt con, tôi tớ của Ngài; này, *"trên lưng con, những người cày đã cày xới, đã vạch những rãnh dài"* (Tv 128:3).

Lúc đó, vị thống đốc nói với ngài:

– Dù sao thì bây giờ hãy tin và xưng nhận các vị thần của chúng ta đi!

Thánh Dula đáp lại:

– Các vị thần của ngươi, đặc biệt là Aphrodite[4386] và Artemis[4387] , xin hãy giúp đỡ ngươi và sự độc ác của ngươi; còn nếu ngươi muốn, ta sẽ kể cho ngươi nghe về các nữ thần khác của ngươi và tất cả sự vô liêm sỉ của họ.

Sau đó, vị thống soái ra lệnh cho các tôi tớ:

– Hãy đập vỡ hàm hắn để hắn không còn dám phỉ báng các vị thần nữa, và sau khi bẻ gãy xương ống chân hắn, hãy để hắn như vậy, để hắn không thể thốt ra một lời nào.

Nghe vậy, vị thánh tử đạo nói:

– Hỡi vị thống đốc vô pháp vô thiên! Ngươi đánh ta vì lý do gì, khi ta đang nói với ngươi sự thật rằng Aphrodite của ngươi và các nữ thần khác đã sống cuộc đời trong những dục vọng đồi bại, những hành vi dâm loạn, và thậm chí trong cuộc tranh cãi xem ai trong số họ dâm đãng hơn, họ đã từng chọn một người chăn cừu tên là Paris[4388] làm trọng tài, và tại sao ngươi lại tức giận khi người ta nói với ngươi về những việc ghê tởm nhất của các nữ thần đồi bại của ngươi?

[4384] Hercules, hay Herakles. Herakles – anh hùng dân tộc Hy Lạp – được người xưa coi là biểu tượng của sức mạnh thể chất và uy quyền.

[4385] Một lít tương đương với 72 zolotnik của chúng ta. Do đó, trên cổ vị tử đạo treo một vật nặng hơn 5 pud.

[4386] Aphrodite – tên Hy Lạp của thần Vệ Nữ – nữ thần tình yêu. Các lễ hội vinh danh bà, được gọi là "Aphrodisia", được tổ chức ở nhiều nơi tại Hy Lạp và Tiểu Á.

[4387] Artemis – theo thần thoại Hy Lạp, là con gái của Zeus và Leto – là nữ thần ánh sáng và mặt trăng; chính vì vậy, với tư cách là nữ thần ánh sáng, bà được trao cung và mũi tên làm biểu tượng, còn với tư cách là nữ thần đêm, bà được trao ngọn đuốc.

[4388] Theo thần thoại Hy Lạp, cha mẹ của Paris đã bỏ rơi cậu khi còn là một đứa trẻ, để cậu phải tự lo liệu số phận. Nhưng cậu được những người chăn cừu nuôi dưỡng trong cộng đồng của họ. Một lần nọ, ba nữ thần – Aphrodite, Hera và Athena – đã đến gặp cậu và xin cậu giải quyết tranh chấp giữa họ: ai trong số họ là người đẹp nhất. Paris đã chọn Aphrodite là người đẹp nhất trong số họ.

Chỉ có Đức Chúa Trời của tôi là chân thật: Ngài đã muốn trở thành con người và bị đóng đinh trên thập tự giá, sau đó được chôn cất, ba ngày sau sống lại và ngự bên hữu Đức Chúa Cha, để sau này trở lại với lửa – nhằm tiêu diệt tất cả các vị thần của ngươi!

Nghe vậy, vị thống đốc nói với vị thánh:

– Ngươi thấy chưa, kẻ khốn nạn, chính ngươi cũng có hai vị Thần sao? Vị thánh đáp lại:

– Xin đừng phạm tội và đừng lầm lẫn khi nói về hai vị Thần: Thần Tính mà chúng ta tôn kính là Ba Ngôi.

Rồi vị thống đốc nói:

– Vậy là các ngươi có ba vị Thần sao?

Vị tử đạo đáp lại:

– Tôi tuyên xưng và tôn kính Ba Ngôi: tôi tin vào Đức Cha, tuyên xưng Đức Con và thờ phượng Đức Thánh Thần.

Sau đó, quan tổng trấn nói:

– Hãy nói cho ta biết, làm sao ngươi tin vào một Đức Chúa Trời duy nhất, mà lại xưng nhận ba vị?

Vị thánh tử đạo đáp lại như sau:

– Dù ngươi là người trần tục và không hiểu *được "những điều thuộc về Thánh Thần của Đức Chúa Trời"* (1 Cô-rinh-tô 2:11), nhưng vì những người đang có mặt ở đây, ta sẽ trả lời câu hỏi của ngươi. Giống như ngươi, là con người, có lời nói và hơi thở, thì Đức Chúa Cha toàn năng cũng có Lời của Ngài và Thánh Thần chí thánh của Ngài; Đức Chúa Trời của chúng ta ban đầu đã tạo dựng con người và tôn vinh con người theo hình ảnh của Ngài, thổi hơi thở sự sống vào con người, và đặt con người ở trong vườn Ê-đen; nhưng khi Sa-tan, kẻ hiện đang thực hiện ý muốn của mình qua ngươi, đã ép buộc con người vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời, như hắn đang làm qua ngươi lúc này, – và như vậy đã khiến con người xa lìa việc tuân giữ các mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, – thì Đức Chúa Trời, mong muốn phục hồi tạo vật đã hư mất do chính tay Ngài tạo dựng và dẫn dắt con người trở lại con đường chân lý, đã sai Con của Ngài, tức là Lời, xuống trần gian; và như vậy, Lời của Đức Chúa Trời này đã ngự vào Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm và được sinh ra từ Mẹ – chính nhờ Ngài mà Đức Chúa Cha đã ban ơn cứu rỗi cho thế gian.

Sau đó, vị thống đốc hỏi:

– Lẽ nào có lời nào lại sinh ra con người được sao?

Vị Thánh đáp lại:

– Ngài không hiểu được những mầu nhiệm của Thiên Chúa. Nhưng nếu Ngài nhận biết được quyền năng của Thiên Chúa Toàn Năng, thì Ngài sẽ hiểu rằng Đấng đã tạo dựng con người từ bụi đất, đặt trái đất trên mặt nước, thiết lập các tầng trời và tạo dựng muôn loài – chính Đấng ấy chính là Đức Kitô. Nhưng vì bản tính con người không thể chiêm ngưỡng Thần Tính, nên Chúa đầy lòng thương xót, vì tình yêu dành cho loài người, đã trở thành con người và nhận lấy bản tính con người, để – như cái chết đã xâm nhập vào thế gian qua con người nguyên thủy duy nhất, thì sự sống lại của người chết cũng sẽ xảy ra qua Con Người duy nhất là Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta (Rô-ma 5:13).

Lúc đó, quan tổng trấn nói:

– Ngươi đang nói gì vậy? Làm sao có thể có sự sống lại của người chết được? Vị thánh tử đạo đáp lại:

– Vâng, sẽ có; nếu không thì làm sao Đức Chúa Trời có thể phán xét thế gian, nếu những người chết không sống lại?

Maximus nói:

– Ta không muốn ngươi nói những lời dối trá đó với ta; vậy thì hãy tin đi: khi chúng ta chết, chúng ta sẽ nằm yên trong cõi chết.

– Ngươi nói đúng, – vị tử đạo đáp, – rằng các ngươi đã chết, vì các ngươi tin vào những thần tượng chết, và vì thế các ngươi sẽ không bao giờ được hưởng sự sống lại của sự sống, mà chỉ bước vào sự sống lại của sự phán xét và sự đau khổ vĩnh cửu; nhưng tất cả mọi người đều phải ra trước tòa án của Đấng Christ và trả lời về mọi việc mình đã làm (2 Cô-rinh-tô 5:10).

Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh cho lính trói vị tử đạo bằng xiềng xích sắt và giam giữ ông trong ngục tối.

Sáng sớm ngày hôm sau, Maxim lại ra lệnh đưa tôi tớ của Đức Chúa Trời là Dula ra trước tòa, và khi vị tử đạo xuất hiện, ông nói với ông ấy:

– Hỡi kẻ vô đạo, ngươi được lợi gì khi phỉ báng các vị thần của chúng ta?

Vị thánh nhân đáp lại:

– Ta sẽ nhận được phần thưởng lớn lao từ Đức Chúa Trời của ta khi ta quở trách các vị thần của các ngươi; còn ngươi, khi còn sống, sẽ phải chịu sự trừng phạt của Đức Chúa Trời.

Lúc đó, Maxim, muốn làm ô uế vị thánh bằng lễ hiến tế, bèn nói với các tôi tớ đang đứng xung quanh:

– Hãy nhét thịt và rượu tế lễ vào miệng hắn.

Sau đó, vị thánh nói:

– Dù ngươi có rửa sạch cả bàn thờ dâng lễ ghê tởm của ngươi và đổ tất cả vào miệng ta, thì ngay cả như vậy, ngươi cũng không thể làm ô uế tôi tớ của Đức Chúa Trời được chút nào.

Nghe vậy, kẻ tra tấn kêu lên:

– Này, hỡi kẻ khốn nạn, ngươi đã nếm thử của lễ từ bàn thờ của chúng ta rồi!

Vị thánh tử đạo đáp lại:

– Tất cả những điều đó không làm ô uế ta chút nào, hỡi vị quan cai trị ghê tởm và điên rồ.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh treo vị thánh lên cây và cạo da thịt ngài cho đến tận nội tạng, còn hàm răng cùng với phần xương hàm phải bị xé toạc hoàn toàn.

Sau đó, vị thánh tử đạo nói:

– Hỡi kẻ điên rồ, ngươi không biết rằng chính cha ngươi là Satan đã xúi giục ngươi làm điều này sao?

Khi thân thể vị tử đạo đã bị xé rách đến tận xương và hàm đã bị xé ra, vị thống đốc ra lệnh tống ông trở lại ngục tối; sau đó, khi lên đường đến Tarsus ở Cilicia[4389] , Maxim ra lệnh cho người ta dẫn theo cả tù nhân. Khi họ đi được khoảng hai mươi pood[4390] , vị thánh tử đạo Dula, sau khi làm dấu thánh giá, đã dâng linh hồn đau khổ của mình lên Chúa, và thi thể ông được đưa đi khi đã qua đời. Khi họ còn cách Tarsus mười bốn poprishch, viên quan phụ tá[4391] đã báo cáo với Igemon rằng Dula, người đã lên án các vị thần một cách bất kính, đã qua đời và thi thể của ông đang được chở đi: vậy phải làm gì với thi thể này? Igemon ra lệnh ném thi thể xuống một hào sâu để nó không được chôn cất. Còn các chiến binh, sau khi lấy thi thể của vị thánh, đã ném nó xuống dòng sông chảy về phía xứ Zephyrit. Và khi thi thể trôi dạt đến một ngôi làng nào đó, nằm cách thành phố Pretornada không xa, và nằm đó trên bờ sông, những con chó của các mục đồng nơi đó đã ngửi thấy thi thể vị thánh; một con chó, canh giữ thi thể, không cho bất kỳ con chim nào chạm vào thi thể vị tử đạo; còn con chó kia, cắn lấy áo chăn cừu bằng răng, mang đến và phủ lên thi hài vị tử đạo. Thấy vậy, các mục đồng đã kể lại mọi chuyện cho cả làng và thành phố, và ngay lập tức, đông đảo tín hữu đã đến nơi an nghỉ của vị thánh tử đạo và tôn kính rước thi hài ngài về, tạ ơn Thiên Chúa đã không tước đoạt khỏi họ kho báu quý giá đến thế. Sau khi rước thi hài vị thánh tử đạo một cách tôn kính, họ đã an táng ngài một cách trang trọng, ngợi khen Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được tôn vinh muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Dula, vị Tử đạo

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 6

Thánh nhân Dula, tôi tớ của Chúa, là một tu sĩ tại một trong những tu viện[4392] ở Ai Cập. Ánh mắt ngài luôn toát lên sự khiêm nhường và hiền lành, nhưng về trí tuệ, ngài thật vĩ đại và đáng kính.

Vị thánh nhân này, dù bị mọi người bắt bớ và vu khống, vẫn luôn vui mừng và hân hoan trong tâm hồn. Ông coi những kẻ sỉ nhục mình là vô tội, và cầu nguyện cho họ trước mặt Chúa – để Chúa không tính điều đó là tội lỗi cho họ. Ông quy hết mọi lỗi lầm cho ma quỷ – rằng chính nó đang gây rối cho anh em – và với lòng dũng cảm chống lại nó, vị thánh Dula đã chiến thắng mọi mưu mô của ma quỷ bằng sự kiên nhẫn, lời cầu nguyện và lòng

---

[4389] Tarsus – thành phố chính của Cilicia, một vùng thuộc Tiểu Á; trong Giáo hội Kitô giáo, nơi đây đặc biệt nổi tiếng là quê hương của Thánh Tông đồ Phaolô (Công vụ 22:3).

[4390] Theo đơn vị đo lường của chúng ta, chiều dài của đường đua xấp xỉ 690 sazen.

[4391] Kommentarisius – người đứng đầu các nhà tù.

[4392] Kinovia – (bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp – "chung" và "cuộc sống") là tên gọi chung của tất cả các tu viện cộng đồng, tức là những nơi mà các tu sĩ không chỉ được cung cấp bữa ăn mà còn nhận được mọi thứ cần thiết cho cuộc sống từ tu viện, theo sự chỉ định của vị tu viện trưởng, còn về phần mình, họ dâng hiến toàn bộ công sức và thù lao từ công việc đó cho nhu cầu chung của tu viện.

không oán hận. Trong sự kiên nhẫn ấy, vị tu sĩ của Chúa đã sống suốt hai mươi năm, luôn nuôi dưỡng trong lòng sự hiền lành và khiêm nhường một cách bất di bất dịch.

Còn ma quỷ, không biết phải làm gì để cuối cùng khiến vị thánh này nổi giận, đã lan truyền một lời dối trá xảo quyệt nhắm vào ngài; trong trường hợp này, hắn không chỉ tấn công vị thánh Dula mà còn cả toàn thể anh em tu sĩ, khiến tất cả các tu sĩ im lặng đều buồn bã và hoang mang; cụ thể là – hắn xúi giục một tu sĩ không kính sợ Chúa, lẻn vào nhà thờ một cách bí mật và đánh cắp tất cả các đồ thánh lễ ở đó. Sau khi làm xong việc đó, tu sĩ ấy giấu đi những thứ đã đánh cắp và tự nhốt mình trong phòng tu, như thể trước đó chưa từng ra ngoài vậy.

Khi đến giờ thánh lễ buổi sáng, phó quản lý nhà thờ[4393] , khi bước vào nhà thờ để thắp đèn panikadilia, đã phát hiện ra rằng tất cả các đồ thánh lễ đều bị đánh cắp; ông lập tức đi báo cho vị tu viện trưởng[4394] . Sau đó, theo thông lệ, ông gõ chuông[4395] , và toàn thể cộng đoàn tu sĩ tập trung tại nhà thờ để hát thánh ca buổi sáng.

Khi buổi lễ sáng kết thúc, vị tu sĩ trưởng và phó quản lý nhà thờ thông báo cho các tu sĩ rằng các đồ thánh đã bị đánh cắp – và tất cả đều vô cùng phẫn nộ. Lúc đó, do bị ốm, thánh Dula đã không tham dự buổi lễ sáng; và một số tu sĩ đã nói:

– Chẳng ai có thể lấy cắp chúng ngoài anh em Dula, người hẳn là vì lý do đó mà không đến nhà thờ; nếu không phải anh ta thực hiện vụ trộm này, thì anh ta đã đến dự lễ nửa đêm trước tất cả mọi người, như thói quen thường lệ của anh ta.

Họ liền sai người đi tìm ngài về nhà thờ; những người được sai đi, khi đến nơi, thấy ngài dù đang ốm nhưng vẫn đang đứng cầu nguyện; họ liền bắt Thánh Dula và lôi ngài vào nhà thờ bằng vũ lực. Lúc đó, Thánh Dula hỏi họ:

– Điều này có nghĩa là gì, hỡi các anh em, và tại sao các anh lại lôi tôi đi bằng vũ lực, trong khi tôi hoàn toàn có thể tự nguyện đến gặp các vị thánh cha?

Còn họ, vừa mắng mỏ ngài bằng những lời lăng mạ và vô liêm sỉ, vừa nói:

– Kẻ báng bổ không xứng đáng được sống, bao nhiêu năm qua ngươi làm chúng ta bối rối vẫn chưa đủ sao, giờ đây ngươi còn xúc phạm cả linh hồn chúng ta nữa.

Ngài đáp lại:

– Xin các anh em tha thứ cho tôi, nếu tôi đã phạm tội trước mặt các anh em.

Sau đó, họ dẫn anh ta đến trước vị tu viện trưởng và toàn thể hội đồng các vị cha già, những người đã dành cả đời tu hành, và nói:

– Đây là người từ đầu đã làm chúng ta bối rối và vi phạm các quy tắc của cộng đồng chúng ta.

Và mọi người bắt đầu vu khống anh ta. Một người nói:

– Tôi đã thấy anh ta lén lút ăn rau xanh.

Còn người khác thì nói:

– Tôi đã thấy anh ta ăn cắp bánh mì và phân phát nó ra ngoài tu viện.

Còn một người khác thì vu khống anh ta như thế này:

“Tôi đã thấy anh ta lén lút uống rượu vang đắt tiền.”

Các người khác cũng vu khống anh ta những điều xấu xa.

Nghe tất cả những điều này, vị tu sĩ trưởng và các vị tu sĩ đi cùng ông đã tin vào những lời vu khống và hỏi Dula, người vô tội, rằng liệu tất cả những điều người ta nói về ông có đúng không, và đặc biệt là tra hỏi ông về vụ trộm, cụ thể là ông đã giấu những đồ thờ cúng của nhà thờ mà ông đã lấy cắp ở đâu.

Thánh Dula, khi tự bào chữa, ban đầu khẳng định rằng mình không có lỗi gì trong chuyện này; nhưng sau đó, thấy họ không tin mình, ông im lặng và chỉ thốt lên:

– Xin các vị thánh tha thứ cho con, con là kẻ có tội.

Lúc đó, vị tu viện trưởng ra lệnh cởi bỏ áo tu sĩ của ngài và mặc cho ngài bộ quần áo thế tục; đồng thời ngài nói:

– Những việc như thế này không xứng đáng với hàng tu sĩ.

[4393] Paraekklisiarch – người phụ trách thắp đèn trong nhà thờ.

[4394] Avva – cha, đây là cách người phương Đông gọi các vị trụ trì của các tu viện cộng đồng.

[4395] Bilo (từ gốc “bít” – đánh) – tấm ván gỗ hoặc kim loại, được dùng để gõ hoặc đập nhằm phát ra âm thanh hoặc tiếng gõ để triệu tập các tín hữu đến nhà thờ dự thánh lễ. Ở nước ta, bilo đã được thay thế bằng chuông, nhưng ở Hy Lạp, chúng vẫn tồn tại cho đến ngày nay, đặc biệt là ở những nơi có nhiều người Thổ Nhĩ Kỳ, những người không cho phép sử dụng chuông.

Khi bộ áo tu sĩ được cởi khỏi người của Thánh Dula, ông đã khóc nức nở và, ngước mắt lên trời, cất tiếng nói lớn:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, vì danh thánh của Ngài mà con đã khoác lên mình hình ảnh này, nhưng giờ đây, vì tội lỗi của con, nó đã bị lột khỏi người con.

Sau đó, vị tu viện trưởng ra lệnh xiềng xích vị thánh nhân của Đức Chúa Trời và giao ông cho người quản lý; người quản lý, sau khi lột trần thân thể ông, đã đánh vị thánh nhân rất mạnh bằng dây da bò, đồng thời hỏi ông liệu tất cả những điều người ta nói về ông liên quan đến vụ trộm cắp có đúng sự thật hay không?

Còn Dula, dù nước mắt lưng tròng, nhưng vì sự vô tội của mình, vẫn mỉm cười như trước, nói:

– Xin tha thứ, con đã phạm tội.

Lúc đó, người quản gia, thấy ngài mỉm cười và thốt ra những lời ấy, lại càng tức giận hơn; ông ta tống ngài vào ngục tối và xiềng chân ngài vào cùm; đồng thời còn viết một lá thư gửi cho quan thành chủ, báo cáo về vụ trộm cắp và về anh em Dula – rồi ngay lập tức gửi lá thư đó đi.

Thống đốc thành phố, sau khi đọc xong bức thư, liền sai những tên đầy tớ thô lỗ của mình đến bắt Dula về như một tên trộm. Các binh lính bắt được tôi tớ của Chúa, buộc anh ta lên lưng một con vật chưa được yên cương, rồi treo những khối sắt nặng lên cổ anh ta, và lôi anh ta đi khắp thành phố trong sự sỉ nhục.

Khi vị thánh Dulu được dẫn ra tòa, quan thành chủ hỏi ông:

– Ngươi từ đâu đến, tên là gì và tại sao lại trở thành tu sĩ; ngươi đã đánh cắp các đồ thánh của nhà thờ như thế nào và giấu chúng ở đâu?

Vị Tử đạo của Chúa Kitô không trả lời gì khác ngoài câu:

– Con đã phạm tội, xin tha thứ.

Lúc đó, quan trưởng nổi giận, ra lệnh đặt vị thánh trần truồng xuống đất, và ra lệnh cho bốn người hầu của mình đánh ông không thương tiếc bằng dây da bò.

Trong khi vị thánh Dulu bị đánh đập tàn nhẫn như vậy trong một thời gian dài mà không ai thương xót, cuối cùng, với khuôn mặt mỉm cười, ngài nói với quan trưởng thành phố:

– Đánh ta đi, đánh đi, – và ngươi sẽ làm cho số bạc bị đánh cắp của ta trở nên tinh khiết hơn. Nghe vậy, quan tổng trấn nói với ngài: "Kẻ điên rồ, ta sẽ làm cho số bạc trên thân thể và xương sườn ngươi trở nên tinh khiết hơn cả tuyết."

Và ông lập tức ra lệnh rải than hồng dưới bụng anh ta, đồng thời đổ giấm trộn muối lên các vết thương.

Ngay cả những người có mặt cũng ngạc nhiên trước sự kiên nhẫn của vị thánh và nói với anh ta:

– Hãy nói cho chúng tôi biết ngươi đã giấu các thánh vật ở đâu, thì ngươi sẽ được tha.

Vị tử đạo của Chúa Kitô đáp lại:

– Tôi không có bạc, cũng không có những bình thánh nào bị mất cả. Sau đó, quan tổng trấn, sau khi giải thoát vị thánh khỏi những cực hình, đã ra lệnh đưa ngài vào ngục tối.

Sáng hôm sau, vị trưởng lão thành phố này sai người đến tu viện[4396] , ra lệnh cho vị tu viện trưởng cùng tất cả các tu sĩ phải đến gặp ông; và ngày hôm sau, họ tập hợp lại, cùng nhau đến gặp quan tổng trấn.

Ông nói với họ: "Ta đã khiến anh em của các ngươi, người mà các ngươi cáo buộc tội trộm cắp, phải chịu nhiều hình phạt khác nhau và tàn khốc, nhưng ta không tìm thấy điều xấu nào ở người ấy cả."

Các tu sĩ đáp lại: "Thưa ngài quan tổng trấn, ngoài việc trộm cắp, tên vô đạo này còn gây ra nhiều điều ác khác nữa, nhưng vì danh Chúa, chúng tôi đã nhẫn nhịn hắn cho đến nay, hy vọng rằng hắn sẽ từ bỏ thói xấu của mình, nhưng hắn lại sa vào điều còn tệ hại hơn."

Lúc đó, quan trưởng thành phố hỏi họ: "Vậy tôi phải làm gì với hắn đây?"

Các tu sĩ đáp: "Xử lý hắn theo luật định,"

– Luật pháp của chúng ta – quan trưởng thành phố nói với họ – quy định phải chặt tay kẻ phạm thánh.

Các tu sĩ liền nói: "Hãy để hắn chịu hình phạt theo luật pháp và nhận sự trừng phạt xứng đáng với những việc làm của mình."

[4396] "Lavra" – về bản chất là một khu vực trong thành phố được bao quanh bởi tường thành. Tuy nhiên, từ thời cổ đại, tên gọi này đã được dùng để chỉ những tu viện đông đúc và quan trọng. Lần đầu tiên, những tu viện như vậy được gọi là "lavra" ở Palestine, nơi các tu sĩ buộc phải tập trung với số lượng lớn nhất có thể và bao quanh nơi ở của mình bằng tường thành, vì lo ngại các cuộc tấn công từ các bộ lạc du mục khác nhau, đặc biệt là người Bedouin.

Lúc đó, quan trưởng ra lệnh dẫn người chịu khổ nạn đến và bắt đầu tra hỏi hắn trước mặt mọi người như sau:

– Hỡi kẻ tội lỗi và hung ác, – ông ta bắt đầu, – hãy nói cho chúng ta biết sự thật về vụ trộm mà ngươi bị cáo buộc, và ngươi sẽ được tha chết.

Nghe vậy, Dula, người vô tội, đáp lại:

– Thưa quan tổng trấn, ngài có muốn tôi tự nhận tội về điều mà tôi chưa từng làm không? Tôi không muốn nói dối về bản thân mình, vì mọi lời dối trá đều xuất phát từ ma quỷ.

Rồi ông tiếp tục:

– Về những điều mà ngài đang chất vấn tôi hôm nay, tôi tự nhận mình hoàn toàn vô tội.

Lúc đó, quan tổng trấn thấy vị thánh nhân không nhận tội, trong khi các tu sĩ đòi phải xét xử ông theo luật pháp, nên đã ra lệnh chặt tay ông.

Sau đó, vị tu sĩ già vô tội tên Dulu bị dẫn đến nơi hành quyết những kẻ bị kết án.

Lúc đó, vị tu sĩ vốn là thủ phạm thực sự của vụ trộm cắp và kẻ cướp các vật thánh, bỗng cảm thấy hối hận và tự nhủ: "Lỡ như bây giờ hay sau này, tất cả những thứ tôi đã trộm bị phát hiện thì sao? Dù bây giờ tội ác này của tôi có được che giấu đi chăng nữa, thì vào ngày Phán Xét Công Chính của Đức Chúa Trời, nó cũng sẽ bị vạch trần; lúc đó tôi, kẻ khốn khổ này, sẽ làm gì đây? Tôi sẽ trả lời thế nào về tội lỗi nặng nề này – rằng tôi đã đánh cắp các đồ thánh và khiến người anh em vô tội phải chịu đau khổ?"

Và ông vội vã đến gặp vị tu viện trưởng và nói: "Thưa Abba, xin hãy mau chóng đến thành phố gặp quan tổng trấn, để họ đừng chặt tay anh em và để anh ấy đừng chết vì đau đớn, vì những đồ thánh đã được tìm thấy rồi."

Và ngay lập tức, Abba đã sai người đến gặp quan tổng trấn, và vị tử đạo đã được thả ra trước khi hình phạt được thi hành.

Khi anh ta được đưa về tu viện, sự vô tội của anh ta đã được minh bạch, và mọi người đều nhận ra rằng vụ trộm là do một tu sĩ khác gây ra; các tu sĩ bắt đầu quỳ lạy trước Thánh Dule, van xin ngài: "Xin tha thứ, vì chúng con đã phạm tội trước mặt ngài." Còn ngài, trong nước mắt, đã nói với họ như sau: "Xin các cha và các anh em tha thứ cho con; con tạ ơn các ngài vô cùng, vì nhờ những đau khổ tạm thời mà các ngài đã gây ra cho con, con sẽ được giải thoát khỏi những cực hình vĩnh cửu, và nhờ lòng thương xót của Đức Chúa Trời, con sẽ được hưởng những ân huệ vĩ đại; và luôn luôn, khi nghe những lời bất công và lời trách móc của các ngươi dành cho tôi, tôi vẫn vui mừng trong lòng, hy vọng nhờ đó mà thoát khỏi sự ô nhục lớn lao vì những tội lỗi của mình, khi Chúa đến trong vinh quang của Ngài và bày tỏ những ý định thầm kín trong lòng; nhưng hơn hết, giờ đây tôi vui mừng vì đã chịu khổ một cách vô tội: vì tôi biết những ân huệ mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị sẵn cho những ai chịu khổ vì Ngài; nỗi buồn duy nhất của tôi là vì các anh em: xin Chúa đừng coi việc các anh em đã đối xử bất công với tôi như vậy là tội lỗi, và giờ đây tôi chỉ cầu xin Đức Chúa Trời nhân từ một điều duy nhất, đó là Ngài ban cho các anh em sự tha thứ".

Sau đó, Thánh Dula, sau khi sống thêm ba ngày nữa, đã về với Chúa, nhưng không ai biết về sự ra đi của ngài. Một tu sĩ được giao nhiệm vụ đánh thức các tu sĩ dậy để cầu nguyện lúc nửa đêm, một lần nọ đã đến trước phòng của Thánh Dula, nhưng khi gõ cửa, không nhận được tiếng đáp lại. Sau khi gõ cửa lần thứ hai và thứ ba mà vẫn không nhận được câu trả lời, anh ta đi gọi một tu sĩ khác; mang theo một ngọn nến, họ mở cửa và bước vào phòng, thấy vị tu sĩ đang quỳ gối: ngài dường như đang cúi đầu thờ lạy, nhưng linh hồn đã về với Chúa, vì trong lúc cầu nguyện và quỳ gối, ngài đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa.

Không dám chạm vào ngài, hai anh em này để ngài đứng nguyên như vậy rồi đi báo cho vị tu viện trưởng biết rằng anh em Dula đã qua đời. Sau khi kết thúc buổi hát kinh sáng, chính vị tu viện trưởng đã đến và, khi thấy vị thánh đã qua đời, ngài ra lệnh tẩy rửa thi thể ngài và mang đến nhà thờ để an táng.

Khi thi hài của ngài đã được chuẩn bị sẵn sàng để an táng và được rước đến nhà thờ, người ta đã đánh chuông – để tất cả các tu sĩ biết tin về sự ra đi của anh em mình, và mọi người đều tụ tập lại, chạm vào thi hài của vị thánh, như thể đó là thi hài của một vị tử đạo. Lúc đó, vị Trưởng tu viện đã sai người đến tu viện lân cận, mời vị tu sĩ trưởng của tu viện đó cùng các tu sĩ của ngài đến, để tất cả cùng long trọng an táng vị anh em đã chịu khổ nạn oan uổng.

Các tu sĩ chen lấn nhau để đến gần người đã khuất, xô đẩy lẫn nhau; vì vậy, vị trụ trì tu viện liền ra lệnh đưa thi hài vị thánh vào nhà thờ và khóa cửa lại, chờ đợi cho đến khi vị tu viện trưởng của tu viện kia cùng các tu sĩ của mình đến, để các tu sĩ của cả hai tu viện có thể tụ họp lại.

Khoảng chín giờ, khi vị tu viện trưởng của tu viện lân cận đã đến cùng các tu sĩ của mình và như vậy mọi người đã tụ họp đầy đủ, – người ta ra lệnh mở cửa nhà thờ và đặt thi hài ở giữa hội trường, để mọi người đều có thể nhìn thấy và để có thể an táng thi hài một cách trang trọng với những bài thánh ca xứng đáng. Nhưng khi họ đến gần thi hài, thì không thấy thi hài đâu cả: chỉ còn lại quần áo và đôi dép[4397] , – và mọi người đều rất ngạc nhiên và kinh hoàng. Sau đó, các vị trụ trì của cả hai tu viện đã nói với các tu sĩ: "Các anh em có thấy không, sự chịu đựng kiên nhẫn, sự hiền lành, lòng không oán hận và sự khiêm nhường có thể làm được điều gì; nay anh em của chúng ta không chỉ bằng linh hồn mà cả thân xác cũng đã rời xa chúng ta, một cách vô hình, được các thiên thần đưa đến một nơi khác, vì chúng ta đã tỏ ra không xứng đáng để chạm vào thân thể thánh thiện của ngài, và ngài đã được Chúa ban cho vinh dự này nhờ sự chịu đựng lâu dài của mình, mà ngài đã chịu đựng với sự hiền lành và không oán hận, trong sự khiêm nhường của lòng; chúng ta từng coi anh ấy là kẻ có tội và không xứng đáng sống trên đất, nhưng hóa ra anh ấy lại là vị thánh và xứng đáng với cuộc sống trên trời cùng các Thiên thần; và giờ đây chúng ta phải xấu hổ, còn anh ấy thì được vinh quang, chúng ta hiện đang bị hạ thấp, còn anh ấy thì được Chúa Kitô trao vương miện. Vậy, chúng ta hãy cố gắng học hỏi sự kiên nhẫn và khiêm nhường, sự hiền lành và không oán hận, lấy hình ảnh của vị thánh chịu khổ với lòng kiên nhẫn này làm gương".

Khi các vị Bề trên của cả hai tu viện nói những lời này, tất cả các tu sĩ đều khóc nức nở và ngay tại đó đã quyết định hàng năm sẽ cử hành lễ tưởng niệm Thánh và Đấng Tử đạo Đule, – vì lợi ích cho linh hồn mình và để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Vita, Modesta và Criscentia

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 6

Vào thời trị vì của Hoàng đế Diocletianus[4398] dưới thời thống đốc Valerianus, người đã bức hại các Kitô hữu, tại Sicily có một thiếu niên mười hai tuổi tên là Vit, con trai của Gilas, một công dân quý tộc và giàu có. Gilas này theo tà giáo Hy Lạp; còn con trai ông, vị thánh Vit, nhờ được soi sáng từ trên cao bởi ân sủng kỳ diệu của Thánh Thần, ngay từ thuở thiếu thời đã nhận biết Đấng Thiên Chúa duy nhất và chân thật, Đấng đã tạo dựng trời và đất; sau khi tin vào Ngài, cậu luôn cầu nguyện với Ngài ngày đêm, mặc áo lông cừu. Cậu thiếu niên đã được ân sủng nghe thấy tiếng nói thiêng liêng từ trên cao phán: "Lời cầu nguyện của con đã được lắng nghe! Ta sẽ ban ân sủng của Ta cho con!"

Sau tiếng phán kỳ diệu ấy, cậu thiếu niên đã được Thiên Chúa ban cho sức mạnh để làm phép lạ. Cậu chữa lành các bệnh tật cho con người, khuyên nhủ những kẻ vô tín nhận biết Thiên Chúa chân thật và dạy dỗ mọi người con đường chính trực. Bởi vì Thiên Chúa Toàn Năng đã muốn được tôn vinh qua lời nói và việc làm của cậu thiếu niên này, nhằm làm nhục sự gian ác của những kẻ thờ ngẫu tượng. Chúa đã ban cho Vít trí tuệ phi thường và ân sủng làm phép lạ, để ngay từ thuở thiếu thời, vị thánh này đã trở thành một người đàn ông mạnh mẽ cả trong lời nói lẫn việc làm, và nhờ đó, Đức Chúa Trời, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài, được tôn vinh.

Khi quan tổng trấn Valerian, do những lời vu khống và bôi nhọ của nhiều người ngoại đạo, biết được về cậu thiếu niên thánh thiện này, ông đã triệu tập cha của Vit đến và nói với ông: "Chuyện gì vậy? Ta nghe nói con trai ngươi thờ phượng chính Đức Chúa Trời mà các Kitô hữu tôn kính? Nhưng nếu ngươi muốn thấy nó khỏe mạnh và bình an, thì hãy cố gắng ngăn cản nó khỏi sự lầm lạc này."

Gilas, khi trở về nhà, bắt đầu khuyên nhủ con trai mình đừng từ bỏ nghi lễ Hy Lạp cổ xưa dành cho các vị thần của họ. Còn cậu bé Vit, người được chúc phúc, đã trả lời cha mình: "Con không biết vị Thần nào khác ngoài Đấng Duy Nhất, Đấng Hằng Hữu từ thuở ban đầu, Thần Khí của Ngài bay lượn trên mặt nước và phân biệt ánh sáng với bóng tối (Sáng Thế Ký 1:2–4). Con thờ phượng Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng trời và đất; Ngài chính là Đức Chúa Giê-su Christ thánh khiết, Vua của các Thiên thần. Con xưng nhận Đức Chúa Trời này và sẽ tiếp tục xưng nhận Ngài suốt cả cuộc đời con."

[4397] Giày sandal – một loại giày của người Hy Lạp và La Mã cổ đại. Chúng được làm từ vải nỉ, da, nút chai và thậm chí cả gỗ, trông giống như giày của chúng ta ngày nay; nhưng đặc điểm nổi bật của chúng là dây thắt ngang qua các ngón chân; gắn vào đó là một sợi dây chạy giữa ngón cái và ngón thứ hai.

[4398] Hoàng đế Diocletian trị vì từ năm 281 đến năm 305.

Cha Vita rất tức giận trước những lời nói của con trai mình và ra lệnh đánh cậu bé bằng roi, đồng thời ông nói:

– Ai đã dạy con nói như vậy? Con không biết rằng nếu quan tổng trấn biết chuyện này, con sẽ chết sao?

Cậu bé, trong khi chịu đòn, đáp lại:

– Chính Chúa Kitô đã dạy con điều này, con là tôi tớ của Ngài, con không sợ cơn giận của quan tổng trấn chút nào.

Lúc đó, Hilas gọi người dạy dỗ con trai mình tên là Modest đến và nói với ông ta:

– Hãy để ý đừng để cậu bé bao giờ nhắc đến Chúa Kitô trong lời nói của mình.

Nhưng thánh Vit đã phớt lờ mệnh lệnh của cha mình và luôn luôn, cả trong lòng lẫn trên môi miệng, mang danh Chúa Kitô; và cậu đã được Chúa Kitô an ủi qua sự hiện ra của một thiên thần; vì trong một thị kiến, thiên thần của Chúa đã hiện ra với cậu và nói:

– Đừng sợ, nhưng hãy can đảm nói về danh Chúa Giêsu Kitô. Ta được sai đến làm người bảo vệ cho con; ta sẽ che chở con cho đến tận lúc con qua đời. Hãy biết rằng nhờ ân sủng của Thiên Chúa, bất cứ điều gì con xin nơi Ngài, Ngài sẽ ban cho con.

Thánh thiếu niên đã được an ủi và vui mừng trước thị kiến của Thiên Thần ấy, và với lòng nhiệt thành còn lớn hơn nữa, ngài bắt đầu tuyên xưng và tôn vinh danh Chúa.

Còn cha của vị thánh thì vô cùng đau khổ vì cậu thiếu niên, vì cậu là con trai duy nhất của ông; vì vậy, cha của Vit đã cố gắng dùng những lời nịnh hót để dụ dỗ cậu phục vụ các quỷ dữ. Vị thánh Vit bèn nói với cha mình:

– Cha ra lệnh cho con thờ lạy những vị thần nào vậy?

Người cha đáp:

– Con không biết sao, con trai của cha, các vị thần của chúng ta là Zeus[4399] , Hercules[4400] , Juno[4401] , Minerva[4402] , Vesta[4403] , Apollo[4404] và những vị thần khác, những vị mà các vị vua và hoàng tử đều thờ phụng?

Vị thánh trả lời cha mình:

– Những thứ mà ngươi đang nói đến thực chất là những tượng thần vô hồn do bàn tay con người tạo ra; chúng có miệng nhưng câm, có mắt nhưng mù; có tay và chân nhưng bất động. Còn tôi thì tin vào một Đức Chúa Trời duy nhất, Đấng hằng sống và toàn năng, vì chúng ta *"sống và động đậy nhờ Ngài"* (Công vụ 17:28); tôi tin vào Đấng Tạo Hóa và Đấng Quan Phòng của muôn loài, là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; tôi xưng nhận Đấng Cứu Chuộc và Đấng Cứu Rỗi duy nhất của loài người, là Con Đức Chúa Trời, Đấng đã chịu đau khổ vì tội lỗi chúng ta, nhờ huyết Ngài mà chúng ta được cứu rỗi.

Người Cha đã trả lời cậu con trai với những giọt nước mắt:

– Ôi con yêu quý của cha! Hãy nghe lời khuyên hữu ích và sáng suốt của cha con và từ bỏ đức tin điên rồ đó, theo đó con đang tôn kính một cách vô ích một người đã chết mà con không biết; hãy từ bỏ đi, – để quan tổng trấn, khi nổi giận, không hủy diệt con và làm tăng thêm nỗi đau trong lòng cha.

Thánh Vit đáp lại:

– Ôi, giá như cha cũng biết được Ngài là ai và như thế nào, Đấng mà cha, trong sự khinh miệt, gọi là một người đã chết! Ôi, giá như cha cùng con thờ lạy Ngài! Vì Ngài chính là Đấng Kitô, Con của Thiên Chúa Hằng Sống, Chiên Con của Thiên Chúa, Đấng đã gánh lấy tội lỗi của thế gian.

Gilas nói:

– Về Đấng Kitô mà con gọi là Thiên Chúa, tôi biết rằng Ngài, theo lệnh của Philatô, người cai trị xứ Giu-đê, đã bị đánh đập, bị kết án tử hình trên thập giá và bị người Do Thái cùng các đầy tớ của Philatô đóng đinh trên thập giá.

Thánh thiếu niên đáp:

– Vâng, đúng như cha đã nói. Nhưng có một mầu nhiệm vĩ đại, kỳ diệu và thánh thiêng trong việc này.

[4399] Zeus hay Zeus – vị thần tối cao trong tôn giáo Hy Lạp cổ đại.

[4400] Hercules hay Heracles – anh hùng dân tộc của Hy Lạp cổ đại. Hercules được cho là sở hữu sức mạnh thể chất phi thường.

[4401] Juno được người Hy Lạp và La Mã cổ đại coi là nữ thần bảo trợ cho cuộc sống gia đình.

[4402] Minerva hay Athena – nữ thần của sự khôn ngoan.

[4403] Vesta hay Hestia – nữ thần bảo trợ cho tổ ấm gia đình và ngọn lửa tế lễ.

[4404] Apollon (từ tiếng Hy Lạp) – kẻ hủy diệt; trong văn hóa Hy Lạp cổ đại, ông được coi là người bảo vệ các thế lực ánh sáng và kẻ chiến thắng các thế lực bóng tối.

Gilas hỏi:

– Nếu xét theo sự thật, thì việc này đúng ra không nên gọi là mầu nhiệm, mà phải gọi là hình phạt.

Vị thánh đáp:

– Xin cha hãy lắng nghe con với lòng khiêm nhường và nhận ra sự thật; việc Chúa Giêsu Kitô bị nộp để chịu chết và bị đóng đinh chính là sự cứu rỗi của chúng ta; và xin cha hãy biết rằng, vì tình yêu dành cho Ngài, không ai có thể tách con khỏi Ngài bằng bất kỳ hình thức tra tấn nào.

Lúc đó, Hilas ngừng cuộc trò chuyện, lòng đầy buồn bã vì con trai mình.

Nhờ ân sủng của Thiên Chúa ngự trong thiếu niên ấy, nhiều phép lạ đã xảy ra, cụ thể là: người mù được sáng mắt, người bệnh được chữa lành, và các quỷ dữ, khi bị trục xuất khỏi con người, đã làm chứng về sự thánh thiện vĩ đại của thiếu niên trẻ tuổi.

Tất cả những điều này không thể giấu được trước mặt quan tổng trấn Valerian. Ngồi trên ghế xét xử, ông nói với cha Vitov trước mặt mọi người:

– Hỡi người quý tộc Hilas! Giờ đây ta đã biết chắc chắn rằng con trai ngươi hết lòng tôn kính Đấng được gọi là Chúa Kitô, Đấng đã bị đóng đinh ở Giu-đê; nó thờ phượng Đấng Kitô này, còn chê bai các vị thần của tổ tiên; vì vậy, nó phải ra trước tòa của chúng ta để xét xử: hãy dẫn nó đến đây.

Khi cậu thiếu niên được dẫn đến phiên tòa bất chính đó, vị thống đốc nói với cậu:

– Tại sao con không dâng lễ vật cho các vị thần bất tử của chúng ta? Chẳng lẽ con chưa nghe lệnh của hoàng đế – rằng bất cứ ai dám tôn kính Đấng bị đóng đinh đều sẽ bị xử tử sau khi trải qua các hình phạt khác nhau sao?

Cậu thiếu niên đáng kính, được tràn đầy Thánh Thần, không hề sợ hãi trước vị thống đốc; sau khi làm dấu thánh giá trên mình, cậu đáp:

– Ta không muốn thờ lạy ma quỷ và sẽ không tôn kính những tượng thần bằng đá hay gỗ, vì ta có Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng mà linh hồn ta đang phụng sự.

Còn cha của vị thánh, ông Hilas, quay sang người thân và bạn bè, khóc lóc thảm thiết và kêu lên:

– Hãy khóc cùng tôi, các bạn của tôi, – tôi xin các bạn, vì tôi thấy con trai duy nhất của tôi đang lâm vào cảnh diệt vong!

Lúc đó, Thánh Vit đã lớn tiếng phản đối cha mình:

– Con không phải đang chết, mà đang được xứng đáng gia nhập vào hàng ngũ các thánh nhân và những người được Chúa hài lòng.

Còn Valerian thì nói với vị thánh:

– Cho đến nay, ta vẫn kiềm chế bản thân vì dòng dõi cao quý của ngươi và vì tình cảm của ta dành cho cha ngươi; cho đến nay, ta chưa áp dụng những mệnh lệnh hoàng gia dành cho những kẻ phạm pháp lên con; nhưng giờ đây, khi đã thấy rõ rằng con đã trở nên ngoan cố trong sự chống đối của mình, ta sẽ bắt đầu tra tấn con trên cơ sở pháp lý, để con, sau khi chịu hình phạt, sẽ từ bỏ sự cứng đầu của mình.

Nói xong, quan tổng trấn ra lệnh đánh đòn vị thiếu niên thánh thiện bằng gậy.

Vị thánh bị đánh trong một thời gian dài. Sau đó, kẻ tra tấn nói với vị thánh:

– Bây giờ hãy nghe ta và dâng lễ vật lên các vị thần.

Vị tử đạo đáp lại:

– Thưa thống đốc, tôi đã nói với ngài rồi, tôi thờ phượng Đấng Christ, Con Thiên Chúa.

Lúc đó, vị thống đốc càng tức giận hơn, ra lệnh đánh vị thánh bằng gậy sắt. Nhưng ngay khi các thuộc hạ của vị thống đốc định làm điều đó, tay họ bỗng khô héo; cũng giống như vậy, bàn tay của vị thống đốc, vốn dùng để ra lệnh cho thuộc hạ, bỗng dưng bị thương và khô héo, khiến ông ta la hét vì đau đớn với những lời như thế này: "Khốn khổ cho ta! Ta đã làm hỏng bàn tay mình và giờ đây đang phải chịu đựng đau đớn tột cùng." Sau đó, ông nói với cha của Thánh Vit: "Ông không có một người con trai, mà là một pháp sư."

Còn Thánh Vit thì lớn tiếng kêu lên:

– Tôi không phải là thầy phù thủy, mà là tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô toàn năng của tôi, Đấng đã làm cho người chết sống lại, đi trên mặt nước như đi trên đất liền, làm yên biển động và chữa lành mọi bệnh tật nan y xảy ra với con người; giờ đây Ngài vẫn làm những điều tương tự bằng quyền năng toàn năng của Ngài. Tôi là tôi tớ của Ngài, và vì thế tôi cố gắng tuân giữ các điều răn của Ngài. Còn những vị thần mà ngươi thờ phụng, họ có sức mạnh gì, hãy nói cho ta biết? Hãy để họ chữa lành cánh tay ngươi, nếu họ có thể chữa lành.

Igemon nói:

– Còn ngươi, ngươi có thể chữa lành cánh tay ta không?

Vị thánh đáp:

– Tôi có thể, nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô.

– Vậy thì hãy chữa lành cho tôi đi, – Igemon nói, – để tôi tin chắc rằng ngươi không phải là thầy phù thủy, mà là tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật, như ngươi đã nói.

Lúc đó, vị thánh tử đạo ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa, Cha trên trời! Xin hãy nghe lời con, tôi tớ hèn mọn của Ngài, vì những người đang có mặt ở đây, để họ tin vào Chúa Giêsu Kitô, Con Một của Ngài, Thiên Chúa chân thật và toàn năng, Đấng đồng trị với Ngài cùng với Chúa Thánh Thần. Xin hãy làm cho bàn tay của vị quan được chữa lành vì danh Con Một duy nhất của Ngài.

Vừa mới vị thánh kết thúc lời cầu nguyện này, bàn tay của Valerian đã được chữa lành và trở lại như trước. Lúc đó, quan tổng trấn trao cậu bé lại cho cha cậu và nói: "Hãy đưa con trai ngươi về nhà và thuyết phục nó dâng lễ vật cho các vị thần, để nó khỏi bị diệt vong."

Sau khi đưa con trai về nhà, Hilas bắt đầu dùng nhiều lời nịnh hót để dụ dỗ cậu theo con đường tội lỗi của mình: ông ta tổ chức những bữa tiệc xa hoa, lập nên những dàn ca sĩ; trước mặt Vit, người ta chơi những nhạc cụ du dương, tiếng kimva và đàn guśli vang lên; những thiếu nữ xinh đẹp nhảy múa trước mắt vị thánh, các chàng trai vui đùa; người ta hát những bài ca trần tục đầy dục vọng, thốt ra nhiều lời dụ dỗ, nhằm qua tất cả những điều đó lôi kéo trái tim chàng Vit trẻ tuổi vào sự phù phiếm; nhưng tâm hồn chàng trai, cứng cỏi như kim cương, vẫn không hề lay chuyển; vì trong lòng chàng có tình yêu dành cho Thiên Chúa, vượt trội hơn mọi tình yêu trần tục; cậu không để ý đến bất cứ điều gì đang được hát trước mắt mình; cũng như vậy, cậu không nhìn vào những gì đang diễn ra trước mắt mình; hướng đôi mắt lên trời, cậu thở dài từ tận đáy lòng và nói: "Xin đừng khinh dể, lạy Chúa, Thiên Chúa của con, trái tim tan nát và khiêm nhường này!"

Sau đó, Hilas ra lệnh chuẩn bị một căn phòng trên lầu cho con trai mình; ông chất đầy căn phòng ấy bằng đủ loại của cải; sàn nhà được trải bằng những tấm thảm đẹp đẽ; rèm cửa được trang trí bằng ngọc trai, giường ngủ và toàn bộ cung điện tràn ngập vẻ lộng lẫy; ông nhốt con trai mình trong căn phòng đó và ra lệnh cho những thiếu nữ xinh đẹp nhất phục vụ cậu để dụ dỗ cậu. Còn cậu thiếu niên trong sạch và thánh thiện ấy, quỳ gối xuống, đã cầu nguyện với Chúa như sau: "Lạy Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-sa-ác, Thiên Chúa của Gia-cóp, Thiên Chúa và Cha của Đấng Con Yêu Dấu của Ngài, Chúa Giê-su Ki-tô của con! Xin hãy nhìn xuống con và thương xót con, xin củng cố con bằng sức mạnh của Ngài, để con rắn độc ác và vô luật pháp không thể thực hiện ý muốn của nó trên con, tôi tớ của Ngài, và để những kẻ ngoại đạo không chế nhạo tôi tớ trung thành của Ngài và không nói rằng: 'Thiên Chúa của họ ở đâu?'"

Trong khi vị thánh đang cầu nguyện bằng những lời ấy, bỗng nhiên trong căn phòng tỏa sáng một ánh sáng không thể tả xiết, và người ta thấy mười hai khuôn mặt rực rỡ, sáng như ngọn lửa, giống như những ngọn đèn; người ta còn cảm nhận được một hương thơm không thể tả xiết tỏa ra từ những khuôn mặt ấy; mùi hương ấy lan tỏa trong không khí đến nỗi tràn ngập cả ngôi nhà, khiến cha của thánh Vita cùng cả gia đình đều kinh ngạc và kinh hãi, rồi kêu lên: "Đây quả là một phép lạ vĩ đại. Mùi hương này đến từ đâu, mà chúng ta chưa từng ngửi thấy trong các đền thờ của các vị thần chúng ta?" Rồi ông nói: "Các vị thần đã đến nhà tôi để gặp con trai tôi." Và ông bắt đầu tìm kiếm kỹ lưỡng xem mùi hương ấy phát ra từ đâu. Khi đến trước cửa phòng con trai và bước vào trong, ông thấy những khuôn mặt của các Thiên thần, có đôi cánh giống như đại bàng; những khuôn mặt ấy tràn đầy lòng nhân từ không thể tả xiết, tỏa sáng rực rỡ và cất tiếng hát: *"Thánh, Thánh, Thánh là Chúa"* (Is 6:3).

Vì ánh sáng chói lọi ấy, Hilas lập tức bị mù, bởi vì đôi mắt ông không trong sạch, không xứng đáng chiêm ngưỡng ánh sáng của các Thiên thần, vốn được che giấu trên trời; vì ánh sáng này chỉ có thể được chiêm ngưỡng bởi những ai có đôi mắt tâm hồn trong sạch.

Thánh Vit, khi thấy cha mình bị mù, đã tràn đầy tình yêu thương tự nhiên dành cho cha và bắt đầu cầu nguyện với Thiên Chúa cho cha được thương xót. Khi kết thúc lời cầu nguyện, ngài nói thêm: "Nhưng lạy Chúa, xin đừng theo ý con, mà hãy theo ý Ngài; xin hãy để mọi sự diễn ra theo ý muốn của chính Ngài."

Còn Hilas, vì cơn đau dữ dội ở mắt, đã kêu lên cho mọi người cùng nghe: "Khốn khổ cho tôi! Tôi đã mất ánh sáng cho đôi mắt mình. Tôi đang mắc phải căn bệnh nặng nề!"

Tất cả những người trong nhà ông, cả nô lệ nam lẫn nữ, khi thấy chủ nhân của mình đang chịu đựng cơn đau dữ dội ở đôi mắt, đều khóc lóc, đến nỗi tiếng khóc thét của họ vang đến tận những ngôi nhà lân cận; và như vậy,

chẳng bao lâu sau, cả thành phố đều biết về chuyện đã xảy ra với Hilas. Sau đó, nhiều công dân bắt đầu đổ xô đến nhà ông; Igemon Valerian cũng vội vã đến đây. Thấy Gilas đã mù, phải dựa vào các nô lệ của mình và la hét vì đau đớn, Valerian hỏi: – Vì lý do gì mà ông ấy bị mù? Ông ta đáp: "Trong phòng, tôi đã thấy các vị thần có cánh của con trai tôi; đôi mắt họ sáng như những vì sao; dung mạo của họ chói lọi như tia chớp; không chịu nổi ánh sáng chói lòa của họ, mắt tôi bị tổn thương và tôi đã mất thị lực."

Valerian nói: "Chắc chắn rằng những vị thần mà ngươi đã thấy rất mạnh mẽ; vì vậy, ngươi cần phải cầu nguyện với họ để họ chữa lành cho ngươi."

Sau đó, Valerian dắt Gilas, người mù, đến đền thờ Zeus. Tại đó, Gilas cầu nguyện như sau: "Ôi, Zeus, vị thần toàn năng! Nếu Ngài chữa lành đôi mắt cho con, con sẽ dâng lên Ngài vô số lễ vật, con sẽ dâng lên Ngài một con bò đực có sừng vàng; cũng như vậy, hỡi nữ thần Vesta, con sẽ dâng lên Ngài những trinh nữ trong sạch, nếu con nhận được sự giúp đỡ từ Ngài."

Hilas đã cầu nguyện như vậy với các vị thần hư ảo của mình, nhưng không những không được họ chữa lành, mà ngược lại, anh còn cảm thấy đau đớn hơn nữa. Còn Thánh Vit, quỳ gối trước Chúa, đã cầu nguyện trong phòng riêng của mình cho cha mình, nói như sau: "Lạy Chúa, Đấng đã ban ánh sáng cho người mù Tô-vi-ta[4405] , xin hãy ban ân sủng cho cha con, nếu ông ấy nhận biết Ngài."

Cuối cùng, Hilas được các nô lệ của mình đưa về nhà từ đền thờ thần tượng mà vẫn chưa được chữa lành: khi bước vào căn phòng nơi Thánh Vit đang dâng lễ tạ ơn lên Đức Chúa Trời, ông quỳ xuống dưới chân Vit và nói:

– Con trai yêu dấu! Hãy chữa lành cho cha!

Thánh Vit bèn nói với ông:

– Cha có muốn được lành bệnh không?

Gilas đáp:

– Vâng, con rất mong muốn.

Thánh nhân nói với ông:

– Nếu con muốn được chữa lành, thì hãy từ bỏ Zeus, Hercules, Juno, Minerva, Vesta và Apollo.

Gilas đáp:

– Làm sao tôi có thể từ bỏ họ được?

Thánh Vit nói:

– Đừng gọi họ là các vị thần, mà hãy gọi là ma quỷ; những tượng thần mà cho đến nay ngươi vẫn tôn kính, đừng tôn kính nữa, mà hãy coi chúng chẳng là gì cả, như những vật vô hồn và vô dụng. Và nếu ngươi hứa sẽ làm như vậy từ tận đáy lòng, thì đôi mắt ngươi sẽ lập tức được chữa lành và sáng rõ.

Gilas nói:

– Tôi từ bỏ các vị thần và hứa sẽ làm tất cả những gì ngài đã dặn dò.

Vị Thánh nói:

– Ta biết lòng ngươi cứng cỏi và lời ngươi nói không chân thật; nhưng ta sẽ tỏ ra quyền năng của Chúa ta trên ngươi, vì những người đang đứng đây, để họ tin và tôn vinh danh Chúa ta là Đức Giê-su Ki-tô, dù ngươi không xứng đáng với điều đó.

Nói xong, vị thánh đặt tay lên đôi mắt đau đớn của cha mình và cầu nguyện với Đức Chúa Trời như sau: "Lạy Chúa Giê-su Christ, Đấng đã khai sáng đôi mắt cho người mù bẩm sinh (Giăng 9:6–7), Đấng đã chiến thắng tự nhiên, xin hãy khai sáng đôi mắt của cha con, dù ông ấy không xứng đáng vì sự không tin của mình; nhưng xin Ngài làm điều này vì vinh quang của Danh Thánh Ngài, để kẻ thù của Ngài thấy và hổ thẹn, và để tất cả những ai biết và yêu mến Danh Ngài được tôn vinh."

Trong khi vị thánh cầu nguyện như vậy, những vảy cứng trên mắt người mù bong ra như vảy cá; ông trở nên khỏe mạnh và có thể nhìn rõ bằng chính đôi mắt mình. Nhưng ngay sau đó, thay vì nhận biết Đức Chúa Trời chân thật và dâng lời tạ ơn Ngài vì sự chữa lành đã nhận được từ Ngài, người ấy lại bắt đầu phỉ báng Đấng đã ban ơn cho mình, nói với con trai như sau: "Không phải Đức Chúa Trời của con đã chữa lành cho ta, mà là các vị thần của ta, những vị mà ta thờ phượng và đã hứa dâng của lễ cho họ."

[4405] Tô-vi-tơ – một người Do Thái đạo đức, từng bị bắt làm tù binh cùng gia đình tại Ni-ni-ve dưới thời vua A-si-ri Sê-na-hê-rim. Câu chuyện về việc ngài được chữa lành khỏi bệnh mù có thể được đọc trong cuốn sách Kinh Thánh mang tên ngài.

Và ông ca ngợi các vị thần gian ác của mình, công khai trước mặt mọi người rằng: "Ta tạ ơn các vị thần của ta, những Đấng đã chữa lành cho ta!" Sau khi đến các đền thờ của chúng, ông bắt đầu dâng lên chúng những của lễ tạ ơn ghê tởm, như đã hứa; lúc đó, trái tim ông đã bị ma quỷ làm cho trở nên tàn nhẫn và mù quáng vì sự thù hận, đến nỗi ông đã biến tình yêu tự nhiên dành cho con trai mình thành sự căm ghét, với ý định giết chết chính đứa con trai thánh thiện và vô tội của mình. Còn Đức Chúa Trời, Đấng bảo vệ các tôi tớ của Ngài, đã sai Thiên Thần của Ngài đến để bảo vệ, vì Thiên Thần của Đức Chúa Trời, dưới hình dạng một thiếu niên xinh đẹp và rạng ngời ánh sáng, đã hiện ra vào ban đêm trước Modest, người thầy nuôi dưỡng của Vito, một người đã tin vào Đấng Christ và đã ở tuổi xế chiều, và nói với ông:

– Hãy đưa cậu bé đi và cùng cậu ấy ra biển; trên bờ, các ngươi sẽ tìm thấy một chiếc thuyền nhỏ; hãy lên thuyền đó và các ngươi sẽ đến được đất nước mà Ta sẽ chỉ cho các ngươi.

Modest nói với Thiên thần:

– Lạy Chúa! Con không biết con đường mình sẽ đi.

Thiên thần đáp: "Ta sẽ dẫn đường cho các ngươi!"

Và ngay lập tức, Modest đứng dậy, dẫn theo cậu bé Vita của mình, cùng với người vú nuôi của cậu là Kriscentia, một tôi tớ trung thành của Chúa Kitô, rồi cùng họ đi ra biển, theo sau vị Thiên thần đang dẫn đường cho họ.

Khi họ đến bờ biển, họ thấy một chiếc thuyền đã được Chúa chuẩn bị sẵn. Và Thiên thần nói với thánh Vit, như thể đang thử thách cậu: "Con sẽ đi đến đất nước nào?" Thánh Vit đáp: "Nơi nào Chúa dẫn dắt chúng con, chúng con sẽ đi đến đó với lòng nhiệt thành vô cùng."

Thiên thần hỏi: "Ngươi có tiền công không?" Chàng trai đáp: "Đấng mà chúng ta phụng sự sẽ trả công cho ngài." Sau đó, họ lên thuyền và rời khỏi Sicily; sau một thời gian ngắn, họ đến một vùng đất của Ý tên là Lucania, tại một nơi gọi là Allettoria. Khi cập bến và bước xuống thuyền, ngay lập tức Thiên thần của Chúa, người đã hiện thân dưới hình dạng một thiếu niên và đi cùng họ trên thuyền, bỗng trở nên vô hình.

Họ tiếp tục lên đường, đi đến một con sông tên là Silár, chảy ra biển từ vùng Lucania; gần con sông này, họ dừng lại nghỉ ngơi dưới một cây to có nhiều cành lá rậm rạp. Họ rất ưng ý nơi này và quyết định định cư tại đây; còn thức ăn thì do chính Đức Chúa Trời ban cho. Giống như xưa kia, theo lệnh của Đức Chúa Trời, chim quạ đã nuôi dưỡng Thánh Ê-li trong sa mạc (3 Vua 17:4), thì những vị thánh này cũng được chim đại bàng nuôi dưỡng, hàng ngày mang thức ăn đến cho họ. Và nhiều phép lạ kỳ diệu bắt đầu xảy ra qua Thánh Vit; danh tiếng của ngài lan rộng khắp cả vùng đất ấy, nhờ ơn Chúa, Đấng tôn vinh các tôi tớ của Ngài. Những con quỷ bị Thánh Vit trừ khử khỏi con người bằng quyền năng của Chúa đã la lên: "Chúng ta và ngươi có liên quan gì, Vit ơi! Ngươi đến đây trước thời hạn để hủy diệt chúng ta sao?"

Người ta đưa những người bệnh đến với vị thánh; và ngài chữa lành tất cả họ bằng lời cầu nguyện và dấu thánh giá, đồng thời dạy dỗ họ nhận biết Thiên Chúa chân thật và tuân giữ các điều răn của Ngài. Và nhiều người ngoại đạo đã quay về với Chúa Kitô và nhận phép rửa thánh.

Vào thời đó, con trai của vua Diocletian bị quỷ ám; lúc đó, con quỷ la lên qua miệng cậu ta, nói: "Ta sẽ không rời khỏi đây, trừ khi Vit của Lukani đến đây."

Và nhà vua nói:

– Chúng ta có thể tìm người đó ở đâu?

Con quỷ đáp: "Các ngươi sẽ tìm thấy ông ấy bên sông Silara."

Ngay lập tức, hoàng đế cử những chiến binh vũ trang đến Lucania, ra lệnh cho họ nhanh chóng đưa Vit về. Khi đến nơi được chỉ định, các chiến binh thấy người tôi tớ của Chúa Kitô đang cầu nguyện với Thiên Chúa bên bờ sông, và họ hỏi ông:

– Ngươi là Vit phải không?

Thánh nhân đáp:

– Vâng, chính là tôi.

Các binh lính nói:

– Hoàng đế Diocletian đang đòi gặp ngươi.

Thánh Vit trả lời:

– Tôi chỉ là một thiếu niên vô danh tiểu tốt: tôi có thể có ích gì cho hoàng đế chứ?

Các binh lính đáp:

– Con trai ngài đang bị quỷ ám, và vì lý do đó mà ngài yêu cầu ngươi đến.

Thánh Vit nói:

– Hãy lên đường nhân danh Chúa.

Và ngài cùng các chiến binh lên đường đến Roma; Thánh Modest cũng đi cùng ngài; còn Thánh nữ Criscentia thì theo sau họ từ xa.

Khi đến Rome, các chiến binh báo tin cho Diocletian về sự xuất hiện của Vit; Diocletian ra lệnh đưa ngài đến trước mặt mình.

Khi vị thánh đứng trước mặt hoàng đế, vị này đã kinh ngạc trước vẻ đẹp của chàng trai trẻ: Thánh Vit quả thực là một thiếu niên đẹp trai, khuôn mặt ngài như thiên thần, đôi mắt – như những tia nắng mặt trời, bởi vì ngài tràn đầy ân sủng của Chúa Kitô. Và Diocletian nói với ngài: "Ngươi là Vit sao?"

Nhưng vị thánh không trả lời ông.

Lúc đó, hoàng đế bắt đầu tra hỏi Modest, với ý định tìm hiểu về vị thánh từ ông. Nhưng Modest, vì đã cao tuổi và tính cách đơn sơ, không thể trả lời hoàng đế một cách thích đáng. Vì lý do đó, hoàng đế đã mắng chửi Modest bằng những lời lẽ vô lễ, định đuổi ông đi; lúc đó, thánh Vit mở miệng và nói với Diocletian:

– Tại sao ngươi lại hỏi một vị lão niên với thái độ ngạo mạn như hỏi một thiếu niên vậy? Ngươi phải tôn kính ông ấy, dù chỉ vì mái tóc bạc của ông ấy?

Hoàng đế đáp lại Thánh Vit:

– Ngươi lấy đâu ra sự táo bạo đó, mà dám nói với chúng ta bằng giọng giận dữ, làm tổn hại đến phẩm giá của chúng ta?

Thánh Vit đáp lại:

– Chúng tôi không có sự giận dữ, vì đã nhận được tinh thần không ác ý từ Đức Kitô, Chúa của chúng tôi, và chúng tôi là những người noi gương sự hiền lành của chim bồ câu. Vì Thầy của chúng tôi vốn hiền lành theo bản tính, quyền năng vĩ đại, tính cách không oán hận, khiêm nhường và hiền lành; vì vậy, các môn đệ của Ngài cũng phải hiền lành và khiêm nhường trong lòng, chứ không phải hung hăng và giận dữ như ngươi gọi chúng tôi.

Trong khi vị thánh đang nói như vậy, bỗng nhiên con quỷ la lên qua miệng con trai nhà vua, nói rằng:

– Ôi Vit! Sao ngươi lại hành hạ ta tàn nhẫn như vậy trước thời hạn!

Vị thánh không trả lời con quỷ. Và Diocletian nói với vị thánh:

– Ngài có thể chữa lành cho con trai ta không?

"Con trai ngài," vị thánh đáp, "có thể được lành lặn, nhưng tôi không thể ban cho nó sự lành lặn: Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng mà tôi là tôi tớ, nếu Ngài muốn, thì dễ dàng có thể giải thoát nó khỏi sự hành hạ của quỷ dữ qua tôi, tôi tớ của Ngài, vì Ngài toàn năng."

Lúc đó, Diocletian bắt đầu nài nỉ vị thánh chữa lành cho con trai mình. Bước đến gần người bị quỷ ám, vị thánh đặt tay lên đầu cậu bé và nói: "Nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, hỡi linh hồn ô uế, hãy ra khỏi tạo vật của Thiên Chúa!"

Và ngay lập tức, tà linh rời khỏi con trai hoàng đế, nhưng không phải mà không gây hại cho những người có mặt tại đó; vì theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, tà linh ấy đã đột ngột giết chết nhiều kẻ vô tín, những người đã chế nhạo Thánh Vitus bằng lời nói hay trong lòng – và mang những linh hồn ghê tởm của họ, như chiến lợi phẩm của mình, xuống địa ngục.

Hoàng đế vô cùng ngạc nhiên khi thấy con trai mình khỏe mạnh còn nhiều người trong số những kẻ có mặt đã bị giết chết; nhưng thay vì nhận ra quyền năng của danh Chúa Giê-su Ki-tô và tôn vinh Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, ông lại âm mưu trong lòng làm sao để lôi kéo Thánh Vit vào con đường gian ác của mình. Diocletian còn bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của vị thánh; ông bắt đầu trò chuyện với vị thánh bằng những lời nịnh hót, nói: "Vít thân mến, hãy nghe ta và cùng ta dâng lễ vật cho các vị thần; lúc đó ta sẽ ban cho ngươi một nửa vương quốc của ta; ta sẽ thưởng cho ngươi vàng, bạc và những vật quý giá; ta sẽ cho ngươi mặc áo hoàng bào, và ngươi sẽ trở thành người bạn chân thành, thân thiết nhất của ta."

Thánh Vit đáp lại:

– Ta không cần vương quốc của ngươi, cũng không cần của cải của ngươi, vì ta có Chúa và Đức Chúa Trời của ta; nếu ta trung thành phụng sự Ngài, thì Ngài sẽ mặc cho ta bộ áo bất hoại và rực rỡ của sự bất tử trong Nước Trời.

– Đừng nói như vậy, Vit, – Diocletian nói, – nhưng hãy thương xót mạng sống của ngươi; hãy dâng lễ vật cho các vị thần, để ngươi không phải chết một cái chết đau đớn sau những cực hình đủ loại.

Vị thánh đáp lại:

– Ta rất mong được chịu những cực hình mà ngươi đang đe dọa; khi đó ta sẽ sớm đạt được vương miện mà Chúa đã hứa ban cho những người được Ngài chọn.

Lúc đó, Diocletian ra lệnh giam Thánh Vit và Thánh Modest vào một ngục tối tăm và hôi thối, ra lệnh trói mỗi người bằng xiềng xích nặng mười pud, rồi niêm phong cửa và cửa sổ bằng chiếc nhẫn hoàng gia của mình, để không ai có thể đưa bánh mì hay nước cho họ, – kẻ hành hạ họ định giết chết họ bằng đói khát.

Khi các thánh bị giam trong ngục tối, bỗng nhiên một luồng ánh sáng rực rỡ chiếu sáng nơi đó; ánh sáng này cũng được các lính canh ngục nhìn thấy khi họ áp mặt vào lỗ hổng trên tường. Còn Thánh Vit thì lớn tiếng kêu cầu Thiên Chúa, nói: "Lạy Thiên Chúa, xin đến cứu giúp chúng con và giải thoát chúng con khỏi những xiềng xích này, như Ngài đã giải thoát ba thiếu niên khỏi lò lửa cháy (Đan. 3) và như Ngài đã giải thoát Susanna khỏi những kẻ làm chứng dối vô luật pháp" (Đan. 13:1–64).

Trong khi vị thánh đang cầu nguyện như vậy, nền nhà ngục rung chuyển, một ánh sáng rực rỡ hơn nữa bừng lên và một hương thơm không thể tả lan tỏa khắp nơi. Chúa Giêsu Kitô của chúng ta hiện ra với ngài và phán: "Hãy vững lòng, Vit, hãy can đảm và kiên định, vì Ta luôn ở cùng con."

Nói xong những lời ấy, Chúa bỗng trở nên vô hình. Ngay lập tức, xiềng xích trên người các thánh tù nhân, Vit và Modest, rơi xuống và tan thành tro bụi. Các thánh đứng dậy và bắt đầu hát: *"Chúc tụng Chúa, Thiên Chúa của Israel, vì Ngài đã viếng thăm dân Ngài và ban ơn cứu độ cho họ"* (Lc 1:68).

Cùng lúc đó, người ta còn nghe thấy tiếng hát của các thiên thần hòa theo; các lính canh ngục, khi nhìn thấy ánh sáng không thể tả xiết và nghe thấy tiếng hát của các thiên thần, đã tràn ngập sợ hãi và kinh hoàng, và trở nên bất động như người chết. Sau đó, khi tỉnh táo lại, họ vội vã đến gặp vua với sự sợ hãi và báo cáo cho ngài tất cả những gì họ đã thấy và nghe. Vua, cho rằng tất cả những điều đó là lời ca ngợi các Kitô hữu, đã triệu tập người tổ chức các buổi biểu diễn công cộng và ra lệnh cho ông ta vào buổi sáng chuẩn bị địa điểm cho buổi biểu diễn, nơi ông muốn ném các tù nhân cho thú dữ ăn thịt. Khi đó, ông nói: "Ta sẽ xem liệu Chúa Kitô có thể cứu họ khỏi tay ta hay không?"

Sáng hôm sau, các tôi tớ thánh của Chúa Kitô bị dẫn ra nơi hành hình. Thánh Vit động viên vị thầy của mình là Thánh Modest: "Đừng sợ, thưa cha, hãy can đảm lên, đừng sợ vũ khí của ma quỷ, vì vương miện của chúng ta đang đến gần rồi."

Còn đám đông đã tập trung để chứng kiến cảnh tượng đó có năm nghìn người, chưa kể phụ nữ và trẻ em, số lượng không thể đếm xuể.

Và Diocletian đã nói với Thánh Vit:

– Vit! Ngươi đang ở đâu?

Thánh Vitô, không trả lời gì với kẻ tra tấn, ngước mắt lên trời.

Sau đó, hoàng đế lại nói với ngài:

– Hiện giờ ngươi đang ở đâu, Vit?

Thánh nhân đáp:

– Tôi thấy mình đang ở nơi hành hình; nhưng hãy mau làm điều ngài định làm đi.

Diocletian nói với ngài:

– Hãy thương xót mạng sống của ngươi, Vit, và dâng lễ vật lên các vị thần vĩ đại.

Vị thánh đáp lại:

– Ngươi sẽ không được bình an đâu, con quỷ, con sói săn mồi, kẻ dụ dỗ linh hồn: ta ngạc nhiên trước sự điên rồ của ngươi, vì ngươi, dù đã thấy quyền năng của Đức Chúa Trời, vẫn không nhận biết Đức Chúa Trời và không hề xấu hổ khi dùng lời nói của ngươi để lôi kéo ta xa rời Đức Chúa Trời của ta. Nhưng ta đã không chỉ một lần nói với ngươi rằng ta sẽ không dâng lễ vật cho các vị thần của ngươi – hay đúng hơn là cho lũ quỷ – thế mà ngươi lại một lần nữa không biết xấu hổ mà đưa ra những lời khuyên gian ác của ngươi. Người ta bảo con chó: "Cút đi," – và nó sẽ xấu hổ mà bỏ đi; nhưng ngươi thì không biết xấu hổ. Ta có Đức Kitô, Thiên Chúa của ta, Đấng mà ta đã phụng sự cho đến nay và Đấng mà ta dâng lễ tế ngợi khen từ tận đáy lòng; đối với ta, chỉ còn một điều duy nhất – đó là trở thành của lễ sống động dâng hiến trọn vẹn cho Ngài.

Lúc đó, hoàng đế nổi cơn thịnh nộ tột độ, thay vì thả thú dữ vào các vị tử đạo, ngài ra lệnh ngay lập tức chuẩn bị một lò lửa rực cháy và một cái nồi lớn, rồi ra lệnh nung chảy chì, lưu huỳnh và nhựa thông trong đó; sau đó, ngài ra lệnh ném riêng một mình Vita vào cái nồi đang sôi sục và sủi bọt ấy, nói rằng: "Hãy xem xem – liệu Thiên Chúa của ông ta có giúp ông ta không!"

Thánh Vit, sau khi làm dấu thánh giá, đã bước vào chính giữa cái nồi đang sôi sục như biển cả. Ngay lập tức, Thiên Thần của Chúa hiện ra trước mặt ngài, làm mất đi sức mạnh của ngọn lửa và làm dịu bớt sức nóng cùng sự sôi sục của cái nồi; và vị thánh tử đạo đứng đó như thể đang ở giữa bể rửa tội, hát những bài thánh ca ngợi khen Chúa và nói: "Lạy Thiên Chúa, Đấng đã giải thoát dân Israel khỏi ách nô lệ nặng nề của Ai Cập qua Mô-sê và A-rôn, xin hãy tỏ lòng thương xót của Ngài cho chúng con, vì vinh quang danh thánh của Ngài."

Sau đó, ngài nhìn vua và nói: "Tôi cảm ơn ngài, Diocletian, và các tôi tớ của ngài vì đã chuẩn bị cho tôi một bồn tắm rất tiện nghi; lẽ ra ở đây cũng nên có xà phòng nữa."

Còn toàn thể dân chúng, những người đang chứng kiến mọi sự việc diễn ra, đã đồng thanh reo lên: "Chúng tôi chưa bao giờ thấy phép lạ nào như thế này! Quả thật, Thiên Chúa của thiếu niên này là Đấng chân thật và vĩ đại!"

Và vị thánh bước ra khỏi nồi, không có bất kỳ vết thương nào trên thân thể; ngược lại, thân thể ngài, vốn đã tinh khiết như tuyết, lại trở nên trắng hơn nữa; và ngài cất tiếng ca ngợi, nói: "Lạy Chúa, Ngài đã thử thách con như vàng trong lửa, đã thử con và không tìm thấy gì cả" (Thánh Vịnh 16:3).

Rồi ngài bắt đầu quở trách nhà vua bằng những lời như sau: "Hãy hổ thẹn đi, ma quỷ, cùng với cha ngươi là Satan, khi thấy Chúa của ta, Đấng đã tỏ ra quyền năng vĩ đại như thế nào trên ta, tôi tớ của Ngài!"

Còn nhà vua, tràn đầy cơn thịnh nộ còn dữ dội hơn, đã ra lệnh dẫn đến một con sư tử đáng sợ, to lớn và hung dữ, chỉ cần một tiếng gầm của nó thôi cũng đủ khiến người ta không thể chịu đựng nổi. Và nhà vua nói với vị thánh:

– Chẳng lẽ phép thuật của ngươi cũng có thể đánh bại con sư tử này sao?

Vị tử đạo đáp lại:

– Hỡi kẻ điên rồ và ngu muội! Chẳng lẽ ngươi vẫn chưa hiểu được quyền năng của Đấng Kitô đang ở cùng ta, Đấng mà Thiên Thần của Ngài sẽ sớm đưa ta ra khỏi bàn tay tra tấn của ngươi sao?

Khi con sư tử tiến về phía vị thánh, Vit làm dấu thánh giá, và ngay lập tức con sư tử ngã xuống dưới chân ngài và bắt đầu liếm chân ngài. Vị thánh Vit nói với hoàng đế:

– Ngay cả con thú này cũng tôn vinh Đức Chúa Trời của tôi, còn ngài lại không muốn nhận biết Đấng Tạo Hóa của mình; nhưng nếu ngay lúc này ngài tin vào Ngài, thì ngài sẽ được cứu rỗi.

Hoàng đế đáp lại:

– Ngươi và dòng dõi ngươi hãy tin vào Ngài đi.

Còn vị thánh, mỉm cười, nói:

– Ngươi nói đúng, vì ta và cả dòng họ ta, đã được tái sinh nhờ phép rửa thánh, đều hy vọng sẽ nhận được vương miện sự sống trong Nước Trời của Đức Chúa chúng ta.

Lúc bấy giờ, có rất nhiều người, khoảng một ngàn người đàn ông, đã tin vào Đấng Christ. Nhà vua bèn hỏi vị tử đạo:

– Sao lại thế này, Vit, chẳng phải lửa cũng chẳng phải thú dữ nào gây hại gì cho ngươi cả? Ngươi dùng phép thuật nào để chế ngự chúng và khiến dân chúng kinh ngạc, đến nỗi nhiều người tin vào những trò phù phép của ngươi?

Vị tử đạo đáp:

– Tôi không chế ngự lửa hay thú dữ bằng bất kỳ phép thuật nào; nhưng tất cả điều này đều do quyền năng của Đấng Christ, Thiên Chúa của tôi; lửa và thú dữ, là những tạo vật của Đức Chúa Trời, tuân theo ý muốn của Đấng Tạo Hóa chứ không phải tôi, và tôn kính Đấng Tạo Hóa của chúng, còn ngươi thì lại phải chịu sự xấu hổ lớn lao: vì lửa, là tạo vật vô hồn, và thú dữ, là tạo vật không biết nói, đều biết Đức Chúa Trời đã tạo dựng chúng; còn ngươi, người có linh hồn có lý trí, lại không muốn nhận biết Đức Chúa Trời, nên ngươi trở nên tệ hơn cả loài vật không biết nói và không có linh hồn.

Sau đó, hoàng đế ra lệnh treo các thánh tử đạo Vit và Modest lên cây tra tấn, cùng với họ còn có thánh Criscentia, người nuôi dưỡng Vit, người khi đến nơi đó đã xưng mình là Kitô hữu, đồng thời lên án nhà vua vì sự vô đạo đức và việc tra tấn các thánh; sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh dùng các dụng cụ sắt để cạo da trên thân thể trần

truồng của các thánh. Lúc đó, thánh Vit nói với nhà vua: "Ngài đang phô trương sức mạnh yếu ớt và đáng cười của mình khi tra tấn một người phụ nữ."

Các thánh nhân bị tra tấn một cách tàn nhẫn và không thương xót, đến nỗi da thịt họ bị lột ra, xương lộ ra và nội tạng cũng lộ rõ. Thánh Vit kêu lên cùng Chúa: "Lạy Chúa, xin cứu chúng con và giải thoát chúng con bằng quyền năng của Ngài." Ngay lập tức, đất rung chuyển, sấm sét và chớp nhoáng bắt đầu; các đền thờ thần tượng sụp đổ; cùng lúc đó, nhiều kẻ ngoại đạo trong số dân chúng có mặt tại đó đã thiệt mạng: một số bị đè bẹp dưới đống đổ nát, số khác bị sấm sét đánh trúng; chính nhà vua, vì quá sợ hãi, đã bỏ chạy khỏi nơi hành hình, vừa vỗ vào mặt mình vừa kêu lên: "Khốn cho ta, vì ta đã bị một thiếu niên trẻ tuổi như vậy đánh bại!" Còn Thiên thần của Chúa, sau khi giải thoát các thánh tử đạo khỏi cây tra tấn, đã đưa họ đến Lucania, bên bờ con sông tên là Silár, và đặt họ dưới gốc cây mà trước đây họ đã dừng chân khi đến từ Sicily.

Trong lúc các thánh đang ở dưới gốc cây ấy, nhiều Kitô hữu sống tại đó đã tụ tập lại quanh họ. Sau đó, thánh Vit đã cầu nguyện cùng Thiên Chúa, nói rằng: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con của Thiên Chúa Hằng Sống! Xin hãy đón nhận linh hồn chúng con về với Ngài trong bình an; còn những ai mong muốn tôn vinh sự tưởng niệm về những đau khổ của chúng con để tôn vinh Ngài, xin hãy bảo vệ họ khỏi mọi điều ác của thế gian này và dẫn dắt họ an toàn vào Nước Trời của Ngài."

Khi vị thánh đang cầu nguyện như vậy, có tiếng từ trời vang lên rằng: "Lời cầu nguyện của ngài đã được nhậm!"

Sau đó, vị thánh nói, quay sang các Kitô hữu đang đứng gần Ngài: "Anh em ơi, hãy chôn cất thi thể chúng tôi tại đây; còn chúng tôi, sau khi ra đi, sẽ cầu nguyện cho anh em trước mặt Chúa, để anh em nhận được mọi điều anh em xin cho sự cứu rỗi của mình, và để Đức Kitô giải thoát anh em khỏi sự thù địch của ma quỷ."

Sau những lời ấy, các thánh tử đạo đã đồng loạt vui mừng phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa[4406] . Các tín hữu đã rước thi hài cao quý của các ngài, quấn trong những tấm vải liệm thơm ngát và an táng với sự tôn kính ngay tại chính nơi đó (nơi ấy được gọi là Mariana). Thánh Vit đã chịu tử đạo cùng với Thánh Modest và Thánh Criscentia vào ngày mười lăm tháng Sáu, dưới triều đại của Hoàng đế Diocletian tại Rôma; còn đối với chúng ta, những người Kitô hữu, thì đó là dưới triều đại của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang và danh dự được dâng lên mãi mãi. Amen.

Cuộc đời của Thánh Giê-rô-ni-mô

Ngày kỷ niệm: 15 tháng 6

Quê hương của Thánh Giê-rô-ni-mô là thị trấn nhỏ Stridon, nằm ở biên giới giữa Dalmatia và Pannonia[4407] . Thời điểm sinh của vị Thánh Cha vĩ đại này của Giáo hội Tây phương không được biết chính xác[4408] , cũng như tên thế tục của ngài: rất có thể ngài mang tên Eusebius, để tưởng nhớ cha mình. Cha mẹ của Thánh Giê-rô-ni-mô, có lẽ, thuộc tầng lớp những người giàu có đã từ bỏ thế gian[4409] ; họ là những Kitô hữu và đã dành cho con trai cả của mình một nền giáo dục Kitô giáo nghiêm ngặt. "Tôi đã được nuôi dưỡng," Thánh Giê-rô-ni-mô sau này nói về bản thân, "bằng sữa Công giáo ngay từ khi còn trong nôi, và tôi càng trung thành với Giáo hội hơn vì chưa bao giờ là kẻ dị giáo." Thánh Giê-rô-ni-mô nhận được nền giáo dục ban đầu tại nhà; thầy giáo của ngài, dù có tính cách nghiêm khắc, vẫn khơi dậy được tình yêu khoa học trong lòng người học trò tài năng này. Sau đó, để hoàn tất việc học, cha mẹ đã gửi Thánh Giê-rô-ni-mô đến Rô-ma. Theo phong tục thời bấy giờ, chương trình học bao gồm logic và, với tư cách là các môn học chính, ngữ pháp và hùng biện; Thánh Giê-rô-ni-mô, ngoài ra, còn làm quen với các học thuyết của một số nhà triết học, nhưng ngài dành đặc biệt nhiều thời gian cho việc nghiên cứu nghệ thuật hùng

---

[4406] Các thánh tử đạo qua đời vào khoảng năm 303. Xác thánh của thánh tử đạo Vita từng được lưu giữ tại Paris (ở Saint-Denis), sau đó được chuyển đến Corvey, ở Westphalia; hiện nay được trưng bày tại Praha.

[4407] Vị trí chính xác của thành phố này rất khó xác định, vì nó đã bị người Goth phá hủy ngay từ thời của Thánh Giê-rô-ni-mô.

[4408] Các nhà nghiên cứu đã tìm cách làm sáng tỏ vấn đề này đưa ra các mốc thời gian khác nhau về năm sinh của Thánh Giê-rô-ni-mô: năm 331, năm 342 và năm 346.

[4409] Tức là họ từng là nô lệ, sau đó được giải phóng. Sự giàu có của cha mẹ Thánh Giê-rô-ni-mô được thể hiện qua việc ngài có thể thực hiện những chuyến du hành dài ngày khắp châu Âu và Syria, mang theo bên mình một thư viện gồm các tác phẩm của các nhà văn nổi tiếng: tất nhiên, tất cả những điều này đòi hỏi một khoản tiền rất lớn.

biện; ngài thường đến các tòa án để lắng nghe các nhà hùng biện nổi tiếng trong các phiên tòa. Chính tại đây, ở Roma, trong những năm tháng tuổi trẻ, Giê-rô-ni-mô đã bắt đầu xây dựng thư viện của mình, thứ đã trở thành nguồn an ủi lớn lao cho ngài trong suốt quãng đời còn lại.

Thời gian sống tại thủ đô của thế giới, giữa những cám dỗ và thử thách, đã để lại dấu vết buồn bã trong tâm hồn Giê-rô-ni-mô: chính ông đã thừa nhận rằng "trong quãng thời gian lang thang đầy trắc trở của tuổi trẻ", ông đã sống một cuộc đời không trong sạch tại Rô-ma – một hoàn cảnh sau này khiến ông phải rơi nhiều nước mắt và hối hận cay đắng. Tuy nhiên, những lần sa ngã khỏi con đường đạo đức ấy không thể dập tắt được tia sáng của Thiên Chúa, vốn đã được gieo vào tâm hồn ông từ thuở ấu thơ. Ông không bao giờ cắt đứt mối liên hệ cầu nguyện với các anh em đồng đạo; hơn nữa, vào các ngày Chủ nhật, ông cùng với Pammachius và những người bạn khác thường đến viếng các ngôi mộ của các vị tử đạo nằm ở vùng ngoại ô Rome; khi trong những chuyến viếng thăm đó, Giê-rô-ni-mô phải xuống những hầm mộ tối tăm[4410] , ông không khỏi có cảm giác như mình đang bước xuống mộ khi còn sống.

Chính tại Rome này, trước khi hoàn tất việc học, trong lòng Thánh Giê-rô-ni-mô đã nảy sinh quyết tâm thay đổi cuộc đời mình và bắt đầu một cuộc sống mới, trong sạch và tốt lành. Có lẽ ông đã không chậm trễ trong việc củng cố ý định của mình bằng việc rửa tội[4411] ; thời điểm chính xác mà Thánh Giê-rô-ni-mô được rửa tội vẫn chưa được biết, nhưng với độ chính xác cao, có thể giả định rằng ông đã được rửa tội khi khoảng hai mươi tuổi, và – rằng bí tích này được thực hiện bởi Đức Giáo hoàng Liberius[4412] hoặc một trong các thành viên của hàng giáo sĩ dưới quyền ngài. Sau khi rời khỏi Roma, Thánh Giê-rô-ni-mô đã thực hiện một chuyến hành trình dài qua Gaul, cùng với Bonoz, người bạn cùng trường và anh em nuôi của ngài. Trong chuyến đi này, theo chính lời ông, "trên những bờ sông Rhine còn mang dáng dấp man rợ, ông lần đầu tiên cảm nhận được khát vọng phụng sự Thiên Chúa", tức là trong lòng ông bắt đầu trỗi dậy khát vọng trở thành tu sĩ với những lời khấn khiết tịnh và nghèo khó.

Khoảng năm 372, Thánh Giê-rô-ni-mô trở về Stridon sau chuyến du hành qua Gaul. Cha mẹ ngài đã qua đời, và ngài phải gánh vác trách nhiệm quản lý tài sản thừa kế, chăm sóc em gái và em trai út là Pa-vli-ki-a-nê – người em này kém ngài hai mươi tuổi. Có lẽ những lo toan này đã cản trở Thánh Giê-rô-ni-mô thực hiện trọn vẹn ý định rút lui khỏi thế gian, và ngài chỉ phần nào thỏa mãn khát vọng tu hành của mình, thỉnh thoảng sống tại Aquileia[4413] , nơi hình thành một nhóm nhỏ bán tu hành gồm những người thân thiết với nhau và với Thánh Giê-rô-ni-mô. Tuy nhiên, nhóm này bất ngờ tan rã vì một số lý do mà Thánh Giê-rô-ni-mô chỉ đề cập một cách mơ hồ. Sau đó, Thánh Giê-rô-ni-mô lên đường đi về phương Đông, chủ yếu để viếng thăm Giê-ru-sa-lem, cũng như gặp gỡ các ẩn sĩ ở Syria và Ai Cập. Trong chuyến đi này, Thánh Giê-rô-ni-mô được các bạn bè của ngài – những cựu thành viên của nhóm Aquileia gồm In-nô-kê-ni, Ni-kê, I-li-ô-đô-r, I-va và Ê-va-gri – tháp tùng. Tuy nhiên, Evagrius chỉ đi cùng họ đến Antioch, quê hương của ông. Họ thực hiện chuyến đi qua Thrace, Bithynia, Pontus, Galatia, Cappadocia và Cilicia. Những vất vả của chặng đường dài, kết hợp với những hành động khổ hạnh, đã làm suy yếu sức lực của các hành hương viên đạo đức. Khi họ đến Antioch, nơi họ được Evargius tiếp đón nồng hậu, thì Giê-rô-ni-mô bị ốm, còn In-nô-kê-ti-ô, khiến vị thánh cha đau buồn vô cùng, thậm chí đã qua đời; Iva cũng qua đời. Nỗi buồn đã làm trầm trọng thêm căn bệnh của Giê-rô-ni-mô, kéo dài khá lâu, rất có thể cho đến mùa xuân năm 374. Sau khi hồi phục, Giê-rô-ni-mô bắt đầu nghiên cứu Kinh Thánh, niềm đam mê này đã nảy sinh trong ông từ trước đó[4414] , với mục đích này, ông đã tham dự các buổi giảng giải Kinh Thánh do Apollinaris, một nhà thần học nổi tiếng, chủ trì[4415] . Ông cũng không từ bỏ ý định lui về sa mạc, nơi đặc biệt thu hút ông sau khi những người thân

---

[4410] Các hầm mộ (catacumbae) – là những đường hầm và hang động ngầm, được bố trí theo một mạng lưới không đều đặn: người ta biết đến các hầm mộ gần Rome, ở Naples, Syracuse và trên đảo Malta. Các hầm mộ ở vùng ngoại ô Rome đặc biệt rộng lớn, đến mức nếu có thể kéo dài chúng thành một đường thẳng, thì chiều dài của đường thẳng đó sẽ bằng chiều dài của bán đảo Ý. Các hầm mộ từng là nơi bí mật để các tín hữu Kitô giáo trong những thế kỷ đầu tiên tổ chức các buổi thờ phượng và an táng người đã khuất: người ta cho rằng để phục vụ mục đích này, các tín hữu Kitô giáo đã tận dụng những đường hầm ngầm cũ bị bỏ hoang, vốn hình thành trong quá trình khai thác đất sét làm gốm: họ chỉ tiếp tục mở rộng và phát triển chúng mà thôi.

[4411] Vào thời đó, có phong tục trì hoãn lễ rửa tội – phần lớn là do mong muốn xóa bỏ tội lỗi của kiếp trước thông qua lễ rửa tội, và một phần là do lo ngại sẽ vi phạm lời thề rửa tội trong những năm đầu đời, khi ý chí chưa vững vàng và con người dễ bị cám dỗ bởi tội lỗi.

[4412] Liberius giữ chức Giám mục Rôma từ năm 352 đến năm 356.

[4413] Aquileia – vào thời điểm được đề cập là một thành phố lớn và nổi tiếng ở miền Bắc Ý, là điểm giao nhau của các con đường dẫn đến Pannonia, Noricum, Istria và Dalmatia.

[4414] Ngay sau khi hoàn thành việc học tại Rome, ngài đã viết một bản chú giải về sách tiên tri Obadiah.

yêu qua đời, nhất là khi Iliodor và Nicae không còn muốn tiếp tục cuộc hành trình nữa. Năm 374, Giê-rô-ni-mô quyết định định cư tại "Phi-va-i-đê của Syria" – sa mạc Chalcedon (phía Đông Syria).

Tại đây, ngài đã ở lại gần năm năm, có lẽ sống trong một tu viện nào đó và thỉnh thoảng rời khỏi đó để tìm sự cô độc trong sa mạc; ngài ủng hộ đời sống cộng đoàn và khuyên nhủ người khác làm theo. Thánh Giê-rô-ni-mô, như được thể hiện trong tác phẩm "Cuộc đời của Phao-lô ẩn sĩ" của ngài, đồng thời dành sự kính trọng đặc biệt, gần như là sự tôn kính, cho những vị tu sĩ khổ hạnh, những người sống một mình ở những nơi hẻo lánh trong sa mạc, tìm nơi trú ẩn trong các hang động trên núi; đôi khi họ không gặp gỡ ai trong nhiều năm, và chỉ có thú hoang cùng bọ cạp mới làm xáo trộn sự cô độc của họ. Trong tác phẩm vừa nêu, Thánh Giê-rô-ni-mô có đề cập, trong số những điều khác, đến hai vị ẩn sĩ mà chính ngài đã tận mắt chứng kiến tại sa mạc Chalcedon: một trong số họ đã sống suốt 30 năm chỉ bằng bánh lúa mạch và uống nước bẩn; thức ăn duy nhất của người kia là quả chà là, mỗi ngày người ta ném 5 quả xuống đáy ao cũ nơi ông sinh sống. Bằng cách chế ngự xác thịt qua cầu nguyện, những hành động khổ hạnh khắc nghiệt như nhịn ăn, tự tước bỏ và lao động chân tay, Thánh Giê-rô-ni-mô đã dành trọn vẹn cuộc đời mình trong sự cô độc của sa mạc để nghiên cứu Kinh Thánh, sử dụng những cuốn sách cần thiết từ thư viện riêng của mình và thư viện của những người bạn sống lân cận tại Antiôkhia, chủ yếu là Evagrius. Cùng thời gian đó, dưới sự hướng dẫn của một người Do Thái đã cải đạo, ngài bắt đầu học tiếng Do Thái – ngôn ngữ chủ yếu được dùng để viết các sách Kinh Thánh Cựu Ước. Hoạt động học tập này đối với Thánh Giê-rô-ni-mô còn đóng vai trò như một phương tiện rèn luyện sự khiêm nhường: mục đích này hoàn toàn phù hợp với sự khiêm nhường khi học bảng chữ cái và sự thiếu âm điệu của các từ trong tiếng Do Thái, điều không mấy dễ chịu đối với Thánh Giê-rô-ni-mô, người đã rèn giũa phong cách văn chương của mình qua việc nghiên cứu những tác phẩm xuất sắc nhất của văn học cổ điển. Có lẽ vào thời điểm này trong cuộc đời Thánh Giê-rô-ni-mô, ngài đã có một giấc mơ đáng chú ý sau đây, mà ngài mô tả như sau:

"Thật là một con người đáng thương," anh ta nói, "tôi đã ăn chay ngay trước khi định đọc Cicero. Sau nhiều đêm thức trắng liên tiếp, sau những giọt nước mắt tuôn trào từ tận đáy lòng khi nhớ lại những tội lỗi trong quá khứ của mình, tôi thường bắt đầu đọc Plautus. Nếu, khi tỉnh táo lại, tôi bắt đầu đọc các vị tiên tri, thì ngôn từ thô lỗ của họ khiến tôi khó chịu, và vì tôi không nhìn thấy ánh sáng bằng đôi mắt mù lòa của mình, nên tôi nghĩ rằng đó không phải là lỗi của đôi mắt tôi, mà là lỗi của mặt trời. Khi con rắn cổ xưa ấy cám dỗ tôi như vậy, vào khoảng giữa thời gian ăn chay, thân thể kiệt quệ của tôi bị cơn sốt hành hạ – mầm mống của nó đã ẩn náu trong tôi – và không có chút thuyên giảm nào, cơn sốt ấy cứ gặm nhấm các chi bất hạnh của tôi đến mức da chỉ còn bám víu trên xương. Trong khi đó, người ta đã bắt đầu chuẩn bị cho lễ an táng của tôi, và hơi ấm sự sống của linh hồn tôi chỉ còn le lói trong chút hơi ấm yếu ớt ở lồng ngực, trong khi toàn thân tôi ngày càng lạnh giá; và bỗng chốc, tôi được đưa lên trong tinh thần trước tòa án của Đấng Phán Xét Thần Thánh, nơi có một dòng ánh sáng rực rỡ và vinh quang chói lọi tỏa ra từ các thiên thần chứng kiến, đến nỗi khi quỳ sấp xuống đất, tôi không thể ngước mắt lên được. Khi được hỏi tôi là ai, tôi trả lời rằng tôi là một Kitô hữu.

"Ngươi đang nói dối," Đấng Hỏi đáp lại, "ngươi là người theo Cicero, không phải Kitô hữu; vì kho tàng của ngươi ở đâu, thì lòng ngươi cũng ở đó."

[4415] Giám mục Apollinaris của Laodicea, không chỉ dừng lại ở việc bác bỏ các quan điểm Arian trong giáo lý về Con Thiên Chúa (xem phần dưới đây về chủ nghĩa Arian), mà còn nỗ lực khẳng định những quan điểm trái ngược với chúng; chính nỗ lực này đã dẫn ông đến tà giáo. Như vậy, trái ngược với sự nhấn mạnh đặc biệt của những người Arian – những người, dựa trên giáo lý của họ về Con Thiên Chúa như một thực thể được tạo dựng, đã tập trung vào việc thừa nhận bản tính hoàn toàn con người trong Đức Kitô – Apollinaris lại phủ nhận bản tính con người trong Chúa Giêsu. Từ góc độ tâm lý, ông cho rằng giáo lý của Kinh Tin Kính Nicêa – rằng trong Đức Kitô, bản tính thần thánh hoàn hảo và bản tính nhân loại hoàn hảo đã kết hợp với nhau – là điều không thể tin được: ông lập luận rằng hai bản thể, khi vẫn giữ nguyên tất cả các thuộc tính của mình, không bao giờ có thể hợp nhất thành một. Ý tưởng về Thần-Nhân cũng dường như không thể tưởng tượng được đối với ông từ góc độ giáo lý: bản tính con người trọn vẹn gắn liền với tội lỗi; nếu coi tội lỗi tồn tại trong Đức Kitô, dù chỉ là một khả năng, thì công cuộc cứu chuộc đối với ông đã trở nên không thể thực hiện được. Do đó, Apollinaris, theo nhà triết học Hy Lạp Plato trong việc phân chia bản chất con người thành thân xác, linh hồn động vật hay linh hồn sống (pykn) và linh hồn tinh thần, tinh thần (noys), đã cho rằng Chúa Kitô, khi nhập thể đã nhận lấy thân xác và linh hồn con người, nhưng không nhận lấy phần đặc trưng của bản thể con người, – đó là tinh thần con người, bởi vì tinh thần này nhất thiết phải có tự do, và cùng với đó là khuynh hướng phạm tội; theo quan điểm của Apollinaris, tinh thần con người trong Đức Kitô đã được thay thế bằng Lời Thiên Chúa (Logos), Đấng thống trị mọi dục vọng xấu xa của linh hồn động vật. Apollinaris qua đời vào năm 390. Tà thuyết của Apollinaris đã bị Công đồng Alexandria năm 362 lên án. Năm 375, khi Apollinaris tách khỏi Giáo hội và bắt đầu thành lập giáo phái riêng, ông đã bị Công đồng tại Rome lên án; bản án này sau đó được Công đồng Đại kết lần thứ II tái khẳng định.

– Ngay lập tức tôi tê dại, và dưới những đòn roi (vì Ngài đã ra lệnh đánh đòn tôi), tôi càng bị dằn vặt hơn bởi ngọn lửa lương tâm, khi suy ngẫm về câu Kinh Thánh nổi tiếng: "Trong địa ngục, ai sẽ xưng danh Ngài?" Nhưng tôi bắt đầu la hét và dưới những đòn roi, tôi gào thét lớn tiếng: "Xin thương xót con, lạy Chúa, xin thương xót con!"

Cuối cùng, những người đứng xung quanh tôi đã quỳ gối trước chân vị Thẩm phán, van xin Ngài tha thứ cho tuổi trẻ của tôi và cho tôi cơ hội ăn năn về sự lầm lạc của mình, và sau này – hãy trừng phạt tôi nếu bao giờ tôi còn đọc những cuốn sách văn học ngoại đạo. Còn bản thân tôi, trong cơn tuyệt vọng tột cùng này, sẵn sàng hứa hẹn thậm chí nhiều hơn thế, đã bắt đầu ăn năn và, kêu cầu danh Ngài, thốt lên: "Lạy Chúa, nếu con bao giờ còn đọc những cuốn sách đó, xin Ngài hãy từ chối con!"

Sau khi thốt lên lời thề đó, tôi được thả ra, trở về vùng không trung cao nhất và, khiến mọi người ngạc nhiên, mở đôi mắt đẫm lệ đến mức nỗi sợ hãi của tôi đã thuyết phục được cả những kẻ vô tín. Và quả thực, đó không phải là ảo mộng hay giấc mơ bình thường, những thứ thường đánh lừa chúng ta. Tòa án mà tôi đã đứng trước, tòa án đáng sợ mà tôi từng e ngại, chính là chứng nhân của tôi; xin đừng bao giờ để tôi phải ra trước tòa án ấy một lần nữa. Tôi thừa nhận rằng hai vai tôi đã bầm tím vì những trận đòn, rằng khi tỉnh dậy, tôi vẫn cảm nhận được từng cú đánh, và rằng từ nay trở đi, tôi đọc các sách Thánh với lòng nhiệt thành hơn so với khi trước đây tôi đọc các sách của loài người."

Từ sa mạc Chalcedon, Thánh Giê-rô-ni-mô duy trì liên lạc với những người thân thiết qua thư từ, mà ngài sử dụng như một phương tiện để kêu gọi nồng nhiệt đến những việc tu hành khổ hạnh. Về mặt này, bức thư của Thánh Giê-rô-ni-mô gửi cho linh mục Iliodorus đã trở nên đặc biệt nổi tiếng; bằng những lời lẽ nồng nàn sau đây, ngài thuyết phục người bạn từ bỏ thế gian: "Hãy gạt bỏ những lời van nài, hãy gạt bỏ những lời âu yếm! Ngươi đã phớt lờ ta khi ta cầu xin ngươi; có lẽ ngươi sẽ nghe lời ta khi ta quở trách ngươi. Hỡi chiến binh đã trở nên yếu đuối! Ngươi đang làm gì trong ngôi nhà phản bội của ngươi? Kìa, tiếng kèn vang lên từ trời cao! Kìa, Vị Thống Lãnh vũ trang đang hạ xuống từ mây để chinh phục thế gian! Kìa, thanh gươm hai lưỡi phát ra từ miệng Ngài đang phá tan mọi chướng ngại. Còn ngươi, liệu ngươi có bước ra khỏi phòng để ra trận, từ bóng tối bước ra ánh mặt trời không? Kìa, kẻ thù ngay trong lòng ngươi đang tìm cách giết chết Chúa Kitô... Dù chỉ là đứa cháu trai nhỏ của ngươi bám chặt vào cổ ngươi, dù chỉ là mẹ ngươi với mái tóc xõa tung và bộ quần áo rách rưới đang phơi bày trước mặt ngươi đôi bầu vú từng nuôi dưỡng ngươi, dù chỉ là cha ngươi đang nằm trên ngưỡng cửa – hãy bước qua thi thể ông ấy với đôi mắt khô ráo và chạy đến dưới lá cờ Thập tự giá! Trong chuyện như thế này, tình yêu con cái chân chính duy nhất chính là phải tàn nhẫn."

Tại Antioch vào đầu những năm 60 của thế kỷ IV, có hai vị giám mục xuất hiện cùng lúc, đó là Meletius và Paulinus.[4416] , người được bầu vào năm 358 với sự đồng thuận của cả phe Chính thống và phe Arian, vì cả hai bên đều coi ông là người ủng hộ mình , trên thực tế đã không phụ lòng kỳ vọng của phe Chính thống khi công khai tuyên bố rằng ông tuân thủ giáo lý về Con Thiên Chúa đã được các vị Thánh Tổ của Công đồng Đại kết lần thứ nhất trình bày[4417] . Tuy nhiên, do việc Meletius được bầu chọn không phải là không có sự hỗ trợ của phe Arian, những người bảo vệ Chính Thống Giáo, những người luôn kính trọng và yêu mến ký ức về vị giám mục vĩ đại của Giáo hội Antioch là Eustathius – người đã bị phế truất một cách bất công do âm mưu của phe Arian – đã tách khỏi Meletius dưới sự lãnh đạo của linh mục Paulinus, người vào năm 362 đã được tấn phong làm giám mục. Tình hình

---

[4416] Arius – một kẻ dị giáo (qua đời năm 386), đã xúc phạm Thượng Đế khi khẳng định rằng Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, không phải là Thiên Chúa, đồng bản thể với Chúa Cha, mà là một thực thể được tạo dựng, và do đó không vĩnh cửu, dù là hoàn hảo nhất trong tất cả các thực thể được tạo dựng. Tà thuyết này, được biết đến trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo với tên gọi tà thuyết Arian, đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất (năm 325) tại Nicêa; các vị cha tại Công đồng này đã trình bày giáo lý chính thống về sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Thiên Chúa Cha như sau: "Chúng tôi tin… vào một Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Con Một, được sinh ra từ Chúa Cha, tức là từ bản thể của Chúa Cha, Thiên Chúa từ Thiên Chúa, Ánh Sáng từ Ánh Sáng, Thiên Chúa chân thật từ Thiên Chúa chân thật, được sinh ra, không phải được tạo dựng, đồng bản thể với Đức Cha, nhờ Ngài (Con) mà muôn loài được tạo thành, cả trên trời lẫn dưới đất"; còn chính tà thuyết đó đã bị các vị cha trong Công đồng lên án và nguyền rủa. Tuy nhiên, Tín điều Nicaea không chấm dứt được sự hỗn loạn trong Giáo hội do chủ nghĩa Arian gây ra: các giám mục theo chủ nghĩa Arian, có mặt tại công đồng với số lượng đáng kể, đã ký tên vào tuyên bố tín lý của công đồng chỉ vì sợ hãi trước quyền lực nhà nước, vốn ủng hộ quan điểm của các thành viên chính thống trong công đồng; nhưng ngay sau khi công đồng kết thúc, các nhà lãnh đạo Arian đã thành công trong việc lôi kéo chính quyền về phía mình; với sự ủng hộ của chính quyền, họ đã bước vào cuộc đấu tranh khốc liệt với những người bảo vệ đức tin chính thống, và vào giữa thế kỷ IV, họ đã giành được chiến thắng gần như hoàn toàn về mặt bên ngoài trước các đối thủ của mình, những người đã đoàn kết dưới lá cờ thiêng liêng của Tín điều Nicaea.

[4417] Xem chú thích trước đó.

trở nên phức tạp hơn khi vào năm 376, tại chính Antioch, một giám mục Apollinarist thứ ba[4418] Vitalius, được bổ nhiệm. Những mâu thuẫn giữa các phe phái càng trở nên gay gắt hơn do các tranh luận thần học, tập trung vào vấn đề phẩm giá và sự bình đẳng của các Ngôi trong Thánh Ba Ngôi. Trong khi Pavlin, để diễn đạt giáo lý về Thánh Ba Ngôi, đã chấp nhận công thức được hình thành ở phương Tây – trong Thánh Ba Ngôi có "một bản thể[4419] trong ba Ngôi Vị" – thì Meletius, tuân theo cách dùng từ của phương Đông, lại thừa nhận "một sức mạnh[4420] " và "ba bản thể[4421] ". Về bản chất, những người ủng hộ cả hai công thức này đều hiểu cùng một điều, chỉ là diễn đạt cùng một ý tưởng bằng những từ ngữ khác nhau[4422] . Những tranh cãi này, bắt nguồn từ cuộc ly giáo của Meletius và các cuộc nổi dậy Arian tại Antioch, đã lan sang sa mạc Chalcedon lân cận, nơi Thánh Giê-rô-ni-mô đang tu hành. Trong bức thư gửi Đức Giáo hoàng Damasus[4423] , ngài than thở bằng những lời sau đây về việc sự tĩnh lặng của sa mạc bị xáo trộn do những nguyên nhân nêu trên: "Kẻ thù không mệt mỏi đã theo tôi vào tận sa mạc, đến nỗi giờ đây, trong cuộc sống ẩn dật, tôi phải chịu đựng một cuộc đấu tranh còn tồi tệ hơn cả trước khi định cư ở sa mạc. Một mặt, sự điên rồ của phái Arian đang hoành hành, được những người bảo vệ hòa bình ủng hộ. Mặt khác, Giáo hội tại Antioch, bị chia rẽ thành ba phe phái[4424] , đang tìm cách lôi kéo cả tôi vào hàng ngũ của họ." Thời gian trôi qua, những mâu thuẫn tại Antioch càng trở nên gay gắt, và cùng với đó, sự lo âu mà chúng gây ra cho Thánh Giê-rô-ni-mô cũng ngày càng gia tăng. Trong thư gửi Linh mục Mác-cô, hai năm sau những lá thư gửi cho Đa-mát, vị Thánh Cha, trong số những điều khác, đã nói: "Tại sao họ lại gọi tôi là kẻ dị giáo, trong khi tôi đồng thuận với phương Tây và Ai Cập? Tôi không được nhường cho dù chỉ một góc nhỏ nào trong sa mạc. Hàng ngày họ hỏi tôi về đức tin của mình, như thể tôi vừa được tái sinh mà không có đức tin vậy. Tôi xưng đạo theo ý họ – điều đó lại không làm họ hài lòng; tôi ký tên – họ lại không tin tôi. Họ chỉ có một mong muốn duy nhất là tống khứ tôi đi. Tôi sẵn sàng ra đi". Và quả thực, không lâu sau đó, Thánh Giê-rô-ni-mô đã rời sa mạc đến Antiôkhia, có lẽ là để đến với người bạn Evagrius của mình. Tại Antiôkhia, Thánh Giê-rô-ni-mô gia nhập cộng đoàn của Pavlinus; chính Pavlinus đã phong chức linh mục cho ngài. Trong giai đoạn được mô tả, thời gian ở Antioch chắc hẳn không dễ chịu đối với vị Cha đáng kính đang tìm kiếm sự bình an. Vì vậy, ngài không ở lại đây lâu; bị thu hút bởi danh tiếng của Thánh Grêgôriô Nazianzen[4425] với tư cách là một vị Thầy Giáo Hội, Thánh Giêrônimô đã lên đường đến Constantinople, nơi Thánh

---

[4418] Tức là người chia sẻ quan điểm dị giáo sai lầm của Apollinaris của Laodicea, xem trên, tr. 451.

[4419] Trong đó, từ này được hiểu theo nghĩa bản chất – "ousia".

[4420] Tức là bản chất.

[4421] Tức là các Ngôi.

[4422] "Cả người phương Tây lẫn chúng ta, – Thánh Grêgôriô Thần học (xem phần dưới đây) nói – chúng tôi thành kính tuyên bố rằng chỉ có một bản thể và ba Ngôi, nhưng vì sự hạn chế của bảng chữ cái của họ không cho phép diễn đạt riêng biệt cho "ousia" và "hypostasis", nên họ buộc phải đưa ra từ "prosopon" (Ngôi) để không bị coi là thừa nhận thuyết ba bản thể. Có điều gì có thể nực cười hay đáng thương hơn việc biến điều này thành chủ đề tranh cãi không?"

[4423] Damasus giữ chức Giám mục Rôma từ năm 366 đến năm 384.

[4424] Tức là những người ủng hộ các giám mục Meletius, Paulinus và Vitalius

[4425] Thánh Grêgôriô Thần học – vị Thánh Cha vĩ đại của Giáo hội và vị Thầy toàn cầu – sinh khoảng năm 329 tại Arianze (một thị trấn nhỏ phía nam Nazianzus, thuộc vùng Cappadocia). Khi còn nhỏ, Thánh Grêgôriô đã có một giấc mơ khiến ngài kinh ngạc và báo trước con đường cuộc đời sau này của ngài: sự tiết độ và trong sạch hiện ra trước mắt ngài dưới hình ảnh những trinh nữ xinh đẹp, mời gọi ngài theo chân họ. Thánh Grêgôriô đã hoàn thành bậc trung học tại Cêsarea Cappadocia, nơi ngài gặp gỡ Thánh Basilius Đại đế lần đầu tiên. Sau đó, nhằm hoàn thiện việc học, ngài đã thực hiện chuyến du hành đến Caesarea ở Palestine, Alexandria và Athens. Thời gian lưu lại Athens, khá dài, đã để lại trong tâm hồn Thánh Grigori những kỷ niệm đẹp nhất; tại đây, ngài đã kết bạn với Thánh Basil Đại Đế, và hai người bạn này "chỉ biết hai con đường – đến trường học và nhà thờ Kitô giáo"; cũng tại đây, ngài đã làm quen với vị hoàng đế tương lai Julian, người sau này trở nên nổi tiếng một cách đáng buồn vì việc từ bỏ Kitô giáo. Julian đã để lại ấn tượng khó chịu trong lòng Thánh Grigorius. Khoảng năm 357, Thánh Grêgôriô đã rời "Athens vàng" trong nỗi buồn, qua Constantinopolis trở về quê hương, nơi ngài đã nhận phép rửa tội. Năm 359, vào ngày Lễ Giáng Sinh, Grêgôriô đã bất ngờ được cha mình là Grêgôriô Cả, Giám mục Nazianzus, phong chức linh mục. Khi cha của Thánh Grêgôriô Thần Học, vì sự ngây thơ, đã ký vào bản tuyên xưng bán Arian và do đó gây ra sự phản đối từ cộng đoàn Chính Thống, Thánh Grêgôriô đã hòa giải họ với vị giám mục. Trong khi đó, Thánh Basil Cả, lúc này đã là Giám mục Cesarea, suýt nữa đã phong chức giám mục cho người bạn Grêgôriô của mình để cai quản thị trấn Sasim. Tuy nhiên, Thánh Grigorius, dù đã mang phẩm trật giám mục, vẫn ở lại bên cạnh người cha già yếu của mình với tư cách là phó giám mục và trợ tá cho đến khi cha ngài qua đời vào năm 373 hoặc đầu năm 374. Không lâu sau, mẹ của Thánh Grigorius là Nona cũng qua đời; anh trai và chị gái của ngài đã qua đời trước đó. Lúc đó, Thánh Grigoriô lui về tu viện Thánh Thekla tại Seleucia, với mong muốn sống đời tu hành, điều mà trước đây ông đã phải gác lại vì những trách nhiệm đối với gia đình. Từ Seleucia, Thánh Grigoriô được các tín hữu Chính Thống giáo triệu tập đến Constantinopolis để bảo vệ Chính Thống giáo, vốn đang bị những người Arian bức hại. Vào tháng 5 năm 381, khi Công đồng Đại kết lần thứ Hai được triệu tập theo ý muốn của Hoàng đế Theodosius, Thánh Grigorius, theo nguyện vọng của hoàng đế và dân chúng, đã được bầu vào chức vụ Giám mục Constantinopolis đang trống; các vị cha trong công đồng đã phê chuẩn cuộc bầu cử này. Không lâu sau, Chủ tịch Công đồng là

Grêgôriô lúc bấy giờ đang giữ chức Giám mục . Sau này, Thánh Giê-rô-ni-mô đã nhiều lần hồi tưởng về ân huệ to lớn mà ngài nhận được từ Thánh Grêgôriô, người đã hướng dẫn ngài trong các buổi học chuyên sâu về Kinh Thánh. Tại Constantinopolis, Thánh Giê-rô-ni-mô đã gặp nhà thần học và triết gia Kitô giáo Grêgôriô Nissê, người đã đọc cho ngài nghe tác phẩm vừa mới hoàn thành của mình nhằm phản bác Evnômios, kẻ đã sai lầm về giáo lý chính thống về Chúa Ba Ngôi.

Vào cuối năm 381, Thánh Giê-rô-ni-mô đã rời khỏi Constantinopolis hiếu khách và lên đường đến Rô-ma, được thúc đẩy, theo chính lời ông, bởi "nhu cầu của Giáo hội": có thể suy luận rằng Đức Thánh Giê-rô-ni-mô đã được Đức Giáo hoàng Đa-ma-sô triệu tập đến Rô-ma để tham dự công đồng bàn về vụ ly giáo Meletian đầy bi kịch, vốn vẫn chưa chấm dứt trong Giáo hội An-ti-ô-khia ngay cả sau khi Meletius qua đời. Tại Công đồng Đại kết lần thứ II tại Constantinopolis[4426] , Flavian đã được bầu làm người kế nhiệm Meletius sau khi ông qua đời; trong khi đó, Đức Giáo hoàng cùng các giám mục phương Tây lại ủng hộ Paulinus, người từng là giám mục Antioch ngay cả trong thời kỳ Meletius còn tại vị. Sự bất đồng này[4427] giữa Giáo hội Đông phương và Tây phương chính là nguyên nhân dẫn đến việc Đức Damasus triệu tập công đồng. Thánh Giê-rô-ni-mô đã đến Rô-ma cùng với Pha-vi-nô và Ê-pi-pha-ni-ô, những người mà ngài đã gặp tại Constantinople, nơi họ ghé qua trên đường đến Rô-ma. Tại Rôma, Thánh Giê-rô-ni-mô ngay lập tức được bổ nhiệm làm thư ký cho Đức Giáo hoàng và Công đồng. Các vị cha trong Công đồng đã giao cho Thánh Giê-rô-ni-mô, trong số những nhiệm vụ khác, việc soạn thảo bản tuyên xưng đức tin nhằm chống lại tà thuyết của Apollinaris. Nói chung, vị thế của Thánh Giê-rô-ni-mô dưới thời Đức Giáo hoàng Đa-ma-sô, đặc biệt là trong giai đoạn đầu, rất có ảnh hưởng. Đức Giáo hoàng, người chuyên nghiên cứu về Kinh Thánh, đã tham khảo các chỉ dẫn của Thánh Giê-rô-ni-mô, đồng thời khuyến khích ngài tiếp tục theo đuổi những nghiên cứu đó.

Trong những năm đầu ở Roma, Thánh Giê-rô-ni-mô nhờ lối sống khổ hạnh, sự uyên bác và tài hùng biện đã được mọi người kính trọng và nổi tiếng rộng rãi: chỉ cần nói rằng vị Thánh Cha này đã được công khai gọi là người kế vị Đức Giáo hoàng Damasus trên ngai tòa Giáo hội Roma. Nhưng không lâu sau, Thánh Giê-rô-ni-mô trở thành đối tượng của sự căm ghét dữ dội. Lời khẳng định kiên quyết của ngài rằng không thể đạt đến sự hoàn hảo Kitô giáo nếu không từ bỏ hoàn toàn thế gian và xác thịt đã khiến không chỉ những người ngoại đạo mà cả nhiều Kitô hữu cũng xa lánh ngài. Một số thành viên đồi bại trong xã hội thời bấy giờ đã lợi dụng hoàn cảnh này để buộc tội vị tu sĩ này là đạo đức giả, đồng thời lan truyền đủ loại lời vu khống và cáo buộc về ngài. Nhiều người cũng cảm thấy bối rối trước sự kính trọng sâu sắc mà Thánh Giê-rô-ni-mô dành cho Ô-ri-gên[4428] . Thái độ thù địch này, vốn đã quy kết cả những công lao rõ ràng của Thánh Giê-rô-ni-mô[4429] , càng trở nên gay gắt hơn sau bức thư ngài gửi cho

---

Meletius thành Antioch qua đời, và vị trí của ngài tất nhiên được thay thế bởi vị giám mục mới được bầu của thủ đô, tức là Thánh Grigoriô. Những bất đồng giữa ngài và các vị cha trong Công đồng – chủ yếu xoay quanh quan điểm về các biện pháp cần thiết để chấm dứt sự ly giáo Meletian tại Antioch – đã buộc Thánh Grigorius phải trở về quê hương, nơi ngài sống ẩn dật và dành thời gian cho các tác phẩm văn học; và ngài đã qua đời tại đó vào năm 389. Thánh Grigoriô để lại một số lượng đáng kể các tác phẩm: 45 bài giảng, 243 lá thư và một tuyển tập thơ. Các bài giảng và một số lá thư của Thánh Grigoriô đã có ảnh hưởng lớn đến việc làm sáng tỏ giáo lý Chính Thống về Thiên Chúa Ba Ngôi và về Ngôi Lời Chúa Giêsu Kitô.

[4426] Năm 381, dưới triều đại Hoàng đế Theodosius Đại đế.

[4427] Với tư cách là người được một giám mục phương Tây (Lucifer, giám mục từ đảo Sardinia) bổ nhiệm, Pavlin luôn duy trì mối liên hệ với phương Tây. Vì vậy, khi tại công đồng, sau khi Mê-lê-ti-ô qua đời, vấn đề về người kế vị được đưa ra thảo luận, các vị cha công đồng đã bầu chọn không phải Phaolô – người được phương Tây ủng hộ – mà là linh mục Flavián của Giáo hội Antiôkhia, bởi vì, như họ đã nói một cách chính đáng: trong các vấn đề của Giáo hội Đông phương, phương Đông phải là người làm chủ, chứ không phải phương Tây.

[4428] Origen – vị thầy nổi tiếng của Giáo hội Alexandria, một kỳ tài của thời đại về trí tuệ và sự uyên bác. Nhiều vị Giáo phụ vĩ đại nhất đã dành sự kính trọng sâu sắc cho các tác phẩm thần học và công lao của Origen; nhưng sau đó, ngay khi còn sống, ông đã bị kết án là kẻ dị giáo tại hai Công đồng địa phương ở Alexandria, và sau khi qua đời – tại Công đồng Constantinopolis năm 543. Mặc dù không trình bày những quan điểm phi chính thống của mình như những chân lý bất di bất dịch, Origen vẫn có những suy nghĩ sai lầm về nhiều chân lý trong giáo lý của Giáo hội Kitô giáo, khiến một số người nghi ngờ sự kiên định của ông đối với các tín điều Kitô giáo quan trọng nhất. Khi phát triển học thuyết phi Chính thống về sự tồn tại trước của các linh hồn, ông đã suy nghĩ sai lầm về Đấng Kitô, cho rằng Thiên Chúa đã tạo ra một số lượng nhất định các thực thể thiêng liêng có phẩm giá ngang nhau, có khả năng thấu hiểu Thiên Chúa và trở nên giống Ngài; một trong những linh hồn được tạo dựng này đã hướng về Thần Tính với tình yêu nồng cháy đến mức hòa nhập không thể tách rời với Lời Thần Thánh hoặc trở thành phương tiện hữu hình của Ngài; theo quan điểm của Origen, chính đó là linh hồn con người, nhờ đó Thiên Chúa-Lời có thể nhập thể trên trần gian, bởi vì việc Thiên Chúa trực tiếp nhập thể, theo quan điểm sai lầm của ông, là điều không thể tưởng tượng được. Bám vào quan điểm dị giáo về sự nhập thể của Thiên Chúa-Lời cũng như việc tạo dựng thế giới và con người, Origen cũng hiểu cái chết của Chúa Kitô theo nghĩa không chính thống, coi đó là điều lặp lại về mặt thiêng liêng trong thế giới thiêng liêng và có tác dụng giải thoát các Thiên thần ở đó, đồng thời gán cho các sức mạnh thông thường mà bản tính loài người được ban tặng một

Julia Eustochia về việc giữ trinh tiết. Bức thư này được viết vào năm 383. Trong đó, Thánh Giê-rô-ni-mô vạch trần và chế giễu sự suy đồi đạo đức và sự đạo đức giả trong xã hội Kitô giáo La Mã đương thời, chủ yếu là giới giáo sĩ. Bức thư này đã khiến hầu như tất cả các Kitô hữu La Mã quay lưng lại với Thánh Giê-rô-ni-mô, nhất là khi "tất cả những người ngoại đạo, những kẻ bội đạo và tất cả những ai căm ghét danh xưng Kitô hữu đều hăng hái sao chép lại bức thư này, bởi vì nó làm ô danh tất cả các tầng lớp Kitô hữu, mọi cấp bậc, tất cả các nghề nghiệp và toàn thể Giáo hội, khiến họ phải chịu sự sỉ nhục tột cùng"[4430] .

Trong cơn bão phẫn nộ do bức thư nói trên gây ra, Thánh Giê-rô-ni-mô đã tìm thấy chút bình an khi ở bên những người bạn đạo đức, những người thân thiết và kính trọng ngài. Nhóm nhỏ này bao gồm: Pammachius, một quý tộc[4431] và bạn học thời thơ ấu của Thánh Giê-rô-ni-mô, Oceanus, sau này trở thành bạn của Thánh Au-gút-ti-nô[4432] , Marcellinus, một công chứng viên[4433] và một người thuộc dòng dõi quý tộc[4434] , cùng với linh mục Domnion. Thánh Giê-rô-ni-mô đã so sánh những người bạn vừa được nêu tên với Đa-ni-ên, A-na-ni-a, A-xa-ri-a và Mi-sa-i-l (Đa-ni-ên 1:1–21). Cũng thuộc về nhóm này còn có những phụ nữ quý tộc, đạo đức và có học thức sau đây: Melania, Albina và con gái bà là Marcella, Lea, Asella, cũng như Paula cùng các con gái của bà: Blesilla, Eustochia, Paulina, Rufina; Thánh Giê-rô-ni-mô đặc biệt quý mến gia đình cuối cùng này. Ảnh hưởng tích cực của Thánh Giê-rô-ni-mô đối với những phụ nữ quý tộc và danh giá ở Rô-ma, những người có thiện cảm với ngài, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh sự suy đồi đạo đức trầm trọng của thời đại đó: ngài đã nêu gương về một cuộc sống Kitô hữu tốt đẹp, điều này tự nó đã nói lên tất cả; sự hướng dẫn của Thánh Giê-rô-ni-mô đối với nhóm những người trung thành với ngài thể hiện qua việc ngài đọc và giải thích Kinh Thánh cho họ, cố gắng thuyết phục họ quyết tâm sống đời khổ hạnh, giữ trinh tiết hoặc sống cuộc đời góa bụa.

Năm 384, vị bảo trợ cao quý của Thánh Giê-rô-ni-mô, Đức Giáo hoàng Đa-ma-sô, qua đời; người kế nhiệm ngài là Si-ri-xi-ô – một người không được học thức cao và có thái độ không ủng hộ các hoạt động của Thánh Giê-rô-ni-mô. Lời vu khống của bọn vu khống giờ đây không còn bị kiềm chế bởi bất cứ điều gì nữa, nên vị thánh cha, khoảng bảy tháng sau khi Đức Giáo hoàng Damas qua đời và sau ba năm lưu lại tại Roma, đã buộc phải rời khỏi thành phố này. Ngài rời đi cùng với người em trai trẻ Pavlinian và linh mục Vincentius. Sau khi chia tay những người bạn tiễn đưa đến bến cảng, Thánh Giê-rô-ni-mô với nỗi buồn man mác trong lòng đã lên tàu để rời khỏi "thành phố vĩnh cửu" mãi mãi. Niềm an ủi duy nhất trong cuộc chia ly đầy đau buồn này đối với Thánh Giê-rô-ni-mô chính là suy nghĩ rằng "nếu ông phải chịu nhục nhã vì những cáo buộc sai trái, thì ông đã nhận ra rằng chính qua những lời đồn đại xấu xa mà người ta mới đạt được Nước Trời"… "và trước tòa án của Chúa Kitô, cách sống của mỗi người sẽ được phơi bày".

Thánh Giê-rô-ni-mô rời Rô-ma với ý định viếng thăm Đất Thánh. Trên đường đi, ngài đã ghé qua đảo Síp, nơi ngài được Thánh Epiphanius, Giám mục Salamis, tiếp đón, và tại Antiôkhia, dưới mái nhà hiếu khách của Giám mục Pavlinus. Tại Antioch này, Thánh Giê-rô-ni-mô đã được Phaolô và Êu-sto-ki-a gia nhập, những người đã cắt đứt mọi liên hệ với quê hương Rô-ma vì lòng đạo đức. Từ Antiôkhia, đoàn hành hương đến Đất Thánh –

---

vai trò quá lớn trong công cuộc cứu rỗi. Origen cũng suy nghĩ sai lầm ở một số điểm trong giáo lý của mình về sự phục sinh và cuộc sống tương lai, chẳng hạn như quan điểm cho rằng ma quỷ có thể được cứu rỗi; đồng thời, trong việc giải thích Kinh Thánh, ông đã hiểu quá mức theo nghĩa huyền bí, làm tổn hại đến ý nghĩa lịch sử của Kinh Thánh. Tuy nhiên, dù sao đi nữa, những đóng góp của Origène đối với Giáo Hội vẫn đáng kể hơn và bù đắp cho những sai lầm của ông. Trong các trường học của mình, ông đã đào tạo ra nhiều vị Thánh Cha và nhà giảng dạy xuất sắc của Giáo Hội, trong đó có những người đã nhờ ông mà chuyển đổi từ ngoại giáo sang đức tin Kitô giáo – đức tin mà ông mong muốn hòa hợp với tri thức và triết học. Đặc biệt đáng chú ý là các công trình của ông về nghiên cứu Kinh Thánh – việc giải thích, và quan trọng nhất là – việc phục hồi và thanh lọc bản văn nguyên thủy; cũng đáng chú ý là các tác phẩm của Origene nhằm bảo vệ Kitô giáo trước các kẻ thù và những kẻ dị giáo. Trong cuộc bách hại dưới thời Đế vương Decius, Origène đã được tôn vinh là vị chứng nhân dũng cảm của Chúa Kitô; ngài qua đời ở tuổi bảy mươi tại Tyre vào năm 254.

[4429] Chẳng hạn, ví dụ, việc hiệu đính cần thiết và hữu ích bản dịch tiếng Latinh của các sách Thánh Kinh do Thánh Giê-rô-ni-mô thực hiện theo lệnh của Giáo hoàng Đa-ma-sô đã gây ra sự thù địch gay gắt, bởi vì nó đã tước đi của các Kitô hữu nhiều câu nói quen thuộc và được yêu mến trong Thánh Kinh, những câu nói này dù được diễn đạt sai so với ngôn ngữ gốc của các sách thánh, nhưng do đã được sử dụng từ lâu nên đã trở nên thân thương.

[4430] Đó là lời trách móc mà Rufinus, người bạn cũ của Thánh Giê-rô-ni-mô, đã dành cho ngài sau này vì bức thư tai hại đó.

[4431] Tức là một người có xuất thân cao quý.

[4432] Vị Giáo phụ nổi tiếng của Giáo hội Tây phương (qua đời năm 430).

[4433] Thư ký tại triều đình của nhà vua.

[4434] Sau đó, theo ý muốn của Hoàng đế Honorius, Marcellinus đã chủ trì Công đồng Carthage năm 410, được triệu tập nhằm hòa giải giữa phái Donatist và phái Chính thống.

gồm Phaolô và Êustokia cùng các trinh nữ trẻ, cùng với Giêrônimô, Vincentius, Pavlinianus và một nhóm nhỏ các tu sĩ – đã cùng nhau lên đường. Họ đã viếng thăm tháp của Thánh Tiên tri Ê-li ở Sa-rê-phát (1 Sa-mu-ên 17:9) và hôn lên cát tại nơi ở Ty-rơ, nơi Thánh Tông đồ Phao-lô đã quỳ gối (Công vụ 21:3–5); tại Cêsarea, họ đã tham quan ngôi nhà của viên sĩ quan Cornelius (Công vụ 10:1–48) và những căn phòng nhỏ trong ngôi nhà của "người rao giảng Tin Mừng" Philip, nơi mà xưa kia, vào thời các Thánh Tông đồ, bốn cô con gái còn trinh của ông đã từng sinh sống (Công vụ 21:8–9). Tại Giê-ru-sa-lem, các hành hương đã kính cẩn hôn Thánh Giá của Chúa Kitô, quan tài của Ngài, cột đánh đòn; họ cũng viếng thăm tất cả các địa điểm tại Giê-ru-sa-lem được thánh hóa bởi ký ức về Chúa Giê-su Kitô. Từ Giê-ru-sa-lem, sau khi đi qua mộ của Ra-chên[4435] , các hành hương đã đến Bê-lem[4436] . Tại nơi Chúa Kitô Cứu Thế ra đời, Phaolô trong niềm hân hoan thiêng liêng đã thốt lên: "Liệu tôi, một tội nhân khốn khổ, có xứng đáng để hôn máng cỏ nơi Chúa đã khóc khi còn là một đứa trẻ sơ sinh – cầu nguyện trong hang đá nơi Đức Trinh Nữ Maria đã sinh ra Hài Nhi – Chúa Kitô? Đây là quê hương của Chúa tôi, tôi sẽ sống ở đây, vì Đấng Cứu Thế đã chọn nơi này".

Sau khi rời Bêlem, các hành hương, sau khi viếng thăm nhà nguyện "Thiên thần báo tin cho các mục đồng", đã lên đường đến Biển Chết[4437] qua Gaza và Hebron; sau đó, sau khi ghé thăm sông Jordan, qua Bethel, Shiloh và Nazareth[4438] , họ đã đến Biển Galilee[4439] và núi Tabor[4440] . Từ Palestine, các hành hương đã lên đường đến Ai Cập[4441] , nơi họ ở lại Alexandria suốt một tháng; tại đây, Thánh Giê-rô-ni-mô đã nghe giảng dạy từ thầy Didymus, người mù, người đứng đầu Trường Giáo lý Alexandria, nổi tiếng về kiến thức Kinh Thánh và là người kế nhiệm ghế giảng dạy của Origene[4442] . Khi các hành hương viên đến sa mạc Nitria[4443] , họ được Giám mục Isidore đón

---

[4435] Thượng phụ Gia-cốp đã chôn cất người vợ yêu quý của mình là Ra-chên trên con đường dẫn đến Ê-phra-ta, tức là Bê-lem, và dựng một bia tưởng niệm trên mộ của bà (Sáng Thế Ký 35:18–19). Lăng mộ của Ra-chên vẫn được biết đến rộng rãi ngay cả nhiều thế kỷ sau đó (1 Sa-mu-ên 10:2). Người Do Thái và người Hồi giáo địa phương cho đến nay vẫn đối xử với ngôi mộ của Ra-chên với lòng tôn kính sâu sắc. Người Ả Rập tụ tập tại đây để cầu nguyện long trọng trong những thời kỳ hạn hán.

[4436] Bê-lem trong Cựu Ước được biết đến là quê hương của vua Đa-vít, vị vua vĩ đại nhất của dân Do Thái, còn trong Tân Ước thì là quê hương của Chúa Giê-su Christ. Nơi đây nằm cách Jerusalem hai giờ đi về phía nam, tọa lạc trên hai ngọn đồi, sườn đồi tràn ngập vườn nho, còn dưới chân đồi là những cánh đồng lúa mì được canh tác kỹ lưỡng. Có lẽ chính từ sự màu mỡ này mà tên gọi "Bê-lem" ra đời, trong tiếng Do Thái có nghĩa là "ngôi nhà của bánh mì". Trong thời cổ đại, nơi đây được gọi là Ephraim (Mi-chê 5:2), trong tiếng Do Thái có nghĩa là "sinh hoa kết trái". Kể từ khi Đấng Cứu Thế Giê-su ra đời, Bê-lem đã trở thành thánh địa đối với tất cả các tín hữu Kitô giáo. Trước khi Palestine bị người Ottoman chiếm đóng (thế kỷ XV), Bethlehem đã nhiều lần bị tàn phá hoàn toàn, và đến thời điểm đó đã rơi vào tình trạng suy tàn trầm trọng, chỉ phục hồi được vào đầu thế kỷ XIX. Hiện nay, đây là một thị trấn nhỏ với dân cư chủ yếu là người Ả Rập, trong đó một nửa theo Chính Thống giáo và một nửa theo Công giáo. Tại vị trí của hang động hay hang đá nơi Chúa Giêsu Kitô ra đời, hiện có một nhà thờ; hang động nằm ngay dưới bàn thờ của nhà thờ; các bức tường và sàn hang được ốp bằng đá cẩm thạch. Nơi được tôn kính là nơi Chúa Cứu Thế ra đời là một hốc sâu trong hang động, được thắp sáng bởi năm ngọn đèn bạc. Trên sàn có một ngôi sao bạc được chạm khắc với dòng chữ Latinh: "Hic de Virginie Maria Jesus Christus natus est" – "Tại đây, Chúa Giêsu Kitô đã ra đời từ Đức Trinh Nữ Maria". Cách đó chỉ ba bước chân là một hố trũng, được coi là nơi đặt máng cỏ mà Chúa Kitô đã được đặt vào. Về phía tây bắc của hang động là một đường hầm ngầm hẹp, với các bàn thờ và nhà nguyện, cũng như hang động nơi Thánh Giê-rô-ni-mô được an táng.

[4437] Biển Chết – một hồ nước mặn nội địa ở phía đông nam Palestine; bán đảo Lison chia Biển Chết thành hai lưu vực; mực nước của nó thấp hơn mực nước Biển Địa Trung Hải 394 m. Nước Biển Chết chứa hàm lượng muối cao đến mức cá không thể sống được, và tỷ trọng của nước lớn đến nỗi các vật thể hữu cơ rơi xuống nước sẽ không chìm. Vùng đất xung quanh Biển Chết trên một diện tích rộng lớn được bao phủ bởi muối; theo truyền thuyết, tại vị trí của Biển Chết từng có thung lũng Sidim màu mỡ, nơi tọa lạc các thành phố Sodom và Gomorrah.

[4438] Nazareth – từ tiếng Do Thái có nghĩa là "chi nhánh" hoặc "nơi được rào chắn" – là một thị trấn nhỏ ở miền nam Galilê, ít được biết đến đến mức trước khi Đấng Cứu Thế giáng sinh, nơi này chưa từng được đề cập đến trong Kinh Thánh Cựu Ước. Nhưng khi bước vào thời kỳ Tân Ước, Nazareth trở thành địa danh nổi tiếng nhất của Galilee, bởi vì nơi đây gắn liền với nhiều sự kiện trong cuộc đời Đấng Cứu Thế: Nazareth là quê hương của vị Hôn phu của Đức Mẹ, Thánh Giuse công chính; tại đây đã diễn ra sự Truyền Tin cho Đức Mẹ; tại đây, sau khi Thánh Gia trở về từ Ai Cập, Đấng Cứu Thế đã trải qua thời thơ ấu và tuổi thiếu niên; cũng tại đây, Chúa đã ở lại sau khi bắt đầu sứ vụ công khai phục vụ loài người, cho đến khi Ngài rời Nazareth để đến Capernaum vì sự bất tín của dân chúng nơi đó. Vì đã dành phần lớn cuộc đời tại Nazareth, Chúa Giêsu Kitô được gọi là Người Nazareth (Mt 2,33).

[4439] Biển Galilê hay Hồ Gennesaret là một trong những nơi yêu thích để Chúa Giê-su Ki-tô rao giảng; nơi này được ghi nhớ bởi những lần viếng thăm nhiều lần của Ngài (xem ví dụ Mt 4:13–17, 23–25, 8:23–24, 9:1–8, 13:1).

[4440] Núi Phavar nằm ở Galilê, phía bắc Palestine; truyền thống của Giáo hội từ lâu đã công nhận núi Phavar là núi Biến Hình.

[4441] Ai Cập – một trong những quốc gia lâu đời nhất trên thế giới, nằm trên dải đất hẹp ven biển châu Phi ở hai bên sông Nile.

[4442] Thánh Giê-rô-ni-mô, khi kể lại những sự kiện xảy ra trong thời thơ ấu của ngài, đã thuật lại điều sau đây về Đê-đi-mô; khi vị ẩn sĩ nổi tiếng Thánh Antôn đến Alexandria, được Thánh Athanasius mời đến đây để chống lại các tín đồ Arian, thì Didymus đã đến thăm vị thánh ẩn sĩ vĩ đại này: ngài, ngạc nhiên trước trí tuệ và kiến thức của Didymus về Kinh Thánh, đã hỏi ông: "Anh có buồn phiền vì mình bị mù không?" Và khi Didymus thừa nhận rằng sự mù lòa là một thử thách nặng nề đối với ông, Thánh Antôn đã nhận xét: "Thật kỳ lạ khi ngươi

tiếp cùng với "vô số tu sĩ". Sau khi giao lưu với các ẩn sĩ Nitria, các hành hương viên đã trở về Bethlehem vào mùa thu năm 386.

Để làm nơi cư trú cho các hành hương quyết định ở lại Bethlehem, Thánh Phaolô đã khởi công xây dựng các tu viện – một tu viện nữ và một tu viện nam; người đứng đầu tu viện nam là Thánh Giêrônimô; sau đó, Thánh Phaolô còn xây dựng thêm hai tu viện nữ nữa. Công trình xây dựng kéo dài khoảng ba năm; suốt thời gian đó, Thánh Phaolô cùng các trinh nữ và Thánh Giêrônimô cùng các tu sĩ đã sống trong những nơi ở thiếu tiện nghi. Ngoài các tu viện, Thánh Phaolô còn xây dựng một nhà trọ, nơi các hành hương viên khi đến thăm Bêlem có thể tìm được chỗ ở miễn phí; họ đổ về vùng đất thánh với số lượng lớn, thậm chí từ những vùng xa xôi của thế giới Kitô giáo như Gaul, Anh Quốc, Armenia, Pontus, Ethiopia và Ấn Độ. Nhà trọ dành cho khách lữ hành mở cửa cho tất cả các hành hương, ngoại trừ những kẻ dị giáo; "Giuse và Maria," Thánh Giêrônimô nói, "nếu họ trở lại Bêlem, sẽ không bao giờ phải lo thiếu chỗ ở." Sự từ thiện rộng lượng và hào phóng cuối cùng đã cạn kiệt cả tài sản cá nhân dồi dào của Pavla, đến nỗi Thánh Giê-rô-ni-mô buộc phải cử anh trai mình là Pavlinian đến Dalmatia với nhiệm vụ bán đi tài sản thừa kế cá nhân của ông để hỗ trợ tu viện. Chính Thánh Giê-rô-ni-mô sống trong một hang động nằm sát bên hang động Giáng Sinh của Chúa Kitô. Thức ăn của ngài là bánh mì kèm các loại thảo mộc ăn được, còn nước uống chỉ là nước suối: và ngay cả bữa ăn đạm bạc này, vị thánh cha cũng chỉ dùng sau khi mặt trời lặn vào những ngày chay tịnh. Ngài lãnh đạo các tu sĩ trong tu viện của mình, đồng thời giám sát các hoạt động tu hành và học tập của Pavla và Eustochia; những câu hỏi liên tục của hai người về những đoạn khó hiểu trong Kinh Thánh đã khiến chính ngài cũng gặp không ít khó khăn. Thánh Giê-rô-ni-mô còn dành một phần thời gian trong ngày để dạy dỗ các cậu bé. Nhưng công việc chính của ngài, như trước đây, vẫn là nghiên cứu Kinh Thánh và trao đổi thư từ. Sulpicius Severus[4444] , người đã sống cùng Thánh Giê-rô-ni-mô trong hang động của ngài suốt sáu tháng, chứng thực rằng vị thánh cha luôn bận rộn với việc đọc sách hoặc viết lách, hầu như không nghỉ ngơi, không chỉ ban ngày mà cả ban đêm. Tại hang động này, Thánh Giê-rô-ni-mô đã không tiếc chi phí để xây dựng cho mình một thư viện đồ sộ, chủ yếu gồm các tác phẩm của Origen, Didymus, Irenaeus và Eusebius của Caesarea. Liên quan đến công việc chính của Thánh Giê-rô-ni-mô là nghiên cứu và giải thích Kinh Thánh, đáng chú ý là việc ông học tiếng Do Thái, mà ông tiếp tục ngay cả khi ở Bê-lem: những buổi học này ông thực hiện lúc thì với Rabbi Varanina, lúc thì với một Rabbi đến từ Lydda hoặc Tiberias, trong đó vị Rabbi sau cùng đòi mức thù lao rất cao cho các buổi học của mình. Khi học tiếng Do Thái, Thánh Giê-rô-ni-mô không chỉ được thúc đẩy bởi khát vọng làm quen với ngôn ngữ gốc của các sách thánh trong Cựu Ước, mà còn bởi mong muốn bác bỏ những lời chế giễu của người Do Thái đối với các Kitô hữu: những người Do Thái này cho rằng các đoạn Kinh Thánh mà các Kitô hữu trích dẫn dường như có ý nghĩa khác trong bản gốc.

Thời gian Thánh Giê-rô-ni-mô lưu lại tại Bê-lem là thời kỳ khởi đầu cho hoạt động văn học của ngài. Điều này đặc biệt đúng với mười năm đầu tiên. Sau đó, những cơn sốt, nỗi lo sợ về các thảm họa xã hội bao trùm toàn bộ phương Đông – nơi đang run rẩy chờ đợi cuộc xâm lược của người Huns[4445] – đã phá vỡ cuộc sống bình yên của Thánh Giê-rô-ni-mô tại Bê-lem. Nhưng điều gây cho ngài nhiều phiền muộn nhất chính là những cuộc tranh luận, mà ngài không thể từ chối ngay cả khi đang sống ẩn dật tại Bethlehem, xa lánh thế gian, và ngài đã tham gia vào đó với một nhiệt huyết mãnh liệt. Thánh Giê-rô-ni-mô hoặc là vạch trần những người bày tỏ quan điểm trái với giáo lý của Giáo hội, hoặc là bảo vệ quan điểm của mình khi bị những người có quan điểm khác với vị thánh cha này về một vấn đề giáo hội nổi tiếng tấn công. Như vậy, Thánh Giê-rô-ni-mô đã xuất bản ba cuốn sách vạch trần

---

buồn phiền vì mất đi ân huệ mà ruồi và kiến cũng có, mà lại không vui mừng vì sở hữu những kiến thức mà chỉ các thánh và các tông đồ mới được ban tặng."

[4443] Sa mạc Nitria là nơi cư ngụ ưa thích của các tu sĩ ở Ai Cập; nó nằm ở phía nam sa mạc Scete.

[4444] Sulpicius Severus (qua đời năm 410 hoặc 429), quê ở Aquitaine, ban đầu là luật sư, nhưng sau khi vợ qua đời, ông đã lui về tu viện gần Béziers vào năm 392; từ đó, vào năm 409, ông chuyển đến Marseille. Ông nổi tiếng vì mối quan hệ thân thiết với Thánh Martinus của Tours, người mà ông đã miêu tả cuộc đời một cách chi tiết, nhưng không hoàn toàn chính xác. Ngoài ra, ông còn viết tác phẩm "Lịch sử" (Historia) hay "Niên biểu Thánh" (Chronica sacra), trong đó hai quyển trình bày các sự kiện từ khi thế giới được tạo dựng cho đến năm 409 sau Công nguyên; ông cũng là tác giả của hai tác phẩm đối thoại.

[4445] Một bức thư của Thánh Giê-rô-ni-mô gửi cho Ô-xê-an vào năm 395 vẫn còn được lưu giữ, trong đó ngài cho biết, trong số những điều khác, rằng toàn bộ phương Đông đang run rẩy trong sự chờ đợi cuộc xâm lược của người Huns. Thánh Giê-rô-ni-mô đã buộc phải chuẩn bị sẵn các con thuyền tại Ioppia cho các tu sĩ nam và nữ của mình, để có thể chạy trốn trong trường hợp người Hung Nô tấn công Đất Thánh. Người Hung Nô đã bao vây Antiôkhia, và có tin đồn rằng họ dự định tấn công Jerusalem để tìm kiếm kho báu ở đó.

nhằm chống lại một tu sĩ có tư tưởng tự do tên là Iovinianus; ngài chỉ ra những sai lầm sau đây trong giáo lý của người này:

1) rằng đời sống trinh khiết, góa bụa và hôn nhân, xét về bản chất, đều như nhau và đều được Thiên Chúa chấp nhận;

2) rằng những ai đã thực sự được tái sinh trong nước rửa tội có thể vô tội;

3) rằng việc ăn chay và việc dùng bữa kết hợp với lời tạ ơn Thiên Chúa đều có giá trị đạo đức ngang nhau. Năm 399, Thánh Giê-rô-ni-mô đã bị cuốn vào cuộc tranh luận nổi tiếng về Origène, kéo dài khoảng năm năm. Trong cuộc tranh luận này, vốn đã gây ra những rắc rối vô cùng lớn cho Thánh Giê-rô-ni-mô, ngài đã từ một người hâm mộ vị thầy nổi tiếng ở Alexandria trở thành người chỉ trích gay gắt những sai lầm của ông; cuộc tranh luận này đã dẫn đến sự rạn nứt vĩnh viễn giữa Thánh Giê-rô-ni-mô và Rufinus, những người từng là bạn bè. Thành công hơn, dù cũng gây không ít phiền muộn cho Thánh Giê-rô-ni-mô, là cuộc trao đổi thư từ của ngài với Thánh Au-gút-ti-nô: Giê-rô-ni-mô đã thuyết phục Au-gút-ti-nô từ bỏ quan điểm sai lầm của mình, theo đó ông cho rằng việc dịch Kinh Thánh từ tiếng Do Thái là không cần thiết do đã có bản dịch của 70 nhà thông thái. Mặt khác, Thánh Augustinô đã thuyết phục Thánh Giê-rô-ni-mô âm thầm từ bỏ cách giải thích của ngài về các câu 11–15, chương 2 của Thư gửi tín hữu Ga-la-ti, nơi Thánh Giê-rô-ni-mô trình bày hành động của các Tông đồ tối cao dưới góc độ thiếu chân thành, làm tổn hại đến phẩm giá cao quý của họ và làm lung lay uy tín của Kinh Thánh.

Thánh Giê-rô-ni-mô chủ yếu là một nhà học giả và đã để lại một di sản phong phú dưới hình thức các tác phẩm văn học của mình. Theo chủ đề và tính chất, các tác phẩm này có thể được chia thành bốn loại:

1) về giáo lý và tranh luận;

2) các tác phẩm về đạo đức và khổ hạnh;

3) các tác phẩm giải thích Kinh Thánh và

4) các tác phẩm lịch sử.

Các tác phẩm thuộc thể loại thần học tranh luận bao gồm: "Bài diễn thuyết chống lại Pelagius"[4446] (viết vào cuối năm 415); "Cuốn sách chống lại Helvidius về sự trinh khiết vĩnh cửu của Đức Mẹ Maria" (tại Rome, năm 383); "Chống lại Iovinianus (tại Bethlehem, năm 392)" và "Chống lại Vigiliantius"[4447] . Không ít tác phẩm thuộc thể loại này được viết ra do các cuộc tranh luận về chủ nghĩa Origen: "Thư gửi Thêôphilô thành Alexandria", "Chống lại Giám mục Giăng của Giêrusalem"[4448] (năm 398–399). "Hai cuốn sách biện hộ[4449] chống lại các tác phẩm của Rufinus" (năm 402), "Cuốn thứ ba hay lời đáp cuối cùng đối với tác phẩm của Rufinus" (năm 402). Việc Thánh Giê-rô-ni-mô buộc phải tham gia vào các cuộc tranh cãi do sự chia rẽ trong Giáo hội Antiôkhia gây ra đã dẫn đến việc ra đời cuốn sách: "Cuộc tranh luận giữa người Chính thống và người Luciferian" (năm 379, tại Antioch). Trong số các tác phẩm dịch thuật thuần túy về giáo lý, đáng chú ý là các bản dịch của Thánh Giê-rô-ni-mô: tác phẩm "Về các Nguyên lý" của Origen (năm 399) và tác phẩm "Về Thánh Thần" của Didymus.

Hoạt động đạo đức và khổ hạnh của Thánh Giê-rô-ni-mô chủ yếu được thể hiện qua các bức thư của ngài; trong số đó, có 120 bức được xác nhận là bản gốc. Đặc biệt, các bức thư sau đây của vị Thánh Cha này mang tính giáo huấn sâu sắc: bức thư thứ 14 gửi cho Iliodorus, ca ngợi đời sống ẩn tu; Thư số 22 gửi Eustochia về việc giữ lời thề trinh khiết; Thư số 52 gửi Nepotian về các đức tính của tu sĩ liên quan đến hình ảnh lý tưởng của chức vụ mục vụ; Thư số 58 gửi Paulinus với những lời dạy dỗ dành cho tu sĩ. Cũng có thể kể đến các bản tường thuật về cuộc đời các vị tu hành do Thánh Giê-rô-ni-mô soạn thảo: Phaolô thành Thebes (năm 376), tu sĩ Malcha và Thánh Hilarion (cả hai đều được viết vào khoảng năm 379); Thư số 103 gửi Eustochia chứa tiểu sử của Phaola – người đồng hành của Thánh Giêrônimô tại Bêlem.

[4446] Pelagius (kẻ dị giáo thế kỷ V) đã phủ nhận giáo lý của Giáo hội về tội nguyên tổ, chỉ hiểu nó theo nghĩa là tấm gương xấu đầu tiên do Adam để lại, chứ không phải theo nghĩa là khuynh hướng hướng tới tội lỗi trong bản tính con người sau khi Adam sa ngã; đồng thời, ông cũng phủ nhận giáo lý về ân sủng như một sức mạnh đặc biệt do Thiên Chúa ban cho con người; ông hiểu ân sủng là sự mặc khải của Thiên Chúa về mọi điều tốt lành trong tự nhiên và lịch sử, bắt đầu từ sự tồn tại và kết thúc bằng sự mặc khải về chân lý tối cao qua Đức Kitô.

[4447] Ông phản đối việc tôn kính các thánh và các vị tử đạo, phản đối việc tôn vinh đời sống tu hành, phản đối việc tôn kính các di vật thánh, phản đối việc gán cho các việc lành, việc ăn chay và việc bố thí một tầm quan trọng quá mức. Nói chung, ông phản đối tất cả các hình thức đời sống giáo hội và tôn giáo tồn tại vào thời ông, mà không phân biệt điều chân thật với điều giả dối.

[4448] Người theo Origene.

[4449] Apologia – απολογια – sự bào chữa.

Nhưng công lao thực sự bất hủ đối với thế giới Kitô giáo mà Thánh Giê-rô-ni-mô đã gặt hái được là nhờ những tác phẩm liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu Kinh Thánh mà ngài yêu thích. Các tác phẩm thuộc loại này của Thánh Giê-rô-ni-mô có thể được chia thành:

1) các tác phẩm hướng dẫn,

2) các tác phẩm ngôn ngữ học và

3) các tác phẩm chú giải. Các tác phẩm thuộc thể loại nhập môn của Thánh Giê-rô-ni-mô bao gồm:

1) "Về các tên Do Thái" – tác phẩm này, được viết dưới ảnh hưởng của Giuse Flavius, Philon và Origène, chứa đựng lời giải thích theo tinh thần thần bí và ẩn dụ về các tên riêng khác nhau xuất hiện trong các sách Cựu Ước và Tân Ước của Kinh Thánh, được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. Năm 380, Thánh Giê-rô-ni-mô đã viết một tác phẩm mang tiêu đề: "Cuốn sách về vị trí và tên gọi các địa danh Do Thái", một tác phẩm vô cùng quan trọng đối với việc nghiên cứu địa lý và khảo cổ học của Palestine. "Các câu hỏi về người Do Thái liên quan đến Sách Sáng Thế" – một tác phẩm khác cùng thể loại của Thánh Giê-rô-ni-mô – là những nhận xét phê bình về những đoạn khó hiểu nhất trong Sách Sáng Thế, được thực hiện dựa trên việc so sánh các bản văn "Itala", bản Do Thái và bản Hy Lạp của 70 nhà chú giải. Các tác phẩm sau đây của Thánh Giê-rô-ni-mô mang tính chất ngôn ngữ học: việc hiệu đính bản dịch LXX dựa trên các bản hiện có vào thời ông, hay còn gọi là bản dịch "Italic", bản dịch Kinh Thánh sang tiếng Latinh, vốn được phổ biến rộng rãi trong Giáo hội Latinh nhưng chứa đựng rất nhiều sai sót. Thánh Giê-rô-ni-mô bắt tay vào công việc này vào năm 383 theo sự ủy thác của Đức Giáo hoàng Damas; trước hết, ngài tập trung vào việc hiệu đính Tứ Phúc Âm và các sách còn lại của Tân Ước; trong các sách Cựu Ước, ngài đã hiệu đính Sách Thánh Vịnh. Theo chỉ thị của Đức Giáo hoàng Damasus, Sách Thánh Vịnh ngay lập tức được đưa vào thực hành phụng vụ và được gọi là "Sách Thánh Vịnh Rôma"[4450] . Các sách Tân Ước, đã được Thánh Giê-rô-ni-mô hiệu đính, cho đến nay vẫn là một phần của Kinh Thánh được sử dụng trong toàn bộ Giáo hội Công giáo phương Tây. Ngay từ khi còn sống tại Bethlehem, Thánh Giê-rô-ni-mô đã hoàn tất việc hiệu đính "bản văn Ý" cho các sách Cựu Ước, và ông lại bắt đầu công việc này từ Sách Thánh Vịnh, mà ông đã hiệu đính dựa trên bản Hexaplas của Origène. Bản thảo cuối cùng của ông được tìm thấy tại Caesarea, nơi Origene từng sinh sống vào thế kỷ III.[4451] Sách Thánh Vịnh này được biết đến với tên gọi "Sách Thánh Vịnh Gaul", bởi vì nó được sử dụng trước hết trong Giáo hội Gaul và sau đó được chấp nhận trong toàn bộ Giáo hội phương Tây. Theo cách tương tự, Thánh Giê-rô-ni-mô đã hiệu đính tất cả các sách còn lại của Cựu Ước, nhưng công trình này, "do sự gian trá của một người", như chính vị Thánh Cha đã nói, đã biến mất không để lại dấu vết, ngoại trừ sách Gióp.

Với tư cách là một chuyên gia về các ngôn ngữ Do Thái, "Chaldean", Latinh và Hy Lạp, đồng thời có trong tay một tài liệu tham khảo quan trọng như bộ "Hexapla" của Origene, Thánh Giê-rô-ni-mô đã tiến hành bản dịch Latinh độc lập của tất cả các sách thánh trong Cựu Ước từ ngôn ngữ gốc của chúng; ông mong muốn khắc phục những thiếu sót của bản văn tiếng Ý. Thánh Giê-rô-ni-mô bắt đầu công việc này vào khoảng năm 390 và hoàn thành vào năm 405, khi toàn bộ Cựu Ước đã được dịch xong, ngoại trừ các sách phi chính thống – Baruch, 1 và 2 Macabe và Sách Khôn Ngoan của Giê-su, con trai Si-ra-khô. Hầu hết các sách đều được dịch từ bản gốc tiếng Do Thái; chỉ có sách Tô-bi và Giu-đi-thê được dịch từ "tiếng Chaldee", cùng một số phần của sách Ê-xơ-tê và Đa-ni-ên được dịch từ tiếng Hy Lạp. Bản dịch của Thánh Giê-rô-ni-mô không tránh khỏi những thiếu sót, bởi vì nó được thực hiện một cách vô cùng vội vã: ví dụ, sách Tô-bi được dịch trong một ngày, các sách của Sa-lô-môn trong ba ngày; nhưng dù có những thiếu sót, bản dịch của Thánh Giê-rô-ni-mô cho đến nay vẫn không có đối thủ về vẻ đẹp, sự sinh động và độ chính xác trong cách trình bày. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi dưới thời Giáo hoàng Grêgôriô Cả[4452] , bản dịch này đã được sử dụng rộng rãi trong Giáo hội La Mã, và từ thế kỷ XIII, nó trở nên nổi tiếng với tên gọi Vulgata, tức là bản dịch được phổ biến rộng rãi trong toàn thể dân chúng.

Các tác phẩm chú giải của Thánh Giê-rô-ni-mô được chia thành hai loại: bản dịch (các bản dịch các bài giảng của Origen – 14 bài về Tiên tri Giê-rê-mi, 14 bài về Ê-xê-chi-ên, 2 bài về Ca Vịnh, 39 bài về Tin Mừng theo thánh Luca) và các tác phẩm do chính ngài viết; trong đó có: bản chú giải về Phúc Âm theo thánh Matthêu (năm

---

[4450] Tuy nhiên, thuật ngữ này chỉ được sử dụng cho đến thế kỷ XVI,

[4451] Các tác phẩm "Hexapla" của Origene là danh sách các sách Thánh Kinh Cựu Ước, được chia thành sáu cột (từ đó mà có tên gọi): cột thứ nhất chứa văn bản tiếng Do Thái bằng chính các chữ cái Do Thái; ở cột thứ hai là cùng bản văn đó được chuyển tự sang tiếng Hy Lạp, ở cột thứ ba là bản dịch của Aquila, ở cột thứ tư là của Symmachus; ở cột thứ năm là các bản chú giải LXX và ở cột thứ sáu là của Theodotion. Bản dịch LXX được kèm theo các chú thích chỉ ra những điểm khác biệt so với bản văn tiếng Do Thái.

[4452] Từ năm 590, ngài là giám mục tại Rôma.

398), về các thư của Thánh Phaolô gửi cho các tín hữu ở Galát, Êphêsô, Tít và Philêmon, cũng như bản chú giải về Sách Khải Huyền. Nhiều đoạn chú giải riêng lẻ được rải rác trong các bức thư của ngài. Các bài chú giải của Thánh Giê-rô-ni-mô phần lớn là những giải thích ngôn ngữ học, thường chuyển sang những cuộc đối thoại mang tính thần bí và ẩn dụ; chúng còn có giá trị ở chỗ trong các giải thích đó vẫn còn lưu giữ những đoạn trích từ các tác phẩm hiện đã thất truyền của Origen, Apollinaris và Didymus.

Các tác phẩm lịch sử của Thánh Giê-rô-ni-mô bao gồm: bản dịch "Biên niên sử của Ê-vê-si-ô thành Cêsarê" sang tiếng La-tinh, cùng với việc chỉnh sửa nhỏ và mở rộng nội dung đến năm 378, và "Danh mục các bậc hiền nhân". Trong bối cảnh nguồn tư liệu lịch sử còn lại từ thời cổ đại rất hạn chế, tác phẩm đầu tiên có ý nghĩa không nhỏ. Tác phẩm sau, được biên soạn chủ yếu dựa trên các tác phẩm của Eusebius của Caesarea, cung cấp một cái nhìn tổng quan lịch sử có hệ thống về toàn bộ văn học Kitô giáo, kết thúc vào năm thứ 14 dưới triều đại của Theodosius II. Bên cạnh thông tin về các tác phẩm, cuốn sách còn bao gồm tiểu sử của chính các tác giả: trong tổng quan này, Thánh Giê-rô-ni-mô tập trung chủ yếu vào các tác phẩm chú giải Kinh Thánh, trong đó ông cũng đưa cả các tác phẩm của chính mình vào.

Thánh Giê-rô-ni-mô đã phải chứng kiến sự sụp đổ của La Mã dưới những đợt tấn công của quân Goth do Alaric chỉ huy (năm 410). "Thành phố Vĩnh cửu", vốn là hiện thân sống động của quyền lực nhà nước trong nhiều thế kỷ, đã trở thành nơi đầy "kinh hoàng, hỗn loạn, đói khát và khốn cùng, hỏa hoạn và đổ máu". Những "nhà thờ lộng lẫy" của nó "đã biến thành tro tàn và rác rưởi". Trong những ngày kinh hoàng đó tại Rome, những người thân thiết với Thánh Giê-rô-ni-mô đã qua đời: Marcellina và Pammachius. Khi tin tức về sự sụp đổ của Rome đến tai Thánh Giê-rô-ni-mô, nó đã gây ấn tượng với ngài như một tiếng sấm bất ngờ và tràn ngập lòng ngài bằng nỗi buồn sâu sắc; nỗi buồn này đã được phản ánh trong các bức thư của ngài. "Ai có thể tin được," ngài hỏi, "rằng Rome, thành phố được xây dựng trên những chiến thắng trước cả thế giới, lại có thể bị hủy diệt? Rằng thành phố ấy, người mẹ của các dân tộc, lại có thể trở thành nấm mồ của chính họ? Rằng tất cả các nước phương Đông, Ai Cập, châu Phi lại tràn ngập những đám đông thanh niên và thiếu nữ từng thuộc về vị chúa tể thế giới xưa kia? Để thành phố thánh Bethlehem phải chứng kiến ngày này qua ngày khác, những gương mặt rạng rỡ của cả nam lẫn nữ, những người từng sống trong sự dư dật và xa hoa, giờ đây lại phải tìm đến những bức tường của thành phố này với tư cách là những kẻ ăn xin?" Thánh Giê-rô-ni-mô, dù không thể giúp đỡ họ, vẫn chia sẻ nỗi đau mà họ đang gánh chịu, cùng họ rơi lệ. Nhưng những giọt nước mắt ấy chỉ là sự nhẹ nhõm so với những giọt nước mắt tuôn trào từ đôi mắt ngài khi lần đầu tiên ngài nhận được tin về việc Rome bị chiếm đóng và những nỗi kinh hoàng đi kèm với sự kiện chấn động thế giới ấy: "Giọng nói của tôi," – ngài viết trong thư gửi Principia về cái chết của mẹ cô, Marcellia, – "đang nghẹn ngào, và những tiếng nức nở khiến tôi khó lòng đọc lời. Chiếm được thành phố mà chính nó từng chinh phục cả thế giới; không chỉ thế, nó đã chết vì đói trước khi gục ngã dưới lưỡi gươm, và chỉ có vài người được tìm thấy để bắt làm tù binh. Cơn thịnh nộ của những kẻ đói khát đã biến thành hành vi ăn thịt đồng loại ghê tởm: người ta xé xác lẫn nhau, ngay cả người mẹ cũng không tha cho đứa con bú của mình", Năm 411, vị tu sĩ già phải đối mặt với một thử thách mới: chính thành Bethlehem cũng run rẩy vì kinh hoàng trước cuộc tấn công man rợ của những người Bedouin Ả Rập, và chỉ nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa mà cộng đoàn của Thánh Giê-rô-ni-mô mới thoát khỏi sự tàn phá. Vậy là giữa muôn vàn tai ương, sau khi chứng kiến tất cả bạn bè qua đời, Thánh Giê-rô-ni-mô đã kết thúc cuộc đời trong sự cô đơn buồn bã. Chính vẻ bề ngoài của ngài đã chứng tỏ những chiến công, những thiếu thốn và những mất mát mà ngài đã trải qua: mái tóc bạc phơ từ lâu đã bao quanh vầng trán đầy những nếp nhăn sâu; đôi mắt yếu ớt, trũng sâu và khuôn mặt xanh xao, tiều tụy mang dấu vết của biết bao giọt nước mắt. Tia sáng duy nhất làm bừng sáng tuổi già u ám của Thánh Giê-rô-ni-mô là việc cô Pha-la-na trẻ, cháu gái của Pha-la-na và Albi-na – người vợ Kitô giáo của một thầy tế ngoại giáo – cùng con gái là Mê-la-ni-a, đến định cư tại Bê-lem. Có lẽ chính họ là những người đã nhắm mắt cho vị lão nhân đang hấp hối. Năm qua đời của Thánh Giê-rô-ni-mô không được biết chính xác. Tuy nhiên, vẫn còn lưu giữ lời chứng của Prospers Aquitain, cho biết Thánh Giê-rô-ni-mô đã qua đời vào ngày 30 tháng 9 năm 420. Có lẽ ngài đã về với Chúa sau một thời gian dài mắc bệnh nặng[4453] ; ngài được an táng gần Phaolô và Eustochia trong một hang động, nằm sát nơi Chúa Giêsu ra đời. Năm 642, di cốt của Thánh Giê-rô-ni-mô đã được chuyển từ Bê-lem về Rô-ma và an táng tại Nhà thờ Đức Mẹ ở

[4453] Có thể suy đoán điều này dựa trên thực tế là trong chín tháng cuối năm 420, không có bất kỳ lá thư nào của Thánh Giê-rô-ni-mô: rõ ràng, bệnh tật đã khiến ngài không thể viết được.

Maggiore; hiện nay chúng đang ở đâu – vẫn chưa rõ. Chỉ còn lại bàn tay thiêng liêng, hiện được lưu giữ tại Rô-ma trong nhà thờ mang tên ngài gần Quảng trường Farnese.

Cùng ngày này, lễ rước di cốt của Thánh Theodoros Sikeot, Giám mục Anastasiopolis (xem tiểu sử của ngài vào ngày 22 tháng 4

29 tháng 6

ngày 16 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Tử đạo Tigrius, linh mục, và Thánh Tử đạo Eutropius, người đọc kinh, những người đã chịu tử đạo vào đầu thế kỷ thứ 5 tại Constantinople.

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Tichon của Medyn (Kaluga).

Cuộc đời của Thánh Cha Tichon, vị làm phép lạ, Giám mục Amaphunt

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 6

Thánh Tikhon sinh ra trên đảo Síp, tại thành phố Amaphunt[4454] , trong một gia đình Kitô hữu sùng đạo. Ngay từ thuở ấu thơ, ngài đã được cha mẹ nuôi dạy trong đức tin Kitô giáo, và được họ dạy cách đọc các sách thánh; nhờ đó, ngài được nhận vào hàng giáo sĩ và được phong chức độc giả nhà thờ. Nhờ lối sống trong sạch, ngài sau đó được Thánh Memnon, Giám mục Amafunte, phong làm phó tế tại . Khi Giám mục Memnon qua đời, theo nguyện vọng chung của các tín hữu Kitô giáo tại Amafunte, Thánh Tikhon được bầu chọn để kế vị và được Thánh Epiphanius, Tổng Giám mục Síp, tấn phong[4455] .

Vào thời điểm đó, trên đảo Síp vẫn còn rất nhiều người ngoại đạo, những người vẫn bám víu vào sự thờ cúng thần tượng cổ xưa.

Thánh Tikhon, vị thánh của Chúa Kitô, đã gánh vác một công việc vĩ đại, đó là dẫn dắt cư dân Amphunt thoát khỏi những lầm lạc ngoại giáo và đưa họ đến với sự nhận biết về Chúa Kitô là Thiên Chúa; trong công việc vĩ đại này, Chúa đã ban ơn trợ giúp cho ngài, bởi vì, sau khi giải thoát một đoàn chiên lớn khỏi quyền lực của ma quỷ, vị thánh đã dẫn dắt họ vào vòng bảo vệ của Giáo hội Chính thống Công giáo, biến những con dê thành chiên của Chúa Kitô. Thánh Tikhon cũng đã tiêu diệt các thần tượng xung quanh Amafunt, còn các đền thờ của những thần tượng đó, như những nơi cư ngụ của ma quỷ, ngài đã nhổ tận gốc và phá hủy.

Sau khi chăn dắt cách thánh thiện đàn chiên mà Chúa đã giao phó, Thánh Tikhon qua đời ở tuổi già. Nhờ những phép lạ dồi dào mà ngài đã thực hiện không chỉ khi còn sống mà cả sau khi qua đời, Thánh Tikhon được gọi là "Người làm phép lạ".

Trong số nhiều phép lạ của Thánh Tikhon, đến nay chỉ còn lưu truyền truyền thuyết về hai trường hợp thể hiện sức mạnh kỳ diệu của ngài[4456] . Phép lạ đầu tiên, do Thánh Tikhon thực hiện khi còn là thiếu niên, diễn ra như sau. Cha của Thánh Tikhon, người nuôi sống gia đình bằng nghề làm bánh và bán bánh mì, đã sai con trai đi bán bánh mì. Thánh Tikhon lại phân phát bánh mì miễn phí cho những người nghèo. Cha ngài, khi biết chuyện này, đã rất buồn bã và, vì tức giận con trai, bắt đầu mắng mỏ cậu vì điều đó. Cậu thiếu niên đạo đức ấy đã nói với cha mình:

– Tại sao cha lại buồn bã, như thể đã mất đi điều gì đó vậy? Con đã cho Chúa mượn bánh mì, và trong các sách thánh có chép: "Ai cho Chúa, sẽ nhận lại gấp trăm lần".

– Nếu cha không tin những lời được ghi chép ở đó, thì chúng ta hãy đến kho lúa, và ở đó chính cha sẽ thấy Chúa trả nợ cho những người cho vay của Ngài như thế nào.

[4454] Amaphunt – ngày nay là thành phố Limassol trên đảo Síp.

[4455] Thánh Epiphanius – Tổng giám mục đảo Síp – qua đời vào năm 403 sau Công nguyên; vị thánh này đã tỏa sáng nhờ sức mạnh của giáo lý khôn ngoan từ Thiên Chúa cùng ân sủng làm phép lạ và tiên tri. – Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 12 tháng 5

[4456] Thông tin chi tiết (như Thánh Dimitri Rostovski đã viết) về cuộc đời và các phép lạ của Thánh Tikhon không còn được lưu giữ đến ngày nay, bởi vì do nhiều cuộc xâm lược của người Hồi giáo và thời gian trôi qua quá lâu, không chỉ nhiều nhà thờ bị bỏ hoang mà cả các ghi chép của nhà thờ trong đó cũng đã bị mất.

Nói xong, cậu đi cùng cha đến kho lúa, và khi họ định mở cửa, họ thấy căn phòng vốn trống rỗng ấy giờ đã chật ních lúa mì sạch. Thấy phép lạ như vậy, cha của Thánh Tikhon vô cùng kinh ngạc, liền quỳ gối xuống, cúi đầu thờ lạy Đức Chúa Trời và dâng lời tạ ơn Ngài; kể từ lúc đó, ông không còn giận con trai nữa và không cản trở cậu phân phát bánh mì cho người nghèo bao nhiêu tùy ý.

Một phép lạ khác do Thánh Tikhon thực hiện là như sau:

Trong một vườn nho, những người làm vườn, khi cắt tỉa những cành khô của cây nho, đã vứt chúng đi như những thứ vô dụng. Còn Thánh Tikhon thì thu nhặt những cành đó lại và trồng trong vườn của mình. Trong lúc trồng, ngài cầu nguyện với Chúa để Ngài ban cho những cành nho này bốn đặc tính sau: thứ nhất, để những cành khô bén rễ vào đất, mọc rễ và phát triển; thứ hai, để những cành nho trĩu quả; thứ ba, để những quả nho ngọt ngào và có lợi cho sức khỏe; thứ tư, nho của ông sẽ chín sớm hơn tất cả. Sáng hôm sau, khi Thánh Tikhon ra vườn, ông thấy lời cầu nguyện của mình đã được đáp lại: những cành khô đã bén rễ vào đất và nảy chồi; và khi chúng bắt đầu phát triển vào mùa hè năm đó, một cách hoàn toàn bất thường và phi tự nhiên, chúng lại rất trĩu quả; và ngay cả khi quả nho ở các vườn nho khác mới chín, quả nho trong vườn nho của Thánh Tikhon đã chín hẳn, có vị ngon và rất tốt cho sức khỏe.

Loại nho này không chỉ sở hữu sức mạnh kỳ diệu như vậy khi Thánh Tikhon còn sống, mà ngay cả sau khi ngài qua đời, nó vẫn trĩu quả và hàng năm quả chín sớm hơn so với các vườn nho khác, đến nỗi vào ngày 16 tháng 6 – ngày tưởng niệm Thánh Tikhon – bí tích Thánh Thể được cử hành trong Thánh lễ bằng rượu nho ép từ chính những quả nho này. Chỉ qua hai phép lạ này thôi, chúng ta cũng có thể thấy rằng Thánh Tikhon là một vị thánh làm phép lạ và là một vị thánh vĩ đại được Thiên Chúa yêu mến.

Trong nghi thức thánh lễ của Thánh Tikhon còn kể lại rằng ngài đã tiên tri biết trước và báo cho người khác về thời điểm ngài qua đời[4457] .

Vì sự thánh thiện như vậy của vị thánh làm phép lạ Tikhon, xin vinh quang thuộc về Thiên Chúa của chúng ta, bây giờ và mãi mãi, đến muôn đời. Amen[4458] .

Bài ca Troparion, giọng 1:

Ngài là người sống ẩn dật, là Thiên Thần trong thân xác, và là vị thánh làm phép lạ, Cha Tikhon, người mang Chúa trong lòng: nhờ việc ăn chay, thức đêm và cầu nguyện, ngài đã nhận được ân sủng từ trời, chữa lành những người bệnh tật, và cứu rỗi những linh hồn chạy đến với ngài bằng đức tin. Vinh quang thuộc về Đấng ban cho ngài sức mạnh, vinh quang thuộc về Đấng đã phong vương cho ngài, vinh quang thuộc về Đấng hành động qua ngài để chữa lành mọi người.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Ngài đã sống trong đời sống ăn chay thánh thiện và được Thiên Chúa yêu mến, đã nhận được sức mạnh của Đấng An Ủi từ trên cao, để phá hủy sự quyến rũ của các thần tượng, cứu rỗi con người, xua đuổi ma quỷ, và chữa lành các bệnh tật: vì lý do này, chúng con tôn kính Ngài như bạn của Thiên Chúa, Thánh Tikhon đáng kính.

Lễ kỷ niệm Thánh Cha Tikhon, vị Thánh làm phép lạ ở Lukhovsk

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 6

Thánh Cha Tikhon của chúng ta xuất thân từ Tiểu Nga, thuộc vùng Litva, và từng phục vụ trong quân đội tại đó. Không chịu đựng được sự bạo hành từ phía người La Mã, ngài đã chuyển đến thành phố Moscow và bắt đầu sống một cuộc đời đạo đức tại đây. Sau đó, với lòng khiêm nhường tột bậc, ngài đã phân phát tài sản của mình cho người nghèo, thọ giới tu sĩ và định cư bên sông Luch[4459] . Tại đây, ngài đã lập một tu viện nhỏ, thu nhận nhiều đệ tử

[4457] Bài ca 7, câu 2 và bài ca 8, câu 1.

[4458] Thánh Tikhon sống dưới triều đại của Hoàng đế Hy Lạp Arcadius (395–408) và con trai ông là Theodosius.

[4459] Sông Lukh, một nhánh bên trái của sông Klyazma, chảy qua các tỉnh Kostroma và Vladimir ngày nay và bắt nguồn từ huyện Yuryev.

và tận tâm tu hành trong việc ăn chay và kiêng khem theo ý Chúa. Với lòng khiêm nhường vô cùng, ngài đã không nhận chức linh mục cho đến tận lúc lâm chung. Biết trước về việc mình sẽ về với Chúa và sau khi đã dạy dỗ các đệ tử về mọi điều có thể mang lại lợi ích cho tâm hồn họ, vị thánh đã an nghỉ trong cõi vĩnh hằng[4460] .

Nhiều năm sau khi ngài qua đời, thi hài của ngài đã được khai quật[4461] và từ đó đã xảy ra nhiều phép lạ chữa lành. Sau này, nhờ sự tận tâm của các tín hữu, tại nơi ngài từng tu hành đã được xây dựng một tu viện tôn kính, và nhờ ơn Chúa, tu viện này vẫn tồn tại cho đến ngày nay.

Ngày 30 tháng 6

17 tháng 6 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Manuil, Savel và Ismail

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 6

Các thánh tử đạo Manuil, Savel và Ismail là anh em ruột và xuất thân từ xứ Ba Tư[4462] . Cha mẹ họ là những người danh giá, nhưng không cùng đức tin: cha theo tà giáo Ba Tư, còn mẹ là một tín hữu Kitô giáo đạo đức. Từ khi còn rất nhỏ, bà đã nuôi dạy các con trong đức tin Kitô giáo – giống như cách bà đã cho các con bú sữa mẹ và nuôi dưỡng các con trong sự kính sợ Thiên Chúa từ thuở ấu thơ; còn vị linh mục thánh thiện Evnoik đã rửa tội cho các anh em thánh này và dạy dỗ họ Lời Chúa. Khi họ trưởng thành, họ được nhập ngũ. Tuy nhiên, dù đã dâng hiến sức lực thể xác cho vua Ba Tư Alamundar[4463] , – nhưng bằng tinh thần, họ luôn phục vụ Vua trên trời, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, cố gắng làm đẹp lòng Ngài trong mọi việc bằng những việc lành của mình.

Một lần nọ, họ được vị vua của mình cử đi gặp Hoàng đế La Mã-Hy Lạp Julianus Apostata[4464] , nhằm ký kết hòa ước với ông ta. Lúc đầu, Julianus tiếp đón họ với sự tôn trọng, thể hiện lòng nhân từ với họ bằng mọi cách và luôn đối xử thân thiện với họ; nhưng sau đó, khi biết họ là Kitô hữu, ông đã nổi giận với họ, và bất chấp các phong tục và luật lệ chung của mọi dân tộc, đã bắt những anh em này phải chịu cực hình vì đức tin vào Chúa Kitô và giết chết họ sau những cuộc tra tấn tàn bạo nhất.

Hành trình tử đạo của họ diễn ra như sau.

Một lần nọ, vị hoàng đế vô pháp ấy nảy ra ý định lên đường đến Bithynia, đến một vùng đất có tên là Orgia Trigon[4465] , vì tại đó sắp diễn ra một trong những lễ hội ngoại giáo đáng ghê tởm trước mặt Thiên Chúa. Khi ông ta, sau khi vượt biển bằng thuyền từ Constantinople đến Chalcedon[4466] , đến nơi mà chúng ta vừa nhắc đến, thì ngay lập tức, cùng với đám đông tụ tập ở đó, ông ta bắt đầu tổ chức lễ hội tà ác của mình, thờ lạy các thần tượng và dâng lên các quỷ dữ vô số lễ vật: – và thế là những cuộc tiệc tùng liên miên bắt đầu diễn ra tại đây với ca hát, âm nhạc và tiếng trống, – và để tôn vinh các vị thần ngoại đạo độc hại, trong thời gian đó, nhiều hành vi phạm pháp ghê tởm đã được thực hiện tại đây.

Còn các tôi tớ của Đấng Christ là Manuel, Savel và Ismael, dù đang ở ngay tại đó cùng với hoàng đế, nhưng họ thậm chí không muốn nhìn vào lễ hội vô đạo đức này; một lần nọ, họ lánh xa đám đông đang hân hoan và đứng từ xa, họ khóc lóc và than thở về sự mê hoặc và lầm lạc của những người này, đồng thời cầu nguyện cùng Chúa Trời – cho chính họ, để họ không bị ô uế bởi việc tham gia vào các lễ tế thờ thần tượng, – và cho tất cả những ai đang lầm lạc, để Chúa dẫn dắt họ đến sự hiểu biết về chân lý.

[4460] Thánh Tikhon qua đời vào ngày 16 tháng 6 năm 1503.

[4461] Xác thánh của ngài được phát hiện vẫn còn nguyên vẹn dưới thời vị tu viện trưởng Konstantin vào khoảng năm 1566, và kể từ đó, người ta bắt đầu tổ chức lễ kỷ niệm ngài.

[4462] Vào thời điểm đó, đế chế Ba Tư chiếm một vùng lãnh thổ rộng lớn giữa sông Tigris, Vịnh Ba Tư và Biển Caspi

[4463] Alamundar, với tư cách là vua Ba Tư, hoàn toàn không được nhắc đến trong lịch sử; một số người cho rằng ông là một trong những tướng lĩnh của Ba Tư.

[4464] Julian, con trai của Constantius, anh trai của Constantine Đại đế, sinh năm 331 sau Công nguyên; ban đầu ông được giáo dục theo đạo Kitô, nhưng khi trở thành hoàng đế vào năm 355, ông đã công khai từ bỏ Kitô giáo, vì vậy mà được gọi là "Kẻ Bội Đạo".

[4465] Người ta cho rằng Trigon thực chất là một đền thờ dành cho các thần tượng, nằm gần Chalcedon.

[4466] Chalkidon là một thành phố thuộc Bithynia, nằm ở cực nam eo biển Bosphorus, đối diện với Byzantium.

– Lạy Chúa, xin đừng để – họ cầu nguyện – những con người này phải chìm đắm trong sự hủy diệt khủng khiếp của cái ác, và xin đừng để những tạo vật có lý trí của Ngài rơi vào cơn điên loạn như vậy; – bởi vì ở đây họ còn thiếu lý trí hơn cả những tảng đá và cây cối mà họ tôn kính: ít nhất thì những tượng thần bằng gỗ của họ, với tư cách là những vật vô tri vô giác và vô hồn, cũng không biết những gì đang diễn ra trước mặt chúng; còn những con người này, được Ngài ban cho linh hồn có lý trí và là hình ảnh, giống như Ngài, lại không thấy và không hiểu họ đang làm gì và đang dâng sự tôn kính thiêng liêng cho ai: họ đang đi trong bóng tối, lạc lối và tiến đến sự diệt vong vĩnh viễn.

Trong khi các thánh nhân, đang ở xa, khóc lóc và cầu nguyện như vậy, hoàng đế, nhìn thấy những người dâng lễ vật và những người đang dự tiệc cùng họ, lại không thấy các sứ giả Ba Tư ở bên cạnh, bèn ra lệnh tìm họ và gọi họ đến với mình, để họ cùng vui chơi với ngài. Lúc đó, một trong những người hầu phòng của hoàng đế, thấy họ đang đứng riêng rẽ, liền mời họ đến dự tiệc hoàng gia: ông ta nghĩ rằng họ cũng thuộc về đám người thờ thần tượng vô đạo. Nhưng các tôi tớ của Đấng Christ đã đồng lòng trả lời người hầu phòng hoàng đế đang mời họ:

– Hãy tránh xa chúng tôi: chúng tôi sẽ không từ bỏ đức tin mà chúng tôi đã được nuôi dưỡng từ thuở thiếu thời, và vì thế sẽ không bỏ Chúa của chúng tôi cũng như không thờ lạy những quỷ dữ đang ngự trong các ngài; và xin đừng để chúng tôi phải dính líu vào sự lầm lạc rõ ràng này: chúng tôi không đến nỗi điên rồ và thiếu lý trí đến mức, khinh thường Đức Chúa Trời hằng sống , Đấng Tạo Hóa của chúng tôi, để đi thờ lạy một tạo vật vô hồn. Hơn nữa, chúng tôi đã thực hiện cuộc hành trình dài đằng đẵng và đến đây không phải để từ bỏ đức tin của mình, mà là để thiết lập hòa bình giữa các quốc gia Ba Tư và Hy Lạp-La Mã. Và vua của ngài, cũng như những người đồng lòng với ngài, đều biết rõ rằng họ sẽ không thể khiến chúng tôi chối bỏ đức tin hay thuyết phục chúng tôi theo sự vô đạo của họ, cho dù họ có ném chúng tôi vào lửa và tra tấn, hay tước đoạt chính mạng sống của chúng tôi đi chăng nữa.

Sau đó, quan quản ngục rời khỏi các thánh nhân và truyền lại những lời này cho Julian; ông ta lập tức bùng lên cơn giận dữ và phẫn nộ, nhưng quyết định không tra tấn họ ngay lập tức để không làm gián đoạn lễ hội vô đạo của mình, mà hoãn lại đến sáng hôm sau, chỉ ra lệnh giam các tôi tớ của Chúa vào ngục tối.

Còn các vị, trên đường đến ngục tối, đã ngợi khen Chúa như sau:

– *"Hãy đến, chúng ta hãy hát ngợi khen Chúa, hãy reo mừng Đức Chúa Trời, Đấng là pháo đài cứu rỗi của chúng ta; chúng ta hãy đến trước mặt Ngài với lời ngợi khen, hãy reo mừng Ngài bằng những bài ca"* (Thi Thiên 94:1–2).

Và sau đó:

– *"Ai là Đức Chúa Trời vĩ đại như Đức Chúa Trời của chúng ta!"* (Thi Thiên 76:14). Còn chúng ta – là dân của Ngài và là tạo vật do tay Ngài dựng nên – sẽ luôn kêu cầu Ngài.

Ngày hôm sau, Julian, khi bước lên bục xét xử, ra lệnh cho gọi các sứ giả Ba Tư đến và bắt đầu nói với họ như sau:

– Các vị, những người tốt lành, vua của các vị đã cử các vị đến đây, với tư cách là những người trung thành với ngài và có thiện cảm với chúng tôi, để khôi phục lại hòa bình mà cả hai vương quốc đã mong đợi từ lâu. Nhưng hòa bình này chỉ có thể được khôi phục giữa chúng ta nhờ sự hòa hợp trong tình yêu thương và tình hữu nghị lẫn nhau. Tuy nhiên, làm sao các ngươi có thể hòa hợp với chúng ta và tình yêu thương của các ngươi dành cho chúng ta ở đâu, nếu hôm qua các ngươi không muốn cùng chúng ta tổ chức lễ hội và tận hưởng niềm vui để tôn vinh chính những vị thần mà các ngươi, người Ba Tư, cũng tôn kính[4467] ? Chẳng phải người Ba Tư, cũng giống như chúng ta, tôn kính mặt trời, mặt trăng và các vì sao – sức mạnh lửa rực rỡ nhất – cùng các vị thần khác của chúng ta sao? – Vậy tại sao các ngươi lại từ chối tôn vinh họ cùng với chúng ta và không muốn tham gia vào nghi lễ thờ phụng của chúng ta dành cho họ – dù chỉ để các điều kiện hòa bình của chúng ta trở nên vững chắc và bền vững hơn? Nhưng nếu các ngươi khinh miệt và hạ thấp các vị thần của chúng ta, và nếu các ngươi không đồng lòng với chúng ta, thì điều đó có nghĩa là các ngươi đến đây không phải để củng cố hòa bình, mà là để phá vỡ nó và khơi lại thù hận cùng chiến tranh.

Trước điều đó, các vị thánh nhân đã đáp lại:

[4467] Về mặt triết học và tôn giáo, Julian là một người theo chủ nghĩa chiết trung, tức là – ông chọn lọc từ tất cả các giáo lý tôn giáo những gì ông ưa thích và phù hợp với thế giới quan của mình; ông tin vào một vị Thần tối cao duy nhất, nhưng lại đồng nhất Ngài với Mithra hay vị thần Mặt Trời trong tín ngưỡng phương Đông; còn người Ba Tư, như đã biết, cũng tôn sùng Mặt Trời như vị thần chính của họ.

– Chúng tôi đến gặp ngài theo lệnh của vua chúng tôi để thương lượng các điều kiện hòa bình, nhằm đảm bảo binh lính của các ngài không xâm phạm biên giới của chúng tôi, và binh lính của chúng tôi cũng không xâm phạm biên giới của các ngài, để chúng ta không tàn phá đất đai của nhau, – và để các thương nhân của chúng tôi luôn được tự do ra vào vương quốc của các ngài, còn thương nhân của các ngài cũng được tự do ra vào đất nước chúng tôi, và cả hai bên đều có thể trở về nhà mà không gặp bất kỳ trở ngại nào; – Chính vì những điều kiện này mà chúng tôi được cử đến gặp ngài, chứ hoàn toàn không phải để bàn luận về các vị thần. Hãy để mỗi người tôn thờ vị thần mà họ muốn, và theo cách mà họ thích. Chiến tranh giữa các vương quốc chưa bao giờ xảy ra vì tín ngưỡng; nhưng những xung đột, cãi vã và trận chiến luôn nảy sinh từ các thành phố, vùng lãnh thổ và vì những ranh giới, biên giới của chúng. Còn ngài, thay vì tập trung vào các cuộc đàm phán hòa bình – mục đích chính mà chúng tôi được cử đến đây – lại bắt đầu nói về những chuyện khác, những điều mà chúng tôi và ngài không nên bàn luận. Bởi vì ngài không nói với chúng tôi về sự thịnh vượng của đế chế ngài, cũng không nói về mối quan hệ hòa bình với quốc gia chúng tôi – vốn giáp ranh với đế chế ngài – mà suốt ngày chỉ hỏi han về các vị thần và bàn luận về đức tin. Nếu ngài thực sự muốn như vậy, thì hãy biết rằng, dù chúng tôi là người Ba Tư về nguồn gốc, nhưng về đức tin thì là Kitô hữu; chúng tôi được mẹ nuôi dưỡng trong sự đạo đức và được cha linh hướng của chúng tôi, linh mục Evnoik, dạy dỗ về đức tin chân chính. Và tại quê hương chúng tôi, đã có rất nhiều người muốn lôi kéo chúng tôi rời xa Chúa Giê-su Ki-tô của chúng tôi để thờ lạy các thần tượng, nhưng họ đã không thành công: nhờ ân sủng của Chúa chúng tôi, chúng tôi vẫn kiên định và vững vàng trong việc tuyên xưng đức tin của mình; chúng tôi vẫn trông cậy vào sự giúp đỡ của Chúa – rằng ngay cả bây giờ cũng không ai ở đây có thể lôi kéo chúng tôi rời xa đức tin thánh thiện của mình, và không ai có thể thuyết phục chúng tôi chuyển sang thờ phượng ma quỷ, điều mà thực sự là hư vô và đầy dẫy mọi sự lừa dối, sai lầm và dối trá.

Lúc đó, kẻ tra tấn, tràn đầy cơn giận, nói với họ:

– Làm sao các ngươi, là những người bình thường và dốt nát – thậm chí còn không biết ngôn ngữ của chúng ta – lại dám một cách trơ trẽn như vậy, và bằng những lời lẽ điên rồ của mình, phỉ báng đức tin mà chúng ta, những người có học thức và đã thông thạo trọn vẹn mọi kiến thức sách vở, đang tuyên xưng? Chúng ta cũng quen thuộc với giáo lý của các ngươi. Chẳng phải các ngươi biết rằng ta đã từng nghiên cứu cả những cuốn sách Kitô giáo của các ngươi sao? Nhưng khi thấy trong đó chỉ toàn là dối trá và không có gì là chân lý, ta đã lập tức từ chối chúng, để khỏi sa vào bất kỳ sự lầm lạc nào do sự mơ hồ trong những điều được ghi chép trong đó. Và trong số những người tin vào các cuốn sách của các vị và hành động theo chúng, ai trong số họ đã từng tỏ ra vinh quang và hoàn hảo, và đã làm được điều gì anh hùng trong cuộc đời mình? Vì vậy, tôi khuyên các ngươi: hãy từ bỏ những suy luận trẻ con và sai lầm đó, và tốt hơn hết là hãy tin vào những điều mà các nhà triết học vĩ đại từ lâu đã dạy. Nếu các ngươi không muốn chấp nhận lời khuyên tốt lành của ta, thì dù trái với ý muốn của chính mình, các ngươi cũng sẽ phải chịu đựng những cực hình mà ta sẽ lập tức giáng xuống các ngươi.

Các thánh nhân đáp lại:

– Chúng tôi đã học được từ Chúa của chúng tôi rằng: đừng sợ những kẻ giết thân xác và đừng nghĩ rằng phải đáp lại những kẻ muốn hành hạ chúng tôi, vì chính Thánh Thần sẽ củng cố chúng tôi trong đau khổ và ban cho lời nói cùng sự can đảm để đáp lại. Còn chúng tôi sẽ hỏi ngươi: ngươi thấy điều gì điên rồ ở chúng tôi – ngươi, kẻ tự cho mình là người khôn ngoan nhất trong tất cả mọi người? Và ai mới thực sự thiếu lý trí hơn – người đã nhận biết Đức Chúa Trời chân thật và Đấng Tạo Hóa của vạn vật, và kính trọng Ngài một cách thành kính, hay là người đã xa lìa Đức Chúa Trời hằng sống, mà lại thờ lạy những vật vô hồn, đá và gỗ, hay bất cứ thứ gì tương tự như vậy? Quả thật, kẻ điên rồ là người tôn kính vật vô tri thay vì Đức Chúa Trời; còn người khôn ngoan là người phụng sự Đức Chúa Trời hằng sống. Bởi vì đây – điều quan trọng nhất của lý trí con người – chính là nhận biết Đấng Tạo Hóa của mình, Đấng ban phát mọi ân huệ, và tin tưởng vào Ngài, cũng như tận tâm phụng sự Ngài; còn việc không biết Ngài – Đấng Tạo Hóa và Đấng ban ân huệ của mình – mà lại phục vụ kẻ thù của mình – con quỷ hủy diệt linh hồn – thì đó chính là sự thiếu lý trí tột độ. Và các triết gia cổ đại của các ngươi, những người đã rơi vào sự lầm lạc độc hại như vậy, chỉ có vẻ như là những người khôn ngoan, nhưng thực ra lại là những người thiếu khôn ngoan nhất – theo lời của Thánh Tông Đồ: *"Tự xưng là khôn ngoan, nhưng lại trở nên điên dại"* (Rô-ma 1:22), và trái tim thiếu khôn ngoan của họ đã bị che mờ; và chính các ngươi đã trở nên giống như họ, nếu không muốn nói là còn tệ hơn: vì họ vẫn chìm đắm trong sự điên rồ của mình, không biết và chưa bao giờ xưng nhận đức tin chân chính, còn ngươi, đã được soi sáng bởi phép Rửa tội thánh và được nuôi dưỡng trong đạo Kitô, lại đã từ chối Đức Kitô là Thiên Chúa,

và giờ đây, trước mặt tất cả những ai thực sự tin vào Chúa, ngươi bị gọi là người Hy Lạp thay vì Kitô hữu, và là kẻ vô đạo và vô thần thay vì người đạo đức.

Rất tức giận trước những lời nói của các vị tử đạo, Julian, tràn đầy cơn thịnh nộ vô biên, đã ra lệnh tra tấn họ một cách tàn bạo ngay lập tức. Trước hết, họ bị lột trần, bị quỳ xuống đất và bị đánh không thương tiếc bằng những sợi dây da cứng vào lưng và bụng; sau đó, họ bị treo lên tại nơi tra tấn, tay và chân bị đóng đinh cao lên cây, và toàn thân họ bị cạo bằng những chiếc răng sắt. Còn các vị tử đạo của Chúa Kitô, dũng cảm chịu đựng những cực hình nặng nề này, ngước mắt lên trời và cầu nguyện với Chúa, đã kêu lên với Ngài như sau:

– Lạy Chúa! Ngài, Đấng xưa kia cũng từng bị những người Do Thái vô tín đóng đinh vào cây thập tự và đã xóa bỏ tội lỗi thế gian bằng sự chịu khổ trên thập tự giá và cái chết, – xin hãy nhìn xuống chúng con, những kẻ hiện đang bị treo trên cây thập tự với thân thể đầy vết thương; và vì bản tính chúng con yếu đuối, xin hãy ban cho chúng con sự trợ giúp từ trên cao và làm dịu bớt nỗi đau khổ của chúng con, vì chỉ nhờ đặt niềm hy vọng nơi Ngài, chúng con mới dám chấp nhận cuộc tử đạo này. Những cực hình này thật tàn nhẫn và kinh hoàng biết bao – chính Ngài, lạy Chúa, biết và thấy rõ, nhưng vì tình yêu dành cho Ngài, hỡi Đức Giêsu ngọt ngào nhất, chúng con lại thấy chúng thật dễ chịu!

Khi các thánh nhân đang cầu nguyện như vậy, bỗng nhiên Thiên Thần của Chúa hiện ra trước mặt họ; nhưng chỉ có các thánh tử đạo mới nhìn thấy Ngài, còn đôi mắt u ám của những kẻ vô đạo thì không xứng đáng được chứng kiến điều đó. Vị Thiên Thần ấy, sau khi an ủi những người đang chịu đau khổ, đã ban cho họ niềm an ủi lớn lao đến nỗi họ dường như không còn cảm thấy đau đớn từ những vết thương của mình nữa, và dường như – thậm chí họ chưa bao giờ phải chịu đựng tất cả những cực hình ấy. Sau đó, Julian ra lệnh tháo các vị thánh tử đạo xuống khỏi cây, và khi họ được tháo xuống, ông ta, như thể đang chế nhạo họ, nói với họ:

– Các ngươi thấy chăng, ta đang thương xót các ngươi, không để các ngươi phải chịu những cực hình còn khủng khiếp hơn nữa. Ta hy vọng rằng sau hình phạt tương đối nhẹ nhàng này, các ngươi sẽ đồng lòng với chúng ta.

Còn các thánh tử đạo, hiểu rõ sự nịnh hót trong lời nói của hắn, đã đáp lại với sự can đảm còn lớn hơn:

– Đừng nghĩ và đừng hy vọng, kẻ thù của Đấng Kitô, rằng chúng tôi sẽ từ bỏ đức tin vào Chúa. Vậy thì, hãy tiếp tục hành hạ thân xác chúng tôi, nếu ngươi muốn làm chúng tôi đau khổ hơn nữa: chúng tôi sẵn sàng chịu đựng tất cả. Dù ngươi có khiến chúng tôi phải chịu thương tích, lửa, gươm hay bất cứ điều gì còn khủng khiếp hơn nữa – tất cả những điều đó đối với chúng tôi đều là niềm vui hơn là nỗi đau khổ: chúng tôi sẽ vui vẻ chịu đựng tất cả vì Chúa Giêsu, Đấng đã yêu thương chúng tôi!

Lúc đó, Julianus, kẻ vô đạo, thấy rằng Manuel, với tư cách là anh cả trong số các anh em, nói nhiều và dũng cảm hơn các anh em khác, liền ra lệnh đưa anh ta ra một bên, còn bản thân ông ta, sau khi bắt đầu trò chuyện với hai người còn lại – Savel và Ismael – đã nói với họ một cách xảo trá như sau:

– Các con tuy cùng chung cha mẹ, nhưng tính cách lại hoàn toàn khác nhau: anh cả của các con thậm chí không xứng đáng được gọi là anh em của các con, vì anh ta cứng đầu, độc ác, vô liêm sỉ, hay nói nhiều và cãi vã, và trong sự điên rồ của mình, anh ta không chịu nhượng bộ, lôi kéo các con theo mình và không cho các con lựa chọn điều tốt nhất cho bản thân; còn các con, theo như ta thấy, là những người có tính cách hiền lành, nhu mì, không hay cãi vã và nói chung là khôn ngoan. Vậy thì, hãy nghe theo lời khuyên tốt lành của ta ngay bây giờ – hãy để anh trai các ngươi tự hủy hoại bản thân trong sự lầm lạc hão huyền và sự chống đối điên rồ của hắn – hãy dâng lễ vật lên các vị thần của chúng ta, và khi đó các ngươi sẽ nhận được – từ các vị thần ấy lòng nhân từ vĩ đại, còn từ chúng ta – những món quà phong phú và vinh dự.

Còn các thánh nhân, không thèm nghe những lời nịnh hót đó, đã lớn tiếng vạch trần mưu mô của Julian và lên án sự điên rồ của hắn.

Lúc đó, Julian, lại bùng lên cơn giận dữ, ra lệnh đưa họ đến nơi tra tấn và dùng những ngọn nến đang cháy rực để thiêu đốt xương sườn họ. Các vị tử đạo, dũng cảm chịu đựng những cực hình này, suốt thời gian đó vẫn ca ngợi Chúa và lên án kẻ tra tấn. Sau đó, Julian lại ra lệnh dẫn Manuil đến và – lúc thì dùng lời ngọt ngào, lúc thì dùng lời đe dọa – lại tiếp tục ép buộc anh ta phải thờ lạy các thần tượng. Cuối cùng, khi thấy anh ta vững vàng như tảng đá trong việc tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, hắn bắt đầu tra tấn anh ta giống như các anh em của anh: ông ra lệnh đóng một chiếc đinh sắt vào đầu mỗi vị tử đạo, và cắm những cây cọc nhọn vào móng tay và móng chân họ, rồi ra lệnh chém đầu những người đã bị hành hạ tàn bạo như vậy bằng gươm, và thiêu xác họ.

Và thế là các thánh tử đạo được dẫn đến nơi hành hình – nơi được gọi là Konstantinovo, nơi trước khi đổ máu, họ đã dâng lên Chúa lời cầu nguyện cuối cùng như sau:

– Lạy Thiên Chúa công chính, Đấng vô thủy vô chung, Đấng đã đưa muôn loài từ hư vô đến hiện hữu, Đấng đã tự hạ mình vì sự cứu rỗi chúng con vào những ngày cuối cùng của thời đại này, Đấng đã ở cùng loài người dưới hình dạng một tôi tớ và chịu khổ hình thập giá để giải thoát chúng con khỏi xiềng xích tội lỗi và làm cho chúng con trở thành những người thừa kế Nước Trời của Ngài, – xin hãy đón nhận các tôi tớ của Ngài trong bình an và xếp chúng con vào hàng ngũ những ai từ thuở đời đời đã làm đẹp lòng Ngài, vì vì danh thánh của Ngài, chúng con tự nguyện chấp nhận những nhát gươm này và sự ra đi khỏi cuộc đời hiện tại, – và xin hãy hướng về Ngài, lạy Chúa đầy lòng thương xót, dân tộc đang bị ma quỷ nô lệ này, những người đang vây quanh chúng con đông đảo như vậy, và xin ban cho họ sự khai sáng tâm trí và lý trí để nhận biết lẽ thật, để khi nhận biết Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất và Thật, họ sẽ chỉ thờ phượng một mình Ngài và nhận được sự cứu rỗi vĩnh cửu từ Ngài.

Trong khi các thánh tử đạo đang cầu nguyện như vậy, – từ trên cao vang lên một tiếng nói:

– Hãy đến để nhận vương miện vinh quang, vì các ngươi đã anh dũng hoàn thành công trạng của mình.

Các thánh tử đạo đã bị chém đầu vào ngày 17 tháng Sáu.

Nhưng khi những tôi tớ gian ác định thi hành mệnh lệnh khác của vị vua bất chính – thiêu hủy thi thể các vị tử đạo của Chúa Kitô – thì ngay lập tức, theo lệnh của Thiên Chúa, đất rung chuyển, và nơi các thánh nằm xuống đã lõm sâu xuống, và vực thẳm hình thành từ đó đã nuốt chửng thi thể các vị tử đạo và che giấu họ, để những bàn tay ô uế của những kẻ hành hạ không còn chạm vào họ nữa và sức mạnh của ngọn lửa không biến họ thành tro bụi; – còn tất cả các đầy tớ thì vì sợ hãi mà bỏ chạy.

Lúc bấy giờ, nhiều người trong đám đông đang đứng đó, khi chứng kiến phép lạ ấy, đã tin vào Đức Kitô và, từ bỏ sự lầm lạc của người Hy Lạp, gia nhập cộng đồng Kitô hữu.

Hai ngày trôi qua, trong suốt thời gian đó các Kitô hữu không ngừng ngày đêm dâng lời cầu nguyện lên Chúa tại nơi này, mặt đất lại nứt ra và đưa thi hài các thánh lên trên, và kìa, – một hương thơm không thể tả được lan tỏa khắp nơi.

Lúc bấy giờ, các tín hữu, tràn ngập niềm vui lớn lao, đã ân cần rước thi hài các thánh và an táng họ một cách trang trọng tại nơi kỳ diệu này; từ đó, từ quan tài của các thánh tử đạo, những phép lạ chữa lành đã tuôn trào dồi dào cho tất cả những người đau ốm.

Còn Julian, kẻ vô đạo và bội đạo, không lâu sau đó đã chết một cái chết đầy ý nghĩa và kinh hoàng.

Sau khi giết các sứ giả Ba Tư, tức các thánh tử đạo Manuil, Savel và Ismael, hắn đã dẫn toàn bộ quân đội của mình tiến quân sang Ba Tư[4468] . Lúc đó, các quỷ dữ đã dụ dỗ hắn qua các pháp sư – những kẻ tự xưng là tiên tri giả – những kẻ đã tiên đoán cho hắn chiến thắng và chinh phục người Ba Tư. Còn vua Ba Tư, khi nghe tin các sứ giả của mình bị hành quyết, đã tràn ngập nỗi buồn sâu sắc và cơn thịnh nộ lớn lao: khi biết rằng Julian, kẻ phạm pháp, đang tiến quân về phía mình, ông cũng tập hợp toàn bộ quân đội và, đứng tại biên giới vương quốc của mình, đã chuẩn bị đối đầu với kẻ thù kiêu ngạo của mình. Và khi hai đạo quân gặp nhau, một trận chiến vĩ đại đã nổ ra. Nhưng người Ba Tư nhanh chóng chiếm ưu thế và đánh bại quân đội La Mã, qua đó đập tan toàn bộ sức mạnh của Julian.

Chính trong trận chiến đó, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã giáng xuống Julian, kẻ bội đạo: vị hoàng đế vô đạo đã bị một bàn tay vô hình đánh trúng và chết trong những cơn đau đớn tột cùng, cuối cùng trở thành trò cười cho tất cả người Ba Tư, những người mà ông đã kiêu ngạo đối đầu với niềm hy vọng hão huyền của mình – để làm vui lòng những con quỷ mà ông tin tưởng và đặt hết niềm tin vào chúng.

Còn các Kitô hữu, sau khi được giải thoát khỏi sự bắt bớ và đau khổ tàn bạo như vậy, đã tôn vinh Đấng Cứu Chuộc của mình, là Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng mà chúng ta cũng xin dâng lên vinh quang và tôn kính, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ, muôn đời và đến muôn đời. Amen[4469] .

[4468] Như đã biết, Julian đã khởi hành cuộc chinh phạt chống lại người Ba Tư vào ngày 5 tháng 3 năm 363.

[4469] Lễ kỷ niệm long trọng để tưởng nhớ các thánh này có từ rất lâu đời; 30 năm sau khi họ qua đời, Theodosius Đại đế vào năm 395 đã xây dựng một nhà thờ tại Constantinople để vinh danh họ, còn tu sĩ Germanus, sau này trở thành tổng giám mục (qua đời năm 740), đã soạn một bài thánh ca để tưởng nhớ họ.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Những vị thánh hạnh phúc đã chịu thương tích vì đức tin nơi Đấng Kitô, và sau khi uống cạn chén đức tin này, các ngài đã đánh đổ sự phục vụ và sự ngạo mạn của người Ba Tư xuống đất, những vị ngang hàng với Ba Ngôi, đang cầu nguyện cho tất cả chúng ta.

Tháng Bảy

1 tháng 7

18 tháng 6 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Leontius, Hypatius và Theodulus

Ngày tưởng niệm 18 tháng 6

Vào thời trị vì của Vespasian[4470] , tại Rome có một thượng nghị sĩ tên là Adrian – một người tàn nhẫn, vô nhân đạo và luôn nghĩ ra đủ mọi điều ác. Ông nghe nói về những người Kitô hữu rằng họ, vì khinh bỉ các lễ tế thần tượng, nên đã phỉ báng các vị thần được người La Mã và Hy Lạp tôn kính, bởi vì họ chỉ công nhận một Thiên Chúa chân thật duy nhất – là Đức Kitô, và họ đã dẫn dắt nhiều người đến với đức tin nơi Ngài; tràn đầy lòng ghen tị đối với các vị thần hư ảo của mình, Adrian đã đến gặp hoàng đế và xin ngài trao cho ông quyền ép buộc các Kitô hữu phải thờ lạy thần tượng, kèm theo quyền tra tấn và giết hại những ai không chịu thờ lạy các vị thần đó. Vua đã bổ nhiệm Adrian làm tổng trấn[4471] tại xứ Phê-ni-xi với quyền hạn truy quét tất cả những người tin vào Đấng Christ. Khi Adrian rời Rome và đang tiến gần đến Phoenicia, ông được biết rằng tại thành phố Tripoli[4472] có một vị tướng quân tên là Leontius, người đang phá hoại các luật lệ của tổ tiên; cụ thể là: bằng cách chỉ trích các vị thần cổ xưa, ông ta dạy mọi người không được thờ phụng và không dâng lễ vật cho các vị thần đó, khiến nhiều người nghe theo ông ta từ bỏ việc tôn kính các thần tượng. Hadrian lập tức cử quan tribune[4473] Hypatia đến Tripoli cùng với một đội quân[4474] , giao nhiệm vụ bắt giữ Leontius và giam giữ hắn cho đến khi ông đến nơi.

Là tôi tớ của Chúa Kitô, Leontius gốc Hy Lạp; cao lớn, mạnh mẽ và dũng cảm, ông nổi bật bởi sự dũng cảm trong các trận chiến, nơi ông đã giành được nhiều chiến thắng; vì vậy, trong hàng ngũ binh lính, Leontius được biết đến và kính trọng. Hơn nữa, được trời phú cho trí tuệ, sở hữu kinh nghiệm sống phong phú và kiến thức sách vở, Leontius là người có tài tư vấn và lãnh đạo. Biết rằng chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật duy nhất, là Chúa Giê-su Christ, Leontius đã dâng trọn cuộc đời mình để phụng sự Ngài, không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động. Ông nhân từ với người nghèo, cho người đói ăn, cho người trần truồng mặc, cho người lạ chỗ trú ngụ; nói tóm lại, ông đã làm rạng danh bản thân bằng mọi việc thiện, và nhờ đó, ông đã được Chúa ban tặng vương miện chiến thắng.

Khi đoàn quân tiến gần đến Tripoli, quan tribune Ipatius bỗng dưng mắc bệnh sốt cao; ông giải thích nguyên nhân cho các binh sĩ của mình như sau:

– Ta biết lý do tại sao căn bệnh này lại ập đến với ta: các vị thần đã phẫn nộ với ta vì khi lên đường, ta đã không dâng lên các ngài một lễ vật xứng đáng; chính vì thế, các ngài đang trừng phạt ta bằng căn bệnh này.

Thấy vị quan thực sự mắc phải căn bệnh nặng, các chiến binh đã chia buồn cùng ông, cùng chia sẻ nỗi buồn của ông; ba ngày trôi qua, người bệnh vẫn không ăn gì, vì căn bệnh ngày càng trầm trọng hơn theo từng giờ, đe dọa

---

[4470] Trị vì từ năm 70 đến năm 79.
[4471] Igemon – quan tổng trấn.
[4472] Tripoli – một thành phố ven biển của người Phoenicia có cảng; nằm ở chân đỉnh núi cao nhất của Lebanon.
[4473] Tribune – chỉ huy một đơn vị quân đội gồm 1.000 người.
[4474] Spira – một trung đội (Công vụ 10:1) hoặc một trung đoàn (Công vụ 21:31).

đến tính mạng. Vào đêm từ ngày thứ ba sang ngày thứ tư, Thiên thần của Chúa đã hiện ra trong giấc mơ của vị quan và nói:

– Nếu ngươi muốn được khỏe mạnh, hãy cùng các chiến binh của ngươi kêu lên ba lần hướng về trời: "Lạy Chúa Leontius, xin giúp con!" Nếu ngươi làm điều đó, ngươi sẽ được chữa lành ngay lập tức.

Anh ta vội vàng ngồi dậy và mở mắt ra, trong cơn sốt cao, vị quan tribune nhìn thấy vị Thiên thần thánh thiện đang đứng trước mặt mình dưới hình dáng một chàng trai trẻ đẹp đẽ, mặc bộ áo trắng tinh.

– Tôi – ông nói với Thiên thần – được cử đến cùng các chiến binh để bắt Leontius và giam giữ ông ta cho đến khi thống đốc Adrian đến, vậy mà ngài lại ra lệnh cho tôi cầu xin Thượng Đế Leontius giúp đỡ.

Trong lúc nói những lời đó, vị quan tribune đang ốm bỗng thấy Thiên thần biến mất khỏi tầm mắt; hoảng sợ, ông đánh thức những người bạn đang ngủ bên cạnh và nói với họ:

– Hãy nghe điều tôi vừa thấy: ngay khi tôi vừa chìm vào giấc ngủ đầu tiên, một chàng trai trẻ rạng rỡ đã hiện ra trước mặt tôi và khuyên tôi cùng với tất cả các bạn hãy cầu xin Thần Leontius, hứa hẹn rằng nhờ đó tôi sẽ được khỏi bệnh. Khi tỉnh dậy, tôi đã nhìn thấy chàng trai đó bằng chính đôi mắt mình, sau đó anh ta nhanh chóng biến mất.

– Chuyện này chẳng có gì khó cả, – các bạn nói; – chúng ta sẽ làm theo lời ấy, miễn là anh khỏe lại.

Một trong những người bạn của quan tribune, tên là Theodulus, đặc biệt ngạc nhiên trước giấc mơ ấy và hỏi người bệnh rất chi tiết về dáng vẻ cụ thể của chàng trai trẻ đã hiện ra; quan tribune sẵn lòng đáp ứng sự tò mò của anh ta. Và trái tim Theodulus bừng cháy tình yêu dành cho Đức Chúa Trời Leontius, Đấng mà anh chưa từng biết đến. Khi các chiến binh tỉnh giấc, tụ tập quanh vị quan quân đang ốm và nghe anh kể về giấc mơ vừa qua, tất cả, không trừ ai, đều đứng dậy, ngước nhìn lên trời và cùng với người đang đau khổ kêu lên:

– Lạy Đức Chúa Leontius, xin hãy giúp đỡ!

Ngay lập tức, vị quan trưởng đứng dậy khỏe mạnh, như thể chưa từng ốm; đến giờ ăn trưa, vị quan trưởng bắt đầu cùng bạn bè ăn uống và vui vẻ. Còn phép lạ xảy ra với vị quan trưởng lại khiến Feodul ngạc nhiên hơn nữa – anh ngồi riêng một mình, trầm ngâm suy nghĩ trong im lặng:

– Leontius là ai, và Chúa Leontius là ai?

Trong khi đó, những người bạn mời Feodul tham gia bữa tiệc thịnh soạn, nhưng anh ta, thà chịu đói còn hơn, nên không muốn nếm thử món nào cả. Thấy các chiến binh dưới ảnh hưởng của rượu đã quên mất mệnh lệnh của vị chỉ huy, Feodul nói với họ:

– Ngày mai hoặc ngày mốt, Adrian sẽ đuổi kịp chúng ta, vậy mà chúng ta lại chẳng có ý định đi tìm người đàn ông mà chúng ta được lệnh phải bắt; nếu các anh muốn, tôi và vị tribune sẽ đi trước các anh đến thành phố và tìm người mà chúng ta được cử đi bắt.

Sau khi thuyết phục được vị tribune đi cùng mình, Theodulus và Hypatius cùng nhau lên đường về phía thành phố.

Vừa khi họ leo lên đỉnh núi, nơi có thành Tripoli, thì Leontius đã ra đón họ và chào mừng bằng những lời sau:

– Hãy vui mừng trong Chúa, hỡi các anh em!

– Anh cũng hãy vui mừng đi, anh em! – quan tribune và Feodul đáp lại.

– Các anh đến đây để tìm ai? – Leontius hỏi.

– Hoàng đế Vespasian – họ nói – đã được biết rằng trong thành phố này có một người đàn ông tên là Leontius, một người cao quý, thông minh, đức hạnh và là một chiến binh dũng cảm; chúng tôi được cử đến để tìm hiểu nơi cư ngụ của ông ấy; đi theo sau chúng tôi là Igemon Adrian, người mà hoàng đế đã giao phó việc quản lý toàn bộ vùng đất Phoenicia này; chính vị thống đốc cũng mong được gặp Leontius như một người được các vị thần yêu mến, để sau đó có thể cử ông đến gặp hoàng đế với vinh dự lớn lao, và toàn thể Thượng viện La Mã cũng muốn gặp Leontius, vì ai cũng biết về lòng dũng cảm của ông trong chiến trận, tài năng cai trị, lòng đạo đức và nhiều việc làm vinh quang khác của ông.

Nghe vậy, thánh Leontius nói:

– Tôi thấy các vị là những người mới đến, và không biết những gì đang diễn ra trong thành phố này. Hãy đến nhà tôi; nghỉ ngơi sau chuyến đi, và tôi sẽ chỉ cho các vị thấy Leontius, người mà các vị gọi là bạn của các vị thần; nhưng thực ra, ông ta hoàn toàn không phải là bạn của các vị thần mà các vị tôn kính, mà hãy biết rằng ông ta là một Kitô hữu, người tin vào Chúa Giêsu!" Hypatius và Theodulus thì thầm với nhau:

– Người này là ai mà gọi Leontius là người Kitô hữu? Có phải là người thân của ông ta không?

Sau đó, họ hỏi người đàn ông lạ mặt ấy:

– Tên ngươi là gì?

– Về tên của tôi, – người ấy đáp, – thì trong Kinh Thánh có chép: *"Ngươi sẽ giẫm lên rắn độc và rồng; ngươi sẽ chà đạp sư tử và rồng"* (Thi Thiên 90:13), vì tôi phải chà đạp sư tử – ma quỷ, kẻ thù vô hình, và con rắn – chúa tể, kẻ thù hữu hình; tôi phải chiến thắng, như đã chiến thắng rắn độc và rồng, cùng những kẻ cố vấn của nó, những đầy tớ nhiệt thành của ma quỷ. Và khi tôi chiến thắng toàn bộ đạo quân của con sư tử, thì chính sự việc đó sẽ tiết lộ tên của tôi.

Những lời này nghe có vẻ bí ẩn đối với quan tòa và Theodulus; trong khi cố gắng tự giải thích chúng, họ bối rối đi theo người đàn ông kỳ lạ này về nhà ông. Thánh Leontius đã chiêu đãi họ bằng một bữa tiệc. Sau khi nếm thử, họ nói với chủ nhà:

– Chúng tôi rất hài lòng với bữa tiệc của ngài, người tốt bụng ơi! Xin hãy thể hiện ân huệ của ngài đối với chúng tôi đến cùng – hãy chỉ cho chúng tôi gặp Leontius, người mà chúng tôi đang tìm kiếm. Khi Adrian đến, chúng tôi sẽ kể cho ông ấy nghe ngài đã làm được bao nhiêu điều cho chúng tôi, và vì điều đó, ông ấy sẽ ban cho ngài một vinh dự lớn lao, đến nỗi ngài sẽ được giao du với những người bạn của nhà vua.

– Chính tôi là Leontius mà các ngài đang tìm kiếm, – vị thánh đáp lại, – tôi chính là chiến binh của Chúa Giêsu Kitô mà Adrian đã sai các ngài đến bắt.

Lúc đó, viên quan và Theodulus quỳ xuống dưới chân Leontius, nói:

– Hỡi tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao! Xin tha thứ tội lỗi cho chúng tôi và hãy mau cầu xin Đức Chúa Trời của ngài vì chúng tôi, để Ngài cũng giải thoát chúng tôi khỏi sự tà ác của thần tượng và con thú hung ác là Adrian, vì chúng tôi muốn trở thành Kitô hữu.

Sau đó, họ kể lại cho ngài nghe về việc Thiên Thần đã hiện ra với người bệnh và căn bệnh đã rời khỏi vị quan tribune ngay sau khi thánh Leontius cầu khẩn Đức Chúa Trời.

Thấy sự biểu lộ quyền năng của Đấng Kitô, Thánh Lê-ôn-ti-ô tràn ngập niềm vui; ngài quỳ xuống đất theo hình thánh giá, rồi bắt đầu cầu nguyện với Thiên Chúa trong nước mắt như sau:

– Lạy Chúa, *"Đấng muốn cho mọi người được cứu rỗi và đạt đến sự hiểu biết chân lý"* (1 Tm 2:4), xin hãy nhìn xuống chúng con trong giờ phút này: Ngài đã khiến những người mà lẽ ra con phải theo lại đi theo con; xin hãy bảo vệ con, con chiên của Ngài, và cùng với con, xin hãy soi sáng họ bằng ánh sáng lòng thương xót của Ngài. Xin hãy tuôn đổ ân sủng của Thánh Thần Ngài xuống trên họ, hãy tạo nên trong lòng họ một trái tim trong sạch, và bằng cách che chở họ bằng Dấu Thánh của Ngài, xin hãy biến họ thành những chiến binh bất khả chiến bại của Ngài – xin hãy trang bị và củng cố họ để chống lại kẻ thù – ma quỷ và các tôi tớ của nó. Xin cho những tôi tớ của Ngài này đạp nát đầu con rắn vô hình và con thú độc ác có hình hài là Hadrian.

Sau lời cầu nguyện nồng nhiệt của Thánh Lê-ôn-ti-ô, một đám mây sáng đã bao phủ bục diễn thuyết của I-pa-ti-ô và người bạn của ông là Thê-ô-đul, rồi rửa tội cho họ bằng cơn mưa, trong khi Thánh Lê-ôn-ti-ô lúc đó đang cầu khẩn danh Thánh Ba Ngôi, Cha, Con và Thánh Thần, trên những người đang được rửa tội.

Sau lễ rửa tội kỳ diệu, ngài ngợi khen Thiên Chúa, nói rằng:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Thiên Chúa của con! Đấng lắng nghe lời cầu nguyện của những ai yêu mến Ngài và thực hiện ước nguyện của những ai kính sợ Ngài!

Sau khi mặc cho những người mới được rửa tội những bộ áo trắng, Thánh Lê-ôn-ti-ô ra lệnh cho người ta cầm những ngọn nến đang cháy đi trước mặt họ. Lúc đó, những người lính còn lại, những người đã bị tụt lại phía sau trên đường đi, cũng đã đến thành phố; họ hỏi han về Lê-ôn-ti-ô, cũng như về vị tribune của họ và Thê-ô-đu-lê. Khi các chiến binh tìm thấy họ, họ vô cùng ngạc nhiên và bối rối khi nhìn thấy những ngọn nến đang cháy và bộ áo trắng trên người Ipati và Feodul. Khi biết rằng hai người này đã cải đạo sang Kitô giáo và chịu phép rửa tội, các chiến binh ban đầu cảm thấy bối rối, sau đó bắt đầu phẫn nộ; cùng lúc đó, tin tức về việc Ipati và Theodulus chịu phép rửa tội cũng lan đến một số công dân trong thành phố; những người này đã nổi loạn với tiếng hô:

– Hãy thiêu sống những kẻ làm ô danh các vị thần của chúng ta!

Trong thành phố nảy sinh chia rẽ và hỗn loạn: một số người bảo vệ Leontius cùng các Kitô hữu khác, trong khi những người khác muốn giết họ, nhưng dù sao họ cũng chờ đợi sự xuất hiện của vị thống đốc, không dám tự ý gây hại cho các Kitô hữu.

Hai ngày sau, thống đốc Adrian tiến gần đến thành phố; những công dân ra đón đã báo cáo với ông mọi chuyện về Leontius và những tín đồ Kitô giáo khác do ông ta lãnh đạo.

– Có một người đàn ông, – họ kể, – tên là Leontius và theo đạo Kitô, đang khiến mọi người xa lánh các vị thần của chúng ta bằng những mưu mẹo phù thủy mà chỉ mình ông ta biết. Đồng thời, ông ta ca ngợi một người nào đó, người mà người Do Thái, sau khi bị vu khống, đã xử tử, còn Pilate, sau khi đánh đập, đã đóng đinh lên thập tự giá. Cuối cùng, chính Leontius này còn dùng phép thuật để mê hoặc cả binh lính hoàng gia, thuyết phục họ theo đạo Galilê; và đã ba ngày nay, hắn giam giữ họ – sau khi bắt họ mặc áo trắng – trong nhà mình không lối thoát, và cùng với họ ca ngợi Đấng Christ của hắn, người từng bị đóng đinh, đồng thời xúc phạm các vị thần của chúng ta bằng vô số lời lăng mạ.

Hadrian lập tức sai binh lính bắt Leontius, quan tribune Hypatius và Theodulus, ra lệnh giam họ vào ngục tối và canh giữ cho đến khi xét xử. Sau đó, khi vào thành, vị thống đốc dành ngày hôm đó để nghỉ ngơi. Trong ngục tối, thánh Leontius không ngừng giảng dạy các đồng đạo của mình về đức tin nơi Chúa Kitô và củng cố tinh thần họ cho cuộc tử đạo sắp tới, đồng thời chỉ ra phần thưởng trong tương lai; cả đêm hôm đó, họ dành trọn thời gian để cầu nguyện và hát thánh vịnh, ngợi khen Thiên Chúa. Sáng hôm sau, quan tổng trấn ngồi trên ghế xét xử, khi các thánh tù nhân được dẫn ra từ ngục tối để thẩm vấn.

– Ngươi có phải là Leontius không? – quan tổng trấn hỏi thánh Leontius.

– Vâng, – vị thánh trả lời.

– Ngươi thuộc – quan tổng trấn tiếp tục thẩm vấn – chức vụ nào, và bằng phép thuật huyền bí của ngươi đã mê hoặc những chiến binh này, những người từng là tôi tớ trung thành của đức vua chúng ta, khiến họ giờ đây phải phụng sự Đức Chúa Trời của ngươi như thế nào?

– Tôi, – thánh Leontius giải thích, – là chiến binh của Đấng Kitô của tôi, tôi là con của Ánh Sáng chân thật *"Đấng soi sáng mọi người đến với thế gian"* (Ga 1,9), và ai đến với Ánh Sáng này sẽ không vấp ngã (Ga 11,9–10). Ipatius và Theodulus giờ đây đã biết rằng nguồn gốc, hoạt động và sự hiện thực hóa của Ánh Sáng mà tôi đã đề cập chính là chính Đức Kitô, Con Thiên Chúa và Thiên Chúa vô thủy, đồng bản thể với Chúa Cha, Ánh Sáng từ Ánh Sáng, Thiên Chúa từ Thiên Chúa; sau khi nhận biết Ngài, họ đã từ bỏ các vị thần của ngươi, những vị được tạc từ gỗ, đá hay xương của các loài thú vật câm lặng; những vị thần bất động và vô lực ấy dễ dàng bị hủy diệt.

Igemon, bực bội trước lời nói không sợ hãi của Thánh Leontius, đã ra lệnh cho các đầy tớ đánh ông. Còn ông, trong khi chịu đòn, đã ngước mắt lên trời, nơi ông trông đợi sự giúp đỡ, và nói với Igemon rằng:

– Kẻ tra tấn điên rồ! Ngươi tưởng rằng đang gây đau khổ cho ta, nhưng chính ngươi lại tự hành hạ bản thân mình nhiều hơn, khi lòng ngươi đang bị dằn vặt.

Sau một hồi đánh đập kéo dài, viên quan chỉ huy ra lệnh đưa Thánh Leontius trở lại ngục tối; sau đó, ông quay sang Ipatius và Theodulus:

– Vì lý do gì mà các ngươi từ khi còn nhỏ đã từ chối những tập tục của cha ông được truyền lại và từ bỏ phần thưởng quân sự, khiến nhà vua phải buồn lòng?

– Chúng con đã nhận được, – các thánh đáp, – phần thưởng cao quý nhất từ Đức Vua trên trời: Ngài đã ban cho chúng con *"bánh của Đức Chúa Trời, từ trời xuống"* (Giăng 6:33), và chén rượu chảy ra từ sườn Đức Kitô.

– Những lời lẽ vô lễ và vô nghĩa như thế này, – Adrian nói, – là do tên vô đạo Leontius đã dạy các ngươi, còn ta bảo các ngươi: hãy tuân theo ý muốn của nhà vua. Chẳng lẽ các ngươi không biết mệnh lệnh của ngài – đó là ban tặng vinh dự và phần thưởng lớn lao cho những chiến binh tôn kính các vị thần, còn những kẻ quay lưng lại với các vị thần thì phải bị giết chết, phải chịu những cực hình tàn khốc sao?

– Danh dự quân sự của chúng tôi nằm ở trên trời, – các thánh Ipaty và Feodul phản bác, – vì vậy hãy làm với chúng tôi bất cứ điều gì ngài muốn; với tư cách là kẻ bảo vệ những vị thần xấu xa, ngài đang chống lại chúng tôi, những người vô tội; nhưng chẳng bao lâu nữa, mạng sống của ngài cũng sẽ chấm dứt – thời gian còn lại của ngài đã được định sẵn.

Trong cơn thịnh nộ, Adrian ra lệnh lột trần vị quan tòa, treo ông lên cây tra tấn và dùng móng sắt cạo da thịt ông. Còn Theodula, ông ra lệnh quăng xuống đất và đánh đập không thương xót. Các thánh nhân đã dũng cảm chịu đựng mọi cực hình này; nhớ theo lời dạy của Thánh Lê-ôn-ti-ô, họ không nói gì ngoài lời cầu nguyện sau đây: *"Xin cứu [con], lạy Chúa, vì không còn người công chính nào nữa"* (Thi thiên 11:1).

Thấy các thánh vẫn kiên định và bất khuất trong đức tin nơi Đấng Kitô, kẻ tra tấn đã kết án họ tử hình bằng cách chém đầu bằng gươm. Khi bị dẫn đi chịu chết, các thánh Ipaty và Theodulus đã hát lên:

– Ngài là nơi nương tựa của chúng con, lạy Chúa! Chúng con phó thác linh hồn mình vào tay Ngài.

Với niềm vui, họ đã giơ cổ ra dưới lưỡi gươm vì Chúa Kitô, và sau khi bị chém, họ đã về với Chúa để nhận lấy vương miện mà Ngài đã chuẩn bị sẵn cho họ từ tay phải của Ngài.

Sau đó, Thánh Leontius lại bị đưa ra trước tòa án của quan tổng trấn.

– Hãy tha cho mạng sống của ngươi đi, Leontius, – viên quan tổng trấn nói với ngài, – để ngươi khỏi phải chịu những cực hình khủng khiếp mà vị quan tòa và Theodulus, những người đã bị ngươi lừa dối, đã phải gánh chịu. Hãy nghe lời ta, dâng lễ vật cho các vị thần, và khi đó ngươi sẽ được ban tặng vinh dự lớn lao không chỉ từ ta, mà còn từ chính nhà vua và Thượng viện La Mã, vì nhà vua và các quan đại thần rất mong muốn được gặp ngươi.

– Ta không muốn – Thánh Leontius đáp – được nhìn thấy khuôn mặt của vị vua ngươi, kẻ thù địch và đáng ghê tởm đối với Thiên Chúa của ta. Thà rằng, nếu ngươi muốn, hãy trở thành bạn của Đấng Kitô của ta, hỡi Adrian; và nếu ngươi trở thành bạn của Ngài, thì ta sẽ chỉ cho ngươi thấy ngươi sẽ nhận được vinh dự, sự giàu có và sự cứu rỗi nào trong cuộc sống vĩnh cửu.

Với tiếng cười độc ác, Adrian hỏi:

– Rõ ràng là ngươi muốn ta nhận được sự cứu rỗi giống như số phận của vị quan tribune và Theodulus sao? Đầu óc ngu ngốc! Hay là ngươi không biết họ đã chết vì hình phạt nào?

– Hình phạt đó – vị thánh phản bác – không phải là hình phạt, mà là cuộc sống tốt đẹp nhất, bình an và niềm vui: giờ đây họ đang hân hoan, được an vị giữa các hàng ngũ Thiên thần.

– Hãy lắng nghe kỹ những gì tôi sắp nói, – vị thống đốc đề nghị với thánh Leontius: "Ai trong số những người còn tỉnh táo lại khinh thường ánh sáng rực rỡ của mặt trời và các vị thần vĩ đại như Dia, Apollon, Neptune, Venus cùng những vị khác, chỉ để kết thúc cuộc đời mình bằng một cái chết nhục nhã và đau đớn?" Thật sự không ai cả, ngoại trừ những người bị ngươi mê hoặc!

– Ngài có nghe thấy không – Thánh Lê-ôn-ti hỏi vị thống đốc – những lời trong Kinh Thánh: *"Vì tất cả các vị thần của các dân tộc đều là thần tượng"* (Thánh Vịnh 95:5), *"Những ai làm ra chúng và bất cứ ai đặt niềm tin vào chúng sẽ giống như chúng"* (Thánh Vịnh 134:18); thì ai trong số những người có lý trí lại muốn trở nên giống như hòn đá câm lặng hay vật chất vô hồn – vốn là bản chất thực sự của các vị thần của các ngươi – để rồi, khi dâng lễ vật cho chúng, phải chịu cái chết vĩnh viễn?

Trong cơn thịnh nộ dữ dội, kẻ hành hình ra lệnh cho bốn tên đầy tớ lực lưỡng đánh đập không thương tiếc vị tử đạo đang nằm sấp trên mặt đất, đồng thời ra lệnh cho một người tuyên bố đặc biệt phải hô to:

– Những ai sỉ nhục các vị thần của chúng ta và không tuân theo mệnh lệnh của các vị vua sẽ phải chịu cái chết tương tự.

Họ đánh vị thánh tử đạo cho đến khi những kẻ đánh kiệt sức. Còn Thánh Leontius thì nói với kẻ tra tấn:

– Dù ngươi có biến toàn thân ta thành một vết thương duy nhất, ngươi vẫn không thể khuất phục được trí tuệ của ta, cũng không thể làm chủ linh hồn ta.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh treo vị thánh lên cây tra tấn và dùng những dụng cụ sắt sắc nhọn để cạo khắp thân thể, xương sườn và cẳng chân của ngài. Họ cạo vị thánh tử đạo trong một thời gian dài; trong những đau đớn tột cùng, ngài ngước mắt lên trời và dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa của con, Ngài là niềm hy vọng của con, xin cứu con!

Lúc đó, kẻ tra tấn nói với những kẻ hành hình:

– Hãy tháo ngài xuống khỏi cây; ta biết rằng sau đó ngài sẽ ngước mắt lên trời để cầu xin các vị thần của chúng ta ban cho ngài sự nhẹ nhõm.

Nghe vậy, thánh Leontius đã lớn tiếng và giận dữ thốt lên với tên thống đốc:

– Ngươi hãy cùng các vị thần của ngươi mà diệt vong đi, tên kẻ tra tấn nguy hiểm và đê tiện kia! Ta cầu nguyện với Thiên Chúa của ta, xin Ngài ban cho ta lòng can đảm và sức mạnh để chịu đựng những cực hình nặng nề mà ngươi đang áp đặt lên ta.

Kẻ tra tấn ra lệnh treo cổ ngài lần nữa, nhưng lần này là đầu hướng xuống dưới, sau khi buộc một hòn đá nặng vào cổ ngài. Thánh Leontius ở trong tư thế đó rất lâu, và ngài đã cầu nguyện thành tiếng như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã củng cố các tôi tớ của Ngài là Ipatia và Theodulus khi họ tuyên xưng danh thánh của Ngài, xin hãy củng cố cả con, tôi tớ khiêm nhường và tội lỗi của Ngài, để con có thể chịu đựng những cực hình này. Xin đừng bỏ rơi con, Niềm Hy Vọng của con!

– Ta biết, Leontius, rằng ngươi sẽ trở thành bạn của các vị thần của chúng ta, – vị thống đốc nói.

– Con là tôi tớ của Đức Chúa Trời trên cao, – vị tử đạo phản bác, – còn ngài là tôi tớ của các vị thần của ngài, những vị thần mà ngài cùng các chiến binh của ngài sẽ cùng nhau diệt vong.

Suốt cả ngày, thánh Leontius phải chịu đựng những cực hình như vậy; khi chiều tối dần buông xuống và mặt trời đã bắt đầu nghiêng về phía tây, quan tổng trấn ra lệnh tháo thánh Leontius xuống khỏi cây tra tấn và ném ngài vào ngục tối cho đến sáng hôm sau. Suốt đêm, Thánh Leontius đã hát trong ngục: *"Chúa là ánh sáng và sự cứu rỗi của con: con còn sợ ai nữa?"* (Thánh vịnh 26:1).

Thiên thần của Chúa hiện ra với ngài và nói:

– Hãy vững lòng, Lê-ôn-ti-ô! Đức Chúa Trời, Đấng mà ngươi trung thành phụng sự, đã sai ta đến với ngươi để ta luôn ở bên cạnh ngươi.

Và vị thánh vui mừng và hân hoan vì Chúa, Thiên Chúa của ngài. Mặt trời mọc rực rỡ, và một lần nữa, Adrian, ngồi trên ghế xét xử, ra lệnh gọi Thánh Leontius đến trước mặt mình.

– Này, Leontius, ngươi đã quyết định thế nào rồi? – ông ta hỏi.

– Tôi đã đi đến – vị thánh đáp – một kết luận duy nhất: không để ý đến những lời nói suông của ngài; tôi đã nói nhiều lần trước đây và bây giờ lại lặp lại rằng tôi sẽ không bao giờ từ bỏ Đức Chúa Trời của tôi, Đấng Tạo Hóa của trời, đất, biển và mọi thứ trong đó, Chúa Giê-su Ki-tô, Con Đức Chúa Trời, Đấng đã chịu khổ hình thập tự giá vì sự cứu rỗi của chúng ta; chỉ trong Ngài mà thôi, tôi đặt niềm hy vọng của mình.

– Hãy nghe ta, Leontius! – vị thống đốc khuyên nhủ, – hãy dâng lễ vật cho các vị thần; ta thề với ngươi bằng các vị thần của ta rằng, nếu làm vậy, ngươi sẽ nhận được từ nhà vua cả vinh dự to lớn lẫn vô vàn của cải.

– Danh dự và của cải nào dưới trời này có thể khiến tôi – thánh Leontius hỏi – nghe theo ngươi và từ bỏ Đức Chúa Trời của tôi? Cả thế gian này không xứng đáng với Đức Kitô, Đấng Chủ Tể, Đấng mà tôi yêu mến bằng cả trái tim, vì tình yêu dành cho Ngài mà tôi chịu đau khổ và sẵn sàng chịu đựng mọi sự; còn các vị thần của ngươi, tôi sẽ không dâng lễ vật cho họ.

Sau khi hoàn toàn nhận ra rằng không thể đánh bại vị chiến binh bất khả chiến bại của Đấng Kitô, tức là không thể lôi kéo ngài vào sự vô đạo ngoại giáo, vị thống đốc đã ban ra bản án tử hình sau đây đối với Thánh Lê-ôn-ti-ô:

– Leontius, không những không chịu tuân lệnh vua và dâng lễ vật cho các vị thần, mà còn phỉ báng các vị thần của tổ tiên, chúng ta ra lệnh phải trói ngài trên cây tra tấn, kéo căng ra bốn phía, rồi đánh đập cho đến khi linh hồn ngài lìa khỏi thân xác vì những cực hình.

Thánh Leontius bị trói chặt, buộc vào bốn cọc gỗ cắm sâu xuống đất, sau đó bốn chiến binh mạnh mẽ đã đánh đập ngài một cách tàn nhẫn và kéo dài, cho đến khi ngài, trong cơn đau đớn, trao linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa; còn thi thể ngài, bị vứt bỏ ngoài thành phố, đã được các tín hữu thu nhặt và an táng một cách trang trọng gần bến cảng Tripolskaya.

Cuộc khổ nạn của Thánh Tử đạo Leontius đã được "Kyr Notary", một tôi tớ của Chúa Kitô, người đã tận mắt chứng kiến cuộc hành hình, mô tả lại; ông đã ghi chép tất cả trên những tấm bảng thiếc, rồi đặt chúng bên cạnh thi hài vị tử đạo trong quan tài của ngài dành cho các thế hệ Kitô hữu sau này, để bất cứ ai đọc hay nghe thấy đều giơ tay lên trời và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban sức mạnh cho tôi tớ của Ngài thực hiện kỳ công này. Thánh Leontius đã hoàn tất cuộc tử đạo của mình vào ngày 18 tháng 6, dưới triều đại của Vespasian tại Roma, và trong Giáo Hội – của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang được dâng lên cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen[4475] .

Kondak, giọng 3:

Ngài đã làm bẽ mặt những kẻ hành hình bằng mưu mô xảo trá, và vạch trần sự thờ phượng vô thần của dân Hy Lạp; Ngài đã tỏa sáng sự hiểu biết về Thiên Chúa cho toàn thể nhân loại, hỡi vị Tử đạo khôn ngoan của Thiên

[4475] Thánh Tử đạo Leontius được đề cập trong Công đồng Constantinopolis dưới thời Thượng phụ Mine (636–552); tại Tripoli thuộc Phoenicia, có một nhà thờ được dâng hiến cho ngài. Tại Constantinopolis, lễ kỷ niệm Thánh Leontius được tổ chức long trọng tại hai địa điểm – tại nhà thờ mang tên ngài và gần Kamaridia.

Chúa, người thầy của lòng đạo đức. Vì lý do đó, chúng con tôn kính kỷ niệm của Ngài với tình yêu thương, hỡi Thánh Leontius khôn ngoan.

Ngày 2 tháng 7

Ngày 19 tháng 6 (theo lịch cũ)

Lễ tưởng niệm Thánh Tông đồ Giu-đa, anh em ruột của Chúa

Ngày tưởng niệm 19 tháng 6

Thánh Tông đồ Giu-đa là một trong 12 môn đệ của Chúa. Ngài xuất thân từ dòng dõi của Đa-vít và Sa-lô-môn. Thánh Giu-đa sinh ra tại thành Na-za-rét thuộc xứ Ga-li-lê, là con của thánh Giuse, người sau này đã đính hôn với Đức Trinh Nữ Maria. Người ta không biết chính xác mẹ của Giu-đa là ai. Theo một số ý kiến, đó là Sa-lo-mi[4476] , – con gái của A-gê, con trai của Ba-ra-ki-in, anh trai của Thánh Xa-cha-ri, cha của Thánh Tiên tri và Tiền hô của Chúa Giăng. Giu-đa này là anh em của Thánh Tông đồ Gia-cô-bê Công Chính, người đứng đầu Giáo hội Giê-ru-sa-lem[4477] . Thánh Tông đồ Giu-đa thường được gọi là Giu-đa, con của Gia-cô-bê, tức là anh em của Thánh Tông đồ Gia-cô-bê[4478] . Ngài đã nhận danh xưng này vì lòng khiêm nhường, bởi ngài tự cho mình là không xứng đáng được gọi là anh em ruột của Chúa, nhất là khi ngài đã phạm tội trước mặt Chúa, thứ nhất là vì sự thiếu đức tin, và thứ hai là vì thiếu tình yêu thương anh em. Về việc Giu-đa đã phạm tội vì thiếu đức tin, Thánh Gioan Thần Học đã làm chứng như sau: *"Vì ngay cả anh em Ngài cũng không tin Ngài"* (Ga 7:5).

Khi giải thích đoạn Tin Mừng này, Thánh Theophylact[4479] hiểu rằng "anh em của Chúa" ở đây chính là các con của Giuse. Cụ thể, ngài nói:

– Ngài – tức là Đấng Kitô – còn bị chính các anh em, tức là các con của Giuse (trong đó có cả Giu-đa này), sỉ nhục; vậy thì tại sao họ lại thiếu lòng tin đối với Ngài đến thế? – Đó là do ý chí xấu xa và lòng ghen tị của chính họ, vì những người thân thường hay ghen tị với người nhà mình hơn là với người ngoài.

Vậy, từ đây rõ ràng rằng Giu-đa đã phạm tội trước mặt Chúa vì lòng thiếu đức tin.

Nhưng ngoài ra, Giu-đa còn tỏ ra thiếu tình anh em đối với Đấng Christ, như đã được ghi chép trong tiểu sử của Gia-cơ, anh em của Đức Chúa Trời. Khi Giuse, sau khi trở về từ Ai Cập, bắt đầu chia đất đai của mình cho các con trai – những người được sinh ra từ người vợ đầu tiên – thì ngài đã muốn dành một phần cho Chúa Giêsu, Đấng được sinh ra một cách siêu nhiên và bất tử từ Đức Trinh Nữ Maria, – lúc bấy giờ Ngài vẫn còn là một thiếu

---

[4476] Cần phân biệt Salome này với bà lão Salome – cư dân Bêlem (được gọi là bà ngoại của Chúa); bà Salome này là họ hàng của Đức Trinh Nữ Maria và Thánh Giuse; xem về bà trong truyền thuyết về Lễ Giáng Sinh – ngày 25 tháng 12

[4477] Thánh Tông đồ Giacôbê, anh em ruột của Chúa, theo truyền thuyết, đã đồng hành cùng cha mình là Giuse, Đức Trinh Nữ Maria và Hài Nhi Giêsu trong cuộc lánh nạn sang Ai Cập. Sau khi Chúa Cứu Thế lên trời, ngài được bổ nhiệm làm giám mục Giáo hội Giêrusalem; ngài là người đầu tiên soạn thảo Thánh lễ. Ngài qua đời sau khi bị người Do Thái lật đổ khỏi chức vụ trong Giáo hội, vào năm 61 hoặc 62 sau Công nguyên; ngài là tác giả của Thư Công đồng mang tên ngài. Ngày kỷ niệm Thánh Tông đồ này là ngày 23 tháng 10.

[4478] Tuy nhiên, một số người phân biệt Giu-đa, anh em của Chúa, với Giu-đa con của Gia-cô-bê (được nhắc đến trong Lu-ca 6:16 và Công vụ 1:13) và gán cho vị Tông đồ này sự kiện được ghi chép trong Phúc âm sau đây. Trong cuộc trò chuyện chia tay cuối cùng với các môn đệ, Chúa, sau khi báo cho họ biết về việc Ngài sẽ trở về với Đức Chúa Cha, đã an ủi họ rằng: *"Ta sẽ không bỏ các con mồ côi; Ta sẽ trở lại với các con. Chỉ còn một chút nữa thôi, thế gian sẽ không còn thấy Ta nữa; nhưng các con sẽ thấy Ta, vì Ta đang sống, và các con cũng sẽ sống. Vào ngày đó, các con sẽ biết rằng Ta ở trong Cha Ta, các con ở trong Ta, và Ta ở trong các con. Ai có các điều răn của Ta và tuân giữ chúng, thì người ấy yêu mến Ta; còn ai yêu mến Ta, thì sẽ được Cha Ta yêu mến; và Ta cũng sẽ yêu mến người ấy và chính Ta sẽ hiện ra với người ấy"* (Ga 14:18–21); lúc đó, Giu-đa đã thưa với Chúa rằng: *"Lạy Chúa! Sao lại thế này, rằng Ngài muốn hiện ra với chúng con mà không hiện ra với thế gian?"* (Giăng 14:22). Từ câu hỏi này có thể thấy rằng Sứ đồ Giu-đa vẫn chưa từ bỏ quan niệm yêu thích của người Do Thái về Đấng Mê-si-a như một vị vua trần gian, và ông hiểu lời hứa về sự hiện ra của Chúa theo nghĩa là một sự hiện ra hữu hình, cảm nhận được, trong vinh quang của một vị vua và người chinh phục trần gian. Bằng câu trả lời của Ngài, Chúa đã cho ông hiểu rằng Ngài không phải là vị vua trần gian, và sự hiện ra của Ngài trong Nước Ngài không phải là sự hiện ra hữu hình, bên ngoài, thuộc về thể xác, mà là sự hiện ra bên trong, thuộc linh – đó là sự hiệp thông huyền bí của Ngài với những người tin (Giăng 14:23).

[4479] Thánh Theophylact, Tổng Giám mục thành Ohrid ở Bulgaria, nổi tiếng với tác phẩm chú giải về Tứ Phúc Âm, trong đó ngài phần lớn theo gương Thánh Gioan Kim Khẩu. Ngài qua đời vào khoảng năm 1085.

nhi. Nhưng ba người con trai của Giuse không muốn nhận Chúa Kitô vào phần đất của mình, vì Ngài được sinh ra từ một người mẹ khác; chỉ có người con trai thứ tư – Thánh Giacôbê – mới chấp nhận Ngài cùng sở hữu phần đất của mình, và vì thế sau này được gọi là anh em của Thiên Chúa. Nhận thức được những tội lỗi trước đây của mình – thiếu đức tin và thiếu tình anh em – Giu-đa không dám tự xưng là anh em của Đức Chúa Trời, mà chỉ tự gọi mình là anh em của Gia-cơ, như ông đã viết trong thư của mình: *"Giu-đa, tôi tớ của Đức Giê-su Ki-tô, anh em của Gia-cô-bê"* (Giu-đa 1:1–25).

Ngoài danh xưng Giu-đa con của Gia-cơ, Sứ đồ Giu-đa còn có những danh xưng khác. Nhà truyền giáo Ma-thi-ơ gọi ông là Lê-vi và Pha-đê. Những danh xưng này được đặt cho Sứ đồ Giu-đa không phải là vô cớ, cụ thể là: từ "Lê-vi" có nghĩa là "tận tâm". Đối với Tông đồ Giu-đa, danh xưng này có nghĩa là: sau khi vô tình phạm những lỗi lầm chống lại Đức Kitô Thiên Chúa, khi ông đã tin chắc rằng Chúa Giê-su chính là Đấng Mê-si-a chân chính – Đức Kitô Thiên Chúa, thì ông đã kết hiệp với Ngài bằng cả trái tim mình.

Tông đồ Giu-đa còn được gọi là Pha-đê, có nghĩa là "người ca ngợi", vì ngài đã tôn vinh và tuyên xưng Đức Kitô là Thiên Chúa, đồng thời rao giảng Tin Mừng cho nhiều dân tộc.

Chúng ta biết rất ít về cuộc đời và hoạt động của Thánh Tông đồ Giu-đa. Chỉ biết rằng vào cuối triều đại của Hoàng đế Domitian[4480] , hai cháu trai của Giu-đa, những người tự tay canh tác đất đai, đã bị đưa đến trước mặt vị hoàng đế này theo lời vu khống của những kẻ dị giáo, với cáo buộc là hậu duệ của Đa-vít và họ hàng của Chúa; nhưng khi hoàng đế nhận thấy họ không gây ra bất kỳ mối đe dọa chính trị nào đối với mình, họ đã được trả tự do.

Tông đồ Giu-đa, giống như các "anh em của Chúa" khác theo huyết thống, đã gánh vác nhiều công việc rao giảng, truyền bá Tin Mừng của Đấng Christ. Ngay sau khi Chúa Giêsu Kitô thăng thiên, Thánh Tông đồ Giu-đa, cũng như tất cả các Tông đồ của Chúa Kitô, đã lên đường rao giảng Tin Mừng. Theo lời chứng của nhà sử học Giáo hội Nikiforos[4481] , "Thánh Giu-đa, không phải Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, mà là một người khác, người có hai tên là Pha-đê và Lê-vê, con trai của Giô-sép, anh em của Gia-cô-bê – người đã bị ném xuống từ mái đền thờ Giê-ru-sa-lem – đã rao giảng Tin Mừng và truyền bá Kitô giáo trước tiên tại Giu-đê, Ga-li-lê, Samaria, Idumea, sau đó là Ả Rập, Syria và Mesopotamia, cuối cùng, ông đã đến thành phố Edessa, thuộc về vua Abgar[4482] , nơi trước đó một Phaddeus khác, một trong bảy mươi Tông đồ, đã rao giảng Tin Mừng. Tại đây, Thánh Tông đồ Giu-đa đã hoàn tất và chỉnh sửa những gì mà vị Phaddeus kia chưa hoàn thành"[4483] .

Có tin cho biết rằng Thánh Tông đồ Giu-đa đã rao giảng Kitô giáo cả ở Ba Tư, và từ đó ngài đã viết Thư chung của mình bằng tiếng Hy Lạp. Động lực hoặc lý do để viết bức thư này là do có những kẻ vô đạo đã len lỏi vào cộng đồng các tín hữu, những kẻ này biến ân sủng của Thiên Chúa thành cơ hội để phạm tội và dưới danh nghĩa tự do Kitô giáo, họ tự cho phép mình làm mọi việc ghê tởm. Thư ngắn này chứa đựng nhiều suy tư sâu sắc và giáo huấn có giá trị rèn luyện đức tin. Trong đó bao gồm một phần giáo lý tín lý: về mầu nhiệm Ba Ngôi, về sự nhập thể của Chúa Giêsu Kitô, về sự khác biệt giữa các thiên thần thiện và ác, và về Ngày Phán Xét Cuối Cùng; một phần là giáo lý đạo đức: khuyên nhủ tránh xa sự ô uế của tội lỗi – dục vọng xác thịt, lời phỉ báng, kiêu ngạo, bất tuân, ghen tị, hận thù, xảo trá và gian dối; Sứ đồ khuyên mọi người hãy kiên định trong chức vụ, trong đức tin, trong cầu nguyện và trong tình yêu thương – khuyên hãy quan tâm đến việc dẫn dắt những người lầm lạc trở lại, hãy tự bảo vệ mình khỏi những kẻ dị giáo, những thói hư tật xấu gây hại cho tâm hồn mà ngài đã mô tả rõ ràng và tuyên bố rằng những kẻ dị giáo đó sẽ bị hủy diệt, giống như cư dân thành Sô-đôm (Giu-đe 1:7).

Ngoài ra, trong thư của mình, Thánh Tông đồ Giu-đa còn nói rằng, để được cứu rỗi, chỉ đơn thuần được hoán cải từ ngoại giáo sang Kitô giáo là chưa đủ, mà còn phải thực hành những việc lành, xứng đáng với đức tin Kitô giáo và xứng đáng với ơn cứu rỗi, đồng thời ngài dẫn chứng về các thiên thần và con người đã bị Thiên Chúa trừng phạt. Thiên Chúa đã trói buộc các thiên thần bằng xiềng xích vĩnh cửu trong bóng tối và giữ họ lại cho đến Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Ngài, vì họ đã không giữ được phẩm giá của mình (Giu-đe 1:6). Còn những người được đưa ra khỏi Ai Cập, Thiên Chúa đã tiêu diệt họ trong sa mạc vì họ đã sa vào sự trụy lạc , không sống theo luật pháp của Thiên Chúa (Giu-đa 1:5). Như vậy, Thánh Tông Đồ Giu-đa đã dùng những lời ngắn gọn để bày tỏ cho chúng ta những chân lý vĩ đại trong thư của ngài.

[4480] Hoàng đế La Mã Domitian trị vì từ năm 81 đến năm 96.

[4481] Nikiforos Kallistos – nhà sử học Hy Lạp thế kỷ 14, người đã để lại cho chúng ta tác phẩm "Lịch sử Giáo hội".

[4482] Theo truyền thuyết, Chúa Giêsu Kitô đã gửi bức tượng không do tay người tạo ra của Ngài cho Avgar. Edessa là một thành phố ở Mesopotamia.

[4483] Ngày kỷ niệm Thánh Tông đồ Phaddeus là ngày 21 tháng 8, cũng như ngày 4 tháng 1

Thánh Tông đồ Giu-đa đã viếng thăm nhiều quốc gia khác nhau, rao giảng Tin Mừng, dẫn dắt các dân tộc đến với đức tin nơi Đấng Christ và hướng dẫn họ trên con đường cứu rỗi. Trong những công việc ấy, ngài đã đến vùng đất Ararat và tại đây, sau khi khiến nhiều người từ bỏ việc thờ lạy thần tượng, ngài đã biến họ thành những Kitô hữu. Vì điều này, vị Tông đồ đã khiến các thầy tế lễ thờ ngẫu tượng trở nên thù địch với ngài: họ bắt giữ ngài và, sau nhiều hình thức tra tấn, đã treo ngài lên thập tự giá và bắn ngài bằng tên. Như vậy, Thánh Tông đồ Giu-đa đã kết thúc cuộc đời và công cuộc của mình, rồi về với Chúa Kitô, Thiên Chúa, để nhận từ Ngài vương miện phần thưởng vĩnh cửu trên trời[4484] .

Bài ca Troparion, giọng 1:

Hỡi Giu-đa, người thân của Đấng Ki-tô, người dẫn dắt và vị tử đạo kiên cường, chúng con tôn vinh ngài một cách thiêng liêng, vì ngài đã vượt qua sự cám dỗ và giữ vững đức tin: vì thế, hôm nay khi kỷ niệm ngày thánh của ngài, chúng con nhận được sự tha thứ tội lỗi nhờ những lời cầu nguyện của ngài.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã hiện ra với Thánh Phaolô, vị Tông đồ đồng hành, và qua đó, ngài đã rao giảng cho chúng con về ân sủng thiêng liêng của Thiên Chúa, hỡi Thánh Giu-đa, người nói lời bí ẩn, vì lý do đó, chúng con kêu cầu ngài: xin đừng ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Kondak tiếp theo, giọng 2:

Ngài đã tỏ ra là môn đệ được chọn với trí tuệ vững vàng, và là cột trụ bất khả xâm phạm của Hội Thánh Chúa Kitô: Ngài đã rao giảng Lời Chúa Kitô bằng lời nói, kêu gọi mọi người tin vào Thiên Chúa Duy Nhất; từ Ngài, Ngài đã được tôn vinh và nhận được ân sủng chữa lành, để chữa lành những bệnh tật cho những ai chạy đến với Ngài, Thánh Tông đồ Giu-đa đáng ca ngợi.

Cuộc đời của vị Thánh Cha Paissios Vĩ Đại

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 6

Sự quyến rũ hư ảo của thế gian này – phù du và thoáng qua, – thu hút những người khao khát nó, và khiến họ, vì niềm vui trần thế hão huyền, phạm tội trong ý định và cảm xúc của mình, và để tâm trí bám víu vào những đam mê trần tục, đến nỗi những kẻ yêu thế gian này đôi khi không chỉ khinh thường cuộc sống thiên đàng đã hứa ban cho họ, mà còn – than ôi! – quay lưng lại với chính Đấng Tạo Hóa của sự sống chân thật và khao khát những phúc lành tạm bợ và trần thế hơn là những điều thuộc về tương lai, tự nguyện chuẩn bị cho mình một cái chết tàn khốc và vô tận; tương tự như vậy, kho báu vĩnh cửu trên trời – trong lòng những người hy vọng đạt được nó – khơi dậy khát khao vô bờ bến hướng về nó và làm tràn ngập trái tim họ bằng một sự ngọt ngào thần thánh và không thể diễn tả: Nước Trời đã hứa ban cho chúng ta khiến những con người ấy nhớ đến hạnh phúc vĩnh cửu, đến phần thưởng cho những công lao và lễ hội rực rỡ của các vị tu hành; suy nghĩ về điều này thúc đẩy họ khao khát đạt đến Nước Trời đến mức họ không chỉ bắt đầu khinh thường mọi thứ tạm bợ và hư vô, mà thậm chí còn không tiếc cả mạng sống của mình, mong muốn, vì Chúa Kitô, theo lời Phúc Âm (Mt 10,39), dâng hiến linh hồn mình vì Ngài, và họ coi cái chết vì Ngài là điều quý giá hơn mọi niềm vui và thú vui trần thế. Trong những trường hợp mà khi sự bắt

[4484] Thánh Tông đồ Giu-đa qua đời vào khoảng năm 80 sau Công nguyên – Theo Lịch Thánh của Hoàng đế Ba-si-li-ô, Thánh Tông đồ Giu-đa đã ở Edessa, Mesopotamia, nơi ngài đã chữa lành cho Avgar, và sau đó tại thành phố Arat, ngài bị đâm bằng mũi tên khi đang bị đóng đinh trên thập tự giá; theo bản tóm tắt của người Slav, Thánh Tông đồ Giu-đa đã chịu tử đạo trên đảo Arad. Có một thành phố và một hòn đảo tên là Arad, nhưng nằm ở Phoenicia, chứ không phải ở Mesopotamia. Theo truyền thuyết Armenia, Thánh Tông đồ Giu-đa đã đến Armenia vào khoảng năm 60 và gặp Thánh Tông đồ Ba-tô-lô-mê tại thành phố Artashat bên sông Araks; ngài đã truyền giáo cho nhiều người, và bị đóng đinh vào thập tự giá vào năm 72 tại Ormia thuộc Đại Armenia – nay là Urmia. Trong trường hợp này, Arat nên được tìm kiếm gần dãy núi Ararat. (Tạp chí Thánh Sergius, tập 2, mục ngày 19 tháng 6).

bớ chấm dứt, những người tu hành đạo đức không tìm được cái chết tử đạo cho mình, họ khao khát phải chịu đựng nó theo một cách khác: họ tự nguyện gánh vác một cuộc hành trình dài đằng đẵng, nhưng đối với họ là cần thiết, để chế ngự xác thịt, và trong quá trình đó, tất nhiên họ phải chịu đựng những căn bệnh dai dẳng: hàng ngày ăn chay và tự rèn luyện bản thân qua muôn vàn thử thách, họ chiến đấu với những ác quỷ vô hình, và ngay cả khi còn trong thân xác này, họ không ngừng ép buộc bản thân chống lại những kẻ thù vô hình ấy.

Trong số những con người vinh quang và làm đẹp lòng Chúa ấy có một người đàn ông, người mà tôi[4485] và giờ đây muốn kể lại, bằng cách thuật lại về sự ra đời, thời thanh xuân và cuộc đời kỳ diệu của ông: tên người đàn ông ấy là Paissy. Và ai nấy hãy tin lời tôi, khi nghe những điều cao quý và siêu phàm về ông, và đừng ai nghĩ rằng tôi, vì danh lợi, đã thêm thắt điều gì vào câu chuyện về vị thánh phụ này: ông cao quý hơn hẳn mọi vinh quang trần thế, và dù được các Thiên thần thánh thiện ca ngợi ở cõi trên, ông cũng không đòi hỏi lời khen ngợi từ chúng ta, những kẻ phàm trần và tội lỗi. Nhưng tôi sẽ kể về ông vì lợi ích của những ai lắng nghe và mong muốn noi gương các đức tính của ông. Và tôi sẽ kể những gì tôi đã tận mắt chứng kiến và tận tai nghe thấy.

Vậy thì, tôi sẽ bắt đầu câu chuyện về cuộc đời đáng ca ngợi và đầy bài học của vị thánh này ngay từ thuở ấu thơ của ngài.

Vị thánh nhân vinh quang và hạnh phúc này đã sinh ra và sống tại Ai Cập, nơi mà xưa kia Mô-sê – vị tiên tri vĩ đại, người được Thiên Chúa mặc khải – cũng đã chào đời; như Kinh Thánh đã thuật lại, Mô-sê đã được tôn vinh vô cùng nhờ sự gần gũi với Thiên Chúa và những phép lạ vĩ đại của ngài. Nhưng Ai Cập còn được vinh danh một lần nữa nhờ cuộc đời của Thánh Paissios, người đã sinh ra tại đó và làm rạng rỡ đất nước này bằng danh tiếng trong sạch cùng vô vàn đức hạnh của mình.

Cha mẹ của Thánh Paissios là những người có đức tin chân chính và kính sợ Chúa. Họ đã sống một cuộc đời trong sạch, tuân giữ các điều răn của Chúa và cố gắng làm mọi việc thiện lành để chỉ làm vui lòng một mình Chúa.

Họ có bảy người con và nuôi dạy tất cả các con trong sự vâng lời tốt lành, cố gắng để các con noi gương họ – cha mẹ của mình – trong mọi việc.

Cha mẹ của vị thánh này sống sung túc về mọi mặt và thường bố thí cho những người nghèo khó. Tay họ luôn rộng mở để ban phát, và những gì họ cho người nghèo thì lại được Chúa ban lại cho họ gấp bội qua những ân huệ thiêng liêng.

Nhưng vì không ai trong loài người có thể thoát khỏi cái chết, nên cha của vị thánh cũng đã qua đời, để lại cho người vợ hiền lành của mình trách nhiệm chăm sóc các con; trong số đó, người nhỏ tuổi nhất là cậu bé Paissy, và vì cậu mà người mẹ phải chịu đựng rất nhiều nỗi buồn.

Một đêm nọ, khi người mẹ của cậu thiếu niên đã chìm vào giấc ngủ, bà bỗng có một giấc mơ: Thiên Thần của Chúa hiện ra và nói:

– Đức Chúa Trời, Cha của những đứa trẻ mồ côi, đã sai ta đến hỏi ngươi: tại sao ngươi lại buồn phiền vì các con mình đến thế, và luôn luôn lo lắng cho chúng nhiều đến vậy? Chẳng lẽ chỉ có mình bà lo lắng cho chúng, còn Đức Chúa Trời thì không nghĩ đến chúng sao? Vậy thì, từ nay trở đi, hãy gác nỗi buồn sang một bên và dâng một trong những con trai của bà lên Đức Chúa Trời trên cao – nhờ cậu bé ấy, danh thánh và vĩnh cửu của Chúa sẽ được tôn vinh.

Mẹ của vị thánh đáp lại Thiên Thần như sau:

– Tất cả các con trai của tôi đều thuộc về Chúa, và nếu ai trong số chúng được Ngài ưng ý, xin Ngài hãy đón nhận người ấy về với Ngài.

Rồi Thiên Thần nắm tay Paissios và nói:

– Đứa này được Đức Chúa Trời ưa thích.

– Thà Ngài hãy chọn một trong những đứa lớn hơn đi, – bà lão nói.

Nhưng Thiên thần đáp lại bà:

– Hỡi người phụ nữ tốt bụng! Bà chẳng biết rằng quyền năng của Chúa thường được thể hiện nơi những kẻ yếu đuối sao? Vậy nên, người trẻ nhất này đã được Chúa chọn, và cậu ấy sẽ làm đẹp lòng Ngài.

Nói xong, Thiên thần biến mất.

[4485] Tức là – tác giả của cuốn tiểu sử này – Gioan Kolov, được gọi là Kolov, nghĩa là người thấp bé, – đã tu hành tại Ai Cập. Ngài qua đời vào khoảng năm 430 tại một am tu trong sa mạc gần thành phố Koltsuma (nay là Suez). – Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 9 tháng 11.

Mẹ của vị thánh, khi tỉnh giấc, đã ngạc nhiên trước sự hiện ra thiêng liêng ấy và đã tạ ơn Chúa như sau:

– Xin Chúa, xin ân sủng của Ngài ngự trên chúng con và trên tôi tớ của Ngài, Paissios!

Sau đó, sau một thời gian cầu nguyện khá lâu, bà dẫn con trai mình đến nhà thờ để đưa cậu vào hàng giáo sĩ. Còn cậu thiếu niên thánh thiện Paissios, sau khi được nhận vào hàng giáo sĩ, đã bắt đầu noi gương những người đàn ông đức hạnh; và khi tuổi tác và trí tuệ ngày càng trưởng thành, ân sủng của Chúa cũng ngày càng gia tăng trong cậu: ngày qua ngày, trái tim cậu bừng cháy ngày càng mãnh liệt hơn bởi tình yêu dành cho Chúa, và chính cậu cũng tràn đầy khao khát – mong sao sớm được nhận lễ cắt tóc tu sĩ; và rồi, – khi thời điểm đó đến, và ngài có thể được ban phép thánh hiến để bắt đầu một cuộc sống hoàn thiện hơn trong hàng tu sĩ, – ngài, như một con chiên vô tì vết, được ân sủng của Chúa soi sáng, đã lên đường đến sa mạc tu viện và tại đó, để được hướng dẫn thiêng liêng, ngài mong muốn ở lại dưới sự dẫn dắt của vị mục tử chăn dắt đàn chiên Lời Chúa – Thánh Pâmva[4486] ; Vị cha này đã đón nhận ngài với tình yêu và niềm vui, và mặc cho ngài bộ áo tu sĩ thánh thiện. Thánh Pâmva được ban ân sủng tiên tri: nhờ sự mặc khải từ trên cao, ngài biết trước mọi điều sẽ xảy ra với Paîsii, và vì thế đã xem ngài như một bình chứa được chọn của ân sủng Thiên Chúa, Đấng hướng dẫn ngài thực hiện mọi việc lành.

Trước hết, Thánh Paisei đã tận tụy thực hiện nghĩa vụ tuân phục, vâng lời cha mình một cách không do dự và tuân theo ý muốn của ngài trong mọi việc; đồng thời, ngài luôn duy trì lối sống khắc khổ nhất và từng bước tiến lên trong lòng mình để đạt đến sự hoàn thiện ngày càng cao hơn trong các đức tính. Còn vị cha đáng kính của chúng ta là Pamva, khi thấy ngài đã dâng hiến trọn vẹn cho việc ăn chay, và mong muốn khích lệ ngài thực hiện những việc làm vĩ đại hơn nữa, một lần đã nói với ngài:

– Con Paissius ơi, một tu sĩ mới nhập môn cần phải cẩn trọng giữ gìn mọi giác quan khỏi những cám dỗ và chướng ngại, và đặc biệt phải giữ đôi mắt khỏi mọi ánh nhìn tò mò; đừng nhìn vào mặt ai cả, mà hãy luôn hướng ánh mắt xuống đất, còn tâm trí thì hướng lên cao, và bằng đôi mắt nội tâm chiêm ngưỡng lòng nhân từ vô biên của Đức Chúa Trời, ca ngợi và tôn vinh Đấng Toàn Năng.

Và thế là Thánh Paissios, được hướng dẫn bởi những lời dạy dỗ như vậy, lòng tràn đầy tình yêu dành cho Đức Chúa Trời hơn bao giờ hết, đã quyết tâm thực hiện chính xác mọi điều được truyền dạy – và quả thực, – trong suốt ba năm liền, ngài đã tuân giữ nghiêm ngặt điều răn – không nhìn vào khuôn mặt người khác, và với sự siêng năng, ngài đắm mình vào việc đọc các sách Thánh, không ngừng lắng nghe Lời Chúa và những lời dạy dỗ của Ngài, luôn như dòng nước tưới mát tâm hồn mình; và ông, theo lời Đa-vít, giống như một khu vườn được trồng bên suối nước, lớn lên, trổ hoa và kết trái ngọt ngào vào đúng mùa, vì ông khao khát lời thánh vịnh này dâng lên Đức Chúa Trời: *"Lời Ngài ngọt ngào biết bao trong cổ họng tôi! ngọt ngào hơn mật ong trên môi tôi"* (Thánh vịnh 118:103), theo lời khuyên của các Tông đồ, ông không ngừng cầu nguyện, đồng thời kiêng ăn và thức đêm để rèn luyện thân xác, khiến nó phục tùng tinh thần, và trong sâu thẳm lòng mình, như một kho tàng quý giá, ông gìn giữ mọi đức hạnh của mình.

Còn vị tu sĩ cao niên Pamva, khi thấy ngài tiến bộ, đã vui mừng trước cuộc sống đạo đức của ngài trong Chúa: với tình thương của người cha, ngài quan sát và hướng dẫn ngài thực hiện những công việc cao cả hơn; đồng thời, bằng sự dạy dỗ đầy lòng kính sợ Chúa về mọi việc lành và sự hiểu biết, ngài đã nhanh chóng biến ngài thành một trong những tu sĩ tài giỏi nhất.

Khi đến lúc Thánh Pamva ra đi để nhận lấy gia tài thiên đàng, nơi mà ngài hằng khao khát được đến, vị cha thánh này, sau khi ban phước lành cho Thánh Paissios và nói về ngài không ít lời tiên tri, đã bước vào cuộc sống vĩnh hằng đầy phúc lành, để ở đó nhận lấy những ân huệ vô cùng mà ngài đã mong đợi từ lâu.

– Còn tôi, Gioan khiêm nhường (tác giả cuốn tiểu sử này kể lại), đã ở lại cùng Thánh Paissios: giống nhau về mọi mặt, chúng tôi đã cùng nhau sống cuộc đời; sống xa lánh mọi người và tuân giữ cùng một giới luật, cả trong cầu nguyện lẫn trong đời sống, như chúng tôi đã nhận lãnh từ cha chúng tôi; chúng tôi đã hỗ trợ lẫn nhau, chỉ quan tâm đến sự cứu rỗi linh hồn của chúng tôi. Nhưng sau một thời gian ngắn, Thánh Paissios khao khát một cuộc sống và những việc làm thánh thiện cao cả hơn, và vì thế chúng tôi phải chia tay nhau.

Với tinh thần hăng hái hướng tới việc ăn chay ngày càng khắc khổ hơn, ngài không đụng đến thức ăn suốt cả tuần, còn vào ngày thứ Bảy và Chủ Nhật thì chỉ ăn bánh mì với muối và uống nước; còn những ngày khác, thay vì bánh mì vật chất, ngài nuôi dưỡng bản thân bằng bánh mì thiêng liêng; ông thường xuyên đọc sách tiên tri của Giê-rê-mi, người được Đức Chúa Trời sai phái, và nhiều lần vị tiên tri thánh thiện này hiện ra với ông, giải thích

[4486] Ngày tưởng niệm ngài là ngày 16 tháng 1.

những bí ẩn trong lời tiên tri mà ông chưa hiểu, đồng thời bằng những suy nghĩ thâm sâu, khích lệ tâm trí ông hướng tới việc đạt được những ân huệ đã hứa; nhưng không ngừng tiến bước – hướng tới một lối sống ngày càng khắc khổ hơn, Paissius đã từ bỏ hình thức tu hành ban đầu và chọn một hình thức mới: giờ đây, ngài bắt đầu nhịn ăn liên tục trong suốt hai tuần, và chỉ sau khi thời gian đó trôi qua, ngài mới dùng bữa, như đã nói, một ít bánh mì với muối và nước, vừa đủ nhu cầu. Và về việc ăn chay cũng như cuộc sống thánh thiện như thiên thần của ông, không ai biết, ngoại trừ một mình Đức Chúa Trời, Đấng thấu hiểu mọi bí mật của loài người, Đấng mà đối với Ngài, mọi điều chưa được tiết lộ đều đã rõ ràng; hơn nữa, ông còn mong muốn thực hành việc giữ im lặng, để một mình dâng lời cầu nguyện lên Đấng Chúa Kitô duy nhất, đến gần Ngài hơn nữa và được soi sáng bởi ánh sáng của Ngài.

– Khi biết được ý nguyện này của ngài, – Ioann Kolov tiếp tục, – tôi đã nhận ra với nỗi buồn sâu sắc rằng chúng ta phải chia tay nhau. Nhưng tôi, muốn biết liệu ý định này của ngài có phải đến từ Thiên Chúa hay chỉ là sự bướng bỉnh thông thường của con người, nên đã nói với ngài:

– Anh Pa-si, tôi thấy rằng anh muốn nhận lấy cuộc sống thầm lặng; hãy tin tôi một cách chân thành rằng tôi cũng có cùng suy nghĩ đó, nhưng tôi còn nghi ngờ, vì không chắc chắn – liệu ý nghĩ này có phải đến từ Thiên Chúa hay không; vậy thì, chúng ta hãy cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời hào phóng – xin chính Chúa chúng ta, theo ý muốn của Ngài, sắp xếp cuộc đời chúng ta và xin Ngài bày tỏ cho chúng ta biết – liệu chúng ta nên ở bên nhau hay phải chia ly.

Paissius trả lời tôi như sau:

– Anh nói rất đúng, người thân yêu ạ; vậy thì chúng ta hãy làm theo những gì anh đã nói.

Vậy là, chúng tôi đứng lên cầu nguyện và suốt đêm đã thành tâm cầu nguyện với Chúa. Và Đức Chúa Trời nhân từ, không muốn phớt lờ lời cầu nguyện của chúng tôi, đã sai Thánh Thiên Thần của Ngài đến báo tin cho chúng tôi; vị Thiên Thần ấy, khi hiện ra trước mặt chúng tôi vào buổi sáng, đã nói:

– Chúa chia rẽ các con trong cuộc đời các con; vậy nên, anh, Gioan, hãy ở lại đây để trở thành người hướng dẫn đưa người khác đến sự cứu rỗi; còn anh, người tôi tớ của Chúa Kitô là Paisius, hãy rời khỏi đây và đi về phía tây của sa mạc, vì Chúa đã phán rằng một đoàn tu sĩ đông đảo sẽ tụ họp quanh anh, và theo lệnh của Ngài, một tu viện sẽ được xây dựng tại đó, và danh Ngài sẽ được tôn vinh nhờ anh.

Nói xong, Thiên Thần lui đi. Còn chúng tôi (Giăng kể lại) đã cúi đầu tạ ơn Chúa và, theo lệnh của Ngài, mỗi người đi một ngả: tôi ở lại nơi cũ, còn vị thánh Pa-xi-ô thì tiếp tục lên phía tây của sa mạc; tại đó, ngài đã đục một hang động trong núi và định cư trong đó; và tại đây, nhờ sự thanh tịnh hoàn hảo cùng những việc làm cao cả đa dạng, ngài đã đến gần Thiên Chúa đến nỗi chính Đức Kitô đã hiện ra với ngài, dạy dỗ ngài và hướng dẫn ngài về đức hạnh – như tất cả những điều này sẽ được kể lại ở phần thích hợp.

Một lần nọ, khi Thánh Paissios đang ngồi trong hang động và hát những bài thánh ca, Đấng Cứu Thế đã hiện ra với ngài và phán:

– Bình an cho ngươi, người tôi tớ yêu dấu của Ta!

Ông, tràn ngập sự sợ hãi và run rẩy, đứng dậy và thưa:

– Lạy Đấng Christ Yêu Thương Loài Người, Đấng Cứu Thế, con là tôi tớ của Ngài, và vì lý do gì mà Ngài, lạy Chúa, lại ban cho con ân sủng vĩ đại đến thế, đến nỗi giờ đây chính Ngài đã hạ mình xuống với sự bất xứng của con?

Nghe vậy, Chúa đáp lại:

– Ngươi có thấy sa mạc này không – nó rộng lớn và bao la biết bao? Vì ngươi, Ta sẽ lấp đầy nơi này bằng những người ăn chay, những người sẽ tôn vinh danh Ta.

Lúc đó, vị thánh được Chúa chọn là Pa-si-ô, quỳ sấp xuống đất, nói:

– Lạy Chúa! Mọi sự đều tuân theo bàn tay quyền năng của Ngài, và điều gì Ngài mong muốn thì điều đó sẽ thành hiện thực: – con xin cầu xin lòng nhân từ của Ngài, – xin cho con hiểu được, – những thứ cần thiết và thiết yếu cho những ai sẽ tu hành trong sa mạc này sẽ đến từ đâu?

Chúa đáp lại:

– Hãy tin Ta, Đấng đang nói với con sự thật, rằng nếu Ta thấy trong họ tình yêu – mẹ của mọi đức hạnh – và nếu họ tuân giữ mọi điều răn của Ta, thì họ đừng lo lắng về bất cứ điều gì: chính Ta sẽ chăm sóc họ.

Rồi Paissios lại hỏi Chúa:

– Con xin hỏi lòng nhân từ của Ngài một lần nữa: làm sao họ có thể vượt qua những cái bẫy của kẻ thù một cách suôn sẻ, và tránh được những cám dỗ dữ dội của ma quỷ?

Chúa đáp lại:

– Nếu họ tuân giữ các điều răn của Ta, như Ta đã nói với ngươi, với lòng hiền lành, công chính và khiêm nhường, thì Ta không chỉ khiến họ vượt lên trên mọi cuộc chiến của kẻ thù và mọi mưu mô xảo quyệt, mà còn ban cho họ Nước Trời làm gia nghiệp.

Nói xong, Đấng Cứu Thế đã vinh quang thăng thiên.

Còn Thánh Pa-xi-ô, lòng càng tràn ngập sự kính sợ Đức Chúa Trời, liền không ngừng suy ngẫm về sự thương xót mà Đấng Cứu Thế đã ban cho ngài từ trên trời.

Nhưng cha đẻ của sự ghen tị và kẻ thù ghét loài người – ma quỷ, khi thấy Paissius khéo léo tránh được mọi cái bẫy xảo quyệt của hắn, bất khả xâm phạm trước những mưu mô của hắn và đứng cao hơn mọi lời vu khống của hắn, lại càng bùng lên cơn giận dữ đối với ngài; nhưng vì không thể tiếp cận được ông, do sức mạnh thiêng liêng mà Đức Chúa Trời đã ban cho ông, nên nó bắt đầu nghĩ ra những mưu mô khác, nhằm cuối cùng bắt được tôi tớ của Đấng Christ vào lưới của mình. Với ý định lôi kéo ngài bằng mồi vàng của lòng tham, ma quỷ đã tìm cách dùng việc bố thí để lôi kéo vị thánh nhân của Đức Chúa Trời vào lưới tham lam, để – sau khi ngài từ bỏ lòng không tham lam – các linh hồn độc ác sẽ dễ dàng tấn công ngài hơn.

Và thế là kẻ thù xảo quyệt của loài người đã đến gặp một vị hoàng tử Ai Cập nào đó – một người kính sợ Thiên Chúa và sở hữu của cải dồi dào; hắn hiện ra trước mặt ông dưới hình dạng một Thiên thần và nói:

– Hỡi người được yêu mến, hãy đứng dậy và đi vào sa mạc; ở đó ngài sẽ gặp một người tên là Paissios – một người hoàn toàn nghèo khó, nhưng được trang bị đầy đủ các đức tính và là bình chứa được Chúa chọn nhờ ân sủng thiêng liêng; khi gặp ông ấy, ngài hãy hào phóng ban tặng vàng cho vị tu sĩ già này, để ông có thể bù đắp sự thiếu thốn cho chính mình và các tu sĩ sa mạc khác.

Vị hoàng tử ấy, không nhận ra sự cám dỗ của ma quỷ, mà lại nghĩ rằng đó thực sự là một Thiên thần, đã lấy một phần vàng và bạc của mình cùng nhiều vật dụng khác cần thiết cho các tu sĩ, rồi lên đường đến gặp vị thánh. Nhưng sức mạnh Thần thánh ngự trong Paissius đã vạch trần cho ngài những mưu mô của ma quỷ, kẻ muốn lợi dụng danh nghĩa sự bố thí của hoàng tử để lôi kéo vị thánh vào lòng tham – và vị thánh Paissius, ngay lập tức đứng dậy, đi ra đón hoàng tử.

Khi vị thánh gặp ngài, vị công tước hỏi về vị ẩn sĩ Paissios: – Ông ấy là ai và sống ở đâu? Phía mình, Paissios lại hỏi vị công tước:

– Tại sao ngài lại tìm Paissius? Ngài cần ông ấy để làm gì?

Hoàng tử đáp:

– Tôi đến đây để chia sẻ với ngài vàng, bạc và mọi thứ cần thiết trong cuộc sống, để ngài phân phát tất cả những thứ đó cho các tu sĩ.

Lúc đó, vị thánh đáp lại hoàng tử rằng:

– Hỡi người yêu mến Chúa Kitô! Hãy biết rằng vàng và bạc không cần thiết cho những ai muốn sống trong sa mạc này, và không ai trong số những người đã định cư ở đây muốn nhận bất cứ thứ gì từ tài sản của ngài; vậy nên, đừng buồn phiền, hãy trở về nhà, Chúa sẽ chấp nhận ý định tốt lành của ngài. Còn nếu ngài muốn phân phát những gì ngài mang theo cho những người nghèo khó, thì trong các thành phố Ai Cập có rất nhiều người khốn khó, nghèo khổ, ăn xin, mồ côi và góa bụa – hãy chăm lo cho họ – và ngài sẽ nhận được phần thưởng lớn lao từ Thiên Chúa!

Vị hoàng tử, tin vào lời của vị thánh, đã trở về và làm theo những gì ngài dạy: ngài đã chia sẻ tài sản của mình cho những người ăn xin, người nghèo khổ và những người khốn khó.

Khi Thánh Paissius bước vào hang động của mình, ma quỷ hiện ra và nói:

– Ôi Paissius! Giờ ta phải làm gì với ngươi đây, khi ngươi đang phá hỏng mọi mưu đồ xảo quyệt của ta? Thôi thì ta sẽ đi quấy rối những người khác, còn ngươi thì ta sẽ không quay lại nữa, vì ta đã bị ngươi đánh bại.

Sau đó, vị thánh nhân đã trục xuất linh hồn ô uế bằng quyền năng của Chúa Kitô và xua đuổi nó khỏi mình – và ma quỷ đã phải rút lui trong sự xấu hổ, không dám tiếp cận vị thánh một cách ngang ngược như vậy nữa.

Chẳng bao lâu sau, vị thánh nhân lên đường vào sâu trong sa mạc; tuy thân xác ở đó, nhưng bằng tinh thần, ngài cùng với các thế lực thiên đàng đứng trước mặt Chúa Tể muôn loài; tại đây, giống như những vị vô hình, ngài đã dấn thân vào một cuộc sống còn khắc khổ hơn nữa và nhờ đó được ân sủng trở thành người chiêm ngưỡng những mầu nhiệm thiên đàng ngay khi còn ở trần gian, vì Thánh Thần ngự trong ngài đã thương ban cho ngài được chiêm ngưỡng lễ hội vô tận của những người công chính trên trời.

Một lần nọ, khi đang cầu nguyện, Paissios cảm thấy như thể mình đang bay lên trên đôi cánh và đã ở trên trời: trước hết, ngài nhìn thấy những ngôi làng thiên đàng tuyệt đẹp, tràn ngập ánh sáng và niềm vui khôn tả; ngài cũng nhìn thấy nhà thờ của những người đi đầu và luôn hân hoan; và khi được ân sủng rước lễ thức ăn vô hình của các Bí tích Thần thánh tại đó, ngài đã nhận được ân sủng của sự kiêng khem và ăn chay tuyệt đối. Một lần khi rước lễ trong tuần – chính vào ngày Chúa Nhật Phục Sinh – ông đã hoàn toàn nhịn ăn cho đến ngày Chúa Nhật tiếp theo: nhờ ân sủng của Thiên Chúa, bản tính của ông đã được Đấng Tạo Hóa làm phong phú.

– Còn tôi (tác giả cuốn tiểu sử của ngài nói), xin mọi người trong số những ai tin vào Lời Chúa hãy tin tôi, vì tôi có Lời Chúa làm chứng nhân trung thực. Chẳng phải chính Lời Chúa cũng nói rằng mọi sự đều tuân theo mệnh lệnh của Chúa sao? Và vì điều đó là sự thật, nên xin mọi người hãy coi những gì tôi truyền đạt là sự thật. – Sau khi rước các Bí tích Thánh Thể và Máu Thánh của Chúa Kitô, Thánh Paissios đôi khi nhịn ăn thức ăn trần thế suốt bảy mươi ngày; và điều này chẳng có gì đáng ngạc nhiên, vì ân sủng Thánh có sức mạnh không thể diễn tả, và nhờ đó có thể duy trì sự sống trong ngài (Paissios) tốt hơn là việc bổ sung bằng thức ăn trần thế. Bởi vì đối với những ai sống theo bản tính xác thịt, thân xác, để không suy kiệt, cần thức ăn để củng cố sức lực; còn những ai, giống như những vị vô hình, đã thành công trong đời sống siêu nhiên, – thì sức mạnh sáng tạo ban cho họ ân sủng này dồi dào, mà bản tính con người tuân theo, và họ sống không còn chủ yếu nhờ thức ăn thể xác, mà là nhờ thức ăn thiêng liêng. Đấng Tạo Hóa Toàn Năng, Thiên Chúa của chúng ta, biết cách duy trì sự sống trên đất cho bảy thiếu niên đang ngủ trong suốt ba trăm năm và thậm chí lâu hơn nữa, và quả thực Ngài vẫn duy trì sự sống của Ê-li trong các nơi cư ngụ trên trời cho đến ngày cuối cùng. – Nhưng nói về điều này thế là đủ rồi, – chúng ta hãy nói về vị thánh Pa-si-ô.

Không chỉ các tu sĩ mà cả đông đảo giáo dân cũng đổ về với vị cha thánh này, mong muốn sống bên cạnh ngài; họ tụ tập xung quanh ngài như một đàn ong, tất cả đều khao khát được no nê vị ngọt của mật ong thiêng liêng từ ngài. Còn ngài, từ nguồn ân sủng Thần Thánh hằng hữu – ngọt ngào hơn bất kỳ loại mật ong và tổ ong nào mà giác quan có thể cảm nhận – đã tuôn trào cho họ thức uống thiêng liêng này, tràn đầy sự ngọt ngào không thể diễn tả bằng lời, – đến nỗi mỗi ngày số anh em tụ họp và ngày càng đông đảo xung quanh ngài lại gia tăng đáng kể; tất cả họ, sau khi từ chối những cám dỗ trần tục của thế gian này, đã vác ách của Đấng Kitô lên vai theo tinh thần Phúc Âm. Trong số các anh em này, vị cha thánh đã chọn một số người để thực hành sự im lặng, để họ có thể trò chuyện riêng với Thiên Chúa trong lời cầu nguyện ấm áp; còn những người khác, ngài ra lệnh cho họ phụng sự Chúa cùng với những người khác, đồng lòng với các anh em trong sự vâng phục và cùng gánh vác công việc chung; còn những người thứ ba, ngài để họ học nghề thủ công, để họ không chỉ tự nuôi sống mình bằng công sức của đôi tay mình, mà còn nuôi dưỡng những người đói khát, những người nghèo khó, và với tình yêu thương an ủi những anh em nghèo khó khác cùng những người lữ hành. Lời răn chính của ngài là như sau: chớ ai làm điều gì theo ý riêng mình, nhưng mọi việc đều phải theo lệnh và sự xem xét của các vị cha có kinh nghiệm. Đó là lời răn của vị thánh đối với các anh em tụ họp quanh ngài, và đó cũng là giáo lý của ngài; còn về đời sống thầm lặng của chính vị thánh cha, thì không thể kể lại chi tiết được, nhưng trong số nhiều điều, xin được nói ít nhất một điều nhỏ nhoi.

Sau một thời gian, vị thánh nhân, thấy rằng cuộc sống im lặng của mình liên tục bị phá vỡ bởi các anh em đến thăm, bắt đầu cảm thấy phiền lòng, vì chính ngài mong muốn tuân giữ nghiêm ngặt việc giữ im lặng; vì vậy, ngài quyết định rời khỏi hang động nơi ngài từng sống, và cùng với đó là việc chăm sóc các anh em của mình. Và thế là, bí mật khỏi mọi người, ngài rời khỏi đó và đi đến những nơi xa xôi hơn trong sa mạc; tại một nơi ở đó, ngài tìm thấy một hang động, định cư trong đó và ở lại đó suốt ba năm. Trong thời gian đó, tóc trên đầu ngài mọc dài ra rất nhiều, đến nỗi ngài đã khéo léo buộc chúng vào một cây cọc được cắm ở phía trên hang động, nhờ đó ngài có thể thực hiện tất cả các lời cầu nguyện suốt đêm mà không chợp mắt dù chỉ một phút; như vậy, cả ban đêm lẫn ban ngày, ngài không cho phép mình nghỉ ngơi, hoàn toàn dâng hiến cho công việc, và chỉ trong công việc ấy ngài mới tìm thấy sự bình an, vì tình yêu của Thiên Chúa, Đấng luôn bao bọc ngài. Chính vì thế mà Chúa đã yêu thương ngài, và vị thánh nhân không ít lần được hưởng ân sủng của sự hiện ra thiêng liêng và được chiêm ngưỡng Chúa Kitô, như chính Đấng Cứu Thế của chúng ta đã phán trong Phúc Âm thánh: *"Ai yêu mến Ta, thì sẽ được Cha Ta yêu mến; và Ta cũng sẽ yêu mến người ấy và tự mình hiện ra với người ấy"* (Ga 14,21).

Một lần nọ, khi vị thánh Pa-si-ô được thắp sáng bởi tình yêu đặc biệt nồng nàn dành cho Thiên Chúa, và toàn bộ tâm trí ngài chìm đắm trong Chúa qua lời cầu nguyện hướng về Thiên Chúa – thì như trước đây, Đấng Cứu Thế Kitô đã hiện ra với ngài; Còn Thánh Pa-si-ô, vì không thể chiêm ngưỡng vinh quang rực rỡ của dung nhan thánh thiêng của Đấng Cứu Thế, đã ngã xuống đất trong sự sợ hãi và run rẩy. Nhưng Đấng Chủ Tể Yêu Thương

Loài Người đã giơ tay ra với ngài và (ôi, tình yêu khôn tả của Ngài, hỡi Đấng Christ Vua, dành cho các vị thánh của Ngài!), sau khi nâng Thánh Pa-si-ô dậy khỏi mặt đất, Ngài đã phán với ngài:

– Bình an cho ngươi, người được Ta yêu mến; đừng sợ hãi, và đừng để lòng ngươi run rẩy; vì những việc làm của ngươi làm cho lòng nhân từ của Ta vô cùng vui mừng, và công đức của ngươi rất đẹp lòng Ta; vậy hãy vui mừng và nhận lấy phần thưởng xứng đáng cho điều này: này, Ta ban cho ngươi ân huệ này: – bất cứ điều gì ngươi xin Cha Ta nhân danh Ta, – ngươi sẽ được ban cho.

Thánh Paissios, khi thấy ân sủng vĩ đại của Chúa, đã lấy hết can đảm và thưa rằng:

– Lạy Đấng Yêu Thương Loài Người, Chúa Kitô, Thiên Chúa! Nếu nhờ ân sủng khôn lường của Ngài mà Ngài cho phép kẻ bất xứng và tội lỗi như con được hưởng ân sủng ấy, thì con khiêm nhường cầu xin Ngài, chính Ngài hãy chỉ dạy và hướng dẫn con, con nên cầu xin cho ai và những nhu cầu nào, vì con thấy rõ mọi tội lỗi của mình trước mặt Ngài và luôn cầu xin lòng thương xót của Ngài về những thiếu sót của con: xin tha thứ và che chở bằng lòng nhân từ của Ngài vô số tội lỗi của con, và xin cho con được sống phần đời còn lại mà không phạm tội, để khi bước lên con đường cứu rỗi một cách an tâm, nhờ sự giúp đỡ và hướng dẫn của Ngài, con có thể đạt đến cuộc sống hạnh phúc một cách trọn vẹn; vì ai có thể làm được điều thiện nào và nhận được ân sủng từ Ngài mà không có sự giúp đỡ và hướng dẫn của Ngài? Và những việc lành, công lao hay kỳ công nào của chúng con xứng đáng với ân sủng vĩ đại đến thế của Ngài – ngay cả khi chúng con sẵn sàng chết vì Ngài, như lẽ ra chúng con phải dâng hiến linh hồn mình vì Ngài, Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Chuộc của chúng con, Đấng đã yêu thương chúng con, những kẻ tội lỗi, với lòng thương xót vô biên? Vì nếu Ngài – Thiên Chúa bất tử – đã đổ máu thánh thiêng của Ngài vì chúng con, những con người phàm trần, đã chịu thập giá, cái chết và nấm mồ, để qua sự Phục Sinh của Ngài ban cho chúng con sự Phục Sinh, thì chúng con phải chịu cái chết nào vì Ngài, Đấng Cứu Chuộc của chúng con?

Trong khi Thánh Paissius đang nói với Chúa Cứu Thế bằng tất cả sự xúc động từ tận đáy lòng, Chúa đã ban phước lành cho ngài, rồi rời xa ngài và thăng thiên trong vinh quang. Còn Paissius thì cúi đầu thờ lạy Chúa của mình, ca ngợi và tạ ơn Ngài vì lòng nhân từ và sự khoan dung dành cho ngài.

Những lời tiếp theo của chúng ta (tác giả cuốn tiểu sử này tiếp tục viết) nhằm mục đích cho thấy lòng nhiệt thành vĩ đại của vị thánh này đối với đức tin thánh thiện; lòng nhiệt thành ấy đã từng bộc lộ một lần như sau.

Tại một ngôi làng nào đó ở Ai Cập có một vị tu sĩ già; – xét về lối sống, ông là người rất đạo đức, nhưng lại hoàn toàn mù tịt về Kinh Thánh, – và thế là, do sự thiếu hiểu biết, ông đã sa vào một tà thuyết như sau: về Thánh Ba Ngôi, ông không nói như về một bộ ba, mà như về một bộ đôi, tức là – ông tuyên xưng Chúa Cha và Chúa Con, còn về Chúa Thánh Thần thì ông im lặng, nói rằng Ngài không phải là Thiên Chúa. Và vì chính ông tin vào điều sai lầm đó, nên ông đã dạy cho người khác theo tà thuyết của mình; nhiều người trong dân chúng đã theo những lý luận và giáo lý báng bổ của ông, vì họ thấy cuộc sống đạo đức của ông theo ý Chúa. Còn Đức Chúa Kitô, Đấng chuẩn bị sự cứu rỗi cho mọi người, không muốn những công lao của vị tu sĩ già và những việc ăn chay khổ hạnh của ông trở nên vô ích, đã báo cho Thánh Paissios biết về ông và chỉ cho ngài ngôi làng và nơi ở của vị tu sĩ thánh thiện này. Thánh Paissios lập tức vội vã chuẩn bị lên đường: ngài tự tay làm rất nhiều giỏ và gắn vào mỗi giỏ ba quai, rồi mang chúng đến gặp vị tu sĩ già đó, giả vờ là một người lữ hành và người bán đồ thủ công của mình; nhưng nhiều tu sĩ đang ở cùng vị tu sĩ già, những người theo giáo lý sai lầm và đức tin sai trái, khi nhìn thấy người lữ hành và những chiếc giỏ của ông, mà không biết đó là Paissius, đã hỏi ông là ai và đến từ đâu? Ông đáp lại rằng mình đến từ sa mạc để bán những sản phẩm thủ công của mình. Họ cũng hỏi ông về những chiếc giỏ, tại sao chúng lại được làm với ba quai? Và Thánh Paissios luôn trả lời họ như sau:

– Vì tôi là tôi tớ của Thánh Ba Ngôi và tràn đầy tình yêu dành cho Ngài, nên tôi đã làm những chiếc giỏ của mình theo hình ảnh Thánh Ba Ngôi với ba quai, để tôi không chỉ tin bằng trái tim và xưng nhận bằng miệng, mà còn qua những tác phẩm thủ công của mình, thể hiện sự ba ngôi của các Ngôi Vị Thần Thánh, để tôn vinh Thánh Ba Ngôi – Cha, Con và Thánh Thần; vì một quai được làm theo hình ảnh Thiên Chúa Cha, quai thứ hai – theo hình ảnh Thiên Chúa Con, quai thứ ba – theo hình ảnh Thiên Chúa Thánh Thần; và cũng như mỗi chiếc giỏ có ba quai, nhưng bản thân nó là một thể thống nhất, thì trong Thánh Ba Ngôi cũng có ba Ngôi Vị, nhưng chỉ là một Thiên Chúa duy nhất.

Trong khi Thánh Paissios đang tóm tắt bí mật này về Thánh Ba Ngôi bằng những lời ngắn gọn, những người đàn ông đó, cùng với vị thầy tu của họ, đã cảm thấy hổ thẹn và, sau khi chuẩn bị lắng nghe ngài, họ nói:

– Ôi vị thánh kỳ diệu, xin hãy nói cho chúng tôi nghe thêm về đức tin chân chính, giải thích rõ ràng hơn nữa, – và hãy dạy dỗ chúng tôi thêm qua những lời giảng của ngài – những điều ngài đã nói đã khiến chúng tôi vô cùng kinh ngạc.

Và Thánh Paissios, được tràn đầy Thánh Thần, như một vị thầy dày dạn kinh nghiệm, đã bắt đầu vạch trần một cách khôn ngoan và đầy sự khôn ngoan của Thiên Chúa những sai lầm dị giáo cùng tác hại hủy hoại linh hồn của chúng, đồng thời nhiệt thành giảng dạy cho họ về đức tin thánh thiện, Chính Thống và cứu rỗi linh hồn, cũng như hướng dẫn họ đi trên con đường chân lý. Và trong một thời gian dài, Thánh Paissios đã trò chuyện với họ dựa trên Kinh Thánh và các sách được Thánh Linh soi dẫn, dạy họ tin vào Chúa Ba Ngôi và thành kính tuyên xưng chân lý này, đồng thời dẫn dắt vị tu sĩ già ấy cùng tất cả những ai đi cùng ông đến sự ăn năn về sự lầm lạc trước đây của họ; và sau khi soi sáng cho họ như vậy, ngài quay trở lại sa mạc của mình, cất tiếng hát những lời cầu nguyện tạ ơn Chúa. Khi ngài sắp đến sa mạc, bỗng nhiên một ánh sáng rực rỡ chiếu sáng trước mắt ngài, và khi nhìn xung quanh, ngài thấy cả sa mạc ấy tràn ngập các đạo binh Thiên thần ; ngạc nhiên, ông bối rối không biết đó là điều gì, và cầu xin Chúa giải thích cho ông ý nghĩa của tất cả những gì ông đã thấy. Ngay lập tức, vị Thiên thần thánh thiện đi cùng ông nói:

– Chúa đã cho ngươi thấy tất cả những điều này để ngươi biết rằng, dù có ngươi hay không có ngươi, các Thiên thần, theo lệnh của Ngài, vẫn bảo vệ các tu sĩ đang cư ngụ trong sa mạc này, như chính Chúa đã hứa với ngươi.

Và Paissios, sau khi dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, Đấng Quan Phòng của muôn loài, đã tiếp tục đi về phòng tu của mình.

Phần kể tiếp theo sẽ đề cập đến ân tứ tiên tri của Thánh Paissios, cụ thể là sự sáng suốt mà vị thánh nhân này được ban cho.

Danh tiếng về Thánh Paissios Thần Thánh lan rộng khắp nơi, và nhiều người đức hạnh đã tìm đến ngài để được gặp gỡ và trò chuyện; trong số đó có Thánh Pimen, lúc bấy giờ còn rất trẻ, đã nung nấu khát khao được gặp Thánh Paissios. Cậu đến gặp Thánh Phavl và nài nỉ ngài đi cùng mình đến gặp Thánh Paissios vĩ đại: Thánh Phavl thường xuyên đến thăm Thánh Paissios. Nhưng trước lời thỉnh cầu này, ngài nói với Pimen:

– Con còn quá trẻ, và ta thấy xấu hổ khi dẫn con đến gặp vị thánh nhân này; vì ngài là một vị thánh vĩ đại của Chúa và yêu thích sự tĩnh lặng, và chúng ta không thể dễ dàng đến gặp ngài, mà phải có sự cân nhắc, và cũng không phải lúc nào cũng được, mà chỉ vào những thời điểm thích hợp – vì lợi ích của tâm hồn.

Pimen liền đáp lại:

– Nhưng thưa cha, khi đến gặp ngài cùng với cha, con sẽ đứng bên ngoài phòng tu, còn cha sẽ một mình vào gặp vị thánh nhân – đối với con, chỉ cần được nghe giọng nói của ngài khi ngài trò chuyện với cha thôi cũng đã là một sự an ủi lớn lao rồi; nhưng ngay cả khi con không được nghe giọng nói của ngài, thì dù sao đi nữa, tôi sẽ chạm vào phòng tu của ngài, và khi cha ra khỏi đó, tôi sẽ chạm vào cả đôi chân thánh thiện của cha, những đôi chân đã bước vào phòng tu, và lấy một ít đất nơi những bước chân thánh thiện của vị thánh đã đi qua – và điều đó sẽ là niềm vui lớn lao đối với tôi.

Thánh Phaolô, thấy Pimen nói tất cả những điều này với lòng khiêm nhường sâu sắc và đức tin chân thành, đã đưa anh ta theo và đi gặp Thánh Paissios vĩ đại; khi đến phòng tu của vị thánh, Phaolô một mình bước vào, còn Pimen ở lại bên ngoài.

Tiếp đón Phaolô với tình yêu thương như một người cha, Thánh Paissius hỏi ông về cậu thiếu niên Pimen, người mà dù chưa từng nhìn thấy bằng mắt thịt, nhưng bằng con mắt tâm linh, ngài đã nhận ra cậu từ xa – và nói với Phaolô:

– Bạn đồng hành của con – cậu thiếu niên ấy – đâu rồi?

Phaolô đáp:

– Thưa cha, cậu ấy vẫn ở ngoài phòng tu, vì cậu ấy sợ và xấu hổ không dám vào gặp cha!

Lúc đó, vị thánh ra lệnh cho Pimen vào, rồi nói:

– Không nên cản trở những ai đến thăm chúng ta, những người mà Đấng Cứu Thế đã ban cho con đường lên trời được thuận lợi; và Ngài cũng đã phán với loài người trong Phúc Âm thánh: *"Nếu các ngươi không trở lại và trở nên như trẻ nhỏ, thì sẽ không được vào Nước Trời"* (Ma-thi-ơ 18:3).

Nói xong, Thánh Paissios nắm lấy cậu thiếu niên, quay mặt cậu về phía mình và ban phước lành cho cậu, rồi nói với Phaolô:

– Hãy tin tôi, Pavel thân mến, rằng thiếu niên này sẽ cứu rỗi linh hồn của nhiều người, và nhờ cậu ấy, nhiều người sẽ được hưởng ân sủng của Nước Trời, vì cùng với cậu ấy là bàn tay của Chúa, bảo vệ và dẫn dắt cậu ấy trên con đường Thánh Thần.

Nói xong, Thánh Paissios đặt tay lên đầu Pimen, lại ban phước cho cậu, và sau một cuộc trò chuyện khá dài về sự cứu rỗi tâm hồn, ngài tiễn họ ra về trong bình an; còn bản thân ngài, trong im lặng, tiếp tục tu hành với những việc khổ hạnh thường ngày của mình.

Tuy nhiên, đã đến lúc kể về những phép lạ vinh quang của Thánh Paissios.

Tại các vùng đất Syria có một vị tu sĩ ăn chay vĩ đại – một con người được trang bị vô số đức tính cao quý; một lần nọ, khi vị tu sĩ này đang đứng cầu nguyện, ngài bất giác tự hỏi: "Ngài giống ai trong số những người đã làm đẹp lòng Chúa?" Vừa mới nghĩ đến điều đó, ngài bỗng nghe thấy một tiếng nói từ trên trời:

– Hãy đi đến xứ Ai Cập, và ở đó ngươi sẽ gặp một người tên là Paissios, người có lòng khiêm nhường và tình yêu đối với Chúa giống như ngươi.

Nghe vậy, vị tu sĩ đáng kính ấy lập tức vội vã thu dọn hành trang, và không màng đến chặng đường xa xôi hay những vất vả gian nan, ông liền lên đường từ Syria đến Ai Cập; khi đến Núi Nitria[4487] , ông hỏi về Paissios: "Ông ấy đang ở đâu?" Và vì tên của Paissios đã được biết đến khắp nơi, nên người ta ngay lập tức chỉ cho ông nơi cư ngụ của vị ấy; còn đối với Paissios, sự đến của vị tu sĩ già cũng không phải là điều bí mật, mà nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời – đã được tiết lộ; và thế là, đứng dậy, ông lên đường ra đón vị tu sĩ già. Khi gặp nhau ở sa mạc, họ ân cần ôm nhau và trao nhau nụ hôn thánh thiêng về Chúa; sau đó, khi đến phòng của Paîsii và dâng lời cầu nguyện, họ ngồi xuống và bắt đầu trò chuyện.

Vị tu sĩ già là người đầu tiên lên tiếng với thánh Paissios; ông nói qua người phiên dịch bằng tiếng Syriac, vì ông không biết nói tiếng Ai Cập. Còn Paissios, là người Ai Cập, đã rất đau lòng vì không biết tiếng Syriac, bởi ông không muốn bỏ lỡ bất kỳ lời nào hữu ích từ vị tu sĩ già. Và thế là, ngài ngước mắt lên trời và hướng tâm trí về Thiên Chúa, rồi thở dài từ tận đáy lòng và nói:

– Hỡi Con, Lời của Đức Chúa Trời, xin ban cho con, tôi tớ của Ngài, sự hiểu biết về sức mạnh của những lời nói từ vị trưởng lão thánh thiện này!

Và ngay khi anh vừa nói xong điều đó – Ôi, sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời luôn gần gũi với chúng ta biết bao! – ngay lập tức anh ta bắt đầu hiểu được cuộc trò chuyện bằng tiếng Syriac của vị tu sĩ già và, được Thánh Thần soi sáng, anh ta bắt đầu nói chuyện với ông bằng chính tiếng Syriac đó, và cả hai cùng tận hưởng những cuộc trò chuyện được Thánh Thần soi dẫn mà không cần thông dịch viên, chia sẻ với nhau về những công việc tu hành mà Thiên Chúa đã giao phó cho họ, và – những ân sủng nào mà mỗi người trong họ đã được Chúa ban cho.

Họ ở bên nhau như vậy trong sáu ngày, đắm chìm trong sự ngọt ngào thiêng liêng và hân hoan vì Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Rỗi của họ. Khi những cuộc trò chuyện cứu rỗi linh hồn kết thúc, lúc vị tu sĩ già đã định trở về nhà mình, Thánh Paissios đã gọi tất cả các môn đệ đang ở cùng ngài lúc đó và nói với họ:

– Hỡi các con yêu dấu, vị tu sĩ đáng kính này, với đức hạnh trọn vẹn, – tràn đầy ân sủng của Thánh Thần; vậy nên, tất cả hãy đến đây để được nhận lời chúc lành của ngài, và hãy đón nhận những lời cầu nguyện của ngài để bảo vệ các con khỏi mọi sự vu khống của kẻ thù.

Sau khi Thánh Paissios nói xong, tất cả các môn đệ của ngài đều dâng lên vị trưởng lão người Syria sự tôn kính xứng đáng và nhận lời chúc phúc từ ngài. Sau đó, sau khi cầu nguyện với Chúa cho các môn đệ của Thánh Paissios và trao cho ngài nụ hôn thân ái nhân danh Chúa Kitô, cũng như chia tay với toàn thể anh em, vị tu sĩ già này, được Thánh Paissios và các môn đệ của ngài tháp tùng, đã lên đường trở về quê hương.

Một thời gian ngắn sau khi vị tu sĩ già ra đi, có một vị tu sĩ sống tách biệt với những người khác đến gặp Thánh Paissios; các môn đệ của ngài nói với ông:

– Hỡi người anh em yêu dấu! Vừa rồi, có một người của Chúa, một vị tu sĩ vĩ đại trong số các bậc tiền bối, đến từ xứ Syria, đã ở đây với chúng tôi; ông ấy sáng suốt cả về trí tuệ lẫn tâm hồn, và đã củng cố chúng tôi rất nhiều bằng những lời giảng dạy cứu rỗi linh hồn; ông ấy vừa mới trở về nhà, và nếu anh muốn gặp ông ấy thì có thể: vì ông ấy chưa đi xa lắm và hiện đang ở đâu đó gần chúng ta; – vậy nên, hãy cố gắng đuổi theo ông ấy, để được nhận lời chúc phúc từ ông ấy.

[4487] Ở phía bắc Ai Cập, tại đồng bằng sông Nile.

Và người anh em ấy quyết định lập tức đi theo bước chân của vị tu sĩ già. Nhưng thánh Paissios nói với anh ta:

– Đừng đi: vị tu sĩ đáng kính ấy đã đi qua hơn tám mươi chặng đường, vì ngài đang được những đám mây nâng đỡ.

Sau khi vị thánh nói điều đó, mọi người đều ngạc nhiên và ngợi khen Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài.

Một lần nọ, có một người anh em đến gặp Thánh Paissius vì muốn được gặp ngài, và thấy ngài đang ngủ; bên cạnh đầu ngài, anh ta thấy Thiên Thần Hộ Mệnh đang đứng đó, trông rất đẹp đẽ, và anh ta ngạc nhiên nói: "Quả thật, Đức Chúa Trời bảo vệ những ai yêu mến Ngài!" Vị tu sĩ ấy không dám lại gần vị cha đang ngủ, vì sợ sự hiện diện của Thiên Thần, và sau khi tạ ơn Chúa, ông ra về, nhận được ân huệ lớn lao từ việc được chứng kiến Thiên Thần của Chúa bên cạnh vị thánh.

Một trong những môn đệ của Thánh Paissios, tuân theo lệnh của ngài, đã lên đường đến Ai Cập để bán những sản phẩm thủ công của mình; trên đường đi, anh tình cờ gặp một người Do Thái cũng đang trên đường đến Ai Cập và đã đi cùng người ấy. Trên đường đi, người Do Thái ấy, khi thấy sự đơn sơ của anh, đã bắt đầu tuôn ra những lời độc địa từ miệng mình, chứa đựng nọc độc mà con rắn xảo quyệt đã gieo vào lòng anh ta, và nói với vị tu sĩ, trong số những điều khác:

– Hỡi người thân yêu! Tại sao ngài lại tin tưởng đến thế vào một Con Người đơn sơ, bị đóng đinh, trong khi Ngài hoàn toàn không phải là Đấng Mê-si-a được mong đợi? Phải có một người khác đến, chứ không phải Ngài.

Sau khi người Do Thái nói với anh ta nhiều lời xảo trá và độc ác khác, vị tu sĩ, vì sự yếu đuối về trí tuệ và lòng đơn sơ, đã bị người Do Thái lừa dối: anh ta lắng nghe những lời của hắn như thể đó là sự thật và thậm chí còn thốt lên một lần:

– Có lẽ những gì ngươi nói là sự thật.

Ôi, sự cám dỗ và tai họa bất ngờ! Vì vị tu sĩ này (ôi, thật đáng buồn cho tôi) ngay lập tức đã mất đi ân sủng của phép rửa tội, như sẽ được đề cập dưới đây.

Khi anh ta trở lại sa mạc và đến gặp Thánh Paissios, vị tu sĩ già dường như trở nên khó gần với anh ta: ông không chỉ không muốn nhìn học trò của mình, mà còn tránh né anh ta ở mọi nơi và không đáp lại anh ta dù chỉ một lời. Và trong một thời gian dài, vị cha ấy vẫn tránh né đệ tử của mình, còn người đệ tử này thì vô cùng đau khổ và lòng đầy xót xa, không biết mình có lỗi lầm hay tội lỗi gì trước mặt Thánh Paissios. Cuối cùng, khi tìm được thời cơ thích hợp, vị tu sĩ đến gặp vị thánh và, quỳ xuống dưới chân ngài, nói:

– Tại sao, thưa cha, cha lại quay mặt đi khỏi con và khinh bỉ con, một đệ tử tội lỗi của cha? Và tại sao những điều mà trước đây cha chưa bao giờ làm, thì giờ đây cha lại đối xử với con như vậy, quay mặt đi khỏi con, như thể con là một kẻ đáng ghê tởm vậy.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Ngươi là ai, hỡi người kia? Ta không biết ngươi.

Vị tu sĩ đáp lại:

– Thưa Cha, Cha thấy điều gì lạ lùng ở con mà không nhận ra con? Chẳng phải con là đệ tử của Cha sao? – và nói tên mình.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Đệ tử của ta trước đây là một Kitô hữu và được ân sủng rửa tội, còn ngươi thì không như vậy; nhưng nếu ngươi thực sự là đệ tử của ta, thì quả thật ân sủng rửa tội đã rời bỏ ngươi và hình ảnh của một Kitô hữu cũng đã bị tước đoạt. Vậy thì, hãy nói cho tôi biết, chuyện gì đã xảy ra với con? Hãy kể lại về cám dỗ mà con đã gặp phải, và con đã nuốt phải loại độc dược hủy hoại tâm hồn nào trên con đường của mình?

– Xin tha thứ cho con, thưa Cha, – vị tu sĩ đáp lại, – con không làm gì cả.

Vị thánh nói:

– Hãy tránh xa ta cùng với tất cả những ai đã từ bỏ Chúa – ta không muốn trò chuyện với ngươi; vì nếu ngươi vẫn là môn đệ của ta như trước đây, thì ta sẽ thấy ngươi vẫn như xưa.

Lúc đó, nhà tu thở dài, nước mắt tuôn trào đầy xúc động, nói:

– Chính tôi là môn đệ của ngài, chứ không phải ai khác, và tôi không biết mình đã làm điều gì sai.

Sau đó, Thánh Paissios hỏi anh ta:

– Ngươi đã trò chuyện với ai trên đường?

– Với một người Do Thái, – vị tu sĩ trả lời, – và không phải ai khác.

Lúc đó, vị thánh nói với anh ta:

– Người Do Thái đó đã nói gì với con và con đã trả lời anh ta thế nào?

Đệ tử của vị thánh đáp lại:

– Người Do Thái đó không nói gì khác với tôi ngoài việc nói rằng Đấng Christ mà các ngài thờ lạy không phải là Đấng Christ thật, rằng Đấng Cứu Thế vẫn chưa đến thế gian; còn tôi thì trả lời anh ta rằng – có lẽ những gì anh nói cũng đúng.

Lúc đó, vị thánh già kêu lên:

– Ôi, kẻ khốn nạn! Còn điều gì tệ hại và xấu xa hơn lời nói này, lời mà ngươi đã từ chối Đức Kitô và Phép Rửa Thánh của Ngài? Bây giờ hãy đi và than khóc cho chính mình tùy ý, vì ngươi không còn chỗ nào với ta nữa, nhưng tên ngươi đã được ghi cùng với những kẻ đã từ chối Đức Kitô – ngươi sẽ cùng họ chịu phán xét và hình phạt.

Sau những lời của vị tu sĩ già, môn đệ của ông, thở dài và khóc lóc, ngước mắt lên trời và khẩn cầu thưa với vị thánh:

– Thưa Cha, xin thương xót con, kẻ khốn khổ này, và ban bình an cho linh hồn con! Vì sự bất cẩn mà con đã đánh mất sự soi sáng thiêng liêng và trở thành niềm vui, sự hân hoan cho những ác quỷ xảo quyệt, – con không biết giờ đây mình phải làm gì; nhưng con chạy đến với Chúa và những lời cầu nguyện thánh thiện của cha, – xin đừng khinh bỉ con, kẻ tội lỗi này, và xin cầu thay cho con trước Chúa Kitô, – để Ngài ban lại lòng thương xót của Ngài cho con!

Khi anh ta cầu nguyện như vậy – làm lay động lòng vị tu sĩ già bằng những giọt nước mắt hơn là bằng lời nói – vị thánh cảm động khi nhìn anh ta và nói với anh ta:

– Hãy kiên nhẫn, con ơi, – giờ đây chúng ta phải khẩn cầu lòng nhân từ của Đức Chúa Trời yêu thương loài người cho con.

Nói xong, vị thánh nhân lui vào phòng để cầu nguyện và bắt đầu khẩn cầu Chúa, xin Ngài tha thứ tội lỗi cho môn đệ của mình, người đã phạm tội trước mặt Ngài vì sự bất cẩn và thiếu thận trọng. Và Chúa, Đấng không bao giờ khinh miệt, mà luôn đáp ứng những lời cầu nguyện của người được Ngài yêu mến, đã thương xót và tha thứ cho người đã phạm tội; và dấu hiệu của sự tha thứ chính là thị kiến sau đây: vị thánh nhân đã chứng kiến ân sủng của Thánh Thần, trở lại dưới hình dạng một con bồ câu đến với đệ tử ấy và đi vào miệng anh ta, đồng thời ngài cũng thấy linh hồn xấu xa thoát ra khỏi vị tu sĩ đã phạm tội dưới hình dạng làn khói đen, và lan tỏa trong không khí.

Thấy điều đó, vị thánh nhân tin chắc rằng Chúa đã ban sự tha thứ cho người anh em ấy và, quay sang anh ta, ngài nói:

– Hỡi con, hãy cùng ta dâng vinh quang và lời tạ ơn lên Đức Kitô Thiên Chúa, vì linh hồn ô uế và phỉ báng đã ra khỏi con, thay vào đó, Thánh Thần đã ngự vào con, ban lại cho con ân sủng của phép Rửa Tội; vì vậy, giờ đây hãy tự giữ mình, để đừng vì lười biếng và bất cẩn mà lại sa vào lưới của kẻ thù, và sau khi phạm tội, đừng phải chịu lửa địa ngục.

Đó là một trong những phép lạ của Thánh Paissios; nhưng chúng ta hãy tiếp tục câu chuyện về những việc làm vinh quang khác của ngài.

Một lần nọ, có một vị tu sĩ già tên là Gioan đến gặp Thánh Paissios; ông đã dành nhiều năm trong sa mạc để tu tập việc ăn chay. Vị tu sĩ này đang rất đói và cần thức ăn. Thánh Paissios, bằng linh hồn, nhận ra rằng Gioan đang rất đói, bèn nói với môn đệ của mình:

– Hãy mau chóng chuẩn bị bữa ăn cho chúng ta và mang thức ăn đến, để chúng ta cùng cha Ioann dùng bữa.

Khi bữa ăn đã được chuẩn bị xong, vị thánh Pa-xi-ô mời Gioan dùng bữa, và nói:

– Vì đã nhịn ăn quá lâu, giờ đây anh cần thức ăn; vậy hãy nếm thử và lấy lại sức đi.

Thánh Gioan đáp lại:

– Xin tha thứ cho con, thưa cha; hiện nay đang là mùa chay, và vì vô số tội lỗi, con phải ăn chay.

Lúc đó, vị tu sĩ già, ngạc nhiên trước sự kiêng khem của Gioan, liền đứng dậy, ngước mắt lên trời và từ tận đáy lòng thốt lên:

– Lạy Chúa, xin hãy viếng thăm tôi tớ của Ngài là Gioan, người đang vất vả vì danh Ngài!

Trong lúc Pa-i-si đang cầu nguyện như vậy, – nhờ công đức của ông, người mà ông đang dâng lời cầu nguyện này đã được Thiên Chúa ban cho một sự soi sáng vĩ đại và rực rỡ; – và kìa, Gioan, như thể đang chìm đắm trong niềm hân hoan, đã thấy một thiếu niên xinh đẹp, tay cầm thức ăn và đồ uống, dâng lên cho ông để ông được

hồi phục sau cơn đói khát; khi tỉnh táo lại, ông tràn ngập niềm ngọt ngào vô biên, như thể đã no nê hoàn toàn bởi bữa tiệc dồi dào, và không còn cần đến thức ăn mà vị tu sĩ già dâng nữa, vì đã được no nê bởi thức ăn thiên đàng; nhưng sau khi tạ ơn Thiên Chúa và vị thánh Paissios, người được Ngài yêu mến, ông trở về sa mạc của mình và càng nỗ lực hơn nữa trong việc ăn chay, liên tục tự nhủ với chính mình:

– Ta đã ăn một bữa thật ngọt ngào; vậy thì, ta sẽ ăn chay với lòng nhiệt thành.

Vậy, vị thánh phúc lành Gioan này, được củng cố bởi những lời cầu nguyện của thánh Paissios, đã tiến bộ trong việc ăn chay.

"Khi thỉnh thoảng tôi ngồi bên cạnh Thánh Paissios," Thánh Gioan Kolov viết, "một số tu sĩ đến gặp ngài, mong nghe những lời có ích cho linh hồn họ và thường xin ngài:

– Xin cha hãy nói cho chúng con nghe về sự cứu rỗi của chúng con, – chúng con phải sống như thế nào cho Chúa?

Vị trưởng lão đáp lại họ rằng:

– Hãy tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và gìn giữ những truyền thống của các bậc tiền bối.

Và một lần khác, các tu sĩ lại thỉnh cầu ngài:

– Xin Cha hãy nói cho chúng con nghe thêm điều gì đó có ích cho linh hồn chúng con.

Vị thánh nhân ấy, bằng đôi mắt thấu suốt của mình, đã nhìn thấu những suy nghĩ của họ, và nói với mỗi người chính điều mà người đó đang nghĩ; đồng thời, ngài cũng chỉ cho họ biết những suy nghĩ nào là tốt lành, những suy nghĩ nào là xấu xa, và nguyên nhân nào đã khiến những suy nghĩ ấy nảy sinh trong lòng họ.

Các tu sĩ này, vô cùng kinh ngạc trước sự thấu suốt của vị trưởng lão, đã nói với tôi (theo lời kể của Ioann Kolov) trong một cuộc trò chuyện riêng tư:

– Quả thật, thưa Cha Ioann, Abba Paisius đã mở ra cho chúng con tất cả những bí mật trong lòng chúng con, và những điều mà chỉ có một mình Đức Chúa Trời mới biết, ngài đã nhìn thấy rõ ràng trong chúng con.

Tôi liền đáp lại họ:

– Chúng tôi cũng đã nhiều lần trải nghiệm sự thấu hiểu này của ngài; nếu các anh em tin tôi, tôi sẽ nói cho các anh em sự thật, vì tôi không có ý định nói gì khác về ngài ngoài sự thật: bởi chúng ta sợ Đấng Phán Xét chân chính, Đấng đã phán trong Phúc Âm thánh: *"Bằng chính lời nói của mình, các ngươi sẽ được xưng công chính, và bằng chính lời nói của mình, các ngươi sẽ bị kết án"* (Ma-thi-ơ 12:37). *"Ta nói cùng các ngươi rằng: Vì mọi lời vô ích mà người ta nói ra, họ sẽ phải trả lời vào ngày phán xét"* (Ma-thi-ơ 12:36). Vậy nên, tôi nói với các anh chị em những lời chân thật và không vô ích – tất cả những gì tôi thường suy nghĩ trong lòng và những việc tôi làm lén lút khỏi người khác, cha Paissy, mỗi khi gặp tôi khi tôi đến thăm ngài, đều nói với tôi về tất cả những điều đó, như thể ngài đang ở trong phòng tu cùng với tôi và nhìn thấy mọi việc tôi làm".

Các tu sĩ, khi nghe tôi nói điều này, đã ngạc nhiên và nói:

– *"Ngài ban sức mạnh và sự vững chắc cho dân Ngài"* (Thi thiên 67:36).

Và sau đó, họ ra về, ngợi khen Chúa vì ân sủng vĩ đại mà Ngài đã ban cho tôi tớ của Ngài, Thánh Paissius.

Chúng ta cũng hãy nói thêm về sức mạnh của những lời cầu nguyện của vị thánh và cách mà chúng có thể đưa một tội nhân lớn đã xa lìa Chúa trở lại với Ngài và dẫn dắt người ấy vào con đường cứu rỗi.

Một anh em tên là Isaac, theo tiếng gọi của lòng mình, đã quyết định từ bỏ cuộc sống ẩn tu trong im lặng và định cư gần thành phố; và vì anh ta thường vào thành phố này để bán những món đồ thủ công của mình, nên chẳng bao lâu sau đã sa vào cạm bẫy tai hại: một phụ nữ Do Thái đến gần anh ta để mua một thứ gì đó trong số những món hàng anh ta đang bán; còn anh ta, khi nhìn vào khuôn mặt nàng, đã nhận ra vẻ đẹp của nàng và ngay lập tức bị bao trùm bởi những ý nghĩ ô uế dành cho nàng; cũng vậy, người phụ nữ ấy, khi thấy anh ta vẫn còn là một thiếu niên, đã hướng ánh mắt về phía anh ta, và sau cuộc trò chuyện diễn ra giữa hai người, họ đã bùng cháy trong tình yêu ma quỷ dành cho nhau. Như vậy, chẳng bao lâu sau, dưới sự xúi giục của ma quỷ, vị tu sĩ đã sa vào lưới của người phụ nữ đồi bại ấy và, sau khi mang thai, đã sinh ra điều tội lỗi: anh ta từ bỏ đời tu, cưới nàng làm vợ và – Ôi, bi kịch thay! Điều còn tồi tệ hơn nữa là – tên khốn kiếp ấy không chỉ từ bỏ đời tu mà còn từ bỏ cả đức tin của mình vì tình yêu dành cho người phụ nữ ấy; anh ta chuyển sang đạo Do Thái và, tuân theo luật Cựu Ước của họ, sống cùng với người Do Thái, trở thành bạn đồng hành thường xuyên của họ và phỉ báng Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, giống như cách người Do Thái phỉ báng: Isaac trong mọi việc đều tuân theo ý muốn của người vợ xấu xa và ô uế của mình, người đã bị bao trùm bởi sự thù hận đối với Chúa Kitô và lòng căm ghét đối với Danh Thánh của Ngài đến nỗi thường xuyên, khi đặt đầu người chồng khốn khổ của mình lên ngực mình và mở miệng anh ta

ra, bà ta dùng một cành cây nhỏ nhổ răng anh ta, đồng thời nói: "Xin đừng để lại bất kỳ phần nào của Bí tích Thánh Thể Kitô giáo giữa các răng," – vì người vợ vô đạo này cho rằng ở người Kitô hữu, Bí tích Thánh Thể Thần thánh sẽ lưu lại lâu dài giữa các răng; – và người chồng đã khuất phục trước sự thù hận của bà ta và thực sự trở thành kẻ thù của Chúa Kitô, Chúa của chúng ta. Ôi sự vô đạo! "Tôi biết," – nhà văn nói, – "rằng tất cả những ai nghe về điều này sẽ đau lòng, nhưng tôi ngạc nhiên trước sự nhẫn nại vô biên của Thiên Chúa, tình yêu thương vô bờ bến của Ngài dành cho loài người và ân sủng thiêng liêng vô tận của Ngài, không chỉ yêu thương những người công chính, mà còn thương xót cả những kẻ tội lỗi, và bằng sự viếng thăm thầm lặng, chạm đến trái tim họ, giống như tia nắng mặt trời, khi đi qua một khe hở nhỏ trong ngôi đền bị đóng kín bốn bề, chiếu sáng toàn bộ ngôi đền ấy. Tuy nhiên, tôi lại quay trở lại câu chuyện đã bị gián đoạn.

Vị tu sĩ khốn khổ ấy, khi xa rời đời tu và đạo Kitô, rồi vì sự vô tín tai hại của mình mà rơi xuống vực thẳm địa ngục, sau một thời gian khá dài kể từ khi sa vào tội lỗi ấy, cuối cùng cũng bắt đầu dần dần tỉnh ngộ và, dưới sự cắn rứt của lương tâm, bắt đầu nhận ra sự diệt vong của chính mình. Vào thời điểm đó, một số tu sĩ trong sa mạc nơi mà trước đây tu sĩ Isaac đã sa ngã từng thực hành cuộc sống khổ hạnh, phải vào thành phố để lo những việc cần thiết. Theo sự an bài của Đức Chúa Trời, các tu sĩ đó phải đi ngang qua ngôi nhà nơi anh ta, bị cám dỗ, đang sống cùng với người vợ Do Thái của mình; khi thấy họ đi ngang qua, anh ta lập tức cảm thấy lòng tan nát, nhớ lại cuộc đời trước đây của mình và đoàn thánh nhân đáng kính; bước ra khỏi nhà để gặp họ, anh ta bắt đầu hỏi họ: "Các anh từ đâu đến, là ai và tại sao lại đến đây?" Họ trả lời anh ta:

– Chúng tôi đến từ sa mạc Nitria[4488] , là các đệ tử của vị vĩ đại Paissios, và đã đến đây vì những nhu cầu của mình.

Lúc đó, ông thở dài nặng nề, kể cho họ nghe tất cả về bản thân mình, và tha thiết van nài họ hãy chuyển lời thỉnh cầu của ông đến vị trưởng lão vĩ đại, để ngài cầu xin Chúa cho ông, nhờ những lời cầu nguyện của ngài mà ông được giải thoát khỏi lưới của kẻ thù. Các tu sĩ, trong lòng thương xót cho ông, đã hứa sẽ chuyển lời thỉnh cầu của ông đến vị thánh trưởng lão, và họ đã thực sự làm như vậy: khi trở về nhà, họ kể lại tất cả những điều này cho vị cha thánh. Vị trưởng lão, sau khi nghe họ kể, thở dài từ tận đáy lòng và nói:

– Ôi, các con yêu dấu, thật đáng buồn làm sao khi biết bao người đàn ông vì phụ nữ mà mất đi ân sủng của Thiên Chúa! Chúng ta có những lời cảnh báo về những người đàn ông như vậy trong các sách thánh do các vị tổ phụ xưa viết; bởi vì đối với kẻ thù, kẻ gây chiến chống lại loài người, không có vũ khí nào vững chắc hơn phụ nữ; bằng cách lợi dụng vũ khí này, kẻ thù đã dễ dàng đánh bại cả những bậc vĩ nhân: hãy nhớ đến vua Đa-vít vĩ đại cùng các cháu chắt và cháu nội của ngài; – đó là lý do tại sao chúng ta luôn phải cẩn trọng và luôn cầu nguyện cùng Chúa để thoát khỏi sự xảo trá ấy.

Nói xong, vị tu sĩ già đóng cửa trong phòng cầu nguyện của mình và, khi bắt đầu cầu nguyện, ngài đã khẩn cầu Chúa như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa và Lời Thiên Chúa! Xin đừng khinh dể công trình của chính tay Ngài và đừng để vị tu sĩ ấy mãi mãi chìm sâu trong vực thẳm hủy diệt, nhưng xin hãy nhân từ nhìn xuống từ nơi ngự của Ngài trên trời và đừng khinh dể những lời cầu nguyện mà con dâng lên Ngài: xin hãy nhận lời cầu xin cho người đã xa lìa Ngài và nay đã trở lại ăn năn: con cầu xin lòng nhân từ của Ngài, – xin hãy kêu gọi anh ta ăn năn.

Sau khi vị thánh nhân cầu nguyện như vậy trong một thời gian khá dài và không ngừng khẩn cầu lòng nhân từ của Đức Chúa Trời, lòng thương xót của Ngài đã được lay động bởi những lời cầu xin của ngài; vì Đấng Cứu Thế không khinh dể những lời cầu nguyện của những ai yêu mến Ngài. Chính Đức Chúa Trời đã hiện ra trước mặt vị thánh nhân già, và Đấng Biết Tất Cả đã hỏi ngài:

– Ngươi đang kêu cầu Ta ngày đêm vì ai vậy? Chẳng phải là vì kẻ đã từ bỏ Ta và giờ đây đã sang phe kẻ thù – kẻ khốn nạn, người từng là tu sĩ, nhưng giờ đã trở thành người Do Thái sao? Chẳng phải ngươi đang cầu nguyện cho người này sao, Paissios, người được Ta yêu mến?

Vị tu sĩ già đáp lại Chúa rằng:

– Con đang cầu xin lòng nhân từ của Ngài cho người ấy, lạy Chúa nhân ái. Nhìn vào lòng nhân từ của Ngài, vốn kêu gọi mọi người đến sự cứu rỗi và không muốn kẻ có tội phải chết, mà chỉ chờ đợi sự ăn năn của họ – vì

[4488] Thánh Ammon, người cùng thời với Thánh Antôn, là người đặt nền móng cho đời sống tu hành tại sa mạc Nitria. Tại chính Nitria, Thánh Ammon đã thành lập một tu viện, còn Thánh Antôn là người khởi xướng việc xây dựng các tu viện nhỏ. Vào cuối thế kỷ IV, nơi đây có tới 50 tu viện, được tổ chức theo hiến chương của Thánh Pachomius. Phía nam Nitria là sa mạc Skete, nơi có nhiều tu sĩ sinh sống.

những ân huệ đó của Ngài, con dám xin Ngài thương xót người ấy: xin Ngài, Đấng Chăn Chiên nhân từ, hãy gọi con chiên lạc đường trở lại, hãy gọi nó trở lại trong chuồng của Ngài và hãy thương xót nó.

Trước lời cầu nguyện này, Chúa đã phán với ông:

– Hỡi người được Ta yêu mến! Lòng đạo đức của ngươi thật vĩ đại: vì ngươi, noi gương tình yêu của Ta, lo lắng cho sự cứu rỗi của những kẻ tội lỗi; vì thế, đừng buồn phiền: điều ngươi xin sẽ được ban cho ngươi.

Nói xong, Chúa lên trời. Một thời gian ngắn sau, người phụ nữ Do Thái độc ác ấy, bị cơn thịnh nộ của Chúa giáng xuống, đã qua đời. Còn Isaac thì lại trở về sa mạc, đến trước mặt vị thánh nhân, quỳ xuống dưới chân thánh của ngài, khóc lóc và xưng thú tội lỗi của mình; sự trở về và sự ăn năn của anh đã mang lại niềm vui lớn lao cho vị thánh nhân và tất cả các vị cha trong sa mạc ấy. Sau những lời dạy dỗ của vị cha thánh vĩ đại, tu sĩ này lại trở về với đức tin xưa và một lần nữa khoác lên mình hình ảnh thiên thần; ông đã nỗ lực trong những công việc vất vả, khóc lóc và đau xót vì những tội lỗi của mình; và sau khi sống trọn vẹn những ngày còn lại trong sự sám hối, đạo đức và đẹp lòng Chúa, ông đã về với Chúa. Và tất cả những điều này, người tội nhân đã nhận được nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Paissios: ông đã sám hối và được cứu rỗi; còn chúng ta, những người nghe những việc làm vinh quang này, phải tôn vinh và ca ngợi Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng đã tôn vinh vị thánh của Ngài như vậy.

Trong số các đệ tử của Thánh Paissios có một vị tu sĩ già, người có những thói quen và tính cách hoàn toàn trần tục; và khi các tu sĩ đến gặp Thánh Paissios để được dạy dỗ và lắng nghe những lời được Thánh Thần soi dẫn của ngài, – vị lão tu sĩ ấy cũng lắng nghe cùng với họ, nhưng ông ta không thu được lợi ích gì từ điều đó, vì trong lòng ông ta không có mảnh đất được canh tác tốt và ẩm ướt, mà trái tim ông ta cứng như đá, nên hạt giống tốt lành của những lời giảng dạy thiêng liêng không thể bén rễ và nảy mầm trong lòng ông ta: thỉnh thoảng ông ta thậm chí còn phỉ báng những lời của vị thánh; bởi vì khi rời khỏi sự hiện diện của vị thánh, vị tu sĩ già ấy, trước mặt các tu sĩ khác, thỉnh thoảng lại tự cho phép mình chửi rủa những lời giảng dạy của Thánh Paissios, đồng thời chỉ nói những lời dối trá làm hư hỏng và phỉ báng, đúng như thói quen của những người trần tục và vô đạo – và một số tu sĩ đã bị cám dỗ bởi những lời phỉ báng mà họ nghe được từ ông ta. Sau một thời gian khá dài, các tu sĩ, không còn muốn nghe những lời làm hư hỏng của ông ta nữa, nhưng cũng không dám tự mình kể lại điều đó với vị Thánh Cha, đã đến gặp một vị tu sĩ yêu mến Thiên Chúa và có đức hạnh, để than phiền về vị tu sĩ già tính tình xấu xa đó; lúc đó, vị tu sĩ này đã cùng họ đến gặp Thánh Paissios vĩ đại.

Vào lúc đó, khi vị thánh đang một mình suy ngẫm về Thiên Chúa, bỗng nghe thấy tiếng Thiên thần:

– Hãy biết rằng, thưa Cha, vị tu sĩ già đang ở cùng các môn đệ của Cha đang gây ra những cám dỗ và lôi kéo các anh em khác sa ngã; vì vậy, cần phải chấm dứt thói quen vô kỷ luật của ông ta và sửa chữa ông ta bằng các điều răn.

Nghe tiếng nói ấy, Thánh Paissios đáp lại:

– Nếu biết rằng mình có thể sửa đổi ông ta, thì tôi đã làm điều đó từ lâu rồi. Nhưng vì ma quỷ đang rình rập để hủy diệt ông ta và, bằng sự xảo quyệt, dụ dỗ ông ta sa vào lưới của nó, nên tôi không thể nói với ông ta bất cứ lời nào quá khắc nghiệt, để ông ta không tiếp nhận lời tôi với sự cay đắng và coi đó là sự xúc phạm: bởi vì trong trường hợp đó, ông ta có thể rời khỏi cộng đồng các anh em và sa mạc, rồi lại trở về thế gian; lúc đó tôi sẽ trở thành kẻ gây ra sự hủy diệt của anh ta và phải chịu trách nhiệm trước Thiên Chúa, vì đã không thể kiên nhẫn với người anh em đang bị kẻ thù quấy rối; điều cần làm là cầu nguyện cho anh ta, để Chúa chữa lành anh ta khỏi căn bệnh này.

Nói xong, ông bắt đầu cầu nguyện cho vị tu sĩ già ấy, và ngay lập tức nhìn thấy một linh hồn phỉ báng và vô liêm sỉ đang thoát ra khỏi vị tu sĩ già. Sau đó, cùng với vị tu sĩ yêu mến Thiên Chúa ấy, các anh em đến gặp vị cha, nhưng trước khi họ kịp kể về vị tu sĩ già ngỗ nghịch, chính ông ta cũng theo sau họ đến, quỳ xuống dưới chân vị thánh cha, dùng nước mắt rửa chân ngài, ăn năn và xin tha thứ, đồng thời hứa sẽ sửa đổi cuộc đời mình. Sau đó, ông trở nên hiền lành và vâng lời: ông hân hoan lắng nghe những lời giảng dạy đầy ân sủng từ miệng vị cha thánh, và bằng mọi cách cố gắng thực hành những gì ông tiếp thu được từ những lời dạy ấy. Và chẳng bao lâu sau, anh ta đã vượt trội hơn nhiều người về đức hạnh, trở thành một ẩn sĩ dày dạn kinh nghiệm – và tất cả điều này đều nhờ sự giúp đỡ và những lời cầu nguyện của Thánh Paissios, người đã xin Chúa ban cho anh ta ân sủng lớn lao.

Nhưng nói đến đây là đủ rồi; không thể không nhắc đến những việc làm cao quý khác của Thánh Paîsios: vì vậy, chúng ta sẽ dừng lại ở đây khi nói về vô số phép lạ của ngài, bởi không thể mô tả chi tiết tất cả những việc làm kỳ diệu ấy; vậy nên, sau khi đã nói khá nhiều về chúng, chúng ta sẽ không đề cập đến những điều còn lại.

Một lần nọ, hai anh em trẻ đến gặp Thánh Paissios tại sa mạc và, theo lệnh của ngài, họ bắt đầu sống cùng với các tu sĩ khác đang ở trong tu viện của ngài; còn chính Thánh Paissios cùng với đệ tử của mình thì sống riêng biệt trong sa mạc, cách xa tu viện của ngài.

Trong một thời gian dài, hai anh em ấy đã thực hành đức vâng lời; cuối cùng, khi đến gặp vị thánh nhân, họ xin ngài cho phép họ được sống một mình trong sa mạc, theo lối ẩn tu. Vị Thánh, khi thấy khát khao mãnh liệt của họ đối với việc tu hành khổ hạnh và nhận ra rằng họ có khả năng sống trong sự tĩnh lặng đặc biệt của sa mạc, đã đáp ứng nguyện vọng của họ và ban phước cho họ chuyển từ tu viện sang cuộc sống ẩn dật trong sa mạc. Và hai anh em này, sau khi tìm được một nơi yên tĩnh thích hợp cho việc tu hành trong sa mạc, đã định cư tại đó và sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa, khéo léo chiến thắng mọi cám dỗ của các linh hồn xấu xa. Còn kẻ thù vô hình, luôn ghen tị với mọi người tốt lành và biết nghĩ ra đủ mọi mưu mô đa dạng để hãm hại các tôi tớ của Chúa Kitô, đã giăng bẫy xảo quyệt lên hai tu sĩ này và toan tính lừa dối họ như sau: Một trong những ẩn sĩ sa mạc, người chưa hoàn toàn tuân giữ đức khiết tịnh của đời tu, đã bị đánh cắp số tài sản ít ỏi trong phòng tu của mình. Vị ẩn sĩ này, vì còn yếu đuối, nên đã tiếc nuối những vật bị đánh cắp và đi tìm kẻ trộm, nhưng không tìm thấy; khi nghe nói về một vị tu sĩ già có khả năng thấu thị, và hy vọng rằng vị ấy sẽ giúp ông tìm ra cả những thứ bị đánh cắp lẫn kẻ đã lấy cắp, ông đã lên đường đến gặp vị ấy: ông không dám đến gặp Thánh Paissios, vì sợ rằng ngài sẽ trách mắng ông vì lòng tham.

Khi đến gặp vị tu sĩ có khả năng thấu thị đó, vị tu sĩ bắt đầu cầu xin ông chỉ cho biết những thứ bị đánh cắp đang ở đâu và chính xác ai là kẻ đã lấy cắp. Nhưng vị tu sĩ già ấy, thực ra không được ân sủng của Đức Chúa Trời soi sáng để có khả năng thấu thị, mà chỉ nhìn thấy mọi thứ nhờ sức mạnh của ma quỷ, theo sự xúi giục của ác quỷ, đã vu khống hai tu sĩ mới chuyển đến sống trong sa mạc:

– Chính những tu sĩ này, – người có khả năng thấu thị nói, – đã thực hiện vụ trộm; hãy bắt giữ những người im lặng này và đừng thả họ ra cho đến khi họ trả lại cho ngươi tất cả.

Nghe vậy, vị ẩn sĩ lập tức vội vã đến tu viện trong sa mạc ấy; đến gặp vị tu viện trưởng và xin ông ta cử một đội canh gác hùng hậu, ông tiếp tục đi và như thể tình cờ bắt gặp hai tu sĩ im lặng kia; ông bắt giữ họ như những tên tội phạm, đánh đập và lôi kéo họ về tu viện; tại đó, họ bị giam giữ một cách nhục nhã trong ngục tối. Vị tu viện trưởng cùng các bậc trưởng lão, tin theo lời người có khả năng thấu thị ấy, đã kết án hai tu sĩ đó là kẻ trộm, tước bỏ phẩm trật tu sĩ của họ và bắt đầu tra tấn họ bằng roi vọt để ép khai về những vật bị đánh cắp. Còn Thánh Pa-si-ô, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, đã biết trước mọi chuyện đã xảy ra và thương xót hai anh em tu sĩ ấy, những người lúc đó đang phải chịu đau khổ một cách oan ức, nên ngài đứng dậy và rời khỏi phòng tu của mình để đến tu viện đó. Sự xuất hiện của ngài lập tức được biết đến khắp nơi, bởi trong giới ẩn sĩ không có tên tuổi nào lừng lẫy hơn tên Paissios, người được ca ngợi khắp nơi vì đời sống thánh thiện của mình. Để chào đón ngài, các tu sĩ từ các tu viện lân cận và các phòng ẩn tu đã tụ tập lại, thậm chí cả các vị trưởng lão cũng đến gặp ngài. Trong số đó, có cả vị trưởng lão kia, người mà do sự dụ dỗ của ma quỷ, đã tự xưng là người có khả năng tiên tri. Và khi tất cả các vị cha và các tu sĩ đều trao cho vị thánh nụ hôn thân ái nhân danh Chúa Kitô, vị cha vĩ đại của chúng ta là Paissios đã hỏi họ:

– Các con đã đưa hai tu sĩ trẻ – những người sống ẩn dật – đi đâu rồi?

Các tu sĩ im lặng. Sau đó, một số người trong số họ trả lời:

– Thưa Cha, họ là những tên trộm, và vì những việc làm xấu xa của mình mà giờ đây đang bị giam trong ngục tối.

Thánh nhân liền nói với họ:

– Ai đã nói rằng họ là những tên trộm?

Lúc đó, các tu sĩ chỉ tay về phía vị tu sĩ già có khả năng thấu thị và trả lời:

– Chính vị cha có khả năng thấu thị này đã chỉ vào họ như những tên trộm.

Lúc đó, Thánh Paissios vĩ đại hỏi vị tu sĩ già ấy:

– Lời ông nói về họ có đúng không?

Ông ấy đáp:

– Những gì tôi nói là sự thật: điều này đã được Thiên Chúa mặc khải cho tôi.

Sau đó, Thánh Paissios nói:

– Nếu khả năng thấu thị của ngươi đến từ Đức Chúa Trời, chứ không phải do sự cám dỗ của ma quỷ, thì trên môi ngươi sẽ không thấy bóng dáng của ma quỷ.

Nghe vậy, mọi người đều kinh hãi: vì ai cũng rõ rằng những lời phát ra từ miệng Thánh Paissios là sự thật; và tất cả đều quở trách người có khả năng tiên tri bị lừa dối ấy, đồng thời ép buộc anh ta phải xin lỗi vị thánh; và anh ta, tràn ngập sự xấu hổ, quỳ xuống dưới chân thánh nhân, thốt lên:

– Thưa Cha, xin tha thứ cho con và cầu nguyện cho con, kẻ đã bị lừa dối.

Và ngay khi vị thánh vừa dâng lời cầu nguyện cho hắn, thì trước mắt mọi người, từ miệng kẻ bị lừa dối, một con quỷ kiêu ngạo và dối trá đã bay ra, biến thành một con lợn rừng to lớn, rồi với cơn thịnh nộ dữ dội, nó lao vào vị thánh, như muốn xé nát ngài bằng hàm răng của mình. Nhưng vị cha thánh thiện đã nguyền rủa linh hồn ô uế ấy và đuổi nó xuống vực thẳm. Còn vị tu sĩ già, người trước đó đã bị ma quỷ lừa dối, đã cảm nhận và thậm chí tận mắt nhìn thấy sức mạnh lừa dối của ma quỷ phát ra từ hắn; tràn ngập nỗi kinh hoàng và run rẩy tột độ, ông ngã xuống đất, quỳ lăn dưới chân Thánh Paissios, và trong nước mắt, ông khẩn cầu được ngài tha thứ hoàn toàn. Các tu sĩ khác, những người đã sa vào cám dỗ và xúc phạm những người vô tội, cũng đều quỳ xuống trước vị thánh và xin ngài tha thứ. Hai tu sĩ trẻ kia được dẫn ra khỏi phòng giam, và tất cả mọi người, khi nhìn thấy họ, đều khóc vì xúc động, còn những người đã xúc phạm họ thì xin họ cầu nguyện cho mình. Còn Thánh Pa-si-ô thì dạy dỗ mọi người – hãy cẩn trọng tránh xa những cám dỗ thù địch như vậy và đừng tin vào những lời tiên tri giả dối của những kẻ cố gắng tỏ ra là thánh thiện và có khả năng thấu thị. Còn với vị tu viện trưởng của Tu viện Lavra, trong một cuộc trò chuyện riêng tư, ngài đã chỉ cho ông biết nơi cất giấu những vật bị đánh cắp, nhưng không nói gì về những kẻ đã lấy cắp. Sau đó, sau khi ban sự tha thứ cho tất cả mọi người và dâng lời cầu nguyện cho họ, ngài trở về phòng tu của mình.

Cũng vào thời gian đó và tại chính những sa mạc Ai Cập ấy, một vị thánh nhân khác của Chúa, Thánh Phaolô, đã tỏa sáng qua những công đức tu hành, và nhờ những lời cầu nguyện của ngài, Chúa cũng đã ban phát lòng thương xót vĩ đại cho loài người.

Thánh Paisei, một lần nọ muốn đến thăm ngài, bèn lên đường đến gặp ngài, và hai người gặp nhau như hai Thiên thần của Chúa và như hai chiến binh của Đấng Kitô, mạnh mẽ chiến thắng những kẻ thù vô hình và giúp đỡ lẫn nhau trong việc đó . Và cả hai đều vững chắc như một pháo đài, không thể bị đánh bại bởi bất kỳ mưu mô nào của kẻ thù, và họ trò chuyện với nhau bằng những lời đầy dẫy Thánh Thần – cùng nhau tận hưởng trái ngọt của sự im lặng; dù đã cao tuổi, họ vẫn hàng ngày thực hiện những việc làm đầy nhiệt huyết như thời thanh xuân, mỗi lần dường như lại bắt đầu từ đầu và quyết tâm sống một cuộc đời hoàn hảo hơn nữa.

Thánh Paissios lớn tuổi hơn Thánh Phaolô, còn Thánh Phaolô tuy bề ngoài trông trang nghiêm nhưng tâm hồn lại nhân hậu; và Thánh Paissios đã nói:

– Chừng nào chúng ta còn sống trên đời này, Chúa không muốn thân xác chúng ta suy yếu và lười biếng, và sẽ là nỗi hổ thẹn và xấu hổ cho chúng ta nếu khi lâm chung, chúng ta lại chìm đắm trong sự lười biếng.

Khi Thánh Paissius nói điều này, Thánh Phaolô, sau khi lắng nghe, đã đáp lại:

– Hỡi vị Mục tử tối cao, con đã tuân theo lời khuyên đáng khen ngợi và tốt lành của ngài, không để bản thân sa vào sự lười biếng, và con tin tưởng vào Chúa rằng, nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, Ngài sẽ giúp con sống cuộc đời theo ý muốn của ngài.

Sau khi sống chung với nhau một thời gian khá dài và dạy dỗ lẫn nhau bằng những lời khuyên răn, Thánh Paise và Thánh Phaolô, sau khi trao nhau nụ hôn thân ái nhân danh Chúa, đã chia tay nhau về thể xác, nhưng không chia tay về tinh thần. Thánh Phaolô ở lại nơi cũ, còn Thánh Paise trở về phòng tu của mình.

Cả hai vị thánh phụ này đều là những vị làm phép lạ, những người chữa lành các đam mê, những người hướng dẫn giàu kinh nghiệm trong công việc cứu rỗi linh hồn, những người cầu nguyện cho tất cả mọi người, những người cầu thay cho sự cứu rỗi của mỗi người và những người hướng dẫn, những người đàn ông mạnh mẽ cả về việc làm lẫn lời nói, đồng thời là tấm gương tốt cho mọi người, bởi vì những công việc tu hành của Thánh Phaolô rất được Chúa hài lòng, còn những công đức kiêng ăn siêu phàm và vô số của Thánh Paissios, được ngài thực hiện trong bí mật – dù không phải tất cả, mà chỉ một số trong số đó – thì hầu như ai cũng biết; và được biết đến chính là để khích lệ những ai nghe kể về những việc làm ấy tạ ơn Thiên Chúa Toàn Năng, đồng thời khơi dậy nơi những người đang nỗ lực một lòng nhiệt thành còn lớn lao hơn nữa: bởi không lời nói nào của con người có thể diễn tả trọn vẹn đỉnh cao của đời sống thiêng liêng nơi ngài; bởi vì ngài đã phụng sự Chúa rất nhiều trong bí mật, và không thích những việc lành của mình được người khác biết đến – và điều này tất nhiên là do lòng khiêm nhường vĩ đại của ngài. Và khi có ai trong số các anh em hỏi ngài: "Đức tính nào là cao quý nhất?" – ngài đáp: "Đó là đức tính được thực hành trong bí mật và không ai biết đến." Ngài cũng rất tôn trọng đức tính sau đây: làm mọi việc theo

ý muốn của người khác, chứ không theo ý mình. Trong suốt cuộc đời đạo đức của mình, vị thánh nhân đã xác định – và tuân thủ một cách thiêng liêng – thời điểm thích hợp cho mỗi việc làm. Ngài có lúc im lặng, có lúc nói chuyện; có lúc – lui vào sự cô độc và khép mình trong phòng tu của mình; có lúc – ra gặp các anh em và trò chuyện với họ về những điều có ích cho linh hồn. Vậy nên, trong sự im lặng, vị thánh nhân, qua con đường thăng tiến trong suy niệm về Thiên Chúa, đã đến gần Thiên Chúa; còn trong sự giao lưu với các anh em, ngài tìm kiếm sự cứu rỗi cho người lân cận; và điều kỳ diệu nhất là ngài khôn ngoan biết che giấu các đức hạnh của mình, để cuộc đời ngài không được tất cả những ai giao lưu với ngài biết đến. Khi các anh em bắt đầu ca ngợi ngài vì một việc nào đó, ngài liền bỏ việc đó và bắt đầu thực hiện một việc khác, để mọi người sớm quên đi hành động đầu tiên của ngài. "Khi tôi," tác giả cuốn tiểu sử của vị thánh Paissios kể lại, "hỏi ngài: 'Tại sao ngài lại làm như vậy? – ngài vui vẻ trả lời tôi: 'Để công đức trước đây của tôi vẫn được nguyên vẹn; vì lời khen ngợi của con người là một tai họa lớn,' ngài nói thêm, 'và ai làm việc vì nó thì sẽ nhận được ít lợi ích cho bản thân, và trong số những người như vậy, ít ai được cứu rỗi, bởi vì danh vọng hão huyền của con người gây hại cho họ rất nhiều; và Đấng Cứu Thế của chúng ta đã nói rất đúng:

– *"Hãy để tay trái của ngươi không biết tay phải đang làm gì"* (Ma-thi-ơ 6:3).

Nhớ lại những lời này và lời dạy của vị thánh (Ioan tiếp tục), tôi đi đến phần kết của câu chuyện.

Khi đã bước vào tuổi già cao niên – một vị thánh vĩ đại về cuộc đời và được soi sáng bởi các đức tính – vị thánh cha Pa-si-ô của chúng ta đã kết thúc những công việc trần thế, và Chúa đã gọi ngài về nơi an nghỉ vĩnh cửu và hạnh phúc thiên đàng. Thi thể của ngài đã được an táng một cách trang trọng bởi đông đảo các tu sĩ, còn linh hồn ngài thì bay lên để hưởng cuộc sống thiên đàng và bất tử.

Một thời gian ngắn sau đó, Thánh Phaolô, tại sa mạc hẻo lánh nhất, đã từ giã cuộc sống trần thế; bước vào cuộc sống bất lão, ngài cùng với Thánh Paise đã an nghỉ trong vinh quang của các thánh, – để như họ đã cùng nhau nỗ lực trong các công việc tu hành, thì linh hồn thánh thiện của họ cũng cùng nhau tận hưởng và sự an nghỉ vô tận. Thi hài của các ngài không nằm riêng rẽ nhau lâu: theo ý định của Thiên Chúa, chẳng bao lâu sau, các ngài cũng được an táng cùng nhau – và đây là cách mà điều đó đã xảy ra.

Thánh Isidore, vị cha đáng kính của chúng ta, người đang tu hành tại tu viện của ngài trên núi Pelusium, khi nghe tin về sự ra đi của vị thánh vĩ đại Paissios, đã lên thuyền và đến nơi an táng thi hài thánh thiện của vị cha đáng kính ấy; với lòng tôn kính và thành kính, ngài đã lấy thi hài ra khỏi đất và quấn nó trong những tấm vải liệm, Ngài đặt thi hài vào quan tài, mong muốn làm giàu cho tu viện của mình bằng báu vật vĩ đại này, quý giá hơn mọi của cải trần gian – rồi mang quan tài đó lên thuyền của mình, lên đường với niềm vui lớn lao, ca ngợi và tôn vinh Chúa. Khi ông đang đi thuyền qua gần sa mạc nơi thi hài đáng kính của Thánh Phaolô đang an nghỉ, bỗng nhiên con thuyền, như thể bị một sức mạnh kỳ diệu nào đó giữ lại, dừng lại và quay về phía vùng đất nơi sa mạc của Thánh Phaolô tọa lạc. Các thủy thủ đã vất vả rất lâu, cố gắng rời khỏi nơi này, nhưng không thể làm gì được; họ đã vật lộn như vậy suốt hai ngày và, không biết làm sao để tiếp tục hành trình, họ rơi vào tình trạng bối rối tột độ. Còn Thánh Isidore, hiểu rằng việc con tàu dừng lại này là sự an bài của Thiên Chúa, đã ra lệnh cho các thủy thủ để con tàu tự do trôi theo ý muốn của nó – và con tàu, được dẫn dắt bởi một bàn tay vô hình, đã trôi về phía bờ sa mạc nơi thi hài Thánh Phaolô đang nằm, rồi mắc cạn.

Trong khi tất cả những người trên tàu đều đau buồn và bối rối về điều này, thì từ sa mạc kia, một vị lão nhân tên là Giê-rê-mi-a đã bước lên bờ; ngài quay sang những người trên tàu và nói:

– Hỡi những người thân yêu! Sao các ngươi lại vất vả quá sức như vậy? Chẳng lẽ các ngươi không thấy rằng Thánh Paissius đang gọi người được ngài yêu mến là Thánh Phaolô sao? Ngài muốn cùng ngài được đưa về xứ sở của các ngươi và được an táng tại cùng một nơi; vậy nên, hãy mau đi để rước thi hài của ngài về.

Nghe vậy, Thánh Isidore và tất cả những người đi cùng ngài đều tràn ngập niềm vui lớn lao; sau khi lên bờ, họ hỏi vị cha đáng kính Giê-rê-mi-a rằng:

– Thi hài của Thánh Phaolô được an táng ở đâu?

Lúc đó, ông dẫn họ vào sa mạc xa xôi và chỉ cho họ quan tài của Thánh Phaolô. Sau khi lấy từ đó những di cốt thiêng liêng của ngài – quý giá hơn cả vàng và mọi loại đá quý – họ mang chúng đến đặt bên cạnh di cốt của Thánh Paissios; và ngay khi vừa bước lên tàu, con tàu lập tức tự di chuyển khỏi vị trí của mình và, thật kỳ diệu! Con tàu lướt đi với tốc độ rất nhanh theo lộ trình đã định và ngay lập tức đến được bến cảng ở Pelusium. Lúc đó, Thánh Isidore đã mang thi hài thiêng liêng của cả hai vị thánh cha – Paissios và Phaolô – lên bờ, rước chúng về tu viện của ngài trong tiếng hát các thánh vịnh và các bài thánh ca, rồi an táng trong nhà thờ do chính ngài xây dựng; và tại đây

đã xảy ra những phép lạ vĩ đại: những người bị quỷ ám hay mắc các bệnh tật khác – chỉ cần chạm vào các hòm thánh của các ngài là ngay lập tức được chữa lành: các linh hồn ô uế bị xua đuổi, và mọi bệnh tật đều được chữa lành ngay lập tức nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh vĩ đại này.

Tôi, Gioan, biệt danh là Kolov, đã ghi chép điều này vì lợi ích của những ai đọc và nghe – để tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi; Ngài xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Zosima, người lính

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 6

Vào thời kỳ Hoàng đế Trajan[4489] trị vì Đế quốc La Mã, như đã biết, người Hy Lạp vẫn còn chìm đắm trong sự thờ phượng thần tượng và sự mù quáng tâm linh trầm trọng – và vì thế, trong triều đại của ông, Giáo Hội của Đức Chúa Trời đã sớm phải hứng chịu cuộc bách hại dữ dội.

Vào thời điểm đó, trong cộng đồng người Hy Lạp có một nhân vật nổi tiếng tên là Domitian – thống đốc Antioch thuộc Pisidia[4490] ; một lần, ông ta đến gặp hoàng đế Trajan và xin được trao quyền cai trị các Kitô hữu, để có thể ép buộc tất cả những ai không muốn dâng lễ vật cho các vị thần phải làm điều đó bằng những hình phạt tàn khốc. Sau khi nhận được quyền lực đó từ hoàng đế và khoác lên mình bộ giáp của quỷ dữ, ông ta, giống như một con sư tử, bùng lên cơn thịnh nộ đối với những ai dám kiên quyết giữ vững đức tin vào Chúa Kitô cho đến cùng. Một lần nọ, khi đi qua vùng đất Sozopol, hắn đến gần một thành phố tên là Apollonia[4491] . Tại thành phố này có một người Hy Lạp, một chiến binh tên là Zosima, người luôn khao khát trở thành tín đồ của đức tin Kitô giáo. Khi nghe tin vị thống đốc đang đến gần và cuộc bách hại sắp xảy ra, anh ta đã cởi bỏ vũ khí quân sự, quyết định gia nhập Giáo hội thánh thiện; sau khi học hỏi đức tin vào Chúa Kitô và nhận phép rửa thánh, anh ta bắt đầu hướng tới các đức tính Kitô giáo và rèn luyện sự trong sạch, tiết độ, ăn chay và cầu nguyện.

Vài ngày sau, khi thống đốc Domitian đến thành phố đó, một trong những kẻ thờ thần tượng tiến đến gần ông và nói:

– Trong thành phố này có một chiến binh tên là Zosima, người khinh miệt hoàng đế và quyền lực của ngài; hắn đã từ chối quân hàm mà hoàng đế Trajan đã phong cho hắn, và vứt bỏ vũ khí của mình; hắn tự xưng là Kitô hữu và coi các vị thần của chúng ta chẳng là gì cả; hắn cũng khinh bỉ các luật lệ hoàng gia và coi thường quyền lực hoàng gia.

Nghe vậy, vị thống đốc nói:

– Hãy dẫn tên Zosima này đến đây, ra trước tòa.

Lúc đó, các lính canh hoàng gia, theo lệnh của thống đốc, đã đến chỗ Zosima, bắt giữ ông ta và đưa đến phiên tòa. Thống đốc, khi nhìn thấy ông, hỏi:

– Ngươi là Zosima phải không?

Chiến binh của Đấng Christ đáp:

– Tôi là Zosima, tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi.

Sau đó, quan tổng trấn nói:

– Trước hết, hãy nói cho ta biết ngươi thuộc cấp bậc nào, rồi sau đó hãy nói ngươi là tôi tớ của ai.

Thánh nhân đáp lại:

– Về chức vụ, tôi từng là chiến binh của vị vua trần gian của các ngài, nhưng tôi đã từ chối các vị thần tai hại của các ngài và trở thành chiến binh của Vua trên trời, là Đấng Christ, Đức Chúa Trời chân thật.

– Hỡi kẻ vô luật pháp, – Domitian nói lúc đó, – danh xưng của Đấng Christ sẽ không giúp được ngươi đâu, nhưng tốt hơn là ngươi hãy dâng lễ vật cho các vị thần, thì tội lỗi của ngươi đối với hoàng đế Trajan của chúng ta – Đấng đã ban cho ngươi chức vụ quân sự – sẽ được tha thứ.

Lúc đó, vị thánh đáp:

[4489] Ngài trị vì từ năm 89 đến năm 117.

[4490] Pisidia – một vùng ở phía nam Tiểu Á, giáp với Cilicia.

[4491] Ở Thrace, gần Pontus; tại thành phố này, ngoài ra, còn có một đền thờ dành cho thần Apollo, với bức tượng khổng lồ của ngài. Trong thời kỳ Byzantine, nơi đây được biết đến với tên gọi Sozopolis. Ngày nay, đây là một thị trấn nhỏ tên là Sidzeboli.

– Dù thế nào đi nữa, ta cũng sẽ không dâng lễ vật cho các vị thần của các ngươi.

Sau đó, Domitian ra lệnh đưa chiến binh của Đấng Kitô vào ngục tối.

Sáng hôm sau, vị thánh, bị trói tay ra sau lưng, lại bị dẫn ra tòa án, và quan tổng trấn ra lệnh treo cổ ngài lên cây tra tấn. Khi vị tử đạo bị treo cổ, Domitian nói với ngài:

– Zosima vô đạo, hãy dâng lễ vật cho các vị thần, nếu không thì mọi bộ phận trên cơ thể ngươi sẽ phải chịu những cực hình tàn bạo ngay lập tức.

Nghe vậy, vị thánh đáp lại:

– Không chỉ bằng lời nói, mà ngay cả những vết thương cũng không thể thuyết phục tôi dâng lễ vật cho các vị thần của ngươi.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh cho những tên lính tàn bạo của mình đánh đập vị thánh tử đạo một cách không thương xót. Khi họ bắt đầu tra tấn thánh Zosima, ngài nói với quan tổng trấn:

– Các thuộc hạ của ngươi đang làm việc vô ích, vì Chúa đang củng cố tôi, và tôi không cảm thấy những vết thương đang giáng xuống mình.

Họ đã tra tấn vị thánh trong một thời gian dài, đến nỗi mặt đất đã nhuốm đỏ bởi máu của ngài. Cuối cùng, vị tử đạo đã cất tiếng kêu lớn lên cùng Chúa:

– Lạy Chúa, Đức Chúa Trời toàn năng, Đấng ngự trên ngai vinh quang của Ngài, Đấng đã tạo dựng trời, đặt nền đất và tập hợp nước lại thành một nơi, – là niềm hy vọng và sự trông cậy của các tôi tớ Ngài, xin hãy nghe lời con cầu nguyện cùng Ngài, và xin đừng để con bị khuất phục bởi những lời đe dọa về sự tra tấn hay chính những cực hình ấy, để tất cả những ai chưa tin vào Danh Ngài, qua con, được nhận biết Ngài, Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật!

Khi vị thánh đang cầu nguyện, bỗng có tiếng từ trời vang lên:

– Hãy vững lòng, Zosima, vì Ta ở cùng ngươi, và không gì có thể đánh bại ngươi.

Và tiếng nói ấy đã được Domitian cùng tất cả những người đi cùng ông nghe thấy,

và một số người trong số họ thậm chí còn thốt lên:

– Vị pháp sư này thật vĩ đại!

Còn những người khác thì nói:

– Đây không phải là một nhà tiên tri, mà là tôi tớ của Đấng Christ, Thiên Chúa của ngài, và quả thật, Thiên Chúa của người Kitô hữu thật vĩ đại, Đấng vừa ban xuống tiếng nói này!

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh cho bốn binh sĩ dùng sức kéo thánh nhân nằm ngửa trên mặt đất theo hình chữ thập; còn người chịu khổ vì Chúa Kitô, vốn đã kiệt sức, ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, Đấng thấu hiểu những tư tưởng của loài người, niềm hy vọng của các Kitô hữu, nơi nương tựa và sự bình an cho những ai đang lâm vào hoạn nạn! Xin cứu con khỏi mưu mô độc ác của tên đầy tớ ma quỷ Domitian, để tất cả những người có mặt ở đây đều nhận biết Ngài, rằng Ngài là Thiên Chúa hằng sống, Đấng hiện hữu trước muôn thuở, và rằng Ngài tồn tại từ muôn đời.

Và vào lúc đó, nhiều người trong đám đông đang đứng đó, kinh ngạc trước sự kiên nhẫn vĩ đại của vị tử đạo, đã tin vào Đấng Kitô; còn viên quan, khi chứng kiến tất cả những điều này và lo sợ rằng mọi người sẽ quy y đạo Kitô, đã cảm thấy xấu hổ, nổi giận và thậm chí nghiến răng, bắt đầu suy tính xem nên dùng cái chết tàn bạo nào để tiêu diệt tôi tớ của Đấng Kitô. Cuối cùng, ông ra lệnh mang đến một cái giường đồng và đốt một ngọn lửa dữ dội bên dưới để thiêu sống vị tử đạo trên đó. Khi chiếc giường đã được đốt cháy dữ dội, ông ra lệnh đặt vị thánh chịu khổ nạn trần truồng lên đó. Và ngay khi Zosima, sau khi làm dấu thánh giá trên mình, bước lên giường, thì ngay lập tức Chúa đã biến ngọn lửa thành sương; vì qua các Thiên thần của Ngài, Ngài đã ngự xuống để cứu giúp vị tử đạo. Và trong khi tất cả những người có mặt đều nghĩ rằng vị tử đạo đã qua đời vì ngọn lửa dữ dội, các Thiên thần của Chúa đã nâng vị thánh ra khỏi giàn hỏa thiêu, trước sự chứng kiến của mọi người, và đặt ngài xuống bên cạnh giàn hỏa thiêu, vẫn còn sống và không hề bị ngọn lửa làm tổn thương chút nào. Dân chúng, khi chứng kiến phép lạ ấy, đã ngợi khen Thiên Chúa chân thật, Đấng đã sai các Thiên thần thánh của Ngài đến giải cứu tôi tớ của Ngài khỏi ngọn lửa dữ dội ấy; và nhiều người lúc bấy giờ đã quy y đức tin vào Đức Kitô. Còn Igemon, đứng dậy khỏi ghế thẩm phán, đã xấu hổ trở về nhà, và ra lệnh bắt vị tử đạo lại để giam giữ.

Ngay sau đó, Thống đốc Domitian, khi lên đường đến thành phố Kononei[4492] , đã ra lệnh dẫn theo vị tử đạo Zosima bị trói để giết ông ta bằng những hình phạt tàn bạo tại đó. Khi đến thành phố này và ngồi lên ghế xét xử, ông ra lệnh cho người tử đạo mang đôi dép sắt có đinh nhọn nhồi bên trong, rồi dùng xích sắt trói ông vào những

con ngựa non chưa được thuần hóa, để ông phải đi theo chúng. Còn vị thánh, khi bị xích vào những con ngựa đó, trong đôi dép sắt có đinh, lại chạy nhanh đến nỗi dường như còn vượt qua cả những con ngựa: vì Chúa ở cùng ngài, giúp đỡ ngài. Lúc đó, vị thánh đã nói như sau:

– Lạy Chúa, Đấng ban cho đôi chân con sự nhanh nhẹn như hươu nai, xin ban cho con sự kiên nhẫn cho đến cùng!

Igemon, khi thấy sự kiên nhẫn như vậy của vị tử đạo, đã ra lệnh giam ngài vào ngục tối và tuyệt đối không cho ngài ăn uống gì, để ngài chết vì đói khát. Ba ngày trôi qua, trong suốt thời gian đó vị thánh không được ăn uống gì, hai chàng trai trẻ đẹp đẽ bước vào ngục; một người mang theo bánh mì sạch, người kia mang nước trong một cái bình; và họ nói với vị thánh:

– Hãy nhận lấy món quà quý giá này, do Chúa, Thiên Chúa của ngài, sai đến cho ngài.

Vị tử đạo của Chúa Kitô nhận lấy, ăn và uống, rồi sau khi được tiếp thêm sức lực, ngài kêu lên cùng Chúa:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì Ngài đã thương xót con và không khinh dể con, nhưng đã ban cho con bánh và nước uống từ trời; con ngợi khen và tôn vinh vinh quang Ngài đến muôn đời, amen.

Ngày hôm sau, quan tổng trấn lại ngồi trên ghế xét xử và ra lệnh dẫn vị tử đạo của Chúa Kitô đến trước mặt mình. Thánh nhân xuất hiện với khuôn mặt rạng rỡ; còn tâm trí ngài lúc bấy giờ hoàn toàn hướng về Chúa. Quan tổng trấn ngạc nhiên khi thấy khuôn mặt vị tử đạo không hề thay đổi chút nào sau những cực hình như vậy, và nói với ngài:

– Hỡi Zosima, vì giờ đây ngươi dường như đã tỉnh táo lại, hãy dâng lễ vật lên các vị thần, để không còn phải chịu thương tích và chết một cái chết đau đớn nữa.

Nghe vậy, vị thánh đáp lại:

– Ngươi, nếu muốn, hãy dâng lễ vật cho những con quỷ giống như ngươi, còn ta, như đã nói trước đây, chỉ phụng sự một mình Đức Chúa Trời của ta.

Sau đó, vị thống đốc tức giận ra lệnh treo vị tử đạo lên cây một lần nữa và nói với ông:

– Ngươi thấy chưa, tên khốn kiếp, ngươi đang phải chịu bao nhiêu cực hình? Chẳng lẽ ngươi vẫn không chịu nghe lời ta và dâng lễ vật lên các vị thần sao?

Thánh nhân đáp lại:

– Ai yêu mến Đức Chúa Trời hằng sống thì không coi những đau khổ này là gì cả.

Và vị thống đốc ra lệnh dùng những chiếc lược sắt cạo da thịt vị tử đạo. Còn vị thánh tử đạo, trong khi chịu đựng tất cả những đau khổ này, đã cất tiếng kêu cầu Thiên Chúa bằng giọng vang dội:

– Hôm nay, con đặc biệt nhận ra lòng thương xót và sự nhân từ của Ngài, lạy Chúa Kitô, Đấng Tạo Hóa của ánh sáng, vì Ngài đã ban cho con sức mạnh để can đảm chịu đựng tất cả và thậm chí không để lộ nỗi đau đớn qua lời nói, để qua những đau khổ của con, người ta càng nhận ra rõ hơn sức mạnh của Thần Tính Ngài.

Khi vị thánh nói xong, quan tổng trấn ra lệnh tháo ngài xuống khỏi cây tra tấn và lại đưa ngài ra trước mặt mình; khi lệnh được thi hành, ông ta nói với ngài:

– Ngươi đã chịu biết bao đau khổ vì Chúa Kitô của ngươi, mà vẫn chẳng được chút an ủi nào; vậy thì, hãy đến và dâng lễ vật cho các vị thần đi.

Vị thánh đáp lại:

– Hỡi Domitian, kẻ tra tấn tàn ác nhất, vô nhân đạo và đầy dẫy mọi sự gian ác! Hãy kính sợ Đức Chúa Trời trên trời, từ bỏ sự lầm lạc của ngươi và đừng gọi các thần tượng là các vị thần: vì chúng là ma quỷ, chứ không phải là các vị thần.

Lúc đó, vị thống đốc nói:

– Chính ngươi, kẻ vô pháp vô thiên nhất, lại dám gọi các vị thần của chúng ta là quỷ dữ – những vị thần mà cả thế giới đều tôn vinh vào những ngày lễ nhất định?

Nghe vậy, vị tử đạo đáp:

– Những lễ hội hân hoan mà giờ đây người ta dâng lên các vị thần của ngươi, hãy để chúng được trả lại cho ngươi, cho vua của ngươi, và cho tất cả những ai tin vào chúng trong địa ngục.

Sau đó, vị thống đốc lại ra lệnh treo thánh Zosima lên cây tra tấn và dùng những ngọn nến đang cháy để thiêu đốt bụng ngài.

Lúc đó, vị tử đạo nói với vị vua:

– Không chỉ bụng ta, mà cả thân thể ta nữa, ngươi cứ thiêu đốt đi – nhưng dù thế nào ngươi cũng không bao giờ đánh bại được ta, vì Đấng Kitô đang củng cố ta: ta thậm chí còn mong muốn bị ngươi giết chết, bởi vì đó chính là vinh quang của ta trước mặt Đấng Kitô, nếu ta chết vì Ngài.

Không biết phải làm gì thêm với vị tử đạo, vị quan cuối cùng đã kết án tử hình ông, cụ thể là chặt đầu bằng rìu. Khi thánh Zosimus bị dẫn đến nơi hành hình, ông đã cầu nguyện với Chúa như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con! Xin Ngài đoái thương con, kẻ tội lỗi, và xin nhận linh hồn con cùng với những người đã làm đẹp lòng Ngài từ thuở đời đời, vì Ngài là vinh quang và lời ngợi khen của con từ nay cho đến muôn đời.

Khi vị tử đạo đến nơi thường dùng để hành quyết, ngài đã bị chém đầu bằng gươm, dâng hiến cái đầu cao quý của mình vì Đấng Kitô của ngài. Sự việc này xảy ra vào ngày 19 tháng 6, tại thành phố Kononeysky, – vào thời điểm đó, Trajan đang trị vì tại Rôma, còn Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, đang cai trị trên chúng ta, những người Kitô hữu, – vinh quang và quyền năng thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

Lễ kính Thánh Giăng Ẩn Sĩ, vị cha thánh của chúng ta.

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 6

Thánh Cha Gioan của chúng ta, sau khi từ bỏ thế gian, đã dâng hiến cuộc đời mình cho đời sống tu hành và, mong muốn sống đời ẩn tu trong sa mạc, đã định cư tại Palestine, gần Giêrusalem; tại đây, Ngài đã dành trọn những ngày còn lại của cuộc đời mình để sống theo ý Chúa – trong việc ăn chay và cầu nguyện.

Về cuộc đời thánh thiện của ngài, trong cuốn sách có tên là "Limonar"[4492] – vốn được biết là do các vị Thánh Cha của chúng ta là Gioan và Sofronius (sau này trở thành Thượng phụ Giêrusalem) biên soạn – có kể lại như sau:

– Chúng tôi, Gioan và Sofronius, đã được Abba Dionysius – một linh mục và người bảo quản các thánh vật của thánh đường tọa lạc tại Ascalon[4493] – kể lại về Abba Gioan, vị ẩn sĩ, rằng người đàn ông này có cuộc đời vĩ đại và rất đẹp lòng Chúa. Ông sống ở vùng lân cận làng Sechusta, cách Giê-ru-sa-lem hai mươi poprish; trong hang động của mình, vị tu sĩ già này có bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, Mẹ Thiên Chúa và Trinh Nữ Maria; trong bức tượng, Đức Mẹ được miêu tả đang bế trên tay Hài Nhi vĩnh cửu là Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. Cần phải nói rằng, mỗi khi vị tu sĩ này định đi đâu đó: dù là vào sâu trong sa mạc của mình, hay đến Giê-ru-sa-lem để thờ lạy Thánh Giá và Mộ Thánh của Chúa Kitô, hay nói chung là khi ngài muốn viếng thăm những nơi thánh nào đó ở Giê-ru-sa-lem; hoặc khi ngài muốn cầu nguyện trên Núi Sinai hay trước các vị thánh tử đạo, những di cốt của các ngài nằm xa Jerusalem – vì vị tu sĩ già này rất yêu mến việc tôn vinh các thánh, đến nỗi đôi khi ngài còn đi xa đến cả Ê-phê-sô – đến mộ thánh Gioan Thần Học, và đôi khi đến viếng thánh Theodoros tại Evkhaiti, và thậm chí đến thánh Thekla tại Seleucia Isaurica[4494] , – tóm lại, dù ngài đi hành hương đến đâu, ngài luôn đặt một ngọn nến[4495] trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội trong phòng tu của mình và, theo thông lệ, thắp sáng ngọn nến đó rồi quỳ xuống cầu nguyện, xin Thiên Chúa ban phước lành cho hành trình của ngài. Và khi đó, ngước nhìn bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ngài luôn khẩn cầu Mẹ như sau:

– Đức Mẹ Đồng Trinh, vì con sắp lên đường đi một chặng đường xa xôi và dài đằng đẵng, xin Mẹ hãy tự mình trông nom ngọn nến của Mẹ, và theo lời cầu xin của con, xin Mẹ giữ cho ngọn nến ấy không tắt cho đến khi con trở về; còn con, nhờ có sự trợ giúp của Mẹ đồng hành cùng con, con sẽ lên đường theo lộ trình đã định.

Và chỉ sau đó, ông mới lên đường, lưu lạc trên đường – có khi một tháng, có khi hai hoặc ba tháng, và đôi khi lên đến năm, thậm chí sáu tháng; và khi trở về, ông luôn thấy ngọn nến vẫn đầy dầu và đang cháy sáng, y như khi ông để lại trước khi lên đường, và chưa bao giờ thấy nó tắt.

[4492] "Limonar" (nghĩa là đồng cỏ, bãi cỏ) – là một tác phẩm hagiography rất phổ biến của tu sĩ Hy Lạp Ioannes Moschos (qua đời năm 622). Trước khi qua đời, Ioannes đã trao tác phẩm này cho người bạn của mình là Sophronius, vị tổng giám mục tương lai, người sau đó đã phổ biến nó rộng rãi trong dân chúng. Thực chất, đây là một tuyển tập các câu chuyện khác nhau về cuộc đời của các vị tu sĩ Kitô giáo.

[4493] Ascalon – một trong những thành phố cổ nhất của Palestine, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải.

[4494] Selevkia Isauria – ở Cilicia; được xây dựng bởi Seleucus I Nicanor, người sáng lập chế độ quân chủ nhà Seleucid.

[4495] Candilo – một chiếc chén thủy tinh, dùng để thắp dầu và đặt trước các bức tượng thánh.

Về vị tu sĩ thánh thiện Gioan này, trong cùng cuốn sách "Limonar", còn được ghi chép thêm rằng, một lần nọ khi đang đi dạo quanh vùng lân cận ngôi làng nơi hang động của ngài tọa lạc, ngài đã gặp một con sư tử to lớn. Tại chỗ đó có một con đường rất hẹp: nó nằm giữa hai hàng rào gai – thứ mà nông dân thường dùng để rào quanh ruộng của họ. Con đường đó hẹp đến mức, nhờ có hàng rào gai này, chỉ vừa đủ cho một người đi bộ lách qua, và đó là khi không mang theo bất kỳ hành lý nào. Và khi Thánh Gioan và con sư tử bắt đầu tiến gần nhau, vị tu sĩ già quyết định không nhường đường cho con sư tử; còn con sư tử, do chỗ chật hẹp, cũng không thể rời khỏi lối đi, nên cả hai không thể tránh nhau được. Lúc đó, con sư tử, thấy vị thánh nhân của Chúa không muốn quay lại và quyết tâm đi theo con đường đúng đắn của mình, liền đứng bằng hai chân sau ở phía bên trái của vị tu sĩ già; bằng cách đó, nhờ sức nặng cơ thể mình, nó đã dồn rộng hàng rào gai, mở đường cho vị thánh nhân đi qua, và nhờ vậy, vị tu sĩ già đã đi ngang qua con sư tử, lưng ông chạm vào sống lưng nó; sau đó, cả vị tu sĩ lẫn con sư tử đều tiếp tục đi theo con đường của mình.

Một lần nọ, có một anh em đến gặp Abba Gioan; khi không thấy gì trong hang động của ngài, anh ta bèn hỏi:

– Thưa Abba, làm sao ngài có thể ở đây mà không có gì để đáp ứng nhu cầu của mình?

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Con ơi, hang động này là một món mua bán thuộc linh – nó vừa cho đi vừa lấy lại: nó ban cho công việc thủ công, còn lấy đi mọi thứ cần thiết.

Vị cha thánh thiện này, sau khi sống một thời gian khá dài trong những việc tu hành và lao động khổ hạnh, đã về với Chúa và được phong thánh, đứng trước mặt Cha, Con và Thánh Thần, là Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi, vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

Cũng vào ngày đó, ngày qua đời của Thánh Varlaam Shenkursky, năm 1462.

ngày 3 tháng 7

ngày 20 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cuộc đời thánh thiện của Cha chúng ta, Thánh Lêvki, Người Chứng Đạo.

Cuộc đời thánh thiện của Cha chúng ta Lêvki, Vị Chứng Nhân

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 6

Vào thời kỳ ngoại đạo, khi các hoàng đế La Mã thờ thần tượng thống trị cả phương Đông và phương Tây[4496] , có một người đàn ông quý tộc tên là Evdik sống tại Alexandria; dù không được học hành chính quy, ông vẫn thông thái nhờ sự rèn luyện tâm linh – và được tô điểm bởi những việc làm thiện lành. Eudicius đã sống cuộc đời mình trong sự kính sợ Thiên Chúa và tình yêu; ông kết hợp việc ăn chay và cầu nguyện với lòng bác ái hào phóng. Ông có một người con trai duy nhất, người mà chúng ta sắp nói đến, được cha mẹ đặt tên là Eutropius, nhưng sau này được Thiên Chúa đổi tên thành Leucius.

Khi cậu bé tròn mười tuổi, mẹ cậu, bà Evfrosiniya, qua đời. Lúc đó, Evdiki đã đưa con trai mình đến tu viện của Thánh Ermius, nằm trong lãnh thổ Alexandria và do vị tu viện trưởng thánh thiện Nikita quản lý; tại đây, Evdiki tự mình thọ giới tu sĩ, còn con trai thì được gửi đi học chữ. Là một cậu bé thông minh, tiếp thu mọi thứ nhanh chóng và không tốn nhiều công sức, Eutropius, nhờ ơn Chúa, đã tiến bộ vượt bậc trong việc học chữ đến mức vượt trội hơn nhiều người khác về mặt này. Bên cạnh đó, anh còn hiền lành, tràn đầy lòng khiêm nhường và

[4496] Các nguồn tin khác cho rằng Thánh Levkia ra đời vào thời các hoàng đế Kitô giáo Hy Lạp-La Mã, cụ thể là vào thời Theodosius Đại đế (379–395).

vâng lời; anh tận tụy phục vụ tất cả những ai sống trong tu viện, và mọi người đều yêu mến Evtropi – một số vì tính cách tốt đẹp và sự vâng lời của anh, số khác vì kiến thức uyên bác và sự hiểu biết mà Thánh Thần đã ban cho anh.

Vị Bề trên phúc lành Nikita đã về với Chúa khi Evtropi mới chỉ mười bảy tuổi; mặc dù vậy, các tu sĩ, sau khi bàn bạc với nhau, đã đề nghị chàng trai trẻ, người chưa được thụ phong tu sĩ, trở thành Bề trên của họ. Nhưng anh kiên quyết từ chối; hơn nữa, cha anh, ông Evdikij, cũng khuyên can và cấm anh, ở độ tuổi còn quá trẻ, gánh vác một trọng trách mà anh chưa quen đảm nhận; ông khuyên Evtropij hãy tỏ ra mình chưa xứng đáng với chức vụ lãnh đạo, như một thiếu niên còn cần sự hướng dẫn. Vậy là tu viện Ermia đã trải qua bảy năm không có vị tu viện trưởng, bởi vì các tu sĩ không muốn giao quyền lãnh đạo cho bất kỳ ai khác: vì thế, dù Thánh Evtropius hết sức miễn cưỡng và mặc dù ngài chưa được thụ giới, các tu sĩ, được dẫn dắt bởi gương sống đạo đức của ngài, vẫn tôn kính ngài như vị tu viện trưởng trong cộng đoàn. Khi Eutropius tròn hai mươi lăm tuổi, các tu sĩ đã tụ họp lại và nói với ngài:

– Tại sao ngươi lại phớt lờ cả nhu cầu lẫn những lời thỉnh cầu của chúng ta – tại sao ngươi không muốn làm người đứng đầu của chúng ta? Đã bảy năm trôi qua kể từ ngày vị cha thánh Nikita của chúng ta qua đời, chúng ta vẫn chưa có vị tu viện trưởng, và mỗi người đều sống theo ý mình. Hãy cẩn thận kẻo anh phải chịu trách nhiệm về sự diệt vong của chúng tôi, nếu có con sói nào xâm nhập vào tu viện và cướp đi đàn chiên của Chúa; còn chúng tôi thì không mong muốn ai khác ngoài anh làm cha của chúng tôi: tất cả chúng tôi đều thấy cuộc sống thánh thiện của anh, biết về đức hạnh của anh và sự khôn ngoan mà Chúa đã ban cho anh.

Trước điều đó, Thánh Eutropius đã trả lời các anh em như sau:

– Tại sao, các vị cha và anh em đáng kính, các vị lại không ngừng nài nỉ tôi về điều mà tôi hoàn toàn không thể thực hiện được? Tôi chưa được thụ phong tu sĩ và cũng không có chức vụ nào trong Giáo hội – vậy làm sao tôi có thể làm cha của các anh em, trong khi lại không có quyền giảng dạy các anh em trong nhà thờ của Chúa? Làm sao tôi có thể khuyên răn những người lớn tuổi trong số các anh em, trong khi bản thân tôi còn trẻ?

Lúc đó, họ bắt đầu ép buộc ngài cạo đầu và nhận chức linh mục, nhưng ngài tuyệt đối không muốn đáp ứng mong muốn của họ. Thật ra, trong thâm tâm, Eutropius khao khát đời sống tu sĩ, nhưng ông e ngại nhận chức vụ đó vì lo sợ các anh em sẽ ép buộc ông phải làm vị tu viện trưởng; vì vậy, bằng cách không cạo đầu, ông đã trở thành tấm gương của một tu sĩ chân chính.

Vào thời điểm đó, Commodus, một người theo đạo ngoại, đang trị vì tại Rome. Ông đã cử[4497] Philip làm tổng trấn tại Alexandria; con gái ông là Eugenia, sau khi cải đạo sang Kitô giáo, đã sống đời tu hành trong hình dạng nam giới và kết thúc cuộc đời bằng cái chết tử đạo. Dù nói chung Philip vẫn đối xử nhân từ với các Kitô hữu, nhưng do tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, ông đã trục xuất các Kitô hữu, các thánh, các linh mục và tu sĩ ra khỏi thành phố, tuy nhiên vẫn cho phép họ tự do định cư ở vùng ngoại ô, cũng như xây dựng các tu viện và nhà thờ tại đó. Vào thời điểm đó, giám mục Kitô giáo của vùng này là Thánh Ê-li, người cư ngụ tại thành phố Ê-liôpôl, cách Alexandria một quãng đường không xa. Tại vùng ngoại ô Alexandria, vị giám mục nói trên đã thành lập một tu viện và giao cho Thánh Phê-ô-đô-rô quản lý. Ngoài tu viện, tại cùng khu vực này còn có một nhà thờ nổi tiếng trong vùng, được dâng kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đức Trinh Nữ Maria; vào các ngày lễ của Mẹ, các tín hữu Kitô giáo không chỉ từ Alexandria mà còn từ các thành phố và vùng lân cận đổ về đây. Vì vậy, khi ngày lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời sắp đến, nhiều người đã lên đường đến nhà thờ của Đức Mẹ; và vị thánh phúc Evdiki, sau khi rời tu viện Ermia, cũng đã cùng con trai mình là Evtropi tham dự lễ hội. Đúng vào ngày đó, cũng nhân dịp lễ này, Đức Giám mục thánh Êliô đã cùng với các linh mục và đông đảo dân chúng từ Heliopolis ra ngoài; Evdiki và Evtropi đã hòa vào dòng người đang đi theo Đức Giám mục. Vị giám mục dự định trước tiên sẽ ghé qua tu viện do chính ngài thành lập, hiện do tu viện trưởng Theodoros quản lý, để nghỉ ngơi tại đó cho đến khi lễ hội bắt đầu. Khi ngài sắp đến tu viện, trên đường đi, ngài gặp con gái của tổng trấn, thánh nữ Eugenia, đang đi trong hình dạng nam giới và được hai hoạn quan tháp tùng; khi nhìn thấy vị giám mục được đám đông vây quanh, nàng chen vào giữa đám đông với ý định hỏi ai đó về vị giám mục và bắt đầu trò chuyện về ngài với thánh Eutropius. Ông đã kể cho cô nghe chi tiết về vị giám mục của Chúa, như được ghi lại trong cuốn tiểu sử của Thánh nữ Evgenia, và sau đó dẫn cô đến gặp vị giám mục, người mà Evtropi được biết đến nhờ lối sống trong sạch và trí tuệ uyên bác.

Khi Thánh Evdiki đang nghỉ ngơi tại tu viện do vị giám mục này thành lập, vào ban đêm, trong một giấc mơ, ngài đã nhận được sự mặc khải thiêng liêng rằng ngài sẽ sớm qua đời, còn con trai ngài sẽ trở thành giám mục,

[4497] Thị trưởng.

người sẽ tiêu diệt các thần tượng tại Vruntisiopolis thuộc Ý[4498] , đồng thời mang ánh sáng của phép rửa thánh đến cho đất nước này. Trong giấc mơ đó, ông nghe thấy một giọng nói cất lên hướng về mình:

– Evdiki, Evdiki, tôi tớ trung thành của Chúa! Từ nay trở đi, tên của ngươi không còn là Evdiki nữa, mà là Evdikli, tức là "người an ủi hiền lành"; còn con trai ngươi, tên của nó không phải là Evtropi, mà là Levki, tức là "Thánh Thần của Chúa đã ngự xuống trên nó".

Khi tỉnh dậy, Evdikliy lập tức gọi con trai và kể cho cậu nghe về giấc mơ đã bày tỏ ý muốn của Đức Chúa Trời:

– Hãy nghe đây, con trai của cha, giờ đây thời khắc cha ra đi đã gần kề, – đừng để bị thế gian hư ảo này cám dỗ; Chúa đã mặc khải cho ta về con rằng con sẽ được xứng đáng đảm nhận chức vụ giám mục, vì Chúa muốn qua con thanh tẩy Vruntisiopol khỏi các đền thờ thần tượng; và từ nay tên con không còn là Evtropi nữa, mà là Levki; Chúa đã đổi tên con như vậy, cũng như đã đổi tên ta từ Evdiki thành Evdikli.

Nghe vậy, thánh Levki – tức là Eutropius – đã quỳ xuống đất theo hình thánh giá để thờ lạy Đức Chúa Trời, và dâng lên Ngài lời cầu nguyện tạ ơn như sau:

– Ngợi khen Chúa, Thiên Chúa của các tổ phụ chúng con, Áp-ra-ham, Isaac và Jacob, vì Ngài không bỏ mặc những ai trông cậy vào Ngài và không rút lại lòng thương xót của Ngài khỏi những tôi tớ nghèo khó của Ngài, mà còn thương xót tôi, kẻ không xứng đáng: vì thế, tôi ngợi khen và tôn vinh Ngài, Chúa của trời và đất, vì Ngài là Đấng Tối Cao, Đấng đã yêu thương loài người; xin vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời.

Trong lúc thánh nhân đang cầu nguyện, từ trên trời phía trên nhà thờ vang lên một tiếng nói:

– Levki, Levki! Người có tâm hồn sáng ngời và trái tim trong sạch, này, tên ngươi đã được ghi trên trời và ký ức về ngươi sẽ không bị xóa khỏi sách sự sống.

Giọng nói ấy được thánh giám mục Ê-li và một số anh em, những người đã thức trắng đêm để cầu nguyện, nghe thấy. Nhưng không ai hiểu được giọng nói ấy đang hướng đến ai.

Khi bình minh ló rạng, các tu sĩ của Tu viện Ermiev đến gặp vị giám mục và nói:

– Xin Đức Cha biết rằng, đã hơn bảy năm nay chúng con sống mà không có vị Bề trên, và mỗi người trong chúng con đều sống theo ý mình. Chúng con đã nhiều lần thỉnh cầu ngài Evtropi, một người chính trực, nhận lãnh chức vụ lãnh đạo chúng con; ngài đã lớn lên trong tu viện của chúng con, và đời sống thánh thiện của ngài vượt trội hơn đời sống của mỗi người trong chúng con; không ai có thể sánh ngang với ngài trong việc tuân phục; ngài luôn sống trong chay tịnh và cầu nguyện, đọc và viết sách; nói tóm lại, chúng con thấy ngài nỗ lực thực hành mọi việc lành. Vì thế, chúng con mong muốn có ngài làm cha của chúng con, để noi gương ngài; nhưng ngài lại không đồng ý, phớt lờ lời thỉnh cầu của chúng con. Chúng con khẩn cầu ngài, thưa Đức Cha, hãy bổ nhiệm ngài làm vị tu viện trưởng của chúng con, dù có phải đi ngược lại ý muốn của ngài đi chăng nữa.

– Tôi cũng vậy, – vị giám mục đáp, – tôi đã nghĩ đến điều mà các con vừa nói; tuy nhiên, hãy chờ một chút, – tôi sẽ cố gắng thuyết phục ngài tuân theo ý muốn của chúng ta.

Sau đó, vị giám mục đi vào nhà thờ, vì đã đến giờ cử hành Thánh lễ. Ngài ra lệnh cho phó tế trưởng, khi đứng trên bục giảng, công bố trước dân chúng:

– Ai trong số những người có mặt ở đây mang tên Levkia?

Không ai trong đám đông đáp lại lời kêu gọi này, bởi vì không có ai mang tên đó. Khi phó tế trưởng kêu gọi dân chúng hai lần, ba lần, thánh Levkiy, thấy rằng trong đám đông không có ai tên Levkiy ngoài mình, liền đáp lại, nói:

– Tôi chính là Levkiy tội lỗi này!

Mọi người đều ngạc nhiên khi nhìn thấy ông và thốt lên đầy bối rối:

– Ngươi là Evtropi, con trai của Evdiki?

Thánh Levki trả lời:

– Hãy hỏi cha tôi, ông ấy sẽ giải thích về tên tôi cho các bạn rõ hơn tôi.

Rồi họ dẫn Thánh Evdikli, một vị lão niên 97 tuổi đáng kính, ra giữa đám đông và hỏi ông:

– Thực ra tên con trai ông là gì?

Ông, nhận thấy ý muốn của Đức Chúa Trời là tiết lộ bí mật về ông và con trai ông, đã kể lại chi tiết toàn bộ thị kiến của mình; trong đó có cả việc tiếng nói của Đức Chúa Trời đã hai lần, trong giấc mơ và khi tỉnh táo, gọi

[4498] Ngày nay là Brindisi.

con trai ông là Levki. Tất cả những ai nghe thấy điều này đều vui mừng tạ ơn Chúa và tiến đến chào đón Thánh Levkiy với sự kính trọng sâu sắc. Ngay sau đó, vị giám mục bắt đầu khuyên nhủ Thánh Levkiy nhận chức vụ tu viện trưởng kèm theo chức linh mục. Ông từ chối, nhưng dân chúng reo lên:

– Levkiy xứng đáng không chỉ làm linh mục và tu viện trưởng, mà thậm chí còn xứng đáng làm giám mục!

Và bất chấp sự miễn cưỡng của Thánh Levkius, ngài vẫn được tấn phong và bổ nhiệm làm tu viện trưởng. Sau đó, mọi người đã long trọng cử hành lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời tại nhà thờ của Đức Mẹ.

Khi bắt đầu quản lý tu viện, Thánh Levki đã tăng cường các việc lành và thực hiện những phép lạ nhờ ân sủng của Thánh Thần ngự trong ngài. Một lần nọ, người ta dẫn đến cho ngài một người Ê-thi-ô-pi bị quỷ ám, người đã được giảng dạy để chuẩn bị nhận phép rửa thánh. Thấy những đau khổ của người ấy, Thánh Levki nói với con quỷ:

– Hãy ngừng lại đi, hồn ma quỷ dữ, đừng hành hạ con người nữa!

Con quỷ run rẩy, bắt đầu gào thét trong tiếng khóc lóc:

– Nếu ta ra khỏi người này, thì ta sẽ đi đâu? – Ta không có nơi nào tốt hơn nơi này.

– Hồn ma ô uế, – Thánh Levki lặp lại mệnh lệnh của mình, – hãy rời khỏi tạo vật của Đức Chúa Trời và đừng dám nhập vào người ấy nữa; hãy ra khỏi người mà cho đến nay ngươi đã hành hạ một cách đầy thù hận, bằng cách trói buộc người ấy bằng xiềng xích của sức mạnh tăm tối của ngươi, trong sự nhục nhã và xấu hổ. Hãy nhập vào những người không tin vào Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta và không thờ lạy Thập giá ban sự sống của Ngài.

Với một tiếng thét kinh hoàng, con quỷ bay ra khỏi miệng người đàn ông dưới hình dạng một con chim đen; đồng thời nó hét lên:

– Ta và ngươi thì có liên quan gì, hỡi tôi tớ của Đức Chúa Trời là Lêvki, – tại sao ngươi lại đuổi ta ra khỏi nơi ở mà ta đã tự chọn cho mình? Ta không muốn nhập vào người có khuôn mặt trắng, dáng vẻ bình thường, nhưng đã nhập vào người Ê-thi-ô-pi có làn da đen, khó nhìn, với hy vọng rằng từ nơi ở như vậy, sẽ không ai đuổi ta ra được.

Sau khi xua đuổi quỷ dữ bằng dấu thánh giá, Thánh Levki đã nâng người đàn ông đó dậy khỏi mặt đất trong tình trạng khỏe mạnh và sau đó ban phép rửa tội cho anh ta. Còn quỷ dữ thì rút lui về Ai Cập, nơi nó hóa thân thành một con rắn khổng lồ; nó bò lê trên các con phố của một thành phố, với cơn thịnh nộ bất thường, giết chết những người ngoại đạo và người Do Thái mà nó gặp trên đường – đàn ông, phụ nữ và trẻ em; nó cũng không tha thứ cho cả động vật. Thánh Levki, bằng linh hồn đã nhìn thấu sự hung ác tàn bạo của quỷ dữ, vội vã lên đường đến Ai Cập; khi cảm nhận được sự hiện diện của vị thánh đang đến gần thành phố, ma quỷ đã lao xuống biển, để lại sau lưng vô số thi thể nằm la liệt trên các con phố. Khi bước vào thành phố và thấy đông đảo người dân đang khóc than thảm thiết cho những người đã khuất, Thánh Levky đã hỏi:

– Tại sao lại có tiếng khóc than như vậy?

Lúc đó, người ta kể cho ngài nghe rằng một con rắn đã đột ngột xuất hiện trong thành phố, giết chết rất nhiều người, và – ngay trước khi ngài đến, nó đã lao xuống biển và biến mất. Thánh Levky ra lệnh mang nước đến, làm phép nước đó và bắt đầu rảy nước lên những người chết, đồng thời nói với họ:

– Hãy sống lại nhân danh Chúa Sabaoth, – các ngươi không bị trói buộc bởi xiềng xích của cái chết, mà chỉ bị tổn thương bởi nọc độc của ma quỷ; tuy nhiên, các ngươi không thể tự mình thoát khỏi sức mạnh của con rắn, vốn mạnh hơn các ngươi vì sự bất kính và sự mù quáng trong lòng các ngươi. Hãy đứng dậy nhờ sức mạnh của Đức Chúa Trời của ta và tôn vinh Đấng đã tạo dựng các ngươi.

Trong lúc nói những lời này, Thánh Lêvki đã chạm cây gậy của mình vào các thi thể. Ngay lập tức, tất cả đều như vừa tỉnh giấc, đứng dậy và nắm lấy chân vị thánh, nói rằng:

– Đức Chúa Trời, Đấng đáng được thờ lạy, không ai khác chính là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh, Đấng mà ngài, tôi tớ của Đức Chúa Trời và cha của chúng con, đang rao giảng.

Tất cả những người sống lại đều tin vào Đấng Kitô; cùng với họ, còn có gần ba nghìn người đàn ông khác cũng đã quy y Kitô giáo; tất cả họ đều được rửa tội cùng với vợ con mình, ca ngợi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng đã thực hiện những phép lạ kỳ diệu như vậy qua Thánh Lêvki của Ngài.

Vài năm sau, Giám mục Philip của Alexandria cùng cả gia đình đã tin nhận Chúa Kitô, được thúc đẩy bởi gương sáng của người con gái thánh thiện Eugenia; sau một thời gian, ngài từ bỏ chức vụ để trở thành giám mục Kitô giáo. Sau khi Giám mục Philip qua đời trong đau khổ, Thánh Levkius đã được bầu chọn nhất trí làm người kế nhiệm ngài. Trong khi đó, tại Alexandria, sau Philip, người giữ chức Giám mục đầu tiên là Terentius, sau đó là

Saturninus. Là kẻ thù của Kitô giáo, Saturninus đã bàn bạc với các cố vấn thờ thần tượng của mình về cách gây ra cuộc bách hại Kitô hữu tại Alexandria, bằng cách trước tiên giết chết giám mục của họ, Thánh Levkius: Saturninus nhận thấy rằng ngài đang dẫn dắt nhiều người từ ngoại giáo trở lại Kitô giáo. Vị tổng giám mục bèn tìm kiếm thời cơ thuận lợi để thực hiện mưu đồ độc ác của mình. Còn những tín hữu tại Alexandria, khi biết được điều này, đã bàn bạc với nhau về cách giết vị tổng giám mục. Lúc đó, Thánh Lêvki đã triệu tập tất cả các Kitô hữu đến và thuyết phục họ từ bỏ ý định nổi loạn, đồng thời kể cho họ nghe về sự hiện ra mà ngài đã nhận được từ Thiên Chúa:

– Hãy biết rằng, hỡi những người thân yêu, Chúa của tôi đã thương xót hiện ra với tôi trong một thị kiến và truyền lệnh cho tôi bổ nhiệm một giám mục khác thay thế các bạn, để tôi có thể lên đường về phương Tây đến Vruntisiopol, vì thành phố này đang cần sự khai sáng Kitô giáo.

Nghe vậy, các tín hữu Kitô giáo đã khóc lóc và quỳ xuống dưới chân vị thánh, nói rằng:

– Thưa Cha thánh! Xin đừng bỏ rơi chúng con như những đứa trẻ mồ côi, – xin đừng xa cách những người mà Cha đã dẫn dắt đến với Chúa; xin đừng rời bỏ chúng con cho đến khi Cha qua đời.

– Các con đều biết, – Thánh Levki đáp lại, – rằng ngay từ thuở thiếu thời, Chúa đã thương xót tôi và mặc khải cho cha tôi là Evdiklios biết rằng tôi, kẻ không xứng đáng, sẽ nhận chức thánh này và sẽ đến thành phố thờ thần tượng, giữa dân chúng không biết Chúa. Đó là ý muốn của Chúa chúng ta, để qua con, một tôi tớ bất xứng của Ngài, đưa những người ấy vào Hội Thánh thánh thiện. Chính vì thế mà Chúa đã truyền cho con phải chỉ định cho các con một vị cha khác, còn con thì sẽ đi thực hiện công việc đã được định sẵn cho con. Về tổng giám mục Saturninus, các con hãy biết rằng mưu đồ gian ác của hắn nhằm bắt bớ các Kitô hữu sẽ không thành hiện thực, vì những ngày sống của hắn đã được rút ngắn và sự diệt vong của hắn đang cận kề: sau khi tôi rời khỏi đây, ngôi nhà của hắn sẽ sụp đổ, chôn vùi hắn cùng tất cả những người trong nhà dưới đống đổ nát.

Nói xong những lời ấy và an ủi các Kitô hữu đang khóc lóc, ngài đã chọn một người xứng đáng để kế vị ngai giám mục; thế là một vị giám mục khác đã được bổ nhiệm thay thế Thánh Lêvki. – Mang theo hai phó tế của mình là Evsevi và Dionisi, cùng năm môn đệ, Thánh Lêvki rời thành phố đến bến tàu. Tất cả các tín hữu Kitô giáo, số lượng năm nghìn người, chưa kể vợ con, đã tiễn đưa vị giám mục của mình trong tiếng khóc và tiếng nức nở.

– Tại sao – họ kêu lên – cha lại bỏ chúng con đi, không thương xót con cái của cha sao?

Quay lại nhìn thấy mọi người đang khóc, Thánh Levki cũng xúc động, nước mắt lưng tròng, ngài giơ hai tay lên trời và nói:

– Lạy Chúa, Đức Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con, nếu đó là ý muốn của Ngài, xin đừng tách con khỏi những người của Ngài này, những người mà Ngài đã đặt con để phục vụ!

Vừa dứt lời cầu nguyện, một tiếng nói từ trời vang lên, được tất cả các tín hữu nghe thấy:

– Levky! Đừng coi thường mệnh lệnh của Chúa, nhưng hãy lên tàu và lên đường trong bình an, đến nơi Ngài đã chỉ định cho ngươi.

– Các anh em có nghe thấy không – thánh Levki nói với những người đi cùng – đó là ý muốn của Chúa, hỡi anh em? Vậy thì hãy biết rằng, tôi không phải tự nguyện mà chia tay các anh em.

Sau khi chia tay mọi người, ngài bước lên tàu và lên đường. Còn tại Alexandria, đúng như lời tiên tri của vị thánh, ngôi nhà của tổng giám mục bỗng nhiên sụp đổ, cướp đi mạng sống của ông ta cùng tất cả những người đang ở bên trong.

Sau mười lăm ngày, con tàu cập bến Adrianopolis, không phải thành phố ở Thrace, mà là thành phố nằm ở Ai Cập cổ đại; tại đây, Thánh Levki ở lại một thời gian ngắn, tiếp đón hai linh mục là Leon và Savin. Sau khi tìm được một con tàu khác, ngài lên tàu, trả khoản tiền đã thỏa thuận, và cập bến tại Hydruntum, nơi ngài chuyển sang một con tàu Dalmatia, trên đó ngài đã đến vùng Vruntisiopolis. Khi rời khỏi tàu, Thánh Levki cùng với các linh mục của mình tiến về thành phố. Trên đường đi, họ gặp quan tribune[4499] Armaleon cùng các binh sĩ của ông; Thánh Levky đã hỏi một trong số những người lính đó:

– Ai là người đứng đầu thành phố này?

– Chẳng lẽ ngài chưa nghe nói – người lính đáp – về vị vĩ đại Antiochus, chúa tể của xứ sở này sao?

– Vậy thì chúa tể Antiochus của ngài theo đạo gì? – Thánh Levky lại hỏi.

Nghe câu hỏi đó, quan chỉ huy và các chiến binh đều cười và nói:

[4499] Tribune – chỉ huy một đội quân.

– Làm sao lại có tôn giáo nào khác và vị thần nào khác, ngoài mặt trời và mặt trăng, những vị chiếu sáng vũ trụ? Tai mọi người chẳng phải đều nghe thấy tiếng vang của chúng, rền vang trên những đám mây sao? Có gì nhanh hơn tia chớp phát ra từ mặt trời? Có gì sáng hơn mặt trăng, với những biến đổi của nó báo trước những thay đổi sắp tới của thời tiết?

– Hỡi những kẻ ngu muội đáng thương! – Thánh Levki thở dài nói. – Ánh sáng Thần thánh vẫn chưa chiếu rọi đến các ngươi, nên các ngươi không biết rằng mặt trời và mặt trăng là tạo vật của Đức Chúa Trời và tuân theo mệnh lệnh của Ngài, thực hiện quỹ đạo không ngừng nghỉ của mình. Và không nên gọi chúng là các vị thần: trong chúng không có gì là Thần thánh cả; chúng thậm chí không thể đứng yên tại một chỗ, mà luôn chuyển động, mọc lên rồi lặn xuống, lúc thì bị che khuất bởi mây, lúc thì bởi bóng tối ban đêm, lúc thì hiện ra, lúc thì ẩn khỏi tầm mắt. Và ánh sáng của chúng khác biệt với Ánh Sáng vĩnh hằng – tức là Đức Chúa Trời mà chúng ta tôn kính – cũng như sự khác biệt giữa tạo vật và Đấng Tạo Hóa. Đức Chúa Trời của chúng ta, Đấng đã tạo dựng mặt trời, mặt trăng, trời và đất cùng mọi thứ trong đó, chính là Ánh Sáng chân thật, soi sáng cho tất cả những ai tin vào Ngài. Ngài đã tạo ra ánh sáng của mặt trời và mặt trăng, ra lệnh cho chúng phục vụ loài người sống dưới bầu trời – mặt trời chiếu sáng ban ngày, còn mặt trăng chiếu sáng ban đêm. Và nếu các ngươi nhận biết được Ánh Sáng vô hình – Thiên Chúa của chúng ta – thì các ngươi sẽ không bao giờ quỳ lạy trước những thiên thể hữu hình ấy.

– Vậy thì đó là ánh sáng nào, – quan tòa Armaleon hỏi, – mà ngươi nói rằng nó vô hình trước mắt chúng ta?

– Đó là Đức Kitô, Con Thiên Chúa, – Thánh Lêvki giải thích, – Đấng được sinh ra bởi Đức Trinh Nữ Maria nhờ Chúa Thánh Thần.

Và ngài kể cho họ nghe tất cả về Chúa Kitô – cách Ngài được sinh ra, cách Ngài sống giữa loài người, cách Ngài chịu khổ theo ý muốn của chính Ngài, qua đời, sống lại vào ngày thứ ba, lên trời, ngự bên hữu Thiên Chúa Cha và – cách Ngài sẽ trở lại để phán xét cả thế gian, để mỗi người được nhận phần thưởng xứng đáng với việc làm của mình. Các chiến binh lắng nghe bài giảng của Thánh Levki với lòng cảm động; tin tưởng vào những lời của ngài như là sự thật, họ quỳ xuống trước mặt ngài, nói:

– Xin Cha, xin hãy cho chúng con được dự phần vào sự sống đời đời!

Sau khi rao giảng, ngài đã làm phép rửa tội cho họ; số người mới tin nhận là sáu mươi bảy người đàn ông. Được họ và các linh mục tháp tùng, Thánh Lêvki đã vào thành phố. Như vậy, sự khai sáng cho Vruntisiopolis bằng ánh sáng của giáo lý Chúa Kitô đã được khởi đầu.

Khi Công tước Antioch biết tin rằng quan tribune Armaleon đã tin nhận Chúa Kitô cùng với các binh sĩ của mình, ngài đã triệu tập ông đến và hỏi:

– Những điều ta nghe về ngươi, Armaleon, có đúng không? Nghe nói ngươi cùng với các binh sĩ dưới quyền đã trở thành Kitô hữu?

Armaleon im lặng. Lúc đó, Antioch giận dữ nói:

– Tại sao ngươi không trả lời ta?

– Lẽ nào ngài – quan tribune hỏi – lại phải giận dữ với tôi chỉ vì giờ đây tôi đã trở thành Kitô hữu?

– Ta hỏi ngươi, – Antiochus phản bác, – mà không hề giận dữ: hãy nói cho chúng ta biết, ai đã dạy ngươi đức tin Kitô giáo? Chúng ta đều biết ngươi là người thông thái trong các giáo lý của chúng ta, người trước đây luôn bác bỏ Kitô giáo, và giờ đây chúng ta ngạc nhiên không biết bằng cách nào ngươi lại trở thành Kitô hữu?

– Cho đến nay, – Armaleon đáp, – tôi đã mù lòa và lang thang trong bóng tối của cõi trần, và giờ đây, được soi sáng bởi ân sủng của Đức Chúa Trời, tôi đã nhìn thấy ánh sáng và đang sống trong niềm hy vọng về sự sống đời đời.

– "Cuộc sống vĩnh cửu mà ngươi nói đến là gì?" – Antiochus hỏi.

– Nếu ngài muốn, ngài có thể tự mình trải nghiệm nó," viên quan đề nghị. – Nếu thực sự ngài có thể chỉ cho chúng tôi thấy nó," Antiochus suy luận, "thì tất nhiên, tôi muốn được nhìn thấy và hiểu rõ; tuy nhiên, tôi không nghĩ rằng có cuộc sống nào khác ngoài cuộc sống hiện tại, và tôi cũng không tin rằng có ánh sáng hay Đức Chúa Trời nào khác ngoài mặt trời và mặt trăng.

– Mặt trời và mặt trăng – Armaleon nói – không phải là các vị thần, mà là tạo vật của Đức Chúa Trời, được Ngài đặt trên trời không phải với mục đích thu hút ai đó phụng sự mình, mà là để phục vụ, chiếu sáng trái đất, cho loài tạo vật có lý trí, tức là con người đang sống trên trái đất.

Antiochus nghe những lời của vị quan tòa với sự ngạc nhiên và hỏi ông:

– Ai đã dạy ngươi sự khôn ngoan như vậy?

– Tôi đã được khai sáng, – ông nói, – bởi một người Alexandria tên là Levki, người mới đến đây gần đây.

Lúc bấy giờ, thánh Levki đang ở ngoài thành, tại khu vực biểu diễn gần cổng phía tây của Vruntisiopolis; ông dạy dân chúng nơi đây về đức tin vào Chúa Kitô, đồng thời làm phép rửa cho những ai đến với Chúa Giêsu. Antiochus sai người đi tìm ông, kính cẩn mời ông đến gặp mình. Khi thấy vị giám mục của Chúa, ông nói với ông:

– Nếu ngài muốn chúng tôi tin vào Đức Chúa Trời mà ngài đang rao giảng, thì xin ngài cầu khẩn Ngài ban mưa xuống đất nước chúng tôi, thứ mà chúng tôi đã không thấy suốt hai năm qua. Vì hạn hán, đất đai của chúng tôi đã khô cằn và mất đi sự màu mỡ như xưa, khiến dân chúng phải sống trong cảnh thiếu thốn và khốn khó.

Thánh Lêvki, sau khi triệu tập các linh mục của mình và tất cả các Kitô hữu mới được rửa tội, đã dâng lên Chúa một lời cầu nguyện chung đầy nhiệt thành, và ngay lập tức bầu trời được che phủ bởi những đám mây, từ đó mưa xối xả tuôn xuống, tưới đẫm toàn bộ đất đai của vùng đất ấy. Khi đó, cả thành phố, đứng đầu là Antiochus, đã tin vào Đấng Kitô, đến nỗi có hai mươi bảy nghìn người đã chịu phép rửa, và tất cả đều ngợi khen Đấng Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. Họ đã xây dựng một nhà thờ giữa thành phố để tôn vinh Đức Mẹ Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ Maria; còn một nhà thờ khác, để tôn vinh Thánh Gioan Tẩy Giả, được dựng lên tại chính nơi mà dân chúng đã được rửa tội. Như vậy, toàn bộ Vruntisiopolis đã được soi sáng bởi ánh sáng của đức tin thánh thiện.

Trong khi giảng dạy và củng cố đức tin cho những người mới được khai sáng, Thánh Lêvki bị ốm nặng và nhờ sự mặc khải của Thiên Chúa, ngài biết rằng căn bệnh của mình là bệnh nan y. Ngài gọi Antiôch đến bên mình và dặn dò ông hãy an táng thi hài ngài tại chính nơi con tàu của họ đã cập bến. Sau đó, ngài giơ hai tay lên trời, dâng lời cầu nguyện cho đoàn chiên của mình, ban phước lành cuối cùng và lời chào tạm biệt cùng lời chúc bình an cho tất cả mọi người; rồi ngài trút hơi thở cuối cùng về với Chúa, được cả thành phố thương tiếc[4500] . Sau khi rước thi hài thiêng liêng của vị thánh, Antioch đã rước thi hài ấy với những nghi thức trang trọng đến nơi mà vị thánh, khi từ Alexandria đến, đã bước xuống đất từ con tàu. Tại đây, Antioch đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Levkius và an táng thi hài thiêng liêng của vị thánh nhân trong đó. Và nhiều phép lạ đã xảy ra từ quan tài của ngài để tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần – Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi; xin dâng lên Ngài từ mọi loài thụ tạo lời ca ngợi, tạ ơn và thờ lạy muôn đời. Amen.

Kỷ niệm Thánh Tử đạo Mê-phô-đi-ô, Giám mục Patara.

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 6

Thánh nhân của Chúa Mê-phô-đi-ô, từ thuở thiếu thời đã hiến dâng mình để phục vụ Chúa, đã trở thành một bình thánh trong sạch, đón nhận Thánh Thần; vì điều đó, theo sự lựa chọn của Thiên Chúa, ngài đã được ban cho phẩm trật giám mục, trở thành vị mục tử tối cao của đoàn chiên tinh thần tại thành phố Pa-ta-ra, thuộc vùng Ly-ki-a[4501] . Thánh Mê-phô-đi-ô đã chăn dắt đoàn chiên tinh thần của mình với sự tận tụy vì Chúa, dẫn dắt họ đến sự hoàn thiện bằng những lời giảng dạy hiền lành. Trong thời gian Thánh Mê-phô-đi-ô làm giám mục, tà thuyết của Origen[4502] đã nảy sinh, lôi kéo nhiều người; khi thấy tà thuyết này ngày càng lan rộng, Thánh Mê-phô-đi-ô, với tư

[4500] Một số nguồn tin cho rằng Thánh Levkia qua đời vào thế kỷ V.

[4501] Tại Tiểu Á.

[4502] Origen – vị thầy nổi tiếng của Giáo hội Alexandria, một kỳ tài của thời đại về trí tuệ và sự uyên bác. Nhiều vị Giáo phụ vĩ đại nhất đã dành sự kính trọng sâu sắc cho các tác phẩm thần học và công lao của Origen; nhưng sau đó, ngay khi còn sống, ông đã bị kết án là dị giáo tại hai Công đồng địa phương ở Alexandria và sau khi qua đời – tại Công đồng Constantinopolis năm 543. Mặc dù không trình bày những quan điểm phi chính thống của mình như những chân lý bất di bất dịch, Origen vẫn có những suy nghĩ sai lầm về nhiều chân lý trong giáo lý của Giáo hội Kitô giáo, khiến một số người nghi ngờ sự kiên định của ông đối với các tín điều Kitô giáo quan trọng nhất. Khi phát triển học thuyết phi Chính thống về sự tồn tại trước của các linh hồn, ông đã suy nghĩ sai lầm về Đấng Kitô, cho rằng Thiên Chúa đã tạo ra một số lượng nhất định các thực thể thiêng liêng có phẩm giá ngang nhau, có khả năng thấu hiểu Thiên Chúa và trở nên giống Ngài; một trong những linh hồn được tạo dựng này đã hướng về Thiên Chúa với tình yêu nồng cháy đến mức hòa nhập không thể tách rời với Lời Thiên Chúa hoặc trở thành phương tiện hữu hình của Ngài; theo quan điểm của Origen, chính đó là linh hồn con người, nhờ đó Thiên Chúa-Lời có thể nhập thể trên trần gian, bởi vì việc Thiên Chúa trực tiếp nhập thể, theo quan điểm sai lầm của ông, là điều không thể tưởng tượng được. Bám vào quan điểm dị giáo về sự nhập thể của Thiên Chúa-Lời cũng như việc tạo dựng thế giới và con người, Origen cũng hiểu cái chết của Chúa Kitô theo nghĩa không chính thống, coi đó là điều lặp lại về mặt thiêng liêng trong thế giới thiêng liêng và có tác dụng giải thoát các Thiên thần ở đó, đồng thời gán cho các sức mạnh thông thường mà bản tính loài người được ban tặng quá nhiều vai trò trong công cuộc cứu rỗi. Origen cũng suy nghĩ sai lầm ở một số điểm trong giáo lý của mình về sự phục sinh và cuộc sống

cách là một vị mục tử xuất sắc, đã thiêu đốt tà thuyết ấy bằng những lời vạch trần của mình – nhờ giáo lý tràn đầy sự khôn ngoan và ân sủng của Thiên Chúa, ngài đã xua tan màn sương mù tà thuyết đang bao trùm các tín hữu. Những lời dạy được Thánh Thần soi dẫn của ngài đã lan tỏa khắp vũ trụ như tia chớp, và tiếng nói của những bài giảng ấy đã vang vọng khắp mặt đất như tiếng kèn khôn ngoan. Vì vậy, kẻ thù vô hình không thể chịu đựng nổi lòng nhiệt thành mà Thánh Mê-phô-đi-ô đã thể hiện trong những công trình vĩ đại của ngài, được thực hiện vì sự đạo đức và vì Hội Thánh của Đức Kitô; hắn đã huy động những tay sai hữu hình của mình chống lại vị giám mục thánh thiện – những kẻ ngoại đạo thờ lạy các thần tượng; dưới sự xúi giục của hắn, bọn ngoại đạo đã quyết tâm giết chết một cách đau đớn vị tôi tớ của Chúa, người đã tự nguyện chịu "sự chết mang lại sự sống" ngay trước khi phải chịu những đau khổ. Sau khi bắt được vị thánh của Chúa Kitô, những người ngoại đạo đã chém đứt đầu thánh thiện của ngài bằng gươm. Và thánh Mê-phô-đi-ô đã bước vào cuộc sống vĩnh cửu; ngài, người ban đầu đã phục vụ Chiên Con của Thiên Chúa, rồi sau đó chính ngài cũng bị giết như một con chiên, đã dâng mình làm của lễ sống cho Thiên Chúa. Như vậy, vị tu sĩ đạo đức tốt lành, người đã chiến đấu chống lại các tà thuyết và can đảm xưng nhận Đức Kitô trước mặt những kẻ ngoại đạo, thậm chí đến mức đổ máu và chịu cái chết tử đạo, đã được đội lên vương miện kép; sự kiện này xảy ra dưới triều đại của Hoàng đế Aurelian[4503] . Amen[4504] .

Bài ca Troparion, giọng 1:

Máu của ngài, hỡi Thánh Mê-phô-đi-ô, người khôn ngoan trước mặt Thiên Chúa, đang thầm kêu lên từ đất như máu của A-vê-lê hướng về Thiên Chúa; ngài đã rao giảng rõ ràng về sự nhập thể của Thiên Chúa: nhờ đó, ngài đã làm bẽ mặt sự nịnh hót của Origen, và đã được rước vào cung điện thiên đàng. Xin ngài cầu thay cho chúng con trước Chúa Kitô, Thiên Chúa, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài là người giữ bí tích Thánh Ba Ngôi, và hơn thế nữa, là người rao giảng những mệnh lệnh thiêng liêng của Đức Chúa Trời, và là chỗ dựa vững chắc cho những người Chính Thống, thánh Mê-phô-đi-ô, ngài đã vạch trần những tư tưởng xấu xa, vì đức tin chân chính mà ngài đã trở thành vị tử đạo thánh thiện bằng chính máu của mình: và khi đứng trước mặt Chúa Kitô cùng các Thiên Thần, xin ngài cầu xin cho chúng con được cứu rỗi.

Lễ kính các thánh tử đạo Aristocles, Dimitrian và Athanasius

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 6

Thánh Tử đạo Aristocles, người gốc Síp, quê ở thành phố Tamas, từng là linh mục của Thánh đường. Vào thời vua Maximian[4505] , khi cuộc bách hại lớn ập xuống các Kitô hữu, thánh Aristocles đã lui vào sa mạc, nơi ngài ẩn náu trong một hang động trên núi: tại đó, trong lúc cầu nguyện, một lần nọ, ngài được bao phủ bởi một ánh sáng rực rỡ hơn cả ánh mặt trời, và từ trời cao vang lên một tiếng nói, truyền lệnh cho ngài phải đến Tổng giáo phận Salamis, nằm trên đảo Síp, và tại đó thực hiện hành trình tử đạo vì tuyên xưng danh Chúa Kitô. Được củng cố bởi

---

tương lai, chẳng hạn như quan điểm cho rằng ma quỷ có thể được cứu rỗi; đồng thời, trong việc giải thích Kinh Thánh, ông đã hiểu quá mức theo nghĩa huyền bí, làm tổn hại đến ý nghĩa lịch sử của Kinh Thánh. Tuy nhiên, dù sao đi nữa, những đóng góp của Origène đối với Giáo Hội vẫn đáng kể hơn và bù đắp cho những sai lầm của ông. Trong các trường học của mình, ông đã đào tạo ra nhiều vị Thánh Cha và nhà giảng dạy xuất sắc của Giáo Hội, trong số đó có những người nợ ông việc chuyển đổi từ ngoại giáo sang đức tin Kitô giáo – đức tin mà ông mong muốn hòa hợp với tri thức và triết học. Đặc biệt đáng chú ý là các công trình của ông về nghiên cứu Kinh Thánh – việc giải thích, và quan trọng nhất là việc phục hồi và thanh lọc bản văn nguyên thủy; cũng đáng chú ý là các tác phẩm của Origène nhằm bảo vệ Kitô giáo trước các kẻ thù và những kẻ dị giáo. – Trong cuộc bách hại dưới thời Đế vương Decius, Origene đã được tôn vinh là vị chứng nhân dũng cảm của Chúa Kitô, và ngài qua đời ở tuổi bảy mươi tại Tyre vào năm 254.

[4503] 270–275. Tuy nhiên, giả thuyết cho rằng Thánh Mêphôdiô qua đời muộn hơn, vào khoảng năm 310–312, có vẻ hợp lý hơn.

[4504] Các tác phẩm văn học của Thánh Mê-phô-đi-ô còn lưu truyền đến ngày nay, liên quan đến: 1) việc bảo vệ đức tin thánh thiện chống lại ngoại giáo, 2) việc trình bày các tín điều, đặc biệt là chống lại những sai lầm của Origen, 3) giáo lý đạo đức và 4) việc giải thích Kinh Thánh.

[4505] Maximianus Galerius trị vì từ năm 305 đến năm 311.

hiện tượng ánh sáng và tiếng nói thiêng liêng, ngài lập tức gạt bỏ nỗi sợ hãi trước những cực hình, và lên đường đến nơi được truyền lệnh. Trên con đường đi qua khu rừng, ngài ghé vào nhà thờ Thánh Tông đồ Barnaba và tại đây gặp được phó tế Dimitrián và người đọc kinh Athanasius, những người đã đón tiếp ngài với tình yêu thương. Trong cuộc trò chuyện, Thánh Aristocles đã tiết lộ cho họ lý do chuyến đi của ngài đến thành phố Salamis, đồng thời kể lại về thị kiến mà ngài đã trải qua. Sau khi nghe câu chuyện đó, Dimitrios và Athanasius đã nảy sinh một khao khát không thể cưỡng lại là đi cùng Aristocles để chết vì Chúa Kitô. Khi họ đến thành Salamina, họ đã đứng trên một nơi cao, trước mặt mọi người, và bắt đầu rao giảng về Chúa Giêsu Kitô bằng giọng nói vang dội, ca ngợi Ngài, đồng thời phỉ báng các vị thần ngoại đạo và những tượng thần vô tri vô giác; những người ngoại đạo lập tức bắt giữ các nhà rao giảng và đưa họ ra trước quan tổng trấn để thẩm vấn. Vị quan này, khi biết họ là Kitô hữu và thấy lòng trung thành bất khuất của họ đối với đức tin thánh thiện, đã ra lệnh chém chết linh mục Aristocles bằng gươm; còn các thánh Dimitrian và Athanasius, sau khi phải chịu nhiều cực hình, ông đã ra lệnh thiêu sống họ; nhưng khi thấy các vị thánh vẫn còn sống và nguyên vẹn trong ngọn lửa, quan tổng trấn cũng kết án họ phải bị chém bằng gươm. Như vậy, các vị tử đạo của Chúa Kitô[4506] đã qua đời, được đội vương miện tử đạo.

Lễ rước di cốt các thánh tử đạo Inna, Pinna và Rimma

Ngày kỷ niệm: 20 tháng 6

Các vị thánh tử đạo này xuất thân từ các vùng đất phía bắc, từ xứ sở của những người man di[4507] . Họ là môn đệ của Thánh Tông đồ Anrê và đã dẫn dắt nhiều người man di từ việc thờ lạy các thần tượng trở lại với đức tin nơi Chúa Kitô. Vì điều này, họ bị bắt và đưa ra trước vị vua của người man di, người đã cố gắng dụ dỗ họ bằng nhiều cám dỗ và những lời hứa ngọt ngào, nhưng họ không chịu khuất phục trước những vinh dự được đề nghị và vì sự kiên định trong đức tin vào Chúa Kitô, họ đã bị đánh đập không thương tiếc. Vì lúc bấy giờ đang là mùa đông khắc nghiệt và các con sông đã đóng băng đến mức có thể đi qua trên băng, nên người ta đã dựng những cây thẳng đứng giữa dòng sông và buộc các thánh tử đạo vào đó. Khi băng bắt đầu lõm xuống dưới sức nặng của những cây gỗ, nước dâng lên đến cổ họ, và trong tư thế đó, các thánh đã dâng linh hồn mình lên Chúa. Một số tín hữu Kitô giáo đã chôn cất thi thể các ngài lúc bấy giờ, nhưng sau đó, Đức Giám mục[4508] đã lấy thi thể các ngài ra khỏi mộ, vác lên vai và an táng trong nhà thờ của ngài. Bảy năm sau khi qua đời, các thánh tử đạo đã hiện ra với chính vị giám mục ấy và truyền lệnh cho ngài chuyển di hài các ngài đến một thị trấn tên là Alix, nơi trú ẩn khô ráo[4509] .

Ngày 4 tháng 7

21 tháng 6 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Tử đạo Iulianus Tarsianus

Ngày tưởng niệm 21 tháng 6

Thánh Iulian, con trai của một thượng nghị sĩ ngoại đạo và một người mẹ theo đạo Kitô, sinh ra tại thành phố Anazarva thuộc xứ Cilicia[4510] . Sau khi chồng qua đời, mẹ của Thánh Iulian đã chuyển từ Anazarva đến thành phố Tarsus thuộc xứ Cilicia[4511] . Tại đây, bà đã rửa tội cho cậu bé Iulian theo đạo Kitô và nuôi dạy cậu, vừa truyền đạt kiến thức sách vở vừa dạy dỗ những chân lý của đức tin và các quy tắc đạo đức Kitô giáo.

[4506] Khoảng năm 306

[4507] Trong "Lịch Thánh" của Hoàng đế Basil có ghi rằng các vị thánh tử đạo này xuất thân từ Scythia, từ vùng biên giới phía bắc của nó, còn theo ý kiến của Giáo sư E. Golubinsky (Lịch sử Giáo hội Nga, tập I, nửa đầu, ấn bản thứ 2, trang 31 và chú thích 2) thì họ xuất thân từ Gotfia thuộc vùng Doria, chiếm một dải đất hẹp ven biển ở Crimea ngày nay, giữa Balaklava và Sudak.

[4508] Trong bản dịch tiếng Slav của lịch tháng của Hoàng đế Vasili, vị giám mục này được gọi là Godla, và tên Godla là tên Gotf.

[4509] Alix chính là Alushta ngày nay, nằm bên bờ Biển Đen, cách Yalta 42 verst về phía đông bắc. "Nơi trú ẩn khô ráo" có nghĩa là bến cảng biển.

[4510] Cilicia là một tỉnh La Mã ở phía đông nam Tiểu Á.

Khi Thánh Iulian tròn 18 tuổi, một cuộc bách hại dữ dội nhằm vào các Kitô hữu đã bùng nổ, do Hoàng đế Diocletian khởi xướng[4512] . Cùng với các Kitô hữu khác, Thánh Iulian cũng bị bắt và đưa ra xét xử trước quan tổng trấn Marcian[4513] . Tuy nhiên, dù là những hình phạt tàn bạo, những lời đe dọa hay những lời hứa về của cải và vinh dự cũng không thể khiến chàng trai đạo đức này chịu dâng lễ vật theo tín ngưỡng ngoại giáo và từ bỏ Đức Kitô. Suốt một năm, Thánh Iulian bị lôi kéo đi khắp các thành phố ở Cilicia, ở đâu cũng phải chịu tra tấn, nhưng ngài, giống như viên kim cương[4514] , vẫn kiên định trong việc tuyên xưng đức tin vào Chúa Giêsu Kitô. Khi Thánh Iulian được đưa đến thành phố Egea[4515] , những kẻ ngoại đạo vô đạo đức ở đó đã dùng vũ lực mở miệng vị thánh tử đạo và nhét vào đó thịt và máu từ các lễ vật dâng cho thần tượng, với ý định làm ô uế người tôi tớ trong sạch và thánh thiện của Chúa Kitô bằng những lễ vật ngoại đạo. Sau đó, Thánh Julian bị tống vào ngục tối. Mẹ thánh hiền của ngài, người đã luôn đồng hành cùng Julian khắp mọi nơi, đã đến thăm ngài tại đó, khẩn cầu Chúa củng cố con trai mình trong cuộc hành trình chịu khổ nạn. Khi những kẻ tra tấn bắt mẹ của Thánh Iulian và đưa bà ra tòa, bà đã xin quan tổng trấn cho phép bà được đến thăm con trai mình trong ngục trong ba ngày, để thuyết phục anh ta thờ lạy các thần tượng. Thống đốc đã cho phép bà tự do đến thăm con trai mình trong ngục tối. Bà đã dành cả ngày lẫn đêm bên con trong ngục, trò chuyện với con bằng tình yêu thương của người mẹ, và trong nước mắt khuyên nhủ con hãy kiên trì chịu đựng những đau khổ tạm thời cho đến cùng, để được Chúa ban cho những ân huệ vĩnh cửu trong vương quốc của các vị tử đạo.

Sau ba ngày, thánh Julian cùng với mẹ được dẫn đến trước tòa án của quan tổng trấn. Nghĩ rằng người mẹ đã thuyết phục được con trai dâng lễ vật cho các thần tượng, quan tổng trấn liền khen ngợi bà vì lời khuyên nhủ đó, nhưng bà lại lớn tiếng và không chút sợ hãi tuyên xưng danh Chúa Giêsu Kitô và vạch trần sự vô thần của tôn giáo ngoại đạo. Thánh Julian cũng không hề nao núng khi tuyên xưng và tôn vinh Chúa Giêsu Kitô – Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật – đồng thời vạch trần sự đa thần của các tôn giáo ngoại đạo. Lúc đó, vị thống đốc tức giận đã ra lệnh tra tấn cả hai – cả mẹ lẫn con. Sau nhiều lần tra tấn, người mẹ của vị thánh đã bị chặt đứt đôi bàn chân, chính đôi chân mà bà đã dùng để đi theo con trai mình từ Tarsus; còn vị thánh tử đạo Julian thì bị nhốt vào một cái bao chứa đầy cát và các loài bò sát độc hại, rồi bị ném xuống biển. Như vậy, Thánh Julian đã kết thúc những đau khổ của mình. Một thời gian sau, người mẹ đạo đức của ngài cũng qua đời trong đau đớn – và cả hai đều nhận được vương miện chiến thắng từ Đức Kitô, Thiên Chúa.

Thi thể của Thánh Iulian đã được sóng biển đưa vào bờ, nơi một góa phụ đạo đức từ Alexandria đã tìm thấy và an táng ngài một cách trang trọng. Sau đó, di cốt thánh của Thánh Iulian đã được chuyển đến Antioch[4516] . Thánh Gioan Vàng Miệng[4517] , khi còn là linh mục tại Antioch, đã tôn vinh kỷ niệm vị thánh tử đạo Iulian bằng một bài giảng ca ngợi.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Hôm nay, chúng ta hãy cùng ca ngợi Thánh Iulian, vị chiến binh bất khả chiến bại của đức tin, người đồng hành và chiến binh của chân lý, và hãy kêu cầu ngài: xin cầu thay cho tất cả chúng ta trước Chúa Kitô, Thiên Chúa.

Cuộc đời của các vị thánh Iulius, linh mục, và Iulian, phó tế

Ngày kỷ niệm: 21 tháng 6

[4511] Tarsus là một thành phố lớn và đông dân cư ở phía nam Cilicia, bên bờ sông Kidne, gần nơi con sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải. Và hiện nay, Tarsus vẫn là một thành phố khá quan trọng.

[4512] Diocletian trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[4513] Hegemon – người cai trị vùng

[4514] Adaman (kim cương) – loại đá có độ cứng đến mức có thể mài mòn các loại đá khác mà bản thân nó không bị tổn hại. Trong văn học Giáo hội, danh xưng này được dùng để chỉ nhiều vị thánh nổi tiếng vì sự kiên định trong đức tin.

[4515] Egea – một trong những thành phố ven biển ở Cilicia.

[4516] Antioch – thành phố cổ nhất của Syria, nằm bên sông Orontes, cách nơi sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải khoảng 10 verst.

[4517] Thánh Gioan Vàng Miệng – vị Giáo phụ nổi tiếng của thế kỷ IV và đầu thế kỷ V; ngày kính nhớ ngài là ngày 13 tháng 11.

Quê hương của các thánh Iulia và Iulian là xứ Mirmidonia[4518] . Cả hai đều là anh em ruột và từ thuở ấu thơ đã được nuôi dưỡng trong đức tin Kitô giáo và nhận được sự dạy dỗ tốt đẹp về Kinh Thánh. Khi đến tuổi trưởng thành, họ sống một cuộc đời trong sự trong sạch trinh khiết, phụng sự Thiên Chúa bằng việc ăn chay và cầu nguyện, ngày đêm nghiên cứu Lề Luật của Chúa. Nhờ lối sống đẹp lòng Thiên Chúa như vậy, họ đã được phong các chức thánh trong Giáo Hội: Iulius được tấn phong làm linh mục, còn Iulian được tấn phong làm phó tế; và trong Giáo hội của Đức Kitô, họ như hai ngọn đèn, tỏa sáng bằng những việc lành và qua đó tôn vinh Cha Trên Trời. Vào thời điểm đó, giữa lúa mì của đức tin thánh thiện vẫn còn nhiều cỏ dại của sự lầm lạc thờ ngẫu tượng. Mặc dù vào thời điểm đó, cả phương Đông lẫn phương Tây đều đã nằm dưới sự cai trị của các vị vua Kitô giáo, và lòng đạo đức đang nở rộ khắp nơi, song sự vô đạo của người Hy Lạp vẫn chưa bị tiêu diệt hoàn toàn, đặc biệt là tại các làng mạc, nơi người dân trong sự mù quáng vô minh vẫn bám víu vào việc thờ cúng thần tượng cổ xưa. Và thế là hai tôi tớ của Đấng Christ này, tràn đầy lòng nhiệt thành vì Đức Chúa Trời, đã đến Constantinople gặp vị hoàng đế đạo đức Theodosius II[4519] và xin ngài ban cho họ sắc lệnh hoàng gia, để họ có thể tự do tiêu diệt các thần tượng trong vùng Hy Lạp-La Mã, phá hủy và đốt cháy các đền thờ, cũng như đến thăm các khu rừng và vườn cây được trồng để tôn vinh các thần tượng, và thay vào đó, xây dựng các nhà thờ của Đức Chúa Trời và truyền bá vinh quang của danh Chúa Giê-su Christ. Nhà vua đã cấp cho họ sự cho phép này, được xác nhận bằng sắc lệnh, trong đó có kèm theo mệnh lệnh rằng ở khắp các vùng lân cận và các thành phố, tất cả các quan chức của giáo phận (các quan tỉnh trưởng, các công tước, các quan chức cao cấp và các thị trưởng) phải tuân theo Julius và Julianus trong mọi việc, và cung cấp cho họ mọi thứ cần thiết để xây dựng các đền thờ của Đức Chúa Trời. Họ cũng nhận được sự ban phước từ Đức Thượng phụ tối cao để rao giảng, xây dựng và thánh hiến các nhà thờ. Và thế là hai vị thánh chiến binh của Đấng Kitô này, như hai vị tông đồ, đã lên đường đến các vùng đất thuộc vương quốc Hy Lạp-La Mã, rao giảng danh Chúa Giêsu Kitô cho những người ngoại đạo, và dẫn dắt nhiều người trở về với Chúa Kitô, củng cố đức tin của họ không chỉ bằng lời nói, mà còn bằng các phép lạ; vì từ Thiên Chúa, họ đã được ban ân sủng và quyền năng để chữa lành người bệnh, trừ tà ma – và ở khắp nơi, họ phá hủy các đền thờ thần tượng, tiêu diệt các thần tượng. Tại những nơi mà người Hy Lạp, trong cơn giận dữ, chống đối họ, thì ở đó, sau khi trình chiếu sắc lệnh của hoàng đế cho các quan chức và thống đốc thành phố và nhận được sự giúp đỡ từ họ, các thánh nhân đã hoàn thành sứ mệnh của mình. Họ đã xây dựng vô số nhà thờ không chỉ nhờ sự trợ cấp từ kho bạc hoàng gia, mà còn nhờ sự bố thí hào phóng của những Kitô hữu chân chính: bởi vì tất cả mọi người, ở khắp mọi nơi, khi chứng kiến những vị thầy, những nhà truyền giáo và những vị làm phép lạ như vậy, đều không tiếc của cải của mình, mà dâng hiến cho công việc thánh thiện. Như vậy, họ đã đi khắp Đông và Tây, và xây dựng được tới một trăm nhà thờ. Còn những phép lạ mà họ đã thực hiện thì vô số, đến nỗi không thể kể lại chi tiết được, và chỉ có thể nhắc đến một vài phép lạ mà thôi.

Một lần nọ, khi đang xây dựng nhà thờ tại Vivlah dưới sự nỗ lực của các vị thánh huynh đệ, một người thợ do bất cẩn đã vô tình dùng dụng cụ sắt cắt đứt ngón tay cái bên tay trái của mình, khiến máu chảy ra rất nhiều , và người đó ngã quỵ vì kiệt sức và đau đớn, như thể đã chết. Các vị thánh, khi thấy vậy, đã nhặt ngón tay bị cắt đứt, đặt nó lên bàn tay, làm dấu thánh giá trên vết thương, và ngón tay đó lập tức liền lại với bàn tay, vết thương cũng liền lại. Các vị thánh, sau khi đỡ người đó dậy khỏi mặt đất trong tình trạng khỏe mạnh, đã trao cho anh ta dụng cụ sắt của mình, đồng thời nói:

– Hãy vững lòng và làm việc nhân danh Cha, Con và Thánh Thần.

Một lần khác, các thánh đang ở giáo phận Mediolanum[4520] , gần thành phố tên là Gavdian. Tại đây, sau khi thanh tẩy một ngôi làng khỏi các đền thờ thần tượng, chính các ngài đã tự tay xây dựng nhà thờ (là nhà thờ thứ chín mươi chín trong số các nhà thờ do các ngài xây dựng). Cùng với các ngài, rất nhiều tín hữu đã tham gia xây dựng công trình này và giúp đỡ các ngài. Tình cờ có một nhóm người đi ngang qua nơi đó. Khi nhìn thấy những người đang xây dựng nhà thờ, họ tự nhủ rằng các thợ xây sẽ giữ chân họ lại và, dù họ có không muốn đi chăng nữa, cũng sẽ thuyết phục họ tham gia vào công việc[4521] . Và vì họ không thể đi qua nơi này được, nên họ đã làm như sau: họ

[4518] Tức là đảo Esna.

[4519] Hoàng đế Theodosius II trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[4520] Mediolan – nay là Milan – ở Ý.

[4521] Theo phong tục thời bấy giờ, tất cả những người có mặt gần khu vực xây dựng đều phải tham gia vào việc xây dựng nhà thờ. Những người qua đường, theo phong tục này, không thể từ chối giúp đỡ các thợ xây nếu được mời.

đặt một người trong số họ lên xe ngựa, giả vờ như người đó đã chết, tỏ ra như đang chở người quá cố đi chôn cất. Ngay khi họ vừa đến gần công trường xây dựng nhà thờ, các vị thánh anh em đã quay sang nói với họ:

– Các con ơi! Hãy giúp chúng ta trong công việc này.

Họ đáp lại rằng:

– Chúng tôi không thể chậm trễ, vì đang chở người chết đi chôn cất.

– Các con có đang nói dối không? – Thánh Iulius hỏi.

– Không, thưa cha, – các em đáp.

– Vậy thì hãy để mọi việc diễn ra theo lời các con, Thánh Iulian nói với các em.

Và những người đó tiếp tục lên đường. Đi được một quãng nữa, họ bảo người giả chết đứng dậy. Nhưng anh ta không đứng dậy; lúc đó họ bắt đầu đẩy anh ta mạnh hơn, nghĩ rằng anh ta đang ngủ. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, họ nhận ra rằng anh ta thực sự đã chết. Phép lạ này lan truyền khắp nơi, và mọi người đều kinh hãi và sợ hãi, đến nỗi từ đó trở đi, không ai dám nói dối các thánh nữa.

Một thời gian sau đó, Thánh Iulius, một linh mục, đã nói với anh trai mình, Thánh Iulianus:

– Anh hãy ở lại đây, anh em ạ, để xây dựng nhà thờ thứ chín mươi chín này, còn tôi sẽ đi tìm một nơi khác, nơi có thể xây dựng nhà thờ thứ một trăm, để sau khi xây dựng xong một trăm nhà thờ trên đất, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, chúng ta sẽ được chuyển đến Hội Thánh không do tay người tạo nên, vĩnh cửu trên trời.

Nói xong, Thánh Iulius lên đường. Đi được khoảng hai dặm, ngài đến một hồ nước tên là Mukoros. Hồ nước ấy rất rộng lớn; trên đó, ngài nhìn thấy một hòn đảo lớn, rất đẹp, không có ai sinh sống. Nhìn hòn đảo ấy từ xa, vị thánh bắt đầu suy nghĩ làm thế nào để sang được đó. Vì không có thuyền nào gần đó, nên ngài quỳ gối xuống và cầu nguyện, thưa rằng:

– Lạy Chúa Trời toàn năng, lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin Ngài, bằng quyền năng vô biên của Ngài, ban cho con ân sủng này[4522] đang ở trên con, để nó có thể thay thế cho chiếc thuyền, hầu cho khi con đứng trên đó và được bàn tay phải của Ngài dẫn dắt, con có thể sang được hòn đảo ấy mà không bị chìm xuống nước.

Sau khi cầu nguyện như vậy, ngài trải tấm vải lụa của mình ra trên mặt nước, làm dấu thánh giá, rồi bước lên đó – và tấm vải lụa, như một chiếc thuyền, không chìm xuống nước. Còn vị thánh, tay cầm cây gậy, vừa chèo nước như dùng mái chèo, vừa điều khiển chiếc thuyền kỳ diệu làm từ tấm vải lụa và đã đến được hòn đảo ấy. Khi lên đảo, ngài đi vòng quanh đảo và rất vui mừng khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nó. Giữa hòn đảo, Thánh Iulius nhìn thấy một tảng đá khổng lồ, chiếm một diện tích rộng lớn. Ngài quyết định xây dựng nhà thờ thứ một trăm trên đó, để tôn vinh mười hai Thánh Tông đồ. Nhưng trên hòn đảo ấy có rất nhiều rắn và đủ loại bò sát độc, nên không ai dám đến gần hòn đảo đó. Vị thánh leo lên tảng đá đó, làm một cây thánh giá từ một cành cây nhỏ, rồi cắm nó vào một khe nứt nhỏ trên tảng đá. Sau khi cầu nguyện với Chúa, ngài đã gọi tất cả rắn và các loài bò sát đến với mình nhân danh Chúa Giêsu Kitô – và một đám đông khổng lồ trong số chúng đã tụ tập quanh ngài. Vị thánh nói với chúng:

– Các ngươi đã sống ở nơi này đủ lâu rồi; nay, nhân danh Thánh Ba Ngôi, Cha, Con và Thánh Thần, ta ra lệnh cho các ngươi phải rời khỏi hòn đảo này, và nhường lại nơi này làm nhà của Chúa và cho các tôi tớ của Đấng Kitô, những người có ý định cư ngụ tại đây.

Vừa dứt lời, tất cả rắn và các loài bò sát, như thể hiểu được lời ngài, liền tuân theo mệnh lệnh của ngài; chúng tụ tập lại với nhau rồi rút lui về phía tây của hòn đảo; sau đó, chúng lặn xuống hồ, bơi sang phía bên kia đến ngọn núi tên là Kamunkin, và định cư tại đó, dựng tổ, còn hòn đảo thì được thanh tẩy khỏi các loài bò sát. Còn vị thánh, cũng như lần đầu tiên, sau khi vượt qua trở lại, đã hướng về các làng mạc Kitô giáo nằm trong vùng lân cận, và sau khi nhận được sự giúp đỡ cùng mọi thứ cần thiết từ họ, ngài đã trở lại hòn đảo bằng thuyền cùng với những người thợ; sau đó, ngài đặt nền móng trên đá cho một nhà thờ mang tên Mười Hai Thánh Tông Đồ, và bắt tay vào việc xây dựng nó.

Vào thời điểm đó, anh trai ngài là Thánh Iulian, sau khi hoàn thành việc xây dựng nhà thờ gần thành phố Gavdiana, đã nảy ra ý định làm một quan tài trong đó dành cho em trai mình là Iulius, và bắt đầu xây dựng nó. Còn Thánh Iulius, khi biết tin việc xây dựng nhà thờ đó đã hoàn tất, liền đi đến đó để xem và nhân tiện thăm anh trai mình. Khi ngài đến nơi, anh trai ngài đã đón tiếp ngài với những lời như sau:

[4522] Milot – áo khoác ngoài, áo choàng, áo mưa.

– Này, anh ơi, nhờ ơn Chúa và nhờ những lời cầu nguyện của anh, việc xây dựng nhà thờ đã hoàn tất, chỉ còn đang xây dựng ngôi mộ cho anh thôi, để sau khi anh qua đời, thi thể anh sẽ được an nghỉ trong đó.

Nhưng Thánh Iulius, được ban ân sủng tiên tri, đã nói với Thánh Iulian như sau:

– Hãy nhanh chóng hoàn tất việc xây dựng chiếc quan tài này, vì chính anh cũng sẽ phải an nghỉ trong đó.

Và điều đó đã trở thành sự thật. Khi quan tài đã được chuẩn bị xong, Thánh Julian, một phó tế, đã về với Chúa. Còn Thánh Julius, sau khi an táng thi hài người anh em một cách trang trọng, đã trở lại hòn đảo, nơi ngài tiếp tục xây dựng nhà thờ dành riêng cho các Tông đồ. Sau khi hoàn thành việc xây dựng nhà thờ, ngài đã chuẩn bị một quan tài cho chính mình trong đó, vì ngài đã tiên đoán được cái chết sắp đến của mình, do đã ở tuổi cao niên. Vào thời điểm đó, tại Mediolanum, nhà vua đã bổ nhiệm một thượng nghị sĩ tên là Avdentius, một người có xuất thân cao quý, đức hạnh và sùng đạo, làm tổng giám mục để quản lý toàn bộ vùng đất đó. Khi nghe nói về Thánh Iulian, ông cùng gia đình đã quyết định đến đảo Mukorose để gặp vị tôi tớ của Chúa là Linh mục Iulian và tham quan nhà thờ do ngài xây dựng; họ lên thuyền và lên đường. Khi đến đảo, Avdentiy đã được Thánh nhân ban phước lành và trò chuyện với ngài về những vấn đề thiêng liêng, đồng thời cũng tham quan tòa nhà nhà thờ; sau đó, ông quay sang Thánh nhân và nói như sau:

– Thưa Cha! Nếu Cha còn có ý định xây dựng gì nữa, xin hãy cho con biết, con sẽ dùng tài sản của mình để giúp Cha, vì con sẵn lòng phục vụ Cha trong mọi việc cần thiết.

Thánh nhân đáp lại:

– Con ơi! Chúng ta không cần xây dựng gì thêm nữa, chỉ còn việc xây một ngôi mộ cho con bên cạnh ngôi mộ của cha thôi, vì sau khi con qua đời, thi thể con sẽ được an nghỉ trong nhà thờ này.

Avdentius đáp lại:

– Xin hãy để quan tài của cha ở đây, còn con đã chuẩn bị sẵn quan tài cho mình ở Mediolan rồi.

– Hãy tin ta, con ơi, – Thánh Iulius nói với cậu, – rằng thi thể con sẽ được chôn cất bên cạnh thi thể ta, chứ không phải ở bất kỳ nơi nào khác.

Sau khi trò chuyện đủ lâu với vị thánh và nhận được lời chúc lành từ ngài, Avdentiy trở về Mediolan. Không lâu sau, Thánh Iulius qua đời và được an táng trong quan tài của ngài, từ đó nhờ những lời cầu nguyện của ngài, nhiều người bệnh đã được chữa lành. Sau khi Thánh Iulius qua đời, người kế nhiệm ngài là linh mục Ilya, một vị linh mục đạo đức. Vài năm sau, Avdentiy, giám mục Mediolan, cũng qua đời và được an táng trong quan tài của mình tại Mediolan; nhưng vào sáng ngày hôm sau, người ta phát hiện thi thể ngài nằm bên ngoài quan tài, không phải do ai đó ném ra ngoài, mà dường như được nhẹ nhàng đưa ra khỏi đó và đặt xuống một cách cẩn thận. Thi thể ngài được đặt trở lại vào cùng chiếc quan tài đó, nhưng lần thứ hai ngài lại được phát hiện nằm bên ngoài quan tài; điều tương tự cũng xảy ra lần thứ ba. Họ định an táng ngài ở một nơi khác, nhưng không tìm được nơi nào thích hợp để chôn cất. Lúc đó, những người trong nhà nhớ lại lời Thánh Iulius đã nói với Avdentius rằng ngài sẽ không được an táng ở bất kỳ nơi nào khác ngoài ngay bên cạnh thi hài của ngài; và họ đã đưa thi hài của Avdentius đến đảo Mukoros. Thánh Ilya, cùng với các cây thánh giá, lư hương và nến, đã đón thi hài của vị giám mục, và với những nghi thức trang trọng thích đáng, đã an táng ngài bên cạnh quan tài của Thánh Iulia.

Như vậy, lời tiên tri của vị thánh đã ứng nghiệm, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.

Ngày 5 tháng 7

Ngày 22 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và những đau khổ của Thánh Tử đạo Eusebius, Giám mục Samosata

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 6

Thánh Evsevius là giám mục của thành phố Samosata[4523] , thuộc quyền quản lý của tổng giám mục Antioch. Ngài là một người có đức tin chân chính, đạo đức, tràn đầy lòng nhiệt thành vì Chúa, kiên định và bất

khuất trong việc tuyên xưng đức tin Chính thống, vào chính thời điểm mà tà thuyết Arius[4523] đang gia tăng gây ra nhiều tai hại, và Giáo hội của Chúa đang bị xáo trộn nghiêm trọng, chao đảo như một con tàu giữa biển khơi trong cơn bão.

Sau khi Thánh Hoàng đế vĩ đại Constantine (trị vì từ năm 306 đến năm 337) qua đời, con trai ngài là Constantius[4524] đã lên ngôi ở nửa phía đông của vương quốc; với tư cách là một tín đồ Arian, ông đã hỗ trợ người Arian trong mọi việc và theo đuổi lợi ích của họ. Do đó, trong thời kỳ trị vì của ông, những người Chính Thống đã phải chịu đựng sự đàn áp và áp bức nặng nề từ phía những người Arian, và chính Thánh Eusebius cũng đã phải chịu không ít đau khổ vì lòng nhiệt thành của ngài đối với đức tin Chính Thống.

Lòng nhiệt thành của Thánh Eusebius đối với Giáo hội của Chúa Kitô đã trở nên nổi tiếng với mọi người sau sự kiện sau đây.

Khi Eudoxius, Tổng Giám mục Antiôkhia, một người theo phái Arian, vì ham mê của cải mà chuyển sang nắm giữ ngai tòa Constantinopolis[4525] , thì nhân dịp này, một công đồng gồm tất cả các giám mục Syria đã được triệu tập tại Antiôkhia để bầu chọn Tổng Giám mục thay thế Eudoxius. Do thực tế là không chỉ trong dân chúng Kitô hữu mà ngay cả trong hàng ngũ các giám mục cũng có rất ít người theo Chính Thống giáo, và nhiều người đã theo chủ nghĩa Arian để ủng hộ vị hoàng đế vô đạo, nên giáo lý của vị tổng giám mục mới được bầu chọn sẽ có ý nghĩa rất lớn đối với Giáo hội Chính Thống. Điều này đã được Thánh Eusebius quan tâm, người đã giữ một vị trí quan trọng trong số các giám mục chủ tọa tại công đồng. Biết rõ Giám mục Meletius của Sebaste, tại Armenia, là người giữ vững đức tin và kiên định với Tín điều của Công đồng Nicaea toàn cầu lần thứ nhất, Eusebius đã khuyên mọi người nên bầu vị giám mục này làm tổng giám mục. Những người theo phái Arian, không biết rõ về đức tin chính thống của Meletius và cho rằng ngài sẽ là đồng minh của họ, đã sẵn lòng nghe theo lời khuyên của Evsevius. Họ soạn thảo một bản phán quyết chung về Meletius, xác nhận bằng chữ ký của mình và giao cho Thánh Evsevius cất giữ. Sau đó, khi nhận được sự đồng ý của hoàng đế về việc bầu chọn này, các giám mục đã gửi thông báo về việc bầu chọn đến thánh Meletius, và ngài được đưa về Antiôkhia, nơi ngài được chào đón với niềm vui lớn lao. Thánh Meletius, với tư cách là tổng giám mục, đã bắt đầu dạy dỗ đoàn chiên của mình trước hết là về lối sống tốt đẹp và đạo đức: bằng cách này, ngài cố gắng dọn đường cho những tâm hồn cứng cỏi tiến tới đức tin chân chính. Thánh nhân hy vọng rằng, bằng cách sửa đổi những thói hư tật xấu, nhổ bỏ gai góc và cỏ dại, ngài có thể gieo rắc hạt giống của đức tin Chính thống một cách thành công giữa đoàn chiên của mình. Không lâu sau, dân chúng muốn xác minh xem vị tổng giám mục mới của họ theo tín điều nào, và họ đã yêu cầu tổng giám mục giải thích về điều này. Nhân dịp này, Thánh Meletius đã giảng đạo cho dân chúng trong nhà thờ, trong đó ngài ca ngợi đức tin Chính Thống được xác lập tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất tại Nicaea, và tuyên xưng Con là Đấng đồng bản thể và đồng bản tính với Chúa Cha, không phải là tạo vật mà là Đấng Tạo Hóa của muôn loài. Sau bài giảng trước toàn dân như vậy, những người Arian đã rơi vào tình trạng hoang mang và vô cùng tức giận, trong khi những người Chính Thống thì hân hoan khi thấy một vị giám mục Chính Thống như vậy ngự trên ngai Tông Đồ. Với sự giận dữ, những người Arian đã đuổi Đức Thượng phụ ra khỏi nhà thờ vào ngày thứ 30 kể từ khi ngài nhậm chức Thượng phụ và bắt đầu phỉ báng ngài khắp nơi, gọi ngài là người theo phe của kẻ dị giáo Sabellius[4526] . Sau đó, theo yêu cầu của họ, Meletius đã bị nhà vua kết án lưu đày và vào ban đêm, ngài bị đưa khỏi Antioch để đi lưu đày. Thay thế cho ngài, những người Arian đã bầu Evzoi – một tín đồ Arian – làm Thượng phụ tại Antioch.

Thánh Eusebius của Samosata, khi thấy sự xáo trộn mà những kẻ dị giáo gây ra trong Giáo hội Antioch, cũng như sự sỉ nhục vô cớ mà những người Arian dành cho vị tổng giám mục mới Meletius, đã lặng lẽ rời khỏi Antioch và trở về thành phố của mình mà không nói với ai. Sau khi Meletius ra đi, những người theo phái Arian mới nhớ ra rằng Evsevius đang giữ bản phán quyết về việc bầu chọn Meletius, đã được các giám mục ký tên. Nhớ lại điều này, họ rơi vào tình trạng hoang mang không nhỏ, lo sợ rằng họ đã tự ý bầu chọn một tổng giám mục cho mình rồi ngay lập tức trục xuất ông ấy. Vì vậy, những người Arian đã cầu xin nhà vua, lúc đó đang ở Antioch, cử

[4523] Arius phủ nhận sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Thiên Chúa Cha, coi Chúa Giêsu Kitô là một tạo vật và không công nhận Ngài có sự toàn hảo thần thánh. Tà thuyết Arius đã bị lên án mạnh mẽ tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất (năm 325) và lần thứ hai (năm 381).

[4524] Constantius (II) trị vì từ năm 337 đến năm 361.

[4525] Eudoxius giữ chức Tổng Giám mục tại Antioch từ năm 357 đến năm 358; tại Constantinople từ năm 360 đến năm 370.

[4526] Savelio, một kẻ dị giáo của thế kỷ III, đã xuyên tạc giáo lý chính thống về Chúa Ba Ngôi, khẳng định rằng Thiên Chúa chỉ có Một Ngôi Vị: với tư cách là Cha, Ngài hiện diện trên trời; với tư cách là Con – trên đất; và với tư cách là Thánh Thần – trong các tạo vật.

người đến gặp Thánh Eusebius để yêu cầu trả lại bản án đã được giao phó cho ngài. Nhà vua lập tức cử một sứ giả đến gặp Thánh Eusebius để lấy lại bản án. Khi đến gặp vị giám mục, sứ giả đã truyền đạt mệnh lệnh của nhà vua, và Thánh Eusebius đã trả lời như sau:

– Tôi sẽ không trao lại bản án chung đã được giao phó cho tôi, cho đến khi tất cả những người đã giao phó bản án này cho tôi tụ họp lại với nhau (tại công đồng).

Sứ giả trở về tay không, khiến hoàng đế vô cùng tức giận và lại sai người đi lần nữa, kèm theo một mệnh lệnh nghiêm khắc rằng nếu vị giám mục không chịu ban hành bản án, thì phải chặt tay phải của ngài. Hoàng đế viết điều này nhằm đe dọa vị thánh, nhưng ông không dám ra lệnh cho sứ giả thực hiện điều đó. Khi sứ giả của vua đuổi kịp vị giám mục và đưa cho ngài xem bức thư đe dọa, Thánh Eusebius, sau khi đọc xong, lập tức giơ cả hai tay ra để bị chặt, đồng thời nói:

– Không chỉ tay phải, mà cả tay trái cũng hãy chặt đi; dù sao thì tôi cũng sẽ không đưa ra phán quyết lên án sự độc ác và sự vô luật pháp của những người Arian.

Lần nữa, sứ giả trở về tay không và tâu lại mọi chuyện với hoàng đế. Hoàng đế, khi nghe câu trả lời của vị giám mục thánh thiện, đã vô cùng ngạc nhiên trước lòng dũng cảm và sự kiên định không sợ hãi của ngài, và sau này đã ca ngợi Evsevius trước mặt nhiều người.

Vài năm sau, vị vua độc ác Constantius qua đời, và Julianus Apostata[4527] lên ngôi. Vị vua này ban đầu đã đưa Thánh Meletius trở về từ nơi lưu đày để ngồi lên ngai vàng Antioch, nhưng sau đó lại trục xuất ngài một lần nữa.

Trong triều đại của Julian, Giáo hội của Chúa Kitô phải chịu đựng những tai họa còn tồi tệ hơn cả thời Constantine. Bên cạnh tà thuyết Arian đang gây rối loạn cho tất cả các tín hữu chính thống trên toàn thế giới, còn có sự đàn áp từ phía những kẻ thờ ngẫu tượng. Bản thân vị hoàng đế này đã công khai từ bỏ Chúa Kitô và bắt đầu dâng lễ vật cho các thần tượng một cách công khai. Một cuộc đàn áp đã được phát động chống lại Giáo hội của Chúa Kitô và các Kitô hữu, chủ yếu nhắm vào hàng giáo sĩ. Những cuộc đàn áp này đã dẫn đến việc nhiều nhà thờ Chính Thống (vào thời điểm đó) không còn các vị mục sư, các ngai thánh không còn các giám mục, trong số đó một số bị giết hại, một số khác bị trục xuất hoặc bởi những người Arian – dưới triều đại của Constantius, hoặc bởi những kẻ thờ thần tượng – dưới triều đại của Julian. Tình hình lúc bấy giờ tồi tệ đến mức nếu Chúa không chấm dứt cuộc đời và triều đại của Julian, thì e rằng sẽ không còn nhà thờ nào còn nguyên vẹn cùng các linh mục của mình.

Trong thời kỳ tàn khốc như vậy, Thánh Eusebius đã giấu kín chức vụ giám mục của mình, mặc trang phục quân nhân và trong bộ dạng đó, ngài đi khắp Syria, Phoenicia và Palestine, củng cố đức tin chính thống cho các Kitô hữu. Ở đâu ngài thấy nhà thờ không có các chức sắc, ngài liền bổ nhiệm các linh mục, phó tế và các giáo sĩ khác; và ở mọi nơi, ngài chỉ bổ nhiệm làm giám mục những ai bác bỏ tà thuyết Arius và tuân giữ đức tin chính thống. Đó chính là lòng nhiệt thành vì Chúa Kitô, là công lao, sự tận tụy và sự quan tâm mà vị Tổng Giám mục vĩ đại của Thiên Chúa, Evsevius, đã dành cho Giáo Hội của Chúa Kitô vào thời điểm đó!

Sau cái chết nhục nhã của Julian, vị hoàng đế sùng đạo và yêu mến Chúa Kitô là Iovian[4528] lên ngôi, dưới triều đại của ngài, Thánh Meletius đã được phục chức trở lại ngai tòa của mình. Vào thời điểm đó, Thánh Eusebius cùng các giám mục Chính Thống Giáo khác đã can đảm lãnh đạo đoàn chiên của mình mà không sợ hãi trước những người ngoại đạo. Theo lời khuyên của Thánh Eusebius, Meletius đã triệu tập Công đồng Địa phương tại Antioch, với sự tham dự của 27 giám mục; trong số đó, người đứng đầu sau Meletius chính là Eusebius. Tại công đồng này có sự hiện diện của Pelagius, giám mục Laodicea, người được kể lại có cuộc đời trong sạch và thánh thiện như sau.

Khi còn trẻ, Pelagius đã bị cha mẹ thuyết phục kết hôn, nhưng khi được đưa vào cung điện, ngài đã thuyết phục vị hôn thê của mình giữ trinh tiết trong sự trong sạch. Vì vậy, dưới vỏ bọc của hôn nhân, ngài sống cùng vợ trong sự trinh khiết bất diệt, như anh em ruột thịt. Ngoài ra, ngài còn nổi bật bởi nhiều đức tính cao quý khác, nhờ đó mà được Thiên Chúa và con người tôn vinh bằng chức thánh. Pelagius thể hiện tình yêu sâu sắc dành cho Thánh Meletius và Thánh Eusebius, là người bạn đồng chí hướng của họ và cùng với họ là người đấu tranh cho sự đạo đức. Tại Công đồng Antioch địa phương nói trên, các vị Thánh Cha đã ra lệnh cho mọi người phải tuyên xưng và tuân giữ một cách chính thống giáo lý về sự đồng bản thể của Con với Cha, cũng như giáo lý đã được xác nhận tại

[4527] Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363.
[4528] Iovian cai trị Đế quốc La Mã từ năm 363 đến năm 364.

Công đồng Đại kết lần thứ nhất. Những người Arian đã đồng ý với quyết định này và ký tên vào đó, mặc dù họ làm điều đó một cách giả dối, chỉ tạm thời, để lấy lòng vị vua chính thống, và chủ yếu là vì sợ các giám mục chính thống, các thánh Meletius, Eusebius và Pelagius, những người được nhà vua rất kính trọng. Vị hoàng đế đạo đức rất yêu mến những trụ cột của Giáo hội này vì lòng tin chính thống và đời sống thánh thiện của họ, và luôn vâng theo mọi lời khuyên của họ; chính vì thế mà họ trở thành nỗi khiếp sợ đối với những kẻ dị giáo, những người vì sợ hãi họ nên đã gia nhập Giáo hội.

Sau khi vị vua sùng đạo Iovian, người trị vì không lâu, qua đời, Valent[4529] lên ngôi, và những kẻ dị giáo lại quay trở lại với tà tín của mình, như những con chó quay lại với chất nôn của chúng[4530] , trước hết là bằng cách dụ dỗ nhà vua theo Arian giáo thông qua người vợ theo Arian giáo của ông, Domnica. Giáo Hội Chính Thống lại phải chịu sự đàn áp, và các giám mục của Giáo Hội bị lưu đày. Thánh Meletius bị lưu đày sang Armenia, Thánh Pelagius – sang Ả Rập, còn Thánh Eusebius bị kết án lưu đày tại Thrace.

Lệnh bất công của vị vua bất công về việc trục xuất Thánh Eusebius đã được chuyển đến Samosata vào buổi tối. Thánh Eusebius, khi biết tin này, đã gọi sứ giả của nhà vua đến và nói với ông ta:

– Hôm nay hãy im lặng và đừng nói với ai về lý do ngươi đến đây, nếu không dân chúng sẽ biết và, vì ghen tị, có thể nổi loạn và giết ngươi; khi đó ta sẽ là người phải chịu trách nhiệm về cái chết của ngươi.

Nói xong, Thánh Eusebius cử hành lễ cầu nguyện buổi tối và vào ban đêm, ngài tiết lộ bí mật này cho một trong những người hầu trung thành của mình. Ngay khi mọi người đã chìm vào giấc ngủ, vị thánh cùng với người hầu của mình rời khỏi dinh thự giám mục; người hầu mang theo chiếc gối đầu và cuốn sách theo sau vị giám mục. Khi những người lữ hành đến sông Euphrates, chảy gần tường thành, họ lên thuyền để đi đến thành phố Zeugma. Vị thánh lập tức ra lệnh cho các tay chèo chèo thuyền; sau khi làm việc vất vả suốt đêm, đến ngày hôm sau, họ đã đưa các hành khách đến thành phố Zeugma. Người dân Samosata, khi biết rằng vị giám mục thánh thiện đã rời bỏ họ, đã khóc lóc thảm thiết và than khóc, đồng thời bắt đầu hỏi han xem có ai biết vị thánh đã đi đâu không. Một người dân đã nhìn thấy vị thánh lên thuyền và nghe ngài ra lệnh chở ngài đến thành phố Zeugma, nên đã kể lại điều đó cho mọi người. Ngay lập tức, nhiều người dân lên thuyền, vội vã chèo theo vị thánh và đuổi kịp ngài tại Zeugma. Khi đứng trước mặt vị thánh, họ khóc lóc thảm thiết, cố gắng thuyết phục ngài quay trở lại thành phố của họ. Vị thánh từ chối. Sau đó, họ đã làm đủ mọi cách để cầu xin ngài, nói đủ mọi lời, quỳ lạy dưới chân ngài, tưới ướt chân ngài bằng nước mắt, chỉ mong ngài quay trở lại ngai tòa của mình. Thánh Eusebius đã nhắc nhở họ về lời dạy của các Tông đồ như sau: *"Mọi người hãy phục tùng các quyền lực cao hơn, vì không có quyền lực nào không đến từ Thiên Chúa; các quyền lực hiện hữu đều do Thiên Chúa thiết lập. Vì vậy, ai chống lại quyền lực là chống lại sự sắp đặt của Thiên Chúa. Và những ai chống lại sẽ tự chuốc lấy sự phán xét"* (Rm 13:1–2).

Khi trích dẫn lời của các Tông đồ này, vị thánh đã nói:

– Tôi không thể chống lại sắc lệnh của nhà vua, và việc chống lại ý muốn của nhà vua cũng không an toàn cho các bạn.

Sau đó, những người đến đó mới hiểu rằng họ không thể thuyết phục vị thánh quay trở lại, nên họ bắt đầu tặng ngài những món quà để lên đường: người thì tặng vàng, người thì tặng bạc, người thì tặng quần áo, còn những người khác thì tặng nô lệ, như thể ngài đang lên đường đi xa. Trong số những thứ được dâng tặng, thánh Eusebius chỉ nhận rất ít. Khi chia tay, ngài khuyên họ hãy giữ vững đức tin Chính Thống và các giáo lý tông đồ, cầu nguyện cho tất cả mọi người trước mặt Thiên Chúa, rồi sau khi ban phước lành cho mọi người, ngài lên đường đến Thrace, nơi ngài bị kết án lưu đày.

Khi Thánh Eusebius đang ở Istra, có tin đồn rằng người Goth đã xâm lược Thrace và đang tàn phá nơi đó một cách dữ dội. Vì vậy, ngài không đi tiếp nữa, mà ở lại Istra, nơi ngài ở lại cho đến khi vị vua độc ác Valens qua đời. Người Arius đã bổ nhiệm Giám mục Arius Evnomius thay thế Evsevius tại Samosata.

Khi Evnomius tiến vào thành phố Samosata để quản lý giáo đoàn, không một cư dân nào trong thành – dù giàu hay nghèo, nghệ sĩ hay nông dân, đàn ông hay phụ nữ, già hay trẻ – ra đón ngài: cả thành phố, với tư cách là những tín hữu chính thống, không muốn tôn vinh vị giám mục dị giáo, cũng không muốn nhận lời chúc lành từ ông, thậm chí không muốn nhìn thấy ông. Evnomi, nhờ quyền lực của nhà vua, đã tiếp quản giáo phận và bắt đầu cử hành thánh lễ tại nhà thờ chính tòa. Dân chúng không đến nhà thờ đó, cũng như không đến nhà của vị giám mục, vì

[4529] Hoàng đế Valens trị vì từ năm 364 đến năm 378.
[4530] So sánh này được trích từ 2 Phi-e-rơ 2:22.

họ không ưa vị giám mục dị giáo này. Do đó, Evnomius luôn ở một mình, ngoại trừ những người đã đi cùng ông. Người ta kể rằng, mặc dù ông là kẻ dị giáo về mặt tín ngưỡng, nhưng tính cách của ông lại tốt bụng, hiền lành, ôn hòa, khiêm tốn và thân thiện với mọi người. Người ta kể lại câu chuyện sau đây về tính cách tốt đẹp của ông.

Một lần, ngài vào nhà tắm công cộng để tắm rửa, và các người hầu, theo phong tục của vùng đất đó, đã đóng cửa lại sau lưng ngài để không ai khác vào nơi mà giám mục đang tắm. Evnomius, khi biết có nhiều người đang đứng trước cửa, mong muốn được tắm rửa, đã ra lệnh cho các người hầu mở cửa và cho tất cả những ai muốn tắm cùng ngài vào. Những người bước vào phòng tắm, khi thấy vị giám mục đang ngồi trong bồn tắm ấm áp, đã không dám ngồi xuống mà đứng trước mặt ngài, qua đó bày tỏ lòng kính trọng. Vị giám mục đề nghị họ vào cùng bồn tắm mà ngài đang ngâm mình, nhưng những người đến đã từ chối. Lúc đó, vị giám mục mới hiểu rằng những người đến đang đứng đó vì ngài và không muốn tắm. Điều này khiến ngài vô cùng buồn bã, ngài bước ra khỏi bồn tắm và rời khỏi phòng tắm, không muốn được tôn kính. Những người còn lại trong nhà tắm lập tức đổ nước ra khỏi bồn tắm, coi đó là nước đã bị ô uế do việc tắm rửa của kẻ dị giáo, rồi rửa sạch bồn tắm, vì ghê tởm sự hiện diện của kẻ dị giáo trong đó; sau đó, họ đun nước mới và tự chuẩn bị bồn tắm cho mình. Khi biết được điều này, Evnomius hoàn toàn tin chắc rằng mình không thể thu phục được dân chúng Samosata, nên đã từ bỏ chức giám mục và rời khỏi thành phố.

Sau khi Evnomius rời đi, những người Arian đã bổ nhiệm Giám mục Lucius, một kẻ rõ ràng là con sói và kẻ thù của đàn chiên Chúa Kitô, làm giám mục tại Samosata theo tín ngưỡng tà ác của họ. Người dân thành phố cũng không tỏ lòng kính trọng đối với vị giám mục này, giống như đối với vị trước (Evnomius), và ông ta chỉ sống trong mối quan hệ với những người đi cùng mình, vì không một tín hữu Chính Thống nào đến gặp vị giám mục đó. Còn các con chiên của Chúa Kitô, dù không có vị mục tử của mình (Evsevius), nhưng họ vẫn ghi nhớ rõ ràng giáo lý của ngài và tuân giữ đức tin thánh thiện một cách trọn vẹn. Mức độ mà những người Chính Thống ghê tởm vị giám mục dị giáo này có thể thấy qua sự việc sau đây:

Một lần nọ, nhiều cậu bé trên đường phố (theo thói quen của trẻ con) đang chơi bóng, chuyền qua lại cho nhau. Lúc đó, vị giám mục tình cờ đi ngang qua nơi này. Tình cờ, quả bóng rơi xuống dưới chân ngựa và cỗ xe của vị giám mục. Các em nhỏ, khi thấy vậy, liền la lên thật to: "Quả bóng đã bị ô uế bởi tà giáo, quả bóng đã bị ô uế bởi tà giáo…" Nghe thấy tiếng la hét, vị giám mục đã cử một trong những người hầu của mình đi tìm hiểu xem các em đang làm gì và tại sao lại la hét to như vậy. Các em nhỏ đã đốt lửa và ném quả bóng qua ngọn lửa, nghĩ rằng ngọn lửa này sẽ thanh tẩy quả bóng khỏi tà giáo. Như vậy, không chỉ người lớn mà cả những đứa trẻ nhỏ cũng ghê tởm tà giáo của vị giám mục, người giống như "sự ghê tởm của sự hoang tàn" tại nơi thánh (xem Đan. 9:27). Khi biết chuyện này, Lucius đã không noi gương sự hiền lành của Evnomius, mà nổi giận và đày nhiều chức sắc tôn giáo đến những nơi xa xôi. Cháu trai của Eusebius – thánh Antiochus, một linh mục xứng đáng, người kính Chúa và được Thánh Thần soi dẫn, thông thạo về sự khôn ngoan trong Kinh Thánh, đã bị đày đến Armenia; và đã đuổi phó tế Evolkius, người nổi tiếng nhất trong số các tôi tớ của Chúa, đến sa mạc Oasis. Vì lý do này, thành phố Samosata đã phải chịu đựng nỗi buồn và đau khổ không nhỏ.

Sau cái chết khủng khiếp của vị vua độc ác Valens, vị vua sùng đạo Gratian[4531] lên ngôi. Ngài ngay lập tức phóng thích tất cả các giám mục và các chức sắc tôn giáo khác, những người đã bị trục xuất vì đức tin Chính Thống, và ra lệnh trả lại cho họ các chức vụ cũ. Khi đó, các vị sau đây đã trở về: Thánh Meletius – về Antioch, Thánh Pelagius – về Laodicea, Thánh Eusebius – về Samosata. Cùng với Evsevius, tất cả những người bị Lucius, một tín đồ Arian, trục xuất cũng trở về Samosata, trong số đó có linh mục Antiochus từ Armenia và phó tế Evolkius từ Oasis. Đối với những người Chính Thống, đây là niềm vui lớn lao, còn đối với những kẻ vô đạo – đó là nỗi nhục nhã tột cùng. Sau khi trở về nơi cũ, Thánh Evsevius cùng với các giám mục khác, và đặc biệt là cùng với Thánh Meletius, đã bắt tay vào việc cải tổ Giáo hội. Trước hết, ngài đã nỗ lực bầu chọn những người xứng đáng và kiên định trong đức tin Chính thống vào các chức vụ giám mục, vốn đã bị bỏ trống sau khi các giám mục Arian bị lật đổ. Khi phong chức giám mục, vị thánh đã bổ nhiệm các giám mục sau đây: Akakios, người chính trực – tại Vireia; Theodotos, người đức hạnh – tại Hierapolis; Eusebius, người cùng tên với ngài – tại Chalkis; Isidor – tại Kir; còn tại Edessa, sau khi Thánh Giám mục Vars qua đời, ngài đã tấn phong vị chứng nhân Evlogius lên ngai giám mục. Cùng với vị giám mục thánh thiện Marin, người được bầu làm giám mục tại thành phố Dolichina theo phái Arian, Thánh Eusebius đã đích thân đến (thành phố nói trên), nơi ngài muốn thanh tẩy Giáo hội khỏi tà giáo và đưa vị

[4531] Gracian cai trị nửa phía tây của Đế chế La Mã từ năm 375 đến năm 383.

giám mục Chính thống mới được bầu lên ngai tòa. Khi Thánh Evseviô bước vào thành phố này, một phụ nữ theo phái Arian đã ném một cái chậu từ trên mái nhà xuống và chém vào đầu ngài. Từ vết thương này, Thánh Evseviô lâm bệnh và qua đời về với Chúa. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, ngài khẩn thiết cầu xin tất cả những người có mặt bên cạnh đừng vì lòng thù hận mà gây ra bất kỳ điều ác nào đối với người phụ nữ đã khiến ngài mắc bệnh. Trong trường hợp này, vị thánh đã noi gương Chúa của mình, Đấng đã cầu nguyện cho những kẻ đóng đinh Ngài, rằng: *"Lạy Cha! Xin tha thứ cho họ, vì họ không biết mình đang làm gì"* (Lc 23:34); cũng như noi gương thánh Stephano, người đã cầu nguyện cho những kẻ ném đá Ngài[4532] .

Như vậy, vị thánh vĩ đại của Đức Chúa Trời, Evsevius, đã qua đời một cách tử đạo[4533] dưới tay những kẻ Arian, chịu khổ vì Con Đức Chúa Trời, Đấng đồng bản thể và đồng bản tính với Đức Chúa Cha. Thi hài thánh của ngài đã được đưa trở lại thành phố Samosata, nơi ngài được an táng một cách trang trọng, trong nước mắt và tiếng khóc than của toàn thể dân Kitô hữu. Người được bổ nhiệm thay thế Thánh Evsevius chính là vị Thánh Phúc Âm Antioch đã được nhắc đến ở trên, con trai của chị gái Thánh Evsevius. Giáo hội Samosata đã phát triển thịnh vượng trong đức tin chính thống, thành kính tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi; xin dâng lên Ngài từ chúng con sự tôn kính, vinh quang, tạ ơn và thờ phượng, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã sống một đời thánh thiện trong chức thánh, đã trải qua con đường đau khổ, và đã dập tắt các lễ tế của thần tượng, thánh Evsevi; nhưng vì ngài có lòng can đảm trước mặt Đức Kitô Thiên Chúa, xin ngài cầu bầu cho các linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Zinon và Zina.

Ngày tưởng niệm 22 tháng 6

Thánh tử đạo Zinon xuất thân từ Philadelphia thuộc Ả Rập[4534] , nơi xưa kia có tên là Eman. Zina là người hầu của ngài và khao khát được chịu đau khổ vì đức tin vào Chúa Kitô. Dưới thời thống đốc Maximián, người cai quản vùng đất này trong triều đại của hoàng đế Maximián, Thánh Zinon[4535] đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo và giải phóng các nô lệ. Khi nghe tin vị thống đốc dành sự tôn kính lớn lao cho các thần tượng, ngài đã đến gặp ông cùng với người hầu của mình, vì chính Zina đã mong muốn điều đó; ông không muốn bỏ lại chủ nhân của mình và đã tự nguyện đi cùng ngài. Thánh Zinon đến gặp vị thống đốc và khi thấy rằng ông ta thực sự rất quan tâm đến việc tôn sùng các vị thần giả dối và chính bản thân cũng tận tụy phụng sự các thần tượng, ngài đã vạch trần hành vi đó. Lúc đó, vị thống đốc lập tức ra lệnh đánh thánh nhân bằng những sợi dây da bò. Trong lúc bị tra tấn, Thánh Zinon giơ tay ra, dùng khuỷu tay đập vào tường đền thờ thần tượng và bằng hành động đó đã phá hủy và tiêu diệt nó. Vì điều này, trước tiên họ treo cổ ngài lên và không thương xót mà cạo da thịt ngài, đồng thời xát giấm và muối vào các vết thương, sau đó dùng bốn cái nêm đóng chặt chân ngài vào cọc gỗ. Tại nơi thánh Zinon bị tra tấn , người hầu của ngài là Zina đã đến và nài nỉ chủ nhân đừng từ chối và đừng bỏ rơi mình. Khi biết chuyện này, quan tổng trấn ra lệnh đóng chân Zina vào cùm. Khi cả hai vị thánh tử đạo được dẫn đến trước quan tổng trấn để thẩm vấn và từ chối chối bỏ Chúa Kitô, họ đã bị đánh đập dã man; hơn nữa, Thánh Zinon còn bị thiêu đốt ngực và phần tim bằng những thanh sắt nung đỏ. Sau đó, các thánh bị treo lên cây, chân họ bị buộc những tảng đá nặng và cơ bắp của họ bị thiêu đốt bằng lửa, rồi họ bị ném xuống hố lửa và người ta bắt đầu đổ dầu vào ngọn lửa; nhưng vì các thánh tử đạo một cách kỳ diệu vẫn nguyên vẹn và thậm chí không bị lửa thiêu đốt, nên cuối cùng,

---

[4532] Ngày tưởng niệm Thánh Phụ tá Thượng phụ Stephano là ngày 27 tháng 12.

[4533] Thánh Tử đạo Eusebius qua đời vào khoảng năm 380.

[4534] Theo lời giải thích của Đức Tổng Giám mục Filaret ("Cuộc đời các thánh", tháng 6, trang 165), Philadelphia Ả Rập là tên gọi của phần phía bắc Perea hay vùng đất bên kia sông Jordan ở Palestine, nơi từng mang tên Decapolis.

[4535] Theo Lịch Thánh của Hoàng đế Basil và Sách Thánh Hy Lạp, Zinon là một chiến binh.

đầu họ đã bị chém bằng gươm[4536] . Lễ tưởng niệm các ngài được cử hành tại Nhà thờ Thánh Giorgi ở Kiparissia[4537] .

Vào ngày này, người ta cũng tưởng niệm Thánh Tử đạo Galaktion, người đã bị ném xuống biển, và Thánh Iuliana, người đã bị thiêu sống cùng với con trai mình là Saturninus.

Ngày 6 tháng 7

Ngày 23 tháng 6 (theo lịch cũ)

Lễ tưởng niệm Thánh Tử đạo Agrippina

Ngày tưởng niệm 23 tháng 6

Thánh trinh nữ Agrippina sinh ra và lớn lên tại La Mã cổ đại. Từ thuở nhỏ, bà đã hiến dâng mình cho Thiên Chúa và, theo lời Thánh Tông Đồ, là *"mùi hương của Đức Kitô nơi những người được cứu rỗi"* (2 Cr 2,15). Giống như quả táo thơm hay bông hoa ngát hương, nhờ đời sống trong sạch và đạo đức, bà đã mang lại sự ngọt ngào và hương thơm cho những trái tim trung thành, nhờ đó xua tan mùi hôi thối của những dục vọng. Cô đã tô điểm tâm hồn mình bằng sự trong trắng của trinh nữ và đính hôn với Đấng Christ, Đấng mà vì Ngài, dưới triều đại của Valerian[4538] , cô đã dũng cảm và can đảm, không sợ hãi trước những cực hình, tự nguyện chịu nhiều vết thương vì tình yêu dành cho Chú Rể của mình là Đấng Christ. Thân thể nàng bị đánh đập bằng gậy đến mức xương gãy nát, sau đó nàng bị lột trần và xiềng xích lại. Nhưng Thiên Thần của Chúa đã dùng bàn tay vô hình tháo xiềng xích cho bà và ban sức mạnh cho bà; và bà, sau khi vượt qua mọi sự gian ác, đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa trong đau đớn[4539] . Các nữ tớ tớ của Chúa là Vassa, Pavla và Agafonika đã bí mật mang thi hài của vị thánh tử đạo này ra khỏi Roma. Sau khi di chuyển từ nơi này sang nơi khác và trải qua một chuyến hải trình dài, họ đã đến vùng Sicilia, nơi họ bí mật an táng thi hài thánh. Ngay khi Sicilia được ân sủng đón nhận thi hài thánh của vị thánh tử đạo, vùng đất này lập tức thoát khỏi sự ác độc u ám của ma quỷ và được bảo vệ khỏi người Agaryan nhờ những lời cầu nguyện của thánh Agrippina. Vì vậy, khi người Agary tiến đến thành phố nơi có nhà thờ của vị thánh tử đạo và dám xâm chiếm nó, họ ngay lập tức phải chịu sự diệt vong vĩnh viễn.

Từ quan tài thiêng liêng của vị tử đạo, tất cả những người bệnh tật và người bị bệnh hủi, khi đến với lòng tin, đều được chữa lành mọi bệnh tật nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Nữ Tử Đạo, nhờ ân sủng của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngày hôm nay là ngày rạng ngời của những công đức sáng chói của ngài; vì vậy, Giáo Hội Thánh Thiện, khi tôn kính những điều này, cùng nhau hân hoan kêu lên với ngài: Hỡi trinh nữ và vị tử đạo Agrippina vô cùng đáng kính, xin hãy vui mừng.

Câu chuyện về sự sám hối của Thêôphil

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 6

Không lâu trước khi quân Ba Tư[4540] xâm lược các vùng đất Hy Lạp, tại giáo phận Ciliquia thứ hai, ở thành phố Adana[4541] , có một quản lý của nhà thờ chính tòa thánh của thành phố này, tên là Theophilus. Ông sống một

[4536] Các thánh tử đạo đã qua đời vào năm 304, dưới triều đại của Maximianus Herculus, đồng trị vì với Diocletianus từ năm 286 đến năm 305.
[4537] Kiparisios hoặc Kipariss – là những địa danh ở Constantinopolis.
[4538] Hoàng đế Valerian đã cai trị Đế quốc La Mã từ năm 253 đến năm 259.
[4539] Thánh nữ tử đạo Agrippina qua đời vào giữa thế kỷ III.

cuộc đời đạo đức và thánh thiện, quản lý tài sản của nhà thờ một cách công bằng và khôn ngoan, điều hành các công việc một cách chính trực và theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Đối với vị giám mục, ông là đôi mắt luôn dõi theo mọi việc, và là cánh tay phải thực hiện mọi công việc và mệnh lệnh. Ông được vị giám mục của mình hết mực yêu mến, và không chỉ riêng vị giám mục, mà cả toàn thể hàng giáo sĩ và tất cả cư dân trong thành phố đều kính trọng ông vì những đức tính cao đẹp của ông; bởi ông là người cha của những đứa trẻ mồ côi, người nuôi dưỡng các góa phụ, nơi nương tựa hào phóng cho những người nghèo khổ, người bênh vực những người bị áp bức, và người trợ giúp những người bất lực; nói tóm lại, không có ai mà ngài không an ủi trong nỗi buồn bằng lời nói và hành động. Vì tất cả những điều đó, mọi người đều kính trọng Thêôphil như một người cha, yêu mến ngài như một ân nhân, và ca ngợi ngài không ngớt.

Khi Giám mục Adana qua đời theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì tất cả những cư dân đạo đức của thành phố này, thuộc mọi tầng lớp, từ người lớn đến người nhỏ nhất, được thúc đẩy bởi tình yêu Kitô giáo chân thật dành cho Theophilus vì những ân huệ dồi dào của ngài, và cũng biết rõ về cuộc đời trong sạch và vô tì vết của ngài, đã nhất trí bầu ngài làm giám mục của họ. Sau đó, họ cử một số công dân được kính trọng đặc biệt đến gặp Tổng giám mục Kilikia với một thông báo bằng văn bản về việc này. Sau khi đọc bức thư, tổng giám mục đã đồng ý phê chuẩn sự bầu chọn của họ: chính ông cũng biết Theophilus là một người có đức hạnh và làm đẹp lòng Chúa, có khả năng quản lý giáo phận, khéo léo và giàu kinh nghiệm trong mọi việc. Ông lập tức ra lệnh triệu tập ông đến để tấn phong làm giám mục của Giáo hội Adan.

Nhưng Theophilus, khi biết được quyết định của Tổng giám mục, đã không muốn đến gặp ngài, kiên quyết từ chối nhận chức giám mục. Các tín hữu và toàn thể linh mục đoàn đã khóc lóc van nài ông trở thành giám mục của họ trong một thời gian dài, nhưng vô ích. Lúc đó, họ lại gửi đơn thỉnh cầu lên tổng giám mục, xin ngài phong Theophilus làm giám mục cho họ, dù có phải đi ngược lại ý muốn của ông ấy.

Cuối cùng, bằng mệnh lệnh quyền uy của mình, Tổng giám mục đã buộc ông phải đến gặp mình; ngài đã đón nhận ông với niềm vui và tình yêu thương, và muốn phong chức giám mục cho ông ngay lập tức. Nhưng Theophilus quỳ sấp xuống dưới chân ngài và trong nước mắt, ông bắt đầu van xin đừng đặt gánh nặng đó lên vai mình.

– Tôi biết những tội lỗi của mình! – ông kêu lên, – tôi không xứng đáng với chức vụ giám mục.

Sau khi ông nằm sấp như vậy dưới chân tổng giám mục trong một thời gian dài, vừa khóc vừa van xin được tha thứ, vị thánh đã cho ông ba ngày để suy ngẫm, để sau khi xem xét hoàn cảnh, ông đồng ý nhận chức giám mục và không phớt lờ lời khẩn cầu của biết bao người đang tha thiết mong muốn có ông làm mục tử của họ.

Sau ba ngày, tổng giám mục lại gọi Thêôphil đến và bắt đầu khuyên nhủ, nài nỉ ông đừng từ chối chức thánh; đồng thời, ngài ca ngợi lối sống trong sạch và tài năng quản lý của ông, và gọi ông là người xứng đáng với chức thánh này. Nhưng Thêôphil lại quỳ xuống dưới chân ngài và, trong khi rơi những giọt nước mắt tuôn trào, tiếp tục thốt lên:

– Tôi không xứng đáng với chức thánh!

Thấy ông vẫn kiên quyết, cương quyết từ chối và không chịu khuất phục trước cả mệnh lệnh lẫn lời van nài, cuối cùng, Đức Tổng Giám mục đã để ông tự quyết định. Sau khi tấn phong một vị khác làm giám mục – người mà ngài cũng cho là xứng đáng – ngài đã cử vị đó đến Adana, đồng thời giao phó Theophilus cho vị giám mục mới, để Theophilus tiếp tục đảm nhận chức vụ quản lý giáo xứ như trước đây.

Sau khi vị giám mục mới tại vị được một thời gian, trong khi Theophilus vẫn tiếp tục công việc thường lệ của mình, thì một số kẻ thù, bị thúc đẩy bởi lòng ghen tị ma quỷ, bắt đầu vu khống người quản lý với vị giám mục, bí mật bôi nhọ ông và cáo buộc ông về nhiều hành vi không xứng đáng.

Ban đầu, vị giám mục không để ý đến những lời vu khống của họ và không tin vào những điều đó, vì ngài biết người quản lý của mình là một người có đức hạnh và vô tì vết về mọi mặt. Nhưng vì bọn chúng không ngừng vu khống vì lòng ghen tị, gần như hàng ngày gán cho Theophilus những cáo buộc hạ nhục khác nhau, nên dần dần vị giám mục bắt đầu nghiêng về phía lời nói của chúng, lắng nghe những lời vu khống và tin tưởng chúng.

[4540] Vào đầu thế kỷ VII, dưới triều vua Khosrow.

[4541] Adana – một thành phố nhỏ ở Cilicia, một vùng thuộc Hy Lạp ở Tiểu Á.

Một thời gian sau, ngài cách chức Theophilus khỏi chức vụ quản lý, để ông không còn quản lý bất cứ điều gì nữa, cả trong nhà giám mục lẫn tài sản của Giáo hội, mà phải sống tại nhà riêng, yên tĩnh và lặng lẽ, nghỉ ngơi sau những vất vả; còn chức vụ quản lý thì được giao cho người khác.

Khi được giải thoát khỏi những lo toan và sự hối hả của đời thường, Theophilus bắt đầu dâng trọn đời mình để phụng sự Đức Chúa Trời duy nhất. Tuy nhiên, không thể chịu đựng được cuộc sống thánh thiện và thanh thản của Thêôphil, kẻ thù của loài người, ma quỷ, đã vũ trang mọi mưu mô xảo quyệt của mình để chống lại ông và bắt đầu làm xáo trộn tâm trí ông, lúc thì bằng chính những suy nghĩ của ông, lúc thì thông qua những người khác, thì thầm vào tai ông: "Vị giám mục đã làm nhục ngươi, không nhớ đến những công lao to lớn của ngươi; ông ta đã hạ nhục ngươi, ưu ái người khác hơn ngươi – kẻ kém cỏi, thiếu kinh nghiệm và không xứng đáng; ông ta đã đẩy ngươi vào cảnh bị người đời chế giễu và sỉ nhục."

Và Theophilus, ban đầu chỉ từng chút một, bắt đầu để ý đến những lời vu khống và ý nghĩ quỷ quyệt đó, rồi dần dần ông bắt đầu suy ngẫm về điều này ngày càng nhiều hơn, một mình hoặc cùng bạn bè, và than thở một cách cay đắng. Cuối cùng, mưu mô của kẻ thù đã đẩy ông đến mức, quên đi niềm tin thường lệ vào Đức Chúa Trời, ông bắt đầu suy sụp trong sự nhút nhát và buồn bã, và rơi vào tuyệt vọng. Ông cảm thấy như thể mọi người đều đang cười nhạo và chế giễu mình, rằng không còn ai tôn trọng ông nữa; ông bắt đầu xấu hổ khi ra khỏi nhà để gặp gỡ mọi người. Trong lòng ông bùng lên khao khát không thể kìm nén được về quyền lực và quyền quản lý tài sản nhà thờ như xưa; ngày đêm ông suy nghĩ về điều đó, tự làm mình bối rối bởi những ý nghĩ và trăn trở xem bằng cách nào để lấy lại vị trí cũ của mình, để kẻ thù không còn vui mừng trước sự sỉ nhục của ông nữa.

Vì những ham muốn như vậy cùng những suy nghĩ khác trái ý Chúa, ân sủng của Chúa đã rời bỏ lòng ông; thiếu đi ân sủng ấy, cuối cùng ông rơi vào tuyệt vọng tột cùng và bắt đầu tìm kiếm sự giúp đỡ từ phép thuật và các thế lực ma quỷ. Ban đầu không muốn nhận chức giám mục, giờ đây ông lại khao khát một quyền lực nhỏ bé hơn nhiều. Chúa đã để cho điều đó xảy ra với ông vì ông đã để những ý nghĩ xấu xa và lời xúi giục của Satan len lỏi vào lòng mình.

Tại thành phố đó có một người Do Thái, con của sự hủy diệt, là một pháp sư nổi tiếng, một phù thủy và kẻ lừa đảo. Hắn là đầy tớ thực sự của ma quỷ và đã dẫn dắt nhiều người vào con đường hủy diệt. Vào ban đêm, Theophilus đến gặp pháp sư này và khi đến trước cổng nhà hắn, ông bắt đầu gõ cửa. Nhà chiêm tinh bước ra xem ai đang gõ cửa và khi nhìn thấy Theophilus, hắn kinh hoàng. Ngạc nhiên (vì hắn biết Theophilus), hắn mời Theophilus vào nhà và khi Theophilus bước vào, hắn hỏi:

– Vì lý do gì, thưa ngài, mà ngài lại tự mình vất vả – đến gặp tôi, một kẻ hèn mọn và không xứng đáng, vào ban đêm như thế này?

Theophilus liền quỳ xuống dưới chân ông và khẩn khoản thỉnh cầu:

– Nếu ngài có thể giúp, xin hãy giúp tôi và đừng từ chối tôi trong nỗi đau khổ tột cùng này.

Sau đó, ông kể lại chi tiết cho nhà tiên tri nghe về việc vị giám mục đã làm ông đau khổ ra sao khi tước bỏ quyền quản lý của ông, giao ông cho dân chúng sỉ nhục, chọn người tồi tệ hơn ông và cách chức ông; ông hứa với nhà tiên tri sẽ ban thưởng hậu hĩnh nếu ông ấy giúp đỡ và trả lại cho ông danh dự như xưa. Lúc đó, nhà tiên tri Do Thái ghét Chúa đáp lại:

– Xin ngài đừng than vãn về điều này, thưa ngài, mà hãy vui vẻ và tràn đầy hy vọng trở về nhà; vào đêm tới, hãy đến gặp tôi vào giờ này, tôi sẽ dẫn ngài đến gặp chủ nhân của tôi, và ngài ấy sẽ giúp đỡ ngài trong mọi việc.

Nghe lời đáp lại từ nhà tiên tri, Theophilus – người lúc bấy giờ đang lâm vào cảnh khốn khổ – đã vô cùng vui mừng và trở về nhà với niềm hy vọng đầy tai họa.

Một ngày trôi qua và đêm lại buông xuống. Vào nửa đêm, theo lệnh của nhà tiên tri, Theophilus đến gặp ông ta. Nhà tiên tri dẫn anh ta đến trường đua ngựa – nơi diễn ra các cuộc thi đua ngựa – và nói với anh ta:

– Nếu ngươi thấy bất kỳ hình ảnh nào, hay nghe thấy bất kỳ tiếng nói nào, thì đừng sợ hãi và đừng làm dấu thánh giá; thánh giá chẳng giúp ích gì cho con người cả: đó là một trò lừa bịp của Kitô giáo đáng bị chế giễu.

Theophilus hoàn toàn đồng ý với ông ta và hứa sẽ không dùng dấu thánh giá để tự bảo vệ; ngay lập tức, vị pháp sư đó cho anh ta thấy trong ảo ảnh vô số khuôn mặt kỳ lạ, mặc những bộ trang phục sáng chói và cầm những ngọn nến đang cháy trên tay. Đó là những con quỷ; chúng hô vang những lời ca ngợi vị chúa tể của mình, Satan; còn chúa tể bóng tối thì ngồi giữa chúng trong sự kiêu ngạo và vinh quang hư ảo. Lúc đó, tên pháp sư Do Thái khốn kiếp nắm lấy tay Theophilus, dẫn anh ta vào cuộc tụ họp diệt vong này và cùng anh ta tiến lại gần chúa tể.

– Tại sao ngươi lại dẫn người này đến đây với chúng ta? – chúa tể bóng tối hỏi vị pháp sư.

– Thưa ngài, – tên Do Thái thù ghét Chúa đáp, – tôi đưa anh ta đến gặp ngài vì anh ta, sau khi bị giám mục của mình xúc phạm nặng nề, đang cầu xin ngài giúp đỡ.

– Làm sao ta có thể giúp kẻ là nô lệ của Đức Chúa Trời mình được? Nếu hắn thực sự muốn trở thành nô lệ của ta và gia nhập hàng ngũ các tôi tớ của ta, thì ta sẽ giúp hắn đến mức hắn sẽ nhận được quyền lực và vinh quang lớn hơn những gì hắn từng có trước đây, và sẽ trở nên quyền thế hơn cả vị giám mục ấy.

– Ngươi có nghe thấy những gì hoàng tử nói không? – nhà tiên tri Theophilus liền hỏi.

– Tôi nghe rồi, – người đó đáp, – và tôi sẽ làm theo mọi điều ngài ra lệnh.

Nói xong những lời đó, hắn lập tức quỳ xuống, cúi đầu thờ lạy Satan và bắt đầu hôn chân hắn.

– Hãy để người này từ bỏ cái gọi là Con của Đức Mẹ, – quỷ Satan nói với nhà chiêm tinh, – hãy để hắn cũng từ bỏ chính Đức Mẹ, vì ta cực kỳ căm ghét cả hai người họ. Còn bản tuyên bố từ bỏ, hãy để hắn tự tay viết ra và nộp cho ta. Sau đó, hãy để hắn xin ta bất cứ điều gì hắn muốn, và hắn sẽ nhận được điều mình xin.

Nghe xong, Theophilus đáp lại:

– Tôi sẽ làm theo mọi điều ngài ra lệnh, thưa ngài, miễn là được điều mình mong muốn.

Nghe những lời đó, kẻ thù xảo quyệt của loài người, quỷ dữ, đã vươn đôi tay ma quỷ của mình về phía ông ta, ôm chầm lấy Theophilus, vuốt ve râu ông và hôn lên đó, áp đôi môi ô uế của mình vào môi ông.

– Chúc mừng, người bạn chân thành và trung thành của ta, – hắn nói với ông.

Và Theophilus khốn khổ, để khẳng định tình bạn với quỷ Satan, đã từ bỏ Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, và Đức Mẹ Vô Nhiễm; sau khi viết lời từ bỏ của mình lên tờ giấy[4542] , đã được pháp sư chuẩn bị sẵn từ trước, và đóng dấu, anh ta đã trao nó cho chúa tể bóng tối. Sau đó, họ ôm nhau thân mật, hôn nhau rồi chia tay: chúa tể bóng tối cùng các thuộc hạ của mình bỗng trở nên vô hình và lui về nơi của hắn, tức là địa ngục; còn Theophilus cùng người Do Thái thì trở về từ trường đua ngựa, cả hai đều hân hoan trước sự diệt vong của chính mình.

Sáng hôm sau, dường như nhờ sự quan phòng của Đức Chúa Trời chứ không phải do sự xúi giục của ma quỷ, vị giám mục, khi thức dậy, đã hối hận vì đã cách chức Theophilus khỏi chức vụ quản lý. Ngài sai người đến mời ông trở lại dinh giám mục, rồi với những nghi thức long trọng, ngài phục chức cho ông, ban cho ông gấp đôi vinh dự và trao cho ông quyền hành lớn hơn nữa đối với tài sản nhà thờ và mọi công việc. Hơn nữa, trước mặt các linh mục và dân chúng, vị giám mục đã xin Theophilus tha thứ.

– Xin tha thứ cho tôi, anh em ơi, – ngài nói, – xin tha thứ, tôi đã phạm tội với anh khi làm ô uế sự thánh thiêng của anh bằng cách đặt một người không xứng đáng vào vị trí của anh. Giờ đây tôi cách chức người đó, và tôi xin anh hãy nhận lại chức vụ quản lý tài chính.

Từ thời điểm đó, Theophilus bắt đầu sống lại với danh dự và quyền lực như xưa, được kính trọng hơn tất cả mọi người, và phụ trách mọi công việc quản lý tài chính. Không chỉ các linh mục và dân chúng dành cho ông những vinh dự lớn lao và tuân phục ông với lòng kính sợ, mà chính vị giám mục cũng nảy sinh lòng kính trọng đối với ông, còn những kẻ thù trước đây thì im lặng trong sự xấu hổ và bắt đầu khiêm nhường cầu xin sự khoan dung của ông.

Vào thời điểm đó, một pháp sư gian ác và xảo quyệt thường xuyên đến thăm Theophilus.

– Ngài thấy đó, thưa ngài, – hắn nói, – tôi và vị hoàng tử của tôi đã giúp ngài theo ý nguyện của ngài, và ngài đã nhận được sự giúp đỡ từ chúng tôi nhanh chóng biết bao.

– Quả thực là vậy. – Theophilus đáp, – và tôi rất biết ơn các ngài.

Sau một thời gian ngắn sống trong sự bội đạo như vậy, Theophilus bắt đầu như thức tỉnh khỏi giấc ngủ và trở lại với lý trí, nhận ra sự diệt vong của mình. Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, Chúa Kitô, Thiên Chúa, Đấng không muốn sự chết cho những kẻ có tội, nhưng nhân từ chờ đợi sự sám hối của họ[4543] , đã nhớ lại cuộc đời đạo đức và những công lao trước đây của Theophilus, vô số việc làm bác ái của ông, sự chăm sóc dành cho người nghèo và góa phụ, việc nuôi dưỡng trẻ mồ côi, bảo vệ những người bị áp bức, giúp đỡ tất cả những ai cần sự trợ giúp, cùng vô vàn ân huệ khác của ông. Không khinh miệt tạo vật của Ngài nhờ lòng nhân từ khôn tả, Chúa đã tỏ lòng thương xót trên ông, vì không có tội lỗi nào có thể chiến thắng tình yêu thương loài người của

[4542] Khi người ta chưa biết cách làm giấy, người ta viết trên da được chế biến đặc biệt, hoặc trên những tấm lá cây sậy Ai Cập, được gọi là giấy papyrus. Các bản thảo viết trên những tấm da hoặc lá sậy này được gọi là "hartias".

[4543] Xem Ê-xê-chi-ên 18:21–23

Ngài: bằng sự soi dẫn bí ẩn và thiêng liêng của Ngài, Ngài đã gieo vào lòng Theophilus ý nghĩ về sự ăn năn và trở lại.

Khi tỉnh táo lại, Theophilus bắt đầu suy ngẫm về tội ác to lớn và khủng khiếp mà mình đã phạm phải, khi từ bỏ Đức Kitô là Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm vì danh dự trần thế tạm bợ và hèn mọn. Ông bắt đầu đau khổ trong tâm hồn, than khóc và sám hối trong lòng, thở dài nặng nề từ tận đáy lòng, đập vào ngực mình, khóc lóc và nức nở một cách cay đắng.

Trong khi đó, nhà chiêm tinh Do Thái đã bị quan tổng trấn của xứ sở ấy bắt giữ, bị tòa án hợp pháp kết án tử hình vì vô số hành vi phù phép và tội ác của mình, và đã nhận hình phạt xứng đáng với tội lỗi của mình: hắn bị thiêu sống.

Còn Theophilus thì ngày đêm khóc lóc và nức nở, lòng đầy đau đớn, không ăn uống gì và không muốn nói chuyện với ai. Ông tự giam mình một mình, than thở và đau buồn.

– Khốn khổ cho ta, kẻ khốn nạn! Khốn khổ cho ta, kẻ đã hư mất! – ông thốt lên. – Ta đã làm gì? Ta đã rơi vào cảnh diệt vong nào đây? Giờ đây ta sẽ đi đâu để được cứu rỗi? Ta sẽ nương tựa vào ai để được tha thứ? Có phải là Đức Kitô, Thiên Chúa? Nhưng ta đã chối bỏ Ngài. Hay là Đức Mẹ? Nhưng ta đã từ chối Mẹ. Ta đã trở thành nô lệ của ma quỷ và đã ký tên xác nhận sự nô lệ đó. Ai có thể giật lấy bản thảo của tôi khỏi tay hắn? Ai sẽ giúp tôi và giải thoát tôi khỏi quyền lực của hắn? Tại sao tôi lại phải đến gặp tên pháp sư xấu xa và đáng ghê tởm này, tin tưởng hắn và cùng hắn tự đẩy mình vào ngọn lửa vĩnh cửu? Tôi đã thu được lợi ích gì từ vinh quang tạm bợ này? Sự kiêu ngạo và sự sung túc của thế gian phù du này có nghĩa lý gì? Khốn khổ cho tôi! Ta, kẻ khốn nạn, đã bị hủy diệt! Khốn khổ cho ta! Ta đã lạc lối và sa vào cái bẫy mà ta không biết làm sao để thoát ra! Khốn khổ cho ta! Ta đã tự tước đoạt ánh sáng vĩnh cửu và đang chìm trong bóng tối! Chẳng phải ta đã tốt hơn khi bị cách chức khỏi chức vụ quản gia sao? Chẳng phải ta đã tốt hơn khi sống một cách vô tư và lặng lẽ sao? Tại sao ta lại muốn đẩy linh hồn khốn khổ của mình vào địa ngục chỉ vì sự tôn vinh tạm bợ và hư ảo của loài người cùng vinh quang hão huyền? Chính ta là thủ phạm của sự diệt vong của mình! Chính ta đã tự giết chết mình, chính ta là kẻ phản bội linh hồn khốn khổ của mình! Khốn khổ cho ta! Ta đã mất đi điều gì! Khốn khổ cho ta! Ta đã tự lừa dối mình biết bao! Khốn khổ cho ta! Giờ đây phải làm sao? Khốn khổ cho tôi! Tôi sẽ trả lời thế nào trước mặt Đức Chúa Trời vào ngày phán xét, khi mọi sự trở nên rõ ràng và hiển nhiên, khi những người công chính được vinh danh, còn tôi, kẻ khốn nạn, sẽ bị kết án cùng với Satan, kẻ mà tôi đã bán linh hồn mình! Lúc đó tôi sẽ van xin ai giúp đỡ? Ai sẽ thương xót tôi lúc đó? Quả thật là không ai cả! Khốn khổ cho linh hồn khốn nạn và bất hạnh của tôi! Sao ngươi lại tự nộp mình vào ách nô lệ của địa ngục? Sao ngươi lại tự hủy hoại chính mình? Ngươi đã sa ngã một cách khủng khiếp biết bao! Ngươi đã tự nhấn chìm mình vào những con sóng dữ dội nào! Giờ đây ngươi sẽ tìm bến đỗ nào? Hay ngươi sẽ chạy trốn đến nơi ẩn náu nào? Khốn khổ cho ta, hỡi linh hồn! Khốn khổ cho ta! Thảm họa khủng khiếp nào đã ập xuống đầu ngươi!

Sau một thời gian dài khóc lóc và trong cơn tuyệt vọng, dằn vặt tâm hồn mình bằng nỗi đau buồn và u sầu, Theophilus bắt đầu dần dần đặt niềm hy vọng vào lòng thương xót của Đức Chúa Trời.

– Ta đã chối bỏ Chúa Giêsu Kitô, Đấng được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, – ông tự nhủ, – và ta không dám nương tựa vào Ngài. Nhưng, dù ta cũng đã chối bỏ cả Đức Mẹ, Đấng đã sinh ra Ngài, thì ta vẫn sẽ quay về với Mẹ, bằng cả linh hồn và trái tim, ta sẽ nương tựa vào lòng thương xót của Mẹ. Ta sẽ đến nhà thờ thánh của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, quỳ xuống trước bức tượng của Mẹ, và ở lại đó cầu nguyện với Mẹ cho đến khi làm Mẹ hài lòng và được Mẹ cầu bầu để nhận được lòng thương xót của Thiên Chúa.

– Nhưng bằng đôi môi nào tôi sẽ bắt đầu cầu nguyện với Mẹ, – anh ta tiếp tục, – khi chính đôi môi ô uế của tôi đã từ chối Mẹ? Làm sao tôi bắt đầu lời xưng tội của mình? Với trái tim nào, lương tâm nào và niềm hy vọng nào, tôi sẽ thúc đẩy cái lưỡi bất kính của mình cầu nguyện? Tôi không biết. Làm sao tôi có thể xin tha thứ cho những tội lỗi vô biên của mình? Tôi sợ rằng lửa từ trời giáng xuống sẽ thiêu đốt tôi, kẻ khốn nạn này, hoặc mặt đất sẽ nứt ra, nuốt chửng tôi khi còn sống và quăng tôi xuống vực thẳm địa ngục. Nhưng đừng tuyệt vọng đến cùng, hỡi linh hồn ta, hãy vực dậy và cố gắng thoát khỏi cái ác đang trói buộc ngươi, hãy chạy đến với Mẹ của Đấng Kitô và ngươi sẽ không phải hổ thẹn.

Tại một góc hẻo lánh của thành phố có một nhà thờ nhỏ thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, nơi chỉ cử hành thánh lễ vào các ngày lễ. Chính tại nhà thờ này, Thêôphil đã muốn tự giam mình để cầu nguyện, sau khi đã giải quyết xong mọi công việc quản lý và gác lại mọi trở ngại cũng như những lo toan đời thường. Sau khi khép mình trong nhà thờ này và quỳ sấp trước bức thánh tượng tôn kính của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ông bắt đầu

cầu nguyện với Mẹ, khóc lóc thảm thiết và nức nở. Không ai biết về tất cả những điều này, ngoại trừ người đầy tớ trung thành của ông là Evtichian, người đã ghi chép lại cuộc đời của Theophilus.

Théophilus đã ở lại trong nhà thờ suốt bốn mươi ngày và bốn mươi đêm, ăn chay, xưng tội, sám hối, ngày đêm không ngừng cầu nguyện và quỳ lạy trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Khi bốn mươi ngày trôi qua, lúc ông đang cầu nguyện vào nửa đêm, Đức Mẹ chí thánh của Chúa chúng ta, Đấng Cứu Rỗi đích thực của cả thế giới, nơi nương tựa của loài người và niềm hy vọng duy nhất của chúng ta sau Thiên Chúa, đã hiện ra.

– Hỡi con người! – Mẹ nói với anh ta. – Tại sao con lại làm phiền Ta một cách vô liêm sỉ như vậy, kêu gào và van xin Ta giúp đỡ con? Chẳng phải chính con đã từ bỏ Con Ta và Ta sao! Làm sao Ta có thể cầu xin Con Ta và Thiên Chúa tha thứ cho ngươi, kẻ nô lệ của ma quỷ, đã dâng hiến chính mình cho nó qua bản viết tay của ngươi? Ta sẽ nhìn lên vầng trán rực rỡ của Chúa bằng đôi mắt nào, khi Ta muốn cầu nguyện cho ngươi? Ngay cả Ta cũng không thể chịu đựng được sự sỉ nhục gây ra cho Con Ta và Thiên Chúa. Ta có thể tha thứ cho ngươi, hỡi con người, về những lỗi lầm ngươi đã phạm trước mặt Ta, bởi vì Ta vô cùng yêu thương dòng dõi Kitô hữu, đặc biệt là những ai với đức tin chân chính và tình yêu nồng ấm chạy đến với Ta và cầu nguyện trong Đền Thờ của Ta: Ta giúp đỡ họ bằng mọi cách, đón nhận họ vào vòng tay Ta và lắng nghe lời cầu nguyện của họ. Nhưng những sự xúc phạm và tổn thương mà các con gây ra cho Con Ta, Đấng mà các con đang đóng đinh lần thứ hai bằng những tội lỗi của mình, thì Ta không thể nào nhìn thấy hay nghe thấy được. Các con cần phải có nhiều công lao, nhiều việc làm cao cả và sự ăn năn từ tận đáy lòng để khẩn cầu lòng thương xót của Ngài. Dù Ngài rất thương xót, nhưng đồng thời Ngài cũng là Đấng Phán Xét công minh và là Đấng Trừng Phạt đáng sợ, ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ.

Vui mừng trước hình ảnh Đức Mẹ, Thêôphil đã lấy lại chút can đảm.

– Ôi, Nữ Vương đáng kính của con! – anh thốt lên, – Đấng Bảo Trợ của loài người, nơi nương tựa và sự cứu rỗi cho những ai chạy đến với Mẹ! Con biết, thực sự con biết, con đã phạm tội tàn nhẫn đến mức nào và đã làm phật lòng Mẹ cùng Thiên Chúa do Mẹ sinh ra. Nhưng con thấy có nhiều tấm gương về những người, trước con, đã làm phật lòng Con của Mẹ và Thiên Chúa của chúng con, những người đã được ban ơn tha thứ tội lỗi nhờ sự sám hối và xưng tội của họ. Nếu không có sự sám hối, thì làm sao Con của Mẹ có thể thương xót dân Ninive được? (Giô-na 2:1–11, 3:1–10) Nếu không có sự ăn năn, thì làm sao Ngài có thể cứu được người đàn bà điếm Ra-av? (Giô-suê 6:24) Nếu không có sự ăn năn, thì làm sao Đa-vít, người đã sa vào tội ngoại tình và giết người (2 Sa-mu-ên chương 11) ngay sau khi nhận được ân tứ, không chỉ được tha thứ mà còn được ban lại ân tứ tiên tri? Nếu không có sự ăn năn, thì làm sao Thánh Phêrô, vị Tông đồ tối cao, cột trụ của Giáo Hội, người đã nhận từ Thiên Chúa chìa khóa Nước Trời (Mt 16:19), khi ngài không chỉ một lần, không chỉ hai lần, mà đến ba lần chối bỏ Chúa, và sau đó bắt đầu khóc lóc thảm thiết (Lc 22:56–62). Nếu không có sự ăn năn, thì làm sao Chúa có thể biến một tên cướp – người thu thuế – thành nhà truyền giáo? (Mt 9:9) Nếu không có sự ăn năn, thì làm sao Thánh Phaolô lại từ một kẻ bách hại trở thành bình được Chúa Kitô chọn? (Cv 9:1–20) Nếu không có sự ăn năn, thì làm sao Chúa lại đón nhận Zacchaeus (Lc 19:1–10), người đứng đầu các người thu thuế? Nếu không có sự ăn năn, thì làm sao người con hoang đàng trở về lại được cha yêu thương? (Lc 15:11–32) Nếu không có sự ăn năn, thì làm sao người phụ nữ tội lỗi khóc lóc dưới chân Chúa Kitô lại được tha thứ cho vô số tội lỗi của mình? (Lc 7:36–50) Nếu không có sự ăn năn, thì làm sao thiên đàng lại mở ra cho tên cướp? (Lc 23:39–43) Nếu không có sự ăn năn, thì làm sao vị tông đồ lại ra lệnh đón nhận người tội lỗi ở Cô-rinh-tô? (1 Cr 5; 2 Cô-rinh-tô 2:1–8) Nếu không có sự ăn năn, thì làm sao vị pháp sư Cyprian – người đã hoàn toàn trở nên giống ma quỷ, mổ bụng những phụ nữ mang thai vì thuật phù thủy của mình, và sau đó được Justina công chính dẫn dắt trở về với Chúa Kitô – lại không chỉ được tha thứ cho những tội ác tày trời của mình, mà còn được ban vương miện tử đạo? Với biết bao gương sáng về sự sám hối và chiêm ngưỡng lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa đã che chở họ, con, kẻ tội lỗi, cũng dám chạy đến với lòng thương xót của Mẹ, Nữ Vương đầy lòng thương xót, để sám hối: xin hãy giang tay giúp đỡ con và cầu xin Con của Mẹ, cũng là Thiên Chúa của chúng con, tha thứ cho những tội lỗi nặng nề của con.

Khi Thêôphil thốt lên những lời này, Đức Trinh Nữ Maria, nơi nương tựa đích thực của những kẻ tội lỗi, niềm hy vọng của những ai tuyệt vọng và sự cứu giúp nhanh chóng cho những ai cầu khẩn Ngài, đã phán với ông:

– Hãy xưng nhận đi, hỡi con người, rằng Con của Ta, Đấng mà con đã chối bỏ, chính là Đức Kitô, Con của Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng sẽ đến để phán xét kẻ sống và kẻ chết; và khi đó, Ta sẽ cầu xin Ngài vì con, và Ngài sẽ chấp nhận sự sám hối của con.

– Lạy Nữ Vương đầy ân phúc, – Theophilus đáp, – làm sao tôi, kẻ bất xứng và khốn khổ này, dám mở miệng dơ bẩn và ô uế của mình, miệng mà vì chút danh vọng nhỏ nhoi và hư ảo, tôi đã chối bỏ Con của Mẹ và Thiên Chúa của tôi, cũng như Thánh Giá của Ngài, Đấng bảo vệ linh hồn tôi, cũng như Thánh Phép Rửa, và đã củng cố sự chối bỏ đó bằng bản viết tay của tôi dâng cho ma quỷ.

– Con chỉ cần xưng tội thôi, – Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội nói với anh ta, – và đừng nghi ngờ lòng thương xót của Ngài; Ngài yêu thương loài người và đầy lòng thương xót, và đón nhận những giọt nước mắt của những ai thật lòng ăn năn: vì sự cứu rỗi của loài người, Ngài đã vui lòng nhập thể từ Ta và, dù là Thiên Chúa, đã trở thành con người.

Lúc đó, Theophilus với lòng sợ hãi và xấu hổ, với sự khiêm nhường và lòng ăn năn sâu sắc, đã mở miệng và cất tiếng tuyên xưng lớn:

– Tôi tin, tôi xưng nhận và tôi ngợi khen Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Con của Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng từ thuở muôn đời đã được sinh ra từ Chúa Cha một cách không thể diễn tả, và vào cuối thời gian đã từ trời xuống và nhập thể vì sự cứu rỗi của chúng ta nhờ Chúa Thánh Thần và nhờ Mẹ, Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa đích thực. Là Thiên Chúa toàn hảo và con người toàn hảo, Ngài đã tự nguyện chịu đau khổ vì tội lỗi chúng ta và giang đôi tay vô nhiễm của Ngài trên cây thập giá ban sự sống: là Mục Tử nhân lành, Ngài đã hiến dâng linh hồn mình vì đàn chiên của Ngài, đã được an táng và phục sinh, và cùng với thân xác đã nhận từ Mẹ, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Ngài đã lên trời, và sẽ trở lại trần gian trong vinh quang để phán xét kẻ sống và kẻ chết. Con xưng nhận tất cả những điều này bằng cả trái tim và đôi môi, và thờ lạy Ngài, Thiên Chúa của con. Con cũng khẩn cầu Ngài, Nữ Vương! Xin đừng khinh bỉ con, kẻ ô uế này; xin đừng bỏ qua lời cầu xin tội lỗi của con; xin đừng bỏ rơi con, kẻ khốn khổ, bị kẻ thù độc ác lừa dối và đẩy vào sự hủy diệt! Nhưng xin hãy cầu thay cho con trước Đấng do Mẹ sinh ra, để Ngài tha thứ cho con những tội lỗi lớn lao và giải thoát con khỏi sự diệt vong, hầu cho con cũng cùng với tất cả những ai đã được tha thứ, ca ngợi và tôn vinh lòng thương xót vô biên của Đức Chúa Trời do Mẹ sinh ra và của Mẹ, Nữ Trinh vô cùng phúc lành!

Sau khi nghe những lời ấy từ anh ta, như thể đó là một sự đền bù nào đó cho tội lỗi, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, nguồn suối của lòng thương xót, Đấng cứu rỗi những kẻ lầm lạc, Đấng cầu thay chân thật và không ngừng nghỉ cho chúng con trước mặt Thiên Chúa, và là bảo chứng cho sự cứu rỗi của chúng con, đã đáp lại như sau:

– Tin tưởng vào sự sám hối của ngươi vì phép rửa tội, mà ngươi đã được rửa tội trong danh Chúa Kitô, và vì lòng thương xót dành cho ngươi (vì Ta rất thương xót tất cả những ai đang đau khổ), Ta sẽ đến với Con và Thiên Chúa của Ta và cầu nguyện với Ngài, để Ngài chấp nhận sự sám hối của ngươi.

Nói xong, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm đã biến mất, và trời đã bắt đầu sáng.

Ôi, đêm ấy thật hạnh phúc biết bao đối với người tội nhân, khi anh ta được ân sủng chiêm ngưỡng hình ảnh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và có cuộc trò chuyện ý nghĩa với Mẹ!

Sau khi được an ủi phần nào nỗi buồn và thêm hy vọng nhờ thị kiến ấy, Theophilus đã ở lại thêm ba ngày nữa trong nước mắt và lời cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ngước nhìn Ngài, quỳ sấp xuống trước Ngài, đập đầu xuống đất và trông cậy vào sự cứu rỗi của Chúa nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ. Khi ba ngày trôi qua, niềm hy vọng và nơi nương tựa của chúng ta – Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội – lại hiện ra trước mặt ông. Lần này, với khuôn mặt rạng rỡ, Ngài nhìn Theophilus bằng đôi mắt sáng ngời và nói:

– Hỡi người của Chúa! Sự sám hối của con đã đẹp lòng Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót; Ngài đã nhận lấy những giọt nước mắt của con vì Ta và đã nghe lời cầu nguyện của con. Vậy thì từ nay trở đi, chính con hãy tự mình giữ vững đức tin chân chính nơi Ngài cho đến ngày con qua đời.

– Thật vậy, con sẽ giữ vững, Nữ Vương đáng kính của con, – Theophilus đáp, – và con sẽ không vi phạm mệnh lệnh của Mẹ. Sau Thiên Chúa, Mẹ là nơi nương tựa và sự che chở của con, và con đặt trọn niềm tin và hy vọng vào Mẹ. Con biết, con biết rất rõ, Nữ Vương đầy lòng thương xót của con, rằng loài người không có sự giúp đỡ và sự che chở nào khác ngoài Ngài; không ai trong số những người đặt niềm tin vào Ngài bị hổ thẹn, và không ai trong số những người cầu xin Thiên Chúa qua sự chuyển cầu của Ngài bị bỏ rơi. Vì thế, con, kẻ tội lỗi này, cũng khẩn cầu lòng nhân từ vô tận của Ngài, Đấng chữa lành sự yếu đuối của chúng con: xin mở ra cho con, kẻ đã lầm lạc và sa vào vực thẳm của tội ác, cánh cửa lòng thương xót của Mẹ, và xin truyền lệnh trao lại cho con bản thảo đáng nguyền rủa mà con, trong sự lầm lạc, đã trao cho Satan: nó đang làm xáo trộn tâm hồn con một cách dữ dội và con không thể tìm được sự an ủi khỏi nỗi đau khổ lớn lao này, chừng nào bản thảo đó còn nằm trong tay quỷ dữ.

Vừa dứt lời, Đức Trinh Nữ đã biến mất; còn Thêôphil thì tiếp tục cầu nguyện siêng năng thêm ba ngày nữa, như trước đây. Sau đó, ông chìm vào giấc ngủ, mệt mỏi vì những gian khổ đã trải qua, và trong giấc mơ, ông thấy Đức Mẹ Đồng Trinh đang mang đến cho ông một tờ giấy có bản thảo của ông. Khi tỉnh dậy trong niềm vui sướng, ông không còn thấy Đức Trinh Nữ, nhưng tìm thấy bản thảo của mình được niêm phong và còn nguyên vẹn, nằm trên ngực. Vì niềm vui và sự kinh hoàng, thân thể ngài càng kiệt sức hơn nữa và ngài như rơi vào trạng thái nửa sống nửa chết. Sau đó, khi tỉnh táo lại, ngài đã dâng lên lời tạ ơn vô cùng sâu sắc đến Chúa Kitô nhân từ và Đức Mẹ đầy lòng thương xót, Đấng trợ giúp và Đấng bảo trợ của ngài!

Sáng hôm sau (và đó là ngày Chủ nhật), ông đến nhà thờ chính tòa, nơi vị giám mục đang cử hành Thánh lễ. Sau khi đọc Phúc Âm, ông tiến lại gần vị giám mục đang ban phép lành cho dân chúng, rồi khóc lóc quỳ xuống dưới chân ngài, van xin được lắng nghe, vì ông muốn công khai bày tỏ sự sám hối của mình trước mọi người. Sau đó, anh kể lại chi tiết mọi chuyện đã xảy ra với mình: việc bị cách chức khỏi c chức vụ quản lý đã khiến anh đau buồn ra sao, vì nỗi buồn đó mà anh đã từ bỏ Chúa Kitô và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, và bằng văn bản đã dâng mình cho Satan; rồi sau đó, trong khi ăn chay, cầu nguyện và khóc lóc, ông đã được chiêm ngưỡng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, trò chuyện với Người, được tha thứ tội lỗi, và cuối cùng, bản thảo của ông đã được trả lại. Sau khi kể lại tất cả những điều này một cách to tiếng và chi tiết trước sự chứng kiến của dân chúng và vị giám mục, Thêôphil đã trao cho vị giám mục bản văn có đóng dấu, vốn là bản văn mà ông đã trao cho Satan, và khẩn khoản xin ngài ra lệnh đọc to bản văn đó, để mọi người đều biết về tội lỗi của ông và ca ngợi lòng thương xót của Thiên Chúa, nhờ sự cầu bầu của Đức Mẹ. Sau khi mở niêm phong bản văn, vị giám mục trao nó cho một phó tế, người này bước lên bục giảng và bắt đầu đọc to. Mọi người đều kinh ngạc trước sự việc khủng khiếp này.

Như vậy, toàn thể hàng giáo sĩ và dân chúng, nam nữ và trẻ nhỏ, đều biết được những gì đã xảy ra với Thêôphil, cách ông sa ngã rồi hồi tâm và nhận lại bản thảo của mình. Còn vị giám mục, quay sang dân chúng, đã nói lớn tiếng:

– Hỡi tất cả các tín hữu, hãy đến đây, chúng ta hãy tôn vinh Đức Chúa Trời chân thật và thánh thiện, Chúa Giê-su Ki-tô! Hỡi những ai kính sợ Chúa và yêu mến Ngài, hãy đến đây và chiêm ngưỡng những phép lạ kỳ diệu! Hỡi những ai yêu mến Chúa Ki-tô, hãy đến đây và hiểu rằng Đấng Chủ Tể đầy lòng thương xót của chúng ta không muốn sự chết cho những kẻ có tội, nhưng đang chờ đợi sự ăn năn của họ! Hãy đến và chiêm ngưỡng, hỡi những người tin kính, xem sự ăn năn từ tận đáy lòng, những tiếng thở dài và những giọt nước mắt có thể làm được bao nhiêu điều! Ai mà không kinh ngạc, hỡi các cha và anh em, trước sự kiên nhẫn vĩ đại và không thể diễn tả của Đức Chúa Trời nhân từ! Ai mà không kinh ngạc trước lòng thương xót vô biên và tình yêu thương loài người của Ngài, được thể hiện nơi chúng ta, những kẻ tội lỗi! Quả thật là một phép lạ! Tiên tri Mô-sê sau bốn mươi ngày ăn chay đã nhận được từ Thiên Chúa các bảng luật pháp (Xuất Hành 24:18, 31:18), còn anh em chúng ta là Thê-ô-phi-lô sau bốn mươi ngày ăn chay đã nhận lại bản thảo của mình, vốn đã bị Satan cướp đi, nhờ quyền năng của Thiên Chúa và lời cầu bầu của Đức Mẹ! Vậy thì, hỡi các con, chúng ta hãy cùng anh ấy hát lên bài ca tạ ơn dành cho Chúa, Đấng đã nhân từ chấp nhận sự sám hối của anh ấy, nhờ sự cầu bầu của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, Đấng là cây cầu nối con người với Thiên Chúa, là niềm hy vọng của những kẻ tuyệt vọng, là nơi nương tựa của những người khốn khổ, cánh cửa chân thật, mở rộng lòng thương xót cho những tội nhân gõ cửa và dâng những lời cầu nguyện của chúng ta lên Thiên Chúa, Đấng được sinh ra từ Mẹ. Tôi còn biết nói gì nữa, vì phải hát bài ca nào để tôn vinh Mẹ và Con của Mẹ? Quả thật, những việc làm của Ngài thật kỳ diệu, lạy Chúa, và không có lời nào đủ để ca ngợi những điều kỳ diệu của Ngài! Quả thật, *"những việc làm của Ngài thật đông đảo, lạy Chúa! Ngài đã làm mọi sự một cách khôn ngoan"* (Thánh Vịnh 103:24). Quả thật, giờ đây thật xứng đáng để nhắc lại lời trong Phúc Âm: *"Hãy mang áo đẹp nhất ra và mặc cho anh ta, đeo nhẫn vào tay anh ta và mang giày vào chân anh ta; rồi hãy dắt con bê béo tốt đến và giết đi; chúng ta sẽ cùng ăn uống và vui mừng! Vì* người anh em của chúng ta*,* Thêôphil*, 'đã chết mà nay sống lại, đã mất tích mà nay được tìm thấy'* (Lc 15:22–24). Trong khi vị giám mục đang nói như vậy, Thêôphil nằm dưới chân ngài và khóc; ngài đưa tay ra, nâng anh ta dậy khỏi mặt đất. Còn Theophilus, sau khi đứng dậy, đã xin ngài đốt bản thảo đó, nhưng vị giám mục bảo anh ta tự làm việc đó, và Theophilus đã làm theo trước mặt mọi người. Nhìn cảnh bản thảo bất chính bị đốt cháy, dân chúng đã khóc lóc và kêu lên trong một thời gian dài:

– Lạy Chúa, xin thương xót.

Cuối cùng, sau khi ra lệnh cho dân chúng im lặng, vị giám mục tiếp tục Thánh lễ và, sau khi hoàn tất, đã ban Thánh Thể và Máu Thánh của Chúa Kitô – những Bí tích tinh tuyền và ban sự sống – cho Theophilus. Ngay

lập tức, khuôn mặt của Theophilus bừng sáng như mặt trời. Tất cả những ai chứng kiến sự thay đổi trên khuôn mặt ông đều ngợi khen Thiên Chúa chí thánh, Đấng tha thứ và thánh hóa những tội nhân ăn năn.

Sau tất cả những điều đó, Thêôphil đã đến nhà thờ Đức Trinh Nữ Maria, nơi ngài đã ăn chay trong nước mắt sám hối, được chiêm ngưỡng hình ảnh thánh thiêng của Mẹ và nhận được sự tha thứ cho các tội lỗi của mình: tại đây, ngài đã nghỉ ngơi một chút sau những vất vả. Khi biết rằng sau ba ngày, cái chết đang đến gần, ngài đã lập di chúc về tài sản của mình, ra lệnh phân phát tất cả cho những người nghèo. Sau đó, ông từ biệt các anh em tu sĩ có mặt tại đó, rồi phó thác linh hồn công chính của mình vào tay Thiên Chúa và Mẹ Thiên Chúa. Ông được an táng dưới bức thánh tượng Đức Trinh Nữ tại chính nơi ông đã thực hiện việc sám hối.

Và lòng thương xót của Đức Kitô Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm đã được tôn vinh nơi ngài; xin dâng lên Mẹ, cùng với Con của Mẹ, từ chúng con là những kẻ tội lỗi, luôn cần đến sự giúp đỡ của Mẹ, sự tôn kính, vinh quang, sự thờ phượng và lòng biết ơn, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời.

"Còn tôi, Eutychian khiêm nhường và tội lỗi (người viết câu chuyện này nói), được nuôi dưỡng trong nhà của Thánh Theophilus và nhờ sự can thiệp của ngài mà được vinh dự trở thành thành viên của Giáo Hội Công Giáo Thánh Thiện, – đã phục vụ chủ nhân của tôi trong nỗi buồn và đau khổ của ngài, và đi theo ngài khắp mọi nơi, đã tận mắt chứng kiến sự sám hối của ngài và tận tai nghe ngài kể lại điều này: – đã mô tả mọi sự một cách chân thật và chính xác vì lợi ích của những người sùng đạo, và để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh muôn đời." Amen.

Lễ kính Thánh ảnh Đức Mẹ Vladimir làm phép lạ

Lễ kỷ niệm Thánh tượng Đức Mẹ Vladimir làm phép lạ[4544]

Ngày kỷ niệm 23 tháng 6

Năm 1480, Akhmat, vị khan vô đạo của Đại Horda, đã dẫn một đạo quân hùng mạnh đến sông Ugra để khai chiến với Đại công tước Ioann Vasilievich[4545] . Moscow đứng trước nguy cơ bị vây hãm. Lúc bấy giờ, Đại công tước, được trang bị bằng lời cầu nguyện và sự ban phước của Thánh Gerontius[4546] , Tổng giám mục toàn Nga, cùng vị linh mục tâm linh của ngài là Thánh Vassian, Tổng giám mục Rostov[4547] , đã tiến quân chống lại quân Tatar tại sông Ugra; cả hai vị thánh đều tha thiết khẩn cầu Đại công tước hãy dũng cảm chiến đấu với những kẻ ngoại đạo để bảo vệ đức tin Chính thống giáo[4548] . Trong một thời gian dài, hai quân đội đối đầu nhau mà không dám tiến hành các hành động quyết liệt. Cuối cùng, nhờ sự cầu bầu của Đức Mẹ Đồng Trinh, một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra: nỗi sợ hãi ập đến với người Tatar, và họ, vì sợ lẫn nhau, đã bỏ chạy mà không ai đuổi theo. Như vậy, Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Đồng Trinh, đã ban cho các Kitô hữu một chiến thắng phi thường trước kẻ thù mà không cần đổ máu, đồng thời bảo vệ được tài sản của Ngài – thành phố Moscow và toàn bộ nước Nga. Khi Đại công tước Ivan Vasilyevich cùng con trai mình là Đại công tước Ioann[4549] và toàn bộ quân

---

[4544] Vào ngày này (23 tháng 6), tại Moscow diễn ra cuộc rước thánh long trọng từ Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời đến Tu viện Sretensky với bức tượng thánh Vladimir có phép lạ. Một cuộc rước thánh giá tương tự, là cuộc rước đầu tiên theo thời gian được thiết lập, diễn ra vào ngày 26 tháng 8 để kỷ niệm việc Nga thoát khỏi cuộc xâm lược của Tamerlan vào năm 1395; bị kinh hoàng trước hiện tượng đáng sợ của Đức Mẹ, Tamerlane đã rời khỏi lãnh thổ Nga vào chính ngày và giờ đó, khi người dân Moscow quỳ gối đón nhận bức tượng thánh Đức Mẹ có phép lạ tại cánh đồng Kuchkovo, được mang từ Vladimir đến Moscow theo lệnh của Đại công tước Vasily Dmitrievich, người trong cuộc chiến chống lại kẻ thù đã đặt niềm tin vào sức mạnh của Chúa nhiều hơn là vào vũ khí của mình. Tại nơi bức tượng được đón rước, để tưởng nhớ sự che chở kỳ diệu của Đức Mẹ, Tu viện Sretensky đã được thành lập, và chính tại đây các cuộc rước thánh giá nói trên được tổ chức.

[4545] Đại công tước từ năm 1462 đến năm 1505.

[4546] Giữ chức Tổng giám mục Moscow từ năm 1473 đến năm 1489.

[4547] Từ tháng 1 năm 1506, ngài là Tổng Giám mục Rostov, qua đời năm 1515.

[4548] Đại Giám mục đã gửi một bức thư chung đến Đại công tước tại trại quân ở Ugra, khích lệ ngài kiên cường chống lại kẻ thù thù ghét Chúa Kitô. Nhưng với sự dũng cảm và thẳng thắn đặc biệt, Thánh Vassian, Tổng Giám mục Rostov, đã khuyên Đại Công tước đừng ký hiệp ước hòa bình với Akhmat, như "một số kẻ lừa dối" đã khuyên ngài, mà hãy dũng cảm đối đầu với "ngôn ngữ vô thần của người Aghar", theo gương tổ tiên Dimitri, "người đã đứng lên chống lại con sói xảo quyệt Mamai".

đội trở về Moscow, tất cả mọi người đều tràn ngập niềm vui vô cùng, ca ngợi Thiên Chúa và Đức Mẹ Maria vì sự giải cứu vinh quang này[4550] . Kể từ thời điểm đó, tại thành phố Moscow được Chúa cứu rỗi, một lễ hội mới đã được thiết lập để tôn vinh bức tượng Đức Mẹ Rất Thánh, được gọi là Vladimir, vì vậy vào ngày hôm nay, 23 tháng 6, cuộc rước thánh giá được tổ chức để tôn vinh và tạ ơn Đấng Cứu Thế của cả thế giới, Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, và Mẹ Rất Thánh của Ngài.

Bài thánh ca, giọng 4:

Hôm nay, thành phố Moscow vinh quang rực rỡ, như ánh bình minh khi Đức Mẹ đã đón nhận bức tượng thánh kỳ diệu của Ngài; chúng con nay hối hả đến trước Ngài và khẩn cầu như sau: Ôi Đức Mẹ Đồng Trinh kỳ diệu! Xin cầu nguyện cho Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng con, Đấng đã nhập thể từ Mẹ, để Ngài giải thoát thành phố này, cùng tất cả các thành phố và đất nước Kitô giáo khỏi mọi sự vu khống của kẻ thù, và cứu rỗi linh hồn chúng con, vì Ngài là Đấng đầy lòng thương xót.

Kondak, giọng 8:

Được chọn làm vị tướng chiến thắng, vì đã được giải thoát khỏi sự ác nhờ sự hiện diện của hình ảnh cao quý của Ngài, Đức Mẹ Thiên Chúa, chúng con hân hoan cử hành lễ Gặp gỡ của Ngài, và như thường lệ, chúng con kêu lên với Ngài: "Vui mừng đi, cô dâu chưa cưới."

Ngày 7 tháng 7

Ngày 24 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ các thánh tử đạo, bảy anh em ruột là Orentius, Farnacius, Eros, Firmus, Firminus, Cyriacus và Longinus, những chiến binh đã chịu tử đạo dưới thời Diocletian và Maximian trên bờ Biển Đen.

Sách Thánh nhân nhân ngày Lễ Giáng sinh của Thánh Gioan Tiền Hô và Đấng Rửa tội của Chúa

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 6

Khi Mặt Trời Công Chính Không Bao Giờ Lặn – Đấng Cứu Thế của chúng ta – muốn chiếu sáng cho thế gian, đã hạ mình xuống trời và ngự vào lòng trinh nữ tinh khiết nhất, thì chính vào thời điểm đó, sự ra đời từ người mẹ vô sinh của Đấng Mặt Trời – Thánh Gioan Tiền Hô – phải diễn ra: với tư cách là người báo trước, ngài phải đi trước sự hiện ra của Chúa, rao giảng và nói: *"Đấng Mạnh Mẽ hơn tôi đang đến sau tôi"* (Mc 1,7).

Và khi thời gian sinh nở của Thánh Ê-li-sa-bét đã đến, bà đã sinh ra một con trai trong tuổi già của mình, từ tử cung đã khô cạn, giống như Sa-ra đã sinh ra I-sa-ác vào thời xa xưa. Vậy, một phép lạ dẫn đường cho phép lạ khác: trước khi Đức Trinh Nữ sinh ra Đấng Kitô, người phụ nữ đã già nua trong những ngày cuối đời của mình đã sinh ra Tiền Hô của Đấng Kitô, để những ai chứng kiến sự ra đời siêu nhiên từ người phụ nữ già nua ấy, sẽ tin vào sự ra đời siêu nhiên từ một trinh nữ chưa kết hôn và tự nhủ: "Bàn Tay Quyền Năng của Thiên Chúa, Đấng đã giải thoát người phụ nữ già khỏi sự vô sinh, cũng đủ sức biến Trinh Nữ bất tử thành Mẹ Thánh." Chính vì thế, sự ra đời kỳ diệu của Đấng Cứu Thế thế gian được báo trước bởi sự ra đời kỳ diệu của Thánh Gioan Tẩy Giả. Điều này phải xảy ra để, qua một phép lạ, chuẩn bị cho thế gian đón nhận phép lạ khác: khi chứng kiến người mẹ đã cao tuổi, con người trở nên sẵn sàng hơn để chiêm ngưỡng Đức Trinh Nữ Vĩnh Cửu, Đấng đã sinh ra Con; khi trở thành chứng nhân cho sự ra đời kỳ diệu từ bà Ê-li-sa-bét đã cao tuổi, họ được chuẩn bị để đón nhận tin mừng về sự ra đời

---

[4549] Đại công tước từ năm 1498; qua đời năm 1509 trong cảnh bị giam cầm.

[4550] "Chớ để những kẻ hời hợt khoe khoang về sự sợ hãi trước vũ khí của họ," các sử gia Nga đã viết về phép lạ này, "không, không phải vũ khí, không phải trí tuệ con người, mà chính Chúa đã cứu nước Nga ngày nay." **Vào ngày này, ngày qua đời của Thánh Artemy Verkolsky (xem tiểu sử của ngài vào ngày 20 tháng 10).** Vào ngày này, ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Eustochium, Gaius, Urvan và những người khác, những người đã chịu khổ nạn dưới thời Maximian tại thành phố Ancyra, vào đầu thế kỷ IV.

"lạ lùng" của Đấng Christ từ Đức Trinh Nữ. Bởi vì trong cả hai sự kiện đó, theo ý muốn của Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đấng mà mọi bản tính đều tuân phục, *"trật tự của sự ra đời đã chiến thắng các quy luật tự nhiên"*[4551] .

Khi bà Ê-li-sa-bét sinh ra Tiền Hô của Đấng Christ, thì tất cả họ hàng, hàng xóm và những người quen biết của bà, khi nghe tin về sự ra đời này, đều vui mừng cùng với bà, bởi vì Chúa đã ban cho bà ân sủng lớn lao – cất đi khỏi bà "sự sỉ nhục vì không có con". Như vậy, lời của Thiên Thần Gabriel, sứ giả của Đức Chúa Trời, đã ứng nghiệm, khi ngài nói với Zacharias: *"Vợ ngươi là Elizabeth sẽ sinh cho ngươi một con trai, và nhiều người sẽ vui mừng vì sự ra đời của nó"* (Lc 1:13–14). Lúc bấy giờ, không chỉ họ hàng của Zacharias mà cả những ai đang tràn đầy niềm mong đợi nồng nhiệt về Đấng Mê-si-a Cứu Thế cũng đều vui mừng. Bởi vì mặc dù họ chưa biết về mầu nhiệm Nhập Thể của Con Thiên Chúa đã xảy ra, nhưng tâm hồn họ, được Thánh Thần soi dẫn, đã được chính sự kiện sinh ra của Tiền Hô một cách huyền nhiệm thúc đẩy đến niềm vui, và họ nhìn thấy trong sự kiện này như một sự đảm bảo nào đó rằng họ sẽ được đón nhận Đấng Mêsia mà họ hằng mong đợi.

Vào ngày thứ 8 sau khi Thánh Giăng Tẩy Giả chào đời, các linh mục và họ hàng của Zacharias đã đến nhà ông để tham dự nghi lễ cắt bì cho đứa trẻ; nhân dịp này, họ muốn đặt tên cho em bé theo tên cha – Zacharias. Nhưng mẹ của đứa trẻ không đồng ý với điều đó; vì có chồng là một nhà tiên tri và đã sinh ra một đứa con trai cũng là nhà tiên tri, thánh Ê-li-sa-bét cũng được ban cho ân sủng tiên tri, và theo sự mách bảo của tiên tri, bà kiên quyết đòi đặt tên cho con trai mình theo tên mà Thiên Thần đã truyền phải đặt: bà không thể nghe điều này từ chồng mình, – vì Zacharia trở về nhà từ đền thờ, như thể lưỡi bị cột lại, và không thể kể cho vợ nghe rằng ông đã thấy Thiên Thần, Đấng đã báo tin cho ông về việc thụ thai con trai và ra lệnh đặt tên cho đứa trẻ là Gioan. Vậy, được Thánh Thần hướng dẫn, Đức Mẹ đã đặt tên cho đứa trẻ là Gioan – một cách tiên tri, giống như trước đây bà đã tiên tri biết được sự viếng thăm của Mẹ Thiên Chúa dành cho mình, khi bà nói: *"Sao tôi lại được vinh dự này, là Mẹ của Chúa tôi đến thăm tôi?"* (Lc 1,43).

Lúc đó, các thầy tế lễ và người thân bắt đầu dùng dấu hiệu hỏi Zacharia xem ông muốn đặt tên cho đứa trẻ là gì. Ông xin một tấm bảng và viết lên đó: *"Tên nó là Gioan"* (Lc 1,63). Ngay lập tức, miệng Zacharia mở ra và lưỡi ông được giải thoát khỏi sự câm lặng, và ông bắt đầu nói, ngợi khen Thiên Chúa. Mọi người đều kinh ngạc trước biết bao phép lạ mà họ được chứng kiến – họ ngạc nhiên vì người phụ nữ đã cao tuổi lại sinh được đứa trẻ, vì người cha vốn câm lại có cùng ý nghĩ với người mẹ về tên của con trai, và vì người câm, sau khi viết tên đó, đã bắt đầu nói và đọc to những gì tay mình đã viết, – như thể tên Giăng chính là chìa khóa mở miệng người cha, khiến sau khi Zacharia viết tên đó, miệng ông bỗng mở ra để ngợi khen Đức Chúa Trời. Khi nghe những lời của Zacharias, mọi người đều kinh ngạc và sợ hãi hơn nữa, rồi họ kể lại tất cả những gì đã thấy và nghe được khắp vùng cao nguyên Giu-đê, tức là trong phạm vi thành phố thánh Hê-bron[4552] , nơi có ngôi nhà của Zacharias.

Thành phố này cùng với vùng lân cận của nó, ngay từ thời Giê-su Na-vin, đã được dành riêng cho chi phái tư tế A-rôn. Nơi đây cách Giê-ru-sa-lem 8 giờ đường đi và nằm ở một vị trí cao hơn Bê-lem một chút. Nó được gọi là "thành phố trên núi" vì những ngọn núi cao nơi nó tọa lạc; đồng thời, vùng lân cận của nó được gọi là "vùng đất trên núi", như đã được ghi chép trong câu chuyện Phúc Âm về cuộc hành trình của Đức Mẹ Maria đến thăm người thân là bà Ê-li-sa-bét: *"Vào những ngày ấy*, *Đức Maria* (từ Nazareth thuộc xứ Galilê) liền *lên đường gấp gáp đến xứ miền núi, đến thành Giu-đa,* tức là Hê-bron, *rồi vào nhà ông Sa-cha-ri-a và chào hỏi bà Ê-li-sa-bét"* (Lc 1:39–40).

Như vậy, chính tại Hê-bơ-rôn này, thành phố trên núi của chi phái Giu-đa, giữa vùng núi non, đã diễn ra tất cả những sự kiện kỳ diệu và thần kỳ đã được đề cập ở trên. Và tất cả những ai nghe về những sự kiện này đều kinh ngạc và băn khoăn tự hỏi: *"Đứa trẻ này sẽ trở thành ai?"* (Lc 1,66).

[4551] Cụm từ này được trích từ giáo lý về Đức Mẹ.

[4552] Hevron (hiện nay người Ả Rập gọi là El-Khalil) – một thành phố nằm ở phía nam Palestine, là một trong những thành phố cổ xưa nhất châu Á. Nơi đây đã được biết đến như một thành phố cổ xưa từ thời Áp-ra-ham và, theo ghi chép của Flavius (nhà sử học Do Thái sống vào đầu Công nguyên), vào thời điểm đó, thành phố này đã có tuổi đời khoảng 2.300 năm. Từ lâu, thành phố này đã được người Do Thái coi là thánh địa, vì tại đây có các ngôi mộ của Áp-ra-ham và Sa-ra, Y-sác và Rê-bê-ca, Gia-cốp và Lê-a. Vào thời Constantine Đại đế, một nhà thờ đã được xây dựng trên hang mộ của Áp-ra-ham, sau này được người Hồi giáo chuyển đổi thành thánh đường Hồi giáo. Thành phố này nằm ở độ cao hơn Jerusalem 1.000 feet, trong một thung lũng sâu và hẹp, được bao quanh bởi núi non ở cả hai bên. Toàn bộ thung lũng và sườn núi được bao phủ bởi những vườn cây – vườn ô liu, vườn sung, vườn mơ, vườn lựu và vườn nho. Hiện nay, thành phố có khoảng 10.000 cư dân, những người sinh sống bằng nghề chế tác thủy tinh, canh tác nông nghiệp, trồng vườn cây ăn quả và sản xuất rượu vang.

Và tay Chúa ở cùng đứa trẻ mới sinh, làm dồi dào trong nó ân sủng của Đức Chúa Trời và bảo vệ nó khỏi gươm của Hê-rốt. Vì tin tức về sự ra đời kỳ diệu của Giăng đã đến tai Hê-rốt, và ông rất ngạc nhiên, thầm nghĩ: *"Đứa trẻ này sẽ trở thành ai đây!"* Khi Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta chào đời tại Bê-lem thuộc xứ Giu-đê, và các nhà chiêm tinh từ phương Đông đến[4553] để hỏi về Vua Giu-đê mới sinh, thì Hê-rốt, sau khi sai quân lính đến Bê-lem với lệnh giết hết các trẻ sơ sinh nam ở đó, – ông cũng nhớ đến Gioan, con trai của Zacharia, người mà ông đã nghe nói nhiều điều kỳ diệu, và bắt đầu suy nghĩ: "Chẳng phải chính cậu bé này là vị Vua tương lai của dân Do Thái sao?" Vì vậy, bị cơn giận dữ dày vò, ông nảy sinh ý định giết cả cậu bé, và với mục đích đó, ông cố ý sai những kẻ sát nhân đến Hê-bron, đến nhà của Zacharia. Tuy nhiên, những kẻ được cử đi đã không tìm thấy thánh Gioan.

Khi những vụ giết hại trẻ em tàn bạo bắt đầu diễn ra tại Bê-lem, tiếng kêu than và tiếng khóc lóc từ Bê-lem đã lan đến Hê-bron, nơi cách thành phố của Đa-vít không xa; đồng thời, người ta ở đây cũng biết được nguyên nhân của những tiếng khóc tại Bê-lem. Thánh Ê-li-sa-bét, sau khi bế cậu bé Gioan, lập tức vội vã lên những ngọn núi cao nhất của sa mạc (lúc đó, thánh Zacharia đang ở Giê-ru-sa-lem, thực hiện nhiệm vụ phụng sự của mình). Ẩn mình trong núi, Thánh Ê-li-sa-bét đã khóc lóc cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài bảo vệ bà cùng cậu bé. Và khi từ trên đỉnh núi, bà nhìn thấy những người lính đang tiến lại gần, bà đã kêu lên, hướng về tảng đá:

– Hỡi ngọn núi của Chúa! Xin hãy đón nhận người mẹ cùng đứa con!

Và ngay lập tức, ngọn núi tách ra, đón nhận Thánh Elizabeth cùng đứa con trai Gioan vào trong, và như vậy đã che giấu họ khỏi những kẻ sát nhân đang truy đuổi. Thế là các binh lính, không tìm thấy người mình tìm kiếm, đã trở về tay không với người đã sai họ đi. Sau đó, Hê-rốt sai một người lính đến đền thờ gặp Xa-cha-ri để bảo ông: "Hãy giao con trai ngươi cho ta."

Thánh Zacharias trả lời:

– Bây giờ tôi đang phụng sự Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, còn con trai tôi hiện đang ở đâu, thì tôi không biết.

Hê-rốt nổi giận dữ dội và lại sai một người lính đến gặp Xa-cha-ri để nói với ông rằng nếu ông không giao con trai ra, thì chính ông sẽ phải chết. Và những người lính, hung dữ như thú dữ, sẵn sàng thi hành mệnh lệnh của vị vua bất chính, đã đến gặp vị linh mục của Đức Chúa Trời và giận dữ nói với ông:

– Ngươi đã giấu con trai mình ở đâu? Hãy giao nó cho chúng ta, vì vua đã ra lệnh cho chúng ta phải giết ngươi ngay lập tức nếu ngươi không giao con trai mình cho chúng ta.

Zacharias đã dũng cảm đáp lại:

– Các ngươi sẽ giết thân xác ta, nhưng Chúa sẽ đón nhận linh hồn ta.

Và ngay lập tức, những kẻ sát nhân, tuân theo mệnh lệnh bất chính, lao vào vị thánh với cơn thịnh nộ và giết ông giữa nhà thờ và bàn thờ (Mt 23:35). Máu của ông đổ ra thấm vào đá cẩm thạch và hóa thành đá, làm bằng chứng cho tội ác của Hê-rốt và sự lên án vĩnh viễn dành cho hắn.

Trong khi đó, Ê-li-sa-bét, được Đức Chúa Trời che chở cùng với Giăng, đang ẩn náu trong ngọn núi đã tách ra. Theo lệnh của Đức Chúa Trời, một hang động đã hình thành trong đó dành cho họ; gần đó xuất hiện một suối nước và mọc lên một cây cọ chà là trĩu quả. Mỗi khi đến giờ ăn, cây cọ lại cúi xuống; và khi họ đã no nê với trái cây, cây lại đứng thẳng trở lại.

Sau 40 ngày kể từ khi Thánh Zacharias bị sát hại, Thánh Elizabeth đã qua đời trong hang động nói trên. Kể từ đó, Thánh Gioan được Thiên Thần nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, được bảo vệ cho đến ngày Ngài hiện ra trước dân Israel. Chính bàn tay của Đức Chúa Trời đã che chở và bảo vệ Thánh Gioan như vậy, để ngài được đến trước mặt Chúa, bằng tinh thần và quyền năng của Ê-li, và dọn đường cho Đấng sẽ đến để cứu độ loài người. Vì tất cả những điều này, xin ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa và Đấng Cứu Độ của chúng ta, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, đến muôn đời. A-men.

[4553] Trong thời cổ đại, thuật ngữ "các nhà chiêm tinh" dùng để chỉ những người thông thái, sở hữu kiến thức về những sức mạnh bí ẩn của thiên nhiên, các vì sao trên trời, v.v. Các nhà chiêm tinh đến thờ lạy Chúa Giê-su dường như đến từ Ba Tư. Họ là những nhà chiêm tinh, tức là những người phụng sự các vì sao và chuyên quan sát các thiên thể. Rõ ràng, họ cũng là những người có đức hạnh, chính vì vậy mà họ đã được ban cho những sự mặc khải đặc biệt từ Thiên Chúa.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Hỡi vị Tiên tri và Tiền hô của sự giáng lâm Đức Kitô, chúng con không biết phải ca ngợi ngài thế nào cho xứng đáng, nhưng chúng con tôn kính ngài bằng tình yêu thương: vì sự vô sinh của người mẹ và sự im lặng của người cha đã được giải thoát nhờ sự ra đời vinh quang và cao quý của ngài, và sự nhập thể của Con Thiên Chúa được rao giảng cho thế gian.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Người phụ nữ vô sinh ngày nay đã sinh ra Tiền Hô của Đấng Kitô, và đó chính là sự ứng nghiệm của mọi lời tiên tri; vì các tiên tri đã rao giảng về Người, khi đặt tay lên Người tại sông Giô-đanh, Người đã tỏ mình là Tiên Tri, Nhà Truyền Giáo và cũng là Tiền Hô của Lời Thiên Chúa.

Lời giảng của Thánh Gioan Kim Khẩu nhân ngày lễ Giáng sinh của Thánh Gioan, vị tiên tri, tiền hô và người rửa tội của Chúa

Ngày kỷ niệm: 24 tháng 6

Đây là ngày lễ và niềm vui chung, vào ngày này, tôi chợt nghĩ đến sứ vụ của Thiên Thần Gabriel và chức tư tế của Zacharia, và tôi nghĩ đến người đã bị kết án câm vì sự bất tín. Các bạn đã nghe Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, kể lại rằng Zacharia, người công chính, khi *"theo kết quả bốc thăm, như thông lệ của các tư tế, ông được chỉ định vào Đền Thờ Chúa để dâng hương, đã bước vào Đền Thờ Chúa, trong khi đám đông dân chúng đang cầu nguyện bên ngoài trong lúc dâng hương.* Và kìa, *Thiên Thần của Chúa hiện ra với ông, đứng bên phải bàn thờ hương. Khi thấy Thiên Thần, Zacharia bối rối và sợ hãi. Thiên thần bèn nói với ông: "Đừng sợ, Zacharia, vì lời cầu nguyện của ông đã được nhậm, và vợ ông là Elisabet sẽ sinh cho ông một con trai, và ông sẽ đặt tên cho nó là Gioan"* (Lc 1:9–13).

Ôi, một phép lạ kỳ diệu và bí ẩn biết bao! Zacharia đã phản đối Thiên Thần một cách chính đáng. Ông cầu xin một điều an ủi, nhưng lại nhận được điều khác; ông cầu nguyện cho dân chúng, nhưng lại được xưng là cha của một đứa con trai; ông tìm kiếm sự tha thứ cho tội lỗi, nhưng lại nhận được lời hứa về việc giải thoát cho tử cung vô sinh. Zacharia mong muốn sự chữa lành cho linh hồn những người đã phạm tội hơn là việc Elizabeth mang thai. Zacharia đã đúng khi cảm thấy bối rối và sợ hãi; ngay khi nhìn thấy Thiên Thần, ông thầm nghĩ trong lòng: "Sự xuất hiện của người này thật kỳ lạ, lời hứa của người ấy cũng thật kỳ lạ! Ai là người này, dám bước vào đền thánh thiêng liêng? Ai là người này, đang đứng bên phải bàn thờ hương? Ai là người này, tỏa sáng với dáng vẻ lạ lùng?" Người này là ai? Ta chưa từng thấy người nào có cánh, cũng chưa từng thấy chim nào mang hình dáng con người; vậy người này là ai, khiến tâm hồn ta tràn ngập nỗi sợ hãi? Người này là ai – người mang ánh sáng trên môi, nói những điều vĩ đại khi đôi môi khép kín? Người này là ai – người giám sát dòng dõi của ta? Người này là ai, cản trở lời cầu thay của ta? Dân chúng đang cầu nguyện bên ngoài đang chờ tôi mang câu trả lời từ Vua trên trời, nhưng người này lại giữ tôi lại bên trong; qua tôi, họ đã dâng lời cầu nguyện lên Vua, xin tha thứ cho tội lỗi; vì điều này mà tôi cầu nguyện, để thực hiện mong muốn của dân chúng, để thể hiện sứ mệnh của mình; vậy nên, hãy dừng lại đi, dù ngươi là ai đi chăng nữa, kẻ đang khiến ta khiếp sợ! Nếu ngươi là Thiên thần do Đức Chúa Trời sai đến, thì hãy giúp đỡ việc của ta, hãy thương xót những người đang khóc lóc bên ngoài, hãy cùng than khóc với những người đang đau buồn. Dân chúng được lợi gì nếu ta có con trai? Có ích gì nếu Ê-li-sa-bét cho con bú? Có lợi gì nếu ta để lại người thừa kế? Hãy lui đi, kẻ khiến ta kinh hãi, dù ngươi là ai đi chăng nữa, hãy lui xa khỏi ta! Chúng ta đã già; thời gian thụ thai đã qua; ngọn lửa tình yêu đã tắt; thời gian đã làm nguội đi ngọn lửa ấy; cả hai chúng ta đều đã chết đối với sự giao hợp; tuổi trẻ chưa từng nở rộ – thì làm sao tuổi già lại có thể nảy nở được?

Đó là những gì Zacharias nghĩ. Còn thiên thần thì nói với ông, như anh vừa nghe: "Đừng sợ, Zacharias", đừng bối rối vì những suy nghĩ đó; ta là thiên thần của ánh sáng, chứ không phải của bóng tối; ta là Gabriel, một trong những vị chỉ huy dưới trướng Vua trên trời; ta đang thi hành mệnh lệnh – ta không ra lệnh theo ý riêng mình; ta được sai đến để báo tin cho ngươi, chứ không phải để làm hại ngươi; ta mang hình hài này, chứ không phải hiện ra trước mặt ngươi dưới hình dạng trần trụi; Đấng sai ta đến đang thương xót mạng sống ngươi; đừng sợ, ta được

sai đến để báo tin mừng cho ngươi, chứ không phải để làm ngươi kinh ngạc; ngươi sẽ vượt qua tuổi già, sự không con cái khi tóc đã bạc và tử cung vô sinh; và ai có thể sinh con theo ý muốn? Đó là ân sủng của Đức Chúa Trời, không phải là sáng kiến của con người; chẳng lẽ ngươi chưa nghe lời Đức Chúa Trời phán: "Ta là Đấng Sáng Tạo con người, *và là Đấng đã hình thành linh hồn con người bên trong nó"* (Xa-cha-ri 12:1). Ngươi không tin sao, Xa-cha-ri? Vậy thì A-đam đã được tạo dựng ra sao, Ê-va đã được tạo dựng ra sao, và Y-sác đã được sinh ra như thế nào? Áp-ra-ham đã không sai lầm trong sự vâng phục; còn ngươi, hỡi vị tư tế, lại không tin! Chẳng lẽ mọi lời của Đức Chúa Trời đều vô hiệu sao, Xa-cha-ri? Vì tuổi già mà ngươi phản đối, hỡi người già – ngươi cho rằng sự chết đi của thân xác mạnh hơn Đức Chúa Trời. Nếu ngài không thấy gương của Áp-ra-ham, thì ngài hẳn đã nghi ngờ sâu sắc; ngài viện dẫn sự trợ giúp của tự nhiên, và không tin vào lời hứa thiêng liêng thực sự của Đức Chúa Trời, mà lại nghi ngờ và tranh cãi sao? Ngài xin điều nhỏ, nhưng lại nhận được nhiều. Ngài chỉ cầu nguyện cho dân Do Thái, còn tôi thì rao giảng cho ngài về Đấng sẽ chuẩn bị cho mọi dân tộc được cứu rỗi.

Zacharias, nghe vậy, liền hơi quay mặt đi và đáp lại với Thiên Thần: "Ngài đang nói gì vậy, hỡi Thiên Thần? Vợ tôi sẽ sinh con sao? Chẳng lẽ tôi đã cầu nguyện về điều này, hay là tôi đang dâng hương trong lượt của mình chỉ để trước mặt dân chúng khoe khoang sự sinh sản của mình sao?" Tôi cầu xin sự tha thứ cho tội lỗi, vậy mà ngoài điều đó ra, tôi lại mong được giải thoát khỏi sự vô sinh sao? Tôi mong sự nhẹ nhàng cho dân chúng, vậy mà lại mang gánh nặng cho Ê-li-sa-bét sao? Tôi kêu gọi những tâm hồn bị tổn thương được chữa lành, vậy mà lại mong những bầu vú khô cạn trở nên tràn đầy sữa sao? Ngài đang nói gì vậy, Thiên Thần? Vợ tôi sẽ sinh con ư? Và điều đó mang lại lợi ích gì cho những người đang cầu nguyện bên ngoài? Chẳng lẽ, khi nghe thấy điều này, họ sẽ không ném đá vào tôi, với lời cáo buộc rằng tôi trở thành vị tư tế tối cao không phải vì họ và không phải vì sự cứu rỗi chung, mà chỉ vì bản thân mình, rằng tôi đã nhận lấy không phải lời chúc phúc, mà là một đứa con trai? Giờ đây tôi không còn nghĩ đến việc sinh con nữa; hãy lui ra! Tôi không còn mong muốn điều đó nữa; điều tôi đã cầu nguyện thì không nhận được; và giờ đây ngươi lại giải thích cho tôi điều này thay vì điều kia; chẳng lẽ tuổi già đã không chấm dứt theo thời gian sao? Chúng ta không thể đi lại mà không có gậy chống, vậy mà giờ đây người ta lại ra lệnh cho chúng ta bắt đầu sinh con sao? Tuổi già phủ nhận bản năng tự nhiên; đây là chuyện nằm ngoài đức tin; chúng ta đang nhìn vào quan tài, vậy mà lại đi thuê người vú em sao? Không, giờ đây tôi chẳng còn nghĩ gì đến việc sinh con nữa, tôi tìm kiếm sự cứu rỗi cho dân tộc và hạnh phúc cho bộ tộc, việc bắt giữ kẻ thù và sự thịnh vượng cho thành phố, chứ không phải tiếng khóc của trẻ con, tã lót và việc cho bú; tôi chẳng nghĩ gì đến những điều đó cả. Làm sao tôi có thể trở thành cha của một đứa con ruột? Tuổi già đẩy lùi đức tin; chuyện này nằm ngoài tự nhiên; tôi đi bằng cây gậy như thể đang cưỡi ngựa, vậy mà ngươi lại thúc giục tôi vào chuyện hôn nhân, khi toàn thân tôi đã trở thành quan tài? Làm sao tôi có thể tin điều đó, hãy nói cho tôi biết, hỡi thiên thần Gabriel vĩ đại? Hãy nói, làm sao tôi có thể tin điều đó? Kìa, các chi thể của ta đang run rẩy, kìa, vì tuổi già mà cả hai chúng ta đều đang nhìn xuống đất. Nếu một người còn trẻ, còn người kia đã già, thì có lẽ còn chút hy vọng về điều đã nói; nhưng giờ đây, thân thể cả hai chúng ta đều đã mục nát; chúng ta chẳng còn mong đợi gì khác ngoài lưỡi hái của cái chết, như những bông lúa chín vào mùa gặt; nếu ngài nói đúng mọi điều, thưa Đức Chúa Gabriel, thì xin hãy ban cho trước một điềm báo nào đó, trao cho tôi bằng chứng về phép lạ đã hứa. Làm sao tôi có thể tin điều này? A-rôn sẽ không tin nếu cây gậy không nở hoa; Môi-se sẽ không được xác nhận nếu bàn tay ông không trở nên trắng bệch; Gê-đê-ôn sẽ không hiểu nếu không có sương trên tấm da cừu; Ê-xê-ki-a sẽ không thừa nhận nếu mặt trời không lùi lại; làm sao tôi có thể tin điều này? Hãy ban cho tôi một dấu hiệu, và tôi sẽ vui mừng như một thiếu niên; hãy ban cho tôi một dấu hiệu để Ê-li-sa-bét không cười nhạo một cách bồng bột như Sa-ra; làm sao tôi có thể tin chắc điều này, sứ giả Tổng thiên thần? Làm sao tôi có thể thấy rõ những lời ngài nói với tôi? Nếu tôi là Áp-ra-ham thứ hai, nếu những điều thuộc về Áp-ra-ham cũng sẽ đến với tôi, thì hãy vào nhà tôi, và tôi sẽ rửa chân cho ngài sau chuyến hành trình vất vả, và dâng lên ngài bữa tiệc đầy ắp bí ẩn; Ê-li-sa-bét sẽ nhào ba sa-ta bột, tượng trưng cho Hội Thánh; hãy cầu xin con bò đực để ngài được ban cho một người con trai. Làm sao tôi có thể tin điều này, hỡi Đấng mang Tin Mừng tuyệt vời từ trên cao xuống trần gian cho chúng tôi? Tại sao, hỡi Thiên Thần, ngài lại đặt tên cho con trai tôi trước, và liệt kê những đức tính của một đứa trẻ chưa ra đời? Xin hãy chỉ cho tôi thấy điều gì đó vượt trên tự nhiên, để tôi có thể tin vào điều trái với tự nhiên. Nếu bầu trời trở thành lều trại, và tôi được tái sinh; nếu biển cả thay đổi, và vợ tôi là Ê-li-sa-bét trở thành người mẹ; nếu mặt trời bị trì hoãn, và những bầu vú khô cạn lại chảy sữa; nếu mặt trăng rơi xuống, và tử cung khô cạn lại được tưới ướt. Làm sao tôi có thể tin điều này, *"làm sao tôi biết được điều đó? Vì tôi đã già, và vợ tôi cũng đã cao tuổi"* (Lc 1:18).

Thiên thần bấy giờ nói với Zacharias: ngươi đang đòi hỏi Đức Chúa Trời phải đưa ra bằng chứng. Ngươi cho rằng sự yếu đuối còn mạnh hơn lời hứa của Đấng Toàn Năng sao? Ngươi không sợ mà lại vội vàng chất vấn người mang tin mừng đến cho ngươi sao? "Làm sao tôi có thể tin điều này?" – ngươi nói. Chẳng lẽ ngươi được sai đi Ai Cập để dọa nạt Pharaoh sao? "Làm sao tôi có thể tin điều này?" – ngươi nói, Zacharias. Chẳng lẽ Đức Chúa Trời không làm điều gì siêu nhiên sao? Ngươi đòi hỏi sự logic từ thiên nhiên, mà lại không thấy được công việc kỳ diệu của Đức Chúa Trời. Hãy nói cho ta biết, Zacharias, những cột trụ của trái đất được củng cố bằng gì? Vòm trời được nâng đỡ bằng gì? Nơi nào tạo ra những kho chứa mây? Nơi nào những giọt mưa được hình thành? Nơi nào những bông tuyết được tạo ra? Ai điều khiển quỹ đạo của mặt trời? Ai đặt ra giới hạn cho sự suy giảm của mặt trăng? Ai có thể đếm được vô số vì sao? Biển trong cơn bão được giữ lại bởi cát như thế nào? Làm sao những dòng khí ẩm hòa trộn với nhau? Sương mù được tạo ra như thế nào? Con người được hình thành trong bụng mẹ ra sao? Và tại sao phái nữ lại yếu hơn phái nam? Làm sao tôi có thể tin điều này – ngươi nói, Zacharias. Ngươi đang tìm kiếm quy luật của tự nhiên, còn công việc của Đức Chúa Trời thì ở đâu? Ngươi không tin rằng người vô sinh có thể sinh con sao? Vậy thì – nếu ngươi nghe nói rằng một Trinh Nữ sẽ sinh con ngoài sự mong đợi? Và liệu sự hoài nghi trước đây có thể trở thành đức tin không? Và vì thế, giờ đây sự hoài nghi về việc vô sinh đang bị trừng phạt, để ngươi không nghi ngờ phép lạ liên quan đến Trinh Nữ: *"Ngươi sẽ câm lặng và không thể nói được"* (Lc 1,20). Ôi, hình phạt đầy lòng nhân ái, mang lại sự sửa đổi nhanh chóng! Thiên thần khuyên răn giọng nói đang dao động, kiềm chế lời nói ngạo mạn: *"Ông giao tiếp với họ bằng những dấu hiệu, và vẫn câm lặng*." Tác giả Tin Mừng đã ghi chép rất hay điều này – *"vẫn im lặng"*; sự im lặng đang chờ đợi tiếng nói sắp chào đời, Zacharia – Gioan, người già – con trai, vị linh mục – nhà tiên tri. Bằng cách này, Thiên Thần nói: vì ngươi, với tư cách là kẻ không tin, đang tìm kiếm dấu hiệu từ Thiên Chúa, thì hãy chấp nhận dấu hiệu của roi vọt trên chính thân thể ngươi: *"ngươi sẽ im lặng và không thể nói được cho đến ngày điều đó thành hiện thực*". Nơi nào có công cụ gây mâu thuẫn, nơi đó có sự trừng phạt; nơi nào có sự can đảm thiếu suy nghĩ, nơi đó có dây cương rèn luyện; nơi nào có sự ngạo mạn, nơi đó có hình phạt. Đức Chúa Trời mong muốn, Zacharias ơi, rằng ngươi sẽ trở thành người rao giảng về phép lạ này: Đấng chỉ huy đạo binh của Vua Trời đang ra đời và là Đấng chuẩn bị cho sự giải thoát thế gian khỏi tội lỗi. Vì ngươi đã coi sự yếu đuối của thân xác mình mạnh hơn lời hứa của Đấng Tối Cao, nên vì điều đó *"ngươi sẽ câm lặng và không thể nói được cho đến ngày điều đó xảy ra, vì ngươi đã không tin vào lời Ta, những lời sẽ ứng nghiệm vào đúng thời điểm*". Ngươi có thấy không, rằng nếu không có đức tin thì không điều gì đáng lẽ phải xảy ra sẽ thành hiện thực.

Vừa nghe những lời này, Zacharias liền bước ra khỏi đền thờ trong im lặng, như một hình phạt cho sự thiếu đức tin của mình. Ôi, thật kỳ diệu! Ông bước vào để giải thoát cho người khác, nhưng chính ông lại bước ra trong tình trạng bị kết án; khi dâng hương trong lễ thờ phượng, ông lại mang theo dấu hiệu của sự trục xuất. Dân chúng mong đợi nghe được điều gì đó tốt lành từ ông, nhưng ông lại dùng cử chỉ để bày tỏ: "Xin đừng ai hỏi tôi; tôi sợ cơn phẫn nộ của Chúa." Ôi những việc kỳ diệu làm sao! Zacharia bị câm, còn Elizabeth thì được bình an; lưỡi câm lặng, còn tử cung thì mang thai; bệnh tật trong tử cung chuyển sang lưỡi; lời nói bị câm lặng, còn đứa trẻ sắp chào đời thì được giải thoát; Zacharia im lặng, còn Gioan thì vui đùa.

Chỉ cần người phụ nữ vô sinh nhìn thấy Trinh Nữ, ngôi sao mai nhận ra mặt trời, thì Gioan đã nhảy múa mạnh mẽ trong bụng mẹ, trách móc sự chậm trễ của tự nhiên: "Ta," người nói, "là nhà rao giảng của Chúa, vậy tại sao lại bị trói buộc như những nô lệ của ta?" Ta sẽ đi trước thời điểm chào đời, ta sẽ không chờ đến lúc sinh nở, để không đánh mất dòng chảy của mình, để Chúa không vượt qua người nô lệ bị giam cầm, để trật tự tự nhiên không trở thành sự xáo trộn; ta đã nhận ra Đấng Hiện Diện, và ta không thể chịu đựng sự im lặng; tôi đã nhận biết Đấng đã sai tôi đi trước mặt Ngài, để dọn đường cho Ngài; tôi sẽ lay chuyển những xiềng xích của tự nhiên, vì tôi vội vã rao giảng. Ôi những việc làm kỳ diệu và những phép lạ! Những điều mà các Thiên thần trên trời chưa từng biết, Gioan – người được mang trong lòng mẹ – đã biết và nói với mẹ mình. Đối với các Ngai Vàng, Ngài không thể nhận ra, và Đức Chúa Trời đang đến trong lòng mẹ cũng không đi trước; Ngài đã che giấu bí mật về việc xây dựng ngôi nhà trước các Đấng Tối Cao, nhưng đã tiết lộ nó cho đứa trẻ đang được mang trong bụng; và với tin mừng nào mà Tổng Thiên Thần đã đến với Đức Mẹ, chính đứa trẻ đang đạp trong bụng đã gợi lên điều đó. Đấng Cứu Chuộc của dòng dõi chúng ta, khi còn trong lòng mẹ, đã đến với người bạn của Ngài là Gioan; và rõ ràng là Đấng Tạo Hóa đang chào đón tạo vật, rằng Vua đang ngự trong lều của người chiến binh, rằng Chúa đang bước vào nhà của người tôi tớ. Thánh Gioan, khi nhìn thấy Đấng đang ở trong lòng mẹ từ chính lòng mẹ, đã cố gắng vượt qua những giới hạn của tự nhiên, nói rằng: "Tôi không biết Chúa bị giới hạn bởi tự nhiên, và tôi sẽ không chờ đến lúc sinh ra; tôi không

cần chín tháng mang thai để sinh ra; tôi không cần sự giam cầm hiện tại này; và tại sao tôi không thoát khỏi những xiềng xích đang trói buộc tôi?" Ta sẽ bước ra, ngắn gọn tuyên bố ý nghĩa của việc kỳ diệu này; ta là con dấu của sự giáng lâm Thần thánh; ta là tử cung của Lời Thiên Chúa đã nhập thể; ta sẽ cất tiếng kèn, và làm cho ngôn ngữ của cha trở nên hùng hồn; ta sẽ cất tiếng kèn, và làm sống lại tử cung đã chết của mẹ. Tôi sẽ bước ra, như người tiền hô với lời rao giảng, và tuyên bố với tất cả những người có mặt: *"Đây là Chiên Con của Đức Chúa Trời, Đấng gánh lấy tội lỗi của thế gian"* (Giăng 1:29). Đó chính là vai trò của Giăng, hay đúng hơn, là những lời của ông.

"Đến lúc Ê-li-sa-bét sinh con, bà đã sinh một con trai. Hàng xóm và họ hàng của bà nghe tin… và cùng vui mừng với bà" (Lc 1,57–58). Vì đó là một phép lạ khi Ê-li-sa-bét, ở tuổi già và với tử cung đã yếu đi, lại sinh con; điều này không chỉ phụ thuộc vào người cha theo xác thịt, mà còn phụ thuộc vào Đức Chúa Trời Lời. Chính Tổng thiên thần Gáp-ri-ên đã làm chứng về điều này khi nói với Xa-cha-ri: *"Vợ ngươi là Ê-li-sa-bét sẽ sinh cho ngươi một con trai, và ngươi sẽ đặt tên cho nó là: Giăng; và đứa trẻ sẽ… được đầy dẫy Thánh Thần ngay từ trong lòng mẹ; và sẽ dẫn dắt nhiều người trong con cái Y-sơ-ra-ên trở lại với Đức Chúa Trời của họ; và sẽ đi trước Ngài trong tinh thần và quyền năng của Ê-li"* (Lc 1:13, 15–17).

Ôi, sự ra đời của một đứa con trai có bản tính khác thường, kỳ diệu biết bao! Sự ra đời ấy thật kỳ diệu và phi tự nhiên, vì thông thường, người sinh con là nhờ sự hỗ trợ của cơn đau đẻ – và người phụ nữ sinh con thường phải chịu đựng những cơn đau đớn. Vậy thì nỗi đau khổ của Ê-li-sa-bét ở đâu, khi có Thánh Thần hiện diện chứ không phải người đỡ đẻ thiếu kinh nghiệm, khi đây là công việc của ân sủng chứ không phải gánh nặng của tự nhiên? Hãy nghe đây! Sự vất vả ấy chẳng là gì so với niềm vui. – Gioan không nhận được ân sủng sau khi sinh ra, nhưng ngay từ trong lòng mẹ đã được mặc lấy sự thánh hóa, trở thành vị tiền hô kỳ diệu, như Thiên Thần đã nói: *"Ngài sẽ được đầy tràn Thánh Thần ngay từ trong lòng mẹ… và sẽ đi trước Ngài trong tinh thần và quyền năng của Ê-li"* (Lc 1,15.17). Ai sẽ đi trước ai? Gioan đi trước Chúa Kitô; vì thế ngài được gọi là Tiền Hô, như chính Gioan đã nói về Đấng Cứu Thế: *"Có một Đấng đi sau tôi, nhưng Ngài đã đi trước tôi, vì Ngài đã có trước tôi"* (Ga 1,30). **"Đi sau tôi"** – về mặt thời gian; **"đi trước tôi"** – về mặt ngai vàng.

Tại sao Gabriel lại nói rằng Gioan là người đi trước Đức Vua Kitô trong tinh thần và sức mạnh của Ê-li người Tisbe? Hãy lắng nghe kỹ! Ê-li có nghĩa là "Thiên Chúa". Vì Gioan có Thiên Chúa ngự trong chính mình – ngài đã được đầy tràn Thánh Thần ngay từ khi còn trong lòng mẹ, và Thiên Chúa là Thánh Thần – nên Chúa đã nói về ngài qua vị tiên tri từ rất lâu trước đó: *"Này, Ta sẽ sai Thiên Thần của Ta, và Người sẽ dọn đường trước mặt Ta"* (Mal 3:1, so sánh với Mc 1:2) và sẽ dẫn dắt nhiều người từ sự lầm lạc trở về với lẽ thật; vì lý do đó, Gioan đi trước Chúa trong tinh thần và quyền năng của Ê-li, bởi vì Gioan có nhiều điểm tương đồng với Ê-li.

Tất nhiên, đứa con được sinh ra, và lời nói lại quay về với người cha. Khi được hỏi muốn đặt tên cho đứa trẻ là gì, Zacharias – *"đã xin một tấm bảng và viết: 'Tên nó là Gioan'"*. Người trước đây không tin lời Thiên Thần, giờ đây buộc phải ghi chép lại sự kiện ấy, rao giảng qua chữ viết; người trước đây không chấp nhận những lời được truyền đạt bằng tai, giờ đây lại ghi chép bằng tay, viết về những điều đã xảy ra. Và khi đặt tên cho con, ông đã lấy lại được khả năng nói: từ đó *"mọi người đều kinh ngạc. Ngay lập tức, miệng và lưỡi ông được cởi trói, và ông bắt đầu nói, ngợi khen Đức Chúa Trời"* (Lc 1:63–64).

Ôi, phép lạ kỳ diệu và lạ lùng làm sao! Tên của con trai được ghi lại, và đôi môi câm của người cha bỗng mở ra; người ấy được đặt tên là Gioan, và lưỡi của người đặt tên cũng được giải thoát. Anh có thấy không, rằng ông ấy đã không sai lầm, và chúng ta cũng không sai lầm khi đưa ra lời giải thích thích đáng? Chính tên của Đấng Công Chính nhất đã mở ra đôi môi câm, và thúc đẩy lưỡi vốn bất động . Như vậy, Gioan, người kêu lên, được tỏ lộ đến nỗi ngay cả chính tên của ngài cũng khơi dậy tiếng nói: "Tôi *là tiếng kêu trong hoang mạc: Hãy dọn đường cho Chúa, hãy làm cho các lối đi của Ngài được thẳng tắp"* (Mt 3,3). Ôi, điều kỳ diệu! Lời vẫn còn đó, và tiếng nói báo trước; Chúa đang đến, và người tôi tớ đi trước. Vậy, chúng ta hãy vui mừng và hân hoan, vì Ê-li-sa-bét đã sinh con và Xa-cha-ri đã cất tiếng nói; vì người phụ nữ vô sinh đã sinh con, và người già đã reo lên; vì tấm bảng sáp đã được hỏi, và lưỡi của vị tư tế đã được cởi trói và tiếng nói đã trở lại; vì Đấng Tiền Hô đã xuất hiện và cả thế giới đã vui mừng.

Đáng lẽ lời giảng nên kết thúc tại đây, nhưng Zacharia không cho phép điều đó bằng những lời reo hò: *"Chúc tụng Chúa, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, vì Ngài đã viếng thăm dân Ngài và ban sự cứu rỗi cho họ"* (Luca 1:68). Những việc làm kỳ diệu! Zacharia đang nói gì? Sau khi được chữa lành khỏi chứng câm, Zacharia đã reo lên lần đầu tiên: *"Ngợi khen Chúa." Điều này có nghĩa là gì? Zacharia đã chết và được sống lại. Ông không chết theo nghĩa tự nhiên, nhưng đã trải qua sự giống như cái chết. Ông bị giam cầm trong sự im lặng như một quan tài,*

và như những tấm vải liệm, lưỡi ông bị trói buộc; ông trở lại với sự sống, không còn thở bằng chức tư tế, và mang theo sự than khóc, nỗi đau buồn của dân tộc. Khi một vị linh mục qua đời, tất cả những ai mà ngài đã cầu thay đều đau buồn. Sau sự phục sinh tượng trưng ấy, Zacharia lần đầu tiên kêu lên: "Chúc tụng Chúa, Đức Chúa Trời của Israel." Ôi Zacharia! Nếu ngài không nhìn thấy người khổng lồ thiêng liêng, không nhận ra người nông dân thiêng liêng, không nhận được ân tứ, thì ngài đã không chúc tụng Đấng ban ân tứ. Nhưng Zacharia đã ngợi khen Đức Chúa Trời bằng bài ca tiên tri, xứng đáng với ân tứ ấy. Chúng ta cũng hãy cùng kêu lên: "Ngợi khen Đức Chúa Trời của các Kitô hữu, Đấng đã viếng thăm dân Ngài và ban ơn cứu độ cho họ." Vinh quang và quyền năng thuộc về Ngài, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Ngày 8 tháng 7

Ngày 25 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Fevronia

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 6

Vào thời trị vì của vị vua vô đạo Diocletian, tại Rôma có một giám mục[4554] tên là Anphim, ông có một người con trai tên là Lysimachus, người mà ông đã hứa gả cho một thiếu nữ xinh đẹp, con gái của thượng nghị sĩ[4555] tên là Prosphora. Khi lâm bệnh nặng, Anphim gọi anh trai mình là Selinus và nói với ông:

– Anh ơi! Giờ đây em sắp ra đi và giao con trai em cho anh: hãy làm cha thay em cho nó, còn nó sẽ là con trai thay anh. Khi em qua đời, hãy nhanh chóng tổ chức lễ cưới cho nó với vị hôn thê, con gái của Prosphora.

Sau khi nghe lời anh trai, Selin hứa sẽ làm đúng như những gì anh ấy yêu cầu. Ba ngày sau, Anphim qua đời. Sau khi Anphim qua đời, Diocletian triệu tập Lysimachus và chú của cậu, Selin, đến gặp mình. Sau khi tiếp đón họ một cách đặc biệt, ông nói với Lysimachus:

– Nhớ đến tình yêu mà cha ngươi dành cho ta, ta muốn bổ nhiệm ngươi làm tổng giám mục thay thế ông ấy, nhưng ta nghe đồn rằng ngươi có khuynh hướng theo đạo Kitô. Vì vậy, ta đã hoãn ý định của mình lại cho đến khi làm rõ liệu những lời đồn về ngươi có đúng sự thật hay không. Trong khi đó, để thử thách, ta đã quyết định cử ngươi đi về phương Đông, để ngươi tiêu diệt đạo Kitô ở đó; và khi ngươi trở về với chúng ta sau khi hoàn thành nhiệm vụ, lúc đó ngươi sẽ được chúng ta phong chức tổng giám mục.

Trước những lời nói đó của hoàng đế, Lysimachus không dám phản đối điều gì, vì chàng còn rất trẻ, mới khoảng 20 tuổi. Nhưng Selin, chú của chàng, quỳ xuống dưới chân Diocletian, nói:

– Tôi khẩn cầu ngài, vị vua vĩ đại và bất tử, xin hãy cho phép Lysimachus ở lại đây vài ngày để kết hôn với con gái của Prosphorus – và khi cậu ấy kết hôn xong, tôi cũng sẽ đi cùng cậu ấy, và chúng tôi sẽ cùng nhau làm mọi việc theo như quyền năng thiêng liêng của ngài chỉ thị.

Vị hoàng đế bèn nói với cả hai:

– Trước tiên, các ngươi hãy đi đến nơi ta sai các ngươi đến và tiêu diệt những người Kitô hữu; khi đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, hãy trở về đây, – lúc đó ta sẽ cùng các ngươi tổ chức lễ cưới cho Lisimach.

Nghe vậy, họ không dám thốt thêm lời nào nữa và ngoan ngoãn tuân lệnh nhà vua – nhận chiếu chỉ và quân đội, họ lên đường về phía Đông.

Lysimachus mang theo người thân của mình, quan chỉ huy[4556] Prima, người là con trai của chị gái mẹ ông, – và giao cho ông ta quyền chỉ huy quân đội.

Khi đến phương Đông, họ dừng chân tại vùng Palmyra[4557] , và bắt đầu tra tấn dã man tất cả những người Kitô hữu ở đó: một số bị thiêu sống, một số khác bị ném cho thú dữ ăn thịt, còn những người khác thì bị chém bằng

---

[4554] Eparch – quan cai trị thành phố, quan trưởng tỉnh.

[4555] Thượng nghị sĩ – thành viên của Thượng viện, tức là hội đồng các trưởng lão; sau này, danh xưng thượng nghị sĩ trở thành tước hiệu danh dự.

[4556] Comit – là người tháp tùng hoàng đế hoặc quan chức cấp cao; tên gọi này dùng để chỉ những người thuộc đoàn tùy tùng của họ.

gươm và thi thể của họ bị ném cho chó ăn. Selin, chú của Lysimachus, là một người rất tàn nhẫn và vô nhân đạo. Nhiều người đã hoảng sợ khi chứng kiến những hành động tàn bạo của Selin. Còn Lysimachus thì lại rất thương xót các tín hữu Kitô giáo, bởi vì mẹ ông là một tín hữu Kitô giáo, và chính từ bà, ông đã được học biết về Chúa Kitô. Một đêm nọ, ông triệu tập người họ hàng của mình, quan tổng trấn Prima, đến và nói với ông ta:

– Thưa ngài Prima kính mến, ngài biết rằng cha tôi theo đạo Hy Lạp[4558] và đã qua đời trong tình trạng ngoại đạo, nhưng mẹ tôi qua đời với tư cách là một tín đồ Kitô giáo và trong suốt cuộc đời, bà đã cố gắng dẫn dắt tôi trở thành Kitô hữu. Tuy nhiên, vì sợ cha và nhà vua, tôi không thể làm điều đó công khai và đã hứa với mẹ rằng sẽ không giết hại bất kỳ tín đồ Kitô giáo nào và sẽ cố gắng trở thành bạn của Chúa Kitô. Giờ đây, tôi thấy rằng chú tôi là Selin đang tra tấn và giết hại các tín hữu Kitô một cách tàn nhẫn – và điều này khiến tâm hồn tôi đau khổ vô cùng; bởi vì trong thầm lặng, tôi muốn tha thứ cho các tín hữu Kitô và thả những người trong số họ đang bị giam cầm, để họ có thể trốn chạy và ẩn náu ở bất cứ đâu có thể.

Hầu tước đã đồng ý giúp đỡ anh ta, và họ đã ký kết một thỏa thuận với nhau, cam kết cùng nhau tha mạng cho các Kitô hữu. Ngay khi họ phát hiện ra bất kỳ nhà thờ hay tu viện Kitô giáo nào, họ lập tức gửi tin mật đến đó để cảnh báo về sự xâm lược của những kẻ tra tấn, và khuyên họ nên lẩn trốn. Hơn nữa, bá tước ra lệnh cho các chiến binh đồng chí hướng với họ không được bắt các tín đồ Kitô giáo để tra tấn, và ra lệnh thả những người đã bị bắt.

Sau khi ở lại Palmyra khá lâu, Selin, sau khi đã tra tấn nhiều tín đồ Kitô giáo, muốn tiến đến Sivapol – một thành phố nằm trong lãnh thổ Assyria[4559] , thuộc về một vùng đất phụ thuộc vào La Mã. Tại thành phố này có một tu viện nữ gồm 50 nữ tu, vị tu viện trưởng của họ là Vrienna, từng là môn đệ của vị tu viện trưởng đáng kính, nữ phó tế[4560] Platonida, và bà tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc của người thầy mình. Nội quy của Platonida như sau. Vào thứ Sáu, không một nữ tu nào được phép làm việc, mà tất cả đều tập trung tại nhà thờ và từ sáng đến tối cầu nguyện hoặc đọc các sách Thánh. Ban đầu, chính nữ phó tế Platonida tự mình đọc cho các nữ tu nghe cho đến 3 giờ sáng, sau đó bà trao sách cho Vrienna, ra lệnh cho cô đọc cho đến tối. Vrienne sau này cũng làm y hệt như vậy; sau khi người thầy của mình qua đời, cô đã tiếp quản vai trò lãnh đạo tu viện và trong mọi việc đều noi gương người thầy của mình.

Dưới sự hướng dẫn của Bề trên Vrienne, hai thiếu nữ là Prokla và Fevronia được giáo dục và chuẩn bị cho cuộc sống tu hành. Prokla 25 tuổi, còn Fevronia 20 tuổi. Fevronia là cháu gái của Vrienna, tức là con gái của anh trai bà, và sở hữu vẻ đẹp lộng lẫy đến mức không một họa sĩ nào có thể miêu tả trọn vẹn vẻ rạng rỡ của khuôn mặt cô. Vẻ đẹp ấy khiến Vrienna rất lo lắng, và bà đã suy nghĩ rất nhiều về cách giữ cho Fevronia sống trong sự trong trắng, xa lánh những cám dỗ của thế gian. Tất cả các nữ tu trong tu viện chỉ ăn một bữa mỗi ngày, vào buổi tối, và lượng thức ăn cũng rất ít; nhưng Vrienna ra lệnh cho Fevronia nhịn ăn cho đến ngày hôm sau, để cô phải nhịn đói cả ngày và chỉ được ăn vào buổi tối ngày hôm sau – bà hy vọng rằng nhờ sự kiêng khem này, vẻ đẹp của Fevronia sẽ phai nhạt. Fevronia, với mong muốn chế ngự xác thịt, đã dốc hết sức mình để tuân theo sự kiêng khem khắt khe đến vậy; cô không bao giờ ăn uống đến no nê, mà bằng cơn khát và cơn đói, cùng vô số công việc vất vả và những hành động dũng cảm, cô không ngừng làm kiệt quệ thân xác mình, thậm chí còn kiêng cả giấc ngủ. Giường của bà chỉ là một tấm ván trần không có bất kỳ lớp lót nào; chiều dài 3 khuỷu tay, chiều rộng 1,5 thước; kiệt sức vì nhịn ăn quá mức, Fevronia thiếp đi trên tấm ván này, hoặc trên mặt đất trần, và chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn. Và

[4557] Palmyra – từng là một thành phố của Syria, tọa lạc tại một trong những ốc đảo giữa Damascus và sông Euphrates. Thành phố này được vua Solomon thành lập từ lâu. Dưới thời Nebuchadnezzar, nó bị tàn phá, nhưng không lâu sau, nhờ vị trí thuận lợi giữa Biển Địa Trung Hải và thung lũng sông Euphrates, thành phố đã được tái thiết và trở thành một trung tâm thương mại quan trọng. Dưới thời người La Mã, Palmyra cùng với vùng lãnh thổ của mình từng là một quốc gia độc lập trong một thời gian, nhưng sau đó bị người La Mã chinh phục: những kẻ chiến thắng đã phá hủy thành phố; tuy nhiên, dưới thời hoàng đế Diocletian, thành phố đã được khôi phục. Vào thời kỳ người Ả Rập, thành phố lại bị phá hủy và biến thành một ngôi làng nhỏ bé, thê thảm.

[4558] Tức là theo tôn giáo đa thần Hy Lạp-La Mã.

[4559] Assyria nằm ở phía đông Syria, thuộc phần thượng lưu và phía bắc của đồng bằng Mesopotamia.

[4560] Diakonia – nữ thừa tác viên trong Giáo hội. Nhiệm vụ của các nữ thừa tác viên bao gồm: họ chuẩn bị cho phụ nữ trước khi rửa tội, hướng dẫn họ cách trả lời các câu hỏi của người làm lễ rửa tội và cách ứng xử sau khi rửa tội; họ hỗ trợ giám mục trong lễ rửa tội cho phụ nữ và thay mặt ngài thực hiện việc xức dầu lên các bộ phận cơ thể, ngoại trừ trán; trông coi cửa nhà thờ nơi các phụ nữ đi vào, sắp xếp chỗ ngồi cho họ và giám sát để đảm bảo họ cư xử đúng mực, tham dự các cuộc trò chuyện giữa các giám mục và linh mục với các phụ nữ, cũng như lo liệu các hoạt động từ thiện dành cho phụ nữ. Trong những thế kỷ đầu tiên, các nữ phó tế được coi là thành viên của hàng giáo sĩ, sau đó họ được bổ nhiệm vào chức vụ của mình thông qua một nghi thức tấn phong đặc biệt; về sau, nghi thức tấn phong này bị cấm, và sau đó chính chức vụ của các nữ phó tế cũng chấm dứt.

khi ma quỷ tìm cách cám dỗ cô bằng những ảo ảnh trong giấc ngủ, cô lập tức đứng dậy, quỳ xuống đất, dang tay chân thành hình thánh giá, và cầu nguyện với Chúa trong những giọt nước mắt đắng cay, xin Ngài giải thoát cô khỏi ma quỷ; sau đó, cầm lấy các sách Thánh Kinh, cô chăm chú đọc chúng và tìm thấy niềm vui thiêng liêng từ đó. Fevronia bẩm sinh đã tò mò và thông minh đến mức chính Vrienna cũng phải ngạc nhiên trước trí tuệ của cô.

Vào các ngày thứ Sáu, khi tất cả các nữ tu tập trung tại nhà thờ để đọc Lời Chúa, Mẹ Bề trên Vrienna giao cho Fevronia nhiệm vụ đọc Kinh Thánh. Và vì thường có những phụ nữ thế tục cùng đến nhà thờ với các nữ tu để nghe những bài giảng thiêng liêng, nên Vrienna ra lệnh cho Fevronia đọc phía sau tấm màn, để cô không nhìn thấy dáng vẻ và trang sức của những người phụ nữ này, những người mà trước đây cô chưa từng gặp. Và danh tiếng tốt đẹp về thánh nữ Fevronia lan truyền khắp thành phố – người ta ca ngợi kiến thức và trí tuệ, vẻ đẹp và tính cách tốt đẹp của cô ở khắp mọi nơi, vì cô hiền lành, khiêm nhường, trong sạch và được trang điểm bằng mọi đức tính tốt đẹp.

Một người phụ nữ thuộc dòng dõi thượng nghị sĩ, tên là Ieria, nghe nói về tất cả những phẩm chất này của cô gái thánh thiện, liền nảy sinh khao khát mãnh liệt được gặp Fevronia và trò chuyện với cô. Người phụ nữ này theo đạo Hy Lạp, còn trẻ tuổi và đã góa chồng – chỉ sống với chồng được vỏn vẹn 7 tháng; sau khi chồng qua đời, cô sống trong nhà cha mẹ mình, những người cũng theo đạo Hy Lạp. Khi đến tu viện, bà đã thông báo với Bề trên Vrienna qua người gác cổng về mong muốn được gặp Fevronia. Khi Vrienna bước ra gặp bà, Ieria quỳ xuống dưới chân bà và, ôm lấy đôi chân ấy, khẩn cầu Bề trên:

– Tôi khẩn cầu bà nhân danh Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng trời và đất, xin đừng khinh bỉ tôi, kẻ vô đạo, người trước đây từng là trò tiêu khiển của các thần tượng và ma quỷ – xin đừng tước đi cơ hội được trò chuyện răn dạy với chị em Fevronia của chúng ta, để chị ấy dẫn dắt tôi vào con đường cứu rỗi. Khi đó, con hy vọng sẽ tìm thấy nơi Đức Kitô, Thiên Chúa Chân Thật, những gì đã được dành sẵn cho các Kitô hữu. Vậy nên, xin giải thoát con khỏi sự hư vô của thế gian này và khỏi sự vô đạo thờ thần tượng, vì cha mẹ đang ép buộc con phải kết hôn lần thứ hai, còn con muốn bắt đầu một cuộc sống mới, dành thời gian cho những cuộc trò chuyện đầy ý nghĩa và có ích cho tâm hồn với Fevronia: những năm tháng trước đây, khi con còn sống trong sự vô đạo vì thiếu hiểu biết, đã là quá đủ rồi.

Nói xong, Ieriya đã khóc nức nở và ướt đẫm chân bà Bề trên, khẩn cầu lòng thương xót của bà.

Còn Vrienna, sau khi lắng nghe cô, đã nói:

– Chúa là chứng nhân, thưa bà Ieria, rằng cô bé Fevronia đã được tôi nhận nuôi từ khi mới hai tuổi, và đến nay đã là năm thứ 18 cô ấy sống trong tu viện mà không bao giờ ra ngoài, chưa từng nhìn thấy đàn ông, phụ nữ thế tục, trang phục hay đồ trang sức của họ, cũng như bất cứ thứ gì thuộc về thế gian. Ngay cả người vú nuôi của cô bé cho đến nay cũng chưa từng được gặp cô, và dù đã nhiều lần nài nỉ tôi cho phép gặp và trò chuyện với cô bé, nhưng tôi đã không cho phép. Tuy nhiên, giờ đây, khi thấy lòng nhiệt thành của chị và nhận ra tình yêu của chị dành cho Chúa, cũng như hy vọng vào sự cứu rỗi của chị, tôi sẽ dẫn chị đến gặp cô bé; nhưng chị phải thay bộ quần áo thế tục của mình bằng trang phục tu sĩ.

Ieria ngay lập tức vui vẻ chấp nhận điều kiện đó, và Vrienna dẫn cô đến gặp Fevronia. Khi nhìn thấy Ieria trong bộ áo tu sĩ, Fevronia nghĩ rằng có lẽ một nữ tu du hành nào đó đã đến với họ; vì vậy, bà cúi đầu chào cô đến tận đất, ôm lấy và hôn cô, như thể đó là một người chị em trong Chúa Kitô. Vrienna thì ra lệnh cho cả hai ngồi xuống và cùng nhau đọc các sách Thánh để học hỏi. Lúc đó, Fevronia cầm sách lên và bắt đầu đọc cho Ieriya nghe; Ieriya cảm động sâu sắc trước những lời được đọc đến nỗi cả đêm không chợp mắt. Cả hai người, trong khi thức trắng đêm, cùng nhau đọc các sách Thánh; và dù Fevronia không hề mệt mỏi khi đọc sách, cũng như Ieriya không mệt mỏi khi lắng nghe. Trong lúc đó, Ieria đã khóc nhiều đến nỗi ngay cả mặt đất cũng ướt đẫm nước mắt của cô; bởi vì, vốn là người Hy Lạp theo đạo, cô chưa bao giờ nghe thấy những lời dạy dỗ bổ ích cho tâm hồn như vậy.

Khi bình minh ló rạng, Ieriya gần như không thể vâng lời bà Bề trên để trở về nhà mình. Trong nước mắt, cô chia tay với Fevronia rồi lên đường về với cha mẹ. Còn Fevronia thì hỏi người phụ tá của bà Bề trên, Fomaida:

– Xin bà, mẹ của con, hãy cho con biết, nữ tu du hành đó là ai, người đã khóc nức nở như thể chưa bao giờ nghe thấy những lời Thánh thiêng liêng vậy.

– Chẳng lẽ con không biết mình vừa trò chuyện với ai sao? – Fomaida đáp lại.

Fevronia đáp:

– Làm sao con có thể biết một nữ tu lang thang mà con chưa từng gặp bao giờ?

Lúc đó, Fomaida nói với cô:

– Chị em ấy chính là Ieria, một quý bà danh giá của thành phố chúng ta.

– Sao chị không nói với em điều đó sớm hơn nhỉ? – Fevronia nhận xét, – em đã trò chuyện với chị ấy như với một người chị em vậy.

Fomaida nói:

– Đó là lệnh của bà Bề trên của chúng ta.

Sau những lời đó, Fevronia im lặng, – và bắt đầu cầu nguyện với Chúa từ tận đáy lòng cho Ieriya, để Chúa dẫn dắt cô ấy trở lại con đường chân chính và đón nhận cô ấy vào đàn chiên được chọn của Ngài.

Còn Ieriya, khi về đến nhà, đã kể lại tất cả những gì cô nghe được từ Fevronia, và bắt đầu thuyết phục cha mẹ mình từ bỏ sự lầm lạc của người Hy Lạp và nhận biết Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật – Đức Giê-su Ki-tô. Họ đã nghe theo lời khuyên sáng suốt của con gái, tin vào Đấng Christ và cùng cả gia đình nhận phép rửa thánh. Đó chính là tác động của những lời cầu nguyện và lời dạy dỗ của Thánh Fevronia đối với họ.

Không lâu sau đó, Fevronia lâm bệnh nặng. Ieriya đến thăm và chăm sóc bà trong suốt thời gian bà ốm. Bỗng nhiên có tin đồn rằng Selin và Lysimachus đang tiến đến thành phố để hành hạ các Kitô hữu. Lúc đó, tất cả các Kitô hữu, kể cả các linh mục và tu sĩ, thậm chí cả chính vị giám mục, đã bỏ lại mọi thứ, chạy trốn khỏi thành phố vì sợ hãi, và ẩn náu ở bất cứ nơi nào có thể.

Nghe tin đó, các nữ tu của tu viện Vrienna đã đến gặp bà và nói:

– Mẹ của chúng con ơi, chúng con phải làm gì đây? Những con thú hung ác – những kẻ hành hạ vô đạo – đang tiến gần đến thành phố, và tất cả các tín hữu Kitô giáo đã bỏ chạy vì sợ bị tra tấn.

Phía mình, Vrienna hỏi họ:

– Các con nghĩ sao và muốn làm gì?

Họ đáp:

– Xin Mẹ ra lệnh cho chúng con được ẩn náu, để cứu rỗi linh hồn chúng con.

Nghe vậy, Vrienna nói:

– Các con còn chưa thấy trận chiến nào mà đã nghĩ đến việc chạy trốn, giờ phút anh hùng chưa đến mà các con đã muốn bị đánh bại rồi; không, các con ơi, mẹ van xin các con, đừng làm thế; thà chúng ta ở lại đây, chịu đựng những đau khổ, và chết vì Chúa Kitô, Đấng đã chết vì chúng ta, để chúng ta được sống với Ngài mãi mãi. Nghe những lời ấy, các chị em im lặng. Nhưng ngày hôm sau, một chị em tên là Ê-phê-ri-a nói với những người khác:

– Tôi biết rằng vì Fevronia mà Mẹ Bề trên không cho chúng ta trốn đi – tôi nghĩ bà ấy muốn vì một mình cô ấy mà hủy hoại tất cả chúng ta; nhưng chúng ta hãy đến gặp bà ấy lần nữa, và tôi sẽ thay mặt mọi người nói với bà ấy những điều cần thiết.

Nghe vậy, một số nữ tu đồng ý với Eferia, số khác lại phản đối cô, nhưng cuối cùng, tất cả đều thống nhất và đi gặp bà Bề trên. Vrienna, hiểu rõ lý do họ đến, hỏi Eferia:

– Chị muốn gì vậy, chị em?

Cô ấy đáp:

– Chúng con xin Mẹ, xin hãy cho phép chúng con trốn chạy khỏi những tai họa đang rình rập, vì cả giám mục lẫn toàn thể hàng giáo sĩ đều đã rời đi. Xin Mẹ hãy nhớ rằng trong số chúng con có những thiếu nữ trẻ, mà chúng con phải lo lắng, e rằng nếu họ bị những tên lính vô đạo bắt giữ, họ sẽ mất đi sự trinh trắng và đánh mất phần thưởng từ Thiên Chúa. Chúng con còn phải lo sợ rằng chúng con sẽ không chịu đựng nổi những cực hình và, khi chối bỏ Chúa Kitô, sẽ làm hư mất linh hồn mình. Xin Mẹ cũng cho phép chúng con đưa theo chị em chúng con, chị Fevronia đang ốm, để che giấu chị ấy khỏi nơi này.

Nghe vậy, Fevronia nói:

– Chúa Kitô của con, Đấng mà con coi mình là cô dâu và dâng hiến linh hồn cho Ngài, còn sống – con sẽ không rời khỏi nơi này, nhưng sẽ chết và được chôn cất tại đây.

Lúc đó, Vrienna quay sang Eferia và nói:

– Hãy cẩn thận với những gì chị đang làm, khiến các chị em hoang mang – chị thấy đó – tôi vô tội trước những điều chị nghĩ về tôi.

Sau đó, bà quay sang những người khác và nói:

– Mỗi người trong các chị hãy quyết định theo cách mà chị thấy có ích nhất.

Lúc đó, tất cả các chị em, vì sợ những cực hình sắp tới, đã từ biệt bà Bề trên và Fevronia, rồi trong tiếng khóc lóc thảm thiết, vừa khóc vừa đập ngực, rời khỏi tu viện. Còn Prokla, bạn cùng lứa tuổi và bạn học của Fevronia, ôm chầm lấy và hôn cô, vừa khóc vừa nói:

– Xin hãy cầu nguyện cho em, thưa bà và chị em của em.

Fevronia nắm chặt tay cô ấy, không cho cô ấy đi, và khuyên nhủ:

– Hãy kính sợ Chúa, chị Prokla ơi, đừng bỏ chúng tôi. Chị thấy rồi đó – em đang ốm và sắp chết rồi. Mẹ Vrienna của chúng ta không thể một mình chôn cất em được – hãy ở lại và giúp mẹ chôn cất em đi.

Lúc đó, Prokla đáp lại:

– Được rồi, chị em của tôi, tôi sẽ ở lại đây cho đến khi chị bảo tôi đi.

Khi chiều tối buông xuống, Prokla đã không giữ lời hứa và lén lút trốn khỏi tu viện. Chỉ còn lại Vrienna và Fomaida ở lại với Fevronia.

Bà Vrienna, khi thấy tu viện vắng tanh, buồn bã bước vào nhà thờ, ngã quỵ xuống đất và khóc nức nở.

Fomaida an ủi bà, nói:

– Xin đừng khóc nữa, thưa bà và mẹ của con. Vì Chúa có quyền năng trong nỗi đau khổ và hoạn nạn để ban cho chúng ta *"sự nhẹ nhõm"* (1 Cô-rinh-tô 10:13). Ngài sẽ giúp chúng ta vượt qua những tai ương đang ập xuống trên chúng ta (Sách Khôn Ngoan 2:10). Hãy nhớ lại xem, có ai tin vào Đức Chúa Trời mà bị sỉ nhục, hay ai sống trong sự kính sợ Đức Chúa Trời mà lại bị bỏ rơi không được Ngài giúp đỡ chăng?

Vrienna đáp:

– Vâng, thưa bà Fomaida, mọi chuyện đúng như vậy; nhưng tôi phải làm gì với Fevronia đây? Giấu cô ấy ở đâu và bảo vệ cô ấy ra sao? Tôi sẽ nhìn bằng đôi mắt nào khi bọn man rợ dẫn cô ấy đi như một tù nhân?

Lúc đó, Fomaida nói:

– Đấng làm cho người chết sống lại, Chúa có thể ban sức mạnh cho Fevronia và bảo vệ nàng khỏi bọn man rợ mà không hề hấn gì; con xin bà, người mẹ thân yêu của con, đừng buồn bã và khóc lóc nữa; tốt hơn là chúng ta hãy đến với Fevronia đang ốm – để an ủi và động viên nàng.

Khi họ đến chỗ Fevronia, Vrienna lại khóc nức nở. Còn Fevronia, sau khi nhìn Fomaida, liền hỏi:

– Những giọt nước mắt của mẹ chúng ta, Vrienna, có ý nghĩa gì vậy?

Quay lại phía bà, Fomaida trả lời:

– Những giọt nước mắt của mẹ là vì con, bởi con còn trẻ và xinh đẹp. Sắp có những kẻ tra tấn tàn nhẫn đến đây để gây ra những nỗi đau khổ lớn lao cho chúng ta: chúng sẽ giết ngay lập tức chúng ta, những người phụ nữ già nua, còn con, một thiếu nữ trẻ trung và xinh đẹp, chúng sẽ giữ lại để dụ dỗ con bằng những cám dỗ của thế gian – và chúng ta sợ rằng bằng những lời nịnh hót và bạo lực, chúng sẽ hủy hoại sự trinh trắng của con và tước đoạt khỏi con cung điện đã được chuẩn bị sẵn cho Chàng Rể Thiên Đàng của con.

Lúc đó, Fevronia nói:

– Xin các chị hãy cầu nguyện cho em cùng Chúa, để Ngài nhìn thấy sự khiêm nhường của em – củng cố sự yếu đuối của em và ban cho em sự kiên nhẫn, như Ngài đã ban cho tất cả các tôi tớ của Ngài, những người yêu mến Ngài bằng cả trái tim.

Nghe vậy, Fomaida đáp lại:

– Con yêu quý của ta, Fevronia! Giờ đây là lúc để thực hiện công việc vĩ đại. Nếu những kẻ hành hạ vô đạo cố cám dỗ con bằng những lời ngọt ngào, vàng, bạc và y phục quý giá, hay bất kỳ sự quyến rũ phù phiếm nào của thế gian này – hãy cẩn trọng và tự giác – đừng nghe theo lời xúi giục của chúng, để con không đánh mất phần thưởng từ Chúa cho những công lao trước đây của con. Hãy cẩn trọng để đừng trở thành trò cười cho ma quỷ và con mồi cho các thần tượng. Hãy nhớ rằng không có gì vinh quang hơn sự trinh khiết, và phần thưởng to lớn đang chờ đợi những trinh nữ. Vì Chàng Rể của các trinh nữ là Đấng bất tử, và Ngài ban sự bất tử cho tất cả những ai yêu mến Ngài. Vậy nên, thưa phu nhân, hãy nỗ lực đạt đến điều mà ngài đã dâng hiến cả cuộc đời mình. Hãy tự bảo vệ mình, con gái của ta, để ngài không bị mất đi những bảo chứng cho hạnh phúc của mình – tức là ân sủng của phép rửa tội và lễ xuất gia. Vì Chúa sẽ rất đáng sợ khi Ngài ngự trên ngai vinh quang của Ngài để phán xét mọi người và ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ.

Lắng nghe những lời này, Fevronia được củng cố tinh thần và dũng cảm chuẩn bị bước vào cuộc chiến vinh quang với ma quỷ. Sau đó, bà nói với Fomaida:

– Thưa phu nhân, bà đã làm rất tốt khi củng cố đức tin cho tôi tớ của bà và chuẩn bị tâm hồn tôi sẵn sàng cho cuộc chiến vinh quang này. Xin bà hãy biết rằng, nếu tôi không có lòng khao khát chết vì Chàng Rể của tôi, thì tôi đã chạy trốn cùng các chị em khác để lánh xa cuộc chiến đầy đau khổ và kinh hoàng này. Nhưng vì tôi yêu mến Chàng Rể trên trời của tôi bằng cả trái tim, Đấng mà tôi đã hứa hôn bằng linh hồn và dâng hiến thân xác cho Ngài, nên tôi dám bước đi trên con đường tử đạo để đến với Ngài, nếu Ngài cho phép tôi chịu đau khổ và chết vì danh Ngài.

Vrienna, sau khi nghe những lời của Fevronia, đã nói với cô:

– Con gái của ta, Fevronia! Hãy nhớ lại những công lao và sự chăm sóc của ta dành cho con, hãy nhớ rằng từ khi con mới hai tuổi, ta đã nhận con vào sự chăm sóc của mình từ tay người vú nuôi của con – và cho đến ngày hôm nay, không một người thế tục nào từng nhìn thấy khuôn mặt con. Cho đến ngày hôm nay, ta đã bảo vệ con như con ngươi trong mắt. Còn bây giờ, ta phải làm gì với con và bảo vệ con thế nào, ta thực sự không biết nữa. Hãy tự bảo vệ mình, để đừng làm buồn lòng tuổi già của ta, đừng làm tiêu tan những công lao mà ta, người mẹ thiêng liêng của con, đã dốc lòng dành cho việc nuôi dạy con. Hãy tưởng nhớ các vị tử đạo, những người trước con đã can đảm và anh dũng chịu khổ vì Chúa Kitô và nay đã nhận được vương miện từ Ngài; trong số đó không chỉ có nam giới, mà còn có cả phụ nữ và trẻ em. Hãy nhớ đến Livia và Leonida – hai chị em vinh quang này, những người đã dũng cảm hiến dâng linh hồn mình vì Chúa Kitô. Vì Livia và Leonida, một người bị chém bằng gươm, còn người kia bị ném vào lửa, cả hai cùng nhau bước vào cung điện của Chàng Rể Thiên Thượng của mình. Hãy tưởng nhớ cô thiếu nữ mười hai tuổi Eutropia, người đã bị tra tấn đến chết cùng với mẹ mình. Chẳng phải ngươi luôn ngạc nhiên trước sự vâng lời và lòng kiên nhẫn của cô ấy sao? Ngươi biết rằng vị quan tòa, sau khi tháo dây trói cho cô, đã muốn dọa cô bằng những mũi tên, nghĩ rằng cô sẽ chạy trốn khỏi chúng. Nhưng rồi cô nghe thấy tiếng mẹ mình nói: "Con yêu của mẹ, Evtropia, hãy dừng lại", – và cô thiếu nữ dũng cảm đứng vững như một cột đá bất động, cho đến khi toàn thân bị những mũi tên đâm thấu: lúc đó cô ngã xuống đất, trao linh hồn mình cho Chúa. Cô gái trẻ ấy đơn sơ và chưa được học hành; còn chính ngươi đã nghiên cứu kỹ lưỡng các sách Thánh và là một người thầy tốt của nhiều người. Vậy thì, hãy suy ngẫm xem ngươi nên can đảm đứng lên vì Chúa của ngươi đến mức nào.

Họ đã nói với nhau những điều này và nhiều điều khác nữa, cho đến khi đêm trôi qua và ngày mới bắt đầu.

Khi mặt trời mọc, thành phố chìm trong cảnh hỗn loạn tột độ. Selin và Lysimachus đã tiến vào thành phố, và binh lính của họ bắt đầu bắt giữ nhiều tín đồ Kitô giáo và ném họ vào ngục tối. Một số người Hy Lạp đã báo cho Selin biết về tu viện nữ nằm trong thành phố. Selin lập tức sai binh lính đến bắt hết các nữ tu. Các binh lính, khi đến tu viện, đã bao vây nó từ mọi phía và, dùng rìu chém nát cánh cửa, xông vào bên trong như những con thú hoang. Bắt được Vrienna, họ định dùng gươm giết bà lão. Nhưng Fevronia, thấy nguy hiểm, đã quỳ xuống dưới chân các binh lính và bắt đầu kêu lên lớn tiếng:

– Tôi khẩn cầu các ngài nhân danh Chúa, – hãy giết tôi trước đi, để tôi không phải chứng kiến cái chết của bà chủ tôi.

Khi Fevronia đang kêu gào như vậy, bá tước Prim đã đến nơi; ông giận dữ xua đuổi các chiến binh và hỏi Vrienna:

– Những nữ tu còn lại, những người từng ở trong tu viện này, giờ đang ở đâu?

Vrienna đáp:

– Tất cả đều đã chạy trốn trong sợ hãi.

Lúc đó, bá tước nói:

– Ôi, giá như cô cũng chạy trốn cùng với họ! Nhưng ngay cả bây giờ, cô vẫn có thể tự do làm điều đó và chạy trốn đến bất cứ nơi nào cô muốn – tôi sẽ ban cho cô ân huệ này.

Nói xong, ông rời khỏi tu viện và dẫn theo các chiến binh. Khi ông đến dinh thự của Lysimachus, người này hỏi ông:

– Có đúng như người ta đã nói với chúng tôi rằng gần đây có một tu viện Kitô giáo không?

– Đúng vậy, – viên quan nói.

Sau đó, ông dẫn Lysimachus ra một góc, nói riêng với ông ta:

– Hầu như tất cả các nữ tu đã bỏ chạy khỏi tu viện đó, và tôi không tìm thấy ai ở đó ngoài hai bà lão và một nữ tu trẻ. Nhân đây, tôi phải kể cho ngài nghe một điều kỳ diệu mà tôi đã thấy trong tu viện đó: tôi đã thấy một nữ tu trẻ mặc áo tu sĩ, có vẻ đẹp lộng lẫy đến mức tôi chưa từng thấy người phụ nữ nào đẹp như vậy cho đến nay. Chúa là chứng nhân rằng tôi đang nói sự thật với ngài. Khi nhìn thấy cô ấy, tôi đã kinh ngạc trước vẻ đẹp rạng ngời trên

khuôn mặt cô ấy, và nếu cô ấy không mặc bộ quần áo tồi tàn đó, tôi đã coi cô ấy xứng đáng trở thành vợ của ngài, thưa ngài chủ nhân của tôi.

Nghe vậy, Lisimach trả lời:

– Nếu tôi không muốn vi phạm lời răn của mẹ tôi và làm đổ máu người Kitô hữu, mà lại mong muốn bảo vệ người Kitô hữu bằng mọi cách, – thì làm sao tôi có thể trở thành kẻ cám dỗ các cô dâu của Chúa Kitô được? Tôi sẽ không bao giờ làm điều đó; nhưng tôi xin ngài, thưa ngài, với lời khẩn cầu chân thành: hãy đưa những bà lão và cô tu sĩ trẻ đó ra khỏi tu viện và giấu họ ở đâu đó, để họ không rơi vào tay Selin, chú tôi, và phải chịu cực hình.

Khi họ đang nói chuyện với nhau như vậy, một trong những chiến binh tàn ác nhất đang có mặt tại tu viện, nghe thấy cuộc trò chuyện của họ, liền lập tức đến gặp Selin và báo cho ông ta biết rằng họ đã tìm thấy một thiếu nữ rất xinh đẹp trong tu viện nữ, và rằng bá tước khuyên Lysimachus nên lấy cô ấy làm vợ.

Selin, tràn đầy cơn thịnh nộ, ngay lập tức sai các chiến binh canh gác những nữ tu được tìm thấy ở đó, không cho họ cơ hội trốn thoát. Sau đó, ông cử một số người hầu thân cận và trung thành nhất của mình đi xem cô gái đó và tìm hiểu tên của cô. Họ đi rồi trở về, báo với Selin rằng trên cõi đời này chắc hẳn không có người phụ nữ nào có thể sánh ngang về nhan sắc với cô gái mà họ vừa thấy. Nghe những lời đó, Selin lập tức sai người rao tin khắp thành phố, rằng vào sáng hôm sau, tất cả cư dân, bất kể nam nữ hay lứa tuổi nào, hãy tập trung lại để chứng kiến kỳ tích của thiếu nữ Fevronia.

Nghe tin này, tất cả người dân sống trong thành phố và các làng mạc lân cận đã tụ tập đông đảo để chứng kiến kỳ tích của thánh nữ Fevronia. Khi bình minh ló rạng, tên tra tấn đã cử những chiến binh hung ác nhất đến tu viện và ra lệnh cho họ đưa cô gái thánh thiện từ đó ra tòa án. Các chiến binh, khi đến tu viện, đã tóm lấy Fevronia một cách tàn nhẫn, xích cổ cô lại và lôi cô ra khỏi tu viện.

Lúc đó, Vrienna và Fomaida, trong nước mắt ôm lấy đệ tử của mình, bắt đầu khóc nức nở và van xin các chiến binh cho phép họ được trò chuyện một chút với Fevronia; các chiến binh đã đồng ý. Một lần nữa, Vrienna và Fomaida lại van nài các binh lính hãy đưa cả hai bà đi cùng để thực hiện cùng một hành động anh hùng như Fevronia sắp phải đối mặt; bởi vì hai bà lão lo sợ rằng nếu chỉ có một mình cô ấy mà không có sự hỗ trợ từ phía họ, cô ấy sẽ không đủ can đảm để chịu đựng những cực hình.

Nhưng các chiến binh nói:

– Chúng tôi không được lệnh đưa các bà ra trước tòa án, mà chỉ có mình Fevronia thôi.

Và thế là Vrienna và Fomaida bắt đầu củng cố đức tin cho Fevronia.

Vrienna nói với cô như sau:

– Này, con gái của ta, Fevronia, giờ đây con đang bước vào cuộc hành trình chịu khổ. Hãy biết rằng Chú Rể trên trời sẽ chứng kiến những đau khổ của con, và các Thiên thần đã chuẩn bị sẵn vương miện chiến thắng cho con, nếu con can đảm chịu đựng đến cùng. Hãy cẩn trọng để con đừng sợ hãi những cực hình và đừng trở thành trò nhạo báng của ma quỷ. Đừng thương xót thân xác con khi họ bắt đầu xé nát nó bằng những vết thương, vì dù chúng ta có muốn hay không, sau một thời gian, thân xác ấy cũng sẽ nằm trong quan tài và hóa thành tro bụi. Ta sẽ chờ đợi tin vui hay tin buồn về con trong những tiếng khóc đắng cay. Hãy cố gắng lên, con gái của ta – ta tha thiết cầu xin con điều này, để ta được nghe tin vui về con. Ôi, ai sẽ mang đến cho ta tin vui ấy, rằng Fevronia đã chịu khổ vì Chúa Kitô và gia nhập vào hàng ngũ các vị tử đạo!

Nghe vậy, thánh nữ Fevronia đáp lại Vrienne:

– Con hy vọng, thưa mẹ, rằng như từ trước đến nay con chưa từng vi phạm các điều răn của mẹ, thì giờ đây con cũng sẽ luôn tuân giữ lời dạy và mệnh lệnh của mẹ. Và mọi người sẽ thấy, sẽ ngạc nhiên và ca ngợi công lao của Vrienne, nói rằng: "Đây quả thực là cây trồng và chồi non của Vrienne – bà lão vĩ đại ấy!" Vì con sẽ thể hiện sức mạnh tinh thần của người nam trong thân xác người nữ; còn các mẹ hãy cầu nguyện cho con và đừng cản trở con thực hiện công việc vĩ đại sắp tới.

Lúc đó, Fomaida nói với nàng:

– Chúa còn sống, chị em của tôi, Fevronia, rằng tôi cũng sẽ đi theo chị. Tôi sẽ mặc áo quần thế gian và, đứng giữa dân chúng, sẽ chứng kiến cuộc hành trình của chị.

Khi các chiến binh bắt đầu thúc giục Fevronia và đã định lôi cô đi theo họ, cô nói với các bà lão thánh thiện ấy:

– Xin các bà, những người mẹ của con, hãy ban phước lành cho con trên đường đi và cầu nguyện cho con.

Và Vrienna, giơ hai tay lên trời, bắt đầu cầu nguyện bằng giọng lớn như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng xưa kia đã hiện ra dưới hình dạng của thánh Phaolô trước người tôi tớ của Ngài là thánh Têcla trong lúc bà chịu đau khổ, xin Ngài cũng hãy hiện ra với người tôi tớ khiêm nhường của Ngài là Fevronia vào giờ phút cô ấy thực hiện công việc thánh thiện, và từ trên cao, xin Ngài củng cố cô ấy một cách vô hình, để qua cô ấy, danh thánh của Ngài được tôn vinh.

Sau khi cầu nguyện như vậy, Vrienna đã ôm Fevronia trong nước mắt, hôn lên mặt nàng rồi buông nàng ra. Các binh lính liền dẫn cô gái thánh thiện ấy đến trước mặt kẻ tra tấn Selin.

Sau khi tiễn đưa người con gái thiêng liêng mà mình yêu quý một đoạn đường ngắn, Vrienna khóc lóc thảm thiết trở về tu viện; rồi ngã sấp xuống đất trong nhà thờ, kêu khóc và cầu nguyện với Chúa cho Fevronia. Còn Fomaida, sau khi để Vrienna lại trong nhà thờ đang khóc lóc, đã mặc trang phục của những người phụ nữ thế tục và đi theo Fevronia đến nơi hành hình. Những người phụ nữ thường đến tu viện vào mỗi thứ Sáu để nghe những bài giảng từ kinh sách do Fevronia truyền đạt cũng đi theo. Họ vừa đập ngực vừa vội vã đến nơi công khai, chìm trong nỗi buồn sâu sắc vì phải xa cách người thầy của mình. Tin tức về việc Fevronia bị dẫn ra nơi công khai cũng đến tai Ieriya, và cô khóc thét lên đến nỗi cha mẹ cô cùng tất cả những người có mặt trong nhà đều kinh hoàng và bắt đầu hỏi:

– Có chuyện gì vậy, Ieriya?

– Chị gái tôi, Fevronia, đã bị dẫn ra nơi công khai, người thầy của tôi đã bị đưa đi chịu cực hình vì Chúa Kitô, – Ieria trả lời trong tiếng nức nở.

Cha mẹ Ieriya cố gắng an ủi cô, nhưng cô lại khóc nức nở hơn nữa và nói với họ:

– Hãy để con yên, – con sẽ không ngừng khóc vì chị gái và cô giáo Fevronia của con.

Khi cô nói như vậy, cha mẹ cô cũng bật khóc, và cả ngôi nhà vang lên tiếng khóc thương cho thánh Fevronia; còn Ieriya thì nài nỉ cha mẹ cho phép cô đến nơi hành hình, và họ không cản trở cô. Dẫn theo nhiều nô lệ nam và nữ, cô vừa khóc vừa đi đến nơi hành hình và bắt kịp đoàn phụ nữ đang vội vã đến đó trong nước mắt; trong số họ có cả Fomaida, người đang mặc trang phục thế tục. Nhận ra cô ấy, Ieria đi cùng cô ấy, và cả hai, trong khi rơi nhiều giọt nước mắt, đã đến nơi đã định. Một đám đông vô số người đã tụ tập ở đó, và các thẩm phán đã ngồi sẵn trên ghế của mình. Khi mọi thứ đã được chuẩn bị xong, Selin và Lysimachus ra lệnh dẫn thánh nữ Fevronia đến trước mặt họ. Thánh nữ xuất hiện trước mặt họ, hai tay bị trói ra sau lưng, cổ bị xiềng xích; nhìn thấy cảnh đó, hầu như tất cả những người có mặt tại đó đều rơi nước mắt và khóc lóc thảm thiết. Người tra tấn Selin ra hiệu im lặng, rồi nói với Lysimachus:

– Hãy thẩm vấn người phụ nữ này và lắng nghe lời khai của cô ta.

Và Lisimachus bắt đầu thẩm vấn Fevronia. Đầu tiên, ông hỏi cô:

– Hãy nói cho chúng tôi biết, thân phận của cô là gì – cô là nô lệ hay người tự do?

– Vâng, tôi là nô lệ, – Fevronia trả lời.

– Nô lệ của ai?

– Của Chúa Kitô – trinh nữ thánh thiện dũng cảm xưng nhận.

Lysimachus lại hỏi cô:

– Tên cô là gì?

Và Fevronia đáp:

– Tôi tự xưng là một tín đồ Kitô giáo khiêm nhường.

Lysimachus lại hỏi:

– Chúng tôi muốn biết tên của cô.

– Tôi đã nói với ngài rồi, tôi là một tín đồ Kitô giáo, – Fevronia đáp, – nhưng nếu ngài muốn biết cái tên mà tôi được đặt khi mới sinh ra, thì tôi sẽ trả lời ngài: mẹ tôi đã đặt tên tôi là Fevronia.

Lúc đó, kẻ tra tấn Selin ra lệnh cho Lisimach ngừng thẩm vấn và tự mình lên tiếng nói với vị trinh nữ thánh thiện.

– Ta xin các vị thần làm chứng, Fevronia, rằng ta không muốn hạ mình xuống để trò chuyện với con; nhưng vì sự hiền lành và vẻ đẹp trên khuôn mặt con đã chiến thắng cơn giận của ta đối với con, – nên ta sẽ hỏi con không phải với tư cách là một người bị kết án “ ”, mà là với tư cách là con gái ta. Hãy nghe đây, con gái ta, xin các vị thần làm chứng rằng ta đang nói sự thật với con. Con thấy cháu trai của ta, Lysimachus, đang ngồi bên cạnh ta đây; ta và cha nó, Anphim – người đã qua đời – đã định gả cho nó một thiếu nữ quý tộc, sở hữu nhiều của cải, con gái của Thượng nghị sĩ Prosphorus, và đã đính hôn cho nó với cô ấy. Giờ đây, nếu con thú nhận lỗi lầm của mình trước các

vị thần, thì chúng ta sẽ hủy bỏ hợp đồng hôn nhân với con gái của Prosphorus và lập một hợp đồng mới – với con. Con sẽ trở thành vợ của Lysimachus và, với tư cách là vợ, con sẽ ngồi bên tay phải của chàng, giống như ta đang ngồi ở đây vậy. Con thấy đấy, anh ta đẹp trai chẳng kém gì con. Hãy nghe lời khuyên của ta, như lời cha con vậy; để đền đáp, ta sẽ khiến con trở nên cao quý và giàu có, và con sẽ không bao giờ phải chịu cảnh nghèo khó. Ta không có vợ cũng không có con – và tất cả những gì ta có, ta sẽ trao tặng cho con – ta sẽ phong con làm chủ nhân của tất cả các điền trang của ta. Ta sẽ dâng tất cả những thứ này làm của hồi môn cho con khi con về làm vợ ngài Lysimachus, và ta sẽ là người cha thay thế cho hai người. Khi đó, khi thấy ngươi được hưởng vinh dự to lớn đến nhường nào, tất cả phụ nữ sẽ ca ngợi và tôn vinh ngươi; vị vua dũng cảm của chúng ta cũng sẽ vui mừng vì ngươi và từ phía ngài cũng sẽ ban thưởng cho hai người rất nhiều, vì ngài đã hứa sẽ bổ nhiệm Lisimachus làm tổng trấn La Mã. Ngươi đã nghe tất cả những gì ta nói với ngươi rồi. Hãy nói với ta rằng con không quay lưng lại với các vị thần của chúng ta; điều đó sẽ mang lại niềm vui lớn lao cho tâm hồn ta. Còn nếu con không nghe theo lời khuyên của ta, thì ta thề trước các vị thần, con sẽ không sống được quá ba giờ. Vậy thì, hãy chọn điều con muốn và nói cho chúng ta biết.

Trước lời đó, Thánh Fevronia đã trả lời Selina như sau:

– Thưa quan tòa! Ta có một cung điện trên trời không do tay người tạo ra, nơi diễn ra cuộc hôn nhân vĩnh cửu không thể tan vỡ, và của hồi môn của ta chính là cả vương quốc thiên đàng. Với một Chú rể Bất tử, ta không muốn kết hợp với một con người phàm trần và phù du. Còn về những gì ngài hứa hẹn với ta, ta thậm chí không muốn nghe. Không, đừng bận tâm, thưa quan tòa! Dù bằng những lời nịnh nọt hay cám dỗ, ngài cũng chẳng đạt được gì, và những lời đe dọa cũng không thể làm tôi khiếp sợ.

Nghe câu trả lời như vậy, Selin nổi giận dữ dội và ra lệnh cho binh lính xé nát quần áo trên người nàng, sau đó buộc cho nàng một mảnh vải rách mỏng manh và ngắn ngủi, rồi để nàng gần như trần truồng trước mặt mọi người để làm nhục; ông hy vọng rằng trinh nữ thánh thiện, khi thấy mình trong tình trạng ô nhục như vậy, sẽ xấu hổ vì sự nhục nhã của mình và hối cải về sự cứng đầu của mình. Các chiến binh lập tức thi hành mệnh lệnh của Selin và để vị nữ tử đạo đứng gần như trần truồng trước mặt mọi người.

Lúc đó, Selin nói với cô:

– Giờ thì ngươi sẽ nói gì với ta, Fevronia? Ngươi thấy rồi đó, sự ô nhục này đã trở thành số phận của ngươi, trong khi lẽ ra ngươi có thể hưởng thụ những phúc lành vĩ đại.

Nghe vậy, Fevronia nói với kẻ tra tấn:

– Hãy biết rằng, thưa quan tòa, nếu ngài không chỉ lột bỏ những bộ quần áo này khỏi người tôi, mà thậm chí cả mảnh vải rách này, và để tôi hoàn toàn trần truồng, thì tôi cũng sẽ không coi sự ô nhục này là gì cả. Vì chỉ có Một Đấng là Đấng Tạo Hóa của người nam và người nữ; vì Ngài, tôi không chỉ sẵn sàng chịu đựng sự xấu hổ của sự trần truồng, mà còn mong muốn bị chém bằng gươm và thiêu đốt trong lửa. Ôi, giá như Đấng đã tự nguyện chịu đựng vô số đau khổ vì tôi lại cho phép tôi được chịu khổ vì Ngài!

– Ôi, kẻ vô liêm sỉ và xứng đáng với mọi sự ô nhục! – Selin kêu lên – Ta thấy ngươi tự hào về nhan sắc của mình, và vì thế không coi sự ô nhục của việc trần truồng là điều đáng xấu hổ, bởi ngươi hy vọng sẽ được ca ngợi nhờ nhan sắc khi đứng trần truồng giữa đám đông.

Thánh nữ đáp lại:

– Chúa Kitô là chứng nhân rằng cho đến ngày hôm nay, ta chưa từng nhìn thấy khuôn mặt của một người đàn ông nào, cũng như không một ai trong số những người trần tục này từng nhìn thấy khuôn mặt của ta. Chẳng lẽ bây giờ, khi đang nằm trong tay ngươi, ta lại trở nên vô liêm sỉ sao? Không, chính ngươi mới là kẻ vô liêm sỉ, khi phơi bày thân thể trinh nữ trước mặt mọi người. Nhưng hãy nói cho ta nghe, hỡi vị thẩm phán điên rồ: nếu một võ sĩ tham gia thi đấu tại Thế vận hội[4561] , thì chẳng phải anh ta thi đấu trong tình trạng khỏa thân cho đến khi đánh bại đối thủ của mình sao? Cũng giống như vậy, khi tôi bước ra đây để chiến đấu với kẻ thù và chờ đợi những vết thương và lửa thiêu đốt thân thể mình, làm sao tôi có thể chịu đựng được chúng mà vẫn mặc quần áo? Chẳng phải chính thân thể trần truồng mới chịu đựng được những vết thương sao? Và thế là tôi bước ra đây trong tình trạng trần truồng, để khinh thường những đau khổ và đánh bại Satan – cha của ngươi.

Lúc đó, Selin nói với các đầy tớ:

[4561] Tất nhiên, đó là các cuộc thi đấu vật và chạy bộ diễn ra 4 năm một lần tại Olympia, một thành phố nằm ở miền nam Hy Lạp. Các cuộc thi này mang tính chất của những lễ hội quốc gia Hy Lạp.

– Vì người phụ nữ này tự tìm kiếm đau khổ và nói rằng cô ta không sợ lửa cũng như vết thương, – vậy hãy đặt cô ta xuống đất, đốt lửa dưới chân cô ta, và để bốn chiến binh dùng gậy đánh vào cột sống cô ta.

Ngay lập tức, các chiến binh bắt đầu tra tấn vị thánh nữ, đúng như lệnh đã ban. Họ đánh vị thánh nữ rất lâu, đến nỗi máu chảy thành dòng từ thân thể nàng. Và để ngọn lửa đang bùng cháy dưới chân bà không tắt, những kẻ tra tấn đã đổ dầu lên đó, khiến ngọn lửa bùng lên dữ dội hơn và thiêu đốt vị thánh nữ dữ dội hơn. Khi vị thánh nữ bị tra tấn như vậy, nhiều người trong đám đông bắt đầu kêu lên với Selina:

– Xin hãy tha thứ, xin hãy tha thứ cho cô gái trẻ này, thưa quan tòa nhân từ!

Nhưng ông ta, không nghe những lời van xin, ra lệnh tra tấn cô gái thánh thiện này dữ dội hơn; sau đó, khi cơn giận đã dịu đi một chút, ông ra lệnh chấm dứt sự tra tấn. Các binh lính bỏ Fevronia lại và, cho rằng cô đã chết, ném cô ra khỏi đống lửa.

Fomaida, khi chứng kiến những cực hình khủng khiếp mà Fevronia phải chịu, đã kiệt quệ cả tinh thần lẫn thể xác và ngã quỵ xuống đất ngay dưới chân Ieria. Thấy cảnh đó, Ieria đã thét lên đầy đau đớn:

– Khốn khổ, khốn khổ cho tôi, chị Fevronia của tôi! Khốn khổ cho tôi, người thầy của tôi! Tôi sẽ không còn được nghe những lời dạy của chị nữa. Và tôi không chỉ mất chị, mà còn mất cả Fomaida nữa; vì cô ấy, trong nỗi buồn vì chị, cũng đang chết dần.

Fevronia, đang nằm trên mặt đất, nghe thấy những lời của Ieriya, liền van nài những người đứng gần đó hãy hắt nước lên mặt Fomaida đang kiệt sức. Họ đã đáp ứng lời cầu xin đó, và Fomaida tỉnh lại rồi đứng dậy.

Thấy Fevronia vẫn còn sống, Selin quay sang cô với những lời chế nhạo như sau:

– Nàng nghĩ sao, Fevronia? Cuộc thử thách đau khổ đầu tiên này có ngọt ngào với nàng không?

– Ngươi thấy đấy, – Fevronia đáp, – dù ngươi có cố gắng thế nào đi chăng nữa, ta vẫn bất khả chiến bại, bởi vì ta khinh thường mọi cực hình.

Lúc đó, Celine ra lệnh cho các người hầu:

Hãy treo cô ta lên cây và dùng những chiếc lược sắt cạo hai bên sườn cô ta, rồi dùng lửa thiêu đốt các vết thương để xương cô ta cũng bị thiêu cháy.

Những kẻ tra tấn lập tức thi hành mệnh lệnh đó. Giữa những đau khổ như vậy, Fevronia ngước mắt lên trời và cầu nguyện với Chúa như sau:

– Xin hãy đến giúp con và đừng khinh dể tôi tớ của Ngài trong giờ phút này.

Và sau những lời đó, nàng im lặng.

Khi thân thể nàng bị cạo da và thiêu đốt một cách tàn nhẫn, nhiều người trong số những kẻ tụ tập tại nơi hành hình không thể nhìn nổi những cực hình khủng khiếp đến thế và đã bỏ đi; những người khác thì la hét yêu cầu quan tòa tha thứ cho cô gái trẻ vô tội này. Lúc đó, Selin ra lệnh cho các thuộc hạ ngừng tra tấn. Sau đó, ông ta bắt đầu đặt ra một số câu hỏi cho Fevronia, người đang bị treo trên cây, nhưng cô vẫn im lặng. Lại bùng lên cơn thịnh nộ, tên tra tấn ra lệnh tháo cô xuống khỏi cây và trói cô vào một cọc gỗ cắm xuống đất, rồi nói:

– Vì người phụ nữ xấu xa này không chịu trả lời ta, hãy cắt lưỡi cô ta ra và ném vào lửa.

Nghe vậy, vị thánh tử đạo liền thè lưỡi ra khỏi miệng và ra hiệu cho người lính thực hiện mệnh lệnh. Nhưng ngay khi người lính vừa chạm vào lưỡi để cắt đi, đám đông đang đứng đó bỗng la hét ầm ĩ, cầu khẩn quan tòa nhân danh các vị thần của họ và van nài ông hủy bỏ mệnh lệnh đó. Nhận thấy những lời cầu xin của dân chúng, Selin ra lệnh không được cắt lưỡi, mà thay vào đó, ra lệnh nhổ răng. Ngay lập tức, một trong những kẻ tra tấn cầm dụng cụ sắt lên và bắt đầu nhổ răng của vị thánh nữ từng cái một. Khi hắn nhổ được 17 chiếc răng, Selin ra lệnh chấm dứt hình phạt này. Trong khi đó, máu chảy thành dòng từ miệng vị thánh nữ, và vì những đau đớn tàn bạo, thân thể bà đã hoàn toàn kiệt sức. Người ta gọi bác sĩ đến, và ông đã cầm máu cho bà.

Sau đó, Selin lại bắt đầu chất vấn vị thánh nữ, nói với bà những lời như sau:

– Ít nhất bây giờ, Fevronia, hãy tuân theo yêu cầu của tòa án và tuyên xưng đức tin vào các vị thần đi.

Thánh nữ đáp lại:

– Ngươi bị nguyền rủa[4562] , tên đầy tớ của quỷ dữ, kẻ đã già đi trong tội ác! Ngươi còn cản trở con trên con đường của con bao lâu nữa, ngăn cản con đến với Chàng Rể của con là Đức Kitô? Hãy nhanh chóng giải thoát con khỏi thân xác phù du này, vì Chàng Rể của con đang chờ con rồi.

Nghe vậy, Selin nói với Fevronia:

[4562] "Anathema" có nghĩa là sự trừng phạt. Đó là việc giao phó người bị trừng phạt cho sự phán xét của Đức Chúa Trời.

– Này, ta ra lệnh phải hành hạ thân xác ngươi tột cùng, giao nó cho gươm và lửa. Vì ta thấy ngươi đang kiêu ngạo một cách vô liêm sỉ về tuổi trẻ của mình. Nhưng điều đó sẽ chẳng mang lại lợi ích gì cho ngươi; sự kiêu ngạo của ngươi sẽ mang đến cho ngươi tai họa lớn hơn nữa và những cực hình khủng khiếp nhất.

Vị thánh tử đạo, kiệt sức vì những cực hình quá mức, không thể nói thêm lời nào nữa, nhưng sự im lặng của nàng lại càng làm bùng lên cơn thịnh nộ của kẻ tra tấn: tên Selin tàn nhẫn ra lệnh cắt bỏ đôi vú trinh nữ của Fevronia. Dân chúng la hét, van xin quan tòa hãy tha thứ cho cô gái và hủy bỏ lệnh của mình. Nhưng Selin, tức giận với tên đầy tớ đang tra tấn, đã nói với hắn:

– Sao ngươi còn chần chừ, kẻ thù ghê tởm của các vị thần chúng ta? Sao ngươi không thi hành mệnh lệnh đã được giao?

Lúc đó, người hầu cầm dao cạo lên, bắt đầu cắt vú bên phải của vị thánh tử đạo. Còn nàng, ngước mắt lên trời, cất tiếng cầu nguyện với Chúa bằng giọng vang dội, nói rằng:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, xin hãy nhìn xuống những đau khổ mà con đang phải chịu đựng, và xin hãy đón nhận linh hồn con vào tay Ngài.

Nói xong, bà im lặng và không nói thêm lời nào nữa. Khi cả hai bầu vú đã bị cắt đứt và ném xuống đất, Selin ra lệnh mang lửa đến và dùng lửa thiêu đốt những vết thương hình thành tại chỗ những bầu vú bị cắt đứt. Cũng như vậy, ông ra lệnh thiêu đốt tử cung của vị tử đạo, khiến tất cả nội tạng của cô tan rã. Trong lúc đó, nhiều người trong đám đông, không thể chịu đựng được cảnh tra tấn kinh hoàng ấy, đã lùi xa khỏi nơi hành hình và lớn tiếng nguyền rủa Diocletian cùng các vị thần của ông ta.

Lúc đó, Fomaida và Ieria đã sai một nữ nô lệ đến tu viện để báo cho Vrienna biết tất cả những gì đã xảy ra. Nghe lời kể của người được sai đi, Vrienna tràn ngập niềm vui và sự hân hoan thiêng liêng, và trong nước mắt, bà bắt đầu kêu cầu Thiên Chúa như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng con, xin hãy đến giúp đỡ nữ tỳ của Ngài là Fevronia!

Sau đó, bà quỳ sấp xuống đất, vừa khóc vừa nức nở nói:

– Bây giờ con đâu rồi, Fevronia? Con đâu rồi, con gái hiền lành của mẹ? Con đâu rồi, tôi tớ của Đấng Kitô? Con đâu rồi, niềm tự hào của dòng tu?

Cuối cùng, bà đứng dậy khỏi mặt đất và giơ hai tay lên trời, kêu lên:

– Lạy Chúa! Xin hãy nhìn xuống người tôi tớ khiêm nhường của Ngài, và giúp đỡ nàng trong cuộc hành hương của nàng! Xin cho con được chứng kiến nàng qua đời như một vị tử đạo và được phong vào hàng các thánh tử đạo.

Lúc đó, tại nơi hành hình, sự việc diễn ra như sau: tên tra tấn Selin ra lệnh tháo dây trói Fevronia khỏi cọc gỗ mà cô đang bị trói; vị thánh được tháo dây, và vì không còn sức đứng vững, cô lập tức ngã xuống đất. Thấy cảnh đó, bá tước Prim thì thầm nói với Lysimachus:

– Tại sao cô thiếu nữ trẻ này lại phải chịu những cực hình tàn bạo đến vậy? Đã đến lúc chấm dứt những cuộc tra tấn này chưa?

Lysimachus đáp lại:

– Hãy chờ đã, anh em ơi, vì những đau khổ của cô ấy sẽ mang lại lợi ích cho nhiều người đang chứng kiến. Và tôi nghĩ rằng những đau khổ này cũng sẽ là sự cứu rỗi cho chính tôi. Tôi đã nghe mẹ tôi kể rất nhiều về việc các vị tử đạo đã dùng lòng dũng cảm của mình để dẫn dắt nhiều người đến con đường cứu rỗi. Vậy thì hãy để cô gái này hoàn thành hành trình tử đạo của mình đến cùng, để cứu rỗi tôi và nhiều người khác.

Lúc đó, Ieria, khi thấy Fevronia ngã xuống đất, đã lớn tiếng kêu lên, hướng về Selin:

– Hỡi tên tra tấn vô nhân đạo! Chẳng lẽ sự tàn bạo và những cực hình ban đầu mà ngươi đã giáng xuống cô thiếu nữ vô tội này vẫn chưa đủ sao? Ngươi chẳng nhớ gì đến mẹ mình, người cũng từng mang thân phận phụ nữ sao? Chẳng phải chính ngươi cũng đã bú sữa từ những bầu vú giống hệt những bầu vú mà ngươi đã ra lệnh cắt bỏ sao? Chẳng lẽ ngươi được nuôi dưỡng bằng bầu vú phụ nữ chỉ để thể hiện sự tàn nhẫn đến mức kinh hoàng như vậy đối với phụ nữ sao? Ta thật ngạc nhiên khi không có gì có thể kiềm chế được bản tính tàn nhẫn và vô nhân đạo của ngươi. Nhưng hãy biết điều này: giống như ngươi đã không thương xót cô gái này, thì Đức Vua trên trời cũng sẽ không thương xót ngươi.

Ieria đã thốt lên như vậy. Selin, nghe những lời ấy, lại tràn đầy cơn thịnh nộ và ra lệnh cho binh lính bắt Ieria ra khỏi đám đông, với ý định ngay lập tức tra tấn nàng. Nghe lệnh, Ieria vui vẻ tự mình bước ra đón các binh lính, mở đường cho mình giữa đám đông đang chen lấn; đồng thời nàng lặp đi lặp lại:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của nữ tỳ Fevronia! Xin hãy đón nhận cả con – nữ tỳ khiêm nhường của Ngài – cùng với nàng.

Nhưng trước khi cô đến nơi xét xử, những người bạn của Selin đã khuyên anh ta đừng tra tấn Ieria trước mặt toàn thể dân chúng – vì xuất thân cao quý của cô.

– Chúng tôi lo sợ – họ nói – rằng đám đông tụ tập ở đây, khi chứng kiến nỗi đau khổ của nàng, sẽ muốn cùng chịu khổ với nàng, và khi đó chúng ta sẽ phải đối mặt với cả thành phố.

Selin nghe theo lời khuyên của họ và không ra lệnh tra tấn Ieriya, mà chỉ giận dữ thốt lên, quay sang cô:

– Nghe đây, Ieria! Ta thề trước các vị thần rằng, bằng những lời lẽ ngạo mạn và vô liêm sỉ của ngươi, ngươi đang gây ra những cực hình còn khủng khiếp hơn cho Fevronia.

Nói xong, ông lập tức ra lệnh chặt đứt cả hai tay của thánh Fevronia. Người lính gác, đặt một khúc gỗ dưới tay phải của vị tử đạo, vung rìu chém xuống và chặt đứt nó; theo cách tương tự, hắn cũng chặt đứt tay trái của Fevronia. Chưa thỏa mãn với điều đó, tên tra tấn tàn nhẫn ra lệnh chặt đứt chân phải của vị tử đạo. Sau khi đặt một khúc gỗ dưới chân vị thánh và cầm rìu lên, người lính đã dùng hết sức chém mạnh vào phần trên đầu gối, nhưng không thể chặt đứt chân của vị tử đạo – lúc đó hắn chém lần thứ hai, nhưng cũng không thành công. Khi chứng kiến cảnh này, dân chúng bắt đầu la hét và hoảng loạn, ai nấy đều phẫn nộ trước sự tàn bạo của kẻ tra tấn. Người lính gác lại chém vào chân lần thứ ba, và chỉ đến lúc đó mới chém đứt được chân. Fevronia run rẩy toàn thân vì những cực hình tàn bạo đến thế, và dù đã ở bên bờ cái chết, nhưng bằng tất cả sức lực còn lại, bà vẫn giơ chân kia lên, đặt lên cây để họ chặt đứt cả chân đó nữa. Thấy vậy, Selin nói:

– Hãy nhìn xem, người phụ nữ vô liêm sỉ này có sức mạnh vĩ đại đến nhường nào.

Sau đó, quay sang người mang vũ khí, ông nói trong cơn giận dữ:

– Hãy chặt đứt cả chân kia của cô ta đi.

Người đó lập tức thi hành mệnh lệnh đó.

Lúc đó, Lysimachus đứng dậy khỏi chỗ ngồi và nói với Selin:

– Chẳng lẽ ngươi vẫn còn muốn hành hạ cô thiếu nữ tội nghiệp này sao? Hãy rời khỏi đây đi, vì đã đến giờ ăn trưa rồi.

Nhưng Selin, kẻ vô đạo, đáp lại:

– Ta thề trước các vị thần rằng ta sẽ không để cô ta sống sót, mà sẽ ở lại đây cho đến khi cô ta chết.

Nhưng linh hồn của người nữ tử đạo vẫn chưa rời khỏi thân xác cô ấy suốt nhiều giờ liền; lúc đó, Selin hỏi các lính cận vệ:

– Chẳng lẽ người phụ nữ vô liêm sỉ này vẫn còn sống sao?

– Vâng, cô ta vẫn còn sống, – họ trả lời, – linh hồn vẫn còn ở trong cô ta.

Lúc đó, Selin ra lệnh chặt đầu thánh nữ.

Một chiến binh cầm thanh kiếm trong một tay, tay kia túm lấy mái tóc trên đầu nữ tử đạo và đâm cô vào cổ, như cách người ta giết cừu, rồi chặt đầu cô. Ngay sau đó, Selin đứng dậy và đi dùng bữa trưa; Lysimachus đi theo ông, nước mắt tuôn trào.

Sau khi Thánh Fevronia qua đời trong sự tử đạo, các tín hữu đang có mặt trong đám đông muốn mang thi hài thiêng liêng của ngài đi. Nhưng Lysimachus đã cử binh lính theo dõi họ với lệnh phải canh giữ chặt chẽ, để không một bộ phận nào trên thi thể của vị tử đạo bị đánh cắp. Còn bản thân ông, vì quá đau buồn và thương xót nên không muốn dùng bữa cùng Selin, đã tự nhốt mình trong phòng ngủ và khóc nức nở vì cái chết của Fevronia.

Selin, khi chứng kiến sự than khóc của Lysimachus, cũng cảm thấy buồn bã và không muốn ăn uống, nhưng đứng dậy đi lại trong các phòng của cung điện, cảm thấy vô cùng bối rối. Khi anh vô tình ngước mắt lên trời cao, một nỗi sợ hãi và kinh hoàng tột độ bất chợt ập đến khiến anh câm lặng. Sau đó, anh ta thét lên bằng giọng lớn và gầm gừ như con bò, rồi đập đầu vào cột đá cẩm thạch trong căn phòng đó, và sau khi đập vỡ đầu, anh ta ngã xuống sàn nhà và chết ngay tại chỗ. Giữa đám đầy tớ và binh lính của Selina, tiếng la hét vang lên, và một sự hỗn loạn xảy ra. Nghe tiếng la hét, Lysimachus chạy ra từ phòng ngủ của mình; khi thấy chú mình nằm bất động trên mặt đất, anh ta kinh ngạc và đầy kinh hoàng. Sau khi bình tĩnh lại, anh ta ra lệnh cho mọi người ngừng la hét và bắt đầu hỏi:

– Chuyện này đã xảy ra như thế nào?

Những người có mặt đã kể lại cho anh ta những gì họ đã chứng kiến.

Lắc đầu ngạc nhiên, Lisimach thốt lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô giáo thật vĩ đại! Ngài thực sự xứng đáng được tôn kính, vì Ngài đã báo thù cho máu vô tội!

Nói xong, ông ra lệnh mang thi thể Selina ra khỏi thành phố và chôn cất theo phong tục Hy Lạp. Sau đó, Lysimachus gọi quan tổng trấn Prima đến và nói với ông ta:

– Ta thề trước Đức Chúa Trời của người Kitô giáo, – đừng vi phạm mệnh lệnh mà ta ban cho ngươi. Hãy nhanh chóng chuẩn bị một quan tài bằng gỗ không mục nát cho thi thể của Fevronia và cử các sứ giả đi triệu tập các tín hữu Kitô giáo đến dự lễ an táng vị thánh tử đạo: hãy để họ tụ tập mà không sợ hãi, vì Selin đã chết rồi. Này, ngươi biết rồi đó, Prim yêu quý, đây là mong muốn của ta. Hãy dẫn một đội quân, thu thập tất cả các bộ phận cơ thể bị cắt rời của Fevronia, rồi mang chúng về tu viện; đồng thời hãy để ý sao cho không một bộ phận nào của thi thể vị thánh bị thất lạc hay mất tích. Và để những con chó không liếm đất nơi máu của vị tử đạo đã đổ xuống, hãy ra lệnh quét sạch nơi đó, sau đó thu gom và mang đi, cùng với các thánh tích, đến tu viện.

Vị quan huyện lập tức triệu tập các chiến binh và, theo ý muốn của Lysimachus, ra lệnh cho họ khiêng thi thể vị nữ tử đạo về tu viện; còn bản thân ông, sau khi thu thập các bộ phận cơ thể bị chặt đứt của bà: đầu, tay, chân, núm vú và răng – rồi bọc chúng vào chiếc áo choàng của mình, đi theo sau họ, được đông đảo dân chúng tháp tùng. Khi đến tu viện, quan tổng trấn không cho ai vào trong, ngoại trừ Fomaida và Ieria.

Bà Bề trên của tu viện, bà Vrienna – một bà lão đức hạnh – khi nhìn thấy thi thể đã tắt thở và bị biến dạng của Fevronia cùng những bộ phận cơ thể bị chặt đứt của cô, vì nỗi đau buồn và thương xót tột cùng, đã kiệt sức và ngã xuống đất như người chết. Còn vị quan huyện, sau khi bố trí lính canh gác xung quanh tu viện, đã quay trở lại gặp Lysimachus.

Mãi đến vài giờ sau, Vrienna mới tỉnh lại. Bà đứng dậy khỏi mặt đất, quỳ xuống bên thi thể vị tử đạo, ôm lấy thi thể ấy và khóc thét lên:

– Ôi, con gái Fevronia của mẹ ơi, giờ đây con đã bị cướp khỏi tầm mắt mẹ rồi. Giờ đây ai sẽ đọc Kinh Thánh cho các chị em? Ai sẽ mở những cuốn sách mà con từng cầm trên tay?

Lúc đó, tất cả các nữ tu đã cùng đi với Ê-phê-ri-a đều trở về tu viện và trong nước mắt, họ cúi đầu xuống đất để thờ lạy thi hài của thánh nữ tử đạo Fê-vro-ni-a.

Bên thi hài của vị thánh tử đạo, nữ tu Ieria cũng khóc nức nở và kêu lên:

– Con sẽ cúi lạy đôi chân thánh đã đạp nát đầu con rắn, con sẽ hôn lên những vết thương thánh đang tuôn tràn dòng ân sủng chữa lành vào tâm hồn con, con sẽ đội vương miện vinh quang lên đầu người đã làm rạng danh toàn thể phái nữ bằng sự vĩ đại của công đức mình.

Và tất cả các chị em đều khóc thương trước di cốt của vị tử đạo. Sau đó, sau khi rửa sạch thi hài, họ đặt thi hài lên tấm ván mà vị thánh từng nằm nghỉ ngơi khi còn sống, mỗi khi ngài dành chút thời gian nghỉ ngơi; – sau khi đặt thi hài vị tử đạo lên tấm ván đó, họ ghép tất cả các bộ phận bị cắt rời vào đúng vị trí trên những vết thương và trong tiếng hát Thánh vịnh, họ rước thi hài thiêng liêng vào nhà thờ.

Khi chiều tối buông xuống, Vrienna ra lệnh mở cổng tu viện để tất cả những ai muốn đều có thể vào nhà thờ và, khi nhìn thấy vị tử đạo, ca ngợi Thiên Chúa, Đấng đã ban cho bà lòng dũng cảm và sự kiên nhẫn vĩ đại trong những đau khổ. Và rất đông người dân đã đến. Lysimachus cùng với quan tổng trấn Prim cũng đến đó; vì ông đã nói với quan tổng trấn:

– Ta từ bỏ mọi tập tục của cha ông và việc thờ lạy thần tượng, ta sẽ bỏ lại tất cả của cải của mình, và sẽ đi để hiệp nhất với Chúa Kitô. Nghe vậy, quan tổng trấn đáp lại:

– Tôi cũng sẽ làm như vậy cùng với ngài. Hãy để Diocletian và triều đại của ông ta sụp đổ – tôi sẽ không phục vụ ông ta nữa, mà sẽ từ bỏ tất cả để phụng sự Chúa Kitô.

Vậy là cả hai, sau khi đồng ý với nhau, đã rời khỏi cung điện của quan tổng trấn[4563] và đến tu viện nơi lưu giữ di cốt của Thánh Fevronia.

Giám mục của thành phố đó cũng đến đó cùng với các linh mục, giáo sĩ và đông đảo các tu sĩ – và họ đã cử hành thánh lễ ca ngợi Thiên Chúa suốt đêm với nước mắt và niềm vui thiêng liêng.

Khi trời sáng, người ta mang đến một quan tài được trang trí lộng lẫy để chứa thi hài của vị tử đạo và đặt thi hài thiêng liêng ấy vào đó với lòng tôn kính; sau đó, họ đặt từng bộ phận cơ thể bị chặt đứt vào quan tài, còn răng thì đặt trên ngực của vị tử đạo. Sau đó, họ xức dầu thánh và hương liệu lên các thánh tích, rồi an táng chúng trong

[4563] Cung điện Praetorian – cung điện của tổng trấn, người đứng đầu tỉnh.

nhà thờ, vừa ca ngợi vừa tạ ơn Chúa. Từ quan tài của vị thánh, những phép lạ chữa lành được ban cho những người đau ốm, đến nỗi rất nhiều người Hy Lạp đã tin vào Đấng Kitô và chịu phép rửa tội. Lisimach và Prim cũng đã nhận phép rửa tội thánh. Khi đó, họ từ bỏ chức vụ của mình và không muốn quay trở lại với Diocletian độc ác, mà từ chối cuộc sống thế tục, họ đến gặp Archimandrite Markell và nhận chức tu sĩ; sau khi sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa trong lao động và những việc tu hành khổ hạnh, cả hai đều an lành kết thúc cuộc đời và về với Chúa Kitô.

Tương tự như vậy, quý bà Ieria, sau khi hiến dâng toàn bộ tài sản của mình cho tu viện Vrienna, đã đến gặp bà với lời thỉnh cầu sau đây.

– Con xin Mẹ, – bà nói, – hãy nhận con làm con gái của Mẹ, thay cho Thánh Fevronia, và con sẽ phụng sự Mẹ, tuân phục Mẹ trong mọi việc, như Fevronia đã từng phụng sự Mẹ.

Nói xong, bà cởi bỏ hết những bộ trang phục nữ quý giá và dâng chúng để trang hoàng nhà thờ; còn bản thân bà, sau khi từ bỏ đời sống thế tục, đã trở thành một nữ tu.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Fevronia được cử hành tại tu viện của Bề trên Vrienna vào ngày 25 tháng 6 hàng năm, đúng vào ngày Thánh nhân đã hy sinh anh dũng vì Chúa Kitô. Và vào ngày lễ hàng năm, một phép lạ đáng chú ý lại xảy ra: trong lúc hát thánh ca suốt đêm, giữa các nữ tu đang hát, vị thánh tử đạo hiện ra trong nhà thờ và ngồi vào chỗ cũ của mình. Khi điều này xảy ra lần đầu tiên, tất cả các nữ tu, khi nhìn thấy vị thánh giữa họ, đều kinh hãi, còn Vrienna thì lớn tiếng kêu lên:

– Con gái của ta, Fevronia, đã đến với chúng ta rồi!

Nói xong, bà hân hoan chạy đến bên cô, định ôm cô vào lòng bằng vòng tay của người mẹ. Nhưng vị thánh lập tức biến mất khỏi tầm mắt. Kể từ đó, không ai còn dám chạm vào vị thánh hiện ra, hay nói với cô dù chỉ một lời; nhưng mỗi lần nhìn thấy bà, họ đều kinh ngạc và kinh hãi, và từ hình ảnh của vị thánh, họ cảm nhận được niềm vui lớn lao trong lòng, trái tim họ tràn ngập xúc động, không kìm được mà rơi lệ. Trong suốt ba giờ, vị thánh đứng giữa những người đang hát, hiện ra trước mắt mọi người, rồi lại biến mất.

Vị giám mục của thành phố ấy vô cùng kính trọng danh hiệu của thánh Fevronia: ngài đã lập một nhà thờ mang tên vị tử đạo này, và công trình xây dựng kéo dài suốt 6 năm. Sau khi hoàn thành việc xây dựng và trang hoàng nhà thờ, vào ngày kỷ niệm thánh Fevronia, ngài đã tập hợp các giám mục lân cận để làm lễ thánh hiến nhà thờ và dự định rước thi hài thiêng liêng của vị tử đạo vào đó. Sau khi hoàn tất nghi thức thánh ca suốt đêm, các giám mục cùng toàn thể hội đồng linh mục đã đến tu viện; sau khi cầu nguyện, họ mở quan tài của thánh nữ và thấy thi hài thiêng liêng của ngài tỏa sáng với vẻ đẹp siêu phàm, giống như tia nắng mặt trời. Lúc đó, tất cả các nữ tu đều khóc lóc thảm thiết, đau buồn vì kho báu quý giá đến vậy đang bị lấy đi khỏi họ. Khi bàn tay của vị giám mục chạm vào quan tài để nâng nó lên, ngay lập tức một tiếng sấm rền vang lên trong không trung, mạnh đến nỗi tất cả đều ngã quỵ xuống đất vì sợ hãi. Một giờ sau, vị giám mục lại dám chạm vào quan tài; nhưng đột nhiên xảy ra một trận động đất mạnh đến nỗi cả thành phố rung chuyển. Lúc đó, mọi người đều hiểu rằng vị thánh tử đạo không muốn thi hài của mình bị mang đi khỏi nơi an táng. Vị giám mục tràn ngập nỗi buồn sâu sắc và không còn dám chạm vào quan tài nữa, mà bắt đầu cầu xin Vrienna:

– Hãy nghe tôi đây, chị em của tôi, – chị biết rằng tôi đã dốc hết lòng xây dựng ngôi đền này để tôn vinh và ca ngợi vị thánh tử đạo, và việc đó đã mất đến sáu năm. Và giờ đây, vị thánh tử đạo không chịu lắng nghe những lời cầu nguyện của tôi và không muốn chuyển đến ngôi thánh đường được xây dựng để tôn vinh ngài. Vì vậy, tôi khẩn cầu chị: hãy dùng chính tay chị lấy ít nhất một bộ phận cơ thể đã bị cắt rời của ngài và trao cho chúng tôi, để công lao của tôi không trở nên vô ích.

Vrienna giơ tay ra và chạm vào một bàn tay của vị thánh, với ý định trao nó cho vị giám mục – nhưng bàn tay của bà tu viện trưởng bị một sức mạnh vô hình giữ lại và dường như trở nên bất động. Lúc đó, Vrienna, nước mắt tuôn trào, bắt đầu nói, hướng lời đến vị thánh như thể Người còn sống:

– Con xin cầu xin ngài, con gái của mẹ, thánh tử đạo Fevronia, xin đừng giận mẹ, hãy nhớ đến những công lao mẹ đã dành cho con, và đừng làm nhục tuổi già của mẹ.

Khi bà vừa dứt lời, bàn tay bà bỗng được giải thoát.

Sau đó, Vrienna lại nói với vị tử đạo trong nước mắt:

– Xin ban phước lành cho chúng con, thưa bà, và xin hãy đáp lại lời cầu xin của chúng con.

Nói xong, bà lại giơ tay ra, lấy một chiếc răng của vị tử đạo đang nằm trên ngực, trao cho vị giám mục và ngay lập tức đóng nắp hòm lại.

Vị giám mục vui mừng nhận lấy chiếc răng ấy, đặt nó vào một chiếc bình bằng vàng, rồi cùng với các giám mục khác, hàng giáo sĩ và toàn thể dân chúng, trở về nhà thờ mới được xây dựng, mang theo món quà vừa nhận được trong tiếng hát thánh vịnh, được thắp sáng bởi những ngọn nến và hương trầm, trong sự hân hoan chung của toàn dân. Sau khi mang món quà này vào tận bên trong nhà thờ, các giám mục đã làm phép thánh hóa nó. Vào ngày đó, tại nhà thờ vừa được thánh hiến, đã có không ít trường hợp người bệnh được chữa lành nhờ lời cầu nguyện của vị thánh tử đạo: những người què được phục hồi sức mạnh đôi chân và đi lại được, những người mù được sáng mắt, những người bị quỷ ám được giải thoát khỏi quỷ dữ; bất cứ ai đang mắc phải bệnh tật nào, chỉ cần chạm môi vào phần nhỏ lấy từ di cốt của vị tử đạo và hôn lên đó, ngay lập tức được chữa lành và trở về nhà trong tình trạng khỏe mạnh, vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa.

Sau khi nhà thờ mới được thánh hiến nhân danh Thánh Fevronia, nữ tu viện trưởng Vrienna còn sống thêm hai năm nữa, và khi sắp đến giờ lâm chung, bà đã bổ nhiệm nữ tu viện trưởng Fomaida làm người kế nhiệm, sau đó bà đã về với Chúa.

"Còn tôi," – tác giả cuốn tiểu sử này, nữ tu trưởng Fomaida, nói – "sau khi Mẹ Vrienna của chúng ta qua đời, tôi đã viết lại cuộc đời và những đau khổ của Thánh Tử đạo Fevronia, theo những gì chính mắt tôi đã chứng kiến; còn về Lysimachus, tôi đã ghi lại những điều tôi nghe trực tiếp từ chính miệng ngài. Tôi đã viết tất cả những điều này vì lợi ích của những ai đọc và lắng nghe những gì được đọc lên, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ, muôn đời và đến muôn đời." Amen.

Bài ca Kondak, giọng 6:

"Chúa Kitô, vị hôn phu ngọt ngào nhất của con," Fevronia kêu lên, "con không khó khăn gì khi theo bước chân Ngài; vì sự ngọt ngào của tình yêu Ngài đã làm cho linh hồn con tràn đầy hy vọng; và vẻ đẹp của lòng thương xót Ngài đã làm dịu lòng con, để con có thể uống chén đau khổ vì Ngài: xin Ngài cho con xứng đáng được cùng các trinh nữ khôn ngoan trong tu viện hân hoan ca ngợi Ngài. Vì vậy, thánh nữ chịu khổ vì đức tin, chúng con kính trọng những công lao của ngài, xin ngài cầu thay: xin đừng đóng cửa tu viện trước mặt chúng con.

Lễ kính các thánh tín hữu Hoàng tử Phêrô và Hoàng hậu Fevronia, trong đời tu là Đavít và Evfrosinia, các vị làm phép lạ tại Murom

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 6

Hoàng tử đạo đức Phêrô[4564] xuất thân từ một dòng dõi đạo đức và thánh thiện[4565] , được nuôi dưỡng trong đức tin Chính Thống và sự trong sạch tại thành phố Murom[4566] và cai trị vương quốc của mình, luôn tuân thủ công lý nghiêm ngặt trong mọi việc. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài kết hôn với Công nương Fevronia, người cũng xuất thân từ một gia đình sùng đạo[4567] và được giáo dục kỹ lưỡng về đức tin. Là những con người thánh thiện và công chính như vậy, Thánh Phêrô và Thánh Fevronia luôn yêu mến sự trong sạch và tiết độ, đồng thời luôn nhân từ, công bằng và hiền lành. Họ giải thoát những người bị ngược đãi khỏi sự áp bức của kẻ ác, tôn kính xứng đáng các tu sĩ và linh mục bằng cách cung cấp cho họ sự trợ giúp vật chất, đối xử với người nghèo bằng lòng thương xót vô bờ và siêng năng thực hành việc ăn chay và kiêng khem. Với mong muốn, theo lời Chúa, được thừa hưởng đất của những người hiền lành[4568] và đạt được hạnh phúc vĩnh cửu của những người công chính, họ còn làm đẹp lòng Chúa Kitô rất nhiều trong mọi việc khác nhờ những việc lành của mình. Sau đó, khi đã bước vào tuổi già, Thánh Phêrô

[4564] Thánh Phêrô – David, công tước Murom, là con trai thứ hai của công tước Murom Yuri Vladimirovich. Ông lên nắm quyền cai trị Murom sau người anh cả của mình là Vladimir Yuryevich, bắt đầu quản lý công quốc vào ngày 18 tháng 12 năm 1203.

[4565] Tổ tiên của các công tước Murom, Công tước Konstantin Svyatoslavich, đã được phong thánh; ngày kỷ niệm của ngài được tổ chức vào ngày 21 tháng 5

[4566] Trong thời cổ đại, Murom là trung tâm của vùng Rostov-Suzdal phía bắc, hiện nay là một thị trấn thuộc tỉnh Vladimir.

[4567] Có truyền thuyết kể rằng Thánh Công chúa Fevronia vốn xuất thân từ một cô gái nông dân bình thường, là con gái của một "người leo cây lấy mật ong" ở làng Laskovaya, tỉnh Ryazan.

[4568] Mf.5

mắc bệnh thể xác và quyết định xuất gia, và trong đời tu, ngài được đặt tên là Đa-vít. Sau đó, sau một thời gian ngắn ốm đau, ngài đã an nghỉ trong Chúa với đức tin vững chắc và được đưa về Nước Trời. Tương tự như vậy, Công chúa thánh Fevronia, thực hiện mong muốn chân thành của mình, cũng đã xuất gia, nhận danh hiệu tu sĩ là Euphrosyne và giống như chồng mình, với đức tin bất diệt và lương tâm trong sáng, bà đã an nghỉ, phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa[4569] . Như vậy, cả hai vị thánh vợ chồng đã thừa hưởng "vương quốc của những người hiền lành", điều mà họ hằng khao khát từ thuở thiếu thời. Sau khi Hoàng tử Phêrô được chúc phúc qua đời, các quý tộc và các quan đại thần đã thương tiếc ngài như một người cha; dân thành phố – như một vị bảo trợ và người bảo vệ của họ; còn những góa phụ nghèo khó và những người không có nguồn sinh kế – như người nuôi dưỡng và trợ giúp của họ. Thi hài của vị hoàng tử và hoàng hậu thánh thiện đã được toàn thể cư dân thành phố tiễn đưa trong không khí trang trọng và an táng chung trong một quan tài tại thành phố Murom. Cho đến ngày nay, các vị thánh vẫn thực hiện những phép lạ vì vinh quang của Thiên Chúa qua thi hài thánh thiện của mình cho những ai thành kính cầu khẩn các ngài[4570] .

Bài thánh ca, giọng 8:

Ngài là cành cao quý mọc lên từ gốc rễ đạo đức, đã sống một đời đạo đức tốt lành, hỡi thánh Phêrô đáng chúc phúc; và người vợ khôn ngoan của ngài, Fevronia, cũng đã làm đẹp lòng Chúa khi còn tại thế, và được ban cho cuộc sống thánh thiện; xin hãy cùng họ cầu nguyện với Chúa, để Ngài bảo vệ quê hương của các ngài khỏi mọi tai họa, để chúng con luôn tôn kính các ngài.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Nghĩ đến quyền cai trị trần gian này và vinh quang tạm thời, vì thế ngài đã sống một đời đạo đức trong thế gian, hỡi Thánh Phêrô, cùng với người vợ khôn ngoan của ngài là Thánh Fevronia, người đã làm đẹp lòng Chúa bằng lòng bác ái và những lời cầu nguyện. Vì thế, dù đã qua đời nhưng vẫn nằm bên nhau trong quan tài, các ngài vẫn ban sự chữa lành một cách vô hình; và giờ đây, xin các ngài cầu nguyện cùng Chúa Kitô để bảo vệ thành phố và dân chúng, những người đang tôn vinh các ngài.

Ngày 9 tháng 7

Ngày 26 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Cha Dionysius, Tổng Giám mục Suzdal, người đã qua đời vào năm 1384.

Sự hiện ra của bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Thiên Chúa, được gọi là Tikhvin

Ngày tưởng niệm 26 tháng 6

[4569] Thánh Công tước Phêrô và Công nương Fevronia qua đời cùng một ngày, ngày 25 tháng 6 năm 1228; tuy nhiên, theo Đức Tổng Giám mục Filaret, ngày qua đời của họ là ngày 25 tháng 4 năm 1228, trong đó ngày 25 tháng 4 được coi là ngày họ qua đời, còn ngày 25 tháng 6 là ngày khai quật di cốt. Việc tôn vinh hai vị bắt đầu vào đầu thế kỷ XVI, và tại Công đồng Moscow năm 1547, việc kỷ niệm ngày tưởng niệm hai vị đã được quy định tổ chức tại địa phương. Sau đó (có lẽ từ năm 1552), lễ kỷ niệm này đã trở nên phổ biến rộng rãi.

[4570] "Thánh David và Euphrosyne," Đức Tổng Giám mục Filaret nói, "trong cuộc đời mình đã là tấm gương cho hôn nhân Kitô giáo, sẵn sàng chịu mọi thiếu thốn vì điều răn Phúc Âm về sự kết hợp bất khả phân ly. Và ngày nay, nhờ những lời cầu nguyện của họ, ân sủng thiên đàng được ban xuống cho những người sắp kết hôn. Điều này được chứng minh qua nhiều bằng chứng về cuộc sống sau khi qua đời của họ."

Vào mùa hè năm 6891 kể từ khi thế giới được tạo dựng, và năm 1382 kể từ khi Lời Thiên Chúa nhập thể, dưới triều đại của Đại công tước Dimitri Ioannovich[4571] , dưới thời Đức Tổng Giám mục toàn nước Nga Pimen[4572] và Tổng Giám mục Novgorod Alexius, bức tượng thánh đáng kính của Đức Mẹ Thiên Chúa đã hiện ra tại Nga, với hình ảnh Hài Nhi, Chúa Giêsu Kitô, Đấng Tự Hữu Từ Thuở Ban Đầu, được khắc trên tay trái của Mẹ. Sự kiện này đã diễn ra trong những hoàn cảnh sau đây.

Trong phạm vi thành phố Veliky Novgorod, cách Biển Varyag[4573] không xa, trên mặt nước của hồ Nevo rộng lớn[4574] , các ngư dân đang đánh cá. Và trong lúc đánh cá, bỗng nhiên một tia sáng rực rỡ từ trời chiếu xuống họ… Nhìn lên, họ chứng kiến một phép lạ kỳ diệu: bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, rực rỡ như mặt trời, đang lơ lửng trên mặt nước, được những bàn tay vô hình nâng đỡ. Các ngư dân, khi chứng kiến hiện tượng kỳ diệu đến vậy, ban đầu cảm thấy kinh hoàng, nhưng sau đó tràn ngập niềm vui. Bỏ dở công việc, họ đăm đăm nhìn vào phép lạ kỳ diệu trước mắt, mong muốn được thấy bức tượng thánh sẽ đi về đâu và dừng lại ở đâu. Nhưng Đức Chúa Trời không ban cho họ điều ước ấy – và bức tượng thánh nhanh chóng biến mất khỏi tầm mắt họ và trở nên vô hình.

[4575]Sau đó, bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh lại hiện ra trong cùng khu vực Novgorod, tại làng Vymochenice, bên sông Oyat[4576] , cách Tikhvin[4577] một trăm poprishch . Tại đây, bức tượng hiện ra trước mắt người dân địa phương, lơ lửng trên không trung và tỏa sáng bằng một ánh sáng không thể diễn tả. Khi chứng kiến hiện tượng kỳ diệu này, tất cả cư dân trong làng đều tụ tập lại, vừa kinh ngạc vừa thán phục trước phép lạ mà họ đang chứng kiến; sau đó, họ bắt đầu thành kính cầu nguyện với Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Lúc đó, bức tượng thánh kỳ diệu của Nữ Vương Thiên Đàng đã từ trên cao hạ xuống đất, đến với mọi người. Với niềm vui vô bờ, dân làng Vymochenytsia đã đón nhận bức tượng Đức Mẹ Thiên Đàng và ngay lập tức xây dựng một nhà nguyện để tôn vinh Ngài, nơi họ đặt bức tượng được ban xuống; sau này, trên nền nhà nguyện đó, một nhà thờ đã được xây dựng để kỷ niệm ngày sinh vinh quang của Đức Mẹ Đồng Trinh. Tại đây, ở làng Vymochenytsia, bức tượng đã lưu lại một thời gian, ban ơn chữa lành cho nhiều người bệnh, những người với lòng tin đã đổ xô đến với Ngài.

Nhưng sau một thời gian ngắn, bức tượng đã được một bàn tay vô hình mang đi và, bay lơ lửng trên không trung, xuất hiện tại thị trấn Kozhela, gần con sông có tên là Pasha[4578] , cách Tikhvin hai mươi poprishch – xuất hiện hoàn toàn giống như tại ngôi làng đã đề cập ở trên. Khi nhìn thấy bức tượng tỏa sáng rực rỡ một cách kỳ diệu, tất cả cư dân nơi đó đều đổ xô đến, tràn ngập sự ngạc nhiên và kinh ngạc, và họ thành kính cầu nguyện với Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, xin Người ban ân sủng và ban tặng cho họ bức tượng của Người. Và lời cầu nguyện của họ đã được đáp ứng. Bức tượng thánh đã hạ xuống từ trên cao xuống mặt đất, và người dân địa phương đã lần lượt xây dựng một nhà nguyện để tôn vinh Ngài, tại chính nơi đó sau này một nhà thờ đã được xây dựng để kỷ niệm Lễ Che Chở của Đức Mẹ Đồng Trinh.

Tuy nhiên, ngay cả tại nơi này, Đức Mẹ cũng không cho phép bức tượng của Mẹ lưu lại lâu: sau một thời gian, bức tượng lại được rước đi một cách vô hình và tiếp tục hiện ra với ân sủng của Mẹ tại một số địa điểm khác. Tại tất cả những nơi này, được đánh dấu và thánh hóa bởi sự hiện diện của bức tượng kỳ diệu, nhờ lòng nhiệt thành của các tín hữu, ban đầu người ta đã xây dựng các nhà nguyện, và sau đó là các nhà thờ của Chúa.

Bức tượng thánh đã di chuyển từ nơi này sang nơi khác một cách kỳ diệu, như một đám mây nhẹ lơ lửng trên không trung, cho đến khi dừng lại vĩnh viễn gần thành phố Tikhvin bên sông Tikhvinka[4579] .

Lần hiện ra cuối cùng này diễn ra hoàn toàn giống như những lần đầu tiên. Bức thánh tượng thiêng liêng, giống như một đám mây, bay lơ lửng trên không trung rồi dừng lại, lơ lửng một cách kỳ diệu giữa không trung. Đó chính là cuộc rước kỳ diệu và siêu nhiên của bức thánh tượng Đức Mẹ! Một đám đông người dân từ thành phố Tikhvin và các làng mạc lân cận, bị thu hút bởi phép lạ vĩ đại đó, đã đổ về nơi hiện ra; cùng với họ còn có các linh

---

[4571] Dimitri III Ioannovich trị vì tại Moscow với tước hiệu Đại công tước từ năm 1363 đến năm 1389.

[4572] Pimen đã lãnh đạo Tổng giáo phận Nga từ năm 1382 đến năm 1389, với một khoảng thời gian gián đoạn (từ năm 1385 đến năm 1388).

[4573] Biển Varyazhskoye lúc bấy giờ được gọi là Biển Baltic. Tên gọi Varyazhskoye được mượn từ những người Varyag cổ đại, từng sinh sống dọc theo bờ biển của Thụy Điển ngày nay.

[4574] Hồ Nevo – ngày nay là Hồ Ladoga.

[4575] Tikhvin – một thành phố thuộc tỉnh Novgorod.

[4576] Sông Oyat là nhánh phụ phía nam bên trái của sông Svir, bắt nguồn từ Hồ Onega và đổ vào Hồ Ladoga từ phía đông của hồ này.

[4577] Poprišče – đơn vị đo khoảng cách. Ở nước Nga cổ đại, poprišče tương đương với gần 656 saženya ngày nay.

[4578] Pasha – con sông đổ vào Hồ Ladoga tại cửa sông Svir. Sông này chảy qua các tỉnh Saint Petersburg và Novgorod, nằm giữa hai con sông Oyat và Tikhvinskaya.

[4579] Tikhvinka – nhánh sông của sông Syas, đổ vào Hồ Ladoga từ phía đông nam.

mục mang theo thánh giá và các bức tượng thánh. Họ đã cầu nguyện lâu dài trước bức tượng thánh kỳ diệu, hát các thánh vịnh và các bài thánh ca; sau đó, cùng với dân chúng, họ bắt đầu kêu lên:

– Xin hãy đến với chúng con, Nữ Vương, xin hãy đến với chúng con, Đấng Toàn Năng, xin hãy nhìn xuống chúng con, những tôi tớ bất xứng của Ngài, xin ban cho chúng con lòng nhân từ bao la của Ngài, xin viếng thăm chúng con từ trên cao và soi sáng những tâm hồn bị tội lỗi che phủ bằng sự hiện đến rực rỡ của Ngài.

Khi họ cầu nguyện hết lòng và rơi biết bao giọt nước mắt, bức thánh tượng đã từ trời hạ xuống vào tay họ và được họ đón nhận với lòng kính sợ và niềm vui. Sau khi hôn lên thánh tượng một cách thành kính và dâng lên trước đó nhiều lời cầu nguyện, cư dân các làng lân cận lập tức bắt đầu chặt cây để xây nhà nguyện. Cùng ngày hôm đó, họ đã dựng lên ba vòng tròn gỗ để làm khung nhà nguyện và đặt chúng xung quanh bức tượng thánh. Khi đêm xuống, đám đông đã giải tán về nhà, chỉ để lại một vài người bên cạnh bức tượng thánh làm phép lạ, để họ thức trắng đêm cầu nguyện không ngừng nghỉ.

Những người ở lại quả thực đã cầu nguyện suốt đêm, nhưng đến sáng, vì mệt mỏi sau một đêm thức trắng, họ đã chợp mắt. Và khi họ đang ngủ, một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra. Bức tượng thánh có phép lạ, cùng với nền móng của nhà nguyện, dường như theo sự chỉ dẫn của Đức Chúa Trời, đã di chuyển từ vị trí cũ sang một nơi khác. Cùng với nó, tất cả các khúc gỗ đã được chuẩn bị để xây dựng nhà nguyện cũng được di chuyển đến một nơi khác; và không chỉ các khúc gỗ, mà ngay cả những mảnh vụn – tất cả, cho đến mảnh nhỏ nhất, đều được di chuyển bởi một bàn tay vô hình – đến nỗi không ai trong số những người canh gác nhìn thấy hay nghe thấy điều này. Khi họ tỉnh dậy, họ không còn thấy ở vị trí cũ cả bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, nền móng của nhà nguyện, lẫn những cây gỗ dùng để xây dựng nó, và họ tràn ngập nỗi buồn sâu sắc cùng sự kinh hoàng.

Sáng hôm sau, dân làng lại tụ tập để thờ lạy bức tượng Đức Mẹ Rất Thánh và xây dựng nhà nguyện để tôn vinh Người. Nhưng khi không tìm thấy gì tại nơi họ đã để lại bức tượng và bắt đầu xây dựng nhà nguyện, họ hoảng sợ và bắt đầu hỏi những người đã qua đêm bên cạnh bức tượng:

– Điều này có ý nghĩa gì?

Họ kể lại rằng họ đã thức suốt đêm để cầu nguyện, đến sáng mới chợp mắt được một lát, và khi tỉnh dậy thì không thấy cả bức tượng, cả cây cối, thậm chí cả những mảnh gỗ cũng biến mất không biết đi đâu. Lúc đó, mọi người đều chìm trong nỗi buồn sâu sắc, đau xót vì đã mất đi một kho tàng tinh thần quý giá đến vậy. Trong tiếng khóc lóc và than thở, họ dâng lời cầu khẩn lên Thiên Chúa và bắt đầu kêu lên như sau:

– Lạy Chúa, Đấng Yêu Thương Loài Người! Xin hãy ban cho chúng con một lần nữa ân huệ thiêng liêng của Ngài, mà Ngài đã nhân từ và vinh quang ban cho đất nước Nga; xin đừng giấu khỏi chúng con kho báu vô giá này, nhờ đó chúng con hy vọng làm giàu cho sự nghèo nàn tâm hồn của mình. Lạy Đức Mẹ, Mẹ Từ Bi! Ngài đã đi đâu rồi, xa rời chúng con, những đứa con bất xứng của Ngài? Hôm qua, bằng sự hiện diện của Ngài, Ngài đã làm tràn ngập lòng chúng con bằng niềm vui dạt dào, nhưng nay, bằng sự ra đi của Ngài, Ngài đã đẩy chúng con vào nỗi buồn vô tận, khiến chúng con rơi nước mắt và khóc than. Nhưng xin hãy hiện ra với chúng con một lần nữa, ánh sáng của chúng con, và biến nỗi buồn của chúng con thành niềm vui.

Sau khi dâng lời cầu nguyện ấy, họ tản ra các hướng khác nhau trên ngọn núi đó và khắp khu rừng sồi xung quanh, lúc thì ngước nhìn lên trời, lúc thì nhìn xuống đất, cố gắng tìm kiếm bức tượng thánh. Và những nỗ lực tìm kiếm của họ đã không uổng phí. Chẳng bao lâu, họ nhìn thấy một ánh sáng kỳ diệu tỏa ra từ phía đông, bên kia sông Tikhvinka, từ một vùng rừng ngập nước hoang vắng, cách ngọn núi gần hai stadia. Thấy ánh sáng, mọi người lập tức đổ xô về phía đó và tìm thấy ở đó bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, cùng với nền móng của nhà nguyện và tất cả các khúc gỗ cùng mảnh vụn từ chúng. Ngôi nhà gỗ được dựng trên núi vẫn còn nguyên vẹn như lúc ban đầu, còn bức tượng thánh thì nằm ở phía đông của ngôi nhà, lơ lửng giữa không trung vì không được gắn vào tường. Thấy vậy, những người tìm thấy bức tượng đã quỳ sấp xuống trước nó, rơi lệ vì vui sướng và ngợi khen Thiên Chúa cùng Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm.

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, – họ reo lên, – vinh quang thuộc về Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm, vì Mẹ đã không bỏ rơi chúng con, những tôi tớ của Mẹ! Chúng con khẩn cầu Mẹ, – xin đừng bỏ rơi chúng con cho đến cùng, nhưng hãy luôn ở cùng chúng con, cứu rỗi và gìn giữ đoàn chiên của Con Mẹ.

Sau khi cầu nguyện, toàn thể dân chúng đã hoàn tất việc xây dựng nhà nguyện, rồi sau đó, họ đã chọn ra những người xứng đáng nhất, cử họ đến thành Novgorod vĩ đại để gặp Đức Tổng Giám mục Alexius và Thống đốc thành Novgorod, mang theo tin tức về sự hiện ra vinh quang của bức thánh tượng, vốn được các Thiên thần mang trên không trung, từ đâu không ai biết, đã đến với họ.

Khi nghe kể về phép lạ vĩ đại đã xảy ra tại Tikhvin, Đức Tổng Giám mục và Thống đốc thành phố đều kinh ngạc, và tràn đầy niềm vui thiêng liêng, họ đã ngợi khen Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Ngay lập tức, họ báo tin về sự kiện kỳ diệu này cho Đại Công tước Moskva Dimitri Ioannovich, khiến ngài cũng tràn đầy niềm vui thiêng liêng. Sau đó, Đức Tổng Giám mục Alexei đã tấn phong một số linh mục và phó tế cho Tikhvin, rồi cử họ đi cùng với những người đã đến gặp ngài – đồng thời trao cho họ tấm khăn thánh và lời chúc lành của ngài để xây dựng và thánh hiến nhà thờ bên sông Tikhvinka, nhân danh Lễ Lên Trời của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Họ đến Tikhvinka, dâng lời cầu nguyện trước bức tượng thánh có phép lạ, rồi hăng hái bắt tay vào việc xây dựng nhà thờ. Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời đang đến gần thì họ hoàn thành việc xây dựng nhà thờ. Với ý định cử hành lễ thánh hiến nhà thờ vào ngày lễ này, họ đã cử một phó tế đi đến các làng mạc lân cận, cách đó hơn hai mươi dặm, để thông báo cho các tín hữu về ngày thánh hiến nhà thờ và nhắc nhở họ hãy chuẩn bị tâm hồn bằng việc ăn chay và cầu nguyện cho lễ hội sắp tới.

Vị phó tế đó, tên là Georgy, là một người sống công chính, kính sợ Chúa và được lòng Chúa. Khi ông đang trên đường trở về nhà thờ vào ngày trước lễ Lên Trời và đã đi được ba dặm đường, đang ở trong khu rừng hoang vắng, thì ông cảm nhận được một mùi hương kỳ diệu, như thể phát ra từ vô số hương trầm và các chất thơm; bởi vì ân sủng của Thánh Thần đã lan tỏa hương thơm đến nơi mà chính Đức Trinh Nữ Maria sẽ hiện ra.

Georgy ngạc nhiên và bắt đầu suy ngẫm, không biết mùi hương kỳ diệu đến vậy phát ra từ đâu trong khu rừng hoang vắng, hẻo lánh này. Bỗng nhiên, ông nhìn thấy Đức Mẹ Đồng Trinh, đang ngồi trên một cây thông ngã, tay phải cầm một cây gậy màu đỏ thẫm, dường như Người đang tựa vào đó. Trước mặt Người là một người đàn ông rạng rỡ, mặc áo choàng sáng màu và dáng vẻ giống như Thánh Nicholas của Myra. Khi chứng kiến hiện tượng kỳ diệu này, người phụ trách nhà thờ bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi và kinh hoàng, ngã xuống đất như người chết. Lúc đó, vị thánh đang đứng bên Đức Mẹ, tiến lại gần, chạm vào anh ta và nói:

– Hãy đứng dậy và đừng sợ!

Georgy run rẩy nhưng đầy hân hoan đứng dậy, quỳ gối xuống và, chắp tay trước ngực, chiêm ngưỡng hình ảnh kỳ diệu ấy.

Và Đức Trinh Nữ Maria, đang ngự trên cây thông, đã phán với anh:

– Georgy! Hãy đến nhà thờ của Ta và nói với các linh mục cùng toàn thể dân chúng rằng đừng dựng cây thánh giá bằng sắt mà họ định dựng lên đó; thay vào đó, hãy dựng một cây thánh giá bằng gỗ: đó là ý muốn của Ta.

Người phụ trách nhà thờ, lấy hết can đảm, run rẩy thưa với Đức Trinh Nữ:

– Thưa Nữ Vương và Đấng Chủ Tể của con! Họ sẽ không tin con đâu!

Nhưng vị thánh đang đứng trước Đức Mẹ đã nói với ông:

– Nếu họ không tin ngươi, thì sẽ có một dấu hiệu được ban xuống để thuyết phục họ.

Sau những lời ấy, Đức Mẹ Vô Nhiễm và vị thánh đứng bên cạnh Người bỗng trở nên vô hình. Lúc đó, người quản lễ hoàn toàn tin chắc rằng mình đã được ân sủng chiêm ngưỡng hình ảnh kỳ diệu của Đức Mẹ Vô Nhiễm và vị thánh vĩ đại Nicholas, Đấng Làm Phép Lạ. Ngay lập tức, ông quỳ sấp xuống đất và dâng lời tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho ông ân sủng được chiêm ngưỡng hiện tượng vinh quang như vậy.

Khi trở về nhà thờ, người phụ trách nhà thờ đã kể lại cho các linh mục và toàn thể giáo dân những gì ông đã thấy và nghe, nhưng họ không tin ông và ra lệnh cho các công nhân lắp đặt một cây thánh giá bằng sắt trên nhà thờ. Nhưng khi một trong những người thợ, theo lệnh của các linh mục, cầm cây thánh giá lên, trèo lên mái nhà thờ và bắt đầu lắp đặt nó, bỗng nhiên một cơn bão lớn ập đến cùng với gió mạnh. Bị một cơn gió mạnh thổi, người thợ mang cây thánh giá sắt ấy như bị một đôi tay nào đó nâng lên rồi đặt xuống đất, không hề hấn gì, như thể anh ta không rơi từ trên cao xuống, mà tự mình bước xuống đất vậy. Chứng kiến phép lạ kinh hoàng này, các linh mục và toàn thể dân chúng có mặt tại đó đều vô cùng kinh hãi; họ tin theo lời người quản lễ, ca ngợi Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, đồng thời dâng lời tạ ơn và tôn vinh Thánh Nicôla. Sau đó, họ lập tức dựng một cây thánh giá bằng gỗ, đặt nó trên nhà thờ, và với niềm vui sướng và hân hoan tột độ, họ cử hành lễ thánh hiến nhà thờ cùng với lễ kỷ niệm Lễ Lên Trời của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Từ bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, lúc bấy giờ đã xảy ra vô số phép lạ, và những người mắc các bệnh tật khác nhau đều được chữa lành. Điều này không chỉ xảy ra trong lễ kỷ niệm nói trên, mà còn cả sau đó nữa.

Sau khi nhà thờ trên sông Tikhvinka được thánh hiến, toàn thể dân chúng đã đến nơi mà Thánh George đã được ban cho một thị kiến kỳ diệu. Sau khi cầu nguyện, họ đã xây dựng tại đây một nhà nguyện mang tên Thánh Nicholas, và từ cây thông đã ngã xuống – nơi Đức Mẹ Maria đã hiện ra với Thánh George – họ đã làm một cây

thánh giá và đặt nó trong nhà nguyện để mọi người cùng thờ phượng và tôn kính. Sau này, tại nhà nguyện này đã xảy ra không ít phép lạ, cũng như tại nhà thờ đã đề cập ở trên dành để tôn vinh Đức Mẹ Maria.

Bảy năm sau đó, do sự bất cẩn của các chức sắc nhà thờ, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, một vụ hỏa hoạn đã xảy ra tại Nhà thờ Đức Mẹ Tikhvin do một ngọn nến chưa được dập tắt. Toàn bộ nhà thờ đã biến thành tro tàn, nhưng bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội vẫn nguyên vẹn: nhờ sức mạnh vô hình của Chúa, bức tượng đã được đưa ra khỏi ngọn lửa và xuất hiện không xa nơi đó, cách nửa khoảng cách từ cổng chính đến cổng phụ ([4580]), đứng giữa bụi cây bách xù. Cùng lúc đó, một đám cháy cũng xảy ra tại nhà nguyện nằm trong sa mạc, nơi này cũng bị ngọn lửa bao trùm và thiêu rụi; nhưng cây thánh giá, được làm từ một cây thông đã ngã và đặt trong nhà nguyện, cũng được đưa ra khỏi ngọn lửa một cách vô hình và được tìm thấy ở một khoảng cách không xa nhà nguyện, đứng giữa một bụi cây bách xù rậm rạp.

Tại nơi nhà thờ bị cháy, người ta đã xây dựng một nhà thờ khác, cũng bằng gỗ, và sau đó xây dựng một nhà nguyện mới trong sa mạc, tại chính vị trí cũ; sau đó, họ đặt bức thánh tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội trong nhà thờ, và cây thánh giá bằng gỗ thông trong nhà nguyện . Nhưng sau năm năm, nhà thờ lại bốc cháy vào ban đêm và bị thiêu rụi hoàn toàn, còn bức tượng thánh Đức Mẹ, giống như bụi cây không cháy[4581] , đã được tìm thấy giữa đống tro tàn, vẫn nguyên vẹn và không hề hấn gì. Nhà nguyện trong sa mạc cũng bị cháy rụi, không ai biết nguyên nhân, nhưng cây thánh giá làm phép lạ đặt trong đó cũng vẫn nguyên vẹn. Mọi người đều kinh ngạc trước những phép lạ phi thường như vậy và ca ngợi Thiên Chúa cùng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Sau đó, với lòng nhiệt thành, họ vội vã xây dựng nhà thờ lần thứ ba, tại vị trí của hai nhà thờ đã bị cháy, lại là nhà thờ gỗ, nhưng rộng lớn và uy nghi hơn so với hai nhà thờ trước đó. Nhà thờ mới này tồn tại hơn một trăm năm cho đến thời kỳ trị vì của vị công tước toàn Nga đạo đức, Vasily Ioannovich[4582] .

Được thúc đẩy bởi lòng sùng kính và tình yêu mãnh liệt dành cho Đức Trinh Nữ Maria, Đại công tước Vasily đã ra lệnh xây dựng một nhà thờ bằng đá tại Tikhvinka thay cho nhà thờ gỗ. Với số tiền do ngài gửi đến, một hiên đá đã nhanh chóng được xây dựng, và khi các thợ xây bắt đầu quét vôi cho hiên, thì tòa nhà, theo những định mệnh khó lường của Chúa, đã sụp đổ và vùi lấp các thợ xây – tổng cộng hai mươi người – dưới đống đá. Các linh mục và những người giám sát công nhân, cũng như toàn thể dân chúng, đều vô cùng đau buồn trước cảnh những thợ xây bị đá vùi lấp; vì họ nghĩ rằng tất cả họ đều đã bị đá vùi lấp đến chết. Trong nỗi buồn và tiếng khóc, họ bắt đầu dọn dẹp những tảng đá, mong tìm thấy thi thể của những người đã chết. Nhưng sau ba ngày làm việc, khi đã dọn sạch hết đá, họ phát hiện ra tất cả đều còn sống và không hề hấn gì. Họ đã được bảo vệ như vậy nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa và sự cầu bầu của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Niềm vui lớn lao tràn ngập lòng tất cả những ai có mặt chứng kiến phép lạ kỳ diệu này, và mọi người đều dâng lời tạ ơn lên Đức Kitô Thiên Chúa và Mẹ Ngài, Đức Trinh Nữ Maria. Sau đó, họ lại tiếp tục công việc và chẳng bao lâu sau đã xây dựng xong một hiên nhà thờ tuyệt đẹp.

Khi việc xây dựng nhà thờ mới hoàn tất, theo ý muốn của Đại công tước, Đức Tổng Giám mục Serapion của Novgorod đã đến để làm lễ thánh hiến. Sau khi thánh hiến nhà thờ, ngài đã long trọng rước bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội vào trong nhà thờ.

Một thời gian sau, Đại công tước Vasily Ioannovich cũng đến Tikhvinka. Được thúc đẩy bởi lòng sùng kính Đức Trinh Nữ Maria, ngài mong muốn được chiêm ngưỡng và hôn lên bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ, cũng như cầu nguyện trước bức tượng và tham quan nhà thờ mới được xây dựng. Vào thời điểm đó, Đức Tổng Giám mục Makari là người đứng đầu Giáo phận Veliky Novgorod, và theo ý muốn của Thiên Chúa, ngài sau này đã được tấn phong lên ngôi Tổng Giám mục Giáo phận Moskva[4583] . Ngài đã tháp tùng Đại công tước trong chuyến hành trình này và cùng ngài đến Tikhvinka. Tại đây, họ đã thành kính cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, cử hành nhiều nghi lễ và lời cầu nguyện, rồi sau đó mỗi người trở về: Tổng Giám mục về Novgorod, còn Đại Công tước về Moscow.

[4580] Tức là ở khoảng cách 328 sažen (656:2).

[4581] Mô-sê đã nhìn thấy một bụi cây đang bốc cháy nhưng không bị thiêu rụi trên núi Hô-ri-vê trước khi được kêu gọi làm thủ lĩnh của dân Do Thái. Bụi cây đó là hình ảnh tiên tri về Đức Trinh Nữ Maria, Đấng ngay cả sau khi sinh Con cũng không mất đi sự trinh khiết của mình.

[4582] Vasili IV Ioannovich, cha của Ivan Bạo chúa, trị vì từ năm 1505 đến năm 1533.

[4583] Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám mục Moscow từ năm 1542 đến năm 1564.

Theo đề nghị của Vasily Ioannovich, con trai ông, Ioann Vasilyevich[4584] , đã lên ngôi Đại công tước Moscow và là người đầu tiên được tổ chức lễ đăng quang hoàng gia. Giống như cha mình, ngài có lòng sùng kính sâu sắc đối với bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội tại Tikhvinka, và cũng như vị công tước đạo đức Vasily Ioannovich ngày xưa, ngài đã đến đó để thờ phượng. Khi thấy rằng nhà thờ ở đây do các linh mục và phó tế thế tục quản lý, trong khi xung quanh có rất nhiều làng mạc, Sa hoàng Ioann Vasilyevich cho rằng điều này là không phù hợp và nảy ra ý định thành lập một tu viện tại đây. Sau khi tham vấn với Tổng Giám mục Makarii của Moscow, Tổng Giám mục Pimen của Novgorod, cũng như các hoàng tử và các quan đại thần của mình, ngài ra lệnh chuyển tất cả các làng mạc lân cận và các linh mục thuộc giáo xứ đang ở gần nhà thờ sang một nơi khác, cách xa nhà thờ, còn tại nhà thờ thì các tu sĩ sẽ định cư và bắt đầu xây dựng tu viện. Và thế là sau một thời gian ngắn, nhờ sự hỗ trợ của hoàng gia, tu viện đã được xây dựng trên sông Tikhvinka, toàn bộ được xây bằng đá và bao quanh bởi những bức tường đá. Đồng thời, tại đây cũng được thiết lập khu nhà ở chung, giống như ở các tu viện vĩ đại và lừng lẫy khác. Vị tu viện trưởng đầu tiên của tu viện mới thành lập là Kirill; dưới sự lãnh đạo của ngài, nhiều tu sĩ, bị thu hút bởi những phép lạ từ bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, đã bắt đầu rời bỏ những nơi ẩn dật của mình và đến tu viện Tikhvin.

Một trong những người đầu tiên đến đây, ngay từ khi tu viện còn đang được xây dựng, là tu sĩ Avraam, người trước đó đã tu hành tại Tu viện Sergiev nằm ở Velikie Luki và cách Tu viện Tikhvin khoảng năm trăm poprishch. Như chính ông kể lại, ông đã bị bệnh trong một thời gian dài và đã bắt đầu chuẩn bị cho cái chết. Lúc bấy giờ, vị thầy hướng dẫn của ông là Martiriy, một người sống hiến dâng cho Chúa, sau khi nghe nhiều về bức tượng thánh Tích Tích Tinh của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội tại Tikhvin – nơi đã ban phát vô số phép lạ chữa lành cho những người bệnh tật – đã khuyên Avraamiy hãy thề hứa với Đức Mẹ rằng sẽ đến Tikhvin và cầu nguyện trước bức tượng thánh tích của Người. Người bệnh lập tức thực hiện lời hứa đó, và ngay lập tức được chữa lành khỏi căn bệnh hiểm nghèo của mình; sau khi trở về từ cửa tử thần như vậy, anh ta lập tức đứng dậy khỏi giường bệnh với sức khỏe hoàn toàn bình phục, vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa. Thầy hướng dẫn của ông, Martirius, cũng vô cùng vui mừng khi chứng kiến sự chữa lành nhanh chóng của môn đệ mình và kinh ngạc trước phép lạ kỳ diệu của Đức Mẹ. Nhân dịp này, ngài khuyên Avraam không nên trì hoãn ý định của mình mà hãy lập tức lên đường đến Tikhvinka để thực hiện lời hứa đã dâng lên Đức Mẹ.

Avramius lập tức lên đường và, khi đến tu viện Tikhvin, đã thành kính thực hiện lời hứa của mình. Với những giọt nước mắt vui sướng, ông quỳ xuống trước bức tượng thánh của Đức Mẹ, hôn lên môi bức tượng và dâng lên sự tôn kính từ tận đáy lòng. Sau khi dâng lời tạ ơn lên Đức Mẹ Vô Nhiễm, ngài kể lại cho tất cả những người có mặt về ân sủng mà Nữ Vương Thiên Đàng đã ban cho ngài. Lúc đó, Tổng Giám mục Pimen của Novgorod đang có mặt tại sông Tikhvinka để giám sát công việc xây dựng tu viện; tin tức về sự chữa lành kỳ diệu của Avraam cũng đã đến tai ngài. Vị Thánh tràn ngập niềm vui và ngợi khen Chúa cùng Đức Trinh Nữ Maria, Đấng đã sinh ra Ngài. Ngài không muốn cho Avraam trở về với người hướng dẫn của cậu là Martiriy, mà trao cho cậu chìa khóa nhà thờ, để cậu, như một lời tạ ơn về ân sủng vô cùng lớn lao mà Đức Mẹ Thiên Chúa đã ban cho cậu, sẽ là người đầu tiên đến nhà thờ của Mẹ và là người cuối cùng ra về, mở cửa nhà thờ trước khi thánh lễ bắt đầu và đóng cửa sau khi thánh lễ kết thúc.

Trong khi đó, vị tu sĩ Martiriy, sau khi tiễn Áp-ra-ham, bắt đầu hối hận vì chính mình đã không đi cùng cậu để thờ lạy hình ảnh Đức Mẹ Vô Nhiễm, và cuối cùng quyết định sẽ lên Tikhvinka ngay khi đệ tử của ngài trở về. Sau khi chờ đợi cậu rất lâu, vị tu sĩ bắt đầu lo lắng cho cậu – và lúc đó, ngài đã thấy một thị kiến trong giấc mơ. Ở phía bên kia, nơi Tikhvin tọa lạc, một cột lửa khổng lồ bốc lên trước mắt Thánh Martirius, trên đỉnh cột là bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, rực rỡ như mặt trời và trông giống hệt bức tượng tại tu viện Tikhvin. Lúc đó, Thánh Martirius nảy sinh khao khát mãnh liệt được hôn lên bức tượng ấy. Trong tâm trạng ấy, ông tỉnh giấc, và cùng lúc đó, khao khát được chiêm ngưỡng và hôn lên bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Rất Thánh gần Tikhvin càng trở nên mãnh liệt hơn. Anh lập tức thu dọn hành lý, bỏ lại mọi thứ và vội vã lên đường đến Tikhvin. Khi đến tu viện và nhìn thấy bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm, Martiriy đã quỳ xuống trước bức tượng một cách thành kính, nước mắt tuôn trào vì niềm vui. Lúc đó, ông cũng thấy đệ tử của mình hoàn toàn khỏe mạnh; từ đó trở đi, ông không muốn

[4584] Sa hoàng Ivan IV Vasilyevich, có biệt danh là "Grozny", người lần đầu tiên được phong vương và nhận tước hiệu sa hoàng, trị vì từ năm 1533 đến năm 1584.

quay trở lại tu viện của mình nữa, mà ở lại tu viện Tikhvin để hàng ngày có thể chiêm ngưỡng bức tượng kỳ diệu của Đức Mẹ Đồng Trinh Maria.

Nhưng sau một thời gian, theo ý muốn của Thiên Chúa, Martirius được chuyển đến một nơi hoang vắng khác, cách Tikhvin bốn mươi poprishch, nơi mà vị tu sĩ Avraam đã từng nhìn thấy một cây thánh giá trên bầu trời, được tạo thành từ các vì sao và chiếu sáng cả vùng đất đó. Khi chuyển đến đó, Thánh Martirius đã mang theo bản sao của bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và sống ở đó trong sự tĩnh lặng, ngày đêm phụng sự Thiên Chúa; bản sao bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ mà ngài mang theo, ngài luôn mang theo bên mình, bất kể đi đâu. Và rồi một lần nọ, ngài có dịp đến thành phố Tver, nơi theo lệnh của vị vua đạo đức và Đại công tước Ioann Vasilievich, vua Simeon của Kazan lúc bấy giờ đang cư ngụ[4585] . Trong thời gian ở thành phố này, con trai của Simeon là Ioann, người đã ốm nặng từ lâu, đã qua đời khi Thánh Martirius đang ở đó. Lúc đó, vị thánh Martirius đã đặt bức tượng Đức Mẹ mà ngài luôn mang theo bên mình lên thi thể người đã khuất, và người chết lập tức sống lại. Simeon tràn ngập niềm vui lớn lao và dâng lời ngợi khen lên Đức Chúa Trời và Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm Nguyên Tội. Sau đó, với mong muốn tri ân vị thánh Martirius, ông đã xây dựng một nhà thờ bằng đá cho ngài trong sa mạc và lập một tu viện bên cạnh đó.

Nhưng bây giờ chúng ta hãy quay trở lại tu viện Tikhvin và bức tượng thánh Đức Mẹ vô nhiễm nguyên tội đã hiện ra tại Tikhvinka, để kể về những phép lạ khác của bức tượng này.

Từ khi bức tượng thánh thiêng liêng hiện ra trên sông Tikhvinka cho đến khi tu viện được thành lập đã trôi qua 177 năm, trong suốt thời gian đó, nhà thờ nằm dưới sự quản lý của các linh mục thế tục. Trong thời gian đó, đã có rất nhiều phép lạ xảy ra từ bức tượng thánh, không ít trường hợp được chữa lành nhờ bức tượng này dành cho tất cả những ai với lòng tin thành kính đến cầu nguyện – nhưng không ai trong số những người đương thời ghi chép lại những phép lạ đó để làm gương cho các thế hệ sau; và do đó, chúng ta không có cơ hội biết gì về những phép lạ này. Nhưng ngay cả khi tu viện đã được thành lập, cũng không có nhiều phép lạ từ bức tượng thánh được ghi chép lại, một phần do sự đơn sơ, một phần do sự lơ là – và những gì ít ỏi còn lại đến với chúng ta, chúng ta thu thập lại, giống như những bông lúa còn sót lại sau mùa gặt, hay những chùm nho ít ỏi còn lại sau khi thu hoạch, vô tình bị bỏ lại tại chỗ.

Có một người tên là Theophilus, đã bị mù trong suốt bốn năm sáu tháng, sau khi cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, đã được chữa lành và lấy lại thị lực. Điều này xảy ra vào năm 1581.

Cùng năm đó, một thiếu niên tên là Haralambos, bị quỷ ám, khi được đưa đến trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm, đã được giải thoát khỏi tà linh.

Zacharias, một người mù đã năm năm không nhìn thấy ánh sáng, ngay khi được đưa đến trước bức tượng thánh, đã được chữa lành.

Có một người tên là Kliment, sống tại thủ đô Moscow, vợ ông tên là Paraskeva, bỗng dưng lâm bệnh. Đã cả năm trời bà nằm liệt giường và không thể đứng dậy được; vì những cơn đau dữ dội khắp cơ thể, mắt bà mờ đi và trí óc trở nên lú lẫn. Chồng bà đã thử mọi cách chữa trị cho người vợ ốm yếu, và đã gần như tuyệt vọng về việc vợ mình có thể bình phục. Nhưng rồi ông nghe nói rằng ở Tikhvin có một bức tượng thánh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội có khả năng làm phép lạ, từ đó ban ơn chữa lành cho tất cả những ai thành kính cầu khẩn. Với niềm hy vọng trỗi dậy, ông bắt đầu thuyết phục vợ hứa với Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội rằng bà sẽ đến thờ lạy bức tượng Đức Mẹ ở Tikhvin. Bà đã nghe theo lời chồng và thực hiện lời hứa đó. Và ngay khi bà vừa thốt lên lời thề, bà lập tức đứng dậy khỏi giường bệnh, như vừa thức giấc sau giấc ngủ, và được chữa lành khỏi căn bệnh nặng nề của mình. Lúc đó, tất cả các bộ phận trên cơ thể bà đều trở nên mạnh mẽ và khỏe mạnh – chỉ có thị lực của đôi mắt bà là chưa được phục hồi.

Sau đó, người chồng và người vợ đã được chữa lành lập tức lên đường đến Tikhvin, cùng nhau thực hiện lời thề đã hứa với Đức Mẹ Vô Nhiễm. Khi đến tu viện Tikhvin vào thứ Bảy đầu tiên của Mùa Chay, họ đi thẳng từ đường đến nhà thờ trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm và cầu nguyện trước bức tượng thánh, đồng thời hát thánh ca cầu nguyện. Trong buổi canh thức suốt đêm Chủ Nhật, khi họ vẫn tiếp tục đứng cầu nguyện trong nhà thờ, một phép lạ mới đã xảy ra với người vợ: nhờ ân sủng của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, cô đã lấy lại được thị lực và

[4585] Tất nhiên là Simeon Bekbulatovich, khan của Kazan, một người Tatar đã được rửa tội. Có một thời gian (năm 1574), Grozny đã đặt ông lên ngai vàng thay cho mình, mặc dù tất nhiên, Simeon chỉ được coi là Sa hoàng trên danh nghĩa. Bốn năm sau, ông bị lưu đày khỏi Moscow và được giao quản lý Tver và Torzhok.

nhờ đó hoàn toàn khỏe mạnh trở lại. Tất cả những người có mặt trong nhà thờ, khi chứng kiến phép lạ này, đã với những giọt nước mắt xúc động ca ngợi Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Còn người phụ nữ đã được chữa lành cùng chồng mình, sau nhiều lời cầu nguyện tạ ơn trước bức tượng thánh, đã vui mừng trở về nơi cư ngụ của họ. Sự việc này xảy ra vào năm 1583.

Năm 1586, một người mù tên là Georgy được đưa đến trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội ở Tikhvin. Khi lễ Đức Mẹ Che Chở diễn ra, anh ta cầu nguyện trước bức tượng làm phép lạ, và bỗng nhiên anh ta bắt đầu nhìn thấy bằng mắt phải của mình. Và không cần ai giúp đỡ, anh ta đã tự mình đi về nhà, ca ngợi Đức Kitô Thiên Chúa và Mẹ Ngài vì ân huệ và sự chữa lành cho con mắt của mình.

Vài ngày sau, người ta đưa một người tên là Andrei đến tu viện trước bức tượng làm phép lạ của Đức Mẹ; anh ta bị liệt, đồng thời bị điếc và câm, và đã phải chịu những căn bệnh này suốt mười lăm năm. Khi mọi người dâng lời cầu nguyện xin chữa lành cho anh ta trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm, ngay lập tức anh ta được hồi phục hoàn toàn: khả năng nghe của anh ta được phục hồi, chứng câm của anh ta được giải thoát, và tất cả các chi thể của anh ta đều được ban cho sức mạnh và sự vững chắc, đến nỗi anh ta có thể đứng dậy như một người hoàn toàn khỏe mạnh.

Một phép lạ tương tự cũng xảy ra với một người phụ nữ tên là Mavra, người sống bên sông Ustye[4586] . Bà bị mù và hoàn toàn không nhìn thấy ánh sáng trong suốt mười bảy năm. Khi được đưa đến trước bức tượng làm phép lạ của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, bà lập tức được sáng mắt. Điều này xảy ra vào năm 1587.

Cũng trong năm đó, vào ngày 4 tháng 3, một thiếu niên tên là Georgy đã được đưa từ Veliky Novgorod đến tu viện Tikhvin; cậu bé này đã bị quỷ ám trong suốt sáu năm và phải chịu đựng những đau khổ tột cùng vì điều đó. Khi cậu được đưa đến trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, thì linh hồn tăm tối, không chịu nổi ánh sáng ân sủng tuôn trào từ bức tượng làm phép lạ, đã rời khỏi người bệnh, biến mất như bóng tối trước mặt mặt trời, và cậu thiếu niên trở nên hoàn toàn khỏe mạnh.

Có một góa phụ tên là Iuliania, bị bệnh mắt nặng đến nỗi mù lòa và trong suốt hai năm liền không nhìn thấy ánh sáng của Chúa. Khi nghe nói về bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ, nằm gần Tikhvin, và về những phép chữa lành không thể diễn tả được mà bức tượng mang lại cho mọi người, Iuliania đã bừng lên niềm tin nồng nàn vào Đức Mẹ và thề sẽ đến thờ lạy bức tượng của Người. Và ngay lúc đó, Đức Mẹ trên trời đã ban lại ánh sáng cho đôi mắt bà, ngay tại chính ngôi nhà của bà. Ngay lập tức, mong muốn dâng lời tạ ơn Đức Mẹ càng sớm càng tốt, cô, giờ đây đã nhìn thấy được, đã tự mình đi đến tu viện Đức Mẹ ở Tikhvin và, sau khi thực hiện lời hứa của mình tại đó, đã loan báo cho mọi người về ân sủng của Thiên Chúa đã ban cho cô. Đó là vào năm 1589.

Gần như cùng lúc với sự kiện này, một người què tên là Akin-din, đã hai năm liền hoàn toàn không thể đi lại được vì hai chân bị co quắp, đã bò bằng đầu gối đến trước bức tượng thánh của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội – và ngay khi vừa cầu nguyện trước Ngài, hai chân anh ta lập tức duỗi thẳng và trở nên khỏe mạnh; trước sự chứng kiến của mọi người, anh đứng dậy và bắt đầu đi lại, tạ ơn Chúa Kitô và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.

Cùng năm đó, vào ngày 10 tháng 8, một thanh niên mù tên là Iona, được đưa đến tu viện thánh từ thành Novgorod vĩ đại, đã được mở mắt trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.

Một thanh niên khác tên là Maxim, bị quỷ ám, khi cha mẹ dẫn anh đi thờ lạy hình ảnh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ngay trên đường đi đã nhận được sự trợ giúp từ trời của Đức Mẹ Thiên Chúa: bằng quyền năng của Thiên Chúa, tà linh đã bị trục xuất khỏi người, và khi đến tu viện Tikhvin, cậu đã kể cho mọi người nghe về phép lạ đã xảy ra với mình. Lúc đó, tất cả đều dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Sự việc này xảy ra vào năm 1591.

Một người phụ nữ tên là Elena, đã bị mù hoàn toàn trong hai năm sáu tháng, đến nỗi không nhìn thấy ánh sáng, đã được sáng mắt trước bức tượng làm phép lạ của Đức Mẹ Vô Nhiễm vào một ngày Chủ nhật, trong Thánh lễ, khi mọi người đang hát: "Xứng đáng là…".

Năm 1593, một người phụ nữ khác tên là Maria cũng đã lấy lại được thị lực; bà được đưa đến trước bức tượng linh thiêng của Đức Mẹ Vô Nhiễm trong lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời.

Tương tự như vậy, một người đàn ông tên là Kliment – người chuyên chế tác các vật dụng bằng bạc – bị bệnh về mắt và mất thị lực – đã được chữa lành sau khi cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh.

[4586] Cửa sông Yaroslavl, thuộc tỉnh Yaroslavl, cùng với sông Veksa tạo thành thượng nguồn sông Kotorosti, một nhánh bên trái của sông Volga, nơi nó đổ vào chính thành phố Yaroslavl.

Một người mù khác tên là Philip, người đã không nhìn thấy ánh sáng trong suốt 5 năm, khi được đưa đến tu viện Tikhvin vào Tuần lễ Chính thống giáo, đã đứng cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội tại đó, và đã hoàn toàn lấy lại thị lực, nhìn thấy mọi thứ rõ ràng. Sự việc này xảy ra vào năm 1596, trong lúc cử hành Thánh lễ, khi đang rước các Thánh lễ từ bàn thờ lên ngai thánh.

Cùng năm đó, có một người tên là Kirill từ Moscow đến, bị mù một mắt, và trong lúc cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ông đã được phục hồi thị lực. Đây là những gì ông kể lại về bản thân mình trong hoàn cảnh đó. Sau khi mắc phải một căn bệnh nặng và liên tục chịu đựng những cơn đau đầu, ông đã mù cả hai mắt, không nhìn thấy ánh sáng trong nửa năm và hoàn toàn không cảm thấy bất kỳ sự thuyên giảm nào từ căn bệnh của mình, mặc dù những người thân đã dành cho ông rất nhiều sự chăm sóc và quan tâm. Ông đã gần như hoàn toàn tuyệt vọng về việc được chữa lành, thì bỗng nhiên vợ ông có một giấc mơ, trong đó bà nghe thấy những lời như sau:

– Hãy bảo chồng chị đến Tikhvin, đến trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh đầy ân sủng. Ở đó, anh ấy sẽ được chữa lành. Nếu anh ấy không đi, anh ấy sẽ phải chịu đựng những đau khổ còn lớn hơn nữa.

Tỉnh dậy khỏi giấc mơ, người vợ lập tức kể lại giấc mơ cho chồng nghe. Người chồng lập tức bắt đầu cầu nguyện sốt sắng với Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và đồng thời hứa với Nữ Vương Thiên Đàng, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, rằng sẽ đến Tikhvin để thờ lạy bức tượng của Mẹ; ngay lúc đó, anh ta cảm thấy bệnh tình thuyên giảm: anh ta bắt đầu nhìn thấy ánh sáng bằng chính đôi mắt mình và thậm chí đã hoàn toàn khỏe mạnh. Nhưng vì cứ hoãn việc thực hiện lời hứa từ ngày này sang ngày khác, anh ta dần dần quên mất lời hứa đó, và do đó đã không thực hiện điều đã hứa. Vì sự lơ là này, anh ta lại phải hứng chịu sự trừng phạt của Thiên Chúa: bởi vì sau một thời gian, căn bệnh lại quay trở lại với anh ta, và anh ta lần thứ hai bị mù cả hai mắt. Lúc đó, nhớ lại lời hứa chưa thực hiện và nhận ra tội lỗi của mình, người bệnh bắt đầu khóc lóc, than thở và sám hối, rồi lại cầu nguyện với Đức Mẹ Rất Thánh, cam đoan với Mẹ rằng anh ta sẽ thực hiện lời thề đã hứa trước đó. Nhờ lòng thương xót của Đức Mẹ Thiên Đàng, anh ta lần thứ hai được chữa lành, nhưng lần này chỉ nhìn thấy bằng một mắt, còn mắt kia vẫn mù lòa . Không trì hoãn việc thực hiện lời hứa của mình quá lâu, ông lập tức lên đường đến Tikhvin, và khi nhìn thấy bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội bằng một mắt tại đó, sau khi cầu nguyện trước bức tượng, ông đã lấy lại thị lực cho cả mắt còn lại.

Vào ngày 9 tháng 12 cùng năm 1596, có 23 người đến tu viện, do hai người đứng đầu là Grigory và Mikhail dẫn đầu. Sau khi cử hành lễ tạ ơn trước bức tượng thánh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, họ kể lại câu chuyện của mình như sau. Họ đang ở rất xa trên Đại Tây Dương để săn bắt các loài động vật biển. Khi họ cập bến một nơi hoang vắng, do sóng biển dâng cao bất ngờ, họ đã bị mắc kẹt ở đó trong một thời gian rất dài. Lương thực của họ cạn kiệt, và trong cơn đói khát, tất cả đều đã cận kề cái chết do lâu ngày không được ăn uống. Và thế là, mỗi người trong số họ, trong lúc chờ đợi cái chết, đã cầu nguyện với Chúa, xin tha thứ cho những tội lỗi của mình. Lúc đó, họ nhớ đến bức tượng thánh có phép lạ của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội ở Tikhvinka, và bắt đầu cầu nguyện hết lòng với Ngài. Vào đêm tiếp theo, một trong số họ, khi đang chợp mắt một chút giữa lúc cầu nguyện, đã được Đấng Cứu Giúp Nhanh Chóng – Đức Trinh Nữ Maria – hiện ra và truyền cho anh ta nói với tất cả các bạn đồng hành rằng họ hãy ăn một loại cỏ mọc ở đó, cho đến khi thời điểm thuận lợi đến để họ có thể ra khơi trở về nhà. Người đó đã kể lại thị kiến cho tất cả những người đi cùng mình, – và khi họ nếm thử loại cỏ mà Người chỉ dẫn, họ thấy nó có vị ngon và no bụng như bánh mì. Loại cỏ đó đối với họ cũng giống như manna mà dân Israel từng nhận được trong sa mạc, và họ đã ăn nó trong hai mươi ngày, cho đến khi sóng biển lắng xuống.

Một thời gian ngắn sau, có một người phụ nữ tên là Elena đến Tikhvin, và bà đã kể về bản thân mình như sau. Trong ba năm, bà bị mù, nhưng một lần nọ, được thúc đẩy bởi lòng tin vào Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, bà đã yêu cầu người ta dẫn mình đến trước bức tượng Đức Mẹ Tikhvin; và khi đang trên đường đi, bà bỗng nhiên sáng mắt lại, tự mình đi đến tu viện mà không cần sự giúp đỡ của ai, tại đó họ đã dâng lên Đức Mẹ lời tạ ơn và thờ lạy trước bức tượng làm phép lạ của Người.

Tương tự như vậy, một người đàn ông tên là Maman, đến từ vùng Belozersk[4587] , đã kể rằng ông đã bị mù trong một thời gian dài, nhưng ngay khi ông thề sẽ đến Tikhvin và thờ lạy bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội làm phép lạ, ông lập tức lấy lại thị lực hoàn toàn. Điều này xảy ra vào năm 1597.

[4587] Vùng Belozersk nằm bên Hồ Beloye, tọa lạc ở góc đông bắc của tỉnh Novgorod ngày nay. Nơi đây từng là một công quốc riêng biệt, từ nửa sau thế kỷ XIV thuộc về công tước Moscow.

Một người đàn ông khác tên là Diomid, cũng đến từ vùng đất đó và cùng năm đó đến tu viện Đức Mẹ Vô Nhiễm, cũng kể về bản thân rằng ông đã bị liệt suốt một năm, nhưng sau đó, khi nhớ đến bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm làm phép lạ ở Tikhvin, ông đã cầu nguyện thầm trong lòng và thề sẽ đến thờ lạy bức tượng thiêng liêng đó: ngay lập tức anh ta đã khỏe mạnh trở lại và, không chần chừ chút nào, đã thực hiện lời hứa của mình.

Cũng trong năm đó, có một người tên là Pimen, bị một con quỷ dữ ám, đã bị người thân trói bằng xiềng xích và đưa đến Tikhvin – và khi họ mới đi được nửa đường, anh ta đã được chữa lành nhờ lòng thương xót của Đức Mẹ Vô Nhiễm: con quỷ đã rời khỏi anh ta, và anh ta đã đến nơi trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh và với lòng kính cẩn, anh ta đã thờ lạy Đấng Chữa Lành của mình. Đó là ngày 9 tháng 12.

Một người tên là Kodrat bắt đầu bị đau đầu, mù lòa và không nhìn thấy ánh sáng suốt một năm rưỡi; khi nghe nói về bức tượng thánh Đức Mẹ làm phép lạ gần Tikhvin, ông đã cầu nguyện hết lòng và thề sẽ đến đó để thờ lạy. Và ngay khi anh ta vừa thốt ra lời thề, anh ta lập tức được sáng mắt trở lại. Nhưng vì hoãn chuyến đi sang một thời điểm khác, chẳng bao lâu sau anh ta đã hoàn toàn quên mất lời hứa của mình và không đi tạ ơn Đấng Chữa Lành của mình – Đức Trinh Nữ Maria. Mười năm trôi qua kể từ khi anh ta được sáng mắt, anh ta lại bị mù theo cách giống hệt như trước đây. Tuy nhiên, bất chấp điều đó, ông vẫn không nhớ đến lời hứa của mình cho đến khi nhận được lời khuyên răn trong một giấc mơ. Bởi vì trong giấc mơ, ông thấy một người đàn ông nói với ông:

– Hãy đến Tikhvin để thờ lạy hình ảnh Đức Mẹ Vô Nhiễm; nếu ngươi không đi và không thực hiện lời hứa, ngươi sẽ không được sáng mắt.

Khi tỉnh giấc, ông nhớ lại lời hứa của mình và nhận ra tội lỗi của mình; ngay lập tức, ông lên đường đến tu viện Đức Mẹ ở Tikhvin, có người dẫn đường đi cùng. Khi được dẫn đến bức tượng Đức Mẹ đầy ân sủng và cầu nguyện trước đó bằng cả trái tim, ông lập tức được chữa lành nhờ lòng thương xót của Đức Mẹ.

Một người tên là Gioan, đã bị bệnh nặng trong một thời gian dài và đang cận kề cái chết, đã được Thánh Nicholas, vị thánh của Chúa Kitô, hiện ra trong giấc mơ và nói với anh ta:

– Nếu con muốn được bình phục, hãy hứa với Đức Mẹ Rất Thánh rằng con sẽ đến thờ lạy bức tượng làm phép lạ của Mẹ ở Tikhvinka.

Người ấy, khi tỉnh giấc, lập tức bắt đầu khóc lóc cầu nguyện với Đức Mẹ Vô Nhiễm và hứa với Người sẽ đến thờ lạy bức tượng của Người – ngay lập tức, anh ta trở nên hoàn toàn khỏe mạnh và lên đường đến tu viện, thực hiện lời hứa của mình. Đó là vào năm 1596.

Cũng trong năm đó, một người phụ nữ mù tên là Maria, đã mười năm không nhìn thấy ánh sáng, được đưa đến tu viện; sau khi cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, bà đã được sáng mắt.

Một người phụ nữ khác tên là Evdokia, sống ở khu vực hồ Onega[4588] , vốn bị quỷ ám và liệt nửa người, đồng thời còn bị teo tay; ngay khi hứa sẽ đến thờ lạy hình ảnh Đức Mẹ Vô Nhiễm, bà lập tức được chữa lành tại nhà khỏi chứng quỷ ám và liệt nửa người: tinh thần ô uế đã rời khỏi bà, và các chi thể trước đây bị liệt đã lấy lại được sức mạnh và sức khỏe; chỉ có bàn tay của bà vẫn chưa được chữa lành, để bà không quên lời hứa của mình. Khi bà đến tu viện Tikhvin và cầu nguyện với Đức Mẹ trước bức tượng của Người, thì lúc đó bàn tay của bà mới được lành lặn. Đó là vào năm 1603.

Một người què và mù tên là Ioann đã thề hứa sẽ đến thờ lạy bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm và được chữa lành ngay tại nhà mình: mắt anh ta sáng lại và đôi chân anh ta duỗi thẳng; sau đó, anh ta đã đến tu viện Tikhvin để tạ ơn Đức Mẹ Vô Nhiễm vào ngày 1 tháng 3 năm 1606.

Cũng giống như vậy, nhiều người khác mắc các bệnh tật khác nhau, ngay khi hứa sẽ đến thờ lạy bức tượng làm phép lạ của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, nằm bên sông Tikhvinka, lập tức được chữa lành. "Chúng ta biết," nhà biên niên sử Tikhvin viết, "rằng từ bức tượng thánh này, những phép lạ kỳ diệu chưa bao giờ ngừng xảy ra và luôn tuôn trào như nước sống từ suối nguồn cho những ai đến với lòng tin. Như vậy, nhiều người mù đã được sáng mắt, những người bị quỷ ám đã thoát khỏi sự hành hạ của ma quỷ, những người điếc được an ủi nhờ được ban cho khả năng nghe, những người liệt đã phục hồi sức lực, những người câm được giải thoát khỏi những xiềng xích trói buộc lưỡi, những người bị bệnh chân đã nhảy lên như những con nai; những người bị đau đầu đã được chữa lành. Ngay cả ở những vùng đất xa xôi, những người mắc các bệnh tật khác nhau, ngay khi họ dâng lời thề nguyện trước bức tượng thánh kỳ diệu, cũng không bị từ chối sự giúp đỡ nhanh chóng từ Ngài. Nói tóm lại, mỗi người, tùy

[4588] Hồ Onega nằm trong phạm vi tỉnh Olonets ngày nay, ở phía đông bắc của hồ Ladoga.

theo nhu cầu của mình, đều nhận được sự trợ giúp kịp thời, ngay khi họ với lòng tin chạy đến dưới bóng che chở của Đức Mẹ.

Trong thời trị vì của vị vua đạo đức và Đại công tước Vasili Ioannovich Shuysky[4589] , vì những tội lỗi của chúng ta, đã xảy ra một cuộc hỗn loạn lớn trên đất Nga, một phần do nội chiến, một phần do các cuộc tấn công của kẻ thù bên ngoài. Máu người Nga đổ khắp nơi. Thành phố Moscow, thủ đô của vương quốc, rơi vào tay những kẻ ngoại đạo ở vùng biên giới, còn Veliky Novgorod cùng toàn bộ vùng lãnh thổ của nó thì thuộc quyền kiểm soát của người Varangian[4590] . Vào thời điểm đó, tu viện Tikhvin cũng nằm dưới sự cai trị của người Varangian và phải chịu nhiều sự đàn áp từ họ. Nhưng nhờ lòng thương xót của Đức Chúa Trời và sự trợ giúp toàn năng của Đức Vua trên trời, các đạo quân Nga vốn phân tán đã tập hợp thành một lực lượng dân quân thống nhất, giành lại thành Moscow – thủ đô – từ tay những kẻ theo tôn giáo khác, và tại đó, vị vua đạo đức và đại công tước Mikhail Feodorovich[4591] đã lên ngôi. Ngài đã điều quân đến vùng đất Veliky Novgorod để chống lại quân Varangian, và tại đây, bên bờ sông Ustye, một trận chiến đã nổ ra giữa quân đội Nga và các trung đoàn tiên phong của quân Varangian. Các chiến binh Varangian đã bị đánh bại và bỏ chạy; quân đội của Sa hoàng đã đuổi kịp họ tại sông Tikhvinka và một phần đã tiêu diệt, một phần bắt làm tù binh.

Khi nghe tin về thất bại của các chiến binh Varangian, vị chỉ huy Varangian đang đóng quân tại Veliky Novgorod và chỉ huy nhiều đoàn quân Varangian tại đó đã tràn ngập cơn giận dữ và phẫn nộ tột độ. Với mong muốn trả thù người Nga vì thất bại này, ông đã điều các đạo quân của mình đang đóng tại Novgorod đến tu viện Tikhvin, nhằm tàn phá và hủy diệt hoàn toàn nơi này cùng với tất cả các làng mạc lân cận. Nghe tin này, dân cư vùng lân cận đã cùng vợ con đổ xô đến dưới mái che của tu viện và cùng với các tu sĩ và một số ít binh lính hoàng gia ẩn náu sau những bức tường đá kiên cố của tu viện, đóng cửa lại để tránh quân Varangian. Trong hoàn cảnh đó, tất cả họ không chỉ trông cậy vào sự kiên cố của những bức tường, mà còn đặt niềm tin vào sự giúp đỡ và che chở của "Bức Tường Bất Khả Chiến Bại" và "Lá Chắn" của tất cả những ai đặt niềm tin vào Ngài – Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa.

Bọn Varangian không để họ phải chờ đợi lâu; khi tiến đến các bức tường của tu viện, chúng bao vây tu viện từ mọi phía và bắt đầu tấn công. Những người ẩn náu trong tu viện cảm thấy vô cùng sợ hãi, – và trong khi một số người đứng trên tường thành chiến đấu với người Varangian, những người khác tụ tập cùng các tu sĩ trong nhà thờ, nước mắt lưng tròng, thành kính cầu nguyện với Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội trước bức tượng thánh có phép lạ của Người, cử hành thánh lễ suốt đêm và khẩn cầu Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội ban ơn trợ giúp cho các Kitô hữu Chính Thống. Và sự giúp đỡ ấy đã không chậm trễ đến với họ.

Cùng đêm đó, một người phụ nữ tên là Maria, trong lúc chợp mắt khi đang cầu nguyện, đã thấy trong giấc mơ Đức Trinh Nữ Maria, Đấng đã hiện ra với nàng và phán:

– Hãy nói với tất cả những ai đang ở trong tu viện; hãy bảo họ lấy bức tượng của Ta và mang nó đi vòng quanh các bức tường bao quanh tu viện, và khi đó họ sẽ thấy ân sủng của Thiên Chúa trên đầu mình.

Ngay lập tức tỉnh giấc, người phụ nữ kể lại thị kiến cho tất cả những ai có mặt trong nhà thờ. Mọi người tràn ngập niềm vui và hy vọng vào sự giúp đỡ từ trên cao; họ cầm bức tượng kỳ diệu của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội với lòng thành kính, rước lên tường tu viện; vừa cử hành nghi thức cầu nguyện, họ vừa đi vòng quanh tu viện và trong lúc đó, với những giọt nước mắt, họ khẩn cầu Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội:

– Nữ Vương Thiên Đàng ơi, Ngài thấy những nỗi khổ của các tôi tớ Ngài rồi; xin cứu chúng con khỏi những kẻ thù đang vây hãm chúng con và xin tỏ ra quyền năng của Ngài, để mọi kẻ thù của chúng con đều hiểu rằng Ngài, Đấng Bào Chữa của chúng con, đang ở cùng chúng con.

Ngay lúc đó, một nỗi sợ hãi tột độ ập xuống kẻ thù: chúng hoảng loạn và tất cả đều bỏ chạy khỏi tu viện, dù chẳng ai đuổi theo chúng.

Nhưng sau một thời gian, quân Varangian lại tiến đến tu viện với lực lượng còn hùng hậu hơn, bao vây nơi này, tiếp tục cuộc vây hãm và liên tiếp tấn công tu viện. Trong thời gian bị vây hãm, tu viện có không ít người thuộc cả hai giới: do điều kiện sống chật chội và việc nam nữ chung sống, không phải ai cũng tuân giữ sự trong sạch xứng

---

[4589] Vasily Shuysky, người được các quý tộc bầu chọn sau khi lật đổ Dimitri Giả I, trị vì từ năm 1606 đến năm 1610.

[4590] Ở đây, người Thụy Điển được gọi là "Varyag".

[4591] Mikhail Fedorovich Romanov, người được Đại hội các đại biểu toàn nước Nga bầu làm Sa hoàng, lên ngôi vào năm 1613 và trị vì cho đến năm 1645.

đáng với nơi thánh thiêng, và họ bùng cháy trong dục vọng, giống như rơm rạ bốc cháy từ tia lửa. Vì lý do này, tu viện đã phải hứng chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, và Ngài đã bỏ mặc nơi này mà không ban sự trợ giúp. Lúc bấy giờ, những kẻ thù bao vây tu viện, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, bắt đầu ngày càng gia tăng sức mạnh, trong khi những người bảo vệ tu viện thì kiệt sức vì những trận chiến liên miên. Sự tuyệt vọng đã bao trùm tất cả những ai còn ở trong tu viện, và họ bắt đầu chờ đợi cái chết sắp đến từ những kẻ bao vây. Với những tiếng khóc nức nở, tất cả đều chạy đến trước bức tượng làm phép lạ của Đức Trinh Nữ Maria và với lòng thành kính, họ bắt đầu khẩn cầu trước bức tượng:

– Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm Nguyên Tội ơi, Mẹ có thấy sự khiêm nhường của chúng con không! Với những giọt nước mắt, chúng con chạy đến trước bức tượng thánh khiết của Mẹ và khiêm nhường khẩn cầu: xin Mẹ đừng bỏ rơi tu viện của Mẹ, nơi chính Mẹ đã đặt nền móng tại đây bằng việc hiện ra bức tượng thánh kỳ diệu của Mẹ! Ngài thấy chăng, Nữ Vương, cuộc tấn công dữ dội của kẻ thù đối với chúng con. Xin đừng bỏ rơi chúng con, những tôi tớ của Ngài, mà không che chở, vì chúng con không trông chờ sự giúp đỡ từ đâu khác ngoài chính Ngài, Đấng Duy Nhất.

Vào thời điểm đó, tại tu viện có sự hiện diện của Martinian, một tu sĩ thuộc Tu viện Solovetsky, một người đàn ông đạo đức và kính sợ Thiên Chúa. Đức Mẹ Vô Nhiễm đã hiện ra với ông trong một thị kiến, được bao quanh bởi các thánh – Thánh Nicholas, Thánh Varlaam của Khutyn và Thánh Zosima của Solovetsky – và nói:

– Sự giúp đỡ của Ta đã rời khỏi nơi này vì nhiều người đã làm ô uế nó bằng những hành vi bất chính của họ.

Martinian bừng tỉnh trong cơn kinh hoàng và trong nước mắt, ông đã kể lại giấc mơ của mình cho các vị lãnh đạo tu viện. Nghe câu chuyện của vị tu sĩ Solovetsky, các vị lãnh đạo lập tức truy tìm tất cả những người đã làm ô uế tu viện bằng việc sa vào sự chi phối của dục vọng bất chính, và trục xuất họ ra khỏi tu viện; sau đó, họ thanh tẩy tiền sảnh nhà thờ và bắt đầu cầu xin sự tha thứ của Thiên Chúa và Đức Mẹ Rất Thánh qua những lời cầu nguyện sốt sắng, rơi những giọt nước mắt dạt dào và khẩn cầu Đức Mẹ Rất Thánh ban ơn tha thứ và che chở, để họ không bị giao vào tay kẻ thù. Và Đức Chúa Trời nhân từ, nhờ lời cầu bầu của Mẹ Thiên Chúa, đã biến cơn thịnh nộ công chính của Ngài thành lòng thương xót dành cho những kẻ đang lâm nguy; từ đó, những người bị vây hãm bắt đầu vững vàng và lấy lại sức mạnh, trong khi kẻ thù của họ dần suy yếu. Cuối cùng, sau khi tập hợp lại sức lực và đặt niềm tin vào sự trợ giúp của Đức Mẹ Vô Nhiễm, những người bị vây hãm bất ngờ bước ra khỏi tường tu viện, lao thẳng vào kẻ thù và dũng cảm giao chiến với chúng. Sự trợ giúp thiêng liêng, nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Đồng Trinh, đã đồng hành cùng họ, và Chúa đã ban cho họ chiến thắng trước kẻ thù, bởi dù số lượng họ không đông, họ đã khiến hàng ngàn kẻ thù phải tháo chạy và bắt sống một số trong số chúng.

Tuy nhiên, ngay cả sau đó, những kẻ Varangian vẫn không để yên cho tu viện thánh thiêng. Muốn trả thù cho sự nhục nhã của mình, chúng tập hợp một lực lượng còn lớn hơn nữa, lại tiến đến tu viện: bao vây tu viện, chúng liên tục thực hiện những đợt tấn công dữ dội vào tường thành và bắt đầu đào hào ngầm dưới chân tường. Lúc đó, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội lại hiện ra trong giấc mơ ban đêm với Martinian đã được nhắc đến ở trên và nói với ông:

– Hãy nói với các thủ lĩnh rằng họ phải đuổi lũ heo ra khỏi nhà của Ta, vì chúng đã đào bới khắp nơi xung quanh và đã đào hầm dưới ngưỡng cửa dẫn vào tu viện.

Đức Mẹ cũng hiện ra như vậy với một người khác đang ở trong tu viện, tên là Grigori, và cả hai – Martinian và Grigori – đã truyền đạt những lời của Đức Mẹ cho tất cả những ai có mặt trong tu viện.

Cùng đêm đó, Chúa đã ban cho kẻ thù một ảo ảnh đáng sợ: chúng thấy một đoàn quân đông đảo từ Moscow tiến đến, mang theo nhiều lá cờ sáng chói có hình thánh giá. Nghĩ rằng đó là các đạo quân của Sa hoàng đang đến cứu những người đang ẩn náu trong tu viện, bọn Varangian hoảng sợ và định bỏ chạy. Tuy nhiên, với hy vọng sẽ gây hại cho tu viện và các bức tường của nó thông qua các đường hầm đào lén, chúng đã chần chừ một lúc.

Trong khi đó, những người bị vây hãm, được củng cố bởi thị kiến mà Martinian và Grigory đã nhận được, sau khi dâng lời cầu nguyện trước bức tượng thánh Đức Mẹ đầy phép lạ, đã bước ra khỏi tu viện, vẫn mang vũ khí như trước, và lao vào tấn công kẻ thù. Sự trợ giúp vô hình từ trên cao lại một lần nữa đồng hành cùng họ, giống như trước đây: để giúp đỡ những người Chính Thống, Chúa đã khiến các đạo quân địch rơi vào hỗn loạn, và nỗi sợ hãi cùng sự run rẩy tột độ ập xuống họ. Trong cơn hoảng loạn, họ quay đầu bỏ chạy và, trong sự hỗn loạn vì kinh hoàng, họ đâm chém lẫn nhau, bị truy đuổi không phải bởi một số ít chiến binh có thể nhìn thấy, mà bởi vô số chiến binh vô hình. Lúc đó, các chiến binh Chính thống giáo, thấy kẻ thù đang tháo chạy, càng thêm dũng cảm và truy

đuổi chúng với sức mạnh mới, chém chúng như chém cỏ, đồng thời bắt một số làm tù binh; còn những kẻ thù đang ẩn náu trong các hào, một phần bị quân đội từ tu viện tiến ra chém chết bằng gươm, một phần bị vùi lấp dưới đất. Khi trận chiến kết thúc, những chiến binh Varangian bị bắt làm tù binh kể lại rằng đêm qua họ đã nhìn thấy một đạo quân đông đảo đến cứu viện tu viện, và chính đạo quân đó sau đó đã tiến ra từ phía sau tường tu viện và truy đuổi họ với sức mạnh vô song. Nghe những lời kể của những người Varangian, các tín hữu Chính Thống Giáo đã dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội trong nước mắt. Chiến thắng vinh quang này diễn ra đúng vào ngày lễ Nâng Thánh Giá Thánh và Ban Sự Sống của Chúa, vào năm 1614.

Năm sau, thống đốc người Varangian đóng quân tại Veliky Novgorod, trong cơn thịnh nộ tột độ đối với tu viện Tikhvin – nơi đã cướp đi sinh mạng của vô số binh lính dưới trướng ông – lại tập hợp một đội quân dân quân hùng mạnh và, khi phái họ đến Tikhvin, đã ra lệnh tàn phá tu viện đến tận nền móng mà không hề thương xót, còn bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh thì phải chặt thành nhiều mảnh, và nhà thờ của Người phải bị phá tan tành thành từng viên đá. Tin tức về mệnh lệnh này đã lan đến tu viện Tikhvin. Tất cả những ai có mặt tại đó lúc bấy giờ đều hoảng sợ tột độ và định mang theo bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh làm phép lạ để chạy trốn đến Moscow. Nhưng bức tượng thánh làm phép lạ vẫn đứng yên tại chỗ, đến nỗi khi các linh mục cố gắng di chuyển nó khỏi vị trí trong khi hát kinh cầu nguyện, họ cũng không thể làm được. Phép lạ đã thức tỉnh những người thiếu can đảm, và họ nhận ra rằng Đức Mẹ Đồng Trinh không hài lòng với ý định rời khỏi tu viện của họ. Đặt trọn niềm tin vào sự trợ giúp toàn năng của Nữ Vương Thiên Đàng, tất cả những ai có mặt tại đó đều tự nhốt mình trong tu viện và chờ đợi sự xuất hiện của kẻ thù. Nhưng Đấng Bảo Trợ Nhanh Nhẹn của các tín hữu Chính Thống và Đấng Bảo Vệ Không Ngủ của tu viện của Ngài đã không cho phép quân Varangian tiến đến tu viện và đã chặn đường họ bằng một hiện tượng kỳ diệu. Những người Varangian bỗng thấy một đạo quân đông đảo và được trang bị vũ khí tốt đang lao nhanh về phía họ, sẵn sàng giao chiến. Không dám đối đầu với sức mạnh bất khả chiến bại như vậy, họ, bị nỗi sợ hãi bao trùm, đã bỏ chạy, gây ra cảnh chen lấn và giẫm đạp lên nhau. Kể từ đó, những người Varangian không còn dám tiếp cận tu viện Tikhvin nữa[4592] . Như vậy, Đức Trinh Nữ Maria đã nhiều lần bảo vệ tu viện của Mình khỏi kẻ thù một cách oai hùng; không chỉ giải thoát tu viện của Mình khỏi tay chúng, mà Mẹ còn nhanh chóng giải phóng Veliky Novgorod cùng toàn bộ lãnh thổ khỏi ách thống trị của người Varangian và trao lại cho vị Sa hoàng Chính thống giáo Nga. Và nhờ những lời cầu nguyện của Người, hòa bình và yên tĩnh đã đến với toàn bộ vương quốc Nga.

Sau khi những tai họa nêu trên kết thúc, khi tu viện cùng với toàn cõi Nga đang tận hưởng hòa bình vừa đến, Đức Chúa Trời đã muốn thử thách nơi này – vốn đã được bảo vệ khỏi các cuộc tấn công của người Varangian và lửa – để răn dạy và thanh tẩy các tu sĩ khỏi mọi điều ô uế. Sự viếng thăm đáng sợ này của Đức Chúa Trời đã được báo trước một cách kỳ diệu cho các tu sĩ trong tu viện. Chuyện xảy ra như sau.

Tại Tikhvin có một người ăn xin tên là Nikita, người đã tự nguyện thực hành đời sống của một người điên thánh để làm vui lòng Đức Chúa Trời. Và chính người này, không phải trong giấc mơ mà là trong thực tế, đã được Thánh Makarii Zheltovodsky hiện ra và nói:

– Hãy đi và truyền đạt cho vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ rằng họ phải tuân giữ sự tiết độ một cách cẩn trọng, và đặc biệt không được giữ bất cứ thứ gì có cồn trong tu viện, vì say rượu là nguyên nhân của mọi điều ác. Hơn nữa, đừng cho phép những người có thể gây cám dỗ cho các tu sĩ, đặc biệt là phụ nữ, vào tu viện, trừ khi là để tham dự các nghi lễ nhà thờ. Hãy nói với họ rằng họ phải siêng năng cầu nguyện với Đức Chúa Trời và Đức Mẹ Đồng Trinh, để xua đuổi khỏi tu viện sự trừng phạt khủng khiếp của Đức Chúa Trời bằng lửa.

Lúc đó, Nikita, người không biết vị thánh này, đã hỏi ngài rằng ngài là ai.

Người hiện ra đáp:

– Ta là Makariy Zheltovodsky và đã đến đây để viếng bức tượng linh thiêng của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.

[4592] Khoảng một năm sau chiến thắng kỳ diệu đó, các sứ giả hoàng gia đã đến tu viện Tikhvin để ký kết hòa ước với người Thụy Điển. Sau khi sao chép bản chép tay từ bức tượng thánh Đức Mẹ có phép lạ, các sứ giả đã lên đường đến làng Stolbovo, cách tu viện 50 versts, gần thành phố Ladoga; các sứ giả Thụy Điển cũng đã đến nơi này. Tại đây, vào ngày 10 tháng 2 năm 1617, Hiệp ước Stolbovo đã được ký kết, trong đó bản sao bức tượng Đức Mẹ Tikhvin có phép lạ mà phía Nga mang theo đã được dùng làm vật đảm bảo chính cho hiệp ước. Bức tranh này sau đó được chuyển đến Moscow và được đặt tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, rồi do những lời thỉnh cầu khẩn thiết của người dân Novgorod – những người đã tham gia cuộc chiến chống Thụy Điển – nên đã được chuyển đến Novgorod và đặt tại Nhà thờ Thánh Sofia, nơi nó vẫn còn được lưu giữ cho đến ngày nay.

Nói xong, ngài bỗng biến mất. Nikita liền đến gặp vị tu viện trưởng và các tu sĩ, kể cho họ nghe về thị kiến mà mình vừa trải qua. Nhưng họ không tin lời ông và chế giễu ông như một người điên. Vài ngày trôi qua – bỗng nhiên, chỉ vì một lý do nhỏ nhặt, một phòng tu bốc cháy; ngọn lửa nhanh chóng bùng lên và lan rộng khắp các tòa nhà, khiến cả tu viện chìm trong biển lửa. Ngọn lửa dữ dội đến mức không chỉ các công trình bằng gỗ bị thiêu rụi thành tro bụi, mà nhiều công trình bằng đá cũng sụp đổ vì lửa. Lúc đó, các tu sĩ mới nhận ra rằng Thánh Makari Zheltovodsky thực sự chính là người điên thánh Nikita, và ngài đã cảnh báo họ qua người này về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đang đe dọa họ. Sau khi ăn năn, họ bắt đầu tuân giữ mọi điều Thánh nhân đã dạy, và thành kính cầu nguyện với Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, xin Người tha thứ cho những tội lỗi của mình. Và nhờ lòng thương xót của Nữ Vương Thiên Đàng, sau một thời gian, tu viện đã được khôi phục lại một cách tráng lệ, và vẫn đứng vững cho đến ngày nay, nở rộ như hoa súng và được tôn vinh nhờ những phép lạ do bức tượng thánh của Đức Mẹ vô nhiễm nguyên tội ban tặng. Bởi vì ngay cả ngày nay, những ai với lòng tin đến tu viện đều nhận được điều mình cầu xin trước bức tượng và được chữa lành kỳ diệu cho các bệnh tật của mình[4593] .

Chúng ta không cần phải nói về tất cả những phép lạ này: chúng đã được ghi chép tại tu viện Đức Mẹ Vô Nhiễm để tôn vinh Chúa Trời và Mẹ Ngài, Đấng được chúc phúc vô cùng.

Về việc bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Thiên Chúa đã được mang đến Tikhvin từ đâu, hiện không có thông tin đáng tin cậy nào. Trong các cuốn sách cổ viết tay có ghi rằng, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, bức tượng đã được mang đến Nga từ Hy Lạp, từ Constantinople, vào thời trị vì của Hoàng đế Hy Lạp John Palaiologos[4594] , 70 năm trước khi Constantinople bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng[4595] . Điều này có thể thấy rõ qua những tình tiết sau đây.

Vào thời điểm bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Đồng Trinh bắt đầu được tôn vinh tại Tikhvin nhờ nhiều phép lạ vĩ đại, một số thương gia Novgorod, những người đàn ông sùng đạo, tình cờ có mặt tại thành phố hoàng gia Constantinople. Trong cuộc trò chuyện với họ, Đức Thượng phụ Thánh của Constantinople đã nhớ đến bức tượng thánh có phép lạ mà họ từng sở hữu, nhưng đã biến mất và rời khỏi thành phố hoàng gia, và ngài hỏi họ:

– Các vị có nghe nói gì về bức tượng thánh đó không?

Họ đã kể cho ngài nghe như sau, đồng thời khẳng định câu chuyện của mình bằng lời thề rằng mọi điều kể ra đều là sự thật:

– Có một bức tượng thánh Đức Mẹ làm phép lạ, – họ nói, – đã bay đến nước Nga vĩ đại, – chỉ có Chúa mới biết từ đâu, – và xuất hiện ở nhiều nơi khác nhau, trong phạm vi thành phố Veliky Novgorod, cách đó một trăm tám mươi poprishch, di chuyển từ nơi này sang nơi khác; cuối cùng, bức tượng đã hiển linh một cách vinh quang trên sông Tikhvin, nơi nó đã thực hiện những phép lạ kỳ diệu và không thể diễn tả được, – và hiện nay nó vẫn còn ở trong nhà thờ tại đó.

Nghe câu chuyện đó và nhận ra rằng bức tượng thánh xuất hiện trên sông Tikhvin chính là bức tượng mà ông đã hỏi, – vị tổng giám mục bắt đầu thở dài từ tận đáy lòng và hỏi kỹ hơn về bức tượng thánh Tikhvin. Sau đó, chính ngài cũng kể lại rằng bức tượng thánh ấy từng rời khỏi kinh đô một cách huy hoàng qua biển, hướng về nơi mà Đức Chúa Trời đã định, và rằng, sau một thời gian, nó lại trở về kinh thành, rằng từ bức tượng ấy đã tuôn trào biết bao phép lạ và ân huệ cho các tín hữu, cũng như nhờ những lời cầu nguyện trước mặt nó, với tư cách là một vị trợ giúp đắc lực, đã mang lại những chiến thắng và sự đánh bại kẻ thù.

– Nhưng giờ đây, – ngài nói, – do sự kiêu ngạo, lòng thù hận anh em và những điều bất chính khác của chúng ta, Đức Mẹ chắc chắn đã lại rời xa chúng ta và sẽ không bao giờ trở lại nữa.

Nói xong những lời đó với vẻ xúc động, vị tổng giám mục cùng các thương gia Novgorod đi vào nhà thờ và chỉ cho họ nơi đặt hòm thánh, nơi từng có bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Nơi đó nằm – nếu bước

---

[4593] Bức tranh thánh Mẹ Tikhvin là một trong những bức tranh thánh nổi tiếng và được tôn kính nhất của Đức Mẹ tại Nga. Hàng năm, hàng nghìn người đổ về Tikhvin để chiêm bái bức tranh thánh có phép lạ này. Các công tước và sa hoàng Nga đã đóng góp để làm giàu cho tu viện và chính họ cũng đã thực hiện những chuyến hành hương để chiêm bái bức tranh thánh. Tại cả hai thủ đô, ở nhiều thành phố và tu viện, thậm chí cả các nhà thờ giáo xứ nông thôn, đều có những bản sao của bức tượng này được ca ngợi nhờ các phép lạ – Tại Tu viện Tikhvin, 24 lần mỗi năm diễn ra lễ rước thánh giá quanh khu vực tu viện cùng với bức tượng làm phép lạ. Giá trị của các đồ trang sức quý trên bức tượng lên tới 70 nghìn rúp.

[4594] Ở đây tất nhiên là nói đến John V Palaiologos, người trị vì từ năm 1379 đến năm 1391.

[4595] Việc người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm Constantinople diễn ra vào năm 1453.

vào nhà thờ từ cửa phía tây – bên cột phải của nhà thờ; tại đây đã được đặt một bức tượng thánh khác, nhưng nhỏ hơn một chút, và có một ngọn đèn không bao giờ tắt đang cháy.

Khi nghe và thấy điều này, những người đàn ông Novgorod đã vô cùng ngạc nhiên và ca ngợi Chúa Trời cùng Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm Nguyên Tội, Đấng đã thực hiện nhiều phép lạ ở các quốc gia khác nhau qua bức tượng thánh vô nhiễm của Mẹ. Họ đã trò chuyện rất lâu với Đức Thượng phụ về bức tượng Đức Mẹ Rất Thánh và kể cho nhau nghe về những phép lạ do Đức Mẹ thực hiện: ngài kể về những phép lạ đã xảy ra ở xứ Hy Lạp, còn họ thì kể về những phép lạ đã làm kinh ngạc xứ Nga. Và những người Nga đã vô cùng vui mừng khi nghe tin tức mà họ nhận được về bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Vô Nhiễm.

Khi họ rời khỏi Constantinople và đặt chân đến đất Nga, những điều họ nghe được tại Tsargrad đã lan truyền khắp nước Nga; những câu hỏi của Đức Thượng phụ Toàn cầu về bức tượng thánh Mẹ Thiên Chúa làm phép lạ cùng câu chuyện của ngài về những phép lạ, đã xảy ra từ bức tượng, cùng với chỉ dẫn về vị trí mà bức tượng từng được đặt tại Constantinople. Kể từ đó, mọi người đều tin chắc rằng bức tượng thánh này chính là bức tượng đã được mang về từ Tsargrad. Vì vậy, theo gương Constantinopolis, tại tu viện Tikhvin đã được bố trí một vị trí dành cho bức tượng thánh Đức Mẹ Maria làm phép lạ ngay tại cột bên phải đầu tiên khi bước vào nhà thờ từ cửa phía tây – nơi bức tượng vẫn còn đứng cho đến ngày nay, thực hiện nhiều phép lạ không thể diễn tả được.

Và vì bức tượng thánh Đức Mẹ làm phép lạ ở Tikhvin này được một số người gọi là Odigitria, hoặc là "Rome" hay "Lydian", nên ở đây cần nhắc lại rằng tại Constantinople từng có hai bức tượng thánh đặc biệt nổi tiếng nhờ các phép lạ, trong đó một bức được gọi là "Odigitria" và bức kia là "Rome" hoặc "Lydian". Vậy, "Odigitria" là một bức tượng thánh, còn "Rome" là bức khác. Chúng ta sẽ tóm tắt về hai bức tượng thánh này ở đây, để mọi người đều có thể hiểu biết về chúng.

Về bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Đồng Trinh, được gọi là "Odigitria"

Ngày kỷ niệm: 26 tháng 6

Xem danh sách các bức tượng Đức Mẹ kèm hình ảnh tại bức tượng Đức Mẹ Thánh Thiện có phép lạ, được gọi là "Odigitria"

Một thời gian sau khi Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các Tông đồ, Thánh Tông đồ và Thánh Sử Luca, vốn là một họa sĩ vẽ thánh ảnh tài ba, đã vẽ hình ảnh Đức Mẹ Thiên Chúa ( ) trên một tấm ván và mang đến dâng lên chính Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm. Khi ngắm nhìn hình ảnh khuôn mặt của Mình trên bức tranh thánh, Đức Trinh Nữ đã nhớ lại lời tiên tri trước đây về chính Mình và nói: "Vì từ nay trở đi, mọi dòng dõi sẽ ca ngợi Ta" (Lc 1,48). Sau đó, chỉ vào bức tranh thánh, Mẹ phán: "Xin ân sủng của Ta ở cùng bức tranh thánh này." Và lời của Đức Mẹ Rất Thánh đã trở thành hiện thực: nhờ ân sủng của Đức Trinh Nữ Rất Thánh, từ bức tượng thánh đó, thực sự đã tuôn trào vô số phép lạ kỳ diệu và không thể diễn tả, và những người bệnh tật đã được chữa lành.

Sau đó, Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, đã gửi bức tượng thánh này đến Antiôkhia[4596] cho Thống đốc Théophilus, người thuộc số những người đã tin vào Đức Kitô và là người mà Luca đã viết Tin Mừng của mình cùng cuốn Sách Công Vụ Tông Đồ dành cho. Tại Antiôkhia, bức thánh tượng đã được tôn kính xứng đáng không chỉ bởi Thêôphilô, mà còn bởi tất cả các Kitô hữu đang sinh sống tại đây.

Nhiều năm trôi qua sau đó, bức thánh tượng đã được mang khỏi Antioch và chuyển đến Jerusalem trước tiên, rồi sau đó đến Constantinople. Việc chuyển bức thánh tượng đến thủ đô của vương quốc Hy Lạp này diễn ra trong những hoàn cảnh như sau.

Hoàng hậu Eudokia, phu nhân của Hoàng đế Byzantine Theodosius II[4597] , khi đến Đất Thánh để thờ phượng các thánh tích tại đó, đã mang theo bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh do Thánh Luca, tác giả Phúc Âm, vẽ và gửi làm quà tặng cho em gái hoàng gia, Thánh Pulcheria, như đã được ghi chép trong cuốn tiểu sử của bà. Pulcheria đã vui mừng và đầy tình yêu thương đón nhận bức tượng thánh kỳ diệu này và đặt nó trong nhà thờ Đức Mẹ, do bà xây dựng tại Vlacherna[4598] . Kể từ đó, bức tượng này đã trở thành một báu vật quý giá của kinh đô, bởi từ

[4596] Antioch là một thành phố ở Syria, nằm bên sông Orontes.
[4597] Hoàng đế Theodosius II Trẻ trị vì từ năm 408 đến năm 450.

nó đã tuôn trào nhiều phép lạ và sự chữa lành cho những người bệnh tật. Sau một thời gian, bức tượng được đặt tên là "Odigitria", có nghĩa là "Người Dẫn Đường". Tên gọi này được xác lập sau khi chính Đức Mẹ hiện ra với hai người mù, dẫn họ đến nhà thờ Vlacherna của Người trước bức tượng làm phép lạ, nơi họ đã cầu nguyện và được phục hồi thị lực.

Trong thời trị vì của Hoàng đế Heraclius[4599] , Vương quốc Hy Lạp đồng thời bị người Ba Tư và người Scythia tấn công. Tướng Sarvar của vua Ba Tư Khosrow[4600] cùng với một vị công tước Scythia đã dẫn quân đông đảo tiến đến tận Constantinople, bao vây thành phố, cắt đứt liên lạc của nó với thế giới bên ngoài và chuẩn bị tung ra một đòn tấn công quyết định. Lúc bấy giờ, Đức Thượng phụ Constantinopolis Sergius, với lòng tôn kính đặc biệt, đã mang theo bức tượng thánh "Odigitria" và áo choàng của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, cùng với các bức tượng thánh khác, đi vòng quanh các bức tường thành và cử hành nghi thức cầu nguyện dâng lên Đức Chúa Trời và Mẹ Ngài. Và nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, cùng sự cầu bầu của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, người Hy Lạp đã được ban cho sự giải cứu kỳ diệu, giúp thành phố hoàng gia của họ thoát khỏi tay bọn man rợ. Khi Đức Thượng phụ và các linh mục, sau khi cầu nguyện sốt sắng trước bức tượng Đức Trinh Nữ, thả áo choàng của Đức Mẹ xuống nước vịnh biển, thì biển bỗng dậy sóng và nhấn chìm các tàu chiến của quân thù đang tiến gần; đồng thời, những kẻ tấn công trên đất liền cũng rơi vào hỗn loạn, và do đó đã bị quân đội Hy Lạp đánh đuổi một cách dễ dàng. Để tưởng nhớ sự che chở kỳ diệu này của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội dành cho thành phố hoàng gia, người ta đã thiết lập việc cử hành bài thánh ca tạ ơn Akafist vào thứ Bảy thứ năm của Mùa Chay.

Khi tà thuyết chống thánh tượng lên ngôi và các vị vua vô đạo phát động cuộc đàn áp nhắm vào các thánh tượng cũng như những người tôn kính chúng, thì một số tu sĩ Chính Thống Giáo đã bí mật lấy bức thánh tượng "Odigitria" khỏi nhà thờ Vlacherna vào ban đêm và mang đến tu viện Pantokrator[4601] . Tại đây, họ giấu bức tượng trong tường nhà thờ; sau đó, sau khi cầu nguyện, họ thắp đèn trước bức tượng và che chắn nó lại để nó không bị những kẻ chống thánh tượng làm ô uế.

Bức tượng thánh kỳ diệu ấy đã được cất giữ như vậy trong nhiều năm, cho đến khi tất cả những kẻ ủng hộ tà thuyết đều qua đời. Và khi hòa bình lại trở lại trong Giáo hội và cuộc chiến chống lại các bức tượng thánh chấm dứt, người ta đã tìm kiếm rất lâu để xác định nơi cất giữ bức tượng thánh của Đức Mẹ Thiên Chúa, do Thánh Luca, tác giả Phúc Âm, vẽ và sau này được gọi là Odigitria. Cuối cùng, nhờ sự mặc khải của Thiên Chúa, bức thánh tượng được tìm thấy đang được giấu kín trong tường nhà thờ của Tu viện Pantokrator, và người ta thấy rằng ngọn đèn thắp trước bức thánh tượng vẫn chưa tắt. Tất cả các tín hữu, khi biết tin về việc tìm thấy bức tượng thánh kỳ diệu này, đều tràn ngập niềm vui lớn lao, và trong tiếng cầu nguyện cùng những bài thánh ca, họ long trọng rước bức tượng về vị trí cũ tại nhà thờ Vlacherna.

Về bức tượng thánh có phép lạ của Đức Mẹ Lida, hay còn gọi là Đức Mẹ Rôma

Ngày kỷ niệm: 26 tháng 6

Thánh Tông đồ Trưởng Phêrô và Thánh Tông đồ Gioan Thần Học, trước khi, giống như các Tông đồ khác, lên đường đến các miền đất xa xôi để rao giảng Tin Mừng, đã trước tiên rao giảng về Chúa Kitô tại các thành phố lân cận gần Giêrusalem nhất. Và khi các ngài ở thành Lydda[4602] , nơi sau này được gọi là Diospolis, và đã dẫn dắt nhiều người ở đó đến với Chúa Kitô, thì các ngài đã thành lập tại đó một nhà thờ mang tên Đức Trinh Nữ Maria. Các hoàn cảnh đã thuận lợi cho việc xây dựng nhà thờ. Vào thời điểm đó, Giáo hội của Chúa Kitô đã được hưởng hòa bình và yên ổn, vì ngay sau khi vị tử đạo đầu tiên là Thánh Stephano bị giết, cuộc bách hại đối với các Kitô hữu

---

[4598] Vlacherna – một khu vực ở Constantinopolis, nằm ở góc phía tây của thành phố. Vào thời kỳ hưng thịnh của Đế chế Byzantine, nơi đây nổi tiếng khắp phương Đông nhờ các thánh địa; đặc biệt nổi tiếng là Vlacherna nhờ Nhà thờ Đức Mẹ, được xây dựng dưới thời Leo Đại đế (457–474); dưới triều đại của ông, những bộ áo thánh của Đức Mẹ đã được an táng tại nhà thờ này, được chuyển đến từ Palestine; tại đây cũng lưu giữ trong một hòm bằng vàng ròng chiếc omophorion của Người và một phần của thắt lưng.

[4599] Hoàng đế Heraclius trị vì từ năm 610 đến năm 641.

[4600] Tất nhiên là Khosrow II thuộc triều đại Sassanid; trị vì từ năm 590 đến năm 621.

[4601] Tức là Chúa Toàn Năng; tu viện này tọa lạc ở ngoại ô thành phố

[4602] Một thành phố ở Palestine, phía bắc-tây của Jerusalem, trên con đường dẫn đến Jaffa.

đã chấm dứt tại xứ Giu-đê. Điều này được thúc đẩy bởi thực tế là Hoàng đế La Mã Tiberius[4603] , người đã nghe nói nhiều về Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, đã ra lệnh không được bách hại các Kitô hữu. Về thời kỳ bình an này đối với Giáo hội Kitô giáo, Sách Công vụ Tông đồ có ghi chép như sau: *"Các Hội thánh khắp xứ Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri đều được bình an, được xây dựng và sống trong sự kính sợ Chúa"* (Công vụ 9:31). Sau khi thành lập Hội Thánh tại Lydda, các Tông đồ Phêrô và Gioan đã lên đường đến Giêrusalem và khẩn cầu Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, đến Lydda để chiêm ngưỡng ngôi thánh đường được xây dựng nhân danh Mẹ, ban phước lành và thánh hóa nơi đó bằng sự hiện diện của Mẹ, để những lời cầu nguyện dâng lên Đấng Thiên Chúa được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria có thể đến được ngai vàng của Ngài. Trước lời thỉnh cầu của các Tông đồ, Đức Mẹ đã phán: "Hãy vui vẻ trở về Lydda: Ta sẽ ở đó cùng các con." Khi trở lại Lydda, họ thấy trong nhà thờ, trên một trong những cột đá chống đỡ tòa nhà, có một hình ảnh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội không phải do tay người vẽ, mà được khắc theo ý muốn của Thiên Chúa, thể hiện khuôn mặt tuyệt đẹp của Người cùng tất cả những bộ y phục trang nghiêm mà Người thường mặc. Thấy điều đó, các Tông đồ đã quỳ lạy trước hình ảnh kỳ diệu và không do tay người vẽ này, và dâng lời tạ ơn lên Lời Thiên Chúa đã nhập thể từ Đức Trinh Nữ. Sau đó, Đức Mẹ Rất Thánh cũng đến Lydda; khi nhìn thấy hình ảnh của Mình, cũng như đông đảo những người sùng kính Mình, những người có đức tin nơi Chúa Giêsu Kitô, Mẹ đã vui mừng trong lòng và ban cho hình ảnh của Mình ân sủng cùng quyền năng làm phép lạ.

Nhiều năm sau đó, Julianus Apostata ([4604]) lên ngôi hoàng đế La Mã và đã phát động cuộc đàn áp tàn bạo đối với Giáo hội của Chúa Kitô. Biết được sự tồn tại của bức tượng kỳ diệu của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội tại Lydda, ông đã cử một người họ hàng của mình, cũng tên là Julianus, đến đó với mệnh lệnh phải xóa bỏ bức tượng đó. Và lúc đó, một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra. Khi những người thợ đá dùng dụng cụ đục đá cố gắng xóa bỏ bức tranh, màu sắc và nét vẽ lại thấm sâu vào bên trong cột đá, và hình ảnh vẫn nguyên vẹn, bất chấp mọi nỗ lực của họ. Sau khi làm việc vất vả trong thời gian dài mà không đạt được kết quả gì, họ đành phải rời đi, không thể xóa bỏ được hình ảnh thiêng liêng đó. Tin đồn về phép lạ kỳ diệu này đã lan truyền khắp mọi ngõ ngách của vũ trụ – và kể từ đó, vô số tín hữu bắt đầu đổ về Lydda để thờ lạy hình ảnh làm phép lạ của Đức Mẹ Vô Nhiễm.

Nhiều năm sau đó, Đức Thánh Germanus, người sau này trở thành Thượng phụ Constantinopolis[4605] , đã lên đường đến Palestine để chiêm bái các thánh địa ở đó. Sau khi ghé thăm Jerusalem và chiêm bái Mộ Thánh Chúa cùng các thánh địa khác tại đây, ngài tiếp tục đến Lydda. Tại đây, sau khi chiêm bái bức tượng thánh có phép lạ của Đức Mẹ, ngài đã giao cho một họa sĩ vẽ tranh thánh thực hiện một bản sao chính xác của bức tượng trên tấm ván. Khi người họa sĩ hoàn thành nhiệm vụ được giao, Thánh Germanus đã nhận bản sao này từ tay ông và mang bức tượng theo mình về Constantinople, luôn giữ nó bên mình như một kho báu vô giá, đồng thời hàng ngày dâng lời cầu nguyện trước bức tượng này. Sau đó, dưới triều đại của Artemius, người được gọi là Anastasius[4606] , ngài, theo ý muốn của Thiên Chúa, đã được bầu làm tổng giám mục của thành phố hoàng gia.

Nhưng Lê-vơ người Isauria[4607] , người lên ngôi hoàng đế sau Anastasius và tự xưng là kẻ chống thánh tượng cuồng nhiệt, đã phát động cuộc đàn áp đối với các tín hữu Chính Thống Giáo và một cách nhục nhã đã truất phế Đức Thượng phụ Germanus khỏi ngai tòa Thượng phụ. Khi bị trục xuất khỏi nhà thờ và dinh thự tổng giám mục của mình, Thánh German đã mang theo hai bức thánh tượng: một bức là Chúa Kitô Cứu Thế, và bức còn lại chính là bức thánh tượng Đức Mẹ Rất Thánh mà họa sĩ đã sao chép cho ngài từ bức thánh tượng do chính Đức Mẹ vẽ tại Lydda. Sau đó, trước khi lên tàu để đi lưu đày, ngài đã viết một bức thư gửi Đức Giáo hoàng Rôma, Đức Thánh Cha Grigori[4608] , trong đó thông báo về việc ngài bị trục xuất oan uổng và sự đàn áp đối với các tín hữu Chính Thống Giáo từ phía vị vua chống thánh tượng. Sau khi viết xong bức thư này, ngài đã khoét một lỗ trên tấm ván chắc chắn của bức tượng Chúa Cứu Thế và đặt bức thư đã niêm phong vào đó, ghi rõ ngày giờ viết thư. Sau đó, sau khi bịt kín lỗ lại, ngài đã hôn lên chính bức tượng với những giọt nước mắt và đồng thời nói hai lần:

– Thầy ơi! Thầy ơi! Xin cứu lấy Ngài và chúng con!

[4603] Hoàng đế Tiberius trị vì từ năm 14 đến năm 37 sau Công nguyên.

[4604] Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363.

[4605] Thánh Germanus giữ chức Tổng Giám mục tại Constantinople từ năm 715 đến năm 730.

[4606] Tất nhiên là Hoàng đế Anastasius II, trị vì từ năm 713 đến năm 715.

[4607] Lêô III người Isauria trị vì từ năm 716 đến năm 741.

[4608] Thánh Grêgôriô đã giữ chức Giáo hoàng tại Rôma từ năm 715 đến năm 731.

Nói xong, ngài thả bức tượng xuống biển, và nó, trôi theo dòng nước, chỉ trong một ngày đã đến được Rome cổ đại. Cùng đêm đó, Đức Thánh Cha nhận được lời báo trước từ Thiên Chúa về việc bức tượng Đấng Cứu Thế sắp đến Roma. Vì vậy, vào ngày hôm sau, ngay khi mặt trời ló rạng, Đức Thánh Cha cùng các linh mục của mình lên thuyền, mang theo nến và lư hương, xuôi dòng sông Tiber ra biển để đón nhận bức tượng Chúa Giêsu. Khi họ đến cửa sông nơi sông đổ ra biển, họ thấy bức tượng dường như đang di chuyển trên mặt nước; tràn ngập sự kính sợ thiêng liêng và niềm vui tâm linh, họ đã quỳ lạy trước bức tượng. Lúc đó, Đức Giáo hoàng Grêgôriô, quay về phía bức tượng thiêng liêng, đã thốt lên:

– Nếu Ngài, lạy Chúa, đã đến với chúng con, những kẻ không xứng đáng, thì chúng con xin Ngài: như Ngài đã đi trên mặt nước một cách vinh quang, xin hãy ngự lên trên đôi tay chúng con, vì chúng con, vì sợ sự không xứng đáng của mình, không dám chạm vào Ngài.

Ngay khi ngài vừa dứt lời, bức tượng thánh lập tức bay lên cao, lướt qua không trung như một con chim, rồi hạ xuống trên đôi tay của vị thánh. Ngài, trong nước mắt, đã hôn lên bức tượng và tôn kính nó một cách xứng đáng – dưới sự hộ tống của các linh mục, cùng với tiếng hát thánh vịnh, ngài đã mang nó đến Rôma và rước nó đi khắp thành phố, để mọi người đều có thể chiêm ngưỡng bức tượng thiêng liêng ấy. Sau đó, ngài đặt nó trong nhà thờ vĩ đại của Thánh Phêrô, Tông đồ Trưởng. Tại đây, ngài lấy ra từ bức tượng thánh lá thư của Thượng phụ, hoàn toàn không bị nước làm ướt, và sau khi đọc xong, ngài đã biết được tất cả những việc mà vị vua tàn ác, kẻ chống lại các bức tượng thánh, đã làm tại Constantinople. Từ bức thư, Đức Giáo hoàng cũng biết được rằng bức tượng thánh đã được đưa đến với họ bằng đường biển từ Constantinople chỉ trong vòng một ngày, và sau khi ngợi khen Thiên Chúa, ngài đã kể lại điều này cho tất cả những người có mặt; lúc đó, mọi người đều ca ngợi quyền năng không thể thấu hiểu của Thiên Chúa. Với lòng đau buồn trước sự thống trị của tà thuyết chống thánh tượng trên toàn phương Đông và việc Đức Thánh Germanus bị trục xuất, Đức Giáo hoàng đã viết một bức thư táo bạo gửi đến vị vua vô đạo, vạch trần sự gian ác của hắn. Còn bức thánh tượng vẫn ở lại Roma, và từ đó, nhiều phép lạ đã xảy ra tại đây, mang lại sự chữa lành cho những người bệnh tật và đau yếu.

Trong khi đó, Đức Thánh German, khi thấy những kẻ chống thánh tượng bắt đầu làm ô uế và sỉ nhục các thánh tượng, chặt chúng thành từng mảnh, ném vào lửa và quăng xuống nơi ô uế, còn mặt khác, cảm nhận cái chết đang đến gần, ngài đã viết từ nơi lưu đày bức thư thứ hai gửi cho Đức Thượng Phụ Rôma, và trong bức thư này, ngài thông báo cho ngài về tất cả những hành vi vi phạm luật pháp đang diễn ra ở phương Đông. Sau đó, ngài khoét một lỗ trên tấm ván có hình thánh tượng Đức Mẹ Đồng Trinh được vẽ tại Lydda, rồi đặt bức thư của mình vào đó, đồng thời ghi rõ ngày giờ viết thư. Sau khi hôn lên thánh tượng, vị thánh nhân đã thốt lên trong tiếng khóc đắng cay:

"Hãy đi đi, Nữ Vương, không phải để trốn chạy khỏi Hê-rốt sang Ai Cập[4609] , mà là để trốn chạy khỏi những kẻ bài tượng hung ác như thú dữ ở Rô-ma: ở đó, những người Chính Thống sẽ gìn giữ hình ảnh của Ngài và không để nó rơi vào tay những kẻ vô đạo để bị sỉ nhục.

Vậy, xin cho bức thánh tượng cao quý của Mẹ vượt qua vùng biển rộng lớn này, được nâng đỡ bởi sự giúp đỡ và ân sủng của Mẹ: vì Mẹ đã ôm trên tay Đấng đã tạo dựng trời, đất và biển. Còn chúng con, những kẻ đang chịu khổ vì các thánh tượng, qua đó chúng con tôn vinh và thờ lạy Ngài cùng Con Thiên Chúa của Ngài, xin hãy an ủi chúng con trong các nơi cư ngụ của những người công chính, trong lòng Áp-ra-ham."

Với những lời ấy, Đức Thánh Cha German đã hôn lên bức thánh tượng với tình yêu thương và thả nó xuống biển.

Và bức thánh tượng trôi đi nhanh hơn cả cánh chim đại bàng, và chỉ trong một ngày đã đến được Rôma. Cùng đêm đó, vị Tổng Giám mục Rôma đã nhận được lời báo trước từ Thiên Chúa về sự hiện diện của bức tượng Đức Mẹ Thiên Đàng tại Rôma. Vì vậy, sau khi thức dậy, ngài cùng toàn thể hàng giáo sĩ đã lên đường đón rước bức tượng, giống như trước đây họ từng làm để đón rước bức tượng Đấng Cứu Thế, đi dọc theo sông Tiber với nến và lư hương. Khi họ đến cửa sông Tiber, họ thấy bức tượng Đức Mẹ Thiên Chúa đang trôi về phía họ, không phải nằm ngang mà thẳng đứng, như thể đang đứng, phù hợp với hình ảnh được vẽ trên đó. Đức Giáo hoàng giơ tay về phía bức tượng, và bức tượng tự mình bay lên không trung rồi hạ xuống vào tay ngài. Với niềm vui vô bờ, Đức Giáo hoàng đã đón nhận bức tượng, hôn lên nó, rồi trở về Roma, không ngừng ngạc nhiên trước những phép lạ kỳ diệu

[4609] Tất nhiên là Hê-rốt, người được gọi là Đại đế, từng là vua Giu-đê vào năm Chúa Giê-su ra đời; để trốn tránh âm mưu giết hại Vua Giu-đê mới sinh của ông ta, Đức Mẹ cùng với Con là Chúa Giê-su và vị hôn phu Giô-sép đã chạy trốn sang Ai Cập.

của Thiên Chúa. Sau đó, ngài mở lỗ hổng do Thượng phụ Germanos tạo ra và, sau khi đọc bức thư tìm thấy ở đó, ngài hiểu rằng bức tượng thánh chỉ mới được thả xuống biển vào ngày hôm trước và nhờ đó đã trôi dạt đến với họ chỉ trong vòng một ngày. Sau khi tưởng nhớ đến Đức Thánh Germanos – ngọn đèn sáng vĩ đại của Giáo hội Chính thống, người đã ra đi trong cảnh lưu đày, Đức Giáo hoàng đã cùng với bức tượng thánh Đức Mẹ Rất Thánh thực hiện một cuộc rước long trọng khắp thành phố, giống như khi rước bức tượng Chúa Cứu Thế, rồi mang nó vào Nhà thờ Thánh Tông đồ Phêrô và đặt tại bàn thờ. Kể từ đó, từ bức tượng này, nhiều phép lạ đã xảy ra tại Roma và những người bệnh tật đã được chữa lành.

Sau đó, thêm vài năm nữa trôi qua, trong thời gian đó, các vị vua và tổng giám mục chống thánh tượng đã hoành hành tại Constantinople. Nhưng rồi tất cả họ đều chết trong nhục nhã – và Hoàng đế Michael, người có đức tin vững vàng[4610] , đã lên ngôi. Do Hoàng đế còn nhỏ tuổi, ban đầu đất nước được cai trị bởi người mẹ sùng đạo của ngài – Hoàng hậu Theodora[4611] . Dưới triều đại của họ, tà thuyết chống thánh tượng đã bị nhổ tận gốc và thời kỳ huy hoàng của Chính thống giáo đã bắt đầu.

Vào thời điểm đó, bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, vốn được Đức Thượng phụ Germanus mang theo đến nơi lưu đày, sau đó được đưa từ đó đến Roma và đặt trong bàn thờ của Nhà thờ Thánh Tông đồ Phêrô, đã bắt đầu chuyển động và rung lắc trước mắt tất cả những người có mặt trong nhà thờ, mặc dù không ai trong số họ chạm vào nó. Hiện tượng này lặp lại nhiều lần, lúc thì trong thánh lễ chiều, lúc thì thánh lễ sáng, và đôi khi ngay cả trong Thánh lễ. Người dân Rôma đều kinh hoàng và vô cùng ngạc nhiên trước phép lạ kỳ lạ này. Vị Giáo hoàng Roma lúc bấy giờ là Đức Thánh Cha Sergius[4612] – và rồi một ngày nọ, khi ngài đang cử hành thánh lễ tại Nhà thờ Thánh Phêrô cùng với đông đảo các linh mục, bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh bỗng nhiên lại bắt đầu rung lắc mạnh mẽ. Thấy vậy, tất cả những người có mặt đều kinh hoàng và bắt đầu kêu lên lớn tiếng và khẩn thiết: “Lạy Chúa, xin thương xót!”

Vậy là, nhờ cầu xin ân sủng của Đức Chúa Trời, họ đã khiến cho sự rung lắc của bức tượng thánh ngừng lại. Nhưng sau đó, bức tượng thánh lại bắt đầu chuyển động, rời khỏi vị trí ban đầu và bay lên không trung. Lúc đó, tất cả những người có mặt trong nhà thờ đều tụ tập lại gần bàn thờ với những tiếng reo hò và giơ tay về phía bức tượng để đón nhận nó, lo sợ rằng nó có thể rơi xuống đất và vỡ tan – nhưng họ không thể làm được điều mình mong muốn, vì bức tượng đang bay lơ lửng trên không rất cao. Từ từ, như thể đang đi qua nhà thờ, bức tượng di chuyển về phía cửa ra, được nâng đỡ bởi những bàn tay vô hình của các Thiên thần. Đức Thánh Cha, cùng toàn thể hàng giáo sĩ và dân chúng, trong sự kính sợ và run rẩy, đã theo sau bức tượng, chiêm ngưỡng phép lạ kỳ diệu ấy. Khi đến sông Tiber, bức tượng hạ xuống mặt nước và trôi theo dòng chảy ra biển. Toàn thể dân chúng và Đức Giáo hoàng đi dọc theo bờ sông, nhìn theo hình ảnh bức tượng thánh rời đi và tiễn đưa nó trong nước mắt. Trong lúc đó, Đức Giáo hoàng Sergius thốt lên: “Ôi, thật đáng thương cho chúng con, Nữ Vương và Chúa Tể của chúng con, thật đáng thương cho chúng con! Ngài đang rời xa chúng con đi đâu, Hòm Giao Ước Thần Thánh ơi? Cũng như xưa kia bức tượng thánh của Ngài đã đến với chúng con trên mặt nước, thì giờ đây, nó cũng rời xa chúng con theo con đường ấy. Sự ra đi kỳ diệu này của Ngài khiến chúng con kinh hoàng và run rẩy: chúng con lo sợ liệu chúng con có phải hứng chịu sự đàn áp tương tự từ những kẻ chống thánh tượng hay những kẻ vô luật pháp khác, như đã từng xảy ra tại Constantinople và chính vì điều đó mà bức thánh tượng thiêng liêng của Ngài đã rời khỏi nơi đó. Cho đến bao giờ, Đức Mẹ Vô Nhiễm, những cơn bão táp và những cuộc nổi loạn dị giáo làm xáo trộn Giáo Hội của Chúa Kitô mới chấm dứt?”

Đức Giáo hoàng đã nói những lời này và nhiều điều khác nữa, khi cùng dân chúng tiễn đưa bức tượng thánh làm phép lạ, cho đến khi nó biến mất khỏi tầm mắt họ, bị dòng hải lưu mạnh cuốn đi. Sau đó, Đức Giáo hoàng đã ra lệnh ghi chép phép lạ này vào biên niên sử, để các thế hệ sau này còn lưu giữ ký ức về nó.

Trong khi đó, bức thánh tượng, trôi dạt trên biển, đã đến Constantinopolis và neo đậu tại bến cảng gần cung điện hoàng gia. Những người đàn ông đạo đức có mặt tại đó đã nhặt lấy nó và mang đến cho Hoàng hậu Theodora, người rất sùng đạo. Sau khi nhận bức tượng thánh và biết rằng nó được tìm thấy tại bến cảng, Nữ hoàng Theodora nói rằng đây có lẽ là một trong những bức tượng mà những kẻ chống tượng thánh đã buộc vào đá rồi ném xuống

---

[4610] Hoàng đế Michael III lên ngôi vào năm 842, nhưng bắt đầu tự mình cai trị Nhà nước từ năm 855; ông trị vì cho đến năm 867.

[4611] Theodora, vợ của Hoàng đế Theophilus (824–842), đã điều hành nhà nước từ năm 842 đến năm 855 do con trai bà là Michael còn quá nhỏ.

[4612] Tất nhiên là Giáo hoàng Sergius II (từ năm 844 đến năm 847).

biển: giờ đây, những sợi dây buộc nó đã bị tuột ra hoặc mục nát, và thế là bức tượng nổi lên mặt nước. Những người khác cũng cùng Nữ hoàng suy nghĩ như vậy.

Ngay sau đó, từ phía Hoàng đế Michael kính thánh và Đức Thượng phụ Mefodiy, các sứ giả đặc biệt gồm cả các chức sắc tôn giáo lẫn quan chức thế tục đã được cử đến Roma, mang theo các văn thư gửi Đức Giáo hoàng, trong đó ngài được mời đến Constantinopolis tham dự Công đồng để xem xét và lên án tà thuyết chống thánh tượng. Khi đến Rome và trao các văn thư cho Đức Giáo hoàng, các sứ giả đã mang lại niềm vui lớn lao cho Đức Giáo hoàng và tất cả các Kitô hữu Chính thống, vì họ nhận ra rằng sự thống trị của tà thuyết chống thánh tượng đã chấm dứt. Sau đó, chính họ cũng được an ủi khi biết được tại đây những phép lạ vĩ đại đã xảy ra từ các thánh tượng của Đấng Cứu Thế và Đức Mẹ: như vào thời Đức Giáo hoàng Grigoriô – trước tiên là một bức, rồi đến bức khác – đã trôi dạt trên biển đến Roma, do Đức Thượng phụ Germanô sai đi, và như gần đây, bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, tự mình rời khỏi vị trí mà nó đã được đặt, lại trôi dạt ra khỏi Roma. Sau khi ghi chép lại tất cả những sự kiện kỳ diệu này, họ đã đánh dấu ngày bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội rời khỏi Roma, và sau đó, khi đến Constantinopolis, họ đã kể lại tất cả những gì đã nghe được cho hoàng đế, hoàng hậu và Thượng phụ Methodius. Họ bỗng nhớ lại bức tượng thánh được tìm thấy tại bến cảng và tự hỏi: "Liệu bức tượng thánh này có phải đã trôi dạt từ Roma đến với chúng ta không?"

Chẳng bao lâu sau, các sứ giả đặc biệt của Đức Giáo hoàng đã đến Constantinople với nhiệm vụ đại diện cho Giám mục Rôma tại công đồng. Họ được cho xem bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội được tìm thấy trên bờ biển, và ngay lập tức nhận ra đó chính là bức tượng làm phép lạ mà mới đây đã rời khỏi nơi họ. Khi kể lại điều này cho toàn thể dân chúng, họ đã mang lại niềm vui sướng và sự kinh ngạc tột độ cho mọi người. Sau đó, họ xem lại các ghi chép về ngày bức tượng rời khỏi Roma và thấy rằng bức tượng đã đến Constantinopolis chỉ trong vòng một ngày. Lúc bấy giờ, Đức Thượng phụ cùng toàn thể hàng giáo sĩ, trước sự chứng kiến của hoàng đế và Hội đồng Thượng viện, đã rước bức tượng thánh làm phép lạ và, dưới sự hộ tống của dân chúng, long trọng rước nó đến Chalcopratia[4613] , nơi họ đặt bức tượng trong Nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh, hân hoan trước món quà kỳ diệu do Thiên Chúa ban tặng. Kể từ đó, bức tượng thánh Mẹ làm phép lạ này được gọi là "Rome", vì nó đã được đưa từ Rome đến Constantinople.

Bài thánh ca tôn vinh Đức Mẹ dành cho bức tượng Tikhvin, giọng

Hôm nay, như mặt trời rực rỡ, bức tượng thánh đáng kính của Ngài, Nữ Vương, đã chiếu sáng trên bầu trời, chiếu rọi thế gian bằng những tia sáng của lòng thương xót, và nước Nga vĩ đại, như một ân huệ thiêng liêng, đã kính cẩn đón nhận từ trên cao, ca ngợi Ngài, Mẹ Thiên Chúa, Nữ Vương của muôn loài, và hân hoan tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng con, Đấng đã sinh ra từ Ngài. Xin hãy cầu nguyện cho Ngài, hỡi Đức Mẹ Nữ Vương, để Ngài bảo vệ tất cả các thành phố và đất nước Kitô giáo khỏi mọi sự vu khống của kẻ thù, và cứu rỗi những ai với lòng tin kính thờ phượng Ngài, Đấng Thần Thánh, cũng như hình ảnh vô cùng tinh khiết của Ngài, hỡi Trinh Nữ vô nhiễm.

Kondak, giọng 8:

Hỡi mọi người, hãy chạy đến với Đức Trinh Nữ Maria, Nữ Vương, để tạ ơn Đức Kitô, Thiên Chúa, và hãy quỳ xuống trước bức tượng thánh kỳ diệu của Người với lòng thành kính, và hãy kêu cầu Người: Hỡi Nữ Vương Maria, Đấng đã ban phước cho xứ sở này bằng sự hiện ra kỳ diệu của hình ảnh thánh thiêng của Ngài , xin cứu độ trong hòa bình và thịnh vượng vị Hoàng đế trung thành của chúng con, cùng tất cả các Kitô hữu, những người thừa kế cuộc sống thiên đàng. Vì vậy, chúng con thành kính kêu cầu Ngài: Hỡi Trinh Nữ, niềm vui của thế gian, xin vui mừng.

[4613] Chalkopratia – một khu vực ở Constantinople.

Lễ kính Thánh Cha David thành Thessaloniki

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 6

Thánh Đa-vít sinh ra ở phương Đông và, như một ngôi sao tỏa sáng, đã chiếu rọi cả thế giới: rèn luyện sự tiết độ từ thuở thiếu thời, ngài hiện ra trước mọi người như một Thiên thần trong xác phàm. Định cư gần thành phố Solun[4614] cách đó ba verst, Thánh Đa-vít dựng cho mình một túp lều dưới gốc cây hạnh nhân; tại đó, giống như một con chim hót hay, ngài đã an ủi tất cả những ai tìm đến ngài bằng những lời dạy đầy ích lợi. Tâm trí ngài luôn hướng về cõi cao cả của Thiên Chúa: nhờ đó, ngài được ban ân sủng làm phép lạ và trở thành cột trụ rực rỡ của Giáo hội, soi sáng mọi người bằng những dấu lạ kỳ diệu của mình. Với lòng dũng cảm chịu đựng cả giá rét lẫn nắng nóng gay gắt, ngài dường như đã trở nên vô cảm. Và vì ngài đã dập tắt ngọn lửa dục vọng xác thịt trong lòng mình, nên ngọn lửa vật chất cũng không thể thiêu đốt ngài. Một lần, ngài cầm than hồng trong tay, đặt hương lên đó, rồi bước đến trước mặt nhà vua và xông hương cho ngài; trong khi đó, đôi tay ngài không hề bị lửa làm tổn thương chút nào. Thấy vậy, nhà vua kinh ngạc và quỳ lạy dưới chân vị thánh nhân của Chúa. Nói chung, bằng cuộc đời và những phép lạ mà ngài thực hiện, Thánh Đa-vít đã khiến nhiều người kinh ngạc; khi chiêm ngưỡng ngài, họ đã ngợi khen Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài. Sau một cuộc đời dài và vinh quang, Thánh Đa-vít đã an lành về với Thiên Chúa[4615] , Đấng mà ngài đã yêu mến từ thuở thiếu thời.

Kondak, giọng 1:

Khu vườn mãi mãi nở hoa, sinh ra hoa trái của các đức hạnh, ngài đã hiện ra trên cành cây trong vườn, như một con chim hót hay: còn hơn cả thiên đàng, ngài đã đón nhận Cây Sự Sống của Chúa vào lòng mình, như một người khôn ngoan trước mặt Thiên Chúa, nhờ đó ngài nuôi dưỡng chúng con bằng ân sủng: xin ngài, Thánh Đa-vít toàn phúc, luôn cầu nguyện cho chúng con.

Ngày 10 tháng 7

Ngày 27 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Samson, người hiếu khách.

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 6

Thánh Samson vĩ đại, danh tiếng của ngài lan tỏa khắp nơi, sinh ra tại thành phố lừng lẫy – La Mã Cổ Đại; cha mẹ ngài là những người giàu có và quý tộc, có nguồn gốc từ dòng dõi hoàng gia. Sau khi học hỏi triệt để mọi sự khôn ngoan trần thế, Thánh Samson còn học cả nghệ thuật y học, nhưng không phải vì nhu cầu hay vì lợi lộc – bởi ngài đã hoàn toàn hài lòng với sự giàu có của chính mình – mà một phần là để không sống vô ích, một phần nữa là với mục đích, nhờ sự hiểu biết về y học, để phục vụ những người nghèo khó với sự giúp đỡ của Thiên Chúa. Samson đã chữa lành cho nhiều người mắc các bệnh nan y nhờ tài năng y học của mình. Bên cạnh đó, nghệ thuật y học của ông còn được ân sủng của Chúa hỗ trợ, mang lại sự chữa lành – ân sủng này được ban cho ông nhờ cuộc sống đạo đức và lòng tin vào Chúa. Ngoài sự khôn ngoan trần thế bên ngoài, Thánh Samson còn am hiểu Kinh Thánh, thường xuyên đọc các sách thánh và, được thúc đẩy bởi đức tin và niềm hy vọng, ngài ngày càng vững vàng trong tình yêu của Chúa Kitô.

[4614] Thessaloniki hay Thessalonica – một thành phố cổ kính và rất quan trọng của Macedonia, nằm sâu trong Vịnh Thessaloniki hay Vịnh Fermeia, thuộc Biển Aegean (Quần đảo Aegean). Tại Solun, Thánh Phaolô đã rao giảng đạo Kitô và đã viết hai thư gửi cho cộng đoàn nơi đây. Về quy mô thương mại và sự giàu có, đây là một trong những thành phố quan trọng nhất của Đế quốc Byzantine. Hiện nay, thành phố này, với tên gọi Thessaloniki, là thành phố thương mại lớn thứ hai của Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu, chỉ sau Constantinopolis, với dân số rất đông đúc.

[4615] Thánh Đa-vít qua đời vào khoảng năm 540, dưới triều đại của Justinian và Theodora.

Khi cha mẹ của Thánh Samson qua đời và ngài trở thành chủ nhân của những tài sản rộng lớn, vị thánh không những không ngừng thực hiện các việc bác ái, chữa trị miễn phí cho những người nghèo khó, mà còn bắt đầu đổi những của cải tạm bợ và chóng tàn của mình lấy những của cải bất diệt và vĩnh cửu, tuân theo lời Phúc Âm (Mt 6:20); đồng thời, ngài hào phóng ban phát bố thí cho những người nghèo khó, theo điều răn của Thiên Chúa – ngài đã dùng cả hai tay để tiêu hao của cải của mình, nỗ lực đáp ứng mọi nhu cầu của những người nghèo khó và khốn cùng, mong muốn qua việc no đủ dạ dày phù du của họ mà tích lũy cho mình những kho tàng bất diệt. Ông đã làm như vậy trong suốt cuộc đời mình, bởi vì lòng thương xót đã là bản chất của ông từ khi mới sinh ra, và nhờ sự giáo dục, lòng thương xót ấy càng được củng cố vững chắc hơn trong lòng ông. Mong muốn sống một cuộc đời khiêm tốn và đơn sơ hơn, Samson đã phóng thích rất nhiều nô lệ của mình, chỉ giữ lại một người – để phục vụ những việc cần thiết. Quả thực, tại sao ông lại cần nhiều nô lệ đến thế, nếu chính ông đã trở thành một nô lệ chân chính và chân thành của Chúa? Vì vậy, ông từ bỏ tất cả của cải của mình, những thứ đã trói buộc ông như những sợi dây xiềng xích, và chỉ hài lòng với một bộ quần áo và một sợi dây thắt lưng. Với mong muốn làm giàu tâm hồn bằng của cải thiêng liêng, ngài đã khinh thường thế gian và mọi thứ trong thế gian, và, noi gương Chúa Kitô, ngài trở thành một người lữ hành: bỏ lại người thân và bạn bè, ngài rời khỏi Roma cổ đại và định cư trong một sa mạc, giống như tiên tri Ê-li xưa kia.

Nhưng Đức Chúa Trời, vì lợi ích của nhiều người, đã dẫn dắt tôi tớ trung thành của Ngài đến "Rô-ma mới", tức là Constantinople; tại đây, sau khi tìm được một ngôi đền nhỏ, Thánh Samson đã định cư trong đó, tiếp đón những người lữ hành và người ăn xin, đồng thời phục vụ họ bằng mọi cách. Không chỉ chữa trị cho họ bằng tài y thuật của mình, Thánh Samson còn cố gắng chiều chuộng họ bằng thức ăn và chỗ ngủ. Ngài thực hiện tất cả những điều này với sự tận tụy đến mức đức tính bác ái dường như đã trở thành bản chất tự nhiên của ngài. Cũng như mặt trời vốn tỏa ra những tia sáng, và lửa vốn thiêu đốt mọi thứ chạm vào nó, thì sự tận tụy và tình yêu thương của Thánh Sampson dành cho những người nghèo khó, bệnh tật và lữ khách cũng dường như là bản chất tự nhiên của ngài. Và Đức Chúa Trời, Đấng không bao giờ bỏ qua những việc làm từ bi đối với người lân cận – được thực hiện vì danh Ngài – và Đấng nhận sự bố thí dành cho người lân cận như một của lễ dâng lên chính Ngài, đã ban cho những nỗ lực và công lao của Thánh Sampson một sức mạnh đặc biệt để giúp đỡ những người bệnh: tất cả những người mắc bệnh nan y, những người mà ngài đón nhận vào nhà mình, đều được chữa lành một cách kỳ diệu. Nhưng vị thánh đã che giấu ân sủng làm phép lạ mà Thiên Chúa ban cho ngài dưới vỏ bọc của nghệ thuật y học, vì ngài nổi bật bởi lòng khiêm nhường và không muốn nhận lấy vinh quang và sự tôn kính từ mọi người. Nhưng ngọn đèn không thể ẩn mình dưới gầm giường, cũng như thành phố trên đỉnh núi không thể ẩn mình; và Thánh Sampson, tỏa sáng bằng ánh sáng của những việc lành và đã leo lên đỉnh núi của sự thánh thiện hoàn hảo, đã trở nên nổi tiếng khắp nơi. Ngay cả Thượng phụ Constantinopolis cũng nghe danh về ngài, và sau khi triệu tập ngài đến, ngài đã phong chức linh mục cho ngài, dù vị thánh không hề mong muốn điều đó.

Danh tiếng về các đức hạnh của vị thánh và tài năng chữa bệnh phi thường của ngài đã lan đến tận cung điện hoàng gia. Sự việc này xảy ra trong hoàn cảnh như sau.

Hoàng đế Justinian[4616] mắc phải một căn bệnh nặng và phải chịu đựng vô cùng đau đớn vì căn bệnh quái ác không thể chữa khỏi. Người ta đã triệu tập các bác sĩ, nhưng sau khi khám cho hoàng đế, họ lại bắt đầu tranh cãi với nhau như thường lệ, và trong một thời gian dài, họ chỉ mang lại cho hoàng đế những hy vọng hão huyền bằng những lời nói của mình, nhưng trên thực tế, họ không thể chữa khỏi bệnh cho hoàng đế hay thậm chí là làm dịu bớt nỗi đau của ngài. Người ta đã triệu tập các bác sĩ tài giỏi từ khắp các vùng của Đế chế Hy Lạp-La Mã, nhưng không ai có thể chữa khỏi căn bệnh tàn khốc đó cho nhà vua. Nhà vua nổi giận với họ và ra lệnh đuổi tất cả ra khỏi tầm mắt mình, còn bản thân thì quay về với Nguồn Cội của mọi sự chữa lành và Đấng Tạo Hóa của muôn loài, là Chúa Trời: chỉ một mình Ngài, nhà vua phó thác cuộc đời mình, và chỉ từ một mình Ngài, nhà vua đã khóc lóc cầu xin sự giúp đỡ cho bản thân. Và Đức Chúa Trời đã không phớt lờ lời cầu khẩn chân thành và đầy nước mắt của nhà vua. Sau khi chìm vào giấc ngủ ngắn, nhà vua thấy trong giấc mơ vô số bác sĩ đứng trước mặt mình, mặc những bộ áo choàng sáng chói. Rồi một chàng trai trẻ rạng rỡ bước đến bên nhà vua, bắt đầu chỉ cho nhà vua từng vị bác sĩ, nói rõ chức tước và tuổi tác của mỗi người; trong số đó, chàng trai rạng rỡ chỉ cho nhà vua một người có gương mặt khiêm nhường và mái tóc bạc phơ, mặc áo lễ; khi chỉ vào người ấy, chàng trai rạng rỡ nói với nhà vua: "Chính người này, chứ không phải ai khác, sẽ chữa lành cho ngài, thưa nhà vua, khỏi căn bệnh hiểm nghèo của ngài."

[4616] Hoàng đế La Mã-Hy Lạp Justinian trị vì từ năm 527 đến năm 565.

Tỉnh giấc, nhà vua vô cùng vui mừng và tạ ơn Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho ngài niềm hy vọng tốt lành về sự bình phục. Sau đó, nhớ lại hình ảnh người đàn ông mà ngài đã thấy trong giấc mơ, nhà vua ra lệnh triệu tập lại tất cả các bác sĩ đến trước mặt mình. Khi họ xuất hiện trước mặt ngài, ngài nhìn họ rất lâu, tìm kiếm trong số họ người đàn ông đã thấy trong giấc mơ, và khi không tìm thấy người đó, ngài lại chìm trong nỗi buồn và bắt đầu than thở. Sau đó, vẫn không ngừng hy vọng vào sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, ông lại ra lệnh tìm kiếm vị bác sĩ mà ông đã thấy trong giấc mơ. Đồng thời, sau khi mô tả các nét mặt của người đàn ông mà ông đã thấy, nhà vua hứa sẽ thưởng hậu hĩnh cho ai giúp ông tìm ra người đàn ông đó. Nhiều người đã đi tìm vị bác sĩ mà nhà vua mô tả nhưng không tìm thấy. Cuối cùng, một trong những người hầu của nhà vua, người mà chính nhà vua cũng biết và là bạn thân của Thánh Sampson, chợt nhớ ra rằng vị thánh này, với tư cách là người chữa bệnh cho những người ốm yếu, có nét mặt hoàn toàn giống với vị thầy thuốc mà nhà vua đã mô tả. Ông đã kể điều này cho nhà vua nghe, và nhà vua ra lệnh đưa vị thánh đến gặp mình với sự tôn kính.

Khi vị thánh bước vào gặp nhà vua, nhà vua vừa nhìn thấy ngài liền nhận ra ngay rằng người đàn ông này chính là người mà ngài đã thực sự thấy trong giấc mơ. Tràn ngập niềm vui, nhà vua vội vàng đứng dậy khỏi ngai vàng, tiến đến bên vị thánh, ôm lấy ngài và hôn không chỉ đôi môi của vị trưởng lão, mà còn cả đầu và đôi tay của ngài, đồng thời nói:

– Thưa cha, cha quả thực chính là người mà Đức Chúa Trời đã hiện ra cho con trong giấc mơ, hứa sẽ ban cho con sức khỏe qua cha.

Nói xong, ông dẫn ngài vào phòng ngủ của mình, ngồi bên cạnh ngài và say sưa ngắm nhìn ngài; đồng thời, ông áp đôi tay của vị thánh vào mắt mình và hôn chúng trong nước mắt, hy vọng sẽ được chữa lành nhờ chúng.

Thánh Samson, khi chứng kiến sự khiêm nhường vĩ đại đến thế của nhà vua, đã cảm thấy buồn bã và nhẹ nhàng nói với ngài:

– Xin đừng làm thế, thưa vua, đừng hạ mình bằng sự khiêm nhường vô độ, kẻo khiến con sa vào tội kiêu ngạo: khi đó, ngài sẽ phải gánh chịu tội lỗi khi con bị Đấng Phán Xét Công Chính kết án. Con, một kẻ nghèo hèn và tội lỗi, chính bản thân còn cần đến lòng thương xót và sự khoan dung của Chúa để chữa lành tội lỗi của mình, thì có gì hơn người khác đâu? Chỉ có đức tin vĩ đại của ngài, hướng về Chúa, và niềm hy vọng nồng nhiệt của ngài vào lòng thương xót của Ngài, mới khiến Đức Kitô, Vua Thiên Đàng, ban ơn thương xót và Ngài sẽ chữa lành cho ngài: vì Ngài có thể làm mọi điều Ngài muốn.

Nói xong, Samson đặt tay lên chỗ đau trên cơ thể nhà vua, giả vờ như đang bôi thuốc, với ý định che giấu ân sủng chữa lành kỳ diệu mà Thiên Chúa đã ban cho ông. Và ngay khi ông vừa chạm tay vào chỗ đau, nhà vua bỗng cảm thấy bệnh tình thuyên giảm, rồi chẳng bao lâu sau, ông được chữa lành hoàn toàn.

Sau khi hoàn toàn bình phục, nhà vua vô cùng vui mừng không chỉ vì sự hồi phục của mình, mà còn vì đã được hân hạnh gặp gỡ một vị thánh nhân vĩ đại và hiếu đạo như vậy. Sau đó, mong muốn bày tỏ lòng biết ơn xứng đáng với vị thánh, nhà vua đã dâng tặng ngài rất nhiều vàng và bạc. Nhưng vị thánh nói với nhà vua:

– Thưa bệ hạ, tôi từng có rất nhiều vàng, bạc và tài sản, nhưng tôi đã từ bỏ tất cả vì Chúa Kitô, để được hưởng những ân huệ vĩnh cửu trên trời. Nhưng nếu ngài muốn bày tỏ lòng tốt với tôi, thì vì danh Chúa và sự cứu rỗi của ngài, xin hãy làm điều này: hãy xây dựng một ngôi nhà bên cạnh túp lều của tôi, nơi tôi có thể an ủi những người ốm yếu và những người lữ hành, những người mà tôi đã quen phục vụ. Bằng cách đó, ngài sẽ cầu xin được phần thưởng vĩnh cửu từ Chúa cho chính mình, và cũng sẽ an ủi tuổi già của tôi.

Nghe những lời ấy của vị thánh, nhà vua coi lời thỉnh cầu này như một món quà dành cho chính mình hơn là một lời xin xỏ, và ra lệnh xây dựng một nhà trọ cho khách lữ hành và một bệnh viện, đúng như ý muốn của vị thánh. Khi công trình hoàn thành, nhà vua đã giao cho nơi đó nhiều điền trang để phục vụ nhu cầu của những người lữ hành được an ủi và những bệnh nhân được chữa trị tại đó.

Sau đó, trong suốt nhiều năm, Thánh Samson tận tụy với công việc phục vụ những người lữ hành và chữa trị cho bệnh nhân. Trong những hoạt động đó, ngài đã sống đến tuổi già sâu thẳm: khi cơ thể suy yếu, ngài bị ốm nhẹ và sắp sửa ra đi. Khi linh hồn ngài rời khỏi thân xác, khuôn mặt ngài vẫn rạng rỡ và ngài không hề buồn phiền trước cái chết, như thường thấy ở những linh hồn khác, những người chìm đắm trong những nỗi buồn trần tục và thế gian, bị ám ảnh bởi nhiều tội lỗi, và vì thế mà sợ hãi cái chết.

Thánh nhân biết rõ Đấng nào đang kêu gọi ngài, biết ngài sẽ được giải thoát khỏi những vất vả nào và sẽ đến bến bờ bình an nào, cũng như những niềm an ủi nào đang chờ đón linh hồn hạnh phúc của ngài ở đó, vì "mọi người làm việc đều xứng đáng nhận phần thưởng của mình" (Lc 10,7). Vậy, linh hồn thánh thiện của Thánh

Sampson đã về với những vùng núi trên trời[4617] ; còn thi thể của ngài đã được an táng một cách trang trọng tại nhà thờ Thánh Tử đạo Mokiya, người mà vị thánh vĩ đại này thuộc dòng dõi theo huyết thống, đồng thời là người kế thừa tinh thần các đức tính của vị Thánh Tử đạo ấy.

Là một vị thánh vĩ đại của Chúa, ngài được tôn vinh nhờ những phép lạ mà ngài thực hiện không chỉ khi còn sống mà cả sau khi qua đời. Chúng ta sẽ nhắc lại một số phép lạ sau khi ngài qua đời tại đây.

Một lần nọ, tại Constantinople xảy ra một trận hỏa hoạn, bắt nguồn từ Nhà thờ Thánh Sophia[4618] . Ngọn lửa dữ dội đến mức không ai có thể làm gì để dập tắt nó. Lửa lan nhanh chóng và đã thiêu rụi phần lớn các cung điện và tòa nhà tráng lệ trang trí cho thành phố. Lửa cũng lan đến nhà trọ dành cho khách lữ hành của Thánh Sampson. Nhưng dù ngọn lửa bao vây nhà trọ từ mọi phía, nó lại hoàn toàn không chạm vào nơi này, và ngôi nhà vẫn đứng sừng sững giữa biển lửa, như một bụi cây không bị thiêu rụi. Trong lúc đó, nhiều người đã nhìn thấy Thánh Sampson đang nhanh chóng đi vòng quanh hàng rào của nhà trọ và giận dữ đẩy lùi ngọn lửa khỏi nơi đó – và ngọn lửa, như thể sợ hãi trước dung nhan của vị thánh và tuân theo mệnh lệnh của ngài, đã lùi xa khỏi nhà trọ và chuyển sang một nơi khác. Sau đó, đột nhiên sấm sét vang lên và một đám mây xuất hiện trên bầu trời; ngay sau đó, một cơn mưa lớn trút xuống, và nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, ngọn lửa đã được dập tắt hoàn toàn.

Sau khi qua đời, vị thánh vẫn tiếp tục ban ơn chữa lành mọi bệnh tật, giống như khi ngài còn sống.

Có lần, một quý ông tên là Theodoret, giữ chức Spatharios[4619] , khi đang vội vàng đi xuống cầu thang nhà mình vì một việc khẩn cấp, đã vấp ngã và làm trật khớp chân. Chân ông đột ngột đau nhức dữ dội, và ông phải nằm liệt giường. Trong ba ngày liền, vì những cơn đau dữ dội, ông không thể ăn uống, không thể chìm vào giấc ngủ, cũng không thể nói được lời nào – ông như một người câm. Nhưng dù đang chịu đau đớn, ông vẫn giữ được trí tuệ minh mẫn, nên trong lòng ông không ngừng cầu nguyện với Chúa và vị thánh được Ngài yêu mến, Thánh Sampson, khẩn cầu ngài giúp đỡ. Sau ba ngày, khi đêm xuống, người hầu Theodoret đã thấy Thánh Sampson đứng bên chân mình; khi chạm vào chân bị thương của anh, vị thánh nói:

– Hãy đứng dậy, vì ngươi sẽ không còn đau đớn nữa.

Và sau khi nói xong, vị thánh bỗng biến mất.

Theodoret ngay lập tức cảm thấy mình hoàn toàn khỏe mạnh và vui mừng bắt đầu lớn tiếng tạ ơn Chúa và nói:

– Thật sự, Thánh Sampson là vị thánh vĩ đại được Chúa yêu mến!

Sau đó, khi sờ vào chân mình và thấy rằng nó đã hoàn toàn lành lặn, ông đứng dậy và bắt đầu đi lại. Đến sáng hôm sau, ông đến trước quan tài của vị thánh và, sau khi cúi đầu tạ ơn trước đó, đã kể cho tất cả những người có mặt ở đó nghe về sự chữa lành mà ông đã được ban tặng.

Một quan đại thần khác ở Constantinople, tên là Lev, khi đang cưỡi ngựa, đã va chân vào tường đá: một vết loét xuất hiện, và ông bị ốm nặng, bệnh tình ngày càng trầm trọng hơn. Những người trong nhà khuyên người bệnh nên gọi bác sĩ đến để thực hiện phương pháp chích máu. Và khi ngày thứ tư sắp đến – ngày mà bác sĩ dự định sẽ đến thăm người bệnh – thì vào ban đêm, Theodoret, người đã được chữa lành khỏi bệnh trước đó, đã có một thị kiến. Anh ta thấy ba người đàn ông bước vào nhà của vị quý tộc đang ốm; trong số đó, anh ta nhận ra Thánh Sampson, người mà anh ta đã gặp trong thời gian mình bị bệnh, còn về hai người kia, anh ta nghĩ rằng đó là hai vị bác sĩ từ thiện Cosmas và Damian. Theodoret hỏi họ:

– Các ngài đang đi đâu vậy?

Họ nhìn ông với ánh mắt đầy yêu thương và trả lời:

– Đến nhà quý tộc Lê.

Theodoret liền nói với họ:

– Các ngài có biết không, thưa các vị, rằng ngài ấy đang mắc một căn bệnh nặng, và vào ngày mai, các bác sĩ sẽ đến để chữa trị cho chân bị thương của ngài ấy.

Lúc đó, các thánh nói với Theodoret:

– Xin đừng để điều đó xảy ra – chúng tôi sẽ lại đến gặp ngài vào thứ Sáu và chữa lành cho ngài.

[4617] Đó là vào năm 530.

[4618] Nhà thờ chính tòa ở Constantinople. Dưới thời hoàng đế Justinian, nó đã được xây dựng lại. Với kiến trúc tuyệt đẹp và sự sang trọng trong trang trí, nó được xếp vào hàng những công trình kiến trúc đẹp nhất thế giới.

[4619] Spafarios – người mang vũ khí; một chức vụ trong triều đình.

Tỉnh giấc, Theodoret lập tức đến gặp người bệnh và kể cho ông nghe về thị kiến của mình. Lev tin lời ông và không tiếp các bác sĩ, mà đặt trọn niềm tin vào Đức Chúa Trời, rồi chờ đến thứ Sáu, không ngừng cầu nguyện. Và quả thật, khi ngày thứ Sáu đến, chân bị bệnh của ông bỗng nhiên được chữa lành và trở nên khỏe mạnh như chân kia, hoàn toàn không cần đến bất kỳ phương pháp chữa trị nào. Cảm thấy mình đã khỏe mạnh, Lev lập tức đến bên quan tài của Thánh Samson và cùng với những người đi cùng, dâng lời tạ ơn lên ngài.

Thiên Chúa đã tôn vinh vị thánh được Ngài yêu mến là Sampson qua nhiều phép lạ, và cũng qua việc dầu chữa lành tuôn ra từ quan tài của vị thánh, nhờ đó những người mắc đủ loại bệnh tật, khi xức dầu này lên người, đều được bình phục. Ngài Lê-v, vị quan cao cấp đã được nhắc đến ở trên, cũng đã tự mình trải nghiệm tác dụng chữa lành của loại dầu này. Có lần, sau khi khỏi bệnh, ngài lại bị bệnh khắp cơ thể, và ngài nằm trên giường bệnh như người bị liệt, các chi trên cơ thể đều không thể cử động. Nhưng khi toàn thân ông được xức dầu từ quan tài của vị thánh, ông lập tức được chữa lành. Một lần khác, ông bị bệnh về mắt, nhưng sau khi xức dầu từ quan tài của Thánh Sampson lên mắt, ông lại được khỏe mạnh trở lại.

Để tri ân những lần chữa lành kỳ diệu mà vị tu sĩ đáng kính đã ban cho mình, quý tộc Lev đã nhận trách nhiệm chăm lo cho nhà trọ dành cho khách lữ hành của ngài – nơi lúc bấy giờ đang gặp khó khăn về tài chính – và đã hỗ trợ đầy đủ các nhu cầu cần thiết cho nơi này từ các điền trang của mình.

Sẽ không thừa khi nhắc đến ở đây rằng, người đứng đầu nhà trọ lúc bấy giờ là một người tên Ê-nê-si, một kẻ lười biếng và thiếu trách nhiệm trong công việc, người đã quan tâm đến mọi nhu cầu của bệnh nhân và khách lữ hành một cách hời hợt. Một đêm nọ, Thánh Sampson hiện ra trước mặt ông ta, không phải trong giấc mơ mà như thể đang thức, và bắt đầu đánh ông ta bằng cây gậy, đồng thời giận dữ nói: "Tại sao ngươi lại lơ là nhiệm vụ của mình và không quan tâm đến nhu cầu của những người lữ hành và bệnh nhân?"

Do bị đánh, Enesius bị ốm nặng đến nỗi mất tiếng và trở nên câm; còn thân thể anh ta thì chuyển sang màu xanh tím vì những vết thương do cây gậy của vị thánh gây ra. Sáng hôm sau, khi nhiều người đến thăm anh, Enesius không thể nói gì với họ, mà chỉ chỉ vào cơ thể mình, đã tím bầm vì những vết thương do cây gậy gây ra; sau đó, anh lấy một tờ giấy và cây gậy, viết lên đó về việc anh đã bị vị thánh trừng phạt như thế nào vì sự lười biếng và sơ suất của mình. Khi biết chuyện đã xảy ra, quan đại thần Lev đã đến thăm người bệnh. Thấy thân thể ông hoàn toàn tím bầm vì những trận đòn, ông bắt đầu khóc lóc và cầu nguyện với Thánh Sampson.

"Thánh nhân được Chúa yêu mến," ông cầu nguyện, "ngài biết đức tin và lòng thành kính của tôi dành cho ngài, xin hãy đáp ứng lời cầu nguyện của tôi ngay lúc này: đây là Enesius, người mà ngài đã trừng phạt, và người đã tự tay viết lên tờ giấy những gì đã xảy ra với mình, kể lại cả tội lỗi của mình lẫn lời răn dạy của ngài dành cho anh ta. Xin hãy chữa lành bệnh tật cho anh ta, để phép lạ của ngài được nhiều người biết đến, nhằm tôn vinh danh Chúa."

Khi quan đại thần Lê cầu nguyện như vậy, lưỡi của Ê-nê-si-ô bỗng được giải thoát và miệng anh ta mở ra, anh ta kể lại chi tiết mọi chuyện đã xảy ra với mình và từ đó trở đi, anh ta đã hoàn toàn ăn năn hối cải.

Sau đó, một số người đàn ông sùng đạo, sau khi bàn bạc với nhau, đã đến gặp Đức Thượng phụ và xin ngài làm phép nhà trọ và nhà thờ. Và quả thực, điều đó đã được thực hiện. Để an ủi những người lữ hành và tiếp nhận những người ốm yếu, một ngôi nhà khác và một bệnh viện đã được xây dựng bên cạnh nhà thờ mới.

Một thời gian sau, người xây dựng nhà trọ dành cho khách lữ hành[4620] là Evstratiy, người cũng không quan tâm đến người bệnh và khách lữ hành, hơn nữa còn rất keo kiệt. Có lần, trong nhiều ngày liền, ông ta không cho người bệnh dùng dầu thánh, và vì điều đó, ông ta đã bị Chúa trừng phạt bằng cách bị bệnh ở mắt. Một người bạn của ông, tên là Lev – không phải người mà chúng ta đã đề cập ở trên, mà là một người khác cùng tên và cũng phục vụ tại nhà trọ dành cho khách lữ hành – đã nói với ông:

– Hãy phân phát dầu thánh cho người bệnh và khách lữ hành một cách xứng đáng, thì mắt anh sẽ được lành; còn nếu anh không tin lời tôi, thì để chứng thực những gì tôi đã nói, tôi sẽ viết một giấy xác nhận.

Nói xong, anh ta viết cho Evstrati như sau:

– Tôi, Lê, đặt niềm tin vào Thánh Samson, Đấng làm phép lạ, và dựa trên đức tin vững chắc vào Ngài, xin tự nguyện làm người bảo lãnh cho ngài để chứng thực rằng: nếu ngài phân phát đủ dầu cho những người nghèo khó và khách lữ hành, thì đôi mắt ngài sẽ được chữa lành khỏi bệnh tật; vì Thánh Samson sẽ cầu xin cho ngài được khỏe mạnh.

[4620] Người xây dựng – tu sĩ đứng đầu.

Sau khi nhận được lời cam kết này và hứa sẽ phân phát dầu theo mức cần thiết cho người bệnh và khách lữ hành, cùng ngày đó, Evstratius đã được chữa lành đôi mắt. Nhưng vì bản tính keo kiệt, ông lại không chịu phân phát dầu nữa. Rồi một đêm nọ, Thánh Samson hiện ra trước mặt ông và giận dữ nói:

– Sao ngươi lại thử thách ta, phớt lờ những lời khuyên răn của ta?

Bị hoảng sợ bởi hình ảnh này, khi trời sáng, Evstratius đã gọi người bạn của mình là Lev và trao cho anh ta rất nhiều dầu thánh, đồng thời xin anh ta cầu nguyện cho mình trước Thánh Sampson và xin vị thánh được Chúa yêu mến này tha thứ cho những tội lỗi của mình.

Một trong những cố vấn của nhà vua, tên là Barda, một người có địa vị cao quý, bị bệnh mụn nhọt, từ đó hình thành những vết loét lớn và không thể chữa khỏi trên ngực ông. Ông đã phải chịu đựng những đau đớn tột cùng vì căn bệnh này trong một thời gian dài. Trong khi đó, ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Mokia đã đến: các bác sĩ đang chăm sóc người bệnh và tất cả những người trong nhà ông đều đến nhà thờ Thánh Tử đạo để tham dự lễ cầu nguyện suốt đêm; còn người bệnh thì nằm trên giường, vô cùng buồn bã vì không thể đến nhà thờ dự lễ và chiêm bái quan tài làm phép lạ của Thánh Sampson, đang được lưu giữ tại nhà thờ của vị Thánh Tử đạo đó. Lúc đó, một vị tu sĩ cao niên uy nghiêm hiện ra trước mặt ông và nói:

– Hãy đứng dậy!

Người bệnh đáp lại:

– Làm sao tôi có thể đứng dậy được? Tất cả các bộ phận trên cơ thể tôi đều suy yếu vì căn bệnh nặng nề.

Nhưng vị tu sĩ già lại nói:

– Ta bảo ngươi: hãy đứng dậy và đi đến nhà thờ Thánh Tử đạo Mokia, nơi hiện đang cử hành lễ kỷ niệm: ở đó, ngươi hãy cầu nguyện trước quan tài của Thánh Sampson.

Nói xong, vị tu sĩ già bỗng biến mất.

Còn người bệnh, bỗng cảm thấy sức mạnh tràn về trong các chi, liền từ từ đứng dậy khỏi giường bệnh. Cùng lúc đó, anh nhận ra cơn đau do các vết loét đã chấm dứt. Khi anh ta tháo băng gạc và miếng dán y tế khỏi vết thương, anh ta thấy rằng các vết loét đã lành hẳn. Tràn ngập niềm vui, vị quý tộc ấy mặc trang phục lễ hội và đi đến nhà thờ. Thấy anh ta được chữa lành một cách bất ngờ, tất cả những người có mặt trong nhà thờ đều ngạc nhiên và ngợi khen Thiên Chúa. Vào thời đó, có một phong tục là nếu ai mắc phải bệnh tật nào đó, người ấy sẽ ra lệnh cho người ta đưa mình đến bệnh viện Thánh Sampson và tại đó, nhờ đức tin của mình, người ấy sẽ được chữa lành. Chẳng hạn, khi một người nô lệ của một vị trưởng lão mắc bệnh phù thũng, vị trưởng lão đã cho người đưa anh ta đến bệnh viện Thánh Sampson. Sau khi ở đó vài ngày mà bệnh tình không thuyên giảm, người nô lệ quay trở về nhà chủ. Vị linh mục, khi thấy anh ta, đã rất tức giận vì sự thiếu đức tin của anh ta và lại sai anh ta trở lại bệnh viện, ra lệnh cho anh ta xin lấy dầu thánh chảy ra từ quan tài của Thánh Sampson và xức lên người. Người nô lệ đi, ở lại qua đêm tại bệnh viện Thánh Sampson và trở về từ đó trong tình trạng khỏe mạnh. Về việc mình đã khỏi bệnh như thế nào, người đầy tớ kể lại như sau: "Đêm đó, tôi thấy Thánh Sampson hiện ra trong giấc mơ; ngài đặt tay lên bụng tôi và nói: 'Hãy ra khỏi đây, con đã khỏe rồi.' Tôi lập tức tỉnh dậy và cảm thấy mình đã khỏe mạnh."

Vợ của một người phục vụ nhà thờ tên là Irina cũng mắc phải căn bệnh tương tự. Trong một giấc mơ, bà đã thấy Thánh Sampson hiện ra cùng với các Thánh Cosmas và Damian, những vị thánh không màng danh lợi, và Ngài đã chạm vào bà. Sau đó, bà đã được chữa lành.

Những phép lạ này cùng nhiều phép lạ khác đã xảy ra và những sự chữa lành đã được ban cho nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Sampson, nhờ đó Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài, đã được tôn vinh; Ngài là Đấng mà chúng ta dâng lên sự tôn kính, vinh quang, sự thờ phượng và lòng biết ơn, bây giờ, hiện tại và mãi mãi.

Bài thánh ca, giọng 8:

Nhờ sự kiên nhẫn của ngài, ngài đã nhận được phần thưởng xứng đáng, hỡi vị Thánh đáng kính, người luôn kiên nhẫn trong lời cầu nguyện, yêu thương những người nghèo khó và sẵn lòng giúp đỡ họ: nhưng xin ngài, hỡi Thánh Sampson đầy lòng thương xót, hãy cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Như một vị bác sĩ toàn năng và một người cầu nguyện đầy ân sủng, chúng con chạy đến với bàn thờ thiêng liêng của ngài, Thánh Sampson, vị thánh thông thái của Đức Chúa Trời, tụ họp trong tình yêu thương, hân hoan với các thánh vịnh và bài ca, chúng con ngợi khen Đức Kitô, Đấng ban cho ngài ân sủng chữa lành như vậy.

Lễ kính Thánh Sevir[4621]

Ngày tưởng niệm 27 tháng 6

Tại xứ Tudera[4622] , giữa hai ngọn núi, trong thung lũng mang tên Interoklea, có một nhà thờ thờ Đức Mẹ Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ Maria. Linh mục phụ trách nhà thờ này là Sevir, một người có đời sống thánh thiện và đáng kính. Một người dân nơi đó, khi lâm bệnh và sắp qua đời, đã vội vàng cử sứ giả đến gặp vị linh mục ấy để xin ngài mau chóng đến với mình, xưng tội về những lỗi lầm đã phạm và ban ơn tha thứ trước khi lìa đời. Lúc đó, Sevir đang ở trong vườn nho của mình, nơi ngài đang cắt tỉa những chùm nho. Sau khi nghe lời thỉnh cầu của những người được cử đi, ông nói với họ:

– Các ngươi cứ đi trước đi, ta sẽ sớm theo sau.

Nhưng sau đó, thấy còn rất nhiều chùm nho chưa hái, ông muốn đợi thêm một chút để hái nốt những chùm còn lại. Sau khi hoàn thành công việc, ông lên đường đến gặp người bệnh. Trên đường đi, những người vừa ở bên người bệnh gặp ông và nói:

– Thưa cha, sao cha lại chậm trễ thế? Nhưng đừng vất vả nữa, vì người ấy đã qua đời rồi.

Nghe vậy, vị linh mục run rẩy vì kinh hoàng và bắt đầu khóc nức nở, tự gọi mình là kẻ giết người đã qua đời. Vừa khóc vừa đi, ông đến ngôi nhà nơi thi thể người quá cố đang nằm và trong nước mắt, ông quỳ sụp xuống đất trước giường, khóc lóc và đập đầu xuống đất; đồng thời, trước mặt tất cả những người có mặt ở đó, ông tự trách mình về cái chết của người ấy. Khi ông đang khóc lóc như vậy, người đã chết bỗng nhiên sống lại. Thấy vậy, những người có mặt đều vô cùng ngạc nhiên trước phép lạ vừa xảy ra và vui mừng vì sự sống lại của người đã khuất, họ khóc vì hạnh phúc. Sau đó, họ hỏi:

– Ngươi đã ở đâu? Và bằng cách nào mà linh hồn ngươi, sau khi tách khỏi thân xác, lại trở về với nó?

Người đó trả lời:

– Có mấy người Ê-ti-ô-pi[4623] , trông rất đáng sợ và kiêu ngạo, lửa bốc ra từ lỗ mũi và tai họ, đã bắt tôi và lôi tôi đến những nơi tối tăm, đầy kinh hoàng và run rẩy. Nhưng bỗng nhiên xuất hiện một thiếu niên rực rỡ ánh sáng, đang đi về phía chúng tôi cùng với những người đàn ông khác cũng toả sáng; quay sang những kẻ đang lôi kéo tôi, anh ta nói với họ bằng giọng đầy uy quyền: “Hãy trả anh ấy lại, vì linh mục Sevir đang khóc thương cho anh ấy; vì những giọt nước mắt của người đàn ông này, Chúa sẽ ban lại sự sống trong thân xác cho người đã chết này.”

Nghe câu chuyện ấy, Sevir đứng dậy khỏi mặt đất với niềm vui khôn tả và dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa. Sau đó, ngài dạy người đã sống lại cách ăn năn sám hối trước mặt Đức Chúa Trời, lắng nghe lời xưng tội của anh ta, tha thứ tội lỗi cho anh ta, và ban cho anh ta Mình và Máu Thánh của Đức Kitô. Sau đó, người đã sống lại còn sống thêm bảy ngày nữa, không ngừng cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và vào ngày thứ tám, anh ta đã vui mừng về với Ngài.

Vậy, chúng ta hãy tìm hiểu xem Thiên Chúa đã yêu thương vị linh mục Sevir của Ngài như thế nào; vì Ngài không muốn khiến ngài phải buồn phiền, nhưng đã mau chóng nhậm lời cầu nguyện của vị thánh và thực hiện theo ý nguyện của ngài. Từ đó, chúng ta cũng thấy rằng vị linh mục Sevir đã yêu mến Chúa Thiên Chúa bằng cả trái tim và suốt cuộc đời mình đã tận tụy phụng sự Ngài. Sau khi phục vụ Chúa, khi kết thúc hành trình trần thế của mình, ngài đã được đưa đến trước ngai vinh quang của Đức Chúa Trời, cùng với các thánh nhân, ca ngợi Đức Chúa Cha,

---

[4621] Câu chuyện này được trích từ cuốn sách của Thánh Grêgôriô Đôi Lời (“Những cuộc đối thoại”, chương 12).

[4622] Khu vực này nằm ở miền trung Ý, thuộc tỉnh Valeria, giữa hai ngọn núi Reate và Amerterium.

[4623] Trong các sách thánh, người ta thường gọi những linh hồn u ám và đầy ác ý, đối lập với các thế lực thiên thần sáng ngời, là “người Ê-ti-ô-pi”.

Đức Chúa Con và Đức Thánh Thần, Đức Chúa Trời Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà chúng ta cũng xin dâng vinh quang muôn đời. A-men.

Ngày 11 tháng 7

Ngày 28 tháng 6 (theo lịch cũ)

Vào ngày này, chúng ta tưởng nhớ các vị thánh cha Sergius và Herman, những vị làm phép lạ tại Valaam, đã qua đời vào khoảng năm 1353.

Lễ rước di cốt thiêng liêng của các thánh tử đạo Kira và Ioann

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 6

Các vị thánh tử đạo này, Kir và Ioann, đã chịu khổ vì danh Chúa Kitô vào ngày 31 tháng Giêng dưới triều đại của Diocletian[4624] , tại thành phố Konope, cách thành phố vĩ đại Alexandria mười hai dặm. Sau khi các ngài qua đời trong đau khổ, các Kitô hữu đã bí mật lấy thi hài thánh của các ngài và an táng các ngài một cách trang trọng. Xác thánh có khả năng chữa lành của các vị thánh tử đạo này đã được tìm thấy sau một thời gian dài (kể từ ngày các ngài chịu tử đạo); chúng được tìm thấy chính vào thời điểm các Kitô hữu chính thống, sau khi đánh bại những kẻ thờ thần tượng Hy Lạp, bắt đầu xây dựng các nhà thờ khắp nơi mà không còn sợ hãi.

Đặc biệt, các Kitô hữu bắt đầu xây dựng các nhà thờ một cách không sợ hãi kể từ thời Hoàng đế Theodosius Đại đế. Hoàng đế Theodosius Đại đế[4625] , người đã đánh bại vua phương Tây Maximus[4626] cùng toàn bộ quân đội của ông nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh tổ đã tu hành trong các sa mạc Ai Cập, đã cử những người đặc biệt đến gặp các vị thánh tổ này để xin sự giúp đỡ. Trong số các vị thánh cha tu hành tại Ai Cập, cần phải nhắc đến một vị tên là Senufius, người nổi tiếng với những phép lạ và đang sống tại một tu viện nhỏ. Về vị tu sĩ này, hoàng đế đã viết thư cho Thêôphil, Tổng Giám mục Alexandria, xin ngài cử Senufius đến gặp ngài tại Constantinople, để được củng cố bằng lời chúc phúc và những lời cầu nguyện của ngài trong cuộc chiến chống lại kẻ thù. Théophile, tuân theo ý nguyện của hoàng đế, đã đích thân đến tu viện gặp vị tu sĩ đáng kính Senufius và khẩn khoản thỉnh cầu ngài đến Constantinople gặp hoàng đế Theodosius. Tuy nhiên, Senufius tuyệt đối không muốn rời khỏi phòng tu của mình. Cuối cùng, sau những lời nài nỉ khẩn thiết của tổng giám mục, Senufius cầm lấy áo choàng và cây gậy của mình, giơ chúng lên cao, hướng về phía đông; rồi ngước mắt lên trời, ngài nói:

– Lạy Chúa, Đấng Toàn Năng! Con khiêm nhường cầu xin Ngài, xin ban cho chiếc áo choàng và cây gậy này sức mạnh mà Ngài, nhờ lòng thương xót của Ngài, sẽ ban cho con nếu con đến đó.

Sau khi cầu nguyện bằng những lời ấy, Senufi trao chiếc áo choàng và cây gậy cho vị tổng giám mục, rồi nói:

– Xin hãy gửi những vật này đến nhà vua thay cho con và viết thư cho ngài, rằng trong lúc chiến trận, ngài hãy mặc chiếc áo choàng này, cầm cây gậy trong tay và dũng cảm dẫn đầu quân đoàn của mình tiến vào trận địa của kẻ thù; và ngài sẽ được chứng kiến sức mạnh của Đức Chúa Trời.

Thượng phụ đã gửi áo choàng và cây gậy đến cho nhà vua và truyền đạt lại những lời của vị thánh nhân.

Vua đã nhận những vật được gửi đến với lòng tin và làm theo đúng lời vị thánh, nhờ đó đã giành được chiến thắng lẫy lừng trước kẻ thù. Để tưởng nhớ chiến thắng này, cũng như để tưởng nhớ vị thánh Senufi, cư dân thành phố Alexandria đã tạc một bức tượng vua, đặt trên một bệ cao; trên bức tượng, nhà vua mặc áo choàng tu sĩ và cầm cây gậy trong tay; và hàng năm, cư dân thành phố Alexandria long trọng kỷ niệm ngày chiến thắng đó, dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa.

Chính từ thời điểm đó, nhờ sự lan rộng ngày càng mạnh mẽ của Kitô giáo, các tín hữu đã bắt đầu xây dựng các nhà thờ tại Alexandria và khắp Ai Cập. Và khi Thượng phụ Theophilus muốn xây dựng một nhà thờ lớn tại

---

[4624] Ông cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[4625] Trị vì từ năm 379 đến năm 395.

[4626] Thực ra là người tranh giành ngai vàng.

Konopa để tôn vinh các Thánh Tông đồ, thi hài của các vị thánh làm phép lạ là Cyrus và John đã được tìm thấy. Sự việc này xảy ra sau khi Theodosius qua đời, vào thời trị vì của con trai ông là Arcadius. Về việc di dời những thi hài đó, có ghi chép trong cuốn tiểu sử của Cyril.

"Cách Konopa hai dặm có một nơi tên là Manufin (trước đây là một làng mạc). Tại đây có một đền thờ cổ xưa, từng là nơi cư ngụ của các quỷ dữ; nơi này gieo rắc nỗi kinh hoàng cho tất cả mọi người, vì có rất nhiều linh hồn ô uế cư ngụ tại đây. Khi còn tại thế, Đức Thượng phụ Theophilus đã muốn thanh tẩy nơi đó khỏi các quỷ dữ và thánh hiến nó để tôn vinh Thiên Chúa, nhưng vì bị phân tâm bởi những lo toan khác và đã gần đến cuối đời, vị thánh không kịp thực hiện ý định của mình. Thánh Cyril, sau khi kế vị Thượng phụ Theophilus trên ngai tòa Alexandria, đã quyết tâm thực hiện ý định của Thượng phụ Theophilus và siêng năng cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài ban cho sự trợ giúp từ trên cao và sức mạnh để chiến thắng và trục xuất các linh hồn ô uế khỏi Manufin. Và rồi, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với ngài trong một thị kiến, truyền lệnh mang thi hài thiêng liêng của các thánh tử đạo Kyra và Ioann đến Manufin, để xua đuổi sức mạnh của ma quỷ khỏi nơi đó. Thánh Cyril đã làm theo lời truyền, mang thi hài của các thánh[4627] đến Manufin và xây dựng một nhà thờ tại đó để tôn vinh các ngài. Ngay sau đó, các linh hồn ô uế đã vĩnh viễn rời khỏi nơi đó, và nơi này trở thành nguồn chữa lành phát ra từ di cốt của các vị tử đạo.

Cần phải nhắc đến ở đây, dù chỉ ngắn gọn, về những phép lạ do các thánh làm phép lạ là Kiro và Ioan thực hiện.

Dưới thời Đức Thánh Evlogius, Tổng Giám mục Alexandria[4628] , Ammonius, con trai của quan tổng trấn Julianus, bị những nốt mụn đau đớn mọc sâu vào bên trong cổ, được các bác sĩ gọi là scrofula hay struma[4629] ; ngày càng to lên và chín mọng, những nốt mụn này gây áp lực nặng nề lên cổ anh ta và đe dọa tính mạng; nhiều bác sĩ giỏi đã được mời đến, nhưng người bệnh không nhận được sự thuyên giảm nào từ họ. Người cha cùng con trai, vô cùng đau buồn, đã từ chối các bác sĩ đó và cầu xin sự giúp đỡ từ các thánh làm phép lạ, Kyros và Gioan; ông bắt đầu cầu nguyện trong nước mắt trước các di cốt thiêng liêng của các ngài, xin các ngài ban sức khỏe cho con trai mình. Các thánh, hiện ra trong giấc mơ, đã truyền cho chàng trai trước hết phải từ bỏ những lo toan về của cải và danh vọng, và như một dấu hiệu của sự khiêm nhường, hãy quét bụi trong đền thờ của các ngài; sau đó, làm một miếng dán từ sáp trộn với bánh mì, các ngài truyền phải đắp lên cổ và thanh quản của người bệnh. Và ngay khi mọi việc đã được thực hiện xong, những nốt mụn lập tức biến mất, và Ammonius đã được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh – những vị bác sĩ vô tư này.

Một thời gian sau, chính Ammonius ấy, đã quên lời khuyên răn của các thánh, trở nên kiêu ngạo và lại mắc phải một căn bệnh khác, đó là hình phạt dành cho sự bất tuân của ông. Anh ta bắt đầu bị đau dạ dày, và căn bệnh này nghiêm trọng đến mức anh ta hoàn toàn không thể ăn uống gì; mọi thứ anh ta đưa vào miệng đều bị nôn ra. Lúc đó, anh ta lại tìm đến những vị bác sĩ nổi tiếng của mình, các thánh tử đạo Cyrus và John, và bắt đầu cầu nguyện với họ trong nước mắt. Các thánh này, hiện ra với ngài trong giấc mơ, trước tiên đã quở trách ngài vì lòng kiêu ngạo, sau đó ra lệnh cho ngài cởi bỏ những bộ quần áo quý giá, mặc áo vải thô; rồi, cầm lấy những bình nước, ra lệnh cho ngài mang nước lạnh đến cho các anh em ốm yếu và những người nghèo khó để giải khát cho họ. Khi Ammonius làm tất cả những điều đó một cách tận tâm, các thánh lập tức hiện ra với ông và ra lệnh: hãy lấy dầu từ đèn của các ngài, cũng như sáp từ những ngọn nến đang cháy bên quan tài của các ngài, để làm miếng đắp và áp lên bụng mình. Sau khi làm tất cả những điều đó, Ammonius đã được chữa lành.

Một người Alexandrian tên là Theodorus, từ lâu đã mù cả hai mắt, được đưa đến Manufin, đến nhà thờ và trước các di cốt đầy ân sủng của các thánh tử đạo; ông đã cầu nguyện tại đây với lòng thành kính để được chữa lành khỏi bệnh mù lòa. Các thánh đã hiện ra với ông trong một giấc mơ và truyền cho ông đi rửa mặt tại suối nước chảy gần nhà thờ của các ngài. Anh ta đi đến đó, rửa mặt, và khi lau mặt bằng khăn, ngay lập tức anh ta nhìn thấy được và cảm nhận rằng những mảng đục trong mắt mình đã rơi xuống khăn, giống như những vảy. Feodor vui mừng trở lại nhà thờ, chỉ cho mọi người xem trên khăn những dấu vết của bệnh mù lòa của mình.

Một người đàn ông khác, tên là Kalos, đúng như tên gọi và cuộc đời tuyệt vời của ông[4630] , tình cờ ngã từ cầu thang xuống, làm gãy xương ống chân thành nhiều mảnh và phải chịu đựng cơn đau dữ dội. Người đàn ông này

[4627] Sự kiện di dời di cốt của các thánh nhân Kê-ra và Gio-an diễn ra vào khoảng năm 412.
[4628] Eulogius giữ chức Tổng Giám mục từ năm 579 đến năm 607.
[4629] Có lẽ là một loại mụn nhọt hoặc khối u đau đớn trên da.

đã kêu gọi sự giúp đỡ của nhiều bác sĩ, nhưng không thể nhận được bất kỳ sự giúp đỡ nào từ họ. Lúc đó, với niềm tin vững chắc, anh ta đã tìm đến những vị bác sĩ không lấy tiền là Kiro và Ioann để cầu cứu; sau khi bôi dầu từ ngọn đèn của họ lên chân mình, người bệnh ngay lập tức được chữa lành.

Có một người tên Isidor từ Maiuma[4631] mắc bệnh gan; gan của ông bắt đầu thối rữa, biến thành máu, sưng tấy và nôn ra cùng với máu. Vì người này không thể tìm được sự thuyên giảm từ bất kỳ bác sĩ nào, nên ông đã cầu khẩn các di vật chữa lành của các thánh tử đạo này. Các thánh đã hiện ra với ông, không phải trong giấc mơ mà là một cách rõ ràng, và cho ông nếm một miếng chanh; khi nhận miếng chanh từ tay các ngài, ông không biết mình đang nhận từ ai: ông nghĩ đó là một trong số những người dân đến thờ lạy các di vật thiêng liêng của các vị tử đạo. Khi người bệnh ăn miếng chanh được trao, ngay lập tức dạ dày anh ta như bị xáo trộn và nôn ra một con sâu lớn đang gặm nhấm gan anh ta; còn các vị thánh – những vị bác sĩ vô tư – thì biến mất khỏi tầm mắt. Isidor, từ đó trở nên khỏe mạnh, đã dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa và các vị thánh trung thành của Ngài.

Có một người tên là Mina, quan trưởng thành phố Philopon[4632] , bị sốt cao; kèm theo căn bệnh này, dạ dày của ông còn bị cứng lại, khiến các chức năng tự nhiên của cơ thể ngừng hoạt động. Tất cả các loại thuốc mà người bệnh uống vào không những không mang lại sự nhẹ nhõm nào cho ông, mà còn làm dạ dày của ông thêm nặng nề khi chúng đọng lại trong đó. Người đàn ông này đã chịu đựng cơn bệnh suốt hai tuần; bệnh tình của ông rất nghiêm trọng, đến nỗi ông đã tuyệt vọng về sự giúp đỡ của các bác sĩ. Nhớ đến các vị thánh y sĩ vô vụ lợi là Kyra và Ioann, Mina đã ra lệnh cho người ta khiêng ông cùng giường bệnh đến Manufin, nơi có các di vật thánh có khả năng chữa lành nhiều bệnh tật của các ngài. Lúc đó, sau khi cầu nguyện trước các di cốt với những giọt nước mắt, ông chợp mắt và chìm vào giấc ngủ, các thánh đã hiện ra với ông và cho ông nếm một quả sung. Khi tỉnh dậy, ông thấy quả sung nằm trên giường, ngay bên cạnh mình; ông ăn nó, và ngay lập tức căn bệnh dạ dày của ông được chữa lành, và ông đã khỏe mạnh trở lại.

Một người tên Mina khác, vốn nhẹ nhàng và nhanh nhẹn như Asael thời xưa[4633] , *"như con nai trong đồng cỏ"* (2 Sa-mu-ên 2:18), lại bị bệnh nặng ở chân đến nỗi hoàn toàn không thể đi lại được và phải nằm trên giường trong một thời gian dài, vì chân ông sưng tấy rất nặng. Mina này đã ra lệnh cho người ta khiêng cả giường của mình đến trước các thánh hành phép lạ, là Kiro và Gioan. Và khi ngài xức dầu từ ngọn đèn đang cháy bên cạnh di cốt thiêng liêng của các thánh lên đôi chân mình, ngài lập tức đứng dậy khỏe mạnh và có thể đi lại được, vì đôi chân ngài đã được chữa lành hoàn toàn; vì tất cả những điều này, ngài đã tạ ơn Thiên Chúa và các thánh nhân của Ngài.

Có một người phụ nữ tên là Theodora, một lần khi đang uống nước, đã nuốt phải một con cóc nhỏ mà không hay biết; con cóc đó bắt đầu lớn lên trong bụng bà. Ban đầu, con cóc chỉ gây ra chút đau đớn cho Theodora, vì nó còn nhỏ; nhưng khi con cóc lớn lên và trở nên to lớn, nó bắt đầu gây ra cơn đau dữ dội đến mức người phụ nữ ấy hoàn toàn không được yên ổn cả ngày lẫn đêm vì những cơn đau đớn tột cùng. Bà la hét thảm thiết, ngã quỵ xuống đất, nhưng không ai có thể giúp bà, thậm chí không ai biết được bà mắc bệnh gì; nhiều người cho rằng bà đang bị quỷ ám. Cuối cùng, người ta đưa bà đến gặp các vị thánh làm phép lạ là Kyros và Gioan; hai vị này đã hiện ra với bà vào ban đêm và truyền lệnh rằng trước khi ăn, bà phải uống một lượng nước lớn. Người phụ nữ làm theo; ngay lập tức dạ dày cô ấy sôi sục lên – cô ấy nôn ra một con cóc lớn và trở nên khỏe mạnh. Tất cả những ai chứng kiến cảnh đó đều kinh ngạc và ngợi khen Đức Chúa Trời cùng các thánh nhân của Ngài.

Sau người phụ nữ tên Theodora, có một người đàn ông tên Theodor cũng cầu xin sự giúp đỡ từ các thánh. Người đàn ông Theodor này vô tình uống phải chất độc do những kẻ ác cho và phải chịu đau đớn dữ dội, không nhận được sự giúp đỡ nào từ các bác sĩ. Trong khi người đàn ông tên Theodor này đang khóc lóc cầu nguyện xin được chữa lành, các thánh đã hiện ra với anh ta trong một giấc mơ và ra lệnh cho anh ta ăn một loài động vật, trong tiếng Hy Lạp gọi là skopendra[4634] . Khi tỉnh dậy sau giấc mơ, Theodore đã làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình, vì ông nghĩ đó là ảo ảnh của ma quỷ; sau đó, ông lại tiếp tục cầu nguyện với các thánh, xin họ chữa lành cho mình. Đêm hôm sau, các thánh lại hiện ra với Theodor và ra lệnh cho anh làm điều tương tự; nhưng lần này anh cũng không tin vào các thánh, vì loài động vật đó được coi là độc hại chứ không phải có tác dụng chữa bệnh. Và lần thứ

[4630] "Kalos" trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "tuyệt đẹp".

[4631] Maiuma – một thành phố cảng ở Palestine, từng là bến cảng cho Gaza, một thành phố cổ của đất nước này, nằm không xa Jerusalem. Nơi đây được biết đến là nơi Thánh Cosmas thực hiện các hoạt động mục vụ.

[4632] Một trong những thành phố của Ai Cập.

[4633] Asael – con trai của Sarua, em gái vua Đa-vít, anh trai của tướng Joab, – một trong những tướng lĩnh chủ chốt dưới trướng vua Đa-vít.

[4634] Một loài giống như thằn lằn.

ba, các thánh lại hiện ra như vậy, nhưng lần này Theodor cũng không nghe theo họ, vì anh nghĩ đó là sự lừa dối của ma quỷ. Cuối cùng, vào đêm thứ tư, các thánh hiện ra trước mặt Theodor không phải trong giấc mơ nữa, mà là trong thực tế; các thánh bày tỏ sự chia buồn với Theodor và nói với anh ta:

– Tại sao con không tin lời chúng ta? Hãy mau đứng dậy và đi đến suối của chúng ta; ở đó, con hãy ăn những gì con thấy ăn được; đó sẽ là phương thuốc thực sự cho con.

Théodore, sau khi tin chắc vào sự thật của sự hiện ra của các thánh, đã lên đường đến suối vào lúc bình minh và tìm thấy ở đó một quả dưa chuột nhỏ nằm trên mặt đất; Theodor nhặt nó lên và cắn một miếng với sự thích thú; và khi anh định đưa miếng dưa chuột cuối cùng vào miệng, anh phát hiện trong đó có phần cuối cùng của một loài động vật gọi là skopendros – bởi vì anh đã ăn gần hết con vật đó trong quả dưa chuột ấy rồi; Rất hoảng sợ, anh ta đã ném phần dưa chuột còn lại xuống đất, sau đó bắt đầu nôn mửa và nôn ra hết chất độc trong người cùng với dưa chuột và con vật đó. Sau đó, Feodor cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh và, khi đến nhà thờ, đã cúi đầu tạ ơn trước các di cốt thiêng liêng của những vị thánh chữa lành cho mình.

Một người phụ nữ tên là Maria đã từ Babylon đến Manufin, để viếng thánh tích của các vị thánh làm phép lạ. Bà mang theo con trai tám tuổi của mình, người mà do mưu mô của quỷ dữ, lưỡi đã bị rút ra khỏi miệng; lưỡi của cậu bé dài một пядь[4635] , lớn hơn nhiều so với lưỡi người bình thường và trông rất kỳ lạ: nó dày, đen, bốc mùi hôi thối, gây khó chịu cho tất cả những ai nhìn vào và liên tục chảy ra nước bọt màu đen. Cậu bé này vô tình ngã xuống đất bên cạnh quan tài các thánh và đập lưỡi vào phiến đá cẩm thạch ở đó; ngay lập tức, lưỡi của cậu, được giải thoát khỏi mưu mô của quỷ dữ, đã trở về vị trí ban đầu và lấy lại kích thước bình thường, và nhờ đó cậu bé đã được chữa lành.

Một người tên là Evgeni, đến từ Ai Cập, bị bệnh phù thũng, đã được đưa đến trước di cốt các thánh; vì căn bệnh này, toàn thân anh ta sưng phù và bụng phình to. Các thánh đã hiện ra với Evgeni trong một giấc mơ, đặt tay lên bụng anh ta và nói:

– Evgeni! Hãy đứng dậy và trở về nhà trong tình trạng khỏe mạnh.

Evgeni đứng dậy, ngay lập tức thoát khỏi mọi gánh nặng của chứng phù nề và được hồi phục hoàn toàn. Nhớ lại những phép lạ này, dù chỉ là một phần nhỏ trong số rất nhiều phép lạ của các thánh Kira và Ioann, những vị thánh không ham tiền bạc, chúng ta hãy tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng đã ban cho các ngài ân sủng như vậy, Đấng được tôn vinh muôn đời cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 5:

Lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa, Đấng đã ban cho chúng con những vị thánh tử đạo của Ngài như những bức tường bất khả xâm phạm, xin nhờ lời cầu nguyện của các ngài, hãy phá tan những âm mưu của các dân tộc, củng cố các vương quốc và quyền trượng, vì Ngài là Đấng duy nhất tốt lành và yêu thương loài người.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Hỡi các thánh đã nhận lãnh ân sủng thần thánh là ân huệ làm phép lạ, các ngài không ngừng làm phép lạ trên thế gian, bằng bàn tay vô hình chữa lành mọi đam mê của chúng con, hỡi Thánh Kyre, người khôn ngoan trước mặt Chúa, cùng với Thánh Gioan vinh quang: các ngài chính là những vị bác sĩ thần thánh.

Lễ kỷ niệm Thánh Phaolô

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 6

Thánh Phaolô xuất thân từ thành phố Corint[4636] , có cha mẹ là Kitô hữu; được nuôi dưỡng trong sự sùng đạo và từ thuở thiếu thời đã yêu mến Thiên Chúa, ngài đã đến một trong những tu viện và nhận lễ xuất gia tại đó;

[4635] Một pyaď tương đương với 4 hoặc 5 vershka.
[4636] Corinth, thành phố cổ nhất của Hy Lạp, nằm ở phía bắc vùng Argolis cổ đại, bên bờ Vịnh Corinth.

ngài đã nỗ lực rất nhiều trong các việc tu hành và là một tu sĩ dày dạn kinh nghiệm. Quỷ dâm dục đã tấn công Thánh Phaolô; một đêm nọ, khi Thánh Phaolô đang đứng cầu nguyện, quỷ hiện ra và nói:

– Nếu ngươi không thỏa mãn dục vọng xác thịt của mình, dù chỉ một lần, thì ta sẽ tấn công ngươi một cách tàn nhẫn!

Thánh Phaolô đã quở trách con quỷ nhân danh Chúa Giêsu Kitô và xua đuổi nó bằng dấu thánh giá.

Sau đó, con quỷ xúi giục một người phụ nữ làm nghề mại dâm mang đứa trẻ sơ sinh của mình đến gặp vị thánh; sau khi đặt đứa trẻ lên giường của vị thánh, người phụ nữ ấy nói với ngài:

– Chính ngài đã khiến tôi thụ thai và sinh ra đứa trẻ này.

Vị thánh nhân đã đón nhận đứa trẻ với niềm vui. Còn những kẻ dị giáo, khi đến gặp vị thánh nhân, đã trói tay ngài ra sau lưng và, buộc đứa trẻ vào người ngài, dẫn ngài đi khắp thành phố trong tiếng chế nhạo. Đứng giữa đám đông và ra hiệu bằng tay, Pavel nói:

– Hãy nghe đây, anh em! Chúng ta hãy hỏi đứa trẻ và để nó nói cho chúng ta biết, ai là cha của nó?

(Đứa trẻ mới chỉ được vài ngày tuổi.) Rồi Phaolô nói với đứa trẻ:

– Hãy nói cho chúng ta biết, cha con là ai?

Đứa trẻ xé toạc tã lót, chỉ tay vào một thợ rèn nào đó và nói:

– Chính người này là cha con, chứ không phải tu sĩ Phaolô.

Những người nghe thấy điều này liền cúi đầu trước vị tu sĩ già, xin ông tha thứ.

Từ đó, Đức Chúa Trời ban cho vị tu sĩ khả năng chữa bệnh. Phaolô đặt tay lên những người ốm đau và họ được lành bệnh.

Sau khi sống hơn bảy mươi năm, vị thánh nhân đã về với Chúa[4637] , Đấng mà ngài đã phục vụ không mệt mỏi, và được phong thánh; cùng với các thánh, ngài ngợi khen Đức Chúa Trời Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà chúng ta cũng dâng lên vinh quang muôn đời. A-men.

Ngày 12 tháng 7

Ngày 29 tháng 6 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Phêrô, Hoàng tử Orda, Thánh làm phép lạ tại Rostov (qua đời ngày 29 tháng 6 năm 1290).

Cuộc đời, những việc làm vĩ đại và sự chịu khổ của Thánh Phêrô, vị Tông đồ tối cao vinh quang và đáng ca ngợi

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 6

Là anh trai của Thánh Tông đồ An-rê, người được Chúa Giêsu Kitô kêu gọi đầu tiên, Thánh Tông đồ Phêrô, trước khi được Chúa Giêsu Kitô kêu gọi mang tên Si-môn, con trai của I-ô-na, một người Do Thái thuộc chi phái Si-mê-ôn, xuất thân từ Bết-sa-i-đa, một thị trấn nhỏ bé và ít người biết đến ở Ga-li-lê, thuộc Palestine. Ông đã lấy con gái của Aristobulus, anh trai của Thánh Tông đồ Barnaba, làm vợ và có với bà một con trai và một con gái. Simon là người chân chất và không biết chữ; được thấm nhuần lòng kính sợ Thiên Chúa, ông tuân giữ mọi điều răn của Chúa, "sống trước mặt Ngài một cách vô tì vết trong mọi việc làm của mình". Nghề nghiệp của Simon là đánh cá; bằng công việc lao động chân tay này, với tư cách là một người nghèo, ông kiếm sống nuôi gia đình, lo cho vợ, con cái, mẹ vợ và người cha già của mình là Iona.

Còn anh trai của Simon là An-rê, khinh thường những điều phù phiếm của thế gian đầy loạn lạc, đã chọn con đường sống độc thân: ông đến sông Giô-đanh gặp Thánh Gio-an Tẩy Giả, Đấng đang rao giảng về sự sám hối (Mt 3:1–17), và trở thành môn đệ của ngài. Khi nghe lời chứng của thầy mình về Đấng Christ – Đấng Mê-si-a – và đặc biệt là những lời ngài nói khi chỉ tay về phía Chúa: *"Đây là Chiên Con của Đức Chúa Trời"* (Giăng 1:29–36), An-rê đã rời bỏ Gioan và cùng với một môn đệ khác của vị Thánh Tẩy đi theo Chúa, hỏi Ngài:

[4637] Thời điểm qua đời của Thánh Phaolô không được biết chính xác.

– Thưa Thầy, Thầy ở đâu?

– Hãy đi và các con sẽ thấy, – Đấng Cứu Thế đáp lại.

Họ đi và thấy nơi Ngài ở, rồi ở lại với Ngài suốt ngày hôm đó (Giăng 1:38–39).

Sáng hôm sau, An-rê đến gặp anh trai mình là Si-môn và nói với anh:

– Chúng tôi đã tìm thấy Đấng Mê-si, Đấng Ki-tô.

Và ông dẫn người ấy đến với Chúa Giê-su. Chúa Giê-su nhìn người ấy và nói:

– Ngươi là Simon, con trai của Giô-na, ngươi sẽ được gọi là Ki-pha, nghĩa là hòn đá (Phê-rô)[4638] (Ga 1:41–42). Và ngay lập tức, thánh Phê-rô bừng cháy tình yêu dành cho Chúa, tin vào Ngài như là Đấng Kitô chân chính, được Thiên Chúa sai đến để cứu độ thế gian. Nhưng ông vẫn chưa rời khỏi nhà mình và chưa từ bỏ công việc của mình, vẫn lo liệu những nhu cầu thiết yếu cho gia đình; vì người cha già, thỉnh thoảng Simon và anh trai ông là An-rê cũng giúp đỡ ông; họ sống như vậy cho đến khi được Chúa kêu gọi vào chức vụ tông đồ.

Một lần nọ, sau khi Gioan Tẩy Giả bị giam vào ngục, Chúa Giêsu Kitô đi ngang qua Biển Galilê (nơi này còn được gọi là Biển Tiberiad hoặc Hồ Gennesaret) và khi thấy Phêrô cùng Anrê đang thả lưới xuống biển, Ngài đã nói với họ:

– Hãy theo Ta, Ta sẽ làm cho các con trở thành những người đánh bắt người (Mt 4:18–20).

Chúa muốn biến họ thành những người đánh bắt nào – Ngài đã báo trước điều này qua phép lạ đánh cá. Khi bước lên thuyền của Si-môn – Phê-rô, Đấng Christ ra lệnh cho ông thả lưới, và Phê-rô đáp lại:

– Thưa Thầy! Chúng con đã làm việc cả đêm mà chẳng bắt được gì; nhưng theo lời Thầy, con sẽ thả lưới.

Sau khi làm như vậy, họ bắt được một lượng cá rất lớn, đến nỗi lưới của họ suýt bị rách, điều này là hình ảnh tiên tri về công việc đánh bắt thuộc linh của các tông đồ – các tông đồ sẽ bắt được nhiều dân tộc để được cứu rỗi bằng lưới Lời Chúa. Khi thấy phép lạ này, Simon Phêrô quỳ xuống trước chân Chúa Giêsu và nói:

– Xin Ngài hãy rời xa con, lạy Chúa! Vì con là kẻ có tội.

Sự kinh hoàng bao trùm ông và tất cả những người đi cùng ông trong cuộc đánh cá này, những người đã bắt được số cá đó. Đáp lại Phê-rô, người đã cầu xin Chúa rời xa mình, Đấng Cứu Thế, trái lại, kêu gọi ông theo Ngài:

– Hãy theo Ta – từ nay trở đi, ngươi sẽ bắt người để ban sự sống, giống như trước đây ngươi đã bắt cá để giết chúng.

Từ lúc đó, Thánh Tông đồ Phê-rô theo Chúa Kitô, cũng như anh trai ông là An-rê, và các môn đệ khác vừa được kêu gọi. Chúa yêu mến Thánh Tông đồ Phê-rô vì lòng chân thành của ông: Ngài đã viếng thăm ngôi nhà nghèo nàn của Si-môn, nơi Ngài đã chữa lành mẹ vợ ông, người đang nằm sốt cao, chỉ bằng một cái chạm tay. Và khi sáng sớm, Chúa thức dậy và lui vào một nơi hoang vắng để cầu nguyện, thì Phê-rô cùng những người đi với ông, không thể chịu nổi dù chỉ một giờ xa Chúa, đã đi theo Ngài, tìm kiếm Thầy yêu quý của mình một cách tận tụy; và khi tìm thấy Ngài, họ thưa với Ngài:

– Mọi người đang tìm Ngài, lạy Chúa (Mác 1:30–37).

Và Thánh Tông Đồ Phê-rô không bao giờ xa rời Chúa, mà luôn ở bên Người không rời, tận hưởng việc chiêm ngưỡng dung nhan Người và những lời của Người "ngọt ngào hơn cả mật ong". Ông đã chứng kiến nhiều phép lạ vĩ đại của Chúa, những phép lạ đó rõ ràng chỉ ra Đấng Kitô là Con Thiên Chúa, Đấng mà ông tin tưởng không chút nghi ngờ. Và như Ngài đã tin bằng lòng "vào lẽ thật", thì Ngài cũng xưng nhận bằng miệng "để được cứu rỗi". Khi Chúa đến vùng Caesarea Philippi[4639] , Ngài đã hỏi các môn đệ của Ngài:

– Người ta cho Ta, Con Người, là ai?

Họ thưa rằng:

– Có người cho là Gioan Tẩy Giả, có người cho là Ê-li, còn có người cho là Giê-rê-mi-a hoặc một trong các tiên tri.

Ngài nói với họ:

– Còn các con thì coi Ta là ai?

Si-môn Phi-e-rơ đáp:

– Ngài là Đấng Kitô, Con của Thiên Chúa Hằng Sống.

[4638] Kifa – là từ tiếng Syriac có nghĩa là "đá"; từ tiếng Hy Lạp "Petrus" ("petra" – vách đá, đá) cũng có cùng ý nghĩa.

[4639] Thành phố này nằm gần nguồn sông Jordan; nó được con trai của Hê-rốt là Phi-líp xây dựng để vinh danh hoàng đế Ti-bê-ri – từ đó mà nó có tên gọi như vậy.

Chúa đã ban phước lành và lời hứa cho lời xưng nhận chân thật này của vị Tông đồ; Ngài nói với thánh Phêrô:

– Phúc cho ngươi, Simon, con của Giô-na, vì không phải thịt và máu đã mặc khải điều này cho ngươi, mà là Cha Ta, Đấng ngự trên trời; và Ta nói với ngươi: ngươi là Phêrô, và trên tảng đá này, Ta sẽ xây dựng Hội Thánh của Ta, và cửa địa ngục sẽ không thắng nổi nó; Ta sẽ trao cho ngươi chìa khóa Nước Trời; và điều gì ngươi trói buộc dưới đất, thì sẽ được trói buộc trên trời; và điều gì ngươi tháo gỡ dưới đất, thì sẽ được tháo gỡ trên trời[4640] .

Đầy lòng yêu mến nồng nhiệt dành cho Chúa, Thánh Tông đồ Phêrô mong muốn không có điều ác nào chạm đến Ngài; vì vậy, khi Chúa tiên báo về những đau khổ của Ngài, ông đã phản đối Ngài, nói trong sự thiếu hiểu biết:

– Xin Chúa thương xót chính mình! Xin đừng để điều đó xảy ra với Ngài!

Mặc dù những lời này của vị Tông đồ không làm vừa lòng Chúa Giêsu, Đấng đã đến để bằng sự đau khổ của Ngài cứu chuộc loài người khỏi sự diệt vong, nhưng chúng vẫn được thúc đẩy bởi tình yêu nồng nhiệt dành cho Chúa; hơn nữa, trong đó còn bộc lộ lòng không ác ý của vị Tông đồ: khi nghe lời quở trách của Chúa: "Hãy lui ra khỏi Ta, Satan![4641] ngươi là cám dỗ đối với Ta", vị Tông đồ không cảm thấy tức giận hay bực bội và cũng không rời xa Đấng Cứu Thế Kitô, nhưng sau khi lắng nghe lời quở trách với lòng yêu mến, ngài lại theo Chúa với lòng nhiệt thành còn lớn hơn nữa (Mt 16:13–23). Một lần nọ, nhiều môn đệ, vì không thể thấu hiểu những lời của Chúa[4642] , đã nói về chúng như sau:

– Những lời thật kỳ lạ! Ai mà nghe nổi được?

Rồi họ rời xa Đấng Cứu Thế và không còn đi theo Ngài nữa. Lúc đó, Chúa Giê-su nói với mười hai môn đệ:

– Các con cũng muốn bỏ đi chăng?

Si-môn Phi-e-rơ thưa lại với Ngài:

– Lạy Chúa! Chúng con sẽ đi theo ai đây? Ngài có những lời ban sự sống đời đời, và chúng con đã tin và nhận biết rằng Ngài là Đấng Christ, Con của Đức Chúa Trời Hằng Sống (Giăng 6:53–58).

Với đức tin và lòng nhiệt thành như vậy đối với Chúa, Thánh Tông Đồ Phêrô đã dám xin Ngài cho phép mình bước ra khỏi thuyền và đi trên mặt nước để đến với Ngài[4643] . Chúa không cấm điều đó. Lúc đó, Thánh Tông Đồ Phêrô bước ra khỏi thuyền, "đi trên mặt nước để đến với Chúa Giêsu". Nhưng trước khi nhận được Đức Thánh Linh, vì chưa có đức tin vững chắc hoàn toàn, nên "khi thấy gió mạnh, ông sợ hãi và bắt đầu chìm xuống, liền kêu lên:

– Lạy Chúa! Xin cứu con.

Chúa Giê-su liền giơ tay ra, đỡ ngài và nói với ngài:

– Hỡi kẻ ít đức tin, sao ngươi lại nghi ngờ?" (Mt 14:28–31).

Chúa, Đấng đã cứu vị Thánh Tông Đồ khỏi bị chìm, cũng đã cứu ông khỏi sự thiếu đức tin khi phán với ông[4644] :

– Ta đã cầu nguyện cho ngươi, để đức tin của ngươi đừng suy giảm (Lc 22,31–32).

Cùng với hai môn đệ khác là Giacôbê và Gioan, Thánh Tông đồ Phêrô đã được ân sủng chiêm ngưỡng vinh quang Biến Hình của Chúa được bày tỏ trên núi Phavarô, và bằng chính tai mình nghe thấy tiếng Chúa Cha từ trên cao phán xuống với Chúa Giêsu. Về điều này, Thánh Tông đồ đã đề cập như sau trong thư của ngài:

– Chúng tôi đã rao giảng cho anh em về quyền năng và sự tái lâm của Chúa Giêsu Kitô, không phải theo những câu chuyện huyền thoại được bịa đặt, nhưng là những người đã tận mắt chứng kiến vinh quang của Ngài. Vì Ngài đã nhận được vinh quang và sự tôn vinh từ Thiên Chúa Cha, khi từ vinh quang rực rỡ ấy, có tiếng phán đến

---

[4640] Ở đây, "tảng đá" tất nhiên không phải là Thánh Phêrô, mà là đức tin mà ngài đã tuyên xưng, hay chính Chúa; lời hứa ban chìa khóa Nước Trời, Chúa đã lặp lại cho tất cả các Tông đồ sau khi Ngài phục sinh (Ga 20:21–23).

[4641] Satan – là từ tiếng Syriac, có nghĩa là "kẻ thù"; theo nghĩa hẹp, trong Kinh Thánh, từ này dùng để chỉ thủ lĩnh của các thần ác (1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:18); trong ý nghĩa rộng hơn, từ "Satan" chỉ chung những kẻ chống lại ý muốn của Thiên Chúa, dù chỉ vì sự đơn sơ hay thiếu hiểu biết, như chúng ta thấy trong trường hợp này với Thánh Tông đồ Phêrô.

[4642] Về Bí tích Rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô. (Ga 6:53–58).

[4643] Giống như chính Chúa đã đến gần các môn đệ của Ngài trên những con sóng dữ dội của Hồ Gennesaret (Mt 14:22–27).

[4644] Trong bữa tiệc ly với các môn đệ trước khi Ngài chịu khổ nạn.

với Ngài rằng: "Đây là Con Yêu Dấu của Ta, Đấng mà Ta hài lòng." Và tiếng phán ấy, vang lên từ trời cao, chúng tôi đã nghe thấy khi đang ở cùng Ngài trên ngọn núi thánh.[4645]

Khi Chúa sắp phải chịu những đau khổ tự nguyện và cái chết trên thập tự giá, thì Thánh Tông Đồ Phê-rô đã bày tỏ lòng nhiệt thành của mình đối với Chúa không chỉ bằng lời nói, khi ngài thốt lên:

– Lạy Chúa! Con sẵn sàng đi theo Ngài cả vào ngục tù lẫn đến cái chết (Lc 22,33), – mà còn bằng hành động, khi rút gươm ra và chém đứt tai người đầy tớ của thượng tế Malchus (Ga 18,10). Mặc dù theo ý định của Ngài, Thiên Chúa đã để cho Thánh Tông Đồ Phêrô sa ngã vào việc chối Chúa Kitô Cứu Thế, Chúa của chúng ta, ba lần, nhưng ngài đã đứng dậy và ăn năn hối cải qua sự sám hối chân thành, kèm theo những tiếng khóc than đắng cay (Mt 26,69–75). Thánh Phêrô, người đầu tiên trong số các Tông đồ, đã được ân sủng được chiêm ngưỡng Chúa Giêsu Kitô Phục Sinh, như Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, đã thuật lại: "Chúa quả thật đã sống lại và hiện ra với Simon" (Lc 24:34); Thánh Tông đồ Phaolô cũng viết về điều này: Đức Kitô "đã sống lại vào ngày thứ ba, như Kinh Thánh đã chép, và hiện ra với Kê-pha, rồi với mười hai Tông đồ" (1 Cr 15:4–5). Khi nhìn thấy Chúa, Thánh Phêrô tràn ngập niềm vui khôn tả, đồng thời nhận được từ Ngài sự tha thứ đầy lòng thương xót cho tội lỗi của mình. Việc ba lần chối bỏ Chúa đã được xóa bỏ hoàn toàn nhờ ba lần xưng nhận tình yêu của mình dành cho Đấng Cứu Thế, khi ông trả lời ba lần câu hỏi của Ngài:

– Simon, con của Giô-na! Con có yêu Ta không?

– Lạy Chúa! Ngài biết tất cả; Ngài biết rằng con yêu mến Ngài.

Và Đấng Cứu Thế đã phục hồi chức vụ tông đồ cho Phê-rô, phong ông làm mục tử của đoàn chiên Lời Chúa và trao cho ông chìa khóa Nước Trời (Ga 21:15–17).

Sau khi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta lên trời, Thánh Phêrô, với tư cách là người đứng đầu trong số các Tông đồ, đã trở thành vị thầy và nhà rao giảng Lời Chúa đầu tiên, chỉ trong một giờ đã thu hút được tới ba nghìn tín hữu gia nhập Hội Thánh của Chúa Kitô (Công vụ 2:14–41). Đồng thời, ngài cũng đã thể hiện một quyền năng kỳ diệu vĩ đại. Khi cùng Thánh Gioan vào đền thờ để cầu nguyện, Thánh Phêrô thấy một người què bẩm sinh đang ngồi ở cửa đền thờ, nơi được gọi là Cửa Đỏ. Người ấy, khi thấy Phêrô và Gioan, đã xin họ bố thí. Phêrô và Gioan, sau khi nhìn kỹ người ấy, đã nói:

– Hãy nhìn chúng tôi.

Và Người nhìn chằm chằm vào họ, hy vọng sẽ nhận được điều gì đó từ họ. Nhưng Phê-rô nói:

– Tôi không có bạc hay vàng; nhưng điều tôi có, tôi ban cho anh: nhân danh Đức Giê-su Ki-tô người Na-xa-rét, hãy đứng dậy và đi.

Rồi ông nắm lấy tay phải người ấy và đỡ người ấy dậy; bỗng chốc chân và đầu gối người ấy trở nên vững chắc, người ấy nhảy lên, đứng dậy, bắt đầu đi lại, rồi cùng họ vào đền thờ, vừa đi vừa nhảy múa và ngợi khen Đức Chúa Trời.

Nhờ phép lạ này và lời rao giảng của Thánh Tông Đồ Phêrô, khoảng năm nghìn người đã tin vào Đấng Kitô (Công Vụ Tông Đồ 3:1–26; 4:4). Thánh Phêrô đã dùng lời nói để trừng phạt Ananias và vợ ông là Sapphira, những cư dân Giêrusalem, vì tội phạm thánh và nói dối Thánh Thần (Công Vụ Tông Đồ 5:1–10). Tại Lydda[4646] , ngài đã chữa lành cho A-ni-ê, người bị liệt đã nằm trên giường suốt tám năm, bằng cách nói với anh ta:

– Ê-ni, Chúa Giê-su Ki-tô chữa lành cho ngươi! (Công vụ 9:32–34)

Tại Ioppê[4647] , ngài đã làm sống lại cô gái Tavi-phê đã qua đời (Công vụ 9:36–42). Không chỉ bàn tay và lời nói của ngài có sức kỳ diệu, mà ngay cả bóng của ngài cũng mang lại sự chữa lành: "nên người ta mang những người bệnh ra đường, đặt họ trên giường và nệm, để ít nhất bóng của Phê-rô khi đi qua cũng che phủ được ai đó trong số họ" (Công vụ 5:15). – Còn khi vua Hê-rốt ra tay với một số người thuộc Hội Thánh (tại Giê-ru-sa-lem) để "gây hại cho họ" và sau khi giết bằng gươm Giacôbê, anh trai của Gioan[4648] , đã bắt thánh Phêrô và giam vào ngục, xiềng bằng hai sợi xích, thì Thiên Thần của Chúa đã giải thoát ngài khỏi xiềng xích vào ban đêm và giải phóng ngài khỏi nhà tù (Công vụ 12:1–10). Thánh Tông đồ Phêrô, vị Tông đồ tối cao, là người đầu tiên mở cánh cửa đức tin

---

[4645] 2 Phê-rô 1:16–18; so sánh với Ma-thi-ơ 17:1–27; Mác 9 trở đi, Lu-ca 9 trở đi.

[4646] Lydda – một thành phố ở Palestine, gần Ramla ngày nay, trước đây là Arimathea.

[4647] Ioppia – một trong những thành phố cổ nhất châu Á, nằm trên bờ biển phía tây bắc Địa Trung Hải, giữa Cêsarea và Gaza.

[4648] Gia-cơ, con trai của Xê-đê-vê, một trong mười hai Tông đồ, là anh em ruột của Thánh Gio-an Tông đồ. Thánh Gia-cơ là Tông đồ đầu tiên chịu tử đạo trong cuộc bách hại của Hê-rốt A-gri-ppa, vua Do Thái, vào năm 44 sau Công nguyên. Ngày kính nhớ ngài là ngày 30 tháng 4.

cho dân ngoại, khi làm phép rửa tại Cêsarê[4649] cho Cornelius, một sĩ quan La Mã, sau khi ngài có một thị kiến về một tấm vải được thả xuống từ trời, chứa đầy các loài bốn chân và các loài bò sát, cùng với một tiếng nói ra lệnh cho Phêrô giết hết những thứ đó, ăn chúng và không coi là ô uế những gì Thiên Chúa đã thanh tẩy; khải tượng này là dấu hiệu cho thấy những người ngoại giáo sẽ trở lại với Đấng Christ (Công vụ 10:1–48). Thánh Tông đồ Phêrô đã vạch trần Simon, một thầy phù thủy người Samari, người đã giả vờ chịu phép rửa và muốn mua ân sủng của Thánh Thần bằng tiền:

– "Tiền bạc của ngươi," vị Tông đồ nói với thầy phù thủy, "hãy trở thành sự hủy diệt cùng với ngươi, vì ngươi đã toan tính nhận ân sủng của Đức Chúa Trời bằng tiền bạc: ngươi không có phần hay phần chia nào trong việc này, vì lòng ngươi không ngay thẳng trước mặt Đức Chúa Trời; vậy hãy ăn năn về tội lỗi này của ngươi và cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời: có lẽ ý định trong lòng ngươi sẽ được tha thứ, vì ta thấy ngươi đầy dẫy sự cay đắng và bị trói buộc trong sự bất chính (Công Vụ 8:18–23).

Những việc làm khác của Thánh Tông Đồ Phêrô được đề cập ở đây được trình bày chi tiết hơn trong Thánh Phúc Âm và Sách Công Vụ Các Thánh Tông Đồ, những tác phẩm luôn được đọc trong các nhà thờ để các tín hữu lắng nghe. Vì vậy, để đảm bảo tính súc tích, không cần thiết phải trích dẫn chi tiết mọi điều liên quan đến Thánh Tông đồ Phêrô từ các sách Kinh Thánh này; các sách này phải được các tín hữu Chính Thống giáo biết rõ. Về những chiến công và công việc truyền giáo tiếp theo của Thánh Tông đồ Phêrô, vốn ít người biết đến, Thánh Simeon Metaphrastes[4650] đã nói như sau.

Từ Giê-ru-sa-lem[4651] , Thánh Phê-rô đã đến Cêsarea Stratonica[4652] , nơi ngài tấn phong một giám mục từ số các linh mục đi theo ngài; sau khi chữa lành cho nhiều người tại Si-đôn[4653] và tấn phong một giám mục tại đây, ngài đã đến Ve-rit[4654] , và tại đây ngài cũng tấn phong một giám mục; sau đó ngài đến Vivly, và từ đây đến Tripoli thuộc Phoenicia[4655] , nơi ngài ở lại nhà một người đàn ông khôn ngoan tên là Marson, người mà ngài đã tấn phong làm giám mục cho các tín hữu của thành phố này. Từ Tripoli, ngài đến Orphosia; sau đó đến Antrad, rồi đến đảo Arados, tiếp theo là Valanea, Pant và Laodicea[4656] ; tại nơi này, ngài đã chữa lành cho nhiều người bệnh, trừ tà khỏi những người bị quỷ ám và tập hợp cộng đoàn tín hữu, đồng thời bổ nhiệm cho họ một giám mục. Từ Laodicea, Thánh Phêrô đến Antiôkhia, một thành phố ở Syria[4657] , nơi Simon, tên phù thủy, đang lẩn trốn khỏi các binh lính do Hoàng đế La Mã Claudius[4658] phái đến để bắt giữ ông; khi biết tin Thánh Tông đồ Phêrô sắp đến, Simon đã trốn chạy đến các thành phố ở Giu-đê. Tại Antiôkhia, Thánh Phêrô đã chữa lành cho nhiều người bệnh tật và sau khi rao giảng về Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, ngài đã bổ nhiệm các giám mục: Marcianus cho Syracuse ở Sicily[4659] và Pancratius cho Tauromenium[4660] . Từ Antioch, Thánh Phêrô đến Tinian thuộc Cappadocia[4661] , từ đó ngài ghé thăm Ancyra thuộc Galatia[4662] , nơi ngài đã làm cho một người chết sống lại và thành lập một nhà thờ, rao

---

[4649] Tất nhiên là Caesarea ở Palestine, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải; thành phố này được Hê-rốt Đại Đế tái thiết và đặt tên là Caesarea để vinh danh Hoàng đế Augustus. Tông đồ Phaolô đã từng đến đây (Công vụ 9:29–30, 18:28, 21:8); ông đã bị giam giữ tại đây trong hai năm (Công vụ 23:33, 24:27, 25:4); Thánh Tông đồ Philipphê cũng từng sống tại đây (Công vụ 21:8); và Hê-rốt Agrippa đã qua đời tại đây sau khi bị Thiên thần đánh trúng và bị sâu bọ gặm nhấm (Công vụ 12:19–33).

[4650] Nhà văn Giáo hội thế kỷ X

[4651] Thành phố chính của Palestine, hiện là thành phố tỉnh lỵ của vilayet (tổng đốc) Damascus ở Syria (thuộc Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ), nằm bên suối Kidron trên sườn ba ngọn đồi thuộc dãy núi Giu-đa là A-kra, Si-ôn và Mô-ri-a. Giê-ru-sa-lem rất thân thương đối với mọi Kitô hữu vì là trung tâm của những sự kiện vĩ đại trong lịch sử Cựu Ước và Tân Ước, – là "mẹ của các Giáo hội Kitô giáo", nơi từ đó Lời Tin Mừng đã lan tỏa khắp vũ trụ.

[4652] Césarea Stratonica chính là thành phố Cêsarea ở Palestine.

[4653] Si-đôn – một thành phố Phoenicia nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải, dọc theo bờ biển này còn có vùng Phoenicia.

[4654] Virit hay Berit – một thành phố Phoenicia, nổi tiếng từ thời cổ đại như một cái nôi của sự khai sáng và học vấn; ngày nay, Berit với tên gọi Beirut là thành phố chính của vilayet (tổng đốc) Syria thuộc châu Á-Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời là một trung tâm thương mại quan trọng.

[4655] Byblos, Tripoli – các thành phố của Phoenicia.

[4656] Laodicea – thành phố chính của vùng Phrygia thuộc Tiểu Á.

[4657] Syria – khu vực thuộc Thổ Nhĩ Kỳ châu Á nằm trên bờ đông Địa Trung Hải.

[4658] Claudius – hoàng đế từ năm 41 đến năm 54.

[4659] Sicily – một trong những hòn đảo lớn của Địa Trung Hải, hiện nay thuộc Vương quốc Ý.

[4660] Tavromene – một thành phố quan trọng trên bờ đông Sicily, gần núi Tavra – từ đó mà thành phố này có tên.

[4661] Cappadocia – một vùng thuộc Tiểu Á, nằm ở biên giới giữa Armenia và Cilicia.

[4662] Galatia – một vùng đất đặc biệt ở Tiểu Á, giáp với Phrygia ở phía tây, Lycaonia và Cappadocia ở phía nam, Pontus ở phía đông, Bithynia và Paphlagonia ở phía bắc.

giảng và rửa tội cho nhiều người, đồng thời bổ nhiệm một giám mục cho họ. Rời Ancyra, ngài tiếp tục hành trình đến Sinope thuộc Pontus[4663] , và từ đó đến Amasya, nằm ở trung tâm vùng đất Pontus. Sau đó, sau khi ghé qua Gangra thuộc Paphlagonia[4664] , Claudiopolis thuộc Honoriadis và Bithynia[4665] , cũng như Nicomedia, Thánh Tông đồ đã dừng chân tại Nicaea[4666] . Với ý định đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ Phục Sinh, ngài đã quay trở lại từ Ni-kê – đến Pissinunt, rồi đến Ca-pa-đô-ki-a và Si-ri. Sau khi ghé thăm An-ti-ô-ki-a một lần nữa, ngài cuối cùng đã đến được Giê-ru-sa-lem. Trong thời gian ngài ở đó, Thánh Tông đồ Phaolô – người đã trở lại với Chúa Kitô được ba năm – đã đến gặp ngài, như chính ngài đã kể lại trong Thư gửi tín hữu Galát:

– Ba năm sau, tôi đã lên Giê-ru-sa-lem để gặp Phê-rô và ở lại với ngài mười lăm ngày (Ga-la-ti 1:18).

Sau khi thiết lập các quy định giáo luật trong thời gian đó, Thánh Phaolô đã trở lại với sứ vụ mà ngài được kêu gọi; còn Thánh Tông đồ Phêrô lại đến thăm Antiôkhia, nơi ngài tấn phong Giám mục Evodius; sau đó, ngài đến Sinad, một thành phố thuộc Phrygia[4667] , rồi rời khỏi đó để đến Nicomedia[4668] ; tại đó, ngài tấn phong Giám mục Prochorus, người sau khi nhận chức giám mục đã theo chân Thánh Gioan Thần Học. Khi từ Nicomedia đến Ilion, thành phố thuộc vùng Hellespont[4669] , Thánh Tông đồ đã bổ nhiệm Cornelius, một sĩ quan quân đội, làm giám mục tại đây và trở về Jerusalem. Tại đó, Chúa Giêsu Kitô đã hiện ra với Thánh Phêrô trong một thị kiến và phán:

– Hãy đứng dậy, Phêrô, và đi về phương Tây: đã đến lúc nơi đó được soi sáng bởi lời rao giảng của ngươi; còn Ta sẽ ở cùng ngươi.

Vào thời điểm đó, Simon, nhà phù thủy[4670] , đã bị những người lính đi tìm ông bắt giữ và đưa về Rôma[4671] để chịu hình phạt vì những việc làm của mình. Nhưng ông ta, bằng những mưu mẹo phù thủy đã làm mờ mắt nhiều người, đã lừa dối họ đến mức không những không phải chịu hình phạt, mà thậm chí còn được nhiều người tôn sùng như một vị thần. Kẻ tiền thân của Satan này đã làm cho chính Hoàng đế Claudius kinh ngạc đến mức phải tạc một bức tượng của nhà tiên tri và đặt giữa hai cây cầu trên sông Tiber với dòng chữ: "Dành cho Simon, vị thần thánh". Justin và Irenaeus đã viết chi tiết về điều này. Còn chúng ta (Simeon Metaphrastes nói), hãy quay trở lại với lời giảng sắp tới. Thánh Phêrô vĩ đại, sau khi thông báo cho các anh em về thị kiến mà ngài đã trải qua, đã chia tay họ và, trong chuyến thăm các giáo hội, lại trở về Antiôkhia, nơi ngài gặp Thánh Tông đồ Phaolô. Tại đây, ngài đã tấn phong các giám mục: Urvan tại Tarsus[4672] , Epaphroditus tại Leukia thuộc Adria, Apelles, anh em của Polycarp, tại Smyrna và Figellus tại Ephesus[4673] ; người ta nói rằng người sau cùng này, sau khi lạc lối khỏi con đường chính đạo, đã kết giao với Simon. Từ Antiôkhia, Thánh Phêrô đến Macedonia[4674] , nơi ngài cũng bổ nhiệm các giám

---

[4663] Pontus – vùng phía đông bắc của Tiểu Á.

[4664] Paphlagonia – một vùng núi hiểm trở ở phía bắc Tiểu Á.

[4665] Bithynia – một vùng của Tiểu Á, giáp Biển Đen ở phía bắc.

[4666] Nicaea nằm ở Bithynia (xem chú thích trước) ở đầu phía đông của hồ Ascania; từng là một thành phố thương mại thịnh vượng và thậm chí là nơi cư ngụ của các vị vua. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, thành phố này nổi tiếng vì là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ nhất (năm 325) và lần thứ bảy (năm 787).

[4667] Phrygia – một vùng ở Tiểu Á nằm giữa Galatia ở phía bắc, Pisidia và Pamphylia ở phía nam. Nơi đây được Thánh Tông đồ Phaolô truyền giáo.

[4668] Nicomedia – một thành phố ở Bithynia.

[4669] Hellespont là tên gọi của eo biển ngăn cách Chersonesos của Thrace với châu Á (Troad, Tiểu Phrygia).

[4670] Theo lời chứng của Thánh Justino, vị tử đạo, Simon Volkhv, người gốc từ làng Gitty hoặc Titton thuộc vùng Samaria, đã theo học triết học tại Alexandria, và sau đó trở nên nổi tiếng với tư cách là một pháp sư, tự xưng mình là sức mạnh vĩ đại của Thiên Chúa. "Vào thời đó, theo các chứng cứ của người La Mã và Hy Lạp, ở nhiều quốc gia thuộc thế giới Hy Lạp-La Mã đã xuất hiện rất nhiều người được gọi là pháp sư, người Chaldea, nhà toán học, thầy phù thủy; những người này, nhờ sở hữu một số kiến thức về những sức mạnh huyền bí mà bản chất lúc bấy giờ vẫn chưa được giải thích rõ ràng, đã tự xưng là những con người phi thường, và bằng cách chữa lành một số bệnh tật, dùng bùa chú, bói toán, tiên tri, phép thuật, sự huyền bí lừa đảo và các mưu mẹo khác nhau, đã tác động đến quần chúng dân chúng thiếu hiểu biết đến mức lôi kéo được đông đảo người theo mình và được coi là những kẻ phi thường". Simon Volkhv cũng thuộc loại người như vậy.

[4671] Rome – thủ đô của Đế chế La Mã, nằm ở vùng trung tâm Ý, thuộc vùng Latium, trải dài hai bên bờ sông Tiber, tại nơi con sông này đổ ra biển.

[4672] Tarsus – từng là một thành phố lớn và đông dân ở phía đông nam Tiểu Á, là thủ phủ của tỉnh Cilicia, nằm bên sông Cydnus, không xa Biển Địa Trung Hải. Ngày nay, đây vẫn là một thành phố thương mại quan trọng với 40.000 cư dân.

[4673] Ê-phê-sô – thành phố thương mại ven biển và là thủ phủ của tỉnh Ioppia thuộc Tiểu Á; sau này nơi đây trở thành trung tâm hoạt động của Thánh Gioan Thần Học; tại đây đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ 3 vào năm 431; ngày nay Ê-phê-sô là làng Aya Saluk nghèo nàn của Thổ Nhĩ Kỳ.

mục: Olympus cho người Philippi[4675] , Iason cho người Thessalonica[4676] và Silus cho người Cô-rinh-tô[4677] , người mà ngài gặp đang ở cùng Thánh Tông đồ Phaolô. Sau khi tấn phong Herodion làm giám mục tại Patras, Thánh Phêrô đã lên thuyền đến Sicily và, khi đến Tauromenium, ngài đã dừng chân một thời gian ngắn tại nhà của Pancratius, một người có tài hùng biện xuất sắc; sau khi rao giảng và rửa tội cho một người tên là Maximus tại đây, đồng thời tấn phong ông làm giám mục, ngài đã đến Roma.

Tại Rôma, Thánh Tông đồ Phêrô hàng ngày rao giảng trên các quảng trường và trong các gia đình về Đức Chúa Trời Duy Nhất – Đức Chúa Cha Toàn Năng, và Đức Chúa Giêsu Kitô Duy Nhất, Con Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời chân thật từ Đức Chúa Trời chân thật, cùng Đức Thánh Thần Duy Nhất, Chúa ban sự sống; và ngài đã dẫn dắt nhiều người đến với đức tin nơi Đấng Kitô, giải thoát họ khỏi sự mê hoặc của việc thờ ngẫu tượng nhờ phép rửa thánh. Nhìn thấy tất cả những điều này, Simon, tên phù thủy, không muốn im lặng và che giấu lòng thù hận của mình đối với Thánh Phêrô – hắn coi bài giảng của vị Tông đồ, vốn làm lung lay danh tiếng của hắn, là sự sỉ nhục; và tên phù thủy bắt đầu công khai cản trở giáo lý chân chính của vị Tông đồ bằng những lời nói và hành động dối trá của mình – không chút xấu hổ, hắn đã phản bác Thánh Phêrô ngay giữa lòng thành phố. Tên phù thủy lừa dối dân chúng, khơi dậy trong họ những giấc mơ kỳ lạ; hắn cho họ thấy những ảo ảnh xuất hiện trước và sau mình, rồi nói với dân chúng rằng đó là linh hồn của những người đã khuất; hắn còn cho thấy những người đã sống lại từ cõi chết, cúi lạy hắn như một vị thần; hắn chữa lành cho những người què, giúp họ lấy lại khả năng đi lại và nhảy nhót. Nhưng tất cả những điều này không phải là sự thật, mà chỉ là ảo ảnh, giống như Proteus trong thần thoại[4678] , biến hóa theo nhiều hình dạng khác nhau: lúc thì hiện ra với hai khuôn mặt, lúc thì, chỉ sau một thời gian ngắn, biến thành con dê, con rắn, con chim, lúc thì hóa thành ngọn lửa; nói tóm lại, nó có thể biến thành bất kỳ hình dạng nào để lừa dối những kẻ điên rồ. Nhưng chỉ cần vị Tông đồ vĩ đại của Chúa liếc nhìn những việc làm của Simon – thì ngay lập tức những trò phù thủy của hắn biến mất.

Về cuộc đấu tranh của Thánh Tông đồ Phêrô với Simon, kẻ phù thủy, ngoài Metaphrastus, phần Mở đầu và các cuốn Lịch Thánh Lớn cũng ghi chép như sau.

Khi Thánh Phêrô đến Rôma và biết rằng Simon, tự xưng là Đấng Kitô, đang thực hiện những phép lạ vĩ đại trước mắt dân chúng, thì, bừng cháy lòng nhiệt thành vì Thiên Chúa chân thật, ngài đã đến nhà Simon, nơi ngài thấy một đám đông lớn tụ tập trước cổng; họ ngăn cản vị Tông đồ vào trong nhà. Lúc đó, Thánh Phêrô nói:

– Tại sao các ngươi lại cản trở ta đến gặp tên pháp sư lừa đảo đó?

– Hắn không phải là pháp sư, – đám đông đáp lại, – mà là một vị thần hùng mạnh; hắn đã đặt người canh gác ở cổng, người này có thể đọc được ý nghĩ của con người.

Nói xong, họ chỉ cho vị Tông đồ thánh con chó đen đang nằm ở cổng, và nói thêm:

– Con chó này giết chết tất cả những ai có suy nghĩ sai lầm về Simon.

– Tôi đang nói sự thật về hắn, – Thánh Phêrô khẳng định, – Simon là kẻ thuộc về ma quỷ.

Sau đó, tiến lại gần con chó, vị Tông đồ nói:

– Hãy đi và truyền lại cho Simon: Phêrô, Tông đồ của Chúa Kitô, muốn vào gặp ngươi.

Con chó đi đến và bằng giọng nói của con người, truyền lại cho Simon những gì Thánh Tông đồ Phêrô đã ra lệnh. Tất cả những ai nghe thấy con chó nói đều kinh hoàng. Simon, đến lượt mình, đã sai chính con chó đó đi với lời nhắn:

– Hãy để Phêrô vào đây.

[4674] Troas – một thành phố ven biển, từ đó có thể dễ dàng vượt biển sang châu Âu. – Macedonia – một vùng ven biển giáp với Quần đảo từ phía tây bắc.

[4675] Thành phố Philippi, nơi Thánh Tông đồ Phaolô đã viết thư gửi cho các Kitô hữu, nằm ở Macedonia, bên bờ sông Strymon, không xa Biển Aegean; đây là một trong những thành phố nổi tiếng nhất của vùng này, chính vì vậy tác giả sách Công Vụ Tông Đồ đã gọi nó là thành phố nổi tiếng nhất trong vùng (Công Vụ 16:12); Hội thánh tại Philippi được Thánh Tông đồ Phaolô thành lập trong chuyến truyền giáo thứ hai của ngài.

[4676] Thành phố ở Macedonia.

[4677] Corinth – nằm về phía tây Athens, trên eo đất, nổi tiếng từ thời cổ đại nhờ hoạt động thương mại rộng lớn, là nơi cư ngụ của vị thống đốc La Mã lúc bấy giờ.

[4678] Proteus – vị lão nhân biển tiên tri, một trong những vị thần Hy Lạp huyền thoại, thuộc quyền cai quản của Poseidon, vị thần biển, người chăn đàn hải cẩu cho nữ thần Amphitrite. Nơi cư ngụ của ông được cho là đảo Phoros hoặc Korpafos, nơi ông thường lên bờ nghỉ ngơi dưới bóng râm của những vách đá ven biển. Để nhận được lời tiên tri từ ông, người ta phải bắt và giữ ông lại bằng sức mạnh hoặc mưu mẹo, vì ông có thể biến hóa thành nhiều hình dạng khác nhau, thường trốn thoát khỏi những người đang chờ đợi lời tiên tri của ông.

Khi Thánh Tông đồ bước vào nhà, Simon bắt đầu biểu diễn phép thuật trước mặt mọi người, ngay trước mắt Thánh Phêrô. Còn Thánh Tông đồ, nhờ sức mạnh của Chúa Kitô, đã thực hiện những phép lạ vĩ đại. Cụ thể là những phép lạ nào? Trong số rất nhiều phép lạ đó, nhà sử học Giáo hội Hy Lạp cổ đại Egesippus, người sống vào khoảng thời kỳ các Tông đồ[4679] , đã ghi lại phép lạ vĩ đại sau đây. Tại Rôma, con trai của một góa phụ quý tộc, thuộc dòng dõi hoàng gia, đã qua đời khi còn trẻ; và người mẹ khóc than thảm thiết vì con; những người thương xót bà đã nhớ đến hai vị đã xuất hiện tại Rôma, đó là Phêrô và Simon nhà phù thủy, những người có khả năng làm cho người chết sống lại; và thế là một số người đã mời Phêrô đến bên thi thể người đã khuất, còn những người khác thì mời Simon. Rất nhiều người quý tộc và dân chúng đã tụ tập đến đám tang của chàng trai trẻ. Thánh Phêrô bèn nói với Simon nhà tiên tri, người đang khoe khoang sức mạnh của mình trước mặt mọi người:

– Ai trong chúng ta làm cho người chết này sống lại, thì giáo lý của người ấy sẽ được công nhận là chân lý.

Dân chúng đồng ý với quyết định của vị Tông đồ. Còn Simon, tự tin vào mưu mẹo phù thủy của mình, liền quay sang dân chúng nói:

– Nếu ta làm cho người chết sống lại, các ngươi có giết Phêrô không?

– Chúng tôi sẽ thiêu sống hắn ngay trước mắt ngươi! – dân chúng hét lên.

Bước đến bên giường người chết, Simon bắt đầu thực hiện phép thuật và với sự trợ giúp của ma quỷ, hắn đã khiến người chết cử động đầu. Ngay lập tức, dân chúng bắt đầu la hét rằng chàng trai còn sống – rằng anh ta đã sống lại. Còn Thánh Phêrô thì họ muốn lập tức dẫn đi thiêu sống. Vị Tông đồ liền ra hiệu bằng tay, yêu cầu mọi người im lặng, và khi mọi thứ trở nên yên tĩnh, ngài nói:

– Nếu chàng trai thực sự còn sống, thì hãy để anh ta đứng dậy, nói chuyện và đi lại; còn chừng nào các ngươi chưa thấy điều đó, đừng nghi ngờ rằng Simon đang lừa dối các ngươi bằng phép thuật của hắn.

Simon đi vòng quanh giường một hồi lâu, cầu khẩn sức mạnh của ma quỷ, nhưng vô ích; lúc đó hắn định bỏ chạy vì xấu hổ; nhưng dân chúng đã giữ hắn lại. Còn Thánh Phêrô, vị thánh thực sự làm phép lạ, Đấng đã làm cho Tabitha sống lại và thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại khác, đứng xa xa, ngước mắt và giơ tay lên trời, rồi bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã truyền cho chúng con nhân danh Ngài mà làm cho người chết sống lại, con xin Ngài, xin hãy ban sự sống cho chàng trai này, để những người có mặt ở đây nhận biết rằng Ngài là Thiên Chúa chân thật và không có ai khác ngoài Ngài, Đấng hằng sống và ngự trị cùng Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.

Sau lời cầu nguyện đó, ngài gọi người chết:

– Hỡi chàng trai trẻ! Hãy đứng dậy – Chúa Giêsu Kitô của con đang chữa lành và làm cho con sống lại.

Và ngay lập tức, người chết mở mắt ra, đứng dậy và bắt đầu đi lại và nói chuyện.

Câu chuyện của Ê-gê-xíp được bổ sung bởi Marcellus người Rô-ma, ban đầu là môn đệ của Si-môn nhà phù thủy, sau đó được Thánh Tông Đồ Phê-rô khai sáng bằng đức tin thánh thiện và phép rửa thánh. Trong thư gửi các thánh tử đạo Nê-rôn và A-chi-li-ô, Marcellus nói về chàng trai trẻ được Thánh Tông Đồ làm sống lại:

Chàng trai trẻ, quỳ xuống dưới chân Thánh Phêrô, đã thốt lên:

– Tôi đã thấy Chúa Giêsu ra lệnh cho các Thiên thần đưa tôi trở về với mẹ góa của tôi, nhờ lời cầu xin của ngài.

Lúc đó, cả đám đông đồng thanh kêu lên:

– Chỉ có một Thiên Chúa và không có ai khác ngoài Đấng mà Thánh Phêrô đã tuyên xưng!

Còn Simon, tên phù thủy, đã bỏ chạy, dùng sức mạnh ma quỷ biến khuôn mặt mình thành hình con chó; tuy nhiên, dân chúng vẫn bắt được hắn, trong đó có người muốn ném đá hắn, có người lại muốn thiêu sống hắn. Nhưng Thánh Tông đồ Phêrô đã phản đối điều đó, nói:

– Chúa và Thầy của chúng ta không ra lệnh phải trả thù ác bằng ác, – hãy thả hắn ra; để hắn đi đâu tùy ý: hắn đã phải chịu đủ sự xấu hổ, sự sỉ nhục và sự nhận ra rằng phép thuật của hắn vô dụng rồi.

[4679] Egesippus là tác giả của tác phẩm "Những điều đáng ghi nhớ", một tác phẩm gồm 5 quyển, nhưng hiện đã không còn tồn tại. Những thông tin về cuộc đời và tác phẩm của ông, dù rất rời rạc, được cung cấp bởi cha đẻ của lịch sử Giáo hội, Eusebius, Giám mục Caesarea. Ông cho biết Egesippus là một Kitô hữu gốc Do Thái, sống vào thế kỷ thứ hai; ông đã thực hiện chuyến hành trình đến Cô-rinh-tô và Rô-ma, nơi ông cư trú rất lâu, gặp gỡ nhiều giám mục tại đó và trao đổi với họ về các vấn đề giáo lý. Egesipp qua đời dưới triều đại của Hoàng đế Commodus (180–192). Rất khó để nói điều gì cụ thể về nội dung và tính chất của tác phẩm của Egesipp; chỉ có thể nhận xét rằng rất có thể tác phẩm này mang tính chất lịch sử-phê phán, nhằm chống lại các tà thuyết Gnosticism.

"Sau khi được thả ra," Markell kể lại, "Simon đã đến gặp tôi, cho rằng tôi không biết gì về sự kiện kỳ diệu đó. Simon đã xích con chó khổng lồ vào cổng nhà tôi bằng một sợi xích sắt và nói với tôi:

– Để xem – liệu Phêrô có đến gặp anh như thường lệ hay không.

Và một giờ sau, Thánh Phêrô bước đến cửa, tháo dây xích con chó ra và nói với nó:

– Hãy đi nói với Simon, tên phù thủy: đừng có dùng sức mạnh ma quỷ để lừa dối những người mà Chúa Kitô đã đổ Máu của Ngài vì họ nữa.

Con chó đi và truyền đạt, như một con người, những lời của vị Tông đồ cho Simon. Nghe thấy điều đó (Markell kể lại), tôi vội vã ra đón Thánh Phêrô và tiếp đón ngài một cách long trọng vào nhà mình; còn Simon và con chó thì tôi đuổi ra ngoài. Con chó, không làm hại ai khác, lao thẳng vào chính Simon, cắn chặt lấy anh ta bằng hàm răng và quật ngã xuống đất. Thấy cảnh đó từ cửa sổ, Thánh Phêrô nhân danh Chúa Kitô đã ra lệnh cho con chó không được chạm vào thân thể Simon. Con chó, không đụng chạm đến thân thể tên phù thủy, đã xé nát hết quần áo của hắn, khiến hắn trở nên trần truồng hoàn toàn. Nhìn thấy cảnh đó, dân chúng la ó Simon, chế giễu và mắng chửi hắn; rồi sau đó, hắn cùng con chó bị đuổi ra khỏi thành phố. Vì sự nhục nhã và xấu hổ đó, Simon đã không xuất hiện ở Rome suốt một năm – cho đến khi người kế vị Claudius là Nero[4680] , vị vua vô đạo, nghe được những lời ca ngợi về tên phù thủy độc ác từ những kẻ xấu; Nero đã tìm ra Simon, rất yêu mến hắn và đưa hắn vào vòng thân tín như một người bạn.

Ngoài ra, Phần Mở Đầu và Sách Lễ Lớn còn kể thêm điều sau đây về Simon, nhà phù thủy.

Pháp sư Simon ra lệnh cho người ta chém mình bằng gươm, hứa hẹn sẽ sống lại vào ngày thứ ba; nhưng thay vì chính mình, ông ta đã đặt một con cừu dưới lưỡi gươm, ban cho nó khả năng trông giống như con người; thế là con cừu đã bị chém thay cho pháp sư. Còn Thánh Phêrô, sau khi xua đuổi sự mê hoặc của ma quỷ, đã vạch trần sự dối trá của Simon: mọi người đều thấy rằng người bị chém vào đầu không phải là Simon, mà là con cừu.

Về chiến thắng cuối cùng của Thánh Phêrô trước tên phù thủy, chiến thắng đã tiêu diệt hắn, mọi người đều thuật lại như sau.

Không thể chiến thắng Thánh Tông đồ Phêrô trong bất cứ điều gì và không thể chịu đựng thêm sự xấu hổ và nhục nhã, tên phù thủy hứa sẽ bay lên trời. Sau khi tập hợp tất cả các quỷ dữ phục vụ mình, Simon, với vòng nguyệt quế trên đầu, đã đến giữa thành phố Rome, trước một tòa nhà cao chót vót; leo lên đỉnh tòa nhà, hắn bắt đầu từ trên cao giận dữ nói với dân chúng:

– Vì các ngươi, hỡi người La Mã, cho đến nay vẫn chìm đắm trong sự điên rồ của mình và, bỏ rơi ta để theo Phêrô, nên ta cũng sẽ rời bỏ các ngươi; tôi sẽ không còn bảo vệ thành phố này nữa, mà sẽ ra lệnh cho các Thiên thần của tôi nâng tôi lên trên đôi tay họ ngay trước mắt các ngươi, rồi tôi sẽ bay lên trời gặp Cha tôi, từ đó tôi sẽ giáng xuống các ngươi những hình phạt khủng khiếp vì các ngươi đã không nghe theo lời tôi và không tin vào những việc làm của tôi.

Nói xong, nhà tiên tri vỗ tay và lao lên không trung; được các quỷ dữ nâng đỡ, ông bắt đầu bay lượn trên không, bay lên cao. Còn mọi người thì kinh ngạc tột độ, nói với nhau:

– Đây là việc của Đức Chúa Trời – bay trên không trung bằng thân xác!

Còn Thánh Tông Đồ Phêrô vĩ đại thì bắt đầu cầu nguyện với Chúa một cách lớn tiếng, để mọi người đều nghe thấy:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con! Xin vạch trần sự lừa dối của tên pháp sư này, để những người tin vào Ngài không bị cám dỗ!

Rồi ngài kêu lên:

– Hỡi các quỷ dữ! Ta ra lệnh nhân danh Đức Chúa Trời của ta: đừng mang hắn đi nữa, mà hãy để hắn ở nơi hắn đang lơ lửng trên không.

Và ngay lập tức, lũ quỷ, tuân theo lệnh cấm của Sứ đồ, đã rời bỏ Simon trên không trung; và tên pháp sư khốn kiếp ấy lao xuống đất, giống như ngày xưa ma quỷ bị lật đổ từ trời xuống đất, và khi rơi xuống, hắn đã vỡ tan tành. Đám đông có mặt tại đó đã reo hò mãi không ngừng:

– Đức Chúa Trời mà Phê-rô rao giảng thật vĩ đại, và quả thật không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ngài!

[4680] Hoàng đế từ năm 54–68.

Còn tên pháp sư ngã xuống, dù bị vỡ nát nặng nề, nhưng theo sự an bài của Đức Chúa Trời, vẫn còn sống để nhận ra sự bất lực của lũ quỷ khốn nạn và chính bản thân mình, để tràn ngập sự xấu hổ và thấu hiểu quyền năng của Đức Chúa Trời toàn năng. Với thân thể tan nát, hắn nằm trên mặt đất, chịu đựng những đau đớn không thể tả xiết, và đến sáng hôm sau, trong cơn đau đớn tột cùng, hắn đã tống khứ linh hồn ô uế của mình, giao phó nó vào tay lũ quỷ, để chúng mang xuống địa ngục gặp Sa-tan, cha của chúng. Còn Thánh Phêrô, sau khi Simon bị lật đổ, đã đứng trên một nơi cao và, ra hiệu bằng tay để mọi người im lặng, bắt đầu giảng dạy dân chúng về sự hiểu biết về Thiên Chúa chân thật; và nhờ những lời giảng dạy liên tục của ngài, ngài đã dẫn dắt nhiều người trở về với đức tin Kitô giáo.

Hoàng đế Nê-rôn, khi biết tin về cái chết nhục nhã của người bạn mình, đã vô cùng tức giận với Thánh Phê-rô và muốn giết ngài. Nhưng, như Thánh Metaphrastus kể lại, vị hoàng đế hung dữ ấy không thực hiện ngay lập tức, mà chỉ sau vài năm, mới thực hiện ý định độc ác của mình đối với Thánh Tông đồ Phê-rô. Sau khi Simon, nhà tiên tri, qua đời, Thánh Phêrô không ở lại Rôma lâu; sau khi dẫn dắt nhiều người trở lại và rửa tội cho họ, củng cố Giáo hội và phong Linô làm giám mục, ngài rời Rôma đến Tarracina[4681] , nơi ngài phong Epaphroditus (một người khác, không phải người đã được đề cập ở trên) làm giám mục.

Khi đến Sirmium, một thành phố ở Tây Ban Nha, và tấn phong Epenetus làm giám mục tại đây, ngài đã lui về Carthage, ở châu Phi, nơi ngài tấn phong Criscentus làm giám mục. Khi đến Ai Cập, ngài đã tấn phong các giám mục tại đó: Rufus tại Thebes (thành phố có bảy cổng), và Thánh Mác-cô, nhà truyền giáo, tại Alexandria. Sau đó, theo sự mặc khải, ngài có mặt tại Giê-ru-sa-lem vào ngày Lễ Lên Trời của Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, rồi lại trở về Ai Cập. Sau khi đi qua châu Phi, ngài đến Rô-ma, từ đó ngài đến Mediolan[4682] , rồi đến Photiquin, nơi ngài tấn phong các giám mục và linh mục. Sau khi đến Anh Quốc[4683] , ngài đã sống ở đó một thời gian dài, dẫn dắt nhiều dân tộc đến với đức tin vào Chúa Kitô. Tại Anh Quốc, Thánh Tông Đồ Phêrô đã được một Thiên Thần hiện ra và nói với ngài:

– Phêrô! Thời điểm ngài rời bỏ cuộc đời này đã gần kề. Ngài phải lên đường đến Rôma, nơi mà sau khi chịu chết trên thập giá, ngài sẽ nhận được phần thưởng xứng đáng từ Chúa Kitô.

Sau khi tạ ơn Thiên Chúa, Thánh Phêrô đã ở lại Anh Quốc thêm vài ngày sau lần hiện ra đó, củng cố các Giáo hội, bổ nhiệm các giám mục, linh mục và phó tế. Vào năm thứ mười hai dưới triều đại của Nero, ngài đã đến Rôma và bổ nhiệm Clement làm giám mục, với vai trò là người trợ giúp trong việc quản lý Giáo hội, mặc dù Clement đã từ chối, không muốn gánh vác gánh nặng đó. Sau khi lắng nghe những lời khuyên nhủ của vị Tông đồ, Clément, như một người con vâng lời, đã cúi đầu dưới ách của Chúa Kitô và cùng với vị thầy của mình cùng các vị thánh nhân khác, kéo cỗ xe của Lời Chúa. Và nhiều quý ông và quý bà thuộc tầng lớp quý tộc và danh giá tại Rôma đã được soi sáng bởi đức tin và phép rửa thánh. Hoàng đế Nê-rôn có hai người vợ, vẻ đẹp tuyệt trần, mà ông yêu thương hơn tất cả các phi tần khác của mình. Sau khi chấp nhận đức tin thánh thiện, họ quyết tâm sống đời sống trong sạch và không muốn tuân theo những ham muốn dâm dục của hoàng đế. Còn ông ta, một kẻ dâm đãng vô liêm sỉ và không bao giờ thỏa mãn, đã nổi giận vì điều này với toàn thể Giáo hội các tín hữu, đặc biệt là với Thánh Phêrô – người đã khiến hai người phụ nữ nói trên quy y Chúa Kitô và bắt đầu sống đời sống trong sạch (vị hoàng đế cũng nhớ lại cái chết của người bạn thân yêu là Simon, nhà tiên tri), và bắt đầu truy lùng Thánh Phêrô để xử tử. Nhà sử học Giáo hội Egesippus đã đề cập ở trên cho biết rằng khi người ta đang truy lùng Thánh Phêrô để giết, các tín hữu đã khẩn cầu ngài, vì lợi ích của nhiều người, hãy ẩn náu – rời khỏi Rôma. Vị Tông đồ tuyệt đối không đồng ý với điều này, vì ngài thà chịu đau khổ và chết vì Chúa Kitô; còn các tín hữu thì khóc lóc van nài vị Tông đồ hãy giữ lấy mạng sống của mình, vốn vô cùng cần thiết cho Giáo hội thánh thiện, đang bị những cơn sóng hoạn nạn cuốn trôi giữa đám người vô tín. Chịu khuất phục trước những lời khẩn cầu đầy nước mắt của cả đoàn chiên, Thánh Phêrô đã hứa sẽ lánh khỏi thành phố, và vào đêm hôm sau, sau khi chia tay mọi người sau buổi cầu nguyện chung, ngài đã một mình ra đi. Và khi ngài đến cổng thành, ngài thấy Chúa Giêsu Kitô đang đi về phía ngài vào thành; sau khi cúi đầu chào Ngài, Thánh Phêrô hỏi:

– Ngài đang đi đâu vậy, lạy Chúa?

[4681] Tarracina hoặc Tarracon – một khu định cư cổ đại của người Iberia ở bờ đông Tây Ban Nha, giữa dãy núi Pyrenees và sông Iber, gần sông Tulcis.

[4682] Có lẽ nằm ở Gaul.

[4683] Dưới tên gọi "Britannia", người xưa ban đầu dùng để chỉ tất cả các hòn đảo nằm về phía bắc Gaul, giữa Biển Đức và Đại Tây Dương. Tên "Britannia" chủ yếu được dùng để chỉ hòn đảo lớn nhất trong số đó, vốn mang tên bản địa là Albion.

– Ta đang đi đến Rôma để lại bị đóng đinh, – Chúa đáp lại và bỗng chốc biến mất.

Vị Tông đồ kinh ngạc nhận ra rằng Chúa Kitô, Đấng chịu đau khổ trong các tôi tớ của Ngài như trong chính các chi thể thực sự của Ngài, cũng muốn chịu đau khổ trong thân xác của ngài tại Rôma. Vì thế, ngài quay trở lại với các tín hữu và bị binh lính bắt đi chịu tử hình. Thánh Metaphrastus kể rằng Thánh Phêrô không bị bắt một mình, mà cùng với rất nhiều tín hữu, trong số đó có: Clément, Hérodiôn, Olymp; kẻ tra tấn đã kết án họ bị chém đầu bằng gươm, còn Thánh Tông đồ Phêrô thì bị đóng đinh. Sau khi bắt những người bị kết án, lính đã dẫn họ đến nơi hành quyết; Clément, với tư cách là người thân của hoàng gia, đã được tha mạng và trả tự do; còn Hê-rô-đi-ôn và Olympe, những người đã đến Rô-ma cùng với Thánh Tông đồ Phê-rô, cùng với nhiều tín hữu khác, đã bị chém bằng gươm. Còn Thánh Phêrô thì cầu xin những kẻ đóng đinh mình hãy đóng đinh Ngài với đầu hướng xuống dưới, để qua đó tôn vinh Chúa của Ngài, Đấng đã tự nguyện chịu đóng đinh trên thập giá – Ngài không muốn trở nên giống Ngài trong hình thức đóng đinh, mà mong muốn cúi đầu mình xuống dưới chân Ngài. Vị Tông đồ vĩ đại của Chúa, Thánh Phêrô, đã qua đời như vậy, tôn vinh Thiên Chúa bằng cái chết trên thập giá: trong khi chịu đựng nỗi đau đớn tột cùng từ những chiếc đinh đóng vào tay và chân, ngài đã phó thác linh hồn vô tì vết của mình vào tay Thiên Chúa vào ngày 29 tháng 6 năm[4684] . Môn đệ của ngài, Thánh Clément, sau khi xin được thi hài của vị Tông đồ, đã hạ thi hài xuống khỏi thập giá, cất giữ cẩn thận, rồi tập hợp các tín hữu và các vị thánh còn lại, an táng ngài một cách trang trọng; cũng đã an táng một cách trang trọng thi hài của những người đã chịu khổ cùng ngài là Hê-rô-đi-ôn, Ô-lym-pô và các tín hữu khác, ca ngợi Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. A-men.

Cuộc đời, những việc làm vĩ đại và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Phaolô vinh quang và đáng ca ngợi

Ngày kỷ niệm: 29 tháng 6

Thánh Tông đồ Phaolô, trước khi trở thành tông đồ được gọi là Sa-u-lơ[4685] , gốc gác là người Do Thái, thuộc chi tộc Bê-na-min; Ngài sinh ra tại Tarsus thuộc Cilicia, trong một gia đình quý tộc, vốn trước đây sống tại Rôma, sau đó chuyển đến Tarsus thuộc Cilicia[4686] , với danh hiệu danh dự là công dân Rôma; chính vì vậy, Phaolô cũng được gọi là công dân Rôma. Ông là họ hàng của Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, và (có lẽ cùng với ngài) đã được cha mẹ gửi đến Giê-ru-sa-lem để học Luật Mô-sê; tại đó, ông là một trong những môn đệ của thầy Ga-ma-li-ên, một vị thầy nổi tiếng tại Giê-ru-sa-lem. Người bạn cùng học và bạn thân của ông là Barnaba, người sau này trở thành Tông đồ của Chúa Kitô. Sa-lô-môn đã nghiên cứu kỹ lưỡng Luật của các tổ phụ, trở thành người ủng hộ nhiệt thành của Luật ấy và gia nhập phái Pha-ri-si (những người bảo thủ, nhiệt thành với mọi truyền thống dân tộc và bề ngoài tỏ ra đạo đức).

Vào thời đó, tại Giê-ru-sa-lem cũng như các thành phố và vùng lân cận, các Thánh Tông đồ đang rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô; và họ thường xuyên có những cuộc tranh luận kéo dài với các Pharisêu và Sa-đu-kê (những người bác bỏ truyền thống và không tin vào sự bất tử của linh hồn) cũng như với tất cả các nhà thông thái và

[4684] Thánh Tông đồ Phêrô qua đời vào năm 67 sau Công nguyên, cùng thời điểm với Thánh Tông đồ Phaolô. Thánh Tông đồ Phêrô được an táng trên Đồi Vatican, còn Thánh Tông đồ Phaolô được an táng gần Đường Ostia, không xa Rome. Theo truyền thống của Giáo hội Rôma, đầu của cả hai vị Tông đồ đều được lưu giữ tại Nhà thờ Lateran ở Rôma; thi hài của Thánh Phêrô an nghỉ tại Nhà thờ Vatican, còn thi hài của Thánh Phaolô an nghỉ tại một nhà thờ ngoại ô trên con đường Ostia. – Từ Thánh Phêrô Tông đồ, Giáo hội thánh thiêng nhận được, như một di sản quý giá, hai thư chung của ngài; trong đó thư thứ nhất được viết vào khoảng năm 65 tại Babylon, còn thư thứ hai được viết không lâu trước khi ngài qua đời tại Roma. Trong các thư này, Thánh Tông đồ Phêrô khuyên nhủ các Kitô hữu hãy sống một cuộc đời nghiêm khắc, thánh thiện và tiết độ, xứng đáng với danh hiệu cao quý của họ, đồng thời cảnh báo họ khỏi bị cuốn vào những cám dỗ của ngoại giáo và những lời giảng dạy của các thầy giả mạo sắp xuất hiện.

[4685] Sa-ul là tên Do Thái, có nghĩa là "người được mong đợi"; "người được cầu xin"; còn Phao-lô là tên La Mã, có nghĩa là "người nhỏ bé". Một số học giả cho rằng ông là con trai đầu lòng được mong đợi từ lâu và đã được đặt cả hai tên ngay khi mới sinh, với tư cách là công dân La Mã, theo tên cha. Còn Thánh Dimitri Rostovski, theo quan điểm của Thánh Zlatoust, Thánh Ambrose và những vị khác, cho rằng Sa-ul đã được đổi tên thành Phao-lô ngay khi chịu phép rửa tội. Tuy nhiên, trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ không có bất kỳ thông tin nào về thời điểm và lý do của sự thay đổi tên này.

[4686] Tarsus – từng là một thành phố lớn và đông dân ở phía đông nam Tiểu Á, là thủ phủ của tỉnh Cilicia, nằm bên sông Cydnus, không xa Biển Địa Trung Hải. Ngày nay, đây vẫn là một thành phố thương mại quan trọng với 40.000 cư dân.

các thầy dạy luật Do Thái, những người luôn căm ghét và bức hại các nhà truyền giáo của Chúa Kitô. Sa-lô-môn cũng căm ghét các Thánh Tông đồ, thậm chí không thèm nghe lời rao giảng về Chúa Kitô, đã chế nhạo Ba-na-ba (người đã trở thành tông đồ của Chúa Kitô) và phỉ báng Chúa Kitô. Và khi Thánh Tông đồ đầu tiên là Stephano bị người Do Thái ném đá đến chết, Sa-lô-môn không những không thương xót dòng máu đồng bào mình đang bị đổ một cách vô tội, mà còn tán thành việc giết người và trông coi quần áo của những người Do Thái đang ném đá Stephano. Sau đó, sau khi xin được quyền hạn từ các thượng tế và các trưởng lão Do Thái, ông lại hành hạ Hội Thánh (cộng đoàn các tín hữu) với sự hung hăng còn lớn hơn, xông vào các nhà, bắt giữ nam nữ và tống họ vào ngục tối. Không chỉ dừng lại ở việc bắt bớ các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem và tiếp tục đe dọa, hăm dọa giết hại các môn đệ của Chúa, ông còn lên đường đến Đa-mách[4687] , mang theo thư của Thượng tế gửi đến các hội đường, để ở đó, bất cứ ai tin vào Đấng Christ, dù là nam hay nữ, ông đều trói lại và đưa về Giê-ru-sa-lem. Sự việc này xảy ra dưới triều đại của Ti-bê-ri-ô[4688] .

Khi Sa-lô-môn đã gần đến Đa-mách, bỗng một ánh sáng từ trời chiếu rọi xuống ông (một cách đột ngột, mạnh mẽ và chói lòa đến nỗi ông ngã xuống đất), và ngay lúc đó, ông nghe thấy một tiếng nói phán với ông: "Sa-lô-môn, Sa-lô-môn! Sao ngươi lại bắt bớ Ta?" Ông, đầy kinh ngạc, hỏi: "Ngài là ai, lạy Chúa?" Chúa đáp: "Ta là Giê-su, Đấng mà ngươi đang bắt bớ; thật khó cho ngươi khi chống lại cây cọc"[4689] . Sa-ul, run rẩy và kinh hoàng, hỏi: "Lạy Chúa, Ngài muốn con làm gì?" Và Chúa phán: "Hãy đứng dậy và vào thành; ở đó người ta sẽ chỉ cho ngươi biết ngươi phải làm gì" (Công vụ 9:4–6).

Các binh lính đi cùng Sa-lô-môn cũng kinh hoàng; họ bị chói lòa bởi một ánh sáng kỳ lạ và đứng sững sờ: họ nghe thấy tiếng nói với Sa-lô-môn, nhưng không thấy ai cả.

Theo lệnh của Chúa, Sa-lô-môn đứng dậy khỏi mặt đất và dù mở to mắt nhưng không thấy ai cả: đôi mắt thể xác của ông đã mù lòa, nhưng đôi mắt thuộc linh bắt đầu sáng lên.

Những người dẫn đường và trợ tá của Sa-lô-môn dắt tay ông và đưa ông về Đa-mách; ở đó, ông ở lại ba ngày, không nhìn thấy gì cả, và trong tâm trạng ăn năn, ông không ăn cũng không uống, mà chỉ không ngừng cầu nguyện để Chúa bày tỏ ý muốn của Ngài cho ông.

Tại Đam-mách lúc bấy giờ có Thánh Tông đồ Ananias[4690] , người mà Chúa đã hiện ra trong một thị kiến và truyền lệnh cho ông tìm Sa-lô-môn, người đang ở trong nhà một người đàn ông tên là Giu-đa, và làm cho đôi mắt thể xác của ông sáng lại bằng cách chạm vào, còn đôi mắt tâm linh thì bằng phép rửa thánh.

Vị Tông đồ thưa lại: "Lạy Chúa! Con đã nghe nhiều người kể về người này, rằng ông ta đã gây ra bao điều ác cho các thánh của Ngài[4691] tại Giê-ru-sa-lem; và ở đây, ông ta cũng được các thượng tế trao quyền bắt giữ tất cả những ai kêu cầu danh Ngài." Nhưng Chúa phán với ngài: "Hãy đi, vì người ấy là khí cụ được Ta chọn để rao giảng danh Ta trước các dân tộc, các vua và con cái Israel. Và Ta sẽ cho người ấy biết người ấy phải chịu đau khổ bao nhiêu vì danh Ta"[4692] .

Thánh Ananias, tuân theo lệnh của Chúa và tìm thấy Sa-lô-môn, đã đặt tay lên người ấy: ngay lập tức, như thể vảy mắt rơi khỏi mắt ông, ông bỗng nhiên nhìn thấy được, đứng dậy, chịu phép rửa và được tràn đầy Thánh

---

[4687] Damascus là một trong những thành phố cổ xưa nhất thế giới. Ngay từ thời vua Đa-vít, nơi đây đã là thủ đô của một quốc gia độc lập; trước cả khi Chúa Giê-su ra đời, thành phố này đã rơi vào sự cai trị của người La Mã. Đức tin vào Chúa Giê-su đã được củng cố tại đây bởi các môn đệ của Chúa, những người đã tản mác sau khi Thánh Stê-pha-nô bị giết. Các hội đường Do Thái ở Damascus thuộc quyền quản lý của Thượng tế Jerusalem; chính quyền dân sự không can thiệp vào các vấn đề tôn giáo của người Do Thái. Tại Damascus, người ta vẫn chỉ ra ngôi nhà nơi Thánh Phaolô được rửa tội, và địa điểm mà ngài đã được thả xuống từ tường thành. Năm 1516, Damascus sáp nhập vào Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, và hiện nay là một thành phố thương mại sầm uất và giàu có, với 200.000 cư dân. Thành phố này nằm về phía đông bắc Jerusalem, cách khoảng 200 verst, thuộc Syria, dưới chân dãy núi Anti-Lebanon.

[4688] Tiberius – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 14 đến năm 37 sau Công nguyên. Dưới triều đại của ông, Chúa Giê-su Ki-tô đã bị đóng đinh.

[4689] "Đi ngược chiều ngọn lửa" – một câu tục ngữ dân gian, diễn tả sự vô ích của những nỗ lực chống lại một sức mạnh không thể khuất phục, huống chi là sức mạnh toàn năng, thiêng liêng.

[4690] Anania – là một Kitô hữu gốc Do Thái, sau đó được bổ nhiệm làm giám mục tại Damascus và đã tử đạo – bị ném đá đến chết tại Eleutheropolis (giữa Jerusalem và Gaza). – Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 1 tháng 10.

[4691] "Các thánh của ngươi" – đó là cách người ta gọi các Kitô hữu trong thời kỳ đầu, vì họ đã được thánh hóa trong Đức Kitô, nhờ đời sống trong sạch và tình yêu thương lẫn nhau của họ.

[4692] "Trước mặt những người ngoại đạo" – họ được đặt lên hàng đầu để biểu thị rằng Phaolô sẽ là người rao giảng chủ yếu giữa họ. "Ta sẽ phán cùng người ấy" – những lời an ủi của Chúa dành cho Ananias; ý nghĩa của chúng là: hãy đi, đừng sợ: giờ đây không một Kitô hữu nào sẽ bị Sa-lô-môn làm hại, trái lại, chính ông ta sẽ chịu khổ vì danh Ta.

Thần, Đấng thánh hiến ông cho chức vụ tông đồ, và được đổi tên từ Sa-lô-môn thành Phao-lô, rồi ngay lập tức bắt đầu rao giảng trong các hội đường về Đức Giê-su, rằng Ngài là Con Thiên Chúa[4693] .

Và tất cả những ai nghe thấy đều ngạc nhiên (về sự thay đổi trong suy nghĩ của kẻ bách hại Hội Thánh của Đấng Christ) và nói:

– Chẳng phải chính người này là kẻ đã bắt bớ những ai kêu cầu danh ấy tại Giê-ru-sa-lem sao? Và giờ đây, hắn đến đây cũng là để bắt họ và dẫn họ đến các thượng tế chăng? (Công vụ 9:21)

Còn Sa-lô-môn thì ngày càng vững vàng trong đức tin và làm cho những người Do Thái sống tại Đa-mách bối rối, khi chứng minh cho họ thấy rằng Đấng này chính là Đấng Christ (tức là Đấng Mê-si-a đã được hứa). Cuối cùng, người Do Thái nổi giận với ông, đồng ý giết ông và canh gác ở các cổng thành ngày đêm để ông không trốn thoát khỏi họ. Còn các môn đệ của Đấng Christ, những người đang ở tại Đam-mách cùng với An-na-ni, khi biết được cuộc họp của những người Do Thái quyết định giết Phao-lô, đã đưa ông vào một cái giỏ và thả ông xuống từ cửa sổ của một ngôi nhà giáp với tường thành vào ban đêm. Còn ông, sau khi rời khỏi Damascus, không lập tức lên đường đến Jerusalem, mà trước tiên đã đi đến Ả Rập[4694] , như chính ông đã viết trong thư gửi cho người Ga-la-ti: *"Lúc đó, tôi không tham khảo ý kiến của những người thuộc về xác thịt và huyết, cũng không lên Giê-ru-sa-lem gặp các Tông đồ đã đến trước tôi, mà đi đến A-ra-bi, rồi lại trở về Đa-mách. Sau đó, ba năm sau, tôi mới lên Giê-ru-sa-lem để gặp Phê-rô"* (Ga-la-ti 1:16–18).

Khi đến Giê-ru-sa-lem, Thánh Phao-lô đã cố gắng gia nhập nhóm các môn đệ của Chúa, nhưng họ e ngại điều đó, vì không tin rằng ông cũng đã là môn đệ của Chúa. Còn Thánh Tông đồ Barnaba, khi thấy ông và xác tín rằng ông đã hoán cải về với Chúa Kitô, đã rất vui mừng, nắm tay ông dẫn đến gặp các Tông đồ; và Phaolô đã kể cho họ nghe về việc ông đã thấy Chúa trên đường đi, những điều Chúa đã phán với ông, và cách ông – Phaolô – đã can đảm rao giảng nhân danh Chúa Giêsu tại Đamas. Các Thánh Tông đồ tràn ngập niềm vui và ngợi khen Chúa Kitô. Còn Thánh Phaolô, tại Giêrusalem, đã tranh luận với người Do Thái và người Hy Lạp về danh Chúa Giêsu[4695] và chứng minh cho họ thấy rằng Chúa Giêsu chính là Đấng Kitô đã được các tiên tri báo trước.

Một lần nọ, khi đang đứng trong nhà thờ và cầu nguyện, Phaolô bất ngờ và vô thức rơi vào trạng thái mê sảng[4696] và thấy Chúa. Chúa phán với ngài: *"Hãy mau mau rời khỏi Giêrusalem, vì [ở đây] họ sẽ không chấp nhận lời chứng của ngươi về Ta*." Phaolô thưa: *"Lạy Chúa! Họ biết rằng tôi đã giam cầm những người tin vào Ngài trong ngục tối và đánh đập họ trong các hội đường, và khi máu của Stephano, chứng nhân của Ngài, đổ ra, tôi đã đứng ở đó , tán thành việc giết ông ấy và trông coi áo quần của những kẻ đánh đập ông ấy*." Và Chúa phán với ông: *"Hãy đi; Ta sẽ sai con đi xa đến với dân ngoại"* (Công vụ 22:18–20). Sau thị kiến này, Thánh Phaolô, dù muốn ở lại Giêrusalem thêm vài ngày nữa để được an ủi qua việc gặp gỡ và trò chuyện với các Tông đồ, nhưng không thể: những người Do Thái, những người mà ông đã tranh luận về Đấng Kitô, đã nổi giận và muốn giết ông. Biết được điều này, các Kitô hữu tại Giêrusalem đã tiễn ngài đến Cêsarea[4697] và từ đó đưa ngài đi bằng đường biển đến Tarsus (quê hương của ngài), nơi ngài ở lại một thời gian, rao giảng Lời Chúa cho đồng bào mình.

[4693] "Đặt tay lên" – như một dấu hiệu ban ân sủng của Chúa cho ông ngay trước khi chịu phép rửa: mọi điều liên quan đến Phaolô, dù được thực hiện qua con người, nhưng chính Đức Chúa Trời là Đấng thực hiện tất cả. – "Vảy mắt rụng xuống": đó chỉ là cảm giác bên trong của Phaolô; ông cảm thấy như thể vảy mắt đã rụng khỏi mắt mình. Việc ông rao giảng ngay sau đó tại Đam-mách cho thấy tinh thần nhiệt huyết của ông và sự chấp nhận trọn vẹn đức tin nơi Đấng Christ.

[4694] Chi tiết về thời gian ông ở Ả Rập hoàn toàn không được biết đến. Có lẽ ông đã dành thời gian để nghiên cứu Kinh Thánh và chuẩn bị cho công việc mới mà Chúa đã chỉ định cho ông.

[4695] "Người Hy Lạp hóa" là tên gọi dành cho những người Do Thái sống ở các quốc gia khác nhau trong thế giới ngoại giáo và nói tiếng Hy Lạp – ngôn ngữ phổ biến vào thời đó.

[4696] "Sự hưng phấn" (hay còn gọi là "ecstasy") – là trạng thái bất thường của con người, xảy ra ngoài ý muốn của họ, khi trong tình trạng tỉnh táo, thế giới bên ngoài dường như đóng lại đối với các giác quan thể xác của họ, còn các hiện tượng của thế giới vô hình, thuộc linh – những điều mà Đức Chúa Trời muốn ban cho họ dưới hình thức thị kiến – lại mở ra trước giác quan nội tâm của họ; Tông đồ Phêrô cũng đã ở trong trạng thái như vậy.

[4697] Césarea – trong thời cổ đại là tên gọi của nhiều thành phố thuộc Đế chế La Mã. Ở đây, tất nhiên là đề cập đến Cêsarea ở Palestine, được Straton xây dựng để vinh danh Hoàng đế Octavius Augustus, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải, cách Jerusalem khoảng 100 verst về phía tây bắc, từng là nơi cư ngụ của các quan tổng trấn La Mã cai trị Judea; nơi này từng được Herod củng cố và trang hoàng, xưa kia có một bến cảng tuyệt vời; ngày nay chỉ còn là đống đổ nát. Tại Palestine còn có một thành phố Caesarea khác, nằm dưới chân núi Li-ban, được Tetrarch Philip của Ga-li-lê xây dựng để vinh danh Hoàng đế Ti-bê-ri-ô, và được gọi là Caesarea Philippi (trong thời cổ đại, nó được gọi là Wansay).

Sau đó, theo sự hướng dẫn của Thánh Thần, Barnaba cũng đến đây và đưa Phaolô cùng mình đến Antiôkhia xứ Sy-ri, vì biết rằng ông được chọn làm Tông đồ cho dân ngoại; trong suốt một năm rao giảng tại các hội đường ở đó, họ đã dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô và gọi họ là Kitô hữu[4698] . Sau một năm, hai vị Tông đồ thánh là Barnaba và Phaolô đã trở về Giêrusalem và kể lại cho các vị Tông đồ thánh về những điều mà ân sủng của Thiên Chúa đã thực hiện tại Antiôkhia, và điều này đã mang lại niềm vui lớn lao cho Hội Thánh của Chúa Kitô tại Giêrusalem[4699] . Cùng với đó, họ mang theo một số tiền bố thí dồi dào từ những người hảo tâm tại Antiôkhia, dành cho các anh em nghèo khó và khốn cùng đang sống tại Giu-đê[4700] , bởi vì vào thời điểm đó, dưới triều đại của Claudius[4701] , đã xảy ra một nạn đói lớn, được tiên báo qua một sự mặc khải đặc biệt của Thánh Thần, bởi Thánh Agabus, một trong 70 Tông đồ[4702] .

Rời khỏi Giê-ru-sa-lem, Ba-na-ba và Phao-lô lại trở về An-ti-ô-ki-a. Khi họ ở lại đây một thời gian để ăn chay, cầu nguyện, cử hành Thánh lễ và rao giảng Lời Chúa, Thánh Thần đã thấy đẹp lòng sai họ đi rao giảng cho dân ngoại[4703] . Thánh Thần phán cùng các trưởng lão trong hội thánh Antiôkhia rằng: *"Hãy dành riêng cho Ta Ba-na-ba và Sa-lô-môn để làm công việc mà Ta đã kêu gọi họ"* (Công vụ 13:2). Lúc bấy giờ, vị trưởng lão, sau khi ăn chay và cầu nguyện, đã đặt tay lên họ và cho họ ra đi[4704] .

Theo sự hướng dẫn của Thánh Linh, Barnabas và Phaolô đã đến Seleucia[4705] và từ đó lên thuyền đến đảo Síp (quê hương của Sứ đồ Barnabas). Tại đây, khi ở Salamis[4706] , họ rao giảng Lời Đức Chúa Trời trong các hội đường Do Thái và đi khắp hòn đảo, thậm chí đến Paphos[4707] , nơi họ gặp một người tên là Elima (pháp sư), một tiên tri giả người Do Thái tên là Variasus, người đang ở cùng với tổng trấn địa phương là Sergius Paulus, một người thông minh và dường như có ảnh hưởng đến ông ta. Tổng trấn đã triệu tập Barnaba và Sa-lô-môn, mong muốn nghe Lời Chúa từ họ và chăm chú lắng nghe bài giảng của họ. Còn thầy phù thủy Ê-li-ma, chống đối họ, đã cố gắng làm cho tổng trấn xa lánh đức tin. Thánh Phao-lô, được đầy dẫy Thánh Thần và hướng ánh mắt về phía thầy phù thủy, đã nói: *"Hỡi kẻ đầy dẫy mọi mưu mô và mọi sự gian ác, con của ma quỷ, kẻ thù của mọi sự công chính! Ngươi có ngừng cám dỗ người ta rời bỏ con đường ngay thẳng của Chúa không? Và nay, đây, tay Chúa đang giáng xuống*

[4698] Tên gọi "Kitô hữu" không xuất phát từ cộng đồng các môn đệ của Chúa, những người thường gọi nhau là anh em, môn đệ, tín hữu; mà ban đầu được sử dụng bên ngoài Giáo hội và rất có thể được đặt cho các môn đệ của Chúa bởi những người ngoại đạo ở Antioch, những người, khi gặp một số lượng rất lớn các tín hữu, đã không còn coi họ là một giáo phái Do Thái nữa và đã gán cho Kitô giáo một ý nghĩa độc lập.

[4699] "Giáo hội tại Giê-ru-sa-lem", tức là: cộng đồng tín hữu Kitô giáo tụ họp để thờ phượng; còn các nhà thờ, với tư cách là công trình kiến trúc, xuất hiện muộn hơn. Các Thánh Tông đồ Iason và Sosipater có lẽ là những người đầu tiên đã xây dựng trên đảo Kerkyra (nay là Corfu, một trong những hòn đảo thuộc quần đảo Ionian, gần Albania) một nhà thờ tuyệt đẹp mang tên Thánh Tông đồ đầu tiên là Thánh Stephano.

[4700] Đó là lần đầu tiên Giáo hội của Đấng Christ gồm những người ngoại giáo hợp nhất với Giáo hội gồm những người Do Thái, qua đó tình huynh đệ được thể hiện một cách long trọng; đồng thời, đó cũng là minh chứng cho ân sủng vĩ đại của Đức Chúa Trời đang hoạt động trong Giáo hội của những người ngoại giáo.

[4701] Claudius Caesar, người kế vị Caligula, đã trị vì đế chế La Mã từ năm 41 đến năm 54 sau Công nguyên; trong suốt thời gian này, nạn đói đã nhiều lần hoành hành ở các vùng khác nhau của Đế chế La Mã.

[4702] Lễ kính Thánh Agava được cử hành vào ngày 8 tháng 4.

[4703] "Thánh Thần đã thấy đẹp lòng", tức là trong buổi họp chung của Hội Thánh Antiôkhia, khi đang cử hành Thánh Lễ, một hoặc một số nhà tiên tri tham dự Thánh Lễ đã bày tỏ sự hướng dẫn của Thánh Thần – đó là tách Barnaba và Sa-lô-môn ra để rao giảng cho dân ngoại. Hoặc có thể chính các Tông đồ Barnaba và Phaolô đã giải thích cho hội thánh về ơn gọi của họ, và hội thánh đã cho phép họ ra đi. Như vậy, chuyến hành trình tông đồ đầu tiên của Thánh Phaolô bắt đầu từ đây. Ngài đã được chuẩn bị cho chuyến đi này qua một sự mặc khải phi thường – việc được cất lên đến tầng trời thứ ba (2 Cr 12:1–5). Đối với quyền năng vô biên của Thiên Chúa, tất nhiên, việc tạm thời đưa linh hồn Phaolô ra khỏi thân xác một cách hoàn toàn chẳng có gì là khó khăn; nhưng (như Thánh Giuse Kim Khẩu nhận xét) thật khó để nhận ra sự cần thiết của việc tách linh hồn khỏi thân xác ở một con người còn sống – điều này là vô tiền khoáng hậu ngay cả đối với những vị thánh cao cả nhất. "Thế giới thiêng liêng, nơi Phaolô đã được đưa lên, vì không bị giới hạn bởi không gian, nên hiện hữu khắp mọi nơi; và vì thế, chỉ cần khả năng giao tiếp với thế giới ấy được khai mở trong tâm hồn con người, thì dù vẫn ở trong thân xác mà không thay đổi vị trí, người ấy cũng có thể ở trên trời – trong cộng đoàn các Thiên thần và các linh hồn được hạnh phúc" (Innocent của Kherson).

[4704] Việc thực hiện một thời gian ăn chay và cầu nguyện đặc biệt nhân dịp này cho thấy rằng Giáo hội Giê-ru-sa-lem coi sứ mệnh của Phao-lô và Ba-na-ba trong việc rao giảng cho dân ngoại là một việc có tầm quan trọng đặc biệt.

[4705] Selêucia – một thành phố cảng nhỏ bên sông Orontes, tại nơi con sông đổ ra biển.

[4706] Salamis – một thành phố ven biển, nơi các Tông đồ đã cập bến.

[4707] Paphos – thành phố chính của đảo Síp, nơi cư ngụ của vị thống đốc, nằm trên bờ biển đối diện với Salamis: rõ ràng, các Tông đồ đã đi qua toàn bộ hòn đảo và tất nhiên, đã rao giảng về Đấng Christ.

ngươi: ngươi sẽ mù lòa và không thấy mặt trời cho đến một thời gian nào đó. Bỗng chốc, bóng tối và u ám ập xuống trên hắn, và hắn, quay qua quay lại, tìm người dẫn đường" (Công vụ 13:10–11).

Và bỗng chốc, bóng tối và u ám ập xuống nhà tiên tri, và ông ta quay qua quay lại, tìm người dẫn đường.

Khi đó, quan tổng trấn, thấy những điều đã xảy ra, đã hoàn toàn tin nhận, kinh ngạc trước giáo lý của Chúa. Nhiều người dân cũng tin nhận cùng với ông, và hội thánh của những người tin ngày càng đông đảo.

Sau khi rời Paphos, Phaolô cùng những người đi theo đã đến Pergia, thuộc Pamphylia; từ Pergia, họ đến Antiôkhia thuộc Pisidia[4708] . Tại đây, họ rao giảng về Đấng Christ, và khi đã dẫn dắt nhiều người đến với đức tin, thì những người Do Thái ghen tị đã xúi giục những người có thế lực trong thành, những người theo đạo ngoại, và với sự giúp đỡ của họ, đã đuổi các Thánh Tông Đồ ra khỏi thành và vùng lân cận.

Các Tông đồ, sau khi lắc bụi khỏi chân tại đó, đã đi đến Ikonia[4709] và, sau khi ở lại đó một thời gian khá lâu, đã dũng cảm rao giảng và dẫn dắt một số lượng lớn người Do Thái và ngoại đạo đến với đức tin, không chỉ bằng lời giảng dạy, mà còn bằng các dấu lạ và phép lạ được thực hiện qua tay họ; tại đó, họ cũng đã dẫn dắt cô trinh nữ thánh Thecla đến với đức tin và dâng cô cho Chúa Kitô. Còn những người Do Thái không tin đã xúi giục dân ngoại và các nhà cầm quyền chống lại các Tông đồ và ném đá họ. Biết được điều này, các Tông đồ đã rút lui đến các thành phố thuộc Lycaonia – Lystra và Derbe – cùng các vùng lân cận[4710] .

Khi rao giảng Tin Mừng tại Listra, họ đã chữa lành cho một người bị què từ khi còn trong bụng mẹ và chưa bao giờ đi được; nhân danh Chúa Kitô, họ đã giúp anh ta đứng dậy, và anh ta lập tức đứng lên và đi được. Dân chúng, khi thấy phép lạ này, đã cất tiếng reo hò bằng tiếng Lycaonia: *"Các vị thần dưới hình dạng con người đã xuống với chúng ta"* (Công vụ 14:11). Họ gọi Barnabas là Zeus, còn Phaolô là Hermes[4711] , rồi dẫn bò và mang vòng hoa đến, định dâng lễ vật cho các Tông đồ. Nhưng Barnabas và Phaolô (khi nghe chuyện này) đã xé áo mình ra, rồi tiến đến trước dân chúng và lớn tiếng nói: *"Hỡi các anh em! Các anh đang làm gì vậy? Chúng tôi cũng là con người như các anh vậy*" (Công vụ 14:15). Rồi họ rao giảng cho họ về Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng đã dựng nên trời, đất, biển và mọi vật trong đó, Đấng ban mưa từ trời xuống và những mùa màng bội thu, Đấng làm cho lòng người được no đủ và vui vẻ. Và khi nói những lời ấy, họ chỉ vừa mới thuyết phục được dân chúng đừng dâng lễ vật cho họ. Trong khi họ đang ở Listra và giảng dạy, có một số người Do Thái từ Antiôkhia và Ikonia đến, họ thuyết phục dân chúng xa lánh các Tông đồ, ngang nhiên nói rằng các ngài không nói điều gì là sự thật, mà toàn là dối trá, và thậm chí còn xúi giục những người dễ tin làm điều tồi tệ hơn nữa, đến nỗi Thánh Phaolô, với tư cách là nhà giảng thuyết chính, đã bị ném đá và bị lôi ra ngoài thành, vì họ cho rằng ngài đã chết.

Còn ngài (với sự giúp đỡ của các tín hữu), sau khi đứng dậy, lại vào thành, và ngày hôm sau cùng với Ba-na-ba lên đường đến Đê-rê-vi-a. Sau khi rao giảng Tin Mừng tại thành phố này và thu nhận được khá nhiều môn đệ, họ quay trở lại qua Lít-trơ, I-cô-ni-a và An-ti-ô-ki-a, củng cố lòng tin của các môn đệ và khuyên nhủ họ hãy bền đỗ trong đức tin. Sau khi phong chức các trưởng lão cho mỗi hội thánh, họ cầu nguyện, giữ chay, và phó thác họ cho Chúa, Đấng mà họ đã tin nhận.

Sau đó, sau khi đi qua Pisidia, họ đến Pamphylia[4712] , và sau khi rao giảng Lời Chúa tại Perga, họ xuống Attalia[4713] , rồi từ đó lên thuyền đến Antioch ở Syria, nơi mà ban đầu họ đã được Thánh Thần sai đi để rao giảng Lời Chúa cho dân ngoại. Khi đến Antiôkhia, họ tập hợp các tín hữu lại và kể cho mọi người nghe những điều Đức Chúa Trời đã làm cùng họ, cũng như có bao nhiêu người ngoại giáo đã được dẫn dắt đến với Đấng Christ.

[4708] Antioch ở Pisidia, một thuộc địa La Mã; tại đây, Phaolô và Barnaba lần đầu tiên rao giảng Tin Mừng cho những người ngoại đạo. Cần phân biệt thành phố này với Antioch ở Syria hay Antioch thuộc vương triều Seleucid. Thành phố sau được thành lập 300 năm trước Công nguyên bên sông Orontes, cách biển 30 verst, bởi Seleucus Nicator, người sáng lập vương quốc Seleucid, như một trong vô số thuộc địa Hy Lạp; nó nhanh chóng trở thành một trong những thành phố rộng lớn và nổi tiếng nhất của Syria và là thủ đô của nước này. Trong Giáo hội Kitô giáo, thành phố này đứng thứ hai sau Giê-ru-sa-lem; các vị đứng đầu Giáo hội tại đây được phong tước hiệu tổng giám mục, và hiện nay họ cư ngụ tại Đa-mách. Còn thành phố Antiôkhia ngày nay là một thành phố nghèo của Thổ Nhĩ Kỳ – Antakya.

[4709] Iconium – nằm ở phía đông nam của Antioch thuộc Pisidia, ở Tiểu Á, dưới chân núi Taurus; thành phố này từng là trung tâm chính của giáo phận Lycaonia.

[4710] Lycaonia – một vùng ở Tiểu Á, giáp với Pisidia; Lystra và Derbe – là những thành phố nhỏ trong vùng này, nằm ở phía đông nam của Iconium.

[4711] Zeus và Hermes (hay còn gọi là Jupiter và Mercury) – tên của các vị thần ngoại giáo, lần lượt là vị thần tối cao và sứ giả truyền đạt ý chí của ngài, người đôi khi tháp tùng ngài, là vị thần bảo trợ thương mại, và là trung gian giữa con người với các vị thần.

[4712] Pisidia và Pamphylia – các vùng thuộc Tiểu Á, nằm về phía tây nam của Lycaonia.

[4713] Ngày nay là Adalia, một thành phố ven biển ở Pamphylia, nằm về phía đông nam của Perga.

Một thời gian sau, giữa các tín hữu Do Thái và các tín hữu Hy Lạp tại Antiôkhia nảy sinh tranh cãi về việc cắt bì: một số người cho rằng không thể được cứu rỗi nếu không cắt bì, trong khi những người khác lại coi việc cắt bì là gánh nặng đối với mình. Vì vậy, Thánh Phaolô cùng với Thánh Barnaba đã phải lên Giêrusalem gặp các Tông đồ và các linh mục cao niên – để xin ý kiến của họ về việc cắt bì, đồng thời thông báo cho họ biết rằng Thiên Chúa đã mở cánh cửa đức tin cho dân ngoại; tin tức này đã mang lại niềm vui lớn lao cho toàn thể cộng đoàn tại Giêrusalem.

Tại Giê-ru-sa-lem, trong cuộc họp đại hội, các Thánh Tông đồ và các trưởng lão đã hoàn toàn loại bỏ việc cắt bì theo Cựu Ước, vì nó không còn cần thiết trong ân sủng mới, và chỉ ra lệnh: phải kiêng ăn thức ăn dâng cho thần tượng, tránh các hành vi dâm dục, và không được làm tổn thương người lân cận bằng bất cứ điều gì, và với quyết định này, họ đã cho Phaolô và Barnaba, cùng với Giuđa và Sila, rời Giêrusalem để đến Antiôkhia.

Khi đến Antiôkhia, các Tông đồ ở lại đó một thời gian khá lâu rồi lại lên đường đến với các dân ngoại, chia tay nhau: Giu-đa trở về Giê-ru-sa-lem; Barnaba, mang theo Mác, người thân của mình, đã lên đường đến Síp; còn Phaolô, sau khi chọn Si-la, đã đi đến Sy-ri và Ki-li-ki, và khi đi qua các thành phố ở đó, ông đã củng cố đức tin cho các tín hữu. Khi đến Derbe và Lystra, ông đã cắt bì cho Timôthê, môn đệ của mình, tại Lystra, chỉ để xoa dịu sự phàn nàn của các tín hữu Kitô giáo theo truyền thống Do Thái[4714] và đưa anh ta theo cùng. Từ đó, ông lên đường đến Phrygia và xứ Galatia, sau đó đến Mysia và định đi đến Bithynia[4715] , nhưng điều đó không được Thánh Thần chấp thuận[4716] . Vì khi Phao-lô cùng các bạn đồng hành đang ở tại Troas[4717] , thì ban đêm ông có một khải tượng như sau: một người đàn ông, trông giống người Ma-xê-đô-ni-a, đứng trước mặt ông và nài nỉ ông, nói: *"Hãy đến Ma-xê-đô-ni-a và giúp đỡ chúng tôi"* (Công vụ 16:9). Từ giấc mơ này, Phao-lô hiểu rằng Chúa đang kêu gọi ông đi rao giảng tại Ma-xê-đô-ni-a. Sau khi rời Troas, ông đến đảo Sa-mô-phra-ki, ngày hôm sau đến Neapolis[4718] , rồi từ đó đến Phi-líp, thành phố gần Ma-xê-đô-ni-a nhất, vốn là một thuộc địa của người La Mã. Tại Philippi, trước hết ông đã giảng dạy đức tin nơi Đấng Christ và làm phép báp-tem cho bà Lídia, một người buôn bán vải đỏ (vải và quần áo màu đỏ); bà đã nài nỉ ông cùng các môn đồ của mình ở lại nhà bà.

Một lần nọ, khi Phao-lô cùng các môn đệ đi đến hội thánh để cầu nguyện, họ gặp một cô hầu gái bị quỷ tiên tri ám, người này nhờ những lời tiên tri mà mang lại thu nhập lớn cho chủ của mình. Cô ta đi theo Phaolô và những người đi cùng, vừa đi vừa la lên: *"Những người này là tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao, những người rao giảng cho chúng ta con đường cứu rỗi"* (Công vụ 16:17).

Cô ta lặp đi lặp lại điều đó trong nhiều ngày.

Phao-lô, bực mình[4719] , quay lại nói với cô ta và, nhân danh Chúa Giê-su Christ, đã ra lệnh cho linh hồn đó phải rời khỏi cô ta.

Lúc đó, các chủ của cô ta, thấy hy vọng kiếm tiền của họ đã tan biến, liền bắt Phao-lô và Si-la, rồi dẫn họ đến trước các quan chức thành phố, nói rằng: *"Những người này, là người Do Thái, đang gây rối loạn trong thành phố chúng ta và rao giảng những tập tục mà chúng ta, là người La Mã, không nên chấp nhận hay tuân theo"* (Công vụ 16:20–21).

Các quan chức đã lột áo của các Tông đồ, ra lệnh đánh họ bằng gậy, sau khi đánh họ nhiều đòn, họ đã tống họ vào ngục. Tại đó, khoảng nửa đêm, khi Phaolô và Sila đang cầu nguyện, ngục xách rung chuyển, tất cả các cánh cửa đều mở ra, và xiềng xích trở nên lỏng lẻo. Thấy điều đó, người canh ngục đã tin nhận Chúa Kitô, đưa các Tông đồ về nhà mình, ở đó rửa sạch vết thương cho họ, rồi ngay lập tức chịu phép rửa cùng cả gia đình mình và đãi họ bữa ăn. Sau đó, các Tông đồ lại trở về ngục.

[4714] Timôthê là con trai của một phụ nữ Do Thái (đã theo đạo Kitô) và một người ngoại đạo, và bản thân ông là một Kitô hữu chân thành, được anh em trong Hội Thánh chấp nhận; với sự đồng ý của ông, Phaolô đã cắt bì cho ông, "vì lợi ích của người Do Thái", bởi vì họ tuyệt đối không bao giờ dám lắng nghe Lời Chúa từ một người chưa được cắt bì, mà cha của người đó lại là một người ngoại đạo.

[4715] Phrygia và Galatia là các vùng nội địa của Tiểu Á; Mysia và Bithynia là các vùng phía tây bắc của khu vực này.

[4716] Tác giả Sách Công Vụ không nêu rõ các hành động của Thánh Linh là bên ngoài hay bên trong, nhưng các Tông Đồ nhận thức rõ ràng đó là những hành động trực tiếp của Thánh Linh.

[4717] Troad – một thành phố ven biển, từ đó có thể dễ dàng vượt biển sang châu Âu. – Macedonia – một vùng ven biển giáp với Quần đảo từ phía tây bắc.

[4718] Thành phố ven biển thuộc Thrace, là thành phố châu Âu đầu tiên, ngày nay là Kavana.

[4719] Phao-lô đã phẫn nộ trước lời xưng nhận của linh hồn ô uế này, không muốn dựa vào kẻ thù của Đức Chúa Trời và loài người để làm nền tảng cho lời giảng của mình, cũng như chính Chúa đã không chấp nhận lời xưng nhận của các quỷ (Mác 1:24–25, 34; Mác 3:11–12 và các đoạn khác).

Ngày hôm sau, các quan chức thành phố nhận ra rằng họ đã trừng phạt những người vô tội một cách tàn nhẫn, nên đã sai các quan chức đến nhà tù với lệnh thả các Tông đồ ra – để họ đi đâu tùy ý.

Nhưng Phaolô nói với họ: *"Chúng tôi, những công dân La Mã, đã bị đánh đập công khai mà không qua xét xử rồi bị tống vào ngục, vậy mà bây giờ lại thả chúng tôi ra một cách lén lút sao? Không, hãy để họ tự đến và dẫn chúng tôi ra"* (Công vụ 16:37).

Những người được sai đi, khi trở về, đã thuật lại lời của Phao-lô cho các quan chỉ huy; các quan chỉ huy hoảng sợ khi biết rằng những tù nhân mà họ đã đánh đập hóa ra lại là công dân La Mã; và khi đến gặp họ, họ nài nỉ họ ra khỏi ngục và rời khỏi thành phố. Còn họ, sau khi ra khỏi ngục, trước tiên đến nhà Lydia, nơi họ từng ở trước đây, và làm cho các tín hữu đang tụ họp ở đó vui mừng. Sau khi chào tạm biệt họ, họ lên đường đến Amphipolis và Apollonia, rồi từ đó đến Thessalonica[4720] .

Tại Thessalonica, khi họ đã thu phục được nhiều người nhờ Tin Mừng, những người Do Thái ghen tị đã tập hợp một số kẻ vô lại, rồi ùa đến nhà của Gia-sôn, nơi các Tông đồ của Chúa Kitô đang ở. Không tìm thấy các Tông đồ ở đó, họ bắt giữ Jason và một số anh em, rồi lôi họ đến trước các quan chức thành phố, vu khống họ là những kẻ chống đối Caesar, những người công nhận một vị vua khác – chính là Chúa Giê-su. Jason chỉ vừa thoát khỏi tai họa này.

Còn các Thánh Tông đồ, sau khi kịp trốn thoát khỏi những kẻ thù địch này, đã rời Thessalonica vào ban đêm và đến Beria[4721] ; nhưng ngay cả ở đó, lòng ghen tị độc ác của người Do Thái cũng không để Thánh Phaolô được yên; khi những người Do Thái ở Thessalonica biết rằng Thánh Phaolô cũng đã rao giảng Lời Chúa tại Bêria, họ liền đến đó, kích động và xúi giục dân chúng chống lại Thánh Phaolô. Thánh Tông đồ buộc phải rời khỏi đó, không phải vì sợ chết, mà do sự khẩn thiết của các anh em, để ngài được bảo toàn tính mạng, vì sự cứu rỗi của nhiều người, và các anh em đã tiễn ngài ra đến bờ biển. Còn các bạn đồng hành của ngài là Silo và Timôthê, vị Tông đồ đã để lại ở Bê-ri-a, để củng cố đức tin cho những người mới tin, vì ngài biết rằng người Do Thái chỉ tìm cách giết riêng mình ngài mà thôi. Riêng ngài thì lên thuyền và ra khơi đến A-thên[4722] .

Tại Athens, Phaolô phẫn nộ khi thấy những tượng thần tràn ngập thành phố này, và đau buồn vì sự hư mất của biết bao linh hồn. Ông bắt đầu giảng giải trong các hội đường với người Do Thái, và hàng ngày tại các quảng trường với người Hy Lạp và các nhà triết học của họ. Những người nghe đã dẫn ông đến Areopagus (đó là tên gọi của nơi diễn ra phiên tòa công khai gần đền thờ thần tượng). Họ đưa ông đến đó một phần là để nghe ông nói điều gì đó mới mẻ trong buổi họp đó, một phần nữa (theo suy nghĩ của Thánh Zlatoust) là để đưa ông ra xét xử, tra tấn và tử hình, nếu nghe thấy từ ông điều gì đó đáng bị tử hình.

Còn Thánh Phaolô, trước đó đã nhìn thấy trong thành một bàn thờ nào đó, trên đó có khắc dòng chữ: "Dành cho vị thần vô danh", liền bắt đầu bài diễn thuyết của mình về vấn đề này và rao giảng cho họ về Đức Chúa Trời Chân Thật, Đấng mà cho đến nay họ vẫn chưa biết, bằng cách nói: *"Chính Đấng mà các ngươi đang tôn kính mà không biết, thì tôi rao giảng cho các ngươi"* (Công vụ 17:23).

Và ngài bắt đầu giảng cho họ về Đức Chúa Trời – Đấng Tạo Hóa của cả thế giới, về sự ăn năn, về sự phán xét, và về sự sống lại của người chết.

Khi nghe nói về sự sống lại của người chết, một số người trong số những người nghe đã chế giễu, còn những người khác lại muốn nghe thêm về điều đó. Và Phao-lô rời khỏi hội chúng của họ mà không bị kết án, vì ông vô tội về mọi mặt: còn Lời của Đức Chúa Trời, được rao giảng cho họ, không phải là vô ích trong việc cứu rỗi linh hồn: vì có một số người đã theo ông và tin vào Đấng Christ; trong số đó có Đio-ni-xi-ô, người thuộc Hội đồng A-rê-ô-pa-gi, và một phụ nữ quý tộc tên là Đa-ma-rơ, cùng nhiều người khác, đã chịu phép báp-tem.

[4720] Amphipolis – thành phố chính của quận 1 ở Macedonia, nằm về phía tây nam của Philippi; Apollonia – (nay là thị trấn Erisso) nằm về phía tây nam của Amphipolis, ở phần phía bắc của bán đảo Athos; Thessaloniki (hay Thessalonica) – thành phố chính của khu vực thứ 2 ở Macedonia, nằm bên vịnh Aegean, hiện là một thành phố thương mại quan trọng của Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời là trung tâm phân phối hàng hóa của thương mại Macedonia.

[4721] Beria – thành phố nằm về phía tây nam của Thessaloniki.

[4722] Athens – thủ đô của Hy Lạp, trung tâm của khoa học, nghệ thuật và thương mại Hy Lạp thời bấy giờ. Theo truyền thuyết, thành phố này được thành lập vào khoảng năm 1550 trước Công nguyên; trong suốt lịch sử lâu dài của mình, nó từng là thủ đô của vương quốc, cộng hòa và công quốc; vào thế kỷ XV, thành phố bị người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục; đến thế kỷ XIX, thành phố được giải phóng khỏi ách thống trị của họ và trở thành thủ đô của vương quốc Hy Lạp.

Rời Athens, Phaolô đến Cô-rinh-tô[4723] và ở lại đó tại nhà một người Do Thái tên là A-ki-la; Si-la và Ti-mô-thê từ Ma-cê-đô-ni-a cũng đến gặp ông tại đây, và cùng nhau rao giảng về Đấng Christ. A-ki-la cùng vợ là Priscilla làm nghề may lều; Phao-lô quen thuộc với nghề này, nên ông đã làm việc cùng với họ, và bằng công sức của mình, ông kiếm được thức ăn cho bản thân và các đồng hành, như chính ông đã nói trong thư gửi cho các tín hữu tại Thê-sa-lô-ni-ca: *"Chúng tôi không ăn bánh miễn phí của ai cả, nhưng ngày đêm làm việc và lao động để không trở thành gánh nặng cho ai trong các anh em"* (2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:8). Và một lần nữa: *"Chính đôi tay này đã lo liệu cho những nhu cầu của tôi và [những nhu cầu] của những người đi cùng tôi"* (Công vụ 20:34).

Và mỗi ngày Sa-bát, ngài đều thuyết phục trong các hội đường của người Do Thái, chứng minh rằng Chúa Giê-su chính là Đấng Christ. Nhưng vì họ cứng lòng chống đối và nói xấu, nên ngài đã lắc áo mình và nói với họ: *"Máu các ngươi sẽ đổ trên đầu các ngươi; còn tôi thì trong sạch; từ nay tôi sẽ đi đến với dân ngoại"* (Công vụ 18:6).

Và khi ông quyết định rời khỏi Cô-rinh-tô, Chúa đã hiện ra với ông trong một giấc mơ vào ban đêm và phán: *"Đừng sợ, nhưng hãy nói và đừng im lặng, vì Ta ở cùng ngươi, và không ai có thể làm hại ngươi, vì Ta có nhiều người trong thành phố này"* (Công vụ 18:9–10).

Và Phao-lô ở lại Cô-rinh-tô một năm sáu tháng, giảng dạy Lời Đức Chúa Trời cho người Do Thái và người Hy Lạp; nhiều người đã tin và chịu phép báp-tem, trong đó có cả trưởng hội đường là Cris-phơ, cùng cả gia đình ông đã tin vào Chúa và chịu phép báp-tem. Tuy nhiên, một số người Do Thái chưa tin đã xông vào tấn công Phao-lô với cả một đám đông và đưa ông ra trước tòa án của tổng trấn Ga-li-ôn (người là anh trai của nhà triết học Seneca[4724]), nhưng ông từ chối xét xử Phao-lô, nói rằng: "Nếu ông ấy có gây ra điều gì sai trái hay có ý đồ xấu, thì tôi có lý do để lắng nghe các ngươi và xét xử ông ấy; nhưng trong tranh cãi của các ngươi về giáo lý và luật pháp của các ngươi, tôi không muốn làm quan tòa"

Và ông đã đuổi họ ra khỏi tòa án. Sau đó, Thánh Phaolô, sau khi ở lại đó thêm một thời gian, đã chia tay các anh em và cùng những người đi theo mình lên thuyền đến Syria. A-ki-la và Priscilla cũng theo sau ông, và trên đường đi, tất cả đều dừng chân tại Ê-phê-sô[4725] . Tại đó, khi rao giảng Lời Chúa, Thánh Tông đồ Phaolô đã thực hiện nhiều phép lạ; không chỉ đôi tay ngài có khả năng làm phép lạ, chữa lành mọi bệnh tật chỉ bằng một cái chạm, mà cả những chiếc khăn và khăn quấn đầu thấm đẫm mồ hôi của ngài cũng có cùng sức mạnh kỳ diệu ấy: vì khi được đặt lên người bệnh, chúng lập tức chữa lành cho họ và đuổi các tà linh ra khỏi con người. Thấy điều đó, một số thầy phù thủy Do Thái lang thang đã dám kêu cầu danh Chúa Giê-su trên những người bị tà linh ám, nói: "Chúng tôi truyền lệnh cho các ngươi nhân danh Giê-su, Đấng mà Phao-lô đang rao giảng." Nhưng tà linh đáp lại họ: "Ta biết Chúa Giê-su, và Phao-lô cũng không xa lạ gì với ta, còn các ngươi là ai?"

Và người bị quỷ ám liền lao vào họ; sau khi chế ngự được họ, hắn chiếm ưu thế đến nỗi đánh đập và làm họ bị thương, đến nỗi họ gần như trần truồng mới có thể chạy thoát khỏi tay kẻ bị quỷ ám. Chuyện này lan truyền đến tai tất cả người Do Thái và người Hy Lạp ở Ê-phê-sô; sự sợ hãi bao trùm tất cả họ, danh Chúa Giê-su được tôn vinh, và nhiều người đã tin vào Ngài. Thậm chí trong số những người từng hành nghề phù thủy, rất nhiều người, sau khi chấp nhận đức tin thánh thiện, đã thu gom các cuốn sách phù thủy của mình, tính toán giá trị của chúng và thấy rằng chúng trị giá 50.000 drachma[4726] , rồi công khai đốt cháy tất cả các cuốn sách đó. Lời Chúa ngày càng lan rộng và mạnh mẽ.

Còn Phaolô thì đang chuẩn bị lên Giêrusalem và nói: *"Sau khi đến đó, tôi phải đến cả Rôma nữa"* (Công vụ 19:21).

Nhưng vào thời điểm đó, tại Ê-phê-sô đã xảy ra một cuộc nổi loạn không nhỏ do những thợ bạc chế tác các mô hình đền thờ Artemis gây ra. Sau khi dẹp tan cuộc nổi loạn, Thánh Phao-lô, sau khi ở lại Ê-phê-sô ba năm, đã lên đường đến Ma-cê-đô-ni-a, từ đó đến Troas, nơi ngài ở lại bảy ngày.

[4723] Corinth – nằm về phía tây Athens, trên eo đất, nổi tiếng từ thời cổ đại nhờ hoạt động thương mại rộng lớn, là nơi cư ngụ của vị thống đốc La Mã lúc bấy giờ.

[4724] Seneca sinh ra ở Tây Ban Nha, ngay sau Công nguyên, ông đến Rome, nơi ông trở nên nổi tiếng với tư cách là một nhà triết học, trở thành thầy dạy của Hoàng đế Nero, người sau đó đã kết án tử hình ông; Seneca đã tự cắt cổ tay mình và như vậy đã thi hành án tử hình.

[4725] Ephesus – thành phố thương mại ven biển và là thủ phủ của tỉnh Ionia thuộc Tiểu Á, sau này trở thành trung tâm hoạt động của Thánh Gioan Thần Học; tại đây đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ 3 vào năm 431; ngày nay Ephesus là một ngôi làng nghèo của Thổ Nhĩ Kỳ mang tên Ayasuluk.

[4726] Một drachma tương đương khoảng 20 kopeck; do đó, số sách bị đốt có giá trị lên đến 10.000 rúp bạc.

Vào ngày đầu tiên của tuần, khi các tín hữu tụ họp để bẻ bánh, Phaolô đã có một cuộc trò chuyện dài với họ, vì ngài dự định sẽ rời khỏi họ vào ngày hôm sau, và cuộc trò chuyện kéo dài đến nửa đêm trong căn phòng được thắp sáng bởi vô số ngọn đèn. Trong số những người nghe, có một thanh niên tên là Ê-vút, đang ngồi trên bệ cửa sổ, chìm vào giấc ngủ say và, vì buồn ngủ nên loạng choạng, đã ngã xuống từ tầng ba, và người ta nhấc anh ta lên trong tình trạng bất tỉnh. Thánh Phaolô, khi bước xuống, đã quỳ xuống bên cạnh cậu, ôm lấy cậu và nói: *"Đừng lo lắng, vì linh hồn cậu vẫn còn trong người cậu"* (Công vụ 20:10).

Và một lần nữa, Phaolô lên phòng trên; người ta đưa cậu thanh niên còn sống trở lại, và mọi người đều an ủi nhau không ít. Phaolô còn trò chuyện khá lâu, thậm chí cho đến rạng đông, rồi sau khi chào tạm biệt các tín hữu, ngài rời khỏi đó.

Khi đến Milet[4727] , Phaolô đã sai người đến Êphêsô để triệu tập các trưởng lão của Hội Thánh đến gặp ngài, vì chính ngài không muốn ghé qua đó để không làm chậm trễ hành trình của mình, bởi ngài đang vội vã để kịp có mặt tại Giêrusalem vào ngày Lễ Ngũ Tuần.

Và khi các trưởng lão Ê-phê-sô tụ họp lại với vị Tông đồ, ngài đã giảng dạy họ và trong số những điều khác, ngài nói: *"Vậy, hãy để ý đến chính mình và cả bầy chiên mà Thánh Thần đã đặt các ngươi làm người chăn dắt, hãy chăn dắt Hội Thánh của Chúa và Đức Chúa Trời, mà Ngài đã mua chuộc bằng chính Huyết của Ngài"* (Công vụ 20:28). Ngài cũng tiên báo với họ rằng sau khi Ngài ra đi, những con sói dữ tợn sẽ xâm nhập vào giữa họ, không nương tay với đoàn chiên. Ngài nói với họ về chuyến đi sắp tới: *"Này, bây giờ, theo sự dẫn dắt của Thánh Linh, tôi đang lên đường đến Giê-ru-sa-lem, không biết điều gì sẽ xảy ra với tôi ở đó; chỉ có Thánh Linh làm chứng trong mọi thành phố, rằng xiềng xích và đau khổ đang chờ đợi tôi. Nhưng tôi không để ý đến điều gì và cũng không coi trọng mạng sống mình, miễn là được vui mừng hoàn thành sứ mệnh và sự phục vụ mà tôi đã nhận từ Chúa Giê-su"* (Công vụ 20:22–24). Rồi ông nói: *"Và bây giờ, này, tôi biết rằng tất cả các anh em sẽ không còn được thấy mặt tôi nữa"* (Công vụ 20:25). Lúc đó, họ khóc lóc thảm thiết. Họ quỳ xuống trước mặt Phao-lô và hôn ông, đặc biệt đau buồn vì lời ông nói rằng họ sẽ không còn được thấy mặt ông nữa. Và họ tiễn ông ra đến tàu. Còn ông, sau khi trao cho mọi người nụ hôn cuối cùng, đã lên đường.

Sau khi đi qua nhiều thành phố và vùng đất, cả dọc bờ biển lẫn trên các hòn đảo, và sau khi thăm viếng và củng cố đức tin cho các tín hữu ở khắp mọi nơi, ông ghé bến tại Ptolemais[4728] ; từ đó, ông đến Caesarea Stratonica[4729] , và ở lại trong nhà của Thánh Tông đồ Philip.

Một lần nọ, một nhà tiên tri tên là A-ga-vô đến gặp Thánh Phao-lô; ông lấy thắt lưng của Phao-lô, trói tay và chân mình lại, rồi nói: *"Thánh Thần phán như vầy: Người chủ của chiếc thắt lưng này sẽ bị người Do Thái trói lại tại Giê-ru-sa-lem và nộp vào tay dân ngoại"* (Công vụ 21:11).

Khi các anh em nghe điều này, họ đã khóc lóc van nài Phaolô đừng đi lên Giêrusalem; nhưng Phaolô đáp lại rằng: *"Các anh đang làm gì vậy? Sao lại khóc lóc và làm tan nát lòng tôi? Tôi không chỉ muốn làm tù nhân, mà còn sẵn sàng chết tại Giêrusalem vì danh Chúa Giêsu"* (Công vụ 21:13).

Các anh em liền im lặng và nói: "Xin ý Chúa được thực hiện!"

Sau đó, Thánh Tông đồ Phaolô đã lên Giêrusalem cùng các môn đệ của mình (trong số đó có Trophimus, người Ê-phê-sô, một người ngoại giáo đã tin nhận Chúa Kitô) và được Thánh Giacôbê cùng toàn thể cộng đoàn các tín hữu[4730] tiếp đón nồng nhiệt.

Vào thời điểm đó, có những người Do Thái từ Á Châu[4731] đã đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ Ngũ Tuần; họ vốn là những kẻ thù không đội trời chung của Phao-lô và luôn kích động nổi loạn chống lại ngài ở khắp mọi nơi. Khi

---

[4727] Milet – một thành phố ven biển, nằm về phía nam Ephesus, từng rất thịnh vượng, đã thành lập nhiều thuộc địa, ngày nay chỉ còn là một ngôi làng bình thường.

[4728] Ptolemaida – thành phố ven biển cổ đại, ở phía nam Phoenicia, thuộc lãnh thổ Palestine, ngày nay là Saint-Jean-d'Acre, năm 1799 đã chống chọi thành công cuộc vây hãm của Napoléon.

[4729] Césarea, xem phần trên.

[4730] Gia-cơ, anh em của Chúa, là con trai cả của Giuse, vị hôn phu, với người vợ đầu tiên của ông; ông đã đồng hành cùng Giuse và Đức Trinh Nữ Maria cùng Hài Nhi Giêsu trong cuộc lánh nạn sang Ai Cập; sau khi phục sinh, Chúa đã ban cho ông ân sủng được Ngài hiện ra riêng với ông (1 Cr 15,7); sau khi Chúa Kitô lên trời, ngài được các Tông đồ cao cấp bổ nhiệm làm Giám mục đầu tiên của Giáo hội Giêrusalem, vì đã được chính Chúa chỉ định cho chức vụ đó, và nhờ đời sống thiêng liêng của mình, ngài được chính các Tông đồ kính trọng sâu sắc, chủ tọa tại Công đồng Tông đồ và suốt đời sống tại Giêrusalem, ngài thậm chí còn được cả những người không tin gọi là "Người Công Chính". – Ngày tưởng niệm ngài là ngày 23 tháng 10.

thấy Phaolô trong thành cùng với Trophimus, người Ê-phê-sô, họ đã tố cáo Phaolô với các thượng tế Do Thái, các kinh sư và các trưởng lão, rằng ông làm suy yếu luật Mô-sê, không cho phép cắt bì, rao giảng về Đức Giêsu bị đóng đinh khắp nơi, và họ xúi giục lẫn nhau chống lại Phaolô để bắt giữ ông. Và khi họ thấy thánh Phaolô, vào ngày lễ, trong Đền Thờ Sa-lô-môn, thì bỗng dưng bịa đặt lời vu khống chống lại ông, kích động cả dân chúng và xông tới bắt giữ ông, la lên: "Hỡi các người Israel, hãy giúp chúng tôi! Đây là người khắp nơi đều giảng dạy chống lại dân tộc, luật pháp và nơi này (đền thờ), cuối cùng còn dẫn người ngoại giáo vào đền thờ và làm ô uế nơi thánh này" (họ nghĩ rằng Phaolô và Trophimus đã dẫn người ngoại giáo vào đền thờ).

Trước những tiếng la hét đó, cả thành phố xôn xao, và đám đông tụ tập lại; những kẻ nổi loạn bắt giữ Phaolô, lôi ông ra khỏi đền thờ, rồi vội vàng đóng cửa lại: họ muốn giết Phaolô, nhưng không phải trong đền thờ, để không làm ô uế nơi thánh.

Lúc đó, tin tức về việc cả thành Giê-ru-sa-lem đang nổi loạn đã đến tai viên chỉ huy ngàn quân. Ông lập tức tập hợp binh lính và các sĩ quan trăm quân, rồi vội vã đến đền thờ; những kẻ nổi loạn, khi thấy viên chỉ huy ngàn quân và binh lính, liền ngừng đánh Phao-lô. Lúc đó, viên chỉ huy đã bắt ông và ra lệnh trói ông bằng hai sợi xích sắt; sau đó, ông bắt đầu tra hỏi xem ông là ai và đã làm gì?

Dân chúng thì la hét yêu cầu viên chỉ huy ngàn người phải xử tử Phaolô. Nhưng do tiếng ồn ào và những lời bàn tán hỗn loạn trong đám đông, viên chỉ huy không thể nào xác định được Phaolô đã phạm tội gì, nên đã ra lệnh đưa ông vào pháo đài. Một đám đông người dân đã đi theo viên chỉ huy và các binh lính, la hét đòi phải giết Phaolô. Khi đến bậc thềm cao nhất dẫn vào pháo đài, Phaolô xin viên chỉ huy cho phép ông nói vài lời với dân chúng; viên chỉ huy đã đồng ý. Và Phaolô, dừng lại trên các bậc thang, quay về phía dân chúng và cất tiếng nói to bằng tiếng Do Thái, rằng: *"Hỡi anh em và các bậc cha ông! Xin hãy lắng nghe lời bào chữa của tôi trước mặt các vị"* (Công vụ 22:1).

Rồi ông bắt đầu kể cho họ nghe về lòng nhiệt thành trước đây của mình đối với luật Môi-se, và về việc trên đường đi đến Đa-mách, ông đã được ánh sáng từ trời chiếu rọi, cũng như việc ông đã thấy Chúa sai ông đi đến với các dân ngoại.

Nhưng đám đông, không muốn nghe ông nữa, bắt đầu la hét, quay sang chỉ huy ngàn quân và nói: "Hãy tiêu diệt kẻ này khỏi mặt đất! Vì hắn không đáng được sống!"

Họ la hét như vậy, vứt áo xống và tung bụi lên trời, bị cơn thịnh nộ chi phối, và khăng khăng đòi giết Phaolô. Chỉ huy trưởng ra lệnh đưa ông vào pháo đài và định cho đánh đòn ông để tra hỏi: vì tội gì mà dân chúng lại căm phẫn ông đến thế? Nhưng khi họ trói Phao-lô vào cột bằng dây thừng, ông nói với viên trung úy đang đứng bên cạnh:

– *"Các ông có được phép đánh roi một công dân La Mã, lại còn không qua xét xử nữa sao?"* (Công vụ 22:25)

Nghe vậy, viên trăm lính tiến lại gần và báo cáo với viên ngàn lính, nói:

– Hãy cẩn thận xem ngài định làm gì! Người này là công dân La Mã.

Lúc đó, chỉ huy ngàn người tiến lại gần Phao-lô và hỏi:

– Hãy nói cho tôi biết, ông có phải là công dân La Mã không?

Ông đáp:

– Vâng.

Vị chỉ huy ngàn người lúng túng nói:

– Tôi đã mua quốc tịch này với số tiền rất lớn.

Và ngay lập tức, ông ta tháo xiềng xích cho ông.

Ngày hôm sau, quan chỉ huy ngàn người ra lệnh triệu tập các thượng tế và toàn thể Hội đồng Công luận, rồi đưa thánh Phaolô ra trước mặt họ.

Thánh Phaolô, hướng ánh mắt về phía Hội đồng Công nghị, nói:

– Hỡi các anh em! Cho đến ngày hôm nay, tôi đã sống trước mặt Đức Chúa Trời với lương tâm trong sáng (Công vụ 23:1).

[4731] Asia – đó là tên gọi của các tỉnh phía tây Tiểu Á – Mysia, Lydia, Caria, tức là toàn bộ bờ biển phía tây Địa Trung Hải, thuộc quyền quản lý của tổng trấn.

Khi nghe những lời này, Thượng tế Ananias ra lệnh cho những người đứng trước mặt ông đánh vào miệng Phaolô…

Lúc đó, Phaolô nói với ông ta:

– Đức Chúa Trời sẽ đánh ngươi, hỡi bức tường được quét vôi! Ngươi ngồi đó để xét xử theo luật pháp, nhưng lại trái với luật pháp mà ra lệnh đánh ta[4732] (Công vụ 23:3).

Thấy trong hội đồng có một nhóm là người Sa-đu-kê, còn nhóm kia là người Pha-ri-si, Phao-lô liền cất tiếng nói:

– Hỡi các anh em! Tôi là người Pha-ri-si, con của một người Pha-ri-si; tôi bị xét xử vì tin vào sự sống lại của người chết (Công vụ 23:6).

Khi ông nói điều đó, một cuộc tranh cãi đã nổ ra giữa những người Pha-ri-si và những người Sa-đu-kê, và hội chúng chia rẽ: vì những người Sa-đu-kê cho rằng không có sự sống lại, cũng không có thiên thần hay linh hồn, còn những người Pha-ri-si thì thừa nhận cả hai điều đó. Một tiếng ồn ào lớn vang lên. Những người Pha-ri-si nói:

– Chúng tôi không thấy có điều gì xấu ở người này.

Còn những người Sa-đu-kê thì khẳng định điều ngược lại, và cuộc tranh cãi gay gắt vẫn tiếp diễn.

Vị chỉ huy ngàn quân, lo sợ đám đông sẽ xé xác Phaolô, đã ra lệnh cho binh lính đưa ông ra khỏi giữa họ và đưa về pháo đài.

Đêm tiếp theo, Chúa hiện ra với thánh Phaolô và phán:

– Hãy can đảm lên, Phaolô; vì như ngươi đã làm chứng về Ta tại Giê-ru-sa-lem, thì ngươi cũng phải làm chứng như vậy tại Rô-ma (Công vụ 23:11).

Khi trời sáng, một số người Do Thái cuồng nhiệt đã tụ tập lại để bàn bạc và thề sẽ không ăn uống gì cho đến khi giết được Phaolô. Và có hơn bốn mươi người đã thề như vậy. Khi biết được điều này, viên chỉ huy ngàn người đã cho đưa Phao-lô, cùng với một đội quân đông đảo được trang bị vũ khí, đến Cêsarê, gặp tổng trấn Phi-líp.

Khi biết được điều này, Thượng tế Ananias cùng các trưởng lão của Hội đồng Sanhedrin đã đích thân đến Cêsarea, vu khống Phaolô trước mặt tổng trấn, phỉ báng ông và quyết liệt đòi xử tử ông; nhưng họ không đạt được mục đích, vì không tìm thấy ở ông bất kỳ tội lỗi nào đáng bị tử hình. Tuy nhiên, tổng trấn, muốn làm vừa lòng người Do Thái, đã giữ Phaolô trong xiềng xích.

Hai năm trôi qua. Porcius Festus lên thay thế Phi-líp làm tổng trấn. Các thượng tế xin ông gửi Phao-lô về Giê-ru-sa-lem. Nhưng họ làm điều đó với ý đồ xấu xa: họ hy vọng sẽ giết được Sứ đồ của Đấng Christ trên đường đi. Và khi Festus hỏi Phaolô xem ông có muốn đến Giê-ru-sa-lem để ra tòa *hay không*, Phaolô đáp: *"Tôi đang đứng trước tòa của hoàng đế, nơi tôi phải bị xét xử. Tôi chẳng làm gì sai trái với người Do Thái cả, như ngài cũng biết rõ. Vì nếu tôi có tội và đã làm điều gì đáng chết, thì tôi không từ chối chết; còn nếu không có điều gì trong những cáo buộc mà họ đưa ra chống lại tôi, thì không ai có thể giao nộp tôi cho họ. Tôi yêu cầu được xét xử trước tòa của hoàng đế"* (Công vụ 25:10–11).

Lúc đó, Festus, sau khi bàn bạc với các cố vấn, đã trả lời Phao-lô:

– Ngươi đã yêu cầu được xét xử trước hoàng đế, thì ngươi sẽ được đưa đến trước hoàng đế.

[4732] Lời quở trách gay gắt của Thánh Phaolô có thể giải thích là do ngài hoặc không nhận ra vị thượng tế vì thị lực yếu, hoặc vì người đứng trước mặt ngài không phải là vị thượng tế cũ mà ngài từng biết. Sau khi vạch trần sự ngạo mạn rõ ràng và vô căn cứ đó, Phaolô đã noi gương Chúa Giêsu Kitô, Đấng cũng đã vạch trần sự bất công của bản án đã từng kết án Ngài trước đó. Vừa rồi chúng ta đã đề cập đến sự suy yếu về thị lực của Thánh Phaolô – quả thực, đó là căn bệnh mà ngài thường than phiền, chính là "mũi nhọn đâm vào xác thịt" (2 Cr 12,7) mà ngài phải chịu đựng. Chúa đã để lại tình trạng viêm mắt cho Sứ đồ như một dấu ấn không phai mờ về sự hiện ra kỳ diệu của Ngài trên đường đến Đa-mách; chính Phao-lô đã nói rằng ông bị mù do vinh quang chói lòa đột ngột của ánh sáng ấy, đến nỗi dù mở mắt ra ông cũng không nhìn thấy ai, và dù sau đó thị lực đã được ban lại cho ông, sự suy yếu đó vẫn có thể còn lại: chuyển đi vào giữa trưa dưới cái nắng gay gắt của Syria, ánh sáng chói lòa còn vượt xa cả ánh nắng giữa trưa ấy, cùng với cơn mù lòa ập đến với vị Tông đồ – đều có thể gây ra viêm nhiễm và suy yếu thị lực của ngài; thời gian ngài lưu lại trong sa mạc và tại Đamát, nơi nhiều người mắc các bệnh về mắt, có thể duy trì sự suy yếu này, và đôi khi còn làm nó trầm trọng hơn. Lời của Phao-lô trong thư gửi tín hữu Ga-la-ti: "Các anh em đã không khinh thường sự thử thách của tôi trong thân xác tôi, cũng không ghê tởm nó… Tôi làm chứng về các anh em rằng, nếu có thể được, các anh em đã móc mắt mình ra và dâng cho tôi" (Ga-la-ti 4:14–15) đã ám chỉ khá rõ ràng về tình trạng suy giảm thị lực, vốn thỉnh thoảng tái phát và kèm theo đau đầu. Chính vì vậy, sau khi lên tiếng trách móc vị thượng tế đã xúc phạm mình, Phao-lô có lý do chính đáng để biện minh rằng ông không thể nhận ra kẻ đã xúc phạm mình – chính là vị thượng tế đó.

Vài ngày sau, vua Agrippa[4733] đến Cêsarea để chúc mừng Festus, và khi nghe nói về Phao-lô, ngài muốn gặp ông. Khi Phao-lô được giới thiệu với vua Agrippa và quan tổng trấn Festus, ông đã kể chi tiết cho họ nghe về Chúa Kitô và cách ông đã tin nhận Ngài, thì vua Agrippa nói với ông:

– Ngươi suýt nữa đã thuyết phục được ta trở thành Kitô hữu.

Phao-lô đáp lại:

– Tôi cầu xin Đức Chúa Trời, dù ít hay nhiều, không chỉ ngài mà cả những ai đang nghe tôi hôm nay đều trở nên như tôi, ngoại trừ những xiềng xích này (Công vụ 26:29).

Sau những lời đó, vua, quan chức và những người đi cùng họ đứng dậy; họ lui sang một bên, bàn bạc với nhau và quyết định:

– Người này không làm điều gì đáng bị tử hình hay bị xiềng xích cả.

Còn Agrippa thì nói với Festus:

– Có thể tha cho ông ta, nếu ông ta không yêu cầu được xét xử trước hoàng đế.

Vì vậy, họ quyết định đưa Phao-lô đến Rô-ma để trình diện trước hoàng đế, và giao ông cùng một số tù nhân khác cho viên trung úy của đội quân hoàng gia tên là Giu-li; người này, sau khi nhận các tù nhân và Phao-lô, đã đưa họ lên tàu, và tất cả cùng ra khơi.

Chuyến đi của họ rất nguy hiểm do gió ngược; khi họ đến gần đảo Crete và vào một nơi gọi là "bến cảng tốt", thánh Phaolô, đã tiên đoán được tương lai, khuyên nên ở lại đó qua mùa đông cùng con tàu; nhưng viên trung úy lại tin tưởng vào người lái tàu và thuyền trưởng hơn là lời của Phaolô. Khi họ ra đến giữa biển, một cơn gió dữ dội nổi lên chống lại họ, sóng biển dâng cao dữ dội và sương mù dày đặc đến nỗi suốt 14 ngày liền họ không thấy mặt trời ban ngày cũng như các vì sao ban đêm, thậm chí không biết mình đang ở đâu, vì họ bị sóng biển cuốn trôi, và trong tuyệt vọng, họ không ăn uống gì suốt những ngày đó và đã chuẩn bị đón nhận cái chết. Trên tàu có 276 người. Phao-lô đứng giữa họ, an ủi họ và nói:

– *"Hỡi các anh em! Đáng lẽ các anh em phải nghe lời tôi và không rời khỏi đảo Crete, thì đã tránh được những khó khăn và tai họa này rồi. Nhưng bây giờ tôi khuyên các anh em hãy vững lòng, vì không một ai trong các anh em sẽ chết, chỉ có con tàu này thôi. Vì Thiên Thần của Đức Chúa Trời, Đấng mà tôi thuộc về và tôi phụng sự, đã hiện ra với tôi trong đêm nay và phán rằng: 'Đừng sợ, Phao-lô! Ngươi phải ra trước mặt hoàng đế, và này, Đức Chúa Trời đã ban cho ngươi tất cả những người đang đi cùng ngươi.' Vì vậy, hãy vững lòng lên, hỡi các anh em, vì tôi tin Đức Chúa Trời rằng mọi việc sẽ diễn ra đúng như lời đã phán với tôi"* (Công vụ 27:21–25).

Và Phao-lô khuyên mọi người hãy dùng bữa, nói rằng:

– *"Điều này sẽ giúp cứu sống các anh em; vì không một sợi tóc nào trên đầu các anh em sẽ bị mất cả"* (Công vụ 27:36).

Nói xong, ông cầm lấy bánh, tạ ơn Đức Chúa Trời trước mặt mọi người, rồi bẻ ra và bắt đầu ăn. Lúc đó, mọi người đều được khích lệ và cũng dùng bữa.

Khi trời sáng, họ nhìn thấy đất liền, nhưng không nhận ra đó là vùng đất nào, nên đã lái tàu vào bờ. Khi đến gần, con tàu đâm vào bãi cát và mắc cạn; mũi tàu bị kẹt cứng và không thể di chuyển, còn đuôi tàu thì bị sóng đánh tan tành. Các binh lính bàn bạc với nhau rằng nên giết hết các tù nhân để không ai có thể bơi ra và trốn thoát; nhưng viên trung úy, muốn cứu Phaolô, đã ngăn cản họ thực hiện ý định đó và ra lệnh cho những ai biết bơi – hãy là những người đầu tiên nhảy xuống và lên bờ; và nhìn theo họ, những người khác cũng bắt đầu bơi, có người trên những tấm ván, có người trên những vật dụng trên tàu mà họ tìm được, và tất cả đều lên bờ an toàn và thoát khỏi biển.

Lúc đó, họ mới biết hòn đảo này tên là Melit[4734] . Người dân nơi đây, những người ngoại tộc, đã tỏ ra rất nhân ái với họ, vì do trời vừa mưa và trời lạnh, họ đã nhóm lửa để sưởi ấm cho những người bị ướt sũng trên biển.

Trong khi đó, Phaolô nhặt rất nhiều cành cây khô và ném vào lửa; lúc đó, một con rắn độc, do bị nóng, bò ra và bám vào tay ông. Khi những người ngoại tộc nhìn thấy con rắn đang bám trên tay ông, họ nói với nhau:

– Chắc chắn người này là kẻ sát nhân, vì dù đã thoát khỏi biển, nhưng sự phán xét của Đức Chúa Trời vẫn không để cho hắn sống.

[4733] Vua Agrippa – đó là Agrippa II, con trai của Herod Agrippa I, vị vua cuối cùng thuộc dòng họ Herod, người cai trị một số vùng ở Syria.

[4734] Melit – ngày nay là Malta, một hòn đảo nằm ở phía nam Sicily; tại Malta, cho đến nay vẫn còn lưu truyền truyền thuyết về việc Thánh Phaolô từng lưu lại nơi đây.

Nhưng Phaolô, sau khi hất con rắn vào lửa, không hề bị tổn thương gì. Họ đã nghĩ rằng anh ta sẽ bị sưng tấy, hoặc đột ngột ngã xuống chết, nhưng sau khi chờ đợi lâu mà thấy anh ta không gặp phải tai họa nào, họ đã thay đổi suy nghĩ và nói rằng anh ta là Thần.

Người đứng đầu hòn đảo đó, tên là Publius, đã đón những người được cứu khỏi biển vào nhà mình và tiếp đãi họ nồng hậu trong ba ngày. Lúc bấy giờ, cha ông đang nằm liệt giường, bị sốt cao và đau bụng. Phaolô vào thăm ông, cầu nguyện cùng Chúa, rồi đặt tay lên người bệnh và chữa lành cho ông. Sau sự kiện đó, những người bệnh khác trên đảo cũng đến gặp Thánh Tông Đồ và được chữa lành.

Ba tháng sau, tất cả những người được cứu khỏi biển cùng với vị Tông đồ đã rời khỏi đây trên một con tàu khác và cập bến Syracuse[4735] , từ đó đến Riga, rồi đến Puteoli[4736] và cuối cùng đến được Roma. Và khi các anh em, đang ở Rôma, nghe tin Phaolô đến, họ đã ra đón ông, thậm chí đến tận Quảng trường Appia và ba nhà trọ[4737] . Thấy họ, Phaolô được an ủi trong lòng và tạ ơn Thiên Chúa.

Tại Rôma, viên trung úy đã hộ tống các tù nhân từ Giê-ru-sa-lem đã giao họ cho chỉ huy quân đội, còn Phao-lô thì được phép ở riêng cùng với một người lính canh gác ông.

Và Phaolô đã ở tại Rôma suốt hai năm, tiếp đón tất cả những ai đến với ngài, rao giảng Nước Trời và giảng dạy về Chúa Giêsu Kitô của chúng ta một cách can đảm và không bị cản trở.

Đến đây là những điều về cuộc đời và công việc của Phaolô được ghi lại trong sách Công Vụ Các Tông Đồ, do thánh Luca viết; còn về những công việc và đau khổ khác của ngài, chính ngài đã kể lại trong Thư thứ hai gửi tín hữu Cô-rinh-tô như sau (so với những người khác, ngài đã): *"phải chịu nhiều gian khổ hơn, bị thương tích vô số, bị giam cầm nhiều hơn và nhiều lần đối mặt với cái chết. Từ phía người Do Thái, tôi đã năm lần bị đánh mỗi lần bốn mươi [cái roi] trừ một; ba lần bị đánh bằng gậy, một lần bị ném đá, ba lần tôi gặp nạn đắm tàu, đã ở dưới đáy [biển] cả ngày lẫn đêm; đã nhiều lần [phải] đi xa"* (2 Cô-rinh-tô 11:23–26).

Sau khi đo đạc vĩ độ và kinh độ của đất liền bằng cách đi bộ, và của biển cả bằng cách đi thuyền, Thánh Phaolô còn được trải nghiệm cả độ cao của trời, khi ngài được cất lên đến tầng trời thứ ba. Vì Chúa, khi an ủi vị Tông đồ của Ngài trong những công việc đầy gian khổ, được thực hiện vì danh thánh của Ngài, đã cho ngài thấy sự hạnh phúc trên trời mà mắt người chưa từng thấy, và ngài đã nghe ở đó những lời không thể diễn tả, mà con người không thể thuật lại được.

Còn về những kỳ công khác trong cuộc đời và hoạt động của vị Tông đồ thánh này, thì Eusebius Pamphilus, Giám mục thành Caesarea ở Palestine, nhà sử học về các sự kiện Giáo hội, đã thuật lại[4738] .

Sau hai năm bị giam cầm tại Rôma, Thánh Phaolô được trả tự do, vì không có tội gì, và ngài đã rao giảng Lời Chúa, lúc thì tại Rôma, lúc thì tại các nước phương Tây khác.

Còn Thánh Simeon Metaphrastes[4739] viết rằng sau khi được thả khỏi xiềng xích tại Rôma, vị Tông đồ còn tiếp tục lao động trong công cuộc rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô thêm vài năm nữa: sau khi rời Rôma, ngài đã đi qua Tây Ban Nha, Gaul và toàn bộ Ý, soi sáng những người ngoại đạo bằng ánh sáng của đức tin và dẫn dắt họ từ sự mê hoặc của các thần tượng trở về với Chúa Kitô. Khi ngài đang ở Tây Ban Nha, có một phụ nữ quý tộc và giàu có, sau khi nghe về bài giảng của Thánh Tông đồ về Chúa Kitô, đã mong muốn được gặp chính Thánh Tông đồ Phaolô và đã thuyết phục chồng mình là Proba xin Thánh Tông đồ đến nhà họ, để họ có thể tiếp đãi ngài một cách nồng hậu. Và khi Thánh Phaolô bước vào nhà họ, bà nhìn vào khuôn mặt ngài và thấy trên trán ngài có những chữ viết bằng vàng: "Phaolô, Tông đồ của Chúa Kitô". Thấy điều đó (mà không ai khác có thể nhìn thấy), bà quỳ xuống dưới chân vị Tông đồ với niềm vui và sự kính sợ, xưng nhận Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật và xin được rửa tội. Và cô là người đầu tiên được rửa tội (tên cô là Xanthippa), sau đó là chồng cô là Prob, cả gia đình họ, quan trưởng thành phố Philotheus, và nhiều người khác ở đó cũng đã được rửa tội.

[4735] Syracuse – một thành phố ven biển ở bờ đông nam Sicily, cách Malta 18 dặm.

[4736] Rigia – nay là Reggio, ở miền nam Ý, đối diện với Messina, trên bờ biển phía đông bắc của Sicily.

[4737] Puteoli – nay là Pozzuoli, một thành phố ven biển gần Naples. Quảng trường Appia – một thị trấn nhỏ, cách Rome khoảng 60 verst. Ba nhà trọ – một thị trấn nhỏ cách Rome 15 verst.

[4738] Eusebius Pamphilus – giám mục thành Caesarea ở Palestine (268–340), nhà sử học Giáo hội, người có liên quan mật thiết đến nhiều sự kiện trọng đại của thời đại mình.

[4739] Simeon Metaphrastes – người sưu tầm và biên soạn các tiểu sử các thánh, thư ký của Hoàng đế Constantine VII; qua đời vào khoảng năm 940.

Sau khi đi qua tất cả các vùng đất này ở phương Tây, chiếu sáng chúng bằng ánh sáng của đức tin thánh thiện, và thấy trước cái chết đầy đau khổ sắp đến của mình, vị Thánh Tông đồ lại trở về Rôma, từ đó ngài viết thư cho môn đệ của mình là Thánh Timôthê, nói rằng: *"Vì tôi đã trở thành của lễ, và giờ ra đi của tôi đã đến. Tôi đã chiến đấu một trận chiến tốt lành, đã hoàn thành cuộc đua, đã giữ vững đức tin; và bây giờ, vương miện công chính đang chờ đợi tôi, mà Chúa, Đấng Phán Xét Công Chính, sẽ ban cho tôi vào ngày ấy"* (2 Tm 9:6–8).

Về thời điểm Thánh Tông đồ Phaolô chịu khổ nạn, các nhà sử học Giáo hội có những ghi chép khác nhau. Nikifor Kallist[4740] trong quyển thứ hai của tác phẩm lịch sử, tại chương 36, đã viết rằng Thánh Phaolô chịu tử đạo cùng năm và cùng ngày với Thánh Tông đồ Phêrô, vì vụ việc liên quan đến phù thủy Simon, người mà ngài đã giúp Phêrô đánh bại. Tuy nhiên, một số nguồn khác lại kể rằng, một năm sau khi Thánh Phêrô qua đời, Thánh Phaolô mới chịu tử đạo vào cùng ngày 29 tháng Sáu, ngày mà một năm trước đó Thánh Phêrô đã bị đóng đinh. Nguyên nhân dẫn đến cái chết của Thánh Phaolô được cho là do ngài đã dùng lời rao giảng về Đức Kitô để khuyên nhủ các thiếu nữ và phụ nữ sống một cuộc đời trong sạch và tiết độ. Tuy nhiên, những thông tin này không có sự mâu thuẫn lớn: bởi vì trong cuốn "Cuộc đời Thánh Phêrô" (theo Simeon Metaphrastes) có ghi rằng Thánh Phêrô không chịu tử đạo ngay sau khi Simon, nhà phù thủy, bị tiêu diệt, mà là sau vài năm, do hai người tình được Nero sủng ái, những người mà Thánh Phêrô đã dẫn dắt đến với Chúa Kitô và dạy họ sống trong sự trong sạch. Và vì Thánh Phaolô cũng sống tại Rôma và các vùng lân cận cùng thời với Thánh Phêrô, nên cả hai điều này đều có thể xảy ra, tức là Thánh Phaolô đã giúp đỡ Thánh Phêrô trong việc đối phó với Simon, tên phù thủy, trong lần đầu tiên ngài ở Rôma, và khi trở lại Rôma lần thứ hai, lại cùng Thánh Phêrô đồng lòng phục vụ cho sự cứu rỗi của loài người, hướng dẫn cả nam lẫn nữ sống một cuộc đời trong sạch và tiết độ. Và như vậy, các Thánh Tông Đồ đã khơi dậy cơn thịnh nộ của Hoàng đế Nê-rôn, người sống một cuộc đời vô đạo và đồi trụy[4741] , người đã kết án tử hình cả hai ngài, xử tử Thánh Phêrô, với tư cách là người nước ngoài, bằng cách đóng đinh trên thập giá, còn Phaolô, với tư cách là công dân La Mã (người không thể bị xử tử một cách nhục nhã), thì bị chém đầu, nếu không phải trong cùng một năm thì cũng trong cùng một ngày. Khi cái đầu cao quý của Phaolô bị chém, máu và sữa đã chảy ra từ vết thương. Các tín hữu, sau khi rước thi hài thánh của ngài, đã an táng ngài cùng nơi với Thánh Phêrô.

Vậy là vị bình thánh được Chúa chọn, vị thầy của muôn dân, nhà truyền giáo toàn cầu, người tận mắt chứng kiến những đỉnh cao thiên đàng và những ân huệ của thiên đàng, đối tượng khiến các Thiên thần và loài người kinh ngạc, vị tu sĩ vĩ đại và người chịu khổ, người đã mang trên thân thể mình những vết thương của Chúa, Thánh Tông đồ tối cao Phaolô, và lần thứ hai, ngoài thân xác, ngài được rước lên trời thứ ba và hiện diện trước Ánh Sáng Ba Ngôi, cùng với người bạn và cộng sự của ngài, Thánh Tông Đồ tối cao Phêrô[4742] , chuyển từ Hội Thánh chiến đấu sang Hội Thánh chiến thắng, trong tiếng tạ ơn hân hoan, tiếng hát và tiếng reo hò của những người mừng lễ, và giờ đây họ đang tôn vinh Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà từ chúng con, những

---

[4740] Nikifor Kallistos – nhà sử học Giáo hội người Hy Lạp; tác phẩm "Lịch sử Giáo hội" của ông gồm 23 quyển đặc biệt nổi bật, trong đó 18 quyển đầu tiên còn lưu truyền đến ngày nay, còn phần còn lại chỉ còn lại những đoạn trích; qua đời năm 1350.

[4741] Nero – hoàng đế La Mã (54–68) đã tự làm ô danh mình bởi sự tàn bạo, ngay cả đối với những người thân cận nhất và đặc biệt là đối với các Kitô hữu. Tuy nhiên, ông cũng là người bảo trợ cho các học giả, nhà thơ, ca sĩ và chính ông cũng từng tham gia Thế vận hội Olympic. Với tính kiêu ngạo, đồi trụy và không kiềm chế, ông đã chọc giận một âm mưu chống lại mình và buộc phải tự sát.

[4742] Thánh Tông đồ Phaolô đã để lại cho chúng ta trong các thư của ngài tên của những cộng sự khác của ngài. Họ đã giúp đỡ ngài với tình yêu thương sâu sắc, và chính ngài cũng rất hài lòng về họ, đến nỗi trong bài viết về cuộc đời ngài, chúng ta nên đề cập ít nhất đến một số người trong số họ, những người mà chính ngài đã nhắc đến với lòng biết ơn. Chẳng hạn, ngài nhắc đến Luca, người được các Hội Thánh ca ngợi vì Tin Mừng và còn được các Hội Thánh chọn để đồng hành cùng Phaolô trong công tác từ thiện (2 Cô-rinh-tô 8:18–19); Ti-mô-thê, người đã làm việc cho công việc của Chúa giống như vị Tông đồ, và Phaolô không có ai siêng năng bằng anh. Timôthê phục vụ ông trong việc rao giảng Tin Mừng như con trai phục vụ cha (1 Cô-rinh-tô 16:10; Phi-líp 2:19–22); ông nhắc đến Tích-cô như người anh em yêu dấu và là người phục vụ trung thành trong Chúa, có khả năng mang lại sự an ủi từ tận đáy lòng (Ê-phê-sô 6:21–22); Priscilla và Aquila, những người cộng tác với ngài trong Chúa Giê-su Christ (Rô-ma 16:3); Epaphras, người cộng tác yêu dấu của ngài và là người phục vụ trung thành của Đấng Christ (Cô-lô-se 1:7); Aristarchus, Mark, Justus, những người cộng tác vì Nước Đức Chúa Trời và là niềm an ủi của ông (Cô-lô-se 4:10–11); Tít, người con thật sự trong đức tin chung, người mà Phao-lô đã giao phó nhiệm vụ hoàn tất những việc còn dang dở tại Crete, người đã an ủi ông bằng sự hiện diện, niềm vui và lòng tốt đối với các tín hữu: "người này là bạn đồng hành và cộng sự của tôi" (Tít 1:4–5; 2 Cô-rinh-tô 7:6, 13, 15, 8:23); Sô-phê-na, người sau này trở thành giám mục tại Cô-lô-phê (1 Cô-rinh-tô 1:1). Cuối cùng, chúng ta hãy nhớ đến Si-la, người đã cùng với Ti-mô-thê ở lại Bê-ri-a giữa muôn vàn nguy hiểm, chỉ để củng cố anh em trong đức tin, theo ý muốn của Sứ đồ Phao-lô (Công vụ 17:13–15). Và còn rất nhiều người khác, thậm chí không được nêu tên, nhưng chỉ được ghi nhớ qua những việc làm đầy tình yêu thương của họ.

kẻ tội lỗi, cũng dâng lên sự tôn kính, vinh quang, sự thờ phượng và lời tạ ơn, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Các Tông đồ, những vị đứng đầu trong hàng Tông đồ, và các vị Thầy của toàn thể nhân loại, xin cầu thay cho chúng con để Chúa ban bình an cho toàn thể nhân loại và ban ân sủng lớn lao cho linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Các nhà rao giảng kiên định và được Thiên Chúa soi sáng, Chúa ơi, Ngài đã đón nhận các Tông đồ cao quý nhất của Ngài vào sự hưởng thụ các ân huệ và sự an nghỉ của Ngài; vì Ngài đã chấp nhận bệnh tật và cái chết của họ hơn bất kỳ sự hy sinh nào khác, chỉ có Ngài mới thấu hiểu tận đáy lòng.

Ngày 13 tháng 7

30 tháng 6 (theo lịch cũ)

Tháng 7

Lễ kính mười hai Thánh Tông đồ vinh hiển và đáng ca ngợi: Thánh Giacôbê con ông Xê-đê-bê (ngày 30 tháng 4), Thánh Gioan (ngày 26 tháng 9), Thánh Phi-líp (ngày 14 tháng 11), Thánh Ba-tô-lô-mê-ô (ngày 11 tháng 6), Thôma (ngày 6 tháng 10), Ma-thi-ơ (ngày 16 tháng 11), Gia-cô-bê con của An-phê (ngày 9 tháng 10), Giu-đa (Pha-đê) (ngày 19 tháng 6), Si-môn người Si-lô (ngày 10 tháng 5) và Ma-thi-a (ngày 9 tháng 8)

Ngày tưởng niệm 30 tháng 6

Phêrô (ngày kỷ niệm 29 tháng 6), Zebedee (30 tháng 4), Bartholomew (11 tháng 6), Giacôbê con của Alphê (9 tháng 10), (10 tháng 5)

Lễ hội này có từ rất lâu đời. Các ghi chép về lễ hội này đã xuất hiện từ thế kỷ IV.

Ngày 14 tháng 7

Ngày 1 tháng 7 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Cosmas và Damian

Ngày tưởng niệm 1 tháng 7

Sau khi Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, được tôn vinh trên trần gian, những việc làm kỳ diệu và những chiến công của các thánh tử đạo của Chúa Kitô đã trở nên nổi tiếng khắp nơi; bởi vì qua họ, quyền năng của Đấng Cứu Thế đã được thể hiện; sự chống cự dũng cảm của các thánh trước những kẻ hành hạ và sự kiên nhẫn bất khuất của họ đã khiến mọi người kinh ngạc. Trong số các vị tử đạo đó có hai vị này, sinh ra tại La Mã Cổ Đại từ

cùng một cha và mẹ, được nuôi dạy theo các nguyên tắc đạo đức Kitô giáo – hai anh em ruột – các thánh tử đạo Cosmas và Damian, những người mà chúng ta sắp nói đến.

Sau khi học được nghệ thuật y học, hai vị thánh anh em này đã chữa lành thành công mọi loại bệnh tật, và ân sủng của chính Thiên Chúa đã hỗ trợ họ trong mọi việc. Dù họ đặt tay lên bất kỳ người bệnh hay súc vật nào, những người và vật đó lập tức trở nên hoàn toàn khỏe mạnh. Những vị thầy thuốc tài ba này không nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ ai cho việc chữa lành, vì thế họ được gọi là "những vị bác sĩ không nhận thù lao". Họ chỉ đòi hỏi một phần thưởng quý giá nhất từ những người được chữa lành – đó là đức tin vào Chúa Kitô. Và quả thực, không chỉ tại chính thành Rôma, mà cả ở các thành phố và làng mạc lân cận, nơi họ đi qua với mục đích chữa lành cho những người ốm đau, họ đã dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô. Ngoài ân sủng chữa lành, họ còn làm việc thiện cho mọi người bằng những sự bố thí hào phóng. Họ sở hữu một khối tài sản lớn, được tổ tiên tích lũy và truyền lại từ cha mẹ, mà họ đã bán đi, phân phát cho người nghèo và những ai đang gặp khó khăn; họ cho người đói ăn, cho người trần truồng mặc; nói tóm lại, họ đã thể hiện lòng thương xót đối với tất cả những người nghèo khó và khốn cùng. Khi chữa lành cho người bệnh, họ thường nói với họ như sau:

– Chúng tôi chỉ đặt tay lên các bạn mà thôi, và không thể làm gì bằng sức lực riêng của mình; tất cả đều do quyền năng toàn năng của Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chúa Giê-su Ki-tô thực hiện; nếu các bạn tin vào Ngài và không nghi ngờ, thì các bạn sẽ lập tức được lành bệnh.

Và quả thực, những ai tin thì đã được chữa lành.

Như vậy, mỗi ngày có rất nhiều người, từ bỏ sự tà ác của việc thờ thần tượng, đã gia nhập vào Đấng Christ.

Nơi ở của các vị thánh y sĩ này nằm tại một làng thuộc La Mã (nơi có điền trang của cha mẹ họ). Với nơi cư ngụ tại đây, họ đã truyền bá đức tin thánh thiện đến khắp các vùng lân cận.

Trong khi đó, ma quỷ, vì ghen tị với cuộc đời rực rỡ đức hạnh của các thánh, đã xúi giục một số tay sai của mình đến gặp nhà vua và vu khống những người vô tội trước mặt ngài. Vào thời điểm đó, vua Karin[4743] đang trị vì tại Rome. Vị vua này, sau khi nghe theo những kẻ vu khống, đã ngay lập tức cử quân lính đến ngôi làng nơi các thánh đang sinh sống, với lệnh bắt giữ hai vị bác sĩ từ thiện Cosmas và Damian và đưa họ về để thẩm vấn.

Khi binh lính của hoàng đế đến ngôi làng nơi các thánh đang sinh sống và bắt đầu hỏi han về Cosmas và Damian, các tín hữu đã tụ tập lại bên các thánh và khẩn cầu họ lánh nạn đi đâu đó trong một thời gian ngắn, cho đến khi cơn thịnh nộ của hoàng đế qua đi. Nhưng các thánh không những không nghe theo lời khuyên đó, mà ngược lại, còn định tự nguyện ra gặp các binh lính đang truy lùng họ, mong muốn vui vẻ chịu khổ vì danh Chúa Kitô. Khi nhiều tín hữu tụ tập lại và bằng những lời khẩn cầu đầy nước mắt khuyên nhủ các ngài hãy giữ lấy mạng sống không phải vì bản thân, mà vì sự cứu rỗi của người khác, thì các thánh – dù miễn cưỡng – cũng đã vâng lời họ. Lúc đó, các tín hữu đã đưa các thánh đi và giấu các ngài trong một hang động nào đó.

Trong khi đó, các binh lính, sau khi lục soát kỹ lưỡng khắp nơi mà không tìm thấy các thánh, vì cơn giận dữ và bực bội, đã bắt giữ một số người đàn ông đạo đức trong làng đó, xiềng xích họ lại và dẫn họ về Rôma.

Khi biết tin này, các thánh Cosmas và Damian lập tức ra khỏi hang động và vội vã chạy theo dấu vết của các binh lính; khi đuổi kịp họ trên đường, các ngài nói với họ:

– Hãy thả những người vô tội đi, còn chúng tôi thì hãy bắt đi, vì chính chúng tôi là những người mà các ngươi được lệnh phải bắt.

Như vậy, các binh lính đã thả những người đàn ông đó ra, rồi xiềng xích các thánh Cosmas và Damian và dẫn họ về Roma. Tại đây, các thánh bị giam trong xiềng xích tại ngục tối, nơi họ ở lại cho đến sáng. Khi bình minh ló rạng, hoàng đế ngự trước dân chúng tại tòa án thường lệ, nằm ở khu vực dành cho các buổi biểu diễn; sau khi ra lệnh đưa các thánh tù nhân Cosmas và Damian ra trước mặt, hoàng đế lớn tiếng nói với họ:

– Chính các ngươi đang chống lại các vị thần của tổ tiên chúng ta và bằng một thủ đoạn ma thuật nào đó, các ngươi chữa lành bệnh tật cho con người và súc vật mà không đòi hỏi bất cứ điều gì, dụ dỗ những người dân thường từ bỏ các vị thần và luật lệ của tổ tiên? Nhưng bây giờ, hãy từ bỏ sự lầm lạc của các ngươi và nghe theo lời khuyên tốt lành của ta; hãy tiến lên, dâng lễ vật cho các vị thần, những vị đã kiên nhẫn chịu đựng các ngươi cho đến nay. Các vị thần, dù bị các ngươi xúc phạm, đã không trả thù ác bằng ác – dù có thể làm vậy – nhưng vẫn kiên nhẫn chờ đợi các ngươi quay về với họ.

Còn các thánh nhân của Đấng Christ thì như thể cùng một miệng đáp lại nhà vua rằng:

[4743] Hoàng đế Carinus trị vì từ năm 283 đến năm 284.

– Chúng tôi không lôi kéo một ai cả; chúng tôi không biết bất kỳ mưu mẹo huyền bí nào, cũng không gây hại cho ai, nhưng chúng tôi chữa lành bệnh tật bằng quyền năng của Đấng Cứu Thế và Chúa chúng ta là Đức Giêsu Kitô, như Ngài đã truyền dạy khi phán: *"Hãy chữa lành những người bệnh, thanh tẩy những người phong cùi"* (Mt 10,8). Chúng tôi làm điều này không lấy tiền công, vì Đấng Cứu Thế đã truyền dạy như vậy, Ngài đã phán: *"Các con đã nhận được miễn phí, hãy ban phát miễn phí"* (Mt 10,8). Vì chúng tôi không đòi hỏi của cải, mà tìm kiếm sự cứu rỗi cho linh hồn loài người và phục vụ những người nghèo khó và yếu đuối như chính Đức Kitô, bởi vì Ngài coi những việc chăm sóc đó là của chính Ngài, những việc được thực hiện vì lợi ích của những người đầu tiên, *và* Ngài phán với những người làm ơn: *"Vì Ta đói, các ngươi đã cho Ta ăn; Ta khát, các ngươi đã cho Ta uống; Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước Ta; Ta trần truồng, các ngươi đã cho Ta mặc; Ta đau ốm, các ngươi đã thăm viếng Ta; Ta ở trong ngục, các ngươi đã đến với Ta"* (Mt 25,35–36). Chúng tôi cố gắng tuân giữ những điều răn này của Ngài, với hy vọng nhận được phần thưởng từ Ngài trong cuộc sống vĩnh cửu của Nước Trời. Còn việc thờ lạy các vị thần mà ngài công nhận, chúng tôi sẽ không bao giờ đồng ý. Ngài và những ai đồng ý với ngài hãy tự thờ lạy họ đi! Còn chúng tôi thì biết rõ rằng chúng không phải là các vị thần. Nếu như ngài, hỡi nhà vua, mong muốn, thì chúng tôi sẽ đưa ra cho ngài một lời khuyên tốt lành, để ngài nhận biết Đấng Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng Tạo Hóa của muôn loài, *"vì Ngài ra lệnh cho mặt trời của Ngài mọc lên trên kẻ ác cũng như kẻ lành, và ban mưa xuống cho người công chính cũng như kẻ bất chính"* (Mt 5:45), – vì lợi ích của chúng ta và để tôn vinh Danh Thánh vĩ đại của Ngài: hãy từ bỏ những thần tượng vô cảm và vô hồn – hãy phụng sự Ngài!

Hoàng đế Karin đã trả lời vị thánh như sau:

– Ta không triệu tập các ngươi để hùng biện, mà là để dâng lễ vật cho các vị thần.

– Chúng tôi dâng, – các thánh nhân đáp, – của lễ không đổ máu – chính linh hồn chúng tôi – lên Đức Chúa Trời Duy Nhất của chúng tôi, Đấng đã giải cứu chúng tôi khỏi lưới ma quỷ và ban Con Một của Ngài để cứu rỗi cả thế gian. Đức Chúa Trời của chúng tôi không phải là Đấng được tạo ra, mà là Đấng Tạo Hóa của muôn loài, còn các vị thần của ngài chỉ là những sản phẩm do con người bịa đặt và là tác phẩm của bàn tay những người thợ thủ công; và nếu giữa loài người không có nghề thủ công tạo ra các vị thần cho ngài, thì ngài sẽ chẳng có ai để thờ phượng cả!

– Đừng chọc giận các vị thần vĩnh cửu, – Karin nói, – mà hãy dâng lễ vật và thờ lạy họ, nếu các ngươi không muốn phải chịu những cực hình đã được chuẩn bị sẵn cho các ngươi.

– Ngươi hãy bị sỉ nhục đi, Karin, cùng với các vị thần của ngươi, – các tôi tớ của Đấng Christ, được đầy dẫy Thánh Linh, đã nói. – Vì tâm trí ngươi quay lưng lại với Đức Chúa Trời hằng hữu và sống đời đời, mà lại hướng về những thần tượng vô tri vô giác và chưa từng tồn tại, nên để ngươi phải hổ thẹn và để ngươi tự mình trải nghiệm mà hiểu rằng Đức Chúa Trời của chúng ta là Đấng toàn năng – hãy để khuôn mặt ngươi trên thân thể ngươi biến đổi và cuộn tròn lại khỏi vị trí của nó!

Trong khi các thánh nhân đang thốt lên những lời ấy, khuôn mặt của Karina bỗng chốc biến đổi và cổ anh ta xoắn lại đến nỗi khuôn mặt anh ta nằm trên vai, anh ta không thể xoay cổ được, và cũng chẳng ai có thể giúp anh ta. Như vậy, anh ta ngồi trên ngai vàng với cổ và khuôn mặt bị vẹo. Trong khi đó, đám đông chứng kiến cảnh này đã đồng thanh hô to:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, và không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ngài!

Lúc bấy giờ, nhiều người đã tin vào Chúa Kitô và khẩn cầu các vị thánh y chữa lành cho nhà vua. Bản thân nhà vua cũng khẩn cầu họ điều tương tự, nói rằng:

– Nay ta thực sự biết rằng các ngươi là tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật. Vậy, ta khẩn cầu các ngươi – vì các ngươi đã chữa lành cho nhiều người – hãy chữa lành cho ta nữa, để ta cũng tin rằng không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đấng mà các ngươi rao giảng, Đấng đã tạo dựng trời và đất.

– Nếu ngài, – các thánh nhân đáp lại, – nhận biết Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho ngài sự sống và vương quốc, và tin vào Ngài bằng cả trái tim mình, thì Ngài sẽ chữa lành cho ngài.

– Con tin vào Ngài, – nhà vua cất tiếng nói lớn, – lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Đức Chúa Trời chân thật, xin thương xót con và đừng nhớ đến sự vô minh ban đầu của con!

Trong khi nhà vua đang thốt lên những lời ấy, cổ ông đã duỗi thẳng, khuôn mặt trở lại vị trí ban đầu, như lúc ban đầu, và ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi, ngước mắt lên trời, giơ hai tay lên, cùng với toàn thể dân chúng dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời, và nói như sau:

– Ngợi khen Ngài, Đấng Kitô, Thiên Chúa chân thật, Đấng đã dẫn dắt con từ bóng tối đến ánh sáng nhờ các thánh tôi tớ của Ngài.

Sau khi được chữa lành như vậy, nhà vua đã tặng quà để tỏ lòng kính trọng các thánh tôi tớ Cosmas và Damian, rồi cho họ ra về trong bình an.

Rời khỏi Rôma, các thánh hướng về làng quê của mình. Dân làng, cả ở làng này lẫn các làng lân cận, khi nghe tin về tất cả những điều các thánh đã làm tại Rôma, đã ra đón các vị thánh của Đức Chúa Trời và tiếp đón họ với niềm vui, hân hoan ca ngợi Chúa Kitô. Trong khi đó, theo thói quen của mình, các thánh lại đi vòng quanh các thành phố và làng mạc lân cận, chữa lành bệnh tật và truyền bá đức tin thánh thiện cho mọi người, rồi lại trở về làng của mình. Còn kẻ thù ghét loài người – ma quỷ – khi không kịp gây hại cho các thánh bằng những mưu mô ban đầu và không thể tiêu diệt họ khỏi số người còn sống, đã nghĩ ra một mưu kế khác. Ở xứ sở ấy có một vị bác sĩ rất nổi tiếng, người mà chính các thánh Cosmas và Damian ban đầu đã theo học nghệ thuật y khoa. Chính kẻ thù của loài người – kẻ không thể chịu đựng được vinh quang của các vị thánh – đã xúi giục vị bác sĩ ấy ghen tị với các thánh. Bằng những lời nịnh hót, hắn đã dụ dỗ các thánh đến bên mình, rồi lôi kéo họ lên núi với lý do thu hái thảo dược, trong khi thực chất hắn đang ấp ủ trong lòng ý định độc ác như Ca-in: “[4744] ”. Sau khi dẫn các thánh đi xa, hắn sắp xếp để mỗi người hái cây riêng rẽ. Rồi hắn tấn công một người trước tiên, ném đá đánh chết người đó, sau đó cũng giết người kia theo cách tương tự; cuối cùng, hắn mang thi thể các thánh đi giấu ở cái giếng gần đó[4745] .

Như vậy, các thánh tử đạo của Chúa Kitô, các vị bác sĩ từ thiện Cosmas và Damian, đã đón nhận sự ra đi của cuộc đời mình và được ban tặng vương miện tử đạo từ Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đấng mà vinh quang và danh dự được dâng lên cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi. Amen.

Lễ kính Thánh Phêrô, vị cha đáng kính của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 7

Thánh Phêrô sinh ra và lớn lên tại Constantinopolis. Ngài xuất thân từ một gia đình danh giá và giàu có. Cha ngài, tên là Constantine, mang tước hiệu patricius[4746] và giữ chức vụ tướng quân. Từ thuở thiếu thời, ngài đã miệt mài học tập các môn khoa học, đặc biệt am hiểu triết học, đồng thời cũng thông thạo tất cả các môn khoa học thế tục. Khi đến tuổi trưởng thành, ông kết hôn và sau khi cha qua đời, ông đã kế thừa tước hiệu quý tộc danh dự của cha mình. Ông được phong làm quý tộc dưới triều đại của Nữ hoàng Irina đạo đức và con trai bà là Constantine[4747] . Khi Nikiforos[4748] lên ngôi hoàng đế và người Hy Lạp bắt đầu chiến tranh với người Bulgaria, lúc đó Peter được bổ nhiệm làm hoàng đế, tổng tư lệnh tối cao của tất cả các đạo quân, và dẫn quân ra trận chống lại người Bulgaria. Trong cuộc chiến tranh vĩ đại diễn ra sau đó, ban đầu người Hy Lạp đã đánh bại người Bulgaria, nhưng sau đó – theo ý muốn của Thượng Đế – người Bulgaria, sau khi hồi phục từ thất bại đã gánh chịu, đã đánh tan tành người Hy Lạp một cách tàn bạo và giết chết chính hoàng đế Nikiforos của họ.

Cũng chính vào thời điểm đó, Thánh Phêrô cùng với năm mươi vị công tước Hy Lạp đã bị người Bulgaria bắt giữ; ngài bị kết án chịu cực hình và tử hình, rồi bị giam cầm trong ngục tối. Và khi ngài đang khẩn thiết cầu nguyện với Thiên Chúa xin được giải thoát, thì giữa đêm, Thánh Gioan Thần Học, người đang nằm trên ngực Chúa Kitô, đã hiện ra với ngài, giải thoát ngài khỏi nhà tù và đưa ngài về Rôma. Từ đó, Phêrô dâng hiến trọn vẹn cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa; sau khi nhận ra sự hư vô của mọi sự trần gian, ngài lui về núi Olympus[4749] ; tại đây, ngài mang hình hài thiên thần và cùng tu hành với Thánh Gioan Vĩ Đại, vươn lên trong mọi đức hạnh.

[4744] Cain – tên của con trai cả của A-đam và Ê-va. Là đứa con đầu lòng được sinh ra trong tình trạng tội lỗi, Cain có tính cách u ám và độc ác, và vì ghen tị nên đã giết em trai hiền lành của mình là A-vel (Sáng Thế Ký 4:1–16). Sự kiện này chính là điều được đề cập trong cuốn tiểu sử.

[4745] Các thánh Cosmas và Damian, những vị bác sĩ từ thiện, đã qua đời vào năm 284.

[4746] Ở La Mã, “Patrician” là tên gọi dành cho những đứa con có đầy đủ quyền lợi, sinh ra tự do của các công dân La Mã bản địa. Tại La Mã, người ta ước tính có khoảng một trăm gia tộc Patrician. Thông thường, các Patrician đảm nhiệm các chức vụ nhà nước cao cấp.

[4747] Constantine VI (VII) Porphyrogenitus trị vì từ năm 780 đến năm 797. Mẹ ông, Irene, trị vì từ năm 797 đến năm 802.

[4748] Nikifor I trị vì từ năm 802 đến năm 811.

[4749] Núi Olympus nằm ở Tiểu Á, trên biên giới giữa Phrygia và Bithynia.

Sau khi sống ở đó ba mươi bốn năm, Thánh Phêrô, sau khi vợ và con trai ngài đã qua đời, đã đến Constantinopolis. Tại đây, trước hết ngài sống một thời gian tại nhà thờ do chính ngài xây dựng, được gọi là Nhà thờ Evandri. Sau đó, ngài lui về một nơi hẻo lánh và tĩnh lặng, dựng cho mình một căn phòng nhỏ, nơi ngài sống trong tám năm, mặc trên người áo lông dê gai và trong suốt những năm tháng tu hành, ngài không mang giày dép. Ngài đã tự hành xác một cách khắc nghiệt bằng việc ăn chay, thức trắng đêm và các công việc tu hành khác.

Với những việc làm đạo đức và đẹp lòng Chúa như vậy, Thánh Phêrô đã an nghỉ trong Chúa và được xếp vào hàng ngũ các vị thánh, những người tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.[4750]

Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Potita

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 7

Vào thời trị vì của Hoàng đế Antoninus[4751] , khi cuộc bách hại Kitô hữu bùng phát khắp nơi, tại Sardinia[4752] có một người đàn ông tên là Hilas, người theo tà đạo thờ ngẫu tượng. Ông có một người con trai duy nhất, một thiếu niên mười ba tuổi, tên là Potit. Potit đã được soi sáng bởi sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời – Đấng nhận được sự ngợi khen *"từ miệng trẻ thơ"* (Thi Thiên 8:3) – và được ân sủng của Đức Thánh Linh soi sáng đến nỗi đã nhận biết Đấng Tạo Hóa của mình và chỉ dâng lời cầu nguyện và sự thờ phượng lên Ngài mà thôi, đồng thời khinh bỉ những thần tượng vô hồn. Biết đọc sách, Potit đã tìm thấy Kinh Thánh Kitô giáo và sau khi đọc chúng, anh tràn đầy sự khôn ngoan và trí tuệ thiêng liêng. Anh lén lút rời xa cha mình để đến với các Kitô hữu, nhận phép Rửa tội thánh và từ chối những lễ tế tà thần ghê tởm. Hilas, cha của Potit, khi nhận thấy con trai mình không thờ lạy các thần tượng, đã vô cùng buồn bã và bắt đầu dịu dàng khuyên nhủ anh cùng mình dâng lễ tế cho các vị thần.

– Thưa cha, – vị thiếu niên thánh thiện đáp lại những lời khuyên nhủ của Hilas, – cha đang nói với con những lời không tốt lành khi ra lệnh cho con dâng lễ vật cho ma quỷ! Nếu cha thực sự yêu thương con, con trai của cha, với tình yêu thương của người cha, thì hãy khuyên con làm điều cứu rỗi, chứ không phải điều hủy diệt linh hồn. Con mong rằng cha cũng sẽ nhận ra lẽ thật, từ bỏ sự lầm lạc xấu xa và bắt đầu phụng sự Đức Chúa Trời Duy Nhất ngự trên trời và cai quản vạn vật – Đấng Tạo Hóa của muôn loài!

Người cha, trong cơn giận dữ, đã nhốt cậu vào một căn phòng riêng và ra lệnh rằng không ai trong nhà được dám cho cậu bé cả bánh mì lẫn nước.

– Chúng ta sẽ xem, – ông đe dọa, – liệu Đức Chúa Trời mà con tôn kính có ban cho con thức ăn và nước uống hay không!

Trong khi đó, cậu thiếu niên thánh thiện Potit quỳ gối cầu nguyện với Đức Chúa Trời, nói như sau:

– *"Lạy Chúa, xin Ngài can thiệp vào cuộc tranh chấp với những kẻ tranh chấp với con, xin Ngài đánh bại những kẻ chống lại con"* (Thánh Vịnh 34:1). Con mong muốn phụng sự Ngài, Chúa Giêsu Kitô của con, Đấng đã thương xót xuống trần gian từ trời cao vì sự cứu rỗi loài người. Xin Ngài đoái thương lời cầu nguyện của tôi tớ khiêm nhường của Ngài và củng cố lòng khao khát của con, như Ngài đã củng cố tiên tri Đa-ni-ên của Ngài khi ông bị ném vào hố sư tử. Ngài đã phán trong Phúc Âm thánh của Ngài: *"Phúc cho những ai khao khát và khát khao sự công chính, vì họ sẽ được no nê… Phúc cho những ai bị đuổi vì lẽ phải, vì Nước Trời là của họ"* (Mt 5:6,10). Vậy, xin đừng bỏ rơi con, người đang bị giam cầm ở đây và phải chịu đói khát vì lẽ phải của Ngài!

Vị thánh đã ở trong nhà tù đó nhiều ngày, bị cha mình hành hạ bằng đói khát, nhưng lại được Thiên Chúa củng cố bằng lương thực thiêng liêng và được tưới gội bằng ân sủng của Chúa Thánh Thần, đến nỗi khuôn mặt Ngài rạng ngời như mặt trời. Vui mừng trong Chúa, ngài nói: Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì Ngài đã thương xót ban cho con, kẻ tôi tớ bất xứng của Ngài, những ân huệ thiêng liêng của Ngài, mà người ta càng nhận được nhiều thì lại càng khao khát nhiều hơn. Con cũng khẩn cầu Ngài, Đức Chúa Trời nhân từ và thương xót, Đức Chúa Trời của các Thiên Thần và Tổng Lãnh Thiên Thần, Đấng không muốn kẻ có tội phải chết, nhưng mong muốn họ ăn năn và được sống – xin hãy nghe tiếng kêu cầu của con dâng lên Ngài bằng cả trái tim về cha mẹ con: xin ban cho họ sự

[4750] Thánh Phêrô qua đời vào khoảng năm 865.
[4751] Hoàng đế Antoninus Pius trị vì từ năm 138 đến năm 161.
[4752] Sardinia là một trong những hòn đảo ở Địa Trung Hải; hiện nay thuộc Vương quốc Ý.

hiểu biết về lẽ thật của Ngài và sự thông suốt về đức tin; xin mở rộng tâm trí người ấy, để người ấy nhận biết Ngài, Đấng Tạo Hóa của mình, và chỉ phụng sự một mình Ngài, chứ không phải đa thần giáo Hy Lạp. Xin đừng để kẻ thù của dòng dõi Kitô hữu – ma quỷ – vui mừng vì người ấy, nhưng xin cho quyền năng toàn năng của Ngài được tôn vinh nơi người ấy, quyền năng dẫn dắt những kẻ lầm lạc đến sự cứu rỗi.

Khi vị thánh cầu nguyện bằng những lời ấy, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với ngài, củng cố lòng tin và phán rằng:

– Ngươi sẽ nhận được điều ngươi xin! Đức Chúa Trời, Đấng mà ngươi tin tưởng bằng cả trái tim mình, – luôn ở cùng ngươi, và ngươi sẽ nhận được điều ngươi xin nơi Ngài. Nhưng ngươi cũng hãy biết rằng, kẻ hủy diệt linh hồn loài người – ma quỷ – đã bày mưu tính kế chống lại ngươi. Vì vậy, ngươi cần phải mặc lấy *"toàn bộ vũ khí của Đức Chúa Trời"* (Ê-phê-sô 6:11), để ngươi có thể chống lại những mưu mô của nó.

Nói xong những lời ấy, Thiên Thần Ánh Sáng đã lui đi.

Trong khi đó, vị thánh tiếp tục cầu nguyện với Đức Chúa Trời, nói rằng:

– *"Lạy Chúa, xin hãy nghe tiếng con kêu cầu, xin thương xót con và lắng nghe con"* (Thi Thiên 26:11).

Một lúc sau, trong ánh sáng giả tạo, Thiên Thần Bóng Tối bất ngờ hiện ra trước mặt Potitus và nói với anh:

– Này, ta đã đến với ngươi, hỡi chàng trai hiền lành, để ngươi khỏi kiệt sức cả thể xác lẫn tâm hồn vì đói khát, nhưng để ngươi vâng lời cha mình và cùng ông ấy no nê các món ăn. Ta chính là Đấng Kitô, Đấng đã thương xót ngươi; khi thấy những giọt nước mắt của ngươi, ta đã đến thăm ngươi.

– *"Hãy lui ra khỏi ta, Satan"* (Mt 16,23), kẻ thù của sự thật, – vị thánh thiếu niên Potit đáp lại kẻ dụ dỗ. – Ngươi không thể lừa dối tôi tớ của Thiên Chúa: ngươi không phải là Đức Kitô, mà là Antichrist.

Nói xong, vị thánh bắt đầu cầu nguyện, rằng:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin xua đuổi kẻ thù xấu xa này khỏi con và ném nó xuống vực thẳm, nơi nó đã bị kết án cùng với các tay sai của nó!

Lúc đó, ma quỷ, sau khi thay đổi hình dạng giả mạo của thiên thần, biến thành một người khổng lồ khổng lồ, cao mười lăm khuỷu tay, rồi lại biến thành một con bò đực khổng lồ và gầm lên bằng giọng nói đáng sợ. Còn vị thánh, sau khi tự bảo vệ mình bằng dấu thánh giá, đã nói với nó:

– Hãy thôi đi, hỡi linh hồn độc ác, đừng cám dỗ các chiến binh của Đấng Kitô nữa! Ngươi không thể dọa nạt được những ai đã được cứu chuộc nhờ sức mạnh của Thánh Giá!

Và quỷ dữ biến mất ngay lập tức, nhưng giọng nói của nó vẫn vang vọng từ xa, thốt lên:

– Ôi, một thiếu niên nào lại có thể đánh bại ta! Than ôi, giờ đây ta sẽ nghỉ ngơi ở đâu đây? Ta sẽ phóng những mũi tên của mình vào ai đây? Nếu ta tiếp cận một ông lão, thì ngay cả lúc đó ta cũng không dễ dàng bị ông ta đánh bại như bị thiếu niên này. Nhưng ta sẽ đi và nhập vào con gái duy nhất của Hoàng đế Antoninus, và trên người nàng, ta sẽ thể hiện sức mạnh của mình! Còn đối với ngươi, Potit, ta sẽ xúi giục nhà vua, và dạy ông ta tiêu diệt ngươi trong những cực hình khủng khiếp!

– Hỡi kẻ thù, – thánh Potit đáp lại, – dù ngươi có tra tấn ta bằng bất cứ hình thức nào đi chăng nữa, – ta vẫn sẽ chiến thắng ngươi ở mọi nơi; không phải ta chiến thắng, – mà là Chúa Giêsu Kitô của ta!

Rồi ma quỷ bỏ chạy, kêu lên:

– Khốn cho ta, vì ta đã bị một thiếu niên đánh bại!

Sau đó, cha của Potit là Gilas, sau khi đưa cậu ra khỏi nơi giam cầm, đã nói với cậu:

– Con ơi, hãy dâng lễ vật cho các vị thần, vì hoàng đế đã ra lệnh rằng bất cứ ai không dâng lễ vật cho các vị thần sẽ bị xử tử sau những cực hình khủng khiếp, hoặc bị ném cho thú dữ ăn thịt. Cha đau lòng vì con, vì con là con trai duy nhất của cha; cha không muốn mất người thừa kế của mình.

– Con nên dâng lễ vật cho những vị thần nào – vị thánh hỏi – để con biết tên của họ?

– Chẳng lẽ con không biết sao, – người cha nói, – thần Zeus[4753] , thần Ares[4754] và thần Minerva[4755] ?

– Từ ngày tôi chào đời, – cậu thiếu niên đáp, – tôi chưa bao giờ nghe nói rằng những vị ấy là các vị thần, mà chỉ là những thần tượng mà thôi. Ôi cha ơi, nếu cha biết được Đức Chúa Trời của người Kitô hữu vĩ đại đến

[4753] Zeus – vị thần tối cao trong tôn giáo Hy Lạp cổ đại, được coi là tổ tiên của các vị thần và loài người.
[4754] Ares hay Mars – vị thần chiến tranh.
[4755] Minerva hay Athena – nữ thần của sự khôn ngoan.

nhường nào, Đấng đã hạ mình xuống để cứu chuộc chúng ta, thì cha hẳn đã tin vào Ngài, vì Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng đã tạo dựng trời và đất, còn tất cả các vị thần khác đều là những ác quỷ ngoại đạo.

– Những lời cha đang nói này, cha lấy từ đâu ra vậy? – Hilas hỏi.

– Đấng mà tôi phụng sự đang phán qua miệng tôi, – vị thánh đáp, – vì Ngài đã phán trong Phúc Âm của Ngài: *"Các con đừng lo lắng về việc phải nói gì hay nói như thế nào; vì vào giờ đó, các con sẽ được ban cho những lời phải nói"* (Mt 10:19).

– Con không sợ bị tra tấn sao, con yêu quý của ta? – Gilas hỏi. – Con sẽ làm gì khi bị dẫn đến trước quan tổng trấn, người sẽ bắt con phải chịu những cực hình tàn bạo?

– Ôi thưa cha, – cậu thiếu niên thánh thiện đáp lại với nụ cười, – cha đã thốt ra những lời điên rồ rồi! Đấng Cứu Chuộc linh hồn chúng ta, Chúa Giê-su Ki-tô của con, – Ngài sẽ củng cố con, tôi tớ của Ngài. Cha chẳng biết sao, rằng nhờ danh Chúa, Đa-vít, một thiếu niên tay không, đã dùng hòn đá giết Gô-li-át hùng mạnh[4756] và, sau khi rút gươm của hắn ra, đã chém đầu hắn?

– Với niềm hy vọng nơi Đức Chúa Trời của mình, con có sẵn sàng chịu đựng mọi đau khổ không? – Hilas hỏi.

Vị thánh đáp:

– Con tin rằng Đấng Tạo Hóa của con, Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, sẽ ban cho con sức mạnh không chỉ để can đảm chịu đựng mọi cực hình, mà còn để chết vì Ngài mà không sợ hãi. Và cha ơi, hãy tin vào Đức Chúa Trời mà con đang nói với cha, thì cha sẽ được cứu rỗi. Bởi vì những vị thần mà cha đang thờ lạy hiện nay chỉ là hư vô, chưa bao giờ cứu rỗi ai và cũng không thể làm được gì cả. Và việc thờ lạy đồng vô hồn, đá, gỗ thì có ích gì, khi chúng rơi xuống đất sẽ không thể đứng dậy được, mà vỡ tan thành từng mảnh, và khi vỡ ra, chúng không phát ra tiếng nào, vì chúng câm lặng và vô cảm. Những cái tên mà các ngươi dùng để gọi các thần tượng của mình, trong thời cổ đại đã từng được dùng để chỉ những kẻ xấu xa và vô pháp nhất, những kẻ hành nghề phù thủy ma quỷ và sa vào đủ loại tội ác – những kẻ xứng đáng nhận mọi hình phạt. Các luật pháp nhà nước hiện nay vẫn lên án và kết án tử hình những kẻ như vậy. Những linh hồn khốn khổ của các vị thần mà các ngươi thờ phụng hiện đang không ngừng chịu đau khổ trong ngọn lửa địa ngục vĩnh cửu, không bao giờ tắt. Trong chính ngọn lửa đó, những ai hiện đang thờ phụng các thần tượng của những vị thần ấy cũng sẽ phải chịu đau khổ vô tận. Còn Đức Chúa Trời của chúng ta – Đấng hằng sống muôn đời – hướng dẫn mọi sự đến mục đích tốt lành, cai quản mọi loài hữu hình và vô hình, thống trị cả trời và đất. Ngài thực sự sẽ tôn vinh trong Nước Trời của Ngài những ai tin vào Ngài và trung thành phụng sự Ngài. Tuy nhiên, ngay cả trên đất, Ngài cũng làm cho danh tiếng của họ trở nên vinh quang, ban cho họ ân sủng kỳ diệu, nhờ sức mạnh đó mà họ thực hiện các dấu lạ và phép lạ. Vì Ngài phán: *"Những ai tin thì sẽ có những dấu lạ này đi theo: nhân danh Ta, họ sẽ đuổi quỷ; họ sẽ nói bằng những ngôn ngữ mới; họ sẽ cầm rắn; và nếu họ uống phải thứ gì độc hại, nó cũng không làm hại họ; họ sẽ đặt tay lên những người bệnh, và họ sẽ được lành"* (Mác 16:17–18).

Nghe những lời ấy, Hilas kinh ngạc và nói:

– Giờ đây tôi đã nhận ra rằng Đức Chúa Trời của Kitô giáo, Đấng phán qua miệng cậu thiếu niên này – điều mà trước đây tôi chưa từng nghe thấy – chính là Đức Chúa Trời chân thật. Nếu trong cậu thiếu niên này không có một sức mạnh thiêng liêng nào, thì cậu ấy không thể thốt ra những lời này từ tận đáy lòng mình. Nhưng, như tôi thấy, chính Đức Chúa Trời đang phán qua miệng con trai tôi.

Thở dài và khóc nức nở, Hilas nói:

– Khốn khổ cho tôi, kẻ tội lỗi! Cậu thiếu niên này, con trai tôi, khôn ngoan hơn tôi, một ông già, rất nhiều. Cậu ấy còn khi còn nhỏ đã nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, còn tôi, dù đã già nua theo năm tháng, cho đến nay vẫn chưa biết Ngài. Nhưng giờ đây, tôi tin bằng cả trái tim và xưng nhận bằng miệng rằng không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Chúa Trời của Kitô giáo, cũng như không có ai giống Ngài!

Như vậy, sau khi tin nhận Chúa Kitô, dưới sự hướng dẫn của con trai mình, thánh thiếu niên Potitos, Hilas đã lãnh nhận phép rửa thánh. Thánh Potit, noi gương các công việc tông đồ, sau khi cha mình được rửa tội, đã rời khỏi quê hương Sardinia, đến vùng đất có tên là Epirus[4757] và tại đó rao giảng danh Chúa Kitô. Từ đó, ngài tiếp tục

[4756] Đây là ám chỉ đến chiến công lừng lẫy của Đa-vít trong cuộc đấu tay đôi với người khổng lồ Gô-li-át thuộc dân Phi-li-tin (xem chi tiết trong 1 Sa-mu-ên 17:32–51).

đến thành phố Valeria. Tại đây có một người phụ nữ tên là Kyriakia, vợ của Thượng nghị sĩ Agafon, đang mắc bệnh hủi nặng, và không một bác sĩ nào có thể chữa khỏi bệnh cho bà. Khi đến trước cửa nhà bà, Thánh Potit ngồi xuống đó như một người ăn xin. Tình cờ, một hoạn quan bước ra từ ngôi nhà đó; Thánh Potit đã xin ông ta cho mình uống nước.

– Ngươi đến đây để xin nước sao? – người hoạn quan hỏi vị thánh.

– Tôi khát, – vị thánh đáp, – không phải khát nước từ ngôi nhà này, mà là khát sự cứu rỗi cho các linh hồn, để ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi, được tỏ hiện trên ngôi nhà này.

Người hoạn quan, ngạc nhiên trước những lời của vị thánh, liền hỏi:

– Ngươi từ đâu đến, hỡi thiếu niên, và tên ngươi là gì?

– Tôi, cũng như ngài, – vị thánh Potit đáp, – được sinh ra từ đất; tên tôi là Potit; tôi là tôi tớ của Chúa tôi, Đức Giêsu Kitô, Đấng Cứu Rỗi các linh hồn những ai tin vào Ngài và là Đấng Chữa Lành các bệnh tật thể xác. Ngài đã thanh tẩy những người bị bệnh hủi, giúp những người liệt giường đứng dậy, ban ánh sáng cho những người mù và chỉ bằng một lời của Ngài, Ngài đã làm cho người chết sống lại.

– Nếu ngươi là tôi tớ của Ngài, – hoạn quan hỏi, – thì ngươi có thể chữa lành những người bị bệnh hủi không?

– Nơi nào có đức tin, – vị thánh đáp, – nơi đó sẽ có sự chữa lành, vì Chúa của tôi, Đức Kitô, sẽ ban cho bất cứ ai cầu xin Ngài, dựa trên đức tin.

– Ngươi có thể chữa lành bệnh hủi cho phu nhân của chúng ta không? – hoạn quan hỏi.

– Nếu bà ấy tin vào Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, thì bà ấy sẽ được lành bệnh, – vị thánh đáp.

– Nếu ngài chữa lành cho bà ấy, – hoạn quan nói, – thì ngài sẽ trở thành chủ nhân của tất cả tài sản của bà ấy.

– Tôi không mong muốn – vị thánh đáp lại – dù là bạc, vàng hay tài sản của bà ấy, mà chỉ mong dẫn dắt linh hồn bà ấy đến với Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi.

Sau đó, hoạn quan báo lại mọi chuyện cho phu nhân của mình, và thánh Potit được dẫn vào gặp bà. Khi bước vào phòng ngủ của bà, vị thánh nói:

– Nguyện sự bình an của Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi, ngự trị trên ngôi nhà này!

– Tôi xin ngài, hãy chữa lành cho tôi, – Kyriakia nói với vị thánh, – nếu ngài có thể chữa lành được.

– Hãy tin vào Đức Chúa Trời mà tôi rao giảng và hãy nhận phép rửa thánh, – vị thánh đáp lại, – và khi đó bà sẽ được lành bệnh.

– Xin dạy con cách tin, – người phụ nữ nói.

Sau đó, vị thánh bắt đầu giảng dạy cho bà về Đức Chúa Kitô, chỉ cho bà con đường cứu rỗi chân chính. Sau khi nghe ngài nói, người phụ nữ nói với vị thánh:

– Tôi tin rằng không có Thiên Chúa nào khác ngoài Đấng mà ngài đang nói với tôi, và tôi hy vọng Ngài sẽ chữa lành cho tôi; còn ngài thì hãy làm theo ý ngài.

Lúc đó, thánh Potit quỳ gối xuống và khóc lóc cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Vua các Thiên Thần, Đấng Cứu Rỗi các linh hồn loài người! Ngài đã phán cùng các môn đệ của Ngài: *"Hãy thanh tẩy những người bị hủi, hãy làm cho người chết sống lại"* (Mt 10,8): xin Ngài, Chúa, hãy nghe lời con, tôi tớ của Ngài, và chữa lành cho người phụ nữ này; xin ân sủng của Ngài được tỏ hiện trên nàng, để những người ngoại đạo biết rằng Ngài là Thiên Chúa chân thật và không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ngài.

Sau khi cầu nguyện bằng những lời ấy, vị thánh đã ấn định ngày làm lễ rửa tội.

Và khi người phụ nữ bước vào bể rửa tội và được rửa tội, bà lập tức được chữa lành khỏi bệnh phong và bước ra khỏi bể rửa tội hoàn toàn khỏe mạnh, với thân thể như một chàng trai trẻ[4758] . Thấy điều này, chồng của

---

[4757] Từ "Epirus" trong tiếng Hy Lạp cổ đại ban đầu dùng để chỉ lục địa nói chung, trái ngược với các hòn đảo; sau này, người Hy Lạp dùng tên Epirus để chỉ vùng đất giáp với Illyria ở phía bắc, Thessaly ở phía đông, Aetolia và Acarnania ở phía nam. Ngày nay, Epirus thuộc về người Thổ Nhĩ Kỳ.

[4758] Cần lưu ý rằng bệnh phong, căn bệnh mà Thánh Potitos đã chữa lành cho Kyriakia, là một căn bệnh cực kỳ nguy hiểm. Bệnh này phổ biến ở các vùng khí hậu nóng, đặc biệt là ở Ai Cập, sau đó là Palestine, Syria, Ả Rập, Ấn Độ và các nơi khác; biểu hiện của bệnh là toàn bộ cơ thể người bệnh bị bao phủ bởi các khối u ác tính, ngày càng lớn lên; đồng thời, cơ thể người bệnh dần tê liệt và bị hủy hoại. Bệnh hủi

Kyriake là Agathon cùng cả gia đình ông đã tin vào Đấng Christ và được rửa tội. Và rất nhiều người dân, gần như một nửa thành phố, – khi nhìn thấy họ – đã chấp nhận đức tin thánh thiện và ngợi khen Thiên Chúa, nói rằng:

– Quả thật, nhờ thiếu niên này, người đã dẫn dắt chúng ta ra khỏi bóng tối của sự thờ lạy thần tượng, chúng ta đã nhìn thấy ánh sáng vĩ đại.

– Này, các ngươi đã thấy sự vĩ đại của Thiên Chúa, – thánh Potit nói với họ về điều này, – vậy giờ đây hãy tuân giữ các điều răn của Ngài và các ngươi sẽ được sự cứu rỗi vĩnh cửu!

Sau đó, rời khỏi thành phố ấy, Thánh Potit lên ngọn núi hoang vắng có tên là Gargara, và ở đó ngài sống cùng các loài thú như với đàn cừu, vì theo lệnh của Thiên Chúa, các loài thú vâng lời ngài và đi theo ngài.

Vào thời điểm đó, một con quỷ đã nhập vào con gái của Hoàng đế Antoninus là Agnia và hành hạ cô rất dữ dội. Hoàng đế vô cùng đau buồn, đã cầu nguyện cho con gái mình trước các vị thần của mình, dâng lời thề nguyện và nói như sau:

– Các vị thần: Apollon[4759] , Zeus, Arfan, xin hãy chữa lành cho con gái tôi, và tôi sẽ dâng lên các ngài những con bò đực có sừng mạ vàng làm lễ vật!

Còn con quỷ thì qua miệng cô gái, kêu lên rằng:

– Ta sẽ không rời khỏi đây cho đến khi Potit, người đang sống trên núi Gargara, đến đây.

Lúc đó, hoàng đế lập tức cử một quan đại thần tên là Gelasius cùng bốn mươi chiến binh lên ngọn núi ấy để tìm Potit.

Khi đến đó và đặt chân vào sa mạc Garagara, đoàn người được cử đi đã tìm thấy tôi tớ của Chúa Kitô đang ngồi trên núi, và thấy vô số thú vật vây quanh vị thánh. Các chiến binh vô cùng kinh hãi và định bỏ chạy, vì lũ thú đã quay mặt về phía họ, định lao vào tấn công. Nhưng vị thánh đã ngăn cản lũ thú, nói rằng:

– Hãy trở về chỗ của các ngươi, và đừng làm hại ai cả.

Và ngay lập tức, các con thú tản ra.

Rồi vị thánh nói với Gelasius:

– Sao ngươi lại dẫn cả một đạo quân đến đây để đối đầu với ta?

– Ngài có phải là Potit không? – Gelasius hỏi vị thánh.

– Tôi là tôi tớ tội lỗi của Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi, – vị thánh đáp lại.

– Hoàng đế Antoninus đang đòi gặp ngài, – Gelasius tiếp lời, – hãy đi cùng chúng tôi đến gặp ngài.

– Tại sao một hoàng đế vô đạo lại cần một người Kitô hữu? – vị thánh phản đối.

Nhưng các binh lính đã bắt vị thánh và đưa ngài đến Rome gặp hoàng đế. Hoàng đế hỏi ngài:

– Ngươi thuộc dòng dõi nào?

– Tôi là người Kitô hữu, – vị thánh đáp, – và cha mẹ tôi cũng là người Kitô hữu.

– Ngươi không biết các sắc lệnh hoàng gia của chúng ta sao, – Antonin hỏi, – theo đó, bất cứ ai không thờ phụng các vị thần của chúng ta đều phải chịu án tử hình?

– Vâng, đó chính là điều tôi mong muốn, được chết vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, – vị thánh đáp.

– Ta đã nghe nói về ngươi, – hoàng đế tiếp lời, – rằng ngươi có thể chữa lành cho con gái ta, và nếu ngươi làm được điều đó, ta sẽ ban cho ngươi nhiều ân huệ.

– Tại sao các vị thần của ngài lại không chữa lành cho con bé? – vị thánh phản bác lại hoàng đế.

– Sao ngươi dám nói với ta một cách ngang ngược như vậy? – hoàng đế hỏi.

– Nếu tôi chữa lành cho con gái ngài, – Potit trả lời Antoninus, – ngài có tin vào Đức Chúa Trời mà tôi tin không?

Hoàng đế hứa sẽ tin.

– Ta biết, – vị thánh nói tiếp, – rằng lòng ngài đã chai sạn trong sự vô đạo và ngài sẽ không tin, nhưng ta sẽ làm điều này nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời ta trước mặt dân chúng đang có mặt, để họ thấy, tin và tôn vinh danh Chúa Giê-su Ki-tô.

Sau đó, con gái của hoàng đế được dẫn đến và đặt trước mặt vị thánh.

được coi là căn bệnh không thể chữa khỏi. Theo sự cho phép của Thiên Chúa, người công chính Giốp trong Cựu Ước đã phải chịu đựng căn bệnh này. Ngày kỷ niệm ngài được Giáo Hội Công Giáo cử hành vào ngày 6 tháng 5.

[4759] Apollon được người Hy Lạp cổ đại coi là vị tiên tri về tương lai, vị thần của số phận, các lời sấm truyền và thi ca.

– Sao thế, Potit, – lúc đó ma quỷ nói với vị thánh qua miệng cô gái bị quỷ ám, – chẳng phải ta đã nói với ngươi rằng ngươi sẽ đến gặp hoàng đế ngay cả khi ngươi không muốn sao?

Vị thánh thổi một hơi vào mặt cô gái, rồi nói với con quỷ:

– Chúa Giê-su Ki-tô của ta, Con của Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng mà mọi loài thọ tạo trên trời, dưới đất và trong âm phủ đều tuân phục, cấm ngươi, hỡi linh hồn ô uế, và ra lệnh cho ngươi phải ra khỏi tạo vật này của Ngài. Ngươi không còn quyền lực nào trên nàng nữa.

Nói xong, vị thánh dùng tay phải vỗ vào mặt cô gái; và ngay lập tức, mọi người đều thấy một con rắn đáng sợ bò ra khỏi miệng cô. Con rắn vừa ra khỏi cô liền biến mất. Thấy cảnh đó, những người có mặt đều kinh hoàng và thốt lên:

– Quả thật, Đức Chúa Trời của thiếu niên này thật vĩ đại!

Và nhiều người có mặt tại đó đã tin vào Đấng Christ. Chính hoàng đế, khi chứng kiến cảnh đó, cũng ngạc nhiên và nói:

– Ôi, phép thuật Kitô giáo thật là mạnh mẽ biết bao!

– "Hỡi vị vua điên rồ," vị thánh đáp lại, "khốn cho ngài, vì ngài đã thấy sự vĩ đại của Đức Chúa Trời mà vẫn không tin vào Ngài!"

– Ta tạ ơn, – hoàng đế nói, – các vị thần của ta, những vị đã chữa lành cho con gái ta.

– Ngươi đang nói dối, hoàng đế ạ, – vị thánh đáp lại, – không phải các vị thần của ngươi, mà chính Chúa Giêsu Kitô của ta đã chữa lành cho con gái ngươi!

– Đừng nói những lời đó nữa, – hoàng đế tiếp lời, – hãy dâng lễ vật cho các vị thần của ta, và ta sẽ ban cho ngươi địa vị cao quý và được kính trọng trong số các thần dân của ta. Ta sẽ ban cho ngươi vàng, bạc và của cải.

Thánh Potit đáp lại:

– Ngươi sẽ không được bình an đâu, hoàng đế. Ngươi hứa với ta tất cả những gì ta coi là tro bụi trần gian. Ta có của cải bất diệt và vô cùng dồi dào trên trời, mà Chúa Giê-su Ki-tô của ta đã chuẩn bị sẵn cho tất cả những ai yêu mến Ngài. Còn vàng, bạc và tất cả của cải của ngươi sẽ bị lửa thiêu rụi!

– Ngươi lại bắt đầu nói chuyện với ta một cách ngạo mạn sao? – Hoàng đế phản bác.

– Vâng, tôi không sợ ngài, – vị thánh đáp lại, – vì Chúa Giê-su Ki-tô của tôi có quyền năng giải thoát tôi khỏi tay ngài.

– Ngươi đang xúc phạm và làm nhục ta, – hoàng đế tiếp lời, – nhưng ta, vì thương xót tuổi trẻ của ngươi, sẵn sàng tha thứ điều này và khuyên ngươi nên dâng lễ vật cho các vị thần, để ta không phải tiến hành tra tấn ngay lập tức.

– Hãy thương xót chính bản thân ngươi đi, – vị thánh đáp lại, – vì địa ngục khủng khiếp đang chờ đợi ngươi, và ngươi sẽ tự hủy diệt cùng với vương quốc của ngươi; ngươi sẽ bị thiêu đốt trong ngọn lửa không thể dập tắt cùng với cha ngươi là ma quỷ.

Sau đó, hoàng đế, tràn đầy cơn giận dữ và phẫn nộ, ra lệnh lột trần và đánh đập thánh Potita một cách tàn nhẫn bằng gậy.

Vị thánh, trong lúc chịu đòn, đã nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa của con, vì Ngài đã cho con được chịu khổ vì danh Ngài!

– Ngươi muốn gì, Potit? – hoàng đế hỏi vị tử đạo – Chết hay dâng lễ vật cho các vị thần để được sống sót và không bị tổn hại?

– Ngài muốn con dâng lễ vật cho những vị thần nào? – Potit hỏi.

Lúc đó, hoàng đế ra lệnh ngừng tra tấn, rồi hỏi Potit:

– Ngươi không biết các vị thần vĩ đại là Zeus, Arfan và Minerva sao?

Mỉm cười, thánh Potit nói:

– Hãy xem đó là những vị thần nào, rồi tôi sẽ làm theo lời ngài.

Lúc đó, hoàng đế hân hoan dẫn vị thánh đến đền thờ các thần tượng; nhưng ngay khi vị thánh cầu nguyện với Đức Chúa Trời Tối Cao tại đó, các thần tượng liền ngã xuống và vỡ tan thành từng mảnh nhỏ. Rồi vị thánh nói:

– Nếu chúng là những vị thần thật sự, thì tại sao chúng lại ngã xuống, và tại sao chúng không đứng dậy sau khi ngã, cũng như không tự giúp lấy mình?.. Hãy nhận ra đi, hoàng đế, sức mạnh của Đức Chúa Trời tôi vĩ đại biết bao!

Hoàng đế, tràn ngập sự xấu hổ và cơn giận, ra lệnh xiềng vị tử đạo bằng xiềng sắt nặng nề và ném vào ngục tối.

Trong khi vị thánh bị giam trong ngục tối đang cầu nguyện với Đức Chúa Trời, một Thiên thần rực rỡ ánh sáng đã hiện ra để củng cố và an ủi ngài. Những xiềng xích sắt nặng nề trên người ngài đã tan chảy như sáp; vào nửa đêm, ngục tối tràn ngập ánh sáng, và một mùi hương không thể tả nổi lan tỏa khắp nơi. Các lính canh, khi ngửi thấy mùi hương, đã vô cùng ngạc nhiên và hỏi nhau xem mùi hương ấy phát ra từ đâu. Sau đó, khi nhìn qua cửa sổ ngục tối, họ thấy một ánh sáng kỳ diệu; khi thấy vị thánh đã được giải thoát khỏi xiềng xích, đang vui mừng, ngợi khen Thiên Chúa và trò chuyện với Thiên Thần, họ tràn ngập sự sợ hãi và kinh hoàng. Khi bình minh ló rạng, họ đến gặp hoàng đế để báo cáo mọi chuyện. Lúc đó, hoàng đế ra lệnh dàn dựng một nơi để diễn ra buổi trình diễn; đồng thời, ngài ra lệnh cho các quan thông báo để dân chúng tập trung về nơi đó. Khi đã có đông đảo dân chúng tụ tập, hoàng đế đến và, sau khi ngự lên ghế xét xử như thường lệ, ra lệnh dẫn vị tử đạo ra khỏi ngục tối và đưa ngài đến trước mặt ngài để xét xử. Khi được dẫn đến nơi đó, vị tử đạo làm dấu thánh giá và với ánh mắt rạng ngời, ngài đứng trước mặt hoàng đế. Trong khi đó, Antonin, bừng bừng cơn giận và nhìn vị thánh với ánh mắt đe dọa, hỏi:

– Potit, theo suy đoán của ngươi, hiện tại ngươi đang ở đâu?

– Tôi đang ở trên đất của Đức Chúa Trời tôi, – Potit đáp.

– Hôm nay là ngày diệt vong của ngươi, – hoàng đế tiếp lời, – và vị thần nào có thể cứu ngươi khỏi tay ta?

– Nguyện khuôn mặt ngài tràn ngập sự hổ thẹn, thưa hoàng đế, vì ngay cả con chó còn có trí khôn hơn ngài. Bởi lẽ, con chó khi nhận được bánh mì từ tay ai đó thì sẽ thân thiết với người ấy, còn ngài, sau khi được Đức Chúa Trời của tôi chữa lành cho con gái ngài, lại dám phỉ báng Ngài!

Lúc đó, hoàng đế ra lệnh treo thánh nhân trần truồng lên cây và thiêu đốt ngài bằng nến, rồi dùng móng sắt cào xé thân thể ngài. Trong khi bình thản chịu đựng những đau khổ, như thể không phải thân thể ngài đang bị tra tấn, thánh nhân đã mắng mỏ hoàng đế, nói:

– Những lời đe dọa của ngài đâu rồi, hoàng đế? – Ngài đã khoe khoang sẽ đánh bại tôi bằng những cực hình, nhưng trong lúc chịu cực hình, tôi không cảm thấy bất kỳ nỗi đau nào. Vậy thì, hãy nhìn và hiểu rằng những cực hình này không gây đau khổ cho thân thể ta, mà là cho trái tim ngươi, bởi ta đã chiến thắng chúng bằng sự kiên nhẫn của mình và nhờ đó, ta còn vui mừng hơn nữa.

Hoàng đế, vì xấu hổ, lại càng nổi giận dữ hơn và ra lệnh tháo vị thánh tử đạo xuống khỏi cây thập tự, rồi ném ngài cho thú dữ xé xác. Nhưng những con thú được thả ra để tấn công vị thánh, khi đến gần ngài, lại quỳ xuống trước mặt ngài và liếm chân ngài, còn vị thánh thì kêu lên với hoàng đế:

– Giờ thì ngươi sẽ nói gì đây, tên hành hình độc ác? Chẳng lẽ đến giờ ngươi vẫn chưa thấy quyền năng của Đức Kitô, Thiên Chúa của ta sao?

Lúc đó, hoàng đế ra lệnh cho lũ thú dữ quay trở lại, rồi nói với các đao phủ:

– Hãy chặt tên khốn kiếp này ra từng mảnh và ném cho chó ăn!

Và khi các đao phủ cầm rìu lên, chuẩn bị chém vị thánh, thì – nhờ quyền năng kỳ diệu của Thiên Chúa – thân thể vị thánh trở nên cứng rắn như đá hoặc sắt, đến nỗi những chiếc rìu không thể gây ra bất kỳ tổn thương nào, mà chính các đao phủ lại tự làm mình bị thương. Dân chúng đứng xem, chứng kiến những điều đang xảy ra, đã vô cùng kinh ngạc, và nhiều người – khoảng hai nghìn người – đã tin vào Chúa Kitô và kêu lên rằng:

– Quả thật, chính Đức Chúa Trời, Đấng trước đây đã hành động nơi Phêrô và Phaolô – những người đã chịu khổ nạn tại thành phố này – đang hành động trong thiếu niên này!

Thấy điều đó và nghe tiếng dân chúng, tên tra tấn run rẩy và thốt lên bằng giọng đau đớn:

– Ôi, phép thuật của tên Kitô hữu xấu xa này thật là vĩ đại biết bao!

Sau đó, hắn ra lệnh chuẩn bị một cái chảo sắt, đun nóng dầu trên đó, đặt vị tử đạo vào chảo và thiêu đốt ngài; hắn còn ra lệnh đun chảy thiếc và đổ lên thân thể vị tử đạo. Nhưng vị thánh, như thể đang ở một nơi mát mẻ nào đó, vẫn vui vẻ, ngợi khen Đức Chúa Trời và nói với hoàng đế:

– Ta khẩn cầu ngài bằng danh dự hoàng gia của ngài, hãy đổ thêm chì nóng chảy này lên người ta, vì ta cảm thấy nó mang lại sự mát mẻ vô cùng!

Hoàng đế bối rối, không biết còn có thể gây ra hình phạt nào tàn bạo hơn nữa cho Potitus. Và thế là, sau khi nhấc vị thánh ra khỏi chảo, ngài ra lệnh mang đến một chiếc đinh sắt dài, nung đỏ rồi đóng vào đầu vị tử đạo. Trong khi mệnh lệnh này đang được thi hành, nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời, điều kỳ diệu đã xảy ra: vị tử đạo, dù bị

đóng chiếc đinh nung đỏ vào đầu, vẫn sống sót, khỏe mạnh và không cảm thấy đau đớn; trong khi những đau đớn mà vị tử đạo lẽ ra phải chịu lại đổ xuống đầu hoàng đế, và vị này, bị đau đầu dữ dội, đã kêu cầu vị tử đạo, nói rằng:

– Hỡi tôi tớ của Đấng Kitô, xin thương xót tôi và giải thoát tôi khỏi căn bệnh này. Giờ đây tôi đã nhận ra quyền năng của Đức Chúa Trời của ngài!

– Cầu các vị thần của ngài chữa lành cho ngài, – vị thánh đáp lại.

Trong khi đó, hoàng đế không ngừng van xin vị tử đạo chữa lành cho mình.

– Cho đến khi – vị tử đạo nói – con gái ngài, người mà Chúa Kitô của tôi đã chữa lành, đến đây, thì ngài sẽ không được chữa lành.

Con gái hoàng đế lập tức được gọi đến. Quỳ xuống dưới chân vị tử đạo, cô nói:

– Tôi xin ngài, tôi tớ của Đức Chúa Trời, hãy rửa tội cho tôi nhân danh Đức Chúa Trời Toàn Năng mà ngài đang rao giảng!

Vị thánh ra lệnh chuẩn bị ngay bồn rửa tội và trước sự chứng kiến của toàn thể dân chúng, chính ngài đã làm phép rửa tội cho con gái hoàng đế, vì lúc bấy giờ rất khó tìm được linh mục, bởi do cuộc bách hại nên các linh mục đều phải lẩn trốn. Sau đó, sau khi rửa tội cho công chúa, vị tử đạo giơ hai tay lên và dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa xin chữa lành cho hoàng đế, và hoàng đế lập tức được lành bệnh. Nhưng – ôi, sự mù quáng và điên rồ của những kẻ thờ thần tượng! – thay vì nhận biết Đức Chúa Trời chân thật và tạ ơn Ngài, vị hoàng đế vô đạo lại dâng lời tạ ơn lên các thần tà ác của mình, nói rằng:

– Tôi cảm ơn các ngài, thần Apollon, thần Mars và nữ thần Minerva, vì đã chữa lành cho tôi!

Lúc đó, vị thánh đã nghiêm khắc quở trách hoàng đế, vạch trần sự điên rồ và tàn ác của hắn, người đã hoàn toàn sa vào sự lừa dối của ma quỷ. Hoàng đế, nổi giận như kẻ bị quỷ ám, ra lệnh cắt lưỡi và móc mắt vị thánh. Nhưng vị tử đạo của Chúa Kitô vẫn tiếp tục nói ngay cả sau khi lưỡi đã bị cắt đi, và ngợi khen Thiên Chúa:

– *"Ta sẽ chúc tụng Chúa mọi lúc; lời ngợi khen Ngài không ngừng trên môi ta"* (Thánh Vịnh 33:2), ta sẽ chúc tụng Đấng đã đặt bài ca mới vào miệng ta và *"ta sẽ hát ngợi khen Chúa, Đấng đã ban ơn cho ta"* (Thánh Vịnh 12:6), trong niềm vui và hân hoan.

Đồng thời, ông nói với hoàng đế:

– Ngươi đã đạt được gì, hỡi kẻ vô đạo, khi cắt lưỡi ta? Ngươi đã hy vọng rằng bằng cách cắt lưỡi, ngươi sẽ tước đoạt lời nói khỏi miệng ta, nhưng giờ đây ngươi thấy và nghe rằng ta đang nói nhờ ân sủng của Đức Kitô, Thiên Chúa của ta, Đấng sẽ chiến thắng ngươi, như đã chiến thắng Pharaoh xưa kia (Xuất Hành 14:1–32).

Lúc đó, hoàng đế, thấy mình đã bị đánh bại và bị sỉ nhục, bối rối không biết phải làm gì thêm với vị tử đạo. Muốn thoát khỏi những lời chỉ trích từ dân chúng, cuối cùng, ông ra lệnh chém đầu vị tử đạo bằng gươm.

Như vậy, vị thánh tử đạo của Chúa Kitô là Potit đã hiến dâng linh hồn mình vì Chúa Kitô khi còn rất trẻ[4760] và nay đang ngự trị cùng Ngài trong cuộc sống bất tử trên trời. Nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh tử đạo Potit, xin cho chúng ta cũng được hưởng cuộc sống hạnh phúc này nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang được dâng lên cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và muôn đời. Amen.

Ngày 15 tháng 7

Ngày 2 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cũng vào ngày này, Thánh Photius, Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga, đã an nghỉ vào năm 1431.

Truyền thuyết về việc đặt áo thánh của Đức Trinh Nữ Maria tại Nhà thờ Vlacherna[4761]

Ngày tưởng niệm 2 tháng 7

[4760] Thánh Tử đạo Potitus qua đời vào giữa thế kỷ II.

[4761] Vlacherna – một địa điểm ở Constantinople, nằm bên bờ biển gần bến tàu. Nơi này được đặt tên theo một vị tướng quân Scythia nổi tiếng, có biệt danh là Vlacherna, người đã bị giết tại chính nơi sau này được xây dựng thành một nhà thờ tuyệt đẹp mang tên Đức Mẹ.

Dưới triều đại của Hoàng đế Byzantine đạo đức Lê Vĩ Đại[4762] và hoàng hậu Verina, tại Constantinople có hai người đàn ông đạo đức – cả hai đều là thượng nghị sĩ, anh em ruột Galvin và Candid. Sau khi bàn bạc với nhau, họ xin hoàng đế cho phép họ đến Jerusalem để hành hương đến các thánh địa, và sau khi được chấp thuận, họ lên đường. Khi đến Palestine, họ đi đến Galilê, mong muốn ghé thăm Nazareth[4763] , để chiêm ngưỡng ngôi nhà thánh của Đức Trinh Nữ Maria, nơi mà – theo lời loan báo của Tổng lãnh thiên thần và sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần – Người đã thụ thai cách huyền diệu Lời Thiên Chúa. Khi đến nơi và dâng lời thờ lạy, họ ở lại qua đêm tại một ngôi làng nhỏ gần đó, vì trời đã bắt đầu tối. Theo sự an bài của Thiên Chúa, họ dừng chân tại nhà của một phụ nữ góa chồng, đã cao tuổi, gốc Do Thái, sống một cuộc đời trong sạch. Trong khi bữa tối đang được chuẩn bị cho họ tại đây, họ nhận thấy bên trong ngôi nhà có một căn phòng riêng, nơi có rất nhiều ngọn nến đang cháy, hương trầm đang tỏa khói và lan tỏa mùi thơm ngát (bởi vì ở đó cất giữ bộ áo lễ thánh của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội). Xung quanh căn phòng đó cũng có không ít người bệnh đang nằm nghỉ. Thấy cảnh này, Galvin và Candide vô cùng ngạc nhiên trước tình huống kỳ lạ này, họ đoán rằng ở đó đang diễn ra một nghi lễ nào đó theo Cựu Ước. Sau đó, họ xin người phụ nữ đạo đức ấy cho cùng dùng bữa tối với họ, rồi hỏi bà về thứ đang có trong căn phòng được thắp sáng bằng nến và tỏa hương trầm, cũng như tại sao lại có những người bệnh nằm xung quanh đó? Ban đầu, người phụ nữ im lặng về chính vật được giấu kín đó, nhưng trước những phép lạ phát xuất từ vật ấy, bà không thể giữ im lặng và nói với những người hỏi:

– Hỡi các quý ông! Này, tất cả những người bệnh mà các vị thấy đang nằm ở đây – đều đang chờ được chữa lành bệnh tật; bởi vì tại nơi này, người mù được sáng mắt, người què được đi lại bình thường, quỷ dữ bị trục xuất khỏi con người, người điếc được nghe lại, người câm được cởi trói lưỡi để nói, và mọi bệnh tật nan y đều sớm được chữa lành tại đây.

Nghe vậy, Galvin và Candide bắt đầu hỏi người phụ nữ kỹ lưỡng hơn, tại sao nơi này lại được ban cho ân sủng và sức mạnh làm phép lạ như vậy? Người phụ nữ, vẫn tiếp tục che giấu sự thật, trả lời:

– Trong dòng dõi Do Thái của chúng tôi có truyền thuyết kể rằng, tại nơi này, Đức Chúa Trời đã hiện ra trước một trong những tổ phụ cổ xưa của chúng tôi, và kể từ thời điểm đó, nơi này đã tràn đầy ân sủng thiêng liêng và những phép lạ được thực hiện tại đây.

Lắng nghe lời người phụ nữ, Galvin và Candide càng thêm bừng cháy khát khao tìm hiểu sự thật trong lòng, giống như Luca và Cleopas thời xưa, những người đã thốt lên: "Chẳng phải lòng chúng ta đã bừng cháy sao?" (Lc 24:32), và họ nói với người phụ nữ:

– Hỡi người phụ nữ đạo đức! Chúng tôi xin thề trước Đức Chúa Trời của những người sống rằng, xin bà hãy tiết lộ sự thật cho chúng tôi! Vì chúng tôi đã từ Constantinople lên đường đến đây, một chặng đường xa xôi như vậy, không phải vì lý do nào khác, mà chỉ để được chiêm ngưỡng tất cả các thánh địa ở Palestine và dâng lên Đức Chúa Trời những lời cầu nguyện tại đó. Và như chúng tôi nghe nói rằng ngay trong nhà chị cũng có một nơi thánh thiêng và làm phép lạ, nên chúng tôi mong muốn được biết chi tiết hơn về nó: nó đã được thánh hóa như thế nào và vì lý do gì mà những phép lạ lại xảy ra tại đó?

Lúc đó, được nhắc nhở bằng danh Chúa, người phụ nữ thở dài từ tận đáy lòng, nước mắt tuôn trào, rồi nói với Galvin và Candido:

– Thưa các vị quý ông! Bí mật thiêng liêng mà các ngài đang ép tôi phải tiết lộ lúc này, cho đến ngày hôm nay vẫn chưa ai biết đến. Nhưng vì tôi nhận thấy các ngài là những người đạo đức và yêu mến Chúa, nên tôi sẽ tiết lộ cho các ngài bí mật thâm sâu này, với hy vọng rằng những gì các ngài nghe được từ tôi, các ngài sẽ giữ kín trong lòng, không tiết lộ cho ai cả. Tại đây, tôi đang cất giữ chiếc áo của Đức Trinh Nữ Maria, Đấng đã sinh ra Đức Kitô, Thiên Chúa. Khi Mẹ được rước về trời, trong lễ an táng của Mẹ có mặt một trong những tổ mẫu của tôi – một góa phụ; theo di chúc của chính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, chiếc áo thiêng liêng ấy đã được trao cho bà; bà ấy, sau khi nhận được chiếc áo choàng đó, đã cất giữ nó với lòng kính trọng suốt cả cuộc đời; khi lâm chung, bà đã trao chiếc áo choàng cho một thiếu nữ trong dòng họ mình để cất giữ, đồng thời ra lệnh cho cô ấy phải thề sẽ giữ gìn trong sự trong sạch vì danh dự của chính Đức Mẹ, không chỉ chiếc áo choàng thiêng liêng của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, mà còn cả sự trinh khiết của chính mình. Cô gái này cũng đã gìn giữ tấm áo đó với sự tôn kính sâu sắc

[4762] Lêô I (Đại đế) trị vì từ năm 457 đến năm 474.

[4763] Nazareth – một thị trấn nhỏ ở Galilê, nơi thân thương đối với các Kitô hữu vì những kỷ niệm thiêng liêng (Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã trải qua thời thơ ấu tại thị trấn này).

suốt cả cuộc đời mình; khi sắp qua đời, cô đã trao tấm áo cho một thiếu nữ trong sạch và trung thực khác trong dòng họ của mình. Như vậy, qua nhiều năm tháng, chiếc áo thánh ấy, được truyền từ thiếu nữ này sang thiếu nữ khác, đã đến tay khiêm nhường của tôi, và thuộc về tôi, người đã già đi trong sự trong sạch của cuộc đời độc thân. Và vì trong dòng họ tôi không còn cô gái nào mà tôi có thể tin tưởng để giao phó bí mật ấy, nên tôi kể cho các bạn nghe về nó, để các bạn biết rằng nhờ chiếc áo thánh thiện ấy, được tôi cất giữ trong phòng riêng, mà những phép lạ đang diễn ra tại đây. Tôi khẩn khoản xin các bạn đừng tiết lộ bí mật này cho ai ở Jerusalem hay bất cứ nơi nào khác, dù các bạn có ở đâu đi chăng nữa.

Khi nghe kể về tấm áo của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, Galvin và Candide vừa kinh hoàng vừa tràn ngập niềm vui khôn tả; họ đã hứa trong nước mắt sẽ giữ kín bí mật về tấm áo mà người phụ nữ đã kể cho họ. Sau đó, họ nài nỉ người phụ nữ ấy cho phép họ ở lại bên chiếc áo thánh trong căn phòng đó để cầu nguyện suốt đêm, và người phụ nữ không cấm cản họ.

Khi đó, bước vào trong phòng, họ nhìn thấy chiếc hòm được đặt ở vị trí trang trọng, bên trong chứa chiếc áo thánh, đồng thời cũng thấy những ngọn đèn nhỏ đang cháy xung quanh nó và cảm nhận được mùi hương nồng nàn lan tỏa. Sau đó, họ bắt đầu thành kính cúi đầu, nước mắt lưng tròng, dâng lên Thiên Chúa và Đức Mẹ những lời cầu nguyện tha thiết. Cả hai đều có chung một ý nghĩ, đó là kho báu vô giá này phải thuộc về kinh thành. Sau đó, sau khi bàn bạc với nhau, họ đo chiều rộng, chiều dài và chiều cao của hòm thánh, ghi nhớ rõ hình dáng của nó trong trí nhớ – cũng như loại gỗ mà nó được làm ra. Khi bình minh ló rạng, họ dâng lời cầu nguyện và rời khỏi ngôi đền thánh đó, đồng thời cảm ơn người phụ nữ vì đã cho phép họ ở lại suốt đêm bên chiếc áo thánh. Họ đã ban phát những khoản bố thí hào phóng cho những người nghèo có mặt tại đó và lên đường, được người phụ nữ ấy tiễn đưa, trong hành trình họ đã quyết định thực hiện đến Giê-ru-sa-lem. Họ hứa với người phụ nữ rằng trên đường trở về, họ sẽ ghé thăm bà một lần nữa để chiêm bái chiếc áo thánh của Đức Mẹ Đồng Trinh.

Sau khi đến Jerusalem, thờ lạy Thánh Giá ban sự sống và Mộ Thánh của Chúa, đồng thời viếng thăm tất cả các thánh địa xung quanh Jerusalem, Galvin và Candide đã gọi một thợ mộc và ra lệnh cho ông ta làm một chiếc hòm bằng gỗ cũ, có hình dáng và kích thước chính xác như họ đã chỉ định. Sau khi hòm thánh được làm xong, Galvin và Candide đã mua một tấm vải dệt vàng để phủ lên hòm thánh và tiếp tục hành trình, hướng về phía người phụ nữ ấy.

Khi họ đến nhà người phụ nữ, họ đã cho bà xem tấm vải dệt vàng và khẩn khoản xin bà dùng nó để phủ lên hòm đựng áo thánh của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Sau đó, họ lại tiếp tục xin bà cho phép họ, giống như lần đầu tiên, thực hiện nghi thức canh thức suốt đêm bên hòm thánh với lời cầu nguyện. Sau khi được cho phép, họ quỳ sấp mặt xuống đất trước hòm thánh và làm ướt mặt đất bằng nước mắt, thành kính cầu nguyện với Đức Trinh Nữ Maria, xin Người đừng cấm họ chạm vào hòm thánh chứa áo lễ của Người, với mục đích mang nó theo. Khi đã đến nửa đêm và mọi người đều đã ngủ say, họ run rẩy bế chiếc hòm ra khỏi nhà và giấu vào trong cỗ xe ngựa của mình. Thay vào đó, họ mang vào phòng chiếc hòm mà họ đã làm ở Jerusalem từ gỗ cũ, giống hệt chiếc đầu tiên; đặt nó vào đúng vị trí cũ, phủ lên bằng tấm màn dệt bằng vàng và ở lại cầu nguyện cho đến rạng đông. Khi trời sáng, họ tạ ơn người phụ nữ đạo đức ấy, chào tạm biệt bà và sau khi bố thí cho những người nghèo, họ lên đường.

Trên đường trở về, họ đi vội vã với niềm vui khôn tả. Khi đến Constantinople, ban đầu họ không kể cho ai nghe về chiếc áo choàng của Đức Mẹ Đồng Trinh mà họ mang theo, mong muốn giữ kín kho báu vô giá ấy cho riêng mình. Sau đó, họ dựng một nhà thờ nhỏ trong nhà mình để tôn vinh các Thánh Tông đồ Phêrô và Mác-cô, rồi đặt chiếc hòm chứa tấm áo thánh ấy vào đó – không phải ở nơi công khai, mà là ở một góc khuất. Nhưng khi họ nhận ra rằng không thể giấu kín chiếc áo choàng của Đức Mẹ được nữa, vì những phép lạ phát xuất từ nó, thì họ đã đến gặp Hoàng đế Lê Vĩ Đại và Hoàng hậu Verina, vợ ngài, và báo cáo cho ngài, cũng như cho Đức Thượng phụ Gennadius của Constantinopolis[4764] về tất cả những gì đã xảy ra.

Hai vị này, tràn ngập niềm vui khôn tả, đã đến nhà của Galvin và Candidus cùng nhà thờ của họ. Tại đó, sau khi mở chiếc hòm thiêng liêng ấy, họ đã nhìn thấy trong đó chiếc áo thánh của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, vẫn còn nguyên vẹn dù đã trải qua bao nhiêu năm tháng, và họ đã chạm vào nó với lòng kính sợ và tôn kính, hôn lên nó bằng cả đôi môi và trái tim. Sau đó, họ mang tấm áo ấy ra khỏi đó, rước trong vinh quang giữa lễ hội của toàn dân đến Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội ở Vlacherna và đặt nó vào một hòm thánh được trang trí bằng vàng, bạc và đá quý. Sau đó, họ quyết định hàng năm vào ngày thứ hai của tháng Bảy sẽ tổ chức lễ kỷ niệm việc

[4764] Gennadius giữ chức Thượng phụ từ năm 468 đến năm 471.

đặt áo choàng của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, để tôn vinh và ca ngợi Đức Trinh Nữ Maria Đấng được chúc phúc vô cùng và Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được sinh ra từ Mẹ, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen[4765] .

Bài thánh ca, giọng 8:

Đức Mẹ Trinh Nữ muôn đời, Đấng che chở loài người, áo và thắt lưng của thân thể tinh tuyền của Ngài, đã ban cho thành phố uy quyền của Ngài một lễ vật, nhờ sự sinh ra không qua cha của Ngài, vẫn tồn tại bất diệt; vì nhờ Ngài mà bản tính và thời gian đều được đổi mới. Vì thế, chúng con cầu xin Ngài ban bình an cho thành phố của Ngài, và ban ân sủng lớn lao cho linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã ban tặng áo choàng bất hoại cho tất cả các tín hữu, hỡi Đấng thanh khiết đầy ân sủng của Thiên Chúa, chính chiếc áo thánh của Ngài, mà Ngài đã dùng để che phủ thân thể thánh thiêng của Ngài, là tấm màn che chở cho mọi người. Chúng con hân hoan kỷ niệm sự kiện này với tình yêu, và kêu cầu Ngài với lòng kính sợ, hỡi Đấng thanh khiết: Xin vui mừng, hỡi Trinh Nữ, niềm tự hào của các Kitô hữu.

Kỷ niệm Thánh Cha Juvenal, Tổng Giám mục Giêrusalem

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 7

Thánh Juvenal đã lên ngôi Thượng phụ Giêrusalem dưới triều đại của Hoàng đế Thánh thiện Theodosius II[4766] . Trong thời gian ngài làm Thượng phụ, tại Palestine đã có những ngọn đèn sáng chói, các vị Thánh Cha vĩ đại: Euthymius, Theodosius, Gerasimus của Jordan, người có một con sư tử phục vụ, và nhiều vị khác. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, Giáo Hội đã phải đối mặt với những xáo trộn do các kẻ dị giáo gây ra. Lúc bấy giờ, tà thuyết Nestorian[4767] đã nảy sinh, phỉ báng Đức Trinh Nữ Maria, và tại thành phố Ê-phê-sô[4768] , Công đồng Đại kết lần thứ ba của các vị Thánh Phụ đã được triệu tập, tại đó Juvenal cùng với Thánh Cyril, Thượng phụ Alexandria[4769] , và các vị Thánh Phụ khác đã lên án Nestorius và tà thuyết của ông. Sau khi Hoàng đế Theodosius qua đời, khi

---

[4765] Theo lời chứng của nhà sử học Byzantine Nikiforos (sống từ năm 1295 đến năm 1360), tại Nhà thờ Vlacherna, trong một hòm bằng vàng chạm trổ, không chỉ có một bộ áo của Đức Mẹ, mà còn có cả omophorion và một phần thắt lưng của Người. Các hành hương viên Nga cũng làm chứng về điều này. Stefan người Novgorod, sống vào thế kỷ XIV, kể lại: "Chúng tôi đã đến Vlacherna, nơi lưu giữ áo choàng, thắt lưng và mũ trùm đầu của Mẹ Thiên Chúa, và những vật này được đặt trong hòm thánh niêm phong trên ngai thờ trong bàn thờ." Điều này cũng được xác nhận bởi Phó tế Alexander và Phó tế Ignatius, những người sống vào nửa sau thế kỷ XIV – Nhà thờ Vlacherna đã bị thiêu rụi vào ngày 19 tháng 1 năm 1434. Ngày nay, chỉ còn lại những tàn tích nhỏ của nó. Các mảnh áo của Đức Mẹ hiện được lưu giữ tại nhiều nơi khác nhau: một mảnh được lưu giữ tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời ở Moscow (mảnh này được Công tước Vasily Golitsyn chuyển đến đây), một mảnh khác – tại Nhà thờ Truyền Tin, được mua lại vào thế kỷ XIV Dionysius, Tổng Giám mục Suzdal; ngoài ra, một phần áo choàng của Đức Mẹ hiện đang được trưng bày tại Nhà thờ Lateran ở Rome. Lễ kỷ niệm việc đặt áo choàng của Đức Mẹ tại Vlacherna được thiết lập, như đã đề cập trong truyền thuyết, vào thời Hoàng đế Lêô I, tức là vào nửa đầu thế kỷ V, nhưng được củng cố vào năm 860, dưới thời Thượng phụ Photius (857–867; 877–886) và Hoàng đế Michael III (855–867), nhân dịp ký kết hòa ước với Askold và Dir và việc người Rus rút lui khỏi Constantinople. Họ đã rút lui khỏi Constantinople vào ngày 25 tháng 6, và vào ngày 2 tháng 7 (thứ Ba), sau thánh lễ long trọng tại Vlacherna, Đức Thượng phụ cùng Hoàng đế đã quyết định tổ chức lễ kỷ niệm trang trọng vào ngày này để tôn vinh việc an táng áo choàng của Đức Mẹ Đồng Trinh; trong đó, áo thánh của Đức Mẹ đã được chuyển từ nhà thờ do Hoàng đế Marcian xây dựng và được Hoàng đế Leo I trùng tu, sang cái gọi là Nhà thờ Lớn.

[4766] Theodosius II (Con) trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[4767] Tà thuyết Nestorian do Nestorius, Giám mục Constantinopolis, sáng lập, người đã dạy một cách sai lầm rằng từ Đức Trinh Nữ Maria không sinh ra Thiên Chúa, mà là con người Giêsu, trong đó nhân tính đã kết hợp với thần tính một cách đầy ân sủng trong suốt cuộc đời trần thế của Ngài. Vì vậy, ông gọi Mẹ Thiên Chúa là "Người sinh ra Đấng Kitô", chứ không phải "Mẹ Thiên Chúa". Tà thuyết Nestorius đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ III, được triệu tập vào năm 431 tại Êphêsô.

[4768] Ê-phê-sô – một thành phố ở Tiểu Á, nằm giữa Smyrna và Miletus. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Ê-phê-sô được biết đến là nơi Thánh Tông đồ Phaolô đã rao giảng trong chuyến truyền giáo thứ ba của ngài.

[4769] Cyril (I) giữ chức Thượng phụ từ năm 412 đến năm 444.

Marcian cùng Pulcheria[4770] lên ngôi, một tà thuyết mới đã nảy sinh – đó là tà thuyết của Dioscorus và Eutyches[4771] , những kẻ đã nói dối một cách báng bổ rằng trong Đức Kitô chỉ có một bản tính. Lúc bấy giờ, tại thành phố Chalcedon[4772] đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ tư của các Thánh Phụ[4773] , và Thánh Juvenal đã tỏa sáng tại công đồng này bằng lòng đạo đức, giữa các vị Thánh Phụ, như ngôi sao mai giữa các vì sao – xua tan bóng tối của sự mê tín dị đoan. Khi Đại hội kết thúc, thánh Juvenal trở về tòa Thượng phụ của mình tại Palestine, thì có một kẻ theo tà thuyết Eutychian, tên là Theodosius – một kẻ có tính cách vô cùng xảo quyệt – đã đến đó dưới hình dạng một tu sĩ. Kẻ này đã chỉ trích Công đồng Chalcedon thánh thiện vì cho rằng tại đó, giáo lý của đức tin Chính thống đã bị bác bỏ và giáo lý của Nestorius đã được phục hồi, đồng thời còn bịa đặt nhiều điều khác nhằm bôi nhọ Giáo hội. Kẻ dị giáo này, như Evagrius kể lại[4774] , sau khi bị trục xuất khỏi tu viện của mình ở Alexandria[4775] vì sự vô tín và những hành vi xấu xa, đã gia nhập phe của Dioscorus, kẻ vô đạo. Nhưng vì sự xảo trá và lòng độc ác của mình, Theodosius đã bị trừng phạt bằng những trận đòn tàn bạo, và sau đó, với tư cách là một kẻ nổi loạn, ông ta bị buộc phải cưỡi lạc đà và bị dẫn đi khắp thành phố trong sự sỉ nhục. Sau đó, khi đến Palestine, hắn bắt đầu gây rối trong Giáo hội bằng cách lan truyền tà thuyết báng bổ. Lúc bấy giờ, tại Palestine có Hoàng hậu Eudokia – vợ của Hoàng đế Thánh thiện Theodosius II, người đã lên đường hành hương đến các thánh địa sau khi chồng qua đời.

Kẻ dị giáo Theodosius này trước hết đã lôi kéo Hoàng hậu Eudokia phủ nhận Công đồng Chalcedon, rồi sau đó, bằng tà thuyết của mình, đã gây hại cho nhiều tu sĩ thiếu kinh nghiệm, biến họ thành những người đồng chí hướng với mình. Cùng với đông đảo các tu sĩ bị hắn lừa gạt, hắn đã kích động một cuộc nổi loạn chống lại Thượng phụ Juvenal, yêu cầu ông phải lên án Công đồng Chalcedon. Nhưng vì Juvenal không chịu khuất phục trước điều này, nên ông đã bị phế truất khỏi ngai vàng và phải lui về Constantinople để tìm đến Hoàng đế Marcian. Trong khi đó, kẻ dị giáo Theodosius, với sự tiếp tay của Hoàng hậu Eudokia và dựa vào các tu sĩ bị mê hoặc bởi dị giáo, đã lên ngôi Thượng phụ và gây ra nhiều tai họa cho những người Chính thống giáo[4776] . Còn đối với các giám mục và giáo sĩ không muốn giao thiệp với hắn, hắn thì lật đổ một số, tra tấn và giết chết số khác, đồng thời cướp bóc tài sản và phá hủy nhà cửa của họ.

Ông đã đối xử như vậy với Giám mục Severianus của Skifopolis, người không chịu chấp nhận giáo lý dị giáo của ông. Sau khi phế truất Severianus khỏi ngai tòa, Theodosius đã ra lệnh xử tử ông.

Hậu quả là toàn bộ Palestine chìm trong tình trạng hỗn loạn kinh hoàng, còn thành thánh Giê-ru-sa-lem dường như bị những kẻ man rợ chiếm đóng và tàn phá. Lúc bấy giờ, các vị thánh phụ Palestine, đau buồn trước sự bắt bớ và tàn phá Giáo hội như vậy – đồng thời cũng lo sợ bàn tay của kẻ hành hạ – đã ẩn náu trong những sa mạc hẻo lánh nhất, khóc lóc cầu xin Thiên Chúa tiêu diệt tà giáo và sớm mang lại hòa bình cho Giáo hội.

Trong hàng giáo sĩ của Giáo hội Giê-ru-sa-lem lúc bấy giờ có một phó tế tên là Athanasius, người rất tài giỏi về lời nói và là người nhiệt thành bảo vệ đức tin. Thấy rằng trong Giáo hội, trên ngôi vị Thượng phụ, kẻ dị giáo là Thượng phụ giả mạo Theodosius đang đứng như "sự ghê tởm của sự hoang tàn tại nơi thánh" (Mt 24:15), Athanasius đã đến trước mặt hắn và lớn tiếng kêu lên, nói rằng:

[4770] Hoàng đế Marcian trị vì từ năm 450 đến năm 457.

[4771] Eutyches, Tổng tu viện trưởng Constantinopolis, được biết đến là người sáng lập tà thuyết Eutychian hay Monophysite. Trái ngược với quan điểm của phái Nestorius về sự phân chia giữa bản tính thần thánh và bản tính nhân loại trong Ngôi Lời của Chúa Giêsu Kitô, Eutyches dạy rằng bản tính nhân loại trong Chúa Giêsu Kitô đã hoàn toàn bị bản tính thần thánh đồng hóa, và do đó, chỉ nên công nhận một bản tính duy nhất trong Ngài – đó là bản tính thần thánh.

[4772] Chalcedon hay Chalcedon – ban đầu là một thuộc địa của Megara trên bờ biển Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch); sau này trở thành thủ đô của Bithynia – một tỉnh thuộc Tiểu Á.

[4773] Công đồng Đại kết lần thứ tư diễn ra vào năm 451.

[4774] Evagrius – luật gia người Antioch, tác giả cuốn "Lịch sử Giáo hội", bao quát giai đoạn từ năm 431 đến năm 494. Ông sống từ năm 537 đến năm 594.

[4775] Alexandria – thành phố nổi tiếng trong thời cổ đại, được Alexander Đại đế thành lập bên bờ Biển Địa Trung Hải, tại cửa sông Nile. Trong thời cổ đại, Alexandria là thành phố lớn thứ hai trên thế giới sau Rome và là trung tâm thương mại, công nghiệp, đặc biệt là nền giáo dục ngoại giáo; còn trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, nơi đây trở thành cái nôi của nền giáo dục Kitô giáo. – Hiện nay, Alexandria là một trong những thành phố cảng được củng cố vững chắc nhất và là một trong những trung tâm thương mại quan trọng nhất ven Biển Địa Trung Hải.

[4776] Theodosius đã (bất hợp pháp) đảm nhiệm chức vụ tổng giám mục trong 20 tháng (từ tháng 12 năm 451 đến tháng 8 năm 453).

– Hãy dừng lại đi, Theodosius, đừng làm tràn ngập thành thánh này bằng biết bao vụ giết chóc nữa! Hãy ngừng công kích Đấng Christ và đừng đuổi đàn chiên của Ngài ra khỏi hàng rào thiêng liêng một cách cướp bóc như vậy!

Vừa dứt lời, Athanasius lập tức bị lính cận vệ của Theodosius bắt giữ, lôi ra khỏi nhà thờ và sau khi phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn cùng vô số trận đòn roi, ông đã kết thúc cuộc đời bằng cách bị chém chết bằng rìu. Thi thể của ông bị lôi kéo khắp thành phố bằng một sợi dây buộc vào chân, và cuối cùng bị ném cho bầy chó xé xác.

Trong khi đó, tổng trấn Dorotheus, người được hoàng đế bổ nhiệm để cai quản Palestine, lúc bấy giờ không có mặt tại Jerusalem, vì đang tham gia cuộc chiến chống lại người Moab[4777] . Khi biết được tất cả những gì đang diễn ra tại thành thánh, Dorotheus vội vã trở về Jerusalem cùng quân đội. Tuy nhiên, các cận vệ của giả tổng giám mục Theodosius và hoàng hậu Eudokia, theo lệnh của hai người này, đã đóng chặt các cổng thành trước mặt tổng trấn, không cho ông vào trong thành; họ chỉ cho ông vào sau khi ông hứa sẽ đồng lòng với họ về mặt tín ngưỡng. Như vậy, vị "giả mạo" tổng giám mục Theodosius này, gây rối loạn trong Giáo hội, đã tại vị trên ngai tổng giám mục Jerusalem trong hai mươi tháng, cho đến khi hoàng đế ra lệnh cho vị tướng quân bắt giữ ông ta và đưa ông ta về Constantinople để xét xử với tội danh phản loạn và giết người. Nhưng khi biết trước về mệnh lệnh này của hoàng đế, Theodosius đã bí mật trốn lên núi Sinai[4778] , nơi ông ẩn náu trong bí mật.

Khi đó, Đức Thượng phụ Juvenal, người được Hoàng đế Marcian, Pulcheria và Đức Thượng phụ Constantinople hết mực kính trọng tại Constantinople nhờ đức hạnh của ngài, đã được Hoàng đế cho phép lên đường đến Jerusalem, một lần nữa đảm nhận ngôi vị Thượng phụ và bắt đầu sắp xếp lại cũng như khắc phục mọi rối loạn. Các vị tu sĩ ẩn tu, khi nghe tin ngài trở về, đã tràn ngập niềm vui lớn lao và mỗi người đều trở về tu viện của mình. Còn Hoàng hậu Eudokia, người đã bị lôi kéo vào tà thuyết Eutychian bởi Theodosius đã được nhắc đến, thì tâm trí bối rối, không biết nên theo tín điều nào. Lúc bấy giờ, bà đã cử một sứ giả đến Antiôkhia gặp Thánh Simeon, vị tu sĩ sống trên cột, để xin ngài những lời khuyên hữu ích và sự hướng dẫn. Ngài đã viết thư cho Hoàng hậu, ra lệnh cho bà phải hòa giải với Đức Thượng phụ Chính thống thánh thiện Juvenal và tuân theo giáo lý đạo đức của ngài. Hoàng hậu lập tức làm theo và, sau khi công khai từ bỏ tà giáo, đã trở thành thành viên của Giáo hội Công giáo. Thấy điều này, vô số người dân, cả giáo dân lẫn tu sĩ, vốn trước đây bị lừa dối bởi kẻ tà giáo Theodosius, đã quay về với Chính Thống giáo, noi gương Hoàng hậu.

Sau đó, Thánh Juvenal đã sống phần đời còn lại trong bình an, làm rạng rỡ Giáo hội thánh thiện bằng lời nói, cuộc sống và sự tận tụy của một vị mục tử. Trong phần Lời mở đầu cũng có ghi chép về ngài như sau.

Khi Marcian và Pulcheria xây dựng một nhà thờ tại Vlacherna để tôn vinh Đức Trinh Nữ Maria, họ đã viết thư cho Thánh Juvenal, hỏi ngài: liệu ngài có biết thi hài Đức Mẹ được an táng ở đâu không? Đức Thượng phụ trả lời rằng ngài không biết, tuy nhiên, ngài đã nhắc lại một truyền thuyết cổ xưa và chân thực về cách thi hài Đức Mẹ được an táng, về việc các Thánh Tông đồ đã nghe tiếng hát của các Thiên thần trong ba ngày liên tiếp, và về việc sau ba ngày, họ đã mở quan tài của Đức Mẹ vì một môn đệ không có mặt trong lễ an táng, nhưng không tìm thấy thi hài của Đức Mẹ, mà chỉ thấy những tấm vải liệm.

Sau khi nghe những điều này, hoàng đế và hoàng hậu lại viết thư cho tổng giám mục, xin ngài gửi cho họ ít nhất là ngôi mộ được niêm phong của Đức Mẹ cùng với những tấm vải liệm – điều mà tổng giám mục đã thực hiện.

Thánh Juvenal, sau khi phục vụ trong chức thánh suốt ba mươi tám năm[4779] , đã an nghỉ trong bình an và hiện đang đứng cùng các vị thánh trên trời trước ngai vinh quang của vị Thượng Tế vĩ đại là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng mà vinh quang được dâng lên muôn đời. Amen.

Ngày 16 tháng 7

Ngày 3 tháng 7 (theo lịch cũ)

[4777] Dân Mo-áp cư ngụ tại Pa-lê-stin, phía đông Biển Chết, dọc hai bên sông Arnon. Tên gọi này xuất phát từ tên Mo-áp, con trai của Lót, theo tên con gái lớn nhất của ông (Sáng Thế Ký 19:30–37).

[4778] Núi Sinai nằm trong sa mạc Ả Rập Đá; dân Y-sơ-ra-ên đã đến đây vào tháng thứ ba sau khi ra khỏi Ai Cập. Tại đây, Đức Chúa Trời đã ban luật pháp, được thể hiện qua 10 điều răn. – Vào thời kỳ Kitô giáo, nhiều tu sĩ đã tu hành trên ngọn núi này. Vào thế kỷ thứ V, toàn bộ vùng sa mạc Sinai, dù thiên nhiên nơi đây nghèo nàn, đã chật kín các tu viện. Hiện nay, người Ả Rập gọi núi Sinai là Jebel Tur Sina.

[4779] Juvenal giữ chức Tổng Giám mục từ năm 420 đến năm 458.

Cũng vào ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Anatolius của Pechersk, vào thế kỷ XII.

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Cha Antôn, Tổng Giám mục Constantinopolis, người đã qua đời vào năm 458.

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ các hoàng tử đạo đức Vasili và Konstantin Yaroslavski, vào thế kỷ XIII.

Cũng trong ngày này, tưởng nhớ các thánh tử đạo Diomid, Evlampius, Asklipiotod và Golindukha, những người đã chịu khổ nạn dưới thời Trajan vào thế kỷ II.

Cũng trong ngày này, người ta tưởng nhớ các vị thánh đáng kính Gioan và Longin, những vị làm phép lạ ở Yareng, những người đã chết đuối ở Biển Trắng và được tìm thấy gần bờ biển vào khoảng năm 1544–1545.

Cũng trong ngày này, ngày qua đời của vị thánh phúc lành Gioan, người thánh thiện kỳ lạ ở Moscow, vào năm 1589.

Cũng trong ngày này, kỷ niệm ngày qua đời của Thánh Nicodemos Kozheozersky (Khozjugsky), người đã qua đời vào năm 1640.

Cũng vào ngày này, lễ rước di cốt của Thánh Philip, Tổng Giám mục Moscow

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Gia-kin-phơ

Ngày tưởng niệm 3 tháng 7

Dưới triều đại của Hoàng đế Trajan[4780] , tại Rome đã diễn ra cuộc đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu. Vào thời điểm đó, một sắc lệnh đã được ban hành, theo đó tất cả những ai sống dưới quyền cai trị của Hoàng đế La Mã đều buộc phải dâng lễ vật cho các vị thần; những ai không muốn làm điều này đều bị tra tấn.

Vào thời điểm đó, trong cung điện hoàng gia có một thanh niên xuất sắc tên là Iakinth, người gốc từ Caesarea Cappadocia[4781] , lúc bấy giờ mới hai mươi tuổi. Với chức vụ người dọn giường cho hoàng đế, Iakinph luôn ở gần hoàng đế. Là một Kitô hữu chân chính cả về đức tin lẫn lối sống trong sạch, Iakinph bí mật phụng sự Đức Kitô, tỏa sáng bởi sự trong sạch, tiết độ, hiền lành và mọi việc lành.

Một lần nọ, có một lễ hội nào đó được tổ chức để tôn vinh các thần tượng vô đạo; nhân dịp này, hoàng đế Trajan đã công khai dâng lễ vật cho các thần tượng. Còn chàng trai trẻ xinh đẹp Iakinph thì không đi cùng hoàng đế đến các đền thờ thần tượng, mà ở lại trong cung điện và lui vào một căn phòng nhỏ riêng biệt, nơi chàng thành kính cầu nguyện với Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật. Một người bạn cùng lứa tuổi với Iakinph, cũng giữ chức vụ người hầu giường hoàng gia, là chàng trai tên Uriviki, đã để ý thấy điều này. Sau khi nghe lén lời cầu nguyện của Iakinph, Uriviki đã đi báo với hoàng đế rằng Iakinph, vi phạm sắc lệnh của hoàng đế, đang cầu nguyện với một người tên là Giêsu Kitô và gọi Ngài là Thiên Chúa.

Lúc đó, hoàng đế Trajan đang dùng bữa trong một lễ hội ghê tởm trước sự chứng kiến của toàn dân. Ông ra lệnh dẫn Iakinph đến trước mặt mình và đưa cho anh ta thịt hiến tế cho thần tượng, ra lệnh bắt anh ta phải ăn.

Iakinph, chiến binh dũng cảm của Đấng Kitô, sau khi làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình, đã nói với hoàng đế:

– Với tư cách là một Kitô hữu, tôi không thể ăn những thứ đã bị ô uế; tôi rất mong ngài cũng từ bỏ việc thờ lạy các thần tượng, lễ hội ma quỷ và những lễ vật ô uế của mình, để nhận biết Thiên Chúa chân thật và chỉ phụng sự một mình Ngài mà thôi.

Tất cả những người đang dùng tiệc cùng hoàng đế, cũng như những người đứng hầu bên cạnh ngài, đều ngạc nhiên trước sự táo bạo của chàng trai trẻ Iakinph và bừng lên cơn giận dữ với chàng; còn hoàng đế thì nói với chàng:

– Iakinph, tuổi trẻ khiến ngươi trở nên kiêu ngạo, và ngươi, kẻ không xứng đáng, lại dám dạy ta – đừng thờ phụng các vị thần của tổ tiên, mà hãy thờ phụng một Đấng Christ nào đó, Đấng mà chúng ta không biết, và cha ông chúng ta cũng không biết!

[4780] Hoàng đế Trajan trị vì từ năm 98 đến năm 117.

[4781] Cappadocia – một vùng thuộc Tiểu Á.

– Ngươi không biết Ngài là vì ngươi không xứng đáng được biết Ngài, Đấng Thiên Chúa chân thật, Đấng đã tạo dựng trời, đất, biển cả và mọi sự trong đó, Đấng đã ban cho loài người các vì sao trên trời và tạo dựng con người theo hình ảnh của Ngài. Ngươi nói đúng về bản thân mình rằng ngươi không biết Đấng mà ngay cả tổ tiên ngươi, là những kẻ con cái của cơn thịnh nộ, cũng không biết. Còn tôi thì được sinh ra và nuôi dưỡng bởi những bậc cha mẹ sùng đạo và yêu mến Chúa Kitô, và được dạy dỗ để thờ phượng và phụng sự Thiên Chúa của tôi.

Hoàng đế nổi giận trước câu trả lời của vị thánh và ra lệnh cho các tôi tớ đánh vào miệng ngài.

Các tôi tớ vội vã lao vào vị tử đạo của Chúa Kitô và đánh đập ngài một cách tàn nhẫn, không chỉ vào miệng mà còn vào hai má; khi ngài ngã xuống đất, họ còn giẫm đạp lên người ngài một cách dữ dội, vừa nói:

– Sao ngươi dám trả lời hoàng đế một cách ngạo mạn như vậy?

Sau đó, hoàng đế ra lệnh ngừng đánh vị tử đạo; vị thánh, không còn sức đứng dậy do những trận đòn tàn bạo và bị giẫm đạp, vẫn nằm trên mặt đất. Trong khi đó, Trajan ra lệnh ép buộc nhét thức ăn tế thần vào miệng vị thánh. Nhưng vị thánh tử đạo của Chúa Kitô, siết chặt môi và răng, đã không chấp nhận sự ô uế từ lễ vật dâng cho thần tượng. Lúc đó, hoàng đế ra lệnh xiềng vị thánh bằng xiềng sắt, đóng chân ngài vào cùm và giam vào ngục tối.

Sáng hôm sau, hoàng đế, trong khi tiếp tục cử hành cùng dân chúng lễ hội ô uế đó, đã ra lệnh trưng bày tất cả các dụng cụ tra tấn ở nơi dễ thấy và đưa vị tử đạo Iakinph từ ngục tối ra để thẩm vấn. Khi vị này được dẫn ra, Trajan hỏi ngài:

– Hỡi chàng trai trẻ! Ngươi có tuân theo mệnh lệnh của ta hay vẫn tiếp tục ngoan cố? Ta thấy trước rằng trí tuệ kiêu ngạo của ngươi sẽ dẫn ngươi đến những cực hình tàn khốc nhất; tốt hơn hết là ngươi hãy nghe lời ta, dâng lễ vật lên các vị thần, nếu không muốn phải chết trong những cực hình tàn khốc!

Nhưng người tôi tớ của Chúa Kitô, với tâm hồn và thân xác vững chắc như kim cương, và nhờ cậy vào sự trợ giúp của Thiên Chúa, đã nói với Trajan:

– Tôi là một Kitô hữu, tôi tôn kính Chúa Kitô, thờ phượng Ngài và dâng lên Ngài của lễ sống – chính bản thân tôi. Còn với những quỷ dữ của ngươi, ta sẽ không dâng lễ vật; ta không sợ những lời đe dọa của ngươi, vì ta coi thường những cực hình, và ngươi sẽ không thể ép buộc ta, người tôi tớ của Chúa Kitô, chấp nhận sự vô đạo của các ngươi; ngươi sẽ không cám dỗ ta để vì cuộc đời ngắn ngủi này mà từ bỏ cuộc sống vĩnh cửu! Hãy làm với ta bất cứ điều gì ngươi muốn!

Lúc đó, hoàng đế, tràn đầy cơn thịnh nộ, trước hết ra lệnh đánh đập không thương xót vị thánh thiếu niên đang nằm sấp trên mặt đất trong một thời gian dài, rồi sau đó, treo ông lên tại nơi tra tấn, ra lệnh dùng móng sắt xé rách da thịt ông. Vị thánh tử đạo, dũng cảm chịu đựng những cực hình, kêu lên với hoàng đế:

– Ta là người Kitô hữu, là tôi tớ của Chúa Kitô và sẽ không bao giờ quay lưng lại với Ngài. Còn ngài, khi khiến ta chịu cực hình vì Chúa Kitô, chính là đang ban ân huệ cho ta. Hãy nghĩ ra những hình phạt tàn bạo hơn nữa, vì tôi mong muốn chịu đau khổ nhiều hơn nữa vì Chúa Kitô, Chúa của tôi, cho đến khi – nhờ sự trợ giúp của Chúa Kitô, Đấng giúp đỡ tất cả những ai kêu cầu danh thánh của Ngài – tôi chiến thắng sự tàn bạo của ngài bằng sự kiên nhẫn của mình!

Trong khi đó, đã đến giờ thứ bảy. Đám đông đang chứng kiến cảnh tượng ấy vô cùng kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của vị tử đạo. Lúc đó, hoàng đế ra lệnh tháo thánh nhân xuống khỏi cột nhục nhã, trói lại và đưa ngài trở về ngục tối, đồng thời ra lệnh nghiêm khắc cho lính canh không được cho ngài bất kỳ thức ăn hay đồ uống nào khác ngoài những thứ dâng cúng cho thần tượng, để ngài, vì đói khát, buộc phải ăn uống chúng. Các lính canh tuân thủ nghiêm ngặt mệnh lệnh của hoàng đế: hàng ngày họ mang thức ăn và nước uống từ các lễ vật dâng cho thần tượng đến và dâng cho vị thánh trong ngục tối. Nhưng khi trở lại vào sáng hôm sau, họ thấy mọi thứ vẫn còn nguyên vẹn, vì vị thánh tử đạo thậm chí không muốn nhìn vào những món ăn dâng cúng thần tượng ấy, coi chúng như những thứ ghê tởm, và trong suốt nhiều ngày liền, ngài đã nhịn ăn nhịn uống, không ngừng cầu nguyện cùng Thiên Chúa; vị thánh vui mừng trong tinh thần, như thể đang dự một bữa tiệc thịnh soạn nào đó, vì ngài được nuôi dưỡng bởi ân sủng của Thánh Thần.

Trong khi đó, Trajanus sai các đầy tớ đến hỏi những người canh gác: "Liệu Iakinth có ăn uống những thức ăn và đồ uống được dâng lên từ các lễ vật hay không?" Những người canh gác trả lời:

– Ông ấy thậm chí không thèm động đến những thứ người ta mang đến cho mình, nhưng dù không có thức ăn hay nước uống, ông vẫn vui vẻ và dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời của mình.

Nghe xong những lời này, Trajan nổi giận với các lính canh, cho rằng có ai đó đã mang thức ăn khác đến cho Iakinfa và đe dọa giết chết các lính canh. Nhưng các lính canh đã thề thốt rằng không có người lạ nào vào gặp vị thánh; họ khẳng định rằng họ đã canh gác ngục tối một cách cảnh giác, không cho phép ai đến gần nó.

Khi đến ngày thứ ba mươi tám kể từ khi vị tử đạo bị giam trong ngục, một trong những người canh gác, theo thói quen thường lệ, bước vào ngục, mang theo thức ăn dâng lên vị tử đạo từ những lễ vật cúng tế thần tượng. Và rồi anh ta thấy trong ngục tù một ánh sáng không thể tả xiết và hai Thiên thần đang đứng gần vị thánh tử đạo, trong đó một vị đang che phủ thân thể ngài bằng áo choàng rực rỡ, còn vị kia đang đội lên đầu ngài một vương miện kỳ diệu. Thấy cảnh đó, người lính canh vô cùng kinh hãi, liền vứt bỏ những thứ đang cầm trên tay, chạy đến báo cho hoàng đế biết những gì mình đã thấy. Hoàng đế không tin những lời kể đó và cho rằng tất cả chỉ là những ảo giác do phép thuật tạo ra, nên quyết định tra tấn vị tử đạo của Chúa Kitô bằng những hình phạt còn tàn bạo hơn nữa.

Hai ngày sau, Trajan, khi đang ngự trên bục xét xử công khai, ra lệnh dẫn tù nhân ra khỏi ngục để tra tấn, và nói:

– Ta sẽ xem Chúa Kitô có giúp gì cho hắn không, liệu Ngài có giải thoát hắn khỏi tay ta không?

Nhưng khi các tôi tớ của hoàng đế bước vào ngục tối, họ thấy chàng trai trẻ đã qua đời trong Chúa[4782] , đồng thời cũng nhìn thấy các Thiên thần rực rỡ, đã hóa thân thành hình dáng những chàng trai trẻ và đứng bao quanh thi thể; họ cầm những ngọn nến trên tay, trong khi ngục tối tràn ngập ánh sáng và hương thơm không thể diễn tả được. Bị nỗi sợ hãi bao trùm, các quan lại chạy ra khỏi ngục tối và báo cáo những điều họ đã thấy cho hoàng đế.

Tràn ngập sự xấu hổ và cơn giận, hoàng đế đã sai rất nhiều người hầu mang thi thể người đã khuất ra khỏi ngục tối. Khi vào trong ngục, họ không thấy gì khác ngoài thi thể người đã chết, và họ đã mang thi thể đó ra khỏi ngục. Sau đó, hoàng đế ra lệnh mang thi thể cao quý của vị tử đạo ra ngoài thành và vứt ở một nơi hoang vắng để làm mồi cho thú dữ, chó và chim; đồng thời, ông ra lệnh cho lính canh đứng gần đó, để thi thể của vị thánh không bị các tín hữu Kitô giáo lén lút mang đi.

Thi thể của vị thánh tử đạo đã nằm ở đó trong một thời gian dài mà không hề hấn gì, vì được Thiên Thần của Chúa bảo vệ.

Một đêm nọ, một vị linh mục đáng kính, là họ hàng của vị tử đạo, tên là Timôthê, đã được Thiên Thần hiện ra và truyền lệnh mang thi hài vị tử đạo đi. Vị linh mục này, cùng với một số tín hữu trong nhà mình, đã lên đường đến nơi hoang vắng đó khi đêm xuống. Vì không ai cản trở, ông đã rước thi hài thánh của vị tử đạo, đặt vào phòng trong của ngôi nhà mình, quấn thi hài bằng tấm vải liệm tinh khiết có tẩm hương thơm. Sau đó, vị linh mục hàng ngày thắp ngọn đèn nhỏ bên cạnh hòm đựng thi hài thánh và xông hương trầm.

Sau đó, linh mục Timôthê, sau khi sống thêm vài năm và khi sắp qua đời, đã trao xá thi hài của vị thánh tử đạo cho một bà góa phụ đáng kính, người sống thánh thiện và được tôn trọng vì tuổi tác. Bà góa phụ này, với niềm vui sướng, đã nhận lấy kho báu vô giá đó và cất giữ nó tại nhà mình một cách trang trọng, cũng như hàng ngày thắp lư hương và xông hương; từ di cốt thánh tỏa ra hương thơm nồng nàn, tràn ngập cả ngôi nhà thờ nhỏ ấy. Người phụ nữ này không tiết lộ gì với ai về di cốt của vị thánh, vì cả thành phố đều đang thờ phượng các thần tượng; – chỉ có một mình bà ngày đêm khóc lóc cầu nguyện trước di cốt của vị tử đạo Chúa Kitô.

Sau một thời gian dài, khi người góa phụ ấy sắp qua đời, có một vị quý tộc bị mất thị lực do cơn đau đầu. Người bệnh không nhìn thấy ánh sáng suốt cả năm trời và không thể nhận được sự giúp đỡ nào từ các bác sĩ. Thánh Tử đạo Gia-cô-bê, hiện ra với ông trong giấc mơ, đã nói:

– Hỡi người! Ngươi có muốn khỏi bệnh và được chữa lành khỏi chứng mù lòa không?

– Ngươi là ai mà nói với ta như vậy? – người bệnh hỏi vị thánh hiện ra.

– Chính ta đây, – vị thánh đáp, – là bác sĩ chữa lành mọi bệnh tật, tôi tớ của Chúa Kitô, Iakinth.

– Tôi van xin ngài, – người bệnh tiếp lời, – hãy lấy hết tài sản mà tôi đang sở hữu, chỉ cần cho tôi được nhìn thấy ánh sáng, vì khi phải ngồi trong bóng tối, tôi vô cùng đau khổ và dằn vặt.

– Chúa của tôi sẽ chữa lành cho ngài miễn phí, – vị thánh Iakinph trả lời, – chỉ cần ngài làm theo những gì tôi truyền dạy, cụ thể là: hãy đưa thi thể tôi, đang được chôn cất bên cạnh người góa phụ sống gần ngài, về quê hương tôi, thành phố Cêsaria thuộc Cappadocia; còn đôi mắt của ngươi, hãy bôi dầu từ ngọn đèn đang cháy bên quan tài của ta – khi đó ngươi sẽ nhìn thấy được.

[4782] Thánh tử đạo Iakinph đã qua đời vào đầu thế kỷ II.

Người đàn ông ấy, tin vào điều mình thấy trong giấc mơ, liền đứng dậy khỏi giường, cùng người dẫn đường đến nhà bà góa và kể cho bà nghe về sự hiện ra và mệnh lệnh của vị tử đạo. Sau đó, người góa phụ dẫn người đàn ông ấy vào phòng trong, nơi thi hài của vị thánh đang được an táng, và đưa cho anh ta dầu từ ngọn đèn; khi người đàn ông ấy xức dầu đó lên đôi mắt mù lòa của mình, anh ta lập tức nhìn thấy lại, nhưng lại chậm trễ trong việc thực hiện mệnh lệnh của vị thánh.

Sau một thời gian, bóng tối lại bao trùm đôi mắt anh ta, và anh ta lại mù lòa. Lúc đó, anh ta lại cùng người dẫn đường đến thánh tích của vị thánh tử đạo, cầu xin ngài chữa lành. Khi bước vào nhà thờ, nơi thánh tích của vị thánh được an nghỉ, anh ta nghe thấy một giọng nói từ trên cao phán với anh ta:

– Kẻ đã xúc phạm, giờ đây chính hắn cũng bị sỉ nhục.

Lúc đó, anh ta quỳ sấp xuống trước di cốt của vị thánh và nói:

– Xin ngài ban cho con ánh sáng ngay lúc này, hỡi vị thánh được Chúa yêu mến, và con sẽ lập tức làm theo những gì ngài đã truyền dạy!

Sau đó, đứng dậy, ông lại dùng dầu từ ngọn đèn thánh xức lên mắt mình và lại nhìn thấy rõ ràng và trọn vẹn, vì không chỉ đôi mắt thể xác mà cả đôi mắt tâm hồn của ông cũng đã được mở ra: khi tin vào Chúa Kitô, ông đã được soi sáng nhờ phép rửa thánh.

Người góa phụ được nhắc đến lúc đó đã qua đời; lúc đó, người Kitô hữu mới được soi sáng đã lấy hòm đựng di cốt của vị thánh, niêm phong lại, rồi gửi đi cùng những người đáng tin cậy đến Cêsarea ở Cappadocia; đồng thời, ông ra lệnh cho những người được cử đi cùng hòm di cốt phải để những con la (chở hòm) đi một mình khi chúng đến gần thành phố; – nơi nào chúng dừng lại, thì di cốt phải được đặt tại đó, vì thánh nhân đã ra lệnh như vậy.

Khi những người trung thành được cử đi cùng thánh tích đến gần thành phố Cêsarea và đứng gần cổng được gọi là Cổng Thánh Sebastian, họ đã thả những con la đi một mình mà không có người đi kèm. Không ai điều khiển, những con la đó đã tự đi đến ngôi nhà nơi vị tử đạo sinh ra. Nhưng vào thời điểm đó, cha mẹ ngài đã qua đời. Lúc bấy giờ, tất cả những người có đức tin trong thành phố ấy đã tụ họp lại, tràn ngập niềm vui lớn lao nhân dịp di hài vị tử đạo được rước về; sau đó, họ đã long trọng an táng di hài thánh trong ngôi nhà ấy, đặt vào một quan tài bằng đá cẩm thạch, đồng thời ngợi khen Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Vị tử đạo của Chúa Giê-su, Jaquint, đã qua đời tại Rô-ma vào ngày thứ ba tháng Bảy, trong cơn đói khát dằn vặt, nhưng được nuôi dưỡng bởi đức tin, lời cầu nguyện và ân sủng của Đức Thánh Linh – vào thời điểm đó, Trajan đang thống trị những kẻ vô đạo, còn Chúa Giêsu Kitô của chúng ta ngự trị trên các Kitô hữu, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và đến muôn đời. Amen

Kondak, giọng 6:

Cây sự sống ở giữa tâm hồn mình, đức tin của Ngài, lạy Chúa Kitô, vị tử đạo của Ngài đã đạt được, là người xứng đáng nhất trong vườn Ê-đê-mơ, đã dũng cảm tiêu diệt cây cám dỗ của con rắn bằng tinh thần mạnh mẽ, và được đội vương miện vinh quang của Ngài, Đấng đầy lòng thương xót.

Cuộc đời của vị thánh cha Alexander của chúng ta, người sáng lập tu viện Những Người Không Ngủ

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 7

Thánh Cha Alexander của chúng ta sinh ra ở châu Á. Khi còn trẻ, ngài đến Constantinople để học tập, nơi ngài đã học hành chăm chỉ và thu được kiến thức sâu rộng về các môn khoa học. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài gia nhập quân ngũ và sau đó trở thành một vị tướng quân . Trong những lúc rảnh rỗi khỏi công việc quân sự, ngài thích đọc các sách Thánh Kinh, bởi vì ngài là người có đức hạnh, trung thực, kiên định, kính sợ Thiên Chúa và được trang bị bởi sự trong sạch và tiết độ. Sau khi đọc Cựu Ước và Tân Ước, ngài đã suy ngẫm sâu sắc về những lời trong Phúc Âm do chính miệng Đức Kitô thánh khiết phán ra: *"Nếu con muốn nên hoàn hảo, hãy đi, bán tài sản của con và phân phát cho người nghèo; con sẽ có kho tàng trên trời; rồi hãy đến và theo Ta"* (Mt 19,21). Suy ngẫm về điều này và vững tin vào lời Chúa Kitô, ngài bắt đầu bán tài sản của mình – vốn khá dồi dào nhờ vị trí công vụ

cao quý – và dùng số tiền thu được để phân phát cho người nghèo và khốn khó; còn bản thân ngài đã quyết tâm từ bỏ thế gian và mọi sự trần tục để trở thành người noi gương Chúa Kitô. Ngài nghe nói rằng ở Syria có những vị thánh nhân đang sống đời thánh thiện trong các tu viện, và ngài mong muốn đến đó. Ông từ bỏ chức vụ chỉ huy quân sự, rời xa bạn bè, ngôi nhà và nô lệ của mình, đồng thời gác lại mọi lo toan về đời sống thế tục, rồi lên đường đến Syria. Khi đến tu viện do Thánh Ilya làm vị tu viện trưởng, ông đã khẩn khoản xin vị tu viện trưởng này nhận ông vào hàng ngũ các tu sĩ. Sau khi được gia nhập hàng ngũ các tu sĩ, ông đã sống bốn năm tại tu viện này, tận tâm thực hiện mọi nhiệm vụ được giao phó và ngoài ra còn tu tập bằng việc ăn chay, cầu nguyện ngày đêm và đọc sách. Hơn hết, ngài mong muốn thấu hiểu ý nghĩa của các Thánh vịnh của Đa-vít, mong muốn nắm bắt được sức mạnh của từng câu trong các Thánh vịnh. Khi gặp điều gì khó hiểu, ngài liền hỏi những người có kinh nghiệm về những điều chưa rõ và siêng năng cầu nguyện với Chúa, xin Ngài soi sáng trí tuệ ngài để hiểu được Kinh Thánh, và ngài đã nhận được ân sủng đó nhờ Thánh Thần, đến nỗi sau này, khi đọc Lời Chúa, ngài đã tìm thấy niềm vui trọn vẹn và sự cảm động sâu sắc trong lòng. Thấy rằng trong tất cả các tu viện, các tu sĩ đều quá lo lắng về thức ăn và quần áo, ngài nhớ lại những lời của Chúa Kitô trong Phúc Âm, những lời cấm không được lo lắng quá mức về thức ăn, đồ uống và quần áo, và thậm chí còn không cho phép lo lắng về ngày mai. Ngài tin chắc một cách vững vàng và không lay chuyển rằng Đức Chúa Trời, Đấng quan phòng, Đấng nuôi dưỡng chim chóc và mặc áo cho cỏ đồng, thì càng không thể bỏ mặc những người làm việc cho Ngài mà không có sự chăm sóc của Ngài; vì Ngài có đủ quyền năng để nuôi dưỡng và mặc áo cho họ, miễn là họ tìm kiếm Nước Trời và sự công chính của Ngài trước hết. Được khích lệ bởi những suy nghĩ ấy, Thánh Alexander cầm cuốn Phúc Âm mà ngài có, đến gặp Abba Ilya và nói với ông:

– Thưa Cha, liệu mọi điều được chép trong Phúc Âm có phải là sự thật không?

Nghe câu hỏi đó, Thánh Ilya ngạc nhiên và bối rối, nghĩ rằng người hỏi mình đã bị ma quỷ dụ dỗ bởi một sự hoài nghi nào đó. Không trả lời gì, ngài ngồi xuống và cúi đầu, lúc đó các anh em đến gặp ngài.

– Hỡi các anh em, – Thánh Ilya nói với họ, – chúng ta hãy cầu nguyện cho anh em chúng ta là Alexander, người đang sa vào lưới của kẻ thù.

Rồi ngài đứng dậy và dâng lời cầu nguyện trong nước mắt, sau đó, quay sang Alexander, ngài nói với anh ta:

– Từ đâu mà ý nghĩ đáng ngờ ấy lại nảy sinh trong lòng anh, khiến anh không tin vào những điều được chép trong Phúc Âm thánh?

– Không phải con không tin, thưa Cha, – Alexander đáp lại, – mà con chỉ muốn hỏi xem liệu mọi điều được chép trong Phúc Âm thánh có phải đều là sự thật hay không?

– Quả thật, tất cả đều là sự thật, – các tu sĩ cùng đáp lại, – và không thể có bất kỳ sự nghi ngờ nào về điều đó.

Rồi Alexander nói với họ:

– Nếu mọi điều được ghi chép đều là sự thật, vậy tại sao chúng ta lại không thực hành theo?

– Con người yếu đuối không thể thực hiện được tất cả, – các tu sĩ trả lời.

Sau câu trả lời đó, Alexander bừng bừng nhiệt huyết, coi thường cuộc sống trước đây của mình – vốn không tuân giữ trọn vẹn lời Phúc Âm – nên quyết tâm ra sa mạc để ở đó có thể sống theo lời Phúc Âm một cách thuận lợi hơn. Sau khi xin phép lành từ Thánh Ilya và chia tay các tu sĩ với tình yêu thương, ông lên đường với niềm tin nơi Chúa, không mang theo gì ngoài cuốn Phúc Âm thánh. Ngài đã ở trong sa mạc bảy năm, không bận tâm đến bất cứ điều gì thuộc về trần gian. Việc ngài được nuôi dưỡng như thế nào trong sa mạc, nhờ sự quan phòng của Đức Chúa Trời, sẽ được tiết lộ trong phần kể tiếp theo.

Sau khi hoàn tất bảy năm ẩn tu trong sa mạc, Thánh Alexander được biết rằng không xa nơi ngài đang ở có một ngôi làng, nơi sinh sống của những kẻ thờ thần tượng và phục vụ ma quỷ. Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành vì Chúa, ngài đã đến ngôi làng đó và đốt cháy ngôi đền thờ thần tượng ở đó. Thấy vậy, dân làng đổ xô đến ngôi đền đang bốc cháy và phát hiện ra Thánh Alexander ở đó. Ngài không rời khỏi ngôi đền mà ngài đã đốt cháy , mà cố ý chờ đợi cho đến khi những người thờ thần tượng tụ tập về đây, vì ngài không muốn giấu giếm việc mình đã làm trước mặt họ. Khi họ bắt đầu hỏi ngài về việc đốt ngôi đền, ngài đã thừa nhận và nói rằng chính ngài đã đốt nó. Nghe vậy, họ xông vào anh và định giết anh, nhưng Đức Chúa Trời đã bảo vệ tôi tớ của Ngài. Một số cư dân không đồng ý với việc giết Alexander, nên đã ngăn cản những người xông vào ông và khăng khăng đòi phải đưa kẻ gây ra vụ phóng hỏa ra tòa án thành phố. Sau đó, khi mọi người đã bình tĩnh lại sau cơn nóng giận, vị thánh đã cất cao giọng và nói:

– Hỡi mọi người! Hãy nhận ra sự lầm lạc của mình, hãy nhận biết lẽ thật, hãy giải thoát bản thân khỏi sự phán xét đời đời, tôi rao giảng cho các bạn Nước Trời.

Và ngài bắt đầu rao giảng Lời cứu rỗi cho họ, giống như các Tông đồ. Một số người lắng nghe giáo lý của ngài, nhưng những người khác không muốn nghe lời ngài và đã đưa ngài ra tòa án thành phố. Lúc bấy giờ, Ravul là quan trưởng thành phố đó. Ông ta, khi nghe vị thánh giảng dạy giáo lý của Đức Chúa Trời, đã phản đối ngài trong một thời gian dài, cố gắng bác bỏ giáo lý đó dựa trên những cuốn sách ngoại đạo của mình và đe dọa vị thánh bằng những hình phạt khủng khiếp. Cuối cùng, khi nhận ra rằng vị thánh Alexander không chỉ có tính cách hiền lành mà còn rất khôn ngoan trong các câu trả lời, và rằng giáo lý mà ngài rao giảng là không thể bác bỏ, Ravul đã không gây ra bất kỳ rắc rối nào cho ngài. Ngược lại, Chúa đã sắp đặt sao cho vị quan thành này mời riêng Thánh Alexander đến để trò chuyện riêng tư với ngài, và trước hết đã hỏi:

– Hãy nói cho tôi biết sự thật, trên cơ sở nào mà các ngươi, những người Kitô hữu, lại khinh thường cuộc sống của mình đến vậy?

Trước câu hỏi này, vị thánh nhân đã trả lời Ravul:

– Ngươi nói sai rồi, chúng ta không khinh thường cuộc sống của mình, mà đang cố gắng bảo tồn bản thân để trở nên bất tử mãi mãi. Cuộc sống đích thực chính là sống vĩnh hằng, còn sống chỉ tạm thời – đó không phải là cuộc sống, mà là cái chết. Chúng tôi khinh thường cuộc sống tạm bợ, hữu hạn này vì cuộc sống vĩnh cửu, bất tử trong tương lai, bởi vì đã được chép rằng: *"Ai mất linh hồn mình"* trong thế gian này, thì trong cuộc sống vĩnh cửu *sẽ "giữ được nó"* (Mt 10:39).

Rabul nói với ông về điều này:

– Vậy ngài hy vọng sẽ ở đâu, sau khi cuộc đời trần thế này chấm dứt?

Vị thánh bắt đầu giảng giải cho ông về Nước Trời và những ân huệ vĩnh cửu đã được chuẩn bị sẵn cho những người công chính. Đối với người ngoại đạo không tin, những lời kể của vị thánh nghe như chuyện ngụ ngôn, nhưng dù vậy, ông lại càng muốn lắng nghe giáo lý mới mẻ này, và ông hỏi thêm về nguồn gốc của đức tin thánh thiện. Lúc đó, vị thánh, trong khi giảng dạy anh ta về sự nhận biết Thiên Chúa và bày tỏ lòng nhân từ của Thiên Chúa đối với loài người, đã bắt đầu kể lại những việc làm của Chúa từ khi tạo dựng thế giới, cho đến cây thập tự và cái chết tự nguyện của Đức Kitô, – cho đến sự phục sinh và sự thăng thiên vinh quang lên trời. Cuộc trò chuyện kéo dài cả ngày lẫn đêm. Những người trò chuyện không ăn uống gì cả, thậm chí họ còn không cảm thấy buồn ngủ. Khi đề cập đến Thánh Ê-li, vị tiên tri, về việc trời đã đóng lại theo lời ngài và lửa đã đổ xuống trên các của lễ nhờ lời cầu nguyện của ngài – điều mà các thầy tế lễ của Ba-anh không thể cầu xin được từ các thần tượng của họ – thì Ravul, khi nghe điều này, đã cười và nói:

– Tất cả những câu chuyện cổ tích Kitô giáo của các ngươi đều là bịa đặt. Ta khuyên ngươi một điều hữu ích: hãy cùng chúng ta dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta; họ nhân từ và sẽ tha thứ cho ngươi vì đã vô tình làm phật lòng và xúc phạm họ khi đốt cháy đền thờ của họ.

Thánh nhân đáp:

– Nếu những vị thần mà ngươi gọi là thần thực sự tồn tại, thì tại sao khi tiên tri Ê-li còn sống, các vị thần ấy lại không nghe lời các thầy tế lễ của họ, dù họ đã kêu cầu suốt cả ngày mà vẫn không cho lửa từ trời xuống thiêu đốt các của lễ? Còn Ê-li, tôi tớ của Đức Chúa Trời, chỉ một mình và chỉ một lần cầu nguyện với Đức Chúa Trời duy nhất của chúng ta, Đấng ngự trên trời (3 Vua 18:23–39), và ngay lập tức lửa từ trời đổ xuống, thiêu rụi không chỉ củi và của lễ, mà còn cả nước, đá và chính mặt đất nữa; sau đó, lửa từ trên cao lại đổ xuống trên năm mươi người muốn bắt tiên tri, và thiêu rụi họ cùng với quân lính của họ (4 Vua 1:1–18).

Rabul cười và nói:

– Nếu điều đó thực sự đã xảy ra, thì ngươi, người tự xưng là tôi tớ của Đức Chúa Trời ngươi, hãy làm điều tương tự. Trước mặt chúng ta đây có rất nhiều chiếu và cành cây khô, hãy cầu nguyện với Đức Chúa Trời của ngươi, giống như Ê-li, để lửa từ trời giáng xuống và thiêu rụi những thứ này. Khi đó, ta cũng sẽ thừa nhận rằng không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Chúa Trời mà các Kitô hữu tin tưởng.

Vị thánh đáp:

– Trước tiên, ngươi hãy cầu nguyện với các vị thần của ngươi, để họ làm điều đó.

Rabul đáp lại:

– Ta không có sức lực cũng chẳng dám dám trước các vị thần của ta, hãy cầu nguyện với Đức Chúa Trời của ngươi đi.

Lúc đó, Thánh Alexander, nhớ lại rằng theo lời Phúc Âm, mọi sự đều có thể đối với người có đức tin (Mc 9,23), với đức tin vững chắc và sự trông cậy vào Thiên Chúa, ngài đứng lên cầu nguyện; và ngay khi ngài giơ hai tay lên và bắt đầu cầu nguyện, lửa lập tức từ trời đổ xuống trên những tấm chiếu và cành cây khô, thiêu rụi chúng. Thấy điều đó, Ravul kinh hoàng tột độ và lo sợ rằng lửa cũng sẽ rơi xuống và thiêu rụi ông, giống như năm mươi người dưới thời tiên tri Ê-li. Ravul liền cất tiếng kêu lớn và nói:

– Quả thật, Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Ông muốn kể lại phép lạ này cho dân chúng, nhưng vị thánh đã nghiêm khắc cấm ông không được nói với ai. Vì vậy, Ravul im lặng, giấu kín chuyện này trong lòng cho đến khi Thánh Alexander còn sống. Sau khi ngài qua đời, ông mới công bố phép lạ này trước các giám mục và các tu sĩ, lấy danh Chúa để xác nhận sự thật trong lời kể của mình.

Sau phép lạ do Thánh Alexander thực hiện, quan tổng trấn Ravul đã ở bên cạnh Thánh Alexander suốt một tuần liền để được dạy dỗ về những chân lý của đức tin và được hướng dẫn trên con đường cứu rỗi chân chính; sau đó, ông xin được nhận phép rửa tội thánh, vì ngày Lễ Phục Sinh rực rỡ đang đến gần. Nhưng ma quỷ, kẻ thù ghét sự cứu rỗi của loài người, đã muốn cản trở việc thực hiện công việc thánh thiện này và gieo vào tâm trí Ravul ý nghĩ rằng không nên nhận phép rửa tội thánh trong thành phố, mà phải tại một nhà thờ nằm ngoài thành. Họ đi đến đó cùng với nhiều người dân cùng vợ con của họ. Khi đến nhà thờ này, họ thấy ở đó một thiếu nữ đang điên cuồng một cách đáng sợ. Ravul hoảng sợ và nói:

– Tôi không muốn trở thành Kitô hữu. Các vị thần đang trừng phạt cô gái này vì cô ấy đã theo đạo Kitô. Tôi sợ rằng điều tương tự cũng sẽ xảy ra với tôi.

Nói xong, ông lùi ra khỏi nhà thờ và định quay trở lại. Nhưng vị thánh đã giữ ông lại và nói:

– Sao ngươi lại sa vào cám dỗ của ma quỷ? Cô gái này đang bị trừng phạt vì những tội lỗi của mình, theo sự cho phép của Thiên Chúa. Cô đã hứa trước mặt Thiên Chúa sẽ giữ gìn sự trinh khiết, nhưng đã không giữ lời hứa và vì thế đang phải chịu đau khổ dưới tay ma quỷ, bị giao phó cho Satan để linh hồn cô được cứu rỗi. Và để biết điều này là sự thật, hãy tự mình đến gặp cô gái ấy và hỏi cô ấy.

Ravul tiến lại gần cô gái đang bị quỷ ám và nghe chính từ miệng cô ấy lời thú nhận vang dội về những tội lỗi, vì những tội lỗi đó mà Đức Chúa Trời đã cho phép Satan xâm nhập vào cô và hành hạ cô. Sau đó, Ravul không còn chút nghi ngờ nào nữa và xin được Thánh Tẩy. Khi ông được rửa tội và bước ra khỏi bể thánh, bộ áo trắng – vốn được chuẩn bị sẵn cho lễ rửa tội theo truyền thống Kitô giáo – bỗng hiện lên từ trên xuống dưới toàn những hình thánh giá màu đỏ, được vẽ trong những vòng tròn, như thể được viết bằng quỳ. Mọi người đều kinh ngạc trước phép lạ này, và những người đàn ông và phụ nữ đã đến đây cùng Ravul cũng xin được rửa tội. Thánh Alexander, muốn chắc chắn rằng họ thực sự tin vào Chúa Kitô, đã nói với họ:

– Các ngươi phải chứng minh đức tin của mình. Hãy cùng đi vào thành phố; nếu ai trong các ngươi có tượng thần trong nhà, hãy mang chúng ra giữa thành phố và dùng chính tay mình đập vỡ chúng thành từng mảnh, rồi sau đó mới được nhận phép rửa tội thánh.

Tất cả đều đồng ý thực hiện điều này; khi vào thành phố, họ mang ra khỏi nhà mình vô số tượng thần và đập vỡ chúng ngay giữa thành phố; sau đó, cả thành phố được soi sáng bởi phép rửa tội thánh. Vị Thánh Tông Đồ ở lại thành phố một thời gian và củng cố đức tin thánh thiện cho những người mới được rửa tội. Khi thấy họ đã vững vàng trong sự sùng kính và tạ ơn Thiên Chúa vì điều đó, ngài bèn nói với Ravul:

– Cho đến nay các con đã được nuôi dưỡng bằng sữa, nhưng giờ đây các con phải tự nuôi dưỡng mình bằng thức ăn cứng. Nếu ai trong các con muốn trở nên hoàn hảo trong đời sống Kitô hữu, hãy lắng nghe lời Chúa Kitô. Ngài phán: *"Hãy bán tài sản của các con và làm việc bác ái. Hãy tích trữ cho mình kho tàng không bao giờ cạn kiệt trên trời"* (Lc 12,33), *"Hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa, thì mọi sự khác sẽ được ban cho các con"* (Lc 12,31; Mt 6,33).

Ravul, nghe những lời này, đã nói:

– Tôi không thể trở thành một Kitô hữu hoàn hảo như vậy. Nếu tôi bán hết tài sản và phân phát cho người khác, thì ai sẽ lo miếng ăn cho cả gia đình tôi, và làm sao có thể mua sắm những thứ cần thiết cho cuộc sống mà không phải lo lắng? Nếu anh muốn thuyết phục tôi về điều này, hãy chứng minh cho tôi thấy bằng hành động, rằng chỉ cần một ngày thôi, anh có thể lo miếng ăn cho tôi và cả gia đình tôi mà chúng tôi không cần phải bận tâm. Tôi không biết làm sao ngài có thể làm được điều đó, khi chính ngài cũng là một người ăn xin và không có gì để nuôi

sống bản thân ngay cả trong một ngày. Nếu ngài không thể làm được điều đó ngay cả trong thành phố, thì ngài sẽ làm gì ở sa mạc, khi chúng tôi bỏ lại tất cả và theo ngài?

Vị thánh, với niềm tin vững chắc vào Đức Chúa Trời, đã dứt khoát nói:

– Hãy dẫn theo gia đình của anh và, nếu muốn, cả những người bạn mà anh quen biết, rồi dẫn họ đi cả ngày vào một sa mạc nào đó xa lánh con người; tôi cũng sẽ đi cùng các anh; không ai trong các anh được mang theo bánh mì, dù chỉ là một miếng nhỏ nhất, cũng như không được mang theo bất kỳ thức ăn nào khác. Nếu Đức Chúa Trời không làm cho các ngươi no nê, như Ngài đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên trong sa mạc trước đây, thì các ngươi sẽ không tin lời ta.

Ravul đồng ý. Khi trời sáng, ông dẫn theo người nhà và bạn bè đi vào một sa mạc hoang vu, cùng với Thánh Alexander, mong được chứng kiến lời nói của ngài trở thành hiện thực. Họ đi suốt cả ngày và đã đến giờ thứ mười một, khi họ dừng lại tại một nơi nằm giữa hai ngọn núi, nơi không có lối đi nào dẫn đến từ bất kỳ đâu. Thánh Alexander bắt đầu thực hiện nghi thức hát kinh chiều theo thói quen của ngài, còn Ravul và những người đồng hành, lúc này đã kiệt sức vì đói, nghĩ rằng họ sắp được ăn. Khi vị thánh kết thúc lời cầu nguyện, họ thấy một người đang đi về phía họ, một nông dân bình thường, dẫn theo gia súc, trên lưng chất đầy những bao lớn treo hai bên, trong đó có bánh mì sạch sẽ và ấm áp cùng các loại trái cây từ vườn và rau từ vườn rau. Vị thánh nói với Ravul:

– Hãy nhận lấy thức ăn này, và đừng phản bội, mà hãy trung thành.

Họ vui vẻ nhận lấy những thứ được mang đến, và Ravul, cùng các bạn của mình, ngạc nhiên nói:

– Làm sao lại có người mang thức ăn như thế này xuất hiện giữa sa mạc này? Chúng tôi đã đi cả ngày mà vẫn chỉ vừa kịp đến đây, còn người này chỉ cần ra khỏi nhà vào nửa đêm là đã có thể đến nơi này vào giờ này. Nếu quả thật ông ấy ra khỏi nhà vào nửa đêm, thì tại sao những ổ bánh mì này giờ đây vẫn còn ấm, như thể vừa mới lấy ra khỏi lò vậy?

Với sự ngạc nhiên đó, họ hỏi người vừa đến:

– Ngươi từ đâu đến và ai đã sai ngươi đến đây?

– Chúa của tôi đã sai tôi đến với các bạn để các bạn không phải chịu đói, người đến trả lời họ.

Khi họ định nói thêm điều gì đó với người này, thì ngay lập tức anh ta biến mất cùng với tất cả các loài vật đi theo, bởi vì đó chính là Thiên Thần của Đức Chúa Trời hiện thân dưới hình dạng một người bình thường. Sự kinh hoàng bao trùm tất cả mọi người, và lúc đó ai nấy đều tin vào lời của vị thánh, và càng tin hơn vào lời của Đức Kitô, rằng những ai làm việc cho Chúa thì đừng lo lắng về bất cứ điều gì, mà hãy phó thác mọi sự cho sự quan phòng của Thiên Chúa. Sau đó, họ tạ ơn Đức Chúa Trời, rồi ăn uống và nghỉ qua đêm tại đó, và ngày hôm sau trở về thành phố. Sau phép lạ này, người ta mới hiểu được vị thánh Alexander đã sống bằng gì trong suốt bảy năm, trong thời gian ngài ở sa mạc, mà không phải lo lắng gì về những chuyện đời thường. Nhờ phép lạ này, quan tổng trấn Ravul đã được củng cố đức tin mạnh mẽ và không còn chút do dự nào, ông quyết tâm tu tập trong sự suy ngẫm về Thiên Chúa. Trước hết, ông từ bỏ chức vụ của mình, sau đó bắt đầu bán tài sản và, với sự đồng ý của vợ và các con gái (vì ông không có con trai), phân phát cho người nghèo, chỉ giữ lại một phần nhỏ để nuôi sống bản thân. Vợ ông cùng các con gái đã lập một tu viện và, sau khi phụng sự Chúa tại đó bằng cả trái tim, đã được Ngài hài lòng; còn Ravul, sau khi phân phát hết tài sản và giải phóng các nô lệ của mình, đã lên sa mạc, từ đó sau vài năm, ông được chọn và được phong làm giám mục thành Edessa[4783] . Ông đã sống đủ lâu trong chức vụ giám mục và, như ánh sáng, soi sáng đoàn chiên của mình. Nhưng chúng ta hãy quay trở lại câu chuyện về Thánh Alexander.

Thánh Alexander, khi thấy thành phố mà ngài đã truyền bá đức tin thánh thiện đang thịnh vượng nhờ ân sủng của Chúa và phát triển rực rỡ, đã vui mừng trong lòng, nhưng trái tim ngài lại thôi thúc ngài trở lại sa mạc. Người dân mong muốn ngài ở lại làm giám mục cho họ và đã nài nỉ ngài về điều đó. Khi ngài không đồng ý và muốn lén rời khỏi họ, họ đã canh gác cả ngày lẫn đêm tại cổng thành để không để mất vị cha và thầy của mình. Nhưng vị thánh nhân, giống như Thánh Tông đồ Phaolô xưa kia, đã được một số môn đệ thả xuống qua tường trong một cái giỏ (xem 2 Cr 11,32), và lui về sa mạc để tìm sự tĩnh lặng mà ngài yêu mến. Ngài đi hai ngày trong sa mạc, và trên đường đi, ngài gặp một sào huyệt của bọn cướp. Bọn cướp bắt ngài và dẫn đến trước thủ lĩnh của chúng. Nhưng vị thánh nhân, bằng những lời được Thánh Thần soi dẫn, không chỉ làm dịu cơn giận dữ của tên thủ lĩnh băng cướp hung dữ và tàn bạo, mà còn làm lay động trái tim tàn nhẫn của hắn, đến nỗi hắn đã tin vào Đấng Kitô và vài ngày sau đó được soi sáng qua phép rửa thánh. Sau khi làm phép rửa cho hắn, vị thánh nhân hỏi:

[4783] Một thành phố ở phía bắc Mesopotamia, bên bờ sông Euphrates.

– Trước khi chịu phép rửa tội, ngươi đã thầm cầu xin điều gì với Thiên Chúa?

– Tôi đã cầu xin, – người được rửa tội trả lời, – rằng Chúa, sau khi tẩy sạch tội lỗi của tôi trong bể rửa tội, hãy mau chóng đón nhận linh hồn tôi.

– Điều con đã cầu xin sẽ được thực hiện, – vị thánh nói với anh ta.

Vào ngày thứ tám, khi người mới được rửa tội, sau khi được thanh tẩy trong bể rửa tội thánh, đã rửa sạch tội lỗi bằng vô vàn giọt nước mắt của sự sám hối chân thành, thì anh ta đã về với Chúa. Thấy vậy, những tên cướp khác cũng gia nhập đức tin thánh thiện, sau khi chịu phép rửa tội, họ bắt đầu sống cuộc đời với lòng sám hối chân thành; và không lâu sau, chính nơi ở của bọn cướp cũng được biến thành một tu viện, nơi những tên cướp này tu hành, từ bỏ thế gian, trở thành những tu sĩ nhiệt thành. Vị thánh nhân đã sống cùng họ một thời gian, sau khi thiết lập các quy tắc tu viện và bổ nhiệm một vị trưởng tu có kinh nghiệm cho họ, ngài đã lui về sa mạc sâu thẳm nhất, hân hoan vì sự cứu rỗi của các linh hồn con người. Ngài đi bộ hai ngày và đến sông Euphrates. Sau khi băng qua sông, ngài tìm thấy một cây có hốc rỗng rất rộng bên trong, và đã chọn khoảng trống trong cây đó làm nơi cư ngụ của mình. Vào ban ngày, ngài đi lang thang trên các ngọn núi và những vùng hoang dã, còn ban đêm thì trở về nơi cư ngụ của mình. Không cần phải hỏi ngài ăn gì, khi mà ở sa mạc, Ravula cùng các bạn đồng hành, như đã kể, đã xin bánh mì từ Thiên Chúa. Ngài đã sống tại nơi này trong một thời gian dài. Theo sự thúc giục của Đức Chúa Trời, các tu sĩ bắt đầu tìm đến ngài và định cư bên cạnh ngài, mong muốn noi gương đời sống thánh thiện như thiên thần của ngài. Thời gian ngài ở đây kéo dài hai mươi năm. Trong thời gian đó, tại một địa điểm bên bờ sông Euphrates đã hình thành một tu viện lớn, nơi quy tụ rất nhiều tu sĩ. Có tới bốn trăm tu sĩ từ các quốc gia khác nhau – từ Hy Lạp, La Mã, Syria và Ai Cập. Đức Chúa Trời đã quy tụ đàn chiên này và giao phó cho vị mục tử nhân lành là Thánh Alexander. Nhưng điều gì còn đáng ngạc nhiên hơn? Dù chỉ được chăm sóc sơ sài về thức ăn và quần áo, nhưng mỗi ngày, đông đảo các tu sĩ này đều được thỏa mãn trọn vẹn về mọi mặt. Họ không để lại gì cho ngày hôm sau, mà phân phát tất cả cho những người nghèo và khách lạ đến với họ. Sự quan phòng của Đức Chúa Trời đã ban phát thức ăn cho các tôi tớ của Ngài mỗi ngày. Tại tu viện này, tu viện đầu tiên, một nghi thức mới, chưa từng có ở đâu trước đây, đã được thiết lập: nghi thức "những người không ngủ". Thánh Alexander ban đầu quy định rằng các tu sĩ phải đến nhà thờ để ngợi khen Đức Chúa Trời bảy lần mỗi ngày, theo lời của vị tiên tri, người đã nói: *"Bảy lần mỗi ngày, con ngợi khen Ngài vì những phán quyết công chính của Ngài"* (Thi Thiên 118:164). Sau đó, chú ý đến những lời khác của cùng vị tiên tri ấy: *"Phúc cho người nào… suy ngẫm về luật pháp Ngài cả ngày lẫn đêm!"* (Thánh Vịnh 1:1–2), vị thánh suy ngẫm xem liệu con người có thực sự có thể thực hiện lời tiên tri ấy hay không, để cả ngày lẫn đêm không ngừng học hỏi luật pháp của sự ngợi khen Thiên Chúa. Nếu điều đó không thể thực hiện được, ngài tự nhủ, thì Thánh Thần đã không phán điều đó qua miệng các tiên tri. Và ngài mong muốn thiết lập trong tu viện của mình một nghi thức sao cho trong nhà thờ, cả ngày lẫn đêm, luôn có tiếng hát Thánh vịnh không ngừng nghỉ và không ngắt quãng. "Nếu," ông nói, "việc này là không thể đối với một người đơn độc trong phòng tu vì sự yếu đuối của xác thịt, thì có thể thực hiện điều đó trong nhà thờ với nhiều người, thay phiên nhau theo từng giờ." Ông suy ngẫm như vậy trong lòng, nhưng không dám bắt đầu việc này mà không có sự chỉ dẫn từ Đức Chúa Trời. Và khi nhớ lại lời của Đấng Christ: *"Hãy xin, thì sẽ được; hãy gõ cửa, thì sẽ mở cho các ngươi"* (Mt 7,7), ngài bắt đầu khẩn thiết cầu xin Chúa, xin Ngài ban cho ngài sự mặc khải, để biết liệu ý định của ngài có đẹp lòng Ngài hay không, và liệu nghi thức như vậy có được Ngài chấp nhận hay không, để như các Thiên thần trên trời, cũng như những người trên đất, đang sống trong tu viện của ngài theo nghi thức tu sĩ Thiên thần, trong nhà thờ – vốn là thiên đàng trần gian – – ngày đêm ca ngợi Đức Chúa Trời bằng những bài thánh vịnh. Về điều này, vị thánh đã cầu nguyện suốt ba năm, trong mọi đêm, tự hành xác mình bằng những hình phạt lặp đi lặp lại.

Cuối cùng, Chúa đã hiện ra trước mặt ngài và phán:

– Hãy bắt đầu điều con mong muốn, – điều đó làm Ta hài lòng.

Vị thánh nhân đã kể lại sự hiện ra của Chúa cho một số anh em tu sĩ có đức tin sâu sắc nhất trong cộng đoàn của mình, nhưng ngài không nói điều đó nhân danh chính mình, mà noi gương Thánh Tông đồ Phaolô, người đã nói về bản thân mình: *"Tôi biết một người trong Chúa Kitô, người ấy… đã được cất lên đến tầng trời thứ ba"* (2 Cr 12,2). Sau đó, vị thánh nhân bắt tay vào thiết lập nghi thức được Chúa mong muốn và chúc lành. Ngài chia các tu sĩ thành hai mươi bốn ca theo số giờ trong ngày và đêm, để mỗi người, khi biết giờ ca của mình, sẽ có mặt tại nơi hát vào thời điểm đó. Các Thánh vịnh của Đa-vít được chỉ định để hát; việc hát phải tuân theo từng câu, theo hai giọng, không vội vã, ngoại trừ thời gian diễn ra các thánh lễ thông thường của nhà thờ. Trong thời gian cử hành các nghi lễ này, nghi thức hát thánh vịnh mới được thiết lập sẽ tạm ngưng. Nhờ vậy, tại tu viện này, ngày đêm không ngừng

ca ngợi Thiên Chúa, và chính vì thế mà tu viện này được gọi là "tu viện của những người không ngủ". Vị Thánh cũng quy định số lần cúi đầu trong mỗi ngày khi hát Thánh vịnh, tương ứng với số lần tha thứ mà Chúa truyền dạy phải tha thứ cho người phạm tội – bảy mươi lần nhân bảy, tổng cộng là bốn trăm chín mươi lần. Ngoài ra, ngài còn quy định rằng sau khi kết thúc mỗi thánh lễ trong nhà thờ và tu viện, cũng như sau mỗi công việc, mọi người phải tuyên xưng: *"Vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời trên trời cao, và bình an trên đất , ân sủng nơi loài người*." Sau khi thiết lập nghi thức này trong tu viện của mình, vị thánh nhân suy ngẫm xem còn điều gì cần thiết nữa để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Và khi nhớ lại lời trong Thi thiên: *"Con sẽ dạy những kẻ phạm luật biết đường lối của Ngài, và những kẻ bất chính sẽ quay về với Ngài"* (Thi thiên 50:15), ngài quyết định rằng không chỉ cần lo cho sự cứu rỗi của bản thân, mà còn phải lo cho người khác, đặc biệt là những ai đang sống trong sự bất chính. Và vì vào thời đó, việc thờ lạy thần tượng còn rất phổ biến ở những vùng đất ấy, nên ngài đã quyết định sai một số anh em đi rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô. Ngài đã chọn bảy mươi người thông thái nhất và đặc biệt nhiệt thành với đức tin thánh thiện cho công việc này, theo số lượng các môn đệ của Chúa Kitô mà thánh Luca, tác giả Tin Mừng, đã ghi chép: *"Chúa đã chọn thêm bảy mươi [môn đệ] khác, và sai họ đi từng đôi một trước mặt Ngài đến mọi thành phố và nơi chốn mà chính Ngài định đến"* (Lc 10,1). Sau khi chọn số môn đệ như vậy để rao giảng Lời Chúa và cầu nguyện cho họ, Thánh Alexander, người noi gương Chúa Kitô, đã sai họ đi từng cặp đến các làng mạc lân cận nơi người ta thờ thần tượng. Ân sủng của Thiên Chúa đã đồng hành cùng họ nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh cha đáng kính. Công lao của họ không hề uổng phí. Họ đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo trở về với Chúa Kitô.

Sau khi tròn hai mươi năm an cư bên bờ sông Euphrates, Thánh Alexander, thấy tu viện của mình đã được xây dựng hoàn chỉnh, các tu sĩ tại đó luôn tận tụy tu hành, cũng như mọi quy tắc liên quan đến đời sống ăn chay đã được thiết lập vững chắc, nên ngài vô cùng hân hoan trong lòng và dâng lên Chúa nhiều lời tạ ơn. Sau đó, được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành mãnh liệt vì sự cứu rỗi các linh hồn loài người, ngài quyết định lên đường đến xứ Ba Tư, nơi mà sự vô thần ngoại đạo đã ăn sâu bám rễ. Ngài chọn ra 150 người trong số các tu sĩ để đồng hành, còn những người còn lại thì giao phó cho vị tu sĩ già dặn kinh nghiệm là Thánh Trophimus, phong ngài làm Bề trên, và sau khi ban bình an cùng lời chúc lành cho các tu sĩ, ngài cùng đoàn tu sĩ của mình băng qua sông Euphrates và tiến vào sa mạc hướng về biên giới Ba Tư, không mang theo gì ngoài các sách thánh. Và trên con đường đi, ngài không bao giờ ngừng việc hát Thánh vịnh liên tục theo hai điệu cùng các tu sĩ, giống như trong nhà thờ, luân phiên theo giờ, cả ngày lẫn đêm. Với mong muốn thử thách lòng kiên nhẫn của các tu sĩ đồng hành, ngài dẫn họ đi qua sa mạc, nơi không thể tìm được bất kỳ thức ăn nào ngoài những quả mọng trong rừng, và ngài chỉ cho phép họ ăn những quả đó vào những thời điểm được phép. Một số người thiếu kiên nhẫn bắt đầu than vãn, giống như dân Israel xưa kia đã than vãn với Mô-sê. Họ nói với vị thánh:

– Ngài đã dẫn chúng tôi ra sa mạc này để bỏ đói chúng tôi.

Và họ đã âm thầm toan tính quay trở lại tu viện. Số người như vậy lên đến ba mươi người. Nhìn thấu ý định của họ nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời, vị thánh nhân đã quở trách họ vì thiếu đức tin và ra lệnh cho họ quay trở lại, còn với những người còn lại, ngài nói bằng giọng vang dội:

– Hãy tin tôi, các anh em, rằng hôm nay Chúa sẽ ban cho chúng ta thức ăn dồi dào và sẽ làm cho sự thiếu đức tin phải xấu hổ. Cuối cùng, họ tiến gần đến biên giới đất nước Ba Tư, nơi các vị vua Hy Lạp-La Mã đã xây dựng những thành phố tuy không lớn nhưng được củng cố vững chắc, trong đó có cả quân đội để bảo vệ khỏi những kẻ ngoại đạo. Khi đã ở gần những thành phố này, vị thánh cùng các anh em đang đi qua sa mạc, thì bất ngờ, theo lệnh của Đức Chúa Trời, các tướng lĩnh từ những thành phố đó, được gọi là các tribune, đã ra đón ngài với một lượng bánh mì và các loại thực phẩm khác dồi dào, và họ khẩn cầu vị thánh ghé thăm các thành phố của họ và soi sáng cho họ, vì ở đó có rất nhiều kẻ phục vụ ma quỷ. Sau khi nếm thử thức ăn được dâng lên với lòng biết ơn và đuổi những ai tỏ ra thiếu đức tin và thiếu kiên nhẫn về tu viện, vị thánh đã đến các thành phố đó và nhờ ân sủng của Chúa, trong thời gian ngắn, ngài đã dẫn dắt tất cả mọi người trở về với Chúa Kitô qua lời rao giảng Tin Mừng. Tại một trong những thành phố đó, người ta không muốn chấp nhận giáo lý của ngài, đặc biệt là khi nghe ngài giảng về lòng bác ái và sự bố thí hào phóng. Những người giàu có lúc bấy giờ đã nói với ngài:

– Ngươi đến đây để biến chúng ta thành những người nghèo.

Vì thế, vị thánh đã rời bỏ họ, và Đức Chúa Trời đã trừng phạt họ bằng hạn hán. Suốt ba năm, họ không có mưa, cho đến khi họ nhận ra tội lỗi của mình. Họ bắt đầu đi tìm vị thánh; khi tìm thấy ngài đã ở Antiôkhia, họ van xin ngài tha thứ tội lỗi cho họ. Sau sự ăn năn đó, vào năm thứ tư, một cơn mưa lớn đã tưới đẫm đất đai, mang lại sự dồi dào lớn lao của các hoa màu và sự quay về của các linh hồn với Chúa. Tiếp tục hành trình qua sa mạc, vị

thánh nhân đến một thành phố tên là Palmyra, được vua Salomon xây dựng ngay tại sa mạc này. Dân cư trong thành phố này, dù tự xưng là Kitô hữu, nhưng thực chất là người Do Thái và vẫn tuân giữ Luật Cựu Ước. Khi thấy Alexander cùng các tu sĩ đang tiến đến, họ đã đóng chặt cổng thành để ngăn cản.

– Ai – họ nói – có thể nuôi sống một đoàn tu sĩ đông đảo như vậy? – và không cho họ vào.

Nhưng vị thánh nhân đã tạ ơn Chúa và nói:

– *"Tốt hơn là trông cậy vào Chúa, hơn là trông cậy vào con người"* (Thánh Vịnh 117:8). Hỡi các tu sĩ, đừng nản lòng! Chúa đã bất ngờ viếng thăm chúng ta.

Và quả thật: khi họ đã rời khỏi thành phố một quãng đường, những người ngoại đạo sống không xa nơi đây, nhờ Chúa cảm hóa lòng họ, đã ra đón họ với bánh mì và đủ loại của cải trần gian, rồi đãi họ và làm họ hài lòng. Từ đó, vị thánh nhân lên đường đến Antiôkhia. Chúa đã dẫn dắt con đường của ngài để mang lại lợi ích cho nhiều người. Và khi ngài đến gần Antiôkhia, trong khi đang thực hiện nghi thức hát thánh vịnh liên tục như thường lệ, Đức Giám mục của thành phố này là Thêôđốt đã biết tin về sự hiện diện của ngài, và danh tiếng của Thánh Alexander đã được ca ngợi và tôn kính khắp nơi. Còn ma quỷ thì xúi giục một số người xấu xa và đố kỵ, những kẻ này đã vu khống với vị giám mục về vị thánh và các tu sĩ của ngài, rằng tất cả những gì họ tuân giữ – từ việc ăn chay đến cầu nguyện – đều là giả dối, nhằm tìm kiếm vinh quang hão huyền và khoe khoang trước mặt mọi người. Vị giám mục, không phân biệt được lời vu khống giả dối, đã sai nhiều người trong số các tôi tớ của mình cùng với những kẻ vu khống đó đuổi Thánh Alexander và tất cả những ai đi cùng ngài ra khỏi thành phố một cách nhục nhã; nhưng, được Thánh Alexander dẫn dắt, đoàn người thánh thiện như các Thiên thần trần gian đã tiến vào thành phố với tiếng hát Thánh vịnh như thường lệ, đến nỗi những người được vị giám mục sai đi đã gặp họ ngay trong thành phố. Họ, như những tên cướp, đã tấn công họ, bắt giữ từng người một, đánh đập dã man và lôi ra khỏi thành phố; còn đối với Thánh Alexander, với tư cách là người đứng đầu, họ đã gây thêm thương tích và sỉ nhục. Tuy nhiên, vị Thánh và các anh em của ngài lại vui mừng vì được ân sủng chịu khổ một cách vô tội. Thánh nhân biết rằng điều này xảy ra do sự xúi giục của ma quỷ, nhằm cản trở công việc thiện lành và lợi ích mà nó mang lại cho nhiều người. Ngài tràn đầy nhiệt huyết và lại lén lút vào thành phố cùng các anh em vào ban đêm; khi tìm thấy những nhà tắm cũ nát và bỏ hoang ở đó, ngài đã hát thánh vịnh tại đó. Ngày hôm sau, vị giám mục biết được chuyện này. Dù cơn giận của ngài vẫn chưa nguôi, nhưng ngài đã bắt đầu mềm lòng, không chỉ vì kính sợ Đức Chúa Trời mà còn vì lo sợ dân chúng, bởi vì tất cả cư dân Antioch đều vui mừng trước sự hiện diện của Alexander, người mà mọi người đều tôn kính như một vị tiên tri vĩ đại, và họ vô cùng phẫn nộ với vị giám mục vì sự sỉ nhục và thương tích mà ngài đã gây ra cho vị cha thánh và các tu sĩ của ngài. Cuối cùng, chính vị giám mục cũng đã mềm lòng và ban phước cho Alexander cùng các tu sĩ của ngài được ở lại thành phố. Những nhà tắm bỏ hoang trở thành nơi cư ngụ cho họ. Nhưng không lâu sau, với sự cho phép và ban phước của vị giám mục, người dân đã xây dựng một nhà thờ cho vị thánh và lập nên một tu viện. Sau đó, nhiều người dân, không còn đến các nhà thờ của mình nữa, đã tụ tập lại để nghe thánh ca tại nhà thờ của Thánh Alexander, nhằm lắng nghe những lời răn dạy ngọt ngào như mật ong mà ngài dành cho những ai đến với ngài. Tâm hồn mỗi người đều bừng cháy tình yêu dành cho vị thánh. Mọi thứ cần thiết cho ngài và các tu sĩ đều được mang đến hàng ngày. Nhưng họ chỉ dùng bữa một lần mỗi ngày sau giờ thứ chín, còn lại tất cả đều phân phát cho người nghèo và không để lại gì cho ngày hôm sau. Chúa luôn ban cho họ thức ăn và mọi thứ cần thiết qua lòng nhân ái của những người yêu thương người nghèo. Sau một thời gian, vị thánh mong muốn có một bệnh viện và nhà trọ dành cho khách lữ hành tại tu viện của mình; sau khi xin phép và nhận được sự ban phước từ vị giám mục, ngài đã thiết lập theo ý muốn của mình. Mặc dù bản thân ngài, với tư cách là một người ăn xin, không có gì cả, nhưng những người giàu có đều dâng hiến cho ngài từ kho tàng của họ: tất cả đều vui vẻ trao cho ngài bất cứ điều gì ngài yêu cầu và luôn tận tâm thực hiện mọi việc mà ngài chỉ định. Chính vị Thánh nhân đã tự tay chăm sóc người bệnh, tự tay tiếp đón và cho những người lữ hành nghỉ ngơi, cung cấp cho họ mọi thứ cần thiết từ những khoản bố thí nhận được từ những người yêu mến Thiên Chúa, những người được Thiên Chúa hướng dẫn để thực hành việc bác ái. Ngài ban sự chữa lành cho người bệnh qua việc đặt tay, thể hiện sức mạnh vĩ đại. Và mọi người đã ngợi khen Thiên Chúa, Đấng thực hiện phép lạ qua ngài. Vị thánh nhận thấy rằng vị giám mục trong các việc làm của mình đã không hành động xứng đáng với chức tước của mình; ngài thấy cả quan tổng trấn thành phố lẫn các quan chức cao cấp khác đều hành động không đúng lẽ phải, và, được thấm nhuần lòng nhiệt thành của Ê-li đồng thời tràn đầy sự hiền lành, ngài đã can đảm và dũng cảm vạch trần những sai lầm đó, dạy dỗ họ về lẽ phải dựa trên Lời Chúa. Ngài là thầy và người hướng dẫn cho tất cả mọi người. Nhưng không phải ai cũng ưa thích lòng nhiệt thành ấy của ngài, đặc biệt là những người có quyền thế. Một số người trong hàng giáo sĩ, dù ngạc nhiên trước

đời sống đạo đức của ngài, nhưng lại vô cùng căm ghét ngài và xúi giục giám mục chống lại ngài. Vì vậy, vị giám mục đã cử một phó phó tế độc ác nhất, tên là Malch, cùng nhiều người hầu đến gặp vị thánh để đuổi ngài ra khỏi thành phố. Khi đến nơi, Malch đã giận dữ tát mạnh vào mặt vị thánh và nói:

– Hãy rời khỏi thành phố này đi, kẻ vô đạo!

Còn vị thánh, như một con chiên hiền lành, đã đáp lại ông ta một cách ôn hòa, chỉ bằng lời trong Phúc Âm:

– *"Tên người đầy tớ ấy là Malch"* (Giăng 18:10).

Và khi phó phó tế Malch cùng các đầy tớ đi theo muốn xúc phạm vị thánh nhân nặng nề hơn nữa và trục xuất ngài khỏi thành phố, thì lúc đó dân chúng đổ xô đến và xảy ra một cuộc hỗn loạn lớn; bởi vì mọi người đều bảo vệ vị thánh phụ và các tu sĩ của ngài, đến nỗi Malch và những người đi cùng hắn suýt nữa không thể thoát khỏi cơn phẫn nộ của dân chúng. Vị giám mục càng thêm giận dữ và bàn bạc với quan chỉ huy, người cũng đang tức giận với vị thánh. Sau đó, họ đưa vị thánh ra khỏi tu viện, lén lút khỏi sự chú ý của dân chúng, vào ban đêm, và trục xuất ngài đến Chalkis; họ cũng giải tán các tu sĩ của ngài, và mọi người tản mác đi khắp nơi tùy theo khả năng. Sau một thời gian, vị thánh Alexander lại được đưa trở về Antioch, bởi vì tất cả cư dân Antioch đều thương xót ngài và phàn nàn về vị giám mục và quan tổng trấn. Nhưng vị thánh, không tìm thấy các tu sĩ của mình, cũng không muốn ở lại đây và định ra đi. Biết được điều này, người dân đã canh gác ngài tại cổng thành, lo sợ ngài sẽ ra đi, bởi họ dành cho ngài tình yêu thương sâu sắc và mong muốn ngài ở lại sống cùng họ. Còn vị thánh, sau khi quyết định rời khỏi Antioch, đã thay bộ áo tu sĩ của mình, khoác lên mình bộ quần áo rách rưới, giả dạng một người ăn xin, và rời khỏi thành phố vào ban đêm. Ngài đi bộ vài ngày rồi đến tu viện Kirinphini. Tại tu viện này, ngài thấy toàn bộ trật tự tu viện mà ngài đã thiết lập tại tu viện của mình bên sông Euphrates; ngài ngạc nhiên và suy đoán rằng trật tự này đã được một trong những đệ tử của ngài mang đến đây, và ngài tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã cho ngài thấy thành quả của công lao mình ngay cả ở đất nước này. Khi các tu sĩ biết đó là Alexander, họ vô cùng vui mừng vì sự hiện diện của ngài, bởi danh tiếng của ngài đã được ca ngợi khắp nơi và họ đã mong mỏi được gặp ngài từ lâu.

Sau khi ở lại tu viện này một thời gian, vị thánh đã lên đường từ đây đến Constantinople. Chúa đã kêu gọi ngài đến đó để cứu rỗi nhiều người. Có hai mươi bốn anh em từ tu viện này đã đi cùng ngài. Khi đến Constantinople, ngài định cư tại nhà thờ Thánh Mina, và các tu sĩ bắt đầu tụ tập về với ngài. Chỉ trong vài năm, đã có tới ba trăm tu sĩ từ các dân tộc khác nhau – Hy Lạp, La Mã và Syria – tụ họp lại. Nhờ vậy, một tu viện rộng lớn đã được thành lập tại đây, và trong đó, nghi thức "những người không ngủ" đã được thiết lập. Tất cả những gì cần thiết, nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa, đều được cung cấp cho tu viện, như sẽ được thấy rõ trong phần tiếp theo. Một số người thuộc tầng lớp quý tộc, khi nghe và chứng kiến lối sống nghèo khó nhưng đồng thời cũng không có bất kỳ lo toan nào của các tu sĩ, chỉ chuyên tâm ngày đêm ca ngợi Thiên Chúa và không bận tâm đến bất cứ điều gì trần thế, ngay cả ngày mai, đã cố ý cử những người đến tu viện này để ở lại đó vài ngày và quan sát xem các tu sĩ lấy thức ăn hàng ngày từ đâu. Thánh Alexander, khi nhận ra ý định đó, đã nói với một trong những đệ tử của mình trước mặt những người được cử đến:

– Hãy đi và dẫn người đang đứng trước cổng tu viện vào đây.

Anh em ấy đi ra và thấy một người đàn ông mang theo một giỏ lớn, chứa đầy những ổ bánh mì sạch sẽ và còn ấm, rồi dẫn người đó cùng những ổ bánh mì đến gặp cha. Thánh nhân bắt đầu hỏi người ấy trước mặt mọi người: ông là ai và mang bánh mì từ đâu đến? Ngài hỏi không phải vì chính ngài không biết – đối với ngài, không có gì được giấu kín trước mặt Thiên Chúa – mà để làm xấu hổ những kẻ thiếu đức tin, những người đã đến để điều tra về đời sống và nguồn sống của tu viện. Người được hỏi liền nói:

– Tôi là người bán bánh mì. Hôm nay, khi tôi đang lấy bánh mì ra khỏi lò, có một người đàn ông toát lên ánh sáng, cao lớn và đẹp đẽ, xuất hiện trước mặt tôi và ra lệnh một cách uy nghiêm: "Hãy mang tất cả những chiếc bánh mì này đến cho các tôi tớ của Đấng Tối Cao." Trong sự kinh hoàng, tôi thưa với ngài: "Tôi không biết phải mang đến đâu." Ngài đáp: "Hãy theo ta," và tôi đã đi theo ngài. Khi đưa tôi đến cổng tu viện này, ngài bỗng biến mất.

Vị thánh nhân đứng dậy dâng lời tạ ơn Thiên Chúa, và đức tin của ngài vào Thiên Chúa cùng sự quan phòng vĩ đại của Thiên Chúa dành cho ngài đã được mọi người biết đến. Vị thánh nhân có trí tuệ sáng suốt đến mức ngài biết rõ mọi việc các tu sĩ làm, thậm chí cả những ý nghĩ thầm kín của họ. Khi có dịp, ngài riêng tư chỉ ra những lỗi lầm và với lòng từ bi như người cha, ngài sửa chữa những ai phạm tội. Ngài cũng quan tâm đến những người bệnh và đã chỉ định bốn tu sĩ trong cộng đoàn để phục vụ họ, đồng thời ra lệnh cho họ mỗi ngày phải chuẩn bị đồ uống ấm cho những ai cần trong lúc ốm đau. Và những người phục vụ đã tuân theo lệnh đó. Một ngày nọ, hay có lẽ

theo ý muốn của Đức Chúa Trời, để tỏ ra đức tin vững chắc của vị thánh đối với Đức Chúa Trời, những người phục vụ đã quên chuẩn bị đồ uống ấm cho những người bệnh. Nhận ra điều này, vị thánh nhân gọi một trong những người phục vụ lại và hỏi tại sao không hâm nóng thức uống, nhưng người đó, với ý định che giấu hành động của mình trước vị cha thánh nhân có con mắt sáng suốt, đã nói với ngài rằng họ không có củi. Vị thánh nhân bèn nói với anh ta:

– Sao sáng nay anh không nói với em về củi nhỉ? Chẳng lẽ anh đang thử lòng em sao? Thôi, đi đi: đồ uống đã ấm rồi.

Khi đến bệnh viện, anh trai quả thực đã thấy nồi nước đầy ắp, đang sôi sùng sục mà không cần lửa. Mọi người đều ngạc nhiên trước phép lạ này và lòng tin của vị tu sĩ.

Vào thời điểm đó, Giáo hội của Chúa Kitô đang bị xáo trộn bởi tà thuyết của Nestorius[4784] và kẻ thù đã lan truyền tin đồn trong dân chúng rằng vị thánh Alexander là kẻ tà giáo, bởi vì lúc bấy giờ sự sùng đạo lại bị coi là tà thuyết, còn tà thuyết lại được xem là sự sùng đạo, vì lúc đó có rất nhiều người theo tà thuyết, kể cả chính Đức Thượng phụ Nestorius. Thánh Alexander đã bị đưa ra xét xử trước những kẻ vô đạo, và khi bị chất vấn về tà thuyết mà ngài vô tội, ngài đã trả lời họ bằng những lời trong Thánh vịnh:

– *"Các quan đại thần ngồi lại và bàn mưu chống lại con, còn tôi tớ Ngài thì suy ngẫm về các điều răn của Ngài. Những lời mặc khải của Ngài là sự an ủi của con, là những người cố vấn của con"* (Thánh vịnh 118:23–24).

Khi ngài vừa nói xong, một con quỷ hiện ra và la lên: "Sao ngươi lại hành hạ ta trước thời hạn?", rồi biến mất. Sau khi trích dẫn những lời trong Thánh vịnh, vị Thánh không trả lời gì thêm với những kẻ đang tra hỏi ngài, mà chỉ cúi mắt xuống, im lặng như con chiên trước người cạo lông. Các quan tòa nổi giận và đuổi ngài ra khỏi phòng. Khi những kẻ phục vụ Satan giữa đám đông muốn giơ tay lên chống lại ngài và gây hại cho ngài, ngài, được che chở bởi sự bảo vệ của Đức Chúa Trời, đã đi qua giữa họ mà không bị tổn hại và trở về tu viện của mình, nơi các anh em đã dâng lên nhiều lời cầu nguyện cho ngài. Sau đó, kẻ thù lại tấn công ngài và xúi giục những kẻ dị giáo chống lại ngài; chúng không chỉ hành hạ chính ngài mà còn tra tấn nhiều anh em khác bằng xiềng xích, ngục tù và đòn roi; nhưng tất cả những điều đó lại chuẩn bị cho vị thánh một vương miện vinh quang, còn kẻ thù thì phải chịu sự sỉ nhục. Khi cơn bão dị giáo qua đi, vị thánh đã dành phần còn lại của cuộc đời mình trong bình an; sau khi làm đẹp lòng Chúa và dẫn dắt linh hồn nhiều người đến sự cứu rỗi, ngài đã về với Chúa[4785] khi đã cao tuổi, sau năm mươi năm tu hành, và được an táng một cách trang trọng. Những phép lạ đã xảy ra tại quan tài của ngài: trong mọi bệnh tật, người ta được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Alexander, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Cha và Thánh Thần, được tôn vinh, ngợi khen, tạ ơn và thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, đến muôn đời. Amen.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Mokia và Mark

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 7

Các thánh tử đạo này đã bị bắt và giao nộp cho tổng giám mục[4786] Maximian, người ban đầu thuyết phục họ dâng lễ vật cho các thần tượng, rồi sau đó đe dọa sẽ giết họ. Khi họ bị dẫn đến bàn thờ, một đứa trẻ nhỏ đi trước mặt họ và cản trở họ tiến lên. Vì điều này, những kẻ ngoại đạo đã vác đứa trẻ lên vai và đánh nó bằng dây cương[4787], đồng thời giáng xuống nó một trăm mười cú đánh tàn bạo. Lúc đó, đứa trẻ nói với giám mục:

– Thưa quan tổng trấn! Ngài đang dạy tôi điều xấu xa.

Các thánh tử đạo đã từ chối dâng lễ vật cho các thần tượng, vẫn kiên định trong đức tin vào Chúa Kitô và việc tuyên xưng đức tin ấy, và đầu của họ đã bị chém bằng gươm. Theo sau Thánh Moki là vợ và các con của ngài,

---

[4784] Tà thuyết Nestorius cho rằng Đức Trinh Nữ Maria không sinh ra Thiên Chúa, mà chỉ sinh ra một con người, người mà – ngoài Mẹ ra – đã kết hợp với Lời Thiên Chúa, Đấng được sinh ra từ Cha từ thuở đời đời; và sự kết hợp này chỉ mang tính đạo đức. Tà thuyết Nestorius đã bị lên án tại Công đồng Đại kết ở Êphêsô năm 431, nơi vấn đề về sự kết hợp của hai bản tính trong Đức Giêsu Kitô đã được giải quyết như sau: "Hai bản tính – thần tính và nhân tính – được kết hợp trong Đức Kitô một cách không thể tách rời và không thể hòa trộn".

[4785] Khoảng năm 430.

[4786] Trong Đế chế Hy Lạp-La Mã, các nhà cai trị các vùng mang danh hiệu "eparch".

[4787] "Podpruga" là dây đai hoặc dải vải dùng để siết chặt yên ngựa.

họ đi đến nơi hành quyết và khóc lóc, nhưng ngài bảo họ đừng khóc; còn đầu của Thánh Mark thì được vợ ngài đón nhận khi ngài, đang đứng tại nơi hành quyết, bị chém đứt[4788] .

Ngày 17 tháng 7

Ngày 4 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cũng trong ngày này, người ta kỷ niệm ngày tưởng niệm Đại công tước Andrei Bogolyubsky, người đã bị sát hại vào năm 1174.

Kỷ niệm Thánh Phụ Andrei, Tổng Giám mục đảo Crete[4789]

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 7

Thánh Andrei sinh ra tại thành phố Damascus[4790] và bị câm từ khi mới sinh cho đến năm bảy tuổi. Khi ngài cùng cha mẹ rước lễ Thánh Thể và Máu Thánh Chúa Kitô tại nhà thờ, thì trong lúc rước lễ, chứng câm của ngài đã được chữa lành và ngài bắt đầu nói được. Đức Kitô, Con Thiên Chúa đích thực, đã tự tôn vinh chính Ngài qua đôi môi của cậu thiếu niên từng bị câm này, đã cho thấy sức mạnh vĩ đại ẩn chứa trong các Bí tích Thánh Thể. Sau khi nhận được ân sủng nói năng nhờ Thánh Thể, Thánh Anrê được gửi đi học các sách Thánh, và vào năm thứ mười bốn của cuộc đời, ngài được đưa đến thành thánh Giêrusalem để phụng sự Thiên Chúa. Sau khi tiếp nhận ngài, Đức Thượng phụ Thánh Jerusalem đã đưa ngài vào hàng giáo sĩ và sau đó, vì ngài là người thông minh, đã bổ nhiệm ngài làm công chứng viên[4791] . Thánh Andrei đã sống một cuộc đời đầy đức hạnh, tuân giữ sự trong sạch, tiết độ và hiền lành, đến nỗi ngay cả Đức Thượng phụ cũng phải ngạc nhiên trước ông; ông được Chúa hài lòng và được mọi người yêu mến.

Sau nhiều năm, tại Constantinopolis, Công đồng Đại kết lần thứ sáu của các vị Thánh Phụ[4792] đã được triệu tập dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Râu Dài[4793] , nhằm chống lại tà thuyết độc ý (Monophysitism[4794]) – về tà thuyết này, quý vị có thể đọc chi tiết hơn trong cuốn tiểu sử của Thánh Maximus Confessor. Tại công đồng này, Đức Thánh Phụ Theodoros, Tổng Giám mục Giêrusalem lúc bấy giờ, đã cử vị thánh hạnh phúc Andrei – người khi đó đang giữ chức phó tế trưởng – tham dự, bởi chính Đức Thánh Phụ không thể đích thân đến công đồng tại Constantinopolis, do Giêrusalem lúc bấy giờ đang nằm dưới sự cai trị của người Hồi giáo. Nhờ ân sủng của Thánh Thần, Đấng đã tràn đầy trong ngài, Thánh Anrê lúc bấy giờ đã được các vị Thánh Phụ và chính Hoàng đế biết đến. Họ nhận thấy ở ngài không chỉ sự thông thái từ sách vở và kiến thức sâu sắc về các tín điều của Giáo Hội Chính Thống, mà còn cả một đời sống thánh thiện và hiến dâng cho Thiên Chúa. Còn đối với những kẻ dị giáo, ngài đã chứng tỏ mình là một chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô và, bằng sự nhiệt thành bảo vệ đức tin, đã giúp đỡ rất nhiều cho hội đồng các vị thánh phụ.

Sau khi Hội đồng kết thúc, Thánh Anrê trở về Giêrusalem và tiếp tục các công việc thánh thiện thường ngày của mình tại đó, theo sự ủy thác của Đức Thượng phụ, chăm sóc trẻ mồ côi, tiếp đãi những người lữ hành, và phục vụ người bệnh. Trong mọi việc này, ngài đều tận tụy và siêng năng, như thể ngài đang phục vụ chính Chúa Kitô vậy. Sau đó, dưới triều đại của Hoàng đế Justinian II[4795] , Thánh Anrê được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục

---

[4788] Thời điểm qua đời của các thánh tử đạo Mokia và Mark không rõ.

[4789] Crete (hay Candia) – hòn đảo lớn nhất trong các đảo của Địa Trung Hải; nằm ở phần phía đông của biển này, phía nam Biển Aegean. Hiện nay thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ.

[4790] Damascus – thành phố cổ nhất của Syria, đã được nhắc đến trong Kinh Thánh ngay từ câu chuyện về Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 14:15); nằm ở phía đông bắc Palestine, trên một đồng bằng xinh đẹp và màu mỡ, thuộc chân phía đông dãy núi Anti-Lebanon. – Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Damascus nổi tiếng là nơi xảy ra sự hoán cải kỳ diệu của Sa-lô-môn về với Chúa Kitô (Công vụ 9:1–22). Năm 634, thành phố này bị người Ả Rập chinh phục; từ năm 1516, nó được sáp nhập vào Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ.

[4791] Thư ký.

[4792] Năm 680,

[4793] Constantine IV (Pogonatus) trị vì từ năm 668 đến năm 685.

[4794] Tà thuyết của những người theo chủ nghĩa đơn tính (Monothelitism) nằm ở chỗ, mặc dù họ thừa nhận hai bản tính trong Chúa Giê-su Christ, nhưng họ chỉ công nhận Ngài có một ý chí duy nhất.

tại đảo Crete. Tại đây, ngài là ngọn đèn soi sáng thế gian, chiếu rọi Hội Thánh Chúa Kitô bằng giáo lý được Thánh Thần soi dẫn và đời sống đạo đức của mình. Là một vị tu sĩ bất khả chiến bại, khiến ma quỷ phải khiếp sợ (vì ngài đã trừ tà chúng), Thánh Anrê là nỗi kinh hoàng đối với những kẻ dị giáo. Không chỉ những kẻ thù vô hình, mà cả những kẻ thù hữu hình cũng bị xua đuổi bởi những lời cầu nguyện của ngài.

Một lần nọ, những kẻ Saracen đến bằng thuyền đã tấn công đảo Crete và bao vây thành phố có tên là Drumeos, nơi các Kitô hữu cùng với vị mục tử của họ, Thánh Andrei, đã tự nhốt mình lại. Nhưng quân Saracen chiến đấu không thành công và phải rút lui trong nhục nhã, không phải bị đánh đuổi bởi vũ khí, mà bởi những lời cầu nguyện của vị thánh – mạnh mẽ hơn bất kỳ vũ khí nào – mà ngài đã dâng lên Thiên Chúa trong nước mắt, và bằng những lời cầu nguyện ấy, ngài đã đâm thấu kẻ thù như những mũi tên. Những lời cầu nguyện của ngài có sức mạnh to lớn: nhờ chúng, trong thời kỳ khô hạn và thiếu mưa, ngài đã khiến mưa rơi xuống, tưới mát vùng đất Crete và mang lại sự màu mỡ cho vùng đất này.

Thánh Anrê, vị thánh của Chúa Kitô, đã viết nhiều tác phẩm được Thánh Thần soi dẫn và một bài thánh ca vĩ đại, được hát vào thứ Năm của tuần thứ năm Mùa Chay, cùng với các bài thánh ca khác. Ngài đã làm rạng rỡ Giáo hội bằng những bài thánh ca và tôn vinh Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, bằng vô số lời ca ngợi[4796] . Vì một số nhu cầu của Giáo hội, ngài từng đến Constantinople và tại đây, ngài đã trở thành người hữu ích cho nhiều người. Ai nấy đều say mê khi được chiêm ngưỡng ngài và lắng nghe những lời nói ngọt ngào như mật ong, nhờ đó tâm hồn họ được thăng hoa. Chính vì thế, tất cả những ai khao khát sự cứu rỗi cho linh hồn mình đều đổ xô đến với ngài. Khi định trở về từ Constantinople đến Crete, vị thánh đã tiên đoán được ngày qua đời của mình và nói với những người bạn thân thiết của ngài về Chúa Kitô rằng ngài sẽ không còn được nhìn thấy Crete nữa. Sau khi chia tay họ bằng nụ hôn cuối cùng, ngài lên tàu và lên đường. Khi đến đảo Mytilene, ngài lâm bệnh, và tại một nơi tên là Ieris, ngài đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa[4797] .

Thánh Anrê đã chăn dắt với vinh quang đàn chiên Lời Chúa được giao phó cho ngài, và được xếp vào hàng các thánh giám mục, những vị đứng trước ngai vàng của Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà vinh quang được dâng lên muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Khi cất lên những bài thánh ca thiêng liêng trong trẻo, ngài đã hiện ra như ngọn đèn sáng nhất của thế gian, tỏa sáng ánh sáng của Ba Ngôi, thánh Andrei kính yêu. Vì vậy, tất cả chúng con cùng kêu cầu ngài: xin đừng ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Cuộc đời của Thánh Martha công chính[4798]

Ngày kỷ niệm: 4 tháng 7

Thánh nữ công chính Martha sinh ra tại thành phố Antioch. Cha mẹ ngài là những Kitô hữu đạo đức. Họ khuyên ngài kết hôn, nhưng ngài, mong muốn sống đời trinh khiết, đã không đồng ý. Tuy nhiên, một thị kiến thiêng liêng tại nhà thờ Thánh Gioan Tiền Hô đã khiến ngài phải vâng lời cha mẹ và kết hôn. Nhờ ân sủng thiêng liêng mà bà đã được báo trước (như được mô tả chi tiết trong cuốn tiểu sử của Thánh Simeon Đấng Thần Thánh), đó là sự hiện ra của Thánh Gioan Tiền Hô, – Martha đã thụ thai một người con trai, đó là Thánh Simeon. Sau khi sống với chồng được vài năm, bà góa chồng và đã nuôi dạy đứa trẻ với tất cả sự tận tâm, nghiêm ngặt tuân theo lời

---

[4795] Justinian II trị vì từ năm 685 đến năm 695.

[4796] Thánh Anrê, Tổng Giám mục đảo Crete, là tác giả của khoảng 20 bài giảng mang tính chất giáo huấn trong Giáo hội. Trong số các bài thánh ca do ngài sáng tác, quan trọng nhất phải kể đến Thánh ca sám hối vĩ đại, được hát từng phần trong Thánh lễ chiều của Tuần thứ nhất Mùa Chay, và hát trọn vẹn trong Thánh lễ sáng vào thứ Năm của Tuần thứ năm.

[4797] Thánh Andrei, Tổng Giám mục đảo Crete, đã qua đời vào năm 712.

[4798] Cần lưu ý rằng Thánh Martha công chính, mẹ của Thánh Simeon Đỉnh Núi, đã qua đời vào ngày thứ năm của tháng này; nhưng vì nghi thức tưởng niệm bà được ghi trong Sách Lễ (Minei) vào ngày thứ tư này, và trong Phần Mở Đầu (Prologue) cũng đọc Sách Thánh Nhân (Synaxarion) của ngày này, nên vì lý do đó, tiểu sử của bà được đặt vào ngày thứ tư của tháng Bảy.

dạy của Thánh Tiền Hô trong việc giáo dục con. Martha luôn cầu nguyện với Chúa cho con trai mình, để Ngài nhận con vào phục vụ Ngài, giống như xưa kia Ngài đã nhận Samuel từ nữ tiên tri Anna.

Một lần nọ, khi Martha đang suy ngẫm về cậu bé và những gì sẽ xảy ra với cậu khi cậu lớn lên, cô đã thấy một hình ảnh như sau trong giấc mơ. Cô cảm thấy như mình có đôi cánh và đang bay lên cao, ôm đứa trẻ trong tay và dâng nó lên làm lễ vật cho Chúa với những lời:

– Con ơi, chính sự thăng hoa như thế này là điều mẹ mong được chứng kiến!

Xin Đấng Tạo Hóa của con hãy để con ra đi trong bình an, vì con, nhờ được ân sủng dâng lên Ngài thành quả của lòng con, đã nhận được ân sủng từ Ngài!

Cơn thị kiến này, cũng như những sự mặc khải trước đây, Thánh Martha đã cất giữ trong lòng và tạ ơn Thiên Chúa. Bà luôn ở trong nhà thờ của Thiên Chúa, không bao giờ vi phạm các quy tắc của nhà thờ – đó là lý do bà sống gần nhà thờ; – bà là người đến nhà thờ sớm nhất để nghe thánh ca và là người ra về muộn nhất. Bà có thói quen đạo đức là đến dự thánh lễ lễ hội, bất kể nó được cử hành ở đâu, trong các thánh đường; với sự chú tâm sâu sắc và lòng ăn năn, bà đứng tham dự các buổi cầu nguyện suốt đêm, rơi lệ và thường xuyên rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô. Bà rước lễ một cách trang nghiêm đến mức nào – điều này được chứng minh qua việc sau khi rước Thánh Thể , khuôn mặt bà bừng sáng bởi một ánh sáng kỳ diệu, giống như khuôn mặt của Mô-sê xưa kia. Mỗi đêm tại nhà mình, khi đồng hồ điểm nửa đêm, Martha thức dậy để cầu nguyện, bà thực hiện việc này với tất cả sự nồng nhiệt của tâm hồn, nước mắt tuôn rơi ướt đẫm khuôn mặt; toàn bộ tâm trí bà đều đắm chìm trong Thiên Chúa, Đấng mà bà yêu mến bằng tất cả sức mạnh của linh hồn; bà vô cùng nhân ái với những người nghèo khổ, cho những người đói khát ăn và cho những người trần truồng mặc. Thường xuyên đến thăm các bệnh viện, bà tận tay chăm sóc người bệnh, và dành những bộ quần áo do chính tay bà may ra từ thành quả lao động của mình để lo tang lễ cho những người sắp qua đời. Cô cũng tặng những bộ quần áo trắng do chính tay mình may cho những người sắp chịu phép rửa tội. Cô hiền lành, khiêm nhường và không hề có lòng oán hận đến mức chưa ai từng thấy cô nổi giận, cãi vã với ai, hay buồn bã. Hơn nữa, bà kiềm chế lời nói, chỉ nói khi thật sự cần thiết. Bà rất yêu thích sự im lặng, vì nó rèn luyện tâm trí hướng về Chúa; không ai nghe thấy từ miệng bà lời nói vô ích, dối trá hay bất cứ điều gì không đẹp lòng Chúa, mà từ kho tàng thánh thiện trong lòng, bà đã truyền tải những điều tốt lành qua chính đôi môi mình. Thánh Martha cũng là người hòa giải giữa những người đang giận dữ, là người khuyên răn những ai sống không đúng đắn, và là tấm gương về cuộc sống trong sạch, kính sợ Chúa và làm đẹp lòng Chúa cho tất cả mọi người – không chỉ phụ nữ mà cả nam giới. Bà còn tràn đầy nhiều đức tính tốt đẹp khác, mà không thể kể ra hết chi tiết. Chứng cớ đủ cho cuộc đời công chính của bà chính là sự thánh thiện vĩ đại của Thánh Simeon, người con trai bà sinh ra, bởi vì chỉ có một người phụ nữ như vậy mới xứng đáng làm mẹ của một người con như thế.

Khi Thánh Simeon đã tu hành trên cột Đivnogorsk[4799] , sau khi cầu nguyện nửa đêm, trong lúc chợp mắt nhẹ, Martha đã có một thị kiến như sau. Thánh Gioan Tẩy Giả đã hiện ra với bà cùng với Thánh Tông Đồ Timôthê; bà Martha, sau Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, dành lòng sùng kính đặc biệt cho ngài và hằng ngày cầu nguyện với lòng tin – và ngài đã nói với bà:

– Ta luôn cầu thay cho con trước mặt Thiên Chúa và sẽ không bao giờ bỏ rơi con.

Lúc đó, Martha, vừa kinh hoàng vừa vui mừng, bừng tỉnh khỏi giấc mơ ấy, trong sự kính sợ đã ngợi khen Thiên Chúa và kể lại điều đó cho con trai mình, vị thánh Simeon, người mà thỉnh thoảng bà đến thăm. Khi đến nơi và thấy xung quanh cột của vị thánh có rất nhiều người bị các loại bệnh tật ám ảnh, tụ tập ở đây với hy vọng được chữa lành, cùng với nhiều phép lạ xảy ra nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, Martha không hề kiêu ngạo trong tâm trí, mà nhìn vào những điều đó với sự kính sợ đặc biệt, e rằng kẻ thù của sự cứu rỗi chúng ta có thể giăng bẫy trước mặt con trai bà; vì thế, bà đã khóc lóc cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, xin Ngài giải cứu con trai bà khỏi mưu mô xảo quyệt của kẻ thù. Đồng thời, bà nói với vị thánh:

– Con yêu quý của mẹ! Vì tất cả những điều này, chúng ta phải tôn vinh Đức Chúa Trời, Đấng đang hành động qua con. Còn con, hãy nhớ đến sự yếu đuối của mình và hãy hết sức cẩn trọng với trái tim mình!

Vị thánh nhân vui vẻ lắng nghe những lời khuyên nhủ của mẹ mình và, với tâm hồn hân hoan vì cuộc đời thánh thiện của bà, – ngài dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời.

[4799] Núi Thánh, nơi Thánh Simeon Cột Sống tu hành, nằm gần Antioch thuộc Syria và Seleucia.

Khi Thánh nữ Martha đã sống nhiều năm trong các đức hạnh và cuối cùng được lòng Chúa, thì một năm trước khi qua đời, trong lúc dâng những lời cầu nguyện nồng nhiệt vào nửa đêm lên Chúa, bà đã rơi vào trạng thái hân hoan và nhìn thấy vô số các thiên thần đang hân hoan, tay cầm nến và nói với bà:

– Sau một năm nữa, chúng tôi sẽ đón nhận chị, người đã thoát khỏi thân xác, đến nơi an nghỉ mà Chúa đã chuẩn bị sẵn cho chị.

Điều tương tự cũng được mặc khải cho Thánh Simeon. Ngoài ra, một trong những anh em của ngài còn có thị kiến sau đây:

Anh ta thấy Đức Mẹ Thiên Chúa, Đức Trinh Nữ Maria, ngự trên ngai vàng trong vinh quang, trong khi thánh Martha, với hai tay giơ lên hướng về Đức Mẹ theo hình chữ thập, đã biến thành một cây thánh giá bằng vàng và tỏa sáng như những tia nắng mặt trời, đang đứng trước mặt Đức Mẹ. Toàn thân bà hiện ra như một cây thánh giá rực rỡ, chỉ có khuôn mặt bà là có thể nhận ra phía trên cây thánh giá. Ứng kiến này đã được truyền lại cho Thánh Simeon. Ông nói rằng điều này là dấu hiệu báo trước sự ra đi sắp tới của người mẹ đáng kính của ông.

Khi năm cuối cùng của cuộc đời thánh thiện của Thánh Martha sắp kết thúc, bà đến thăm con trai mình, vị thánh Simeon; Simeon nói với bà:

– Xin mẹ ban phước cho con, hỡi mẹ của con, như Áp-ra-ham đã ban phước cho Y-sác!

– Chính vì thế mà con mới đến đây – vị thánh đáp lại – để được nhận lời chúc phúc và những lời cầu nguyện của con. Cuộc đời mẹ chỉ còn ba tháng nữa thôi, và mẹ sẽ về với Chúa, Thiên Chúa của mẹ, Đấng đã đưa con ra khỏi lòng mẹ. Xin Ngài ban phước lành và ân sủng của Ngài cho con, để con có thể hoàn thành tốt đẹp công việc cao cả mà con đã khởi sự, và xin Chúa cho con được xứng đáng với Nước Trời của Ngài.

Nói xong những lời ấy, thánh nữ Martha khóc trong sự xúc động sâu sắc. Các anh em có mặt tại đó cũng khóc theo, vì họ vô cùng buồn bã khi nghe tin rằng chỉ ba tháng nữa, họ sẽ không còn được nhìn thấy khuôn mặt của Martha nữa. Các anh em nói:

– Xin linh hồn chị được sống mãi và ngợi khen Chúa!

Còn bà thì khẳng định lại lời mình, lặp lại:

– Nếu không như tôi đã nói, thì hãy coi tôi, người tôi tớ của các anh, là kẻ dối trá.

– Bây giờ chúng tôi xin sự chúc lành của chị, – Thánh Simeon nói với chị, – những lời này của chị khiến lòng chúng tôi đau xót.

– Các ngươi được Chúa chúc phúc, – vị thánh nữ đáp lại, – những ai chúc phúc cho các ngươi cũng được chúc phúc.

Nghe những lời ấy, tất cả những người có mặt đều cúi đầu kính lạy bà. Phía bà, sau khi cúi đầu kính lạy họ, bà trở về Antiôkhia, về nhà mình.

Ngày hôm sau, sau khi mẹ ngài qua đời, Thánh Simeon đã triệu tập những anh em có kinh nghiệm nhất và nói với họ:

– Quả thực, thời khắc bà chủ và mẹ tôi rời bỏ cõi trần đang đến gần. Đêm qua, tôi đã thấy trong một giấc mơ một ngai vàng được đặt trước mặt tôi và mẹ tôi đang ngự trên đó, trong khi tất cả chúng tôi đứng xung quanh bà, và bà đã giảng dạy cho chúng tôi những lời đầu tiên của Thánh vịnh: *"Phúc cho người không đi theo lời khuyên của kẻ gian ác"* (Thánh vịnh 1:1) và những câu khác trong Thánh vịnh đó. Trong lúc ấy, bà đã nói với chúng tôi như một người mẹ nói với các con mình, cùng nhiều lời khuyên răn khác. Sau đó, bà đứng dậy và đi trước chúng tôi vào nhà thờ, tay cầm cây thánh giá rực rỡ, còn chúng tôi, vừa hát những bài Thánh vịnh đầy xúc động, vừa theo sau bà.

Sau đó, chỉ vài ngày trước khi qua đời, Martha lại đến gặp Thánh Simeon để chia tay lần cuối. Lúc đó, bà kể cho ngài nghe về tất cả những sự mặc khải thiêng liêng mà bà đã nhận được trong suốt cuộc đời mình; bà cũng cho ngài biết về những công lao và việc làm cao cả mà bà đã âm thầm thực hiện để tôn vinh danh Chúa. Đêm đó, bà đã ở lại đó. Trong một giấc mơ, bà có cảm giác như mình được đưa lên cao ngất trời và nhìn thấy một cung điện kỳ diệu và rực rỡ, vẻ đẹp của nó đến nỗi không ai có thể diễn tả bằng lời. Trong khi bà đang đi dạo trong cung điện ấy và ngạc nhiên trước công trình không do tay người tạo nên, bà đã thấy Đức Trinh Nữ Maria cùng với hai Thiên Thần rực rỡ, Người hỏi bà:

– Sao con lại ngạc nhiên thế?

Cô liền kính cẩn cúi đầu chào Đức Mẹ với lòng kính sợ và niềm vui, rồi đáp:

– Con ngạc nhiên, thưa Đức Mẹ, vì trong suốt cuộc đời mình, con chưa từng thấy trên trần gian một cung điện kỳ diệu đến thế.

– Theo con nghĩ, cung điện ấy được chuẩn bị cho ai? – Đức Mẹ Vô Nhiễm hỏi.

– Con không biết, thưa Đức Mẹ, – Martha đáp.

Rồi Đức Mẹ nói với bà:

– Chẳng lẽ con không biết rằng nơi an nghỉ này, do con trai con dựng lên và nơi mà từ nay con sẽ ở lại mãi mãi, là nơi đã được chuẩn bị sẵn cho con sao?

Nói xong, Đức Mẹ Trinh Khiết ra lệnh cho các Thiên thần, và họ đặt một ngai vàng tuyệt đẹp giữa căn phòng; sau đó, Người nói với vị thánh:

– Vinh quang này được ban cho con, vì con đã sống một đời đẹp lòng Chúa trong sự kính sợ Chúa. Con có muốn thấy điều vinh quang hơn nữa không? – sau đó Đức Mẹ hỏi Ma-phá.

Nói xong, Mẹ Thiên Chúa ra lệnh cho bà theo Ngài. Khi lên đến những nơi cao nhất trên trời, Mẹ Thiên Chúa chỉ cho bà thấy đại sảnh đầu tiên, kỳ diệu và sáng chói vô song, tràn ngập vinh quang thiên đàng, vẻ đẹp của nó vượt quá khả năng hiểu biết của trí tuệ con người và không thể diễn tả bằng lời.

– Và căn phòng này – Đức Mẹ Vô Nhiễm nói – là do con trai của con xây dựng, và chính anh ấy cũng đã bắt đầu xây dựng căn phòng thứ ba rồi.

Nói xong, Mẹ dẫn cô ấy về phía mặt trời mọc và chỉ cho cô ấy thấy những ngôi làng thiên đàng từ trên cao, cùng vô số đoàn ca nam nữ đang hân hoan ca hát trong đó.

– Những nơi này, – Đức Mẹ nói thêm, – Con Ta đã ban tặng cho những ai đã sống trong sự trong sạch và công chính, tuân giữ các điều răn của Chúa, và với lòng nhiệt thành đã ban phát những ân huệ dồi dào; chính vì thế mà họ cũng được Chúa ban ân sủng: *"Vì phước cho những ai thương xót, vì họ sẽ được thương xót"* (Mt 5:7).

Đó là thị kiến của Thánh Martha, mà bà đã kể lại cho con trai mình nghe.

Hôm đó là ngày Chủ nhật, và Martha đã rước Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô, khuôn mặt bà rạng ngời bởi ân sủng của Thiên Chúa và niềm vui thiêng liêng khôn tả, những điều đã tràn ngập tâm hồn bà khi bà nhận được tin về sự ra đi và sự cứu rỗi của mình. Suốt cả ngày hôm đó và đêm tiếp theo, thánh nữ Martha đã dành một phần thời gian để trò chuyện thân mật và đầy cảm hứng với con trai đáng kính của mình, một phần khác để dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện nồng nhiệt và đẫm lệ. Vào thứ Hai, sau khi ban bình an, phước lành và lời từ biệt cuối cùng cho con trai mình cùng tất cả các môn đệ của ngài, bà, trong tiếng khóc thảm thiết của họ, đã chia tay họ và lên đường đến ngôi làng mang tên Tivirinth, cách Núi Divna ba dặm – nơi có nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả. Tại đây, bà đã dâng lên những lời cầu nguyện dồi dào, rồi sức khỏe của bà bắt đầu suy yếu. Người dân trong làng này rất kính trọng Thánh nữ Martha; vì vậy, họ đã mời bà đến nghỉ ngơi tại nhà họ sau những vất vả. Và quả thực, ngày hôm đó và đêm tiếp theo, bà đã nghỉ ngơi tại nhà họ, trong khi sức khỏe của bà càng suy yếu hơn. Sau đó, vào thứ Ba, bà được đưa bằng xe ngựa về nhà mình ở Antioch, nằm tại vùng ngoại ô Daphne của thành phố. Trong lòng, bà tha thiết cầu nguyện với Chúa, rơi những giọt nước mắt dạt dào và mang trong mình niềm hy vọng vững chắc về sự cứu rỗi của mình, bà đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa vào ngày thứ năm của tháng Bảy năm[4800] . Trước khi qua đời, bà đã di chúc rằng thi thể của bà phải được chôn cất tại nơi dành cho những người lữ hành và người ăn xin. Nhưng con trai thánh thiện của bà là Simeon, sau khi nhận được sự mặc khải từ Đức Chúa Trời về sự ra đi của mẹ mình và đã sai một số môn đệ của mình, đã chuyển thi thể bà về Núi Divna, để an táng bên cạnh cột tu của mình. Người ta cũng kể về Thánh Martha rằng khi linh hồn thánh thiện của bà về với Chúa, một số người đang ở gần thi hài tôn kính của bà đã thấy khuôn mặt bà mỉm cười vui sướng và nghe thấy những lời phát ra từ miệng bà:

– Con đã nhận được ân sủng lớn lao từ Thiên Chúa và đang ngự trong ánh sáng và niềm vui khôn tả.

Những người xung quanh, kinh hoàng, nghĩ rằng vị thánh đã nhận được ân sủng từ Chúa vì con trai mình. Nhưng trước những suy nghĩ ấy, vị thánh đã nói rằng bà được tôn vinh không phải vì con trai, mà là vì cuộc đời đạo đức của chính mình, bởi vì vì Chúa, bà đã thể hiện sự kiên nhẫn vĩ đại trong việc kiêng khem và những công việc ăn chay, siêng năng tuân giữ các điều răn của Ngài và từ tận đáy lòng yêu mến Đức Mẹ, Đấng đã sinh ra Chúa.

Thi hài của Thánh Martha đã được rước từ vùng ngoại ô Daphne của Antioch lên Núi Divna với sự tôn kính cao cả vào ngày thứ Sáu. Đám đông dân chúng Antioch, cùng các linh mục cầm lư hương, nến và hát thánh vịnh, đã

[4800] Thánh Martha qua đời vào năm 551.

tiễn đưa bà như một vị thánh được Chúa yêu mến. Những người khiêng quan tài chứa thi hài của bà đã làm chứng rằng họ không cảm thấy nặng nề khi khiêng. Trong khi thi hài người chết thường có trọng lượng tự nhiên, thì thi hài thánh thiện này lại nhẹ một cách kỳ lạ, như thể tự nó đang lơ lửng trên không trung. Một thanh niên trong đám đông, con trai của công dân danh dự Antony, tên là Sergius, khi chứng kiến lễ tiễn đưa long trọng này và đám đông chen chúc quanh quan tài – có người hăng hái dùng vai đỡ quan tài, có người lại mong muốn chạm vào thi thể thánh thiện – đã thầm cười và tự nhủ:

– Chạm vào thi thể người chết thì có ích gì?

Và ông rời khỏi đó. Ngay lập tức, ông lâm vào cơn bệnh nặng đến nỗi thậm chí mất cả khả năng nói; căn bệnh này kéo dài đến ba mươi ngày, và chỉ khi đứng trước quan tài của vị thánh, ông mới được chữa lành – điều này sẽ được đề cập chi tiết hơn ở phần sau.

Khi thi hài thánh thiện được rước về tu viện của Thánh Simeon, nằm ngay bên cột tu của ngài, thì mọi người bắt đầu cử hành thánh lễ suốt đêm. Cùng đêm đó, Martha hiện ra trước hai vị môn đệ của Thánh Simeon trong bộ áo sáng chói và khuôn mặt rạng rỡ. Các môn đệ vô cùng kinh hãi, vì biết rằng bà đã qua đời. Bà liền nói với họ:

– Đừng sợ, vì Chúa không xếp tôi vào số những người đã chết, mà là vào số những người còn sống. Tôi đến để giúp các anh chống lại ma quỷ, để các anh, sau khi chiến thắng nó, sẽ được sự sống đời đời.

Nói xong những lời ấy, bà bỗng trở nên vô hình. Khi ngày Sabát đến, đông đảo dân chúng từ các làng mạc và thôn xóm lân cận, cùng với các linh mục và tu sĩ, đã tụ tập để an táng vị thánh. Họ nhận thấy khuôn mặt của vị thánh trong quan tài không hề mang vẻ xác chết, mà trông như một thiếu nữ trẻ trung, rạng ngời vẻ đẹp và toát lên ân sủng. Thi thể của bà cũng không tỏa ra mùi hôi thối thường thấy ở người chết, dù đã là ngày thứ tư kể từ khi bà qua đời. Trong tiếng hát của các bài thánh ca theo nghi thức, thi thể của bà đã được an táng một cách trang trọng trước cột thánh của Thánh Simeon theo lệnh của ngài, để ngài luôn có thể nhìn thấy quan tài của mẹ mình. Khi ngày thứ Bảy trôi qua và họ bắt đầu cử hành thánh lễ Chúa Nhật, một người trong đám đông tên là Gioan, vốn là người đọc kinh trong nhà thờ, đã chợp mắt và thấy Thánh Martha, khuôn mặt rạng ngời, đang leo lên cầu thang dẫn đến cột của Thánh Simeon, còn trên quan tài của bà, ông thấy cỗ xe Cherubim được kéo bởi những sinh vật sáu cánh. Sau đó, ông đã kể lại thị kiến này cho vị thánh với lời thề.

– Hỡi con, – vị thánh nhân đáp lại Gioan, – hãy ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban cho con thị kiến về cỗ xe của các Thiên thần Cherubim. Còn mẹ con và ta đều được thụ thai và sinh ra trong tội lỗi, và chúng ta cần đến lòng thương xót của Thiên Chúa.

Sau đó, cha mẹ của Sergius – người đã chế giễu lễ tiễn đưa thi hài Thánh Martha và vì thế mà bị bệnh đột ngột – đã đến gặp vị thánh Simeon; họ khóc lóc và cầu nguyện, xin ngài chữa lành cho con trai họ, giống như cách ngài đã chữa lành bệnh tật cho nhiều người khác.

– Hãy đi đi, – vị thánh nói với họ, – hãy hỏi con trai các vị về nguyên nhân bệnh tật của nó: nó đã có thể nói được rồi, vì hiện tại tình trạng của nó đã nhẹ hơn.

Sau đó, cha mẹ trở về nhà và hỏi con trai về căn bệnh của cậu.

Cậu bé trả lời:

– Căn bệnh nặng nề này ập đến với con vì con đã thiếu tôn kính trong lễ rước thi hài của Thánh Martha, đã quay mặt đi khỏi bà và không chịu khiêng quan tài của bà trên vai.

Lúc đó, cha mẹ đã cho con trai lên xe ngựa và đưa cậu đến Núi Divna gặp vị tu sĩ. Vị tu sĩ ấy bảo họ hãy tìm sự chữa lành bên quan tài của mẹ ngài. Và khi họ khóc lóc cầu nguyện bên quan tài thiêng liêng của bà, người bệnh lập tức đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh, như thể chưa từng bị bệnh bao giờ.

Sau khi an táng vị thánh nữ, các tu sĩ đã lập nên truyền thống thắp đèn trên mộ của bà, để ngọn đèn ấy, vì lòng tôn kính vị thánh, luôn cháy sáng cả ngày lẫn đêm. Một thời gian sau, do sự lơ là, các tu sĩ đã ngừng thắp đèn. Tuy nhiên, khi nhận thấy điều này, Thánh Simeon vẫn im lặng, không ra lệnh gì về ngọn đèn, để các môn đệ của ngài không nghĩ rằng ngài quá tôn kính mẹ mình sau khi bà qua đời.

Vào thời điểm đó, người quản lý tu viện bị bệnh nặng, đến mức gần như sắp chết. Vào nửa đêm, Thánh Martha hiện ra trước mặt người bệnh và nói:

– Tại sao các con không thắp đèn cho ta? Hãy biết rằng ta không cần ai thắp nến cho ta, vì ta đã được Thiên Chúa ban cho ánh sáng vĩnh cửu trên trời; nhưng dù vậy, khi các con thắp đèn bên quan tài của ta, các con làm điều đó vì sự cứu rỗi của chính mình, vì khi đó các con khích lệ ta cầu thay cho các con trước mặt Chúa.

Khi nói những lời này, vị thánh cầm trong tay phải một hạt ngọc sáng chói – một mảnh Thân Thể ban sự sống của Chúa Kitô; sau khi chạm mảnh Thân Thể ấy vào người bệnh, bà nói:

– Hãy sống và khỏe mạnh nhờ điều này.

Nói xong, bà bỗng biến mất. Người bệnh lập tức đứng dậy khỏe mạnh và đi đến mộ thánh nữ; ông quỳ sấp xuống, nước mắt tuôn trào ướt đẫm mặt đất, một mặt xin tha thứ vì sự lơ là của mình, mặt khác tạ ơn vì đã được chữa lành. Sau đó, ông sắp xếp để ngọn đèn không bao giờ tắt luôn cháy sáng trước mộ thánh nữ. Tại mộ thánh cũng xảy ra nhiều phép lạ khác: người mù được sáng mắt, quỷ dữ bị trục xuất khỏi con người, và những sự chữa lành nhanh chóng được ban cho khỏi mọi bệnh tật nhờ những lời cầu nguyện của Thánh nữ công chính Martha và nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang được dâng lên cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Đứng trước mặt Chúa trong những lời cầu nguyện, dâng lên Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, những bài ca và lời ngợi khen, thánh Martha đáng kính, ngài đã sinh ra một thiếu niên thánh thiện, Simeon vĩ đại, ngọn đèn soi sáng toàn thế giới; xin ngài cùng với ngài luôn cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Theodotus và Theodotia.

Ngày kỷ niệm: 4 tháng 7

Các thánh tử đạo của Chúa Kitô là Theodotus và Theodotia, vì đã tuyên xưng Chúa Kitô, đã bị bắt theo lệnh của hoàng đế vô đạo Trajan[4801] . Họ bị ép buộc phải từ bỏ Thiên Chúa chân thật và dâng lễ vật cho các thần tượng, nhưng họ không chịu khuất phục. Vì lý do đó, họ phải chịu đủ loại hình tra tấn, sau đó bị giam vào chính ngục tối nơi Thánh Tử đạo Giakintô của Chúa Kitô từng bị giam giữ. Thánh Giakintô đã dạy dỗ và củng cố đức tin nơi Chúa Kitô cho họ, và các lính canh ngục đã tâu báo việc này lên hoàng đế Trajan. Khi thánh Gia-cô-bê qua đời, thánh Thê-ô-đô-tô và thánh Thê-ô-đô-ti-a được dẫn ra khỏi ngục tối và được đưa ra trước mặt hoàng đế. Hoàng đế bắt họ phải ăn thức ăn dâng cho thần tượng, nhưng thay vì tuân theo yêu cầu của ông, họ đã vạch trần sự lầm lạc vô đạo của việc thờ thần tượng. Sau đó, họ bị treo cổ và thi thể của họ bị đốt bằng nến; rồi sau khi được tháo xuống khỏi cây, đầu họ bị chém bằng gươm. Sau khi qua đời, các thánh tử đạo đã nhận được sự sống đời đời và sự an nghỉ hạnh phúc, còn thi thể thánh thiện của họ được chôn cất tại chính nơi họ đã chịu tử đạo[4802] .

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theodorus, Giám mục Cyrene

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 7

Thánh Tử đạo Phê-ô-đô-rô sống dưới triều đại của Hoàng đế Diocletian[4803] tại thành phố Kyri-nê[4804] , thuộc vùng Lybia[4805] và cũng là quê hương của Si-môn người Kyri-nê[4806] . Ngài rất giỏi viết các tác phẩm và, sau khi đạt đến đỉnh cao trong nghệ thuật này, đã để lại cho các nhà thờ nhiều cuốn sách do chính tay ngài viết. Vì vậy, con trai ruột của ngài là Ley đã tố cáo ngài với vị thống đốc[4807] Divilianus, rằng ngài, nhờ có những cuốn sách, đã khiến nhiều người từ bỏ việc thờ cúng các vị thần để theo đạo Kitô. Do lời tố cáo này, Thánh Theodorus bị dẫn đến

---

[4801] Hoàng đế Trajan trị vì Đế quốc La Mã từ năm 98 đến năm 117.

[4802] Năm qua đời của các thánh tử đạo Theodotus và Theodotia không rõ, còn nơi họ chịu khổ nạn là thành phố Rome.

[4803] Hoàng đế Diocletian trị vì Đế quốc La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[4804] Thành phố Cyrene hay Cyrene nằm trong tỉnh Cyranake thuộc Đế chế La Mã cổ đại ở châu Phi và tọa lạc gần bờ biển phía bắc Địa Trung Hải.

[4805] Lybia là một quốc gia ở châu Phi, nằm về phía tây của Ai Cập.

[4806] Si-môn người Ky-ri-nê được biết đến qua câu chuyện trong Phúc Âm về cuộc khổ nạn của Đấng Cứu Thế. Khi Chúa Giê-su Ki-tô trên đường lên Gô-gô-tha, vì kiệt sức nên ngã xuống dưới sức nặng của thập tự giá, thì thập tự giá đó đã được đặt lên vai Si-môn, và ông đã vác nó đến nơi đóng đinh (Mt 27:32; Mác 15:21; Luca 23:26).

[4807] Igemon – quan tổng trấn của vùng.

trước quan tổng trấn, và nhiều tín hữu Kitô giáo đã theo ông, trong đó có các thánh Lucius và Hieroy. Họ yêu cầu ông phải giao nộp các cuốn sách của mình; nhưng ông không tuân theo yêu cầu này và cũng không khuất phục khi bị ra lệnh phải từ bỏ Đức Kitô. Vì điều này, ông bị đánh đập dã man bằng những cây gậy bằng thiếc. Sau đó, ngài đi phá hủy các bàn thờ ngoại đạo. Lúc bấy giờ, họ treo ngài lên cây và dùng dao cạo khắp cơ thể, đồng thời chà xát các vết thương bằng giấm, muối và mảnh gốm sắc nhọn; cuối cùng, họ dùng dao cạo cắt lưỡi ngài rồi đưa ngài vào ngục tối. Sau khi nhận lại chiếc lưỡi bị cắt của mình từ các nữ tu[4808] , Thánh Theodor đã đặt nó lên ngực mình, và mọi người đều chứng kiến một con bồ câu bay vào cửa sổ nhà ngục và chạm vào vị thánh. Thấy cảnh đó, một người ngoại đạo tên là Lucius đã tin nhận Chúa Kitô, còn vị thánh tử đạo thì hồi phục sức khỏe, nhưng sau đó không lâu, ngài đã qua đời[4809] , và linh hồn ngài rời khỏi thân xác cùng với con chim bồ câu.

Trong khi đó, quan tổng trấn, khi biết rằng Lu-ki đã tin vào Chúa Kitô, đã ra lệnh xử tử các thánh Lu-ki, Iê-rô và Ki-pri-lô, cũng như tất cả những ai đã được thánh Thê-ô-đô-rô rửa tội. Sau đó, Lu-ki đã nhận phép rửa tội và dẫn dắt chính quan tổng trấn Di-gni-an tin vào Chúa Kitô. Sau đó, cả hai cùng nhau rời đảo Crete đến đảo Síp để gặp một vị thống đốc khác, người đang tra tấn các Kitô hữu, và Lucius đã bí mật tự nộp mình cho những kẻ tra tấn mà không cho Dignian biết. Ông đã đi phá hủy các bàn thờ ngoại giáo, và vì điều đó, đầu ông bị chém bằng gươm. Dignian đã mang thi thể của ngài về và an táng. Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo này được cử hành tại nhà thờ Thánh Theodoros, tọa lạc tại Pergia[4810] .

Thánh nữ tử đạo Cyprilla xuất thân từ cùng thành phố nơi Thánh Theodore từng sinh sống. Sau khi kết hôn, bà sống cùng chồng khoảng hai năm và sau khi ông qua đời, bà sống cuộc đời góa bụa trong 28 năm. Bị những cơn đau đầu dữ dội hành hạ và thương xót cha mẹ mình, để được chữa lành căn bệnh, bà đã đến gặp Thánh Giám mục Thêôđôrô, người lúc đó đang bị giam trong ngục tối vì đã tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Sau khi được ngài chữa lành, bà cùng với hai người phụ nữ đã được nhắc đến ở trên là Luciê và Iêroê đã phụng sự ngài cho đến khi ngài qua đời; và khi ngài qua đời, bà bị tố cáo với vị thống đốc. Khi ra trước mặt vị thống đốc, bà đã tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô và không khuất phục khi bị ép buộc phải dâng lễ vật cho các thần tượng, bà nói:

– Lễ vật như vậy sẽ không phải là lễ vật dâng lên theo ý muốn của tôi.

Lúc đó, những kẻ hành hình đã thiêu đốt bàn tay bà bằng cách giữ nó trên ngọn lửa, rồi treo bà lên cây và bắt đầu cạo da trên thân thể bà; máu chảy ra từ những vết thương, còn sữa chảy ra từ núm vú. Giữa những cực hình đó, vị thánh tử đạo đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa.

Lễ tìm thấy di cốt của Thánh Cha Euphymius, vị Thánh làm phép lạ ở Suzdal

Ngày kỷ niệm: 4 tháng 7

Sau khi vị Thánh Archimandrite Evfimii, vị Thánh làm phép lạ, và nhiều vị Bề trên khác qua đời tại tu viện của ngài, được đặt tên theo sự Biến Hình Thánh Thiêng của Chúa Giêsu Kitô, tọa lạc tại thành phố Suzdal[4811] , có một vị Archimandrite trong số các tu sĩ của tu viện này, tên là Konstantin. Dưới sự quản lý của ngài, vào năm 1501, theo ý định của Đức Chúa Trời, một trận hỏa hoạn đã xảy ra và tu viện bị thiêu rụi. Sau đó, Thượng phụ Konstantin bắt đầu lo lắng, tự hỏi liệu mình có làm phật lòng Thánh Euphymius bằng cách nào đó, có vi phạm các điều răn của ngài hay các tập tục mà ngài đã thiết lập trong tu viện, và liệu đó có phải là nguyên nhân dẫn đến vụ hỏa hoạn tại tu viện hay không? Nhưng Thánh Euphymius đã hiện ra trong giấc mơ của một tu sĩ và nói với anh ta:

– Anh em ơi! Hãy nói với Archimandrite Constantine rằng tôi không có gì bất mãn với ngài cả.

Khi tỉnh giấc, vị tu sĩ này liền đến gặp Archimandrite Constantine và kể lại những gì mình đã thấy trong giấc mơ. Nghe xong câu chuyện, Constantine rất vui mừng vì đã được tha thứ và ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng

---

[4808] Các nữ tu sĩ được đề cập ở đây là các thánh nữ tử đạo Lucia và Hieroya.

[4809] Theo Sách Công Vụ Các Thánh, Thánh Tử Đạo Phê-ô-đô-rô qua đời vào năm 310.

[4810] Theo phần mở đầu bằng tiếng Hy Lạp, lễ tưởng niệm các thánh tử đạo được cử hành tại Regia, chứ không phải tại Pergia. Regia hay Regium, ngày nay là Redonio, nằm ở Ý, tại cực tây nam của bán đảo Apennine, bên bờ eo biển Messina.

[4811] Tất nhiên, đây không phải là Tu viện Spaso-Evfimiev, được Thánh Evfimiev thành lập theo ý nguyện và bằng kinh phí của Công tước Boris Konstantinovich của Suzdal vào khoảng năm 1352, bên bờ sông Kamenitsa hoặc Kamenni, gần thành phố Suzdal. Việc thành lập tu viện này được kể lại trong cuốn tiểu sử của Thánh Evfimiev, được ghi vào ngày 1 tháng 4.

thực hiện những việc kỳ diệu qua vị thánh nhân của Ngài là Thánh Euphymius. Một thời gian sau đó, một số người sùng đạo đã quyên góp cho tu viện những vật liệu cần thiết để xây dựng lại các phòng tu bị cháy, và Thượng phụ Konstantin đã xây dựng chúng theo cùng bản thiết kế như trước đây.

Khi Archimandrite Konstantin qua đời, vị trí của ngài trong tu viện được kế nhiệm bởi Archimandrite Kirill, một tu sĩ cùng tu viện này, người sau này trở thành Tổng Giám mục thành phố Rostov. Là một người khôn ngoan cả trong các vấn đề tâm linh lẫn thế tục, Kirill đã bằng mọi cách, trong phạm vi có thể, lo liệu để không có quy tắc sinh hoạt chung hay phong tục nào của tu viện bị vi phạm. Một ý tưởng tốt lành về nhà thờ chợt nảy ra trong lòng ngài , và ngài bắt đầu tham vấn với các tu sĩ về việc xây dựng một nhà thờ mới, lớn hơn nhà thờ cũ, bởi dù tu viện đã có một nhà thờ bằng đá, nhưng nó quá nhỏ và hơn nữa đã xuống cấp nghiêm trọng, vì chính Thánh Euphymius[4812] đã tự tay xây dựng nó từ lâu. Tất cả những điều này đều là công trình của sự Sắp đặt của Đức Chúa Trời Toàn Năng, để lời Ngài được ứng nghiệm, như đã được chép trong Phúc Âm: *"Thành phố nằm trên đỉnh núi không thể bị che khuất"* (Mt 5:14), và: *"Không ai thắp đèn rồi lại che nó bằng bình, hay đặt dưới giường"* (Lc 8:16; Mt 5:15). Cũng vậy, ngọn đèn này, tức là vị thánh Euthymius, không thể nào bị chôn vùi dưới lòng đất suốt bao nhiêu năm như thế. Khi công việc xây dựng nhà thờ lớn đã được khởi công và các công nhân đang đào hào ở phía bên phải của nhà thờ, họ đã tìm thấy một quan tài được bao bọc bởi ba tảng đá[4813] và phủ bằng những tấm ván. Bị bối rối trước phát hiện này, các công nhân đã đến báo cáo với Thượng phụ Kirill. Lúc đó, ngài ra lệnh đánh trống[4814] . Ngay lập tức, các tu sĩ tụ tập quanh quan tài, tràn ngập niềm vui vô cùng lớn lao. Sau đó, vị tu sĩ trưởng đã dẫn theo một số tu sĩ, đến gặp Giám mục Simeon và kể cho ngài nghe về phép lạ kỳ diệu này. Sau khi nghe câu chuyện, Giám mục Simeon đã ngợi khen Đức Chúa Trời vì phép lạ này, đồng thời nói những lời sau đây.

– *"Lạy Chúa! Ngài đã giấu điều này khỏi những người khôn ngoan và thông thái, mà lại bày tỏ cho những trẻ thơ"* (Mt 11:25).

Ngay sau đó, ngài cùng toàn thể hàng giáo sĩ đã đến tu viện và cúi đầu thờ lạy quan tài của Thánh Euphymius, tạ ơn Thiên Chúa, Đấng tôn vinh các vị thánh của Ngài. Sau đó, họ mở quan tài ra và thấy khuôn mặt của vị thánh rạng ngời, còn y phục trên người ngài dường như mới được mặc hôm qua. Thật là một phép lạ kỳ diệu! Đã bao nhiêu năm trôi qua[4815] và không chỉ thi hài của vị thánh không hề hư nát, mà ngay cả y phục của ngài cũng không hề bị sự mục nát làm hư hại! Sau khi hôn lên di cốt của vị thánh cha, trong tiếng hát các thánh vịnh và bài ca tưởng niệm, người ta đã an táng di cốt ấy vào tường nhà thờ Thánh Biến Hình của Chúa và Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô, nơi mà chúng vẫn còn được lưu giữ cho đến ngày nay. Sự kiện này diễn ra vào ngày 4 tháng 7 năm 1507. Vinh quang thuộc về Thiên Chúa của chúng ta, bây giờ, luôn luôn và mãi mãi.

Ngày 18 tháng 7

Ngày 5 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cũng vào ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Lampad, vị làm phép lạ ở Irinopol.

Cũng vào ngày này, năm 1422, người ta đã tìm thấy di cốt của Thánh Sergius, vị tu viện trưởng Radonezh, vị thánh làm phép lạ.

Cuộc đời của vị thánh cha Afanasi của chúng ta tại Athos

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 7

[4812] Nhà thờ này được làm lễ thánh hiến vào khoảng năm 1352, do đó đã hơn 150 năm trôi qua kể từ khi nó được xây dựng.

[4813] Ba viên đá này ở nền móng của Nhà thờ Preobrazhensky đã được Thánh Euthymius đích thân đẽo gọt và sắp xếp thành nơi đặt quan tài của ngài tại cửa phía bắc của bàn thờ tương lai, gần bàn thờ thánh, nơi sau này ngài được an táng.

[4814] "Bil" là tên gọi trong các tu viện chỉ tấm ván được dùng để gõ nhằm triệu tập các tu sĩ đến nhà thờ hoặc đến bữa ăn.

[4815] Thánh Euphimius qua đời vào ngày 1 tháng 4 năm 1405; do đó, từ ngày ngài qua đời cho đến khi di cốt được khai quật đã trôi qua hơn một trăm năm.

Thánh Athanasius[4816] , người xứng đáng nhận những lời ca ngợi bất hủ, đã được sinh ra tại thành phố Trebizond[4817] . Ông được Byzantium (Constantinople[4818]) nuôi dưỡng và giáo dục qua việc học tập, còn tu viện Kimen[4819] và núi Athos[4820] đã nuôi dưỡng ông như một trái ngọt làm đẹp lòng Chúa. Cha mẹ của Athanasius là những người cao quý và đạo đức. Cha ngài xuất thân từ Antioch[4821] , còn mẹ ngài từ Colchis[4822] . Họ sinh sống tại Trebizond. Cha của Athanasius đã qua đời trước khi cậu chào đời, còn mẹ cậu, sau khi sinh ra Athanasius và tái sinh cậu qua phép rửa tội thánh, cũng đã về với Chúa theo sau chồng. Trong lễ rửa tội thánh, cậu bé được đặt tên là Avramius. Sau khi cha mẹ qua đời, đứa trẻ còn đang trong tã lót, trở thành trẻ mồ côi hoàn toàn, đã được một nữ tu sĩ cao quý nhận nuôi. Ngay từ khi còn là thiếu niên, Avramia đã bộc lộ những dấu hiệu báo trước lối sống của cậu trong tương lai, khi cậu trưởng thành. Khi còn nhỏ, cậu cư xử như một người đàn ông thông minh và có đạo đức tốt, đến nỗi ngay cả khi chơi đùa với các bạn cùng lứa tuổi, các bạn cũng không chọn Avramia làm vua hay tướng quân, mà là làm tu viện trưởng. Quả thực, ngay từ thuở ấu thơ, cậu đã quen với cuộc sống tu hành; nhìn thấy nữ tu đã nuôi nấng mình, người luôn miệt mài trong cầu nguyện và ăn chay, cậu đã cố gắng noi gương bà hết mức có thể đối với một thiếu niên, bằng cách ăn chay và thực hành cầu nguyện. Anh cũng học tập xuất sắc hơn các bạn cùng lứa khi theo học trường tiểu học thời bấy giờ. Lớn lên cả về thể chất lẫn trí tuệ, Avramiy đã bước qua tuổi thiếu niên. – Vào thời điểm đó, nữ tu mặc áo đen, người đã thay thế vai trò người mẹ đối với anh, đã qua đời. Avramiy, cậu bé mồ côi lần thứ hai, đã khóc thương sự ra đi của bà như thể đó là sự ra đi của chính người mẹ ruột mình. Sau đó, cậu mong muốn được đến Byzantium để tiếp tục học tập. Đức Chúa Trời, Đấng chăm sóc những đứa trẻ mồ côi, đã thực hiện mong ước của cậu theo cách sau đây. Vào thời điểm đó, tại Hy Lạp, hoàng đế sùng đạo Roman[4823] đang trị vì. Ông đã cử một trong những hoạn quan của hoàng cung[4824] đến Trebizond để thu thuế thương mại. Người này, sau khi làm quen với cậu bé Avramius có ngoại hình ưa nhìn và thông minh, đã đưa cậu về Byzantium và giao phó việc giáo dục triết học cho một vị thầy xuất sắc tên là Athanasius. Chẳng bao lâu sau, học trò đã sánh ngang với thầy về kiến thức. Vào những năm đó, tại Byzantium có một quan tổng trấn tên là Zephinazer, người đã gả một người họ hàng của Avramy cho con trai mình; sau khi làm quen với Avramy, ông đã đưa cậu về sống trong nhà mình. Dù sống trong một ngôi nhà giàu có, tràn ngập những món ăn sang trọng, chàng trai Avramiy vẫn không từ bỏ lối sống kiêng khem mà cậu đã quen từ thời được nữ tu sĩ nuôi dưỡng. Tránh xa những thú vui từ các món ăn ngon, Avramius không chịu dùng bữa cùng quan tổng trấn, mà chỉ lấp đầy cơn đói – và cũng chỉ khi thật sự cần thiết – bằng các loại thảo mộc và rau củ sống. Anh luôn cố gắng giữ tinh thần sảng

---

[4816] Athanasius – khi dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "sự bất tử".

[4817] Nơi này nằm ở vùng Đông Bắc Tiểu Á, thuộc Pontus, bên bờ biển, phía tây sông Gissa.

[4818] Byzantium – một thuộc địa của Megara, được thành lập vào năm 658 trước Công nguyên ở phía châu Âu của eo biển Bosphorus; vịnh Golden Horn với những điều kiện thuận lợi đặc biệt cùng vị trí chiến lược tại eo biển hẹp nối Biển Đen với Biển Marmara đã mang lại cho thành phố này tầm quan trọng lớn về thương mại và công nghiệp. Hoàng đế Constantine Đại đế, sau khi đánh giá những lợi thế về vị trí của Byzantium, đã chuyển thủ đô của Đế chế La Mã đến đây (năm 330), nhờ đó Byzantium đã đạt được tầm quan trọng lịch sử toàn cầu; thành phố này đã cắt đứt mối liên hệ với quá khứ và được gọi là Constantinople, tức "Rome Mới".

[4819] Xem phần dưới đây, tiểu sử của Thánh Michael Malein.

[4820] Núi Athos (Athos), theo tiếng Hy Lạp là Agion Oros – Núi Thánh – là một bán đảo hẹp và đồi núi nhô ra vào Quần đảo Aegean (Biển Aegean), nổi tiếng là trung tâm đời sống tu hành của Đông Hy Lạp. Đời sống tu hành ở đây đã xuất hiện từ thời cổ đại, mặc dù muộn hơn một chút so với ở Syria và Palestine. Đối với Giáo hội Nga, từ khi Kitô giáo mới xuất hiện ở Nga cho đến thế kỷ XVII, Athos có ý nghĩa rất lớn: chính tại đây, vị cha đẻ của đời sống tu sĩ Nga, Thánh Antony, đã nhận lễ xuất gia; tại đây, trong các thư viện tu viện lớn, các tu sĩ của chúng ta từng đến Athos đã nhận được nền giáo dục tôn giáo toàn diện nhất vào thời điểm đó (ví dụ như Thánh Nil Sorsky †1508). Tại đây có các dịch giả và người sao chép chuyên trách, cung cấp cho nước Nga Chính thống giáo các bản dịch viết tay mang tính chất giáo huấn và răn dạy. – Là một trong những thánh địa được tôn kính nhất của Đông Chính Thống giáo, Athos hàng năm đón hàng nghìn tín đồ hành hương, toàn bộ là nam giới (phụ nữ bị cấm vào tu viện), đến từ Nga, bán đảo Balkan và các vùng lãnh thổ châu Á của Thổ Nhĩ Kỳ. Hầu như toàn bộ ngọn núi, ngoại trừ những khe núi sâu và vách đá, đều được bao phủ bởi thảm thực vật phong phú: ở đây mọc đầy cây chanh, cam và lê xen kẽ với cây hồ đào, cây ô liu và cây dẻ; cả những cánh đồng rộng lớn được trồng nhiều giống nho khác nhau, có tới hai mươi tu viện giàu có, một số tu viện nhỏ và rất nhiều (hàng trăm) phòng tu riêng lẻ – của người Hy Lạp, Nga, Moldova, Bulgaria và các dân tộc khác.

[4821] Có lẽ xuất phát từ Antioch của Pisidia, được đặt tên theo vùng Pisidia thuộc Tiểu Á, nơi thành phố này tọa lạc.

[4822] Colchis – một quốc gia nằm ở phía nam Biển Pontus Euxinus (Biển Đen), giữa Caucasus, Iberia và Armenia.

[4823] Roman II (957–963).

[4824] Trong thời cổ đại, người ta gọi những người phục vụ tại các triều đình hoàng gia với tư cách là người trông coi kho báu, kho bạc hoàng gia và đặc biệt là người canh gác tại phòng ngủ của vua, hoàng hậu và các công chúa là hoạn quan. Phần lớn các hoạn quan đều là những người đã bị thiến. Tại triều đình Byzantine, chức vụ hoạn quan là một chức vụ rất danh giá.

khoái; vì vậy, để chiến thắng cơn buồn ngủ tự nhiên và xua tan sự uể oải, anh đổ đầy nước vào chậu rồi nhúng mặt vào đó; bằng mọi cách tự hành xác, Avraam đã chế ngự xác thịt và khuất phục nó trước tinh thần. Nhờ lối sống đạo đức như vậy, cũng như nhờ trí tuệ xuất chúng, Avramius được mọi người yêu mến và trở nên nổi tiếng trong dân chúng, thậm chí cả với chính hoàng đế. Cuối cùng, Avraam được bổ nhiệm làm giáo viên tại một trường công lập, với quyền hạn ngang bằng với người thầy cũ của mình là Afanasy. Tuy nhiên, vì cách giảng dạy của Avraam được học sinh ưa chuộng hơn so với Afanasy, dẫn đến việc có nhiều học sinh theo học ông hơn so với Afanasy, nên Afanasy, vì ghen tị với cựu học trò của mình, đã bắt đầu căm ghét anh ta. Khi biết được điều này, Thánh Avramiy đã sớm từ bỏ chức vụ giảng dạy, không muốn làm buồn lòng thầy của mình; ông sống trong nhà của vị tổng trấn nói trên, tiếp tục thực hành những việc tu hành thường ngày của mình. Sau đó, hoàng đế ra lệnh cho vị tổng trấn – vì những yêu cầu cấp thiết của quốc gia – phải lên đường đến Biển Aegean[4825] . Vị tổng trấn, người rất yêu mến Avramiy, đã đưa cả anh theo khi lên đường ra khơi theo lệnh của hoàng đế. Họ đã đến Avida, và từ đó tiếp tục hành trình đến Limen. Tại đây, Avramiy, khi nhìn thấy núi Athos, đã vô cùng yêu mến ngọn núi này và nảy sinh ý định định cư trên đó. Khi họ hoàn thành nhiệm vụ của hoàng đế và trở về nhà, thì theo sự an bài của Thiên Chúa, tại Constantinople, từ tu viện Kimen gần núi Athos, vị thánh Michael, có biệt danh là Malein, đã đến. Khi Avraam, người đã nghe nói về cuộc sống thánh thiện của vị tu sĩ đáng kính này, biết được tin đó, ông đã vô cùng vui mừng và lên đường đến gặp ngài. Ông cảm thấy vô cùng hân hoan khi trò chuyện với vị tu sĩ cao niên; và sau những lời dạy đầy cảm hứng thiêng liêng của ngài, Avraam càng nung nấu khát vọng mãnh liệt hơn nữa là từ bỏ thế gian để phụng sự Đức Chúa Trời trong đời sống tu sĩ. Anh đã bày tỏ ý định và khát vọng của mình với vị tu sĩ thánh thiện Mihaïl, đồng thời kể về bản thân – anh đến từ đâu, cha mẹ anh là ai, anh được giáo dục như thế nào, và tại sao anh lại sống trong nhà của vị tướng quân. Nhận ra rằng Avrami sẽ trở thành khí cụ của Thánh Thần, vị thánh nhân rất yêu mến anh và đã giảng dạy lâu dài về sự cứu rỗi, gieo vào lòng anh, như trên mảnh đất đã được bón phân, những hạt giống Lời Chúa, để anh sinh ra trái ngọt của các đức tính gấp trăm lần. Trong lúc họ đang trò chuyện về đời sống tâm linh, cháu trai của vị tu sĩ Mihaïl là Nikifor, một tướng quân ở phương Đông, người sau này trở thành hoàng đế Hy Lạp[4826] , đã đến thăm ông. Trong lúc trò chuyện với người chú tu sĩ của mình, ông nhận ra chàng trai trẻ Avraam và hỏi vị tu sĩ già rằng cậu ấy là ai. Vị thánh đã kể cho ông nghe tất cả những điều liên quan đến Avramy, cũng như việc cậu ấy mong muốn trở thành tu sĩ; kể từ lúc đó, Avramy đã được Nikifor biết đến. Vài ngày sau, vị tu sĩ đáng kính Michael trở về tu viện của mình từ Constantinople; còn Avraam thì không thể chịu đựng được sự hối hả của đời thường nữa, nên đã khinh thường mọi thứ trần tục, bị cuốn hút bởi khát vọng trở thành tu sĩ và tình yêu dành cho vị tu sĩ đáng kính, anh vội vã lên đường đến gặp ngài. Khi đến tu viện Kimen, anh quỳ xuống dưới chân vị thánh già Mikhail, nước mắt lưng tròng, khẩn cầu ngài ban cho anh hình thức tu sĩ và nhờ đó được gia nhập vào đàn chiên được chọn của Chúa Kitô. Thánh nhân Mihaïl đã đón tiếp Avrami một cách nồng hậu: không trì hoãn việc đáp ứng lời thỉnh cầu của anh và cũng không đưa anh vào hàng ngũ những người đang trong thời gian thử thách, thánh nhân Mihaïl ngay lập tức cạo đầu cho Avrami với tên gọi Afanasi, như một tu sĩ đã có kinh nghiệm, bởi ngài nhận thấy trong anh một tình yêu nồng nhiệt dành cho Thiên Chúa. Mặc dù tại tu viện đó không có tập tục cho các tu sĩ mặc áo lông cừu sau khi cạo đầu, nhưng Thánh Michael vẫn mặc áo lông cừu cho Athanasius – như thể đang trang bị cho vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô bộ giáp chống lại các kẻ thù; Athanasius đã khẩn cầu vị thánh trưởng lão giao cho mình một nhiệm vụ tuân phục – trong suốt cả tuần chỉ được ăn một lần. Nhưng vị thầy đầy khôn ngoan đã từ chối nguyện vọng của đệ tử, và ra lệnh cho anh ta phải ăn vào ngày thứ ba. Afanasy đã tận tâm thực hiện tất cả các nhiệm vụ tu viện và nhà thờ được giao phó, đồng thời không ngừng nỗ lực trong các công việc tu hành. Thời gian rảnh rỗi ngoài các công việc tu viện, theo lệnh của vị cha linh hướng, anh dành để sao chép các sách thánh. Nhờ sự cần cù đó, Afanasy được toàn thể anh em trong tu viện yêu mến; như vậy, trong vòng bốn năm, anh đã chứng tỏ mình là một tu sĩ hoàn hảo. – Sau đó, vị cha đáng kính ra lệnh cho anh sống trong im lặng, trong một căn phòng nằm giữa sa mạc, cách tu viện một khoảng cách bằng một "poplis"[4827] ; cùng với đó, vị tu sĩ cao niên đã ban cho anh lời răn sau đây về việc ăn chay: không được ăn vào ngày thứ ba như thói quen trước đây của anh, – mà phải ăn vào ngày thứ hai, – chỉ ăn bánh mì khô và uống một ít nước; tuy nhiên,

[4825] Hay còn gọi là Quần đảo.
[4826] Nikiforos II Fokas – hoàng đế từ năm 963 đến năm 969.
[4827] Poprishe – đơn vị đo khoảng cách tương đương khoảng 690 sazhen.

vào các ngày lễ của Chúa và Đức Mẹ, cũng như các ngày Chủ nhật, ngài ra lệnh cho anh ta, từ buổi tối cho đến giờ thứ ba ban ngày, phải thức trắng để cầu nguyện và ngợi khen Đức Chúa Trời.

Sau một thời gian, vị tướng quân phương Đông Nikifor nói trên – cháu trai của Thánh Michael, trong khi thi hành nhiệm vụ hoàng gia và đi ngang qua tu viện, đã ghé thăm người chú thánh thiện của mình là Thánh Michael; trong lúc trò chuyện với ngài, ông nhớ đến Avrami và hỏi:

– Thưa Cha, cậu bé Avrami mà con đã thấy ở kinh thành của Cha hiện đang ở đâu?

– Cậu ấy đang cầu nguyện với Chúa để cầu xin sự cứu rỗi cho các con, – vị tu sĩ già đáp. – Hiện tại, cậu ấy đã trở thành tu sĩ và được đổi tên từ Avrami thành Afanasi.

Tình cờ, đi cùng với Nikifor có người anh em của ông – Lev, một quý tộc thuộc dòng họ[4828] . Cả hai, sau khi nghe kể về cuộc đời đạo đức của Afanasy, đã xin phép được gặp cậu, và vì vị tu sĩ cao niên không phản đối, nên họ đã lên đường đến nơi Afanasy đang sống trong sự tĩnh lặng. Khi gặp họ, Athanasius đã trò chuyện với họ bằng những lời đầy sự khôn ngoan thiêng liêng, vì miệng ngài tràn đầy ân sủng của Thánh Thần. Họ say mê những lời nói của ngài đến nỗi bày tỏ mong muốn được ở lại với ngài mãi mãi, nếu như họ có thể thoát khỏi các chức vụ và những lo toan trần thế của mình. Sau đó, khi trở về gặp Thánh Michael, họ nói với ngài:

– Chúng con cảm tạ cha, vì cha đã chỉ cho chúng con thấy kho tàng mà cha đã giấu kín trong cánh đồng mục vụ của cha.

Trong khi đó, vị tu sĩ già gọi Afanasii đến và ra lệnh cho ông một lần nữa giảng lời dạy về sự cứu rỗi linh hồn cho những người đến. Và qua đôi môi của vị thánh, ân sủng của Chúa đã hoạt động đến nỗi những người nghe lời ông đều cảm động, lòng tan nát và khóc lóc. Chính vị tu sĩ già cũng kinh ngạc trước ân sủng của bài giảng phát ra từ miệng Athanasius. Kể từ lúc đó, tướng quân Nikifor và quý tộc Lev đã rất mến mộ vị thánh Athanasius. Và khi ở riêng với ngài, Nikifor đã bày tỏ ý định của mình, nói rằng:

– Thưa Cha, con mong muốn thoát khỏi cơn bão trần gian và, sau khi tránh xa những lo toan đời thường, phụng sự Thiên Chúa trong sự tĩnh lặng của đời tu. Mong muốn và ý định này đã trở nên vững chắc trong con chủ yếu nhờ ảnh hưởng của những lời giảng đầy cảm hứng từ Thiên Chúa của cha, và con hy vọng nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của cha mà con sẽ đạt được điều mình mong muốn. Thánh Athanasius đáp lại:

– Thưa ngài! Hãy đặt niềm hy vọng vào Chúa – và Ngài sẽ sắp xếp cho ngài theo như ngài mong muốn.

Như vậy, sau những cuộc trò chuyện kéo dài, Nikifor và Lev đã trở về con đường của mình với nhiều lợi ích cho linh hồn họ.

Thánh Michael có ý định bổ nhiệm Athanasius làm vị tu viện trưởng kế nhiệm mình, vì bản thân ngài đã cao tuổi và sắp qua đời. Khi biết được điều này, Afanasy, dù không muốn xa rời người cha thân yêu của mình, nhưng vẫn bỏ trốn khỏi đó, vì sợ gánh nặng của chức vụ lãnh đạo và tự cho mình là không xứng đáng với chức vụ mục tử; ông lang thang khắp núi Athos, viếng thăm các vị tu sĩ ẩn dật, và được truyền cảm hứng từ gương sống đạo đức của họ để thực hiện những việc làm cao cả. Tìm thấy trong các khe đá một số tu sĩ sống gần nhau, ông đã định cư giữa họ và bắt đầu noi gương lối sống khắc khổ của họ. Họ không quan tâm gì đến thân xác, không có mái nhà, không có thức ăn, cũng không có tài sản, nhưng vì Chúa, họ sẵn lòng và vui vẻ chịu đựng cả giá rét, nắng nóng lẫn đói khát.

Về phần thức ăn, họ chỉ dùng những loại rau dại mọc trong sa mạc đó, và chỉ ăn một ít vào giờ quy định. Vào thời điểm đó, Thánh Michael Malein đã qua đời. Khi biết tin về sự ra đi của ngài, Athanasius đã khóc thương ngài như một người con khóc thương cha mình. Ông cũng biết rằng Tướng Nikifor cùng với anh trai là Patrician Leo sẽ lại phải đi ngang qua nơi đó, và lo sợ rằng họ sẽ lại tìm kiếm ông. Vì vậy, ông rời bỏ các ẩn sĩ, bởi họ được các tu sĩ khác biết đến và thường xuyên có người đến thăm; lo sợ rằng những người đến thăm họ sẽ nhận ra mình, Athanasius đã lên đường đến một tu viện xa xôi, được gọi bằng tiếng Hy Lạp là "Tuziga". Tại đó, ông gặp một vị tu sĩ già đang sống trong im lặng bên ngoài tu viện, ông xin vị ấy nhận mình vào, và để không bị nhận ra qua tên, ông đã đổi tên mình từ Athanasius thành Barnabas.

Trong khi đó, vị lão sư hỏi han anh ta, nói rằng:

[4828] Cho đến thời hoàng đế Constantine Đại đế, chỉ những người có xuất thân quý tộc, chủ yếu là con cháu của các thượng nghị sĩ, mới được công nhận; nhờ xuất thân của mình, giới quý tộc (patrician) được hưởng nhiều đặc quyền khác nhau trong việc sử dụng đất công và trong các quan hệ dân sự; còn hoàng đế Constantine đã biến tước vị quý tộc thành một danh hiệu cá nhân, được ban tặng cho các quan chức cấp cao và không được truyền lại cho con cháu.

– Anh là ai, anh em ơi? Từ đâu đến và vì lý do gì mà anh lại đến đây?

– Tôi từng là một thủy thủ, – Afanasy trả lời, – và khi gặp hoạn nạn, tôi đã hứa với Chúa rằng sẽ từ bỏ thế gian và ăn năn về những tội lỗi của mình. Vì lý do đó, tôi đã khoác lên mình bộ áo tu sĩ thánh thiện và, được Chúa hướng dẫn , tôi đã đến đây gặp ngài, mong được ở bên ngài và nhận sự hướng dẫn từ ngài trên con đường cứu rỗi. Tên tôi là Varnava.

Tin vào lời kể của Athanasius, vị tu sĩ già đã nhận anh vào, và từ đó trở đi, Barnabas sống cùng vị tu sĩ già, vâng lời ngài trong mọi việc như vâng lời cha mình. Sau một thời gian, anh nói với vị tu sĩ già:

– Thưa Cha, xin hãy bắt đầu dạy con chữ, để con có thể đọc được ít nhất một chút trong Sách Thánh Vịnh. Khi còn sống trong thế gian, con chẳng biết gì khác ngoài việc chèo thuyền.

Thánh Athanasius sau đó giả vờ mù chữ để không bị những người đang tìm kiếm ngài nhận ra và phát hiện. Lúc đó, vị tu sĩ già đã viết bảng chữ cái cho anh và dạy anh như một người dân thường chưa từng được học hành. Trong khi đó, Varnava giả vờ như không thể hiểu và nắm bắt được bảng chữ cái. Ông đã làm như vậy trong một thời gian dài, còn vị tu sĩ già thì lo lắng cho ông, và đôi khi, vì bực bội, đã đuổi ông đi trong cơn giận dữ. Còn Varnava thì khiêm nhường nói:

– Thưa Cha, xin đừng xua đuổi con, kẻ dại dột và xấu xa này, nhưng vì danh Chúa, xin Cha hãy kiên nhẫn và giúp con bằng những lời cầu nguyện của Cha, để Chúa ban cho con sự thông hiểu.

Sau đó, người đệ tử dường như dần dần bắt đầu hiểu được các âm tiết trong chữ viết và gieo hy vọng cho vị tu sĩ già về việc người đệ tử sẽ tiếp thu được kiến thức sách vở trong tương lai. Vào thời điểm đó, Nikifor, vị tướng quân nổi tiếng nhất phương Đông, khi biết tin Athanasius đã trốn khỏi tu viện Kimen, đã vô cùng buồn bã và suy tính cách tìm ra cậu. Ông đã viết thư cho quan tòa thành Thessaloniki[4829] , yêu cầu ông này khi đến núi Athos phải điều tra kỹ lưỡng về Athanasius. Sau khi đọc bức thư, quan tòa lập tức vội vã lên núi thánh và, sau khi triệu tập vị protos – người đứng đầu tất cả các vị tu viện trưởng của các tu viện Athos – đã hỏi ông ta về tu sĩ Afanasy, mô tả cho ông ta các đặc điểm khuôn mặt, độ tuổi và tài năng về văn chương của người này, như Nikifor đã thông báo. Vị protos khẳng định một cách chắc chắn:

– Người đàn ông mà ngài đang tìm kiếm chưa từng đến ngọn núi này, tuy nhiên, – ông bổ sung, – tôi cũng không chắc chắn về điều đó. Sắp tới, chúng tôi sẽ tổ chức một hội đồng, nơi những người đang sinh sống trên ngọn núi này phải có mặt. Và nếu tu sĩ mà các ngài đang tìm kiếm đang ở đâu đó trên ngọn núi này, thì chắc chắn anh ta sẽ xuất hiện cùng với những người khác tại hội đồng, và lúc đó chúng tôi sẽ nhận ra anh ta.

Vị thẩm phán trở về Thessaloniki.

Vào thời đó, trên núi Athos có một phong tục là các tu sĩ tụ họp ba lần một năm tại Tu viện Karyes vào ba ngày lễ trọng đại: Lễ Giáng Sinh, Lễ Phục Sinh và Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Khi tụ họp vào những dịp này, các tu sĩ cùng nhau cử hành lễ, rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, và dùng bữa chung. Khi lễ Giáng Sinh của Chúa Giêsu đến và các cha và các tu sĩ từ các tu viện và các am ẩn tu tụ họp lại, thì vị tu sĩ cao niên – người thầy tự xưng là Варнава cùng với đệ tử của mình cũng xuất hiện. Vị tu viện trưởng quan sát kỹ lưỡng các tu sĩ, tìm kiếm trong số họ một tu sĩ nào đó phù hợp với những đặc điểm mà Nikifor đã mô tả. Khi nhận ra một người như vậy, ngài hỏi tên của anh ta và khi nghe rằng anh ta tên là Varnava, ngài bèn nghi ngờ – vì tu sĩ mà ngài đang tìm kiếm có tên là Athanasius. Tuy nhiên, vị tu viện trưởng quyết định xác định danh tính tu sĩ đó qua khả năng đọc sách của anh ta. Và khi đến giờ đọc kinh và cuốn sách được đưa ra, vị tu viện trưởng ra lệnh cho tu sĩ tự xưng là Varnava đọc đoạn kinh đã định trước trước toàn thể cộng đoàn. Nhưng Varnava từ chối, khẳng định rằng mình thiếu hiểu biết và mù chữ. Vị tu sĩ cao niên, nhận thấy điều đó, mỉm cười và, cười khẽ, nói với người ra lệnh:

– Thưa Abba[4830] , xin hãy bỏ qua đi – anh em này còn vụng về và hiện tại anh ấy mới chỉ đang học cách ghép các chữ cái và âm tiết của Thánh vịnh thứ nhất.

Nhưng vị linh mục vẫn khăng khăng, ra lệnh phải đọc dưới sự đe dọa. Lúc đó, Thánh Athanasius, nhận ra rằng mình không thể trốn tránh được nữa, lại còn bị ép buộc bởi lời đe dọa, đã tuân theo quyền uy do Thiên Chúa thiết lập và bắt đầu đọc theo khả năng của mình – bộc lộ giọng nói vang dội và sự biểu cảm phi thường, đến nỗi tất cả những người nghe đều kinh ngạc. Vị tu sĩ già cũng vừa ngạc nhiên vừa kinh ngạc, khi nhận ra và nghe thấy những điều ông không ngờ tới, và cảm thấy xấu hổ vì cách dạy dỗ của mình; nhưng đồng thời, ông cũng vui mừng,

[4829] Thessaloniki – thành phố thuộc Macedonia.

[4830] Abba – cha.

với nước mắt dâng trào, tạ ơn Thiên Chúa vì đã cho ông vinh dự được làm thầy của một người đàn ông tài giỏi như vậy. Khi đó, Athanasius được nhận ra, và tất cả đều đối xử với ông với sự kính trọng; còn một trong những vị cha đáng kính nhất, tên là Paul, đến từ vùng Xiropotamos, đã nói với các anh em về Athanasius một cách tiên tri:

– Vị anh em này, người đã đến ngọn núi này sau chúng ta, đã vượt qua chúng ta về đức hạnh và sẽ là người đầu tiên trong vinh quang so với chúng ta trong Nước Trời. Ông sẽ là người cha và người hướng dẫn cho nhiều người trên con đường cứu rỗi.

Sau đó, vị tu sĩ trưởng đã báo cho Athanasius biết rằng Nikifor cùng anh trai mình là Lev đang tìm kiếm anh. Athanasius đã nài nỉ vị tu sĩ trưởng đừng tiết lộ thông tin về mình, để anh không phải rời khỏi ngọn núi thánh. Lúc đó, vị tu viện trưởng, nhận ra rằng việc mất đi một người như vậy sẽ là một tổn thất lớn cho Athos, đã hứa sẽ không tiết lộ cho những người đang tìm kiếm ông. Còn đối với Athanasius, ngài ra lệnh cho ông phải sống trong im lặng và ẩn dật tại một căn phòng tu viện hoang vắng, cách tu viện[4831] ba dặm. Tại đây, trong khi một mình phục vụ Chúa, Thánh Athanasius tự tay kiếm sống. Ông sao chép sách, vì ông là một người viết chữ đẹp và viết nhanh; trong vòng sáu ngày, mà vẫn tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc tu hành thông thường, ông đã sao chép toàn bộ Sách Thánh Vịnh; để đền đáp công việc sao chép sách của ông, các vị tu sĩ đã cung cấp bánh mì cho ông.

Khi Thánh Athanasius đang sống trong sự im lặng, vào thời điểm đó, Lev đã được đề cập ở trên, em trai của Nikifor, lúc bấy giờ đã là một tướng quân ở phương Tây, trên đường trở về từ chiến trường sau khi chiến thắng những người Scythia man rợ nhờ ơn Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, đã ghé qua núi Athos để dâng lời tạ ơn Chúa Kitô và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội vì chiến thắng trước kẻ thù. Sau khi dâng lời cầu nguyện tạ ơn, Lê-vô đã cẩn thận hỏi thăm về A-pha-na-si-ô và, sau khi biết được nơi ở của ông, đã đến gặp ông tại căn phòng tu hành im lặng. Khi nhìn thấy Athanasius, Leo vô cùng vui mừng, ôm chầm lấy ông một cách thân mật, và vì quá hạnh phúc nên thậm chí còn rơi nước mắt. Ông dành cả ngày lẫn đêm để trò chuyện với Athanasius, say sưa lắng nghe những lời khôn ngoan đầy ân sủng của ông. Nhận thấy tình yêu sâu đậm của vị tướng quân dành cho Afanasy, các tu sĩ đã nhờ Afanasy xin Lev xây dựng một nhà thờ mới rộng lớn cho các tu sĩ tại Tu viện Kareya, vì nhà thờ cũ quá nhỏ và không thể chứa hết toàn thể cộng đoàn. Afanasy đã báo lại điều này cho vị tướng quân. Vị tướng yêu mến Chúa ngay lập tức vui vẻ trao cho họ rất nhiều bạc và vàng để xây dựng nhà thờ. Sau khi chia tay Athanasius và các vị tu sĩ khác, Lev tiếp tục hành trình đến Constantinople, nơi ông kể cho anh trai mình là Nikiforos nghe về Athanasius. Kể từ đó, các vị tu sĩ ở Athos bắt đầu đối xử với Athanasius với sự kính trọng đặc biệt và ca ngợi ông; nhiều người bắt đầu tìm đến ông để tìm kiếm sự an ủi cho tâm hồn.

Trong khi đó, vị thánh nhân, vì yêu thích sự tĩnh lặng và luôn tránh xa danh vọng trần thế, đã rời khỏi nơi cư ngụ của mình và lang thang khắp các vùng sâu thẳm của sa mạc núi non; dưới sự hướng dẫn của Thiên Chúa, ngài đã đến tận rìa xa nhất của Athos, tại một vùng đất được gọi là Melana, nơi có sa mạc rộng lớn và cách xa các nơi cư ngụ của các tu sĩ khác. Sau khi dựng một túp lều trên một ngọn đồi có bãi đất trống ở đỉnh, Athanasius bắt đầu tu hành tại đây, hướng tới những công đức cao cả nhất. Ban đầu, kẻ thù xảo quyệt là ma quỷ, muốn đuổi vị thánh ra khỏi nơi này, đã khiến nơi định cư mới này trở nên đáng ghét đối với ngài, khơi dậy trong ngài ý nghĩ dai dẳng và khó kìm nén rằng nên rời đi. Nhưng vị tu sĩ tốt lành đã chiến thắng những nghi ngờ của mình bằng suy nghĩ như sau:

– Tôi sẽ kiên nhẫn ở lại đây suốt cả năm nay, và khi năm kết thúc, tôi sẽ làm theo ý Chúa.

Khi thời gian đã định trôi qua, vào ngày cuối cùng của năm, những ý nghĩ thúc giục ngài rời khỏi nơi đó đã chiếm lấy tâm trí ngài với một sức mạnh đặc biệt, đến nỗi chính ngài đã tự nhủ:

– Sáng mai tôi sẽ ra đi và trở về Tu viện Kareya.

Sau đó, ngài đứng lên cầu nguyện, cử hành nghi thức ca ngợi giờ thứ ba, thì bỗng nhiên một ánh sáng thiên đàng chiếu rọi ngài, và đám mây suy nghĩ ấy lập tức tan biến. Với cảm giác vui sướng và hân hoan khôn tả, vị thánh đã tuôn trào những giọt nước mắt vui mừng từ trái tim tràn ngập tình yêu Thiên Chúa. Kể từ đó, Thánh Athanasius được ban ân sủng của lòng cảm động và khóc khi ngài muốn. Ngài đã yêu mến nơi đó đến mức mà trước đây ngài

[4831] Lavra – trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là một phần của thành phố, ngõ hẻm – thực chất là một dãy các phòng tu, nằm xung quanh nơi ở của vị trụ trì dưới dạng các ngõ hẻm trong thành phố, được bao quanh bởi hàng rào hoặc tường thành. Các tu sĩ trong các tu viện Lavra sống cuộc đời ẩn dật và tu hành trong phòng riêng của mình, chỉ tụ họp lại để cử hành thánh lễ vào ngày đầu tiên và ngày cuối cùng của tuần, còn những ngày còn lại thì giữ im lặng tuyệt đối; cuộc sống trong các tu viện Lavra khó khăn hơn nhiều so với các tu viện khác. Từ thời cổ đại xa xưa, tên gọi "lavra" đã được dùng để chỉ những tu viện đông đúc và có tầm quan trọng đặc biệt. Tên gọi này lần đầu tiên xuất hiện ở Ai Cập và sau đó ở Palestine. Hiện nay, tên gọi "lavra" ở nước ta chỉ được sử dụng với ý nghĩa là danh hiệu vinh dự.

từng ghét bỏ nó, và ngài sống ở đó, ngợi khen Thiên Chúa. Vào thời điểm đó, tướng Nikiforos được hoàng đế cử dẫn quân đến đảo Crete[4832] , nơi lúc bấy giờ đã bị người Hồi giáo chiếm đóng . Không trông cậy vào sức mạnh của quân đội Hy Lạp, mà tìm kiếm sự trợ giúp qua lời cầu nguyện từ các vị thánh phụ, Nikiforos đã cử một trong những người thân tín của mình đi bằng thuyền đến Athos, đồng thời gửi thư đến toàn thể hội đồng các vị thánh phụ Athos, xin họ cầu nguyện với Đức Chúa Trời để Ngài ban cho ông sự trợ giúp từ trên cao chống lại người Hồi giáo. Ông còn xin họ gửi Athanasius đến gặp ông, người mà theo lời anh trai ông là Leo kể lại, đang cư ngụ tại Athos. Sau khi đọc bức thư của vị tướng quân, các vị tu sĩ Athos đã dâng lên những lời cầu nguyện không ngừng nghỉ cho ông; sau đó, họ tìm thấy Athanasius trong sa mạc, mời ông đến hội đồng và ra lệnh cho ông phải đến gặp vị tướng quân. Ban đầu, Afanasy hoàn toàn không muốn đi và chỉ miễn cưỡng tuân lệnh, do bị các vị tu sĩ cao niên đe dọa. Cùng với ông, họ còn cử một vị tu sĩ cao niên được kính trọng, người mà Afanasy coi là thầy của mình và luôn theo sau như một đệ tử. Sau khi lên tàu, họ khởi hành đến đảo Crete. Khi họ đến gặp vị tướng quân đạo đức Nikifor, ngay khi nhìn thấy Athanasius, ông lập tức chạy đến, ôm chầm lấy cổ ông, hôn lên mặt ông và khóc vì vui sướng, coi ông như cha thiêng liêng của mình. Thấy rằng Athanasius đối xử với người bạn đồng hành của mình – vị tu sĩ cao niên – như một đệ tử đối với thầy, Nikiforos đã ngạc nhiên trước sự khiêm nhường của ông và, bỏ qua mọi việc quản lý thế tục, dành thời gian trò chuyện tâm linh với Thánh Athanasius. Trong những lúc đó, ngài nhớ lại lời hứa từ lâu của mình là từ bỏ thế gian và trở thành tu sĩ; ngài đã khẩn khoản xin vị thánh nhân ban đầu hãy xây dựng những căn phòng tu hành dành cho những người sống trong im lặng tại chính sa mạc mà ngài đang cư ngụ. Nikifor đã tặng cho Athanasius bạc và vàng để xây dựng những căn phòng tu này, nhưng Athanasius, vì yêu thích cuộc sống thanh thản và tĩnh lặng, đã từ chối lo liệu việc xây dựng các căn phòng tu, cũng không nhận bạc và vàng, điều này khiến vị tướng quân vô cùng buồn bã. Sau khi ở bên nhau chỉ vài ngày và tận hưởng những giây phút gặp gỡ cũng như những cuộc trò chuyện thân mật, họ chia tay nhau. Athanasius trở về Athos, còn vị tướng quân lên đường ra trận và, nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh tổ, đã đánh bại quân Hồi giáo và sáp nhập đảo Crete trở lại với Hy Lạp. Ngay sau đó, vị tướng Nikifor lại cử một trong những người thân cận của mình tên là Mephodia (người sau này trở thành vị tu viện trưởng của tu viện Kimen) mang vàng đến núi Athos để dâng cho Thánh Athanasius, nhằm xây dựng các phòng tu. Số vàng được gửi đi là sáu lít[4833] .

Thánh Afanasi, khi thấy tình yêu nồng ấm dành cho Thiên Chúa của Nikifor cùng ý định tốt đẹp của ông, và nhận ra rằng đó là ý muốn của Thiên Chúa, đã nhận số vàng đó và bắt đầu lo liệu việc xây dựng. Sau khi dọn dẹp khu đất nói trên, ngài trước hết đã dựng những căn phòng tu hành dành cho Nikifor để ông sống trong sự tĩnh lặng, xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Gioan Tiền Hô, và sau đó, dưới chân núi, ngài đã dựng lên một nhà thờ tuyệt đẹp mang tên Đức Trinh Nữ Maria. Khi công việc xây dựng các nhà thờ bắt đầu, kẻ thù ghen tị đã tìm cách cản trở: tay của những người đang xây dựng nhà thờ bỗng cứng đờ và hoàn toàn bất động, đến nỗi họ không thể đưa tay lên miệng được. Nhận ra rằng đây là việc làm của ma quỷ, vị thánh đã khẩn thiết cầu nguyện với Chúa, xua đuổi mưu mô của kẻ ác và nhờ đó giải thoát đôi tay của những người thợ khỏi tình trạng tê cứng. Đó chính là khởi đầu cho những phép lạ của vị thánh vĩ đại. Sau khi hoàn thành nhà thờ tôn vinh Đức Mẹ Đồng Trinh, vị thánh bắt đầu xây dựng các phòng tu xung quanh nó – nói tóm lại, là xây dựng một tu viện tuyệt đẹp; ông xây dựng phòng ăn và bệnh xá, nhà trọ cho khách lữ hành, sau đó là nhà tắm cho người bệnh và khách lữ hành, đồng thời khéo léo bố trí tất cả các công trình cần thiết khác cho tu viện; sau đó, ông quy tụ một cộng đồng tu sĩ đông đảo, ban cho họ một bộ quy tắc sinh hoạt cộng đồng nghiêm ngặt, được soạn thảo theo mô hình của các tu viện cổ xưa nhất ở Palestine; đối với đoàn chiên Lời Chúa mới được quy tụ, Thánh Athanasius đã trở thành vị Bề trên, người được lòng Chúa và được Đức Mẹ Rất Thánh yêu mến: bởi vì một trong các tu sĩ đã thấy Đức Mẹ viếng thăm tu viện và nhà thờ do ngài xây dựng; Tu sĩ Matthêu, người được ban cho thị kiến này, là một vị tu hành, đã đi trên con đường đời tu một cách hoàn hảo và vì thế có đôi mắt tâm hồn trong sáng và được soi sáng. Khi đang đứng trong hội thánh với sự chú tâm kính cẩn và lòng kính sợ trong buổi hát kinh sáng, ông đã nhìn thấy Đức Trinh Nữ Rực Rỡ Nhất bước vào nhà thờ cùng với hai Thiên Thần rực rỡ. Một trong hai Thiên Thần đi trước Ngài với ngọn nến, còn Thiên Thần kia đi sau; còn chính Ngài, khi đi vòng quanh các tu sĩ, đã phân phát những món quà. Đối với các tu sĩ đang hát trên bục thánh ca, Người ban cho mỗi người một đồng tiền vàng; còn những ai đứng ở các chỗ khác trong nhà

[4832] Crete hay Candia – là hòn đảo lớn nhất trong số các đảo Hy Lạp ở phần phía đông của Biển Địa Trung Hải, nằm phía nam Biển Aegean.

[4833] Litra – đơn vị đo lường trọng lượng, tương đương với 72 zolotnik (1 zolotnik ≈ 4,265 gam).

thờ, Người ban cho mỗi người mười hai tsat; còn những ai đứng trên hiên nhà thờ – mỗi người sáu tsat. Matthêu, người đã chứng kiến cảnh này, cũng được ân sủng nhận sáu tsat từ chính đôi tay thanh khiết của Người. Sau sự hiện ra đó, Matthêu đến gặp vị cha thánh và xin ngài cho mình một chỗ trong số những người hát, đồng thời kể lại cho vị thánh nghe những gì mình đã thấy. Hiểu rằng đó là sự viếng thăm của Đức Trinh Nữ Maria, vị cha thánh tràn ngập niềm vui thiêng liêng vô bờ. Còn về việc phân phát những đồng tiền vàng cho các tu sĩ, ngài đã kết luận rằng đó là những ân sủng khác nhau mà Đức Mẹ ban tặng cho mỗi người tùy theo công đức của họ: những ai đứng hát với lời cầu nguyện nồng nhiệt và sự chú tâm thì được ban thưởng nhiều hơn, còn những ai ít chú tâm hơn thì nhận được ít hơn. Người đã chứng kiến thị kiến đó lại được xếp ngang hàng với những người kém hơn, để một mặt, khi cảm thấy buồn bã vì không được nhận phần lớn hơn, ông sẽ kể lại thị kiến; mặt khác, để ông không kiêu ngạo vì sự bình đẳng của mình với những người xứng đáng nhất, mà luôn sống trong sự khiêm nhường cùng với những người kém hơn. Qua hiện tượng này, sự ưu ái của Đức Trinh Nữ Maria đối với Thánh Athanasius và tu viện của ngài đã được bộc lộ một cách rõ ràng. Về cơ cấu tổ chức của tu viện Thánh Athanasius, trật tự, nội quy và các quy định trong đó ra sao, tất cả đều được mô tả chi tiết trong một cuốn sách riêng về cuộc đời ngài[4834] – ai muốn biết thì hãy đọc ở đó. Còn chúng tôi, khi tóm tắt câu chuyện, sẽ tập trung vào những việc làm đặc biệt (dù tất cả đều phi thường).

Thánh Afanasi, khi nghe tin rằng tướng quân Nikifor, sau khi vua Roman qua đời[4835] , đã được phong làm vua ở Hy Lạp nhờ những chiến thắng liên tiếp trước người Hồi giáo, đã vô cùng buồn bã, bởi vì do lời hứa sẽ trở thành tu sĩ, ngài đã nhận trách nhiệm chăm lo cho tu viện. (Cần biết rằng hoàng đế Nikifor này còn được gọi là Foka. Nhưng đây không phải là Foka đã giết hoàng đế Mauricius, cũng không phải là Nikifor đã lên ngôi sau hoàng hậu Irina và bị giết trong cuộc chiến với người Bulgaria, mà là một Nikifor Foka khác – người sống muộn hơn về mặt thời gian). Vị tu sĩ, đau buồn vì Nikiforos không giữ lời thề, đã định bỏ lại tất cả và trốn đi. Trong khi chuẩn bị trốn chạy, ngài thông báo với các tu sĩ rằng ngài muốn đến gặp hoàng đế để sắp xếp các công việc của tu viện. Sau khi dẫn theo một số tu sĩ, ngài thực sự lên đường và khi đến Avida, ngài giữ lại ba tu sĩ bên mình, còn những người khác thì cho trở về tu viện, nói rằng:

– Chỉ cần ba người này là đủ để tôi lên đường đến Constantinople.

Khi họ đã ra đi, Athanasius viết thư gửi hoàng đế, nhắc nhở ngài về những lời hứa với Đức Chúa Trời, trách móc ngài vì đã thay đổi một cách hời hợt ý định cao đẹp nhất, và bày tỏ nỗi buồn của mình – cụ thể là vì ngài mà ông đã phải gánh vác biết bao lo toan. Cuối thư, ông viết thêm như sau:

– Tôi không có lỗi trước Chúa Kitô vì sự lừa dối của ngài. Tôi để lại cho ngài đàn chiên mới được Chúa quy tụ; ngài hãy giao nó cho ai ngài muốn. Về phần mình, tôi cho rằng Euphimius xứng đáng làm người đứng đầu – một tu sĩ nổi bật cả về đời sống lẫn giáo huấn.

Sau khi viết như vậy, Athanasius không thông báo cho các môn đệ của mình về nội dung bức thư, mà niêm phong nó lại, chọn một trong ba tu sĩ, trao bức thư cho người đó và gửi người ấy đến gặp hoàng đế. Một thời gian ngắn sau đó, ông lại cử một môn đệ khác tên là Theodotus trở về tu viện, với lý do là để thăm các tu sĩ và kiểm tra trật tự trong tu viện. Còn bản thân ngài thì ở lại cùng một đệ tử tên là Antony; cùng với người này, Athanasius đã lên đường đến đảo Síp, nơi sau khi ghé thăm một tu viện có tên là "Tu viện của các Thánh", ngài đã xin vị tu viện trưởng cho phép họ được sống trong một sa mạc gần tu viện đó. Sau khi được chấp thuận, ông bắt đầu sống trong sự thinh lặng dành cho Thiên Chúa, tự kiếm sống bằng lao động của đôi tay mình, cụ thể là sao chép sách, giống như trước đây. Khi vị tu sĩ được cử đi mang thư đến Constantinopolis trao lá thư đó vào tay hoàng đế, hoàng đế đã nhận lấy và rất vui mừng. Nhưng khi mở phong bì và đọc xong bức thư, ngài vô cùng buồn bã: một mặt vì sự bất công của mình trước mặt Chúa, mặt khác vì Thánh Athanasius đã rời tu viện và biến mất không rõ tung tích. Còn vị tu sĩ kia, khi biết được nội dung bức thư, đã khóc lóc thảm thiết vì đã mất đi người cha tinh thần của mình. Hoàng đế lập tức gửi thư trả lời về tu viện, chỉ định Euphimius tạm thời đảm nhận quyền quản lý nơi này. Đồng thời, nhà vua ra lệnh truy tìm Thánh Athanasius trên khắp các vùng đất thuộc quyền cai trị của mình. Lệnh của hoàng đế đã lan đến đảo Síp và sắp được thi hành. Nhưng vị thánh nhân, khi biết tin, đã lập tức dẫn theo một đệ tử, lui về bờ biển; tại đó, nhờ sự an bài của Thiên Chúa, ngài gặp được một con tàu, bèn lên tàu và nhờ gió thuận lợi, nhanh chóng cập bến bờ bên kia. Vị tu sĩ cao niên bối rối không biết nên đi về hướng nào. Ngài có ý định hướng về các

[4834] Trong tiếng Hy Lạp có một bản tiểu sử chi tiết về Thánh Athanasius; các cuốn "Minei-Chetii" vĩ đại cũng trình bày chi tiết về cuộc đời của ngài.

[4835] Roman II (957–963).

thánh địa ở Giê-ru-sa-lem, nhưng con đường đến đó không thuận lợi do cuộc xâm lược của người Hồi giáo. Ngài cũng không muốn rẽ sang các vùng củ , vì hoàng đế đang truy lùng ngài. Vì vậy, ngài không biết nên đi đâu. Khi đêm xuống, vị thánh nhân bắt đầu cầu nguyện, xin Chúa ban lời khuyên và chỉ dẫn. Và rồi ngài nhận được sự mặc khải và mệnh lệnh thiêng liêng, rằng ngài phải trở về Athos, về tu viện của mình, bởi vì nhờ công lao của ngài, tu viện đó sẽ được hoàn thiện cả về mặt bên ngoài lẫn bên trong, và nhiều người sẽ được cứu rỗi nhờ những lời dạy của ngài. Sau khi nhận được sự mặc khải này từ Đức Chúa Trời, vị thánh nhân đã báo cho Antony biết, và họ lập tức lên đường, trở về nơi cũ bằng đường bộ. Do chuyến đi dài nhiều ngày, chân của Antony bị đau và sưng tấy. Chúng bỏng rát dữ dội, và anh ta hoàn toàn không thể đi được. Lúc đó, vị thánh nhân hái một ít cỏ mọc xung quanh, nghiền nát trong lòng bàn tay, rồi đắp lên chân môn đệ, phủ lá cây lên trên, quấn bằng khăn trùm đầu của mình, sau đó nắm tay người bệnh, đỡ anh ta dậy, và Antôn lập tức kêu lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, vì Ngài đã làm dịu bớt cơn đau của con!

Sau đó, anh tiếp tục đi như trước đây, với đôi chân đã lành lặn. Anh Theodotus nói trên, người mà vị cha thánh đã cử đi thăm các anh em, khi đến tu viện, thấy mọi người đều đang hoang mang vì sự vắng mặt của cha và lòng anh vô cùng đau xót vì điều đó. Không thể chịu đựng được sự mất mát của vị cha mình, anh lên đường đến Síp, tìm kiếm ngài khắp nơi. Khi đang ở Atalia[4836] , theo sự an bài của Thiên Chúa, anh đã gặp ngài trên đường; khi nhìn thấy nhau, cả hai đều vô cùng vui mừng. Vị cha, khi nghe tin về những xáo trộn trong hàng tu sĩ tại tu viện, đã chuyển từ niềm vui sang nỗi buồn. Ông lập tức cho Theodotus trở về Lavra để báo tin cho các tu sĩ về sự trở về của mình, còn bản thân thì lên đường đến tu viện ở Lampidia để cầu nguyện. Tại đó, khi thấy một tu sĩ đã mất trí và đang điên loạn, Athanasius đặt tay lên người anh ta và chữa lành cho anh ta. Sau khi giảng dạy ở đó một thời gian ngắn, ngài lên đường đến Athos và trở về tu viện của mình. Khi các tu sĩ nhìn thấy ngài, họ tưởng như đang nhìn thấy mặt trời và vì vui mừng, họ reo lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa!

Mọi người đều tiến lại gần, có người hôn tay, có người hôn chân, có người hôn áo rách của ngài. Sau đó, vị thánh nhân lại tiếp tục điều hành mọi việc trong tu viện như trước đây, nhằm xây dựng và phát triển nơi này.

Theo thời gian, vị tu sĩ đáng kính phải đích thân đến gặp hoàng đế để giải quyết các công việc liên quan đến tu viện. Vậy là ngài lên đường và đến Constantinopolis. Khi biết tin này, hoàng đế vừa vui mừng vừa cảm thấy xấu hổ: vui mừng vì mong được gặp vị thánh, và xấu hổ vì phải xuất hiện trước ngài trong tư cách hoàng đế; vì thế, ngài đã tiếp đón vị thánh không phải với tư cách hoàng đế, mà như một người bình thường, giản dị. Sau khi nắm lấy tay phải của ngài và hôn lên đó, hoàng đế dẫn ngài vào phòng trong của cung điện; rồi khi chỉ còn hai người, họ đã trò chuyện thân mật với nhau trong những giọt nước mắt vui sướng.

– Con biết, thưa Cha, – hoàng đế nói, – rằng con là nguyên nhân của mọi vất vả và đau khổ của Cha, vì đã coi thường sự kính sợ Thiên Chúa và không thực hiện lời hứa của con. Nhưng con xin Cha, – hãy kiên nhẫn với con, chờ đợi sự sám hối của con, khi Thiên Chúa ban cho con cơ hội "đền đáp những lời hứa của con".

Trong khi đó, vị tu sĩ khuyên nhủ ngài hãy yêu mến Chúa, sống đạo đức, khiêm nhường, nhân từ, hào phóng, và bằng cách nhắc nhở về phần thưởng trong cuộc sống vĩnh hằng, ngài dạy dỗ ngài về mọi việc thiện lành xứng đáng với một hoàng đế Kitô hữu. Vị thánh đã ở lại Constantinople nhiều ngày, thường xuyên trò chuyện thân mật với hoàng đế. Khi tiễn biệt ngài, hoàng đế đã ban cho tu viện mọi thứ cần thiết. Sau đó, ngài ban chiếu chỉ quy định rằng hàng năm tu viện sẽ được cấp hai trăm bốn mươi bốn đồng vàng từ đảo Limnos. Vị thánh trở về với các tu sĩ cùng với ân sủng hào phóng của hoàng đế.

Trong khi vị thánh tu hành thành công và dẫn dắt đông đảo các tu sĩ trên con đường cứu rỗi, thì ma quỷ – kẻ thù ghét điều thiện – đã nổi dậy chống lại ngài bằng tất cả sức mạnh của mình và trang bị vũ khí để chiến đấu chống lại vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô. Sự việc này đã được tiết lộ cho một trong những vị tu sĩ cao niên, người này, khi rơi vào trạng thái mê sảng, đã nhìn thấy một đạo quân ma quỷ đang tiến về phía núi Athos; trong đạo quân đó có một thủ lĩnh, giống như một ngàn trưởng – đáng sợ và uy hiếp, thể hiện quyền lực to lớn. Hắn chia đội quân nói trên thành hai: sai một trăm quỷ đi bao vây khắp ngọn núi để bắt các tu sĩ, còn bản thân hắn cùng chín trăm quỷ khác tiến về Tu viện Athanasius với lòng căm thù khủng khiếp. Trước khi thị kiến này được báo cho vị thánh, ngài đã mắc phải căn bệnh sau đây. Khi ngài đang làm việc cùng các công nhân khác tại bến cảng như thường lệ, một cây lớn bất ngờ đổ xuống đè lên chân ngài, làm gãy các khớp và xương ống chân, khiến vị thánh phải nằm trên

[4836] Attalia – một thành phố ở Pamphylia, dải bờ biển hẹp của Tiểu Á nằm giữa Lycia và Cilicia.

giường bệnh suốt ba năm. Tuy nhiên, ngay cả trong thời gian ốm đau, ngài cũng không muốn ngồi yên mà không làm gì, mà vẫn viết sách, hoàn thành cuốn "Paterik" chỉ trong bốn mươi ngày. Ngay cả khi nằm trên giường bệnh, ngài vẫn trang bị cho mình để chống lại kẻ thù vô hình và, nhờ chiến thắng, đã đẩy lùi những mưu mô của hắn. Lúc đó, kẻ thù, không đạt được mục đích tại Tu viện Lavra, đã đi kích động những tu sĩ già ngây thơ đang sống tại các tu viện khác trên Núi Thánh và theo lối sống ẩn dật; hắn gieo rắc vào tâm trí họ những suy nghĩ tiêu cực sau đây về hành động của vị thánh:

– Tại sao Athanasius lại gây tổn hại cho ngọn núi thánh và phá vỡ các luật lệ cổ xưa? Ông đã xây dựng những công trình kiến trúc quý giá, thiết lập những bến cảng mới, đào những hồ nước mới, mua bò, gieo trồng trên các cánh đồng, trồng nho; nói tóm lại – đã biến ngọn núi thành một làng mạc trần tục.

Sau khi bàn bạc với nhau, các vị trưởng lão này đã lên đường đến Constantinople để gặp Hoàng đế Gioan, người kế vị của Nikiforos đã qua đời[4837] ; họ vu khống Athanasius và nài nỉ hoàng đế trục xuất ông khỏi núi Athos. Hoàng đế đã cử sứ giả triệu tập Athanasius, người lúc đó đã hồi phục sau cơn bệnh; khi nhìn thấy ông và nhận ra ân sủng của Đức Chúa Trời đang ngự trên ông, thay vì nổi giận với vị tu sĩ này, hoàng đế lại cảm thấy thiện cảm với ông; ông rất mực yêu mến vị cha thánh được Chúa soi dẫn, đã dành cho ngài sự tôn kính và ban tặng ngài vô vàn ân huệ hoàng gia. Ông cũng xác nhận lại sắc lệnh trước đó do Hoàng đế Nikiforos ban hành, theo đó tu viện sẽ nhận được khoản cống nạp từ đảo Limnos trị giá hai trăm bốn mươi bốn đồng vàng, rồi với sự tôn trọng, ông đã cho phép Athanasius trở về. Lúc bấy giờ, những vị trưởng lão thuần khiết thời xưa, tràn ngập sự hổ thẹn, đã ăn năn về những mưu đồ của mình và đến gặp vị thánh nhân, xin ngài tha thứ. Kẻ thù ma quỷ cũng cảm thấy xấu hổ, và trong cơn thịnh nộ bùng lên dữ dội hơn, lại dẫn theo đạo quân của mình tấn công Tu viện của vị Thánh Cha. Cuộc xâm lược này đã được vị tu sĩ chính trực Phô-ma, người có đôi mắt tâm hồn trong sáng, chứng kiến. Sau khi hoàn thành các nghi thức cầu nguyện vào giờ thứ ba, ngài rơi vào trạng thái xuất thần và thấy tất cả các ngọn núi, đồi, cây cối và bụi rậm đều chật ních những người Ethiopia nhỏ bé; họ, trong cơn giận dữ và ngọn lửa thù hận, kêu gọi lẫn nhau tham gia chiến tranh và giao tranh, đồng thời gầm lên một cách độc ác và hung tợn:

– Chúng ta còn phải chịu đựng đến bao giờ nữa, các bạn ơi? Tại sao chúng ta không xé xác những kẻ đã định cư ở đây bằng răng của mình? Tại sao không tiêu diệt chúng ngay lập tức khỏi nơi này? Và chúng ta còn phải chịu đựng thủ lĩnh kẻ thù của chúng ta đến bao giờ nữa? Các bạn chẳng thấy sao, hắn đã đuổi chúng ta ra khỏi đây và chiếm đoạt đất đai của chúng ta rồi sao?!

Khi họ đang nói như vậy, Thánh Athanasius bước ra khỏi phòng tu. Thấy ngài, những người Ethiopia run rẩy và bối rối. Ngài liền lao vào họ, đánh đập, làm họ bị thương và xua đuổi; ngài không ngừng trừng phạt họ cho đến khi xua đuổi tất cả ra xa Tu viện. Khi vị tu sĩ già Phô-ma kể lại về thị kiến cho vị tu sĩ thánh thiện, ngài lập tức đứng lên cầu nguyện và với những giọt nước mắt, khẩn cầu Thiên Chúa bảo vệ đoàn chiên của mình khỏi nanh vuốt của kẻ thù. Và quả thật, bằng lời cầu nguyện, vị tu sĩ thánh thiện như dùng cây gậy sắt để đánh đuổi những con thú vô hình ấy. Còn những con thú đó, dù đã bỏ chạy, nhưng vẫn dần dần quay trở lại, không ngừng dùng mưu mô của chúng để khơi dậy hận thù. Chúng đã gieo rắc lòng căm thù sâu sắc đối với vị thánh nhân trong lòng một tu sĩ đến nỗi người này thậm chí không muốn nhìn ngài, và dưới sự xúi giục của ma quỷ, lòng hận thù trong lòng anh ta đã dâng trào đến mức anh ta còn nảy sinh ý định giết người. Sau khi chuẩn bị và mài sắc thanh kiếm, anh ta tìm kiếm cơ hội thích hợp để giết vị thánh nhân. Một đêm nọ, khi mọi người đều đang ngủ, còn vị thánh thì vẫn thức trắng trong phòng tu của mình để cầu nguyện, kẻ sát nhân đã đến gần phòng tu của vị thánh, với lý do là có chuyện rất quan trọng cần nói với ngài; đồng thời, hắn giấu sẵn thanh kiếm đã rút ra trong tay; hắn gõ cửa một cách không sợ hãi và nói:

– Xin cha ban phước lành!

Và giọng nói của hắn là giọng của Gia-cốp, còn đôi tay lại là của Ê-sau[4838] . Còn vị tu sĩ, với lòng công chính như A-bên, không biết rằng bên ngoài đang đứng Ca-in và đang gọi ngài để giết hại[4839] , – ngài hỏi từ trong phòng tu:

– Ngươi là ai?

Và ngài hé cửa ra một chút.

[4837] Giăng Tsimiskes 969–976.

[4838] Tức là vị tu sĩ này đã hành động giả dối. Xem Sáng Thế Ký 27:21–23.

[4839] Xem Sáng Thế Ký 4:8.

Kẻ sát nhân, khi nghe giọng nói của vị tu sĩ, đã hoảng sợ và run rẩy ngã xuống đất. Đức Chúa Trời, Đấng bảo vệ tôi tớ trung thành của Ngài, đã khiến kẻ sát nhân kinh hoàng đột ngột: hai tay hắn yếu đi, thanh gươm rơi xuống đất, và chính hắn nằm trước chân vị tu sĩ, duỗi thẳng trên mặt đất như một người đã chết. Thấy vậy, vị thánh nhân vừa ngạc nhiên vừa kinh hoàng, liền đỡ người kia dậy khỏi mặt đất. Vừa tỉnh táo lại, kẻ sát nhân liền nói với cha bằng giọng đầy xúc động:

– Xin cha thương xót con, kẻ đã định giết cha! Xin tha thứ cho lòng thù hận mà con đã ấp ủ chống lại cha, và xin tha thứ cho sự gian ác trong lòng con!

Sau khi thắp nến lên và nhìn thấy thanh kiếm sắc như dao cạo nằm trên đất, Athanasius đã hiểu ra âm mưu của vị tu sĩ:

– Con ơi, – ngài nói, – sao con lại cầm thanh kiếm này ra tay với ta như một tên cướp vậy?! Nhưng đừng khóc nữa, hãy ngậm miệng lại, giấu đi vật này, đừng nói với ai về chuyện đã xảy ra và lại gần ta – ta sẽ hôn lên trán con; còn Chúa sẽ tha thứ cho con về tội lỗi của con!

Đó chính là lòng khoan dung của vị tu sĩ đáng kính! Kể từ lúc đó, ngài đã dành cho người anh em ấy một tình yêu thương vô bờ bến. Còn người anh em kia, luôn nhớ về tội lỗi của mình và chứng kiến lòng khoan dung cùng tình yêu thương mà vị tu sĩ dành cho mình, không ngừng khóc lóc và không thể giấu diếm sự việc đã xảy ra, vừa thú nhận tội lỗi của mình vừa ca ngợi đức hạnh của vị tu sĩ. Anh ta qua đời với lòng ăn năn chân thành, và vị tu sĩ đã khóc thương anh ta hơn bất kỳ ai khác. Còn một người anh em khác, cũng giống như người đầu tiên, căm ghét vị tu sĩ, đã tìm cách tiêu diệt ngài khỏi cõi đời. Không biết làm thế nào để thực hiện điều đó, anh ta đã sa vào những nghi thức ma thuật và bùa chú của quỷ dữ; sau khi gây ra cho cha mình nhiều phép thuật và bùa chú chết người, anh ta ngạc nhiên khi không đạt được kết quả nào. Tình cờ, anh ta hỏi một người anh em khác:

– Phép thuật có thể giết chết con người không?

Người anh em đó trả lời rằng, đối với người sống đạo đức và theo ý Chúa, không có phép thuật hay bùa chú nào có thể gây hại được. Nghe xong, tên phù thủy tự nguyền rủa chính mình trong lương tâm. Sau đó, khi biết được rằng vị cha đã tha thứ cho người anh em từng có ý định giết mình, ông kinh ngạc trước lòng khoan dung của ngài, cảm động sâu sắc, cảm thấy sợ hãi trước Chúa, và khi đến gặp vị cha, ông quỳ xuống dưới chân ngài, khóc lóc thảm thiết thú nhận tội lỗi của mình và xin sự tha thứ, mà ông đã nhận được từ vị cha khoan dung ấy. Đó chính là cách Thánh Athanasius đối xử với những người phạm tội trước mặt ngài. Chính vì điều này mà Thiên Chúa đã tôn vinh ngài khắp nơi. Trong đoàn chiên của ngài đã quy tụ rất nhiều anh em từ nhiều quốc gia khác nhau, không chỉ từ Hy Lạp, mà còn từ Ý, từ chính thành Rome cổ kính, từ Calabria[4840] , Amalfi[4841] , Iberia[4842] , và – không chỉ là những người bình dân, mà còn cả những người giàu có và quý tộc. Ngay cả các vị tu viện trưởng của nhiều tu viện cũng từ bỏ chức vụ của mình để đến phục tùng dưới sự hướng dẫn của vị thánh. Không chỉ các tu viện trưởng, mà cả các giám mục, khi rời bỏ tòa giám mục và đoàn chiên của mình, cũng đến gia nhập đoàn chiên của vị thánh cha và mong muốn được ngài chăn dắt. Trong số đó có – vị vĩ đại giữa các tổng giám mục là Nicholas, còn được gọi là Chariton, Andrew Chrysopolite và Akakios, người đã tỏa sáng trong nhiều năm nhờ đời sống ăn chay khổ hạnh. Tương tự như vậy, những người tu hành đã già nua trong những sa mạc hoang vu, khi đến với vị Thánh Cha theo sự an bài của Thiên Chúa, đã định cư tại tu viện của ngài, mong muốn được rèn luyện bản thân qua gương mẫu cuộc sống đạo đức của ngài. Trong số những người sau này có: vị thánh Nikifor, người đã tu hành cùng với Thánh Fantin trên dãy núi Calabria. Họ đã nhận được một thị kiến thiêng liêng, truyền lệnh cho Fantin đi đến Thessaloniki, còn Nikifor thì đến Athos gặp vị thánh Athanasius; tại đó, sau khi sống một thời gian dài, ngài đã qua đời và được an táng. Sau một thời gian, khi di cốt của ngài được khai quật khỏi lòng đất để chuyển đến nơi khác, từ những bộ xương khô ấy đã tuôn trào ra một suối nước thơm ngát, không thể so sánh với bất kỳ hương thơm nào trên thế gian. Chính những vị thánh phụ như vậy đã được Thiên Chúa sai đến dưới sự hướng dẫn của Thánh Phụ Athanasius, từ đó cho thấy rõ cuộc đời của ngài thánh thiện hơn hẳn so với những người khác. Cũng như từ cành cây ta nhận biết được gốc rễ, và từ trái cây ta nhận biết được cây, thì cũng chính xác như vậy, từ những môn đệ thành công ta nhận biết được vị thầy giàu kinh nghiệm, và từ những con chiên ngoan đạo ta nhận biết được vị mục

[4840] Calabria – bán đảo thấp trũng, trải dài từ Taranto đến Mũi Yapig. Vào thời Trung cổ, các nhà văn Byzantine đã chuyển tên gọi Calabria sang bán đảo phía tây của miền Nam Ý, tức là vùng Bruttia xưa.

[4841] Amalfi – một thành phố ven biển ở Vịnh Salerno, thuộc tỉnh Salerno của Ý; có lẽ được thành lập vào thế kỷ IV bởi Constantine Đại đế.

[4842] Iberia – Tây Ban Nha.

tử tốt lành. Nhưng đã đến lúc, sau khi tóm tắt nhắc lại những phép lạ của Athanasius, chúng ta nên kết thúc bài nói về ngài. Thiên Chúa, Đấng tôn vinh các thánh của Ngài bằng những phép lạ, cũng không tước đi ân sủng làm phép lạ của vị thánh vĩ đại này. Trước hết, chúng ta hãy nói về khả năng tiên tri của ngài.

Một lần nọ, một đợt rét buốt khắc nghiệt ập đến. Vị Thánh đã gọi một trong những tu sĩ tập sự tên là Theodor đến và nói với anh ta:

– Anh em ơi, hãy lấy thức ăn rồi mau chóng đến Kesarie (đó là tên gọi của một địa phương trên núi Athos). Khi anh đi về phía biển và đến đối diện với Trochal, anh sẽ gặp ba người đàn ông đang kiệt sức vì giá rét và đói khát, đang cận kề cái chết, trong đó có một tu sĩ. Hãy cho họ ăn bánh mì để họ lấy lại sức lực và sưởi ấm, rồi đưa họ về đây.

Khi lên đường, Theodore thấy mọi việc quả thực đúng như lời tiên tri của cha, và mọi người đều kinh ngạc trước sự sáng suốt của vị thánh. Có lần, vị thánh nhân phải lên thuyền cùng một số anh em trong tu viện để giải quyết công việc của tu viện trên một hòn đảo. Nhưng theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, kẻ thù vô hình, muốn đánh chìm vị cha cùng các anh em, đã gây ra gió mạnh, bão tố và sóng dữ, lật úp con thuyền giữa lòng biển sâu, khiến tất cả đều bị nước nhấn chìm ngay lập tức. Nhưng bàn tay phải của Chúa, luôn nhanh chóng giải cứu người tôi tớ trung thành của Ngài khỏi hoạn nạn, ngay lập tức đã đưa con thuyền trở lại vị trí ban đầu, xoa dịu cơn bão, và vị thánh bỗng thấy mình đang ngồi ở đuôi thuyền, gọi các tu sĩ lại gần. Nước dường như bế họ trên tay đưa về phía con thuyền. Vị thánh phụ, khi vớt từng người một lên khỏi nước, đã cứu sống tất cả. Chỉ có một mình Phêrô người Kypria là không thấy đâu; không thấy anh ta, vị thánh phụ lo lắng và lớn tiếng kêu lên:

– Con ơi, Phêrô! Con ở đâu?

Và cùng với tiếng kêu của vị tu sĩ, Phêrô nổi lên từ đáy sâu và được dòng nước đưa đến con thuyền, nơi ngài được vị tu sĩ đón nhận bằng đôi tay. Như vậy, chính vị thánh nhân và các tu sĩ của ngài đã được cứu khỏi bị chìm; còn kẻ thù độc ác không những không vui mừng, mà còn bị sỉ nhục thêm. Vị thánh nhân đã làm nhục kẻ thù khắp nơi, giành chiến thắng trước nó và xua đuổi nó đi. Ngài đã trừ tà khỏi tu sĩ Matthêu, người đang bị linh hồn ô uế hành hạ dã man. Nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, những kẻ hành hạ vô hình cũng bị xua đuổi khỏi những người khác đang phải chịu những đau khổ tàn khốc. Vị thánh cũng sở hữu sức mạnh chữa lành và, khi phục vụ những người bệnh, ngài đã ban cho nhiều người sự giúp đỡ kỳ diệu bằng chính đôi tay của mình. Ngài đã chữa lành cho một tu sĩ bị bệnh hủi; ngài cũng đã chữa lành cho một người khác đang bị loét. Người thứ ba, mắc bệnh ung thư, đã được chữa lành khi ngài dùng tay vẽ dấu thánh giá ba lần lên vết loét. Bằng lời cầu nguyện của mình, ngài đã xua đuổi đàn châu chấu ập xuống hòn đảo và đang tàn phá hết thảy cây cỏ. Một lần, khi ngài cùng các tu sĩ đi thuyền trên biển, nước uống cạn kiệt đến nỗi các tu sĩ kiệt sức vì khát; Thánh Athanasius ra lệnh múc nước biển, sau khi ban phước, ngài đã biến nó thành nước ngọt, nhờ đó các tu sĩ đã giải khát được. Một tu sĩ tên là Gerasim, khi đang chăm sóc một cây nho to và cao trong vườn nho, vì có sức mạnh thể chất lớn, đã muốn dùng tay nhổ cây đó lên khỏi mặt đất. Dù đã dùng tay lay cây hai, ba lần, anh ta vẫn không thể nhổ được, mà còn tự làm mình bị thương rất nặng. Bụng anh ta bị rách, nội tạng lòi ra, và anh ta phải chịu đựng cơn đau dữ dội. Nhờ lời cầu nguyện và dấu thánh giá của vị cha thánh, anh ta đã được chữa lành. Chính Gerasim này, lấy Đức Chúa Trời làm chứng, đã kể lại phép lạ sau đây:

– Khi tôi, – Gerasim nói, – đang thực hiện nhiệm vụ cắt bánh thánh, – tôi có việc cần phải đến gặp cha để hỏi về một chuyện nào đó. Tình cờ lúc đó ngài đang một mình cầu nguyện trong nhà thờ các Thánh Tông Đồ. Tôi đi đến nhà thờ và, khi nhìn qua cửa sổ, thấy vị cha đáng kính đang cầu nguyện, khuôn mặt ngài rực rỡ như ngọn lửa. Tôi kinh hãi và lùi lại một chút. Chờ một lát, tôi lại nhìn vào và nhận thấy khuôn mặt ngài, được bao quanh bởi thứ giống như ngọn lửa, tỏa sáng như khuôn mặt của một Thiên thần. Vì sợ hãi, tôi kêu lên và thốt:

– Ôi, thưa Cha!

Ngài, khi nhận ra rằng tôi đã hoảng sợ và hiểu được nguyên nhân, đã cấm tôi không được kể cho ai nghe về những gì mình đã thấy.

Gerasim đã kể lại chuyện này cho các tu sĩ sau khi vị thánh qua đời. Có một tu sĩ, sau khi được cha bề trên sai đi thực hiện nhiệm vụ tại một làng trần thế, đã sa vào cám dỗ của kẻ thù và phạm tội xác thịt. Sau đó, khi nhận ra sự nặng nề của tội lỗi, anh ta đã tuyệt vọng trong lòng và, khi trở về tu viện, đã quỳ xuống dưới chân vị thánh với nước mắt và tiếng khóc nức nở, thú nhận tội lỗi và sự tuyệt vọng của mình. Vị Thánh, sau khi dạy dỗ anh ta bằng nhiều lời khuyên hữu ích và thuyết phục anh ta đừng tuyệt vọng trước lòng nhân từ của Thiên Chúa, đã ra lệnh cho anh ta ở lại giữa các tu sĩ trong nhiệm vụ ban đầu của mình. Trong khi đó, một vị tu sĩ cao niên tên là Phaolô, khi

biết về sự sa ngã của người anh em và lòng thương xót an ủi của vị cha, đã phàn nàn cả với người này lẫn người kia: ông ta trách mắng người anh em vì đã dám phạm phải hành vi xấu xa đến thế, vi phạm lời thề về sự trong sạch, còn với vị cha, ông ta nói thẳng vào mặt rằng việc tha thứ cho một kẻ tội lỗi như vậy là bất công, mà người đó cần phải chịu những hình phạt nặng nề và nhiều lần. Lúc đó, vị cha hiền lành, sau khi nhìn người đang phàn nàn với ánh mắt nghiêm khắc, đã nói:

– Phaolô! Hãy xem mình đang làm gì! Hãy tự xem xét bản thân mình, chớ đi soi mói tội lỗi của anh em, vì có chép rằng: *"Ai tự cho mình là đứng vững, hãy cẩn thận kẻo ngã"* (1 Cr 10,12).

Từ đó, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, kẻ cám dỗ vô hình bắt đầu đâm thấu trái tim Pavel bằng những mũi tên của những ý nghĩ xấu xa và thổi bùng ngọn lửa dục vọng lên xác thịt anh ta; Pavel không được yên ổn suốt ba ngày ba đêm, toàn thân bốc cháy vì dục vọng của tội xác thịt, đến nỗi anh ta thậm chí còn tuyệt vọng về sự cứu rỗi của mình. Và điều tồi tệ nhất là ông thậm chí còn xấu hổ không dám bộc bạch cuộc đấu tranh của mình với cha. Biết được điều này qua linh cảm, vị tu sĩ đáng kính đã gọi Phaolô đến bên mình và trò chuyện riêng với ông về một số việc trong tu viện. Qua cuộc trò chuyện, ngài dần dần dẫn dắt Phaolô thú nhận cơn đam mê xác thịt của mình. Lúc đó, Phaolô quỳ xuống dưới chân vị tu sĩ, kể cho ngài nghe nỗi khổ của mình và xin ngài giúp đỡ. Vị tu sĩ đã dạy Phaolô bài học không được lên án người anh em phạm tội, rồi sai anh đi làm nhiệm vụ của mình. Anh là người trông coi kho. Còn ngài, sau khi quỳ xuống cầu nguyện, đã khẩn thiết dâng lời cầu xin lên Thiên Chúa cho anh ta trong nước mắt, và ngay lập tức, Pavel được giải thoát khỏi cơn dục vọng. Anh cảm nhận được một luồng hơi lạnh tràn xuống đầu và lan tỏa khắp cơ thể cho đến tận chân, và nhờ đó, cơn kích thích dục vọng trong anh đã tan biến. Một anh em khác, tên là Mác, người gốc Lampsakia, cũng đang bị dằn vặt dữ dội bởi cùng một dục vọng xác thịt tội lỗi; khi đến gặp cha, anh đã xưng thú trước mặt ngài về dục vọng của mình và xin ngài giúp đỡ bằng lời cầu nguyện. Vài ngày sau, anh thấy cha trong giấc mơ, ngài hỏi anh:

– Con cảm thấy thế nào, anh em?

– Con đang phải chịu đựng rất đau khổ, thưa cha, – anh ta đáp.

– Hãy nằm sấp xuống đất, – vị cha nói.

Khi anh nằm sấp xuống đất, vị cha đã dùng chân đạp lên vùng hạ bộ của anh. Anh đứng dậy sau khi chịu áp lực từ bàn chân ấy, và cảm thấy mình đã được chữa lành khỏi cơn đam mê; từ lúc đó, anh được bình an, không còn trải qua những xao động xác thịt nữa. Sau khi tóm tắt ngắn gọn một vài trong số rất nhiều phép lạ mà vị cha thánh của chúng ta đã thực hiện khi còn sống, chúng ta sẽ kể về sự ra đi của ngài.

Vì – như đã đề cập trước đó – có rất nhiều tu sĩ từ khắp nơi tụ tập về với vị thánh, nên để có thể chứa đựng toàn thể cộng đoàn tu sĩ, cần phải mở rộng nhà thờ; do đó, các hiên và nhà nguyện phụ đã được xây dựng nối liền với tường nhà thờ. Khi công trình xây dựng một bàn thờ phụ vẫn chưa hoàn tất, Đức Cha đã phải đích thân lên đó để kiểm tra tiến độ công việc – trước khi lên đường đến Constantinople, nơi Ngài sắp phải đến; Ngài dự định đến gặp Hoàng đế để bàn về các vấn đề liên quan đến tu viện. Vậy nên, trước hết, ngài triệu tập các tu sĩ và giảng cho họ bài giảng của Thánh Theodoros Studites[4843] , kèm theo những lời khuyên răn hữu ích từ chính đôi môi đầy ân sủng của ngài. Sau đó, ngài lui vào phòng tu và cầu nguyện trong một thời gian dài. Sau đó, ngài bước ra khỏi phòng tu trong bộ áo choàng, trên đầu đội chiếc mũ tu sĩ thiêng liêng (kobuk) của vị cha thánh của ngài là Thánh Michael

[4843] Thánh Theodoros Studites ngay từ thuở thiếu thời đã bước vào con đường tu hành, ban đầu tu tập dưới sự hướng dẫn của chú mình, Thánh Platon (ngày tưởng niệm 5 tháng 4), người bảo vệ việc tôn kính các bức tranh thánh tại Công đồng Đại kết lần thứ VII. Sau đó, Thánh Phê-ô-đô-rơ trở thành vị tu viện trưởng của Tu viện Studion tại Constantinopolis; dưới sự quản lý của ngài, tu viện này đã đạt đến đỉnh cao chưa từng có. Thánh Phê-ô-đô-rô đã hai lần bị trục xuất khỏi Constantinopolis vì đã lên án Hoàng đế Constantine Bagryanorodny, người đã ly hôn bất hợp pháp với vợ mình là Maria và làm trầm trọng thêm tội lỗi của mình bằng cuộc hôn nhân bất hợp pháp với Theodota. Khi trở về Tu viện Studion sau thời gian lưu đày, vào lúc cuộc đàn áp các thánh tượng bùng phát, Thánh Theodoros, bất chấp những lời đe dọa của phe chống thánh tượng, vẫn công khai tổ chức các cuộc rước thánh giá. Khi đó, Hoàng đế Lêô người Armenia đã ra lệnh giam cầm ngài, nơi ngài bị giam giữ trong những ngục tối ẩm ướt và ngột ngạt, nhiều lần phải chịu những trận đòn tra tấn dã man. Dưới triều đại của Hoàng đế Michael Lưỡi Cứng, Thánh Phêrô đã được trả tự do khỏi nơi giam cầm, nhưng ngài không sống được bao lâu, vì đã kiệt sức do thời gian bị giam cầm. Ngài qua đời ở tuổi 67 vào ngày 11 tháng 11 năm 826 (cũng là ngày tưởng niệm ngài). Vào giây phút Thánh Phê-ô-đô-r qua đời, Thánh I-la-ri-ôn người Dalmatia đã thấy đoàn thiên thần từ trời giáng xuống và nghe thấy tiếng nói: "Đây là linh hồn của Thánh Theodor, vị tu viện trưởng tu viện Studion, đang hân hoan thăng thiên và được các thế lực thiên đàng đón rước." – Thánh Theodor để lại rất nhiều tác phẩm dưới dạng các bài giảng, thông báo, thư từ, kinh cầu, thánh ca, bài thơ ngắn và tiểu sử. Ấn bản đầy đủ nhất các tác phẩm của Thánh Phê-ô-đô-rơ bằng tiếng Nga được ban biên tập tạp chí "Đọc sách Kitô giáo" thực hiện dưới dạng phụ lục kèm theo tạp chí này trong năm 1907 và những năm tiếp theo.

Malein, thứ mà ngài thường chỉ đội vào những ngày lễ lớn và khi rước Mình Thánh Chúa: và vào ngày đó, ngài quả thực đang cử hành lễ và khuôn mặt rạng ngời như Thiên Thần của Chúa. Sau đó, ngài dẫn theo sáu vị tu sĩ, cùng họ đi làm việc. Khi họ đã lên đến đỉnh tòa nhà, thì theo ý định khó lường của Chúa, phần mái trên cùng sụp đổ, khiến tất cả rơi xuống dưới, bị vùi lấp bởi đất và đá. Năm người trong số họ ngay lập tức trút hơi thở cuối cùng về với Chúa, còn vị cha và một thợ xây tên là Daniel vẫn còn sống sót giữa đống đá. Lúc đó, mọi người đều nghe thấy tiếng kêu cầu của vị cha đáng kính, kéo dài suốt ba giờ hoặc thậm chí lâu hơn:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin giúp con! Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa!

Các tu sĩ đã chạy trốn, vừa khóc lóc vừa la hét, dùng bất cứ dụng cụ nào có sẵn, thậm chí bằng tay và chân, để đào bới đá và đất. Họ đã đào được vị cha, lúc đó đã an nghỉ trong Chúa, thi thể không bị tổn thương; chỉ có chân phải của ngài bị thương. Gần đó, họ đào được thợ xây Daniel còn sống, người đã bị thương nặng, và đưa cả hai ra khỏi đó. Đó là cái chết của vị cha thánh đáng kính của chúng ta, Athanasius, điều mà có lẽ đối với một số người sẽ có vẻ không xứng đáng, vì ngài không qua đời trên giường bệnh, nhưng *"con đường trong mắt Chúa là cái chết của các thánh Ngài!"* (Thánh Vịnh 115:6) Đối với vị thánh nhân của Chúa, cái chết của ngài – điều mà ngài đã biết trước – đã trở thành nguyên nhân mang lại vương miện tử đạo. Nhìn thấy điều đó bằng linh hồn, ngài đã báo trước cho đệ tử thân cận nhất của mình là Antony một thời gian sau đó:

– Ta xin ngươi, – ngài nói, – hãy thực hiện chuyến đi mà chúng ta sắp phải thực hiện vì những nhu cầu của tu viện đến Constantinople. Còn ta, theo ý Chúa, sẽ không còn được gặp vua trần gian nữa.

Sau khi qua đời[4844] , thi hài của vị thánh nhân đã nằm đó ba ngày mà chưa được an táng, cho đến khi các vị tu sĩ từ tất cả các tu viện trên Núi Thánh tụ họp lại và tổ chức cho ngài một lễ tang trang trọng. Thi thể thánh thiện của ngài không hề biến đổi, không sưng tấy, không thâm đen, và khuôn mặt ngài trông như khuôn mặt của một người còn sống đang chìm trong giấc ngủ; cũng không có mùi hôi thối thường thấy ở người chết. Mọi người đều khóc thương ngài rất nhiều. Và khi đang cử hành các bài thánh ca tang lễ cho ngài, thì từ vết thương trên chân ngài, trái với quy luật tự nhiên, máu đã chảy ra. Ai từng thấy máu chảy ra từ vết thương của một người đã chết được ba ngày? Khi nhận thấy điều này, một số vị trưởng lão đáng kính đã hứng máu đó vào khăn và xức lên người mình như một vật thánh thiêng liêng để cầu phúc. Thế là thi thể thanh tịnh của vị cha đáng kính đã được an táng. Còn thi thể của năm vị tu sĩ, được tìm thấy giữa những tảng đá sụp đổ, đã được an táng một cách trang nghiêm trước đó. Daniel, dù bị thương nặng, vẫn còn sống trong vài ngày và với một tiếng thở dài, anh kể lại về thị kiến mà anh đã thấy vào đêm trước khi vị tu sĩ qua đời:

– Tôi đã thấy, – Daniel kể lại, – dường như có một sứ giả rạng rỡ từ phía hoàng đế xuất hiện, người ấy gọi cha tôi đến gặp ngài. Và quả thực, cha tôi, sau khi rời khỏi tu viện cùng sáu vị tu sĩ – trong đó có cả tôi – đã đi theo vị sứ giả ấy. Và khi chúng tôi đến cung điện hoàng gia tuyệt đẹp và tiến gần đến cửa, vị tu sĩ cùng năm anh em đã bước vào phòng hoàng gia, còn tôi bị bỏ lại bên ngoài và khóc rất nhiều. Lúc đó, từ bên trong, tôi nghe thấy ai đó nói với tôi:

– Ngươi khóc lóc vô ích đấy, hỡi người ơi, – ngươi không thể vào trong nếu cha ngươi, người đã đưa ngươi đến đây, không cho phép.

Còn tôi, nghe vậy, lại khóc nức nở hơn nữa và gọi cha bằng giọng van nài. Một lúc sau, cha bước ra, nắm lấy tay phải tôi và dẫn tôi vào cung điện, và tôi được ân sủng được gặp nhà vua và cúi đầu chào ngài.

Với những lời ấy, Đaniel đã phó thác linh hồn mình vào tay Đức Chúa Trời.

Chúng ta cũng hãy nhắc lại một số phép lạ khác của Thánh Athanasius, đã xảy ra sau khi ngài qua đời. Thánh Antony, đệ tử thân tín của ngài, cùng một số anh em trong tu viện đã phải đến vùng Gagra để lo việc của tu viện. Trong chuyến đi này, đến chiều tối, họ gặp một người chăn cừu đang trông coi đàn cừu; người này có một người con trai duy nhất, bị thú dữ cắn và đang ở trong tình trạng hấp hối. Người cha khóc lóc thảm thiết vì con trai. Thấy các tu sĩ đang đi ngang qua, ông nài nỉ họ ghé vào nhà mình và, với lòng hiếu khách, đã mời họ dùng bữa với những gì ông có – bánh mì và sữa. Các tu sĩ ngạc nhiên trước đức hạnh của ông, rằng ông vẫn không quên lòng hiếu khách ngay cả khi đang chìm trong nỗi đau buồn như vậy, và họ đã chia buồn cùng ông trong nỗi đau này. Trong số các tu sĩ có một vị tên là Simeon, người mang theo một chiếc khăn đã thấm máu của vị thánh cha. Simeon dùng chiếc khăn đó quấn vào vết thương của đứa trẻ, và đứa trẻ lập tức chìm vào giấc ngủ say và ngủ thẳng đến sáng. Các tu sĩ cũng qua đêm tại đó. Sáng hôm sau, đứa trẻ thức dậy khỏe mạnh, vết thương đã lành, và xin được ăn. Lúc

[4844] Tiếp theo vào các năm 1000–1001

đó, mọi người đều ngợi khen Thiên Chúa. Một lần khác, khi một trong các tu sĩ lại được cử đi làm nhiệm vụ cho tu viện, anh ta tình cờ bước vào ngôi nhà của một người sùng đạo, nơi có một người phụ nữ đang nằm trên giường bệnh, đã phải chịu đựng chứng chảy máu trong một thời gian dài. Tất cả những người trong nhà đều lo lắng cho bà. Biết được nguyên nhân nỗi lo lắng của họ, vị tu sĩ nói:

– Tôi có một chiếc khăn thấm máu của Thánh Athanasius; nếu các vị muốn, chúng ta sẽ nhúng chiếc khăn dính máu đó vào nước, vắt khô, rồi cho người bệnh uống nước đó, và cô ấy sẽ khỏi bệnh.

Người phụ nữ bị bệnh, nghe lời vị tu sĩ nói, liền khóc lóc van nài ông hãy mau chóng thực hiện lời đề nghị của mình. Lúc đó, vị tu sĩ chuẩn bị nước có máu của thánh nhân rồi đưa cho bà. Người phụ nữ nhận lấy nước và nói:

– Thánh Athanasius, xin hãy giúp con!

Và cô uống cạn hết. Ngay lập tức sau đó, máu ngừng chảy, và cô đã khỏi bệnh. Một lần khác, tu sĩ Simeon và tu sĩ George được cử đi bằng thuyền để thực hiện một số nhiệm vụ của tu viện. Họ cập bến Pevki, nơi họ gặp một thủy thủ đang hấp hối, đã không nói được trong tám ngày, được bạn bè than khóc và đã tuyệt vọng về việc hồi phục – họ đặt lên người anh ta chiếc khăn thấm máu của vị thánh. Người thuyền trưởng ốm yếu lập tức, như vừa thức dậy khỏi giấc ngủ, đứng dậy khỏe mạnh. Cũng có nhiều phép lạ xảy ra bên quan tài của vị thánh. Cụ thể là: các linh hồn ô uế bị trục xuất khỏi con người; những ai đến với lòng tin và được xức dầu từ ngọn đèn đang cháy bên quan tài của ngài đều được chữa lành các bệnh tật khác nhau. Chúng ta cũng hãy nhớ lại sự việc sau đây đã xảy ra với tu sĩ đức hạnh Evstrati. Nội tạng của ngài vì lý do nào đó đã bị tổn thương, đến nỗi nước tiểu tự nhiên cần thiết không chảy ra dưới dạng nước, mà là dưới dạng máu. Ông đã phải chịu đựng căn bệnh này trong suốt bảy năm và mặc dù đã tìm đến nhiều bác sĩ, nhưng họ đều không thể giúp được ông. Từ bỏ việc tìm đến các bác sĩ, ông phó thác cho Đức Chúa Trời, cầu nguyện xin Đức Cha Athanasius, vị thánh đáng kính, cầu thay cho mình trước Ngài. Ngay khi ông tìm đến vị "bác sĩ" ban sự chữa lành này, ông đã được chữa lành như sau. – Trong giấc mơ, ông thấy mình đang ngồi dùng bữa và nhìn thấy: vị tu sĩ đáng kính đang ngồi ở chỗ thường dành cho vị tu viện trưởng, trước mặt ngài là một ly nước đầy và một đĩa nho. Vị tu sĩ lấy vài quả nho, thả vào nước, rồi đưa cho Evstratius uống. Evstratius, cho rằng đó là một loại thuốc thông thường (mà anh đã từ chối), không muốn nhận. Lúc đó, vị tu sĩ nói với anh:

– Đừng sợ, hãy uống đi, nó sẽ mang lại sức khỏe cho con.

Lúc đó, Evstratius nhận lấy và uống, rồi tỉnh dậy khỏi giấc mơ, và từ lúc đó, anh cảm thấy mình đã hoàn toàn khỏi bệnh.

Nhưng giờ đây đã đến lúc kết thúc bài viết về cuộc đời, những chiến công và phép lạ của vị thánh, được tóm tắt dựa trên cuốn sách kể chi tiết về vị thánh nhân này.

Xin dâng lên Thiên Chúa, Đấng đã tỏ lộ lòng thương xót và quyền năng kỳ diệu của Ngài trên vị thánh Afanasi, vinh quang và tôn kính vô tận, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài thánh ca, giọng 3:

Các hàng thiên thần đã kinh ngạc trước cuộc đời trần thế của ngài, vì ngài đã kết hợp thân xác với những điều vô hình, hỡi vị thánh vinh hiển muôn đời, và đã đánh bại các đạo quân ma quỷ; vì thế, hỡi Athanasius, Đức Kitô sẽ ban cho ngài những ân huệ dồi dào: vì lý do này, thưa Cha, xin cầu nguyện cho linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Là người chiêm ngưỡng các thực thể vô hình một cách hoàn hảo, và là người truyền đạt chân lý một cách trung thực, đoàn chiên của ngài, những người ca ngợi Thiên Chúa, kêu cầu ngài: xin đừng từ chối những lời cầu xin của các tôi tớ ngài, để họ được giải thoát khỏi những tai ương và cám dỗ, khi họ kêu lên với ngài: Xin vui mừng, thưa Cha Athanasius.

Ngày 19 tháng 7

Ngày 6 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ các thánh tử đạo Isavra, phó tế, Innocentius, Felix, Hermius, Basil và Peregrinus, những người xuất thân từ thành phố Athens và đã chịu tử đạo vì danh Chúa Kitô dưới tay tướng quân Tripontius tại thành phố Apollonia thuộc Macedonia, dưới triều đại hoàng đế Numerianus (năm 283–284). Cùng với các ngài, hai quan thành trưởng là Ruf và Rufin cũng bị chém đầu.

Cũng trong ngày này, người ta đã tìm thấy di cốt thiêng liêng của Thánh Iuliana, một trinh nữ, công chúa của Olshan.

Lễ kính Thánh Sisoes Vĩ Đại, vị cha thánh của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 7

Từ thuở thiếu thời đã yêu mến Thiên Chúa, vị thánh Siso đã vác lấy gánh nặng Thập giá và nhiệt thành theo chân Đức Kitô, tu hành trong các sa mạc Ai Cập bằng những việc ăn chay khổ hạnh; ngài sống một cuộc đời như các thiên thần – bằng sự khiêm nhường và cầu nguyện, ngài đã chiến thắng các đạo quân kẻ thù vô hình. Nơi ngài tu hành là ngọn núi hoang vắng, nơi Thánh Antôn Vĩ Đại từng tu hành, và chính Thánh Siso cũng noi gương đời sống của Thánh Antôn. Nhờ lòng khiêm nhường và khôn ngoan, ngài đã nhận được ân sủng lớn lao từ Thiên Chúa đến nỗi thậm chí có thể làm cho người chết sống lại, như được ghi chép trong cuốn "Paterikon"[4845] , nơi có kể lại câu chuyện sau đây về Thánh Siso.

Có một giáo dân đã lên Núi Thánh Antôn để xin lời chúc lành từ Thánh Siso, mang theo con trai mình, một cậu bé còn nhỏ. Trên đường đi, cậu bé bỗng dưng ốm nặng và qua đời; nhưng người cha không hề nao núng, mà với lòng tin, ông đã mang thi thể con trai đến trước mặt vị thánh nhân. Khi bước vào phòng của vị tu sĩ, ông quỳ xuống dưới chân ngài, đặt thi thể con trai đã qua đời của mình bên chân vị tu sĩ, như thể đứa trẻ đang xin ngài ban phước lành và cầu nguyện. Sau khi vị tu sĩ già dâng lời cầu nguyện và ban phước lành, người đàn ông thế tục bước ra ngoài, để lại đứa trẻ nằm chết dưới chân vị tu sĩ già. Vị tu sĩ già không nhận ra rằng đứa trẻ đã chết và, cho rằng nó đang chờ nhận phước lành, ông nói với nó:

– Hãy đứng dậy đi, con ơi, và rời khỏi đây đi.

Và đứa trẻ đã chết lập tức sống lại và đi theo cha mình.

Lúc đó, người cha, khi thấy con trai mình còn sống, đã quay lại cùng con đến gặp vị tu sĩ và, sau khi cúi đầu chào, bày tỏ lòng biết ơn. Vị tu sĩ, khi nhận ra rằng mình đã làm cho người chết sống lại, đã vô cùng buồn bã, vì ngài không muốn được coi là người làm phép lạ, và đã cấm người cha đó kể lại chuyện đã xảy ra cho đến khi ngài qua đời.

Các tu sĩ từng hỏi vị cha đầy ân sủng này:

– Nếu một anh em sa vào tội lỗi, liệu một năm có đủ để anh ta sám hối không?

– Lời nói đó thật tàn nhẫn, – vị tu sĩ già trả lời câu hỏi này.

Lúc đó, các tu sĩ nói:

– Vậy thì, người phạm tội chỉ cần sám hối sáu tháng là đủ sao?

– Quá lâu, – vị tu sĩ già đáp.

– Có lẽ, – các tu sĩ lại hỏi, – bốn mươi ngày là đủ để người ấy sám hối chăng?

– Quá lâu rồi, – vị tu sĩ già lại trả lời.

Rồi ông nói:

– Tôi tin vào lòng thương xót của Đức Chúa Trời, Đấng yêu thương loài người, và nếu một người ăn năn bằng cả tâm hồn, thì Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận sự ăn năn của người đó trong vòng ba ngày.

Một tu sĩ lại hỏi vị tu sĩ già, nói:

– Con phải làm sao đây, thưa cha, vì con đã sa vào tội lỗi?

[4845] Paterik hay Otechnik – sách về các vị Thánh Cha hoặc về các vị Thánh Cha. Đó là tên gọi của các tuyển tập bao gồm những câu chuyện ngắn về cuộc đời các vị tu sĩ hoặc những lời răn dạy đạo đức của họ.

– Hãy sửa đổi, con ơi, – vị tu sĩ già đáp, – và con sẽ được cứu rỗi.

– Nhưng sau khi ăn năn, con lại sa ngã lần nữa, – vị tu sĩ đáp.

– Hãy sửa đổi lần nữa, – vị tu sĩ già nói.

– Vậy thì đến bao giờ, – anh em hỏi, – sự sa ngã và sự trở lại của con mới chấm dứt?

– Cho đến khi cái chết đến với con và bắt gặp con đang ở trong tình trạng tốt lành hay xấu xa; vì vậy, con phải luôn luôn sống trong sự ăn năn, để khi cái chết đến, con cũng đang ở trong tình trạng đó.

Vị cha thánh này có một môn đệ tên là Apollos. Dưới sức mạnh của mưu mô ma quỷ, cùng với những ham muốn và cám dỗ khác, anh ta nảy sinh khao khát được thụ phong chức linh mục. Trong những giấc mơ, các quỷ hiện ra dưới hình dạng các thánh, và đã phong chức giám mục cho anh ta. Khi tỉnh giấc, anh ta bắt đầu nài nỉ vị tu sĩ già, xin ngài ra lệnh cho anh ta đến thành phố gặp vị giám mục để nhận lễ tấn phong làm linh mục. Nhưng vị tu sĩ già đã cấm anh ta làm điều đó và, trong khi dạy dỗ, khuyên nhủ anh ta đừng tìm kiếm chức vụ cao hơn phẩm giá của mình. Bực bội vì những lời răn dạy và khuyên nhủ liên tục của vị tu sĩ già, Apollos đã lén lút bỏ trốn khỏi ông và trở về ở với họ hàng tại Alexandria, với hy vọng nhờ sự giúp đỡ của họ mà sớm được phong chức linh mục.

Khi Apollos đang đi trên đường, anh ta gặp một con quỷ hiện ra dưới hình dạng một người cao lớn vô cùng. Nó trần truồng và da đen, có khuôn mặt ghê tởm, đôi môi dày và móng vuốt bằng sắt. Dù mang hình dáng thú vật, nó đồng thời lại giống cả đàn ông lẫn đàn bà. Tỏa ra mùi hôi thối, con quỷ đã phô bày trước mắt Apollos những hành vi vô liêm sỉ đến mức không thể diễn tả được bằng lời. Nó lao vào ôm chầm lấy cổ Apollos, ôm chặt anh ta bằng hai tay và liên tục hôn lên người anh. Apollos làm dấu thánh giá để tự vệ và cố gắng giằng mình ra khỏi vòng tay nó. Nhưng con quỷ nói với anh:

– Sao ngươi lại chạy trốn khỏi ta? Hãy biết rằng ngươi là của ta, và ta yêu ngươi, vì ngươi đang thực hiện những ham muốn của ta. Chính vì thế mà ta đã đến với ngươi, để đồng hành cùng ngươi cho đến khi ta hoàn thành tất cả những ham muốn của ngươi.

Không thể chịu đựng được mùi hôi thối và sự trơ trẽn của nó, Apollos ngước mắt lên trời và kêu lên bằng giọng lớn:

– Lạy Chúa, nhờ những lời cầu nguyện của cha tôi, Siso, xin hãy giúp con và giải thoát con khỏi tai họa này!

Và thế là con quỷ, lùi lại một khoảng cách ngắn, biến thành một người phụ nữ khỏa thân xinh đẹp và nói với anh ta:

– Hãy lại gần và thỏa mãn khát vọng của ngươi, vì ngươi đã nhiều lần xoa dịu ta bằng những ý nghĩ trong lòng ngươi.

– Ta đã muốn biến ngươi – con quỷ nói tiếp – thành linh mục và giám mục, nhưng những lời cầu nguyện của Sisoia, vị tu sĩ già ham mê khoái lạc, đã xua đuổi ta khỏi ngươi.

Nói xong, con quỷ bỗng biến mất.

Bị nỗi sợ hãi tột độ bao trùm, Apollos quay trở lại gặp vị tu sĩ già, quỳ xuống dưới chân ngài, thú nhận trước mặt ngài tất cả những gì đã xảy ra và xin tha thứ. Anh cũng kể lại cho các tu sĩ khác về những đau khổ mà anh đã phải chịu đựng do sự cám dỗ của ma quỷ, và cách những lời cầu nguyện của vị tu sĩ đáng kính Sisoia đã giúp đỡ anh như thế nào.

Quả thật, lời cầu nguyện của ngài có sức mạnh để xua đuổi ma quỷ. Chính lời cầu nguyện ấy cũng đã xua đuổi linh hồn ô uế đang hành hạ một môn đệ khác của vị tu sĩ Siso, tên là Áp-ra-ham. Tất cả các linh hồn ác quỷ đều chạy trốn khỏi ngài, không dám đến gần vị chiến binh dũng cảm và bất khả chiến bại của Đấng Christ.

Thánh Siso đã sống trong sa mạc sáu mươi năm. Khi ngài sắp qua đời (và lúc đó các anh em đang ở bên ngài), khuôn mặt ngài bừng sáng như ánh sáng, và ngài nói với các anh em:

– Này, Abba Antony đã đến rồi.

Sau đó, ngài im lặng một lát, rồi lại nói:

– Này, các vị tiên tri đã đến rồi.

Và khuôn mặt ngài lại rạng ngời hơn nữa, rồi ngài nói:

– Này, các Tông đồ đã đến rồi.

Khuôn mặt ông rạng rỡ gấp đôi, và ông trò chuyện với những người vô hình.

Các anh em nài nỉ ông, nói rằng:

– Thưa Cha, xin hãy cho chúng con biết: Cha đang trò chuyện với ai vậy?

Và ngài đáp lại:

– Đó là các Thiên thần đã đến để đưa con đi, nhưng con đang cầu xin họ để họ cho con ở lại một thời gian ngắn, để con có thể sám hối.

– Cha không cần phải sám hối đâu, – các anh em nói với ngài.

Nghe vậy, vị lão giả đáp lại:

– Thật lòng, tôi không biết liệu mình đã bắt đầu con đường sám hối hay chưa.

Nhưng tất cả các anh em đều biết rằng ông là người hoàn hảo về đức hạnh. Sau đó, ông lại tỏa sáng rực rỡ hơn nữa, khuôn mặt ông trở nên như mặt trời, và mọi người đều kinh hãi trước điều này. Lúc đó, vị tu sĩ già nói:

– Này, Chúa đang đến, mọi người hãy nhìn xem. Ngài phán: "Hãy mang đến cho Ta chiếc bình được chọn từ sa mạc!"

Với những lời ấy, vị thánh nhân đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[4846] . Ngay lúc đó, một tia chớp lóe lên và nhà thờ tràn ngập hương thơm.

Sau khi kết thúc cuộc đời trần thế bằng cái chết hạnh phúc như vậy, vị thánh Siso đã chuyển sang cuộc sống vĩnh cửu. Và giờ đây, ngài đang ngự cùng Chúa Kitô và tận hưởng niềm vui được chiêm ngưỡng Ngài cùng với các thánh nhân mà ngài đã thấy khi lâm chung.

Nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh cha Siso của chúng ta, xin cho chúng ta cũng được hưởng niềm vui này nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

Bài thánh ca, giọng 1:

Ngài là người sống ẩn dật, là Thiên Thần trong thân xác, là Đấng làm phép lạ, là Cha Siso, người mang Thánh Thần, nhờ việc ăn chay, thức đêm và cầu nguyện, Ngài đã nhận được những ân sủng từ trời, chữa lành những người bệnh tật và những linh hồn chạy đến với Ngài bằng đức tin. Vinh quang thuộc về Đấng đã ban cho ngài sức mạnh; vinh quang thuộc về Đấng đã trao vương miện cho ngài; vinh quang thuộc về Đấng hành động qua ngài để chữa lành mọi người.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã nỗ lực, và được nhìn thấy như một Thiên thần trên đất, hỡi vị Thánh đáng kính, luôn chiếu sáng tâm trí của những người trung thành bằng những dấu hiệu của Thiên Chúa: vì thế, chúng con tôn kính Ngài, hỡi Sisoe, bằng đức tin.

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Lucia, cùng với Rixa và những người khác.

Ngày kỷ niệm: 6 tháng 7

Thánh nữ tử đạo Lucia xuất thân từ Sicily[4847] , thuộc vùng Cappadocia[4848] . Bà bị quan phó Rix[4849] bắt làm tù binh, người này đã ép buộc bà dâng lễ vật cho các thần tượng, nhưng bà không đồng ý và bày tỏ ý chí kiên quyết muốn tiếp tục làm tôi tớ của Chúa Kitô. Vị phó giám mục đã cảm động trước sự kiên định của cô, nên đã thả cô và các tớ gái của cô ra, cấp cho cô một căn phòng riêng và cho phép cô sống trong sự tĩnh lặng để dâng mình cho việc cầu nguyện. Một lần, khi chuẩn bị ra trận, ông đã xin cô cầu nguyện với Chúa cho mình, và nhờ lời cầu nguyện của

---

[4846] Thánh Siso the Great qua đời vào khoảng năm 429.

[4847] Thánh nữ tử đạo Luciia ở đây được cho là đến từ Sicily do nhầm lẫn với một thánh nữ Luciia khác, ngày kỷ niệm của ngài được cử hành vào ngày 13 tháng 12. Câu chuyện về vị thánh đầu tiên trong lịch thánh của Hoàng đế Basil bắt đầu như sau: "Thánh nữ tử đạo Luciia của Chúa Kitô, khác với thánh nữ Luciia người Sicily" và tiếp theo.

[4848] Không có vùng đất nào như vậy ở Sicily. Rõ ràng, vùng đất được nhắc đến ở đây là Cappadocia thay vì Campania, vốn nằm trên bán đảo Apennine, về phía tây nam của Samnium, ven bờ Biển Tyrrhenian, giữa Latium và Lucania.

[4849] Theo Sách Các Thánh, đó là vua man rợ Avcey. Trong các bản tiền truyện tiếng Hy Lạp, cũng như trong bản tiếng Slav của chúng ta, ông được gọi là Riks, bắt nguồn từ từ tiếng Latinh *rex* (vua). Người ta cho rằng danh từ chung rex đã chuyển thành tên riêng Riks.

cô, ông đã trở về từ chiến trường với chiến thắng. Hai mươi năm sau đó, Thánh Lucia bắt đầu xin vị phó giám mục cho phép cô đến Campania để chịu khổ hình vì Chúa Kitô. Nhưng ngài không muốn để bà đi một mình, nên đã từ bỏ vương quốc, của cải, vợ con, và đích thân đi cùng bà. Khi họ đến Campania, họ bị bắt giữ bởi vị thống đốc lúc bấy giờ là[4850] , và theo lệnh của ông ta, họ bị chém đầu. Cùng với họ, và các thánh tử đạo khác cũng phải chịu cực hình, cụ thể là: Antony, Lucian, Isidore, Dion, Dior, Cutonius, Aronos, Papicus và Saturnus[4851] và trong những cực hình đó,[4852] đã qua đời.

Cuộc tử đạo của thánh tử đạo Coint.

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 7

Vị thánh tử đạo này sinh ra tại Phrygia[4853] và được giáo dục trong đức tin Kitô giáo tại đây. Sau đó, khi đến Neolida[4854] , ngài đã bố thí cho người nghèo và chữa lành những người bị quỷ ám. Thống đốc vùng Ruf đã ép ngài dâng lễ vật cho các thần tượng, nhưng ngay lập tức ông ta bị quỷ ám, và vị thánh đã chữa lành cho ông. Vì điều này, Ruf đã ban tặng ngài những món quà và tiễn ngài ra đi với sự tôn vinh. Sau đó, khi đang trên đường đến Pergamum[4855] , thánh Coint đã bị những người ngoại đạo từ thành phố Kim[4856] bắt giữ và tra tấn, nhưng ngay lúc đó, một trận động đất bất ngờ xảy ra, khiến các đền thờ thần tượng sụp đổ và các tượng thần rơi xuống đất. Lúc đó, những kẻ tra tấn đã ngừng tra tấn, trói thánh lại và để ngài ở trong tư thế đó. Ngay sau đó, một người tên là Clearch, người vừa được bổ nhiệm làm thống đốc thành phố, khi đến Kim, đã ra lệnh bắt thánh Coint và đập gãy xương ống chân của ngài, nhưng vị thánh đã bình phục, sống thêm mười năm nữa và, sau khi thực hiện nhiều phép lạ, đã về với Chúa[4857] .

Sự tử đạo của các thánh tử đạo Marina, Martha, Avdifax, Avvakum, Kirik, linh mục Valentin, Asterius và nhiều vị khác

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 7

Vào thời trị vì của Hoàng đế La Mã Claudius[4858] , có một người đàn ông xuất thân quý tộc, giàu có và theo đạo Kitô, tên là Marin, cùng với vợ là Martha và hai con trai là Avdifax và Avvakum, đã từ Ba Tư đến La Mã để thờ lạy các ngôi mộ của các Thánh Tông đồ[4859] và các thánh khác. Khi ở Rome, họ bắt đầu đến thăm các tín hữu Kitô giáo đang bị xiềng xích và chôn cất thi thể những người đã bị hành quyết vì đức tin vào Chúa Kitô. Sau khi băng qua sông Tiber[4860] , họ tìm thấy tại một thành phố khác ở đó vị thánh tử đạo Kirik, người đang bị giam trong ngục tối và trước đó đã phải chịu nhiều đau khổ vì Chúa Kitô. Khi đến gặp ngài, họ quỳ xuống dưới chân ngài, xin ngài cầu nguyện cho họ trước mặt Chúa, rồi bắt đầu phục vụ ngài và những tù nhân Kitô giáo khác cùng bị giam

---

[4850] Đó là tổng trấn thành phố La Mã, Ê-li-ô-ni-si-ô. Nơi các thánh Lu-ki-a và Riks chịu tử đạo là thành phố La Mã, như đã được ghi chép trong Sách Hành Trình Các Thánh.

[4851] Trong Sách Hành Trình Các Thánh, các thánh tử đạo sau đây được nêu tên, những người đã bị chặt đầu sau thánh Lucia và thánh Rix: Antony, Irenaeus, Theodore, Dionysius, Apollonius, Apomius, Pronicus, Kotei, Orion, Papik, Satur, Victor và 9 vị không được nêu tên, do đó tổng số vị tử đạo ngoài Lucia và Rix là 21 người; còn trong Sách Thánh nhân của Nicodemus, số người chịu tử đạo cùng với Lucia được liệt kê là 15 người, không kể Rix.

[4852] Các thánh tử đạo này đã chịu tử đạo dưới triều đại của Diocletianus vào năm 301.

[4853] Phrygia là tên gọi của một tỉnh La Mã ở Tiểu Á. Tỉnh này giáp với Bithynia ở phía bắc, với Galatia và Lycaonia ở phía đông, với Pisidia và Caria ở phía nam, và với Lydia và Mysia ở phía tây.

[4854] Neolida, hay chính xác hơn là Aolida, là tên gọi của một vùng ở Tiểu Á nằm giữa Ionia và Mysia, giáp với Lydia ở phía đông.

[4855] Thành phố Pergam nằm gần bờ biển Aegean, bên sông Kaikos, thuộc tỉnh Mysia ở phía tây bắc Tiểu Á.

[4856] Thành phố Kima tọa lạc bên bờ biển ở phần phía bắc của tỉnh Lydia thuộc Tiểu Á.

[4857] Thánh tử đạo Coint đã chịu khổ hình dưới triều đại của Hoàng đế Aurelian (270–275), và ngài qua đời một cách thanh thản vào khoảng năm 283.

[4858] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến Hoàng đế Claudius II, người trị vì tại Rome từ năm 268 đến năm 284.

[4859] Tại Rome, các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô đã chịu tử đạo và được an táng tại đây.

[4860] Sông Tiber là một trong những con sông quan trọng nhất ở miền trung Ý; trên bờ sông này, không xa nơi sông đổ ra biển, tọa lạc thủ đô cổ xưa của Đế chế La Mã, thành phố Rome.

giữ với ngài bằng tài sản của mình, rửa chân cho họ và rảy nước thánh đó lên mình. Phục vụ các thánh nhân như vậy, họ ở lại đó tám ngày.

Vào thời điểm đó, Hoàng đế Claudius ra lệnh xử tử mà không qua xét xử tất cả những ai bị phát hiện theo đạo Kitô. Không lâu trước đó, 260 tín hữu Kitô giáo đã bị bắt giữ; theo phán quyết của hoàng đế, họ bị buộc phải đào đất, và nơi giam giữ họ nằm ngoài thành phố , bên con đường được gọi là Salaria[4861] , nơi diễn ra các hoạt động làm gốm. Hoàng đế ra lệnh cho binh lính bắn chết tất cả những người Kitô hữu này bằng tên tại nơi diễn ra các cuộc biểu diễn công cộng, rồi thiêu hủy thi thể của họ. Khi Marin và Martha cùng các con trai của họ biết tin này, họ vô cùng đau buồn và, cùng với Thánh Gioan, vị linh mục, đến nơi hành quyết các thánh tử đạo, họ đã lén lút lấy thi thể của các vị ra khỏi ngọn lửa – những thi thể nào có thể lấy được – quấn trong vải sạch và chôn cất trong hang động[4862] , nằm bên đường Salaria trên sườn núi có tên là Kekumer. Cùng với thi thể các thánh tử đạo này, họ còn chôn cất thi thể của một quan tribune hoàng gia[4863] , tên là Vlast, người đã bị giết vì Chúa Kitô, và họ ở lại đó nhiều ngày, cùng với linh mục Gioan, dành thời gian để ăn chay và cầu nguyện. Khi biết được điều này, hoàng đế Claudius đã ra lệnh truy lùng Marina và những người đồng hành của ông, nhưng họ không bị tìm thấy vì đang ẩn náu.

Sau đó, khi trở về từ hang động này và đến nhà tù nơi thánh tử đạo Kirik bị giam giữ, họ không tìm thấy ngài ở đó, vì vào đêm trước khi họ đến, ngài đã bị giết bằng gươm và thi thể bị ném xuống sông Tiber. Sau khi biết được nơi thi thể vị thánh đã bị ném xuống, họ đợi đến đêm và khi bóng tối buông xuống, họ bắt đầu tìm kiếm thi thể ấy; sau khi tìm thấy, họ đã an táng ngài trong hang động, tại lăng mộ của Pontianus[4864] .

Sau đó, khi họ đi qua bờ bên kia sông Tiber, trong bóng tối đêm vẫn chưa tan, họ nghe thấy tiếng hát phát ra từ một căn phòng trong một ngôi nhà. Đó là những người Kitô hữu đang tụ họp cùng với Giám mục Callistus và cử hành thánh lễ suốt đêm, ngợi khen Thiên Chúa. Nghe thấy tiếng hát của các Kitô hữu, Marin và những người đi cùng rất vui mừng, họ tiến đến cửa ngôi nhà đó và gõ cửa, nhưng những Kitô hữu trong nhà không muốn mở cửa cho họ, vì họ sợ những người ngoại đạo sẽ tấn công họ. Lúc đó, Thánh Giám mục Callistus quay sang những người đi cùng và nói:

– Hãy can đảm lên, đừng sợ. Chúa Kitô đang gõ cửa nhà chúng ta. Hãy mở cửa cho Ngài, vì Ngài đang kêu gọi chúng ta làm điều đó.

Nói xong những lời ấy, chính Đức Giám mục đã tự mình đi mở cửa. Khi Marin, Martha và hai con trai của họ nhìn thấy Đức Giám mục, họ liền quỳ xuống dưới chân Ngài, xin Ngài ban phước lành. Vị giám mục cùng tất cả các Kitô hữu đều vui mừng đón tiếp họ; sau khi dẫn họ vào phòng trên lầu, ngài đã nồng nhiệt chào đón họ và sau đó cùng họ dâng lời cầu nguyện. Marin cùng vợ và các con trai đã ở lại nơi này hai tháng; ban ngày họ ẩn náu, còn ban đêm thì tụ họp để cầu nguyện.

Vào thời gian đó, Hoàng đế Claudius ra lệnh đưa một vị trưởng lão đáng kính, tên là Valentine, người đã bị bắt vì tuyên xưng Đức Kitô và bị xiềng xích nặng nề, đến cung điện nằm gần khu vui chơi giải trí của dân chúng để xét xử và thẩm vấn, rồi nói với ông:

[4861] Đường Salaria nằm ở phía đông bắc thành phố Rome và dẫn về phía bắc nước Ý.

[4862] Khi nói đến "hang động" ở đây, người ta ám chỉ các nghĩa trang ngầm của người La Mã, được gọi là catacombs. Đó là những hành lang được đào dưới lòng đất, trên tường có các hốc được khoét sẵn, nơi thi thể người quá cố được đặt vào mà không cần quan tài, sau đó các hốc này được bịt kín bằng đá và phủ bằng các tấm đá cẩm thạch. Để chiếu sáng các hành lang, người ta treo đèn lồng bên cạnh các hốc tường và khoét các lỗ thông gió trên trần, đồng thời các lỗ này cũng giúp thông thoáng không khí. Tại đây, vào thời kỳ bị đàn áp, các Kitô hữu bị bách hại đã an táng các thánh tử đạo và tụ họp tại đây để kỷ niệm ngày tưởng niệm các ngài. Họ cũng tập trung tại đây để cử hành thánh lễ, đặc biệt là Bí tích Thánh Thể, trong đó các tấm đá cẩm thạch trên quan tài của các thánh tử đạo được dùng làm bàn thờ.

[4863] Ban đầu, từ "tribune" dùng để chỉ các thủ lĩnh của các bộ lạc, hay các nhóm dân cư La Mã; sau đó, tên gọi này được dùng để chỉ những người nắm giữ nhiều chức vụ nhà nước, chủ yếu là các chỉ huy đơn vị quân đội, có vị trí tương đương giữa đại tá và trung úy trong hệ thống quân đội của chúng ta. Thánh tử đạo Vlast được nhắc đến ở đây là một trong những chỉ huy như vậy. Ông được gọi là "Hoàng gia" có lẽ vì thuộc về cái gọi là quân đội Praetorian, có nhiệm vụ phục vụ chính hoàng đế.

[4864] Khi nói đến "ngôi mộ trong hang động" ở đây, có lẽ người ta ám chỉ một căn phòng trong hệ thống hầm mộ. Thông thường, người La Mã chôn cất người chết trong các bức tường dọc theo các hành lang ngầm, nhưng những người giàu có, như Pontian được nhắc đến ở đây, thỉnh thoảng lại bố trí những căn phòng riêng biệt, thường rất rộng lớn, nằm tách biệt khỏi các hành lang, nơi tất cả các thành viên trong gia tộc được an táng. Những người giàu có đã theo đạo Kitô thường chôn cất thi hài các thánh tử đạo vì Chúa Kitô trong những lăng mộ gia tộc này vào thời kỳ bách hại, coi đó là một vinh dự và hạnh phúc lớn lao đối với họ.

– Tại sao ngươi, sống giữa dân chúng của chúng ta, lại không hòa hợp với chúng ta? Ta đã nghe đủ về giáo lý Kitô giáo của các ngươi, và ta ngạc nhiên rằng, với tư cách là một người thông minh, sao ngươi lại bị mê hoặc bởi những chuyện hoang đường vô nghĩa của đức tin các ngươi?

– Nếu ngươi biết ân sủng của Đức Chúa Trời, vốn nằm trong đức tin của chúng ta, – vị linh mục thánh thiện Valentin đáp lại – thì chính ngươi và dân tộc ngươi cũng sẽ vui mừng đón nhận đức tin của chúng ta, từ bỏ các thần giả và những hình tượng do tay người tạo ra, và xưng nhận Đức Chúa Trời Cha Duy Nhất Toàn Năng cùng Đức Giê-su Ki-tô, Con của Ngài, Đấng Tạo Hóa của vạn vật, Đấng đã tạo dựng cả trời, đất, biển và mọi thứ trong đó.

Sau đó, một trong những người có mặt bên cạnh hoàng đế, một quan chức thi hành luật pháp, đã lớn tiếng nói với vị linh mục thánh thiện:

– Vậy ngươi nghĩ sao về các vị thần Dii[4865] và Mercury[4866] ?

– Tôi không nghĩ gì khác, – thánh Valentine đáp, – ngoài việc họ là những con người đáng thương và vô đạo, đã sống cả cuộc đời trong sự vô đạo, sa đọa và hưởng thụ. Nếu ngài kể cho tôi nghe về nguồn gốc và những việc làm của họ, thì chính ngài cũng sẽ thấy họ vô đạo đến mức nào.

Sau những lời đó của vị thánh, người thi hành luật pháp đã lớn tiếng thốt lên:

– Người này đang phỉ báng các vị thần, các vị hoàng đế của đế quốc La Mã!

Hoàng đế Claudius, sau khi kiên nhẫn lắng nghe cuộc đối thoại này, đã nói với Valentin:

– Nếu Chúa Kitô là Thiên Chúa, thì tại sao ngươi không trình bày cho ta toàn bộ sự thật về Ngài?

Trước điều đó, vị linh mục thánh đã nói với hoàng đế:

– Hỡi bệ hạ! Hãy lắng nghe tôi, và linh hồn ngài sẽ được cứu rỗi, vương quốc của ngài sẽ mở rộng, và kẻ thù của ngài sẽ biến mất. Ngài sẽ chiến thắng tất cả và ở đây sẽ được hưởng vương quốc tạm thời, còn trong đời sau sẽ được hưởng vương quốc vĩnh cửu. Chỉ cần làm điều sau đây: hãy ăn năn về máu các thánh mà ngài đã làm đổ, hãy tin vào Chúa Kitô và nhận phép rửa thánh.

Sau khi nghe những lời này, Claudius nói với những người có mặt:

– Hỡi các công dân La Mã và tất cả mọi người, hãy nghe đây, người này đang rao giảng cho chúng ta một giáo lý sáng suốt biết bao.

Nhưng tổng trấn[4867] , tên là Calpurnius, đã lớn tiếng phản bác:

– Hỡi hoàng đế, ngài đang bị lôi cuốn bởi giáo lý trống rỗng của người này. Hãy tự phán xét xem, liệu có công bằng không khi chúng ta từ bỏ những vị thần mà chúng ta đã được dạy dỗ thờ phụng từ thuở ấu thơ.

Sau khi tổng giám mục nói những lời đó, lòng hoàng đế đã thay đổi, và ngài giao thánh linh mục Valentine cho Calpurnius, rồi với vẻ buồn bã, ngài nói với ông:

– Hãy kiên nhẫn lắng nghe ông ta, và nếu giáo lý mà ông ta rao giảng hóa ra không có cơ sở, thì hãy xử lý ông ta theo luật pháp dành cho những kẻ đánh cắp các vật thiêng liêng; nhưng nếu ngài thấy lời khuyên của ông ta có cơ sở và chân thật, thì tại sao chúng ta lại không nghe theo ông ta?

Giám mục Calpurnius, sau khi đưa Thánh Valentine đến, đã giao ông cho một trong những chức sắc cao cấp từng thuộc quyền cai quản của mình, tên là Asterius, một người nổi tiếng về trí tuệ, và nói với ông ta:

[4865] Theo truyền thuyết thần thoại Hy Lạp, Dii hay Zeus, còn gọi là Jupiter, là con trai của Saturn – vị Titan trẻ nhất, người ban đầu trị vì trên đảo Crete, sau đó tự xưng là chủ tể của cả thế giới – và chị gái của ông là Rhea. Saturn có với Rhea một số con trai và con gái, nhưng ông nuốt chửng chúng ngay sau khi sinh, vì mẹ ông là Gaia đã tiên tri rằng ông sẽ bị chính con cái mình lật đổ khỏi ngai vàng. Trong số tất cả các con của Saturn, chỉ có Zeus là được Rhea cứu thoát khỏi số phận đó, và sau này Zeus thực sự đã lật đổ Saturn. Zeus được người Hy Lạp và La Mã tôn kính là cha của các vị thần và loài người, là vị chúa tể hùng mạnh và đáng sợ của bầu trời và cả vũ trụ, người giáng sấm sét xuống trần gian, và là vị thần tối cao của họ. Các thần thoại Hy Lạp gán cho ngài những mối quan hệ xác thịt với nhiều nữ thần thứ yếu và thậm chí cả những người vợ trần thế, đồng thời gán cho ngài, cũng như các vị thần và nữ thần khác, những đam mê và thói hư tật xấu của con người.

[4866] Thần Mercury, còn gọi là Hermes, là con trai của Jupiter và chị gái của ông là Hera; được người Hy Lạp và La Mã tôn kính như sứ giả của các vị thần, người thi hành ý chí của Zeus, trung gian giữa các vị thần và con người, vị thần của tài hùng biện, cũng như vị thần của những khám phá, phát minh và nghề thủ công đa dạng, vị thần của công nghiệp và thương mại, những lĩnh vực dường như chỉ mang lại sự giàu có khi kết hợp với sự xảo quyệt, lừa dối và thậm chí là trộm cắp – chính vì vậy, Hermes được coi là vị thần bảo trợ cho trộm cắp và lừa dối, người chấp nhận mọi hình thức nói dối và vi phạm lời thề.

[4867] Trong Đế chế Hy Lạp-La Mã, thuật ngữ "eparch" dùng để chỉ các quan cai trị các vùng, nhưng đôi khi danh xưng này cũng được dùng cho các quan chức thành phố.

– Nếu ngươi có thể dùng lời lẽ thuyết phục người này đồng lòng với chúng ta, thì ta sẽ tâu lên Hoàng đế về trí tuệ của ngươi, và ngươi sẽ trở thành bạn của ngài.

Sau đó, Asterius đưa linh mục Thánh Valentine về nhà mình. Khi Thánh Valentine bước vào nhà Asterius, ngài quỳ gối cầu nguyện và dâng lời như sau:

– Lạy Thiên Chúa của muôn loài hữu hình và vô hình, Đấng Tạo Hóa của loài người, Đấng đã sai Con Một của Ngài, Chúa chúng con là Đức Giêsu Kitô, đến để cứu chúng con khỏi sự lừa dối của ma quỷ và dẫn chúng con từ bóng tối đến ánh sáng; chính Ngài đã kêu gọi chúng con đến với Ngài, phán rằng: *'Hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, hãy đến với Ta, Ta sẽ cho các ngươi được nghỉ ngơi*' (Mt 11,28), xin Ngài hãy dẫn dắt ngôi nhà này về với Ngài và ban ánh sáng sau bóng tối, để nó được nhận biết Ngài – Thiên Chúa và Đức Kitô, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần, muôn đời. Amen.

Khi vị thánh kết thúc lời cầu nguyện này, Astérius, người đã nghe những lời của ngài, nói với ngài:

– Điều làm tôi ngạc nhiên là ngài gọi Đấng Kitô của các ngài là ánh sáng.

– Quả thật vậy, – thánh Valentin đáp, – Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng được sinh ra bởi Chúa Thánh Thần và Đức Trinh Nữ Maria, chính là Ánh Sáng chân thật, soi sáng mọi người sẽ đến với thế gian (Ga 1,9).

– Nếu Ngài soi sáng cho mọi người, – Astérius nói tiếp, – thì ngay bây giờ tôi sẽ thử xem những gì anh nói có thật hay không. Tôi có một cô con gái, bị mù từ trước khi tròn hai tuổi, và nếu anh nhân danh Đấng Kitô của anh mà giúp con bé nhìn lại được, thì tôi sẽ làm mọi điều anh ra lệnh.

– Hãy đưa con bé đến gặp ta, – vị linh mục thánh nói.

Asterius vội vã đi và dẫn cô bé mù đến. Lúc đó, Thánh Valentin giơ hai tay lên và ngước mắt lên trời, cầu nguyện lâu dài trong nước mắt, rồi đặt tay lên mắt cô bé mù và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin soi sáng cho tôi tớ của Ngài, vì Ngài là Ánh Sáng Thật.

Sau những lời ấy, cô gái trẻ lập tức được sáng mắt. Thấy vậy, Asterius và vợ ông quỳ xuống dưới chân vị thánh và nói:

– Chúng con khẩn cầu ngài, xin hãy làm với chúng con bất cứ điều gì ngài muốn, để chúng con trở thành tôi tớ của Đấng Kitô và linh hồn chúng con được cứu rỗi.

– Vậy thì hãy làm theo – Thánh Valentine đáp lại – những gì Ta truyền dạy các ngươi. Nếu các ngươi tin vào Chúa Kitô bằng cả trái tim, hãy tiêu diệt hết các thần tượng trong nhà các ngươi, hãy ăn chay, hãy tha nợ cho tất cả những người nợ các ngươi và hãy nhận phép rửa thánh – khi đó các ngươi sẽ được cứu rỗi.

Asterius và vợ ông vui vẻ đồng ý thực hiện tất cả những điều đó, và Thánh Valentine, sau khi ra lệnh cho họ ăn chay ba ngày, bắt đầu dạy họ những chân lý của đức tin thánh thiện. Vì dưới quyền cai trị của Asterius có rất nhiều tù nhân, nên ông đã giải phóng tất cả họ khỏi xiềng xích và thả họ ra khỏi ngục tối. Sau ba ngày ăn chay, ngày Chủ nhật đến, và Asterius đã chịu phép rửa tội cùng cả gia đình mình, gồm 46 người nam và nữ; sau đó, ông mời Thánh Giám mục Callistus đến nhà và nhận lời chúc lành từ ngài.

Khi nghe tin về lễ rửa tội của Asterius, Thánh Marin, vợ ông là Martha và hai con trai của họ là Avdifax và Avvakum đã đến nhà ông với niềm vui lớn lao, tạ ơn Thiên Chúa và ở lại đó trong ba mươi hai ngày.

Trong khi đó, hoàng đế, khi biết rằng Asterius đã được linh mục Valentin dẫn dắt để tin vào Chúa Kitô và đã chịu phép rửa tội cùng cả gia đình, liền ngay lập tức sai quân lính đến bắt ông và tất cả những người trong nhà ông; các quân lính, đến một cách bất ngờ, đã bắt giữ tất cả những người có mặt trong nhà Asterius, trong đó có Thánh Marin cùng vợ và các con trai, rồi dẫn họ đến trước mặt hoàng đế. Hoàng đế ra lệnh tách linh mục Valentin, Marin, vợ và các con trai của ông ra khỏi những người khác, còn Asterius cùng gia đình thì bị trói lại và bị đưa đến thành phố Ostia[4868] , để tại đó họ phải chịu xét xử và trừng phạt.

Thánh Asterius và tất cả những người đi cùng ông đã bị đưa đến thành phố Ostia và giao cho một quan tòa tên là Gelasius; khi nhìn thấy họ, ông ta ra lệnh tống tất cả vào ngục tối. Sau hai mươi ngày, ông ta ra lệnh đưa họ ra xét xử và nói với họ:

– Các ngươi có biết hoàng đế và tất cả các cố vấn của ngài[4869] đã ra lệnh gì không?

[4868] Thành phố Ostia nằm ở phía tây nam Rome, tại cửa sông Tiber, bên bờ Biển Tyrrhenian. Nơi đây có cảng lớn nhất và kiên cố nhất, do Hoàng đế Claudius I xây dựng.

[4869] Các cố vấn của hoàng đế được gọi là thượng nghị sĩ, thường được gọi là thành viên của Thượng viện. Họ là những quan chức hoàng gia nổi bật nhất và tạo thành Thượng viện, tức là hội đồng hoàng gia.

– Chúng tôi không biết, – các thánh đáp.

– Đã ra lệnh, – quan tòa nói, – rằng những ai thờ phụng các vị thần sẽ được sống và được tự do, còn những ai không muốn thờ phụng các vị thần đó, sau khi chịu đủ các hình phạt, sẽ bị xử tử.

Nghe vậy, thánh Asterius nói với quan tòa:

– Hãy để những ai giống như các vị ấy thờ phượng các vị thần, và hãy để họ cùng các vị ấy diệt vong; còn chúng tôi thì cúi đầu trước Đấng Duy Nhất, Đấng Thật Sự, Đấng Toàn Năng, Đấng ngự trên trời, và dâng chính bản thân mình làm của lễ cho Ngài.

Nghe những lời này, quan tòa nổi giận và lập tức ra lệnh treo cổ Thánh Asterius và tra tấn ngài, còn tất cả những người khác thì đánh đập không thương tiếc bằng gậy. Sau khi khiến các thánh tử đạo phải chịu những cực hình như vậy trong ngày hôm đó, quan tòa ra lệnh ném họ trở lại ngục tối và nói:

– Phải chuẩn bị những hình phạt tàn bạo hơn cho họ.

Sau đó, ông ra lệnh rằng vào ngày hôm sau phải tổ chức một buổi biểu diễn và tập hợp toàn thể dân chúng. Khi sáng sớm đến, Gelasius đến nơi diễn ra buổi biểu diễn, ngồi vào chỗ đặc biệt dành cho phiên tòa và, sau khi ra lệnh dẫn Thánh Asterius cùng các vị tử đạo khác đến trước mặt mình, ông nói với ngài:

– Hãy từ bỏ sự điên rồ hão huyền của ngươi và hứa sẽ dâng lễ vật cho các vị thần, để ngươi và những người đi cùng ngươi không phải chết trong đau đớn.

– Tất cả chúng tôi đều mong muốn chết vì Chúa Kitô, – Thánh Asterius đáp lại, – cũng như Ngài đã chết vì chúng tôi, những kẻ tội lỗi, để được thanh tẩy khỏi những ô uế của thế gian này, và xứng đáng được bước vào Nước Trời mà chúng tôi hằng mong ước.

Nghe câu trả lời ấy, Gelasius nổi cơn thịnh nộ dữ dội và ra lệnh ném Thánh Asterius cùng tất cả những người đi cùng ngài cho thú dữ xé xác. Sau đó, các thánh tử đạo được dẫn đến một nơi nằm gần đền thờ vàng, được gọi là "nơi thú dữ", vì ở đó có nuôi nhốt các loài thú. Khi các thánh bước vào hố, tấm vách ngăn phía sau nơi nhốt các con thú được mở ra, và chúng được thả ra tấn công các ngài. Lúc đó, Thánh Asterius đã lớn tiếng kêu lên, nói rằng:

– Lạy Chúa Trời toàn năng, Đấng đã cứu người tôi tớ của Ngài là Đa-ni-ên khỏi hố sư tử và qua tiên tri A-va-cum đã viếng thăm và củng cố lòng tin cho ông[4870] , xin Ngài cũng viếng thăm chúng con, những người tôi tớ của Ngài, qua vị Thiên thần thánh của Ngài.

Những con thú bước ra khỏi hàng rào không gây hại gì cho các thánh tử đạo, ngược lại, chúng còn cúi đầu trước thánh Asterius và những người đi cùng ngài. Thấy vậy, Gelasius quay sang dân chúng và nói:

– Các ngươi thấy chưa, những người này đã chế ngự được các con thú bằng phép thuật của họ.

Nhưng nhiều người trong đám đông nói:

– Chính Đức Chúa Trời, Đấng mà họ phụng sự, đang bảo vệ họ.

Sau đó, quan tòa ra lệnh đưa các thánh tử đạo ra khỏi hố, chuẩn bị một đống lửa lớn và ném họ vào đó để thiêu sống. Khi đống lửa khổng lồ được thắp lên, thánh Asterius nói với các thánh tử đạo khác:

– Hãy can đảm lên, đừng sợ, vì Đấng đã hiện ra trong lò lửa Babylon cùng với ba thiếu niên, giờ đây đang đứng giữa chúng ta.

Và khi các thánh tử đạo bị ném vào lửa, ngọn lửa lập tức tắt ngấm, sức nóng biến thành sự mát mẻ, các thánh vẫn nguyên vẹn không hề hấn gì. Lúc đó, quan tòa, thấy mình đã bị đánh bại và bẽ mặt, ra lệnh dẫn các thánh tử đạo ra ngoài thành và ở đó thi hành hình phạt đặc biệt đối với họ – một số bị chém đầu, số khác bị ném đá đến chết. Như vậy, cuộc tử đạo của các thánh tử đạo này đã kết thúc.

Còn các thánh tử đạo Marina, Martha, Audifax và Abacum, những người được để lại tại Roma cùng với vị linh mục đáng kính Valentine, thì hoàng đế Claudius đã ra lệnh đưa họ đến trước tòa án của mình. Đầu tiên, ông ra lệnh đánh đập thánh Valentine không thương tiếc bằng gậy, rồi chém đầu ngài bằng gươm; sau đó, ông quay sang thánh Marina và những người đi cùng ngài, rồi nói với họ:

– Các ngươi từ đâu đến?

– Từ Ba Tư, – các thánh đáp.

– Vậy tại sao các ngươi, – ông hỏi họ, – lại rời bỏ quê hương và đến đây?

[4870] Câu chuyện về sáu ngày Đa-ni-ên ở trong hố sư tử được ghi lại trong Đa-ni-ên 14:28–42, còn việc nhà tiên tri A-va-cum đến thăm ông được kể lại trong tiểu sử của vị tiên tri này, được ghi vào ngày thứ hai của tháng 12

– Chúng tôi mong muốn, – các thánh đáp, – được chiêm bái các ngôi mộ của các thánh tông đồ và dâng lời cầu nguyện lên Chúa tại những ngôi mộ đó.

Sau đó, hoàng đế nói:

– Các ngài lấy vàng và bạc ở đâu ra, vì tôi nghe nói các ngài rất giàu có.

– Chúng tôi đã mua chúng, – các thánh Marin và Martha đáp, – từ tài sản của chúng tôi, vốn rất dồi dào ở Ba Tư và đã được bán đi. Một phần số tiền thu được từ việc bán đó, chúng tôi đã phân phát cho người nghèo, còn một phần mang theo đến đây, và cũng không phải cho bản thân, mà là để phục vụ các thánh. Còn về mức độ giàu có của chúng tôi ở Ba Tư , ngài có thể hiểu được qua xuất thân cao quý của chúng tôi. Cha tôi, Maromei, là người đứng thứ nhất sau Vua Ba Tư; còn người vợ này của tôi là con gái của Kusinita, một vị công tước nổi tiếng ở Ba Tư.

– Vậy tại sao các ngươi – hoàng đế hỏi họ – lại từ bỏ các vị thần quê hương, vốn được tôn kính ở Ba Tư, mà lại đến đây để tìm kiếm những người đã chết?

– Chúng tôi là những tôi tớ của Đấng Christ, – Marin trả lời, – và đã đến đây để thờ lạy các thánh tông đồ, những linh hồn bất tử đang sống cùng Đức Chúa Trời, để họ cầu thay cho chúng tôi trước mặt Đấng Christ, Đức Chúa Trời của chúng tôi.

– Vậy vàng và bạc mà các ngươi mang từ Ba Tư đến đâu rồi? – Claudius hỏi.

– Chúng tôi đã dâng nó lên Thiên Chúa, – thánh Marin đáp, – Đấng đã ban cho chúng tôi những của cải đó trong một thời gian nhất định.

Nghe những lời đó, hoàng đế nổi giận và giao các thánh tử đạo cho quan tổng trấn của mình, tên là Muscianus, rồi nói với ông ta:

– Nếu họ không dâng lễ vật cho các vị thần, thì sau khi tra tấn đủ mọi cách, hãy xử tử họ.

Muskián, sau khi bắt các thánh, đã ngồi tại nơi xét xử trong đền thờ nữ thần La Mã Telluda[4871] và, sau khi kết án họ phải chịu tra tấn, ra lệnh bày tất cả các dụng cụ tra tấn trước mặt họ và bắt đầu đe dọa họ bằng những cực hình tàn bạo, nhằm ép buộc họ dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng các thánh không tuân theo ý muốn của hắn, và hắn liền bắt đầu tra tấn. Đầu tiên, hắn ra lệnh quăng thánh Marina xuống đất và đánh đập ngài bằng gậy trong một thời gian dài. Trong lúc bị đánh đập, vị thánh tử đạo chỉ lớn tiếng thốt lên những lời sau đây:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa Giêsu Kitô!

Sau đó, Avdifaks và Avvakum cũng bị đánh bằng gậy. Lúc đó, người mẹ, thánh Martha, nhìn thấy những đau khổ của các con mình, đã động viên các con bằng những lời khuyên nhủ đầy tình mẫu tử, để các con can đảm chịu đựng đau khổ vì Chúa Kitô, Đấng đã chịu đựng những đau khổ lớn lao vì chúng ta. Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh treo ba vị tử đạo này – người cha cùng các con trai – lên dụng cụ tra tấn, dùng móng sắt xé da thịt họ và dùng lửa thiêu đốt xương sườn của họ. Trong lúc đó, các thánh tử đạo với khuôn mặt rạng ngời niềm vui đã kêu lên:

– Chúng con tạ ơn Ngài, Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng con, vì Ngài đã ban cho chúng con ân sủng được chịu những đau khổ này vì danh Ngài.

Sau đó, Muscian ra lệnh tháo các thánh ra khỏi dụng cụ tra tấn và chặt đứt tay họ – trong khi đó, Martha thu thập máu của họ và vui mừng xức máu ấy lên người mình – rồi treo những bàn tay bị chặt đứt lên cổ họ và dẫn họ đi khắp thành Rome. Khi các vị thánh tử đạo bị dẫn đi khắp thành phố, người rao tin đã la lớn, nói với họ:

– Đừng phỉ báng các vị thần, vì các ngươi đang phải chịu hình phạt vì điều đó.

Đáp lại điều đó, các thánh đã lớn tiếng nói:

– Chúng không phải là các vị thần, mà là những con quỷ, những kẻ sẽ hủy diệt các ngươi cùng với vua của các ngươi.

Sau những đau khổ đó, các thánh tử đạo được dẫn ra ngoài thành phố mười ba dặm, đến một nơi gọi là Nymph Catavassi; và thánh Marino cùng với Avdifax và Avvakum bị chém đầu, còn thánh Martha bị dìm chết

---

[4871] Telluda hay Tellus – vị thần Mẹ Đất của người Ý cổ đại, thường được cầu khấn cùng với Ceres. Với tư cách là đại diện của đất, Tellus được đối lập với Jupiter, vị thần của bầu trời. Là hiện thân của lòng mẹ đất, nơi đón nhận hạt giống và ban tặng sự sống mới, Tellus được coi là Đấng sáng tạo ra vạn vật và thường được cầu khấn với tư cách là người mẹ hơn các nữ thần khác. Ngoài ra, Tellus còn được coi là người thiết lập trật tự vũ trụ, người ban phát sự thịnh vượng và là vị thần bảo trợ cho các cuộc hôn nhân, tương tự như Demeter của Hy Lạp. Với tư cách là vị thần của đất, Tellus cũng được cầu khấn khi xảy ra động đất. Nhân dịp trận động đất xảy ra giữa trận chiến vào năm 168, trong cuộc chiến với người Picentes, quan chấp chính P. Sempronius đã thề sẽ xây dựng một đền thờ để tôn vinh Tellus; đền thờ này sau đó đã được xây dựng trên sườn phía tây của núi Esquiline, nhưng đền thờ dành cho bộ ba thần Eleusis – Demeter (Tellus), Dionysus và Kore, đã được xây dựng tại Rome từ năm 486 trước Công nguyên theo mẫu Hy Lạp và do các nghệ sĩ Hy Lạp thực hiện.

trong sông[4872] . Một phụ nữ Kitô hữu tên là Philikita đã bí mật thu nhặt thi thể các vị thánh tử đạo bị chặt đầu, đồng thời tìm thấy thi thể thánh Martha trong nước, và chôn cất họ trên cánh đồng của mình, ngợi khen Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Ngày 20 tháng 7

Ngày 7 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cũng vào ngày này, Thánh nữ Euphrosyne, tên thế tục là Eudokia, Đại công chúa Moscow, đã qua đời vào năm 1407.

Lễ tưởng niệm Thánh Phêrô Malein, vị cha thánh của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 7

Thánh Phô-ma, trước khi thụ phong tu sĩ, từng phục vụ trong quân đội và nổi tiếng vì sự giàu có cũng như lòng dũng cảm. Với sức mạnh thể chất vượt trội, ngài đã lập không ít chiến công trên chiến trường, và nhờ ngài, đồng bào của ngài đã nhiều lần giành chiến thắng trước kẻ thù. Nhưng vì tình yêu dành cho Chúa Kitô, Thánh Phô-ma đã từ bỏ thế gian và những lo toan trần tục, để nhận lấy ách nhẹ nhàng của Chúa Kitô[4873] – đời sống tu sĩ. Ông khao khát trở nên giống như Chúa Kitô, Chúa của mình, bằng cách tự nguyện sống trong cảnh nghèo khó và rèn luyện lòng khiêm nhường; vì thế, ông tìm đến sự hướng dẫn của các vị tu sĩ thánh thiện, những người nổi tiếng với đời sống ăn chay và đang tu hành tại các tu viện khác nhau. Khi Thô-ma, mong muốn có sự yên tĩnh trọn vẹn cho những nỗ lực tu hành của mình, quyết định đi vào sa mạc, thì vào ban đêm, một cột lửa trên trời bừng sáng trước mặt ngài và chính vị thánh tiên tri Ê-li đã hiện ra với ngài, để chỉ cho ngài con đường vào sâu trong lòng sa mạc.

Dưới sự dẫn dắt của những người hướng dẫn ấy, Thánh Phêrô đã đến ngọn núi mang tên Malea[4874] , nơi trở thành với ngài điều tương tự như ngọn núi Carmel[4875] đối với Thánh Ê-li. Tại đây, ngài sống trong sự cô độc, chỉ giao tiếp với Thiên Chúa và được ban cho những mặc khải và thị kiến thần thánh.

Cũng như trước đây, khi còn sống giữa đời, ngài đã dũng cảm đánh bại những kẻ thù hữu hình; thì giờ đây, khi đã xa lánh thế gian, sống trong sa mạc, ngài bằng những lời cầu nguyện không ngừng nghỉ của mình, như thể dùng thanh gươm sắc bén, đã đánh bại và xua đuổi những đạo quân vô hình của các linh hồn ác quỷ. Và cũng như không thể che giấu khỏi ánh mắt con người một thành phố tọa lạc trên núi, hay một ngôi sao tỏa sáng trên vòm trời, thì Thánh Phêrô cũng không thể ẩn mình khỏi mọi người trên ngọn núi hoang vắng Malee, nơi ngài tỏa sáng bằng sự thánh thiện như một ngôi sao rực rỡ và chiếu sáng cả mặt đất.

Khi mọi người biết đến vị tu sĩ này, ngài đã trở thành người soi sáng cho những ai bị che mờ lý trí và là người trợ giúp cho những ai cần sự giúp đỡ của ngài, vì ngài đã nhận được từ Thiên Chúa quyền năng làm phép lạ và ân sủng chữa lành. Ngài đã chữa lành kỳ diệu mọi loại bệnh tật, ban lại thị lực cho người mù, giúp người què đi lại bình thường và dễ dàng, và có lần, nhờ lời cầu nguyện của ngài, một suối nước đã tuôn trào tại nơi khô cằn. Nhưng không chỉ trong suốt cuộc đời trần thế, Thánh Tôma mới thực hiện vô số phép lạ, mà ngay cả sau khi ngài về với Chúa, những phép lạ vẫn tiếp tục xảy ra tại nơi an nghỉ thiêng liêng của ngài. Những người có đức tin đã được chữa lành một cách nhanh chóng bất thường khỏi mọi bệnh tật, kể cả những căn bệnh nan y, cũng như khỏi chứng quỷ ám – nhờ lời cầu nguyện của vị thánh và nhờ ân sủng của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta[4876] .

[4872] Các thánh tử đạo Marin, Martha và các con trai của họ đã qua đời vào năm 269. Hiện nay, di cốt của họ được lưu giữ tại nhà thờ Thánh Gioan Cây Bụi ở Rome, còn di cốt của Thánh Valentine thì được lưu giữ tại nhà thờ Praxedes.

[4873] Mt 11:30.

[4874] Không rõ chính xác núi Malea, nơi Thánh Phêrô đã tu hành và từ đó ngài có biệt danh, nằm ở đâu. Một số người cho rằng đó là ở bán đảo Peloponnese, tại Laconia, nơi có Mũi Malea; một số khác lại cho rằng đó là núi Maleon, nằm ở phía đông của núi Athos; cuối cùng, một số người khác lại cho rằng đó là trên đảo Lesbos, nơi cũng có Mũi Malea.

[4875] Núi Karmel nằm trong lãnh thổ của các chi phái Asir và Manasse; phần đỉnh hoặc phía bắc của nó nhô ra Biển Địa Trung Hải, còn phía nam thì giáp với dãy núi Samaria. Ngọn núi này là nơi cư ngụ của các tiên tri Ê-li và Ê-li-sê (3 Vua 18:1–46; 4 Vua 2:25, 4:25).

[4876] Thời gian sống của Thánh Tôma Malein không được biết chính xác. Người ta cho rằng ngài sống không muộn hơn thế kỷ X.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã thể hiện chiến thắng vĩ đại một cách dũng cảm, bừng cháy bởi tình yêu thiêng liêng, Ngài đã vượt qua vị vua trần thế và mọi sự hào nhoáng, thực hiện việc cư ngụ trên ngọn núi nhỏ nhất: từ đó, Ngài đã thăng thiên lên gặp Vua của các vua, Thánh Phô-ma, xin hãy không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Sự tử đạo của các thánh tử đạo Peregrinus, Lucianus, Pompeius, Isichius, Papias, Satorninus và Germanus

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 7

Các thánh tử đạo này gốc gác từ Ý và đã chịu tử đạo dưới triều đại của Hoàng đế Trajan[4877] . Khi cuộc bách hại Kitô hữu bắt đầu, họ lên thuyền và đến thành phố có tên là Dirrachium[4878] . Khi ở thành phố này, chứng kiến Thánh Giám mục Astius[4879] bị treo trên thập tự giá, người bị bôi mật ong, và bị ong bắp cày cùng ruồi đốt, họ đã ca ngợi ngài vì đã tuyên xưng Đức Kitô. Vì thế, người ta biết họ là Kitô hữu, và binh lính lập tức bắt giữ họ. Trong quá trình thẩm vấn, họ đã tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, và theo lệnh của Amphipatus[4880] Agricola, họ bị đưa lên tàu và bị ném xuống vùng biển sâu. Các thánh tử đạo[4881] đã qua đời như vậy. Sau đó, thi thể của họ bị sóng đánh dạt vào bờ và được chôn cất ngay tại chỗ trong cát. 90 năm sau đó, các thánh tử đạo đã hiện ra trước mặt Giám mục Alexandria và nói với ngài: "Hãy nhận thi thể của chúng tôi."

Sau đó, vị giám mục đã an táng thi hài các thánh một cách trang trọng và xây dựng một nhà thờ nhỏ tại nơi họ được chôn cất.

Cuộc đời và sự chịu khổ của các thánh tử đạo là Linh mục Epictetus và tu sĩ Astion.

Ngày kỷ niệm: 7 tháng 7

Trong thời trị vì của Hoàng đế La Mã vô đạo Diocletian[4882] , tại một trong những vùng phía đông của Đế quốc La Mã, có một người đàn ông đức hạnh, sống đời tu hành, tên là Epictetus. Ông là một linh mục, từ thuở thiếu thời đã bắt đầu phụng sự Chúa Kitô. Ông sở hữu ân sủng làm phép lạ, ân sủng mà Thiên Chúa đã ban cho ông nhờ cuộc sống trong sạch của mình. Ông chữa lành mọi bệnh tật; giúp người mù lấy lại thị lực, chữa lành cho người bị bệnh hủi, giúp người bị liệt đứng dậy khỏi giường bệnh, và trừ tà. Trong số những phép lạ chứng minh sự thánh thiện của ông, những điều sau đây xứng đáng được chú ý đặc biệt.

Một lần nọ, khi Epictetus đang ở trong căn phòng tu hành của mình, nằm gần một ngôi làng, và đang miệt mài cầu nguyện cùng suy ngẫm thiêng liêng, thì một quan huyện[4883] đã đưa con gái mình, một thiếu nữ mười lăm tuổi, đang bị liệt hoàn toàn, đến gặp ngài. Với mong muốn con gái mình được chữa lành, vị bá tước quỳ xuống dưới chân Epictetus và khẩn khoản van xin:

[4877] Trajan trị vì Đế quốc La Mã từ năm 98 đến năm 117. Năm 99, ông đã khôi phục lại đạo luật cấm các hội kín. Và vì người ngoại đạo đã hình thành quan điểm coi Kitô hữu là những người thuộc về hội kín, và vì các buổi thờ phượng của Kitô hữu diễn ra vào ban đêm và bí mật, nên ông đã phát động cuộc đàn áp chống lại họ, coi họ là những kẻ vi phạm luật nói trên.

[4878] Thành phố Dirrahium, còn gọi là Epifamum, ngày nay là Durazzo, tọa lạc tại Albania hiện nay, bên bờ Biển Adriatic.

[4879] Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Astias được tổ chức vào ngày 4 tháng 6.

[4880] Trong Đế chế La Mã, các quan chức đứng đầu các vùng được gọi là "Anfipata".

[4881] Thời điểm các vị thánh tử đạo này qua đời không được biết chính xác.

[4882] Hoàng đế Diocletian đã cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[4883] Trong nền văn hóa La Mã cổ đại, thuật ngữ "comites" ban đầu dùng để chỉ những người tháp tùng quan chức cấp cao nhất tại các tỉnh, và sau này là những người tháp tùng các hoàng đế, tạo thành đoàn tùy tùng thân cận nhất của họ. Kể từ thời Constantine Đại đế (306–337), danh xưng này trở thành tước hiệu của tất cả các quan lại triều đình và quan chức nhà nước, dù họ có thuộc về đoàn tùy tùng của hoàng đế hay không.

– Hỡi người của Chúa! Xin hãy thương xót tôi và đừng từ chối tôi. Vì chính Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, Đấng mà ngài đang phụng sự, cũng không từ chối bất kỳ ai đến với Ngài[4884] . Đây là con gái duy nhất của tôi, đã ốm suốt ba năm nay và không thể cử động được bất kỳ bộ phận nào trên cơ thể. Con bé chỉ còn thoi thóp, nhưng tôi tin chắc rằng Đấng đã chữa lành cho người phụ nữ bị chảy máu suốt mười hai năm[4885] , cũng có thể chữa lành cho con gái tôi. Xin ngài hãy cầu nguyện cho chúng tôi, hãy thương xót chúng tôi; vì chúng tôi là con cái của Hội Thánh Chúa Kitô và đã được soi sáng bởi phép rửa thánh.

Lúc bấy giờ, vị tôi tớ của Chúa là Epictetus, sau khi cầu nguyện sốt sắng với Chúa, đã xức dầu thánh lên cô thiếu nữ bị liệt. Ngay lập tức, cô ấy đã bình phục và đứng dậy được, còn tất cả những người xung quanh đều dâng lời tạ ơn lên Chúa. Vị thánh nhân bèn nói với quan tổng trấn:

– Hỡi người thân yêu! Nếu ngài muốn không ai trong nhà ngài bị bệnh, hãy cùng tất cả các thành viên trong gia đình rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô vào mỗi Chúa Nhật, sau khi đã thanh tẩy lòng mình một cách xứng đáng.

Sau đó, ngài cho họ ra về trong bình an.

Một lần khác, người ta dẫn một người bị quỷ ám đến gặp ngài. Vị thánh nhân giữ người ấy lại bên mình trong ba ngày, dùng lời cầu nguyện của mình để khiến con quỷ phải chịu những cực hình khủng khiếp, và con quỷ đã bày tỏ tình trạng của mình bằng những lời như sau:

– Ôi, đau khổ! Ôi, cực hình! Tại sao tôi lại phải chịu đựng điều này? Chẳng phải tốt hơn là tôi nên ở lại Phrygia[4886] , trong đền thờ thần tượng, và hàng ngày nhận sự thờ phượng cùng các lễ vật từ đám đông những người thiếu trí tuệ sao? Giờ đây, ở đây, tôi lại phải chịu đựng cực hình từ chính người này mà không có bất kỳ lỗi lầm nào.

Vào ngày thứ ba, vị linh mục thánh thiện đã ra lệnh trừng phạt con quỷ và đuổi nó ra khỏi người đàn ông đó.

Một lần khác, người ta dẫn đến vị thánh một phụ nữ quý tộc và giàu có – một người ngoại đạo, người đã mất thị lực và vô vọng tìm kiếm sự chữa lành từ nhiều bác sĩ khác nhau. Bà khẩn cầu vị Thánh của Đức Chúa Trời hãy dùng tay phải của Ngài chạm vào đôi mắt mù lòa của bà, vì bà đã nghe nói rằng bằng đôi tay thánh thiện của Ngài, Ngài đã thực hiện nhiều phép lạ và ban sự chữa lành cho những người bệnh. Vị thánh, vì lòng thành kính trong những lời khẩn cầu của bà, qua đó thể hiện đức tin của bà, đã đặt tay phải của mình lên đôi mắt bà, đồng thời kêu cầu danh Chúa Giê-su Ki-tô, và người phụ nữ lập tức được sáng mắt, đồng thời thốt lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Thiên Chúa của các Kitô hữu!

Từ đó, bà cùng cả gia đình đã quy y Đức Kitô. Tuy nhiên, nếu kể hết các phép lạ của vị thánh nhân này thì sẽ quá dài, trong khi những gì đã kể cũng đủ để thấy sự thánh thiện của ngài; vì vậy, đã đến lúc chuyển sang những câu chuyện khác.

Từ một thành phố lân cận, dường như tình cờ, trong lúc đi dạo cùng các đầy tớ, một thanh niên khoảng 18 tuổi tên là Astion đã đến nơi vị thánh sống. Anh ta là con trai của một quý tộc giàu có và là người ngoại đạo. Thực ra, sự an bài của Đức Chúa Trời đã dẫn dắt anh ta đến phòng tu của vị thánh. Anh ta muốn biết ai đang sống ở đây, và khi bước vào phòng, anh ta thấy một người đàn ông trông rất trang nghiêm, người này đã tiếp đón anh ta một cách thân thiện, mời anh ta ngồi bên cạnh mình và hỏi:

– Con đến từ đâu, con ơi? Và cha mẹ con là ai?

Chàng trai trẻ trả lời:

– Cha con là quan tổng trấn, còn mẹ con là con gái của Thượng nghị sĩ Julian.

Con là con một của họ, và họ yêu thương con như một viên ngọc quý nhất.

Vị thánh bèn nói với cậu:

– Con nói đúng lắm, con yêu, rằng cha mẹ con yêu thương con như một viên ngọc quý nhất. Đúng vậy, họ chỉ nhìn ngắm con mà thôi, chứ không thực sự sở hữu con. Bởi vì linh hồn phúc lành của con quý giá hơn mọi viên ngọc, và được Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, yêu mến; Người, như ta thấy, đã chọn linh hồn con để phục vụ Người. Hãy nghe lời ta, con yêu dấu! Hãy từ bỏ mọi thứ thuộc về thế gian hữu hình, tạm bợ và hư ảo này, để cùng với tất cả các thánh nhân, con sẽ nhận được những ân huệ vô hình và vĩnh cửu trong cuộc sống mai sau. Bởi vì

[4884] Mt 7

[4885] Mt 9:20–22

[4886] Phrygia – một vùng ở Tiểu Á.

tất cả những gì chúng ta thấy trên thế gian này đều trôi qua và sớm kết thúc, còn những gì Thiên Chúa đã chuẩn bị cho những ai yêu mến và phụng sự Ngài thì tồn tại mãi mãi, như chính Thiên Chúa là Đấng Vĩnh Cửu. Vàng và bạc mà chúng ta có thể nhìn thấy không phải là điều chân thật, mà chỉ là một sự lừa dối đối với con người. Còn tôi sẽ nói cho con biết vàng thật sự là gì, thứ đáng để con sở hữu. Trong các sách Kitô giáo của chúng ta có lời khuyên như sau: "Ta khuyên con hãy mua từ Ta vàng đã được tinh luyện bằng lửa, để con trở nên giàu có, và áo trắng để mặc," và để con không phải xuất hiện trong tình trạng trần truồng[4887] . Vàng tinh khiết ấy chính là Đức Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng thắp sáng lòng người bằng tình yêu Thiên Chúa. Nếu con, hỡi con cái, muốn có Ngài trong lòng mình, thì ngay lập tức những của cải trên trời sẽ được chuẩn bị sẵn cho con, và con sẽ mặc lấy áo trắng; những bộ áo ấy chính là đức tin, đức cậy và đức mến; khi khoác lấy chúng như áo giáp, con sẽ không chỉ vượt lên trên thế giới hữu hình này, mà còn chiến thắng cả ma quỷ – kẻ mà các con tôn thờ như thần – cùng tất cả các tay sai của hắn. Hơn nữa, hỡi người yêu dấu, con cũng phải biết rằng người cha đã sinh ra con theo xác thịt không phải là cha thật sự của con, bởi vì ông ta chỉ ban cho con thân xác phù du, sớm muộn gì cũng phải chết. Còn cha thật sự của ngươi là Đức Chúa Trời Toàn Năng. Ngài, sau khi tạo dựng linh hồn bất tử của ngươi, đã sai linh hồn ấy vào thân xác ngươi, được thụ thai theo ý muốn của chính Ngài. Vậy nên, con có một người cha – người cha hữu hình, còn người kia – là Cha vô hình. Người cha hữu hình của con là người phàm, phải chịu sự chi phối của thời gian, thiên tai và đau khổ, và không có quyền năng. Còn Cha vô hình của con – là Đấng bất tử, vĩnh hằng, không phải chịu bất kỳ đau khổ nào; Ngài toàn năng và nắm giữ mọi sự trong tay Ngài. Ngài phán – và con được tạo dựng trong lòng mẹ. Ngài ra lệnh – và con ra khỏi lòng mẹ. Theo ý muốn của Ngài, con đã bước vào tuổi thanh niên. Và nếu con cái phải tôn kính cha mẹ trần thế của mình, thì càng phải tôn kính Đấng đã tạo dựng chúng ta theo hình ảnh và sự giống như của Ngài, ban cho chúng ta lý trí và trí tuệ, và đặt chúng ta làm chủ trên các tạo vật do tay Ngài tạo ra. Bằng lòng nhân từ của Ngài, Ngài đã biến chúng ta từ những nô lệ thành con cái, anh em và bạn hữu của Ngài. Vì vậy, Ngài – Cha thật sự của chúng ta, Đấng đã ban cho chúng ta biết bao ân huệ – chúng ta phải nhận biết, yêu mến, tôn kính và luôn luôn thờ phượng Ngài. Cũng vậy, Mẹ thật sự của chúng ta không phải là người sinh ra chúng ta theo xác thịt, cho thế gian này, mà là Đấng sinh ra chúng ta vào đời sống vĩnh cửu về mặt thiêng liêng. Người đã đính hôn với Đấng Cứu Thế của chúng ta, được các Thiên Thần tôn kính, được các Tiên Tri ca ngợi, được các Tông Đồ và các vị Tử Đạo tôn vinh, và được các vị Chứng Nhân tôn cao; chính vì Người mà Chúa Kitô đã chuẩn bị cung điện trên trời. Vị Mẹ thánh thiện này được mọi người gọi là Giáo Hội. Tiếng nói của Người là tiếng chim bồ câu chăm sóc đàn con; đôi môi Người tuôn trào dầu thơm của giáo huấn Tông đồ; đôi mắt – đức tin chân thật và niềm hy vọng vững chắc nơi Thiên Chúa; từ đôi tay Người nhỏ giọt hương myrrh của những ân huệ, được thực hiện từ lòng thương xót và tình yêu; hai bình của Người – hai Giao Ước. Giao Ước Cũ, nơi các tiên tri đã giảng dạy, và Giao Ước Mới, nơi các Tông Đồ đã rao giảng; và qua Bí tích Rửa tội thánh thiêng, Mẹ sinh ra các con cái của Mẹ cho cuộc sống bất tử. Vậy thì, hãy đến đây, hỡi con yêu dấu! Hãy bú sữa từ vú của Mẹ chân chính này; hãy nghe lời khuyên của tôi – hãy bỏ qua những của cải tạm bợ của cha mẹ con, để con trở thành người thừa kế những kho tàng vĩnh cửu, đã được chuẩn bị sẵn cho các con cái của Đức Chúa Trời. Hãy lắng nghe Cha chân chính của con nói với con qua tôi: *"Hãy rời khỏi xứ sở của con, khỏi họ hàng của con và khỏi nhà cha con [và hãy đi] đến xứ sở mà Ta sẽ chỉ cho con"* (Sáng Thế Ký 12:1), *"đến xứ sở nơi sữa và mật ong chảy tràn"* (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:8,17), – qua những lời dạy của các tiên tri, các Tông đồ và các thánh tổ phụ. Và khi con thực hiện trọn vẹn mọi điều được truyền dạy cho con, thì con sẽ được ban cho gia tài thiên đàng, các kho tàng trên trời sẽ mở ra cho con, vinh quang của Nước Trời sẽ được ban cho con, con sẽ được chiêm ngưỡng các hàng ngũ Thiên Thần và dung nhan của tất cả các thánh, và con sẽ sống cùng họ như một người anh em yêu thương và được yêu thương, đồng thời cũng gần gũi với Thiên Chúa như một người con.

Chàng trai khôn ngoan, sau khi lắng nghe bài giảng cao cả của vị người của Chúa và tin vào sự chân thật của nó, lòng tràn đầy xúc động, nhưng lần này chàng không nói gì với ông, vì lo ngại những người hầu đi cùng có thể truyền lại lời nói của chàng cho cha mẹ. Vì vậy, chàng lui ra, sau khi cúi đầu chào vị trưởng lão đáng kính ấy.

Sáng hôm sau, rất sớm, chàng trai trẻ Astion vội vã đến gặp vị tu sĩ cao niên ấy một mình, giống như con ong khôn ngoan bay trở lại nơi mà ngày hôm trước nó đã thu thập mật ngọt. Bước vào phòng của vị linh mục của Chúa, chàng chào ông bằng những lời sau:

– Chào ngài, Sứ đồ của Đấng Christ, người phục vụ Giao Ước Mới!

[4887] Khải Huyền 3

Vị thánh đáp lại:

– Chào cậu, chàng trai tuyệt vời! Ta thấy cậu đang mặc áo của người chịu khổ và đội vương miện bằng những viên đá quý.

Khi hai người ngồi xuống và bắt đầu trò chuyện, vị thánh già nói:

– Này con ơi, hạt giống mà hôm qua, nhờ lòng nhân từ của Đức Chúa Trời, chúng ta đã gieo vào lòng con, liệu nó đã nảy mầm chưa? Liệu nó có sinh hoa kết trái không? Hay là lòng con vẫn còn chìm trong bóng tối của sự vô tín?

Astion đáp:

– Hôm qua con đã nói với cha, thưa cha thánh, rằng con là con trai duy nhất của cha mẹ và được họ yêu thương vô cùng. Con sợ làm cha mẹ buồn lòng; vì nếu con công khai theo đạo Kitô, thì vì quá đau buồn, họ có thể sẽ nhảy xuống biển, hoặc mất trí, hoặc tự kết liễu đời mình bằng cách nào đó. Nhưng con không muốn điều mang lại sự cứu rỗi cho con lại trở thành nguyên nhân dẫn đến cái chết và sự diệt vong vĩnh viễn cho cha mẹ con. Vì vậy, nếu cha vui lòng nghe theo lời khuyên của con, thưa cha, – xin hãy rửa tội cho con một cách bí mật, và ngay bây giờ hãy chuẩn bị cho con để nhận phép rửa tội. Khi cha đã hoàn tất mọi nghi thức theo truyền thống Kitô giáo cho con, thì xin cha hãy ban cho con ân huệ này: hãy đưa con đi cùng ngài đến một xứ sở xa xôi nào đó, nơi mà Chúa sẽ chỉ đường cho ngài, để đôi mắt con không phải chứng kiến những giọt nước mắt của cha mẹ, để lương tâm con không dao động trước nỗi buồn của họ, và để vì tình yêu dành cho họ mà con không làm tổn hại đến công việc cứu rỗi của chính mình.

Nghe những lời của chàng trai trẻ, vị thánh lão nhân vui mừng trong lòng và truyền cho chàng phải ăn chay suốt ngày đêm, tránh xa sự ô uế từ thức ăn dâng cho thần tượng, đồng thời ra lệnh cho chàng dâng lời cầu nguyện lên Đức Kitô Cứu Thế, Thiên Chúa chân thật. Chàng Astion trẻ tuổi đã tận tâm tuân giữ những mệnh lệnh này. Giấu giếm gia đình, mỗi ngày cậu đều đến gặp vị tu sĩ già và học hỏi đức tin thánh thiện từ ngài. Khi cậu đã hiểu rõ về Chúa Kitô và tin tưởng vững chắc vào Ngài, vị tu sĩ thánh thiện đã làm phép rửa tội cho cậu.

Một thời gian ngắn sau, vào ban đêm, cả hai rời khỏi đó, và Astion mang theo một ít tiền để dùng dọc đường. Khi đến bến cảng, họ tìm thấy một con tàu đang chuẩn bị khởi hành đến các vùng đất của người Scythia, và sau khi tìm được chỗ trên con tàu đó, họ lên tàu. Sau một thời gian dài lênh đênh trên biển, họ lên bờ và vào thành phố tên là Almiris[4888] , nằm trong lãnh thổ của người Scythia, bên bờ sông Danube. Họ tìm thấy một nơi hẻo lánh, thuận tiện để sinh sống gần thành phố này và ở đó, sau khi xây dựng cho mình một ngôi nhà nhỏ, họ đã định cư.

Cha mẹ của Astion, không thấy đứa con trai yêu quý của mình, bắt đầu đi tìm kiếm khắp nơi và, khi không tìm thấy, họ khóc lóc thảm thiết, vô vọng gọi tên con trai. Người cha thốt lên:

– Astion, con yêu quý của cha, con đang ở đâu? Astion, con trai duy nhất và đáng yêu nhất của cha! Chuyện gì đã xảy ra với con? Phải chăng một con thú nào đó đã bất ngờ nuốt chửng con, hay là dòng nước sâu thẳm đã nuốt chửng con? Ôi, chỗ dựa của tuổi già cha và ánh sáng trong mắt cha! Giờ đây ta không biết phải tìm con ở đâu, và cũng không biết nên cử nô lệ của ta đi tìm con ở xứ nào – ta thật bối rối!

Mẹ của Astion cũng vậy, xé rách áo quần và đập tay vào ngực, khóc nức nở và nói:

– Ai đã chia cắt ta với con, đứa con yêu dấu của ta, Astion! Ta nghĩ chăng phải là Đức Chúa Trời của người Kitô giáo, đã sai ai đó dùng lời dụ dỗ để lôi kéo con xa rời chúng ta. Khốn khổ cho ta, người bất hạnh! Khốn khổ cho ta – ta tràn ngập nỗi đau thương vô tận. Tất cả công lao và những cơn đau ốm mà ta đã chịu đựng khi sinh ra và nuôi nấng con đều tan thành mây khói! Quả tim trong bụng ta đã mất, hy vọng và vinh quang của ta cũng đã tan biến! Ta ngồi đây như một thành phố hoang vắng. Trước đây ta là người mẹ, nhưng giờ đây ta không còn là mẹ nữa, vì đã mất đi đứa con duy nhất và yêu quý nhất của mình!

Cha mẹ của Astion cứ khóc lóc thảm thiết như vậy suốt ngày. Còn Epictetus và Astion, những tôi tớ của Chúa Kitô, thì sống gần thành phố Almiris trong những việc tu hành khổ hạnh. Cuộc sống thánh thiện và đạo đức của họ không còn là bí mật nữa, vì vị linh mục thánh Epictetus đã thực hiện nhiều phép chữa lành, và dân chúng bắt đầu đổ xô đến với họ, mang theo những người bệnh.

[4888] Ngày nay là Ramzin, nằm trên nhánh phía nam của sông Danube.

Một lần nọ, một quý bà đến gặp họ cùng con trai mình, người đang được các đầy tớ khiêng vì cậu bé bị câm, điếc và liệt. Cậu bé khoảng mười lăm tuổi. Sau khi đặt con trai mình xuống chân vị thánh già, người phụ nữ nói với ngài:

– Tôi không biết ngài đến từ đâu, nhưng tôi tin rằng nếu ngài muốn, ngài có thể chữa lành cho con trai tôi. Có vẻ như ngài là môn đệ của Người Nazareth, Đấng mà chúng tôi đã nghe nói nhiều điều kỳ diệu và đáng kinh ngạc. Nếu ngài thực sự là môn đệ của Người, xin hãy giúp chúng tôi và dạy chúng tôi nhận biết Người, để chúng tôi cũng trở thành tôi tớ của Người.

Vị Thánh bèn nói với bà:

– Nếu bà, hỡi người phụ nữ, tin tưởng từ tận đáy lòng rằng chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật, Đấng đã tạo dựng trời đất và mọi sự hữu hình cho chúng ta, thì lời cầu xin của bà sẽ được đáp ứng.

Nói xong, ngài ra lệnh nâng cậu bé lên khỏi mặt đất, rồi nhổ ba lần vào miệng cậu bé đang câm, và hỏi:

– Hãy nói cho chúng ta biết, con ơi, chúng ta nên tin vào vị thần nào? Vào những tượng thần do con người tạo ra, hay vào Đức Giêsu Kitô bị đóng đinh, Đấng đang chữa lành cho con lúc này?

Cậu bé cất tiếng kêu lớn:

– Thưa cha đáng kính, chúng ta phải tin vào Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng luôn ban phát những ân huệ vĩ đại cho loài người!

Chứng kiến phép lạ này, dân chúng thành Almiris đã ngợi khen Đức Chúa Trời, và vào ngày đó, hơn một ngàn người nam nữ đã tin nhận Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta. Và ân sủng của Đức Chúa Trời đã thực hiện những phép lạ không chỉ qua Thánh Epictetus, mà còn qua Thánh Astion.

Có lần, khi ngài ra sông Danube để múc nước, ngài gặp một người bị quỷ ám. Astion làm dấu thánh giá trên người bị quỷ ám, và con quỷ lập tức chạy khỏi người đó, kêu lên:

– Ôi Astion! Đức tin và sự trong sạch của lòng ngươi, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, đã có quyền năng lớn lao trên chúng ta!

Một lần khác, khi được vị tu sĩ già sai đi đâu đó, trên đường đi, Astion thấy một người đàn ông ngã từ một tòa nhà cao xuống đất và nằm bất động như đã chết, trong khi cha mẹ anh ta đang khóc than cho anh. Xót thương họ, Thánh Astion đã thầm cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xưa kia, qua Thánh Tông đồ Phaolô của Ngài, Ngài đã đưa Êutychê – người đã ngã từ cửa sổ căn phòng thứ ba – trở lại từ cõi chết (Công vụ 20:9–12), và đã chữa lành Ê-nê-a khỏi chứng liệt tám năm qua Thánh Tông đồ Phê-rô của Ngài (Công vụ 9:33–34), cũng như qua chính Thánh Phê-rô ấy, Ngài đã làm cho đôi chân và bắp chân của người sinh ra đã què được vững chắc và ban cho anh ta sức mạnh để đi lại! (Công vụ 3:2–8) Vậy bây giờ, xin Ngài hãy làm cho người này sống lại và khỏe mạnh qua con, tôi tớ hèn mọn của Ngài!

Sau khi cầu nguyện như vậy, Astion tiến đến người đang nằm và tuyên bố lời của Sứ đồ:

– *"Nhân danh Đức Giê-su Ki-tô người Na-xa-rét, hãy đứng dậy và đi!"* (Công vụ 3:6)

Rồi ông nắm lấy tay phải người ấy, đỡ người ấy dậy, và người ấy đứng dậy, sống lại và khỏe mạnh. Người được chữa lành, cùng với cha mẹ mình, lập tức đi đến nơi ở của các thánh, kêu lên và nói:

– Chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất – Đức Chúa Trời của Epictetus và Astion! Quả thật, chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất – Đức Chúa Trời của Kitô giáo! Tôi sẽ không rời khỏi đây – xin hãy làm cho tôi và cha mẹ tôi trở thành Kitô hữu ngay bây giờ.

Linh mục của Chúa Epictetus, sau khi rao giảng và dạy dỗ họ, đã truyền cho họ ăn chay và chuẩn bị để nhận lãnh ân sủng thánh thiêng ấy, và sau một thời gian, ngài đã ban phép rửa thánh cho họ. Còn ma quỷ, khi thấy mình không chỉ bị vị tu sĩ già mà cả chàng trai trẻ làm bẽ mặt, và bị tước đoạt những linh hồn con người vốn trước đây là chiến lợi phẩm của nó, đã bị dằn vặt bởi sự ghen tị và dùng mọi mưu mô xảo quyệt để chống lại họ, dù không thành công. Tuy nhiên, nó đã tìm được cơ hội để gây hại cho chàng trai trẻ.

Một lần nọ, không có sự ban phước của vị tu sĩ già, Astion ra sông múc nước. Kẻ thù, khi thấy Astion không được sự ban phước của vị tu sĩ già che chở, ngay lập tức, theo sự cho phép của Thiên Chúa, đã gieo vào lòng chàng những ý nghĩ tội lỗi và làm xao động tâm hồn chàng trai trẻ. Khi trở về phòng tu, Astion cảm thấy xấu hổ không dám xưng thú những ý nghĩ đó trước cha linh hướng của mình và trong ba ngày liền, cậu đã khuất phục trước chúng, không thể nào chiến thắng được chúng. Anh ăn chay, cầu nguyện trong nước mắt và làm kiệt sức thân xác mình bằng những công việc vất vả, nhưng những ý nghĩ ô uế vẫn không rời bỏ anh, như thể có một tay cung

thủ vô hình đang bắn anh bằng những mũi tên ấy. Vị tu sĩ già, khi nhận thấy vẻ mặt bối rối và buồn bã của anh, đã nói với anh:

– Điều này có nghĩa là gì, con ơi, sao ta thấy con bối rối khác thường như vậy? Bởi vì nỗi buồn mà ta thấy nơi con không phải là nỗi buồn của các thánh nhân, những người lo lắng cho sự cứu rỗi của mình, và vì thế trên khuôn mặt họ phản ánh một sự than thở nào đó từ bên trong. Ta nghĩ rằng đó là nỗi buồn chết người, giống như nỗi buồn đã hủy diệt Achitophel, cố vấn của Absalom[4889] và Giu-đa, kẻ phản bội Chúa Kitô.

Lúc đó, Astion đã thú nhận với vị trưởng lão bằng những lời như sau:

– Ba ngày trước, khi ngài đang trò chuyện với các bậc trưởng lão về những bí mật trên trời, tôi phải đi lấy nước. Tôi xấu hổ khi xin ngài ban phước trước mặt các bậc trưởng lão ấy, hơn nữa tôi cũng không muốn làm gián đoạn cuộc trò chuyện của các ngài. Vì vậy, mà không cho ngài biết, cũng không xin phép ngài, tôi đã đi lấy nước, và trên đường đi, một đám mây u ám của những ý nghĩ xấu xa đã bao trùm lấy tôi. Đã ba ngày trôi qua, tôi vẫn đang đấu tranh với chúng mà không thể xua đuổi chúng ra khỏi tâm trí – đó chính là lý do khiến tôi cảm thấy bối rối.

Vị thánh nhân già nhìn cậu với ánh mắt nghiêm khắc và nói:

– Tại sao con lại bước ra khỏi cửa phòng tu mà không có lệnh của ta? Tại sao con lại đi mà không có sự ban phước của vị linh mục của Chúa Kitô? Chẳng lẽ con không biết rằng sự ban phước của người đứng đầu đối với các thanh niên chính là bức tường bất khả xâm phạm, bộ giáp vững chắc và vũ khí bất khả chiến bại chống lại ma quỷ sao?

Nói xong, vị tu sĩ già ra lệnh cho Astion nằm sấp xuống đất theo hình chữ thập để cầu nguyện, rồi chính ông cũng làm theo, và cả hai cùng nhau, trong nước mắt, bắt đầu cầu nguyện với Chúa. Sau khi cầu nguyện đủ lâu , họ đứng dậy khỏi mặt đất và lúc đó Astion nhìn thấy một chàng trai da đen cầm ngọn nến đang cháy, người này chạy trốn khỏi anh ta và nói:

– Lời xưng tội của ngươi, Astion, đã làm nhục sức mạnh vĩ đại của ta, và lời cầu nguyện của các ngươi đã khiến ta trở nên vô lực.

Các vị cha thánh đã sống ở đó như vậy và đã dẫn dắt nhiều linh hồn con người từ sự mê hoặc của thần tượng trở về với Đức Kitô, Thiên Chúa.

Vào thời điểm đó, vị thống đốc của vùng đất ấy, tên là Latronian, đã đến thành phố Almiris. Khi ông đang giải quyết các công việc quốc gia và dân sự, những kẻ thờ thần tượng đã tố cáo hai vị thánh nhân này, rằng họ dường như là những pháp sư, mê hoặc nhiều người bằng những phép thuật của mình và khiến mọi người từ bỏ việc dâng lễ vật cho các vị thần. Vị thống đốc lập tức ra lệnh bắt giữ họ và giam vào ngục tối. Trong lúc bị xiềng xích, các vị thánh không ngừng cầu nguyện và hát các thánh vịnh của Đa-vít.

Một lần nọ, vị thánh già nói với đệ tử của mình:

– Con yêu dấu của ta! Nếu họ dẫn chúng ta ra thẩm vấn và hỏi về tên, dòng dõi và quê hương của chúng ta, thì chúng ta sẽ không trả lời gì cả, ngoại trừ việc chúng ta là Kitô hữu, rằng đó chính là tên, dòng dõi và quê hương của chúng ta, và rằng chúng ta là tôi tớ của Thiên Chúa chân thật.

Sáng hôm sau, quan tổng trấn ra lệnh dọn sẵn một nơi giữa thành phố để tiến hành phiên tòa và cho người rao truyền tập trung dân chúng tại đó. Chính ông ta đến nơi này vào giờ thứ ba buổi chiều, ngồi lên ngai của mình rồi sai người đến nhà tù đưa các thánh ra. Khi các ngài xuất hiện trước mặt ông, ông nhìn các ngài và kinh hoàng, vì thấy một ánh sáng kỳ diệu của ân sủng Thiên Chúa chiếu rọi trên khuôn mặt các ngài, và cả hai đều toát lên sự trang nghiêm qua dáng vẻ bên ngoài. Thánh Epictetus lúc đó đã sáu mươi tuổi. Ngài cao lớn và có bộ râu dài điểm bạc. Tương tự như vậy, Thánh Astion cũng cao lớn và có khuôn mặt đẹp đẽ, đặc biệt toát lên vẻ đẹp của sự trong sạch. Ông lúc đó đã ba mươi lăm tuổi. Nhìn họ, vị quan trị vì im lặng gần một giờ đồng hồ, không biết nói gì, rồi cuối cùng, ông hỏi họ:

– Hãy cho chúng tôi biết tên các ngài là gì, thuộc dòng dõi nào và đến từ quốc gia nào?

Các thánh nhân đáp:

– Chúng tôi là những người Kitô hữu!

[4889] Ahitofel – ban đầu là bạn thân và cố vấn của Đa-vít; nhưng trong cuộc nổi loạn của A-ve-sa-lôm, ông đã sang phe đối phương và khuyên A-ve-sa-lôm nên truy đuổi Đa-vít ngay lập tức để giết ông; nhưng vì lời khuyên đó đã dẫn đến cái chết của A-ve-sa-lôm, nên A-hi-tô-phê-l đã rời bỏ quân đội, trở về thành phố quê hương và tự treo cổ tự tử tại đó (2 Sa-mu-ên 17:1–20). – Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, kẻ đã phản bội Chúa cho người Do Thái, cũng kết thúc cuộc đời mình một cách nhục nhã như vậy (Ma-thi-ơ 27:3–5).

Nhưng vị vua nói:

– Ta biết các ngươi thuộc về đức tin Kitô giáo bị nguyền rủa, – còn các ngươi hãy nói cho ta biết về dòng dõi và quê hương của các ngươi.

Các thánh lại đáp lại:

– Chúng tôi là Kitô hữu! Chúng tôi tin vào một Thiên Chúa duy nhất, là Chúa Giêsu Kitô, và chỉ thờ phượng Ngài mà thôi; chúng tôi ghê tởm những hình tượng tà thần và tránh xa những ai thờ lạy chúng, như lời vị tác giả Thánh vịnh đã nói: *"Hãy để những ai làm điều đó và tất cả những ai trông cậy vào chúng trở nên giống như chúng!"* (Thánh vịnh 113:16).

Nghe vậy, quan tổng trấn nổi giận dữ dội và ra lệnh lột trần họ rồi đánh đập không thương xót trong một thời gian dài. Các thánh nhân, trong khi chịu đòn, đã nói:

– Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Thầy của chúng con! Xin ý Chúa được thực hiện trên chúng con!

Thấy sự kiên định của họ, quan tổng trấn càng nổi giận hơn và nói:

– Đấng Kitô mà các ngươi không ngừng kêu cầu ở đâu? Bây giờ hãy để Ngài đến giúp các ngươi, hãy để Ngài giải thoát các ngươi khỏi tay ta!

Còn các thánh nhân thì lặp lại:

– Chúng tôi là Kitô hữu! Xin ý muốn của Thiên Chúa chúng tôi được thực hiện trên chúng tôi!

Lúc đó, quan tổng trấn càng nổi giận hơn nữa và ra lệnh treo cổ họ trên những bục gỗ nơi họ bị tra tấn, ra lệnh dùng móng sắt cào xé thân thể họ, đồng thời thiêu đốt họ bằng lửa. Còn họ chỉ kêu lên:

– Chúng tôi là Kitô hữu! Xin ý Chúa của chúng ta được thực hiện trên chúng tôi!

Các thánh bị tra tấn như vậy cho đến hết giờ thứ bảy, rồi quan tổng trấn ra lệnh tháo họ ra khỏi dụng cụ tra tấn và đưa trở lại ngục tối. Một trong những người hầu của đao phủ, tên là Vigiliantius, khi nghe những lời mà các thánh liên tục lặp lại trong lúc bị tra tấn, và cho rằng trong những lời đó ẩn chứa một sức mạnh kỳ diệu đặc biệt, có thể xua tan cơn đau trên thân thể khi bị tra tấn, đã ghi nhớ chúng một cách chính xác và ngày đêm suy ngẫm về chúng. Ba ngày sau, anh ta bắt đầu lớn tiếng kêu lên trước mặt mọi người:

– Tôi là người Kitô hữu, xin ý Chúa của chúng ta được thực hiện!

Sau đó, ông đến nhà tù gặp các thánh nhân, học hỏi đức tin thánh thiện từ họ và vài ngày sau, cùng cả gia đình, ông được ban phép rửa tội thánh. Còn các thánh nhân, sau lần tra tấn đầu tiên, đã ở trong ngục năm ngày rồi lại bị triệu tập để thẩm vấn. Nhà cầm quyền vẫn không thể dùng bất kỳ lời dụ dỗ nào để khiến họ quay về với đức tin vô đạo của mình, nên lại bắt đầu tra tấn họ. Đầu tiên, ông ra lệnh chà xát những vết sẹo từ những vết thương trước đó bằng giấm và muối, rồi ném các vị tử đạo vào một cái nồi lớn chứa đầy nhựa cây đang sôi sùng sục. Các thánh nhân trong cái nồi nhựa cây sôi sùng sục ấy vẫn nguyên vẹn như thể đang ở trong bồn rửa tội và lặp lại những lời trước đó của mình:

– Chúng tôi là những người Kitô hữu! Xin ý muốn của Thiên Chúa chúng tôi được thực hiện trên chúng tôi!

Vị quan cai trị ngạc nhiên khi thấy họ vẫn còn sống và nguyên vẹn trong cái nồi sôi sục, và nói:

– Ôi, sức mạnh của phép thuật Kitô giáo thật vĩ đại biết bao!

Sau đó, ông ra lệnh vớt họ ra khỏi nồi và lại ném vào ngục tối, đồng thời cấm mọi người tiếp xúc với họ cũng như không cho đưa bánh mì và nước vào, để họ chết vì đói khát. Các thánh đã ở trong ngục tối ba mươi ngày, chỉ nuôi dưỡng bằng Lời Chúa và được củng cố bởi ân sủng của Thánh Thần.

Khi các thánh tử đạo đang bị thẩm vấn và xét xử tại nơi hành hình công khai, trước sự chứng kiến của toàn thể dân chúng, thì theo sự an bài của Đức Chúa Trời, một người từ các nước phương Đông tình cờ đến thành phố đó. Ông nhận ra Astion, vì ông quen biết cha mẹ cậu rất rõ, và khi trở về quê hương, ông đến gặp cha mẹ của Astion và nói với họ:

– Tôi đã thấy con trai các vị ở thành phố Almiris của người Scythia cùng với một vị lão niên tên là Epictetus, vào lúc cả hai đang phải chịu cực hình vì Chúa Kitô.

Nghe vậy, cha mẹ Astion đã khóc lóc van nài người ấy nói cho họ biết sự thật, và người ấy đã thề thốt để xác nhận lời kể của mình. Lúc đó, cha của Astion nói:

– Nếu tôi được gặp lại con trai yêu quý của mình, tôi sẽ ngay lập tức làm theo mọi điều nó truyền dạy và chỉ bảo cho tôi!

Mẹ cậu cũng nói:

– Nếu trong kiếp này tôi còn được gặp đứa con yêu quý của mình, thì tôi sẽ bỏ lại tất cả và theo nó. Nếu nó ra lệnh cho tôi trở thành Kitô hữu, – tôi sẽ không từ chối, và cùng với nó, tôi sẽ không sợ hãi trước bất kỳ sự đau khổ hay cái chết nào vì Chúa Kitô!

Sau đó, họ giao phó ngôi nhà và tài sản của mình cho những người bạn trung thành, còn bản thân họ cùng với một số nô lệ nam và nữ đã lên thuyền đi đến Scythia. Nhưng trước khi họ đến thành phố Almiris, các thánh tử đạo Epictetus và Astion đã kết thúc cuộc hành trình chịu khổ của mình như vậy.

Sau ba mươi ngày, trong suốt thời gian đó họ phải chịu đói khát trong ngục tối, quan tổng trấn lại triệu tập họ ra tòa và nói với họ:

– Ta đã nhiều lần hỏi các ngươi về tên tuổi, dòng dõi và quê hương, nhưng các ngươi không nói sự thật cho ta. Ta nghĩ các ngươi chẳng phải là gì khác ngoài những con quỷ hóa thân – bởi vì, chúng cũng chẳng có tên tuổi hay dòng dõi. Vậy thì, hãy nói cho ta biết, hỡi những con quỷ hóa thân! – ta có thể gọi các ngươi như vậy – các ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta hay không? Nếu không, thì ngay lập tức ta sẽ chém đầu các ngươi.

Các thánh nhân đáp:

– Chúng tôi là những người Kitô hữu, chứ không phải quỷ dữ, và nhân danh Chúa Kitô, chúng tôi trừ tà khỏi thân xác con người. Ôi, giá như ngài cũng muốn được giải thoát khỏi con quỷ đang ngự trong ngài! Chúng tôi sẽ trừ nó khỏi ngài bằng quyền năng của Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng tôi!

Lúc đó, quan tổng trấn nổi giận và ra lệnh dùng đá đập vào miệng các thánh tử đạo, rồi sau khi trừng phạt họ bằng những đòn roi, ông kết án họ phải bị chém đầu bằng gươm.

Khi các thánh được dẫn ra ngoài thành đến nơi hành quyết, họ xin những người thi hành án cho họ thời gian để cầu nguyện; rồi quay mặt về hướng đông, họ giơ tay lên trời, ngước mắt lên cao và cầu nguyện với Đức Chúa Trời trong một thời gian dài. Sau đó, thánh Epictetus xin cho Astion được hành quyết trước, nhưng Astion nói với ngài:

– Thưa Cha, trước tiên Cha nên nhận lấy vinh dự này – được đội vương miện tử đạo, vì Cha là trưởng lão của Chúa, là cha và là thầy của con, còn con sẽ theo sau Cha!

Thánh Epictetus đáp lại:

– Con ơi, mười bảy năm qua, nhờ ân sủng của Chúa, cha đã giữ con trong sự trong sạch và vô tì vết. Làm sao cha lại dám phá hủy công lao bao nhiêu năm qua và để con lại một mình, không có cha? Con không biết rằng mưu mô của kẻ thù rất xảo quyệt và khó nhận ra sao? Ta lo sợ rằng khi con chứng kiến cái chết của ta, con sẽ hoảng sợ và trở thành đối tượng bị kẻ thù chế giễu. Không, con yêu quý ơi! Hãy để ta noi gương Áp-ra-ham, người đã dâng Ít-sa-ác làm của lễ. Con hãy đi trước ta và là người đầu tiên nhận lấy vương miện tử đạo. Ta tin rằng Thánh Michael cùng các Thiên thần khác, Abel cùng các tiên tri, Phêrô cùng các Tông đồ, Đaniel cùng các vị tử đạo đã ra đón con và đang chờ đón con, rồi với những bài ca trang nghiêm sẽ dẫn con đến ngai vàng của Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta.

Thánh Astion nói:

– Xin cho ý Chúa và ý cha được thực hiện, thưa cha thánh!

Sau đó, ngài làm dấu thánh giá và nói:

– Lạy Chúa, Đấng bảo vệ con! Con phó thác linh hồn con vào tay Ngài!

Với những vết thương đó, ông đã cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm và trút hơi thở cuối cùng[4890] . Còn Thánh Epictetus, khi quỳ bên thi thể người môn đệ của mình, đã van nài những kẻ hành hình hãy giết ông trong tư thế đó. Và rồi ông đã chết vì Chúa Kitô dưới lưỡi gươm. Tuy nhiên, cả những người ngoại đạo lẫn Kitô hữu có mặt tại đó đều thấy rằng thi thể cao quý của họ bỗng tỏa sáng như những tia nắng mặt trời, và một mùi hương kỳ diệu lan tỏa khắp nơi.

Vào tối muộn, Vigiliantius nói trên cùng với gia đình và các Kitô hữu khác đã bí mật mang thi thể các vị tử đạo đi, quấn chúng trong những tấm vải liệm sạch sẽ, xức hương thơm, rồi an táng một cách trang trọng tại một nơi đã được chọn sẵn.

Cùng đêm đó, một con quỷ ác nhập vào người thống đốc Latronian; sáng sớm hôm sau, ông ta thức dậy, theo thói quen, đến phòng họp nơi xử lý các công việc quốc gia, rồi bắt đầu nói những lời vô nghĩa như một kẻ điên

[4890] Sự ra đi của Thánh Astion (cũng như của Epictetus) diễn ra vào khoảng năm 290.

loạn; sau đó, ông ta vớ lấy thanh kiếm, lao vào những người đang có mặt ở đó và bắt đầu chém giết, gây thương tích cho họ. Những người đó, khi thấy ông ta trong cơn điên loạn như vậy, đã tóm lấy ông ta, giật thanh kiếm khỏi tay ông ta và đánh ông ta, sau đó trói tay chân ông ta lại và nhốt vào một căn phòng nhỏ, nơi hai ngày sau ông ta qua đời một cách thảm khốc, bị con quỷ bóp cổ đến chết.

Sau khi các thánh tử đạo qua đời, cha mẹ của Astion đã đi đường thủy đến gần thành phố Almiris. Lúc đó, thánh Astion hiện ra trước mặt Vigilianus và nói:

– Cha và mẹ con giờ đây sẽ đến đây tìm con. Hãy tỏ lòng yêu thương với con, anh em ơi – hãy ra bến cảng, đón họ về nhà anh, trấn an và an ủi họ: họ đã kiệt sức vì nỗi buồn sâu sắc vì con. Hơn nữa, hãy dạy họ đức tin cứu rỗi và mở ra trước mắt họ sự vĩ đại của Thiên Chúa chân thật.

Vigilantius lập tức đi đến bến cảng và ở đó thấy một con tàu đang neo đậu bên bờ, từ đó cha mẹ của Astion bước xuống. Họ hỏi những người gặp ở đó xem có ai thấy một chàng trai trẻ tên là Astion không. Vigilantius tiến lại gần họ và nói:

– Tôi đã thấy cậu ấy và quen biết cậu ấy rất rõ. Hãy đến nhà tôi trước đã, nghỉ ngơi một chút, rồi tôi sẽ kể cho các vị nghe về cậu ấy.

Với niềm vui vô bờ, cha mẹ của Astion đi theo Vigiliancius, người đã mời họ và hết lòng chăm sóc để họ được an lòng. Khi họ nài nỉ ông kể cho họ nghe về con trai mình, Vigiliancius nói với họ rằng Astion mới đây đã ở thành phố này và chỉ vài ngày trước đã rời khỏi đây cùng với một vị lão niên đáng kính để đến một đất nước rất xa xôi, sau khi được vị vua vĩ đại nhất mời với vinh dự tham gia vào triều đại huy hoàng của ngài. Vậy là, từng chút một, Vigiliancius đã tiết lộ cho họ giáo lý về một cuộc sống khác, vĩnh cửu, về những nơi ở thiên đàng, về Nước Trời và về Vị Vua Bất Tử, Chúa Kitô, về các Thiên Thần và các thánh, những vị đồng trị với Chúa Kitô, trong số đó giờ đây con trai họ, Astion, cũng đã được kể vào hàng ngũ. Còn cha mẹ của Astion, khi nghe những lời mà trước đây họ chưa từng nghe thấy, đã ngạc nhiên, cảm động và cảm nhận trong lòng một niềm vui thiêng liêng nào đó, đồng thời khao khát biết rõ hơn con trai yêu quý của họ đã đi về đâu. Vigiliantius bèn dẫn họ đến phòng của các thánh tử đạo trước tiên, chỉ cho họ xem cây thánh giá và cuốn Phúc Âm mà các ngài để lại, rồi bắt đầu trò chuyện với họ về giáo lý Phúc Âm và hướng dẫn họ đến đức tin nơi Chúa Kitô. Sau đó, ngài kể cho họ nghe về cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Epictetus và Astion, cách họ đã hiến dâng mạng sống vì Chúa Kitô, và dẫn họ đến nơi an táng thi hài các thánh. Khi họ đã khóc lóc tại đó một thời gian khá lâu, ngài truyền cho họ từ buổi tối phải đứng cầu nguyện và suốt đêm cùng ngài dâng lời cầu nguyện lên Chúa Kitô, Thiên Chúa. Đã qua nửa đêm, ánh bình minh bắt đầu ló rạng, thì bỗng nhiên một ánh sáng chói lọi như tia chớp lóe lên trước mặt họ và một mùi hương kỳ diệu lan tỏa trong không khí – đó chính là các thánh tử đạo hiện ra trước mặt họ trong vẻ đẹp không thể tả xiết. Thánh Astion ôm lấy mẹ mình, hôn lên má bà với tình yêu thương, và nói:

– Thật tốt là mẹ đã đến đây, môn đệ của Chúa Kitô và là mẹ của con, Marcella! (đó là tên của bà).

Cũng vậy, Thánh Epictetus ôm đầu cha của Astion, hôn lên trán ông và nói:

– Hãy vui mừng trong Chúa, anh em yêu dấu Alexander (đó là tên của ông) – anh đã được xứng đáng gia nhập hàng ngũ những người tin Chúa và xứng đáng hưởng phúc lành vĩnh cửu.

Sau đó, cả hai cùng nói với Vigilian:

– Anh cũng hãy vui mừng đi, anh em yêu dấu, vì lời Kinh Thánh đã ứng nghiệm trên anh: *"Ai đưa người tội lỗi trở lại khỏi con đường sai lầm của họ, thì sẽ cứu linh hồn họ khỏi sự chết và che đậy vô số tội lỗi"* (Gia-cơ 5:20).

Họ còn nói với họ nhiều lời an ủi khác nữa, và tất cả đều tràn đầy sự ngọt ngào thiêng liêng; rồi sau một lúc, họ bỗng biến mất. Cha mẹ của Astion tràn ngập niềm vui lớn lao vì thị kiến vừa trải qua và cuộc trò chuyện ngọt ngào với các thánh; họ đã dâng trào cảm xúc trong lời cầu nguyện và tạ ơn Thiên Chúa vì đã cho họ được chiêm ngưỡng con trai mình trong vinh quang thiên đàng, người mà bấy lâu nay họ đã tìm kiếm với nỗi buồn trong lòng.

Vào thời điểm đó, tại xứ Scythia có một vị giám mục Kitô giáo tên là Evangel. Trong thời kỳ bách hại, ngài đã ẩn náu, nhưng khi hay tin về cái chết của vị vua Latronian, ngài đã không ngần ngại đến thành phố Almiris để thăm viếng và củng cố đức tin cho các Kitô hữu. Vigiliant đã dẫn cha mẹ của Astion đến gặp vị thánh này và kể cho ngài nghe chi tiết về họ cũng như về các thánh tử đạo. Vị giám mục, sau khi dâng lời ngợi khen các thánh tử đạo, đã vui mừng đón nhận cha mẹ của Astion – những người đã quay về với Chúa Kitô – và rửa tội cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Sau đó, Alexander và Marcellina đã ở lại bên mộ các vị tử đạo trong một thời gian khá dài để ăn chay và cầu nguyện, rồi trở về nhà; họ bán hết tài sản khổng lồ của mình, phân phát tiền cho người nghèo, chỉ giữ lại một ít để sinh sống. Họ đã sống một cuộc đời thánh thiện như vậy cho đến khi qua đời.

Như vậy, các thánh tử đạo đáng kính là Linh mục Epictetus và tu sĩ Astion đã được đội vương miện tử đạo trên thiên đàng. Khi Alexander và Marcellina, những người đã ra đi khỏi trần gian, gia nhập cùng các ngài, thì họ cũng được dự phần vào sự hạnh phúc của các thánh nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng xứng đáng nhận vinh quang và tôn kính cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Ngày kỷ niệm Thánh nữ tử đạo Kyriake

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 7

Vào thời trị vì của Hoàng đế Diocletian[4891] , có một tín hữu Kitô giáo tên là Dorotheus và vợ ông là Eusebia, vì không có con, đã cầu nguyện cùng Thiên Chúa xin Ngài ban cho họ con cái, đồng thời hứa sẽ dâng hiến đứa con đó cho Ngài nếu nó được sinh ra. Nhờ lời cầu nguyện của họ, vào một ngày Chủ nhật, họ sinh được một bé gái, họ đặt tên là Kyriake[4892] và làm lễ rửa tội cho con. Nuôi dạy con gái theo giáo lý Kitô giáo và những lời dạy dỗ tốt lành, họ giữ cho con sống trong sự trong sạch, để theo ý định của mình, dâng con lên phụng sự Thiên Chúa. Vào thời điểm đó, cuộc đàn áp các Kitô hữu đã bùng phát[4893] , và hai vị cha mẹ đạo đức cùng con gái của họ đã bị giao nộp cho hoàng đế Diocletianus. Sau khi xét xử họ, hoàng đế trước tiên ra lệnh đánh đập họ trong một thời gian dài, rồi sau đó gửi Dorotheus và Eusebius đến vùng Mytilene[4894] gặp quan tổng trấn Justus, còn Kyriakia thì đến Nicomedia[4895] gặp hoàng đế Maximian[4896] . Vị hoàng đế này, sau khi thẩm vấn vị thánh nữ và thấy rằng bà kiên định và bất khuất trong đức tin, đã ra lệnh đặt bà nằm xuống đất và đánh đập bà trong một thời gian dài mà không hề thương xót. Trong lúc bị tra tấn, Kyriakia vẫn miệt mài cầu nguyện, điều này khiến Maximian nổi cơn thịnh nộ khủng khiếp, nhưng vị thánh tử đạo đã nói với ông ta:

– Đừng ảo tưởng, Maximian! Ngươi sẽ không bao giờ ép được ta tuân theo ý muốn của ngươi, vì Chúa đang giúp đỡ ta.

Sau đó, Maximianus đã gửi thánh Kyriakia đến gặp Hilarion, thống đốc Bithynia. Sau khi thẩm vấn bà, Hilarion ra lệnh đưa bà vào đền thờ thần tượng, nhưng thánh nữ đã cầu nguyện, và nhờ lời cầu nguyện của bà, một trận động đất mạnh đã xảy ra; tất cả các thần tượng trong đền thờ đều rơi xuống đất và vỡ vụn thành tro bụi, một cơn lốc ập vào đền thờ và cuốn bụi tro đó lên không trung, rồi một tia sét lửa lóe lên và thiêu đốt khuôn mặt của thống đốc Hilarion; sau đó, ông ta ngã xuống khỏi ngai vàng và chết ngay lập tức. Lúc đó, một vị công tước khác của vùng, đồng trị vì với vị đầu tiên, đã đến; sau khi biết rõ mọi chuyện đã xảy ra, ông ta đã kết án Thánh Kyriake phải bị thiêu sống. Theo lệnh của ông, một chiếc chảo lớn được nung đỏ, và thánh nữ bị ném vào đó. Lúc đó, bà giơ hai tay lên cầu nguyện và cầu nguyện rất lâu; trong lúc ấy, dưới bầu trời mùa hè trong vắt, một đám mây từ trên trời hạ xuống và dập tắt hoàn toàn ngọn lửa, khiến thánh Kyriakia vẫn hoàn toàn vô sự. Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh dẫn thánh nữ Kyriakia đến nơi xét xử và thả các loài thú dữ vào tấn công bà, nhưng ngay cả lúc đó bà vẫn không hề hấn gì, vì các con thú thay vì lao vào bà, lại nằm lăn lóc dưới chân bà. Nhìn thấy điều này, nhiều người ngoại đạo có mặt tại đó đã tin nhận Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, còn thánh nữ thì bị ném vào ngục tối. Một thời gian sau đó, quan tổng trấn đến nơi xét xử, ngồi lên ghế thẩm phán và tuyên án tử hình cho bà. Thánh Kyriakia xin phép ông được cầu nguyện, bà cầu nguyện rất lâu, sau đó ban những lời dạy dỗ cho các Kitô hữu đi cùng, rồi quỳ

[4891] Diocletian trị vì Đế quốc La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[4892] Tên Kyriakia trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "thuộc về Chúa", "của Chúa".

[4893] Cuộc bách hại này bắt đầu vào năm 303. Người khơi mào cho cuộc bách hại này là Hoàng đế Galerius, đồng trị vì với Diocletian, người đã thuyết phục Diocletian ban hành một đạo luật chung chống lại các Kitô hữu. Đạo luật này quy định phải phá hủy các nhà thờ Kitô giáo, đốt các sách Thánh Kinh và tước bỏ mọi quyền công dân cũng như chức vụ của các Kitô hữu. Cuộc bách hại dưới thời Diocletian nổi bật trước hết bởi sự tàn bạo của các hình thức tra tấn, và thứ hai là số lượng lớn các vị tử đạo, với từ 10 đến 1.000 người, thậm chí hơn thế, bị hành quyết cùng một lúc trong một ngày.

[4894] Vùng đất Mytilene ở đây chỉ đảo Lesbos, nằm trên Biển Aegean gần bờ biển phía tây của Misia thuộc Tiểu Á, và được đặt tên theo thành phố chính sau này là Mytilene.

[4895] Nicomedia – thủ đô của Đế quốc La Mã phương Đông, nơi ở của Hoàng đế Diocletian, một thành phố tráng lệ thuộc vùng Bithynia, nằm bên bờ Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch) ở phía đông bắc Tiểu Á.

[4896] Theo một số ý kiến, thời điểm qua đời của Thánh Tử đạo Kyriake là năm 303, còn theo Đức Cha Filaret (Cuộc đời các Thánh, tháng 7, trang 60), bà qua đời vào năm 289; nhưng xét rằng người xét xử Thánh Kyriake là Maximianus Galerius và cuộc tử đạo của bà diễn ra tại Nicomedia, thì có lẽ nên cho rằng bà đã qua đời vào năm 303, ngay vào đầu cuộc bách hại do Diocletian khởi xướng.

xuống đất và an lành trút hơi thở cuối cùng. Khi các binh lính đến để thi hành án tử hình đối với bà, họ thấy bà đã qua đời và vô cùng ngạc nhiên. Lúc đó, một tiếng nói từ trời vang lên, phán với họ:

– Hỡi anh em! Hãy đi và kể lại tất cả những việc làm vĩ đại của Đức Chúa Trời.

Sau đó, các binh lính trở về, ngợi khen Đức Chúa Trời.

Ngày 21 tháng 7

ngày 8 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ vị thánh Prokopius của Ust-Yan.

Cũng vào ngày này, Thánh Prokopius của Ustyuzh, người giả điên vì Chúa, đã qua đời vào năm 1303.

Ngày chịu khổ nạn của Thánh Đại Tử đạo Prokopius

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 7

Thành phố thánh Jerusalem đã nuôi dưỡng vị đại tử đạo vinh quang Prokopios, người mà cha mẹ đặt tên không phải là Prokopios mà là Neanios; còn tên Prokopios, vị thánh này đã nhận được sau đó, từ chính Chúa Kitô, khi chịu phép rửa, như sẽ được thấy trong phần tiếp theo. Cũng vậy, vào thời điểm đó, Jerusalem được những kẻ ngoại đạo vô đạo gọi là , không phải là Jerusalem mà là Elia. Sau khi Giê-ru-sa-lem bị Tít[4897] , con trai của Vespasian[4898] , phá hủy, khi đã trôi qua khá nhiều năm, hoàng đế La Mã Hadrian[4899] , người khi sinh ra được đặt tên là Ê-li, mong muốn xây dựng lại thành phố trên nền tảng của Giê-ru-sa-lem đã bị phá hủy, đã đặt tên thành phố đó theo tên mình – Ê-li – và cấm gọi Ê-li này là Giê-ru-sa-lem. Ông rất thù địch với Kitô giáo và không chỉ tìm cách xóa sổ tên thánh của Chúa Kitô khỏi mặt đất, mà còn muốn nơi mà Chúa Kitô đã chịu khổ nạn cũng bị lãng quên hoàn toàn. Chính vì vậy, ông đã đổi tên Jerusalem thành Elia.

Tại thành phố đó có một người đàn ông danh giá, thuộc dòng dõi thượng nghị sĩ, tên là Christopher. Bản thân ông là người Kitô hữu, nhưng vợ ông, Theodosia, vẫn theo đạo ngoại giáo. Từ cuộc hôn nhân đó, Neanias ra đời, và không lâu sau khi con trai chào đời, Christopher đã về với Chúa.

Theodosius, sau khi trở thành góa phụ, đã nuôi dạy cậu bé theo tín ngưỡng ngoại đạo và dạy cậu thờ phụng các thần tượng, vì bản thân bà là một tín đồ cuồng nhiệt của ma quỷ. Cậu bé nổi bật với trí thông minh nhanh nhạy và, khi được mẹ gửi cho các thầy giáo Hy Lạp, đã sớm thông thạo tất cả các môn học thế tục.

Khi cậu bước vào tuổi thiếu niên và sắp trở thành người trưởng thành, người mẹ muốn giao cậu cho hoàng đế để phục vụ trong quân đội. Vào thời điểm đó, hoàng đế La Mã vô đạo Diocletian[4900] đã đến Antioch thuộc Syria, bên bờ sông Orontes. Theodosius, khi biết tin này, đã cùng con trai đến Antioch và giao cậu cho hoàng đế để phục vụ. Hoàng đế, khi nhìn thấy chàng trai trẻ đẹp trai và cao lớn, lại còn biết được trình độ học vấn của cậu, đã rất yêu mến cậu và ra lệnh cho cậu ở lại trong cung điện hoàng gia bên cạnh mình, cùng với những người khác có hoàn cảnh tương tự. Sau đó, hoàng đế nhanh chóng phong cậu làm tướng quân và cử cậu dẫn quân đến thành phố Alexandria của Ai Cập[4901] , để ở đó truy đuổi, tra tấn và đánh đập các Kitô hữu, đồng thời tịch thu tài sản của họ nộp vào kho bạc hoàng gia. Neanias bèn thưa với hoàng đế:

– Thưa bệ hạ, tôi đã nghe nói về những người đó rằng họ tôn kính một Đấng Con Thiên Chúa nào đó, tên là Chúa Kitô, và rằng họ rất kiên định, bất khuất và ngang ngạnh, sẵn sàng bảo vệ đức tin của mình đến cùng. Họ thà chết còn hơn là từ bỏ Chúa Kitô của họ, và tuyệt đối không bao giờ dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta. Vì vậy, tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ không thể khiến họ cải đạo sang đức tin của chúng ta.

[4897] Hoàng đế Titus trị vì từ năm 79 đến năm 81.

[4898] Vespasian cai trị Đế quốc La Mã từ năm 70 đến năm 79.

[4899] Hadrian trị vì từ năm 117 đến năm 138.

[4900] Đế chế Diocletian trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[4901] Alexandria – thành phố nổi tiếng từ thời cổ đại, được Hoàng đế Alexander Đại đế (336 – 323 trước Công nguyên) thành lập tại Ai Cập, bên bờ Biển Địa Trung Hải; nổi tiếng trong thời kỳ tiền Kitô giáo như một trung tâm khoa học và thương mại; từ đầu thế kỷ IV, thành phố này trở thành một trong những trung tâm quan trọng nhất của đời sống Kitô giáo và là nơi cư ngụ của tổng giám mục.

Lúc đó, hoàng đế nổi giận tột độ và bắt đầu phỉ báng Đấng Cứu Thế Kitô như sau:

– Đức Chúa Trời của họ, như chính họ khẳng định, không có vợ. Vậy thì làm sao Ngài có thể sinh ra Con? Còn Đấng mà các Kitô hữu tin tưởng, được sinh ra bởi một người phụ nữ và bị dân Do Thái kết án tử hình như một tội phạm, đã bị đánh đập, đội vương miện gai, bị sỉ nhục, bị đóng đinh trên thập giá, bị ép uống giấm và mật, và chết trong những đau đớn khủng khiếp. Nếu Ngài là Đức Chúa Trời, tại sao Ngài không tự cứu mình khỏi tay người Do Thái? Và nếu Ngài không tự cứu mình trong cơn hoạn nạn, thì làm sao Ngài có thể cứu giúp ai khác được?

Những lời phỉ báng như thế, và thậm chí còn tồi tệ hơn, đã được "con của sự hủy diệt" thốt ra! *"Vì lời về thập tự giá*," như Thánh Phaolô đã viết, *"đối với những kẻ hư mất là sự điên rồ, còn đối với chúng ta, những kẻ được cứu rỗi, là sức mạnh của Thiên Chúa"* (1 Cr 1,18). Còn Neanius, bị thuyết phục bởi những lời của hoàng đế, đã dẫn hai đội quân lên đường theo lộ trình được chỉ định. Nhưng vì lúc bấy giờ mặt trời chiếu nắng gay gắt đến mức cực độ, khiến binh lính và ngựa của họ kiệt sức vì cái nóng, nên họ buộc phải hành quân vào ban đêm và nghỉ ngơi vào ban ngày. Khi họ đi qua thành phố Apamea ở Syria[4902] , vào giờ thứ ba của đêm, một trận động đất xảy ra, chớp lóe sáng, sấm sét vang dội dữ dội, khiến tất cả các binh sĩ đều sợ hãi đến mức như chết đi sống lại. Tướng quân bỗng nghe thấy một tiếng nói từ trời phán với ông:

– Neanius! Ngươi cũng đang chống lại Ta sao?

Neanius đáp:

– Ngài là ai, thưa Chúa? Con không nhận ra Ngài!

Ngay khi ông vừa nói xong, một cây thánh giá sáng chói như pha lê xuất hiện trên không trung, và từ cây thánh giá vang lên một giọng nói:

– Ta là Chúa Giê-su bị đóng đinh, Con Thiên Chúa!

Với lòng run rẩy, Neanius nói:

– Hoàng đế đã nói với tôi rằng Đức Chúa Trời mà các Kitô hữu tôn kính không có vợ, vậy làm sao Ngài lại là Con Thiên Chúa? Nếu Ngài thực sự là Con Thiên Chúa, thì tại sao người Do Thái lại dám sỉ nhục Ngài, đóng đinh Ngài và giết Ngài?

Và một tiếng nói từ trên thập tự giá đáp lại:

– Ta đã tự nguyện chịu đựng điều này vì loài người, để giải thoát những kẻ có tội khỏi quyền lực của ma quỷ, cứu vớt những kẻ lạc lối và ban sự sống cho những người đã chết. Và nếu Ta không phải là Con Thiên Chúa, thì làm sao sau khi chết, Ta lại còn sống và nói chuyện với ngươi được?

Sau đó, cây thập tự bay lên trời và ngay lập tức có tiếng nói từ trời vang lên:

– Bằng dấu hiệu mà ngươi đã thấy, hãy chiến thắng kẻ thù của ngươi, và bình an của Ta sẽ ở cùng ngươi!

Như vậy, Neanius, giống như Sa-lô-môn ngày xưa[4903] , nhờ sự hiện ra của Chúa trên đường đi, đã từ một kẻ bắt bớ trở thành khí cụ được Chúa Giê-su Ki-tô chọn lựa; và từ thị kiến kỳ diệu ấy cùng cuộc trò chuyện ngọt ngào với chính Chúa, ông đã cảm nhận trong lòng niềm vui khôn tả và sự hân hoan thiêng liêng.

Sau đó, Neanius cùng quân đội của mình đến Skifopol[4904] và triệu tập một thợ kim hoàn đến, ra lệnh cho ông ta làm một cây thánh giá giống như cây thánh giá mà ông đã thấy vào ban đêm. Nhưng người thợ kim hoàn từ chối, nói rằng:

– Tôi không thể làm điều này, vì đó là dấu hiệu dành cho những người Galilê, được gọi là Kitô hữu. Nếu hoàng đế biết chuyện này, tôi sẽ phải chịu một cái chết khủng khiếp.

Neanius yêu cầu ông ta phải bí mật làm cây thánh giá, đồng thời thề với ông ta rằng sẽ không nói chuyện này với hoàng đế hay bất kỳ ai khác. Lúc đó, thợ kim hoàn, sau khi nhận từ quan tổng trấn đủ vàng và bạc cho mục đích đã chỉ định, đã bí mật làm một cây thánh giá có hình dáng và kích thước như quan tổng trấn đã chỉ dẫn. Ngay khi cây thánh giá được hoàn thành, đột nhiên trên đó xuất hiện hình ảnh của ba nhân vật, được vẽ bằng bàn tay vô hình, kèm theo dòng chữ tiếng Do Thái: ở phần trên cùng là Emmanuel[4905] , còn ở hai bên là Michael và Gabriel[4906] . Thấy vậy, thợ kim hoàn bối rối không biết ai đã vẽ những hình ảnh này, vì trong phòng lúc đó không

---

[4902] Thành phố Apamea nằm ở phía tây nam Syria, bên bờ sông Orontes.

[4903] Câu chuyện về sự hoán cải của Sa-lô-môn (sau này là Thánh Tông đồ Phao-lô vĩ đại) có thể được đọc trong Sách Công Vụ 9:1–20). – Lễ kính Thánh Tông đồ Phao-lô được cử hành vào ngày 29 tháng 6

[4904] Thành phố Skifopol nằm ở Tiểu Á.

[4905] Emmanuel, từ tiếng Do Thái, có nghĩa là "Thiên Chúa ở cùng chúng ta". Tên gọi này được Thánh Tiên tri Isaia gán cho Chúa Giêsu Kitô (Is 7:14).

có ai khác ngoài ông. Ông định dùng một dụng cụ đặc biệt để xóa hình vẽ đó đi, nhưng không thể làm được, vì tay ông không cử động được và cứng đờ như gỗ. Còn viên quan tỉnh, khi nhìn thấy cây thánh giá, đã hỏi người thợ rằng đó là khuôn mặt của ai và tại sao chúng lại được vẽ lên đó? Người thợ thề thốt khẳng định:

– Khi tôi hoàn thành tác phẩm, những khuôn mặt này tự nhiên hiện ra, và tôi không biết chúng là của ai. Tôi đã định xóa chúng đi, nhưng không thể – tay tôi cứng đờ.

Lúc đó, Neanius nhận ra rằng trong cây thánh giá ẩn chứa một sức mạnh thần thánh nào đó; ông quỳ lạy trước nó, hôn lên nó, rồi quấn nó trong tấm vải màu tím, mang về giữ bên mình và cất giữ với lòng tôn kính. Giờ đây, ông không còn vũ trang để chống lại các Kitô hữu nữa, mà là chống lại những kẻ man rợ, và ông đã đánh bại họ bằng sức mạnh của Chúa Kitô, chinh phục các vùng đất của họ. Ngay cả trước kẻ thù vô hình nhất – ma quỷ – ông cũng đã ra trận và đánh bại nó bằng những đau khổ dũng cảm của mình, những đau khổ mà ông đã chấp nhận vì Chúa Kitô.

Cuộc khổ nạn của ngài bắt đầu như sau. Khi ngài đang ở thành phố Jerusalem của mình, lúc bấy giờ được gọi là Ê-li, các công dân đã thỉnh cầu ngài trả thù những người A-ha-ri[4907] vì những sự xúc phạm mà họ gây ra. Những người Agari này đã tấn công vùng đất đó và, lùng sục xung quanh thành phố, bắt cóc những ai tình cờ ở ngoài thành, đồng thời đàn áp phụ nữ nhiều nhất, những người mà họ bắt làm vợ. Họ cũng làm điều tương tự ở các làng mạc lân cận. Vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô, được trang bị sức mạnh của Thánh Giá, đã dũng cảm dẫn quân ra trận và truy đuổi những kẻ Agaryan, trong lòng cầu nguyện như sau:

– Xin giúp con, niềm hy vọng của con, Chúa Kitô!

Và có tiếng từ trời phán với ngài:

– Hãy vững tin, Neanius, vì Ta, Chúa là Đức Chúa Trời của ngươi, ở cùng ngươi!

Nghe thấy tiếng nói ấy, vị tướng quân càng thêm dũng cảm và đã đánh bại kẻ thù một cách tàn khốc, đồng thời giải cứu tất cả các tù binh khỏi tay chúng: trong trận chiến đó, sáu nghìn người Agarian đã tử trận, còn trong quân đội của Neanius thì không có một ai bị thương hay tử trận. Neanius liền cử các sứ giả đi trước đến báo tin chiến thắng trước kẻ thù cho mẹ mình, điều này khiến mẹ ông vô cùng vui mừng. Bà đã hân hoan đón tiếp ông khi ông trở về thành phố trong sự hân hoan cùng chiến lợi phẩm, và khi ông bước vào nhà, bà nói với ông:

– Ôi con yêu quý của mẹ! Khi con ra trận, mẹ đã cầm lư hương và nhang, vào thờ cúng các vị thần và cầu nguyện cho con, mong các vị giúp đỡ con. Và giờ đây, nhờ sự giúp đỡ của các vị, con đã trở thành người chiến thắng! Vì vậy, hãy vào thờ cúng các vị và tạ ơn các vị, để các vị tiếp tục giúp đỡ con trong tương lai.

Neanius đáp lại bà:

– Mẹ đã làm rất tốt khi cầu nguyện cho con, nhưng chính Đức Chúa Trời của con đã giúp con.

Mẹ anh lúc đó nói:

– Đừng nói, con ơi, về một vị thần duy nhất, kẻo các vị thần khác sẽ nổi giận và quay lưng lại với con.

Neanius liền nói với bà:

– Mẹ đừng tự lừa dối mình bằng sự đa thần của các thần tượng. Làm sao họ có thể giúp con được, khi chính họ cũng không có sự sống? Nếu họ đã giúp con, thì chúng ta hãy hỏi họ – hãy để họ nói cho chúng ta biết điều đó, và khi đó chúng ta sẽ tin vào sức mạnh của họ.

Nói xong, anh bước vào phòng ngủ của mẹ, nơi có những tượng thần bằng vàng và bạc, rồi nói, hướng về phía chúng:

– Ta nói với các ngươi đây, hỡi những vị thần hư ảo, hãy nói cho chúng ta biết: ai đã giúp ta trong trận chiến?

Các tượng thần im lặng, và làm sao chúng có thể trả lời được khi chúng câm lặng? Lúc đó, Neanius nói với mẹ:

– Mẹ thấy chưa, các vị thần của mẹ là như thế nào. Nếu chúng không thể thốt ra một lời nào, thì làm sao chúng có thể giúp đỡ ai được?

Người mẹ đáp:

– Các vị thần không trả lời con là vì con đang hỏi họ với thái độ chế giễu.

[4906] Micael và Gabriel – các Tổng thiên thần.

[4907] Người Hagar – những người Hồi giáo, người Ả Rập, được gọi như vậy theo tên Hagar, người thiếp của Áp-ra-ham, mẹ của Ích-ma-ên, người mà từ đó dòng dõi người Ả Rập bắt nguồn.

Nhưng Neanius nói:

– Vậy thì chính mẹ hãy tự hỏi họ đi – họ phải trả lời mẹ, vì mẹ là người phụng sự họ tận tụy.

Bà ấy, với lòng kính cẩn sâu sắc, tiến lại gần các vị thần và quỳ gối xuống, rồi nói:

– Hỡi các vị thần toàn năng! Zeus vĩ đại[4908] và ngài, nữ hoàng Hera[4909] , và chúa tể biển cả Poseidon, và Apollon rực rỡ như mặt trời[4910] , và ngài, người bảo vệ thành phố, Pallas[4911] , cùng các vị thần khác! Con xin các ngài, hãy cho chúng con biết, có phải các ngài đã giúp đỡ người tôi tớ của các ngài, con trai của con, trong trận chiến không?

Nhưng không có câu trả lời nào từ các vị.

Lúc đó, thánh Neanius, tay cầm thánh giá, tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng, cởi bỏ áo choàng ngoài và đẩy mẹ ra khỏi các tượng thần, bắt đầu đập vỡ chúng, ném xuống đất và giẫm đạp bằng chân, rồi sau khi đập nát thành từng mảnh, ngài phân phát vàng và bạc đó cho những người nghèo. Còn người mẹ, khi chứng kiến cảnh đó, đã vô cùng tức giận và quên đi tình yêu tự nhiên dành cho con trai mình, vội vã đến Antiôkhia gặp hoàng đế Diocletianus và trong nước mắt than thở với ông về người con trai, người đã đập vỡ các vị thần của bà và không dành cho bà sự tôn kính xứng đáng, khi đẩy bà ra khỏi các vị thần. Hoàng đế thì an ủi bà, gieo vào lòng bà hy vọng rằng bằng sự dịu dàng hoặc bằng những lời đe dọa, họ sẽ có thể khiến con trai bà quay trở lại với đức tin cũ vào các vị thần.

– Còn nếu, – hoàng đế nói, – nó không quay lại, thì nó sẽ phải chịu cái chết tàn khốc vì những tội lỗi của mình, còn bà, bà có thể chọn bất kỳ ai trong đoàn tùy tùng của ta làm con trai cho mình.

Và ngay lập tức, hoàng đế viết thư cho thống đốc Palestine, Iustus, người gốc Ý, một kẻ tàn nhẫn, để ông ta, trước sự chứng kiến của các quý tộc từ các thành phố lân cận, nói chuyện với quan tổng trấn Neanias, con trai của Theodosius, người đã theo đạo Kitô, bằng những lời khuyên nhủ lúc thì thân thiện, lúc thì đe dọa, để anh ta quay trở lại thờ phụng các vị thần; nếu hắn không vâng lời, thì ra lệnh tra tấn hắn không thương xót. Trong bức thư này chứa đựng những lời phỉ báng Đức Kitô.

Thống đốc Iust, sau khi nhận được chiếu chỉ của hoàng đế, đã tập hợp những người được chọn từ các thành phố ở Palestine và đích thân lên đường đến Ê-li để gặp tổng trấn; sau khi chào hỏi, ông đã trao bức thư của hoàng đế cho tổng trấn. Còn quan tổng trấn, khi đọc xong bức thư và những lời phỉ báng chống lại Chúa chúng ta được ghi trong đó, đã không kìm nén được, xé nát bức thư thành từng mảnh nhỏ, ném chúng lên không trung và nói:

– Ta là người Kitô hữu, còn ngươi thì hãy làm theo những gì ngươi được lệnh.

Vị quan tổng trấn bèn nói:

– Ta vừa sợ hoàng đế, vừa coi ngươi như bạn để tham vấn và thương xót ngươi! Ta không biết phải nghĩ sao! Nhưng hãy nghe lời ta và những vị trưởng lão đáng kính này, rồi trước mặt chúng ta, hãy dâng lễ vật cho các vị thần. Nếu ngươi không làm điều đó, thì ta buộc phải thi hành mệnh lệnh.

Lúc đó, Neanius nói với vị quan:

– Ngài đã nhắc đến việc dâng lễ vật: – vậy thì chính tôi sẽ dâng chính bản thân mình làm lễ vật cho Đấng Christ, Thiên Chúa của tôi.

Nói xong, ông tháo chiếc thắt lưng – biểu tượng của chức vụ – ra khỏi người và ném thẳng vào mặt quan tổng trấn, từ chối phục vụ triều đình để trở thành chiến binh của Vua trên trời, đồng thời vạch trần sự vô tín của những kẻ ngoại đạo. Quan tổng trấn cùng những người đi theo ông, trong cơn giận dữ, đã bắt giữ ông và đưa ông đến Cêsarea Palestine[4912] , còn được gọi là Philippi, cũng như Sebaste Paneada, nơi từng có một bức tượng mô tả Chúa Kitô, được dựng lên theo lời thỉnh cầu của người phụ nữ bị chảy máu, người đã được chữa lành nhờ chạm vào áo của Chúa[4913] . Tại đó, vị thống đốc, ngồi tại một nơi công khai trước toàn thể dân chúng, đã đưa Neania ra thẩm

---

[4908] Zeus – vị thần tối cao trong tôn giáo Hy Lạp cổ đại, được coi là tổ tiên của các vị thần và loài người.

[4909] Hera – con gái cả của Kronos và Rhea – là một trong những nhân vật chính của thần thoại Hy Lạp cổ đại. Bà được coi là vợ của Zeus và nữ hoàng của các vị thần.

[4910] Apollon, trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "kẻ hủy diệt". Vị thần này thường được người Hy Lạp miêu tả với cung, túi tên và mũi tên, như kẻ thù và người chiến thắng các thế lực bóng tối.

[4911] Pallada hay Athena được người Hy Lạp cổ đại coi là nữ thần bảo trợ cho hôn nhân và hạnh phúc gia đình.

[4912] Thành Cesarea này nằm ở thượng nguồn sông Jordan. Cần phân biệt thành phố này với một Cesarea khác, cũng thuộc Palestine, nhưng nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải.

[4913] Mt 9:20–22.

vấn. Khi nhìn thấy ông, những công dân, tâm trí bị che mờ bởi sự vô đạo của tôn giáo ngoại giáo, như thể say rượu hay bị quỷ ám, bắt đầu la hét với vị thống đốc:

– Hắn là kẻ thù và kẻ tiêu diệt các vị thần của chúng ta, kẻ khinh thường mệnh lệnh của hoàng đế!

Còn vị quan tổng trấn, vốn đã là một người vô cùng tàn bạo, lại càng trở nên hung ác hơn trước những tiếng la hét của đám đông. Ngay lập tức, ông ra lệnh lột trần và treo cổ Neania tại nơi tra tấn, rồi dùng những móng vuốt sắt cạo xé thân thể anh. Do đó, thân thể Neania bị xé ra từng mảnh và xương trần lộ ra. Một số người chứng kiến, khi nhìn thấy những đau khổ như vậy, đã thương xót tuổi trẻ của vị tử đạo và khóc thương cho ông. Còn vị tử đạo, khi thấy những giọt nước mắt của họ, đã nói với họ:

– Đừng khóc vì tôi, mà hãy khóc vì sự diệt vong của linh hồn các bạn; vì điều cần phải than khóc là những ai sắp phải chịu đau khổ vô tận trong địa ngục.

Rồi ngài ngước mắt lên trời và cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa! Xin củng cố con, tôi tớ của Ngài, để làm nhục kẻ thù và tôn vinh danh thánh của Ngài!

Khi những kẻ hành hình đã mệt mỏi, theo lệnh của quan tổng trấn, vị tử đạo được giải thoát khỏi cực hình và bị ném vào ngục tối. Người lính canh ngục tên là Terentius, nhớ lại một ân huệ mà Neanias từng ban cho mình, đã thương xót ông, trải rơm cho ông nằm và đắp khăn lên người; vị tử đạo nằm trong ngục tối, gần như đã tắt thở.

Vào nửa đêm, một trận động đất xảy ra trong thành phố – đó là Đức Chúa Trời cùng các Thiên Thần của Ngài đã đến thăm người tôi tớ của Ngài. Trong ngục tối, một ánh sáng kỳ diệu bừng sáng, các cánh cửa ngục mở ra và xiềng xích trên tất cả các tù nhân ở đó đều rơi xuống. Lúc đó, hai Thiên Thần hiện ra dưới hình dạng những chàng trai trẻ đẹp đẽ và nói với vị tử đạo:

– Hãy nhìn chúng tôi.

Vị tử đạo liền hướng ánh mắt về phía họ và nói:

– Các ngươi là ai?

Họ đáp:

– Chúng tôi là các Thiên thần, được Chúa sai đến với ngươi.

Vị tử đạo bèn nói với họ:

– Nếu các ngươi là các Thiên thần của Chúa, thì hãy cùng ta thờ lạy Chúa và làm dấu thánh giá để ta tin các ngươi.

Các Thiên thần lập tức làm theo lời ông và nói:

– Vậy thì, hãy tin rằng Chúa đã sai chúng tôi đến với ngươi.

Vị tử đạo nói:

– Tôi biết rằng khi ba thiếu niên bị ném vào lò lửa Babylon, thì Thiên Chúa đã sai Thiên Thần[4914] đến với họ để làm dịu bớt sức nóng của ngọn lửa. Nhưng tôi đã làm gì để xứng đáng với điều đó? Hay là tôi đã bị ném vào lửa, nên mới được coi là xứng đáng để các Thiên Thần viếng thăm?

Khi vị tử đạo khiêm nhường thốt lên những lời ấy, bỗng chốc chính Chúa Giêsu Kitô hiện ra trước mặt ngài trong vinh quang không thể tả xiết; Ngài chạm tay vào vị tử đạo, chữa lành những vết thương và giúp ngài đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh. Sau đó, Ngài rửa tội cho ngài bằng nước và phán:

– Từ nay, ngươi sẽ không còn được gọi là Nean, mà là Prokopios[4915] . Hãy can đảm và vững lòng, vì ngươi sẽ thực hiện những việc vĩ đại và dẫn dắt một đoàn chiên lớn đến với Cha Ta.

Còn Prokopios, vừa vui mừng vừa kinh ngạc, đã quỳ sấp xuống đất, thờ lạy Chúa, cầu xin Ngài ban sức mạnh cho anh trong những đau khổ, để anh không sợ hãi trước những cực hình tàn bạo. Chúa phán với anh:

– Đừng sợ – Ta ở cùng con!

Nói xong, Ngài thăng thiên.

Còn Thánh Procopius, kể từ ngày Chúa hiện ra với ngài, đã có trong lòng một niềm vui thiêng liêng khôn tả và tràn ngập sự hân hoan thiên đàng. Thân thể ngài cũng trở nên khỏe mạnh đến nỗi không còn dấu vết nào của những vết thương trước đây. Ngài *"đặt niềm tin"* vào Chúa, và *"Ngài đã giúp đỡ"* ngài, *"và* lòng ngài *vui mừng"* (*"và* thân thể ngài *được hồi sinh"*) (Thánh Vịnh 27:7).

[4914] Đa-ni-ên 3:1–100

[4915] Procopius – từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "người thành công"

Vào sáng sớm ngày hôm sau sau sự hiện ra đó, quan tổng trấn đã sai một người lính đến nhà tù để xem vị tử đạo còn sống hay không. Ông ta cho rằng người ấy đã chết vì những cực hình tàn bạo ngày hôm qua. Người canh ngục tên là Terentius nói với người lính rằng ông đã thức trắng cả đêm và vào nửa đêm, trong ngục đã xảy ra một điều gì đó vô cùng kinh hoàng, cụ thể là đã xảy ra một trận động đất, một ánh sáng kỳ diệu bừng sáng, các cánh cửa mở ra và xiềng xích trên người các tù nhân đã rơi xuống, và có những người đàn ông tỏa ra ánh sáng kỳ lạ đang trò chuyện với Neanius. Người lính cúi xuống phía nhà giam và hét lên với vị tử đạo:

– Ngươi còn sống chăng, Neanius?

Thánh nhân đáp:

– Tôi còn sống và khỏe mạnh, nhờ ân sủng của Thiên Chúa tôi.

Người lính nói:

– Ta không thấy ngươi.

Thánh nhân đáp:

– Ai trốn tránh ánh sáng của Đức Chúa Trời và phục vụ ma quỷ, thì người ấy mù lòa và đi trong bóng tối, không biết mình đang đi đâu.

Người lính bèn đến gặp quan tổng trấn và báo lại những điều mình đã nghe. Quan tổng trấn liền ngồi vào ghế xét xử và lại triệu tập vị tử đạo của Chúa Kitô đến để thẩm vấn. Mọi người đều nhìn ngài và thấy khuôn mặt rạng rỡ cùng thân thể khỏe mạnh và trắng trẻo, như thể chưa từng mang vết thương nào. Nhiều người có mặt tại phiên tòa, trong sự ngạc nhiên, đã thốt lên:

– Thần Neania ơi! Xin hãy giúp chúng con!

Còn vị quan, đứng dậy khỏi ghế xét xử và ra hiệu cho dân chúng im lặng, rồi cất tiếng nói lớn:

– Hỡi các anh em! Tại sao các anh lại ngạc nhiên khi thấy Neania khỏe mạnh? Các vị thần đã thương xót anh ta và chữa lành cho tôi tớ của mình.

Thánh nhân bấy giờ nói với ông ta:

– Ngươi nói đúng, rằng ta đã được chữa lành nhờ lòng thương xót của Đức Chúa Trời; nhưng nếu ngươi cho rằng sự chữa lành kỳ diệu này là do quyền năng của các vị thần của ngươi, thì hãy cùng ta đến đền thờ của họ để tìm hiểu chính xác vị thần nào đã chữa lành cho ta.

Vị quan, nghĩ rằng vị tử đạo muốn thờ lạy các vị thần, liền rất vui mừng và ra lệnh rải hoa dọc con đường từ tòa án đến đền thờ, đồng thời treo những tấm rèm đẹp mắt dọc đường. Người thông báo từ trên cao cất tiếng hô:

– Neanius, con trai của bà Theodosia, một phụ nữ quý tộc, đã ăn năn, quay về với các vị thần và đang trên đường đến dâng lễ vật cho các vị.

Những người ngoại đạo nghe vậy thì vui mừng; còn những ai bí mật tin theo Chúa Kitô thì đau buồn. Một đám đông người dân cùng vợ con đã tụ tập để xem cảnh tượng này.

Vị quan tổng trấn cùng Thánh Prokopios và tất cả các quý tộc tiến về đền thờ ngoại đạo trong không khí trang nghiêm. Khi bước vào đó, vị thánh đã thầm cầu nguyện với Chúa Kitô, làm dấu thánh giá trong không trung trước các tượng thần và nói:

– Ta nói với các ngươi đây, hỡi những thần tượng ô uế, hãy run sợ trước danh Chúa của ta và quyền năng của Thánh Giá: hãy rời khỏi chỗ của các ngươi và tan vỡ đi, hãy tràn ra như nước!

Và ngay lập tức, tất cả các tượng thần đều ngã xuống, tạo ra một tiếng ồn lớn. Chúng vỡ tan thành từng mảnh, và điều còn kỳ diệu hơn nữa là, theo lệnh của Đức Chúa Trời, toàn bộ vật liệu làm nên chúng đã biến thành nước thường, và cả ngôi đền đều tràn ngập nước, dòng nước ào ạt tràn ra từ các cửa đền.

Phép lạ này đã khiến mọi người vô cùng kinh ngạc, và nhiều người đã kêu lên:

– Lạy Đức Chúa Trời của người Kitô hữu! Xin cứu giúp chúng con!

Còn vị quan cai trị, kinh ngạc trước những gì vừa xảy ra, vì quá kinh hoàng nên không biết phải làm gì, nhưng sau đó, khi đã bình tĩnh lại, ông ra lệnh đưa vị tử đạo vào ngục tối, còn bản thân ông thì với nỗi buồn sâu sắc, trở về nhà.

Vào tối muộn trong ngục tối, nơi vị thánh bị giam giữ, hai đội lính cùng hai chỉ huy của họ là Nicostratus và Antiochus đã đến và khẩn cầu vị thánh hãy cho họ gia nhập vào đạo quân của Đấng Christ, Vua trên trời. Thánh Procopius liền xin người canh ngục, Terenzius, cho phép ngài ra khỏi ngục một thời gian; người lính canh đã đồng ý, vì biết rõ rằng ai tự nguyện chịu khổ vì Chúa Kitô thì sẽ không trốn chạy. Thánh nhân, sau khi được tự do, đã dẫn những người lính ấy đến gặp Giám mục Leontius của thành phố đó, người đang ẩn náu ở một nơi nào đó vì sợ

bị truy lùng. Sau khi tìm thấy ngài, Prokopius đã xin ngài làm phép rửa tội cho các chiến binh, rồi chính ông lại quay trở về ngục tối. Đêm đó, vị giám mục đã cử hành nghi thức rao giảng[4916] cho các đơn vị quân đội đó, làm phép rửa tội cho họ và ban cho họ Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô. Khi họ đến gần ngục tối sau đó, vị thánh tử đạo bắt đầu dạy họ những chân lý của đức tin thánh thiện và việc xưng danh Chúa Giêsu Kitô, đồng thời củng cố lòng tin của họ đến mức họ có thể can đảm và dũng cảm chịu đựng những đau khổ.

Khi ngày đến, quan tổng trấn, theo thông lệ, đã đến nơi diễn ra phiên tòa công khai, thì những người lính ấy đã xuất hiện trước mặt ngài. Họ lớn tiếng tôn vinh Chúa Kitô, tuyên xưng mình là Kitô hữu và bày tỏ sự sẵn sàng theo Chúa Kitô để chịu đau khổ và chết. Còn vị quan, khi thấy nhiều chiến binh như vậy dũng cảm tiến đến cái chết vì Chúa Kitô, đã vô cùng kinh ngạc và kinh hoàng, và đã thuyết phục họ trong một thời gian dài để họ từ bỏ Chúa Kitô và quay trở lại thờ các vị thần. Khi thấy họ vẫn kiên quyết không lay chuyển, ông đã kết án họ tử hình bằng cách chém đầu. Họ bị dẫn ra khỏi thành phố đến nơi hành quyết, nơi đã tập trung một số lượng lớn đao phủ để thi hành án. Thánh Prokopios cũng bị dẫn đến đó, trong xiềng xích, nhằm hù dọa ngài bằng cảnh hành quyết của một số lượng lớn các chiến binh như vậy. Nhưng ngài, khi chiêm ngưỡng hành động anh hùng của họ, đã vui mừng trong lòng và cầu nguyện cho họ cùng Chúa Kitô, để Ngài tiếp sức cho họ đến cùng và đón nhận linh hồn họ vào Nước Trời của Ngài. Lúc đó, những kẻ hành hình cùng với các chiến binh vô đạo khác đã bao vây hai đội quân đã tin vào Chúa Kitô và chém họ bằng gươm, trong đó cả hai chỉ huy của hai đội quân đó, Nicostratus và Antiochus, cũng đã tử nạn. Như vậy, những chiến binh mới của Vua Kitô, sau khi hiến dâng mạng sống vì Ngài, đã vinh quang bước từ trần gian lên thiên đàng. Còn một nhà hảo tâm quý tộc tên là Evlalius, vào ban đêm, cùng với đông đảo các tín hữu, đã thu thập thi thể các vị tử đạo và an táng họ; còn Thánh Procopius vẫn bị giam cầm trong xiềng xích.

Khi vị tử đạo của Chúa Kitô đang bị giam trong ngục, mười hai người phụ nữ quý tộc đã đến gặp ngài và nói qua ô cửa sổ nhỏ với vị thánh:

– Chúng tôi là những nữ tớ tớ của Chúa Kitô!

Việc này được báo cáo lên quan tổng trấn, và ông ta lập tức ra lệnh giam họ vào ngục tối; khi bước vào đó, họ vui mừng thốt lên:

– Xin Chúa hãy đón nhận chúng con vào cung điện thiên đàng của Ngài!

Khi bước vào trong ngục, họ cúi đầu kính lạy Thánh Prokopios, người đã bắt đầu dạy họ về đức tin thánh thiện, tình yêu thiêng liêng dành cho Chúa Kitô và lời cầu nguyện nồng ấm dâng lên Thiên Chúa.

Một thời gian sau, vị quan cai trị, ngồi tại chỗ thường lệ để xét xử, đã ra lệnh dẫn những người phụ nữ chính trực ấy ra khỏi ngục tối và đưa đến trước mặt ngài để xét xử. Mẹ của Thánh Prokopios, bà Theodosia, cũng có mặt tại nơi thẩm vấn, mong muốn được chứng kiến cách những người phụ nữ ấy ứng xử trong phiên thẩm vấn. Khi họ được đưa ra xét xử, vị quan cai trị nói với họ:

– Các ngươi có đồng ý dâng lễ vật cho các vị thần để được chúng ta tôn trọng, hay là, nếu vẫn bướng bỉnh, các ngươi muốn tự chuốc lấy cái chết thảm khốc?

Các thánh nữ đáp lại:

– Sự tôn vinh mà ngươi hứa hẹn cho chúng ta, hãy để nó hủy diệt chính ngươi đi, còn chúng ta là những nữ tỳ của Đấng Kitô bị đóng đinh, Đấng đã cứu chúng ta khỏi sự diệt vong. Ngài là vinh quang và danh dự của chúng ta!

Vị quan cai trị tức giận ra lệnh cho mỗi người phụ nữ này bị kéo lê trên mặt đất và đánh đập không thương tiếc bằng gậy. Sau đó, họ bị treo cổ tại chính nơi tra tấn trong tình trạng trần truồng, xương sườn bị thiêu đốt bằng

---

[4916] Giáo lý sơ bộ – sự hướng dẫn bằng lời nói về các chân lý của đức tin Kitô giáo, được giảng dạy trong Giáo hội cổ đại cho tất cả những ai mong muốn tham dự Bí tích Rửa tội. Có quyền vào nhà thờ để nghe Kinh Thánh và các bài giảng, thậm chí tham dự phần thứ nhất và thứ hai của Thánh lễ ("proskomidia" và "Thánh lễ dành cho những người được giảng dạy"), những người được giảng dạy trước khi bước vào phần thứ ba, phần quan trọng nhất của Thánh lễ ("Thánh lễ của các tín hữu"), phải lập tức rời khỏi nhà thờ; điều này được thông báo bởi phó tế qua lời hô to và vẫn được duy trì cho đến nay trong Giáo hội Chính thống khi cử hành Thánh lễ. Thời gian làm người dự tòng không cố định; nhiều người duy trì tư cách này suốt cả cuộc đời. Trong trường hợp cần thiết, thời gian này có thể được rút ngắn xuống còn vài ngày hoặc thậm chí vài giờ. – Nghi thức làm người dự tòng vẫn được cử hành trong Giáo hội Chính thống cho đến ngày nay; nghi thức này bao gồm việc đọc các lời cầu nguyện quen thuộc cho người sắp chịu phép rửa và tuyên bố lời nguyền rủa ma quỷ; trong khi đó, người sắp chịu phép rửa từ bỏ Satan, kết hiệp với Chúa Kitô và tuyên xưng đức tin của mình bằng cách đọc Kinh Tin Kính (trong lễ rửa tội cho trẻ sơ sinh, việc này do cha mẹ đỡ đầu thực hiện).

lửa, trong khi họ cầu nguyện với Đức Kitô, Thiên Chúa, kêu xin Ngài cứu giúp. Rồi vị quan cai trị ra lệnh cắt bỏ vú của họ, nói:

– Đấng bị đóng đinh, Đấng mà các ngươi đặt niềm tin, có giúp được các ngươi không?

Các phụ nữ đáp lại:

– Ngài đã giúp chúng tôi rồi, như chính ngươi thấy đấy, tên tra tấn ghét loài người! Này, chúng tôi – những người phụ nữ – đang chiến thắng ngươi, vị quan quyền lực, bất chấp những cực hình mà ngươi áp đặt lên chúng tôi.

Kẻ tra tấn càng nổi giận hơn nữa và ra lệnh dùng sắt nung đỏ rực để thiêu đốt vùng háng của họ. Hắn nói:

– Các ngươi có cảm thấy lửa đang thiêu đốt hay không?

Các thánh nữ đáp lại:

– Chính ngươi mới là người sẽ cảm nhận nỗi đau từ ngọn lửa, khi ngươi bị ném vào ngọn lửa địa ngục không bao giờ tắt. Còn chúng ta ở đây có Đấng Cứu Giúp – Chúa, Đấng mà ngươi không thấy, giống như những người mù không nhìn thấy mặt trời.

Khi các bà thánh phải chịu đau khổ như vậy, Theodosia, mẹ của Thánh Procopius, đứng giữa đám đông và nhìn thấy sự dũng cảm cùng lòng kiên nhẫn của những người phụ nữ ấy, đã khóc nức nở. Sau đó, khi ánh sáng của sự hiểu biết chân chính chiếu rọi trong tâm hồn bà, bà tràn đầy lòng nhiệt thành vì Chúa và, tiến đến trước nhà cầm quyền, bà kêu lên:

– Tôi cũng là tôi tớ của Đức Kitô, Thiên Chúa bị đóng đinh!

Sự biến đổi này đã xảy ra với bà nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Đại Tử Đạo Prokopios, người luôn cầu nguyện với Thiên Chúa về điều đó.

Vị quan tổng trấn cùng tất cả những người xung quanh ông, cũng như toàn thể dân chúng, khi nghe bà Theodosia cao quý, mẹ của Neanias, can đảm tuyên xưng Đức Kitô, đã vô cùng ngạc nhiên trước sự thay đổi kỳ diệu trong con người bà; làm sao bà có thể từ bỏ địa vị cao quý, của cải và dòng dõi danh giá của mình để dũng cảm chấp nhận những cực hình. Vị quan tổng trấn nói với bà:

– Thưa phu nhân Theodosia! Ai đã dụ dỗ bà từ bỏ các vị thần của tổ tiên và nói những lời như vậy?

Bà đáp lại:

– Tôi hoàn toàn không cảm thấy mình bị lừa dối hay bị đánh lừa. Trước đây, tôi thực sự đã lầm lạc, bị ma quỷ dụ dỗ, khi thay vì thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật, Đấng đã tạo dựng trời đất, tôi lại quỳ lạy những thần tượng ghê tởm – những tác phẩm do tay người tạo ra.

Vị quan, chỉ tay vào những người phụ nữ đang bị tra tấn, nói với Theodosius:

– Những kẻ lừa dối này, rõ ràng là đã dụ dỗ cô phải không?

Cô đáp lại:

– Họ không lừa dối tôi, mà đã dạy tôi nhận ra lẽ thật qua những đau khổ của họ. Thật ra, làm sao họ có thể giữ được sự can đảm trong những cực hình như vậy, nếu Đấng củng cố họ không phải là Đức Chúa Trời chân thật? Vậy thì, không phải họ là những kẻ lừa dối, mà chính ngài mới là kẻ lừa dối, dẫn dắt mọi người vào bóng tối và sự lầm lạc, và đẩy họ vào con đường diệt vong!

Vị vua nói:

– Hãy suy nghĩ lại đi, Theodosius, và cầu xin các vị thần tha thứ cho ngươi. Chúng ta sẽ cầu nguyện với các vị thần vì ngươi, để họ tha thứ cho tội lỗi này của ngươi.

Cô đáp lại:

– Tôi xin sự tha thứ từ Đấng Christ bị đóng đinh vì sự thiếu sáng suốt trước đây của tôi và vì những việc làm xấu xa mà tôi đã gây ra.

Vị vua tức giận ra lệnh tống cô vào ngục cùng với những người phụ nữ đang bị tra tấn.

Khi Theodosia bước vào ngục tối, con trai bà, Thánh Procopius, đã nhìn thấy bà và vô cùng vui mừng – anh đã biết trước bằng linh cảm về việc bà đã quay về với Chúa Kitô – và nói với bà một cách hân hoan:

– Thưa phu nhân, mẹ của con! Tại sao mẹ lại đến đây và vì lý do gì mà mẹ đã từ bỏ các vị thần của mình?

Bà đáp lại:

– Con yêu quý của mẹ! Giờ đây mẹ đã biết sự thật. Mẹ đã nhìn những người phụ nữ thánh thiện đang chịu đau khổ và suy ngẫm: làm sao những người phụ nữ yếu đuối lại có thể chịu đựng những cực hình nặng nề đến thế, nếu không được chính Đấng Kitô – Đấng mà họ đang chịu đau khổ vì Ngài – củng cố sức mạnh? Và nếu Đức Kitô không phải là Thiên Chúa Toàn Năng, thì làm sao Ngài có thể nâng đỡ những người chịu đau khổ vì Ngài được?

Khi tôi suy ngẫm như vậy, lòng tôi tràn ngập sự cảm động sâu sắc và một tia sáng bừng lên trong tâm trí tôi. Tôi đã nhận ra sự hư vô của các vị thần và tin rằng Đức Chúa Trời chân thật là Đấng Duy Nhất, Đấng mà chị, các nữ thánh và các vị tử đạo khác đang tuyên xưng.

Lúc đó, Thánh Procopius nói với bà:

– Thật phúc cho bà, thưa bà, mẹ của con, vì bà đã được Thiên Chúa ban cho sự khai sáng này và vì bà đã đến đây, vào ngục tối này, vì điều đó!

Và thánh Theodosia ở lại trong ngục tối, phục vụ các nữ thánh. Bà dùng vải sạch lau những vết thương đầy máu của họ và đắp thuốc lên các vết loét, vì bà đã được học nghệ thuật y thuật. Còn Thánh Prokopios thì dạy mẹ mình về đức tin thánh thiện. Cùng đêm đó, ngài đưa bà đến gặp Giám mục Leontios, người đã rửa tội cho bà nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, rồi ngài quay trở lại ngục tối, vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa vì sự khai sáng của bà.

Sau đó, các thánh nữ cùng với Thánh Theodosia được dẫn ra khỏi ngục tối và đưa ra trước tòa án vô đạo. Quan tòa nói với Thánh Theodosia:

– Hãy biết rằng, hỡi người phụ nữ cao quý, ta đang thương xót ngươi và không muốn giao ngươi cho sự sỉ nhục và cực hình. Vậy nên, hãy suy nghĩ lại và cầu khẩn các vị thần nhân từ, để được họ ban cho sự tha thứ, còn từ chúng ta – vinh dự lớn lao hơn!

Thánh nữ đáp lại:

– Hỡi kẻ điên rồ và ngu muội! Ngươi không thấy xấu hổ khi gọi những tượng thần được tạc ra là các vị thần sao? Nếu việc một người, trong khả năng của mình, cố gắng làm những việc thiện để trở nên giống như Đức Chúa Trời là một phẩm giá cao quý, thì các ngươi cũng nên trở nên giống như các vị thần – tức là những tượng thần – của các ngươi, nghĩa là trở nên mù, điếc, câm, không cử động được tay chân, giống như các vị thần của các ngươi vậy.

Nghe những lời này, quan cai trị của nàng nổi giận và ra lệnh đánh vào miệng nàng, rồi sau đó, trói nàng nằm sấp trên mặt đất, đánh bằng gậy, và sau đó dùng móng sắt cào xé thân thể nàng. Còn những người phụ nữ thánh thiện khác, khi chứng kiến nỗi đau khổ của nàng, đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho nàng được vững vàng, và hát những câu thơ sau đây trong Thánh vịnh, mà Thánh Procopius đã dạy họ:

– *"Hãy đến, chúng ta hãy hát ngợi khen Chúa, hãy reo mừng Đấng là pháo đài cứu rỗi của chúng ta"* (Thánh vịnh 94:1); *"Chúa là nơi nương náu và sức mạnh của chúng ta, là Đấng cứu giúp nhanh chóng trong cơn hoạn nạn"* (Thánh vịnh 45:2).

Vị quan cai trị, khi nghe thấy điều đó, đã ra lệnh dùng những thanh thiếc đập vỡ hàm các thánh nữ, rồi trói các vị tử đạo ấy cùng với Thánh Theodosia lại bằng một sợi xích sắt, dẫn ra khỏi thành phố và chém đầu bằng gươm.

Các bà đã vui vẻ và hân hoan bước vào cái chết, như thể đến dự tiệc cưới, đã dâng hiến mạng sống mình vì Đức Kitô Thiên Chúa và được hưởng vinh quang trên trời.

Sau khi họ qua đời, Thánh Prokopios lại bị đưa ra xét xử, và quan tổng trấn nói với vị tử đạo, gầm lên như sư tử:

– Ngươi có hài lòng chưa, tên vô đạo, khi chứng kiến sự diệt vong của biết bao linh hồn?

Thánh nhân đáp:

– Ta không hủy diệt họ, mà đã cứu họ khỏi sự diệt vong và dẫn họ từ cái chết đến sự sống.

Vị quan lệnh đánh vào miệng ngài bằng găng tay sắt và xé rách khuôn mặt ngài bằng móng vuốt sắt, khiến máu tuôn trào, nhuộm đỏ mặt đất. Sau đó, vị tử đạo bị đánh vào bụng bằng những thanh chì, nhưng ngài, bất chấp những cực hình đó, vẫn đứng vững như một cột trụ.

Sau đó, vị quan ra lệnh ném vị tử đạo vào ngục tối, rồi với tâm trạng buồn bã, ông ta trở về nhà: ông cảm thấy xấu hổ và bực bội vì không thể khuất phục được vị tử đạo của Chúa Kitô. Vì buồn bã, ngày hôm đó ông ta không nói với ai một lời nào, rồi sau đó ông ta bị sốt cao, phải nằm liệt giường và qua đời ngay trong đêm đó, giao phó linh hồn mình cho những con quỷ mà ông ta đã phục vụ với tất cả sự tận tụy.

Còn lời rao giảng về Chúa Kitô thì ngày càng lan rộng, và hàng ngày có rất nhiều nam nữ gia nhập đức tin vào Chúa Kitô, nhờ vào giáo huấn và các phép lạ của Thánh Prokopios. Khi ngài bị giam trong ngục, nhiều người đã đưa những người bệnh đến với ngài, và ngài đã chữa lành họ bằng ân sủng của Chúa Kitô, đồng thời xua đuổi các linh hồn ô uế khỏi con người; nhờ đó, những người ngoại đạo đã quay về với đức tin Kitô giáo chân chính.

Sau khi quan tổng trấn Iusta qua đời, một quan tổng trấn khác tên là Flavius, cũng gốc Ý, được hoàng đế Diocletian cử đến Palestine; người này còn tàn bạo hơn người tiền nhiệm. Khi đến Cêsarea ở Palestine và biết về vị tử đạo Procopius, ông ta lập tức ra lệnh đưa ngài đến trước tòa để xét xử và tra hỏi về tên tuổi, dòng dõi và đức tin của ngài. Trong khi phỉ báng Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, tên vô đạo này đã nói với vị tử đạo:

– Ta thật ngạc nhiên rằng các ngươi, những người Kitô hữu, dù thừa nhận rằng Thiên Chúa của các ngươi được sinh ra từ một người phụ nữ và bị con người đóng đinh, lại vẫn thờ phượng Ngài. Chẳng phải đó là sự điên rồ sao?

Vị tử đạo của Chúa Kitô đáp lại:

– Nếu ngài chịu lắng nghe tôi một cách kiên nhẫn, thưa nhà vua, thì tôi sẽ chỉ cho ngài thấy rằng chính những cuốn sách của các ngài cũng làm chứng về Đức Chúa Trời của chúng tôi. Trước hết, tôi xin nói rằng chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật, bất biến về bản chất, vô cảm, tiền vĩnh cửu và vĩnh hằng; còn những vị được gọi là thần kia – vốn rất nhiều, phải chịu đau khổ và thay đổi, xuất hiện vào một thời điểm nhất định và, có thể nói về một số trong số họ, đã kết thúc sự tồn tại thảm hại của mình. Anh có biết Hermes[4917] của các anh, người được gọi là Trismegistus, tức là "người vĩ đại ba lần", cũng như Socrates[4918] , những người khẳng định rằng chỉ có một Đức Chúa Trời, chứ không phải nhiều vị thần? Trước hết, hãy nghe xem Hermes đã viết gì cho bác sĩ Asclepiades[4919] : "Chúa tể và Đấng Sáng tạo vạn vật – Đấng mà chúng ta gọi là Đức Chúa Trời – đã tạo ra thế giới hữu hình và có thể cảm nhận được này. Và vì thế giới đầu tiên và duy nhất do Ngài tạo ra đã hiện ra trước mắt Ngài thật tuyệt đẹp và tràn đầy mọi điều tốt lành, nên Ngài đã chiêm ngưỡng và yêu mến nó như chính tác phẩm của mình." – Hãy xem này, thưa vị lãnh chúa, Hermias của các ngài chỉ thừa nhận sự hiện hữu của Đấng Thượng Đế Duy Nhất, chứ không phải nhiều vị thần! Và nếu có nhiều vị thần, thì sẽ không tồn tại một bản tính Thần thánh duy nhất và vĩnh hằng, mà sẽ có nhiều bản tính xuất hiện vào những thời điểm nhất định. Bởi vì các ngài nói về một số vị thần rằng họ đã tồn tại từ trước, còn về những vị khác – rằng họ xuất hiện sau này; một vị là thần trời, một vị là thần biển, và nói chung, mọi vật hữu hình đều có các vị thần bảo hộ riêng. Chẳng phải chính vì lý do đó mà Socrates của các bạn đã bị người Athens kết án uống thuốc độc, vì ông đã phủ nhận sự tồn tại của nhiều vị thần sao? Còn những vị thần bất tử của các bạn – và trước hết là Zeus, cha của các vị thần, kẻ giết cha và là chồng của chính em gái cùng mẹ , chẳng phải ông ta đã từng sống ở Crete[4920] sao? Cho đến nay, người ta vẫn còn chỉ cho mọi người xem lăng mộ của ông ta ở đó, phải không? Còn Poseidon của các ngươi, chẳng phải là thủ lĩnh của bọn cướp, kẻ săn mồi và kẻ hủy diệt sao? Và lăng mộ của hắn chẳng phải nằm ở Calabria[4921] sao? Sao các ngươi lại gọi các vị thần của mình là bất tử, trong khi họ đã chết như những con người bình thường, khi người ta vẫn còn chỉ cho thấy lăng mộ của họ, và tất cả những việc ác của họ đều được các nhà văn La Mã và Hy Lạp biết rõ? Đó chính là các vị thần của các ngươi, những vị không chỉ bị các Kitô hữu mà ngay cả những người sùng bái họ cũng vạch trần và phỉ báng! Nếu ngươi nói về Đức Kitô Cứu Thế, Thiên Chúa của chúng ta, rằng Ngài được sinh ra bởi một người phụ nữ và sau đó bị đóng đinh, thì hãy nghe về những mặc khải huyền bí liên quan đến Ngài có trong chính các sách của các ngươi. Chính nữ tiên tri của các ngươi, được gọi là Sybil[4922] (chính là người mà vua La Mã Tarquinius[4923] đã mua những cuốn sách của bà với giá rất đắt), đã viết rất rõ ràng về sự nhập thể của Đấng Christ trong cuốn sách thứ hai của bà: "Khi Trinh Nữ sinh ra Lời của Đức Chúa Trời và giữa ban ngày, một ngôi sao sẽ xuất hiện từ phương Đông, báo hiệu một phép lạ vĩ đại cho loài người, thì Con của Đức Chúa Trời vĩ đại sẽ đến với họ, mang hình hài giống như con người. Các nhà chiêm tinh sẽ dâng lên Ngài những món quà – vàng, nhũ hương và trầm hương, và điều đó sẽ làm Ngài hài

---

[4917] Hermes Trismegistus – một nhân vật bán huyền thoại trong lịch sử Hy Lạp cổ đại.

[4918] Socrates – nhà triết học Hy Lạp cổ đại nổi tiếng nhất, sống vào thế kỷ V trước Công nguyên.

[4919] Asclepiades – một bác sĩ nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại.

[4920] Đảo Crete (hay Candia) nằm ở phần trung tâm của Biển Địa Trung Hải, phía nam Biển Aegean.

[4921] Calabria – vùng đất núi non hoang dã, nằm ở phía tây nam nước Ý.

[4922] Trong Hy Lạp cổ đại, người ta gọi những nữ tiên tri lang thang, những người sẵn sàng giúp bất kỳ ai muốn biết tương lai và dự đoán số phận, là các nữ tiên tri (Sibyl). Hoạt động của các nữ tiên tri này đặc biệt phát triển mạnh vào thế kỷ VIII và VII trước Công nguyên – thời kỳ Hy Lạp đạt đến đỉnh cao văn hóa. Các nhà sử học Hy Lạp có đề cập đến các nữ tiên tri ở Erfr, Phrygia, Hellespont và các vùng khác. Thông tin nhiều nhất là về Nữ tiên tri Cumae, người mà theo truyền thuyết của người Hy Lạp cổ đại, đã sống một nghìn năm và là người cùng thời với Tarquinius Superbus (sống cách đây 6 thế kỷ trước Công nguyên). Chính Nữ tiên tri này là nhân vật được đề cập trong cuốn tiểu sử. Theo truyền thuyết Hy Lạp cổ đại, Nữ tiên tri Cumae đã đề nghị Tarquinius mua chín cuốn sách của bà. Ba trong số đó đã được vị vua này mua lại và được lưu giữ như những cuốn sách thiêng liêng tại Đền thờ Capitoline.

[4923] Xem chú thích trước.

lòng.” Cũng về Thập tự giá của Đức Kitô, chính nữ tiên tri Sybil này đã nói: “Ôi, cây thánh phúc lành, trên đó Đức Kitô sẽ bị đóng đinh! Ngươi xứng đáng không phải ở trên đất, mà là trên trời.” Sau đó, bà cũng nói về sự tái lâm: “Vị Vua vĩ đại, Chúa tể của muôn đời, Đấng sẽ phán xét mọi người và cả thế giới, sẽ từ trời giáng xuống. Cả những người tin và không tin đều sẽ thấy Ngài, với tư cách là Đức Chúa Trời chân thật, ngự trên ngai cao và ban thưởng cho mỗi người tùy theo công đức của họ.” – Nếu ngươi còn muốn nghe những lời tiên tri của Apollon ở Pythia[4924] , Ammonius ở Libya[4925] , Dodona[4926] và Pergamum[4927] , thì hãy đọc kỹ các cuốn sách của họ và ngươi sẽ nhận ra Đức Kitô, Thiên Chúa tối cao, Đấng mà họ đã tiên tri và Đấng phải đến để cứu rỗi và đổi mới loài người. Khi Iason, thủ lĩnh của đoàn Argonauts[4928] , hỏi thần Apollon ở Delphi về ngôi đền được coi là cổ xưa nhất tại Athens: “Hãy nói cho chúng tôi biết, nhà tiên tri, Apollon mang hình dáng mặt trời, ngôi đền này sẽ thuộc về ai vào những thời kỳ cuối cùng?” – thì Apollon đã trả lời: “Các ngươi có thể thực hiện các nghi lễ của mình để bày tỏ lòng tôn kính đối với các vị thần, còn ta thì thờ phụng Đấng Thượng Đế Duy Nhất, Đấng ngự trị trên trời, Đấng mà Lời vĩnh cửu của Ngài sẽ được thụ thai bởi một Trinh Nữ tinh khiết. Và như một mũi tên được bắn ra từ cây cung lửa, Lời ấy sẽ lan tỏa khắp vũ trụ, thu phục tất cả và dâng lên Cha như một món quà. Ngôi đền này sẽ thuộc về Mẹ Ngài, và tên của Người là Maria.” – Và một lần nữa, khi Vattos[4929] hỏi chính Apollon về vị thần ấy, ông đã trả lời: “Chỉ có một Đấng duy nhất sẽ gây ra nỗi đau cho ta – đó là Đấng từ trời xuống, Đấng ấy, dù là Thần, vẫn sẽ phải chịu đau khổ, mặc dù bản thể Thần thánh thì không hề đau khổ. Về bản tính Thần và bản tính con người, Ngài sẽ nhận được sự bất tử, sự sống và quyền năng từ Cha, còn từ Mẹ, Ngài sẽ nhận lấy cái chết, thập tự giá và quan tài. Những giọt nước mắt ấm áp sẽ tuôn trào từ đôi mắt Ngài, và Ngài sẽ làm no lòng năm nghìn người bằng năm chiếc bánh. Mọi người sẽ nói về Ngài rằng: “Đức Kitô là Thiên Chúa của tôi, Đấng bị đóng đinh, đã chết, đã sống lại từ nấm mồ và đã lên trời.”

Khi vị thánh trích dẫn những chứng cớ về Đức Kitô là Thiên Chúa từ các sách Hy Lạp, vị quan ngồi im lặng như con rắn câm, không muốn nghe và hiểu lẽ thật. Ông ta nói với vị thánh một cách mỉa mai:

– Ngươi giải thích những việc thiêng liêng cho chúng ta thật xuất sắc, như thể ngươi có chìa khóa và con dấu của thiên đàng vậy! Tuy nhiên, trước khi ta bắt đầu tra tấn ngươi, ta khuyên ngươi nên ngừng những lời nói suông đó; và, hãy từ bỏ đạo Kitô vô lý, hãy tin theo cách cũ cùng chúng ta, như hoàng đế đã ra lệnh. Nếu ngươi không muốn tuân theo, thì để trừng phạt sự cứng đầu của ngươi, ngươi sẽ phải chịu những cực hình tàn khốc. Lúc đó, ngươi sẽ buộc phải làm theo những gì người ta ra lệnh cho ngươi!

Vị thánh tử đạo đáp lại:

– Nếu ngươi không muốn nhận biết Thiên Chúa chân thật, Đấng mà ngươi có thể nhìn thấy bằng đôi mắt thiêng liêng, thì hãy giết chóc và tàn sát thân xác con người, hãy chém và xẻ chúng ta ra từng mảnh vì các thần của ngươi, còn ta sẽ dâng lên Thiên Chúa của ta của lễ ngợi khen. Ngươi gọi chúng ta, những người biết đến Đức Chúa Trời duy nhất, Đấng hằng sống và chân thật, là những kẻ điên rồ. Chẳng phải chính ngươi mới là kẻ điên rồ sao, khi ngươi dâng lễ vật cho những kẻ đã chết và thờ lạy những hòn đá vô tri vô giác? Nếu hòn đá mà ngươi thờ phụng như Thần là vật tốt lành, thì tại sao ngươi lại chặt nó ra và chia nhỏ, rồi sau khi chia thành nhiều mảnh, ngươi lại gọi một mảnh có chút giống con người là Thần, và dâng lễ vật cho nó? Còn những phần còn lại của cùng tảng đá

[4924] Cuốn tiểu sử đề cập đến đền thờ tiên tri của thần Apollon, tọa lạc tại Delphi (thành phố này nằm ở phía tây nam Phocis, dưới chân núi Parnassus). Theo truyền thuyết thần thoại Hy Lạp, chính thần Apollon đã tự chọn Delphi làm nơi lập đền thờ, sau khi tiêu diệt con rồng Python vốn đang cư ngụ tại đây. Các lời tiên tri tại đây được thực hiện bởi những người được gọi là Pythia.

[4925] Livia – tên gọi cổ xưa nhất của châu Phi. Livia thực chất bao gồm hai phần chính: Marmariki và Kerenaiiki; tại phần đầu tiên, trong ốc đảo Siwa, người ta đã xây dựng ngôi đền thần (nơi bói toán) được nhắc đến trong tiểu sử, để tôn vinh vị thần Ammon của Thebes.

[4926] Dodona – là thánh địa cổ xưa nhất của thần Zeus, với đền thờ thần linh và cây sồi thiêng. Nơi này nằm trong vùng Thessaly của Hy Lạp, gần thành phố Skotousa. Theo truyền thuyết của các nhà văn Hy Lạp cổ đại, tại đây, những bà lão giải thích tiếng xào xạc của lá cây sồi, tiếng róc rách của dòng suối chảy ra từ dưới gốc cây sồi và tiếng va chạm của dây kim loại bị gió lay động vào các bình đồng như là tiếng nói của vị thần tưởng tượng. Nơi bói toán này tồn tại cho đến thế kỷ III (trước Công nguyên), khi cây sồi thiêng bị chặt hạ.

[4927] Thành phố Pergam nằm ở vùng Mysia thuộc Tiểu Á, bên hai con sông Selinos và Keteios (ngày nay là Bergama-Çay). Cuốn “Cuộc đời các thánh” đề cập đến bàn thờ khổng lồ từng tồn tại tại đây, được vua Eumenes II (196 – 157 trước Công nguyên) xây dựng và dâng hiến cho thần Zeus để kỷ niệm chiến thắng mà vị hoàng đế này giành được trước người Gaul. Vào cuối những năm 70 của thế kỷ XIX, chính phủ Đức đã tiến hành các cuộc khai quật tại đây, nhờ đó bàn thờ đã được trùng tu (phục hồi). Theo kết quả khai quật, bàn thờ là một công trình hình vuông rộng lớn, mỗi cạnh dài tới 30 sải.

[4928] Theo truyền thuyết thần thoại Hy Lạp cổ đại, các Argonaut là những nhà thám hiểm đã lên tàu Argo để thực hiện chuyến hải trình đầu tiên đến các vương quốc xa xôi.

[4929] Có lẽ là một vị tướng quân Hy Lạp cổ đại.

đó, ngươi lại dùng vào mục đích thấp hèn nào đó, hoặc đổ xuống vùng đầm lầy và giẫm đạp lên. Ngươi cũng làm như vậy với cây gỗ. Sau khi chặt một phần khỏi cây và tạc thành tượng thần từ phần đó, ngươi thờ phụng nó, còn phần còn lại của cây thì ngươi dùng vào mục đích thấp kém hơn hoặc ném vào lửa. Nếu đá hay gỗ là thần, thì mọi hòn đá hay cây gỗ đều phải được tôn kính như thần. Nếu như cả cây cối lẫn đá đều không phải là Thần, thì tại sao ngươi lại cầu xin sức khỏe và sự cứu rỗi từ một khúc gỗ mục nát và một hòn đá vô tri vô giác? Nếu ngươi gọi cả sắt là thần, thì sắt cũng phải tuân theo sức mạnh của lửa; khi bị nung đỏ, nó mất đi độ cứng tự nhiên, trở nên mềm dẻo, đến nỗi có thể bị đập bằng búa. Liệu có thể dùng búa đập vào thần không? Ngươi có gọi lửa là thần không? Nhưng lửa chỉ mạnh chừng nào còn có thứ để đốt; còn nếu không thêm củi, sức mạnh của nó sẽ biến mất, và nước thì dập tắt nó hoàn toàn. Làm sao những thứ như vậy, trong đó cái này hủy diệt cái kia, lại có thể là thần được?

Vị quan, không chịu nổi những lời nói của vị thánh, đã ra lệnh cho một trong những người có mặt ở đó, tên là Archelaus, chém vào cổ vị tử đạo bằng gươm; và vị thánh lập tức cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm, sẵn sàng chết vì Chúa của mình. Khi Archelaus giơ thanh gươm lên cao bằng cả hai tay, định giáng một đòn mạnh vào cổ vị thánh, thì đột nhiên tay chân và toàn thân ông ta yếu đi, ngã xuống đất và trút hơi thở cuối cùng.

Thấy vậy, quan tổng trấn kinh hoàng và ra lệnh dẫn vị tử đạo bị xiềng xích sắt vào ngục tối. Vào ngày thứ sáu sau đó, vị quan lại lại đưa vị tử đạo ra xét xử và ra lệnh đánh ông bằng gân bò với tất cả sức lực, tra tấn thân thể ông bằng những chiếc đinh sắt nung đỏ, đốt các vết thương của ông và xát chúng bằng giấm pha muối.

Sau đó, người ta mang đến một bàn thờ bằng đồng với than hồng. Người ta đặt nhang vào tay phải của vị thánh và giơ tay ngài lên trên than hồng, nghĩ rằng vì đau đớn, ngài sẽ rút tay lại và lúc đó nhang sẽ rơi vào lửa. Trong trường hợp đó, người ta có thể nói rằng ngài đã dâng lễ vật cho các vị thần bằng cách ném nhang vào lửa. Tay của vị thánh được giữ trong tư thế đó khoảng hai giờ, còn ngài, đắm chìm trong suy tư về Thiên Chúa, không để ý đến bàn tay đang bị thiêu đốt, và bàn thờ với ngọn lửa vẫn đứng đó vô ích. Những người chứng kiến đều kinh ngạc trước cảnh tượng này và ca ngợi Đấng Christ, còn vị quan và chúa tể của hắn, ma quỷ, thì cảm thấy bị sỉ nhục. Vị thánh, ngước mắt lên trời, đã nói:

– *"Ngài nắm lấy tay phải con; Ngài dẫn dắt con bằng lời khuyên của Ngài"* (Thánh Vịnh 72:23–24). Tay phải Ngài, lạy Chúa, đã được tôn vinh bởi sức mạnh; tay phải Ngài, lạy Chúa, đã nghiền nát kẻ thù; tay phải của Chúa đã tỏ ra quyền năng; tay phải của Chúa đã nâng con lên!

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh trói tay vị tử đạo lại và treo lên, đồng thời buộc hai hòn đá nặng vào chân ngài. Và trong tư thế ấy, vị thánh đã bị treo lơ lửng trong một thời gian dài: do sức nặng của những hòn đá, các khớp xương trên cơ thể ngài bị lệch khỏi vị trí ban đầu . Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh tháo vị tử đạo khỏi dụng cụ tra tấn, gỡ bỏ những tảng đá và ném vị tử đạo vào lò lửa, vào ngọn lửa dữ dội nhất. Còn vị thánh, khi bước vào lò lửa, đã làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình và dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa. Ngay lập tức, ngọn lửa bùng ra từ lò thiêu, thiêu đốt tất cả những kẻ vô đạo đang đứng gần đó, còn vị thánh thì vẫn bình an vô sự: đối với ngài, ngọn lửa đã biến thành hơi mát.

Phép lạ kỳ diệu này đã khiến tất cả mọi người vô cùng kinh ngạc, và vị quan tổng trấn, vì hoảng sợ, đã chạy trốn vào dinh thự. Một số công dân lúc đó đã la lên với vị quan tổng trấn:

– Hãy giết tên phù thủy này ngay lập tức, vì nếu ngài không làm vậy, cả thành phố sẽ bị cuốn vào phép thuật của hắn.

Và vị quan tổng trấn liền ban ra bản án tử hình cuối cùng, ra lệnh chém đầu vị thánh bằng gươm. Khi ngài được dẫn ra nơi hành quyết, vị thánh xin được dành thời gian để cầu nguyện; ngài quay mặt về hướng đông, giơ hai tay lên trời và hướng mắt lên cao, cầu nguyện cho thành phố, cho người dân, cho những ai đang gặp hoạn nạn, cho người bệnh, trẻ mồ côi và góa phụ, để tất cả đều được sự Quan Phòng của Thiên Chúa che chở. Hơn hết, ngài cầu nguyện để sự vô đạo của những kẻ ngoại đạo sớm được thay thế bằng lòng đạo đức Kitô giáo, và để Giáo Hội thánh của Chúa Kitô ngày càng phát triển, nhân lên và tỏa sáng bằng đức tin chân chính cho đến tận cùng thế kỷ. Khi ngài kết thúc lời cầu nguyện, một tiếng nói từ trời vang lên, hứa sẽ đáp ứng những điều ngài xin, đồng thời kêu gọi chính vị tử đạo này đến hưởng Nước Trời. Lúc đó, thánh tử đạo Prokopius vui mừng cúi đầu cao quý của mình xuống dưới lưỡi gươm và bị chém đứt đầu, hiến dâng mạng sống của mình vì Chúa vào ngày 8 tháng 7 năm[4930] . Một số tín hữu Kitô giáo, vào ban đêm, đã rước thi hài cao quý của ngài, quấn trong tấm vải trắng tinh và xức dầu thơm, rồi an táng ngài một cách trang trọng tại nơi đã được chọn, ca ngợi Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh

[4930] Thánh Tử đạo Prokopios qua đời vào năm 303.

Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng xứng đáng nhận mọi vinh quang và tôn kính, bây giờ và cho đến muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Chúng con được thắp sáng bởi lòng nhiệt thành thiêng liêng dành cho Chúa Kitô, và được che chở bởi sức mạnh của Thánh Giá; ngài đã đánh bại sự lung lay và sự ngạo mạn của kẻ thù, hỡi Thánh Prokopios, và đã nâng cao Giáo hội thánh thiện, giúp chúng con phát triển trong đức tin và soi sáng cho chúng con.

Lễ kính Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, nhân dịp hiện ra của bức tượng Kazan

Ngày kỷ niệm: 8 tháng 7

Năm 1579, dưới triều đại của Sa hoàng Ivan Vasilyevich Grozny, người đã, nhờ ơn Chúa, chinh phục thành phố Kazan, thủ đô của vương quốc Tatar, tại thành phố này, Đức Mẹ đã hiện ra trong giấc mơ của thiếu nữ Matrona. Ngài nói rằng tại chính nơi ngôi nhà của họ đang tọa lạc, có một bức tượng của Ngài được chôn giấu dưới lòng đất, và ra lệnh phải thông báo điều này cho các nhà chức trách tôn giáo và thế tục trong thành phố. Khải tượng này đã lặp lại không chỉ một lần. Matrona đã kể lại điều này cho mẹ mình. Nhưng người mẹ đã phớt lờ những lời của cô con gái nhỏ. Cuối cùng, cô thiếu nữ đã nhìn thấy bức tượng Đức Mẹ trong những tia sáng rực lửa, kèm theo đó là một giọng nói đáng sợ: "Nếu con không truyền đạt những lời của Ta, Ta sẽ hiện ra ở một nơi khác; nhưng con sẽ bị diệt vong!" Lần này, người mẹ đã nghe theo lời cầu xin của con gái, người đang hoảng sợ vì lần hiện ra cuối cùng, và cùng con gái đến gặp tổng giám mục và các quan chức. Nhưng họ không muốn tin lời hai mẹ con. Sau đó, khi trở về nhà, chính người mẹ đã tự tay đào đất tại nơi được chỉ định. Nhiều người khác cũng tham gia cùng bà, nhưng không ai tìm thấy gì cả. Cuối cùng, khi chính thiếu nữ Matrona tự tay đào, bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã được tìm thấy và lấy lên khỏi mặt đất. Bức tượng được rước về nhà thờ trong sự tôn kính cao cả và trở nên nổi tiếng nhờ những phép lạ[4931] .

Bài thánh ca, giọng 4:

Đấng Bào Chữa tận tụy, Mẹ của Chúa Tối Cao, xin cầu thay cho tất cả chúng con trước Con của Mẹ là Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng con, và ban ơn cứu rỗi cho mọi người, những ai nương tựa vào sự che chở uy quyền của Mẹ. Xin hãy bênh vực tất cả chúng con, hỡi Đức Mẹ, Nữ Vương và Chủ Tể, những người đang gặp hoạn nạn, đau khổ và bệnh tật, gánh nặng bởi nhiều tội lỗi, đang đứng trước mặt Ngài và cầu nguyện với tâm hồn xúc động và trái tim tan nát, trước hình ảnh vô cùng thanh khiết của Ngài với những giọt nước mắt, và đặt trọn niềm hy vọng không thể lay chuyển vào Ngài, xin ban cho sự giải thoát khỏi mọi điều ác, những ân huệ hữu ích cho tất cả, và cứu rỗi tất cả, Đức Trinh Nữ Mẹ Thiên Chúa: Vì Ngài chính là sự che chở thiêng liêng cho các tôi tớ của Ngài.

Kondak, giọng 8:

Hỡi mọi người, hãy chạy đến nơi nương náu yên bình và tốt lành này, Đấng trợ giúp nhanh chóng, sự cứu rỗi sẵn sàng và ấm áp, tấm màn che chở của Đức Trinh Nữ, hãy mau mau cầu nguyện, và hãy nỗ lực sám hối: vì Đức Mẹ Đồng Trinh Vô Nhiễm ban cho chúng con những ân sủng dồi dào, luôn sẵn sàng giúp đỡ, và giải thoát những tôi tớ của Ngài, những người có đức hạnh và kính sợ Thiên Chúa, khỏi những tai ương và điều ác lớn lao.

[4931] Thông tin chi tiết về bức tượng thánh này, xin xem trong cuốn sách "Vinh quang Đức Mẹ", Moscow, năm 1907.

Ngày 22 tháng 7

Ngày 9 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Tử đạo Cyril (Xem thêm về ngài vào ngày 6 tháng 9

Lễ kính Thánh Tử đạo Pankratios, Giám mục Tavromene

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 7

Thánh Pankraty xuất thân từ Antioch. Ngài sinh ra vào thời điểm mà Chúa Giêsu Kitô của chúng ta *"hiện ra trên đất và đi giữa loài người"* (Bar 3:38), thực hiện các phép lạ tại Jerusalem và khắp các vùng lân cận cùng các thành phố.

Cha của Thánh Pankraty, người sống tại Antioch, đã nghe nói về những phép lạ vinh quang của Ngài và cùng một số bạn bè cùng con trai mình, cậu bé Pankraty, lên đường đến Jerusalem để được gặp Chúa. Khi chứng kiến Ngài giảng dạy dân chúng, chữa lành mọi bệnh tật và thực hiện vô số dấu lạ và phép lạ, ông đã tin nhận Ngài là Con Thiên Chúa và làm quen với một số Thánh Tông Đồ của Chúa Kitô, nhất là với Thánh Phêrô, Tông Đồ Trưởng; từ thời điểm đó, chàng trai trẻ Pankraty cũng được Thánh Phêrô biết đến.

Sau khi ở lại Giê-ru-sa-lem khá lâu, và được hân hoan chiêm ngưỡng Chúa Kitô cũng như lắng nghe những lời dạy ngọt ngào của Ngài, cha của Pankraty cùng với các bạn bè của mình đã trở về An-ti-ô-ki-a. Sau khi Đức Kitô Cứu Thế tự nguyện chịu khổ nạn và chết, tiếp theo là sự Phục Sinh và Lên Trời của Ngài, một trong các Tông Đồ đã đến Antiôkhia – điều này xảy ra trước khi Thánh Phêrô đến đó và rửa tội cho cha của Pankratius cùng cả gia đình ông. Một thời gian sau, cả cha lẫn mẹ của Pankraty đều về với Chúa; còn Pankraty, sau khi từ chối tài sản thừa kế từ cha mẹ, đã lên vùng núi Pontus[4932] .

Tại đây, trong một hang động, Pankraty sống ẩn dật, ăn chay và cầu nguyện, dấn thân vào việc tự nhận thức và chỉ giao tiếp với Thiên Chúa. Khi Thánh Tông đồ Phêrô rời khỏi Giêrusalem và đi qua các vùng đất đó để rao giảng về Chúa Kitô, ngài đã gặp Pankratius tại Pontus; sau khi nhận ra ngài, ngài đã đưa Pankratius theo mình đến Antiôkhia, rồi cùng ngài đi đến Cilicia, nơi ngài gặp Thánh Tông đồ Phaolô. Tại đây , cả hai vị Tông đồ, Phêrô và Phaolô, đã cùng nhau bổ nhiệm các giám mục: Criscentius tại Galatia, Marcianus tại Syracuse[4933] , còn Pancratius tại Tauromenium, một thành phố ở Sicily[4934] .

Trên đường đến nơi mình sẽ phục vụ, Thánh Pancratius đã lên một con tàu đang hướng về Sicily. Trên con tàu này, cùng đi với Pankratius còn có hai thuyền trưởng là Lykaonid và Romil; ngài đã rao giảng Lời Chúa cho họ, nói về Nước Trời và những mầu nhiệm của ơn cứu độ chúng ta. Ngài đã dẫn dắt họ đến đức tin nơi Đức Kitô và ban phép rửa thánh cho họ.

Khi họ đến thành phố Tavromene, các quỷ dữ ngự trong các tượng thần ở đó đã rơi vào hỗn loạn, và các tượng thần, bị chấn động bởi sự xuất hiện của Pankratius, bắt đầu đổ xuống và vỡ tan tành. Ở đó có những vị thần được người Hy Lạp vô cùng tôn kính: Falcon, Lysippus và Scamandron[4935] , những vị thần mà ngôi đền tọa lạc trên ngọn đồi cao ngay bên bờ biển được dâng hiến.

Ngay khi thánh Pankraty tiến đến ngôi đền này, nó lập tức nứt vỡ và như bị một cơn chấn động khủng khiếp hất xuống biển cùng với tất cả các tượng thần. Lúc đó, trong dân chúng đã xảy ra một sự hỗn loạn lớn.

Thống đốc thành phố, Bonifatius, cũng đến đó; khi nhìn thấy Thánh Pancratius và nghe lời giảng dạy của ngài, ông đã tin vào Chúa Kitô và chịu phép rửa tội. Nhờ những nỗ lực của ngài, được thực hiện để tôn vinh danh Chúa Kitô, trong vòng một tháng, một nhà thờ đã được xây dựng, nơi vị Giám mục của Chúa bắt đầu cử hành thánh lễ, giảng dạy và soi sáng cho dân chúng tụ tập đến với ngài, những người còn mang theo cả những người bệnh của họ: vị thánh đã chứng thực lời giảng dạy của mình bằng các dấu lạ và phép lạ, chữa lành mọi bệnh tật và trừ tà.

[4932] Pontus – một vùng đất từng chiếm phần đông bắc của Tiểu Á trong thời cổ đại. Ngày nay, trên địa bàn của Pontus cổ đại có hai vilayet (tỉnh) của Thổ Nhĩ Kỳ: Trabzon và Sivas.

[4933] Syracuse – một trong những thuộc địa Hy Lạp cổ đại đầu tiên trên bờ đông đảo Sicily, theo truyền thuyết, được người Corinth thành lập vào khoảng năm 753 trước Công nguyên; sau này trở thành thành phố lớn nhất và giàu có nhất trên đảo.

[4934] Sicily – một trong những hòn đảo lớn nhất của Địa Trung Hải, hiện nay thuộc Vương quốc Ý.

[4935] Falcon, Lysippos (hay Liss) và Scamandron là các vị thần cấp thấp trong tôn giáo Hy Lạp cổ đại.

Khi số lượng tín hữu ngày càng gia tăng và gần như toàn bộ thành phố đã được khai sáng bởi đức tin thánh thiện, đến nỗi danh Chúa Kitô bắt đầu lan rộng khắp cả vùng đất ấy, thì ma quỷ đã xúi giục một tên bạo chúa vô đạo tên là Aquilin chống lại các Kitô hữu. Vì lòng thù hận đối với Chúa Kitô và các Kitô hữu, hắn đã dẫn một đoàn quân hùng hậu tiến về Tavromenia để tàn phá thành phố này, đồng thời ra lệnh đánh đập tất cả các Kitô hữu đang sinh sống tại đây.

Khi người dân hoảng sợ trước tin tức này, vị thánh của Đức Chúa Trời đã an ủi họ, thuyết phục rằng họ sẽ không phải chịu bất kỳ tổn hại nào từ kẻ thù. Và khi kẻ thù tiến gần đến thành phố, Thánh Pankraty, như một chiến binh thiêng liêng, đã cùng với các linh mục của mình bước ra đối đầu với chúng, mang theo vũ khí bất khả chiến bại – Thánh Giá của Chúa Kitô và hai bức thánh tượng – Chúa Kitô Cứu Thế và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Ngay lập tức, nỗi sợ hãi dữ dội ập xuống kẻ thù; họ như bị bao trùm trong bóng tối; trước quyền năng của Đức Chúa Trời, họ rơi vào hỗn loạn, trí óc mờ mịt và bắt đầu chém giết lẫn nhau, một số người thậm chí tự đâm mình bằng gươm. Sau đó, ngay khi họ tỉnh táo lại, thoát khỏi màn tối bao trùm và nhận ra rằng họ đang giết lẫn nhau, họ hiểu rằng đó là cách Thiên Chúa trừng phạt họ vì những hành động thù địch chống lại thành phố Kitô giáo. Những người còn sống sót sau trận chiến huynh đệ tương tàn này đã vứt bỏ vũ khí và đến trước mặt vị chiến binh dũng cảm bất khả chiến bại của Chúa Kitô, Thánh Pancratius. Họ quỳ xuống dưới chân thánh nhân, xin tha thứ và khẩn cầu ngài cho họ trở thành Kitô hữu. Và người dân thành phố đã có niềm vui gấp đôi: thứ nhất, họ đã thoát khỏi cuộc xâm lược đáng sợ của kẻ thù, và thứ hai, kẻ thù của họ đã trở thành bạn bè cùng đức tin. Vì vậy, từ đó trở đi, những lời dạy của vị thánh được đón nhận với sự kính trọng còn lớn hơn nữa và mọi mệnh lệnh của ngài đều được tuân theo. Không chỉ thành phố này, mà cả những thành phố lân cận khác cũng được soi sáng bởi đức tin thánh thiện.

Nhưng sau nhiều năm mà Thánh Pankraty dành để chăn dắt đoàn chiên mới được soi sáng của Chúa Kitô, một số người ngoại đạo còn lại ở đó, đặc biệt là những kẻ độc ác và cứng đầu trong sự lầm lạc của mình, đã đồng ý với thủ lĩnh của họ là Artagast và chọn thời cơ thích hợp, bí mật tấn công vị tôi tớ của Chúa và ném đá đến chết. Vậy là Thánh Pankraty, người chứng kiến trực tiếp Chúa Kitô và là người được các Tông đồ ủy thác, đã thực hiện một công trình thánh thiện, kết thúc cuộc đời mình bằng cái chết tử đạo[4936] và cùng với các Thánh Tông đồ, ngài đã hiện diện trước mặt Chúa Kitô, Chúa của ngài, để chiêm ngưỡng Ngài mặt đối mặt trong muôn đời.

Kondak, giọng 4:

Ngài đã tỏa sáng như một vì sao rực rỡ, hỡi Pankratius, và đã trở thành vị tử đạo thánh thiện vì Chúa Kitô: Nay ngài đang đứng trước mặt Ngài, xin cầu thay cho những ai tôn kính ngài, hỡi vị thánh phúc lành.

Cuộc đời và sự chịu khổ của các vị Thánh Cha Patermufius và Kopria, cùng với Alexander, một giáo dân

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 7

Hoàng đế Julian[4937] , ban đầu tin vào Chúa Kitô, nhưng sau đó, dưới sự xúi giục của ma quỷ, lại quay trở lại với tà giáo và trở thành con của Satan, đã lên đường đi chinh chiến với người Ba Tư. Trên đường đến Ba Tư, ông đã làm đổ nhiều máu các thánh, và khi ở Antiôkhia, ông đã bắt giữ hai linh mục Antiôkhia là Eugenius và Macarius; sau khi bị tra tấn kéo dài, hai vị này bị ông đày đến Mauritania để giam cầm. Vào thời điểm đó, ở các sa mạc Ai Cập có hai vị tu sĩ đáng kính là Patermufius và Koprius; họ hoàn toàn đồng lòng và cùng nhau phụng sự Thiên Chúa. Patermufius lớn tuổi hơn và có nhiều kinh nghiệm hơn trong đời sống tu hành, đồng thời rất vững vàng về đức hạnh; còn Koprí, trẻ hơn Patermufius, vẫn chưa hoàn toàn vững vàng trong đời sống tu hành, nên xem Patermufius như người hướng dẫn và cha linh hướng của mình. Trước khi họ phải chịu cực hình, Kopriy đã kể cho Cha Mufiy nghe về một giấc mơ mà ông đã thấy vào ban đêm.

[4936] Thánh tử đạo Pancratius qua đời vào cuối thế kỷ I hoặc đầu thế kỷ II. Hiện nay, di cốt của ngài được an táng tại Rome, trong một nhà thờ ngoại ô được xây dựng để tôn vinh Thánh Pancratius (ngày kỷ niệm của ngài được cử hành trong Giáo hội phương Tây vào ngày 12 tháng 5).

[4937] Hoàng đế Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363.

– Tôi đã thấy, – ông nói, – bầu trời mở ra và một người đàn ông rạng rỡ, tay cầm cây gậy, đang bước về phía tôi. Rồi tôi thấy từ phía bên kia có một người da đen đang đi về phía ông ấy, người này châm lửa và tỏa khói xung quanh mình. Người da đen ấy giơ tay ra và nắm lấy tôi; khi chìm trong làn khói, tôi lâm vào tình trạng cực kỳ nguy khốn và nguy hiểm rình rập từ mọi phía, còn người đàn ông rạng rỡ kia thì đã đi xa khỏi tôi. Lúc đó, một giọng nói vang lên từ trời cao: "Quả của người này sẽ bị xé nát, nhưng sau đó sẽ lại được dùng vào việc thiện." Sau giấc mơ ấy, tôi bừng tỉnh trong sự bối rối.

– Giấc mơ này không hay chút nào! – Patermufius nói. – Tôi e rằng ngươi có thể sẽ xa rời Đức Chúa Trời hằng sống. Kìa, hoàng đế tội lỗi Julian đã từ bỏ Chúa Kitô và phát động cuộc bách hại chống lại Giáo Hội của Thiên Chúa. Tôi nghĩ rằng chúng ta cũng sẽ phải chịu những cực hình. Hãy cẩn thận, con ơi, đừng từ bỏ Chúa Kitô vì sợ hãi trước những cực hình, hay bị mê hoặc bởi những lời hứa về phần thưởng. Hãy kính sợ Thiên Chúa, ghi nhớ các điều răn của Ngài, và hãy can đảm.

Một thời gian ngắn sau giấc mơ đó, hoàng đế Julian đã đến Ai Cập cùng một đạo quân hùng mạnh. Nghe tin có nhiều ẩn sĩ sống trong các sa mạc Ai Cập, ông đã cử binh lính đến đó để bắt giữ tất cả những ai họ tìm thấy. Lúc đó, các vị tu sĩ nói trên, Patermufius và Koprus, đã bị bắt và bị dẫn đến trước quan tra tấn để thẩm vấn. Hoàng đế Julian hỏi vị tu sĩ Patermufius:

– Ông bao nhiêu tuổi rồi, lão già?

Ông đáp:

– Cuộc đời tạm bợ của tôi trên trần gian này đã được bảy mươi lăm năm rồi.

Nhìn sang Koprij, hoàng đế nói:

– Giờ đến lượt ngươi, người trẻ hơn, hãy nói xem ngươi bao nhiêu tuổi?

Kopri trả lời: – Tôi đã bốn mươi lăm tuổi rồi.

Lúc đó, hoàng đế ra lệnh đưa lão Patermufius vào ngục tối, còn Kopria thì được giữ lại và ngài bắt đầu nói với anh ta:

– Hỡi người kia, hãy dâng lễ vật lên các vị thần để tránh khỏi những cực hình đang chờ đợi ngươi. Hãy từ bỏ đức tin Kitô giáo đầy dối trá, thứ chẳng mang lại lợi ích gì cho ngươi cả. Ta trước đây cũng từng tin vào Chúa Kitô, nhưng không thấy được lợi ích gì từ điều đó. Giờ đây, khi tin vào các vị thần bất tử, ta đã được ban cho nhiều ân huệ vĩ đại từ họ. Ta khuyên ngươi cũng nên từ bỏ Chúa Kitô và dâng lễ vật cho các vị thần; khi đó ta sẽ đưa ngươi đến gần ta và ngươi sẽ nhận được nhiều ân huệ từ ta.

Kopriy nín thở lắng nghe hoàng đế. Anh chìm đắm trong sự mê muội và, bị cuốn theo những lời hứa tai hại của ông ta, nói với Julian:

– Bệ hạ đang dạy cho tôi những điều tốt đẹp! Thật may mắn khi tôi đã tìm thấy ở ngài một người thầy và một người hướng dẫn tốt bụng.

Rồi anh ta lớn tiếng thốt lên:

– Từ nay trở đi, tôi là đệ tử của Julian, chứ không phải là người Kitô hữu nữa, và như trước đây tôi đã lầm lạc khi theo đạo Kitô đầy dối trá, thì giờ đây tôi sẽ cố gắng sửa chữa mọi điều – tôi sẽ thờ phụng các vị thần và dâng lễ vật.

Nghe những lời này, hoàng đế vô cùng vui mừng và nói:

– Người này hạnh phúc hơn tất cả những người khác vì đã nhận biết các vị thần cổ xưa của tổ tiên, những vị ban sự sống vĩnh cửu cho thế gian!

Sau những lời đó, Koprij cúi đầu thờ lạy và dâng lễ vật cho thần tượng Apollon, rồi quay lưng lại với Đức Chúa Trời và đón nhận ma quỷ vào lòng mình.

Các Thiên thần thánh đã rời xa anh ta, còn các quỷ dữ thì vây quanh anh ta và hân hoan.

Khi biết Koprij đã quay lưng lại với Đấng Christ, Thánh Patermufi vô cùng đau buồn, khóc lóc và than thở vì anh ta, rồi quỳ gối xuống và cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của muôn quyền năng! Xin đừng hủy diệt kẻ tội lỗi đã vi phạm điều răn của Ngài! Xin hãy nhớ đến những công lao mà ông đã thực hiện trong thời trẻ vì tình yêu dành cho Ngài, xin đừng từ chối ông khỏi sự hiện diện của Ngài, vì ông đã bị lừa dối bởi những lời nói của kẻ phạm luật. Xin thương xót tạo vật của Ngài và hãy nhìn nhận công trình do chính tay Ngài tạo nên!

Sáng hôm sau, hoàng đế ngự lên ngai vàng, còn Koprí đứng bên phải ngài. Ông mặc một chiếc áo choàng màu tím. Khi Patermufi, theo lệnh của hoàng đế, bị dẫn đến để thẩm vấn, Koprí, vừa nhìn thấy anh ta, liền nói:

– Kìa, kẻ lừa dối đã cướp đi hạnh phúc của ta đang đến kia.

Khi vị lão nhân bước đến trước tòa, Koprius hét lên với ông:

– Sao thế, Patermufius? Ngươi thấy đó, ta đang vui mừng, còn ngươi thì phải khóc. Ta không còn là Kitô hữu nữa, mà là tín đồ của Julian.

Patermufi đáp lại:

– Đúng vậy, ta thấy ngươi đang vui mừng, và chính vì thế mà ta khóc thương cho ngươi.

Hoàng đế bấy giờ nói với vị tu sĩ già:

– Đừng khóc nữa, hãy dâng lễ vật lên các vị thần và cùng vui mừng với hắn đi.

Patermufius đáp:

– Niềm vui của anh ta chỉ là tạm thời. Bây giờ anh ta vui mừng, nhưng trong kiếp sau sẽ khóc lóc nếu không ăn năn. Còn tôi thì bây giờ khóc, nhưng sẽ vui mừng trong kiếp sau. Ở đây anh ta khoe khoang trong bộ áo choàng màu tím, nhưng ở đó sẽ trần truồng; bây giờ anh ta no nê, nhưng trong kiếp sau sẽ đói khát. Còn tôi thì bây giờ đang đói khát, nhưng trong kiếp sau sẽ được no nê khi vinh quang của Đức Chúa Trời tôi hiển hiện. Hiện nay, hắn đứng trước mặt ngài, vị vua trần gian, trong số các tôi tớ của ngài với vinh quang, nhưng ở đó, hắn sẽ bị đuổi khỏi mặt Đức Vua trên trời và bị ném vào hỏa ngục cùng với lũ quỷ.

Nói xong, vị tu sĩ già nhìn thẳng vào mặt Kopria và phán:

– Giờ đây ngươi chính là mủ mủ, nơi lũ quỷ đang hân hoan nhảy múa. Vì các Thiên thần đã quay lưng lại với ngươi. Ngươi đã đẩy Đức Chúa Trời ra xa và khoác lên mình hình hài của ma quỷ. Ngươi đã ghét bỏ cuộc sống chân thật, vĩnh cửu, mà lại yêu mến cuộc sống tạm bợ, giả dối. Nhưng hãy nhớ lại những việc làm thời trẻ của con, hãy tỉnh táo lại, từ bỏ sự lầm lạc mà con, thật không may, đã sa vào, và hãy đến với ta, con yêu! Hãy yêu mến Đức Chúa Trời một lần nữa và ăn năn trước Đấng mà con đã phạm tội, và Ngài, nhờ lòng thương xót của Ngài, sẽ đón nhận con và tha thứ cho con những tội lỗi của con.

Khi vị tu sĩ già thốt lên những lời ấy, Koprij cảm động sâu sắc và, trong sự hối hận, đã thốt lên lớn tiếng:

– Khốn khổ cho ta, khốn khổ cho ta, khốn khổ cho ta!

Rồi anh bắt đầu lắc lư từ bên này sang bên kia. Sau đó, anh lấy lại tinh thần, ngước mắt lên trời và nói:

– Giờ đây con không còn là Yulianov nữa, mà lại trở thành môn đệ của Chúa Kitô! Con đã phạm tội khi vi phạm điều răn của Thiên Chúa, con đã làm điều bất chính khi từ bỏ Chúa của con, nhưng chính ở đó mới thể hiện ân sủng của Ngài, lạy Chúa, khi Ngài thương xót con, kẻ đã phạm tội nặng nề đến thế. Xin Ngài, Đấng Yêu Thương Loài Người, hãy thương xót con. Giờ đây con giống như một cây khô, không có trái và lá đã héo tàn. Lời nói của những kẻ vô luật pháp đã lừa dối con, và cơn bão ma quỷ đã nhấn chìm con. Con rắn đang chế nhạo tôi, và các thế lực ma quỷ đang hân hoan vì tôi. Các vì sao trên trời đã rơi vào hỗn loạn, mặt trời và mặt trăng đã che khuất ánh sáng của mình vì tội lỗi lớn lao của tôi, khiến tôi làm buồn lòng Đức Chúa Trời. Nhưng các ngươi, các Thiên thần của Đức Chúa Trời, các vị thánh nhân và cư dân khắp thế gian, hãy tụ họp lại và than khóc cho sự sa ngã của ta và sự mờ mịt của tâm trí ta. Vì ta đã mất đi Đấng Christ, Mặt Trời của sự công chính, và ánh sáng đức tin trong ta đã tắt lịm; mọi vẻ đẹp thiêng liêng đều đã bị tước đoạt khỏi ta.

Sau đó, quay sang hoàng đế, Koprij nói:

– Tại sao ngươi, con quỷ, lại cám dỗ ta? Tại sao, kẻ phạm luật, ngươi lại lôi kéo ta vào con đường diệt vong của ngươi?

Và cởi bỏ bộ áo choàng màu tím, ông ném nó xuống trước mặt hoàng đế, nói:

– Hãy nhận lấy vinh quang mà ngươi đã ban cho ta, còn ta sẽ lấy lại những gì đã mất. Đức Chúa Trời của ta là Đấng nhân từ, Ngài sẽ tái tạo ta, dù chỉ là một trong *những "người làm thuê"* của Ngài (Lc 15:19).

Hoàng đế, khi thấy Koprij lại quay về với Chúa Kitô, liền nổi giận và ra lệnh ngay lập tức nung đỏ một cái chảo sắt lớn. Koprij, nghe lệnh đó, nói:

– Ngài làm đúng đấy, Hoàng đế! Hãy thiêu đốt tôi, xẻ tôi ra thành từng mảnh, để tôi chuộc lại sự sa ngã của mình bằng muôn vàn cực hình. Nhưng trước hết, hãy trừng phạt lưỡi tôi, vì chính nó đã phạm tội trước tiên khi từ chối Chúa Kitô.

Lúc đó, hoàng đế ra lệnh nung đỏ một chiếc thìa sắt nhỏ và đặt nó lên lưỡi của Koprij. Koprij, khi nhìn thấy chiếc thìa nóng đỏ như than, đã nói với thánh Patermufij:

– Xin cha cầu nguyện cho con trước mặt Thiên Chúa, thưa cha, vì con kinh hoàng khi nghĩ đến những cực hình đang chờ đợi con.

Vị tu sĩ già nói với ông:

– Hãy kiên nhẫn, con ơi, với lòng vui mừng, và Chúa sẽ giúp con!

Và khi chiếc thìa chạm vào lưỡi của Kopria, nó dường như lạnh như băng, và lưỡi của Kopria không bị bỏng chút nào. Hoàng đế liền nói:

– Những người này là phù thủy, hãy dẫn họ đến chảo nung đỏ.

Khi họ bị dẫn đi, Koprij nói với vị tu sĩ già:

– Xin thầy cầu nguyện cho con, thưa thầy, vì con rất sợ sự tra tấn.

Vị tu sĩ già nói:

– Đừng sợ, con ơi! Hãy can đảm lên, hãy nhớ lại những việc con đã tự nguyện gánh vác từ thuở ấu thơ trong sa mạc, những việc ăn chay và lao động vất vả mà con đã dũng cảm thực hiện để tôn vinh Đức Chúa Trời. Con còn nhớ không, khi con đã nhịn ăn suốt ba mươi lăm ngày? Con còn nhớ không, khi con "được đóng đinh cùng với Đấng Christ" (Ga-la-ti 2:19), con đã đứng bất động suốt mười hai ngày với hai tay dang rộng thành hình thập tự? Chẳng lẽ ngài đã quên rằng ngài đã nằm trên những tảng đá cứng và những mảnh gốm sắc nhọn sao? Nếu suốt cuộc đời mình, ngài đã sẵn lòng chịu đựng tất cả những điều đó vì Chúa Kitô, thì tại sao bây giờ ngài lại sợ nỗi đau đớn này, vốn chỉ kéo dài có một giờ?

Kopriy, được những lời đó khích lệ, với khuôn mặt rạng rỡ, không chút sợ hãi, đã cùng vị tu sĩ già tiến về phía chiếc chảo. Khi họ bước lên đó, Patermufiy nói:

– Anh em Koprij, hãy ngước mắt lên trời!

Kopriy ngước mắt lên trời và nói:

– Con thấy các Thiên thần đang tiến lại gần, đầu họ được bao phủ bởi sương. Con xin cha, hãy nói với họ đừng giận con vì con đã từ bỏ Chúa Kitô.

Và như vậy, cả hai bước lên chảo và đi lại như trên đồng cỏ, chế nhạo kẻ tra tấn, vì chảo lập tức nguội hẳn. Thấy vậy, kẻ tra tấn càng nổi giận hơn và ra lệnh đốt lò thật mạnh để ném các vị tử đạo vào đó thiêu sống. Khi lò đang được đốt nóng, một trong những binh sĩ của nhà vua tên là Alexander tiến đến gần Koprij và nói:

– Koprij! Ban đầu ngươi đã dâng lễ vật cho các vị thần, mà giờ lại không muốn. Hãy quay lại với chúng ta để thoát khỏi cái chết trong lửa đi.

Thánh Koprij trả lời anh ta:

– Ôi, giá như tội lỗi đầu tiên mà ta đã phạm trước mặt Chúa Kitô được Chúa tha thứ! Dù có gom hết nước biển, tất cả các con sông, các suối nguồn, và từng giọt nước rơi xuống từ trời, thì tất cả những thứ đó cũng không đủ để rửa sạch vết nhơ tội lỗi của tôi. Tuy nhiên, tôi không tuyệt vọng trước lòng thương xót của Đấng Chủ Tể nhân từ của tôi.

Alexander, cảm động trước những lời của Kopria, nói:

– Tôi cũng muốn trở thành chiến binh của Vị Vua mà các anh đang phụng sự!

Và rồi Koprij đã dạy anh ta về đức tin chân chính và dẫn dắt anh ta đến với Chúa Kitô.

Khi lò đã được đốt lên thành ngọn lửa rực rỡ và các vị thánh tử đạo bước vào đó, Alexander đi theo họ và nói:

– Con sẽ đi cùng các ngài, hỡi các vị cha thánh thiện! Xin hãy đưa con vào lò lửa, vì danh Chúa Kitô!

Họ nắm lấy tay anh và cùng nhau bước đi, nhưng rồi Alexander giật tay ra khỏi tay họ và đi một mình ở phía trước. Khi họ đến gần lối vào lò nung, một ngọn lửa lớn bùng ra từ lò nung lao về phía Alexander, nhưng không thiêu đốt anh, và Alexander nói, hướng về ngọn lửa đó:

– Nếu ngươi theo lệnh của Đức Chúa Trời mà xuất hiện để thiêu đốt ta, thì hãy thiêu đốt kẻ tội lỗi này đi!

Nghe những lời ấy, ngọn lửa chia làm hai phần và trở thành hai bức tường, giống như nước Biển Đen xưa kia (Xuất Hành, chương 14), mở đường cho anh đi giữa hai bức tường đó. Và Alexander bước vào trong lò, không bị ngọn lửa làm hại, và khi thấy các Thiên thần của Chúa ở đó, anh nói với họ:

– Tôi xin các ngài, các vị chủ nhân của tôi, hãy cứu tôi, kẻ tội lỗi này!

Các Thiên thần đáp lại:

– Chính vì thế mà chúng tôi được Đức Chúa Trời sai đến đây, để cứu ngài.

Và họ đưa linh hồn ông về với Chúa, còn thi thể ông, dù đã chết, vẫn còn nguyên vẹn trong lửa. Sau đó, các vị thánh cha Patermufi và Koprî cũng bước vào, cũng không bị lửa làm hại, và ở lại gần thi thể của Alexander, ca ngợi Chúa.

Khi lò lửa tắt, các thánh được dẫn ra trước mặt hoàng đế còn sống và nguyên vẹn, không hề hấn gì bởi ngọn lửa, còn thi thể của thánh Alexander cũng được mang ra mà không hề bị lửa làm tổn hại, và từ thi thể ấy toát ra một mùi hương thơm ngát. Hoàng đế lúc đó ngạc nhiên nói:

– Các vị thần của chúng ta thật vĩ đại, còn Chúa Kitô thì chẳng là gì cả!

Sau đó, ông lại bắt các thánh phải thờ lạy các thần tượng. Còn Thánh Patermufius thì nói với ông:

– Vì ngài ra trận không phải để tôn vinh danh Chúa, nên ngài sẽ không trở về được, mà sẽ bị thương nặng và chết một cái chết khủng khiếp.

Lúc đó, hoàng đế nổi giận dữ dội và ra lệnh chém đầu các vị thánh bằng gươm.

Các thánh được dẫn ra khỏi thành phố đến nơi hành quyết. Tại đó, trước khi trút hơi thở cuối cùng, họ dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, và bỗng từ trời vang lên một tiếng nói ca ngợi Thánh Patermufius, tha thứ cho Thánh Kopria và mời gọi cả hai đến sự an nghỉ vĩnh cửu.

Lúc đó, họ vui mừng cúi đầu đón nhận lưỡi gươm và qua đời, dâng hiến cuộc đời mình vì Chúa.

Còn Julian, kẻ vô đạo, đã ra trận chống lại người Ba Tư, bị quân Ba Tư đánh bại và, như thánh Patermufius đã tiên đoán, không bao giờ trở về quê hương mình.

Sự ra đi của các thánh tử đạo Patermufius và Kopria, cùng với thánh Alexander, diễn ra vào ngày thứ chín của tháng Sáu[4938] . Vào thời điểm đó, kẻ phạm luật Julian đang cai trị người La Mã, còn Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, đang cai trị các Kitô hữu; Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần xứng đáng nhận được vinh quang, danh dự và quyền năng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Patermufius

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 7

Theo lời kể của Koprion, Patermufius ban đầu là một kẻ thờ thần tượng. Ông ta đứng đầu một băng cướp, trộm cắp và thậm chí cướp quần áo của những người đã được chôn cất, thực hiện đủ loại tội ác và hành vi ghê tởm khác, và tin đồn về những hành vi xấu xa của ông ta lan truyền khắp các vùng đất Ai Cập. Sự hoán cải của ông đến với Chúa đã diễn ra vì lý do sau đây.

Một đêm nọ, hắn trèo lên mái nhà nơi một trinh nữ đã hiến dâng mình cho Đức Chúa Trời đang sinh sống. Hắn định tháo dỡ mái nhà, rồi chui vào trong để thực hiện hành vi tàn ác mà hắn đã toan tính. Tuy nhiên, dù cố gắng thế nào đi chăng nữa, hắn cũng không thể tháo dỡ được mái nhà và, vì mệt mỏi, hắn đã ngủ thiếp đi tại đó.

Trong giấc mơ, anh ta thấy một người đàn ông rực rỡ ánh sáng, mặc trang phục của vua, người đã nói với anh ta:

– Từ nay trở đi, hãy chấm dứt những hành vi ác độc của ngươi, đừng đổ máu người, đừng trộm cắp và đừng phạm những tội ác khác nữa! Hãy ăn năn và bắt đầu làm những việc thánh thiện, hãy nhận lấy sứ mệnh của các Thiên thần và sống phần đời còn lại trong đức hạnh; còn ta sẽ phong ngươi làm thủ lĩnh và hoàng tử chỉ huy quân đội của ta.

Patermufius hứa rằng ngay lập tức anh ta sẽ tận tâm tuân theo những mệnh lệnh này. Vị hiện ra lúc đó đã chỉ cho anh ta thấy cả một đội quân tu sĩ và ra lệnh cho anh ta đảm nhận quyền chỉ huy họ.

Trong khi giấc mơ vẫn tiếp diễn, đêm trôi qua và ánh sáng ban ngày bừng lên. Cô gái bước lên mái nhà và, khi thấy người đàn ông đang ngủ ở đó, liền hoảng sợ tột độ. Còn Patermufius, vừa tỉnh giấc và nhìn thấy cô gái đang đứng trước mặt, rơi vào trạng thái bàng hoàng và hoang mang. Khi cô gái bắt đầu hỏi anh ta: anh là ai, từ đâu đến và với mục đích gì, thì anh ta không trả lời bất kỳ câu hỏi nào của cô mà chỉ xin cô chỉ cho anh ta biết nhà thờ Kitô giáo ở đâu. Cô gái, nhận ra đây là công việc của Chúa đang diễn ra trước mắt mình, đã dẫn anh ta đến nhà thờ và giới thiệu anh ta với các linh mục.

Khi nhìn thấy các vị trưởng lão, anh ta quỳ xuống dưới chân họ, nước mắt lưng tròng, van xin họ hãy cho anh ta trở thành Kitô hữu và dẫn dắt anh ta trên con đường sám hối. Các vị trưởng lão, vì biết rõ anh ta, nên rất ngạc nhiên và không tin lời anh ta, họ chỉ thấy trong những lời cầu xin của anh ta là sự xảo trá và lừa dối. Nhưng khi anh ta bắt đầu khóc và tiếp tục khẩn cầu không ngừng, họ nói với anh ta:

[4938] Các thánh tử đạo Patermufius và Kopria qua đời vào nửa sau thế kỷ IV.

– Nếu ngươi từ bỏ hoàn toàn những hành vi xấu xa của mình, sống một cuộc đời tốt đẹp và làm điều thiện, chúng ta sẽ đón nhận ngươi vào cộng đồng Kitô giáo.

Anh ta hứa sẽ tuân theo mọi điều họ truyền dạy, và sau đó các linh mục đã cử hành nghi thức công bố[4939] cho anh ta, rồi vài ngày sau đó, họ đã rửa tội cho anh ta. Sau khi nhận phép rửa tội, Patermufius xin các linh mục ban cho anh một điều răn nào đó, để khi tuân giữ điều răn ấy, anh sẽ được củng cố trên con đường dẫn đến sự cứu rỗi, và họ đã dạy anh thuộc lòng ba câu đầu tiên của Thánh vịnh thứ nhất. Sau khi suy ngẫm kỹ về những câu này, anh nói:

– Điều này là đủ cho sự cứu rỗi của tôi.

Ba ngày sau khi được rửa tội, ông lên sa mạc và dành nhiều thời gian ở đó, ngày đêm cầu nguyện và khóc lóc, sống bằng rễ cây mọc ở đó. Sau đó, ông trở lại nhà thờ, đã quen không chỉ thuộc lòng ba câu thơ ấy mà còn thực hành chúng trong cuộc sống. Các linh mục, ngạc nhiên trước sự thay đổi tích cực này ở anh, cũng như lối sống tiết chế phi thường của anh, đã muốn giữ ông lại bên mình để dạy ông cách đọc, nhưng sau khi sống cùng họ một tuần, ông lại trở về sa mạc và ở đó suốt bảy năm, không còn ăn rễ cây và cỏ nữa, mà là bánh mì do Thiên Chúa ban cho ông mỗi tuần một lần. Mỗi ngày Chủ nhật, ngài đều thấy trước mặt mình một ổ bánh mì tinh khiết, được mang đến bởi một bàn tay vô hình, và sau khi nếm thử ổ bánh mì đó với lòng biết ơn, ngài lại nhịn ăn cho đến Chủ nhật tiếp theo mà không cảm thấy kiệt sức vì đói. Đức Chúa Trời đã ban cho ngài ân sủng để hiểu được các sách thánh, và ngài thuộc lòng toàn bộ Kinh Thánh.

Bảy năm sau, theo ý Chúa, Thánh Patermufius lại trở về từ sa mạc đến vùng đất có người ở để mang lại lợi ích cho nhiều người, và nhờ lối sống khổ hạnh của mình, ngài đã thu hút được nhiều người đến với ngài. Các môn đệ của ngài noi gương các đức tính của ngài trong mọi việc.

Có một thanh niên đến gặp ngài, mong muốn trở thành môn đệ của ngài. Vị thánh, sau khi nhận anh ta làm môn đệ, đã mặc cho anh ta bộ áo tu sĩ, gồm một chiếc áo rách bằng lông thú, một chiếc mũ trùm đầu và một tấm da dê – thứ mà các tu sĩ thường gọi là "milot" hoặc "milotar" – và dạy anh ta lối sống tu hành thánh thiện.

Còn vị thánh Patermufius có thói quen thăm viếng người bệnh, chứng kiến giây phút họ trút hơi thở cuối cùng và chôn cất người đã khuất, đồng thời chính ngài tự tay lo việc mặc áo tang cho họ. Thấy sự tận tụy của vị trưởng lão trong việc chôn cất người đã khuất, chàng trai trẻ ấy nói với ngài:

– Thưa Cha! Con mong rằng khi con qua đời, Cha sẽ mặc áo tang cho con và chôn cất con.

Vị cha trả lời:

– Con ơi, cha sẽ làm như vậy, và cha sẽ mặc quần áo cho con cho đến khi chính con nói: "Đủ rồi."

Không lâu sau, vị tu sĩ trẻ ấy qua đời; còn vị trưởng lão, theo phong tục, quấn thi thể anh ta bằng áo tang và che mặt anh ta lại, rồi nói:

– Con ơi, như thế này đã đủ để an táng chưa, hay cần thêm gì nữa không?

Lúc đó, người đã khuất, trước sự chứng kiến của mọi người, đáp lại:

– Đủ rồi, thưa cha!

Tất cả những người có mặt tại đó đều kinh ngạc trước phép lạ này và bắt đầu tôn vinh vị tu sĩ già như một vị thánh làm phép lạ. Tuy nhiên, không chịu nổi sự ca ngợi của họ, ngay sau khi an táng người đã khuất, ông đã lặng lẽ rời đi, bí mật khỏi mọi người, vào sa mạc.

Tuy nhiên, một thời gian sau, vị tu sĩ già lại trở về thăm các anh em tu sĩ, những người mà ông là người hướng dẫn trong đời sống tu hành. Lúc đó, Thiên Chúa đã mặc khải cho ông biết rằng một anh em tu sĩ, đang sống trong một căn phòng ẩn dật riêng biệt gần một ngôi làng, đã mắc bệnh hiểm nghèo, và vị thánh nhân vội vã đến thăm anh ta. Vì quãng đường đến đó khá xa, nên vị thánh đã bị trễ trên đường. Mặt trời đã lặn, và vị thánh không muốn đi vào làng đó vào ban đêm, tuân theo lời Chúa: *"Hãy đi khi còn ánh sáng, để bóng tối không bao trùm các ngươi"* (Giăng 12:35), và còn: *"Ai đi ban ngày thì không vấp ngã"* (Giăng 11:9). Lúc đó, được thúc đẩy bởi sức mạnh của đức tin, vị thánh đã hướng về mặt trời đã lặn được một nửa và thốt lên những lời sau:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, xin mặt trời hãy dừng lại trên đường đi và chờ đợi cho đến khi tôi bước vào làng.

Và mặt trời, vốn đã lặn được một nửa, bỗng dừng lại và chỉ chiếu sáng bằng một nửa, chờ đợi cho đến khi vị thánh bước vào làng. Còn dân làng thì kinh ngạc khi thấy mặt trời không lặn trong một thời gian dài như vậy, họ

[4939] Lưu ý về việc công bố, xem trong tiểu sử của vị tử đạo vĩ đại Procopius, ngày 8 tháng 7

tụ tập lại giữa làng và ngắm nhìn phép lạ đó. Một lúc sau, họ thấy vị thánh Patermufius đang đi từ sa mạc vào làng của họ; khi gặp ngài, họ hỏi về lý do tại sao mặt trời lại dừng lại một cách kỳ diệu như vậy. Ngài nói với họ:

– Các ngươi chẳng nhớ những lời của Chúa, được chép trong Phúc Âm và dạy chúng ta phải có đức tin sao? *"Nếu các ngươi có đức tin bằng hạt cải,"* thì các ngươi có thể dời cả núi (Mt 17:20). Ai có thể dời núi nhờ đức tin, thì cũng có thể dùng đức tin ấy để làm mặt trời ngừng lại trên quỹ đạo của nó.

Khi ngài nói xong, mọi người đều hiểu rằng mặt trời đã dừng lại vì ngài, và mặt trời đã lặn ngay khi ngài bước vào làng. Lúc đó, tất cả đều kính cẩn cúi đầu trước vị tu sĩ già và đi theo ngài khi ngài lên đường đến thăm người anh em đang ốm. Khi bước vào phòng của anh ta, vị tu sĩ thấy anh ta đã qua đời trong Chúa. Ông dâng lời cầu nguyện, tiến lại gần anh ta, hôn lên thi thể anh ta và nói:

– Anh em ơi, điều gì làm anh vui lòng hơn: sống với Chúa sau khi rời xa chúng ta, hay ở lại với chúng ta thêm một thời gian nữa, trong thân xác này?

Người đã chết lập tức sống lại, mở mắt ra, ngồi dậy trên giường và nói:

– Tại sao cha lại hồi sinh con, thưa cha? Thà con được về với Chúa Kitô và ở cùng Ngài còn hơn, con không muốn sống trong thân xác này nữa!

Lúc đó, vị tu sĩ già nói với anh ta:

– Hãy an nghỉ trong bình an và cầu nguyện cho con!

Và người ấy nằm xuống và lại an nghỉ.

Tất cả những người có mặt tại đó đều kinh hoàng và nói:

– Quả thật, đây là một người của Chúa.

Còn vị tu sĩ, sau khi chuẩn bị thi thể người quá cố để an táng, đã dành cả đêm để hát thánh vịnh, và vào buổi sáng, sau khi an táng thi thể một cách trang trọng, ngài rời khỏi đó.

Một lần khác, vị thánh nhân đến thăm một anh em khác, người cũng đang mắc bệnh hiểm nghèo. Thấy người bệnh sợ hãi cái chết vì những tội lỗi của mình, ngài nói với anh ta:

– Tại sao con, hỡi con cái, lại chưa sẵn sàng để ra đi? Dường như lương tâm, người tố cáo con, muốn đi cùng con đến đó.

Người bệnh nói:

– Xin cha, xin cha cầu nguyện với Chúa cho con, để Ngài ban cho con thêm chút thời gian để sám hối.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Giờ đây con mới tìm kiếm thời gian để sám hối, còn những khoảng thời gian đã qua thì sao? Con đã làm gì trong những ngày tu hành của mình? Con không những chưa kịp chữa lành những vết thương cũ, mà còn liên tục gây ra thêm những vết thương mới.

Tuy nhiên, người bệnh vẫn không ngừng nài nỉ vị tu sĩ già trong nước mắt, xin ông cầu nguyện cho mình trước Chúa. Lúc đó, vị tu sĩ già nói:

– Nếu từ nay trở đi ngươi không tiếp tục phạm tội này nối tiếp tội kia, thì chúng ta sẽ cầu nguyện cho ngươi. Chúa là Đấng yêu thương loài người, nhân từ và kiên nhẫn, Ngài sẽ ban cho ngươi một khoảng thời gian để tẩy sạch tội lỗi của ngươi.

Nói xong, ông quỳ gối cầu nguyện, và sau khi cầu nguyện xong, ông đứng dậy và nói với người bệnh:

– Chúa ban cho con thêm ba năm để sống trên trần gian – chỉ cần con thực sự ăn năn sám hối!

Rồi nắm lấy tay người ấy, vị thánh nhân đã giúp anh ta đứng dậy khỏe mạnh và dẫn anh ta theo mình vào sa mạc.

Ba năm sau, ngài lại cùng người ấy trở về với các tu sĩ và giới thiệu người ấy với họ như một Thiên Thần của Đức Chúa Trời. Rất nhiều tu sĩ đã tụ tập lại để lắng nghe những lời ngọt ngào của vị thánh, và ngài đã giảng cho họ về những thành quả của sự sám hối. Cuộc trò chuyện kéo dài đến giờ kinh sáng, và trong lúc trò chuyện, người anh em đã hoàn thành ba năm sám hối dường như chìm vào giấc ngủ và phó thác linh hồn mình vào tay Chúa, không bệnh tật cũng không sợ hãi, như thể đang chìm trong giấc ngủ ngọt ngào.

Còn có ghi chép về vị thánh Patermufi rằng ngài đã nhiều lần băng qua sông Nile trên mặt nước. Và có một lần, khi một số tu sĩ tụ họp trong một căn phòng nhỏ và, với cửa đóng kín, đang trò chuyện về sự cứu rỗi linh hồn, vị thánh đã hiện ra giữa họ, giống như ngày xưa Chúa Kitô đã hiện ra giữa các Tông đồ. Thánh Patermufi, người tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa, đã thực hiện những phép lạ vĩ đại như vậy. Ngài đã về với Chúa sau khi dành nhiều năm để phụng sự Thiên Chúa[4940] .

Lễ kính Thánh Kopria.

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 7

Thánh Koprí, người đã tận mắt chứng kiến Thánh Patermufi và là người kể lại các phép lạ của ngài, mang chức vụ linh mục và cũng được Chúa ban ân sủng làm phép lạ. Ngài sống tại những vùng đất Ai Cập đó, chữa lành các bệnh tật khác nhau cho con người và trừ tà ma. Một lần nọ, khi ngài đang kể cho các anh em tụ tập quanh ngài nghe về cuộc đời của Thánh Patermufius và các thánh khác, nhằm mang lại lợi ích cho linh hồn họ, thì có một anh em, vì không tin những lời kể của ngài, đã không lắng nghe và chìm vào giấc ngủ. Nhưng trong giấc ngủ, anh ta thấy trong tay Thánh Coprian có một cuốn sách được viết bằng chữ vàng, chính từ cuốn sách đó ngài đang kể chuyện cho các anh em. Bên cạnh ngài đứng một người đàn ông rạng rỡ, dáng vẻ trang nghiêm, tóc đã điểm bạc. Người đàn ông này, sau khi liếc nhìn người đang ngủ gật một cách nghiêm khắc, đã nói:

– Tại sao ngươi không tin những điều được nói, mà lại không lắng nghe, lại còn ngủ gật!

Vị tu sĩ, giật mình tỉnh giấc vì cơn ác mộng, lập tức kể lại cho những người khác về những gì mình đã thấy, và từ đó trở đi, ông bắt đầu lắng nghe tất cả những bài giảng của Thánh Kopria với lòng tin và sự chú tâm.

Một lần nọ, có mấy vị tu sĩ lang thang đến gặp vị thánh để nghe những bài giảng về sự cứu rỗi linh hồn. Lúc đó, một người dân làng mang theo một cái bình đầy cát đến trước cửa phòng tu và đứng chờ cho đến khi vị thánh kết thúc bài giảng. Các tu sĩ, khi thấy người đàn ông và cát, liền hỏi vị thánh:

– Cát này được mang đến để làm gì?

Vị tu sĩ trả lời:

– Thật ra, hỡi các con, ta không nên nói với các con về điều này, để khỏi bị coi là tự hào về những việc làm của Đức Chúa Trời và để khỏi mất phần thưởng cho những công lao của mình. Nhưng vì ta thấy các con đã trải qua một hành trình dài và gian nan để đến với chúng ta, nên ta sẽ không giấu diếm điều này, mà vì lợi ích của các con, ta sẽ kể cho các con nghe những việc làm của Chúa, những điều mà Chúa đã thương xót thực hiện qua chúng ta, những kẻ tội lỗi. Đất đai của ngôi làng nằm gần chúng tôi rất cằn cỗi, và từ lúa mì gieo trên đồng ruộng, thu hoạch được chỉ vừa đủ để gieo lại. Một loại sâu bọ nào đó gặm nhấm mầm non và cắn xé bông lúa trước khi chúng chín. Tất cả cư dân của ngôi làng đó đều là những kẻ thờ thần tượng, nhưng nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, chúng tôi đã dẫn dắt tất cả họ đến với đức tin thánh thiện và làm phép rửa tội cho họ. Sau khi trở thành Kitô hữu, họ đến gặp chúng tôi và nài nỉ chúng tôi cầu nguyện cho họ trước mặt Đức Kitô, để Ngài ban cho đất đai của họ sự màu mỡ. Chúng tôi nói với họ:

– Chúng tôi sẽ cầu nguyện, nhưng các bạn phải có đức tin vững chắc nơi Đức Chúa Trời.

Lúc đó, họ hứa sẽ giữ vững đức tin và, sau khi hái đầy cát từ mảnh đất mà đôi chân tội lỗi của chúng ta đang bước đi, họ bắt đầu xin tôi, nhân danh Chúa, ban phước cho cát này như những hạt giống. Tôi nói với họ:

– Nguyện điều các bạn mong ước sẽ thành hiện thực theo đức tin của các bạn!

Họ về đến nhà, trộn cát đó với hạt lúa mì và gieo tất cả ra đồng ruộng. Và thế là họ thu hoạch được một vụ lúa mì bội thu, nhiều hơn bất kỳ vùng nào ở Ai Cập. Kể từ đó, hàng năm các nông dân đều đến gặp chúng tôi và mang cát đến để xin ban phước. Niềm tin của họ không bao giờ phụ lòng và họ luôn có mùa màng bội thu.

Thánh Koprij, một lần nọ đã tranh luận về đức tin trước dân chúng với một kẻ dị giáo theo phái Manichaeism[4940] , và khi thấy rằng mình không thể chế ngự được kẻ kiêu ngạo hay nói nhiều đó bằng những lời lẽ khiêm nhường và hiền lành, ngài đã muốn chứng minh sự đúng đắn của đức tin mình bằng hành động. Ngài ra lệnh đốt một đống lửa lớn và gọi tên dị giáo đó đến đó cùng mình, để làm rõ đức tin của ai là đúng: “Ai không bị thiêu cháy,” vị thánh nói, “thì người đó mới là người tin đúng.” Còn tên Manichean thì nói với ngài:

– Trước tiên, ngài hãy bước vào đi!

[4940] Thuyết Mani – một tà thuyết, là sự pha trộn giữa Kitô giáo với những nguyên lý của tôn giáo Ba Tư Zoroaster. Người sáng lập thuyết Mani là Manes, một pháp sư Ba Tư. Manes dạy rằng từ thuở khai thiên lập địa đã tồn tại hai vương quốc độc lập – thiện và ác, luôn ở trong tình trạng đấu tranh không ngừng với nhau. Theo giáo lý của Manes, con người cũng được cấu thành từ sự kết hợp của hai yếu tố – ánh sáng và bóng tối – và dường như có hai linh hồn – thiện và ác – luôn đấu tranh với nhau. – Trong đời sống, các tín đồ Manichaeism rất tiết chế: họ rao giảng sự độc thân và ăn chay liên tục. – Tôn giáo Manichaeism đã lan rộng khá mạnh mẽ vào thế kỷ III và IV.

Vị thánh bước vào ngọn lửa, nhưng ngọn lửa trước mặt ngài tách ra hai bên, và trong vòng nửa giờ, ngài đứng trên than hồng như đứng trên cỏ, không hề hấn gì; ngài bước ra khỏi ngọn lửa mà không bị thương tích – thậm chí lửa cũng không chạm vào áo quần của ngài. Thấy vậy, dân chúng vô cùng kinh ngạc và ca ngợi Đức Kitô, Thiên Chúa. Còn kẻ dị giáo thì không chịu bước vào, nhưng dân chúng đã ném hắn vào ngọn lửa và hắn lập tức bắt đầu bị thiêu cháy ở đó. Tuy nhiên, dù đã bị bỏng khắp người, hắn vẫn kịp nhảy ra khỏi ngọn lửa và chạy trốn. Dân chúng bắt được hắn, la lên:

– Hãy thiêu sống kẻ dị giáo!

Thánh Koprij đã xoa dịu sự phẫn nộ của dân chúng và thả tên dị giáo, người đã bị cháy xém như than hồng, ra về còn sống.

Gần phòng tu của mình, vị tu sĩ già có một khu vườn nhỏ; trong khu vườn đó, ngài trồng các loại ngũ cốc và trái cây, dùng để nuôi sống những người lữ hành đến thăm ngài. Một kẻ thờ thần tượng đã lẻn vào khu vườn đó vào ban đêm, ăn cắp bao nhiêu trái cây mà hắn có thể mang đi được, và khi về đến nhà, hắn bắt đầu nấu một phần trong số đó trong nồi trên bếp lửa. Nhưng đã hơn ba giờ trôi qua, hắn đã đốt rất nhiều củi, nhưng trái cây không những chưa chín mà ngay cả nước trong nồi cũng không nóng lên. Sự việc kỳ lạ này khiến tên trộm vô cùng ngạc nhiên; nhận ra tội lỗi của mình và hiểu được quyền năng của Chúa Kitô đang hoạt động nơi các Kitô hữu, hắn đã mang tất cả những gì đã trộm được, thậm chí cả những gì đã ở trong nồi, đến đặt dưới chân vị tu sĩ, thú nhận hành vi trộm cắp của mình. Đồng thời, hắn xin vị tu sĩ tha thứ và khẩn cầu được trở thành Kitô hữu. Lúc bấy giờ, vị tu sĩ đang tiếp đón nhiều người lữ hành; tất cả đều vui mừng trước sự hoán cải kỳ diệu của người đàn ông ấy về với Chúa Kitô, được nếm trải những ân sủng ấy và tạ ơn Thiên Chúa. Ngoài những phép lạ này, Thánh Koprí, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, còn thực hiện nhiều phép lạ khác nữa và đã an nghỉ trong bình an[4941] . Ngài đã được hưởng phần thưởng ngang hàng với Thánh Patermufi trong Nước Trời của Chúa Giêsu Kitô, Đấng xứng đáng nhận vinh quang và tôn kính cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của Thánh Phêrô, Giám mục Edessa

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 7

Tại thành phố Edessa[4942] có một người đàn ông tên là Simeon, có vợ là Maria. Cả hai đều là những người đạo đức, kính sợ Thiên Chúa và tuân giữ các điều răn của Ngài một cách thánh thiện. Vì họ giàu có, nên họ thường làm việc bác ái rất nhiều. Họ chỉ có một cô con gái duy nhất, và họ rất mong muốn có một đứa con trai. Vì vậy, họ đã đi đến nhiều nhà thờ của Thiên Chúa, ăn chay và cầu nguyện, xin Thiên Chúa ban cho họ một người con trai.

Một lần nọ, vào Mùa Chay Thánh, cụ thể là vào ngày thứ Bảy của tuần đầu tiên trong Mùa Chay, khi người ta kỷ niệm ngày lễ Thánh Đại Tử Đạo Theodore Tyron, cả hai đã mang lễ vật đến Nhà thờ Các Thánh Tông Đồ để dự Thánh Lễ Sáng. Trong lúc tham dự thánh lễ, cả hai cùng lúc chìm vào một cơn buồn ngủ nhẹ, và mỗi người riêng rẽ đều được ban cho một thị kiến. Họ thấy Thánh Tông đồ Phaolô đang đứng trong nhà thờ cùng với Thánh Đại Tử đạo Théodore de Tyr. Thánh Đại Tử đạo nói với Thánh Tông đồ, đồng thời chỉ tay về phía Siméon và Maria:

– Hỡi môn đệ của Chúa, những người này đang tha thiết cầu xin Thiên Chúa ban cho họ một đứa con trai. Hãy cầu thay cho họ trước mặt Thiên Chúa, để lời cầu xin của họ được đáp ứng và để những của lễ họ dâng cho nhà thờ cùng những việc bố thí của họ được đền đáp xứng đáng.

Và họ thấy vị Tông đồ đặt một đứa trẻ trai vào tay họ, nói rằng:

– Này, các ngươi đã có con trai rồi!

Vị Đại Tử Đạo bèn nói:

– Hãy đặt tên cho nó là Theodore, vì quả thật, đứa trẻ này sẽ là ân huệ của Thiên Chúa[4943] .

[4941] Thánh Kopria qua đời vào thế kỷ IV.

[4942] Thành phố Edessa (nay là Urfa) nằm ở phía bắc Mesopotamia, bên bờ sông Euphrates. – Vào thế kỷ IV, Thánh Ephrem the Syrian đã thành lập một trường thần học tại đây. Năm 641, Edessa bị người Ả Rập chinh phục; năm 1098, Bá tước Balduin chiếm được thành phố này và biến nó thành thủ phủ của Công quốc Edessa; năm 1144, thành phố này bị người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục và từ đó liên tục thay đổi chủ quyền, cho đến khi vào năm 1637, nó chính thức rơi vào tay Thổ Nhĩ Kỳ.

[4943] Theodorus, từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "được Thượng Đế ban tặng".

Sau thị kiến này và khi kết thúc thánh lễ sáng, họ kể cho nhau nghe những thị kiến của mình và ngạc nhiên vì cả hai đều thấy cùng một điều. Họ tạ ơn Thiên Chúa, xem đó là điềm báo về việc thụ thai đứa con trai, và vui mừng trở về nhà. Khi Đức Maria thụ thai, Người đã giữ mình trong sự tiết độ hoàn toàn, như người đang mang trong lòng Đấng sẽ trở thành bình chứa của Thánh Thần.

Khi đến thời điểm, họ sinh được một con trai, mà họ đặt tên là Thêôđôr, theo ý muốn của vị đại tử đạo, và đứa trẻ đã được rửa tội. Đứa trẻ lớn lên, và cha mẹ cậu bé đã gửi cậu đi học. Nhưng hóa ra cậu bé không có năng khiếu học hành – trí nhớ của cậu yếu, và cậu không thể nhanh chóng ghi nhớ bài học. Tuy nhiên, trong điều này lại thể hiện sự tác động đặc biệt của Sự Sắp Đặt của Thiên Chúa, Đấng muốn cho cậu bé được ban cho sự khôn ngoan không phải bởi con người, mà bởi ân sủng của Chúa. Cậu bé thường xuyên bị cha mẹ và thầy cô khiển trách, còn các bạn cùng lứa tuổi thì chế giễu cậu; và sau một thời gian, cậu nảy sinh ý định cầu xin Chúa soi sáng. Cậu bắt đầu thường xuyên đến nhà thờ và cầu nguyện sốt sắng.

Một lần nọ, nhờ sự soi dẫn thiêng liêng, vào ngày Chủ nhật trước Thánh lễ, cậu đến nhà thờ và, khi bước vào khu vực bàn thờ, đã trốn dưới bàn thờ thánh. Không ai để ý đến điều này; vị giám mục bắt đầu cử hành Thánh lễ, còn cậu bé Theodore thì ngủ thiếp đi ở đó và ngủ suốt cho đến khi Thánh lễ kết thúc. Và trong giấc ngủ, cậu đã có một thị kiến. Cậu thấy một thiếu niên nào đó, dường như cùng tuổi với cậu, tỏa sáng như mặt trời, người ấy cho cậu uống nước mật ong và, trao cho cậu cây gậy mục tử, đã ban phước lành cho cậu. Sau thị kiến đó, Theodore bừng tỉnh và bước ra khỏi gầm ngai thánh. Vị giám mục cùng những người đang ở trong bàn thờ, khi thấy cậu, đã rất ngạc nhiên và hỏi cậu làm sao lại có mặt ở đó. Cậu kể cho họ nghe tất cả về bản thân mình và về giấc mơ mà cậu đã thấy. Vị giám mục cảm thấy kinh ngạc và ngay lập tức nhận cậu thiếu niên vào hàng giáo sĩ của mình, bổ nhiệm cậu vào chức vụ người đọc kinh. Kể từ đó, Theodore trở nên thông minh và có năng khiếu học tập, trí tuệ vượt trội không chỉ so với các bạn cùng lứa tuổi mà còn cả những người lớn tuổi hơn mình.

Cậu cũng tiến bộ vượt bậc cả trong các môn học tâm linh lẫn thế tục, mà cậu được học từ một thầy dạy triết học nổi tiếng lúc bấy giờ ở Edessa, tên là Sofronius, người đã hướng dẫn Theodor hoàn thành tất cả các môn học trong một thời gian ngắn.

Khi Theodor tròn mười tám tuổi, cha ông là Simeon đã qua đời, và một năm sau đó, mẹ ông là Maria cũng qua đời. Theodor đã phân phát toàn bộ gia tài lớn mà ông thừa kế từ cha mẹ cho những người nghèo, chỉ dành lại một phần nhỏ cho chị gái đã kết hôn của mình. Người chị này có một con trai tên là Vasil, người đã được phong chức giám mục tại thành phố Emessa và là tác giả của cuốn tiểu sử về vị thánh Theodor này.

Sau khi cha mẹ qua đời, khi mới hai mươi tuổi, Thánh Theodor đã lên đường đến Jerusalem. Sau khi thờ lạy Mộ Thánh Chúa và viếng thăm tất cả các thánh địa, ông đã đến tu viện của Thánh Savva, nơi lúc bấy giờ do Abba Gioan quản lý, và tại đó, ông đã sống theo lối sống thiên thần, tu tập các việc ăn chay khổ hạnh và thực hiện mọi công việc tu hành, không ngừng nghỉ trong suốt mười hai năm tham gia vào mọi nghi lễ của tu viện. Sau đó, ngài xin vị trụ trì cho phép ngài được ở một mình trong sự im lặng, trong một phòng tu riêng biệt, và sau khi được cấp phòng tu đó, ngài dành thời gian trong sự im lặng để phụng sự Thiên Chúa. Thức ăn của ngài chỉ là một miếng bánh mì nhỏ – vào lúc mặt trời lặn – và một ít nước, và thậm chí không phải ngày nào cũng có. Thỉnh thoảng, ngài nhịn ăn hai hoặc ba ngày liền; nhiều lần ngài lui vào sa mạc Jordan trong thời gian dài, nơi ngài trải qua ngày đêm mà không có bánh mì hay nước, chỉ không ngừng cầu nguyện như thể không còn thân xác, rồi lại trở về phòng tu của mình. Ông đã dành hai mươi bốn năm cho những hành trình tu hành như vậy, và chính về cuộc đời tu hành đó của ông, một người họ hàng – một thanh niên đến từ thành phố Edessa tên là Michael – đã nghe nói, và anh ta đã đến gặp Theodore, mong muốn noi gương những đức tính của ông. Théodore đã tiếp nhận anh, cạo đầu cho anh và giữ anh bên mình như một đệ tử, người đồng tu và người đồng hành. Còn Michael thì học được cách đan giỏ, đĩa và các vật dụng khác; theo lệnh của thầy, anh mang những thứ này đi bán tại thành thánh Jerusalem, rồi mang số tiền thu được từ việc bán hàng về dâng cho cha linh hướng của mình là Theodoros, người sau đó gửi số tiền đó về tu viện để không phải nhận thức ăn từ tu viện một cách vô công rỗi nghề.

Vào thời đó, Palestine và Phoenicia không còn thuộc quyền cai trị của các vị vua Hy Lạp nữa, mà thuộc về người Saracen[4944] ; bởi vì, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời do tội lỗi của cư dân nơi đó, họ đã bị đặt dưới sự cai trị của các vị vua Saracen. Người Kitô hữu chỉ có thể bảo toàn tính mạng và tự do tín ngưỡng bằng cách nộp những

[4944] Người Saracen – cư dân Ả Rập. Ban đầu, tên gọi này dùng để chỉ một bộ tộc du mục chuyên cướp bóc, sau đó các nhà văn Kitô giáo đã mở rộng tên gọi này để chỉ chung tất cả người Hồi giáo.

khoản thuế rất nặng. Nhưng đồng thời, Chúa cũng an ủi những người tin Chúa bằng cách thực hiện các dấu lạ và phép lạ tại Mộ Thánh, nhờ đó bịt miệng những kẻ phỉ báng Chúa Kitô, tức là những người Agari. Nhiều trưởng lão Ả Rập đã từ xa đến Giê-ru-sa-lem để chiêm ngưỡng quan tài của Chúa Kitô, và tại đây họ đã bày tỏ lòng kính trọng đối với Đức Thượng phụ Kitô giáo cùng các vị thánh khác, đồng thời ban phát nhiều ân huệ cho cư dân Giê-ru-sa-lem. Vào thời điểm đó, vua Saracen Adramelech cùng vợ là Seida đã lên đường từ Babylon[4945] đến Jerusalem để chiêm ngưỡng quan tài của Chúa Kitô và những phép lạ đang diễn ra tại đó. Adramelech là một người hiền lành, không muốn làm tổn thương các Kitô hữu – dù ông vẫn thu thuế từ họ. – Ông thích trò chuyện về đức tin với những người có học thức và khi nói chuyện, ông diễn đạt theo quan niệm dân gian của mình. Khi ông còn ở lại thành thánh, Thánh Michael, môn đệ và người thân của Thánh Theodoros, theo lệnh của ngài đã đến thành thánh để bán các sản phẩm thủ công của mình và sống tại nhà trọ của Tu viện Thánh Savvas nằm trong thành phố. Ban đầu, ngài đến chiêm bái quan tài của Chúa Kitô và Núi Thánh Golgotha[4946] , sau đó ra chợ bán các sản phẩm thủ công. Tại đó, ngài gặp một hoạn quan của hoàng hậu Seida. Thấy những chiếc giỏ và đĩa đẹp, ông ta ngạc nhiên trước những tác phẩm tinh xảo như vậy và nói với ngài:

– Hãy đi theo ta, chàng trai trẻ – ngươi sẽ nhận được giá tốt cho tất cả những món đồ của mình.

Mikhail đi theo ông ta như một con chiên hiền lành đến trước cửa nhà người phụ nữ Ai Cập mới[4947] . Hoạn quan tâu với hoàng hậu rằng có một tu sĩ đang bán những món đồ rất đẹp, và hoàng hậu lập tức ra lệnh cho người ta dẫn tu sĩ vào gặp mình. Khi thánh Mikhail bước vào, người phụ nữ xấu xa ấy bỗng nảy sinh một ham muốn bất chính đối với vị tu sĩ trẻ. Quả thực, anh ta có khuôn mặt đẹp đẽ, vóc dáng cao ráo; râu mới chỉ lún phún mọc, thân hình gầy gò và xanh xao vì thường xuyên ăn chay, hơn nữa, vẻ ngoài thanh tú của anh ta còn phản ánh vẻ đẹp nội tâm của tâm hồn đạo đức. Đăm đăm nhìn anh, nữ hoàng bừng lên niềm đam mê và bắt đầu hỏi anh là ai và đến từ đâu? Anh đáp:

– Tôi là một nhà sư nghèo khó từ tu viện Thánh Savva.

Nữ hoàng nói với anh:

– Ta thấy, chàng trai trẻ, rằng ngươi xanh xao và gầy gò; ta thương xót ngươi và muốn làm điều tốt cho ngươi. Nếu ngươi là nô lệ của ai đó, ta sẽ giải phóng ngươi; nếu là tù nhân, ta sẽ chuộc ngươi; nếu ốm đau, ta sẽ chữa lành cho ngươi; nếu nghèo khó, ta sẽ làm cho ngươi giàu có.

Thánh Michael, người sống trong sự trong sạch, khi nghe những lời nịnh hót của nàng, đã nhận ra ý đồ xảo trá của nàng; ngài hướng lòng về Thiên Chúa, ngước đôi mắt thiêng liêng lên Ngài, và thầm cầu nguyện trong tâm trí bằng những lời như sau:

– Lạy Chúa, Đấng Yêu Thương Loài Người, Đấng Cứu Rỗi những kẻ bị giam cầm và là niềm hy vọng của những người tuyệt vọng! – Ngài, Đấng đã giải cứu tiên tri Đa-ni-ên của Ngài khỏi hàm sư tử (Đa-ni-ên 14:37–52), xin hãy giải cứu con trong giờ phút này khỏi con sư tử cái độc ác này, kẻ muốn nuốt chửng linh hồn con và kéo nó còn sống xuống địa ngục!

Sau đó, ông nói với hoàng hậu:

– Xưa kia, tôi từng bị trói buộc bởi tình yêu thế gian, nhưng Chúa Kitô, Chúa của tôi, đã giải thoát tôi khỏi điều đó nhờ ân sủng của Ngài. Tôi từng là nô lệ của tội lỗi, nhưng Chúa của tôi, Đấng đã tự hạ mình mang lấy hình hài nô lệ, đã giải phóng tôi. Ngài đã tìm thấy tôi khi tôi đang ốm yếu, Ngài đã gánh lấy những bệnh tật của tôi và làm cho tôi hoàn toàn khỏe mạnh. Ta từng nghèo khổ và khốn cùng, nhưng Con Thiên Chúa, Đấng có của cải vô biên, vì ta đã trở nên nghèo khó và làm cho ta giàu có vô cùng, đến nỗi giờ đây ta không thiếu thốn gì cả và cũng không cần đến của nàng. Ta tự mình có của cải, sức khỏe, tự do và, nhờ ân sủng của Đấng Cứu Thế, ta có rất nhiều ân huệ.

[4945] Babel – một trong những thành phố cổ xưa nhất thế giới, được xây dựng bởi Nimrod, con trai của Cush, hậu duệ của Ham (Sáng Thế Ký 10:6–10). Babel tọa lạc ở hai bên bờ sông Euphrates, không xa Vịnh Ba Tư. Babel nằm trên tuyến đường thương mại lớn nối giữa Ấn Độ và Phoenicia, và do đó có hoạt động thương mại đường biển và đường bộ rộng lớn nhất.

[4946] Golgotha – ngọn núi nằm không xa Giê-ru-sa-lem (phía tây bắc thành phố). Trên ngọn núi này, Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta đã bị đóng đinh. Golgotha là một từ tiếng Do Thái, khi dịch sang tiếng Việt có nghĩa là "hộp sọ", "nơi trán". Tên gọi này được đặt cho ngọn núi này hoặc vì nó có hình dạng giống hộp sọ, hoặc vì nơi đây từng là địa điểm hành quyết của người Do Thái. Ngày nay, tại địa điểm này là Nhà thờ Mộ Thánh.

[4947] Có một ám chỉ về sự kiện tương tự trong lịch sử Kinh Thánh (Sáng Thế Ký 39:1–23).

– Hỡi chàng trai trẻ, nếu ngươi trở thành bạn của ta, ngươi sẽ được hưởng nhiều ân huệ, nhiều người sẽ ghen tị với ngươi và ngươi sẽ làm chủ trên nhiều người.

Thánh Michael đáp lại:

– Tôi yêu Chúa Kitô, Đấng đã yêu thương tôi và hiến dâng mạng sống Ngài vì tôi, và tôi muốn yêu mến Ngài bằng cả tâm hồn. Bạn bè của tôi là các hàng ngũ Thiên thần trên trời và các thánh nhân, những người đã sống đời sống giống như thiên thần khi còn ở trần gian. Họ rực rỡ với vẻ đẹp và sự huy hoàng không thể tả xiết, và tôi không muốn có mối quan hệ nào với ngươi.

Lúc đó, hoàng hậu Seida bắt đầu đe dọa anh ta:

– Nếu ngươi không làm theo ý muốn của ta, ta sẽ khiến thân thể ngươi phải chịu cực hình và ra lệnh cho người ta phủ đầy vết thương lên người ngươi.

Vị tu sĩ đáp lại:

– Ta đang cố gắng thực hiện ý muốn của Chúa ta, còn ý muốn của ngươi thì trong bất kỳ trường hợp nào ta cũng sẽ không tuân theo. Nếu ngươi bắt thân thể ta phải chịu cực hình và tra tấn, thì điều đó chỉ càng giúp linh hồn ta đạt được hạnh phúc vĩnh cửu mà thôi. Hãy biết rằng, ngươi sẽ không thể ép ta thực hiện ý muốn của ngươi bằng những lời hứa hẹn, cũng không thể dọa nạt ta bằng những cực hình.

Nữ hoàng nói:

– Kẻ khốn nạn! Ngươi đang tự tước đoạt biết bao ân huệ! Tại sao ngươi không thực hiện mong muốn của ta? Chẳng phải ta xinh đẹp sao? Chẳng phải ta đáng yêu trong mắt ngươi và khơi dậy niềm đam mê trong ngươi sao?

Vị tu sĩ đáp:

– Không những bà không xinh đẹp, mà còn vô cùng ghê tởm, xấu xí và đồi bại. Bà không xứng đáng được yêu thương, mà chỉ đáng bị căm ghét!

Lúc đó, nữ hoàng vô đạo, tràn ngập cơn thịnh nộ tột độ, ra lệnh trói nhà tu hành trong sạch nằm sấp xuống đất và đánh không thương tiếc bằng gậy. Bà tra tấn ông ta rất lâu, rồi gửi ông ta trong xiềng xích đến gặp nhà vua kèm theo bức thư như sau:

– Tên tu sĩ ghê tởm này đã dám sỉ nhục ta bằng những lời chửi rủa thô tục. Nếu ngài để hắn sống, thì ngài sẽ thấy ta chết.

Nhà vua, sau khi đọc bức thư, quyết định thực hiện nguyện vọng của nàng để không làm nàng buồn lòng, nhưng trước tiên, ngài muốn tự mình gặp vị tu sĩ và ra lệnh đưa ông đến trước mặt mình.

Khi vị tu sĩ được dẫn đến trước mặt nhà vua, ông không chịu cúi đầu trước nhà vua, như thông lệ khi được giới thiệu với nhà vua và các quan đại thần, mà đứng thẳng, dũng cảm thể hiện lòng dũng cảm bên trong và sự bất khuất trước kẻ thù. Nhà vua, nhìn ông với ánh mắt giận dữ, nói:

– Nhà tu kiêu ngạo! Ngươi có gì để nói về hành động táo bạo mà ngươi đã gây ra? Nhưng ta nghĩ là ngươi chẳng có gì để nói cả!

Vị Tử đạo đáp lại:

– Trước hết, một vị vua cần phải có ba đức tính: kính sợ Đức Chúa Trời, công bằng và lòng khoan dung đối với những kẻ có tội.

Nghe những lời đó, nhà vua bình tĩnh lại và ra lệnh tháo trói cho Michael, rồi hỏi anh ta đến từ đâu. Anh ta đáp:

– Tôi gốc gác từ thành phố Edessa, còn bây giờ tôi là tu sĩ tại Tu viện Thánh Savva.

Khi nhà vua hỏi về tội danh mà người ta buộc tội anh, vị thánh đáp:

– Trên người tôi đã ứng nghiệm một câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng: có một người tình cờ gặp phải con rắn Basilisk, loài rắn có thể giết người chỉ bằng một cái nhìn. Khi chạy trốn khỏi nó, anh ta gặp một con sư tử, và anh ta thấy thà ở lại với con sư tử còn hơn là ở cùng con rắn Basilisk độc ác, loài rắn giết người chỉ bằng ánh mắt.

Vua hiểu ý nghĩa của câu chuyện ngụ ngôn và sự vô tội của chàng trai. Vị vua rất ấn tượng với chàng trai vì vẻ đẹp và sự khôn ngoan của anh, nên ông muốn thuyết phục anh từ bỏ đức tin Kitô giáo và chuyển sang theo đạo của mình.

Ông có một người Do Thái, học rộng và hùng biện, người mà ông đã gọi đến và trước mặt người đó, ông bắt đầu nói với tu sĩ những lời sau:

– Ta thương xót ngươi và nương tay vì tuổi trẻ của ngươi, khi thấy trí tuệ của ngươi. Vậy hãy nghe lời khuyên hay thậm chí là mệnh lệnh của ta – hãy từ bỏ giáo lý của Chúa Kitô, từ bỏ đức tin Kitô giáo và gia nhập tôn giáo của ta. Khi đó, ngươi sẽ là con trai của ta, và ta sẽ đặt ngươi cao hơn tất cả các hoàng tử và các vị vua chúa, đồng thời bổ nhiệm ngươi làm người quản lý toàn bộ tài sản của ta.

Thánh Michael, ngước mắt lên trời và thở dài từ tận đáy lòng, đã nói:

– Xin đừng để điều đó xảy ra, lạy Chúa Kitô, Vua của con, rằng con sẽ từ bỏ Ngài, Thiên Chúa của con, dù con có phải chịu biết bao đau khổ đi chăng nữa.

Còn với Adramelech, ngài nói:

– Hỡi Vua! Con là tôi tớ của Cha, Con và Thánh Thần, là Thiên Chúa duy nhất và không thể chia cắt. Con tuyên xưng điều đó và sẽ không bao giờ từ bỏ lời tuyên xưng của mình, nhưng sẽ luôn trung thành với nó!

Vua nói với ông:

– Vậy sao? Vậy là ngươi thích ở lại trong địa vị hèn mọn mà ngươi đang có sao?

Thánh nhân đáp:

– Bộ áo tu sĩ này làm tôi trở nên trang nghiêm hơn nhiều so với bộ áo hoàng gia của ngài.

Vua nói:

– Ta đã nghiên cứu kỹ các cuốn sách của mình, cũng đã đọc cả kinh thánh Kitô giáo mà các ngươi gọi là Phúc Âm. Nhưng cả ở đó lẫn ở đây, ta đều không tìm thấy điều răn nào ra lệnh phải ghê tởm hôn nhân và thịt.

Vị thánh đáp:

– Cuộc sống Kitô hữu có hai hình thức – đời sống tu sĩ và đời sống giáo dân. Giáo dân được phép kết hôn và ăn thịt: điều đó không phải là tội lỗi đối với họ, miễn là họ tuân giữ một cách thánh thiện các điều răn khác của Chúa Kitô. Nhưng đối với chúng ta, những người đã từ bỏ thế gian và hứa sẽ sống trong sự trinh khiết, thì không nên kết hôn, vì vị Thầy của dân ngoại, Thánh Phaolô, đã nói: *"Người chưa kết hôn lo lắng về những việc của Chúa, làm sao để làm đẹp lòng Chúa; còn người đã kết hôn lo lắng về những việc trần thế, làm sao để làm đẹp lòng vợ"* (1 Cô-rinh-tô 7:32–33); và còn nữa: người kết hôn *"làm điều tốt"*, còn người không kết hôn *"làm điều tốt hơn"* (1 Cô-rinh-tô 7:38). Vậy nên, chúng ta, với mong muốn làm đẹp lòng Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa duy nhất của chúng ta, đã chọn con đường sống tốt nhất – đó là sống độc thân. Chúng tôi cũng không ăn thịt, nhưng không phải vì cho rằng nó làm ô uế, mà là vì sự tiết độ. Thánh Phaolô nói: *"Nước Thiên Chúa không phải là ăn uống, nhưng là sự công chính và bình an"* (Rm 14:17) cùng những việc lành khác, cũng như việc ăn chay với lòng thánh thiện.

Vua nói:

– Phao-lô đã lừa dối các ngươi!

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Không phải lừa dối, mà là giải thoát khỏi sự lầm lạc và chỉ ra con đường dẫn đến những ân huệ ấy, *"mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến những điều mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn cho những ai yêu mến Ngài"* (1 Cô-rinh-tô 2:9). Nếu như ngài, thưa vua, thực sự muốn biết kẻ lừa dối và tiền thân của Antichrist, thì kẻ lừa dối đó chính là Muhammad, người đã dẫn dắt cả bộ tộc Saracen vào lầm lạc và thậm chí còn đổ chất độc của sự vô đạo đức của mình lên cả Ba Tư.

Còn người Do Thái đứng gần nhà vua thì nói với Thánh Michael:

– Còn Phaolô của các ngài, chẳng phải cũng là người Do Thái sao?

Thánh nhân đáp:

– Dù ông ấy là người Do Thái, nhưng theo lệnh của Chúa, ông ấy đã bãi bỏ Giao Ước Cũ và rao giảng ân sủng chân thật, điều mà các tiên tri trong Giao Ước Cũ đã tiên báo.

Người Do Thái nói:

– Làm sao ngươi có thể học được từ Phaolô, người mà ngươi chưa từng gặp mặt? Tốt hơn là ngươi nên học từ ta; vì ngươi đang nhìn thấy và nghe thấy ta mà.

Mi-chail nói:

– Nếu ngươi dạy giống như ông ấy, thì ta sẽ nghe theo ngươi. Còn nếu ngươi dạy điều trái ngược với giáo lý của ông ấy, thì ta sẽ chạy trốn khỏi ngươi như trốn con rắn, vì Phao-lô đã nói: *"Ai rao giảng cho các ngươi điều khác với những gì các ngươi đã nhận lãnh, thì người ấy sẽ bị nguyền rủa"* (Ga-la-ti 1:9).

Nhà vua nói:

– Tại sao các ngươi không muốn công nhận nhà tiên tri Muhammad? Chẳng phải ngài đã rao giảng về Đức Chúa Trời cho người Saracen, người Ả Rập và người Ba Tư sao? Chẳng phải ngài đã phá hủy các thần tượng và dạy dỗ về lối sống đạo đức sao?

Vị thánh đáp:

– Nếu ai đó đưa một người ra khỏi ngục tối rồi nhốt người đó vào một ngục tối u ám khác, thì liệu người đó có làm ơn cho người kia không? Chẳng phải người đó đã lừa dối người ấy, khi đưa người ấy từ bóng tối này sang bóng tối khác sao? Muhammad của các ngươi cũng đã đối xử với các ngươi như vậy. Còn chúng ta thì biết rằng chỉ có một con đường chân chính và đúng đắn duy nhất dẫn đến ánh sáng – tôi đang nói đến đức tin chân chính vào Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi.

Nhà vua nói:

– Ngươi tự cho mình là người thông minh và hùng biện, nhưng chúng ta có hai người, còn ngươi chỉ có một mình, và chiến thắng tất nhiên sẽ thuộc về chúng ta.

Vị Thánh đáp lại:

– Các ngài không phải là hai, mà là ba, và tất cả các ngài sẽ bị một người đánh bại, nhờ sức mạnh của Đấng Kitô.

Vua hỏi:

– Chúng ta đang trò chuyện với ngươi chỉ có hai người – ta và người Do Thái. Sao ngươi lại gọi hai người là ba? Người thứ ba của chúng ta là ai?

Vị thánh đáp:

– Giữa các ngài có một người vô hình, đó chính là thầy của các ngài – ma quỷ.

Vua nổi giận trước những lời đó, nhưng vẫn kiềm chế cơn thịnh nộ, hy vọng sẽ đánh bại chiến binh của Chúa Kitô bằng lời nói, và nói với ngài:

– Hãy ngừng nói nhiều đi và phục tùng ta. Hãy tuyên xưng rằng Muhammad là vị tiên tri và sứ giả của Thượng Đế, thì ngươi sẽ trở thành con trai của ta và được hưởng mọi thú vui.

Vị thánh đáp:

– Hỡi nhà vua, ngài có thừa nhận Đức Chúa Trời và Lời của Ngài không?

Vua đáp:

– Vâng, ta thừa nhận!

Vị thánh nói với người Do Thái:

– Ngươi có thừa nhận rằng *"Bởi Lời Chúa, các tầng trời được dựng nên, và bởi hơi thở từ miệng Ngài – cả đạo binh của chúng"* (Thi Thiên 32:6) không?

Người Do Thái đáp:

– Vâng, đúng vậy!

Rồi, được tràn đầy Thánh Linh của Đấng Christ, vị rao giảng Tin Mừng của Đấng Christ nói với họ:

– Chính các ngươi đang làm chứng cho lẽ thật, dù các ngươi không tin như lẽ ra phải tin. Còn tôi thì trong bất kỳ trường hợp nào cũng sẽ không nghe theo những giáo lý sai lầm, mà vẫn giữ vững quan điểm đã nói: Muhammad không phải là tiên tri hay sứ giả của Đức Chúa Trời, mà là kẻ lừa dối, kẻ nói dối và là tiền thân của Antichrist. Còn ngươi, hỡi người Do Thái, hãy biết chắc rằng Đấng Kitô đã đến thế gian qua sự sinh ra vô nhiễm từ Đức Trinh Nữ Maria, và vì thế ngươi không còn gì để mong đợi sự ra đời của Ngài theo xác thịt nữa. Kẻ mà ngươi đang chờ đợi chính là Anti-Christ ghê tởm, kẻ sẽ gây rối loạn khắp vũ trụ, còn Muhammad, kẻ lừa dối, chính là tiền thân của Anti-Christ đó!

Những người Ba Tư và người Saracen có mặt trong cuộc tranh luận này đã nổi giận trước những lời của vị thánh, còn các Kitô hữu thì vui mừng, nói với nhau:

– Nhờ ân sủng của Chúa Kitô, vị tu sĩ đã chiến thắng!

Còn nhà vua, tức giận với người Do Thái, đã nói với anh ta:

– Ta đã vô ích khi chọn ngươi làm phụ tá – ta chẳng nhận được sự giúp đỡ nào từ ngươi cả!

Ông đuổi người Do Thái đó đi, nói rằng:

– Ta một mình cũng đủ để đánh bại vị tu sĩ đó và lôi kéo ông ta về phe ta.

Còn Thánh Michael, tràn đầy niềm vui, đã nói:

– Kìa, chỉ một mình, nhờ quyền năng của Đấng Kitô của ta, đã bị đánh bại và chạy trốn trong nhục nhã; còn lại hai người nữa, nhưng chẳng bao lâu họ cũng sẽ bị đánh bại, vì Đấng Bảo Trợ của ta là bất khả chiến bại và không thể bị đánh bại!

Sau đó, nhà vua nói với vị tử đạo:

– Tu sĩ ơi, ngươi chỉ còn một trong hai lựa chọn: hoặc là phục tùng ta và chấp nhận đức tin của chúng ta, hoặc là chết một cái chết khủng khiếp khi còn đang trong độ tuổi thanh xuân.

Thánh nhân đáp:

– Thưa vua! Tôi xin ngài một trong ba điều này: hoặc thả tôi về với vị tu sĩ trưởng lão của tôi, hoặc cho tôi về với Chúa Kitô của tôi bằng cách giết tôi bằng bất kỳ hình thức nào ngài muốn, hoặc trở thành Kitô hữu và sống chung với chúng tôi!

Vị vua, không thể chịu đựng nổi những lời nói táo bạo của ngài, đã vô cùng tức giận và ra lệnh đặt chân trần của vị tử đạo lên than hồng. Tuy nhiên, vị tử đạo vẫn đứng vững trên than hồng, không cần ai đỡ, dũng cảm chịu đựng sức nóng của lửa vì tình yêu dành cho Chúa Kitô, và thậm chí còn hát các thánh vịnh của Đavít. Ông đứng trong tư thế đó rất lâu, và cuối cùng, nhà vua ra lệnh đưa ông ra khỏi than hồng và dâng cho ông một chén thuốc độc. Vị tử đạo cầm lấy chén, đọc hết Kinh Tin Kính – "Tôi tin vào một Thiên Chúa duy nhất" – rồi làm dấu thánh giá và uống chất độc mà không hề hấn gì. Vua vô cùng ngạc nhiên và ra lệnh đưa một trong những tội nhân bị kết án tử hình từ ngục ra và cho người đó uống cùng loại chất độc đó. Khi tên tội phạm uống cốc thuốc độc, hắn lập tức thét lên một tiếng kinh hoàng rồi trút hơi thở cuối cùng, và thi thể hắn ngay lập tức thối rữa, trong khi Thánh Michael vẫn nguyên vẹn và không hề hấn gì. Lúc đó, tất cả các Kitô hữu có mặt tại đó đều tràn ngập niềm vui lớn lao và đồng thanh ngợi khen Thiên Chúa.

Còn những người Saracen, cảm thấy xấu hổ tột độ và coi tất cả những gì đã xảy ra là sự sỉ nhục đối với đức tin của họ, đã la hét yêu cầu nhà vua hoặc phải giết vị tu sĩ đó, hoặc ra lệnh tiêu diệt tất cả các Kitô hữu. Nhà vua, để làm vừa lòng những người Saracen, đã ra lệnh dẫn vị tử đạo ra ngoài thành và chém đầu ông bằng gươm. Vị tử đạo được dẫn ra để chịu tử hình, còn đám đông người Saracen và Kitô hữu thì theo sau ngài đến nơi hành quyết. Khi đến nơi đã định, vị tử đạo quay mặt về hướng đông, ngước mắt và giơ tay lên trời, rồi cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Toàn Năng, Đấng Tối Cao, Đấng Vô Thỉ, Đấng Hằng Hữu, Đấng Tạo Hóa muôn loài, Vua của các vua và Chúa của các chúa! Con tạ ơn Ngài vì đã ban cho con ân sủng để hoàn thành công cuộc này. Và giờ đây, con khẩn cầu lòng nhân từ của Ngài: xin đừng để bàn tay ma quỷ chạm đến con, và xin đừng để nó đẩy con vào vực thẳm diệt vong, nhưng xin Ngài, qua các Thiên thần thánh của Ngài, hãy đón nhận linh hồn con và dẫn con vào nơi an nghỉ. Con yêu mến Ngài, lạy Chúa, và con ca ngợi và tôn vinh Cha, Con và Thánh Thần, Đấng Thần Linh Duy Nhất và Nước Trời, vì vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

Sau khi cầu nguyện như vậy và từ biệt các tín hữu, ngài cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm và qua đời khi bị chém đứt đầu[4948] . Còn các Kitô hữu thì dâng vinh quang lên Thiên Chúa, Đấng đã củng cố vị tử đạo của Ngài.

Các tu sĩ đang cư ngụ tại nhà trọ tu viện Thánh Savva ở Giê-ru-sa-lem muốn mang thi thể vị tử đạo về tu viện, nhưng các tín hữu sống tại Giê-ru-sa-lem đã phản đối, nói rằng: "Ngài đã chịu khổ nạn tại đây, nên cũng phải an táng ngài tại đây, để thi hài ngài trở thành thánh tích và ban phước lành cho các tín hữu." Ngược lại, các tu sĩ lại cho rằng ngài đã được rèn luyện trong sa mạc, là con tinh thần của Thánh Cha Savva, và không nên an táng ngài ở nơi nào khác ngoài tu viện. Họ tranh cãi với nhau rất lâu, và tin tức về cuộc tranh cãi của họ đã đến tai chính nhà vua, người đã ra phán quyết rằng thi hài của vị tử đạo phải được các tu sĩ mang đi; sau đó, các tu sĩ đã mang thi hài ấy về nhà trọ.

Cùng ngày hôm đó, vị thánh Theodor đã nhận được sự mặc khải về thánh Michael, và khi đến nhà thờ, ngài nói với vị tu viện trưởng và các tu sĩ:

– Hôm nay, anh em chúng ta là Michael đã thực hiện một hành động tử đạo trong thành phố.

Vị tu viện trưởng lập tức sai các tu sĩ rước thi hài vị tử đạo về tu viện với đầy đủ nghi lễ tôn kính. Họ đã đi và rước thi hài về từ đó vào ban đêm, để người Saracen không làm ô uế thi hài vị tử đạo. Chúa đã tỏ ra phép lạ trên thi hài của tôi tớ Ngài: một cột lửa từ trời giáng xuống và đi trước những người khiêng thi hài vị tử đạo, chiếu sáng họ. Một số cư dân không ngủ trong đêm đó cũng đã nhìn thấy cột lửa ấy đi về phía tu viện và chiếu sáng khu vực đó.

[4948] Thánh Michael qua đời vào đầu thế kỷ VIII.

Thánh Phê-ô-đô-rô bước ra đón vị tử đạo, nước mắt tuôn trào dạt dào, một phần vì thương xót, một phần vì vui mừng. Ngài khóc thương Thánh Mi-ca-ên như một môn đệ và người thân của mình, đồng thời vui mừng vì người bạn đồng tu thân yêu của ngài đã được ban tặng vương miện tử đạo. Cũng vậy, vị tu viện trưởng cùng toàn thể anh em tu sĩ đã ra đón với nến và lư hương, cất tiếng hát những bài thánh ca tôn vinh các vị tử đạo. Rồi họ rước thi hài Thánh Michael vào nhà thờ.

Lúc bấy giờ, trong tu viện có một tu sĩ ốm yếu tên là Georgy, người đã nằm liệt giường ba năm và thường được Thánh Michael đến thăm viếng. Người tu sĩ bị liệt này nghe tin Thánh Michael qua đời liền nài nỉ các tu sĩ đang trên đường đến nhà thờ, xin họ khiêng mình đến đó để có thể nhìn thấy vị tử đạo, người từng là người anh em thân yêu của mình. Nhưng không ai để ý đến anh ta và mọi người đều đi qua. Lúc đó, vì quá đau buồn, người bệnh đã rơi nước mắt và nói:

– Anh Mikhail ơi! Nếu anh đã được ân sủng nơi Thiên Chúa và có được sự can đảm để cầu thay trước mặt Chúa Kitô, thì xin hãy nhớ đến em, người bạn của anh, và xin cho em, người bị liệt, được sức mạnh, để em cũng có thể đến gặp anh và hôn anh nhân danh Chúa.

Vừa dứt lời, anh ta bỗng chốc cảm thấy cơ thể mình khỏe mạnh trở lại, và người trước đó không thể xoay người khi nằm trên giường bệnh, đã đứng dậy khỏi giường với thân thể lành lặn. Anh ta đến nhà thờ, quỳ xuống trước thi hài vị tử đạo, và hôn lên thi hài ấy trong nước mắt, nói:

– Quả thật, hỡi người anh em thân yêu của tôi, anh có lòng can đảm lớn lao trước mặt Đấng Kitô; quả thật, anh đã tỏ ra tình yêu hoàn hảo đối với tôi, kẻ đau khổ này: khi còn sống, anh đã phục vụ tôi, kẻ không xứng đáng, rất nhiều, và khi về với Đấng Kitô, anh đã bất ngờ ban cho tôi sức khỏe không ngờ tới.

Còn các anh em, sau khi hát những bài thánh ca tang lễ thông thường, đã an táng vị tử đạo trong lăng mộ của các thánh tổ tiên đã chịu khổ trước đó.

Và thế là thánh tử đạo Mi-khail đã kết thúc cuộc đời mình vào ngày 9 tháng Bảy. Sau đó, ngài thường hiện ra với thánh Theôđôros trong những giấc mơ ban đêm, khoác trên mình y phục tử đạo và đội vương miện, được bao phủ bởi ánh sáng không thể diễn tả. Ngài nói:

– Xin cha đừng buồn vì con, thưa cha, vì con đã nhận được ân sủng từ Đức Kitô, Thiên Chúa của con, Đấng cũng đã chuẩn bị phần thưởng cho cha vì những lời dạy dỗ mà cha đã ban cho con.

Tại đây, lời kể về vị thánh tử đạo Michael kết thúc, và chúng ta quay trở lại với cuộc đời của vị thánh Theodor.

Đức Chúa Trời, Đấng sắp đặt mọi sự vì lợi ích của Ngài, không còn muốn che giấu sự hiện diện của một ngọn đèn sáng như Thánh Phê-ô-đô-rô trong sa mạc nữa, vì ngài có thể mang lại lợi ích cho nhiều người và chiếu sáng thế gian như ánh sáng nhờ cuộc đời đạo đức của mình. Vì vậy, Ngài đã đặt ngài vào chức vụ giám mục cao quý.

Trong Mùa Chay Thánh vĩ đại, Đức Thượng phụ Antioch đã đến Jerusalem để thờ lạy quan tài ban sự sống của Chúa Kitô và giải quyết các công việc của Giáo hội mình. Vào thời điểm đó, khi có hai vị Thượng phụ tại Giê-ru-sa-lem, ngoài ra còn có nhiều giám mục từ các giáo phận Giê-ru-sa-lem và An-ti-ô-ki-a, cùng một số đại diện đáng kính của hàng giáo sĩ và giáo dân từ thành phố Ê-đê-sa đã đến Giê-ru-sa-lem để xin một vị giám mục cho thành phố Ê-đê-sa, vì vị giám mục tại đó đã qua đời. Họ bắt đầu tìm kiếm một người xứng đáng với chức vụ và ngai tòa đó, và Đức Thượng phụ Giê-ru-sa-lem, được Thánh Thần Chúa hướng dẫn, đã nhớ đến Thánh Phê-ô-đô-rô và nói:

– Theo ý kiến của tôi, không ai sống một cuộc đời thánh thiện như thiên thần và đồng thời có khả năng điều hành các công việc của Giáo hội tốt như Thánh Theodor, vị tu sĩ vĩ đại trong số những người sống đời thầm lặng, thuộc Tu viện Thánh Savva.

Các vị cha ở Palestine hoàn toàn đồng ý với lời nhận xét của Đức Thượng phụ về Thánh Theodor, vì mọi người ở Palestine đều biết rõ về cuộc đời tu hành của ngài. Toàn thể hội đồng đều vui mừng, và ngay lập tức các Đức Thượng phụ đã sai người đi tìm Theodor và phong ngài làm giám mục, mặc dù ngài đã khóc lóc từ chối chức vụ này. Họ ra lệnh cho ngài phải trải qua các bậc thăng tiến thông thường trong Giáo hội và nhận lễ phong chức linh mục. Các sứ giả từ Edessa cũng vui mừng vì vị giám mục được chọn cho họ, bởi họ đã nghe nói về đời sống thánh thiện của ngài và biết rằng ngài là người con của thành phố họ.

Khi đến Thứ Năm Tuần Thánh – ngày Bữa Tiệc Ly của Chúa Kitô, cả hai vị tổng giám mục đã chủ tế cùng với đông đảo các giám mục và trong dịp đó, họ đã tấn phong Thánh Phê-ô-đô-rô làm giám mục. Trong lúc lễ tấn

phong diễn ra, một phép lạ vĩ đại đã xảy ra trước mắt mọi người. Một con bồ câu, trắng hơn cả tuyết, bay lượn trên đỉnh nhà thờ rồi đáp xuống đầu vị giám mục đang được tấn phong. Các tổng giám mục, giám mục và linh mục chứng kiến cảnh này đều kinh ngạc, ngợi khen Thiên Chúa và nói:

– Quả thật, người này xứng đáng với chức thánh!

Sau khi lễ tấn phong kết thúc, Thánh Phê-ô-đô-rô rạng ngời ân sủng như một Thiên Thần của Thiên Chúa, và toàn bộ dáng vẻ của ngài thể hiện ngài là một người mang Thiên Chúa một cách hoàn hảo nhất. Vào Thứ Bảy Thánh và Lớn, cũng như trong ngày lễ Phục Sinh rực rỡ của Chúa Kitô, ngài đã đồng tế cùng với cả hai vị tổng giám mục; đến thứ Hai của Tuần Thánh, ngài đã lên đường đến tu viện để từ biệt các vị cha thánh. Họ vừa vui mừng vừa khóc: vui mừng vì người anh em của họ đã được phong chức thánh, khóc vì phải xa cách sự giao lưu thân thiết với một vị cha vĩ đại như vậy. Thánh Theodoros cũng khóc rất nhiều khi phải rời xa những người bạn thân yêu, căn phòng ẩn tu của mình và sự tĩnh lặng mà ngài hằng khao khát; sau khi chia tay mọi người trong nước mắt, ngài trở về Thành Thánh. Sau Tuần lễ Thánh Tôma, theo lời thỉnh cầu của người dân Edessa, ngài lập tức lên đường đến Edessa. Đi cùng ngài còn có Vasilios, người viết tiểu sử của ngài, cũng là cháu trai của ngài qua người chị gái. Khi họ đến sông Euphrates và dựng lều nghỉ đêm bên bờ sông, vị thánh, với lòng tiếc nuối vì phải rời khỏi thành thánh và tu viện thánh, đã trích dẫn lời của tác giả Thi thiên:

– *"Bên các dòng sông Ba-by-lôn, chúng tôi ngồi đó và khóc khi nhớ đến Si-ôn"* (Thi thiên 136:1).

Nói xong những lời ấy, ngài rơi lệ và định bỏ trốn, nhưng người Ê-đê-sa, khi nhận ra ý định của ngài, đã bố trí lính canh để không để mất vị mục tử của mình. Và đêm đó, vị thánh nhân đã có một thị kiến. Một người hiện ra với ngài và nói:

– Đừng giống như người đầy tớ lười biếng, người đã chôn giấu tài năng mà Chúa đã ban cho xuống đất (Mt 25:18), nhưng hãy giống như người đầy tớ đã nhận năm tài năng và kiếm được mười tài năng, nhờ đó mà được trao quyền cai quản mười thành phố (Lc 19:16–17). Đừng từ chối mang lấy ách của Chúa Kitô đã được đặt lên vai ngươi!

Sau thị kiến này, Thánh Theodoros đã nói:

– Xin ý Chúa được thực hiện!

Và ngài lên đường cùng người dân Edessa, quyết tâm không từ bỏ chức vụ mới của mình nữa và không còn buồn phiền về số phận đã được định sẵn cho ngài.

Khi họ đến gần Edessa, cả thành phố đã ra đón vị giám mục mới, và những người Chính Thống đã đón nhận ngài với niềm vui khôn tả. Thánh Phêrô cũng hân hoan trong lòng khi nhìn thấy tòa thánh đường chính tòa ở Edessa, về quy mô và vẻ đẹp chỉ kém chút ít so với Nhà thờ Phục Sinh của Chúa Kitô tại Giêrusalem. Sau khi ban phước lành cho mọi người, ngài quỳ xuống trước quan tài thiêng liêng của các thánh tử đạo Gurias, Samonas và Avivus, và rơi lệ. Như vậy, vị thánh của Chúa Kitô đã nhậm chức – (lúc bấy giờ, trong Đế quốc Hy Lạp, Michael[4949] đang trị vì cùng với mẹ mình là Theodora) – và bắt đầu tận tụy chăn dắt đoàn chiên mà Thiên Chúa đã giao phó cho ngài, cả bằng lời nói lẫn việc làm: một mặt nuôi dưỡng họ bằng những giáo huấn được Thánh Thần soi dẫn, mặt khác dẫn dắt họ trên con đường cứu rỗi bằng gương sáng của đời sống đạo đức. Và vì trong thành phố đó có không ít tà thuyết – như tà thuyết của , tà thuyết của Nestorius[4950] , tà thuyết của Severus[4951] , tà thuyết của Eutyches[4952] , và tà thuyết Manichaeism[4953] – nên ngài đã đau buồn vì điều này và dành không ít công sức để

[4949] Hoàng hậu Theodora cai trị Đế quốc Hy Lạp từ năm 842 đến năm 855; con trai bà là Michael (III) trị vì từ năm 855 đến năm 867.

[4950] Thuyết Nestorian do Nestorius, Giám mục Constantinopolis (giữ chức từ năm 428 đến năm 431), sáng lập, người đã dạy rằng Chúa Giêsu Kitô không phải là Thiên Chúa thật, mà chỉ là con người, con trai của Giuse và Maria, được ban ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa nhờ đời sống thánh thiện, và cứu độ chúng ta không phải nhờ công nghiệp cứu chuộc của Ngài, mà chỉ nhờ giáo huấn và gương sáng của đời sống Ngài. Tà thuyết Nestorian đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ III diễn ra tại Ê-phê-sô (năm 431). Mặc dù bị công đồng lên án, tà thuyết Nestorian vẫn tồn tại ở một số nơi, đặc biệt là tại Ba Tư, Ấn Độ và Trung Quốc, cho đến thế kỷ VIII.

[4951] Severus, Thượng phụ Antioch (từ năm 512 đến năm 518) – là người sáng lập tà thuyết Severian. Tà thuyết Severian là một biến thể của tà thuyết Monophysite (xem chú thích sau). Những người theo phái Severian, mặc dù cũng thừa nhận, giống như các dị giáo phái Monophysite, chỉ có một bản tính trong Chúa Giêsu Kitô – đó là bản tính thần thánh – nhưng họ lại cho phép sự phân biệt giữa các thuộc tính thần thánh và nhân loại trong bản tính đó; do đó, họ khẳng định rằng xác thịt của Chúa Kitô trước khi phục sinh là hữu hạn, giống như xác thịt của chúng ta.

[4952] Tà thuyết Eutychian, do Archimandrite Eutychius ở Constantinople sáng lập, đã dạy sai lầm rằng Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính thần thánh, trong khi Giáo hội Chính thống luôn công nhận và vẫn công nhận trong Chúa Giêsu Kitô hai bản tính, không hợp nhất và không tách rời – thần thánh và nhân loại. Những người theo Eutychian còn được gọi là những người theo thuyết đơn bản (hoặc "những

chống lại những kẻ tà giáo, xem họ như những con thú dữ. Và đối với các thánh đồ Chính Thống, vị Thánh của Chúa đã khơi dậy niềm vui, còn đối với những kẻ dị giáo thì gây ra sự bực bội; các tín hữu Chính Thống vui mừng vì có một vị mục tử và thầy giáo thông thái về Chúa như vậy, trong khi những kẻ dị giáo thì đau khổ và âm mưu làm điều ác chống lại ngài. Nhưng ngài vững vàng như kim cương và không có cuộc tấn công nào có thể làm ngài mất đi lòng dũng cảm. Ngài cảm thấy xót xa khi nhìn thấy những kẻ tội lỗi từ bỏ đức tin chân chính, nhưng mặt khác, ngài lại vui mừng khi thấy những người đàn ông có đức hạnh và vững vàng trong sự sùng đạo, và ngài thường thích trò chuyện thân mật với họ một mình.

Vào thời đó, gần Edessa, gần tu viện Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê, nơi các nữ tu cũng đang sống đời kiêng ăn, có một vị ẩn sĩ được mọi người kính trọng tên là Thê-ô-đô-xi, một người có đời sống cao thượng, đã cao tuổi (ông đã hơn một trăm tuổi) và được Thiên Chúa ban cho ân sủng đặc biệt về khả năng thấu thị. Đức Giám mục Thánh Phê-đô thường đến thăm ông và khi trò chuyện với ông như với một người bạn chân thành, ngài tìm thấy sự an ủi nơi ông. Vị ẩn sĩ nói với ngài:

– Đừng nản lòng, người phục vụ Chúa, trong những công việc của ngài, và đừng để gánh nặng của Chúa dường như quá nặng nề đối với ngài. Mọi chuyện sẽ kết thúc tốt đẹp cho ngài, và nếu nhiều kẻ dị giáo âm mưu điều ác chống lại ngài, thì chúng sẽ không thành công trong ý định của mình. Chúa sẽ phá vỡ kế hoạch của họ, và họ sẽ bị đánh bại, bị sỉ nhục và bị trục xuất khỏi các khuôn viên nhà thờ. Những lời của vị ẩn sĩ đã ứng nghiệm vào thời điểm đó – điều này sẽ được đề cập sau này. Ở đây, cần phải nói thêm về những cuộc trò chuyện tâm linh thường xuyên giữa vị giám mục và vị ẩn sĩ, trong đó vị ẩn sĩ đã chia sẻ nhiều điều hữu ích cho vị giám mục. Một lần, ông kể cho ngài nghe điều sau đây.

– Hồi đó, – vị ẩn sĩ nói, – cách đây nhiều năm ở thành phố này có một người tên là Ader, thuộc dòng dõi quý tộc và rất giàu có, giống như ông Giốp công chính trong thời cổ đại. Ông đối xử nhân từ với mọi người, hào phóng bố thí cho người nghèo và cúng dường cho các tu viện, đồng thời thường xuyên đến gặp tôi để trò chuyện về các vấn đề tâm linh. Ông có vợ và ba người con, là một người công chính, không thù hận, hiền lành, khiêm nhường, còn trẻ và có sức khỏe dồi dào. Một lần nọ, ông đến gặp tôi như thường lệ, và tôi thấy ông rất buồn bã. Tôi nói với ông:

– Sao con lại buồn thế, con tinh thần của cha?

Anh ấy, nước mắt tuôn trào, đáp lại:

– Con đã ra khỏi lòng mẹ trong tình trạng trần truồng, và cũng phải ra đi trong tình trạng trần truồng xuống mồ. Con sẽ không mang theo được gì từ của cải tạm bợ và danh vọng hư ảo. Đa-vít đã nói: *"Người ta thu thập mà không biết của cải ấy sẽ thuộc về ai"* (Thi Thiên 38:7), *"danh vọng của người ấy sẽ không theo người ấy đi"* (Thi Thiên 48:18). Con người để lại của cải của mình cho người khác, và không thể nào khác được. Và vị Tông đồ cũng nói: *"Hình bóng của thế gian này đang qua đi"* (1 Cô-rinh-tô 7:31). Con nghe như Đấng Christ, Đấng Cứu Thế của chúng ta, đang kêu lên: *"Ai không từ bỏ mọi thứ mình có, thì không thể làm môn đệ Ta"* (Lc 14:33), và còn nữa: *"Ai không vác thập giá mình mà theo Ta, thì không xứng đáng với Ta"* (Mt 10:38). Vì vậy, thưa Cha, con muốn từ bỏ tất cả vì tình yêu dành cho Thiên Chúa: vợ, con cái, và tài sản, để sống chỉ cho một mình Chúa, Đấng đã đưa con từ hư vô đến hiện hữu. Xin Cha ban cho con lời chúc lành của người cha, một miếng bánh từ phòng tu của Cha, và cầu nguyện cho con!

Tôi ngạc nhiên trước những lời của anh ta và nói với anh ta:

– Con có ý định tốt, cha thấy vậy, nhưng con đang tự gánh vác một nhiệm vụ vĩ đại. Ai kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu rỗi (Mt 24:13), vì vậy hãy cẩn thận, con yêu quý của cha, đừng để cuối cùng con phải hối hận. Thà không thề hứa gì còn hơn là đã thề hứa mà không thực hiện. Nhưng nếu con thực hiện được, thì chắc chắn con sẽ được hạnh phúc, vì đã đổi cái tạm thời lấy cái vĩnh cửu.

---

người theo thuyết bản tính duy nhất"). Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ IV, diễn ra tại thành phố Chalcedon vào năm 451, nhưng vẫn tồn tại dưới hình thức suy yếu trong vài thế kỷ sau khi bị lên án tại công đồng.

[4953] Thuyết Mani – một học thuyết dị giáo sai lầm, là sự pha trộn giữa Kitô giáo với những nguyên lý của tôn giáo Ba Tư Zoroaster. Người sáng lập thuyết Mani là Manes, một pháp sư Ba Tư. Manes dạy rằng từ thuở khai thiên lập địa đã tồn tại hai vương quốc độc lập – thiện và ác, luôn ở trong tình trạng đấu tranh không ngừng với nhau. Theo giáo lý của Manes, con người cũng được cấu thành từ sự kết hợp của hai yếu tố – ánh sáng và bóng tối – và dường như có hai linh hồn – thiện và ác – luôn đấu tranh với nhau. – Trong cuộc sống, những người theo Manichaeism rất tiết chế: họ chủ trương sống độc thân và ăn chay liên tục. – Manichaeism đã lan rộng khá mạnh mẽ vào thế kỷ III và IV.

Ngài cũng đã phán:

– Xin ý Chúa được thực hiện!

Sau đó, tôi cầu nguyện cho ông ấy, rồi cho ông ấy một miếng bánh và để ông ấy ra đi. Còn anh ta, sau khi trốn thoát khỏi thế gian đầy loạn lạc như thoát khỏi ngục tối, đã đến Giê-ru-sa-lem, cầu nguyện sốt sắng trước mộ Chúa Kitô và viếng thăm tất cả các thánh địa, rồi đến tu viện Thánh Savva và nhận chức tu sĩ, được đổi tên từ Ader thành Athanasius. Ông đã sống cuộc đời của một tu sĩ chân chính, làm đẹp lòng Thiên Chúa và về với Ngài. Còn người vợ đức hạnh của ông, sau khi ông ra đi, đã khóc than vì sự cô đơn của mình trong một thời gian dài và không ít lần, trong lúc đó, bà như thể nhìn thấy ông trước mặt mình mà thầm thì với ông:

– Ôi chồng yêu quý của em, – nàng nói, – anh đã cố gắng cứu rỗi linh hồn mình, còn giao phó việc chăm sóc các con của chúng ta cho một mình em. Xin Đức Chúa Trời Toàn Tri chứng kiến điều này và xin Ngài phán xét giữa em và anh!

Một thời gian sau, vào một đêm nọ, chồng nàng hiện ra trong giấc mơ, với khuôn mặt rạng ngời trong bộ áo trắng lấp lánh, và nói với nàng:

– Đừng khóc lóc và than vãn về tôi nữa. Này, tôi sẽ đưa các con về bên mình, còn em hãy cố gắng cứu rỗi linh hồn mình. Và người đàn ông ấy cũng hiện ra trước mặt tôi với hình dáng y hệt và nói:

– Trong tu viện gần nơi em ở, nữ tu im lặng cao niên nhất sẽ về với Chúa sau ba ngày nữa; em hãy sắp xếp để vợ ta vào đó thay thế bà ấy, để nàng sống trong phòng tu của bà ấy, ăn chay và hoàn toàn ẩn dật. Hãy để đứa con út ở lại với bà ấy cho đến khi nó trưởng thành. Nó sẽ đi theo bước chân của ta và sẽ lên ngôi Tông đồ tại Giê-ru-sa-lem.

Sau sự hiện ra đó, vào ngày thứ ba, nữ tu im lặng già nua đã qua đời tại tu viện đó, và sau đó hai đứa con của Aderov cũng qua đời. Chỉ còn lại một đứa, đứa con út, người cũng đang ốm nặng sắp chết. Người mẹ, đau khổ vì mất chồng và cái chết của hai đứa con, khi thấy đứa con cuối cùng của mình cũng đang hấp hối, trong nỗi buồn vô hạn đã khóc lóc thảm thiết, rồi bế đứa trẻ lên tay và chạy đến tìm tôi, kẻ không xứng đáng. Nửa đường đi, đứa trẻ trong vòng tay mẹ đã qua đời, và người mẹ không biết phải làm gì trong hoàn cảnh bi thảm như vậy. Tình cờ, hay đúng hơn là nhờ sự an bài của Thiên Chúa, bà gặp một người phụ nữ lăng loàn; người mẹ lập tức đặt đứa trẻ đã chết vào tay người ấy, rồi tự mình quỳ xuống dưới chân người ấy, khóc lóc van nài xin người ấy cầu nguyện cho đứa trẻ trước mặt Thiên Chúa. Người phụ nữ lăng loàn ấy, vô cùng ngạc nhiên trước lời thỉnh cầu đó, đã nói rằng mình là một tội nhân rõ ràng, đã phạm nhiều tội ác và việc xấu xa, nên không dám cầu xin Chúa, thậm chí không thể ngước mắt lên trời hay mở miệng cầu nguyện. Còn người mẹ, dường như đã mất trí vì nỗi buồn, vẫn tiếp tục ôm lấy chân cô ta và van xin. Lúc đó, người phụ nữ lăng loàn quay mặt về hướng đông, thở dài từ tận đáy lòng, đập tay vào ngực và khóc nức nở, rồi bắt đầu cầu nguyện như sau:

– Con không xứng đáng, lạy Chúa, vì vô số tội lỗi của con mà ngước nhìn lên cao trời và dùng đôi môi ô uế của con để xưng danh thánh của Ngài; nhưng, giống như người phụ nữ tội lỗi xưa kia đã khóc lóc dưới chân Ngài (Lc 7:36–50), con khẩn cầu lòng nhân từ của Ngài – xin hãy tuôn đổ lòng thương xót của Ngài xuống trên chúng con ngay lúc này từ sự nhân từ của Ngài! Người phụ nữ tội lỗi ấy đã xin tha thứ cho những tội lỗi của mình, còn con, không dám xin tha thứ cho vô số tội ác của mình, nên con cầu xin cho đứa trẻ vô tội này, điều mà người nữ tỳ khiết tịnh của Ngài đang khẩn thiết xin con. Đấng Ban Sự Sống, Đấng Cứu Rỗi muôn loài! Xin ban sự sống cho đứa trẻ này. Nếu tôi, một người phụ nữ có trái tim cứng cỏi và thiếu lòng thương xót, còn cảm thấy xót xa cho nó, thì Ngài, Đấng vốn dĩ đầy lòng nhân từ và yêu thương loài người, lại càng thương xót tạo vật của Ngài biết bao!

Ôi, lòng nhân từ vô biên của Thiên Chúa! Khi người phụ nữ tội lỗi cầu nguyện như vậy, đứa trẻ đã sống lại. Rõ ràng, Thiên Chúa đã nghe lời cầu nguyện của người phụ nữ tội lỗi này, người đã cầu nguyện với lòng ăn năn sâu sắc và khiêm nhường xưng thú tội lỗi của mình, và nhờ những lời cầu nguyện của bà, Ngài đã làm cho đứa trẻ đã chết sống lại, vì Ngài đã tiên kiến sự hoán cải và cuộc sống thánh thiện của bà trong tương lai. Người mẹ, khi thấy đứa trẻ còn sống, đã vô cùng vui mừng và ngợi khen Đức Chúa Trời, còn người phụ nữ tội lỗi, khi chứng kiến phép lạ ấy, đã kinh hoàng tột độ và, không thể thốt lên lời nào, ngã sấp mặt xuống đất, nước mắt tuôn trào. Thật kỳ diệu biết bao những việc làm của Đức Chúa Trời! Ngài đã làm cho đứa trẻ sống lại, an ủi người mẹ đau khổ, khiến người phụ nữ tội lỗi ăn năn chân thành, và chuẩn bị cho chính Ngài một tôi tớ xứng đáng để phục vụ trong chức vụ thánh. – Đứa trẻ được hồi sinh này sau này đã trở thành Thượng phụ Giê-ru-sa-lem.

Khi tất cả những điều này diễn ra trên đường đi, tôi đứng trên cột quan sát và, nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời, đã thấy một ánh sáng chói lọi từ trời chiếu xuống, soi rọi người phụ nữ tội lỗi đang cầu nguyện, đứa trẻ

đã qua đời và người mẹ đang khóc lóc. Gọi môn đệ lại, tôi sai anh ta đi tìm hai người phụ nữ ấy, và khi họ đến, họ đã kể cho tôi nghe mọi chuyện chi tiết theo những câu hỏi của tôi, đúng như những gì Chúa đã mặc khải cho tôi. Còn vợ của Ader thì nói:

– Xin cha, vị cha đáng kính, hãy phán xét giữa con và chồng con, người con tinh thần của cha. Tôi đã kết hôn với anh ấy khi còn trinh trắng, trở thành mẹ của ba đứa con, nhưng anh ấy, dù tôi không có lỗi gì, đã bỏ đi không biết đi đâu. Khi tôi đã dành nhiều thời gian để khóc lóc, một lần anh ấy hiện ra với tôi trong giấc mơ, mặc bộ áo sáng màu và nói:

– Này, ta sẽ đưa các con nhỏ về với ta, còn ngươi, nếu muốn, hãy cứu lấy linh hồn mình!

Sau giấc mơ đó, hai đứa con của tôi đã qua đời, và giờ đây anh ta muốn mang cả đứa con cuối cùng đi, để lại tôi chết dần trong nỗi đau khổ và hối tiếc. Nếu anh ta làm vậy theo lệnh của ngài, thì xin Chúa phán xét giữa ngài và tôi!

Tôi liền nói với bà:

– Con gái ơi, đừng buồn; con trai con sẽ không chết, mà sẽ sống sót và được hưởng vinh quang lớn lao. Còn con, theo lời khuyên của chồng con, hãy lo cho sự cứu rỗi linh hồn mình. Đây, đã có sẵn một căn phòng riêng trong tu viện gần nơi ta ở dành cho con. Một nữ tu hiếu Chúa, đã già đi trong đời sống ăn chay, đã qua đời – hãy thay thế bà ấy và noi gương đời sống của bà.

Người phụ nữ đó ngay lập tức đồng ý với đề nghị của tôi, và sau đó, người phụ nữ tội lỗi kia cũng khóc lóc van xin để được chấp nhận như một người ăn năn và được xếp vào hàng các thánh nữ ăn chay.

Một thời gian sau, cả hai người phụ nữ ấy, sau khi phân phát hết tài sản của mình cho người nghèo, đã gia nhập tu viện của các thánh nữ ăn chay, trở thành những nữ tu rất siêng năng và đã làm đẹp lòng Chúa nhờ những công đức của mình. Còn đứa trẻ được hồi sinh, khi đã trưởng thành, đã lên đường đến Palestine và khi ở tu viện Thánh Savva, cậu biết được rằng cha mình từng sống đời tu sĩ tại đó. Cậu cũng đã xuất gia tại đây và, sau khi xin được căn phòng tu của cha mình, nhờ những công đức ăn chay lâu dài, cậu đã giành được sự kính trọng từ các vị tu sĩ Palestine. Theo ý muốn của Đức Chúa Trời, ngài được tấn phong lên ngai Tòa Thượng phụ Giê-ru-sa-lem, trong bảy năm đã cai quản Giáo hội của Đấng Christ một cách khôn ngoan, và sau đó, sau khi hoàn thành con đường đời mình trong sự trong sạch, ngài đã về với nơi ở vĩnh cửu.

Câu chuyện về vị tu sĩ sống trên cột kỳ diệu này đã mang lại sự an ủi lớn lao cho Thánh Theodoros, và ngài đã hỏi vị tu sĩ đó:

– Xin cha linh hướng cho con biết, cha đã sống trên cột này bao lâu rồi? Và xin cha, vì danh Chúa, hãy kể cho con nghe tất cả về cuộc đời của cha, không giấu giếm điều gì cả.

Vị tu sĩ già thở dài từ tận đáy lòng và rưng rưng nước mắt, nói:

– Vì danh Chúa và vì tình yêu chân thật, con sẽ kể hết cho cha nghe, vị mục tử nhân từ của đoàn chiên Lời Chúa, còn cha hãy giữ bí mật điều này cho đến khi Chúa đưa con ra khỏi cuộc đời này. Vào những ngày còn trẻ, con cùng anh trai cả là Gioan đã từ bỏ thế gian. Chúng tôi đã lao động trong tu viện ba năm, rồi trong lòng nảy sinh khát vọng sống đời ẩn dật trong sa mạc. Theo lời khuyên của cha linh hướng, chúng tôi đã đến sa mạc gần Babylon và tìm thấy ở đó hai hang động nằm gần nhau, rồi bắt đầu sống ẩn dật trong đó, mỗi người một hang. Thức ăn của chúng tôi gồm rau xanh và trái cây rừng, những thứ có thể tìm thấy trong sa mạc; còn vào ngày thứ Bảy và Chủ Nhật, chúng tôi cùng nhau cầu nguyện và hát các thánh vịnh; sau khi cùng nhau dùng bữa với thức ăn đơn sơ của người ẩn tu, chúng tôi lại trở về hang động riêng của mình, cầu nguyện một mình và suy ngẫm về Thiên Chúa. Khi đi lang thang trong sa mạc, chúng tôi cũng cố gắng không gặp nhau, và chỉ có Thiên Thần của Chúa thường xuyên viếng thăm và an ủi chúng tôi trong sự cô độc ấy. Một lần, khi chúng tôi đang đi riêng rẽ trong sa mạc để hái cây cỏ, tôi thấy anh em mình ở xa kia; anh ấy đang đi thì bỗng dừng lại với vẻ ngạc nhiên, rồi sau khi đứng yên một lát, anh ấy làm dấu thánh giá và nhảy qua chỗ trống trước mặt như thể nhảy qua một tấm lưới nào đó, rồi nhanh chóng chạy về hang động của mình. Tôi cũng ngạc nhiên trước hành động đó của anh trai và đi xem điều gì đã khiến anh ấy phải bỏ chạy. Khi đến chỗ đó, tôi thấy một lượng lớn vàng vương vãi khắp nơi; sau khi cầu nguyện và cởi áo choàng ra, tôi đã thu gom số vàng đó vào áo choàng và vừa kịp mang về hang động mà không nói gì với anh trai về chuyện này. Sau đó, tôi lên thành phố và mua một ngôi nhà đẹp, kiên cố, có những căn phòng rộng rãi và nguồn nước trong lành. Tại đó, tôi xây dựng một nhà thờ và tu viện, tập hợp bốn mươi tu sĩ, mở một nhà trọ và bệnh viện để chăm sóc những người lữ hành và bệnh nhân, đồng thời mua một diện tích đất khá rộng cho tu viện. Sau khi sắp xếp xong mọi việc, tôi tìm được một người khôn ngoan và bổ nhiệm ông làm vị trụ trì của tu viện đó. Sau khi chi trả

hết các chi phí xây dựng tu viện, tôi còn lại hai nghìn đồng vàng; trong số đó, tôi trao một nghìn đồng cho vị trụ trì để lo cho nhu cầu của tu viện, còn một nghìn đồng còn lại thì phân phát cho những người nghèo, không giữ lại cho mình dù chỉ một đồng vàng nào. Sau đó, sau khi chia tay vị tu viện trưởng và các tu sĩ, tôi quay trở lại sa mạc để tìm anh trai mình. Khi tôi đi vào sa mạc, một ý nghĩ kiêu ngạo nảy sinh trong lòng tôi: "Anh trai tôi đã không biết tận dụng số vàng tìm được để làm việc thiện, còn tôi thì đã làm được điều vĩ đại và đẹp lòng Chúa." Trong khi suy nghĩ như vậy, tôi đến gần nơi anh trai tôi đang sống, và ý nghĩ kiêu ngạo về sự vượt trội của tôi so với anh trai vẫn không rời bỏ tôi. Và rồi, Thiên Thần của Chúa, Đấng đã từng viếng thăm tôi trước đây, bước ra đón tôi, nhìn tôi với ánh mắt nghiêm khắc và nói một cách giận dữ:

– Tại sao ngươi lại tự hào và tự cao trước mặt anh em mình? Ta sẽ nói thật với ngươi rằng, tất cả công lao lâu dài của ngươi, tất cả những lo toan của ngươi trong việc xây dựng tu viện đều không thể sánh bằng điều mà anh em ngươi đã làm, khi nhảy qua đống vàng mà anh ta tìm thấy. Anh ta không nhảy qua đống vàng, mà là nhảy qua vực thẳm lớn đã hình thành giữa người giàu và La-xa-rơ (Lc 16:26–31), bay qua trên đôi cánh nhẹ nhàng và lòng Áp-ra-ham đang chờ đón anh ta. Anh ta cố gắng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, còn ngươi – làm đẹp lòng loài người. Vì vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, anh trai ngươi cao quý hơn ngươi trước mặt Đức Chúa Trời, và ngươi không thể sánh ngang với anh ấy trong bất kỳ trường hợp nào, dù ngươi tự cho mình là tốt hơn anh ấy. Vì sự kiêu ngạo này, trong suốt cuộc đời này, ngươi sẽ không được gặp lại cả anh ấy lẫn ta, và ngươi sẽ phải rơi không ít nước mắt để làm nguôi lòng Đức Chúa Trời.

Nói xong, Thiên Thần biến mất khỏi tầm mắt tôi, còn tôi vội vã chạy đến hang động nơi anh trai tôi đang sống, nhưng không còn thấy anh ấy ở đó nữa. Tôi khóc nức nở đến kiệt sức, và bảy ngày sau, tôi nghe thấy tiếng Thiên Thần từ xa nói với tôi:

– Ngươi phải đi đến thành phố Edessa và ở đó, gần nhà thờ Thánh George, leo lên cột đá và ở lại trong sự sám hối cho đến khi Chúa thương xót ngươi.

Vậy là, tôi rời sa mạc trong tiếng khóc và khi đến đây, tôi đã leo lên cột đá này. Tôi đã ở đây suốt bốn mươi chín năm, đấu tranh với những suy nghĩ hỗn tạp bao trùm lấy tôi như một đám mây u ám, và nỗi buồn không thể nguôi ngoai tràn ngập trái tim tôi. Vào năm thứ năm mươi, vào một ngày thứ Bảy, vào buổi tối muộn, tôi cảm nhận được trong tâm hồn mình một sự khai sáng ngọt ngào, cùng với đó, đám mây u ám của những suy nghĩ đè nặng lên tôi cũng tan biến. Cả đêm đó, tôi thức trắng, dâng lên Chúa những lời cầu nguyện với lòng tràn đầy xúc động và để những giọt nước mắt an ủi tuôn rơi trên khuôn mặt. Khi ngày Chủ nhật đến và tôi đang hát những bài thánh vịnh thường lệ vào giờ thứ ba, bỗng nhiên một Thiên thần thánh hiện ra trước mặt tôi và nói:

– Bình an và ơn cứu rỗi cho ngươi!

Còn tôi, được an ủi bởi sự hiện ra này, đã quỳ sụp xuống đất và nói trong nước mắt:

– Tại sao Ngài lại từ chối con khỏi sự hiện diện của Ngài và chia cắt con khỏi anh em con? Giờ đây con đang phải đối mặt với biết bao cám dỗ!

Vị Thiên thần nắm lấy tay tôi, nâng tôi dậy và nói với tôi:

– Vì lòng kiêu ngạo của ngươi, khi ngươi đã khinh miệt anh em mình trong suy nghĩ, nên Ta đã ẩn mình khỏi mắt ngươi, nhưng không hoàn toàn bỏ rơi ngươi, mà vẫn ở bên ngươi một cách vô hình, bảo vệ ngươi, như Đức Chúa Trời đã truyền cho Ta. Giờ đây, nhờ sự khiêm nhường của con, Chúa đã nhớ đến con và sai ta đến, để ta có thể hiện diện bên con một cách rõ ràng, cả trong đời này lẫn đời sau. Giờ đây, Chúa ban cho ngươi ân sủng của sự sáng suốt, để ngươi có thể phân biệt được người công chính và kẻ tội lỗi, để vui mừng vì những người công chính, và cầu nguyện cho những kẻ tội lỗi, hầu cho họ từ bỏ cuộc sống tội lỗi và ăn năn sám hối. Và anh em ngươi vẫn còn sống và luôn cầu nguyện cho ngươi trước mặt Chúa, nhưng ngươi sẽ chỉ gặp lại anh ấy trong cuộc sống mai sau.

– Đó là tất cả những gì tôi có thể kể cho ngài, Đức Giám mục của Chúa, về cuộc đời mình!

Thánh Phê-ô-đô-rô bấy giờ hỏi ông rằng làm sao ông phân biệt được người công chính và kẻ tội lỗi. Người tu hành trên cột trả lời:

– Nếu một người công chính và kính sợ Chúa đi ngang qua nơi này, thì tôi thấy ân sủng của Chúa chiếu sáng trên người ấy; hai bên người ấy là các thánh và các Thiên thần rực rỡ đang đi theo, còn ở xa là lũ quỷ không dám đến gần người ấy. Còn nếu một kẻ tội lỗi đi ngang qua tôi, thì tôi thấy xung quanh hắn là một đám quỷ dữ đang hò reo, còn ở xa có một Thiên thần đang đi theo, than khóc và khóc lóc vì sự diệt vong của kẻ tội lỗi. Khi nào lũ quỷ muốn hủy diệt người đó một cách triệt để, thì Thiên thần với vũ khí lửa trong tay sẽ xua đuổi chúng đi.

Nhờ những cuộc trò chuyện bổ ích cho tâm hồn như vậy của vị thánh tu sĩ cột trụ Thánh Phê-ô-đô-rô, ngài đã được an ủi rất nhiều, và tạ ơn Chúa vì đã cho ngài may mắn tìm thấy giữa những người ngài chăn dắt một con người như vậy – một vị thánh được Thánh Thần soi dẫn và là một vị cha có tầm nhìn xa trông rộng. Kể từ đó, ngài thường xuyên đến thăm vị thánh ấy và có những cuộc trò chuyện thiêng liêng với ngài.

Thánh Phê-ô-đô-rơ đã chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô một cách khôn ngoan như vậy, cố gắng tiêu diệt những tà thuyết đang lan tràn. Còn những kẻ tà giáo thì tràn đầy cơn thịnh nộ và bắt đầu công khai âm mưu ám sát vị mục tử thánh thiện. Họ định dẫn cả một đám đông vũ trang xông vào nhà thờ trong lúc cử hành thánh lễ, giết vị mục tử và xua đuổi đàn chiên, nhưng họ đã không thành công và lời Kinh Thánh đã ứng nghiệm trên họ: *"Họ đã lập mưu, nhưng không thể [thực hiện được]"* (Thánh Vịnh 20:12). Mỗi lần họ vừa đến gần nhà thờ, quyền năng của Đức Chúa Trời lại ngăn cản họ bước vào: lúc thì tay họ tê cứng, lúc thì ngọn lửa bùng lên đột ngột từ trong nhà thờ lao ra đón họ, đuổi họ đi. Họ bối rối một hồi lâu không biết phải làm gì, nhưng sau đó quyết định hành động theo cách khác. Họ xúi giục các quan chức của vùng đó chống lại Hội Thánh của Đức Chúa Trời và chống lại vị thánh, người Agaryan (Edessa lúc bấy giờ nằm dưới sự cai trị của người Saracen), bằng cách tặng họ những món quà giá trị; và với sự cho phép cũng như sự hỗ trợ của họ, họ đã tước đoạt khỏi Giáo hội rất nhiều điền trang, làng mạc, ruộng đồng, vườn tược và mọi tài sản khác, vốn là nguồn thu nhập để duy trì cuộc sống cho nhà giám mục và các linh mục khác. Họ, chủ yếu là những người Manichean giàu có, đã gây ra nhiều sự xúc phạm và bạo lực đối với các Kitô hữu Chính Thống khác.

Thánh Theodoros đã phải đến Babylon gặp vị vua Saracen tên là Mavi, người kế vị Adramelech, để than phiền với ông ta về những sự xúc phạm mà Giáo hội phải chịu, đồng thời xin chấm dứt những hành vi đó và yêu cầu một cuộc điều tra công bằng về toàn bộ vụ việc. Ban đầu, Thánh Theodorus đã đến xin lời khuyên từ vị tu sĩ sống trên cột. Vị tu sĩ này đã tán thành ý định của ngài và tiên đoán cho ngài mọi điều sẽ xảy ra với ngài. Ông nói rằng vị thánh sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà ngài đã tự đặt ra cho mình, và không chỉ đáp ứng được mọi nhu cầu của Giáo hội, mà còn khiến chính vị vua quay về với đức tin Kitô giáo. Vị tu sĩ sống trên cột khuyên ngài nên đi tìm người anh em của mình là Gioan, người được cho là đang ở đâu đó phía trên Babylon, trong sa mạc, và thậm chí còn viết một lá thư gửi cho người anh em ấy. Vị thánh, sau khi từ biệt vị tu sĩ sống trên cột, đã trở về giáo phận, và sau vài ngày, ngài chuẩn bị cho chuyến đi; sau khi cầu nguyện với Thiên Chúa cho đoàn chiên của mình và cho chính mình, ngài lên đường theo lộ trình mà ngài đã định sẵn.

Khi đến Babylon, Thánh Theodor đã đến nhà thờ Kitô giáo và gặp vị tổng giám mục tại đó, người đã vui mừng đón tiếp ngài và dành cho ngài một nơi ở. Khi vị tổng giám mục bắt đầu hỏi Thánh Theodor về mục đích chuyến đi, ngài đã kể lại chi tiết cho ngài nghe về tất cả những cuộc tấn công của các kẻ dị giáo nhằm vào Giáo hội, về việc cướp bóc tài sản của Giáo hội và về những đau khổ mà các tín hữu Chính Thống phải gánh chịu. Lúc bấy giờ, tình cờ có hai quan triều đình đang ở cùng Đức Tổng Giám mục; một người là trưởng ban thư ký hoàng gia, người kia là trưởng ban y tế. Cả hai đều là tín hữu Chính Thống Giáo. Nghe câu chuyện của vị giám mục, họ đã chia buồn với ngài từ tận đáy lòng. Lúc đó, Đức Tổng Giám mục bảo hai quan lại triều đình ấy hãy báo cho hoàng đế biết về sự có mặt của vị giám mục từ Edessa, nhưng họ đáp lại:

– Bây giờ không phải lúc – nhà vua đang ốm nặng, thị lực của ngài đã suy giảm do bệnh tật và mắt ngài có những vết loét. Hơn nữa, gan ngài bị viêm, và theo chúng tôi, đây là căn bệnh không thể chữa khỏi. Làm sao có thể đến gặp ngài để bàn chuyện gì được lúc này?

Thánh Theodorus bèn nói với họ:

– Ai mà biết được, thưa các ngài, – biết đâu vì lòng khiêm nhường của tôi mà Chúa sẽ chữa lành cho ngài?

Họ đáp lại:

– Nếu ngài giỏi về y thuật hoặc được Chúa ban ân sủng chữa lành, thì đây chính là thời điểm thích hợp để ngài nhận được một quyết định có lợi cho mình.

Sáng hôm sau, trưởng các bác sĩ đến gặp nhà vua để thực hiện việc khám chữa bệnh thường lệ, đã báo với nhà vua rằng vị giám mục đến từ Edessa đang chữa bệnh rất thành công. Vua lập tức ra lệnh cho người ta đi gọi vị giám mục ấy, và vị giám mục đã đến gặp vua, vừa cầu nguyện vừa ngâm thầm trong lòng Thánh vịnh của Đa-vít: *"Ai ở dưới bóng Đấng Tối Cao"* (Thánh vịnh 90:1–16). Khi ngài bước vào phòng ngủ của vua, vị vua đang ốm đã nói bằng giọng gần như không nghe thấy:

– Thưa Giám mục! Nếu ngài có thể, xin hãy giúp tôi. Tôi đang đau đớn tột cùng và đã gần kề cái chết.

Vị Thánh của Chúa Kitô, sau khi ngước mắt lòng lên hướng về Thiên Chúa và với đức tin vững chắc, đã cầu xin Chúa Kitô, vị Bác sĩ mau lẹ, đến giúp đỡ, rồi ra lệnh mang đến một cái bình sạch và nước sạch. Với một ít đất lấy từ ngôi mộ ban sự sống của Chúa Kitô, ngài hòa tan đất ấy vào nước, rồi ra lệnh cho nhà vua uống một phần nước đó, còn phần còn lại thì dùng để xức lên đầu, trán, mí mắt, đôi mắt, trái tim và hai vai của nhà vua. Sau đó, ngài xin cho nhà vua được ngủ yên, còn bản thân thì lui về nhà trọ. Vị vua đang ốm đã chìm vào giấc ngủ sâu, và trong lúc ngủ, mọi bệnh tật của ông đều tan biến; nhờ ân sủng của Chúa Kitô và những lời cầu nguyện của Thánh Phê-ô-đô-rô, vị giám mục, ông đã được cứu sống khỏi cửa tử. Khi tỉnh dậy, vị vua cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh và đôi mắt ông nhìn rõ ràng. Ngài vô cùng ngạc nhiên trước sự chữa lành hoàn toàn, nhanh chóng và bất ngờ như vậy, và trong niềm vui sướng, ngài ra lệnh ngay lập tức cho gọi vị giám mục thánh thiện, người giỏi về y thuật, đến gặp mình, rồi cảm ơn và ca ngợi ngài rất lâu. Vị thánh thì ra lệnh cho nhà vua dùng bữa, và nhà vua ăn uống như một người hoàn toàn khỏe mạnh.

Sáng hôm sau, nhà vua triệu tập tất cả các quan đại thần cao cấp của mình và, sau khi ngự lên ngai vàng cao, đã cho mọi người thấy rõ rằng ngài đã bình phục. Mọi người đều vui mừng trước sự bình phục của nhà vua, và nhà vua đã tổ chức một bữa tiệc lớn vào ngày hôm đó dành cho các quan đại thần, các quan thành, quân đội và toàn thể dân chúng. Bữa tiệc vui vẻ bắt đầu, và nhà vua đã tôn vinh Thánh Giám mục Theodorus trước mặt toàn thể hội chúng, ban tặng ngài những món quà quý giá và gọi ngài là "ánh sáng của đôi mắt ta". Đến ngày thứ ba, nhà vua triệu ngài đến, đồng thời dành cho Thánh Theodorus những vinh dự đặc biệt, rồi nói:

– Người của Chúa, ánh sáng trong mắt ta! Hãy nói cho ta biết, vì lý do gì ngài đã đến đây? Bất cứ điều gì ngài yêu cầu từ ta, ta sẽ thực hiện.

Lúc đó, vị thánh của Chúa bắt đầu kể chi tiết cho nhà vua nghe về tất cả những sự xúc phạm gây ra cho Giáo hội thánh và các Kitô hữu Chính thống, về việc cướp bóc tài sản của Giáo hội, cũng như những sự đàn áp và tấn công đủ mọi loại. Sau đó, nhà vua ra lệnh ngay lập tức gửi thư đến các quan cai trị ở Cilicia, Syria và Mesopotamia[4954] , yêu cầu họ khẩn trương trả lại cho Giáo hội Edessa tất cả các lãnh địa của Giáo hội, đồng thời đưa những kẻ có tội ra xét xử vì những sự xúc phạm gây ra cho các Kitô hữu. Tiếp đó, hoàng đế ra lệnh cho những kẻ dị giáo phải gia nhập Giáo hội Công giáo; nếu họ không chịu tuân theo mệnh lệnh này, thì hoàng đế ra lệnh cắt lưỡi những người Manichean, còn những người Nestorian, Severian và Eutychian thì phải bị trục xuất khỏi thành phố, còn các nơi tụ họp của họ thì phải bị phá hủy. Khi sắc lệnh hoàng gia này được ghi chép xong, hoàng đế nói với vị thánh:

– Cha ơi, xin hãy ở lại đây với chúng con một thời gian, còn con sẽ cử một quan tổng trấn mang sắc lệnh của con đi để ông ta thi hành đúng theo từng chi tiết. Hãy cử một trong các môn đệ của cha đi cùng ông ta, và đừng lo lắng gì nữa: mọi việc sẽ được thực hiện theo ý muốn của cha!

Vậy là, vua đã cử một quan tổng trấn, còn giám mục thì cử ba linh mục, và chẳng bao lâu sau, từ Edessa có tin báo rằng mọi việc ở đó đã được giải quyết ổn thỏa. Nhiều kẻ dị giáo, vì sợ hãi trước những lời đe dọa của nhà vua, đã gia nhập Giáo hội Chính thống; còn những kẻ khác, vẫn tiếp tục ngoan cố trong sự bất kính của mình, thì phải chịu hình phạt thể xác hoặc bị trục xuất.

Trong thời gian ở Babylon, Thánh Giám mục Theodor thường được vua mời đến với tư cách là bác sĩ, và nhân cơ hội đó, ngài dần dần gieo rắc những hạt giống giáo lý của Chúa Kitô. Những hạt giống ấy đã rơi vào mảnh đất màu mỡ trong lòng nhà vua, và nhà vua đã phần nào bắt đầu được soi sáng bởi ánh sáng của sự hiểu biết chân chính. Sau đó, vị thánh đã xin nhà vua cho phép được đi vào sa mạc trong một thời gian ngắn, để tìm vị ẩn sĩ sống trên cột mà vị ẩn sĩ kia đã chỉ dẫn cho ngài. Khi được phép, ngài cùng hai môn đệ của mình lên đường; sau khi rời khỏi thành phố khoảng một trăm dặm, nhờ ơn Chúa, ngài đã tìm thấy Thánh Gioan, anh em của vị tu sĩ sống trên cột, trong sa mạc, tại một hang động tối tăm và khó tiếp cận. Vị thánh nhân đã tự mình ra đón vị giám mục và gọi tên vị thánh cùng các môn đệ của ngài. Sau khi dâng lời cầu nguyện và chào hỏi lẫn nhau, họ ngồi xuống và bắt đầu cuộc trò chuyện thiêng liêng. Thánh Giăng rất giống với anh trai mình, vị tu sĩ sống trên cột Thêôđôsiô. Ngài xin vị thánh tổ chức Thánh lễ trong hang động của mình và ban cho ngài Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô, và vị giám mục đã đáp ứng nguyện vọng của ngài – cử hành Thánh lễ và ban Thánh Thể cho ngài. Sau khi rước Thánh Thể, vị

[4954] Mesopotamia – vùng đất đá và cát, nằm giữa hai con sông Tigris và Euphrates, trải dài từ Armenia ở phía bắc đến Vịnh Ba Tư ở phía nam.

ẩn sĩ tràn ngập niềm vui thiêng liêng và mời các vị khách dùng bữa ăn của người ẩn sĩ, mà họ thấy ngon lạ thường. Sau khi nếm thử, họ tạ ơn Thiên Chúa và lại tiếp tục cuộc trò chuyện thiêng liêng. Vị ẩn sĩ nói với vị giám mục:

– Thưa Cha! Bức thư mà anh trai con, vị tu sĩ sống trên cột, đã viết cho con đâu rồi?

Vị giám mục, ngạc nhiên trước sự thấu hiểu của vị tu sĩ già, hỏi ông:

– Ai đã cho ngài biết, thưa Abba, rằng tôi có lá thư của anh trai ngài gửi cho ngài?

Vị tu sĩ cao niên đáp:

– Ngay tại thời điểm lá thư được viết, tôi đã được nghe nội dung của nó, và ngay lập tức, tôi đã viết lời đáp lại cho anh trai ngài ở mặt sau lá thư.

Vị giám mục lấy lá thư còn niêm phong ra khỏi túi và định trao cho vị ẩn sĩ, nhưng vị này xin vị giám mục mở niêm phong và đọc thư. Khi vị giám mục làm theo ý nguyện của ông, ngài thấy những lời sau đây ở mặt sau lá thư:

– Gioan, người cuối cùng trong số các tu sĩ, từ các hang động Babylon, gửi đến Thánh Theodosius, vị tu sĩ cột trụ của Syria, anh em ruột của tôi, xin được hân hoan trong Chúa! Tôi đã đọc thư của anh ngay khi nó vừa được viết xong và ngay lúc đó đã viết thư trả lời cho anh, vì dù thân xác chúng ta cách xa nhau, nhưng linh hồn tôi luôn ở bên anh không rời, và những gì Thiên Chúa mặc khải cho anh, tôi cũng biết. Mọi điều anh đã viết về vị giám mục thánh thiện đều đang trở thành hiện thực, nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa. Giáo Hội Thánh được củng cố, những kẻ dị giáo bị bẽ mặt và sẽ bị trục xuất; vị vua ngoại đạo, cùng với sự sáng mắt thể xác, cũng nhận được sự sáng mắt thiêng liêng. Chúc anh được bình an trong Chúa, hỡi anh em, và hãy cầu nguyện cùng Chúa Kitô cho tôi, để trong đời sau chúng ta được gặp lại nhau và ở bên nhau không bao giờ xa cách.

Sau khi đọc với sự ngạc nhiên lời đáp tuyệt vời ấy, vị giám mục nhớ đến nhà tiên tri Habacuc, người đã được Thiên Thần đưa từ Giu-đê đến Ba-by-lôn gặp Đa-ni-ên và ngay trong giờ đó được đưa trở lại Giu-đê, và ngài tự nhủ:

– Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đấng đã thực hiện phép lạ như vậy từ thuở xa xưa, giờ đây cũng có thể thực hiện điều tương tự: Ngài thật kỳ diệu trong các thánh của Ngài (Thi Thiên 67:36).

Vị giám mục thánh thiện đã ở lại với vị ẩn sĩ đáng kính suốt một ngày một đêm, và sáng hôm sau, sau khi dâng lời cầu nguyện, ngài từ biệt vị ẩn sĩ và trở về Babylon, gặp nhà vua. Nhà vua nói với ngài:

– Thưa Cha kính mến, con mong sao không bao giờ phải xa cách Cha, dù trong kiếp này hay kiếp sau, – bởi linh hồn con đã gắn bó mật thiết với Cha bằng sợi dây tình yêu!

Vị giám mục đáp lại:

– Ta thấy rằng cánh cửa giữa ta và ngài đang mở rộng. Ta không cần phải bước ra ngoài, còn ngài cũng không cần phải bước vào đây. Khi cánh cửa đóng lại, chúng ta sẽ phải chia ly, và điều đó khiến tâm hồn ta vô cùng đau buồn.

Nhà vua liền nói:

– Những cánh cửa đó là gì và việc đóng chúng lại có ý nghĩa gì? Xin ngài hãy giải thích cho tôi để tôi có thể hiểu được!

Lúc đó, vị thánh nhân lấy cuốn Phúc Âm Thánh ra khỏi ngực, giải thích bằng ngôn ngữ mà nhà vua có thể hiểu được. Nhà vua lắng nghe một cách chăm chú, lòng tràn đầy xúc động và bừng cháy tình yêu dành cho Chúa Kitô.

Lúc đó, chỉ có ba người hầu trung thành nhất, gốc gác từ Ả Rập, đang ở bên cạnh ngài; họ cũng lắng nghe Phúc Âm Thánh với lòng xúc động, và vị giám mục tiếp tục đọc cho đến tận tối muộn. Sáng hôm sau, khi đã giải quyết xong các công việc, nhà vua lại triệu thánh nhân đến, dường như để xin lời khuyên từ ngài như một vị bác sĩ, nhưng thực ra là để nhờ ngài chữa lành linh hồn mình; và một lần nữa, suốt cả ngày, ngài chăm chú lắng nghe những câu chuyện trong Phúc Âm và những lời dạy của Đấng Cứu Thế, rồi sau đó, chính ngài cùng ba vị quan của mình đã tin nhận Chúa Kitô. Vị thánh đã bảo họ chuẩn bị để lãnh nhận phép rửa thánh. Ngài đã chỉ định cho họ một khoảng thời gian để ăn chay và dạy họ cầu nguyện với Thiên Chúa, bằng cách viết cho họ bằng ngôn ngữ của họ các lời cầu nguyện "Ba Lần Thánh", "Lời Cầu Nguyện của Cha Chúng Con" và các lời cầu nguyện khác, cũng như Kinh Tin Kính – "Tôi tin vào một Thiên Chúa duy nhất". Tất cả những việc này đều được thực hiện bí mật để tránh bị người Saracen phát hiện, những kẻ mà nhà vua rất e ngại. Hàng ngày, vị Giám mục đến thăm nhà vua với tư cách là một bác sĩ và riêng tư dạy nhà vua, rồi sau đó là ba người hầu cận của ông, về các bí tích của đức tin thánh thiện. Sau một thời gian, ngài đã bí mật rửa tội cho nhà vua và ba người hầu cận của ông, và đặt tên cho nhà vua là Gioan.

Ngài cử hành Thánh Lễ trong phòng ngủ của nhà vua, ban Thánh Thể và Máu Thánh của Chúa Kitô cho những người mới được rửa tội, và tất cả cùng hân hoan trong niềm vui lớn lao. Các Thiên Thần thánh cũng hân hoan vì sự hoán cải của những kẻ tội lỗi, và trong các phòng riêng của hoàng cung, niềm hân hoan ấy diễn ra với sự tham dự vô hình của các thế lực thiên đàng.

Vua Gioan, người vừa được khai sáng, vì lòng yêu mến Đấng Cứu Chuộc loài người, là Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã chịu khổ hình trên thập giá, đã khao khát có được một mảnh gỗ từ Thập giá Thánh và Ban Sự Sống của Chúa, nơi mà Chúa chúng ta đã bị đóng đinh. Nhưng vì lúc bấy giờ Thánh Giá không còn ở Giê-ru-sa-lem nữa, mà đã được các vị vua Hy Lạp chuyển đến Constantinople[4955] , nên Thánh Theodoros, vị thánh của Chúa Kitô, đã phải lên đường đến Constantinople với một bức thư của nhà vua, trong đó có nội dung như sau:

– Kính gửi Đức Vua Michael, vị quân vương tối cao và đạo đức của vương quốc Hy Lạp, cùng với Mẹ Thánh Theodora, người mẹ đạo đức và khôn ngoan trước mặt Chúa, John, Vua của người Saracen, xin được chia sẻ niềm vui trong Chúa! Tôi tạ ơn Đức Chúa Trời chí thánh, Đấng đã giải thoát tôi khỏi sự lầm lạc và ban cho tôi được nhận biết lẽ thật của Phúc Âm thánh và tuyên xưng đức tin Kitô giáo; và tôi xin Đức Vua kính yêu ban cho tôi một phần của cây Thánh Giá ban sự sống và vinh hiển, nơi mà Đấng Kitô của tôi đã chịu đóng đinh. Tôi muốn mang theo vật đó bên mình như một vị bảo hộ.

Với bức thư này cùng những món quà quý giá, vua Saracen đã cử Thánh Giám mục Theodor đến gặp vua Hy Lạp. Khi đến Constantinople và dâng bức thư cùng các món quà cho nhà vua, ngài đã được nhà vua và Đức Thượng phụ tối cao tiếp đón long trọng.

Vào thời điểm đó, mẹ của vị vua, bà Theodora, bị bệnh về mắt, trên mắt bà xuất hiện những đốm mờ làm mờ thị lực; và vị thánh của Chúa Kitô đã lấy đất từ Mộ Thánh của Chúa, trộn với nước trong, rồi xức lên mắt bà và chữa lành cho bà. Không chỉ riêng hoàng hậu, mà ngài còn thường xuyên chữa lành cho những người bệnh khác nữa.

Vua đã ra lệnh làm một chiếc hộp nhỏ bằng vàng, được trang trí bằng đá quý và ngọc trai, rồi đặt vào đó một mảnh gỗ thiêng liêng từ Thánh Giá ban sự sống của Chúa. Đồng thời, ngài đã viết thư cho vua Saracen như sau:

– Michael, người tin kính vào Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng Tự trị trên tất cả người Hy Lạp, gửi đến Gioan, người được lòng chúng tôi yêu mến, vua Saracen, mong ngài vui mừng trong Chúa! Chúng tôi đã nhận được thư của ngài, tràn đầy lòng kính sợ Chúa, và đã vô cùng vui mừng, đồng thời tạ ơn Đức Chúa Trời, Đấng đã dẫn dắt ngài *"từ bóng tối vào ánh sáng kỳ diệu của Ngài"* (1 Phi-e-rơ 2:9) và kêu gọi ngài thừa hưởng sự sống đời đời và vương quốc vô tận. Giờ đây, ngài đã trở thành con của Áp-ra-ham, chứ không phải của Ích-ma-ên; là con của Sa-ra, chứ không phải của Ha-ga[4956] . Chúng tôi ca ngợi sự khôn ngoan của ngài, vì ngài đã nhận biết Vị Vua Thật. Xin ngài hãy bền đỗ đến cùng trong đức tin nơi Đấng Christ và các điều răn của Đấng Cứu Thế chúng ta. Còn lời thỉnh cầu của ngài, chúng tôi vui lòng đáp ứng. Xin Cây Thánh Giá Ban Sự Sống của Chúa trở thành sự che chở cho ngài trước mọi kẻ thù hữu hình và vô hình, và là niềm hy vọng phúc lành cho cuộc sống mai sau!

Sau khi trao bức thư này cho Thánh Phê-ô-đô-rô, Giám mục Ê-đê-sa, để gửi đến vua Sa-ra-cên, kèm theo một mảnh của Cây Thập Tự Ban Sự Sống và cả một bức tượng Đấng Cứu Thế, đồng thời ban tặng các món quà cho vị thánh, vị vua Hy Lạp đã tiễn ngài ra đi trong bình an. Trên đường đến Babylon, vị thánh đã ghé qua thành phố thủ đô Edessa của mình và mang lại sự an ủi lớn lao cho đoàn chiên thiêng liêng của ngài, đồng thời cũng viếng thăm vị tu sĩ sống trên cột, Thánh Theodosius, người rất thân thiết với ngài. Sau một thời gian ngắn ở Edessa, ngài lên đường đến Babylon, trên đường đi ngài chữa lành đủ loại bệnh tật bằng cách đặt Thánh Giá Ban Sự Sống và đất từ Mộ Thánh Chúa, cũng như bằng những lời cầu nguyện thánh thiện của mình. Khi ngài đến gặp vua Gioan, nhà vua đã tiếp đón ngài với niềm vui vô cùng lớn lao, cúi lạy Thánh Giá và hình ảnh Đấng Cứu Thế xuống đất, hôn lên chúng trong nước mắt vui sướng và đặt chúng trong phòng ngủ của mình, đồng thời tự tay thắp lên ngọn đèn không tắt trước thánh tích này; còn bức thư của vị vua Hy Lạp, ngài đã đọc với tình yêu thương vô bờ bến.

[4955] Cây Thánh Giá của Chúa đã bị vua Ba Tư Khosrow II Parvez (trị vì từ năm 590 đến năm 628) cướp đi từ Jerusalem vào năm 614, trong cuộc chiến với hoàng đế Hy Lạp Phokas. Cây Thánh Giá đã được trả lại cho người Hy Lạp vào năm 628 bởi người kế vị Khosrow II là Siroes, sau khi ký kết hiệp ước hòa bình với hoàng đế Hy Lạp Heraclius.

[4956] Sarra – vợ của Áp-ra-ham; A-ga – thiếp của ông. Từ Sarra, qua Y-sác, đã sinh ra dân tộc của Đức Chúa Trời, còn từ Y-sma-ên đã sinh ra dân Y-sma-ên, còn được gọi là người Sa-ra-cên và người A-ga.

Thánh Theodor ở lại Babylon, thực hiện nhiều phép chữa lành và trừ quỷ khỏi con người. Các Kitô hữu vô cùng vui mừng vì điều này, còn người Saracen và người Do Thái thì ghen tị đến mức không chịu nổi. Trong số những người Do Thái đó có một người, là thủ lĩnh của cộng đồng Do Thái và là thầy dạy luật. Ông ta xúi giục các quan đại thần Ba Tư và Saracen đề nghị vua ban chiếu chỉ tổ chức một cuộc tranh luận công khai về đức tin giữa các Kitô hữu và người Do Thái. Nhà vua, biết rằng các tôi tớ của Chúa Kitô sẽ không bị đánh bại, đã đồng ý với đề nghị của họ. Một ngày đã được ấn định cho cuộc tranh luận, và một đám đông lớn gồm người Ba Tư, người Saracen, người Do Thái và các Kitô hữu đã tụ tập; sau đó, chính nhà vua cùng toàn thể hội đồng của mình cũng có mặt tại buổi họp. Khi nhà vua ngự trên ngai cao, một nhà thông luật Do Thái đã đứng ra đại diện cho toàn thể người Do Thái, một mình đối đầu với các nhà giảng dạy và thánh nhân Kitô giáo, gồm Tổng Giám mục Babylon và Giám mục Edessa: người Do Thái ấy hùng biện đến mức nào và tự hào về kiến thức của mình biết bao! Nhưng khi ông ta bắt đầu nói không dựa trên Kinh Thánh, mà bịa đặt ra đủ thứ điều vô lý và phỉ báng Đức Kitô, Chúa của chúng ta, thì Thánh Phê-ô-đô-rô, tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng và ra hiệu bằng tay để mọi người im lặng, đã nói với người Do Thái ấy:

– Nếu ngươi đưa ra cho chúng ta xem xét điều gì từ Luật Mô-sê hay từ các vị tiên tri thánh khác, thì chúng ta sẽ trả lời ngươi. Nhưng vì ngươi đã mở miệng lưỡi xảo trá của mình để phỉ báng và nói dối, và ngươi không nói những điều đã được các vị tiên tri thánh truyền lại, mà là những điều được cha ngươi, Satan, xúi giục*, "hỡi kẻ đầy dẫy mọi mưu mô và mọi sự gian ác, con của ma quỷ, kẻ thù của mọi sự công chính"* (Công vụ 13:10), thì trước mọi lời phỉ báng và dối trá của ngươi, ta chỉ nói với ngươi một lời của Đa-vít: *"Hãy để những miệng lưỡi dối trá, những kẻ nói điều ác chống lại người công chính với sự kiêu ngạo và khinh miệt, phải câm lặng"* (Thi thiên 30:19).

Và ngay lập tức, người Do Thái hay nói nhiều ấy im lặng, và lưỡi phỉ báng của hắn trở nên câm lặng, đến nỗi hắn không thể nói được gì. Lúc đó, người Do Thái bị sỉ nhục, còn các Kitô hữu thì hân hoan; người Ba Tư và người Saracen thì ngạc nhiên, còn nhà vua thì vui mừng trong lòng vì các Kitô hữu đã chiến thắng và quyền năng của Chúa Giêsu Kitô được tôn vinh.

Sau đó, nhà vua ra lệnh đánh người thầy luật Do Thái ấy – người đã bị Đức Chúa Trời khiến câm lặng – một cách tàn nhẫn bằng dây da bò, rồi giam vào ngục tối. Các quan chức Do Thái khác cũng bị trừng phạt và bị đuổi khỏi hội đồng trong sự nhục nhã. Ba ngày sau, người Do Thái bị ném vào ngục tối, dù không thể nói được, đã gửi một lá thư cầu xin đến Đức Giám mục Thánh Theodoros, xin ngài thương xót và hứa sẽ theo đạo Kitô. Vị thánh, sau khi báo cáo việc này với nhà vua, đã thả người Do Thái đó ra khỏi ngục tối; người ấy, quỳ sấp xuống dưới chân vị thánh, đã dùng cử chỉ xin được rửa tội, vì lưỡi của ông vẫn câm. Vị giám mục liền cử hành nghi thức công bố đức tin[4957] cho ông; và sau đó, khi đưa ông vào bể rửa tội thánh và cầu khẩn danh Thánh Ba Ngôi trên ông, lưỡi của anh ta lập tức được giải thoát khỏi chứng câm và anh ta bắt đầu bằng giọng nói vang dội ca ngợi Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, đồng thời xưng nhận rằng Chúa Giêsu Kitô quả thực là Con của Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng đã được Luật pháp và các Tiên tri loan báo.

Vậy là, người Do Thái ấy đã trở thành Kitô hữu, nhận được trong phép rửa thánh một tên mới thay cho tên cũ – là Samon, và theo gương ông, một số người Do Thái khác cũng đã chấp nhận đức tin thánh thiện và chịu phép rửa. Ngoài ra, nhiều người Ba Tư và người Saracen cũng đã tin vào Đấng Kitô, nhưng họ giữ đức tin của mình trong bí mật, vì sợ bị chính quyền của họ bắt bớ và hành quyết.

Sau đó, vài ngày sau, Thánh Phê-ô-đô-rô định đi gặp vị ẩn sĩ, Thánh Gio-an, và báo cho nhà vua biết; nhà vua nói rằng ông cũng muốn được gặp vị thánh nhân của Chúa ấy và lắng nghe những lời dạy của ngài. Thánh nhân đáp lại:

[4957] Giảng dạy – sự hướng dẫn bằng lời nói về các chân lý của đức tin Kitô giáo, được truyền dạy trong Giáo hội cổ đại cho tất cả những ai mong muốn tham dự Bí tích Rửa tội. Với quyền được vào nhà thờ để lắng nghe Kinh Thánh và các bài giảng, thậm chí được tham dự phần thứ nhất và thứ hai của Thánh lễ ("Proskomedia" và "Thánh lễ dành cho những người được giảng dạy"), những người được giảng dạy trước khi bước vào phần thứ ba, phần quan trọng nhất của Thánh lễ ("Thánh lễ của các tín hữu"), phải lập tức rời khỏi nhà thờ; điều này được thông báo bởi phó tế qua tiếng hô và vẫn được duy trì cho đến nay trong Giáo hội Chính thống khi cử hành Thánh lễ. Thời gian làm người dự tòng không cố định; nhiều người duy trì tư cách này suốt cả cuộc đời. Trong trường hợp cần thiết, thời gian này có thể được rút ngắn xuống còn vài ngày hoặc thậm chí vài giờ. – Nghi thức làm người dự tòng vẫn được cử hành trong Giáo hội Chính thống cho đến ngày nay; nghi thức này bao gồm việc đọc các lời cầu nguyện quen thuộc cho người sắp chịu phép rửa và tuyên bố lời nguyền rủa ma quỷ; trong khi đó, người sắp chịu phép rửa từ bỏ Satan, kết hiệp với Chúa Kitô và tuyên xưng đức tin của mình bằng cách đọc Kinh Tin Kính (trong lễ rửa tội cho trẻ sơ sinh, việc này do cha mẹ đỡ đầu thực hiện).

– Ta ủng hộ nguyện vọng của ngươi, vì nếu ngươi được gặp ngài, ngươi sẽ thu được nhiều lợi ích từ đó. Ngài là người có tâm hồn cao thượng và sở hữu ân sủng của sự thấu thị, nên có thể nói về tương lai như thể đó là hiện tại.

Vậy là họ đồng ý cùng nhau đi gặp vị ẩn sĩ. Vua giả vờ rằng mình đi săn và muốn dành vài ngày trong sa mạc để săn bắt thú rừng. Thế là, ông lên đường cùng đông đảo quan lại và binh lính, mang theo cả vị giám mục làm bác sĩ riêng của mình.

Họ đi qua các ngọn núi và thung lũng hoang vu, bắt được rất nhiều con mồi. Khi đến gần nơi vị ẩn sĩ đang ở trong hang động, nhà vua cho các tôi tớ đi trước và chỉ còn lại với một đoàn tùy tùng nhỏ. Sau đó, khi đến gần hang động hơn nữa, ngài cũng để lại đoàn tùy tùng này và đi tiếp, chỉ mang theo ba người hầu trung thành nhất đã cải đạo sang Kitô giáo; còn vị thánh thì mang theo môn đệ của mình là Vasil, người sau này đã viết cuốn tiểu sử về ngài. Còn Thánh Gioan, nhờ linh cảm biết rằng vua và giám mục đang đến gặp mình, đã ra đón họ, tay cầm ngọn lửa và hương trầm, – ngài chào đón họ bằng một cái cúi đầu và dẫn họ vào hang động của mình, nơi tất cả cùng trò chuyện về những điều có ích cho linh hồn. Và vị ẩn sĩ nói với nhà vua:

– Ngài thật hạnh phúc, vì đã từ bỏ những điều hư ảo và dối trá, để yêu mến lẽ thật dẫn dắt ngài đến sự sống. Ngài thật hạnh phúc, vì ngài sẽ được đội vương miện tử đạo và thay vì vương quốc trần gian tạm bợ, ngài sẽ trị vì vĩnh cửu trên trời cùng với Đấng Kitô. Vinh quang thuộc về Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, vì Ngài đã đưa ngài ra khỏi hố sâu của những đam mê và khỏi vực thẳm của sự ô uế, đặt chân ngài trên tảng đá và ban cho miệng ngài một bài ca mới!

Sau đó, vị tu sĩ cao niên đã mời những người đến dùng bữa với những thức ăn có thể tìm thấy trong sa mạc và nước uống; họ đã nếm thử và tạ ơn Đức Chúa Trời. Nhà vua nói:

– Nói thật, trong suốt những ngày trị vì của ta, chưa bao giờ ta lại thưởng thức thức ăn và nước uống với niềm vui sướng như hôm nay! Quả thật, thưa cha tinh thần, ngài mới là vua, còn ta chỉ là kẻ nghèo hèn và khốn khổ!

Và vị tu sĩ già nói:

– Chúa sẽ ban cho ngài sớm được nhận vương quốc chân chính vì ngài đã đến thăm tôi, một người nghèo khó.

Vua đề nghị tặng vị tu sĩ già rất nhiều vàng, nhưng ông không nhận, và nói:

– Người sống trong sa mạc không cần vàng, hãy phân phát nó cho những người nghèo trong thành phố, và ngài sẽ nhận được phần thưởng gấp trăm lần trên thiên đàng!

Vị vua kinh ngạc trước lối sống thánh thiện như thiên thần của vị tu sĩ đáng kính, rồi sau một cuộc trò chuyện dài, tất cả đều chào tạm biệt vị tu sĩ, người tiễn họ bằng những lời chúc phúc và lời cầu nguyện, rồi họ ra về. Gặp lại các quan lại và binh lính, họ trở về thành phố. Vị vua nói với Thánh Theodoros:

– Làm sao con có thể cảm ơn cha, vị cha đáng kính nhất, vì đã cho con cơ hội được gặp một con người thực sự thuộc về thiên đàng, người đứng cao hơn tất cả mọi người trên thế gian này!

Trong khi đó, vị mục tử nhân từ đang nghĩ đến việc trở về với đàn chiên của mình. Ngài lo sợ rằng nếu không có ngài, những kẻ dị giáo – những con sói dữ tợn ấy – sẽ tấn công đàn chiên của ngài và gây hại cho những con chiên thiêng liêng của ngài. Vì vậy, ngài đã xin nhà vua cho phép ngài trở về Edessa. Nhà vua, với đôi mắt đẫm lệ, nói:

– Sau khi ngài ra đi, thưa Cha, con cảm thấy mình sẽ không còn sống được bao lâu nữa. Con không muốn tiếp tục là người thờ phượng Chúa trong bí mật và mang danh xưng Kitô hữu một cách lén lút. Vậy hãy bình an trở về nhà và mang theo một mảnh gỗ của Thánh Giá vinh hiển và ban sự sống của Chúa, để sau khi con qua đời, nó không bị những kẻ vô tín chà đạp dưới chân. Còn nếu một năm sau, ngài nghe tin con vẫn còn sống, thì hãy trở lại thăm con và mang theo vật thánh này; còn nếu nghe tin con đã qua đời, xin hãy cầu nguyện cho linh hồn con được an nghỉ.

Vua đã ban cho Đức Giám mục Thánh Theodor rất nhiều vàng, bạc và đủ loại vật quý, vừa để trang hoàng các thánh đường của Chúa, vừa để phân phát cho những người nghèo khó và khốn cùng; sau khi chia tay, họ đã chia ly trong nước mắt. Khi rời đi, vị thánh giám mục đã để lại tại Babylon một trong những người phục vụ của mình để theo dõi những gì sẽ xảy ra ở đó sau khi ngài ra đi; và sau khi rời khỏi Babylon, ngài đã trở về Edessa an toàn để đoàn tụ với các con chiên thiêng liêng của mình.

Một thời gian sau khi Thánh Theodor rời đi, Vua John, người đang ở tại Babylon, không còn muốn giấu kín đức tin vào Đấng Christ và tình yêu dành cho Ngài nữa, mà có ý định công khai mình là một Kitô hữu trước mặt mọi người, đã triệu tập tất cả các hoàng tử, các tướng quân và các quan thành đến và nói với họ:

– Ta muốn tiết lộ cho các ngươi một bí mật vĩ đại, và chớ ai nghi ngờ lời ta! Thiên Chúa đã mặc khải cho ta rằng giờ lâm chung của ta đã gần kề, và chỉ vài ngày nữa ta sẽ ra đi khỏi cõi đời này. Vì vậy, ta ra lệnh cho các ngươi và toàn thể dân chúng tập trung tại cánh đồng (vua chỉ vào cánh đồng cụ thể) vào sáng mai. Ta muốn công bố di chúc của ta cho các ngươi.

Nói xong, ngài cho họ ra về và họ ra đi trong nỗi buồn bã. Sau đó, nhà vua ra lệnh cho các quan thông báo công khai khắp thành phố, yêu cầu toàn thể dân chúng sáng mai tập trung tại cánh đồng đó, còn bản thân ngài thì dành cả đêm đó để cầu nguyện. Sáng sớm, ngài triệu tập tổng giám mục đến, thông báo cho ngài về ý định của mình và xin ngài cử hành Thánh lễ trong phòng cầu nguyện riêng. Vào cuối Thánh lễ, ngài đã rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô từ tay vị thánh với lòng thành kính, rồi trao cho vị thánh những món quà quý giá và cho ngài ra về. Sau đó, ngài mặc bộ y phục hoàng gia màu sáng, lên ngựa và cùng đoàn tùy tùng đông đảo tiến đến địa điểm đã định, nơi đã tụ tập vô số đám đông: người Ba Tư, người Izmail, người Do Thái và người Kitô hữu, cùng tất cả các quan chức và nhà cầm quyền. Một bục cao đã được dựng sẵn, và trên đó đặt một ngai vàng cao chót vót, để mọi người đều có thể nhìn thấy nhà vua. Mọi người đều thắc mắc không biết nhà vua tập hợp họ lại để làm gì, và hỏi nhau xem nhà vua sẽ nói về điều gì. Còn nhà vua, khi đến nơi, đã ngự lên ngai vàng của mình; một lúc sau, sau khi ra hiệu cho mọi người im lặng, ngài đứng dậy khỏi ngai vàng và bắt đầu nói to:

– Hỡi tất cả mọi người, người Ba Tư, người A-ga-ri, người Do Thái và các tín hữu Kitô giáo đáng kính! Ta là một Kitô hữu, tên ta là Gioan. Ta tin vào Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, vào Ba Ngôi nhưng là một Thể duy nhất của Thiên Chúa, và dưới trời này không có đức tin chân chính nào khác ngoài đức tin Kitô giáo. Và vì Chúa của ta là Đức Giê-su Ki-tô đã phán trong Phúc Âm: *"Ai xưng nhận Ta trước mặt loài người, thì Ta cũng sẽ xưng nhận người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời"* (Mt 10,32), nên đây, ta xưng nhận Ngài trước trời và đất, trước các Thiên thần và loài người!

Nói xong, ông lấy ra từ trong áo một cây thánh giá bằng vàng, được trang trí bằng những viên đá quý, và giơ cao lên bằng cả hai tay để mọi người đều nhìn thấy. Sau đó, ông làm dấu thánh giá, cúi mình xuống đất hướng về phía đông, hôn lên cây thánh giá thiêng liêng và nói:

– Con thờ lạy Thánh Giá của Ngài, lạy Chúa Kitô, và công nhận Ngài là Thiên Chúa và Đấng Cứu Độ của con, và con dâng lên Ngài lời ngợi khen cùng với Cha Ngài vô thủy vô chung và Thánh Thần Ngài chí thánh, chí lành, ban sự sống, đến muôn đời, amen!

Nghe vậy, mọi người đều kinh ngạc và đứng sững như bị tê liệt. Sau đó, các hoàng tử và các tướng quân cùng các quan chức khác trong cơn thịnh nộ đã hét lên:

– Hãy giết kẻ phỉ báng đức tin của chúng ta!

Và họ xông vào vua, đâm chém ngài bằng gươm và giáo cho đến chết; cùng với ngài, họ cũng giết chết ba vị tôi tớ trung thành, những người cũng đã xưng danh Chúa Kitô[4958] .

Vậy là vào ngày mùng ba tháng Năm, vị vua trung thành Gioan cùng ba người hầu của ngài đã chịu tử đạo tại Babylon. Lúc bấy giờ, tất cả các Kitô hữu, những người đã chứng kiến sự việc này, đều kinh hoàng tột độ trước cơn thịnh nộ của bọn Agari, nên đã bỏ chạy khỏi cánh đồng đó và ẩn náu đi, còn thi thể của nhà vua thì bị bỏ lại đó mà không được chôn cất.

Vào ban đêm cùng ngày đó, vị thánh tử đạo đã hiện ra trước các trưởng lão và các nhà cầm quyền với dáng vẻ uy nghiêm và nói:

– Hãy mau chóng giao thi thể của ta cho tổng giám mục Kitô giáo, để ngài an táng nó; nếu các ngươi không làm điều đó, thì ta sẽ tiêu diệt tất cả các ngươi ngay lập tức.

Khi họ tỉnh giấc, vào sáng sớm, họ tụ tập lại, kể cho nhau nghe về giấc mơ mà tất cả đều đã trải qua, và đều kinh hoàng. Ngay lập tức, họ gửi lệnh đến vị tổng giám mục Kitô giáo, yêu cầu ngài nhận thi thể nhà vua và an táng ngài. Vị tổng giám mục liền đến, nhận thi thể vị thánh tử đạo là vua Gioan cùng thi thể ba vị thánh tôi tớ của ngài, rồi mang về nhà thờ, nơi ngài đã tiến hành lễ an táng trang trọng. Từ ngôi mộ chung của họ, nhiều phép lạ đã xảy ra

[4958] Sự ra đi của Thánh Theodor, cũng như các thánh khác được nhắc đến trong tiểu sử của ngài, diễn ra vào thế kỷ IX.

và thường xuyên có những trường hợp được chữa lành khỏi mọi loại bệnh tật, không chỉ dành cho các tín hữu Kitô giáo mà còn cho cả những người A-ga-ri, những người nhờ đó đã bắt đầu có xu hướng chấp nhận Kitô giáo.

Vào đêm sau khi qua đời, Thánh Vua Gioan đã hiện ra trong giấc mơ với Thánh Phêrô, Giám mục Edessa. Ngài mặc bộ áo trắng sáng chói lọi, trên đầu đội một vương miện kỳ diệu, vẻ đẹp của nó không thể diễn tả bằng lời. Ngài nói với vị giám mục:

– Này, thưa Cha đáng kính, Chúa Kitô đã ban cho con vinh quang vĩ đại và đưa con vào hàng ngũ các vị tử đạo! Hôm qua, con đã xưng danh thánh thiêng liêng của Ngài trước mặt mọi người và vì thế đã bị người Ba Tư và người Saracen giết chết; còn linh hồn con, sau khi thoát khỏi ngục tù xác thịt, đã nhận được những ân huệ mà Cha đã nói với con. Xin Chúa ban phước lành cho ngài vì đã trở thành người cầu thay cho sự cứu rỗi của con, và con cầu nguyện cùng Chúa Tể chung của chúng ta, để Ngài sớm truyền cho ngài đến với con, hầu cùng nhau hưởng thụ cuộc sống hạnh phúc nhờ ân sủng của Ba Ngôi Thánh.

Khi tỉnh giấc, Thánh Giám mục Theodorus đến gặp Thánh Theodosius, vị tu sĩ sống trên cột, và kể lại giấc mơ mà ngài vừa trải qua. Vị tu sĩ trên cột nói với ngài rằng đó thực sự là một giấc mơ; bởi vì chính ngài cũng đã nhận được sự mặc khải từ Thiên Chúa về điều tương tự. Vài ngày sau, một người đầy tớ từ Babylon trở về – người này đã được để lại ở đó – và tường thuật chi tiết về việc vị vua trung thành Gioan cùng ba thiếu niên đã chịu khổ vì Chúa Kitô như thế nào. Thánh Phê-ô-đô-ri-ô vui mừng từ tận đáy lòng, tạ ơn Thiên Chúa vì công lao của ngài không uổng phí, mà đã mang lại hoa trái tuyệt vời như vậy cho Nước Trời.

Một thời gian sau đó, vị tu sĩ sống trên cột đã thấy trong một thị kiến rằng anh trai của ngài, vị tu sĩ ẩn dật thánh Gioan, đã về với Chúa, và sau đó, sau một cơn bệnh ngắn ngủi, chính vị tu sĩ sống trên cột, thánh Theodosius, cũng đã qua đời. Thánh nhân đã an táng ngài tại nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Giô-an, trong tu viện của các nữ tu ăn chay. Ba năm sau khi Thánh Vua Giô-an bị sát hại, vị Tử Đạo này lại hiện ra trước Thánh Thê-ô-đô-xi-ô dưới hình dạng giống như lần đầu tiên, và nói:

– Hãy lên đường đi, thưa Cha kính mến, – Chúa Kitô đang kêu gọi ngài! Ngài đã thương xót cho phép chúng con cùng ngài sống trong Nước Ngài và hân hoan trong ánh sáng kỳ diệu của Ngài.

Từ thị kiến này, Thánh Theodorus, vị thánh của Chúa Kitô, đã nhận ra rằng giờ phút ngài về với Thiên Chúa đã gần kề. Vì vậy, sau khi hoàn tất các sắp xếp cần thiết cho các công việc của Giáo hội Edessa và ban phước lành cùng bình an cho các chiên tinh thần của mình, ngài đã rời bỏ đoàn chiên và lên đường đến Giêrusalem. Sau khi cúi đầu thờ lạy quan tài thánh ban sự sống của Chúa Kitô, ngài đến tu viện Thánh Savva, nơi ngài bắt đầu cuộc đời tu hành, và an cư trong căn phòng tu hành cũ của mình. Ngài sống tại đây ba tuần rồi chuyển đến những nơi ở không do tay người tạo nên, và đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa vào ngày 9 tháng Bảy. Thượng phụ Giê-ru-sa-lem cùng các giám mục đã an táng thi hài vị thánh nhân của Chúa một cách trang trọng tại chính tu viện đó, nơi ngài đã thực hiện biết bao công đức, tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Đức Chúa Trời Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà ngay cả chúng ta, những kẻ tội lỗi, cũng xin dâng lên sự tôn kính, vinh quang, sự thờ phượng và lòng biết ơn, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, A-men.

Ngày 23 tháng 7

Ngày 10 tháng 7 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Antôn Pechersky, vị cha thánh của chúng ta

Ngày tưởng niệm 10 tháng 7

Vào thời của vị Công tước thánh thiện và trung thành Vladimir[4959] , Chúa đã thương xót ban cho Giáo Hội của Ngài một ngọn đèn sáng và một vị thầy dẫn dắt cho các tu sĩ – đó là vị thánh đáng kính, vị cha thánh thiện và mang ơn Chúa của chúng ta, Thánh Antôn.

[4959] Tất nhiên, đó là Thánh Vladimir, người ngang hàng với các Tông đồ, nhà truyền giáo và người rửa tội cho Rus; ngài trị vì từ năm 978 đến năm 1015. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 15 tháng 7.

Thánh Antôn sinh ra tại thành phố Lyubech[4960] . Từ thuở thiếu thời, ngài đã tràn đầy lòng kính sợ Thiên Chúa và mong muốn sống đời tu sĩ. Khi Đức Chúa Trời nhân từ gieo vào lòng ngài ý định đến xứ Hy Lạp để nhận lễ xuất gia, Thánh Antôn đã ngay lập tức thực hiện điều đó, hành trình theo gương Chúa, Đấng đã lang thang và lao động vì sự cứu rỗi của chúng ta. Khi đến Constantinople[4961] , Thánh Antôn từ đó tiếp tục hành trình đến núi Athos thiêng liêng[4962] ; khi đi thăm các tu viện ở đó, ngài không khỏi ngạc nhiên trước cuộc sống của các vị thánh tổ tại đó, những người dù còn mang thân xác phàm trần nhưng đã vượt lên trên bản tính con người, noi gương các Thiên thần vô hình trong những việc làm cao cả. Và tình yêu dành cho Chúa Kitô trong lòng Thánh Antôn bùng cháy mãnh liệt hơn bao giờ hết. Với mong muốn sống giống như các vị thánh cha đã được nhắc đến, ông đã đến một trong những tu viện trên núi Athos và khẩn cầu vị tu viện trưởng ban cho ông hình ảnh thiên thần của dòng tu. Nhìn thấu cuộc đời tu hành tương lai của vị thánh, vị tu viện trưởng đã không từ chối lời thỉnh cầu của ông và đã cạo đầu cho ông[4963] , đồng thời dạy dỗ ông về những điều răn của đời sống tu hành hoàn hảo. Vị tu sĩ mới được thụ giới đã làm đẹp lòng Chúa trong mọi việc, nỗ lực trên con đường đức hạnh; nhưng đặc biệt, Thánh Antôn đã tiến bộ vượt bậc trong sự khiêm nhường và vâng lời, đến nỗi mọi người đều vui mừng khi chứng kiến cuộc sống của ngài. Thánh Antôn đã ở lại trên ngọn núi thánh, tại nơi ngài được thụ giới, trong một thời gian không ngắn, trở thành người hướng dẫn dẫn dắt nhiều người đến sự cứu rỗi và chính ngài cũng đạt đến những bậc hoàn hảo cao cả, thì vị tu viện trưởng nhận được sự mách bảo từ Thiên Chúa để cho phép ngài trở về đất Nga. Gọi ngài đến bên mình, vị tu viện trưởng nói:

– Antôn! Hãy trở về xứ Nga, – để những người sống ở đó nhờ ngài mà phát triển và vững vàng trong đức tin Kitô giáo; xin ân phúc của ngọn núi thánh ở cùng ngài!

Nhận lấy lời chúc phúc này như thể phát ra từ chính miệng Đức Chúa Trời, vị thánh Antony lên đường đến xứ Nga. Khi đến thành phố Kiev[4964] , ngài suy nghĩ xem nên định cư ở đâu, và bắt đầu đi thăm các tu viện đang được các tu sĩ Hy Lạp – những người đã đến cùng với Tổng Giám mục Michael để rửa tội cho dân Nga – thành lập; tuy nhiên, những tu viện này chưa có quy tắc và nội quy hoàn chỉnh về đời sống cộng đồng. Theo ý Chúa, không có tu viện nào làm Thánh Antôn hài lòng để cư ngụ. Vì vậy, ngài bắt đầu đi lang thang quanh vùng lân cận Kiev – qua rừng núi, và cuối cùng đã đến tận Berestovo. Tìm thấy ở đây một hang động, từng được người Varangian đào ra[4965] , Thánh Antony, sau khi dâng lời cầu nguyện, đã định cư trong đó, sống một cuộc đời đầy sự tiết chế.

Sau khi Công tước Vladimir, người có đức tin vững vàng, qua đời, quyền lực đã rơi vào tay Sviatopolk, kẻ vô thần và đáng nguyền rủa[4966] , người đã ngồi lên ngai vàng Đại công tước tại Kiev. Với ý định tiêu diệt các anh

---

[4960] Lyubech, nằm ở vùng Chernihiv, là một trong những thành phố tiền sử của Nước Nga Cổ đại, đã tồn tại từ trước khi người Varangian đến. Dưới thời Oleg, nơi đây là một trong những thành phố chính nơi các "hoàng tử vĩ đại" của ông ngự trị; sau đó, Lyubech mất đi tầm quan trọng chính trị của mình. Trong lịch sử, Lyubech được biết đến qua 1) trận chiến giữa Yaroslav và Svyatopolk vào năm 1016 và 2) đại hội các công tước vào năm 1097 nhằm "thiết lập hòa bình" giữa họ. Hiện nay, Lyubech là một thị trấn thuộc tỉnh Chernihiv, nằm ở bờ Moscow (bờ trái) của sông Dnieper, cách Kiev 120 verst.

[4961] Constantinople.

[4962] Núi Athos (Athos), theo tiếng Hy Lạp là Agion Oros – Núi Thánh, là một bán đảo hẹp và đồi núi nhô ra biển Aegean, được biết đến như trung tâm đời sống tu hành của Đông phương Hy Lạp. Đời sống tu hành ở đây đã xuất hiện từ thời cổ đại, dù muộn hơn một chút so với ở Syria và Palestine. Đối với Giáo hội Nga, từ khi Kitô giáo mới xuất hiện ở Nga cho đến thế kỷ XVII, Athos có ý nghĩa rất lớn: tại đây, vị cha đẻ của đời sống tu hành Nga, Thánh Antony, đã nhận lễ xuất gia; cũng tại đây, trong các thư viện tu viện lớn, các tu sĩ Nga của chúng ta – những người đã đến Athos (ví dụ như Thánh Nil Sorsky †1508) – đã nhận được nền giáo dục tôn giáo toàn diện nhất vào thời điểm đó. Tại đây có các dịch giả và người sao chép chuyên trách, cung cấp cho nước Nga Chính thống giáo các bản dịch viết tay mang tính chất giáo huấn và răn dạy. – Là một trong những thánh địa được tôn kính nhất của Đông Chính Thống giáo, Athos hàng năm đón hàng nghìn tín đồ hành hương, toàn bộ là nam giới (phụ nữ bị cấm vào tu viện), đến từ Nga, bán đảo Balkan và các vùng lãnh thổ châu Á của Thổ Nhĩ Kỳ.

[4963] Với tên gọi Antony, có lẽ điều này thể hiện mong muốn rằng Thánh Antony sẽ trở thành biểu tượng đối với Nga giống như Thánh Antony Đại Đế, cha đẻ của đời tu Đông phương, đối với Ai Cập. Tên thế tục của Thánh Antony vẫn chưa được biết. Tuy nhiên, vẫn còn lưu truyền một truyền thuyết không hoàn toàn đáng tin cậy, theo đó Thánh Antony khi còn là người thế tục có tên là Antipa.

[4964] Thánh Antony đã ở lại Kiev và không trở về quê hương ở Lyubech, có lẽ bởi vì tại Kiev, "nơi phát triển nhất về Kitô giáo và đã có các tu sĩ", ngài có thể dễ dàng tìm thấy những người cùng chung lý tưởng trong cuộc sống ẩn tu.

[4965] Có thể suy đoán rằng các đại công tước đã duy trì một đội quân Varangian tại làng Berestove của họ; chính những người này đã đào các hang động để cất giữ chiến lợi phẩm quân sự như một nơi an toàn.

[4966] Con trai thứ ba của Thánh Vladimir.

em của mình khỏi mặt đất[4967] , hắn đã giết Boris và Gleb, khiến hai người phải chịu cái chết tử đạo[4968] . Chứng kiến cảnh đổ máu như vậy, Thánh Antony lại lui về ngọn núi thánh.

Nhưng rồi Công tước Yaroslav, người có đức tin vững vàng, sau khi đánh bại Svyatopolk, đã lên ngôi tại Kiev[4969] . Yaroslav rất yêu mến Berestovo[4970] với nhà thờ mang tên các Thánh Tông đồ; tại đó có một linh mục tên là Ilarion, một người đàn ông đạo đức, người ăn chay nghiêm ngặt và am hiểu Kinh Thánh. (Nhiều năm sau, Yaroslav, người luôn thích vây quanh mình bằng các chức sắc tôn giáo[4971]), theo ý muốn của Đức Chúa Trời và sự đồng thuận của các giám mục do ông triệu tập, đã bầu Ilarion làm tổng giám mục, và ông đã được tấn phong tại Nhà thờ Thánh Sophia ở Kiev[4972] . Linh mục Ilarion thỉnh thoảng rời Berestovo để đến bờ sông Dnieper, lên một ngọn đồi phủ đầy rừng cổ thụ, nơi ngày nay là các hang động xa xôi hay còn gọi là hang động Feodosiy của tu viện; trên ngọn đồi này, Ilarion đã đào cho mình một hang động rộng hai sažen, nơi ngài cầu nguyện thầm lặng với Chúa, hát các thánh vịnh và thực hiện các nghi thức cúi lạy.

Còn Thánh Antôn vào thời điểm đó đang ở trên ngọn núi thánh, tại tu viện nơi ngài đã nhận lễ xuất gia, và một lần nữa, vị tu viện trưởng lại nhận được sự mặc khải từ Đức Chúa Trời:

– Hãy gửi – Chúa phán – Thánh Antôn trở lại đất Nga, vì Ta cần ngài ở đó.

Vị tu viện trưởng gọi vị thánh đến và nói với ngài:

– Antôn! Theo ý muốn của Đức Chúa Trời, hãy trở lại xứ Nga, và xin ân sủng của ngọn núi thánh luôn ở cùng ngươi!

Cùng với đó, vị tu viện trưởng đã tiên tri cho vị thánh rằng tại xứ Nga, ngài sẽ trở thành cha của nhiều tu sĩ; sau khi ban phước lành cho Antony, vị tu viện trưởng tiễn ngài với lời chúc:

– Hãy đi trong bình an!

Với lời chúc phúc này, vị thánh Antony lại trở về Kiev. Khi leo lên ngọn đồi nơi Ilarion đã đào nên hang động nhỏ nói trên, vị thánh Antony đã yêu mến nơi này. Sau khi cầu nguyện với Chúa trong nước mắt, ngài nói:

– Lạy Chúa! Xin cho nơi này được hưởng phước lành của núi Athos thánh thiêng và lời cầu nguyện của cha tôi, người đã cạo đầu cho con; xin Chúa củng cố sự định cư của con tại đây!

Sau đó, ngài đã chọn hang động này làm nơi cư ngụ của mình. Và vị thánh nhân sống ở đây trong sự cầu nguyện không ngừng, chỉ ăn bánh mì khô và giải khát bằng một lượng nước vừa phải, thậm chí chỉ mỗi hai ngày một lần; còn có lúc ngài không ăn gì cả suốt một tuần, ngày đêm miệt mài cầu nguyện và tận tụy dùng chính đôi tay mình đào một hang động lớn.

Khi biết tin vị thánh sống trong hang động, một số tín hữu yêu mến Chúa đã đến đây, mang theo những thứ cần thiết để duy trì sự sống và xin ngài ban phước lành; cũng có những người đến bày tỏ mong muốn được sống cùng vị thánh; trong số những người này có cả vị thánh Nikon[4973] .

[4967] Người ghi chép sử ký đã gán cho vị công tước tội lỗi những lời như sau: “Ta sẽ giết hết các anh em, và một mình nắm toàn bộ quyền lực ở Rus”

[4968] Giáo hội Chính thống Nga tổ chức lễ tưởng niệm các vị thánh tử đạo là các công tước hai lần trong năm: vào ngày 2 tháng 5 và ngày 24 tháng 7.

[4969] Đại công tước từ năm 1019.

[4970] Rất khó xác định chính xác vị trí của làng Berestovo trong khu vực Pechersk của Kiev ngày nay; có thể giả định rằng nó cách Tu viện Pechersk ít nhất một verst về phía tây.

[4971] Theo ghi chép trong biên niên sử, Yaroslav rất yêu mến các quy tắc của Giáo hội, yêu mến các linh mục và đặc biệt là các tu sĩ. Ông đọc sách cả ngày lẫn đêm; ông đã tập hợp nhiều người chép sách để sao chép lại các bản dịch tiếng Slav đã có sẵn, đồng thời tìm được các dịch giả để dịch các cuốn sách từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Slav. Về hoạt động giáo hội và giáo dục này của Yaroslav, người ghi chép biên niên sử nhận xét: “Cũng như có người cày xới đất, người khác lại gieo hạt, thì người này (Yaroslav) cũng vậy: cha ông là Volodymyr đã mở mang và làm mềm lòng người, tức là đã khai sáng họ qua phép rửa tội, còn ông thì gieo những lời văn vào trái tim của những người tín hữu.”

[4972] Năm 1051, còn lưu lại một tác phẩm của Tổng giám mục Ilarion, là một tác phẩm hùng biện xuất sắc theo đúng nghĩa đầy đủ và chính xác của từ này. Tác phẩm này mang tiêu đề sau: “Về luật pháp do Mô-sê ban hành, ân sủng và lẽ thật do Chúa Giê-su Ki-tô mang lại; và rằng luật pháp đã qua đi, còn ân sủng và lẽ thật đã tràn ngập khắp mặt đất, đức tin đã lan rộng đến mọi dân tộc, kể cả dân tộc Nga của chúng ta; cùng lời ca ngợi dành cho Kha-gan Vladimir của chúng ta, người đã ban phép rửa tội cho chúng ta, và lời cầu nguyện dâng lên Thiên Chúa từ khắp đất nước chúng ta”.

[4973] Người này đến gặp Thánh Antôn khi đã là linh mục, và đã cạo đầu những người còn lại trong hang động cùng với vị thánh để sống chung với ngài. Sau này, Thánh Nikon đã trở thành vị tu viện trưởng của Tu viện Hang Động, người kế nhiệm thứ hai sau Thánh Theodosius.

Chính vào thời điểm đó, Thánh Feodosiy, khi đó là một thanh niên hai mươi tuổi, đã đến gặp Thánh Antony cùng với Thánh Nikon[4974] : Thánh Antony đã ra lệnh cho Thánh Nikon – một linh mục và tu sĩ giàu kinh nghiệm – cạo đầu cho Thánh Feodosiy.

Nhiều năm sau, khi Hoàng tử Yaroslav[4975] qua đời, quyền lực được chuyển giao cho con trai cả của ông là Izyaslav, người đã lên ngôi Đại công tước tại Kiev[4976] . Còn Thánh Antôn Pechersky vào thời điểm đó đã nổi tiếng khắp đất nước Nga nhờ cuộc đời đầy đức hạnh của mình, giống như Thánh Antôn Vĩ đại đã nổi tiếng ở Ai Cập từ thời cổ đại. Khi biết về cuộc đời tu hành của Thánh Antôn, Công tước Izyaslav, người yêu mến Chúa, đã đến gặp ngài cùng đoàn tùy tùng, xin lời cầu nguyện và sự ban phước; và danh tiếng của vị Thánh, người được mọi người kính trọng, càng thêm lan rộng. Những người yêu mến Chúa bắt đầu đổ về với ngài, mong muốn được thụ giới: ngài đã tiếp nhận và thụ giới cho họ.

Trong số những người yêu mến Chúa ấy, có những người đã đến gặp Thánh Antôn: đầu tiên là Thánh Varlaam, con trai của Ioann, một quý tộc nổi tiếng ở Kiev[4977] , và sau đó là Ephrem, một hoạn quan của hoàng gia[4978] . Theo nguyện vọng của họ, Thánh Antôn đã ra lệnh cho Thánh Nikon cạo đầu cho cả hai người, điều này đã gây ra nhiều rắc rối cho ngài và các tu sĩ. Không chỉ có Boyar Ioann tức giận, khi đến hang động cùng đông đảo người hầu và xua đuổi đoàn chiên được Chúa chọn của vị Thánh Cha Antony của chúng ta, ông đã lôi con trai mình , vị Thánh Varlaam, ra khỏi hang động, thay bộ áo tu sĩ của cậu bằng bộ trang phục sáng sủa của Boyar, rồi cưỡng ép đưa cậu về nhà; nhưng chính Đại công tước Izyaslav, khi biết tin con trai của một quý tộc và hoạn quan yêu quý của mình đã xuất gia, cũng vô cùng tức giận với cộng đồng tu sĩ do Thánh Antony tập hợp nhân danh Chúa Kitô; ngài ra lệnh bắt giữ Thánh Nikon, người đã làm lễ xuất gia cho các tu sĩ, và tỏ ra đặc biệt bất mãn với ông vì điều này; ông ra lệnh cho Nikon phải thuyết phục Varlaam và Ephrem sống hòa thuận trở lại, đồng thời đe dọa sẽ giam cầm ông cùng với vị thầy hướng dẫn của ông là Thánh Antony và tất cả những người đang ở trong hang động; còn về hang động đó, vị công tước dự định sẽ cho đào phá.

Cơn thịnh nộ lớn lao của vị công tước, được kích động bởi những mưu mô của "vị vua bóng tối", đã buộc Thánh Antôn cùng các tu sĩ còn lại phải rời khỏi hang động để đến một vùng đất khác. Nhưng công chúa, khi biết tin này, đã khẩn thiết cầu xin hoàng tử đừng vì cơn giận dữ mà trục xuất các tôi tớ của Chúa khỏi lãnh địa của mình, để không phải gánh chịu cơn thịnh nộ tương tự của Chúa, vốn đã giáng xuống quê hương của bà – xứ Liahov – cũng sau khi các tu sĩ mặc áo đen bị trục xuất. (Công chúa, con gái của Vua Ba Lan Bolesław Dũng cảm, gốc gác từ Ba Lan; bà đã nhắc nhở hoàng tử về một sự việc trong cuộc đời cha mình: vì việc tu hành của Thánh Mô-sê Ugrin, Bolesław đã trục xuất các tu sĩ ra khỏi Ba Lan; Chúa đã phẫn nộ trước hành động đó của nhà vua: ông qua đời đột ngột, và trong cuộc nội chiến bùng nổ sau đó, nhiều giám mục và quý tộc đã bị giết hại). Sau khi miễn cưỡng lắng nghe những lời khẩn cầu của công nương, vị công tước cuối cùng cũng tỉnh ngộ và kính sợ Đức Chúa Trời: ông đã gửi lời thỉnh cầu đến vị tu sĩ già, mong ngài trở lại nơi đã bỏ hoang; phải mất ba ngày tìm kiếm mới tìm thấy Thánh Antôn, và họ đã nài nỉ ngài quay trở lại.

Như vậy, vị thánh cha Antôn của chúng ta lại trở về hang động của mình. Ngài không ngừng khẩn cầu Thiên Chúa: – Xin Chúa ban cho ngài sức mạnh để can đảm chịu đựng những tai ương do kẻ thù, kẻ thù ghét điều thiện, gây ra; và – xin đừng phó thác linh hồn những người xưng tội cho Ngài cho thú dữ, xin đừng quên những người nghèo khó của Ngài mãi mãi[4979] . Chúa đã nghe lời cầu nguyện của vị thánh: không chỉ những con chiên bị phân tán đã trở về bình an với vị mục tử của mình, mà còn có rất nhiều người khác đến hang động của ngài, khẩn cầu Ngài giải thoát họ khỏi bóng tối của con đường dẫn đến sự hủy diệt, và hướng họ về ánh sáng của con đường cứu rỗi. Thánh Antôn đón nhận tất cả mọi người với tình yêu thương: sau khi giảng dạy về cách nên theo Chúa Kitô, ngài đã truyền cho Thánh Nikon cạo đầu cho những ai mong muốn. Và có khoảng mười hai người đã tụ họp

---

[4974] Khoảng năm 1055–1056.

[4975] Năm 1054

[4976] Đại công tước từ năm 1054–1068.

[4977] Người sau này trở thành vị tu viện trưởng đầu tiên của tu viện Pechersk.

[4978] Skopets Ephrem từng là quan quản gia chính của Đại công tước Izyaslav; sau đó, ông rời Tu viện Pechersk đến Constantinople, nơi ông sống tại một trong những tu viện ở đó, và từ đó được tấn phong làm Giám mục Pereyaslav. Không rõ ông qua đời khi nào; lần đề cập cuối cùng về ông trong biên niên sử là vào năm 1091. Trong chức vụ giám mục, Efrem nổi tiếng với các công trình xây dựng nhà thờ.

[4979] Xem Thánh vịnh 73:19.

quanh ngài; nhờ nỗ lực chung, họ đã đào được một hang động lớn, và trong đó được xây dựng nhà thờ cùng các phòng tu, những công trình vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Một lần nọ, Thánh Antôn đã nói với các tu sĩ dưới sự dẫn dắt của ngài rằng:

– Chính Thiên Chúa đã quy tụ các anh em lại với nhau, còn tôi đã cạo đầu cho các anh em nhờ sự chúc lành của ngọn núi thánh, chính tôi cũng đã được vị tu viện trưởng của ngọn núi ấy cạo đầu; xin sự chúc lành từ Thiên Chúa và Đức Mẹ Rất Thánh, cũng như sự chúc lành từ ngọn núi thánh, luôn ngự trên các anh em.

Sau đó, vị tu sĩ đáng kính nói với các tu sĩ:

– Các anh em hãy sống riêng rẽ đi, – tôi sẽ bổ nhiệm một vị tu viện trưởng cho các anh em; còn tôi thì muốn sống một mình, như tôi đã quen làm trong những năm trước đây.

Và ngài đã bổ nhiệm Thánh Varlaam làm vị tu viện trưởng. Riêng ngài, để tránh sự hỗn loạn và những lời đồn đại, ban đầu ngài tự giam mình trong một căn phòng nhỏ, ngay tại hang động này, rồi sau đó chuyển đến một ngọn đồi khác, nơi ngài bắt đầu đào một hang động mới, nằm dưới tu viện hang động vĩ đại hiện nay[4980] .

Vị tu viện trưởng đáng kính Varlaam và các tu sĩ, sau khi nhận được lời chúc phúc của Thánh Antony, đã ở lại sinh sống trong hang động cũ. Khi số lượng tu sĩ tăng lên đến mức hang động không thể chứa hết mọi người trong các buổi cầu nguyện chung, họ đã nảy ra ý định xây dựng một nhà thờ nhỏ bên ngoài hang động. Vị Trưởng tu viện và các tu sĩ đã đến gặp Thánh Antôn tại hang động mới của ngài và thưa với ngài:

– Thưa Cha! Số tu sĩ ngày càng đông, và chúng con không còn đủ chỗ trong hang động khi cầu nguyện chung nữa: xin Cha, nhờ lệnh truyền của Chúa và Đức Mẹ Đồng Trinh, cũng như lời cầu nguyện thánh thiện của Cha, hãy ban phước lành để chúng con xây dựng một nhà thờ nhỏ bên ngoài hang động.

Thánh nhân đã ban phước lành. Họ liền cúi lạy ngài xuống đất, rồi lui ra và bắt đầu xây dựng một nhà thờ nhỏ phía trên hang động, dâng kính Đức Mẹ Đồng Trinh.

Sau khi hoàn thành ngôi nhà thờ nhỏ trên hang động, Công tước Izyaslav, tên rửa tội là Dimitri, đã xây dựng một ngôi đền bằng đá để tôn vinh vị thánh mà ngài mang tên Kitô giáo, tức là để tôn vinh Thánh Tử đạo Dimitri, và ngài đã lập một tu viện bên cạnh ngôi đền đó. Công tước Izyaslav đã bổ nhiệm Thánh Varlaam – vị tu viện trưởng của cộng đoàn tu sĩ sống trong hang động – làm tu viện trưởng cho tu viện này: với hy vọng vào sự giàu có, ông muốn tu viện của mình trở nên nổi bật hơn so với Tu viện Pechersk. Tuy nhiên, dù có nhiều tu viện được xây dựng nhờ sự giàu có của các vị vua và quý tộc, nhưng chúng không thể sánh được với những tu viện được xây dựng nhờ lời cầu nguyện của các thánh, nước mắt, sự ăn chay và sự thức trắng đêm. Cũng như vậy, Thánh Antôn không có vàng, nhưng bằng chính những giọt nước mắt của mình, ngài đã xây dựng nên một tu viện không thể so sánh với bất kỳ tu viện nào khác. Tuy nhiên, Thánh Varlaam đã được đưa vào tu viện Thánh Đại Tử Đạo Dimitri ngay từ thời điểm tu viện Pechersk mới chỉ đang được xây dựng. Sau khi vị tu viện trưởng qua đời và sau một cuộc họp chung, các tu sĩ đang ở trong hang động đã quyết định đến gặp Thánh Antony.

– Thưa Cha, – các tu sĩ nói với ngài, – xin Cha chỉ định một vị tu viện trưởng cho chúng con.

– Các con muốn ai? – vị thánh nhân hỏi.

– Ai mà Đức Chúa Trời, Đức Mẹ Đồng Trinh và cha, vị cha đáng kính, muốn thì người đó, – những người đến đó trả lời.

– Người trong số các con – Thánh Antôn quyết định – ai nổi bật về sự vâng lời, hiền lành và khiêm nhường, thì người ấy sẽ là vị tu viện trưởng của các con[4981] .

Lúc đó, các tu sĩ bắt đầu thỉnh cầu Thánh Antôn ban phước cho Thánh Theodosius đảm nhận chức vụ tu viện trưởng, vì ngài có tính cách giống ngài và thành thạo trong mọi việc lành; và Thánh Antôn đã ban phước cho ngài đảm nhận chức vụ tu viện trưởng. Toàn thể các tu sĩ, gồm mười hai người, đã quỳ lạy Thánh Antôn xuống đất, vui mừng vì đã có được một vị thầy như vậy.

[4980] Hang động thứ hai của Thánh Antôn bao gồm các hang động gần đây hay còn gọi là các hang động của Antôn. Ngọn đồi của hang động này được ngăn cách với ngọn đồi của hang động thứ nhất bởi một khe núi sâu; hiện nay, khoảng cách từ các hang động gần đến các hang động xa, tính theo hành lang bắc qua khe núi nói trên, là 91 sazen. Thánh Antôn đã lui về hang động thứ hai cùng với một số ít môn đệ mong muốn dâng hiến bản thân cho đời sống ẩn tu nghiêm ngặt, và sau đó ngài tiếp nhận những ai muốn cùng ngài tu hành.

[4981] Những lời chính xác của người ghi chép sử ký mang ý nghĩa hơi khác một chút: Thánh Antôn đã trả lời các tu sĩ, những người xin chỉ định một vị tu viện trưởng, như sau, trực tiếp chỉ ra Thánh Theodosius: “Ai trong các con vĩ đại hơn Theodosius, người vâng lời, hiền lành, khiêm nhường, thì người ấy sẽ là tu viện trưởng của các con”.

Sau khi trở thành vị tu viện trưởng, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô bắt đầu chăm lo cho tu viện với sự tận tụy và cẩn trọng, kết hợp những lo toan ấy với lòng kính sợ Chúa sâu sắc và những lời cầu nguyện đầy nước mắt; những lời cầu nguyện và sự ban phước của vị trưởng tu viện của ngài, Thánh Antôn, người đang sống đời ẩn tu trong im lặng, đã mang lại cho ngài sự trợ giúp to lớn. Và Chúa đã bắt đầu làm cho số tu sĩ tăng lên, đến nỗi chẳng bao lâu sau, dưới sự dẫn dắt của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, số tu sĩ đã lên đến gần một trăm người. Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, khi thấy số tu sĩ tăng lên như vậy, sau khi tham vấn với họ, đã quyết định thành lập một tu viện. Và một lần nữa, tất cả đều đến gặp Thánh An-tô-ni-ô và nói với ngài:

– Thưa Cha! Số lượng anh em ngày càng tăng lên – chúng con muốn xây dựng một tu viện.

Thánh Antôn vô cùng vui mừng.

– Ngợi khen Thiên Chúa, – ngài reo lên, – vì mọi sự! Nguyện lời cầu nguyện của Đức Mẹ Rất Thánh và các vị thánh trên Núi Thánh luôn ở cùng các con và giúp đỡ các con.

Sau đó, ngài sai một tu sĩ đến nói với Công tước Izyaslav:

– Thưa Công tước yêu mến Chúa! Chúa đang làm cho số lượng các tu sĩ ngày càng gia tăng, nhưng nơi chúng tôi đang cư ngụ đã trở nên chật chội: chúng tôi xin ngài – hãy ban cho chúng tôi ngọn núi nằm phía trên hang động.

Hoàng tử Izyaslav vô cùng vui mừng khi nghe điều này; ngài đã cử một quan đại thần của mình đến trao ngọn núi phía trên hang động cho các tu sĩ quản lý. Thánh Phê-ô-đô-xi và các tu sĩ đã khởi công xây dựng trên đó một nhà thờ gỗ lớn[4982] và sau khi hoàn thành, họ đã trang trí nó bằng các bức tranh thánh; họ cũng dựng các phòng tu, rào tu viện bằng các cột gỗ, và chuyển đến đây từ hang động. Kể từ đó, tu viện, được khởi nguồn từ sự ban phước của ngọn núi thánh, bắt đầu được gọi là Tu viện Pechersk, vì các tu sĩ trước đây sống trong hang động[4983] .

Sau đó, vị tu viện trưởng đáng kính Theodosius quyết định củng cố tu viện của mình bằng một "hàng rào tinh thần", tức là hiến chương quy định đời sống của các tu sĩ không phải trong sự ẩn dật hoàn toàn, mà là trong tu viện: ngài bắt đầu tìm kiếm một hiến chương tu viện phù hợp với mục đích đã nêu. Và trong trường hợp này, ngài đã được sự trợ giúp từ lời cầu nguyện và sự ban phước của vị Thánh Cha Antôn của chúng ta: chính nhờ sự ban phước và lời cầu nguyện của ngài mà Chúa đã sắp đặt sao cho đúng vào thời điểm đó, có một tu sĩ trung thực thuộc Tu viện Studion, tên là Michal, đến từ Hy Lạp cùng với Tổng Giám mục Georgios[4984] . Ông mang theo quy chế của Tu viện Studion[4985] . Sau khi sao chép bản quy chế này – tất nhiên là bản dịch từ tiếng Hy Lạp – Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, quyết định áp dụng nó tại tu viện của mình, đã thiết lập toàn bộ "trật tự nhà thờ" – cách thực hiện ca hát và đọc kinh trong thánh lễ, cũng như các động tác cúi đầu sau đó; cách đứng trong nhà thờ và cách dành thời gian trong bữa ăn; những gì được dùng trong bữa ăn và vào những ngày cụ thể nào. Từ Tu viện Pechersk, các tu viện khác cũng đã tiếp thu Hiến chương Studion; nhờ đó, Tu viện Pechersk có được vị thế ưu việt và vinh dự hơn tất cả các tu viện Nga khác.

[4982] Lớn hơn so với nhà thờ trước đó; nhưng trên thực tế thì không lớn lắm.

[4983] Theo lời chứng của nhà biên niên sử, tu viện không phải do Thánh Phê-ô-đô-xi-ô xây dựng, mà là do người tiền nhiệm của ngài trên cương vị tu viện trưởng, Varlaam. Dù sao đi nữa, có thể khẳng định rằng tu viện được xây dựng không muộn hơn năm 1062. Khoảng 11 hoặc 12 năm sau khi tu viện trên hang động của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô được hoàn thành, ngài bắt đầu xây dựng một tu viện mới rộng lớn hơn nhiều tại một địa điểm mới, nằm bên kia thung lũng so với tu viện đầu tiên, gần hang động thứ hai của Thánh An-to-ni-ô. Năm 1073, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô không kịp hoàn thành việc xây dựng tu viện mới – công việc này được các vị kế nhiệm chức Bề trên của ngài là: Stê-phan, Ni-côn và Gio-an thực hiện. Tu viện Pechersk cho đến nay vẫn tọa lạc tại vị trí thứ hai này, đó là lý do tại sao các hang động của Thánh Antony (các hang động thứ hai) lại nằm gần tu viện. Tu viện cũ, hay còn gọi là tu viện đổ nát, sau khi các tu sĩ chuyển sang tu viện mới, đã không bị phá hủy: hang động nơi tu viện cũ tọa lạc đã được chuyển thành nơi an táng cho các tu sĩ; để an táng các tu sĩ tại tu viện cũ, có một số thành viên trong cộng đoàn ở lại, trong đó có một linh mục và một phó tế để hàng ngày cử hành Thánh lễ cầu hồn "cho các tu sĩ đã qua đời" tại nhà thờ của tu viện.

[4984] Sử ký đề cập đến tu viện này vào khoảng năm 1072–1073.

[4985] Bộ quy tắc này rất nghiêm ngặt về đời sống cộng đồng, không cho phép tu sĩ sở hữu bất cứ thứ gì của riêng mình, ngay cả một cây kim. Thánh Nestor, trong cuốn tiểu sử về Thánh Theodosius, đã chỉ ra một nguồn khác mà Thánh Theodosius đã nhận được Bộ quy tắc Studion: Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, – ngài viết, – đã cử một tu sĩ trong số các anh em đến Constantinople gặp tu sĩ Efrem (xem trên, chú thích 21), để ông ấy sao chép toàn bộ nội quy của Tu viện Studion (nằm tại Constantinople) và gửi lại cho ngài; và vị này đã ngay lập tức tuân theo mệnh lệnh của vị Thánh Cha của chúng ta, chép lại toàn bộ Hiến chương tu viện và gửi cho vị Cha Thánh của chúng ta là Thánh Phê-ô-đô-xi-ô.

Vào thời kỳ Thánh Phê-ô-đô-xi-ô làm Bề trên, người đã dẫn dắt đời sống Tu viện Pechersk theo con đường đức hạnh thông qua Hiến chương mới cùng với lời cầu nguyện và sự ban phước của Thánh Antôn, vị cha thánh của chúng ta, thì Thánh Nê-stô, tác giả cuốn tiểu sử về Thánh Phê-ô-đô-xi-ô và các vị khác, cũng đã đến tu viện khi mới mười bảy tuổi: Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, người luôn đón tiếp những ai đến với ngài bằng tình yêu thương, đã vui lòng tiếp nhận cả anh ta, theo lời khuyên và sự ban phước của Thánh An-tô-ni-ô. Khi tìm hiểu lý do tại sao tu viện này lại được gọi là Pechersk, Thánh Nestor đã tóm tắt, nhằm răn dạy các tín hữu, trong biên niên sử của mình về những công đức của vị sáng lập tu viện, Thánh Antony[4986] .

Nhưng chúng ta hãy nói đôi điều về các phép lạ – dù không phải tất cả – cũng như về cái chết thanh thản của Thánh Antôn; những thông tin này được trích dẫn từ Đức Giám mục Thánh Simon và tu sĩ Polikarp ở Pechersk, người thân cận với ngài[4987] , đồng thời tạm thời bỏ qua những ghi chép của nhà biên niên sử về chính những chiến công và thử thách mà vị tu sĩ đáng kính đã trải qua.

Thánh Antôn, vị cha đáng kính của chúng ta, đã lui về một hang động khác; khi chứng kiến sự gia tăng và sự thanh tịnh của đoàn chiên được chọn, ngài dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, đồng thời chính ngài cũng ngày càng tiến bộ trong các đức tính. Vì điều này, Chúa đã tôn vinh ngài – danh tiếng của vị thánh Antony đã tỏa sáng trên đất Nga qua nhiều phép lạ khác nhau, đặc biệt là ân sủng chữa lành và tiên tri.

Thánh Antôn đã thể hiện ân sủng chữa lành kỳ diệu như sau. Vị tu sĩ già tự mình phục vụ những người đau ốm và chữa lành cho họ bằng lời cầu nguyện của mình; nhưng, với lòng khiêm nhường, ngài che giấu những phép chữa lành nhờ lời cầu nguyện của mình, ngài ban phước và trao cho người bệnh loại rau xanh mà ngài thường ăn làm thuốc; những người bệnh, sau khi nếm thử, đều trở nên khỏe mạnh, bất kể họ mắc phải căn bệnh nào. Sau này, Thánh Agapit đã noi gương Thánh Antôn, chữa lành bệnh tật theo cách tương tự[4988] .

Về ân sủng tiên tri của Thánh Antôn, ngoài những ví dụ khác, còn có những điều sau đây làm chứng.

Ba hoàng tử nhà Yaroslavich – Izyaslav, hoàng tử Kiev; Svyatoslav, hoàng tử Chernigov; và Vsevolod, hoàng tử Pereyaslav – khi chuẩn bị ra trận chống lại người Polovtsian[4989] , đã đến gặp Thánh Antony để xin lời chúc phúc. Ngài, sau khi tiên tri thấy cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sắp giáng xuống họ, đã nói với họ:

– Vì những tội lỗi của các ngươi, các ngươi sẽ bị những kẻ man rợ đánh bại và phải tháo chạy; trong đó, nhiều chiến binh của các ngươi sẽ chết đuối trên sông, những người khác sẽ bị bắt làm tù binh, còn lại sẽ ngã xuống dưới lưỡi gươm.

Điều đó đã trở thành sự thật sau trận chiến trên sông Alte[4990] , khi các hoàng tử, may mắn thoát chết, đã chạy trốn: Izyaslav và Vsevolod về Kiev, còn Sviatoslav thì về Chernihiv; còn người Polovtsian thì tản mác khắp các vùng biên giới phía đông nam của đất nước Nga, bắt giữ và tàn sát cư dân nơi đây.

Cùng với lời tiên tri này dành cho các công tước, Thánh Antony đã tiên đoán với Shimon, con trai của Công tước Varangian Afrikan, rằng Shimon, nhờ ân sủng của Chúa, trong trận chiến nói trên không chỉ thoát chết khi đang nằm giữa những thi thể, mà nhiều năm sau, sẽ là người đầu tiên được an táng trong nhà thờ bằng đá ở Pechersk, nơi mà vị thánh cũng đã tiên tri rằng nó sẽ được xây dựng một cách kỳ diệu. Bản thân Shimon, sau khi trở về từ trận chiến, đã kể lại cho Thánh Antony nghe:

[4986] Các nghiên cứu khoa học gần đây khiến người ta có thể khẳng định chắc chắn rằng tác giả của "Biên niên sử ban đầu" không phải là Thánh Nestor, mà là một tu sĩ khác của Tu viện Pechersk, có lẽ là Silvestr, người sau này trở thành vị tu viện trưởng của Tu viện Thánh Michael tại Kiev.

[4987] Simon là một tu sĩ của Tu viện Pechersk; từ đó, ông được Đại công tước Vsevolod Yuryevich chọn làm vị tu viện trưởng của Tu viện Rozhdestvensky do ông thành lập tại Vladimir; sau đó, Simon được bổ nhiệm làm giám mục đầu tiên của giáo phận Vladimir, được tách ra khỏi giáo phận Rostov vào năm 1214. Simon qua đời vào năm 1226 sau mười hai năm tại vị. Polikarp, cũng là một tu sĩ xuất thân từ Tu viện Pechersk, nơi ông hai lần được bổ nhiệm làm vị trụ trì và hai lần trở về Tu viện Pechersk sau khi rời chức vụ đó; sau này, ông trở thành vị trụ trì của Tu viện Pechersk. (Xem tiểu sử của ông vào ngày 24 của tháng này). Từ bức thư của Giám mục Simon của Vladimir gửi cho Polycarp và từ bức thư của Polycarp gửi cho Akindin, vị archimandrite của Tu viện Pechersk, trong đó chứa đựng một loạt các câu chuyện về các vị thánh làm phép lạ ở Pechersk và về những phép lạ đã xảy ra ngay tại tu viện khi xây dựng nhà thờ lớn của nó, cuốn "Paterikon Pechersk" nổi tiếng đã được biên soạn (sách các vị thánh, sách của các vị thánh, tức là sách về các vị thánh hoặc về các bậc tiền bối).

[4988] Lễ tưởng niệm Thánh Agapit, "bác sĩ từ thiện", người đã qua đời vào năm 1095, được cử hành vào ngày 1 tháng 6

[4989] Người Polovtsi hay Kuman – là một bộ tộc du mục Thổ Nhĩ Kỳ, sinh sống ở miền nam Nga từ thế kỷ X đến thế kỷ XIII và từ đó tiến hành các cuộc cướp bóc vào các thành phố và làng mạc biên giới của vùng đất Nga.

[4990] Trận chiến này diễn ra vào năm 1066 trên sông Alta; Alta là nhánh của sông Trubezh, chảy vào sông Dnieper phía dưới Kiev từ phía trái, tức phía Moscow.

– Tôi nằm đó, – anh kể, – bị thương giữa những người đã chết, và bỗng một sức mạnh thiêng liêng nào đó đã cứu tôi ra khỏi giữa họ và chữa lành vết thương; tôi cũng thấy tất cả những người thân và các chiến binh của mình đều an toàn. – Còn về hình ảnh của nhà thờ sắp được xây dựng, nơi sẽ là nơi an nghỉ của tôi, tôi đã hai lần nhìn thấy nó trên không trung: một lần bên sông Alte, khi đang nằm giữa những người đã chết, và lần khác – trước đó trên biển, khi tôi chạy trốn đến đất Nga để gặp Công tước Yaroslav, thoát khỏi người chú Yakun, người đã trục xuất tôi khỏi công quốc Varangian.

Sau đó, Simon đã chứng minh bằng hành động những lời mình nói về ân sủng của Đức Chúa Trời đã hiện ra với ông để thành lập nhà thờ, như lời tiên tri của Thánh Antôn. Simon trao cho ông chiếc thắt lưng và vương miện vàng cùng với những lời sau:

– Đây là những thứ tôi đã tháo xuống từ bức tranh thánh – hình ảnh Chúa Kitô Cứu Thế bị đóng đinh – khi tôi rời khỏi quê hương mình. Ngài đã tiên tri rằng tôi sẽ được an táng tại đây; còn tôi thì đã nghe tiếng Chúa phán truyền rằng phải dùng chiếc thắt lưng này để đo nền móng của nhà thờ, nơi tôi sẽ được an táng và hình ảnh của nó đã được hiện ra trước mắt tôi trên không trung; còn vương miện thì, theo cùng mệnh lệnh của Chúa, phải được gắn chặt trên bàn thờ.

Như vậy, rõ ràng lời tiên tri của Thánh Antôn hoàn toàn phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời; sau này, chính thực tế cũng đã xác nhận điều đó: nhiều năm sau những gì vừa kể, Simon là người đầu tiên được an táng trong nhà thờ bằng đá do Đức Chúa Trời dựng nên tại hang động.

Bây giờ, quay trở lại với người ghi chép biên niên sử, chúng ta sẽ nói về tai họa không nhỏ tiếp theo mà Thánh Antôn phải gánh chịu. Quỷ vương – ma quỷ, không thể chịu đựng được ánh sáng của những việc thiện, lại một lần nữa cố gắng thông qua Công tước Izyaslav để tước đoạt khỏi thủ đô Kiev ngọn đèn sáng vĩ đại, đó là vị thánh cha của chúng ta là Thánh Antony, người đang tỏa sáng trong hang động tối tăm, như thể ẩn mình dưới lòng đất, nhờ những phép lạ và đức hạnh của ngài.

Sau chiến thắng mà người Polovtsian đã giành được, theo lời tiên tri của Thánh Antony, trong trận chiến đã đề cập ở trên, người dân Kiev đã ép Công tước Izyaslav phải một lần nữa dẫn quân ra đối đầu với kẻ thù, những kẻ đã tản mát khắp vùng đất Nga. Công tước không đồng ý với điều này. Một cuộc nổi dậy đã bùng phát[4991] , trong đó Công tước Vseslav của Polotsk, người đang bị giam cầm tại Kiev[4992] , đã được giải thoát khỏi ngục tối. Những người nổi dậy đã tuyên bố Vseslav là Công tước Kiev, còn Izyaslav buộc phải chạy trốn sang Ba Lan. Bảy tháng sau, ông trở về Kiev cùng với Boleslav Dũng cảm. Vseslav, người vốn cũng đã dẫn quân ra đón họ, sau đó đã lén lút trốn về Polotsk. Lúc đó, Izyaslav tiến vào Kiev[4993] . Dưới sự xúi giục của ma quỷ, ông bắt đầu nổi giận với Thánh Antony, người mà ai đó đã vu khống trước mặt ông – rằng Antony yêu mến Vseslav, đưa ra lời khuyên cho ông ta, và thậm chí còn là thủ phạm chính gây ra toàn bộ cuộc hỗn loạn đã xảy ra tại Kiev[4994] . Còn Thánh Antôn vào thời điểm đó đang phục vụ trong hang động cho Isaak, một ẩn sĩ đang ốm nặng, người đã bị ma quỷ dụ dỗ bằng cách hiện ra dưới hình dạng của Chúa Giêsu Kitô, và để lại anh ta trong tình trạng thoi thóp, lôi kéo anh ta vào điệu nhảy với lũ quỷ[4995] . Việc phục vụ này của Thánh Antôn đặc biệt khiến kẻ dụ dỗ căm ghét, vì hắn lo sợ rằng Isaak sẽ sớm được chữa lành cả linh hồn lẫn thể xác khỏi sự cám dỗ của Satan. Vì vậy, ma quỷ đã dùng mọi cách để khơi dậy cơn giận trong lòng Công tước Izyaslav, nhằm khiến ông trục xuất Thánh Antôn ra khỏi lãnh thổ Kiev. Và trong một thời gian ngắn, hắn đã đạt được mục đích đó. Công tước Sviatoslav của Chernihiv, khi biết rằng anh trai mình là Izyaslav đang rất tức giận với Thánh Antony, đã cử người đến đón vị thánh vào ban đêm và bí mật[4996] đưa ngài về Chernihiv. Thánh Antôn rất yêu thích một nơi gần Chernihiv, nằm trong dãy núi Boldin: tại đây, ngài đã đào cho mình một hang động và sống trong đó; sau này, một tu viện đã được xây dựng tại chính nơi này[4997] .

[4991] Năm 1068

[4992] Từ năm 1067

[4993] Vào đầu tháng 5 năm 1069

[4994] Vseslav bị bắt làm tù binh do vi phạm nghi thức hôn thánh giá. Có lẽ Thánh Antony đã công khai chỉ trích Izyaslav về điều này, và Izyaslav có thể đã coi những lời chỉ trích đó là nguyên nhân gây ra sự phẫn nộ của người dân Kiev.

[4995] Ngày kỷ niệm Thánh Isaak: 14 tháng 2

[4996] Để che giấu nơi ở của Thánh Antôn khỏi Izyaslav, người có thể yêu cầu dẫn độ ngài.

[4997] Tu viện Uspensky trên dãy núi Boldin hoặc Tu viện Boldinsky, hiện nay là Tu viện Uspensky Yeletsky. Người ghi chép biên niên sử không trực tiếp gọi Thánh Antony là người sáng lập tu viện này, và có thể suy đoán rằng nó được các đệ tử của ngài xây dựng gần hang động của ngài.

Không lâu sau, Công tước Izyaslav, sau khi xem xét kỹ lưỡng và công bằng vụ việc, đã tin chắc vào lòng nhân từ của vị thánh và nhận ra mưu mô của kẻ cám dỗ. Hối hận về những gì đã xảy ra, ngài đã cử người đến vùng Chernihiv để gặp Thánh Antony, khẩn khoản xin ngài quay trở lại vùng Kiev với đoàn chiên được Chúa chọn của mình. Thánh Antôn, một vị tu sĩ hiền lành và khiêm nhường trong lòng, đã chấp nhận những lời thỉnh cầu này: ngài trở về với cộng đoàn tu sĩ Pechersk, những người lúc bấy giờ đang sống trong hỗn loạn và bị lãng quên như những con chiên không có người chăn dắt. Chúa không muốn ngọn đèn sáng chói ấy, mặt trời rực rỡ của đất nước Nga, vị Thánh Cha Antony của chúng ta, lại khởi xướng đời sống tu hành thánh thiện tại một thành phố nào khác ngoài thủ đô Kiev được Chúa cứu rỗi: nhưng từ nơi mà qua Công tước Vladimir, người có đức tin vững vàng, ánh sáng của đức tin Chính thống đã chiếu rọi khắp đất nước Nga, thì từ chính nơi đó, Chúa đã ban ân sủng để chiếu rọi qua Thánh Antony và tia sáng của luật tu hành hoàn hảo.

Và sau những thử thách ấy, vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta là Thánh Antôn không hề nao núng, mà từng bước leo lên những bậc thang của những công đức ngày càng vĩ đại hơn, miệt mài tu hành trong hang động cho đến khi giành được chiến thắng hoàn toàn trước sức mạnh yếu ớt của ma quỷ trước mặt ngài. Theo lời Phúc Âm, ngài đã xua đuổi dòng dõi những kẻ lừa dối bằng cầu nguyện và ăn chay[4998] , cũng như bằng những công việc tu hành cần mẫn khác: thức trắng đêm, đứng cầu nguyện và quỳ gối vô số lần trong lúc cầu nguyện. Và cho đến khi qua đời, ngài không rời khỏi hang động tối tăm của mình, dù cuộc sống của ngài ở đó là cuộc chiến không ngừng nghỉ với những kẻ cai trị bóng tối của thế gian này.

Sau khi trở lại định cư trong hang động, Thánh Antôn lại bắt đầu thể hiện ân sủng làm phép lạ, thậm chí còn mạnh mẽ hơn trước. Ngài đã chăm lo một cách tận tụy cho nhà thờ đá trong hang động, nơi mà chính ngài đã tiên đoán về việc xây dựng, đồng thời nhận được lời chứng về sự ân sủng của Thiên Chúa dành cho công việc này từ Simon. Thánh Antôn đã tham vấn với Thánh Bề trên Theodosius, đồng thời sốt sắng cầu nguyện với Đấng Kiến trúc sư Tối cao[4999] , xin Ngài chính tay ban phước lành và hỗ trợ việc xây dựng ngôi nhà cho Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm, Đức Mẹ Thiên Chúa của chúng ta, bởi vì, như vị thánh đã nói theo lời của Đa-vít: *"Nếu Chúa không xây dựng ngôi nhà, thì những người xây dựng nó sẽ làm việc vô ích"* (Thánh vịnh 126:1). Khi vị thánh Antôn đang dâng lời cầu nguyện như vậy, một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra: mà không rời khỏi Tu viện Pechersk, giống như vị thánh làm phép lạ nổi tiếng xưa kia là Thánh Nicholas từ Mir, ngài cùng với người bạn đồng tâm đồng ý của mình là vị thánh Theodosius đã hiện diện tại Constantinople, để dâng lời thỉnh cầu lên Nữ Vương Thiên Đàng, Đức Mẹ Thiên Chúa; sau khi nhận được vàng từ Mẹ cùng với Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, ngài đã trao số vàng đó cho các thợ xây, để họ, theo lệnh của Nữ Vương Thiên Đàng, lên đường đến xứ Nga nhằm xây dựng nhà thờ Pechersk.

Các thợ xây đến từ Hy Lạp và loan báo về phép lạ này. Còn vị Thánh Cha Antôn của chúng ta đã thực hiện thêm những phép lạ kỳ diệu khác, giống như các vị tiên tri cổ xưa Gedeon và Ê-li.

Khi các thợ xây bắt đầu hỏi Thánh Antony về địa điểm mà ngài mong muốn dựng nên ngôi thánh đường theo lệnh của Đức Mẹ Thiên Chúa, vị Thánh Cha đã cầu nguyện trong ba ngày, để chính Chúa Ba Ngôi tự mình chỉ định bằng một dấu hiệu từ trời một nơi xứng đáng làm nơi ngự của Nữ Vương Thiên Đàng. Khi mọi người tập hợp lại để chọn địa điểm đó, thì theo sự mách bảo của Thiên Chúa, Công tước Sviatoslav đã đến và hiến tặng cho nhà thờ một cánh đồng thuộc sở hữu của ông, nằm liền kề với hang động. Nhưng điều đó vẫn chưa đủ. Chính Vua Vinh Quang, Chúa Giêsu Kitô, đã hiện ra với Thánh Antôn khi ngài đang dâng lời cầu nguyện nói trên vào đêm đầu tiên.

– Antony! – Chúa phán, – con đã được ân sủng trước mặt Ta.

Nghe vậy, Thánh Antôn đã cầu xin Chúa rằng trong đêm đó, sương sẽ phủ khắp mặt đất, nhưng tại nơi dự định xây nhà thờ thì phải khô ráo; còn vào đêm tiếp theo, ngài lại cầu xin Chúa cho mặt đất khô ráo, còn nơi mà Ngài ưng ý để xây nhà thờ thì có sương[5000] . Vào ngày thứ ba, vị thánh cha đã ban phước cho nơi đã được chỉ định và ra lệnh đo đạc nó bằng một chiếc thắt lưng vàng, lấy từ bức tượng Chúa Cứu Thế và được Simon trao tặng – dài ba mươi thắt lưng và rộng hai mươi thắt lưng, như đã được truyền lệnh từ trên cao cho Simon. Sau đó, Thánh Antôn đã dùng lời cầu nguyện của mình để gọi lửa xuống[5001] , thiêu rụi những cây cỏ mọc um tùm tại nơi đó; sau

---

[4998] Mk 9:29.

[4999] Tức là Đấng Tạo Hóa.

[5000] Lời cầu nguyện này của Thánh Antôn giống như lời cầu nguyện của Gideon, vị quan xét của Israel (Các Quan Xét 6:36–40).

[5001] Giống như Thánh Tiên tri Ê-li xưa kia (3 Vua 18:36–39).

khi được bao quanh bởi một con hào, khu đất này đã hoàn toàn sẵn sàng; chính tại đây, nhà thờ kỳ diệu trong hang động đã được xây dựng, "giống như thiên đàng" theo cách diễn đạt trong truyền thuyết về nó[5002] .

Như vậy, vị Thánh Cha Antony của chúng ta đã dùng những phép lạ vĩ đại như vậy để chuẩn bị địa điểm cho nhà thờ của tu viện mình và ban phước cho sự khởi công xây dựng. Sau đó, ngài bắt đầu chuẩn bị tâm hồn để ra đi về với Hội Thánh vĩnh cửu, không do tay người tạo nên, ở các nơi ở trên trời; về Hội Thánh này, Thánh Tông Đồ Gioan đã viết trong Sách Khải Huyền: *"Còn về đền thờ, tôi không thấy trong đó"*[5003] , vì "Chúa Toàn Năng chính là đền thờ của Ngài" (Khải Huyền 21:10,22). Nữ Vương Thiên Đàng cũng đã tiên báo điều này, trong lần hiện ra của Mẹ tại Vlacherna[5004] , khi Mẹ tiết lộ với những người xây dựng nhà thờ:

– Thánh Antôn này sẽ ban phước lành cho các con trong công việc này, vì chính ngài đang bước vào sự an nghỉ vĩnh cửu; sau ngài, vào mùa hè thứ hai, Thánh Theodosius cũng sẽ theo sau[5005] .

Nhưng vị Thánh Antôn đáng kính, người đã sống một cuộc đời đạo đức trong hang động và có thể nói cùng với Thánh Tông Đồ: "Mỗi ngày tôi đều chết" (1 Cr 15,31), thì cần phải chuẩn bị như thế nào để có một cái chết vinh hiển? Người đã không hề giả dối khi áp dụng lời tiên tri vào chính mình mỗi ngày: "(Tôi) vội vã, không chậm trễ, tuân giữ các điều răn của Ngài" (Thánh Vịnh 118:50)? Thánh Antôn đã sẵn sàng trong tâm hồn (để bước vào cuộc sống vĩnh cửu) và lo lắng không phải vì bản thân, mà vì đoàn chiên được Chúa chọn của ngài, để không để họ rơi vào tình trạng hoang mang. Như vậy, lời của Thánh Tông Đồ đã ứng nghiệm nơi vị thánh: "Tôi bị giằng co giữa hai điều: *'Tôi mong được giải thoát và ở cùng Chúa Kitô, vì điều đó tốt hơn vô cùng* (đối với chính Thánh Tông Đồ); *nhưng ở lại trong thân xác lại cần thiết hơn cho anh em'"* (Pl 1,23–24).

Thấy rằng thời điểm ra đi và từ bỏ thân xác đã đến, Thánh Antôn an ủi các con cái của mình bằng lời hứa rằng, ngay cả sau khi ra đi, ngài sẽ không rời bỏ nơi thánh thiêng mà ngài đã tu hành, nhưng với lòng quan tâm đến tu viện, ngài sẽ luôn viếng thăm và chăm sóc nơi đó, giúp đỡ những người đang sống tại đó và những ai đến với đức tin. Nhưng lời hứa đầy ân sủng sau đây của Thánh Antôn về nơi ngài tu hành, vượt trội hơn mọi di sản, đặc biệt quý giá: ông hứa sẽ cầu thay bằng những lời cầu nguyện của mình, để khi chính ông rời bỏ thân xác này với lòng sám hối và niềm tin chắc chắn vào sự tha thứ, thì những người còn lại đang ở đây và yêu mến ông cũng được hưởng ân sủng ấy – để họ cũng qua đời trong sự sám hối và được tha thứ.

Sau khi chuyển đến hang động thứ hai, Thánh Antôn đã sống ở đó khoảng 14–16 năm; tại đó, ngài đã kết thúc cuộc đời tạm bợ của mình, để bước vào cuộc sống vĩnh cửu vào ngày 10 tháng 7, năm 6581 kể từ khi thế giới được tạo dựng, năm 1073 kể từ Giáng sinh của Chúa Kitô, và năm thứ 90 kể từ khi ngài chào đời, dưới triều đại của Công tước Sviatoslav Yaroslavich[5006] và vào thời vua Hy Lạp Romanos Diogenes[5007] . Xác thánh của vị Thánh Tổ tiên đó ngay sau đó đã được an táng trong hang động nơi ngài qua đời, tức là hang động dưới tu viện vĩ đại . Nhưng cũng như chính vị thánh cha trong suốt cuộc đời đã lánh xa ánh mắt con người, thầm lặng cầu nguyện với Chúa trong sự cô độc, ngài cũng đã xin cho di cốt của mình được ban ân huệ tương tự – để chúng được giấu kín khỏi ánh mắt con người: thật xứng đáng khi vị lập pháp gia Nga của chúng ta được hưởng số phận tương tự như vị lập pháp gia Israel. Người Israel không thể nhìn thẳng vào khuôn mặt của Mô-sê vì ánh sáng rực rỡ tỏa ra từ ngài kể từ khi ngài mang Luật pháp từ núi Si-nai về cho họ[5008] ; cũng vậy, người ta không thể nhìn thấy vị Thánh Cha Antôn của chúng ta, người đã sống trong hang động trong ánh sáng của những việc lành, sau khi ngài mang Luật pháp từ núi Athos về cho đất nước Nga. Thi thể của nhà lập pháp Israel – Mô-sê đã được che giấu khỏi tầm nhìn[5009] , và thi thể của vị thánh Antôn, nhà lập pháp của Nga, Đức Chúa Trời, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài, cho đến nay vẫn kỳ diệu ngăn cản chúng ta nhìn thấy: nhiều người đã dám đào bới nơi an táng thi hài tôn kính của Thánh Antôn đã bị trừng phạt bằng lửa thiêu đốt: họ phải chịu những đau đớn dữ dội do bỏng rát cho đến khi ăn năn về sự táo bạo của mình. Dù thi hài của Thánh Antôn đã nằm ngoài tầm mắt chúng ta, nhưng nhờ sự trợ giúp của Ngài, chúng

---

[5002] Câu chuyện này được ghi trong Sách Lễ Nghi (Minei-Cheti) vào ngày 14

[5003] Tức là tại Thánh Giê-ru-sa-lem, thành phố vĩ đại, đã từ trời giáng xuống (Khải Huyền 21:10).

[5004] Vlacherna – một địa danh ở Constantinople.

[5005] Để biết thêm chi tiết về sự hiện ra này của Đức Mẹ, xin xem mục ngày 14 trong câu chuyện về việc xây dựng nhà thờ Pechersk.

[5006] Công tước Kiev từ năm 1073–1075.

[5007] Có khả năng là dưới thời người kế vị ông, Michael VII Doukas, người trị vì từ năm 1074–1078.

[5008] Xuất Ê-díp-tô Ký 34:29–35

[5009] Đệ Nhị Luật 34:6.

ta luôn được ở bên Ngài và gần gũi với tất cả những ai thành tâm kêu cầu vị thánh của Chúa: Ngài không ngừng thực hiện những phép lạ, giúp đỡ tất cả những ai với lòng tin thành kính đến trước ngôi mộ thiêng liêng của Ngài.

Giống như ánh sáng chiếu rọi trong bóng tối của ngôi mộ u ám, các thánh tích với sức mạnh đặc biệt xua đuổi bóng tối của ma quỷ khỏi con người; bóng tối ấy không thể bao trùm được ánh sáng này, mà thường tan biến trước sự rực rỡ của nó. Các thánh tích của vị thánh cha Antôn của chúng ta cũng giải thoát con người khỏi những căn bệnh khác nhau, không chỉ tấn công thân xác mà còn cả linh hồn. Thánh Gioan Đầy Khổ Nạn đã thấu hiểu điều này một cách trọn vẹn: sau ba năm đấu tranh với những dục vọng ô uế, khiến ngài phải chịu nhiều đau khổ vì sự bùng cháy của dục vọng xác thịt, ngài đã đến bên quan tài của Thánh Antôn và ở lại đó cầu nguyện ngày đêm. Và rồi ngài nghe thấy tiếng nói của vị thánh, hướng về ngài:

– Gioan! Gioan! Ngươi phải ẩn mình trong hang động này, để nhờ ơn Chúa, cuộc chiến này chấm dứt, bị đánh bại bởi sự ẩn dật và im lặng.

Giăng đã làm đúng như vậy. Và nhờ ân sủng của Chúa, nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh cha Antôn của chúng ta, ông đã được cứu rỗi: những dục vọng xác thịt ô uế, dù đã cùng với các linh hồn ô uế tấn công ông suốt gần ba mươi năm, nhưng như chúng ta thấy trong cuốn tiểu sử của ông, chúng đã không thể chiến thắng được ông[5010] .

Thánh Antôn cũng không bỏ lại nơi thánh địa của mình, như lời hứa. Với lòng quan tâm dành cho nơi thánh đó, sau khi qua đời, ngài – cũng như khi còn sống – đã hiện ra cùng với Thánh Phê-ô-đô-xi-ô tại Constantinople và tại đây đã thỏa thuận với các họa sĩ vẽ thánh tượng người Hy Lạp về việc họ sẽ chế tác những bức thánh tượng trang nghiêm cho nhà thờ hang động; đồng thời, ngài đã trao cho họ một lượng vàng khá lớn, giống như trước đây ngài đã trao cho những người xây dựng nhà thờ cùng với Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Thánh Antôn đã cử các họa sĩ vẽ thánh tượng đến Kiev, tại Tu viện Pechersk, gặp Thánh Nikon, người lúc bấy giờ đang là vị tu viện trưởng; điều này được ghi chép trong truyền thuyết về việc trang hoàng nhà thờ Pechersk[5011] .

Thánh Antôn, vị cha thánh của chúng ta, đã không hề hứa suông trong lời hứa nhân từ của ngài rằng sau khi ngài ra đi, ngài sẽ giúp đỡ những ai yêu mến ngài, để họ có thể kết thúc cuộc đời mình, vốn đã được sống tại nơi thánh thiêng của ngài, trong sự sám hối và được Chúa thương xót. Lời hứa này của ngài đã kỳ diệu trở thành hiện thực qua chính cuộc đời của Thánh Erazm, một tu sĩ Pechersk. Khi than khóc vì sự phung phí vàng mà ngài đã dùng để trang trí nhà thờ Pechersk[5012] , ngài đã lâm vào cơn bệnh nặng; ông nằm bất tỉnh suốt bảy ngày và dường như đã cận kề cái chết, nhưng lại không thể qua đời; vì Chúa không muốn ông qua đời tại nơi thánh thiêng đó mà chưa ăn năn. Và vào ngày thứ tám, Thánh Erazm đã được Thánh Antôn cùng Thánh Theodosius hiện ra và nói:

– Chúng tôi đã cầu nguyện với Chúa vì anh, và Ngài đã ban cho anh thời gian để sám hối.

Erazm lập tức hồi phục, đã sám hối về các tội lỗi của mình và, được Chúa tha thứ, đã qua đời vào ngày thứ ba. Như được ghi chép trong tiểu sử của ngài, ngài đã được phong thánh[5013] .

Hãy cùng ca ngợi Đấng Yêu Thương Loài Người, Đấng Ban Ơn Vô Biên, vì đã ban cho chúng ta vị thánh làm phép lạ vĩ đại là Thánh Antôn, người khai sinh đời sống tu hành trên đất nước Nga của chúng ta. Không ai có thể mô tả hết mọi việc làm của ngài, đặc biệt là những việc ngài đã thực hiện trước khi qua đời, vì ngài đã sống một cuộc đời trong bí mật, trong sự im lặng của sự ẩn dật trong hang động; điều này chỉ có Đấng Thấu Hiểu Lòng Người, Đấng biết những điều vô danh và bí ẩn, mới có thể làm được; Đấng mà "lưỡi của Ngài là cây gậy của người chép sách nhanh nhẹn" (Thánh Vịnh 44:2), chính Ngài đã ghi chép cuộc đời đầy đủ của vị Thánh Cha Antôn của chúng ta vào trong những cuốn sách của sự sống vĩnh cửu. Còn chúng ta, những người không tìm thấy nhiều cuốn sách đã bị thất lạc trong các cuộc chiến tranh, – chỉ thu thập được một số thông tin, cần phải siêng năng cầu nguyện với vị tổ sư làm phép lạ này, để chúng ta, khi trở thành những người được tham dự vào lời hứa đáng tin cậy của ngài, nhờ lời cầu bầu của ngài, được ân sủng kết thúc cuộc đời trong sự sám hối và sự tha thứ của Đức Chúa Trời, – để chúng ta được thấy tên mình được ghi trong Sách Sự Sống Vĩnh Cửu cùng với tên của Thánh Antôn, như tên của con cái và cha, nhờ ân sủng và lòng nhân từ của Đấng Tối Cao, Đấng Cứu Chuộc chúng ta là Chúa Giêsu Kitô,

---

[5010] Giáo hội cử hành lễ tưởng niệm ngài vào ngày 18 tháng 7

[5011] Xem câu chuyện này trong "Minei-Chetii" vào ngày 14

[5012] Thánh Erazm cho rằng tốt hơn hết là nên phân phát số vàng này cho những người nghèo. Bị những nghị ngờ như vậy chi phối, ngài rơi vào tuyệt vọng và bắt đầu sống buông thả; chính trong cuộc sống như vậy, ngài đã mắc phải căn bệnh hiểm nghèo trước khi qua đời.

[5013] Ngày tưởng niệm Thánh Erazm là ngày 24 tháng 2

Đấng mà cùng với Cha Ngài từ thuở ban đầu và Thánh Thần Đồng Bản Thể, chúng ta dâng lên vinh quang, vinh quang, ngợi khen và vương quốc, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Rời xa sự hỗn loạn trần gian, Ngài đã từ bỏ thế gian để theo Chúa Kitô theo tinh thần Phúc Âm, và sau khi sống một đời sống thánh thiện như các thiên thần, Ngài đã đến được bến đỗ yên bình trên núi Athos thánh thiêng: từ đó, nhờ sự chúc phúc của các vị tổ phụ, ngài đã đến núi Kiev và tại đó, sau khi sống một cuộc đời cần mẫn, ngài đã soi sáng quê hương mình, và chỉ cho đông đảo các tu sĩ con đường dẫn đến Nước Trời, ngài đã dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô; xin ngài, thánh Antôn đáng kính, cầu xin Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Đã dâng trọn mình cho Thiên Chúa, Đấng được Ngài yêu mến hơn hết thảy từ thuở thiếu thời, thánh nhân ơi, ngài đã theo Ngài bằng cả trái tim đầy tình yêu: coi thế gian phù du chẳng đáng kể gì, ngài đã đào một hang động dưới đất, và trong đó, ngài đã chiến đấu dũng cảm chống lại mưu mô của kẻ thù vô hình, như mặt trời rực rỡ chiếu sáng khắp bốn phương trời. Vì thế, ngài đã vui mừng bước vào cung điện thiên đàng, và giờ đây, đứng trước ngai vàng tối cao cùng các Thiên thần, xin ngài nhớ đến chúng con, những người tôn kính ngài, để chúng con có thể kêu lên: "Hãy vui mừng, thánh Antôn, cha của chúng con."

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Apollonius

Ngày kỷ niệm: 10 tháng 7

Thánh Tử đạo Apollonius của Chúa Kitô xuất thân từ thành phố Sard[5014] , thuộc vùng Lydia[5015] . Một lần nọ, khi ngài đang trên đường đến thành phố Iconium[5016] , ngài bị bắt và dẫn đến trước quan tổng trấn của thành phố này là Perennius. Trong buổi thẩm vấn, ông tuyên bố mình là Kitô hữu, và quan tổng trấn bắt đầu ép ông phải thề bằng danh nghĩa hoàng đế. Trước điều đó, Thánh Apollonius đã nói với ông ta:

– Không nên thề bằng danh nghĩa của một hoàng đế phàm trần, mà chỉ nên thề bằng danh nghĩa của Đấng Tạo Hóa và Đấng Sáng Tạo muôn loài.

Bị những lời của vị thánh làm cho xấu hổ, Perennius nổi giận và ra lệnh treo ông lên cây, sau đó ông phải chịu những cực hình kéo dài; trong suốt thời gian đó, với những lời cầu nguyện nhiệt thành cho các tín hữu và lời khẩn cầu cho sự cứu rỗi của tất cả mọi người, ông đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa[5017] .

Sự tử đạo của các thánh tử đạo Vianor và Siluan.

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 7

Thánh tử đạo Vianor xuất thân từ vùng Pisidia[5018] . Vì tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, ngài đã bị bắt theo lệnh của quan tổng trấn thành Isauria[5019] là Sevirian, người đã ép buộc ngài từ bỏ Chúa Kitô, nhưng ngài không tuân theo yêu cầu đó và vì thế, trước tiên ngài bị đâm bằng dao một cách tàn bạo, sau đó bị treo cổ và bị cạo

---

[5014] Thành phố Sardis nằm ở Lydia, trên bờ trái sông Hermos. Thành phố này được nhắc đến trong Sách Khải Huyền như một trong bảy thành phố của Tiểu Á, mà Thánh Tông đồ Gioan Thần Học, khi sống tại Êphêsô, đã dành sự quan tâm đặc biệt.

[5015] Lydia, một tỉnh La Mã ở Tiểu Á, nằm bên bờ Biển Aegean và giáp với Phrygia ở phía đông, Misia ở phía bắc, và Caria ở phía nam.

[5016] Thành phố Iconium nằm trong tỉnh La Mã Lycaonia thuộc Tiểu Á.

[5017] Theo Müller, ngày qua đời của Thánh Tử đạo Apollonius được cho là vào thời trị vì của Hoàng đế Valerian, người đã cai trị Đế quốc La Mã từ năm 253 đến năm 259.

[5018] Tỉnh Pisidia của La Mã nằm ở phía nam Tiểu Á, giáp với Phrygia ở phía bắc, Lycaonia ở phía đông, Pamphylia và Lycia ở phía nam, và Caria ở phía tây. Tỉnh này nổi tiếng vì Thánh Tông đồ Phaolô đã rao giảng tại đây trong chuyến truyền giáo đầu tiên của ngài và đã thành lập các nhà thờ Kitô giáo đầu tiên ở Tiểu Á tại một số thành phố trong tỉnh.

[5019] Thành phố Isauria nằm trong tỉnh La Mã Lycaonia thuộc Tiểu Á, gần biên giới với Pisidia, tại thượng nguồn sông Kalikadna.

da, rồi bị đốt bằng những chiếc búa sắt nung đỏ, sau đó đánh rụng răng ngài và cuối cùng cắt đứt hai tai. Trong lúc những cực hình này diễn ra, có một người tên là Siluan có mặt tại đó; khi chứng kiến sự kiên nhẫn của vị thánh tử đạo, ông đã tin nhận Chúa Kitô, và vì thế, lưỡi ông lập tức bị cắt đứt, rồi sau đó đầu ông cũng bị chém rơi. Còn Thánh Vianor thì bị khoan thủng gót chân, móc mắt phải, lột da đầu và cuối cùng bị chém đầu. Các thánh tử đạo Vianor và Siluan đã qua đời cùng nhau và phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa[5020] .

Cuộc tử đạo của 45 vị thánh tử đạo tại Nikopol của Armenia.

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 7

Vua Licinius vô đạo[5021] , người được Constantine Đại đế tiếp nhận và cai trị các vùng đất phía đông, đã ban hành sắc lệnh trên toàn lãnh thổ của mình, ra lệnh tra tấn và xử tử những Kitô hữu không chịu thờ lạy các thần tượng, đồng thời tịch thu tài sản của họ để phục vụ việc tái thiết các thành phố. Khi sắc lệnh này được chuyển đến thành phố Nicopolis của người Armenia, những kẻ ngoại đạo bắt đầu chuẩn bị các hình thức tra tấn và các dụng cụ tra tấn khác nhau dành cho các Kitô hữu, đồng thời bắt giữ nhiều tín hữu và đưa họ đi chịu hình phạt; lúc bấy giờ, hơn bốn mươi tôi tớ của Chúa Kitô đã tụ họp lại và quyết định, không chờ đợi cho đến khi bị những kẻ vô đạo bắt giữ, mà tự nguyện ra trước tòa, xưng danh Chúa Kitô và dâng mình chịu hình phạt. Trong số họ, những người nổi bật nhất là Leontius, Mauricius, Daniel, Antoni, Aleksandr – những người nổi tiếng cả về dòng dõi lẫn học vấn, và nổi bật bởi lối sống đạo đức; tất cả họ cùng nhau đến gặp quan tổng trấn vùng Armenia và tuyên bố rằng họ là Kitô hữu. Quan tổng trấn ngạc nhiên trước sự đồng lòng của đông đảo người như vậy và trước lòng dũng cảm mà họ tự nguyện bước vào cuộc tra tấn, nên đã hỏi họ:

– Các ngươi từ đâu đến? Và ai đã dạy các ngươi không thờ lạy các vị thần của chúng ta?

Thánh Alexander đáp:

– Chúng tôi là người địa phương, một số từ thành phố, một số từ các làng mạc; mảnh đất này là quê hương của chúng tôi, còn Cha của chúng tôi là Đức Kitô trên trời; chính Ngài đã dạy chúng tôi không thờ lạy các vị thần giả dối, những vị thần điếc và mù, là tác phẩm của bàn tay con người. Thống đốc nói:

– Vậy Đấng Kitô của các ngươi ở đâu? Chẳng phải Ngài đã bị đóng đinh và chết rồi sao?

Thánh Lê-ôn-ti trả lời:

– Ngươi biết rằng Chúa Kitô đã chết ư? Vậy thì hãy biết rằng Ngài cũng đã sống lại từ cõi chết và lên trời; Ngài đã chết vì chúng ta theo ý muốn của Ngài, nhưng đã sống lại, như Con Thiên Chúa.

Igemon nói:

– Giờ đây Chúa Kitô còn sống sao?

Thánh Lê-ôn-ti trả lời:

– Higemón! Các vị thần của ngài không còn sống sau khi chết, còn Chúa của chúng ta thì sống đời đời, dù Ngài đã chết trong một thời gian ngắn vì sự cứu rỗi của chúng ta; bằng cái chết của Ngài, Ngài đã giải thoát chúng ta khỏi cái chết vĩnh cửu, ban cho chúng ta sự sống và dạy chúng ta biết chết vì Ngài, để được sống đời đời cùng Ngài.

Và Igemon bắt đầu ca ngợi các vị thần của mình là Zeus, Apollo, Asclepius[5022] và những vị khác. Nghe vậy, Leontius nói:

– Zeus có phải là vị thần vĩ đại không?

– Ngài cai trị bầu trời, – vị thống đốc đáp, – Ngài là cha của tất cả các vị thần.

Leontius phản bác:

– Một vị thần phải công chính, trong sạch, vô tội, vậy ngài nói gì về vị thần Zeus của ngài?

– Tôi gọi ngài là công chính, thanh khiết và vô tội, – vị thống đốc nói.

Nghe vậy, thánh Leontius nói:

[5020] Người ta cho rằng (theo Müller và Đức Tổng Giám mục Sergius), các thánh tử đạo Vianor và Siluan đã qua đời trong thời kỳ bách hại Kitô hữu dưới triều đại Diocletian, vào đầu thế kỷ IV.

[5021] Hoàng đế Licinius cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 307 đến năm 324.

[5022] Asclepius – vị thần của y học.

– Zeus công chính – vậy mà chẳng phải ngài đã lật đổ cha mình là Cronus khỏi ngai vàng sao? Ngài trong sạch và vô tội – vậy mà chẳng phải chính ngài đã lấy em gái ruột của mình là Ira làm vợ và làm ô uế nhiều người vợ của người khác sao? Ngài không chỉ hủy hoại phụ nữ, mà cả nam giới nữa, và đã gây ra những hành vi vô pháp tàn bạo nhất[5023] . Vậy thì làm sao một kẻ tội lỗi như vậy lại có thể là thần được? Nếu vị thần của các ngươi là kẻ tội lỗi, thì ngài cần một vị thần khác, vô tội, để sửa chữa.

Thống đốc Lysius nổi giận và nói một cách dữ dội:

– Ai đã cho ngươi quyền phán xét các vị thần của chúng ta, hỡi kẻ độc ác! Họ là các vị thần của ta, ta sẽ không tha thứ cho các ngươi, mà sẽ tàn sát tất cả một cách tàn nhẫn!

Thánh Leontius nói:

– Xin đừng giận, ngài Igemon, nếu ngài nghe thấy sự thật; chẳng phải luật pháp đã quy định rằng con người không được lấy vợ của người khác, không được lấy em gái làm vợ, không được làm hại hay giết hại ai sao? Và nếu ai dám vi phạm luật pháp trong bất kỳ việc gì, người đó sẽ bị gọi là tội phạm và phải chịu xét xử cùng án tử hình. Còn các vị thần của các ngài – họ là con người và đầy rẫy mọi điều ác và sự vi phạm luật pháp: họ là những kẻ dâm đãng, ngoại tình, sát nhân, và với tư cách là những kẻ phạm luật, họ đáng phải chịu phán xét khủng khiếp đến mức nào và bị tử hình bao nhiêu lần! Vì vậy, các vị thần vô luật pháp của các ngươi cần phải tuân theo luật pháp của loài người và noi gương những người nghiêm túc tuân thủ luật pháp; còn các ngươi hãy làm quan tòa xét xử các vị thần của mình, hãy làm thần và làm đao phủ, cho đến khi các ngươi sửa đổi được họ.

Igemon nói:

– Hỡi kẻ điên rồ! Chẳng phải chính Thần của các ngươi đã bị đóng đinh như một tên ác nhân sao? Còn ai trong số các vị thần của chúng ta đã bị đóng đinh?

Thánh Lê-ôn-ti trả lời:

– Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, đã chịu đóng đinh vì chúng ta, và chúng ta tự hào về Thập giá của Ngài; còn các vị thần của các ngươi thì run rẩy, sợ hãi Thiên Chúa bị đóng đinh của chúng ta và chạy trốn xa khỏi sức mạnh của Thập giá. Thiên Chúa của chúng ta đã chịu khổ nạn trên Thập giá theo ý muốn của Ngài, còn các vị thần của các ngươi thì đã chết một cái chết đắng cay một cách miễn cưỡng. Đức Chúa Trời của chúng ta là Đấng Cứu Rỗi loài người, còn các vị thần của các ngươi là những kẻ hủy diệt loài người. Đức Chúa Trời của chúng ta là Đấng chân thật, còn các vị thần của các ngươi là giả dối, không phải là thần, mà là ma quỷ và những kẻ lừa dối tai hại; chính chúng đã bị hủy diệt và dẫn dắt những ai thờ phượng chúng đến sự hủy diệt vĩnh viễn.

Bị những lời này của Thánh Leontius làm cho phẫn nộ, vị thống đốc ra lệnh dùng đá đánh vào miệng tất cả các tín hữu của Chúa Kitô.

– Hãy đánh họ đi, – ông ta nói, – vào đôi môi đã thốt ra những lời phỉ báng các vị thần của chúng ta.

Các thánh bị đánh, nhưng họ vẫn nói:

– Cầu Chúa trừng phạt ngươi, đầy tớ của Satan! Ngươi đã nghe sự thật mà lại phán xét bất công, ngươi đang mất bình tĩnh, kẻ vô đạo!

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh trói tất cả họ bằng xiềng xích sắt và ném vào ngục tối. Các thánh nhân trong ngục tối vui mừng như ở trong cung điện, ca ngợi Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Rỗi của họ, và hát các thánh vịnh của Đa-vít: một số người trong số họ đã đọc nhiều sách từ thuở nhỏ. Còn thánh Lê-ôn-ti-ô thì khích lệ mọi người bằng những lời như sau:

– Hỡi các anh em trung thực và các tôi tớ của Đấng Kitô! Chúng ta hãy kiên nhẫn chịu đựng mọi sự! Các anh em biết từ Kinh Thánh rằng người công chính Giốp đã phải chịu đựng bao nhiêu, nỗi đau khổ của Chúa chúng ta ra sao, và các thánh nhân khác – những tôi tớ của Ngài – đã qua đời như thế nào. Thánh Gioan Tiền Hô bị chém đầu, Thánh Stephano bị ném đá đến chết, Thánh Phêrô bị đóng đinh ngược, Thánh Tôma bị đâm bằng giáo, những vị khác đã chết vì Chúa của mình bằng những cái chết tử đạo khác nhau. Đã có bao nhiêu vị thánh phải chịu đau khổ dưới triều đại của Hoàng đế Hadrian[5024] , Decius, Maximian và các vị vua bất chính khác trước đây, không chỉ

[5023] Cần lưu ý rằng người Hy Lạp cổ đại không chỉ gán cho các vị thần của họ những phẩm chất tích cực mà còn cả những phẩm chất tiêu cực. Thần thoại Hy Lạp cổ đại gán cho nhiều vị thần niềm đam mê phạm các loại tội ác, đặc biệt là những tội ác chống lại đạo đức. Đây chính là điều mà Thánh Leontius đề cập đến khi tranh luận với vị thống đốc.

[5024] Các hoàng đế được đề cập đã trị vì như sau: Hoàng đế Hadrian từ năm 117 đến năm 138, Hoàng đế Decius từ năm 249 đến năm 251 và Hoàng đế Maximian (Galerius) từ năm 305 đến năm 311. Tất cả các hoàng đế này đều là những kẻ đàn áp Kitô giáo vô cùng tàn bạo.

nam giới mà cả phụ nữ nữa, như chẳng hạn, chúng ta nghe kể về thánh Thecla, Euphemia, Capitolina, Julitta và các thánh nữ tử đạo khác, những người có tên được ghi trong Sách Sự Sống trên trời; họ đã chiến đấu dũng cảm và chiến thắng ma quỷ như thế nào! Và nếu các phụ nữ đã dũng cảm đến thế, thì chúng ta, những người đàn ông, cần phải còn kiên cường và bất khả chiến bại hơn nữa, và dâng hiến linh hồn mình vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng đã dâng hiến linh hồn Ngài vì chúng ta trên thập giá.

Bằng những lời ấy, Leontius đã khích lệ các anh em thánh thiện, và tất cả đều sẵn lòng chịu đựng mọi cực hình vì Chúa Kitô. Trời nắng gắt, các thánh phải chịu cơn khát dữ dội; có một người phụ nữ quý phái và đạo đức tên là Vlasiana đến thăm họ trong ngục tối, bà đã mang nước lạnh từ một suối gần đó vào mà không gặp trở ngại nào, và cho họ uống.

Các thánh đã dành cả đêm đó để cầu nguyện và hát thánh vịnh; Lisius, quan tổng trấn, cũng không ngủ trong đêm ấy: ông ta đang suy tính xem nên tra tấn những tôi tớ của Chúa Kitô đang bị giam trong ngục như thế nào. Vào lúc gần sáng, ông ta chìm vào giấc ngủ, và một con quỷ hiện ra trong giấc mơ của ông ta và nói:

– Hãy kiên quyết đi, Lysius; ta là thần Asclepius, hãy tra tấn không thương xót những người Kitô hữu đang phỉ báng chúng ta; họ đã nói nhiều điều vô lý về chúng ta trong ngục; hãy mau chóng tiêu diệt họ bằng mọi hình thức tra tấn.

Igemon tỉnh dậy, khi trời sáng, ông bắt đầu phiên tòa và đặt các thánh nhân bị trói trước mặt mình, rồi nói với họ:

– Hãy thờ lạy các vị thần, các ngươi sẽ trở thành bạn của các vị hoàng đế và của chúng ta; mỗi người sẽ được tặng hai trăm đồng vàng, quần áo mới đẹp đẽ, thắt lưng; người ta sẽ dẫn các cậu bé đến, chúng ta sẽ dâng lễ vật, tổ chức tiệc tùng và cùng nhau vui chơi; còn nếu các ngươi không nghe lời ta, các ngươi sẽ bị tra tấn dã man. Ta xin các ngươi, đừng từ bỏ cuộc sống sung sướng này, đừng xa cách vợ con và bạn bè của các ngươi, hãy dâng lễ vật cho dù chỉ một vị thần nào đó trong số các vị thần của chúng ta.

Các vị thánh đáp lại như thể cùng một giọng:

– Ngươi hãy bị nguyền rủa đi, hỡi kẻ tra tấn, cùng với các vị thần của ngươi; chúng ta sẽ không dâng lễ vật cho những ác quỷ ô uế, chúng ta không cần vàng bạc, áo quần, tiệc tùng hay tình bạn của các ngươi; Đức Kitô là Cha, là Người Bạn thân yêu nhất của chúng ta, và vì Ngài, chúng ta sẵn sàng chịu đựng mọi sự và chết.

Lúc đó, tên tra tấn ra lệnh treo cổ tất cả họ trong tình trạng trần truồng và dùng móc sắt cạo da thịt họ; và suốt một thời gian dài, cho đến tận giữa trưa, các vị thánh tử đạo vẫn bị cạo da, cho đến khi mặt trời trở nên gay gắt và viên quan cai trị rời khỏi cảnh tượng đó về nhà; còn các vị thánh, bị cạo da đến tận xương, theo lệnh của tên tra tấn, lại bị giam trở lại vào ngục tối. Người phụ nữ đạo đức Vlasiana nói trên lại đến thăm họ và qua cửa sổ, bà cho họ uống nước, những người đã kiệt sức vì vết thương và cái nóng oi bức; các thánh cảm thấy mát mẻ, ban phước lành cho người phụ nữ này, cầu nguyện cho bà và các con của bà, đồng thời tạ ơn Thiên Chúa vì đã cho họ được ân sủng chịu khổ vì Ngài.

Khi các thánh đang bị giam trong ngục, thánh Leontius thấy một số anh em đang chịu đau đớn nặng nề vì vết thương, nên rất lo lắng cho họ, sợ rằng trong cơn kiệt sức tột cùng, họ có thể sa ngã khỏi đức tin; vì vậy, ngài cầu xin Thiên Chúa sớm ban cho họ được hoàn thành cuộc hành hương.

Trong thành phố có một công dân nổi tiếng tên là Hê-rốt, một người ngoại đạo, được tổng trấn trọng dụng với tư cách là cố vấn; và người công dân này có một thư ký tên là Phi-lin, người được Thánh Lê-ôn-ti yêu mến vì tính cách hiền lành. Thánh nhân đã sai người đi tìm anh ta, và khi anh ta đến gần cửa sổ ngục tối, ngài nói với anh ta:

– Anh Filin ơi, hãy nói với chủ nhân của anh là Hê-rốt rằng, nếu ông ấy có dịp đến gặp tổng trấn vì bất cứ lý do gì, hãy nhắc ông ấy nhớ đến chúng tôi và khuyên ông ấy ngày mai hãy ra phán quyết tử hình cho chúng tôi.

Filin ra đi và truyền lại lời này cho Hê-rốt. Lúc đó, Hê-rốt được mời đến dùng bữa tối với quan tổng trấn; ông ta không đi ngay lập tức, và quan tổng trấn phải chờ ông. Người ta lại sai người đi gọi họ, nhưng ông đến muộn và nói:

– Tôi không thể ăn được; tôi đã chứng kiến cảnh những người bị kết án bị tra tấn, máu chảy rất nhiều, và tôi cảm thấy ghê tởm; dạ dày tôi không thể nuốt nổi thức ăn; tôi thấy buồn nôn.

Ngoài ra, còn có những vị hoàng đế khác đã làm ô uế danh tiếng của mình trong lịch sử bởi những cuộc đàn áp Kitô giáo đặc biệt tàn bạo: Nê-rôn (54–68), Tra-i-an (98–117) và Di-ô-clê-ti-an (284–305).

Igemon hỏi:

– Theo ngươi, ta nên làm gì với bọn chúng?

Hê-rốt trả lời:

– Hãy để họ chết vào ngày mai. Rốt cuộc họ là những kẻ phạm tội chống lại sắc lệnh của nhà vua và đáng phải chết, vậy tại sao không xử tử họ ngay bây giờ?

Nghe vậy, Igemon đã thề sẽ xử tử họ vào ngày hôm sau. Ngay lập tức, Filin vội vã đến nhà tù và báo lại những gì mình nghe được cho Thánh Leontius. Tất cả các anh em đều biết tin này và vui mừng vì ngày mai họ sẽ chết vì Chúa Kitô; họ chúc phúc cho Filin vì công lao của anh và bắt đầu cầu nguyện, chuẩn bị cho cái chết. Trong lời cầu nguyện, họ nói:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của các tổ phụ chúng con, xin tôn vinh danh thánh của Ngài nơi chúng con; với tâm hồn tan nát và tinh thần khiêm nhường, chúng con cầu xin Ngài; xin hãy nhận lấy chúng con, những kẻ dâng chính bản thân mình lên làm của lễ sống cho Ngài, như những con cừu và chiên con được dâng làm của lễ toàn thiêu, và như vô số chiên con béo tốt; xin cho của lễ của chúng con giờ đây được dâng lên trước mặt Ngài, và xin cho nó được đẹp lòng Ngài: những ai đặt niềm tin nơi Ngài sẽ không phải hổ thẹn! Lạy Chúa, Ngài biết rằng chúng con đã yêu mến Ngài và vì Ngài mà đã tự hiến mình cho cái chết. Xin Ngài củng cố tất cả chúng con, để không ai bị tụt lại phía sau đoàn quân này, để kẻ thù của chúng con không dám chế nhạo hay vui mừng vì điều đó.

Các thánh đã cầu nguyện như vậy và khích lệ lẫn nhau; đến nửa đêm, họ cất tiếng hát Thánh vịnh vĩ đại cho lễ an táng của mình, cụ thể là: "Phúc cho những ai vô tội," v.v. (Thánh vịnh 118). Khi kết thúc Thánh vịnh, Thiên Thần của Chúa đã đến, làm tràn ngập ánh sáng trong ngục tối và nói với họ:

– Hãy vui mừng, hỡi các tôi tớ của Đấng Kitô, giờ chết của các ngươi đã gần kề, tên các ngươi đã được ghi chép trên trời, hãy hy vọng, vì Thiên Chúa ở cùng các ngươi.

Nói xong, Thiên Thần lui đi. Còn họ thì cúi đầu thờ lạy và tạ ơn Thiên Chúa. Lúc đó, hai người lính canh ngục là Mê-ni và Vi-ri-la-đô, gốc Ai Cập, đang thức, họ thấy ánh sáng bừng lên trong ngục và nghe thấy tiếng Thiên Thần, nhưng không nhìn thấy chính Thiên Thần. Mê-ni bèn nói với Vi-ri-la-đô:

– Anh thấy chưa, anh em ơi, đây là quân lính của vị vua nào vậy? Từ đầu tôi đã cảm thông với các Kitô hữu: họ không đi theo con đường vô luật pháp, mà là con đường công chính, và giữ vững đức tin nơi Thiên Chúa của mình; ngày đêm họ không làm hại ai, không tham lam tài sản của người khác, thậm chí còn chia sẻ cả của cải của mình, yêu thương mọi người, làm điều thiện cho tất cả; chính anh cũng biết điều đó; còn cuộc sống của những người lang thang trong sa mạc Ai Cập thì ra sao? Chẳng phải thật kỳ lạ và đáng ngạc nhiên sao? Họ đang làm nên những điều kỳ diệu. Tôi định vào nhà tù gặp họ và xin họ nhận tôi vào cùng; còn anh, anh nghĩ sao, anh em?

Virilad đáp:

– Cũng giống như anh vậy. Thật vậy, ngay cả chúng ta, những kẻ không xứng đáng, cũng đã được ban ân sủng để nhìn thấy ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã chiếu rọi lên họ, Đấng mà họ sẵn lòng chết vì Ngài với niềm vui. Nếu có ai ép buộc vị thống đốc phải chết vì Zeus, hay vì Apollo, hay vì Asclepius, hay vì bất kỳ vị thần nào khác, liệu ông ấy có muốn chết không? Chắc chắn là không: ông ta quý trọng mạng sống của mình. Còn họ thì không nương tay, không sợ hãi mà sẵn sàng chết vì Đức Chúa Trời của họ và được Ngài ban cho vinh quang mà các vị thần chưa bao giờ ban cho bất kỳ ai trong số những người thờ phụng họ. Tại sao chúng ta không quay về với những người công chính này và với Đức Chúa Trời chân thật?

Sau khi bàn bạc như vậy, hai người gác ngục bước vào trong ngục tối và quỳ xuống trước các thánh nhân với những lời:

– Lạy các vị, những tôi tớ của Đấng Christ, Đức Chúa Trời chân thật, xin hãy đón nhận chúng tôi vào hàng ngũ của các vị: chúng tôi cũng tin vào Chúa Giê-su Christ, Đấng đã yêu thương các vị, và xin các vị cầu nguyện với Ngài, để Ngài ban cho chúng tôi được hưởng số phận giống như các vị.

Các thánh vui mừng trước sự quay về với Thiên Chúa của họ và chào đón họ, nói rằng:

– Các anh em là anh em của chúng tôi, vì Chúa chúng ta đã kêu gọi các anh em xưng danh thánh thiêng liêng của Ngài và sẽ ban cho các anh em phần thưởng giống như chúng tôi, cũng như những người đến vào giờ thứ mười một trong vườn nho của Ngài[5025] .

[5025] Xem dụ ngôn về những người làm công trong vườn nho (Mt 20:1–16).

Sáng hôm sau, quan tổng trấn Lysius cùng các binh lính ra khỏi thành phố đến nơi mà ông định hành quyết các thánh tử đạo, gần con sông tên là Lycos. Tại đó, ông mở phiên tòa và ra lệnh dẫn các thánh tử đạo đến và đứng trước mặt mình. Thấy hai lính canh nhà tù đã gia nhập cùng các thánh tù nhân, ông nói với cố vấn trưởng của mình là Apianus:

– Thế là bọn điên rồ này cũng muốn chết! Chẳng phải cuộc sống còn tốt hơn cái chết sao?

Apian đáp lại:

– Hãy ra lệnh tra tấn họ bằng những hình phạt tàn bạo nhất.

– Không, – vị thống đốc phản đối, – họ sẽ sợ hãi trước những cực hình và lại quay về với các vị thần, rồi sẽ sống sót; còn ta không muốn để họ sống sót; hãy để họ chết đi. Ta sẽ tuyên án tử hình cho tất cả.

Và khi các thánh tử đạo được đưa ra trước mặt ông để xét xử, ông không hỏi họ về đức tin cũng không ra lệnh tra tấn gì cả, mà ngay lập tức kết án tử hình họ và viết bản án như sau:

– Đối với bốn mươi lăm người theo đạo Kitô được đưa ra trước mặt ta để xét xử, những kẻ đã bất tuân mệnh lệnh của hoàng đế và phỉ báng các vị thần của tổ tiên mình, ta tuyên án hình phạt xứng đáng với tội lỗi của họ: trước tiên dùng rìu chặt đứt tay chân họ, sau đó ném vào lửa thiêu, và những xương còn lại sau khi thiêu sẽ bị ném xuống sông.

Ngay lập tức, các đầy tớ đẩy các vị tử đạo xuống đất và bắt đầu chặt tay chân họ. Trời nắng gắt, các vị thánh tử đạo phải chịu đựng cơn khát, có người vì đau đớn từ vết thương, có người vì cái nắng gay gắt; một số người đã qua đời trong những đau khổ ấy, một số người chỉ còn thở thoi thóp, còn một số khác thì kiên cường chịu đựng. Một trong số họ, tên là Ianikit, nhìn vào tay và chân bị chặt đứt của mình, mỉm cười và nói:

– Hãy nhìn xem, lưỡi liềm gặt đã cắt đứt các chi của tôi, giống như những bông lúa vậy!

Còn thánh Sisinius, nằm trong vũng máu của mình, tựa lưng vào một tảng đá gần đó, mở miệng và cầu nguyện với Đức Chúa Trời như sau:

– Lạy Chúa, Đấng ban phát mọi ân huệ, Đấng xưa kia đã làm cho nước tuôn trào từ tảng đá giữa sa mạc và cho dân Israel khát nước được uống (Xuất Hành 17:1–7), giờ đây xin Ngài hãy mở tảng đá này ra, cho nước tuôn trào và cho con uống một chút: Ngài thấy cơn khát của chúng con, cơn khát đang khiến chúng con lâm vào cảnh chết chóc.

Sau lời cầu nguyện của ngài, tảng đá bỗng nhiên chuyển động, phát ra tiếng vang và tuôn ra một suối nước trong vắt. Thánh Sisinius uống nước và ngợi khen Chúa, nói rằng:

– Con ngợi khen Ngài, lạy Thiên Chúa của con, vì đã cho con, kẻ khát khao, được uống nước như người mẹ cho con bú; con ca ngợi Ngài, lạy Vua của con, vì đã không khinh dể con, tôi tớ của Ngài! Nhưng con xin Ngài, xin đừng khinh dể những anh em yêu dấu của con, những tôi tớ của Ngài, và xin làm dịu cơn khát của họ, những người đang kiệt sức vì khát, bằng cách tuôn đổ sương ân sủng vô hình của Ngài xuống trên họ, và xin ban cho tất cả chúng con sự kiên định để cùng nhau ra đi trong niềm hy vọng nơi Ngài; còn suối nước này, đã được Ngài khôi phục bằng quyền năng của Ngài, qua đó Ngài đã tái hiện phép lạ cổ xưa, xin hãy khiến nó chảy mãi cho đến tận cùng thế giới, và ban cho dòng nước này ân sủng và sức mạnh chữa lành để tôn vinh Ngài, hỡi Đấng Kitô, cùng Cha Ngài và Thánh Thần, để tưởng nhớ đến chúng con, bốn mươi lăm vị tử đạo, những tôi tớ của Ngài, đã chịu khổ vì Ngài.

Lúc bấy giờ, các đầy tớ đã đốt lên một đống lửa khổng lồ đã được chuẩn bị sẵn và bắt đầu mang thi thể các vị tử đạo ra ném vào lửa; một số vị thánh vẫn còn sống, số khác đã qua đời; và cả người sống lẫn người chết đều bị ném vào lửa thiêu. Khi ném các vị tử đạo vào lửa, các đầy tớ đếm số người nhưng thiếu một người; họ ngạc nhiên và bắt đầu tìm kiếm. Và thánh Sisinius, đang nằm gần tảng đá phun nước, đã lên tiếng:

– Đây rồi! Hãy bắt tôi đi, mang tôi vào lửa đi!

Họ bắt ngài và mang ngài vào lửa. Các vị thánh tử đạo bị thiêu rụi, ngọn lửa tắt dần, và những người hầu bắt đầu tìm kiếm những mảnh xương của các vị tử đạo còn sót lại trong tro tàn; bao nhiêu mảnh xương họ tìm được, họ gom vào những mảnh vải, mang đi và đổ xuống sông Lycos[5026] . Dòng sông đã đón nhận xương cốt các thánh như một kho báu quý giá và giữ chúng lại tại một chỗ nước nông gần bờ, dùng dòng chảy của mình gom tất cả lại với nhau. Sau đó, những người sùng đạo đến tìm kiếm và dễ dàng tìm thấy chúng; họ thu thập hết thảy, không thiếu một mảnh nào, và cất giữ tại một nơi trang nghiêm, cho đến khi vị vua vô đạo Licinius, đồng trị vì với vua

[5026] Các thánh tử đạo qua đời vào khoảng năm 319.

Constantine và cai quản nửa phía đông của vương quốc, qua đời, và Constantine trở thành vị vua duy nhất. Khi Giáo Hội của Đức Kitô được tự do trên khắp vũ trụ, lúc đó xương cốt của các thánh tử đạo này mới được công khai cho mọi người chiêm ngưỡng, và một nhà thờ mang tên các ngài đã được xây dựng. Từ xương cốt thánh của các ngài, những phép lạ chữa lành đã xảy ra, cũng như từ nguồn nước mà thánh Sisinius đã làm cho tuôn trào bằng lời cầu nguyện của mình. Các vị thánh tử đạo, gồm bốn mươi lăm người, đã chịu tử đạo vào ngày mười tháng Bảy tại Nicopolis của người Armenia, dưới thời thống đốc Lysias, khi Licinius đang cai trị miền Đông; còn trên chúng ta, Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, đang ngự trị, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được dâng lên vinh quang và tôn kính, bây giờ và đến muôn đời, Amen.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Vì Chúa Kitô, các vị tử đạo đã chịu nhiều đau khổ, đã lật đổ mọi hình thức đa thần và phá hủy mọi cám dỗ của sự vô thần, nhờ quyền năng rực rỡ của Chúa Kitô; các ngài dạy dỗ tất cả chúng con trung thành kêu lên: Alleluia.

Câu chuyện về việc chuyển đưa áo thánh của Chúa Giêsu Kitô từ Ba Tư đến thành phố Moscow, thủ đô của vương quốc

Ngày kỷ niệm: 10 tháng 7

Vào thời của vị vua đạo đức và đại công tước, người nắm quyền tuyệt đối trên toàn nước Nga, Mikhail Feodorovich[5027] , cũng là thời kỳ Đức Thượng phụ Filaret[5028] – người cha cả về huyết thống lẫn tinh thần của nhà vua – trị vì, thì tại Ba Tư, Shah Abbas[5029] đang nắm quyền. Với tình yêu và sự quý mến dành cho Sa hoàng Mikhail, Abbas thường cử các sứ giả mang theo quà tặng đến gặp ngài[5030] ; tương tự như vậy, Sa hoàng Nga cũng cử các sứ giả mang theo quà tặng đến gặp ông. Vào năm 7133 kể từ khi thế giới được tạo dựng (tức năm 1625 kể từ Lễ Giáng sinh của Chúa Kitô), vào tháng Ba, một sứ giả danh tiếng tên là Urusambek đã đến Moscow gặp vị vua đạo đức Mikhail thay mặt cho vị vua; vị sứ giả này được cử đi bởi vị vua Abbas đã được đề cập ở trên. Urusambek mang theo một bức thư và nhiều món quà quý giá dành tặng cho Sa hoàng Mikhail. Ngoài ra, ông còn mang theo một bức thư và một món quà quý giá dành tặng Đức Thượng phụ Filaret, đó chính là: áo choàng của Chúa Giêsu Kitô, được đặt trong một hòm vàng, trang trí bằng đá quý. Trong bức thư này, vị vua Ba Tư thông báo rằng áo choàng của Chúa Kitô đã được tìm thấy, trong cuộc chinh phục xứ Iveria[5031] , tại phòng lưu giữ lễ phục của tổng giám mục, nơi nó được niêm phong trong một trong những cây thánh giá; sau khi lấy được chiếc áo choàng này, vị vua đã gửi nó làm quà tặng cho Đức Thượng phụ Moscow. Trong cùng bức thư đó, vị vua Ba Tư đã ca ngợi danh thánh vĩ đại của Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giê-su Ki-tô bằng những lời sau:

– Ai không tôn kính Ngài (Chúa Giêsu Kitô) như Thiên Chúa, thì hãy để người ấy bị thiêu đốt trong lửa mà không có chút lòng thương xót nào; và xin cho người nào thắp lửa thiêu đốt kẻ phạm thượng ấy được xứng đáng với mọi vinh dự và được tôn vinh.

[5027] Mikhail Feodorovich trị vì từ năm 1613 đến năm 1645.

[5028] Ông giữ chức Thượng phụ từ năm 1619 đến năm 1633.

[5029] Shah Abbas I, có biệt danh là "Đại đế", cai trị Ba Tư từ năm 1586 đến năm 1628. Abbas I là một trong những vị vua vĩ đại nhất của Ba Tư. Ông đã thực hiện nhiều cải cách có lợi cho đất nước, cải tổ hệ thống quân sự, xây dựng đường xá và cầu cống, quan tâm đến việc phục hồi và làm đẹp các thành phố, đồng thời nỗ lực thúc đẩy thương mại với Ấn Độ và châu Âu. Ông đối xử nhân từ với người Kitô giáo.

[5030] Shah Abbas duy trì quan hệ hữu nghị với Mikhail Feodorovich vì mục đích thương mại và chính trị. Ông cũng thường xuyên cử các sứ giả đến các nước châu Âu khác như Pháp, Anh, Tây Ban Nha và Hà Lan.

[5031] Iberia – tức là Gruzia ngày nay. Nơi đây đã bị Shah Abbas chinh phục (không phải toàn bộ, mà là phần lớn) vào năm 1613. Nền tảng của Kitô giáo tại Gruzia được đặt ra nhờ sự rao giảng của Thánh Nina, người được tôn vinh ngang hàng các Tông đồ, vào đầu thế kỷ IV. (Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 14 tháng 1 (323–340)) đã thành lập Tổng giáo phận tại thành phố Mtskheta – thủ đô của Iveria, vốn ban đầu trực thuộc Thượng phụ Antioch, sau đó trực thuộc Thượng phụ Constantinople. Dưới thời Thượng phụ Antioch là Phêrô (493–495), một quyết định của Công đồng đã được thông qua, công nhận Giáo hội Iveria là Giáo hội tự trị (độc lập). Năm 1783, khi vua Gruzia Irakli công nhận quyền tối cao của Nga, các vị tổng giám mục Iveria đã được Hoàng đế ban tặng danh hiệu "Thành viên Thánh Hội đồng", và vào năm 1811, Exarchate Gruzia được thành lập để quản lý Giáo hội Gruzia.

Đức Thượng phụ Filaret đã vui mừng đón nhận món quà vĩ đại này, quý giá hơn tất cả những món quà trần thế, dù đắt giá đến đâu; sau đó, Đức Thượng phụ Filaret đã triệu tập các vị tu sĩ Hy Lạp giàu kinh nghiệm đang có mặt tại Moscow vào thời điểm đó; một số vị trong số các vị tu sĩ cao niên này đến Moscow từ Jerusalem, số khác từ các vùng đất Hy Lạp; trong số họ có, trong số những người khác, Nektarios, sau này trở thành Tổng Giám mục Vologda và Velikopermsk, cũng như Ioannikios, người vừa mới đến Moscow cùng với Đức Thánh Phêrô Theophanes, Thượng phụ Jerusalem. Đức Thượng phụ Filaret đã hỏi các vị tu sĩ Hy Lạp này: "Các ngài có biết gì về Áo choàng của Chúa không, và người ta nói gì về nó ở các nước Hy Lạp?" Mỗi vị tu sĩ đều kể lại những gì mình biết về Áo choàng của Chúa. Trong số đó, Tổng Giám mục Nektarios đã nói:

– Khi tôi còn là phó tế trưởng dưới quyền Đức Thượng phụ Constantinople, tôi đã được ngài cử đi đến xứ Iveria để lo một số việc cần thiết cho Giáo hội. Tình cờ tôi có mặt tại một nhà thờ ở đây, được gọi là "Ileta"; tại đó, tôi nhận thấy trên bục bên phải, gần cột đầu tiên, có rất nhiều ngọn nến đang cháy sáng. Tôi hỏi các linh mục có mặt ở đó:

– Đây là gì vậy?

Họ trả lời tôi rằng ở đây có lưu giữ áo choàng của Chúa Kitô; họ nói rằng một trong những chiến binh của đất nước họ, người đã có mặt tại Giêrusalem khi Chúa bị đóng đinh, đã mang nó về; họ cũng kể rằng đã có nhiều phép lạ xảy ra nhờ chiếc áo choàng này của Chúa Kitô.

Một số người Hy Lạp khác đã thưa với Đức Thượng phụ rằng, ở khắp mọi nơi – cả ở Palestine lẫn các nước Hy Lạp – các tín hữu đều nhất trí khẳng định rằng áo choàng của Chúa đang được lưu giữ tại Iberia; người lính này đã nhận được áo choàng của Chúa qua việc bốc thăm[5032] , sau đó mang nó về quê hương của mình – Iberia – và tặng nó ở đó như một món quà quý giá cho em gái ruột của mình, lúc bấy giờ còn là một thiếu nữ; ngay sau đó, người lính này đã kể cho mọi người nghe về những gì đã xảy ra tại Jerusalem với Chúa Giêsu Kitô. Cô gái trẻ, sau khi nghe câu chuyện của người chiến binh đó, đã yêu quý chiếc áo của Chúa và cất giữ nó với lòng tôn kính. Không lâu sau đó, cô gái trẻ ấy qua đời. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, cô đã di chúc rằng thi thể mình sẽ được chôn cất trong chiếc áo của Chúa, thay vì những bộ quần áo tang lễ thông thường. Và điều đó đã được thực hiện. Một thời gian sau, trên ngôi mộ của thiếu nữ ấy mọc lên một cây lớn và rất đẹp. Vào thời trị vì của Hoàng đế vĩ đại Constantine, Hoàng đế La Mã-Hy Lạp[5033] (khi Iberia được khai sáng bởi phép rửa tội thánh), từ cây này bắt đầu chảy ra một loại dầu thơm và có tác dụng chữa bệnh; những ai mắc bệnh tật hay đau ốm đều được xức dầu này và được chữa lành. Các vị vua Iveria sùng đạo, khi chứng kiến những phép lạ vĩ đại như vậy, đã xây dựng một nhà thờ đẹp đẽ ngay trên cây đó và bổ nhiệm một giám mục phụ trách nhà thờ này. Sau nhiều năm, khi theo ý định của Đức Chúa Trời, người Ba Tư lần đầu tiên chinh phục Iberia, họ đã tàn phá cả nhà thờ nơi có cây chảy dầu thơm ấy. Sau đó, Iberia được giải phóng khỏi ách thống trị của người Ba Tư, tuy nhiên, cây đó đã không còn ở đó nữa, dầu thánh chữa lành cũng không còn chảy ra từ nơi đó; chỉ còn một cột đá đánh dấu vị trí đó. Còn về áo choàng của Chúa, mọi người đều nhất trí khẳng định rằng nó đang ở tại Iberia; nhiều người cho rằng, theo sự an bài của Thiên Chúa, trong thời kỳ bị người Ba Tư bắt làm tù binh, các tín hữu đã lấy nó ra khỏi ngôi mộ đó để bảo vệ nó khỏi bị xâm phạm; còn về việc sau này nó đã đến nhà thờ Tổng giáo phận như thế nào – thì không còn bất kỳ thông tin nào được lưu giữ về điều này.

Đức Thượng phụ Filaret đã lắng nghe tất cả các báo cáo về áo choàng của Chúa; sau đó, ngài đã tham vấn với các vị giám mục Nga đáng kính (lúc bấy giờ đang là thời gian của Mùa Chay Thánh): theo lời khuyên của họ, một thời gian ăn chay nghiêm ngặt và cầu nguyện đã được công bố. Sau đó, sau khi cử hành lễ canh thức suốt đêm trong Tuần Lễ Thờ Lạy Thánh Giá, Đức Thượng Phụ đã ra lệnh đặt áo choàng của Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế và Thiên Chúa của chúng ta, lên những người bệnh tật, giống như cách mà trong quá khứ, Nữ hoàng thánh thiện Helena đã đặt Thánh Giá của Chúa Kitô lên thi thể người chết để chứng minh cho mọi người thấy sự chân thật của nó[5034] . Và cũng như lúc bấy giờ Thánh Giá của Chúa Kitô đã được công nhận nhờ sức mạnh đã làm cho người chết sống lại, thì nay mọi người cũng đã được xác nhận về tính chân thật của áo choàng của Chúa theo cách tương tự; vì nhờ nó, tất cả những người bệnh tật mà áo choàng được đặt lên đều được chữa lành và nhanh chóng hồi phục.

[5032] Giăng 19:23–24

[5033] Đã cai trị Đế quốc La Mã từ năm 306 đến năm 337.

[5034] Để biết thêm chi tiết, xem mục số 14

Vị vua đạo đức và Đức Thượng phụ Thánh thiện đã tràn ngập niềm vui lớn lao trước ân sủng này; sau đó, họ ra lệnh sắp xếp tại Nhà thờ Chính tòa Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, ở phía tây, góc bên phải, một nơi trang trọng và được trang hoàng đặc biệt, nơi đặt bức tranh mô tả quan tài ban sự sống của Chúa Kitô. Chính tại đây, chiếc áo thánh của Chúa đã được đặt. Chiếc áo thánh này cho đến nay vẫn được mọi người chiêm ngưỡng và tôn kính với lòng thành kính; từ đó, cho đến ngày nay, những phép chữa lành vẫn được ban cho tất cả những người đau ốm, những ai đến với nó bằng lòng tin[5035] .

Lễ kỷ niệm việc đặt chiếc áo thánh của Chúa đã được thiết lập vào ngày 10 tháng Bảy[5036] để tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Hôm nay, những người trung thành chúng ta chạy đến với Áo Thánh thiêng liêng và đầy ân sủng của Đấng Cứu Thế, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng đã thương xót mặc lấy thân xác này, và đổ máu thánh của Ngài trên thập tự giá, nhờ đó Ngài đã cứu chuộc chúng ta khỏi sự thống trị của kẻ thù. Vì thế, chúng con tạ ơn và kêu cầu Ngài: Xin cứu hoàng đế Chính thống của chúng con, Nikolai Alexandrovich, cùng các thánh, thành phố và toàn thể dân chúng; xin bảo vệ họ bằng áo thánh của Ngài, và xin cứu rỗi linh hồn chúng con, hỡi Đấng yêu thương loài người.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Áo choàng bất hoại, là phương thuốc cứu rỗi cho mọi người, lạy Chúa, Ngài đã ban tặng kho báu thiêng liêng của Ngài là chiếc áo choàng thánh thiện, tức là chiếc áo chiton, mà Ngài đã vui lòng dùng để che phủ thân xác

---

[5035] Hiện nay, hai mảnh áo của Chúa đang được lưu giữ tại Saint Petersburg: một mảnh tại Nhà thờ Hoàng gia, mảnh còn lại tại Nhà thờ Thánh Peter và Thánh Paul.

[5036] Sự kiện rước áo thánh của Chúa diễn ra vào tháng Ba, trong thời gian Mùa Chay; nhưng vì đang trong Mùa Chay, lễ kỷ niệm việc rước áo thánh của Chúa đã được dời sang ngày 10 tháng Bảy; ngày này là ngày trước lễ đăng quang long trọng của Sa hoàng Mikhail Feodorovich. Thánh lễ nhân ngày An táng Áo Thánh của Chúa do Đức Tổng Giám mục Cyprian của Krutitsy soạn thảo. Trong thánh lễ này, khi kêu gọi các tín hữu tôn kính Áo Thánh thiêng liêng và có sức chữa lành của Đấng Cứu Thế, Giáo Hội tuyên xưng rằng chiếc áo này chính là chiếc áo chiton, quý giá cả về giá trị lẫn sức mạnh chữa lành, bởi vì chính nó đã bao bọc thân xác thánh thiện và ban sự sống của Đấng Thiên Chúa-Người. Khi mặc áo thánh này, "Đức Chúa Trời đã trở nên trọn vẹn về bản thể, và con người cũng được tỏ ra trọn vẹn: để xác nhận hình ảnh Thiên-Nhân, Ngài đã ban cho chúng ta áo thánh làm từ xác thịt thần thánh của Ngài, như một bức tường và tấm màn che chở. Ngài đã thánh hóa chúng ta nhờ sự hiện diện của áo thánh thần thánh của Ngài". Vào ngày lễ Áo choàng của Chúa, vị linh mục mang nó, giống như Thánh giá, trên đầu vào giữa nhà thờ để mọi người thờ lạy. Vì vậy, trong các bài thánh ca của Giáo hội, chúng ta nghe thấy lời kêu gọi: "Chúng con thờ lạy Thánh giá cao quý và Áo choàng thánh của Ngài, Đấng Tốt lành vô cùng, và chúng con hôn lên đó bằng tình yêu thương". Việc thiết lập lễ này đã được công bố qua các sắc lệnh của Sa hoàng và Thượng phụ. Điều này được thể hiện rõ trong sắc lệnh của Tổng giám mục Tver gửi cho vị tu viện trưởng Kalyazin – Evfimiy. "Vào năm 1626 này," Tổng Giám mục viết, "vào ngày 24 tháng Giêng, chúng tôi đã nhận được các sắc lệnh từ Đức Vua Đại Công tước Mikhail Feodorovich, Chúa tể toàn nước Nga, và từ Đức Thánh Phụ, Cha của chúng ta, Đức Thượng phụ Filaret Nikitich của Moskva và toàn nước Nga. Trong đó có ghi: vào năm 1625 vừa qua, ngày 11 tháng 3, một sứ giả từ Kizil-Bash đã đến gặp Sa hoàng Mikhail Feodorovich và Đức Thượng phụ Thánh thiện Filaret Nikitich, người Gruzia tên là Urusambek, và sau khi cúi chào Sa hoàng và Đức Thượng phụ, ông đã dâng lên Đức Thượng phụ một chiếc hòm vàng được trang trí bằng đá quý, bên trong chứa chiếc áo choàng hoặc áo chiton của Chúa Giêsu Kitô. Cùng ngày đó, tại cung điện của mình, Đức Vua vĩ đại và cha của chúng ta, Đức Thượng phụ Thánh Filaret, cùng các cộng sự của ngài – Đức Tổng Giám mục Cyprian của Sarsk và Podonsk, Đức Tổng Giám mục Nektarios người Hy Lạp, các Archimandrite, các vị tu viện trưởng, các linh mục cao cấp và toàn thể hội đồng thánh chức – đã kiểm tra chiếc hòm thánh và thấy trong đó có một chiếc áo choàng bằng vải lanh dệt tay, màu hơi đỏ và đã có từ lâu đời. Vào ngày 18 tháng 3, Đức Thượng phụ Filaret đã nói với con trai mình, Sa hoàng và Đại công tước Mikhail Feodorovich, rằng vật thánh được gọi là "chiếc áo lót của Chúa Kitô" này được gửi đến từ vị vua theo đạo khác là Abbas-Shah, và rằng không thể chấp nhận nó nếu không có bằng chứng xác thực: lời của những kẻ ngoại đạo không được chấp nhận làm bằng chứng nếu chưa qua thử thách. Vì vậy, tại hội đồng ngày 26 tháng 3, gồm các vị Thượng phụ, Tổng giám mục, các vị Archimandrite, các vị Iguumen và các vị trưởng lão trong các tu viện, đã quyết định thực hiện việc ăn chay và cầu nguyện trong bảy ngày, còn các linh mục tại các nhà thờ khác thì cử hành Thánh lễ và cầu nguyện, để Chúa Trời bày tỏ ý muốn của Ngài về vật thánh đó. Nhờ ân sủng, lòng nhân ái và lòng thương xót vô biên của Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giê-su Ki-tô, trước khi kết thúc tuần lễ, đã có nhiều trường hợp được chữa lành từ áo choàng của Chúa; và về việc ai cụ thể, vào ngày nào và khỏi bệnh gì, thì bản danh sách chính thức đã được gửi đến chúng tôi tại Tver, có đóng dấu của Đại Công tước và Filaret Nikitich, Đức Thượng phụ Thánh thiện của Moscow và toàn cõi Nga. Vậy, ngài, vị tu viện trưởng, cùng các linh mục tu sĩ và toàn thể anh em, hãy tập trung tại nhà thờ chính tòa và ra lệnh cho phó tế trưởng đọc công khai văn thư này cho mọi người nghe; sau khi đọc xong, hãy cử hành lễ cầu nguyện dâng lên Chúa kèm theo tiếng chuông".

thánh thiêng và ban sự sống của sự nhập thể Ngài: chúng con hân hoan đón nhận điều này với lòng khao khát, và trong sự kính sợ cùng tình yêu, ca ngợi Ngài là Đấng Ban Ơn, chúng con kêu cầu Ngài, hỡi Đấng Kitô: xin bảo vệ trong bình an vị hoàng đế trung thành của chúng con là Nikolai Alexandrovich, các thánh và toàn thể nhân loại, nhờ lòng thương xót vĩ đại của Ngài.

Ngày 24 tháng 7

Ngày 11 tháng 7 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm phép lạ của Thánh Nữ Tử đạo Euphemia, Đấng Được Ca Ngợi

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 7

Thánh nữ tử đạo vĩ đại Euphemia sinh ra, lớn lên và chịu tử đạo tại Chalcedon, thành phố thuộc tỉnh Bithynia, nằm bên Vịnh Biển Đen, đối diện với Constantinopolis, ở phía bên kia eo biển Bosporus của Thrace, nơi ngăn cách hai thành phố này: bà đã chịu tử đạo dưới triều đại của Hoàng đế Diocletian[5037] , vào ngày 16 tháng 9, cũng là ngày kỷ niệm của bà. Hôm nay, người ta cũng tưởng nhớ đến phép lạ đã xảy ra từ di cốt thánh của bà trong thời gian diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ tư của các vị Thánh Phụ tại Chalcedon, qua đó niềm tin Chính Thống đã được công bố và xác nhận; phép lạ này cũng là một dấu hiệu cho các vị Thánh Phụ để họ không tham gia hiệp thông với những kẻ dị giáo, và sự việc diễn ra như sau.

Thượng phụ Alexandria Dioscorus và Eutyches, tổng tu sĩ Constantinopolis, ngay khi vị hoàng đế chính thống Theodosius còn tại vị[5038] , đã dựng lên một tà thuyết báng bổ chống lại Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, bằng cách hợp nhất hai bản tính của Ngài – bản tính thần thánh và bản tính nhân loại – thành một bản tính duy nhất[5039] ; họ đã lừa dối nhiều tu sĩ và giáo dân bằng những giáo lý sai lầm của mình, dụ dỗ nhiều quan lại cao cấp trong triều đình theo tà thuyết của họ và tận dụng sự ủng hộ mạnh mẽ từ phía họ.

Khi Công đồng Địa phương tại Ê-phê-sô[5040] (diễn ra vài năm sau Công đồng Đại kết lần thứ ba cũng được tổ chức tại đó[5041]) – hay đúng hơn là một cuộc tụ tập cướp bóc – được triệu tập, tại đó Đức Thánh Cha Flavius, Tổng Giám mục Constantinopolis[5042] , vị chứng nhân của đức tin, đã bị sát hại bởi những kẻ đồng lõa với Dioscorus và Eutyches, – từ đó, tà thuyết ấy càng được củng cố mạnh mẽ hơn và bắt đầu được coi là chính thống, trong khi đức tin Chính Thống chân chính lại bị bác bỏ như một thứ mê tín dị đoan. Do đó, cần phải triệu tập Công đồng Đại kết lần thứ tư của các Thánh Phụ để tiêu diệt tà thuyết này và khẳng định đức tin Chính Thống.

Vào thời điểm đó, Hoàng đế Theodosius, người sùng đạo, đã qua đời và về với Chúa; sau đó, Hoàng đế Marcian[5043] , người đức hạnh và hiếu đạo, cùng với Thánh Pulcheria, đã lên ngôi. Những người bảo vệ đức tin và sự sùng đạo này, khi thấy các tà thuyết đang gây rối loạn cho Giáo hội và những mâu thuẫn đang hoành hành trong đó, đã ra lệnh cho các vị thánh phụ từ khắp nơi trên thế giới tụ họp tại thành phố vinh quang Chalcedon, để tại đây xem xét và thảo luận các vấn đề về đức tin.

[5037] Ngài cai trị nửa phía đông của Đế quốc La Mã từ năm 284 đến năm 305.

[5038] Theodosius II trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[5039] Điều này ám chỉ tà thuyết Monophysite hay Eutychian, vốn trái ngược với quan điểm Nestorian về sự phân chia giữa bản tính thần thánh và bản tính nhân loại trong Ngôi Lời của Chúa Giêsu Kitô; tà thuyết này dạy rằng bản tính nhân loại trong Chúa Giêsu Kitô đã hoàn toàn bị bản tính thần thánh hấp thụ, và do đó, trong Ngôi Lời của Chúa Giêsu Kitô chỉ nên công nhận một bản tính duy nhất – bản tính thần thánh. Tà thuyết này đã bị lên án, như sẽ được đề cập sau trong câu chuyện, tại Công đồng Đại kết lần thứ IV.

[5040] Năm 449,

[5041] Công đồng Đại kết lần thứ III, diễn ra tại Ê-phê-sô vào năm 431, đã được Hoàng đế Theodosius II triệu tập để giải quyết tà thuyết của Nestorius, Tổng Giám mục Constantinopolis, người dạy rằng sự nhập thể của Lời Thiên Chúa chỉ là sự ngự trị đơn thuần của Ngài trong con người là Đức Kitô, chứ không phải là sự kết hợp giữa bản tính Thiên Chúa và bản tính con người trong một Ngôi Vị duy nhất.

[5042] Flavian (I) giữ chức Thượng phụ từ năm 447 đến năm 449. Ông được phong thánh. – Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 18 tháng 2

[5043] Hoàng đế Marcian cai trị phương Đông từ năm 450 đến năm 457.

Các vị thánh phụ, tổng cộng sáu trăm ba mươi người[5044] , trong số đó có Đức Thánh Anatolius, Tổng Giám mục Constantinopolis, Đức Thánh Juvenalius và các sứ giả của Đức Thánh Lêô, Giáo hoàng Rôma; cũng có mặt những kẻ dị giáo do Dioscorus, Thượng phụ Alexandria, và Maximus – Thượng phụ Antioch (người mà Dioscorus đã bổ nhiệm vào chức vụ Thượng phụ thay thế cho Domnus đã bị phế truất) – đứng đầu, cùng các giám mục đồng tình với họ, và Eutyches cùng những người cùng quan điểm với ông, khiến số lượng những kẻ dị giáo trở nên rất đông; Tất cả cùng với các vị Thánh Phụ đã tụ họp tại nhà thờ Thánh Nữ Tử Đạo Euphemia, tọa lạc ở ngoại ô thành phố gần eo biển Bosphorus, để tham dự cuộc họp. Đây là nhà thờ chính tòa của Tổng giáo phận Chalcedon, rất rộng rãi, có thể chứa đựng một đám đông rất lớn; tại đó còn lưu giữ các thánh tích của vị Đại Tử đạo này, từ đó đã xảy ra những phép lạ kỳ diệu và vinh quang; trong số đó, chúng ta sẽ kể ra một vài phép lạ. Vào ngày kỷ niệm thánh nữ, ngày mà ngài đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô, hàng năm máu lại chảy ra từ di cốt thiêng liêng của ngài, như thể vừa mới chảy ra từ những vết thương; người ta thu thập máu đó theo cách sau đây. Quan tài là một chiếc lớn bằng đá cẩm thạch, được đậy bằng một tấm đá cẩm thạch, và bên trong có một hòm gỗ chứa di cốt của thánh nữ; trên quan tài đá cẩm thạch này, ở phía bên trái có một lỗ nhỏ, đủ để đưa tay vào và được đóng chặt, nhưng sẽ được mở ra vào thời điểm thích hợp; qua lỗ đó, chính vị giám mục, sau khi kết thúc Thánh Lễ Thức Trắng, trước Thánh Lễ, đã múc máu đó bằng một miếng bọt biển được buộc vào một cán sắt dài; Ngài đưa miếng bọt biển khô vào đó, lấy ra khi nó đã thấm đầy máu, rồi vắt máu từ miếng bọt biển vào một bình đựng được chuẩn bị riêng cho việc này . Khi chứng kiến cảnh này, dân chúng dâng lên Thiên Chúa và vị Thánh Tử Đạo của Ngài những lời ngợi khen vĩ đại, và dùng máu đó xức lên mình để cầu xin ân sủng và chữa lành các bệnh tật. Máu này có mùi thơm ngát, như thể được trộn lẫn với dầu thơm quý giá, nhưng không có loại dầu thơm nào trên trần gian có thể sánh được với nó: máu này vượt trội hơn hẳn mọi hương thơm và chữa lành mọi bệnh tật. Và không chỉ trong dịp lễ kỷ niệm hàng năm của mình, vị Thánh Tử đạo vĩ đại này mới tuôn ra dòng máu thơm ngát như dầu thơm và có khả năng chữa lành từ các di cốt thiêng liêng của mình, mà đôi khi còn vào những thời điểm khác, đặc biệt là khi vị Giám mục của nhà thờ đó được Thiên Chúa hài lòng nhờ cuộc sống đạo đức của mình. Cũng đã có nhiều hiện tượng kỳ diệu xảy ra; thường thì vị thánh hiện ra trước những người cầu nguyện với lòng tin, hoặc những người đang ốm đau, hoặc những người đến nhà thờ viếng mộ của ngài, hoặc những người đang gặp phải những hoạn nạn khác nhau và kêu cầu sự giúp đỡ của ngài. Và dân chúng từ khắp mọi nơi, từ mọi thành phố, đặc biệt là từ các vùng lân cận Constantinople, đã đổ về Chalcedon với lòng tin mãnh liệt để thờ lạy ngài. Cũng tại đó, theo sắc lệnh của hoàng đế, Công đồng Toàn cầu của các vị Thánh Phụ phải được triệu tập.

Tại công đồng đó, đã có rất nhiều cuộc tranh luận, tranh cãi và bất đồng giữa những người chính thống và những kẻ dị giáo, bởi vì những kẻ dị giáo tuyệt đối không muốn chấp nhận giáo lý Chính thống. Lúc bấy giờ, Đức Thánh Anatolius, sau khi tham vấn với các vị Thánh Phụ khác, đã nói với những kẻ dị giáo:

– Hãy viết lời tuyên xưng đức tin của các ngươi lên cuộn da, chúng ta cũng sẽ viết lời tuyên xưng của mình, rồi cả hai cuộn da, sau khi được niêm phong, sẽ được đặt vào quan tài trên thi hài thánh của Thánh Nữ Tử Đạo Euphemia; chúng ta sẽ ăn chay và cùng nhau cầu nguyện với Thiên Chúa, để Ngài, qua vị thánh nữ này, chỉ cho chúng ta biết lời tuyên xưng nào là đúng đắn.

Sau những lời của Đức Thánh Anatolius, mọi người đều đồng ý với lời khuyên của ngài, và đã viết hai cuộn giấy: những người chính thống viết phần của họ, còn những kẻ dị giáo viết phần của họ; họ đóng dấu bằng con dấu riêng của mình, mở quan tài của thánh nữ, đặt cả hai cuộn giấy lên ngực ngài, đóng quan tài lại, đóng dấu bằng con dấu hoàng gia, bố trí lính canh, và trong ba ngày liền họ ăn chay và cầu nguyện. Khi ngày thứ tư đến, nhà vua cùng toàn thể hội đồng đã đến bên quan tài thiêng liêng của vị thánh, và khi tháo con dấu hoàng gia ra để mở quan tài, họ thấy rằng vị thánh nữ đại tử đạo đang cầm cuộn giấy của những người chính thống trong tay phải, còn cuộn giấy của những kẻ dị giáo thì nằm dưới chân bà. Điều kỳ diệu nhất là, ngài đã giơ tay ra như người còn sống, trao cho nhà vua và tổng giám mục cuộn giấy chứa lời tuyên xưng chính thống. Lúc đó, mọi người đều vui mừng khôn tả, ngợi khen Thiên Chúa, hát những bài ca ngợi khen cùng lời tạ ơn dành cho vị thánh nữ tử đạo vĩ đại, và cúi đầu thờ lạy với tình yêu nồng ấm trước di cốt làm phép lạ của ngài. Và ngay lập tức, họ tuyên bố đức tin Chính Thống là đức tin được Thiên Chúa xác nhận và được vị Thánh Tử Đạo vĩ đại loan báo một cách kỳ diệu, còn những tín ngưỡng dị giáo độc ác thì bị nguyền rủa. Nhiều người trong số những kẻ dị giáo, khi chứng kiến phép lạ này, đã quay về với đức tin Chính Thống; còn những ai vẫn cứng đầu, thì bị tước bỏ chức vụ và bị đày đi lưu đày. Kể từ

[5044] Năm 451 – Đây là Công đồng Đại kết lần thứ IV.

thời điểm đó, các họa sĩ vẽ tranh thánh bắt đầu khắc họa Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Euphemia trên các bức tranh thánh với cuộn giấy trong tay phải, để lưu giữ ký ức không thể nào quên về phép lạ vinh quang này trong thời gian diễn ra công đồng. Cả lúc bấy giờ lẫn sau này, vị thánh tử đạo vẫn không ngừng thực hiện các phép lạ và tỏa ra từ di cốt thánh thiện của mình dòng máu thơm mùi dầu thơm.

Nhiều năm trôi qua; Mauritius[5045] , một vị vua sùng đạo, lên ngôi, nhưng vì lòng thiếu đức tin, ông đã dám nghi ngờ các phép lạ của thánh nữ và coi máu chảy ra từ thi hài của bà là giả mạo, chứ không phải thật. Muốn kiểm chứng và tìm ra sự thật, ông đã làm như sau. Rất lâu trước ngày kỷ niệm hàng năm của vị Thánh Tử đạo vĩ đại, ông đã niêm phong quan tài và lỗ hổng trên đó bằng con dấu hoàng gia của mình. Khi ngày lễ của bà đến, chính ông đã từ Constantinople đến Chalcedon, tháo con dấu và mở lỗ hổng; ngay lập tức, một mùi hương tuyệt vời lan tỏa và tràn ngập khắp nhà thờ; máu, hay nói đúng hơn là chất lỏng giống như máu, đã chảy ra từ thi hài thánh thiện của vị thánh nhiều hơn bình thường; chưa có năm nào chảy ra nhiều như năm đó, nhằm làm xấu hổ sự thiếu đức tin của nhà vua và củng cố vững chắc niềm tin vào quyền năng của Thiên Chúa, nhờ đó mọi điều siêu nhiên đều có thể xảy ra. Chúa, Đấng xưa kia đã có thể từ xương thú vật, từ hàm lừa, khai thông cho Samson[5046] một nguồn nước suối (Các Quan Xét 15:18–19), há lại không thể sau đó làm chảy ra máu và dầu thơm từ thi hài bất hoại của vị thánh nữ được Ngài yêu mến sao? Khi đó, nhà vua, nhận ra tội lỗi của mình, đã ăn năn và từ đó tin tưởng vững chắc vào vị thánh nữ.

Sau đó, dưới triều đại của Hoàng đế Heraclius[5047] , theo sự cho phép của Thiên Chúa, quân Ba Tư đã xâm lược vùng Bithynia và các vùng lân cận Chalcedon, khiến toàn bộ vùng ngoại ô bị tàn phá theo phong tục man rợ. Kẻ thù cũng xâm nhập vào nhà thờ của vị Thánh Tử đạo vĩ đại và cướp đi tất cả những gì chúng tìm thấy; chúng muốn mở quan tài của vị Thánh, nhưng không thể làm được điều đó và dù đã cố gắng thế nào cũng không đạt được kết quả gì: không chỉ tấm đá cẩm thạch phía trên vẫn bất động, mà thậm chí không thể khoét được một lỗ nhỏ nào trên quan tài. Lúc đó, người Ba Tư mang đến rất nhiều củi và cành cây khô, chất xung quanh quan tài, chất lên đó cả một núi vật liệu dễ cháy rồi châm lửa, hy vọng rằng đá cẩm thạch sẽ nứt vỡ dưới sức nóng dữ dội. Tuy nhiên, ngay cả bằng cách đó, họ cũng không đạt được kết quả gì. Tất cả những gì được chất lên đều cháy rụi hoàn toàn, còn quan tài của thánh nữ vẫn nguyên vẹn, không hề hấn gì. Chúa đã ban cho nữ thánh của Ngài một sức mạnh kỳ diệu đến vậy! Sau khi người Ba Tư rút lui, nhà vua đã bàn bạc với vị tổng giám mục về thi hài của thánh nữ tử đạo Euphemia, và họ quyết định chuyển thi hài từ Chalcedon về Constantinople, vì lo ngại một cuộc xâm lược khác của bọn man di vào Chalcedon. Tại Constantinople, gần trường đua ngựa[5048] , người ta đã xây dựng một nhà thờ mang tên vị thánh, giống như nhà thờ ở Chalcedon, rộng lớn và tuyệt đẹp; các di cốt thánh cùng quan tài bằng đá đã được rước vào đó với đầy đủ nghi lễ tôn kính; để tôn vinh các di cốt thánh một cách xứng đáng hơn, người ta đã chỉ định Tổng giám mục Chalcedon làm người phụ trách nơi này. Quách được đặt trong bàn thờ thay cho bàn thờ Thánh, và Lễ Hiến Tế Không Máu được cử hành trên quách; bên trong là di cốt thiêng liêng của vị Đại Tử Đạo; từ đó, những phép lạ cũng xảy ra tại Constantinople, giống như ở Chalcedon, và máu – có mùi thơm của dầu myrrh và có khả năng chữa lành – chảy ra vào những thời điểm nhất định.

Nhiều năm trôi qua, nhiều vị vua đã thay đổi, các Công đồng Toàn cầu của các Thánh Phụ – Công đồng thứ năm và thứ sáu[5049] – đã diễn ra; sau đó một thời gian dài nữa, một con thú cả về danh xưng lẫn tính cách đã lên ngôi – đó là Vua Lêô người Isauria[5050] . Ông là người đầu tiên gây rối loạn cho Giáo Hội của Đức Chúa Trời bằng tà thuyết chống thánh tượng, gọi các thánh tượng là thần tượng và tranh luận với những người cùng quan điểm như sau:

[5045] Hoàng đế Mauricius cai trị phương Đông từ năm 582 đến năm 602.

[5046] Samson – một quan xét của Israel, được Thiên Chúa ban cho sức mạnh phi thường và là công cụ của Thiên Chúa để chống lại dân Philistine. Lịch sử cuộc đời và hoạt động của ông được ghi lại trong Sách Các Quan Xét 13:16.

[5047] Heraclius trị vì từ năm 610 đến năm 641.

[5048] Hippodrome – nơi tổ chức các cuộc đua ngựa.

[5049] Công đồng Đại kết lần thứ V diễn ra tại Constantinopolis vào năm 553 và được Hoàng đế Justinian I (527–565) triệu tập để giải quyết vấn đề về tín lý của ba vị giám mục: Theodorus Mopsuestius, Theodoretus of Cyrus và Iva of Edessa, những người đã bày tỏ quan điểm Nestorian trong các tác phẩm của mình. – Công đồng Đại kết lần thứ VI diễn ra vào năm 680 tại Constantinopolis, dưới triều đại của Hoàng đế Constantine IV Pogonatus (668–685), nhiệm vụ cấp thiết nhất của công đồng này là vạch trần và lên án tà thuyết Monothelite, vốn chỉ công nhận một ý chí duy nhất (Thiên Chúa) trong Đức Kitô.

[5050] Lêô III Isaurian trị vì từ năm 716 đến năm 741.

– Chính những kẻ này là những người mà nhà tiên tri đã nói đến: *"Chúng có miệng mà không nói; có mắt mà không thấy; có tai mà không nghe"* (Thi Thiên 113:13–14).

Ngài đã bị Đức Thượng phụ Thánh German chống đối[5051] ; nhà vua đã phế truất ngài khỏi ngai vàng một cách nhục nhã, và đưa một kẻ dị giáo, đồng minh của mình, lên thay thế; cũng bằng cách đó, những vị giám mục chính thống khác, những người chống lại dị giáo của ông, cũng bị ông đày ải một cách nhục nhã. Ông không chỉ phỉ báng các bức tượng thánh, mà còn phỉ báng cả di cốt của các thánh, như một con chó, bằng lời nói không kiềm chế và hạ nhục chúng bằng mọi cách. Khi nhìn thấy và nghe kể về những phép lạ từ di cốt thiêng liêng của Thánh Đại Tử Đạo Euphemia, ông bị dằn vặt trong lòng vì ghen tị, nhưng không dám làm điều xấu nào với chúng, vì sợ cuộc nổi dậy và phản loạn của dân chúng. Hắn đã nghĩ ra một mưu kế xảo quyệt. Vào ban đêm, hắn cùng những kẻ đồng lõa lén lút vào nhà thờ Thánh Euphemia và mở nắp quan tài của bà, thứ mà người Ba Tư không thể mở được: Đức Chúa Kitô đã để cho bàn tay của những Kitô hữu phản bội chạm vào di cốt thiêng liêng của Cô Dâu Ngài, những di cốt mà Ngài đã gìn giữ nguyên vẹn khỏi những kẻ ngoại đạo vô tín. Người Ba Tư phạm tội trong sự vô minh, còn những người Kitô hữu lại dám thực hiện hành vi tàn ác, dù biết rõ mình đang làm gì; Thiên Chúa đã để cho họ, nhằm làm tăng thêm sự lên án dành cho họ, thực hiện hành vi làm ô uế thánh nữ. Vị vua độc ác, sau khi mở quan tài, đã lấy ra từ đó, cùng với chiếc hòm gỗ, những di cốt kỳ diệu và bất hoại của Thánh Euphemia, rồi thay vào đó đặt những mảnh xương thối rữa, hôi thối mà hắn đã cố ý chuẩn bị sẵn cho việc này, rồi lại đậy nắp bằng tấm ván, bỏ đi, mang theo những di cốt thiêng liêng đó một cách trộm cắp và đặt chúng vào một trong những căn phòng của hoàng cung. Còn các chị em và con gái của ông thì lén lút đến bên di cốt thánh, thắp hương, thắp nến, tôn kính và thành kính thờ lạy chúng. Nhưng chẳng bao lâu sau, vị vua độc ác ấy biết được chuyện này và lập tức lấy chiếc hòm đựng di cốt, rồi vào ban đêm ném nó xuống biển. Sáng hôm sau, sau khi tập hợp một đám đông những kẻ vô tín, ông ta bắt đầu cười nhạo thẳng vào mặt dân chúng chính thống, chế giễu và chỉ trích di cốt của vị thánh nữ tử đạo vĩ đại:

– Nào, lũ ngu ngốc, hãy nhìn xem trò lừa bịp mà chúng đang dụ dỗ các ngươi, khi gọi di cốt của Thánh Euphemia vinh quang là bất hoại và có khả năng làm phép lạ; hãy mở quan tài ra và xem liệu điều đó có thật hay không.

Và ngay lập tức, hắn sai những kẻ thân tín cùng đám đông mở quan tài ra. Họ đi, mở ra và thấy toàn là những bộ xương thối rữa, bốc mùi hôi thối. Lúc đó, bọn dị giáo bắt đầu cười nhạo và chế giễu những người tín hữu, gọi họ là những kẻ sùng bái xương thối; còn những người tín hữu thì ngạc nhiên trước sự bất ngờ này, bối rối, xấu hổ và thương xót. Lúc đó, nhiều người cho rằng tất cả các phép lạ của vị thánh đều là sự lừa dối, họ khinh bỉ những bộ xương thối rữa ấy, vứt chúng đi, đồng thời kéo cả chiếc quan tài bằng đá cẩm thạch ra khỏi nhà thờ, biến ngôi đền của Chúa thành nơi ô uế và hoang tàn; nơi đó bị xúc phạm nặng nề, và nhà thờ ấy trở nên như một cái chuồng trống rỗng, hay chuồng gia súc, hoặc thậm chí còn tệ hơn, bởi vì nơi đó trở thành nơi chứa chấp mọi sự ô uế và dơ bẩn. Sau đó, bên trong nhà thờ, những thợ rèn đã dựng lò rèn và bắt đầu hành nghề tại đó; và nơi trước đây vang lên tiếng hát ngợi khen Thiên Chúa, giờ đây lại vang lên tiếng búa đập vào sắt trên bàn rèn, cùng với những tiếng nói tục tĩu vô lý và tiếng ồn ào hỗn loạn của con người. Những thợ thủ công này sống trong nhà thờ trống rỗng cùng vợ con, còn tại bàn thờ thánh, như một nơi kín đáo, họ đã biến thành nhà vệ sinh; và Đức Chúa Trời đã lâu dài chịu đựng những việc làm như vậy của loài người, sự ô uế thánh địa của Ngài, cho đến khi Ngài tiêu diệt kẻ ác bằng chính sự ác, khôi phục lại Chính Thống Giáo, thanh tẩy và thánh hóa nơi của Ngài, biến nó trở lại thành nơi ngự trị vinh quang của Ngài.

Khi thi hài thánh thiện của vị nữ tử đạo đáng ca ngợi bị ném xuống vực thẳm biển cả, theo sự an bài của Đức Chúa Trời, có một con tàu đang rời bến cảng mang tên Sofia; trên con tàu đó có hai chủ tàu, là hai anh em Sergius và Sergon. Khi nhìn thấy một chiếc hòm được sóng biển đưa trôi gần con tàu của mình, họ đã vớt nó lên tàu, nghĩ rằng bên trong chứa một kho báu trần gian nào đó, rồi giương buồm và tiếp tục hành trình. Khi đến bến cảng có tên là Avidova, họ mở chiếc hòm ra và thấy bên trong là thi hài bất hoại; từ đó toát ra một hương thơm tuyệt vời, và họ đã vui mừng trước kho báu thiêng liêng này, đặc biệt là khi qua một thị kiến, họ nhận ra sự thánh thiện của những di cốt ấy; cụ thể là, vào đêm hôm đó, họ đã thấy trong thị kiến trên những di cốt ấy một vinh quang vĩ đại, những ngọn đèn và nến đang cháy sáng, cùng những người đàn ông rạng rỡ đang hát ca và ngợi khen Thiên Chúa. Sau khi nhận được thị kiến này, họ bắt đầu cầu xin Thiên Chúa cho biết thi hài này thuộc về vị thánh nào;

[5051] Hermann giữ chức Thượng phụ từ năm 715 đến năm 730.

họ tiếp tục chèo thuyền và đến một hòn đảo có tên là Limnos. Trên hòn đảo này cũng có thi hài làm phép lạ và chảy dầu thánh của thánh nữ tử đạo Glykeria; khi qua đêm gần hòn đảo này, họ đã thấy trong giấc mơ thánh nữ tử đạo Glykeria đang đi về phía con tàu của họ, và một thiếu nữ xinh đẹp bước ra từ con tàu để đón bà; cả hai đã ôm nhau một cách dịu dàng. Và cô gái đến gặp cô gái bước ra từ con tàu đã nói:

– Chúc bình an, vị tử đạo của Chúa Kitô, thánh Euphemia đáng ca ngợi!

Người kia đáp lại:

– Chúc bình an, vị tử đạo của Chúa Kitô, Glykeria đầy phúc lành!

Và sau khi chào hỏi nhau, họ chia tay: Thánh Glykeria đi về phía mình, còn Thánh Euphemia trở lại con tàu. Cả hai anh em đều có cùng một thị kiến; họ vô cùng vui mừng khi biết được đó là thi hài của ai, và trong lời cầu nguyện nồng nhiệt, họ thành kính quỳ lạy trước Thánh nữ Tử đạo vĩ đại Euphemia, ôm lấy quan tài, hôn lên nó, và rơi nước mắt vì niềm vui. Họ muốn mang kho báu vô giá này về quê hương mình, nhưng điều đó không được lòng Chúa và vị thánh nữ trung thành của Ngài. Các thủy thủ giương buồm và lên đường về phía họ; khi họ đã cách xa hòn đảo đó một quãng xa, bỗng nhiên một cơn bão và sóng lớn ập đến, và con tàu lại bị sóng đánh dạt trở lại chính hòn đảo đó. Một lần nữa, khi biển lặng xuống, các thủy thủ lại tiếp tục hành trình, nhưng một lần nữa, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, sóng biển bất ngờ dâng cao và đẩy con tàu trở lại hòn đảo. Điều này không chỉ xảy ra hai, ba lần, mà rất nhiều lần; và tất cả những người trên tàu đều vô cùng bối rối.

Đêm xuống, một nữ tử đạo của Chúa Kitô hiện ra trước mặt họ và nói:

– Tại sao các ngươi lại cố gắng đưa ta đi qua lại như vậy? Ta sẽ không rời khỏi đây, ta không muốn đi đến nơi mà các ngươi muốn đưa ta đến.

Và bà nói thêm:

– Chẳng lẽ việc bị đưa từ Chalcedon đến Byzantium (Constantinople), bị ném xuống biển, rồi bị đưa đến đây vẫn chưa đủ sao? Tại sao các anh còn muốn đưa tôi đến những xứ sở xa xôi nữa? Các anh không thể làm được điều đó, đừng vất vả nữa, mà hãy xây cho tôi một ngôi nhà nhỏ trên hòn đảo này, và tôi sẽ an nghỉ tại đây.

Nói xong, bà bỗng biến mất. Hai anh em trung thực Sergius và Sergon lập tức vui lòng tuân theo mệnh lệnh của vị thánh, ở lại bến cảng, xuống đất từ con tàu, rồi đi báo cho Giám mục của hòn đảo đó về di cốt của Thánh Euphemia đáng ca ngợi và mệnh lệnh của bà. Vị giám mục rất vui mừng trước tin này, nhưng ra lệnh cho họ phải bí mật cất giữ thánh tích, vì ngay trên hòn đảo đó cũng đã nhận được mệnh lệnh đáng sợ từ vị vua độc ác, yêu cầu phải vứt bỏ và thiêu hủy các bức thánh tượng và thánh tích của các thánh. Do mệnh lệnh độc ác đó, di cốt chảy dầu của thánh nữ tử đạo Glykeria đã được giấu kín dưới lòng đất. Sau đó, sau khi tìm được một địa điểm thích hợp, vị giám mục đã ban phước cho Sergius và Sergon để xây dựng một nhà thờ nhỏ dành cho thánh nữ tử đạo Euphemia của Chúa Kitô, gần bờ biển. Chẳng bao lâu sau, công trình được hoàn thành, vị giám mục đã đến, làm lễ thánh hiến nhà thờ và đặt các di cốt thiêng liêng vào bàn thờ thánh dưới lòng đất, để những kẻ chống thánh không phát hiện ra. Sau tất cả những điều đó, hai anh em đã nảy sinh ý định tốt lành là thề hứa với vị thánh tử đạo như sau:

– Chúng con sẽ không bỏ rơi – họ nói – thánh nữ tử đạo vĩ đại Euphemia đáng ca ngợi, và sẽ không rời xa di cốt thiêng liêng của ngài, mà sẽ phụng sự ngài tại đây cho đến cuối đời.

Sau khi hứa như vậy, họ đã bán hết hàng hóa mà họ chở trên tàu, từ bỏ đời sống trần thế, sống tại nhà thờ đó trong sự ăn chay và cầu nguyện, và chẳng bao lâu sau, nhờ được Chúa hài lòng, họ đã qua đời để bước vào cuộc sống bất tử nhờ sự cầu bầu của Thánh nữ Tử đạo Euphemia đáng ca ngợi, người mà họ đã tận tụy phụng sự. Trước khi qua đời, họ đặt một tấm đá lên quan tài của vị thánh tử đạo, để nơi chôn cất kho báu vô giá này không bao giờ bị lãng quên, và trên tấm đá ấy, họ đã khắc như sau:

– Chúng tôi, Sergius và Sergon, hai anh em ruột, khi đang đi thuyền qua eo biển Hellespont (Biển Tsargrad), đã vớt từ biển lên những di cốt thiêng liêng của vị thánh tử đạo Euphemia đáng kính của Chúa Kitô, vốn được sóng biển trôi dạt, và theo lệnh của ngài, chúng tôi đã an táng chúng tại đây.

Sau đó, vị giám mục của hòn đảo ấy đã xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp và muốn chuyển di thể của Thánh Euphemia vào đó; khi đến ngôi nhà thờ nhỏ mà hai anh em đã xây dựng, ngài cử hành lễ cầu nguyện suốt đêm. Ngài chợp mắt một lát, và Thánh Euphemia hiện ra với những lời này:

– Xin đừng làm điều ngài đang định làm, thưa Đức Cha đáng kính! Con sẽ không nghe theo ngài trong việc này, nhưng xin ngài hãy đến gặp chị em con, Thánh Tử đạo Glyceria, cầu nguyện với chị ấy, và con sẽ xin chị ấy; chị ấy sẽ cho phép di dời thi hài mình đến nhà thờ của ngài, còn con thì xin ngài để con an nghỉ tại nơi này, cho đến khi con trở về với chính mình.

Vị giám mục tỉnh dậy trong cơn kinh hoàng và không dám thực hiện ý định của mình. Còn thánh nữ tử đạo Glykeria, vốn được cất giữ ở một nơi khác, ngài đã rước về nhà thờ của mình sau khi cử hành các lời cầu nguyện tại đó, và đặt thi hài của bà dưới lòng đất. Như vậy, các di cốt của các thánh đã được bảo vệ khỏi những kẻ chống đối tà ác, những kẻ bài tượng. Mặc dù chúng được cất giấu dưới lòng đất, nhưng những người tín hữu vẫn tụ tập đến đó và long trọng cử hành các lễ kỷ niệm của các ngài, vì nhờ các nữ thánh được Chúa yêu mến ấy mà mọi bệnh tật đều được chữa lành.

Một lần nọ, vào ngày kỷ niệm Thánh Nữ Tử Đạo Euphemia, trong lúc đang cử hành lễ tại nhà thờ của ngài, có một vị tướng quân – người ủng hộ và nhiệt thành theo tà thuyết chống thánh tượng – đang đi thuyền cùng quân đội qua hòn đảo đó: ông được cử đi đâu đó vì công vụ. Khi đến bến tàu, ông lên bờ và thấy một đám đông tụ tập gần nhà thờ nằm sát bến tàu. Sau khi hỏi han và biết được lý do của lễ hội – cụ thể là dân chúng đang cử hành lễ kỷ niệm để tôn vinh di cốt của Thánh Tử đạo Euphemia đang an nghỉ tại đó – tên thống đốc độc ác này đã nổi giận, dẫn quân xông vào nhà thờ và đuổi tán dân chúng đi kèm theo tiếng la hét:

– Các vị vua có cho phép điều này sao? Các ngươi là những kẻ thờ thần tượng, những kẻ phụng sự xương cốt người chết!

Với những lời lăng mạ như vậy nhắm vào các Kitô hữu Chính Thống, tên vua độc ác đã tàn phá nhà thờ đó gần như đến tận nền móng; còn di cốt thánh thì vẫn còn nguyên vẹn dưới lòng đất. Và nơi này đã trở nên hoang vắng trong một thời gian dài.

Sau khi vị vua độc ác Lêô người Isauria qua đời, con trai ông là Constantine, biệt danh là Copronymus[5052] , một kẻ còn độc ác hơn cả gốc rễ xấu xa của cha mình, đã lên ngôi. Ông ta không chỉ bác bỏ việc tôn kính các bức tượng thánh, mà còn bí mật bác bỏ chính Đức Kitô, Thiên Chúa, và, kẻ khốn nạn ấy, thậm chí còn xúc phạm Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, bằng lời lẽ bẩn thỉu của mình, đồng thời lăng mạ cả các thánh nhân của Thiên Chúa. Từ thuở thiếu thời, hắn đã quen với mọi điều xấu xa, lối sống đồi bại, học được phép thuật và bùa chú, và không ngần ngại đổ máu người một cách tàn nhẫn. Hắn còn tàn bạo hơn cả cha mình, đã giết hại nhiều người vô tội và công chính, thậm chí còn trục xuất các tu sĩ khỏi Constantinople. Ông trị vì rất lâu, nhờ sự dung thứ của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi của loài người, và sau khi gây ra vô số điều ác, ông đã chết một cái chết đau đớn; ông để lại vương quốc cho con trai là Lê-ôn, người cũng là kẻ chống lại các bức tượng thánh, nhưng không tỏ ra tàn bạo như cha và ông nội mình. Sau khi Lê-ôn qua đời, con trai ông là Constantine cùng với mẹ là Irina[5053] – cái tên này có nghĩa là "hòa bình" (từ tiếng Hy Lạp) – đã lên ngôi; bà thực sự đã mang lại hòa bình cho Giáo hội của Chúa Kitô. Trong thời thơ ấu của con trai mình, bà một mình cai trị vương quốc Hy Lạp, và trị vì tốt đẹp, làm đẹp lòng Chúa; bà đã khắc phục mọi điều bị hủy hoại và tàn phá bởi các vị vua chống thánh tượng, đồng thời đưa các vị thánh phụ trở về từ cuộc bách hại, những người đã bị trục xuất vì tôn kính các thánh tượng thiêng liêng. Quả thực, bà là người đạo đức và yêu mến Thiên Chúa; bà đã triệu tập Công đồng Toàn cầu lần thứ bảy[5054] , do Đức Thượng phụ Thánh Tarasius của Constantinople[5055] đứng đầu; nhờ đó, vẻ đẹp của các thánh đường – tức các bức tượng thánh – đã được khôi phục, còn tà thuyết chống tượng thánh đã bị các vị thánh phụ lên án. Khi đó, nhà thờ Thánh Nữ Tử Đạo Euphemia tại Constantinople, gần trường đua ngựa, mà đã được đề cập ở trên và từng bị Leo Isaurian tàn phá, đã được Hoàng hậu Irina, người có đức tin vững vàng, khôi phục lại; bà ra lệnh dọn dẹp nhà thờ khỏi những thứ ô uế và sửa chữa mọi thứ đã bị tàn phá, trang hoàng nhà thờ bằng những bức thánh tượng lộng lẫy, cung cấp áo lễ và các đồ thánh bằng vàng bạc quý giá; nhà thờ đã được thánh hiến, và các thánh lễ lại được cử hành tại đó như trước đây, và Tổng Giám mục Chalcedon lại trở về cư ngụ tại đó. Nữ hoàng Irina, người yêu mến Chúa Kitô, đã nỗ lực hết mình để tìm kiếm di cốt của vị tử đạo đáng ca ngợi Euphemia. Kể từ khi Lê-vơ người Isauria bí mật cướp đi thánh tích và ném chúng xuống biển, tin đồn về hành vi ác độc bí mật của vị vua này đã lan truyền trong giới Chính Thống Giáo, và người ta kể rằng thánh tích đã được tìm thấy ở đâu đó và đang được các tín hữu cất giữ; nữ hoàng cũng cố gắng tìm hiểu xem chúng ở đâu. Còn Đức Chúa Trời, Đấng thực hiện ước nguyện của những ai kính sợ Ngài, đã cho nữ hoàng biết về di cốt thiêng liêng của vị thánh tử đạo theo cách sau đây. Trên hòn đảo Limnos, nơi mà theo lời kể, di cốt được cất giấu bí mật, có một người nổi tiếng tên là Anastasius, giữ chức vụ comit[5056] ; ông

[5052] Constantine V Copronymus trị vì từ năm 714 đến năm 775.
[5053] Constantine VI (Porphyrogenitus) trị vì từ năm 780 đến năm 797, còn Irene trị vì từ năm 797 đến năm 802.
[5054] Năm 787
[5055] Tharasios giữ chức Tổng Giám mục từ năm 784 đến năm 806.

đã thừa kế mảnh đất mà hai anh em được nhắc đến ở trên, Sergius và Sergon, đã xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Euphemia và chôn cất di cốt thiêng liêng của ngài dưới lòng đất, đồng thời đặt một tấm đá có khắc chữ lên trên quan tài. Vị Hầu tước Anastasius này, khi thấy nhà thờ của vị Thánh Tử đạo đáng ca ngợi trên đất của mình đã bị tàn phá hoàn toàn, đã xây dựng lại nó trên nền móng cũ và trang hoàng với sự trang nghiêm xứng đáng. Sau đó, ông gặp phải tai họa do những lời vu khống bất công từ những kẻ ghen tị, và ông đã bị tước bỏ chức vụ một cách oan ức. Lúc đó, ngài lên đường đến Tsargrad để minh oan cho mình khỏi những lời vu khống sai trái và lấy lại chức vụ. Khi ngài đang tìm kiếm người bảo trợ và người can thiệp với hoàng hậu tại đó, có người nói với ngài rằng Tổng giám mục Chalcedon có thể giúp đỡ ngài, vì ngài ấy hơn ai hết có quyền bênh vực những người bị oan ức. Anastasius bắt đầu tìm kiếm vị tổng giám mục và gặp được ngài tại cung điện; ông quỳ xuống trước mặt ngài, trình bày mục đích chuyến đi của mình và xin vị tổng giám mục giúp đỡ cũng như can thiệp thay cho ông. Tuy nhiên, vị tổng giám mục từ chối, nói rằng:

– Tôi không thể làm điều đó, việc này vượt quá khả năng của tôi.

Nói xong, Đức Tổng Giám mục rời cung điện về nhà, còn Anastasius đi theo ngài đến dinh thự của ngài; khi thấy nhà thờ mở cửa, ông bước vào đó để cầu nguyện. Sau một thời gian dài cầu nguyện trong tư thế quỳ gối, anh ngồi xuống một chỗ nào đó: lúc đó không có thánh lễ. Một trong những người phục vụ nhà thờ, người trực ca trong tuần đó, tiến lại gần anh và hỏi anh là ai và đến từ đâu. Anastasius kể cho người đó nghe tất cả về bản thân và chia sẻ nỗi đau của mình, rồi hỏi người phục vụ nhà thờ:

– Nhà thờ này thờ vị thánh nào vậy?

Người đó trả lời:

– Nhà thờ này thờ Thánh Nữ Tử Đạo Euphemia, Đấng được mọi người ca ngợi.

Ngay khi nghe điều đó, Anastasius lập tức áp hai tay lên ngực và thốt lên đầy yêu mến:

– Ôi, Thánh Euphemia của con!

– Tại sao anh lại gọi cô ấy là của anh? – vị linh mục hỏi.

Anastasius trả lời:

– Trong nhà thờ của tôi, trong ngôi nhà của tôi, có di cốt thiêng liêng của bà ấy, chính vì thế tôi mới dám gọi bà ấy là của mình.

Vị linh mục nói:

– Làm sao có thể như vậy được? Anh nói có thật không? Này, đừng nói dối, nếu không anh sẽ gặp rắc rối; vì hoàng hậu đang rất nỗ lực tìm kiếm thi hài của thánh Euphemia và đã ra lệnh cho tổng giám mục cầu nguyện với Chúa để Ngài chỉ ra nơi cất giữ thi hài của vị tử đạo này.

Anastasius nói:

– Hãy tin tôi, người trung thực ơi, tôi đang giữ thi hài của Thánh Euphemia, Đấng được ca ngợi khắp nơi, vốn từng được lưu giữ tại Chalcedon.

Nghe vậy, vị linh mục xin ông chờ lại đó một lát, còn bản thân thì hân hoan vội vã đi báo tin này cho Đức Tổng Giám mục, Thánh Andrei. Đức Tổng Giám mục rất vui mừng và ngay lập tức gọi Anastasius đến, hỏi han về di cốt của vị thánh; ông đã kể lại mọi chuyện chi tiết, từ những gì người dân trên hòn đảo đó truyền tụng về di cốt thiêng liêng của Thánh Euphemia Đáng Ca Ngợi, cho đến những dòng chữ được khắc trên tấm đá bởi hai anh em đã vớt được di cốt này từ biển. Đức Tổng Giám mục đáng kính lập tức đến gặp Đức Thượng Phụ Tarasius và kể lại chuyện này; còn vị Thượng Phụ thánh thiện ấy cùng với Đức Tổng Giám mục đã đến gặp nhà vua và mẹ của ngài, mang theo cả Anastasius, và kể cho bà nghe về các thánh tích thiêng liêng của vị nữ tử đạo của Chúa Kitô. Mọi người đều vui mừng và tạ ơn Chúa; còn Anastasia thì được ban tặng những ân huệ dồi dào và được phục hồi chức tước cũ của mình. Ngay lập tức, người ta trang bị một con tàu sang trọng và cử các vị chức sắc tôn giáo cùng các quan lại trong triều đình, cùng với Anastasius, bá tước, lên tàu đến đảo Limnos, để từ đó rước thi hài của vị thánh về Constantinople; sau một chuyến đi biển suôn sẻ, họ đã đến được hòn đảo đó. Khi người dân địa phương biết tin những người từ Constantinople đã đến và muốn mang thi hài của Thánh Euphemia, Đấng được ca ngợi muôn đời, đi, một đám đông rất thù địch đã tụ tập lại: họ muốn chống lại các sứ giả hoàng gia và không cho họ

[5056] Ban đầu, "komiti" là tên gọi dành cho những người tháp tùng quan chức cấp cao nhất tại các tỉnh, sau này trở thành những người tháp tùng các hoàng đế, tạo thành đoàn tùy tùng thân cận nhất của họ. Từ thời Constantine Đại đế (306–337), danh xưng này trở thành tước hiệu của tất cả các quan lại triều đình và quan chức nhà nước, dù họ có thuộc về đoàn tùy tùng hoàng đế hay không.

mang kho báu thiêng liêng vô giá đó ra khỏi hòn đảo của họ, và hơn hết, họ đã tấn công Comite Anastasius, gọi ông là kẻ phản bội. Và tiếng xôn xao đã bắt đầu nổi lên trong dân chúng, đến nỗi Giám mục Limnos chỉ vừa kịp xoa dịu họ bằng lời nói:

– Hỡi mọi người, đừng chống lại ý muốn của Đức Chúa Trời và đừng khơi dậy cơn giận của nhà vua: *"Cơn giận của nhà vua giống như tiếng gầm của sư tử"* (Châm Ngôn 19:12).

Khi tiếng xì xào của dân chúng lắng xuống, người ta mở quan tài thánh và lấy ra từ lòng đất thi hài thiêng liêng của Cô Dâu Chúa Kitô, như một bông hoa tuyệt đẹp, và không khí tràn ngập hương thơm; rồi thi hài được rước lên tàu trong tiếng hát Thánh vịnh, cùng với nến và lư hương. Còn dân chúng thì tiễn đưa trong nước mắt, than khóc vì mất đi một kho tàng quý giá như vậy, và đứng trên bờ biển, dõi theo con tàu đang lướt đi cho đến khi nó khuất khỏi tầm mắt. Khi con tàu cập bến Constantinople, cả thành phố đã đổ ra đón, cùng với nhà vua, mẹ của ngài và Đức Thượng phụ Thánh thiện, đón rước thi hài thiêng liêng của vị tử đạo vì Chúa Kitô, và đón nhận chúng với niềm vui và sự long trọng, rước chúng một cách trang nghiêm vào nhà thờ, nơi mà trước đây chúng đã bị những kẻ dị giáo bí mật cướp đi, rồi an táng tại chính nơi đó và trong chính chiếc quan tài bằng đá mà trước đây chúng từng nằm.

Như vậy, Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Euphemia, Đấng được ca ngợi muôn đời, đã trở lại vị trí thiêng liêng của mình tại Constantinople, và người ta đã ngợi khen Thiên Chúa vì những phép lạ của Ngài, Đấng được tôn vinh qua các thánh của Ngài, Đấng mà chúng con cũng dâng lên vinh quang và tôn kính ngay bây giờ và cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Đã yêu mến Đấng Hôn Phu của ngươi là Đức Kitô, và đã chuẩn bị ngọn nến của ngươi rực rỡ, tỏa sáng bởi các đức hạnh, hỡi Thánh Euphemia đáng ca ngợi, nhờ đó ngươi đã cùng Ngài bước vào lễ cưới, nhận lấy vương miện đau khổ từ Ngài. Nhưng xin cứu chúng con khỏi những tai ương, những người kính nhớ ngươi bằng đức tin.

Bài ca Kondak, giọng 6:

Ngài đã dâng lên những công đức trong sự chịu khổ và trong đức tin vì Chúa Kitô, Chàng Rể của Ngài: nhưng ngay cả bây giờ, xin cầu cùng Đức Mẹ, Đấng đã nhận và gìn giữ giới ranh do sáu trăm ba mươi vị Thánh Cha thánh thiện đặt ra, để những tà giáo và sự lung lay của kẻ thù bị khuất phục dưới chân các vị vua Chính Thống, hỡi Nữ Vương đáng ca ngợi.

Ngày qua đời của Công chúa Olga, người được rửa tội với tên thánh Elena

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 7

Vào cuối đêm tối tăm của sự thờ ngẫu tượng, vốn bao trùm lên đất nước Nga, Thánh nữ Olga đã xuất hiện như ánh bình minh trước khi ngày sáng của đức tin thánh thiện nơi Đức Kitô – "Mặt Trời của sự công chính" – bắt đầu.

Công chúa Olga thuộc dòng dõi danh giá: bà là chắt gái của Gostomysl, vị anh hùng lừng lẫy từng cai trị tại Veliky Novgorod cho đến khi, theo chính lời khuyên của ông, Rurik cùng các anh em được người Varangian mời đến để lên ngôi công tước của người Nga[5057] . Quê hương của Olga là toàn bộ vùng Vybutskaya, hiện nay nằm gần thành phố Pskov, nơi lúc bấy giờ vẫn chưa tồn tại[5058] . Cha mẹ của Thánh nữ Olga đã truyền đạt cho con gái

[5057] Dựa trên: 1) tên của Thánh nữ Olga, vốn là tên Varangian bắt nguồn từ tên nam Oleg, 2) những bằng chứng trực tiếp từ một số cuốn tiểu sử và 3) thực tế là Olga là vợ của Công tước Igor, người với tư cách là một người Varangian, việc lấy vợ từ chính bộ tộc của mình là điều hoàn toàn tự nhiên, nên có thể tin tưởng hơn rằng Thánh nữ Olga là người Varangian. – Người Varangian hay người Norman sinh sống trên bán đảo Scandinavia, và chỉ có người Phần Lan là ngăn cách họ với người Slav ở Novgorod. Sử ký ghi lại việc mời người Varangian vào năm 862, nhưng chính xác hơn là vào năm 852.

những nguyên tắc sống trung thực và khôn ngoan mà chính họ tuân theo, dù bản thân họ vẫn theo đạo thờ thần tượng. Olga nổi bật bởi sự trong trắng và trí tuệ sáng suốt, điều này sẽ được thấy rõ ngay sau đây.

Khi lâm chung[5059] , Rurik để lại người con trai Igor của mình khi cậu bé vẫn còn là một thiếu niên, vì vậy Rurik đã giao phó cả Igor lẫn ngai vàng cho người thân của mình là Oleg chăm sóc cho đến khi con trai ông đủ tuổi trưởng thành. Oleg, sau khi tập hợp một đội quân hùng hậu và mang theo người thừa kế ngai vàng còn nhỏ tuổi là Igor, đã lên đường đến Kiev. Sau khi giết chết Askold và Dir tại đây, Oleg đã chinh phục Kiev và trở thành người cai trị duy nhất của các lãnh địa Varangian-Nga, đồng thời vẫn giữ chức công tước cho cháu trai mình là Igor; vì công việc cai trị, Oleg phải luân phiên đi lại giữa Kiev và Veliky Novgorod. Còn Công tước Igor, khi đã đến tuổi thiếu niên, thường dành thời gian đi săn. Trong một lần đi săn quanh vùng lân cận Veliky Novgorod, ông vô tình đi vào lãnh thổ Pskov; khi đang truy lùng con thú gần ngôi làng Vybutskaya đã nhắc đến, ông nhìn thấy bên kia sông có một chỗ thuận lợi để săn bắn, nhưng không thể đến đó vì thiếu thuyền. Một lúc sau, Igor phát hiện một chàng trai trẻ đang chèo thuyền; ông gọi người đó vào bờ và bảo chở mình sang bên kia sông. Khi họ đang chèo thuyền, Igor, nhìn kỹ hơn vào khuôn mặt người chèo thuyền, nhận ra rằng người đó không phải là một chàng trai, mà là một thiếu nữ; đó chính là Thánh nữ Olga, nổi bật bởi vẻ đẹp của mình. Vẻ đẹp của Olga đã làm lay động trái tim Igor; ham muốn bùng cháy trong lòng; và ông bắt đầu dụ dỗ nàng bằng những lời lẽ, cố lôi kéo nàng vào mối quan hệ xác thịt ô uế. Còn Thánh nữ Olga, khi nhận ra những ý định của Igor, người đang bị ham muốn thiêu đốt, đã cắt ngang cuộc trò chuyện của ông, quay sang ông như một vị trưởng lão khôn ngoan, với lời khuyên nhủ như sau:

– Sao ngài lại bối rối thế, hoàng tử, khi ấp ủ một việc không thể thực hiện được? Lời nói của ngài đã bộc lộ ham muốn vô liêm sỉ muốn xâm phạm tôi, điều đó tuyệt đối không được xảy ra! – Tôi thậm chí không muốn nghe đến chuyện này. Xin ngài hãy nghe lời tôi và dập tắt trong lòng những ý nghĩ荒唐 và ô nhục này, những điều đáng phải xấu hổ: hãy nhớ lại và suy ngẫm rằng ngài là một vị công tước, và một vị công tước đối với dân chúng phải là tấm gương sáng về những việc thiện, như một vị lãnh đạo và quan tòa; vậy mà giờ đây ngài lại đang đứng trước bờ vực của sự vô pháp?! Nếu chính ngài, bị dục vọng bẩn thỉu chi phối, lại đi phạm những hành vi tàn ác, thì làm sao ngài có thể ngăn cản người khác làm điều đó và xét xử công bằng cho thần dân của mình? Hãy từ bỏ ham muốn vô liêm sỉ đó, thứ mà những người chính trực đều ghê tởm; và dù ngài là hoàng tử, những người thấp kém nhất cũng có thể ghét bỏ ngài vì điều này và khiến ngài trở thành trò cười nhục nhã. Hơn nữa, hãy biết rằng, dù ta chỉ có một mình ở đây và yếu đuối so với ngươi, ngươi vẫn không thể khuất phục ta. Nhưng ngay cả khi ngươi có thể khuất phục ta, thì độ sâu của dòng sông này sẽ lập tức trở thành lá chắn cho ta: thà ta chết trong sự trong sạch, chôn vùi mình trong dòng nước này, còn hơn là để trinh tiết của ta bị ô uế.

Những lời khuyên nhủ về sự trinh tiết mà Thánh nữ Olga dành cho Igor đã làm anh ta tỉnh ngộ, khơi dậy trong lòng anh ta cảm giác xấu hổ. Anh ta im lặng, không tìm được lời nào để đáp lại; thế là họ bơi qua sông, rồi chia tay nhau. Và vị công tước đã ngạc nhiên trước trí tuệ và sự trinh tiết phi thường của cô thiếu nữ trẻ. Quả thực, hành động như vậy của Thánh nữ Olga thật đáng ngạc nhiên: dù chưa biết đến Thiên Chúa chân chính và các điều răn của Ngài, nàng đã thể hiện một kỳ tích trong việc bảo vệ sự trong trắng; bằng cách gìn giữ cẩn trọng sự trinh khiết của mình, nàng đã khiến vị hoàng tử trẻ tỉnh ngộ, chế ngự dục vọng của anh ta bằng những lời khôn ngoan xứng đáng với trí tuệ của một người đàn ông.

Một thời gian ngắn sau sự việc vừa được kể, hoàng tử Igor cùng người thân là Oleg lên đường đến Kiev với ý định thiết lập ngai vàng tại đó, và điều này đã thành hiện thực: họ lên ngôi tại Kiev, đồng thời tại Veliky Novgorod cũng như các thành phố khác thuộc vùng đất Nga đã thần phục họ, họ đã bổ nhiệm các quan tổng trấn của mình. Khi đến thời điểm tổ chức lễ cưới cho Công tước Igor, người ta đã chọn ra nhiều thiếu nữ xinh đẹp để tìm ra người xứng đáng với cung điện hoàng gia; nhưng không có ai trong số họ làm Công tước ưng ý. Nhớ đến Olga, người trinh tiết và xinh đẹp, Igor lập tức cử người thân của mình là Oleg đi đón nàng. Oleg đã rước Olga về Kiev trong sự tôn vinh trọng thể[5060] , và Igor đã kết hôn với nàng. Sau đó, Oleg[5061] , người thân và người giám hộ

[5058] Đó là những gì truyền thuyết sau này kể lại. Toàn bộ vùng Vybutskaya – hiện nay là làng Vybutino hoặc Labutino – nằm cách Pskov mười hai verst, dọc theo dòng sông Velikaya. Từ Biên niên sử ban đầu (dưới năm 903), có thể thấy rằng quê hương của Thánh Olga là Pskov, nơi Oleg đã đưa bà đến cho Igor và nơi bà có lẽ là con gái của một trong những quan tổng trấn hoặc quý tộc.

[5059] Ông qua đời vào năm 879.

[5060] Xem chú thích 2. Việc Oleg đưa Olga từ Pskov đến cho Igor được xác nhận bởi truyền thuyết về nhan sắc và trí tuệ vượt trội của bà: Oleg không thể tìm thấy ai sánh ngang với Olga về phẩm chất trong số các con gái của các quý tộc Kiev.

[5061] Năm 912

của Igor, cũng qua đời, và Igor bắt đầu cai trị một cách độc lập. Vào đầu thời kỳ trị vì độc lập của mình, Igor đã tiến hành những cuộc chiến khốc liệt với các dân tộc lân cận. Ông thậm chí còn tiến quân đến Tsargrad: sau khi chinh phục nhiều vùng đất của Hy Lạp, ông trở về từ cuộc chinh phạt này với chiến lợi phẩm và vinh quang[5062] . Những năm còn lại của cuộc đời, ông sống trong bình yên, duy trì hòa bình với các vùng đất biên giới. Vào thời gian này, Igor và bà Olga, người vợ thánh thiện, đã sinh ra người con trai Sviatoslav, người sau này trở thành cha của Thánh Vladimir, vị công tước ngang hàng với các tông đồ. Igor trị vì trên ngai vàng của Đại Công quốc Kiev trong sự thịnh vượng: của cải đổ về với ông dồi dào từ nhiều nơi, bởi ngay cả các vùng đất xa xôi cũng gửi đến ông nhiều lễ vật và cống nạp.

Cái chết đã ập đến với Igor như sau. Lợi dụng thời bình sau nhiều cuộc chiến tranh, Igor bắt đầu đi tuần tra các thành phố và vùng lãnh thổ để thu thuế thường niên. Khi đến vùng đất của người Drevlyan[5063] , ông nhớ lại rằng họ đã ly khai khỏi ông vào đầu triều đại của mình, và chỉ sau cuộc chiến mới lại phục tùng ông: vì lý do đó, Igor đã tăng gấp đôi mức cống nạp đối với người Drevlyan, khiến họ phải gánh chịu gánh nặng rất lớn. Họ, trong nỗi buồn bã, bắt đầu bàn bạc với vị công tước của mình là Mal:

– Khi con sói đã quen với đàn cừu, nó có thể lần lượt lôi kéo cả đàn đi nếu không bị giết; chúng ta cũng vậy – nếu không giết được Igor, thì hắn sẽ tiêu diệt tất cả chúng ta.

Sau cuộc họp đó, họ bắt đầu tìm kiếm thời cơ thuận lợi. Và khi Igor gửi số cống nạp thu được từ người Drevlyan về Kiev, còn bản thân ông ở lại với họ cùng một số ít binh lính, thì người Drevlyan cho rằng đây là cơ hội thích hợp: họ bất ngờ tấn công Igor ngay dưới chân thành Korosten của họ; giết chết đội quân của công tước và chính ông, rồi chôn cất họ tại đó. – Đó là cái chết của công tước Igor – vị lãnh chúa nhân từ của các vùng đất Nga, người khiến các dân tộc lân cận phải khiếp sợ. Sau khi người giám hộ của mình là Oleg qua đời, Igor đã sống thêm ba mươi hai năm[5064] .

Tin tức về vụ ám sát Igor, khi đến tai Kiev, đã khiến Olga khóc nức nở, cùng con trai Sviatoslav thương tiếc chồng mình; tất cả cư dân Kiev cũng đều khóc theo. Còn người Drevlyane, sau khi Igor bị sát hại, đã nảy ra một âm mưu táo bạo như sau: họ muốn gả Olga cho công tước Mal của họ, đồng thời bí mật giết chết người thừa kế của Igor, cậu bé Svyatoslav. Bằng cách đó, người Drevlyan hy vọng sẽ gia tăng quyền lực cho vị công tước của họ. Họ lập tức cử hai mươi người đàn ông được chọn lọc kỹ lưỡng đi thuyền đến gặp Olga, để họ xin bà trở thành vợ của vị công tước; và trong trường hợp bà từ chối, họ được lệnh phải dùng lời đe dọa để ép buộc bà – dù phải dùng đến bạo lực, cũng phải khiến bà trở thành vợ của chúa tể họ. Những người được cử đi đã đi đường thủy đến Kiev và cập bến. Nghe tin phái đoàn đã đến, Công chúa Olga gọi những người đàn ông Drevlyan đến gặp mình và hỏi họ:

– Các vị khách quý, các vị đến đây với ý định tốt đẹp chứ?

– Với ý tốt, – họ đáp.

– Vậy hãy nói đi, – Olga đề nghị, – chính xác thì các vị đến đây vì lý do gì?

Những người đàn ông trả lời:

– Vùng đất Drevlyan đã cử chúng tôi đến gặp ngài với những lời như sau: “Xin đừng giận vì chúng tôi đã giết chồng ngài, bởi vì ông ta, như một con sói, đã cướp bóc và tàn phá. Còn các vị công tước của chúng tôi là những nhà cai trị nhân từ, đã mở rộng lãnh thổ Drevlyan. Vị công tước hiện tại của chúng tôi còn tốt hơn Igor gấp bội: trẻ trung và đẹp trai, ông ấy còn hiền lành, nhân ái và khoan dung với tất cả mọi người. Hãy lấy vị công tước của chúng tôi làm chồng đi – cô sẽ trở thành phu nhân và chủ nhân của vùng đất Drevlyan.

Công nương Olga, che giấu nỗi buồn và nỗi đau trong lòng về người chồng, đã nói với phái đoàn với vẻ vui mừng giả tạo:

– Lời các ngài nói rất hợp ý ta, – vì chồng ta đã không thể sống lại, còn việc ở lại làm góa phụ cũng không phải là điều dễ dàng đối với ta: là một người phụ nữ, ta không đủ khả năng để cai trị một vương quốc như thế này một cách xứng đáng; còn con trai ta thì vẫn còn là một cậu bé. Vậy nên, tôi sẵn lòng kết hôn với vị công tước trẻ

[5062] Người ta biết đến hai cuộc chinh phạt của Igor chống lại người Hy Lạp vào các năm 941 và 944; trong đó, cuộc chinh phạt đầu tiên đã thất bại. Tại đoạn này của cuốn tiểu sử, tất nhiên là đề cập đến cuộc chinh phạt thứ hai, khi hoàng đế Hy Lạp, sau khi gửi cho Igor một khoản cống nạp lớn, đã xin ông đừng tiến quân đánh Hy Lạp; sau khi nhận được khoản cống nạp lớn, Igor đã quay trở về Kiev từ bờ sông Danube.

[5063] Trong quá trình định cư của các bộ tộc Slav phương Đông, người Drevlyan đã chiếm lĩnh vùng rừng rậm dọc theo trung lưu sông Dnieper, định cư dọc theo nhánh sông Pripyat; chính từ đây mà tên gọi “Drevlyan” ra đời.

[5064] Ông bị sát hại vào năm 945.

của các ngài; hơn nữa, bản thân tôi cũng chưa già. Bây giờ các ngài hãy về nghỉ ngơi trên thuyền của mình; sáng mai tôi sẽ mời các ngài đến dự tiệc danh dự mà tôi sẽ tổ chức cho các ngài, để mọi người đều biết lý do các ngài đến đây và sự đồng ý của tôi đối với đề nghị của các ngài; sau đó tôi sẽ đến gặp công tước của các ngài. Còn các ngài, khi những người được cử đi vào buổi sáng đến mời các ngài dự tiệc, hãy nhớ phải tuân thủ như thế nào để vừa giữ gìn danh dự của vị hoàng tử đã cử các ngài đi, vừa giữ gìn danh dự của chính các ngài: các ngài sẽ đến dự tiệc theo cách tương tự như khi đến Kiev, tức là trên những chiếc thuyền mà người dân Kiev sẽ khiêng trên đầu – để mọi người đều thấy được địa vị cao quý của các ngài và tình yêu của ta dành cho vị công tước của các ngài, chính vì điều đó mà ta dành cho các ngài vinh dự to lớn này trước mặt dân chúng của ta.

Với niềm vui sướng, người Drevlyan trở về thuyền của họ. Còn Công chúa Olga, để trả thù cho cái chết của chồng mình, đang suy tính – sẽ giết họ bằng cách nào. Ngài ra lệnh ngay trong đêm đó đào một cái hố sâu trong sân của cung điện ngoại ô, nơi có một đại sảnh lộng lẫy đang được chuẩn bị cho tiệc chiêu đãi. Sáng hôm sau, Công nương cử những người đáng tin cậy đi mời các vị hôn phu đến dự tiệc; còn họ, như những kẻ điên dại, ngồi trên thuyền và nói:

– Chúng tôi sẽ không đi bộ, cũng không cưỡi ngựa hay đi xe ngựa, mà vì được công tước của chúng tôi sai đi bằng thuyền, nên hãy cõng chúng tôi trên đầu các ngài đến gặp công nương của các ngài.

Còn người dân Kiev, vừa cười nhạo sự điên rồ của họ, vừa đáp lại:

– Công tước của chúng tôi đã bị giết, còn công nương của chúng tôi sắp lấy công tước của các vị; và giờ đây, chúng tôi, đúng như những nô lệ, đang làm theo lệnh được giao.

Và sau khi cho họ lên từng chiếc thuyền nhỏ một, người Kiev đã khiêng họ đi, những kẻ đang phồng lên vì sự kiêu ngạo hão huyền. Khi đưa những người Drevlya đến sân hoàng cung đã nói trên, Olga, đang nhìn từ trong điện, ra lệnh ném họ xuống một cái hố sâu đã được chuẩn bị sẵn cho việc này. Sau đó, bà tự mình bước đến bên hố và cúi xuống, rồi hỏi:

– Các ngươi có thấy vinh dự này xứng đáng không?

Còn họ thì la lên:

– Ôi, thật là bi thảm cho chúng tôi! Chúng tôi đã giết Igor và không những không thu được điều gì tốt đẹp từ việc đó, mà còn phải chịu một cái chết còn tàn khốc hơn.

Và Olga ra lệnh lấp họ sống trong cái hố đó.

Sau khi làm xong việc đó, Công chúa Olga lập tức cử sứ giả đến gặp người Drevlyan với lời nhắn:

– Nếu các ngươi thực sự muốn ta đến với công tước của các ngươi, thì hãy cử một phái đoàn đến đón ta, đông đảo và cao quý hơn phái đoàn trước; hãy để phái đoàn đó dẫn ta đến gặp công tước của các ngươi một cách trang trọng; hãy cử các vị đại sứ đến càng sớm càng tốt, trước khi người Kiev giữ ta lại.

Người Drevlyan với niềm vui sướng tột độ và sự khẩn trương đã cử đến Olga năm mươi vị quý tộc danh giá nhất, những trưởng lão cao cấp nhất của vùng đất Drevlyan, chỉ đứng sau vị công tước. Khi họ đến Kiev, Olga ra lệnh chuẩn bị phòng tắm hơi cho họ và gửi lời đề nghị: hãy để các sứ giả sau chặng đường mệt mỏi được tắm rửa trong phòng tắm hơi, nghỉ ngơi, rồi sau đó mới đến gặp bà; họ vui vẻ đi vào phòng tắm hơi. Khi người Drevlyan bắt đầu tắm rửa, ngay lập tức những người hầu được bố trí sẵn từ trước đã chốt chặt các cánh cửa từ bên ngoài, chất rơm và cành cây khô xung quanh nhà tắm rồi châm lửa; thế là các trưởng lão Drevlyan cùng với những người hầu đã bị thiêu rụi cùng với nhà tắm. Và một lần nữa, Olga cử sứ giả đến với người Drevlyan, thông báo về sự đến gần của bà để kết hôn với vị công tước của họ và ra lệnh chuẩn bị mật ong cùng đủ loại đồ uống và thức ăn tại chính nơi mà chồng bà, , đã bị giết, để khi đến với họ, trước khi tiến hành lễ cưới lần thứ hai sau khi chồng đầu tiên qua đời, bà sẽ cử hành lễ tưởng niệm, tức là tiệc tưởng niệm theo phong tục ngoại giáo; và sau đó mới tiến hành lễ cưới. Người Drevlyan, trong niềm hân hoan, đã chuẩn bị mọi thứ dồi dào. Còn Công chúa Olga, đúng như lời hứa, đã lên đường đến với người Drevlyan cùng một đạo quân hùng hậu, như thể đang chuẩn bị cho chiến tranh chứ không phải để kết hôn. Khi Olga đến gần Korosten, thủ đô của người Drevlyane, họ đã ra đón bà trong trang phục lễ hội – một số đi bộ, một số cưỡi ngựa – và tiếp đón bà với sự hân hoan và vui mừng. Còn Olga thì trước hết đã đến mộ chồng mình, và tại đó bà đã khóc thương ông rất nhiều; sau khi cử hành lễ tưởng niệm theo phong tục ngoại giáo, bà ra lệnh đắp một gò đất lớn trên mộ. Và người Drevlyan nói với bà:

– Thưa Công nương! Chúng tôi đã giết chồng bà vì ông ấy đối xử tàn nhẫn với chúng tôi, như một con sói săn mồi. Còn bà thì nhân từ, giống như vị Công tước của chúng tôi – giờ đây chúng ta sẽ sống hạnh phúc!

Olga đáp lại:

– Ta đã không còn thương tiếc người chồng đầu tiên của mình nữa, vì ta đã làm những gì cần làm bên mộ ông ấy; đã đến lúc vui vẻ chuẩn bị cho cuộc hôn nhân thứ hai với công tước của các ngươi.

Còn người Drevlyane thì hỏi Olga về các sứ giả đầu tiên và thứ hai của họ.

– Họ đang đi theo sau chúng ta trên một con đường khác, mang theo toàn bộ của cải của tôi, – công chúa trả lời.

Sau đó, Olga cởi bỏ bộ trang phục tang lễ, khoác lên mình bộ váy cưới sáng màu, phù hợp với địa vị của một công nương, đồng thời tỏ ra rạng rỡ. Bà ra lệnh cho người Drevlyan ăn, uống và vui chơi, còn với thuộc hạ của mình, bà bảo họ phải phục vụ người Drevlyan, ăn cùng họ, nhưng không được say xỉn. Khi người Drevlyan đã say mèm, công chúa ra lệnh cho thuộc hạ dùng vũ khí đã chuẩn bị sẵn – gươm, dao và giáo – để tấn công người Drevlyan: số người bị giết lên tới năm nghìn người và hơn thế nữa. Như vậy, Olga đã pha trộn niềm vui của người Drevlyan với máu, và bằng cách này đã trả thù cho cái chết của chồng mình, rồi trở về Kiev.

Năm sau, Olga tập hợp quân đội, tiến đánh người Drevlyan cùng con trai mình là Svyatoslav Igorevich, đồng thời khích lệ cậu tham gia trả thù cho cái chết của cha. Người Drevlyan đã ra đón họ với một lực lượng quân sự không nhỏ; khi hai bên gặp nhau[5065] , cả hai phe đã giao chiến ác liệt cho đến khi quân Kiev đánh bại người Drevlyan; và quân Kiev đã truy đuổi người Drevlyan đến tận thành phố thủ đô Korosten, giết chết họ. Người Drevlyan đóng cửa thành, Olga đã vây hãm thành phố đó suốt một năm liền. Thấy rằng khó có thể chiếm được thành phố bằng cách tấn công trực diện, nữ công tước khôn ngoan đã nghĩ ra một mưu kế. Bà sai người gửi lời đến người Drevlyan đang đóng cửa trong thành:

– Tại sao các ngươi, những kẻ điên rồ, lại muốn tự giết mình bằng đói khát, không chịu khuất phục ta? Chẳng phải tất cả các thành phố còn lại của các ngươi đều đã bày tỏ sự phục tùng ta rồi sao? Dân chúng ở đó đang nộp cống nạp và sống yên bình trong các thành phố và làng mạc, canh tác trên ruộng đồng của họ.

– Chúng tôi cũng muốn – những người đang đóng cửa thành trả lời – quy phục bà, nhưng chúng tôi sợ rằng bà sẽ lại trả thù cho vị công tước của bà.

Olga liền cử một sứ giả thứ hai đến gặp họ với lời nhắn:

– Ta đã nhiều lần trừng phạt cả các trưởng lão lẫn những người khác của các ngươi; và giờ đây, ta không muốn trả thù nữa, mà chỉ yêu cầu các ngươi nộp cống nạp và phục tùng.

Người Drevlyane đồng ý nộp cho bà khoản cống nạp theo ý bà muốn. Olga đề nghị với họ:

– Ta biết rằng hiện nay các ngươi đã lâm vào cảnh khốn cùng vì chiến tranh và không thể nộp cống nạp cho ta bằng mật ong, sáp, da thú hay những vật phẩm khác có giá trị thương mại; hơn nữa, bản thân ta cũng không muốn gây gánh nặng cho các ngươi bằng một khoản cống nạp quá lớn; hãy dâng cho ta một khoản cống nạp nhỏ nào đó như biểu tượng của sự phục tùng, dù chỉ là ba con bồ câu và ba con chim sẻ từ mỗi nhà. Điều đó là hoàn toàn đủ để ta tin tưởng vào sự phục tùng của các ngươi.

Người Drevlyan cho rằng khoản cống nạp này quá nhỏ nhoi đến nỗi họ thậm chí còn chế giễu trí tuệ của một người phụ nữ như Olga; họ lập tức vội vã thu thập từ mỗi nhà ba con bồ câu và ba con chim sẻ rồi gửi cho bà kèm theo lời chào kính. Olga nói với những người đàn ông từ thành phố đến gặp bà:

– Này, giờ các ngươi đã phục tùng ta và con trai ta rồi, – hãy sống trong hòa bình đi, ngày mai ta sẽ rút quân khỏi thành phố của các ngươi và trở về nhà.

Nói xong, bà cho những người đàn ông đó ra về; tất cả cư dân trong thành đều vô cùng vui mừng khi nghe những lời của công nương. Còn Olga thì phân phát những con chim cho các chiến binh của mình, đồng thời ra lệnh rằng vào tối muộn, mỗi con bồ câu và mỗi con chim sẻ phải được buộc một mảnh vải thấm đầy lưu huỳnh; mảnh vải đó cần được đốt lên và thả tất cả các con chim bay lên trời cùng lúc. Các chiến binh đã tuân theo mệnh lệnh này: những con chim bay trở lại thành phố nơi chúng từng bị bắt; mỗi con bồ câu bay vào tổ của mình và mỗi con chim sẻ bay về chỗ của nó, và ngay lập tức thành phố bùng cháy ở nhiều nơi, còn Olga lúc đó đã ra lệnh cho quân đội của mình bao vây thành phố từ mọi phía và bắt đầu tấn công. Dân chúng trong thành, trong lúc chạy trốn khỏi ngọn lửa, đã chạy ra khỏi tường thành và rơi vào tay kẻ thù; đó là cách Korosten bị chiếm; nhiều người Drevlyan đã chết dưới lưỡi gươm, những người khác cùng vợ con bị thiêu cháy trong lửa, còn một số khác thì chết đuối trong con

[5065] Khi hai đạo quân chạm trán nhau, Sviatoslav, lúc bấy giờ còn rất nhỏ, đã ném cây giáo về phía quân Drevlyans; cây giáo được ném bằng bàn tay trẻ thơ đã bay qua giữa hai tai con ngựa và trúng vào chân nó; lúc đó, các thủ lĩnh của đội quân Kiev nói: "Hoàng tử đã ra tay rồi – cả đội quân hãy theo chân hoàng tử", và trận chiến bùng nổ.

sông chảy dưới chân thành; cùng lúc đó, công tước Drevlyan cũng đã tử trận. Trong số những người còn sống sót, nhiều người bị bắt làm tù binh, còn những người khác được công chúa cho phép ở lại nơi cư trú của họ, đồng thời bà đã áp đặt lên họ một khoản thuế nặng nề[5066] . Như vậy, công chúa Olga đã trả thù người Drevlyan vì cái chết của chồng mình, chinh phục toàn bộ vùng đất Drevlyan và trở về Kiev trong vinh quang và hân hoan.

Và Công chúa Olga cai trị các vùng đất thuộc quyền của mình trên lãnh thổ Nga không phải với tư cách một người phụ nữ, mà như một người đàn ông mạnh mẽ và thông minh, nắm chắc quyền lực trong tay và dũng cảm chống lại kẻ thù. Bà khiến kẻ thù khiếp sợ, nhưng lại được chính dân chúng yêu mến như một nữ lãnh đạo nhân từ và đạo đức, như một vị quan tòa công minh không làm tổn thương ai, người trừng phạt với lòng nhân ái – và thưởng cho những người tốt; bà gieo rắc nỗi sợ hãi vào lòng kẻ ác, ban thưởng cho mỗi người xứng đáng với giá trị hành động của họ; trong mọi công việc quản lý, bà đều thể hiện tầm nhìn xa trông rộng và sự khôn ngoan. Bên cạnh đó, Olga, với tấm lòng nhân ái, luôn hào phóng với những người ăn xin, người nghèo khổ và người có hoàn cảnh khó khăn; những lời thỉnh cầu chính đáng nhanh chóng chạm đến trái tim bà, và bà lập tức đáp ứng chúng. Mọi việc bà làm, dù khi đó bà vẫn còn theo đạo ngoại, đều đẹp lòng Chúa, xứng đáng với ân sủng Kitô giáo. Cùng với tất cả những điều đó, Olga còn duy trì một cuộc sống tiết độ và trong sạch: bà không muốn tái hôn, mà sống trong sự góa bụa trong sạch, giữ quyền lực công tước cho con trai mình cho đến khi cậu trưởng thành. Khi con trai bà đã trưởng thành, bà trao lại cho cậu mọi việc cai trị, còn bản thân bà, tránh xa những lời đồn đại và lo toan, sống ngoài những bận rộn của việc quản lý, dành trọn tâm huyết cho các việc từ thiện.

Thời cơ thuận lợi đã đến, khi Đức Chúa Trời muốn soi sáng dân Slav, những người đang bị che mắt bởi sự vô tín, bằng ánh sáng của đức tin thánh thiện, dẫn dắt họ đến sự hiểu biết về chân lý và chỉ đường cho họ đi trên con đường cứu rỗi. Chúa đã thương xót bày tỏ những bước đầu của sự khai sáng này, nhằm làm nhục những kẻ lòng dạ tàn nhẫn, qua một thân phận yếu đuối của người phụ nữ, tức là qua Thánh Nữ Olga. Bởi vì, trước đây, Ngài đã chọn các bà mang hương làm những người rao giảng về sự Phục Sinh của Ngài (Mt 28:9–10), và Thập tự giá vinh quang của Ngài, nơi Ngài đã chịu đóng đinh, đã được tỏ ra cho thế gian từ lòng đất, qua người phụ nữ là Hoàng hậu Elena; cũng vậy, sau này, trên đất Nga, Ngài đã thương xót gieo trồng đức tin thánh thiện qua người phụ nữ kỳ diệu, Elena mới – Công chúa Olga. Chúa đã chọn bà làm bình thánh để chứa Danh Thánh của Ngài – để bà mang Danh ấy đến xứ Nga. Ngài đã thắp lên trong lòng bà tia sáng của ân sủng vô hình của Ngài, mở rộng đôi mắt thông tuệ của bà để nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, Đấng mà bà chưa từng biết đến. Bà đã nhận ra sự lừa dối và sai lầm của sự vô đạo ngoại giáo, tin chắc như một chân lý hiển nhiên rằng những tượng thần được những kẻ điên rồ tôn thờ – không phải là các vị thần, mà chỉ là những tác phẩm vô hồn do bàn tay con người tạo ra; vì vậy, bà không những không tôn kính chúng, mà còn ghê tởm chúng. Giống như một thương gia tìm kiếm viên ngọc trai quý giá, Olga cũng hết lòng tìm kiếm sự thờ phượng Đức Chúa Trời đúng đắn, và đã tìm thấy nó như sau. Theo sự an bài của Đức Chúa Trời, cô nghe một số người nói rằng chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật, Đấng Tạo Hóa của trời, đất và muôn loài, Đấng mà người Hy Lạp cũng tin tưởng; ngoài Ngài ra, không có Đức Chúa Trời nào khác[5067] . Với khát vọng tìm hiểu chân lý về Đức Chúa Trời và bản tính vốn không lười biếng , Olga muốn đích thân đến gặp người Hy Lạp để tận mắt chứng kiến nghi lễ Kitô giáo và hoàn toàn tin tưởng vào giáo lý của họ về Đức Chúa Trời chân chính. Mang theo những vị quan cao quý, bà đã lên đường đến Constantinople bằng đường thủy với một đoàn tùy tùng hùng hậu; tại đây, bà được hoàng đế và tổng giám mục tiếp đón với vinh dự lớn lao, và Olga đã dâng tặng họ nhiều lễ vật xứng đáng với địa vị của họ. Tại Constantinople, Olga đã học hỏi về đức tin Kitô giáo, hàng ngày chăm chú lắng nghe Lời Chúa và quan sát sự tráng lệ của nghi thức thờ phượng cũng như các khía

---

[5066] Hai phần ba số cống nạp này được chuyển đến Kiev, và một phần ba còn lại được chuyển đến Vyshgorod, nơi thuộc sở hữu của Olga.

[5067] Những người Varangian – những tín đồ Kitô giáo, vốn có rất nhiều trong đội quân của Công tước Igor – phải là những người như vậy. "Là một người phụ nữ vô cùng thông minh," nhà sử học nổi tiếng E.E. Golubinsky nhận định, "Olga hẳn đã để ý đến những người Varangian theo đạo mới này; về phần mình, chính những người Varangian, dựa vào trí tuệ của Olga, tất nhiên cũng phải ấp ủ ước mơ biến bà thành tín đồ của họ. Hoạt động truyền giáo của những người Varangian theo Kitô giáo đã dẫn đến việc Olga quyết định trở thành tín đồ Kitô giáo. Chúng ta biết rằng bà không chỉ là một người phụ nữ có trí tuệ vượt trội, mà còn sở hữu trí tuệ của một nhà lãnh đạo quốc gia. Hoàn cảnh này hẳn đã góp phần giúp những người đảm nhận nhiệm vụ thuyết phục bà về tính chân thật của Kitô giáo giảm bớt một nửa gánh nặng công việc. Việc chỉ ra rằng Kitô giáo đã trở thành tôn giáo của hầu hết các dân tộc châu Âu và, trong mọi trường hợp, là tôn giáo của những dân tộc ưu việt nhất trong số họ, – việc chỉ ra rằng ngay cả trong số những người cùng dòng dõi với bà (người Varangian) cũng đã bắt đầu một phong trào mạnh mẽ hướng tới Kitô giáo, theo gương các dân tộc khác, không thể không tác động đến trí tuệ của Olga, khiến bà đi đến kết luận tất yếu rằng: ở những người tốt nhất thì tôn giáo cũng phải là tốt nhất (Lịch sử Giáo hội Nga, tập 1, nửa đầu, ấn bản thứ 2, tr. 75).

cạnh khác của đời sống Kitô giáo. Trái tim bà bừng cháy tình yêu dành cho Thiên Chúa, Đấng mà bà đã tin tưởng một cách không do dự; vì vậy, Olga đã bày tỏ mong muốn được nhận phép rửa tội thiêng liêng. Vua Hy Lạp, lúc bấy giờ đang góa vợ, muốn lấy Olga làm vợ: ông bị thu hút bởi vẻ đẹp khuôn mặt, sự khôn ngoan, lòng dũng cảm, danh tiếng của nàng, cũng như sự rộng lớn của các vùng đất Nga. Hoàng đế nói với Olga:

– Hỡi Công chúa Olga! Nàng xứng đáng trở thành hoàng hậu Kitô giáo và sống cùng chúng ta tại thủ đô của vương quốc này.

Và hoàng đế bắt đầu nói với Olga về việc kết hôn với ngài. Còn nàng thì tỏ ra không từ chối lời đề nghị của hoàng đế, nhưng trước tiên nàng xin được rửa tội, nói rằng:

– Tôi đến đây vì phép rửa tội thánh, chứ không phải vì hôn nhân; khi nào tôi được rửa tội rồi, lúc đó mới có thể bàn đến chuyện kết hôn, vì người vợ vô đạo và chưa được rửa tội không được phép kết hôn với người chồng Kitô giáo. Vua bắt đầu thúc giục việc rửa tội: Đức Thượng phụ, sau khi đã giảng dạy Olga đầy đủ về những chân lý của đức tin thánh thiện, đã tuyên bố cho cô nhận phép rửa tội như vậy. Và khi bồn rửa tội đã được chuẩn bị sẵn sàng, Olga bắt đầu xin để chính nhà vua làm cha đỡ đầu cho cô từ bồn rửa tội: "Tôi," cô nói, "sẽ không chịu phép rửa tội nếu chính nhà vua không làm cha đỡ đầu cho tôi: tôi sẽ rời khỏi đây mà không chịu phép rửa tội, – các ngài sẽ phải trả lời trước Chúa về linh hồn tôi." Sa hoàng đã đồng ý với nguyện vọng của bà, và Olga được Thượng phụ rửa tội, còn Sa hoàng trở thành cha đỡ đầu của bà, nhận bà từ bồn rửa tội thánh. Olga được đặt tên là Elena, giống như hoàng hậu Kitô giáo đầu tiên, mẹ của Constantine Đại đế, cũng được đặt tên là Elena. Sau khi rửa tội, trong thánh lễ, Đức Thượng phụ đã ban Thánh Thể và Máu Thánh của Chúa Kitô cho Olga và ban phước cho cô với những lời sau:

– Ngươi được chúc phúc giữa các phụ nữ Nga, vì ngươi đã từ bỏ bóng tối để tìm kiếm ánh sáng chân thật; ghét bỏ sự thờ đa thần, ngươi đã yêu mến Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật; ngươi đã tránh khỏi cái chết vĩnh cửu, kết hôn với sự sống bất tử. Từ nay trở đi, con cái của đất nước Nga sẽ tôn vinh ngươi!

Đức Thượng phụ đã ban phước cho nàng như vậy. Trong số những người đi cùng Olga, nhiều người, cả nam lẫn nữ, cũng đã chịu phép rửa tội, và tại Constantinople tràn ngập niềm vui nhân dịp lễ rửa tội của Công chúa Olga: còn nhà vua thì đã tổ chức một bữa tiệc lớn vào ngày đó, và mọi người đều vui mừng, ca ngợi Đức Kitô Thiên Chúa. Sau đó, hoàng đế lại đề cập đến việc kết hôn với Olga, người đã được đặt tên là Elena trong lễ rửa tội thánh. Nhưng thánh nữ Elena đã trả lời ngài như sau:

– Làm sao ngài có thể lấy con, con gái đỡ đầu của ngài, làm vợ được? Bởi vì không chỉ theo luật Kitô giáo, mà ngay cả theo luật ngoại giáo, việc một người cha lấy con gái làm vợ cũng bị coi là ghê tởm và không thể chấp nhận được.

– Ngươi đã lừa được ta rồi, Olga! – nhà vua thốt lên

– Ta đã nói với ngài từ trước rồi, – Thánh nữ Olga phản bác, – rằng con đến đây không phải với mục đích trị vì cùng ngài – quyền lực ở xứ Nga cùng con trai con đã đủ rồi – mà là để trở thành vợ của Vua Bất Tử, Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng mà con đã yêu mến bằng cả tâm hồn, mong được hưởng Nước Trời vĩnh cửu của Ngài.

Lúc đó, nhà vua, từ bỏ ý định không thể thực hiện được và tình yêu xác thịt, đã yêu mến Thánh nữ Olga bằng tình yêu thiêng liêng như con gái mình, hào phóng ban tặng cho bà những món quà và để bà ra đi trong bình an. Khi rời khỏi Constantinople, Thánh nữ Olga đến gặp Đức Thượng phụ và, xin lời chúc phúc trước khi lên đường, bà nói với ngài:

– Xin cha thánh cầu nguyện cùng Thiên Chúa cho con, người đang trở về quê hương, nơi con trai con đang chìm đắm trong sự lầm lạc ngoại đạo và mọi người đều cứng lòng như đá trong sự bất kính cổ xưa của họ – xin Chúa, nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của cha, giải thoát con khỏi mọi điều ác ở đó.

Đức Thượng phụ đáp lại:

Con gái trung thành và được chúc phúc của ta về Thánh Thần. Chính Đức Kitô, Đấng mà con đã mặc lấy trong phép rửa thánh, sẽ tự mình gìn giữ con khỏi mọi điều ác, như Ngài đã gìn giữ Nô-ê khỏi trận lụt, Lót khỏi Sodom, Mô-sê cùng dân Y-sơ-ra-ên khỏi Pha-ra-ôn, Đa-vít khỏi Sau-lơ, Đa-ni-ên khỏi miệng sư tử, và ba thiếu niên khỏi lò lửa. Cũng vậy, xin Chúa giải cứu con khỏi tai họa; con được chúc phúc trong dân tộc con, và con cháu cùng chắt chít của con sẽ tôn vinh con cho đến những năm tháng cuối cùng.

Thánh Olga đã đón nhận lời chúc phúc của Đức Thượng phụ như một kho báu, quý giá hơn cả những món quà đắt giá nhất; cùng với đó, bà cũng đón nhận những lời dạy về sự trong sạch và cầu nguyện, về việc ăn chay và kiêng khem, cũng như về mọi việc lành thuộc về đời sống Kitô hữu đẹp lòng Chúa. Sau đó, Thánh Olga đã nhận

từ Đức Thượng phụ Thánh giá Thánh, các bức thánh tượng, sách vở và những vật dụng cần thiết khác cho việc thờ phượng; bà cũng nhận từ Đức Thượng phụ các linh mục và tu sĩ. Và Thánh Olga đã rời Constantinople trở về quê hương với niềm vui lớn lao[5068] .

Người ta kể lại rằng cây thánh giá thiêng liêng mà bà nhận từ tay Đức Thượng phụ có dòng chữ như sau: "Vùng đất Nga đã được tái sinh để sống trong Chúa nhờ phép rửa tội thánh mà Thánh nữ Olga đã nhận lãnh." Sau khi Thánh nữ Olga qua đời, các tín hữu đã gìn giữ cây thánh giá này cho đến thời Đại công tước Yaroslav Vladimirovich; ngài đã xây dựng tại Kiev một nhà thờ vĩ đại và tuyệt đẹp mang tên Thánh Sofia, và đặt cây thánh giá nói trên ở bên phải bàn thờ. Ngày nay, cây thánh giá này không còn tồn tại nữa: bởi vì trong những lần Kiev bị tàn phá nhiều lần, các nhà thờ thánh đã bị phá hủy. Nhưng hãy quay trở lại câu chuyện về Thánh Olga.

Khi trở về Kiev, "Hê-lê-na mới" – Công chúa Olga – như mặt trời đã bắt đầu xua tan bóng tối của sự tà đạo, soi sáng những tâm hồn đang chìm trong u ám. Bà đã xây dựng nhà thờ đầu tiên mang tên Thánh Ni-cô-la trên ngôi mộ của Askold, và đã dẫn dắt nhiều người dân Kiev đến với Chúa Cứu Thế. Nhưng bà không thể nào dẫn dắt con trai mình là Sviatoslav đến với sự khôn ngoan chân chính – tức là sự nhận biết Thiên Chúa: vì đã dốc hết tâm trí vào các cuộc chinh chiến, anh ta không để ý đến lời mẹ. Anh ta là một người đàn ông dũng cảm, yêu thích chiến tranh, đến nỗi dành phần lớn cuộc đời mình giữa các đạo quân và đội quân hơn là ở nhà. Khi mẹ ông khuyên nhủ, Sviatoslav đã nói:

– Nếu ta chấp nhận đức tin Kitô giáo và chịu phép rửa tội, thì các quý tộc, các tướng lĩnh và toàn bộ đội quân sẽ quay lưng lại với ta, và ta sẽ không còn ai để chiến đấu chống lại kẻ thù và bảo vệ tổ quốc của chúng ta.

Đó là câu trả lời của Công tước Sviatoslav; tuy nhiên, ông không cấm những ai muốn chịu phép rửa tội; nhưng không có nhiều quý tộc chấp nhận phép rửa tội thiêng liêng, ngược lại – các quý tộc còn chế giễu những người như vậy, vì đối với những kẻ vô tín, Kitô giáo là sự điên rồ (xem 1 Cô-rinh-tô 1:18); còn trong số dân thường thì có rất nhiều người gia nhập Giáo hội thánh thiện. Thánh Olga đã viếng thăm Veliky Novgorod và các thành phố lân cận – ở khắp mọi nơi có thể, bà dẫn dắt mọi người đến với đức tin vào Chúa Kitô: trong quá trình đó, bà phá hủy các tượng thần, thay vào đó là những cây thánh giá trang nghiêm, từ đó nhiều dấu hiệu và phép lạ đã xảy ra để thuyết phục những người ngoại đạo. Khi trở về quê hương, tại toàn bộ vùng Vybutskaya, Thánh Olga đã truyền bá Lời rao giảng Kitô giáo cho những người thân cận của bà. Trong thời gian lưu lại vùng đất này, bà đã đến bờ sông Velikaya, chảy từ nam lên bắc, và dừng chân tại nơi sông Pskov, chảy từ phía đông, đổ vào sông Velikaya (vào thời điểm được mô tả tại , những nơi này được bao phủ bởi một khu rừng rậm rạp); và từ bờ sông đó, Thánh Olga đã nhìn thấy ba tia sáng rực rỡ chiếu xuống từ trời, tỏa sáng rực rỡ trên những địa điểm vừa được nhắc đến từ phía đông: không chỉ bản thân Thánh Olga mà cả những người tháp tùng bà cũng nhìn thấy ánh sáng kỳ diệu từ những tia sáng ấy; và vị thánh hạnh phúc ấy đã vô cùng vui mừng và tạ ơn Chúa vì thị kiến này, báo trước sự khai sáng bằng ân sủng của Chúa cho vùng đất ấy. Quay sang những người tháp tùng, Thánh Olga đã nói một cách tiên tri:

[5068] Thông thường người ta cho rằng Thánh Olga đã được rửa tội tại Constantinopolis vào năm 957 dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus. Tuy nhiên, rất khó để chấp nhận giả thuyết này. Vấn đề là Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus đã để lại tác phẩm "Về các nghi lễ hoặc nghi thức tại triều đình Byzantine". Trong tác phẩm này, ông mô tả chi tiết cách Thánh nữ Olga được tiếp đón tại triều đình trong chuyến thăm Constantinopolis năm 957, song hoàng đế không hề ám chỉ rằng Olga đến Constantinopolis để rửa tội và thực sự đã được rửa tội. Ngược lại, ông đã cho thấy rõ ràng rằng Olga đã đến Constantinopolis trong tư cách là một người đã được rửa tội: trong buổi tiếp đón đầu tiên của Olga tại cung điện, linh mục của bà đã có mặt tại đó. Vậy thì bà đã được rửa tội khi nào? "Có vẻ hợp lý khi cho rằng sau khi Igor qua đời, Olga vẫn chưa được rửa tội cho đến khi bà còn là người nhiếp chính cho Svyatoslav khi cậu còn nhỏ và tiếp tục giữ vai trò chính thức trong nhà nước; và rằng bà đã được rửa tội sau khi tìm được cơ hội từ bỏ chức vụ nhiếp chính chính thức, rút lui, ít nhất là về mặt hình thức, vào cuộc sống riêng tư, sau đó dân chúng không còn quyền chất vấn bà về những hành động của mình nữa" (E.E. Golubinsky. Lịch sử Giáo hội Nga, tập 1, nửa đầu, ấn bản thứ 20, tr. 78). Điều này chỉ có thể xảy ra khi Sviatoslav đạt đến tuổi thành niên theo luật dân sự, mà vào thời đó ít nhất cũng không sớm hơn 10 tuổi. Sviatoslav sinh năm 942, còn vào năm 957, Olga đã được rửa tội. Nếu tính tuổi trưởng thành theo luật dân sự của Sviatoslav là từ 10 tuổi, thì chúng ta có thể cho rằng Thánh nữ Olga đã được rửa tội trong khoảng thời gian từ năm 952 (khi Sviatoslav tròn mười tuổi) đến năm 957. Và có bằng chứng cụ thể cho thấy lễ rửa tội của Thánh nữ Olga diễn ra vào một trong những năm thuộc khoảng thời gian đã nêu. Tu sĩ Giacobê, người sáng lập và tiên phong trong lĩnh vực sử học tư nhân của chúng ta, người đã viết vào cuối triều đại của Yaroslav và đầu triều đại của Izyaslav – một nhà văn đáng tin cậy – đã đề cập trong câu chuyện về lễ rửa tội của Olga và Vladimir rằng Olga đã sống 15 năm sau khi được rửa tội. Do đó, theo Thánh Jacob, người cho rằng Olga qua đời vào năm 969 – giống như nhà biên niên sử – thì Olga đã được rửa tội vào năm 954 (969–15954), khi Constantine Porphyrogenitus (912–957) là hoàng đế tại Hy Lạp, và Theophylact (933–956) là tổng giám mục. – Vào năm 957, khi Thánh Olga thực hiện chuyến hành trình đến Tsargrad, Thánh Polyeuctus đã là tổng giám mục.

– Các ngươi hãy biết rằng, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, tại nơi này, được chiếu sáng bởi ba tia sáng rực rỡ, sẽ mọc lên một nhà thờ mang danh Thánh Ba Ngôi Tối Thánh và Đấng Ban Sự Sống, và một thành phố vĩ đại và huy hoàng, tràn đầy mọi sự, sẽ được xây dựng.

Sau những lời ấy và một lời cầu nguyện khá dài, Thánh nữ Olga đã dựng cây thánh giá: và cho đến ngày nay, ngôi thánh đường vẫn sừng sững tại chính nơi mà Thánh nữ Olga đã dựng lên. Sau khi đi qua nhiều thành phố trên đất Nga, vị nhà truyền giáo của Chúa Kitô đã trở về Kiev và tại đây, bà đã thực hiện những việc lành vì Chúa: nếu như trong thời kỳ ngoại đạo, bà đã làm những việc thiện, thì giờ đây, sau khi được soi sáng bởi đức tin thánh thiện, Thánh nữ Olga càng tỏa sáng với mọi đức tính cao đẹp, luôn khao khát làm đẹp lòng Thiên Chúa mà bà mới nhận biết, Đấng Tạo Hóa và Đấng soi sáng của bà. Nhớ lại thị kiến trên sông Pskov, bà đã gửi rất nhiều vàng và bạc để xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Ba Ngôi; đồng thời, bà ra lệnh cho người dân đến định cư tại nơi đó: và trong thời gian ngắn, thành phố Pskov, được đặt tên theo sông Pskov, đã phát triển thành một thành phố vĩ đại, và danh hiệu Thánh Ba Ngôi được tôn vinh tại đó.

Vào thời điểm đó, Công tước Sviatoslav, sau khi để lại mẹ mình cùng các con là Yaropolk, Oleg và Vladimir tại Kiev, đã tiến quân đánh người Bulgaria[5069] : trong cuộc chiến với họ, ông đã chiếm được tới tám mươi thành phố, và ông đặc biệt ưa thích thủ đô Peryaslavets của họ[5070] , nơi ông bắt đầu định cư. Còn Thánh nữ Olga, khi ở lại Kiev, đã dạy các cháu nội của mình – con cái của Sviatoslav – về đức tin Kitô giáo, trong phạm vi mà đức tin đó có thể phù hợp với sự hiểu biết non nớt của các em; nhưng bà không dám rửa tội cho các cháu, vì lo ngại sẽ gặp rắc rối từ phía con trai mình, và đã phó thác mọi việc cho ý Chúa. Trong khi Sviatoslav đang chậm trễ ở xứ Bulgaria, người Pecheneg[5071] bất ngờ xâm nhập vào lãnh thổ Kiev, bao vây thành phố và bắt đầu cuộc vây hãm; Thánh Olga cùng các cháu trai đã tự nhốt mình trong thành phố, nơi mà người Pecheneg không thể chiếm được. Chúa, Đấng đã gìn giữ người tôi tớ trung thành của Ngài, đã bảo vệ thành phố nhờ những lời cầu nguyện của bà. Tin tức về cuộc xâm lược của người Pechenegs vào Kiev đã đến tai Sviatoslav; ông vội vã dẫn quân từ đất nước Bulgaria, bất ngờ tấn công người Pechenegs và khiến họ phải tháo chạy; khi vào đến Kiev, ông chào hỏi mẹ mình, người lúc đó đã ốm yếu, và lại muốn rời bỏ bà để trở về đất nước Bulgaria. Còn Thánh nữ Olga thì nước mắt lưng tròng nói với ngài:

– Sao con lại bỏ mẹ lại, con trai ơi, và con định đi đâu? Con đang tìm người lạ để giao phó gia đình mình sao? Con cái con còn nhỏ, còn mẹ thì đã già và ốm yếu – mẹ đang chờ ngày ra đi sắp tới – để về với Đấng Christ yêu dấu, Đấng mà mẹ tin tưởng; giờ đây con không lo lắng gì cả, ngoài việc lo cho con: mẹ rất tiếc rằng dù mẹ đã dạy dỗ con rất nhiều và khuyên con từ bỏ sự tà đạo của các thần tượng, tin vào Đức Chúa Trời chân thật mà mẹ đã nhận biết, nhưng con lại phớt lờ điều đó; và tôi biết rằng vì sự bất tuân của con đối với tôi, con sẽ phải đối mặt với một kết cục bi thảm trên trần gian, và sau khi chết – sự đau khổ vĩnh viễn dành cho những kẻ ngoại đạo. Vậy thì bây giờ, ít nhất hãy đáp ứng lời thỉnh cầu này của tôi: đừng đi đâu cả cho đến khi tôi qua đời và được an táng; sau đó, con hãy đi đâu tùy ý. Sau khi ta qua đời, đừng làm bất cứ điều gì theo phong tục ngoại đạo trong những trường hợp như thế này; nhưng hãy để các linh mục và giáo sĩ của ta chôn cất thân xác tội lỗi của ta theo phong tục Kitô giáo; đừng dám đắp gò mộ trên mộ ta và tổ chức lễ tang; nhưng hãy gửi vàng đến Constantinople cho Đức Thượng phụ Thánh thiện, để ngài dâng lời cầu nguyện và lễ vật lên Thiên Chúa cho linh hồn ta, đồng thời phân phát tiền bố thí cho người nghèo.

Nghe vậy, Sviatoslav khóc nức nở và hứa sẽ thực hiện tất cả những điều bà di chúc, chỉ từ chối việc chấp nhận đức tin thánh thiện mà thôi. Sau ba ngày, Thánh Olga rơi vào tình trạng kiệt sức tột độ; bà đã rước Mình Thánh và Máu Thánh của Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta; suốt thời gian đó, bà luôn miệt mài cầu nguyện

---

[5069] Năm 967

[5070] Trên sông Danube.

[5071] Người Pecheneg – tên gọi của người Nga dành cho một dân tộc có nguồn gốc Thổ Nhĩ Kỳ. Xưa kia, người Pecheneg du mục trên các thảo nguyên Trung Á và không rõ chính xác khi nào họ di cư từ đó sang châu Âu. Vào thế kỷ IX, họ đã định cư giữa sông Volga và sông Yaik (dãy Ural); cho đến những năm 60 của thế kỷ X, người Pecheneg chưa gây rối cho Rus. Cuộc tấn công của người Pecheneg vào Kiev được đề cập trong cuốn "Cuộc đời các thánh" chính là ghi chép đầu tiên trong "Biên niên sử" (dưới năm 968) về các cuộc cướp bóc của người Pecheneg. Kể từ thời điểm đó, trong hơn nửa thế kỷ tiếp theo, cuộc chiến giữa Rus' và người Pecheneg diễn ra không ngừng nghỉ. Rus' đã cố gắng bảo vệ mình khỏi họ bằng các công sự và thành phố; đó chính là nguồn gốc của Vành đai Zmiyev ở tỉnh Kiev ngày nay. Thánh Vladimir đã xây dựng các công sự dọc theo sông Stugna, còn Yaroslav the Wise thì dọc theo sông Ros (phía nam). Cuộc tấn công cuối cùng của người Pecheneg vào Rus' (cuộc vây hãm Kiev) diễn ra vào năm 1034, khi họ bị đánh tan tành hoàn toàn.

với Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, Đấng mà bà luôn coi là Đấng trợ giúp sau Thiên Chúa; bà cũng kêu cầu tất cả các thánh; với lòng thành kính đặc biệt, Thánh nữ Olga đã cầu nguyện cho sự khai sáng của đất nước Nga sau khi bà qua đời; nhìn thấu tương lai, trong suốt cuộc đời mình, bà đã nhiều lần tiên tri rằng Thiên Chúa sẽ soi sáng cho dân tộc Nga và nhiều người trong số họ sẽ trở thành các thánh vĩ đại; khi lâm chung, Thánh nữ Olga cũng đã cầu nguyện cho lời tiên tri này sớm thành hiện thực. Và lời cầu nguyện vẫn còn trên môi bà khi linh hồn cao quý của bà rời khỏi thân xác và, với tư cách là một người công chính, được Chúa đón nhận vào vòng tay Ngài. Như vậy, bà đã rời khỏi cõi trần gian để về với cõi thiên đàng và được ân sủng bước vào cung điện của Vua Bất Tử – Đức Kitô, Thiên Chúa; và với tư cách là vị thánh đầu tiên của đất nước Nga, bà đã được tôn vinh vào hàng ngũ các thánh. Thánh Olga, tên rửa tội là Elena, đã qua đời vào ngày 11 tháng Bảy năm[5072] . Bà đã sống trong hôn nhân bốn mươi hai năm, và khi kết hôn, bà là một thiếu nữ ở độ tuổi và sức khỏe hoàn hảo – lúc đó bà khoảng hai mươi tuổi. Vào năm thứ mười sau khi chồng qua đời, bà đã được rửa tội; sau khi rửa tội, bà đã sống một cuộc đời thánh thiện trong mười lăm năm. Như vậy, tổng số năm cuộc đời bà là khoảng chín mươi năm. Con trai bà, Công tước Sviatoslav, cùng các quý tộc, quan chức và toàn thể dân chúng đã thương tiếc Thánh nữ Olga; Thánh nữ Olga được an táng một cách trang trọng theo nghi thức Kitô giáo.

Sau khi Thánh Olga qua đời, lời tiên tri của bà về cái chết bi thảm của con trai và sự khai sáng tốt đẹp cho đất nước Nga đã trở thành hiện thực. Con trai bà là Sviatoslav (theo lời ghi chép của người biên niên sử) đã bị giết, chỉ vài năm sau đó, trong trận chiến bởi Công tước Pecheneg Kurei[5073] . Kurei đã chặt đầu Sviatoslav và dùng hộp sọ của ông làm thành một chiếc cốc, mạ vàng và khắc lên đó dòng chữ sau:

"Ai tìm kiếm của người khác, sẽ tự hủy hoại chính mình." Trong bữa tiệc với các quan đại thần của mình, vị công tước Pecheneg đã uống từ chiếc cốc này. Như vậy, Đại công tước Sviatoslav Igorevich, người dũng cảm và cho đến nay vẫn bất khả chiến bại trong các trận chiến, đã phải chịu cái chết bi thảm theo lời tiên tri của mẹ mình, chỉ vì ông không nghe lời bà. Lời tiên tri của Thánh Olga cũng đã ứng nghiệm trên đất nước Nga. Hai mươi năm sau khi bà qua đời, cháu trai của bà là Vladimir đã nhận phép rửa tội và mang đức tin thánh thiện đến cho đất nước Nga[5074] . Sau khi xây dựng một nhà thờ bằng đá mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh (được gọi là "nhà thờ Thập Phần", vì Vladimir đã dành một phần mười tài sản của mình để duy trì nó) và sau khi tham vấn với Leontius, Tổng Giám mục Kiev, Thánh Vladimir đã khai quật từ lòng đất những di cốt thiêng liêng của bà nội mình – những di cốt không thể phá hủy, không hư nát và toát ra hương thơm; ông đã rước chúng với sự tôn kính cao cả vào nhà thờ Đức Mẹ Đồng Trinh nói trên và không giấu kín, mà đặt chúng công khai để những ai đến đây với lòng tin và được đáp ứng lời cầu nguyện: nhiều trường hợp được chữa lành khỏi các bệnh tật khác nhau nhờ các di vật thiêng liêng này[5075] .

Cũng không nên bỏ qua chi tiết sau đây: trên mộ của Thánh Olga, trong tường nhà thờ có một ô cửa sổ nhỏ; và nếu ai đó với đức tin vững chắc đến trước các thánh tích, ô cửa sổ sẽ tự động mở ra, và người đứng bên ngoài có thể nhìn thấy rõ qua ô cửa sổ những thánh tích kỳ diệu nằm bên trong, trong khi những người đặc biệt xứng đáng còn nhìn thấy một ánh sáng kỳ diệu tỏa ra từ chúng; và bất kỳ ai trong số những người có đức tin, dù mắc phải bệnh tật nào, cũng lập tức được chữa lành. Còn những ai đến với lòng thiếu đức tin thì ô cửa sổ ấy không mở ra, và họ không thể nhìn thấy các thánh tích, ngay cả khi bước vào tận bên trong nhà thờ: họ chỉ thấy quan tài và không thể được chữa lành. Còn những người có đức tin thì nhận được mọi ơn lành cho cả thân xác lẫn linh hồn nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Olga, người được đặt tên là Elena trong phép rửa tội, và nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh bây giờ, hiện tại và mãi mãi. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Bằng đôi cánh của sự khôn ngoan thần thánh, ngài đã nâng tâm trí mình lên cao hơn mọi loài thụ tạo hữu hình: sau khi tìm kiếm Thiên Chúa và Đấng Tạo Hóa của muôn loài, và khi đã tìm thấy Ngài, ngài đã nhận lãnh sự

[5072] Năm 969

[5073] Năm 972

[5074] Ngày tưởng niệm ngài là ngày 15 tháng 7.

[5075] Trong cuộc xâm lược của người Mông Cổ, di cốt của ngài đã được giấu kín trong nhà thờ; đến thế kỷ XVII, chúng lại được giấu ở một nơi không rõ vì lý do không hoàn toàn rõ ràng.

tái sinh qua phép rửa tội. Hưởng thụ trái cây sự sống, ngài tồn tại bất diệt muôn đời, Olga, Đấng được ca ngợi muôn đời.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hôm nay chúng ta hãy ca ngợi Thiên Chúa, Đấng ban ân huệ cho muôn loài, Đấng đã làm rạng danh Olga, người khôn ngoan trước mặt Thiên Chúa, tại nước Nga: xin nhờ lời cầu nguyện của bà, Ngài ban cho linh hồn chúng ta sự tha thứ tội lỗi.

Lễ kính Thánh Tử đạo Kindey

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 7

Thánh Kindey là linh mục của làng Sida thuộc vùng Pamphylia. Vào thời trị vì của Diocletian, ngài bị bắt theo lệnh của quan tổng trấn Stratonikos và bị kết án thiêu sống. Ngài bị dẫn đến nơi hành hình trong đôi giày sắt đinh. Trên đường đi, những người lính dẫn giải ngài gặp một người đốn củi và đã cưỡng ép lấy củi của người ấy để đốt lửa, nhưng Thánh Kindey đã trả tiền cho người đốn củi, tự mình vác củi lên vai và mang đến nơi hành hình. Khi bị đặt giữa ngọn lửa, vị tử đạo vẫn bình an vô sự và kêu gọi dân chúng nhận biết quyền năng của Chúa Kitô. Bỗng nhiên một cơn giông bùng lên, và cơn mưa lớn đã dập tắt đống lửa. Khi cơn giông tan, vị thánh đã cầu nguyện với Chúa và trút hơi thở cuối cùng.

Ngày 25 tháng 7

Ngày 12 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cũng trong ngày này, các vị thánh Arsenius của Novgorod (năm 1570) và Simon của Volom (năm 1641) đã qua đời.

Cũng trong ngày này, người ta tưởng nhớ các thánh tử đạo Theodorus người Varangian và con trai ông là John, những người đã bị sát hại tại Kiev vào năm 983.

Ngày chịu khổ nạn của các thánh tử đạo Proclus và Hilarion.

Ngày tưởng niệm 12 tháng 7

Các thánh tử đạo Proclus và Hilarion xuất thân từ vùng Kalipta[5076] thuộc thành phố Ankyra[5077] ; họ đã chịu khổ hình dưới tay thống đốc Maximus trong triều đại của hoàng đế Trajan[5078] . Đầu tiên, thánh Proclus bị bắt và dẫn đến trước mặt chính hoàng đế, người lúc đó đang ở trong vương quốc đó; sau đó, ngài bị xiềng xích và ném vào ngục tối. Hoàng đế, sau khi xem xét vụ việc của Proclus và nhận thấy rằng ông không tuân theo những mệnh lệnh vô đạo[5079] , đã giao ông cho thống đốc Maximus để tra tấn. Maximus, khi ngồi trên ghế xét xử, đã yêu cầu người tù của Chúa Kitô trả lời – ông hỏi ông:

– Ngươi thuộc dòng dõi nào?

– Dòng dõi của tôi là của Chúa Kitô, – thánh Proclus đáp, – và niềm hy vọng của tôi là Thiên Chúa của tôi.

– Ta thề trước các vị thần, ta sẽ không tha thứ cho ngươi!

Thống đốc nói vậy rồi lại hỏi:

[5076] Chính xác hơn là một ngôi làng.

[5077] Có hai thành phố mang tên Ankyra: một ở Galatia, một ở Phrygia. Không rõ chính xác làng Kalipta nằm gần thành phố nào trong số đó.

[5078] Trajan – hoàng đế La Mã từ năm 98 đến năm 117.

[5079] Về việc thờ cúng các thần tượng.

– Ngươi có biết các sắc lệnh của hoàng đế, đã được công bố khắp nơi, rằng tất cả các Kitô hữu phải dâng lễ vật cho các vị thần không?

– Tôi đã nghe, – vị thánh đáp, – về những sắc lệnh của bọn vô luật pháp ấy; chúng ban ra những mệnh lệnh đó để cám dỗ nhiều người, nhưng lại tự dẫn mình đến diệt vong.

– Ngươi dám – vị thống đốc nói với vẻ phẫn nộ và ngạc nhiên – chỉ trích nhà vua và phỉ báng luật pháp của ngài ư?! Ngươi không thấy những cực hình đang chờ đợi ngươi vì điều này sao, tên khốn kiếp?

– Ngươi cứ làm gì tùy thích, – vị tử đạo phản bác, – ta sẽ không dâng lễ vật cho các vị thần của ngươi và ta không sợ những cực hình chỉ giết chết thân xác chứ không giết chết linh hồn; thà sợ Đức Chúa Trời còn hơn là sợ con người.

– Hãy tự chọn đi, – vị thống đốc đề nghị, – hoặc là sống, hoặc là chết: ngươi thấy cây tra tấn kia rồi đấy, đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi, cùng với các dụng cụ tra tấn, – chúng ta đang chờ câu trả lời của ngươi: ngươi muốn gì?

Thánh Proclus đáp:

– Nếu các ngươi sợ vi phạm mệnh lệnh của hoàng đế để tránh những cực hình nhất thời, thì chúng ta, những người Kitô hữu, lại càng càng không dám vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời, để khỏi rơi vào những cực hình vĩnh cửu mà Đức Chúa Trời đã dành sẵn cho những ai lìa bỏ Ngài và thờ lạy các thần giả dối của các ngươi, những thần đó cũng sẽ bị phán xét cùng với những kẻ dâng lễ vật cho chúng trong ngày phán xét sắp tới, và bị đày vào sự hủy diệt vô tận.

– Thật vậy sao, – viên quan cai trị ngạc nhiên, – ngươi dám chỉ trích cả các vị thần của chúng ta nữa sao? Ta nói cho ngươi biết, dù ngươi có chống đối, ta cũng sẽ buộc ngươi phải thừa nhận quyền năng của các vị thần chúng ta.

– Còn tôi thì hy vọng, – vị tử đạo phản bác, – vào Đức Chúa Trời của tôi, rằng trước khi ngươi thuyết phục được tôi xưng nhận các vị thần của ngươi, tôi sẽ khiến ngươi, trước mặt tất cả các chiến binh và tôi tớ, dù trái với ý muốn, phải thừa nhận Chúa của tôi và tự tay viết rằng: Đức Chúa Trời của Proclus tội lỗi là Đấng chân thật, và không có ai khác ngoài Ngài.

Vị thống đốc tức giận ra lệnh treo vị tử đạo trần truồng lên cây, buộc một tảng đá nặng vào chân và dùng móc sắt cạo da thịt ông. Thánh Proclus bị tra tấn như vậy trong một thời gian dài, nhưng ông vẫn chịu đựng một cách dũng cảm, không nói một lời, chỉ ngước nhìn lên trời; sau đó, người ta tháo ông xuống và xiềng xích lại.

Sau đó, vị thống đốc lên đường đến thành phố Kalipt và ra lệnh cho người ta dẫn theo vị tử đạo, người buộc phải đi bộ để không bị tụt lại phía sau những con ngựa chạy nhanh. Khi đã đi được gần nửa chặng đường, vị tử đạo bắt đầu cầu nguyện, lớn tiếng kêu cầu Thiên Chúa:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô của con, vì Danh Ngài mà con đang chịu đau khổ, bị các binh lính dẫn đi trong sự sỉ nhục! Xin hãy lắng nghe tôi tớ của Ngài hôm nay, để danh Ngài được tôn vinh muôn đời: xin hãy giang tay toàn năng của Ngài, kiềm chế tên thống đốc vô pháp này và đừng để hắn tiếp tục cuộc hành trình, cho đến khi hắn xưng nhận trước mặt mọi người rằng không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ngài!

Khi vị thánh cầu nguyện như vậy, bỗng nhiên vị thống đốc bất ngờ dừng lại giữa đường, như thể bị trói chặt: cả ngựa lẫn chính hắn đều không thể di chuyển, bị giữ lại bởi sức mạnh vô hình của Đức Chúa Trời. Tất cả các binh lính cũng dừng lại, kinh ngạc trước sự kiện kỳ diệu này. Họ đã cố gắng rất lâu để di chuyển cỗ xe, thúc ngựa chạy, còn kéo thêm những con ngựa khác vào để hỗ trợ, cố gắng tự mình điều khiển nhưng chẳng làm được gì, thậm chí không thể đưa chính vị thống đốc xuống khỏi cỗ xe: cỗ xe đứng im như ngọn núi, còn vị thống đốc trên đó – như bị đóng đinh vào đó. Lúc đó, vị thống đốc nói với những người đi cùng:

– Các ngươi có thấy sức mạnh phép thuật kỳ diệu của tên Kitô hữu xảo quyệt này không – hắn đã làm gì với chúng ta thế này, chúng ta không thể di chuyển khỏi chỗ này và thậm chí còn phải lùi lại?!

Lúc đó, vị thống đốc sai một trong những người hầu của mình, tên là Ê-rê-mi, đi nói với vị tử đạo đang ở rất xa phía sau:

– Ngươi đã làm gì vậy, dùng phép thuật ngăn chúng ta lại giữa đường? Rõ ràng là vì sợ những cực hình đang chờ ngươi trong thành, ngươi đã dùng mưu mẹo này để không bị dẫn về đó.

Nhưng thánh Proclus đã nói với người hầu của thống đốc:

– Ta thề trước Chúa Trời rằng các ngươi sẽ không thể di chuyển khỏi chỗ này cho đến khi vị thống đốc xưng danh Chúa Giêsu Kitô của ta, như ta đã nói với ông ta từ trước.

– Nếu – Hermias hỏi – vị thống đốc xưng danh Đức Chúa Trời của ngươi khi đang đứng giữa đường, thì làm sao ngươi có thể nghe thấy hay biết được điều đó khi đang ở xa ông ta?

Vị tử đạo nói:

– Hãy để ông ta viết lời xưng nhận đó lên giấy và gửi cho tôi, và ngay lập tức các ngươi sẽ tiếp tục hành trình đến thành phố Kalipt.

Khi trở về, Hermias truyền lại lời của vị tử đạo cho vị thống đốc; dù không muốn, nhưng vì tai họa ập đến, ông ta buộc phải lấy tờ giấy da và viết:

– Chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật, – Đấng mà Proclus tôn kính, và không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ngài.

Sau khi viết xong, ông gửi văn bản đó cho vị tử đạo, và ngay lập tức, ngựa và binh lính lên đường.

Khi đến thành phố Kalipta, vị thống đốc ngồi lên ghế xét xử và, sau khi gọi thánh Proclus đến, nói với ông:

– Trên đường đi, ngươi đã cho chúng ta thấy toàn bộ sức mạnh phép thuật của ngươi; còn ở đây, ta sẽ cho ngươi thấy sức mạnh quyền lực của ta. Cũng như ngươi đã ép ta phải thừa nhận Đức Chúa Trời của ngươi, thì ta cũng sẽ ép ngươi phải thừa nhận các vị thần của chúng ta và dâng lễ vật cho họ.

Nói xong, ông ra lệnh mang nến đang cháy đến và dùng chúng thiêu đốt bụng và xương sườn của Thánh Proclus: họ thiêu đốt vị tử đạo đến mức toàn thân ông bị cháy xém, nhưng ông không tỏ ra chút bực bội nào, im lặng như thể đang mang thân xác của người khác chứ không phải của chính mình. Và vị thống đốc nói với ông:

– Ngươi coi thường những cực hình này sao?

Thánh nhân đáp:

– Tôi coi thường những cực hình này, nhưng tôi sợ những cực hình vĩnh cửu.

Vị lãnh chúa lại nói:

– Ngươi có chịu phục tùng các vị thần của chúng ta không?

– Tôi tuân phục, – ông nghe thấy câu trả lời, – Đức Kitô, Đấng hằng hữu muôn đời: Ngài là Niềm Hy Vọng của tôi!

Vị thống đốc hỏi:

– Ngươi có muốn chết trong đau đớn không?

– Dù có chết đi chăng nữa, – Thánh Proclus đáp lại, – thì tôi cũng sẽ sống lại!

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh cho binh lính dẫn Thánh Proclus ra khỏi thành phố, đóng đinh Ngài lên cây thập tự, rồi bắn tên vào Ngài. Các binh lính bắt vị tử đạo và nói với Ngài:

– Hãy nghe lời chúng tôi và dâng lễ vật lên các vị thần, – ngay lập tức các bác sĩ tài giỏi sẽ chữa lành vết thương cho ngài, và ngài sẽ được tôn vinh với chức tước cao quý.

– Ta, – vị tử đạo đáp, – đã có chức tước trên trời, mà Đức Kitô, Thiên Chúa của ta, sẽ tôn vinh ta; vậy hãy ngừng dụ dỗ ta và hãy làm theo lệnh đã được truyền cho các ngươi.

Khi họ đang đi và nói về chuyện này, họ gặp trên đường một người đàn ông vừa mới qua tuổi thanh niên, tên là Hilarius, cháu trai của Thánh Proclus, con trai của anh trai ruột ngài. Anh ta tiến lại gần, cúi chào chú mình và, trong khi hôn chú, anh ta reo lên:

– Tôi cũng là người Kitô hữu!

Các binh lính bắt Hilarius và giam vào ngục tối, còn Thánh Proclus thì bị dẫn đến nơi hành hình, bị đóng đinh lên cây thập tự, rồi họ giương cung và bắt đầu bắn vào ngài. Vị tử đạo, bị mũi tên xuyên thấu khắp thân thể, đã cầu nguyện với Thiên Chúa, nói rằng:

– Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài, xin cứu con, lạy Thiên Chúa chân thật!

Và với những lời ấy, ngài cúi đầu xuống và trút hơi thở cuối cùng. Thánh tử đạo Proclus qua đời vào ngày 12 tháng Bảy. Các tín hữu đã bí mật lấy thi hài ngài và chôn cất.

Còn Hilari thì ngồi trong ngục và hát:

– *"Con sẽ yêu mến Ngài, lạy Chúa, là pháo đài của con! Chúa là thành lũy và nơi nương náu của con"*, cùng những câu khác trong Thánh vịnh 17.

Khi ngài chìm vào giấc ngủ, Thiên Thần của Chúa hiện ra trong giấc mơ và nói:

– Hãy can đảm và vững lòng, Ta ở cùng ngươi – Ta được Thiên Chúa sai đến để củng cố lòng ngươi.

Vào ngày thứ ba sau khi Proclus qua đời, Thánh Hilarius bị đưa đi tra tấn. Vị quan cai ngục hỏi ông:

– Ngươi có phải là Kitô hữu không?

Vị tử đạo đáp:

– Vâng, tôi là Kitô hữu, – cả dòng họ tôi đều theo đạo Kitô và tất cả đều đã qua đời trong sự tôn kính Đức Kitô.

Lúc đó, quan tổng trấn trong cơn thịnh nộ đã ra lệnh đánh đập vị tử đạo một cách tàn nhẫn và kéo dài, đồng thời treo ông trần truồng lên cây. Sau đó, ông kết án tử hình vị tử đạo, ra lệnh đưa ông ra ngoài thành ba sân vận động và chặt đầu ông tại đó. Các binh lính trói tay vị tử đạo, quật ngài xuống đất, rồi móc chân ngài lại và lôi đi; còn vị tử đạo trong lúc đó vẫn cất tiếng hát: *"Nền tảng của Ngài ở trên các núi thánh. Chúa yêu mến cổng Si-ôn hơn tất cả các làng mạc của Gia-cóp"* (Thi thiên 86:2)

Thi thể vị tử đạo bị lê lết trên mặt đất, bị xé rách, đất đai nhuốm đỏ máu; khi họ đi được ba khoảng đường từ thành phố, người hành hình rút gươm ra, còn vị thánh thì cầu nguyện với Đức Chúa Trời:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin hãy đón nhận linh hồn con!

Và đầu của vị tử đạo bị chém đứt. Thánh Hilarion qua đời vào ngày 15 tháng Bảy, ba ngày sau khi Thánh Proclus qua đời. Thi thể Thánh Hilarius bị vứt lại ngay tại nơi ngài bị chặt đầu. Vào ban đêm, các tín hữu đã đến, mang thi thể ngài đi và cùng với thi hài Thánh Proclus, họ an táng ngài xuống đất, ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, Đấng được tôn vinh muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Như ngôi sao ban mai rạng ngời, sự chịu khổ cao quý của các vị tử đạo Proclus và Hilarius đã chiếu sáng cho chúng con bằng ánh sáng của các phép lạ: vì thế, chúng con kỷ niệm ngày lễ của các ngài, xin cầu nguyện cùng Đức Kitô Thiên Chúa, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Lễ kỷ niệm vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta, Thánh Michael Malein

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 7

Thánh Michael xuất thân từ vùng Harsian ở Cappadocia, thuộc một gia tộc danh giá, tên thế tục là Manuel. Hoàng đế Leo the Wise (qua đời năm 912), người có quan hệ họ hàng với ngài, đã phong cho ngài tước hiệu "ứng viên" và ngài đã phục vụ tại Constantinople; sau khi vị hoàng đế này qua đời, Manuil đã lui về vùng Bithynia[5080] ; khi mới 18 tuổi, ngài đã theo học dưới sự hướng dẫn của vị tu sĩ cao niên Gioan Eladite trên núi Kimin, nơi ngài được thụ giới với tên gọi Mikhail. Sau những công đức vĩ đại trong đời sống tu hành, Mikhail đã thành lập tu viện trên núi Kimin gần sông Galla, ở phía tây nam Bithynia. Khoảng năm 953, Avraam, người được đặt tên là Athanasius khi nhập tu, đã đến dưới sự hướng dẫn của ngài; sau này, ông đã thành lập tu viện nổi tiếng trên núi Athos[5081] . Ông đã ở đây khoảng 6 năm. Thánh Michael qua đời tại tu viện của mình vào năm 962, sau 50 năm tu hành đầy gian khổ. Chúa đã tôn vinh ngài bằng nhiều dấu hiệu và phép lạ ngay khi ngài còn sống. Ngài được gọi là Malein theo họ của gia tộc. Chị gái ngài là mẹ của hai vị tướng nổi tiếng là Nikifor và Lev. Nikifor Foka trở thành hoàng đế ngay sau khi vị thánh qua đời (năm 963). Bằng nguồn tài trợ của vị vua này, vị thánh Afanasi đã xây dựng tu viện nổi tiếng trên núi Athos. Vị vua đầu tiên, người khai sinh ra dòng họ trị vì tại Nga, là Mikhail Feodorovich, đã được đặt tên theo vị thánh Mikhail (Malein)[5082] .

[5080] Bithynia – vùng phía tây bắc của Tiểu Á, nằm dọc theo bờ Biển Đen, eo biển Bosphorus và eo biển Constantinople. Vùng đất này đã được biết đến từ thời cổ đại xa xưa và tên gọi của nó bắt nguồn từ người Bithynia, những người đã di cư đến đây từ Thrace. Bithynia là vùng đất xinh đẹp, màu mỡ và giàu có về gia súc. Năm 546 trước Công nguyên, người Bithynia rơi vào sự thống trị của người Ba Tư, nhưng từ năm 327, Bithynia lại trở thành một quốc gia độc lập; năm 75 trước Công nguyên, theo di chúc của vua Nicomedes III, Bithynia được chuyển giao cho người La Mã với tư cách là một tỉnh tự trị, do một tổng trấn đặc biệt cai quản. Đạo Kitô xuất hiện tại Bithynia từ thời các Tông đồ (1 Phê-rô 1:1). Vào thời Plinius Trẻ, người cai trị Bithynia, và dưới triều đại Hoàng đế Trajan (98–117), nơi đây có rất nhiều tín hữu Kitô giáo, không chỉ ở các thành phố mà còn ở các làng mạc và thôn xóm. Dưới thời Đế vương Diocletian (284–305), tại Bithynia đã diễn ra cuộc bách hại khủng khiếp đối với các tín hữu Kitô giáo. Trong các thế kỷ IV và V, Bithynia đặc biệt nổi bật về mặt giáo hội: tại đây đã diễn ra nhiều công đồng giáo hội liên quan đến các tà thuyết khác nhau.

[5081] Xem tiểu sử của ngài vào ngày 5 của tháng này.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã làm nhẹ bớt gánh nặng trần tục bằng những việc làm, và đã củng cố sự nhanh nhạy của tâm hồn bằng sự khai sáng, hỡi Michael, và ngài đã trở thành nơi cư ngụ của Ba Ngôi: điều này rõ ràng là một phước lành, xin ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Sự tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Golindukha.

Ngày tưởng niệm 12 tháng 7

Tại xứ Ba Tư[5083] dưới triều đại của Khosrow Đại đế[5084] có một thiếu nữ xinh đẹp tên là Golindukhi theo tiếng Ba Tư; nàng xuất thân từ một gia tộc quý tộc danh giá, và sau khi kết hôn, nàng trở thành vợ của một vị thủ lĩnh nổi tiếng của các pháp sư[5085] . Sau ba năm chung sống, cô được soi sáng bởi ân sủng thiêng liêng và, khi bắt đầu nhận ra sự lầm lạc của sự vô đạo ở Ba Tư, cô đã tìm kiếm – đức tin nào mới là chân chính. Khi nghe nói về đức tin Kitô giáo, trong sạch và không bị ô uế, cô tự suy ngẫm: "Liệu đức tin này có phải là chân lý, hay còn có một đức tin nào khác nữa không?" Và Golindukha mong muốn được hướng dẫn trong đức tin ấy để đi đến sự hiểu biết về chân lý. Cô đã suy ngẫm như vậy trong một thời gian khá dài, và rồi trong giấc mơ vào một đêm nọ, cô có một thị kiến như sau: cô thấy một Thiên thần sáng chói của Đức Chúa Trời, người đã nắm lấy cô và dẫn cô đến một nơi tối tăm và đầy lửa, tràn ngập nỗi sợ hãi và kinh hoàng tột độ, nơi có vô số người đang phải chịu cực hình. Golindukha hỏi Thiên thần đang dẫn dắt cô:

– Đây là nơi khủng khiếp nào vậy, và những người đang chịu cực hình ở đây là ai?

Thiên thần đáp:

– Đây là nơi trừng phạt những kẻ tội lỗi và vô tín, – tổ tiên của con, những người đã thờ lạy các thần tượng và các vị thần Ba Tư giả dối, cũng đang chịu đau khổ ở đây.

Golindukha đau buồn vì sự diệt vong của tổ tiên mình và thở dài nặng nề. Sau đó, Thiên thần dẫn cô đến một nơi khác, nơi có thiên đàng của Đức Chúa Trời và nơi cư ngụ của những người công chính, rồi chỉ cho cô qua một cánh cửa nhỏ ánh sáng rực rỡ ở đó cùng với nhiều người đàn ông và phụ nữ đang vui vẻ trong niềm hân hoan không thể tả xiết; sau khi chỉ cho cô thấy điều đó, Thiên thần bước vào cánh cửa nhỏ ấy; cô cũng muốn đi theo Thiên thần, nhưng ngài không cho phép, và nói:

– Ngươi không thể vào đây nếu chưa phải là người Kitô hữu: không ai được vào đây nếu chưa nhận phép Rửa tội thánh của Chúa Kitô.

Ngay lập tức, Golindukha tỉnh giấc trong sợ hãi, ngạc nhiên trước những gì vừa thấy, và khao khát trở thành người Kitô hữu, phẫn nộ trước sự vô đạo của người Ba Tư và những nghi lễ phù thủy của chồng mình. Trăn trở với suy nghĩ làm sao để được lãnh nhận Bí tích Rửa tội, cô bắt đầu khóc lóc cầu nguyện với Thiên Chúa Kitô

[5082] Tại Tu viện Ipatiev ở Kostroma, trong Nhà thờ Thánh Ba Ngôi có một gian phụ thờ Thánh Michael Malein, nhân dịp ngày lễ thánh tên của Sa hoàng Michael Feodorovich, người đã được đưa (năm 1613) từ Tu viện Ipatiev lên ngôi. Bức tượng Thánh Michael, được đặt trong gian thờ mang tên ngài, đã nổi tiếng nhờ những phép lạ vào đầu thế kỷ XIX.

[5083] Ba Tư chiếm phần phía tây của cao nguyên Iran. Các biên giới hiện nay của nước này là: phía tây giáp Thổ Nhĩ Kỳ, phía đông giáp Afghanistan và Baluchistan, phía nam giáp Ấn Độ Dương và phía bắc giáp vùng Zakaspi. Người sáng lập chế độ quân chủ Ba Tư là Cyrus, trị vì từ năm 558 đến năm 529 trước Công nguyên, nổi tiếng với những cuộc chinh phục (ông đã chinh phục gần như toàn bộ Tây Á).

[5084] Tên "Hozroy" (hay chính xác hơn là "Khosrow") trong tiếng Ba Tư có nghĩa là "vua". Danh xưng này thường được thêm vào tên riêng của vị vua này hay vị vua kia. Trong trường hợp này, tất nhiên là Khosrow I Anushirvan, trị vì từ năm 531 đến năm 579.

[5085] Trong thời cổ đại, thuật ngữ "Volkhv" dùng để chỉ những người thông thái, sở hữu kiến thức sâu rộng về các sức mạnh bí ẩn của thiên nhiên và các thiên thể. Họ quan sát các hiện tượng tự nhiên, giải mã giấc mơ và tiên đoán tương lai; phần lớn trong số họ đồng thời cũng là các thầy tế và được kính trọng sâu sắc tại các triều đình hoàng gia cũng như trong dân chúng. Tín ngưỡng các nhà tiên tri đã du nhập vào người Ba Tư từ người Assyria-Babilonia; ban đầu, họ vấp phải sự phản đối mạnh mẽ từ phía các thầy tế bản địa. Tuy nhiên, sau đó, tín ngưỡng này đã ăn sâu vào văn hóa Ba Tư, hòa nhập với hệ thống thầy tế địa phương; đến mức chính từ "magus" hay "volkhv" trong tiếng Ba Tư cũng mang ý nghĩa là thầy tế hoặc linh mục. Zoroaster, người sáng lập tôn giáo của cư dân cổ đại Iran, được mô tả trong nhiều di tích cổ đại như người đứng đầu và người cải cách tầng lớp pháp sư hay các nhà tiên tri.

giáo chân chính về điều này và sớm được toại nguyện; được Thiên Thần của Chúa hướng dẫn và chỉ dẫn, cô lén lút rời khỏi nhà, đến gặp một vị linh mục đang ẩn náu tại một nơi kín đáo; như vậy, Golindukha đã được Thiên Thần vô hình dẫn dắt đến với Thiên Thần trong xác thịt, người đã hướng dẫn cô về đức tin và làm phép rửa tội cho cô; trong lễ rửa tội, cô được đặt tên là Maria.

Sau khi nhận phép rửa tội, nàng trở về nhà, nhưng không còn tuân theo luật hôn nhân tự nhiên nữa, vì không muốn bị người chồng vô đạo làm ô uế, bởi nàng đã được hứa hôn với Chúa Kitô; theo lời dạy của vị linh mục đã làm phép rửa tội cho nàng, Golindukha dành trọn thời gian cho việc ăn chay và cầu nguyện, dành cả những đêm dài cho việc đó; ban ngày, cô sống trong im lặng, không muốn trò chuyện với những kẻ vô tín, và không cho phép chồng mình chạm vào mình. Chồng cô ngạc nhiên trước sự thay đổi bất ngờ và hành vi khác thường của cô, bối rối không biết điều gì đã xảy ra với cô, và lo lắng cho cô. Nhưng điều khiến ông đau khổ nhất là việc bị tước đoạt sự giao hợp thể xác với nàng, vì nàng hoàn toàn không muốn gần gũi với ông; và ông đã cố gắng rất lâu để khuất phục sự cứng đầu của nàng, lúc thì bằng sự âu yếm và van nài, lúc thì bằng bạo lực và đòn roi, nhưng không thể đạt được mục đích, bởi vì cô dâu của Chúa Kitô được củng cố bởi sức mạnh vô hình của Thiên Chúa, và người chồng không thể nào chiến thắng được nàng. Cuối cùng, khi biết vợ mình đã trở thành Kitô hữu, người chồng bắt đầu khóc than cho nàng như thể nàng đã mất, và bằng mọi cách, trong nước mắt, khuyên nhủ nàng từ bỏ Chúa Kitô để tiếp tục sống chung với anh ta như trước đây; nhưng anh ta không thể lay chuyển được nàng, người đã được củng cố vững chắc như một cột trụ bất di bất dịch trong đức tin và tình yêu của Chúa Kitô. Ông ta còn thực hiện những nghi thức phù thủy lên nàng, cầu xin sức mạnh của ma quỷ giúp đỡ, nhưng cũng chẳng thành công chút nào, vì ma quỷ thậm chí không dám đến gần nàng từ xa, khi thấy nàng được chiếu rọi bởi ân sủng của Chúa Kitô. Sau đó, ông ta đến gặp vua Khosrow và với sự tiếc nuối sâu sắc, ông ta kể cho nhà vua nghe rằng vợ ông ta đã trở thành một tín đồ Kitô giáo và khinh bỉ mối quan hệ với ông ta. Vua đã sai một trong những cận thần của mình đến khuyên nhủ nàng, nhưng vị quan đó cũng trở về tay trắng. Điều này không chỉ xảy ra một lần, mà đã lặp lại nhiều lần: lúc thì vua sai những quý ông danh giá, lúc thì những quý bà cao quý đến gặp nàng với lời ngọt ngào và nịnh hót, mong nàng quay lại với đức tin cũ và chung sống với chồng, nhưng mọi nỗ lực của họ đều vô ích. Một lần, nhà vua sai người truyền đạt với Golindukha rằng, nếu nàng từ bỏ đạo Kitô và quay trở lại theo đạo Ba Tư, thì ngài sẽ lấy nàng làm vợ, và nàng sẽ trở thành hoàng hậu; nhưng vị thánh nữ đã nói với những người đến gặp nàng:

– Ta sẽ hỏi các ngươi một điều, hãy trả lời ta: giả sử nhà vua lấy ta làm vợ; nhưng liệu ông ấy có chết không – hay sẽ sống mãi mãi? Nếu ông ấy bất tử, thì ta sẽ vâng lời ông ấy.

– Con người không thể bất tử được, những người đến đó đáp: nhà vua là con người và chắc chắn sẽ chết.

Lúc đó, vị thánh nữ nói:

– Ta không muốn kết hợp với một vị vua phàm trần và ngắn ngủi, vì ta đã kết hợp với Vua Bất Tử, Đấng Sống Mãi Mãi, là Đức Kitô, Thiên Chúa của ta, Đấng mà vì Ngài, ta sẵn sàng chịu đau khổ và chết.

Những sứ giả trở về đã truyền lại lời của bà cho nhà vua; ông nổi giận, ra lệnh xiềng xích bà bằng xiềng sắt và ném vào ngục tối, để mọi người quên bà đi như thể bà đã chết. Và vị nữ tử đạo đã ở trong ngục tối suốt 18 năm. Trong khi đó, Khosrow, vua Ba Tư, qua đời; con trai ông là Ormisdas lên ngôi vua, còn ở Hy Lạp thì các vị vua lần lượt thay đổi: Justin II[5086] , Tiberius II[5087] , và sau họ là Thánh Mauritius[5088] . Vào thời điểm đó, một sứ giả tên là Aristovul từ Hy Lạp đã đến Ba Tư; ông là một người chính trực, yêu mến Thiên Chúa và sống theo ý Chúa; khi nghe tin Maria – Golindukha đang bị giam trong ngục, ông mong muốn được gặp bà và nhận lời chúc lành từ bà. Ông đã đặc biệt thỉnh cầu vua Ba Tư cho phép ông được tự do vào ngục; sau khi được chấp thuận, ông đến gặp vị thánh, hôn lên những xiềng xích mà bà đang mang vì Chúa Kitô, và thậm chí còn lấy một phần của chúng làm vật ban phước. Trong thời gian sống tại Ba Tư, người chồng này thường xuyên đến thăm vị thánh nữ và dạy bà các Thánh vịnh của Đa-vít, đến nỗi vị hôn thê của Chúa Kitô, dù đang ngồi trong ngục tối như trong cung điện, vẫn cất tiếng hát ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa.

Sau khi Aristovulus ra đi, Ormisdas đã giao thánh nữ Golindukha cho các pháp sư để tra tấn theo ý muốn của họ; mỗi ngày họ lôi bà ra khỏi ngục tối, gây ra vô số vết thương và tra tấn bà một cách tàn nhẫn, nhưng đến sáng lại thấy bà vẫn nguyên vẹn và khỏe mạnh. Một lần, núm vú của bà gần như bị vỡ nát vì những vết thương, bởi họ đã

[5086] Justin II – hoàng đế từ năm 565 đến năm 578.
[5087] Hoàng đế từ năm 578 đến năm 582.
[5088] Hoàng đế từ năm 582 đến năm 602.

đánh bà rất mạnh vào bụng và ngực; nhưng khi sáng hôm sau họ lại đưa bà ra tra tấn, thì núm vú và toàn thân bà vẫn nguyên vẹn; chứng kiến điều này, người Ba Tư đã kinh ngạc và ca ngợi quyền năng của Chúa Kitô, và nhiều người trong số họ thậm chí đã chuyển sang đạo Kitô. Còn các pháp sư thì điên cuồng như thú dữ đối với con chiên của Chúa Kitô và nghĩ ra những hình phạt mới: họ thiêu đốt đầu cô bằng lửa; sau đó nhét Golindukha vào một chiếc túi da, buộc chặt và niêm phong lại, rồi ném xuống một hào sâu để cô chết ở đó. Nhưng nhờ bàn tay toàn năng của Thiên Chúa, Đấng gìn giữ sự sống cho cô, cô vẫn còn sống, dù đã nhiều ngày không ăn uống, hoặc có lẽ cô đã được nuôi dưỡng bằng thức ăn và nước uống vô hình. Thiên Chúa, khi Ngài muốn, có thể vượt qua trật tự tự nhiên. Khi nhờ sức mạnh siêu nhiên mà vị tử đạo vẫn sống sót qua nhiều ngày, người ta đã ra lệnh để những kẻ vô liêm sỉ làm nhục cô. Để làm điều đó, cô được đưa vào một căn phòng riêng; nhưng khi họ bước vào, họ không tìm thấy cô, vì Chúa đã khiến cô trở nên vô hình: đôi mắt dơ bẩn của họ không thể nhìn thấy cô dâu tinh khiết của Đấng Kitô; khi họ ra đi, cô lại trở nên hiển hiện trước mắt những kẻ hầu hạ của kẻ hành hình và họ lại bắt cô chịu tra tấn – những cực hình đa dạng. Sau đó, cô bị ném cho con rắn khổng lồ và đáng sợ, vốn bị giam giữ và được nuôi dưỡng trong một vực thẳm sâu thẳm, để làm mồi. Nhưng Đấng đã từng bịt miệng những con sư tử để chúng không ăn thịt Đa-ni-ên, người bị ném xuống hố[5089] , đã sai Thiên Thần của Ngài, và Thiên Thần ấy đã bịt miệng con rắn, để nó không làm hại hay chạm vào thân thể đầy đau khổ của vị thánh tử đạo; sự hung dữ của con rắn đã được kiềm chế, và nó trở nên hiền lành trước mặt bà, như một con chiên con, nằm nghỉ ngơi dưới chân bà; và vị thánh nữ đã ở lại trong hố sâu cùng con rắn suốt bốn tháng: thức ăn được ném xuống cho con rắn mỗi ngày, còn vị tử đạo, dù không có thức ăn hay nước uống, vẫn sống sót như trước đây, nhờ sức mạnh của Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu gìn giữ sự sống của bà. Rồi sau nhiều ngày, nàng muốn ăn, và Thiên Thần của Chúa hiện ra với nàng; Ngài làm dấu thánh giá, chạm vào môi nàng và nói:

– Từ nay trở đi, con sẽ không còn cảm thấy đói hay khát nữa, và nếu con muốn nếm thử thứ gì, vì con vẫn chưa trở thành linh hồn thuần túy, thì điều đó sẽ tùy thuộc vào ý muốn của con.

Nói xong, thiên thần dẫn cô ra khỏi hang động đó. Khi nhìn thấy nàng, bọn vô đạo lại bắt nàng đi, vô cùng ngạc nhiên vì sao nàng không bị con rắn ăn thịt và làm sao nàng lại ra khỏi hang động, và chúng nói rằng nàng đã dùng phép thuật Kitô giáo để yểm bùa con rắn, khiến nó không ăn thịt nàng, và cũng dùng phép thuật đó để thoát ra khỏi hố sâu. Và chúng lại khẳng định:

– Phép thuật Kitô giáo mạnh mẽ biết bao – nó còn vượt trội hơn cả phép thuật Ba Tư!

Còn nhà vua, khi biết cô vẫn còn sống, đã ra lệnh chém đầu cô bằng gươm, nhưng khi cô bị dẫn đi chém, Thiên thần của Chúa đã cướp cô khỏi tay những chiến binh đang dẫn cô đi và cứu cô sống sót. Vị nữ tử đạo này, vẫn ẩn danh trước những kẻ hành hạ, đã sống giữa cộng đồng Kitô hữu – lúc bấy giờ còn rất ít ở Ba Tư: họ sống ở những nơi kín đáo, như thể đang ẩn náu, dù những kẻ ngoại đạo cũng biết về họ. Theo lời chỉ dẫn của Thiên Thần, vị thánh nữ không hề cảm thấy đói khát, chỉ thỉnh thoảng, để chứng tỏ rằng mình không phải là hồn ma mà có thân xác, bà mới lấy một miếng bánh nhỏ, nhúng vào nước rồi ăn; nhưng bà không làm điều này thường xuyên, mà rất hiếm khi – đôi khi cách nhau 10 ngày, hoặc thậm chí lâu hơn. Một thời gian ngắn sau khi vị tử đạo được cứu khỏi cái chết, vị vua Ba Tư vô đạo Ormisdas đã chết trong tiếng ồn ào, bị chính những người thân cận của mình sát hại; con trai ông là Khosrow[5090] , cháu nội của Khosrow Cả, lên ngôi vua, nhưng các quan đại thần cũng nổi loạn chống lại ông, và ông đã phải trốn khỏi Ba Tư. Ông suy nghĩ xem nên đi đâu: đến Ả Rập, nơi đã có người Saracen, hay đến các nước Hy Lạp để gặp những người Kitô hữu; trong lúc bối rối không biết nên đi hướng nào, cuối cùng, ông quyết định buông dây cương cho con ngựa của mình, hướng nào ngựa đi thì ông sẽ đi theo hướng đó. Khi đến nơi có một con đường dẫn sang Ả Rập và một con đường dẫn sang các vùng đất Hy Lạp, con ngựa đã rẽ theo con đường dẫn sang Hy Lạp, và Khosrow cùng toàn bộ các cận thần của mình đã tiến vào lãnh thổ Hy Lạp, nơi ông được vua Hy Lạp Mauricius tiếp đón với sự tôn trọng và nồng hậu. Mauricius đã trao cho Khosrow một lực lượng hùng hậu của quân đội mình; cùng với lực lượng đó, Khosrow tiến vào Ba Tư, đánh bại kẻ thù và giành lại ngai vàng của mình. Những ngày an lành và tự do đã đến với các Kitô hữu sống tại Ba Tư, bởi Khosrow coi Mauricius như cha mình và vì thế, cho đến khi ông qua đời, ông không gây hại gì cho các Kitô hữu. Cùng với Khosrow,

---

[5089] Đa-ni-ên 2:1–49.

[5090] Hozerô II Parvez trị vì từ năm 590 đến năm 628; ông đã chiếm được Thánh Giá của Chúa tại Jerusalem vào năm 614, trong cuộc chiến với hoàng đế Hy Lạp Phôcô. Cây Thánh Giá đã được trả lại vào năm 628 bởi người kế vị Khosrow II là Siroes, sau khi ký kết hòa ước với hoàng đế Hy Lạp Heraclius.

Thánh Dometian, Giám mục Melitian, người được Mauricius cử đi, cũng đã đến Ba Tư. Ông, giống như Aristobulus trước đây, đã tận mắt chứng kiến Thánh nữ tử đạo Maria, người được gọi là Golindukha theo tiếng Ba Tư, nhưng lúc này không còn bị xiềng xích nữa mà đã được tự do, đang rao giảng về Chúa Kitô cho người Ba Tư; ông đã trò chuyện với bà, nghe kể về những đau khổ của bà, hoặc trực tiếp từ chính miệng bà, hoặc qua lời kể của người khác, và khi trở về Hy Lạp, ông đã kể lại câu chuyện về bà cho nhiều người. Nhờ lời rao giảng của Maria tại Ba Tư, những người thân của bà, cùng nhiều nhân vật nổi tiếng và không ít dân chúng đã chấp nhận đức tin thánh thiện, bởi vì nhiều người đã chứng kiến những phép lạ do bà thực hiện, trong đó có không ít lời tiên tri về tương lai và sự ứng nghiệm của chúng, vì bà có ân sủng của sự thấu thị, thấu hiểu những điều bí ẩn và thâm sâu; nhờ tất cả những điều này, vinh quang của Đức Kitô ngày càng lan rộng ở những vùng đất ấy. Sau đó, vị thánh đã lên đường đến các vùng đất thuộc lãnh thổ Hy Lạp, như Kirkisia và Daria, viếng thăm Giêrusalem và tại đây, bà đã tôn kính Cây Thánh Giá Hằng Sống, Mộ Thánh của Chúa và các thánh tích khác. Trong số những nơi khác, bà đã đến một tu viện, nơi đang bị chi phối bởi tà thuyết của Sevir độc ác, người khẳng định rằng Thiên Chúa đã chịu đau khổ và vì thế đã thêm vào Kinh Lạy Cha những lời sau: "Đấng đã chịu đóng đinh vì chúng con, xin thương xót chúng con, Cha và Thánh Thần, cùng với Con đã chịu đau khổ trên Thập Tự Giá ." Thánh nữ đã cầu nguyện với Thiên Chúa để Ngài soi sáng cho bà về những người theo Sevirus này, liệu có nên rước lễ từ họ hay không, và bà đã thấy một Thiên thần cầm hai chén thánh[5091] , – một cái đầy bóng tối, còn cái kia tràn ngập ánh sáng, và Thiên Thần giải thích cho bà rằng chén thánh chứa bóng tối là Thánh Thể của những kẻ dị giáo, còn chén thánh chứa ánh sáng là Thánh Thể của Giáo Hội Công Giáo Thánh Thể[5092] . Vì vậy, vị thánh đã từ chối rước lễ cùng những kẻ dị giáo và vội vã rời khỏi đó. Dưới sự dẫn dắt của Thiên Thần Chúa, bà đã đi qua nhiều quốc gia và thành phố khác, ghé thăm Hierapolis ở Syria và gặp Giám mục Stephen tại đó, người sau này đã viết cuốn tiểu sử về bà. Khi ngày lâm chung của bà sắp đến, bà bị ốm nhẹ tại nhà thờ Thánh Tử đạo Sergius, nằm giữa Nizivia và thành phố có tên là Dara; bà đã cầu nguyện cho sự cứu rỗi của cả thế giới, tạ ơn Thiên Chúa vì lòng thương xót vĩ đại của Ngài, đã được ban cho bà, và trong niềm hân hoan, bà đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa, Đấng mà bà đã hết lòng yêu mến và vì Đấng ấy mà bà đã chịu biết bao đau khổ; bà đã được ghi danh vào hàng ngũ các thánh nữ tử đạo trong Nước Trời. Vậy là thánh nữ tử đạo Maria, còn được gọi là Golindukha, đã kết thúc cuộc đời trần thế của mình trong Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Đấng được vinh quang muôn đời, amen[5093] .

Ngày 26 tháng 7

Ngày 13 tháng 7 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Tổng lãnh thiên thần Gabriel

Ngày tưởng niệm 13 tháng 7

Chúng ta ca ngợi Tổng lãnh thiên thần Gabriel – Đấng báo tin về sự cứu rỗi của chúng ta, vị tôi tớ vĩ đại của Thiên Chúa và sứ giả đầy hân hoan đến với Đức Trinh Nữ Maria (Lc 1,26) – qua những bài thánh ca, đồng thời tổ chức lễ hội thứ hai dành cho ngài. Lễ kỷ niệm đầu tiên của ngài được cử hành vào ngày tiếp theo sau Lễ Truyền Tin của Đức Trinh Nữ Maria, ngày 26 tháng 3; và nay, lễ này lại được cử hành trong thánh đường, và những lần hiện ra kỳ diệu của ngài theo lệnh của Thiên Chúa lại được tưởng nhớ và tôn vinh. Ngài đã dạy Mô-sê, người đã thoát khỏi tay Pha-ra-ôn, về Kinh Thánh trong sa mạc; Ngài đã cho ông biết về khởi đầu của thế giới, việc tạo dựng con người đầu tiên là A-đam, về cuộc đời của ông và các tổ phụ kế tiếp, về những thời kỳ sau đó – về trận Đại Hồng Thủy và sự phân chia các ngôn ngữ; giải thích cho ông về vị trí của các hành tinh trên trời và các nguyên tố tự nhiên, dạy ông về số học, hình học và mọi sự khôn ngoan. Ngài đã giải thích cho tiên tri Đa-ni-ên những khải tượng kỳ diệu về các vua và các vương quốc sẽ xuất hiện sau này và được mô tả cho ông dưới hình dạng các loài thú khác nhau: Ngài

---

[5091] Potir – chén thánh.

[5092] Tức là toàn cầu.

[5093] Thánh tử đạo Golindukha qua đời vào năm 591. Theo Sách Nghi thức Constantinopolis thế kỷ IX-X, cuốn tiểu sử của bà được viết bởi Evstratius, linh mục của Nhà thờ Lớn Constantinopolis – người cùng thời với Thánh Tổng Giám mục Eutychius.

đã báo cho ông biết về thời điểm dân sự của Đức Chúa Trời được giải phóng khỏi cảnh lưu đày tại Ba-by-lôn, cũng như về thời điểm Đấng Christ lần đầu tiên giáng thế qua sự nhập thể từ Đức Trinh Nữ Thánh (Đa-ni-ên 8:1–27, 9:1–27). Ngài đã hiện ra trước thánh nữ Anna công chính, người đang than khóc trong vườn nhà vì không có con và khóc lóc cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, rồi phán với bà rằng:

– Anna, Anna! Lời cầu nguyện của bà đã được lắng nghe, những tiếng thở dài của bà đã vượt qua mây trời, và những giọt nước mắt của bà đã đến với Thiên Chúa: bà sẽ thụ thai và sinh ra một Đấng Con Gái được chúc phúc, nhờ Người mà mọi dân tộc trên đất sẽ được chúc phúc, nhờ Người mà thế gian sẽ được cứu rỗi, và Người sẽ được đặt tên là Maria.

Thánh Gabriel cũng hiện ra với thánh Gioakim, người đang ăn chay trong sa mạc, và báo cho ông biết điều tương tự như đã báo cho thánh Anna, rằng họ sẽ có một cô con gái, người từ thuở đời đời đã được chọn làm Mẹ của Đấng Mêsia, Đấng sẽ đến để cứu độ nhân loại. Vị Tổng thiên thần vĩ đại này đã được Thiên Chúa sai đến làm người bảo vệ cho Đức Trinh Nữ Maria, người được sinh ra từ người mẹ vốn vô sinh, và khi Người được dâng vào Đền Thờ, ngài đã chăm sóc Người, hàng ngày mang thức ăn đến cho Người. Ngài cũng hiện ra trước mặt Thánh Tư tế Zacharia, người đang đứng bên phải bàn thờ hương, báo cho ông biết rằng người vợ già nua và vô sinh của ông là Elizabeth sẽ được chữa lành, và Thánh Gioan Tẩy Giả sẽ ra đời; và khi ông không tin, Ngài đã làm cho ông câm lặng cho đến ngày lời Ngài được ứng nghiệm (Lc 1,25). Chính vị Thiên Thần này, khi được Thiên Chúa sai đến Nazareth, đã hiện ra với Đức Trinh Nữ Rất Thánh, người đã đính hôn với thánh Giuse công chính, và báo cho Mẹ biết về việc thụ thai Con Thiên Chúa nhờ sự phủ bóng và tác động của Chúa Thánh Thần trong Mẹ. Ngài cũng hiện ra trong giấc mơ với Giuse, giải thích cho ông rằng thiếu nữ ấy vẫn còn trinh khiết, vì Đấng được thụ thai trong lòng nàng là do Thánh Thần (Mt 1,18–21). Và khi Chúa chúng ta chào đời tại Bêlem, Thiên Thần Chúa là Gabriel đã hiện ra với các mục đồng đang canh giữ đàn chiên vào ban đêm, và nói:

– Ta báo cho các ngươi một tin mừng lớn lao, sẽ mang lại niềm vui cho toàn thể nhân loại; vì hôm nay, Đấng Cứu Thế, chính là Đức Kitô, Chúa của các ngươi, đã ra đời cho các ngươi tại thành Đavít.

Rồi ngay lập tức, cùng với vô số thiên binh, thiên thần cất tiếng hát: *"Vinh quang trên trời thuộc về Đức Chúa Trời, bình an dưới đất cho những người được Ngài yêu thương"* (Lc 2:10–14).

Người ta tin rằng Thiên Thần này đã hiện ra từ trời với Đấng Cứu Thế trước khi Ngài chịu khổ nạn, khi Ngài đang cầu nguyện trong vườn, vì tên Gabriel có nghĩa là "sức mạnh của Đức Chúa Trời". Thiên thần Gabriel hiện ra để củng cố Ngài, vì trong số các sứ mệnh khác, thiên thần này còn có nhiệm vụ củng cố trong các công việc thánh, còn Chúa chúng ta lúc đó đang miệt mài cầu nguyện (Lc 22:43; Hê-bơ-rơ 5:7). Chính Thiên Thần này đã hiện ra với các bà mang hương, đang ngồi trên tảng đá bên mộ, báo tin cho họ về sự Phục Sinh của Chúa (Ma-thi-ơ 28:1–20; Mác 16:1–20; Lu-ca 24:1–53; Giăng 20:1–31): như vậy, với tư cách là sứ giả loan báo sự thụ thai và sự giáng sinh của Chúa, Ngài cũng đã hiện ra như sứ giả loan báo sự phục sinh của Ngài. Ngài cũng đã hiện ra với Đức Trinh Nữ Maria, Đấng đang cầu nguyện sốt sắng trên núi Ô-li-ve, báo cho Mẹ biết về sự cận kề của ngày Mẹ an nghỉ vinh hiển và việc Mẹ được rước lên trời từ trần gian, đồng thời ban cho Mẹ một cành cây thiên đàng rực rỡ. Giáo Hội Thánh, khi tưởng nhớ những lần hiện ra nhiều lần của ngài trong Cựu Ước và Tân Ước, và biết rằng ngài luôn cầu thay trước mặt Thiên Chúa cho dòng dõi Kitô hữu, nay tổ chức lễ kỷ niệm chung để dân Chúa luôn nhiệt thành và khẩn thiết nương tựa vào sự cầu bầu và sự giúp đỡ của vị trung gian và ân nhân của dòng dõi loài người này, và nhờ những lời cầu nguyện của Ngài, họ được Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, tha thứ tội lỗi[5094] .

Bài ca Troparion, giọng 4:

Thiên thần trưởng của các đạo binh trên trời, chúng con, những kẻ không xứng đáng, luôn cầu xin ngài, xin ngài bằng những lời cầu nguyện của ngài che chở chúng con dưới bóng cánh vinh quang vô hình của ngài, bảo vệ chúng con khi chúng con quỳ lạy và khẩn cầu: xin giải thoát chúng con khỏi những tai ương, vì ngài là người đứng đầu các thế lực trên trời.

[5094] Lễ hội này xuất hiện không muộn hơn thế kỷ IX; lý do để thiết lập lễ hội này có lẽ là việc thánh hiến nhà thờ tại Tsargrad, được xây dựng để tôn vinh Tổng lãnh thiên thần Gabriel.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã chiêm ngưỡng vinh quang của Đức Chúa Trời trên trời, và từ trên cao ban ân sủng xuống trần gian, hỡi Tổng lãnh thiên thần Gabriel khôn ngoan, người phục vụ vinh quang của Đức Chúa Trời, và là Đấng chiến thắng thần thánh của thế gian, xin cứu rỗi và bảo vệ những ai kêu cầu Ngài: chính Ngài hãy là Đấng trợ giúp, và chớ để ai làm hại chúng con.

Bài Kondak tiếp theo, giọng 2:

Thiên thần Tối cao của Đức Chúa Trời, người phục vụ vinh quang thiêng liêng, vị chỉ huy các thiên thần và người hướng dẫn loài người, xin cầu thay cho chúng con những điều hữu ích và lòng thương xót vĩ đại, như vị Tướng quân vô hình.

Lễ kỷ niệm Thánh Stephanos Savait

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 7

Thánh phụ Stephano của chúng ta sinh năm 725. Khi mới mười tuổi, ngài gia nhập tu viện Thánh Savva và cho đến khi qua đời vào năm 794, Thánh Stephano đã sống cuộc đời mình hoặc tại tu viện này hoặc trong sa mạc lân cận, đó là lý do ngài được gọi là Savvaite. Thánh Stefan đã thực hiện nhiều dấu hiệu và phép lạ, trong đó có việc tiên tri về cái chết của chính mình. Ngài không phải là cùng một nhân vật với Thánh Stefan Savait, người được tưởng niệm vào ngày 28 tháng 10.

Ngày tưởng niệm Thánh Serapion

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 7

Thánh Serapion sống vào thời vua Severus[5095] và là một người đạo đức và có đức hạnh. Khi bị hoàng tử Akila bắt giữ và hỏi về đức tin, Serapion đã xưng mình là Kitô hữu và dũng cảm tôn vinh Thiên Chúa chân thật; vì thế, ngài đã phải chịu nhiều hình phạt khác nhau, sau đó bị ném vào lửa và kết thúc cuộc đời như vậy[5096] .

Cuộc đời của Thánh Cha Julian của chúng ta

Ngày kỷ niệm: 13 tháng 7

Thánh Iulian (được một số người cho là Simon người bị hủi, được nhắc đến trong Phúc Âm (Mt 26:6) và đã đổi tên từ Simon thành Iulian khi chịu phép rửa), đã được Thánh Phêrô, vị Tông đồ tối cao, tấn phong làm giám mục và sai đi đến Gaul để rao giảng Lời Chúa. Khi đến thành phố Keomania[5097] , ngài đã trở thành vị Tông đồ đầu tiên của nơi này, giống như Thánh Dionysius Areopagite đối với người Paris[5098] , bởi vì trong cùng một năm, cả hai đều đã đặt nền móng cho đức tin thánh thiện tại những vùng đất đó và xây dựng Hội Thánh của Chúa Kitô, lao động với tinh thần tông đồ trong việc rao giảng và lo lắng cho sự cứu rỗi các linh hồn con người. Ban đầu, đối với những người Kenomanian chưa tin, giáo lý mới được Thánh Julian rao giảng đã trở thành đối tượng cám dỗ đối với

---

[5095] Hoàng đế từ năm 193 đến năm 211.

[5096] Trong Sách Lịch Thánh của Thánh Basil có ghi rằng Thánh Serapion, sau khi tuyên xưng danh Chúa Kitô, đã bị đánh đập dã man, bị cạo da khắp cơ thể và sau đó bị giam cầm trong ngục tối, chịu đói khát; được Chúa Kitô chữa lành trong ngục và sau đó được đưa ra khỏi đó trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh, ngài đã khiến mọi người kinh ngạc. Ngài qua đời vào năm 205, địa điểm không rõ.

[5097] Kenomania – ngày nay là Le Mans ở Pháp.

[5098] Thánh Dionysius Areopagite, thành viên của Hội đồng Areopagus ở Athens, đã được dẫn dắt đến với Chúa Kitô nhờ lời rao giảng của Thánh Phaolô, và được ngài tấn phong làm Giám mục Athens; sau đó, vào năm 90, ngài được cử đến Gaul để rao giảng cùng với Linh mục Rusticus. Phaolô, người đã tấn phong ngài làm Giám mục Athens; sau đó ngài được sai đi rao giảng tại Gaul vào năm 90 cùng với Linh mục Rusticus và Phó tế Eleutherius, và đã chịu tử đạo cùng với họ vào năm 96 dưới triều Hoàng đế Domitian. Ngày kính Thánh Dionysius Areopagite là ngày 3 tháng 10.

một số người, còn đối với những người khác thì là đề tài để chế giễu và nhạo báng; nhưng khi những người Kenomanian chứng kiến những phép lạ được thực hiện nhân danh Chúa Kitô toàn năng, họ bắt đầu dần dần tin vào giáo lý đó. Bởi vì qua đôi tay của vị rao giảng về Thiên Chúa chân thật, nhiều phép lạ đã được thực hiện: quỷ dữ bị trục xuất, những người bị bệnh hủi được thanh tẩy, mắt người mù được mở ra và mọi bệnh tật đều được chữa lành – Thánh Julian đã chứng thực giáo lý của mình về Thiên Chúa bằng những việc làm kỳ diệu, khi ngài kêu cầu danh Chúa Kitô trên những người đau ốm và làm dấu thánh giá trên họ. Trong khi chữa lành thân xác họ như vậy, ngài cũng đồng thời chữa lành linh hồn họ, rao giảng về Chúa Giêsu Kitô và ban ơn thánh tẩy. Ban đầu, vị thánh sống ở ngoại ô thành phố trong một ngôi nhà nhỏ, và nhiều người bắt đầu tìm đến ngài: những người mới tin Chúa để được dạy dỗ, còn những người chưa tin thì để được chữa lành bệnh tật; và tại đây, những người sau đã nhận được sự chữa lành kép khi trở thành tín hữu. Nơi vị thánh sống không có nước, nên những người đến với ngài và ở lại với ngài phải chịu cảnh khát nước trầm trọng, nước phải được mang đến từ xa; vì vậy, một ngày nọ, người của Đức Chúa Trời cùng với những người đàn ông đang ở với ngài đã ra một khu rừng nhỏ gần đó, cắm cây gậy của mình xuống đất và cầu nguyện với Đức Chúa Trời trước sự chứng kiến của mọi người:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của chúng con, Đấng đã từng làm cho nước tuôn trào từ tảng đá cứng cho dân Ngài đang khát khao trong sa mạc (Sách Dân Số 20:1–29), xin hãy đoái thương chúng con, những tôi tớ của Ngài, mở ra cho chúng con kho tàng lòng nhân từ của Ngài và khiến từ mảnh đất khô cằn này tuôn trào suối nước sống (nước suối), để tất cả những ai có mặt ở đây đều nhận biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời chân thật, Đấng vào cuối các thời đại đã sai Con Ngài xuống thế gian, để dẫn dắt những ai tin Ngài vào Đất Hứa chân thật.

Khi vị thánh kết thúc lời cầu nguyện và những người tin Chúa cùng cất tiếng "A-men", ngay lập tức từ mảnh đất nơi cây gậy được cắm xuống, một dòng suối nước tuôn trào, bày tỏ cho mọi người thấy quyền năng vô biên của Đức Chúa Trời và đức tin vĩ đại cùng lòng can đảm hướng về Đức Chúa Trời của vị thánh được Ngài yêu mến. Lúc bấy giờ, những người tin Chúa càng thêm vững vàng trong đức tin, còn những kẻ không tin thì quỳ sấp xuống dưới chân vị thánh của Chúa và xin được rửa tội. Vị thánh được Chúa yêu mến đã dùng nước từ suối ấy để rửa tội cho họ; nhờ vậy, ngày qua ngày, Hội Thánh của Đức Kitô ngày càng phát triển và lan rộng. Khi Đức Giám mục Thánh Iulian trở nên nổi tiếng nhờ những phép lạ của ngài, vị công tước của thành phố đó, tên là Defensor, mong muốn được gặp ngài và đã sai người mời ngài đến gặp mình với sự tôn kính. Thánh nhân lên đường đến gặp vị công tước; khi ngài đến gần dinh thự của ông, ngài thấy một người mù đang xin bố thí bên cổng; cảm thấy thương xót người ấy, ngài đã kêu cầu danh Chúa Giêsu Kitô và, sau khi làm dấu thánh giá trên mắt người mù, đã ban lại thị lực cho anh ta. Niềm vui của người được chữa lành thật lớn lao, và sự ngạc nhiên của những người chứng kiến phép lạ ấy cũng vô cùng lớn, chuyện này lập tức được báo cáo cho hoàng tử. Vị công tước vội vã ra đón vị thánh, mong được nhìn thấy người vừa được sáng mắt; khi thấy cả người mù lẫn vị thánh, ngài cúi đầu kính lễ vị rao giảng của Thiên Chúa, mời ngài vào nhà và, quỳ xuống dưới chân ngài, khiêm nhường xin ngài dạy cho ngài cách để đạt được sự sống đời đời. Vị Thánh của Chúa đã hướng dẫn hoàng tử và gia đình ông về đức tin thánh thiện, tức là sự nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, qua bài giảng theo tinh thần tông đồ; sau đó, ngài chỉ định thời gian ăn chay và chuẩn bị cho họ nhận phép rửa; và vài ngày sau, vị công tước cùng cả gia tộc đã chịu phép rửa tội và dâng tặng ngôi nhà của mình ở giữa thành phố cho vị thánh để xây dựng nhà thờ tại đó, đồng thời tài trợ cho chính nhà thờ bằng những khoản đóng góp xứng đáng. Theo gương vị công tước, nhiều công dân có địa vị đã chấp nhận đức tin thánh thiện và chịu phép rửa tội, đồng thời cũng dâng những khoản đóng góp đáng kể cho vị thánh của Chúa. Ngài đã xây dựng một nhà thờ tráng lệ, trang hoàng nó một cách hào phóng, và dân chúng bắt đầu tụ tập tại đây, được ngài dạy dỗ về đức tin, được soi sáng bởi phép rửa tội thánh và được củng cố bởi các phép lạ, vì Thánh Julian được Thiên Chúa ban cho quyền năng làm phép lạ đến nỗi ngài thậm chí còn làm cho người chết sống lại.

Trong thành phố có một quý ông tên là Anastasius, người chưa chấp nhận đức tin thánh thiện và vẫn theo đạo thờ thần tượng: ông có một người con trai yêu quý, người đã mắc bệnh nặng và qua đời. Người cha, tràn ngập lòng thương xót và đau buồn vì mất con, đã đến gặp vị thánh và, trong tiếng khóc nức nở, kêu cầu ngài:

– Hỡi người tôi tớ của Đức Chúa Trời, Thánh Iulian, người rao giảng về Đấng Christ là Đức Chúa Trời chân thật, tôi khẩn cầu ngài nhân danh Đấng Christ-Đức Chúa Trời, Đấng mà ngài đang rao giảng, hãy trả lại con trai tôi cho tôi!

Vị thánh đáp:

– Anastasius ơi, nếu ngươi tin vào Đấng mà ta rao giảng, thì ngươi sẽ được một người con trai còn sống và chính ngươi cũng sẽ được hưởng sự sống đời đời.

Anastasius đã thề hứa, nói rằng:

– Nếu tôi được một đứa con trai còn sống, thì tôi sẽ tin vào Đức Kitô, Thiên Chúa chân thật, và từ bỏ hoàn toàn các thần tượng.

Sau đó, vị thánh, cùng với các linh mục của mình, đi cùng Anastasius về nhà anh ta, nơi thi thể của cậu thiếu niên đang nằm đó, và khi thấy nhiều người đang khóc lóc và gào thét, ngài ra lệnh cho họ im lặng; mọi người đều nhìn ngài, thầm tự hỏi: "Ngài định làm gì với thi thể người chết đây?" Vị Thánh làm phép lạ tiến lại gần giường, nắm lấy tay người đã qua đời, ngước mắt lên trời, rồi trong nước mắt, ngài cầu nguyện rằng:

– Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng đã làm cho con trai bà góa, đang được khiêng ra khỏi thành Na-in để chôn cất (Lc 7,11–16), và đứa trẻ đã chết được bốn ngày, thi thể đã bắt đầu phân hủy, bằng lời quyền năng của Ngài (Ga 11:43–44), xin hãy ra lệnh cho thiếu niên này cũng sống lại từ cõi chết, vì khi cậu ấy sống lại về thể xác, nhiều người sẽ sống lại về linh hồn, nhờ tin vào Ngài. Xin cho những người có mặt ở đây nhận biết rằng Ngài chính là Đấng Kitô, Con của Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng đã thực hiện sự cứu rỗi thế gian theo lệnh của Cha, Đấng mà qua Ngài, chúng con xứng đáng dâng lời tạ ơn đến muôn đời!

Các linh mục cất tiếng: "A-men", và ngay lập tức, cậu bé, như vừa thức dậy khỏi giấc ngủ, đứng dậy, sống động và khỏe mạnh. Tất cả những ai chứng kiến cảnh đó đều kinh hoàng và ngạc nhiên vô cùng; niềm vui khôn tả tràn ngập trong nhà An-na-ta-si-ô, và mọi người cùng nhau ngợi khen Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật là Đức Giê-su Ki-tô. Và Anastasius cùng cả gia đình, cũng như tất cả những ai đã chứng kiến và nghe thấy điều này, đã chịu phép rửa tội và tin vào Ngài: một thời gian sau, Chúa Kitô đã thực hiện một phép lạ tương tự qua vị thánh nhân của Ngài là Julian, để tôn vinh Danh Thánh của Ngài: một lần, khi cùng các linh mục ra khỏi thành phố để đi vòng quanh vùng Kenomania, nhằm dẫn dắt những linh hồn con người đang lâm vào cảnh diệt vong đến sự cứu rỗi, ngài thấy người ta đang khiêng thi thể một thiếu niên đã qua đời – con trai duy nhất của một quan đại thần tên là Ioviniana – đến chôn cất tại nghĩa trang ngoại giáo, và rất đông người dân đang theo sau người quá cố. Khi đến gần họ, vị giám mục thánh thiện ra lệnh cho những người khiêng quan tài dừng lại, rồi ra hiệu bằng tay cho đám đông im lặng, và nói to với cha của người quá cố:

– Iovinian ơi, Đức Kitô mà tôi rao giảng, Đấng đã trở thành con người vì loài người, đã làm cho người chết sống lại, đã dùng lời nói để trừ quỷ và làm mọi điều Ngài muốn khi sống giữa loài người, để tỏ lộ quyền năng Thần tính của Ngài. Nếu ngài tin vào Đức Chúa Trời này, từ bỏ các thần tượng, tin tưởng hết lòng và hứa sẽ thanh tẩy bản thân qua phép rửa thánh, thì ngài sẽ vui mừng vì sự cứu rỗi của chính mình và sự sống lại của con trai ngài!

Lúc đó, Iovinian và toàn thể dân chúng, quỳ sấp xuống dưới chân vị thánh, bắt đầu cầu xin lòng thương xót – để làm cho người đã chết sống lại. Iovinian nói với vị thánh trong nước mắt:

– Hỡi vị tôi tớ vĩ đại của Đức Chúa Trời, Iulian, nếu ngài làm cho con trai duy nhất của tôi, người đã là nguồn an ủi và niềm vui của cuộc đời tôi, sống lại, thì không chỉ riêng tôi sẽ tin vào Đức Kitô, Đức Chúa Trời Chân Thật, mà cả dân chúng nơi đây, sau khi từ bỏ các vị thần của họ, cũng sẽ nhiệt thành đón nhận đức tin mà ngài rao giảng!

Được tràn đầy ân sủng làm phép lạ, vị Thánh của Đức Chúa Trời quỳ gối, ngước mắt lên trời, giơ hai tay lên và cất tiếng cầu nguyện với Đức Chúa Trời trước sự chứng kiến của mọi người như sau:

– Lạy Chúa Toàn Năng, Đấng đã hạ mình làm người vì sự cứu rỗi của chúng con, đã sống giữa loài người và bằng dấu thánh giá của Ngài đã xua đuổi sự chết khỏi dòng dõi loài người, xin hãy ra lệnh cho thiếu niên này sống lại, để qua sự biểu lộ quyền năng vĩ đại của Ngài, đức tin của những người tin Ngài được củng cố, còn lòng những kẻ không tin sẽ quy phục Ngài, Con Một của Đức Chúa Trời Hằng Sống, Đấng mà chúng con xưng nhận cùng với Đức Chúa Cha và Đức Thánh Linh, ngự trị muôn đời muôn thuở!

Những người có mặt đã thốt lên "A-men", và ngay lập tức người chết đã đứng dậy khỏi chiếc giường mà họ đang khiêng, và tất cả đều kinh ngạc trước phép lạ mới này. Còn chàng trai đã sống lại thì bắt đầu kêu lên lớn tiếng:

– Quả thật, Đức Chúa Trời của người Kitô hữu, Đấng mà tôi tớ Ngài là Julian đang rao giảng, thật là vĩ đại!

Và anh nói với cha mình:

– Quả thật, cho đến nay chúng ta đã lầm lạc, không biết đến Đức Chúa Trời chân thật, vì những vị thần mà chúng ta tôn thờ thực ra là ma quỷ: con đã thấy họ ở địa ngục và chứng kiến họ không được an nghỉ, liên tục chịu những cực hình khủng khiếp.

Rồi tất cả cùng cất tiếng ca ngợi Đức Kitô, Thiên Chúa chân thật, tin nhận Ngài và, được vị giám mục thánh thiện dạy dỗ, đã lãnh nhận phép rửa tội cùng với Iovinian và con trai ông. Như vậy, vị mục tử nhân lành đã tìm thấy những con chiên lạc và tiếp tục lên đường, được đông đảo dân chúng tháp tùng, những người mong muốn được thưởng thức những lời giảng đầy ân sủng của Ngài và chứng kiến những phép lạ của Ngài.

Khi Thánh Iulian đến gần một ngôi làng tên là Proilaik, trời đã xế chiều và vào buổi tối muộn, họ bước vào làng với ý định nghỉ ngơi tại đây. Vào lúc đó, con trai nhỏ của chủ làng đã qua đời; nghe thấy tiếng khóc nức nở trong ngôi nhà ấy, vị thánh bước vào, nhớ lại lời của Sách Truyền Đạo: *"Thà đến nhà tang lễ còn hơn là đến nhà tiệc tùng"* (Truyền Đạo 7:2). Người ta đã dành cho ngài một phòng riêng để nghỉ ngơi, nhưng ngài ra lệnh mang thi thể cậu bé đến, rồi đóng cửa lại với cậu, và ở đó cầu nguyện cho đến khi mặt trời mọc. Nhờ lời cầu nguyện của ngài, cậu thiếu niên đã sống lại, được trả về cho cha mẹ trong tình trạng sống khỏe mạnh, và nỗi buồn của họ đã biến thành niềm vui. Khi trời sáng, tin tức về phép lạ này lan truyền khắp làng, và mọi người đều đổ xô đến đây để chiêm ngưỡng vị thánh làm sống lại và người được sống lại. Khi nhìn thấy vị thánh làm phép lạ, nhiều người đã đưa những người bệnh của mình đến với ngài; còn ngài, vừa cầu nguyện cho tất cả, vừa ban phước lành cho mọi người, đã chữa lành cho họ. Cả làng cùng với chủ nhân của họ đã chấp nhận đức tin thánh thiện vào Chúa Kitô và được soi sáng qua phép rửa tội. Còn cha mẹ cậu bé thì hứa với Chúa sẽ dâng hiến cậu thiếu niên đã sống lại và hiến tặng toàn bộ ngôi làng – nơi cậu là người thừa kế – cho nhà thờ, để khi cậu trưởng thành, cậu sẽ trở thành một chức sắc trong Giáo hội, còn ngôi làng sẽ được sáp nhập vào tài sản của Giáo hội. Khi vị thánh rời khỏi đây và đến gần một ngôi làng khác tên là Ruiliak, nằm bên bờ sông Lida, thì ngài được những người được chủ làng đó cử đến đón, với lời thỉnh cầu xin ngài mau chóng đến với họ, vì con gái duy nhất của chủ làng, do bị quỷ ám, đang phải chịu đựng sự hành hạ dữ dội từ tà linh, gây ra nỗi buồn sâu sắc cho cả cha mẹ lẫn họ hàng. Thánh nhân của Chúa Kitô đã đi đến đó với bước chân nhanh nhẹn, và sau khi trừ quỷ khỏi cô gái trẻ, ngài đã dẫn dắt cha mẹ cô, những người đang có mặt tại đó, đến với đức tin Kitô giáo; ngài đã phá hủy các thần tượng ở đó, xây dựng một nhà thờ, và ở lại nơi này cho đến khi toàn bộ làng và vùng lân cận được dẫn dắt đến với Thiên Chúa qua phép rửa thánh. Sau đó, ngài rời khỏi đó đến một làng tên là Artin, nơi có một đền thờ tà thần lớn, trong đó có tượng thần nổi tiếng của một vị thần ngoại đạo xấu xa tên là Jupiter: trong tượng thần đó có một con quỷ đang ngự trị và lừa dối những người lầm lạc bằng đủ loại ảo tưởng. Người dân trong làng này và vùng lân cận, những kẻ tận tụy phụng sự ma quỷ, khi nghe tin vị giám mục Kitô giáo đang đến với họ, đã tụ tập đông đảo và không muốn cho ngài vào, vì họ sợ rằng ngài sẽ làm với tượng thần của họ điều mà ngài đã làm ở các làng khác, đó là phá hủy chúng thành tro bụi. Khi vị thánh của Đức Chúa Trời đến với họ, họ bắt đầu la hét đầy giận dữ: một số người nói rằng cần phải giết ngài, như kẻ phá hoại các phong tục cổ xưa của tổ tiên, còn những người khác thì gào thét rằng ngài phải bị thiêu sống, như một thầy phù thủy, kẻ lừa dối và kẻ thù của các vị thần của họ; dù họ căm hận ngài vô cùng, nhưng họ không thể làm hại ngài được, vì bàn tay phải của Đấng Tối Cao đang che chở ngài.

Được trang bị áo giáp và vũ khí của sức mạnh Thần thánh vô hình, ngài, như một chiến binh dũng cảm, đã dũng cảm đi qua giữa đám đông đang nổi loạn, bước vào đền thờ thần tượng và, sau khi kêu cầu danh hiệu toàn năng của Đấng Christ, đã ra lệnh cho thần tượng ngã xuống, còn ác quỷ phải rời khỏi đó; và ngay lập tức, tượng thần ngã xuống đất, vỡ vụn thành tro bụi, còn con quỷ rõ ràng thoát ra khỏi đó dưới hình dạng một con rắn khổng lồ và đáng sợ, phun lửa từ miệng, rồi lao vào những kẻ phụng sự nó, vì có rất nhiều người vô tín đã vào đền thờ; con rắn bắt đầu hung dữ nuốt chửng và tiêu diệt con người. Dân chúng, không thể trốn thoát khỏi cơn thịnh nộ và nọc độc của con rắn, đã kêu cầu Thánh Iulian xin giúp đỡ, cầu xin ngài giải thoát họ khỏi tai họa này. Vị tôi tớ của Chúa giơ tay về phía con rắn và bằng dấu thánh giá, như thể một cây gậy sắt, bắt đầu đánh đuổi nó, đồng thời ra lệnh cho con quỷ hiện hình kia ngừng gây hại cho con người và biến mất vào vực thẳm diệt vong; con rắn, sau khi chạy ra khỏi đền thờ, bỗng trở nên vô hình. Sau đó, dân chúng, khi nhận ra sự lầm lạc của mình, đã kêu cầu Thánh nhân:

– Hỡi tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật, xin cứu chúng con, những kẻ đang lâm vào cảnh diệt vong!

Vị Thánh, sau khi dạy dỗ họ đầy đủ, đã dẫn dắt tất cả về với Chúa Kitô, vì những người ấy đã nhiệt thành đón nhận đức tin, chịu phép rửa, phá hủy ngôi đền thờ đó, và thay vào đó, theo lệnh của vị thánh, họ đã xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Đức Kitô Thiên Chúa; ở những nơi khác có tượng thần, họ cũng đã tiêu diệt chúng, và niềm vui lớn lao tràn ngập khắp đất nước ấy nhân dịp thoát khỏi sự cám dỗ của tà thần. Vị mục tử tận tụy ấy đã đi khắp các vùng đất của đoàn chiên mình và dẫn dắt những con chiên thuộc về Lời Chúa vào cánh đồng thiêng liêng, giải cứu họ khỏi nanh vuốt của con sói; chỉ có một số ít người ở một vài nơi vẫn còn lạc lối, chưa từ bỏ sự mê hoặc trước đây. Vị công tước Defensor nói trên, khi nghe tin vị thánh của Đức Chúa Trời đã soi sáng xứ Kenomania,

thực hiện nhiều phép lạ nhờ ân sủng của Đấng Christ, đã vô cùng vui mừng và ngợi khen Đức Chúa Trời. Sau đó, chính ông đã đến gặp vị thánh và sau lời chào hỏi thân mật, bắt đầu thỉnh cầu ngài đến thăm làng của ông; Hoàng tử có một ngôi nhà tuyệt đẹp và một điền trang rộng lớn; ngài mong muốn vị thánh tổ chức một lễ kỷ niệm thiêng liêng tại đây nhân dịp chiến thắng trước sự thờ phượng thần tượng đã bị xóa sổ, và tham dự bữa tiệc lễ hội – để mọi người cùng hân hoan vì vinh quang của Đức Chúa Trời, nhờ ân sủng nhân từ của Chúa. Vị thánh nhân, người luôn tìm kiếm sự cứu rỗi cho các linh hồn con người, đã không từ chối lời thỉnh cầu của vị công tước và đã đến làng của ông. Trên đường đi, họ gặp một thiếu niên đang nằm sõng soài trên mặt đất; một con rắn khổng lồ đã quấn lấy cậu, trói chặt hai chân như bằng dây thừng và quấn quanh toàn bộ cơ thể; khi nhìn thấy cảnh đó, mọi người đều kinh hãi. Còn vị thánh nhân của Chúa là Julian, tiến lại gần hơn, đã cầu nguyện với Chúa, nói rằng:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, loài người đã mất thiên đàng vì lời dụ dỗ của con rắn, nhưng đã được Ngài cứu chuộc nhờ Thập giá của Ngài, xin Ngài cũng giải thoát tạo vật này khỏi con quái vật đang trói buộc nó, để những người đang chứng kiến nhận ra rằng Ngài là Đấng Cứu Chuộc của tất cả những ai đặt niềm tin nơi Ngài! Và ngay lập tức, con quỷ bị xé làm đôi và chết, còn cậu thiếu niên thì được giải thoát khỏi nó mà không hề hấn gì, và mọi người đều ngợi khen Đức Chúa Trời. Khi họ đến gần ngôi làng mà họ đang hướng tới, thì có rất nhiều người ra đón họ; trong số những người ra đón có hai người bị quỷ ám, họ kêu lên xin vị thánh giúp đỡ; khi kêu cầu danh Chúa Kitô, vị thánh lập tức trừ tà. Những người được chữa lành và tất cả những ai có mặt tại đó đều tin vào Chúa Kitô; còn vị thánh của Thiên Chúa thì được đón tiếp với sự kính trọng và tình yêu thương lớn lao tại ngôi làng, trong nhà của vị công tước, và có một lễ hội trọng thể, không chỉ cho thân xác mà còn cho linh hồn: vì mọi lời bàn luận của những người có mặt đều xoay quanh vinh quang và quyền năng của Chúa Kitô, cũng như sự diệt vong của các quỷ dữ, những kẻ đã bị đánh bại và làm nhục trước các thần tượng. Khi lễ hội, được tổ chức để tôn vinh Thiên Chúa, kết thúc, vị công tước đã cho vị giám mục xem tất cả kho báu của mình, xin ngài lấy bất cứ thứ gì ngài muốn, nhưng vị thánh không muốn lấy gì cả, vì đối với ngài, không phải vàng hay bạc, mà chính sự cứu rỗi linh hồn con người mới là kho báu quý giá nhất. Sau khi dành đủ thời gian để giảng dạy vị công tước, cả gia đình ông và toàn bộ làng mạc bằng những lời được Thánh Thần soi dẫn, vị thánh đã làm phép rửa cho những ai chưa được rửa tội và củng cố đức tin cho họ, rồi trở về thành phố của mình. Khi ngài bước vào thành phố, những tù nhân đang bị giam trong ngục gần cổng thành, nhìn thấy vị thánh qua ô cửa sổ, đã kêu lên với ngài bằng giọng nói vang dội, xin được giải thoát khỏi xiềng xích. Với lòng nhân từ và tình yêu thương con cái, vị cha đáng kính đã thương xót họ và, trước khi về nhà, ngài đã đến gặp các quan tòa, những người được giao phó việc quản lý thành phố, và xin họ vì sự trở về của ngài mà thả các tù nhân ra; nhưng vì lòng tàn nhẫn, họ đã không chấp nhận lời thỉnh cầu của vị giám mục, và ngài đã buồn bã rời khỏi họ. Trước hết, vị thánh đến nhà thờ và dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, Đấng đã giúp ngài dẫn dắt linh hồn biết bao người đến sự cứu rỗi; sau đó, ngài vào nhà, nơi người ta đã dọn sẵn bữa ăn cho ngài, nhưng ngài không muốn ăn gì cả, vì lòng buồn bã trước số phận của những người bị giam cầm. Nhưng Chúa, Đấng thực hiện ý muốn của những ai kính sợ Ngài, đã sai Thiên Thần của Ngài đến, Người đã mở cửa ngục, phá vỡ mọi xiềng xích và giải phóng các tù nhân. Họ, sau khi ra khỏi ngục, đi qua khắp thành phố đến nhà vị tổng giám mục, và không ai cản trở hay nói gì với họ, vì mọi người đều thấy rằng họ được giải thoát khỏi xiềng xích và được thả ra khỏi ngục không phải bởi bàn tay con người, mà là nhờ sức mạnh của Đức Chúa Trời . Thánh nhân của Đức Chúa Trời, khi thấy họ đang tiến về phía mình, đã tràn ngập niềm vui, mời họ cùng dùng bữa với ngài và, sau khi đã làm cho họ thỏa mãn cả về thể xác lẫn tinh thần, ngài cho phép mỗi người trở về nhà mình.

Thánh Giám mục Iulian, trong vai trò lãnh đạo Giáo hội mới được khai sáng và nuôi dưỡng đàn chiên mới được quy tụ bằng lương thực thiêng liêng, đã tại vị khá lâu và, với tinh thần tông đồ, miệt mài rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô, dù đã là một vị trưởng lão đáng kính, ngài đã tiến gần đến cái chết vinh hiển của mình, sau khi đã triệt để tiêu diệt việc thờ cúng thần tượng và sự tôn sùng ma quỷ tại xứ Kenomania. Vài ngày trước khi qua đời, vị thánh đã rời thành phố đến một làng thuộc quyền quản lý của Giáo hội, và tại đây ngài lâm bệnh. Người dân trong thành phố biết tin về bệnh tình của ngài và các linh mục, những công dân sùng đạo cùng tất cả những ai yêu mến ngài đã tụ họp lại bên cạnh vị thánh; vị thánh, sau khi giảng dạy họ một lúc, đã ra lệnh rằng sau khi ngài qua đời, hãy bầu linh mục Turivii làm người kế vị ngài, người đã cùng ngài lao động vì sự cứu rỗi các linh hồn con người; sau đó, sau khi trao nụ hôn cuối cùng và ban phước lành bình an, ngài đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa. Khi vị thánh qua đời, hoàng tử không có mặt tại đó – lúc đó ngài không ở trong thành phố, mà đang lưu lại tại ngôi làng hẻo lánh của mình; tuy nhiên, ngài đã biết tin này như sau: vào ngày vị thánh qua đời, hoàng tử đang dùng bữa trưa tại nhà cùng các bạn bè, bỗng nhiên đôi mắt tâm linh của ngài mở ra và ngài thấy

Thánh Iulian, mặc áo lễ, cùng ba phó tế cầm đèn, bước vào và ban phước lành, còn các phó tế thì đặt những ngọn đèn lên bàn, và tất cả bỗng chốc biến mất. Thấy vậy, hoàng tử quay sang những người đang ngồi cùng mình và nói:

– Các ngươi có thấy vinh quang mà ta đang thấy không?

Nhưng họ nói rằng họ không thấy gì cả; lúc đó, hoàng tử giải thích:

– Các ngươi có thấy cha chúng ta là Thánh Iulian, người đã ban cho chúng ta biết bao ân huệ và thực hiện biết bao phép lạ không? Vừa rồi ngài đã cùng ba phó tế và ba ngọn đèn bước vào đây, với khuôn mặt rạng rỡ và hân hoan, ngài đã ban phước lành cho chúng ta, để lại những ngọn đèn cho chúng ta rồi ra đi; ta nghĩ rằng ngài đã qua đời rồi, vì chúng ta đã nghe nói ngài bị ốm.

Nói xong, vị công tước lập tức đứng dậy và vội vã lên đường về thành phố và đến ngôi làng nơi vị thánh đã qua đời; khi thấy ngài đã an nghỉ trong Chúa, ngài khóc than thảm thiết, và cả dân chúng cũng rơi lệ thương tiếc vị cha và vị mục tử của mình; họ đặt thi hài tôn kính của ngài lên xe ngựa và đưa về thành phố. Khi đến gần con sông tên là Sarta, nằm gần thành phố, rất sâu, mà phải đi qua bằng phà, những con ngựa, kéo cỗ xe chở thi hài vị thánh, thay vì lên phà, lại lao thẳng xuống sông và, như được một bàn tay vô hình dẫn dắt, đi trên dòng sông sâu như đi trên cầu, mà chân chúng thậm chí không ướt đến đầu gối. Như vậy, họ đã sang được bờ bên kia, và mọi người đều kinh ngạc và kinh hoàng trước phép lạ vĩ đại ấy: vị thánh làm phép lạ kỳ diệu Julian không chỉ khi còn sống mà ngay cả sau khi qua đời vẫn tiếp tục thực hiện những phép lạ. Khi thi hài ngài được rước long trọng vào thành phố và mọi người đổ xô ra đón, có một người phụ nữ đang tắm cho đứa con sơ sinh của mình trong một chậu đồng, dưới chậu có đốt một ngọn lửa nhỏ để làm ấm nước; khi nhìn thấy thi hài của vị thánh và đám đông người dân cầm nến, lư hương, cùng nghe tiếng hát thánh ca, bà đã quên mất đứa con nhỏ của mình và, bỏ lại đứa bé, bước ra để xem lễ rước long trọng thi hài của vị thánh được Chúa yêu mến; bà đứng đó và nhìn cho đến khi đoàn rước đi qua các ngôi nhà. Sau đó, khi nhớ ra đứa trẻ, bà vội vã quay trở lại và thấy ngọn lửa đã bùng lên dữ dội, còn nước trong chậu đã biến thành nước sôi; vì kinh hoàng, bà thét lên, nhanh chóng nhấc chậu ra khỏi lửa và đổ nước nóng đi, nhưng bà thấy đứa trẻ vẫn còn sống, khỏe mạnh và không hề bị tổn thương chút nào bởi nước sôi. Nhiều người có mặt tại đó đã chứng kiến phép lạ này và hiểu rằng đứa trẻ sơ sinh đã được cứu nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh đáng kính. Thánh Julian của Chúa Kitô được an táng trong nhà thờ do chính ngài xây dựng, tại nơi trước đây là dinh thự của hoàng tử, vốn đã được tặng cho vị thánh, và nhiều phép lạ đã xảy ra bên quan tài của ngài: những người mắc đủ loại bệnh tật đều được chữa lành nhờ lời cầu nguyện của vị thánh này, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ngợi khen muôn đời, amen.

Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Marcian

Ngày kỷ niệm: 13 tháng 7

Thánh Tử đạo Marcian, khi còn là một thiếu niên, đã bị bắt và bị tra tấn tại thành phố Iconium, sau đó người ta dẫn ngài (đến Cappadocia) đến trước quan tổng trấn Perennius. Ngài đã dũng cảm vạch trần sự vô đạo của kẻ ngoại giáo này, đồng thời tuyên xưng Chúa Kitô là Thiên Chúa và Chúa Tể. Vì điều này, người ta đã dùng dao cạo vào xương và má ngài; sau đó, tên tra tấn, tức giận trước những lời vạch trần của vị tử đạo, không hài lòng với những hình phạt này, nên ra lệnh đặt ngài lên chảo nung đỏ, và sau đó – cắt lưỡi ngài. Khi tất cả những điều này đã được thực hiện, và vị thánh tử đạo vẫn kiên định trong đức tin và tiếp tục xưng nhận Chúa Kitô, thì quan tổng trấn đã kết án ông bị chém đầu bằng gươm. Sau đó, các binh lính bắt thánh Marcian và ngay khi ông đang cầu nguyện và tạ ơn Thiên Chúa, họ đã chém đầu ông[5099] .

Ngày 27 tháng 7

Ngày 14 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm vị thánh tử đạo Onisimos, người làm phép lạ, đã chịu khổ hình dưới thời Diocletian và qua đời tại Magnesia, Tiểu Á.

[5099] Thánh Tử đạo Marcian qua đời tại Cappadocia vào khoảng năm 258.

Cũng trong ngày này, kỷ niệm ngày qua đời của Thánh Stephano Makhrishsky (năm 1406), người đã thành lập tu viện tại Makhrishche, cách thành phố Aleksandrov thuộc tỉnh Vladimir 12 verst.

Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Akila

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 7

Thánh Tông đồ Aquila, một trong bảy mươi Tông đồ, là môn đệ của Thánh Tông đồ Phaolô và được ngài tấn phong làm giám mục. Ngài gốc Do Thái, đến từ xứ Pontus[5100] ; trước khi trở thành Kitô hữu, ngài sống cùng vợ là Priscilla tại Ý; khi hoàng đế Claudius[5101] ra lệnh cho người Do Thái phải rời khỏi Roma[5102] , Aquila cùng vợ đã chuyển đến Corint[5103] . Lý do khiến người Do Thái bị trục xuất khỏi Rome là như sau: khi việc rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô bắt đầu tại Rome và Thánh Phêrô, vị Tông đồ tối cao, đến đây, nhiều người Do Thái sống tại Rome đã chấp nhận đức tin thánh thiện vào Chúa Kitô, nhưng nhiều người vẫn còn trong sự không tin; do đó đã nảy sinh một cuộc tranh cãi lớn giữa những người Do Thái: một số công nhận Chúa Kitô là Đấng Mêsia đích thực, số khác lại từ chối Ngài và phỉ báng Ngài. Những người Do Thái không tin, không chỉ ở Giê-ru-sa-lem và các nước khác, mà cả ở Rô-ma, đã nổi dậy chống lại các tín hữu với lòng thù hận: họ không thể chịu đựng nổi ngay cả danh xưng của Chúa Giê-su Kitô, nên đã xúi giục những người Hy Lạp tin vào Ngài chống lại các tín hữu và kích động sự bắt bớ họ khắp nơi. Những người Hy Lạp đã tin nhận Chúa Kitô đã bảo vệ các tín hữu Do Thái khỏi những người không tin, và giữa họ nảy sinh những tranh cãi và thù hận lớn, điều này đã được báo cáo lên Hoàng đế Claudius. Vì các tín hữu gọi Chúa Kitô là Con Thiên Chúa và Vua của Israel, nên hoàng đế lo ngại rằng sẽ nảy sinh sự hỗn loạn trong dân chúng và xuất hiện một vị vua mới nào đó muốn tước đoạt quyền lực của ông. Vì vậy, một lệnh đã được ban ra, yêu cầu trục xuất tất cả người Do Thái – bao gồm cả những người tin vào Chúa Kitô lẫn những người không tin – khỏi Rôma và toàn bộ Ý. Còn có một lý do khác dẫn đến cuộc trục xuất này, đó là: những người Do Thái không tin đã dụ dỗ Hoàng hậu Agrippina, vợ của Claudius, quay trở lại đạo Do Thái. Cùng với những người Do Thái bị trục xuất, Aquila cũng bị trục xuất với tư cách là người Do Thái; ông định cư tại Cô-rinh-tô và kiếm sống bằng chính sức lao động của mình, nhờ vào tay nghề làm lều trại. Vào thời điểm đó, Thánh Tông đồ Phaolô, trong khi rao giảng về Đấng Kitô giữa các dân ngoại, đã từ Athen đến Cô-rinh-tô, thành phố chính của A-cha-i-a, và khi gặp Á-ki-la cùng Priscilla tại đây, ngài đã ở lại nhà họ; vì cả hai đều thông thạo cùng một nghề, nên họ cùng nhau làm việc đó; sau khi dạy Á-ki-la và Priscilla về đức tin nơi Chúa Kitô, Phao-lô đã làm phép rửa cho họ (Công vụ 18:1–3). Sau khi ở lại Cô-rinh-tô một năm sáu tháng, giảng dạy Lời Đức Chúa Trời và, nhờ sự giúp đỡ của Đấng Christ, chiến thắng cả người Do Thái lẫn dân ngoại, Phao-lô lên thuyền đi Sy-ri; A-ki-la và Priscilla, những người đã gắn bó sâu sắc với ông bằng tình yêu thương thuộc linh, đã theo ông như một vị thầy và người mang lại sự cứu rỗi. Cùng với họ và các môn đệ khác, Phaolô đã ghé bến tại Ê-phê-sô[5104] ; sau đó, mong muốn có mặt tại Giê-ru-sa-lem vào dịp Lễ Phục Sinh sắp tới, ông đã để A-ki-la và Priscilla lại tại Ê-phê-sô để dạy dỗ người Ê-phê-sô về đức tin thánh thiện của Đấng Christ, còn bản thân ông thì lên đường đến Giê-ru-sa-lem[5105] , hứa sẽ trở lại Ê-phê-sô. Sau khi Phaolô ra đi, một người Do Thái tên là Apollos, quê ở Alexandria, đã đến Ê-phê-sô; ông là người hùng biện và thông thạo Kinh Thánh; ông đã được nghe giảng về con đường của Chúa, nhiệt thành rao giảng và dạy dỗ về Chúa, nhưng vẫn chưa chịu phép rửa trong danh Thánh Ba Ngôi, mà chỉ biết đến phép rửa của Gioan. Aquila và Priscilla, sau khi nghe bài giảng dũng cảm của Apollos trong hội thánh, đã mời ông đến nhà mình và giải

---

[5100] Vùng Pontus hay Pontus – khu vực phía đông bắc Tiểu Á, giáp Biển Đen.

[5101] Hoàng đế từ năm 41–54.

[5102] Thành phố lớn nhất của Ý, nằm hai bên bờ sông Tiber, tại nơi sông này đổ ra biển.

[5103] Thành phố cổ xưa, nổi tiếng và sầm uất nhất của Achaia, một vùng thuộc Hy Lạp; nền tảng Kitô giáo tại đây được Thánh Tông đồ Phaolô đặt ra trong chuyến truyền giáo thứ hai của ngài (Công vụ 18:1–28). Có hai thư do Thánh Tông đồ Phaolô viết gửi cho các tín hữu Cô-rinh-tô.

[5104] Thành phố thương mại ven biển và là thủ phủ của tỉnh Ionia thuộc Tiểu Á. Sau này, Ê-phê-sô trở thành trung tâm hoạt động của Thánh Gioan Thần Học; tại đây, vào năm 431, Công đồng Đại kết lần thứ III đã được tổ chức; ngày nay, Ê-phê-sô là một làng nghèo của Thổ Nhĩ Kỳ mang tên Aya Saluk. (Công vụ 18:18–21).

[5105] Thành phố chính của Palestine, nằm bên suối Kedron trên sườn ba ngọn đồi thuộc dãy núi Giu-đê là A-kra, Si-ôn và Mô-ri-a. Giê-ru-sa-lem rất thân thương đối với mỗi tín hữu Kitô giáo, là trung tâm của những sự kiện vĩ đại trong lịch sử Cựu Ước và Tân Ước – là "mẹ của các Giáo hội Kitô giáo", nơi từ đó Lời Tin Mừng đã lan tỏa khắp vũ trụ.

thích rõ ràng hơn cho ông về con đường của Chúa (Công vụ 18:24–28). Sau đó, Thánh Phaolô trở về từ Giêrusalem đến Êphêsô và từ đây đã viết thư thứ nhất gửi cho các tín hữu ở Cô-rinh-tô, những người tin vào Đấng Christ, kết thúc thư bằng những lời sau:

– A-ki-la và Priscilla cùng hội thánh tại nhà của họ (1 Cô-rinh-tô 16:19) – tức là cùng các tôi tớ của họ – gửi lời chào nồng nhiệt đến anh em.

Sau đó, hoàng đế Claudius qua đời, và người Do Thái lại được trả lại quyền tự do sinh sống tại Rôma; mỗi người trong số họ đều trở về Ý, về nơi ở cũ và tài sản của mình; lúc đó, Aquila và Priscilla cũng trở về Rôma. Khi Thánh Phaolô trở lại Cô-rinh-tô và viết thư gửi cho người Rô-ma từ đó, ngài đã không quên gửi lời chào đến các môn đệ thân yêu của mình, và trong chương cuối cùng, ngài đã viết như sau:

– Hãy chào Priscilla và Aquila, những người cộng tác với tôi trong Đức Kitô Giêsu, những người đã liều mạng sống vì linh hồn tôi; không chỉ riêng tôi mà cả các Hội Thánh của dân ngoại cũng cảm tạ họ (Rm 16:3–4).

Thánh Aquila không ở lại Rôma lâu và cùng vợ trở lại Á Châu[5106] , sau khi được bổ nhiệm làm giám mục và được vị thầy của mình là Tông đồ Phaolô sai đến đó để rao giảng Lời Chúa. Khi đến Ê-phê-sô, ngài đã giúp đỡ Thánh Tông đồ Ti-mô-thê, môn đệ của Thánh Phao-lô[5107] , người đã tấn phong ngài làm giám mục cho dân Ê-phê-sô và để ngài ở lại đó, như ngài đã nói trong thư thứ nhất gửi cho ngài, được viết từ La-ô-đi-ki-a:

– Khi lên đường đến Macedonia, tôi đã xin anh ở lại Ê-phê-sô (1 Ti-mô-thê 1:3).

Sau đó, khi Thánh Tông đồ Phaolô, bị người Do Thái ở Giêrusalem bắt bớ, bị dẫn giải trong xiềng xích đến Rôma và từ đó viết thư thứ hai gửi cho Timôthê ở Êphêsô, ngài lại nhớ đến những môn đệ yêu quý của mình, và nói:

– Hãy gửi lời chào đến Priscilla và Aquila (2 Tm 4,19).

Thánh Aquila, khi rao giảng về Đấng Kitô tại Á Châu, Achaia và Heraclea, đã dẫn dắt vô số linh hồn đến sự cứu rỗi, khiến những người ngoại đạo từ bỏ việc thờ phượng các thần tượng và rửa tội cho họ. Ngài cũng đã đi qua các vùng đất khác, rao giảng Nước Trời khắp mọi nơi, soi sáng bằng đức tin thánh thiện, phá hủy các thần tượng, xây dựng các nhà thờ và bổ nhiệm các linh mục. Sau khi chịu đựng không ít gian nan, ngài đã bị những kẻ vô tín giết hại[5108] và được an nghỉ trên trời cùng các Thánh Tông Đồ khác, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang được dâng lên muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Như mặt trời vĩ đại, đã ban cho Giáo hội, hỡi Akilo vinh quang, ngài chiếu sáng những ai trung thành tôn kính ngài bằng ánh sáng của giáo lý ngài, hỡi Tông đồ của Chúa.

Lễ kỷ niệm Thánh Ê-li

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 7

Thánh Ê-li đã nổi tiếng giữa các tu sĩ trong các sa mạc Ai Cập nhờ những việc tu hành khổ hạnh và đã làm đẹp lòng Thiên Chúa bằng cuộc sống đạo đức. Từ thuở ấu thơ, ngài đã được gửi vào tu viện để phụng sự Chúa, được nuôi dưỡng trong sự tiết độ và trong sạch, được dạy dỗ về sự hiền lành và khiêm nhường, và đã được ban ân sủng của Chúa, nhận được ân tứ làm phép lạ ngay từ khi còn trẻ. Chẳng hạn, khi còn là một thiếu niên, ngài được sai đi lấy lửa, ngài đã lấy than hồng đặt vào áo và mang đến cho vị tu sĩ cao niên mà không làm cháy áo. Các tu sĩ, khi chứng kiến điều này, đã kinh ngạc trước phép lạ và mong muốn noi gương cuộc đời kỳ diệu của thiếu niên ấy,

---

[5106] Tức là phần phía tây của Tiểu Á.

[5107] Thánh Timôthê là con trai của một phụ nữ Do Thái (đã theo Kitô giáo) và một người ngoại giáo, và chính ông là một Kitô hữu chân thành, được anh em trong Giáo hội chấp nhận; với sự đồng ý của ông, Thánh Tông đồ Phaolô đã cắt bì cho ngài "vì người Do Thái", bởi vì họ tuyệt đối không bao giờ chịu nghe Lời Chúa từ một người chưa được cắt bì, mà cha của người đó lại là người ngoại đạo (Công vụ 16:1–2).

[5108] Theo truyền thuyết, cùng với vợ mình, người đã chia sẻ với ông những vất vả trong sứ vụ tông đồ, trong việc rao giảng Lời Chúa. Phần lớn di cốt của các thánh Aquila và Priscilla được lưu giữ tại Rome, trong nhà thờ Thánh Tử đạo Prisca. Ngày kỷ niệm Thánh Priscilla là ngày 13 tháng 2.

người đã vượt trội về sự thánh thiện so với những bậc tiền bối. Một lần nọ, Thánh Ê-li, khi đang đi một mình trong sa mạc, thèm ăn mật ong và thấy một tổ ong đầy mật nằm trên tảng đá; nhận ra đó là mưu mô của kẻ thù, ngài tự trách mình, nói rằng:

– Hãy rời xa ta, hỡi dục vọng cám dỗ, vì có chép rằng: *"Hãy sống theo Thánh Linh, thì các ngươi sẽ không làm theo những dục vọng của xác thịt"* (Ga-la-ti 5:16).

Ngay lập tức, ông rời khỏi nơi đó và lui vào sa mạc hoang vắng, sống trong sự kiêng ăn, làm kiệt sức và như thể trừng phạt thân xác mình vì sự thiếu tự chủ bằng cách từ chối thức ăn. Vào tuần thứ ba của thời gian kiêng ăn, ông thấy trên mặt đất trong sa mạc những quả táo đẹp và các loại trái cây vườn khác; và một lần nữa, nhận ra đó là sự cám dỗ của kẻ thù, ông nói:

– Ta sẽ không nếm, thậm chí không chạm vào bất cứ thứ gì trong số này, để không cám dỗ anh em ta, tức là linh hồn ta, vì có chép rằng: *"Con người không chỉ sống bằng bánh mà thôi, nhưng bằng mọi lời phát xuất từ miệng Đức Chúa Trời"* (Đệ Nhị Luật 8:3; Ma-thi-ơ 4:4).

Sau khi ăn chay được bốn tuần, ngài chợp mắt một chút và thấy Thiên Thần của Đức Chúa Trời hiện ra trong giấc mơ, nói rằng:

– Hãy đứng dậy, và bất cứ điều gì ngươi thấy được dâng cho mình, hãy nếm thử mà không do dự, rồi hãy ăn cho no!

Khi tỉnh dậy, ngài thấy một suối nước trong vắt và xung quanh là những loại rau xanh, có mùi thơm dễ chịu và rất ngon miệng; ngài đã ăn những loại rau đó, uống nước từ suối và phục hồi sức lực. Sau này, ngài kể lại với các anh em rằng trong suốt cuộc đời mình, ngài chưa bao giờ nếm được thức ăn nào ngọt ngào đến thế. Đi thêm một quãng ngắn từ nơi đó, ngài tìm thấy một hang động và định cư ở đó, ở lại trong hang một thời gian. Khi bản năng thể xác đòi hỏi thức ăn, ngài cầu nguyện với Chúa trên những tảng đá, và ngay lập tức, bằng một bàn tay vô hình, ngài được ban cho bánh mì tươi sạch, quả ô liu và các loại rau củ khác nhau.

Một lần nọ, vị thánh nhân lên đường đến thăm các anh em trong sa mạc, những người đang thiếu thốn nhu yếu phẩm, và mang đến cho họ thức ăn từ những gì Đức Chúa Trời đã ban cho ông. Trên đường đi, khi cảm thấy mệt mỏi vì gánh nặng, ông nhìn thấy những con lừa đang đi lại và gặm cỏ trong sa mạc, bèn quay sang chúng và nói:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, xin một con hãy đến đây và mang gánh nặng của tôi!

Ngay lập tức, một con lừa, con khỏe nhất trong đàn, hiền lành bước đến gần ngài; vị thánh đặt gánh nặng của mình lên lưng nó, rồi tự mình ngồi lên và nhanh chóng đến nơi ở của các anh em đang sống trong sa mạc, mang lại niềm vui cho họ bằng thức ăn mang theo, còn con lừa thì được thả về sa mạc. Một lần khác, ngài cũng đến một tu viện hoang vắng vào sáng Chủ nhật và, khi biết rằng ở đó không có thánh lễ được cử hành trong nhà thờ, ngài đã hỏi: "Vì lý do gì mà ngày của Chúa lại không có thánh lễ?" Các tu sĩ trả lời rằng vị linh mục sống ở bờ bên kia sông đã không đến vì sợ con cá sấu xuất hiện trên sông và đã nuốt chửng nhiều người. Thánh nhân nói với họ:

– Nếu các anh muốn, tôi sẽ đi gọi vị linh mục về.

Nhưng các tu sĩ đáp:

– Không! Hơn nữa, ai sẽ chở ngài sang bên kia: mọi người đều sợ con cá sấu nên không dám đến gần bến đò!

Nhưng Thánh Ê-li, đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, đã đi và khi đến bờ sông, ngài kêu cầu danh Chúa, thì ngay lập tức con cá sấu xuất hiện. Con cá sấu vốn quen với việc giết người, theo lệnh của Đức Chúa Trời, đã trở thành người chở cho vị thánh công chính: với sự hiền lành và kính sợ, nó đã cõng vị thánh trên lưng, chở qua sông và đặt ngài xuống bờ bên kia. Vị thánh, khi đến nơi ở của vị linh mục, đã xin ông đến gặp các anh em tu sĩ, nhưng vị linh mục, không nhận ra ngài, đã hỏi:

– Ngươi là ai và từ đâu đến?

Ngài đáp rằng mình mới đến tu viện cách đây không lâu. Vị linh mục, dù thấy bộ quần áo cũ nát và vá chằng vá đụp của vị thánh, nhưng qua lời nói và phong thái, đã nhận ra ngài là người của Chúa và nói:

– Anh em ơi, áo quần bên ngoài của anh tuy tồi tàn, nhưng tâm hồn anh thì tốt đẹp!

Sau đó, ông đứng dậy và đi về phía tu viện. Khi họ đến bên sông mà không tìm thấy phương tiện nào để qua sông, vị thánh nhân nói với vị linh mục:

– Xin cha đừng lo lắng! Chúa sẽ chuẩn bị một chiếc thuyền cho chúng ta!

Và ngài dùng giọng nói vang dội gọi con cá sấu đến; con cá sấu, khi nghe thấy giọng nói của vị thánh, lập tức xuất hiện trước mặt họ và ngoan ngoãn đưa lưng ra để họ leo lên. Đầu tiên, vị thánh leo lên lưng con cá sấu, sau đó mời vị linh mục, nói:

– Hãy lên đi, thưa cha, đừng sợ!

Nhưng vị linh mục, khi nhìn thấy con cá sấu, đã hoảng sợ và chạy lùi lại. Các anh em thì đứng ở bờ bên kia và chứng kiến phép lạ khi người của Chúa băng qua sông trên lưng con cá sấu, và họ vừa kinh ngạc vừa sợ hãi trước điều đó. Vị thánh nhân, sau khi băng qua sông, lên bờ và kéo con cá sấu theo sau, đã nói với nó:

– Thà ngươi tự chết còn hơn là giết hại con người và ăn thịt họ!

Và ngay lập tức, con cá sấu ngã xuống và chết.

Thánh Ê-li ở lại tu viện ba ngày, giảng dạy các tu sĩ bằng những lời được Thánh Thần soi dẫn; vì chính ngài có khả năng thấu thị, ngài biết rõ ý nghĩ và lương tâm của từng tu sĩ, và nói riêng với mỗi người về những cám dỗ mà họ đang phải đối mặt. Với người này, ngài nói rằng anh ta đang bị thúc đẩy bởi tinh thần ô uế; với người khác, rằng anh ta đang bị thúc đẩy bởi cơn giận; với người khác nữa, rằng anh ta đang bị mê hoặc bởi những món ngon; và với người khác, rằng anh ta đang bị cuốn vào một đam mê nào đó. Ngoài ra, vì lợi ích chung, ngài còn chỉ ra những đức tính của các tu sĩ khác: gọi người này là hiền lành, người kia là công chính, người khác là kiên nhẫn, người khác là vâng lời, và người khác nữa là có đức tính nào đó; cuộc sống của tất cả mọi người cùng mọi việc bí mật, tốt lẫn xấu, đều được Thiên Chúa mặc khải cho ngài. Ai trong số những người bị các dục vọng chi phối cũng đều thừa nhận rằng những điều Thánh Ê-li nói về họ là đúng, và tất cả đều cảm động sâu sắc, từ đó sửa đổi lối sống của mình. Một lần nọ, trong buổi trò chuyện tâm linh, vị thánh cha đã nói:

– Hãy chuẩn bị bữa ăn, vì các anh em lữ hành sắp đến đây!

Và quả thực, khi bữa ăn đã được chuẩn bị xong, đúng như vị thánh đã nói, các anh em hành hương từ xa đã đến tu viện; sau khi tiếp đón họ một cách long trọng, Thánh Ê-li đã lên đường vào sa mạc. Một trong những anh em trẻ tuổi đã xin ngài cho phép được đi cùng ngài vào sa mạc, và vị thánh đã nói với anh ta:

– Đó là việc khó khăn, anh em ạ, và đòi hỏi nhiều công sức, vì cần phải kiên định chống lại những cám dỗ của ma quỷ và phải chịu đựng nhiều điều.

Nhưng anh em ấy hứa sẽ chịu đựng tất cả, và vị thánh đã nhận anh ta vào, rồi bảo anh ta sống trong một hang động khác. Vào đêm hôm đó, các quỷ dữ đã tấn công anh ta, ban đầu là một cách vô hình, làm xáo trộn tâm trí anh ta bằng những ý nghĩ xấu xa, rồi sau đó hiện ra rõ ràng, như những ảo ảnh đáng sợ ập đến và đè bẹp anh ta, muốn giết chết anh ta. Anh ta chạy ra khỏi hang động, vội vã đến gặp vị thánh và kể cho ngài nghe về tai họa của mình. Vị tu sĩ già, sau khi an ủi người anh em bằng vài lời và củng cố lòng kiên nhẫn cùng đức tin của anh, lại dẫn anh trở lại hang động đó, dùng ngón tay chỉ rõ nơi ở, rồi làm dấu thánh giá để bảo vệ nơi đó, và ra lệnh cho anh hãy lấy danh Chúa làm vũ khí và đừng sợ hãi. Và người anh em ấy đã sống trong sa mạc ấy mà không còn bị quỷ dữ quấy rối nữa, và được ban cho thức ăn do bàn tay vô hình mang đến, giống như vị thầy đáng kính của anh, người đã được chính Đức Chúa Trời nuôi dưỡng. Thánh Ê-li đã sống đến tuổi thọ cao, thực hiện nhiều phép lạ và qua đời về với Thiên Chúa, Đấng mà ngài đã làm đẹp lòng, và được xếp vào hàng các vị thánh đứng trước ngai vàng của Cha, Con và Thánh Thần trên trời, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài bây giờ, muôn đời và đến muôn đời. A-men[5109] .

Lễ kính Thánh Tử đạo Iusta

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 7

Thánh Justus, người gốc La Mã, từng là một chiến binh. Ngài đã có một thị kiến kỳ diệu: một cây thánh giá trong suốt như pha lê hiện ra trên không trung. Justus đã tin vào Chúa Kitô và phân phát toàn bộ tài sản của mình cho những người nghèo. Theo lệnh của tổng trấn Magnentius, ngài bị bắt, phải chịu nhiều cực hình, sau đó bị ném vào lửa và qua đời mà thậm chí không một sợi tóc nào bị tổn thương.

[5109] Thánh Ê-li qua đời vào thế kỷ IV.

Ngày 28 tháng 7

ngày 15 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này là ngày qua đời của Thánh Vladimir, Đại công tước Kiev, người ngang hàng với các Tông đồ (năm 1015), tên rửa tội là Vasili.

Cũng trong ngày này, tưởng niệm Thánh Tử đạo Avudim, người đã chịu khổ hình dưới thời Diocletian.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Kirik và Iulitta

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 7

Tại thành phố Iconium thuộc xứ Lycaonia, có một thiếu nữ xuất thân cao quý, thuộc dòng dõi các vị vua La Mã xưa, tên là Iulitta, là một tín hữu Kitô giáo; sau một thời gian ngắn sống trong hôn nhân hợp pháp[5110] , cô trở thành góa phụ sau khi sinh một bé trai. Cô đã rửa tội cho đứa trẻ và đặt tên cho nó là Kirika. Vào thời điểm đó, Diocletianus vô đạo[5111] , người đang nắm quyền cai trị đế quốc La Mã, đã phát động một cuộc đàn áp dữ dội đối với các Kitô hữu trên khắp các vùng đất thuộc quyền cai trị của ông; quan tổng trấn Dometianus được Diocletianus bổ nhiệm làm quan cai trị vùng Lycaonia; ông là một người đàn ông khắc nghiệt và vô nhân đạo, có bản tính như thú dữ, hả hê trước việc đổ máu các Kitô hữu. Khi đến Iconium, Dometian bắt đầu tra tấn dữ dội những người tin vào Chúa Kitô và ráo riết truy lùng những người bí mật theo đạo Kitô. Iulitta, một nữ tín hữu trung thành của Chúa Kitô, khi chứng kiến điều này và biết rằng với lòng đạo đức của mình, bà không thể trốn tránh được những kẻ tra tấn, đã quyết định bỏ trốn, vì sợ rằng bà sẽ không chịu đựng nổi những cực hình tàn bạo và sẽ từ bỏ Chúa Kitô. Vì vậy, vì tình yêu của Chúa Kitô, bà đã bỏ lại tất cả tài sản của mình – vốn rất nhiều – ngôi nhà, người thân, nô lệ, mọi sự quyến rũ của thế gian này, vinh quang và thú vui; rồi bà dẫn theo con trai mình là Kirik, lúc đó mới ba tuổi, cùng hai nữ tỳ trung thành, vào ban đêm rời khỏi thành phố Ikonia và lên đường lưu lạc, luôn ghi nhớ lời được chép trong Kinh Thánh: *"Chúng ta không có thành phố vĩnh cửu ở đây, nhưng đang tìm kiếm thành phố tương lai"* (Hê-bơ-rơ 13:14).

Bà đến Seleucia[5112] với tư cách là một người lữ hành và người ăn xin, che giấu tước vị cao quý của mình, nhưng ngay tại đây, bà cũng phải đối mặt với sự bắt bớ tương tự đối với các Kitô hữu, vì một người tên là Alexander, người đã được vua trao quyền cai trị, đã đến Seleucia và không thương xót giết chết tất cả những ai xưng danh Chúa Giêsu Kitô. Thánh nữ Iulitta, nhớ lại lời Kinh Thánh: "Hãy nhường chỗ cho cơn giận", tức là hãy trốn tránh cơn giận[5113] , và còn: *"Khi người ta bắt bớ các con ở một thành phố, hãy trốn sang thành phố khác"* (Mt

---

[5110] Iconium – một thành phố nằm trên cao nguyên màu mỡ ở sâu trong Tiểu Á, dưới chân núi Taurus, không xa Lystra và Derbe; xưa kia, Iconium từng là thủ phủ của các thành phố thuộc vùng Lycaonia. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Iconium nổi tiếng nhờ những chuyến viếng thăm của Thánh Tông đồ Phaolô trong các chuyến truyền giáo của ngài (Công vụ 13:51, 14:1–3; 2 Timôthê 3:11). Sau này, nơi đây trở thành một giáo phận và từ năm 451, các giám mục Ikonia được gọi là tổng giám mục của tỉnh Lycaonia.

[5111] Trong thời trị vì của Đế vương Diocletian (284–305), bốn sắc lệnh chống lại các Kitô hữu đã được ban hành. Sắc lệnh đầu tiên được ban hành vào tháng 2 năm 303. Sắc lệnh này ra lệnh phá hủy các nhà thờ và đốt các sách thánh; đồng thời, các Kitô hữu bị tước quyền công dân, sự bảo hộ của pháp luật và các chức vụ của họ; những nô lệ là Kitô hữu sẽ mất quyền tự do nếu, sau khi được giải phóng vì bất kỳ lý do nào, họ vẫn giữ đức tin Kitô giáo. Ngay sau đó, sắc lệnh thứ hai được ban hành, ra lệnh giam giữ tất cả các vị chủ chăn và các chức sắc tôn giáo khác vào ngục tối; do đó, sắc lệnh này chỉ áp dụng riêng cho các chức sắc tôn giáo; họ bị cáo buộc trước hoàng đế là những kẻ chủ mưu cuộc nổi dậy ở Syria và Armenia, vốn đáng tiếc cho người Kitô giáo đã bùng phát ngay sau khi sắc lệnh đầu tiên được ban hành. Cũng trong năm 303, sắc lệnh thứ ba được ban hành: tất cả những người bị giam giữ theo sắc lệnh mới này đều bị ép buộc phải dâng lễ vật, dưới sự đe dọa sẽ bị tra tấn nếu chống đối. Cuối cùng, vào năm 304, sắc lệnh thứ tư và cũng là cuối cùng được công bố, tuyên bố cuộc đàn áp Kitô hữu trên toàn cõi. Chính sắc lệnh này đã khiến nhiều tín đồ Kitô giáo phải đổ máu nhất: nó có hiệu lực suốt tám năm, cho đến năm 311, khi Hoàng đế Galerius ban hành một sắc lệnh đặc biệt công nhận Kitô giáo là tôn giáo được phép. Cuộc đàn áp dưới thời Diocletian là cuộc đàn áp cuối cùng; trong cuộc đàn áp này, sau gần ba thế kỷ đấu tranh, Kitô giáo đã giành chiến thắng trước các tôn giáo ngoại đạo.

[5112] Selêucia – một thành phố của Syria, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải; rất có thể thành phố này được vua Syria Seleucus Nicator thành lập vào khoảng năm 300 trước Công nguyên; tại đây, Thánh Phaolô đã dừng chân để rao giảng trong chuyến hành trình đầu tiên của mình và từ đây, ngài đã lên thuyền đi đến đảo Síp (Công vụ 13:4); vào thế kỷ VI sau Công nguyên, thành phố này đã bị phá hủy.

[5113] Thực ra, đoạn văn này trong Thư gửi tín hữu Rô-ma (Rô-ma 12:19) có ý nghĩa khác: "Hỡi những người yêu dấu, đừng tự mình báo thù," – vị Tông đồ nói, – "nhưng hãy nhường chỗ cho cơn giận của Đức Chúa Trời."

10:23), – đã rời khỏi Seleucia và lên đường đến Tarsus, một thành phố thuộc xứ Cilicia, và sống ở đó giữa những người nghèo khó. Một thời gian sau, chính viên quan Alexander đó lại đến Tarsus[5114] để hành hạ các Kitô hữu; Thánh Iulitta bị một số người nhận ra và họ đã báo cáo với viên quan. Viên quan lập tức ra lệnh bắt bà đến, còn bản thân ông thì ngồi trên bục xét xử mở cửa cho dân chúng. Khi các binh lính bắt bà cùng với con trai, hai nữ nô lệ của bà đã bỏ trốn; họ đứng từ xa theo dõi bà, để chứng kiến nỗi đau khổ và cái chết của bà. Và vị tử đạo đã được dẫn đến trước mặt quan trưởng, trên tay bế cậu bé ba tuổi là Thánh Kirik. Khi được quan trưởng hỏi về tên, dòng dõi và quê quán, bà đã dũng cảm xưng danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và tự xưng mình là người Kitô hữu:

– Tên tôi, – bà nói, – nguồn gốc và quê hương của tôi chính là Nước Trời của Đấng Kitô, Chúa của tôi!

Vị quan trưởng, nổi giận, ra lệnh lấy đứa trẻ khỏi tay bà, lột trần và đánh đập không thương xót bằng những sợi dây thừng cứng. Khi người nữ tử đạo bị đánh, đứa trẻ, nhìn thấy cảnh đó, khóc lóc và giãy giụa thoát khỏi tay những người đang giữ nó để chạy đến với mẹ. Vị quan trưởng, khi nhìn thấy vẻ đẹp của đứa trẻ, đã ra lệnh mang nó đến bên mình; sau đó, ông bế nó lên, đặt lên đùi và bắt đầu dỗ dành để nó ngừng khóc, vuốt ve đầu nó, hôn nó và nói với nó những lời âu yếm, nhưng đứa trẻ vẫn chống cự, giãy ra khỏi tay ông ta, quay đầu đi khỏi viên chỉ huy, không để ông ta vuốt ve hay hôn mình bằng đôi môi dơ bẩn; đứa trẻ cứ nhìn về phía người mẹ đang bị đánh, khóc và la lên:

– Con là người Kitô hữu! Hãy để con đến với mẹ!

Khi giật tay ra khỏi tay viên trưởng, nó dùng móng tay cào vào mặt ông ta. Lúc đó, viên trưởng nổi cơn thịnh nộ, quăng đứa trẻ xuống sàn và dùng chân húc vào sườn nó, hất nó xuống từ chiếc ghế cao; đứa trẻ, khi rơi xuống các bậc thang đá và đập đầu vào những góc nhọn, đã nhuộm đỏ cả khu vực đó bằng máu của mình và trao linh hồn thánh thiện và vô tì vết của mình vào tay Thiên Chúa. Như vậy, thánh thiếu niên Kirik đã kết thúc cuộc đời bằng sự tử đạo.

Còn người mẹ thánh thiện của cậu, bà Iulitta, sau khi bị tra tấn dã man và kéo dài, đau khổ như thể đang ở trong một thân xác lạ lẫm và vô cảm như một cột đá, không cảm nhận được gì, chỉ lặp đi lặp lại những lời này:

– Tôi là người Kitô hữu và sẽ không dâng lễ vật cho ma quỷ!

Khi họ ngừng đánh bà và nâng bà dậy khỏi mặt đất, bà nhìn thấy trước tòa án đứa con yêu quý của mình, người đã đầy máu và đã chết; tràn ngập niềm vui, Iulitta nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì Ngài đã ban cho con trai con ân sủng này, để nó được chết tử đạo trước con vì danh thánh của Ngài và nhận được vương miện bất diệt trong vinh quang của Ngài.

Sau đó, quan trưởng ra lệnh treo cổ bà và dùng những chiếc răng sắt cạo xé thân thể bà, rồi lấy nhựa cây đang sôi sùng sục trong nồi ra, ra lệnh đổ lên các vết thương của bà. Khi thánh Iulitta đang bị tra tấn như vậy, người truyền lệnh đã kêu lên:

– Hãy thương xót chính mình đi, Iulitta, hãy thương xót tuổi trẻ của con và hãy thờ lạy các vị thần, để con được thoát khỏi những đau đớn này và không phải chết một cái chết thảm khốc như con trai con.

Vị tử đạo đáp lại:

– Ta sẽ không thờ lạy ma quỷ và những thần tượng câm điếc của chúng, – ta thờ lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Con Một của Đức Chúa Trời, Đấng mà Cha trên trời đã dùng để tạo dựng muôn vật (Cô-lô-se 1:12–16), và tôi cố gắng đến với con trai mình, để cùng con được hưởng Nước Trời. Thấy sự kiên nhẫn không thể lay chuyển và lòng dũng cảm vĩ đại của vị nữ tử đạo, quan trưởng đã kết án bà bị chém bằng gươm. Các đầy tớ đã dẫn nàng ra khỏi thành đến nơi , nơi hành quyết những kẻ bị kết án tử hình. Thánh nữ bước đi như thể đang tiến đến lễ cưới; khi đến nơi đó, nàng xin một chút thời gian để cầu nguyện, rồi quỳ gối xuống và cầu nguyện:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con, vì Ngài đã gọi con trai con về trước con, ban cho nó ân sủng được chịu khổ vì danh thánh của Ngài, và cho nó, người đã từ bỏ cuộc sống phù du để ở cùng các thánh; xin hãy đón nhận cả con, tôi tớ bất xứng của Ngài, và ban cho con ân sủng trước mặt Ngài – được kể vào số các trinh nữ khôn ngoan (xem Mt 25:1–13), bước vào cung điện bất diệt của Ngài, để linh hồn con ngợi khen Ngài, Đấng Tạo Hóa của con, Cha Ngài vô thủy vô chung và Thánh Thần đồng bản thể với Ngài, đến muôn đời, amen.

[5114] Tarsus, một thành phố thuộc vùng Cilicia ở Tiểu Á, nổi tiếng vì là nơi Thánh Tông đồ Phaolô ra đời (Công vụ 22:3); cũng chính tại đây, ngài đã chuẩn bị để rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô và từ đây, ngài được Tông đồ Barnaba mời gọi để rao giảng Tin Mừng (Công vụ 9:11, 30, 11:25). Vì vậy, Kitô giáo đã sớm hình thành tại Tarsus (Công vụ 15:23, 41).

Sau lời cầu nguyện của thánh Iulitta, tên hành hình đã mài sắc thanh gươm, chém vào cổ nàng và chặt đứt cái đầu cao quý, bỏ lại thi thể tại chỗ đó mà không chôn cất, để cho chó và thú dữ ăn thịt; cũng vậy, thi thể của thánh Kirik, sau khi được kéo ra khỏi thành phố, đã bị ném bên cạnh thi thể mẹ ngài rồi bỏ đi. Khi đêm xuống, hai nữ nô lệ nói trên đã đến đây, mang thi thể bà chủ và con trai bà đi xa, rồi chôn cất dưới đất. Một trong hai nữ nô lệ này đã sống đến thời Hoàng đế Constantine Đại đế[5115] , vị vua Kitô giáo đầu tiên, dưới triều đại của ngài, chân lý đã tỏa sáng và Giáo hội của Thiên Chúa, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, đã trở thành thế lực thống trị; chính lúc đó, người nữ nô lệ đã chỉ cho các Kitô hữu trung thành nơi an táng các thánh tích thiêng liêng của các thánh tử đạo Kirik và Iulitta, đồng thời kể lại những đau khổ của họ. Xác thánh của các ngài được khai quật từ lòng đất, vẫn còn nguyên vẹn, tỏa hương thơm ngát và ban sự chữa lành cho những người bệnh. Những đau khổ của các ngài đã được ghi chép lại để tưởng nhớ và tôn vinh các thánh tử đạo, vì lợi ích của các tín hữu và để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời[5116] . Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Trong vòng tay ôm ấp, nữ tử đạo Ioulitta Kirika, vui mừng trong cuộc chiến đấu dũng cảm, đã kêu lên: "Đức Kitô là sự ca ngợi của các vị tử đạo."

Ngày 29 tháng 7

Ngày 16 tháng 7 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Tử đạo Athenogenes và mười môn đệ của ngài

Ngày tưởng niệm 16 tháng 7

Vào thời vua La Mã vô đạo Diocletian[5117] , đã xảy ra cuộc bách hại tàn bạo đối với các Kitô hữu; tất cả những ai sống theo ý Chúa đều lâm vào cảnh khốn khó, khắp nơi đều bất an, nhiều người đã phản bội lẫn nhau để dẫn đến cái chết – cha phản bội con, anh phản bội em, họ hàng phản bội họ hàng – vì sợ hãi trước nhà vua. Một quan tổng trấn tên là Philomarch đã đến thành phố Sebaste của người Armenia; sau khi tập hợp một đám đông các thầy tế thần tượng, ông ra lệnh cho họ, với những vòng hoa trên đầu, dâng lễ vật cho các thần tà ác của mình trong không khí vui vẻ và long trọng, dưới tiếng kèn và tiếng cymbal, cùng với tiếng đàn hạc và sáo. Còn bản thân ông ta, ngồi trên bục xét xử trước mặt dân chúng, đã ra lệnh cho người thuyết giảng phải lớn tiếng hô to như sau:

– Hỡi các công dân và tất cả những người nổi tiếng, hãy tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, hãy đi và dâng lễ vật lên các vị thần!

Dù dân chúng đông đảo đến đâu, tất cả đều đồng thanh hét lên:

– Chúng tôi là Kitô hữu và sẽ không thờ lạy các thần tượng!

Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh cho binh lính đánh đập dân chúng, và nhiều người đã chết vì Chúa Kitô và nhận được vương miện thiên đàng. Sau đó, chỉ huy đội quân, ông Nikolai, tiến đến gần kẻ tra tấn và nói:

– Thưa ngài Igemon! Ở đây có một người tên là Athinogenes, một giám mục Kitô giáo, đang lôi kéo mọi người theo đạo của ông ta; ông ta sống ở làng Pidaphone.

Igemon lập tức sai binh lính đi bắt ông ta. Thánh Athinogenes có một tu viện nhỏ ở một nơi hẻo lánh gần ngôi làng đó, nơi ngài sống cùng mười môn đệ của mình trong sự ăn chay và cầu nguyện. Các binh lính đến tu viện

---

[5115] Hoàng đế từ năm 324 đến năm 337

[5116] Cuộc tử đạo của các thánh tử đạo Kirik và Iulitta diễn ra vào khoảng năm 305 – Tại Constantinopolis có tu viện Kirik và gần thành Jericho ở Giu-đê có một nhà thờ, như lời chứng của Gioan Mosch. Theo lời chứng của các hành hương Nga từ thế kỷ XII đến XV, di cốt của Thánh Kirik được lưu giữ tại Nhà thờ Hagia Sophia ở Constantinopolis. Amator, Giám mục Auxerre (388–418), đã mang một phần di cốt đó về Auxerre, nơi có Antioch.

[5117] Ngài cai trị nửa phía đông của Đế quốc La Mã từ năm 284 đến năm 305.

của ngài nhưng không tìm thấy vị giám mục thánh nhân: ngài đã đi đâu đó; lúc đó, họ trói các môn đệ của ngài lại và dẫn họ về Sebaste. Thống đốc nhìn thấy họ liền ra lệnh đưa vào ngục tối, xiềng xích lại và giám sát họ chặt chẽ; còn với các binh lính, ông nói:

– Hãy tìm cho ta vị thầy của họ.

Các chiến binh đi khắp nơi để tìm kiếm Athinogenes. Còn Athinogenes, người của Chúa, khi đến tu viện mà không thấy các anh em của mình, đã bước vào nhà thờ cầu nguyện và, nhìn cây thánh giá đang đứng đó với đôi mắt đẫm lệ, ông nói:

– Các anh em của con, những người con đã phó thác cho Ngài, đang ở đâu? Ai sẽ cùng con dâng những lời cầu nguyện thường lệ lên Đức Chúa Trời? Những cành ô liu xinh đẹp đâu rồi? Chuyện gì đã xảy ra với chúng? Con không biết!

Vị thánh đau buồn khôn xiết. Ra khỏi tu viện, ngài đi vòng quanh đó, ngạc nhiên và bối rối không biết các anh em đã đi đâu; bỗng một con nai chạy đến bên ngài – con nai mà ngài mới đây đã tự tay nuôi dưỡng – bắt đầu cọ xát vào ngài và liếm tay ngài. Sau đó, ngài gặp một người quen, người này hỏi ngài:

– Ngài đã ở đâu, thưa Đức Thánh Cha, khi các môn đệ của ngài bị bắt? Vì vị thống đốc đã sai lính đến bắt họ, ra lệnh trói họ lại và dẫn về thành phố để tra tấn.

Nghe vậy, vị thánh vui mừng, ngước mắt lên trời và nói:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã gọi những tôi tớ xứng đáng của Ngài vào Nước Trời!

Sau khi cho con nai chạy về sa mạc, chính ngài vội vã đến thành Sebaste để gặp các môn đệ của mình. Khi đến trước quan tòa thành phố, ngài bắt đầu la lớn:

– Tại sao ngươi lại cướp bóc ta, tên hành hạ, đã cướp bóc nhà thờ của ta? Xin Chúa chứng kiến việc ác mà ngươi đã làm, và xin Ngài giáng cơn thịnh nộ của Ngài xuống trên ngươi!

Ngay lập tức, các binh lính bắt vị thánh lại và dẫn đến trước quan tổng trấn, nói:

– Đây là Athinogen, người mà ngài đã ra lệnh truy tìm, hắn đang xúc phạm ngài một cách nghiêm trọng!

Thống đốc lập tức ra lệnh ném ngài vào ngục tối, nơi các anh em của ngài đang bị giam giữ vì Chúa Kitô. Khi nhìn thấy các anh em của mình, vị thánh rất vui mừng và nói với họ:

– Bình an cho các con! Ơn sủng của Chúa Kitô ở cùng các con, hỡi các con của ta: các con đã được Chúa hài lòng, nên Ngài đã mời các con đến dự tiệc trên trời! Hãy vững lòng, đừng sợ những cám dỗ của kẻ tra tấn; ngày mai, Thiên Chúa sẽ giúp các con hoàn thành công việc anh hùng của mình, và các con sẽ cùng với các Thiên thần và các thánh nhân bước vào niềm vui thiên đàng, và trong sự hân hoan ca ngợi Chúa Trời trên trời mãi mãi!

Ngày hôm sau, tên tra tấn ngồi trên ghế xét xử và ra lệnh dẫn Athenogenes cùng mười môn đệ của ông đến trước mặt mình. Hắn nói với họ:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, theo lệnh của hoàng đế; còn nếu các ngươi không vâng lời, ta sẽ tra tấn các ngươi bằng những cực hình tàn khốc và tước đoạt mạng sống các ngươi, giống như ta đã tiêu diệt những kẻ cứng đầu trước các ngươi: kẻ ác đã bị diệt vong bởi chính sự ác của chúng.

Thánh Athinogenes đáp lại:

– Những người mà ngươi, kẻ hành hạ, gọi là đã chết, thực ra không hề chết, mà đang hân hoan trên thiên đàng cùng với các Thiên thần.

Igemon nói:

– Đừng làm ta mất thời gian nữa, Athinogen, hãy mau nghe lời ta và cùng các bạn đồng hành dâng lễ vật lên các vị thần, để các ngươi không phải chịu cái chết tàn khốc.

Nghe vậy, vị thánh nói với Igemon:

– Hắn là kẻ tra tấn vô pháp, con chó bẩn thỉu và vô liêm sỉ! Ngươi không thể dọa nạt chúng ta bằng những lời đe dọa của ngươi, hãy làm gì tùy ý: chúng ta sẵn sàng chịu đựng mọi thứ vì Đức Chúa Trời của chúng ta.

Lúc đó, tên tra tấn nổi giận và ra lệnh treo mười môn đệ của Athinogen lên cây sồi trong tình trạng trần truồng, đánh đập dã man và dùng lược sắt cạo da thịt họ. Trong lúc chịu đau đớn, họ vẫn nói:

– Chúng con sẵn sàng chịu thương tích vì Đấng Kitô Bất Tử; chúng con sẽ không chối bỏ Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của chúng con!

Kẻ tra tấn, khi thấy lòng dũng cảm và sự kiên nhẫn của họ – thứ không thể bị khuất phục bởi bất kỳ hình phạt nào – đã ra lệnh chém đầu họ bằng gươm. Và các thánh đã qua đời trong sự xưng đạo tốt lành và vinh quang

bước vào các vùng đất thiên đàng. Sau khi mười vị tử đạo thánh thiện bị giết, viên tổng trấn quay sang thánh giám mục Athinogenes và nói:

– Đấng Kitô của ngươi, Đấng mà ngươi gọi là Thiên Chúa, đang ở đâu? Tại sao Ngài không đến đây và giải cứu các môn đệ của ngươi khỏi tay ta?

Nói xong, quan tổng trấn ra lệnh treo cổ ngài trần truồng lên cây và đánh đập. Còn vị thánh, khi bị đánh, đã nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Thiên Chúa, vì đã cho con được chịu khổ vì danh Ngài!

Thống đốc nói với ngài:

– Vậy tại sao Đức Chúa Trời của ngươi lại không giải cứu ngươi khỏi tay ta?

Vị tử đạo đáp lại:

– Ngài đã giải cứu và sẽ giải cứu con khỏi mưu mô độc ác của ngươi, hỡi kẻ vô luật pháp!

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh tháo anh ta xuống khỏi cây và lại đánh đập dã man vào sườn, còn vị thánh kêu lên, hướng về Thiên Chúa:

– Con đã đặt niềm tin nơi Ngài, lạy Chúa, xin cứu con bằng lòng thương xót của Ngài!

Và có tiếng nói thiêng liêng từ trên cao vang xuống:

– Hãy can đảm lên, người được Ta chọn! Ta ở cùng ngươi, – Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng bảo vệ ngươi!

Không chỉ vị thánh nghe thấy tiếng nói ấy, mà cả những tên đầy tớ đang tra tấn ngài cũng nghe thấy; họ bị nỗi sợ hãi bao trùm, và không thể tiếp tục tra tấn người của Chúa nữa, vì tay họ đã tê cứng. Một trong những người bạn của vị thống đốc, tên là Philip, đang ngồi cùng ông, nói với ông:

– Chẳng phải ta đã nói với ngươi từ trước rằng những người Kitô hữu là những kẻ phù thủy sao? Hãy giết hắn đi cho nhanh, kẻo những ai nhìn thấy hắn sẽ bị cám dỗ.

Vị thống đốc lập tức ra lệnh chém chết vị tử đạo bằng gươm, còn vị thánh nói với người tra tấn:

– Xin ngài, ngài thống đốc, hãy ra lệnh đưa tôi về tu viện của tôi và xử tử tôi tại đó.

Và vị thống đốc đã đáp ứng lời thỉnh cầu của ngài.

Khi vị thánh được dẫn về tu viện của mình, ngài đã hát một số câu trong các Thánh vịnh của Đa-vít và vui mừng vì sắp được lìa xa thân xác để về với Chúa. Khi ngài đã gần đến tu viện, con nai nói trên đã bước ra từ sa mạc để đón vị thánh và quỳ lạy dưới chân ngài. Vị thánh bèn nói với nó:

– Ngươi đã mất đi anh em, giờ đây ngươi cũng sắp mất đi người đã nuôi dưỡng ngươi! Nguyện Thiên Chúa Hằng Hữu đừng để ngươi và dòng dõi ngươi rơi vào tay những kẻ săn bắn, nhưng xin cho dòng dõi ngươi được đến đây, nhân dịp kỷ niệm chúng ta, để làm của lễ và làm thức ăn vinh danh Thiên Chúa cho những ai sẽ đến dự lễ kỷ niệm của chúng ta.

Con nai, nước mắt tuôn trào, quỳ sấp xuống dưới chân vị thánh, còn ngài, sau khi làm dấu thánh giá trên đầu nó, nói:

– Hãy đi bình an vào sa mạc!

Khi trở về tu viện của mình, Thánh Athinogenes đã cầu nguyện với Chúa như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con! Xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an và ban cho con được ở cùng các anh em tu sĩ của con, để chúng con cùng nhau tôn vinh danh thánh của Ngài mãi mãi! Xin Chúa ban phước lành vĩnh cửu của Ngài cho tất cả những ai tôn kính kỷ niệm của con với tình yêu thương, cho tất cả những ai cầu nguyện cùng Ngài khi nhắc đến tên con; xin Ngài tỏ lòng nhân từ và ban cho họ sự giúp đỡ kịp thời trong mọi hoàn cảnh khó khăn.

Trong lúc ông cầu nguyện, có tiếng từ trời vang lên:

– Hôm nay, ngươi sẽ ở cùng Ta và các môn đệ của Ta trong thiên đàng, và mọi lời cầu xin của ngươi sẽ được đáp ứng!

Vị tử đạo, khi nghe tiếng nói ấy, đã vô cùng vui mừng và hân hoan đưa đầu mình ra dưới lưỡi gươm; đầu ngài bị chém đứt; và ngài đã qua đời trong Chúa như vậy. Thi hài thánh thiện của ngài được các tín hữu an táng ngay tại nơi đó, và hàng năm vào ngày ngài qua đời, họ lại tụ họp để long trọng kỷ niệm ngày lễ của ngài[5118] . Và một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra: con nai mà vị thánh đã nuôi dưỡng và ban phước rồi thả về sa mạc, theo lệnh của ngài, đã đến dự lễ và dẫn theo con cái của nó. Sau khi để lại chúng, nó quay về sa mạc, và không ai cản trở nó . Con

[5118] Thánh tử đạo Athinogenes qua đời vào khoảng năm 311.

nai ấy làm điều này mỗi năm: nó đến dự lễ và dẫn theo con non của mình, con non ấy được giết mổ và ăn thịt để tưởng nhớ và tôn vinh Thánh Tử đạo Athenogenes, Giám mục, cùng mười môn đệ của ngài, vì vinh quang của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen.

Kondak, giọng 4:

Tuân theo lời Chúa, như một mục tử trung thành, ngài đã hiến dâng linh hồn mình vì đàn chiên của Đấng Kitô, thánh tử đạo Athinogenes: vì lý do này, chúng con ca ngợi ngài, cùng với mười môn đệ của ngài, những người đã chịu khổ nạn, được hướng dẫn bởi sự kính sợ Thiên Chúa và giáo huấn của ngài. Chúa đã ban vinh quang cho những ai làm đẹp lòng Ngài bằng bàn tay phải ban sự sống; xin ngài cầu thay cho tất cả chúng con.

Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Julia

Ngày kỷ niệm: 16 tháng 7

Khi người Ba Tư chiếm được thành phố Carthage nổi tiếng ở châu Phi[5119] và bắt rất nhiều cư dân làm tù binh, lúc đó, cùng với những tù nhân khác từ thành phố này, cô bé mà chúng ta sắp đề cập đến – Thánh Julia, con gái của một nhân vật nổi tiếng tên là Analson – cũng bị bắt đi; cô bé bị đưa đến vùng Syria thuộc Palestine và bị bán làm nô lệ cho một thương gia, một kẻ ngoại đạo vô đạo. Dù sống dưới sự cai quản của một chủ nhân vô đạo, cô bé vẫn kiên định giữ vững đức tin thánh thiện vào Chúa Kitô, đức tin mà cô được sinh ra trong đó, cùng những tập tục tốt đẹp của Kitô giáo mà cô đã tiếp thu từ thuở ấu thơ – cô thường xuyên cầu nguyện và ăn chay. Khi đã trưởng thành, cô giữ gìn sự trong sạch một cách cẩn trọng, sống tiết độ và kiêng khem nghiêm ngặt, đồng thời trung thành phụng sự chủ nhân của mình, theo lời của Thánh Tông Đồ: *"Với lòng chân thành, không phải chỉ bằng sự phục vụ bề ngoài, như những kẻ nịnh hót"* (Ê-phê-sô 6:5–6), mà như thể trước mặt Đức Chúa Trời, thực hiện một cách khôn ngoan mọi việc được giao phó, miễn là những việc đó không trái với Đức Chúa Trời và đời sống trong sạch của cô; còn những gì trái với điều đó, thì không ai có thể ép buộc cô làm được. Chủ nhân của cô đã ra sức ép buộc cô từ bỏ Đức Kitô và lôi kéo cô sống một cuộc đời vô đạo theo các phong tục ngoại giáo của họ; nhưng không một lời đe dọa nào có thể khiến cô khuất phục, bởi vì cô thà chết còn hơn là từ bỏ Đức Kitô hay đánh mất sự trong sạch của mình. Chủ nhân của cô đã định giết cô, nhưng khi thấy cô phục vụ trung thành và làm việc siêng năng, ông đã tha cho cô và ngạc nhiên trước tính cách tốt đẹp, sự hiền lành, khiêm nhường và lối sống ăn chay nghiêm ngặt của cô; ông thấy cô ăn chay mỗi ngày, trừ thứ Bảy và Chủ Nhật, còn thời gian rảnh rỗi không phải để nghỉ ngơi hay lười biếng, mà là dành cho những lời cầu nguyện nồng nhiệt dâng lên Thiên Chúa, hoặc đọc sách – điều cô đã học được từ thuở nhỏ; hiếm khi nào cô đi ngủ vào ban đêm. Nhìn bề ngoài, cô luôn xanh xao, gầy gò, tiều tụy vì lao động và sự kiêng khem. Chủ nhân của cô rất ngạc nhiên trước điều này và, khi thấy cô vẫn hành xử như vậy, bắt đầu thương xót, yêu mến và kính trọng cô: chính Chúa, với tình yêu thương của người cha, đã che chở cho người nữ tu trung thành của Ngài, Thánh Iulia, và làm cho trái tim tàn nhẫn của người đàn ông vô tín ấy mềm lòng trước cô. Lúc đó cô đã hơn hai mươi tuổi, khi chủ nhân của cô – một thương gia – quyết định lên đường sang Gaul với nhiều hàng hóa. Ông mang theo cả người nô tì trung thành của mình là Julia, vì thấy tài sản của mình ngày càng gia tăng dưới sự chăm sóc của cô: Chúa đã ban phước cho gia đình người thương gia ấy nhờ cô (giống như xưa kia ở Ai Cập, gia đình Pentefria đã được ban phước nhờ Giô-sép (Sáng Thế Ký 39:5)). Chính vì thế, cùng với những hàng hóa quý giá của mình, ông đã mang theo người nô tì của mình – hay đúng hơn là người thuộc về Chúa Kitô – người quý giá hơn bất kỳ hàng hóa nào, và lên đường ra khơi. Ông cập bến đảo Corsica[5120] , nơi ông đi ngang qua. Mặc dù trên hòn đảo này có những thành phố Kitô giáo, nhưng cũng có không ít người ngoại đạo, và khi vị thương gia này cập bến hòn đảo đó, ông thấy gần bến cảng có một đám đông những người ngoại đạo cùng tín ngưỡng với ông đang tổ chức lễ hội và dâng lễ vật cho các quỷ dữ. Ông cùng tất cả các người hầu bước ra gặp họ, mua một con bò đực béo

[5119] Khoảng năm 625.
[5120] Đảo Corsica nằm trên Biển Địa Trung Hải.

mập, cùng với những người ngoại đạo dâng lễ vật ô uế, rồi tất cả bắt đầu ăn, uống và vui chơi. Còn Thánh Julia thì ở lại trên tàu, trong thâm tâm thở dài và khóc lóc, đau buồn vì sự lầm lạc và sự diệt vong của những con người này.

Một người trong đám đông đó lên tàu, thấy Thánh Julia, một thiếu nữ đang khóc lóc và thở dài, biết rằng cô là người Kitô hữu, liền đi báo bí mật cho thủ lĩnh của đám đông đó, người phụ trách việc dâng lễ vật:

– Trên con tàu vừa cập bến có một thiếu nữ đang phỉ báng các vị thần của chúng ta và lên án việc chúng ta dâng lễ vật cho các vị ấy.

Ngay lập tức, người đứng đầu hội đồng vô đạo đức đó hỏi thương gia người Palestine:

– Tại sao không phải tất cả người của ông đều xuống tàu để tham dự lễ hội và lễ hiến tế của chúng tôi?

Khi thương gia trả lời rằng tất cả đã đến, người đứng đầu phản bác:

– Tôi nghe nói trên con tàu của ông có một cô gái nào đó đang chửi rủa và phỉ báng các vị thần của chúng tôi.

Người thương gia đáp:

– Ngài đang nói về nô tì của tôi sao? Tôi hoàn toàn không thể khiến cô ta từ bỏ sự lầm lạc của đạo Kitô và chuyển sang theo đạo của chúng ta, dù bằng lời ngọt ngào hay lời đe dọa; và nếu cô ta không trung thành với tôi và siêng năng trong công việc như vậy, thì từ lâu tôi đã hành hạ cô ta bằng đủ mọi hình thức rồi.

Người đứng đầu nói với ông ta:

– Bây giờ hãy bắt cô ta cùng chúng ta thờ lạy các vị thần và tham gia lễ hiến tế; hoặc ta sẽ cho ngươi bốn nô tì của ta thay thế cô ta, hoặc ngươi có thể nhận số tiền tương đương giá trị của cô ta, chỉ cần giao cô ta cho ta, và ta sẽ bắt cô ta thờ lạy các vị thần của chúng ta.

Người buôn trả lời:

– Ta đã nói với ngươi rằng không thể ép buộc nàng làm điều đó, bởi vì nàng thà chết còn hơn là từ bỏ đức tin của mình. Và ta cũng không thể bán nàng cho ngươi: dù ngươi có đưa cho ta toàn bộ tài sản của ngươi để đổi lấy nàng, thì điều đó cũng không thể sánh được với sự phục vụ của nàng; quả thực, nàng rất trung thành, và tài sản của ta ngày càng gia tăng nhờ có nàng; vì vậy, ta đã giao phó mọi việc cho nàng.

Còn thủ lĩnh bọn chúng, sau khi bí mật bàn bạc với thuộc hạ, đã tổ chức một bữa tiệc hoành tráng hơn nữa để chiêu đãi khách và cho người thương gia, chủ nhân của Iulia, uống say mèm. Sau khi say, ông ta ngủ say sưa, và tất cả những người đi cùng ông ta cũng ngủ say vì rượu. Lúc đó, những kẻ ngoại đạo vô đạo từ hòn đảo đó vội vã lên tàu, đưa thánh Iulia lên bờ và dẫn cô đến gặp thủ lĩnh của họ. Thủ lĩnh nói với cô:

– Nàng ơi, hãy dâng lễ vật cho các vị thần, ta sẽ trả cho chủ nhân của nàng số tiền chuộc mà ông ta yêu cầu, và sẽ thả nàng ra.

Thánh nữ đáp lại:

– Tự do của tôi là được phụng sự Đức Kitô, Đấng mà tôi phụng sự mỗi ngày bằng lương tâm trong sạch của mình; còn sự lầm lạc của các ngươi, tôi khinh bỉ!

Lúc đó, viên quan ra lệnh đánh vào má cô. Và vị tử đạo nói:

– Nếu Chúa Giêsu Kitô của tôi đã chịu đòn vào má và bị nhổ nước bọt vào mặt vì tôi, thì làm sao tôi lại không chịu điều tương tự vì Ngài! Hãy đánh vào má tôi vì Ngài, còn thay vì những giọt nước bọt, hãy để những giọt nước mắt tuôn trào trên khuôn mặt tôi!

Kẻ tra tấn ra lệnh túm tóc cô, lột trần cô và đánh đập tàn nhẫn khắp cơ thể. Còn vị nữ tử đạo, trong lúc bị đánh, đã lớn tiếng nói:

– Tôi xưng nhận Đấng mà họ đã đánh đập vì tôi! Chúa của tôi đã chịu đội vương miện gai và bị đóng đinh trên thập giá. Vậy thì tôi, tôi tớ của Ngài, cũng xin được tham dự và noi gương những đau khổ của Ngài, để được vinh quang cùng Ngài trong Nước Trời của Ngài!

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh cắt bỏ bộ ngực trinh nữ của nàng; nhưng nàng đã dũng cảm chịu đựng tất cả những cực hình tàn bạo này vì tình yêu dành cho Chúa Kitô. Kẻ tra tấn, muốn tiêu diệt nàng càng sớm càng tốt trước khi chủ nhân của nàng thức dậy, đã ra lệnh làm vội một cây thập tự và đóng đinh vị nữ tử đạo lên đó, giống như xưa kia người Do Thái đã đóng đinh Chúa Kitô. Và Thánh Julia, trong sự đau khổ vì Chúa Kitô, đã trở nên giống như chính Chúa Kitô bị đóng đinh, được ân sủng để bị đóng đinh vì Ngài trên thập tự giá.

Khi nàng đang treo trên thập tự giá và đã gần kề cái chết, chủ nhân của nàng thức dậy; vừa nhìn thấy nàng bị đóng đinh, lòng ông tràn ngập nỗi thương xót vô bờ! Nhưng không thể làm gì để giúp được nữa: cô dâu của Chúa Kitô đã ở những hơi thở cuối cùng. Khi linh hồn thánh thiện của bà được giải thoát khỏi xiềng xích xác thịt, mọi

người đều thấy một con chim bồ câu trắng hơn tuyết bay ra từ miệng bà và bay lên cao, về phía bầu trời; ngoài ra, những kẻ đã hành hạ nàng còn nhìn thấy các Thiên thần; và một nỗi sợ hãi tột độ ập xuống tất cả; mọi người đều bỏ chạy khỏi đó, chỉ còn lại thi thể không còn hơi thở của thánh nữ vẫn treo lơ lửng trên thập tự giá[5121] . Nhưng Chúa Kitô không bỏ rơi thi thể ấy: Ngài đã truyền lệnh cho các Thiên thần của Ngài canh giữ nó, cho đến khi Ngài sắp xếp cho nàng một lễ an táng trang trọng, như sau.

Gần đảo Corsica có một hòn đảo nhỏ, trước đây gọi là Margarita, còn bây giờ là Gorgona; trên đó có một tu viện nam; tại đó, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra trước các tu sĩ, thông báo cho họ mọi điều đã xảy ra với Thánh Tử Đạo Iulia, và ra lệnh cho họ mau chóng lên thuyền đến hòn đảo đó, hạ thi thể đầy đau khổ của Thánh Tử Đạo xuống khỏi thập tự giá và mang về tu viện của mình để an táng. Các tu sĩ lên thuyền, giương buồm và ra khơi; khi đến bến cảng, họ thấy mọi thứ đúng như Thiên Thần của Chúa đã nói với họ. Sau khi hạ thi thể thánh xuống khỏi thập tự giá, họ quấn nó trong một tấm vải liệm tinh khiết. Họ cũng tìm thấy hai bầu vú bị cắt rời của bà, bị vứt bỏ không xa đó và nằm gần một tảng đá; họ nhặt chúng lên và gắn lại vào đúng vị trí trên thi thể; sau đó, họ mang thi thể lên thuyền và trở về tu viện của mình an toàn; tại đó, thi thể được an táng một cách trang trọng trong nhà thờ, ca ngợi Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng đã củng cố người tôi tớ của Ngài để thực hiện hành động tử đạo vĩ đại này. Tại quan tài của bà, những phép lạ bắt đầu xảy ra và mọi bệnh tật đều được chữa lành; những phép lạ cũng xảy ra tại chính nơi bà đã chịu khổ nạn. Các Kitô hữu – cư dân trên hòn đảo đó – cũng biết về sự chịu khổ của vị thánh và đã xây dựng một nhà thờ nhỏ mang tên bà ngay tại chính nơi bà bị đóng đinh, vì nơi đó chật hẹp: nơi đó là một ngọn đồi dốc đứng. Còn tại nơi hai bầu vú bị cắt đứt của bà bị vứt bỏ, một dòng suối nước ngầm đã tuôn trào từ dưới tảng đá, và dòng nước ấy có tác dụng chữa lành: tất cả những người bệnh uống nước đó hoặc tắm rửa bằng nó đều được chữa lành. Một phép lạ khác cũng đã xảy ra: tảng đá mà bộ ngực của vị thánh đã chạm vào (và từ dưới đó suối nước đã tuôn trào), vào thời đó, mỗi năm vào ngày kỷ niệm của bà, lại tỏa ra như thể mồ hôi, những giọt màu sữa lẫn máu, để tượng trưng cho sự trinh khiết và sự tử đạo của Thánh Julia, người đã trở nên trắng tinh như sữa nhờ sự trong trắng trinh khiết và nhuốm màu đỏ thẫm bởi máu đã đổ ra vì Chúa Kitô. Những giọt nước ấy rơi suốt cả ngày, từ sáng đến tối; người ta dùng chúng để xức lên người và được chữa lành.

Sau nhiều năm, nhà thờ mang tên vị thánh tử đạo ấy, được xây dựng tại chính nơi bà chịu khổ nạn, đã trở nên cũ nát và phần nào bị sụp đổ. Lúc bấy giờ, người ta muốn xây dựng một nhà thờ mới mang tên vị thánh, rộng rãi hơn – vì nơi cũ quá chật hẹp – nhưng vẫn ở gần đó. Khi đã chuẩn bị xong đá, gạch, vôi và tất cả những vật liệu cần thiết cho việc xây dựng, và định sẽ đặt nền móng vào ngày hôm sau, thì sáng hôm sau họ phát hiện ra rằng tất cả vật liệu đó – đá, gạch và mọi thứ khác – đều nằm lại đúng vị trí cũ, nơi nhà thờ cũ từng tọa lạc; những người thợ xây dựng đều cảm thấy bối rối. Tuy nhiên, một thời gian ngắn sau, họ lại chuyển tất cả sang địa điểm mới, với ý định xây dựng nhà thờ mới tại đó; nhưng vào ban đêm, mọi thứ lại một lần nữa được chuyển về vị trí cũ. Đêm đó, những người gác đêm đã nhìn thấy một thiếu nữ rạng rỡ đang chất tất cả vật liệu đã chuẩn bị sẵn cho công trình lên một chiếc xe bò kéo bởi hai con bò trắng, rồi chở chúng trở lại vị trí cũ; họ hiểu rằng vị thánh mong muốn ngôi thánh đường được xây dựng lại tại vị trí cũ, và họ đã làm theo ý nguyện của ngài. Còn có rất nhiều phép lạ khác xảy ra trên cả hai hòn đảo, Corsica và Gorgona, cho đến khi các di cốt thiêng liêng của vị thánh được rước khỏi đó và chuyển đến Brescia[5122] . Và sau khi di dời di cốt, người dân Corsica vẫn đến nhà thờ của vị thánh với lòng tin, không bị tước mất sự giúp đỡ của bà, và được bảo vệ khỏi các cuộc tấn công của kẻ thù nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện và bất khuất của bà, cũng như lòng thương xót của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ca ngợi, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Antiochus

Ngày kỷ niệm: 16 tháng 7

Thánh Tử đạo Antiochus của Chúa Kitô là người gốc thành phố Sebaste[5123] . Với nghề nghiệp là một bác sĩ, ngài đã đi khắp các thành phố trong đất nước mình và dùng tài y thuật để chữa lành cho những người mắc các

[5121] Thánh nữ tử đạo Iulia qua đời vào khoảng năm 640.

[5122] Khoảng năm 763.

[5123] Thành phố Sebaste, nay là Sivas, nằm trong tỉnh Pontus của Đế quốc La Mã tại Tiểu Á, ở chân một trong những nhánh phía tây của dãy núi Anti-Taurus, trên bờ phải sông Galis (nay là Kizil Irmak), gần thượng nguồn của con sông này.

chứng bệnh khác nhau. Theo lệnh của quan tổng trấn vùng Adrian, ngài bị bắt giữ và sau khi phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn, cuối cùng ngài bị ném vào nồi nước sôi, nhưng vẫn không hề hấn gì. Sau đó, ngài bị kết án phải đấu với các loài thú hoang dã, nhưng khi nhìn thấy ngài, các con thú đều vui mừng, nằm xuống dưới chân ngài và liếm chân ngài, còn một con thú đã cất tiếng nói bằng giọng người, vạch trần kẻ hành hạ ngài. Sau đó, vị thánh tử đạo đã cầu nguyện với Thiên Chúa, và nhờ lời cầu nguyện của ngài, tất cả các tượng thần đều vỡ vụn như cát. Lúc đó, đầu ngài bị chém đứt, và từ vết thương chảy ra máu lẫn sữa. Người lính đã chém đầu thánh Antiochus, tên là Kyriakos, ngay sau khi thánh nhân bị hành quyết, đã dũng cảm tuyên xưng mình là Kitô hữu và nguyền rủa các thần tượng. Vì điều này, theo lệnh của Hoàng đế Adrian, ông cũng bị chém đầu, và được an táng cùng với vị thánh tử đạo Antiochus[5124] .

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Phaolô cùng các Thánh Tử đạo nữ Alevtina và Chionia

Ngày kỷ niệm: 16 tháng 7

Các thánh tử đạo này gốc gác từ Ai Cập. Sau khi bị bắt, họ được đưa đến thành phố Cêsarea và, khi được đưa ra trước quan tổng trấn để thẩm vấn, họ đã tuyên xưng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật. Vì điều này, trước tiên họ bị thiêu cháy chân trái, sau đó bị đâm mù mắt phải bằng dao, và cuối cùng, cùng với những người nam và nữ khác cũng tin vào Chúa Kitô, họ bị đưa ra thiêu sống, và qua đời vì điều đó. Trước đó, thánh Hiôni đã bị treo lên cây và bị đánh đập khắp thân thể, còn em gái bà là Alevtina, khi đe dọa quan tòa, đã dùng chân đạp đổ bàn thờ, vì thế bà cũng phải chịu những hình phạt tàn nhẫn; còn thánh tử đạo Phaolô thì đứng cầu nguyện, trước tiên cầu cho các Kitô hữu, rồi sau đó cầu cho tất cả những người ngoại đạo, để họ được nhận biết Thiên Chúa chân thật và ngừng bắt bớ những người tin vào Chúa Kitô. Lời cầu nguyện đó đã khiến những người có mặt rơi lệ, sau đó đầu ngài bị chém rơi.

Ngày 30 tháng 7

17 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cùng ngày đó, lễ rước di cốt thánh của Thánh Lazarus, người đã tu hành trên núi Galicia (ngày kỷ niệm của ngài được cử hành vào ngày 7 tháng 11

Cũng trong ngày này, Thánh Irinarkh, vị tu viện trưởng của Solovetsky, đã an nghỉ.

Ngày chịu khổ nạn của Thánh Đại Tử đạo Marina

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 7

Thánh Marina sinh ra tại Antioch thuộc Pisidia[5125] trong một gia đình quý tộc, nhưng cha mẹ bà không phải là những người có đức tin, mà lại bị che phủ bởi sự vô đạo của tôn giáo ngoại giáo. Cha cô, Edesius, là một thầy tế lễ thờ thần tượng; ông đã giao con gái mình là Marina, người đã mồ côi mẹ từ khi còn trong tã lót, cho một người vú nuôi sống ở một làng cách thành phố mười lăm verst. Khi cô bé được nuôi dưỡng đã đến tuổi trưởng thành, người ta nhận ra rằng cô không chỉ xinh đẹp về ngoại hình mà còn có tâm hồn cao quý hơn nữa: cô nổi bật cả về sự khôn ngoan lẫn phẩm chất tốt đẹp. Vì vào thời đó, cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu đang diễn ra dữ dội, nên các linh mục và giáo sĩ, những người giảng dạy Lời Chúa, đã phải lẩn trốn: có người ẩn náu trong sa mạc, trong các hang động trên núi vì sợ những kẻ tra tấn, có người ẩn náu trong các làng mạc giữa những người dân thường – họ

[5124] Thánh Tử đạo Antioch qua đời dưới triều đại của Diocletian. Năm qua đời của ngài không rõ. Lễ kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 16 tháng 7 từ thế kỷ VI, như được ghi chép trong cuốn tiểu sử của Thánh Theodoros Sikeot, người được Giáo hội tưởng niệm vào ngày 22 tháng 4 – Cuốn tiểu sử của ngài cũng được in kèm theo ngày này.

[5125] Pisidia là một vùng thuộc Tiểu Á.

lẩn trốn dưới vỏ bọc của những người ăn xin; tuy nhiên, bất cứ nơi nào có thể, họ vẫn giảng dạy, dù là bí mật, về đức tin thánh thiện và đã dẫn dắt nhiều người từ sự lầm lạc ngoại đạo trở về với Chúa Kitô.

Cũng có chuyện xảy ra với Marina, một cô bé mười hai tuổi, khi cô nghe từ một người Lời Chúa về Đức Kitô Giêsu, Thiên Chúa chân thật, rằng Ngài đã nhập thể bởi Chúa Thánh Thần trong lòng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm và được sinh ra từ Mẹ, mà vẫn giữ nguyên sự trinh khiết của Mẹ, rằng Ngài đã thực hiện biết bao phép lạ, đã tự nguyện chịu khổ nạn vì sự cứu rỗi loài người, đã chết, đã sống lại, đã thăng thiên lên trời và đã chuẩn bị sự sống vĩnh cửu, vinh quang, cùng Nước Trời vĩnh cửu cho những ai tin vào Ngài và yêu mến Ngài. Nghe những lời ấy, cô bé Marina khôn ngoan đã tin vào Đấng Christ, và trái tim cô bừng cháy bởi tình yêu thiêng liêng, đến nỗi cô không nói hay nghĩ về điều gì khác ngoài Đấng Christ Giê-su; hay mỗi khi nghe ai nói về Đức Chúa Trời chân thật, toàn bộ sự chú ý của cô đều dồn về đó. Và vì đã tin Ngài bằng cả trái tim, nên cô không ngần ngại xưng nhận Ngài bằng miệng, dù lúc đó cô chưa được rửa tội vì thiếu linh mục Kitô giáo có thể làm phép rửa cho cô. Và Marina mong muốn đổ máu mình vì Chúa Kitô và dùng máu đó làm nước rửa tội, như bồn rửa tội, vì cô đã nghe kể về nhiều vị thánh tử đạo nam nữ, những người đã dùng máu mình làm nước rửa tội khi họ hiến dâng linh hồn vì Chúa: cô muốn noi gương họ.

Khi biết con gái mình là Marina đã tin vào Chúa Kitô, Edesius đã căm ghét cô và không còn coi cô là con gái nữa, mà đối xử với cô như người lạ; còn cô gái thì đặt trọn niềm hy vọng vào Cha trên trời. Khi đã trưởng thành, khoảng mười lăm tuổi, một lần cô ra đồng để xem đàn cừu của cha mình đang gặm cỏ ở đó. Lúc đó, cô tình cờ gặp vị quan hành hình các Kitô hữu, người đang trên đường đến Antiôkhia thuộc Pisidia; khi nhìn thấy cô gái xinh đẹp, vị tổng trấn đã kinh ngạc trước vẻ đẹp phi thường của cô, ngay lập tức say mê cô và nảy sinh ý định lấy cô làm vợ. Ông dừng lại và bắt đầu hỏi cô gái:

– Nàng thuộc dòng dõi nào, con gái của ai và tên nàng là gì? Hãy nói cho ta biết sự thật về bản thân. Ta thấy nàng rất xinh đẹp: nếu cha mẹ nàng là người tự do, ta sẽ kết hôn hợp pháp với nàng; còn nếu nàng là nô lệ của ai đó, ta sẽ chuộc nàng về và đưa nàng về làm vợ.

Cô gái ấy, nổi bật bởi sự trinh tiết hơn cả nhan sắc, đã nhẹ nhàng trả lời rằng mình là con gái ai và tên là gì; cô cũng không giấu diếm việc mình là nô lệ của Chúa Kitô, tin vào Đấng Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng đã tạo dựng trời đất, gắn bó với Ngài bằng tình yêu chân thành và không mong muốn bất kỳ vị hôn phu nào khác. Khi nghe cô là người Kitô hữu, vị tổng trấn – người đã được phép tra tấn các Kitô hữu – ra lệnh cho binh lính bắt cô và dẫn về thành phố, nhưng vẫn đối xử với cô một cách tôn trọng: từ những lời nói khôn ngoan và trong sáng của cô, ông càng yêu mến cô hơn, hy vọng rằng bằng những lời đe dọa tra tấn, ông sẽ sớm khiến cô từ bỏ Đức Kitô và thuyết phục cô kết hôn với ông. Còn cô gái, khi đang bị các binh lính dẫn đi, đã cầu nguyện trước mặt mọi người với Chúa, nói rằng:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con! Xin đừng bỏ rơi con và đừng để linh hồn con rơi vào sự hủy diệt! Xin đừng để kẻ thù của con chiến thắng con, xin đừng để tai con bị ô uế bởi những lời dối trá của chúng, xin đừng để trí óc con khuất phục trước những cám dỗ xấu xa của chúng, xin đừng để trái tim con run sợ trước những lời đe dọa khủng khiếp của chúng! Xin đừng để đức tin của con bị ném vào bùn lầy, để ma quỷ, kẻ ghét điều thiện, không được vui mừng vì con, nhưng xin hãy ban sự giúp đỡ cho con từ ngai cao của Ngài, xin ban cho con sự khôn ngoan, xin mở miệng con, để được củng cố bởi sức mạnh của Ngài và được soi sáng bởi ân sủng của Ngài, con có thể trả lời những câu hỏi của kẻ tra tấn mà không sợ hãi! Lạy Chúa của con, xin hãy nhìn xuống con với lòng thương xót trong giờ phút này; giờ đây con như con cừu giữa bầy sói, như con chim giữa những thợ săn và như con cá trong lưới; xin hãy đến và giải cứu con khỏi những mưu mô của kẻ thù!

Thánh nữ đã cầu nguyện như vậy trên đường đi, cho đến khi họ đến thành phố Antioch thuộc Pisidia.

Khi đến thành phố, quan tổng trấn, theo thói quen vô đạo của mình, trước tiên đã dâng lễ vật cho các thần tà ác của hắn, ca ngợi long trọng các vị vua của hắn, bắt những người Kitô hữu mà hắn tìm thấy và tống vào ngục tối để canh giữ họ cho đến khi tra tấn; còn cô gái Marina thì hắn giao cho một số phụ nữ quý tộc trông nom. Ngày hôm sau, sau khi tổ chức một phiên tòa long trọng, ông ra lệnh đưa Thánh Marina đến thẩm vấn trước tiên: ông không ngừng nghĩ về nàng. Cô gái được dẫn đến, và ông nhìn ngắm vẻ đẹp phi thường của nàng với sự ham muốn, lòng ham muốn xác thịt dành cho nàng ngày càng bùng cháy mãnh liệt. Sau đó, ông bắt đầu nói với nàng bằng những lời xảo trá:

– Tất cả các vị thần đều biết, cô gái xinh đẹp ơi, rằng ta thương xót tuổi trẻ của nàng và trân trọng thân thể trẻ trung, rực rỡ vẻ đẹp của nàng. Vì vậy, xin nàng hãy nghe lời ta – hãy dâng lễ vật lên các vị thần, và nàng sẽ được

hạnh phúc: nàng sẽ ngay lập tức nhận được nhiều của cải, trở nên giàu có, hạnh phúc hơn tất cả các bạn cùng lứa tuổi và được kính trọng hơn tất cả phụ nữ trong thành phố này.

Còn Thánh Marina đáp lại:

– Con đã học được cách tuyên xưng Đức Chúa Cha trên trời và Con Một của Ngài, cùng Đức Thánh Thần, là Đức Chúa Trời Chân Thật và Hằng Sống, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, và con đã quen thờ phượng Ngài và luôn dâng lên Ngài của lễ ngợi khen; con sẽ không thờ lạy những vị thần mà con không biết và cũng sẽ không dâng của lễ cho họ: chúng vô hồn, vô cảm và không tự nhận thức được chính mình: chúng không biết liệu mình đang được tôn kính hay bị sỉ nhục. Tôi sẽ không dành cho chúng sự tôn kính xứng đáng với Đấng Tạo Hóa của tôi!

Giám mục nói:

– Ta xin ngươi một lần nữa, Marina, hãy nghe lời ta, những vị thần gần như bất khả chiến bại; họ biết rõ rằng nếu nàng nghe theo lời khuyên của ta, thì ngay lập tức trước mặt tất cả công dân, nàng sẽ được ban tặng vinh dự to lớn: ta sẽ lấy nàng làm vợ, mọi người sẽ kính trọng nàng như người vợ yêu dấu của ta, và ta sẽ ban cho nàng sự tôn kính và vinh quang, còn nàng sẽ mang lại niềm vui cho ta và làm cho cuộc đời ta thêm ngọt ngào! Còn nếu ngươi không nghe lời ta và từ chối tình yêu của ta dành cho ngươi, thì hãy biết rằng ngươi sẽ phải chịu nhiều điều xấu xa: ngươi sẽ buộc ta, dù ta không muốn điều đó, phải hành hạ ngươi và hủy hoại vẻ đẹp, sức khỏe cùng cuộc sống ngọt ngào của ngươi; ngươi sẽ phải chịu những cực hình tàn nhẫn, không thể chịu đựng nổi và sẽ chết trong lửa và sắt!

Thánh nữ đáp lại:

– Đừng hy vọng, thưa giám mục, rằng ngài có thể thay đổi đức tin của tôi vào Chúa Kitô thành sự vô tín của ngài – dù bằng lời ngọt ngào hay lời đe dọa: tôi là tôi tớ trung thành của Chúa tôi, Đấng đã tự nguyện chịu đau khổ vì tôi. Nếu Ngài đã chịu đóng đinh trên thập giá và chết vì tôi, không tiếc thân thể chí thánh của Ngài – thân thể được nhận từ Đức Trinh Nữ Maria – thì tôi cũng phải chịu mọi khổ đau và chết vì Ngài, không tiếc chút nào thân thể tội lỗi và sức khỏe của mình. Đừng nghĩ rằng ngài có thể dọa nạt tôi bằng những lời đe dọa của ngài: tôi sẵn sàng chịu mọi cực hình và cái chết. Đấng mà tôi đặt niềm tin sẽ ban sức mạnh cho tôi! Còn những gì ngài nói với tôi về hôn nhân, danh dự, vinh quang và của cải, tất cả những điều đó đối với tôi đều ghê tởm và đáng khinh. Làm sao tôi có thể bỏ rơi Chàng Rể Bất Tử của tôi là Đức Kitô, Vua Trời, để kết hôn với một con chó hôi thối, linh hồn đã chết? Không bao giờ!

Nghe những lời dũng cảm như vậy của Thánh Marina, vị giám mục bực bội, cảm thấy bị xúc phạm, nổi giận dữ dội và ngay lập tức, biến tình yêu thành thù hận và căm ghét, ra lệnh lột bỏ quần áo của cô dâu Chúa Kitô, ra lệnh quăng cô xuống đất và đánh bằng gậy không thương xót. Họ đánh thánh nữ không thương xót trong một thời gian dài; thân thể trinh nữ của nàng rách nát vì những vết thương, và máu chảy thành dòng từ những vết thương, nhuộm đỏ mặt đất. Nhìn cảnh đó, dân chúng cảm thấy thương xót cho nàng, vì một cô gái xinh đẹp như vậy lại bị hành hạ tàn nhẫn đến thế, và nhiều người đã khóc. Còn người rao lệnh thì hét lên:

– Marina, hãy dâng lễ vật lên các vị thần, đừng phung phí nhan sắc của mình một cách vô ích và đừng tự tước đoạt cuộc sống ngọt ngào này quá sớm!

Nhưng vị tử đạo, ngước đôi mắt tâm linh lên hướng về Thiên Chúa, đã cầu nguyện, xin sự trợ giúp từ trên cao và sự vững vàng trong hành trình chịu khổ; nàng không cảm thấy đau đớn trong cực hình, được củng cố bởi ân sủng của Chúa Kitô: như thể những vết thương không phải do nàng gánh chịu, mà là trên thân thể của người khác. Một số người trong đám đông nói với nàng:

– Nàng ơi, tại sao nàng lại tự hủy hoại nhan sắc của mình? Tại sao nàng không chịu khuất phục? Hãy nhìn xem, quan tòa tàn nhẫn kia sẽ hủy diệt nàng, và ký ức về nàng sẽ biến mất khỏi cõi đời; chúng tôi thương xót nàng!

Còn vị thánh nữ thì lớn tiếng đáp lại họ với giọng trách móc:

– Hỡi những kẻ cố vấn xảo trá, những kẻ giúp việc độc ác, các ngươi đang cố gắng cám dỗ ta! Giống như con rắn cổ xưa đã đưa ra lời khuyên xảo trá cho Ê-va trong vườn Địa Đàng, giờ đây các ngươi cũng khuyên ta từ bỏ Đức Chúa Trời của ta; hãy tránh xa ta đi, hỡi những kẻ vô luật pháp: các ngươi sẽ không thể cám dỗ ta, vì ta đã dâng trọn linh hồn mình cho Đấng Christ!

Sau đó, khi những kẻ hành hình ngừng đánh bà, kẻ tra tấn nói với người phụ nữ đang chịu đau khổ:

– Đây chỉ là khởi đầu của những đau khổ dành cho ngươi, Marina, và nếu ngươi vẫn ngoan cố không chịu khuất phục, thì ngươi sẽ phải chịu những đau khổ còn lớn hơn nữa.

Thánh nữ đáp lại:

– Hãy làm bất cứ điều gì ngươi và cha ngươi là ma quỷ muốn; ta không bận tâm đến những cực hình, vì Chúa Kitô đang giúp đỡ ta, Đấng sẽ sớm làm bẽ mặt mọi mưu mô của các ngươi.

Vị giám mục càng thêm tức giận và ra lệnh đóng đinh nàng vào tấm ván, rồi dùng những chiếc đinh ba bằng sắt cạo xé thân thể nàng. Còn nàng, ngước mắt lên trời, nói:

– Kẻ thù đã vây quanh con, âm mưu điều ác chống lại con, nhưng lạy Chúa của con, xin Ngài hãy nhìn xuống con và thương xót con, xin ban cho con sự trợ giúp của Thánh Thần ban sự sống của Ngài. Xin Ngài ban cho con sự khôn ngoan để xưng danh thánh thiêng liêng của Ngài cho đến hơi thở cuối cùng; xin Ngài ban cho con sức mạnh để can đảm chống lại ma quỷ và các tôi tớ của nó, để con có thể chiến thắng và làm chúng phải hổ thẹn; xin cho con xứng đáng trở thành gương mẫu cho những ai yêu mến Ngài và giữ trinh tiết vì Ngài, để con được đứng bên phải cùng với họ trong ngày phán xét công chính của Ngài!

Thánh nữ đã cầu nguyện như vậy, còn những tên tay sai tàn bạo của kẻ tra tấn độc ác, như những kẻ ăn thịt người, càng lúc càng dùng những cây đinh ba đâm xé thân thể thánh nữ dữ dội hơn, và thân thể bà rơi xuống đất từng mảnh cùng với máu, đến nỗi có thể nhìn thấy những chiếc xương trần . Giám mục không thể nhìn nổi cảnh tra tấn đó; ngài che mặt lại và quay đi, còn tất cả những người có mặt đều kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của vị thánh. Rồi kẻ tra tấn lại nói với nàng:

– Đến bao giờ ngươi mới chịu khuất phục, Marina? Thân thể ngươi đã bị xé nát rồi; ít nhất bây giờ hãy đồng ý dâng lễ vật cho các vị thần, để ngươi không phải chết hoàn toàn.

Nữ tử đạo đáp lại:

– Con chó khốn nạn! Con heo! Ngươi ăn thịt người, mà lại giả vờ nhân từ, như thể thương xót ta vậy! Ta không thương xót chính mình vì Chúa Kitô, Đấng đã không thương xót chính mình, mà đã hiến dâng bản thân vì ta để chịu những cực hình khủng khiếp. Nếu ta nghe theo lời khuyên điên rồ của ngươi và thương xót thân xác mình, thì linh hồn ta sẽ được vinh quang thế nào trong Nước Trời?

Sau đó, tổng giám mục ra lệnh tháo nữ tử đạo khỏi những chiếc đinh và nhốt nàng vào một ngục tối đặc biệt, sâu thẳm và u ám, đầy rẫy những thứ quái dị của ma quỷ, nơi những kẻ bị kết án tử hình thường bị giam giữ.

Ngồi một mình trong ngục tối đó (lúc bấy giờ không có tù nhân nào khác ở đó), vị thánh tử đạo đã cầu nguyện với Thiên Chúa bằng cả tấm lòng nồng nhiệt, kêu cầu từ tận đáy lòng:

– Lạy Thiên Chúa Tối Cao, trước mặt Ngài, mọi thế lực trên trời đều kính sợ, mọi nguyên lý và quyền năng đều run rẩy trước diện mạo Ngài, và mọi thụ tạo đều được bảo tồn, biến đổi và đổi mới nhờ quyền năng toàn năng của Ngài! Lạy Chúa, xin Ngài hãy nhìn xuống từ cao trời, từ ngai vinh quang của Ngài, xuống con, một tôi tớ khiêm nhường, hèn mọn và không xứng đáng của Ngài: con đặt niềm tin nơi Ngài, con đã chạy đến với Ngài và đang chịu đau khổ vì danh Ngài. Xin hãy nhìn xuống, Đấng Nhân Từ, và chữa lành thân xác con, đang bị thương tổn như tấm áo rách nát, làm mới linh hồn con và gìn giữ nó cho Nước Trời của Ngài. Xin cho con chiến thắng và đạp nát kẻ thù của con, như cát bị giẫm nát dưới chân, để con có thể xóa bỏ sức mạnh của nó bằng sự trợ giúp bất khả chiến bại của Ngài, và để danh thánh của Ngài được tôn vinh trong con mãi mãi.

Đêm đã xuống, nhưng vị thánh nữ vẫn không ngừng cầu nguyện với Thiên Chúa; lúc đó, ma quỷ đã dám dọa nạt vị tử đạo bằng một hình ảnh kinh hoàng trong giấc mơ; Thiên Chúa đã cho phép điều đó xảy ra để tôn vinh người nữ tớ trung của Ngài một cách rực rỡ. Bỗng nhiên, ngục tối rung chuyển, và một ánh sáng u ám hiện ra, như thể từ ngọn lửa trong làn khói; sau đó, ma quỷ hiện ra dưới hình dạng một con rắn sặc sỡ, khổng lồ và đáng sợ, còn thân thể nó, theo như có thể thấy, được bao quanh và quấn chặt bởi vô số con rắn nhỏ và rắn độc. Con rắn rít lên kinh hoàng và há to cái miệng khổng lồ, tham lam, tỏa ra mùi hôi thối không thể chịu nổi; nó đi vòng quanh vị nữ tử đạo, gieo rắc nỗi sợ hãi và kinh hoàng cho nàng; rồi mở rộng cái miệng ghê tởm, lao vào vị thánh và tóm lấy đầu nàng, cố gắng nuốt chửng. Dường như vị nữ tử đạo đã bị con rắn nuốt chửng, giống như ngày xưa tiên tri Giô-na bị cá voi nuốt chửng (Giô-na 2:1). Tuy nhiên, bà không tuyệt vọng cũng không nghi ngờ, mà dồn trọn tâm trí vào Thiên Chúa, làm dấu thánh giá và ngay lập tức thấy bụng con rắn nứt ra, còn bản thân bà đã thoát khỏi nó và vẫn nguyên vẹn, không hề hấn gì; và cùng lúc đó, tất cả những ảo ảnh quỷ quái đáng sợ ấy đều bị tiêu diệt: mặt đất nứt ra, nuốt chửng con rắn cùng tất cả những con rắn đi theo nó và ném chúng xuống địa ngục; còn vị thánh nữ tử đạo thì được ánh sáng thiên đàng chiếu rọi. Nhìn lên trên, cô thấy mái nhà ngục đã mở ra và những tia sáng như ánh mặt trời chiếu xuống từ trên cao; cô cũng thấy một cây thánh giá lớn, tỏa sáng với ánh sáng không thể tả xiết, và trên cây thánh giá là một con bồ câu trắng như tuyết, đang nói với cô bằng giọng người:

– Hãy vui mừng đi, Marina, con bồ câu khôn ngoan của Đấng Kitô, người đã chiến thắng kẻ thù ác! Hãy vui mừng và hân hoan đi, con gái của Si-ôn trên trời, vì ngày vui mừng của con đã đến, khi con sẽ cùng các trinh nữ khôn ngoan bước vào cung điện bất diệt của Chàng Rể bất tử, Vua Thiên Đàng!

Khi nghe những lời ấy từ con bồ câu, Marina tràn ngập niềm vui và sự ngọt ngào không thể tả xiết; thân thể bị xé nát của nàng bắt đầu lành lại, và chính nàng cảm nhận được những vết thương đang lành, những vết loét được da che phủ, cơn đau và sự yếu đuối tan biến, và nàng lại trở nên khỏe mạnh và xinh đẹp toàn thân như xưa. Nàng hân hoan tạ ơn Thiên Chúa:

– Con chúc tụng Ngài, Chúa Tể, và tôn vinh Ngài, lạy Chúa, Thiên Chúa của con; con ngợi khen danh Ngài, vì Ngài đã thương xót con, viếng thăm con, chữa lành thân thể con, củng cố linh hồn con và không phó thác con vào tay kẻ thù của con, nhưng đã cho con thấy bộ mặt kinh hoàng của chúng, ném chúng xuống vực thẳm sâu thẳm nhất và xua đuổi nỗi kinh hoàng của chúng khỏi con; giờ đây, trong niềm vui mừng và hân hoan vì Ngài, Thiên Chúa Cứu Chuộc của con, con khẩn cầu Ngài, Đấng Nhân Từ Yêu Thương Loài Người, xin cho con được tham dự phép rửa thánh, để con, được tẩy rửa bằng máu và nước, trở nên xứng đáng bước vào cung điện thiên đàng của Ngài cùng với các trinh nữ thánh thiện, những cô dâu của Ngài, vì Ngài được chúc tụng muôn đời!

Trong những thị kiến và mặc khải ấy, cũng như trong sự hân hoan và vui mừng ấy, Thánh Marina đã trải qua cả đêm dài, cho đến khi ngày mới bắt đầu và giờ phút của cuộc tử đạo cuối cùng của bà đã đến.

Khi bình minh ló rạng, giám mục Olimvrij lại ngồi vào tòa án bất công và vô đạo của mình; cả dân chúng đều tụ tập để chứng kiến cảnh tượng đó. Người ta được lệnh dẫn vị tử đạo ra khỏi ngục để thẩm vấn. Khi nhìn thấy nàng với khuôn mặt rạng rỡ , hoàn toàn khỏe mạnh và không hề hấn gì, thậm chí không còn dấu vết nào của những vết thương hôm qua, vị tổng giám mục vô cùng ngạc nhiên và im lặng trong sự kinh ngạc, không hiểu làm sao vị tử đạo, người đã bị thương hôm qua, lại có thể hoàn toàn bình phục chỉ trong một đêm. Dân chúng cũng ngạc nhiên trước sự chữa lành kỳ diệu này: một số ca ngợi quyền năng của Chúa Kitô, trong khi những người khác lại cho rằng đó là phép thuật. Sau đó, vị tổng giám mục, sau khi khó khăn lắm mới mở miệng được, bắt đầu nói với vị thánh:

– Ngươi thấy chưa, Marina, các vị thần của chúng ta đã chăm sóc ngươi như thế nào! Họ đã thương xót tuổi trẻ và nhan sắc của ngươi, nên đã chữa lành những vết thương cho ngươi. Ngươi cũng cần dâng lễ vật lên họ để tỏ lòng biết ơn về ân huệ đã nhận được; hơn nữa, ngươi cần noi gương và kế thừa cha mình: ông ấy phục vụ các vị thần với tư cách là một thầy tế lễ, và ngươi cũng cần trở thành một nữ tế lễ và phục vụ họ suốt đời.

Thánh nữ đáp lại:

– Tôi không thể bỏ Đức Chúa Trời Chân Thật và Hằng Sống của mình để phụng sự các vị thần giả dối và đã chết của các ngươi; ngược lại, ngươi cần phải nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất trên Trời và tin vào Ngài, khi thấy quyền năng của Ngài trên người tôi như thế này: hôm qua ngươi đã xé nát tôi thành từng mảnh, nhưng Ngài ngay lập tức đã làm cho tôi khỏe mạnh và không hề hấn gì! Ngài là Bác sĩ Toàn năng của linh hồn và thân xác con người!

Vị tổng giám mục hung ác lại ra lệnh tra tấn vị thánh nữ. Họ lại treo nàng lên cây, mang nến đang cháy đến và bắt đầu hơ lửa vào ngực và hai bên sườn nàng; còn bà, chìm sâu vào nội tâm, cầu nguyện với Thiên Chúa từ tận đáy lòng và im lặng chịu đựng; bà bị thiêu đốt như than hồng và bị xé nát, như thể thịt để làm thức ăn. Và khi họ đưa bà, lúc đó chỉ còn thoi thóp, xuống khỏi cây, bà đã cất tiếng nói lớn:

– Lạy Chúa! Ngài đã cho con được vì danh Ngài mà đi qua lửa, xin hãy cho con được đi qua nước thánh tẩy nữa, và sau khi được rửa sạch tội lỗi, xin dẫn con vào sự bình an của Ngài.

Kẻ tra tấn, nghe thấy vị tử đạo nhắc đến nước, liền nói:

– Con quỷ này muốn uống nước; phải cho nó uống!

Và hắn ra lệnh mang đến một thùng nước khổng lồ và ném nữ tử đạo bị trói vào đó, để nhấn chìm và dìm chết cô. Khi những tên đầy tớ bắt cô để ném xuống nước, cô đã lớn tiếng nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng giải thoát khỏi xiềng xích, Đấng tháo gỡ những sợi dây trói buộc của cái chết và địa ngục, và Đấng làm cho người chết sống lại từ nấm mồ bằng quyền năng thần thánh của Ngài! Xin hãy nhìn xuống tôi tớ của Ngài và cắt đứt xiềng xích của con! Và xin cho dòng nước này trở thành phép rửa thánh mà con hằng mong ước để được tái sinh vào cuộc sống vĩnh cửu, để sau khi cởi bỏ con người cũ, con được mặc lấy con người mới và đến với Ngài trong y phục cưới tại cung điện của Ngài!

Trong khi nữ tử đạo đang cầu nguyện như vậy, những tên đầy tớ đã ném nàng vào thùng nước, bắt đầu nhấn chìm nàng xuống nước và định dìm chết nàng. Nhưng bỗng nhiên mặt đất rung chuyển, những sợi dây trói nữ tử

đạo bỗng tự tháo ra, còn những tên đầy tớ, hoảng sợ tột độ, đã bỏ chạy khỏi thùng nước; từ trên cao, những tia sáng vô cùng rực rỡ chiếu xuống đầu vị tử đạo, và con bồ câu trắng mà trước đó nàng đã thấy lại xuất hiện, bay xuống từ trên cao, giống như mặt trời với vương miện vàng trong mỏ; nó lơ lửng trên đầu vị tử đạo, chạm nhẹ vào chân nàng rồi lại bay lên cao. Hình ảnh này không chỉ được vị thánh nhìn thấy, mà còn được một số người có mặt tại đó – những người xứng đáng được chứng kiến điều này – nhìn thấy: nhiều người trong đám đông là những Kitô hữu bí mật và đã được ân sủng để chứng kiến cảnh tượng này. Còn vị thánh thì đứng trong nước mà không chìm, vừa hát vừa ca ngợi và chúc tụng danh thánh cao cả của Ba Ngôi Chí Thánh: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Sau đó, một cột lửa xuất hiện trên đầu vị thánh, vươn cao chạm trời, và trên cột lửa là một cây thánh giá, trông như bằng pha lê, tỏa ra những tia sáng rực rỡ; một con bồ câu bay lên và đậu trên đỉnh cây thánh giá. Rồi một tiếng nói vang lên từ trên cao, và tất cả mọi người đều nghe thấy:

– Bình an cho ngươi, cô dâu của Chúa Kitô, Marina! Hôm nay ngươi sẽ nhận vương miện đức hạnh bất diệt từ tay Chúa và an nghỉ trong Nước Trời cùng với các thánh.

Khi nghe thấy giọng nói ấy và thấy vị nữ tử đạo bước lên khỏi mặt nước trong tình trạng khỏe mạnh, không có bất kỳ vết bỏng nào, thân thể nguyên vẹn và xinh đẹp, ngay lập tức một đám đông lớn gồm cả nam lẫn nữ đã tin vào Chúa Kitô, công khai xưng mình là Kitô hữu và dường như sẵn sàng hy sinh mạng sống vì Chúa Kitô. Igemon kinh hoàng khi thấy một đám đông lớn như vậy đã quay về với Chúa Kitô, và không biết phải làm gì; sau đó, trong cơn thịnh nộ, ông điều động đội quân mang gươm đi theo mình ra trước dân chúng và ra lệnh chém chết tất cả những ai ca ngợi danh Chúa Kitô. Lúc đó, tất cả những kẻ vô tín hay hèn nhát trong dân chúng đều bỏ chạy, còn những ai thực sự tin tưởng thì tự nguyện bước vào lưỡi gươm. Số người bị giết, cả nam lẫn nữ, lên đến mười lăm nghìn người; họ đã được rửa tội bằng chính máu của mình, được thanh tẩy khỏi mọi tội lỗi, và bước vào niềm vui của Chúa mình, được đội vương miện tử đạo. Sau đó, tổng giám mục ra lệnh chém cả vị nữ tử đạo bằng gươm. Khi thánh nữ được dẫn ra nơi hành hình, bà xin những người dẫn đường chờ một lát, rồi quay sang đám đông đang theo sau, khuyên nhủ mọi người hãy nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng Tạo Hóa của vạn vật, và tránh xa sự lừa dối của ma quỷ cùng sự hủy diệt do thờ ngẫu tượng gây ra. Sau đó, bà bắt đầu cầu nguyện và cầu nguyện rất lâu cho tất cả mọi người; bỗng nhiên đất rung chuyển, nỗi sợ hãi ập đến với tất cả mọi người, và nhiều người ngã quỵ xuống đất vì sợ hãi; ngay cả người hành hình cũng ngã xuống. Đó chính là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã hiện ra từ trời cùng các Thiên Thần thánh thiện trước mặt cô dâu của Ngài, kêu gọi nàng vào nơi an nghỉ của Ngài và giang rộng hai tay để đón nhận linh hồn nàng. Còn bà, với niềm vui khôn tả, đã thúc giục người hành hình hãy mau chóng thi hành điều đã được lệnh. Bà đưa đầu cao quý của mình ra dưới lưỡi gươm và bị chém đầu[5126] ; còn linh hồn bà được đôi tay của Chúa đón nhận và đưa về các nơi ở trên trời. Như vậy, thánh nữ đại tử đạo Marina đã kết thúc cuộc tử đạo của mình vào ngày mười bảy tháng bảy. Còn về cuộc tử đạo của bà, người chứng kiến là tôi tớ của Chúa, Thêôtim, người đã chứng kiến toàn bộ cuộc hành hình và được ân sủng trở thành người chứng kiến những thị kiến đã được mặc khải cho vị thánh; ông đã truyền lại điều này cho các tín hữu vì lợi ích, để tôn vinh và tưởng nhớ Marina, cô dâu yêu dấu của Đấng Kitô, và để tôn vinh Đấng Kitô, Đấng Cứu Thế yêu thương loài người, Đấng mà cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, chúng ta xin dâng lên sự tôn vinh và vinh quang, bây giờ và mãi mãi. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 3:

Nàng trinh nữ được trang điểm bằng những đức tính tốt lành, Marina ơi, nàng đã được đội vương miện bất diệt: được nhuộm đỏ bằng máu tử đạo, được chiếu sáng bởi những phép lạ chữa lành, nàng, vị tử đạo đạo đức, đã nhận được vinh quang chiến thắng từ sự đau khổ của mình.

[5126] Thánh nữ tử đạo Marina qua đời vào cuối thế kỷ III hoặc đầu thế kỷ IV. Xác thánh của ngài được lưu giữ tại Constantinopolis, trong tu viện Pantepont (Đấng Toàn Tri), cho đến khi Constantinopolis bị các hiệp sĩ Thập tự chinh chiếm đóng vào năm 1204. Theo một số nguồn tin khác, thi hài của ngài vào năm 908 đã được chuyển từ Antioch sang phương Tây và an táng tại Monte Fiascone, ở Toscana; hiện nay, một phần thi hài của ngài (cánh tay) đang được lưu giữ tại tu viện Vatopedi, trên núi Athos.

Ngày 31 tháng 7

18 tháng 7 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Emilian

Ngày tưởng niệm 18 tháng 7

Trong thời trị vì của Julian, vị hoàng đế vô đạo và bội đạo[5127] , một cuộc bách hại tàn bạo đã được phát động chống lại các Kitô hữu, khiến cả vũ trụ chấn động như cơn lốc hay cơn bão. Trên khắp Đế quốc La Mã, khắp các vùng và thành phố, một sắc lệnh đã được ban hành, yêu cầu tất cả các Kitô hữu, bất kể thuộc bộ tộc hay dân tộc nào, nam nữ mọi lứa tuổi, đều phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn và cái chết tàn bạo mà không được khoan hồng. Bằng mệnh lệnh bất công đó, vị hoàng đế thù ghét Thiên Chúa này đã vi phạm các luật pháp công chính và nhuộm đỏ cả phương Đông lẫn phương Tây bằng máu của các Kitô hữu bị đổ ra không thương xót, trong cơn thịnh nộ và thù hận đối với Chúa Kitô và các tôi tớ của Ngài. Trong số các quan cai trị tàn bạo khác mà ông ta cử đi khắp các vùng và thành phố để hành hạ các Kitô hữu, ông ta đã bổ nhiệm một kẻ tra tấn vô nhân đạo tên là Capitolinus, kẻ hủy diệt con người và kẻ phụng sự các thần tượng, đến thành phố Dorostol thuộc vùng Mysia; khi đến thành phố nói trên, trước hết hắn đã đến đền thờ tà thần, dâng lễ vật cho ma quỷ và quỳ lạy trước những tượng thần vô hồn. Ngày hôm sau, hắn bước ra tòa án nằm ở quảng trường, ngồi trên ngai vàng cao chót vót, với vẻ kiêu ngạo và đáng sợ nhằm hù dọa các Kitô hữu; sau khi công bố sắc lệnh của hoàng đế, hắn bắt đầu tra hỏi kỹ lưỡng xem trong thành phố có ai chống đối các vị thần hay không, có ai tự xưng là Kitô hữu hay không? Các công dân đã thề thốt khẳng định rằng trong thành phố của họ không có ai như vậy, mà tất cả đều thờ phụng các vị thần và dâng lễ vật cho các vị ấy hàng ngày. Nghe vậy, Thống đốc Capitoline rất vui mừng và mời tất cả các công dân danh giá đến dự tiệc trưa tại dinh thự của mình, nói rằng:

– Vì tôi thấy các vị thành kính tôn thờ các vị thần tổ tiên, nên hôm nay chúng ta hãy cùng nhau ăn uống và vui vẻ.

Trong thành phố đó có một tín đồ Kitô giáo bí mật tên là Emilian, là nô lệ của một quan chức có uy tín, người theo đạo ngoại. Trong lúc vị thống đốc đang tổ chức tiệc cùng các quan chức, nhân lúc thuận tiện, anh ta lẻn vào một mình (không ai nhìn thấy) đền thờ thần tượng, mang theo một cái búa sắt, và bắt đầu đập phá các thần tượng; anh ta đập nát chúng thành từng mảnh, lật đổ các bàn thờ, quăng tung tóe các lễ vật, đập vỡ và nghiền nát những chiếc đèn khổng lồ đặt trước các tượng thần, và sau khi phá hủy tất cả, như một chiến binh dũng cảm, anh ta rời đi, lòng tràn ngập niềm vui và sự hân hoan. Sau đó, một người ngoại đạo bước vào đền thờ; khi thấy mọi thứ đã bị tàn phá, anh ta kinh hoàng và vội vàng báo cho vị thống đốc cùng những công dân đang dùng bữa với ông ta. Ngay lập tức mọi người đều hoảng hốt, vị thống đốc nổi giận và ra lệnh điều tra xem ai đã làm việc này; những người được cử đi vội vã tìm kiếm và chẳng bao lâu sau đã phát hiện ra một người dân làng đang đi ngang qua đền thờ từ cánh đồng; họ bắt giữ anh ta và lôi đến trước mặt vị thống đốc, đồng thời đánh đập anh ta như một tên tội phạm; và rất đông người dân cùng các thầy tế lễ đi theo sau họ, tất cả đều nói về việc các vị thần của họ bị xúc phạm và đều nổi giận. Còn Thánh Emilián, khi chứng kiến cảnh đó, đã tự nhủ trong lòng:

– Nếu tôi che giấu việc làm của mình, thì điều đó sẽ mang lại lợi ích gì cho tôi? Tôi chỉ làm lương tâm mình nặng nề hơn mà thôi, hoặc vì tôi mà một người vô tội sẽ bị giết, và tôi sẽ trở thành kẻ sát nhân trước mặt Thiên Chúa.

Nghĩ vậy, ngài quay sang những kẻ đang lôi kéo và đánh đập người dân làng, cố gắng ngăn cản họ, đồng thời lớn tiếng kêu lên:

– Hãy thả người vô tội này ra, bắt tôi đi: chính tôi là người đã đập nát và chà đạp các vị thần vô hồn của các người!

Những người đó buông tha người dân làng, rồi giận dữ tóm lấy Thánh Emilian và lôi ông đến trước mặt Igemon trong tiếng la ó và những lời sỉ nhục. Igemon, ngồi vào vị trí xét xử thường lệ trước mặt toàn thể dân chúng và nhìn thấy Emilian bị dẫn đến trước mặt mình, liền hỏi các công dân:

[5127] Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363.

– Ai đây?

Các công dân trả lời:

– Đó là tên ác nhân đã đập tan các vị thần và chà đạp lên các lễ vật.

Igemon, tràn đầy cơn giận, quở trách các công dân:

– Trước đây các ngươi đã nói rằng trong thành phố của các ngươi không có một kẻ thù nào của các vị thần; thế mà giờ đây lại xuất hiện một kẻ như vậy, do sự lơ là của các ngươi; vì tội lỗi này, các ngươi phải nộp vào kho bạc hoàng gia một lít vàng[5128] .

Nói xong với các công dân, ông quay sang Emilian và giận dữ chất vấn anh ta:

– Nói cho chúng ta biết, tên vô đạo, tên ngươi là gì!

Vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô đáp lại:

– Tôi là một Kitô hữu.

Igemon càng tức giận hơn, nói:

– Hãy nói cho chúng ta biết tên ngươi, tên khốn kiếp!

Vị tử đạo đáp:

– Cha mẹ tôi đặt tên tôi là Emilian, còn Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật, đã ban ân sủng cho tôi được trở thành và được gọi là người Kitô hữu.

Igemon hỏi:

– Nói đi, tên vô đạo, ai đã dạy ngươi xúc phạm các vị thần bất tử như vậy?

Người tôi tớ của Chúa Kitô đáp:

– Thiên Chúa và linh hồn tôi đã truyền cho tôi phá hủy những tượng đá vô hồn mà các ngươi gọi là thần thánh, để mọi người đều thấy rằng chúng vô hồn, điếc và câm, không có trí tuệ, mà chỉ là đá và gỗ, những thứ không có cảm giác; hãy biết rằng, tôi không xúc phạm đến Đức Chúa Trời chân thật, Đấng đã tạo dựng vạn vật, mà chỉ xúc phạm đến các vị thần giả dối của các ngươi, những vị thần không tạo dựng được gì cả, mà chính các ngươi đã tạo ra, và tôi đã ném chúng xuống đất để chúng bị hủy diệt mãi mãi!

Igemon đáp lại:

– Chỉ có một mình ngươi đã đập vỡ các vị thần đó hay còn ai khác đi cùng ngươi nữa?

Vị thánh đáp:

– Chỉ một mình tôi, nhờ sự giúp đỡ của Đấng Kitô của tôi, đã nghiền nát các thần tượng của các ngươi thành bụi và giẫm nát các của lễ cùng các ngọn đèn của chúng; và không một ai trong số chúng có thể trả thù tôi vì sự sỉ nhục này, thậm chí không thể tránh khỏi tay tôi, vì chúng vô lực và vô cảm. Vậy thì các ngươi, những kẻ tạo ra chúng, và tất cả những ai đặt niềm tin vào chúng, cũng hãy trở nên như vậy đi.

Igemon trong cơn thịnh nộ ra lệnh lột trần người tôi tớ của Chúa Kitô để đánh đập ông. Khi quần áo của vị tử đạo đã bị cởi bỏ, Igemon nói với ông:

– Nói cho chúng ta biết đi, tên khốn kiếp, ai đã dạy ngươi phá hủy các vị thần?

Thánh nhân đáp:

– Ta đã nói với ngươi trước đây, và ta sẽ nói lại rằng không ai khác ngoài Thiên Chúa và linh hồn ta đã truyền cho ta làm điều đó.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh cho các đầy tớ:

– Hãy lột trần hắn ra và đánh mạnh hơn nữa, để hắn biết rằng sự ngang ngược của hắn sẽ không giúp được gì cho hắn, và không ai có thể cứu hắn khỏi tay ta!

Và họ bắt đầu đánh ông một cách tàn nhẫn.

Khi vị tử đạo đã bị đánh đến mức máu của ngài nhuộm đỏ cả mặt đất, quan tổng trấn hỏi vị thánh:

– Nói đi, tên khốn kiếp, ai đã dạy ngươi làm điều ác độc này?

Vị tử đạo, giữa những đòn roi, đáp lại:

– Ta đã nói với ngươi rằng chính Đức Chúa Trời và linh hồn ta đã truyền cho ta làm điều này, mà ngươi vẫn không tin ta; nhưng ta không làm điều ác mà là điều thiện, vì ta đã làm cho ma quỷ phải xấu hổ và tôn vinh Đức Chúa Trời.

Igemon nói với các tôi tớ:

[5128] Litra – đơn vị đo lường trọng lượng, tương đương 72 zolotnik; giá trị của nó bằng bạc khoảng 40 r., bằng vàng lên đến 500 r.

– Lật anh ta lại và đánh vào bụng và ngực: hắn kiêu ngạo, kẻ bất tuân luật pháp hoàng gia!

Và họ đã đánh vị thánh tử đạo không thương tiếc trong một thời gian dài; sau đó, vị thống đốc ra lệnh ngừng đánh vị thánh và hỏi ông:

– Ngươi là nô lệ hay người tự do?

– Tôi là nô lệ của quan tổng trấn, – vị thánh đáp.

Lúc đó, quan tổng trấn nổi giận với quan thành chủ, chủ nhân của Emilian, vì đã giữ một nô lệ như vậy – kẻ thù của các vị thần và không tuân lệnh nhà vua – nên đã kết án ông ta phải nộp phạt một lít bạc vào kho bạc hoàng gia, còn vị thánh tử đạo thì bị kết án thiêu sống. Ngay lập tức, các đầy tớ và đám đông dân chúng bắt vị thánh và dẫn ra khỏi thành phố; sau đó, trên bờ sông Danube, họ đốt một đống lửa khổng lồ và ném vị tử đạo vào đó. Ngọn lửa bao quanh vị thánh, nhưng không chạm vào ngài; sau đó, ngọn lửa lan rộng ra xung quanh một khoảng cách xa và thiêu rụi tất cả những kẻ vô tín, bất cứ ai mà ngọn lửa chạm tới, một số bị bỏng nặng, còn những người khác thì may mắn chạy thoát. Còn những Kitô hữu bí mật đang ở giữa đám đông thì không hề bị lửa làm hại, dù ngọn lửa đã lan đến gần họ. Thánh nhân đứng giữa ngọn lửa, mặt hướng về phía đông, làm dấu thánh giá để tự bảo vệ và chúc tụng Thiên Chúa. Sau khi cầu nguyện bao lâu tùy ý, ngài nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin hãy đón nhận linh hồn con[5129] !

Nói xong, ngài nằm xuống và an nghỉ trong Chúa, khi ngọn lửa đã gần tàn. Thân thể ngài không hề bị lửa làm tổn thương chút nào, ngay cả tóc cũng không bị cháy xém. Và những người dân trong thành, vốn là những Kitô hữu bí mật, đã đến gặp vợ của quan tổng trấn – người cũng thầm theo đạo Kitô – kể cho bà nghe tất cả về vị thánh và thuyết phục bà xin chồng cho phép chôn cất thi thể vị tử đạo, vốn một cách kỳ diệu không hề bị lửa làm tổn hại. Bà đã nài nỉ chồng, và ông ta cho phép họ lấy thi thể vị thánh một cách tự do; các tín hữu đã mang thi thể ấy đi, quấn trong tấm vải liệm có hương thơm và an táng một cách trang trọng tại nơi gọi là Gizidina, cách thành phố ba khoảng đường đua[5130] . Thánh tử đạo Emilian đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô vào ngày mười tám tháng Bảy, vào ngày thứ Sáu, dưới thời Igemon Capitolinus, trong triều đại của Julianus Apostata cai trị người La Mã và người Hy Lạp, còn trên chúng ta là Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta; vinh quang và tôn kính được dâng lên cùng Ngài, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Được thắp sáng bởi lòng nhiệt thành thiêng liêng, ngài không sợ hãi trước ngọn lửa thiêu đốt, ngài đã dâng mình lên trời một cách can đảm theo ý muốn, bị thiêu đốt bởi ngọn lửa giận dữ, và ngài đã dâng mình làm của lễ cho Chúa, hỡi vị tử đạo vinh quang, thánh Emilián. Xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, ban cho chúng con ân sủng vĩ đại.

Cuộc đời của vị thánh cha Pamva của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 7

Thánh Pâmva đã sống đến tuổi già như một người ăn chay khổ hạnh trong sa mạc gần núi Nitria, tại Ai Cập[5131] . Nhiều vị Thánh Cha vĩ đại đã kể lại cuộc đời đạo đức, thánh thiện và làm đẹp lòng Chúa của ngài, như sẽ được thấy trong phần kể tiếp theo, được tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau. Trước hết, Thánh Antôn Vĩ Đại[5132] đã nói về ngài rằng, nhờ lòng kính sợ Thiên Chúa (mà Thánh Pamva tràn đầy), ngài đã đón nhận Thánh Thần của Thiên Chúa vào trong mình. Thánh Pimen đã nói:

[5129] Thánh tử đạo Emilian qua đời vào năm 363.

[5130] Sau đó, tại Constantinopolis, một nhà thờ đã được xây dựng để tôn vinh Thánh Tử đạo Emilian, và thi hài thiêng liêng của ngài đã được rước về nơi đây. Khu vực tại Constantinople nơi ngôi thánh đường này được xây dựng có tên là Ravda (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "cây gậy" – tức là cây gậy của Mô-sê, được mang đến Constantinople dưới thời Hoàng đế Constantine Đại đế và được đặt trong Nhà thờ Đức Mẹ, gần đó là thánh đường của Thánh Emilian).

[5131] Ai Cập là nơi cư ngụ quen thuộc của nhiều vị tu sĩ. Các tu viện của các tu sĩ nằm cả ở Trung Ai Cập lẫn Hạ Ai Cập. Đặc biệt nổi tiếng ở Ai Cập là sa mạc Nitrian, nằm ở Hạ Ai Cập và tọa lạc sâu trong lòng đất nước, phía sau sông Nile.

[5132] Ngày kỷ niệm của ngài được Giáo hội Công giáo cử hành vào ngày 17 tháng 1

– Chúng tôi đã thấy ba điều ở Cha Pamva: nhịn đói mỗi ngày, im lặng và làm việc thủ công.

Thánh Theodoros Studites[5133] cũng đưa ra lời chứng như sau về vị cha thánh hạnh phúc này: "Pamva, cả bằng hành động lẫn lời nói, đều xứng đáng được tôn vinh, như một bậc cao quý"[5134] . Còn Socrates Scholasticus[5135] thì viết về ngài rằng, khi mới bắt đầu đời tu, ngài – lúc đó còn mù chữ – đã đến gặp một vị tu sĩ để học các Thánh vịnh của Đavít. Ngay từ đầu, khi nghe câu đầu tiên của Thánh vịnh thứ 38, cụ thể là: *"Ta sẽ canh chừng các nẻo đường của ta, để miệng ta không phạm tội"*, ông không muốn nghe các câu còn lại, mà ra về với lời nói:

– Chỉ cần câu này thôi là đủ rồi, miễn là tôi học được cách thực hành nó trong đời sống.

Và từ đó, cậu không còn đến gặp thầy nữa.

Sáu tháng sau, thầy gặp anh ở đâu đó và hỏi:

– Tại sao đến giờ này cậu vẫn chưa đến gặp tôi?

Pamva trả lời:

– Tôi vẫn chưa học được cách thực hành bài thơ đó.

Sau đó, nhiều năm trôi qua, một vị cha quen biết hỏi anh:

– Anh đã học được bài thơ đó chưa, anh em?

Pamwa trả lời:

– Đã mười chín năm liền tôi không ngừng học hỏi và mới chỉ vừa quen với việc thực hành những điều mà câu thơ ấy dạy.

Mặc dù ban đầu thánh Pamva không biết chữ, nhưng sau đó ngài đã được Chúa ban cho sự khôn ngoan và am hiểu Kinh Thánh, thậm chí còn là một thầy giáo giỏi đối với những người khác (như Palladius đã viết về ông[5136] ; bốn vị anh em nổi tiếng ở Ai Cập sau đây là môn đệ của ông: Dioscorus, Ammonius, Eusebius và Euthymius, được gọi là những bậc vĩ nhân và được nhắc đến trong cuốn tiểu sử của Thánh Gioan Kim Khẩu[5137] . Người đầu tiên trong số họ, Dioscorus, sau này trở thành giám mục Hermopolis; đây không phải là Dioscorus, kẻ dị giáo và bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ tư của các Thánh Cha[5138] , mà là một người khác cùng tên, sống trước đó. Ngoài ra, còn có Dracontius , một người chính trực, được nhắc đến trong tiểu sử của Thánh Illarion Đại Đế, là giám mục và người làm chứng cho Chúa Kitô, người đã phải chịu lưu đày bởi những người Arian, cũng từng là môn đệ của Thánh Pamva trong thời trẻ. Thầy của những môn đệ này chính là Pamva.

Vị thánh này, ngoài nhiều đức tính cao quý khác, còn nổi bật bởi sự khinh miệt hoàn toàn đối với vàng và bạc. Khi Thánh Melania, người La Mã, sau khi phân phát khắp nơi toàn bộ tài sản giàu có của mình cho những người nghèo khó vì danh Chúa Kitô, đến Alexandria, thì sau khi nghe nói về Thánh Pamva, bà đã đến gặp ngài cùng với vị linh mục Isidore của Alexandria, người chuyên tiếp đón khách lữ hành; bà mang theo ba trăm lít bạc và xin Thánh Pamve lấy bao nhiêu tùy ý từ số bạc bà mang đến. Nhưng ngài thậm chí không thèm liếc nhìn nó và vẫn tiếp tục công việc thủ công của mình – ngài đang đan chiếu – mà chỉ đáp lại bà:

– Cầu Chúa ban phước cho chị vì lòng tận tụy mà chị dành cho Ngài.

Khi cô tiếp tục khẩn khoản xin ông lấy ít nhất một ít, vị tu sĩ nói với người anh em phục vụ ông:

– Hãy nhận những gì họ cho với sự thận trọng, rồi mang đi phân phát cho các anh em ở Libya[5139] và trên các hòn đảo: họ đang rất khốn khó vì đất đai nơi họ cằn cỗi; còn các anh em trong các tu viện Ai Cập thì đừng cho gì cả, vì đất đai của họ màu mỡ, và họ có thể sống sung túc nhờ công sức lao động của mình.

[5133] Ngày kỷ niệm ngài là ngày 11 tháng 11 và ngày 26 tháng 1.

[5134] Bài thánh ca vào Thứ Bảy trước Mùa Chay, bài thứ 5 (bài thánh ca này do Thánh Phê-ô-đô-rô Stoudites soạn).

[5135] Socrates Scholasticus – nhà sử học Giáo hội người Hy Lạp, sống vào thế kỷ V. Ông đã viết cuốn "Lịch sử Giáo hội", kéo dài đến triều đại của Hoàng đế Theodosius II. – Đoạn trích dưới đây từ tác phẩm của Socrates Scholasticus nằm trong quyển 4 của cuốn "Lịch sử Giáo hội" (chương 18).

[5136] Giáo hội Công giáo kỷ niệm ngày lễ của ngài vào Thứ Bảy trước Lễ Phục Sinh.

[5137] Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 13 tháng 11

[5138] Công đồng Đại kết lần thứ tư diễn ra vào năm 451 tại Chalcedon và được Hoàng đế Theodosius II triệu tập để lên án tà thuyết Eutychian. Người sáng lập tà thuyết này là Archimandrite Eutyches của Constantinople, người khẳng định rằng trong Đức Giêsu Kitô, bản tính con người, trong sự kết hợp bản thể, đã bị bản tính thần linh hoàn toàn nuốt chửng. Công đồng đã lên án vị thầy giả dối này. Cũng tại công đồng này, Dioscorus, tổng giám mục Alexandria, người chia sẻ học thuyết sai lầm của Eutyches, cũng đã bị lên án.

[5139] Livia nằm ở Bắc Phi.

Sau đó, Thánh Melania đã trao toàn bộ số bạc mang đến cho vị tu sĩ đó để phân phát cho người nghèo, và nói với Thánh Pamve:

– Thưa Cha, xin hãy lưu ý số bạc con dâng: ba trăm lít.

Ngài đáp lại:

– Đức Chúa Trời, Đấng mà con đã dâng bạc, hỡi con gái của cha, không hỏi con đã dâng bao nhiêu: há có phải *"Ai đã múc nước bằng nắm tay, đo trời bằng thước, đong bụi đất bằng thùng, và cân núi bằng cân"* (Ê-sai 40:12) lại không biết số lượng bạc của con sao? Nếu con dâng bạc cho cha, thì tất nhiên con sẽ nói cho cha biết con dâng bao nhiêu, nhưng con lại dâng nó cho Đức Chúa Trời, Đấng không khinh thường hai đồng tiền của bà góa, mà còn chấp nhận chúng hơn cả nhiều của cải (Mác 12:42); vậy hãy im lặng, đừng khoe khoang trước mặt người khác! (Ma-thi-ơ 6:2)

Một lần nọ, Cha Piô đến gặp Thánh Pamva và mang theo một miếng bánh mì cứng nhỏ. Khi Thánh Pamva hỏi:

– Thưa cha, tại sao cha lại mang bánh mì theo?

Cha Piô trả lời:

– Để không làm phiền cha. (Tức là để không làm cha khó xử vì bánh mì, mà sẽ ăn bánh mì của mình).

Vài ngày sau, Thánh Pâmva đến thăm Cha Piô, mang theo một miếng bánh mì cứng của mình, nhúng vào nước. Thấy vậy, Cha Piô hỏi:

– Thưa cha, sao cha lại mang theo bánh mì đã nhúng nước?

Ngài đáp:

– Để không làm phiền ngài, không chỉ về bánh mì mà cả về nước nữa.

Một lần nọ, Thánh Athanasius thành Alexandria đã mời Cha Pamva đến gặp ngài tại Alexandria. Trên đường đi, vị tu sĩ già cùng với một số anh em đã thấy những giáo dân đang ngồi đó, họ không để ý đến các tu sĩ đang đi qua; Pamva nói với những giáo dân đó:

– Hãy đứng dậy và chào đón các tu sĩ với lòng kính trọng để nhận được lời chúc phúc từ họ: họ thường trò chuyện với Chúa và lời nói của họ là thiêng liêng.

Sau đó, khi đến thành phố, ông thấy một người phụ nữ làm nghề mại dâm, ăn mặc hở hang để quyến rũ người khác; và vị tu sĩ già đã khóc. Lúc đó, các anh em hỏi ông:

– Tại sao cha lại khóc vậy, thưa cha?

Ông đáp:

– Tôi khóc vì hai lý do: vì sự hư mất của linh hồn người phụ nữ này và vì tôi không có sự tận tâm đối với linh hồn mình như cô ta dành cho thân xác mình. Cô ta trang điểm lộng lẫy để làm vừa lòng người đời, còn tôi lại không quan tâm đến việc làm đẹp linh hồn mình để được Chúa hài lòng.

Luôn tràn đầy lòng thương xót, Thánh Pamva chưa bao giờ cười, thậm chí trên khuôn mặt ngài cũng chưa từng hiện lên nụ cười nào. Một lần, lũ quỷ muốn ép ngài phải cười; chúng buộc một sợi dây vào chiếc lông chim và kéo nó trước mắt ngài như thể một gánh nặng, vừa nói vừa la hét với nhau:

– Cứu với! Cứu với!

Thấy vậy, Cha Pamva đã cười. Lúc đó, lũ quỷ, vui mừng, la lên:

– Cuối cùng thì Pamva cũng cười rồi!

Nhưng ông phản bác lại:

– Tôi không phải đang cười, mà là chế giễu sự yếu đuối của các ngươi: các ngươi thậm chí không thể nhấc nổi một chiếc lông chim!

Những con quỷ xấu hổ bỏ chạy.

Các đệ tử của ngài còn kể rằng ngài rất thận trọng trong lời nói và sáng suốt trong cách trả lời. Khi được hỏi về bất cứ điều gì trong Kinh Thánh hay về một việc nào đó, ngài không trả lời ngay lập tức, mà trước tiên ngài im lặng một lúc lâu và tự suy ngẫm, rồi thường nói:

– Tôi không biết phải trả lời câu hỏi này thế nào.

Và chỉ sau ba ngày hoặc ba tuần, đôi khi thậm chí sau ba tháng, ngài mới đưa ra câu trả lời. Những lời đáp của ngài luôn công bằng và vô cùng hữu ích, bởi vì chúng được ban cho trí tuệ của ngài nhờ ân sủng của Thiên Chúa. Vì vậy, mọi người đều đón nhận những lời từ miệng ngài với lòng kính sợ, như thể đó là lời từ miệng Thiên Chúa: Thiên Chúa đã phán qua miệng ngài.

Vào thời của vị thánh này, tại chính những vùng đất Ai Cập đó có hai anh em ruột là Pa-si-ô và Ê-sai, con của những bậc cha mẹ giàu có; cha họ là một thương gia nổi tiếng, người thường đi buôn những mặt hàng đắt tiền đến tận Tây Ban Nha. Sau khi chia nhau số tài sản khổng lồ mà họ thừa hưởng sau khi cha mẹ qua đời, họ nói với nhau:

– Chúng ta sẽ chọn cuộc sống nào đây? Nếu chúng ta làm buôn bán như cha mình, thì ai biết được thành quả lao động của chúng ta sau này sẽ thuộc về ai? Hơn nữa, chúng ta sẽ phải luôn lo sợ gặp phải những tai họa như cướp bóc, đắm tàu. Thà chúng ta chọn cuộc sống tu hành, dâng tài sản của cha vào kho tàng trên trời; làm như vậy, chúng ta sẽ cứu rỗi cả linh hồn mình.

Sau khi bàn bạc như vậy, cả hai đều từ bỏ đời sống trần tục. Một người ngay lập tức phân phát phần gia tài của mình cho người nghèo, các nhà thờ và tu viện, không giữ lại gì cho bản thân, rồi lên sa mạc và học một nghề thủ công nhỏ, nhờ đó mà kiếm sống bằng chính sức lao động của mình; anh ta sống một mình theo ý Chúa, siêng năng ăn chay và làm việc. Còn người kia thì xây dựng cho mình một tu viện nhỏ gần các khu dân cư thế tục, và sau khi đón nhận một số ít anh em vào tu viện, ông đã cưu mang những người lữ hành và cho người nghèo ăn. Sau khi xây dựng một nhà trọ và một bệnh viện, ông đã cưu mang tất cả những ai đến và tận tụy chăm sóc người bệnh; còn vào thứ Bảy và Chủ Nhật, ông tổ chức hai, ba, thậm chí bốn bữa ăn cho những người ăn xin. Sau khi sống như vậy được vài năm, cả hai anh em đều về với Chúa. Sau khi họ qua đời, nhiều anh em bắt đầu bàn luận về hai vị ấy: một số người ca ngợi nhiều hơn vị đã phân phát hết tài sản ngay lập tức và rút lui vào sa mạc để sống đời im lặng, trong khi những người khác lại ưu ái vị kia, người đã dùng tài sản của mình để phục vụ những người lữ hành, người nghèo và người bệnh trong một thời gian dài. Sau một thời gian dài không ai chịu nhường ai trong cuộc tranh luận này, các tu sĩ đã đến hỏi Đức Cha Pamva, mong muốn biết cuộc đời của người anh em nào làm đẹp lòng Chúa hơn và ai trong số họ sẽ nhận được phần thưởng lớn hơn. Đức Cha Pamva đã trả lời câu hỏi của họ như sau:

– Cả hai đều hoàn hảo trước mặt Chúa; người tiếp đón khách lữ hành giống như Áp-ra-ham công chính, còn người ẩn tu giống như thánh tiên tri Ê-li, và cả hai đều làm đẹp lòng Chúa như nhau.

Tuy nhiên, các tu sĩ vẫn không đồng ý và tranh cãi với nhau; một số người, ca ngợi người ẩn tu hơn, nói:

– Ông ấy đã thực hiện điều răn trong Phúc Âm: "Hãy bán tài sản của ngươi và phân phát cho người nghèo", rồi vác thập giá theo Chúa Kitô, chịu khát và đói mỗi ngày; còn người tiếp đón khách lữ hành, dù có phục vụ người nghèo, nhưng bản thân ông ấy vẫn hưởng thụ tài sản của mình; ông ấy ăn uống cùng những người lữ hành, dùng bữa với những người bệnh.

Còn những người phản đối thì phản bác, nói rằng người hiếu khách cũng đã thực hiện lời Chúa Kitô được ghi trong Phúc Âm: *"Ngài không đến để được người ta phục vụ, nhưng để phục vụ"* cho người khác (Mt 20,28). Vì ông đã phục vụ biết bao người, mỗi ngày ra đường đông đúc, tìm kiếm khách lữ hành, người ăn xin, người bệnh, người nghèo và đưa họ về nhà mình, nơi ông ban cho tất cả sự bình an; và nếu chỉ vì một chén nước lạnh dâng cho người khát mà Thiên Chúa đã hứa ban phần thưởng, thì anh em đã tiếp đón những người lữ hành, đã làm thỏa mãn vô số người khát và đói, và đã phục vụ mọi người bệnh như chính Chúa Kitô, sẽ nhận được phần thưởng nào đây?

Thấy sự bất đồng như vậy giữa các anh em, Thánh Pamva nói với họ:

– Hãy chờ một chút, các anh em, cho đến khi tôi nhận được lời chỉ dẫn từ Đức Chúa Trời; lúc đó tôi sẽ nói cho các anh em biết.

Vài ngày sau, các anh em lại đến gặp ngài để xin câu trả lời cho câu hỏi của họ; lúc đó, vị tu sĩ già nói với họ:

– Trước mặt Thiên Chúa, tôi nói với các anh em rằng tôi đã thấy cả hai anh em ấy (Paissios và Ilias) đang đứng bên nhau trong thiên đàng.

Nghe vậy, tất cả các anh em đều an lòng và ngợi khen Đức Chúa Trời.

Sau sự mặc khải này mà vị thánh nhân đã nhận được về hai vị tu sĩ, mọi người đều nhận ra ân sủng vĩ đại mà ngài được Chúa ban, khi ngài được ân huệ được chiêm ngưỡng hạnh phúc thiên đàng trước khi qua đời; và chính ngài cũng giống như những cư dân thiên đàng nhờ việc đã nhìn thấy họ, và còn hơn thế nữa nhờ ân sủng dồi dào của Chúa ngự trong ngài. Ngay khi còn sống trong thân xác phàm trần giữa loài người, ngài đã mang trên khuôn mặt dấu ấn của sự bất hoại thiên đàng, không chỉ linh hồn mà cả thân xác ngài cũng rạng ngời, và khuôn mặt ngài tỏa sáng vinh quang như khuôn mặt của thánh tiên tri Mô-sê xưa kia. Điều này được kể lại trong các cuốn tiểu sử của các thánh tổ như sau. Trong ba năm, vị thánh đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời:

– Lạy Chúa, con xin Ngài, xin đừng tôn vinh con trên trần gian!

Chúa, Đấng tôn vinh các vị thánh của Ngài, đã tôn vinh ngài đến nỗi các anh em không dám nhìn vào khuôn mặt ngài vì vinh quang mà ngài sở hữu: như vậy, vị thánh đã được tôn vinh trên trần gian trong thân xác của ngài trước khi được tôn vinh trên trời. Khi thời khắc ra đi thanh thản của ngài đến, sau bảy mươi năm cuộc đời, ngài đã nói với các anh em đang đứng xung quanh:

– Kể từ khi tôi định cư ở sa mạc này, xây dựng căn phòng tu và sống trong đó, không có một ngày nào trôi qua mà tôi không làm việc gì đó bằng chính đôi tay mình cho đến khi kiệt sức; tôi cũng không nhớ là đã từng ăn bánh mì do ai đó cho, mà luôn là bánh mì do chính đôi tay tôi lao động kiếm được; và từ miệng tôi chưa từng thốt ra lời nào mà giờ đây tôi phải hổ thẹn và ăn năn, tuy nhiên, tôi ra đi về với Chúa như thể chưa từng bắt đầu sống một cuộc đời thánh thiện và tu hành theo ý Chúa.

Với những lời ấy, ngài đã phó thác linh hồn chân chính và thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa[5140] , mà không mắc phải bất kỳ bệnh tật thể xác nào. Đó là cuộc đời và cái chết của vị thánh nhân này, những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài xin giúp chúng ta học được cách sống đẹp lòng Chúa và được hưởng cái chết tốt lành nhờ lòng thương xót của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ngợi khen, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, amen.

Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Gioan Đầy Khổ Nạn

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 7

"Chúng ta phải trải qua nhiều gian khổ mới được vào Nước Thiên Chúa" (Công vụ 14:22), – Thánh Phaolô đã nói như vậy.

Cũng theo lời ngài, môn đệ yêu dấu của Chúa Giêsu, Thánh Gioan Trinh Nữ, đã nói:

– *"Tôi là Gioan, anh em của các bạn và người cùng chia sẻ nỗi đau khổ"* (Khải Huyền 1:9).

Người môn đệ yêu dấu của Đức Mẹ Thiên Chúa từ Tu viện Pechersk, vị trinh nam người Nga của chúng ta là Gioan, người được gọi là "Người Chịu Nhiều Khổ Nạn", cũng đồng ý với họ; quả thực, ngài đã chịu đựng biết bao nỗi khổ đau vì lời hứa trinh khiết dành cho Chàng Rể trên trời. Chính ngài đã kể lại cuộc đời mình như vậy, không lâu trước khi qua đời, nhân dịp sau đây. Một trong những anh em, người bị ma quỷ xúi giục bởi những ham muốn xác thịt, thường đến thăm vị thánh này, người đã tự giam mình trong một nơi chật hẹp, trong hang động của Thánh Antôn, và đã dành cả cuộc đời mình ở đó; anh ta xin vị thánh cầu nguyện với Chúa để làm suy yếu cơn đam mê của mình. Còn Thánh Gioan thì nói với anh ta:

– Anh em ơi, hãy can đảm lên, hãy để lòng anh em vững vàng, hãy kiên nhẫn nhân danh Chúa và tuân giữ đường lối của Ngài, thì Ngài sẽ không bỏ rơi anh em trong tay kẻ thù và không để chúng bắt được anh em.

Người bị dục vọng chi phối đáp lại:

– Xin cha tin con, nếu cha không giúp con giảm bớt cơn thèm khát này, thì con sẽ không tìm được sự bình an, mà sẽ phải lang thang từ nơi này sang nơi khác.

Thánh Gioan bèn nói với anh ta:

– Tại sao con lại muốn tự nộp mình cho kẻ thù xé xác? Con sẽ giống như người đứng bên mép vực thẳm; kẻ thù sẽ đến và bất ngờ đẩy anh ta xuống, và cú ngã đó sẽ khủng khiếp đến mức sau này anh ta không thể đứng dậy được nữa; còn nếu con ở lại đây, trong tu viện thánh thiện này, con sẽ giống như một người đứng xa vực thẳm, dù kẻ thù có cố gắng kéo anh ta thế nào đi chăng nữa, cũng không thể đẩy anh ta xuống được; như vậy, nhờ sự kiên nhẫn của ngươi, Chúa sẽ cứu ngươi khỏi vực thẳm của những đam mê và khỏi sự ô uế phù du; hãy nghe đây, anh em ơi, ta sẽ kể cho ngươi nghe những gì đã xảy ra với ta khi còn trẻ.

Và ông bắt đầu kể lại toàn bộ cuộc đời mình một cách chi tiết.

Khi tôi đến (ông nói) tu viện thánh Pechersk này và bắt đầu tu hành theo truyền thống tu sĩ thánh Angel, – tôi, bị dục vọng thiêu đốt dữ dội, – đã phải chịu đựng vô cùng nhiều vì sự cứu rỗi của chính mình! Có khi hai, có khi ba ngày liền tôi không ăn gì, thường xuyên cả tuần liền tôi hoàn toàn không ăn uống gì và tự hành xác bằng cách nhịn khát: cả đêm tôi không ngủ; trong sự đau khổ như vậy, tôi đã trải qua khoảng ba năm, nhưng ngay cả như thế,

[5140] Thánh Pamva qua đời vào cuối thế kỷ IV.

tôi vẫn không tìm được sự bình an. Rồi tôi đến hang động nơi thi hài của vị thánh cha Antôn của chúng ta được an táng, và ở lại đó ngày đêm cầu nguyện bên quan tài của ngài; và bỗng tôi nghe thấy tiếng vị thánh cha nói với tôi:

– Gioan, Gioan, con cần phải ẩn dật trong hang động này, để không nhìn thấy gì và sống trong im lặng, từ đó chiến thắng những dục vọng. Chúa sẽ giúp con nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh của Ngài.

Vì thế (Ngài tiếp tục), từ đó tôi đã ẩn dật ở đây, trong một nơi chật hẹp và u buồn, nơi tôi đã sống đến năm thứ mười ba; và tôi đã không sớm đạt được sự bình an. Suốt nhiều năm, tôi đã chiến đấu với những dục vọng và những ý nghĩ xác thịt, sống một cuộc đời khắc khổ; trong nhiều năm, tôi đã hành hạ thân xác mình, ban đầu chỉ bằng việc ăn chay và thức trắng đêm; sau đó, không biết phải làm gì và không thể chế ngự được dục vọng xác thịt, tôi quyết định sống trần truồng; tôi đã đeo lên người những sợi xích nặng nề và từ đó đến nay, tôi vẫn tự hành hạ bản thân bằng cái lạnh và sức nặng của sắt. Tuy nhiên, khi tất cả những điều đó vẫn chưa đủ, tôi đã nghĩ ra một cách khác: đào một cái hố sâu, ngập đến tận vai tôi. Khi những ngày Mùa Chay Thánh bắt đầu, tôi chui xuống hố và lấp đất lên khắp người, chỉ để lộ ra đôi tay và cái đầu, và tôi đã ở dưới sức nặng của đất suốt cả mùa chay, không thể cử động dù chỉ một khớp xương; nhưng ngay cả như vậy, dục vọng xác thịt thiêu đốt của tôi vẫn không chấm dứt. Ngoài ra, kẻ thù là ma quỷ còn dọa nạt tôi, muốn đuổi tôi ra khỏi đó, và tôi đã cảm nhận được sự xảo trá của nó như thế này: ở đáy hố, đôi chân tôi bốc cháy, các gân trong đó co lại, xương run rẩy, ngọn lửa đã lan đến bụng và các bộ phận cơ thể tôi bắt đầu bốc cháy. Còn tôi thì không để ý đến cơn đau dữ dội ấy, mà vui mừng trong tâm hồn, vui mừng vì linh hồn tôi vẫn được giữ gìn trong sạch khỏi sự ô uế: tôi thà bị thiêu rụi trong ngọn lửa ấy vì Chúa, còn hơn là bước ra khỏi hố trong tình trạng bị quỷ dữ làm ô uế; và cùng lúc đó, tôi nhìn thấy một con rắn đáng sợ và hung dữ, nó phun ra ngọn lửa, thiêu đốt tôi bằng những tia lửa và muốn nuốt chửng tôi. Nó đã làm như vậy trong vài ngày, với ý định đuổi tôi đi. Khi Đêm Phục Sinh rạng ngời của Chúa Kitô bắt đầu, con rắn hung dữ ấy bất ngờ tấn công tôi, tóm lấy đầu và tay tôi vào hàm nó; tóc trên đầu và râu tôi bị cháy xém, như ngươi thấy bây giờ, và tôi, khi đã nằm trong hàm con rắn ấy, đã thét lên từ tận đáy lòng:

– Lạy Chúa Trời, Đấng Cứu Rỗi của con, sao Ngài lại bỏ rơi con? Xin hãy thương xót con, lạy Chúa, vì chỉ có Ngài là Đấng Yêu Thương Loài Người! Xin cứu rỗi con, kẻ tội lỗi, vì chỉ có Ngài là Đấng Vô Tội! Xin giải thoát con khỏi tội ác ghê tởm của con, để con không bị sa vào lưới của kẻ xảo quyệt mãi mãi; xin cứu con khỏi kẻ thù này: kìa, nó đang gầm rú như sư tử, muốn nuốt chửng con. Xin hãy tỏ ra quyền năng của Ngài và đến cứu con! Xin hãy chiếu tia chớp của Ngài và xua đuổi nó, để nó biến mất khỏi trước mặt Ngài!

Khi tôi vừa dứt lời cầu nguyện, ngay lập tức ánh sáng Thần thánh lóe lên như tia chớp, và con rắn dữ tợn ấy đã biến mất; và cho đến nay tôi vẫn chưa thấy nó nữa, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời. Lúc đó, tôi nghe thấy tiếng Chúa phán với tôi:

– Gioan, Gioan! Đây là sự giúp đỡ dành cho con, giờ đây hãy tự lo liệu để không còn phải chịu khổ trong đời sau nữa.

Còn tôi (ông nói), sau khi cúi đầu thờ lạy, đã thưa:

– Lạy Chúa, tại sao Ngài lại để con phải chịu sự hành hạ tàn nhẫn như vậy?

Tiếng nói đáp lại tôi:

– Điều này đã được ban cho ngươi tùy theo mức độ kiên nhẫn của ngươi, để ngươi, sau khi được thử thách bằng lửa, trở nên tinh khiết như vàng; Đức Chúa Trời sẽ không để con người phải chịu cám dỗ vượt quá sức chịu đựng của họ, để họ không kiệt sức và không bị con rắn xảo quyệt sỉ nhục. Nhưng cũng như một chủ nhân khôn ngoan giao cho những người đầy tớ khỏe mạnh và cường tráng công việc lớn và nặng nhọc, còn giao cho những người yếu đuối và mỏng manh công việc tầm thường và nhẹ nhàng, thì ngươi cũng hãy hiểu như vậy về cuộc chiến chống lại dục vọng xác thịt, điều mà vì nó mà ngươi đang cầu nguyện cho chính mình. Nhưng hãy cầu nguyện với người đã khuất đang ở gần ngươi, để người ấy chữa lành cho ngươi khỏi cơn dục vọng: người ấy đã làm được nhiều hơn cả Giô-sép[5141] và có thể giúp đỡ những ai đang chịu đựng cơn dục vọng này.

Còn tôi (ông tiếp tục), không biết tên của người đã khuất ấy, bèn kêu lên:

– Lạy Chúa, xin thương xót con nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh này!

[5141] Giuse là một trong mười hai người con trai của Thượng phụ Giacóp. Ông nổi tiếng vì sự trong sạch và lòng chân thành. Khi bị các anh em bán sang Ai Cập, ông đã không sa vào cám dỗ của vợ Potifar, người mà ông đang ở trong nhà (Sáng Thế Ký 39:1–23). – Chính vì thế, trong câu chuyện về cuộc đời của Thánh Gioan Đầy Khổ Nạn, người ta nhắc đến sự cầu bầu đặc biệt của Giuse dành cho những ai, khi bị cơn dục vọng cuồng loạn chi phối, đã tìm đến ngài để xin giúp đỡ.

Sau đó, tôi mới biết đó chính là Mô-sê, người gốc Hungary. Lúc đó, một ánh sáng không thể tả xiết đã chiếu rọi tôi, và cho đến nay tôi vẫn đang ở trong ánh sáng ấy, không cần đến ánh sáng nào khác, dù ban đêm hay ban ngày; và tất cả những người xứng đáng đến với tôi đều được thỏa mãn bởi ánh sáng này và tận mắt chứng kiến sự an ủi của tôi, thứ đã chiếu sáng tôi trong đêm Phục Sinh ấy, mang lại hy vọng về ánh sáng tương lai.

Sau khi kết thúc câu chuyện về cuộc đời đầy đau khổ của mình, vị cha đáng kính của chúng ta là Thánh Gioan đã quay sang người đang bị ám ảnh bởi dục vọng xác thịt và nói:

– Thưa anh em, chính chúng ta cũng suy nghĩ bằng trí óc về những điều xác thịt; vì thế, Thiên Chúa mới cho phép những đau khổ này giáng xuống chúng ta qua sự phán xét công chính của Ngài, bởi vì chúng ta chưa mang lại những hoa trái xứng đáng của sự sám hối. Nhưng, thưa anh em, tôi sẽ nói với anh điều này: chúng ta hãy cầu nguyện cùng vị thánh Mô-sê này, và ngài sẽ giúp đỡ anh.

Sau đó, ông cùng người bị ám ảnh bởi dục vọng cầu nguyện; rồi ông lấy một mảnh xương từ di cốt của Thánh Mô-sê và đưa cho anh ta, nói:

– Hãy áp nó vào thân thể anh.

Sau khi làm điều đó, người anh em ngay lập tức cảm thấy cơn nóng trong thân thể mình dịu đi; dục vọng đã ngừng quấy rầy anh em và lắng xuống trong thân thể anh; từ đó trở đi, anh không còn phải chịu đau khổ vì nó nữa. Lúc đó, vị thánh và vị tu sĩ bị ám ảnh bởi dục vọng cùng nhau ngợi khen Thiên Chúa vì Ngài không chỉ tôn vinh những ai đã tôn vinh Ngài bằng sự trong sạch trong cuộc đời mình, mà còn tôn vinh họ sau khi qua đời bằng những phép lạ thanh tẩy con người khỏi tội lỗi.

Ngay sau khi kể lại những đau khổ to lớn của mình, vị ẩn sĩ nhiều đau khổ, vị cha thánh của chúng ta là Thánh Gioan, vào ngày 18 tháng 7, đã trao linh hồn mình vào tay Chúa[5142] , để được ngự trị cùng Đấng mà ngài đã cùng chịu đau khổ. Còn thi hài thánh của ngài, mang lại sự chữa lành vô tận, như một trụ cột bảo vệ khỏi kẻ thù, vẫn đứng vững chắc tại nơi ngài đã tự chôn mình đến ngang vai khi còn tu hành, và sau đó, khi ngài biết được thời điểm ra đi của mình. Nhờ những lời cầu nguyện của vị ẩn sĩ đầy đau khổ này, vị cha thánh của chúng ta là Thánh Gioan (thân xác thánh thiện của ngài, sau khi đã chiến thắng dục vọng xác thịt bằng biết bao đau khổ, đã trở thành trụ cột trong nhà Chúa), xin cho chúng ta cũng được dẫn dắt, như ánh sáng của cột lửa đã hiện ra trước Mô-sê, – đến vùng đất thiên đàng hứa hẹn, nơi sữa và mật ong tuôn trào, mà những đứa trẻ bú sữa mẹ được hưởng, cũng như vị trinh nam Gioan này, giống như Gioan – người bạn thân thiết của Đức Kitô, nhờ ân sủng và vinh quang của Thiên Chúa Ba Ngôi, Đấng được tôn vinh ngay bây giờ và mãi mãi. A-men.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Gia-cô-bê

Ngày kỷ niệm: 18 tháng 7

Vị thánh tử đạo này xuất thân từ cha mẹ đạo đức là Theoclitus và Theophila. Ngài sinh ra vào thời điểm Giáo hội tại thành phố Amastris[5143] do Giám mục Heraclius cai quản, và được đặt tên bởi một Thiên thần hiện ra. Khi mới ba tuổi, ngài đã kêu cầu danh Chúa Kitô và làm cho một cậu bé đã chết sống lại; sau đó, cậu bé ấy đã cùng ngài tu hành và hoàn thiện các đức tính. Khi đã về già và thực hiện nhiều phép lạ, một lần nọ, ngài thấy những kẻ thờ ngẫu tượng thiếu khôn ngoan đang thờ lạy một cây liễu rỗng ruột. Ngài đã đi chặt cây đó. Vì việc này, ngài bị bắt và bị dẫn đến thành phố Amastrida, gặp , quan tổng trấn vùng Kavstrisi; theo lệnh của ông ta, ngài trước tiên bị đánh đập dã man đến mức rụng hết răng, sau đó bị trói bằng dây thừng và bị lôi lê trên mặt đất, cuối cùng bị giam vào ngục tối, nơi ngài đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa[5144] .

[5142] Thánh Gioan qua đời vào giữa thế kỷ XII.

[5143] Thành phố Amastrida, nay là Amastra, nằm ở phần phía bắc của tỉnh Paphlagonia thuộc Đế quốc La Mã ở Tiểu Á, ngay bên bờ Biển Euxine, nay là Biển Đen.

[5144] Thời điểm qua đời của Thánh Tử đạo Gia-cô-bê không được biết rõ.

Tháng Tám

ngày 1 tháng 8

19 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cũng trong ngày này, Thánh Roman Olegovich, Công tước Ryazan, đã qua đời sau khi bị tra tấn dã man tại Đế chế Mông Cổ vào năm 1270.

Cuộc đời của Mẹ Thánh Makrina

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 7

Thánh Makrina sinh ra tại Cappadocia dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Đại đế[5145] . Cha mẹ của bà là Basil và Emilia; bà là con đầu lòng của họ và là chị cả của Thánh Basil Đại đế, Thánh Gregory Nyssa cùng các anh chị em khác. Cặp vợ chồng đạo đức này có tổng cộng mười người con: bốn con trai và sáu con gái. Theo sự mặc khải của Thiên Chúa mà mẹ thánh đã nhận được trong giấc mơ, cô con gái đầu lòng này được đặt tên là Thekla: cụ thể là, ngay trước khi sinh, mẹ thánh chìm vào giấc ngủ và thấy trong mơ rằng mình đang bế trên tay đứa trẻ chưa chào đời. Rồi dường như có một người đàn ông sáng sủa và chính trực bước đến, nhìn đứa trẻ với ánh mắt trìu mến và gọi tên nó là Thekla ba lần, ngụ ý rằng đứa trẻ này sẽ noi gương cuộc đời trong sạch của Thánh Nữ Tử Đạo Đầu Tiên Thekla và trở thành một vị tử đạo tự nguyện mà không đổ máu.

Sau khi tỉnh dậy từ giấc mơ đó, Emilia đã sinh ra đứa trẻ và đặt tên cho nó là Fekla; nhưng những người trong nhà và họ hàng lại muốn đặt tên cho em là Makrina, theo tên bà ngoại bên phía cha, Thánh Makrina, người vào thời trị vì của Maximianus Galerius[5146] đã cùng chồng chịu sự bắt bớ vì Chúa Kitô và lang thang trong sa mạc suốt bảy năm, chịu đựng cảnh khốn cùng tột độ, cho đến khi cuộc bắt bớ chấm dứt. Vậy là, đứa trẻ sơ sinh có hai tên: Thekla theo sự mặc khải, và Macrina theo biệt danh; và điều đó không phải là vô cớ: cô đã kế thừa lối sống thánh thiện từ cả hai vị nữ thánh ấy, cũng như họ, với ngọn lửa tình yêu nồng cháy dành cho Thiên Chúa bùng cháy trong lòng. Thói quen gọi cô là Makrina đã ăn sâu vào lòng mọi người đến mức có những người thậm chí không biết tên thật của cô, và tất cả đều gọi cô bằng cái tên kia: chúng ta tin rằng dưới cả hai cái tên đó, cô dâu của Chúa Kitô này đã được ghi danh trên trời, trong Sách Sự Sống.

Cô bé được nuôi nấng cẩn thận, và khi con gái đã đến tuổi, người mẹ bắt đầu dạy dỗ và hướng dẫn con học chữ, không bắt đầu bằng những câu chuyện thần thoại ngoại giáo (như các bà mẹ khác thường làm) cũng không phải bằng các tác phẩm thơ ca, trong đó có nhiều nội dung không xứng đáng với đôi tai trong sáng của một thiếu nữ; bà chọn từ Sách Khôn ngoan của Salômôn[5147] và từ các Thi thiên của Đa-vít hoặc từ các sách khác trong Kinh Thánh những câu thơ phù hợp, cụ thể là những câu chứa đựng lời cầu nguyện và lời ngợi khen Đức Chúa Trời, hoặc những bài học đạo đức tốt đẹp. Cô bé học rất giỏi, em rất thông minh; và những lời trong sách cùng những bài thánh ca cầu nguyện luôn thường trực trên môi cô vào mọi thời điểm trong ngày: dù là khi cô thức dậy khỏi giường, hay bắt tay vào làm việc gì đó, ngồi xuống dùng bữa trưa hay đứng dậy khỏi bàn ăn, cô không bao giờ bỏ qua giờ trưa và chiều mà không hát, các thánh vịnh, và khi chuẩn bị đi ngủ, cô thực hiện lời cầu nguyện theo nghi thức. Cô được mẹ dạy dỗ các công việc thủ công phù hợp với một thiếu nữ, và cô không được phép lãng phí thời gian vào những trò chơi trẻ con, mà luôn bận rộn với việc đọc sách hoặc làm thủ công.

[5145] Ngài trị vì từ năm 306 đến năm 337.

[5146] Maximus Galerius cai trị nửa phía đông của Đế quốc La Mã từ năm 305 đến năm 311.

[5147] Sách Khôn ngoan của Salômôn – một cuốn sách trong Kinh Thánh Cựu Ước; thuộc nhóm các sách ngoài Kinh Thánh chính thống. Nội dung của cuốn sách này là ca ngợi sự Khôn ngoan của Đức Chúa Trời.

Khi cô gái tròn mười hai tuổi, cô trở nên xinh đẹp đến mức không có cô gái nào sánh bằng trong cả vùng đất ấy; ngay cả các họa sĩ cũng không thể vẽ lại được vẻ đẹp trên khuôn mặt cô; vì vậy, nhiều người giàu có và quý tộc đã làm phiền cha cô với những lời thỉnh cầu, mỗi người đều mong muốn gả con trai mình cho cô.

Cha của Macrina, là một người khôn ngoan, đã chọn ra từ số đó một chàng trai trẻ, người nổi bật giữa những người khác không chỉ bởi dòng dõi quý tộc, mà còn bởi trí tuệ và phẩm chất tốt đẹp, và đã hứa gả cô con gái xinh đẹp Macrina của mình cho chàng; nhưng ông hoãn lễ cưới lại cho đến khi cô gái trưởng thành và đạt đến tuổi kết hôn. Chàng trai ấy kiên nhẫn chờ đợi và miệt mài học tập; nhưng Đức Chúa Trời, Đấng sắp đặt mọi sự một cách khôn ngoan, theo ý định của Ngài, đã chấm dứt cuộc đời tạm bợ của chàng và đưa chàng vào cuộc sống vĩnh cửu. Lúc bấy giờ, cô gái phúc lành ấy, dù còn trẻ nhưng đã sở hữu trí tuệ của một bà lão, đã quyết tâm không lấy ai cả, mà sẽ giữ gìn sự trinh trắng của mình cho đến cuối đời. Rất nhiều chàng trai đã nài nỉ Macrina kết hôn, và chính cha mẹ cùng họ hàng cũng khuyên nhủ cô kết hôn; nhưng cô, với sự sáng suốt vượt xa tuổi trẻ, dường như không phải là một thiếu nữ mà giống như một bà lão, đã trả lời bằng sự khôn ngoan và sáng suốt của mình:

– Không tốt cho một thiếu nữ đã đính hôn với một người chồng tương lai mà lại đi lấy người khác, vi phạm một cách bất hợp pháp lời hứa hôn đã được thực hiện; vì theo luật tự nhiên, hôn nhân chỉ có một lần, giống như việc sinh ra và chết đi chỉ có một lần, còn người mà tôi đã đính hôn và được gọi là đã chết, thực ra chưa chết – tôi tin vào niềm hy vọng về sự phục sinh – mà vẫn còn sống và chỉ tạm thời đi xa đến một xứ sở khác cho đến khi sự phục sinh chung diễn ra; tội lỗi và sự ô nhục không hề nhỏ đối với người vợ, nếu khi chồng mình đi đâu đó, nàng không giữ trọn lòng chung thủy mà lại kết hợp với người khác.

Đó là câu trả lời của cô gái khôn ngoan Makrina dành cho bất cứ ai nói với cô về hôn nhân và khuyên cô nên kết hôn, và cô đã giữ mình trong sự trinh khiết; cô luôn ở bên mẹ mình, như một người canh gác tỉnh táo cho cuộc đời bà, và phục vụ bà một cách tận tụy, khiêm nhường, không ngần ngại những công việc mà các nô tì thường làm, mà làm việc cùng họ như thể cô cũng là một trong số các nô tì ấy. Đặc biệt, khi cha cô về với Chúa, cô trở thành người hầu không rời và người an ủi cho người mẹ góa bụa trong mọi nỗi buồn và đau khổ của bà; cô chăm lo tận tụy cho cả gia đình, còn với các anh chị em còn lại, với tư cách là người chị cả, cô là người thầy và người hướng dẫn, như một người mẹ thứ hai, đặc biệt là với người em út Phêrô, người được sinh ra vào thời điểm cha qua đời: khi cậu chào đời từ bụng mẹ, cha đã ra đi; chính Thánh Makrina đã dạy em trai út này biết chữ, nuôi dạy em trở nên khôn ngoan và có đạo đức tốt, dạy em sống một cuộc đời trong sạch, và sau này em đã trở thành một vị thánh, không phải là người cuối cùng trong số các vị thánh của Chúa.

Khi người em trai của bà là Basil, người sinh sau bà, trở về nhà sau nhiều năm du học ở các quốc gia khác nhau và vì còn trẻ nên tự hào về kiến thức của mình, Thánh Macrina bằng những lời nói hiền lành và được Thánh Thần soi dẫn đã nhanh chóng dẫn dắt anh đến sự khiêm nhường đến mức anh sớm khinh thường mọi điều trần tục và chọn cho mình cuộc sống tu hành. Người nữ tỳ chân chính của Chúa Kitô này cũng đã dùng những lời trò chuyện bổ ích cho tâm hồn để dẫn dắt người anh trai khác của mình, tên là Nevkrati, khi ấy còn rất trẻ, đến với tình yêu của Thiên Chúa và cuộc sống trong sạch: bỏ lại tất cả, Nevkrati đã lên sa mạc, nơi anh phục vụ các ẩn sĩ cao niên và kết thúc cuộc đời khi còn rất trẻ.

Theo lời khuyên nhủ của thiếu nữ khôn ngoan này, mẹ cô, thánh nữ Emilia, sau khi gả chồng cho các con gái còn lại và phóng thích các nô lệ nam nữ, đã từ bỏ những lo toan và chăm sóc của thế gian phù du này và vào tu viện nữ, đến nỗi cả hai – mẹ và con gái – đều trở thành những cô dâu của Chúa Kitô, khi nhận lấy đời sống tu hành. Một số nữ nô lệ cũng muốn cùng họ từ bỏ thế gian và vào tu viện; mọi thứ của họ đều chung một: một phòng, một bàn ăn, một bộ quần áo; mọi thứ cần thiết cho cuộc sống đều được chia đều; họ phụng sự Chúa với lòng nhất trí, trong sự khiêm nhường, hiền lành và yêu thương, và trong họ không có sự giận dữ, ghen tị, hận thù hay khinh miệt, cũng không có điều gì trái với ý Chúa: họ hoàn toàn xa lạ với những ham muốn phù phiếm và sự kiêu ngạo. Vinh quang của họ nằm ở chỗ không ai biết đến họ, sự giàu có nằm trong sự nghèo khó, thức ăn nằm trong sự tiết chế; sau khi gạt bỏ khỏi thân xác mọi thứ trần tục như bụi bặm, họ hát thánh vịnh và đọc sách ngày đêm. Việc làm và sự nghỉ ngơi sau lao động của họ chỉ có một điều bất biến – đó là suy ngẫm về Chúa và cầu nguyện; còn việc chăm lo và lao động để đáp ứng nhu cầu thể xác, họ coi là những việc vặt vãnh, chứ không phải là việc chính.

Lời nào có thể kể hết cuộc đời thánh thiện của họ, trôi qua trong những hành động ăn chay, nhờ đó họ trở nên giống như các Thiên thần? Họ như là cầu nối giữa các Thiên thần và loài người, vượt trội hơn những người phàm trần và sánh ngang với các Thiên thần về sự trong sạch và tiết độ; họ chỉ không sánh ngang với các Thiên thần ở điểm duy nhất là các Thiên thần vô hình, còn họ thì có thân xác. Nếu có ai so sánh họ với các Thiên thần,

người ấy cũng không sai; quả thực, dù mang thân xác, họ vẫn noi gương những vị vô hình, cùng đứng trước mặt Thiên Chúa trên trời với trái tim yêu mến Ngài. Họ đã sống cuộc đời như vậy trong một thời gian dài, cho đến tận tuổi già và lúc lâm chung.

Khi Thánh nữ Emilia đã ở tuổi xế chiều, sắp đến giờ ra đi thanh thản và thân thể đã suy yếu, người con trai út của bà là Phêrô – người đã sống một cuộc đời thánh thiện – đã đến bên bà, và cùng với Thánh nữ Macrina chăm sóc mẹ trong thời gian bà ốm đau. Ngay lúc bà lìa khỏi thân xác, bên giường người sắp qua đời, hai con của bà là Macrina và Peter ngồi hai bên, gọi tên từng người anh chị em còn lại, còn bà thì ban phước lành của người mẹ cho tất cả như một kho báu quý giá. Sau đó, bà đặt một tay lên Makrina, tay kia lên Phêrô, rồi hướng về Chúa và nói:

– Lạy Chúa, con dâng lên Ngài phần đầu và phần mười từ hoa trái của lòng con: phần đầu là con gái đầu lòng này, phần mười là con trai út này! Trong Cựu Ước, Ngài đã truyền phải dâng lên Ngài phần đầu[5148] và phần mười hoa trái[5149] : xin cho chúng trở thành của lễ đẹp lòng Ngài và xin sự thánh thiện của Ngài ngự xuống trên chúng!

Với những lời ấy, bà đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa. Và các con đã an táng mẹ mình một cách trang trọng, đặt thi hài bà vào quan tài của cha mình, bên cạnh di cốt của chồng bà: đó là di nguyện mà bà đã để lại trước khi qua đời. Một thời gian sau đó, Thánh Basil Đại Đế được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục thành Caesarea ở Cappadocia và đã phong chức linh mục cho người anh trai của mình là Grigori (còn được gọi là Nyssa), đồng thời mời người anh trai khác là Phêrô đến với mình và đưa ông vào hàng giáo sĩ; khi biết tin này, Thánh Macrina đã vui mừng trong lòng. Chín năm sau, bà lại nghe tin về Thánh Basil rằng ngài đã về với Chúa, và bà vô cùng đau buồn, không phải vì cái chết của người anh ruột, mà vì một ngọn đèn sáng của Giáo hội đã tắt và một trụ cột của đức tin đã sụp đổ. Sau đó, thời khắc Thánh Macrina trở về với Chúa cũng đã đến; về sự ra đi thanh thản của bà, Thánh Grêgôriô, Giám mục Nissa, anh trai của bà, đã viết như sau.

Chín tháng sau khi Thánh Basil qua đời[5150] , một công đồng các giám mục đã được triệu tập tại Antioch, và tôi cũng có mặt tại đó (Grigori kể lại); sau công đồng, tôi quyết định đến thăm và gặp lại chị em của chúng tôi là Thánh Makrina; đã lâu rồi chúng tôi không gặp nhau – do nhiều tai ương và rắc rối mà tôi phải gánh chịu khi bị những người Arian truy đuổi khắp nơi. Vậy là, tôi lên đường đến gặp chị ấy: khi tôi đã đi được một quãng đường rất xa và sắp đến nơi, vào đêm trước ngày tôi đến gặp chị, trong giấc mơ tôi đã có một thị kiến như sau. Tôi có cảm giác như đang ôm trên tay các di vật của các vị tử đạo, từ đó tỏa ra những tia sáng rực rỡ, giống như từ một tấm gương sáng được đặt đối diện với mặt trời, đến nỗi đôi mắt tôi không thể nhìn thẳng vào ánh sáng chói lọi ấy. Ảo ảnh này lặp lại ba lần trong một đêm, và tôi không thể hiểu được ý nghĩa của nó; và trong lòng tôi có một nỗi buồn nào đó, nên tôi lên đường, mong chờ xem giấc mơ này sẽ ứng nghiệm ra sao. Khi tôi đến gần nơi mà Thánh nữ Macrina đã sống một cuộc đời thiên thần và thánh thiện, và khi nhiều người ra đón tôi trên đường và chào đón tôi một cách kính cẩn, tôi đã hỏi một người quen về chị gái tôi, Macrina: người ta nói với tôi rằng chị ấy đang ốm nặng. Tôi vội vã đi, lòng đầy đau buồn; khi đến tu viện, tôi đi thẳng vào nhà thờ, nơi tất cả các nữ tu đang chờ đón chúng tôi. Sau khi cầu nguyện và nhận lời chúc lành, tôi nhận ra rằng trong số các nữ tu không có vị Bề trên, chị gái tôi là Macrina, và lòng tôi nặng trĩu. Tôi đến phòng của chị và thấy chị đang ốm nặng, không nằm trên giường mà nằm trên sàn, trên một tấm ván phủ bằng vải rách; đầu giường bằng gỗ cũng được phủ bằng vải rách. Thấy tôi bước vào cửa, chị ấy cúi đầu chào rồi ngã vào vòng tay tôi: chị ấy không thể đứng dậy, nhưng trong phạm vi có thể , chị ấy đã cúi chào tôi từ trên giường; còn tôi thì vội vàng đỡ chị ấy dậy, đặt chị ấy trở lại chỗ cũ và trong nước mắt, tôi hôn lên mặt chị ấy. Còn chị ấy thì giơ hai tay lên hướng về Chúa và nói:

[5148] "Na'chalo" – những quả đầu mùa, ổ bánh mì đầu tiên nướng từ lúa mì mới, lông cừu từ những con cừu đầu tiên, v.v.; tất cả những thứ này trong Cựu Ước đều được dâng lên tại Đền Tạm để nuôi sống các chức sắc – các thầy tế lễ và người Lê-vi (Xuất Ê-díp-tô Ký 23:19; Dân Số Ký 15:19–21). Số lượng hoa quả đầu mùa không được quy định rõ trong Luật Môi-se, nhưng người ta cho rằng đó ít nhất là một phần mười sáu của tất cả sản vật trên đất.

[5149] Lễ thập phân, tức là một phần mười. Trong Cựu Ước (Sáng Thế Ký 14:20), thuật ngữ này được dùng để chỉ việc dâng lên Đức Chúa Trời một phần mười sản vật của đất đai, đàn gia súc, v.v. Lễ thập phân này được dành cho những người Lê-vi, những người không có đất đai và do đó cần có nguồn sinh kế. Một phần mười của phần dâng mười phần mười này, các thầy Lê-vi lại dâng để trang trải chi phí cho Thượng tế (Số 18:21–32).

[5150] Công đồng diễn ra vào năm 341 và được triệu tập nhân dịp làm lễ thánh hiến ngôi đền do Hoàng đế Constantine (306–337) khởi công xây dựng, nhưng được hoàn thành dưới thời con trai ông là Constantius. Tại công đồng, 25 quy tắc về các vấn đề quản lý Giáo hội đã được soạn thảo.

– Con cảm tạ Ngài, lạy Chúa của con, vì Ngài đã ban cho con ân huệ này, đã thực hiện điều con mong ước, và đã sai người tôi tớ của Ngài đến thăm người tôi tớ của Ngài.

Sau đó, bà bắt đầu trò chuyện với tôi, che giấu bệnh tình của mình: bà không muốn làm tôi buồn lòng, nên thỉnh thoảng chỉ rên rỉ yếu ớt, cố gắng kìm nén những tiếng thở dài liên miên, và nhìn chúng tôi với khuôn mặt bình thản. Trong những lời nói nghiêm túc, bà nhắc đến Thánh Basil Đại Đế; lúc đó lòng tôi bỗng chùng xuống, và tôi không kìm được nước mắt. Thấy những giọt nước mắt cay đắng của tôi, bà lập tức ngừng nói về Thánh Basil và chuyển sang chủ đề khác; bà bắt đầu nói về sự Sắp đặt kỳ diệu của Đức Chúa Trời và sự chăm sóc của Ngài, về thế giới tương lai, về lý do con người được tạo dựng và cách con người trở nên phàm trần, về việc làm sao qua cái chết tạm thời mà con người bước vào cuộc sống vĩnh cửu – và bà còn nói những lời được Thánh Linh soi dẫn khác nữa, mang lại cho chúng tôi lợi ích to lớn và niềm vui cho tâm hồn bà: bà tràn đầy Thánh Thần: như thể ân sủng tuôn trào từ miệng bà từ một nguồn suối nào đó, và toàn bộ tâm trí bà đều hướng về những điều thiêng liêng. Kết thúc cuộc trò chuyện, bà nói với tôi:

– Đã đến lúc cha nên nghỉ ngơi một chút sau chặng đường dài và bổ sung sức lực bằng thức ăn rồi.

Dù tôi không muốn rời xa chị và kết thúc cuộc trò chuyện thú vị, trong đó tôi thực sự tìm thấy sự bình an cho tâm hồn mình, nhưng tôi không dám trái lời chị, vì chị đã mong muốn như vậy; và tôi đã rời khỏi chị. Một nơi nghỉ ngơi đã được chuẩn bị sẵn cho chúng tôi trong khu vườn gần đó, rất đẹp, dưới tán cây, nhưng chẳng điều gì làm tôi vui vẻ; trái tim tôi đau nhói; tôi thấy rằng em gái tôi đang cận kề cái chết, và tôi chờ đợi giấc mơ của mình trở thành hiện thực, giấc mơ mà – tôi đã hiểu rõ – đang bắt đầu ứng nghiệm, và tôi tự giải thích nó như sau: xác thánh của vị tử đạo – đó chính là chị Macrina, người thực sự đã kiệt sức trong suốt bao nhiêu năm qua bởi những việc tu hành khổ hạnh vì tình yêu dành cho Thiên Chúa, đã làm chết đi thân xác mình như một vị tử đạo, và hoàn toàn chết đi đối với tội lỗi; những tia sáng rực rỡ tỏa ra từ xác thánh ấy tượng trưng cho ân sủng của Thánh Thần ngự trong chị.

Giữa những suy tư buồn bã ấy của tôi, vị thánh nữ, sau khi biết được điều này bằng linh hồn, đã sai người đến báo cho tôi biết rằng bệnh tình của bà đang thuyên giảm, và bà đã cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Bà làm điều đó để tôi không buồn bã và không mất hy vọng vào sự bình phục của bà; tuy nhiên, qua đó, bà đã an ủi tôi, nói một cách ẩn dụ không phải về sức khỏe thể xác, mà là về sức khỏe tâm hồn của bà: lúc đó, tôi, vui mừng trước tin lành này, đã dùng bữa và chợp mắt một chút. Sau đó, tôi lại đến thăm bà, và bà lại bắt đầu một cuộc trò chuyện đầy ý nghĩa, hồi tưởng lại tất cả những ân huệ mà bà và cả gia đình chúng tôi đã nhận được; và bà dâng lên Chúa lòng biết ơn sâu sắc vì điều đó. Còn tôi thì lắng nghe và tận hưởng từng lời bà nói, thầm nghĩ: giá như ngày hôm nay là thật, để tôi có thể tận hưởng những lời nói của bà nhiều hơn nữa! Ngày đã dần nghiêng về chiều và thời gian đang kêu gọi chúng tôi đến nhà thờ dự thánh lễ chiều. Người bệnh tiễn chúng tôi ra về, còn bản thân bà thì bắt đầu cầu nguyện với Chúa một cách sốt sắng.

Ngày hôm sau, khi tôi đến thăm bà (Thánh Grigori kể lại), tôi đã thấy rõ rằng bà sắp qua đời: tôi thấy rằng mọi sức lực thể xác đã rời bỏ bà, và tôi vô cùng buồn bã. Bà đã thấu hiểu nỗi buồn của tôi và bắt đầu an ủi tôi bằng những lời nói được Thánh Thần soi dẫn cùng những câu chuyện bổ ích cho tâm hồn, trong khi bản thân bà tràn đầy niềm vui thiêng liêng: trong lòng bà không có chút sợ hãi nào trước cái chết, cũng chẳng có chút bối rối nào, mà chỉ có niềm hy vọng duy nhất nơi Thiên Chúa. Đến trưa, bà càng thêm kiệt sức, không còn nói chuyện với chúng tôi nữa, mà bắt đầu trò chuyện trong lời cầu nguyện với Đức Chúa Trời, giơ hai tay lên hướng về Ngài. Bà cầu nguyện bằng giọng nói nhẹ nhàng đến nỗi chúng tôi hầu như không nghe thấy. Trong lời cầu nguyện của bà có những lời sau đây:

– Lạy Chúa, Ngài đã xua tan nỗi sợ hãi cái chết khỏi chúng con, Ngài đã sắp đặt sao cho sự kết thúc của cuộc đời tạm bợ này sẽ là khởi đầu của một cuộc sống vĩnh cửu tốt đẹp hơn cho chúng con. Ngài làm dịu đi thân xác chúng con bằng giấc ngủ của cái chết trong chốc lát và sẽ đánh thức chúng con dậy bằng tiếng kèn cuối cùng. Ngài giao phó thân xác phù du của chúng con, được tạo dựng bởi chính tay Ngài, cho đất như một kho báu; và những gì Ngài ban cho đất, Ngài sẽ đòi lại từ đất ấy, biến đổi cái chết và sự tầm thường thành sự bất tử và vinh quang. Ngài đã giải thoát chúng con khỏi lời nguyền rủa và tội lỗi, Ngài đã đập nát đầu con rắn[5151] và cứu con người bị nuốt chửng ra khỏi miệng nó. Ngài đã đập tan cánh cửa địa ngục và, sau khi khuất phục quyền lực của kẻ thống trị cái chết, đã mở ra cho chúng con con đường dẫn đến sự phục sinh; Ngài đã ban cho những ai kính sợ Ngài

[5151] Tức là ma quỷ (xem Sáng Thế Ký 3:15).

một dấu hiệu, đó là Thánh Giá của Ngài, để củng cố và bảo vệ cuộc sống của chúng con. Lạy Thiên Chúa Vĩnh Cửu, Đấng mà con đã phó thác từ khi còn trong lòng mẹ, Đấng mà con đã yêu mến bằng cả sức mạnh của linh hồn, và Đấng mà từ thuở thiếu thời con đã dâng hiến cả linh hồn lẫn thân xác! Xin hãy sai một Thiên Thần sáng láng đến bên con, để ngài dẫn con đến nơi sáng sủa và mát mẻ, nơi có dòng nước bình an[5152] và lòng[5153] của các thánh tổ phụ! Ngài, Đấng đã loại bỏ vũ khí lửa ngăn cản lối vào thiên đàng đối với tên cướp, người đã bị đóng đinh cùng với Ngài và phó thác mình cho lòng thương xót của Ngài, xin hãy nhớ đến con, tôi tớ của Ngài, trong Nước Trời của Ngài: vì con cũng đã tự đóng đinh mình cùng với Ngài, dùng sự kính sợ Ngài để kiềm chế thân xác mình và luôn tuân giữ các mệnh lệnh của Ngài. Xin đừng để vực thẳm đáng sợ ấy tách con khỏi những người được Ngài chọn, và xin đừng để kẻ ghen tị cản đường con; xin đừng để những tội lỗi của con – những điều con đã phạm trước mặt Ngài do sự yếu đuối tự nhiên của chúng con, dù bằng lời nói, hành động hay ý nghĩ – hiện ra trước mắt Ngài! Xin tha thứ cho con, vì Ngài có quyền tha thứ tội lỗi! Xin sắp xếp cho linh hồn con sao cho, khi được giải thoát khỏi thân xác, nó sẽ đến trước mặt Ngài trong sự tinh khiết, không có tội lỗi và ô uế; xin cho nó trở nên như lư hương trước mặt Ngài.

Với những lời ấy, vị thánh nữ đã làm dấu thánh giá trên mắt, miệng và trái tim mình, rồi trong lời cầu nguyện, phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa[5154] . Dường như bà đã chìm vào giấc ngủ bình thường: mắt nhắm lại, miệng khép chặt, hai tay đặt ngay ngắn trên ngực, toàn thân được mặc áo choàng đẹp đẽ đến nỗi không cần bàn tay con người phải phủ thêm bất kỳ tấm chăn nào. Còn tôi thì nhìn bà và khóc nức nở; các nữ tu, những người cho đến lúc đó vẫn kìm nén nước mắt vì sợ tiếng khóc sẽ làm phiền người mẹ thiêng liêng của mình, và giấu kín nỗi đau trong lòng, khi thấy bà đã ngừng thở, liền khóc to và nức nở. Phải rất vất vả mới thuyết phục được họ ngừng khóc và bắt đầu hát kinh và cầu nguyện như thường lệ.

Sau đó, tôi xin họ ra khỏi căn phòng đó một lát và ở lại bên người quá cố cùng với một số ít người từng thân thiết với bà khi còn sống và từng phụng sự bà; trong số đó có một người tên là Vestiána. Bà xuất thân từ một gia đình thượng nghị sĩ, đã kết hôn nhưng không sống chung với chồng được bao lâu, vì ông ấy sớm qua đời, còn cô, sau khi góa bụa, không muốn tái hôn, mà khinh thường danh vọng, giàu sang, sắc đẹp và những thú vui trần thế, đã đến với thánh Macrina, tìm thấy ở bà một người bảo trợ dịu dàng cho cuộc sống góa bụa của mình, và ở lại bên bà nhiều năm, sống đời tu hành một cách thành công. Tôi nói với Vestiana này:

– Bây giờ cần phải mặc cho thi thể thiếu nữ đã qua đời này những bộ quần áo sạch sẽ.

Còn Vestiana thì quay sang hỏi một nữ tu khác, Lampadia:

– Mẹ thiêng liêng của chúng ta đã dặn dò thế nào về lễ tang của mình?

Lampadia, với đôi mắt ngấn lệ, nói với tôi:

– Sự ra đi của vị Mẹ đáng kính này đã được tô điểm bởi cuộc đời trong sạch; còn về những vật trang sức trần tục, giống như khi còn sống trong cuộc đời tạm bợ, bà chưa bao giờ đòi hỏi, nên cũng không chuẩn bị gì cho lễ an táng của mình. Đây là chiếc áo lông dê thô ráp, đây là chiếc áo tu sĩ đơn sơ, đây là chiếc áo choàng cũ kỹ và khăn trùm đầu, đây là đôi dép rách nát – đó là toàn bộ tài sản của bà, và không có gì được giấu đi đâu cả, không trong rương, cũng không trong phòng cất giữ đồ lễ: bà chỉ có một phòng cất giữ đồ lễ và một kho báu – đó là ngôi nhà trên trời, bà đã đặt tất cả những gì của mình vào đó, và không để lại gì trên trần gian.

Lúc đó, tôi (Thánh Grêgôriô kể lại) đã nói với các nữ tu ấy:

– Tôi có mang theo bộ áo mới mà tôi đã chuẩn bị sẵn cho lễ an táng của mình; liệu bà ấy có đồng ý nếu chúng ta mặc bộ áo này cho bà ấy không?

Các nữ tu sĩ trả lời tôi:

– Dù bà ấy còn sống, bà ấy cũng sẽ không từ chối món quà của ngài, bởi vì bà ấy kính trọng và yêu mến ngài: kính trọng ngài như một vị thánh, yêu mến ngài như người thân, và nói chung, anh em với chị em thì không xa lạ gì.

Lúc đó, tôi sai người đi lấy tấm chăn tang lễ và ra lệnh cho Vestiana và Lampadia mặc nó cho người quá cố.

[5152] Cụm từ mang tính ẩn dụ. Giống như đối với người lữ hành đi qua sa mạc cát nóng bỏng, nước là thức uống quý giá giúp phục hồi sức lực, thì đối với người lữ hành trên con đường đến Nước Trời, những ân huệ không thể diễn tả được đã được chuẩn bị sẵn trong các nơi ở trên trời.

[5153] "Lòng" – tức là "ngực". Đây là một cách diễn đạt ẩn dụ (xem Lc 16:23).

[5154] Thánh Macrina qua đời vào khoảng năm 380.

Khi đang mặc áo tang cho thi thể cao quý của Thánh Macrina, Vestiana đã tháo khỏi cổ bà một cây thánh giá bằng sắt và một chiếc nhẫn cũng bằng sắt, trên đó có khắc hình thánh giá, rồi nói với tôi:

– Đây chính là món trang sức mà cô dâu của Chúa Kitô đã đeo trên cổ!

Lúc đó, tôi giữ lại chiếc nhẫn cho mình, còn trao cây thánh giá cho Vestiana. Khi đó, cô ấy nói với tôi:

– Cha đã chọn cho mình phần tốt lành rồi; trong chiếc nhẫn này có một mảnh của Cây Thánh Giá ban sự sống của Chúa.

Sau đó, bà còn nói với tôi:

– Thưa cha, hãy nhìn xem, một điều kỳ diệu nữa đây!

Và, sau khi vén nhẹ áo của người đã khuất, cô ấy chỉ cho tôi vết sẹo trên cơ thể, dấu vết của vết thương ngày xưa, và kể lại cho tôi những gì chính cô ấy đã nghe trực tiếp từ người đã khuất:

– Khi người được chúc phúc còn sống với mẹ, cô ấy đã bị một vết loét đau đớn và không thể chữa lành ở chỗ này; cần phải rạch vết loét ra, và để làm điều đó, phải nhờ đến sự giúp đỡ của các bác sĩ giỏi: nếu không, vết loét sẽ lan ra khắp cơ thể, ảnh hưởng đến tim và dẫn đến cái chết. Mẹ đã khuyên cô ấy nên cho các bác sĩ xem vết loét đó và điều trị, nói rằng nghệ thuật y học là do Chúa ban cho để chữa lành cho con người. Nhưng đối với cô ấy, việc để một người đàn ông nhìn thấy ngực trần của mình và cho phép anh ta chạm vào cơ thể là điều vô cùng khó khăn, nên cô quyết định thà chịu đựng cơn đau dữ dội, thậm chí là chết, còn hơn là đi khám bác sĩ.

Một buổi tối nọ, sau khi như thường lệ tự tay chăm sóc mẹ, cô vào phòng cầu nguyện, đóng cửa lại và ở đó suốt đêm để cầu nguyện, quỳ lạy xuống đất và tưới đẫm nước mắt lên mặt đất, cầu xin sự chữa lành từ chính Thiên Chúa, Vị Bác sĩ chân chính của linh hồn và thể xác. Sau đó, cô lấy một nắm đất ướt đẫm nước mắt của mình, rồi đặt lên chỗ bị loét. Ngày hôm sau, mẹ cô, lo lắng cho cô, lại khẩn khoản xin cô cho phép các bác sĩ chữa trị vết loét của mình. Cô phản đối:

– Mẹ ơi, con chỉ cần mẹ đặt tay lên vết loét và làm dấu thánh giá là đủ rồi.

Và khi mẹ cô, thò tay vào dưới váy cô và vừa làm dấu thánh giá vừa sờ nắn chỗ bị bệnh, bà không còn thấy vết loét nữa: nhờ sức mạnh của Chúa, cô đã khỏi bệnh, vết thương và cơn đau biến mất, chỉ còn lại một vết sẹo nhỏ tại chỗ vết loét đó để làm kỷ niệm về phép lạ của Chúa.

Đó là những gì Vestiána đã kể lại, và Thánh Grigoriô đã ghi chép lại điều này. Ngài cũng đã mô tả chi tiết về lễ an táng của bà, nhưng để ngắn gọn, chúng ta chỉ nói những điều sau đây. Khuôn mặt của Thánh Makrina khi qua đời đẹp đến nỗi tỏa ra những tia sáng kỳ diệu. Rất đông người đã đổ về dự lễ an táng của bà, không ai mời gọi, nhưng được chính Chúa quy tụ lại. Tất cả những người có mặt đều khóc nức nở; đám đông chen chúc nhau, cố gắng chạm vào quan tài chứa thi hài của thánh nữ, và do quá chật chội nên họ phải rất vất vả mới có thể đưa thi hài đến mộ. Họ đặt thi hài bà vào quan tài của cha mẹ bà, bên cạnh thi hài của mẹ bà: đó là di nguyện của bà, để những người đã cùng nhau trải qua cuộc đời được an nghỉ bên nhau. Trong số các phép lạ của bà, Thánh Grigoriô, anh trai bà và là người viết tiểu sử của bà, chỉ đề cập đến một phép lạ duy nhất, đó là khi còn sống, vị thánh nữ đã chữa lành cho một cô bé bị mù một mắt (cô bé bị đục thủy tinh thể), bằng cách hôn vào mắt bị bệnh của cô bé: nhờ những nụ hôn từ đôi môi thánh thiện của bà, đục thủy tinh thể đã biến mất, và mắt cô bé lại nhìn thấy rõ ràng. Về những phép lạ khác của bà, chính Thánh Grigori đã nói như sau:

– Rất nhiều điều khác mà tôi đã nghe từ các nữ tu từng sống cùng bà và hiểu rõ về các việc làm của bà, tôi đã không ghi lại trong câu chuyện này, bởi vì nhiều người khi được kể lại, chỉ tin vào những việc mà chính họ có thể làm được, còn những điều vượt quá khả năng của họ thì họ không tin và coi là dối trá. Vì vậy, tôi cũng sẽ không kể về việc trong thời kỳ đói kém, lúa mì do chính tay bà trao cho những người khốn khó và bánh mì được phân phát cho những người đói khát vẫn không cạn kiệt – cũng như những phép lạ không hề nhỏ khác của bà: việc chữa lành bệnh tật nhanh chóng, việc trừ tà, khả năng tiên tri và những lời tiên đoán về tương lai. Mặc dù tất cả những điều đó đều đã thực sự xảy ra, và tất cả đều đúng sự thật, nhưng tôi sẽ im lặng về điều này, để không phải mang tội vì sự thiếu đức tin của những người yếu đuối, những người, vì bị chi phối bởi xác thịt, không biết rằng Thiên Chúa ban phát ân sủng của Ngài tùy theo mức độ đức tin: Ngài ban ít ân sủng hơn cho những ai có đức tin yếu kém, và ban nhiều ân sủng hơn cho những ai có đức tin mạnh mẽ.

Còn chúng ta, tin tưởng vào Quyền Năng Toàn Năng của Đức Chúa Trời, chúng ta ngợi khen Cha, Con và Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Thánh nữ Macrina ơi, ngài đã yêu mến Thiên Chúa nhân lành bằng cả trái tim: và khi vác Thập giá vinh hiển này trên vai, ngài đã nhiệt thành theo Ngài: nhờ đó, ngài đã được tha thứ mọi tội lỗi.

Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Thánh Dia

Ngày kỷ niệm: 19 tháng 7

Quê hương của Thánh Diya là Antioch thuộc Syria; Ngài sinh ra trong một gia đình Kitô hữu, được nuôi dưỡng trong đức tin, từ thuở thiếu thời đã thực hành việc ăn chay, được các vị thánh nhân được Thánh Thần soi dẫn hướng dẫn sống đời tu hành đạo đức, đã chiến đấu không ngừng với kẻ thù vô hình – ma quỷ – và với kẻ thù gần gũi hơn, chính là xác thịt của mình, vốn luôn dụ dỗ linh hồn sa ngã. Ngài chiến thắng ma quỷ bằng lời cầu nguyện không ngừng, còn chế ngự xác thịt bằng việc ăn chay và thức trắng, cùng nhiều nỗ lực khác để làm chết đi thân xác trần thế của mình theo mọi cách, khiến xác thịt phục tùng tinh thần. Ngài ăn rất ít, và không phải mỗi ngày, mà cách ngày hoặc hai ngày một lần, thậm chí thường xuyên trải qua cả tuần liền mà không ăn uống hay ngủ nghỉ. Sau khi khuất phục bản thân bằng sự kiêng khem như vậy, chiến thắng kẻ thù thuộc linh, ngài đã đạt đến mức độ cao của đời sống vô dục và trở thành nơi ở tinh khiết của Thánh Thần: ân sủng của Thiên Chúa ngự vào ngài, và ngài trở thành một con người mạnh mẽ cả trong việc làm lẫn lời nói – ngài đã làm những phép lạ, hướng dẫn nhiều người đến sự cứu rỗi, và nhờ ngài mà Cha trên trời được tôn vinh. Ngài đã sống khá lâu tại Antiôkhia, sau đó Thiên Chúa đã truyền lệnh cho ngài qua một thị kiến rằng hãy đến Constantinopolis để mang lại nhiều lợi ích hơn nữa cho mọi người. Lúc đầu, ngài không tin vào thị kiến đó và lo sợ liệu có phải đây là mưu kế nào đó của ma quỷ hay không, vì ngài biết rằng ma quỷ cũng có thể biến mình thành *"Thiên thần ánh sáng"* (2 Cô-rinh-tô 11:14). Nhưng khi lần thứ hai ngài nhận được cùng một sự hiện ra và mệnh lệnh của Chúa, và hơn nữa, ngài còn được chỉ cho thấy chính thành phố mà ngài chưa từng đặt chân đến, cụ thể là: trong khải tượng, ngài đã thấy toàn bộ Constantinople đúng như thực tế – thì lúc đó ngài đã vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời, Đấng làm mọi sự vì lợi ích, và sau khi rời Antioch, ngài đã đến Constantinople. Khi bước vào thành phố và nhìn thấy các nhà thờ thánh của Đức Chúa Trời, các cung điện và những công trình kiến trúc tuyệt đẹp của thành phố, ông đã vô cùng ngạc nhiên: tất cả những điều này ông đã thấy trong sự mặc khải mà Đức Chúa Trời đã cho ông thấy, và lúc đó ông đã tin chắc rằng khải tượng mà ông đã có khi còn ở Antiôkhia là sự thật. Không chỉ đi dạo trong thành phố mà còn cả vùng ngoại ô, ngài tìm thấy một nơi hoang vắng ngoài thành, nơi có những ngôi mộ ngoại giáo cổ xưa và nhiều quỷ dữ cư ngụ; những người qua đường rất sợ hãi nơi này vì những hồn ma và những điều kinh hoàng do quỷ gây ra; nhưng ông lại thích nơi này, và, trang bị sức mạnh của Thánh Giá và lời cầu nguyện như vũ khí chống lại lũ quỷ, ông đã định cư ở đó, tự xây cho mình một túp lều nhỏ. Không thể kể hết những phiền toái mà lũ quỷ gây ra cho ông cả ngày lẫn đêm. Chúng không ngừng tấn công ông dưới hình dạng những bóng ma kỳ lạ, nhằm dọa nạt và đuổi ông khỏi nơi đó, nhưng ông, như một chiến binh dũng cảm của Vua Trời, đã dũng cảm chống lại chúng mà không hề sợ hãi, đồng thời gọi tên Chúa Kitô – cái tên khiến ma quỷ khiếp sợ – và chiến thắng chúng. Muốn biết liệu Chúa có ban phước cho ngài sống tại nơi này hay không, ngài đã cầu nguyện về điều đó ba lần với Thiên Chúa Ba Ngôi, rồi cầm cây gậy khô của mình, cắm nó xuống đất và nói:

– Nhân danh Cha, Con và Thánh Thần! Nếu cây gậy này mọc lên ở đây và đâm rễ, thì tôi cũng sẽ ở lại đây.

Còn Đức Chúa Trời, Đấng thực hiện mong muốn của những ai kính sợ Ngài và nhận lời cầu nguyện của họ, đã nghe lời cầu nguyện của vị thánh nhân của Ngài và đáp ứng lời thỉnh cầu của ông: Ngài đã ban sự sống cho cây gậy khô bằng hơi ẩm; và cây gậy ấy đã nảy mầm, đâm rễ, mọc ra cành lá, rồi dần dần lớn lên, cho đến khi sau vài năm trở thành một cây sồi lớn, mà sau này, sau khi vị thánh nhân qua đời, vẫn đứng vững không chỉ hàng trăm năm, mà còn rất lâu, cho đến khi đức tin chân chính trong Kitô giáo vẫn thịnh vượng. Thánh nhân Diy, khi thấy cây gậy khô đã đâm rễ, đã hiểu rằng ý muốn của Chúa là Ngài phải sống tại nơi này. Ngài càng củng cố sức mạnh để chống lại các quỷ dữ, thanh tẩy nơi này khỏi những hồn ma xấu xa và những điều kinh hoàng của chúng. Các quỷ dữ đã chiến đấu với ngài trong một thời gian dài, nhưng không thể đánh bại ngài và đuổi ngài khỏi nơi đó; chính chúng lại phải bỏ chạy khỏi đó, như những kẻ bị đánh bại và phải tháo chạy. Sau khi thanh tẩy nơi này khỏi các quỷ dữ bằng những lời cầu nguyện của mình, vị thánh đã sống ở đó như một thiên thần, ngợi khen Thiên Chúa ngày đêm, và nhận được thức ăn nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa. Sau đó, người ta bắt đầu biết đến ngài. Những

người dân xung quanh, khi thấy vị tu sĩ già đã định cư tại một nơi đáng sợ đến mức ngay cả việc đi ngang qua cũng nguy hiểm, ban đầu họ ngạc nhiên, nhưng sau đó bắt đầu đến thăm ngài. Thấy trong phòng tu của ngài không có gì, họ bắt đầu mang đến cho ngài những thứ cần thiết; còn ngài thì giảng dạy cho những người đến với ngài về con đường cứu rỗi và an ủi họ bằng những lời được Thánh Thần soi dẫn; còn những gì họ mang đến, ngài dùng để đãi những người mang đến, cũng như nuôi dưỡng những người ăn xin và những lữ khách đi ngang qua. Danh tiếng của ngài lan truyền rộng rãi hơn bao giờ hết khi, nhờ ân sủng của Thiên Chúa ngự trong ngài, ngài bắt đầu chữa lành các bệnh tật của con người; vô số người bệnh đổ xô đến với ngài, và ngài nhanh chóng ban cho họ không chỉ sức khỏe thể xác mà còn cả sức khỏe tâm hồn : đối với các bệnh thể xác, ngài dùng lời cầu nguyện như miếng dán chữa bệnh, còn những vết thương tâm hồn thì ngài băng bó bằng những lời dạy hữu ích, khiến họ cảm động và thuyết phục họ ăn năn.

Vào thời đó, vị vua sùng đạo và yêu mến Chúa Kitô là Theodosius Trẻ[5155] , cháu nội của Theodosius Đại đế, đang trị vì. Nghe tin về vị thánh Di, chính ngài đã đích thân đến thăm ông; ngài ngạc nhiên trước lối sống và sự không tham lam của ông, và cảm động trước ân sủng của những lời dạy có ích cho tâm hồn phát ra từ miệng ông. Ngài còn ngạc nhiên trước cây gậy khô mà ngài đã nhận lấy và từ đó mọc lên một cây: ngài ra lệnh dùng ngân quỹ hoàng gia để xây dựng một nhà thờ và một tu viện tại đó, để vị tu sĩ đáng kính này làm người đứng đầu cho nhiều người và dẫn dắt họ trên con đường cứu rỗi, còn Đức Thượng phụ Atticus đã thuyết phục vị tu sĩ đáng kính này nhận chức linh mục. Như vậy, vị thánh nhân của Chúa là Diy đã trở thành vị trụ trì của cộng đoàn tu sĩ tụ họp quanh ngài, là vị thầy vĩ đại của tất cả những ai đến với ngài, là vị bác sĩ kỳ diệu chữa lành cả tâm hồn lẫn thể xác, và đã mang lại lợi ích cho toàn bộ thủ đô. Còn tu viện của ngài đã trở thành nơi nương náu bình an cho những ai không có nơi nào để gối đầu. Tu viện thiếu nước, vì nơi đó khô cằn, và nước phải được mang từ xa đến. Vì vậy, các tu sĩ đã xin vị thánh cho phép đào một cái giếng trong tu viện, không chỉ để phục vụ nhu cầu của tu viện, mà còn để giúp ích cho những người đến đó. Thánh nhân đã đồng ý với lời thỉnh cầu của họ; họ đã đào giếng trong một thời gian dài, và đã đào rất sâu, nhưng vẫn không thấy nước: nơi đó là vùng đồi núi và đầy đá. Các tu sĩ rơi vào tuyệt vọng, những người thợ muốn ngừng làm việc, vì họ đã không còn hy vọng tìm thấy nước nữa; lúc đó, vị Thánh đến nơi làm việc, cầm lấy chiếc cuốc, và ra lệnh cho họ hạ mình xuống giếng; khi ngài được hạ xuống đến nửa giếng, ngài ra lệnh dừng chiếc giỏ đang hạ ngài xuống, rồi dùng cuốc đập ba lần vào vách đất, đồng thời xưng danh Thánh Ba Ngôi; và ngay lập tức, một dòng nước dồi dào trào ra từ đó; chưa kịp kéo những người thợ đang làm việc dưới đáy giếng lên thì nước đã dâng lên rất nhanh và lấp đầy giếng; mọi người đều kinh ngạc trước phép lạ này và ngợi khen Thiên Chúa. Một trong những người thợ, đứng ở trên và thấy nước chảy ra từ vách đất, không tin và thì thầm với người khác rằng vị tu sĩ già đã dùng phép thuật nào đó để khiến nước chảy ra: vì ông ta tự nghĩ thầm – làm sao có thể có nước ở tận đáy giếng, mà bỗng dưng ở trên vách lại chảy ra dồi dào như vậy? Ngay khi vừa thốt ra những lời đó, sự trừng phạt của Đức Chúa Trời bất ngờ ập xuống: anh ta trượt chân, ngã xuống nước và chết đuối. Biết tin này, vợ anh ta vội vã chạy đến, khóc lóc thảm thiết, rồi bắt đầu la hét và mắng mỏ vị tu sĩ bằng những lời chửi rủa sau đây:

– Thà ông đừng bao giờ đến đây, lão già, phù thủy, kẻ dụ dỗ, kẻ hủy diệt! Ông đã hủy hoại chồng tôi, giờ tôi sẽ tự sát để tội lỗi của cả hai chúng tôi đè nặng lên linh hồn ông!

Cô ta còn nói thêm nhiều lời xúc phạm khác giữa những tiếng thét gào và la hét. Còn vị tu sĩ thì bắt đầu an ủi cô bằng giọng nói hiền lành và nói:

– Hãy chờ một chút, người phụ nữ ơi, hãy hy vọng và ngươi sẽ đưa chồng ngươi ra khỏi đây!

Người phụ nữ càng tức giận hơn và la lên:

– Tu sĩ dối trá! Ngươi sẽ lấy chồng cho ta từ đâu ra? Chẳng lẽ ngươi có thể làm người chết sống lại sao?

Và, lao vào vị tu sĩ, bà túm lấy áo của ngài, muốn xé rách nó trên người ngài. Lúc đó, các tu sĩ can thiệp, tóm lấy bà và đuổi ra khỏi cổng tu viện. Còn vị thánh thì nói với các tu sĩ:

– Hãy để cô ta yên, không phải cô ta đang xúc phạm chúng ta, mà là con quỷ đang xúi giục cô ta, và nó sẽ sớm bị làm nhục bởi ân sủng của Đức Chúa Trời đang giúp đỡ chúng ta.

Nói xong, ngài ra lệnh tìm người bị chết đuối trong nước; họ đã tìm thấy và vớt anh ta lên. Anh ta nằm đó như đã chết; vị thánh làm phép lạ, người được Chúa yêu mến, Diy, tiến lại gần anh ta, thành kính cầu nguyện với Chúa, nắm lấy tay người chết và nâng anh ta dậy từ mặt đất như người còn sống; sau khi gọi người vợ đến, ngài trao chồng lại cho cô. Người vợ kinh hoàng khi thấy chồng còn sống, và tất cả mọi người đều run rẩy vì phép lạ này.

[5155] Theodosius II (Con) đã cai trị nửa phía đông của Đế chế La Mã từ năm 408 đến năm 450.

Người vợ cùng chồng trở về nhà. Trên đường đi, chưa về đến nhà, đột nhiên người chồng vừa được hồi sinh của cô ấy khuỵu gối, ngã xuống đất và lại chết. Thấy vậy, người vợ run rẩy vì kinh hoàng: cô sợ rằng Chúa cũng sẽ trừng phạt cô bằng cơn thịnh nộ của Ngài, rằng cô cũng sẽ ngã xuống và chết. Cô quay trở lại tu viện trong tiếng khóc lóc thảm thiết, quỳ xuống dưới chân vị tu sĩ và xin tha thứ:

– Thưa Cha đáng kính! Chồng con, – cô nói, – người mà Đức Chúa Trời đã làm sống lại nhờ những lời cầu nguyện của Cha, Ngài lại khiến anh ấy chết vì những tội lỗi của con!

Và tất cả mọi người đều cảm thấy nỗi sợ hãi còn lớn hơn trước những định mệnh kỳ diệu và khó lường của Đức Chúa Trời. Còn vị tu sĩ thì khuyên người phụ nữ đó hãy dành phần đời còn lại để sám hối, khóc than cho những tội lỗi của mình, đồng thời sai các tu sĩ chôn cất chồng cô theo nghi thức thông thường.

Vị thánh đã thực hiện nhiều phép lạ khác nữa nhờ quyền năng và sự trợ giúp của Đức Chúa Trời Toàn Năng (nhưng chúng ta không biết đến những phép lạ đó, bởi vì do thời gian xa xưa, và do những cuộc bách hại khác nhau thường xuyên xảy ra đối với Giáo Hội cùng những cuộc tàn phá thành Constantinople, nhiều cuốn sách đã bị mất, và chỉ còn lại rất ít điều mà chúng ta kể lại về vị thánh Dii). Vị Thánh làm phép lạ đã sống rất thọ; khi đã ở tuổi rất cao, ngài lâm bệnh và sắp qua đời; ngài triệu tập các tu sĩ, giảng dạy cho họ, và sau khi rước Mình Thánh Chúa, ngài trở nên như đã chết, bất động, không thở. Mọi người, tưởng rằng ngài đã qua đời, bắt đầu than khóc và chuẩn bị cho lễ an táng. Đức Thượng phụ Atticus của Constantinople và Đức Thượng phụ Alexander của Antioch, người lúc đó tình cờ có mặt tại thành phố, cũng đã đến; rất nhiều nhân vật nổi tiếng khác, cả trong giới tu sĩ lẫn thế tục, cũng tụ tập lại, mong muốn an táng vị thánh một cách trang trọng. Nhưng ngài, như vừa thức dậy và đứng dậy khỏi giường, đã nói:

– Chúa đã ban cho tôi thêm mười lăm năm cuộc đời.

Và ngài đứng dậy trong tình trạng khỏe mạnh, mọi người đều vui mừng vì ngài đã trở về từ cửa tử, bởi vì ngài là người có ích cho tất cả mọi người: với các vị thánh, ngài có những cuộc trò chuyện thiêng liêng và đầy sự khôn ngoan của Thiên Chúa; đối với các vị vua, ngài là người cầu nguyện và là người trung gian trước mặt Thiên Chúa; đối với những ai tìm kiếm sự cứu rỗi, ngài là tấm gương về đời sống đạo đức; ngài dẫn dắt những người tội lỗi đến sự ăn năn, chữa lành cho người bệnh, cho người lữ hành nơi trú ngụ, nuôi dưỡng người nghèo, và giúp đỡ mọi người trong mọi hoàn cảnh khó khăn; Thánh Diy là tất cả đối với mọi người, giúp đỡ mỗi người cả bằng lời nói lẫn hành động, đối với ai cũng như một người cha ruột thịt.

Sau khi sống trọn mười lăm năm mà Thiên Chúa ban cho trong những công việc tu hành bình thường, mang lại lợi ích cho linh hồn nhiều người và trở thành ánh sáng cho thế gian, ngài đã đến gần cuối cuộc đời trần thế của mình. Một lần nọ, ngài bước vào nhà thờ để cầu nguyện tại bàn thờ thánh và thấy: một người đàn ông rạng rỡ, mặc áo lễ, hiện ra trước mặt ngài và nói:

– Thời gian cuộc đời ngươi đã trọn vẹn và đã đến lúc ngươi bước sang cuộc sống vĩnh hằng; hãy chuẩn bị từ biệt thân xác và trở về với Chúa.

Vị tu sĩ kính cẩn cúi đầu chào người đàn ông vừa hiện ra và chân thành tạ ơn Chúa vì đã báo trước giờ lâm chung; sau đó, ngài triệu tập các tu sĩ, gửi đến họ những lời răn dạy cuối cùng và để lại di chúc về việc an táng: không được phép, dù ai có muốn đi chăng nữa, mang thi thể ngài về thành phố, mà phải chôn cất tại chính tu viện của ngài. Sau đó, sau khi chuẩn bị đầy đủ mọi thứ cần thiết cho cái chết tốt lành theo đạo Kitô của mình, cầu nguyện đủ cho mọi người và cho chính mình, rồi từ biệt mọi người lần cuối cùng, ngài đã thấy Thiên Thần của Chúa hiện ra trước mặt và vui mừng trao linh hồn trong sạch của mình cho Ngài[5156] . Như vậy, vị tu sĩ đáng kính của chúng ta, Cha Diy, đã về với Chúa. Hoàng đế và Thượng phụ muốn chuyển thi hài trong sạch của ngài về thành phố để làm lá chắn bảo vệ thành, nhưng các tu sĩ đã truyền đạt di nguyện của ngài, rằng không được an táng thi hài ngài ở bất kỳ nơi nào khác ngoài lăng mộ của tu viện. Không dám vi phạm di nguyện của vị trưởng lão, họ đã tuân theo ý nguyện của ngài và an táng thi hài ngài một cách trang nghiêm tại tu viện của ngài, ca ngợi Thiên Chúa kỳ diệu trong các thánh, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, Cha, Con và Thánh Thần; xin Ngài cũng nhận được vinh quang và danh dự từ chúng con, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

[5156] Thánh Diya qua đời vào khoảng năm 430.

Bài thánh ca, giọng 1:

Ngài là vị ẩn sĩ, là Thiên Thần trong thân xác, là Đấng làm phép lạ, là Cha chúng con mang Thánh Thần, nhờ việc ăn chay, thức đêm và cầu nguyện, Ngài đã nhận lãnh ân sủng từ trời cao, chữa lành những người bệnh tật và những linh hồn chạy đến với Ngài bằng đức tin. Vinh quang thuộc về Đấng đã ban cho Ngài sức mạnh, vinh quang thuộc về Đấng đã trao vương miện cho Ngài, vinh quang thuộc về Đấng hành động qua Ngài để chữa lành mọi người.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Được trang bị bằng sự trong sạch của tâm hồn, Ngài đã cầm lấy lời cầu nguyện không ngừng như một cây giáo uy quyền, và đã đánh tan các đạo quân ma quỷ, hỡi Cha chúng con, Đấng làm phép lạ. Xin hãy cầu nguyện không ngừng cho tất cả chúng con.

Ngày 2 tháng 8

Ngày 20 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, lễ tìm thấy di thể thánh của Thánh Tử đạo Athanasius của Brest.

Cuộc đời và các phép lạ của Thánh Tiên tri Ê-li

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 7

Khi bắt đầu trình bày cuộc đời của Thánh Ê-li, Đấng được coi như Thiên Chúa và là người nhiệt thành vinh quang vì Chúa, người vạch trần các vua bất chính, người trừng phạt những kẻ đã xa rời Chúa, người xử tử các tiên tri giả, vị thánh làm phép lạ kỳ diệu, người mà các nguyên tố tự nhiên phải tuân theo, người mà trời cao phải lắng nghe, vị thánh vĩ đại được Chúa yêu mến, vẫn còn hiện diện trong thân xác và sẽ trở lại trần gian trước khi Chúa Kitô tái lâm lần thứ hai, – để làm bằng chứng rõ ràng và mạnh mẽ hơn về lòng nhiệt thành của ngài, lòng nhiệt thành mà ngài đã dành cho Chúa, chúng ta sẽ tóm tắt những sự kiện đã xảy ra trước thời ngài.

Từ thuở xa xưa, những người được Chúa chọn, từ mười hai con trai của Y-sơ-ra-ên đã sinh sôi nảy nở thành mười hai chi phái, được gọi là các chi tộc, đã hợp thành một vương quốc, được cai trị thống nhất và độc quyền bởi một vị lãnh đạo duy nhất, bắt đầu từ Môi-se và Giê-su Na-vin cùng các quan xét khác của Y-sơ-ra-ên cho đến các vua Đa-vít và Sa-lô-môn[5157] . Khi Sa-lô-môn qua đời, con trai ông là Rô-bô-am lên ngôi; và khi cai trị vương quốc, do còn trẻ tuổi nên ông không nghe theo lời khuyên của các bậc trưởng lão giàu kinh nghiệm, mà lại nghe theo những thanh niên cùng lứa tuổi với mình, nên đã trở thành gánh nặng cho thần dân, vì ông áp đặt lên họ những khoản thuế và lao dịch quá mức, trừng phạt họ một cách tàn nhẫn, thậm chí không hiếm khi đày ải họ; lúc đó, mười chi phái đã ly khai khỏi ông và bầu chọn một vị vua khác tên là Giê-rô-bô-am. Giê-rô-bô-am trước đây từng là nô lệ của Sa-lô-môn. Một lần, Sa-lô-môn định xử tử ông vì một lỗi lầm nào đó, nhưng Giê-rô-bô-am đã trốn sang Ai Cập, nơi ông ở lại cho đến khi Sa-lô-môn qua đời[5158] . Sau khi Sa-lô-môn qua đời, ông trở về đất Y-sơ-ra-ên và

[5157] Chúa đã chọn và tách Áp-ra-ham cùng con cháu ông ra khỏi các dân tộc khác để bảo tồn và truyền bá đức tin chân chính vào Đức Chúa Trời giữa loài người. Palestine, vùng đất mà Đức Chúa Trời đã ban cho Áp-ra-ham và dòng dõi của ông, hoàn toàn phù hợp với sứ mệnh của dân Chúa. Nơi đây được bao bọc bởi dãy núi Li-băng ở phía bắc, sa mạc Syria-Ả Rập ở phía đông, sa mạc đá Ả Rập ở phía nam và Biển Địa Trung Hải ở phía tây. Nhờ bức tường rào vững chắc ấy, dân Chúa được tách biệt và bảo vệ khỏi ảnh hưởng của các dân ngoại, từ đó có thể phụng sự Đức Chúa Trời, thực hiện sứ mệnh của mình một cách tự do và không bị cản trở. Vị trí của Palestine, nằm ở ranh giới giữa Á, Phi và Âu, giữa các dân tộc cổ đại (Ê-xê-chi-ên 5:5), cũng hoàn toàn phù hợp với sứ mệnh của dân Chúa. Dân sự của Đức Chúa Trời có thể giao lưu với tất cả các dân tộc hùng mạnh, văn minh của thời cổ đại và truyền đạt cho họ những sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Khi đến thời điểm các dân tộc được soi sáng bởi ánh sáng của giáo lý thiêng liêng, những người rao giảng từ Palestine đã có những con đường rộng mở và thuận lợi để tiếp cận với tất cả các dân tộc trên thế giới.

[5158] Giê-rô-am xuất thân từ chi phái Ê-phra-im, là một trong những người giám sát công nhân khi xây dựng đền thờ tại Giê-ru-sa-lem và được Sa-lô-môn rất yêu mến. Khi ở xứ Israel xuất hiện nhiều người bất mãn, nổi dậy chống lại Vua Sa-lô-môn vì việc tăng thuế, Giê-rô-a-môn đã trở thành thủ lĩnh của họ. Biết được điều này, Vua Sa-lô-môn ra lệnh xử tử Giê-rô-a-môn, nhưng ông đã trốn sang Ai Cập.

được các chi phái Y-sơ-ra-ên, những người đã ly khai khỏi Rô-bô-am, bầu làm vua. Rehoboam, con trai của Sa-lô-môn, trị vì tại Giê-ru-sa-lem trên hai chi phái duy nhất là Giu-đa và Bê-ni-a-min; Còn Giê-rô-am, tôi tớ của Sa-lô-môn, trị vì mười chi phái Y-sơ-ra-ên, cư ngụ tại thành Si-kim[5159] , nơi đã được họ tái thiết và phục hồi, vì trước đó thành này đã bị tàn phá. Hai chi tộc vẫn trung thành với con trai của Sa-lô-môn được gọi là vương quốc Giu-đa; còn mười chi tộc đã theo người đầy tớ của Sa-lô-môn thì hợp thành vương quốc Y-sơ-ra-ên.

Tuy nhiên, dù các chi phái Y-sơ-ra-ên đã chia thành hai vương quốc, họ vẫn cùng nhau thờ phượng một Đức Chúa Trời, Đấng đã dựng nên trời và đất, vì họ không thể có đền thờ nào khác ngoài đền thờ Giê-ru-sa-lem do Sa-lô-môn xây dựng, cũng như không có các thầy tế lễ nào khác ngoài những người được Đức Chúa Trời chỉ định; nên vào mọi thời điểm, dân chúng từ vương quốc Y-sơ-ra-ên đều đổ xô đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng và dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của họ. Thấy điều đó, Giê-rô-bô-am, vua Y-sơ-ra-ên, bắt đầu lo lắng và nói:

– Nếu dân chúng cứ tiếp tục lên Giê-ru-sa-lem để thờ phượng Đức Chúa Trời như vậy, thì họ sẽ muốn quay trở lại với vị vua đầu tiên của họ, con trai của Sa-lô-môn, và sẽ giết ta.

Suy nghĩ về điều này, ông bắt đầu tìm cách làm sao để khiến dân Y-sơ-ra-ên chán ghét Giê-ru-sa-lem, để họ không còn lên Giê-ru-sa-lem nữa. Và trước hết, ông quyết định khiến họ chán ghét Đức Chúa Trời.

– Không thể nào – ông nói – để họ giữ Giê-ru-sa-lem nếu trước tiên họ không từ bỏ Đức Chúa Trời.

Biết rằng dân tộc đó, tức dân Y-sơ-ra-ên, rất dễ sa vào việc thờ thần tượng và mọi hành vi gian ác ô uế, Giê-rô-a-môn đã nghĩ ra một mưu kế xảo quyệt để khiến họ lìa bỏ Đức Chúa Trời. Ông đã đúc hai con bò cái non bằng vàng, giống như cách người Israel xưa, sau khi ra khỏi Ai Cập, đã tạc cho mình một con bò vàng trong sa mạc và thờ lạy nó thay vì Đức Chúa Trời chân thật (Xuất Ê-díp-tô Ký, chương 32). Sau khi triệu tập toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đến và chỉ vào hai con bò cái đó, Giê-rô-a-m đã nói:

– Hỡi dân Y-sơ-ra-ên! Đây là các vị thần của các ngươi, những Đấng đã dẫn các ngươi ra khỏi xứ Ai Cập. Đừng đến Giê-ru-sa-lem nữa, mà hãy thờ lạy các vị thần này.

Ông đặt hai con bò cái đó ở những nơi khác nhau: một con ở Bê-tên, con kia ở Đan[5160] , xây dựng những đền thờ lộng lẫy cho chúng, thiết lập các lễ hội và nhiều lễ tế để tôn vinh chúng, đồng thời chỉ định các thầy tế lễ; thậm chí chính ông cũng đảm nhận vai trò của một thầy tế lễ. Để cám dỗ những người ham mê tội lỗi nhiều hơn nữa, Giê-rô-bô-am ra lệnh rằng vào những ngày lễ được ấn định để tôn vinh các thần tượng hình con bò cái đúc bằng vàng đó, mọi hành vi phạm pháp đều phải được thực hiện.

Như vậy, vị vua gian ác ấy, vì muốn duy trì ngai vàng tạm thời, không chỉ tự mình lìa xa Đức Chúa Trời, mà còn khiến cả mười chi phái Y-sơ-ra-ên xa lìa Ngài. Sau vị vua này, các vua Y-sơ-ra-ên khác cùng toàn thể thần dân của họ vẫn tiếp tục thực hành sự thờ lạy thần tượng gian ác ấy, như họ đã được dạy dỗ và quen thuộc dưới thời Giê-rô-a-môn.

Còn Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, không bỏ rơi những người đã bỏ Ngài, nhưng nhờ lòng nhân từ của Ngài, Ngài vẫn mong họ ăn năn trở lại, nên đã sai các vị tiên tri thánh của Ngài đến với dân Y-sơ-ra-ên, để họ vạch trần những sai lầm của họ và khuyên răn họ, giúp họ thoát khỏi những cạm bẫy của ma quỷ, để trở lại sự thờ phượng kính sợ Đức Chúa Trời chân thật. Trong số các vị tiên tri được Thiên Chúa sai đến dân Israel vào những thời kỳ khác nhau, có vị tiên tri vĩ đại, thánh Ê-li, và cuộc đời của ngài chính là chủ đề mà chúng ta sắp tìm hiểu.

Theo những truyền thuyết đáng tin cậy, quê hương của vị tiên tri thánh của Đức Chúa Trời là Ê-li là xứ Ga-la-át, bên kia sông Giô-đanh[5161] , giáp ranh với Ả Rập; còn thành phố nơi ngài sinh ra có tên là Tê-svi, vì thế Ê-li còn được gọi là người Tê-svi[5162] . Ê-li xuất thân từ dòng dõi A-rôn, cha ngài tên là Sa-va-ha. Sự ra đời của Ê-li được báo trước bằng một khải tượng mà cha ông đã thấy. Chính vào lúc mẹ Ê-li đang sinh ông, Sa-va đã nhìn thấy những người đàn ông có dáng vẻ trắng trẻo đang trò chuyện với đứa trẻ, quấn tã cho nó bằng lửa và cho nó ăn bằng cách đưa ngọn lửa vào miệng nó. Bị kinh hoàng trước thị kiến ấy, Sa-va-h đã lên Giê-ru-sa-lem và kể lại thị kiến cho các thầy tế lễ. Lúc đó, một trong số họ, một người có khả năng tiên tri, đã nói với Sa-va-h:

[5159] Sikim hay Shechem nằm ở trung tâm phần phía tây của Palestine, nơi sau này trở thành Samaria.

[5160] Thành phố Bê-tên nằm ở phía nam Sa-ma-ri, phía bắc Giê-ru-sa-lem, còn thành phố Đan nằm ở phía bắc Ga-li-lê.

[5161] Ở vùng đất bên kia sông Jordan, thuộc nửa phía đông của Palestine.

[5162] Thành phố Tesvit hay Tesva nằm ở phần phía đông của xứ Gilead, trải dài từ núi Hermon đến sông Arnon – ở phía đông sông Jordan, gần dãy núi Gilead.

– Đừng sợ về thị kiến liên quan đến con trai ngươi, nhưng hãy biết rằng đứa trẻ ấy sẽ là khí cụ của ân sủng Thiên Chúa: lời nói của nó sẽ như lửa, mạnh mẽ và có sức mạnh, lòng nhiệt thành của nó đối với Chúa sẽ rất lớn, và cuộc đời nó sẽ đẹp lòng Thiên Chúa, và nó sẽ xét xử dân Israel bằng vũ khí và lửa.

Đó là điềm báo và lời tiên tri về Ê-li khi ngài mới chào đời, chỉ ra rằng ngài sẽ trở thành người như thế nào khi trưởng thành.

Là người xuất thân từ dòng dõi tư tế, Ê-li đã được nuôi dưỡng và giáo dục giữa các tư tế; từ thuở ấu thơ, ông đã hiến dâng mình cho Đức Chúa Trời, yêu mến sự trong sạch trinh khiết, và sống trong sự trong sạch ấy như một Thiên Thần của Đức Chúa Trời, vô tì vết trước mặt Ngài, trong sạch cả về tâm hồn lẫn thể xác. Vì yêu thích suy ngẫm về Đức Chúa Trời, ngài thường lui về những nơi hoang vắng để tìm sự tĩnh lặng, nơi đó ngài dành nhiều thời gian trò chuyện riêng tư với Đức Chúa Trời trong lời cầu nguyện nồng ấm dành cho Ngài, bừng cháy tình yêu nồng nàn dành cho Ngài như các Thiên Thần Serafim[5163] . Và chính Ê-li cũng được Đức Chúa Trời yêu thương, vì Đức Chúa Trời yêu thương những ai yêu mến Ngài. Ê-li được ban ân sủng để trò chuyện thân mật với Đức Chúa Trời và, nhờ cuộc sống thánh thiện như thiên thần của mình , ông đã đạt được sự táo bạo lớn lao trước mặt Ngài: mọi điều Ê-li xin Đức Chúa Trời, ông đều nhận được, như một người đã được Ngài ân sủng. Tuy nhiên, khi nghe và thấy, một mặt, những tội ác đang diễn ra trong dân Y-sơ-ra-ên sa đọa: các vua – chìm đắm trong sự gian ác chống lại Đức Chúa Trời, các quan tòa và các trưởng lão – hành động không theo lẽ phải, dân chúng – thờ phượng các tà thần ghê tởm và sa đọa trong mọi tệ nạn thuộc linh và thể xác mà không hề kính sợ Đức Chúa Trời, dâng con trai và con gái mình làm của lễ cho ma quỷ; mặt khác, những người sùng kính Đức Chúa Trời chân thật đang phải chịu đủ mọi hình thức áp bức và bắt bớ, thậm chí đến chết – về tất cả những điều này, vị tiên tri của Đức Chúa Trời đã vô cùng đau xót trong lòng: lúc thì ông than khóc cho sự diệt vong của vô số linh hồn con người, lúc thì ông than thở về sự bắt bớ tàn nhẫn đối với những người công chính; đặc biệt, ông đau buồn và đau khổ trong tâm hồn vì sự sỉ nhục mà những kẻ vô đạo gây ra cho Đức Chúa Trời chân chính, và ngày càng tràn đầy lòng nhiệt thành vì vinh quang của Đức Chúa Trời. Trước hết, Ê-li cầu xin Đức Chúa Trời, để Ngài dẫn dắt những kẻ có tội đến sự ăn năn. Nhưng vì Đức Chúa Trời đòi hỏi những người tội lỗi phải tự nguyện ăn năn, trong khi những người Y-sơ-ra-ên có lòng cứng cỏi lại không có khát khao hướng thiện ấy, nên tiên tri Ê-li, với lòng nhiệt thành mãnh liệt vì vinh quang của Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi của loài người, đã xin Đức Chúa Trời trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên tạm thời, để ít nhất bằng cách đó có thể khiến họ từ bỏ sự gian ác. Nhưng đồng thời, biết rằng Chúa, nhờ lòng nhân từ và sự nhẫn nại vô biên của Ngài, không vội vàng trừng phạt, nên Ê-li, vì lòng nhiệt thành mãnh liệt dành cho Ngài, đã dám xin Chúa truyền cho chính mình, Ê-li, được trừng phạt những kẻ vi phạm luật pháp, với suy nghĩ rằng liệu họ có quay về ăn năn hay không khi bị con người trừng phạt. Và Ê-li đã không ngừng cầu xin Đức Chúa Trời về điều này, cho đến khi nhận được điều mình xin từ Đức Chúa Trời đầy lòng nhân từ: Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, như một người cha yêu thương con cái, không muốn làm buồn lòng tôi tớ yêu dấu của Ngài, người phục vụ Ngài như con cái và chưa từng vi phạm dù chỉ một điều răn nhỏ nhất của Ngài; nhưng vì Ê-li vâng lời Ngài trong mọi việc và chưa bao giờ làm Ngài phật lòng, nên Ngài đã lắng nghe những lời khẩn cầu và lời cầu nguyện của tôi tớ trung thành của Ngài, không làm anh ta buồn lòng bằng cách không đáp ứng những lời cầu xin đó.

Vào thời đó, vua A-háp, một vị vua bất chính, đang trị vì tại Y-sơ-ra-ên, với thành Samari làm thủ đô (thành phố này đã là thủ đô thứ ba của vương quốc Y-sơ-ra-ên: thủ đô đầu tiên là Si-chem, thuộc chi phái Ép-ra-im; thủ đô thứ hai là Phê-rơ, thuộc chi phái Ma-na-se; thủ đô thứ ba là Sa-ma-ri, lại thuộc chi phái Ép-ra-im). A-háp kết hôn với I-za-bê-lơ, con gái của vua Ê-phua-a-lơ xứ Si-đôn. I-sa-bên, với tư cách là một người ngoại đạo, đã mang theo thần tượng của mình là thần Ba-anh của Si-đôn[5164] đến quê hương mới. A-háp đã xây dựng một đền thờ cho thần này tại Sa-ma-ri và dựng một bàn thờ tại đó; chính ông cũng thờ phượng Ba-anh như một vị thần, và ép buộc tất cả dân Y-sơ-ra-ên phải quỳ lạy trước thần tượng này. Chính vì điều này, ông đã nhanh chóng đẩy sự thờ thần tượng trong vương quốc của mình lên đến tột độ, khiến Đức Chúa Trời Tối Cao phẫn nộ hơn tất cả các vua từng cai trị Y-sơ-ra-ên trước ông. Và chính vị vua này đã được tiên tri Ê-li của Đức Chúa Trời, người tràn đầy lòng nhiệt thành vì Đức Chúa Trời, đến gặp và vạch trần sự lầm lạc của ông – rằng ông đã bỏ Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, tự

[5163] Các Seraphim (từ tiếng Do Thái – những sinh vật rực lửa, bốc lửa) – là những sinh vật thiêng liêng cao quý nhất, gần gũi nhất với Đức Chúa Trời, những sinh vật này bao quanh ngai vàng của Đức Chúa Trời vinh quang, không ngừng kêu lên: "Thánh, thánh, thánh là Đức Giê-hô-va Sa-va-ô (tức là Đức Chúa Trời của các đạo binh), cả đất đều đầy dẫy vinh quang Ngài" (Ê-sai 6:1–13).

[5164] Baal được các dân tộc Canaan coi là vị thần tối cao. Dưới danh xưng Baal, họ thờ phụng mặt trời như nguồn sức mạnh sinh sôi nảy nở trong tự nhiên.

mình thờ lạy các quỷ dữ và kéo cả dân tộc mình theo con đường diệt vong. Thấy vua không nghe lời khuyên răn của mình, vị tiên tri thánh đã biến lời nói thành hành động, trừng phạt vị vua chống lại Đức Chúa Trời và các thần dân của ông. Ông nói:

– Thề bằng Đức Chúa Trời toàn năng, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đấng mà tôi đang đứng trước mặt[5165] , – nếu trong những năm tới có sương hay mưa rơi xuống đất, thì chỉ có thể là theo lời tôi nói mà thôi.

Nói xong, Ê-li rời khỏi A-háp, và theo lời tiên tri, trời đóng lại và hạn hán ập đến: không một giọt mưa hay sương nào rơi xuống đất. Do hạn hán, mùa màng thất bát hoàn toàn, và nạn đói bùng phát. Bởi vì, khi một vị vua phạm tội, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sẽ giáng xuống trên tất cả thần dân (cũng như trước đây, do tội lỗi của một mình Đa-vít mà cả vương quốc phải chịu khổ[5166]). Còn tiên tri Ê-li của Đức Chúa Trời thì mong đợi rằng A-háp, vua Y-sơ-ra-ên, sau khi bị trừng phạt, sẽ nhận ra lỗi lầm của mình, quay về với Đức Chúa Trời trong sự ăn năn, và cùng với mình dẫn dắt dân chúng – những người đã bị ông làm cho sa ngã – trở lại con đường chân chính. Nhưng khi thánh Ê-li thấy A-háp, giống như Pha-ra-ôn, vẫn cứng lòng, không những không nghĩ đến việc từ bỏ sự gian ác, mà ngược lại, ngày càng chìm sâu vào vực thẳm của tội lỗi, truy đuổi và thậm chí giết hại những người làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng cuộc sống , thì ngài đã tiếp tục trừng phạt sang năm thứ hai và năm thứ ba. Vào thời điểm đó, lời của vị Thánh Tiên Tri đầu tiên, thánh Mô-sê, đã được phán cho dân Y-sơ-ra-ên đã ứng nghiệm:

– Trời trên đầu ngươi sẽ như đồng, còn đất dưới chân ngươi sẽ như sắt (Đệ Nhị Luật 28:23); bởi vì khi bầu trời bị đóng kín, đất không có hơi ẩm[5167] và không sinh ra bất kỳ hoa quả nào.

Vì không khí luôn oi bức, và mỗi ngày đều có cái nóng gay gắt từ mặt trời thiêu đốt, nên tất cả cây cối, hoa lá và cỏ đều héo úa – trái cây hư hỏng, vườn tược, ruộng đồng và cánh đồng trở nên hoàn toàn trống rỗng, và trên đó không còn người cày ruộng hay người gieo hạt nào. Nước trong các suối đã cạn kiệt, các con sông nhỏ và suối đã khô cạn hoàn toàn, còn ở các con sông lớn thì lượng nước cũng giảm đi, cả đất nước trở nên khô cằn và thiếu nước, khiến con người, gia súc và chim chóc đều chết vì đói. Sự trừng phạt này không chỉ giáng xuống vương quốc Israel mà còn lan sang các nước lân cận. Vì khi trong thành phố có một ngôi nhà bốc cháy, ngọn lửa sẽ lan sang cả những ngôi nhà lân cận. Điều đó cũng đã xảy ra trên thế gian này: chỉ một dân tộc Israel đã gánh lấy cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, nhưng cả vũ trụ đều phải chịu khổ. Tuy nhiên, tất cả những điều này xảy ra không phải chủ yếu do cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, mà là do lòng ghen tuông của tiên tri Ê-li đối với vinh quang của Đức Chúa Trời. Vì Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót và yêu thương loài người, nhờ lòng nhân từ vô biên của Ngài, khi thấy cảnh khốn khổ của con người và sự diệt vong của muôn loài, Ngài đã sẵn sàng cho mưa rơi xuống đất, nhưng Ngài đã kiềm chế điều đó để thực hiện quyết định của Ê-li và để những lời của vị tiên tri không trở thành lời nói dối:

– Chúa hằng sống, – kể từ lúc này, sẽ không có mưa hay sương rơi xuống đất, trừ khi theo lời tôi.

Người đã nói điều này tràn đầy lòng nhiệt thành vì Đức Chúa Trời đến nỗi không nương tay với chính mình, vì ông biết rằng khi nguồn lương thực trên đất cạn kiệt, thì ông, cũng như tất cả mọi người, sẽ phải chịu đói. Nhưng ông đã phớt lờ điều đó, vì thà chết vì đói còn hơn là tha thứ cho những kẻ tội lỗi không ăn năn, những kẻ thù địch với Đức Chúa Trời.

Vậy thì Đức Chúa Trời toàn lành sẽ làm gì? Ngài sai tiên tri Ê-li đến một nơi hẻo lánh, xa cách các nơi ở của loài người, và phán rằng:

– Hãy đi về phía đông và ẩn náu bên suối Horafa[5168] , nằm đối diện sông Giô-đanh. Ngươi sẽ uống nước từ suối này, còn Ta đã truyền cho những con quạ mang thức ăn đến cho ngươi tại đó (3 Vua 17:3–4).

Chúa đã làm điều này để cứu Ê-li khỏi bị I-sa-bê giết hại, để Ê-li không chết vì đói, và để qua những con quạ cùng suối Hô-ra-phơ, khơi dậy trong lòng Ê-li lòng thương xót đối với những người đang đau khổ và chết vì đói khát. So với các loài chim khác, quạ có một đặc tính riêng (Thi Thiên 146:9): chúng rất háu ăn và không có chút lòng thương xót nào, ngay cả đối với chính con non của mình, vì quạ chỉ vừa nuôi con non lớn lên là bỏ chúng lại

---

[5165] Câu: "Chúa là Đức Chúa Trời của ngươi còn sống, linh hồn ngươi còn sống" – có ý nghĩa tương đương với lời thề của chúng ta: "tôi thề trước Đức Chúa Trời". Người Do Thái cổ đại, khi muốn khẳng định tính chân thực của lời nói, thường dùng chính những từ này làm lời thề.

[5166] Bị lòng kiêu ngạo xúi giục, Đa-vít muốn đếm dân số của mình. Vì tội lỗi đó, Đức Chúa Trời đã giáng đại dịch dịch hạch xuống vương quốc của ông, khiến 70.000 người chết chỉ trong ba ngày.

[5167] Ở Palestine, cũng như ở các nước nóng khác, mưa chỉ rơi vào mùa thu và mùa xuân, nhưng sương đêm lại tưới đẫm đất rất dồi dào. Sương đêm thường rất dày, đặc biệt là vào mùa hè, đến nỗi đất được tưới ẩm như sau một trận mưa lớn.

[5168] Tại Syria, gần Damascus.

trong tổ, bay đi nơi khác và để con non phải chết vì đói. Chỉ có sự quan phòng của Đức Chúa Trời, Đấng chăm lo cho mọi loài sinh vật, mới cứu chúng khỏi cái chết: ruồi tự bay vào miệng chúng, và những con non nuốt chửng chúng. Và mỗi khi những con quạ, theo lệnh của Đức Chúa Trời, bay đến gặp vị tiên tri mỗi ngày để mang thức ăn cho ông – bánh mì vào buổi sáng và thịt vào buổi tối – thì lương tâm trong Ê-li – tiếng nói nội tâm của Đức Chúa Trời trong con người – đã kêu gọi trái tim ông:

– Hãy nhìn xem, những con quạ, vốn dĩ hoang dã, tham ăn, háu ăn, không yêu thương chim non của mình, lại chăm lo cho thức ăn của ngươi như thế nào: chính chúng đang đói, nhưng vẫn mang thức ăn đến cho ngươi. Còn ngươi, là con người, lại không có lòng trắc ẩn với loài người, và không chỉ loài người, mà cả gia súc và chim chóc, ngươi cũng muốn để chúng chết đói.

Cũng vậy, khi một thời gian sau, vị tiên tri thấy dòng suối đã cạn khô, Đức Chúa Trời phán với ông:

– Đã đến lúc phải thương xót loài sinh vật đang chịu khổ và ban mưa cho chúng, để chính ngươi cũng không chết khát.

Nhưng người bảo vệ Đức Chúa Trời vẫn kiên định – ngược lại, ông cầu xin Đức Chúa Trời đừng cho mưa rơi cho đến khi những kẻ chưa bị trừng phạt đều bị trừng phạt, và cho đến khi tất cả kẻ thù của Đức Chúa Trời trên đất đều bị tiêu diệt. Rồi một lần nữa, Đức Chúa Trời, với sự khôn ngoan vô biên, đã dẫn dắt người tôi tớ của Ngài hướng tới lòng thương xót, sai ông đến Sarepta thuộc Sidon[5169] , nơi không nằm dưới quyền cai trị của vua Y-sơ-ra-ên, đến với một góa phụ nghèo, để ông tự suy ngẫm trong lòng, thảm họa mà ông đã gây ra không chỉ cho những người giàu có và những cặp vợ chồng, mà còn cho những góa phụ nghèo, những người không chỉ trong thời kỳ đói kém, mà ngay cả trong những năm mùa màng bội thu và mọi sự dư dật trên đất, cũng thường không có đủ thức ăn hàng ngày. Khi đến cổng thành phố này, vị tiên tri thấy một góa phụ đang vác củi, chỉ có không quá hai khúc; vì trong thùng của bà chỉ còn một nắm bột và một ít dầu trong bình. Vì Ê-li đang đói lả, nên ông đã xin bà góa phụ một miếng bánh. Người góa phụ, sau khi kể cho ông nghe về cảnh nghèo túng tột cùng của mình trong thời gian gần đây, nói rằng bà muốn dùng số bột còn lại để nấu bữa ăn cuối cùng cho bản thân và con trai, rồi sau đó cả hai sẽ chết vì đói. Người của Đức Chúa Trời lẽ ra có thể cảm động và thương xót tất cả những góa phụ nghèo khổ đang chịu đói; nhưng lòng nhiệt thành vĩ đại dành cho Đức Chúa Trời đã chiến thắng tất cả, và ông không tỏ ra chút lòng thương xót nào đối với những sinh linh đang lâm vào cảnh diệt vong, mong muốn tôn vinh Đấng Tạo Hóa và cho cả vũ trụ thấy quyền năng toàn năng của Ngài. Nhờ đức tin của mình, Ê-li đã nhận được từ Đức Chúa Trời ân tứ làm phép lạ, nên ông đã khiến bột mì và dầu trong nhà người góa phụ không bao giờ cạn kiệt; và ông được người góa phụ nuôi dưỡng cho đến khi nạn đói chấm dứt. Vị tiên tri cũng đã làm sống lại con trai đã chết của người góa phụ bằng lời cầu nguyện, kết hợp với việc thổi hơi ba lần vào thi thể người chết, như đã được chép trong Lời Chúa. Có một truyền thuyết về người con trai được hồi sinh của bà góa này, rằng tên cậu là Giô-na, và chính cậu, khi trưởng thành, đã được ban ân sủng tiên tri, được sai đến Ni-ni-ve để rao giảng sự ăn năn; nhưng khi bị cá voi nuốt chửng và ba ngày sau được cá voi nhả ra, ngài đã tiên báo về sự phục sinh ba ngày của Đức Kitô, như được kể chi tiết trong sách tiên tri và trong cuốn tiểu sử của ngài[5170] .

Sau ba năm khô hạn và đói kém, Đức Chúa Trời toàn năng, khi thấy các loài thụ tạo của Ngài trên đất đang bị hủy diệt hoàn toàn vì đói, đã động lòng thương xót và phán với tôi tớ của Ngài là Ê-li:

– Hãy đi, đến gặp A-háp; Ta muốn thương xót các loài thụ tạo của Ta và theo lời ngươi, Ta sẽ cho mưa rơi xuống đất khô cằn, tưới đẫm nó và làm cho nó trổ sinh hoa trái. A-háp đã bắt đầu ăn năn, đang tìm kiếm ngươi và sẵn sàng vâng lời ngươi trong mọi điều ngươi truyền lệnh cho ông ta.

Ngay lập tức, vị tiên tri ấy từ Sarepta thuộc Sidon lên đường đến Samaria, thủ đô của vương quốc Israel. Lúc bấy giờ, vua A-háp có một quan quản gia tên là Ô-bi-đi, là người đầy tớ trung thành và kính sợ Đức Chúa Trời. Ông đã che giấu một trăm tiên tri của Đức Chúa Trời khỏi sự tàn sát của I-sa-bê-lơ, bằng cách đưa họ vào hai hang động, mỗi hang năm mươi người, và nuôi dưỡng họ bằng bánh và nước. Sau khi triệu tập người quản gia này đến, vua A-háp (trước khi Ê-li đến gặp ông) đã sai ông đi tìm cỏ dọc theo những con suối đã cạn khô, để có thức ăn nuôi những con ngựa và gia súc còn sống sót không còn nhiều. Vừa mới ra khỏi thành, Ô-đi đã gặp vị tiên tri thánh Ê-li, ông quỳ lạy xuống đất và nói rằng A-háp đã tìm kiếm ông khắp cả vương quốc của mình. Thánh Ê-li đáp lại Ô-đi:

– Hãy đi, nói với chúa tể của ngươi rằng: Này, chính ta, Ê-li, đang đến gặp ngài.

[5169] Thành phố Sarepta nằm ở phía tây Phoenicia, bên bờ Biển Địa Trung Hải, gần Sidon.

[5170] Ngày 22 tháng 9

Ô-đi-a từ chối, nói rằng:

– Tôi sợ rằng, khi tôi rời khỏi ngài, Thánh Linh của Chúa sẽ đưa ngài đến một xứ khác, và lúc đó tôi sẽ trở thành kẻ nói dối trước mặt chủ tôi, và ngài, vì giận dữ với tôi, sẽ giết tôi. Ê-li đáp:

– Thề bằng Đức Chúa Trời của các lực lượng, Đấng mà tôi đang đứng trước mặt! Hôm nay chính tôi sẽ hiện diện trước mặt A-háp!

Ô-đi-ê quay lại và báo cho vua biết. A-háp vội vã ra đón người của Đức Chúa Trời. Khi ông ta nhìn thấy Ê-li, vì lòng thù hận âm ỉ dành cho vị tiên tri, ông ta không kìm được lời nói cay độc và nói với Ê-li:

– Chính ngươi là kẻ làm cho dân Y-sơ-ra-ên sa ngã sao?

Nhưng vị tiên tri của Đức Chúa Trời đã đáp lại A-háp một cách không sợ hãi:

– Không phải tôi làm cho dân Y-sơ-ra-ên sa ngã, mà chính ngài và nhà cha ngài, những người đã bỏ Chúa là Đức Chúa Trời của mình và tôn thờ Ba-anh, thần tà ác.

Sau đó, vị tiên tri của Đức Chúa Trời, nhờ có sức mạnh của sự giúp đỡ từ Đức Chúa Trời, đã bắt đầu ra lệnh cho vua một cách uy quyền, nói rằng:

– Hãy lập tức đi và tập hợp tất cả mười chi phái của Y-sơ-ra-ên đến với ta trên núi Ca-rêm[5171] , hãy dẫn theo bốn trăm năm mươi nhà tiên tri gian ác, những kẻ thờ phượng các thần tượng khác trên các ngọn núi cao và trong các khu rừng[5172] , , những kẻ ăn uống từ bàn tiệc của I-zê-bê-lơ; hãy để họ tranh luận với ta về Đức Chúa Trời, và chúng ta sẽ thấy ai là Đức Chúa Trời chân thật.

Ngay lập tức, nhà vua sai các sứ giả đi khắp đất Israel, tập hợp một đám đông vô số người, và triệu tập tất cả các tiên tri và thầy tế lễ gian ác lên núi Karmel, rồi chính ông cũng đến đó.

Lúc bấy giờ, Ê-li, người ghen tuông vì Đức Chúa Trời, đứng trước đám đông, quay sang nói với vua và toàn thể dân Y-sơ-ra-ên như sau:

– Các ngươi còn chần chừ bao lâu nữa? Nếu Đức Giê-hô-va, Đấng đã dùng tay mạnh mẽ dẫn các ngươi ra khỏi Ai Cập, là Đức Chúa Trời, thì tại sao các ngươi không theo Ngài? Còn nếu Ba-anh là thần của các ngươi, thì hãy đi theo nó.

Dân chúng im lặng, và cũng không thể trả lời được gì, vì mỗi người Y-sơ-ra-ên đều bị lương tâm mình vạch trần sự lầm lạc của mình. Lúc đó, Ê-li tiếp tục:

– Vậy này: để các ngươi ngày nay nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, hãy làm theo những gì ta sẽ truyền cho các ngươi. Các ngươi thấy rằng ta là người duy nhất còn lại trong cả Y-sơ-ra-ên làm tiên tri của Đức Giê-hô-va; còn tất cả các tiên tri khác thì các ngươi đã giết hết; các ngươi cũng thấy có bao nhiêu tiên tri của Ba-anh ở đây. Vậy, hãy cho chúng tôi hai con bò con để dâng tế lễ, một con cho tôi, và con kia cho các thầy tế lễ của Ba-anh; nhưng chúng tôi không cần lửa. Lửa từ trời sẽ rơi xuống và thiêu rụi tế lễ của ai, thì vị thần đó chính là Đức Chúa Trời chân thật, và mọi người phải thờ lạy Ngài; còn những ai không công nhận Ngài thì hãy bị xử tử.

Nghe những lời ấy, cả dân chúng đều đồng ý với quyết định của nhà tiên tri của Đức Chúa Trời và nói:

– Hãy làm như vậy; lời ngươi nói rất hay.

Khi những con bò tơ được dẫn vào giữa hội trường, thánh Ê-li nói với các tiên tri Ba-anh gian ác rằng:

– Hãy chọn cho mình một con bò con, và các ngươi hãy dâng lễ vật trước, vì các ngươi đông người, còn ta chỉ có một mình, ta sẽ dâng sau. Khi đã đặt con bò con lên đống củi, đừng châm lửa, nhưng hãy cầu nguyện với thần Ba-anh của các ngươi, để ngài sai lửa từ trời xuống thiêu đốt lễ vật của các ngươi.

[5171] Núi Karmel nằm ở phía tây bắc Samaria, gần Biển Địa Trung Hải. Ê-li đã chọn ngọn núi này làm nơi tụ họp vì đây là nơi thờ phượng Ba-anh chính yếu trong vương quốc Y-sơ-ra-ên.

[5172] Bên cạnh Ba-anh, người ta còn tôn thờ A-sê-ta hay A-sê-ra. Bà là nữ thần của bầu trời (Giê-rê-mi 7:18), mặt trăng, đồng thời là nữ thần của hạnh phúc, tình yêu, sự sinh sôi nảy nở, chiến tranh và săn bắn. Bà thường được miêu tả với đầu phụ nữ, được trang trí bằng lưỡi liềm mặt trăng hoặc hai chiếc sừng. Việc thờ phụng Ba-anh được tiến hành trên các đỉnh đồi, còn Ashtarte thì ở các thung lũng, trong những khu rừng sồi xanh tươi (rừng cây). Các đền thờ Ba-anh, được xây dựng trên các ngọn đồi và núi, luôn được bao quanh bởi những khu rừng sồi dành để tôn vinh Ashtarte, và tại đó, dưới chân các ngọn đồi, người ta dựng các bàn thờ dâng lễ vật cho Ashtarte. Các thầy tế lễ của Astarte được gọi là "những người của rừng sồi". Ngoài ý nghĩa là vị thần Mặt Trời, Baal còn được gọi là Baal-Zebub, vị thần ruồi, bởi vì người Philistine, sống ở vùng ven biển thấp và phải chịu đựng sự quấy rối của vô số ruồi và côn trùng khác, đã cầu nguyện với ngài để được giải thoát khỏi lũ ruồi. Ngài cũng được coi là vị thần chữa lành bệnh tật và là nhà tiên tri. Baal-Verif là vị thần của lời thề, các hiệp ước và liên minh. Baal-Pegor là vị thần chiến tranh. Dân Y-sơ-ra-ên dễ dàng sa vào việc thờ lạy các thần tượng, bởi vì việc thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật đòi hỏi đức hạnh, cầu nguyện, ăn năn về tội lỗi, kiêng ăn, trong khi việc thờ lạy các thần tượng lại đi kèm với những điệu nhảy, tiệc tùng, say sưa và những thú vui xác thịt khác.

Những nhà tiên tri vô liêm sỉ đã làm đúng như vậy. Sau khi bốc thăm, họ chọn con bò tơ, xẻ nó thành từng phần, đặt các phần đó lên bàn thờ trên đống củi, rồi bắt đầu cầu nguyện với thần Ba-anh của họ, xin ngài sai lửa xuống thiêu đốt lễ vật của họ. Họ kêu cầu danh ngài từ sáng sớm cho đến giữa trưa, la lớn:

– Hãy nghe chúng tôi, Ba-anh, hãy nghe!

Nhưng chẳng có tiếng nói nào, cũng chẳng có lời đáp lại. Họ bắt đầu nhảy múa quanh bàn thờ, nhưng tất cả đều vô ích. Vào giữa trưa, vị tiên tri của Đức Chúa Trời đã chế giễu họ:

– Hãy la to lên đi, – ông nói, – để thần của các ngươi nghe thấy các ngươi; chắc hẳn ngài hiện đang bận rộn: hoặc đang làm việc gì đó, hoặc đang trò chuyện với ai đó, hoặc đang dự tiệc, hoặc đã ngủ thiếp đi[5173] ; hãy la to hết mức có thể để đánh thức ngài dậy.

Các tiên tri giả gọi tên Ba-anh bằng giọng lớn và, theo thói quen của họ, tự đâm mình bằng dao, còn những người khác thì tự đánh mình bằng roi cho đến khi chảy máu. Trước khi trời tối, thánh Ê-li người Tê-sê-vi nói với họ:

– Im lặng và dừng lại đi; đã đến lúc dâng của lễ của ta rồi.

Những người thờ phượng Ba-anh liền ngừng lại. Rồi Ê-li quay sang dân chúng và nói:

– Hãy đến với ta!

Mọi người đều tiến lại gần ngài. Vị tiên tri lấy mười hai hòn đá, tương ứng với mười hai chi phái của Y-sơ-ra-ên, dùng chúng dựng nên một bàn thờ dâng cho Đức Giê-hô-va; sau đó, ông xếp củi lên bàn thờ, xẻ con bò con thành từng phần, đặt chúng lên củi, đào một rãnh xung quanh bàn thờ và ra lệnh cho dân chúng lấy bốn thùng nước, đổ nước lên của lễ và lên củi; họ đã làm như vậy. Ê-li ra lệnh lặp lại; họ đã lặp lại. Ông ra lệnh lần thứ ba làm như vậy, và họ đã làm theo. Nước tràn ra xung quanh bàn thờ, và rãnh đã đầy nước. Ê-li kêu lên với Đức Chúa Trời, ngước mắt lên trời, nói:

– Lạy Chúa, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp! Xin hãy nghe con, tôi tớ của Ngài, và xin hãy sai lửa từ trời xuống trên của lễ này, để tất cả những người này biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất của Y-sơ-ra-ên, còn con là tôi tớ của Ngài, và con đã dâng của lễ này cho Ngài! Xin hãy nghe con, lạy Chúa, xin hãy đáp lại con bằng lửa, để lòng những người này quay về với Ngài.

Và lửa từ Chúa đã rơi xuống từ trời[5174] và thiêu rụi tất cả những gì có thể cháy – cả củi, đá, tro, và thậm chí cả nước trong hào – lửa đã thiêu rụi tất cả. Khi chứng kiến điều này, toàn thể dân chúng đã sấp mặt xuống đất[5175] , kêu lên:

– Quả thật, Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời duy nhất, và không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ngài!

Ê-li nói với dân chúng:

– Hãy bắt giữ các tiên tri của Ba-anh lại, đừng để ai trong số họ trốn thoát.

Dân chúng tuân theo lệnh của ông, và Ê-li dẫn họ đến suối Ki-sôn, nơi nước chảy ra Biển Lớn[5176] . Tại đó, chính tay ông đã giết họ[5177] và ném xác chết vô đạo của họ xuống nước, để đất không bị ô uế bởi chúng và không khí không bị nhiễm mùi hôi thối từ chúng. Sau đó, Thánh Ê-li ra lệnh cho vua A-háp mau chóng ăn uống và cho ngựa kéo xe ngựa để lên đường, vì sắp có một cơn mưa lớn sẽ tưới ướt mọi thứ. Khi A-háp ngồi xuống ăn uống, Ê-li leo lên núi Ca-rêm. Ngài cúi mình xuống đất, đặt mặt giữa hai đầu gối và cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời xin ban mưa xuống đất. Ngay lập tức sau lời cầu nguyện của ngài, như thể một chiếc chìa khóa được mở ra, trời mở ra và một cơn mưa lớn trút xuống, làm ướt đẫm mọi người và tưới đẫm mảnh đất khát khao. Lúc bấy giờ, A-háp, nhận ra lỗi lầm của mình, trên đường về Sa-ma-ri đã khóc than vì những tội lỗi của mình. Còn Thánh Ê-li, thắt lưng bằng dây thắt lưng, đi bộ đi trước ông, vui mừng vì vinh quang của Đức Chúa Trời của mình.

Nữ hoàng gian ác, vợ của A-háp, là I-sa-bên, khi biết được tất cả những gì đã xảy ra, đã vô cùng tức giận với Ê-li vì đã tiêu diệt các tiên tri vô liêm sỉ của bà, và thề bằng các thần của mình, bà sai người truyền cho Ê-li biết rằng vào ngày mai, đúng giờ mà Ê-li đã giết các tiên tri của Ba-anh, bà sẽ giết ông. Thánh Ê-li đã sợ hãi trước cái

---

[5173] Người Do Thái có tập tục ngủ vào thời điểm nóng nhất trong ngày, từ 10 hoặc 11 giờ sáng đến 3 giờ chiều.

[5174] Việc lửa từ trời rơi xuống biểu thị rằng Đức Chúa Trời nhân từ chấp nhận của lễ dâng lên Ngài.

[5175] Người Do Thái khi cầu nguyện thường quỳ sấp mặt xuống đất. Bằng cách này, họ bày tỏ sự nhận thức về sự sa ngã của mình trước mặt Đức Chúa Trời và sự hèn mọn của mình trước sự vĩ đại của Ngài, cũng như sự ăn năn về những tội lỗi của mình.

[5176] Dòng suối Kisson chảy gần núi Karmel, ở phía bắc của ngọn núi này; nó đổ ra Biển Địa Trung Hải, vốn được gọi là "Biển Lớn".

[5177] Theo luật Môi-se, những kẻ thờ thần tượng công khai phải bị xử tử, đặc biệt là những kẻ lôi kéo người khác vào việc thờ thần tượng (Đệ Nhị Luật 13:1–18).

chết, vì ông là con người với mọi sự yếu đuối vốn có của loài người, như đã được nói về ông: "Ê-li là một con người giống như chúng ta" (Gia-cơ 5:17). Vì những lời đe dọa của I-sa-bên, ông đã chạy trốn đến Bê-e-se-ba[5178] , thuộc vương quốc Giu-đa, và đi vào sa mạc một mình. Sau khi đi qua sa mạc được một ngày, ông ngồi xuống dưới một bụi cây bách xù để nghỉ ngơi. Bị nỗi buồn dằn vặt, ông bắt đầu cầu xin Đức Chúa Trời cho mình được chết, nói rằng:

– Lạy Chúa! Đủ rồi, con đã sống trên đất này đến giờ này; xin hãy nhận linh hồn con đi; há con lại hơn các tổ phụ của con sao?!

Vị tiên tri nói như vậy không phải vì nỗi đau khổ do sự bắt bớ mà ngài phải chịu, nhưng với tư cách là người ghen tuông vì Chúa, không thể chịu đựng được sự ác độc của loài người, sự xúc phạm đối với Chúa và sự phỉ báng danh thánh của Chúa: đối với ngài, chết còn dễ hơn là phải nghe và nhìn thấy những kẻ vô luật pháp, khinh miệt và từ chối Đức Chúa Trời của họ. Với lời cầu nguyện ấy trên môi, Ê-li nằm xuống và chìm vào giấc ngủ dưới gốc cây. Bấy giờ, Thiên Thần của Chúa chạm vào ông và nói:

– Hãy thức dậy, ăn và uống đi.

Khi thức dậy, Ê-li thấy ở đầu giường mình có bánh mì nóng hổi và một bình nước; ông đứng dậy, ăn, uống nước rồi lại chìm vào giấc ngủ. Thiên sứ của Chúa lại chạm vào ông lần thứ hai và nói:

– Hãy đứng dậy, ăn và uống đi, vì ngươi còn phải đi một chặng đường dài.

Ê-li đứng dậy, lại ăn thêm, uống nước, và nhờ được tiếp thêm sức lực từ bữa ăn này, ông đã đi bốn mươi ngày và bốn mươi đêm đến núi Hô-ri-va của Đức Chúa Trời[5179] , nơi ông định cư trong một hang động. Tại đây, chính Đức Chúa Trời là Đấng đã hiện ra với ông trong làn gió nhẹ, thổi êm đềm trong không khí trong lành, đã trở thành người trò chuyện cùng ông. Khi Đức Chúa Trời đến gần ông, những dấu hiệu đáng sợ báo trước sự hiện ra của Ngài đã xuất hiện trước: đầu tiên là một cơn bão dữ dội, phá hủy các ngọn núi và đập vỡ các tảng đá, sau đó là ngọn lửa, nhưng Đức Chúa Trời không có trong ngọn lửa; sau ngọn lửa là làn gió nhẹ thổi qua; chính tại đó là Đức Chúa Trời[5180] . Khi Ê-li nghe thấy Chúa đi qua, ông che mặt bằng áo choàng và bước ra khỏi hang, đứng gần đó. Ông nghe thấy Chúa phán với ông:

– Ngươi đang làm gì ở đây, Ê-li?

Ê-li trả lời:

– Con đã ghen tuông vì Ngài, lạy Đức Giê-hô-va Toàn Năng, vì con cái Y-sơ-ra-ên đã bỏ giao ước của Ngài, phá hủy các bàn thờ của Ngài và giết các tiên tri của Ngài bằng gươm; chỉ còn lại một mình con, nhưng họ đang tìm kiếm linh hồn con để cướp lấy nó.

Chúa, an ủi Ê-li trong nỗi buồn của ông, đã mặc khải cho ông biết rằng không phải toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đều đã lìa bỏ Ngài, nhưng Ngài vẫn còn bảy nghìn tôi tớ bí mật của Ngài, những người chưa từng quỳ gối trước Ba-anh. Cùng lúc đó, Chúa đã báo cho Ê-li biết về sự diệt vong sắp xảy ra của A-háp, I-sa-bê-lơ và cả nhà họ, đồng thời truyền cho Ê-li chỉ định một người xứng đáng tên là Giê-hu làm vua vương quốc Y-sơ-ra-ên, người này sẽ tiêu diệt toàn bộ dòng dõi nhà A-háp, còn Ê-li-sê thì được xức dầu làm tiên tri[5181] . Vậy, sau khi an ủi tôi tớ của Ngài, Chúa đã rời khỏi người. Còn vị thánh nhân của Đức Chúa Trời, theo lệnh của Đức Chúa Trời, đã rời khỏi Hô-ri-va; trên đường đi, ông gặp Ê-li-sê, con trai của Sa-pha-tô, đang cày ruộng bằng mười hai đôi bò; sau khi phủ áo choàng của mình lên người Ê-li-sê, thánh Ê-li đã truyền đạt ý muốn của Đức Chúa Trời cho ông, phong ông làm tiên tri và ra lệnh cho ông đi theo mình. Ê-li-sê bèn thưa với Ê-li rằng:

– Xin ngài hãy cho phép con được về nhà một lát để từ biệt cha mẹ con, rồi con sẽ đi theo ngài.

Thánh Ê-li không cản trở điều đó. Ê-li-sê, khi về đến nhà, đã giết đôi bò mà chính mình dùng để cày ruộng, tổ chức tiệc chiêu đãi hàng xóm và họ hàng, rồi sau khi từ biệt cha mẹ, anh đi theo Ê-li và luôn luôn đi theo ngài, làm đầy tớ và môn đệ của ngài.

[5178] Thành phố Bersabê nằm ở phía nam xứ Giu-đê.

[5179] Núi Hô-ríp nằm ở phần tây nam của bán đảo Ả Rập, phía bắc Biển Đỏ, gần núi Si-nai, cách đó một chút về phía tây bắc.

[5180] Ê-li cho rằng tất cả những kẻ gian ác đều phải bị diệt vong. Nhưng Đức Chúa Trời không hiện ra với Ê-li trong cơn bão, cũng không trong trận động đất, hay trong ngọn lửa, mà hiện ra trong làn gió nhẹ, để cho thấy rằng Ngài, dù có thể hủy diệt những kẻ gian ác bằng những hiện tượng thiên nhiên đáng sợ, nhưng lại cho rằng tốt hơn là cai trị loài người bằng sự hiền lành và nhẫn nại.

[5181] Từ đó có thể thấy rằng, qua việc xức dầu phong vương cho các vua và các tiên tri, Thánh Thần được ban cho họ, Đấng nâng họ lên một cách siêu việt so với những người khác và biến họ thành những đại diện và công cụ của quyền năng Đức Chúa Trời trên loài người.

Vào thời điểm đó, vua A-háp, dưới ảnh hưởng của người vợ gian ác là I-ê-sa-bên, đã thêm vào những tội ác trước đây một tội ác mới như sau.

Một người Israel tên là Na-bu-phê có một vườn nho gần lãnh địa của vua A-háp ở Sa-ma-ri. A-háp đề nghị với Na-bu-phê:

– Hãy nhượng lại vườn nho của ngươi cho ta, để ta dùng làm vườn, vì nó nằm gần cung điện của ta. Ta sẽ cho ngươi một vườn khác, tốt hơn vườn này nhiều; còn nếu ngươi không thích, ta sẽ trả tiền cho ngươi để mua lại vườn nho của ngươi.

Navufei đáp lại:

– Xin Chúa giữ gìn tôi, để tôi không phải nhượng lại cho ngài gia tài của tổ tiên tôi[5182] .

A-háp trở về nhà với tâm trạng bối rối và bị xúc phạm bởi câu trả lời của Na-bu-phê, và vì bực bội nên không thể ăn được miếng bánh nào. Còn I-sa-bê, khi biết lý do khiến ông buồn bã, đã chế nhạo ông bằng cách nói:

– Phải chăng quyền lực của ngài, hỡi Vua Y-sơ-ra-ên, lại chỉ đến mức ngay cả đối với một người, ngài cũng không đủ sức để thể hiện ý chí của mình sao? Nhưng xin đừng buồn nữa, hãy ăn bánh và chờ thêm một chút: chính tôi sẽ trao vườn nho của Na-bu-phê vào tay ngài.

Nói xong, bà viết một sắc lệnh nhân danh nhà vua gửi cho các trưởng lão dân Y-sơ-ra-ên và đóng dấu ấn hoàng gia lên đó. Nội dung sắc lệnh đó là họ phải gán cho Na-vu-phê một tội danh giả tạo, rằng hắn đã phỉ báng Đức Chúa Trời và vua, rồi bằng cách đưa ra những nhân chứng giả, họ sẽ ném đá hắn cho đến chết ngoài thành. Và vụ giết người bất công đó đã diễn ra theo mệnh lệnh phi pháp. Sau khi Na-vu-phê, người vô tội, bị hành quyết, I-sa-bên nói với A-háp:

– Giờ thì ngài hãy thừa hưởng vườn nho mà không tốn một đồng nào, vì Na-vu-phê đã không còn trên đời nữa.

A-háp, khi nghe tin về vụ giết hại Na-vu-phê, đã buồn bã một chút, rồi đi đến vườn nho để chiếm hữu nó[5183] . Trên đường đi, theo lệnh của Đức Chúa Trời, vị tiên tri thánh Ê-li đã gặp ông và nói với ông:

– Vì ngươi đã bất công giết chết Navufei vô tội và chiếm đoạt vườn nho của ông ấy một cách phi pháp, nên Đức Chúa Trời phán: chính tại nơi mà lũ chó đã liếm máu Navufei, lũ chó cũng sẽ liếm máu ngươi; vợ ngươi là Jezebel cũng sẽ bị lũ chó ăn thịt, và cả nhà ngươi sẽ bị tiêu diệt.

A-háp, khi nghe những lời ấy, đã khóc lóc, cởi bỏ y phục vua, mặc áo vải thô và ăn chay[5184] . Và sự ăn năn dù nhỏ nhoi của A-háp trước mặt Chúa đã có sức mạnh đến nỗi việc thi hành hình phạt đã định cho cả gia đình ông được hoãn lại cho đến sau khi A-háp qua đời. Vì Đức Chúa Trời đã phán cùng tiên tri Ê-li của Ngài rằng:

– Vì A-háp đã khiêm nhường, nên Ta sẽ không giáng tai họa xuống gia đình ông ấy khi ông ấy còn sống, mà sẽ giáng xuống con trai ông ấy.

Sau đó, A-háp còn sống thêm ba năm nữa rồi bị giết trong trận chiến[5185] . Từ chiến trường, ông được đưa về Sa-ma-ri trên một cỗ xe ngựa, và máu của ông chảy ra từ cỗ xe ngựa đã bị chó liếm, đúng như lời tiên tri của Đức Chúa Trời đã báo trước. Tất cả những gì đã được tiên tri về I-za-bê-lơ và cả nhà A-háp cũng đã ứng nghiệm vào thời điểm thích hợp, sau khi thánh Ê-li được rước lên trời (2 Vua 9:1–37).

Sau khi A-háp qua đời, con trai ông là Ô-hô-xia lên ngôi thay thế; người này không chỉ kế thừa ngai vàng mà còn kế thừa sự gian ác của cha mình, vì nghe theo lời mẹ mình là I-sa-bên, người đã thờ phượng và dâng của lễ cho Ba-anh, khiến Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên rất phẫn nộ. Một lần nọ, do bất cẩn, A-hô-xia ngã từ cửa sổ nhà mình xuống và bị ốm rất nặng. Ông đã sai các sứ giả đến gặp thần giả Ba-anh, thực ra là con quỷ đang ngự trong tượng thần Ba-anh và đưa ra những câu trả lời sai lầm cho những ai cầu hỏi nó. Ông đã sai các sứ giả đến hỏi con quỷ đó về tình trạng sức khỏe của mình, liệu ông có khỏi bệnh hay không. Khi các sứ giả của A-hô-xia đang trên đường đến Ba-anh, theo lệnh của Đức Chúa Trời, tiên tri Ê-li đã xuất hiện trước mặt họ và nói:

[5182] Luật Môi-se cấm bán các tài sản thừa kế (Số 36:7).

[5183] Tài sản của những người bị xử tử vì tội chống lại vua sẽ thuộc về vua.

[5184] Người xưa để bày tỏ sự đau buồn, họ xé rách áo quần của mình, tức là xé rách phần trước ngực, rắc tro hoặc đất lên đầu, mặc áo vải thô, tức là loại áo làm từ vải nỉ cứng, hẹp, không tay, trông giống như một cái bao, họ nhịn ăn và không tắm rửa cơ thể. Họ không giặt giũ hay thay quần áo, tháo bỏ mọi đồ trang sức, thậm chí cả giày và dép (những miếng gỗ nhỏ được buộc vào đế bằng dây thắt), và đi chân trần, cắt ngắn tóc trên đầu và râu. Trong nỗi đau buồn sâu sắc, họ ngồi hoặc nằm xuống đất giữa bụi và tro, che cằm, tức là phần mặt dưới mũi, như một dấu hiệu cho thấy họ không muốn nói chuyện, và thậm chí che kín cả khuôn mặt và đầu.

[5185] Trong thời gian chiến tranh với vua Venadad của Syria.

– Chẳng lẽ không có Đức Chúa Trời ở Y-sơ-ra-ên sao, mà các ngươi lại đi hỏi Ba-anh? Hãy quay về và nói với vua đã sai các ngươi đi rằng: Đức Giê-hô-va phán như vầy: Ngươi sẽ không đứng dậy khỏi giường mà ngươi đang nằm, nhưng sẽ chết trên đó.

Khi trở về, các sứ giả đã truyền lại những lời này cho vị vua đang ốm. Vua hỏi họ:

– Người đã nói những lời ấy với các ngươi trông như thế nào?

Họ đáp:

– Người ấy toàn thân rậm rạp lông tóc và thắt lưng bằng một chiếc thắt lưng da.

Vua nói:

– Đó là Ê-li, người thành Tê-sê-vi.

Và ngài sai người chỉ huy năm mươi lính cao cấp nhất cùng với năm mươi người đi bắt Ê-li và dẫn về cho ngài. Họ đi và thấy Ê-li trên núi Ca-mi-lê, vì ông thường ở trên núi này. Thấy Ê-li đang ngồi trên đỉnh núi, người chỉ huy năm mươi lính nói với ông:

– Hỡi người của Đức Chúa Trời! Hãy xuống đây; vua ra lệnh cho ngươi đến gặp ngài.

Thánh Ê-li trả lời người chỉ huy năm mươi người rằng:

– Nếu tôi là người của Đức Chúa Trời, thì xin lửa từ trời rơi xuống thiêu đốt ngài và năm mươi người của ngài.

Và ngay lập tức, lửa từ trời rơi xuống và thiêu rụi họ. Vua sai một chỉ huy năm mươi người khác cùng số lượng người như vậy, nhưng điều tương tự cũng xảy ra với họ: lửa từ trời rơi xuống đã thiêu rụi cả họ nữa. Vua lại sai một viên chỉ huy năm mươi người thứ ba cùng với năm mươi người lính. Viên chỉ huy năm mươi người này, khi biết chuyện đã xảy ra với những người được sai đi trước đó, đã đến gặp thánh Ê-li với lòng kính sợ và khiêm nhường; ông quỳ gối trước mặt ngài và khẩn cầu, nói rằng:

– Hỡi người của Đức Chúa Trời! Này, tôi và những tôi tớ của ngài đi cùng tôi đang đứng trước mặt ngài; xin ngài thương xót chúng tôi: chúng tôi không tự ý đến đây, mà là được sai đến với ngài; xin đừng tiêu diệt chúng tôi bằng lửa, như ngài đã tiêu diệt những người được sai đi trước chúng tôi.

Và vị tiên tri đã tha thứ cho những người đến với lòng khiêm nhường; còn những người đến trước đó thì ngài không tha thứ, vì họ đến với sự kiêu ngạo và quyền lực, muốn bắt ngài làm tù binh và dẫn ngài đi trong sự nhục nhã. Chúa đã truyền cho thánh Ê-li đi cùng những người thứ ba này mà không sợ hãi, và nói với vua những điều mà trước đây ngài đã nói. Vì vậy, người của Đức Chúa Trời, sau khi xuống núi, đã đi cùng viên chỉ huy năm mươi người và những người của ông ta. Khi đến gặp vua, Ê-li nói với ông ta:

– Đức Chúa Trời phán như vầy: Vì ngươi đã sai người đi hỏi Ba-anh về mạng sống của ngươi, như thể trong Y-sơ-ra-ên không có Đức Chúa Trời nào mà ngươi có thể hỏi, nên vì điều đó, ngươi sẽ không thể đứng dậy khỏi giường mà ngươi đang nằm, nhưng ngươi sẽ chết.

Và A-hô-xia đã chết, theo lời Đức Chúa Trời phán qua miệng các tiên tri. Sau A-hô-xia, anh trai ông là Giô-ram lên ngôi, vì A-hô-xia không có con trai. Dòng dõi nhà A-ha-vơ chấm dứt tại Giô-ram, bị tiêu diệt bởi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vào thời thánh tiên tri Ê-li-sê, như đã được ghi chép trong tiểu sử của ngài.

Khi thời điểm mà Chúa đã định để rước Ê-li về với Ngài khi còn sống, trong thân xác, đã đến gần, Ê-li và Ê-li-sê đang trên đường từ thành Ga-la-ga đến thành Bê-tên. Biết trước nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời về việc mình sắp được rước lên trời, Ê-li muốn để Ê-li-sê lại ở Ga-la-ga, khiêm nhường giấu không cho ông biết về sự vinh hiển sắp đến mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho mình. Ông nói với Ê-li-sê: "Ngươi hãy ở lại đây, vì Chúa đã sai ta đến Bê-tên." Còn Ê-li-sê, vị thánh cũng biết trước điều sắp xảy ra nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời, đã đáp lại:

– Chúa hằng sống và linh hồn ngươi hằng sống, ta sẽ không bỏ ngươi đâu – và cả hai cùng đi đến Bê-tên. Các môn đệ của các tiên tri[5186] , đang sống tại Bê-tên, đã đến gặp Ê-li-sê riêng tư và nói với ông:

[5186] "Các con trai của các tiên tri" là cách người Israel gọi các môn đệ của các tiên tri. Họ tạo thành các trường học hoặc các hội nhóm – được giáo dục dưới sự hướng dẫn trực tiếp của các tiên tri. Các môn đệ của các tiên tri dành thời gian cho việc cầu nguyện, những cuộc trò chuyện xây dựng đức tin, những bài thánh ca và âm nhạc thánh thiện, và đôi khi họ được nâng lên đến mức nhận được sự soi dẫn thiêng liêng. "Làm tiên tri", theo Kinh Thánh, không phải lúc nào cũng có nghĩa là "tiên đoán tương lai" theo sự mặc khải của Đức Chúa Trời; nhưng từ này đôi khi có nghĩa là "dưới sự tác động của Thánh Linh, nói những lời được cảm hứng, giảng những bài giảng có tính răn dạy và được xức dầu, giải thích Lời Chúa (1 Cô-rinh-tô 14:3–6), sáng tác những lời cầu nguyện và thánh ca dâng lên Đức Chúa Trời, rồi đọc và hát chúng theo nhịp điệu âm nhạc". Tất cả những điều này chính là mục đích và nhiệm vụ của các trường tiên tri. Những trường như vậy có ở Rama, Bethel, Jericho, Gilgal và các nơi khác.

– Ngươi có biết rằng Đức Giê-hô-va sẽ cất chủ ngươi khỏi bên cạnh ngươi không?

Ê-li-sê đáp:

– Tôi cũng biết, nhưng các con hãy im lặng.

Sau đó, Ê-li nói với Ê-li-sê:

– Hãy ở lại đây, còn tôi thì Đức Giê-hô-va đã sai tôi đến Giê-ri-cô.

Ê-li-sê đáp lại:

– Chúa hằng sống và linh hồn ngươi hằng sống, ta sẽ không rời bỏ ngươi đâu, – và cả hai cùng đến Giê-ri-cô. Các môn đệ của các tiên tri đang ở Giê-ri-cô đến gần Ê-li-sê và nói với ông:

– Ngài có biết rằng hôm nay Đức Giê-hô-va sẽ cất người chủ của ngài khỏi đầu ngài không?

Ê-li-sê đáp:

– Ta đã biết rồi, các con hãy im lặng.

Thánh Ê-li lại nói với Ê-li-sê:

– Hãy ở lại đây, vì Chúa đã sai tôi đến sông Giô-đanh.

Eliseo đáp:

– Chúa hằng sống và linh hồn ngươi hằng sống, ta sẽ không rời xa ngươi đâu – rồi cả hai cùng đi. Theo sau họ, cách xa họ một quãng, có năm mươi người trong số các môn đệ của các tiên tri đi theo; khi hai vị tiên tri thánh đến sông Giô-đanh, Ê-li lấy áo choàng của mình, cuộn lại và vung xuống nước; nước tách ra hai bên, và cả hai đều đi qua sông Giô-đanh mà không ướt chân. Sau khi qua sông Giô-đanh, Ê-li nói với Ê-li-sê:

– Hãy xin ta làm điều gì cho ngươi, trước khi ta được cất lên khỏi ngươi.

Ê-li-sê đáp:

– Con xin cho tinh thần đang ở trong ngài được ở trong con gấp đôi so với ngài[5187] .

Ê-li nói:

– Ngươi đã quyết xin một điều khó khăn; nhưng, dù sao đi nữa, nếu ngươi thấy ta được cất đi khỏi ngươi, thì điều ngươi xin sẽ được; còn nếu ngươi không thấy, thì ngươi sẽ không nhận được.

Khi họ đang đi và nói chuyện như vậy, bỗng nhiên một cỗ xe ngựa và những con ngựa lửa xuất hiện[5188] và tách họ ra khỏi nhau, trong khi Ê-li được cất lên trời trong một cơn lốc. Còn Ê-li-sê thì nhìn theo và kêu lên:

– Thưa cha, thưa cha! Xe chiến và kỵ binh của Y-sơ-ra-ên! (Với những lời này, ông dường như muốn nói: Thưa cha, cha là toàn bộ sức mạnh của Y-sơ-ra-ên: bằng lời cầu nguyện và lòng nhiệt thành của cha, cha đã giúp đỡ vương quốc Y-sơ-ra-ên nhiều hơn rất nhiều so với sự giúp đỡ của vô số xe chiến và kỵ binh vũ trang.) Ê-li-sê không còn nhìn thấy Ê-li nữa[5189] . Lúc đó, ông nắm lấy áo xống của mình và trong nỗi đau buồn, ông xé rách chúng. Chẳng bao lâu sau, chiếc áo choàng của Ê-li, được ném xuống từ trên cao, rơi xuống dưới chân ông. Nhặt nó lên, Ê-li-sê dừng lại bên bờ sông Giô-đanh và, dùng nó để chia nước ra hai bên giống như Ê-li đã làm, ông băng qua sông mà không ướt chân và trở thành người kế thừa ân sủng đã hoạt động trong vị thầy của mình. Còn vị tiên tri thánh của Đức Chúa Trời là Ê-li, người đã được rước lên trời cùng với thân xác trên cỗ xe lửa, cho đến nay vẫn còn sống trong thân xác, được Đức Chúa Trời gìn giữ trong các nơi ở của thiên đàng. Ba vị Tông đồ thánh đã nhìn thấy ngài trong dịp Biến Hình của Chúa trên núi Phavar (Lc 9,30), và những người phàm trần bình thường sẽ lại được thấy ngài trước khi Chúa tái lâm xuống trần gian. Người đã thoát khỏi cái chết dưới lưỡi gươm của Giê-sa-bên, nhưng sau này sẽ chịu đau khổ dưới lưỡi gươm của Anti-Christ (Khải Huyền 11:3–12), và không chỉ với tư cách là một vị tiên tri, mà còn với tư cách là một vị tử đạo, Người sẽ được ban cho vinh quang và danh dự lớn lao hơn hiện nay trong hàng ngũ các thánh, từ Đấng ban thưởng công chính là Thiên Chúa, trong Ba Ngôi của Đấng Duy

---

[5187] Tiên tri Ê-li-sê nhận thấy rằng ngay cả tiên tri Ê-li, người sở hữu tinh thần đạo đức cao cả và ân tứ tiên tri, cũng không thể dẫn dắt những kẻ vô đạo cứng lòng trong dân Y-sơ-ra-ên trở về với Đức Chúa Trời chân thật; vì vậy, với lòng nhiệt thành vì vinh quang của Đức Chúa Trời và nhận thức được sự yếu đuối của mình, ông đã cầu xin được ban cho gấp đôi tinh thần tiên tri và quyền năng làm phép lạ mà Ê-li đã có.

[5188] Sức mạnh của Đức Chúa Trời, Đấng đã đưa Ê-li lên trời, đã hiện ra dưới hình dạng một cỗ xe lửa và những con ngựa lửa, nhằm làm chứng về tinh thần và lời nói đầy nhiệt huyết của Ê-li, để tôn vinh ông như một người nhiệt thành chiến thắng vì vinh quang của Đức Chúa Trời và là người bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên, đồng thời để cho thấy rằng ông đã được rước lên nơi cư ngụ của những linh hồn bừng cháy tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, như ngọn lửa rực rỡ.

[5189] Trong chương 21 của Sách Các Vua Hạ, nói về vua Giô-ram, người đã cai trị Giu-đa sau khi thánh Ê-li được rước lên trời, có ghi rằng "ông nhận được một lá thư từ tiên tri Ê-li", trong đó vị tiên tri đã vạch trần những tội ác của ông và tiên đoán cho ông một cái chết thảm khốc.

Nhất, Cha, Con và Thánh Thần, Đấng mà vinh quang và danh dự thuộc về Ngài bây giờ, hiện tại và mãi mãi. A-men[5190] .

Bài ca Troparion, giọng 4:

Thiên thần trong xác phàm, nền tảng của các tiên tri, tiền hô thứ hai cho sự giáng lâm của Đấng Kitô, Ê-li vinh quang, được sai xuống từ trên cao cho Ê-li-sê để xua đuổi bệnh tật và thanh tẩy những người bị hủi. Vì thế, Ngài cũng ban ơn chữa lành cho những ai tôn kính Ngài.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài là nhà tiên tri và người tiên kiến những việc lớn lao của Đức Chúa Trời chúng ta, Ê-li vĩ đại, người đã dùng lời tiên tri của mình để khiến những đám mây tuôn ra nước, xin cầu thay cho chúng con trước Đấng Yêu Thương Loài Người duy nhất.

Lễ kỷ niệm Thánh Cha Áp-ra-ham Chukhlomsky, vị làm phép lạ tại Galich

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 7

Vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta này, từ thuở thiếu thời đã bừng cháy tình yêu đối với Thiên Chúa, đã đến với Thánh Sergius, vị Thánh làm phép lạ vĩ đại, và nhận lễ cắt tóc tu sĩ từ ngài. Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, ngài đã được phong chức linh mục, sau đó ngài lại càng tận tâm hơn nữa trong việc thực hành các việc đạo đức của đời tu. Với lòng khiêm nhường vô cùng, ngài đã rời tu viện của Thánh Sergius và lui về những nơi hoang vắng ở vùng Galich[5191] , nơi ngài đã thành lập nhiều tu viện[5192] . Ngài đến một nơi gần ngọn núi và, trong khi rơi những giọt nước mắt dạt dào, ngài đắm mình trong lời cầu nguyện. Lúc đó, ngài nghe thấy một tiếng nói từ trên núi phán với ngài:

– Avrami! Hãy leo lên ngọn núi. Ở đây có bức tượng Mẹ Ta.

Vị thánh lên núi và thấy bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội cùng Hài Nhi Vĩnh Cửu, đang đứng trên một trong những cây mọc ở đó. Ông quỳ xuống, khóc lóc cầu nguyện và lại nghe thấy một giọng nói bảo ông:

– Hãy đứng dậy, Avraam!

Ông đứng dậy, và bức tượng tự nó, không cần ai đỡ, đã rơi xuống tay ông. Tại nơi này, ông trước tiên xây cho mình một căn phòng nhỏ và sống ẩn dật ở đây trong một thời gian dài; rồi nhiều năm sau, ông lập một tu viện tại nơi hoang vắng này, thu nhận nhiều đệ tử và với lòng nhiệt thành không ngừng, ông tu hành trong sự ăn chay và kiêng khem. Biết trước thời điểm mình sẽ về với Chúa, vị thánh đã triệu tập các tu sĩ trong tu viện của mình, ban cho họ những lời dạy dỗ có ích cho tâm hồn, rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, và vào ngày 20 tháng 7 năm 1375, ngài đã về với nơi ở vĩnh cửu[5193] . Vinh quang thuộc về Thiên Chúa của chúng ta, bây giờ, luôn luôn và mãi mãi.

[5190] Thông tin về cuộc đời của Thánh Tiên tri Ê-li được ghi chép trong 3 Vua 17:1–24, 18:1–46, 19:1–21, 21:1–29) và trong 4 Vua 1:1–18, 2:1–25, 3:1–27).

[5191] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến vùng lân cận các thành phố Galich và Chukhloma, nơi sinh sống của các bộ lạc Chud, thuộc tỉnh Kostroma ngày nay. Chính từ tên thành phố Chukhloma này mà Thánh Avraam đã được gọi là "Chukhloma".

[5192] Thánh Avraam đã thành lập các tu viện sau đây: Tu viện Uspenskaya gần Galich, bên bờ hồ Chukhlom hoặc hồ Chud; Tu viện Sa mạc Lớn của Avraam, cách Tu viện Uspenskaya 30 verst, bên bờ một hồ nhỏ; Tu viện Vochskaya bên bờ sông Vochi; và Tu viện Pokrovskaya, cách Tu viện Vochskaya 13 verst. Các tu viện này đã có ảnh hưởng vô cùng tích cực đến cư dân vùng lân cận, những người dù đã được rửa tội theo đạo Kitô nhưng lại ít am hiểu về những chân lý cơ bản của đức tin Kitô giáo; đồng thời, với những phong tục và tập quán vô cùng thô lỗ, họ vẫn duy trì rất nhiều mê tín cổ xưa của người Chud.

[5193] Thánh Avraam đã qua đời tại Tu viện Pokrovskaya do chính ngài thành lập. Xác thánh của ngài được an táng dưới sàn nhà thờ phụ, nơi được thánh hiến mang tên ngài.

Ngày 3 tháng 8

Ngày 21 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Onuphrius, vị tu sĩ im lặng của Pechersk, người đã tu hành vào thế kỷ XII.

Cuộc đời của Thánh Tiên tri Ê-xê-chi-ên

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 7

Thánh tiên tri Ê-xê-chi-ên xuất thân từ một thành phố Do Thái tên là Sa-ri-ra. Ngài là con trai của Vu-xi-a, thuộc chi phái Lê-vi, và là thầy tế lễ của Đức Chúa Trời Tối Cao. Trong thời kỳ lưu đày Jerusalem lần thứ hai, ngài đã bị Nebuchadnezzar[5194] bắt làm tù binh đưa đến Babylon[5195] cùng với Joakim, vua Do Thái, người được gọi là Jehoiachin II (2 Vua 24:1). Giê-ru-sa-lem đã ba lần bị vua Ba-by-lôn Nê-bu-cát-nê-xa chiếm đóng: lần đầu tiên vào thời vua Giô-a-kim của Giu-đa (người cũng được gọi là Ê-li-a-kim trong Kinh Thánh (4 Vua 23:34)), con trai của Giô-si-a, anh em của Giô-a-ha-xơ và Si-đê-ki-a, cha của Giê-hô-ni-a khác; ông là người đầu tiên bị Nebuchadnezzar bắt đi trong xiềng xích đến Babylon; cùng lúc đó, vị tiên tri thánh Đa-ni-ên cùng ba thiếu niên là A-na-ni-a, A-xa-ri-a và Mi-sa-i-l cũng bị bắt làm tù binh. Nhưng không lâu sau, Nebuchadnezzar đã thả Joakim trở lại để cai trị tại Giê-ru-sa-lem, đồng thời bắt ông làm chư hầu của mình. Sau khi trị vì tại Giê-ru-sa-lem ba năm dưới sự cai trị của Nê-bu-cát-nê-xa, Giô-a-kim, khi hết ba năm đó, đã ly khai khỏi ông ta, không muốn nộp cống nạp. Vì vậy, quân đội Ba-by-lôn lại tiến vào Giê-ru-sa-lem, thành thánh bị chiếm đóng, vua Giô-a-kim bị giết và bị vứt ngoài thành để cho chó ăn thịt, còn theo lệnh của Nê-bu-cát-nê-xa, con trai ông, cũng tên là Giô-a-kim, được lập làm vua thay thế; người ta còn gọi ông bằng tên cha mình là Giê-hô-ni-a, và biến ông thành Giê-hô-ni-a thứ hai, cũng là chư hầu của vua Ba-by-lôn, giống như cha ông trước đây. Nhưng vì vị Giê-hô-ni-a thứ hai này cũng làm điều ác trước mặt Đức Chúa Trời, nên theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, không lâu sau đó, Nê-bu-cát-nê-xa lại tiến quân đến Giê-ru-sa-lem và bắt Giê-hô-ni-a cùng cả gia đình ông làm tù binh, dẫn đi rất nhiều người quý tộc, những người dũng cảm, tất cả những ai có khả năng cầm vũ khí, các nghệ nhân thuộc nhiều lĩnh vực, đồng thời thu giữ các đồ thờ bằng vàng: đó là cuộc lưu đày thứ hai của Giê-ru-sa-lem. Trong cuộc lưu đày này, những người bị bắt bao gồm: vị tiên tri thánh Ê-xê-chi-ên, Mác-đô-cai và Giô-sê-đéc, cha của Giê-su, người sau này cùng với Xô-rô-ba-bên đã tái thiết Đền Thờ Giê-ru-sa-lem vốn đã bị tàn phá. Lần tàn phá và hủy diệt thứ ba, cũng là lần cuối cùng, của Giê-ru-sa-lem dưới tay Nê-bu-cát-nê-xa diễn ra vào thời vua Si-đê-ki-a[5196] , người mà Nê-bu-cát-nê-xa đã lập làm vua thay cho Giê-hô-ni-a, đồng thời bắt ông phải nộp cống nạp. Nhưng khi Sedekiah cũng lật đổ ách thống trị của Nebuchadnezzar, thì chính Nebuchadnezzar, sau khi dẫn toàn bộ quân đội Chaldean đến, đã tàn phá Jerusalem một cách triệt để, tiêu diệt thành phố bằng lửa và gươm, đồng thời bắt những người còn sống sót làm tù binh. Kể từ đó, cả vương quốc Giu-đa lẫn toàn bộ vương quốc Y-sơ-ra-ên đều không còn tồn tại nữa. Sự tàn phá Giê-ru-sa-lem lần thứ ba này do Nê-bu-cát-nê-xa thực hiện đã được mô tả chi tiết trong cuốn tiểu sử của thánh tiên tri Giê-rê-mi.

Khi đang bị lưu đày tại Ba-by-lôn, vị tư tế của Đức Chúa Trời là Ê-xê-chi-ên sống gần một con sông tên là Hô-var; và vào năm thứ ba mươi của cuộc đời ông, vào năm thứ năm kể từ khi Giê-hô-ni-a bị bắt làm tù binh, vào tháng thứ tư[5197] , vào ngày thứ năm của tháng đó, ông đã thấy một khải tượng kỳ diệu: ông thấy các tầng trời mở ra;

[5194] Nabuchadnezzar – tên của một số vị vua Babylon. Trong trường hợp này, tất nhiên là Nebuchadnezzar II, con trai của Nabopolassar – vị chinh phục vĩ đại của phương Đông, người đã chinh phục Syria, Ba Tư và Ai Cập, đồng thời bắt dân Do Thái làm tù binh; ông trị vì từ năm 605 đến năm 562 trước Công nguyên.

[5195] Babilon – thủ đô của xứ Haldea – là một trong những thành phố cổ xưa và giàu có nhất thế giới; được xây dựng bởi Nimrod, con trai của Hush hoặc Kush, hậu duệ của Ham. Nằm hai bên bờ sông Euphrates, Babilon có hình dạng giống như một hình tứ giác, được xây dựng trên một đồng bằng rộng lớn. Chu vi thành phố là 400 verst; tường thành dày 30 arshin, đến nỗi 6 cỗ xe ngựa có thể chạy song song trên bề mặt của chúng. Trên tường thành sừng sững 250 ngọn tháp, với hàng trăm cổng được đúc bằng đồng. Giữa thành phố, bắc qua con sông, là một cây cầu khổng lồ; phía đông của cây cầu này là cung điện hoàng gia và đền thờ thần Bê-la theo tín ngưỡng ngoại giáo. Sau đó, Babylon bị các vị vua Ba Tư là Cyrus, Darius, Xerxes và Alexander Đại đế chinh phục và bị tàn phá hoàn toàn.

[5196] Sê-đê-ki-a trị vì từ năm 599 đến năm 588 trước Công nguyên.

từ phương Bắc thổi một cơn gió mạnh và từ đó trôi đến một đám mây to lớn và rực rỡ; giữa đám mây ấy có ngọn lửa di chuyển, còn xung quanh là ánh sáng chói lọi; từ đám mây ấy hiện ra hình dạng của bốn loài thú, trông giống như đồng tinh khiết được nung đỏ trong lửa. Mỗi sinh vật có bốn khuôn mặt: khuôn mặt người, sư tử, bò đực và đại bàng. Ngoài ra, chúng còn có bốn cánh, và dưới cánh là đôi tay người; hai cánh được dang rộng để bay, hai cánh còn lại dùng để che thân thể; lửa cuộn trào giữa các sinh vật, và tia chớp phát ra từ ngọn lửa. Cũng có thể thấy bốn bánh xe lớn, mỗi con thú có một bánh; những bánh xe này trông giống như đá farsis màu xanh lam như biển, với ánh vàng lấp lánh do tia nắng mặt trời phản chiếu. Trong những bánh xe này còn có thể thấy những bánh xe khác như thể nằm bên trong; tất cả những bánh xe này, như thể có linh hồn, chứa đựng sức sống và đầy ắp những con mắt từ mọi phía, còn bốn con thú dường như được cột vào những bánh xe này, giống như trên một cỗ xe ngựa; và khi các con thú di chuyển, những bánh xe cũng di chuyển cùng chúng; còn khi các con thú đứng yên, những bánh xe cũng đứng yên. Trong lúc di chuyển, từ đôi cánh của chúng phát ra tiếng ồn ào và âm thanh, như tiếng nước chảy ào ạt, như tiếng ồn ào của một trại quân đông đúc. Khi chúng đứng yên, đôi cánh của chúng cũng im lặng. Chúng đứng yên và im lặng như vậy, khi tiếng nói của Đức Chúa Trời vang lên từ trên cao. Vì trên bốn con thú và các bánh xe ấy, người ta thấy một vòm trời giống như pha lê, và trên vòm trời ấy có một ngai vàng, dường như làm bằng ngọc bích; trên ngai vàng ấy là hình ảnh rực rỡ của một con người, và xung quanh Người là ánh sáng rực rỡ giống như cầu vồng, tỏa sáng giữa những đám mây vào một ngày mưa.

Đó là khải tượng về vinh quang của Chúa mà vị tiên tri thánh Ê-xê-chi-ên đã được chiêm ngưỡng. Theo lời giải thích của các bậc hiền triết và những người được Thánh Thần soi dẫn, hình ảnh con người rực rỡ trên ngai vàng giống như ngọc bích đã tiên báo sự nhập thể của Con Thiên Chúa trong lòng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Đấng là ngai vàng sống động cho Thiên Chúa đã nhập thể từ Ngài và được tiên báo qua ngai vàng giống như ngọc bích này; bởi vì viên ngọc quý sapphire, với màu sáng giống như bầu trời và chứa đựng trong mình, giống như bầu trời, những vì sao và những hạt vàng lấp lánh, là hình ảnh của Đức Trinh Nữ Maria Thánh Khiết, trong Người, cũng như trong bản tính thiên đàng, không có một khuyết điểm nào; dạ con của Mẹ đã trở nên rộng lớn hơn cả bầu trời, chứa đựng Đấng Vô Hạn, và Mẹ, như những vì sao, được trang hoàng bằng vô số ân sủng của Thiên Chúa; bốn loài thú với bốn khuôn mặt tượng trưng cho bốn Thánh Tông Đồ, mỗi vị trong số họ, khi mô tả cuộc đời của Chúa Kitô giữa loài người trên đất, đã miêu tả nhân tính của Ngài, được thể hiện qua khuôn mặt con người trên những loài thú này; Thần tính của Chúa Kitô được thể hiện qua khuôn mặt con sư tử; sự đau khổ của Chúa Kitô được biểu thị qua khuôn mặt con bò; sự phục sinh và thăng thiên của Chúa Kitô được miêu tả qua khuôn mặt con đại bàng[5198] . Bốn bánh xe với vô số con mắt, trong đó có thể nhìn thấy những bánh xe khác, là hình ảnh của bốn phần của vũ trụ, bao hàm các dân tộc khác nhau; khi thâm nhập vào đó, lời rao giảng của các Tông đồ đã mở ra đôi mắt thiêng liêng cho nhiều dân tộc để nhận biết và chiêm ngưỡng Thiên Chúa; còn ngọn lửa di chuyển giữa sự mặc khải được nhìn thấy, cùng với ánh sáng rực rỡ bao quanh nó, đã thể hiện sự vĩ đại của vinh quang không thể tiếp cận của Thiên Chúa. Cũng vậy, những mầu nhiệm thiêng liêng khác đã được biểu tượng hóa trong khải tượng kỳ diệu và đáng sợ ấy; khi chiêm ngưỡng khải tượng đó, Thánh Ê-xê-ki-ên vì kinh hoàng đã quỳ sấp xuống đất và nghe từ trên cao, từ Đấng Ngự trên ngai trong hình dạng con người, có tiếng nói phán với ngài:

– Hỡi Con Người, hãy đứng dậy, Ta sẽ nói chuyện với ngươi.

Và một sức mạnh vô hình nào đó đã nhập vào ngài, nâng ngài lên khỏi mặt đất và giúp ngài đứng vững.

Khi vị tiên tri run rẩy đứng trước vinh quang của Chúa đã hiện ra với ngài, Chúa phán cùng ngài:

– Hỡi Con Người! Ta sẽ sai ngươi đến với nhà Y-sơ-ra-ên, đến với những người làm Ta buồn phiền, những kẻ đã xúc phạm Ta; họ và tổ tiên họ đã từ chối Ta cho đến tận ngày nay; đó là những người có tâm hồn chai sạn và lòng dạ tàn nhẫn: Ta sẽ sai con đến với họ, và con hãy truyền đạt lời Ta cho họ; đừng sợ mặt họ, dù họ có nổi giận và vây quanh con như những con bọ cạp (Ê-xê-chi-ên 2:3–4).

Khi Đức Giê-hô-va phán những lời ấy, Ê-xê-chi-ên thấy một bàn tay giơ ra về phía mình, trong tay cầm một cuộn sách; bàn tay ấy mở cuộn sách ra trước mặt ông, và trên đó có ghi cả bên trong lẫn bên ngoài: "Tiếng khóc, tiếng rên rỉ và nỗi đau buồn".

Và Đức Chúa Trời phán cùng ông rằng:

[5197] Tức là vào tháng 6, tính từ tháng 3.

[5198] Theo đó, trong hội họa, các thánh Tông đồ được miêu tả một cách tượng trưng: Matthêu dưới hình dạng con người, Marc dưới hình dạng con sư tử, Luca dưới hình dạng con bò tót và Gioan dưới hình dạng con đại bàng.

– Hỡi con người! Hãy ăn cuộn sách này và đi nói với con cái Y-sơ-ra-ên những điều Ta truyền cho ngươi (Ê-xê-chi-ên 3:1).

Ê-xê-ki-ên mở miệng ra, nuốt cuộn sách ấy, và nó ngọt ngào như mật ong trong miệng ông. Kể từ lúc đó, Ê-xê-ki-ên được tràn đầy Thánh Linh và ân sủng tiên tri, và mọi điều Đức Chúa Trời phán với ông sau này, ông đều tiếp nhận vào lòng mình. Khi khải tượng kỳ diệu ấy dần biến mất khỏi tầm mắt ông, ông nghe thấy một tiếng nói, như tiếng của một đám đông đông đảo, phán rằng:

– Chúc tụng vinh quang của Đức Giê-hô-va từ nơi Ngài ngự!

Cùng lúc đó, tiếng ồn ào của đôi cánh các loài thú bay lượn và tiếng bánh xe chuyển động giống như tiếng ồn ào của một trận động đất lớn. Thế là cỗ xe vinh quang đáng sợ của Đức Chúa Trời đã bay lên khỏi tầm mắt ông, và khải tượng kết thúc. Sau khải tượng này, nhà tiên tri đã im lặng suốt bảy ngày, suy ngẫm về những gì mình đã thấy và nghe. Và một lần nữa, Lời của Đức Chúa Trời phán cùng ông rằng:

– Hỡi Con Người! Ta đã lập ngươi làm người canh gác cho nhà Y-sơ-ra-ên; ngươi phải lắng nghe lời từ miệng Ta và phải khuyên răn họ nhân danh Ta. Khi Ta phán với kẻ phạm tội rằng: 'Ngươi sẽ chết!', mà nếu ngươi không khuyên răn hắn và không nói để ngăn cản kẻ phạm tội khỏi con đường phạm tội của hắn, hầu cho hắn được sống, thì kẻ phạm tội ấy sẽ chết trong tội lỗi của mình, và Ta sẽ đòi lại máu của hắn từ tay ngươi. Nhưng nếu ngươi đã khuyên răn kẻ phạm tội, mà hắn không từ bỏ tội lỗi và con đường gian ác của mình, thì hắn sẽ chết trong tội lỗi của mình, còn ngươi thì đã cứu được linh hồn mình.

Sau đó, khi được Thánh Linh dẫn ra đồng trống, Ê-xê-chi-ên lại thấy vinh quang của Đức Giê-hô-va, như trước kia, và được lệnh phải tự giam mình trong nhà và giữ im lặng cho đến khi Đức Giê-hô-va truyền cho ngài mở miệng để nói và rao giảng lời Đức Chúa Trời. Trong thời gian im lặng ấy, ông được mặc khải về cuộc vây hãm và sự tàn phá cuối cùng của Giê-ru-sa-lem bởi người Ca-đê, cùng sự diệt vong của dân tộc, sẽ xảy ra vài năm sau đó; điều này nhằm mục đích không chỉ để ông loan báo điều đó cho dân chúng bằng lời nói, mà còn thể hiện qua hành động: Đức Chúa Trời đã truyền cho ông cạo đầu và râu, rồi chia tóc thành ba phần bằng cách cân đo; một phần – đốt bằng lửa trước mặt những người cùng bị bắt làm tù binh với ông, một phần tóc khác chém bằng gươm, còn phần thứ ba – thổi bay theo gió, nhằm chỉ ra (bằng hành động này) rằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, với ý định trừng phạt dân Y-sơ-ra-ên tại Giê-ru-sa-lem và khắp Pa-lét-tin – những người không muốn ăn năn chân thành và không từ bỏ những điều gớm ghiếc của việc thờ lạy thần tượng – đã chia họ thành ba phần bằng sự phán xét công bình của Ngài, để mỗi phần phải chịu hình phạt của mình: như vậy, một phần dân chúng sẽ chết vì đói và dịch hạch trong thời gian thành Giê-ru-sa-lem bị vây hãm, một phần khác sẽ ngã xuống dưới lưỡi gươm của người Ca-đê, còn phần thứ ba sẽ bị phân tán khắp thế gian. Tất cả những điều này sau đó đã trở thành sự thật, bởi vì dân Do Thái đã làm Đức Chúa Trời phẫn nộ sâu sắc – bởi lẽ, mặc dù vào thời đó người Do Thái vẫn thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời, Đấng đã dẫn dắt tổ tiên họ ra khỏi Ai Cập bằng cánh tay mạnh mẽ và bắp tay uy quyền, nhưng từ thời vua Sa-lô-môn, họ đã quen cúi lạy các thần tượng, họ vẫn không từ bỏ chúng, bị mê hoặc bởi những lễ hội ghê tởm trước mặt Đức Chúa Trời, trong những dịp đó không ai cấm cản họ tổ chức những bữa tiệc đồi bại và thực hiện những hành vi đáng hổ thẹn và vô luật pháp, bởi chính các vua, các hoàng tử, các quan tòa và các trưởng lão cũng là những kẻ khởi xướng sự bất kính này. Vì vậy, người Do Thái vừa thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời, vừa bám víu vào sự gian ác của việc thờ thần tượng, và đặt các thần tượng trong đền thờ của Đức Chúa Trời; và tại nơi trước đây từng dâng của lễ cho chính Đức Chúa Trời Tối Cao Duy Nhất, sau đó cũng đồng thời diễn ra những lễ tế ô uế dâng cho ma quỷ, điều này khiến Chúa rất bất mãn, vì nó khiến dân tộc này giống như một người phụ nữ ngoại tình, không giữ lòng chung thủy với chồng thật sự của mình, mà còn ngoại tình với những người khác. Chính vì thế mà trong Phúc Âm, Chúa đã nói về dân tộc này: *"dòng dõi gian ác và* ngoại tình*"* (Mt 12:39); và trước đó, trong lời tiên tri của Giê-rê-mi (Gr 3:1), Đức Chúa Trời đã ví dòng dõi này như người vợ ngoại tình và trong một thời gian dài, qua các thánh tiên tri, Ngài đã khuyên răn họ ăn năn. Nhưng khi họ không ăn năn, Ngài đã phó họ vào tay người Chaldeans để bị hủy diệt hoàn toàn và để đất nước họ hoang tàn trong bảy mươi năm. Tuy nhiên, mặc dù sau bảy mươi năm, Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ đã được Xô-rô-ba-bên tái thiết, nhưng chúng không còn vẻ đẹp, sự giàu có và vinh quang như xưa; và mặc dù người Do Thái được giải phóng khỏi cảnh lưu đày ở Ba-by-lôn và trở về định cư trên đất của mình, nhưng họ không còn được cai trị bởi các vua của chính mình nữa, mà phải sống dưới ách nô lệ nặng nề của người ngoại bang, phục vụ các vua nước ngoài: trước tiên là vua Ba-by-lôn, sau đó là vua Ai Cập, rồi đến vua La Mã, và cuối cùng họ đã bị diệt vong hoàn toàn dưới tay những kẻ đó. Chính Chúa đã tiên tri về sự hủy diệt cuối cùng của Giê-ru-sa-lem này, khi phán: *"Sẽ không còn hòn đá nào chồng lên hòn đá nào ở đây; mọi thứ sẽ*

bị phá hủy" (Mt 24:2). Còn về sự tàn phá trước đó do người Ca-đê gây ra, thánh tiên tri Ê-xê-chi-ên (cùng với các thánh tiên tri khác) đã báo trước.

Vào thời thánh tiên tri Ê-xê-chi-ên, khi ngài đang bị lưu đày tại Ba-by-lôn, trên đất Ca-đê, thì thánh Giê-rê-mi-a đang sống tại Giê-ru-sa-lem. Mặc dù hai vị tiên tri này cách xa nhau về khoảng cách địa lý, nhưng họ vẫn đồng lòng tiên tri về sự hoang tàn của Giê-ru-sa-lem và nhiều điều khác được tiết lộ trong các sách của họ: vì Thánh Thần của Đức Chúa Trời đang hoạt động trong cả hai vị tiên tri; và những lời tiên tri của Giê-rê-mi đã được một số người Giê-ru-sa-lem gửi đến Ba-by-lôn cho các anh em bị lưu đày, còn từ Ba-by-lôn, những lời của Ê-xê-chi-ên được gửi về Giê-ru-sa-lem; và Ê-xê-chi-ên đã làm chứng tại Ba-by-lôn trước dân mình rằng lời tiên tri của Giê-rê-mi là chân thật, còn tại Giê-ru-sa-lem, Giê-rê-mi đã làm chứng về sự thật trong lời tiên tri của Ê-xê-chi-ên, nhưng cả hai đều không được những người Do Thái sa đọa và thiếu đức tin tin tưởng; những người này, bị mê hoặc bởi sự thờ thần tượng, đã hoàn toàn tin tưởng vào các tiên tri giả, còn những vị tiên tri thánh thiện, những người thực sự tiên tri nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Trời, thì họ lại coi là dối trá. Vì thế, Giê-rê-mi-a bị dân Giê-ru-sa-lem truy đuổi, còn Ê-xê-chi-ên thì bị những người đang bị lưu đày tại Ba-by-lôn giam cầm trong xiềng xích đau đớn, đúng như Chúa đã báo trước cho ông, rằng: *"Này, họ sẽ đặt xiềng xích lên ngươi và trói ngươi lại bằng chúng"* (Ê-xê-chi-ên 3:25). Thánh Ê-xê-chi-ên có tầm nhìn xa trông rộng đến nỗi ngài thấy những điều xảy ra ở nơi xa xôi như thể chúng đang diễn ra ngay trước mắt ngài: khi ở Ba-by-lôn, ngài thấy những gì đang xảy ra tại Giê-ru-sa-lem (Ê-xê-chi-ên 8:11, 16), và ngài đã nói về điều đó với dân chúng đang cùng ngài bị lưu đày. Một lần, ngài được một Thiên thần đưa từ Ba-by-lôn về Giê-ru-sa-lem và được đặt trong Đền thờ Sa-lô-môn – tại đó, ngài thấy các thần tượng đứng bên ngoài và bên trong, như những điều gớm ghiếc gây hoang tàn tại nơi thánh, cùng những nghi lễ thờ phượng ô uế được cử hành để tôn vinh chúng: ông thấy các trưởng lão Y-sơ-ra-ên dâng hương trước các tượng thần, thấy các thầy tế lễ quay mặt khỏi ngai của Đức Chúa Trời và thờ lạy mặt trời, còn các phụ nữ thì ngồi khóc than cho Phamuz, tức là Adonis do người Hy Lạp bịa đặt ra[5199] , kẻ đã ngoại tình với nữ thần Vệ Nữ dâm đãng[5200] , bị một con lợn rừng hoang dã giết chết, nhưng lại được những kẻ ngoại đạo tôn vinh như một vị thần, và được những người Do Thái sa đọa chấp nhận như một vị thần. Ông cũng nhìn thấy vinh quang của Đức Chúa Trời, giống như điều ông đã từng thấy trước đây trên sông Hovare: vinh quang ấy, trong cơn thịnh nộ, đang chuẩn bị rời khỏi đền thờ, để lại nơi đó trống rỗng. Và ông nghe thấy Chúa phán với ông:

– Hỡi Con Người! Chẳng phải sự gian ác mà ngươi thấy những người này đang gây ra đã quá lớn rồi sao? Họ đã làm đầy đất bằng sự gian ác và khiến Ta phẫn nộ tột độ (như thể họ đã thông đồng với nhau để chọc giận và làm Ta bực bội); vì thế, Ta sẽ báo thù họ trong cơn thịnh nộ của Ta, mắt Ta sẽ không thương xót họ và không tha thứ cho họ, và dù họ có kêu cầu vào tai Ta bằng giọng nói vang dội, Ta cũng sẽ không nghe thấy họ.

Sau đó, lại vang lên tiếng nói của Đức Chúa Trời còn mạnh mẽ hơn nữa, kêu lên một cách uy nghiêm và đáng sợ, và phán với nhà tiên tri như sau:

– Sự trừng phạt và sự diệt vong đã đến gần thành phố này, và hãy để mỗi người cầm sẵn vũ khí hủy diệt trong tay mình.

Khi Đức Chúa Trời phán điều đó, sáu người đàn ông vũ trang đáng sợ, với gươm trần, bước ra; giữa họ có một người mặc áo lễ trắng, mang theo lọ mực và cây gậy của người chép sử, và Đức Chúa Trời phán với người ấy:

– Hãy đi qua giữa thành Giê-ru-sa-lem và đánh dấu trên trán những tôi tớ của Ta, những người đang đau buồn trong lòng, thở dài và khóc than vì những điều gian ác đang xảy ra trong thành này: Ta sẽ cứu những người được Ta chọn này khỏi sự trừng phạt.

Và người đàn ông có vẻ ngoài trang nghiêm trong bộ lễ phục đó đã đi khắp thành phố và đánh dấu trên trán những người đã trung thành phụng sự Đức Chúa Trời chân thật. Dấu hiệu đó là một chữ cái Hy Lạp gọi là Tau, trông giống như một cây thánh giá chính trực, tương tự như cách viết chữ T viết hoa trong bảng chữ cái của chúng ta. Trong khi người đàn ông mặc áo lễ trang nghiêm ấy đi khắp thành phố và đánh dấu những tôi tớ của Đức Chúa Trời, thì ngay sau lưng ông là sáu người đàn ông đáng sợ, tượng trưng cho sáu tướng quân của quân đội Chaldean, những người sẽ đến cùng với Nebuchadnezzar để tàn phá Jerusalem; Chúa, trong cơn thịnh nộ, đã phán với sáu người đàn ông này:

[5199] Adonis được người Hy Lạp cổ đại coi là vị thần của mùa màng và thiên nhiên nói chung.

[5200] Venus – nữ thần của tình yêu và sắc đẹp.

– Hãy đi, hãy tàn sát, đừng nương tay, đừng thương xót, dù là người già, thanh niên, phụ nữ, thiếu nữ hay trẻ sơ sinh, nhưng hãy giết hết tất cả cho đến chết, bắt đầu từ các linh mục được thánh hiến và các trưởng lão; còn ai mang dấu hiệu của Ta, thì đừng động đến họ.

Và vị tiên tri thánh đã thấy trong khải tượng ấy rằng mọi tầng lớp và lứa tuổi của dân thành Giê-ru-sa-lem, cả nam lẫn nữ, đều bị tàn sát, như sau này thực sự đã xảy ra. Vị tiên tri liền sấp mặt xuống trước mặt Chúa, kêu lên:

– Khốn thay, khốn thay! Lòng con thật nặng nề, lạy Adonai, Chúa của con, vì Ngài đang tiêu diệt những người còn sót lại của Y-sơ-ra-ên, đổ cơn thịnh nộ của Ngài xuống Giê-ru-sa-lem!

Sau đó, ông lại thấy người đàn ông có vẻ ngoài trang nghiêm trong bộ áo lễ, người này quay lại với Đức Giê-hô-va và nói:

– Con đã làm theo như Ngài đã truyền cho con, lạy Chúa.

Và một lần nữa, Đức Chúa Trời ra lệnh cho ông lấy những nắm than hồng đang cháy giữa các bánh xe của các thiên thần Cherubim, rải chúng khắp Giê-ru-sa-lem như một dấu hiệu cho thấy thành phố này sẽ bị người Canh-đê tiêu diệt không chỉ bằng gươm mà còn bằng lửa. Sau khi được đưa lên trời và thấy những hình ảnh đó, vị tiên tri lại trở về nơi ở của mình tại xứ Chaldea, và những điều ông đã thấy chẳng bao lâu sau đã trở thành sự thật.

Thánh Ê-xê-chi-ên cũng đã tiên tri về các dân ngoại láng giềng, những kẻ đã chế nhạo Giê-ru-sa-lem đang bị Đức Chúa Trời trừng phạt, về dân Am-môn, dân Mô-áp, dân Ê-đôm, người Philistine, về Idumea, Tyre và Ai Cập, báo trước cho họ cùng một hình phạt của Đức Chúa Trời, vốn sẽ giáng xuống họ qua tay người Chaldee vì họ đã vui mừng trước sự tàn phá và hoang tàn của Giê-ru-sa-lem. Sau khi tất cả những điều này đã ứng nghiệm, ông tiếp tục tiên tri về việc cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đối với dân Do Thái chấm dứt, về việc họ trở về từ Ba-by-lôn về quê hương mình, và về việc tái thiết và phục hưng thành phố cùng đền thờ; vì ông đã được tay Chúa đưa về đất Giu-đa lần thứ hai (Ê-xê-chi-ên 40:5) sau khi Giê-ru-sa-lem đã bị tàn phá và hoang tàn, và trong lúc nhận được sự mặc khải tại đó, ông đã thấy rằng nơi mà Giê-ru-sa-lem từng tọa lạc đang được đo đạc theo lệnh của Đức Chúa Trời, thành phố và đền thờ của Chúa được xây dựng, và vinh quang của Chúa tràn ngập đền thờ của Ngài, như đã được ghi chép chi tiết trong sách tiên tri của ông.

Toàn bộ khải tượng này là hình ảnh tiên tri huyền bí về sự giải thoát của chúng ta khỏi công việc của kẻ thù và việc thiết lập Hội Thánh của Đấng Christ: điều đó phải được thực hiện qua sự hiện thân trong xác thịt của Đức Chúa Trời, Đấng được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Đấng mà vị tiên tri này đã gọi là "cánh cửa bị đóng kín" và không ai có thể đi qua, ngoại trừ chính Đức Chúa Trời (Ê-xê-chi-ên 44:2). Ngài cũng đã được Thiên Chúa ban cho sự mặc khải về sự sống lại của những người chết (Ê-xê-chi-ên 37:1). Ông thấy như thể mình được bàn tay Đức Chúa Trời nâng lên và đặt giữa một cánh đồng đầy những bộ xương người khô héo; và theo lời Đức Chúa Trời, tất cả đều được mặc lấy xác thịt; khi Thần Khí ngự vào, họ sống lại và đứng dậy trên đôi chân mình, và số lượng họ vô cùng đông đảo. Đức Chúa Trời phán:

– Ta sẽ mở các quan tài của các ngươi và đưa các ngươi ra khỏi các quan tài đó.

Ngoài ra, về nhiều mầu nhiệm khác của Đức Chúa Trời, vốn phải được ứng nghiệm một cách rõ ràng trong những ngày sau cùng, các sự mặc khải đã được ban cho vị tiên tri của Đức Chúa Trời; ông đã báo trước tất cả những điều đó và ghi chép lại trong sách của mình: ai muốn, hãy đọc ở đó. Còn chúng ta, để tóm tắt câu chuyện, sẽ chỉ đề cập, dựa trên lời chứng của những người kể chuyện đáng tin cậy về ông, rằng ông cũng là một vị làm phép lạ vĩ đại; giống như Mô-sê, ông đã chia đôi dòng nước. Cụ thể là, một lần nọ, khi một đám đông người Do Thái tụ tập quanh ông bên bờ sông Hô-va-rê, thì bọn Ca-đê đã tấn công họ một cách cướp bóc; nhưng nhờ lời cầu nguyện của ngài, dòng nước sông đã tách ra và mở ra một con đường khô ráo cho những người đang bị truy đuổi, để họ có thể chạy sang bờ bên kia. Dân Do Thái đã đi qua trên đất khô, còn những người Chaldeans, những kẻ dám đi theo họ bằng con đường đó, đã bị nước nhấn chìm và chết chìm. Khi làm quan xét tại Babylon cho các chi phái Dan và Gad, thấy họ không tôn kính Chúa và bức hại những người tuân giữ luật pháp của Chúa, ông đã sai rắn và các loài bò sát đến các làng mạc của họ, chúng đã ăn thịt trẻ sơ sinh và gia súc của họ. Sau đó, vì thương xót họ, ông đã xua đuổi những con rắn và loài bò sát đó khỏi họ bằng lời cầu nguyện. Trong thời kỳ đói kém, nhờ những lời cầu nguyện của mình dâng lên Đức Chúa Trời, ngài đã làm cho lương thực dồi dào cho dân chúng và cứu sống những người kiệt sức đến chết vì đói khỏi cửa tử thần; còn chính ngài sau đó đã chịu chết một cái chết tử đạo[5201] . Thấy rằng dân Do Thái của

[5201] Về những chi tiết khác trong cuộc đời của nhà tiên tri Ê-xê-chi-ên, người ta biết rằng ông sống trong ngôi nhà riêng của mình tại Tel Aviv (Ê-xê-chi-ên 3:24, 8:1), rằng ông đã kết hôn và yêu thương vợ mình tha thiết, rằng bà đã qua đời đột ngột (Ê-xê-chi-ên 24:16–18); sứ

mình, những người từng cùng ông bị bắt làm tù binh, đang giao du với người Chaldea trong việc thờ thần tượng và sa vào mọi việc gian ác của họ, ông đã vạch trần họ, khuyên răn họ từ bỏ những điều bất chính đó và đe dọa họ bằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Do đó, một trưởng lão Do Thái, người đã sa vào sự gian ác của người Chaldea, vì cơn giận bừng lên, đã giết ông bằng cách để ngựa xé xác ông. Dân chúng đã thu nhặt thi thể bị xé nát của ngài và chôn cất ngài tại cánh đồng Ma-ur, trong lăng mộ của Si-ma và A-phác-xa-đát, tổ tiên của Áp-ra-ham. Rất nhiều người Do Thái đã tụ tập tại mộ ngài và dâng lên đó những lời cầu nguyện của họ đến Đức Chúa Trời Sa-va-ô-phơ, Đấng được tôn vinh đến muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài là vị tiên tri của Đức Chúa Trời, Ê-xê-chi-ên kỳ diệu, đã rao truyền cho muôn dân về sự nhập thể của Chúa, là Chiên Con và Đấng Sáng Tạo, Con Đức Chúa Trời, hiện ra muôn đời.

Cuộc đời của các vị thánh cha của chúng ta là Simeon, người giả điên vì Chúa, và Gioan, người đồng hành của ngài

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 7

Vào thời vua Justinianus đạo đức[5202] , khi những người yêu mến Chúa đổ về Thành Thánh Giê-ru-sa-lem[5203] để mừng lễ Nâng Thánh Giá Thánh và Ban Sự Sống của Chúa[5204] , theo sự an bài của Thiên Chúa, hai thiếu niên đã từ Syria[5205] đến Giê-ru-sa-lem để thờ lạy Thánh Giá. Một người tên là Gioan, người kia tên là Simêon; cả hai đều thuộc dòng dõi quý tộc và giàu có.

Lúc bấy giờ, Gioan khoảng 24 tuổi; anh có một người vợ trẻ và sống cùng người cha già, còn mẹ anh thì đã qua đời; còn Simeon thì vẫn còn độc thân[5206] và chỉ có mẹ là một bà góa già 80 tuổi. Cả hai chàng trai trẻ này, cùng xuất thân từ một quê hương và đã kết bạn với nhau trong tình yêu của Chúa Kitô, đã ở lại cùng nhau tại Giê-ru-sa-lem một thời gian khá dài, đi thăm viếng và thờ lạy các thánh địa. – Khi họ trên đường trở về, đi xuống thung lũng Ierikuntinskaya và đi qua chân núi, đi ngang qua thành phố, thì nhìn thấy dọc theo hai bờ sông Jordan thiêng liêng[5207] những tu viện. Lúc đó, Ioann quay sang Simeon và hỏi:

– Anh có biết ai đang sống trong những tu viện đó không?

– Vậy ai đang cư ngụ ở đó? – Simeon muốn biết.

– Các thiên thần của Chúa đang sống ở đó, – Gioan trả lời.

Simeon, vừa ngạc nhiên vừa thở dài, hỏi:

– Chúng ta có thể nhìn thấy họ không?

– Nếu chúng ta muốn bắt đầu một cuộc sống giống như họ, – Gioan trả lời, – thì chắc chắn chúng ta sẽ được tận hưởng niềm vui khi chiêm ngưỡng và trò chuyện với họ.

Cả hai đều đang cưỡi ngựa; giờ đây họ xuống ngựa, giao chúng cho các đầy tớ của mình và ra lệnh:

– Các ngươi hãy đi trước chúng ta, đừng vội vàng.

---

vụ tiên tri của ông kéo dài 22 năm. Lăng mộ của ông, nằm gần thành Babylon cổ đại, cho đến nay vẫn tiếp tục thu hút sự chú ý của các tín đồ hành hương. Việc xây dựng lăng mộ này được cho là do vua Jehoiachin thực hiện. – Sách tiên tri Ê-xê-chi-ên gồm 48 chương; nội dung của nó rất phong phú về sự đa dạng của các thể loại: trong đó có những thị kiến, hình ảnh ẩn dụ, ngụ ngôn, ẩn dụ, lời tiên tri và các hành động mang tính biểu tượng. Nhờ tính chất biểu tượng và bí ẩn của một số đoạn trong sách tiên tri Ê-xê-chi-ên, người Do Thái đã xếp nó vào hàng những sách bí mật và không cho phép những người chưa đủ 30 tuổi được đọc.

[5202] Thánh Justinian I – hoàng đế từ năm 527 đến năm 565.

[5203] Giê-ru-sa-lem – thành phố cổ xưa và nổi tiếng nhất của Đất Hứa – nằm gần như ở giữa vùng đất này, bên bờ tây sông Giô-đanh, cách Biển Địa Trung Hải 12 giờ đường và cách sông Giô-đanh 8 giờ, trên các sườn núi của ba ngọn núi Do Thái là A-kra, Si-ôn và Mô-ri-a.

[5204] Ngày 14 tháng 9.

[5205] Syria (cao nguyên), trong văn bản Do Thái được gọi là Arat, từ này ám chỉ cả Syria và Mesopotamia – toàn bộ vùng đất từ sông Euphrates đến Biển Địa Trung Hải và từ dãy núi Taurus đến Ả Rập.

[5206] Trong chuyến hành hương đến các thánh địa cùng với Gioan, Simeon đã 31 tuổi.

[5207] Sông Jordan là con sông duy nhất ở Palestine có lưu lượng dồi dào và không bao giờ cạn.

Vậy là, các người hầu dắt ngựa đi trước, còn họ, đi theo từ xa, bàn luận về cách cứu rỗi linh hồn mình. Đi từng chút một, họ đến một ngã tư: một con đường đông đúc dẫn đến Syria, nơi họ phải đến, còn con đường kia dẫn đến sông Jordan, nơi có thể nhìn thấy các tu viện. Chỉ tay cho Simeon về con đường dẫn đến sông Jordan, Gioan nói:

– Đây là con đường dẫn đến sự sống.

Rồi, chỉ tay về con đường dẫn về phía Syria, ông nói thêm:

– Con đường này dẫn đến sự diệt vong. Vậy thì, anh em ơi, chúng ta hãy đứng tại ngã ba này, cầu nguyện với Chúa để Ngài chỉ dạy chúng ta nên đi theo con đường nào.

Và, quỳ gối xuống, họ bắt đầu cầu nguyện tha thiết:

– Lạy Chúa! Lạy Chúa! Lạy Chúa! Đấng mong muốn sự cứu rỗi cho cả thế gian! Xin hãy bày tỏ ý muốn của Ngài cho các tôi tớ của Ngài và chỉ cho chúng con con đường mà chúng con phải đi!

Sau khi cầu nguyện đủ lâu, Gioan và Simeon bốc thăm, và kết quả là họ phải đi theo con đường dẫn đến sông Jordan. Lúc đó, họ tràn ngập niềm vui thiêng liêng lớn lao và với lòng khiêm nhường, họ tạ ơn Chúa. Và ngay lập tức, họ quên đi những người thân yêu của mình – người thì quên cha và vợ, người kia thì quên mẹ; họ khinh thường của cải của mình và coi mọi điều hấp dẫn và thú vị trên thế gian này như một giấc mơ. Họ ôm lấy nhau, trao nhau nụ hôn thánh thiện, rồi lên đường đến sông Jordan, nơi mà quả thực, họ đã đạt được sự sống đời đời. Họ hân hoan tiến bước, giống như Phê-rô và Gio-an đến trước quan tài chứa thi hài Chúa Kitô (Ga 20:1–10), vừa khích lệ vừa khuyên nhủ lẫn nhau: Giăng lo sợ rằng sự thương xót dành cho người mẹ già nua có thể khiến Simeon chệch khỏi ý định tốt lành, còn Simeon cũng lo sợ tương tự cho Giăng, rằng tình yêu dành cho người vợ trẻ, giống như nam châm hút sắt, có thể làm anh ta lạc lối khỏi con đường đã chọn. – Vì thế, họ đã trao đổi với nhau những lời khuyên răn và an ủi thiêng liêng. Gioan nói với Simeon:

– Đừng nản lòng và đừng chùn bước, anh em yêu dấu ơi! Vì tôi đặt niềm tin nơi Chúa, Đấng đã làm cho chúng ta được tái sinh trong ngày hôm nay. Rốt cuộc, những điều phù phiếm trần gian có ích gì cho chúng ta? Hay chúng ta sẽ tìm được sự giúp đỡ nào từ của cải vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng? Chẳng phải chúng sẽ gây hại cho chúng ta sao? Cũng như tuổi trẻ và vẻ đẹp thể xác của chúng ta – liệu chúng có luôn ở bên chúng ta mãi mãi không? Chẳng phải chúng sẽ thay đổi vì tuổi già và tiêu tan vì cái chết sao? Thậm chí chính chúng ta cũng không biết liệu mình có sống đến tuổi già hay không, vì ngay cả những người trẻ tuổi, những người không ngờ đến cái chết, cũng phải chết.

Còn Simeon thì thuyết phục Gioan:

– Anh ơi, em không có cha, không có anh em trai hay chị em gái; chỉ có một người mẹ già nua của em mà thôi, và em không phải lo lắng cho bà ấy bao nhiêu, mà trong lòng em lo sợ cho anh, e rằng ý nghĩ về người vợ xinh đẹp và đáng yêu của anh – người mà anh mới kết hôn cách đây không lâu – sẽ lôi kéo anh rời khỏi con đường thiện lành này.

Vậy là, vừa trò chuyện với nhau, họ vừa tiếp tục đi về phía trước. Họ cũng cầu xin Chúa cho biết ý muốn của Ngài, để biết họ nên xuất gia tại tu viện nào. Và họ đã chọn một điềm báo như sau: tu viện nào mà họ thấy cổng mở rộng thì đó chính là nơi Chúa muốn họ bước vào. Họ tình cờ đến tu viện của Thánh Gerasim, nơi có vị tu viện trưởng được Chúa soi sáng, tên là Nikon; Chúa đã báo trước cho ông về sự xuất hiện của hai chàng trai trẻ này, những người đang bừng cháy trong tình yêu Thiên Chúa. Bởi vì vào ngày đó, Nikon đã thấy Chúa trong giấc mơ, Ngài phán với ông rằng:

– Hãy đứng dậy, mở cửa hàng rào ra, để bầy chiên của Ta vào đây.

Vị tu viện trưởng đứng dậy, đi ra mở cổng tu viện rồi ngồi xuống bên cạnh, chờ đợi sự đến của bầy chiên Chúa Kitô. Còn Gioan và Simêon, khi đến gần tu viện, thấy cổng đã mở và vị tu sĩ già đang ngồi bên cổng, liền tràn ngập niềm vui lớn lao. Gioan bèn nói với Simêon:

– Đây là điềm lành, anh em ạ – tu viện đã mở cửa và người gác cổng đang ngồi đó, như thể cố ý chờ đợi chúng ta đến vậy.

Khi họ đến gần cổng, vị tu viện trưởng đứng dậy và nói:

– Các con đã làm rất tốt khi đến đây, những con chiên của Chúa Kitô.

Và sau khi tiếp đón họ một cách ân cần, ngài dẫn họ vào tu viện và đãi họ bằng thức ăn vật chất lẫn tinh thần; như những người lữ hành, ngài đã an ủi Simeon và Gioan trong đêm đó. Sáng hôm sau, vị tu viện trưởng nói với họ như sau:

– Tình yêu của các con dành cho Ngài, tình yêu mà các con cùng chung lòng nuôi dưỡng, thật tuyệt vời và đẹp lòng Chúa, hỡi các con! Nhưng các con phải hết sức cảnh giác để kẻ thù của sự cứu rỗi chúng ta không dập tắt tình yêu ấy trong lòng các con. Con đường các con đang đi là tốt đẹp, nhưng đừng nản lòng trên con đường ấy cho đến khi các con được vinh quang. Ý định của các con thật đáng khen ngợi, nhưng đừng lơ là, kẻo sự ấm áp thiêng liêng trong lòng các con bị nguội lạnh. Thật tốt khi các con đã đặt điều vĩnh cửu lên trên điều tạm thời. Dĩ nhiên, việc phụng sự cha mẹ theo xác thịt là điều tốt, nhưng việc phụng sự Cha trên trời thì cao quý hơn gấp bội. Anh em ruột thịt thì đáng yêu, nhưng anh em thiêng liêng thì mang lại ơn cứu rỗi nhiều hơn. Những người bạn mà các con có trong thế gian thì hữu ích, nhưng tốt hơn nhiều khi kết bạn với các thánh nhân và những người được Chúa hài lòng. Những người cầu thay và bênh vực các con trước các vị vua thì mạnh mẽ, nhưng vẫn không sánh được với các Thiên thần, những Đấng cầu thay cho chúng ta trước mặt Thiên Chúa. Việc bố thí cho người nghèo vì danh Chúa là điều tốt và đáng khen; nhưng không có lễ vật nào làm đẹp lòng Chúa bằng việc dâng hiến trọn vẹn linh hồn và ý chí của mình cho Ngài. Niềm vui của cuộc sống này thật dễ chịu, nhưng chẳng là gì so với những niềm vui ở Thiên Đàng. Sự giàu có thật tuyệt vời và được mọi người yêu mến, nhưng không thể so sánh được với những kho tàng mà *"mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến"* (1 Cô-rinh-tô 2:9).

Vẻ đẹp của tuổi trẻ tuy dễ chịu, nhưng chẳng là gì so với những phẩm chất của Đấng Tuyệt Mỹ nhất trong tất cả con cái loài người[5208] . Trở thành chiến binh của vị vua trần gian là điều tuyệt vời, nhưng sự phục vụ đó ngắn ngủi và đầy nguy hiểm. Còn trở thành chiến binh của Vua Thiên Đàng có nghĩa là chiến thắng mọi thế lực thù địch.

Với những lời dạy dỗ như vậy và những điều tương tự, vị tu viện trưởng đáng kính đã nói với họ, và khi thấy những giọt nước mắt tuôn trào từ đôi mắt họ, ngài nói với Simeon:

– Đừng thương xót, đừng khóc vì mái tóc bạc của mẹ ngươi, vì nhờ những công lao của ngươi, Đức Chúa Trời sẽ an ủi bà ấy tốt hơn là chính ngươi khi ở bên cạnh bà. Ngay cả khi ngươi luôn ở bên cạnh bà mà vẫn không thể chắc chắn được – liệu ngươi sẽ chôn cất bà trước, hay bà sẽ chôn cất ngươi. Và ngươi sẽ chết mà không được lòng Chúa, không có gì có thể cứu ngươi khỏi những tai họa trong tương lai sau khi chết: vì chẳng phải nước mắt của mẹ, cũng chẳng phải tình yêu của cha, chẳng phải của cải và danh vọng, chẳng phải hôn nhân, cũng chẳng phải tình yêu dành cho con cái có thể làm lay chuyển vị Thẩm phán đáng sợ ấy, mà chỉ có cuộc sống đạo đức, những việc làm cao cả và những công lao vì Chúa mà thôi!

Sau đó, ngài quay sang Gioan và nói:

– Còn con nữa, hỡi con yêu quý! Xin đừng để kẻ thù gieo rắc những ý nghĩ như thế, khiến con tự hỏi trong lòng: "Ai sẽ chăm sóc và nuôi nấng cha già này khi không có con?" Ai sẽ an ủi tiếng khóc của vợ ta? Thật ra, nếu các con giao phó họ cho một vị Chúa khác, còn chính các con lại đi làm việc cho một vị khác, thì các con sẽ phải đau khổ vì họ theo lẽ công bằng. Nhưng vì chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất, Đấng mà các con đã giao phó cha mẹ mình, và vì tình yêu dành cho Ngài mà các con đã rời bỏ họ, thì các con phải biết rằng chính Ngài sẽ lo liệu cho họ. Hãy cũng suy nghĩ rằng, khi các con còn ở đời này và lao động vì cuộc sống tạm bợ, ân sủng của Chúa đã chăm lo cho các con và hào phóng làm đầy ngôi nhà của các con; huống chi bây giờ, khi các con đã đến để phục vụ Ngài bằng cả trái tim, mong muốn làm đẹp lòng Ngài một cách trọn vẹn hơn, thì Chúa sẽ càng chăm lo cho các ngôi nhà của các con. Hãy nhớ lại, hỡi các con! Câu trả lời của Chúa dành cho người muốn theo Ngài và đã nói: *"Lạy Chúa! Xin cho con được về chôn cất cha con trước đã*." Chúa phán: *"Hãy theo Ta, và để cho những người chết chôn cất người chết của họ"* (Mt 8:21–22). Cũng vậy, các con hãy cùng với với ý chí kiên định và lòng vững vàng, bước theo dấu chân của Đấng Christ. Vì nếu một vị vua trần gian và phàm nhân triệu tập các con đến với mình, mong muốn phong các con làm cận thần hay cố vấn, há các con chẳng bỏ bê gia đình mình mà vội vã đến với vị vua ấy, để phụng sự ngài trong vinh quang và danh dự, và tận hưởng niềm vui khi được chiêm ngưỡng và nhận ân sủng của ngài sao? Và các con sẽ làm điều đó chỉ trong một thời gian ngắn, chừng nào ngài còn muốn tôn vinh các con trước mặt các quan đại thần của mình.

Còn Gioan và Simeon thì đáp:

– Đúng vậy, thưa cha!

Vị tu viện trưởng tiếp tục:

– Hơn thế nữa, hỡi các con ơi! Chúng ta phải vội vã và nhiệt thành đáp lại lời kêu gọi của Vua Trời, Đấng đang mời gọi chúng ta đến với vinh quang mà không có bất kỳ vinh dự trần gian cao quý nào có thể sánh bằng hay

[5208] Tức là Con Thiên Chúa đã nhập thể, Đấng Kitô Cứu Thế. Xem Thánh Vịnh 44:1–18.

so sánh được. Chúng ta phải vâng lời Thiên Chúa, Đấng đang kêu gọi chúng ta đến với Ngài, nhớ đến tình yêu của Ngài dành cho chúng ta, vì tình yêu ấy mà Ngài đã không tiếc Con Một của Ngài, nhưng đã phó thác Con ấy cho chúng ta chịu cái chết đẫm máu, để làm cho chúng ta trở thành con cái của Ngài; và cho dù chúng ta có đổ hết máu mình vì điều này, thì vẫn không thể đền đáp xứng đáng chút nào so với lòng nhân từ và tình yêu mà Ngài đã bày tỏ: bởi vì không thể so sánh máu của vua với máu của nô lệ.

Sau khi nói hết những điều này với họ và nhận ra rằng Simeon và Gioan, những người ăn mặc sang trọng, đã lớn lên mà không biết đến cảnh thiếu thốn, vị tu viện trưởng được Thánh Thần soi dẫn, dù thấy lòng nhiệt thành của họ dành cho Thiên Chúa, vẫn khuyên họ đừng vội vàng nhận lấy đời sống tu hành, mà hãy chờ đợi một thời gian: để họ tự thử thách bản thân – xem liệu họ có thể chịu đựng được gánh nặng của đời sống tu hành hay không. Còn họ, quỳ sấp xuống dưới chân ngài, đã khóc lóc van nài ngài hãy cạo đầu và trao cho họ chức thánh ngay lập tức.

Sau đó, vị tu sĩ già, muốn thử thách họ, đã gọi riêng Gioan lại và nói với anh ta:

– Ta đã thuyết phục bạn của con ở lại đời thường thêm một năm nữa.

– Nếu anh ấy muốn, – Gioan phản đối, – thì cứ để anh ấy ở lại, còn con thì không thể chờ đợi lâu như vậy để được cạo đầu, nhưng con xin cha, hãy ngay lập tức thực hiện điều mà linh hồn con khao khát.

Còn Simeon, thấy hai người đang trò chuyện riêng, bèn nói với vị trưởng lão:

– Xin cha đừng chần chừ khi nghe những lời biện hộ của Gioan; lòng tôi lo lắng cho anh ấy, sợ rằng anh ấy sẽ nhớ nhung người vợ mà anh ấy mới cưới trong năm nay, một người giàu có và xinh đẹp, và vì cô ấy mà anh ấy sẽ không còn dành trọn tình yêu cho Chúa.

Giăng cũng quay sang vị tu sĩ với đôi mắt đẫm lệ (ông rất dễ rơi lệ):

– Con xin cha, hãy cạo đầu cho chúng con ngay lập tức, để không làm hư mất người anh em thân yêu của con. Anh ấy có một người mẹ yêu thương anh ấy đến mức không thể sống thiếu anh ấy, và con lo sợ rằng, khi nhớ đến tình yêu của mẹ dành cho mình, anh ấy sẽ xa rời tình yêu dành cho Chúa; vì vậy, con sẽ không ngừng lo lắng cho đến khi thấy anh ấy được cạo đầu.

Còn vị tu sĩ, khi thấy sự quan tâm lẫn nhau của họ, và biết rõ từ kinh nghiệm rằng Thiên Chúa không bao giờ làm xấu hổ hay từ chối những ai tìm đến Ngài bằng cả tâm hồn và đức tin vững chắc, nên không chần chừ nữa, đã dẫn họ vào nhà thờ và cạo đầu cho họ theo nghi thức tu sĩ ban đầu. Khi lễ cắt tóc đang diễn ra, Gioan khóc nức nở, còn Simeon thì lén đẩy anh ta, ra hiệu cho anh ta im lặng – ông nghĩ rằng anh ta đang khóc vì cha và vợ mình. Nhưng thực ra, anh ta đang tuôn trào nước mắt vì tình yêu nồng nàn từ tận đáy lòng dành cho Đức Chúa Trời.

Sau khi cạo đầu và cử hành Thánh lễ, vị tu viện trưởng lại dành cho họ một bài giảng dài đầy giáo huấn, vì bằng linh hồn sáng suốt của mình, ngài biết rằng họ sẽ không ở lại tu viện của ngài lâu, bởi vì Chúa sẽ kêu gọi họ đến một đời sống tu hành còn hoàn hảo hơn nữa.

Ngày đó là ngày thứ Bảy, và vị tu viện trưởng muốn vào sáng hôm sau, tức ngày Chủ Nhật, trao cho họ nghi thức hoàn hảo của Hình ảnh Thiên Thần.

Và một số anh em trong tu viện đã nói với Gioan và Simeon:

– Các anh thật hạnh phúc, vì sáng mai các anh sẽ được tái sinh và trở nên trong sạch, như thể vừa mới chào đời; các anh sẽ được tẩy sạch tội lỗi, như thể mới chỉ hôm nay mới được rửa tội.

Nhưng hai người ấy, không hiểu những gì họ nói, đã kinh ngạc và hoảng sợ; đến gặp vị tu viện trưởng thánh vào tối thứ Bảy, họ khẩn cầu ngài bằng những lời như sau:

– Xin cha đừng rửa tội cho chúng con, vì chúng con là Kitô hữu và là con cái của những bậc cha mẹ Kitô hữu, đã được tái sinh nhờ phép rửa tội thánh.

Vị tu viện trưởng, không hiểu những lời của họ, liền hỏi:

– Ai muốn rửa tội cho các con vậy, hỡi các con?

Họ đáp:

– Chúng con nghe các anh em nói rằng sáng mai chúng con sẽ được rửa tội.

Lúc đó, vị tu viện trưởng, hiểu ra rằng các anh em đã nói với các em về hình ảnh Thánh Thiên Thần, bèn nói:

– Các cha đã giải thích cho các con rất rõ rồi: bởi vì vào ngày mai, chúng ta muốn ban cho các con nghi thức hoàn hảo của Hình ảnh Thiên thần, nghi thức này sẽ giải thoát các con khỏi mọi tội lỗi mà các con đã phạm trong thế gian, giống như một lễ rửa tội lần thứ hai vậy.

Còn Gioan và Simeon thì không biết "phép rửa theo hình ảnh Thiên Thần" hoàn hảo là gì. Vị tu viện trưởng liền ra lệnh gọi một tu sĩ, người mà tuần trước ngài đã phong chức vào phép rửa đó, và thời gian chưa đầy 7 ngày, nên tu sĩ ấy vẫn luôn mặc đầy đủ các bộ lễ phục của phép rửa thánh theo quy định của tu viện. Khi vị tu sĩ ấy đến, Gioan và Simeon, vừa thấy ngài, liền quỳ sấp xuống chân vị tu viện trưởng và khẩn cầu ngài ngay lập tức, ngay trong tối nay, ban cho họ cấp bậc ấy.

– Chúng con là những con người, – họ nói, – không biết liệu có sống qua được đêm nay và đón được bình minh hay không, và bỗng chốc, chúng con có thể ra đi khỏi cõi đời này mà chưa được nhận vương miện, niềm vui và vinh quang như những gì chúng con thấy ở anh em này.

Vị tu viện trưởng hiểu rằng họ đang chiêm ngưỡng một khải tượng nào đó, nên đã cho vị tu sĩ được gọi trở về phòng của mình. Khi người ấy đi rồi, Gioan và Simeon lại nài nỉ vị tu viện trưởng một cách khẩn thiết:

– Thưa Cha, vì danh Chúa, xin hãy ngay lập tức mặc cho chúng con những bộ áo mà chúng con đã thấy trên người anh em ấy: quả thật, trong tu viện của Cha, chúng con chưa từng thấy ai được vinh quang như anh em ấy.

– Các con đã thấy gì trên người anh em ấy? – vị tu viện trưởng hỏi họ.

Họ đáp:

– Chúng con thấy trên đầu anh ấy có một vương miện rực rỡ và xung quanh là ánh sáng chói lọi, cùng những khuôn mặt rạng ngời, tay cầm nến, vây quanh anh ấy và hát những bài ca tuyệt vời.

Vị tu viện trưởng ngạc nhiên trước sự trong sáng của tâm hồn các em và nói với các em:

– Sáng mai, nhờ ân sủng của Thánh Thần, các con cũng sẽ nhận được vương miện và vinh quang như vậy cùng với hàng ngũ các thiên thần thánh thiện.

Khi ngày Chủ nhật đến, vị tu viện trưởng đã cử hành nghi thức thánh đó cho họ, và cả hai đều nhìn thấy vương miện của nhau, rực rỡ trên đầu, và vào ban đêm, họ nhìn thấy khuôn mặt nhau rõ ràng như ban ngày: và tâm hồn họ tràn ngập niềm vui đến nỗi họ không muốn ăn hay uống gì cả.

Sau 2 ngày, kể từ khi họ nhận lãnh chức thánh cao quý nhất, họ tình cờ gặp lại vị anh em đã được nhắc đến trước đó, người mà họ từng thấy trong vinh quang, lúc này đang mặc áo vải thô và thực hiện các nhiệm vụ tu viện – họ không còn thấy vinh quang và vương miện như trước đây trên người anh ta nữa, nên họ rất ngạc nhiên. Simeon bèn nói với Gioan:

– Hãy tin tôi đi, anh em ơi, rằng sau 7 ngày nữa, chúng ta cũng sẽ không còn thấy trên đầu nhau vương miện lấp lánh và ánh sáng rực rỡ như bây giờ nữa.

Giăng hỏi:

– Vậy thì, anh còn muốn gì nữa cho bản thân mình, anh em?

– Hãy nghe ta đây, – Simeon đáp, – ta muốn rằng, giống như khi chúng ta rời bỏ thế gian, chúng ta cũng sẽ rời khỏi nơi này để bước vào một cuộc sống ẩn dật còn tĩnh lặng hơn nữa; vì từ khi vị tu viện trưởng đáng kính đã mặc cho chúng ta hình ảnh thánh thiện này, trái tim tôi đã bừng cháy bởi một khát vọng kỳ diệu nào đó, và linh hồn tôi không muốn nhìn thấy ai, cũng không muốn nói chuyện hay nghe giọng nói của ai cả, mà chỉ mong được ở trong sự tách biệt hoàn toàn với mọi người và trong sự im lặng sâu thẳm.

– Chúng ta sẽ ăn gì khi sống trong sa mạc? – Gioan phản đối.

Si-mê-ôn đáp:

– Vậy những người ẩn tu khác, những người mà chúng ta đã nghe kể từ miệng vị tu viện trưởng đang dạy dỗ chúng ta, họ ăn gì? Đấng nuôi dưỡng họ cũng sẽ nuôi dưỡng chúng ta, và tôi nghĩ, vị tu viện trưởng đã nói nhiều về những người ẩn tu như vậy là vì mong muốn chúng ta cũng chọn con đường ẩn tu.

Giăng lại phản đối:

– Nhưng chúng ta vẫn chưa học được cách hát các thánh vịnh theo quy tắc của tu viện?

– Đấng đã cứu rỗi Đa-vít, người đã làm đẹp lòng Ngài từ trước, – Si-mê-ôn trấn an anh, – cũng sẽ cứu rỗi chúng ta, và như Ngài đã dạy Đa-vít, người chăn cừu trong sa mạc, cách sáng tác các thánh vịnh, thì Ngài cũng sẽ dạy chúng ta như vậy. Đừng nghe lời ai khác, anh em ơi, nhưng như chúng ta đã cùng nhau hiến dâng mình cho Đức Chúa Trời, thì chúng ta cũng sẽ cùng nhau làm việc vì Ngài.

Giăng đồng ý và nói:

– Chúng ta sẽ làm theo ý anh; nhưng làm sao chúng ta ra khỏi tu viện, nơi mà cửa được khóa lại vào ban đêm?

Giăng đáp:

– Người đã mở cửa cho chúng ta vào ban ngày, cũng sẽ mở cửa vào ban đêm.

Khi họ đã đồng ý và quyết định như vậy, và khi đêm xuống, vị tu viện trưởng thấy trong giấc mơ một người đàn ông đáng kính, trông như một vị thánh, đang mở cổng tu viện và nói:

– Hãy ra đi, hỡi những con chiên của Chúa Kitô, đến đồng cỏ của các con.

Ngay lập tức, ông thức dậy, vội vã chạy đến cổng và thấy cổng đã mở. Nghĩ rằng Gioan và Simeon đã ra ngoài rồi, ông ngồi xuống với vẻ buồn bã, thở dài và suy nghĩ:

– Tôi không xứng đáng nhận những lời cầu nguyện của các bậc cha ông tôi, vì không phải tôi, mà chính họ mới là những bậc cha và thầy. Ôi, những viên ngọc quý (như đã được chép trong Kinh Thánh) chưa được nhận ra đang nằm trên mặt đất, được nhiều người nhìn thấy, nhưng lại không được nhiều người trân trọng!

Khi vị tu viện trưởng đang suy ngẫm và đau xót trong lòng như vậy, thì các tôi tớ của Chúa bước ra khỏi phòng tu của mình đến cổng để rời khỏi tu viện. Vị tu viện trưởng nhìn thấy những chàng trai trẻ xinh đẹp đi đầu đoàn, tay cầm những ngọn nến đang cháy rực rỡ. Còn Gioan và Simeon thì không nhìn thấy những chàng trai ấy, nhưng khi thấy cổng mở, họ rất vui mừng vì không mất đi niềm hy vọng của mình. Khi nhìn thấy vị tu sĩ già ở cổng, họ hoảng sợ và muốn quay trở lại, không ngờ rằng đó chính là vị tu viện trưởng. Vị tu viện trưởng liền gọi họ bằng những lời:

– Đừng sợ, các con ơi, hãy đi nhân danh Chúa!

Còn họ, khi biết đó là vị tu viện trưởng, lại càng vui mừng hơn và hiểu rằng Đức Chúa Trời, sau khi đã báo trước cho ngài về sự đến của họ, cũng đã chỉ dẫn cho họ về con đường trở về, nên họ cúi đầu kính lạy vị tu sĩ già và nói:

– Chúng con cảm tạ cha, nhưng không biết làm sao để tạ ơn Chúa và vị lãnh đạo đáng kính của cha một cách xứng đáng. Ai trong chúng con có thể hy vọng được ban những ân huệ như thế này? Vị vua nào có thể tôn vinh chúng con bằng chức tước như vậy? Những kho báu nào có thể làm giàu cho chúng con nhanh chóng đến thế? Nước của những nhà tắm nào có thể thanh tẩy tâm hồn chúng con đến thế? Có cha mẹ nào có thể yêu thương và cứu rỗi chúng con như ngài, thưa Cha đáng kính?! Trong Chúa Kitô, ngài là cha và mẹ, là chủ, là mục tử, là người hướng dẫn và là người lãnh đạo của chúng con! Nhờ ngài, chúng con đã nhận được kho tàng không thể cướp mất và tìm thấy viên ngọc quý vô giá của ơn cứu rỗi; chúng con đã thực sự nhận ra sức mạnh của phép rửa lần thứ hai, như các vị tổ phụ đã truyền lại cho chúng con. Vậy nên, thưa Cha, chúng con xin Ngài, sau khi cầu nguyện cho chúng con, hãy cho phép những tôi tớ của Ngài được ra đi đến nơi mà Đức Chúa Trời chỉ dẫn: vì từ tận đáy lòng, chúng con mong muốn được phụng sự Ngài; và xin Cha hãy nhớ đến những con chiên của Ngài, những người đã dâng mình làm của lễ cho Đức Chúa Trời.

Họ nói hết những lời này trong nước mắt tuôn trào. Vị tu viện trưởng cũng khóc vì niềm vui từ tận đáy lòng, khi thấy khát khao phục vụ Đức Chúa Trời mãnh liệt đến thế của họ. Cuối cùng, ngài đặt Simeon bên phải, Ioan bên trái, rồi giơ tay lên trời và dâng lời cầu nguyện:

– Lạy Thiên Chúa công chính và vinh quang! Lạy Thiên Chúa vĩ đại và hùng mạnh! Lạy Thiên Chúa Hằng Hữu và Vĩnh Cửu! Xin Ngài hãy nghiêng tai nghe lời con, kẻ tội lỗi, vào giờ phút này! Xin Ngài hãy nghe con, lạy Chúa, Đấng đã hứa sẽ lắng nghe tất cả những ai thật lòng phụng sự Ngài! Xin Ngài dẫn dắt bước chân các tôi tớ của Ngài và đặt chân họ trên con đường bình an. Xin hãy là Đấng Cứu giúp cho những thiếu niên vô tội này và bảo vệ họ được an toàn như những con bồ câu; xin cấm tất cả các linh hồn ô uế, đừng để chúng đến gần họ, nhưng hãy khiến chúng chạy xa khỏi mặt họ. Xin hãy cầm khiên và áo giáp và đứng lên giúp đỡ họ; xin hãy rút gươm ra và chặn đứng những kẻ đuổi theo họ; xin hãy nói với tâm hồn họ: "Ta là sự cứu rỗi của ngươi!" (xem Tv 34:3). Xin làm cho mọi sự nhút nhát và kinh hoàng rời xa tâm trí chúng, và mọi sự kiêu ngạo, tự mãn cùng mọi sự ác độc đều tiêu tan; xin dập tắt mọi sự kích động của xác thịt, phát sinh từ bản tính và từ sự cám dỗ của ma quỷ; xin cho thân xác và linh hồn họ được thánh hóa, và thần khí họ được soi sáng bởi ánh sáng ân sủng của Ngài, để khi trưởng thành về mặt thiêng liêng, họ sẽ đạt đến độ chín muồi của người trưởng thành và xứng đáng được chia phần giữa các vị thánh của Ngài, cùng các Thiên Thần thánh ca ngợi Ngài và luôn luôn thờ lạy Ngài – Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, muôn đời, amen!

Sau đó, Ngài quay sang các tôi tớ của Đấng Kitô và nói trong nước mắt:

– Thiên Chúa mà các con đã chọn, hỡi những đứa con ngoan! Và Đấng mà các con đã nương tựa, xin Ngài sai một Thiên Thần đi trước các con, Đấng sẽ dọn sẵn cho các con con đường an toàn và đi trước các con, giải cứu

các con khỏi các thế lực thù địch, như đã giải cứu Gia-cốp khỏi La-van và Ê-sau (Sáng Thế Ký 31:1–55, 32:1–32, 33:1–20), và – Đa-ni-ên khỏi miệng sư tử! (Đa-ni-ên 6:1–28)

Và, ôm lấy cả hai người, ông lại dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời:

– Lạy Đức Chúa Trời, xin cứu những ai yêu mến Ngài bằng cả trái tim: vì Ngài là Đấng công bình, lạy Chúa. Xin đừng bỏ rơi những ai đã từ bỏ mọi sự hư không vì Ngài!

Rồi ngài lại quay sang nói với họ:

– Hãy cẩn trọng, hỡi các con! Vì các con sắp bước vào một trận chiến kinh hoàng, nhưng đừng sợ! Đức Chúa Trời hùng mạnh và sẽ không ban cho các con những cám dỗ vượt quá khả năng chịu đựng. Hãy nỗ lực, hỡi các con, và đừng để bị kẻ thù đánh bại; hãy đứng vững với lòng dũng cảm, mang trên mình bộ giáp thánh của dòng tu theo hình ảnh các Thiên thần. Nhưng hãy nhớ Lời Đấng đã phán: *"Ai đã đặt tay lên cày mà còn ngoái lại phía sau, thì không xứng đáng với Nước Thiên Chúa*" (Lc 9,62). Đừng lười biếng và chán nản khi bắt đầu con đường của Chúa, để câu chuyện ngụ ngôn về người bắt đầu dựng cột không xảy ra với các con: *"Người này đã bắt đầu xây dựng mà không thể hoàn thành?"* (Lc 14,30). Hãy can đảm lên, hỡi các con, khi biết rằng cuộc chiến đấu này thật nhỏ nhoi còn vương miện thì thật vĩ đại, công việc thì ngắn ngủi còn sự nghỉ ngơi thì vĩnh cửu.

Trong khi họ đang trò chuyện như vậy, đã đến giờ chuông báo giờ kinh sáng, và họ phải ra khỏi cổng tu viện; Simeon, sau khi dẫn vị tu viện trưởng ra một chỗ riêng, nói với ngài:

– Con xin cha, vì danh Chúa, hãy cầu nguyện hết lòng cho anh em con là Gioan, để ký ức về người vợ được xóa bỏ khỏi tâm trí anh ấy, để anh ấy không bỏ rơi con vì sự cám dỗ của kẻ thù, và con sẽ không phải đau khổ vì sự chia ly với anh ấy; xin cha cũng cầu nguyện cho người cha đã sinh ra anh ấy, để Chúa an ủi ông ấy, để ông ấy đừng buồn phiền vì người con đã bỏ rơi mình.

Cũng vậy, Gioan, sau khi dẫn vị tu sĩ già ra một góc, đã khẩn cầu:

– Vì danh Chúa, thưa cha, xin đừng quên anh em tôi là Simeon trong những lời cầu nguyện thánh thiện của cha, để anh ấy đừng rời xa tôi mà về với mẹ, bị cuốn hút bởi tình yêu dành cho bà; nếu không, bến cảng này sẽ trở thành nơi chúng tôi chìm đắm.

Vị tu sĩ già ngạc nhiên trước tình yêu thương sâu đậm giữa hai người, và sau khi hứa sẽ cầu nguyện cho họ, ngài ban phước lành cho họ bằng dấu thánh giá, rồi tiễn họ ra về trong bình an.

Sau khi rời khỏi vị tu viện trưởng đáng kính, hai tôi tớ của Chúa là Simeon và Ioann đã cầu nguyện:

– Lạy Chúa! Nhờ lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài, cha chúng con là Nikon, xin chính Ngài dẫn dắt chúng con đến nơi nào Ngài muốn; vì chúng con là những lữ khách, không biết nơi chốn hay xứ sở nào để nương tựa, nhưng chúng con khao khát hướng về Ngài, dù có thể cái chết đang chờ đợi chúng con ở sâu trong sa mạc.

Sau đó, Gioan quay sang Simeon và nói:

– Bây giờ chúng ta sẽ làm gì đây, anh em? Chúng ta sẽ đi đâu?

Si-mê-ôn đáp:

– Chúng ta hãy đi về phía bên phải, vì mọi điều ở bên phải đều là điều tốt.

Và họ đi về phía bên phải; đó quả là sự an bài của Đức Chúa Trời: Chúa không bỏ rơi các tôi tớ của Ngài. Đi được một quãng đường khá xa, họ đến Biển Chết[5209] và tìm thấy gần biển và sông Jordan, nơi đổ vào biển đó, một nơi thuận tiện cùng một căn phòng nhỏ, nơi một vị ẩn sĩ từng cư ngụ, người đã về với Chúa vài ngày trước đó; ở đó có những chiếc bình nhỏ và một vườn rau đã được trồng sẵn, là nguồn thức ăn của vị tu sĩ đã qua đời. Thấy vậy, các tôi tớ của Đấng Christ vui mừng không kém gì người tìm thấy một kho báu lớn, họ tạ ơn Thiên Chúa, rồi định cư tại đó và bắt đầu cuộc sống mới. Một thời gian ngắn sau đó, kẻ thù của linh hồn chúng ta, ma quỷ, không chịu nổi lối sống thánh thiện của các tôi tớ Chúa Kitô, đã khai chiến chống lại họ, gieo vào lòng Gioan ký ức về vợ và cha, còn vào lòng Simeon là tình yêu dành cho mẹ. Khi thấy nhau buồn bã, họ liền nói với nhau:

– Hãy đứng dậy, anh em ơi, chúng ta hãy cùng cầu nguyện với Chúa Giêsu Kitô, để Ngài bảo vệ chúng ta khỏi những mưu mô của kẻ thù nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh trưởng lão Nikon của chúng ta.

[5209] Biển Chết – một hồ nước mặn nội địa ở phía đông nam Palestine; chiều dài từ bắc xuống nam là 76 km, chiều rộng khoảng 3,5–16 km; bán đảo Lisán được chia thành hai lưu vực; lưu vực phía bắc sâu hơn lưu vực phía nam. Nước Biển Chết chứa hàm lượng muối cao (khoảng 25%) đến mức cá không thể sống được trong đó. Tỷ trọng của nước cao đến mức các vật thể hữu cơ rơi xuống nước cũng không chìm. Trên một khu vực rộng lớn xung quanh biển, mặt đất được bao phủ bởi muối. Nơi Biển Chết hiện nay từng là thung lũng Siddim màu mỡ với các thành phố Sodom và Gomorrah.

Và khi họ cầu nguyện, sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời nhanh chóng đến với họ, xua tan những lời vu khống của kẻ thù. Đôi khi, kẻ cám dỗ gieo vào lòng họ ham muốn được nếm thịt và uống rượu; đôi khi lại hiện ra trong giấc mơ hình ảnh cha mẹ và người thân: hoặc là những người đang đau buồn vì họ, hoặc là những người đang tiệc tùng; lúc thì khiến họ chán nản và lười biếng, lúc thì, với ý định dọa nạt họ bằng những ảo ảnh, lại gieo vào lòng họ ý nghĩ quay trở lại tu viện, như thể cuộc sống ẩn tu đối với họ là điều không thể chịu đựng nổi . Và bằng đủ mọi cách, con rắn xảo quyệt ấy đã cố gắng phá vỡ cuộc sống chính trực của những vị tu sĩ đáng khen ngợi ấy. Còn họ, nhớ đến những lời thề nguyện và những vương miện sáng chói mà ban đầu họ đã thấy trên đầu nhau, cũng như nhớ đến những lời dạy dỗ và những giọt nước mắt của vị trưởng lão, đã vượt qua mọi thử thách trong việc phụng sự Chúa và tìm được sự an ủi, thường cảm nhận được trong lòng một sự ngọt ngào thiêng liêng nào đó. Sau khi dũng cảm chống lại những cám dỗ của kẻ thù, Thánh Nikon đã hiện ra với họ trong giấc mơ, lúc thì khuyên răn họ, lúc thì dâng lời cầu nguyện lên Chúa cho họ, lúc thì dạy họ các thánh vịnh và lời cầu nguyện. Và khi thức dậy, họ nhớ rõ trong thực tại những gì đã học được từ ngài trong giấc mơ và từ đó cảm nhận được niềm vui lớn lao. Cũng chính xác như vậy, nỗi buồn nảy sinh từ ký ức về gia đình đã được Chúa xoa dịu cho họ, hai năm sau, qua những sự mặc khải như thế. Trong một giấc mơ ban đêm, Simeon thấy mình đến thăm mẹ tại nhà bà và nói với bà bằng tiếng Syriac:

– "Ladochrelihem", nghĩa là, đừng lo lắng, mẹ ơi; vì chúng con đang rất tốt: con và ngài Gioan đều khỏe mạnh và được an cư trong cung điện hoàng gia, và đây, chúng con đang đội những vương miện mà nhà vua đã trao cho chúng con, đồng thời được ngài trang điểm bằng những bộ áo quần sáng chói; cũng hãy nói với cha của Gioan rằng đừng buồn phiền vì con trai mình, và nói chung, đừng lo lắng cho chúng con.

Hình ảnh này đã lặp lại nhiều lần với Simeon, và từ đó ông hiểu rằng mẹ mình không còn buồn phiền vì ông nữa, vì đã được Đức Chúa Trời an ủi. Tương tự như vậy, trong giấc mơ, một khuôn mặt rực rỡ đã hiện ra trước mắt Gioan với những lời sau:

– Này, Ta đã làm cho cha con được an lòng, ban cho ông sự bình an và niềm vui, và trong những ngày này, Ta sẽ đưa vợ con vào vương quốc của Ta.

Khi kể cho nhau nghe về những thị kiến ấy, Gioan và Simeon đều vui mừng trong lòng và hân hoan vì Đức Chúa Trời Cứu Thế của mình. Từ đó trở đi, người thứ nhất không còn buồn phiền gì về cha và vợ, còn người thứ hai cũng không còn buồn phiền gì về mẹ; nhưng họ chỉ có một mối bận tâm duy nhất – ngày đêm ngợi khen Đức Chúa Trời. Đối với họ, đó là công việc không mệt mỏi và sự lo toan không buồn phiền – không ngừng dâng lời cầu nguyện, và trong thời gian ngắn, họ đã trở thành những khí cụ xứng đáng của Thánh Thần và được ban ân sủng chiêm ngưỡng những mặc khải thiêng liêng. Thỉnh thoảng họ sống tách biệt nhau, nhưng không xa, chỉ cách nhau khoảng một hòn đá ném. Và nếu một trong hai người nảy sinh ý nghĩ xấu xa, người đó lập tức bối rối và chạy đến tìm người kia: vì họ chia sẻ suy nghĩ với nhau và, khi cùng nhau cầu nguyện, họ xua đuổi những lời vu khống của kẻ thù.

Sau một thời gian, Thánh Simeon, khi đang ngồi ở một nơi riêng biệt, bỗng chốc say mê và thấy mình đang ở quê hương, tại thành phố Edessa[5210] , đến thăm người mẹ ốm yếu, với những lời:

– Mẹ khỏe không?

Và bà đáp:

– Mẹ khỏe, con trai ơi!

Anh lại nói với bà:

– Hãy cứ an tâm đến với Đức Vua, vì con đã cầu xin Ngài cho mẹ và đã chuẩn bị sẵn một nơi tốt đẹp cho mẹ; và khi Ngài muốn, con cũng sẽ đến với mẹ.

[5210] Edessa – nay là Urfa, một thành phố ở phía bắc Mesopotamia bên sông Euphrates, từ năm 137 trước Công nguyên là thủ đô của Nhà nước Ozroene hay Edessa mới được thành lập; vào năm 217 sau Công nguyên, Edessa bị người La Mã biến thành một thuộc địa ở phương Đông; Kitô giáo đã xuất hiện sớm tại Edessa; vào thế kỷ IV, Thánh Ephrem the Syrian đã thành lập một trường thần học tại đây, đến thế kỷ V, trường này nghiêng về phái Nestorian, và linh mục Iva – một giáo sư của trường Edessa – đã tích cực ủng hộ phái này. Năm 641, Edessa bị các caliph Ả Rập chinh phục; năm 1098, thành phố này rơi vào tay Bá tước Balduin, người đã biến nó thành thủ phủ của Công quốc Edessa; năm 1144, Edessa bị người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục và từ đó liên tục thay đổi chủ quyền, cho đến khi vào năm 1637, thành phố này chính thức rơi vào quyền cai trị của Thổ Nhĩ Kỳ.

Khi tỉnh lại sau giấc mơ đó, Simeon nhận ra rằng mẹ mình đã qua đời vào đúng lúc đó, nên vội vã đến gặp Gioan, xin ông cầu nguyện cho linh hồn mẹ mình, còn bản thân ông thì quỳ gối xuống và khóc lóc cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Đấng đã vui lòng chấp nhận của lễ của Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 22:1–24) và không từ chối của lễ của Giê-pha (Các Quan Xét 11:1–40) cũng như không khinh dể của lễ của A-bên (Sáng Thế Ký 4:1–26), Đấng đã vì Sa-mu-ên, con trai Ngài, mà khiến mẹ của cậu, Anna, trở thành nữ tiên tri (1 Sa-mu-ên 1:1–28, 2:1–36) Lạy Chúa của con, lạy Chúa! Vì con, tôi tớ của Ngài, xin hãy đón nhận linh hồn người mẹ nhân từ của con; xin hãy nhớ đến những cơn bệnh tật và những vất vả mà bà đã chịu đựng vì con; xin hãy nhớ đến nỗi đau khổ và những giọt nước mắt mà bà đã rơi khi con trốn tránh bà để chạy đến với Ngài. Xin hãy nhớ đến bầu vú mà bà đã nuôi dưỡng con, với hy vọng nhận được sự giúp đỡ và an ủi từ con, nhưng lại không nhận được điều bà mong đợi. Xin đừng quên, lạy Chúa, những tiếng khóc thảm thiết từ tận đáy lòng mà bà phải chịu vì con, khi con bỏ bà để đến với Ngài. Xin hãy nhớ lại bao nhiêu đêm bà không chợp mắt được, vì luôn nghĩ đến cảnh mồ côi của mình và tuổi trẻ của con. Ôi, lòng cô ấy đã tan nát biết bao khi nhìn những bộ quần áo của con, những bộ quần áo mà báu vật quý giá của cô ấy không còn được khoác lên mình nữa! Xin hãy nhớ lại, con đã tước đi bao nhiêu niềm vui và hạnh phúc của cô ấy bằng việc rời xa cô ấy, để phụng sự Ngài, Chúa và Thiên Chúa của con và của cô ấy! Xin ban cho bà một Thiên Thần Hộ Mệnh mạnh mẽ của Ngài, Đấng sẽ giải thoát linh hồn bà khỏi những thần linh xảo quyệt và vô nhân từ trên không trung, những kẻ muốn hủy diệt tất cả mọi người[5211] . Xin Ngài, lạy Thiên Chúa của con, cho linh hồn bà được lìa khỏi thân xác mà không bị bệnh tật hay sợ hãi, và với lòng nhân từ, xin tha thứ cho bà mọi tội lỗi mà bà đã phạm trong cuộc đời này. Lạy Thiên Chúa công chính! Xin đừng để nàng phải chuyển từ nỗi buồn này sang nỗi buồn khác, từ tai ương này sang tai ương khác, và từ nỗi đau khổ này sang nỗi đau khổ khác; nhưng thay vì nỗi buồn mà nàng đã đau khổ vì con, người con trai duy nhất của nàng, xin ban cho nàng niềm vui, và thay vì nỗi đau, xin ban cho nàng sự hân hoan mà, lạy Chúa của con, Ngài đã chuẩn bị cho các thánh của Ngài.

Giăng cũng cùng cầu nguyện với ông về linh hồn người đã qua đời. Và khi đứng dậy sau lời cầu nguyện, Giăng an ủi Simeon:

[5211] Tức là linh hồn mẹ ông sẽ được dẫn dắt an toàn qua các trạm kiểm soát. Các trạm kiểm soát này giống như những trạm gác hay trạm hải quan mà linh hồn những người đã khuất phải đi qua trên hành trình hướng về ngai vàng của Đấng Phán Xét trên trời. Tại đó, các linh hồn ác độc đứng canh gác và thu của mỗi linh hồn, vốn có tội lỗi cụ thể, một loại thuế hoặc tiền chuộc, bằng cách yêu cầu họ thực hiện một việc thiện trái ngược với tội lỗi đó. Tên gọi "mytarstvo" và "myta" được mượn từ lịch sử Do Thái. Trong cộng đồng Do Thái, "mytair" là tên gọi dành cho những người được người La Mã chỉ định để thu thuế. Thông thường, họ nhận quyền thu các khoản thuế này theo hình thức nhượng quyền và sử dụng mọi biện pháp có thể, thậm chí không ngần ngại tra tấn, để thu được lợi nhuận tối đa cho bản thân. Những người thu thuế đứng tại các trạm hải quan hoặc chốt kiểm soát đặc biệt, thu thuế từ hàng hóa được vận chuyển qua. Những chốt kiểm soát này được gọi là "nhà thuế", "trạm thu thuế". Các nhà văn Kitô giáo đã chuyển tên gọi này sang chỉ những nơi diễn ra các hình thức tra tấn trên trời, nơi các linh hồn đang trên đường lên ngai vàng của Đấng Phán Xét Thiên Đàng bị các linh hồn ác quỷ giữ lại, cố gắng buộc tội họ về mọi loại tội lỗi và qua đó đẩy họ xuống địa ngục. Bản chất của giáo lý về các trạm thu thuế được tóm gọn trong lời dạy của Thánh Cyril thành Alexandria (qua đời năm 444) về sự ra đi của linh hồn, thường được đưa vào Sách Thánh Vịnh Theo Truyền Thống. – "Khi linh hồn tách rời khỏi thân xác," đoạn văn này viết, "sẽ hiện ra trước mặt chúng ta, một bên là các đạo binh và quyền năng trên trời, bên kia là các thế lực bóng tối, các quan cai quản các trạm thu thuế trên không, những kẻ vạch trần các việc làm của chúng ta. Khi nhìn thấy họ, linh hồn sẽ rùng mình, run rẩy, và trong sự hoang mang và kinh hoàng, sẽ tìm kiếm sự che chở từ các Thiên thần của Đức Chúa Trời; nhưng ngay cả khi được các Thiên thần đón nhận và dưới sự che chở của họ, khi bay qua không gian và vươn lên cao, linh hồn sẽ gặp phải những trạm kiểm soát khác nhau, những trạm này sẽ chặn đường vào Nước Trời, ngăn cản và kìm hãm khát vọng hướng về đó của linh hồn. Tại mỗi trạm kiểm soát này, linh hồn sẽ phải trình bày về những tội lỗi cụ thể… Mỗi dục vọng, mọi tội lỗi đều sẽ có những người thu thuế và những kẻ tra tấn riêng. Trong khi đó, cả các Thần Lực và đoàn thể các linh hồn ô uế cũng sẽ có mặt; và như những người trước sẽ chỉ ra những đức tính của linh hồn, thì những người sau sẽ vạch trần những tội lỗi của cô ấy… Và nếu nhờ cuộc đời đạo đức và làm đẹp lòng Chúa mà linh hồn ấy xứng đáng (được thưởng), thì các Thiên thần sẽ đón nhận nó, và lúc đó nó sẽ an nhiên tiến về Nước Trời. Ngược lại, nếu linh hồn đó được phát hiện đã sống một cuộc đời lười biếng và buông thả, thì nó sẽ nghe thấy tiếng nói đáng sợ: "Hãy để kẻ gian ác bị trừng phạt, đừng để nó được chiêm ngưỡng vinh quang của Chúa" (Ê-sai 26:10); lúc đó các Thiên thần của Đức Chúa Trời sẽ bỏ rơi linh hồn ấy và những quỷ dữ đáng sợ sẽ bắt lấy, và linh hồn, bị trói buộc bởi những sợi dây không thể gỡ bỏ, sẽ bị ném xuống các ngục tối của địa ngục". Như vậy, các trạm kiểm soát (mytarstva) không gì khác hơn là một phiên tòa riêng biệt, do chính Đức Chúa Trời thực hiện trên các linh hồn con người qua sự trung gian của các Thiên thần, đồng thời cho phép cả *"những kẻ vu khống anh em chúng ta"* (Khải Huyền 12:10), những linh hồn ác quỷ – một phiên tòa mà tại đó linh hồn được nhắc lại và mọi việc làm của nó được đánh giá một cách công bằng, và sau đó số phận của nó sẽ được định đoạt. Phiên tòa này được gọi là phiên tòa riêng biệt, khác với phiên tòa chung, sẽ được tiến hành đối với tất cả mọi người vào lúc tận thế, khi Con Thiên Chúa trở lại trần gian, nhưng lần này là trong vinh quang của Ngài.

– Này, anh em ơi, Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện của anh và đã rước mẹ anh về với Ngài; vậy hãy cùng tôi cầu nguyện thêm một lần nữa, để cả hai chúng ta cùng xin Chúa tỏ lòng thương xót đối với người vợ cũ của tôi, hoặc dẫn dắt bà ấy vào đời sống tu hành, hoặc rước bà ấy về với Ngài khỏi thế gian này.

Và cả hai cùng cầu nguyện về điều đó.

Chẳng bao lâu sau, Gioan, trong niềm hân hoan, thấy vợ mình đang ngồi trong nhà: mẹ của Simeon đến bên nàng, nắm lấy tay nàng và nói:

– Hãy đứng dậy, chị em ơi, và hãy đi theo tôi, vì Đức Vua đã ban cho tôi một ngôi nhà trang hoàng lộng lẫy; chính Ngài đã khiến con trai tôi cùng với chồng chị trở thành những chiến binh của Ngài; hãy thay bộ quần áo của chị và mặc những bộ quần áo sạch sẽ.

Và ngay lập tức, bà đứng dậy, thay quần áo và đi theo bà ấy. Từ giấc mơ này, Gioan hiểu rằng vợ mình đã qua đời và cùng với mẹ của Simeon đã an nghỉ tại nơi của những người công chính, và ông vô cùng vui mừng. Từ đó, cả hai đều sống vô lo vô nghĩ và ở lại sa mạc, sống cùng nhau, chịu đựng mọi khổ nạn, suốt 29 năm, dũng cảm chiến đấu với những kẻ thù vô hình và, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, đã chiến thắng và xua đuổi chúng. Đặc biệt, Simeon đã đạt đến sự vô dục vĩ đại đến nỗi thân thể ông dường như trở thành một cây gỗ vô cảm, không cảm nhận bất kỳ ham muốn mãnh liệt nào, vì tất cả các chi thể của ông đều đã được làm chết đi.

Một lần, Simeon nói với Gioan:

– Anh em ơi, chúng ta không còn cần phải ở lại sa mạc nữa, nhưng hãy nghe tôi, chúng ta hãy đi phục vụ sự cứu rỗi của người khác: ở đây chúng ta chỉ giúp chính mình, còn không nhận được phần thưởng nào cho việc giúp đỡ người khác. Chẳng phải chính Sứ đồ đã nói: *"Đừng ai tìm kiếm lợi ích riêng mình, nhưng mỗi người hãy tìm kiếm lợi ích của người khác"*, và còn: *'Tôi làm vừa lòng mọi người trong mọi việc, không tìm lợi ích riêng mình, mà tìm lợi ích cho nhiều người, để họ được cứu rỗi'* (1 Cô-rinh-tô 10:24, 33). Và còn nữa: *'Vì mọi người, tôi đã trở thành mọi thứ, để ít nhất cứu được một số người'* (1 Cô-rinh-tô 9:22).

Nghe vậy, Gioan nói với anh ta:

– Anh ơi, tôi nghĩ rằng Satan, vì ghét sự ẩn dật của chúng ta, đã gieo vào lòng anh ý nghĩ đó, nhưng hãy chống lại nó và ở lại đây, để công việc mà chúng ta đã bắt đầu ở đây và được Đức Chúa Trời kêu gọi, chúng ta sẽ hoàn thành trong sa mạc này.

Si-mê-ôn phản bác lại:

– Hãy tin tôi đi, anh em ơi, tôi sẽ không ở lại đây nữa, nhưng nhờ sức mạnh của Đấng Christ, tôi sẽ ra đi và chế nhạo thế gian.

Giăng liền nói với anh ta:

– Tôi vẫn chưa đạt đến mức hoàn hảo để có thể chế nhạo thế gian; tôi sợ rằng thế gian sẽ làm tôi xấu hổ và tước đi ân sủng của Đức Chúa Trời nơi tôi. Tôi van xin anh, người anh em tốt lành của tôi, vì danh Chúa, Đấng đã kết hợp chúng ta lại với nhau, xin đừng bỏ rơi tôi, kẻ khiêm nhường này, đừng xa lánh người anh em của mình; anh biết rằng ngoài Thiên Chúa ra, tôi không còn ai khác ngoài anh, người anh em của tôi; tôi đã từ bỏ tất cả và chỉ gắn bó với một mình anh. Vậy mà giờ đây, anh lại muốn bỏ tôi lại một mình trong sa mạc này, như giữa biển khơi vậy. Hãy nhớ lại ngày chúng ta bốc thăm và cùng nhau đi phụng sự Chúa, hứa sẽ không bao giờ xa cách nhau. Hãy nhớ lại khoảnh khắc khi vị cha thánh Nikon của chúng ta đã mặc cho chúng ta hình ảnh thánh thiện vĩ đại của các thiên thần, và cả hai chúng ta như một linh hồn duy nhất, khiến mọi người đều kinh ngạc trước tình yêu của chúng ta. Đừng quên những lời của vị trưởng lão vĩ đại, những lời mà ngài đã an ủi và khuyên nhủ chúng ta vào ban đêm, khi chúng ta rời khỏi tu viện; đừng bỏ rơi tôi, anh em ơi, tôi van xin anh, để tôi không phải chết một mình mà không có anh, và Chúa sẽ truy cứu trách nhiệm của anh về linh hồn tôi.

Simeon khuyên nhủ anh:

– Hãy coi như tôi đã chết; thực ra, nếu tôi chết, anh chẳng phải sẽ ở lại một mình sao? Hãy tin rằng nếu anh đi cùng tôi, anh sẽ làm điều tốt; nếu không đi, đó là ý muốn của anh; còn tôi thì dù sao cũng không ở lại đây, mà sẽ đi đến nơi nào Chúa truyền cho tôi.

Giăng hiểu rằng đó là sự thúc giục từ Thiên Chúa dành cho anh mình, để anh rời sa mạc ra thế gian, và không còn cãi lại anh nữa. Trong nỗi đau buồn vì phải chia ly với anh mình, anh nói với anh như sau:

– Hãy cẩn thận, Simeon yêu dấu, đừng để những gì đã thu thập được trong sa mạc bị thế gian làm tan vỡ, và những gì anh đã đạt được nhờ sự im lặng, đừng để bị những lời đồn đại trần tục làm hư hại; đừng để giấc ngủ hủy hoại những đêm thức trắng của anh, và những thú vui trần tục đừng làm tan biến sự chiêm niệm của đời tu. Hãy cẩn

trọng để hình ảnh của những người phụ nữ – những người mà Thiên Chúa đã gìn giữ anh khỏi cho đến ngày hôm nay – đừng hủy hoại sự trong sạch của anh, và lòng ham muốn tích lũy của cải đừng cướp đi sự vô tham của anh trong sa mạc; – để những ngày chay tịnh của anh đừng bị phá vỡ bởi việc thưởng thức đủ loại thức ăn, và để những giọt nước mắt của anh đừng bị tiếng cười xóa bỏ, còn lời cầu nguyện – bởi sự lười biếng. Dù ngươi, hỡi người yêu dấu, đã nhận được từ Đức Chúa Trời sức mạnh đến nỗi có thể an toàn ở giữa thế gian, giữa loài người, mà vẫn giữ được sự cứu rỗi của mình, thì hãy vẫn cẩn trọng gìn giữ trái tim ngươi khỏi những việc ngươi sẽ làm trước mặt người ta bằng thân xác; đừng để ý chí tham gia vào điều đó, đừng để linh hồn ngươi chạm vào những gì bàn tay chạm vào, và trái tim đừng tìm thấy niềm vui từ những gì đôi môi nếm thử; cùng với đôi chân bước đi, đừng để sự bình an nội tâm bị xáo trộn, và mọi điều diễn ra bên ngoài đừng được cảm nhận bên trong, và tâm trí ngươi hãy được giữ gìn trong sự thanh thản. Ta vui mừng vì sự cứu rỗi của ngươi, chỉ xin ngươi hãy cầu nguyện cho ta cùng Đức Chúa Trời, để Ngài đừng chia lìa chúng ta khỏi nhau trong thế giới tương lai.

– Đừng sợ, anh em yêu dấu của tôi là Gioan, – Simeon đáp lại, – những gì tôi muốn làm không phải theo ý muốn của tôi, mà là theo ý muốn của Thiên Chúa; và anh sẽ biết rằng việc làm của tôi đẹp lòng Thiên Chúa qua việc tôi sẽ đến gặp anh trước khi tôi qua đời, chào hỏi anh và mời anh đi cùng tôi, và chỉ sau vài ngày nữa, anh sẽ theo tôi.

Sau khi trò chuyện như vậy, cả hai cùng quỳ xuống cầu nguyện và cầu nguyện rất lâu trong nước mắt. Sau đó, sau khi ôm nhau vài lần và hôn lên môi và ngực nhau, Gioan tiễn Simeon đi, đưa anh ấy ra tận nơi xa: anh không muốn phải chia tay với anh ấy. Và mỗi lần Simeon nói với anh:

– Hãy trở về đi, anh em Gioan ơi, – những lời ấy đối với ông như một thanh gươm sắc bén, cắt đứt linh hồn khỏi thân xác. Cuối cùng, sau khi hôn nhau lần cuối, họ chia tay: Simeon ra đi về với thế gian, còn Gioan trở về sa mạc, nước mắt tuôn trào.

Rời khỏi sa mạc, thánh Simeon lên thành thánh Giê-ru-sa-lem: vì ngài khao khát được chiêm ngưỡng những thánh địa mà ngài đã không được thấy suốt bao nhiêu năm qua; và khi đến đồi Golgotha[5212] , ngài ở lại đó ba ngày, thường xuyên đến thờ lạy Thánh Giá vinh hiển và ban sự sống, cùng Mộ Thánh của Chúa. Ông siêng năng cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Chúa che giấu những việc làm của ông trước mặt mọi người cho đến khi ông lìa khỏi cõi đời này, để nhờ đó tránh được sự vinh quang hão huyền và lòng kiêu ngạo, thứ đã hủy diệt và làm cho ngay cả các Thiên Thần cũng bị rơi xuống khỏi trời; nhưng xin cho mọi người đều coi ông là kẻ điên rồ và vô lý, và xin cho ông được nhận điều mình cầu xin. Chúa lắng nghe lời cầu nguyện của những tôi tớ chân chính của Ngài và đáp ứng lời khẩn cầu của họ.

Và sau đó, vị thánh nhân của Chúa đã thực hiện biết bao phép lạ: trừ quỷ, tiên tri về tương lai, chữa lành mọi bệnh tật, cứu người khỏi cái chết bất ngờ, dẫn dắt những kẻ vô tín đến với đức tin, thuyết phục những kẻ có tội ăn năn; tuy nhiên, người ta không thể nhận ra trọn vẹn sự thánh thiện của ngài, vì Thiên Chúa đã che giấu điều đó khỏi họ; thậm chí cho đến tận lúc lâm chung, họ vẫn coi ngài là người điên rồ và bị quỷ ám. Chính ngài cũng biết cách che giấu những việc kỳ diệu do ân sủng Thiên Chúa ban cho bằng vẻ bề ngoài của sự điên rồ, như câu chuyện sau đây sẽ cho thấy. Xin đừng để ai bị cám dỗ khi đọc về những hành động kỳ lạ và gây cười mà Thánh Simeon đã thực hiện dưới vỏ bọc của sự giả điên, nhằm chế giễu thế gian trống rỗng và kiêu ngạo, nhưng hãy suy ngẫm từng lời của các Tông đồ: *"Nếu ai trong anh em tự cho mình là khôn ngoan trong thế gian này, thì hãy trở nên điên rồ"* (1 Cô-rinh-tô 3:18–19). Và còn nữa: *"Chúng ta là những kẻ điên rồ vì Đấng Christ, bởi vì sự khôn ngoan không khôn ngoan của Đức Chúa Trời còn khôn ngoan hơn sự khôn ngoan của loài người"* (1 Cô-rinh-tô 4:10, 1:25). Từ Giê-ru-sa-lem, Thánh Si-mê-ôn lên đường đến thành phố Ê-mê-sa và tại đó bắt đầu cuộc sống giả điên vì Chúa: khi đến gần thành phố, ngài thấy một con chó chết nằm trên đống rác; ngài tháo thắt lưng ra, buộc

---

[5212] Golgotha – nơi gọi là "trán" hay ngọn đồi, nơi Chúa Giê-su Ki-tô đã bị đóng đinh. Động từ tiếng Do Thái "let" – nguồn gốc của từ Golgotha trong tiếng chúng ta – có nghĩa là "trán", "sọ"; có lẽ ngọn đồi này được đặt tên như vậy vì hình dáng giống như trán; một truyền thuyết cổ xưa và mang ý nghĩa sâu sắc giải thích tên gọi này là do A-đam đã được chôn cất tại đây, nên thập tự giá của Đấng Christ đã được dựng lên ngay trên đầu vị tổ phụ của loài người đang an nghỉ. Vào thời điểm Chúa Giê-su qua đời, ngọn đồi này vẫn còn nằm bên ngoài Giê-ru-sa-lem (Ma-thi-ơ 27:33, 28:11; Hê-bơ-rơ 13 và các đoạn tiếp theo). Sau khi được tái thiết sau khi bị phá hủy, Giê-ru-sa-lem đã mở rộng chủ yếu về phía bắc và tây bắc, khiến Gô-gô-tha nằm gần như ở giữa phần phía tây của Giê-ru-sa-lem mới. Và ngày nay, người ta vẫn chỉ ra vết nứt trên vách đá của ngọn núi được gọi là Golgotha, do trận động đất gây ra vào thời điểm Chúa Kitô Cứu Thế qua đời (Mt 27:51). Thánh Cyril thành Giê-ru-sa-lem đã nói (khoảng năm 350): "Ngọn đồi Thánh Golgotha này, dường như vẫn sừng sững cho đến nay, cho đến tận bây giờ vẫn là bằng chứng cho thấy rằng vào thời điểm Chúa qua đời, vách đá đã bị nứt ra.

vào chân con chó và kéo nó vào thành phố, nhanh chóng đi qua cổng thành và lê lết nó dọc các con phố. Một đám đông trẻ em tụ tập lại, chạy theo ngài và la lên:

– Tu sĩ giả điên, tu sĩ giả điên!

Và chúng ném đá vào ông và đánh ông bằng gậy. Vào sáng Chủ nhật, ông bước vào nhà thờ khi Thánh lễ vừa bắt đầu, với những quả hạch giấu trong áo. Trước hết, Simeon bắt đầu thổi tắt các ngọn nến, và khi họ định đuổi ông ra, ông nhảy lên bục giảng, ném hạt dẻ vào các phụ nữ, và họ chỉ có thể đuổi ông ra khỏi nhà thờ với rất nhiều khó khăn. Khi chạy trốn, ông làm đổ những ổ bánh mì đang bày bán và bị các chủ tiệm bánh đánh đập dữ dội đến mức suýt chết. Sau đó, một người bán đồ ăn và bánh mì, một kẻ vô đạo theo tà thuyết của Seviro[5213] , khi nhìn thấy vị lão nhân thánh thiện và không nghi ngờ rằng ông là người giả điên, đã nói với ông:

– Sao ông lại lang thang thế, vị tu sĩ già? Hãy đến chỗ tôi và bán chè, đậu, ngũ cốc và các loại thực phẩm khác đi.

Ông lập tức đồng ý và, sau khi ngồi xuống trong căn phòng nhỏ của người đàn ông đó, bắt đầu phát miễn phí các thực phẩm cho những người ăn xin đến, đồng thời tự mình ăn chúng, vì ông đã không ăn gì suốt cả tuần. Và khi đã phát hết mọi thứ mà không thu được đồng nào, người đàn ông ấy bắt đầu đánh ông rất dữ dội, giật râu ông và đuổi ông ra khỏi nhà; nhưng ông lão không đi, mà ngồi xuống ngay trước cổng. Một giờ sau, nghe thấy vợ chủ quán đòi than hồng để thắp hương, ông chạy đến lò sưởi và, không tìm thấy muôi, liền nắm than hồng bằng tay rồi mang đến cho bà chủ để bà đặt nhang vào đốt. Thấy vậy, bà ta kinh hoàng la lên và quát mắng ông:

– Anh đang làm gì vậy? Sao anh lại đốt tay mình thế?

Còn anh ta thì chuyển than vào áo mình, rồi nói:

– Nếu bà không muốn tôi thắp hương bằng tay, thì tôi sẽ thắp bằng quần áo.

Và, sau khi đặt nhang, ông tiếp tục xông hương cho đến khi than hồng tàn lụi. Thấy tay và áo quần ông vẫn nguyên vẹn, không bị lửa thiêu, vợ chồng chủ nhà vô cùng kinh ngạc và sau đó gia nhập Giáo hội Công giáo, còn vị tu sĩ già thì được tôn kính như thánh nhân: nhưng ông đã bỏ trốn khỏi ngôi nhà đó và không quay lại cho đến khi phép lạ ấy bị lãng quên.

Khi ông giả điên ở thành phố, một chủ quán rượu đã đưa ông về nhà mình và đối xử với ông như nô lệ. Người chủ đó có tính cách tàn nhẫn và vô nhân đạo, hiếm khi cho vị tu sĩ già ăn uống, dù nhờ ông mà ông ta thu được nhiều lợi nhuận, bởi vì dân thành phố thường chế giễu:

– Hãy đi uống rượu ở quán rượu nơi có ông lão điên.

Vị lão nhân bằng sự giả điên của mình đã mang lại niềm vui cho những người đang uống rượu. Một lần nọ, một con rắn bò đến, uống rượu từ chiếc bình rồi nhả nọc độc vào đó và bò đi. Lúc đó không có ai trong phòng, còn ông lão điên thì đang ở ngoài nhà, nhảy múa lố bịch giữa đám đông và nhảy theo tiếng trống. Một lúc sau, ông bước vào nhà và thấy trên chiếc bình có một từ mà không ai nhìn thấy: "Cái chết".

Hiểu ra chuyện đã xảy ra, vị tu sĩ già cầm cây gậy đập vỡ chiếc bình đầy rượu, và rượu tràn ra. Ngay lúc đó, chủ quán rượu bước vào, thấy vị tu sĩ già đã đập vỡ chiếc bình, liền giật lấy chính cây gậy đó và đánh ông không thương tiếc cho đến khi chính mình mệt lả, rồi đuổi ông ra khỏi nhà. Sáng hôm sau, ông lão lại đến quán rượu và dường như đang trốn tránh chủ quán. Rồi con rắn lại bò đến, bắt đầu uống rượu từ một bình khác; thấy vậy, chủ quán liền cầm cây gậy lên và, với ý định giết con rắn, đã đánh vào bình rượu; con rắn bò đi, còn bình thì vỡ tan và rượu tràn ra; không chỉ bình đó, mà cả những ly rượu đặt gần đó cũng vỡ tan. Còn ông lão, đứng phía sau, đã thốt lên:

– Ngươi thấy chưa, không chỉ có ta, kẻ điên rồ, mới làm vỡ bình, mà chính ngươi cũng đang làm điều tương tự.

Lúc đó, chủ quán rượu, khi hiểu ra lý do tại sao Simeon đã làm vỡ bình rượu hôm qua, đã hối hận vì đã đánh Simeon một cách tàn nhẫn mà không có lý do, và bắt đầu tôn kính ông như một vị thánh. Còn vị tu sĩ già, không mong muốn được tôn kính, mà lại mong muốn sự sỉ nhục và khinh miệt, đồng thời khôn ngoan che giấu cuộc đời thánh thiện như thiên thần trong thân xác bằng vẻ ngoài của một người điên, đã làm điều sau đây: Một ngày nọ, khi

[5213] Thánh Severus – Thượng phụ Antioch (512–518), một người ủng hộ nổi bật và nhiệt thành của tà thuyết Monophysite, cho rằng Chúa Giêsu Kitô, mặc dù được sinh ra từ hai bản tính, nhưng không tồn tại trong hai bản tính, vì khi Con Thiên Chúa nhập thể, bản tính con người, được Lời Thiên Chúa tiếp nhận đã trở thành một phần của Thần Tính Ngài, đã mất đi tính hiện hữu của nó và chỉ có thể được tách biệt khỏi Thần Tính đó trong tư tưởng mà thôi.

vợ của chủ quán rượu đang nghỉ ngơi một mình trong phòng, còn chồng cô thì đang bán rượu, vị tu sĩ già đến gặp cô và bắt đầu cởi quần áo, giả vờ như muốn lên giường với cô. Thấy vậy, cô liền la lên, và chủ quán rượu chạy đến, người vợ nói với anh ta:

– Hãy đuổi tên người điên khốn kiếp này đi, vì hắn muốn cưỡng hiếp tôi.

Người chồng đã tát vào tai ông lão và đuổi ông ta ra ngoài trời lạnh: lúc đó trời rất lạnh và mưa, và ông lão ngồi ngoài nhà, chịu rét trong bộ quần áo cũ nát và rách rưới. Kể từ đó, không chỉ chính chủ quán rượu không coi ông ta là thánh nhân nữa, mà cả những người khác, nếu có ai nói rằng Simeon giả điên vì Chúa Kitô, thì ông ta đều thề thốt khẳng định:

– Quả thật, hắn là kẻ bị quỷ ám và điên loạn, hơn nữa còn là kẻ dâm đãng: hắn đã định cưỡng hiếp vợ tôi, lại còn ăn thịt và làm những việc vô đạo đức khác, như thể không biết đến Đức Chúa Trời vậy.

Bởi vì vị thánh nhân ấy, nhiều lần, sau khi nhịn ăn bảy ngày, đã ăn thịt trước mặt mọi người, cố ý làm như vậy để mọi người không chỉ coi ông là người giả điên, mà còn là kẻ tội lỗi. Để thể hiện rõ hơn sự điên rồ giả tạo của mình, bỏ qua sự xấu hổ của con người, ông đã nhiều lần đi lang thang trần truồng trong chợ, như thể không có thân xác, là người bắt chước chân chính những vị không có thân xác. Một phó tế phục vụ tại nhà thờ trong thành phố đó, tên là Gioan, một người đàn ông đạo đức và hiếu Chúa, hiểu rõ sự giả vờ làm người điên vì Chúa của Simeon, một lần thấy vị lão nhân này, không biết là do nhịn đói hay do những vất vả khi giả vờ làm người điên, cơ thể đã suy yếu nghiêm trọng, nên muốn tắm rửa cho ông, như một trò đùa, liền hỏi:

– Ông đi tắm rửa đi, người giả điên ơi?

Và ông ấy, cười lên, nói:

– Tôi sẽ đi, tôi sẽ đi.

Và ngay lập tức, ông cởi bộ áo rách ra, cuộn lại rồi đặt lên đầu. Vị phó tế nói với ông:

– Hãy mặc quần áo vào, anh em ơi, vì nếu anh đi trần truồng, tôi sẽ không đi cùng anh đâu.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Tôi đã làm việc quan trọng nhất trước rồi, và nếu anh không muốn đi cùng tôi, thì tôi sẽ cảnh báo anh trước.

Nói xong, ông chạy về phía trước. Ở đó có hai nhà tắm: một dành cho nam, một dành cho nữ; ông bỏ qua nhà tắm nam, đi thẳng đến nhà tắm nữ. Vị phó tế đuổi kịp ông, la lên:

– Chờ đã, người điên, đừng đi vào đó; vì đó là phòng tắm dành cho phụ nữ.

Quay lại nhìn ông ta, Simeon nói:

– Dù sao thì ở đó cũng có nước nóng và nước lạnh, ở đây cũng có nước nóng và nước lạnh, chẳng có gì đặc biệt khác ở cả hai nơi cả.

Nói xong, ông lao thẳng về phía trước, trần truồng bước vào phòng tắm và ngồi giữa đám phụ nữ. Ngay lập tức, tất cả họ đều xông vào ông, đánh đập và đuổi ông ra khỏi đó. Sau đó, vị phó tế, đặc biệt là khi chỉ còn lại một mình với vị thánh, đã hỏi:

– Thưa Cha, thân xác của Cha cảm thấy thế nào khi Cha, trong tình trạng trần truồng, bước vào giữa những người phụ nữ cũng trần truồng?

Vị thánh nhân đáp:

– Hãy tin tôi, anh em ơi, tôi cũng giống như một cái cây giữa những cái cây khác, tôi ở giữa họ mà không cảm thấy mình có thân xác, không nghĩ rằng mình đang ở giữa những sinh vật xác thịt, mà toàn bộ tâm trí tôi đều hướng về công việc của Đức Chúa Trời.

Vị thánh đã bày tỏ sự vô cảm của thân xác đã được chế ngự ấy cho vị phó tế đó, người mà ngài không giấu diếm bất cứ điều gì về cuộc đời mình, vì ngài nhận ra ở người ấy một tôi tớ chân chính của Chúa. Và giữa hai người nảy sinh tình yêu thương thân thiết vì Chúa Kitô, và họ hiểu rõ những việc làm đẹp lòng Chúa của nhau.

Với lối sống như người điên, Thánh Simeon không chỉ cứu rỗi chính mình mà còn cứu rỗi người khác: ngài đã dẫn dắt nhiều tội nhân đến sự ăn năn, bằng cả lời nói lẫn hành động. Có một thanh niên sa vào tội ngoại tình và ngay lập tức, theo sự trừng phạt của Đức Chúa Trời, anh ta bị Sa-tan hành hạ về thể xác (1 Cô-rinh-tô 5:5) và bị linh hồn ô uế hành hạ. Thấy vậy, vị thánh nhân đã vỗ vào má anh ta và thì thầm vào tai:

– Đừng ngoại tình.

Và ngay lập tức, tà linh rời khỏi anh ta, và chàng trai trẻ đã được lành bệnh. Khi được hỏi làm thế nào mà anh ta được chữa lành, anh ta kể lại:

– Tôi đã thấy một vị tu sĩ già, tay cầm cây thánh giá gỗ, người đã xua đuổi con chó đen đáng sợ khỏi tôi bằng những cú vung thánh giá, và tôi đã khỏi bệnh.

Ông không thể tiết lộ rằng chính Simeon, người thánh điên, đã chữa lành cho ông, bởi vì Chúa đã giữ im lặng cho ông cho đến tận lúc Simeon qua đời. Có một diễn viên hài tên là Psifas, thường biểu diễn những màn hài kịch trên các quảng trường. Khi ông ta đang biểu diễn màn diễn thường lệ trước đám đông, Simeon đến đó và, khi nhìn thấy diễn viên hài, đã nhận ra một số đức tính tốt trong cuộc đời ông ta, và, mong muốn ngăn cản anh ta khỏi việc làm không đẹp lòng Chúa đang diễn ra rõ ràng, ông đã nhặt một hòn đá rất nhỏ, làm dấu thánh giá rồi ném vào anh ta, trúng vào tay phải của anh ta, và ngay lập tức bàn tay đó khô héo – và không ai có thể biết được ai đã ném hòn đá đó. Và người diễn viên hài đã ra về trong bệnh tật và u sầu. Trong giấc mơ, vị thánh nhân hiện ra trước mặt anh ta và nói:

– Chính ta đã ném hòn đá vào ngươi, và nếu ngươi không ăn năn và thề với ta rằng sẽ không còn theo đuổi nghệ thuật lố bịch đó nữa, thì ngươi sẽ không được chữa lành.

Anh ta đã thề với Đức Trinh Nữ Maria rằng sẽ không bao giờ biểu diễn những trò đó nữa, và khi thức dậy, anh ta cảm thấy khỏe mạnh trở lại, cánh tay cũng đã lành lặn, nhưng anh ta không thể nêu tên người đã chữa lành cho mình, mà chỉ lặp đi lặp lại rằng một vị tu sĩ nào đó, đội vòng hoa làm từ cành cây chà là trên đầu, đã chữa lành cho anh ta. Vị thánh nhân còn có khả năng tiên tri về tương lai và đã bí mật tiên đoán điều đó cho những người khác. Vài ngày trước trận động đất lớn xảy ra tại vương quốc Mauritius[5214] , khiến thành Antioch[5215] sụp đổ và nhiều tòa nhà bằng đá ở Emesa bị phá hủy, vị tu sĩ già, trong lúc giả điên, đã lấy trộm một cây roi đan bằng da từ trường học và chạy khắp thành phố, đánh vào các cột đá; những cột này dùng để chống đỡ các tòa nhà, và trước một số cột, ông lẩm bẩm:

– Chúa truyền cho ngươi phải đứng vững.

Còn trước một cột khác:

– Ngươi đừng đứng, cũng đừng ngã. Và khi trận động đất xảy ra, tất cả các cột đá mà vị thánh đã đánh vào và ra lệnh phải đứng vững đều vẫn nguyên vẹn và không hư hại; những cột khác thì đổ sập cùng với những ngôi nhà dựa vào chúng, và vỡ tan thành bụi. Còn cây cột mà vị thánh đã nói "đừng đứng vững, cũng đừng ngã xuống" thì bị tách làm đôi, từ trên xuống dưới, và vẫn đứng đó, hơi nghiêng một chút. Khi vị thánh vừa đập vào các cột vừa ra lệnh cho chúng đứng vững, nhiều người nghĩ rằng ngài làm vậy trong cơn điên loạn; nhưng khi thấy chúng vẫn đứng vững, nguyên vẹn sau trận động đất, nhiều người lúc đó mới hiểu rằng đó là điềm báo tiên tri của vị thánh ngây thơ về trận động đất. Cũng vậy, khi dịch bệnh sắp xảy ra, vị thánh lại đến các trường học, hôn các em nhỏ, như thể đang mỉm cười, và nói với từng em:

– Hãy đi đi, hỡi người tốt lành của ta! Hãy đi đi, hỡi người xinh đẹp của ta!

Ông không hôn tất cả các em nhỏ, mà chỉ hôn những em mà ân sủng của Chúa chỉ định. Còn với thầy giáo, ông nói:

– Này, anh em ơi, vì danh Chúa, xin đừng đánh những đứa trẻ mà tôi hôn, vì chúng cần phải lên đường đi xa.

Còn thầy giáo thì sỉ nhục ông, lúc thì tự tay đánh ông, lúc thì ra lệnh cho các em đánh ông, rồi họ trói vị tu sĩ già vào cột và đánh đập. Và khi, theo sự cho phép của Chúa, dịch bệnh ập đến thành phố, không một em nào trong số những em mà vị thánh đã hôn còn sống sót, tất cả đều qua đời, và lúc đó người ta mới hiểu được lời tiên tri của ông.

Vị tu sĩ già có thói quen vào nhà những người giàu có và diễn trò điên rồ, trong đó ông đã nhiều lần hôn các nô tì của họ trước mặt mọi người. Có một lần, một nô tì của một công dân nổi tiếng đã phạm tội với một chàng trai trẻ và mang thai với anh ta; khi người chủ phát hiện ra cô mang thai và hỏi cô đã phạm tội với ai, cô nô tì không

---

[5214] Thánh Mauritius – hoàng đế từ năm 582 đến năm 602.

[5215] Thành phố Antioch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Giáo hội Kitô giáo, vừa là trung tâm lớn thứ hai của Kitô giáo sau Jerusalem, vừa là Giáo hội Kitô giáo đầu tiên được thành lập từ những người ngoại đạo. Antioch được thành lập 300 năm trước Công nguyên bởi vua Syria Seleucus Nicator, người đã thành lập hơn mười thành phố khác mang tên Antioch, nhằm lưu danh cha mình là Antiochus. Còn thành phố thủ đô Antioch này, để phân biệt với các thành phố khác, được gọi là Antioch Epidaphna, tức là gần đền thờ và khu rừng Daphne; thành phố này còn được gọi là Antioch trên sông Orontes, theo tên con sông mà thành phố tọa lạc bên bờ, cách nơi sông đổ ra Biển Địa Trung Hải khoảng 10 verst.

muốn tiết lộ danh tính kẻ đã dụ dỗ mình, mà nói rằng một tu sĩ giả điên đã cưỡng hiếp cô. Khi vị tu sĩ già, theo thông lệ, đến ngôi nhà đó, bà chủ nói với ông:

– Simeon ơi, ngươi đã làm đúng chưa khi cưỡng hiếp nô tỳ của ta, người thậm chí còn mang thai con của ngươi?

Vị tu sĩ già chỉ cười với bà:

– Đừng lo lắng bây giờ, đừng lo lắng, cho đến khi cô ấy sinh con, và bà sẽ có một cậu bé Simeon.

Từ ngày đó, vị tu sĩ bắt đầu gọi người tớ gái ấy là vợ mình và thường xuyên đến thăm cô, mang theo bánh mì trắng, thịt và cá, vừa ăn vừa nói:

– Ăn đi, vợ của ta, ăn đi.

Khi đến lúc sinh nở, người phụ nữ ấy bị đau đớn và ba ngày liền không thể sinh con, suýt chết. Chủ nhân của cô ấy đã đến gặp vị thánh, xin ông:

– Xin ngài cầu nguyện với Chúa, thưa vị tu sĩ, vì vợ ngài không thể sinh con được.

Còn ông, vừa chơi nhạc vừa vỗ tay, nói thêm:

– Ta thề bằng danh Chúa Giê-su, ta thề bằng danh Chúa Giê-su, đứa trẻ sẽ không chào đời cho đến khi nàng thừa nhận ai là cha của nó.

Nghe vậy, người phụ nữ đang đau đớn vì chuyển dạ đã thú nhận sự thật rằng mình đã vu khống vị tu sĩ vô tội và nêu tên kẻ đã dụ dỗ mình, người mà cô đã phạm tội cùng. Sau đó, cô sinh con và người ta bắt đầu coi vị tu sĩ già là thánh; còn những người khác thì nói rằng ông ta hành động như một pháp sư dưới sự xúi giục của Satan: vì ông ta là người điên rồ và bị quỷ ám.

Ngoài ra, vị thánh còn có thể thấu hiểu những ý nghĩ thầm kín trong lòng con người, điều này được thể hiện rõ qua câu chuyện sau: gần thành phố có một tu viện, nơi hai vị tu sĩ đang thảo luận và nghiên cứu về Origene, tại sao một nhà thông thái như vậy lại sa vào tà giáo[5216] . Một vị khẳng định rằng sự khôn ngoan của Origene không đến từ Thiên Chúa, mà từ việc học hỏi và đọc nhiều sách vở; còn vị kia thì cho rằng không thể nào một con người, nếu không có ân sủng của Thiên Chúa, lại có thể nói và viết như vậy, đến nỗi những điều đó cho đến nay vẫn được các tín hữu Chính Thống Giáo chấp nhận. Vậy nên, sau những cuộc tranh luận và bất đồng kéo dài, họ đã quyết định với nhau:

– Nghe nói sa mạc Jordan có những vị thánh phụ vĩ đại, được Thiên Chúa ban cho sự khôn ngoan; vậy thì chúng ta hãy đến đó, xem liệu có ai ở đó có thể giải tỏa nghi ngờ của chúng ta hay không.

Sau khi quyết định như vậy, họ trước tiên đến thành thánh Giê-ru-sa-lem, và sau khi thờ lạy các thánh địa, họ lên đường đến sa mạc Biển Chết; và nhờ sự an bài của Đức Chúa Trời, Đấng không khinh dể công lao của họ, họ đã gặp được Thánh Gioan, người là bạn và đồng hành của Simeon.

[5216] Origen – vị thầy nổi tiếng của Giáo hội Alexandria, một kỳ tài của thời đại về trí tuệ và sự uyên bác. Nhiều vị Giáo phụ vĩ đại nhất đã dành sự kính trọng sâu sắc đối với các tác phẩm thần học và công lao của Origen; nhưng sau đó, ngay khi còn sống, ông đã bị kết án là kẻ dị giáo tại hai Công đồng địa phương ở Alexandria và sau khi qua đời – tại Công đồng Constantinopolis năm 543. Mặc dù không đưa ra những quan điểm phi chính thống của mình như những chân lý bất di bất dịch, Origen vẫn có những suy nghĩ sai lầm về nhiều chân lý trong giáo lý của Giáo hội Kitô giáo, khiến một số người nghi ngờ sự kiên định của ông đối với các tín điều Kitô giáo quan trọng nhất. Khi phát triển học thuyết phi Chính thống về sự tồn tại trước của các linh hồn, ông đã suy nghĩ sai lầm về Đấng Christ, cho rằng Thiên Chúa đã tạo ra một số lượng nhất định các thực thể thiêng liêng có phẩm giá ngang nhau, có khả năng thấu hiểu Thiên Chúa và trở nên giống Ngài; một trong những linh hồn được tạo dựng đó, với tình yêu nồng cháy, đã hướng về Thiên Chúa đến mức hòa nhập không thể tách rời với Lời Thiên Chúa hoặc trở thành phương tiện hữu hình của Ngài; theo quan điểm của Origen, chính đó là linh hồn con người, nhờ đó Thiên Chúa-Lời có thể nhập thể trên trần gian, bởi vì việc Thiên Chúa-Lời trực tiếp nhập thể và việc tạo dựng thế giới cùng con người, Origen cũng hiểu cái chết của Chúa Kitô theo nghĩa không chính thống, coi đó là điều lặp lại về mặt tinh thần trong thế giới tinh thần và qua đó tác động đến việc giải thoát các Thiên thần, đồng thời gán cho các sức mạnh thông thường mà bản tính chúng ta được ban tặng một vai trò quá lớn trong công cuộc cứu rỗi. Origen cũng suy nghĩ sai lầm ở một số điểm trong giáo lý của mình về sự phục sinh và cuộc sống tương lai: ví dụ, về việc ma quỷ có thể được cứu rỗi, và trong việc giải thích Kinh Thánh, ông đã hiểu quá mức theo nghĩa huyền bí, làm tổn hại đến ý nghĩa lịch sử của Kinh Thánh. Tuy nhiên, dù sao đi nữa, những đóng góp của Origène đối với Giáo Hội vẫn đáng kể hơn và bù đắp cho những sai lầm của ông. Trong các trường học của mình, ông đã đào tạo ra nhiều vị Thánh Cha và nhà giảng dạy xuất sắc của Giáo Hội, trong số đó có những người nợ ông việc chuyển đổi từ ngoại giáo sang đức tin Kitô giáo – đức tin mà ông mong muốn hòa hợp với tri thức và triết học. Đặc biệt đáng chú ý là các công trình của ông về nghiên cứu Kinh Thánh – việc giải thích, và quan trọng nhất – việc phục hồi và thanh lọc bản văn nguyên thủy; cũng đáng chú ý là các tác phẩm của Origene nhằm bảo vệ Kitô giáo trước các kẻ thù và những kẻ dị giáo. Trong cuộc bách hại dưới thời Đế vương Decius, Origene đã được tôn vinh là vị chứng nhân dũng cảm của Chúa Kitô; ngài qua đời ở tuổi bảy mươi tại thành Tyre vào năm 254.

Vào thời điểm đó, Thánh Gioan đã đạt đến mức độ thánh thiện hoàn hảo và có ân sủng tiên tri. Ngay khi nhìn thấy các vị cha đang tiến về phía mình, ngài nói với họ:

– Các vị đã làm rất đúng khi rời bỏ biển để múc nước từ hồ cạn.

Sau một cuộc trò chuyện tâm linh kéo dài giữa họ, khi cuộc tranh luận về Origen được nhắc đến, Thánh Gioan đã nói với những người đến:

– Thưa các vị, tôi không được Thiên Chúa ban ân sủng để có thể bàn luận về những điều chưa được biết rõ, nhưng các vị hãy đến gặp vị thánh điên Simeon ở thành phố của các vị, người ấy sẽ trả lời mọi điều các vị hỏi.

Họ trở về nhà, rồi đến thành phố Emesa và hỏi:

– Ông lão Simeon, người giả điên, ở đâu?

Một số người cười nhạo và nói với họ:

– Các ngươi muốn nghe gì từ một kẻ điên rồ, kẻ lừa dối mọi người, chế giễu mọi thứ, và hơn hết là làm phiền các tu sĩ?

Còn họ, phớt lờ những lời đó, đi tìm vị lão nhân và tìm thấy ông trong nhà một người trồng rau, đang nằm trên đống đậu và ăn đậu, giống như một con gấu. Ngay lập tức, một trong số họ, bị cám dỗ, nghĩ thầm và cười trong lòng:

– Quả thật, chúng ta đã đến để chiêm ngưỡng một vị hiền triết vĩ đại! Chúng ta có thể học hỏi được nhiều điều từ ngài!

Họ tiến lại gần ông và nói:

– Xin cha ban phước lành!

Ông nhìn họ và nói với giọng giận dữ:

– Các ngươi đến đây là vô ích, và kẻ đã sai các ngươi đến gặp ta là một kẻ điên rồ.

Rồi ngài đứng dậy, tát mạnh vào má kẻ đã bị cám dỗ, và hét lên:

– Sao lại chê hạt đậu? Nó đã ngâm nước bốn mươi ngày rồi; Origène cũng chưa từng ăn thứ này; nhưng ông ta đã xuống biển, không thể lên được và chìm xuống đáy sâu. Hãy đi khỏi đây, đi đi, nếu không các ngươi sẽ bị đánh!

Họ liền ra đi, kinh ngạc trước sự sáng suốt của vị tu sĩ già, bởi vì, dù không hỏi họ, ông đã nói với họ về Origene, nhớ ra người đã sai họ đến và vạch trần ý nghĩ thầm kín trong lòng họ, nhưng họ không thể kể lại điều đó cho ai nghe. Còn lời ông nói về hạt đậu đã ngâm trong nước bốn mươi ngày, có nghĩa là ông đã nhịn ăn suốt bốn mươi ngày đó, như chính ông sau này đã kể lại cho người bạn là phó tế Gioan của mình.

Một lần nọ, ngài lấy cây sáo từ ngăn đựng rau củ, rồi ra đường đến một nơi gần đó, nơi mà trong một ngôi nhà bỏ hoang, một linh hồn ô uế đã ngự trị, khiến nhiều người đi qua vào lúc khuya phải khiếp sợ, và còn gây hại cho những người khác nữa. Ngồi ở đó, vị thánh thổi sáo bài cầu nguyện của vị cha đáng kính Nikon, người mà ngài đã học được từ ngài, và nhờ đó đã đuổi con quỷ ra khỏi nơi đó. Còn con quỷ, hóa thân thành một người Ethiopia nhỏ bé và đáng sợ, đã chạy vào cửa hàng rau củ, làm mọi người ở đó hoảng sợ và đập vỡ hết đồ đạc. Khi Simeon trở về, ông thấy vợ của chủ cửa hàng rau củ đang hoảng sợ và chán nản; bà kể lại với ông:

– Có một người da đen đáng sợ và hung dữ, dáng người thấp bé, đột ngột xông vào làm tất cả chúng tôi hoảng sợ và đập vỡ hết đồ đạc.

Và vị thánh nói với bà:

– Chính tôi đã sai hắn đến với các người, vì các người không gia nhập Giáo hội thánh thiện (còn họ thì theo tà thuyết của Sevirus).

Người phụ nữ định túm lấy vị thánh điên và đánh ông, nhưng ông cúi xuống, nắm một nắm đất ném vào mặt bà, làm đất bám kín mắt bà, rồi hét lên:

– Quả thật, bà sẽ không bắt được tôi cho đến khi bà gia nhập Giáo hội của tôi; còn nếu bà không muốn gia nhập, người da đen ấy sẽ lại đến với các người.

Nói xong, hắn bỏ chạy khỏi ngôi nhà đó. Ngày hôm sau, vào cùng giờ đó, con quỷ, cũng như ngày hôm trước, dưới hình dạng một người Ê-thi-ô-pi, bước vào kho rau củ đó và làm y hệt như lần đầu tiên. Lúc đó, tất cả những người sống trong ngôi nhà ấy đã không chần chừ gia nhập Giáo hội Chính thống. Cũng có một người Do Thái, kẻ phỉ báng danh Chúa Giê-su Ki-tô, đã được Thánh Si-mê-ôn dẫn dắt trở về với Chúa Ki-tô. Người Do Thái ấy (vì Thiên Chúa đã chỉ cho ông con đường dẫn đến ơn cứu rỗi) đã từng thấy vị tu sĩ già đang tắm rửa cùng hai Thiên Thần đang trò chuyện với ngài; khi nhận ra ngài là người được Thiên Chúa yêu mến, ông muốn công bố điều

mình đã thấy cho dân chúng. Tuy nhiên, vị thánh đã hiện ra với ông trong giấc mơ và cấm ông không được kể lại điều đã thấy cho bất kỳ ai. Sáng hôm sau, người Do Thái ấy ra quảng trường nhưng không thể giữ bí mật được; nhưng khi anh ta định kể cho dân chúng nghe về Thánh Simeon, vị thánh liền hiện ra trước mặt anh ta, chạm vào môi anh ta, vẽ dấu thánh giá lên đó, và khiến anh ta câm lặng, còn chính vị thánh thì chạy trốn khỏi anh ta, nhảy múa và vui đùa giữa đám đông, còn người Do Thái ấy vẫn câm lặng. Sau đó, anh ta đến gặp vị thánh, cúi đầu và gật đầu để cho thấy rằng anh ta phải chịu phép rửa tội. Sau đó, trong giấc mơ, vị thánh già hiện ra với anh ta và nói:

– Hoặc là chịu phép rửa tội, hoặc là cứ mãi câm.

Vậy là người Do Thái ấy đã chịu phép rửa tội, và khi bước ra khỏi bể rửa tội, anh ta lập tức có thể nói được và bắt đầu ngợi khen Đức Chúa Trời. Sau đó, anh ta dẫn cả gia đình mình đến với vị thánh để chịu phép rửa tội.

Vị thánh đã đạt đến mức độ thanh tịnh và vô dục đến nỗi, ngay cả khi ở giữa đám phụ nữ, ngài vẫn thanh khiết như vàng ròng giữa ngọn lửa; và nhiều lần, những người phụ nữ vô liêm sỉ đã sờ mó ngài một cách nhục nhã, thò tay vào nơi kín đáo của ngài, nhưng ngài vẫn như người chết, giống như cây gỗ vô cảm, được giải thoát, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, khỏi mọi ham muốn tự nhiên. Ngài đã kể về bản thân mình cho vị phó tế Gioan đã được nhắc đến trước đó:

– Khi tôi ở trong sa mạc và ban đầu phải chịu nhiều phiền não vì những dục vọng xác thịt, tôi đã cầu xin Chúa giúp giảm bớt cuộc chiến này, thì thánh Nikon đã hiện ra và hỏi tôi:

– Anh sống thế nào, anh em?

Và tôi đáp:

– Con đang chịu đau khổ tột cùng, thưa cha, và nếu cha không giúp con, con không biết phải làm sao, vì xác thịt đang chống đối con rất mạnh.

Vị tu sĩ già mỉm cười múc nước từ sông Jordan thánh và đổ lên bụng tôi, đồng thời làm dấu thánh giá, rồi nói:

– Thế là con đã khỏe lại rồi.

Và kể từ đó, tôi không còn cảm thấy ham muốn xác thịt nữa, cả trong giấc mơ lẫn khi tỉnh táo.

Đó là cách vị thánh hạnh phúc kể về bản thân mình cho vị phó tế ấy nghe. Với tâm hồn thanh thản, ngài tiếp xúc với phụ nữ mà không hề e ngại, và cũng như bụi cây trên núi Sinai xưa kia vẫn đứng vững giữa ngọn lửa mà không bị thiêu rụi (Xuất Hành, chương 3), ngài cũng vậy – không bị ảnh hưởng bởi sự chạm vào của phụ nữ; Thánh Simeon đến giữa họ, mong muốn họ được cứu rỗi. Đôi khi ngài nói với một người phụ nữ lăng loàn nào đó:

– Nếu em muốn, anh sẽ coi em là bạn: anh sẽ cho em 100 đồng vàng, chỉ cần em đừng phạm tội với ai cả.

Nói xong, ngài cho người phụ nữ đó xem vàng mà Thiên Chúa đã ban cho ngài một cách vô hình, bao nhiêu tùy ý ngài. Còn những người phụ nữ đó, chế nhạo ngài, hứa sẽ không phạm tội với ai cả. Nhưng ngài đòi họ phải thề. Và nếu ai thề sẽ giữ mình trong sạch suốt quãng đời còn lại, ông ta sẽ cho người đó vàng; nhưng nếu người đó không giữ lời thề mà phạm tội, vị thánh lập tức biết được, vạch trần cô ta và giáng xuống cô ta hoặc một căn bệnh quái ác, hoặc một con quỷ, để hành hạ cô ta cho đến khi cô ta đưa ra bằng chứng thực sự rằng mình đã thực sự ăn năn. Nhưng ngay khi mọi người bắt đầu coi ông là thánh, ông lập tức làm một điều gì đó, điều đó là bằng chứng rõ ràng không phải về sự thánh thiện, mà là về sự điên rồ; đôi khi ông đi khập khiễng, đôi khi lại nhảy nhót; đôi khi bò trên mặt đất, va vào chân những người đi qua; đôi khi lại nằm trên mặt đất, đập chân lia lịa. Vào ngày trăng non, ông giả vờ như bị quỷ ám và ngã xuống như người bị quỷ nhập. Ông còn làm nhiều điều khác nữa, những điều khó chịu trong mắt con người và vô lý, tự thể hiện mình là kẻ điên trước mặt mọi người, để không ai coi ông là thánh. Một lần, trong Mùa Chay, anh ta nhịn ăn, nhưng vào sáng Thứ Năm Tuần Thánh, khi đang ngồi ở quảng trường chợ, anh ta lại ăn; thấy vậy, những người đi ngang qua nói:

– Hãy nhìn tên điên này kìa; hắn không tôn trọng Thứ Năm Tuần Thánh mà lại ăn ngay từ sáng sớm.

Thấy ông, phó tế Gioan hỏi:

– Anh đã mua những thứ đang ăn này với giá bao nhiêu?

Anh ta trả lời:

– 40 đồng.

Ngụ ý rằng hắn đã không ăn gì trong 40 ngày. Nghe kể về lối sống như vậy của Simeon, một quý tộc sống gần Emesa đã thầm nghĩ:

– Ta sẽ đi xem ông ấy và tìm hiểu xem ông ấy có phải là người giả điên vì Chúa Kitô hay thực sự là người điên.

Khi ông ta đến thành phố và đi ngang qua khu nhà của những người phụ nữ lăng loàn, ông thấy một người đang cõng vị tu sĩ già trên vai, còn người kia thì đánh ông ta bằng dây thắt lưng, và ông ta nảy sinh ý nghĩ:

– Ai mà tin được rằng tên tu sĩ dối trá này không đang phạm tội tà dâm với những người phụ nữ ô uế này?

Khi ông ta đang thầm nghĩ như vậy, thì vẫn còn cách vị tu sĩ giả điên một khoảng cách bằng một hòn đá ném; vị tu sĩ già, bỏ lại những người phụ nữ đó, chạy đến chỗ vị quan và, tát vào mặt ông ta, xé toạc áo mình ra, rồi không chút xấu hổ, phơi bày thân xác đã chết đi của mình; nhảy nhót trước mặt ông ta, ông hỏi:

– Ngươi nghĩ rằng, hỡi kẻ khốn nạn, ở đây có thể nảy sinh dục vọng sao?

Người đó ngạc nhiên vì từ xa vị tu sĩ già đã nhận ra ý nghĩ của mình và tin chắc rằng ông là tôi tớ của Chúa, tự nguyện giả điên vì danh Chúa Kitô, nhưng không thể kể cho ai nghe điều đó, dù rất muốn: bởi vì bằng một sức mạnh nào đó (cũng như những người khác), lưỡi của ông bị bịt lại cho đến khi vị thánh qua đời.

Con quỷ lại nhập vào một ngôi nhà trống khác trên cùng con phố trong thành phố; khi đến gần ngôi nhà đó, Thánh Simeon nhìn thấy con quỷ đang chuẩn bị tấn công, chờ đợi một người đi ngang qua; lúc đó, vị tu sĩ già nhặt những viên đá nhỏ bỏ vào áo, đứng sang phía đối diện và ném đá vào tất cả những ai muốn đi qua con đường đó, không cho ai đi qua được: chỉ có một con chó chạy lọt qua đó và ngay lập tức, bị quỷ ám, nó bắt đầu sùi bọt mép.

Lúc đó, vị thánh nói với mọi người:

– Bây giờ các ngươi hãy đi qua đi: vì thay vì con người, con chó đã bị trúng độc.

Sau đó, vị tu sĩ già phải đi ngang qua một nơi có rất nhiều thiếu nữ đang vui chơi. Thấy ông, những thiếu nữ ấy bắt đầu chế nhạo ông, la lên:

– Tu sĩ! Tu sĩ!

Và rủ ông vào đám đông của họ. Còn ông, muốn trừng phạt sự ngang ngược của họ và khiến họ trở nên đoan trang hơn, đã thầm cầu nguyện với Chúa trong lòng và làm cho mắt tất cả họ bị lé, đến nỗi mỗi người đều bị lé mắt, còn vị tu sĩ thì tiếp tục đi tiếp. Các thiếu nữ, khi cảm thấy đôi mắt mình bị lệch, đã nhận ra rằng đó là do vị tu sĩ điên rồ đã làm và chạy theo ông, khóc lóc van xin:

– Hãy chữa lại cho chúng tôi, hỡi vị tu sĩ điên rồ, hãy chữa lại đôi mắt cho chúng tôi!

Họ nghĩ rằng ông đã làm điều đó bằng phép thuật. Khi đuổi kịp vị tu sĩ già, họ túm lấy ông và ép buộc:

– Hãy cởi trói ra, – họ nói, – những gì ông đã trói lại.

Còn ông, với giọng đùa cợt, nói:

– Nếu ai trong các ngươi muốn được chữa lành, hãy để ta hôn vào đôi mắt lé của ngươi, và ngươi sẽ được chữa lành.

Một số người trong số họ, những người mà Chúa muốn chữa lành, đã đồng ý để vị tu sĩ già hôn vào mắt họ, và ngay lập tức họ được chữa lành – đôi mắt họ trở lại như trước đây. Còn những người ghê tởm vị tu sĩ già và không đồng ý để ông hôn, thì họ vẫn không được chữa lành và khóc lóc. Khi vị tu sĩ già đi chưa xa lắm, họ chạy theo ông và la lên:

– Chờ đã, ngài thánh nhân, chờ đã, vì Chúa, chờ đã! Hãy hôn chúng tôi đi!

Nhưng vị tu sĩ già không nghe theo họ. Thế là vị tu sĩ già chạy đi, còn các thiếu nữ thì đuổi theo ông. Trong số những người chứng kiến cảnh đó, có người nói:

– Những cô gái đang đùa giỡn với ông ấy.

Còn những người khác thì cho rằng họ đã trở nên điên dại; vị thánh nói với một số người trong đám đông:

– Nếu Chúa không làm cho mắt họ mờ đi, thì họ đã vượt qua tất cả phụ nữ Syria về tội dâm dục; nhưng giờ đây họ sẽ không còn như vậy nữa.

Một lần nọ, một số cư dân thành Emesa đã đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ Phục Sinh. Khi họ trở về nhà sau khi lễ kết thúc, một người trong số họ tách ra và đi vào sa mạc để viếng thăm các vị thánh tổ, nhằm được hưởng ân sủng từ lời cầu nguyện và sự ban phước của các ngài. Ông đi vòng quanh các phòng tu của các vị thánh tổ với những món quà, phân phát tiền bố thí từ tài sản của mình. Theo sự an bài của Đức Chúa Trời, anh ta tình cờ gặp được Thánh Gioan, người sống gần Biển Chết và sông Jordan, và từng là môn đệ của Thánh Simeon; người thành phố đó cúi đầu kính lạy ngài, xin ngài ban phước lành và cầu nguyện cho mình. Thánh Gioan bèn nói với anh ta:

– Khi trong thành phố đã có vị thánh nhân của Chúa là Thánh Simeon, người được gọi là "người điên thánh", tại sao ngươi lại đến xin lời cầu nguyện từ ta, một kẻ nghèo hèn này; không chỉ riêng ta, mà cả thế giới này đều cần đến những lời cầu nguyện của ngài.

Rồi ngài dẫn người ấy vào phòng tu của mình – và kìa, trong phòng tu ấy đã có sẵn một bữa ăn do bàn tay vô hình, được Thiên Chúa sai đến, dọn sẵn, một bữa ăn hiếm thấy trong sa mạc: ở đó có bánh mì tươi, nóng hổi, cá ngon, rượu và bình đựng. Họ ngồi xuống, ăn uống, và sau khi no nê, họ tạ ơn Thiên Chúa. Sau bữa ăn, Thánh Gioan lấy ba chiếc bánh thánh, cũng do Chúa sai đến, trao cho người ấy và nói:

– Hãy chuyển cái này cho anh em của tôi, Simeon, người thánh ngốc, và nói với anh ấy: "Hãy cầu nguyện cho anh em của anh là Gioan."

Khi người ấy trở về và bước vào thành Emes, Thánh Simeon đã đón anh ta tại cổng thành và nói:

– Anh em tôi, Gioan, có khỏe không? Anh có ăn ba chiếc bánh thánh mà anh ấy gửi cho tôi để làm phép lành không?

Và người đàn ông trở về đã vô cùng kinh ngạc trước sự thấu hiểu sâu sắc ấy. Còn vị tu sĩ già, sau khi đưa anh ta vào căn nhà tồi tàn của mình, đã dọn cho anh ta một bữa ăn do Chúa ban tặng, giống hệt như bữa ăn mà Thánh Gioan đã dành cho ông trong sa mạc; đồng thời, Simeon kể lại cho anh ta nghe tất cả những gì họ đã trò chuyện với Thánh Gioan trong sa mạc ấy, cũng như những gì họ đã ăn và uống. Khi rời khỏi vị tu sĩ già, người đàn ông ấy, vừa kinh ngạc vừa sợ hãi trước sự sáng suốt của vị tu sĩ, không dám kể lại chuyện đó cho ai nghe, một phần vì bị Thiên Chúa cấm, một phần vì xấu hổ trước mọi người, bởi anh ta biết họ sẽ không tin mình: vì tất cả đều cho rằng Simeon là kẻ điên rồ – người vốn khôn ngoan hơn tất cả mọi người.

Một lần nọ, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, một tai họa đã ập xuống đầu vị phó tế Giăng nói trên: những kẻ ác đã thực hiện một vụ giết người trong thành vào ban đêm, rồi mang thi thể nạn nhân đến ném vào sân nhà vị phó tế. Khi trời sáng và người ta phát hiện thi thể trong nhà của vị phó tế, tin đồn lan truyền rộng rãi: quan tòa đã bắt giữ vị phó tế, xét xử ông như một kẻ giết người, và không có nhân chứng nào chứng minh sự vô tội của ông, nên ông không thể tự bào chữa. Vị phó tế vô tội đã bị kết án tử hình – bị treo cổ trên cây. Khi họ dẫn ông đến nơi hành quyết, ông chỉ nói duy nhất một câu:

– Lạy Chúa của người thánh điên, xin giúp con! Lạy Chúa của Simeon, xin ngự đến trong giờ phút này!

Còn Simeon lúc đó đang thực hành sự điên rồ của mình ở một nơi khác. Chúa đã muốn cứu vị phó tế vô tội khỏi cái chết vô ích và nhục nhã như vậy – và thế là có một người đến gặp vị lão nhân và nói:

– Hỡi người thánh điên! Người bạn và ân nhân của ngài, phó tế Gioan, đã bị kết án tử hình, và nếu ông ấy chết, ngài sẽ chết đói: vì không còn ai chăm sóc ngài nữa.

Và cùng với những lời đó, người ấy kể lại lý do tại sao anh ta bị kết án tử hình. Vị thánh lập tức đi đến một nơi bí mật, nơi ngài thường cầu nguyện trong sự cô độc và không ai biết đến, ngoại trừ vị phó tế này; tại đó, ngài quỳ gối xuống và bắt đầu khẩn thiết cầu xin Chúa cứu vị phó tế khỏi cái chết. Và ngay lập tức, những kẻ sát nhân đã được tìm ra, và quan tòa vội vàng cử những kỵ binh đuổi theo những người đang dẫn phó tế đi hành quyết, nhằm giải cứu người vô tội. Họ đã tìm thấy họ ngay tại nơi mà phó tế sắp bị treo cổ. Vị phó tế được thả ra không về nhà mình, mà đi thẳng đến nơi Thánh Simeon đang cầu nguyện và bắt gặp ngài vẫn chưa kết thúc lời cầu nguyện, đang đứng với hai tay giơ cao lên trời; vị phó tế kinh hoàng dừng lại ở phía sau Thánh Simeon không xa: vì ngài thấy (điều mà sau này ngài đã xác nhận bằng lời thề) những ngọn lửa giống như gươm phát ra từ miệng vị thánh và ánh sáng rực rỡ bao quanh ngài; vị phó tế không dám lại gần ngài cho đến khi ngài kết thúc lời cầu nguyện và ánh sáng rực rỡ ấy bay lên trời. Quay lại, vị thánh nói với vị phó tế:

– Sao vậy, anh em Gioan, suýt nữa thì anh đã uống chén tử thần rồi sao? Hãy đi, hãy cầu nguyện và tạ ơn Thiên Chúa Cứu Độ: cám dỗ này xảy ra với anh là vì hai người ăn xin đã đến tìm anh, mà anh có của để cho nhưng lại không cho, mà quay lưng lại với họ và để họ ra về tay không. Chẳng phải những gì anh cho đi là của anh sao? Hay anh không tin Đấng đã phán rằng: "Ai cho người ăn xin vì danh Chúa, sẽ được gấp trăm lần trong đời này, và trong đời sau sẽ được sự sống đời đời"; nếu anh tin, hãy cho; nếu anh không cho, rõ ràng là anh không tin vào Chúa.

Đó là những lời của người thánh điên, hay đúng hơn, của vị thánh và người đáng kính: bởi vì, khi ngài ở riêng với vị phó tế ấy, ngài không làm bất cứ điều gì giống như người điên, mà với sự hiền lành và lòng ăn năn chân thành, ngài trò chuyện về những điều hữu ích; và nhiều lần, vị phó tế ấy, khi lắng nghe những lời có ích cho tâm hồn của vị thánh, đã cảm nhận được một hương thơm tuyệt vời tỏa ra từ miệng ngài.

Vào một buổi sáng Chủ nhật, sau bảy ngày ăn chay, Thánh Simeon, trong tư thế giả điên, đã cầm trong tay phải một miếng thịt hun khói, tiếng Hy Lạp gọi là "ellada", tiếng Latinh gọi là "lukanika", hay còn gọi là xúc xích, đặt nó lên vai như chiếc cày của phó tế, còn tay trái cầm mù tạt, và vừa nhúng "ellada" vào mù tạt vừa ăn; với những người đến thăm để vui đùa, ngài bôi mù tạt lên môi họ. Rồi có một người nông dân thô lỗ, mắt bị bệnh và

có một mắt bị đục thủy tinh thể, tiến lại gần ngài. Thánh Simeon bỗng nhiên bôi mù tạt lên mắt người ấy. Người đó la lên vì cơn đau dữ dội ở mắt do mù tạt cay nồng gây ra. Và vị thánh ngốc nghếch nói với anh ta:

– Này, kẻ điên, hãy đi rửa mặt bằng giấm và tỏi, ngươi sẽ khỏi bệnh ngay lập tức.

Nhưng người đó không nghe lời vị thánh, mà đi tìm bác sĩ, kết quả là mắt càng mù hơn và bệnh tình càng nặng hơn. Sau đó, hối hận, anh ta tự thề với lòng: dù mắt có lồi ra đi chăng nữa, anh ta cũng sẽ làm theo lời vị tu sĩ già dặn bảo. Và khi anh ta rửa mắt bằng giấm pha tỏi, ngay lập tức đôi mắt anh ta đã hoàn toàn khỏe mạnh trở lại. Sau đó, vị thánh gặp anh ta ở đâu đó trên đường và nói:

– Giờ thì anh đã khỏe rồi, đừng có đi trộm dê của hàng xóm nữa.

Vị thánh đã trừng phạt kẻ trộm như vậy, vì Ngài thấu hiểu những việc thầm kín của con người. Một người dân thành phố đã bị mất 500 đồng vàng, và người đó đang đau buồn vì số vàng bị mất, đồng thời tìm kiếm nó một cách tận tụy; ông ta đối xử tàn nhẫn với nô lệ của mình và đánh đập họ không thương xót. Một lần nọ, vị tu sĩ giả điên gặp ông ta trên đường và nói:

– Ngươi có muốn tìm lại số vàng của mình không?

– Ồ, ồ! Tôi muốn, – người đó đáp.

– Vậy ông sẽ trả cho tôi bao nhiêu? – vị lão nhân giả điên hỏi, – nếu ông tìm thấy số vàng ngay lập tức.

Người đó hứa sẽ trả 10 đồng vàng.

– Tôi không cần vàng, nhưng hãy thề rằng ông sẽ không đánh kẻ đã trộm, – vị thánh yêu cầu, – và cũng không đánh ai khác nữa.

Và người dân thành phố đã thề với ông. Lúc đó, vị thánh mới tiết lộ cho anh ta:

– Thợ làm bánh của anh đã ăn cắp vàng, nhưng hãy cẩn thận, đừng đánh anh ta hay bất kỳ ai khác.

Người đàn ông ấy trở về nhà, thấy mọi việc đúng như vị thánh đã nói, liền lấy lại số vàng nguyên vẹn từ người thợ làm bánh của mình mà không đánh anh ta. Sau đó, mỗi khi muốn đánh một trong những người làm công vì lỗi lầm nào đó, tay ông lại cứng đờ một cách đau đớn và không thể đánh được. Nhớ lại lời thề của mình, ông đến gặp vị thánh điên, xin rằng:

– Xin ngài giải thoát lời thề này, hỡi vị thánh điên, để tay tôi được tự do hành động.

Nhưng vị ấy, như thể không hiểu, cứ giả vờ điên dại. Ông đã nhiều lần đến gặp vị ấy, nài nỉ để được giải thoát khỏi lời thề. Rồi vị thánh hiện ra với ông trong một giấc mơ, nói rằng:

– Ta sẽ giải thoát ngươi khỏi lời thề, nhưng ta sẽ tước đoạt vàng của ngươi và hủy diệt toàn bộ tài sản của ngươi. Tại sao ngươi lại muốn đánh đập những người hầu của mình, những người trong thế giới bên kia sẽ đi trước ngươi?

Sau giấc mơ ấy, người đàn ông ấy, khi đã kính sợ Đức Chúa Trời, đã đối xử hiền lành với mọi người.

Để mọi người không biết về những phép lạ như vậy của vị thánh, ông giả vờ bị quỷ ám và như thể do tác động của quỷ mà biết được những gì đang diễn ra thầm kín trong lòng người; vì thế, ông đi cùng với những người bị quỷ ám, như một trong số họ, và trong khi thương xót họ, ông đã dùng lời cầu nguyện của mình để trừ quỷ khỏi nhiều người; còn những người bị quỷ ám khác, hay đúng hơn là chính những con quỷ đang ngự trong thân xác họ, đã phàn nàn với ngài:

– Hỡi kẻ giả điên! Kẻ khinh thường cả thế gian, sao lại đến đây để làm khổ chúng ta? Hãy đi khỏi đây; ngươi không thuộc về chúng ta; sao lại hành hạ và thiêu đốt chúng ta suốt cả đêm?

Còn vị Thánh, trong cơn điên giả vờ (vì nhờ Thánh Thần mà Ngài biết hết mọi sự), đã vạch trần tội lỗi thầm kín của rất nhiều người: người thì vì dâm dục, người thì vì trộm cắp, người khác thì vì phạm thề; mỗi người đều bị vạch trần mọi tội lỗi của mình. Ngài vạch trần một số người riêng tư, một số khác trước mặt mọi người; với những người thứ ba, Ngài dùng những câu chuyện ngụ ngôn để chỉ ra những việc ác của họ, để họ tự nhìn lại lương tâm mình, còn những người khác thì Ngài công khai lên án vì những điều bất chính họ đã làm. Và như vậy, Ngài đã ngăn cản cả thành phố khỏi những tội lỗi chết người, dẫn dắt mọi người đến sự tỉnh ngộ và sám hối. Nhiều người lại cho rằng ngài không phải nhờ Đức Chúa Trời mà nhờ ma quỷ mới biết được những bí mật của họ, nên họ còn coi chính ngài là người bị quỷ ám. Vì thế, một số kẻ tội lỗi chưa ăn năn sợ hãi không dám đến gặp ngài hay tiếp xúc với ngài, mà chỉ chạy trốn khỏi ngài để không bị vạch trần.

Vào thời đó, trong thành phố có một nữ phù thủy, một pháp sư, người đã gây ra nhiều tai họa cho con người. Với mong muốn phá vỡ phép thuật của bà ta, vị tu sĩ thường xuyên đến gặp bà, giả vờ thân thiết với bà, và mang đến cho bà thức ăn, đồ trang sức bằng đồng và quần áo mà người ta tặng cho ngài. Một lần, ngài nói với bà:

– Cô có muốn tôi làm cho cô một thứ, mà nếu cô mang nó, sẽ không ai có thể trách móc cô và không có điều ác nào có thể đến gần cô không?

Cô gái, cho rằng vị tu sĩ điên rồ này biết điều gì đó nhờ sự giúp sức của quỷ dữ, liền nói:

– Em muốn, – cô nói, – hãy làm đi.

Ông ta lấy một tấm ván nhỏ, viết lên đó bằng tiếng Syria như sau:

– Cầu Chúa ngăn cản em không được khiến người ta xa lánh Ngài nữa.

Sau khi viết xong, ông đưa tấm ván nhỏ cho người vợ để cô treo lên cổ, và khi cô làm như vậy, sức mạnh ma thuật vốn có trong cô lập tức biến mất, và nữ phù thủy không còn gây hại hay giúp đỡ ai nữa.

Còn vị thánh nhân, khi đang đi cùng các anh em ăn xin của mình, đã đến gần lò nung nơi người ta chế tạo thủy tinh. Ở đó có một người Do Thái đang làm việc. Ngồi bên lò, vị thánh sư sưởi ấm, còn người Do Thái thì chế tạo những chiếc lọ thủy tinh. Vị thánh nói với các bạn ăn xin của mình:

– Các anh có muốn tôi làm cho các anh cười không?

Họ ngước mắt nhìn ngài, tò mò muốn xem ngài sẽ làm gì. Và khi người Do Thái làm xong một chiếc lọ thủy tinh, ngài giơ tay phải làm dấu thánh từ xa, và ngay lập tức chiếc lọ đó vỡ tan. Khi người Do Thái làm xong chiếc lọ khác, nó cũng vỡ tan vì dấu thánh giá của Simeon; chiếc thứ ba, thứ tư và cho đến chiếc thứ bảy cũng vỡ tan như vậy – và những người ăn xin bắt đầu cười ầm ĩ rồi kể cho người Do Thái nghe chuyện gì đã xảy ra. Người Do Thái nổi giận, liền nắm lấy than hồng và đuổi người điên ra, vừa đánh vừa thiêu đốt anh ta. Người điên, trong lúc lùi lại, hét lên với anh ta:

– Hỡi kẻ ô uế! Tất cả những chiếc lọ thủy tinh của ngươi sẽ vỡ tan cho đến khi ngươi vẽ dấu thánh giá trên trán mình.

Khi người Do Thái lại bắt đầu làm những chiếc lọ thủy tinh, thêm mười ba chiếc nữa vỡ tan, chiếc này nối tiếp chiếc kia. Thấy những nỗ lực của mình đều vô ích, dù không muốn, ông ta cũng phải làm dấu thánh giá trên trán, và những chiếc lọ thủy tinh ngừng vỡ. Nhận ra sức mạnh của Thánh Giá, người Do Thái ấy đã đến nhà thờ thánh và trở thành Kitô hữu, nhận phép rửa tội.

Vào thời điểm đó, một trong những công dân quan trọng nhất bị ốm, người mà vị thánh điên thường hay đến nhà chơi. Khi bệnh tình của người này trở nên rất nặng, ông ta có một ảo giác như sau: dường như ông đang ném xúc xắc với một con chuột đáng sợ nào đó, và giữa họ có một cuộc cá cược: nếu người bệnh không ném được số sáu ba lần liên tiếp, thì chiến thắng sẽ thuộc về con chuột. Người bệnh rơi vào tình trạng hoài nghi và sợ hãi tột độ. Lúc đó, Simeon, vị tu sĩ điên thánh, xuất hiện trước mặt người bệnh và nói:

– Quả thật lần này con quỷ đen đó sẽ đánh bại ngươi, nhưng hãy hứa với ta rằng từ nay trở đi ngươi sẽ không làm ô uế giường vợ mình bằng việc ngoại tình nữa, thì ta sẽ thay ngươi tung xúc xắc và nó sẽ không đánh bại ngươi được.

Và trong giấc mơ, người bệnh đã thề với vị thánh rằng sẽ không ngoại tình. Vị thánh cầm lấy, tung xúc xắc, và ba lần đều ra sáu, và con quỷ da đen rời khỏi người bệnh: người bệnh, khi tỉnh dậy, cảm thấy nhẹ nhõm khỏi bệnh tật. Vị thánh điên, theo thông lệ, đến nhà anh ta và đe dọa:

– Ngươi đã may mắn tung xúc xắc ba lần, nhưng tin ta đi, nếu ngươi vi phạm lời thề, gã da đen đó sẽ siết cổ ngươi. Nói xong những lời ấy và trách mắng mọi người bằng vẻ điên rồ, ông ta nhanh chóng rời khỏi đó.

Vị tu sĩ có một căn phòng nhỏ dành cho sự tĩnh lặng, đặc biệt là để cầu nguyện ban đêm, và trong đó chẳng có gì ngoài một bó cành cây khô. Mỗi đêm, ngài ở lại đó cầu nguyện cho đến giờ kinh sáng, nước mắt tuôn rơi ướt đẫm mặt đất, và khi ngày mới bắt đầu, ngài đan cho mình một vòng hoa từ lá ô liu hoặc cỏ dại, đội lên đầu, tay cầm một cành cây, đi khắp thành phố và hô to:

– Chúc mừng vị vua chiến thắng và thành phố của ngài!

Trong những lời này, vị thánh gọi "thành phố" là linh hồn, còn "vị vua" là trí tuệ, thống trị các dục vọng, như ngài đã giải thích cho người bạn của mình, phó tế Gioan, người mà ngài thường ghé thăm bí mật, giải thích chi tiết về lời nói và hành động của mình, đồng thời thề thốt yêu cầu ông không được tiết lộ điều gì cho ai cho đến khi ngài qua đời. Hai ngày trước khi qua đời, ngài đến gặp Gioan và nói như sau:

– Hôm nay tôi đã đến gặp người anh em yêu quý của tôi là Gioan, vị ẩn sĩ, người mà ngay từ đầu tôi đã cùng từ bỏ thế gian và khấn tu, và thấy ngài đã tiến bộ rất nhiều trong đức hạnh, đã hoàn toàn làm đẹp lòng Thiên Chúa, nên tôi rất vui mừng vì ngài: vì tôi thấy ngài đội trên đầu một vương miện có dòng chữ: vương miện của sự kiên nhẫn trong đời sống ẩn tu.

Sau đó, Thánh Simeon nói thêm:

– Ta đã thấy một vị vinh quang nào đó nói với ta: "Hãy đi, hỡi người khờ dại, hãy đến với ta, và ngươi sẽ nhận được không chỉ một, mà là nhiều vương miện vì sự cứu rỗi của nhiều linh hồn con người."

Nói xong, vị thánh thở dài rồi lại nói tiếp:

– Tôi không thấy ở bản thân mình điều gì xứng đáng với phần thưởng trên trời; vì là kẻ điên rồ và thiếu trí tuệ, tôi có thể nhận được phần thưởng nào, chăng phải là nhờ ân sủng của Ngài, Chúa tôi sẽ thương xót tôi một cách vô điều kiện? Nhưng tôi xin anh, anh em ơi, đừng khinh thường hay trách mắng bất kỳ người ăn xin nào, đặc biệt là các tu sĩ; hãy để tình yêu của anh biết rằng nhiều người trong số họ đã được thanh tẩy qua những đau khổ và, như mặt trời, tỏa sáng trước mặt Thiên Chúa. Cũng vậy, giữa những người bình thường sống ở làng quê và canh tác đất đai, sống cuộc đời không ác ý và ngay thẳng trong lòng, những người không mắng chửi ai, không làm tổn thương ai, mà bằng công sức đôi tay mình, trong mồ hôi trán, họ kiếm miếng ăn, có rất nhiều vị thánh vĩ đại trong số họ: vì tôi đã thấy họ đến thành phố, rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, và tỏa sáng như vàng ròng. Mọi điều tôi nói với ngài, thưa ngài, xin đừng nghĩ rằng tôi nói vì sự kiêu ngạo nào đó, nhưng chính tình yêu của ngài đã buộc tôi không thể giấu ngài sự lười biếng trong cuộc sống tội lỗi của tôi. Hãy biết rằng Chúa cũng sẽ sớm đưa ngài ra khỏi nơi này: vậy hãy lo lắng, hết sức mình, cho linh hồn của ngài, để có thể vượt qua vương quốc của các thần linh trên không mà không bị trì hoãn, và tránh khỏi bàn tay tàn bạo của chúa tể bóng tối. Chúa, Thiên Chúa của tôi, biết rằng tôi cũng rất buồn bã và đầy sợ hãi, cho đến khi tôi vượt qua những nơi đáng sợ này, nơi mọi việc làm và lời nói của con người đều được xem xét kỹ lưỡng. Chính vì thế, tôi khẩn cầu con, con yêu dấu và anh em của tôi là Gioan, hãy cố gắng hết sức để sống lòng thương xót: vì trong giờ phút kinh hoàng ấy, lòng thương xót có thể giúp chúng ta hơn tất cả các đức tính khác, như đã chép: *"Phúc cho ai nghĩ đến người nghèo! Vào ngày hoạn nạn, Chúa sẽ giải cứu người ấy"* (Thánh Vịnh 40:2). Hãy tuân giữ điều này nữa: đừng tham dự Thánh lễ khi còn đang giận ai đó, để tội lỗi của con không làm ô uế sự giáng lâm của Thánh Thần.

Sau khi trò chuyện về điều này và nhiều điều khác với vị phó tế đáng kính, Thánh Simeon đã cầu xin ông ghé thăm nơi ẩn dật của ngài sau hai ngày nữa. Và sau khi rời khỏi ông ấy, ngài không còn xuất hiện trong thành phố nữa, mà sống ẩn dật cho đến giây phút cuối cùng của cuộc đời. Không ai biết cái chết của ngài ra sao, chỉ có Thiên Chúa và các Thiên Thần của ngài biết mà thôi: vì các Thiên Thần thường hiện diện khi những người nghèo khổ, bị con người bỏ rơi hoàn toàn, qua đời, giống như khi họ hiện diện bên đống rác khi Lazarus qua đời, như đã được chép trong Phúc Âm: *"Người nghèo đã chết và được các Thiên Thần đưa về lòng Áp-ra-ham"* (Lc 16,22). Vì vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, chính những Thiên thần thánh thiện ấy đã hiện diện vào giờ phút lâm chung hạnh phúc của Thánh Simeon – người nghèo khó về tinh thần và thực sự là một vị thánh – và, sau khi nhẹ nhàng giải thoát linh hồn công chính khỏi thân xác thanh tịnh, đã rước linh hồn ấy về các cung điện thiên đàng trong tiếng ca vui mừng.

Hai ngày sau, một số người ăn xin từng là bạn của thánh Simeon, vì không thấy ông trong thời gian đó, bèn nghĩ: "Liệu người thánh ngốc này có bị ốm không?" Họ đến nơi ẩn náu của ông và thấy ông nằm chết dưới đống cành cây, rồi nói:

– Khi còn sống, ngài đã hành động như người điên, và sau khi chết vẫn vậy: vì ngài không nằm trên đống cành cây, mà đã qua đời ngay dưới đống cành cây đó.

Và có hai người nào đó đã mang thi thể ngài đi mà không rửa xác, không có những bài thánh ca thông thường, không có nến và hương trầm, rồi mang đi chôn cất tại nơi dành cho những người lang thang. Khi thi hài vị thánh được khiêng đi chôn cất, đoàn người đi qua ngôi nhà của người Kitô hữu mới được rửa tội, người trước đây là người Do Thái làm bình thủy tinh; anh ta nghe thấy vô số giọng hát với những giọng ca êm ái nhất đang cất lên những bài ca không thể diễn tả, liền dựa vào ô cửa sổ nhỏ và không thấy ai ngoài hai người đang khiêng thi hài vị thánh ngốc nghếch đi chôn cất, còn những giọng hát vẫn tiếp tục cất lên từ nơi vô hình. Đó là các Thiên thần của Chúa đang hát, và người Kitô hữu ấy cảm nhận được một hương thơm kỳ diệu tràn ngập không gian:

– Hạnh phúc thay ngươi, hỡi người điên thánh, – anh ta nói, – bởi vì, dù không có ai hát bài ca tang lễ cho ngươi, ngươi vẫn có các thế lực thiên đàng tôn vinh ngươi bằng những bài ca và xông hương thiên đàng lên người ngươi. Và ngay lập tức, ông đi cùng hai người đó, khiêng thi hài đáng kính và chính tay chôn cất ngài giữa những ngôi mộ của những người lữ hành và người ăn xin, rồi kể cho mọi người nghe về việc ông đã nghe tiếng hát của các Thiên thần bên thi hài người đã khuất cùng với hương thơm không thể diễn tả được. Còn Phó tế Gioan, khi đến căn phòng đó mà không thấy vị thánh, đã tìm kiếm ngài khắp nơi một cách tận tụy và khóc lóc thảm thiết khi biết

rằng Thánh Simeon đã qua đời và được an táng. Ông đến bên quan tài của ngài, mong muốn lấy thi hài ngài ra khỏi đó để an táng ngài một cách trang trọng tại một nơi danh dự; nhưng khi mở quan tài ra, họ không tìm thấy thi hài của vị thánh: vì Chúa, cùng với các Thiên thần thánh của Ngài, đã chuyển thi hài ngài đến một nơi mà loài người không thể biết được. Lúc bấy giờ, tất cả cư dân thành phố Emesi, như vừa tỉnh giấc, bắt đầu hồi tưởng và kể cho nhau nghe về những việc làm kỳ diệu của vị thánh được Chúa ưa chuộng, những lời tiên tri, và cuộc đời đầy đau khổ của ngài. Lúc đó, họ mới hiểu rằng vị thánh giả không phải là kẻ điên rồ, mà là người khôn ngoan hơn tất cả các nhà hiền triết của thời đại chúng ta; và dù bị coi là kẻ tội lỗi , ngài lại là người công chính và thánh thiện, đã dùng sự giả điên và vẻ bề ngoài tội lỗi để che giấu trước mặt mọi người cuộc đời khôn ngoan và đẹp lòng Chúa của mình. Đó chính là cuộc đời và những công đức của vị Simeon kỳ diệu này, người đã giả điên vì Chúa Kitô; giống như Lot xưa kia, khi sống giữa dân Sodom mà không bị ô uế bởi tội lỗi của họ (Sáng Thế Ký 19:1–38); cũng vậy, vị Lot mới này, khi sống giữa thế gian, đã không bị lây nhiễm bởi những đam mê trần tục. Thánh Simeon đã qua đời vào ngày 21 tháng Bảy, và sau đó, Thánh Gioan, người đồng hành của ngài trong sa mạc Jordan, cũng đã an nghỉ trong sự bình an[5217] . Và như họ đã cùng nhau bắt đầu phụng sự Chúa, thì trên trời, họ cũng cùng nhau hiện diện trước ngai vàng của Đức Chúa Trời. Cuộc đời của cả hai đã được Thánh Simeon kể lại bằng những lời chân thật cho Thánh Gioan, phó tế của Giáo hội Emes; và vị phó tế này đã truyền lại một cách trung thực và công bằng cho Thánh Leontius, vị thánh vĩ đại trong số các vị Thánh Cha, Giám mục thành Neapolis thuộc đảo Síp; và ngài đã viết thư này để mang lại lợi ích cho những ai đọc và nghe, vì vinh quang của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Ngày 4 tháng 8

ngày 22 tháng 7 (theo lịch cũ)

Tiểu sử của Thánh Maria Ma-đa-len, người mang dầu thơm, ngang hàng với các Tông đồ

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 7

Thánh Maria Ma-đa-len ([5218]), người mang hương liệu ([5219]), ngang hàng với các Tông đồ ([5220]),[5221] , người đã được tôn vinh đặc biệt trong Giáo hội Kitô giáo nhờ tình yêu nồng nàn, kiên định và hy sinh vô điều kiện dành cho Chúa Giêsu Kitô, xuất thân từ thành phố Ma-đa-la ([5222]) – một thành phố giàu có vào thời bấy giờ, nằm ở

[5217] Ngày qua đời của các vị thánh nam được ước tính vào khoảng năm 590.

[5218] Trong Giáo hội Kitô giáo Chính thống, danh hiệu "bằng các Tông đồ" được dành cho các cộng sự nam và nữ của các Tông đồ Chúa Kitô, cũng như những Kitô hữu công chính, những người giống như các Tông đồ, đã rao giảng và củng cố đức tin Kitô giáo một cách đặc biệt nhiệt thành. Nhờ những công lao đặc biệt đó, họ được tôn kính ngang hàng với các Tông đồ. Chính từ "Tông đồ" có nghĩa là "sứ giả", người được giao phó một nhiệm vụ cụ thể. Sau khi chọn ra mười hai người trong số các môn đệ của Ngài, Chúa Giêsu Kitô đã gọi họ là "các Tông đồ" (Lc 6,13), để sai họ đi rao giảng (Mc 3,14) và để chữa lành mọi bệnh tật và mọi sự yếu đuối (Mt 10,1–42).

[5219] Ban đầu, trong Giáo hội Kitô giáo, người ta gọi tất cả các Kitô hữu, tất cả những ai tin vào Đấng Kitô, là "thánh", như trong các thư của Thánh Phaolô chẳng hạn. Tuy nhiên, khi đề cập đến một người công chính cụ thể, các Kitô hữu thời xưa tránh dùng danh xưng "thánh", vì từ này thường được sử dụng trong các dòng chữ trên bia mộ của người ngoại giáo, điều mà các Kitô hữu không muốn bắt chước. Và trong các lịch cổ, từ "thánh" được đặt bên cạnh tên của người công chính, được Giáo hội tôn kính, chỉ bắt đầu được sử dụng từ thế kỷ thứ ba trở đi. Còn trong các sách Phúc Âm, sự thánh thiện được trình bày như một đặc tính của người Kitô hữu trong mọi biểu hiện của họ: "Xin danh Cha được thánh hóa…", "Lạy Cha Thánh…", "Xin thánh hóa họ trong lẽ thật của Cha…"

[5220] Maria Magdalene được gọi là "Người mang dầu thơm" bởi vì các tác giả Tin Mừng gọi bà là người phụ nữ đạo đức đầu tiên trong số những người phụ nữ đạo đức đã đến mộ Chúa Kitô để xức dầu thơm lên thi thể Ngài theo phong tục đạo đức của người Do Thái thời bấy giờ. Các loại dầu thơm này được làm từ các chất nhựa như myrrh, nard, smyrna, nhũ hương, lô hội và các loại thực vật thơm khác, trộn lẫn với dầu ô liu tinh khiết. Việc xức dầu hoặc rắc các loại dầu thơm này lên thi thể người quá cố là cách thể hiện tình yêu và sự kính trọng đối với người đã khuất.

[5221] Tên Maria, bắt nguồn từ tiếng Do Thái "Mariam", có nghĩa là: "cao quý, vĩ đại, kiên định, xuất sắc, được tôn vinh"; còn người ta gọi người phụ nữ tên Maria này là Magdalene vì cô xuất thân từ thành phố Magdala, giống như cách người ta gọi Giuse, một thành viên đạo đức của Tòa Công luận, là Arimathea, vì ông xuất thân từ thành phố Arimathea ở Palestine. Và biệt danh "Magdalene" được thêm vào tên

của người phụ nữ tên Maria này để phân biệt bà với những người phụ nữ đạo đức khác, cũng như bà, đã phục vụ Chúa Giê-su Ki-tô (Lc 8:3) và có cùng tên là Maria, chẳng hạn như Maria, em gái của La-za-rô, và Maria, vợ của Clê-ô-pê.

[5222] Magdala, bắt nguồn từ từ tiếng Do Thái "magdelaya" có nghĩa là "tháp", là một thành phố nằm trên bờ tây của Hồ Gennesaret, gần các thành phố Capernaum và Tiberias. Magdala nổi tiếng với ngành sản xuất thuốc nhuộm và các sản phẩm vải len mỏng; ngoài ra, nơi đây còn có hoạt động buôn bán rộng rãi chim bồ câu và chim bồ câu non dùng cho các lễ tế thanh tẩy; truyền thuyết kể rằng Magdala có tới ba trăm cửa hàng bán chim bồ câu và gần đó là cả một thung lũng "chim bồ câu". Sự giàu có của Magdala vào thời đó lớn đến mức, khoản thuế do thành phố nộp được ghi chép là lớn đến nỗi phải vận chuyển đến Jerusalem bằng cả một xe ngựa. Sự suy đồi đạo đức của cư dân nơi đây cũng rất trầm trọng. Trong số vô số thành phố và làng mạc từng rải rác dọc theo bờ hồ Gennesaret, tất cả đều đã biến mất, ngoại trừ Magdala, nay được gọi là Medjel, chỉ còn là một nhóm những túp lều bẩn thỉu được xây bằng đá ven bờ, còn trên những mái nhà bằng phẳng thì có thêm các tầng trên được dựng thành những túp lều bằng lau sậy và cành cây khô. Tuy nhiên, những tàn tích của ngọn tháp canh cổ xưa vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay và vị trí của nó vẫn tuyệt đẹp: vẻ đẹp thiên nhiên nơi đây cũng trang nghiêm và khơi dậy những cảm xúc thiêng liêng về những phép lạ và lời giảng dạy của Chúa Kitô trên Hồ Gennesaret hay Hồ Galilê huyền diệu.

vùng Ga-li-lê[5223] thuộc Palestine, nằm bên bờ hồ Gennesaret, hay còn gọi là Biển Galilê[5224] , giữa hai thành phố Capernaum[5225] và Tiberias[5226] . Do xuất thân từ thành phố Magdala, Thánh Maria, người được coi ngang hàng với

[5223] Vùng Galilê ở phía bắc Palestine, hay Galilê (từ tiếng Do Thái "galil", có nghĩa là "vùng", "quận") vào thời kỳ Maria Mạ-đa-len còn sống là vùng thứ ba của Palestine, và chính Ga-li-lê được chia thành miền Bắc, miền Thượng, "ngoại giáo", và miền Nam, miền Hạ. Ga-li-lê chiếm một vị trí nổi bật trong lịch sử thế giới, là quê hương và nơi Chúa Cứu Thế rao giảng. Galilê có chiều dài khoảng 120 verst từ đông sang tây và 40 verst từ bắc xuống nam. Phía bắc giáp với Syria và dãy núi Li-băng, phía tây giáp với Phoenicia, phía nam giáp với Samaria, còn phía đông được sông Jordan làm ranh giới. Galilê có hơn 200 thành phố và làng mạc lớn, với dân số lên đến bốn triệu người, bao gồm không chỉ người Do Thái mà còn là sự pha trộn giữa người Israel với người Syria, người Phoenicia, người Ả Rập và các dân tộc khác, trong đó nhiều người đã theo đạo Do Thái. Nhờ khí hậu tuyệt vời, đất đai màu mỡ và sự giàu có, Galilê là vùng đất tốt nhất của Palestine. Khí hậu ôn hòa, tràn đầy sức sống, vẻ đẹp thiên nhiên đa dạng và kỳ diệu, sự màu mỡ vô tận của đất đai – tất cả đều có ở Galilê. Vị trí địa lý và mạng lưới giao thông dày đặc cũng mang lại lợi thế cho Galilee: nhiều con đường thương mại của La Mã chạy qua vùng này từ đông sang tây, hướng về Damascus, bờ biển Phoenicia, Biển Địa Trung Hải, Ai Cập và Assyria; các con đường khác lại cắt ngang từ nam lên bắc. Công nghiệp và đời sống sôi động ở Galilê… Rất nhiều trang trong Phúc Âm phản ánh thiên nhiên và đời sống của Galilê. Với thành Nazareth – quê hương của Đấng Cứu Thế, nơi Ngài trải qua thời thơ ấu, tuổi trẻ và chủ yếu là nơi Ngài rao giảng, Galilee chính là cái nôi của đức tin Kitô giáo. Còn những dụ ngôn, phép lạ, những sự kiện trong cuộc sống trần thế hàng ngày của Chúa Giêsu Kitô, tất cả đều là những hình ảnh tái hiện sự phong phú và vẻ đẹp của thiên nhiên cùng lối sống ở Galilee. Bầu trời, mặt đất, biển cả, những cánh đồng lúa mì, vườn cây, hoa cỏ, vườn nho, cỏ đồng cỏ, cá và chim chóc – tất cả đều là nền tảng và hình ảnh cho những bài giảng kỳ diệu trong sứ vụ thiêng liêng của Đấng Cứu Thế… Còn ngày nay, Galilee chỉ còn lại những tàn tích của các thành phố và làng mạc cùng sự hoang tàn hoàn toàn…

[5224] Biển Galilee, Hồ Gennesaret và Biển Tiberias đều là những tên gọi khác nhau của cùng một hồ nước rộng lớn ở Galilee thuộc Palestine. Trong Sách Dân Số (Dân Số 34:11) và Sách Giô-suê (Giô-suê 12:3), hồ này được gọi là Kinneret do hình dạng bầu dục của nó. Nó được gọi là Hồ Tiberiad theo tên thành phố Tiberiad nằm bên bờ hồ; còn tên Hồ Gennesareth xuất phát từ tên thành phố ven hồ Gennissar, hay Gennisareth, do vẻ đẹp của thiên nhiên xung quanh. Hồ này trải dài 30 verst và rộng 8 verst. Ở đầu phía bắc của hồ, sông Jordan chảy vào, còn ở đầu phía nam, nó chảy ra. Xung quanh hồ này tập trung một trung tâm công nghiệp phồn thịnh của Palestine; dọc theo bờ hồ, các thành phố và làng mạc với dân số rất đông đúc trải dài thành một dải gần như liên tục. Nước trong hồ trong vắt, có vị ngon và mát lạnh; nơi đây từng có tới bốn nghìn chiếc thuyền các loại qua lại: từ tàu chiến của người La Mã, thuyền đánh cá thô sơ của ngư dân Viphsaida cho đến những chiếc thuyền mạ vàng của Hê-rốt. Hồ Gennesaret, vốn thường yên tĩnh và thanh bình, đôi khi lại trở nên dữ dội và nguy hiểm do gió thổi từ núi xuống. Nó nổi tiếng với sự phong phú phi thường của đủ loại cá, đến nỗi ai cũng được phép đánh bắt, và cá là món ăn yêu thích ở đó đến mức trong bữa tiệc dành cho một vị rabbi vĩ đại, người ta đã dọn ra ba trăm loại cá khác nhau. Cá được ăn tươi, muối, phơi khô; người ta còn chế biến cá thành các món ngon; ngay cả các rabbi cũng đưa ra lời khuyên về cách chế biến và cách ăn cá, vào thời điểm nào, thậm chí còn hướng dẫn nên rửa cá bằng bia và rượu vang cho sạch hơn. Rất nhiều người tham gia vào việc đánh bắt và buôn bán cá; một trong những cổng thành Giê-ru-sa-lem được gọi là "cổng cá", bởi vì ở đó có rất nhiều cá được vận chuyển từ Ga-li-lê đến, và ngay cả các thành viên của Tòa Công luận cũng tham gia vào việc buôn bán cá, chất đầy cá lên cả những con tàu. Nghề đánh cá không chỉ mang lại lợi nhuận cao mà còn là một nghề danh giá… Dọc theo bờ tây của hồ là "vùng đất Gennesaret" (Mt 14:34; Mc 6:53), nơi đây là địa điểm đầu tiên và quan trọng nhất trong các bài giảng của Đấng Cứu Thế. Chính từ "Gennesaret" có nghĩa là "những khu vườn trù phú", và không nơi nào có vẻ đẹp thiên nhiên cùng sự phong phú của các loại thực vật và trái cây từ nhiều vùng khí hậu khác nhau như ở "vùng đất Gennesaret". Trái cây trên cây vẫn trĩu quả suốt mười tháng. Nhà sử học Do Thái thời bấy giờ là Giô-sép Flavius, khi miêu tả với sự say mê vẻ đẹp của hồ Gennesaret, khí hậu tuyệt vời, những cây cọ, vườn nho, cây vả, cam, cây hạnh nhân, lựu, – đã nói rằng dường như các mùa trong năm đang tranh nhau vinh dự được cai quản vùng đất thiên đường này… Còn Talmud Do Thái dạy rằng Đấng Mê-si-a được mong đợi sẽ xuất hiện từ hồ Tiberias hay Gennesaret này…

[5225] Capernaum trong tiếng Do Thái có nghĩa là: "làng của Naum", – một thành phố nằm trên bờ tây của hồ Gennesaret. Trong Cựu Ước không đề cập đến thành phố này vì nó có nguồn gốc tương đối muộn và phát triển từ một làng chài thành một thành phố nhờ sự phát triển của hoạt động thương mại và công nghiệp. Nơi đây có vị trí địa lý rất đẹp. Nhà Hê-rốt có cung điện ở đó; người La Mã có trại quân sự và trạm hải quan. Trong các sách Phúc Âm, Capernaum được nhắc đến như là nơi cư ngụ chính của Đấng Cứu Thế sau khi Ngài rời Nazareth, đến nỗi Capernaum được gọi là "thành phố của Ngài" (Mt 9:7). Tại Capernaum và vùng lân cận, Chúa Kitô đã thực hiện vô số phép lạ, giảng nhiều dụ ngôn và lời dạy, nhưng dù Ngài đã khuyên răn hết lòng, người dân vẫn làm ngơ trước Tin Mừng mới – điều không phù hợp với nhịp sống buôn bán và công nghiệp hối hả của họ – và họ không tin. Vì thế, Chúa Kitô đã tuyên bố một lời phán xét nghiêm khắc đối với Capernaum: "Hỡi Capernaum, ngươi đã được nâng lên tận trời, thì cũng sẽ bị ném xuống địa ngục" (Mt 11:23). Và ngày nay, không còn dấu vết nào của Capernaum nữa…

[5226] Tiberiada – một thành phố nằm trên bờ tây của Hồ Gennesaret, cách Capernaum một chút về phía nam; thành phố này được xây dựng vào năm thứ 17 sau Công nguyên bởi Hê-rốt Antipas, người cai trị xứ Ga-li-lê, và được đặt tên theo Hoàng đế La Mã lúc bấy giờ là Tiberius. Hê-rốt đã chọn Tiberiada làm thủ đô của mình, xây dựng một cung điện tráng lệ, một đền thờ, một hội đường Do Thái, một nhà hát vòng tròn và bao quanh thành phố bằng một bức tường thành. Gần thành phố có một con suối núi ấm áp có tác dụng chữa bệnh. Vì trong quá trình xây dựng Tiberiada, các ngôi mộ cổ đã bị phá hủy, nên người Do Thái coi thành phố này là ô uế, sợ không dám định cư ở đó, và ban đầu thành phố mang đậm tính chất ngoại giáo. Tại vùng lân cận Tiberiada, Chúa Cứu Thế đã rao giảng và dùng năm ổ bánh mì để nuôi no năm nghìn người nghe (Giăng 6:1–71). Sau khi người La Mã phá hủy Giê-ru-sa-lem vào năm 70, người Do Thái đã xây dựng 13 hội đường và một trường đại học tại Tiberias, còn Hội đồng Tiberias trở thành cơ quan tôn giáo cao nhất. Hoàng hậu Hy Lạp Helena đã xây dựng một ngôi đền có 12 ngai vàng tại Tiberias; và từ giữa thế kỷ V đến giữa thế kỷ VI, nơi đây có một giáo phận, sau đó

các Tông đồ, còn được gọi là Magdalene, để phân biệt bà với những người phụ nữ đạo đức khác được nhắc đến trong Phúc Âm với tên Maria.

Thánh Maria Magdalene, người ngang hàng với các Tông đồ, là một người Galilê chính gốc. Và việc được gọi là người Galilê, dù là nam hay nữ, trong việc rao giảng và củng cố Kitô giáo mang ý nghĩa rất đặc biệt. Chính Đấng Cứu Thế Kitô cũng được gọi là người Galilê (Mt 26,69), vì Ngài đã lớn lên và sống ở Galilê từ thuở ấu thơ, sau đó rao giảng rất nhiều tại đó; thậm chí vào thế kỷ thứ tư, hoàng đế Hy Lạp-La Mã Julianus Apostata đã qua đời (năm 363) với những lời nói hướng về Chúa Kitô:

– Ngươi đã chiến thắng ta, hỡi người Galilê!

Các Tông đồ đầu tiên của Chúa Kitô, những người mãi mãi là những người thân thiết nhất với Đấng Cứu Thế, đều là người Galilê, ngoại trừ một người duy nhất là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt – kẻ phản bội – không phải là người Galilê. Trong lần hiện ra sau khi Phục sinh, Đức Kitô Cứu Thế đã hiện ra trên ngọn núi ở Galilê trước một đám đông (hơn 500) tín hữu; phần lớn trong số họ là những người Galilê, những người đã theo Chúa trong thời gian Ngài rao giảng khắp Galilê, lắng nghe giáo huấn của Ngài, chứng kiến các phép lạ của Ngài và tự mình trải nghiệm lòng nhân từ của Đấng Chữa Lành đầy thương xót là Chúa Giêsu[5227] . Và nói chung, người Galilê tiếp nhận và truyền bá giáo lý của Đấng Christ một cách nhiệt thành hơn so với người Do Thái ở các vùng khác của Palestine; chính vì vậy, ban đầu tất cả các môn đệ của Đấng Christ Cứu Thế đều được gọi là "người Galilê" (Công vụ 1:11). Người Galilê cũng rất khác biệt so với người Do Thái ở các vùng khác của Palestine, giống như thiên nhiên của Galilê khác biệt rõ rệt so với miền nam Palestine. Ở Galilê, thiên nhiên tràn đầy sức sống và người dân thì sôi nổi, mộc mạc; còn ở miền nam Palestine – là sa mạc cằn cỗi và những người dân chỉ muốn tuân thủ từng chữ và hình thức của các quy tắc. Người dân Galilê sẵn lòng tiếp thu những ý tưởng về tinh thần của luật pháp; trong khi đó, người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem lại bị chi phối bởi một vẻ bề ngoài máy móc, rập khuôn. Galilê đã trở thành quê hương và cái nôi của Kitô giáo; còn Giu-đê thì bị khô cằn bởi chủ nghĩa Pha-ri-si hẹp hòi và chủ nghĩa Sa-đu-kê thiển cận. Người Galilê nhiệt thành, nhạy cảm, hăng hái, biết ơn, trung thực, dũng cảm – họ sùng đạo một cách say mê, thích lắng nghe những bài giảng về đức tin và về Thiên Chúa – họ thẳng thắn, cần cù, giàu chất thơ và yêu thích nền giáo dục Hy Lạp đầy trí tuệ[5228] : Và Maria Ma-đa-li-na, người đã được Đấng Cứu Thế Chúa Giê-su chữa lành, đã thể hiện trong cuộc đời mình nhiều phẩm chất tuyệt vời và đặc trưng của những người đồng hương Ga-li-lê, những Kitô hữu đầu tiên và nhiệt thành nhất.

Về giai đoạn đầu đời của Thánh Maria Ma-đa-len, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, người ta chỉ biết rằng bà đã mắc phải một căn bệnh nặng nề, không thể chữa khỏi, và theo lời Phúc Âm, bà bị *"bảy quỷ"* ám[5229] (Lc 8:2). Nguyên nhân và hoàn cảnh dẫn đến nỗi bất hạnh này của bà vẫn chưa được biết rõ. Nhưng Phúc

---

được khôi phục lại trong thời kỳ Cuộc Thập tự chinh đầu tiên. Trên nền tảng đổ nát của Tiberias, thị trấn Tabariye đã được xây dựng, nhưng vào năm 1837, nó bị phá hủy bởi một trận động đất, và hiện nay chỉ còn lại những túp lều nghèo nàn; tuy nhiên, người Do Thái vẫn dành cho vùng đất này sự kính trọng sâu sắc không kém gì đối với Jerusalem.

[5227] Các lần hiện ra của Chúa Giê-su Ki-tô sau khi Ngài Phục Sinh. Sách Thánh, quyển thứ tám (tháng Tư), trang 514.

[5228] Ngay cả Talmud Jerusalem cũng chứng thực rằng người Galilê quan tâm nhiều hơn đến vinh quang, còn cư dân Giu-đê thì quan tâm đến tiền bạc. Ở Galilê, góa phụ được ở lại trong nhà của người chồng quá cố, còn ở Giu-đê, những người thừa kế lại đuổi bà ra khỏi nhà. Sự cảm thông của người Galilê đối với nỗi khổ của người khác còn thể hiện ở chỗ, ví dụ như, một ông lão nghèo khó trong làng được những người cùng làng chu đáo cung cấp hàng ngày những thực phẩm mà ông thường dùng khi còn sung túc. Tuy nhiên, người Galilê không thành lập các trường học, và vì thế, những nhà thông thái và người Pha-ri-si kiêu ngạo của người Do Thái đã gọi họ là những kẻ dốt nát và ngu ngốc; vì cách phân biệt và phát âm không rõ ràng, không chính xác của người Galilê đối với một số phụ âm họng trong tiếng Do Thái, các rabbi Do Thái không cho phép họ đọc to các lời cầu nguyện thay mặt hội chúng và còn chế giễu họ…

[5229] Từ "quỷ" là bản dịch của từ Hy Lạp "demon", tức là ma quỷ. Trong Kinh Thánh Tân Ước, "quỷ" thường có nghĩa là linh hồn ác hoặc ma quỷ. Dù các quỷ tin và run rẩy, cũng như thừa nhận Chúa Giê-su Christ là Con Đức Chúa Trời, nhưng bản chất chúng vẫn là tôi tớ của Sa-tan. Trong số các phép lạ của Đấng Cứu Thế, việc chữa lành những người bị quỷ ám đặc biệt gây ấn tượng sâu sắc. Những người rơi vào quyền lực của quỷ được gọi là những người bị quỷ ám, những người đang chịu đựng sự hành hạ của các linh hồn ô uế (Mt 4:24; Lc 6:18). Việc chữa lành cho những người bị quỷ ám, khi nói về các quỷ, được gọi là "trừ quỷ" (Mt 8:16), còn khi nói về chính những người đau khổ thì được gọi là "chữa lành". Ảnh hưởng của các quỷ đối với những người bị chúng ám luôn bộc lộ qua tác động của chúng lên thân thể; linh hồn con người lúc đó mất đi quyền kiểm soát đối với thân thể, một sức mạnh lạ xâm nhập vào giữa thân thể và linh hồn, gây tác động tai hại lên các cơ quan thuộc về thân thể của linh hồn. Ác quỷ trước tiên tấn công hệ thần kinh của thân thể và hoạt động qua hệ thống này, gây ra những triệu chứng giống hệt như những ảnh hưởng khác làm rối loạn hoạt động bình thường của thân thể. Sức mạnh của quỷ không tác động qua bản chất tinh thần và đạo đức, mà qua bản chất thể chất và trí tuệ. Quỷ đã nhập vào Giu-đa Ít-ca-ri-ốt, kẻ phản bội, tức là xúi giục hành động phản bội, nhưng Giu-đa không bị quỷ ám. Tình trạng bị quỷ ám được thể hiện qua khả năng tiên tri, khi những người bị quỷ ám thừa nhận Chúa Kitô là Con Thiên Chúa (Lc 4,34), cũng như qua chứng điên loạn, động kinh, câm, co quắp, mù

Âm Thánh và các vị Thánh Phụ của Giáo Hội Chúa Kitô dạy rằng, những đau khổ đặc biệt và nặng nề như vậy được Thiên Chúa cho phép xảy ra để "các việc của Thiên Chúa được tỏ hiện", tức là để bày tỏ những hành động đặc biệt của Đức Chúa Trời đối với loài người và những hành động đặc biệt mà Đức Chúa Trời thực hiện qua Đấng Mê-si-a là Chúa Giê-su, như trong trường hợp này là việc chữa lành khỏi ma quỷ, vì vinh quang của Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su, cũng như vì sự khai sáng thuộc linh và sự cứu rỗi của Ma-ri Ma-đa-len. Theo giáo huấn của Đấng Cứu Thế Giê-su về những hoàn cảnh tương tự, chúng ta nên hiểu rằng Ma-ri Ma-đa-len không bị quỷ ám vì tội lỗi của chính bà hay của cha mẹ bà, mà là do Sự Sắp Đặt của Đức Chúa Trời đã cho phép điều này xảy ra, để Chúa Giê-su Christ bày tỏ công việc vinh quang của Đức Chúa Trời, bày tỏ phép lạ vĩ đại là việc chữa lành cho Ma-ri Ma-đa-len, khai sáng tâm trí bà, và dẫn dắt bà đến đức tin nơi Đấng Christ Cứu Thế cũng như sự cứu rỗi vĩnh cửu. Còn nguyên nhân khiến Maria Ma-đa-len phải chịu đau khổ nặng nề vì ma quỷ, cũng như nguyên nhân của những hành động và sự cho phép khác của Đức Chúa Trời đối với con người – những điều mà con người không thể hiểu thấu – nằm trong những mầu nhiệm thế gian của sự khôn ngoan Đức Chúa Trời, mà con người không thể thấu hiểu. Nếu không phải chịu đau khổ nặng nề và không thể chữa lành đến vậy, Maria Magdalene có thể hoặc hoàn toàn đứng ngoài công việc của Đấng Cứu Thế Chúa Kitô, hoặc đối diện với các phép lạ của Đấng Kitô, Đấng vừa là Thiên Chúa vừa là con người, với sự tò mò và ngạc nhiên, nhưng thiếu đức tin sống động và cứu rỗi, và bà sẽ không thể vươn tới tình yêu cao cả, không gì lay chuyển được dành cho Chúa, nhờ đó bà đã được an ủi bởi sự hiện ra của Đấng Cứu Thế Phục Sinh, thậm chí còn trước cả các Tông Đồ thân cận nhất của Ngài (Mc 16,9; Ga 20,16). Nhưng trong cơn đau khổ tột cùng, người phụ nữ Galilê là Maria Ma-đa-len không thể thờ ơ trước tin đồn về Đấng Làm Phép Lạ, "người chữa lành mọi bệnh tật và mọi sự yếu đuối nơi loài người" (Mt 9,35). Và thế là bà vội vã đi tìm Đấng Làm Phép Lạ ấy, tự mình chứng kiến rằng "Ngài đã chữa lành cho nhiều người khỏi các bệnh tật và đau yếu, khỏi các tà linh, khỏi những người điếc, mù, què, hủi, và đã làm cho người chết sống lại" (Lc 7,21–22; Mt 11 v.v.), – và Maria tin tưởng mãnh liệt vào quyền năng vô biên của Ngài, nương tựa vào sức mạnh Thần thánh của Ngài, cầu xin sự chữa lành cho chính mình và, nhờ đức tin, đã nhận được điều mình cầu xin: sức mạnh hành hạ của các linh hồn ác đã rời bỏ bà, bà được giải thoát khỏi sự nô lệ của ma quỷ[5230] và cuộc đời bà được thánh hóa bởi ánh sáng

---

lòa (Mc 5,3; Lc 8,27; Mt 9 và các đoạn khác). Điều này đã tạo cơ hội cho những người theo chủ nghĩa duy lý khẳng định rằng bệnh quỷ chỉ là một căn bệnh thể xác. Tuy nhiên, việc bệnh quỷ đi kèm với các bệnh tật không hề làm sáng tỏ những đặc điểm đáng sợ, phi tự nhiên và phi vật lý của bệnh quỷ, trong đó một người yếu ớt về thể chất, chẳng hạn, có thể xé đứt xiềng xích sắt hoặc tiên tri (Mác 5:4). Sự tương đồng của một số dấu hiệu của chứng quỷ ám với các bệnh lý tự nhiên của cơ thể chỉ là bề ngoài, được quy định bởi những quy luật chung của sự sống; sự vi phạm những quy luật này luôn có thể biểu hiện giống nhau, bất kể nguyên nhân gây ra chúng là gì. Và giáo lý của Phúc Âm về chứng quỷ ám này hoàn toàn không mâu thuẫn với các dữ liệu của sinh lý học và tâm lý học. Vì linh hồn con người có thể chịu ảnh hưởng ngay cả từ các lực lượng vật chất thông qua cơ thể, nên nó càng dễ bị chi phối bởi các lực lượng tinh thần hơn nữa, khi linh hồn không có khả năng chống lại những ảnh hưởng đó; điều này được xác nhận rõ ràng qua vô số thực tế về thôi miên. Và cũng như trong thôi miên, một người có ý chí mạnh mẽ hơn, thông qua sự gợi ý, có thể tác động lên người khác đến mức hoàn toàn kiểm soát họ và tước đoạt khả năng tự quyết định của họ, thì cũng nhờ cùng một quy luật tâm lý đó, một linh hồn xấu xa, một con quỷ, có thể hoàn toàn chiếm hữu linh hồn của một người yếu đuối, người mà do bản tính tội lỗi của chính mình, hoặc vì lý do nào khác, trở thành nạn nhân của ảnh hưởng khủng khiếp từ quỷ dữ. Và điều đáng chú ý là số người bị quỷ ám đặc biệt nhiều ngay trước khi Đấng Cứu Thế Giê-su đến. Đó là đặc điểm của thế kỷ đó, và điều này phần nào được giải thích bởi thực tế rằng vào thời điểm đó, sự bất an và yếu đuối trong tâm hồn – vốn là kết quả của sự bất mãn về mặt tinh thần và sự mong đợi đầy lo âu, nôn nóng về sự thay đổi trong tình trạng khốn khổ không thể chịu đựng nổi – đã đạt đến đỉnh điểm. Tâm trạng đó lúc bấy giờ đã bao trùm cả dân Do Thái lẫn dân ngoại ở phương Đông. Và các thế lực tăm tối của ma quỷ vội vã giăng lưới cho sự thống trị độc ác và hủy diệt của chúng, vì đã lường trước và cảm nhận được sự thất bại sắp xảy ra trước Đấng Cứu Thế Kitô.

[5230] Một số nhà chú giải Kinh Thánh, các tác giả sách tiểu sử các thánh, và thậm chí cả các vị Giáo phụ của Giáo hội phương Tây, những người cho rằng Maria Ma-đa-len chính là người phụ nữ tội lỗi nổi tiếng đã ăn năn và được tha tội tại nhà Si-môn, người Pha-ri-si, – cho rằng các tác giả Tin Mừng Luca và Mác đã không diễn tả chính xác hoàn cảnh của Maria Ma-đa-len, khi nói rằng Chúa Kitô đã trừ quỷ khỏi Maria Ma-đa-len; các tác giả này cho rằng Maria Magdalene không bị quỷ ám, mà chỉ đơn thuần là một người phụ nữ tội lỗi, và dường như cụm từ "bảy con quỷ" của các tác giả Tin Mừng ám chỉ nhiều tội lỗi và thói hư tật xấu (đó là quan điểm của, ví dụ như Thánh Giêrônimô, Thánh Augustinô, Thánh Grêgôriô Cả và những vị khác). Tuy nhiên, việc diễn giải lại những lời lẽ rõ ràng của hai tác giả Tin Mừng như vậy chỉ có thể dựa trên nền tảng của học thuyết quỷ thuật Do Thái, theo đó các vị rabbi quy mọi đam mê thông thường của con người và mọi căn bệnh cho các linh hồn xấu xa. Và Talmud Do Thái cũng quy nhiều tật xấu vô liêm sỉ cho bà, diễn giải về vẻ đẹp phi thường và mái tóc bện của Maria Ma-đa-len cũng như về sự giàu có của bà… Nhưng Giáo Hội Chính Thống Đông Phương không nhầm lẫn người phụ nữ tội lỗi vô danh, người đã được tha thứ tại nhà Si-môn người Pha-ri-si, với Ma-ri Ma-đa-len, và cũng không diễn giải lại những lời trực tiếp của hai tác giả Tin Mừng về việc trừ quỷ khỏi chính Ma-ri Ma-đa-len. Còn Thánh Dimitri, Tổng Giám mục Rostov, đã viết một cách thấu đáo: "Nếu Ma-ri Ma-đa-len là người phụ nữ đó, thì khi theo Chúa Kitô và các môn đệ của Ngài, bà rõ ràng là một người phụ nữ tội lỗi, đã đi theo họ trong một thời gian dài, để những người Do Thái ghét Chúa Kitô có cớ tìm kiếm bất kỳ lỗi lầm nào ở

Thần thánh của Đấng Chữa lành, Đấng mà Maria Ma-đa-len đã dâng hiến trọn vẹn bản thân mình, như một người phụ nữ Ga-li-lê đầy nhiệt huyết và biết ơn.

Kể từ đó, tâm hồn Maria Ma-đa-len bừng cháy tình yêu biết ơn và trung thành nhất dành cho Đấng Cứu Thế Kitô của mình, và cô đã mãi mãi gắn bó với Đấng Cứu Chuộc của mình, đi theo Ngài khắp mọi nơi để tiếp nhận những lời dạy cứu rỗi của Ngài và tận dụng mọi cơ hội để phục vụ Đấng Chữa Lành Thần Thánh của mình. Và trong hoàn cảnh trần thế lúc bấy giờ, mà Đức Kitô đã tự đặt mình vào với tư cách là Con Người, Ngài cần sự phục vụ và sự hỗ trợ vật chất cho chính Ngài cũng như cho công việc của Ngài. Thật vậy, Chúa Kitô đã sinh ra trong cảnh nghèo khó trong một hang đá ở Bêlem, nơi người ta thường dắt gia súc vào, và nôi của Ngài ở đó chỉ là một máng cỏ đơn sơ (Lc 2:7, 12, 16). Vì gia đình nghèo khó, Mẹ Ngài chỉ có thể dâng lên Đền Thờ Chúa hai con bồ câu non làm lễ vật theo quy định dành cho trẻ sơ sinh (Lc 2:24). Tại thị trấn nhỏ Nazareth thuộc xứ Galilê[5231] , cho đến năm 29 tuổi, Chúa Kitô vẫn sống trong cảnh nghèo khó như một thành viên được nhận làm con nuôi trong gia đình một thợ mộc bình thường. Và trong thời gian rao giảng Tin Mừng Nước Trời, để việc thực hiện sứ mệnh vĩ đại của Đấng Thiên Chúa-Con người gặp ít trở ngại nhất có thể, Đức Kitô đã hoàn toàn gác lại mối quan hệ với gia đình của người cha nuôi là Giuse (Mt 12:46–50; Mác 3:31–35; Luca 8:19–21), nơi Ngài được nuôi dưỡng, cũng như mọi sự lo toan về sự sung túc vật chất và tài sản cá nhân của Ngài. Vì vậy, Đức Kitô không sở hữu bất kỳ tài sản nào, ngoại trừ bộ quần áo mang theo của một vị thầy giảng đạo du hành người Galilê, đến nỗi sau ba năm thi hành sứ vụ công khai, giá trị của Ngài chỉ được định giá là ba mươi đồng bạc, tức khoảng 30 rúp, con số này vào thời đó tại Palestine tương đương với giá của một nô lệ nghèo nhất, không có gì trong tay (Mt 26:15). Trên mảnh đất mà Ngài đến để cứu rỗi, Chúa Kitô không sở hữu một mảnh đất nào, cũng không có ngôi nhà nào.

– "Cáo có hang, chim có tổ, còn Con Người thì không có nơi nào để gối đầu" (Mt 8:20), – chính Đức Kitô đã phán như vậy.

Không có nhà cửa hay tài sản, thức ăn hàng ngày của Đấng Cứu Thế cũng giống như thức ăn của người Galilee nghèo khó nhất: bánh lúa mạch[5232] và cá bắt được ở Hồ Galilee rồi luộc ngay tại bờ hồ, thỉnh thoảng có thêm một miếng mật ong hoang dã mà người dân tự do thu hái. Còn lời chỉ trích của những người Pha-ri-si gian xảo rằng Con Người "thích ăn và uống rượu" (Mt 11:19), thực ra là vì Chúa Kitô không từ chối dùng bữa cùng những người mời Ngài, với tư cách là một vị thầy dạy công cộng, bởi vì các thầy dạy lúc bấy giờ thường được tiếp đãi nồng hậu (Lc 5:1–39, 7:1–50, 10:1–42). Và mặc dù các Tông đồ và một số môn đệ của Chúa Kitô sở hữu một ít tài sản – Tông đồ Phêrô có một ngôi nhà ở Capernaum, Tông đồ Gioan có một ngôi nhà ở Giêrusalem, còn những người sùng kính Chúa Kitô khác thì làm một số nghề và họ có một hòm tiền chung (Ga 12:6, 13:29) để chi trả các chi phí sinh hoạt thiết yếu, giúp đỡ những người nghèo khác và bố thí cho người ăn xin, nhưng ngay cả những khoản tiền nhỏ cho những nhu cầu cấp bách nhất cũng không phải lúc nào họ cũng có sẵn trong quỹ đó. Vì vậy, khi những người thu thuế Do Thái đến gặp Tông đồ Phêrô để thu một khoản thuế nhỏ cho đền thờ và nói:

– Thầy của các ông có thể cho chúng tôi một didrachma (chỉ khoảng 40 kopeck) không? – thì cả Thầy Giê-su lẫn các môn đệ của Ngài đều không có sẵn số tiền nhỏ nhoi như vậy!.. (Ma-thi-ơ 17:24–27)

Trong khi đó, tin đồn về Đức Kitô và các phép lạ của Ngài lan truyền khắp xứ Sy-ri[5233] ; và người ta đưa đến với Ngài tất cả những người ốm yếu, những người bị các bệnh tật khác nhau, những người bị co giật, những

---

Ngài, nhằm phỉ báng và kết án Ngài. Nếu các môn đệ của Chúa, khi một lần thấy Chúa đang trò chuyện với người phụ nữ Samari, đã ngạc nhiên vì Ngài nói chuyện với một người phụ nữ, thì những kẻ thù địch ấy làm sao có thể im lặng được, nếu họ thấy rõ ràng một người phụ nữ tội lỗi luôn theo sau và phục vụ Ngài suốt những ngày sau đó..."

[5231] Nazareth (từ này có nghĩa là "con trai", theo một số người khác là "người canh gác", "người bảo vệ") là một thị trấn nhỏ ở Galilê, nằm ở phía tây nam của Capernaum và núi Tabor. Thị trấn này tọa lạc trên một ngọn núi cao 600 feet so với mực nước biển. Từ đỉnh núi, khung cảnh nhìn xuống các thung lũng, những ngọn núi và Biển Địa Trung Hải thật tuyệt đẹp và đa dạng. Dân cư nơi đây nghèo khó, ít ỏi và không được người Do Thái coi trọng (Giăng 1:46). Nazareth đã trở nên nổi tiếng khắp thế giới như là nơi Đức Trinh Nữ Maria nhận được tin mừng về sự ra đời của Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Thế của thế gian. Thời thơ ấu, tuổi trẻ và cuộc đời của Chúa Giê-su Ki-tô đã trôi qua tại Na-za-rét cho đến khi Ngài bắt đầu sứ vụ công khai để cứu rỗi loài người (Luca 2:39–51). Chính vì thế, Ngài được gọi là Người Na-za-rét, Người Na-zo-rê (Giăng 19:19) và thậm chí trong một thời gian dài, các tín hữu Ki-tô giáo ở phương Đông cũng được gọi là người Na-za-rét.

[5232] Bánh lúa mạch là thức ăn của người nghèo, và chỉ được cấp cho binh lính La Mã dưới hình thức trừng phạt, chẳng hạn như khi họ làm mất cờ hiệu. Người Do Thái coi lúa mạch là thức ăn dành cho ngựa và lừa.

[5233] Từ "Syria" (cao) trong văn bản Do Thái được chỉ định bằng từ "Aram", vốn ám chỉ cả Syria và Mesopotamia. Toàn bộ vùng đất từ sông Euphrates đến Biển Địa Trung Hải và từ dãy núi Taurus đến Ả Rập đều thuộc về Syria. Các thung lũng của Syria rất màu mỡ, tràn

người bị quỷ ám, những người bị điên loạn, những người bị liệt, và Ngài đã chữa lành cho họ. Và có rất nhiều người từ Ga-li-lê, Mười Thành, Giê-ru-sa-lem, Giu-đê, và bên kia sông Giô-đanh theo Ngài" (Mt 4:25; Lc 6:17; Mc 3:7–8). Và trong đám đông đủ mọi tầng lớp người từ các vùng xa xôi ấy, có rất nhiều người nghèo, không chỉ thiếu thốn thức ăn mà thậm chí cả quần áo…

Chính vì tất cả những lý do đó, nhiều phụ nữ đạo đức, những người đã được Chúa Kitô chữa lành khỏi những căn bệnh nặng nề và có điều kiện kinh tế nhờ tài sản của mình, đã đồng hành cùng Đấng Cứu Thế trong hành trình rao giảng Tin Mừng của Ngài, "phục vụ Ngài bằng tài sản của mình" (Lc 8,3), tức là trong những lúc khẩn cấp, họ chi trả các chi phí cho những nhu cầu thiết yếu của những người nghèo đi theo Đấng Cứu Thế của họ, và theo chỉ dẫn của Ngài, họ đã cung cấp sự trợ giúp cần thiết cho những người cần sự giúp đỡ về vật chất. Trong số những người phụ nữ biết ơn ấy, Thánh Luca đã nêu tên Maria Ma-đa-len là người đầu tiên (Lc 8,2), bởi vì bà là người đầu tiên làm gương cho những người khác về sự phục vụ đầy lòng biết ơn đối với công việc của Đấng Thiên Chúa-Người, hoặc bà đã vượt trội hơn tất cả những người khác về lòng nhiệt thành trong công việc thánh thiện này. Và sự phục vụ vô tư, nhiệt thành của họ dành cho Đấng Cứu Thế Kitô vào thời điểm "Ngài không có nơi nào để gối đầu", và khi Ngài phải đối mặt với sự lạnh lùng, ngạc nhiên hoặc thù địch từ phần lớn mọi người – đã làm vui lòng Chúa Giêsu, mang lại cho Ngài nhiều an ủi giữa những vất vả liên miên và những sự sỉ nhục thường xuyên.

Đặc biệt đáng chú ý trong hoàn cảnh đó là sự kiên cường phi thường và lòng dũng cảm phi thường mà Thánh Maria Ma-đa-len đã dành cho Đấng Cứu Chuộc của mình. Và, bất chấp mọi trở ngại và nguy hiểm khủng khiếp, ngay cả trong những ngày tháng đau khổ tột cùng và những giờ phút chịu đau khổ tàn khốc của Đấng Kitô, Maria Ma-đa-len đã tỏ ra can đảm và trung thành hơn cả các Tông đồ, đến nỗi khi hầu như tất cả mọi người, kể cả các Tông đồ – dù đã hứa sẽ chết cùng Chúa – đều bị nỗi sợ hãi trước những kẻ thù của Chúa đánh bại và "chạy trốn" (Mt 26,56) và ẩn náu – thì Maria Ma-đa-len đã chiến thắng nỗi sợ hãi bằng tình yêu và bằng sự kiên định trong sự đồng hành cùng Đấng Chịu Khổ, bà đã cố gắng làm dịu bớt con đường đầy gai góc mà Ngài đang đi để cứu rỗi thế giới. Những đau khổ tàn khốc của Đấng Cứu Thế, bị đóng đinh trên thập tự giá[5234] , càng trở nên tồi tệ hơn bởi những lời chế nhạo ngang ngược và khiêu khích của các thượng tế Do Thái, các kinh sư và các trưởng lão, những người không chỉ thỏa mãn với việc thực hiện sự trả thù đê tiện của họ, mà còn đứng gần thập tự giá của Đấng Christ bị đóng đinh, chế nhạo và thốt ra những lời trách móc vô lương tâm và ngang ngược đối với Đấng Chịu Khổ vô tội, nói rằng:

– Người đã cứu người khác (khỏi cái chết), mà lại không thể cứu chính mình. Nếu Người là Đấng Kitô, Vua của Israel, thì hãy tự cứu mình đi; hãy xuống khỏi thập giá ngay bây giờ, để chúng tôi thấy và tin vào Người (Mt 27:41–43; Mc 15:31–32; Lc 23:35)…

Các binh lính La Mã cũng chế nhạo Ngài và tiến lại gần, nói:

– Nếu Ngài là Vua dân Do Thái, hãy tự cứu lấy mình đi (Lc 23:36–37)…

Các tên cướp bị đóng đinh cùng với Ngài cũng chế nhạo Ngài và nói xấu Ngài; một trong số họ nói:

– Nếu Ngài là Đấng Christ, hãy cứu lấy chính Ngài và chúng tôi (Ma-thi-ơ 27:44; Lu-ca 23:39)…

Và những người đi qua trong đám đông cũng nói xấu Ngài, lắc đầu và nói:

---

ngập lúa mì, nho, thuốc lá, ô liu, cam, chà là và các loại cây trồng khác. Khí hậu ở đây rất lành mạnh và dễ chịu. Không có quốc gia nào trong thời cổ đại nổi tiếng bằng Syria, ngay cả về nền văn minh của mình.

[5234] Hình phạt đóng đinh trên thập tự giá, tức là hình phạt thập tự giá, từ thời cổ đại và ở người La Mã đã được coi là hình phạt nô lệ, nhục nhã nhất và tàn bạo nhất, chỉ dành cho những kẻ phản bội, sát nhân và những tên ác nhân tột độ. Đối với người Do Thái, hình phạt này được coi là "bị nguyền rủa" (Đệ Nhị Luật 21:22–23; 1 Cô-rinh-tô 1:23). Theo phong tục La Mã, tội danh của người bị đóng đinh được ghi ngắn gọn trên một tấm bảng gỗ, được gắn ở phía trên thập tự giá. Cái chết trên thập tự giá chứa đựng tất cả những gì kinh hoàng và đau đớn nhất trong tra tấn và cái chết mà không mất đi ý thức và cảm giác: sự trái tự nhiên khi cơ thể bị treo trên đinh khiến mọi cử động dù nhỏ nhất cũng trở nên đau đớn; những vết thương sưng tấy và ngày càng rách toạc hơn gần các đinh bị hoại tử ăn mòn; các động mạch, đặc biệt là ở đầu và bụng, sưng phồng và tràn đầy máu, gây ra cơn nóng khủng khiếp và cơn khát không thể chịu đựng nổi. Những đau khổ của những người bị đóng đinh là quá lớn và khủng khiếp, đôi khi kéo dài đến vài ngày, đến nỗi người La Mã thường phải đẩy nhanh cái chết bằng những cú đánh và đâm bằng giáo. Còn đối với người Do Thái, theo luật Mô-sê (Đệ Nhị Luật 21:1–23), được phép chấm dứt nỗi đau khổ của những người bị đóng đinh trước khi mặt trời lặn, và theo tập tục, người ta thường cho người bị đóng đinh uống rượu pha với nhũ hương (Mác 15:23; hoặc với mật (Ma-thi-ơ 27:34)), thứ làm mờ ý thức để phần nào giảm bớt nỗi đau khổ; nhưng Chúa Giê-su Ki-tô đã không chấp nhận, không uống loại đồ uống làm dịu nỗi đau đó. Những phụ nữ giàu có ở Giê-ru-sa-lem tự chi trả để mang loại đồ uống gây mê này đến, mà không quan tâm đến danh tính của những người bị đóng đinh. Chỉ có Hoàng đế Constantine Đại đế mới bãi bỏ hình phạt đóng đinh gây phẫn nộ này trong Đế chế La Mã, còn trong Cộng hòa La Mã, người ta thậm chí còn đóng đinh cả trẻ em…

– Này, kẻ phá hủy Đền Thờ và xây dựng lại trong ba ngày, nếu Ngài là Con Thiên Chúa, hãy xuống khỏi thập giá đi (Mt 27:39–40; Mc 15:29–30)…

Và khi sự ngu muội và man rợ của đám đông, cùng với sự thù hận thấp hèn của các trưởng lão Do Thái, bao vây Đấng Christ bị đóng đinh như vậy, – ánh mắt chịu khổ của Ngài đã nhận ra với sự an ủi những giọt nước mắt của các phụ nữ đạo đức, trong số đó Ma-ri Ma-đa-len là "một trong những người đầu tiên" (Mt 27:55–56; Mc 15:40; Lc 23:27). Trong những giọt nước mắt đầy lòng trắc ẩn ấy, dường như một tia sáng đã lóe lên cho Con Người giữa vương quốc u ám của tội lỗi, và tia sáng ấy từ những người phụ nữ biết ơn đã an ủi Đấng Chịu Khổ Vô Tội bằng chứng cứ rằng bản tính con người vẫn chưa hoàn toàn bị hư hỏng.

Ngày mà Đấng Thiên Chúa-Người đã cứu chuộc loài người sa ngã là một ngày trời trong. Lúc đó đã gần trưa, và theo cách gọi các khung giờ trong ngày của người Do Thái, đó là giờ thứ sáu (Lc 23:44; Ma-thi-ơ 27:45; Mác 15:43). Nhưng ngay vào buổi trưa trong trẻo ấy, "mặt trời bỗng tối sầm lại và trời trở nên tối tăm[5235] cho đến giờ thứ chín, tức là, theo cách gọi giờ trong ngày hiện nay, đến ba giờ chiều (Ma-thi-ơ 27:45; Mác 15:33; Lu-ca 23:44). Dấu hiệu trên trời đáng sợ, uy nghi và đầy sức lay động – mặt trời lụi tàn, bóng tối bao trùm khắp mặt đất giữa ánh sáng chói chang của buổi trưa – đã đè nặng lên những kẻ phỉ báng Đấng Christ Vô Tội, khiến họ kinh hoàng và im lặng. Còn những người sùng kính Đấng Bị Đóng Đinh, ban đầu đứng xa và quan sát (Lc 23:49; Mt 27:55; Mc 15:40), đã tiến lại gần Đấng Chịu Khổ, vây quanh thập giá của Ngài, và trong số họ, tác giả Tin Mừng lại nhắc đến Maria Ma-đa-len là người đầu tiên (Mt 27:56; Mác 15:40). Như vậy, Ma-ri Ma-đa-len đang quỳ dưới chân Đấng Christ Cứu Thế không chỉ là Đấng làm phép lạ, được các trẻ thơ tôn vinh và ca ngợi, mà còn là dưới chân Chúa Giê-su Na-xa-rét, Đấng bị hạ nhục, bị sỉ nhục, bị đóng đinh một cách nhục nhã, thậm chí bị chính các Tông đồ của Ngài bỏ rơi!..

Và sau khi Đấng Chữa Lành của mình qua đời, Ma-ri Ma-đa-len vẫn không rời xa Ngài: bà đã đi cùng Giô-sép[5236] người A-ri-ma-phê và Ni-cô-đem[5237] khi họ chuyển thi thể Ngài từ thập tự giá xuống quan tài[5238] , có mặt trong lễ an táng của Ngài, chứng kiến nơi họ đặt thi thể Chúa (Mt 27:61; Mác 15:47) và khi, để tỏ lòng tôn kính theo luật pháp của Đức Chúa Trời đối với lễ Vượt Qua trọng đại sắp đến, bà rời khỏi thi thể Ngài đã được chôn cất, thì tình yêu biết ơn nồng nàn của Ma-ri Ma-đa-len trong nỗi đau buồn sâu sắc đã mở ra cho bà nguồn an ủi. Tình yêu đã khơi dậy trong bà mong muốn được bày tỏ, theo khả năng của mình, sự tôn kính cuối cùng dành cho Đấng Cứu Thế của bà – Đấng đã bị người Do Thái sỉ nhục. Bà mua dầu thơm và các loại hương liệu (Lc 23:56) để xức lên thi thể Chúa Kitô đã được chôn cất, nhằm bày tỏ sự tôn kính tối đa theo phong tục Do Thái.

[5235] Bóng tối này không phải là một hiện tượng nhật thực thông thường, theo các quy luật tự nhiên đã biết về chuyển động của mặt trời và mặt trăng. Đó là một hiện tượng siêu nhiên, cùng với những điềm báo đặc biệt tiếp theo trong tự nhiên, đã chứng minh ý nghĩa vô cùng to lớn và đặc biệt của sự kiện Cứu chuộc. Sự bất thường và tính xác thực của bóng tối này đã được ba nhà văn ngoại giáo thời bấy giờ chứng thực: nhà sử học và nhà thiên văn học La Mã Phlegon, Julius Africanus, nhà sử học Phallus và một nhà sử học ngoại giáo thứ tư chưa được nhà sử học Eusebius nêu tên. Trong các ghi chép của họ, thời gian diễn ra bóng tối này hoàn toàn trùng khớp với những chỉ dẫn của các Tông đồ, rằng lúc đó các vì sao trên trời vẫn có thể nhìn thấy. Thánh Gioan Vàng Miệng, Thêôphilact và Êuphimius cho rằng sự tối tăm này được tạo ra bởi sự tụ tập dày đặc của mây giữa trái đất và mặt trời dưới tác động của một sức mạnh siêu nhiên, như một dấu hiệu cho thấy cơn thịnh nộ của Thiên Chúa đối với sự bất kính của loài người. Một ngày được tính từ sáu giờ tối đến sáu giờ tối của ngày hôm sau. Thực ra, ánh sáng ban ngày được tính từ sáu giờ sáng. Từ 6 giờ sáng đến 9 giờ được coi là phần đầu tiên của ngày, được gọi là giờ thứ ba; từ 9 giờ đến 12 giờ là phần thứ hai của ngày, được gọi là giờ thứ sáu; từ trưa đến 3 giờ là phần thứ ba của ngày, được gọi là giờ thứ chín; từ 3 giờ chiều đến 6 giờ tối được tính là phần thứ tư, được gọi là giờ thứ mười hai trong ngày. Đêm cũng được chia thành bốn ca trực, mỗi ca ba giờ.

[5236] Giô-sép, người thành A-ri-ma-phê hay Ra-ma-pha-im, là một người giàu có, tính cách cương quyết, đời sống vô tì vết, là thành viên danh dự của Tòa Công luận Giê-ru-sa-lem; do tính cách nhút nhát, trước đây ông không dám công khai tuyên bố mình là người sùng kính Đấng Christ, nhưng cũng không tham gia vào bản án chống lại Chúa Giê-su. Vì phẫn nộ trước việc Ngài bị đóng đinh, ông muốn bày tỏ lòng trung thành của mình bằng cách tổ chức một lễ an táng trang trọng cho Đấng Christ, như một vị tử đạo và nạn nhân của những âm mưu độc ác.

[5237] Nicôđêm là một người Pha-ri-si nổi tiếng và là thành viên của Hội đồng Tôn giáo. Ông đã đến gặp Đấng Cứu Thế tại Giê-ru-sa-lem vào ban đêm với mục đích tìm hiểu giáo lý của Đấng Christ một cách chi tiết và cởi mở hơn, và Chúa đã bày tỏ cho ông những nguyên tắc cơ bản của giáo lý Phúc Âm (Giăng 3:1–36.). Ông rất giàu có, đã tôn vinh Chúa Kitô bằng việc an táng, mang đến 100 pound hỗn hợp gồm myrrh và aloe để xức lên thi thể Chúa Kitô. Sau đó, ông đã nhận phép rửa từ các Tông đồ.

[5238] Thuật ngữ "quan tài" lúc bấy giờ dùng để chỉ các lăng mộ của người Do Thái, hay những hang động được đào và đục trong các ngọn đồi đá, bên trong có đặt giường để an táng người đã khuất. Gần ngôi mộ mà ông đã chuẩn bị cho chính mình. Người Do Thái rất tôn kính các ngôi mộ của họ, nhưng Giuse không do dự mà dành nó cho Đấng Chịu Khổ Vô Tội, vội vàng hoàn tất việc an táng, vì ngày Thứ Bảy Phục Sinh đang đến gần.

Việc làm này, đã mang lại cho Ma-ri Ma-đa-len danh hiệu "người mang dầu thơm", là do chính bà thực hiện, bởi vì hai tác giả Tin Mừng lại đặt bà lên hàng đầu, giữa một số phụ nữ khác đã theo bà trong việc này, còn tác giả thứ ba thì chỉ đề cập đến một mình bà (Ma-thi-ơ 28:1; Mác 16:1; Giăng 20:1) và đề cập đến bà trong công việc cao quý này.

Và thế là, giữa bóng tối còn vương vấn của đêm (Ga 20:1), vào ngày đầu tuần, sau ngày Thứ Bảy đầy đau buồn, giữa nguy hiểm từ những người Do Thái đầy thù hận – những kẻ đã từng tìm cách bắt giữ các môn đệ của Chúa Kitô – và vào lúc các Tông đồ của Đấng bị đóng đinh đang đóng cửa trong căn phòng của mình với tâm hồn tan nát, – Maria Ma-đa-len cùng với một số phụ nữ đạo đức, bất chấp nguy hiểm rình rập, dũng cảm tiến đến ngôi mộ của Đấng Cứu Thế, mang theo các loại hương liệu và dầu thơm[5239] (Lc 23:56; Mc 16:1), được chuẩn bị để xức lên thi thể Chúa Kitô, nhằm dâng lên Đấng đã an nghỉ lời tri ân cuối cùng của tình yêu và sự tôn kính. Maria Ma-đa-len không biết về đội lính canh do người Do Thái cử đến canh giữ hang mộ của Chúa Kitô, cũng như việc các thượng tế niêm phong lối vào hang mộ, vì tất cả những điều này đã xảy ra sau khi tất cả những người tôn kính Chúa Giê-su đã rời khỏi vườn của Giô-sép A-ri-ma-phê (Mt 27:62–66). Nhưng giờ đây, trên đường từ Giê-ru-sa-lem đến hang mộ của Chúa Kitô, Ma-ri Ma-đa-len chợt nhớ ra rằng lối vào hang mộ đó đã bị Giô-sép và Ni-cô-đê-mô bịt lại bằng một tảng đá to và nặng đến nỗi cả bà lẫn những người bạn đồng hành đều không thể lăn nó ra khỏi lối vào. Và thế là, trong sự bối rối trước trở ngại này, các bà mang hương thảo nói với nhau:

– Ai sẽ lăn tảng đá khỏi cửa mộ cho chúng ta đây?.. (Mk 16:3)

Suy ngẫm về điều này, Maria Ma-đa-len, đi trước các phụ nữ mang hương liệu khác và tiến lại gần hang mộ hơn, khi nhìn lên, bỗng thấy tảng đá khiến cô bối rối đã được dời khỏi lối vào hang… (Ga 20:1; Mc 16:4).

Đối với người Do Thái thời bấy giờ, tảng đá che lấp lối vào mộ người đã khuất được coi là bất khả xâm phạm, như thể đã được thánh hóa. Và việc tảng đá ở lối vào hang mộ của Chúa Kitô đã được dời đi cho thấy rằng đã có điều gì đó đặc biệt xảy ra với thi thể của Đấng được an táng ở đó. Chính xác là điều gì? – Đơn giản và trước hết là suy nghĩ rằng thi thể của Chúa Giê-su đã bị ai đó lấy ra khỏi hang đá của Giô-sép A-ri-ma-thê và có thể đã được đặt ở một nơi khác. Và ý nghĩ này – rằng họ sẽ mất cơ hội để tỏ lòng kính trọng cuối cùng đối với Ngài – đã làm Maria Ma-đa-len bàng hoàng đến mức, ngay lập tức, mà không vào hang, bà chạy trở lại Giê-ru-sa-lem để báo cho các Tông đồ Phê-rô và Gio-an biết về những gì đã xảy ra tại mộ Chúa Giê-su. Bà tin chắc rằng, khi được bà báo tin, các Tông đồ sẽ tích cực tham gia vào việc tìm kiếm thi thể của Chúa Giêsu:

– Người ta đã lấy Chúa ra khỏi mộ và chúng tôi không biết họ đã đặt Ngài ở đâu – bà nói với các Tông đồ (Ga 20,2).

Và quả thực, hai Tông đồ nhiệt thành nhất là Phêrô và Gioan đã lập tức đi đến ngôi mộ[5240] . Cả hai cùng chạy; nhưng Gioan chạy nhanh hơn Phêrô và đến ngôi mộ trước; cúi xuống, ông thấy những tấm vải liệm nằm đó,

---

[5239] Myrrh (hay smyrna) là một loại nhựa thơm chiết xuất từ cây balsam, mọc ở Ả Rập, Ai Cập và Abyssinia. Loại nhựa này một phần tự chảy ra từ cây, một phần được thu hoạch bằng cách rạch vỏ cây. Nó có kết cấu như dầu, khi đặc lại có màu trắng ngả vàng; khi đông cứng lại, nó chuyển sang màu hơi đỏ; vị của loại nhựa này rất đắng gắt, mùi thơm đặc biệt nồng nàn đến mức có thể gây chóng mặt và mất ý thức. Myrrh hay loại nhựa này, nhờ khả năng chống lại mọi sự thối rữa, đã được người Do Thái và người Ai Cập sử dụng để xức và ướp xác người chết (Giăng 19:39). Trong Cựu Ước, dầu xức thánh được pha chế từ myrrh và dầu (Xuất Ê-díp-tô Ký 30:23–25). Theo lệnh của Đức Chúa Trời, dầu thánh này đã được dùng để xức lên Đền Tạm Giao Ước, sau đó là A-rôn và các con trai ông để phục vụ Đức Chúa Trời một cách thánh khiết, và sau này các vua và các tiên tri cũng được xức dầu thánh. Việc xức dầu thánh là dấu hiệu bên ngoài, có thể nhìn thấy được, của sự thánh hóa vật thể và việc ban cho người được xức dầu những ân tứ và quyền năng của Thánh Linh Đức Chúa Trời. Và trong Giáo hội Kitô giáo Chính thống, từ thời các Tông đồ đã có Bí tích Xức dầu Thánh, qua đó, khi người tín hữu được xức dầu Thánh lên đầu, trán, mắt, tai, môi, tay và chân nhân danh Thánh Thần, họ sẽ nhận được các ân sủng của Thánh Thần, giúp họ hồi sinh và củng cố đời sống thiêng liêng. Dầu thánh cũng được dùng để xức lên các nhà thờ Kitô giáo và các vị vua trong lễ đăng quang, khi họ bắt đầu sứ vụ vương quyền cao cả của mình… – Ngoài myrrh, người Do Thái khi chôn cất người chết còn sử dụng các loại bột thơm, rắc lên vải liệm và chính chiếc giường mà thi thể được đặt lên. Những loại hương liệu dạng bột này, ngoài myrrh, đã được các nữ mang myrrh chuẩn bị cho quan tài của Chúa Kitô.

[5240] Trong bản tường thuật về cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem năm 70 do Titus Flavius Vespasianus – người được phong làm hoàng đế La Mã vào thời điểm đó – chỉ huy, ngôi mộ của Giô-sép Arimathea đã được đề cập, được xây dựng theo kiểu các ngôi mộ hang động đơn lẻ thông thường của người Do Thái. Điều này cũng từ một góc độ khác xác nhận rằng ngôi mộ nơi Chúa Kitô được an táng đã được đục khoét trong vách đá tự nhiên, bên trong một ngọn đồi không cao, dưới dạng hai khoang hoặc phần: khoang lối vào và khoang an táng chính. Lối vào hang động được bố trí theo thông lệ hướng về phía đông và được chặn lại bằng một tảng đá lớn. Nơi an táng ở phần thứ hai của hang động được đục khoét thành hình một chiếc giường, hoặc một bệ dựa vào tường, hoặc một chiếc giường nằm, ở phía bên phải của lối vào. Chiều cao của lăng mộ cao hơn chiều cao của một người một chút, còn chiều cao của lối vào khoảng một phần ba chiều cao

nhưng không vào trong hang mộ. Tiếp theo, Si-môn Phi-e-rơ đến, bước vào mộ và thấy những tấm vải liệm nằm đó cùng chiếc khăn che đầu của Chúa Giê-su, không nằm chung với các tấm vải liệm mà được đặt riêng ở một chỗ khác – và mọi thứ đều được xếp gọn gàng. Lúc đó, Gioan cũng bước vào, nhìn thấy và, trong im lặng, tin chắc rằng Đấng Ki-tô đã sống lại; bởi vì nếu có ai đó chuyển thi thể Chúa Giê-su sang nơi khác, thì người ấy đã làm điều đó mà không để lộ thi thể; cũng như nếu có ai đó đánh cắp thi thể, thì người ấy sẽ không bận tâm đến việc tháo khăn che đầu, cuộn lại và đặt ở nơi khác, mà sẽ mang thi thể đi đúng như cách nó đang nằm; hơn nữa, myrrh và lô hội mà Nicôđêmô đã dùng khi chôn cất Chúa Kitô đã dính chặt các tấm vải liệm vào thi thể – Thánh Gioan Kim Khẩu giải thích (Ga 20:3–9): – Nhưng các Tông đồ đã rời khỏi ngôi mộ trống rỗng của Thầy mình với những tâm trạng khác nhau: Phêrô, thay vì đặt niềm tin, chỉ với sự ngạc nhiên "lùi lại, tự hỏi trong lòng về điều đã xảy ra" (Lc 24:12)…

Khi các Tông đồ rời khỏi ngôi mộ trống rỗng của Chúa Kitô trong tâm trạng còn bối rối và yếu đuối như vậy, thì Maria Ma-đa-len lại quay trở lại đó. Khi đến hang mộ, bà bắt đầu khóc và, trong nỗi đau buồn không thể nguôi ngoai, bà cúi xuống (Ga 20:11) lối vào thấp của hang mộ để nhìn vào nơi Đấng Cứu Thế của bà đã được an táng. Và ở đó, bà thấy hai Thiên thần[5241] , mặc áo trắng, đang ngồi, một người ở đầu và một người ở chân, nơi thi thể Chúa Giêsu từng nằm. Và họ nói với bà:

– Hỡi người phụ nữ, sao chị khóc?

Maria trả lời họ:

– Người của tôi đã bị mang đi rồi, và tôi không biết họ đã đặt Người ở đâu!

Nỗi đau của Maria lớn đến nỗi bà không nhận ra rằng những người đang nói chuyện với bà không phải là con người, mà là các Thiên thần đã hóa thân thành hình dạng con người để xoa dịu nỗi đau của bà bằng vẻ ngoài rạng rỡ, trang nghiêm và lễ hội của họ tại nơi an táng đầy buồn bã của Đấng Kitô, và bà trả lời họ bằng chính những lời mà bà đã nói với các Tông đồ về việc thi thể Chúa Kitô biến mất khỏi Mộ. Còn các Thiên thần, bằng sự hiện ra trang nghiêm và rực rỡ của mình, đang chuẩn bị cho Maria Ma-đa-len đón nhận tin mừng về sự Phục sinh kỳ diệu của Chúa Kitô, tuy nhiên, không nói với bà, như đã nói với các phụ nữ mang hương khác, rằng Đấng mà bà đang

---

của một người. Khoảng cách từ lăng mộ của Giô-sép đến Gô-gô-tha là khoảng 17 sa-je (hoặc 120 foot)… Vào khoảng giữa thế kỷ thứ hai, hoàng đế La Mã Hadrian, với ý định Hy Lạp hóa người Do Thái, đã ra lệnh lấp đầy mọi địa hình gồ ghề và các ngọn đồi ở Jerusalem; sau đó, trên nền các thánh địa Kitô giáo, người ta đã xây dựng các đền thờ ngoại giáo dành cho Jupiter và Venus. Nhưng vào năm 333, theo lệnh của Hoàng đế Constantine Đại đế, những đền thờ này đã bị phá bỏ, các đống đất lấp được dỡ bỏ, và lúc đó hang động chứa Mộ Thánh Chúa Kitô đã được khai quật lại trong tình trạng nguyên vẹn. Một ngôi đền tráng lệ và vô cùng lộng lẫy đã bao quanh thánh địa Kitô giáo này, nhưng diện mạo bên ngoài của hang động Mộ Thánh đã bị thay đổi: để thuận tiện hơn trong việc đưa nó vào trong đền thờ, phần mộ chính đã được tách ra khỏi phần đá của lối vào (sảnh), do đó chỉ còn lại phần mộ trong hang động… Sau đó, từ thế kỷ thứ bảy, người Ba Tư, người Do Thái, người Ả Rập và người Thổ Nhĩ Kỳ, sau khi đánh bại người Hy Lạp, đã dùng mọi thủ đoạn để xóa sổ khỏi mặt đất chiếc giường an táng của Đấng Thiên Chúa-Người, và mặc dù phần lớn các bức tường và phần trên của hang động đã bị phá hủy, nhưng chính chiếc giường và phần dưới của các bức tường hang động vẫn kiên cố tồn tại cho đến ngày nay, như những di tích đích thực và không thể chối cãi, được thánh hóa bởi sự hiện diện của Đấng Cứu Thế Kitô tại đó. Và cho đến tận ngày tận thế của cõi trần gian đầy tội lỗi này, chiếc giường đá được thánh hóa ấy sẽ tiếp tục thu hút các tín hữu, mang lại cho họ niềm an ủi, sự bình an, và cho những ai quỳ lạy trước nó được ra về với tâm hồn được hòa giải…

[5241] Từ "Thiên thần" có nghĩa là: sứ giả, người truyền tin, và được sử dụng trong Kinh Thánh với nhiều ý nghĩa khác nhau. Nhưng theo nghĩa hẹp nhất, từ "Thiên thần" trong Kinh Thánh chỉ những thực thể cá nhân, thuộc linh, hoàn hảo hơn con người và được Thiên Chúa tạo dựng, những vị loan báo ý muốn của Thiên Chúa cho loài người và thi hành các mệnh lệnh của Ngài trên trần gian. Các Thiên thần được Đức Chúa Trời tạo dựng trước khi tạo dựng thế giới hữu hình; họ là những thực thể thuộc linh và, nếu không phải là vô hình, thì cũng có một thân thể vô hình đặc biệt nhẹ nhàng. Đối với các Thiên thần, các điều kiện không gian của con người không tồn tại, nhưng họ không phải là hiện diện khắp mọi nơi. Trong sự hoàn hảo, họ vẫn có giới hạn và, dù có trí tuệ nhanh nhạy và sâu sắc, họ không phải là toàn tri; dù có sự trong sạch và thánh thiện, các Thiên thần vẫn có thể phải đối mặt với cám dỗ, bởi vì họ được tạo dựng với tự do, do đó họ có thể tự do đứng vững trong điều thiện, như các Thiên thần sáng láng, hoặc sa ngã, như các Thiên thần là những linh hồn xấu xa. Các Thiên thần hiện diện trước Dung nhan Thiên Chúa, không ngừng ngợi khen Ngài, thi hành ý muốn của Ngài và tận hưởng hạnh phúc. Số lượng các Thiên thần là vô số, và giữa họ có những phẩm giá và mức độ hoàn hảo khác nhau… Toàn bộ lịch sử nhân loại và Dân Chúa được thực hiện dưới sự phục vụ của các Thiên thần, và họ xuất hiện vào những thời điểm quan trọng trong lịch sử Cựu Ước và Tân Ước của Chúa, phục vụ Chúa Giêsu Kitô và Hội Thánh của Ngài; vì mục đích này, các Thiên thần hiện ra dưới hình dạng hữu hình, dễ nhận biết đối với con người. Vì vậy, các Thánh sử Mác-cô và Lu-ca, khi kể lại sự hiện ra của các Thiên thần trước các phụ nữ đi chôn xác, đã gọi họ là "những người đàn ông" (Lc 24,4) và "một thiếu niên" (Mc 16,5) dựa trên hình dạng và cách hiện ra mà các phụ nữ đi chôn xác đã chiêm ngưỡng các Thiên thần ấy. Trong Giáo hội Chính thống, các Thiên thần được tôn kính như những tôi tớ gần gũi với Thiên Chúa và là những người thi hành ý muốn của Ngài.

tìm kiếm với tất cả lòng nhiệt thành đã vinh quang sống lại, bởi vì Chúa đã muốn chính Maria Ma-đa-len trở thành một trong những sứ giả trực tiếp của sự Phục sinh của Chúa Kitô.

Và ngay lúc đó, khi Ma-ri Ma-đa-len trong lời đáp lại các Thiên thần đã kể cho họ nghe lý do tại sao bà khóc, Đấng Cứu Thế Chúa Giê-su bỗng nhiên xuất hiện phía sau Ma-ri, khiến các Thiên thần liền tỏ ra hết sức kính cẩn trước Ngài; Còn Maria Magdalene, khi nhận thấy sự thay đổi trong thái độ của họ, đã quay lại và thấy "Chúa Giêsu đang đứng đó, nhưng bà không nhận ra đó là Chúa Giêsu" (Ga 20,14). – Gánh nặng của những suy nghĩ đau buồn cùng những giọt nước mắt tuôn trào đã cản trở bà nhìn rõ Người đang đứng phía sau mình; hơn nữa, rõ ràng chính Đức Kitô Cứu Thế cũng không muốn bà nhận ra Ngài ngay lập tức, giống như Ngài đã không tự nhiên tỏ mình ra cho các hành khách trên đường Emmaus (Lc 24,13–32), và bây giờ Ma-ri Ma-đa-len đã lầm Ngài là người làm vườn (Giăng 20:15) của vườn thuộc về Giô-sép A-ri-ma-thê, nơi có hang động Mộ Thánh.

Không được Ma-ri Ma-đa-len nhận ra, Chúa Giê-su nói với bà:

– Này chị, sao chị khóc? Chị đang tìm ai vậy?

Nghe thấy trong những lời ấy sự cảm thông đầy thương xót đối với nỗi đau buồn của mình, Ma-ri đáp lại bằng lời thỉnh cầu đầy tin tưởng:

– Thưa Ngài, nếu Ngài đã mang Ngài đi, xin hãy cho con biết Ngài đã đặt Ngài ở đâu, để con sẽ mang Ngài đi (Ga 20,15).

Maria Magdalene đã bày tỏ biết bao tình yêu hy sinh và lòng trung thành sâu sắc nhất qua những lời ngắn gọn và đơn sơ này! Cô không gọi Chúa Giêsu Kitô bằng tên của Ngài trước người mà cô tưởng là người làm vườn, mà chỉ nói "Ngài"… Bà tôn kính Thầy của mình đến mức tin rằng những người khác cũng phải biết Ngài và quan tâm đến Ngài. Bà nài nỉ người làm vườn tưởng tượng đó cho bà biết thi thể Chúa Giê-su đã được mang đi đâu, vì người làm vườn của khu vườn này hẳn phải biết bí mật về việc thi thể ấy biến mất khỏi mộ của Giô-sép. Việc cướp xác không thể xảy ra mà không có sự biết của ông, bởi vì ông được giao phó khu vườn này. Và nếu chính Giô-sép, chủ khu vườn, đã chuyển thi thể sang nơi khác, thì điều đó cũng không thể thực hiện được mà không có sự biết của người làm vườn. Và Ma-ri Ma-đa-len xin người làm vườn này chỉ cho biết nơi cất giữ thi thể của Đấng Christ, để bà có thể mang Ngài đi:

– Tôi sẽ mang Ngài đi, – bà nói.

Với tình yêu vô bờ bến dành cho Chúa, Maria hoàn toàn quên đi sức lực yếu ớt của mình và hy vọng sẽ tự mình mang thi thể Đấng Cứu Thế đi. Sự nhiệt thành và tình yêu của bà lớn lao và nồng nàn đến mức bà tự cho mình là vô cùng mạnh mẽ. Và khi không nhận được câu trả lời ngay lập tức cho câu hỏi đầy khẩn thiết của mình, Maria Magdalene, như thường thấy ở một người đang rất lo lắng, lại quay sang phía các Thiên thần, có lẽ mong nghe được từ họ điều gì đó về Chúa Giêsu, hoặc để biết lý do khiến họ phải đứng trong tư thế đặc biệt kính cẩn như vậy. Còn Chúa, cảm động trước sự cao cả và sức mạnh của tình yêu nơi bà, bằng giọng nói đầy ân sủng mà Maria đã quen thuộc, đã gọi tên bà:

– Maria! (Ga 20,16)

Giờ đây, Maria Ma-đa-len đã nghe thấy giọng nói đáng nhớ suốt đời của Đấng Cứu Thế, nhờ sức mạnh của Ngài mà Ngài đã đuổi đám quỷ ra khỏi cô – giọng nói thiên đàng ấy, thấm sâu và làm sống lại mọi linh hồn – giọng nói kỳ diệu ấy, làm say đắm tâm hồn những người nghe Ngài bằng niềm hạnh phúc thiên đàng. Và Maria giờ đây cảm nhận được sự hiện diện gần gũi của Vị Thầy Thần Thánh, Đấng chứa đựng mọi ân huệ của nàng, mọi hạnh phúc của nàng, và niềm vui khôn tả đã tràn ngập cả tâm hồn Maria. Vì tràn ngập hạnh phúc, bà không thể nói nên lời, và khi lại hướng về Chúa, với ánh mắt được soi sáng, bà đã nhận ra Ngài, rồi với niềm hân hoan, bà thốt lên chỉ một lời: "Thầy ơi!" (Ga 20,16) – và lao đến chân Đấng Cứu Thế Kitô…

Trong niềm hân hoan say mê, Ma-ri Ma-đa-len vẫn chưa thể hình dung và nhận thức hết thảy sự vĩ đại của Đấng Christ Phục Sinh. Vì thế, để soi sáng tâm trí nàng và dạy nàng về sự biến đổi qua sự phục sinh của chính thân xác Ngài, Chúa đã dịu dàng nói với nàng:

– Đừng chạm vào Ta[5242] (Giăng 20:17), vì Ta chưa lên cùng Cha Ta.

[5242] Cùng ngày đó, chỉ một lúc sau lần hiện ra đầu tiên với Ma-ri Ma-đa-len, Đấng Cứu Thế đã không cấm chính bà, Ma-ri Ma-đa-len, cùng các phụ nữ mang hương liệu khác, nắm lấy chân Ngài, Đấng Cứu Thế (Mt 28:9; Lc 24:10); cũng vào buổi tối cùng ngày đó, Chúa Kitô đã mời các môn đệ sờ vào thân thể Ngài, và cho họ xem những vết thương trên tay và chân Ngài (Lc 24:39). Từ những tình tiết này, các vị Thánh Phụ và các nhà giải thích Kinh Thánh kết luận rằng: việc cấm chạm vào Ngài trong lần hiện ra đầu tiên với Maria là do sự

Maria Magdalene đã bày tỏ lòng tôn kính một cách say mê đối với nhân tính của Đấng Cứu Thế và Thầy của mình, còn Đức Kitô, bằng việc cấm bà chạm vào Ngài, đã nâng cao và thánh hóa những suy nghĩ của bà, dạy bà cách đối xử với Ngài một cách kính cẩn hơn, và cho Maria Ma-đa-len hiểu rằng thời điểm để có sự giao tiếp thiêng liêng thân thiết nhất với Ngài sẽ đến khi Ngài hoàn toàn ẩn mình khỏi đôi mắt trần tục của các môn đệ và lên trời về với Thiên Chúa Cha của Ngài. Và vì các môn đệ khác của Chúa Kitô, khi nghe tin về sự Phục Sinh của Ngài, có thể nghĩ rằng giờ đây Ngài đã ở lại với họ mãi mãi trên trần gian và có lẽ sẽ thực hiện những giấc mơ của dân chúng về một vương quốc Do Thái vĩ đại trên đất, nên Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, đã sai Maria Ma-đa-len đi cảnh báo họ khỏi những suy nghĩ và những ảo tưởng như vậy. Bằng việc xác nhận sự Phục sinh của Đấng Kitô cho các Tông đồ qua việc bà chiêm ngưỡng rõ ràng Đấng Phục sinh và lời Ngài phán, bà được Chúa sai đi báo cho họ biết rằng Đấng Kitô sẽ không còn ở lại trần gian lâu nữa, rằng Ngài, với thân thể vinh hiển nhất, sẽ sớm lên cùng Thiên Chúa Cha. Tuy nhiên, để tin tức về sự ra đi này không khiến họ hoang mang và đau buồn, Chúa truyền cho Maria Ma-đa-len nói với các môn đệ của Ngài rằng Cha của Ngài, Đấng mà Ngài đang trở về, cũng chính là Cha của họ, đồng thời nhân từ gọi họ là anh em của Ngài:

– Hãy đi đến với các anh em của Ta và nói với họ: Ta đang lên cùng Cha Ta và Cha các con, cùng Thiên Chúa của Ta và Thiên Chúa của các con…[5243] (Ga 20,17)

Nói xong, Đức Kitô bỗng biến mất. Còn Maria Ma-đa-len, tràn đầy niềm vui và hạnh phúc, liền đi báo tin (Ga 20,18) về những gì đã xảy ra với mình cho các Tông đồ của Đức Kitô, và với niềm hân hoan, bà an ủi nỗi buồn của họ bằng những lời kỳ diệu:

– Chúa Kitô đã sống lại!

Chính vì thế, với tư cách là người đầu tiên được chính Chúa sai đi làm sứ giả loan báo sự Phục sinh của Chúa Kitô đã thành hiện thực, Maria Ma-đa-len được Giáo hội Kitô giáo công nhận là "Bình đẳng với các Tông đồ".

Đây là nét sáng chói nhất trong toàn bộ sứ vụ kỳ diệu của Maria Magdalene đối với Giáo hội của Chúa Kitô. Vào buổi sáng ngày Chúa Kitô Phục Sinh, bà đã được ân sủng được nhìn thấy Chúa Phục Sinh trước tiên trong số tất cả các môn đệ nam và nữ của Ngài[5244] (Mc 16,9; Ga 20,14–17) và cũng chính bà, theo lệnh trực tiếp của Chúa, đã được chọn làm người loan báo, người rao giảng về sự Phục Sinh của Ngài cho họ. Các Tông đồ đã rao giảng sự Phục sinh của Chúa Kitô cho cả thế giới: Maria Ma-đa-len đã rao giảng sự Phục sinh của Chúa Kitô cho chính các Tông đồ – bà là Tông đồ của các Tông đồ!.. Các Thánh Cha của Giáo Hội nhìn thấy trong sự kiện này một mầu nhiệm đặc biệt và sự khôn ngoan của sự quan phòng của Thiên Chúa.

– Người phụ nữ, – Thánh Grêgôriô Thần Học dạy, – đã nhận lời dối trá đầu tiên từ miệng con rắn, và chính người phụ nữ ấy cũng là người đầu tiên nghe được sự thật đầy hân hoan từ chính miệng Chúa Phục Sinh, để bàn tay nào đã pha loãng thức uống chết chóc, thì chính bàn tay ấy cũng đã dâng lên chén sự sống…

Được thánh hóa nhờ chiêm ngắm Đấng Phục Sinh, Đấng đã chiến thắng cái chết, Đấng Kitô chiến thắng, Maria Ma-đa-len đầy nhiệt huyết đã trở thành nhân chứng trọn vẹn và kiên quyết cho sự Phục Sinh của Chúa Kitô mà không cần lời nói. Nhưng các Tông đồ và tất cả những người đang ở cùng họ trong nhà của Thánh Gioan Thần

---

đơn sơ trong suy nghĩ của bà lúc bấy giờ, khi bà hối hả chạy đến với Chúa. Giống như các môn đệ khác, bà không mong đợi và cũng không hiểu về sự Phục sinh của Đấng Cứu Thế Chúa Kitô, và bỗng nhiên thấy Ngài đang sống trước mặt mình. Thật là một sự hỗn loạn trong suy nghĩ và xao xuyến trong tâm hồn đã xảy ra trong lòng bà khi chứng kiến cảnh người đã chết bỗng nhiên sống lại như vậy – và bà lao đến với Chúa Kitô để bằng xúc giác xác nhận điều mà đôi mắt bà đang nhìn thấy, để giữ lấy Ngài, Đấng mà bà khao khát tìm kiếm một cách nồng nàn đến thế… Còn Đức Kitô, biết rõ những gì đang diễn ra trong tâm trí và tâm hồn của Maria Ma-đa-len, đã nhẹ nhàng xoa dịu ý định chân thành nhưng không phù hợp trong suy nghĩ của bà, đồng thời đáp ứng mong muốn chính đáng của bà là xác nhận xem liệu có phải chính Ngài đang đứng trước mặt bà hay không – bằng lời khẳng định và giao phó cho bà sứ mạng loan báo sự Phục Sinh của Ngài cho các Tông Đồ…

[5243] Từ những lời ấy của Đấng Phục Sinh, các môn đệ lẽ ra phải hiểu rằng Nước Trời của Chúa Giêsu Kitô không thuộc về thế gian này, rằng Nước Trời ấy phải được phân biệt với các vương quốc trần gian, và trong hình ảnh Đấng Phục Sinh, họ phải nhìn thấy không phải một Vua trần gian, mà là một Vua trên trời; nhưng các Tông đồ, ngay cả sau khi được giải thích điều này và được Chúa cảnh báo, vẫn chưa từ bỏ những hy vọng viển vông của dân chúng, và thậm chí còn hỏi Ngài trước khi Ngài lên trời: "Chúa ơi, chẳng phải lúc này Ngài sẽ phục hồi vương quốc cho Israel sao?" (Công vụ 1:6).

[5244] Các Thánh Tông Đồ không đề cập đến việc Đấng Phục Sinh hiện ra với Mẹ Thiên Chúa, nhưng Giáo Hội lưu giữ trong truyền thống của mình niềm tin rằng Mẹ Thiên Chúa đã được Thiên Thần báo tin về sự Phục Sinh của Chúa Kitô trước cả các bà mang hương, và rằng Chúa Kitô, sau khi sống lại từ mộ, đã hiện ra với Mẹ trước hết so với mọi người. Niềm tin này của Giáo Hội được thể hiện qua các bài thánh ca trong các thánh lễ Phục Sinh.

Học[5245] đã không tin vào tin mừng đầy ân sủng của bà về sự Phục Sinh của Thầy Giêsu. Họ "buồn rầu, khóc lóc, và khi nghe nói rằng Chúa Kitô còn sống và rằng bà đã thấy Ngài, họ không tin" (Mc 16,10–11; Ga 20,18). – Tại sao vậy?..

Maria Ma-đa-len được các Tông đồ tin tưởng tuyệt đối. Hơn nữa, trong số các phụ nữ mang hương liệu khác – những người cũng đã báo tin cho các môn đệ của Chúa Giê-su về sự sống lại từ cõi chết của Thầy họ, như các Thiên thần đã truyền đạt tại Mộ Chúa (Lc 24:9–11, 4–8; Mt 28:5–7; Mác 16:1–20), – có mẹ của Thánh Tông đồ Gioan Thần Học, mẹ của Thánh Tông đồ Giacôbê, cùng hai chị em Ma-thê và Ma-ri – chị em của La-za-rô – cùng các phụ nữ đạo đức khác, những người đều được các Tông đồ tin tưởng tuyệt đối; nhưng họ "không tin lời các bà, mà cho rằng đó chỉ là giấc mơ" (Lc 24:9–11; Mc 16:11; Mt 28:17) – Sự chán nản của cộng đồng nhỏ các môn đệ Chúa Kitô lúc bấy giờ thật lớn lao: – Sau khi các thượng tế Do Thái bắt và đóng đinh Thầy của họ là Chúa Giêsu, còn các Tông đồ thì tản mác và ẩn náu, họ bỗng chốc mất hết mọi thứ, mất hết mọi niềm hy vọng cá nhân lẫn của dân tộc; niềm tin vào Chúa Giê-su Đấng Mê-si-a, vào quyền năng và vinh quang của Ngài đã bị lu mờ trong lòng họ; cùng với việc mất đi niềm tin, lòng dũng cảm cũng tan biến; họ còn bị dằn vặt bởi ý thức về việc chưa hoàn thành bổn phận trước mặt Thầy Giê-su, Đấng mà họ đã hèn nhát bỏ lại một mình trong tay kẻ thù rồi bỏ chạy (Ma-thi-ơ 28:56; Mác 14:50), và vì không có bất kỳ sự hỗ trợ nào từ bên trong lẫn bên ngoài, họ chỉ còn nghĩ đến việc bảo toàn sự an toàn cá nhân của mình "vì sợ người Do Thái" (Giăng 20:19) Cho đến khi Chúa Kitô qua đời, họ vẫn "hy vọng rằng Ngài – Thầy của họ – chính là Đấng Mêsia, Đấng sẽ giải cứu Israel" (Lc 24,21), sẽ khai mở vương quốc trần gian vinh quang của Israel, nhưng cái chết nhục nhã của Ngài trên thập giá đã hoàn toàn phá hủy những hy vọng và giấc mơ đó của họ. Trong mắt mọi người thời bấy giờ, việc bị đóng đinh là cái chết khủng khiếp và nhục nhã nhất, đó là dấu hiệu của "lời nguyền rủa" đáng sợ theo luật Môi-se (Đệ Nhị Luật 21:23; 1 Cô-rinh-tô 1:23), và trong tâm hồn các môn đệ của Chúa Giê-su sau khi Ngài bị đóng đinh, niềm tin vào Ngài chỉ còn lại như một vị Tiên tri, "Đấng mạnh mẽ trong việc làm và lời nói trước mặt Đức Chúa Trời và cả dân chúng…" (Lu-ca 24:19) – Trong tâm trí đang chìm trong đau khổ tột cùng của các môn đệ Đấng Christ, họ không thể chấp nhận ý nghĩ rằng Đấng Mê-si-a chân chính, Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời lại có thể chết như một con người, và chết theo cách mà Chúa Giê-su thực sự đã chết trên thập tự giá. Và mặc dù họ đã chứng kiến việc Chúa Giê-su làm phép lạ khiến con gái ông Gia-i-rơ sống lại (Mác 5:41), con trai của góa phụ thành Na-in (Lu-ca 5:11–17) và La-xa-rơ (Giăng 11:44), – nhưng chính Chúa Giê-su đã chết, giống như các tiên tri khác, thì Ngài chỉ có thể sống lại cùng với tất cả loài người vào ngày sau cùng; còn việc các tiên tri làm phép lạ tự mình sống lại trước thời điểm đó thì chưa từng có tiền lệ nào… – Còn Phê-rô và Gio-an, những người đã nhìn thấy quan tài của Chúa Kitô, không thể báo cáo gì khác ngoài việc nó trống rỗng. Chỉ có các phụ nữ mới kể lại về việc nhìn thấy các Thiên thần và Đấng Phục Sinh… Một tình huống đầy day dứt, vô cùng nặng nề… Và thế là Thánh Phêrô, vị Tông đồ nhiệt thành hơn, lại đi đến Mộ Thánh, mà không tự nhận thức được, cũng không biết – tại sao mình lại đi, vì chính ông đã từng thấy nơi trống rỗng nơi Chúa Kitô được an táng. Nhưng lần này ông nhanh chóng trở về và hân hoan loan báo cho các môn đệ:

– Quả thật, Chúa Kitô đã Phục Sinh!.. Chính tôi đã thấy Ngài: Ngài cũng đã hiện ra với tôi trên đường đi (Lc 24,33–34; 1 Cr 15,5).

Giờ đây, dường như đã có đủ các nhân chứng tận mắt chứng kiến Đấng Phục Sinh để khẳng định sự thật về sự Phục Sinh của Chúa Kitô, và nhiều môn đệ đã vui mừng tin nhận, nhưng vẫn chưa phải tất cả[5246] . Còn Ma-ri Ma-đa-len cùng các phụ nữ mang hương liệu khác, rạng ngời hạnh phúc và coi thường mọi nguy hiểm từ những

---

[5245] Tại Giê-ru-sa-lem, Thánh Tông đồ Gioan Thần Học có một ngôi nhà riêng trên núi Si-ôn. Tất cả các Tông đồ khác cũng ở đó. Và sau khi Đấng Cứu Thế lên trời, nơi đó đã trở thành trung tâm của đời sống Kitô giáo mới. Tất cả các Kitô hữu đều tìm đến Si-ôn mới này để được giải đáp những thắc mắc của mình…

[5246] Ngay cả sau khi Chúa Kitô Phục Sinh hiện ra tại Emmaus, được hai môn đệ khác làm chứng, nhiều người vẫn "không tin" cho đến khi vào chính buổi tối hôm đó, tại chính ngôi nhà của Tông đồ Gioan, nơi các môn đệ đang tụ họp, và mặc dù cửa đã đóng kín, Chúa Kitô đã hiện ra và quở trách họ vì sự không tin và lòng chai đá, vì đã không tin những người đã thấy Ngài sống lại (Mc 16:13–14). Sự kiện này có tầm quan trọng vô cùng to lớn trong các câu chuyện về sự phục sinh của Chúa, chính là bằng chứng không thể chối cãi về tính chân thực của sự phục sinh của Ngài. Rõ ràng là các Tông đồ không lầm lẫn về sự thật này, không thể bị lừa dối, và rằng đây không phải là giấc mơ của họ, cũng không phải là kết quả của sự hưng phấn hay trí tưởng tượng bị xáo trộn. Các Tông đồ đã không tin, và chính Đấng Phục Sinh đã phải quở trách họ, đồng thời cho phép họ sờ nắn Ngài và dùng bữa cùng họ, để chiến thắng sự không tin ấy, và nếu sau đó các Tông đồ đã tin và rao giảng về sự Phục sinh thực sự của Thầy và Chúa của họ, thì sự Phục sinh ấy – là chân lý không thể nghi ngờ và không ai còn có thể trách các môn đệ là dễ tin…

kẻ thù cuồng loạn của Chúa Giê-su Ki-tô, không thể ngồi yên một chỗ mà đi từ nhà này sang nhà khác, từ các môn đệ này sang các môn đệ khác của Chúa Ki-tô, với sự trong sạch, đơn sơ, sự sâu sắc và vững chắc trong tình yêu dành cho Đấng Chữa Lành và Thầy của mình, họ hào hứng lặp lại vô số lần tin mừng đầy an ủi:

– Đấng Christ đã Phục Sinh! Quả thật Ngài đã Phục Sinh!..

Và từ hạt giống nhỏ nhất trong tất cả các loại hạt, cây đại thụ của Giáo Hội Chúa Kitô[5247] đã nhanh chóng nảy mầm và lớn lên một cách đầy ân sủng. Một nhóm nhỏ các môn đệ nam nữ chân thành trung thành với Chúa Kitô Đấng Cứu Thế, trong đó người nhiệt thành nhất là Thánh Maria Ma-đa-len, người mang dầu thơm ngang hàng với các Tông Đồ, đã chiến thắng sự kiêu ngạo và sự hão huyền của thế giới ngoại giáo, thống trị cả những vương quốc cùng các vị vua của chúng, và truyền bá giáo lý thiêng liêng của Chúa Kitô từ nơi này đến nơi khác – khắp cả vũ trụ trần gian (Công vụ 1:8), lặp lại những lời long trọng trong bài rao giảng đầu tiên của Thánh Maria Ma-đa-len:

– Chúa Kitô đã Phục Sinh! Quả thật, Ngài đã Phục Sinh!..

Này, hỡi các Kitô hữu, đây là những nét chính trong cuộc đời của Thánh Maria Ma-đa-len, người mang hương, ngang hàng với các Tông đồ, không thể nghi ngờ gì cả, vì chúng đã được chính Lời Chúa chứng thực trong Thánh Tin Mừng. – Vậy tại sao chúng được lưu giữ và được Giáo Hội đề xuất, tại sao người ta lại đọc chúng? – Chẳng phải là để tôn vinh Thánh Maria Ma-đa-len sao? – Ôi không! Các thánh, những người đang sống trong vinh quang thiên đàng, trong vinh quang cao cả và vĩnh cửu của Thiên Chúa, không cần đến vinh quang trần gian, đến vinh quang hão huyền từ loài người. Nhưng chính việc tưởng nhớ cuộc đời trần thế, những công đức và đức hạnh của các ngài đã mang lại cho chính chúng ta sự dạy dỗ và động lực để sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa và thực hiện những việc làm cứu rỗi linh hồn. Qua Thánh Tông Đồ Phaolô của Chúa Kitô, Chúa truyền dạy chúng ta:

– Hãy tưởng nhớ những người hướng dẫn các con, những người đã rao giảng Lời Chúa cho các con; và khi nhìn vào sự ra đi của họ, hãy noi gương đức tin của họ (Hê-bơ-rơ 13:7).

Và đây, Giáo Hội Thánh của Chúa Kitô lưu giữ và giới thiệu cho chúng ta những bài viết về cuộc đời của các thánh nhân, nhằm giúp chúng ta tự kiểm điểm, tự hoàn thiện và được cứu rỗi qua việc noi gương đức tin và tinh thần của các thánh nhân của Thiên Chúa, để chúng ta đừng lười biếng, nhưng hãy noi gương những ai nhờ đức tin và sự kiên nhẫn mà thừa hưởng những lời hứa của Thiên Chúa… (Hê-bơ-rơ 6:12) – Thánh Maria Ma-đa-len, người mang hương, ngang hàng với các Tông đồ, đã tận tụy thực hiện điều răn đầu tiên và quan trọng nhất của Đấng Cứu Thế Kitô: "yêu mến Chúa bằng cả trái tim, cả linh hồn, cả trí khôn và cả sức lực của mình" (Mác 12:30–33; Mt 22:37–40). Việc Thánh Maria Ma-đa-len thể hiện tình yêu chân thật và trọn vẹn như vậy đối với Chúa trong mọi hoàn cảnh là gương mẫu sống động cho tình yêu của mỗi Kitô hữu dành cho Thiên Chúa, Đấng Cứu Thế của chúng ta. Và theo gương Thánh Maria Ma-đa-len, tất cả chúng ta, những người Kitô hữu, phải có và thể hiện tình yêu hy sinh dành cho Thiên Chúa, bằng cả trái tim, bằng mọi khát vọng, mọi khao khát và sức mạnh của linh hồn, cũng như bằng cả trí tuệ và mọi khả năng nhận thức của mình; chúng ta phải gắn bó trọn vẹn với Chúa Cứu Thế của chúng ta. Sức mạnh của tình yêu chúng ta dành cho Thiên Chúa phải đủ lớn để không ai và không điều gì có thể tách rời chúng ta khỏi tình yêu ấy: *"không phải sự sống, không phải sự chết, không phải chiều cao, không phải chiều sâu, không phải bất kỳ loài thụ tạo nào, không phải các Thiên thần, không phải các thế lực, không phải hiện tại, cũng không phải tương lai"* (Rm 8:38–39).

[5247] Đức Kitô Cứu Thế đã phán: Nước Trời (của Thiên Chúa) giống như hạt cải, được gieo xuống; dù là hạt nhỏ nhất trong các loại hạt, nhưng khi lớn lên, nó trở thành cây, đến nỗi chim chóc bay đến và trú ẩn dưới bóng râm của cành lá nó… (Mt 13:31–32; Mc 4:31; Lc 13:19). Ở đây, Chúa Kitô đã nói về hạt cải không phải là loại thông thường, không phải là loại cỏ, cũng không phải là loại cải một năm của chúng ta (sinapis), mà là một loại đặc biệt ở phương Đông, sống lâu năm, mọc rất nhiều ở Palestine và trong thực vật học được gọi là "Phytolacca dodecandra", hạt của nó rất nhỏ, nhưng các thành phần hóa học giống hệt như hạt mù tạt một năm và được sử dụng cho cùng mục đích như loại mù tạt cỏ thông thường; ở Bắc Mỹ, cây mù tạt đa niên Phytolacca được gọi là "mù tạt rừng"… Người Do Thái, khi muốn chỉ một vật gì đó cực kỳ nhỏ bé, thường nói rằng nó có kích thước bằng hạt mù tạt. Qua câu chuyện ngụ ngôn ngắn gọn nêu trên, Chúa đã minh họa hình ảnh sự lan tỏa của lời rao giảng Tin Mừng. Dù các môn đệ nam và nữ của Ngài đều yếu đuối nhất, khiêm nhường nhất, nhưng vì sức mạnh tiềm ẩn trong họ thật lớn lao, nên lời rao giảng của họ đã lan tỏa khắp vũ trụ. Và Hội Thánh của Đấng Christ, ban đầu nhỏ bé, không đáng chú ý đối với thế gian, đã lan rộng trên đất đến nỗi vô số dân tộc, như những con chim trên cành cây mù tạt, tìm được nơi trú ẩn dưới bóng mát của Hội Thánh. Điều tương tự cũng xảy ra với Nước Trời trong tâm hồn con người: làn gió ân sủng của Thiên Chúa, ban đầu hầu như không thể nhận ra, nhờ sự chăm chỉ của con người, ngày càng bao trùm tâm hồn họ, và tâm hồn ấy sau đó trở thành đền thờ của Thiên Chúa, nơi chứa đựng muôn vàn đức tính…

Kể từ những sự kiện về Đấng Christ Phục Sinh, Đấng Cứu Thế, được các Thánh Tông Đồ ghi chép lại, cùng với bài giảng đầy nhiệt huyết của Thánh Maria Ma-đa-len về sự Phục Sinh do những sự kiện này khơi dậy, các sách Tân Ước còn lưu truyền không đề cập thêm chi tiết nào về hoạt động của Thánh Maria Ma-đa-len, người được coi ngang hàng với các Tông Đồ, và những thông tin về cuộc đời sau này của bà hiện nay thuộc về lĩnh vực truyền thuyết[5248] . Còn các truyền thuyết về cuộc đời sau này của bà tại một số giáo hội Kitô giáo địa phương lại rất khác nhau tùy theo vùng miền mà chúng xuất phát; tuy nhiên, về bản chất, ở mọi nơi, những truyền thuyết này đều kể về hoạt động nhiệt thành ngang hàng với các Tông đồ của Thánh Maria Ma-đa-len. Và sự khác biệt giữa các truyền thuyết này phụ thuộc vào việc các giáo hội này hiểu tên gọi "Thánh Maria Ma-đa-len, người ngang hàng với các Tông đồ" là chỉ ai, hay cụ thể là những người phụ nữ nào trong số các nữ nhân trong Tin Mừng? Một số Giáo hội Kitô giáo phương Tây, cũng như các vị Giáo phụ cùng các nhà thần học uyên bác, gộp ba người phụ nữ trong Tin Mừng thành một hoặc hai nhân vật: người phụ nữ tội lỗi đã ăn năn tại nhà Simon người Pha-ri-si, đã tưới nước mắt lên chân Chúa Cứu Thế, lau bằng tóc mình và xức dầu thơm quý giá (Lc 7:37–38; Mc 14:1–72; Mt 26:1–75), – rồi còn có Maria người Bê-tha-ni, em gái của La-xa-rô (Lc 10:39; Giăng 11:28), – và cả Ma-ri Ma-đa-len, người đã được Đấng Cứu Thế giải thoát khỏi bảy quỷ[5249] (Giăng 11:1–57, 12:1–50, 19:1–42, 20:1–31; Mác 16:3; Ma-thi-ơ 27:7). Tuy nhiên, Giáo hội Chính thống Hy Lạp-Nga phương Đông hiện nay, cũng như trước đây, công nhận cả ba nhân vật này – được các Phúc Âm đề cập với những đặc điểm khác nhau – là những cá nhân riêng biệt, đặc thù, và không muốn dựa trên những thông tin lịch sử từ những cách giải thích tùy tiện, chỉ mang tính khả năng. Do đó, truyền thống của Giáo hội Chính thống Hy Lạp-Nga phương Đông cho biết rằng, sau các lần hiện ra của Đấng

---

[5248] Từ "truyền thống" có nghĩa là câu chuyện, lời kể, ký ức về sự kiện, được truyền miệng từ tổ tiên sang con cháu; cũng như những bài học, lời dạy dỗ, quy tắc sống, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác – tiếng nói của thời cổ đại, những truyền thống xưa cũ. – Các kinh sư và người Pha-ri-si nói với Đức Giê-su: *"Tại sao các môn đệ của Ngài lại vi phạm truyền thống của các bậc tiền bối?"* (Mt 15:2). – *"Vậy, hỡi anh em, hãy đứng vững và giữ vững những truyền thống mà anh em đã được dạy dỗ, hoặc bằng lời nói, hoặc qua thư tín của chúng tôi,"* – Thánh Phaolô dạy (2 Tês 2:15). Và về truyền thống, Thánh Philaret Moskva dạy rằng – người ta chỉ có thể sử dụng truyền thống ngang hàng với Kinh Thánh trong trường hợp, giống như các môn đệ trực tiếp của các Tông đồ, chúng ta có trước mắt truyền thống tông đồ chân chính trực tiếp… Nhưng các truyền thống Kitô giáo đã trải qua nhiều quốc gia, dân tộc, ngôn ngữ và nhiều thế kỷ. Các truyền thống Tông đồ ban đầu đã được bổ sung bởi các truyền thống của các vị Thánh Tổ với các mức độ cổ xưa khác nhau, dẫn đến sự đa dạng đến mức mâu thuẫn. Do đó, để sử dụng truyền thống như một nguồn, cần phải nghiên cứu tính xác thực và giá trị của các truyền thống, nhằm loại bỏ khỏi đó những thay đổi sai lầm và những yếu tố ngoại lai… Và Giáo hội Chính thống công nhận truyền thống không phải là nguồn độc lập, mà là nguồn bổ trợ cho giáo lý Kitô giáo.

[5249] Một số vị Giáo phụ và các học giả cho rằng và dạy rằng các Thánh Tông đồ, trong tất cả các câu chuyện về ba người phụ nữ nói trên, đều ám chỉ đến một nhân vật duy nhất, người mà khi còn trẻ, có lẽ đã sa vào con đường trụy lạc và vì lối sống đồi bại đó mà bị bảy con quỷ ám. Khi nghe tin về các phép lạ của Chúa Kitô, bà đã đến gặp Ngài tại nhà của Simon, người Pha-ri-si: nhờ sự ăn năn chân thành về những tội lỗi của mình, bà đã xứng đáng nhận được sự tha thứ từ Đấng Cứu Thế, và nhờ đó được giải thoát khỏi bảy linh hồn xấu xa đang hành hạ bà; khi đó, bà có thể rời bỏ Galilee cùng với người thân của mình là La-xa-rơ và Ma-rô-ta, và chọn Bê-tha-ni làm nơi cư ngụ, nơi mà Chúa Giê-su thường ghé thăm nhà họ. Những người có quan điểm này bao gồm, ví dụ, Clêmentê thành Alexandria, Thánh Augustinô, Thánh Grêgôriô Cả và những người khác. Đó cũng là quan điểm của Giáo hội Công giáo La Mã phương Tây cho đến nay. Tuy nhiên, phần lớn các học giả và nhà văn phương Tây hiện đại đã phân biệt rõ ràng giữa Ma-ri Ma-đa-len với Ma-ri – em gái của La-xa-rô. Họ cho rằng Ma-ri Ma-đa-len không rời xa Đấng Cứu Thế trong những năm cuối đời Ngài và đã theo Ngài từ Ga-li-lê đến Giê-ru-sa-lem khi Ngài đến đó để dự lễ Vượt Qua cuối cùng của người Do Thái, trong khi em gái của La-xa-rô, Maria, lại ở lại Bê-tha-ni cùng anh trai và Ma-rô-ta vào thời điểm đó, bởi vì không một tác giả Tin Mừng nào đề cập đến tên bà khi liệt kê những người phụ nữ đã theo Chúa Giê-su và cùng Ngài đến Giê-ru-sa-lem. Thật vậy, hai người phụ nữ đạo đức này được mô tả trong Kinh Thánh với những đặc điểm hoàn toàn khác biệt: một người luôn được gọi là Ma-đa-len và được kể trong số những người phụ nữ đã theo Chúa Kitô từ Ga-li-lê; người kia, ngược lại, được gọi là em gái của La-za-rô ở Bê-tha-ni. Sự khác biệt liên tục này trong danh xưng đặc trưng của họ không thể là vô nghĩa đối với các Thánh Tông Đồ, và điều này tất yếu dẫn đến suy nghĩ rằng không nên nhầm lẫn giữa hai người. Thánh Irênê, Origène nổi tiếng, Thánh Gioan Kim Khẩu và nhiều vị Giáo Phụ cùng các học giả khác phân biệt Thánh Maria Ma-đa-len với Thánh Maria, em gái của La-za-rô, nhưng công nhận người phụ nữ tội lỗi đã ăn năn, được Thánh Luca đề cập ở cuối chương thứ bảy, là cùng một nhân vật với Thánh Ma-đa-len. Tuy nhiên, quan điểm này cũng không có bằng chứng cụ thể nào để chứng minh… Còn Thánh Grêgôriô Cả và một số nhà giải thích Kinh Thánh khác, những người công nhận Thánh Maria Ma-đa-len là cùng một nhân vật với người phụ nữ tội lỗi đã ăn năn trong nhà của người Pha-ri-si Si-môn (tại Na-in), đã hiểu rằng "bảy quỷ" mà Chúa Kitô đã trừ khỏi Ma-đa-len là những tội lỗi khác nhau mà bà đã tích lũy do lối sống sa đọa, và những tội lỗi đó dường như đã rời bỏ bà sau khi bà ăn năn trước Đấng Cứu Thế. Tuy nhiên, cách giải thích như vậy về các lời trong Phúc Âm là hoàn toàn tùy tiện và mâu thuẫn với ý nghĩa chung mà các thuật ngữ này được sử dụng trong Phúc Âm, nơi chúng luôn được hiểu một cách rõ ràng và dứt khoát là sự nhập vào con người của các linh hồn ô uế, những linh hồn này, theo sự cho phép của Thiên Chúa, đã xâm nhập vào thân xác những người khốn khổ không chỉ với số lượng một, mà thậm chí cả một đạo quân. Nhiều nhà giải thích Kinh Thánh phương Tây sau này cũng đồng ý với Giáo Hội Chính Thống Đông Phương, hiểu theo nghĩa đen những lời của các Thánh Sử Luca và Mác về việc trừ bảy quỷ.

Christ Phục Sinh được ghi lại trong các sách Phúc Âm, cho đến trước khi Ngài Thăng Thiên và cả sau đó, Thánh Maria Ma-đa-len, người ngang hàng với các Tông đồ, đã ở cùng Đức Mẹ và các Tông đồ, và là người cộng tác tích cực trong những thành công ban đầu của việc truyền bá đức tin Kitô giáo, trước hết là tại Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, tràn đầy nhiệt huyết, đức tin nồng nàn và tình yêu say mê đối với Tin Mừng của Thiên Chúa, bà sau đó đã rao giảng tại các quốc gia khác, khắp nơi loan báo ân sủng thiên thượng, niềm vui và ơn cứu rỗi cho tất cả những ai tin vào Đấng Cứu Thế của thế gian – Chúa Kitô Phục Sinh.

Trong số những nơi bà đã ghé thăm có Ý[5250] , Thánh Maria Ma-đa-len, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, đã tìm cơ hội đến gặp Hoàng đế Tiberius I đang trị vì lúc bấy giờ[5251] và dâng lên ngài, theo phong tục phương Đông thông thường, một quả trứng được nhuộm màu đỏ, đồng thời nói:

– Chúa Kitô đã Phục Sinh!

Hoàng đế không ngạc nhiên trước sự khiêm tốn của món quà mà Thánh Maria Ma-đa-len, người lần đầu tiên đến gặp ngài, dâng tặng, bởi vì ngài biết phong tục cổ xưa, rằng nói chung ở phương Đông cũng như trong cộng đồng Do Thái, khi lần đầu tiên đến gặp những người có địa vị cao, hoặc trong những dịp trang trọng khi gặp người quen hay những người bảo trợ, người ta thường dâng lên một món quà mang ý nghĩa tôn kính, có ý nghĩa nổi tiếng, hoặc đặc biệt, mang tính biểu tượng. Các ví dụ về điều này có thể tìm thấy trong lịch sử Do Thái thời Cựu Ước[5252] (Sáng Thế Ký 43:11; 3 Vua 10:2), và cũng bao gồm những món quà được dâng lên bởi các nhà thông thái giàu có[5253] , dành cho Chúa Giê-su Ki-tô mới chào đời tại Bê-lem thuộc xứ Do Thái[5254] . Còn những người nghèo trong những hoàn cảnh tương tự thường dâng tặng các loại trái cây đặc sản của địa phương hoặc trứng chim. Vì vậy, phần nào theo phong tục cổ xưa này và với mục đích dùng màu đỏ của quả trứng được dâng tặng cùng những lời chưa từng nghe thấy trước đó "Đức Kitô Phục Sinh!", – khơi dậy sự tò mò của Hoàng đế Tiberius vốn hay nghi kỵ, Thánh Maria Ma-đa-len, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, đã bắt đầu bài giảng nồng nhiệt của mình về sự Phục sinh và giáo lý của Đấng Cứu Thế Chúa Kitô, bằng cách giải thích ý nghĩa của món quà mà bà dâng lên. Với niềm hứng khởi và sự thuyết phục sâu sắc, bà đã kể cho hoàng đế nghe về cuộc đời, các phép lạ, sự chịu đóng đinh và sự Phục Sinh của Chúa Giêsu Kitô, đồng thời bằng lối kể chuyện thẳng thắn, thành thật về phiên tòa cực kỳ bất công và thiên vị đối với Chúa Giêsu Kitô do các thành viên đầy thù hận của Hội đồng Tối cao Giêrusalem[5255] tiến hành, cùng với sự dung túng của quan tổng trấn La Mã hèn nhát tại Giu-đê là Phi-lát[5256] , dẫn đến việc kết án đóng đinh Chúa Giêsu Kitô, khiến hoàng đế nổi giận với họ. Tiberius đã đưa họ ra xét xử, qua đó Pilate bị tước quyền lực và bị đày đến Gaul, thành phố Vienne[5257] , nơi, theo một truyền thuyết, vì bị dằn vặt bởi

---

[5250] Ý (Công vụ 18:1–28, 27:28; Hê-bơ-rơ 13:1–25) – là một quốc gia châu Âu nổi tiếng với thủ đô là thành phố Rô-ma.

[5251] Tiberius Caesar – hoàng đế La Mã từ năm 14 đến năm 37 sau Công nguyên.

[5252] Ở phương Đông cổ đại và thậm chí cả phương Đông hiện đại, việc những người dưới quyền hoặc những người có địa vị thấp hơn đến gặp người có quyền lực mà không mang theo quà tặng được coi là biểu hiện của sự thiếu lịch sự và thậm chí là thiếu tôn trọng. Chẳng hạn, có ghi chép rằng khi Sa-ul được bầu chọn, chỉ có "những kẻ vô dụng khinh thường ông và không dâng lễ vật cho ông…" (1 Sa-mu-ên 10:27).

[5253] "Волхв" là từ có nguồn gốc Ba Tư, và những người được gọi là "Волхв" là những bậc hiền triết, sở hữu kiến thức cao siêu, rộng lớn và thậm chí bí ẩn, đặc biệt là về thiên văn học và y học. Họ được kính trọng sâu sắc và phần lớn là những người phục vụ tôn giáo, các thầy tế lễ.

[5254] Bê-lem của người Do Thái là một thị trấn nhỏ nằm về phía nam, cách Giê-ru-sa-lem khoảng 10 verst. Từ "Bê-lem" có nghĩa là "Ngôi nhà của bánh mì", tên gọi này được đặt cho nơi này vì sự màu mỡ phi thường của đất đai xung quanh. Trong thời cổ đại, nơi này được gọi là Bê-lem Ê-phra-ta; và khác với Bê-lem ở Ga-li-lê, nó được gọi là Bê-lem Do Thái; đồng thời, vì là nơi sinh của vua-tiên tri Đa-vít, nó còn được gọi là "thành Đa-vít" (Lc 2:4).

[5255] Hội đồng Sanhedrin tại Giê-ru-sa-lem là tòa án tối cao của người Do Thái, gồm 72 thành viên, chủ yếu là những người Pha-ri-si và Sa-đu-kê, được bầu chọn thông qua bỏ phiếu và một phần bằng cách bốc thăm. Hội đồng Sanhedrin thường họp tại Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, nhưng trong những trường hợp đặc biệt, họ cũng họp tại nhà của Thượng tế, người đứng đầu hội đồng (Ma-thi-ơ 26:3; Giăng 18:24). Mọi người đều phải tuân theo quyết định của Hội đồng Sanhedrin một cách vô điều kiện. Sau khi người La Mã chinh phục xứ Giu-đê, quyền lực của Hội đồng Sanhedrin bị hạn chế và việc thi hành các án tử hình do hội đồng này tuyên án phải có sự đồng ý của quan tổng trấn La Mã. Sau khi thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy, Hội đồng Sanhedrin không còn là tòa án nữa, mà chỉ còn là nơi giảng dạy Luật Do Thái.

[5256] Pilate được gọi là Pontius vì tỉnh Pontius đầy đầm lầy ở Ý, nơi ông từng là tổng trấn. Từ năm 27 sau Công nguyên, Pilate là tổng trấn xứ Giu-đê, nhưng ông căm ghét tự do, phong tục và tôn giáo của người Do Thái; ông không ngần ngại bán rẻ công lý và đưa những người vô tội ra tra tấn và tử hình mà không qua xét xử, chính vì vậy mà mười năm trị vì của ông cực kỳ thù địch với người Do Thái và gây ra những cuộc nổi dậy của dân chúng; có lần ông thậm chí không ngần ngại ra lệnh giết cả một đám đông người Galilê ngay trong Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, ngay cả trong lúc dâng lễ vật, đến nỗi máu của họ hòa lẫn với các lễ vật của họ (Lc 13:1).

lương tâm cắn rứt và tuyệt vọng, ông đã tự kết liễu đời mình. Theo một truyền thuyết khác, sau khi bị tòa án kết án tử hình, Philatô đã ăn năn, cầu nguyện với Chúa Kitô và được Đấng Cứu Thế tha thứ; như một dấu hiệu của sự tha thứ đó, sau khi đầu ông bị chém rơi, nó đã được một Thiên thần đón nhận[5258] .

Theo truyền thuyết, cùng với Thánh Maria Ma-đa-len, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, hai chị em của La-xa-rơ là Ma-tha và Ma-ri đã lên đường đến Ý[5259] ; còn Pilat, khi biết được điều này và lo sợ các Kitô hữu sẽ vạch trần những hành động trái pháp luật của mình, đã tự mình gửi bản tường trình về Chúa Giêsu Kitô[5260] cho Hoàng đế Tiberius, trong đó ông làm chứng về cuộc đời đầy ân sủng của Chúa Kitô, về việc Ngài chữa lành mọi bệnh tật, tàn tật, thậm chí làm cho người chết sống lại và về những phép lạ vĩ đại khác của Ngài. Pilate khẳng định rằng, sau khi xem xét các cáo buộc của người Do Thái, ông không tìm thấy bất kỳ tội lỗi nào ở Chúa Giê-su Christ; ông đã nỗ lực rất nhiều để giải cứu Ngài khỏi tay những kẻ nổi loạn Do Thái, nhưng không thể cứu được Ngài và đã giao Chúa Giê-su cho họ tùy ý xử lý, vì tiếng la hét của dân chúng và những cáo buộc nổi loạn mà chính người Do Thái đã đưa ra chống lại Pilate… Và sau khi người Do Thái đóng đinh Chúa Giê-su, những điềm báo kinh hoàng đã xảy ra trong thiên nhiên, và nhiều người đã chết được sống lại khi Chúa Giê-su sống lại vào ngày thứ ba, còn Phi-lát, với tư cách là nhân chứng, bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi tột độ, đã tâu trình lên Hoàng đế về tất cả những gì đã xảy ra với Chúa Giê-su Kitô, Đấng đã trở thành đối tượng của đức tin, như Đức Chúa Trời[5261] :

Sau những lời chứng như vậy từ phía quan tổng trấn La Mã tại Giu-đê và từ phía những người tôn kính Đấng Cứu Thế, theo truyền thuyết, Hoàng đế Ti-bê-ri-ô, sau khi chính mình tin vào Đấng Cứu Thế, đã đề nghị đưa Chúa Giê-su Ki-tô vào hàng ngũ các vị thần La Mã; và ngay cả khi Thượng viện La Mã[5262] đã bác bỏ đề nghị đó, Tiberius vẫn ra sắc lệnh hoàng gia đe dọa trừng phạt bất kỳ ai dám xúc phạm những người tin vào Chúa Giêsu Kitô.

Như vậy, nhờ sự rao giảng nhiệt thành và dũng cảm về Đấng Cứu Thế Kitô, Thánh Maria Ma-đa-len, người ngang hàng với các Tông đồ, cùng với các Kitô hữu đạo đức khác, đã thúc đẩy ngay cả vị vua ngoại giáo cai trị xứ Giu-đê phải chứng thực bằng văn bản sự kiện Phục Sinh của Chúa Kitô trước thế giới ngoại giáo và chính vị hoàng đế ngoại giáo, người lúc bấy giờ thống trị Đế quốc La Mã, thừa nhận sự vĩ đại và quyền năng thần thánh của Đấng Cứu Thế Kitô, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá Kitô giáo.

Còn các Kitô hữu thời bấy giờ, khi nhận ra ý nghĩa và sức ảnh hưởng mạnh mẽ từ việc Thánh Maria Ma-đa-len dâng tặng Hoàng đế Ti-bê-ri-ô một quả trứng đỏ kèm theo lời: "Đức Kitô đã Phục Sinh!" – đã bắt đầu noi

---

[5257] Gaul là xứ sở của người Gaul hoặc người Frank, đã bị người La Mã chinh phục; đó chính là nước Pháp ngày nay. Thành phố Vienne nằm bên sông Rhône, trên con đường dẫn đến thành phố Marseille, là thủ phủ của tỉnh Isère thuộc nước Pháp hiện nay. Theo truyền thuyết, Lazarus cùng hai chị em của ông là Martha và Maria đã bị người Do Thái đưa lên một chiếc thuyền và thả trôi trên biển, phó mặc cho sóng gió. Chiếc thuyền này đã trôi dạt vào bờ biển miền nam Gaul, và những người trên thuyền đã dẫn dắt cư dân các thành phố Marseille, Aix và những nơi khác trở lại đức tin Kitô giáo.

[5258] Đó là nội dung được ghi chép trong một trong các bản soạn của "Thư của Pilate gửi Tiberius Caesar", là một phần của cuốn Phúc Âm apocrypha, hay còn gọi là Phúc Âm Nicôđêmô, với chi tiết bổ sung rằng sau khi Pilate, người đã kết án Chúa Giêsu Kitô, bị chém đầu, các thượng tế An-na đã bị khâu vào một tấm da bò và treo cổ, còn Cai-pha thì bị bắn chết bằng một mũi tên vào tim…

[5259] Martha và Maria – hai chị em, sống cùng người anh trai độc thân là Lazarus dưới chân núi Ô-li-ve ở Bê-tha-ni. Đó là một gia đình đạo đức, mà Đấng Cứu Thế Giê-su đã kết bạn, thường ghé qua nhà họ để nghỉ ngơi mỗi khi Ngài đến thăm Giê-ru-sa-lem (Lu-ca 10:1–42; Giăng 11:1–57, 12:1–50; Ma-thi-ơ 26:1–75; Mác 14:1–72). Khi La-xa-rơ qua đời, Chúa Cứu Thế đã làm cho ông sống lại vào ngày thứ tư, thể hiện trọn vẹn quyền năng của Ngài trên sự chết; sau đó, các thành viên của Tòa Công luận đã quyết định giết cả La-xa-rơ. Tuy nhiên, theo truyền thuyết, ông còn sống thêm 30 năm nữa và trở thành giám mục trên đảo Síp, nơi ông qua đời. Giáo hội cử hành lễ tưởng niệm ông vào ngày 17 tháng 10.

[5260] Với tiêu đề "Bản Tuyên Bố hoặc Thư của Phi-lát gửi cho Tiberius Caesar", bản tường trình này được đưa vào các bản dịch tiếng Slav của cái gọi là "Phúc Âm Nicôđêmô" ngay sau phần đầu tiên của Phúc Âm này và tạo thành phần kết luận của nó; nhưng ngoài ra, dưới dạng một bài viết riêng biệt và chi tiết hơn, nó còn xuất hiện thường xuyên hơn trong các bản thảo so với Phúc Âm Nicôđêmô; đồng thời, bản tường trình này cũng được chèn hoàn toàn vào cuốn sách có tên "Cuộc Khổ Nạn của Chúa Kitô" hay "Cuộc Khổ Nạn của Chúa", được lưu truyền qua vô số bản sao kèm theo các hình vẽ được tô màu…

[5261] Bức thư của Pilate gửi Hoàng đế Tiberius về các phép lạ, cái chết và sự phục sinh của Đấng Cứu Thế Kitô là không thể chối cãi và được các nhà văn cổ đại làm chứng, như nhà triết học Justin – người từng là người ngoại đạo trong một thời gian dài – vào đầu thế kỷ II, – Tertullian, cố vấn pháp lý La Mã, vào thế kỷ II và nhà sử học Eusebius Pamphilus; họ đều có quyền truy cập vào kho lưu trữ các hồ sơ nhà nước.

[5262] Thượng viện La Mã được công nhận là do chính người sáng lập nhà nước La Mã, Romulus, thiết lập. Thượng viện được coi là đại diện cho trí tuệ của dân chúng và là người bảo vệ các truyền thống nhà nước, đồng thời phụ thuộc vào nhà vua trong việc bổ nhiệm các thượng nghị sĩ. Mọi quyết định của nhân dân trong thời kỳ Cộng hòa và thời kỳ Vương quyền của lịch sử La Mã đều cần có sự xác nhận có thẩm quyền từ Thượng viện, chứng tỏ quyết định đó phù hợp với các nguyên tắc tôn giáo và chính trị cơ bản của nhà nước.

gương bà trong việc này và, mỗi khi tưởng nhớ sự Phục Sinh của Đức Kitô, họ bắt đầu tặng nhau những quả trứng đỏ và nói:

– Chúa Kitô đã Phục Sinh!.. Quả thật, Ngài đã Phục Sinh!..

Như vậy, dần dần phong tục này đã lan rộng khắp nơi, trở thành truyền thống phổ biến giữa các Kitô hữu trên toàn thế giới[5263] . Và quả trứng trong trường hợp này đóng vai trò là biểu tượng, hay dấu hiệu hữu hình, của sự Phục Sinh của Chúa Kitô, sự sống lại của những người đã khuất và sự tái sinh của chúng ta vào cuộc sống tương lai, mà chúng ta có sự bảo đảm trong sự Phục Sinh của Chúa Kitô. Giống như con chim non chui ra khỏi trứng và bắt đầu sống một cuộc đời trọn vẹn sau khi thoát khỏi vỏ trứng, và trước mắt nó mở ra một vòng tròn cuộc sống vô cùng rộng lớn, – thì chúng ta cũng vậy, khi Chúa Kitô tái lâm xuống trần gian, sau khi từ bỏ mọi sự hư nát trên đất cùng với thân xác trần thế, nhờ quyền năng Phục Sinh của Chúa Kitô, chúng ta sẽ sống lại và được tái sinh cho một cuộc sống khác, cao cả hơn, vĩnh cửu và bất tử. Màu đỏ của quả trứng Phục Sinh nhắc nhở chúng ta rằng sự cứu chuộc nhân loại và cuộc sống mới trong tương lai của chúng ta được đạt được nhờ dòng máu tinh khiết của Đấng Cứu Thế Kitô đã đổ ra trên thập giá. Như vậy, quả trứng đỏ chính là lời nhắc nhở về một trong những tín điều quan trọng nhất của đức tin thiêng liêng của chúng ta.

Thánh Maria Ma-đa-len, người ngang hàng với các Tông đồ, đã tiếp tục rao giảng Tin Mừng về Đấng Kitô Phục Sinh tại Ý và thành phố Rôma[5264] , cả trong chuyến viếng thăm đầu tiên của Thánh Phaolô Tông đồ đến Rôma lẫn sau khi ngài rời khỏi đó hai năm sau đó. Ngoài truyền thống, bằng chứng về điều này có thể thấy qua lời chào đặc biệt mà Thánh Maria nhận được từ Thánh Phaolô trong thư ngài gửi từ thành phố thương mại Hy Lạp là Cô-rinh-tô đến các Kitô hữu lúc bấy giờ đang ở Rôma (Rm 16,6). Thánh Gioan Kim Khẩu giảng giải về điều này rằng, khi dành cho mỗi tín hữu lời khen ngợi xứng đáng với họ, Thánh Phaolô đã chào hỏi Thánh Maria, người ngang hàng với các Tông đồ, như một người đã vất vả rất nhiều và hiến dâng bản thân cho các công việc tông đồ. Những công lao của bà, được vị Tông đồ nhắc đến ở đây, là những công việc của các Tông đồ và các Nhà Truyền giáo – do đó, xứng đáng với danh hiệu "bằng Tông đồ"; bà đã phục vụ – Thánh Xa-lô-tô bổ sung – bằng cả tiền bạc, dũng cảm đối mặt với nguy hiểm và thực hiện những chuyến hành trình gian khổ, chia sẻ cùng các Tông đồ mọi vất vả trong công việc rao giảng.

Theo truyền thống của Giáo hội, Thánh Maria Ma-đa-len, người ngang hàng với các Tông đồ, đã từ Rô-ma đến thành phố Ê-phê-sô[5265] , nơi lúc bấy giờ đặc biệt nổi tiếng ở Tiểu Á. Tại Ê-phê-sô, theo truyền thuyết và lời chứng của nhiều vị Thánh Cha và các nhà văn Giáo hội, Thánh Maria Ma-đa-len, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, đã giúp đỡ Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Tin Mừng Gioan Thần Học trong các công việc rao giảng Tin Mừng, và ở lại đó cho đến khi qua đời một cách thanh thản; chính tại Ê-phê-sô, bà cũng được an táng.

Hài cốt bất hoại và được tôn vinh của Thánh Maria Ma-đa-len, người ngang hàng với các Tông đồ, vào thế kỷ thứ chín dưới triều đại Hoàng đế Lêô VI, nhà triết học[5266] , đã được long trọng rước từ Ê-phê-sô về Constantinopolis[5267] và được an táng tại nhà thờ của Tu viện Thánh La-xa-rô. Đó là truyền thuyết của Giáo hội Chính thống Đông phương.

[5263] Việc phong tục này được tiếp nhận từ lễ dâng cúng của Thánh Maria Magdalene, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, dành cho Tiberius, được chứng minh không chỉ bởi sự thống nhất của truyền thuyết trong tất cả các Giáo hội Kitô giáo, mà còn bởi ví dụ, trong bản quy tắc Hy Lạp cổ viết tay trên da cừu, được lưu giữ tại thư viện tu viện Thánh Anastasia gần Thessaloniki, sau các lời cầu nguyện vào ngày Lễ Phục Sinh, có ghi như sau: "Cũng đọc lời cầu nguyện để ban phước cho trứng và phô mai, và vị tu viện trưởng, sau khi hôn các tu sĩ, phân phát trứng cho họ và nói: 'Đức Kitô đã Phục Sinh'… Chúng ta đã tiếp nhận truyền thống này từ các Thánh Tổ, những người đã gìn giữ phong tục này từ thời các Tông đồ, bởi vì Thánh Maria Ma-đa-len, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, là người đầu tiên đã nêu gương cho các tín hữu về lễ dâng hiến đầy hân hoan này…"

[5264] Rome – thủ đô của Đế chế La Mã vĩ đại lúc bấy giờ; thành phố nằm bên bờ sông Tiber. Theo truyền thuyết, thành phố này được Romulus thành lập vào năm 750 trước Công nguyên. Ban đầu, thành phố chỉ chiếm một ngọn đồi, sau đó là bảy ngọn và cuối cùng là 15 ngọn đồi. Dân số lên tới một triệu rưỡi người, trong đó một nửa là nô lệ. Có 420 đền thờ ngoại giáo; người dân rất mê tín và là những kẻ thờ thần tượng tàn bạo nhất, nhưng trong lĩnh vực nghệ thuật và chiến tranh, họ hoàn toàn thống trị toàn thế giới. Đế chế La Mã có tới một trăm triệu cư dân.

[5265] Ephesus là thành phố nổi tiếng nhất ở Tiểu Á, nằm bên sông Canstra (nay là Kuchuk Menderes), là trung tâm thương mại và đặc biệt nổi tiếng với đền thờ Artemis-Diana, nữ thần ngoại giáo, nơi các hoạn quan thực hiện các nghi lễ thờ cúng với sự lộng lẫy và tráng lệ đặc biệt.

[5266] Lêô VI – hoàng đế Hy Lạp (từ năm 886 đến năm 912), được mệnh danh là "nhà triết học" hay "người khôn ngoan" vì tình yêu của ông dành cho khoa học và kiến thức về chiêm tinh học; ông là đệ tử của tổng giám mục Photius.

Tuy nhiên, không thể khẳng định chắc chắn rằng di cốt của Thánh Maria Magdalene, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, đã mãi mãi ở lại hoàn toàn tại Constantinople. Chúng có thể đã được chính các tín hữu chuyển đến một nơi khác vì lo ngại trước những cuộc tấn công chiến thắng của người Thổ Nhĩ Kỳ; chúng cũng có thể dễ dàng được mang từ Constantinople sang phương Tây, đến Rome, khi thành phố này rơi vào tay người Ý cùng các hiệp sĩ Thập tự chinh trong cuộc Thập tự chinh thứ tư vào đầu thế kỷ XIII[5268] , bởi vì vào thời điểm đó, di cốt của các thánh từ nhiều vùng Đông Nam đã bị mang đi và phân tán khắp các thành phố khác nhau ở các nước Tây Âu.

Giáo hội Công giáo La Mã khẳng định rằng di cốt của Thánh Maria Ma-đa-len, ngang hàng với các Tông đồ, ngoại trừ đầu của bà[5269] , đang được an táng tại Rome, gần Cung điện Lateran của các Giáo hoàng, trong Nhà thờ Chính tòa Thánh Gioan Lateran[5270] , dưới bàn thờ mà Giáo hoàng[5271] Honorius III[5272] , chính ngài đã an táng di cốt của bà tại đó, đã làm phép để tôn vinh Thánh Maria Ma-đa-len, người được coi ngang hàng với các Tông đồ. Ngoài ra, từ năm 1280, Giáo hội Công giáo La Mã còn tôn kính các di cốt được bày ra công khai của vị thánh này, được chia thành nhiều phần, tại Pháp ở Provence, gần thành phố Marseille[5273] , nơi trên những di cốt đó, trong một thung lũng hẻo lánh, dưới chân những ngọn núi dốc đứng, một ngôi thánh đường uy nghi mang tên Thánh Maria Ma-đa-len[5274] đã được xây dựng.

Giáo hội Chính thống Hy Lạp-Nga thuộc Kitô giáo Đông phương và Giáo hội Công giáo La Mã phương Tây, cũng như Giáo hội Anh giáo, đều kỷ niệm ngày tưởng niệm Thánh Maria Ma-đa-len, người ngang hàng với các Tông đồ, vào ngày 22 tháng 7; tại một số nhà thờ địa phương, đây là ngày lễ thiêng liêng nhất.

Đây là tất cả những gì được biết cho đến nay về Thánh Maria Ma-đa-len, người mang hương, ngang hàng với các Tông đồ, những điều chắc chắn là sự thật, được truyền lại cho chúng ta qua các Phúc Âm thánh, và những điều có khả năng là sự thật theo truyền thống của các Giáo hội Kitô giáo địa phương, đối với họ cũng như đối với tất cả mọi người, Thánh Maria Ma-đa-len, ngang hàng với các Tông đồ, đã là, theo lệnh trực tiếp từ Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô, người đầu tiên trong số loài người rao giảng về sự Phục Sinh cứu rỗi của Chúa Kitô.

– Sự Phục Sinh của Chúa Kitô là đối với tất cả chúng ta, – vị Thánh Tổ vĩ đại của Giáo Hội[5275] giảng dạy, – nguồn suối của suy ngẫm, chiêm ngắm, kinh ngạc, niềm vui, lòng biết ơn, hy vọng, luôn tràn đầy, luôn mới mẻ, dù

[5267] Constantinopolis, hay Byzantium cổ đại – được người Nga và các dân tộc Slav gọi là Tsaregrad – được thành lập dưới tên Byzantium vào năm 658 trước Công nguyên trên bờ châu Âu của eo biển, bởi người Hy Lạp từ thành phố thương mại Megara thuộc miền Trung Hy Lạp. Năm 330 sau Công nguyên, Constantine Đại đế đã chuyển thủ đô cùng các đền thờ, cung điện và tác phẩm nghệ thuật đến Byzantium; ông đã thu hút một lượng lớn dân cư đến thủ đô mới và biến nơi đây thành trung tâm mạnh mẽ của đời sống dân sự và giáo hội trong thế giới Hy Lạp-La Mã.

[5268] Các cuộc Thập tự chinh – những cuộc viễn chinh quân sự do các dân tộc Kitô giáo ở Tây Âu tiến hành từ cuối thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XIII nhằm giành lại Mộ Thánh Chúa Kitô và Palestine từ tay người Hồi giáo.

[5269] Trong Giáo hội Thánh, thuật ngữ "xác thánh" theo nghĩa rộng được hiểu là thi thể của mỗi Kitô hữu đã qua đời. Chẳng hạn, trong nghi thức an táng người quá cố có đoạn: "Sau khi rước xác thánh của người quá cố, người ta rước (chúng) vào nhà thờ". Tuy nhiên, về bản chất, "xác thánh" ám chỉ "hài cốt thiêng liêng của các thánh nhân được Chúa yêu mến". Tuy nhiên, ngay cả ở đây, từ "xác thánh" cũng có nhiều nghĩa khác nhau. Trước hết, "xác thánh" được dùng để chỉ "xương cốt" của các thánh nhân.

[5270] Nhà thờ cổ kính mang tên Thánh Gioan ở Laterano "San Giovanni in Laterani", gần Cung điện Laterano của các Giáo hoàng tại Rome, đã tồn tại từ thời Hoàng đế Constantine Đại đế và được gọi là "mẹ và đầu của tất cả các nhà thờ", tất nhiên là các nhà thờ ở Rome.

[5271] "Papa" (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "cha") – là danh hiệu được sử dụng cho đến cuối thế kỷ V như một danh xưng tôn kính dành cho các giám mục, sau đó chủ yếu được dùng để chỉ tổng giám mục Rôma.

[5272] Giáo hoàng Honorius III vào thế kỷ XIII.

[5273] Marseille – một thành phố ven biển thuộc vùng Provence rộng lớn thời cổ đại ở phía tây nam nước Pháp. Nằm ở vịnh phía đông của Vịnh Lyon. Trong thời cổ đại, Marseille có tên là Massilia và là một thuộc địa cộng hòa của người Hy Lạp, sau đó bị người La Mã chinh phục. Từ đây, Kitô giáo đã lan rộng khắp miền nam Gaul, nay là nước Pháp.

[5274] Các Kitô hữu phương Tây còn khẳng định rằng di cốt của Thánh Maria Ma-đa-len được an táng tại Burgundy, trong tu viện Vézelay, và họ đã đến đó để thờ phượng, cho đến khi họ thay đổi quan điểm này sau khi phát hiện ra tại miền nam Pháp, tại Provence, được truyền thống Provence và một số nhà văn giáo hội – những người gộp chung Maria từ Bê-tha-ni, em gái của La-xa-rơ, và người phụ nữ tội lỗi ở Na-in trong nhà người Pha-ri-si – với Thánh Ma-ri Ma-đa-len – coi là di cốt của Thánh Ma-ri Ma-đa-len. Tuy nhiên, những thông tin này và các thông tin tương tự của Giáo hội Công giáo La Mã phương Tây về cuộc đời và nơi an nghỉ của di cốt Thánh Maria Ma-đa-len, cũng như mọi điều chân thực và xác thực trong các truyền thuyết của các Giáo hội phương Tây, rất có thể thực ra liên quan đến một trong những vị thánh tên Maria khác được nhắc đến trong Thánh Phúc Âm, về các hoạt động của các vị này sau khi Chúa Giêsu lên trời, mà Giáo hội Đông phương không có bất kỳ thông tin chắc chắn nào.

[5275] Lời nói và Bài giảng của Filaret, Tổng Giám mục Moscow, 1848, tập 1, trang 35, 36 và 44.

đã bao lâu, dù chúng ta đã nhiều lần vớt lấy từ đó; đó là tin mừng vĩnh cửu!.. Và liệu có cần thiết phải củng cố đức tin, khơi dậy hy vọng, thắp sáng tình yêu, soi sáng sự khôn ngoan, mở rộng cánh cửa cầu nguyện, ban xuống ân sủng, tiêu diệt tai ương, cái chết, cái ác, mang lại sức sống cho cuộc đời, biến hạnh phúc không còn là giấc mơ mà trở thành thực tại, vinh quang – không phải là ảo ảnh, mà là tia chớp vĩnh cửu của ánh sáng vĩnh hằng, chiếu sáng muôn loài mà không làm tổn thương ai?... – Tất cả những điều này đều có đủ sức mạnh trong một lời kỳ diệu duy nhất: "Đức Kitô đã Phục Sinh!"

Vậy thì chúng ta, những người Kitô hữu, hãy đáp lại tin mừng kỳ diệu này của vị sứ giả vĩ đại của chính Đấng Cứu Thế, Thánh Maria Ma-đa-len, người ngang hàng với các Tông đồ, bằng sự hân hoan: Quả thật, quả thật, Chúa Kitô đã Phục Sinh!

Bài thánh ca, giọng 1:

Thánh Maria Ma-đa-len, người đã theo Chúa Kitô, Đấng sinh ra từ Đức Trinh Nữ vì chúng ta, và tuân giữ sự công chính cùng các điều răn của Ngài: hôm nay, khi chúng ta mừng kính ngày lễ thánh của ngài, chúng ta nhận được sự tha thứ tội lỗi nhờ những lời cầu nguyện của ngài.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Đứng bên Thập tự giá của Đấng Cứu Thế cùng với nhiều người khác, đồng cảm với Mẹ Thiên Chúa và rơi lệ, bà đã ca ngợi điều này bằng những lời sau: "Đây quả là một phép lạ kỳ diệu; Ngài đã chịu đau khổ vì toàn thể loài người: vinh quang thuộc về quyền năng của Ngài."

- Cũng trong ngày đó, vào năm 404, thi hài của Thánh Tử đạo Foki được rước từ Pontus về Constantinople. (Ngày kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 22 tháng 9

ngày 5 tháng 8

ngày 23 tháng 7 (theo lịch cũ)

Ngày Thánh Tử đạo Apollinaris chịu tử đạo.

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 7

Vào thời Hoàng đế Claudius[5276] , Thánh Phêrô, Tông đồ của Chúa Giêsu Kitô[5277] , cùng với nhiều Kitô hữu đồng hành, đã từ Antiôkhia đến Rôma[5278] ; tại đây, ban đầu, khi bước vào hội đường Do Thái, ngài tự xưng là người Do Thái. Và ngài bắt đầu rao giảng giáo lý về Chúa Giêsu Kitô, chứng minh qua các sách tiên tri rằng Chúa Kitô thực sự là Con Thiên Chúa, Đấng đã đến để cứu độ loài người; ngài cũng kể lại tất cả các phép lạ của Chúa Giêsu, những điều Ngài đã thực hiện giữa dân Israel. Khi Thánh Tông đồ Phêrô hàng ngày rao giảng như vậy trước hội chúng Do Thái, nhiều người Do Thái đã tin vào Đấng Kitô; và không chỉ người Do Thái, mà cả nhiều người La Mã, khi nghe lời rao giảng của vị Tông đồ, cũng vui mừng đón nhận lời Ngài, và nói rằng:

– Thiên Chúa đã thương xót loài người, sai Con Một của Ngài đến để đổi mới thế gian.

Và sau khi tin vào Đấng Kitô, họ đã chịu phép rửa. Một thời gian sau, Thánh Tông đồ Phêrô đã nói với môn đệ của mình là Apollinaris, người đã cùng ngài từ Antiôkhia đến, như sau:

– Này, con đã được dạy dỗ tốt về sự hiểu biết Đức Kitô, Con Thiên Chúa, và đã thấu hiểu trọn vẹn mọi công trình thần thánh của Ngài. Vậy, hãy nhận lãnh sự thánh hóa của Chúa Thánh Thần và hãy đi đến thành phố đông đúc Ravenna[5279] , và đừng sợ hãi điều gì, hãy rao giảng danh Đức Giêsu Kitô tại đó!

[5276] Claudius – hoàng đế từ năm 41 đến năm 54.

[5277] Lễ kính Thánh Tông đồ Phêrô ngày 29 tháng 6

[5278] Thủ đô của Đế quốc La Mã, nằm ở miền trung Ý, trải dài hai bên bờ sông Tiber, tại nơi sông này đổ ra biển.

Nói xong, Thánh Phêrô dâng lời cầu nguyện, rồi đặt tay lên đầu Apollinaris và tấn phong ngài làm giám mục thành Ravenna.

– Nguyện Chúa Giêsu Kitô của chúng ta sai Thiên Thần của Ngài đến để bảo vệ ngươi trên đường đi và thực hiện những điều ngươi xin.

Với những lời chia tay ấy, Thánh Tông đồ đã tiễn Apollinaris đi, đồng thời hôn lên má ông. Khi đến gần thành phố nói trên, Apollinaris bước vào nhà của một chiến binh tên là Irineus, mong được nghỉ ngơi như một lữ khách. Trong lúc trò chuyện với ông, vị giám mục thánh thiện đã tự giới thiệu với Irineus về bản thân: ông là ai, đến từ đâu và vì lý do gì mà đến thành phố của họ, đồng thời nói về Chúa Giêsu Kitô và quyền năng thiêng liêng của Ngài. Irineus nói với ông:

– Thưa Cha – người lữ hành! Tôi có một đứa con trai mù, và nếu lời rao giảng của ngài có quyền năng, xin hãy chữa lành cho nó để nó được sáng mắt, thì tôi, sau khi tin vào Đức Chúa Trời của ngài, sẽ theo bước Ngài.

Và vị thánh ra lệnh cho người ta dẫn người mù đến trước mặt ngài; khi người mù được dẫn đến, tất cả những người trong nhà đều tụ tập lại, mong muốn được chứng kiến người lữ khách sẽ làm gì với người mù. Rồi ngài làm dấu thánh giá trên mắt người mù và thốt lên:

– Lạy Thiên Chúa hằng hữu! Xin hãy ban sự hiểu biết về Con của Ngài cho thành phố này, để không chỉ đôi mắt thể xác mà cả đôi mắt thiêng liêng của những người này cũng được soi sáng, hầu họ nhận biết Ngài, Thiên Chúa duy nhất và chân thật, cùng Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà Ngài đã sai đến để cứu độ thế gian (xem Ga 17,3).

Ngay khi vị thánh vừa dứt lời, mắt người mù lập tức mở ra, anh ta nhìn thấy được và cùng cha mẹ mình quỳ xuống dưới chân người của Đức Chúa Trời. Thế là cả gia đình ấy đều tin vào Đấng Christ và được rửa tội tại con sông chảy gần Ravenna, còn vị thánh thì đến ở trong ngôi nhà của Irineus.

Còn trong thành phố có một người phụ nữ ốm yếu, là vợ của quan tribune[5280] , tên là Thekla, đã nằm liệt giường nhiều năm; và dù đã được nhiều bác sĩ giỏi chữa trị, bà vẫn không thể khỏi bệnh. Một ngày nọ, người lính mới được rửa tội là Irineus đến gặp quan tribune và, thấy ông ta vô cùng đau khổ vì căn bệnh nan y của vợ mình, đã nói với ông ta như sau:

– Ở nhà tôi có một người lữ hành, người đã chữa lành cho con trai mù của tôi mà không cần dùng bất kỳ loại thuốc nào; nếu ngài ra lệnh cho người ấy đến gặp ngài, người ấy sẽ lập tức chữa lành cho vợ ngài.

Quan tòa hỏi:

– Người này đến đây từ đâu?

– Từ La Mã, – Irineus trả lời.

– Vậy ông ta là người La Mã sao? – quan tribune hỏi lại.

– Tôi không biết; tuy nhiên, tôi nghĩ rằng anh ta không phải người La Mã, mà là người Hy Lạp.

– Hãy đưa anh ta đến nhà tôi một cách bí mật! – quan tribune kết thúc cuộc trò chuyện.

Khi Thánh Apollinaris cùng với Irineus bước vào thành phố Ravenna, ngài làm dấu thánh giá và cầu nguyện:

– Lạy Chúa, Đấng đã ban ơn cho Thầy của con là Phêrô, xin cũng ban ơn cho con, để danh thánh của Ngài được tôn vinh trong thành phố này và ý muốn của Ngài được thực hiện tại đây!

Khi vị thánh bước vào nhà của quan tòa, quan tòa chào đón ngài:

– Thật tốt là ngài đã đến, hỡi vị bác sĩ! Thật ra, còn gì có thể dễ chịu hơn nước lạnh đối với người khát?

[5279] Ravenna – thành phố thuộc tỉnh cùng tên của Ý. Ravenna được người Thessaly thành lập; các ngôi nhà ở đây được xây dựng trên cọc, các kênh rạch phần nào thay thế cho các con đường. Năm 254 trước Công nguyên, thành phố này chưa bị người La Mã chinh phục; sau đó, người La Mã đã trao cho Ravenna quyền tự trị cùng nhiều đặc quyền và ưu đãi khác. Vào thời Đế chế La Mã, Ravenna là một trong những căn cứ quan trọng của hạm đội La Mã: tại đây, Hoàng đế Augustus đã cho xây dựng một cảng. Từ năm 44, Ravenna trở thành nơi cư ngụ của giám mục, và từ năm 432 – của tổng giám mục. Năm 402, Hoàng đế Honorius, trong lúc lánh nạn khỏi Alaric, đã chọn Ravenna làm thủ đô của mình. Sau khi Đế chế La Mã phương Tây sụp đổ, Ravenna bị Odoacer, vua của dòng họ Reguli, chiếm đóng; năm 493, sau một cuộc vây hãm kéo dài, Theodoric Đại đế đã chiếm được Ravenna. Từ năm 555, Ravenna bắt đầu nằm dưới sự thống trị của Đế chế Byzantine, kéo dài tại đây khoảng hai thế kỷ. Năm 752, thành phố này trở thành lãnh địa của người Langobard; năm 754, Pepin Ngắn đã dâng tặng nó cho Giáo hoàng. Từ năm 1275, Ravenna trở thành tài sản của gia tộc quý tộc Polenta, vốn trước đó là chư hầu của Giáo hoàng. Năm 1441, người Venice chiếm được Ravenna; từ tay họ, vào năm 1509, thành phố này lại trở về tay Giáo hoàng. Năm 1860, Ravenna được sáp nhập vào Vương quốc Ý. – Cùng với Rome, Constantinople và Thessaloniki, Ravenna nổi tiếng với các di tích nghệ thuật Kitô giáo cổ đại từ thời kỳ chuyển tiếp sang nghệ thuật Byzantine.

[5280] Tư lệnh quân sự.

– Xin Ngài an nghỉ, – thánh Apollinaris nói, – xin ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, ở cùng các ngài.

– Người mà ngài vừa nhắc đến là ai? – quan tòa hỏi.

– Ngài là Con của Đức Chúa Trời Hằng Sống (xem Giăng 6:69), Đấng đã làm mới lại cả thế giới đang hư mất, – Apollinaris đáp.

– Tôi thấy ngươi là người Galilê[5281] , – viên quan tòa nói.

– Đúng vậy, – vị thánh xác nhận.

– Ngươi có biết chữa bệnh không? – quan tòa hỏi.

– Không, – vị thánh đáp, – tôi chẳng biết gì ngoài danh xưng của Chúa Giê-su.

– Vậy thì tên của Chúa Giê-su có sức mạnh gì? – quan tòa hỏi.

– Vậy này, – vị thánh đáp, – hãy gọi những chiến binh dưới quyền ngài đến đây, và trước mặt mọi người, ngài sẽ nhận ra sức mạnh của Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của tôi!

Vị quan tòa lập tức sai người đi triệu tập tất cả binh lính của mình, rồi quay sang vị thánh và nói:

– Vợ tôi đã nằm trên giường bệnh nhiều năm nay, và thuốc men không những không giúp ích gì cho bà ấy, mà còn gây hại nhiều hơn. Vậy nên, nếu trong ngài có bất kỳ sức mạnh chữa lành nào, xin hãy thể hiện nó trên người bệnh!

– Xin Chúa mở mắt tâm hồn các ngươi, – vị thánh cầu nguyện, – để khi chứng kiến những phép lạ của Ngài, tất cả đều tin vào Ngài!

Rồi ngài bước đến bên giường, nắm lấy tay người bệnh và nói:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, hãy đứng dậy và tin vào Ngài, và đừng nghĩ rằng có ai sánh được với Ngài.

Và ngay lập tức, người vợ cảm thấy khỏe mạnh, đứng dậy khỏi giường và lớn tiếng làm chứng:

– Không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Giê-su Christ, Đấng mà ngươi đang rao giảng.

Thấy vậy, quan tổng trấn và tất cả binh lính của ông đều kinh ngạc và thốt lên:

– Quả thật, chỉ có Đức Chúa Trời này mới có thể làm được điều như vậy! Ngài có thể giúp đỡ chúng ta trong chiến tranh, nếu chúng ta yêu mến Ngài!

Và viên quan cùng vợ, con cái và tất cả những người trong nhà đều tin vào Đấng Christ; nhiều người ngoại đạo có mặt tại đó cũng tin và chịu phép rửa. Kể từ lúc đó, Thánh Apollinaris bắt đầu cư ngụ tại thành phố trong nhà của viên quan; hàng ngày có rất nhiều người đến với ngài, và ngài bí mật dạy họ tin vào Đấng Christ và làm phép rửa cho họ; còn những người đã tin thì giao con cái mình cho vị thánh để được dạy dỗ qua sách vở. Vị thánh của Đức Chúa Trời đã biến một căn phòng trong nhà quan tribune thành nhà thờ, và tại đó, ngài cử hành Thánh lễ, ban Thánh Thể và Máu Thánh của Đức Kitô cho các tín hữu. Trong suốt 12 năm ở đó, ngài đã tấn phong hai linh mục là Aderet và Kalokir; còn Marcian, một người có xuất thân cao quý, và nhà triết học Levkadius, ngài đã phong làm phó tế; cùng sáu người khác làm giáo sĩ, và ngài cùng họ cử hành các buổi cầu nguyện ngày đêm, ngợi khen Thiên Chúa. Khi số lượng Kitô hữu ngày càng gia tăng, và danh tiếng cùng quyền năng của Chúa Giêsu Kitô cùng vị rao giảng của Ngài lan truyền trong dân chúng, thì người của Thiên Chúa không thể tiếp tục ẩn danh được nữa, và tin tức về ngài đã được báo cáo cho quan tổng trấn thành phố Saturninus.

Khi người ta sai người đi bắt ông và đưa ông đến, quan tổng trấn đã giới thiệu ông với các thầy tế lễ cao cấp nhất tại Điện Capitol ở Ravenna, và trước mặt họ, ông hỏi:

– Ngươi là ai?

– Tôi là một Kitô hữu, – vị thánh đáp lại bằng giọng nói vang dội.

– Vậy Chúa Kitô là ai? – vị quan hỏi.

– Chúa Kitô là Con của Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng điều khiển mọi sự hiện hữu trên trời, dưới đất và trong biển cả, – vị thánh đáp lại.

[5281] Galilê – một vùng ở phía bắc Palestine; tại đây, Chúa Giê-su Ki-tô đã trải qua thời thơ ấu và tuổi trẻ; Galilê cũng là nơi Ngài chủ yếu rao giảng; chính vì lý do đó mà Chúa Giê-su được gọi là người Galilê (Mt 26:69). Vào thế kỷ IV, hoàng đế Hy Lạp-La Mã Julianus Apostata qua đời (năm 363) với những lời nói hướng về Chúa Kitô: "Ngài đã chiến thắng tôi, người Galilê!" – từ đó, các môn đệ của Chúa Giêsu Kitô được gọi là người Galilê.

– Chính Ngài đã sai ngươi đến – quan tòa truy hỏi – để lật đổ sự thờ phụng các vị thần của chúng ta sao? Ngươi không biết vị thần vĩ đại Zeus, ngự tại Điện Capitol của thành phố, người mà ngươi cũng phải thờ phụng sao?

– Tôi không biết Ngài là ai, và cũng không biết gì về đền thờ của Ngài, – vị thánh đáp lại.

Lúc đó, các thầy tế lễ của các thần tượng đề nghị vị thánh:

– Vậy thì hãy đi xem ngôi đền vĩ đại của ngài, được trang trí lộng lẫy, và trong đó ngươi sẽ thấy hình tượng của Zeus bất khả chiến bại và sẽ thờ phụng ngài.

Và họ dẫn thánh Apollinaris đến ngôi đền đó; khi ngài bước vào và nhìn thấy những đồ trang trí lộng lẫy, ngài đã cười và nói với các thầy tế lễ như sau:

– Đây là bao nhiêu vàng và bạc đã được gom lại một cách vô ích ở đây: chẳng phải tốt hơn là nên phân phát cho những người nghèo khó, thay vì treo lên trước mặt các quỷ dữ một cách vô ích sao?

Lúc đó, những kẻ vô đạo tràn ngập cơn giận dữ và phẫn nộ, đã đánh đập thánh nhân một cách tàn bạo, rồi sau đó, trói chân ngài bằng dây thừng, lôi ngài ra khỏi thành phố và quẳng xuống bờ biển như thể ngài đã chết; Thánh Apollinaris, lúc đó chỉ còn thoi thóp, đã được các môn đệ của ngài đưa về và che chở trong nhà của một góa phụ tin vào Chúa Kitô, và họ chăm sóc ngài.

Sáu tháng sau, một người quý tộc tên là Vonifati bất ngờ bị câm; người ta đã gọi nhiều bác sĩ đến khám cho ông, nhưng họ không thể làm gì để giúp ông. Vào thời điểm đó, trong nhà ông có tin đồn rằng tôi tớ của Chúa là Apollinaris vẫn còn sống và đang ẩn náu tại nhà một góa phụ. Vợ của người câm vội vã đến gặp vị thánh của Chúa, quỳ xuống dưới chân ngài và nài nỉ ngài đến nhà bà để chữa lành cho chồng bà. Thánh nhân của Chúa đứng dậy, đi đến đó, và khi ngài bước vào nhà của Vonifati, một trong những nữ tỳ, một thiếu nữ bị quỷ ám, bị nó khống chế, đã thét lên:

– Hãy biến khỏi đây, tôi tớ của Đức Chúa Trời Hằng Sống! Nếu ngươi không đi, ta sẽ khiến ngươi, với đôi chân bị trói, lại bị lôi ra khỏi thành phố!

Vị thánh đã ra lệnh cho tà linh và đuổi nó ra khỏi cô tớ gái; khi bước vào gặp Vonifatius, người bệnh và câm, ngài đã cầu nguyện với Chúa như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã đóng miệng người này lại để anh ta không kêu gọi ma quỷ đến giúp đỡ, xin hãy mở miệng anh ta ra ngay bây giờ, để anh ta kêu cầu danh thánh của Ngài và tin rằng Ngài là Thiên Chúa hằng sống muôn đời.

Khi vị thánh cầu nguyện như vậy, và các Kitô hữu đang đứng xung quanh cùng cất tiếng "A-men", ngay lập tức lưỡi của người câm được giải thoát và miệng anh ta mở ra để ngợi khen Thiên Chúa Duy Nhất, và anh ta lớn tiếng kêu lên:

– Không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đấng mà Apollinaris đã rao giảng!

Vào ngày đó, hơn 500 người đàn ông đã tin vào Đấng Kitô và nhận phép rửa thánh. Chỉ vài ngày sau, những kẻ vô đạo, bị ma quỷ xúi giục nổi cơn thịnh nộ, lại bắt thánh Apollinaris và đánh đập ông dữ dội bằng gậy, cấm ông – đừng bao giờ dám rao giảng về Chúa Giêsu, hay thậm chí nhắc đến danh Ngài. Còn vị thánh, nằm trên mặt đất, đã kêu lên:

– Quả thật, Đức Chúa Trời chính là Đức Giê-su Ki-tô, Đấng đã chịu khổ vì loài người theo ý muốn của Ngài.

Những kẻ ngoại đạo, không chịu nổi lời chứng của ngài về Đấng Kitô, đã đặt đôi chân trần của ngài lên than hồng và, trong khi tra tấn, thiêu đốt ngài trên lửa. Nhưng ngài vẫn rao giảng về Đấng Kitô với sức mạnh lớn hơn, bằng giọng nói vang dội. Sau đó, sau khi trói chân Thánh Apollinaris lại, những kẻ tra tấn đã lôi ngài ra khỏi thành phố, vừa la hét:

– Dù ngươi có thực hiện những phép chữa lành, nhưng nếu muốn sống sót, đừng dám bước vào thành phố.

Và vị thánh nằm gần thành phố và không ngừng giảng dạy về danh Chúa Giêsu Kitô. Nhiều người kính sợ Thiên Chúa đã đến với ngài và phục vụ ngài. Số tín hữu ngày càng gia tăng nhờ lời rao giảng của vị thánh đã lập nên một nhà thờ nhỏ gần thành phố, bên bờ biển; tại đó, vị giám mục của Thiên Chúa cử hành Thánh Lễ và làm phép rửa cho những ai quay về với Chúa Kitô trong biển cả.

Vài năm sau, vị thánh bị những kẻ vô tín trục xuất và ngài đã lên đường đến vùng Emilia thuộc Ý; tại đây, ngài dùng lời rao giảng để dẫn dắt bất cứ ai có thể đến với đức tin thánh thiện. Vào thời gian đó, theo lệnh của ngài, linh mục Kalokir đã điều hành nhà thờ; ngài cũng đã thực hiện những phép lạ vĩ đại nhờ quyền năng của danh Chúa

Giêsu Kitô. Sau khi ở lại Emilia một thời gian đủ dài và dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô, Thánh Apollinaris lại trở về Ravenna, nơi các tín hữu đã đón tiếp ngài với niềm vui sướng. Vào thời điểm đó, Ravenna đã có một vị thống đốc khác tên là Rufinus, người chỉ có một cô con gái duy nhất, và cô bé đang ốm nặng đến mức mọi người đã chuẩn bị tinh thần cho cái chết của cô. Khi nghe tin về Thánh Apollinaris, vị thống đốc đã ra lệnh đưa ngài về nhà mình với sự tôn kính, để ngài giúp đỡ con gái ông. Khi vị giám mục thánh cùng các linh mục bước vào nhà vị thống đốc, người bệnh đã qua đời. Cả cha mẹ cô lẫn tất cả những người trong nhà đều bắt đầu khóc lóc và than khóc thảm thiết. Thấy vị thánh, Rufinus đã nói với ngài như sau:

– Thà ngài đừng đến nhà tôi còn hơn, vì các vị thần vĩ đại đã nổi giận với tôi vì ngài và không muốn con gái tôi thoát khỏi cái chết.

– Hãy thề với ta bằng sức khỏe của hoàng đế ngươi – vị thánh đáp lại – rằng ngươi sẽ không cản trở con gái ngươi theo bước Đấng Cứu Thế của nàng, và ngươi sẽ được chứng kiến quyền năng của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà ta rao giảng.

– Tôi biết, – Rufin đáp, – rằng con gái tôi đã qua đời, nhưng nếu tôi thấy cô ấy sống lại và nói chuyện, tôi sẽ ca ngợi quyền năng của Đức Chúa Trời của ngài, và sẽ không cản trở cô ấy theo chân Đấng Cứu Thế của mình.

Rồi vị thánh tiến lại gần thi thể người quá cố và cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa của con, Đấng đáp ứng mọi lời cầu xin của Thánh Tông Đồ Phê-rô, vị thầy của con, xin hãy đáp ứng cả lời cầu xin của con nữa – xin làm cho thiếu nữ này sống lại, vì con là tạo vật của Ngài. Và xin cho những người có mặt ở đây được chứng kiến quyền năng của Ngài và hiểu rằng không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ngài!

Sau đó, ngài chạm vào thi thể cô gái và kêu lên:

– Hãy đứng dậy và xưng nhận Đấng Tạo Hóa của con!

Và ngay lập tức, cô gái sống lại, đứng dậy và lớn tiếng kêu lên:

– Đức Chúa Trời mà Apollinaris rao giảng thật vĩ đại, và ngoài Ngài ra, không có Đức Chúa Trời nào khác!

Cha mẹ của thiếu nữ ấy đã vui mừng, và tất cả các Kitô hữu cũng vui mừng vì danh Chúa Giêsu đã được tôn vinh như vậy. Thiếu nữ cùng mẹ và cả gia đình đã chịu phép rửa; tổng số người nam nữ chịu phép rửa là ba trăm hai mươi bốn người, và nhiều người ngoại giáo khác cũng đã tin vào Chúa Kitô và chịu phép rửa. Còn quan tổng trấn Rufin, dù đã tin vào Đấng Kitô, nhưng vì sợ hoàng đế nên không chịu rửa tội, song trong thâm tâm ông vẫn yêu mến vị Thánh của Thiên Chúa và phụng sự Ngài. Còn con gái ông thì đã hiến dâng mình cho Chúa Giêsu Kitô, hứa hôn với Ngài như một cô dâu, và giữ trinh tiết suốt cả cuộc đời.

Những người ngoại đạo đã báo cáo với hoàng đế rằng có một người nào đó đến từ Antiôkhia, bằng phép thuật và bùa chú của mình, đã đưa danh xưng "Giêsu người Do Thái" vào thành Ravenna, và nhiều người dân đang nghe theo ông ta; thậm chí ông ta còn lôi kéo cả gia đình và những người trong nhà của Rufinus theo tín ngưỡng của mình. Hoàng đế liền ngay lập tức cử quan tổng trấn của mình, tên là Messalina, đến Ravenna để tước quyền lực của Rufinus, đồng thời ra lệnh buộc Apollinaris phải thờ phụng các vị thần ngoại đạo, hoặc trục xuất ông ta đến những vùng đất xa xôi nhất. Messalina, thi hành ý muốn của Caesar, đã triệu tập Apollinaris đến Praetorium và trước sự chứng kiến của các thầy tế lễ trên Đồi Capitoline, tra hỏi ông: ông là ai, đến từ đâu và làm nghề gì. Vị thánh đã tự giới thiệu rằng mình là một Kitô hữu, quê quán ở Antiôkhia, là môn đệ của các Tông đồ; công việc của ngài chỉ là rao giảng về Chúa Giêsu Kitô, Con của Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng đã tạo dựng trời đất, biển cả và mọi sự trên trời, dưới đất và trong đó.

– Có phải ngươi đang rao giảng về Đấng Kitô, Đấng mà cách đây vài năm đã tự xưng là Con Thiên Chúa và bị người Do Thái giết chết không? – Messalin hỏi. – Nếu Ngài là Đức Chúa Trời, thì Ngài đã không chết và cũng không chịu sự sỉ nhục; nhưng vì Ngài kiêu ngạo, nên đã bị nộp để chịu cực hình và chết vì án tử hình – tôi không hiểu tại sao ngươi lại coi Ngài là một trong các vị thần.

– Chính Đức Giêsu Kitô này – thánh Apollinaris nói với ông – Đấng mà ngươi đang nói đến, đã là Thiên Chúa, đang là Thiên Chúa và sẽ mãi mãi là Thiên Chúa. Với mong muốn giải phóng loài người khỏi ách nô lệ của kẻ thù, Ngài đã hạ mình và nhập thể bởi Đức Thánh Linh trong lòng Đức Trinh Nữ chưa từng biết đến chồng, và được sinh ra từ Người một cách không thể diễn tả được.

– Chúng tôi cũng đã nghe tất cả những điều này, – Messalin phản bác, – nhưng điều đó thật khó tin.

– Hãy nghe tôi, hỡi quan tòa! Và hãy chú ý, – vị thánh kêu lên. – Đức Chúa Trời đã hiện diện trong thân xác tinh khiết và thực hiện những phép lạ và dấu hiệu kỳ diệu; và khi Ngài bị người Do Thái bắt giữ và đóng đinh, thì

thân xác Ngài – vốn được nhận từ Đức Trinh Nữ Rất Thánh – đã chịu đau khổ, còn Thần Tính thì vẫn xa lạ với đau khổ và bất tử; chính nhờ Thần Tính ấy mà thân xác đã sống lại từ cõi chết vào ngày thứ ba, và Ngài, sau khi hiện ra cho nhiều người, đã thăng thiên lên trời, nơi Ngài đã xuống trần. Ngài đã ban cho những ai tin vào Ngài một quyền năng và uy quyền lớn lao đến nỗi họ có thể nhân danh Ngài mà trừ quỷ, chữa lành mọi bệnh tật nan y và làm cho người chết sống lại (Mác 16:17–18).

– Ngươi không thể thuyết phục ta được, – Messalin phản đối, – để ta trở thành tín đồ của một vị Thần vô danh, Đấng mà hoàng đế và các thượng nghị sĩ không công nhận; nhưng hãy vào Điện Capitol và tự tay dâng hương cho vị thần Zeus vĩ đại và uy nghiêm; nếu ngươi không muốn làm điều đó, ta sẽ bắt ngươi chịu đủ mọi hình phạt và đày đi lưu đày.

– Dù có vào Điện Capitol đi chăng nữa, tôi cũng sẽ không dâng hương cho các quỷ dữ, mà sẽ dâng lễ vật ngợi khen lên Chúa Giêsu Kitô của tôi, – vị thánh đáp lại.

Các thầy tế lễ thờ thần tượng liền la lên:

– Hãy tra tấn Apollinaris!

Và Messalin ra lệnh lột trần vị tử đạo và đánh bằng gậy không thương xót, đồng thời nói:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần!

Còn vị thánh, trong lúc bị tra tấn, đã kêu lên:

– Ta là người Kitô hữu!

– Hãy treo hắn lên ngay tại nơi tra tấn, – một trong những thầy tế lễ gầm lên giận dữ, – và tra tấn hắn tàn nhẫn hơn nữa, cho đến khi hắn ca ngợi các vị thần bất tử.

Nhưng ngay cả giữa những hình phạt tàn bạo hơn này, thánh Apollinaris vẫn kêu lên:

– Tôi tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa hằng sống và không ai khác!

Một giờ sau, Messalin, sau khi ra lệnh giảm bớt cực hình, quay sang vị tử đạo và nói:

– Nói cho ta biết, tên khốn kiếp, ngươi mong đợi phần thưởng nào cho những cực hình đã chịu?

– Trong các sách của chúng ta, – vị tử đạo đáp, – có chép rằng: "Ai kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu rỗi" (Mt 24,13), và ai chết vì Chúa Kitô thì sẽ được sống: đó chính là phần thưởng dành cho người Kitô hữu.

Có rất nhiều người, cả tín hữu lẫn ngoại đạo, đang chứng kiến sự đau khổ của vị thánh; và những tín hữu, khi thấy lòng dũng cảm và sự kiên nhẫn của ngài, đã ngợi khen Thiên Chúa trên trời. Lúc đó, Messalin lại ra lệnh cho các đầy tớ tra tấn tôi tớ của Đấng Kitô và đổ nước sôi lên các vết thương của ngài. Trong khi đó, ông ra lệnh chuẩn bị một con tàu, với ý định đày vị tử đạo bị xiềng xích bằng sắt đến Illyricum[5282] . Một trong những tên đầy tớ đã tra tấn vị thánh, kẻ hung hăng nhất đối với vị tử đạo, bỗng nhiên bị một con quỷ dữ ám, ngã xuống đất và chết, vì con quỷ đã xé toạc linh hồn tội lỗi của hắn ra khỏi thân xác. Còn Thánh Apollinaris, sau khi được đưa ra khỏi nơi tra tấn, đã quay sang Messalin và nói:

– Hỡi kẻ vô đạo, tại sao ngươi không tin vào Con Thiên Chúa? – Nếu vậy, ngươi đã có thể tránh khỏi sự đau khổ vĩnh viễn trong địa ngục[5283] ?

Kẻ tra tấn nổi giận và ra lệnh dùng đá đánh vào miệng vị thánh. Các Kitô hữu, khi chứng kiến sự tàn bạo của kẻ tra tấn, không thể chịu đựng thêm được nữa (họ rất đông đảo), nhưng, bị cơn giận thúc đẩy, đã gây ra một cuộc nổi loạn; họ xông vào những kẻ ngoại đạo và giết chết vài người; họ cũng định giết cả Messalina, nhưng khi hắn nhận ra tiếng ồn ào và cuộc nổi loạn của dân chúng đang bùng phát, hắn hoảng sợ và lập tức bỏ chạy khỏi chỗ ngồi, trốn vào đâu đó trong một tòa nhà kiên cố. Ông ra lệnh cho binh lính bắt Apollinaris, giam vào ngục tối, xiềng chân ông ta lại và không cho ăn uống gì cả, để ông ta chết vì kiệt sức vì đói khát. Nhưng Thiên Chúa, Đấng nuôi dưỡng muôn loài, đã không bỏ rơi tôi tớ của Ngài, mà sai một Thiên Thần đến tiếp sức cho vị thánh khi ông đói

---

[5282] Illyricus hay Illyria – là một tỉnh La Mã, mà Thánh Tông đồ Phaolô trong Thư gửi tín hữu Rôma đã đề cập đến như là ranh giới của hoạt động tông đồ của ngài (15:19). Người Hy Lạp gọi Illyria là tên gọi chung cho toàn bộ vùng đất nằm về phía tây của Macedonia, giữa sông Danube và Biển Adriatic. Người La Mã phân biệt hai vùng: "illyria barbara" – vùng núi phía bắc và "illyria graeca" – vùng ven biển, nơi có các thuộc dân Hy Lạp định cư. Một số trong 70 tông đồ đã rao giảng tại Illyria.

[5283] Gehenna – nơi chịu cực hình vĩnh viễn (Mt 10:28). Tên gọi này bắt nguồn từ các từ tiếng Do Thái, có nghĩa là thung lũng En-nom gần Giê-ru-sa-lem, nơi người ta thiêu sống trẻ em để tôn vinh thần Moloch (3 Vua 11:7; 4 Vua 16:3–4). Vua Giô-si-a đã bãi bỏ tập tục dâng tế lễ kinh hoàng và phạm thượng này; sau đó, thung lũng En-nôm trở thành nơi đổ xác những kẻ ác bị hành quyết, xác chết thối rữa và mọi thứ ô uế; để tiêu diệt mùi hôi thối và dịch bệnh, tất cả những thứ này đều bị thiêu rụi. Từ đó mà có các cách diễn đạt "Hỏa ngục" (Ma-thi-ơ 5:22, 29, 10:28, 23:33; Mác 9:47), "Hỏa ngục với lửa không tắt" (Mác 9:43, 45).

khát; và Thiên Thần của Thiên Chúa đã hiện ra trong ngục tối, đến nỗi các lính canh cũng nhìn thấy Ngài, rồi mang thức ăn và nước uống đến cho tù nhân của Chúa Kitô; ông đã nhận lấy, nếm thử, được tiếp sức và tạ ơn Thiên Chúa. Bốn ngày sau, Messalin, khi nghe tin vị thầy Kitô giáo Apollinaris vẫn còn sống trong ngục, đã ra lệnh xiềng ông bằng những xiềng xích sắt nặng nề, bí mật đưa lên tàu và gửi đi lưu đày. Cùng đi với ông còn có ba vị tu sĩ, không muốn xa rời cha và thầy của mình, nên họ đã lên đường ra khơi.

Vài ngày sau, một cơn bão dữ dội bất ngờ ập đến, biển động dữ dội, con tàu bị vỡ tan dưới sức ép của sóng và tất cả đều chìm xuống biển; chỉ có Thánh Apollinaris cùng ba tu sĩ và hai chiến binh đi cùng ông là sống sót; được Thiên Chúa che chở, họ đã cập bến an toàn; còn những xiềng xích sắt mà vị thánh bị giam cầm đã rơi khỏi người ngài, bị phá vỡ bởi một bàn tay vô hình vào lúc con tàu bị đắm bắt đầu chìm xuống. Những người được cứu thoát khỏi cái chết đã lên bờ. Và hai chiến binh nói trên đã hỏi vị thánh:

– Thưa ngài! – Thưa cha! Chúng ta sẽ đi đâu? Chúng ta sẽ làm gì?

– Hãy tin – vị thánh đáp – vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, – hãy nhận phép rửa thánh và các con sẽ được sống.

Họ lập tức nguyền rủa các thần tượng, rồi chịu phép rửa tội nhân danh Cha, Con và Thánh Thần. Vị thánh cùng ba linh mục và hai chiến binh mới được rửa tội đi từ nơi này sang nơi khác, thậm chí còn đến cả Misia[5284] , nơi không ai tiếp nhận họ. Thánh nhân, khi thấy một người quý tộc bị bệnh hủi trên trán, đã hỏi:

– Ngươi có muốn được lành bệnh không?

– Tôi muốn, – người ấy đáp.

– Hãy tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, – vị thánh nói.

– Ai chữa lành cho tôi, – người bệnh đáp, – thì người ấy sẽ là Đức Chúa Trời của tôi.

Thánh Apollinaris, sau khi kêu cầu danh Chúa Giêsu, đã chạm tay vào vết bệnh phong hủi của người ấy, và ngay lập tức người ấy được lành bệnh, từ bỏ các thần tượng, tin vào Chúa Kitô và chịu phép rửa tội. Vị thánh đã ở lại với người ấy nhiều ngày, dạy dỗ những người chưa tin về Đức Chúa Trời chân thật và ban cho họ phép rửa thánh. Cũng chính như vậy, ngài đã dẫn dắt nhiều người chưa tin đến với Đấng Christ qua việc rao giảng Lời Chúa, khi ngài đi từ đó dọc theo bờ sông Danube. Sau đó, ngài đến Thrace và ở lại gần một đền thờ ngoại đạo, nơi có tượng thần Serapis – vị thần ngoại đạo ô uế – đang trò chuyện với những người thờ phụng mình: bởi vì con quỷ ngự trong tượng thần ấy đã trả lời những người dâng lễ vật và hỏi về mọi việc. Khi vị thánh đến đó, tượng thần bỗng im lặng. Các thầy tế lễ vô đạo và tất cả những người ngoại đạo ở vùng đất ấy đều vô cùng đau buồn vì vị thần của họ đã câm lặng. Sau khi họ dâng lễ vật để cầu xin thần tha thứ trong một thời gian dài, mong ngài lại nói chuyện với họ, thì ngài mới lẩm bẩm nói:

– Các ngươi chẳng biết sao, rằng từ Rôma đã có một môn đệ của Thánh Phêrô đến đây và trói buộc ta bằng danh Chúa Giêsu, Đấng mà ngài rao giảng? Chừng nào ngài chưa bị đuổi khỏi đây, ta không thể trả lời những câu hỏi của các ngươi!

Ngay lập tức, những người ngoại đạo bắt đầu tìm kiếm người rao giảng về Đấng Kitô một cách ráo riết; và khi tìm thấy, họ đánh đập ông không thương tiếc; sau đó, họ dẫn ông ra biển, tìm được một con tàu đang chuẩn bị khởi hành đi Ý; rồi, sau khi nài nỉ vị quan cai trị đất nước mình – người đang cho con tàu đó ra khơi – họ đưa vị thánh của Đức Chúa Trời lên tàu, và nói:

– Ngươi đến từ đâu, hãy trở về đó!

Và nhờ gió thuận, họ đã đến được Ý. Sau khi lên bờ cùng các môn đệ, vị thánh của Chúa đã đi đến thành phố Ravenna để gặp đoàn chiên của mình, và khi xuất hiện tại Ravenna sau ba năm lưu đày, ngài đã được các tín hữu đón nhận với niềm vui vô bờ bến. Còn những kẻ ngoại đạo thì vô cùng tức giận khi biết rằng vị giám mục Kitô giáo đã trở về từ nơi lưu đày, và họ âm mưu điều ác, tìm kiếm thời cơ thuận lợi để thực hiện mưu đồ của mình.

Một thời gian sau, khi vị thánh của Chúa đang cử hành Thánh Lễ trong nhà thờ nằm tại làng của một người đàn ông nổi tiếng tên là Cyrene, những kẻ ngoại đạo với số lượng rất đông đã tấn công nhà thờ đó; sau khi xua đuổi đoàn chiên của Chúa Kitô, bắt giữ chính vị mục tử thánh Apollinaris, đánh đập và trói ông lại rồi dẫn về thành phố, sau đó giao nộp cho các thầy tế lễ cao cấp nhất tại đền thờ Zeus trên Đồi Capitoline. Khi nhìn thấy ông, họ đã la lên đầy giận dữ:

[5284] Mysia – một vùng đất ở phía bắc Macedonia, giáp với Thrace.

– Hắn không xứng đáng được đứng trước vị thần vĩ đại Zeus, Đấng mà hắn đã nhiều lần xúc phạm, nhưng hãy dẫn hắn đến gặp thần Apollo!

Khi vị thánh được dẫn đến đền thờ thần Apollon, ngài đã dâng lời cầu nguyện lên Chúa của mình, và ngay lập tức, bức tượng thần đó ngã xuống đất, vỡ tan thành tro bụi; không lâu sau đó, ngôi đền ô uế ấy cũng sụp đổ. Thấy vậy, các Kitô hữu ca ngợi Thiên Chúa Toàn Năng của họ, còn những người ngoại đạo thì bắt thánh Apollinaris, dẫn ngài đến trước mặt vị công tước tên là Tavrus, và giao nộp vị tử đạo này để bị kết án tử hình. Vị quan cai trị, sau khi triệu tập tất cả các cố vấn – những công dân – đến dinh thự, đã hỏi vị tù nhân của Chúa Kitô trước mặt họ: "Bằng sức mạnh của ai mà ngài thực hiện những phép lạ như vậy, chữa lành cho những người bệnh?"

Thánh nhân đáp rằng ngài làm mọi việc nhờ quyền năng của Chúa Kitô, vì chỉ có một mình Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật và toàn năng.

– Ta – quan tòa nói – có một đứa con trai mù bẩm sinh; nếu ngươi dùng quyền năng của Chúa Kitô mà ngươi tin để làm cho nó được sáng mắt, thì chúng ta sẽ tin rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật; còn nếu ngươi không làm được điều đó, thì chúng ta sẽ ném ngươi vào lửa, để ngươi phải chết theo tội lỗi của mình.

Thánh nhân của Chúa Kitô ra lệnh dẫn người mù bẩm sinh đến, và khi người ấy được dẫn đến, vị thánh nhân làm dấu thánh giá trên đôi mắt mù lòa của người ấy và phán:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Đấng bị đóng đinh, hãy mở mắt ra và nhìn thấy đi.

Và ngay lập tức, người mù bẩm sinh mở mắt ra và nhìn thấy được. Mọi người đều kinh ngạc và reo lên:

– Quả thật, Đấng thực hiện những phép lạ như thế này chính là Đức Chúa Trời chân thật.

Và nhiều người đã tin vào Đấng Kitô. Còn vị quan, sau khi giải thoát vị thánh khỏi tay những kẻ vô tín, đã đưa ngài đi vào ban đêm đến điền trang của mình, cách thành phố sáu miliaria[5285] , với lý do là sẽ giam giữ ngài trong xiềng xích tại đó. Nhưng vị thánh nhân đã ở lại ngôi làng đó suốt bốn năm, không phải trong xiềng xích mà là tự do; tất cả các tín hữu đều tụ tập về với ngài, và nhiều người ngoại đạo cũng đến với ngài; ngài đã dẫn dắt họ đến đức tin thánh thiện qua lời rao giảng Tin Mừng và làm phép rửa cho họ; ngài đã chữa lành tất cả những người bệnh được đưa đến với ngài.

Vào những ngày đó, Vespasian[5286] được bầu làm hoàng đế tại Rôma, và các thầy tế lễ đứng đầu tại Ravenna đã gửi thư cho hoàng đế với nội dung như sau:

– Nếu ngài không tiêu diệt tên phù thủy Apollinaris, kẻ gây hại cho vương quốc của ngài, thì sự tôn kính các vị thần sẽ suy tàn và vinh quang của La Mã sẽ bị suy giảm; bởi vì hàng ngày hắn dùng phép thuật của mình để dụ dỗ đông đảo dân chúng, hắn phỉ báng các vị thần bất tử và phá hủy các đền thờ của họ; còn nếu chỉ cần tiêu diệt một người trong số những kẻ còn sống đó, thì vinh quang của La Mã sẽ được bảo tồn mãi mãi.

Sau khi xem xét điều đó, Hoàng đế Vespasian đã gửi thư trả lời đến Ravenna như sau:

– Ai làm ô nhục và xúc phạm các vị thần thì phải đền bù bằng cách dâng lễ vật, hoặc sẽ bị trục xuất khỏi thành phố, bởi vì không thích hợp để trả thù ai đó thay cho các vị thần, vì chính các vị thần có thể tự mình trả thù kẻ thù của mình nếu họ nổi giận.

Khi câu trả lời của hoàng đế đến Ravenna, quý tộc[5287] Demosthenes, người lúc bấy giờ đang nắm quyền cai trị thành phố, đã bắt giữ vị thánh của Đức Chúa Trời là Apollinaris, người đã cao tuổi và suy kiệt về thể chất do phải chịu nhiều cực hình. Đám đông những người ngoại đạo đòi hỏi Demosthenes phải hoặc tra tấn Apollinaris, hoặc đày ông đến những vùng đất xa xôi và nguy hiểm cho sức khỏe, nơi ông sẽ mất tích và chết. Demosthenes thì giao vị thánh cho một trung úy canh giữ, cho đến khi người này nghĩ ra những hình thức tra tấn nào để áp dụng và những nơi độc ác nào để đày ông đi. Vị trung úy đó, vốn là một Kitô hữu bí mật, sau khi tiếp nhận người của Chúa, đã không đưa ngài vào ngục tối, mà đưa ngài về nhà mình và cho ngài nghỉ ngơi. Vài ngày sau, ông nói với thánh Apollinaris như sau:

– Thưa ngài và thưa cha, xin đừng vội chết, vì cuộc đời ngài rất cần thiết cho chúng tôi vì lợi ích chung; nhưng xin ngài hãy ra khỏi thành vào ban đêm, đến ngôi làng nơi có những người bệnh và ở lại đó cho đến khi sự hỗn loạn trong dân chúng lắng xuống.

[5285] Một miliarium hay một dặm (La Mã) tương đương với tám stadia; còn một stadia thì tương đương khoảng 88 sažen của chúng ta.

[5286] Vespasian – hoàng đế từ năm 70–79.

[5287] Một người có địa vị cao quý nhờ dòng dõi của mình.

Nói xong, viên chỉ huy đã bí mật cho thánh nhân rời khỏi thành phố vào nửa đêm. Khi thánh nhân vừa ra khỏi thành, một số kẻ sùng bái thần tượng, nghe tin được, liền vội vã đuổi theo; khi bắt kịp ngài trên đường, chúng đánh đập và chém ngài bằng gươm cho đến khi chúng tưởng rằng ngài đã chết; lúc đó, chúng bỏ ngài lại và bỏ đi.

Khi trời sáng, các môn đệ đến và thấy vị thánh còn thở yếu ớt; họ bế ngài về làng, đưa đến chỗ những người bệnh, nơi ngài ở lại bảy ngày. Trước khi qua đời, toàn thể đoàn chiên đã tụ họp lại bên ngài, và ngài đã dạy dỗ họ trong một thời gian dài rằng đừng rời bỏ đức tin thánh thiện nơi Đức Kitô, hãy ghê tởm những hành vi dâm ô của ngoại giáo, đồng thời ngài đã tiên tri về những cuộc bách hại đông đảo sắp ập đến chống lại Giáo Hội của Đức Kitô, cũng như tiên tri rằng sau tất cả những tai họa nặng nề, các thần tượng sẽ bị tiêu diệt khắp nơi và ánh sáng của đức tin sẽ chiếu rọi khắp vũ trụ, các vị vua Kitô hữu sẽ xuất hiện, và các Kitô hữu sẽ dâng lễ vật cho Thiên Chúa Hằng Sống một cách tự do. Ngài còn thêm vào những lời đã nói như sau:

– Ai kiên định trong đức tin nơi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, thì người ấy sẽ không chết, nhưng sẽ sống đời đời.

Sau khi nói những lời này cùng nhiều điều khác, vị thánh và vị tử đạo của Chúa đã an nghỉ trong Chúa. Tất cả các tín hữu đều than khóc cho ngài, đặt thi hài cao quý của ngài vào quan tài bằng đá và chôn cất ngài sâu dưới lòng đất vì sợ những kẻ vô đạo sẽ đào thi hài ngài lên khỏi đất để làm nhục. Thánh Apollinaris của Đức Chúa Trời đã chăn dắt Hội Thánh của Chúa Kitô trong hai mươi tám năm, một tháng và bốn ngày. Thánh nhân đã chịu tử đạo vào ngày thứ mười trước ngày đầu tháng Tám (tức ngày 23 tháng Bảy) dưới triều đại của Hoàng đế Vespasian tại La Mã, còn đối với chúng ta (những người Kitô hữu), Chúa Giêsu Kitô của chúng ta cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, muôn đời muôn thuở. Amen[5288] .

Lễ kính các thánh tử đạo Trophimus và Theophilus

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 7

Các thánh tử đạo Trophimus và Theophilus đã chịu tử đạo dưới triều đại của Diocletian[5289] . Cùng với họ, còn có mười ba vị tôi tớ trung thành và nô lệ chân chính của Chúa Kitô cũng đã chịu tử đạo. Sau khi họ từ chối tuân theo mệnh lệnh của tên hành hình vô đạo – không dâng những của lễ ghê tởm lên các thần tượng vô hồn – và không chịu chối bỏ Chúa Kitô, họ đã bị treo cổ trên cây hành hình; sau đó, những kẻ ngoại đạo bắt đầu tra tấn thân thể họ bằng sắt nhọn, đồng thời ném đá vào các vị tử đạo; cuối cùng, sau khi đập gãy xương ống chân của họ, chúng ném các ngài vào đống lửa. Nhưng nhờ quyền năng toàn năng của Thiên Chúa, các thánh được bảo vệ nguyên vẹn và vô sự giữa ngọn lửa, và bước ra khỏi lửa mà không hề hấn gì. Lúc đó, tên tra tấn, bùng lên cơn thịnh nộ dữ dội như lửa địa ngục, đã ra lệnh chém chết tất cả các ngài bằng gươm. Và những cái đầu cao quý của các thánh đã bị chém đứt để tôn vinh và làm vinh quang cho Đầu của toàn thể Giáo Hội – Chúa Giêsu Kitô của chúng ta[5290] .

Ngày 6 tháng 8

24 tháng 7 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Christina.

Ngày tưởng niệm 24 tháng 7

[5288] Thánh Apollinaris qua đời vào khoảng năm 75 sau Công nguyên; thi hài của ngài được an táng tại Ravenna, trong nhà thờ mang tên ngài, còn bàn tay thiêng liêng của ngài được lưu giữ tại Rome, trong ngôi đền dành riêng cho ngài.

[5289] Trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[5290] Nơi các thánh tử đạo Trophimus và Theophilus, cùng mười ba vị tử đạo khác, đã thực hiện các chiến công và chịu đau khổ – hiện vẫn chưa được xác định chính xác. Một số người cho rằng đó là tỉnh Lycia thuộc Tiểu Á; nhưng có khả năng cao hơn là quê hương của các thánh tử đạo là đảo Crete, dựa trên cơ sở rằng bài thánh ca vinh danh các ngài được soạn bởi Thánh André de Crète (ngày kỷ niệm của ngài là 4 tháng 7; xem tiểu sử của ngài dưới ngày này). – Thời điểm các thánh chịu tử đạo rơi vào thời kỳ cuộc bách hại dưới triều đại Diocletian (đầu thế kỷ IV).

Tại thành phố Tyre[5291] , có một người đàn ông thuộc dòng dõi cao quý tên là Urvan, người nắm giữ chức vụ thống đốc, có một cô con gái trẻ, người đã nhận biết Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của mình, ngay từ những năm tháng đầu tiên của tuổi trẻ; sau khi dũng cảm chịu đựng vô số cực hình tàn bạo, cô đã hiến dâng linh hồn mình vì Ngài.

Khi cô chào đời, cha mẹ đã đặt tên cho cô là Christina, điều này không phải do sự khôn ngoan theo lối ngoại giáo của họ, mà là theo sự sắp đặt của Thiên Chúa: chính cái tên ấy, như một lời tiên tri, đã báo trước rằng khi đến tuổi trưởng thành, thiếu nữ này sẽ trở thành một Kitô hữu, một tôi tớ và cô dâu của Chúa Kitô, và một vị tử đạo. Khi cô tròn mười một tuổi, vẻ đẹp phi thường của cô bắt đầu tỏa sáng, và không có thiếu nữ nào sánh được với cô về nhan sắc. Lúc bấy giờ, cha cô, muốn che chở cô khỏi ánh mắt của con người, đã sắp xếp cho cô một căn phòng trong một cung điện cực kỳ cao vút, cử những nữ tỳ giỏi nhất phục vụ cô, và sau khi đặt ở đó những hình tượng các vị thần của mình bằng vàng và bạc, ông ra lệnh cho cô hàng ngày phải dâng hương và thờ lạy chúng. Nhiều người thuộc dòng dõi quý tộc và giàu có, khi nghe tin về nhan sắc của thiếu nữ, đều mong muốn con trai mình được cưới nàng làm vợ. Khi họ nài nỉ cha của Christina về điều đó, Urvan đã trả lời:

– Ta sẽ không gả con gái ta cho ai cả, mà sẽ dâng hiến nàng cho các vị thần của ta: các vị thần nhân từ đã vô cùng yêu mến nàng, và xin cho nàng mãi mãi giữ trinh tiết để phụng sự các ngài!

Cô gái Christina, lớn lên cả về tuổi tác lẫn trí tuệ, nhờ Chúa soi sáng và dẫn dắt cô bằng ân sủng của Ngài, đã bắt đầu nhận thức được chân lý. Vậy, khi ngước nhìn qua ô cửa sổ lên bầu trời và các vì sao trên trời, cô nhận ra Đấng Tạo Hóa qua các tạo vật; và khi nhận ra sự vô cảm và trống rỗng của những thần tượng vô hồn, cô không muốn dâng hương và thờ lạy chúng nữa, mà khi nhìn về phía đông, lên bầu trời, lên cao, cô thở dài và khóc, tự nhủ trong lòng:

– Bao lâu nữa trái tim con người mới thôi u ám, bao lâu nữa lý trí thiếu sáng suốt của họ mới thôi bị che phủ, khi mà họ không hướng về Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng trời đất và trang hoàng chúng bằng vẻ đẹp rực rỡ đến thế trước mắt mọi người?

Trong khi suy ngẫm như vậy trong lòng, nàng bắt đầu thờ phượng Đấng Duy Nhất, Đấng Hằng Sống trên trời, Đức Chúa Trời chân thật, và với những giọt nước mắt, nàng cầu nguyện cùng Ngài, xin Ngài mặc khải chính Ngài cho nàng, để nàng có thể nhận biết rõ ràng Đấng mà trái tim nàng đã bừng cháy tình yêu. Khi nàng đã dành đủ ngày tháng trong cầu nguyện và ăn chay, nàng được ân sủng của Thiên Chúa viếng thăm: vì Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với nàng, làm dấu thánh giá trên đầu nàng, xưng nàng là cô dâu của Đấng Kitô, hướng dẫn nàng một cách trọn vẹn trong việc nhận biết Thiên Chúa và báo cho nàng biết về những cuộc khổ nạn, cụ thể là – vì Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi Thiên Chúa, nàng sẽ bị ba kẻ hành hạ tra tấn; sau khi củng cố lòng can đảm cho cô, vì cô đã đói khát do ăn chay, thiên thần đã cho cô nếm thử bánh mì tinh khiết. Sau sự hiện ra của Thiên Thần ấy, thiếu nữ được an ủi trong tâm hồn và vui mừng vì Đức Chúa Trời Cứu Chuộc của mình, tạ ơn Ngài vì đã viếng thăm tôi tớ của Ngài qua sứ điệp của Thiên Thần thánh; từ đó, cô bắt đầu cầu nguyện với Chúa với lòng nhiệt thành hơn và được an ủi bởi tình yêu dành cho Ngài. Được tràn đầy lòng nhiệt thành đối với Thiên Chúa, cô bắt đầu lần lượt lấy và đập vỡ các tượng thần bằng vàng và bạc, rồi sau khi nghiền nát chúng thành từng mảnh, vào đêm khuya cô ném chúng qua cửa sổ xuống đường; sáng hôm sau, những người đi ngang qua đã nhặt được số vàng và bạc vụn đó.

Một lần nọ, quan tổng trấn Urvan, muốn đến thăm con gái mình và thờ lạy các vị thần của mình, đã bước vào căn phòng cao đó và, khi không thấy các tượng thần, đã hỏi Christina:

– Các vị thần đâu rồi?

Cô ta vẫn im lặng. Lúc đó, ông gọi các nô tì đến và hỏi họ về các vị thần, và họ kể cho ông nghe về những gì con gái ông đã làm với các tượng thần. Giận dữ, ông bắt đầu tát vào má con gái, đồng thời nói thêm:

– Các vị thần đã đi đâu rồi?

Nhưng cô không muốn trả lời ông. Sau đó, không mở miệng ngay lập tức, cô đã tuyên xưng Đấng Thượng Đế Duy Nhất và Chân Thật, Đấng ngự trên trời, Đấng Sáng Tạo vạn vật. Cô gọi những thứ được gọi là các vị thần, bằng vàng và bạc, là quỷ dữ – những tượng thần – và kể lại cách cô đã đập vỡ chúng bằng chính đôi tay mình. Lúc đó, tràn ngập cơn thịnh nộ tột độ, Urvan đã chém chết tất cả các nô tì bằng gươm, còn cô con gái thì bị tra tấn đủ

[5291] Thành phố Tyre trên đảo Volseny (thuộc Công quốc Toscana ngày nay), theo truyền thuyết, sau này được cho là đã bị nước nhấn chìm; một số người lại cho rằng đó là thành phố Tyre nổi tiếng ở phương Đông, và cần lưu ý rằng ngày kỷ niệm Thánh Christina từ xưa đến nay đặc biệt được tôn kính ở phương Đông.

kiểu: trước tiên, họ đánh cô không thương tiếc bằng roi và gậy, rồi sau đó trói cô lại và ném vào ngục tối. Khi biết chuyện này, người mẹ, vừa khóc vừa nức nở, vội vã chạy đến bên con gái và khuyên nhủ cô từ bỏ Đức Kitô để quay về với các vị thần của cha ông. Nhưng vị tử đạo của Đức Kitô không những không chịu nghe lời mẹ, mà còn dùng những lời này để từ chối chính người mẹ:

– Đừng gọi con là con gái của mẹ. Mẹ chẳng biết sao, rằng con mang danh Chúa Kitô, danh hiệu mà không ai trong dòng họ chúng ta được xứng đáng mang? Cả về danh xưng lẫn việc làm, con không còn thuộc về dòng họ của mẹ nữa, mà thuộc về Chúa Kitô; con đã trở thành người thân của Chúa Kitô – Vua Trời, con là tôi tớ và con gái của Ngài; Ngài là cha, là mẹ và là Chúa của con!

Mẹ đã khóc lóc như vậy rất lâu, rồi không kịp làm gì, bà ra đi trong nỗi đau buồn. Khi đêm qua đi và ngày mới đến, Urvan, bị quỷ dữ xúi giục trở nên hung ác, quên mất tình yêu thương tự nhiên dành cho con gái, đã ngồi trên ghế xét xử, muốn hành hạ thánh Christina không phải như con ruột của mình, mà như một kẻ xa lạ và một tên ác nhân lớn. Khi thánh nữ được dẫn từ ngục tối ra nơi xét xử, nhiều phụ nữ nhìn thấy bà đã thốt lên:

– Lạy Chúa, xin hãy che chở cho nữ tỳ của Ngài là Christina! Xin hãy giúp đỡ nàng, vì nàng đã nương tựa vào Ngài!

Và đây, con chiên của Chúa Kitô đã đứng trước Urvan, không phải như trước mặt cha mình, mà như trước mặt kẻ tra tấn và con thú ăn thịt, và người cha bắt đầu dụ dỗ cô bằng mưu mô:

– Ta thương xót con, con gái ta, và ta van xin con hãy đến thờ lạy các vị thần vĩ đại của chúng ta và cùng ta dâng lễ vật cho họ, để họ thương xót con và tha thứ tội lỗi mà con đã phạm trước mặt họ. Nếu con không làm điều đó, thì con không phải là con gái ta, và ta sẽ không thương xót con.

– Con sẽ mang lại niềm vui lớn lao cho cha, – vị thánh nữ đáp lại, – nếu cha không gọi con là con gái của cha: bởi vì cha là tôi tớ của Satan, còn con là tôi tớ của Đấng Kitô và chắc chắn không phải là con gái của cha, vì Cha của con chính là Đấng Tạo Hóa của con.

Bùng lên cơn thịnh nộ dữ dội, Urvan ra lệnh treo cô thiếu nữ trần truồng lên giá treo cổ, dùng sắt nhọn cạo và xé nát thân thể trinh trắng của cô. Thân thể cô bị cạo đến mức xương trắng lộ ra. Khi cô được tháo dây khỏi giá treo cổ và nhìn thấy những mảnh thân thể của mình nằm rải rác trên mặt đất, những mảnh đã rơi ra trong lúc bị tra tấn, cô liền nhặt chúng lên và ném vào mặt cha mình, nói rằng:

– Hãy ăn thịt con gái của ông đi.

Ông ta, càng thêm phẫn nộ, đã trói Thánh Christina lên bánh xe sắt trong nhà tra tấn, ra lệnh đốt lửa dưới chân cô và đổ dầu nóng lên cơ thể cô. Cơ thể Thánh Christina, bị bánh xe xoay tròn trên ngọn lửa, bị nướng chín như cá hay thịt để làm thức ăn. Đối với con người, đặc biệt là phụ nữ, không thể nào sống sót sau sự tra tấn như vậy, nhưng Thiên Chúa đã gìn giữ sự sống cho tôi tớ của Ngài và củng cố sức mạnh cho bà để tôn vinh danh thánh của Ngài và làm nhục những kẻ ngoại đạo. Thánh Christina, dù bị tra tấn như vậy, vẫn ngợi khen Thiên Chúa và cầu nguyện cùng Ngài. Các Thiên Thần thánh thiện thì thầm lặng hiện diện bên cạnh nàng, làm dịu bớt nỗi đau khổ của nàng. Cùng lúc đó, theo lệnh của Thiên Chúa, một ngọn lửa khổng lồ bất ngờ tách ra khỏi đống lửa và lao vào đám người vô đạo đang đứng xung quanh, thiêu rụi đến một ngàn người. Urvan, không biết phải làm gì thêm với vị tử đạo, đã ra lệnh ném nàng vào ngục tối; tại đó, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với nàng trong lúc nàng cầu nguyện và chữa lành những vết loét trên người nàng, khiến nàng hoàn toàn khỏe mạnh; Ngài còn ban cho nàng thức ăn mà Ngài mang đến; nữ tử đạo đã hồi phục sức lực và ngợi khen Thiên Chúa. Sau đó, vị cha xứ ra lệnh ném nàng xuống biển; những người hầu, sau khi bắt người tôi tớ của Chúa Kitô, đã đưa cô lên thuyền, chở ra xa bờ biển và, buộc một tảng đá lớn vào cổ cô, rồi ném xuống vực thẳm. Thiên thần của Chúa đã đón nhận cô và tháo tảng đá khỏi cổ cô; tảng đá chìm xuống, còn vị thánh, được đôi tay vô hình nâng đỡ, đã đi trên mặt nước như đi trên đất liền; và như vậy, biển cả đã trở thành bể rửa tội thánh cho nàng, điều mà nàng hằng khao khát. Một đám mây sáng bao phủ nàng và có tiếng nói từ trên cao xưng danh Thánh Ba Ngôi, đúng như nghi thức rửa tội thánh đòi hỏi, và thánh Christina đã nhìn thấy Chúa hiện ra với nàng và phán những lời tràn đầy niềm vui . Khi lên bờ, cô hiện ra trước mặt cha mình và khiến ông kinh hoàng. Quả thực, tên vô đạo ấy đã ngạc nhiên và kinh hãi khi thấy cô thiếu nữ thánh thiện bước ra từ biển còn sống. Nhưng ngay cả trong phép lạ đó, ông ta cũng không nhận ra quyền năng của Thiên Chúa, mà cho rằng đó là kết quả của phép thuật. Ông ra lệnh ném vị thánh tử đạo trở lại ngục tối, với ý định vào sáng hôm sau sẽ xử tử bà bằng gươm. Nhưng trong đêm đó, chính ông ta, bất ngờ bị lưỡi hái tử thần chém trúng, đã chết mãi mãi, còn vị thánh vẫn sống sót, ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa.

Sau cái chết bất ngờ của Urvan, nhà vua đã cử một người khác (hàm igemon) tên là Dion đến thay thế ông ta, và người này được báo tin về việc Thánh Christina đang bị giam trong ngục tối. Ông ta, sau khi đưa cô ra khỏi ngục tối và đưa cô ra xét xử, ban đầu đã cố gắng dụ dỗ vị thánh tử đạo bằng những lời ngọt ngào để cô từ bỏ đức tin; nhưng khi thấy cô vẫn kiên định trong đức tin thánh thiện, ông ta đã tra tấn cô dã man, đánh bằng roi, cào xé bằng móng sắt và thiêu đốt bằng lửa. Hắn ra lệnh nung nóng chảo sắt đến mức đỏ rực, đặt vị thánh trần truồng lên đó và xoay tròn, đồng thời tưới dầu sôi và nhựa cây lên người cô, ép buộc cô phải thờ lạy thần tượng Apollon đang đứng gần đó. Nhưng vị nữ tử đạo, vững như kim cương[5292] , vẫn kiên định trong việc tuyên xưng danh thánh của Chúa Giêsu Kitô. Còn tượng thần Apollon, bà đã phá hủy bằng lời cầu nguyện của mình; và khi tượng thần sụp đổ và hóa thành tro bụi, thì chính quan tổng trấn Dion cũng ngã xuống đất và qua đời. Con quỷ ngự trong tượng thần, khi nơi ở của nó bị phá hủy, đã cướp đi linh hồn của kẻ hầu cận trung thành và đưa nó xuống địa ngục cùng mình, còn vị nữ tử đạo thánh thiện lại bị xiềng xích và giam cầm một lần nữa. Và sự đau khổ của trinh nữ thuộc về Chúa Kitô không phải là vô ích, bởi vì nhiều người trong dân chúng, khi chứng kiến những phép lạ như vậy, đã tôn vinh Đức Chúa Trời Duy Nhất là Chúa Giêsu Kitô, và có đến ba nghìn linh hồn đã tin vào Ngài; những người trở lại đạo đã đến với vị thánh nữ, người đã bị giam giữ trong ngục tối một thời gian không ngắn, và bà đã dạy dỗ họ, cho đến khi một quan tổng trấn khác tên là Julian đến thành Tyre.

Ông này đã triệu tập vị thánh nữ ra tòa và cũng bắt bà phải chịu nhiều hình phạt khác nhau: ban đầu, họ đốt một lò lửa khổng lồ và nung nóng nó trong ba ngày; sau đó, họ ném vị thánh tử đạo vào đó và đóng nắp lại, và trong năm ngày, thánh nữ trinh nữ Christina đã ở trong lò lửa ấy mà không bị lửa thiêu đốt, giống như các thiếu niên Ba-by-lôn xưa kia (Đa-ni-ên 3:1–100); như thể đang ngồi trong cung điện, cô hát ca ngợi khen Đức Chúa Trời. Bởi vì các Thiên thần của Chúa ở cùng cô, tưới mát và làm dịu lò lửa, và hòa giọng hát của họ vào tiếng hát của cô, đến nỗi những người lính canh gác bên lò lửa nghe thấy tiếng hát của những người đang hát. Khi, sau năm ngày, lò lửa được mở ra, vị thánh nữ vẫn nguyên vẹn và vô sự, không hề bị lửa làm tổn hại chút nào, và Đức Chúa Trời của Kitô giáo được tôn vinh, còn sự gian ác ngoại đạo thì bị bẽ mặt. Còn Igemon, bị mù quáng bởi cơn giận dữ của Satan, đã không nhận ra quyền năng của Đức Chúa Trời trong sự việc này, mà lại gọi phép lạ kỳ diệu ấy là phép thuật. Với mong muốn bằng mọi giá phải khuất phục được người không thể khuất phục, ông đã triệu tập các pháp sư và phù thủy, những kẻ biết cách điều khiển mọi loài bò sát, và ra lệnh cho họ dùng phép thuật tập hợp một đám rắn, rắn độc và bọ cạp, rồi thả tất cả chúng vào vị nữ tử đạo, để chúng giết chết bà bằng những vết cắn độc của mình. Khi lũ thú độc được thả vào vị thánh nữ, không con nào gây hại cho nàng, dù chúng bò xung quanh và thậm chí quấn quanh thân thể nàng. Đứng gần đó là tên phù thủy đầu sỏ, người đã dùng những lời thì thầm và mưu mẹo để xúi giục lũ thú độc cắn cô thiếu nữ. Nhưng theo lệnh của Đức Chúa Trời, chúng đã lao mạnh vào chính tên phù thủy đó và ngay lập tức giết chết hắn bằng những vết cắn của mình. Còn vị thánh nữ thì nói với lũ thú độc:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, ta ra lệnh cho các ngươi, những con rắn bò, rắn độc và bọ cạp: mỗi con hãy trở về chỗ của mình, đừng làm hại ai cả!

Và lũ rắn lập tức bò tản ra bốn phương. Một lúc sau, thương xót người đã chết vì rắn, nàng đã làm cho anh ta sống lại sau khi cầu nguyện với Chúa, và nhờ đó, anh ta đã trở thành một Kitô hữu. Không chỉ anh ta, mà nhiều người khác, khi chứng kiến những phép lạ kỳ diệu như vậy, cũng đã tin vào Chúa. Còn vị công tước, vì tức giận, đã ra lệnh cắt bỏ vú trinh nữ của nàng, và từ những vết thương ấy, sữa chảy ra thay vì máu. Sau đó, họ cắt lưỡi nàng, lưỡi đã ca ngợi Đức Kitô, Thiên Chúa. Ngay cả sau khi lưỡi bị cắt, vị nữ tử đạo vẫn nói rõ ràng; nàng nắm lấy lưỡi đã bị cắt, ném vào mặt vị công tước và trúng ngay vào mắt ông ta:

– Hãy ăn đi, – nàng nói, – hỡi kẻ vô đạo, những bộ phận của ta!

Và vị hoàng tử bị mù ngay lập tức vì cái chạm của lưỡi vào mắt, còn vị thánh nữ thì càng thêm mạnh mẽ chúc tụng Thiên Chúa, đồng thời lên án các thần tượng và những kẻ thờ thần tượng. Còn Igemon, không thể chịu đựng thêm những lời sỉ nhục của thánh Christina và tức giận vì bị mù, đã ra lệnh xử tử nàng. Lúc đó, vị thánh bị các chiến binh đâm xuyên bằng những cây giáo sắt, và trinh nữ vô tì vết, vị tử đạo vĩ đại của Chúa Kitô – thánh Christina – đã trao linh hồn trong sạch và thánh thiện của mình vào tay Chúa của nàng. Chúa đã tỏ lộ quyền năng vĩ đại đến nỗi ba kẻ tra tấn tàn bạo cũng không thể khuất phục được một thiếu nữ duy nhất. Một người trong dòng họ của Thánh Christina, người tin vào Chúa Kitô, đã mang thi thể đầy đau khổ của bà đi và an táng với sự tôn kính. Tất cả những điều này xảy ra vào thời kỳ người La Mã và người Hy Lạp sống dưới sự cai trị của Severus vô đạo,

[5292] Tức là viên kim cương.

trong thời đại vĩ đại của các Kitô hữu dưới sự cai trị của Chúa Giêsu Kitô, Đấng được vinh quang và tôn kính cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, amen[5293] .

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã được nhận ra là con bồ câu rực rỡ, có đôi cánh vàng, và đã bay lên cao trên bầu trời, hỡi Thánh Christina đáng kính: vì thế, chúng con cử hành lễ kỷ niệm vinh quang của Ngài, với lòng tin kính thờ phượng hòm thánh tích của Ngài, từ đó tuôn tràn dồi dào sự chữa lành thiêng liêng cho cả linh hồn lẫn thể xác.

Cuộc đời của vị cha thánh Polikarp, vị tu viện trưởng Pechersk

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 7

Thánh Polykarp đáng kính và đáng ngưỡng mộ – người có tên là "[5294] " (nghĩa là "trái nhiều") – cũng đã sinh nhiều hoa trái trong những việc lành của mình; ngài đã mang lại trái bội thu mà Đấng Tạo Hóa trên trời đã phán: *"Nếu hạt lúa mì rơi xuống đất mà không chết đi, thì chỉ còn lại một mình; nhưng nếu nó chết đi, thì sẽ sinh ra nhiều hoa trái"* (Ga 12,24), và còn nữa: *"Ai ở trong Ta, và Ta ở trong người ấy, thì người ấy sẽ sinh nhiều hoa trái"* (Ga 15,5). Vị thánh phúc lành này đã coi vinh quang phù du và hình ảnh của thế gian này như bụi đất, và sau khi nhận lấy đời sống tu hành thánh thiện theo gương các thiên thần tại tu viện nổi tiếng với những hang động, giống như hạt lúa mì trên đất đã được cày xới, ngài đã làm chết đi thân xác mình bằng mọi cách qua những việc tu hành khổ hạnh, trong khi linh hồn luôn ở trong Thiên Chúa. Nhờ đó, ngài đã sinh ra nhiều hoa trái xứng đáng với sự sám hối, và thể hiện trên chính mình mọi hoa trái của Thánh Linh: *tình yêu* chân thành dành cho Thiên Chúa và anh em, *niềm vui* của lương tâm trong sạch, *sự bình an* của chiến thắng trước mọi dục vọng, *lòng kiên nhẫn* trong hoạn nạn và đau buồn, *lòng nhân từ* trong sự vâng phục mọi người, lòng thương xót trong sự quan tâm chân thành dành cho người nghèo, *đức tin* vững chắc trong việc tuân giữ các điều răn, sự trung thành trong việc thực hiện các lời thề, *sự hiền lành* không biết đến cơn giận, *sự tiết chế* trong việc ăn uống, dù là những món ngon và dồi dào, cũng như khỏi mọi dục vọng xác thịt (xem Ga-la-ti 5:22–23). Chính Thiên Chúa đã làm nảy nở tất cả những hoa trái này nơi thánh Polykarp, còn thánh Simon, Giám mục Vladimir và Suzdal[5295] , là người đã gieo trồng chúng. Vị này là người thân ruột thịt của ngài và không muốn Polykarp xa cách mình cả về tinh thần, nhưng như một gốc rễ tốt lành, ngài đã cố gắng nuôi dưỡng một cành tốt lành. Vì vậy, khi chính Thánh Simon được bổ nhiệm từ Tu viện Thánh Pechersk lên ngai giám mục của Giáo phận Vladimir và Suzdal, ngài đã đưa Thánh Polikarp theo cùng; tại đó, ông khích lệ Polikarp sống một đời đạo đức và vì mục đích đó, ông đã có những cuộc trò chuyện bổ ích cho tâm hồn với anh về những gì chính ông đã đọc hoặc nghe được từ những người chứng kiến về các tu sĩ thánh thiện xưa kia ở Pechersk, về những công việc vất vả mà họ đã gánh vác, và về việc họ đã làm đẹp lòng Chúa đến mức ngay cả ở đây, thi hài của họ cũng tỏa sáng nhờ sự bất hoại kỳ diệu, như một dấu hiệu cho thấy họ đã nhận được vương miện bất hoại trên thiên đàng. Còn Thánh Polykarp, sau khi cày xới mảnh đất trái tim mình bằng sự vâng phục và gieo vào đó những hạt giống của lời dạy của Cha, đã gặt hái được thành quả gấp trăm lần. Ngài không chỉ bản thân tràn đầy đức hạnh, mà còn mong muốn gieo rắc sự trổ sinh dồi dào ấy vào lòng mọi tín hữu Chính Thống. Vì vậy, những gì ngài nghe được từ Đức Giám mục Thánh Simon về những công đức thánh thiện của các vị Thánh Cha hang động, ngài đã tận tâm ghi chép lại để mang lại lợi ích cho những người khác đang tìm kiếm sự cứu rỗi; như

[5293] Theo những nguồn tin khác, có vẻ đáng tin cậy hơn, Thánh Christina đã chịu tử đạo vào khoảng năm 300, dưới triều đại của Diocletian.

[5294] Tên Polikarp khi dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "người sinh nhiều con".

[5295] Simon là một tu sĩ của Tu viện Pechersk; từ đó, ông được Đại công tước Vsevolod Yuryevich bổ nhiệm làm vị tu viện trưởng của Tu viện Giáng sinh do ông thành lập tại Vladimir; sau đó, Simon được bổ nhiệm làm giám mục đầu tiên của giáo phận Vladimir, được tách ra khỏi giáo phận Rostov vào năm 1214. Simon qua đời vào năm 1226 sau mười hai năm tại vị. Polikarp, cũng là một tu sĩ của Tu viện Pechersk, nơi ông hai lần được bổ nhiệm làm tu viện trưởng và hai lần trở về Tu viện Pechersk sau khi kết thúc nhiệm kỳ; sau đó, ông trở thành tu viện trưởng của Tu viện Pechersk. Từ bức thư của Giám mục Simon của Vladimir gửi cho Polycarp và từ bức thư của Polycarp gửi cho Akindin, vị archimandrite của Tu viện Pechersk, trong đó chứa đựng một loạt các truyền thuyết về các vị thánh làm phép lạ ở Pechersk và về những phép lạ đã xảy ra ngay tại tu viện trong quá trình xây dựng nhà thờ lớn của tu viện, cuốn "Paterikon Pechersk" nổi tiếng đã được biên soạn (sách các vị cha, sách của các vị cha, tức là sách về các vị cha hoặc về các vị cha).

vậy, khi sống cùng vị Giám mục đáng kính ấy, ngài đã trình bày những cuộc đời kỳ diệu của nhiều vị thánh trong bức thư gửi đến Thánh Akindin, vị Archimandrite của Pechersk; những cuộc đời này được ghi chép trong phần thứ hai của cuốn "Paterikon" Kiev-Pechersk. Sau này, mặc dù Đức Thánh Polykarp đã chia tay về mặt thể xác với cha và người hướng dẫn của mình là Thánh Simon, khi trở về từ giáo phận của ngài để quay lại tu viện Pechersk, nhưng nhờ đức hạnh của mình, ngài vẫn không xa rời vị thánh nhân ấy: ngài đã khắc sâu những lời dạy trước đây của ngài vào lòng mình và cố gắng gìn giữ cũng như truyền lại chúng. Về phần mình, Thánh Simon cũng không ngừng dạy dỗ ngài qua những lá thư, chứa đầy những lời khuyên được Thánh Thần soi dẫn và những mô tả về cuộc sống đạo đức của các thánh trong hang động. Luôn giữ lá thư này trước mắt, Thánh Polykarp đã ghi chép mọi lời dạy của cha mình vào tấm lòng, suy ngẫm chúng bằng trí tuệ và thực hành trong hành động. Nhờ tu hành nghiêm ngặt như vậy, ngài đã đạt đến mức độ cao của đức hạnh.

Khi Thánh Akin-din, vị Tổng tu viện trưởng Pechersk, người đã chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô một cách tận tụy và đẹp lòng Chúa, đã bước vào tuổi già sâu thẳm và sau những năm tháng lao động miệt mài, ngài đã về với Chúa để an nghỉ vĩnh hằng, thì trong số các anh em thánh được Chúa chọn, không còn ai cao tuổi hơn và giàu kinh nghiệm hơn trong các công việc tu hành, ngoài Thánh Polikarp. Vì vậy, toàn thể đoàn quân các chiến binh tốt lành của Chúa Kitô đã nhất trí và đồng lòng bầu vị thánh phúc này làm thủ lĩnh và người hướng dẫn của mình, như một người xứng đáng và có khả năng cầm lái tu viện thánh vĩ đại của Đức Mẹ Thiên Chúa và các vị thánh cha của chúng ta là Antôn và Theodosius của Pechersk; điều này diễn ra dưới thời Đại công tước Rostislav Mstislavich của Kiev[5296] , dưới thời Tổng giám mục Ioann, vị Tổng giám mục thứ tư mang tên này[5297] và là người thứ ba kế nhiệm Tổng giám mục Klim, người đã được Đức Thánh Cha Clement phong chức[5298] . Sau khi nhận chức vụ lãnh đạo Tu viện Thánh Lavra Pechersk vĩ đại[5299] , Thánh Polikarp đã nỗ lực hết mình để duy trì tất cả các quy tắc tu viện do Thánh Theodosius[5300] thiết lập, không thêm bất cứ điều gì (không liên quan) vào đó. Ngài đã chứng tỏ là một nhà lãnh đạo tài ba trong công cuộc cứu rỗi; đó chính là điều mà Tu viện Thánh Lavra Pechersk kỳ diệu này thực sự cần và nhờ đó mà tu viện được ca ngợi. Danh tiếng về sự thanh tịnh của tu viện dưới sự lãnh đạo của Thánh Polykarp lan rộng khắp nơi. Nhiều vị công tước quý tộc và các vị vua đã tuân theo những lời dạy của ngài và hướng tới một cuộc sống đạo đức, đến nỗi họ đã từ bỏ ngai vàng vinh quang của mình vì mong muốn được sống cùng ngài; một ví dụ tiêu biểu cho điều này chính là Công tước Rostislav Mstislavich của Kiev, người mãi mãi được tưởng nhớ. Vị tín hữu yêu mến Chúa này, luôn lấy đời sống của Thánh Polikarp làm gương mẫu, đã thiết lập một phong tục tốt đẹp như sau: trong Mùa Chay, vào mỗi thứ Bảy và Chủ Nhật, ngài mời mười hai tu sĩ từ Tu viện Pechersk và vị Thượng phụ Thánh Polikarp – người thứ mười ba – đến dùng bữa trưa tại cung điện của mình; sau khi đã đãi họ no nê, ngài không để họ ra về tay không. Còn bản thân ngài, mỗi Chủ Nhật đều rước Mình Thánh Chúa, cầu nguyện trong nước mắt, những tiếng thở dài từ tận đáy lòng và những tiếng rên rỉ, đến nỗi ai chứng kiến ngài trong trạng thái xúc động ấy cũng không thể kìm được nước mắt. Khi Mùa Chay Thánh kết thúc, vào Thứ Bảy Lazarus, vị công tước yêu mến Chúa đã triệu tập tất cả các vị tu sĩ đáng kính của Tu viện Pechersk, những người đã tỏa sáng nhờ công đức ăn chay, chiêu đãi họ một cách nồng hậu, ban phát tiền bố thí và tiễn đưa họ với sự tôn kính. Ông cũng triệu tập và chiêu đãi các tu sĩ từ các tu viện khác theo cách tương tự, nhưng đặc biệt là các tu sĩ Pechersk, bởi vì ông rất yêu mến lối sống đạo đức của tất cả họ và nhất là vị thầy hướng dẫn đáng kính của họ là Polikarp, người đã noi gương các vị thầy sáng lập tu viện Pechersk là Antony và Theodosius trong mọi khía cạnh. Vì vậy, hoàng tử thường nói với vị thánh rằng hãy nhận ông vào hàng ngũ các tu sĩ của tu viện Pechersk. Nhưng vị thánh Polikarp trả lời ông:

[5296] Rostislav Mstislavich – Đại công tước vào năm 1154 (trong một tuần); lần thứ hai làm Đại công tước từ năm 1158 đến 1167.

[5297] Ioann IV, tổng giám mục Kiev từ năm 1164–1166.

[5298] Thông thường, trong thời kỳ trước khi người Mông Cổ xâm lược, Tổng giám mục Kiev được bầu chọn và tấn phong tại Constantinople, và chỉ có hai trường hợp được biết đến khi các Tổng giám mục không phải là người Hy Lạp mà là người Nga bản địa, được bầu chọn và tấn phong ngay tại chính đất Nga. Năm 1051, Tổng giám mục Ilarion đã được tấn phong theo cách này; vào năm 1147 là Tổng giám mục Klim hoặc Kliment. Tại Công đồng (năm 1147) của các giám mục, được triệu tập để bầu chọn và tấn phong Tổng giám mục, trong đó có Giám mục Chernihiv, khi biện minh cho việc tấn phong một Tổng giám mục người Nga mà không cần sự hiện diện của Thượng phụ Constantinopolis, đã phát biểu: "Tôi biết rằng các giám mục, khi tập hợp thành hội đồng, có quyền bổ nhiệm tổng giám mục – hơn nữa, chúng ta còn có đầu (xác thánh) của Thánh Clément; giống như người Hy Lạp bổ nhiệm (các tổng giám mục) nhờ sự bảo trợ của Thánh Gioan, (thì chúng ta cũng sẽ bổ nhiệm tổng giám mục)".

[5299] Thánh Polikarp đã được bầu chọn và tấn phong làm tổng tu viện trưởng Tu viện Kiev-Pechersk vào năm 1164.

[5300] Xem: Cuộc đời của Thánh Antôn Pechersky

– Thưa Hoàng tử đạo đức! Đức Chúa Trời đã truyền cho ngài phải sống một cuộc đời khác – đó là cai trị, thi hành công lý và nghiêm túc tuân giữ phép hôn Thánh Giá.

Còn Hoàng tử Rostislav thì phản đối ngài:

– Thưa Cha thánh thiện! Việc cai trị thế gian này không thể tránh khỏi tội lỗi, và tôi đã chán ngán và mệt mỏi vì những lo toan hàng ngày của nó, vì vậy tôi mong muốn được phụng sự Chúa dù chỉ một chút trong tuổi già và noi gương những vị công tước và vua chúa đã đi trên con đường hẹp và gian nan để đạt đến Nước Trời.

Nghe những lời ấy, Thánh Polykarp nói:

– Thưa hoàng tử yêu mến Chúa Kitô! Nếu ngài mong muốn điều này từ tận đáy lòng, thì xin ý Chúa được thực hiện.

Mặc dù vị công tước chưa kịp thực hiện ý định này, nhưng từ những điều sau đây có thể thấy rõ rằng đó thực sự là khát khao nồng nhiệt từ tận đáy lòng của ngài, và nó nảy sinh dưới ảnh hưởng của tấm gương tốt đẹp của Thánh Polykarp.

Khi vị hoàng tử lâm bệnh nặng tại Smolensk và ra lệnh cho người ta đưa mình đến Kiev, thì chị gái của ngài là Rogneda, thấy anh trai mình yếu ớt như vậy, đã nài nỉ ngài:

– Hãy ở lại đây tại Smolensk, và chúng ta sẽ an táng ngài tại nhà thờ của chúng ta ở đây.

Ngài đáp lại:

– Xin đừng làm vậy, nhưng dù tôi có yếu ớt đến đâu, hãy để người ta đưa tôi đến Kiev; nếu Chúa gọi con về trên đường đi, thì xin hãy an táng thi thể con tại tu viện Thánh Theodoros, do cha con xây dựng; còn nếu Chúa cứu con khỏi căn bệnh này, thì con hứa sẽ xuất gia làm tu sĩ tại tu viện Pechersk thánh thiêng dưới sự hướng dẫn của Thánh Polykarp.

Sau đó, khi bệnh tình của ngài trở nên trầm trọng hơn và ngài đã cận kề cái chết, ngài nói với cha linh hướng của mình, linh mục Simeon:

– Cha sẽ phải trả lời trước Chúa vì đã không cho phép con xuất gia dưới sự hướng dẫn của vị thánh nhân ấy tại Tu viện Pechersk: con đã khao khát điều đó vô cùng, và xin Chúa tha thứ cho con tội lỗi vì đã không thực hiện lời thề!

Và thế là ngài đã an nghỉ trong sự bình an. Nguồn gốc và lý do cho cuộc đời đạo đức của vị công tước đáng kính này không gì khác hơn là gương sống tu hành và những lời giảng dạy đầy cảm hứng từ Thiên Chúa của vị cha thánh Polikarp của chúng ta, người đã từng là vị lãnh đạo xứng đáng của Tu viện Pechersk thánh thiện và làm phép lạ trong thời gian ngài trị vì; bằng tấm gương đạo đức của mình, ngài không chỉ truyền cảm hứng cho các tu sĩ mà còn cho cả những giáo dân sùng đạo, dẫn dắt họ bước vào con đường sám hối và cứu rỗi. Ngài đã chăn dắt đàn chiên mà Thiên Chúa giao phó cho ngài một cách đầy tận tụy. Ngài sống thọ và khi đã cao tuổi, ngài đã về với Chúa vào năm 6690 kể từ khi thế giới được tạo dựng, tức năm 1182 sau Công nguyên, vào ngày 24 tháng 7, trong ngày lễ các Thánh Tử đạo, các Công tước Nga Boris và Gleb. Thi hài ngài được mặc áo lễ và an táng một cách trang trọng cùng với các vị Thánh Cha.

Sau khi ngài qua đời, tu viện gặp phải khó khăn lớn: các tu sĩ không thể bầu chọn được vị tu viện trưởng mới. Mặc dù nhiều vị tu sĩ cao niên đáng kính đều xứng đáng với chức vụ này, nhưng không ai muốn nhận chức vì lòng khiêm nhường và lời thề im lặng của mình: họ cho rằng tốt hơn là nên sống trong sự vâng phục và ẩn dật, để không phung phí kho tàng đức hạnh – vốn được tích lũy bằng sự lao động miệt mài – vào những lo toan và buồn phiền, vốn thường đi đôi với việc lãnh đạo. Các tu sĩ đau đớn và thương tiếc vô cùng: không thể để đàn chiên lớn như vậy thiếu người chăn dắt dù chỉ một giờ. Vào thứ Ba, tiếng chuông vang lên; toàn thể các tu sĩ tụ họp tại nhà thờ và bắt đầu cầu nguyện về nỗi khốn khó của mình với Đức Mẹ Rất Thánh và các vị thánh cha Antôn và Thêôđôsiô, kêu cầu sự trợ giúp của vị tu sĩ khổ hạnh – vị thánh mới qua đời Polykarp – và xin ngài khẩn cầu Thiên Chúa chỉ định cho họ một vị tu viện trưởng thay thế ngài, và qua đó cho thấy liệu ngài có làm đẹp lòng Chúa hay không. Một phép lạ đã xảy ra: như thể cùng một lúc, nhiều người cùng cất tiếng nói:

– Hãy đến gặp vị linh mục đạo đức Vasilij ở Shchekovitsa[5301] , để ngài trở thành vị tu viện trưởng của chúng ta và quản lý các tu sĩ của tu viện Pechersk.

Tất cả đều tiến đến cúi chào linh mục Vasily và nói:

[5301] Một địa danh ở Kiev.

– Tất cả chúng con, các tu sĩ của Tu viện Pechersk, đều cúi đầu chào cha và mong cha trở thành cha xứ và vị tu viện trưởng của chúng con!

Linh mục Vasily vô cùng ngạc nhiên, cũng cúi đầu chào họ bằng một cái cúi đầu sâu và nói:

– Các vị cha thánh! Tôi chỉ nghĩ đến đời tu; làm sao một kẻ không xứng đáng như tôi lại có thể làm tu viện trưởng được.

Ông từ chối rất lâu, cho đến khi cuối cùng cũng phải nhượng bộ trước những lời thỉnh cầu khẩn thiết của họ. Lúc đó, các tu sĩ đã đưa ông về tu viện cùng họ.

Vào ngày thứ Sáu, để cử hành lễ cắt tóc cho Vasilij – người được Thiên Chúa chọn – đã có sự hiện diện của Đức Tổng Giám mục Nikifor của Kiev[5302] cùng các vị Giám mục yêu mến Thiên Chúa: Lavrentiy của Turov và Nikolay của Polotsk, cùng tất cả các vị Bề trên đáng kính; chính Đức Tổng Giám mục Nikifor đã đích thân cử hành lễ cắt tóc cho ngài. Như vậy, ngài đã trở thành vị thủ lĩnh và vị mục tử nhân từ của các tu sĩ tại Tu viện Thánh Pechersk; nhờ những lời cầu nguyện của ngài, ngài đã trở thành tấm gương về các đức tính cho tất cả mọi người, để tôn vinh và ca ngợi Đấng Thầy Dẫn và Đấng Thủ Lĩnh của các mục tử trên trời, là Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đức Giêsu Kitô, Ngài, cùng với Đức Cha Vô Thỉ và Thánh Thần Chí Thánh, Tốt Lành và Ban Sự Sống, xứng đáng nhận được sự ngợi khen và thờ phượng không ngừng từ mọi loài thụ tạo, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

- Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ các thánh tử đạo, các hoàng tử Nga là Boris (Roman) và Gleb (David). (Xem ngày 2 tháng 5

ngày 7 tháng 8

ngày 25 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cũng trong ngày này, Thánh Makarii Zheltovodsky qua đời vào năm 1444.

Cuộc đời của Thánh nữ Evpraxia

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 7

Vào thời vua Thêôđôsiô Đại đế[5303] , tại Constantinôpôl[5304] có một quan đại thần danh giá tên là Antigôn, là họ hàng của nhà vua, một người khôn ngoan cả trong lời nói lẫn hành động, và rất sáng suốt trong việc tư vấn; ông luôn đưa ra những chỉ dẫn tốt đẹp và hữu ích trong các công việc quốc gia; ngoài ra, ông còn là người nhân hậu, thương xót mọi người, từ bi với những người nghèo khó và sẵn lòng giúp đỡ tất cả những ai cầu xin ông. Vua yêu mến ông không chỉ vì ông là người thân, mà còn vì ông là một tín đồ Kitô giáo đạo đức và một cố vấn tài ba. Antigonus cũng rất giàu có, đến nỗi sau nhà vua, không ai giàu có hơn ông. Ông lấy làm vợ một thiếu nữ xinh đẹp cũng thuộc dòng dõi hoàng gia, tên là Evpraxia; nàng là người sùng đạo và kính sợ Chúa, thích đến các thánh đường, cầu nguyện với Chúa trong nước mắt và hào phóng cúng dường các thánh đường để trang hoàng các thánh tích của Chúa. Antigon và Eupraxia, cặp vợ chồng quý tộc và đạo đức này, gắn bó cả thể xác lẫn tâm hồn, được vua và hoàng hậu yêu mến, đã sinh ra một cô con gái, và họ đặt tên cho cô bé theo tên mẹ là Eupraxia. Một lần, sau khi cô bé chào đời, Antigon nói với vợ mình, Eupraxia:

– Em biết không, vợ ơi, cuộc đời này ngắn ngủi và của cải của thế gian phù du này chẳng là gì cả: cuộc đời con người hiếm khi kéo dài quá tám mươi năm, còn của cải được chuẩn bị trên trời dành cho những ai kính sợ Đức Chúa Trời thì tồn tại vô tận qua muôn thuở. Còn chúng ta, bị trói buộc bởi những lo toan trần thế và bị mê hoặc bởi

---

[5302] Nikifor II, được đề cập trong Biên niên sử từ năm 1182 đến năm 1197.

[5303] Théodosius Đại đế – hoàng đế từ năm 379 đến 395.

[5304] Byzantium – thuộc địa của Megara, được thành lập vào năm 658 trước Công nguyên ở phía châu Âu của eo biển Bosphorus; vịnh Golden Horn với những điều kiện thuận lợi đặc biệt cùng vị trí thống trị tại eo biển hẹp nối Biển Đen với Biển Marmara đã mang lại cho thành phố này tầm quan trọng lớn về thương mại và công nghiệp. Hoàng đế Constantine Đại đế, sau khi đánh giá những lợi thế về vị trí của Byzantium, đã chuyển thủ đô của Đế chế La Mã đến đây (năm 330), nhờ đó Byzantium đã đạt được tầm quan trọng lịch sử toàn cầu; thành phố này đã cắt đứt mối liên hệ với quá khứ và được gọi là Constantinople, tức "Rome Mới".

những của cải tạm bợ, lại dành những ngày tháng của mình trong sự hão huyền, mà không mang lại lợi ích gì cho linh hồn mình cả.

Nghe vậy, Evpraxia hỏi Antigonus:

– Vậy chúng ta phải làm gì đây, thưa ngài?

Antigonus đáp:

– Chúng ta đã sinh được một cô con gái nhờ ơn Chúa, và chỉ một đứa là đủ rồi, hãy chấm dứt mối quan hệ vợ chồng xác thịt – chúng ta sẽ tiếp tục sống mà không cần điều đó.

Lúc đó, Evpraxia giơ hai tay lên cao, ngước mắt lên trời và thở dài nói với chồng:

– Ngợi khen Chúa, Đấng đã dẫn dắt ngài đến sự kính sợ Ngài và chỉ dạy ngài sự khôn ngoan chân chính. Tôi không giấu gì, thưa ngài, tôi đã nhiều lần cầu xin Đức Chúa Trời soi sáng trái tim ngài và gieo vào tâm trí ngài ý nghĩ tốt lành ấy, nhưng chưa bao giờ dám bày tỏ mong muốn của mình với ngài; vì ngài đã tự mình đề cập đến chuyện này, xin hãy cho phép tôi cũng nói vài lời.

– Hãy nói đi, thưa phu nhân, ngài muốn gì? – Antigon đồng ý.

– Ngài biết đấy, thưa ngài, – Eupraxia tiếp lời, – Sứ đồ đã nói: *"Thời gian đã ngắn rồi, nên những ai có vợ thì hãy sống như không có vợ; những ai khóc than thì hãy sống như không khóc than; những ai vui mừng thì hãy sống như không vui mừng; những ai mua sắm thì hãy sống như không mua sắm; và những ai hưởng thụ thế gian này thì hãy sống như không hưởng thụ; vì hình ảnh của thế gian này đang qua đi"* (1 Cô-rinh-tô 7:29–31). Vậy thì, hãy cùng nhau sống cuộc đời ngắn ngủi này theo ý ngài, không có quan hệ xác thịt, để cùng nhau đạt được sự sống bất diệt đời đời. Còn bao nhiêu của cải như chúng ta đang có bây giờ, và bao nhiêu tài sản – thì chúng ta cần chúng để làm gì? Làm sao chúng ta có thể mang theo bất cứ thứ gì trong số đó xuống mồ được? Vì vậy, với ý định tốt lành của anh, hãy phân phát những thứ này cho người nghèo, để quyết định mà chúng ta đã đưa ra không trở nên vô ích.

Nghe những lời này của vợ mình, Antigon đã ngợi khen Đức Chúa Trời và bắt đầu hào phóng phân phát tài sản của mình cho những người nghèo; còn với vợ mình, ông sống như anh em ruột thịt, không có quan hệ xác thịt, trong tình yêu thiêng liêng lẫn nhau, đồng lòng và đồng ý để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Sau khi đặt ra cho mình những nguyên tắc đạo đức như vậy trong cuộc sống, Antigonus đã về với Chúa, sau khi sống chỉ một năm mà không chung sống với vợ; và nhà vua cùng hoàng hậu đã thương tiếc ông như một người thân, cũng như một con người công chính và đạo đức. Họ cũng chia buồn với Eupraxia, người góa bụa khi còn rất trẻ: bà chỉ sống hai năm ba tháng trong mối quan hệ vợ chồng với chồng, và một năm không có quan hệ đó. Sau lễ an táng Antigonus, nhà vua và hoàng hậu đã tận tình an ủi Eupraxia. Còn bà, sau khi bế con gái mình, đã trao đứa bé vào tay họ và, quỳ xuống dưới chân họ, nói trong tiếng khóc nức nở:

– Con giao đứa trẻ mồ côi này vào tay Chúa và vào tay các ngài; xin hãy nhận nuôi con bé để tưởng nhớ người thân của các ngài là Antigonus, và hãy làm cha mẹ thay cho con bé.

Nhiều người có mặt tại đó đã rơi lệ, và chính nhà vua cùng hoàng hậu cũng khóc. Bốn năm sau đó, khi cô bé Eupraxia được năm tuổi, nhà vua, sau khi tham khảo ý kiến mẹ cô bé, đã hứa gả cô bé cho một trong những con trai của các thượng nghị sĩ, một chàng trai quý tộc, người đã hứa sẽ chờ đợi cho đến khi cô bé trưởng thành; sau khi xác nhận điều này, nhà vua ra lệnh cho Evpraxia nhận từ chàng trai đó một vật thế chấp và cam kết. Một thời gian sau, một thượng nghị sĩ muốn kết hôn với Evpraxia, góa phụ của Antigonus, và đã nhờ hoàng hậu, thông qua một số phụ nữ quý tộc, bí mật thuyết phục Evpraxia đồng ý kết hôn với ông ta mà không cho nhà vua biết. Hoàng hậu đã cử các cung nữ đến gặp góa phụ Evpraxia, khuyên bà nên kết hôn với vị thượng nghị sĩ nói trên. Nghe vậy, Evpraxia khóc nức nở và nói với những người phụ nữ đến gặp bà:

– Các ngươi sẽ phải chịu khổ trong kiếp sau vì đã đưa ra lời khuyên như vậy cho ta, người đã hứa với Chúa sẽ sống trong sự trong sạch của cuộc đời góa bụa; hãy rời khỏi ta đi: lời khuyên của các ngươi trái với ý muốn của ta!

Sau khi nhận được lời quở trách đó, họ xấu hổ ra về và kể lại chuyện này cho hoàng hậu. Khi biết chuyện, nhà vua rất tức giận với hoàng hậu và quở trách bà:

– Ngươi đã làm – ông nói – một việc hoàn toàn không xứng đáng với ngươi! Liệu điều đó có xứng đáng với một nữ hoàng Kitô giáo chăng? Ngươi đã hứa với Chúa rằng sẽ trị vì một cách đạo đức như vậy sao? Ngươi còn nhớ Antigonus, người thân cận và cố vấn hữu ích của chúng ta, như vậy sao? Vợ của ông ấy, người mới sống với ông ấy được ít lâu và khi ông ấy còn sống, theo ý nguyện của ông ấy, đã chọn một cuộc sống trong sạch vì Chúa,

mà ngươi lại thuyết phục bà ấy quay trở lại cuộc sống trần tục! Ngươi không sợ Chúa sao! Mọi người sẽ cười nhạo ngươi, kẻ thiếu lý trí!

Nghe những lời ấy, hoàng hậu cảm thấy xấu hổ đến mức im lặng như tảng đá suốt hai giờ đồng hồ. Và giữa nhà vua với hoàng hậu đã xảy ra một cuộc cãi vã không nhỏ vì Eupraxia. Nghe tin đó, Evpraxia vô cùng đau buồn, sầu não đến tột cùng; khuôn mặt nàng hốc hác đi. Nàng quyết định bí mật rời khỏi Constantinople và trong những giọt nước mắt đắng cay, nàng nói với con gái mình là Evpraxia:

– Con yêu quý của mẹ, chúng ta có một điền trang rộng lớn ở Ai Cập, chúng ta hãy đến đó, con sẽ được xem tài sản của cha con và của mẹ: vì tất cả những thứ đó đều là của con.

Cùng với con gái và một số ít nô lệ nam nữ, bà đã lén lút rời khỏi thành phố mà không cho nhà vua biết, và khi đến Ai Cập, bà bắt đầu quản lý các điền trang của mình. Thỉnh thoảng, bà cùng các người hầu và quản gia đi vào vùng nội địa Thebaid, ghé thăm các nhà thờ và tu viện, cả nam lẫn nữ, và thực hiện nhiều khoản cúng dường, hào phóng phân phát vàng và bạc.

Gần thành phố đó có một tu viện nữ Taven với 130 nữ tu, những việc làm thiện nguyện của họ được dân chúng ca ngợi rất nhiều: không một ai trong số họ uống rượu, ăn dầu, nho hay bất kỳ loại trái cây nào. Một số người trong số họ, những người đã vào tu viện từ thuở nhỏ, thậm chí chưa từng nhìn thấy những thứ đó. Thức ăn của họ là bánh mì với nước, nước ép cây và rau xanh, và tất cả đều không có dầu. Họ ăn một lần mỗi ngày, vào buổi tối; một số thì cách ngày, còn một số khác thì hai ngày mới ăn một chút. Họ không bao giờ nghỉ ngơi hay tắm rửa. Chưa nói đến việc tắm rửa: họ thậm chí không thể nghe nói đến việc phơi bày cơ thể, và chính từ "tắm" đối với họ là lời trách móc, sự xấu hổ và chế giễu. Mỗi người dùng một mảnh vải lông thú rách nát trải trên đất làm giường, dài ba khuỷu tay và rộng một khuỷu tay: họ ngủ trên đó, và cũng chỉ ngủ rất ít. Quần áo của họ là những chiếc áo lông cừu dài chạm đất, che phủ cả đôi chân. Và mỗi người đều lao động hết sức mình, tùy theo khả năng. Khi có ai trong số họ lâm bệnh, người đó không dùng bất kỳ loại thuốc nào, mà chịu đựng bệnh tật với lòng biết ơn, như thể đang đón nhận một ân sủng lớn lao từ Thiên Chúa, và chỉ trông chờ sự giúp đỡ từ Ngài mà thôi. Không ai trong số họ bước ra ngoài tường tu viện hay nói chuyện với những người đến thăm, mà mọi cuộc trao đổi đều được thực hiện qua một người gác cổng: tất cả sự tận tâm của họ đều hướng về việc trò chuyện với Chúa qua lời cầu nguyện và làm vui lòng Ngài. Chính vì thế, Đức Chúa Trời đã nhận lời cầu nguyện của họ và thực hiện nhiều phép lạ vì họ, ban sự chữa lành cho mọi người bệnh đổ về đó. Bà góa phúc lành Evpraxia rất thích tu viện này vì lối sống đáng ngưỡng mộ của các nữ tu; bà thường đến đó cùng con gái và dâng nến và hương vào nhà thờ. Một lần, bà nói với bà Bề trên và các chị em cao niên khác:

– Tôi muốn dâng lên tu viện của các chị một món quà nhỏ, khoảng hai mươi hoặc ba mươi lít[5305] vàng, để các chị cầu nguyện với Chúa cho tôi, cho con gái tôi và cho cha của con bé là Antigone, người đã qua đời.

Còn bà Bề trên – bà từng là nữ phó tế[5306] , tên là Theodula – đã trả lời bà như sau:

– Thưa phu nhân, những nữ tỳ của phu nhân hoàn toàn không cần vàng bạc hay của cải: họ đã từ bỏ mọi thứ trên cõi đời này để được hưởng những phúc lành vĩnh cửu, vì vậy chúng tôi không muốn sở hữu bất cứ thứ gì trên trần gian, để không bị mất đi những của cải trên thiên đàng. Tuy nhiên, để không làm bà buồn lòng, – xin hãy mang một ít dầu đến thắp cho các đèn thánh trong nhà thờ, cùng nến và nhang, và bà sẽ nhận được phần thưởng từ Chúa vì điều đó.

Eupraxia đã làm như vậy, và xin bà Bề trên cùng tất cả các chị em cầu nguyện cho chồng cô là Antigonus và cho con gái cô.

[5305] Lít – đơn vị đo lường trọng lượng tương đương khoảng một pound.

[5306] Các nữ phó tế đã có từ thời các Tông đồ. Thánh Phaolô trong Thư gửi tín hữu Rôma (Rm 16,1) đã đề cập đến Phêva, người từng là "nữ phó tế của Hội Thánh Cenchreae"; vào thời kỳ hậu Tông đồ, các công đồng thường đề cập đến các nữ phó tế (Công đồng I, điều 19; Công đồng IV, điều 15; Công đồng VI, điều 14), cũng như các vị Thánh Cha, các nhà giảng dạy của Giáo hội và các hoàng đế trong các sắc lệnh của họ (Justinian, các sắc lệnh mới 3, 6 và 123). Ban đầu, những người được bầu làm nữ phó tế chủ yếu là các trinh nữ, còn trong số các góa phụ thì chỉ có những người "trung thành và kính sợ Chúa, từng kết hôn chỉ một lần" (Quy định của các Tông đồ, quyển VI, 18); nhưng dưới thời Hoàng đế Justinian, việc bầu chọn được phép thực hiện từ cả hai nhóm này và thậm chí trước 40 tuổi, mặc dù việc phục vụ thực tế chỉ được giao phó cho họ khi đạt đến độ tuổi này. (Công đồng IV, điều 15; Novellae của Justinian, điều 123); chỉ những phụ nữ nổi bật với đời sống đạo đức mới được bổ nhiệm ngay vào chức vụ nữ phó tế mà không cần qua bất kỳ thử thách nào. Nhiệm vụ của các nữ phó tế bao gồm những điều sau: 1) họ chuẩn bị cho các phụ nữ trước khi rửa tội, 2) giúp đỡ các chức sắc Giáo hội trong lễ rửa tội cho phụ nữ, 3) thực hiện các nhiệm vụ khác nhau do giám mục giao phó liên quan đến phụ nữ – thăm viếng những người ốm đau và gặp hoạn nạn, 4) giám sát trật tự trong nhà thờ giữa các phụ nữ và trẻ em.

Một lần nọ, khi Evpraxia đến tu viện này như thường lệ, bà Bề trên, dường như được Thánh Thần thúc giục, đã nói với cô bé Evpraxia:

– Thưa bà Evpraxia, bà có yêu mến tu viện này và các chị em ở đây không?

– Vâng, thưa bà, – cô bé đáp, – con yêu quý các chị.

– Nếu con yêu mến chúng tôi, – bà Bề trên tiếp lời, – thì hãy ở lại với chúng tôi trong đời sống tu hành.

Cô bé đáp:

– Thật vậy, nếu mẹ con không buồn lòng, con sẽ không rời khỏi đây.

Lúc đó, bà Bề trên hỏi cô:

– Hãy nói thật với tôi, em yêu ai hơn: chúng tôi hay vị hôn phu của em?

– Con không biết anh ấy, – cô gái đáp, – nhưng con biết và yêu quý các chị. Vậy các chị hãy nói cho con biết, các chị yêu ai hơn: con hay Người mà các chị gọi là Chồng hứa hôn?

Bà Bề trên đáp:

– Chúng tôi yêu con và yêu Chúa Kitô của chúng tôi.

Cô bé liền thú nhận:

– Và con cũng yêu các chị và Chúa Kitô của các chị.

Còn mẹ cô bé, bà Evpraxia, ngồi đó, lắng nghe những lời nói chín chắn của con gái mình, và những giọt nước mắt tuôn trào từ đôi mắt bà. Bà Bề trên cũng lắng nghe những lời nói của cô bé với lòng cảm động và ngạc nhiên vì sao cô bé, dù còn nhỏ – chưa đầy bảy tuổi – lại có thể trả lời một cách thông minh như vậy. Cuối cùng, người mẹ, vì thương con gái, đã nói với cô bé:

– Đi thôi, con yêu, về nhà đi, trời đã tối rồi.

Nhưng cô bé đáp lại:

– Con sẽ ở lại đây với bà Bề trên.

Nghe vậy, bà Bề trên nói với em:

– Con hãy về nhà với mẹ đi, con không được ở lại đây: chỉ những cô gái đã hiến dâng cuộc đời mình cho Chúa Kitô mới được sống ở đây.

– Vậy Chúa Kitô ở đâu? – cô bé hỏi. Mẹ Bề trên rất vui mừng và chỉ tay về phía bức tranh Chúa Kitô. Cô bé chạy đến, hôn lên bức tranh Chúa Cứu Thế và quay sang nói với Mẹ Bề trên:

– Thật vậy, con hứa với Chúa Kitô và sẽ không về nhà cùng mẹ, mà sẽ ở lại đây với các sơ.

– Con ơi, – bà Bề trên phản đối, – con không có chỗ nào để ngủ, con không thể ở lại đây được.

– Các sơ ngủ trên gì thì con cũng sẽ ngủ trên đó thôi, – cô bé đáp.

Chiều đã dần chuyển sang tối, còn mẹ và bà Bề trên vẫn cố gắng thuyết phục cô bé bằng mọi cách để rời tu viện và về nhà, nhưng họ chẳng thể làm gì được, vì cô bé hoàn toàn không muốn rời khỏi đó. Cuối cùng, bà Bề trên nói với cô bé:

– Con ơi, nếu con muốn sống ở đây, thì con phải học chữ, học Thánh vịnh và – ăn chay đến tối, giống như các chị em khác.

– Con sẽ ăn chay, cô bé đồng ý, và con sẽ học tất cả mọi thứ, chỉ cần để con ở lại đây thôi.

Lúc đó, bà Bề trên nói với người mẹ:

– Thưa bà, xin hãy để con bé ở lại đây: tôi thấy ân sủng của Chúa đã chiếu sáng trong con bé, rằng những việc làm chính trực của cha con bé và cuộc sống trong sạch của bà, cùng với những lời cầu nguyện và phước lành của cả hai người, đang dẫn dắt con bé đến cuộc sống vĩnh cửu.

Lúc đó, bà Eupraxia cao quý dẫn con gái mình đến trước bức tượng Đức Chúa Cứu Thế, giơ hai tay lên cao và nói trong nước mắt:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin Ngài hãy chăm sóc đứa trẻ này: con bé đã khao khát Ngài, đã dâng hiến chính mình cho Ngài!

Rồi bà quay sang cô bé:

– Eupraxia, con gái của mẹ! Đức Chúa Trời, Đấng đã làm cho các ngọn núi đứng vững, xin hãy củng cố con trong sự kính sợ Ngài.

Nói xong, bà giao cô bé vào tay bà Bề trên, còn bản thân thì khóc lóc và đập ngực, và tất cả các nữ tu đều khóc cùng bà. Thế là, bà rời khỏi tu viện, giao con gái mình cho Chúa.

Sáng sớm hôm sau, bà lại trở về tu viện. Mẹ Bề trên đón cô bé Evpraxia, dẫn em vào nhà thờ và, sau khi cử hành lời cầu nguyện, đã mặc cho em bộ áo tu sĩ Thiên Thần trước mặt mẹ em. Người mẹ, khi thấy con gái mình trong bộ áo tu sĩ Thiên Thần, đã giơ hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện với Chúa cho con gái mình như sau:

– Đấng Vua vĩnh cửu, Đấng đã khởi sự công việc lành trong con bé, xin Ngài hãy hoàn tất công việc ấy – xin cho con bé được thực hiện thánh ý của Ngài; xin cho đứa trẻ mồ côi này, đã dâng mình cho Ngài từ thuở ấu thơ, được nhận ân sủng từ Ngài, Đấng Tạo Hóa.

Sau đó, bà hỏi con gái:

– Con yêu, con có thích bộ áo tu sĩ này không?

– Vâng, con thích lắm, – cô bé trả lời, – vì con đã nghe bà Bề trên và các nữ tu khác nói rằng bộ áo này là của Chúa Kitô ban cho như một lời hứa hôn dành cho những ai yêu mến Ngài.

Mẹ nói:

– Chúa Kitô, Đấng mà con đã đính hôn, con ơi, Ngài sẽ ban cho con được vào cung điện của Ngài.

Nói xong, bà hôn con gái mình, rồi sau khi chào tạm biệt bà Bề trên và tất cả các nữ tu, bà rời khỏi tu viện. Theo thói quen, bà bắt đầu đi thăm các tu viện khác ở Ai Cập, cả những nơi hoang dã lẫn thành thị, cũng như các nơi ở của những người ăn xin, dùng tài sản của mình để giúp đỡ tất cả những người nghèo khó và khốn cùng. Danh tiếng về bà góa phúc lành Evpraxia, về những việc thiện và vô vàn ân huệ của bà lan truyền khắp nơi; những tin đồn này thậm chí đã đến tai chính Hoàng đế Theodosius Đại đế và các quan đại thần của ngài; mọi người đều kinh ngạc trước lối sống của bà và ca ngợi Thiên Chúa, Đấng đã ban sức mạnh cho bà. Người ta nghe nói rằng bà không ăn cá, không uống rượu, ăn chay mỗi ngày cho đến tối, và vào đêm khuya mới dùng một lượng rất ít thức ăn chay, như cháo ngô hoặc rau củ; tất cả đều ngạc nhiên trước sự tiết chế của bà dù bà có nguồn tài chính dồi dào. Vài năm sau, bà trụ trì của tu viện nói trên đã mời bà góa phụ đức hạnh Evpraxia đến gặp mình và nói với bà một cách bí mật:

– Thưa bà, tôi muốn thông báo với bà một việc quan trọng, nhưng xin đừng lo sợ.

– Xin hãy nói đi, thưa bà, bà muốn gì cũng được, – bà đáp lại. Vị trụ trì nói như sau:

– Nếu bà muốn quyết định về con gái mình, thì hãy làm điều đó càng sớm càng tốt. Tôi đã thấy trong giấc mơ chồng bà, Antigonus, đang đứng trước Chúa Kitô trong vinh quang rực rỡ và cầu xin Ngài cho phép bà từ bỏ thân xác này để được ở bên ông ấy, cùng hưởng vinh quang mà ông ấy đã được ban tặng nhờ cuộc đời đạo đức của mình.

Nghe vậy, người phụ nữ đạo đức không những không bối rối, mà còn vô cùng vui mừng: bà mong muốn từ bỏ thân xác và đến với Chúa Kitô. Bà lập tức gọi con gái mình, lúc đó đã khoảng mười hai tuổi, và nói với con:

– Con yêu quý của mẹ, Evpraxia! Chúa Kitô đang gọi mẹ đây, như Mẹ Bề trên đã báo cho mẹ biết, và ngày mẹ qua đời đã gần kề; vì vậy, mẹ giao toàn bộ tài sản của cha con và của mẹ vào tay con, hãy quản lý chúng một cách trung thực, để con được thừa hưởng Nước Trời.

Cô gái Evpraxia khóc nức nở và nói:

– Khốn khổ cho con! Con đã trở thành một đứa trẻ mồ côi!

– Con ơi, – mẹ nói với cô, – con có Cha là Chúa Kitô, Đấng mà con đã hứa hôn; con sẽ không còn là đứa trẻ mồ côi cô độc nữa: thay cho mẹ, con sẽ có bà Bề trên, chỉ cần con cố gắng thực hiện những gì con đã hứa với Chúa Kitô. Hãy kính sợ Thiên Chúa, tôn trọng các chị em, vâng lời họ với lòng khiêm nhường; đừng bao giờ nghĩ trong lòng rằng con thuộc dòng dõi hoàng gia, và đừng nói: "Họ phải phục vụ con, chứ không phải con phục vụ họ", nhưng hãy khiêm nhường, thì Chúa sẽ yêu thương con; hãy sống như người nghèo trên trần gian, thì con sẽ giàu có trên thiên đàng. Này, mọi việc đều nằm trong tay con: nếu tu viện cần tiền, hãy cho bao nhiêu tùy theo nhu cầu, và hãy cầu nguyện cho mẹ và cha con, để chúng ta được ơn Chúa và thoát khỏi sự đau khổ vĩnh viễn.

Đó là lời di chúc mà Thánh nữ Eupraxia đã để lại cho con gái mình; ba ngày sau, bà qua đời và được an táng tại tu viện đó.

Khi nghe tin Eupraxia, vợ của Antigonus, đã qua đời, nhà vua liền triệu tập vị thượng nghị sĩ – người có con trai đã đính hôn với cô bé Eupraxia – và nói với ông rằng cô đã từ bỏ đời sống trần thế và vào tu viện. Người này khẩn khoản xin nhà vua mau chóng sai người đi đón nàng, để nàng lập tức đến Constantinople gặp vị hôn phu của mình, và để lễ cưới của họ được cử hành. Nhà vua vội vàng thực hiện điều đó. Nhưng cô dâu của Chúa, Evpraxia, sau khi nhận và đọc bức thư của nhà vua, đã mỉm cười, ngồi xuống và tự tay viết cho ông những dòng sau:

– Thưa Đức Vua! Làm sao Ngài lại ra lệnh cho tôi, một tôi tớ của Ngài, phải từ bỏ Chúa Kitô để kết hôn với một con người phù du và phải chết, người hôm nay còn sống nhưng ngày mai sẽ bị sâu bọ gặm nhấm? Xin đừng

ép buộc tôi làm điều đó. Và xin đừng để người ấy làm phiền Bệ hạ vì tôi: vì tôi đã là cô dâu của Chúa Kitô và tôi không thể lừa dối Ngài. Nhưng con xin Bệ hạ, vì tưởng nhớ cha mẹ con, hãy lấy toàn bộ tài sản của họ và phân phát cho các thánh đường và tu viện, cho người nghèo, góa phụ và trẻ mồ côi; sau đó, xin hãy phóng thích các nô lệ nam và nữ, và ra lệnh cho những người quản lý các điền trang của cha mẹ tôi xóa bỏ mọi khoản nợ cho những người mắc nợ: xin hãy thực hiện tất cả theo đúng lẽ phải, thưa Bệ hạ, để tôi có thể phục vụ Đức Kitô của tôi mà không lo âu hay trở ngại nào, Đấng mà tôi đã phó thác cả linh hồn mình. Thưa Đức Vua và Hoàng hậu, xin hai ngài cũng cầu nguyện cùng Chúa cho tôi, người tôi tớ của hai ngài, để Ngài ban ơn cho tôi được phụng sự Ngài.

Sau khi tự tay viết xong bức thư trả lời này, Eupraxia đã niêm phong nó và giao cho người được cử đi; người đó trở về Constantinople. Nhận được thư của Eupraxia, nhà vua đã cùng hoàng hậu đọc riêng tư, và họ đã rơi nhiều nước mắt vì xúc động và cầu nguyện với Chúa cho Eupraxia. Ngày hôm sau, hoàng đế triệu tập tất cả các quan đại thần, trong đó có cha của chàng trai mà Evpraxia đã được hứa hôn, và ra lệnh đọc lá thư của nàng trước mặt mọi người; tất cả những ai nghe thấy đều rơi nước mắt và nói:

– Bệ hạ, quả thật thiếu nữ này thuộc dòng dõi của ngài, là đứa con xinh đẹp của hai bậc cha mẹ tuyệt vời là Antigonus và Eupraxia, một hậu duệ thánh thiện xuất thân từ dòng dõi thánh thiện!

Và tất cả, như một người duy nhất, đều ngợi khen Thiên Chúa vì nàng. Cha của chàng rể cũng không dám nói gì với nhà vua về Evpraxia. Nhà vua đã ra lệnh, như lẽ phải, phân phát toàn bộ tài sản của nàng – những gì còn lại sau khi cha mẹ qua đời – cho các nhà thờ và người nghèo, và như vậy đã thực hiện nguyện vọng của nàng; sau đó không lâu, nhà vua đã về với Chúa. Còn Eupraxia thì bắt đầu tu hành siêng năng hơn nữa, làm đẹp lòng Chúa, và ăn chay vượt quá sức mình; lúc đó cô mới mười hai tuổi khi cô chọn cho mình lối sống khắc khổ nhất. Lúc đầu, cô chỉ ăn một bữa mỗi ngày, vào buổi tối, rồi sau đó cô bắt đầu nhịn ăn đến ngày hôm sau, và cuối cùng là đến ngày thứ ba. Cô làm việc chăm chỉ, phục vụ các chị em với tất cả sự tận tụy và khiêm nhường thực hiện những công việc nặng nhọc nhất: quét dọn phòng ăn và các phòng khác, dọn giường cho các chị em, mang nước và củi vào bếp, nấu ăn, rửa chén bát, và trong tất cả các công việc của tu viện, không ai siêng năng hơn cô. Trong tu viện đó có một tập tục: nếu có nữ tu nào bị ma quỷ cám dỗ trong giấc ngủ, thì phải báo ngay cho bà Bề trên; và vị Bề trên sẽ khóc lóc cầu nguyện với Chúa để Ngài xua đuổi ma quỷ khỏi nữ tu đó, đồng thời ra lệnh cho cô ấy nhặt đá, rải chúng dưới giường lông và ngủ trên đó, rồi rải tro lên trên giường và ngủ như vậy trong mười ngày. Một lần nọ, Eupraxia cũng bị kẻ cám dỗ dụ dỗ trong giấc ngủ; lúc đó, cô đã nhặt đá đặt dưới giường lông thú của mình và rải tro lên trên. Thấy vậy, bà Bề trên mỉm cười và nói với một trong những chị em lớn tuổi:

– Kìa, cô gái này cũng bắt đầu bị ma quỷ quấy rầy rồi!

Và bà bắt đầu cầu nguyện cho cô:

– Lạy Chúa, Đấng đã tạo dựng cô ấy theo hình ảnh của Ngài, – bà nói, – và đã truyền cho cô ấy chọn đời sống tu hành này, xin Ngài củng cố lòng kính sợ Ngài trong cô ấy và bảo vệ cô ấy khỏi những lời xúi giục của ma quỷ!

Sau đó, bà gọi Eupraxia lại và hỏi:

– Tại sao con không nói với mẹ rằng con đã bị ma quỷ cám dỗ, mà lại giấu mẹ điều đó?

Cô ấy liền quỳ xuống dưới chân bà Bề trên và nói:

– Xin tha thứ cho con, thưa bà, vì con đã xấu hổ không dám nói với bà.

– Con gái của ta, – bà Bề trên khuyên nhủ, – đây là khởi đầu cho cuộc chiến của con với kẻ thù; hãy vững lòng để chiến thắng nó và nhận được vương miện!

Một thời gian sau, Evpraxia lại bị ma quỷ cám dỗ và đã kể cho một nữ tu tên là Julia, người rất yêu mến cô và luôn hướng dẫn cô trong các việc tu hành. Julia nói với cô:

– Thưa bà Evpraxia, đừng giấu điều này với bà Bề trên, mà hãy kể cho bà ấy nghe một cách đúng đắn, để bà ấy cầu nguyện cho con; người ta nói rằng chính bà ấy hồi trẻ cũng đã phải chịu đựng rất nhiều cám dỗ từ ma quỷ. Người ta kể rằng có một đêm, sau khi trải qua một cám dỗ dữ dội, bà đã bước ra khỏi phòng tu, đứng dưới bầu trời rộng mở, giơ hai tay lên trời và ở đó suốt bốn mươi ngày đêm, không ăn, không uống, không ngủ, chỉ đứng và cầu nguyện với Chúa, cho đến khi chiến thắng được ma quỷ. Tất cả chúng ta đều bị kẻ thù cám dỗ, nhưng chúng ta hy vọng rằng với sự giúp đỡ của Chúa Kitô, chúng ta sẽ chiến thắng kẻ cám dỗ mình. Vì vậy, chị em ơi, đừng ngạc nhiên về điều này, đừng bối rối, mà hãy nhanh chóng kể cho bà Bề trên nghe về những gì đã xảy ra với chị, đừng xấu hổ!

Nghe vậy, Eupraxia cảm ơn Julia:

– Cầu Chúa ban phước cho chị, chị ơi, vì đã chỉ dạy em và củng cố tâm hồn em: em sẽ đi và kể cho bà Bề trên vĩ đại nghe về những gì đã xảy ra với em.

– Không chỉ kể lại thôi đâu, – Julia nói thêm, – mà hãy xin bà ấy cầu nguyện cho em và ban cho em thêm sức mạnh để vượt qua thử thách.

Evpraxia đi và kể cho bà Bề trên nghe về sự cám dỗ của ma quỷ. Bà Bề trên nói với cô:

– Đừng ngạc nhiên về điều này, con gái của ta; ma quỷ tấn công chúng ta bằng mọi loại vũ khí, nhưng đừng sợ, hãy trở nên dũng cảm và kiên định, để nó không thể đánh bại con. Con còn phải đối mặt với nhiều cám dỗ từ hắn nữa; còn con hãy nỗ lực để chiến thắng hắn và nhận được từ Đấng Kitô, vị hôn phu của con, những vương miện chiến thắng. Hãy tăng cường việc ăn chay hết mức có thể: người ta được vinh dự nhờ những công đức. Nói cho ta nghe, con yêu, con ăn chay như thế nào?

– Con chỉ ăn mỗi hai ngày một lần, – Eupraxia trả lời.

– Hãy thêm một ngày nữa vào thời gian ăn chay của con, – bà Bề trên nói, – và hãy ăn vào ngày thứ tư sau khi mặt trời lặn.

Evpraxia vui vẻ chấp nhận mệnh lệnh này

Evpraxia đã tròn hai mươi tuổi; cô đã trưởng thành về thể chất và rất xinh đẹp, – thể hiện rõ dòng dõi cao quý của mình. Khi lại gặp phải cám dỗ, cô đã báo cho bà Bề trên biết, và bà Bề trên nói với cô:

– Hãy đi đi, con yêu, mang những hòn đá này đến đây và xếp chúng gần lò sưởi.

Evpraxia lập tức bắt đầu khiêng những hòn đá đó. Trong số đó có những hòn rất to, đến hai chị em khỏe mạnh cũng khó mà nhấc nổi. Nhưng cô lại tự mình nhấc chúng lên, vác lên vai và mang đi: cô không chỉ mạnh mẽ về thể chất, mà còn mạnh mẽ hơn nữa trong sự vâng lời, và không bao giờ nhờ ai giúp đỡ, dù là vì những hòn đá quá nặng, hay vì cô đói bụng hay kiệt sức – mà vẫn tận tâm thực hiện mệnh lệnh. Khi cô đã chuyển hết những viên đá, thì vài ngày sau, bà tu viện trưởng lại nói với cô:

– Không, không tốt khi những hòn đá này nằm gần lò sưởi, hãy mang chúng trở lại chỗ cũ.

Cô không hề bất tuân, mà lại bắt tay vào việc và cẩn thận thực hiện đúng những gì được giao phó. Các chị em đều ngạc nhiên trước sự vâng lời, sự kiên nhẫn và tinh thần cần cù của cô; một số chị em trẻ thì cười nhạo, còn những người khác thì nói:

– Hãy vững lòng, chị Evpraxia, hãy kiên định!

Còn cô thì vẫn vui vẻ và vừa làm việc vừa hát. Công việc của cô kéo dài ba mươi ngày, rồi bà Bề trên ra lệnh cho cô dừng công việc này lại và cử cô đến lò bánh để phục vụ. Chị thực hiện mọi mệnh lệnh với niềm vui lớn lao; lúc thì rây bột trong lò bánh, nhào bột và nướng bánh mì, lúc thì nấu ăn trong bếp và chặt củi, lúc thì phục vụ các chị em trong phòng ăn: và trong bất kỳ công việc nào, chị cũng không bao giờ lười biếng, không bất tuân, không làm qua loa, không than vãn, mà trong mọi công việc, cô đều tốt bụng, vâng lời, cẩn thận và kiên nhẫn. Dù vậy, cô chưa bao giờ bỏ lỡ giờ cầu nguyện thường lệ vào nửa đêm, cũng như giờ hát buổi sáng, hay các giờ thứ nhất, thứ ba, thứ sáu và thứ chín; sau giờ hát buổi tối, cô dọn thức ăn cho các nữ tu ăn chay.

Ma quỷ lại cố gắng quấy rầy cô bằng một cám dỗ ban đêm. Một đêm nọ, hắn hiện ra trong giấc mơ của cô dưới hình dạng chàng trai mà cô từng đính hôn: dường như cùng với một đoàn binh lính, hắn đến để bắt cóc cô và lôi cô ra khỏi tu viện bằng vũ lực. Cô nằm trên giường và trong giấc mơ bắt đầu la hét, gọi các chị em đến giúp cô thoát khỏi tay kẻ bắt cóc. Tiếng la hét của cô đã đánh thức các chị em, họ chạy đến bên cô, đánh thức cô dậy và hỏi tại sao cô lại la hét. Cô kể lại về sự cám dỗ của ma quỷ mà cô đã thấy trong giấc mơ, và mọi người bắt đầu cầu nguyện cho cô. Vì kẻ cám dỗ lại tiếp tục quấy rầy cô, nên bà Bề trên đã nói với cô:

– Hãy cẩn thận, con yêu Eupraxia của ta, đừng để ma quỷ tác động lên tâm trí con, đừng để công lao của con trở nên vô ích; hãy kiên nhẫn thêm một chút nữa, hãy dũng cảm chiến đấu với nó, và nó sẽ chạy trốn khỏi con.

Và Julia cũng nói với Eupraxia:

– Chị ơi, nếu bây giờ, khi chúng ta còn trẻ và mạnh mẽ, mà không đứng lên chiến đấu với kẻ thù của chúng ta và không đánh bại nó, thì làm sao chúng ta có thể đánh bại nó khi về già?

Eupraxia đáp lại:

– Chúa hằng sống, chị Julia thân mến, nếu bà Bề trên ra lệnh, em sẽ không ăn uống suốt một tuần, cho đến khi nhờ ơn Chúa, em chiến thắng được kẻ thù đang cám dỗ em.

– Thật vậy, chị em ơi, – Julia phản đối, – em không thể nhịn ăn lâu đến thế, còn chị, nếu chị làm được thì đó là điều tốt; trong cả tu viện này không có ai có thể nhịn ăn suốt một tuần, ngoại trừ Mẹ Bề trên của chúng ta.

Rồi Evpraxia đến gặp bà Bề trên và xin phép được thực hiện một thời gian ăn chay như vậy, để không ăn gì trong suốt một tuần. Bà Bề trên nói với cô:

– Hãy làm tất cả những gì con có thể, con yêu quý của ta; cầu xin Đấng Tạo Hóa, Thiên Chúa của con, ban sức mạnh cho con và giúp con chiến thắng ma quỷ!

Và Evpraxia bắt đầu ăn chay suốt cả tuần, chỉ dùng bữa vào các ngày Chủ nhật, đồng thời vẫn không bỏ bê công việc tu viện cũng như việc phục vụ các chị em, đến nỗi mọi người đều kinh ngạc trước những việc làm vĩ đại của cô. "Đã cả năm nay chúng ta theo dõi Eupraxia rồi," một số chị em nói, "thế mà chúng ta có bao giờ thấy cô ấy ngồi xuống, dù chỉ khi ăn không? Không, chúng ta chưa từng thấy – trừ khi ban đêm cô ấy nằm nghỉ trên giường – còn lại thì cô ấy ăn ngay cả khi đang đứng.

Và tất cả các nữ tu đều yêu mến cô vì cô đã làm việc vất vả và khiêm tốn đến vậy, dù xuất thân từ hoàng tộc, và họ cầu nguyện với Chúa cho cô, xin Ngài ban cho cô sức mạnh và ơn cứu rỗi.

Trong số các nữ tu có một người tên là Hermana, người ta nói rằng cô xuất thân từ một nô tì bình thường và nghèo khó; chỉ có cô là không yêu mến Eupraxia, người được mọi người yêu mến: ma quỷ đã khơi dậy lòng ghen tị trong lòng cô. Một lần nọ, Hermana bắt gặp Eupraxia đang làm việc một mình trong bếp và bắt đầu mắng mỏ:

– Evpraxia ăn chay cả tuần, còn chúng ta thì không thể; chúng ta sẽ làm sao nếu bà Bề trên ra lệnh cho chúng ta phải ăn chay như vậy?

Evpraxia phản đối cô ấy:

– Xin lỗi, chị ơi, bà chủ vĩ đại của chúng ta đã ra lệnh cho mỗi người phải nỗ lực theo khả năng của mình, và bà ấy không ép buộc tôi phải đảm nhận công việc này.

Hermana, nổi giận, nói:

– Kẻ dối trá, trong người chị đầy những mưu mô xảo quyệt! Ai mà chẳng biết rằng chị làm điều này cố ý vì ham danh vọng hão huyền, để mọi người nhìn thấy và khen ngợi chị: chị muốn sau khi bà Bề trên qua đời, chức vụ của bà ấy sẽ chuyển sang cho chị; nhưng tôi chắc chắn, thề trước Chúa, rằng chị sẽ không bao giờ được làm thủ lĩnh của chúng tôi!

Evpraxia khiêm tốn quỳ xuống dưới chân bà.

– Xin tha thứ cho con, thưa bà, – cô nói, – con đã phạm tội trước mặt Chúa và trước mặt bà!

Khi biết chuyện này, bà Bề trên gọi Germana đến và quở trách cô trước mặt tất cả các chị em:

– Nô tỳ xảo trá và vô đạo! Eupraxia đã làm gì xấu với ngươi mà ngươi lại cản trở việc làm thánh thiện của cô ấy? Ngươi sẽ bị cấm tham dự các nghi lễ nhà thờ và bữa ăn chung với các chị em, vì ngươi không xứng đáng!

Evpraxia đã khóc lóc van xin Bề trên tha thứ cho Germana trong một thời gian dài nhưng suốt ba mươi ngày vẫn không thể thuyết phục được; đến ngày thứ ba mươi, Evpraxia dẫn theo Julia và xin các chị em lớn tuổi can thiệp với Bề trên để xin tha thứ cho Germana. Bề trên gọi Germana đến và nói với cô:

– Ngươi không hiểu sao, con người khốn nạn kia, việc cản trở ai đó làm việc thiện là điều ác lớn lao đến mức nào? Ngươi chẳng nghĩ đến việc cô ấy là con gái của một thượng nghị sĩ, thuộc dòng dõi hoàng gia, lại khiêm nhường đến thế, đã hiến dâng mình cho Chúa và phục vụ ngươi – một kẻ không xứng đáng.

Lúc đó, tất cả các nữ tu đều cầu xin bà Bề trên tha thứ cho Germania; cuối cùng họ cũng thuyết phục được bà, và Germania được tha thứ. Như vậy, kẻ thù hữu hình đã tạm thời gác lại sự thù hận của mình, còn kẻ thù vô hình, tức ma quỷ, thì không ngừng đấu tranh với Eupraxia, đầy thù hận với cô vì đã bị đánh bại bởi sự khiêm nhường của cô. Vậy, một đêm nọ, hắn gieo vào tâm trí nàng những giấc mơ trần tục xấu xa, khiến nàng vô cùng bối rối. Nàng, như cảm nhận được cuộc tấn công dữ dội của kẻ thù đang chuẩn bị tấn công mình, liền bật dậy khỏi giường, làm dấu thánh giá và bước ra khỏi phòng tu của mình; ở sân, tại một nơi đặc biệt, cô đứng đó, giang hai tay lên trời, hướng đôi mắt và tâm trí về phía bầu trời, và đứng như vậy cầu nguyện ngày đêm, không nhúc nhích một ly nào, như bị đóng chặt vào mặt đất, suốt bốn mươi ngày; trong thời gian đó, cô không uống, không ăn, không nói chuyện với ai, không ngủ và không hạ tay xuống. Khi cô mới bắt đầu đứng cầu nguyện, bà Bề trên, sau khi biết chuyện, đã đến gặp cô và nói:

– Cầu Chúa ban phước lành cho con, hỡi con gái, và ban cho con sự kiên nhẫn!

Lúc đó, Evpraxia mới hai mươi lăm tuổi. Khi cô đã đứng được hai tuần, bà Bề trên và các chị em nhìn sự kiên nhẫn của cô với nụ cười và vui mừng cho cô. Ba mươi ngày trôi qua, các chị em bắt đầu ngạc nhiên và nói với bà Bề trên:

– Mẹ ơi, có vẻ như Evpraxia muốn hoàn thành thử thách bốn mươi ngày của Mẹ, giống như cách Mẹ từng đứng như vậy.

– Cầu Chúa ban phước cho con bé, – bà Bề trên đáp, – chúng ta hãy cùng cầu nguyện cho con bé!

Sau bốn mươi ngày, cô ấy vẫn đứng thêm năm ngày nữa, rồi vì kiệt sức nên ngã xuống đất, nằm bất động như người chết. Các chị em tụ tập lại, khiêng cô ấy vào phòng nhưng không thể gập tay cô ấy lại được: toàn thân cô ấy cứng đờ như gỗ và không thể thốt ra một lời nào. Mẹ Bề trên mang thức ăn đến, đưa đến miệng cô ấy và nói:

– Con yêu quý của ta, Evpraxia! Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, hãy ăn đi!

Và ngay lập tức, cô cầm lấy thức ăn, ăn xong rồi cất tiếng nói, lấy lại chút sức lực và đứng dậy; họ dẫn cô vào nhà thờ, tạ ơn Đức Chúa Kitô, Đấng đã ban sức mạnh cho tôi tớ của Ngài để thực hiện kỳ công này. Sau đó, Evpraxia dần dần bắt đầu ăn uống và hồi phục sức khỏe.

Từ lúc đó, ma quỷ không còn có thể làm phiền Eupraxia bằng những giấc mơ dâm dục và sự kích động các dục vọng xác thịt nữa: cô dâu của Đấng Christ đã giành được chiến thắng cuối cùng trước những cám dỗ của nó; lúc đó, nó bắt đầu nghĩ ra những mưu mô khác chống lại cô, như kẻ giết người từ thuở ban đầu (Giăng 8:44): nó muốn tước đoạt hoàn toàn mạng sống của cô theo cách sau đây. Một ngày nọ, thánh nữ Eupraxia cùng người gánh nước đến giếng để múc nước; còn ma quỷ, theo sự cho phép của Thiên Chúa, đã tóm lấy cô và ném xuống giếng; theo như chính bà kể lại sau này, đầu bà chạm đến đáy giếng, nhưng khi nổi lên mặt nước, bà đã nắm lấy sợi dây thừng treo lủng lẳng từ cái gầu xuống giếng, và kêu lên:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin cứu con!

Tiếng la hét vang lên rằng Eupraxia đã rơi xuống giếng, các chị em cùng với bà Bề trên đã tập trung lại và kéo cô lên. Cô làm dấu thánh giá và nói với nụ cười:

– Chúa Kitô của con vẫn còn sống! Ngươi không thể đánh bại con, ma quỷ ạ, con sẽ không nhượng bộ ngươi: cho đến hôm nay con vẫn mang nước bằng một cái bình, từ nay con sẽ mang bằng hai cái.

Và cô bắt đầu làm như vậy. Sau đó, cô phải chặt củi cho bếp; khi cô vung rìu để chém vào khúc củi, ma quỷ đã làm tay cô lệch hướng; cô chém rìu vào chân mình và rạch đứt ống chân; vết thương rất sâu, máu chảy rất nhiều. Cô kiệt sức ngã xuống đất và nằm bất động như đã chết. Julia đã chứng kiến cảnh đó; cô hoảng sợ, la lên và chạy đến báo cho các chị em, kể rằng Evpraxia đã tự chém vào chân mình bằng rìu và đã chết. Các chị em tụ tập lại và vây quanh cô trong tiếng khóc: bà Bề trên đến, hắt nước lạnh lên mặt cô và nói với cô, vừa làm dấu thánh giá:

– Con yêu của ta, Evpraksia! Sao con lại bất động thế này? Hãy mở mắt ra và nói gì đó với các chị em đi: họ đang thương xót con đây.

Cô mở mắt ra và nói với bà Bề trên:

– Xin đừng khóc, thưa Mẹ Bề trên, linh hồn con vẫn còn đây.

Bà Bề trên liền dâng lời cầu nguyện lên Chúa:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin chữa lành cho tôi tớ của Ngài, vì Ngài mà con bé đã phải chịu nhiều đau khổ.

Sau đó, sau khi quấn chân cô bằng một chiếc khăn làm từ tóc, bà Bề trên đỡ Eupraxia dậy và định dắt cô về phòng. Nhưng cô, nhìn thấy đống củi đang nằm đó, liền nói:

– Chúa của con ơi! Con sẽ không đi khỏi đây cho đến khi thu gom củi và mang chúng vào bếp.

– Để con thu gom, – Julia nói, – còn chị cứ đi nghỉ đi.

Nhưng Evpraxia không để Julia nhặt củi, mà tự mình nhặt một bó củi đầy tay rồi mang đi. Để vào bếp, phải leo lên cầu thang; khi Evpraksia bước lên bậc thang cuối cùng, quỷ dữ đã làm chân cô vấp ngã và cản trở cô: cô vấp phải mép áo của mình và ngã sấp mặt xuống đống củi đang cầm trên tay; một mảnh củi đâm vào mặt cô gần mắt; Yulia hét lên, chạy đến bên cô và nói:

– Tôi đã bảo cô rồi mà, cô không nên mang củi, hãy nằm yên đi, nhưng cô không nghe lời tôi.

– Đừng buồn, chị ơi, – Evpraxia đáp lại, – hãy cẩn thận rút mảnh gỗ ra khỏi mặt em đi, còn mắt em thì vẫn bình an, nhờ ơn Chúa.

Mảnh gỗ được rút ra; máu chảy nhiều từ vết thương; bà Bề trên lấy dầu và muối, sau khi cầu nguyện, bôi lên vết thương, còn Julia thì khuyên nhủ Evpraxia:

– Xin chị hãy đi nằm nghỉ ngơi đi, còn em sẽ phục vụ các chị em khác.

Nhưng Evpraxia đáp lại:

– Thề có Chúa của con, con sẽ không nghỉ ngơi cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ phục vụ các chị em.

Tất cả các chị em đều nài nỉ bà nghỉ ngơi vì vết thương đang đau, nhưng bà không chịu; bà đứng nấu ăn, trong khi máu vẫn chảy ra từ cả hai vết thương; bà không nằm xuống cho đến khi hoàn thành việc phục vụ các chị em và bữa ăn; chỉ đến khi hoàn tất hoàn toàn nhiệm vụ của mình, vào tối muộn, bà mới trở về giường ngủ. Thiên Chúa, khi thấy sự kiên nhẫn ấy của cô, đã mau chóng chữa lành những vết thương của cô, và cô đã bình phục. Còn ma quỷ thì ghen tị đến phát điên và lại một lần nữa tìm cách hủy diệt cô. Một lần nọ, cô cùng các chị em leo lên một tòa nhà cao vì một lý do nào đó; ma quỷ đã đẩy cô từ trên cao xuống dưới. Các chị em đi cùng cô vội vã chạy xuống cầu thang: họ nghĩ rằng Eupraxia đã chết vì ngã từ độ cao như vậy. Nhưng cô đứng dậy từ mặt đất mà không hề hấn gì và đi về phía họ; khi họ hỏi liệu cô có bị thương không, cô trả lời:

– Tôi không biết mình đã ngã như thế nào và đứng dậy ra sao.

Và mọi người đều ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã cứu người tôi tớ của Ngài khỏi cái chết.

Một lần khác, khi cô đang nấu rau cho các chị em trong nồi và định dời nồi nước sôi ra khỏi bếp, ma quỷ đã làm cô vấp ngã; cô ngã ngửa ra sau, còn nồi thức ăn đang sôi thì đổ ập xuống mặt cô. Người phụ tá của cô, Julia, la lên rằng Eupraxia đã bị nước sôi tạt vào người, và tất cả các chị em đang ở gần đó đều chạy đến; còn Eupraxia thì nhanh chóng đứng dậy khỏi mặt đất và mỉm cười nói với Julia:

– Chị đã làm gì vậy, chị em? Chị đã làm các chị em và bà Bề trên lo lắng một cách vô ích rồi!

Và mọi người đều thấy khuôn mặt cô ấy vẫn nguyên vẹn, không bị bỏng chút nào. Mẹ Bề trên nhìn vào nồi và thấy phần nước sôi còn lại ở đáy vẫn đang sôi sùng sục; lúc đó, bà hỏi Evpraxia:

– Nước sôi có văng vào em không?

– Chúa còn sống, – cô trả lời, – tôi cảm thấy như nước lạnh chứ không phải nước sôi trên mặt mình.

Bà Bề trên ngạc nhiên và nói:

– Cầu Chúa bảo vệ con đến cuối đời, con yêu quý của ta!

Sau đó, bà nói riêng với các chị em lớn tuổi:

– Các chị thấy chưa, Eupraxia đã được ân sủng của Chúa: cô ấy ngã từ trên mái nhà xuống mà không bị gãy xương, tự đổ nước sôi lên mặt mà vẫn không sao cả.

– Chúng con thấy rồi, – các chị em đáp, – rằng Evpraxia là tôi tớ chân chính của Chúa và rằng Chúa đang gìn giữ cô ấy: Ngài đã cứu cô ấy khỏi biết bao cám dỗ.

Các phụ nữ giáo dân từ thành phố lân cận và các làng mạc xung quanh thường đến tu viện này, mang theo những đứa con ốm yếu của mình, cũng như những người bị quỷ ám: Chúa, như đã nói ở trên, đã ban sự chữa lành cho những người bệnh và trừ quỷ nhờ lời cầu nguyện của vị tu viện trưởng đạo đức và các nữ tu sống theo ý Chúa. Họ tụ họp tại nhà thờ và cùng nhau cầu nguyện cho những người bệnh khác nhau, và những người đó được chữa lành rồi trở về nhà trong tình trạng khỏe mạnh. Trong tu viện đó có một người phụ nữ bị quỷ ám, từ thuở nhỏ đã bị một con quỷ dữ tợn – chúa tể của các linh hồn ô uế khác – hành hạ. Người phụ nữ này bị xích chặt tay chân; cô ta nghiến răng, huýt sáo, sùi bọt mép và la hét ầm ĩ, đến nỗi ai nấy đều khiếp sợ trước tiếng la hét của cô. Nhiều lần, bà Bề trên cùng các nữ tu cao niên đã cầu nguyện với Chúa trong nhà thờ, xin Ngài xua đuổi con quỷ khỏi người phụ nữ đang chịu đau khổ này, nhưng những lời cầu nguyện của họ không được đáp lại: theo ý muốn của Chúa, điều này được dành để trở thành một phép lạ vĩ đại và để chứng tỏ sự thánh thiện của Eupraxia, cô dâu của Chúa Kitô, như sẽ được kể chi tiết hơn ở phần sau. Trong người phụ nữ này có một con quỷ dữ tợn đến nỗi không ai có thể lại gần cô ấy; cô bị trói vào một cột trong căn phòng dưới hầm, và thức ăn cùng nước uống được đưa cho cô từ xa: họ buộc bát đĩa vào một cây gậy dài, đặt bánh mì, đậu và một ít rau xanh vào đó rồi đưa tới cho cô; còn cô thì thường xuyên, khi nắm lấy bát đĩa cùng cây gậy, lại ném chúng vào mặt những người đang đưa cho cô. Cô ấy bị giam giữ như vậy trong tu viện suốt một thời gian dài. Một ngày nọ, người gác cổng đến gặp bà Bề trên để báo rằng có một người phụ nữ nào đó đã đến tu viện và đang khóc, cùng với cô ấy là một đứa trẻ tám tuổi bị liệt và câm điếc, và người phụ nữ ấy xin được cầu nguyện để con mình được chữa lành. Bà trụ trì, nhờ sự mặc khải từ Thiên Chúa mà biết rằng Evpraxia đã được ban ân sủng chữa lành và quyền năng trên các linh hồn ô uế, liền gọi cô đến và nói:

– Hãy đi, đón đứa trẻ từ người mẹ đang đứng ở cổng và mang nó đến đây.

Cô đi đến và khi nhìn thấy đứa trẻ hoàn toàn liệt, câm điếc, cô cảm thấy thương xót, thở dài, làm dấu thánh giá cho đứa trẻ và nói:

– Chúa, Đấng đã tạo dựng con, cũng sẽ chữa lành cho con, hỡi đứa trẻ!

Nói xong, bà bế đứa trẻ lên và cùng nó đến gặp bà Bề trên. Trong lúc bà đang bế đứa trẻ trên tay, nó lập tức được chữa lành, bắt đầu nói và gọi mẹ. Evpraxia, khi nghe thấy đứa trẻ đã biết nói, liền hoảng sợ và đặt nó xuống

đất; còn đứa trẻ thì đứng dậy và chạy về phía cổng, gọi mẹ. Người gác cổng đi báo lại chuyện này cho bà tu viện trưởng. Bà tu viện trưởng liền gọi mẹ của đứa trẻ đến và nói với bà:

– Chuyện gì vậy, chị ơi, chị đến đây để thử thách chúng tôi với một đứa trẻ khỏe mạnh sao?

– Chúa Kitô là chứng nhân cho tôi, thưa bà, – người mẹ đáp, – rằng cho đến giờ này, con tôi vẫn chưa nói, chưa nghe, chưa cử động tay chân, cũng không thể bước đi, nhưng khi cô gái đạo đức này bế nó lên, nó lập tức biết nói, khỏi bệnh và bắt đầu đi lại.

Lúc đó, bà tu viện trưởng nói với người phụ nữ ấy:

– Nhờ ân sủng của Chúa Kitô mà con trai bà đã khỏi bệnh, hãy ra về bình an và tạ ơn Chúa.

Khi người phụ nữ cùng đứa trẻ đã được chữa lành ra về, bà Bề trên nói với Evpraxia:

– Con gái của ta, ta muốn con dùng chính tay mình cho người chị em trong tu viện của chúng ta, người đang bị quỷ ám, ăn, nếu con không sợ cô ấy.

– Con không sợ đâu, thưa bà, – Evpraxia đáp, – và nếu bà ra lệnh, con sẽ làm điều đó.

Sau đó, Evpraxia lấy bánh mì và thức ăn chín trong đĩa rồi mang đến cho người bị quỷ ám; người ấy lập tức nghiến răng, lao vào cô và, giật lấy đĩa, định đập vỡ. Evpraxia liền nắm lấy tay người ấy và nói:

– Chúa còn sống, tôi sẽ quật cô xuống đất, lấy cây gậy của bà Bề trên và đánh cô thật mạnh, để cô không còn gây rối nữa!

Người bị quỷ ám thấy rằng Evpraxia mạnh hơn mình rất nhiều – Chúa đã ban sức mạnh cho tôi tớ của Ngài – nên sợ hãi và im lặng. Còn vị thánh thì bắt đầu dịu dàng khuyên nhủ cô ta:

– Hãy ngồi xuống, chị em của tôi, – bà nói, – hãy ăn, uống và đừng ngần ngại.

Người phụ nữ đó ngồi xuống, ăn, uống và chìm vào giấc ngủ. Kể từ lúc đó, người ta không còn đưa thức ăn cho cô ta từ xa bằng cây gậy nữa, mà cô ta nhận thức ăn trực tiếp từ tay Evpraxia, khiến tất cả các chị em đều kinh ngạc. Còn mỗi khi người phụ nữ bị quỷ ám bắt đầu bối rối, giãy giụa và la hét, các chị em lại nói với cô ta:

– Im đi, nãy giờ Evpraxia sẽ đến với cây gậy và đánh cô đấy!

Và ngay lập tức, người bị quỷ ám bình tĩnh lại và im lặng. Germane, người đã được nhắc đến ở trên, lại bắt đầu bị ghen tị gặm nhấm trong lòng; cô ta nói với các chị em khác:

– Chẳng lẽ ngoài Evpraxia ra, không còn ai trong số các chị em mang thức ăn cho người bị quỷ ám sao? Hãy cho tôi bánh mì, tôi cũng sẽ phục vụ người bị quỷ ám như Evpraxia vậy.

Cô lấy bánh mì và cháo, bước đến bên người bị quỷ ám và nói:

– Cầm lấy đi, chị em, ăn đi!

Người bị quỷ ám liền túm chặt lấy cô, xé rách quần áo cô đến trần truồng, nghiến răng vào cô, quật cô xuống đất, ngồi lên người cô và, đè nặng lên, bắt đầu cắn và gặm thịt cô ở vai và cổ. Một tiếng thét kinh hoàng vang lên, nhưng không ai dám lại gần cô ấy; lúc đó, Julia vội vã chạy vào bếp và nói với Evpraxia:

– German đang bị con quỷ ám giết chết mất rồi!

Evpraksiya chạy đến, túm lấy tay và cổ người phụ nữ bị quỷ ám, và như vậy đã giải cứu được Germana, người đang đầy vết thương và máu me.

– Cô làm thế có đúng không, – Evpraxia nói với người bị quỷ ám, – lại làm chị gái bị thương như vậy?

Còn cô ta thì đứng đó, nghiến răng và sùi bọt mép.

– Thề có Chúa, – Evpraxia nói thêm, – từ giờ trở đi, nếu cô gây hại cho bất kỳ chị em nào, tôi sẽ không nương tay, mà sẽ lấy cây gậy của bà tu viện trưởng và đánh cô không thương tiếc.

Lúc đó, người phụ nữ ấy nằm xuống và im lặng.

Sáng sớm hôm sau, Evpraxia đến thăm người bệnh. Hóa ra cô ta đã xé nát hết quần áo trên người và, ngồi trần truồng trên đất, nhặt mủ của chính mình lên rồi ăn. Thánh nữ Evpraxia thương xót cô ta và rơi nước mắt; sau đó, bà mặc cho cô ta bộ quần áo khác, mang bánh mì và nước đến, cho cô ta ăn và uống. Khi trở về phòng của mình, bà đã khóc thầm suốt cả ngày mà không cho các chị em biết, và cầu nguyện xin Chúa chữa lành cho người phụ nữ đang đau khổ ấy; bà đã dành cả đêm để cầu nguyện, và Chúa đã cho bà bề trên biết về lời cầu nguyện của bà; sáng hôm sau, bà bề trên gọi bà đến và hỏi:

– Con yêu quý Eupraxia của ta, tại sao con lại giấu ta lời cầu nguyện của con dành cho người phụ nữ đau khổ ấy; nếu con nói với ta, ta cũng sẽ cùng con nỗ lực giúp đỡ.

– Xin tha thứ cho con, thưa bà, – Eupraxia đáp, – con đã thấy chị ấy trong tình trạng ghê tởm như vậy và đã thương xót chị ấy.

– Con gái của ta, – bà Bề trên nói với cô, – ta cần nói với con một điều; nhưng hãy cẩn thận, đừng kiêu ngạo. Chính Chúa Kitô đã ban cho con quyền năng để trừ tà ma đó, và con cũng được ban sức mạnh để đối phó với tất cả các tà ma khác.

Nghe vậy, Evpraxia ngã xuống đất, rắc đất lên đầu mình và kêu lên:

– Làm sao con, một kẻ tội lỗi và xấu xa như thế này, lại có thể trừ tà được, trong khi các bà đã cầu nguyện bao nhiêu năm mà đến giờ vẫn chưa làm được điều đó.

Bà Bề trên nói:

– Con yêu quý của ta, việc này đã chờ đợi con, để mọi người biết phần thưởng vĩ đại nào đã được chuẩn bị sẵn cho con trên thiên đàng; đừng chống đối, hãy làm theo những gì người ta truyền lệnh cho con.

Evpraxia trước tiên đi vào nhà thờ, quỳ sấp xuống đất trước hình ảnh của Chúa Giêsu Kitô, làm ướt đất bằng nước mắt, cầu xin sự giúp đỡ từ trên cao. Sau đó, nhớ lại lời dặn dò của bà Bề trên, cô đi đến chỗ người bị quỷ ám; tất cả các chị em đều theo sau để xem chuyện gì sẽ xảy ra. Khi đến gần người bệnh, Evpraxia nói:

– Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã tạo dựng ngươi, sẽ chữa lành cho ngươi.

Và bà làm dấu thánh giá trên người cô ta. Ác quỷ gào thét bằng giọng nói đáng sợ: "Nữ tu dối trá và xấu xa này là ai vậy! Đã bao nhiêu năm nay ta sống trong người phụ nữ này mà không ai đuổi ta ra, thế mà con quỷ dơ bẩn này lại muốn đuổi ta đi!

– Không phải tôi đuổi ngươi đi, – Evpraksia nói, – mà là Đức Kitô, Thiên Chúa của tôi, Chồng tôi!

Còn con quỷ thì gào thét:

– Ta sẽ không ra đâu, hỡi kẻ ô uế, ngươi không có sức mạnh để đuổi ta đi!

– Ta là kẻ ô uế, – vị thánh đáp lại, – trong ta có nhiều điều ô uế như ngươi nói, nhưng hãy ra khỏi nàng đi, Chúa Kitô, Thiên Chúa của ta, đang ra lệnh cho ngươi! Còn nếu ngươi không muốn ra, thì ta sẽ lấy cây gậy của bà Bề trên của chúng ta và đánh ngươi.

Con quỷ phản đối mãi mà vẫn không chịu ra. Lúc đó, Evpraxia lấy cây gậy từ tay bà Bề trên và đe dọa nó, nói:

– Ra khỏi đó đi, nếu không ta sẽ đánh ngươi.

– Làm sao ta ra khỏi cô ấy được, – con quỷ phản đối, – khi ta đã thỏa thuận với cô ấy và không thể vi phạm lời hứa đó?

Thánh nữ đánh ba lần bằng cây gậy và nói:

– Hãy ra khỏi tạo vật của Đức Chúa Trời, hỡi linh hồn ô uế – Chúa Kitô ra lệnh cho ngươi.

Con quỷ khóc lóc:

– Ta phải đi đâu đây? – nó nói.

– Hãy đi vào bóng tối tăm tối nhất, – vị thánh đáp, và vào lửa vĩnh cửu, vào sự đau khổ vô tận đã được chuẩn bị cho ngươi, cho cha ngươi là Satan, và cho tất cả những ai tuân theo ý muốn của các ngươi.

Tất cả các nữ tu đều đứng nhìn từ xa, không dám lại gần. Vì con quỷ không chịu ra khỏi và cứ cãi lại, nên Thánh Eupraxia ngước mắt lên trời và kêu lên:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin đừng để con phải hổ thẹn trong giờ phút này, kẻo con quỷ ô uế kia lại vui mừng vì con!

Và ngay lập tức, con quỷ hét lên bằng giọng vang dội rồi biến mất, còn người phụ nữ từ đó trở đi hoàn toàn khỏe mạnh. Evpraxia đưa bà ấy theo mình, tắm rửa sạch sẽ, mặc cho bà bộ quần áo sạch sẽ và dẫn bà đến nhà thờ; tại đó, mọi người cùng nhau ngợi khen và tạ ơn Đức Kitô, Thiên Chúa. Còn Evpraxia, kể từ ngày đó, càng tỏ ra khiêm nhường hơn nữa, phục vụ tất cả các chị em như một người hầu. Khi các bà mẹ đưa con cái ốm đau đến tu viện, bà bề trên gửi các em đến với thánh Evpraxia; và dù không muốn, nhưng tuân theo mệnh lệnh của người đứng đầu, bà đã chữa lành cho các em nhờ ân sủng của Chúa Kitô.

Khi thời khắc an nghỉ trong Chúa của Thánh Evpraxia sắp đến, bà Bề trên đã nhận được một sự mặc khải từ Thiên Chúa trong giấc mơ, rằng cô dâu của Chúa Kitô đã được gọi về cung điện thiên đàng; bà Bề trên rất lo lắng trước thị kiến này – bà không nỡ phải chia tay với Evpraxia yêu quý; bà bắt đầu khóc và không muốn nói với ai về thị kiến của mình. Các nữ tu cao niên, thấy bà ngày nào cũng buồn bã và khóc lóc, ban đầu không dám hỏi tại sao bà lại buồn bã như vậy; sau đó, chính họ cũng cảm thấy xót xa trước nỗi buồn của bà, nên đã hỏi bà:

– Xin hãy nói cho chúng con biết, thưa bà, thưa mẹ, tại sao bà lại buồn bã đến thế? Trái tim chúng con như tan nát khi nhìn thấy nỗi buồn và những giọt nước mắt của bà.

– Đừng bắt tôi phải tiết lộ cho các chị trước ngày mai, – bà Bề trên trả lời.

– Chúa còn sống, – các bà lão nói, – nếu Mẹ không tiết lộ cho chúng con, Mẹ ơi, thì Mẹ sẽ khiến chúng con rất buồn.

Lúc đó, bà Bề trên nói:

– Mẹ không định nói với các con trước sáng mai, nhưng vì các con đã nài nỉ như vậy, thì hãy nghe đây: Evpraxia sắp rời bỏ chúng ta – ngày mai cô ấy sẽ ra đi khỏi cõi đời này. Nhưng hôm nay đừng ai nói điều này với cô ấy, để không làm cô ấy bối rối – hãy để cô ấy không biết bí mật này cho đến khi thời khắc của cô ấy đến.

Nghe những lời của bà Bề trên, các chị em đã khóc nức nở: tất cả đều rất yêu mến và kính trọng Evpraxia, biết rằng cô là một vị thánh nữ vĩ đại của Chúa, một tôi tớ chân chính và cô dâu của Đấng Kitô; việc mất đi cô đối với họ là một mất mát lớn lao. Một trong các nữ tu nghe thấy các bà lão đang khóc, tìm hiểu nguyên nhân, liền chạy ngay đến lò bánh và bắt gặp Evpraxia cùng với Julia đang nướng bánh mì ở đó.

– Thưa bà, – cô nói, – bà Bề trên cùng các bà già đang khóc vì bà.

Eupraxia và Julia ngạc nhiên trước những lời đó và đứng im lặng. Rồi Julia nói với Eupraxia:

– Chẳng lẽ người chồng hứa hôn cũ của cô đã nài nỉ nhà vua bắt cô ra khỏi tu viện bằng vũ lực sao? – Có phải đó là lý do khiến bà Bề trên cùng các bà già đang buồn bã không?

– Chúa Giêsu Kitô của tôi còn sống, – vị thánh đáp, – dù tất cả các vương quốc trần gian có tập hợp lại, cũng không thể ép buộc tôi từ bỏ Chúa Kitô của tôi; tuy nhiên, thưa bà Julia, xin bà hãy đi tìm hiểu kỹ hơn xem họ đang khóc vì điều gì; lòng tôi đang rất bất an.

Julia đi đến, đứng bên cửa và lắng nghe họ nói chuyện, còn bà Bề trên lúc đó đang kể lại giấc mơ của mình cho các bà lão.

– Tôi đã thấy, – bà nói, – hai người đàn ông chính trực mặc áo sáng chói; họ bước vào tu viện và nói với tôi: "Hãy để Eupraxia đi, Đức Vua đang đòi cô ấy"; sau đó, hai người khác, mặc áo còn sáng chói hơn, đến và nói: "Hãy đưa Eupraxia đi và dẫn cô ấy đến gặp Đức Vua." Tôi liền đưa cô ấy đi; khi chúng tôi đến một cánh cổng kỳ diệu nào đó – tôi không thể nào miêu tả hết vẻ đẹp của nó – cánh cổng tự mở ra, và chúng tôi bước vào bên trong; ở đó, chúng tôi thấy một đại sảnh không do tay người tạo ra, tràn ngập ánh sáng rực rỡ không thể tả xiết, và một ngai vàng cao chót vót; trên đó, vị Vua rực rỡ đang ngự trị. Tôi không thể bước vào trong, còn Eupraxia thì được dẫn đến trước mặt Đức Vua; cô ấy quỳ xuống dưới chân Ngài và hôn lên đôi chân thánh khiết của Ngài. Tôi thấy ở đó vô số Thiên thần và các thánh, và tất cả đều đứng đó nhìn Evpraxia. Sau đó, tôi thấy Mẹ Thiên Chúa, Đức Trinh Nữ Maria, Nữ Vương của chúng ta; Mẹ đã dẫn Evpraxia đi và chỉ cho cô ấy thấy cung điện tuyệt đẹp cùng vương miện đã được chuẩn bị sẵn, rực rỡ vinh quang và danh dự. Và tôi nghe thấy một giọng nói nói với cô ấy:

– Evpraxia! Đây là phần thưởng và sự an nghỉ dành cho con; nhưng bây giờ hãy đi đi, mười ngày nữa hãy trở lại, và con sẽ được tận hưởng tất cả những điều này trong vô số thế kỷ.

Bà Bề trên đã kể lại cho các bà lão nghe về thị kiến của mình như vậy, trong khi bản thân bà khóc và cuối cùng nói:

– Hôm nay là ngày thứ mười kể từ khi tôi thấy điều đó, và ngày mai Eupraxia sẽ qua đời.

Nghe vậy, Julia bắt đầu đập ngực và đi vào lò bánh trong tiếng khóc nức nở. Thấy cô khóc, Evpraxia nói:

– Tôi xin thề nhân danh Con Thiên Chúa, hãy nói cho tôi biết, con đã nghe thấy gì mà lại khóc như vậy?

– Tôi khóc – cô trả lời – vì hôm nay chúng ta phải chia tay nhau: tôi đã nghe từ bà chủ vĩ đại của chúng ta rằng ngày mai chị sẽ qua đời.

Ngay khi nghe điều đó, Evpraxia lập tức mất hết sức lực và ngã xuống đất, như thể đã chết. Julia ngồi bên cạnh cô và khóc.

Rồi Evpraxia nói với Julia:

– Hãy nắm tay chị, em gái của chị, đỡ chị dậy và đưa chị đến nhà kho chứa củi; rồi đặt chị ở đó.

Julia đã làm theo lời ấy. Evpraxia nằm trên đất, khóc lóc và thưa cùng Chúa:

– Tại sao, lạy Chúa, Ngài lại khinh bỉ con, một kẻ lữ hành, một đứa trẻ mồ côi? Tại sao Ngài lại khinh miệt con? Giờ đây lẽ ra con phải lao động và chiến đấu với ma quỷ, vậy mà Ngài lại cướp đi linh hồn con! Xin hãy thương xót con, tôi tớ của Ngài, lạy Chúa, và xin hãy để con lại ít nhất trong một năm này, để con có thể sám hối về những tội lỗi của mình, vì con chưa sám hối, con không có việc lành nào và con cũng không có hy vọng được cứu rỗi. Người đã chết không còn sự ăn năn, cũng không còn nước mắt, và không phải người chết ca ngợi Ngài, lạy

Chúa, cũng không phải những ai không xuống địa ngục, mà chính những người còn sống mới chúc tụng danh thánh của Ngài; xin hãy ban cho con một năm, như cây vả không kết quả.

Khi bà khóc lóc như vậy, một trong các chị em nghe thấy, liền đi báo cho bà Bề trên và các bà lão:

– Ai đã kể cho cô ấy nghe, – bà Bề trên hỏi, – về cuộc trò chuyện của chúng ta và làm xáo trộn tâm hồn cô ấy? Chẳng phải tôi đã cấm các chị tiết lộ bí mật này cho cô ấy cho đến khi giờ của cô ấy đến sao? Các chị đã làm gì vậy! Các chị đã làm xáo trộn tâm hồn cô ấy trước thời hạn! Hãy đi, dẫn cô ấy đến đây!

Khi đưa thánh nữ đến, cô ấy quỳ xuống dưới chân bà Bề trên, nói:

– Tại sao mẹ không nói cho con biết, thưa Mẹ, rằng giờ lâm chung của con đã gần kề; con đã khóc lóc sám hối về những tội lỗi của mình rồi! Và giờ đây con ra đi mà không có hy vọng được cứu rỗi: con không có việc lành nào cả. Xin hãy thương xót con, Nữ Vương của con, hãy cầu nguyện với Chúa cho con, để Ngài cho con được sống thêm một năm nữa, để con có thể sám hối về những tội lỗi của mình. Con ra đi mà không sám hối và không biết bóng tối nào sẽ bao trùm lấy con và cực hình nào đang chờ đợi con.

Bà Bề trên đáp lại:

– Chúa hằng sống, con gái của ta, Evpraxia ơi, Đấng Hôn Phu bất diệt của con là Đức Kitô đã ban cho con Nước Trời và đã chuẩn bị cho con một cung điện tuyệt đẹp cùng vương miện vinh quang vĩnh cửu.

Và bà Bề trên bắt đầu kể cho cô nghe toàn bộ thị kiến của mình về cô, đồng thời an ủi cô, gieo vào tâm hồn cô niềm hy vọng; ngoài ra, bà còn xin Eupraxia cầu nguyện với Chúa cho bà, để Ngài cũng ban cho bà số phận tương tự. Eupraxia, đang nằm dưới chân bà Bề trên, bỗng ngã bệnh: ban đầu cô bị ớn lạnh, rồi cơn sốt ập đến.

– Hãy bế cô ấy đi, – bà Bề trên nói với các chị em, – và đưa vào phòng cầu nguyện, giờ của cô ấy đã đến.

Họ bế bà đi, đặt bà vào phòng cầu nguyện và ngồi bên cạnh bà, than khóc cho đến tối; đến tối, bà Bề trên ra lệnh cho các chị em dùng bữa, còn chỉ để Julia ở lại một mình với Evpraxia, vì cô ấy chưa bao giờ rời xa bà. Julia ở lại với bà và ở đó cho đến giờ kinh sáng. Cô xin Evpraxia:

– Chị ơi, xin đừng quên em trước mặt Chúa! Hãy nhớ rằng em chưa bao giờ rời xa chị; hãy nhớ rằng chính em đã dạy chị biết chữ; hãy nhớ rằng chính em đã khích lệ chị thực hiện những việc thánh thiện; xin chị cầu khẩn Chúa Kitô, để Ngài cũng đưa em đi cùng chị!

Khi bình minh ló rạng, bà Bề trên thấy Evpraxia đã ở những hơi thở cuối cùng, liền sai Julia đến nói với các chị em:

– Hãy đi, chia tay Eupraxia lần cuối: chị ấy sắp ra đi rồi.

Các chị em tụ tập lại, bắt đầu chia tay với chị ấy, vừa khóc vừa nói:

– Xin chị cầu nguyện cho chúng em trong Nước Chúa!

Còn chị thì không thể nói được và chỉ im lặng. Sau khi mọi người ra về, người phụ nữ mà Evpraxia đã giải thoát khỏi con quỷ đang hành hạ cô ấy cũng đến; cô ấy hôn tay chị trong nước mắt và nói:

– Đôi bàn tay thánh thiện này đã giúp đỡ tôi, kẻ không xứng đáng, rất nhiều vì danh Chúa; chính nhờ chúng mà con quỷ hành hạ tôi đã bị xua đuổi.

Còn Eupraxia thì không trả lời gì cả, và bà tu viện trưởng nói:

– Eupraxia ơi, cô không thấy thương xót người chị em này sao? Cô ấy khóc như vậy mà cô lại không nói gì với cô ấy sao?

Eupraxia nhìn người chị em ấy và nói:

– Sao chị lại làm phiền em, chị ơi, hãy để em yên, em sắp ra đi rồi; nhưng hãy kính sợ Chúa, và Ngài sẽ bảo vệ chị!

Sau đó, nhìn về phía bà Bề trên, cô nói:

– Xin Mẹ cầu nguyện cho con, vì tâm hồn con đang rất đau khổ vào lúc này.

Và tất cả các chị em cùng với bà Bề trên bắt đầu cầu nguyện cho cô ấy, và khi kết thúc lời cầu nguyện, họ nói "A-min", thì thánh nữ Evpraksia, vị hôn thê thánh thiện và đáng kính của Chúa Kitô, đã phó thác linh hồn trung thực và thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa. Cô ấy đã sống được ba mươi năm[5307] . Các chị em đã khóc rất nhiều bên thi hài bà, chôn cất bà bên cạnh mẹ bà và ngợi khen Thiên Chúa vì đã ban cho họ ân sủng được có một

[5307] Thánh Eupraxia qua đời vào khoảng năm 413: khi Eupraxia, sau khi viết thư cho nhà vua tuyên bố từ bỏ hôn nhân, đã chọn những cuộc tu hành còn khắc khổ hơn cả trước đây, lúc đó cô mới 12 tuổi; nhà vua qua đời vào khoảng năm 395; Còn Thánh Evpraxia qua đời ở tuổi 30, sau khi tiếp tục thực hành các việc đạo đức thêm 18 năm nữa; do đó, 18†395 cho ra năm 413.

người chị em thánh thiện như vậy trong cộng đoàn và được tiễn đưa bà về với Thiên Chúa. Còn Julia thì không rời khỏi quan tài của bà trong suốt ba ngày, khóc lóc thảm thiết, nhưng đến ngày thứ tư, cô đến gặp bà Bề trên với vẻ mặt tươi vui và hân hoan, rồi nói:

– Xin Mẹ cầu nguyện cho con; Chúa Kitô đã gọi con rồi, Đấng mà bà Eupraxia đã nài xin cho con được ở cùng bà ấy.

Nói xong, chị từ biệt tất cả các chị em và qua đời vào ngày thứ năm. Chị được an táng bên cạnh quan tài của Thánh Evpraxia. Ba mươi ngày sau, bà Bề trên đáng kính, nữ phó tế Theodula, triệu tập các chị em lại và nói với họ:

– Hãy chọn cho mình một người mẹ thay thế tôi, người có thể dẫn dắt các con: Chúa đang gọi tôi; bà Eupraxia đã cầu nguyện rất nhiều với Ngài cho tôi, để Ngài cho tôi được ở cùng bà và Julia: Julia cùng với Eupraxia cũng đã được hưởng ân sủng vào cung điện thiên đàng; và giờ đây tôi cũng sắp ra đi để đoàn tụ với họ.

Tất cả các chị em đều vui mừng cho Evpraksia và Julia vì họ đã được vào trong niềm vui của Chúa, và họ cầu nguyện để Ngài cũng ban cho họ số phận tương tự. Còn về người mẹ sắp rời xa họ, họ đã khóc thương và chọn một trong các chị em tên là Feognia làm người đứng đầu. Trước khi qua đời, bà Bề trên đã gọi chị ấy đến và nói với chị:

– Con hiểu rõ mọi quy tắc và nội quy của đời sống tu viện, tôi khẩn cầu con trước Thánh Ba Ngôi Đồng Bản Thể, đừng mua sắm bất kỳ tài sản hay của cải nào cho tu viện, để tâm trí các chị em không bị chi phối bởi những lo toan trần thế, để vì những điều trần thế mà họ không đánh mất những ân huệ trên trời, nhưng hãy để họ, bằng cách bỏ qua mọi điều tạm bợ, nhận được sự sống đời đời.

Còn với các chị em, bà nói:

– Các chị em biết cuộc đời của Thánh Evpraxia. Hãy noi gương ngài, để cùng với ngài được hưởng ân sủng của cung điện thiên đàng.

Sau đó, bà từ biệt mọi người lần cuối, ra lệnh cho người ta đưa bà vào phòng cầu nguyện, đóng cửa lại và không cho ai vào gặp bà cho đến ngày mai. Sáng sớm hôm sau, các nữ tu bước vào và thấy bà đã an nghỉ trong Chúa; họ đã chôn cất bà trong tiếng khóc than bên cạnh Thánh Evpraxia. Kể từ đó, không ai được chôn cất tại nơi đó nữa; và từ những di cốt thiêng liêng của các nữ tu thánh thiện này, đã xảy ra nhiều phép lạ: mọi bệnh tật đều được chữa lành, các quỷ dữ bị trục xuất, chúng la hét ầm ĩ:

– Ôi, Evpraxia! Ngay cả sau khi chết, ngươi vẫn chiến thắng và xua đuổi chúng ta!

Đó là cuộc đời và những việc làm cao cả của Thánh nữ Evpraxia, người đã được hưởng vinh quang trên trời. Chúng ta cũng hãy cố gắng noi gương bà: hãy trau dồi lòng khiêm nhường, sự vâng lời, tính hiền lành, chăm chỉ, kiên nhẫn, sự trong sạch và tiết độ của bà, để nhờ những lời cầu nguyện của bà, chúng ta cũng xứng đáng nhận được những ân huệ vĩnh cửu, niềm vui và được ở cùng các Thiên thần, – để chúng ta được hưởng vinh quang của Chúa Giêsu Kitô trong Nước Trời của Ngài cùng với tất cả các thánh trong muôn đời, amen.

Cuộc đời của Thánh Olympiade, nữ phó tế.

Ngày kỷ niệm: 25 tháng 7

Quê hương của Thánh Olympiade, người được đặt tên theo mẹ mình, là Constantinople, nơi cha mẹ nổi tiếng và quý tộc của bà sinh sống. Cha của bà, Anisius Secundus, là một trong những thượng nghị sĩ được kính trọng nhất, còn mẹ bà là con gái của vị tổng trấn nổi tiếng Evlavius, người được nhắc đến trong câu chuyện về các phép lạ của Thánh Nicholas, và người này dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Đại đế đã là nhân vật quyền lực thứ hai sau hoàng đế. Olympia, con gái của Evlavius, ban đầu được hứa hôn với Constus, con trai út của Constantine, người đã lên ngôi tại La Mã Cổ đại sau khi cha qua đời; nhưng anh ta bị sát hại trước khi đám cưới diễn ra, và cô được gả cho Arsaces, vua Armenia, người mà cô chỉ sống chung một thời gian ngắn rồi góa bụa, sau đó Olympiada kết hôn với Thượng nghị sĩ Anisius Secundus đã được đề cập ở trên và sinh ra Thánh Olympiada; khi cô bé chưa đến tuổi trưởng thành, cha mẹ đã hứa hôn cô với một chàng trai quý tộc, con trai của tổng trấn Nevridius; nhưng đám cưới đã bị hoãn lại. Nhưng hai mươi tháng trôi qua, vị hôn phu qua đời, và Olympiada vẫn còn là trinh nữ đồng thời cũng là góa phụ; dù đã đủ tuổi trưởng thành, cô không còn muốn kết hôn với người khác nữa, mà mong muốn giữ trinh tiết và sống trong sự trong sạch suốt cả cuộc đời.

Sau khi cha mẹ qua đời, Olympiada trở thành người thừa kế của khối tài sản khổng lồ và vô số điền trang; cô đã dâng hiến tất cả những thứ đó cho Chúa và bắt đầu hào phóng phân phát cho những người nghèo khó: các nhà thờ, tu viện, những người ẩn tu, bệnh viện, trại tạm trú cho người nghèo và khách lữ hành, trẻ mồ côi và góa phụ, cùng những người lâm vào cảnh nghèo túng; cô cũng gửi những khoản bố thí hào phóng cho cả những người đang bị giam trong nhà tù và những người bị lưu đày; như vậy, lòng hào phóng của cô đã lan tỏa đến nhiều nơi. Bản thân cô thì luôn cầu nguyện và ăn chay, bằng mọi cách chế ngự thân xác và khuất phục nó trước tinh thần.

Vào thời đó, Hoàng đế Theodosius Đại đế[5308] đang trị vì, là cha của Arcadius và Honorius; ông có một người họ hàng tên là Elpidius, người mà ông muốn gả bà Olympiada, một thiếu nữ xinh đẹp và trẻ trung, nhưng bà không đồng ý. Hoàng đế đã nhiều lần nài nỉ nàng, cố gắng thuyết phục nàng bằng mọi cách để nàng đồng ý kết hôn với người họ hàng của ông là Elpidius, nhưng nàng vẫn kiên quyết từ chối, dù đã bị đe dọa và nàng biết rằng hoàng đế đã nổi giận. Nàng đã gửi cho hoàng đế câu trả lời như sau:

– Thưa Bệ hạ! Nếu Đức Chúa Trời muốn con kết hôn, thì Ngài đã không cất đi người chồng đầu tiên của con; nhưng vì Ngài biết rằng việc kết hôn trong kiếp này không có lợi cho con, nên Ngài đã giải thoát chồng con khỏi cuộc sống chung với con, và giải thoát con khỏi ách nặng nề của quyền lực chồng, rồi đặt ách nhẹ nhàng của Ngài (xem Mt 11:30) lên tâm trí con.

Vua nổi giận và ra lệnh cho quan trưởng thành phố tịch thu toàn bộ tài sản của nàng và giữ lại cho đến khi Olympiade tròn ba mươi tuổi. Quan trưởng không phải vì lệnh của vua, mà chủ yếu do sự xúi giục của Elpidios, đã đối xử tàn nhẫn và kìm kẹp nàng đến mức nàng không chỉ mất quyền kiểm soát tài sản của mình, mà thậm chí cả bản thân mình cũng không còn tự chủ: ông ta không cho phép cô trò chuyện với các vị thánh nhân làm việc vì Chúa, cũng không cho phép cô đến nhà thờ, nhằm ép cô phải kết hôn vì nỗi buồn chán, nhưng Olympiada vẫn vui mừng và tạ ơn Chúa. Một thời gian sau, cô viết thư cho nhà vua như sau:

– Thưa ngài, ngài đã ban cho tôi ân sủng hoàng gia và hành động đúng như một vị giám mục[5309] , khi ra lệnh cho người khác chăm sóc và bảo vệ gánh nặng mà chính tôi đã tự lo liệu; Bệ hạ sẽ ban cho con ân huệ còn lớn lao hơn nữa, nếu Bệ hạ ra lệnh cho quan chức của mình phân phát toàn bộ tài sản của con cho các nhà thờ, những người nghèo khó và thiếu thốn, để con tránh được sự vinh quang hão huyền khi không tự tay phân phát, và như vậy con sẽ không coi thường sự giàu có thực sự của mình[5310] , được giải thoát khỏi những lo toan về của cải trần gian và những thứ sớm muộn gì cũng sẽ tan biến.

Nhà vua đọc lá thư của bà và, sau khi suy ngẫm một mình, đã cho phép bà tiếp tục sở hữu tài sản của mình: ông đã nghe nói nhiều về cuộc sống đạo đức và hướng về Chúa của bà, về sự tiết chế vĩ đại và việc tự kỷ luật thân xác một cách khắc nghiệt của bà. Thật vậy, bà hoàn toàn không ăn thịt, cũng không đi tắm hơi; nếu vì lý do sức khỏe mà buộc phải tắm rửa, thì bà chỉ mặc một chiếc áo sơ mi, ngồi vào bồn nước ấm và tắm mà không cởi quần áo, vì bà không chỉ xấu hổ trước các tỳ nữ mà còn trước chính bản thân mình, và không muốn nhìn thấy thân thể trần truồng của mình.

Nhờ lối sống trong sạch và chính trực như vậy, Thánh Olympiada – người mà ngay cả các vị thánh cũng phải ngạc nhiên trước những đức tính của bà – đã được nhận vào phục vụ Giáo hội; bà được Đức Thượng phụ Nektarios[5311] bổ nhiệm làm nữ phó tế[5312] . Và bà đã phụng sự Chúa một cách trung thực và chính trực cùng với các

---

[5308] Hoàng đế từ năm 379–395.

[5309] Hoàng đế Byzantine, nhân tiện, mang tước hiệu "giám mục phụ trách các vấn đề đối ngoại của Giáo hội"; từ "giám mục" trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là người giám sát, người quan sát, người quản lý.

[5310] Tức là lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn.

[5311] Tổng giám mục Constantinople từ năm 381–397.

[5312] Các nữ phó tế đã có từ thời các Tông đồ. Thánh Phaolô trong Thư gửi tín hữu Rôma (Rm 16,1) đã đề cập đến Phê-ba, người từng là "người phục vụ trong Hội Thánh tại Cenchreae"; trong thời kỳ hậu Tông đồ, các công đồng thường đề cập đến các nữ phó tế (Công đồng I toàn thể, điều 19; Công đồng IV toàn thể, điều 15; Công đồng VI toàn thể, điều 14), cũng như các vị Thánh Cha, các nhà giảng dạy của Giáo hội và các hoàng đế trong các sắc lệnh của họ (Justinian, các sắc lệnh mới 3, 6 và 123). Ban đầu, những người được bầu làm nữ phó tế chủ yếu là các trinh nữ, còn trong số các góa phụ thì chỉ có những người "trung thành và kính sợ Chúa, từng kết hôn chỉ một lần" (Quy định của các Tông đồ, quyển VI, 18); nhưng dưới thời Hoàng đế Justinian, việc bầu chọn được phép thực hiện từ cả hai nhóm này và thậm chí trước 40 tuổi, mặc dù việc phục vụ thực tế chỉ được giao phó cho họ khi đạt đến độ tuổi này. (Công đồng IV, điều 15; Novellae của Justinian, điều 123); chỉ những phụ nữ nổi bật với đời sống đạo đức mới được bổ nhiệm ngay vào chức vụ nữ phó tế mà không cần qua bất kỳ thử thách nào. Nhiệm vụ của các nữ phó tế bao gồm những điều sau: 1) họ chuẩn bị cho phụ nữ trước khi rửa tội, 2) giúp đỡ các chức

nữ phó tế khác, giống như bà góa trong Phúc Âm là Thánh Anna, *"người không rời khỏi đền thờ, ngày đêm phụng sự Đức Chúa Trời bằng việc ăn chay và cầu nguyện"* (Lc 2:37). Cuộc đời của Thánh Olympiade trong sạch đến mức ngay cả những kẻ thù của bà cũng không thể tìm thấy ở bà điều gì đáng bị chỉ trích. Những người thù địch với Thánh Gioan Vàng Miệng, người kế vị chức Thượng phụ sau Thánh Nectarius, cũng đối xử thù địch với nữ tỳ vô tội của Chúa Kitô này, và trong số họ, người thù địch nhất là Thượng phụ Theophilus của Alexandria: ông ta tức giận với bà vì đã tiếp nhận những tu sĩ chính trực mà ông ta đã trục xuất khỏi sa mạc Ai Cập (chuyện về họ được kể chi tiết trong cuốn tiểu sử của Vàng Miệng) khi họ đến Constantinople, và đã nuôi dưỡng họ vì danh Chúa Kitô. Nói chung, bà luôn nồng nhiệt cưu mang và mang lại sự bình an cho những người lữ hành, tu sĩ và giám mục đến thành phố, chia sẻ tài sản của mình cho họ, và chính Theophilus trước đây cũng thường xuyên được hưởng sự hiếu khách và lòng hào phóng của bà. Tuy nhiên, sau này ông lại có thái độ thù địch với bà, không chỉ vì các tu sĩ nói trên mà còn vì Thánh Gioan Vàng Miệng, và cố gắng bôi nhọ danh dự của bà bằng những cáo buộc bất công; nhưng không ai tin vào những lời dối trá và vu khống độc ác của ông – mọi người đều biết cuộc đời trong sạch và thánh thiện của bà. Danh tiếng về người tôi tớ chân chính của Chúa Kitô này lan rộng khắp các nhà thờ; bà đã hành động giống như người Samari được nhắc đến trong Phúc Âm, người đã cõng người đàn ông bị bọn cướp đánh đập và bị tất cả những người qua đường bỏ mặc lên lưng lừa của mình, đưa đến nhà trọ và chăm sóc để anh ta hồi phục (Lc 10:30–37); quả thực, bà đã cưu mang tất cả những ai không có nơi nương tựa; bà tận tâm chăm sóc những người nghèo khổ, bệnh tật, bị bệnh ghẻ lở, bị bỏ rơi trên đường phố và bị mọi người bỏ mặc; và nói chung, bà hoàn toàn chân thành và tận tụy với công việc bác ái. Bà đã chi tiêu bao nhiêu cho các việc thiện, bằng vàng và bạc, quần áo và việc phát thức ăn hàng ngày cho những người nghèo, cũng như những người đến Constantinople vì công việc của họ, và bà đã đáp ứng mọi nhu cầu của họ bằng mọi cách. Như vậy, bà đã dùng tài sản của mình để giúp đỡ, cống hiến rất nhiều vàng, bạc và các đồ trang trí nhà thờ cho Thánh Amphilochius, Giám mục Iconium, và Thánh Onesimus của Pontus (trước đó còn có Thánh Gregory the Theologian, người từng đảm nhận chức vụ linh mục tại Nhà thờ Thánh Phêrô và Thánh Phaolô ( ) ở Constantinople dưới thời Thánh Nektarios), cũng như Thánh Peter của Sebaste, anh trai của Thánh Basil Đại đế, và Thánh Epiphanius của Síp. Đối với Optimus – người đã qua đời tại Constantinople – bà đã tự tay nhắm mắt cho ngài. Bà không chỉ làm điều thiện cho các thánh nhân và những người có đức hạnh, mà còn cho cả những kẻ phản loạn và kẻ thù, như Antiochus, Giám mục Ptolemais; Akakios của Verria; Severianus của Gavalia và những người cùng loại với họ. Bà không hề oán hận và đã hiến dâng trọn vẹn bản thân cho Thiên Chúa, vì thế bà coi tài sản của mình không phải là của riêng, mà là của Thiên Chúa. Thánh Gioan Kim Khẩu đã kính trọng bà như một tôi tớ vĩ đại của Thiên Chúa và yêu mến bà bằng tình yêu thiêng liêng, giống như Thánh Tông Đồ Phaolô xưa kia đã yêu mến Persida, người mà ngài viết: *"Hãy chào mừng Persida, người được yêu mến, người đã vất vả rất nhiều vì Chúa"* (Rô-ma 16:12). Và Thánh Olympiada cũng đã làm không kém gì Persida, vất vả rất nhiều vì Chúa và phục vụ các thánh nhân với tình yêu thương vĩ đại và nồng ấm.

Khi Thánh Gioan Vàng Miệng, người vô tội, bị lật đổ khỏi ngai tòa một cách bất công, Thánh Olympiade đã khóc than thảm thiết cùng với các nữ phó tế khác. Khi bước ra khỏi nhà thờ lần cuối cùng, Thánh Gioan Vàng Miệng đã vào phòng rửa tội, gọi Thánh Olympiade cùng các nữ phó tế Pentadia, Proclia và Salvina – một góa phụ đức hạnh – và nói với họ:

– Hãy lại đây, các con của ta, và hãy lắng nghe ta. Ta thấy những điều chống lại ta đang đi đến hồi kết. Ta đã hoàn thành sứ mệnh của mình và nghĩ rằng các con khó mà còn được gặp lại ta nữa. Vì vậy, ta xin các con, đừng rời bỏ Giáo hội vì vị giám mục sẽ được bổ nhiệm thay thế ta, dù là do bị ép buộc hay theo quyết định chung, nhưng hãy vâng phục ngài như các con đã vâng phục Thánh Gioan: Giáo hội không thể tồn tại mà không có giám mục. Vậy thì, xin ân sủng của Thiên Chúa ở cùng các con, hãy nhớ đến ta trong những lời cầu nguyện của các con!

Còn họ, trong nước mắt, đã quỳ sấp xuống trước mặt ngài; và vị thánh đã lên đường đến nơi bị lưu đày.

Sau khi ngài bị trục xuất, nhà thờ chính tòa bốc cháy; và một phần không nhỏ của thành phố đã bị thiêu rụi; vì vậy, tất cả những người ủng hộ Thánh Gioan, dù vô tội, đều bị quan trưởng thành phố thẩm vấn về vụ hỏa hoạn này: người ta nghi ngờ rằng chính họ đã đốt nhà thờ; lúc đó, Thánh Olympiade cũng phải chịu khổ, như thể bà cũng có tội trong vụ phóng hỏa đó; cô bị đưa ra tòa và bị thẩm vấn một cách khắc nghiệt (viên quan trưởng thành phố

---

sắc nhà thờ trong lễ rửa tội cho phụ nữ, 3) thực hiện các nhiệm vụ khác nhau do giám mục giao phó liên quan đến phụ nữ – thăm viếng người bệnh và những người gặp hoạn nạn, 4) giám sát trật tự trong nhà thờ giữa phụ nữ và trẻ em.

rất tàn nhẫn và vô tâm). Mặc dù không tìm thấy bất kỳ tội lỗi nào ở cô, nhưng ông ta vẫn bất công kết án Thánh Olympiada phải nộp một số lượng lớn vàng để bồi thường cho vụ hỏa hoạn mà cô không hề có lỗi.

Sau đó, vị thánh đã rời Constantinople và lên đường đến Kizik[5313] , tuy nhiên, kẻ thù vẫn không để bà được yên ngay cả ở đó; bà bị kết án lưu đày và bị giam cầm tại Nicomedia[5314] ; khi biết tin này, Thánh Gioan Vàng Miệng đã viết thư cho bà từ nơi bị giam cầm, an ủi bà trong nỗi đau buồn[5315] . Sau một thời gian dài bị giam cầm và chịu đựng nhiều đau khổ, vị thánh nữ đã an nghỉ trong Chúa[5316] . Sau khi qua đời, khi thi hài thánh thiện của bà vẫn chưa được an táng, vị thánh đã hiện ra trong giấc mơ với Giám mục Nicomedia và nói:

– Hãy đặt thi hài của con vào một quan tài gỗ và ném xuống biển; nơi nào sóng biển đưa nó dạt vào bờ, thì hãy chôn cất nó tại đó.

Vị giám mục đã làm theo lời dặn. Hòm gỗ bị sóng đánh dạt vào bờ tại một vùng đất gần Constantinople, được gọi là Vrohti, nơi có nhà thờ Thánh Tông đồ Phêrô. Người dân địa phương đã nhận được lời báo trước từ Thiên Chúa về thi hài của Thánh Olympiada; họ ra bờ biển, tìm thấy quan tài và đặt nó vào nhà thờ của vị Tông đồ. Và những phép lạ chữa lành mọi bệnh tật bắt đầu xảy ra. Nhiều năm sau, những kẻ man rợ tấn công nơi này, đốt cháy nhà thờ, còn các thánh tích – dù hòm thánh đã bị thiêu rụi nhưng vẫn nguyên vẹn trước ngọn lửa – thì bị ném xuống biển; và nước biển đã chuyển sang màu đỏ tại nơi các thánh tích bị ném xuống: đó là cách Thiên Chúa báo hiệu về nỗi đau khổ của Nô tì của Ngài. Nhưng các di cốt làm phép lạ lại được các tín hữu vớt lên từ biển. Khi biết tin này, Thượng phụ Constantinople Sergius[5317] đã sai linh mục Gioan đi, ra lệnh mang các di cốt về Constantinople một cách trang trọng. Khi vị linh mục đến nơi đó và nhấc các thánh tích lên, một lượng máu lớn đã chảy ra từ chúng: và mọi người đều vô cùng kinh ngạc khi thấy, sau hai trăm năm, máu vẫn chảy ra từ những bộ xương khô, như thể từ một thân thể còn sống. Như vậy, các thánh tích thiêng liêng và làm phép lạ này đã được rước về thành phố hoàng gia và an táng tại tu viện nữ do Thánh Olympiada thành lập; và đã có rất nhiều phép lạ từ các thánh tích của bà: mọi bệnh tật đều được chữa lành, và các quỷ dữ bị trục xuất nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Olympiada và ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh và ngợi khen, bây giờ và mãi mãi, đến muôn đời. Amen.

- Cũng trong ngày này, ngày qua đời của thánh Anna, mẹ của Đức Mẹ Đồng Trinh. (Cuộc đời của bà, cùng với thánh Gioakim, xem ngày 9 tháng 9

ngày 8 tháng 8

ngày 26 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Mô-sê Ugrin

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 7

Kẻ thù gian ác thường hay gây chiến với con người bằng dục vọng dâm ô, bẩn thỉu; vì thế, con người bị che mờ bởi sự ô uế này sẽ không còn hướng mắt về Thiên Chúa trong mọi việc làm của mình, bởi chỉ *"những ai có lòng trong sạch mới* được *thấy Thiên Chúa"* (Mt 5,8). Thánh Mô-sê, vị Cha đáng kính của chúng ta, đã lập nhiều công trạng hơn ai hết trong cuộc chiến này, và đã chịu nhiều đau khổ như một chiến binh đích thực của Đấng Kitô, cho đến khi chiến thắng hoàn toàn sức mạnh của kẻ thù ô uế và để lại cho chúng ta gương sáng để noi theo. Dưới đây là những gì được ghi chép về ngài.

Người ta biết rằng Thánh Mô-sê thuộc dòng họ Ugrin[5318] , là người được yêu mến của vị hoàng tử thánh thiện, trung thành và là vị tử đạo Nga Boris. Ngài đã phụng sự hoàng tử cùng với anh trai mình là Georgiy; người

[5313] Kizik nằm trên bán đảo Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch) thuộc Arktonisse.
[5314] Nicomedia – một thành phố thuộc vùng Bithynia, nằm bên bờ Biển Marmara, ở phía tây bắc Tiểu Á. Thánh Olympias bị giam cầm tại Nicomedia vào năm 405.
[5315] Có 17 lá thư của Thánh Gioan Kim Khẩu gửi cho Thánh Olympiade còn lưu lại đến ngày nay.
[5316] Khoảng năm 409, ngày 25 tháng 7.
[5317] Sergius – vị tổng giám mục đầu tiên mang tên này tại Constantinople trong giai đoạn 610–638.

này, khi dùng thân thể mình che chở cho chủ nhân và ngã đè lên ngài, đã bị các chiến binh của Svyatopolk vô thần giết chết bên bờ sông Alte[5319] cùng với Thánh Boris[5320] ; họ đã chặt đầu ngài vì đồng hryvnia vàng[5321] mà Thánh Boris đã trao cho ngài.

Thánh Mô-sê là người duy nhất thoát chết và đến gặp Prediislava, em gái của Yaroslav, tại Kiev; ngài ở lại đó để lánh nạn khỏi Svyatopolk, đồng thời siêng năng cầu nguyện với Chúa cho đến khi vị công tước đạo đức Yaroslav đến, được thúc đẩy bởi lòng thương xót dành cho các anh em đã bị sát hại, và đánh bại Svyatopolk vô thần[5322] . Khi Sviatopolk, sau khi trốn sang đất Ba Lan[5323] , trở về cùng với Boleslav và lật đổ Yaroslav, và tự mình lên làm công tước tại Kiev[5324] , thì Boleslav, trên đường trở về lãnh địa của mình, đã bắt làm tù binh hai chị em của Yaroslav cùng nhiều quan đại thần của ông, trong số đó có vị thánh Mô-sê, người bị xiềng xích tay chân bằng những chiếc cùm sắt nặng nề và được canh gác nghiêm ngặt, bởi ông nổi bật với vóc dáng vạm vỡ và khuôn mặt tuấn tú.

Tại vùng đất của người Lyash, một người phụ nữ quý tộc, xinh đẹp và trẻ trung, sở hữu của cải dồi dào và quyền lực to lớn, đã nhìn thấy ngài; chồng bà, người đã theo Boleslav, không trở về vì đã bị giết trong trận chiến. Người phụ nữ này, khi nhận ra vẻ đẹp của vị tu sĩ, đã nảy sinh ham muốn xác thịt đối với ông và bắt đầu quyến rũ ông, thuyết phục bằng những lời như sau:

– Hỡi người đàn ông! Tại sao ngươi lại phải chịu đựng những đau khổ như vậy, trong khi có lối thoát để ngươi có thể thoát khỏi xiềng xích và nỗi đau khổ?!

– Đó là ý muốn của Chúa, – Mô-sê đáp lại.

– Nếu ngươi tuân theo ta, – người phụ nữ tiếp lời, – ta sẽ giải thoát cho ngươi và làm cho ngươi nổi tiếng khắp xứ Lyach, và ngươi sẽ sở hữu ta cùng tất cả tài sản của ta.

Còn vị Thánh, nhận ra ham muốn bất chính của nàng, đã phản bác lại:

– Có người chồng nào, vì nghe lời vợ, mà tình thế của mình lại trở nên tốt đẹp hơn chăng? A-đam nguyên thủy, vì nghe lời vợ, đã bị đuổi khỏi vườn Địa Đàng. Sam-sôn, người vượt trội hơn tất cả về sức mạnh và đã đánh bại cả một đạo quân, lại bị một người phụ nữ phản bội và giao nộp cho kẻ thù. Vua Salômôn, người đã thấu hiểu sự khôn ngoan sâu sắc, vì vâng lời người phụ nữ mà đã quỳ lạy các thần tượng. Hê-rốt, người đã giành được nhiều chiến thắng, vì chiều lòng vợ mà đã chặt đầu Thánh Gioan Tiền Hô. Vậy thì, làm sao tôi có thể được tự do khi trở thành nô lệ của một người phụ nữ mà tôi chưa từng biết mặt từ khi sinh ra?[5325]

– Ta sẽ chuộc ngươi, – nàng nói, – ta sẽ làm cho ngươi nổi tiếng, đặt ngươi làm chủ tể trên cả gia đình ta và mong muốn ngươi trở thành chồng ta, chỉ cần ngươi tuân theo ý muốn của ta; vì ta không thể chịu đựng được khi thấy vẻ đẹp của ngươi đang tiêu tan một cách vô nghĩa.

– Hãy tin chắc, – Thánh Mô-sê nói với nàng, – rằng ta sẽ không tuân theo ý muốn của nàng và ta không mong muốn quyền cai trị nàng, cũng không mong muốn của cải; đối với ta, sự trong sạch về tâm hồn và thể xác còn cao quý hơn tất cả những điều đó. Xin đừng để tôi đánh mất thành quả của năm năm tu hành, tức là những xiềng xích đau khổ mà Chúa đã định cho tôi phải chịu đựng một cách oan ức, nhờ đó tôi hy vọng sẽ thoát khỏi những cực hình vĩnh cửu.

Lúc đó, người phụ nữ ấy, thấy mình có thể mất đi vẻ đẹp ấy, đã chuyển sang một quyết định quỷ quyệt khác, suy tính rằng nếu chuộc anh ta ra, thì anh ta sẽ phải khuất phục nàng bằng mọi cách, dù phải dùng đến bạo lực. Vậy là, bà ta sai người đến gặp chủ nhân đang giam giữ vị thánh, đề nghị ông ta lấy từ bà ta bao nhiêu tùy ý, miễn là bán Mô-sê cho bà ta. Người chủ ấy, thấy đây là cơ hội thuận lợi để làm giàu, đã lấy của bà ta gần 1.000

[5318] Tức là từ Hungary. Tên gọi "Ugry-Vengry" có thể xuất hiện trong tiếng Nga vào khoảng đầu thế kỷ IX, khi người Slav Nga lần đầu tiên gặp gỡ người Magyar; rõ ràng lúc đó trong tiếng Nga vẫn còn tồn tại âm mũi và từ này được phát âm là "ngr"; điều này cũng giải thích cho tên gọi "Vengr" hiện nay.

[5319] Alta – một nhánh của sông Trubezh, đổ vào sông Dnieper ở hạ lưu Kiev từ phía bên trái, phía Moscow.

[5320] Năm 1015.

[5321] Grivna (từ tiếng Phạn "griva" – cổ), vốn là một chiếc vòng cổ, một sợi dây chuyền, thường làm bằng vàng, được đeo trên cổ như một món trang sức. Sau này, tên gọi grivna dần được dùng để chỉ một thỏi vàng có trọng lượng nhất định (từ 72 đến 96 zolotnik), được lưu hành như một loại tiền xu.

[5322] Năm 1017.

[5323] Tức là sang Ba Lan.

[5324] Từ năm 1018.

[5325] Tức là kể từ ngày sinh, cô đã giữ trinh tiết một cách bất khả xâm phạm.

đồng vàng, rồi giao Mô-sê cho bà ta. Người vợ ấy, sau khi có quyền lực trên ông, đã không ngần ngại lôi kéo ông vào những việc vô đạo đức. Sau khi tháo xiềng xích cho ông, bà ta mặc cho ông bộ quần áo đắt tiền, cho ông ăn những món ăn sang trọng, và trong lúc ôm ấp ông một cách dâm đãng, bà ta ép buộc ông phải quan hệ tình dục. Còn Thánh Mô-sê, khi thấy sự cuồng dại của người phụ nữ, lại càng siêng năng cầu nguyện và ăn chay hơn, thà chọn bánh mì khô và nước để làm đẹp lòng Chúa, còn hơn là những món ăn ngon và rượu vang nhưng đi kèm với sự ô uế. Và ngay lập tức, ông cởi bỏ những bộ quần áo đẹp đẽ, giống như Giô-sép, đã tránh được tội lỗi (Sáng Thế Ký 39:1–23), coi thường mọi thú vui của thế gian này. Người phụ nữ bị sỉ nhục đã nổi cơn thịnh nộ đến mức âm mưu giết chết vị thánh bằng cách bỏ đói, rồi tống ông vào ngục tối. Còn Đức Chúa Trời, Đấng ban thức ăn cho mọi loài thọ tạo, Đấng đã từng nuôi dưỡng Ê-li trong sa mạc (2 Sa-mu-ên 17:1–29), cũng như Phao-lô thành Thebes và nhiều tôi tớ khác của Ngài, những người đặt niềm tin nơi Ngài, đã không bỏ rơi vị thánh này: thực tế, một trong những tôi tớ của chính người phụ nữ ấy, được Đức Chúa Trời cảm hóa để tỏ lòng thương xót, đã lén mang thức ăn đến cho Môi-se. Còn những người khác thì khuyên nhủ ông:

– Anh Mô-sê ơi, điều gì cản trở anh lấy vợ? Anh còn trẻ, còn người góa phụ này chỉ sống với chồng có một năm và xinh đẹp hơn các phụ nữ khác; của cải của bà ấy không thể đếm xuể. Vị thế của bà ấy trên đất Ba Lan này rất lớn, đến nỗi nếu bà ấy muốn, thì ngay cả hoàng tử cũng không khinh thường bà ấy, vậy mà anh, một tù nhân và nô lệ, lại không muốn trở thành chủ nhân của bà ấy sao?! Nếu anh nói rằng anh không muốn vi phạm các điều răn của Chúa Kitô, thì chẳng phải Chúa Kitô đã phán trong Tin Mừng rằng: *"Vì thế, người nam sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và hai người sẽ trở thành một thịt"* (Mt 19:5). Cũng như Thánh Tông Đồ đã nói: *"Thà kết hôn còn hơn là nung nấu dục vọng"* (1 Cr 7:9). Ngài cũng nói về các góa phụ: *"Tôi mong các góa phụ trẻ tuổi hãy kết hôn"* (1 Ti-mô-thê 5:14). Còn anh thì chưa từng thề nguyện tu hành, nên anh được tự do khỏi điều đó. Vậy tại sao anh lại tự chuốc lấy những cực hình tàn ác và nặng nề, rồi phải chịu đựng như vậy? Nếu chẳng may anh phải chết trong tình trạng khốn khổ như thế, thì anh sẽ nhận được lời khen ngợi nào? Thật vậy, trong số các tổ phụ công chính như Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, ai đã khinh ghét phụ nữ? Không ai cả, ngoại trừ những tu sĩ ngày nay. Giô-sép, người tôi tớ, đã trốn khỏi vợ mình, nhưng sau đó ông cũng lấy vợ (Sáng Thế Ký 41:45). Và chính ngươi nữa, nếu ngươi thoát khỏi người vợ này mà còn sống, thì sau này (theo chúng ta nghĩ) ngươi cũng sẽ tự tìm cho mình một người vợ. Ai mà không cười nhạo sự thiếu khôn ngoan của ngươi? Tốt hơn là ngươi nên phục tùng người vợ này, để được tự do và làm chủ cả ngôi nhà của nàng.

Thánh Mô-sê đáp lại họ rằng:

– Quả thật, hỡi các anh em và những người bạn tốt của tôi, các anh đã cho tôi lời khuyên rất hay. Tôi hiểu rằng các anh đang đề nghị tôi dùng những lời tồi tệ nhất mà con rắn đã thì thầm vào tai Eva trong vườn Địa Đàng: các anh đang ép buộc tôi phải khuất phục trước người vợ này, nhưng dù thế nào đi nữa tôi cũng sẽ không chấp nhận lời khuyên của các anh; nếu tôi có phải chết trong xiềng xích và những cực hình nặng nề này, thì tôi vẫn trông đợi từ Thiên Chúa vô vàn ân sủng vì điều đó, và dù có nhiều người công chính được cứu rỗi cùng với vợ mình, thì riêng tôi, kẻ tội lỗi này, không thể được cứu rỗi cùng với vợ. Đúng vậy, nếu ngay từ đầu Giô-sép đã vâng lời vợ là Pentefria, thì sau này, khi ông lấy vợ mới, ông đã không thể trị vì ở Ai Cập. Nhưng vì thấy sự kiên nhẫn trước đó của ông, Đức Chúa Trời đã ban cho ông vương quốc Ai Cập; chính vì thế, ông được ca ngợi qua muôn đời như một người giữ mình trong sạch, dù ông đã có con cái. Còn tôi thì không mong muốn vương quốc Ai Cập, và càng không muốn thống trị hay giữ địa vị cao quý trên đất Ba Lan, cũng như hưởng vinh quang khắp cả đất nước Nga; nhưng tôi đã khinh thường tất cả những điều đó vì Nước Trời. Vì vậy, nếu tôi thoát khỏi tay người phụ nữ này mà còn sống, thì tôi sẽ không tìm kiếm người vợ nào khác, mà (nếu Chúa muốn) tôi sẽ trở thành một tu sĩ. Như Chúa Kitô đã phán trong Phúc Âm: *"Ai từ bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha, mẹ, vợ, con cái, hay ruộng đất vì danh Ta, thì sẽ được gấp trăm lần và được hưởng sự sống đời đời"* (Mt 19,29). Phải nghe theo Chúa Kitô hay nghe theo các ngươi? Sứ đồ còn nói: *"Người chưa kết hôn lo lắng về việc của Chúa, làm sao để làm đẹp lòng Chúa; còn người đã kết hôn lo lắng về việc trần gian, làm sao để làm đẹp lòng vợ"* (1 Cô-rinh-tô 7:32–33). Vậy, tôi hỏi các anh chị em: nên làm việc nhiều hơn cho ai – cho Chúa hay cho vợ? Tôi cũng biết rằng vị Tông đồ còn viết như sau: *"Hỡi các tôi tớ, hãy vâng lời chủ mình"* (Ê-phê-sô 6:5), nhưng là vì điều thiện, chứ không phải vì điều ác. Vậy nên, những ai đang giam giữ tôi, hãy biết rằng vẻ đẹp của người phụ nữ sẽ không bao giờ làm tôi say mê, huống chi là khiến tôi xa rời tình yêu dành cho Chúa Kitô.

Nghe vậy, người vợ ấy nảy sinh một mưu kế xảo quyệt khác trong lòng. Bà ra lệnh cho người ta đưa vị thánh lên ngựa, cùng với nhiều người hầu, dẫn đi khắp các thành phố và làng mạc của bà, đồng thời nói thêm:

– Tất cả những thứ này đều là của ngươi, nếu ngươi thích; hãy làm gì tùy ý với tất cả.

Còn bản thân bà ta thì nói với mọi người:

– Đây là chủ nhân của các ngươi, còn là chồng ta; ai gặp ngài thì hãy cúi đầu chào.

Ngài cười nhạo sự vô lý của người vợ ấy và nói với nàng:

– Ngươi đang phí công vô ích! Vì ngươi không thể quyến rũ ta bằng những vật chất phù du của thế gian này, cũng không thể tước đoạt của ta sự giàu có bất diệt; hãy hiểu điều này và đừng phí công vô ích nữa.

Lúc đó, người phụ nữ tức giận đáp lại:

– Chẳng lẽ ngươi không biết rằng ngươi đã bị bán cho ta, và ai có thể giải thoát ngươi khỏi tay ta? Ta sẽ không bao giờ để ngươi sống sót, mà sau bao đau khổ, ta sẽ giết chết ngươi.

Còn vị Thánh thì dũng cảm nói với nàng:

– Ta không sợ bất kỳ cực hình nào, vì Chúa ở cùng ta; từ giây phút này (theo ý muốn của Ngài), ta mong được phụng sự Ngài trong đời sống tu hành.

Và vào lúc đó, được Thiên Chúa dẫn dắt, một tu sĩ mặc áo đen từ Núi Thánh, vốn là một linh mục, đã đến gặp vị thánh Mô-sê và cạo đầu cho ngài theo hình thức tu sĩ Thánh Thiên Thần. Ông đã dạy dỗ ngài (Mô-sê) rất nhiều về sự trong sạch thiêng liêng, để ngài không dâng vai mình cho kẻ thù và không sợ người vợ ô uế ấy, rồi ông ra đi. Người ta đã tìm kiếm vị tu sĩ mặc áo đen ấy khắp nơi mà không thấy. Lúc đó, bà chủ, đã tuyệt vọng trong những hy vọng của mình, đã ra lệnh đánh đập dã man vị tu sĩ thánh thiện Mô-sê: bà ra lệnh cho người ta quật ngã ông xuống đất rồi đánh bằng gậy, đến nỗi mặt đất thấm đẫm máu. Những kẻ đánh đập Mô-sê đã thuyết phục ông:

– Hãy phục tùng bà chủ của ngươi, làm theo ý muốn của bà ấy; nếu ngươi không vâng lời, chúng ta sẽ xé xác ngươi ra từng mảnh; đừng nghĩ rằng ngươi sẽ thoát khỏi những cực hình này, mà sau nhiều lần tra tấn, ngươi sẽ trút hơi thở cuối cùng trong đau đớn còn khủng khiếp hơn; hãy thương xót chính bản thân mình; hãy vứt bỏ bộ áo tu sĩ rách rưới này và mặc vào những bộ trang phục quý tộc đắt tiền, thì ngươi sẽ thoát khỏi những cực hình đang đe dọa ngươi.

Mô-sê dũng cảm đáp lại:

– Hỡi các anh em! Hãy làm theo lệnh đã được truyền, đừng chần chừ chút nào: còn ta thì trong bất kỳ trường hợp nào cũng không thể từ bỏ đời tu và tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, và không có hình phạt nào, dù là lửa, gươm hay những vết thương, có thể buộc ta từ bỏ Đức Chúa Trời và hình ảnh vĩ đại của các Thiên thần. Còn người phụ nữ này, kẻ đã mất hết liêm sỉ và trí óc bị mờ ám, người đã khinh thường không chỉ sự kính sợ Thiên Chúa mà cả sự xấu hổ trước con người, đang vô liêm sỉ ép buộc tôi làm ô uế thân thể và phạm tội ngoại tình, tôi sẽ không bao giờ khuất phục và cũng không bao giờ tuân theo mệnh lệnh đáng nguyền rủa của bà ta.

Người phụ nữ này đã đau khổ vô cùng vì không biết làm sao để trả thù cho sự sỉ nhục của mình, cuối cùng đã viết cho Boleslav bức thư sau đây:

– Chính ngươi cũng biết rằng chồng ta đã bị giết trong cuộc chiến do ngươi phát động, và ngươi đã cho phép ta lấy bất kỳ ai ta muốn làm chồng. Tôi đã yêu một trong những tù binh của ngài, một chàng trai trẻ đẹp trai, và sau khi chuộc anh ta về, tôi đã đưa anh ta về nhà mình, trả rất nhiều vàng để mua anh ta, rồi trao hết vàng bạc trong nhà và toàn bộ quyền lực cho anh ta, chỉ mong anh ta đồng ý làm chồng tôi. Nhưng anh ta lại coi tất cả những điều đó chẳng đáng gì cả. Tôi đã nhiều lần tra tấn anh ta bằng cách bỏ đói và đánh đập, nhưng hoàn toàn không đạt được kết quả gì. Chưa đủ là anh ta đã phải chịu xiềng xích năm năm dưới tay chủ cũ, giờ đây đã sang năm thứ sáu ở với tôi và bị tôi hành hạ rất nhiều vì sự bất tuân của anh ta: tất cả những điều này đều do chính sự tàn nhẫn của anh ta tự chuốc lấy; giờ đây anh ta còn bị một tu sĩ nào đó cạo đầu: vậy thì, ngài ra lệnh cho tôi phải làm gì với anh ta?

Bolesław ra lệnh cho người phụ nữ đó đến gặp mình và đưa Mô-sê đến. Lệnh này đã được thi hành đúng như ý ông. Khi thấy vị tu sĩ, ông đã ép buộc ông ta lấy người phụ nữ đó làm vợ trong một thời gian dài, nhưng không thuyết phục được. Cuối cùng, ông nói với ông ta:

– Liệu có ai vô cảm như ngươi không? – Ngươi đang tự tước đoạt biết bao ân huệ và danh dự, và sẽ phải chịu những cực hình khủng khiếp?! Từ ngày hôm nay, hãy biết rằng sự sống và cái chết của ngươi nằm trong tay ngươi: hoặc là, nếu tuân theo ý muốn của phu nhân, ngươi sẽ được chúng ta kính trọng và nắm giữ quyền lực to lớn; hoặc là, nếu không tuân lệnh, ngươi sẽ phải chịu cái chết thảm khốc sau nhiều cực hình.

Hoàng tử cũng quay sang vợ và nói những lời như sau:

– Đừng bao giờ thả tự do cho tù nhân mà ngươi đã mua, nhưng với tư cách là phu nhân, hãy đối xử với nô lệ của ngươi theo ý muốn của ngươi; để những người khác cũng không dám bất tuân lệnh chủ nhân của họ.

Còn vị thánh tổ phụ Mô-sê của chúng ta đã đáp lại như sau:

– *"Con người được lợi gì* – Chúa phán – *nếu chiếm được cả thế gian mà lại làm tổn hại linh hồn mình? Hay con người sẽ dùng gì để chuộc lại linh hồn mình?"* (Mt 16:26) Còn ngươi – ngươi hứa ban cho ta sự tôn kính và vinh quang, những thứ mà chính ngươi cũng sẽ sớm mất đi, và quan tài sẽ đón nhận ngươi khi ngươi chẳng còn gì cả? Cũng giống như vậy, người vợ ô uế này sẽ bị giết một cách tàn nhẫn.

Tất cả những điều này đều đã ứng nghiệm theo lời tiên tri của vị thánh. Nhưng trước đó, người vợ ấy, sau khi nắm được quyền lực tuyệt đối đối với ông, lại lôi kéo ông vào tội lỗi một cách còn trơ trẽn hơn nữa: cô ta ra lệnh ép buộc đặt Mô-sê lên giường của mình, nơi cô ta hôn hít và ôm ấp ông; nhưng ngay cả như vậy, cô ta cũng không thể lôi kéo ông làm theo ý muốn của mình. Vì vị thánh nhân đã nói với cô ta:

– Công sức của ngươi là vô ích, hỡi người phụ nữ: đừng nghĩ rằng ta không phạm tội này vì ta là kẻ điên rồ, hay vì ta không thể; ta chỉ ghê tởm ngươi, kẻ ô uế, vì lòng kính sợ Thiên Chúa mà thôi.

Nghe vậy, người phụ nữ ra lệnh mỗi ngày phải đánh ông một trăm roi; cuối cùng, bà ra lệnh thiến ông. Thánh Mô-sê nằm bất động như người chết, vì mất máu nên chỉ còn giữ được những dấu hiệu yếu ớt của sự sống. Bolesław không cản trở điều này, thậm chí còn phát động một cuộc đàn áp lớn đối với các tu sĩ và trục xuất tất cả họ khỏi lãnh địa của mình, với mong muốn làm vừa lòng phu nhân của Mô-sê, một người phụ nữ quý tộc và được ông ta yêu mến. Nhưng Đức Chúa Trời đã sớm giáng xuống sự trừng phạt để báo thù cho các tôi tớ của Ngài. Vì vào một đêm nọ, Boleslav đột ngột qua đời[5326] và một cuộc nổi loạn lớn bùng phát trên khắp vùng đất của người Lyash. Bởi vì, khi nổi dậy, dân chúng đã đánh đập các giám mục và các quý tộc của họ, trong số đó có cả người phụ nữ đã mất đi sự trong trắng ấy cũng bị giết chết.

Nhiều năm sau đó, công nương của Đại công tước Kiev Izyaslav – người gốc Lyach, con gái của Bolesław – đã nhắc nhở ngài về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời này, xảy ra sau khi các tu sĩ bị trục xuất vì đã cạo đầu cho Thánh Mô-sê, với lời khuyên nhủ, xin ngài đừng trục xuất Thánh Antôn và các tu sĩ của ngài khỏi lãnh địa của mình vì việc cạo đầu cho Thánh Varlaam và hoạn quan Ephrem[5327] . Nhưng chúng ta hãy nói về hiện tại. Thánh phụ Mô-sê của chúng ta, sau khi được an ủi phần nào, đã đến hang động gặp Thánh Antôn, mang trên mình những dấu vết của sự tử đạo, như một chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô: và ngài sống theo ý Chúa, cống hiến mình trong cầu nguyện, ăn chay, thức trắng đêm và mọi đức tính tu sĩ, nhờ đó ngài đã chiến thắng mọi mưu mô của kẻ thù ô uế cho đến cùng.

Nhờ vô số chiến thắng trước những dục vọng ô uế, dâm dục đã nổi dậy chống lại vị thánh này, Chúa đã ban cho ngài sức mạnh để chiến thắng chính những dục vọng đó khi chúng nổi dậy chống lại những người khác. Vì vậy, một trong các tu sĩ, khi đang bị dục vọng dâm dục chi phối, đã đến cầu xin vị thánh này giúp đỡ:

– Còn tôi, – anh ta nói, – nếu ngài ra lệnh gì, tôi hứa sẽ tuân giữ cho đến khi chết.

Vị thánh nhân ra lệnh cho anh ta:

– Trong suốt cuộc đời, đừng bao giờ nói một lời nào với phụ nữ.

Người ấy đã hứa từ tận đáy lòng. Lúc đó, vị thánh, noi gương Mô-sê đầu tiên, người đã làm phép lạ bằng cây gậy, đã chạm cây gậy của mình vào vùng bụng của người anh em ấy, vì không có cây gậy, do những cơn đau từ những vết thương trước đó, người ấy không thể tự đi lại được; và ngay lập tức, mọi dục vọng ô uế của người anh em ấy đều tan biến (mất đi sức mạnh), và từ đó trở đi, anh ta không còn bị cám dỗ nữa.

Vị chiến binh tốt lành của Chúa Kitô này đã sống như vậy, trong đau khổ và hành trình thánh thiện của mình, suốt mười sáu năm: ông đã bị tra tấn oan uổng trong xiềng xích suốt năm năm dưới tay kẻ bắt giữ ông, thể hiện sự kiên nhẫn biết ơn Thiên Chúa như ông Gióp; năm thứ sáu, ngài đã chịu đựng một cách dũng cảm hơn cả Giô-sép vì sự trong sạch; sau đó, bằng mười năm im lặng như thiên thần trong hang động, được truyền lại từ núi Athos thánh thiêng, ngài đã tỏa sáng trước mọi người, giống như Mô-sê đầu tiên với "mười điều răn", theo trật tự thiên thần, được truyền lại cho ngài từ núi Si-nai thánh thiêng. Sau đó, vị thánh Mô-sê của chúng ta cũng thực sự được ân sủng trở thành người chiêm ngưỡng Thiên Chúa: ông đã chứng tỏ xứng đáng với phúc lành dành cho những ai có lòng trong sạch, và để được nhìn thấy Thiên Chúa mặt đối mặt, ông đã qua đời vào ngày 26 tháng Bảy[5328] , khi vị thánh Antôn còn sống, trong hang động của ngài, nơi cho đến nay thi hài bất hoại và làm phép lạ của vị thánh nhân này – người chưa bao giờ làm ô uế sự trong sạch – vẫn còn an nghỉ.

[5326] Ngày 3 tháng 4 năm 1025.

[5327] Xem tiểu sử của Thánh Antôn Pechersky vào ngày 10 tháng 7

Bằng di cốt của mình, Thánh Mô-sê vẫn chiến thắng những dục vọng ô uế ngay cả sau khi qua đời, như Thánh Gioan, người đã chịu nhiều đau khổ, đã chứng kiến. Bởi vì ngài, sau khi ẩn náu trong hang động và tự ép mình vào di cốt của Thánh Mô-sê cho đến tận vai, đã chịu đựng đau khổ trong một thời gian dài để chiến thắng dục vọng xác thịt trong chính mình, và cuối cùng đã nghe thấy tiếng Chúa phán:

– Hãy cầu nguyện với người đã khuất đang ở trước mặt ngài, vị thánh Mô-sê Ugrin này!

Khi vị thánh chịu nhiều đau khổ này làm theo lời đó, ngài lập tức được giải thoát khỏi sự ô uế. Cũng vậy, vị thánh Gioan ấy đã giải thoát một anh em khác, người cũng đang chịu đựng cùng một sự ô uế, khi ngài trao cho người bị ám ảnh bởi dục vọng một mảnh xương từ di cốt của Thánh Mô-sê, để người ấy áp lên thân thể mình, như đã được kể lại trong cuốn tiểu sử của Thánh Gioan Đầy Khổ Nạn. Và đối với chúng ta, những người đã được giải thoát khỏi mọi sự ô uế, xin Thánh Mô-sê trở thành vị lãnh đạo, dẫn dắt chúng ta trên con đường cứu rỗi bằng những lời cầu nguyện của ngài; xin chúng ta cùng ngài thờ phượng Thiên Chúa được tôn vinh trong Ba Ngôi, vinh quang thuộc về Ngài bây giờ, hiện tại và mãi mãi. A-men.

Lễ kính Thánh Tử đạo Hermolaus

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 7

Vị linh mục đáng kính Hermolaus và những người đồng hành của ngài – các vị thánh tử đạo Hermippus và Hermocrates – là các linh mục của Nhà thờ Thánh Nicomedia; họ là những người còn sót lại trong số 20.000 vị tử đạo đã bị Maximian thiêu sống trong nhà thờ, ngày tưởng niệm của các ngài được cử hành vào ngày 28 tháng 12. Ba vị tôi tớ của Chúa này đã ẩn náu ở nhiều nơi khác nhau vì sợ những người ngoại đạo, nhưng mỗi khi có cơ hội thuận lợi, họ lại giảng dạy đức tin thánh thiện cho những người ngoại đạo và dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô. Như vậy, Thánh Ermolai, khi gặp bác sĩ Panteleimon, đã dẫn dắt ông này trở thành Kitô hữu sau một cuộc trò chuyện được Thánh Thần soi dẫn. Khi Panteleimon bị vua vô đạo Maximian bắt đi tra tấn và bị hỏi rằng đã học đạo Kitô từ ai, vị thánh, không thể nói dối, đã tiết lộ cho họ biết đó là Thánh Hermolaus, một linh mục Kitô giáo. Ngay lập tức, Thánh Hermolaus cùng các đồng sự là những tôi tớ của Chúa Kitô là Hermippus và Hermocrates bị bắt và bị đưa ra trước tòa án vô đạo. Trong cuộc thẩm vấn, họ đã dũng cảm tuyên xưng Đức Kitô là Thiên Chúa chân thật, lên án các thần tượng xấu xa và những kẻ thờ lạy chúng; vì điều này, họ bị những kẻ tra tấn kết án tử hình và đã kết thúc cuộc đời bằng những nhát gươm. Chi tiết hơn về những đau khổ của họ được ghi lại trong cuốn tiểu sử của Thánh Đại Tử Đạo Panteleimon vào ngày 27

Bài ca Kondak, giọng 4:

Vì ngài đã sống một đời đạo đức và đã nhận được vương miện tử đạo: ngài đã dập tắt các lễ tế thần tượng, là vị mục tử tốt lành chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô, là bậc trí tuệ cao siêu, và là vị thầy chân chính của Thánh Panteleimon. Vì lý do đó, chúng con tôn vinh ngài bằng những bài ca khẩn cầu: xin ngài luôn cầu thay cho chúng con thoát khỏi mọi tai ương, hỡi Cha Hermolaos của chúng con.

Ngày tưởng niệm Thánh nữ Tử đạo Paraskeva

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 7

Thánh nữ tử đạo Paraskeva sống dưới triều đại của Hoàng đế Antoninus[5329] ở vùng ngoại ô thành phố La Mã cổ đại. Bà là con gái duy nhất của cha mẹ và chuyên tâm nghiên cứu Kinh Thánh. Khi cha mẹ qua đời, bà đã phân phát tài sản của mình cho người nghèo, gia nhập đời tu và, noi gương các Thánh Tông đồ, bắt đầu đi khắp nơi rao giảng về Chúa Kitô, nhờ đó đã dẫn dắt nhiều người ngoại giáo trở về với đức tin chân chính. Vì vậy, những người Do Thái đã vu khống cô trước mặt hoàng đế; hoàng đế ra lệnh đưa cô đến trước mặt mình. Sau khi cô, bất

[5328] Năm 1043.

[5329] Hoàng đế La Mã Antoninus Pius trị vì từ năm 138 đến năm 161.

chấp mọi lời thuyết phục lẫn đe dọa, vẫn không chịu từ bỏ Đức Kitô, hoàng đế ra lệnh trước tiên đội lên đầu cô một chiếc mũ sắt nung đỏ, rồi ném cô vào một cái nồi đồng chứa đầy dầu sôi sùng sục và nhựa cây, nhưng vị thánh một cách kỳ diệu vẫn không hề hấn gì trước tất cả những điều đó và, sau khi thực hiện phép lạ[5330] , đã khiến Hoàng đế Antoninus cùng những người tháp tùng ngài quy y đức tin vào Chúa Kitô. Sau đó, được thả tự do khỏi Roma, Thánh Paraskeva đã lên đường đến các thành phố khác và rao giảng về Chúa Kitô khắp mọi nơi. Khi đến một thành phố, nơi có một người tên là Asclepius đang cai trị, bà đã bị dẫn đến trước mặt ông ta. Thấy rằng bà không thay đổi ý định, vị vua ra lệnh đưa bà ra ngoài thành phố, đến chỗ một con rắn sống trong hang động và khiến mọi người kinh hoàng, để nó xé xác bà; nhưng bà đã làm dấu thánh giá trước mặt con rắn, và nó liền bị xé làm đôi. Sau đó, Asklipios và những người đi cùng ông đã tin vào Chúa Kitô. Được thả ra một lần nữa, vị thánh bắt đầu đi khắp các thành phố và các nước để rao giảng đức tin vào Chúa Kitô. Khi đến một thành phố do một vị vua khác tên là Tarasius cai trị, bà bị đưa ra trước tòa án của ông và bắt đầu rao giảng về Chúa Kitô. Lúc đó, ông đã bắt bà phải chịu nhiều hình phạt tàn bạo, nhưng vì không thể ép bà từ bỏ Chúa Kitô bằng những hình phạt đó, nên ông đã ra lệnh chém đầu bà bằng gươm[5331] .

Ngày 9 tháng 8

27 tháng 7 (theo lịch cũ)

Cùng ngày đó, Thánh Nicola, người giả điên vì Chúa Kitô, người Kochanov, qua đời tại Veliky Novgorod vào năm 1392.

Ngày chịu khổ nạn của Thánh Đại Tử đạo Panteleimon.

Ngày tưởng niệm 27 tháng 7

Khi vị hoàng đế vô đạo Maximian[5332] , kẻ hành hạ tàn bạo các Kitô hữu, đang trị vì, và khi gần như toàn bộ vũ trụ chìm trong bóng tối của sự vô đạo thờ ngẫu tượng, một cuộc bách hại lớn đã ập xuống khắp nơi đối với những người tin vào Chúa Kitô, và nhiều vị chứng nhân của Danh Thánh Giêsu đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô, thì vào thời điểm đó, Thánh Đại Tử Đạo Panteleimon cũng đã chịu khổ nạn vì Chúa Kitô tại xứ Bithynia[5333] , tại thành phố Nicomedia[5334] .

Vị tử đạo vinh quang này của Chúa Kitô, người đã chịu khổ nạn vì đức tin, sinh ra tại chính thành phố Nicomedia, là con của một người cha quý tộc và giàu có tên là Eustorgius, và mẹ là Evvula. Cha ngài, theo tín ngưỡng của mình, là một người ngoại đạo, say mê thờ cúng các thần tượng; còn mẹ ngài là một Kitô hữu, được tổ tiên dạy dỗ về đức tin thánh thiện và tận tụy phụng sự Chúa Kitô. Vậy là, dù gắn bó về thể xác nhưng họ lại chia rẽ về tinh thần: ông dâng lễ vật cho các vị thần giả dối, còn bà dâng "lễ vật ngợi khen" lên Thiên Chúa chân thật.

[5330] Trong cuốn Sách các Thánh của Nicodemos, nơi câu chuyện về Thánh nữ Tử đạo Paraskeva được trình bày chi tiết, phép lạ này được mô tả như sau. Bị ném vào nồi chứa dầu sôi và nhựa cây nhưng vẫn không hề hấn gì, vị thánh đã hất chất lỏng nóng bỏng vào mắt Hoàng đế Antoninus đang tò mò và làm ông mù lòa, sau đó, theo lời thỉnh cầu của ông, bà đã trả lại thị lực đã mất cho ông.

[5331] Năm qua đời của Thánh nữ Tử đạo Paraskeva không được biết rõ. Năm 1200, người hành hương Antony đã nhìn thấy di cốt của bà tại Constantinople, và nhà thờ của bà vẫn còn tồn tại ở đó cho đến ngày nay. Nhà thờ này nằm ở phía bên trái Vịnh Golden Horn, tại khu vực Has-Koy.

[5332] 305 – 311

[5333] Bithynia – vùng phía tây bắc của Tiểu Á, nằm dọc theo bờ Biển Đen, eo biển Bosphorus và eo biển Constantinople. Vùng đất này đã được biết đến từ thời cổ đại xa xưa và tên gọi của nó bắt nguồn từ người Bithynia, những người đã di cư đến đây từ Thrace. Bithynia là vùng đất xinh đẹp, màu mỡ và trù phú về gia súc. Năm 546 trước Công nguyên, người Bithynia rơi vào sự thống trị của người Ba Tư, nhưng từ năm 327, Bithynia lại trở thành một quốc gia độc lập; năm 75 trước Công nguyên, theo di chúc của vua Nicomedes III, Bithynia được chuyển giao cho người La Mã với tư cách là một tỉnh tự trị, do một quan tổng trấn đặc biệt cai quản. Đạo Kitô xuất hiện tại Bithynia từ thời các Tông đồ (Thư thứ nhất của Thánh Phêrô, chương 1, câu 1). Vào thời Plinius Trẻ, người cai trị Bithynia, và dưới triều đại Hoàng đế Trajan (98–117), nơi đây có rất nhiều tín hữu Kitô giáo, không chỉ ở các thành phố mà còn ở các làng mạc và thôn xóm. Dưới thời Đế chế Diocletian (284–305), tại Bithynia đã diễn ra cuộc đàn áp khủng khiếp đối với các tín hữu Kitô giáo. Trong các thế kỷ IV và V, Bithynia đặc biệt nổi bật về mặt giáo hội: tại đây đã diễn ra nhiều công đồng giáo hội liên quan đến các tà thuyết khác nhau.

[5334] Nicomedia – một thành phố tráng lệ trong thời cổ đại, tọa lạc bên bờ Propontis hay Biển Đá Cẩm Thạch.

Cậu bé mà họ sinh ra, người mà chúng ta đang nói đến, được đặt tên là Pantoleon, có nghĩa là "sư tử trong mọi việc", vì người ta cho rằng cậu sẽ dũng cảm như sư tử. Nhưng sau này, cậu bé được đổi tên thành Panteleimon, tức là "Đấng Toàn Lòng Thương Xót", bởi vì cậu luôn thể hiện lòng thương xót với mọi người: chữa bệnh miễn phí cho người ốm đau, bố thí cho người nghèo, và hào phóng chia sẻ tài sản của cha mình cho những người khốn khó.

Từ thuở ấu thơ, mẹ đã nuôi dạy cậu bé trong đức tin Kitô giáo, dạy cậu nhận biết Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật ngự trên trời, là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, để cậu tin vào Ngài và làm đẹp lòng Ngài bằng những việc lành, đồng thời từ chối đa thần giáo ngoại đạo. Cậu bé lắng nghe những lời dạy dỗ của mẹ và tiếp thu chúng, trong phạm vi khả năng của một cậu bé ở độ tuổi đó. Nhưng, thật là một mất mát và sự thiếu thốn lớn lao! Người mẹ nhân từ và là người dẫn dắt cậu trong những năm tháng đầu đời đã về với Chúa, để lại cậu bé khi cậu chưa đạt đến sự trưởng thành về trí tuệ và tuổi tác. Sau khi bà qua đời, cậu bé dễ dàng đi theo vết xe đổ của sự lầm lạc từ phía cha mình; cha cậu thường đưa cậu đi thờ lạy các thần tượng, củng cố cậu trong sự vô đạo của tôn giáo ngoại giáo.

Sau đó, cậu bé được gửi vào trường ngữ pháp, và khi cậu đã hoàn thành xuất sắc toàn bộ chương trình học về tri thức ngoại giáo bề ngoài, cha cậu đã gửi cậu đến trường y khoa của một vị bác sĩ danh tiếng tên là Euphrosynus, để cậu có thể rèn luyện kỹ năng trong nghệ thuật y học. Cậu thiếu niên, với trí tuệ nhạy bén, dễ dàng tiếp thu những gì được dạy và chẳng bao lâu đã vượt trội so với các bạn cùng lứa, gần như sánh ngang với chính thầy giáo của mình: hơn nữa, cậu còn nổi bật về cách ứng xử, tài hùng biện, vẻ đẹp và để lại ấn tượng tốt đẹp cho mọi người; cậu thậm chí còn được chính hoàng đế Maximian biết đến. Bởi vì vào thời điểm đó, Maximian đang sống tại Nicomedia; khi tra tấn các Kitô hữu, ông đã thiêu sống 20.000 người trong nhà thờ, vào ngày Giáng sinh, ông đã giết chết Giám mục Anphim, và sau khi tra tấn đủ mọi hình thức, ông đã xử tử nhiều người bằng những cách khác nhau. Bác sĩ Euphrosynus thường mang thuốc đến cung điện của vị hoàng đế tàn bạo này, hoặc đến gặp chính ông ta, hoặc đến gặp các quan lại trong triều đình, bởi vì vị bác sĩ này cung cấp thuốc chữa bệnh cho toàn bộ triều đình. Khi Euphrosynus đến cung điện gặp vua, cậu bé Pantoleon cũng đi theo, luôn bám sát thầy mình, và mọi người đều ngạc nhiên trước vẻ đẹp và trí tuệ sáng suốt của cậu bé. Vua nhìn thấy cậu, liền hỏi:

– Cậu bé này từ đâu đến và là con trai của ai?

Sau khi nhận được câu trả lời, nhà vua ra lệnh cho thầy giáo phải nhanh chóng và tốt nhất có thể dạy cho cậu thiếu niên tất cả nghệ thuật y học, đồng thời bày tỏ mong muốn luôn có cậu ở bên mình, như một người xứng đáng đứng trước mặt nhà vua và phụng sự ngài. Vào thời điểm đó, cậu thiếu niên đã bước vào độ tuổi trưởng thành.

Vào những ngày ấy, tại Nicomedia có một vị linh mục già tên là Hermolaus, vì sợ những kẻ vô đạo nên đã ẩn náu cùng một số ít tín hữu Kitô giáo trong một ngôi nhà nhỏ bé và khiêm tốn. Con đường mà Panteleimon đi từ nhà mình đến chỗ thầy và trở về, đi ngang qua ngôi nhà nơi Hermolaus đang ẩn náu. Thấy chàng trai trẻ thường xuyên đi ngang qua qua ô cửa sổ nhỏ, Hermolaus đã nhận ra tính cách hiền lành của cậu qua nét mặt và ánh mắt; bằng linh cảm, ông hiểu rằng chàng trai trẻ này sẽ là khí cụ được Chúa chọn, nên một ngày nọ, Hermolaus đã bước ra đón cậu và nài nỉ cậu ghé vào nhà ông chỉ trong chốc lát. Chàng trai hiền lành và vâng lời đã bước vào nhà vị tu sĩ già. Sau khi mời chàng ngồi bên cạnh mình, vị tu sĩ già hỏi về nguồn gốc và cha mẹ của chàng, về đức tin cũng như toàn bộ lối sống của chàng. Chàng trai kể lại mọi chuyện một cách chi tiết và cho biết mẹ cậu là người theo đạo Kitô và đã qua đời, còn cha cậu vẫn còn sống và, theo các luật lệ ngoại đạo, thờ phụng nhiều ác quỷ. Thánh Ermolaï hỏi cậu như sau:

– Vậy còn con, đứa con ngoan ơi! Con muốn theo phe và tín ngưỡng nào, của cha hay của mẹ?

Chàng trai trả lời:

– Khi còn sống, mẹ tôi đã dạy tôi về đức tin của bà, và tôi đã yêu mến đức tin ấy. Nhưng cha tôi, với quyền lực lớn hơn, ép buộc tôi phải tuân theo các luật lệ ngoại đạo và muốn đưa tôi vào cung điện hoàng gia với địa vị ngang hàng với những chiến binh và quan lại thân cận, có địa vị cao quý của nhà vua.

Thánh Hermolaus lại hỏi:

– Vậy thầy của con đang dạy con những điều gì?

Chàng trai trẻ trả lời như sau:

– Giáo lý của Asclepiades, Hippocrates và Galen[5335] ; đúng vậy, đó chính là điều cha tôi mong muốn, và thầy tôi cũng nói rằng nếu tôi nắm vững giáo lý của những vị ấy, thì tôi sẽ dễ dàng chữa trị mọi bệnh tật cho con người.

[5335] Các bác sĩ nổi tiếng thời cổ đại.

Từ những lời cuối cùng đó, Thánh Hermolaus đã tìm thấy cơ hội để có một cuộc trò chuyện hữu ích và bắt đầu gieo những hạt giống tốt lành của Lời Chúa vào trái tim chàng trai trẻ, như gieo trên mảnh đất màu mỡ:

– Hãy tin ta, – ngài nói, – hỡi chàng trai tốt bụng! – ta nói với ngươi một sự thật; giáo lý và nghệ thuật của Asclepiades, Hippocrates và Galen thật tầm thường và chẳng giúp ích được gì nhiều cho những ai tìm đến chúng. Thậm chí các vị thần mà hoàng đế Maximian, cha cậu và những người ngoại đạo khác tôn thờ cũng chỉ là hư vô, chẳng qua là những chuyện hoang đường và sự lừa dối dành cho những kẻ thiếu trí tuệ. Còn Đức Chúa Trời chân thật và toàn năng chỉ có một – đó là Chúa Giê-su Christ; nếu con tin vào Ngài, con sẽ chữa lành mọi bệnh tật chỉ bằng một lời kêu cầu danh thánh của Ngài. Vì Ngài đã ban thị lực cho người mù, thanh tẩy người phong cùi, làm cho người chết sống lại; Ngài đã đuổi những tà thần mà dân ngoại thờ phượng ra khỏi con người chỉ bằng một lời; không chỉ chính Ngài, mà cả áo xống của Ngài cũng mang lại sự chữa lành: vì người phụ nữ bị chảy máu suốt mười hai năm, chỉ cần chạm vào mép áo của Ngài là lập tức được chữa lành. Nhưng ai có thể kể chi tiết về tất cả những việc làm kỳ diệu của Ngài? Cũng như không thể đếm hết cát biển, sao trời và giọt nước, thì cũng không thể đếm hết các phép lạ và đo lường được sự vĩ đại của Thiên Chúa. Và bây giờ, Ngài là Đấng Cứu Trợ vững chắc cho các tôi tớ của Ngài, an ủi những người đau buồn, chữa lành cho người bệnh, giải thoát khỏi tai ương và giải phóng khỏi mọi điều ác của kẻ thù, không chờ đợi ai cầu xin, mà đã tiên liệu trước những lời cầu nguyện và thậm chí cả những rung động trong lòng. Ngài cũng ban sức mạnh để thực hiện tất cả những điều này cho những ai yêu mến Ngài và ban cho họ ân sủng của những phép lạ còn vĩ đại hơn nữa; cuối cùng, Ngài ban sự sống vĩnh cửu trong vinh quang muôn đời của Nước Trời.

Pantoleon tin tưởng những lời dạy này của Thánh Hermolaus là chân thật, và đón nhận chúng vào lòng; với niềm vui, ông suy ngẫm sâu sắc về chúng bằng trí tuệ, và ông nói với vị thánh già:

– Con đã nghe điều này nhiều lần từ mẹ con và thường thấy bà cầu nguyện và kêu cầu Đấng Thiên Chúa mà cha đang kể cho con nghe.

Từ ngày đó, Pantoleon hàng ngày đều đến gặp vị tu sĩ già và say mê những cuộc trò chuyện được Thánh Thần soi dẫn của ngài, nhờ đó củng cố thêm sự hiểu biết về Đức Chúa Trời chân thật. Và mỗi khi trở về từ thầy Euphrosynus, cậu không bao giờ về nhà ngay mà phải ghé thăm vị tu sĩ già trước, để nhận những lời dạy bổ ích cho tâm hồn từ ngài.

Một lần nọ, trên đường trở về từ chỗ thầy, anh rẽ sang một chút và tình cờ phát hiện một đứa trẻ đã chết, bị một con rắn độc khổng lồ cắn, cùng con rắn đó đang nằm ngay bên cạnh nạn nhân. Thấy cảnh đó, Pantoleon ban đầu hoảng sợ và lùi lại một chút, rồi tự nhủ trong lòng:

– Giờ đã đến lúc tôi phải thử nghiệm và xác minh xem liệu tất cả những gì ông già Hermolaus đã nói có đúng sự thật hay không.

Nhìn lên trời, anh thốt lên:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, dù con không xứng đáng để kêu cầu Ngài, nhưng nếu Ngài muốn con trở thành tôi tớ của Ngài, xin hãy tỏ quyền năng của Ngài và làm cho, nhân danh Ngài, cậu bé này sống lại, còn con rắn độc kia thì chết đi.

Và ngay lập tức, cậu bé như vừa thức dậy từ giấc ngủ, sống lại, còn con rắn độc thì bị xé làm đôi. Lúc đó, Pantoleon, đã hoàn toàn tin tưởng vào Đấng Kitô, hướng đôi mắt thể xác và tâm linh lên trời và ngợi khen Thiên Chúa với niềm vui và nước mắt vì Ngài đã dẫn dắt ông từ bóng tối đến ánh sáng của sự hiểu biết về Ngài. Anh ta vội vã đến gặp Thánh Hermolaus, vị linh mục, quỳ xuống dưới chân thánh của ngài, xin được rửa tội. Anh kể lại cho ngài nghe những gì đã xảy ra, rằng cậu thiếu niên đã chết nay sống lại nhờ quyền năng của danh Chúa Giêsu Kitô, và con rắn độc đã gây ra cái chết ấy đã bị tiêu diệt. Thánh Hermolaus rời khỏi nhà, đi cùng cậu đến xem con rắn độc đã chết, và khi nhìn thấy, ngài đã tạ ơn Thiên Chúa vì phép lạ kỳ diệu này, nhờ đó Ngài đã dẫn dắt Pantoleon đến với sự hiểu biết về Ngài. Khi trở về nhà, ngài đã rửa tội cho chàng trai nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, và sau khi cử hành Thánh lễ trong phòng riêng của mình, ngài đã ban cho chàng trai Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô.

Sau khi được rửa tội, Pantoleon ở lại với vị tu sĩ già Hermolae bảy ngày, học hỏi từ những lời Thánh do vị tu sĩ già truyền đạt và nhờ ân sủng của Chúa Kitô: như từ một suối nước sống, anh nuôi dưỡng linh hồn mình để trổ sinh dồi dào những hoa trái thiêng liêng. Vào ngày thứ tám, anh trở về nhà, và cha anh hỏi anh:

– Con ơi, con đã ở đâu suốt bao nhiêu ngày qua, cha lo lắng cho con lắm?

Vị thánh đáp:

– Con đã ở cùng thầy tại cung điện của nhà vua, – chúng con đã chữa trị cho một bệnh nhân mà nhà vua rất yêu quý, và không rời khỏi người ấy suốt bảy ngày, cho đến khi người ấy hồi phục sức khỏe.

Vị thánh đã nói như vậy và không nói dối, nhưng dưới hình thức một câu chuyện ngụ ngôn, ngài truyền đạt sự thật một cách bí ẩn và ẩn dụ: trong tâm trí mình, ngài gọi vị linh mục thánh Hermolaus là "thầy", "cung điện của nhà vua" ngài hiểu là sự bình an nội tâm, nơi mà Bí tích Thánh Thể được cử hành, còn "người bệnh" ngài gọi là linh hồn mình, linh hồn mà Vua Trời đã yêu thương và đã được chữa lành bằng phương thuốc thiêng liêng trong bảy ngày.

Khi sáng hôm sau ông đến gặp thầy Euphrosynus, vị thầy này đã hỏi ông:

– Con đã đi đâu suốt bao nhiêu ngày qua vậy?

– Cha tôi, sau khi mua một điền trang, đã sai tôi đến nhận nó, và tôi đã nán lại, xem xét kỹ lưỡng mọi thứ ở đó: bởi vì nó được mua với giá rất đắt.

Và anh nói điều đó một cách ẩn dụ về phép Rửa tội thánh mà anh đã nhận, cũng như về các bí tích khác của đức tin Kitô giáo mà anh đã biết, tất cả đều có giá trị phi thường, vượt xa mọi của cải, vì chúng được mua bằng máu của Chúa Kitô. Nghe vậy, Thầy Euphrosynus ngừng hỏi han. Còn Pantoleon, vị thánh phúc lành, thì tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa, mang trong lòng kho tàng của đức tin thánh thiện. Ông hết lòng quan tâm đến cha mình, mong muốn đưa ông ra khỏi bóng tối của sự thờ ngẫu tượng và dẫn đến ánh sáng của sự nhận biết Chúa Kitô; và mỗi ngày, khi trò chuyện với ông bằng sự khôn ngoan qua những câu chuyện ngụ ngôn và những câu hỏi, ông nói với ông:

– Thưa cha! Tại sao các vị thần được tạo ra ở tư thế đứng thì từ lúc ban đầu cho đến ngày nay vẫn đứng nguyên, không bao giờ ngồi xuống; còn những vị thần được tạo ra ở tư thế ngồi thì từ lúc ban đầu cho đến ngày nay vẫn ngồi nguyên, không bao giờ đứng dậy?

– Câu hỏi của con cũng chưa hoàn toàn rõ ràng với cha, – người cha đáp, – và chính cha cũng không biết phải trả lời thế nào.

Còn vị thánh, liên tục đặt ra những câu hỏi khác tương tự như vậy cho cha mình, đã khiến ông ta nghi ngờ về các vị thần của mình và dần dần nhận ra sự dối trá và lầm lạc của việc thờ cúng thần tượng; người cha đã không còn tôn kính các thần tượng như trước đây, khi ông dâng lên chúng vô số lễ vật và sự thờ phụng hàng ngày, mà bắt đầu khinh bỉ chúng và không thờ phụng chúng nữa. Thấy điều đó, Pantoleon vui mừng vì dù đã gieo rắc sự nghi ngờ trong lòng người cha về các thần tượng, dù chưa thể khiến ông hoàn toàn từ bỏ chúng. Không ít lần Pantoleon muốn đập vỡ các thần tượng của cha mình, vốn có rất nhiều trong nhà, nhưng anh đã kiềm chế, một phần để không làm cha mình phật lòng – người mà theo các điều răn của Đức Chúa Trời, phải được tôn kính – một phần vì anh hy vọng rằng khi cha mình tự mình nhận ra Đức Chúa Trời chân thật, ông sẽ muốn tự tay đập vỡ chúng.

Vào lúc đó, người ta dẫn một người mù đến trước mặt Pantoleon, người này cầu xin được chữa lành như sau:

– Tôi khẩn cầu ngài, xin thương xót tôi, kẻ đã bị mù lòa và mất đi ánh sáng quý giá; tất cả các bác sĩ trong thành phố này đều đã chữa trị cho con, nhưng con không nhận được chút lợi ích nào từ họ; thậm chí những tia sáng cuối cùng mà con có thể nhìn thấy cũng đã mất đi cùng với toàn bộ tài sản của con; vì con đã tiêu tốn rất nhiều tiền để trả công cho họ, và thay vì được chữa lành, con chỉ nhận được từ họ sự tổn hại và sự lãng phí thời gian.

Vị thánh đã phản bác lại:

– Nếu ngươi đã chia hết tài sản cho những bác sĩ mà ngươi không nhận được lợi ích gì từ họ, thì ngươi sẽ đền đáp ta bằng gì nếu ngươi được chữa lành và nhìn thấy lại?

– Số ít ỏi còn lại – người mù kêu lên – tôi sẽ sẵn lòng dâng hết cho ngài.

Vị thánh nói:

– Ơn được sáng mắt, mở ra ánh sáng cho anh, sẽ do Cha của các ánh sáng, Thiên Chúa chân thật, ban cho anh qua tôi, một tôi tớ bất xứng của Ngài; còn những gì anh đã hứa, đừng trao cho tôi, mà hãy phân phát cho những người nghèo.

Nghe vậy, Eustorgius, cha của Pantoleon, nói với anh ta:

– Con ơi! Đừng dại dột dính líu vào chuyện mà con không thể làm được, nếu không con sẽ bị người ta chế giễu: thực ra, con có thể làm gì hơn những bác sĩ giỏi hơn con, những người đã chữa trị cho anh ta mà vẫn không thể chữa khỏi?

– Không ai cả, – vị thánh phản bác, – trong số các bác sĩ đó không ai biết phương thuốc nào nên dùng trong trường hợp này như con biết, bởi vì có sự khác biệt rất lớn giữa họ và giữa thầy của con, người đã chỉ cho con phương thuốc này.

Cha của anh ta, nghĩ rằng anh ta đang nói về thầy Euphrosyne, liền nói:

– Tôi nghe nói rằng cả thầy của con cũng đã khám cho người mù này mà không thể làm gì được.

– Hãy đợi một chút, thưa cha! – Pantoleon đáp, – và cha sẽ thấy sức mạnh của phương pháp chữa bệnh của con.

Nói xong, anh chạm ngón tay vào mắt người mù và nói:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô của con, Đấng ban ánh sáng cho người mù, hãy mở mắt ra.

Ngay lập tức, đôi mắt người mù mở ra – và anh ta bắt đầu nhìn thấy. Và ngay lúc đó, cha của Pantoleon, Eustorgius, cùng với người vừa được mở mắt, đã tin vào Đấng Christ và được linh mục thánh Hermolaus rửa tội, và họ tràn ngập niềm vui thiêng liêng vĩ đại về ân sủng và quyền năng của Đấng Christ.

Khi đó, Evstorgiy bắt đầu đập phá tất cả các tượng thần trong nhà mình, với sự giúp đỡ của con trai ông là thánh Pantoleon; sau khi đập vỡ các tượng thần thành từng mảnh, họ ném những mảnh vỡ đó xuống một con hào sâu và lấp đất lên. Sau đó không lâu, Evstorgiy đã về với Chúa. Còn Pantoleon, sau khi trở thành người thừa kế khối tài sản khổng lồ của cha mình, đã ngay lập tức ban tự do cho các nô lệ nam và nữ, đồng thời thưởng cho họ một cách hào phóng; còn tài sản thì ông phân phát cho những người khốn khó: người nghèo, người ăn xin, góa phụ và trẻ mồ côi. Ông đi thăm các nhà tù và, khi viếng thăm tất cả những ai đang chịu khổ trong xiềng xích, an ủi họ bằng việc chữa bệnh và ban phát những thứ họ cần; nhờ vậy, ông không chỉ là bác sĩ chữa lành vết thương mà còn là người chữa lành nỗi đau của loài người; vì tất cả đều nhận được từ ông những ân huệ dồi dào; những người ăn xin trở nên giàu có nhờ lòng hào phóng của ngài; còn trong việc chữa bệnh, ân sủng của Thiên Chúa đã giúp đỡ ngài. Bởi vì ngài đã được ban cho từ trên cao ân tứ chữa lành, và ngài đã chữa lành mọi bệnh tật một cách vô tư, không phải bằng các phương thuốc dược phẩm, mà chủ yếu là nhờ việc kêu cầu danh Chúa Giêsu Kitô. Chính lúc đó, Pantoleon đã thực sự trở thành Panteleimon, tức là "Đấng Toàn Lòng Thương Xót", cả về danh xưng lẫn hành động, ban ân huệ cho mọi người và không để ai ra về tay không hay không được an ủi, vì ngài không bao giờ từ chối giúp đỡ, dù là ít ỏi, và chữa lành cho người bệnh mà không đòi hỏi bất cứ điều gì. Cả thành phố đã tìm đến ông với những người bệnh của mình, bỏ qua tất cả các bác sĩ khác, bởi vì không ai có thể mang lại những sự chữa lành nhanh chóng và hoàn hảo như Panteleimon, người đã chữa trị thành công mà không nhận tiền từ ai cả. Và danh tiếng của vị bác sĩ nhân từ và chữa bệnh miễn phí này đã lan rộng khắp dân chúng, trong khi các bác sĩ khác bị chỉ trích và chế giễu. Do đó, các bác sĩ đã nảy sinh sự ghen tị và thù hận không nhỏ đối với vị thánh; điều này bắt đầu từ thời điểm người mù nói trên được chữa lành. Sự việc diễn ra như sau.

Một ngày nọ, khi người mù này – người đã được sáng mắt nhờ Thánh Panteleimon – đang đi dạo trong thành phố, các bác sĩ nhìn thấy anh ta và thì thầm với nhau:

– Chẳng phải đây chính là người trước đây bị mù, đã đến tìm chúng ta để được chữa lành mà chúng ta không thể chữa khỏi sao? Sao giờ anh ta lại nhìn thấy được? Ai và bằng cách nào đã chữa lành cho anh ta và mở mắt cho anh ta?

Họ liền hỏi chính anh ta xem làm sao anh ta lại nhìn thấy được? Và người đó không giấu giếm rằng vị bác sĩ của anh ta chính là Panteleimon. Những người đó, biết rằng anh ta là đệ tử của Euphrosynus, đã nói:

– Thầy vĩ đại thì đệ tử cũng vĩ đại.

Họ không biết rằng sức mạnh của Chúa Kitô đã hoạt động qua Panteleimon, và dù không hay biết, họ đã thừa nhận sự thật rằng Panteleimon – đệ tử vĩ đại của vị Thầy vĩ đại – chính là Chúa Giêsu Kitô. Nhưng dù miệng họ giả dối ca ngợi vị thánh, thì trong lòng, vì ghen tị, họ lại ấp ủ ý đồ xấu xa và theo dõi vị thánh, tìm kiếm bất kỳ cáo buộc nào chống lại ngài để hủy hoại ngài. Và khi nhận thấy ngài thường đến các ngục tối để chữa lành những vết loét cho các môn đệ đang chịu khổ vì Chúa Kitô, họ đã báo cáo với Maximinus, kẻ hành hình:

– Bệ hạ! Chàng trai mà ngài đã ra lệnh dạy nghề y, với mong muốn có anh ta ở bên cạnh trong cung điện của ngài, đã khinh thường ân huệ rõ ràng mà ngài dành cho anh ta, lại đi lang thang trong các nhà tù, chữa lành cho những tù nhân phỉ báng các vị thần của chúng ta, cùng họ bàn luận về các vị thần của chúng ta và lôi kéo những người khác vào sự bàn luận xấu xa đó. Nếu ngài không tiêu diệt hắn trong thời gian sớm nhất, ngài sẽ phải gánh chịu không ít rắc rối, bởi ngài sẽ chứng kiến nhiều người, nhờ vào giáo lý quyến rũ của hắn, sẽ quay lưng lại với

các vị thần. Thực tế, nghệ thuật y học mà Pantoleon dùng để chữa bệnh, hắn không quy cho Esculapius[5336] hay bất kỳ vị thần nào khác, mà quy cho một ai đó tên là Chúa Kitô, và tất cả những ai được hắn chữa lành đều tin vào Ngài.

Đó là những gì những kẻ vu khống đã nói, khi họ nài nỉ nhà vua ra lệnh triệu tập người mù đã được Pantoleon chữa lành, để làm bằng chứng xác thực cho sự đúng đắn của lời nói họ. Và nhà vua lập tức ra lệnh tìm người mù đã được chữa lành đó, và khi người ấy được dẫn đến, nhà vua hỏi:

– Này người kia, hãy nói cho ta biết, Pantoleon đã chữa lành đôi mắt ngươi như thế nào?

Người ấy đáp:

– Ông ấy đã xưng danh Chúa Kitô, chạm vào mắt tôi, và tôi lập tức nhìn thấy được.

– Còn ngươi nghĩ sao, – nhà vua hỏi anh ta, – là Chúa Kitô đã chữa lành cho ngươi hay là các vị thần?

– Thưa Bệ hạ! – người ấy đáp – Những vị bác sĩ mà ngài thấy xung quanh đây đã tốn rất nhiều công sức và thời gian để chữa trị cho tôi; họ đã lấy hết tài sản của tôi, không những không mang lại lợi ích gì cho tôi, mà còn tước đi cả chút thị lực ít ỏi mà tôi còn có, và cuối cùng khiến tôi mù lòa hoàn toàn. Còn Thánh Panteleimon, chỉ bằng một lời kêu cầu danh Chúa Kitô, đã cho tôi được sáng mắt. Giờ đây, chính ngài, hỡi Đức vua, hãy tự suy xét và quyết định xem ai là bác sĩ giỏi nhất và chân chính nhất: Esculapius và các vị thần khác, những người đã được kêu cầu trong một thời gian dài mà chẳng giúp ích gì, hay là Chúa Kitô, Đấng chỉ được Thánh Panteleimon kêu cầu một lần duy nhất và ngay lập tức đã ban cho tôi sự chữa lành.

Không biết phải trả lời thế nào, nhà vua, theo thói quen của tất cả những kẻ tra tấn, bắt đầu ép buộc ông ta phạm tội bất kính:

– Đừng điên rồ, hỡi người, và đừng nhắc đến Chúa Kitô, vì rõ ràng là các vị thần đã ban cho ngươi khả năng nhìn thấy ánh sáng.

Người được chữa lành, không để ý đến quyền lực của nhà vua và không sợ những lời đe dọa của kẻ tra tấn, đã trả lời Maximian một cách táo bạo hơn cả người mù trong Phúc Âm (Giăng 9:27), người từng bị đưa ra thẩm vấn trước các người Pha-ri-si:

– Chính ngài mới là kẻ điên rồ, hỡi đức vua! Ngài gọi các vị thần mù lòa của ngài là những Đấng ban cho thị lực, và chính ngài cũng giống như họ, không muốn nhìn thấy sự thật.

Tràn đầy cơn giận, nhà vua ra lệnh ngay lập tức chém đầu ông bằng gươm, và đầu của vị chứng nhân nhân lành mang danh Chúa Giê-su Ki-tô đã bị chém đứt; ông ra đi để được đối diện, trong ánh sáng thiên đàng không bao giờ tắt, với Đấng mà ông đã làm chứng trên đất, sau khi đã được ban cho thị lực thể xác. Thánh Panteleimon đã mua thi thể của ngài từ những kẻ sát nhân và chôn cất gần thi thể của cha ngài.

Sau đó, nhà vua ra lệnh cho gọi Thánh Panteleimon đến. Trong khi các binh sĩ dẫn vị thánh đến trước mặt nhà vua, ngài đã hát những lời trong Thánh vịnh của Đa-vít: *"Lạy Đức Chúa Trời, Đấng tôi ngợi khen! Xin đừng im lặng, vì miệng những kẻ bất chính và miệng những kẻ xảo trá đã mở ra chống lại con"* (Thánh vịnh 108:1–2) và tiếp tục đọc những câu khác trong thánh vịnh đó. Như vậy, thân xác ngài hiện diện trước mặt vị vua trần gian, còn linh hồn thì hiện diện trước mặt Thiên Chúa.

Vua Maximian, nhìn ngài mà không hề có chút giận dữ nào, nhẹ nhàng bắt đầu thuyết phục ngài như sau:

– Ta đã nghe những điều không hay về ngươi, Pantoleon; người ta nói với ta rằng ngươi bằng mọi cách chỉ trích và hạ nhục Esculapius cùng các vị thần khác, còn Đức Kitô, Đấng đã chịu chết một cách thảm khốc, thì ngươi lại tôn vinh, đặt niềm tin vào Ngài và chỉ gọi một mình Ngài là Thiên Chúa. Có vẻ như ngươi không hề không biết rằng ta đã dành cho ngươi sự quan tâm lớn lao đến nhường nào và đã ban cho ngươi ân huệ to lớn ra sao, đến nỗi ngươi được tiếp đón ngay trong cung điện của ta, và ta đã ra lệnh cho thầy dạy của ngươi, Euphrosynus, nhanh chóng dạy ngươi nghệ thuật y học, để ngươi luôn ở bên cạnh ta không rời; nhưng ngươi, khinh thường tất cả những điều đó, lại nghiêng về phía kẻ thù của ta. Tuy nhiên, ta không muốn tin những gì người ta nói về ngươi; bởi vì con người thường hay nói nhiều điều sai sự thật. Đó là lý do tại sao ta đã triệu tập ngươi đến đây, để chính ngươi tự kể ra sự thật về bản thân và vạch trần những lời vu khống dối trá của những kẻ ghen tị, trước sự chứng kiến của tất cả mọi người, sau khi đã dâng lễ vật lên các vị thần vĩ đại như lẽ ra phải làm.

Vị Thánh đáp:

– Hành động đáng tin hơn lời nói, hỡi Đức vua! Bởi lẽ sự thật được nhận biết rõ ràng hơn qua hành động hơn là qua lời nói. Vậy nên, xin hãy tin những lời kể về tôi rằng tôi từ bỏ Aesculapius và các vị thần khác của các

[5336] Thần bảo trợ của nghệ thuật y học.

ngài, mà tôn vinh Đức Kitô, bởi vì qua những việc Ngài làm, tôi đã nhận biết rằng Ngài là Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật. Hãy nghe tóm tắt những việc làm của Đấng Christ: Ngài đã tạo dựng trời, lập nên đất, làm cho người chết sống lại, ban lại thị lực cho người mù, chữa lành người phong cùi, nói tóm lại là Ngài đã nâng những người liệt giường khỏi giường bệnh. Tôi không biết các vị thần mà các ngài tôn kính đã làm được điều gì tương tự như vậy – và liệu họ có thể làm được không? Nếu bây giờ ngươi muốn biết sức mạnh toàn năng của Chúa Kitô, ngươi sẽ thấy ngay lập tức sức mạnh đó thể hiện trong thực tế. Hãy ra lệnh mang đến đây một người nào đó đang nằm trên giường bệnh, sắp chết, người mà các bác sĩ đã mất hy vọng, và hãy để các thầy tế lễ của ngài đến và cầu khẩn các vị thần của họ, còn tôi sẽ cầu khẩn Đức Chúa Trời của tôi – và vị thần nào chữa lành cho người bệnh, thì vị đó sẽ được công nhận là Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, còn những vị thần khác sẽ bị loại bỏ.

Vua rất ưng ý với lời khuyên của vị thánh, và ngài ra lệnh ngay lập tức tìm kiếm một bệnh nhân như vậy.

Và thế là người ta đã khiêng đến một người nằm trên giường, bị liệt suốt nhiều năm, không thể cử động bất kỳ bộ phận nào trên cơ thể và trông như một cái cây vô tri vô giác. Các thầy tế – những người thờ cúng các thần tượng và có kinh nghiệm trong nghệ thuật y học – cũng đến và đề nghị vị thánh trước tiên hãy cầu khẩn Đấng Christ của mình.

Vị thánh đã phản bác họ:

– Nếu tôi kêu cầu Đức Chúa Trời của tôi và Đức Chúa Trời của tôi chữa lành cho người bị liệt này, thì các vị thần của các ngươi sẽ chữa lành cho ai? Nhưng hãy để các ngươi kêu cầu các vị thần của các ngươi trước đi; nếu họ chữa lành cho người bệnh, thì sẽ không cần phải kêu cầu Đức Chúa Trời của tôi nữa.

Vậy là các thầy tế bắt đầu cầu khẩn các vị thần của họ: người này cầu khẩn Aesculapius, người kia cầu khẩn Zeus, người khác cầu khẩn Diana, những người còn lại cầu khẩn các ác quỷ khác, nhưng chẳng nghe thấy tiếng động nào, cũng chẳng có dấu hiệu phản hồi nào. Họ đã miệt mài thực hiện những lời cầu nguyện trái với ý Chúa trong một thời gian dài mà không thu được kết quả nào. Còn vị thánh, thấy những nỗ lực vô ích của họ, đã mỉm cười. Thấy ngài cười, nhà vua quay sang Pantoleon và nói:

– Hỡi Pantoleon, nếu ngươi có thể, hãy làm cho người này khỏe mạnh bằng cách cầu khẩn vị Thần của ngươi.

– Hãy để các thầy tế lễ lui ra, – vị thánh nói – và họ đã lui ra.

Rồi vị thánh tiến đến bên giường, ngước mắt lên trời và dâng lời cầu nguyện sau đây:

– *"Lạy Chúa! Xin hãy nghe lời cầu nguyện của con, và tiếng kêu than của con sẽ đến với Ngài. Xin đừng che giấu khuôn mặt Ngài khỏi con; vào ngày con đau khổ, xin Ngài hãy nghiêng tai nghe con; vào ngày [khi con kêu cầu Ngài], xin Ngài mau nghe con"* (Thánh vịnh 101:2–3); và xin Ngài tỏ ra quyền năng toàn năng của Ngài trước mặt những người chưa biết Ngài, vì mọi sự đều có thể đối với Ngài, hỡi Vua của các thế lực!

Sau khi dâng lời cầu nguyện này, vị thánh nắm lấy tay người bị liệt và nói:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, hãy đứng dậy và được lành mạnh!

Và ngay lập tức, người bị liệt đứng dậy, cảm thấy sức mạnh tràn ngập khắp cơ thể và vui mừng đi lại; rồi anh ta cầm lấy giường của mình và mang về nhà.

Thấy phép lạ ấy, nhiều người trong đám đông đã tin vào Đấng Christ; còn các thầy tế lễ thờ cúng các thần tượng thì nghiến răng với người tôi tớ của Đấng Christ và thưa với vua như sau:

– Nếu hắn còn sống, thì các lễ tế dâng lên các vị thần sẽ bị hủy hoại, và chúng ta sẽ bị các Kitô hữu chế giễu; hãy tiêu diệt hắn đi, hỡi đức vua! Càng sớm càng tốt.

Lúc đó, nhà vua nói với Pantoleon:

– Hỡi Pantoleon, hãy dâng lễ vật lên các vị thần để khỏi phải chết một cách vô ích; ngươi biết mà, đã có bao nhiêu người phải chết chỉ vì từ bỏ các vị thần của chúng ta và không tuân theo mệnh lệnh của chúng ta. Ngươi chẳng biết rằng ông già Anphim đã bị tra tấn dã man đến mức nào sao?

– Tất cả những ai đã chết vì Chúa Kitô, – vị thánh đáp lại, – không phải là đã chết, mà là đã tìm được sự sống đời đời. Và nếu Anphim, dù đã già yếu về thể xác, vẫn có thể chịu đựng những cực hình tàn bạo vì Chúa của chúng ta, thì huống chi là ta, một người trẻ tuổi và khỏe mạnh, càng phải can đảm chịu đựng mọi cực hình mà ngươi sẽ giáng xuống cho ta, vì ta sẽ coi cuộc đời này là vô nghĩa nếu không chết vì Chúa Kitô, còn nếu ta chết, ta sẽ coi đó là một ân huệ.

Vua ra lệnh treo vị tử đạo trần truồng lên cây tra tấn và dùng móng sắt cào xé thân thể ngài, đồng thời dùng nến cháy rực thiêu đốt xương sườn ngài. Trong khi chịu đựng những đau khổ này, ngài ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin hãy hiện diện bên con trong giây phút này, xin ban cho con sự kiên nhẫn để con có thể chịu đựng những cực hình này đến cùng.

Và Chúa đã hiện ra trước mặt ngài dưới hình dạng của linh mục Hermolaus, và phán:

– Đừng sợ, Ta ở cùng con.

Và ngay lập tức, tay những kẻ tra tấn trở nên yếu ớt và như thể tê liệt, đến nỗi các dụng cụ tra tấn rơi khỏi tay họ và những ngọn nến tắt lịm. Thấy vậy, nhà vua ra lệnh đưa vị tử đạo ra khỏi nơi tra tấn và nói với ông:

– Sức mạnh phép thuật của ngươi ở đâu mà cả những người hầu cũng kiệt sức, và những ngọn nến cũng tắt ngấm?

Vị tử đạo đáp lại như sau:

– Phép thuật của tôi chính là Đức Kitô, Đấng có quyền năng vô biên, Đấng làm nên mọi sự.

Vua phản bác:

– Vậy ngươi sẽ làm gì nếu ta ra lệnh tra tấn ngươi bằng những hình phạt còn tàn khốc hơn nữa?!

– Trong những cực hình lớn lao, – vị tử đạo đáp, – Chúa Kitô của tôi sẽ tỏ ra sức mạnh vĩ đại hơn, ban cho tôi sự kiên nhẫn lớn lao hơn để làm cho ngài phải hổ thẹn. Còn tôi, khi chịu đựng những cực hình nặng nề hơn vì Ngài, sẽ nhận được phần thưởng lớn lao từ Ngài.

Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh đun chảy thiếc trong một cái nồi lớn và ném vị tử đạo vào đó. Khi thiếc sôi sùng sục, vị tử đạo được dẫn đến bên nồi, ngài ngước mắt lên trời và cầu nguyện như sau:

– *"Lạy Chúa, xin hãy nghe tiếng con trong lời cầu nguyện của con, xin bảo vệ mạng sống con khỏi sự sợ hãi của kẻ thù; xin che chở con khỏi mưu đồ xảo quyệt, khỏi sự nổi loạn của bọn ác nhân"* (Thánh Vịnh 63:2–3).

Khi ngài đang cầu nguyện như vậy, Chúa lại hiện ra với ngài dưới hình dạng của Hermolaus, rồi nắm tay ngài, cùng ngài bước vào nồi đồng; ngay lập tức, lửa tắt và chì nguội lạnh, còn vị tử đạo thì hát những lời trong Thánh vịnh: *"Còn tôi, tôi sẽ kêu cầu Chúa, và Chúa sẽ cứu tôi. Vào buổi tối, buổi sáng và giữa trưa, tôi sẽ khẩn cầu và kêu cầu, và Ngài sẽ nghe tiếng tôi"* (Thi thiên 54:17–18). Những người có mặt đều kinh ngạc trước phép lạ, còn nhà vua thì thốt lên:

– Rốt cuộc thì sẽ ra sao đây – nếu lửa đã tắt và thiếc đã nguội? Ta sẽ trừng phạt tên phù thủy này bằng hình phạt nào đây?

Những người có mặt đã góp ý:

– Hãy ném hắn xuống đáy biển, vì hắn không thể dùng phép thuật chi phối cả biển được, – và hắn sẽ chết ngay lập tức.

Kẻ tra tấn ra lệnh phải làm như vậy.

Các đầy tớ bắt vị tử đạo, dẫn ông ra biển, đưa ông lên thuyền, buộc một tảng đá lớn vào cổ ông; sau khi chèo ra xa bờ, họ ném ông xuống biển, còn họ thì quay trở lại bờ. Khi vị thánh bị ném xuống biển, Chúa Kitô lại hiện ra với ngài, giống như lần đầu tiên, dưới hình dạng của Hermolaus, và hòn đá buộc vào cổ vị tử đạo trở nên nhẹ như một chiếc lá, đến nỗi Panteleimon vẫn nổi trên mặt biển cùng với hòn đá đó, không chìm xuống, mà giống như đi trên đất liền, ngài bước đi trên mặt nước, được dẫn dắt bởi bàn tay phải của Chúa Kitô, giống như Thánh Phêrô ngày xưa; ngài lên bờ, ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa, rồi trình diện trước nhà vua. Nhà vua kinh ngạc vô cùng trước phép lạ này, thốt lên:

– Sức mạnh phép thuật của ngươi, Pantoleon, mạnh mẽ đến mức nào mà ngươi còn khiến cả biển phải tuân theo nó?

– Ngay cả biển cả, – vị thánh giải thích, – cũng vâng phục Chúa của nó và thực hiện ý muốn của Ngài.

– Vậy ngươi cũng thống trị cả biển sao? – nhà vua hỏi.

– Không phải tôi, – vị tử đạo đáp, – mà là Đấng Kitô của tôi, Đấng Tạo Hóa và Chúa Tể của mọi loài thụ tạo hữu hình và vô hình. Ngài làm chủ cả trời và đất, cũng như biển cả: *"Con đường của Ngài ở trên biển, và lối đi của Ngài ở giữa các dòng nước lớn"* (Thánh Vịnh 76:20).

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh chuẩn bị một đấu trường thú dữ bên ngoài thành phố, để ném vị tử đạo cho thú dữ xé xác. Cả thành phố đều tụ tập để xem màn trình diễn này, mong được chứng kiến cảnh chàng thanh niên xinh đẹp và vô tội đang chịu đau khổ sẽ bị thú dữ xé xác. Nhà vua cũng có mặt tại đó; sau khi dẫn vị tử đạo đến, ngài chỉ tay vào lũ thú dữ và nói:

– Chúng đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi; vậy nên, hãy nghe ta, hãy giữ gìn tuổi trẻ của ngươi, hãy thương xót vẻ đẹp của thân thể ngươi, hãy dâng lễ vật lên các vị thần, nếu không ngươi sẽ chết một cái chết tàn khốc, bị răng nanh của thú dữ xé xác.

Còn vị thánh thì bày tỏ ý muốn thà bị thú dữ xé xác còn hơn là tuân theo lời khuyên xảo trá và mệnh lệnh đó. Và người ta đã ném ngài cho thú dữ. Nhưng ngay lúc đó, Chúa đã hiện ra với vị thánh dưới hình dạng của linh mục Hermolaus, Ngài đã bịt miệng lũ thú dữ và làm cho chúng trở nên hiền lành như những con cừu, đến nỗi khi bò đến gần vị thánh, chúng liếm chân ngài. Ngài vuốt ve chúng bằng tay, và mỗi con thú đều cố gắng để bàn tay của vị thánh chạm vào mình, đẩy nhau ra để giành lấy. Dân chúng, khi chứng kiến cảnh đó, đã kinh ngạc và đồng thanh reo lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại! Xin hãy tha thứ cho chàng trai vô tội và công chính này!

Lúc đó, nhà vua, tràn đầy cơn giận, đã cho lính rút gươm ra chĩa vào những người đang ca ngợi Đức Chúa Kitô, và nhiều người trong dân chúng, những người đã tin vào Đức Kitô, đã bị giết; nhà vua cũng ra lệnh giết hết các con thú. Thấy cảnh đó, vị tử đạo đã cất tiếng kêu lên như sau:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Chúa Kitô, vì không chỉ con người, mà cả thú vật cũng chết vì Ngài!

Vua rời khỏi nơi diễn ra cảnh tượng đó trong nỗi buồn bã và giận dữ, còn vị tử đạo thì bị ném vào ngục tối. Những người bị giết được người thân của họ mang về chôn cất, còn các loài thú thì bị bỏ lại làm mồi cho chó và các loài chim ăn thịt. Nhưng ngay tại đó, một phép lạ vĩ đại đã xảy ra: những con thú này nằm đó nhiều ngày liền mà không bị chó hay chim chóc nào đụng đến, và không chỉ thế, thi thể chúng còn không tỏa ra mùi hôi thối. Khi biết được điều này, nhà vua ra lệnh ném chúng xuống một hào sâu và lấp đất lại. Còn đối với vị tử đạo, nhà vua ra lệnh dựng lên một chiếc bánh xe khủng khiếp, được gắn đầy những nan nhọn. Khi vị thánh được trói vào đó và chiếc bánh xe bắt đầu quay, ngay lập tức, dưới tác động của một sức mạnh vô hình, chiếc bánh xe vỡ tan thành từng mảnh và làm nhiều người đứng gần đó bị thương nặng đến chết, còn vị tử đạo thì bước xuống khỏi bánh xe vẫn nguyên vẹn và không hề hấn gì. Và nỗi sợ hãi ập đến với tất cả mọi người, trước những phép lạ mà Thiên Chúa đã được tôn vinh qua vị thánh của Ngài. Còn nhà vua thì vô cùng kinh ngạc và hỏi vị tử đạo:

– Ai đã dạy ngươi thực hiện những phép thuật vĩ đại như vậy?

– Tôi không được dạy phép thuật, mà là đức tin Kitô giáo chân chính, – vị tử đạo đáp, – bởi vị linh mục thánh thiện Hermolaus.

– Vậy thầy của ngươi, Hermolaus, đang ở đâu? – nhà vua hỏi, – chúng ta muốn gặp ông ấy?

Vị tử đạo, bằng linh hồn, hiểu rằng thời khắc nhận vương miện tử đạo của Hermolaus đã gần kề, nên trả lời nhà vua:

– Nếu ngài ra lệnh, tôi sẽ gọi ngài ấy đến gặp ngài.

Và vị thánh được thả ra, dưới sự hộ tống của ba chiến binh canh gác, để đi gọi linh mục Hermolaus.

Khi vị tử đạo đến ngôi nhà nơi vị linh mục đang ở, vị lão niên, vừa thấy ngài, liền hỏi:

– Con đến đây vì lý do gì, con trai của ta?

– Thưa ngài và thưa cha, nhà vua đang gọi ngài.

– Con đến gọi ta đúng lúc lắm, – vị trưởng lão nói, – vì giờ phút đau khổ và cái chết của ta đã đến; bởi vì đêm nay, Chúa đã hiện ra với ta và phán: “Hermolaus! Con sẽ phải chịu nhiều đau khổ vì Ta, giống như tôi tớ của Ta là Panteleimon.”

Nói xong, vị tu sĩ già vui vẻ đi theo vị tử đạo và trình diện trước nhà vua. Nhà vua, khi thấy vị linh mục, liền hỏi tên ông. Vị thánh, khi xưng tên mình, cũng không giấu diếm đức tin của mình, mà lớn tiếng tự xưng là người Kitô hữu. Nhà vua lại hỏi ông như sau:

– Còn ai khác cùng đức tin với ngươi không?

Vị tu sĩ già đáp:

– Tôi có hai đồng sự, những tôi tớ chân chính của Chúa Kitô, là Hermippus và Hermocrates.

Lúc đó, nhà vua ra lệnh cho người ta dẫn hai người đó đến trước mặt mình và nói với ba người tôi tớ của Chúa Kitô ấy:

– Chính các ngươi đã khiến Pantoleon quay lưng lại với các vị thần của chúng ta sao?

– Chính Chúa Kitô, – họ đáp lại, – Thiên Chúa của chúng tôi kêu gọi những ai Ngài cho là xứng đáng đến với Ngài, đưa họ ra khỏi bóng tối của sự thờ ngẫu tượng để đến với ánh sáng của sự hiểu biết về Ngài.

– Bây giờ hãy bỏ đi, – nhà vua đề nghị, – những lời dối trá của các ngươi và hãy đưa Pantoleon trở lại với các vị thần, khi đó tội lỗi đầu tiên của các ngươi sẽ được tha thứ và các ngươi sẽ được ta ban tặng vinh dự đến mức trở thành những người bạn thân thiết nhất của ta trong cung điện của ta.

– Làm sao chúng tôi có thể làm điều đó – các thánh hỏi một cách cương quyết – khi chính chúng tôi cũng đang chuẩn bị chết cùng anh ấy vì Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng tôi?! Cả chúng tôi lẫn anh ấy đều không từ bỏ Đức Kitô, huống chi là dâng lễ vật cho những thần tượng câm điếc và vô hồn.

Nói xong, họ dồn hết tâm trí về phía Đức Chúa Trời và bắt đầu cầu nguyện, ngước mắt lên trời. Rồi Đấng Cứu Thế hiện ra trước mặt họ từ trên cao, và ngay lập tức một trận động đất xảy ra, khiến vùng đất ấy rung chuyển.

– Các ngươi thấy chưa, các vị thần đã nổi giận với các ngươi rồi, – nhà vua tuyên bố, – họ đang làm rung chuyển mặt đất!

– Ngài nói đúng, – các thánh nhân đồng ý, – đất rung chuyển là do các vị thần của các ngươi, vì chúng đã rơi khỏi vị trí của mình xuống đất và vỡ tan, bị lật đổ bởi quyền năng của Đức Chúa Trời chúng ta, Đấng đã nổi giận với các ngươi!

Khi họ đang nói như vậy, một sứ giả từ đền thờ chạy đến báo cho vua biết rằng tất cả các thần tượng của họ đã ngã xuống đất và vỡ tan thành bụi. Còn vị vua điên rồ, không nhìn thấy trong tất cả những điều này là quyền năng của Đức Chúa Trời, mà lại cho rằng đó là phép thuật của những người Kitô hữu, liền kêu lên:

– Quả thật, nếu chúng ta không tiêu diệt lũ pháp sư này ngay lập tức, thì cả thành phố sẽ bị hủy diệt vì chúng.

Ông ra lệnh đưa Panteleimon vào ngục tối, còn vị tu sĩ già Hermolaus cùng hai người bạn của ông, sau khi bị tra tấn dã man, đã bị kết án chém đầu. Và như vậy, ba vị thánh tử đạo: linh mục Ermola và hai người đồng tế với ngài là Hermipp và Hermocrates, sau khi hoàn thành hành trình tử đạo của mình, đã cùng nhau hiện diện trước Thánh Ba Ngôi trong vinh quang thiên đàng.

Sau khi ba vị thánh tử đạo bị giết, nhà vua ra lệnh đưa thánh Panteleimon đến trước mặt mình, rồi nói với ngài như sau:

– Ta đã khiến nhiều người từ bỏ Chúa Kitô để thờ các vị thần của chúng ta, chỉ có ngươi là không chịu nghe lời ta. Ngay cả thầy của ngươi là Hermolaus cùng hai người bạn của ông ấy cũng đã quỳ lạy các vị thần và dâng lễ vật cho họ, và ta đã ban cho họ chức tước danh dự trong cung điện của ta. Ngươi cũng hãy làm như vậy để được hưởng vinh dự ngang bằng với họ.

Còn vị tử đạo, nhờ linh hồn mình biết rằng các thánh đã qua đời, đã thỉnh cầu nhà vua:

– Xin hãy ra lệnh cho họ đến đây, để con được thấy họ trước mặt ngài.

– Bây giờ họ không có ở đây nữa, – nhà vua nói dối, – vì ta đã cho họ đi đến một thành phố khác, nơi họ sẽ nhận được của cải dồi dào.

– Này, ngài đã vô tình nói ra sự thật rồi đấy, – vị thánh giải thích với ngài, – ngài đã đuổi họ khỏi đây, đẩy họ vào cái chết, và họ thực sự đã lên thành phố thiên đàng của Đấng Kitô để nhận lấy những của cải mà mắt người không thể nhìn thấy.

Nhà vua, thấy rằng không thể nào khiến vị tử đạo khuất phục trước sự bất chính, liền ra lệnh đánh đập ông ta dã man, sau khi gây ra những vết thương nặng nề, đã kết án tử hình ông ta, ra lệnh chém đầu bằng gươm và thiêu xác ông ta. Các binh lính liền dẫn ông ta ra ngoài thành để thi hành án chém đầu.

Vị thánh, trên đường đi đến cái chết, đã hát thánh vịnh của Đa-vít: *"Họ đã áp bức tôi từ thuở thiếu thời, nhưng không thể đánh bại tôi. Những người cày ruộng đã cày xới trên lưng tôi"* (Thánh vịnh 128:2–3). Và cứ như vậy cho đến hết lời thánh vịnh đó.

Khi các binh lính dẫn vị tử đạo ra khỏi thành một quãng đường dài hơn một sân thi đấu, thì họ đến nơi mà Chúa đã định cho tôi tớ của Ngài qua đời; họ trói Thánh Panteleimon vào cây ô liu, và khi đến gần, tên hành hình đã vung gươm chém vào cổ vị thánh, nhưng lưỡi gươm uốn cong như sáp, còn thân thể vị thánh thì không hề hấn gì; bởi vì ngài vẫn chưa kết thúc lời cầu nguyện của mình.

Các binh lính kinh hoàng kêu lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Và, quỳ xuống dưới chân vị thánh, họ cầu xin:

– Chúng tôi xin ngài, tôi tớ của Đức Chúa Trời! Xin ngài cầu nguyện cho chúng tôi, để những tội lỗi mà chúng tôi đã gây ra cho ngài theo lệnh của nhà vua được tha thứ.

Khi vị thánh đang cầu nguyện, có tiếng nói từ trời vang lên, hướng về ngài và xác nhận việc đổi tên của ngài; bởi vì Chúa, thay vì gọi ngài là Pantoleon, đã đặt tên ngài là Panteleimon, rõ ràng ban cho ngài ân sủng để thương xót tất cả những ai tìm đến ngài trong mọi hoạn nạn và đau khổ – và Chúa đã gọi ngài lên trời. Vị thánh, tràn đầy niềm vui, đã ra lệnh cho các binh sĩ chém ngài bằng gươm; nhưng họ không dám làm, vì họ sợ hãi và run rẩy. – Lúc đó, vị thánh đã nói với họ như sau:

– Nếu các ngươi không làm theo điều được giao phó, các ngươi sẽ không nhận được ân sủng từ Đấng Kitô của ta.

Các binh lính tiến lại gần và trước tiên họ hôn khắp thân thể ngài; sau đó họ giao nhiệm vụ cho một người – và người ấy đã chém đầu vị tử đạo, và thay vì máu, sữa đã chảy ra. Còn cây ô liu ấy, ngay từ giây phút đó, đã trổ đầy quả từ gốc đến ngọn. Thấy điều này, nhiều người trong đám đông có mặt tại hiện trường khi ngài bị chém đầu đã tin vào Chúa Kitô.

Những phép lạ xảy ra tại đó đã được báo cáo lên vua, và ông ra lệnh ngay lập tức chặt cây ô liu đó thành từng mảnh và đốt cùng với thi thể vị tử đạo.

Khi ngọn lửa tắt, các tín hữu đã lấy thi thể vị thánh ra khỏi đống tro tàn – thi thể vẫn nguyên vẹn, không bị lửa thiêu rụi – và an táng một cách trang trọng trên mảnh đất gần đó thuộc về nhà học giả Adamantia.

Laurentius, Vassoi và Provian, những người phục vụ tại nhà của vị tử đạo, đã theo ngài từ xa, chứng kiến tất cả những đau khổ của ngài và nghe thấy tiếng nói từ trời phán với ngài, đã viết nên câu chuyện về cuộc đời và những đau khổ của ngài, rồi chuyển giao cho các thánh đường để tưởng nhớ vị tử đạo, nhằm mang lại lợi ích cho những ai đọc và nghe, vì vinh quang của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, đến muôn đời. Amen[5337] .

Bài thánh ca, giọng 3:

Thánh Panteleimon, vị tử đạo và vị chữa lành, xin cầu thay cho chúng con trước Thiên Chúa nhân từ, để Ngài ban ơn tha thứ tội lỗi cho linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 5:

Người noi gương Đấng Nhân Từ, và nhận ân sủng chữa lành từ Ngài, vị Tử đạo và Thánh Tử đạo của Đức Kitô Thiên Chúa, xin nhờ lời cầu nguyện của ngài, chữa lành những bệnh tật trong tâm hồn chúng con, xua đuổi những cám dỗ luôn rình rập những người kêu cầu trung thành: xin cứu chúng con, lạy Chúa.

Lễ kỷ niệm Thánh Nữ Tu viện trưởng Anfisa

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 7

Thánh Anphisa (hay đúng hơn là Anphusa) đã tu hành vào thế kỷ VIII, tại các vùng đất Mantinea, ở châu Á. Sau khi rời khỏi nhà cha mẹ, bà đầu tiên tu hành một mình trong các hang động. Sau khi gặp vị tu sĩ già Sisinia, bà tiếp tục tu hành theo lời dạy của ngài và đã tiến bộ đến mức 90 thiếu nữ đã tin tưởng giao phó bản thân cho sự hướng dẫn của bà. Thánh Anfisa đã chịu khổ vì việc tôn kính các thánh tượng. Bà đã tiên đoán với vợ của kẻ bách hại Constantine Copronymus rằng bà sẽ sinh ra một bé trai và một bé gái. Cô con gái sau này, với tên gọi Anfusa, cũng nổi tiếng vì sự thánh thiện của mình và được Giáo hội tưởng nhớ vào ngày 12 tháng 4.

[5337] Thánh Panteleimon đã bị chặt đầu vào ngày 27 tháng 7 năm 305. Trong cuốn Lịch Thánh của Thánh Basil có ghi rằng máu và sữa chảy ra khi thánh nhân bị chặt đầu đã được bảo quản cho đến thế kỷ X và mang lại sự chữa lành cho các tín hữu; điều này cũng được đề cập trong phần mở đầu bằng thơ tiếng Hy Lạp của thế kỷ XII. Từ xa xưa, ngày kỷ niệm Thánh Panteleimon đã được tôn kính đặc biệt ở phương Đông; các nhà thờ được xây dựng mang tên ngài tại Sebaste (Armenia) và tại Constantinople có từ thế kỷ IV. Xác thánh của ngài đã được chuyển đến Tsargrad; từ đó, phần lớn được chuyển đến Paris, tại Saint-Denis, còn phần đầu được cho là đã được chuyển đến Lyon vào năm 802, nhưng vào năm 1200, người hành hương Nga Antony đã nhìn thấy phần đầu của ngài tại Nhà thờ Hagia Sophia ở Tsargrad, và theo lời chứng của Stefan Novgorodets (năm 1350), vào thế kỷ XIV, di cốt của Thánh Panteleimon được an táng tại Nhà thờ Vlacherna ở Constantinople. Một phần di cốt hiện nay được lưu giữ tại Tu viện Panteleimon trên núi Athos.

Ngày 10 tháng 8

Ngày 28 tháng 7 (theo lịch cũ)

Các Thánh Tông đồ (trong số bảy mươi) Prochorus, Nicanor, Timon và Parmen

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 7

Sau khi Chúa Thăng Thiên và Thánh Thần ngự xuống trên các Tông đồ, số tín hữu tại Giê-ru-sa-lem đã tăng lên đáng kể; vì vậy, theo lời khuyên của các Tông đồ đang ở Giê-ru-sa-lem lúc bấy giờ, bảy người đàn ông đầy dẫy Thánh Thần và sự khôn ngoan (Công vụ 6:5) đã được chọn để phục vụ trong chức vụ phó tế. Tên của những người này là: Stephano, Philippo, Prochoro, Nicanore, Timone, Parmen và Nicolae người Antiochia. Về việc bầu chọn họ, sách Công Vụ Tông Đồ kể lại như sau:

"Vào những ngày ấy, khi số môn đệ ngày càng gia tăng, những người Hy Lạp đã than phiền với người Do Thái vì các góa phụ của họ bị bỏ qua trong việc phân phát nhu yếu phẩm hàng ngày. Bấy giờ, mười hai [Tông đồ], sau khi tập hợp đông đảo môn đệ, đã nói: 'Chúng ta không nên bỏ Lời Chúa để lo việc phân phát thức ăn.' Vậy, hỡi anh em, hãy chọn ra từ giữa anh em bảy người có uy tín, đầy dẫy Thánh Thần và sự khôn ngoan; chúng ta sẽ giao nhiệm vụ này cho họ, còn chúng ta sẽ chuyên tâm vào việc cầu nguyện và rao giảng Lời Chúa. Đề nghị này được toàn thể hội chúng chấp thuận; họ đã bầu chọn Stephanos, một người đầy đức tin và Thánh Thần, cùng với Philip, Prochorus, Nicanor, Timon, Parmenas, và Nicolas người Antiôch, người đã được cải đạo từ dân ngoại; họ được đưa đến trước các Tông đồ, và [các ngài], sau khi cầu nguyện, đã đặt tay lên họ. Lời Chúa ngày càng lan rộng, và số môn đệ tại Giê-ru-sa-lem ngày càng gia tăng" (Công vụ 6:1–7).

Trong số tất cả những người được chọn này, ngày kỷ niệm Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, được tôn vinh vào ngày 27 tháng 12; ngày kỷ niệm Thánh Phi-líp được tôn vinh vào ngày 11 tháng 10; còn ngày kỷ niệm các phó tế khác, ngoại trừ Thánh Nicola – người chưa được phong thánh[5338] – thì Giáo Hội Thánh kính nhớ cùng lúc vào ngày hôm nay, mặc dù họ đã qua đời vào những thời điểm và địa điểm khác nhau, khi đang rao giảng danh Chúa Kitô và chứng thực lời rao giảng của mình bằng cái chết tử đạo.

Thánh Prochorus ban đầu đã đồng hành cùng Thánh Tông đồ trưởng Phêrô (trước khi Đức Mẹ về trời) cùng với các môn đệ khác; chính Thánh Tông đồ Phêrô đã tấn phong Thánh Prochorus làm Giám mục thành Nicomedia thuộc tỉnh Bithynia, như được Thánh Simeon Metaphrastes[5339] thuật lại trong cuốn sách về cuộc đời và các công đức của Thánh Tông đồ Phêrô (ngày 29 tháng 6). Sau khi Đức Mẹ lên trời, Thánh Prochorus đã trở thành người đồng hành và cộng sự của Thánh Tông đồ Gioan Thần Học; cùng với ngài, Thánh Prochorus đã đi qua nhiều quốc gia, chịu đựng những đau khổ từ những người ngoại đạo ở khắp mọi nơi vì việc rao giảng danh Chúa Kitô; cùng

---

[5338] Một số nhà thần học (Thánh Irênê thành Lyon, Thánh Epiphanius thành Síp, Thánh Giêrônimô và những người khác) coi Phó tế Nicôla là người sáng lập và thủ lĩnh của phái Nicolait, những người bị Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Tin Mừng Gioan Thần Học lên án trong Sách Khải Huyền (2:6,15). Người ta cho rằng Thừa tác viên Nicola đã hiểu sai giáo lý của Chúa Kitô về tình yêu và tự do Kitô giáo, và đã rao giảng về tình yêu xác thịt không kiềm chế. Tuy nhiên, Clément thành Alexandria làm chứng rằng Thừa tác viên Nicola đã sống một cuộc đời nghiêm khắc và đạo đức, có vợ con, và các con gái của ngài đã già đi trong sự trinh khiết. Lời của ngài: "Cần phải dùng xác thịt để làm điều ác", tức là coi thường xác thịt, không coi trọng nó – kiềm chế nó – đã bị các thành viên giáo phái hiểu sai; còn chính Nicholas, với tư cách là một tu sĩ khổ hạnh nghiêm khắc, thì hoàn toàn xa lạ với những lầm lạc như vậy".

[5339] Simeon Metaphrastes – nhà văn giáo hội nổi tiếng nhất thế kỷ X; sinh ra tại Constantinople; từng là thư ký cho Hoàng đế Leo Nhà Triết học và Constantine VII; thực hiện các nhiệm vụ ngoại giao quan trọng; đã cứu thành Thessaloniki khỏi bị tàn sát, mối đe dọa mà người Ả Rập gây ra cho thành phố này vào năm 904, bằng cách thuyết phục thủ lĩnh của họ nhận tiền chuộc để không tấn công thành phố; vào cuối đời, ngài được phong làm quý tộc và chức vụ Magister. Nhờ cuộc đời đạo đức, ngài đã được Giáo hội công nhận là thánh (Giáo hội kỷ niệm ngày lễ của ngài vào ngày 27 tháng 11). Simeon Metaphrastes rất nổi tiếng nhờ các tác phẩm về lịch sử Giáo hội; ông đã biên soạn (hay chính xác hơn là sưu tầm) cuốn "Cuộc đời các thánh"; tuy nhiên, Thánh Simeon không chỉ dừng lại ở việc sưu tầm các truyền thuyết cổ xưa về cuộc đời, những chiến công và sự đau khổ của các thánh, mà còn kể lại hoặc chuyển thể chúng; từ đó mà ông có biệt danh là "Metaphrastes" (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là kể lại, chuyển thể).

với Thánh Gioan Thần Học, Thánh Prochorus đã bị lưu đày đến đảo Patmos; tại đây, ngài ghi chép lại tất cả những gì nghe được từ Thánh Gioan Thần Học, người đã phán truyền theo sự mặc khải của Thiên Chúa[5340] ; sau đó, Thánh Prochorus lại tiếp tục công việc tại Nicomedia, nơi ngài trở thành vị giám mục đầu tiên; tại đây, ngài đã dẫn dắt những người ngoại đạo đến với Chúa Kitô, làm cho Hội Thánh mới được thành lập ngày càng phát triển. Thánh Prochorus đã qua đời một cách tử đạo, bị những người ngoại đạo giết hại vì rao giảng danh Chúa Kitô tại thành phố Antioch[5341] .

Thánh Nicanor đã chịu tử đạo vào cùng ngày mà Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano bị ném đá đến chết; vào thời điểm đó, một cuộc bách hại tàn bạo đã nổ ra chống lại Giáo hội Giêrusalem; Thánh Nicanor, cũng như Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano, đã bị giết cùng với hai nghìn người đã tin vào Chúa Kitô. Về cách thức ngài bị giết, trong kinh thánh có đề cập rằng ngài giống như một con chiên con, được dâng làm của lễ cho Thiên Chúa[5342] .

Thánh Timon được các Thánh Tông Đồ bổ nhiệm làm giám mục thành phố Bostoria, nằm ở Ả Rập; vì rao giảng danh Chúa Kitô, ngài đã phải chịu nhiều đau khổ từ cả người Do Thái lẫn người ngoại đạo; cuối cùng, ngài bị ném vào lò lửa đang cháy rực, nhưng không hề bị thương bởi ngọn lửa và bước ra khỏi lò mà không hề hấn gì. Truyền thuyết của Giáo hội La Mã còn kể thêm rằng, sau khi bước ra khỏi lò lửa mà không hề hấn gì, Thánh Timon đã bị đóng đinh trên thập tự giá[5343] .

Thánh Parmen đã tận tâm thực hiện sứ vụ được các Thánh Tông Đồ giao phó; ngài qua đời trước mặt các ngài, được chính tay các ngài an táng và được các ngài thương tiếc. Tuy nhiên, một số người khẳng định rằng ngài đã chịu đau khổ trước khi qua đời và được trao vương miện tử đạo[5344] .

Bài ca Kondak, giọng 1:

Các vị phó tế đáng kính và những người tận mắt chứng kiến Lời Chúa, các ngài là những bình chứa được chọn để chứa đựng đức tin, Nicanor, Prochorus, Parmen và Timon, những vị vinh quang: vì thế, hôm nay chúng con cử hành lễ kỷ niệm thiêng liêng của các ngài, trong niềm vui sướng của lòng, chúng con ca ngợi các ngài.

Lễ kính Thánh Tử đạo Eustathius

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 7

Thánh Tử đạo Eustathius của Chúa Kitô từng phục vụ trong quân đội. Vì là người Kitô hữu, ngài đã bị bắt và dẫn đến trước quan tổng trấn thành Ancyra[5345] là Cornelius. Trong cuộc thẩm vấn, ngài đã can đảm tuyên xưng Đức Kitô, và vì điều đó, trước tiên ngài bị đánh đập không thương tiếc, sau đó bị khoan vào gót chân, rồi bị trói bằng dây thừng và bị lôi từ thành phố Ankyra đến sông Sagki[5346] , trong khi quan tổng trấn đi theo sau và quan sát; cuối cùng, ngài bị bỏ vào một cái thùng và ném xuống sông. Nhưng vào lúc đó, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, một Thiên thần của Chúa đã hiện ra và mang chiếc hòm từ sông lên một nơi khô ráo. Vị thánh vẫn còn sống và, khi

---

[5340] Theo truyền thuyết, Thánh Prochorus đã chép lại Phúc Âm dựa trên lời kể của Thánh Gioan Thần Học.

[5341] Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu, cần phân biệt hai nhân vật cùng tên Prochorus: 1) Prochorus, phó tế – người đồng hành của Thánh Tông đồ Phêrô và sau này trở thành giám mục Nicomedia. Chính Prochorus này đã chịu tử đạo vì tuyên xưng danh Chúa Kitô tại Antioch vào ngày 9 tháng 8. 2) Prochorus sống vào thời kỳ sau, là môn đệ và người đồng hành của Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Tin Mừng Gioan Thần Học. Prochorus này được coi là tác giả của tác phẩm kể về cuộc đời và các phép lạ của Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Tin Mừng Gioan Thần Học, từ ngày Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời cho đến khi ngài qua đời. Người ta cho rằng chính Prochorus này được miêu tả trên các bức tranh thánh cổ đại với tư cách là người chép (người sao chép Phúc Âm). Tuy nhiên, chúng ta không thể khẳng định một cách chắc chắn rằng cần phải phân biệt hai nhân vật cùng tên Prokhor; có thể Prokhor, phó tế, và Prokhor, người đồng hành của Thánh Tông đồ và Nhà Truyền giáo Gioan Thần học, là một người duy nhất, như Thánh Dimitri Rostovski đã chấp nhận.

[5342] Bài ca 4, 6 và 7.

[5343] Lễ kính Thánh Timon Tông đồ được Giáo hội Công giáo cử hành vào ngày 30 tháng 12 và ngày 4 tháng 1

[5344] Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu, Thánh Tông đồ Parmen đã rao giảng Tin Mừng tại Macedonia. Sự tử đạo của Thánh Tông đồ Parmen được cho là diễn ra vào thời kỳ trị vì của Hoàng đế Trajan (năm 98–117), cụ thể là vào những năm cuối cùng của triều đại ông.

[5345] Thành phố Ancyra nằm trong tỉnh Galatia thuộc Tiểu Á của Đế quốc La Mã.

[5346] Tên gọi "Sakgi" ở đây chính là sông Sangari. Sông này bắt nguồn từ tỉnh Phrygia giáp ranh với Galatia, chảy qua Galatia và Bithynia, rồi đổ vào Euxine Pontus, nay là Biển Đen.

đang ở trong chiếc hòm, ngài đã hát: *"Ai sống dưới bóng che chở của Đấng Tối Cao"* (Thánh vịnh 90:1) và những lời khác. Thấy điều đó, vị quan cảm thấy xấu hổ và, rút thanh gươm ra, tự tay giết chết chính mình. Trong khi đó, vị thánh tử đạo đã cầu nguyện với Thiên Chúa, rước Mình Thánh Chúa từ tay Thiên Thần hiện ra – Mình Thánh được một con bồ câu mang từ trời xuống – và sau đó, ngài đã trút hơi thở cuối cùng vào tay Chúa[5347] . Xác thánh của ngài đã được an táng tại thành phố Ancyra.

Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Akakios

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 7

Thánh Tử đạo Akakios của Chúa Kitô đã chịu khổ nạn dưới triều đại của Licinius[5348] , người mà ngài đã bị đưa ra xét xử. Vì tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, Licinius đã ra lệnh treo cổ ngài và đánh đập khắp thân thể, rồi sau đó gửi ngài đến tổng giám mục[5349] Terentius. Vị tổng trấn này ra lệnh ném ngài vào một cái nồi chứa đầy nhựa cây và mỡ lợn, nhưng ngài vẫn hoàn toàn vô sự. Khi vị tổng trấn phải lên đường đến Apamea và Apollonia[5350] , ngài đã ra lệnh cho Thánh Akakios đi theo mình. Tại một trong những thành phố này, ngài bị dẫn vào một đền thờ ngoại đạo, và bằng sức mạnh của lời cầu nguyện, ngài đã lật đổ tất cả các thần tượng có trong đền thờ đó. Sau đó, tổng trấn đã giao ngài cho quan tòa xét xử[5351] , theo lệnh của quan tòa, ngài trước tiên bị đánh đập dã man, sau đó phải đấu với các con thú, và cuối cùng, ngài bị ném vào lò lửa, nhưng vẫn không hề hấn gì. Vị quan tòa, tưởng rằng lò lửa đã nguội, đã tiến lại gần để kiểm chứng, nhưng chính ông ta lại bị thiêu cháy và thi thể ông ta hóa thành tro bụi. Sau khi vị quan tribune qua đời, vị thánh được đưa ra xét xử trước Posidonius, người đã ra lệnh trói ông bằng xiềng xích nặng nề và đưa ông đến Miletus[5352] , nơi ông lại lật đổ các thần tượng. Vì điều này, ông bị chém đầu[5353] , và từ vết thương chảy ra máu lẫn sữa. Một vị linh mục tên là Leontius đã chôn cất thi thể ông tại thành phố Synnada[5354] .

Sự tử đạo của thánh tử đạo Iulian

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 7

Trong triều đại của Hoàng đế Antoninus[5355] , những người ngoại đạo ép buộc các Kitô hữu phải dâng lễ vật cho các vị thần; nếu không, họ đe dọa các Kitô hữu sẽ phải chịu những cực hình tàn bạo và chính cái chết. Tại tỉnh Campania[5356] , lúc bấy giờ, người giữ chức Higemón là một người tên Flavian, một kẻ vô cùng tàn ác; vị Higemón này căm ghét danh Chúa Kitô.

[5347] Thánh tử đạo Eustathius qua đời vào khoảng năm 316.

[5348] Licinus, người cai trị phần phía đông của Đế quốc La Mã từ năm 311, là người kế vị của Maximianus Galerius, kẻ đã tàn bạo đàn áp các Kitô hữu. Năm 311, ông cùng với Constantine Đại đế ban hành một đạo luật ủng hộ Kitô hữu, nhưng sau đó, khi mối quan hệ giữa ông và Constantine trở nên căng thẳng, xuất phát từ vấn đề liệu đế quốc nên có hai hay một vị hoàng đế, ông, nghi ngờ Kitô hữu có thiện cảm với Constantine, đã bắt đầu đàn áp, rồi sau đó truy bức họ. Tình trạng này kéo dài đến năm 323; trong cuộc chiến với Constantine, Licinius đã bị giết.

[5349] Các quan tổng trấn (eparchi) trong khu vực Hy Lạp-La Mã là những người cai trị các vùng.

[5350] Các thành phố Apamea và Apollonia nằm trong tỉnh Phrygia thuộc Tiểu Á của Đế chế La Mã, gần biên giới phía đông nam giáp với Pisidia.

[5351] Trong Đế chế La Mã, "tribune" là tên gọi chung cho các quan chức khác nhau, đặc biệt là các chỉ huy quân sự chỉ huy một nghìn binh sĩ.

[5352] Milet là một thành phố ven biển thuộc tỉnh Caria của La Mã ở Tiểu Á.

[5353] Thánh tử đạo Akakios qua đời vào khoảng năm 321.

[5354] Thành phố Sinnada nằm ở Tiểu Á, thuộc tỉnh Phrygia của Đế chế La Mã.

[5355] Antoninus Pius trị vì Đế chế La Mã từ năm 138 đến năm 161.

[5356] Campania – một tỉnh ở Ý cổ đại, giáp với Latium ở phía tây, Samnium ở phía bắc, Lucania ở phía đông, và Biển Tyrrhenian ở phía nam và tây nam. Các tác giả cổ đại ca ngợi khí hậu ôn hòa cũng như đất đai màu mỡ của vùng này, cho phép gieo trồng và thu hoạch ba lần một năm. Nơi đây có nhiều vườn nho, cây ô liu và rừng gỗ xây dựng. Người dân Campania (những người theo đạo đa thần) nổi tiếng vì lối sống xa hoa và yêu thích sự sang trọng.

Thống đốc Flavius đã phái những thuộc hạ vô đạo của mình đi khắp tỉnh Campania, ra lệnh cho họ bắt giữ tất cả các Kitô hữu mà họ gặp và đưa họ về thành phố Athens, nơi ông đang ở vào thời điểm đó.

Vào thời điểm đó, từ Dalmatia,[5357] có một người đàn ông đến Campania; người này còn trẻ về tuổi tác, nhưng già dặn về cách cư xử và sự khôn ngoan theo đạo Kitô; đẹp đẽ về ngoại hình, nhưng còn đẹp đẽ hơn nữa bởi ân sủng và sự thánh thiện; chính trực về xuất thân, nhưng còn chính trực hơn nữa nhờ đức tin. Tên người đàn ông ấy là Julian. Khi Julian đang đi ngang qua thành phố Anagni, anh tình cờ gặp phải những người lính của Hegemon. Julian đã chào họ theo cách của người Kitô hữu, nói rằng:

– Bình an cho anh em!

Các binh lính, qua những lời nói và thái độ hiền lành của vị thánh, đã đoán ra rằng ông là một Kitô hữu, nên bắt đầu hỏi ông: ông là ai, đến từ đâu? Tên ông là gì và ông theo đạo nào?

Còn người tôi tớ của Chúa là Julian, mong muốn chịu khổ và chết vì danh Chúa Kitô, đã dũng cảm trả lời:

– Tôi là người Kitô hữu; tên tôi là Iulian; tôi đến từ Dalmatia; và tôi đang trên đường đến các vùng đất này, khuyên nhủ mọi người ở khắp nơi từ bỏ việc thờ lạy các thần tượng và tin vào Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, cùng Con của Ngài là Chúa Giêsu Kitô; tôi khuyên nhủ mọi người hãy tôn kính Đấng mà tôi rao giảng và vì Đấng ấy, tôi sẵn sàng hy sinh mạng sống mình.

Các binh lính rất ngạc nhiên trước câu trả lời đầy dũng cảm của vị thánh, nhưng họ vẫn bắt ông, trói chặt lại và dẫn đi, vừa đánh bằng gậy và vũ khí vừa nói:

– Chúng ta sẽ xem lời nói của ngươi về việc ngươi muốn chết vì Đấng bị đóng đinh có đúng đến mức nào!

Trong lúc chịu đòn roi, vị thánh cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài ban cho ngài sức mạnh để chịu đựng những đau khổ cho đến cùng vì danh thánh của Ngài. Và lời cầu nguyện của thánh Iulian đã được Thiên Chúa nhậm lời, vì có một tiếng nói từ trên cao vang xuống, củng cố tinh thần vị thánh và phán rằng:

– Đừng sợ, Julian! Ta sẽ ở bên con và ban cho con sức mạnh cùng lòng dũng cảm.

Lúc đó, vị thánh trẻ đã dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa nhân từ, sau đó ngài bị dẫn đến trước quan tổng trấn và theo lệnh của ông ta, ngài bị giam vào một ngục tối khủng khiếp, được gọi là "Hố Lạnh". Trong ngục tối này, vị thánh bị giam giữ suốt bảy ngày mà không được ăn uống gì, với ý định giết chết ngài bằng đói khát.

Nhưng Đức Chúa Trời không bỏ rơi tôi tớ của Ngài, vì Ngài đã sai một Thiên Thần thánh đến với chàng. Tù nhân của Đấng Christ đã được hân hoan chiêm ngưỡng và trò chuyện với vị Thiên Thần ấy, đồng thời nhận lấy thức ăn thiên đàng từ tay Ngài.

Sau bảy ngày, quan tổng trấn bước ra tòa án công khai (nơi sau này đã được xây dựng một nhà thờ mang tên Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội) và ngự trên ghế xét xử trước sự chứng kiến của đông đảo dân chúng tụ tập; sau đó, ông ra lệnh đưa vị tử đạo đến trước mặt mình để thẩm vấn. Khi vị thánh được dẫn đến trước quan tổng trấn, người này đã hỏi ngài:

– Ngươi là một chàng trai đẹp trai và chính trực như vậy, mà lại thờ phụng một người Nazareth ít ai biết đến, người đã bị đóng đinh trên thập tự giá, ngươi không thấy xấu hổ sao? Chẳng phải sẽ tốt hơn nếu ngươi từ bỏ đức tin xấu xa này sao? Hãy thờ phụng các vị thần của chúng ta, khi đó nhà vua sẽ khoan dung với ngươi.

Vị tử đạo đáp lại:

– Vinh quang và sự ca ngợi của tôi là Đức Kitô bị đóng đinh, Thiên Chúa của tôi; và tôi không muốn tự hào về bất cứ điều gì khác ngoài Thập giá của Chúa tôi; còn về đức tin thánh thiện mà ngươi gọi là xấu xa, tôi sẵn sàng chết vì nó. Nhưng các vị thần của ngươi thật sự ghê tởm; vì chúng là ma quỷ; xin tất cả những ai thờ phượng chúng hãy hổ thẹn.

Sau những lời đó của vị thánh, viên quan địa phương nổi giận, ra lệnh đánh vào miệng ngài, đồng thời tra tấn ngài bằng cách treo ngài lên cây tra tấn.

Còn vị thánh, trong khi chịu đòn, đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời như sau:

[5357] Dalmatia – một tỉnh La Mã trong thời cổ đại. Dalmatia nằm dọc theo một dải đất hẹp ven Biển Địa Trung Hải; giáp Croatia ở phía bắc, Bosnia và Herzegovina ở phía đông, và Montenegro ở phía nam. Dalmatia đã nằm dưới sự cai trị của La Mã vào năm 6 sau Công nguyên; kể từ đó, cùng với Illyricum, nó trở thành một tỉnh trực thuộc đế chế. Người dân Dalmatia thuộc bộ tộc Illyrian và sinh sống bằng nghề săn bắn, nông nghiệp và chăn nuôi.

– Lạy Chúa, con đặt niềm tin nơi Ngài; xin cứu con bằng quyền năng của Ngài. Ngài là Thiên Chúa của con, là Đấng trợ giúp, là nơi nương tựa và là Đấng giải cứu con; xin cho tất cả những ai thờ lạy các thần tượng và âm mưu làm hại con đều phải hổ thẹn. Lạy Chúa, con kêu cầu Ngài: xin đừng phó con vào tay kẻ thù của con.

Và một lần nữa, một tiếng nói từ trời lại vang xuống với vị thánh, củng cố lòng tin của ngài và phán rằng:

– Đừng sợ! Hãy can đảm chiến đấu!

Rồi vị tử đạo của Chúa Kitô quay sang dân chúng và nói:

– Hãy nghe đây, hỡi những kẻ khốn nạn! Đừng đặt niềm tin vào các vị thần mà chính tay các ngươi đã tự tay tạo ra; hãy nhận biết Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng trời và đất từ hư không.

Với những lời khuyên răn như vậy, thánh Julian đã dẫn dắt hơn ba mươi người trở về với Chúa Kitô; sau đó, ngài lại bị đưa trở lại ngục tối.

Sáng hôm sau, vị thánh lại bị dẫn ra trước tòa án. Hê-gê-môn nói với ngài những lời như sau:

– Ta muốn tha thứ cho ngươi, kẻ không tự thương xót chính mình và không chịu thờ lạy các vị thần bất khả chiến bại.

Nghe những lời đó, vị thánh tử đạo đáp lại:

– Ngươi nói những lời đó với ta là vô ích; ngươi không thể thay đổi suy nghĩ của ta được nữa. Ta thờ phượng Đấng Thiên Chúa mà tất cả mọi người đều phải thờ phượng. Chính Đấng Thiên Chúa ấy đã tạo dựng trời và đất.

Hê-gê-môn Flavius nổi giận trước những lời của vị thánh và ra lệnh treo Julian lên cây tra tấn, đồng thời tra tấn vị thánh bằng những trận đòn roi và việc cạo da bằng sắt. Nhưng nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời, Đấng kỳ diệu nơi các thánh của Ngài, tay những kẻ tra tấn trở nên yếu ớt và đau nhức, đến nỗi họ không những không thể chạm vào vị thánh, mà thậm chí không thể cầm các dụng cụ tra tấn trong tay, và nói chung là không thể làm được gì cả.

Trong khi vị thống đốc đang vô cùng ngạc nhiên trước điều này, thì một sứ giả đến báo tin rằng đền thờ vị thần của họ, được gọi là Serapis[5358] , đã sụp đổ và tượng thần đó cùng với các tượng thần khác đã hóa thành tro bụi.

Thống đốc và những tên tay sai quỷ quái của ông ta vô cùng kinh ngạc trước tin tức này, và tràn ngập sự xấu hổ; còn những người Kitô hữu đang ở giữa đám đông và bí mật tuyên xưng đức tin thánh thiện thì vui mừng tận đáy lòng và ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa.

Sau đó, những người ngoại đạo đang đứng gần nơi đó đã lớn tiếng kêu lên cho mọi người cùng nghe:

– Hãy tiêu diệt tên phù thủy này càng sớm càng tốt!

Igemon, tràn đầy cơn giận dữ và thù hận, ngay lập tức đồng ý với yêu cầu của dân chúng và kết án tử hình vị tử đạo, đồng thời tuyên bố quyết định của mình bằng những lời như sau:

– Ta ra lệnh chém đầu Julian bằng gươm, kẻ đã được những người Kitô hữu dạy dỗ những mưu mẹo phù thủy, kẻ phỉ báng các vị thần, kẻ bất tuân mệnh lệnh của hoàng đế; ta ra lệnh chém đầu hắn ngay tại nơi ngôi đền đã bị phá hủy, để trả thù cho sự sỉ nhục đã gây ra cho các vị thần của chúng ta.

Và vị thánh được dẫn đến nơi đó.

Khi đến đó, vị thánh quỳ gối xuống và cầu nguyện với Đức Chúa Trời như sau:

– Lòng nhân từ vô biên của Chúa ơi! Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì đã ban cho con, kẻ không xứng đáng này, một cái chết vinh quang như thế này, đó là chết vì danh thánh của Ngài. Con xin Ngài, xin hãy rửa sạch con bằng chính dòng máu con đổ ra này, thanh tẩy con khỏi những tội lỗi của con và dẫn con vào Nước Trời đầy phước lành của Ngài. Xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an. Xin đừng quên, bằng lòng thương xót của Ngài, tất cả những ai mong muốn tôn vinh danh thánh tối cao của Ngài bằng cách tưởng nhớ đến sự đau khổ của con.

Sau khi vị thánh cầu nguyện bằng những lời ấy, từ trời vang lên một tiếng nói, xác nhận rằng lời cầu nguyện của ngài đã được lắng nghe, và kêu gọi vị thánh lên các nơi trên trời. Và vị thánh tử đạo Iulian[5359] đã bị chém đầu. Linh hồn thánh thiện của ngài, sau khi thoát khỏi thân xác, đã lên trời, đến với Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng

---

[5358] Serapis – thực chất là vị thần của người Ai Cập. Đối với người Ai Cập, Serapis được coi là vị thần tối cao, tương tự như cách Zeus được coi là vị thần chính của người Hy Lạp và La Mã. Việc thờ phụng Serapis không chỉ giới hạn ở Ai Cập; vào thế kỷ II trước Công nguyên, tín ngưỡng (việc thờ phụng) Serapis đã lan rộng sang Hy Lạp và La Mã. Hoàng đế Nê-rôn và An-to-ni-nô Pi-us, người được nhắc đến trong cuốn tiểu sử, đã đặc biệt bảo trợ cho tín ngưỡng Serapis. Tại La Mã có một số đền thờ dành riêng cho Serapis, cũng có nhiều dòng chữ khắc và di tích mang tên vị thần này.

[5359] Năm mất chính xác của Julian không được biết rõ. Thời điểm qua đời của vị thánh này được cho là vào khoảng giữa thế kỷ II.

ta, Đấng ngự trị cùng Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, Đấng mà vinh quang được dâng lên, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen.

Ngày 11 tháng 8

Ngày 29 tháng 7 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Serafima

Ngày tưởng niệm 29 tháng 7

Trong những ngày bị bách hại khủng khiếp do các hoàng đế La Mã vô đạo gây ra, nhiều tín hữu đã chịu đau khổ vì Chúa Kitô qua đủ loại hình tra tấn. Vào thời điểm đó, tại làng Vinden, trong nhà của một phụ nữ tên là Savina, người xuất thân từ một gia đình quý tộc, có một thiếu nữ tên là Seraphima, công dân thành Antioch, đang cư ngụ. Nhờ những lời giảng dạy của mình, cô đã dẫn dắt cả Savina đến với đức tin vào Chúa Kitô.

Thống đốc Beryl đã sai các đầy tớ đến nhà Savina, ra lệnh bắt thánh nữ Serafima và đưa đến trước mặt ông để xét xử. Thánh nữ Savina đã phản đối điều này và cố gắng hết sức để ngăn cản những người được sai đến bắt thánh nữ. Nhưng thánh nữ Serafima đã nói với bà:

– Thưa bà và mẹ! Hãy để con đi cùng họ. Bà chỉ cần siêng năng cầu nguyện cho con trước mặt Thiên Chúa. Con đặt niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô của con và tin rằng Ngài sẽ đến với con và ban cho con sức mạnh để trung thành phụng sự Ngài, dù con không xứng đáng vì những tội lỗi của mình.

Tuy nhiên, Thánh nữ Savina vẫn không nỡ để cô gái thánh thiện đi cùng những người đầy tớ vô đạo của quan tổng trấn, nên bà đã tự mình đi cùng cô đến gặp quan tổng trấn. Vì bà xuất thân từ một gia tộc thượng nghị sĩ danh tiếng, nên khi thấy bà đứng trước mặt mình, thống đốc bỗng bối rối và vội vàng cho bà về nhà cùng với thánh Seraphima.

Ba ngày trôi qua. Thống đốc ra lệnh tổ chức phiên tòa tại nơi thường diễn ra các phiên xét xử, và ra lệnh cho các quan chức thành phố đưa Serafima đến. Các quan chức vô đạo đã bắt giữ thánh nữ và dẫn bà ra tòa. Thánh Savina lại đi theo bà. Thấy không thể giải cứu Thánh Seraphima khỏi tay kẻ thù, bà đã hét lên với Igemon:

– Con chó Á Đông hung ác kia! Đừng dám làm hại trinh nữ thánh của Đức Chúa Trời. Chính ngươi sẽ bị diệt vong, vì Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, đang ở cùng chúng ta, và Ngài sẽ trừng phạt cả ngươi lẫn các vị vua vô đạo của ngươi bằng những cực hình vĩnh cửu vì vô số đau khổ mà các ngươi đã gây ra cho các tôi tớ của Đức Chúa Trời hằng sống.

Nói xong, Savina khóc nức nở rồi trở về nhà mình.

Lúc đó, vị thống đốc quay sang Seraphim và nói:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần bất tử, những vị mà các vị vua của chúng ta cũng thờ phụng.

Seraphima đáp lại:

– Tôi kính sợ và phụng sự Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đấng đã tạo dựng trời đất và mọi sự trên đó. Còn những kẻ mà ngài ra lệnh phải thờ phượng, không phải là các vị thần, mà là ma quỷ; tôi không thể tôn kính chúng, vì tôi là một tín đồ Kitô giáo.

Igemon nói với nàng:

– Vậy thì hãy đến đây và dâng lên Đấng Kitô của ngươi chính lễ vật đã được chuẩn bị cho các vị thần của chúng ta.

Seraphima đáp lại:

– Hằng ngày tôi đều dâng lễ vật cho Ngài, thờ lạy Ngài và cầu nguyện với Ngài cả ngày lẫn đêm.

Rồi Igemon hỏi:

– Đền thờ Chúa Kitô của cô ở đâu? Cô dâng lễ vật gì cho Ngài?

Seraphima trả lời:

– Lễ vật đẹp lòng Chúa Kitô chính là việc tôi giữ gìn trinh tiết của mình một cách trong sạch, và với sự giúp đỡ toàn năng của Ngài, tôi sẽ dẫn dắt những người khác đến với việc làm cao cả này.

Thống đốc nói:

– Đó có phải là nhà thờ và lễ vật của ngươi không?

Seraphima trả lời:

– Không có gì cao quý hơn việc nhận biết Thiên Chúa chân thật và chỉ phụng sự Ngài, Đấng Duy Nhất, bằng một cuộc sống đạo đức.

Igemon nói:

– Chẳng phải chính cô, như cô nói, là nhà thờ dành cho Đức Chúa Trời của cô sao?

Seraphima đáp:

– Vì tôi giữ mình trong sự tinh khiết nhờ sự giúp đỡ toàn năng của Đức Chúa Trời tôi, nên tôi thực sự là Hội Thánh của Ngài. Trong Kinh Thánh của chúng ta có chép: *"Các ngươi là đền thờ của Đức Chúa Trời hằng sống"* (2 Cô-rinh-tô 6:16).

Igemon hỏi:

– Nhưng nếu con bị cưỡng hiếp và trinh tiết của con bị làm ô uế, liệu lúc đó con có còn là Hội Thánh của Đức Chúa Trời con nữa không?

Seraphima đáp lại bằng những lời trong Kinh Thánh:

– *"Ai phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt người ấy"* (1 Cô-rinh-tô 3:16–17).

Nhưng vị Igemon không hiểu những lời này và ra lệnh giao Seraphima cho hai thanh niên vô liêm sỉ, gốc Ai Cập, để họ ở cùng nàng suốt đêm. Những thanh niên vô đạo đức này đã bắt nàng và dẫn vào một ngôi đền tối tăm. Trinh nữ thánh thiện đã thành kính cầu nguyện với Chúa:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng bảo vệ và gìn giữ sự trinh khiết của con, con kêu cầu Ngài giúp đỡ! Con kêu cầu Ngài, Ánh Sáng và Niềm Vui vĩnh cửu! Ngài, Đấng đã viếng thăm và củng cố Thánh Tông Đồ Phaolô khi ngài bị giam cầm trong ngục tối, xin hãy nhìn đến con và thương xót người tôi tớ khiêm nhường của Ngài. Xin cứu con khỏi những ham muốn tội lỗi của những chàng trai này. Con cầu xin Ngài, xin làm cho mắt họ mờ đi và đừng để họ chạm vào nữ tỳ của Ngài, người đang đặt niềm tin nơi Ngài! Xin đừng để họ làm ô uế thân thể con, vốn đã được đóng ấn bằng sự thánh khiết của Ngài. Xin hãy làm cho sự vô liêm sỉ của chúng phải xấu hổ và đừng để con bị hư hỏng; xin hãy mau chóng cho con được về với Ngài. Xin hãy nhìn đến nữ tớ tớ Savina của Ngài, lạy Chúa Giêsu nhân lành, và củng cố nàng bằng sức mạnh của Ngài, để kẻ thù dữ tợn là ma quỷ không thể chiến thắng: vì nàng cũng đã phải chịu đựng nhiều gian khổ vì con. Xin hãy nghe con, lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng được chúc tụng, vinh quang và tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, đến muôn đời. Amen.

Và kìa, vào giờ đầu tiên của đêm, khi những thanh niên vô đạo định thực hiện hành vi ô nhục của mình, bỗng nhiên vang lên một tiếng ồn ào lớn và một trận động đất kinh hoàng bắt đầu, mà tất cả cư dân xung quanh đều nghe thấy. Những thanh niên ấy ngã quỵ xuống đất như đã tắt thở, và toàn thân họ trở nên mềm nhũn. Thấy sự cứu giúp nhanh chóng của Thiên Chúa, trinh nữ vô tì vết đã giơ tay lên trời, trong nước mắt tạ ơn Chúa và suốt đêm đã dành trọn thời gian để cầu nguyện. Sáng sớm, những người được thống đốc cử đến để hỏi các chàng trai xem họ đã thực hiện ý định của mình chưa. Khi bước vào nhà thờ, họ thấy cô trinh nữ thánh thiện đang cầu nguyện, còn các chàng trai thì nằm bất động như người chết, không còn sức để đứng dậy hay nói được lời nào; chỉ có đôi mắt mở to là chứng tỏ họ vẫn còn sống. Một đám đông người dân đã tụ tập lại để chứng kiến phép lạ này. Nghe tin về sự việc, vị thống đốc lại ra lệnh đưa người tôi tớ của Chúa là Seraphima đến trước mặt ông để xét xử và nói với cô:

– Serafima ơi, ham muốn xác thịt của ngươi đã được thỏa mãn chưa, hay ngươi vẫn còn bị dục vọng chi phối?

Thánh Seraphima đáp:

– Ta thấy ngươi có một trái tim đồi bại và ma quỷ đang ngự trị trong đó; đó là lý do ngươi nói những lời phạm thượng như vậy. Nhưng ta không hề biết những chàng trai mà ngươi nhắc đến, và thậm chí còn không cảm nhận được liệu họ có ở bên ta hay không.

Igemon nói:

– Vậy ngươi khẳng định rằng họ không ở bên ngươi suốt cả đêm sao?

Thánh Seraphima đáp:

Người mà tôi phục vụ như một nô lệ và Đấng đã chuộc tôi bằng chính máu của Ngài đã ở bên tôi.

Igemon hỏi:

– Vậy đó là ai?

Seraphima trả lời:

– Đấng Bảo vệ và Đấng Chăm sóc tôi, Chúa Giê-su Ki-tô.

Igemon nói:

– Sao ngươi lại nói nhiều điều vô nghĩa như vậy? Thay vào đó, hãy nói cho ta biết, ngươi đã dùng phép thuật nào để khiến những chàng trai đó mất khả năng kiểm soát cơ thể?

Thánh Seraphima đáp:

– Chúng ta, những người Kitô hữu, không nên học phép thuật; còn những ai bị các ngươi giết bằng phép thuật độc ác của các ngươi, thì Chúa và Đấng Tối Cao Giêsu Kitô của chúng ta sẽ làm cho họ sống lại khi họ kêu cầu sự giúp đỡ của Ngài.

Igemon nói:

– Nếu Đấng Kitô của ngươi có thể vượt qua mọi mưu mô phù phép, thì hãy cầu xin Ngài khôi phục lại sức mạnh thể xác vốn có cho những chàng trai này. Khi đó, chúng ta có thể tự hỏi họ xem họ đã làm gì ở chỗ ngươi suốt cả đêm qua. Riêng tôi thì gần như chắc chắn rằng ngươi đã dùng một loại bùa chú độc ác nào đó để làm họ mất trí, nhằm ngăn cản họ tiết lộ sự ô uế của ngươi.

Serafima đáp lại:

– Đức Chúa Trời mà tôi phụng sự là Đấng toàn năng, và không có gì là không thể đối với Ngài.

Igemon nói:

– Vậy thì hãy làm cho những chàng trai ấy tỉnh táo lại, để sức khỏe của họ được phục hồi và họ có thể nói được.

Seraphima đáp:

– Ngài vẫn còn nghĩ rằng tôi là một phù thủy. Nhưng tôi hoàn toàn không biết gì về những mưu mẹo phù thủy cả. Tôi dâng lên Đức Chúa Trời những lời cầu nguyện của mình, nhờ đó Ngài ban cho không chỉ riêng tôi, mà còn cho bất cứ ai kêu cầu Ngài bằng cả trái tim mình.

Igemon nói:

– Cứ làm gì tùy ý, miễn là các chàng trai có thể nói lại được, thì chúng tôi sẽ biết liệu cô có còn trinh tiết hay không.

Serafima đáp:

– Tôi đã nói với ngài rồi, tôi không biết phép thuật: tôi chỉ có thể cầu nguyện với Đức Chúa Trời, để Ngài ban ân sủng của Ngài.

Igemon nói:

– Vậy thì hãy đến nơi các chàng trai đang ở, và cầu nguyện với Đức Chúa Trời của ngươi cho họ.

Seraphima đáp:

– Tôi không thể đến đó được; vì nếu vậy, những người khác sẽ không có cơ hội chứng kiến phép lạ này, và vì sự hoài nghi của họ, họ cũng sẽ nghĩ về tôi giống như anh đang nghĩ, rằng tôi là một phù thủy. Tốt hơn hết là hãy ra lệnh mang những chàng trai đã chết đến đây.

Igemon ra lệnh mang các chàng trai đến nơi xét xử. Khi họ được mang đến, mọi người đều kinh ngạc khi nhìn thấy họ. Họ trong tình trạng tê liệt đến mức dường như không còn lưỡi, tay hay chân.

Igemon nói:

– Serafima! Bây giờ hãy cầu nguyện với Đức Chúa Trời của cô để các chàng trai được bình phục.

Lúc đó, Thánh Seraphima giơ hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện với lòng thành kính:

– Lạy Chúa Trời Toàn Năng! Ngài đã tạo dựng trời, đất và biển, cùng mọi sự trên đó. Qua các môn đệ và các Tông đồ của Ngài, Ngài đã làm cho người chết sống lại, chữa lành người phong cùi, ban cho người câm khả năng nói và người điếc khả năng nghe. Xin hãy nghe lời con, tôi tớ của Ngài, người đang đặt niềm tin nơi Ngài. Xin đừng khinh dể lời cầu xin của con và đừng quay lưng lại với con vì sự vô tín của vị quan cai trị khốn khổ này, nhưng xin ban sự chữa lành cho những thiếu niên này, trước mặt tất cả những ai đang mong chờ phép lạ này. Xin cho kẻ điên rồ, người vì cơn cuồng loạn mà đã gây ra cuộc đàn áp những người tin vào Ngài, phải hổ thẹn. Xin hãy mau chóng, lạy Chúa, tỏ ra quyền năng của Ngài, để họ nhận biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất, Đấng làm phép lạ, và không có ai khác ngoài Ngài.

Sau khi cầu nguyện như vậy, Thánh Seraphima tiến đến gần các chàng trai, chạm vào họ và tuyên bố:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, ta ra lệnh: hãy đứng dậy!

Các chàng trai lập tức đứng dậy và bắt đầu nói chuyện. Thấy vậy, mọi người đều kinh hoàng và ngạc nhiên.

Nhưng vị trưởng tu viện nói:

– Các ngươi không nhận ra sao, rằng bà ta không thể thực hiện mưu mẹo phù thủy của mình cho đến khi chạm tay vào các chàng trai?

Sau đó, ông quay sang các chàng trai và hỏi:

– Làm sao người phụ nữ này có thể làm các cậu mất trí và sức lực được?

Các chàng trai trả lời:

– Thưa ngài Igemon! Khi chúng tôi vào gặp nàng theo lệnh của ngài, bỗng nhiên xuất hiện một chàng trai, đẹp đẽ và rực rỡ như mặt trời. Anh ta đứng giữa chúng tôi và cô gái. Trước ánh sáng kỳ diệu của anh ta, chúng tôi bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi, run rẩy, bóng tối và sự mất sức hoàn toàn. Từ lúc đó cho đến nay, chúng tôi vẫn ở trong tình trạng như vậy. Bây giờ ngài hãy tự phán xét xem, liệu cô ấy có phải là một phù thủy, hay thực sự vị Thần của cô ấy thật vĩ đại.

Igemon quay sang Seraphima và nói:

– Hãy giải thích cho ta nghe, Serafima, ngươi đã dùng mưu kế nào để làm được điều này, và ta sẽ thả ngươi ngay lập tức.

Seraphima đáp:

– Tôi đã căm ghét những giáo lý xấu xa, và tất cả các tín đồ Kitô giáo đều có thể xua đuổi mọi phép thuật và bùa chú, và sẽ không phải chịu bất kỳ tổn hại nào từ chúng, miễn là họ kêu cầu danh Chúa của mình.

Igemon nói với cô:

– Ta thấy ngươi có thể làm được rất nhiều điều bằng phép thuật của mình; tuy nhiên, ta sẽ nói với ngươi điều này: nếu ngươi không dâng lễ vật cho các vị thần của ta, ta sẽ ra lệnh chặt đầu ngươi.

Serafima đáp:

– Ngươi cứ làm gì tùy thích, nhưng ta sẽ không dâng lễ vật cho lũ quỷ của ngươi, cũng không tuân theo ý muốn của Satan, cha ngươi, vì ta là một tín đồ Kitô giáo.

Lúc đó, viên quan cai trị ra lệnh dùng hai ngọn nến thiêu đốt cơ thể bà. Nhưng những ngọn nến bỗng dưng tắt ngấm, còn những kẻ đang thiêu đốt thì ngã quỵ xuống đất. Thánh Serafima ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin cho tất cả kẻ thù của con phải xấu hổ và bẽ mặt.

Thống đốc nói với cô:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, để ngươi không phải chết trong đau đớn.

Thánh Seraphima đáp lại:

– Chính vì không muốn phải chịu cái chết vĩnh viễn nên con mới không dâng lễ vật cho lũ quỷ của các ngươi.

Igemon nói với cô:

– Nàng điên rồ và cuồng loạn! Hãy tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, thờ lạy các vị thần bất tử, và nàng sẽ thoát khỏi đau khổ và cái chết.

Seraphima đáp lại:

– Chính các ngươi mới là những kẻ bị quỷ ám và điên rồ, vì các ngươi từ chối Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, lại thờ lạy những con quỷ, và các ngươi sẽ cùng chúng bị diệt vong. Còn tôi, tôi dâng chính mình làm của lễ cho Đức Chúa Trời bất tử, chỉ mong Ngài thương xót nhận lấy tôi, dù tôi là một người có tội, nhưng là một tín đồ Kitô giáo chân chính.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh đánh bà bằng gậy. Khi lệnh được thi hành, bỗng nhiên xảy ra một trận động đất lớn. Một mảnh vỡ từ một trong những cây gậy dùng để đánh vị thánh đã văng ra và trúng vào mắt phải của quan tổng trấn, và ba ngày sau, ông ta bị mù.

Lúc đó, quan tổng trấn nổi cơn thịnh nộ tột độ và ra lệnh như sau:

– Serafima, người không chỉ coi thường các điều răn của hoàng đế mà còn phạm phải những tội ác tày trời, chúng ta ra lệnh chém đầu bằng gươm.

Và thánh nữ Serafima đã bị chém đầu.

Bà Savina cao quý, với lòng tôn kính sâu sắc, đã nhận lấy thi hài thánh thiện của bà, tiến hành lễ an táng với những nghi thức trang trọng xứng đáng với một trinh nữ và vị tử đạo của Chúa Kitô, rồi như một kho báu vĩ đại và

viên ngọc quý giá nhất, bà đặt thi hài ấy vào quan tài mới của mình, dâng lời ngợi khen lên Chúa Kitô, Đức Chúa Trời chân thật, cùng với Đức Chúa Cha và Đức Thánh Linh, được tôn vinh muôn đời. A-men.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Kallinikos

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 7

Thánh Tử đạo Kallinikos sinh ra tại Cilicia và được nuôi dưỡng trong đức tin Kitô giáo. Khi đã trưởng thành, Kallinikos thấy có rất nhiều người vẫn bám víu vào sự vô đạo của ngoại giáo; bị mê hoặc bởi sự cám dỗ của ma quỷ, họ xa cách Chúa Kitô, tin vào những hòn đá vô hồn và dâng lễ vật cho các thần tượng. Callinicus đã khóc than thảm thiết vì sự hư mất của những người này và quyết định bắt đầu công khai dạy dỗ họ về sự thật, để họ từ bỏ sự lầm lạc và tin vào Đức Kitô, Thiên Chúa. Giống như các Tông đồ, Kallinikos đã rao giảng Lời Chúa, đi qua nhiều thành phố và làng mạc, và cuối cùng đến thành Ancyra thuộc xứ Galatia. Ông ở lại thành phố này khá lâu. Với lòng quan tâm đến sự cứu rỗi các linh hồn con người và nỗ lực trong công việc rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô, ông đã dẫn dắt nhiều người trở về với Chúa Kitô. Vì điều này, ngài bị những kẻ vô tín bắt giữ và đưa ra xét xử trước công tước Sakerdon. Sakerdon là một tín đồ cuồng nhiệt của các thần tượng, kẻ thù của Đấng Christ và là kẻ bắt bớ dữ dội các Kitô hữu. Khi dẫn Callinicus đến trước mặt ông ta, những kẻ vô đạo đã la lên:

– Đây là người ngoại quốc Kallinikos, kẻ dạy dỗ mọi người đừng dâng lễ vật cho các thần và đừng thờ lạy chúng, và hắn đã lừa dối rất nhiều người rồi.

Nhìn vị thánh với ánh mắt giận dữ, hoàng tử bắt đầu tra hỏi ông một cách đe dọa:

– Sao ngươi dám, tên điên rồ, dù chỉ là kẻ ngoại lai ở đây, lại đi làm hư hỏng dân chúng, dạy họ từ bỏ các vị thần, những Đấng đã tạo dựng thế giới và được nhà vua, mọi quyền lực, cũng như cả vũ trụ tôn kính? Ngươi chẳng biết gì về quyền năng của các vị ấy sao?

Vị thánh đáp lại một cách hiền lành:

– Tôi là tôi tớ của Đấng Christ. Thấy con người đang đi vào con đường diệt vong, lòng tôi đau xót cho họ, và tôi cố gắng hết sức mình, bằng những lời dạy tốt lành, để dẫn dắt họ từ bóng tối đến ánh sáng, và từ sự diệt vong đến sự cứu rỗi. Vì trong Kinh Thánh của chúng tôi có chép: *"Ai dẫn dắt kẻ có tội khỏi con đường sai lầm của họ, thì sẽ cứu linh hồn họ khỏi sự chết và che đậy vô số tội lỗi"* (Gia-cơ 5:20). Tôi cũng mong muốn dẫn dắt ngài đến với ánh sáng, thoát khỏi sự mù quáng do ma quỷ gây ra đang trói buộc ngài, và chỉ dẫn ngài đi trên con đường chân chính.

Vị hoàng tử, tràn đầy cơn giận, nói:

– Chẳng lẽ ngươi lại muốn và nghĩ rằng ta sẽ từ bỏ các vị thần, và nghe theo những lời điên rồ của ngươi, để chọn cái chết đắng cay thay vì cuộc sống hạnh phúc sao? Không, tuyệt đối không! Ngược lại, ta sẽ ép buộc ngươi, dù ngươi có chống cự, phải thờ lạy các vị thần của chúng ta. Vì ta sẽ tra tấn ngươi một cách tàn bạo, và lúc đó ta sẽ xem liệu vị Thần của ngươi có đến cứu ngươi khỏi quyền lực của ta hay không. Ta sẽ không tha thứ cho thân xác ngươi cho đến khi ngươi nhận ra sức mạnh và quyền năng của các vị thần, và dâng lễ vật cho họ.

Vị thánh dũng cảm đáp lại Sacerdon:

– Mọi hình phạt vì Chúa của tôi đối với tôi đều đáng mong đợi như thức ăn đối với người đói. Vậy nên đừng chần chừ và đừng lãng phí thời gian vào những lời đe dọa, mà hãy bắt đầu việc tra tấn tôi đi. Đây là thân thể tôi – nó đã sẵn sàng chịu đau khổ. Còn trong tâm hồn tôi, chính Đức Chúa Trời, Đấng sẽ ban cho tôi sự cứu rỗi, còn ngươi thì sẽ phải chịu diệt vong.

Càng thêm tức giận, vị hoàng tử nói:

– Tên khốn kiếp! Sao ngươi dám làm ta bực mình bằng những lời như thế? Ta thề trước các vị thần rằng ta sẽ không tha thứ cho ngươi, mà sẽ lột da ngươi khỏi xương, nghĩ ra mọi hình thức tra tấn cho ngươi, cho đến khi ngươi chết một cái chết thảm khốc.

Vị thánh đáp lại:

– Kẻ vô đạo tồi tệ nhất trong tất cả! Ngươi còn lãng phí thời gian vô ích trong cơn thịnh nộ của mình đến bao giờ, mà không chịu bắt tay vào việc? Hãy tra tấn ta đi, và ngươi sẽ thấy được lòng dũng cảm và sự khoan dung của một người tu hành theo Chúa Kitô, người đang chờ đợi nhận vương miện chiến thắng từ Đấng Cứu Thế của mình.

Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh lột trần vị tử đạo và đánh ông không thương tiếc bằng dây da bò. Họ đánh vị thánh rất lâu, còn người thông báo thì la lên:

– Kallinikos, hãy nhận biết các vị thần và cầu khẩn họ, họ sẽ giải thoát ngươi khỏi những cực hình!

Nhưng vị thánh tử đạo chỉ cười nhạo kẻ tra tấn và những cực hình, rồi lớn tiếng nói:

– Ngươi đã đe dọa ta bằng những cực hình khủng khiếp, nhưng lại chỉ áp dụng những hình phạt yếu ớt nhất. Hãy gây ra những vết thương nặng nề cho ta, hãy giao ta cho cực hình tàn bạo nhất: vì ta không sợ lửa, cũng không kinh hoàng trước gươm đao, ta cười nhạo cái chết, bởi ta đang trông đợi sự sống đời đời từ Thiên Chúa của ta.

Lúc đó, hoàng tử ra lệnh treo vị tử đạo lên cây và dùng đinh sắt đâm xuyên qua thân thể ngài. Họ đã đâm xuyên da thịt ngài đến tận xương.

Nhưng vị thánh vẫn tiếp tục cười nhạo sự tra tấn này, như thể không phải thân thể ngài mà là thân thể của người khác đang phải chịu đau đớn, và ngài nói với vị công tước:

– Hãy ra lệnh đục khoét tôi mạnh hơn nữa, vì càng đục khoét thân thể tôi nhiều, linh hồn tôi càng được no nê: Chúa Kitô đang giúp đỡ tôi; được củng cố bởi ân sủng của Ngài, tôi không cảm thấy đau đớn vì những cực hình.

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh tháo người môn đệ của Chúa Kitô xuống khỏi cây thập tự, xỏ cho ông đôi ủng sắt có đinh nhọn bên trong, dẫn đến thành phố Gangra, cách Ankyra tám mươi dặm, và thiêu sống ông tại đó. Hắn quyết định làm như vậy vì tại thành phố này, Kallinikos đã dẫn dắt rất nhiều người trở lại với Chúa Kitô. Hắn nghĩ rằng, khi chứng kiến cái chết tử đạo của Kallinikos, những người mới cải đạo này sẽ kinh hoàng và quay trở lại với đức tin cũ. Vậy là, vị công tước tàn bạo đã giao vị chiến sĩ của Chúa Kitô vào tay những người lính tàn nhẫn của mình và ra lệnh cho họ – tự mình cưỡi những con ngựa nhanh nhẹn, còn vị tử đạo thì phải bị đuổi đi phía trước, bị ép phải đi nhanh hơn bằng những trận đòn roi. Đi đôi ủng sắt có đinh, vị tử đạo bước đi như thể không cảm thấy đau đớn vì những chiếc đinh, và ngâm nga Thánh vịnh của Đa-vít: *"Tôi đã đặt trọn niềm tin nơi Chúa, và Ngài đã nghiêng mình xuống với tôi và nghe tiếng kêu của tôi; Ngài đã cứu tôi khỏi hố sâu đáng sợ, khỏi đầm lầy lầy lội, đặt chân tôi trên tảng đá và làm vững chắc bước chân tôi"* (Thi thiên 39:2–3).

Vậy là ngài lên đường theo lộ trình đã định và đi nhanh, không hề bị ép buộc, dẫn đầu đoàn kỵ binh.

Khi họ đi qua sáu mươi dặm và đến nơi gọi là Matrika, các chiến binh bắt đầu khát khô cổ vì cái nắng gay gắt – vì lúc đó là tháng Bảy. Trên đường đi không có nước ở đâu cả, các chiến binh kiệt sức, còn ngựa của họ thì thở hổn hển. Lúc đó, họ khóc lóc kêu cầu vị thánh:

– Hỡi tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật, xin thương xót chúng tôi, những kẻ đang tuyệt vọng ngay trong chính cuộc đời mình. Xin cầu khẩn Đức Chúa Trời của ngài ban cho chúng tôi nước uống, để chúng tôi không phải chết. Chúng tôi đã nghe nói rằng Đức Chúa Trời của ngài là Đấng Toàn Năng. Xin hãy quên đi những đau khổ mà chúng tôi đã gây ra cho ngài: chúng tôi tra tấn ngài không phải theo ý muốn của chúng tôi, mà là theo lệnh của hoàng tử.

Thấy họ đang chết khát, thánh Callinicus thương xót họ và, mong muốn làm điều thiện cho kẻ thù của mình, ngài đứng bên tảng đá nằm trên đường, ngước mắt lên trời và bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa tể trời đất, biển cả và muôn loài! Xưa kia, Ngài đã ban nước từ tảng đá cho Mô-sê và dân tộc đi cùng ông khi họ lang thang trong sa mạc. Xin Ngài hãy tỏ ra những phép lạ của Ngài ngay lúc này: xin cho, theo lệnh của Ngài, nước tuôn trào từ tảng đá này, và làm dịu cơn khát của những người đang khát, để ngay cả những ai chưa biết đến Ngài cũng được chứng kiến những việc làm vinh quang của Ngài và danh thánh của Ngài được tôn vinh.

Ngay khi ông vừa dứt lời cầu nguyện, một suối nước sống liền tuôn trào từ tảng đá. Mọi người đều uống, giải khát và đồng thanh kêu lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, và vinh quang hơn tất cả!

Kể từ lúc đó, suối nước này không ngừng tuôn trào, như một kỷ niệm khó quên về phép lạ của Đức Chúa Trời, đã xảy ra nhờ những lời cầu nguyện của vị tử đạo.

Sau khi đã hạ nhiệt đủ, các chiến binh cùng ngựa của họ đã hoàn thành quãng đường còn lại một cách dễ dàng và đến được Gangry. Họ không muốn giao nộp người ân nhân Kallinikos của mình – người đã cứu họ khỏi cái chết trên đường đi – cho cái chết. Nhưng vì lo sợ rằng vị công tước, khi nổi giận, sẽ ra lệnh xử tử chính họ, nên họ đã tuân theo mệnh lệnh của công tước. Sau khi đốt lò, họ đặt vị tử đạo ngay sát ngọn lửa. Còn ngài, trong niềm vui sướng và hân hoan, đã làm dấu thánh giá và bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Cha trên trời! Con tạ ơn Ngài vì đã ban cho con ân sủng được chết vì danh thánh của Ngài. Xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an và làm cho kẻ thù của Ngài phải hổ thẹn, lạy Thiên Chúa toàn năng!

Với những lời ấy, ngài bước vào chính giữa lò lửa đang bùng cháy, rồi nằm xuống và phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa. Khi lò lửa tắt, thi thể thánh thiện của ngài được tìm thấy vẫn nguyên vẹn. Các tín hữu đã rước thi hài ngài và an táng với sự tôn kính xứng đáng, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi. Xin Ngài nhận lấy vinh quang và tôn kính từ chúng con, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã xứng đáng thừa hưởng vương quốc trên trời: vì được thắp sáng bởi tình yêu mãnh liệt của Đấng Kitô, Ngài đã dũng cảm bước vào ngọn lửa của Kallinikos. Xin Ngài hãy tiếp tục đứng trước mặt Ngài và không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Ngày 12 tháng 8

Ngày 30 tháng 7 (theo lịch cũ)

Các thánh tông đồ Sila, Siluan, Kriskent và những người khác cùng với họ

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 7

Thánh Tông đồ Sila, người đã được các Tông đồ cao niên chọn để phục vụ công việc rao giảng Lời Chúa, đã gánh vác những công lao to lớn trong việc truyền bá giáo lý của Chúa Kitô, ban đầu cùng với Thánh Tông đồ tối cao Phaolô, và sau đó một mình, không có ngài. Khi Hội đồng Giê-ru-sa-lem soạn thảo thư gửi Hội thánh An-ti-ô-ki-a về việc không cắt bì những người ngoại giáo chấp nhận đức tin thánh của Đấng Christ, Thánh Si-la đã được cử đến đây cùng với những người đáng kính khác, như Thánh Luca đã ghi chép trong Sách Công vụ các Tông đồ:

– *"Bấy giờ, các Tông đồ và các trưởng lão, cùng với toàn thể Hội Thánh, đã bàn bạc và chọn ra từ giữa họ những người để sai đi đến Antiôkhia cùng với Phaolô và Barnaba, đó là: Giuđa, người được gọi là Barsabbas, và Sila, những người có uy tín trong số các anh em"* (Công vụ 15:22).

Khi đến Antiôkhia, họ tập hợp dân chúng lại và trao bức thư. Sau khi đọc xong, mọi người đều rất vui mừng trước lời dạy dỗ đã nhận được. Còn Giu-đa và Si-la, nhờ có ân tứ tiên tri, đã tận tâm dạy dỗ các tín hữu, an ủi và củng cố đức tin cho họ. Si-la muốn ở lại An-ti-ô-ki-a, còn Giu-đa thì trở về Giê-ru-sa-lem. Sau đó, Sứ đồ Phao-lô nảy sinh ý định đi ra các nước khác để rao giảng và đã chọn thánh Si-la làm bạn đồng hành. Được anh em trao phó ân sủng của Thiên Chúa, họ lên đường và ghé qua Syria và Cilicia, củng cố các Hội Thánh tại đó. Khi đi qua Derbe và Lystra, họ gặp Timôthê tại đó và cùng ông đến Macedonia. Khi họ ở Philippi, họ đã trừ tà một linh hồn quấy rối khỏi một cô hầu gái, người vốn mang lại thu nhập lớn cho chủ nhân của mình nhờ khả năng bói toán. Khi những người chủ này thấy nguồn thu nhập của họ đã mất, họ đã bắt giữ Phaolô và Silas rồi lôi họ ra quảng trường trước mặt các quan chức, cáo buộc họ gây rối trật tự công cộng. Đám đông tụ tập đông đảo, còn các quan chức thì xé rách áo quần của Phaolô và Silas, rồi ra lệnh đánh họ bằng gậy. Sau nhiều đòn roi, họ giam hai vị Tông đồ thánh vào ngục tối, xiềng chân họ vào cùm. Vào nửa đêm, khi Phaolô và Sila đang hát thánh ca và cầu nguyện với Thiên Chúa, bỗng nhiên xảy ra một trận động đất lớn đến nỗi ngục tối rung chuyển, các cánh cửa tự mở ra và xiềng xích trở nên lỏng lẻo. Người gác ngục bừng tỉnh, thấy cửa ngục mở toang, liền rút dao ra định tự sát, vì nghĩ rằng các tù nhân đã trốn thoát; nhưng Thánh Tông đồ Phaolô đã gọi ông lại và ngăn cản ông tự sát. Với lòng kính sợ, người gác ngục quỳ xuống trước Phaolô và Sila, rồi dẫn họ ra khỏi ngục và đưa về nhà mình, nơi ông rửa sạch vết thương cho họ, và chính ông cùng cả gia đình đã chịu phép rửa tội. Từ đó, các Thánh Tông đồ Phaolô và Sila đi đến Amphipolis, Apollonia và Thessalonica. Nhiều người Hy Lạp và không ít phụ nữ quý tộc đã gia nhập cùng họ. Còn người Do Thái, vì ghen tị và bất tuân, đã rủ rê một số kẻ xấu xa, xúi giục dân chúng chống lại các Tông đồ và tìm

cách tiêu diệt họ. Vào ban đêm, các anh em đã cho Phaolô và Silas đi đến Bêria, nhưng ngay tại đây, những người Do Thái từ Thessalonica đến cũng đã xúi giục dân chúng chống lại những người rao giảng Lời Chúa. Vì vậy, Phaolô đã đi đến các vùng ven biển, còn Silas và Timôthê thì ở lại đó. Sau khi rời đi vài ngày, họ đã gặp thánh Phaolô tại Cô-rinh-tô (Công vụ 16:1–40, 17:1–34, 18:1–28). Tại đây, Thánh Silas đã trở thành giám mục. Sau khi dành khá nhiều thời gian rao giảng Lời Chúa và thực hiện một số dấu lạ và phép lạ trong suốt cuộc đời, ngài đã về với Chúa.

Thánh Tông đồ Siluan đã cùng các Tông đồ tối cao là Phêrô và Phaolô rao giảng Lời Chúa; cả hai đều đề cập đến ngài trong các tác phẩm của mình. Thánh Phêrô trong Thư thứ nhất gửi các tín hữu viết như sau:

– *"Tôi đã viết ngắn gọn những điều này cho anh em qua Siluan, người mà tôi cho là anh em trung thành của anh em"* (1 Phê-rô 5:12).

Thánh Tông đồ Phaolô trong Thư thứ hai gửi tín hữu Cô-rinh-tô cũng nói:

– *"Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng mà chúng tôi, tức là tôi và Siluan, đã rao giảng cho anh em"* (2 Cr 1,19).

Từ đó, rõ ràng là Thánh Siluan đã cùng với từng vị Tông đồ tối cao làm việc trong việc rao giảng giáo lý của Đấng Christ, đồng hành cùng họ trong công việc và bệnh tật. Tại Thessalonica, ngài là giám mục và, sau khi chịu nhiều đau khổ vì đức tin, ngài đã về với Chúa Kitô, Đấng tôn vinh mọi công lao.

Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến Thánh Tông đồ Kriskent trong Thư thứ hai gửi Timôthê, khi nói: *"Kriskent ở Galát"* (2 Tim 4:10), tức là ngài đã được sai đi rao giảng. Tại Galatia, ngài đã đảm nhận chức vụ giám mục; sau đó, ngài rao giảng về Chúa Kitô tại Gaul và tại thành phố Vienne, ngài đã tấn phong môn đệ của mình là Zacharias làm giám mục, rồi trở lại Galatia, và tại đây, ngài đã chịu tử đạo dưới triều đại của Trajan[5360] .

Thánh Tông đồ Ê-pê-nê-tô cũng được Thánh Phaolô nhắc đến trong Thư gửi tín hữu Rôma: *"Hãy chào hỏi Ê-pê-nê-tô, người thân yêu của tôi, là người đã mở đầu công việc của Chúa Kitô tại A-cha-i"* (Rm 16,5). Ê-pê-nê-tô là giám mục tại Carthage.

Trong cùng thư gửi cho người Rôma, Thánh Phaolô cũng nhắc đến Thánh Andronicus: *"Xin chào Andronicus và Junia, những người thân của tôi và là những người bị giam cầm cùng tôi, những người đã nổi tiếng giữa các Tông đồ và đã tin vào Chúa Kitô trước cả tôi"* (Rm 16,7)[5361] .

Bài ca Kondak, giọng 4:

Các ngài là những cành nho của Đức Kitô, mang lại những chùm nho của sự khôn ngoan trong các nhân đức, tuôn tràn cho chúng con rượu nho của ơn cứu độ: khi đón nhận niềm vui này, chúng con tràn đầy hân hoan, mừng kính ngày kỷ niệm cao quý của các ngài, xin các ngài, các Tông đồ của Chúa, cầu nguyện cho chúng con được tha thứ tội lỗi.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Valentine.

Ngày kỷ niệm: 30 tháng 7

Tại Ombria, một vùng của Ý, trong thành phố có tên là Interamna, có Thánh Valentine làm giám mục, người đã nhận được ân sủng chữa lành từ Thiên Chúa. Ngài đã chữa lành mọi bệnh tật và đau ốm cho con người bằng lời cầu nguyện và việc kêu cầu danh thánh của Chúa Giêsu Kitô, đồng thời dẫn dắt những người ngoại đạo

---

[5360] Hoàng đế từ năm 98–117.

[5361] Thánh Phê-ô-đô-ri-tô, trong phần chú giải về các thư của Thánh Tông đồ Phao-lô (2 Cô-rinh-tô 1:19; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1), cho rằng Tông đồ Si-lu-an được đề cập ở đây chính là Tông đồ Si-lô. Điều này cũng được chứng minh bởi việc Sila hoàn toàn không được đề cập trong các thư, trong khi ngài là một trong những cộng sự nhiệt thành nhất của các Thánh Tông đồ, còn Siluan thì được các Tông đồ nhắc đến trong những trường hợp phù hợp với Sila. Các nhà chú giải phương Tây (Wieseler, Meyer và những người khác) cho rằng Siluan, người mà Thánh Tông đồ Phêrô đề cập đến trong Thư thứ nhất (1 Phêrô 5:12), chính là Silô. Kriscent, theo bài ca thứ 6 của thánh ca trong Sách Thánh Hy Lạp, người đã rao giảng tại Gaul và từng là tổng giám mục của Carchidon, theo ghi chú trong các Sách Thánh Hy Lạp, là giám mục của New Carchidon ở Tây Ban Nha, nước láng giềng của Gaul. Trong Sách Lễ Slav, thay vì "Carthage" thì ghi là "Chalcedon", và cụm từ "tại Gaul" đã được thay thế bằng: "sự xúc dầu của niềm vui".

từ việc thờ phượng các thần tượng trở về với Thiên Chúa (vào thời đó, đa thần giáo vẫn còn thống trị thế giới và các vị vua vô đạo, thống trị phương Tây và phương Đông, đã bức hại các Kitô hữu). Vào những ngày đó, ba nhà học giả[5362] , gốc gác từ Athens[5363] theo tín ngưỡng ngoại giáo, tên là: Proculus, Ephiv và Apollonius, đã đến Roma để học tập, mong muốn tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ và khoa học La Mã. Họ tìm được một vị thầy thông thạo cả hai ngôn ngữ: tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp, tên là Crato, bèn theo học ông và sống tại nhà ông. Một trong những người con trai của Kratona, tên là Herimon, bỗng dưng mắc bệnh nặng; căn bệnh khiến cột sống của anh ta bị cong, đầu chui xuống giữa hai đầu gối, và anh ta không thể nào duỗi thẳng người được. Người ta đã mời nhiều bác sĩ đến, nhưng họ không thể giúp gì được cho người bệnh. Cậu phải chịu đựng tình trạng này khoảng ba năm và đã mất hết hy vọng được chữa lành. Một ngày nọ, một quan tribune[5364] , tên là Fronton, đến nhà Kratona; khi nhìn thấy người bệnh, ông nói:

– Anh trai ruột của tôi cũng từng mắc căn bệnh này, và anh ấy đã được chữa lành bởi một vị giám mục Kitô giáo tên là Valentin, người đang sống tại thành phố Interamna.

Sau khi kể lại điều này, vị quan tribune khuyên Craton nên gửi con trai đang ốm của mình đến gặp vị giám mục đó; ông còn kể thêm về anh trai mình rằng, sau khi được chữa lành, anh ấy không muốn rời xa vị giám mục và, bị thu hút bởi lòng nhân ái của ngài, đã gắn bó với ngài bằng tình yêu thương. Nghe xong tất cả những điều đó, Kraton đã cử một số người đáng kính, trung thành và tận tụy với mình đến gặp vị giám mục, với lời thỉnh cầu xin ngài đến gặp ông, vì không thể để một thiếu niên ốm yếu phải thực hiện chuyến đi như vậy. Vì vinh quang của Chúa, vị thánh nhân đã không ngần ngại từ thành phố của mình đến Rôma để gặp người đã mời ngài, và ngài được tiếp đón với sự tôn kính cao độ. Sau khi giới thiệu cậu bé Herimon đang ốm cho vị thánh, Craton bắt đầu cầu xin ngài chữa lành cho con trai mình, giống như ngài đã chữa lành cho anh trai của quan tribune. Thánh Valentine nói:

– Nếu ngươi muốn, con trai ngươi sẽ được chữa lành.

– Ta sẽ không ngần ngại trao cho ngươi một nửa tài sản của mình, miễn là ngươi có thể chữa lành cho con trai ta, – Kraton đáp.

– Thật ngạc nhiên, – vị thánh phản bác, – rằng ngài, với tư cách là một vị thầy khôn ngoan, lại không hiểu những lời tôi vừa nói. Tôi xin nhắc lại với ngài, nếu ngài muốn, người bệnh sẽ được chữa lành, vì nếu ngài tin vào Đấng Kitô của tôi, mọi điều đều có thể đối với người có đức tin. Người tin Chúa được Thiên Chúa yêu mến hơn hẳn so với kẻ không tin, kẻ đặt niềm hy vọng vào những điều trần tục và hão huyền, và tôn thờ những hình tượng của những kẻ ác đã từng sống, được làm từ gỗ, đá hay bất kỳ chất liệu nào, như thể chúng là các vị thần. Làm sao có thể chấp nhận rằng những kẻ chìm đắm trong việc ác và chuyên hành hạ người khác, không có một giờ nào thoát khỏi những hành vi gian ác ghê tởm, lại là các vị thần được? Nếu ngươi chấp nhận đức tin mà ta đề nghị, từ bỏ sự tà đạo ngoại giáo, và đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng vô hình và toàn năng, thì con trai ngươi sẽ được chữa lành như ngươi mong muốn. Còn nửa tài sản mà ngươi định dâng cho ta, hãy phân phát cho những người nghèo khó, để họ cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho ngươi và con trai ngươi. Còn về phần tôi, ngươi không thể thuyết phục tôi nhận bất cứ thứ gì từ ngươi để chữa lành cho con trai ngươi; tôi chỉ xin một điều duy nhất là đức tin. Vậy, hãy tin vào Con Thiên Chúa là Đức Giêsu Kitô, rằng Ngài là Thiên Chúa chân thật, từ bỏ tất cả các thần tượng của ngươi, và ngươi sẽ thấy con trai mình khỏe mạnh.

Kraton đáp lại:

– Dù tôi không biết chính xác đức tin của ngài là gì, nhưng tôi đã nghe nói rằng mỗi người được cứu rỗi nhờ đức tin của chính mình; đức tin của người này không thể giúp được người khác và ngược lại, sự không tin của ai đó cũng không thể gây hại cho người khác.

Vị giám mục thánh thiện đáp lại:

– Trong cuộc đời con người có những điều không thể giúp hay hại người khác; và sự không tin của người cha không thể làm hại đức tin của con trai, nhưng trong lúc khốn khó và khi chữa lành người bệnh, đức tin của người này có thể hỗ trợ người kia, ví dụ, nhờ đức tin, người cha có thể giúp con trai, người chị có thể giúp anh trai, và chủ nhân có thể giúp nô lệ. Trong Kinh Thánh, chúng ta đọc thấy rằng viên sĩ quan nhờ đức tin đã được chữa lành cho người đầy tớ đang hấp hối của mình (Mt 8:5–13); người đứng đầu hội đường đã thấy con gái mình đang

[5362] Học trò.
[5363] Tại Hy Lạp.
[5364] Cấp bậc quân sự.

hấp hối được hồi sinh (Mt 9:23–25), còn hai chị em đang khóc than cho người anh em Lazarô đã qua đời và được chôn cất, thì vào ngày thứ tư đã thấy anh ta sống lại nhờ lời Chúa phán, và họ đã vui mừng (Ga 11:1–44). Còn có vô số ví dụ khác trong Cựu Ước và Tân Ước, cho thấy rõ ràng rằng đức tin của một người có thể giúp đỡ người khác. Cũng có trường hợp sự không tin của một người lại gây hại cho người khác; chẳng hạn, sự không tin của một người là Pharaoh đã gây ra nhiều tai họa cho toàn Ai Cập và thậm chí hủy diệt ông ta cùng toàn bộ quân đội của ông.

Khi nghe những lời này và những lời tương tự từ vị giám mục, thầy giáo Kraton quỳ xuống dưới chân ngài và nói:

– Tôi tin vào Đấng mà ngài rao giảng, rằng Ngài là Thiên Chúa Chân Thật và không có ai khác ngoài Đấng ra lệnh cho bệnh tật và cái chết phải lui đi, và chúng liền lui đi; ra lệnh cho sự sống – và sự sống trở lại.

Thánh Giám mục Valent đã đáp lại ông như sau:

– Đức tin Kitô giáo không chỉ được thể hiện bằng lời nói, mà còn bằng hành động.

– Vậy thì, – vị thầy hỏi, – những việc làm nào có thể thể hiện đức tin?

– Hãy từ bỏ, – vị giám mục dạy, – những thần tượng do tay người tạo ra, và hãy nhận phép rửa thánh để được kể vào số các con cái của Đức Chúa Trời.

– Vậy thì bằng cách nào, – Kraton hỏi, – nước, vốn chỉ rửa sạch vết nhơ trên thân xác, lại có thể tẩy sạch tội lỗi?

– Nước, – vị thánh giải đáp sự băn khoăn của anh, – khi danh hiệu của Ba Ngôi Thánh được xưng lên trên nó, sẽ nhận được Thánh Thần một cách huyền bí, và chính Ngài là Đấng tẩy sạch mọi tội lỗi của người được rửa tội trong dòng nước này.

– Cuộc trò chuyện của chúng ta cứ kéo dài mãi, – Craton nói, – trong khi cuộc đời của con trai tôi, Herimon, đang dần cạn kiệt.

Thánh Valentine đáp lại:

– Nếu ngươi không tin vào điều mà ngươi chưa bao giờ nghe thấy hay nhìn thấy, con trai ngươi sẽ không thể khỏe mạnh được.

– Vậy đó là điều gì, – Kraton bối rối hỏi, – mà tôi không thể nhìn thấy cũng không thể nghe thấy?

– Ngươi đã từng nghe nói chưa – vị thánh giải thích – về một Trinh Nữ đã thụ thai và sinh con một cách vô nhiễm, và sau khi sinh vẫn giữ nguyên sự trinh khiết? Ngươi đã từng thấy ai đi trên mặt biển như đi trên đất liền chưa? Ngươi có nghe nói ai đó chỉ bằng một lời đã làm dịu cơn bão biển, rồi cuối cùng Người bị đóng đinh, chết, được chôn cất, vào ngày thứ ba sống lại từ cõi chết, trước sự chứng kiến của nhiều người, Người đã thăng thiên lên trời, và các Thiên thần, đã hiện ra rõ ràng trước mặt con người, đã làm chứng rằng Người sẽ trở lại từ trời để phán xét người sống và người chết không? Nếu ngươi tin rằng mọi việc đã xảy ra đúng như vậy, thì hãy đến và nhận phép rửa tội, để con trai ngươi được khỏe mạnh và chính ngươi cũng được hưởng sự sống đời đời.

– Tôi sẽ làm tất cả những gì ngài nói, – vị thầy đồng ý, – miễn là con trai tôi được khỏe mạnh.

Nghe vậy, vị giám mục thánh thiện nói:

– Vì tất cả sự khôn ngoan trần thế mà ngươi tự coi mình là thầy, trước mặt Thiên Chúa chỉ là hư không, và ngươi không thể tin một cách trọn vẹn như chính đức tin đòi hỏi, vậy hãy hứa với ta rằng ngươi cùng cả gia đình sẽ quay về với Chúa Kitô và chịu phép rửa tội sau khi con trai ngươi được chữa lành nhờ đức tin của ta!

Lúc đó, thầy giáo Kraton gọi vợ và tất cả những người trong nhà đến, quỳ xuống dưới chân vị thánh, và tất cả đều hứa sẽ trở thành Kitô hữu nếu Herimon được chữa lành. Tại đó còn có những thanh niên đã được nhắc đến trước đó: Prokul, Ephiv và Apollonius; họ cũng mong con trai của thầy giáo mình được khỏi bệnh, nên đã hứa sẽ trở thành Kitô hữu. Sau đó, vị giám mục thánh đã ra lệnh chuẩn bị một căn phòng riêng và giữ im lặng suốt cả ngày và đêm tiếp theo; còn ngài thì đưa người bệnh vào căn phòng đó, rồi đóng cửa lại ở riêng với anh ta. Người bệnh co người lại, như thể cuộn tròn thành một cục: đầu nằm giữa hai đầu gối, chân đặt lên vai và lưng. Không một bộ phận nào trên cơ thể được tự do, cậu thậm chí không thể cử động lưỡi để nói và chỉ biết rên rỉ; không một bác sĩ nào có thể hiểu được hay chữa khỏi căn bệnh này. Thánh Giám mục Valent, lấy tấm áo lông cừu mà ngài thường dùng để cầu nguyện, trải nó xuống đất và đặt cậu thiếu niên đang trong tình trạng nửa sống nửa chết lên đó, còn bản thân ngài thì cầu nguyện và ngợi khen Thiên Chúa suốt cả đêm. Vào nửa đêm, ánh sáng thiên đàng bừng sáng trong căn phòng ấy, đến nỗi những người ở bên ngoài tưởng chừng như có lửa bùng lên bên trong; và sau nửa đêm, cậu thiếu niên đứng dậy khỏe mạnh và bắt đầu ca ngợi Thiên Chúa bằng giọng nói vang dội. Cha mẹ và tất cả những người có mặt trong nhà, khi nghe thấy giọng nói của Herimon và những lời cậu thốt ra, đã vô cùng vui mừng, vì suốt ba

năm qua họ chỉ nghe thấy tiếng rên rỉ của cậu mà thôi. Họ tiến đến cửa, bắt đầu gõ cửa và xin vị thánh mở cửa cho họ để được gặp Herimon. Nhưng vị thánh đáp lại rằng ngài sẽ không mở cửa cho họ cho đến khi hoàn tất các lời cầu nguyện thường lệ của mình; và họ đã chờ đợi cho đến sáng, vui mừng vì điều đã xảy ra. Khi ngày mới bắt đầu, vị thánh giám mục mở cửa và, đưa cậu thiếu niên ra ngoài trong tình trạng hoàn toàn khỏe mạnh, như thể cậu chưa từng bị bệnh, rồi trao cậu cho cha mẹ. Lúc đó, thầy giáo Kraton cùng cả gia đình đã tin nhận Chúa Kitô và chịu phép rửa tội; tất cả đều hân hoan trong Thánh Thần về Thiên Chúa, Đấng Cứu Thế của họ.

Cậu bé Hê-ri-môn, sau khi được chữa lành và nhận phép rửa tội, không muốn rời xa vị bác sĩ thánh của mình là Thánh Valêntô; cũng giống như ba thiếu niên nói trên, sau khi chịu phép rửa tội, họ đã từ bỏ sự khôn ngoan trần tục, hết lòng gắn bó với vị thầy thiêng liêng là vị giám mục của Đức Chúa Trời và trở thành môn đệ của ngài, noi gương cuộc sống thánh thiện của ngài và tìm kiếm sự cứu rỗi cho chính mình. Và những học giả khác, những thanh niên và thiếu niên cùng lứa tuổi với họ, được thúc đẩy bởi những lời khuyên nhủ và gương mẫu về cuộc sống trung thực và trong sạch của các vị, đã quay về với đức tin vào Chúa Kitô và bí tích Rửa tội thánh thiêng, đến nỗi có rất nhiều học giả đổ xô đến với họ; sau khi lắng nghe những lời giảng dạy được Thánh Thần soi dẫn của họ, họ đã học được sự khôn ngoan trên trời và bước vào con đường chân lý. Khi con trai của quan trưởng thành phố, tên là Avundius, sau khi tin vào Chúa Kitô và chịu phép rửa tội, đã bừng cháy lòng nhiệt thành thiêng liêng và công khai trước mặt mọi người xưng mình là tôi tớ của Chúa Kitô, thì cha ông và các quan chức khác đã vô cùng tức giận, bắt giữ vị thầy đầu tiên của đức tin Kitô giáo là Thánh Giám mục Valent và đánh đập ngài không thương tiếc; họ ép ông phải thờ thần tượng, nhưng ông không chịu tuân theo ý muốn của họ; vì thế, họ lại tra tấn ông một cách tàn bạo hơn nữa, rồi giam ông vào xiềng xích trong ngục tối. Còn vị Thánh thì vui mừng vì được ân sủng chịu khổ vì Chúa Kitô, Chúa của ngài, và được trang hoàng như các Tông đồ bằng những vết thương đã nhận, như những món trang sức quý giá, ngài tự hào về chúng và nói:

– "Tôi mang những vết thương của Chúa Giêsu trên thân thể tôi" (Ga-la-ti 6:17) và "bù đắp những gì còn thiếu trong thân xác tôi bằng những đau khổ của Chúa Kitô" (Cô-lô-se 1:24).

Trong khi đó, ngài củng cố đức tin thánh thiện cho các môn đệ đến thăm ngài trong ngục tối. Khi biết được điều này, quan cai ngục nổi giận dữ dội, liền sai người đến bắt ngài vào ban đêm, lôi ngài ra khỏi ngục và chém đầu ngài. Như vậy, Thánh Giám mục Valentin đã kết thúc cuộc hành trình chịu khổ của mình. Các môn đệ của Thánh Proculus, là Ephiv và Apollonius, đã rước thi hài thánh thiện của ngài về thành phố Interamna, mua một mảnh đất nhỏ ở ngoại ô và an táng ngài một cách trang trọng, ở lại bên quan tài suốt nhiều ngày đêm để ăn chay, cầu nguyện và ngợi khen Chúa. Các tín hữu đang ở trong thành phố cùng với rất nhiều người chưa tin Chúa đã tụ tập lại với họ; những người sau này, sau khi lắng nghe những lời giảng cứu rỗi linh hồn và lời rao giảng về Đức Kitô của các vị, đã được soi sáng bởi đức tin. Một thời gian sau, việc này đến tai quan tổng trấn Leontius, và ông ta đã bắt giữ ba thiếu niên này rồi giam họ vào ngục tối. Khi thấy dân chúng xôn xao và thương xót họ – vì ai nấy đều yêu mến họ – ông ta ra lệnh giết họ vào ban đêm: ông ta sợ rằng nếu xử tử họ vào ban ngày, đám đông xôn xao sẽ giải cứu họ. Vậy là các thánh tử đạo đã bị chém bằng gươm vào ban đêm và về với ánh sáng bất diệt của Nước Trời. Thánh Avundius, con trai của một quan chức La Mã, khi đến gặp những người bạn thân yêu của mình và biết tin họ đã bị giết, đã vô cùng đau buồn; ông đã rước thi hài cao quý của họ và an táng họ một cách trang trọng bên cạnh mộ của vị thầy mình là Thánh Valent, đồng thời ngợi khen Chúa Giêsu Kitô, Đấng hằng sống và ngự trị cùng Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời muôn thuở. Amen.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Polychronius

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 7

Hoàng đế La Mã vô đạo Decius[5365] , sau khi hành hạ nhiều Kitô hữu, đã dẫn toàn bộ quân đội của mình đến Ba Tư; sau khi đánh bại quân đội Ba Tư và chiếm đóng đất nước này, ngài đã chiếm được các vùng: Babylon, Bactria, Ircan, Assyria; khi phát hiện ra nhiều Kitô hữu tại những vùng đất này, vị hoàng đế bắt đầu truy lùng và tra tấn họ bằng mọi cách. Lúc bấy giờ tại Babylon có Giám mục Polychronius, cùng với ba linh mục: Parmenius,

[5365] Decius – hoàng đế từ năm 249–251.

Elima và Chrysothelus, và hai phó tế: Luca và Muko; sau khi bắt giữ họ, Decius ra lệnh lập tức dẫn họ đi dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng Thánh Polychronius đã dũng cảm nói:

– Chúng tôi tự dâng mình làm của lễ cho Chúa Giêsu Kitô của chúng tôi; còn những quỷ dữ và những thần tượng hèn mọn do tay người tạo ra, chúng tôi sẽ không bao giờ thờ lạy.

Decius ra lệnh giam giữ giám mục cùng các linh mục và phó tế vào ngục tối, còn bản thân ông ta thì bắt đầu xây dựng tại thành Babylon một đền thờ dành cho vị thần ghê tởm của mình là Saturnus, và còn tạc một tượng thần mạ vàng cho vị thần đó. Tại Rôma, ông đã viết thư cho quan tổng trấn Valerianus về chiến thắng vẻ vang của mình trước người Ba Tư, mà theo ông, là do các vị thần ban cho, và ra lệnh tổ chức một lễ hội lớn tại Rôma để tôn vinh các vị thần, đồng thời tra tấn và giết hại các Kitô hữu.

Valerian đã hành động tại Rome theo mệnh lệnh này của hoàng đế. Khi ngôi đền ghê tởm thờ thần Saturn được hoàn thành tại Babylon, Decius, kẻ vô đạo, đã triệu tập Giám mục Polychronius cùng các linh mục và phó tế đến trước tòa án của mình và nói:

– Ngươi chính là kẻ báng bổ, không tôn kính các vị thần, cũng không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế sao?

Vị giám mục thánh thiện không đáp lại một lời nào, chỉ đứng im lặng. Lúc đó, nhà vua quay sang các linh mục và phó tế:

– Người đứng đầu các ngươi đã câm rồi!

Nhưng linh mục Parmenius đáp:

– Cha chúng con không phải là câm, mà là không muốn làm ô uế đôi môi trong sạch và thánh thiện của mình, tuân theo mệnh lệnh của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng đã phán: *"Đừng cho những điều thánh thiêng cho chó, cũng đừng ném ngọc trai của các con trước mặt lợn, kẻo chúng giẫm đạp nó dưới chân và quay lại xé xác các con"* (Mt 7:6). Liệu có phải là điều tốt khi làm ô uế đôi môi trong sạch bằng chất thải không?

Decius tức giận nói:

– Vậy chúng ta là mủ ư?

Và ngay lập tức, ông ra lệnh cho vị linh mục cắt lưỡi ngài. Khi lưỡi của Thánh Parmenius bị cắt, ngài vẫn nói rõ ràng, hướng về Thánh Polychronius:

– Thưa Cha thánh, xin cầu nguyện cho con, vì con thấy trên người Cha là Đức Vua – Thánh Thần, Đấng che phủ miệng Cha, còn đặt vào miệng con một tổ ong bằng đồng.

Thật kỳ diệu thay Đức Chúa Trời nơi các thánh của Ngài: Ngài ra lệnh cho người có lưỡi phải im lặng, còn người bị cắt lưỡi thì Ngài ban cho ân tứ lời nói, để tỏ ra quyền năng toàn năng của Ngài. Và Decius nói với vị giám mục:

– Polychronius, hãy dâng lễ vật cho các vị thần thì ngươi sẽ là bạn của ta, và ta sẽ giao cho ngươi ngôi đền mới của thần Saturn.

Vị giám mục không trả lời gì cả. Decius nổi giận, ra lệnh dùng đá đập vào miệng ngài; còn vị thánh, khi bị đánh, đã giơ hai tay lên trời, ngước mắt lên, rồi trút hơi thở cuối cùng. Decius bỏ lại thi thể vị tử đạo nằm gục trước đền thờ Saturn. Đêm hôm sau, hai quý ông thuộc dòng dõi quý tộc, là các hoàng tử Ba Tư tên là Avdon và Sennis, những người bí mật theo đạo Kitô, đã lén lút mang thi thể của vị giám mục thánh Polychronius đi và chôn cất ngài gần tường thành. Còn Decius thì lên đường đến thành phố Corduba, nằm trên đất Ba Tư, và ra lệnh cho các tù nhân, các linh mục và phó tế, phải đi theo ông trong tình trạng bị xiềng xích bằng sắt.

Khi các thánh được dẫn đi, những xiềng xích sắt bỗng rơi khỏi cổ và tay họ. Khi đến thành phố Korduva, Decius ra lệnh đưa các tù nhân đã bị bắt đến trước tòa và nói với họ:

– Hỡi những kẻ điên rồ, các ngươi lại muốn tự hủy diệt sao? Ta đề nghị các ngươi dâng lễ vật lên các vị thần bất tử!

Nhưng linh mục Parmenius, người đã bị cắt lưỡi, đã đáp lại một cách vang dội:

– Hỡi kẻ khốn nạn, kẻ đang cố thuyết phục chúng ta thờ lạy những thần tượng do tay người tạo ra! Tốt hơn là ngươi hãy thờ lạy Chúa Giêsu Kitô của chúng ta: nếu ngươi không thờ lạy Ngài, thì ngươi sẽ bị diệt vong cùng với các thần của ngươi.

Decius ra lệnh treo cổ tất cả họ để tra tấn. Nhưng các thánh nhân, ngay cả trong hoàn cảnh đó, vẫn tạ ơn Thiên Chúa và nói với linh mục Parmenius:

– Xin cha cầu nguyện cho chúng con, thưa cha!

Ngài đáp:

– Xin Đức Chúa Trời, Cha của Chúa Giê-su Ki-tô, ban cho chúng con sự an ủi của Đức Thánh Linh, Đấng ngự trị muôn đời.

Và tất cả đều đáp lại:

– A-men!

Còn Dê-ki thì giận dữ thét lên:

– Đây là phép thuật! Một người không có lưỡi mà lại nói được: chẳng phải đây là bằng chứng rõ ràng về phép thuật sao?

Nghe vậy, trưởng lão Parmenius đáp lại:

– Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, Đấng đã từng ban cho người câm một cái lưỡi, và cho tôi, một kẻ tội lỗi, dù lưỡi đã bị cắt đứt, vẫn có khả năng nói; còn ngươi, dù có lưỡi và biết nói, lại là kẻ câm, vì ngươi không tôn vinh Đức Chúa Trời chân thật!

Decius ra lệnh thiêu đốt họ bằng lửa, áp những tấm sắt nung đỏ vào hai bên sườn và dùng móc sắt tra tấn thân thể họ. Khi các thánh đang chịu cực hình như vậy, bỗng có tiếng từ trời phán rằng:

– Hãy đến với Ta, hỡi những ai khiêm nhường trong lòng!

Decius, khi nghe thấy tiếng nói ấy, đã cho rằng đó là do phép thuật, nên ra lệnh tháo các vị tử đạo xuống, chém đầu họ, rồi ném thi thể họ ra ngoài thành trên đường và cử lính canh gác để không ai lấy thi thể họ đi chôn cất. Như vậy, ba vị linh mục thánh tử đạo vì Chúa Kitô đã kết thúc cuộc chịu khổ của mình: Parmenius, Elima và Chrysothelus, cùng hai phó tế: Luca và Muko. Những thi thể bị vứt bỏ đó đã được hai vị hoàng tử nói trên – những người đã cùng vua đến đây – lén lấy đi vào ban đêm và chôn cất tại làng của họ gần Corduba. Cùng lúc đó, vua Decius ra lệnh lùng sục khắp Ba Tư để tìm kiếm các Kitô hữu và tra tấn họ; một số quan lại của ông đã thưa với ông rằng:

– Thưa vua, những tù nhân mà ngài đã ân xá và ban cho sự sống cùng tự do, họ là những người Kitô hữu; họ thu thập thi thể các Kitô hữu, chôn cất họ tại làng của mình và không thờ lạy các vị thần, thậm chí còn không tuân theo mệnh lệnh của ngài.

– Những kẻ vô đạo đó là ai? – nhà vua giận dữ hỏi. Các quan thần nêu tên Avdon và Sennis. Ngay lập tức, nhà vua ra lệnh cho gọi họ đến và khi họ xuất hiện, ngài nói:

– Các ngươi điên rồ đến mức không hiểu rằng, chính vì sự thiếu tôn kính đối với các vị thần mà các ngươi đã bị đánh bại và khuất phục dưới quyền cai trị của La Mã sao?

Họ đáp lại:

– Chính vì Chúa Kitô đã khiến chúng tôi chiến thắng ma quỷ, bởi vì chúng tôi khinh bỉ các vị thần của các ngài.

Với cơn giận dữ, Decius nói với họ:

– Các ngươi không biết rằng mạng sống của các ngươi nằm trong tay ta sao?

– Mạng sống của chúng tôi – các thánh đáp – nằm trong tay Thiên Chúa của chúng tôi, và chúng tôi thờ lạy Đấng đã từ trời xuống trần gian để cứu rỗi chúng tôi.

Decius ra lệnh xiềng họ bằng xiềng sắt và giam họ vào ngục tối chật hẹp. Khi bị xiềng xích, các thánh nói:

– Đây chính là vinh quang mà chúng tôi luôn mong đợi từ Chúa của chúng tôi!

Cùng ngày hôm đó, hai quý ông khác là Olympius và Maximus bị cáo buộc trước mặt vua rằng họ là Kitô hữu, và nhà vua, ngay lập tức bắt giữ họ, ra lệnh đánh họ bằng gậy mà không cần thẩm vấn, nói rằng:

– Họ không xứng đáng để người ta lắng nghe lời nói của họ, vì họ không tôn kính các vị thần, và xứng đáng phải chết, khi coi một con người đã chết là Đức Chúa Trời của mình.

Thánh Maxim đã phản bác lại điều đó:

– Ngươi nói "người đã chết" thì đúng, nhưng tại sao lại không nói thêm cả "người đã sống lại" nữa?

– Hãy cho chúng ta biết kho báu của các ngươi, – Decius nói.

Thánh Olympius đáp:

– Kho báu của chúng tôi, vàng, bạc và mọi của cải, chính là Chúa Giêsu Kitô của chúng tôi, vì Ngài mà chúng tôi không tiếc sức khỏe của mình và khinh thường mọi của cải trần gian!

Khi các thánh bị đánh đập dã man, họ đã nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã thương xót cho chúng con được kể vào số các tôi tớ của Ngài!

Decius càng lúc càng nổi giận và ra lệnh đánh các vị tử đạo bằng những cây gậy thiếc; sau đó, ông giao họ cho quan tổng trấn của mình, một người tên là Anisius, người này tiếp tục tra tấn họ và cuối cùng chặt đầu họ bằng rìu, rồi ném thi thể họ cho chó ăn. Trong năm ngày, thi thể nằm đó mà không được chôn cất, nhưng không có gì đụng chạm đến chúng; đến ngày thứ sáu, các Kitô hữu đã lấy thi hài thiêng liêng của các ngài vào ban đêm và chôn cất họ một cách trang trọng.

Sau đó, Decius, kẻ vô đạo, đã đến Rôma, và cùng đi với ông là các thánh tử đạo Avdon và Sennis từ Ba Tư, những người bị xiềng xích, mà Decius mang theo bên mình để làm vinh quang cho bản thân, nhằm tổ chức một màn trình diễn cho người Rôma. Vào thời điểm đó, quan tổng trấn Valerian tại Rôma đã bắt giữ Đức Giáo hoàng Sixtus, các linh mục của ngài và nhiều Kitô hữu, rồi giam họ vào ngục tối. Đức Giáo hoàng đã ở trong ngục nhiều ngày; các Kitô hữu bí mật đến thăm ngài, mang theo con cái của họ, cũng như đưa theo người thân và bạn bè, những người đã từ bỏ sự tà đạo thờ ngẫu tượng để trở về với Chúa Kitô; họ đã được Đức Giáo hoàng rửa tội ngay trong ngục tối. Vào những ngày đó, Decius đã tiến vào Rome trong vinh quang và lễ hội trọng thể, dẫn theo hai vị hoàng tử Ba Tư là Avdon và Sennis làm tù binh. Sau đó, Decius triệu tập toàn thể Thượng viện La Mã cùng với Tướng Valerian và giới thiệu với họ hai vị hoàng tử được đưa về từ Ba Tư, bị xiềng xích nhưng vẫn mặc trang phục hoàng gia; dù họ đã kiệt sức vì những cực hình trên đường đi, nhưng để tôn vinh Decius, họ được trang điểm bằng vàng, bạc và những bộ trang phục đắt tiền đính đá quý. Chỉ tay vào họ, Decius nói:

– Hãy nhìn những kẻ thù mà các vị thần và nữ thần đã giao phó vào tay chúng ta. Đây là những kẻ thù của đế chế La Mã!

Khi nhìn thấy họ, toàn thể Thượng viện La Mã đều ngạc nhiên trước dáng vẻ cao quý của họ và, tràn ngập lòng thương xót dành cho họ, đã cảm động sâu sắc. Chúa đã ban ân sủng như vậy cho các tôi tớ của Ngài, khiến những ai nhìn thấy họ dễ dàng cảm động hơn là nổi giận. Decius ra lệnh gọi vị Thượng tế Capitolium, tên là Claudius, người đã xuất hiện, mang theo một tượng thần và một giá ba chân, rồi Decius nói với các thánh nhân:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, và các ngươi sẽ trở thành những quý tộc La Mã tự do, sẽ được sở hữu tất cả các điền trang của mình, sẽ trở nên giàu có hơn nữa và nhận được những vinh dự lớn lao từ chúng ta!

Nhưng các thánh đã đáp lại:

– Chúng tôi chỉ dâng chính mình làm của lễ cho Đức Chúa Trời của chúng tôi là Chúa Giê-su Ki-tô; còn các thần của ngươi, chính ngươi hãy dâng của lễ cho chúng!

Sau đó, nhà vua ra lệnh chuẩn bị một buổi biểu diễn vào sáng hôm sau, để ném hai hoàng tử Ba Tư là Avdon và Sennis cho thú dữ ăn thịt. Khi trời sáng và mọi thứ đã sẵn sàng cho buổi biểu diễn, vua Decius không xuất hiện mà cử quan trưởng Valerian thay mặt mình đến. Người này, sau khi đến và dẫn các vị tử đạo ra, trước hết đã cố thuyết phục họ thờ lạy các thần tượng, nói rằng:

– Hãy thương xót phẩm giá cao quý của các ngươi và dâng hương lên bàn thờ các vị thần; nếu không làm điều đó, các ngươi sẽ bị thú dữ xé xác.

– Chúng tôi đã nói rồi, – các thánh đáp, – rằng chúng tôi chỉ dâng lễ vật ngợi khen và hương cầu nguyện lên Chúa Giêsu Kitô của chúng tôi, và chỉ cúi đầu trước Ngài mà thôi; còn những thần tượng do tay người tạo ra, chúng tôi sẽ không bao giờ tôn kính.

Tại đó có một tượng thần Mặt Trời, và Valerian ra lệnh cho binh lính dẫn các vị tử đạo đến trước tượng thần đó và ép buộc họ phải thờ lạy nó, nhưng các thánh, khi đến gần tượng thần, đã nhổ nước bọt vào nó. Lúc đó, Valerian nổi giận và ra lệnh đánh các thánh tử đạo bằng những cây gậy thiếc, rồi dẫn họ trần truồng đến nơi đã được chuẩn bị sẵn, nơi họ sẽ bị thú dữ ăn thịt trước mắt dân chúng đang đứng trên những bậc thang cao. Các thánh đứng đó, thân thể trần truồng nhưng tâm hồn được mặc lấy Thánh Thần trong Đức Kitô, và họ làm dấu thánh giá. Đầu tiên, hai con sư tử được thả vào, sau đó là bốn con gấu, nhưng các con thú không làm hại họ và nằm dưới chân họ như những người canh gác. Lúc đó, Valerian nói:

– Rõ ràng đây là phép thuật của Kitô giáo!

Ông ra lệnh dẫn các con thú đi, rồi bảo các lính vũ khí tiến vào và giết các vị tử đạo. Các thánh nhân bị đâm chết bằng gươm; người ta móc chân các ngài, kéo thi thể ra và ném trước tượng thần Mặt Trời để dọa nạt các Kitô hữu, theo lệnh của kẻ hành hình; thi thể các ngài nằm ở đó ba ngày. Một Kitô hữu bí mật tên là Ky-rin, mang chức vụ phó phó tế, sống gần nơi đó, đã lén lấy thi thể các vị tử đạo vào ban đêm và chôn cất họ trong nhà mình trong

một quan tài bằng thiếc. Như vậy, các thánh tử đạo Avdon và Sennis, hai vị hoàng tử Ba Tư, đã kết thúc cuộc đời. Đức Giáo hoàng Sixtus cùng với các linh mục đã bị hành hình sau họ; cuộc tử đạo của ngài cùng với Tổng phó tế Laurentius được tưởng niệm vào ngày mười tháng Tám. Xác thánh của hai vị thánh tử đạo Avdon và Sennis nằm dưới đất cho đến khi Hoàng đế Constantine Đại đế lên ngôi; nhưng vào thời kỳ trị vì của ngài, nhờ sự mặc khải của Thiên Chúa, các thánh tích đã được các tín hữu tìm thấy và chuyển đến lăng mộ Pontian, để tôn vinh và ca ngợi Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen[5366] .

Lễ kính Thánh Gioan Chiến Binh

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 7

Thánh Gioan này đã phục vụ trong quân đội[5367] dưới triều đại của Hoàng đế Julianus Bội giáo[5368] và cùng với các chiến binh khác, ngài được cử đi để giết hại các Kitô hữu. Đối với những ai chứng kiến ngài thực hiện việc này, ngài dường như là kẻ bách hại các Kitô hữu, nhưng ngầm ngài đã giúp đỡ họ không ít. Chẳng hạn, có những người, trước khi bị bắt, ông đã báo trước để họ có thể trốn thoát, còn những người khác, sau khi đã bị bắt, ông lại giải thoát cho họ. Ông không chỉ thể hiện lòng thương xót đối với các Kitô hữu bị bách hại, mà còn đối với những ai cầu xin sự giúp đỡ từ ông, bằng cách cung cấp cho họ mọi thứ họ cần. Bằng việc siêng năng cầu nguyện và ăn chay, Thánh Gioan đã làm cho cuộc đời mình trở nên cao quý hơn qua việc thăm viếng người bệnh và an ủi những người đau khổ, đồng thời trau dồi bản thân trong các đức tính tốt đẹp. Sau khi sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa như vậy, ngài đã về với Chúa và được an táng tại nơi chôn cất những người lữ hành[5369] . Về sau, trong một lần mặc khải, ngài đã kể cho một người phụ nữ nghe về tất cả những việc làm mà ngài đã thực hiện trong cuộc đời mình, đồng thời cũng tiết lộ cho bà biết tên mà ngài đã mang. Người ta kể rằng, ngoài những điều này, Thánh Gioan còn thực hiện nhiều phép lạ khác. Đặc biệt, ngài được biết đến với khả năng ngăn cản nô lệ bỏ trốn, vạch trần hành vi trộm cắp và tìm lại những vật bị đánh cắp. Chính nhờ những việc làm kỳ diệu này mà Thiên Chúa đã ban cho Thánh Gioan như một phần thưởng cho cuộc đời đạo đức của ngài.

Ngày 13 tháng 8

31 tháng 7 (theo lịch cũ)

Tháng Tám

Thánh Eudokim, người công chính

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 7

Thánh Eudokim công chính là người gốc Cappadocia[5370] , con trai của hai bậc cha mẹ đạo đức là Basil và Eudokia. Trong thời trị vì của Theophilus[5371] , ngài phục vụ trong quân đội và nổi bật bởi lối sống đạo đức, siêng

[5366] Trong sách liệt thánh La Mã, các thánh tử đạo được ghi nhớ vào những ngày khác nhau; Thánh Dimitri Rostovski đã gộp tất cả họ thành một nhóm, vì họ đều là nạn nhân của cùng một Decius và đều đến từ cùng một vùng đất. Xác thánh của Avdon và Sennis từ thế kỷ IX được lưu giữ tại Nhà thờ Thánh Mark ở Rome; tại đây (ở Rome), các thánh đã được an táng ngay từ khi qua đời.

[5367] Trong phần mở đầu của Thư viện Ambrose và trong tác phẩm của Nicodemus có đề cập rằng Thánh Gioan từng là một chiến binh trong một trung đoàn gồm các binh sĩ thuộc bộ tộc Scythia Taifal. Đức Cha Sergius trong tác phẩm "Lịch tháng đầy đủ của Phương Đông" (tập II, trang 220) đưa ra giả thuyết về nguồn gốc Slav của ngài.

[5368] Julian, cháu ruột của Hoàng đế Constantine Đại đế, trị vì từ năm 361 đến năm 363. Ông được gọi là kẻ bội đạo vì, dù là người Kitô giáo từ thuở nhỏ, nhưng khi lên ngôi, ông đã từ bỏ đức tin Kitô giáo và trở thành một người theo đa thần cuồng nhiệt. Với mong muốn làm suy yếu Kitô giáo và phục hưng đạo ngoại giáo đang suy tàn trong Đế quốc La Mã, ông ban đầu sử dụng các biện pháp xảo quyệt chống lại các Kitô hữu, sau đó chuyển sang các biện pháp bạo lực, nhưng ông không phát động cuộc đàn áp quy mô lớn nào đối với các Kitô hữu – chỉ có những trường hợp truy bức riêng lẻ.

[5369] Năm qua đời của Thánh Gioan không được biết rõ. Chỉ biết rằng ngài đã qua đời và được an táng tại Constantinopolis.

năng tuân giữ mọi điều răn của Chúa, kiên trì ăn chay và kiêng khem, cũng như cầu nguyện và ăn năn về tội lỗi. Với việc siêng năng đọc và nghiên cứu các sách Thánh, ngài đã hào phóng bố thí cho người nghèo, người khốn khó, trẻ mồ côi và góa phụ, làm việc thiện cho các nhà thờ và tu viện, đồng thời thể hiện lòng nhân ái dồi dào đối với mọi người, và giữ gìn sự trong trắng của mình một cách hoàn hảo. Ngài sống tiết độ đến mức không bao giờ cho phép mình trò chuyện với phụ nữ hay nhìn ngắm họ; thậm chí không cho phép phụ nữ nào đến gần mình, ngoại trừ mẹ ruột, người mà ngài kính trọng như con hiếu thảo và trò chuyện với bà. Trong mọi cuộc trò chuyện, ngài tránh xa những lời nói suông và vô nghĩa, ưa thích sự im lặng hơn là nói nhiều; ngài tránh xa những người thích nói suông và nói những điều ngu ngốc; không những không nói dối, vu khống hay phán xét ai, mà ngài còn không muốn nghe những điều đó, làm đẹp tâm hồn mình bằng mọi đức tính tốt đẹp. Giữa những lời đồn đại, hỗn loạn và xô bồ của đời thường, người ta có thể nhìn ngài như một bông hoa huệ giữa bụi gai hay vàng trong lửa, không hề bị tổn hại bởi những cám dỗ trần tục và những ham muốn cuồng nhiệt. Nhờ những đức tính cao đẹp ấy, ngài được mọi người yêu mến và kính trọng, thậm chí được chính nhà vua biết đến, người đã bổ nhiệm ngài làm chỉ huy đoàn quân Cappadocia và cử ngài đến xứ Harsia[5372] để cai trị dân chúng. Sử dụng quyền lực, ngài cai trị với lòng nhân ái và sự công bằng trọn vẹn , đến nỗi trong suốt cuộc đời, ngài luôn sống công chính trước mặt Thiên Chúa và trước mặt con người. Còn về những việc làm cao thượng thầm lặng của ngài, không ai có thể biết hay nói được, ngoại trừ Đức Chúa Trời toàn tri, Đấng thử thách lòng và ý nghĩ của chúng ta, Đấng mà vị thánh nhân công chính này đã phụng sự bằng cả trái tim và linh hồn mình, và sau khi làm đẹp lòng Ngài trọn vẹn, ngài đã an nghỉ trong bình an khi còn trẻ: ngài mới chỉ 33 tuổi. Lời Kinh Thánh đã ứng nghiệm nơi ngài: *"Đạt đến sự hoàn hảo trong thời gian ngắn, ngài đã sống trọn vẹn những năm tháng dài; vì linh hồn ngài đã đẹp lòng Chúa"* (Sách Khôn Ngoan 4:13–14). Dù ông chưa kịp thấy tóc bạc của tuổi già, nhưng nhờ sự hoàn hảo trong đời sống đạo đức, ông đã vượt trội hơn nhiều bậc cao niên, vì tuổi già đẹp lòng Chúa không được đo bằng số năm: sự khôn ngoan chính là mái tóc bạc đẹp lòng Chúa, và tuổi già – đó là đời sống trong sạch của người đàn ông đạo đức; nếu ai đạt đến tuổi đó, thì không cần phải ở lại lâu dài trong thế gian phù du và hư vô này, và người ấy mong muốn *"được giải thoát và ở cùng Chúa Kitô"* (Phil 1:23). Khi đạt đến tuổi đó, Thánh Evdokim đã qua đời, dù tuổi đời của ngài còn trẻ. Ngài đã làm đẹp lòng Thiên Chúa, và Thiên Chúa đã yêu thương ngài, vì thế ngài được đưa ra khỏi giữa những kẻ tội lỗi và được rước lên, để sự ác độc không làm méo mó trí tuệ ngài và sự nịnh hót không cám dỗ linh hồn ngài (xem Sách Khôn Ngoan 4:1–20). Về cách ngài qua đời, những người có mặt lúc đó đã kể lại. Khi ngài nằm trên giường bệnh và sắp đến giờ lâm chung, ngài đã triệu tập những người trong gia đình và dặn dò họ bằng lời thề rằng, sau khi linh hồn ngài ra đi, họ không được khám xét hay tắm rửa thi thể ngài, mà phải chôn cất ngài trong chính bộ quần áo và đôi ủng mà ngài đang mặc, rồi đặt ngài vào quan tài như vậy. Sau đó, ngài ra lệnh cho mọi người ra ngoài và đóng cửa lại, rồi ngài dâng lời cầu nguyện mà một số người đã nghe thấy qua cánh cửa. Trong lời cầu nguyện, ngài xin cho cái chết của ngài không được ai nhìn thấy, cũng như cuộc đời ngài, vốn chứa đựng những việc làm thầm lặng, không được ai biết đến. Sau khi tạ ơn *Thiên* Chúa về mọi sự, cuối cùng ngài thốt lên: *"Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài"*, rồi lìa khỏi thân xác và về với Chúa. Những người trong nhà đã an táng ngài theo đúng di chúc mà ngài đã để lại.

Chúa, mong muốn tôn vinh vị thánh nhân của Ngài và qua sự ra đi của ngài, cho thấy cuộc đời ngài thánh thiện đến nhường nào, đã ban cho các di cốt được tôn vinh của ngài ân sủng kỳ diệu, nhờ đó từ các di cốt ấy, người ta được chữa lành mọi bệnh tật. Trước hết, có một người đàn ông tên là Ê-li, bị quỷ ám và phải chịu đau khổ nặng nề vì nó; một thời gian ngắn sau khi Thánh Êu-đô-kim qua đời và được an táng, người này, bị quỷ ám và hành hạ, đã đến bên quan tài của vị thánh công chính. Ngay khi chân anh ta chạm vào quan tài, lập tức, như bị lửa thiêu đốt, tà linh đã thét lên một tiếng lớn, rồi ném người đàn ông đó lên quan tài, thoát ra khỏi anh ta và chạy trốn, bị xua đuổi bởi những lời cầu nguyện của vị thánh công chính. Mọi người, khi chứng kiến cảnh đó, bắt đầu đưa những người bệnh của mình đến và đặt họ lên quan tài đó; và tất cả đều được chữa lành nhanh chóng; vì điều này, Thánh Evdokim được tôn vinh bằng cách dựng một mái che trên quan tài và thắp đèn dầu. Danh tiếng về những phép lạ của ngài lan rộng khắp nơi, và nhiều người bắt đầu đổ xô đến với ngài; những người mắc các bệnh khác nhau được chữa lành hoặc bằng cách xức dầu từ đèn dầu, hoặc bằng cách đắp đất lấy từ quan tài lên những chỗ bị bệnh. Một

[5370] Cappadocia – một vùng thuộc Tiểu Á.
[5371] Théophilus – hoàng đế Byzantine từ năm 829 đến 842.
[5372] Vùng Harsia ở Tiểu Á, thuộc phần phía tây của Cappadocia.

người phụ nữ đã mang theo đứa con của mình, đứa trẻ có đôi tay bị liệt, bất động như thể đã chết; ngay khi bà xức dầu từ ngọn đèn thánh lên tay đứa trẻ, nó lập tức được chữa lành và bắt đầu cử động đôi tay một cách bình thường. Tương tự như vậy, một cậu bé khác cũng được đưa đến, hai chân bị liệt đến mức không thể đi lại hay đứng vững; khi hai chân tê liệt của cậu được xức cùng loại dầu từ đèn thánh đó, cậu bé lập tức khỏi bệnh và bắt đầu đi lại, nhảy nhót, ca ngợi Đức Chúa Trời. Một người phụ nữ bị một vết loét đau đớn trên người đã đến, lấy đất từ mộ thánh, trộn với nước, hay đúng hơn là với nước mắt, rồi đắp lên vết loét như một miếng dán chữa bệnh, và ngay trong ngày hôm đó, bà đã được chữa lành hoàn toàn. Tin tức về những phép lạ của Thánh Evdokim đã lan đến cả Constantinople, nơi cha mẹ ngài vẫn còn sống, sau khi họ di cư từ Cappadocia đến đây. Mẹ ngài từ Byzantium đến xứ Harsian, và khi nhìn thấy quan tài của con trai cùng đám đông người dân tụ tập xung quanh để cầu xin sự chữa lành, bà đã quỳ xuống trước quan tài, ôm lấy nó và nói trong nước mắt:

– Ôi con yêu quý của mẹ! Ánh sáng của đôi mắt mẹ! Sức mạnh kỳ diệu vĩ đại này đến từ đâu vậy, con ơi? Ân sủng chữa lành này đến từ đâu? Quả thật, điều này được ban cho con từ Thiên Chúa nhờ những việc lành thầm lặng của con, nhờ đó con đã làm đẹp lòng Chúa của con! Mẹ thật hạnh phúc giữa các bà mẹ, vì được ân sủng làm mẹ của một người con như con, và giờ đây mẹ không còn khóc than vì con như khóc than cho một người con đã qua đời, mà dâng lên những bài thánh ca thiêng liêng, như dành cho một người bạn của Đức Chúa Trời, đang sống cùng Đức Chúa Trời.

Sau khi nói thêm vài lời trong nước mắt vui sướng, người mẹ ra lệnh dời tảng đá, đào đất lên và mở quan tài; khi việc đó được thực hiện, họ thấy thi thể của vị thánh vẫn nguyên vẹn, không hề hư nát, khuôn mặt rạng rỡ như người còn sống, và đôi môi vẫn giữ nguyên vẻ đẹp tự nhiên; mặc dù vị thánh đã nằm trong đất được 18 tháng, nhưng không hề thay đổi chút nào, trông như còn sống, chỉ là đang chìm vào giấc ngủ; một mùi hương thơm ngát tỏa ra từ thi hài ngài, và họ đã mang quan tài cùng các di vật thánh từ dưới đất lên trên. Khi người mẹ muốn mặc cho con trai bộ quần áo mới, lúc đó có một vị tu sĩ khách đến tên là Giuse, một người đức hạnh, mang chức vụ linh mục; ông đã nâng thi hài vị thánh ra khỏi quan tài, trông như còn sống – tay và chân ngài uốn cong một cách tự nhiên; vị tu sĩ cởi bỏ bộ quần áo cũ trên thi hài vị thánh, và tháo đôi ủng khỏi chân một cách dễ dàng, vì chính đôi tay tự động co duỗi để cởi quần áo và đôi chân tự động tháo giày; sau khi mặc cho thi hài bộ quần áo mới, họ lại đặt thi hài vào quan tài một cách trang nghiêm.

Người mẹ mong muốn mang thi hài kỳ diệu của người con trai yêu quý của mình về Byzantium.

– Ngôi sao sáng chói này, – bà nói, – đã tỏa sáng từ tử cung của tôi, vậy thì hãy để nó trở về với tôi, về ngôi nhà của tôi!

Nhưng dân chúng nơi đó đã tụ tập lại và không giao thi thể cho bà, họ nói rằng:

– Dù ngôi sao sáng chói này đã mọc lên từ tử cung của bà, nhưng chính tại đây nó đã lặn xuống, và lại tỏa sáng rực rỡ hơn nhờ những phép lạ. Dù cây nho tốt lành này đã mọc lên từ bà, nhưng chính tại đây nó đã mang lại những trái ngọt ngào của ân sủng chữa lành. Nếu Đức Chúa Trời muốn thi hài kỳ diệu của vị thánh nhân này ở nơi khác, thì lẽ nào ngài không thể trở về nơi ngài đã đến với chúng ta khi còn sống sao?! Ôi người mẹ nhân từ! Xin đừng chống lại ý định của Đức Chúa Trời và đừng ghen tị với món quà mà chúng tôi nhận được; vinh quang mà bà đã sinh ra một vị thánh như vậy là đủ cho bà rồi!

Nghe những lời ấy, người mẹ im lặng, sau khi ở bên quan tài con trai vài ngày, bà đã từ biệt mọi người và trở về nhà. Vị tu sĩ Giuse nói trên đã trở thành người trông nom di cốt của vị thánh đáng kính và ở lại bên cạnh ngài một thời gian, nhưng sau đó, khi tìm được thời cơ thuận lợi, ông đã bí mật lấy di cốt của vị thánh vào ban đêm và mang chúng đến Constantinople. Và trên đường đi, những phép lạ đã xảy ra: cũng như dầu thơm bị đánh cắp, dù được giấu kín, cũng không thể che giấu được vì mùi hương nồng nàn, thì di cốt của Thánh Evdokim, dù được lấy đi một cách bí mật, cũng không thể che giấu được vì ân sủng chữa lành tỏa ra từ chúng: mỗi khi gặp người bệnh trên đường, người đó đều được chữa lành. Một người phụ nữ bị quỷ ám đã đến gần quan tài nổi tiếng ấy, và con quỷ trong người bà ta bỗng la lên, tố cáo vị thánh công chính đang được rước và nói những lời phỉ báng chống lại ngài, nhưng ngay lập tức, bị một sức mạnh vô hình đánh trúng, nó đã buông bỏ người phụ nữ và chạy trốn khỏi bà. Bà Bề trên của Tu viện Mantini đang mắc bệnh và có một vết loét lớn ở nơi kín đáo trên cơ thể; bà không thể nào chữa khỏi được và phải chịu đựng rất nhiều đau đớn. Khi gặp di cốt của vị thánh, bà chạm vào hòm thánh, áp mặt vào thi hài của ngài và thì thầm kể cho ngài nghe, như thể ngài còn sống, về căn bệnh của mình, và ngay lập tức được chữa lành. Giuse đã mang thi hài thiêng liêng của Thánh Evdokim về Byzantium và trao lại cho cha mẹ ngài; họ vui mừng khôn tả, và không chỉ họ, mà cả thành phố đều vô cùng hân hoan trước việc thi hài làm phép lạ được

mang đến cho họ[5373] . Cha mẹ đã nhanh chóng đúc một chiếc hòm bằng bạc để đựng thi hài thiêng liêng của con trai thánh của họ, và đặt nó trong nhà thờ Đức Mẹ Đồng Trinh do chính họ xây dựng, ca ngợi và tạ ơn Thiên Chúa Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần, Đấng mà chúng con cũng xin dâng vinh quang ngay bây giờ, muôn đời và đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Từ trần gian, ngài đã kêu cầu lên các nơi ở trên trời, và sau khi qua đời, thân xác ngài vẫn được bảo toàn nguyên vẹn, thánh Evdokim ơi: vì ngài đã sống một cuộc đời hạnh phúc trong sự trong sạch và đời sống thanh khiết, không làm ô uế xác thịt. Vì vậy, xin ngài can đảm cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Khao khát những điều cao cả, hiệp nhất với những điều cao cả, và bằng những đức hạnh thánh thiện, ngài đã hoàn thiện linh hồn mình như một cỗ xe lửa, hỡi thánh Evdokim đáng ngưỡng mộ: sống trên trần gian như thể không có thân xác, ngài đã làm đẹp lòng Đấng Tạo Hóa của muôn loài.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Iulitta

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 7

Thánh Iulitta, bị tước đoạt tài sản một cách bạo lực, khi cầu xin công lý từ quan tòa, đã nhận được câu trả lời rằng chỉ có thể lấy lại tài sản của mình bằng cách từ bỏ Đức Kitô; nhưng vị chứng nhân dũng cảm của danh Chúa Kitô đã chọn cái chết thay vì từ bỏ đức tin; từ bỏ tài sản và mạng sống, thánh Iulitta đã can đảm bước vào cuộc tử đạo; cuộc tử đạo của ngài diễn ra vào năm 304 hoặc 305 dưới triều đại hoàng đế Diocletian.

Ngày 14 tháng 8

Ngày 1 tháng 8 (theo lịch cũ)

Nguồn gốc của Thánh Giá vinh hiển và ban sự sống của Chúa

Ngày tưởng niệm 1 tháng 8

Lễ Rước Thánh Giá được thiết lập vào ngày 1 tháng 8 tại Hy Lạp bởi Thượng phụ Constantinopolis Luca[5374] dưới triều vua Manuel[5375] , còn tại Nga – bởi Tổng giám mục Kiev Konstantin[5376] và Giám mục Rostov Nestor[5377] , dưới triều Đại công tước Andrei Yuryevich[5378] . Lý do thiết lập lễ này như sau. Hoàng đế Manuel và

[5373] Dựa trên các chứng cứ từ các lời tựa tiếng Hy Lạp, người ta cho rằng ngày qua đời của Thánh Evdokim là ngày 31 tháng 7, còn ngày rước di cốt là ngày 6 tháng 7. Người hành hương Nga của chúng ta là Antony, người đã đến Constantinople vào năm 1200, kể lại: "Bên cạnh cột trụ phía tu viện Đức Mẹ, thi hài của Thánh Evdokim mới được an táng trong quan tài bạc, trông như còn sống vậy". Cuộc đời của Thánh Evdokim, dựa trên bản gốc tiếng Hy Lạp, đã được Loparev xuất bản vào năm 1893.

[5374] Luca Chrysovergos – Thượng phụ Constantinopolis từ năm 1156 đến 1169.

[5375] Manuel Komnenos – Hoàng đế Hy Lạp từ năm 1143 đến năm 1180.

[5376] Constantine II, tổng giám mục Kiev, đã đến Kiev từ Hy Lạp vào năm 1167; được nhắc đến trong biên niên sử vào năm 1169.

[5377] Nestor – Giám mục thứ sáu của Giáo phận Rostov, được nhắc đến trong biên niên sử vào năm 1149; năm 1156, Nestor, bị những người trong gia đình vu khống trước mặt tổng giám mục, đã bị cấm chức; năm 1157, ông đã minh oan trước tổng giám mục, nhưng cùng năm đó, do tranh cãi về việc ăn chay vào thứ Tư và thứ Sáu, ông đã bị Andrei Bogolyubsky truất khỏi chức vụ.

[5378] Thánh Andrei Bogolyubsky – con trai của Đại công tước Yuri Vladimirovich và cháu nội của Vladimir Monomakh vĩ đại – có lẽ sinh năm 1111. Ông bị sát hại vào ngày 30 tháng 6 năm 1175.

Đại công tước Andrei, vốn sống trong hòa bình và tình huynh đệ với nhau, tình cờ cùng ra trận vào cùng một ngày: người thứ nhất từ Constantinople tiến đánh người Saracen[5379] , còn người thứ hai từ Rostov tiến đánh người Bulgaria. (Lúc bấy giờ, Đại công tước đang cư ngụ tại Rostov; còn người Bulgari là tên gọi dành cho những người ngoại đạo sinh sống ở hạ lưu sông Volga, và từ đó họ có được tên gọi này). Chúa Trời đã ban cho họ chiến thắng hoàn toàn trước kẻ thù: vua Hy Lạp đã đánh bại người Saracen[5380] , còn Công tước Andrei Bogolyubsky đã đánh bại người Bulgaria và chinh phục họ, biến họ thành những người nộp cống cho mình. – Khi Andrei ra trận, ngài có thói quen mang theo bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh đang bế trên tay Hài Nhi Vĩnh Cửu, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, cùng với hình ảnh Thánh Giá của Chúa Kitô, được hai linh mục rước đi giữa hàng ngũ quân đội. Ngay trước khi ra trận, ngài dâng lên Chúa Kitô và Đức Mẹ những lời cầu nguyện tha thiết đầy nước mắt và rước Mình Thánh Chúa. Ngài trang bị cho mình vũ khí bất khả chiến bại này nhiều hơn cả gươm giáo, và đặt niềm tin vào sự trợ giúp của Đấng Tối Cao nhiều hơn là vào sự dũng cảm và số lượng quân đội của mình, vì ngài hiểu rõ lời của vua Đa-vít: *"Ngài không nhìn vào sức mạnh của ngựa, cũng không ưa thích [sự nhanh nhẹn] của đôi chân con người – Chúa ưa thích những ai kính sợ Ngài, những ai trông cậy vào lòng thương xót của Ngài"* (Thánh Vịnh 146:10–11). Vị công tước cũng khích lệ các chiến binh của mình cầu nguyện, vừa bằng gương mẫu của những lời cầu nguyện thành kính của chính mình, vừa bằng mệnh lệnh trực tiếp; và tất cả đều quỳ gối, với nước mắt, cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh và Thánh Giá của Chúa Kitô. Còn vị Đại công tước, khi ngước nhìn bức tượng, đã nói như sau trong lời cầu nguyện của mình:

– Lạy Nữ Vương, Đấng đã sinh ra Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng con! Ai đặt niềm tin nơi Mẹ sẽ không bị hủy diệt, và con, tôi tớ của Mẹ, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, có nơi Mẹ một bức tường thành và một tấm khiên che chở, cùng Thánh Giá của Con Mẹ – như một vũ khí hai lưỡi chống lại kẻ thù. Xin hãy khẩn cầu Đấng Cứu Thế của thế gian, Đấng mà Mẹ đang ôm trong vòng tay, để sức mạnh của Thánh Giá trở nên như ngọn lửa thiêu đốt những kẻ thù muốn giao chiến với chúng con, và sự cầu bầu toàn năng của Mẹ xin giúp chúng con chiến thắng chúng.

Sau khi cầu nguyện nhiệt thành, tất cả đều hôn lên bức thánh tượng và Thánh Giá, rồi dũng cảm tiến vào trận chiến chống lại kẻ thù: Chúa đã hỗ trợ họ bằng sức mạnh của Thánh Giá, và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã giúp đỡ họ, cầu thay cho họ trước mặt Thiên Chúa. Luôn tuân theo phong tục này trước mỗi trận chiến, Đại công tước vẫn không thay đổi thói quen đó trước trận chiến chống lại người Bulgaria: ngài tiến ra, mang theo Thánh Giá của Chúa đi đầu quân đội, giống như Hoàng đế Constantine trong thời cổ đại. Khi ra trận, sau trận chiến với người Bulgaria, quân đội Nga đã khiến đối phương phải tháo chạy và, trong lúc truy đuổi, đã chiếm được năm thành phố; trong số đó có thành phố Bryakhimov bên sông Kama. Khi trở về trại sau trận chiến với bọn ngoại đạo, họ thấy từ bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh bế Hài Nhi Giêsu tỏa ra những tia sáng rực rỡ như lửa, chiếu sáng cả đạo quân; đó là vào ngày đầu tiên của tháng Tám. Cảnh tượng kỳ diệu ấy càng khơi dậy trong lòng Đại công tước tinh thần dũng cảm và hy vọng, và ngài lại điều quân truy đuổi người Bulgaria; ngài đã thiêu rụi phần lớn các thành phố của họ, bắt những thành phố còn sót lại phải nộp cống, và tàn phá toàn bộ vùng đất; sau chiến thắng này, Đại công tước đã trở về quê hương trong niềm hân hoan. – Vua Hy Lạp Manuel, người đã dẫn quân ra trận chống lại quân Saracen, cũng đã chứng kiến một phép lạ tương tự vào chính ngày đó – đó là những tia sáng tỏa ra từ bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh cùng Đấng Cứu Thế, vốn được đặt cùng với Thánh Giá giữa quân đội, chiếu rọi khắp toàn bộ đạo quân, và vào ngày đó, ông đã đánh bại quân Saracen.

[5379] Người Saracen là những người Hồi giáo.

[5380] Không có ghi chép rõ ràng nào về lễ kỷ niệm Đức Chúa Cứu Thế Nhân Từ và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội nhân dịp chiến thắng trước người Saracens của Hoàng đế Manuel, dù là trong các tác phẩm của các nhà sử học Hy Lạp hay trong các sách phụng vụ Hy Lạp. Tuy nhiên, trong lịch sử của Hoàng đế Manuel, người đã tiến hành không ít cuộc chiến với các dân tộc khác nhau, có những sự kiện hẳn đã thúc đẩy nhà vua dâng lên Thiên Chúa lời tạ ơn đặc biệt vì chiến tranh đã kết thúc thành công và thoát khỏi những nguy hiểm. Ở đây, cuộc chiến khốc liệt giữa Hoàng đế Manuel với Sultan Thổ Nhĩ Kỳ hay người Saracen đặc biệt thu hút sự chú ý. Chính Hoàng đế đã trực tiếp chỉ huy quân đội, nhiều lần phải đối mặt với những nguy hiểm cực kỳ nghiêm trọng. Thật vậy, chiến thắng đã thuộc về kẻ thù, nhưng chính sự sống sót của nhà vua thực sự là một phép lạ của lòng thương xót Chúa. Điều này xảy ra vào tháng Chín, còn cuộc hành quân, tất nhiên, đã bắt đầu sớm hơn vào tháng Tám. Sau cuộc chiến này, người Hy Lạp đã có hai trận đánh thắng lợi trước người Saracen, và một trong số đó do chính nhà vua chỉ huy. Những sự kiện này, kết hợp với tin tức từ Nga về sự trợ giúp của Chúa trong cuộc chiến chống lại người Bulgaria, có thể đã thúc đẩy vua Manuel thiết lập ngày lễ Chúa Cứu Thế như một ngày lễ chung của Kitô giáo, mà khởi đầu đã được đặt ra tại Constantinople bằng nghi thức thánh hóa nước vào ngày 1 tháng 8. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa tìm thấy các nghi lễ liên quan đến Chúa Cứu Thế trong các tác phẩm về thánh học của Hy Lạp.

Vua và công tước đã thông báo cho nhau, ca ngợi vinh quang của Đức Chúa Trời, qua những bức thư đặc biệt về những chiến thắng đạt được nhờ ơn Chúa và về ánh sáng kỳ diệu tỏa ra từ bức tượng Đức Chúa Cứu Thế. Sau khi tham vấn với các giám mục cao niên, để bày tỏ lòng biết ơn đối với Đấng Cứu Thế Kitô và Mẹ Ngài là Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, họ đã thiết lập ngày lễ vào ngày đầu tiên của tháng Tám. Để tưởng nhớ sức mạnh của Thánh Giá, nhờ đó mà họ đã đánh bại kẻ thù, họ ra lệnh cho linh mục mang Thánh Giá Thánh ra khỏi bàn thờ và đặt nó giữa nhà thờ để các tín hữu Kitô giáo thờ lạy và hôn kính, cũng như để tôn vinh Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã chịu đóng đinh trên Thánh Giá. Ngoài ra, các giám mục còn ra lệnh cử hành nghi thức thánh hóa nước vào ngày này, chính vì vậy mà lễ hội này có tên gọi là "Lễ Rước Thánh Giá", bởi vì Thánh Giá cùng với các thánh tượng khác được long trọng rước đến các con sông, giếng nước và suối. – Hỡi anh em, chúng ta hãy mừng lễ, dâng lời ngợi khen và tạ ơn lên Thiên Chúa Toàn Năng và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giêsu Kitô, cùng Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ Maria, Nữ Vương Thiên Chúa, đồng thời kính trọng Thánh Giá của Chúa Kitô; nhưng chúng ta hãy mừng lễ với lòng kính sợ, làm đẹp lòng Thiên Chúa, sống hòa thuận và yêu thương lẫn nhau, thực hiện các việc bác ái, và tránh xa tội lỗi, luôn ghi nhớ sự kính sợ Thiên Chúa: để, sau khi làm đẹp lòng Đấng Tạo Hóa và Chúa của chúng ta, chúng ta được hưởng niềm vui vĩnh cửu cùng với tất cả các thánh sau ngày mà dấu hiệu của Con Người xuất hiện trên trời (Mt 24:30), – Thánh Giá vinh hiển của Đức Kitô, tiền đề cho sự tái lâm của Đấng Phán Xét kẻ sống và kẻ chết, Đấng sẽ đến với quyền năng và vinh quang vô biên, và chiếu rọi tất cả những người công chính bằng những tia sáng rực rỡ và tràn đầy niềm vui. Sau khi phán xét kết thúc, Ngài sẽ đi trước tất cả các thánh, dẫn dắt họ vào Nước Trời, và tất cả các thánh sẽ được hạnh phúc, vui mừng suốt muôn đời; nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Đồng Trinh, Chúa chúng ta, xin Đấng Cứu Thế đầy lòng thương xót của chúng ta, Chúa Kitô, hãy đưa cả chúng con, những kẻ tội lỗi, vào cùng với họ[5381] . Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Lạy Chúa, xin cứu độ dân Ngài và ban phước lành cho vương quốc của Ngài, ban cho Hoàng đế trung thành của chúng con là Nikolai Alexandrovich những chiến thắng trước kẻ thù, và xin Ngài bảo vệ nơi cư ngụ của chúng con bằng Thánh Giá của Ngài.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Đấng đã tự nguyện chịu đóng đinh trên Thập tự giá, xin ban ân sủng dồi dào cho nơi ở mới mang cùng tên với Ngài, lạy Chúa Kitô, xin làm cho Hoàng đế trung thành của chúng con, Nikolai Alexandrovich, được vui mừng

---

[5381] Dựa trên cơ sở lịch sử rõ ràng, cần lưu ý rằng vào ngày 1 tháng 8, Giáo hội Chính thống cử hành hai lễ trọng, khác nhau về nguồn gốc: 1) Lễ Kỷ niệm Thánh Giá Thánh và Ban Sự Sống của Chúa, và 2) Lễ Kỷ niệm Đấng Cứu Thế Toàn Năng và Đức Mẹ Đồng Trinh. Trong Sách Giờ Cầu Nguyện tiếng Hy Lạp, ấn bản năm 1897, nguồn gốc của lễ hội đầu tiên được giải thích như sau: "Do các dịch bệnh thường xuyên xảy ra vào tháng Tám, từ xa xưa tại Constantinople đã hình thành phong tục rước Thánh Giá ra các con đường và phố phường để thánh hóa các nơi chốn và xua đuổi dịch bệnh. Vào đêm trước (ngày 31 tháng 7), Thánh Giá được rước ra khỏi kho báu hoàng gia và đặt trên bàn thờ thánh của Nhà thờ Lớn (tức Nhà thờ Thánh Sofia). Kể từ ngày này cho đến Lễ Lên Trời của Đức Mẹ, trong khi cử hành các nghi thức rước Thánh Giá khắp thành phố, Thánh Giá sau đó được dâng lên cho dân chúng để họ chiêm bái. Đây chính là nguồn gốc (*prodos)* của Thánh Giá Vinh Quang". Ngày 14 tháng 8, Thánh Giá lại được đưa trở về cung điện hoàng gia. "Tục lệ này, kết hợp với một tục lệ khác của Constantinople – đó là việc làm phép nước vào ngày mùng 1 hàng tháng tại nhà thờ hoàng gia Constantinople (trừ tháng Giêng, khi lễ làm phép diễn ra vào ngày 6, và tháng 9, khi lễ được cử hành vào ngày 14) – đã trở thành nền tảng cho lễ kỷ niệm Thánh Giá và Thánh Giá Ban Sự Sống, cũng như lễ thánh hóa nước long trọng tại các suối nước, được cử hành vào ngày 1 tháng 8". Ngay từ thế kỷ IX, phong tục rước Thánh Giá từ cung điện hoàng gia đến Nhà thờ Thánh Sofia trước ngày 1 tháng 8 đã tồn tại; còn bài thánh ca cho ngày tiền lễ Thánh Giá vào ngày 31 tháng 7, được soạn riêng cho dịp này (bài thánh ca bắt đầu bằng câu: "Thánh Giá Thần Thánh sắp đến"), được cho là do Thánh George, Giám mục Amastris, người sống vào thế kỷ VIII và từng hai lần đến Constantinople, sáng tác. Trong Sách Nghi lễ của Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus (912–959) có các quy định chi tiết về việc rước Thánh Giá ra khỏi cung điện trước ngày 1 tháng 8; lúc bấy giờ chưa có nghi lễ nào dành riêng cho Thánh Giá, mà chỉ xuất hiện vào thế kỷ XIV–XV cùng với việc áp dụng Hiến chương Jerusalem. Lễ kính Đấng Cứu Thế Toàn Năng và Đức Mẹ Đồng Trinh được thiết lập tại Hy Lạp và Nga vào khoảng năm 1168 để tưởng nhớ những dấu lạ từ các bức tượng thánh của Đấng Cứu Thế và Đức Mẹ trong các trận chiến của vua Hy Lạp Manuel (1143–1180) chống lại người Saracen và Công tước Nga Andrei Bogolyubsky chống lại người Bulgaria vào năm 1164.

nhờ quyền năng của Ngài, ban cho ngài chiến thắng trước những kẻ thù địch, nhờ vũ khí hòa bình của Ngài, mang lại chiến thắng bất khả chiến bại.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Xin Ngài từ trên cao nhìn xuống, đón nhận những kẻ khốn cùng, và viếng thăm chúng con, những kẻ bị tội lỗi làm cho cay đắng, lạy Chúa Toàn Năng. Xin nhờ lời cầu nguyện của Đức Mẹ, ban cho linh hồn chúng con ân sủng vĩ đại.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Lạy Đấng Cứu Thế Toàn Lòng Thương Xót, con đã phạm mọi điều ô uế, và đã rơi vào vực thẳm tuyệt vọng, nhưng con than khóc từ tận đáy lòng, và kêu cầu Ngài, Lời của Chúa: xin hãy nhanh chóng và hào phóng, hãy vội vã đến giúp đỡ chúng con, vì Ngài là Đấng đầy lòng thương xót.

Sự tử đạo của các thánh tử đạo Cựu Ước: Linh mục Eleazar, bảy anh em Maccabees, mẹ của họ là Solomonia và những người khác cùng với họ

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 8

Trước khi bắt đầu kể lại cuộc khổ nạn của các thánh tử đạo, những người mà tên tuổi của họ ở đây, trên trần gian, đã được ghi chép trong "Sách Maccabê", còn trên trời – trong Sách Sự Sống Vĩnh Cửu, thì trước tiên, dưới dạng một lời tựa ngắn gọn, cần phải nói trước về những cuộc hỗn loạn đã xảy ra tại Giê-ru-sa-lem vào những năm đó[5382] và về sự bắt bớ đối với những người Do Thái sùng đạo, những người tuân giữ luật pháp của Đức Chúa Trời; cả hai điều này ban đầu đều do chính những thầy dạy luật dối trá và các thượng tế Jerusalem ham quyền lực khơi mào; khi mà, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời đang phẫn nộ, người Do Thái rơi vào tay các dân ngoại, thì những cuộc hỗn loạn và sự bắt bớ này đã gia tăng đến mức thành thánh tràn ngập máu và nơi thánh của Đức Chúa Trời – đầy dẫy sự ghê tởm.

Cuộc tàn phá vĩ đại và kinh hoàng đầu tiên của Giê-ru-sa-lem, do vua Ba-by-lôn Na-bu-cô-đô-nô-xơ gây ra, diễn ra vào thời vua Giu-đa Si-đê-ki-a, như được ghi chép trong cuốn tiểu sử của thánh tiên tri Giê-rê-mi và trong cuốn tiểu sử của thánh tiên tri Ê-xê-chi-ên. Bảy mươi năm sau sự tàn phá đó, nhờ lòng thương xót của Đức Chúa Trời, dân Do Thái đã thoát khỏi cảnh lưu đày và trở về Giê-ru-sa-lem; những công trình kiến trúc tuyệt đẹp lại mọc lên trong thành thánh, và Đền Thờ Chúa được xây dựng lại, giống như Đền Thờ đầu tiên, đã được trang hoàng lộng lẫy; câu chuyện về sự trở về từ cảnh lưu đày, sự phục hưng của Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ được trình bày chi tiết trong các sách Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi. Số lượng dân Chúa tăng lên nhanh chóng: họ sớm định cư khắp Palestine theo cùng trật tự và gần như với số lượng như trước đây; thành thánh, trung thành với luật pháp của Chúa, đã thịnh vượng trong sự sùng đạo trong một thời gian dài, tận hưởng sự bình yên dưới sự cai trị của các thượng tế kiêm hoàng tử của mình. Thành phố này được mọi người ca ngợi và kính trọng, dù đang nằm dưới sự cai trị của các vua ngoại đạo. Nhiều vị vua và hoàng tử ngoại đạo, dù là những kẻ thờ thần tượng, vẫn tôn kính Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và gửi lễ vật đến Đền Thờ của Chúa tại Giê-ru-sa-lem (2 Macabê 3:2); họ cũng dành sự kính trọng đặc biệt cho các thượng tế; ví dụ, Alexander, vua Macedonia, khi thấy thượng tế Adda ra đón mình, đã cúi lạy ông xuống đất; khi vào Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ của Đức Chúa Trời, ông đã dâng lễ vật và của lễ cho Đức Giê-hô-va Sa-va-ô. Các vị vua ngoại đạo khác cũng hành động tương tự. Vua Ai Cập Ptolemy Philadelphus đã gửi rất nhiều lễ vật đến Đền Thờ của Chúa tại Giê-ru-sa-lem và viết thư cho Thượng tế Eleazar, xin ông gửi những cuốn sách Thánh Kinh cùng những người thông thái có thể dịch chúng từ tiếng Do Thái sang tiếng Hy Lạp; người kế vị Ptolemy Philadelphus là Ptolemy Philopator, sau khi đánh bại vua Syria Antiochus Đại đế, đã đến xứ Giu-đê, và

[5382] Giê-ru-sa-lem – thành phố chính của Palestine cổ đại.

tại Giê-ru-sa-lem, trong Đền Thờ của Chúa, đã dâng lễ tạ ơn lên Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật. Cũng vậy, Antiochus Đại Đế, sau khi đánh bại người Ai Cập, đã đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật; tại đền thánh, ngài đã dâng nhiều lễ vật kèm theo những lời cầu nguyện tạ ơn và hào phóng ban tặng cho Thượng tế cùng các quan chức Do Thái khác. Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ của Đức Chúa Trời được các dân ngoại tôn kính như vậy; Kinh Thánh cũng đề cập đến điều này khi nói rằng chính các vị vua đã tôn kính nơi này và tôn vinh Đền Thờ bằng những món quà quý giá (xem 2 Macabê 3:2). Thái độ như vậy của các dân ngoại đối với Giê-ru-sa-lem vẫn tiếp diễn cho đến khi các nhà lãnh đạo của thành phố này, trong sự kính sợ Đức Chúa Trời, tuân giữ luật pháp của Chúa và sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa; nhưng khi họ quên luật pháp của Đức Chúa Trời, thì vô số tai họa lại ập xuống trên họ, giống như trước đây. Sự việc sau đây đã đánh dấu sự khởi đầu của những tai họa đó.

Vào thời của vị thượng tế công chính Si-môn, người được ca ngợi trong sách Giê-su, con trai Si-ra-khô (Si-ra-khô 50:1), khi Seleucus, con trai của Antiocus Đại đế, đang trị vì ở Á Châu và Sy-ri, tại Giê-ru-sa-lem có một người đàn ông tên là Si-môn, thuộc chi phái Bê-ni-a-min; ông được giao phó việc quản lý kho báu của đền thờ, điều hành các tôi tớ của Giáo hội và chỉ huy các chiến binh thuộc đội vệ binh của Giáo hội. Vì lòng kiêu ngạo và thù hận, ông luôn chống đối Thượng tế và gây rối loạn trong dân chúng; không chịu nghe những lời đe dọa và khuyên răn mà Thượng tế thường phải đưa ra, Simon đã nảy sinh ý định gây hại không chỉ cho Thượng tế mà còn cho cả Giáo hội. Với mục đích đó, ông ta đã đến gặp Apollonius, Tướng quân của Syria và Phoenicia, và tiết lộ cho ông ta về kho báu của Giáo hội: Simon nói rằng trong các kho tàng tại đền thờ có vô số của cải, nơi không chỉ cất giữ kho báu của Giáo hội mà còn có những kho báu khổng lồ thuộc về toàn thể dân chúng; đồng thời, ông ta còn nói thêm rằng tất cả những của cải này có thể rơi vào tay nhà vua (2 Mac 3:5–6). Apollonius đã chuyển lời nhắn của Simon đến nhà vua, người nổi tiếng vì lòng tham. Nhà vua lập tức cử Iliodorus, người trông coi kho báu hoàng gia, cùng quân đội đến Giê-ru-sa-lem để chuyển những kho báu nói trên về kho báu hoàng gia. Khi Heliodor đến Giê-ru-sa-lem và bắt đầu tịch thu của cải của nhà thờ cũng như cướp bóc số tiền được quyên góp và cất giữ để nuôi sống những người nghèo khổ, khách lữ hành, góa phụ và trẻ mồ côi, thì như Chương 3 của Sách Mac-ca-bê thứ hai đã tường thuật chi tiết, ông ta đã phải hứng chịu sự trừng phạt của Đức Chúa Trời: ông ta bị các Thiên thần đánh đòn tàn nhẫn đến mức suýt chết, và vì thế, buộc phải quay trở lại gặp vua mà không thực hiện được mệnh lệnh của ông. Ngay sau đó, vua Seleucus bị những người thân cận của mình ám sát; người kế vị ông là anh trai ruột Antiochus, được gọi là Epiphanes, tức là "Người Sáng Láng"; ông ta còn sa đọa hơn cả người tiền nhiệm. Một số người thường gọi Antiochus là Epimin, tức là "kẻ điên rồ": ông ta đã nổi loạn một cách điên cuồng chống lại Đức Chúa Trời chân chính và đền thờ của Ngài, thể hiện hình ảnh của Antichrist trong tương lai[5383] . Tại Jerusalem, những cuộc hỗn loạn lớn đã bùng phát. , em trai của thượng tế Onias, là Jason, vì muốn giành lấy chức vụ thượng tế, đã đến gặp vua và mua chức thượng tế từ ông ta với một số tiền rất lớn. Với mong muốn lấy lòng vua, kẻ tham quyền bất xứng này đã bày tỏ trước mặt vua lòng yêu mến đối với các luật lệ, phong tục và tập quán Hy Lạp[5384] , đồng thời hứa hẹn sẽ

[5383] Antiochus IV Epiphanes, vua Syria từ năm 176–164 trước Công nguyên, người đã chiếm ngôi sau khi anh trai qua đời, nổi tiếng với sự kiêu ngạo vô độ (2 Mac. 5:21, 9:8); ông tự xưng là Thần và lấy danh hiệu Zeus Olympus; ông ra lệnh cho tất cả thần dân của mình chỉ được thờ phụng một vị thần duy nhất – Zeus Olympus, người mà ông tự đồng nhất với mình; tức là Antiochus thực chất đã ra lệnh cho người ta thờ phụng chính mình như một vị thần (2 Mac. 6:7). Trong số người Do Thái có những người có khuynh hướng theo đạo ngoại giáo theo kiểu Hy Lạp; họ tạo thành một phe phái riêng biệt tại Giê-ru-sa-lem, được Antiôchus ủng hộ (1 Mac. 1:11–15). Năm 175, vị thượng tế đạo đức Onias bị lật đổ bởi anh trai mình là Jesus, người đã đổi tên thành tên Hy Lạp là Jason, mua chức thượng tế từ Antiochus và được phép tổ chức các lễ hội Hy Lạp, điều này càng làm gia tăng số lượng những kẻ phản bội tôn giáo chân chính. Ba năm sau, Jason bị Menelaus lật đổ; Menelaus đã đề nghị một khoản tiền lớn để giành chức Thượng tế, và ông ta đã giữ chức vụ này bằng những thủ đoạn hèn hạ nhất: như vậy, Menelaus đã giết Onias (2 Mac 4:23–50). – Antiochus đã tiến hành một cuộc chinh phạt Ai Cập và đã tính toán sẽ chinh phục hoàn toàn đất nước này, nhưng bị ngăn cản bởi những tin đồn về cuộc tấn công của người La Mã (năm 168). Giữa hai cuộc chinh phạt Ai Cập, Antiochus đã cướp bóc Đền thờ Giê-ru-sa-lem (1 Mac. 1:21), và khi trở về từ Ai Cập lần cuối cùng, ông ra lệnh bãi bỏ việc thờ phượng Đức Giê-hô-va, nghi thức cắt bì, việc giữ ngày Sa-bát và sự phân biệt giữa vật thanh tịnh và ô uế; ông ra lệnh đốt các sách thánh; ra lệnh dựng các bàn thờ, trên đó, dưới sự đe dọa tử hình, mọi người đều phải dâng lễ vật cho thần Zeus Olympus (1 Mac. 1:41; 2 Mac. 5:24); Vào ngày 15 Kislev năm 168, một bàn thờ dành cho thần Zeus Olympus đã được dựng lên trong đền thờ (2 Mac 6:2; 1 Mac 1:54) và vào ngày 25 Kislev, lễ dâng tế đầu tiên đã được cử hành; trên núi Garizim, việc thờ phượng thần Zeus Xenius đã được thiết lập (2 Mac 6:2). Tuy nhiên, nhiều người vẫn trung thành với đức tin của mình, bất chấp những hình phạt khủng khiếp (1 Mac. 52:64; 2 Mac. 6:7). Linh mục Mattathias trở thành người đứng đầu những người trung thành. Tại Modin, gần Joppa, ông đã giết một quan chức Syria ngay trước bàn thờ ngoại giáo, và cuộc nổi dậy vũ trang của người Do Thái bắt đầu. Antiochus quyết định dập tắt cuộc nổi dậy bằng vũ lực; do thiếu tiền, ông buộc phải chia quân đội thành hai phần; ông đích thân dẫn một nửa quân đội đến các tỉnh phía đông để thu thuế (2 Macabe 8:10; 1 Mac. 3:34), còn phần còn lại thì giao cho Lysanias chỉ huy, người trước đó đã bị Giu-đa Maccabê đánh bại thảm hại, và

áp dụng chúng trong cộng đồng Do Thái: Sau khi nhận được chức vụ Thượng tế nhờ số tiền và những lời hứa của mình, Jason đã tước bỏ chức vụ đó khỏi tay anh trai mình, Thánh Onias, và bắt đầu thay thế những luật lệ dân sự tốt đẹp vốn có của người Do Thái bằng những điều luật vô luật pháp của người ngoại đạo. Dưới chân núi Si-ôn, ông ta đã xây dựng các địa điểm tổ chức các buổi biểu diễn, các trường học nơi giảng dạy triết học Hy Lạp, và cả các trường thể thao dành cho thanh niên; Jason thậm chí còn mở, bất chấp lệnh cấm rõ ràng của luật pháp, những nhà chứa trong thành thánh, nơi tội ngoại tình được thực hiện mà không bị trừng phạt; những nơi đồi trụy này chủ yếu được các thanh niên đang theo học các nghệ thuật Hy Lạp lui tới. Bằng cách đưa sự vô đạo của người Hy Lạp vào Giê-ru-sa-lem, Gia-sôn đã khiến nhiều người xa lánh sự thờ phượng chân chính, đến nỗi ngay cả các thầy tế lễ cũng bỏ Đền Thờ của Đức Chúa Trời để tham gia các trò giải trí, đua ngựa, đấu vật và các trò chơi cùng những hành vi vô luân của người ngoại đạo; những người trẻ tuổi và chưa vững vàng trong luật pháp lại càng say mê những điều đó hơn: họ ca ngợi các luật lệ và phong tục Hy Lạp, và khi quên đi luật pháp của Đức Chúa Trời, họ dễ dàng sa vào sự vô đạo. Còn những người vững vàng trong luật pháp và thật sự đạo đức, khi chứng kiến những hành vi phạm luật đang diễn ra tại Giê-ru-sa-lem, không thể không than thở về sự hủy hoại giao ước của Chúa và sự ô uế của thành thánh; họ than khóc cho cả những đồng bào của mình, những người đang đi theo vết xe đổ của vị thủ lĩnh mù quáng – Gia-sôn, kẻ vì lòng kiêu ngạo đã bỏ Chúa và luật pháp của Ngài, bán rẻ đức tin của tổ tiên và đưa vào giữa dân Chúa biết bao cớ để sa ngã và lầm lạc.

Jason đã lạm dụng quyền lực mà hắn chiếm đoạt một cách phi pháp trong ba năm, sau đó bị lật đổ bởi một kẻ khác cũng ham quyền lực và là tín đồ của sự vô đạo Hy Lạp – Menelaus; như vậy, chính Jason cũng phải chịu đựng những gì trước đây hắn đã gây ra cho người anh em công chính của mình là Onias. Menelaus đã dâng cho vua một số tiền lớn hơn và nhờ đó giành được chức Thượng tế; sau khi trục xuất Jason, hắn đã ép vị quan đại thần vô đạo của vua ra lệnh giết chết vị Thượng tế trước đây, Onias công chính. Tuy nhiên, Menelaus cũng không giữ chức Thượng tế được lâu: quyền lực Thượng tế của ông bị anh trai là Lysimachus tước đoạt, người đã dâng cho vua số tiền còn lớn hơn; Menelaus, giống như Jason, cũng bị trục xuất. Lysimachus bị dân chúng giết chết vì tội trộm cắp các đồ thờ và tiền bạc của nhà thờ. Menelaus, với mong muốn trả thù cho cái chết của anh trai mình, đã mua từ vua quyền xử tử người dân Giê-ru-sa-lem và đã tước đoạt mạng sống của nhiều người trong số họ, những người hoàn toàn vô tội; đồng thời, ông lại được vua trao lại chức vụ thượng tế (2 Mac 4:23–50). Những rối loạn và hỗn loạn như vậy tại Giê-ru-sa-lem, sự gia tăng từng ngày của sự vô đạo ngoại giáo và việc công khai phạm tội ác đã làm phật lòng Chúa, và sự phán xét công chính của Ngài, ban thưởng theo việc làm, đã đến gần. Một điềm báo kỳ diệu đã xuất hiện, báo trước cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sắp giáng xuống thành phố: người ta nhìn thấy những đội quân trên không trung; mặc áo giáp vàng và đội mũ sắt trên đầu, các chiến binh cưỡi ngựa giao chiến với nhau, tay cầm gươm và giáo trần; một số người chém nhau bằng gươm, số khác giơ cao giáo và khiên, số khác nữa bắn tên vào nhau – nói tóm lại, họ làm tất cả những gì thường xảy ra trong các trận chiến; từ áo giáp và vũ khí của các chiến binh tỏa ra ánh sáng rực rỡ như lửa (2 Mac 5:2–3). Cảnh tượng đáng sợ và kinh hoàng này kéo dài đến bốn mươi ngày. Người dân Giê-ru-sa-lem sống trong nỗi sợ hãi và bối rối tột độ; mỗi người trong số họ không khỏi tự hỏi: điều này rốt cuộc là gì? Vào thời điểm đó, một tin đồn sai lệch đã lan truyền đến Giê-ru-sa-lem rằng vua đã chết trong trận chiến với người Ai Cập: thực tế, lúc đó ông đang dẫn quân đi chinh chiến ở Ai Cập. Những người sùng đạo nhất trong số dân Giê-ru-sa-lem đã vui mừng, ăn mừng và hân hoan, cho rằng vị vua độc ác và vô đạo đó thực sự đã chết. Khi biết tin vị vua đó chưa chết, mà vẫn còn sống và đang trên đường trở về từ Ai Cập đến Syria, họ quyết định không tuân phục ông ta nữa và không nộp cống nạp; vì vậy, họ chuẩn bị để chống lại ông ta. Biết được điều này, nhà vua nổi cơn thịnh nộ tột độ và dẫn quân tiến về Giê-ru-sa-lem; người dân Giê-ru-sa-lem đã đóng cổng thành trước mặt ông, nhưng không thể chống cự đủ mạnh, bởi vì ngay trong hàng ngũ những người bị vây hãm đã nảy sinh mâu thuẫn: những kẻ sa ngã vào sự vô đạo của người Hy Lạp, đặc biệt là tên thượng tế giả Mê-na-lê, lại có thiện cảm với vị vua. Sau khi chiếm được thành phố nhờ quân đội của mình, nhà vua ra lệnh tàn sát không

---

người Do Thái đã chiếm được đền thờ. Ngày 25 Kislev năm 165, ba năm sau khi lễ hiến tế ngoại giáo đầu tiên được cử hành, đền thờ đã được thanh tẩy và thánh hiến trong không khí long trọng, đồng thời người ta quyết định hàng năm tổ chức lễ hội để kỷ niệm ngày vinh quang đó (1 Mac. 4:59), được gọi là "Lễ Tái lập" (Giăng 10:22). Trong khi đó, Antiochus không gặt hái được nhiều thành công ở phương Đông; ông từng cố gắng cướp bóc ngôi đền giàu có của Nanea ở Elimada, nhưng bị dân chúng đuổi đi và qua đời vào năm 164 tại Taba sau khi nhận được những tin tức không hay từ Giu-đê (1 Mac. 6:4). Trong Cựu Ước, Antiochus được miêu tả là kẻ thù của Chúa, dân Ngài và Giao Ước (1 Mac. 1:10), còn trong Tân Ước – như hình bóng của Antichrist (Khải Huyền 13:5).

[5384] "Ellinsky" – tiếng Hy Lạp.

thương tiếc không chỉ tất cả những ai gặp trên đường phố, mà còn xông vào các ngôi nhà để giết chết đàn ông, phụ nữ, người già, thanh niên và trẻ sơ sinh; trong ba ngày, số người bị giết lên tới tám mươi nghìn; 40.000 người bị trói và ném vào ngục tối; số người bị bắt làm tù binh phân phát cho binh lính cũng gần bằng con số đó. Trong cơn kiêu ngạo, nhà vua, dưới sự chỉ huy của Menelaus – kẻ phản bội tổ quốc và luật pháp – đã dám xông vào đền thờ của Đức Chúa Trời; tại đó, ông ta cướp lấy bàn thờ vàng, đèn vàng, lư hương vàng và tất cả các đồ vật quý giá do các vị vua dâng tặng để trang hoàng đền thờ; ông ta còn cướp lấy cả bức màn, vương miện và các đồ trang sức bằng vàng khác, cùng với vàng và bạc được giấu kín mà ông ta tìm thấy. Sau khi cướp phá và làm ô uế đền thờ của Đức Chúa Trời, tàn phá thành phố và khiến nơi đây ngập tràn máu và tiếng khóc than, vị vua này đã trở về Antioch, còn tại Jerusalem và khắp xứ Giu-đê, Antiochus đã để lại những kẻ tra tấn còn tàn bạo hơn cả chính ông, nhằm hành hạ dân Y-sơ-ra-ên (2 Mac. 5:5–22).

Sau một thời gian, Antiochus đã ban hành một sắc lệnh trên toàn vương quốc, yêu cầu tất cả thần dân của ông, bất kể thuộc bộ tộc nào, phải cùng ông thờ phụng những vị thần Hy Lạp giống nhau và tuân theo những luật lệ Hy Lạp giống nhau. Không chỉ tất cả những người ngoại đạo đồng ý tuân theo sắc lệnh này, mà ngay cả nhiều người Do Thái cũng vâng lời: họ dâng lễ vật cho các thần tượng và làm ô uế ngày Sa-bát. Một vài ngày sau khi ban hành sắc lệnh, nhà vua đã cử một trong những cố vấn của mình – một vị lão thành gốc Athens – từ Antioch đến Jerusalem, với nhiệm vụ ép buộc tất cả người Do Thái từ bỏ các luật lệ của tổ tiên, thờ lạy các thần tượng và ăn thịt hiến tế cho thần tượng; ông còn ra lệnh đặc biệt buộc người Do Thái phải ăn thịt heo, thứ bị luật pháp cấm. Đồng thời, Antiochus ra lệnh biến Đền Thờ của Chúa thành đền thờ thần tượng: đặt tượng thần Jupiter vào đó và gọi nơi này là Đền Thờ Jupiter Olympian. Vị trưởng lão được vua phái đi, cùng với đoàn quân, đã đến Giê-ru-sa-lem và bắt đầu thi hành mệnh lệnh của vua: ông đã làm ô uế đền thờ của Chúa, đặt các thần tượng vào đó, dâng những của lễ ghê tởm lên chúng, đồng thời ép buộc cả dân sự của Đức Chúa Trời phải làm theo. Nhiều người Do Thái, vì thiếu sự kiên định trong lòng, đã vội vàng dâng lễ vật cho các thần tượng; còn những người trong số họ nổi bật bởi sự kiên định trong đức tin thì đã chạy trốn lên núi và sa mạc, và tại đó, để thoát khỏi sự tra tấn và tự bảo vệ mình khỏi sự ô uế của việc thờ phượng ngoại đạo, họ ẩn náu trong các hang động và khe núi. Còn những người ở lại trong thành thì bị bắt giữ và với lòng đầy đau khổ, họ bị ép buộc, dưới sự cưỡng ép, phải tham dự lễ sinh nhật của vua và các lễ hội ngoại giáo khác để dâng lễ vật cho các thần tượng; những ai không chịu làm điều đó thì phải chịu tra tấn (2 Mac 6:1–9). Tất cả cư dân Giê-ru-sa-lem đều chìm trong nỗi sợ hãi tột độ, đến nỗi không ai dám công khai xưng mình là người Do Thái, giữ ngày Sa-bát, cắt bì cho con cái, hay tuân giữ các điều răn của Luật Môi-se: trước mắt mọi người là những cực hình và cái chết đang chờ đợi. Vào thời điểm đó, người tra tấn do vua cử đến đã nhận được tin báo rằng hai phụ nữ Do Thái đã cắt bì cho những đứa trẻ sơ sinh của họ theo luật của họ. Lúc đó, người tra tấn ra lệnh bắt giữ những người phụ nữ này và dẫn họ đi khắp thành phố để làm nhục, bằng cách treo những đứa trẻ sơ sinh lên cổ họ bằng núm vú; sau đó, họ bị ném xuống từ tường thành với đầu hướng xuống dưới; như vậy, các bà mẹ cùng con trẻ đã chịu cái chết tử đạo. Khi biết thêm về một số người Do Thái đang tụ tập trong các hang động gần thành phố để cử hành ngày Sa-bát, tên tra tấn đã ra lệnh thiêu sống tất cả họ (2 Mac 6:10–11).

Sau đó, một trong những nhà thông luật đầu tiên, một thầy tế lễ tên là Eleazar, một người đã cao tuổi, tóc bạc phơ, dáng vẻ rất trang nghiêm, nổi tiếng về sự khôn ngoan và lòng đạo đức; mọi người đều biết ông là một trong những nhà giảng dạy luật đầu tiên tại Giê-ru-sa-lem: ông là một trong bảy mươi hai nhà thông thái đã dịch Kinh Thánh từ tiếng Do Thái sang tiếng Hy Lạp cho vua Ai Cập Ptolemy Philadelphus. Kinh Thánh kể lại những đau khổ của vị cha đáng kính này như sau. Khi Eleazar bị dẫn đến trước kẻ tra tấn và bị ép ăn, họ bắt đầu nhét thịt heo vào miệng ông một cách cưỡng ép, thì ông thà chọn cái chết vinh quang của một vị tử đạo vì Luật pháp của Đức Chúa Trời, hơn là duy trì một cuộc sống ô nhục và làm phật lòng Đức Chúa Trời bằng cách vi phạm Luật pháp. Như vậy, Eleazar đã tự nguyện chịu khổ hình; trên đường đi, ông liên tục nhổ ra vì bị ép phải để môi chạm vào thịt ô uế; ông đã làm gương cho những người Do Thái kính sợ Đức Chúa Trời khác, những người cũng đang đối mặt với án tử vì tuân giữ luật pháp của Đức Chúa Trời, bằng chính hành động của mình, ông dạy họ rằng không nên phạm tội để bảo toàn cuộc sống trần gian, không nên vì luyến ái cuộc sống này mà vi phạm luật pháp để làm phật lòng Đức Chúa Trời. Một số người ngoại giáo, vốn đã quen biết Ê-lê-a-xa từ lâu, thương xót ông, đã lén mang đến cho ông một loại thịt khác không bị luật pháp cấm, thay vì thịt heo, và thì thầm vào tai ông:

– Hãy nhận lấy và ăn trước mặt mọi người thay vì thịt heo; mọi người thấy ông ăn thịt sẽ cho rằng đó là thịt heo mà vua ra lệnh phải ăn, và như vậy ông sẽ tránh được cực hình và cái chết.

Nhưng vị lão nhân khôn ngoan và đạo đức, không do dự, đã trả lời họ:

– Thà tôi đồng ý xuống địa ngục còn hơn là làm phật lòng Chúa của tôi bằng cách vi phạm luật thánh của Ngài, và tôi, đã ở tuổi xế chiều như thế này, không nên giả dối để cám dỗ nhiều người trẻ: khi họ thấy tôi làm theo lời các ngươi khuyên, họ sẽ nói: 'Kìa, Eleazar dù đã ở tuổi già nua vẫn bỏ luật cổ xưa của tổ tiên chúng ta để theo luật của dân ngoại', – và vì hành động giả dối của tôi, họ sẽ xa lìa Đức Chúa Trời chân thật và bị hủy diệt khi nhìn vào gương của tôi; vì ham mê cuộc sống tạm bợ, họ sẽ bắt đầu khinh thường luật pháp của Đức Chúa Trời và sa vào sự vô đạo của người Hy Lạp, còn tôi sẽ làm ô nhục tuổi già của mình, trở thành kẻ gây ra sự diệt vong cho biết bao linh hồn. Nếu tôi thoát khỏi sự tra tấn của loài người, thì tôi cũng không thể thoát khỏi bàn tay trừng phạt của Đức Chúa Trời, dù là trong cuộc đời trên đất này hay sau khi chết trong quan tài; thà rằng tôi chết ngay bây giờ, và khi chết, tôi sẽ kiên định, không nao núng trước những cực hình vì luật thánh, tôi sẽ tô điểm cho mái tóc bạc của mình bằng lòng dũng cảm và để lại cho giới trẻ một tấm gương tốt để noi theo.

Ngay khi Thánh Eleazar vừa dứt lời, ngài bị lôi đi chịu cực hình; và những người ban đầu còn bày tỏ sự thương xót với ngài, giờ đây, sau bài diễn văn của ngài, đã bùng lên cơn giận dữ và phẫn nộ. Trong lúc chịu những cực hình khủng khiếp, khi vị linh mục của Chúa đã gần kề cái chết vì những vết thương tàn khốc, ngài đã cất tiếng kêu lên cùng Chúa giữa những tiếng rên rỉ:

– Lạy Chúa Toàn Tri và đầy lòng thương xót, Ngài biết rằng, dù tôi có thể tránh khỏi cái chết, nhưng với niềm vui và tình yêu, tôi sẵn lòng đón nhận những vết thương tàn khốc, để thân xác mình phải chịu những cực hình nặng nề: vì tôi chịu đau khổ để tôn vinh Danh Thánh của Ngài.

Nói xong, ông qua đời, để lại gương dũng cảm không chỉ cho các thanh niên mà còn cho tất cả người Do Thái qua cái chết của mình (2 Mac 6:18–31). Câu chuyện trong các sách thánh về những đau khổ của Thánh Eleazar còn được bổ sung bởi truyền thuyết sau đây: sau khi bị đánh đập dã man, người ta đã nhỏ giấm đặc vào lỗ mũi ngài, tỏa ra mùi hôi thối ghê tởm, rồi ném ngài vào lửa – còn ngài, sau khi cầu nguyện với Thiên Chúa để Chúa nhận lấy những đau khổ và cái chết của ngài như một của lễ dâng cho toàn thể dân Do Thái, đã trút hơi thở cuối cùng.

Sau khi Thánh Eleazar qua đời trong sự tử đạo, bảy người anh em cùng với mẹ của họ đã bị bắt giữ; vì họ thuộc dòng dõi quý tộc, nên họ đã bị đưa đến gặp chính nhà vua tại Antioch để thử thách. Tại đây, bất chấp lệnh cấm rõ ràng của luật pháp, vua buộc họ phải ăn thịt heo, điều được coi là dấu hiệu rõ ràng của sự phản bội Đức Giê-hô-va Sa-va-ô-phát, Đấng mà người Do Thái tin tưởng, và là sự sa ngã vào sự vô đạo của người Hy Lạp, điều mà những người Do Thái sợ hãi sự tra tấn đã sa vào. Bảy anh em nói trên, là các môn đệ của vị linh mục và thầy giáo Eleazar ở Giê-ru-sa-lem – người đã chịu khổ nạn – vẫn ghi nhớ rõ những lời dạy của ngài và kiên định trong lòng đạo đức: họ không tuân lệnh vua, tuyệt đối không đồng ý vi phạm luật pháp. Vì điều này, họ đã phải chịu những cực hình kéo dài, bị đánh bằng roi và dây da bò. Về những đau khổ của họ và sự can đảm không sợ hãi trước kẻ tra tấn, Kinh Thánh trong Sách Macabe 2 kể lại như sau. Một trong những anh em, người lớn tuổi nhất, đã nhận trách nhiệm trả lời, nói với nhà vua:

– Ngươi muốn hỏi điều gì, hay muốn biết gì từ chúng ta? Chúng ta thà chết còn hơn là vi phạm luật pháp của cha ông.

Lúc đó, nhà vua nổi giận, ra lệnh đốt nóng chảo và nồi. Khi lệnh được thi hành, nhà vua lập tức ra lệnh cắt lưỡi, lột da, chặt các chi của chàng trai đã đứng ra trả lời, trước mặt các anh em còn lại và mẹ của họ. Vị vua ra lệnh mang người tử đạo, người đã bị cắt đứt tất cả các bộ phận cơ thể nhưng vẫn còn thở, đến đống lửa và nướng trên chảo; khi hơi nóng bốc lên mạnh mẽ từ chảo, các anh em cùng với mẹ khuyên nhủ lẫn nhau hãy can đảm chịu đựng cái chết, nói rằng:

– Chúa Trời đang nhìn thấy và quả thật sẽ thương xót chúng ta, như Mô-sê đã loan báo trong bài ca của ngài trước mặt dân chúng: "Ngài sẽ thương xót các tôi tớ của Ngài."

Khi người đầu tiên qua đời, họ lôi người thứ hai ra để sỉ nhục, lột da đầu cùng với tóc, rồi hỏi liệu anh ta có ăn (thịt heo) không trước khi bắt đầu tra tấn, chặt cơ thể anh ta thành từng mảnh? Anh ta, trả lời bằng tiếng mẹ đẻ, nói: "Không." Vì thế, anh ta cũng phải chịu cực hình giống như người đầu tiên, và trong hơi thở cuối cùng, anh ta nói:

– Hỡi kẻ tra tấn, ngươi đang tước đoạt cuộc sống thực sự của chúng ta, nhưng Vua của thế gian sẽ làm cho chúng ta, những người đã chết vì luật pháp của Ngài, sống lại để hưởng sự sống đời đời.

Sau đó, người anh em thứ ba bị sỉ nhục, và khi bị yêu cầu đưa lưỡi ra, anh ta lập tức đưa lưỡi ra, dũng cảm giơ cả hai tay lên và nói một cách kiên cường:

– Ta đã nhận được chúng từ trời, và vì luật pháp của Ngài, ta không tiếc chúng, và ta hy vọng sẽ lại nhận được chúng từ Ngài.

Chính vị vua và những người đi cùng đều kinh ngạc trước sự dũng cảm của thiếu niên này, khi anh ta coi những đau khổ đó như không có gì. Khi người này qua đời, người thứ tư cũng bị tra tấn và hành hạ theo cách tương tự. Khi sắp chết, anh ta đã nói như sau:

– Đối với người sắp chết, việc đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời rằng Ngài sẽ ban sự sống lại là điều đáng khao khát; còn đối với ngươi, sẽ không có sự sống lại nào cả.

Sau đó, họ dẫn người thứ năm đến và bắt đầu tra tấn anh ta. Anh ta nhìn vào vua và nói:

– Dù có quyền lực trên loài người, ngươi, kẻ cũng phải chịu sự hư nát, làm theo ý mình; nhưng đừng nghĩ rằng dòng dõi chúng ta sẽ bị Đức Chúa Trời bỏ rơi. Hãy chờ xem, ngươi sẽ thấy quyền năng vĩ đại của Ngài, khi Ngài trừng phạt ngươi và dòng dõi ngươi.

Sau đó, người thứ sáu được dẫn ra; người này, khi chuẩn bị đón nhận cái chết, đã nói:

– Đừng lầm tưởng vô ích, vì chúng tôi phải chịu điều này là do chính chúng tôi đã phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời của chúng tôi, và chính vì thế mà điều đáng kinh ngạc này đã xảy ra[5385] . Nhưng đừng nghĩ rằng ngươi, kẻ đã dám chống lại Đức Chúa Trời, sẽ thoát khỏi sự trừng phạt.

Người mẹ mới là người đáng ngạc nhiên và đáng được ghi nhớ nhất, người mà khi chứng kiến bảy người con trai của mình bị giết trong cùng một ngày, đã bình thản chịu đựng điều đó với niềm hy vọng nơi Chúa. Tràn đầy những tình cảm cao thượng và củng cố lý trí của người phụ nữ bằng tinh thần dũng cảm của người đàn ông, bà khích lệ từng người con trai bằng tiếng mẹ đẻ và nói với họ:

– Mẹ không biết các con đã đến với mẹ như thế nào: không phải mẹ đã ban cho các con hơi thở và sự sống; cũng không phải mẹ đã tạo nên bản thể của từng người trong các con. Và Đấng Tạo Hóa của vũ trụ, Đấng đã tạo nên bản chất con người và sắp đặt nguồn gốc của muôn loài, sẽ lại ban cho các con hơi thở và sự sống với lòng thương xót, vì các con đã không tiếc mạng sống mình vì luật pháp của Ngài.

Còn Antiochus, nghĩ rằng mình bị khinh thường và coi những lời đó là sự sỉ nhục, đã thuyết phục đứa con út còn lại, không chỉ bằng lời nói mà còn bằng những lời thề cam kết, rằng ông sẽ làm cho nó giàu có và hạnh phúc nếu nó từ bỏ luật lệ của cha, rằng ông sẽ coi nó là bạn và giao cho nó những chức vụ danh dự. Nhưng vì chàng trai trẻ không hề để ý, nên nhà vua đã gọi mẹ cậu đến và thuyết phục bà khuyên con trai hãy tự bảo vệ mình. Sau nhiều lần thuyết phục, bà đồng ý khuyên nhủ con trai. Bà cúi xuống bên cậu và chế nhạo kẻ tra tấn tàn nhẫn ấy, rồi nói bằng tiếng mẹ đẻ như sau:

– Con ơi! Hãy thương xót mẹ, người đã mang con trong bụng chín tháng, cho con bú sữa ba năm, nuôi nấng, chăm sóc và dạy dỗ con. Mẹ van xin con, con yêu quý của mẹ, hãy nhìn lên trời và xuống đất, và khi nhìn thấy mọi thứ trên đó, hãy nhận ra rằng tất cả đều do Thiên Chúa tạo dựng từ hư vô, và loài người cũng đã ra đời như vậy. Đừng sợ tên sát nhân này, nhưng hãy xứng đáng với các anh em của con và hãy chấp nhận cái chết, để mẹ, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, lại được đoàn tụ với con cùng các anh em của con.

Khi bà vẫn còn đang nói, chàng trai trẻ nói:

– Các ngươi mong đợi điều gì? Ta không tuân theo mệnh lệnh của vua, mà tuân theo luật pháp đã được ban cho tổ tiên chúng ta qua Mô-sê. Còn ngươi, kẻ đã gây ra mọi điều ác cho dân Do Thái, sẽ không thể thoát khỏi tay Đức Chúa Trời: chúng ta đang chịu khổ vì tội lỗi của chính mình. Nếu vì để răn đe và trừng phạt chúng ta mà Đức Chúa Trời hằng sống đã nổi giận với chúng ta trong một thời gian ngắn, thì Ngài sẽ lại thương xót các tôi tớ của Ngài; còn ngươi, kẻ vô đạo và tội lỗi nhất trong tất cả loài người, đừng tự cao một cách vô ích, đừng tự mãn với những hy vọng hão huyền rằng ngươi sẽ giơ tay chống lại các tôi tớ của Ngài; vì ngươi vẫn chưa thoát khỏi sự phán xét của Đức Chúa Trời Toàn Năng và Toàn Tri. Các anh em của chúng ta, sau khi chịu đựng sự đau khổ ngắn ngủi, đã nhận được sự sống đời đời, còn ngươi, theo sự phán xét của Đức Chúa Trời, sẽ phải chịu hình phạt công bằng vì sự kiêu ngạo của mình. Còn tôi, cũng như các anh em tôi, sẵn sàng hiến dâng cả linh hồn lẫn thân xác vì những luật lệ của tổ tiên, khẩn cầu Đức Chúa Trời sớm thương xót dân tộc này, và để ngươi, qua những đau khổ và hình phạt, phải xưng nhận rằng Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất, và để cơn thịnh nộ của Đấng Toàn Năng – vốn đã công bằng giáng xuống toàn thể dòng dõi chúng ta – chấm dứt trên tôi và các anh em tôi.

[5385] Tức là sự bắt bớ và tra tấn đối với người Do Thái.

Lúc đó, vị vua đầy giận dữ đã đối xử với anh ta còn tàn nhẫn hơn cả những người khác, vì phẫn nộ trước sự chế nhạo đó. Và người này đã kết thúc cuộc đời trong sự thanh khiết, hoàn toàn phó thác cho Chúa (2 Mac. 7:2–40). Thấy điều đó, người mẹ phúc lành – tên là Solomonia – tràn ngập niềm vui khôn tả vì đã dâng các con mình lên Chúa trong sự tinh khiết; đứng bên thi thể các con, bà giơ hai tay lên trời và, sau khi cầu nguyện với những giọt nước mắt ấm áp và đầy hân hoan, đã phó thác linh hồn mình vào tay Đức Chúa Trời. Vậy là người mẹ đã qua đời cùng các con mình, dâng hiến linh hồn vì luật pháp của Chúa Toàn Năng[5386] .

Khi chứng kiến máu của các tôi tớ Ngài đổ ra, Chúa đã thương xót dân Do Thái: Ngài đã dựng lên giữa họ Giu-đa, người xuất thân từ dòng dõi tư tế và được gọi là Ma-ca-vê. Với sức mạnh quân sự, Giu-đa đã dũng cảm chống lại Antiôchus tà ác và sau khi chiến thắng, ông đã buộc các tướng lĩnh của hắn phải rút lui. Sau đó, ông đã xử tử tất cả những ai sa vào sự tà ác của người Hy Lạp, và thanh tẩy đền thờ khỏi các thần tượng, điều này được kể lại chi tiết trong các sách Maccabees.

Còn vua Antiochus, ngay khi còn sống trên trần gian, đã phải hứng chịu sự phán xét công chính của Đức Chúa Trời. Ông bị mắc một căn bệnh khủng khiếp: nội tạng của ông bắt đầu thối rữa và tràn ngập giun, đồng thời tỏa ra mùi hôi thối không thể chịu đựng nổi. Khi đó, theo lời tiên tri của vị tử đạo trẻ nhất (2 Mac. 7:34–35), Antiochus, kẻ vô đạo, bất đắc dĩ phải thừa nhận quyền năng vô song của Đức Chúa Trời chân thật mà trước đây ông đã phỉ báng, và sau những cuộc bách hại, ông đã quay về cầu nguyện với Ngài. Nhưng Đức Chúa Trời không ban ân sủng cho kẻ không từng ban ân sủng cho người khác: Antiochus, vì không tỏ ra ăn năn chân thành, đã chết một cái chết thảm khốc, khiến mọi người đều nghĩ đến sự phán xét công bằng của Đức Chúa Trời. Mọi người đều tôn vinh Đức Chúa Trời toàn năng, cũng như ngày nay Ngài được mọi thế hệ tôn vinh và sẽ mãi mãi được tôn vinh đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Xin Chúa hãy nghe lời cầu xin qua những cơn bệnh của các thánh, những người đã chịu đau khổ vì Ngài, và xin chữa lành mọi bệnh tật của chúng con, Đấng Yêu Thương Loài Người, chúng con cầu xin.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Bảy cột trụ của sự Khôn ngoan Thiên Chúa, và bảy ngọn đèn của Ánh sáng Thần thánh, các vị Maccabê đầy khôn ngoan, các nữ tử đạo vĩ đại trước các vị tử đạo nam, xin cùng với họ cầu nguyện với Thiên Chúa, để những ai tôn kính các ngài được cứu rỗi.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Leontinus, Attus, Alexander, Kindius, Minsifeus, Cyriacus, Mineus (Mineon), Catunus và Eucleius

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 8

Các thánh tử đạo này đã sống dưới triều đại của Hoàng đế Diocletian tại thành phố Pergia thuộc Pamphylia, vào thời điểm mà Pamphylia do Thống đốc Flavian cai trị, và tất cả đều xuất thân từ các bậc tiền bối Kitô hữu. Mineon là thợ mộc, còn những người khác làm nông nghiệp. Tất cả họ, cùng chung một tâm thế, đã đưa ra một quyết định cao cả và tự nguyện dấn thân vào con đường tử đạo. Vì vậy, sau khi từ bỏ công việc thường ngày, họ đã đến đền thờ Artemis[5387] vào ban đêm và phá hủy tất cả các vật thờ cúng trong đó. Vì hành động này, họ bị bắt giữ và tra hỏi; sau đó, họ bị đánh đập tàn nhẫn, vết thương bị thiêu đốt bằng lửa, rồi bị cào xé gần như đến tận xương bằng những móng sắt, vai bị thiêu đốt bằng nến đang cháy và mắt bị đâm mù bằng đinh. Sau tất cả những

[5386] Các thánh tử đạo qua đời vào năm 166 trước Công nguyên.

[5387] Artemis hay Diana, con gái của Zeus và Leto, được người Hy Lạp tôn kính như nữ thần trinh nữ, vị thần bảo trợ cho các thiếu nữ và phụ nữ, cũng như nữ thần mặt trăng. Nữ thần này được tôn kính đặc biệt tại thành phố Ê-phê-sô, nơi có một ngôi đền tráng lệ được xây dựng để thờ phụng bà và nơi đông đảo người dân từ khắp các vùng của Đế chế La Mã đổ về để thờ phụng bà. Việc thờ phụng nữ thần này tập trung nhiều mê tín dị đoan ngoại giáo và nhiều nghi lễ, nghi thức vô đạo đức đã được thực hiện để tôn vinh bà.

cực hình này, họ bị ném vào ngục tối, nơi theo lệnh của kẻ tra tấn, họ không được cho ăn uống gì cả. Sau đó, họ bị ném cho thú dữ xé xác, nhưng các thánh tử đạo đã chế ngự được lũ thú, khiến tất cả những người có mặt tại đó đều kinh hoàng và lớn tiếng kêu lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Ngay lập tức, một cơn giông bão ập đến với sấm sét và chớp nhoáng, mưa rơi xuống đất cùng với lửa và mưa đá. Cùng lúc đó, có một giọng nói vang lên gọi các thánh, và khi nghe thấy giọng nói ngọt ngào ấy, các ngài tràn ngập niềm vui lớn lao. Sau đó, theo lệnh của quan tổng trấn, đầu các ngài bị chém bằng gươm[5388] . Và như vậy, cuộc hành hình của các ngài đã kết thúc.

Ngày 15 tháng 8

Ngày 2 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Tử đạo Stephano, Giáo hoàng Rôma, người đã tử đạo vào ngày 2 tháng 8 năm 257 dưới triều đại của Hoàng đế Valerian.

Cũng trong ngày này, người ta tưởng nhớ Thánh Vasil, người đã tu hành tại Tu viện Spasokamennoye trên đảo Kubensky thuộc huyện Vologda.

Lễ rước di cốt Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên và tổng phó tế

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 8

Sau khi Thánh Thượng phó tế Stephano bị người Do Thái ném đá đến chết (Công vụ 7:55–60), thi hài thánh thiện của ngài nằm đó suốt một ngày một đêm mà không được chôn cất: thi hài bị bỏ lại cho chó, thú dữ và chim chóc ăn thịt; nhưng không có gì đụng chạm đến thi hài, vì Chúa đã bảo vệ ngài. Vào đêm thứ hai, vị thầy luật vĩ đại Gamaliel của Giê-ru-sa-lem[5389] , được nhắc đến trong sách Công vụ các Tông đồ (Công vụ 5:34, 22:3), người đã bắt đầu nghiêng về đức tin nơi Đấng Christ và trở thành bạn thân thầm lặng của các Thánh Tông Đồ, đã sai những người đàn ông kính sợ Chúa đến lấy thi thể của vị Tử đạo đầu tiên một cách kín đáo; ông mang thi hài về khu đất của mình, được gọi là Caphargamala theo tên chủ sở hữu, tức là khu đất của Gamaliel; nơi này cách Giê-ru-sa-lem hai mươi popistria[5390] . Tại đây, Gamaliel đã tiến hành lễ an táng trang trọng cho thi hài thánh Stê-pha-nô, đặt thi hài vào một hang động trong quan tài mới của mình. Sau đó, Nicôđêm, "người đứng đầu dân Do Thái", người đã đến gặp Chúa Giêsu Kitô vào ban đêm (Ga 3,1–2), đã qua đời trong khi khóc thương bên quan tài của thánh Stêphanô; và chính Gamaliên đã an táng ông, gần quan tài của vị tử đạo đầu tiên. Sau đó, Gamaliel, , sau khi nhận phép rửa thánh cùng với con trai mình là Aviv và sống một thời gian theo ý Chúa trong đức tin Kitô giáo, cũng qua đời; cả hai đều được an táng trong cùng một hang động, bên cạnh quan tài của Thánh Stefano và Nicodemo.

Sau nhiều năm, khi những kẻ hành hạ – những kẻ đã bức hại Giáo Hội của Đức Chúa Trời trong một thời gian dài – đã qua đời, và kể từ khi Hoàng đế Constantine Đại Đế cải đạo, những ngày của các vị vua Kitô giáo đã bắt đầu – những ngày bình an trong Giáo Hội và đức tin rạng ngời khắp nơi, – thì nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời, các thánh tích quý báu của Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano và các vị thánh nhân được chôn cất cùng ngài: Nicodemo, Gamaliel và Aviv, đã được tìm thấy.

Chúng được tìm thấy bởi linh mục Lucian của thị trấn nói trên sau một giấc mơ. Vào giờ thứ ba của đêm từ thứ Năm sang thứ Sáu, một vị tu sĩ cao quý, dáng người cao lớn, tóc bạc phơ, râu dài, mặc áo trắng thêu hình thánh giá màu vàng, đã hiện ra trong giấc mơ của Lucian; trong tay vị lão nhân cầm một cây gậy vàng. Ông dùng cây gậy đó chạm nhẹ vào hông vị linh mục, rồi gọi tên ông ba lần:

– Lucian! Lucian, Lucian!

[5388] Năm qua đời của các thánh tử đạo này không được biết đến.

[5389] Gamaliel – một nhà luật học Do Thái nổi tiếng, từng giữ chức vụ cao trong Hội đồng Tối cao tại Jerusalem, được toàn dân kính trọng đến nỗi người ta gọi ông là "vinh quang của luật pháp". Truyền thuyết kể rằng ông, cùng với con trai là Aviv, đã được Thánh Phêrô và Thánh Gioan làm phép rửa.

[5390] Đơn vị đo khoảng cách này tương đương khoảng 690 sazen của chúng ta.

Rồi ông bắt đầu nói:

– Hãy đến Giê-ru-sa-lem và nói với Đức Tổng Giám mục Thánh Gioan rằng: "Chúng ta còn bị giam cầm đến bao giờ nữa – tại sao ngài không mở cửa cho chúng ta? Vì trong những ngày ngài đảm nhận chức thánh, chúng tôi đáng được lộ diện; hãy mở ra, đừng chần chừ, ngôi mộ của chúng tôi, nơi các thánh tích của chúng tôi đang bị bỏ mặc, lúc thì ướt đẫm mưa, lúc thì bị chân những kẻ vô tín chà đạp. Tôi không lo lắng cho bản thân mình bằng việc lo cho các thánh đang nằm cùng tôi, những vị xứng đáng được vinh danh cao quý; xin ngài hãy mở những di cốt mà tôi đã chỉ cho ngài – để Chúa mở cánh cửa lòng thương xót của Ngài cho thế giới đang chìm trong muôn vàn tai ương.

Linh mục Lucian, đầy kinh hoàng, hỏi người đàn ông vừa xuất hiện trước mặt mình:

– Ngài là ai, thưa ngài? Và ngài muốn nói đến ai khi nhắc đến những người đang ở cùng ngài?

– Tôi, – người hiện ra đáp, – là Gamaliel, người nuôi dưỡng và thầy dạy của Thánh Phaolô Tông đồ, còn cùng tôi an nghỉ là ngài Stephano, phó tế trưởng, người đã bị người Do Thái và các thượng tế Giêrusalem ném đá đến chết vì đức tin vào Đấng Kitô: thi thể ngài, vốn bị vứt bỏ làm mồi cho chó, thú dữ và chim chóc, tôi đã lấy đi vào ban đêm, mang nguyên vẹn đến đây và đặt trong hang động của tôi, vào quan tài đã chuẩn bị sẵn cho chính mình, mong được chia sẻ cùng ngài số phận tương tự trong sự phục sinh và ân sủng của Chúa. Trong một quan tài khác, cùng trong hang động ấy, là thi hài của ngài Nicôđêmô, người đã được chính Chúa Kitô dạy dỗ về đức tin thánh thiện và (sau khi Chúa lên trời) đã nhận phép rửa thánh từ các Tông đồ; khi người Do Thái biết về đức tin của ông vào Đấng Kitô và việc ông chịu phép rửa, họ đã nổi giận và muốn giết ông, giống như đã làm với Thánh Stephano; tuy nhiên, họ đã không làm điều đó vì tôn trọng tôi, bởi vì Nicôđêm là họ hàng của tôi; người Do Thái đã tước bỏ chức vụ của ông và sáp nhập tài sản của ông vào tài sản của Giáo hội; sau đó, sau khi nguyền rủa ông, họ đã đuổi ông ra khỏi thành phố trong sự nhục nhã và những lời chỉ trích của nhiều người: lúc đó, tôi đã đón ông về nhà mình và nuôi dưỡng ông cho đến khi ông qua đời; khi ông qua đời, tôi đã chôn cất ông gần thi hài của Thánh Tử đạo đầu tiên là Thánh Stephano. Cũng tại đó, trong ngôi mộ thứ ba được đào vào vách hang, tôi đã chôn cất con trai yêu quý của tôi là Aviv, người đã qua đời ở tuổi hai mươi, người đã cùng tôi nhận phép rửa thánh từ các Tông đồ của Chúa Kitô; khi lâm chung, tôi đã di chúc rằng thi thể của tôi cũng sẽ được an táng cùng với họ.

– Vậy chúng tôi sẽ tìm các vị ở đâu? – vị trưởng lão hỏi.

– Hãy tìm chúng tôi – Gamaliel đáp – trước mặt mọi người ở phía nam, trên cánh đồng Delagavri (tức là cánh đồng của những người của Chúa).

Tỉnh dậy khỏi giấc ngủ, vị trưởng lão ngợi khen Đức Chúa Trời và cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giê-su Ki-tô! Nếu hiện tượng này đến từ Ngài, chứ không phải là ảo giác, thì xin hãy cho nó lặp lại đến ba lần.

Và Lucian bắt đầu ăn chay, chỉ ăn bánh mì khô, cho đến thứ Sáu tuần sau, sống trong cầu nguyện và không tiết lộ thị kiến cho ai cả.

Vào lúc ba giờ sáng ngày thứ Sáu tuần sau, Gamaliel lại hiện ra trước mặt linh mục Lucian, giống như lần đầu tiên.

– Tại sao – ông hỏi – ngươi lại phớt lờ mệnh lệnh của ta là phải đi và truyền lại cho Tổng Giám mục Gioan tất cả những gì đã được phán bảo với ngươi?

– Xin tha thứ cho tôi, thưa ngài, – vị linh mục đáp, – tôi đã sợ phải đi báo tin ngay lập tức sau lần hiện ra đầu tiên, vì lo sợ mình có thể bị coi là kẻ nói dối; vì vậy, tôi đã cầu xin Chúa – xin Ngài hãy sai ngài đến với tôi lần thứ hai và thứ ba, để tôi có thể chắc chắn về sự thật.

Còn Gamaliel thì giơ tay lên và nói:

– Bình an cho ngài, vị trưởng lão, xin ngài hãy nghỉ ngơi!

Và dường như ông đang dần biến mất khỏi tầm mắt của vị linh mục.

Sau đó, ông lại quay sang vị linh mục và nói:

– Lucian! Ngươi đang suy nghĩ về cách tìm kiếm và nhận biết sức mạnh của mỗi người trong chúng ta; vậy thì hãy nhìn và hiểu những gì được bày tỏ trước mắt ngươi.

Nói xong, ông mang đến cho vị trưởng lão bốn chiếc giỏ; ba chiếc trông như bằng vàng, còn chiếc thứ tư thì bằng bạc. Một trong những chiếc giỏ vàng chứa đầy hoa đỏ, chiếc thứ hai chứa hoa nghệ tây thơm ngát. Chiếc giỏ vàng đầu tiên, chứa hoa đỏ, Gamaliel đặt ở phía bên phải của vị trưởng lão, hướng về phía đông; chiếc giỏ vàng

thứ hai, chứa hoa trắng, ông đặt ở phía bắc; còn chiếc giỏ thứ ba và thứ tư, ông đặt chung lại ở phía tây, đối diện với chiếc giỏ đầu tiên đang ở phía đông.

– Điều này có ý nghĩa gì, thưa ngài? – vị linh mục hỏi Gamaliel, người đang chỉ cho ông xem những chiếc giỏ.

Ông trả lời:

– Đây là những ngôi mộ của chúng ta, nơi chúng ta an nghỉ: vậy, chiếc giỏ vàng đầu tiên có hoa đỏ, đặt ở phía đông – là ngôi mộ của Thánh Stephano, người đã đổ máu tử đạo vì Chúa Kitô; chiếc giỏ vàng khác có hoa trắng, đặt ở phía bắc, là ngôi mộ của ngài Nicodemo; chiếc thứ ba cũng có hoa trắng, là chiếc giỏ vàng đặt hướng về phía tây – đó là mộ của tôi; còn chiếc giỏ thứ tư bằng bạc, chứa đầy nghệ tây thơm ngát và đặt bên cạnh mộ tôi – đó là mộ của con trai tôi, Aviv, người đã trong sạch khỏi tội lỗi cả về thể xác lẫn tâm hồn ngay từ khi còn trong bụng mẹ và qua đời trong sự trinh khiết.

Sau những lời ấy, Gamaliel biến mất, và những chiếc giỏ cũng biến mất.

Sau thị kiến đó, vị trưởng lão dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời và tăng cường việc ăn chay và cầu nguyện cho đến ngày thứ sáu thứ ba, mong được chứng kiến sự hiện ra lần thứ ba. Và một lần nữa, vào đêm ngày thứ sáu thứ ba, chính vị Gamaliel chính trực và thánh thiện ấy đã hiện ra trước mặt vị trưởng lão và nói với giọng đe dọa:

– Tại sao cho đến giờ này ngươi vẫn chưa bận tâm đến việc đến gặp tổng giám mục và tiết lộ cho ngài những điều đã được mặc khải và phán bảo với ngươi? Chẳng lẽ ngươi không thấy hạn hán và đau khổ đang hoành hành trên khắp thiên hạ sao? Ngươi lại không đưa ra lời khuyên nào. Chẳng lẽ trong các sa mạc không có những vị thánh nhân, những người sống tốt hơn ngươi, xứng đáng với sự mặc khải này sao? Nhưng chúng ta, bỏ qua họ, muốn được tỏ lộ qua ngươi. Vậy thì, hãy đứng dậy, đi và nói với Tổng Giám mục, để ngài khai phá nơi chúng ta an nghỉ, và xây dựng một ngôi đền thờ tại đây, để nhờ những lời cầu nguyện của chúng ta, Chúa sẽ thương xót dân Ngài.

Vị linh mục đứng dậy, tạ ơn Thiên Chúa, rồi vội vã lên đường đến Giê-ru-sa-lem, nơi ngài báo cho Tổng Giám mục Gioan biết về ba lần hiện ra và mệnh lệnh mà ngài đã nhận được. Tổng Giám mục rưng rưng nước mắt vì vui sướng và nói:

– Ngợi khen Chúa là Đức Chúa Trời yêu thương loài người, Đấng muốn bày tỏ lòng thương xót của Ngài cho chúng ta qua sự mặc khải của các thánh của Ngài: và khi chúng ta được ân sủng tìm thấy di cốt của các ngài, thì tôi phải rước di cốt của vị tử đạo đầu tiên là Thánh Stephano về thành phố này, nơi ngài đã chiến đấu chống lại người Do Thái, nơi ngài đã thấy trời mở ra và Đức Kitô, Thiên Chúa, đang đứng trong vinh quang của Ngài (Công vụ 7:1–60). Còn con, con trai ta, – ngài quay sang vị linh mục và nói – hãy đến cánh đồng đó và tìm nơi các thánh đang an nghỉ; khi đã đào đến quan tài của các ngài, hãy báo cho ta biết.

Vị trưởng lão, sau khi trở về từ thành phố đến trang trại của mình, đã triệu tập những người đàn ông sùng đạo và cùng họ đi đến cánh đồng Delagavri. Giữa cánh đồng ấy có một ngọn đồi; nghĩ rằng thi hài các thánh đang an nghỉ ở đây, ông định đào bới, nhưng trước tiên đã dành cả đêm để cầu nguyện trên ngọn đồi ấy. Cùng đêm đó, thánh Gamaliel hiện ra với một tu sĩ tên là Nugeti, người đang cư ngụ gần khu vực đó, và nói:

– Hãy đi và nói với Linh mục Lucian rằng ngài đừng vất vả đào bới ngọn đồi đó, vì chúng tôi không nằm ở đó; nhưng hãy bảo ngài tìm chúng tôi ở khu rừng rậm, phía nam, nơi chúng tôi được chôn cất; còn trên ngọn đồi đó, người ta đã đặt thi hài chúng tôi khi đưa đi an táng, và tại đây, theo phong tục cổ xưa, người ta đã khóc than cho chúng tôi; ngọn đồi này được đắp lên chính là bằng chứng cho những tiếng khóc than đã vang lên trên thi hài chúng tôi.

Sau khi thức dậy, vị tu sĩ đi theo chỉ dẫn và tìm thấy linh mục Lucian cùng nhiều người đàn ông trên ngọn đồi đã nói đến; họ đã bắt đầu đào bới; lúc đó, vị tu sĩ kể cho Lucian nghe những gì mình đã thấy và nghe. Linh mục ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã cho xuất hiện một nhân chứng khác cho sự mặc khải. Họ tiến vào khu rừng rậm, tại nơi đó họ tìm thấy một tảng đá có dòng chữ Do Thái "Heliil", nghĩa là "những tôi tớ của Đức Chúa Trời"; sau khi đào xung quanh tảng đá và di chuyển nó ra khỏi vị trí, họ phát hiện ra lối vào hẹp dẫn vào hang động. Khi bước vào hang động với ngọn nến, họ thấy những quan tài được đục khoét trong vách đá và bên trong chứa các di cốt của các thánh. Lối vào hang động nằm ở phía nam; do đó, ở phía bên phải hướng đông là quan tài của Thánh Stephano, đối diện với lối vào, hướng bắc, là quan tài của Thánh Nicodemo; còn ở phía tây, đối diện với Thánh Stephano, là nơi an nghỉ của Thánh Gamaliel cùng con trai ngài, như đã được chỉ ra trước đó cho vị linh mục qua

thị kiến về những chiếc giỏ. Ngay lập tức, vị linh mục đã báo tin về việc tìm thấy các di cốt thánh[5391] cho Tổng Giám mục Giăng của Giêrusalem.

Đức Tổng Giám mục, cùng với hai vị Giám mục tình cờ có mặt là Eleutherius của Sebaste và Eleutherius của Jericho, vội vã đến nơi tìm thấy di cốt; sau khi mở rộng lối vào hang động, họ bước vào bên trong. Khi mở quan tài của vị thánh tử đạo đầu tiên, đất liền rung chuyển ngay lập tức, và những người có đời sống đạo đức đã nghe thấy tiếng các Thiên thần hát từ trên cao: "Vinh quang thuộc về Thiên Chúa trên trời, và bình an trên đất!" Mùi hương tỏa ra từ thi hài của vị thánh ấy là thứ mà chưa ai từng ngửi thấy trước đây; mùi hương không thể diễn tả ấy lan tỏa trong không khí xa tới mười dặm, và tất cả những người có mặt đều cảm thấy như thể mình đang ở trong thiên đàng. Rất đông người đã đến cùng với Tổng Giám mục từ Giê-ru-sa-lem và các làng mạc lân cận; trong số những người đến có rất nhiều bệnh nhân mắc các chứng bệnh khác nhau – người mù, người què, những người bị hành hạ bởi các bệnh nội tạng và ma quỷ, người bị mụn nhọt và vết loét; tất cả họ đều được chữa lành. Số người được chữa lành lên tới bảy mươi ba người. Thế là, họ lấy di cốt của bốn vị thánh nhân của Chúa, rước lên ngọn đồi trong tiếng hát các thánh vịnh và các bài thánh ca khác; còn dân chúng thì chạm vào di cốt của các ngài, hôn lên đó với lòng kính cẩn. Chẳng bao lâu sau, tổng giám mục đã xây dựng một nhà thờ trên ngọn đồi đó để tôn vinh các thánh vừa được tìm thấy và an táng di cốt của Nicodemus, Gamaliel và Aviv tại đó; còn di cốt của thánh phó tế trưởng Stephanos, ngài đã long trọng rước về Jerusalem và an táng trong nhà thờ tọa lạc tại thánh địa Sion.

Cũng vào thời gian đó, một quý ông tên là Thượng nghị sĩ Alexander cùng vợ là Iuliania đã từ Constantinople đến Jerusalem để hành hương các thánh địa: khi chứng kiến những phép lạ xảy ra tại quan tài của Thánh Tông đồ đầu tiên Stephanos, Alexander đã cho xây dựng một nhà thờ bằng đá trong thành phố để tôn vinh ngài và tha thiết xin vị giám mục chuyển di hài cốt của Thánh Stefan vào đó; vị giám mục, bị thuyết phục bởi lời khẩn cầu chân thành, đã đáp ứng yêu cầu đó. Một thời gian sau, Alexander mắc phải căn bệnh hiểm nghèo tại Jerusalem và đã để lại di chúc kèm lời thề với vợ mình: bà hãy làm một quan tài giống như quan tài của vị Tử đạo đầu tiên, và đặt thi hài ông vào đó bên cạnh di cốt của Thánh Stephano. Sau khi để lại di chúc này, ông qua đời. Người vợ đã thực hiện di nguyện cuối cùng của chồng: bà đã làm một quan tài giống như quan tài của Thánh Stephano, và an táng chồng mình trong một lễ tang trang trọng bên cạnh quan tài của vị Tử đạo đầu tiên. Và bà sống tại Jerusalem, gần nhà thờ nói trên, không muốn xa cách người chồng đã khuất; bà tin rằng ông vẫn còn sống trong Chúa.

Vì vợ của Alexander còn trẻ, xinh đẹp và lại giàu có, nên nhiều người thuộc tầng lớp quý tộc đã thuyết phục bà tái hôn. Nhưng bà, với tư cách là một người phụ nữ trong sạch, tuyệt đối không muốn tái hôn: bà đã quyết tâm giữ lòng trung thành với người chồng đầu tiên, hy vọng sẽ cùng ông chia sẻ số phận giống nhau dành cho những người công chính vào ngày Phục sinh (Mt 25:34). Khi một trong những quan chức cao cấp liên tục quấy rầy bà, mong muốn kết hôn với bà, thì Iuliania, muốn thoát khỏi người đó, đã nảy ra ý định sau: mang thi thể chồng về quê hương ở Tsargrad, mặc dù đã tám năm trôi qua kể từ ngày chồng qua đời. Bà đã thỉnh cầu tổng giám mục đừng cấm bà mang thi hài chồng về; tổng giám mục không đồng ý; lúc đó, Julia lập tức viết thư cho cha mình, người đang sống tại Constantinople, xin ông can thiệp với nhà vua để ban hành một sắc lệnh cho phép bà được tự do mang thi hài chồng về và trở về Constantinople. Không lâu sau, sắc lệnh mong đợi từ nhà vua đã đến, và họ đã trình cho tổng giám mục xem. Khi nhìn thấy thư của nhà vua, tổng giám mục không thể phản đối được nữa và đã ban phước lành cho lời thỉnh cầu của Iuliania. Còn bà, sau khi được ban phước, đã đào lên nơi chôn cất hai quan tài – của Thánh Tử đạo đầu tiên Stephanos và chồng bà là Alexander – rồi lấy quan tài chứa di cốt của vị thánh thay cho quan tài của chồng; Julia đã hành động như thể bị lừa dối, nhưng thực ra đó là theo ý muốn của Đức Chúa Trời và theo nguyện vọng của vị Thánh Tử đạo đầu tiên. Sau khi đặt quan tài lên cỗ xe ngựa kéo bằng lừa, Iuliania lên đường. Đã là buổi tối khi bà rời Jerusalem; và ngay trong đêm đó, trên không trung , phía trên các thánh tích đang được vận chuyển, người ta nghe thấy tiếng các Thiên thần hát ngợi khen Thiên Chúa, còn từ quan tài tỏa ra một mùi hương thơm ngát, như mùi dầu thơm được đổ ra rất nhiều. Người ta cũng nghe thấy tiếng la hét của ma quỷ, từ xa kêu lên:

– Khốn cho chúng ta! Vì Thánh Phêrô đang đến và đánh đập chúng ta.

Các tôi tớ của Iuliana, nghe thấy tất cả những điều này, đã hoảng sợ và nói với bà chủ của họ:

[5391] Việc tìm thấy các di cốt này diễn ra vào năm 415.

– Điều này có ý nghĩa gì, thưa phu nhân, sao lại nghe thấy nhiều giọng nói khác nhau gọi tên Thánh Stefan? Phải chăng chúng ta đang khiêng quan tài của Thánh Tử đạo đầu tiên Stefan thay vì quan tài của chủ nhân chúng ta là Alexander?

Bà đáp lại trong những giọt nước mắt vui sướng:

– Im lặng đi, các con ơi, mọi việc đều diễn ra theo ý muốn của Đức Chúa Trời và vị tôi tớ thánh thiện của Ngài.

Khi đến thành phố ven biển Ascalon, họ tìm thấy một con tàu đang trên đường đến Tsargrad; sau khi trả cho thuyền trưởng khoản tiền cước theo quy định, họ lên tàu cùng với di cốt của vị thánh và bắt đầu hành trình. Khi con tàu đang ở giữa biển, một cơn bão khủng khiếp ập đến, khiến con tàu nghiêng ngả; mọi người đều hoảng sợ khi nhìn thấy những con sóng khổng lồ dâng cao; nhưng ngay lúc đó, Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, hiện ra trước mắt các thủy thủ và nói:

– Ta ở cùng các con – đừng sợ!

Nói xong, ngài biến mất, và ngay lập tức biển lặng xuống, và toàn bộ hành trình còn lại diễn ra bình an; vào ban đêm, một luồng ánh sáng tỏa ra từ di cốt của vị thánh, từ hòm thánh tỏa ra mùi hương nồng nàn, và tiếng hát của các Thiên thần vang lên trong không trung. Khi cập bến Chalcedon, họ quyết định ở lại đây năm ngày. Người dân thành phố biết tin về di cốt của Thánh Stephano, họ đổ xô đến con tàu, mang theo cả những người ốm yếu; và tất cả những người bệnh trong thành phố đều được chữa lành nhờ sự hiện diện của vị Tử đạo đầu tiên; các quỷ dữ cũng bị xua đuổi khỏi mọi người, chúng la hét rằng:

– Thánh Stefano, người đã bị người Do Thái ném đá đến chết, giờ đây đã đến đây, hành hạ chúng tôi một cách tàn nhẫn và đuổi chúng tôi đi khắp nơi – trên đất liền lẫn trên biển.

Sau khi rời cảng Chalcedon, con tàu đã đến Constantinople an toàn. Nữ tu sùng đạo Iuliania đến gặp cha mình và kể lại chi tiết cho ngài nghe về di cốt của Thánh Phó tế trưởng Stephanos. Sau đó, họ cùng cha đến gặp nhà vua và Đức Thượng phụ để báo tin này; và tất cả đều tràn ngập niềm vui lớn lao. Tổng giám mục cùng các linh mục và toàn thể dân chúng đã đến bến cảng để đón thi hài vị tử đạo đầu tiên. Sau khi mang hòm thánh ra khỏi tàu, họ đặt nó lên cỗ xe ngựa của hoàng đế và rước vào cung điện trong tiếng hát thánh vịnh, theo lệnh của hoàng đế. Không thể kể xiết bao nhiêu phép lạ đã xảy ra vào thời điểm đó trước di cốt thánh; tóm lại, tất cả những ai đang mắc phải bệnh tật hay đau ốm, dù nặng hay nhẹ, đều được chữa lành. Khi đoàn rước long trọng đến "Nhà tắm của Constantine"[5392] , thì những con la đang kéo cỗ xe hoàng gia chở di cốt đã dừng lại; dù các tôi tớ có đánh đập chúng thế nào để ép chúng đi tiếp, chúng cũng không thể nhúc nhích khỏi chỗ đó. Lúc đó, một con la, nhờ ân sủng của Chúa, bỗng có khả năng nói, đã thốt lên:

– Sao các ngươi lại đánh chúng tôi một cách vô ích như vậy? Chính tại nơi này, Thánh Tử đạo đầu tiên Stephano muốn được an táng.

Nghe vậy, tất cả những người có mặt đều vô cùng kinh ngạc và kinh hoàng, rồi họ ngợi khen Đức Chúa Trời. Nhà vua liền ra lệnh xây dựng một nhà thờ bằng đá tại chính nơi này; và chẳng bao lâu sau, một nhà thờ tuyệt đẹp mang tên Thánh Tông đồ đầu tiên và Tổng phó tế Stephano đã được hoàn thành; và tại đó, các di cốt thiêng liêng của ngài đã được an táng để tôn vinh và ca ngợi Chúa và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Đức Giêsu Kitô, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần[5393] , xin Ngài nhận lấy từ chúng con, những kẻ tội lỗi, sự tôn kính và vinh quang, sự thờ phượng và tạ ơn, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Đỉnh cao của những đau khổ mà ngài đã chịu đựng trong Đức Kitô, Thiên Chúa, đã được đội vương miện vương giả, hỡi Thánh Stefano, vị tử đạo đầu tiên: vì ngài đã vạch trần sự điên cuồng của dân Do Thái, và đã thấy Đấng Cứu Thế của ngài ngự bên hữu Chúa Cha. Xin ngài cầu thay cho các linh hồn chúng con.

[5392] Những nhà tắm này được Hoàng đế Constantine Đại đế khởi công xây dựng, được con trai ông là Constantius tiếp tục và hoàn thành vào năm 427 dưới thời Hoàng đế Theodosius II. Ngày nay, chúng được gọi là Teukur-Hammam và tọa lạc trên ngọn đồi số 4.

[5393] Năm 1200, tại nhà thờ này có vị hành hương người Nga của chúng ta là Antony; ông đã nhìn thấy tại đó trán của vị tử đạo đầu tiên, bị ném đá và được khâu lại.

Bài ca Kondak, giọng 6:

Ngài là người đầu tiên được gieo trồng trên đất bởi Đấng Tạo Hóa trên trời, hỡi Thánh Stephano đáng ca ngợi. Ngài là người đầu tiên trên đất đổ máu vì Chúa Kitô, hỡi vị thánh phúc lành: Ngài là người đầu tiên được đội vương miện chiến thắng từ Ngài trên trời, là khởi đầu của những người chịu khổ, là vị thánh tử đạo đầu tiên được đội vương miện.

Lễ kính Thánh Basil, vị thánh công chính và hạnh phúc, vị làm phép lạ tại Moscow

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 8

Thánh Vasilios Phúc Lành này đã sống dưới triều đại của vị vua trung thành và Đại Công tước Ioann Vasilievich[5394] , cũng như dưới thời cai quản của Đức Thánh Makarios, Tổng Giám mục Moscow và toàn nước Nga. Cha ngài tên là Giacôbê, còn mẹ là Anna. Nhờ những lời cầu nguyện của cha mẹ, ngài đã được xin từ Thiên Chúa và nhờ đức tin của họ mà ngài được ban cho họ. Từ thuở thiếu thời, ngài đã bừng cháy tình yêu đối với Thiên Chúa và bắt đầu sống theo các điều răn của Ngài. Sau đó, rời bỏ ngôi nhà cha mẹ và những người thân yêu, Thánh Vasily, với niềm hy vọng vào những ân huệ tương lai, đã đổi của cải trần thế lấy của cải thiêng liêng, bởi thay vì cha, ngài có sự giải thoát khỏi gánh nặng tội lỗi; thay vì mẹ – sự trong sạch; thay vì anh em – khát vọng hướng về Giê-ru-sa-lem trên trời; và thay vì con cái – những tiếng thở dài từ tận đáy lòng. Và để có được tất cả những điều đó, ngài đã tự hành xác mình bằng vô số những việc khổ hạnh khắc nghiệt. Thánh nhân nghèo đến mức không có cho mình ngay cả một hang động nhỏ, cũng không mặc áo quần trên người, mà luôn sống lang thang không nhà cửa, đi lại trần truồng cả mùa hè lẫn mùa đông; mùa đông thì run rẩy vì giá rét, còn mùa hè thì chịu đựng cái nóng oi ả. Dù luôn sống giữa tiếng ồn ào và la hét, nhưng với tâm hồn tự do khỏi những đam mê, ngài luôn sống cuộc đời của một người thánh ngốc vì Chúa Kitô. Ngài không nói gì cả và dường như bị mất khả năng nói, mong muốn qua đó che giấu những đức tính của mình khỏi mọi người và chỉ để Chúa biết. Nhưng *"thành phố nằm trên đỉnh núi không thể bị che khuất"* (Mt 5,14). Nhờ lối sống trong sạch của vị thánh và lòng kiên nhẫn bất khuất của ngài, danh tiếng về ngài đã đến tai vị vua đạo đức và Đại công tước Ioann Vasilievich, vị hoàng đế toàn quyền của toàn nước Nga, người đã được Đức Tổng Giám mục Makarii kể lại về cuộc đời của ngài. Cả hai đều vô cùng kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của ngài và ngợi khen Thiên Chúa vì đã ban cho thời đại của họ một vị thánh như vậy.

Như vậy, luôn luôn miệt mài trong lao động và kiên nhẫn, chịu đựng đói khát và hàng ngày đối mặt với những nguy hiểm chết người, vị thánh Vasili đã sống trọn cuộc đời mình. Cuối cùng, khi lâm bệnh, ngài phải nằm liệt giường. Hoàng đế và Đại công tước Ioann Vasilievich, người cai trị toàn cõi Nga, khi nghe tin vị thánh sắp về với Chúa, đã đến thăm ngài cùng với Hoàng hậu và Đại công tước phu nhân Anastasia đầy đức tin, cùng các hoàng tử cao quý của mình, Ioann và Feodor, để thăm ngài và nhận lời chúc phúc từ ngài. Vị thánh, khi đã cận kề cái chết và đang trong những hơi thở cuối cùng, đã nói với hoàng tử Feodor một cách tiên tri:

– Mọi thứ thuộc về tổ tiên ngươi sẽ thuộc về ngươi, và ngươi sẽ là người kế thừa của họ.

Sau những lời ấy, vị thánh đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa. Từ thi thể ngài, cả thành phố tràn ngập hương thơm, và đông đảo cư dân thành phố đã đổ xô đến dự lễ an táng. Một cảnh tượng cảm động đã hiện ra. Nhà vua và các hoàng tử đích thân khiêng thi hài của vị thánh trên vai đến nhà thờ thánh; các giám mục và linh mục cùng toàn thể giáo sĩ, trong khi ca ngợi ngài, đã hát các thánh vịnh và các bài thánh ca, còn dân chúng thì khóc lóc và kêu lên:

– Thánh Vasilij đáng kính! Xin ngài cầu nguyện hết lòng với Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng con, cho thành phố Moskva của chúng con và cho tất cả các thành phố và làng mạc Nga, cho vị vua yêu mến Đức Kitô của

---

[5394] Thánh Vasilie sinh ra vào những năm đầu triều đại của Đại công tước Moskva Ioann Vasilievich III (1462–1505) tại làng Elakhov, lúc bấy giờ thuộc vùng ngoại ô Moskva, nơi ngày nay có các đường Elakhovskaya và Basmannaya. Khi mới 16 tuổi, ngài đã chọn con đường sống như một vị thánh điên và tu hành trên con đường đó trong 72 năm. Ngài trở nên nổi tiếng dưới triều đại của Ivan IV Vasilyevich "Người Khủng khiếp", người đã biết đến ngài qua Tổng giám mục Makarii (1543–1564), người rất kính trọng vị thánh hạnh phúc này.

chúng con, cho hoàng hậu đạo đức của ngài và cho các con cái cao quý của họ; và xin ngài trở thành người trợ giúp cho quân đội của ngài trong chiến thắng và đánh bại các kẻ thù.

Khi tham dự lễ an táng vị thánh phúc, nhà vua và hoàng hậu đã rơi những giọt nước mắt vừa vui mừng vừa thương tiếc – vui mừng vì trong cái chết như vậy của vị thánh, họ thấy bằng chứng về sự hoàn hảo của ngài và việc ngài được phong thánh, còn thương tiếc – vì họ đã mất đi một vị tu sĩ dũng cảm và cao thượng như vậy. Và ngay từ lúc đó, nhiều người đã được chữa lành nhờ chạm vào di cốt thánh của vị thánh phúc. Đức Tổng Giám mục Makari cùng Hội đồng Thánh, sau khi hát các thánh vịnh và các bài thánh ca tang lễ bên thi hài vị thánh, đã an táng ngài với đầy đủ nghi lễ vào ngày 2 tháng 8 năm 1552[5395] . Tổng cộng, cuộc đời ngài kéo dài 88 năm, trong đó ngài đã sống 72 năm trong trạng thái người thánh điên. Chúa đã tôn vinh vị thánh hạnh phúc này bằng những phép lạ ngay cả sau khi ngài qua đời, vào năm 1588. Vinh quang thuộc về Thiên Chúa của chúng ta, bây giờ, luôn luôn và mãi mãi.

Bài thánh ca, giọng 8:

Cuộc đời ngài, thánh Vasil, chân thật, và sự trong sạch không tì vết, Vì Chúa Kitô, ngài đã làm kiệt sức thân xác mình bằng việc ăn chay và thức trắng, bằng giá rét, nắng nóng, mưa gió, mây mưa, và khuôn mặt ngài đã tỏa sáng như mặt trời: và giờ đây, các dân tộc Nga, các vị vua và các công tước, cùng tất cả mọi người, đều đến với ngài để tôn vinh sự ra đi thánh thiện của ngài. Xin ngài cầu khẩn Đức Kitô, Thiên Chúa, để Ngài giải thoát chúng con khỏi sự bắt bớ man rợ, khỏi những cuộc nội chiến, ban bình an cho thế gian, và ban ân sủng vĩ đại cho linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Được Thánh Thần của Đức Chúa Trời dẫn dắt, thánh Basil đáng kính, ngài đã gạt bỏ sự hỗn loạn trần gian, và khinh bỉ những xáo trộn trong cuộc sống, Ngài đã cởi bỏ y phục phù du, mặc lấy áo choàng vô dục, trốn thoát khỏi sự lôi cuốn của kẻ cai trị thế gian đầy mưu mô, và trở thành người lạ trong chính quê hương mình; hơn nữa, Ngài đã chọn sự giàu có trên trời thay vì của cải trần gian, và đã đeo vương miện của sự kiên nhẫn. Và giờ đây, thánh Basil đáng kính, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, cho những ai tôn vinh thánh tích của ngài, để chúng con được kêu lên với ngài: Hãy vui mừng, thánh Basil đáng kính.

Ngày 16 tháng 8

Ngày 3 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cũng vào ngày này, Thánh Antôn người La Mã đã qua đời tại Novgorod vào năm 1147.

Các vị thánh cha của chúng ta: Isaak, Dalmat và Faust

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 8

Thánh Dalmat sống dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius Đại đế[5396] , từng phục vụ trong quân đội[5397] và được hoàng đế kính trọng. Sau đó, vì Chúa mà từ bỏ mọi điều trần tục, ngài đã rời bỏ vợ con[5398] ; chỉ mang theo

---

[5395] Thi hài của Thánh Vasili được an táng gần Nhà thờ Thánh Ba Ngôi trên Rva, nơi vào năm 1554, Sa hoàng Ivan Grozny đã ra lệnh xây dựng Nhà thờ Pokrovsky để kỷ niệm việc chinh phục Kazan, nơi này được biết đến nhiều hơn với tên gọi Nhà thờ Thánh Vasili. Năm 1586, di cốt của Thánh Vasili bắt đầu tỏa ra nhiều phép lạ chữa lành, và cùng năm đó, theo lệnh của Sa hoàng Feodor Ioannovich, một nhà thờ mang tên ngài đã được xây dựng trên nơi an táng của ngài (hiện là nhà nguyện Vasili thuộc Nhà thờ Pokrovsky), một hòm thánh tích bằng bạc mạ vàng, được trang trí bằng ngọc trai và đá quý đã được chế tác, và ngày 2 tháng 8 được ấn định là ngày kỷ niệm ngài. Cho đến nay, di cốt của vị thánh vẫn được an táng tại nhà thờ này dưới nền nhà thờ.

[5396] Théodosius Đại đế – hoàng đế từ năm 379 đến năm 395.

[5397] Trong Trung đoàn Vệ binh thứ hai, lúc bấy giờ được gọi là “scholari”.

một người con trai duy nhất là Faustus, ngài đến gặp Thánh Isaak, người có tu viện gần Constantinopolis; tại đây, cả hai được Thánh Isaak truyền giới tu sĩ và cùng sống một cuộc đời phụng sự Chúa , luôn tuân giữ chế độ ăn chay nghiêm ngặt. Khi Thánh Isaac[5399] , đã bước vào tuổi già, cảm nhận được cái chết đang đến gần, ngài đã triệu tập các tu sĩ; sau khi truyền đạt lời dạy dỗ cuối cùng cho họ, ngài đã bổ nhiệm Thánh Dalmat làm vị tu viện trưởng thay thế mình, và chính từ tên của ngài mà tu viện này sau này được đặt tên là Tu viện Dalmat[5400] . Thánh Dalmat đã được Đức Thượng phụ Atticus của Constantinople tấn phong làm linh mục[5401] . Ngài sống một cuộc đời đầy tiết độ và có lần trong Mùa Chay Lớn, ngài đã nhịn ăn suốt bốn mươi ngày[5402] ; bằng việc ăn chay và cầu nguyện, Thánh Dalmat đã chiến thắng sức mạnh của ma quỷ. Ngài cũng đã chiến đấu chống lại những kẻ phục vụ ma quỷ một cách rõ ràng – những kẻ dị giáo Nestorian, những kẻ phỉ báng Đức Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm Nguyên Tội[5403] : Thánh Dalmat là trợ thủ đắc lực của các vị Thánh Phụ tại Công đồng Đại kết lần thứ ba, được tổ chức dưới triều vua Theodosius II tại Ephesus[5404] , nhờ đó, Thánh Dalmat đã giành được tình yêu mến của nhà vua và các vị Thánh Phụ, những người đã phong ngài làm Archimandrite của Tu viện Dalmat. Sau khi cống hiến gần như cả cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa, Thánh Dalmat đã an nghỉ trong cõi vĩnh hằng khi đã ở tuổi rất cao[5405] . – Thánh Faustus, giống như cha mình, là một vị tu sĩ vĩ đại, ngài tuân giữ nghiêm ngặt các giới luật tu viện, đặc biệt là việc ăn chay[5406] . Sau khi kết thúc cuộc đời trần thế, ngài đã về với cõi vĩnh hằng và trong cuộc sống bất tử, ngài được xếp vào hàng ngũ các vị thánh cha.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Những vị đã tỏa sáng như các vì sao nhờ sự tu hành, và đã đánh tan các tà thuyết bằng đức tin, chúng ta hãy ca ngợi các ngài bằng những bài thánh ca của Isaak, cùng với Dalmat và Faustus, những vị thánh được Chúa Kitô yêu mến, những người đang cầu thay cho tất cả chúng ta.

Cuộc đời của Thánh Kosmas, người tu hành độc thân

Ngày kỷ niệm: 3 tháng 8

[5398] Các con gái.

[5399] Về cuộc đời thánh thiện và lòng nhiệt thành vĩ đại đối với đức tin của Thánh Isaak, điều đã thúc đẩy ngài can đảm lên án vị vua vô đạo Valent, người mà ngài đã tiên đoán sẽ diệt vong, cũng như về cái chết thanh thản của ngài, đã được đề cập đầy đủ vào ngày 30 tháng 5; ai quan tâm có thể đọc thêm tại đó.

[5400] Thánh Isaak qua đời vào năm 383.

[5401] Theo những nguồn tin khác, đáng tin cậy hơn, ngài được Thượng phụ Nektarios (381–397) bổ nhiệm làm Bề trên tu viện, chứ không phải Thượng phụ Atticus (408–425).

[5402] Sau đó, sau bữa ăn, 43 ngày trước lễ Thăng Thiên của Chúa Kitô, ngài đã ở trong trạng thái xuất thần (say mê) và trong thời gian đó, ngài đã được ban cho những thị kiến thiêng liêng và kể lại những nơi mà ba vị tu sĩ trong tu viện của họ đang đứng, những người lúc đó đang tham dự lễ tại nhà thờ Maccabees, nhờ đó ngài đã được mọi người ca ngợi. – Thánh Tổng Giám mục Proclus (434–446), khi Thánh Dalmatus còn sống, đã hết lời ca ngợi ngài trong bức thư gửi cho Thánh Gioan Antiôkhia.

[5403] Những kẻ dị giáo thuộc phái Nestorian khẳng định rằng không nên gọi Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ Thiên Chúa, bởi vì Người không sinh ra Thiên Chúa, mà chỉ sinh ra một con người, người mà – ngoài chính Người ra – Lời Thiên Chúa, Đấng được sinh ra từ Cha từ thuở đời đời, đã nhập thể; con người Giêsu, được sinh ra từ Đức Maria, chỉ là nơi ngự của Thần Tính và là phương tiện cứu rỗi của chúng ta; con người này, nhờ sự cảm ứng của Thánh Thần, đã trở thành Đấng Kitô, tức là Đấng được xức dầu, và Lời Thiên Chúa ngự cùng Người trong một sự kết hợp đạo đức đặc biệt hoặc tương đối. Tà thuyết Nestorian đã bị lên án tại Công đồng Chung lần thứ III.

[5404] Khi biết rằng Chính Thống Giáo đang bị đe dọa bằng bạo lực tại Công đồng Ê-phê-sô, Thánh Dalmat, đứng đầu các vị tu viện trưởng, các tu sĩ và các Kitô hữu trung thành với Chính Thống Giáo, đã đến cung điện của hoàng đế và can đảm lên tiếng trước hoàng đế để bảo vệ lẽ thật; trong khi đó, trước đó ngài đã không rời tu viện suốt 48 năm, mặc dù hoàng đế đã thỉnh cầu ngài làm điều này, mong muốn vị tu sĩ vĩ đại này tham gia vào các buổi cầu nguyện chung để cầu xin sự giải thoát khỏi trận động đất.

[5405] Thời điểm ngài qua đời không được biết chính xác, chỉ có thể nói rằng ngài vẫn còn sống vào thời Thánh Proclus, Tổng Giám mục Constantinopolis. Thánh Dimitri Rostovski cho biết, theo cuốn tiểu sử chưa được xuất bản về Isaak, Dalmat và Faustus, Thánh Dalmat đã qua đời vào ngày 2 tháng 8, khi đã hơn 90 tuổi, và được an táng vào ngày 3 tháng 8 dưới thời Thượng phụ Proclus, tức là sau năm 434 và có lẽ vào khoảng năm 440.

[5406] Không còn lưu giữ chi tiết nào về cuộc đời ngài.

Trong cuốn sách "Limonar" ([5407]), có ghi lại câu chuyện sau đây của Abba Vasili, một linh mục tại Tu viện Vikanti, về vị thánh Kosmas.

"Trong thời gian tôi ở Antioch," vị linh mục kể, "Abba Kosma, một tu sĩ hoạn từ tu viện[5408] ở Faran, đã từ Jerusalem đến gặp Đức Thượng phụ Grigori. Ông là người ăn chay nghiêm ngặt, người bảo vệ đức tin nhiệt thành, người giữ vững các giáo lý của Giáo hội, và am hiểu sâu sắc Kinh Thánh. Vài ngày sau khi đến Antioch, vị tu sĩ già đã qua đời; Đức Thượng phụ ra lệnh an táng thi hài đáng kính của ngài tại tu viện của mình, nơi trước đó đã chôn cất một vị giám mục nào đó. Một lần, tôi đến bên quan tài của vị tu sĩ thánh thiện để chiêm bái di cốt của ngài, và tại đó tôi thấy một người ăn xin đang xin bố thí từ những người đang bước vào nhà thờ. Thấy tôi, ông ta cúi đầu ba lần trước quan tài và, sau khi đọc lời cầu nguyện của linh mục để cầu cho linh hồn người đã qua đời được an nghỉ, ông nói với tôi:

– Vị tu sĩ cao cả, thưa ngài Abba[5409] , người mà ngài đã an táng tại đây hai tháng trước.

– Sao anh biết được? – tôi hỏi.

Ông ấy trả lời:

– Tôi đã bị liệt suốt mười hai năm – tôi nói thật, không nói dối – và nhờ vị tu sĩ già này, Chúa đã ban cho tôi sự chữa lành. Khi tôi đang đau buồn, ngài đến an ủi tôi, mang lại sự nhẹ nhõm cho tôi. Tôi cũng không giấu anh một phép lạ khác về ông ấy: kể từ khi các anh chôn cất ông ấy, mỗi đêm tôi đều nghe thấy ông ấy nói với vị giám mục: "Đừng chạm vào tôi và đừng lại gần, hỡi kẻ dị giáo, ngươi là kẻ thù của Giáo hội Công giáo thánh thiện."

Sau khi nghe điều đó, tôi đã đến gặp Đức Thượng phụ và kể lại cuộc trò chuyện của tôi với người ăn xin; đồng thời, tôi xin Đức Thượng phụ hãy lấy thi hài của vị tu sĩ già và an táng ở một nơi khác. Nhưng Đức Thượng phụ đã đáp lại:

– Hãy tin ta, con ơi, kẻ dị giáo không thể gây hại gì cho Thánh Kosmas cả: tất cả những điều con kể lại đều xảy ra để lòng nhiệt thành với đức tin và đức hạnh của vị tu sĩ già không bị che giấu khỏi chúng ta – và để sự bất chính của vị giám mục được phơi bày, để ông ta không còn được tôn kính như một người Chính Thống.

Chính linh mục Vasili này cũng kể lại một câu chuyện khác về vị thánh Cosmas:

"Tôi đã đến gặp ngài tại tu viện, và vị tu sĩ cao niên đã kể cho tôi nghe về chính mình rằng, có lần ngài bỗng nảy ra một suy nghĩ – rằng những lời của Chúa dành cho các môn đệ có ý nghĩa gì: *'Nhưng bây giờ, ai có túi thì hãy mang theo, cũng như túi đeo vai; còn ai không có thì hãy bán áo quần mình đi và mua gươm'* (Lc 22:36), và câu trả lời của Ngài: *'Đủ rồi'*, khi họ nói: *'Này, đây có hai thanh gươm'* (Lc 22:38). Vị tu sĩ già đã suy ngẫm rất lâu về những lời dạy này của Chúa và, không đi đến kết luận nào, vào buổi trưa, ông lên đường đến tu viện Pirga gặp Abba Theophilus để xin ông giải thích. Trên đường đi qua sa mạc, khi sắp đến Kalamon, ông thấy một con rắn khổng lồ đang trườn xuống từ núi Kalamon; con rắn to đến nỗi sức nặng của nó để lại vết lún sâu trên mặt đất, còn những đường uốn lượn của thân nó tạo thành những vòng cung lớn, và nó đang chắn ngang đường đi của vị tu sĩ. Nhận ra mưu kế của ma quỷ, kẻ muốn ép vị tu sĩ từ bỏ ý định của mình, vị tu sĩ già đã trang bị cho mình bằng lời cầu nguyện và tiếp tục hành trình một cách không sợ hãi: được sức mạnh của Chúa che chở, ông đã đi qua những đường cong trên thân con rắn mà không gặp bất kỳ tổn hại nào, như thể đi qua một cánh cổng vậy. Khi đến gặp Thánh Phê-ô-đô-rô, ngài trình bày câu hỏi của mình và nhận được câu trả lời như sau:

[5407] "Limonar" (từ tiếng Hy Lạp *"limon"* – đồng cỏ, bãi cỏ) là một tác phẩm hagiography rất phổ biến của Gioan Mosch, một tu sĩ Hy Lạp (qua đời năm 622). Trong những chuyến du hành qua các tu viện ở Palestine, Syria, Ai Cập, Síp, Constantinople và Rome, Mosch đã thu thập được rất nhiều câu chuyện về cuộc đời của các vị tu sĩ Kitô giáo, cũng như nhiều câu nói và lời răn dạy của họ; ông đã trình bày tất cả những thông tin này trong tác phẩm "Limonar" của mình. – Có các bản dịch tiếng Nga nổi tiếng của "Limonar": 1) của Filaret, Tổng Giám mục Chernigov, với tựa đề "Đồng cỏ thiêng liêng" (Moscow, xuất bản năm 1848, 1850, 1853) và 2) của một nhà xuất bản ẩn danh: "Đồng cỏ, hay vườn hoa" (Moscow, năm 1859).

[5408] "Lavra" – từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là một phần của thành phố; "ngõ hẻm" – thực chất là một dãy các phòng tu, nằm xung quanh nơi ở của vị trụ trì theo hình dạng các ngõ hẻm và được bao quanh bởi hàng rào hoặc tường. Các tu sĩ trong các tu viện Lavra sống cuộc đời ẩn dật và tu hành trong phòng riêng của mình, chỉ tụ họp để cử hành thánh lễ vào ngày đầu tiên và ngày cuối cùng của tuần, còn những ngày còn lại thì tuân thủ sự im lặng nghiêm ngặt; cuộc sống trong các tu viện Lavra khó khăn hơn nhiều so với các tu viện khác. Từ thời cổ đại xa xưa, tên gọi "Lavra" đã được dùng để chỉ những tu viện đông đúc và có tầm quan trọng đặc biệt. Tên gọi này lần đầu tiên xuất hiện ở Ai Cập và sau đó là ở Palestine. Hiện nay, ở nước ta, tên gọi "Lavra" chỉ được sử dụng với ý nghĩa là danh hiệu vinh dự.

[5409] Tức là "cha".

– Hai con dao tượng trưng cho hai hình thức sống thánh thiện: hoạt động hay lao động, và chiêm niệm hay đắm chìm tâm trí trong suy ngẫm về Chúa và cầu nguyện; ai sở hữu cả hai đức tính này thì đó là con người hoàn hảo.

Trong những ghi chép của mình về Thánh Kosmas, Linh mục Vasili còn bổ sung thêm điều sau:

"Trong suốt mười năm tôi ở tu viện Faran với vị thánh Kosmas, người mà tôi đã đến gặp ngay từ những ngày đầu của đời tu, ngài luôn hướng dẫn tôi bằng những cuộc trò chuyện được Thánh Thần soi dẫn ; một lần, khi bàn luận với tôi về sự cứu rỗi linh hồn, ngài đã trích dẫn một câu nói từ lời của Thánh Athanasius Vĩ Đại và đồng thời lưu ý:

– "Khi nào con nghe thấy hoặc tìm thấy trong sách bất kỳ câu nói nào của Thánh Athanasius, thì nếu không có giấy, hãy ghi lại nó lên áo của con."

Đó là sự kính trọng mà Thánh Kosma dành cho các vị Thánh Tổ và các vị Thầy vĩ đại của Giáo hội: cùng với các ngài, sau khi kết thúc cuộc đời phụng sự Thiên Chúa trên trần gian này, ngài đã được dự phần vào cuộc sống vĩnh cửu nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh muôn đời.

Ngày 17 tháng 8

Ngày 4 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Tử đạo Evdokia, người đã chịu tử đạo tại Ba Tư dưới triều đại của Sapur, khoảng năm 362–364.

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Tử đạo Eleutherius, người từng phục vụ với tư cách là người trông coi giường ngủ (cuvicularis) tại triều đình của Maximian và, theo lệnh của ông ta, đã bị chém đầu bằng gươm vì Chúa Kitô.

Bảy thiếu niên thánh tại Ê-phê-sô

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 8

Vào thời kỳ của hoàng đế La Mã độc ác Decius[5410] , Giáo hội của Chúa Kitô đã bị đàn áp, và nhiều tôi tớ của Chúa Kitô – các linh mục, các thừa tác viên và những tín hữu khác – vì sợ kẻ tra tấn tàn nhẫn, đã buộc phải lẩn trốn ở bất cứ nơi nào có thể. Khi Decius, với lòng căm thù sôi sục đối với các Kitô hữu, từ Carthage[5411] đến Ephesus[5412] , điều đầu tiên ông ra lệnh là tập hợp cư dân các vùng lân cận để dâng lễ vật cho các thần tượng. Bị sự kiêu ngạo làm mờ mắt, vị vua đã dựng các thần tượng giữa lòng thành phố, sắp xếp các bàn thờ trước mặt chúng; theo lệnh của ông, trước tiên các quan chức thành phố phải dâng lễ vật trên đó cùng với chính vị vua. Trong lễ dâng tế long trọng này, mặt đất ngập tràn máu, không khí tràn ngập mùi hôi thối và khói: có quá nhiều động vật bị giết mổ và thiêu đốt. Hai ngày sau, nhà vua ra lệnh tập hợp tất cả các Kitô hữu và ép buộc họ dâng lễ vật cho các thần tượng. Người ta bắt đầu lùng sục các Kitô hữu khắp nơi: họ bị lôi ra khỏi nhà và hang động, tập hợp thành một đám đông và bị dẫn đi trong sự nhục nhã đến quảng trường, nơi dân chúng đang tụ tập để dâng lễ vật. Một số tín đồ của Chúa Kitô, vì thiếu sự kiên định trong tâm hồn và sợ hãi những cực hình sắp tới, đã từ bỏ đức tin và trước mặt mọi người, họ đã thờ lạy các thần tượng. Những Kitô hữu khác, những người đã tận mắt chứng kiến hoặc nghe kể về những hành động như vậy từ các anh em đồng đạo của mình, đã đau buồn trong lòng, than khóc vì sự sa ngã của họ khỏi Chúa Kitô và việc họ sa vào thờ ngẫu tượng; còn những ai vững vàng trong đức tin và kiên cường về tinh thần thì không sợ hãi bước vào những cực hình, và khi chết vì đủ loại tra tấn, họ đã dũng cảm hiến dâng linh hồn mình cho Chúa của họ. Số người bị hành hạ đông đến nỗi máu của họ, chảy ra khi bị đâm thương và xương bị

[5410] Decius – hoàng đế từ năm 249–251.

[5411] Carthage – thành phố nằm trên bờ biển phía bắc châu Phi, đã đặt tên cho vương quốc Phoenicia phương Tây vĩ đại do ông thành lập, vốn là đối thủ lâu dài của La Mã cho đến khi nó trở thành tỉnh của La Mã vào năm 146 trước Công nguyên.

[5412] Ephesus – thành phố chính của Iconium ở Tiểu Á, gần cửa sông Caistrus, – trung tâm của toàn bộ thương mại ở Tiểu Á trong thời cổ đại. Nơi đây nổi tiếng với đền thờ Artemis – Diana.

nghiền nát, tuôn tràn xuống đất như nước; thi thể các vị tử đạo hoặc bị vứt bỏ như rác bên đường, hoặc bị treo lủng lẳng trên tường thành, còn đầu của họ thì bị cắm trên những cọc gỗ đặc biệt trước cổng thành; quạ, diều hâu và các loài chim ăn thịt khác bay đến tường thành và xé xác những người đã chết vì đức tin. Đối với những Kitô hữu đang ẩn náu và lẩn trốn, việc không thể thu nhặt và chôn cất thi thể các anh em đang bị chim ăn thịt đã gây ra nỗi buồn vô cùng; họ giơ tay lên trời, khóc lóc cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài giải thoát Giáo hội của Ngài khỏi sự hành hạ này.

Vào thời điểm đó, tại Ê-phê-sô có bảy thiếu niên, họ là con trai của các quan chức thành phố được kính trọng và đang phục vụ trong quân đội; tên của họ là: Maximilian, Iamblichus, Martinian, John, Dionysius, Exacustodian và Antoninus. Dù không có mối quan hệ huyết thống, họ lại gắn bó với nhau bằng mối dây tình thân thiêng liêng – đó là đức tin và tình yêu của Chúa Kitô; họ cùng nhau cầu nguyện và ăn chay, đồng hành với Chúa Kitô trong việc chế ngự xác thịt và tuân giữ nghiêm ngặt sự trong sạch. Chứng kiến những cuộc đàn áp liên miên và những hình phạt tàn bạo đối với các Kitô hữu, họ đau xót trong lòng và không thể kìm nén được những giọt nước mắt và tiếng thở dài. – Khi những người ngoại đạo cùng với vua đi dâng lễ vật, các thánh thiếu niên đã tránh xa họ; khi đến nhà thờ Kitô giáo, họ quỳ sấp xuống đất trước mặt Chúa và, rắc tro lên đầu mình, dâng lên Ngài những lời cầu nguyện đẫm nước mắt. Những hành động như vậy của các vị không thoát khỏi con mắt của một số người (lúc bấy giờ, ai nấy đều theo dõi người lân cận mình thờ phượng vị thần nào, và anh em tố cáo anh em, cha tố cáo con, con tố cáo cha; không ai che giấu người lân cận mình nếu phát hiện ra rằng người ấy đang cầu nguyện với Chúa Kitô). Họ lập tức đến gặp vua và nói:

– Bệ hạ, xin sống muôn đời! Ngài kêu gọi các Kitô hữu từ xa đến, thuyết phục họ dâng lễ vật, nhưng trong khi đó, những người ở gần ngài lại coi thường quyền uy hoàng gia của ngài và, không tuân theo mệnh lệnh của ngài, họ vi phạm chúng bằng cách giữ vững đức tin Kitô giáo.

Vua nổi giận và hỏi ai là người chống lại mệnh lệnh của ngài. Những kẻ tố cáo đáp:

– Maximilian, con trai của quan thành trưởng, và sáu thiếu niên khác, con trai của những công dân danh giá ở Ê-phê-sô; tất cả họ đều đã có quân hàm cao.

Nhà vua lập tức ra lệnh bắt giữ họ, xiềng xích lại và dẫn đến trước mặt mình. Các thiếu niên thánh thiện nhanh chóng được dẫn đến trước mặt nhà vua, đôi mắt vẫn còn ướt đẫm nước mắt và trên đầu còn vương những vết bụi. Nhìn họ, kẻ hành hạ nói:

– Tại sao các ngươi không cùng chúng ta tham dự lễ hội tôn vinh các vị thần mà cả vũ trụ đều thờ phụng? Bây giờ hãy đi và, giống như những người khác, dâng lên các vị thần lễ vật xứng đáng.

Thánh Maximilian đáp:

– Chúng tôi thờ phượng Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Vua Trời, Đấng đã làm tràn ngập trời đất bằng vinh quang của Ngài, và mỗi giờ chúng tôi đều dâng lên Ngài lễ vật thiêng liêng là đức tin và lời cầu nguyện; còn đối với các thần tượng của các ngài, để không làm ô uế linh hồn chúng tôi, chúng tôi sẽ không dâng những lễ vật gồm việc thiêu sống động vật, kèm theo mùi hôi thối và khói bụi.

Sau câu trả lời đó, nhà vua ra lệnh tước bỏ đai quân sự của các chàng trai – biểu tượng cho địa vị cao quý mà họ đang nắm giữ:

– Các ngươi không xứng đáng, – ông nói, – phục vụ trong quân đội của vua, vì các ngươi không tuân theo cả vua lẫn các vị thần.

Tuy nhiên, khi nhìn thấy vẻ đẹp và sự trẻ trung của họ, nhà vua đã thương xót họ và nói:

– Sẽ thật tàn nhẫn nếu ngay lập tức bắt những người trẻ tuổi như các ngươi phải chịu cực hình – vì vậy, hỡi những chàng trai xinh đẹp, ta cho các ngươi thời gian để suy ngẫm, để các ngươi, khi đã tỉnh ngộ, dâng lễ vật lên các vị thần và nhờ đó giữ được mạng sống.

Sau đó, ngài ra lệnh tháo xiềng xích cho họ và thả họ tự do cho đến thời hạn đã định, còn bản thân ngài thì rời đi đến một thành phố khác, với ý định sẽ trở lại Ê-phê-sô.

Còn các thiếu niên thánh thiện, tuân theo giáo huấn của Đấng Christ, đã dành khoảng thời gian tự do mà nhà vua ban cho để làm những việc thiện: họ lấy vàng và bạc trong nhà cha mẹ mình, rồi phân phát cho những người nghèo khó, cả công khai lẫn bí mật. Đồng thời, họ bàn bạc với nhau, nói rằng:

– Chúng ta hãy tạm thời rời khỏi thành phố cho đến khi nhà vua chưa trở lại, hãy đến hang động lớn kia, nằm trên ngọn núi phía đông thành phố, và ở đó, trong sự tĩnh lặng, chúng ta sẽ siêng năng cầu nguyện cùng Chúa để Ngài ban cho chúng ta sức mạnh khi phải xưng danh thánh của Ngài sắp tới, để chúng ta có thể, khi đối diện với

kẻ tra tấn mà không sợ hãi, dũng cảm chịu đựng những đau khổ và nhận được từ Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, vương miện vinh quang bất diệt đã được chuẩn bị sẵn cho các tôi tớ trung thành.

Sau khi thống nhất với nhau như vậy, họ lên đường đến ngọn núi phía đông, được gọi là Okhlon, mang theo đủ lượng bạc cần thiết để mua thức ăn trong vài ngày. Khi đến hang động nằm trên núi, họ ở lại đó khá lâu, không ngừng ngợi khen Thiên Chúa và cầu nguyện cho sự cứu rỗi linh hồn mình. Việc đi vào thành phố để mua những thứ cần thiết được giao cho Thánh Iamblichus, vì ngài là người trẻ nhất. Thánh Iamblichus, một thiếu niên rất thông minh, khi lên đường vào thành phố, đã thay bộ quần áo của mình bằng những mảnh vải rách để không bị nhận ra; từ số tiền mang theo, ngài dành một phần để bố thí cho người nghèo, và dùng phần còn lại để mua thức ăn. Trong một lần như vậy khi đến thành phố, Thánh Iamblichus, giấu tên mình, đã tìm hiểu xem chính xác khi nào, liệu nhà vua có sớm trở về hay không. Sau một thời gian đủ dài, Thánh Iamblichus, dưới vỏ bọc một người ăn xin, lại đến thành phố và tận mắt chứng kiến sự trở về của vị vua từ chuyến đi, đồng thời nghe thấy sắc lệnh của ông được công bố trong thành phố, yêu cầu tất cả các quan chức thành phố và tướng lĩnh phải chuẩn bị dâng lễ vật cho các vị thần vào sáng hôm sau – vị vua ấy quả là một người sùng bái thần linh một cách cuồng nhiệt. Ngoài ra, Iamblichus còn nghe thấy nhà vua ra lệnh truy tìm cả những người đã được tạm tha, để họ cùng với các công dân khác, trước mặt nhà vua, dâng lễ vật cho các thần tượng. Iamblichus hoảng sợ, vội vã mang theo ít bánh mì chạy đến hang động nơi các anh em đang ở; tại đó, anh kể lại cho họ tất cả những gì mình đã thấy và nghe, đồng thời thông báo rằng họ đang bị truy lùng để dâng lễ vật. Những tin tức này khiến họ hoảng sợ: quỳ sụp xuống đất, khóc lóc và than thở, họ cầu nguyện với Đức Chúa Trời, phó thác bản thân cho sự che chở và lòng thương xót của Ngài. Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, thánh Iamblichus đã chuẩn bị bữa ăn gồm một ít bánh mì mang theo; lúc đó đã là buổi tối, và mặt trời đang lặn; ngồi xuống, các thiếu niên thánh đã dùng bữa để lấy lại sức, trong khi chờ đợi những cực hình sắp tới. Sau khi dùng xong bữa ăn đạm bạc, họ trò chuyện với nhau, động viên và khích lệ lẫn nhau để can đảm chịu đựng những đau khổ vì Chúa Kitô. Trong lúc cuộc trò chuyện cứu rỗi linh hồn này, họ bắt đầu cảm thấy buồn ngủ: đôi mắt họ nặng trĩu vì nỗi buồn sâu thẳm trong lòng. Nhưng Đức Chúa Trời nhân từ và yêu thương loài người, Đấng luôn quan tâm đến Hội Thánh của Ngài và các tôi tớ trung thành của Ngài, đã truyền cho bảy thiếu niên thánh chìm vào giấc ngủ kỳ diệu và phi thường, với ý định trong tương lai sẽ bày tỏ một phép lạ kỳ diệu và thuyết phục những ai còn nghi ngờ về sự sống lại của người chết. Các thánh đã chìm vào giấc ngủ của người phàm, nhưng linh hồn họ được giữ trong tay Đức Chúa Trời, còn thân xác thì vẫn nằm đó, không hư nát và không thay đổi, như những người đang ngủ.

Sáng hôm sau, nhà vua ra lệnh tìm kiếm bảy thiếu niên quý tộc, và sau những cuộc tìm kiếm vô ích, ngài nói với các quan đại thần:

– Ta thương xót các thiếu niên ấy, vì họ xuất thân từ dòng dõi quý tộc và nổi bật bởi vẻ đẹp; ta nghĩ rằng họ, vì sợ cơn thịnh nộ của chúng ta, đã trốn đi đâu đó và đang ẩn náu, mặc dù, nhờ lòng nhân từ của mình, chúng ta sẵn sàng tha thứ cho những ai, sau khi ăn năn, quay trở lại thờ phụng các vị thần.

Các quan đại thần đáp lại:

– Xin đừng buồn phiền, bệ hạ, về những chàng trai này; những kẻ chống đối ngài và các vị thần: chúng tôi nghe nói rằng họ không những không ăn năn, mà còn trở thành những kẻ phỉ báng các vị thần một cách tàn nhẫn hơn; sau khi phân phát rất nhiều vàng và bạc cho những người ăn xin trong thành, họ đã biến mất không để lại dấu vết. Nếu Bệ hạ cho phép, chúng ta có thể triệu tập cha mẹ của họ và dùng tra tấn để ép họ tiết lộ nơi các con trai đang ở.

Nhà vua, không chần chừ, ra lệnh triệu tập cha mẹ của các thiếu niên thánh thiện và nói với họ:

– Hãy nói ra, đừng giấu giếm, các con trai của các ngươi, những kẻ đã làm ô nhục vương quốc của ta, đang ở đâu? Thay vì chúng, ta sẽ ra lệnh giết các ngươi: vì các ngươi đã cho chúng vàng và bạc rồi gửi chúng đi đâu đó, để chúng không phải xuất hiện trước mặt chúng ta.

Cha mẹ họ đáp:

– Chúng tôi cầu xin lòng nhân từ của ngài, thưa vua! Xin hãy lắng nghe chúng tôi mà đừng nổi giận: chúng tôi không hề âm mưu chống lại vương quốc của ngài, chưa bao giờ vi phạm mệnh lệnh của ngài và luôn dâng lễ vật cho các vị thần – vậy tại sao ngài lại đe dọa tử hình chúng tôi? Nếu các con trai chúng tôi đã sa ngã, thì không phải chúng tôi dạy chúng điều đó, chúng tôi cũng không cho chúng vàng và bạc; chính chúng đã lén lấy số vàng bạc đó, phân phát cho những người nghèo khó, rồi bỏ trốn và ẩn náu, theo những tin đồn chúng tôi nghe được, trong một

hang động lớn trên núi Okhlon. Đã nhiều ngày trôi qua mà chúng vẫn chưa trở về: chúng tôi không biết liệu chúng còn sống ở đó hay không.

Nhà vua, sau khi nghe xong, đã cho cha mẹ chúng ra về, rồi ra lệnh lấp đầy lối vào hang động bằng đá, nói rằng:

– Vì họ không ăn năn, không quay về với các vị thần và không đến gặp ta, nên từ nay trở đi, họ sẽ không còn được nhìn thấy khuôn mặt con người nữa và sẽ chết vì đói khát trong hang động bị chặn kín bằng đá.

Vua và dân chúng thành Ê-phê-sô đều nghĩ rằng các thiếu niên vẫn còn sống, không biết rằng họ đã về với Chúa rồi. Vào lúc lối vào hang động đang được lấp kín, hai người hầu phòng của vua là Theodor và Rufin, những Kitô hữu bí mật, đã ghi chép lại những đau khổ của bảy thiếu niên thánh trên hai tấm bảng thiếc, kèm theo tên của họ; sau đó, họ đặt những tấm bảng này vào một chiếc hộp đồng và đặt chiếc hộp đó giữa những tảng đá được xếp trong lối đi của hang động: họ nghĩ rằng, nếu Chúa viếng thăm các tôi tớ của Ngài trước khi Ngài quang lâm vinh hiển, và hang động này một ngày nào đó được mở ra, thi thể các thánh được tìm thấy, thì nhờ bản tường thuật của chúng tôi, người ta sẽ biết được tên tuổi và công việc của các ngài, và hiểu rằng những thi thể này chính là thi thể của các vị tử đạo, những người đã qua đời trong hang động bị bịt kín vì đã tuyên xưng Đức Kitô. Vậy là lối vào hang động đã bị chặn lại, đồng thời một con dấu cũng được gắn lên đó.

Không lâu sau đó, Decius, vị vua vô đạo, qua đời. Sau ông, còn có nhiều vị vua vô đạo khác cũng đàn áp Giáo hội của Đức Chúa Trời, cho đến khi thời đại của các vị vua Kitô giáo bắt đầu dưới triều đại của Constantine Đại đế. Vào thời vua Thêôđôsius Nhỏ[5413] , người có đức tin, khi đã trôi qua một khoảng thời gian khá dài kể từ khi Constantine Đại đế qua đời, đã xuất hiện những kẻ dị giáo phủ nhận sự sống lại của người chết, mặc dù Chúa Giêsu Kitô đã truyền lại cho Giáo hội của Ngài một giáo lý rõ ràng về điều này, loại bỏ mọi nghi ngờ. Tuy nhiên, nhiều người đã nghi ngờ, và không chỉ giáo dân, mà ngay cả một số giám mục cũng trở thành tín đồ của tà giáo. Từ phía các quan chức và giám mục sa vào tà giáo – trong số các giám mục, đặc biệt nổi bật là Giám mục Theodorus của Aegina – đã nảy sinh cuộc bách hại dữ dội đối với những người Chính Thống. Một số kẻ dị giáo cho rằng con người không thể trông chờ vào sự báo đáp sau khi chết, vì sau khi chết không chỉ thân xác mà cả linh hồn cũng bị hủy diệt; trong khi những kẻ khác lại khẳng định rằng linh hồn sẽ nhận được sự báo đáp của mình, còn thân xác thì sẽ mục nát và tiêu tan.

– Làm sao – họ nói – những thân xác này có thể sống lại sau hàng thiên niên kỷ, khi mà ngay cả tro tàn của chúng cũng không còn nữa?

Đó là cách suy luận của những kẻ dị giáo, trong sự vô đạo của mình, họ đã quên lời Chúa Kitô trong Phúc Âm: *"Những người chết sẽ nghe tiếng Con Thiên Chúa, và khi nghe, họ sẽ sống lại"* (Ga 5,25), họ cũng quên lời tiên tri Đaniel đã chép: *"Nhiều người trong số những kẻ đang ngủ trong tro bụi đất sẽ thức dậy, một số để được sự sống đời đời, số khác để chịu sự sỉ nhục và hổ thẹn đời đời"* (Đa-ni-ên 12:2), – và lời tiên tri Ê-xê-chi-ên, người nói thay cho Đức Chúa Trời: *"Này, Ta sẽ mở các quan tài của các ngươi và đưa các ngươi, dân Ta, ra khỏi các quan tài của các ngươi"* (Ê-xê-chi-ên 37:12). Không nhớ đến giáo lý này của Kinh Thánh, những kẻ dị giáo đã gây ra những xáo trộn lớn trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Họ đã khiến vua Thê-ô-đô-xi-ô vô cùng đau buồn: ông đã siêng năng cầu nguyện với Đức Chúa Trời trong sự ăn chay và nước mắt, để Ngài, Đấng Tạo Hóa của muôn vật, giải cứu Hội Thánh của Ngài khỏi tà giáo hủy diệt. Đức Chúa Trời nhân từ, không muốn ai phải hư mất vì lầm lạc trong lẽ thật của đức tin, đã nghe lời cầu nguyện của nhà vua và những tiếng khóc than đầy nước mắt của nhiều tín hữu, và đã rõ ràng bày tỏ mầu nhiệm về sự sống lại của người chết và sự sống đời đời mà mọi người đang mong đợi. Theo sự an bài của Thượng Đế, sự việc sau đây đã xảy ra. Một người đàn ông tên là Adoli, chủ nhân của ngọn núi Okhlon, nơi các thiếu niên đang ngủ say trong một hang động bị rào chắn, vì thấy trên núi còn chỗ trống, nên muốn dựng một hàng rào để chăn cừu ở đó. Trong quá trình xây dựng, những người nô lệ đã lấy những tảng đá đang chặn lối vào hang động; họ hoàn toàn không ngờ rằng trong ngọn núi có một hang động, nên nghĩ rằng những tảng đá đó là một phần tự nhiên của ngọn núi. Khi đục đá và mang chúng đến nơi làm việc, họ đã tạo ra một lỗ hổng ở miệng hang, đủ rộng để một người có thể chui qua dễ dàng. Vào lúc đó, Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, Đấng cai trị sự sống và sự chết, Đấng đã từng làm cho La-za-rô sống lại sau bốn ngày (Ga 11:39, 43–44), đã làm sống lại những người đã ngủ say suốt nhiều năm (khoảng hai trăm năm) và bảy thiếu niên thánh: theo lệnh thiêng liêng của Ngài, các thánh tử đạo đã sống lại, như thể vừa thức dậy sau giấc ngủ. Khi thức dậy, trước hết họ dâng lời ngợi

[5413] Theodosius II – hoàng đế từ năm 408 đến 450.

khen buổi sáng lên Chúa, sau đó, theo thông lệ, họ chào hỏi lẫn nhau. Họ tưởng rằng mình vừa thức dậy sau một giấc ngủ đêm bình thường, bởi vì không có gì cho thấy họ đã sống lại từ cõi chết: quần áo trên người họ hoàn toàn không bị hư hại, ngoại hình cũng không thay đổi chút nào – họ vẫn tràn đầy sức khỏe và vẻ đẹp như xưa; tất cả những điều đó vô tình khiến các thiếu niên thánh nghĩ rằng họ đã chìm vào giấc ngủ hôm qua, và giờ đây, vào buổi sáng, họ đã thức dậy. Khi bắt đầu trò chuyện với nhau, họ buồn bã nhớ lại cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu và việc họ phải lên thành phố theo lệnh của nhà vua, người đã ra lệnh dâng lễ vật cho các thần tượng; họ tin chắc rằng Decius đang truy lùng họ để tra tấn. Họ quay sang thánh Iamblichus và xin ngài kể lại những gì ngài đã nghe được trong thành phố. Thánh Iamblichus đáp:

– Điều tôi đã nói với các bạn hôm qua, hôm nay tôi cũng sẽ nói lại: hôm nay, nhà vua đã ra lệnh cho tất cả công dân phải sẵn sàng dâng lễ vật, đồng thời ra lệnh truy lùng chúng ta để chúng ta cùng với mọi người thờ lạy các thần tượng trước mặt ngài; còn nếu chúng ta không làm điều đó, ngài sẽ bắt chúng ta chịu cực hình.

Lúc đó, Thánh Maximilian nói, hướng về mọi người:

– Hỡi các anh em, chúng ta hãy ra đi và dũng cảm trình diện trước mặt Đê-ki-ô: chúng ta còn ngồi đây như những kẻ hèn nhát đến bao giờ nữa? Hãy ra đi và trước mặt vị vua trần gian, chúng ta hãy tuyên xưng Vua trên trời, Thiên Chúa Chân Thật, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, và vì vinh quang Danh Thánh của Ngài, chúng ta sẽ đổ máu mình, hiến dâng linh hồn mình, không sợ kẻ tra tấn hay những cực hình trần gian: chúng không thể tước đoạt sự sống đời đời mà chúng ta đang trông đợi nhờ đức tin vào Chúa Giêsu Kitô. Còn anh, anh em Iamblichus, hãy lo chuẩn bị thức ăn cho chúng ta vào giờ thường lệ; hãy cầm đồng bạc này và vào thành phố, ở đó hãy mua bánh mì với số lượng nhiều hơn hôm qua – hôm qua anh mang về quá ít, và bây giờ chúng ta đang đói; hãy tìm hiểu xem Decius đã ra lệnh gì về chúng ta và hãy trở về càng sớm càng tốt, để sau khi ăn uống no nê, chúng ta có thể tự nguyện rời khỏi đây và tự nguyện chịu khổ hình.

Thánh Iamblichus cầm đồng bạc và lên đường vào thành phố; lúc đó còn rất sớm, trời mới vừa bắt đầu sáng.

Khi bước ra khỏi hang động, Thánh Iamblich, với sự ngạc nhiên, đã nhìn thấy những tảng đá; điều này có ý nghĩa gì, ông tự hỏi, tại sao chúng lại được đặt ở đây? Hôm qua chúng còn chưa có ở đây. Sau khi xuống núi, ông đi với tâm trạng lo sợ, e ngại việc bước vào thành phố, nơi người ta có thể nhận ra ông và dẫn ông đến trước mặt nhà vua. Khi đến gần cổng thành, thánh Iamblich với sự ngạc nhiên tột độ đã nhận ra trên đó có Thánh Giá, một tác phẩm nghệ thuật tuyệt đẹp. Và ở khắp mọi nơi, bất cứ nơi nào ông hướng mắt nhìn, ông đều nhận ra với cùng sự ngạc nhiên ấy những tòa nhà, ngôi nhà và bức tường khác. Thánh Iamblichus đi đến cổng thành khác và ở đó, với sự bối rối, ngài thấy hình ảnh Thánh Giá được đặt trên tường; ngài đi vòng quanh tất cả các cổng thành và ở đâu cũng thấy những Thánh Giá. Vì quá bối rối, Thánh Iamblichus suýt nữa thì phát điên. Khi quay trở lại cổng thành đầu tiên, ngài tự hỏi: "Điều này có ý nghĩa gì đây? Hôm qua, không có hình ảnh Thánh Giá nào ngoài những hình ảnh được các tín hữu cất giữ bí mật, vậy mà giờ đây chúng lại được treo công khai trên các cổng thành và tường thành. Liệu tôi có thực sự nhìn thấy chúng hay chỉ là ảo giác? Hay tôi đang mơ chăng?" Sau khi trấn tĩnh lại, ngài bước vào thành. Đi được một đoạn, Thánh Iamblichus nghe thấy nhiều người thề bằng Danh Chúa Kitô. Ông kinh hoàng, tự nhủ: Hôm qua chẳng ai dám công khai thốt lên Danh Chúa Kitô, vậy mà giờ đây tôi lại nghe thấy Danh ấy từ miệng nhiều người; có vẻ như đây không phải là Ê-phê-sô, mà là một thành phố nào khác, bởi các tòa nhà cũng khác và trang phục của người dân cũng hoàn toàn khác biệt. Tiếp tục hành trình, ông hỏi một người:

– Thành phố này tên là gì?

– Ê-phê-sô, – người đó trả lời.

Thánh Iamblichus không tin và vẫn nghĩ: chắc chắn mình đã lạc vào một thành phố khác, cần phải nhanh chóng mua bánh mì và vội vã rời khỏi thành phố này để không bị lạc hẳn. Khi đến gần người bán bánh mì, ngài lấy ra một đồng bạc và đưa cho người đó để trả tiền bánh mì, rồi dừng lại chờ nhận hàng và tiền thối lại. Đồng bạc đó rất to và trên đó có khắc chữ cùng hình ảnh của các vị vua cổ đại. Người bán bánh mì nhận đồng bạc rồi đưa cho người khác xem, người đó lại đưa cho người thứ ba, rồi người thứ ba đưa cho người thứ tư; những người khác có mặt tại đó cũng tiến lại gần; khi nhìn vào đồng bạc, ai nấy đều ngạc nhiên trước sự cổ xưa của nó và, trong khi quan sát thánh Iamblichus, họ thì thầm với nhau:

– Chắc hẳn cậu thiếu niên này đã tìm thấy một kho báu nào đó được giấu đi từ thời cổ đại xa xưa.

Thánh Iamblichus, nghe thấy tiếng thì thầm của họ, liền hoảng sợ, nghĩ rằng họ đã nhận ra mình và đang bàn bạc để bắt giữ mình rồi đưa đến trước mặt vua Decius.

– Xin các vị, – ngài nói, – hãy lấy đồng bạc này: tôi không muốn nhận lại tiền thừa.

Nhưng những người xung quanh đã tóm lấy Thánh Iamblichus và, trong khi giữ chặt ông, họ nói:

– Hãy nói cho chúng tôi biết, ngài đến từ đâu và bằng cách nào đã tìm thấy kho báu từ thời các vị vua cổ đại, hãy chia cho chúng tôi một phần, và chúng tôi sẽ không tiết lộ về ngài; còn nếu ngài không đồng ý chia sẻ nó với chúng tôi, chúng tôi sẽ giao nộp ngài cho quan tòa.

Nghe vậy, Thánh Iamblichus ngạc nhiên và, không hiểu gì, im lặng. Họ lại tiếp tục:

– Không thể giấu kho báu này được nữa rồi, – nó ở đâu, hãy nói ra đi, tốt hơn là tự nguyện, trước khi bị tra tấn buộc phải khai ra.

Thánh Iamblichus không biết phải nói gì với họ, nên im lặng như người câm. Lúc đó, những người đàn ông tháo thắt lưng của ngài ra, đeo vào cổ ngài, rồi dẫn ngài đi giữa quảng trường chợ; tin đồn lan truyền trong đám đông rằng có một thiếu niên nào đó đã tìm thấy kho báu bị bắt giữ. Thánh Iamblichus bị một đám đông lớn vây quanh; mọi người đều nhìn vào khuôn mặt ngài và nói: "Ngài không phải người ở đây, trước đây chúng tôi chưa từng thấy ngài bao giờ." Còn Thánh Iamblichus, dù muốn nói rằng ngài không tìm thấy kho báu nào cả, nhưng vì quá kinh ngạc nên không thể thốt ra được một lời nào; ông nhìn vào đám đông, cố gắng tìm kiếm ai đó quen biết hoặc người thân trong gia đình – cha, mẹ hay người hầu. Không tìm thấy ai và cũng không nhận ra ai, ông càng thêm ngạc nhiên: hôm qua mọi người đều biết ông là con trai của một người quý tộc, nhưng hôm nay không chỉ không ai nhận ra ông, mà chính ông cũng không tìm thấy ai quen biết. Tin đồn lan truyền khắp thành phố về việc Thánh Iamblichus bị bắt đã đến tai quan trưởng thành phố và Giám mục Stefan[5414] : theo sự an bài của Thiên Chúa, cả hai lúc đó đang ở cùng nhau và trò chuyện với nhau; cả hai đều ra lệnh đưa chàng trai trẻ, người bị bắt cùng với đồng bạc, đến trước mặt họ.

Trên đường đi, Thánh Iamblichus nghĩ rằng mình đang bị dẫn đến gặp vua Decius, nên ông quan sát đám đông kỹ lưỡng hơn, hy vọng sẽ thấy ai đó quen biết, nhưng mọi kỳ vọng của ông đều vô vọng. Khi cậu được dẫn đến gặp quan trưởng thành phố và giám mục, họ cầm đồng tiền bạc lên xem xét và không khỏi ngạc nhiên, vì nó thuộc về thời đại của những vị vua rất xa xưa. Sau đó, quan trưởng thành phố hỏi Thánh Iamblichus:

– Kho báu mà ngươi tìm thấy ở đâu? Chắc chắn là ngươi đã lấy đồng tiền bạc này từ đó.

– Tôi không biết gì về kho báu nào cả, – Thánh Iamblichus đáp, – tôi chỉ biết rằng tôi đã lấy đồng tiền bạc này từ cha mẹ tôi và nó không khác gì những đồng tiền bạc thông thường được sử dụng trong thành phố này. Tôi ngạc nhiên và bối rối không hiểu chuyện gì đang xảy ra với mình.

– Ngươi đến từ đâu? – quan trưởng thành hỏi.

Thánh nhân đáp:

– Tôi nghĩ là từ thành phố này.

Thị trưởng nói:

– Ngươi là con ai? Có ai ở đây biết ngươi không? Nếu có, hãy bảo người đó đến đây làm chứng cho lời nói của ngươi là đúng, thì chúng ta sẽ thả ngươi ra.

Thánh Iamblichus nêu tên cha, mẹ, ông nội, các anh em và những người thân khác; không ai biết họ cả.

– Cậu đang nói dối, – quan trưởng phản bác, – cậu nêu ra những cái tên kỳ lạ và khác thường, mà chúng tôi chưa từng nghe thấy bao giờ.

Thánh thiếu niên bối rối im lặng, cúi đầu xuống, một số người có mặt tại đó nói:

– Anh ta là một người điên giả.

– Không, ông ấy chỉ giả vờ như vậy để tránh rắc rối thôi, – những người khác đáp lại.

Thị trưởng tức giận bắt đầu đe dọa thánh Iamblichus:

– Làm sao chúng tôi có thể tin lời ngươi khi ngươi nói rằng đồng bạc này là một trong số những đồng bạc mà cha mẹ ngươi thường dùng? Trên đó có hình ảnh và dòng chữ của vua Decius cổ đại, người đã qua đời từ lâu, và đồng bạc này hoàn toàn không giống với những đồng bạc đang lưu hành hiện nay. Chẳng lẽ cha mẹ ngươi già đến mức còn nhớ vua Decius và sở hữu những đồng bạc của ông ta sao? Ngươi còn trẻ, chưa đầy ba mươi tuổi, mà lại muốn dùng mưu mô để lừa dối các bậc trưởng lão và các nhà hiền triết ở Ephesus. Ta sẽ tống ngươi vào ngục tối,

[5414] Theo những nguồn tin khác, đáng tin cậy hơn, sự kiện được mô tả này đã xảy ra dưới thời người tiền nhiệm của Thánh Stephanos, đó là Thánh Memnon, ngày kỷ niệm của ngài là ngày 16 tháng 12.

trừng phạt ngươi và sẽ không thả ngươi ra cho đến khi ngươi nói ra sự thật, tiết lộ nơi cất giấu kho báu mà ngươi đã tìm thấy.

Trong lúc quan tổng trấn đang nói, thánh Iamblichus một mặt cảm thấy sợ hãi trước những lời đe dọa của ông ta, mặt khác lại ngạc nhiên khi nghe nói rằng Decius đã sống từ thời xa xưa; ngài quỳ xuống và nói:

– Tôi xin các ngài, thưa các vị, hãy trả lời câu hỏi của tôi, và tôi sẽ tự mình kể cho các ngài nghe tất cả mà không cần bị ép buộc: vua Decius có ở trong thành phố không, ngài còn sống hay đã chết?

Vị giám mục trả lời:

– Hiện tại, con ơi, ở đất nước này không có vị vua nào tên là Decius cả; nhưng trong những năm trước, vào thời cổ đại, quả thực đã từng có một vị vua như vậy; còn bây giờ, vị vua trị vì là Theodosius, một vị vua sùng đạo.

Lúc đó, thánh Iamblich nói:

– Xin ngài hãy đi cùng tôi, tôi sẽ dẫn ngài đến hang động trên núi Ô-khôn để gặp những người bạn của tôi; ngài sẽ tự mình xác nhận sự đúng đắn trong những điều tôi đã nói. Thật vậy, khi chạy trốn khỏi Decius, cách đây vài ngày, chúng tôi đã rời khỏi đây và ẩn náu trong hang động đó; hôm qua tôi đã thấy Decius khi ông ta tiến vào Ephesus, nhưng bây giờ tôi không biết đây là Ephesus hay một thành phố nào khác.

Vị giám mục suy ngẫm và thầm nghĩ:

– Chúa muốn tiết lộ một bí mật nào đó qua chàng trai trẻ này.

– Hãy đi cùng cậu ấy, – ngài quay sang quan trưởng thành phố, – và chúng ta sẽ xem: một điều kỳ diệu sắp xảy ra.

Đứng dậy, vị giám mục và quan trưởng thành đi cùng chàng trai trẻ, theo sau họ là toàn thể các quan chức thành phố và đông đảo dân chúng. Khi đoàn người đến chân núi, thánh Iamblichus là người đầu tiên bước vào hang động, còn vị giám mục, đi theo sau cùng những người khác, đã tìm thấy ở lối vào hang, giữa hai tảng đá, một chiếc hộp đồng nhỏ có hai con dấu bạc; sau khi mở chiếc hộp trước mặt mọi người, vị giám mục và quan trưởng thành phố đã tìm thấy trong đó hai tấm bảng thiếc, trên đó ghi rằng bảy vị thánh thiếu niên – Maximilian, con trai của quan trưởng thành phố, Iamblichus, Martinianus, John, Dionysius, Exacustodian và Antonin – đã trốn chạy khỏi vua Decius và ẩn náu trong hang động này; theo lệnh của Decius, lối vào hang động đã bị chặn bằng đá, và các thánh thiếu niên đã chịu tử đạo trong đó vì Chúa Kitô. Sau khi nghe đọc xong, mọi người đều kinh ngạc và lớn tiếng ngợi khen Thiên Chúa.

Khi bước vào hang động, họ thấy các thánh thiếu niên rạng ngời vẻ đẹp; khuôn mặt các ngài toát lên niềm vui và tỏa sáng bởi ánh sáng ân sủng của Thiên Chúa; vị giám mục, quan tổng trấn và dân chúng đều quỳ xuống dưới chân các thánh thiếu niên, ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban cho họ ân sủng được chứng kiến phép lạ vinh quang đến thế. Các thánh thiếu niên đã kể cho họ nghe tất cả về bản thân mình, về Decius – cuộc bách hại Kitô hữu dưới triều đại của ông ta ra sao. Ngay lập tức, vị giám mục và quan tổng trấn đã gửi thư cho hoàng đế đức tin Theodosius, xin ngài cử những người chính trực đến để chứng kiến phép lạ mà Chúa đã tỏ ra trong triều đại của ngài:

– Bởi vì, – họ viết, – trong thời đại chúng ta, Chúa đã bày tỏ qua sự phục sinh thân xác của các thiếu niên thánh một hình ảnh về sự phục sinh chung trong tương lai, không chỉ của linh hồn mà còn của thân xác.

Hoàng đế Theodosius, khi nhận được tin này, đã vô cùng hân hoan và ngay lập tức, cùng với các quan đại thần và đông đảo dân chúng, vội vã từ Constantinople đến Ephesus, nơi ngài được đón tiếp long trọng, xứng đáng với địa vị cao quý của mình. Vị giám mục, thị trưởng và các quan chức thành phố khác đã dẫn hoàng đế đến hang động. Khi Theodosius bước vào trong hang động và nhìn thấy các thánh thiếu niên trông giống như các Thiên thần, ngài liền quỳ xuống dưới chân các ngài; còn các ngài, giang tay ra, đã nâng ngài dậy khỏi mặt đất. Sau khi đứng dậy, nhà vua đã ôm các thiếu niên thánh với tình yêu thương và, khi hôn lên má họ, không kìm được nước mắt; rồi, ngồi xuống đất đối diện với họ, ngài nhìn họ với lòng xúc động và ngợi khen Thiên Chúa:

– Hỡi các Chúa của tôi, – ngài nói, – trong dung mạo các con, tôi thấy chính Đức Vua và Chúa của tôi là Đấng Christ, Đấng xưa kia đã làm cho La-xa-rơ sống lại từ nấm mồ: giờ đây Ngài cũng đã làm cho các con sống lại bằng Lời toàn năng của Ngài, để công bố rõ ràng cho chúng ta về sự phục sinh của người chết sắp đến, khi những người đang nằm trong quan tài, nghe tiếng Con Thiên Chúa, sẽ sống lại và bước ra khỏi đó mà không hề hư nát.

Thánh Maximilian nói với nhà vua:

– Từ nay trở đi, vương quốc của ngài sẽ bất khả xâm phạm nhờ sự kiên định trong đức tin của ngài, và Đức Giêsu Kitô, Con của Thiên Chúa Hằng Sống (xem Mt 16,16), sẽ gìn giữ vương quốc ấy trong Danh Thánh của Ngài khỏi mọi điều ác; hãy tin rằng, vì ngài mà Chúa đã làm cho chúng tôi sống lại trước ngày Phục Sinh chung.

Trong cuộc trò chuyện kéo dài khá lâu, các thánh thiếu niên đã nói với nhà vua nhiều chân lý cứu rỗi linh hồn khác, còn nhà vua cùng với giám mục, các quan đại thần và dân chúng đã lắng nghe họ với niềm vui thiêng liêng (Nhà sử học Hy Lạp chuyên ghi chép các sự kiện Giáo hội, Nikiforos Kallistos, bổ sung rằng trong suốt một tuần, mỗi ngày nhà vua đều dùng bữa cùng các ngài và phục vụ các ngài). Sau những cuộc trò chuyện này, các thánh thiếu niên, trước sự chứng kiến của tất cả những ai đang chiêm ngưỡng hình ảnh của họ, lại cúi đầu xuống đất và chìm vào giấc ngủ vĩnh hằng theo lệnh của Thiên Chúa. Vua khóc nức nở trước thi hài của họ, và tất cả những người có mặt đều không kìm được nước mắt.

Vua ra lệnh chế tác bảy quan tài bằng bạc và vàng để an táng thi hài các thánh thiếu niên. Cùng đêm đó, các ngài hiện ra trong giấc mơ của vua, truyền lệnh cho ông đừng động đến thi hài của các ngài, mà hãy để các ngài an nghỉ trên đất, như cách các ngài đã an nghỉ trước đây. Tại nơi các thánh thiếu niên qua đời, một đoàn các thánh đã tụ họp lại, họ đã tổ chức một lễ hội rực rỡ để tôn vinh các thánh tử đạo một cách xứng đáng. Còn nhà vua thì đã ban phát bố thí hào phóng cho những người nghèo khó và khốn cùng trong xứ đó, phóng thích những người đang bị giam cầm trong ngục tối, sau đó vui mừng trở về Constantinople, ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta; xin Ngài cũng nhận được vinh quang và danh dự từ chúng con, những kẻ tội lỗi, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen[5415] .

Bài ca Troparion, giọng 4:

Trong phép lạ vĩ đại của đức tin, tại hang động như trong cung điện hoàng gia, bảy thiếu niên thánh đã ở lại và qua đời mà không bị hư nát; và sau nhiều thời gian, họ đã thức dậy như từ giấc ngủ, để làm bằng chứng cho sự phục sinh của tất cả loài người. Nhờ những lời cầu nguyện của họ, lạy Chúa Kitô, xin thương xót chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Bỏ qua thế gian phù du này, và nhận lãnh những ân huệ bất diệt, các ngài đã qua đời nhưng không bị hư nát: chính vì thế, sau nhiều năm, các ngài đã sống lại, chôn vùi mọi sự vô tín tàn ác: hôm nay, trong lời ngợi khen, những người trung thành ca ngợi các ngài, chúng ta hãy cùng hát ngợi khen Chúa Kitô.

Ngày 18 tháng 8

Ngày 5 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ các thánh tử đạo: Cantidia và Cantidiana, bị ném đá đến chết tại Ai Cập, và Sivel, cũng tại Ai Cập, bị bắn chết bằng tên.

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Nona, người mẹ công chính của Thánh Grigorius Thần Học.

[5415] Câu chuyện kỳ diệu này có những bằng chứng rất mạnh mẽ và không thể bác bỏ về tính xác thực của nó: một nhân chứng đương thời – người ghi chép sự kiện này, Thánh Gioan Kolov (thế kỷ V) – đã đề cập đến sự kiện này trong cuốn "Cuộc đời của Thánh Paissios Đại đế"; nhà văn người Syria, Giám mục Chính thống giáo Sarug (tại Mesopotamia) là Giacobê cũng đã để lại bản tường thuật về sự kiện này; bản dịch của nó đã được Grigorius của Tours (qua đời năm 594) biết đến. Người Syria – dòng Maronite, những người đã tách khỏi Giáo hội Chính thống vào thế kỷ VII, trong các nghi lễ của mình tôn vinh các thánh thiếu niên; họ được ghi trong lịch Ethiopia và các sách liệt thánh La Mã cổ đại; lịch sử của các vị đã được Muhammad và nhiều nhà văn Ả Rập biết đến. Hang động của các thiếu niên thánh cho đến nay vẫn được chỉ ra gần Ê-phê-sô, trên sườn núi Priôn. Tin tức cuối cùng về di cốt của các vị thuộc về thế kỷ XII, khi vị tu sĩ hành hương đến các thánh địa của chúng ta, tu viện trưởng Đan-ni-ên, đã nhìn thấy chúng. Số phận sau này của những di cốt thiêng liêng này vẫn chưa được biết.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Pontius

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 8

Ai có thể tin được, nếu Chúa không thu hút họ về với Ngài? Ai có thể thực hiện những kỳ công, nếu Chúa không giúp đỡ? Ai có thể xứng đáng nhận vương miện tử đạo, nếu Chúa Kitô không ban tặng? Và tôi, kẻ không xứng đáng này – Valerius, người ghi chép cuốn tiểu sử này, người đã được nuôi dưỡng và học tập cùng với Thánh Tử đạo Pontius, nói – đã không nhận được ân sủng để cùng ngài chết vì Chúa Kitô, nhưng nhờ những chiến công và sự tử đạo của ngài, tôi hy vọng vào lòng thương xót của Chúa. Tất cả những gì tôi nói về ngài – tôi xin lấy Chúa Kitô và các Thiên Thần của Ngài làm chứng – tôi đã tận mắt chứng kiến, tận tai nghe thấy và thậm chí phần nào đã cùng chia sẻ với ngài. Vì lý do đó, các bạn hãy tin vào câu chuyện chân thực này, và nhờ đức tin của các bạn, các bạn sẽ cùng với vị thánh tử đạo nhận được phần thưởng từ Chúa vào ngày Phục Sinh.

Tại Rôma[5416] có một vị thượng nghị sĩ đáng kính tên là Mác; ông không có con, điều này khiến cả ông lẫn vợ ông là Julia đều vô cùng buồn bã. Vào năm thứ hai mươi hai của cuộc hôn nhân, Julia, trong niềm vui sướng tột độ, cảm nhận được mình đã mang thai; vào tháng thứ năm của thai kỳ, khi cùng chồng đi viếng các đền thờ thần tượng – cả hai đều là những người ngoại đạo – bà đã đến đền thờ Dia, nơi được gọi là "vĩ đại". Tại đó, Julia nhìn thấy một thầy tế lễ, người đang đội vương miện trên đầu và thực hiện nghi lễ hiến tế trước tượng thần; bỗng nhiên, thầy tế lễ rơi vào trạng thái kích động tột độ, cởi vương miện ra và bắt đầu đập vỡ nó thành từng mảnh, vừa khóc vừa hét lên:

– Người phụ nữ này đang mang trong bụng kẻ sẽ phá hủy ngôi đền vĩ đại này đến tận nền móng và tiêu diệt các vị thần của nó!

Vị thầy tế đầy xúc động đã lặp lại những lời này bằng giọng nói vang dội nhiều lần, khiến tất cả những người có mặt đều kinh hoàng, đặc biệt là Mark và Julia; họ run rẩy chạy trốn khỏi đền thờ về nhà mình, nằm gần đó. Nắm lấy một hòn đá, Julia đập vào bụng và hai bên sườn mình, vừa làm vừa nói:

– Ôi, giá như tôi không mang thai đứa trẻ sẽ khiến ngôi đền sụp đổ và các vị thần bị tiêu diệt; thà tôi chết cùng nó còn hơn là sinh ra nó!

Khi đến ngày sinh, cô sinh ra một đứa trẻ hoàn toàn khỏe mạnh, mặc dù mọi người đều nghĩ rằng đứa bé sẽ chết, khi nhớ lại những cú đập mạnh bằng hòn đá mà người mẹ đã tự giáng xuống mình. Julia muốn giết đứa trẻ mới sinh, nhưng người cha phản đối, nói:

– Nếu thần Dii muốn, chính ngài sẽ tự mình trả thù kẻ thù của mình; còn chúng ta thì không thể trở thành những kẻ giết con mình được.

Vậy là cậu bé được sống và được đặt tên là Pontius. Khi con trai lớn lên, cha mẹ gửi cậu đến trường học, và không bao giờ đưa cậu theo cùng đến đền thờ. Cậu thiếu niên không chỉ lớn lên về tuổi tác mà còn về trí tuệ: ngay từ khi còn rất trẻ, cậu đã xứng đáng được gọi là nhà triết học; đồng thời, cậu cũng rất am hiểu về các ngành khoa học khác, bởi cậu sở hữu trí nhớ tuyệt vời và đã đọc rất nhiều sách; với khát vọng tìm kiếm tri thức chân chính, Pontius vượt trội hơn tất cả các bạn cùng lứa tuổi.

Một buổi sáng sớm nọ, anh ta lên đường đến gặp thầy mình, và tình cờ đi ngang qua một ngôi nhà của người Kitô hữu, đúng vào lúc những tín hữu đang tụ họp tại đó cùng với Đức Giáo hoàng Pontianus[5417] để hát các thánh vịnh buổi sáng. Lắng nghe tiếng hát, Pontianus nhận ra những lời này: *"Đức Chúa Trời của chúng ta ở trên trời; Ngài làm mọi điều Ngài muốn. Còn các thần tượng của họ – bằng bạc và vàng, là tác phẩm của bàn tay con người. Chúng có miệng, nhưng không nói; chúng có mắt, nhưng không thấy; chúng có tai, nhưng không nghe; chúng có lỗ mũi, nhưng không ngửi được; chúng có tay, nhưng không sờ được; chúng có chân, nhưng không đi được; và chúng không phát ra tiếng nào từ thanh quản của mình. Những kẻ làm ra chúng và tất cả những ai trông cậy vào chúng sẽ giống như chúng vậy"* (Thi thiên 113:11–16).

Dừng lại, ông thở dài và bất giác suy ngẫm về ý nghĩa của câu nói này, rồi, cảm động trước ân sủng của Đức Thánh Linh, Pontius khóc nức nở và giơ hai tay lên trời, kêu lên:

– Lạy Chúa, Đấng mà con đang nghe lời ngợi khen dâng lên lúc này, xin cho con được nhận biết Ngài!

[5416] Xem phần dưới đây về cuộc đời của Thánh Favius

[5417] Thánh Pontian – Giáo hoàng Roma từ năm 230 đến 235.

Sau đó, ông bước đến cửa nhà và bắt đầu gõ cửa một cách cẩn thận. Những người nhìn xuống từ cửa sổ trên lầu nói với vị giáo hoàng:

– Có một cậu bé nào đó đang gõ cửa.

Người cha, vốn đã biết hết mọi chuyện nhờ sự mặc khải của Thánh Thần, nói:

– Hãy đi mở cửa cho cậu ấy, để cậu ấy vào với chúng ta, *"vì Nước Trời thuộc về những người như thế"* (Lc 18,16).

Cậu thiếu niên trung thực chỉ vào nhà cùng với một người bạn cùng lứa tuổi và bạn học là Valerius, người sau này đã viết cuốn tiểu sử về Thánh Pontius; còn những người hầu của mình thì cậu để lại ngoài đường. Khi bước vào phòng và thấy lễ đang diễn ra, cậu thiếu niên lui vào một góc, ở đó cho đến khi lễ kết thúc, lắng nghe chăm chú và lòng tràn đầy xúc động. Sau đó, cậu tiến đến gần Đức Thánh Cha và, quỳ xuống bên chân ngài với những giọt nước mắt, nói:

– Con xin ngài, thưa cha, xin hãy giải thích cho con ý nghĩa của những lời ngài vừa hát – các thần tượng của dân ngoại mù và điếc, không ngửi được và không sờ nắn được bằng tay; đặc biệt, câu nói này đã làm con rất ấn tượng: *"Những ai làm ra chúng và tất cả những ai đặt niềm tin vào chúng sẽ giống như chúng*."

Đức Giáo hoàng đầy tình thương đã kéo Pontius lại gần và nói với anh ta:

– Ta thấy, con ơi, rằng Thiên Chúa đã soi sáng trái tim con, khiến nó khao khát hướng về Ngài. Hãy suy ngẫm và nhìn xem – chẳng phải tất cả các thần tượng đều được làm từ vàng, bạc, đồng hay bất kỳ chất liệu nào khác sao? Ai mà không biết rằng những thần tượng bằng đá được đục tạc từ núi, rồi được gắn lên cọc và mang đến chợ để bán? Liệu những thần tượng được tạo ra từ đất này, vốn sẽ bị phá hủy và trở về với đất trong tương lai, có thể là các vị thần được không? Còn Đức Chúa Trời của chúng ta, Đấng mà chúng ta tin tưởng, ngự trên trời, và Ngài chỉ có thể được nhìn thấy bằng con mắt của trái tim, chứ không phải bằng con mắt xác thịt, và chỉ có thể được nhận biết qua đức tin.

Trước điều đó, Thánh Pontius đã trả lời:

– Thưa cha và thưa ngài, ngài nói hoàn toàn đúng: ai mà không thấy rằng những tượng thần ấy vô hồn và bất động, và rằng chúng không chỉ tràn ngập khu chợ, Điện Capitol và các đền thờ, mà còn khắp mọi con đường: chúng nhiều đến mức không thể đếm xuể; chúng có hình dáng vô cùng đa dạng và được chế tác bằng nghệ thuật tinh xảo đến mức cao nhất mà trí tuệ con người có thể đạt tới. Ai lại không thấy rằng chúng được cố định bằng sắt hoặc thiếc vào vị trí của mình để gió không thổi đổ, và – chúng không bị vỡ; người ta cũng biết rằng bọn trộm cướp thường cướp đi những tượng thần bằng vàng và bạc, và làm sao chúng có thể bảo vệ con người khỏi điều ác, khi chính chúng lại cần được một số người bảo vệ để không bị những kẻ khác đánh cắp?

Đức Thánh Cha Pontian đã ngạc nhiên trước trí tuệ của cậu thiếu niên và, nắm lấy tay cậu, muốn cho cậu ngồi bên cạnh mình, nhưng Thánh Pontius đã nói:

– Nếu trước mặt các thầy dạy những điều tầm thường, chúng con còn không dám ngồi, thì làm sao con lại dám ngồi cùng cha, Đấng chỉ cho con con đường chân lý thay vì con đường lầm lạc, và ánh sáng thay vì bóng tối?

Đức Giáo hoàng đáp lại:

– Chúa và Thầy của chúng ta là Đức Giêsu Kitô đã ban cho chúng ta lời hứa rằng tất cả hãy hiệp nhất trong Ngài (xem Ga 15,4–5) và khuyên bảo lẫn nhau về những điều hữu ích.

Sau đó, cha hỏi cậu thiếu niên thánh thiện:

– Con có cha mẹ không?

– Đã được một năm rồi, – Pontius trả lời, – kể từ khi mẹ tôi qua đời; chỉ còn cha tôi còn sống, một cụ già đã cao tuổi, và tôi là niềm an ủi duy nhất của ông.

– Ông ấy là Kitô hữu hay người ngoại đạo? – Đức Giáo hoàng hỏi.

– Cha tôi, cũng như đa số mọi người, là một người ngoại đạo sùng đạo, – Pontius đáp lại.

– Đức Chúa Trời, Đấng đã soi sáng cho con mà không cần bất kỳ sự dạy dỗ nào từ con người, – Đức Giáo hoàng nói, – cũng có thể soi sáng cho cha con, để người đã sinh ra con trong cuộc đời phàm trần này có thể nhận biết cuộc sống bất tử qua con. Và con ơi, hãy nghe lời ta: hãy tin vào Đấng Christ và nhận phép rửa thánh, điều sẽ giải thoát con khỏi những cực hình vĩnh cửu.

Với những lời lẽ như vậy, Đức cha đã giảng dạy Pontius khoảng ba giờ đồng hồ, giải thích cho cậu về giáo lý về Nước Trời; sau khi rửa tội cho cậu và cậu thiếu niên Valerius đi cùng, đồng thời chuẩn bị cho cả hai sẵn sàng để lãnh nhận phép rửa tội thánh, ngài đã cho cả hai ra về trong bình an. Họ ra về và như những con chiên rời khỏi

đồng cỏ trù phú, họ vui mừng vì đã tìm được sự cứu rỗi cho linh hồn mình. Kể từ đó, họ hàng ngày đến gặp vị thánh của Đức Chúa Trời để học hỏi từ ngài.

Một lần nọ, Thượng nghị sĩ Marc hỏi Pontius:

– Con trai ta ơi, trong những ngày qua, con đã học được điều gì mới từ các thầy của con?

– Trong suốt thời gian học tập, – Pontius đáp, – con chưa từng nghe từ họ điều gì hay hơn những gì con vừa học được.

Người cha rất vui mừng, cho rằng cậu thiếu niên đã học được những kiến thức mới từ các môn học được giảng dạy tại các trường học ngoại giáo. Còn Thánh Pontius, tìm kiếm cơ hội thích hợp để dẫn dắt cả cha mình cùng tin vào Đức Kitô, một ngày nọ đã nói:

– Con nghe nhiều người nói, thưa cha, rằng các vị thần mà chúng ta thờ phụng chỉ là hư ảo và không có gì thuộc về Thần Thánh trong bản thân họ, điều mà chính con cũng phần nào tin là đúng: họ chỉ có hình dáng giống các bộ phận cơ thể con người và hoàn toàn bất động; ai muốn có các vị thần trong nhà thì đều thuê thợ và nhờ họ tạc các vị thần từ những vật liệu mà điều kiện kinh tế cho phép: vàng, bạc hay bất cứ thứ gì khác. Con xin thỉnh cầu cha, thưa cha, hãy cho con biết, cha đã từng nghe hay thấy bao giờ chưa, rằng những vị thần đang đứng trong nhà chúng ta, trong suốt thời gian họ ở đây, đã từng thể hiện sức mạnh qua bất kỳ hành động nào chưa?

– Chưa bao giờ có chuyện như vậy cả, – Mark trả lời.

– Vậy thì tại sao lại phải tôn kính họ, dâng lễ vật, thắp hương và cúi lạy họ? – Pontius hỏi.

Nghe những lời đó, Mark nổi cơn thịnh nộ và định chém con trai bằng thanh kiếm, nói:

– Con đang xúc phạm các vị thần của ta!

Sau đó, khi đã bình tĩnh lại, ông nói:

– Con ơi, chẳng lẽ chỉ có chúng ta là không công nhận các vị thần và không dâng lễ vật cho họ sao?

Thánh Pontius phản bác lại:

– Ngay tại thành phố này cũng có rất nhiều người đang dâng lễ vật chân chính lên Đức Chúa Trời chân chính.

– Tìm họ ở đâu? – Mark hỏi.

– Nếu con muốn, ta sẽ đi tìm và đưa về cho con một người đàn ông, người ấy sẽ giải thích rõ ràng mọi chuyện cho con, – Pontius đề nghị.

Cha đồng ý. Pontius quay sang Valerius và nói:

– Đây chính là sự biến đổi do bàn tay phải của Đấng Tối Cao thực hiện, – rồi ngay lập tức ông đi gặp Đức Thánh Cha Pontianus và dẫn ngài đến gặp cha.

Đức Thánh Cha đã trò chuyện với Mark rất lâu, dạy anh nhận biết Thiên Chúa chân thật và khai mở cho anh những mầu nhiệm của đức tin thánh thiện. Mark đã tin tưởng hết lòng vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và cùng với Đức Thánh Cha và con trai mình bắt đầu đập phá những tượng thần đang đứng trong nhà; sau đó, anh cùng con trai và cả gia đình đã lãnh nhận phép rửa thánh. Sau khi chịu phép rửa tội, Mark không sống được bao lâu và đã về với Chúa, khi đó ông đã là một cụ già rất đáng kính. Vào thời điểm đó, Thánh Pontius mới hai mươi tuổi. Sáu tháng sau khi cha qua đời, ông được đưa vào triều đình của vua Alexander và được bổ nhiệm làm thượng nghị sĩ thay thế cha mình. Điều này xảy ra theo sự an bài đặc biệt của Thiên Chúa, để sau này, vào thời điểm đã định, không chỉ dân chúng mà cả các vị vua cũng được biết đến Đức Kitô qua Thánh Pontian. Tràn đầy lòng đạo đức chân chính, Thánh Pontian được tất cả các quan lại trong triều đình yêu mến và kính trọng một cách tự nhiên. Vào thời điểm đó, Đức Giáo hoàng Thánh Pontian đã anh dũng kết thúc cuộc đời mình, bị giết vì tuyên xưng Đức Kitô theo lệnh của Maximian, người kế vị Alexander; vị trí của ngài được thay thế bởi Thánh Anfir, nhưng ngay cả ngài, sau khi chỉ tại vị được một tháng trên ngai tòa Tổng Giám mục Rôma, cũng đã tử đạo vì Đức Kitô dưới thời cùng vị hoàng đế Maximian đó. Sau Thánh Anphir, Thánh Favius được bầu làm Giáo hoàng; ngài yêu mến Thánh Pontian như người cha ruột yêu thương con trai ruột của mình. Thánh Pontius đã trao toàn bộ tài sản của mình cho ngài để phân phát cho người nghèo, đặc biệt là những người cùng đức tin. Nhưng đã đến lúc chuyển sang kể về cách mà Thánh Pontius, người tôi tớ chân chính của Chúa Kitô, đã dẫn dắt các vị vua trở về với Chúa Kitô và làm thế nào ngài đã chiến thắng ma quỷ, giành được vương miện tử đạo.

Sau khi kẻ hành hạ Thánh Pontius là Hoàng đế Maximian qua đời, Gordian lên ngôi vua; người kế vị ông là Philip, người đã phong con trai mình, cũng tên là Philip, làm đồng trị vì; cả hai đều rất yêu mến Thánh Pontius, như một người khôn ngoan, đạo đức và hữu ích trong việc cai trị nhờ những lời khuyên của ngài. Vào năm thứ ba của

triều đại họ, cũng là năm thứ một nghìn kể từ khi thành lập Rome, khi họ đến đền thờ để dâng lễ tạ ơn các vị thần, họ đã mời vị thượng nghị sĩ yêu quý của mình là Pontius đi cùng:

– Hãy cùng nhau đến để dâng lời tạ ơn các vị thần vĩ đại vì đã ban cho chúng ta cơ hội được kỷ niệm thiên niên kỷ của Rome ngay tại chính thành phố này.

Thánh Pontius đã cố gắng bằng mọi cách để từ chối lời mời của họ, nhằm tránh phải đến đền thờ ngoại đạo, nhưng các vị vua vẫn kiên quyết mời ngài đi cùng họ với tư cách là một người bạn. Lúc đó, Thánh Pontius, nhận ra rằng đã đến thời điểm thích hợp để giới thiệu cho các vị vua về Đấng Chúa Trời duy nhất và chân thật, là Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, bèn nói:

– Hỡi các vị vua nhân từ, những người được Đức Chúa Trời đặt lên cai trị loài người, tại sao các ngài lại không thờ phượng Đấng đã ban cho các ngài vinh quang và quyền lực của vua chúa, tại sao các ngài lại không dâng lễ vật ngợi khen lên Ngài, Đấng Duy Nhất?

Vua Philip trưởng đã đáp lại rằng:

– Chính vì Ngài đã ban cho ta quyền lực vương giả nên ta mới muốn dâng lễ vật lên vị thần vĩ đại Diu.

Thánh Pontius mỉm cười phản bác:

– Đừng tự lừa dối mình, thưa vua, khi thờ phượng Dì: chỉ có một Đức Chúa Trời trên trời, Đấng đã tạo dựng vạn vật bằng một lời duy nhất của Ngài và ban sự sống cho vạn vật bằng ân sủng của Đức Thánh Linh.

– Chúng tôi không hiểu tại sao ngài lại nói những điều này, – cả hai vị vua cùng đáp.

– Diy đã tồn tại từ thuở khai thiên lập địa sao? – Thánh Pontius hỏi.

– Không, – các vị vua nói, – trước đây, cha của Diy là Kronos; ông ta đã trị vì ở Ý và dưới sự cai trị của ông, các dân tộc Ý đã được hưởng cuộc sống thịnh vượng.

– Vậy thì trong thời gian Kronos trị vì ở Crete và cho đến khi ông bị chính con trai mình là Diy trục xuất rồi đến Ý, chẳng lẽ Ý lúc đó lại không có các dân tộc và các vị vua sao? – Thánh Pontius lại hỏi.

– Không, – ngài tiếp lời, – đừng để bị lừa dối bởi những câu chuyện thần thoại giả dối của các nhà thơ các ngươi. Chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất trên trời, – Đức Chúa Cha, Đấng cùng với Con Ngài và Đức Thánh Linh cai quản mọi sự Ngài đã tạo dựng, và duy trì mọi sự hiện hữu bằng quyền năng của Ngài; Ngài đã tạo dựng cả trời, đất và biển cùng mọi thứ trong đó; sau cùng, Ngài đã tạo dựng con người bất tử theo hình ảnh và giống như Ngài, và đặt mọi sự trên đất, trong biển và trên không dưới quyền cai trị của con người. Thấy vinh dự to lớn mà Thiên Chúa đã ban cho con người, ma quỷ bị đuổi khỏi trời đã tràn đầy lòng ghen tị và gieo vào lòng con người ý nghĩ nịnh hót về việc vi phạm điều răn của Thiên Chúa, để qua đó con người trở nên vô ơn và bất tuân trước Đấng Tạo Hóa và Đấng Ban Ơn của mình. Con người đã nghe theo lời xúi giục xảo quyệt của kẻ dụ dỗ và do đó đã tự tước đi sự bất tử của mình; sự bất tuân của họ không chỉ mang lại cái chết cho chính họ, mà còn cho cả nhân loại. Nhưng ma quỷ không hài lòng với việc lừa dối con người như vậy, nên đã tạo ra những thần tượng mà các ngươi gọi là các vị thần, nhằm đẩy loài người xa rời Đấng Tạo Hóa hơn nữa. Còn Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, không muốn con người – được tạo dựng theo hình ảnh của Ngài – phải hư mất vĩnh viễn, nên đã thương xót sai Con Một của Ngài từ Ngai Thiên Đàng xuống trần gian[5418] : Lời Chúa, nhờ quyền năng của Thánh Thần, đã ngự vào lòng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, một cách huyền diệu đã nhận lấy xác phàm từ Mẹ và được sinh ra từ Mẹ một cách không thể diễn tả, và Lời đã trở thành con người, để đổi mới loài người sa ngã và tiêu diệt quyền lực của ma quỷ. Đấng Thiên Chúa-Người đã thực hiện vô số phép lạ trước mặt loài người: Ngài đã chữa lành bằng lời nói những người mù bẩm sinh, những người bị liệt và những người bị bệnh tật giam cầm suốt nhiều năm, thanh tẩy những người bị hủi, làm cho người chết sống lại – gọi Lazarus, người đã nằm trong mộ bốn ngày, ra khỏi mộ và ban cho anh ta sự sống; với tư cách là Đức Chúa Trời toàn năng, Ngài đã thực hiện vô số phép lạ khác nữa. Nhưng những

---

[5418] Đó là danh xưng của Ngôi Hai trong Ba Ngôi Thánh, Con Thiên Chúa, Đấng Kitô Cứu Thế. Danh xưng này được trích từ Tin Mừng theo Thánh Gioan (1:1–14). – Tại sao Con Thiên Chúa lại được gọi là "Lời"? a) Bằng cách so sánh sự ra đời của Ngài với nguồn gốc của lời nói con người chúng ta: cũng như lời nói của chúng ta được sinh ra một cách vô cảm, vô hình và thuộc linh từ trí óc hay tư tưởng của chúng ta, thì Con Thiên Chúa cũng được sinh ra một cách vô cảm và thuộc linh từ Chúa Cha. b) Cũng như suy nghĩ của chúng ta được bộc lộ hay thể hiện qua lời nói, thì Con Thiên Chúa, bởi bản thể và sự toàn hảo của Ngài, chính là sự phản chiếu chính xác nhất của Thiên Chúa Cha, và vì thế được gọi là "ánh sáng vinh quang" của Ngài và là hình ảnh (dấu ấn) của bản thể Ngài" (Hê-bơ-rơ 1:3). c) Cũng như chúng ta dùng lời nói để truyền đạt suy nghĩ của mình cho người khác, thì Đức Chúa Trời, Đấng đã nhiều lần phán với loài người qua các tiên tri, cuối cùng đã phán qua Con Ngài (Hê-bơ-rơ 1:2), Đấng đã nhập thể vì mục đích này và bày tỏ ý muốn của Cha Ngài một cách trọn vẹn đến nỗi ai thấy Con thì cũng thấy Cha (Giăng 14:9).

người Do Thái, vì không tin Ngài và ghen tị với Ngài, đã nộp Ngài cho tổng trấn Phi-lát người Pontus và đóng đinh Đấng đã đến để cứu họ lên thập tự giá. Còn Ngài, với tư cách là Đức Chúa Trời, đã sống lại từ cõi chết vào ngày thứ ba và sau khi sống lại, Ngài đã hiện ra với các môn đệ của Ngài trong nhiều ngày; Ngài đã tiêu diệt cái chết do ma quỷ gây ra cho loài người; bằng cái chết và sự phục sinh của Ngài, Ngài đã ban cho chúng ta sự sống đời đời; và như Ngài, sau khi sống lại từ cõi chết, không còn chết nữa, thì chúng ta, khi kết thúc cuộc đời ngắn ngủi nhưng đầy đau khổ này, sau khi sống lại từ nấm mồ của mình, cũng sẽ sống đời đời cùng Ngài. Sau khi chỉ ra con đường cứu rỗi, Ngài đã thăng thiên lên trời; và ai khinh thường sự cứu rỗi này thì sẽ cùng với ma quỷ phải chịu sự phán xét đời đời; còn ai tin và bước đi trên con đường cứu rỗi thì sẽ ở cùng Chúa Kitô mãi mãi trong Nước Trời.

Thánh Pontius đã giảng dạy các vị vua trong một thời gian dài: ngài kể cho họ nghe mọi điều chi tiết về Chúa Kitô, về những mầu nhiệm của đức tin và về cuộc sống tương lai; và bài giảng của ngài, tràn đầy ân sủng của Chúa Thánh Thần, đã mở mang tâm trí các vị vua: khi nhận ra toàn bộ sự chân thật trong lời ngài, lòng họ đã cảm động và tin nhận Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta. Các vị vua đã khẩn cầu Thánh Pontius vào ngày hôm sau giải thích cho họ một cách chi tiết hơn nữa về mầu nhiệm cứu rỗi, để họ có thể tránh khỏi ngọn lửa không thể dập tắt và trong cuộc sống bất tử tương lai được chia sẻ phần phúc với các thánh. Vào ngày đó, cũng như những ngày sau đó, các vị vua không đến Điện Capitol để dâng lễ vật cho các thần tượng; họ chỉ ra lệnh tổ chức lễ kỷ niệm ngày thành lập Roma được một thiên niên kỷ bằng các buổi biểu diễn dân gian. Còn Thánh Pontius thì không chậm trễ mà lập tức đến gặp Đức Giáo hoàng Favius, và kể lại tất cả cho ngài; Đức Giáo hoàng, tràn ngập niềm vui sướng tột độ, quỳ gối xuống và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, con tạ ơn Ngài vì Ngài đã thương xót, qua tôi tớ của Ngài là Pontius, dẫn dắt các hoàng đế La Mã đến với sự nhận biết danh thánh của Ngài!

Ngày hôm sau, Đức Giáo hoàng và Pontius cùng nhau đến gặp các hoàng đế và trò chuyện với họ rất lâu về Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, cũng như về con đường cứu rỗi; thấy đức tin của các vị vua, Đức Giáo hoàng đã công bố lễ rửa tội thánh cho họ, và sau đó, không lâu sau, đã làm phép rửa tội cho họ; cùng với họ, nhiều người khác cũng được rửa tội, vì theo gương các vị vua, rất nhiều người đã tin vào Đấng Kitô. Ai có thể diễn tả được niềm vui của các Kitô hữu vào thời điểm đó? Lúc bấy giờ, lời tiên tri mà ma quỷ đã phán ra theo ý muốn của Thiên Chúa qua miệng vị tư tế bị quỷ ám về Thánh Pontius, khi ngài còn trong bụng mẹ, đã trở thành hiện thực: sau khi được các vị vua cho phép, Thánh Pontius cùng với Đức Giáo hoàng Favius đã đến đền thờ Dia, nơi lời tiên tri nói trên đã được phán ra; tại đó, trước tiên họ đã đập phá các tượng thần, rồi sau đó phá hủy hoàn toàn cả chính ngôi đền; một số đền thờ ngoại giáo khác cũng bị tiêu diệt, và các nhà thờ thánh của Đức Chúa Trời đã thay thế vị trí của chúng; trong những ngày đó, rất nhiều người đã quay về với Chúa Kitô và chịu phép rửa tội. Nhưng họ không phải là toàn bộ cư dân của Rôma: đó chỉ là một phần của thành phố, và không phải tất cả các đền thờ chứa đầy tượng thần đều bị phá hủy trong những năm thuận lợi cho Giáo Hội của Đức Kitô như đã mô tả, mà chỉ có một số ít, theo ý muốn của Thiên Chúa. Giáo Hội chỉ được hưởng tự do đó trong bốn năm: Chúa Giêsu Kitô, muốn thử thách Giáo Hội của Ngài như vàng trong lò luyện, đã cho phép một cuộc bách hại mới bắt đầu – tên Decius vô đạo[5419] , khi đang đứng đầu các dân ngoại, đã nổi loạn và giết chết các vị vua đạo đức vì đức tin của họ vào Chúa Kitô. Và nhiều người mới được rửa tội, vì thiếu sự kiên định trong tâm hồn, sợ hãi trước cuộc bách hại, đã quay trở lại với đạo ngoại; những người khác thì bỏ trốn, ẩn náu ở bất cứ nơi nào có thể, còn những người dũng cảm thì can đảm bước vào cuộc khổ nạn, dâng hiến linh hồn mình vì Chúa Kitô. Trong cuộc bách hại dữ dội này, ập đến bất ngờ như cơn bão, Thánh Pontius đã ẩn náu tại một nơi ngay trong lòng thành Rôma; nhưng các thầy tế ngoại đạo lại truy lùng ngài một cách đặc biệt gắt gao; việc ngài phá hủy các thần tượng và đền thờ đã khơi dậy trong lòng họ sự căm thù mãnh liệt nhất đối với ngài – họ khao khát phải giao ngài cho những cực hình. Hoàn cảnh này đã thúc đẩy Thánh Pontius trốn khỏi Roma vào một đêm, tuân theo lời chính Chúa đã phán trong Phúc Âm: *"Khi họ bắt bớ các con ở một thành phố, hãy trốn sang thành phố khác"* (Mt 10,23); Ngài đã đến thành phố Kimela[5420] , nằm ở biên giới Gaul, gần dãy núi Alps; tại đây, Ngài sống như một người lữ hành và khách lạ. Vua Decius sớm qua đời, và sau triều đại ngắn ngủi của Gallus cùng Volusianus, Valerian[5421] cùng con trai Gallienus đã lên ngôi hoàng đế của Đế quốc La Mã. Các vị vua này muốn xóa sổ tận gốc tên gọi của những người Kitô hữu không chỉ ở La Mã mà

[5419] Hoàng đế từ năm 240–251.
[5420] Gần thành phố Nice ngày nay.
[5421] Valerian – hoàng đế từ năm 252–259.

còn trên khắp các vùng lãnh thổ của đế quốc; với mục đích đó, họ đã cử các quan chức đặc biệt đi khắp nơi để tra tấn những người Kitô hữu; hai trong số những kẻ tra tấn đó, Claudius và Anavius, cũng được cử đến vùng Gaul. Trước tiên, họ đến thành phố Kimela; sau khi dâng lễ vật cho các vị thần và dựng lên một tòa án bất hợp pháp ngay giữa thành phố, họ ban hành các sắc lệnh yêu cầu bắt giữ các Kitô hữu và đưa họ đến trước tòa để tra tấn. Thánh Pontius, với tư cách là một người đàn ông nổi tiếng và có địa vị cao, đã bị bắt giữ và bị đưa ra trước tòa án bất hợp pháp đó trước tiên. Khi nhìn thấy ngài, quan tổng trấn Claudius đã nói với giọng giận dữ:

– Ngươi chính là Pontius, kẻ mà ta không biết bằng phép thuật nào đã gây ra hỗn loạn ở Rôma và khiến các vị vua quay lưng lại với các vị thần sao?

– Tôi không lôi kéo ai cả và cũng không gây ra bất kỳ sự hỗn loạn nào, – Thánh Pontius đáp, – nhưng tôi đã dẫn dắt những ai có thể từ đạo ngoại giáo đến với Đức Chúa Trời chân chính.

Thống đốc nói:

– Các vị vua của chúng ta, biết rằng ngươi là người thuộc dòng dõi quý tộc, đã ra lệnh cho ngươi dâng lễ vật lên các vị thần: nếu không, ngươi sẽ bị kết án chịu đủ mọi hình phạt cùng với những kẻ thấp hèn và nghèo khổ.

Thánh Pontius phản bác lại:

– Chúa Kitô là Vua và Đấng an ủi của tôi; và nếu vì Ngài mà tôi mất đi quê hương trần thế, thì tôi sẽ trở thành người thừa kế của vương quốc vĩnh cửu; và nếu tôi mất đi những ân huệ phù du, thì tôi sẽ được tham dự cùng các Thiên thần thánh thiện trong vinh quang thiên đàng.

– Tại sao ngươi lại muốn được cứu rỗi bằng những lời lẽ hoàn toàn khó hiểu như vậy? – Claudius hỏi, – Ngươi chỉ có một lựa chọn duy nhất, đó là dâng lễ vật cho các vị thần: nếu không làm điều đó, thân thể ngươi sẽ bị xé nát dưới những hình phạt tra tấn.

– Tôi đã nói với ngài rồi, tôi là một Kitô hữu và sẽ không bao giờ dâng lễ vật cho các vị thần, – Thánh Pontius đáp lại.

Igemon ra lệnh ném Thánh Pontius, sau khi đã xiềng xích ngài lại, vào ngục tối, trong khi ông ta báo cáo về ngài cho các vị vua; sau đó, Claudius gửi cho họ bức thư như sau:

– Kính gửi các vị Chúa tể của vũ trụ, những vị chinh phục vĩ đại, các hoàng đế La Mã Valerianus và Gallienus, chúng tôi là những nô lệ của các ngài, Claudius và Anavius: khi tiến vào lãnh thổ Gaul, chúng tôi đã tìm thấy Pontius, kẻ từng gây rối loạn cho La Mã, đánh tan các vị thần và phá hủy các đền thờ của họ, và giờ đây đang lẩn trốn khỏi quyền lực của các ngài và không tuân theo mệnh lệnh của các ngài; và vì ông ta là một trong những thượng nghị sĩ danh giá nhất, nên chúng tôi không dám tra tấn ông ta, mà chỉ trói lại và giam vào ngục tối, cho đến khi các ngài xem xét vụ việc này và ra lệnh chúng tôi phải xử lý ông ta như thế nào.

Các vị vua đã gửi lời đáp như sau:

– Quyền lực của chúng ta ra lệnh cho các ngươi như sau: nếu Pontius không muốn dâng lễ vật cho các vị thần, thì các ngươi sẽ có toàn quyền đối với ông ta và có thể giết ông ta bằng bất kỳ cách nào các ngươi muốn.

Sau khi nhận được mệnh lệnh của các vị vua, hai quan tổng trấn Claudius và Anavius đã đến tòa án và ra lệnh dẫn tù nhân của Chúa Kitô ra. Claudius nói với thánh Pontius:

– Hãy lắng nghe mệnh lệnh công bằng của các vị chúa tể, những người ra lệnh cho ngươi dâng lễ vật lên các vị thần; nếu ngươi không làm điều đó, thì ngươi sẽ phải chịu cực hình cùng với những kẻ bị kết án.

Thánh Pontius đáp lại:

– Tôi không có chủ nào khác ngoài Chúa duy nhất của tôi là Đức Giêsu Kitô, Đấng luôn có thể giải thoát tôi khỏi những cực hình mà các ngài đang đe dọa tôi.

– Ta thật ngạc nhiên, – Claudius nói, – làm sao một người quý tộc như ngươi lại tự nguyện sa vào cảnh nghèo khổ và ô nhục đến thế – ngươi lại phụng sự một vị Chúa mà chính các ngươi kể rằng Ngài là một con người nghèo khó và khiêm nhường, và rằng Ngài đã bị Pilate, cũng là một vị thống đốc giống như chúng ta, giết chết vì một tội lỗi nào đó mà ta không biết. Chẳng phải tốt hơn là ngươi nên tuân phục những vị chúa tể đang cai trị toàn bộ đế quốc La Mã một cách ôn hòa sao?

– Tôi cũng ngạc nhiên, – Thánh Pontius phản bác, – làm sao ngươi, một người có lý trí, lại sa vào cơn điên rồ đến mức không muốn nhận biết Đấng Tạo Hóa của trời và đất, Đấng đã tự nguyện trở nên nghèo khó vì sự cứu rỗi của ngươi, và – ngươi lại dám gọi Đấng ấy là kẻ vô danh, Đấng được các Thiên thần tôn kính trên trời và Đấng không phải vì bị ép buộc, mà theo ý muốn của chính Ngài, đã vui lòng chịu đóng đinh trên thập tự giá bởi người Do Thái và Phi-lát vì sự cứu rỗi của chúng ta. Ôi, giá như ngươi muốn quỳ lạy trước Đấng Thiên Chúa vĩ đại trong

sự khiêm nhường của Ngài: ngay lập tức tâm trí ngươi sẽ được soi sáng và ngươi sẽ nhận ra rằng, trong sự lầm lạc của mình, ngươi đang nằm trong vực thẳm tăm tối cùng với các vị thần của ngươi, hay đúng hơn là các quỷ dữ; còn các chúa tể của ngươi, những người mà ngươi gọi là các quan cai trị La Mã, khi thờ lạy gỗ và đá, không chỉ tự mình đi đến sự diệt vong, mà còn lôi kéo dân chúng dưới quyền họ theo sau; hãy biết rằng nếu các ngươi vẫn giữ vững sự vô tín của mình, thì các ngươi sẽ chết một cái chết thảm khốc và vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, cùng với các vị thần của các ngươi, các ngươi sẽ bị kết án chịu cực hình vĩnh viễn.

Những lời này đã khiến vị thống đốc nổi giận; trong cơn thịnh nộ, ông ta hét lên với các thuộc hạ:

– Hãy chuẩn bị cào, xiên sắt, lửa và mọi thứ cần thiết để tra tấn; hãy để sự điên rồ của hắn được phơi bày trước mặt mọi người!

– Mọi thứ đã sẵn sàng rồi, – các tôi tớ đáp lại.

– Trói hắn vào giá tra tấn, – thống đốc ra lệnh, – để hắn cảm nhận được sự đau đớn trên toàn thân, và chúng ta sẽ xem liệu Chúa có cứu hắn khỏi tay chúng ta hay không.

Thánh Pontius, trong lúc bị trói vào giá tra tấn, đã nói với vị thống đốc:

– Dù vì sự vô tín của ngươi mà ngươi gọi Đức Chúa Trời của ta là bất lực, nhưng ta tin chắc rằng những cực hình mà ngươi định gây ra cho ta, nhờ quyền năng của Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của ta, sẽ không chạm đến thân thể ta và nó sẽ thoát khỏi đau khổ.

Ngay lập tức, dụng cụ tra tấn rơi xuống với tiếng sấm rền và hóa thành tro bụi; những người hầu vì sợ hãi, như những người chết, cũng ngã xuống đất, còn Thánh Pontius, tràn đầy niềm vui, đã nói với viên quan:

– Giờ thì ngươi hãy tin đi, kẻ thiếu đức tin, rằng Chúa của ta có quyền năng *"giải cứu những người kính sợ Ngài khỏi sự cám dỗ, còn những kẻ vô luật pháp thì giữ lại cho đến ngày phán xét, để trừng phạt"* (2 Phi-e-rơ 2:9).

Thống đốc Claudius vì giận dữ mà không biết phải làm gì; người bạn đồng hành của ông là Anavi đã nói với ông:

– Thưa ngài khôn ngoan, khi chúng ta đến đây, cùng lúc với chúng ta có hai con gấu khổng lồ bị bắt ở dãy núi Dalmatia; xin ngài ra lệnh tổ chức một màn trình diễn và ném thánh Pontius cho những con thú này ăn thịt.

Theo lệnh của quan tổng trấn, màn trình diễn nhanh chóng được tổ chức, và vị thánh tử đạo được đặt ở giữa; hai lính canh dẫn hai con gấu ra để chúng xé xác vị thánh. Nhưng bất ngờ, hai con gấu lao vào hai lính canh và nuốt chửng họ, còn đối với thánh Pontius, chúng thậm chí còn sợ không dám lại gần. Đám đông chứng kiến cảnh đó đã thốt lên một tiếng kêu bất giác:

– Chỉ có một Thiên Chúa – Thiên Chúa của Kitô giáo, Đấng mà Thánh Pontius tin tưởng!

Bị tổn thương lòng kiêu hãnh và càng thêm tức giận, quan tổng trấn quát tháo các thuộc hạ phải mang củi và cành cây đến càng sớm càng tốt: ông ta muốn thiêu sống vị thánh tử đạo. Thánh Pontius nói với ông ta:

– Ngươi buộc tội ta điều gì mà lại dám ném ta vào lửa? Chính ngươi sẽ bị thiêu rụi trong ngọn lửa không thể dập tắt; còn ta, Chúa của ta, nếu Ngài muốn, sẽ luôn bảo vệ ta an toàn giữa ngọn lửa, như Ngài đã bảo vệ ba thiếu niên trong lò lửa Babylon xưa kia (Đa-ni-ên, chương 3).

Khi củi và các vật liệu dễ cháy khác đã được thu gom xong, thánh Pontius bị trói chặt và đặt giữa nơi diễn ra cuộc hành hình; sau đó, họ xếp củi và cành cây xung quanh ngài rồi châm lửa; mọi người đều nghĩ rằng từ vị tử đạo này sẽ chỉ còn lại tro tàn. Nhưng khi mọi thứ đã cháy rụi, thì họ thấy Thánh Pontius vẫn còn sống và hoàn toàn vô sự: ngọn lửa thậm chí còn không làm cháy cả áo quần của ngài. Và một lần nữa, dân chúng reo lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Thấy mình thất bại, viên quan cai trị cảm thấy vô cùng xấu hổ và nói với vị thánh tử đạo:

– Sao ngươi lại kiêu ngạo như thế đã chiến thắng mọi cực hình rồi vậy? Ngươi không nghĩ rằng mình sẽ phải đối mặt với những cực hình còn dữ dội hơn sao? Nhưng kia là đền thờ Apollo uy nghiêm: hãy đến đó và dâng lễ vật.

Thánh Pontius đáp lại:

– Tôi dâng hiến thân thể mình, vốn từ trước đến nay vẫn được giữ trong sạch khỏi những điều ghê tởm của ngoại đạo, làm của lễ dâng lên Chúa Giêsu Kitô của tôi; còn các ngài và các vị vua của các ngài sẽ sớm phải chịu sự phán xét công bằng của Thiên Chúa vì đã bất công bức hại những tôi tớ vô tội của Chúa Kitô.

Còn Igemon thì bắt đầu nịnh nọt ông một cách giả dối:

– Thực ra, lẽ ra ngài mới là người xét xử chúng tôi, chứ không phải chúng tôi xét xử ngài: vì ngài là một trong những thượng nghị sĩ hàng đầu, và chúng tôi không hiểu tại sao ngài lại tự tước bỏ danh dự và của cải của mình vì những hy vọng hão huyền.

– Danh dự và của cải của thế gian này – Thánh Pontius đáp – giống như sương mù buổi sáng, che khuất khỏi mắt con người cả đất đai, núi non lẫn biển cả; nhưng khi gió thổi qua, nó nhanh chóng tan biến – như thể chưa từng tồn tại; còn danh dự, của cải và vinh quang mà tôi hướng tới thì tồn tại mãi mãi.

Trong lúc vị thánh đang nói, những người Do Thái, vốn có rất đông trong đám đông, bắt đầu la hét, hướng về phía quan tổng trấn:

– Hãy giết, hãy giết tên pháp sư này đi!

Còn thánh Pontius, giơ hai tay lên trời, nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Thiên Chúa của con, vì ngay cả người Do Thái cũng đang la hét chống lại con, noi gương các tổ phụ của họ, những người đã la hét với Philatô về Đức Kitô: "Hãy đóng đinh, hãy đóng đinh Ngài!" (xem Ga 19:6, 15).

Sau đó, quan tổng trấn tuyên án tử hình đối với Thánh Pontius:

– Đưa người ấy ra ngoài thành, rồi ném xuống đầm lầy.

Mọi việc đều được thực hiện đúng như lệnh của kẻ hành hình. Và Thánh Tử đạo Pontius, sau khi bị chém đầu, đã kết thúc những đau khổ vì Chúa Kitô bằng hình phạt cuối cùng này. Còn thi hài thánh thiện của ngài, người ghi chép lại những đau khổ của ngài và cũng là bạn cùng lứa tuổi, Valerius, đã an táng tại chính nơi mà thi hài ấy đã ngã xuống sau khi bị chém đầu[5422] .

Một thời gian ngắn sau khi thánh Pontius qua đời, những lời tiên tri của ngài đã trở thành sự thật. Vị hoàng đế La Mã vô đạo Valerian, trong cuộc chiến với vua Ba Tư Sapor, đã bị bắt làm tù binh và liên tục phải chịu đủ mọi hình thức sỉ nhục: mỗi khi Sapor lên ngựa, ông ta lại giẫm chân lên cổ Valerian như thể đó là bệ chân; còn vị hoàng đế La Mã khác là Gallienus thì bị chính binh lính của mình giết hại trên đường đến Mediolan. Còn Igemon Claudius và người bạn của ông là Anavius thì bị quỷ ám ngay vào chính giờ phút vị thánh tử đạo bị chém đầu: Claudius đã dùng chính răng mình cắn đứt lưỡi và nhổ nó ra khỏi miệng, còn mắt của Anavius thì lồi ra khỏi hốc mắt và treo lủng lẳng dọc theo má; sau những cơn đau đớn ngắn ngủi nhưng dữ dội do quỷ gây ra, cả hai đều trút hơi thở cuối cùng. Những người ngoại đạo và người Do Thái, khi thấy lời tiên tri của Thánh Pontius trở thành hiện thực, đã cảm thấy sợ hãi, và nhiều người bắt đầu tôn kính ngôi mộ của vị thánh tử đạo. Còn Valerius, sau khi ghi chép lại cuộc đời và những đau khổ của vị thánh, và thấy rằng cuộc bách hại vẫn chưa chấm dứt, đã lên thuyền và ra khơi, vì sợ những kẻ hành hạ, đến Livia. Còn linh hồn thánh thiện của vị thánh tử đạo Pontius đã được hưởng niềm vui nơi Chúa của ngài, Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô, Chúa chúng ta; xin dâng lên Ngài, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, vinh quang và tôn kính, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Tử đạo Eusignius

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 8

Thánh Evsignius xuất thân từ Antiôkhia; trong suốt thời gian trị vì của Diocletian, Maximian, Constantius Chlorus, Constantine Đại Đế và các con trai của ngài, ngài đã phục vụ trong quân đội; ngài được biết đến, trong số những điều khác, như là người bạn đồng hành của Thánh Tử đạo Vasilisk và là người ghi chép lại những đau khổ mà ngài phải chịu dưới thời Maximian. Sau khi Thánh Vasilisk bị chém đầu, Thánh Eusignius đã cùng ngài nhìn thấy Thánh Giá được tạo thành từ những vì sao trên bầu trời, và được trang bị sức mạnh của Thánh Giá, ngài đã dũng cảm chiến đấu chống lại kẻ thù. Sau sáu mươi năm phục vụ trong quân đội, ngài đã rời quân ngũ dưới thời Constantius, con trai của Constantine Đại Đế, vì lúc đó ngài đã rất cao tuổi. Khi trở về quê hương Antioch, ngài dâng trọn cuộc đời mình cho Thiên Chúa, dành toàn bộ thời gian cho việc cầu nguyện và ăn chay, thường xuyên viếng thăm các nhà thờ; ngài sống đến thời kỳ của Julian Bội Đạo, kẻ bách hại Kitô hữu[5423] . Khi vị hoàng đế vô

[5422] Vào thế kỷ thứ năm, Valerian, Giám mục Kimel (khoảng năm 460), trong các bài giảng của mình đã khích lệ thính giả noi gương vị tử đạo Pontius và nói về di cốt của ngài, được các tín hữu Kitô giáo tôn kính. Sau đó, chắc chắn là khi Kimela bị người Langobard tàn phá và cư dân nơi đây di cư đến Nice, di cốt của Thánh Tử đạo Pontius đã được chuyển đến đây.

[5423] Thánh Eusignius bị chém chết bằng gươm vào năm 362.

đạo này đến Antioch, Thánh Eusignius đã bị bắt để tra tấn, nhờ vào hoàn cảnh sau đây. Một ngày nọ, ngài đang trên đường đến nhà thờ thì gặp hai người ngoại đạo đang tranh cãi với nhau, và cuộc tranh cãi đó đã biến thành một cuộc ẩu đả. Khi Thánh Eusignius đi ngang qua họ, họ đã chặn ngài lại và nói:

– Chúng tôi biết, hỡi người dũng cảm, rằng ngài đã từng là chiến binh trong một thời gian dài và vì thế, ngài am hiểu luật pháp – xin ngài hãy phân xử cuộc tranh cãi của chúng tôi và đưa ra phán quyết công bằng.

Thánh Evsignius đã đáp ứng lời thỉnh cầu của họ và giải quyết vụ việc theo lẽ công bằng; một người được chứng minh là đúng, còn người kia thì không. Người sau cảm thấy bị xúc phạm, liền đến gặp nhà vua và tố cáo rằng Evsignius là người Kitô hữu. Vua ra lệnh bắt Thánh Evsignius và đưa ngài đến trước tòa. Khi đứng trước kẻ tra tấn, Thánh Evsignius đã không ngần ngại vạch trần rằng hắn đã không noi gương Hoàng đế Constantine Đại đế, mà lại từ bỏ Chúa Kitô, chuyển sang thờ cúng các thần tượng, thay thế việc thờ phượng Thiên Chúa chân chính bằng việc tôn sùng các thần tượng. Thánh Evsignius đồng thời ca ngợi đức tin và lòng đạo đức của Hoàng đế Constantine Đại đế, kể lại từng chi tiết cách ngài đã nhìn thấy Thánh Giá trên trời và đánh bại kẻ thù của Ngài bằng quyền năng, cũng như cách ngài, sau khi từ bỏ đạo ngoại, ông đã hết lòng gắn bó với Chúa Giêsu Kitô, và nhờ đức tin cùng phép Rửa tội thánh thiêng, không chỉ bản thân ông mà cả vũ trụ đều được soi sáng. Trong khi ca ngợi Hoàng đế Constantine Đại đế như vậy, Thánh Eusignius đồng thời lên án kẻ bội đạo và quở trách ông ta vì sự vô đạo. Không muốn nghe những lời quở trách này, Julian đã ra lệnh chém đầu vị chiến binh của Chúa Kitô. Như vậy, Thánh Eusignius đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô vào năm thứ 110 của cuộc đời và được đưa vào cuộc sống vĩnh cửu, nơi không có thời gian.

Lễ tưởng niệm Thánh Tử đạo Favius, Giáo hoàng Rôma

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 8

Thánh Favius xuất thân từ Rôma[5424] và là một linh mục vào thời các hoàng đế Rôma vô đạo, những người đặc biệt sùng bái tà giáo và vì thế đã đàn áp Giáo hội của Đức Chúa Trời. Ban đầu, Thánh Favius sống tại một làng nhỏ gần Roma, sau đó ngài chuyển đến sống ngay trong thành phố và tại đây, ngài đã tận tâm lo việc chôn cất thi thể các vị tử đạo: vào thời điểm đó, nhiều Kitô hữu đã bị tra tấn và giết hại vì đức tin, thi thể của họ bị vứt ra ngoài cổng thành để làm mồi cho chó, thú dữ và chim chóc; Thánh Favius đã bí mật lấy thi thể các vị tử đạo vào ban đêm và an táng họ một cách trang trọng. Sau khi Đức Giáo hoàng Anphir[5425] bị sát hại dưới triều đại của Hoàng đế Maximian[5426] vì đã tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, các tín hữu – những người đang lẩn trốn khỏi sự đàn áp và giữ kín đức tin của mình – đã tụ họp cùng các giám mục và linh mục tại một nhà thờ mà những kẻ bách hại không biết đến, để bầu chọn một vị Giáo hoàng mới: một ngôi nhà khiêm tốn đã trở thành nhà thờ cho họ trong thời kỳ đầy lo âu đối với các Kitô hữu. Thánh Favius cũng có mặt tại cuộc họp này. Khi việc tìm kiếm bắt đầu để xem ai xứng đáng được bầu vào vị trí cao quý như chức vụ giám mục Rôma, nhiều người đã nghĩ đến những người đàn ông chính trực và xuất sắc, những người có thể chăn dắt đàn chiên của Ngài theo Luật của Chúa Kitô, nhưng không ai nghĩ đến Thánh Favius: ông, với tư cách là người mới từ làng lên, chỉ là một trong những linh mục có địa vị khiêm tốn. Khi việc bầu chọn bắt đầu, những bất đồng nảy sinh, và bỗng nhiên, trên cao, phía trên đầu mọi người, xuất hiện một con bồ câu trắng như tuyết; nó bay xuống, đậu trên đầu linh mục Favius, rồi lại bay lên cao và biến mất. Lúc đó, mọi người đều nhận ra rằng chính Chúa, qua Thánh Thần của Ngài, đã chọn Favius làm người đứng đầu và mục tử của Hội Thánh Ngài, và với niềm vui lớn lao, họ đã đưa ngài lên ngai tòa tổng giám mục. Như vậy, thánh Favius đã trở thành Giáo hoàng; còn trong Hội Thánh của Chúa Kitô, sự bình an đã trở lại. Kẻ bách hại Maximin đã bị chính binh lính của mình giết chết; sau đó, Gordian lên ngôi[5427] , và dưới triều đại của ông, cuộc bách hại đã chấm dứt: vị hoàng đế này, dù là người ngoại đạo, nhưng lại nổi tiếng với tính cách hiền lành và nhân từ; ông đã ra lệnh cấm bách hại các Kitô hữu. Trong thời gian trị vì của ông, họ được hưởng hòa bình và đã xây dựng các nhà thờ khắp nơi. Thánh Favius đã xây dựng nhiều nhà thờ rộng rãi trên các ngôi mộ của các vị tử đạo trong các hang động mai táng, nơi các tín hữu tụ họp để cầu nguyện; còn trên chính những hang động từng là nơi ẩn

[5424] Rome – thủ đô của Đế quốc La Mã.
[5425] Năm 236,
[5426] Hoàng đế Maximian I trị vì từ năm 235 đến năm 238.
[5427] Gordian – hoàng đế từ năm 238.

náu trong thời kỳ bách hại, ngài đã xây dựng các nhà nguyện. Giáo hội ngày càng phát triển nhờ việc hàng ngày có những người ngoại đạo từ bỏ sự vô đạo để quy y Kitô giáo; nó đạt đến sự thịnh vượng đặc biệt sau khi Gordian qua đời, khi Philip[5428] lên nắm quyền, người chia sẻ quyền cai trị cùng con trai mình, cũng tên là Philip; cả hai đều đã chấp nhận Kitô giáo sau khi được một vị thánh nhân và quý tộc tên là Pontius khai sáng; Đức Thánh Cha Favius đã làm phép rửa tội cho họ. Trong thời gian này, số lượng tín hữu đã tăng lên đáng kể: noi gương vị vua và con trai ngài, nhiều người đã chịu phép rửa tội, và đức tin vào Chúa Kitô có thể được tuyên xưng một cách tự do và không sợ hãi. Đức Giáo hoàng thánh Favius, với sự hỗ trợ của vị thượng nghị sĩ Pontius – một tôi tớ chân chính của Chúa Kitô – đã xây dựng các nhà thờ, đồng thời phá hủy các đền thờ ngoại giáo cùng với các thần tượng. Nhưng Giáo hội không được hưởng sự bình an và tự do ấy lâu dài – chỉ khoảng bốn năm thôi: Đấng Đầu của Giáo hội là Chúa Kitô, mong muốn để Hôn thê của Ngài – Đấng mà Ngài đã đổ Máu vì – ở trần gian này được như vàng đã được thử lửa và như bông hoa giữa gai góc, Ngài lại để cho Giáo hội phải chịu những tai ương và đau khổ, và cuộc bách hại bắt đầu, do con rồng địa ngục khơi mào; như Chúa đã mặc khải cho Thánh Gioan Thần Học trong một thị kiến, con rồng ấy đã truy đuổi Người Vợ rực rỡ vinh quang thiên đàng, phun ra từ miệng một dòng nước cuồn cuộn để nhấn chìm Người[5429] . Kẻ thù cổ xưa của điều thiện này, không thể chịu đựng được sự vinh quang ngày càng lan rộng của Đấng Christ, đã nổi dậy chống lại các vị vua đạo đức đã chấp nhận Kitô giáo. Những người ngoại đạo căm ghét Chúa Kitô và các Kitô hữu, tụ tập dưới sự lãnh đạo của Decius bất chính[5430] , đã giết vua Philip và con trai ngài, chính xác là vì họ đã tin vào Chúa Kitô và cho phép tự do tuyên xưng đạo Kitô. Sau khi giết các vị vua, họ quay sang tấn công các Kitô hữu; vào thời điểm đó, máu của các Kitô hữu chảy thành dòng. Đức Giáo hoàng Favius là người đầu tiên bị bắt: với tư cách là đại diện và thầy dạy của các Kitô hữu, ngài bị những người ngoại đạo căm ghét đặc biệt dữ dội. Họ cũng truy lùng Thượng nghị sĩ Pontius, một người đạo đức, nhưng không tìm thấy: ông, giống như nhiều tín hữu khác, đã ẩn náu, rồi sau đó trốn khỏi Roma. Còn Đức Giáo hoàng Favius thì bị chém đầu[5431] và cùng với nhiều người khác, những người đã bị giết cùng thời điểm với ngài, những con chiên trong đàn chiên của ngài, đã từ Hội Thánh Chiến Đấu bước vào Hội Thánh Chiến Thắng. Còn Thánh Pontius sau đó đã bị bắt và cũng đã chịu tử đạo vì Chúa Giêsu Kitô, Đấng của chúng ta; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Ngày 19 tháng 8

Ngày 6 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Iov Uschelsky, người đã thành lập tu viện tại làng Uschelie thuộc tỉnh Arkhangelsk và bị bọn cướp sát hại vào ngày 5 tháng 8 năm 1628, và được an táng vào ngày 6.

Sách Lễ[5432] về Lễ Biến Hình của Chúa

Ngày tưởng niệm 6 tháng 8

Khi sắp phải chịu những đau khổ tự nguyện vì sự cứu rỗi của chúng ta, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã bắt đầu nói với các môn đệ rằng: *"Ta phải đi lên Giêrusalem và chịu nhiều đau khổ từ các trưởng lão, các thượng tế và các kinh sư, và sẽ bị giết"* (Mt 16,21); Ngài đã phán điều này tại Cêsarea Philippi[5433] sau khi Thánh Phêrô, một trong các Tông đồ, xưng nhận Ngài là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa Hằng Sống – *"Ngài là Đấng Kitô, Con*

[5428] Philippus người Ả Rập – hoàng đế từ năm 244–249.
[5429] Khải Huyền 12:15–16
[5430] Decius – hoàng đế từ năm 249–251.
[5431] Năm 250
[5432] Sinaxarion, một từ tiếng Hy Lạp, bắt nguồn từ từ synaxis – cuộc tụ họp (của các tín hữu tại nhà thờ để cử hành lễ) và có nghĩa là: sách các ngày lễ, sau này – tập hợp các thông tin lịch sử về ngày lễ hoặc vị thánh.
[5433] Một thành phố ở miền bắc Palestine, nằm dưới chân núi Hermon. Thành phố này được xây dựng bởi Philip, Tetrarch, con trai của Herod Đại đế; ông đã trang hoàng thành phố và đặt tên là Caesarea để vinh danh Hoàng đế La Mã Tiberius; khác với Caesarea của Palestine hay Caesarea Straton, thành phố này được gọi là Caesarea Philippi.

Thiên Chúa Hằng Sống" (Mt 16,16). Đó là năm cuối cùng trong ba năm rao giảng của Chúa Giê-su Ki-tô và là năm thứ ba mươi ba kể từ khi Ngài được sinh ra bởi Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm. Lời của Chúa Ki-tô đã khiến các môn đệ vô cùng buồn bã, đặc biệt là Tông đồ Phê-rô, người đã bắt đầu phản đối Chúa, nói: *"Xin Chúa thương xót chính mình, lạy Chúa! Xin đừng để điều đó xảy ra với Ngài!"* (Mt 16,22). Thấy sự buồn bã của các môn đệ và muốn xoa dịu nỗi buồn ấy, Chúa Giê-su Ki-tô hứa với một số người trong số họ rằng Ngài sẽ cho họ thấy vinh quang mà Ngài sẽ mặc lấy sau khi Ngài ra đi: *"Có một số người đang đứng đây*," Ngài nói, *"sẽ không nếm trải cái chết trước khi họ thấy Con Người đến trong Nước Trời của Ngài"* (Mt 16:28). Sáu ngày sau những sự kiện đã kể, Chúa, cùng với các môn đệ và đám đông dân chúng, đã khởi hành từ vùng Cêsarêa của Philippô đến vùng Galilê[5434] ; trời đã gần tối khi Ngài đến núi Phavar ở Galilê[5435] . Theo thói quen thường rời xa các môn đệ vào ban đêm để cầu nguyện riêng với Đức Chúa Cha, lần này Chúa Giê-su Christ cũng vậy, Ngài để đám đông lại dưới chân núi và chỉ dẫn theo hai môn đệ là Phi-e-rơ, Gia-cô-bê và Gio-an, Ngài cùng họ leo lên đỉnh núi để cầu nguyện, và tại đó, Ngài tách khỏi họ một quãng ngắn lên một ngọn đồi cao, rồi đắm mình trong lời cầu nguyện. Còn ba vị Tông đồ, một phần vì mệt mỏi do leo núi, một phần vì cầu nguyện quá lâu, đã chìm vào giấc ngủ, như thánh Luca, tác giả Tin Mừng, đã thuật lại: *"Phêrô và những người đi cùng ông đã chìm vào giấc ngủ"* (Lc 9,32). Trong lúc họ đang ngủ, khi bình minh sắp ló rạng, Chúa Giêsu Kitô đã biến hình, tỏa sáng vinh quang của Thần Tính Ngài; theo lệnh của Ngài, hai vị tiên tri đã hiện ra trước mặt Ngài – Môsê từ cõi chết và Êlia từ thiên đàng; họ trò chuyện về những đau khổ và cái chết sắp đến với Ngài tại Giêrusalem. Cuộc trò chuyện này cùng với sự biểu lộ đặc biệt của quyền năng Thần Thánh đã đánh thức các Tông đồ; khi nhìn thấy vinh quang không thể tả xiết của Chúa Giêsu – khuôn mặt Ngài rực rỡ như mặt trời, áo quần sáng chói trắng như tuyết, và hai người đàn ông đang đứng trong vinh quang ấy và trò chuyện với Ngài – các Tông đồ đã kinh hoàng. Nhờ sự mặc khải của Thánh Thần, họ lập tức nhận ra hai người ấy là Mô-sê và Ê-li, và hiểu rằng cuộc trò chuyện đang nói về những đau khổ tự nguyện của Đấng Kitô; trong khi lắng nghe, các Tông đồ đứng đó với lòng kính sợ, đồng thời chiêm ngưỡng vinh quang thần thánh, trong phạm vi mà đôi mắt trần tục của họ có thể nhìn thấy. Và chính Chúa đã tỏ vinh quang của Ngài cho họ ở mức độ mà con người trần thế có thể nhìn thấy mà không bị mù; đối với con người phàm trần, việc chiêm ngưỡng trực tiếp Thần Tính vô hình và bất tử là điều không thể. Xê-ma-nơ từng cầu xin Chúa cho Ngài tỏ vinh quang Thần Thánh của Ngài cho ông thấy mặt đối mặt; Chúa đã đáp lại: *"Con người không thể nhìn thấy Ta mà vẫn còn sống"* (Xuất Hành 33:20). Khi cuộc trò chuyện giữa Chúa Kitô với Mô-sê và Ê-li sắp kết thúc và các Tông đồ, nhờ sự soi dẫn của Thánh Thần, biết được rằng họ sắp ra đi, Tông đồ Phê-rô cảm thấy buồn bã vì các vị tiên tri muốn ẩn mình khỏi tầm mắt họ: ông mong muốn được mãi mãi chiêm ngưỡng cảnh tượng kỳ diệu của vinh quang Đức Kitô và các vị tiên tri đáng kính; với lòng can đảm, ông nói: *"Thầy ơi! Chúng ta ở đây thật tốt; chúng ta hãy dựng ba lều: một cho Thầy, một cho Mô-sê và một cho Ê-li"* (Lc 9,33). Trong lúc Thánh Phêrô đang nói những lời ấy, một đám mây sáng chói, vốn đã đưa hai vị tiên tri đến với Chúa Kitô, đã bao phủ các Tông đồ, bao quanh đỉnh núi, để theo lệnh của Thiên Chúa, lại đưa các vị tiên tri đi và đưa mỗi người về nơi của mình; các Tông đồ càng thêm kinh hoàng khi, khi đến gần Chúa Kitô, họ bước vào chính đám mây ấy và nghe thấy tiếng nói phát ra từ đó: *"Đây là Con Yêu Dấu của Ta, hãy nghe lời Ngài"* (Lc 9,35). Nghe những lời từ trên cao ấy, các Tông đồ vì kinh hoàng tột độ nên hoàn toàn mất bình tĩnh và trong nỗi sợ hãi tột cùng, họ sấp mặt xuống đất. Khi họ ngã xuống, nằm sấp, vinh quang của Chúa, cùng với các tiên tri, đã biến mất khỏi tầm mắt họ. Chúa bước đến gần các môn đệ đang nằm trên đất và nói: "Hãy đứng dậy, đừng sợ!"

[5434] Vùng Galilê ở phía bắc Palestine, hay còn gọi là Galilê (từ tiếng Do Thái "galil" – vùng, khu vực), vào thời Chúa Cứu Thế là vùng thứ ba của Palestine, và được chia thành vùng phía bắc, phía trên – nơi có người ngoại đạo, và vùng phía nam, phía dưới. Galilê chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử thế giới, là quê hương và nơi Chúa Giêsu rao giảng. Galilê có chiều dài khoảng 120 verst từ đông sang tây và 40 verst từ bắc xuống nam. Phía bắc giáp với Syria và dãy núi Li-băng, phía tây giáp với Phoenicia, phía nam giáp với Samaria, còn phía đông được sông Jordan làm ranh giới… Với thành Nazareth – quê hương của Đấng Cứu Thế, nơi Ngài trải qua thời thơ ấu, tuổi trẻ và chủ yếu là nơi Ngài rao giảng – Galilee chính là cái nôi của đức tin Kitô giáo. Còn những dụ ngôn của Chúa Giêsu Kitô, tất cả đều là những hình ảnh tái hiện sự phong phú và vẻ đẹp của thiên nhiên cùng lối sống ở Galilee. Bầu trời, mặt đất, biển cả, những cánh đồng lúa mì, vườn cây, hoa cỏ, vườn nho, cỏ đồng, cá và chim chóc – tất cả đều trở thành nền tảng và hình ảnh cho những bài giảng kỳ diệu trong lời rao giảng thiêng liêng của Đấng Cứu Thế.

[5435] Núi Phavar – một ngọn núi hẻo lánh cách Nazareth bảy verst, cao khoảng 500 sazhen. Tại đây, Barac đã tập hợp quân đội của mình để chống lại Sisera (Các Quan Xét 4:6) và đã đánh tan quân thù ngay dưới chân núi (Các Quan Xét 6:33). Tại đây, Chúa Giê-su Christ của chúng ta đã biến hình (Ma-thi-ơ 17:1; Mác 9:2; Lu-ca 9:28). David đã tiên tri về sứ mệnh vinh quang này của núi Phavar (Thi Thiên 88:13): "Phavar và Hermon sẽ hân hoan vì danh Ngài." Qua đó, vị thi sĩ đã ám chỉ toàn bộ Đất Hứa, bởi vì đây là những ngọn núi của Đất Hứa.

Khi ngước mắt lên, các Tông đồ không thấy ai khác ngoài Chúa Giêsu. Bình minh ló rạng, và họ bắt đầu xuống núi; trên đường đi, Chúa truyền lệnh cho họ đừng nói với ai về sự hiện ra ấy cho đến khi Ngài, sau khi chịu khổ nạn và chết, sống lại từ mộ vào ngày thứ ba, và họ im lặng, không nói với ai trong thời gian đó về bất cứ điều gì mà họ đã được ân sủng nhìn thấy.

Bài giảng nhân lễ Biến Hình của Chúa

Ngày kỷ niệm 6 tháng 8

Không chỉ các Thánh sử mới kể lại câu chuyện về Lễ Biến Hình của Chúa: các vị Thầy của Giáo Hội cũng truyền lại cho chúng ta qua vô số lời giảng dạy dành riêng cho ngày lễ này; trong đó, các ngài giải thích ý nghĩa của ngày lễ, qua đó mang đến một bữa tiệc thiêng liêng dồi dào cho các Kitô hữu yêu mến việc suy gẫm về đức tin. Và đối với chúng ta, những người có trong tay những bài giảng và lời dạy của các vị Thánh Tổ Giáo Hội, những người đã làm sáng tỏ trọn vẹn ý nghĩa của sự Biến Hình của Chúa Kitô, chúng ta không còn cách nào khác ngoài việc lắng nghe những giáo huấn đã sẵn có, tận hưởng bữa tiệc thiêng liêng tràn ngập những suy tư cao cả; và sẽ không vô ích nếu, bằng cách dựa vào lời dạy của các vị Thầy trong Giáo Hội, chúng ta kết hợp các lời giải thích có trong đó lại với nhau, thu thập chúng như những miếng ăn trên bàn tiệc, và áp dụng chúng để giải thích về chính ngày lễ này cho những ai mong muốn.

"Sau sáu ngày, Đức Giêsu đem Phêrô, Giacôbê và Gioan, em của ông, lên một ngọn núi cao chỉ có riêng họ, và Ngài biến hình trước mặt họ" (Mt 17,1–2).

Tại sao Đức Kitô Cứu Thế, khi muốn tỏ lộ vinh quang của Ngài cho các môn đệ – trong chừng mực họ có thể hiểu được – trước khi chịu những đau khổ và cái chết tự nguyện, lại không dẫn tất cả các môn đệ lên núi Phavar? Bởi vì trong số họ có Giu-đa, người không xứng đáng với sự hiện ra thiêng liêng này. Thánh Theophylact, Tổng Giám mục Bulgaria, suy nghĩ như sau về điều này: "Chúa Kitô đã không đưa mười hai môn đệ lên núi, vì Giu-đa không xứng đáng dùng đôi mắt phản bội của mình để chiêm ngưỡng vinh quang của sự biến hình của Chúa Kitô". Thánh Damascene cũng đã ca ngợi một cách tuyệt vời: "Những kẻ bất chính sẽ không được chiêm ngưỡng vinh quang của Ngài, hỡi Chúa Kitô, Thiên Chúa."

Nhưng liệu có thể để Giu-đa, với tư cách là kẻ không xứng đáng, ở lại dưới chân núi một mình, còn các Tông đồ khác thì đưa lên núi không? Tất nhiên, đối với Chúa, điều đó hoàn toàn có thể: nhưng Chúa của chúng ta, Đấng đầy lòng nhẫn nại, khi che chở tội lỗi của tất cả mọi người, đã không muốn vạch trần sự không xứng đáng của Giu-đa, cũng như không muốn cho hắn lý do để sa ngã nặng nề hơn, như Kinh Thánh đã nói: *"Đừng vạch trần kẻ phạm thượng, kẻo hắn ghét ngươi"* (Châm Ngôn 9:8). Thật vậy, nếu Chúa đem theo tất cả các Tông đồ mà chỉ để lại một mình Giu-đa, thì người này sẽ tràn đầy cơn giận và lòng hận thù không chỉ đối với Chúa Giê-su Ki-tô, mà còn đối với tất cả các Tông đồ; hắn sẽ có một cái cớ nào đó để biện minh cho sự ác độc phản bội của mình đối với Đấng Christ, và có thể nói: "Tôi phản bội Chúa Giê-su vì Ngài đã khinh bỉ tôi." Đó là quan điểm của Thánh Theophylact: "Nếu Chúa Kitô để lại một mình Giu-đa dưới chân núi, còn những người khác thì Ngài đưa theo, thì một số người có thể nói rằng chính hoàn cảnh này đã làm tổn thương trái tim Giu-đa và khiến ông nảy sinh ý định phản bội Chúa của mình".

Nhưng liệu Giu-đa có ghen tị với ba Tông đồ được đưa lên núi không? Không, ông ta không ghen tị: ông ta biết rằng họ đang đi cầu nguyện, việc cầu nguyện đó sẽ kéo dài suốt đêm, như Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, đã viết: *"Ngài đem theo Phê-rô, Gio-an và Gia-cô-bê, rồi lên núi để cầu nguyện"* (Lc 9,28); còn Giu-đa thì lười biếng và muốn ngủ suốt đêm dưới chân núi; kẻ lười biếng và hay buồn ngủ thì không quan tâm đến những việc làm đạo đức.

Vậy tại sao Chúa lại chỉ dẫn không quá ba Tông đồ lên núi? Ngài làm điều đó nhằm ứng nghiệm Lời Kinh Thánh được chép trong Sách Đệ Nhị Luật: *"Dựa trên lời chứng của hai hoặc ba nhân chứng, thì vụ việc sẽ được giải quyết"* (Đnl 19:15). Sau khi đưa theo ba Tông đồ, Chúa Giêsu Kitô còn muốn đưa thêm hai vị tiên tri nữa, để cho cả người sống lẫn người chết đều có những nhân chứng chứng thực rằng Ngài là Con Thiên Chúa, được Thiên Chúa Cha sai đến để cứu độ thế gian và được tiếng nói từ trên cao làm chứng. Nhưng tại sao lại có ba Tông đồ hiện diện, nếu chỉ cần hai người là đủ để làm chứng? Mô-sê được kêu gọi từ cõi chết để làm chứng về sự giáng thế của Đấng Christ cho những người đã chết, những người đang bị giam cầm trong âm phủ; Ê-li được kêu gọi để nói với

Ê-nô-cơ ở thiên đàng; còn ba vị Tông đồ được kêu gọi để sau này rao giảng về vinh quang của Đấng Christ, như đã được thấy trong sự biến hình, khi họ nói: *"Ngài đã ở cùng chúng ta, đầy ân sủng và chân lý; và chúng ta đã thấy vinh quang của Ngài, vinh quang như Con Một từ Cha"* (Giăng 1:14). Và một lần nữa: *"Không phải theo những chuyện ngụ ngôn được bịa đặt, nhưng là những người đã tận mắt chứng kiến sự vĩ đại của Ngài. Vì Ngài đã nhận được vinh quang và sự tôn vinh từ Đức Chúa Cha, khi từ vinh quang rực rỡ ấy có tiếng phán đến với Ngài rằng: 'Đây là Con yêu dấu của Ta, Đấng mà Ta hài lòng.' Và tiếng phán ấy, phát ra từ trời cao, chúng tôi đã nghe thấy khi đang ở cùng Ngài trên núi thánh"* (2 Phi-e-rơ 1:16–18).

Đối với Chúa, Đấng đã hiện ra trong sự Biến Hình của Ngài như một đối tượng của sự ngưỡng mộ đầy kính sợ đối với các Thiên Thần và loài người, thì chỉ cần có ba người trong số những người đang sống trên đất này được thấy vinh quang của Ngài và làm chứng về điều đó là đủ: ba Tông Đồ trước mặt Ngài xứng đáng hơn tất cả các dân tộc và các bộ lạc. Việc một người công chính có giá trị cao hơn gấp bội so với vô số kẻ tội lỗi trước mặt Đức Chúa Trời – chính Đức Chúa Trời đã chỉ ra rõ ràng điều này trong Cựu Ước: khi muốn khiến pharaoh Ai Cập khiếp sợ trước quyền năng vĩ đại của Ngài, Ngài đã truyền cho Môi-se đến gặp pharaoh và tuyên bố rằng Đức Chúa Trời đã sai ông đến là Đức Chúa Trời của ba người: Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác và Đức Chúa Trời của Gia-cốp. Nhưng liệu Pha-ra-ôn, vị vua cai trị biết bao thành phố và một dân tộc vĩ đại như dân Ai Cập, có thể run sợ trước Đức Chúa Trời, Đấng tự xưng là Chúa tể của chỉ ba người không? Chẳng phải là điều đáng xấu hổ khi đứng trước vị vua của một đất nước vĩ đại như vậy mà lại tuyên bố rằng Đấng đã sai Mô-sê chỉ cai trị ba người sao? Chẳng phải sẽ phù hợp hơn với tình huống nếu, để làm dịu trái tim cứng cỏi của Pharaoh, Mô-sê nói rằng Đấng đã sai ông là Đức Chúa Trời, Đấng cai trị trên tất cả các quốc gia dưới trời, Đấng thống trị tất cả các vương quốc trong vũ trụ? Tuy nhiên, Chúa không muốn làm như vậy, mà chỉ muốn được tôn vinh trước mặt Pharaoh với tư cách là Chúa Tể của ba tôi tớ của Ngài. Tại sao? Chắc chắn là vì ba người này, khi làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và chỉ quan tâm đến những điều tốt lành trên trời, trong mắt Đức Chúa Trời, họ xứng đáng hơn tất cả các vương quốc và các dân tộc. "*Vì thế*," Sứ đồ nói, *"Đức Chúa Trời không hổ thẹn khi gọi chính Ngài là Đức Chúa Trời của họ"* (Hê-bơ-rơ 11:16), như thể Ngài đang nói: "Pharaoh ơi, ngươi tự hào gì về sự vĩ đại của vương quốc ngươi và vô số thành phố cùng dân tộc dưới quyền ngươi?" Ta có ba tôi tớ như vậy, vương quốc của ngươi không thể sánh được với bất kỳ ai trong số họ – Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, và Ta không hổ thẹn về điều đó. Thánh Xê-la-ti-ô cũng nói như vậy khi luận giải: "Đức Chúa Trời của vũ trụ không hổ thẹn khi được gọi là Đức Chúa Trời của ba người, và điều đó là công bằng: vì các thánh nhân vượt trội hơn tất cả mọi người về phẩm giá – một người thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời còn tốt hơn hàng chục ngàn kẻ vô luật pháp." Ba Tông Đồ đã được đưa lên núi Phavar để chiêm ngưỡng vinh quang của Thiên Chúa, và không cần thêm ai nữa: vì thế gian không xứng đáng với họ (xem Hê-bơ-rơ 11:38).

Tại sao Chúa lại không dẫn theo bất kỳ Tông đồ nào khác, mà lại chính là Phêrô, Giacôbê và Gioan? Thánh Giuse Kim Khẩu và các vị Giáo phụ khác đã đưa ra câu trả lời thỏa đáng cho câu hỏi này. Còn chúng ta, khi nhắc lại ba đức tính cần thiết cho sự cứu rỗi và được Kinh Thánh nhấn mạnh một cách đặc biệt – đó là đức tin, đức cậy và đức mến – thì chúng ta sẽ nói: Chúa đã dẫn theo ba Tông đồ này bởi vì ngay từ đầu, ba đức tính nói trên đã được bộc lộ nơi họ, và sau đó càng được thể hiện một cách rõ ràng hơn. Ở Phê-rô là đức tin: ông là người đầu tiên xưng nhận Đức Kitô là Con Thiên Chúa hằng sống (Mt 16,16), và sau đó chính Chúa đã nói với ông: *"Ta đã cầu nguyện cho ngươi, để đức tin của ngươi đừng suy giảm"* (Lc 22,32); ở Giacôbê là niềm hy vọng: ông là người đầu tiên trong mười hai Tông đồ phải dâng mạng sống mình vì niềm hy vọng của dân Israel; ở Gioan là tình yêu: ông là môn đệ được Chúa yêu mến nhất, được gọi là con trai của Đức Trinh Nữ Maria (Ga 19,26–27). Chính vì điều này mà sau này các Thánh Tông đồ Phêrô, Giacôbê và Gioan đã được Thánh Phaolô gọi là những cột trụ (Ga-la-ti 2:9). Thánh Xê-la-ti-ô đã giải thích danh xưng này như sau để ca ngợi các Tông đồ: "Những cột trụ vĩ đại và kỳ diệu, được mọi người tôn vinh: chính họ, với đức tin, hy vọng và tình yêu, như những cột trụ, đã củng cố Giáo hội sơ khai."

Ngoài ra, trong ba vị Tông đồ này, chúng ta còn thấy sự báo trước về ba hàng ngũ các vị thánh được Chúa chọn, những người xứng đáng hơn cả để được chiêm ngưỡng Chúa Kitô trong vinh quang thiên đàng của Ngài: hàng ngũ những người yêu mến Thiên Chúa, hàng ngũ các vị tử đạo và hàng ngũ các trinh nữ. Trong Thánh Tông đồ Phêrô, chúng ta thấy hình ảnh của những người yêu mến Thiên Chúa: theo lời chứng của Thánh Giuse Kim Khẩu, ngài đã yêu mến Chúa Giêsu Kitô một cách đặc biệt sâu sắc, và nhờ sức mạnh của tình yêu dành cho Chúa Kitô ở đây, trong cuộc sống tạm bợ này, mỗi người sẽ được Ngài yêu mến ở đó, trong cuộc sống vĩnh cửu, và sẽ

được hưởng niềm vui chiêm ngưỡng Ngài, như chính Ngài đã phán: *"Ai yêu mến Ta, Ta cũng yêu mến người ấy*" (Châm Ngôn 8:17). Và một lần nữa: *"Ai yêu mến Ta, thì sẽ được Cha Ta yêu mến; và Ta cũng sẽ yêu mến người ấy và chính Ta sẽ hiện ra với người ấy"* (Giăng 14:21). Trong Thánh Tông Đồ Giacôbê, chúng ta thấy hình ảnh của các vị tử đạo không chỉ là những người phải đổ máu vì Chúa Kitô, mà còn những người, dù không đổ máu của chính mình, nhưng hàng ngày vì Chúa Kitô mà chết đi đối với tội lỗi, đóng đinh xác thịt cùng với những đam mê và dục vọng (Ga-la-ti 5:24). Tên Giacôbê có nghĩa là "người kiềm chế", "người chiến đấu", "người chiến thắng": những phẩm chất này không thể đạt được mà không qua đau khổ. Ai chiến đấu chống lại những cám dỗ phát xuất từ kẻ thù vô hình, ai chế ngự và chiến thắng những đam mê của mình bằng việc hằng ngày từ bỏ xác thịt, thì người ấy, giống như Giacôbê, là một vị tử đạo và một chiến binh mạnh mẽ, dù người ấy không đổ máu mình; tùy theo mức độ đau khổ và nỗ lực đã trải qua trong cuộc chiến đấu, cùng với sự kiên cường khi đẩy lùi và chiến thắng những cám dỗ, người ấy sẽ được tôn vinh cùng với Đấng Chiến Thắng là Đức Kitô. Trong Thánh Gioan Trinh Nữ, người ta được chỉ dẫn về hàng ngũ những ai giữ gìn sự trong sạch của xác thịt và tinh thần; dành cho họ là lời hứa đặc biệt được chiêm ngưỡng Thiên Chúa trong vinh quang: *"Phúc* cho những ai – Chúa phán – *có lòng trong sạch, vì họ sẽ được chiêm ngưỡng Thiên Chúa"* (Mt 5,8). Chúa, khi đưa Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an lên núi Phê-bô để tỏ cho họ thấy vinh quang của sự Biến Hình, qua đó dạy rằng ai muốn ở cùng Ngài trong Nước Trời và được chiêm ngưỡng dung nhan Ngài thì phải noi gương Phê-rô trong tình yêu, noi gương Gia-cô-bê trong sự tử đạo, noi gương Gio-an trong sự trong sạch, nói chung, trong phạm vi khả năng của mình, người Kitô hữu ấy phải noi gương các vị thánh của Thiên Chúa, những người đã bừng cháy với tình yêu nồng nàn dành cho Thiên Chúa, đã tự chứng tỏ mình là những vị tử đạo hàng ngày – dù không đổ máu – qua việc không ngừng chế ngự xác thịt, và – phải tự bảo vệ mình khỏi mọi sự ô uế của xác thịt và tinh thần, thanh tẩy bản thân bằng sự sám hối chân thành.

Với mục đích nào mà Chúa dẫn các môn đệ của Ngài lên ngọn núi cao để cầu nguyện, thay vì đưa họ đến một nơi bằng phẳng nào đó? Đó là để đưa họ từ những vùng đất thấp trần gian lên đến đỉnh cao thiên đàng, và qua đó, một cách huyền bí, dạy cho tất cả một bài học rằng: ai muốn được hưởng những mặc khải từ Thiên Chúa và chiêm ngưỡng vinh quang của Ngài thì phải từ bỏ những ham muốn trần tục, phải khao khát và tìm kiếm những ân huệ trên núi cao, thuộc về thiên đàng. "Ngài dẫn họ lên," Thánh Theophylact nói, "lên ngọn núi cao, để chỉ ra rằng nếu ai không vượt lên trên những ham muốn trần thế, thì người ấy không xứng đáng được chứng kiến những sự mặc khải như vậy. Thánh Tông đồ Phaolô đã dạy một cách tuyệt vời khi nói: *'Hãy tìm kiếm những điều trên trời, nơi Đức Kitô ngự bên hữu Thiên Chúa; hãy suy nghĩ về những điều trên trời, chứ đừng nghĩ về những điều trần thế. Vì anh em đã chết, và cuộc sống của anh em được ẩn giấu cùng Đức Kitô trong Thiên Chúa'* (Col 3:1–3). Ai đi ở nơi thấp thì không thể nhìn xa, còn ai leo lên ngọn núi cao thì dễ dàng bao quát những vùng đất xa xôi; và ai chỉ lo lắng cho cuộc sống hiện tại, làm sao có thể hiểu được sự ngọt ngào của những ân huệ thiên đàng trong tương lai? Nhưng khi bước lên ngọn núi của sự suy ngẫm về Thiên Chúa, người ấy sẽ nhận biết và nhìn thấy bằng trí tuệ, như bằng đôi mắt, ngay cả những điều cao hơn cả các tầng trời. Những loài bò sát bò lê trên mặt đất và các loài thú sống trên đó không thể nhìn thẳng vào tia nắng mặt trời; cũng vậy, trí tuệ của con người chìm đắm trong những lo toan trần thế không thể nào nhìn thấy vinh quang của Đức Kitô và được chiếu sáng bởi ánh sáng ân sủng của Ngài. Vậy nên, hỡi người Kitô hữu, hãy nâng tâm trí mình lên từ đất lên trời, từ hiện tại đến tương lai, từ sự gắn bó với những điều trần thế sang khát khao những điều thiên đàng; khi đó, ngươi sẽ nhận biết Đức Chúa Trời của Israel tốt lành biết bao, Chúa Giêsu ngọt ngào nhất biết bao, tình yêu của Ngài vui mừng biết bao, và ngươi sẽ được hưởng thụ những mặc khải thần thánh của Ngài.

Chúa không dẫn các môn đệ của Ngài lên một ngọn núi thấp, mà là một ngọn núi cao. Tại sao? Để dạy họ suy ngẫm về Thiên Chúa và đồng thời dạy họ siêng năng: không có lao động thì không thể leo lên đỉnh cao. Độ cao của ngọn núi là hình ảnh của việc suy ngẫm về Thiên Chúa, việc leo lên ngọn núi là chỉ dẫn về lao động. Thật tốt khi hướng tâm trí lên Thiên Chúa, nhưng cũng không nên bỏ qua sự cần cù: những việc lành được thực hiện nhờ sự cần cù. Tâm trí nhìn thấy Thiên Chúa, còn sự cần cù dẫn đến việc chiêm ngưỡng Ngài; tâm trí vâng phục Đức Kitô bằng cách tuân giữ các điều răn của Ngài, còn sự cần cù mang lấy ách của Đức Kitô, bước theo dấu chân Ngài. Suy niệm về Thiên Chúa mang lại niềm vui khi chiêm ngắm Chúa Kitô từ bên trong, còn sự siêng năng lại thu hút ánh nhìn của Ngài: *"Xin hãy nhìn xem*," – nhà soạn Thánh vịnh đã nói – *"sự đau khổ và sự kiệt sức của con"* (Tv 24:18). Được Chúa Kitô nhìn thấy cũng là một ân huệ không kém gì việc được chiêm ngắm Ngài. Cả hai đức tính này – sự suy ngẫm về Thiên Chúa và sự siêng năng – đối với ai mong muốn đạt được những ân huệ và niềm vui trên trời, đều cần thiết như đôi cánh đối với chim: con chim chỉ có một cánh không thể bay lượn trên không trung,

và con người, nếu chỉ sở hữu một trong hai đức tính này, không thể vươn tới đỉnh cao của sự cứu rỗi trọn vẹn; suy niệm về Thiên Chúa mà không có đời sống siêng năng thì không chân thật, và sự siêng năng mà không có suy niệm về Thiên Chúa cũng không mang lại lợi ích. Với hai cánh, mọi loài chim đều bay tự do; với hai đức tính – suy ngẫm về Thiên Chúa và sự cần cù – mỗi người đều leo lên ngọn núi Phavar trong tâm hồn để mãi mãi chiêm ngưỡng vinh quang của Thiên Chúa – ban đầu là nhờ sự cần cù, vì nó là tiền đề cho việc suy ngẫm về Thiên Chúa và sự hiểu biết về Ngài. Các Thánh Tông Đồ đã nỗ lực leo lên ngọn núi cao để chiêm ngưỡng vinh quang của sự Biến Hình của Chúa, vậy thì ai có thể hy vọng đạt được niềm vui được chiêm ngưỡng Thiên Chúa mà không cần nỗ lực?

Tại sao Chúa chỉ đưa Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an lên núi, mà không mang theo đám đông đang theo sau họ hay các Tông đồ còn lại? Để qua đó dạy những ai mong muốn rèn luyện sự suy niệm về Thiên Chúa và tận hưởng việc chiêm ngưỡng Thiên Chúa bằng trí tuệ phải tìm kiếm sự cô độc và im lặng.

Chỉ có ba vị Tông đồ được đưa lên nơi tĩnh lặng ấy – đỉnh núi cao vút như sa mạc, nơi không có người ở – để trong sự cô độc và tĩnh lặng, vinh quang của Chúa được tỏ lộ rõ ràng hơn cho họ. Trong sự xao nhãng và hối hả của cuộc sống, Chúa không tỏ mình ra như trong sự tĩnh lặng và cô độc: Tiên tri Ê-li nhìn thấy Đức Chúa Trời bằng tâm trí mình, khi đứng trước vua A-háp của Y-sơ-ra-ên và nói, tranh luận với ông: *"Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, Đấng mà tôi đang đứng trước mặt, hằng sống!"* (3 Vua 17:1), tức là thân xác tôi đứng trước mặt ngài, còn tâm trí tôi hướng về Đức Chúa Trời; mắt xác thịt tôi nhìn thấy ngài, còn tâm trí tôi nhìn thấy Đức Chúa Trời; nhưng tiên tri Ê-li nhìn thấy Chúa của mình một cách rõ ràng hơn gấp bội trong sự cô độc và tĩnh lặng trên núi Ca-rêm hoang vắng (3 Vua 19): tại đó, ông được ban cho cuộc trò chuyện ngọt ngào với Đức Chúa Trời và những sự mặc khải của Ngài, không chỉ trong tâm hồn mà còn qua những hình ảnh hữu hình. Đúng vậy, đôi khi giữa những ồn ào của đời thường, ta cũng có thể hướng tâm trí mình lên Đức Chúa Trời, nhưng không được thoải mái như trong sự cô độc tĩnh lặng: ở đó có quá nhiều chướng ngại, còn ở đây là sự im lặng và bình an! Chẳng phải chính Chúa đã phán một cách vô ích sao: *"Hãy dừng lại* (tức là hãy giải thoát mình khỏi những ồn ào của đời thường) *và nhận biết rằng Ta là Đức Chúa Trời"* (Thi Thiên 45:11); hãy nhận biết Ta, Ngài phán, bằng cách đắm mình trong những suy ngẫm đạo đức, để thấy Ta nhân từ và thương xót dường nào, Ta yêu thương những ai yêu mến Ta ra sao, và Ta gần gũi với tất cả những ai tìm kiếm Ta; hãy nhận biết Ta, và các ngươi sẽ sớm tìm thấy Ta, miễn là các ngươi từ bỏ những điều phù phiếm và lánh xa những lo toan trần thế không cần thiết. Nhận ra điều này, nhiều người đã chạy trốn khỏi thế gian đầy xáo trộn để đến những sa mạc tĩnh lặng, lang thang trên các ngọn núi và trong các hẻm núi trên đất (Hê-bơ-rơ 11:38), để một mình dâng hiến trọn vẹn cho Đức Chúa Trời, tận hưởng những ân huệ của sự hiệp thông với Ngài: "Trong sa mạc," thánh Damascene ca ngợi, "có một khát khao thiêng liêng không ngừng, vượt ra ngoài thế gian phù du này."

Hãy tìm kiếm mầu nhiệm ở đây nữa – tại sao Chúa lại dẫn các Tông đồ lên núi không phải vào ban ngày, mà là khi đêm xuống? Bởi vì ban đêm thuận lợi hơn cho việc cầu nguyện tập trung so với ban ngày: ban đêm, cả vũ trụ chìm trong im lặng và không thấy gì ngoài bầu trời, được trang hoàng bởi những vì sao và vẻ lộng lẫy của nó vô tình thu hút ánh mắt và tâm trí. Chúa dẫn các môn đệ lên núi Phavar vào ban đêm với mục đích dạy cho tất cả chúng ta rằng, trong lúc cầu nguyện, đừng nghĩ đến bất cứ điều gì trần thế, mà hãy hướng trái tim mình lên trời. Ngày xưa, vua Đa-vít đã ca ngợi một cách tiên tri, chỉ ra cách thức mà sự hiểu biết về những mầu nhiệm thiêng liêng sẽ được bày tỏ cho con người. Hãy lắng nghe ngài, tìm kiếm vị Thầy ấy: *"Đêm*," ngài nói, *"đêm mở ra sự hiểu biết"* (Thánh Vịnh 18:3); đêm thực sự chính là vị Thầy ấy, Đấng dạy dỗ trí tuệ của Thiên Chúa cho những con người đang sống trong cuộc đời ngắn ngủi này, như đang ngồi trong bóng tối của đêm và bóng tối của sự chết: "Nếu ngài nhìn lên bầu trời (vào ban đêm)," Thánh Cyril nói, "với vô số vì sao lấp lánh như những ngọn nến, và ngài nghĩ rằng những con người đã bận rộn suốt cả ngày nay, vào ban đêm (khi chìm vào giấc ngủ), chẳng khác gì những người đã chết, thì ngài sẽ cảm thấy ghê tởm trước những tội lỗi của loài người." Vậy, đây là bài học được truyền dạy vào ban đêm: nó dạy ta nhận ra sự hư vô của những lo toan và việc làm trần thế khiến Thiên Chúa phẫn nộ, và thuyết phục ta tránh xa cả hai điều đó. Tất cả những ai sống trên đất vào ban đêm đều giống như người chết; mọi thứ nhìn thấy được ban ngày, ban đêm đều bị bóng tối bao trùm, như thể bị chôn vùi trong đó. Những cung điện kỳ vĩ và những tòa nhà tráng lệ trở nên giống như những cỗ quan tài; những cây cối kỳ diệu, những khu vườn và những khu rừng gợi nhớ đến những hình nộm; vàng, bạc và đá quý trong bóng tối ban đêm chẳng khác gì đồng, sắt và những hòn đá bình thường; vẻ đẹp và giá trị của chúng không thể nhận ra; không có gì trên mặt đất có thể mang lại cho con người niềm vui từ vẻ đẹp của nó vào ban đêm, mọi thứ đều bị bóng tối bao trùm và chỉ có bầu trời là hiện ra, được trang hoàng như những viên ngọc trai bởi các vì sao và mang lại niềm vui cho những ai ngắm nhìn

nó. Ở đây, ý định thiêng liêng của Thiên Chúa được bộc lộ: đêm tối một cách huyền bí dạy dỗ chúng ta về việc làm đẹp lòng Thiên Chúa. Nếu bạn tĩnh tâm trong sự im lặng để cầu nguyện, kết hợp với sự siêng năng, và bắt đầu dùng trí tuệ của mình leo lên ngọn núi của sự suy ngẫm về Thiên Chúa, thì hãy để mọi vật trần gian hiện ra trước mắt bạn đúng như bản chất của chúng vào ban đêm; hãy khinh bỉ mọi của cải trần thế chỉ mang lại niềm vui tạm thời, hãy xa lánh chúng như những thứ không xứng đáng với một Kitô hữu, như những thứ không chứa đựng điều gì chân thật và bị bao phủ bởi bóng tối của sự chết. Hãy để tâm trí ngươi chỉ chiêm ngưỡng những ân huệ trên trời, khi đó ánh sáng ân sủng của Thiên Chúa sẽ được tỏ ra cho ngươi, và ngươi sẽ tràn đầy niềm vui thiêng liêng từ sự ngọt ngào của việc chiêm ngưỡng những mặc khải của Thiên Chúa.

Tại sao Chúa lại đưa các Tông đồ lên núi Phavar để tỏ lộ vinh quang của sự Biến Hình, chứ không phải lên một ngọn núi nào khác? Phavar, khi dịch từ tiếng Do Thái, có nghĩa là cung điện của sự tinh khiết và ánh sáng; vì vậy Chúa mới dẫn các ngài lên núi Phavar, chứ không phải nơi nào khác, để các Tông đồ ngay từ chính tên gọi của ngọn núi đã nhận được lời dạy rằng: ai muốn chứng kiến sự hiển linh vinh quang Thần thánh thì trước hết phải có lương tâm trong sạch như cung điện tinh khiết ấy, xứng đáng để đón nhận ánh sáng ân sủng của Chúa. Hãy nhớ lại ở đây một sự kiện cổ xưa đã diễn ra trên núi Phavar. Khi Sisera, tướng quân của quân Canaan, đến để tiêu diệt dân Israel, thì Barac, thủ lĩnh của họ, đã leo lên núi Phavar và tập hợp tại đây quân đội Israel; từ đó, ông lao vào quân địch và đánh tan hoàn toàn toàn bộ quân đội Canaan, đến nỗi chính Sisera cũng bị giết (Sách Các Quan Xét, chương 4). Chúa đã lặp lại một cách huyền bí sự kiện cổ xưa này trong sự Biến Hình của Ngài: với ý định giành chiến thắng cuối cùng trước Sisera của địa ngục, trước hết Ngài đã lên núi Phavar để, tại đây, như được trang bị một bộ giáp bằng sự hiện diện của quyền năng Thần Thánh, lao vào ma quỷ và đánh bại nó; chính về điều này mà cuộc trò chuyện trên núi Phavar đã diễn ra: *"họ nói về sự ra đi của Ngài"* (Lc 9,31). Đây cũng là lời chỉ dẫn dành cho người Kitô hữu, những ai muốn chiến thắng kẻ thù vô hình và sức mạnh tội lỗi do nó gây ra, – trước hết hãy leo lên núi Phavar của sự trong sạch lòng, hãy thanh tẩy lương tâm bằng sự ăn năn chân thành và biến đổi từ cuộc sống xấu xa sang cuộc sống đạo đức, – hãy khoác lên mình áo giáp của sự công chính và nhận lấy *"toàn bộ vũ khí của Đức Chúa Trời"* (Ê-phê-sô 6:13), thì người ấy sẽ dễ dàng chiến thắng sức mạnh của kẻ thù.

Chúa, khi lên núi cùng các môn đệ, *"đã biến hình trước mặt họ"* (Mt 17:1–2). Cụm từ *"trước mặt họ"* được các tác giả Tin Mừng ghi lại với mục đích làm rõ rằng: Đức Kitô không biến hình vì chính Ngài, khi làm sáng rực khuôn mặt Ngài như mặt trời – ánh sáng, *"là sự chiếu rọi của vinh quang"* (Hê-bơ-rơ 1:3) – vốn không có bóng tối nào trong chính Ngài, nên không cần phải được chiếu sáng. Ngài biến hình vì chúng ta, để chiếu sáng bóng tối của chúng ta và biến đổi chúng ta từ những nô lệ của tội lỗi thành những nô lệ chân chính của Ngài, và từ những con cái của cơn thịnh nộ – thành những con cái yêu dấu của Đức Chúa Trời; mục đích của sự giáng lâm của Đấng Christ, mà Ngài đã thực hiện, chính là biến đổi chúng ta thành con cái của Đức Chúa Trời. Vì điều này, Ngài đã nhập thể từ Đức Trinh Nữ Rất Thánh và Thánh Thần; vì điều này, *Ngài "đã tự hạ mình, trở nên giống như loài người"* (Pl 2,7); vì điều này, Ngài đã nhận lấy hình dạng của một nô lệ, và Ngài đã phải chịu biết bao gian khổ để làm mới lại trong chúng ta, với tư cách là con cái, hình ảnh của Cha đã bị hư mất! Ngày xưa, Mô-sê đã thưa cùng Chúa: *"Nơi thánh, [mà] chính tay Ngài đã dựng nên, lạy Chúa"* (xem Xuất Hành 15:17). Hãy lưu ý điều này – "chính tay Ngài đã dựng nên": không phải nói "tay người theo lệnh Ngài đã làm", mà là "chính Ngài đã tự tay làm". Mô-sê đã nói điều này để chỉ ra sự chăm sóc vô biên của Chúa dành cho con người: vì con người, có điều gì mà Chúa chưa làm và không làm? Vì con người, Ngài đã tạo dựng trời và đất, biển cả, sông ngòi – tất cả những gì trong đó và trên đó; vì con người, Ngài chiếu sáng bầu trời bằng các vì sao cả ngày lẫn đêm; vì con người, Ngài ban mưa, sương và tuyết; vì con người, Ngài, như người nông dân và người trồng vườn, gieo trồng và chăm sóc, để con người không thiếu thốn điều gì. Khi bàn luận về điều này, Thánh Cyril thành Jerusalem đã nói: "Đối với mỗi người, Đấng Cứu Thế của chúng ta hiện ra tùy theo tâm trạng của họ: đối với những ai cần dâng lời cầu nguyện (lên Thiên Chúa), Ngài là Đấng Cầu Thay và Giám Mục. Hoặc: "Đối với những ai mang tội lỗi, Ngài trở thành Chiên Con để bị hiến tế vì chúng ta, và Ngài trở thành mọi sự cho mọi người, trong khi vẫn bất biến trong bản tính của Ngài." Chính bằng những cách đa dạng nhất, Chúa của chúng ta phục vụ chúng ta, Đấng đã phán: *"Con Người không đến để được phục vụ, nhưng để phục vụ"* (Mt 20,28). Và Ngài làm mọi sự, không tìm kiếm lợi ích của chính Ngài, mà là lợi ích của chúng ta, để chúng ta, khi nhận biết những ân huệ không ngừng của Ngài, tràn đầy lòng biết ơn và được biến đổi từ những kẻ có tội thành những người công chính, từ những người yêu thế gian thành những người yêu mến Thiên Chúa. Và trên núi Phà-vô, Ngài đã biến hình vì chính chúng ta, để chúng ta biết về vinh quang thiên đàng đã được chuẩn bị sẵn cho chúng ta; Ngài *sẽ "biến đổi thân thể hèn mọn của chúng ta"* (Pl 3,21),

để trong ngày Phục Sinh chung, thân thể ấy được tương xứng với thân thể vinh quang của Ngài trong Nước Trời vô tận của Ngài, đã được chuẩn bị *"từ khi tạo dựng thế gian"* (Mt 25:34) dành cho những ai yêu mến Ngài. Xin Thiên Chúa và Chúa của chúng ta, Đức Kitô yêu thương loài người, nhờ lòng thương xót của Ngài, cũng ban cho chúng ta ân sủng được chiêm ngưỡng dung nhan Ngài cùng với những người ấy; xin dâng lên Ngài, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, vinh quang và tôn kính, bây giờ, muôn đời và đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 7:

Ngài đã biến hình trên núi, hỡi Đức Kitô, Thiên Chúa, để tỏ cho các môn đệ của Ngài thấy vinh quang của Ngài, theo khả năng của họ; xin cho ánh sáng vĩnh cửu của Ngài cũng chiếu sáng trên chúng con, những kẻ tội lỗi, nhờ lời cầu bầu của Đức Mẹ, Đấng ban ánh sáng, vinh quang thuộc về Ngài.

Bài ca Kondak, giọng 7:

Ngài đã biến hình trên núi, và các môn đệ của Ngài, theo khả năng của họ, đã được chiêm ngưỡng vinh quang của Ngài, lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa: xin cho khi họ nhìn thấy Ngài bị đóng đinh, họ sẽ hiểu rằng sự đau khổ của Ngài là tự nguyện, và họ sẽ rao giảng cho thế gian rằng Ngài quả thực là ánh sáng của Cha.

Ngày 20 tháng 8

Ngày 7 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Pi-men, Đấng Chịu Nhiều Bệnh Tật

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 8

Khi bắt đầu kể về Thánh Pimen, chúng ta hãy tập trung vào lòng dũng cảm vĩ đại của ngài trong những đau khổ, và từ đó học được rằng phải kiên nhẫn chịu đựng bệnh tật – và rằng sức mạnh của Thiên Chúa được thể hiện qua sự yếu đuối. – Thánh Pimen đã sinh ra trong tình trạng ốm yếu; bệnh tật không rời bỏ ngài suốt cuộc đời, nhưng căn bệnh thể xác này đã không để cho căn bệnh tâm hồn phát triển trong ngài: ngài trong sạch khỏi mọi thói hư tật xấu và giữ trinh tiết từ khi còn trong bụng mẹ. Ông đã nhiều lần xin cha mẹ cho phép mình vào tu viện để nhận lễ xuất gia, nhưng vì tình yêu thương sâu đậm dành cho ông, họ không đồng ý với những lời thỉnh cầu này, mong muốn ông sẽ là người thừa kế sau khi họ qua đời. Một lần nọ, nhờ sự an bài của Thiên Chúa, Đấng sắp đặt mọi sự vì điều tốt lành, Thánh Pimen lâm bệnh nặng đến mức ngài thậm chí không còn hy vọng được khỏi bệnh; trước tình thế cấp bách, cha mẹ ngài đã đưa ngài đến Tu viện Pechersk[5436] và xin các vị tu sĩ đáng kính đang sống tại đó cầu nguyện để con trai họ được giải thoát khỏi bệnh tật. Tuy nhiên, những lời cầu nguyện nhiệt thành của các tu sĩ không mang lại sự chữa lành cho người bệnh; lời cầu nguyện của vị thánh hạnh phúc này còn mạnh mẽ hơn lời cầu nguyện của tất cả họ – ngài đã xin Chúa ban cho mình một căn bệnh nặng nề hơn nữa, vì ngài lo sợ rằng, sau khi khỏi bệnh, cha mẹ sẽ lại đưa ngài ra khỏi tu viện và như vậy sẽ tước đi cơ hội được thụ giới của ngài. Vì vậy, khi cha mẹ ngồi bên cạnh cậu, không cho phép cậu thọ giới[5437] , vị thánh Pimen vô cùng buồn bã và cầu nguyện với Chúa, xin Ngài thực hiện mong muốn của cậu, bằng những cách mà Ngài biết. Và rồi vào một đêm nọ, khi cha mẹ và các tôi tớ của ngài đang chìm trong giấc ngủ say, các Thiên thần rạng ngời đã đến với ngài, một số hiện thân

[5436] Tu viện Kiev-Pechersk được thành lập bởi Thánh Antôn (1054–1068).

[5437] Từ thời xa xưa, nghi thức thụ phong tu sĩ đã được Giáo hội Chính thống thánh thiện cử hành theo một nghi thức đặc biệt dành cho những ai chọn con đường đời sống tu hành và dâng hiến trọn vẹn bản thân cho Thiên Chúa qua cầu nguyện và sám hối. Người quyết tâm bước vào con đường này sẽ được hỏi liệu họ có tự nguyện chọn con đường này hay không, sau đó họ phải tuyên thệ ba lời thề: sống trinh khiết, sống tiết độ và sống nghèo khó; tiếp theo, nhân danh Thánh Ba Ngôi, tóc của họ sẽ được cạo theo hình thánh giá và họ sẽ được mặc áo tu sĩ. Người mới được cạo đầu sẽ được trao Thánh Giá và ngọn nến đang cháy.

dưới hình dạng những chàng trai trẻ tuấn tú, số khác là vị Trưởng tu viện và các tu sĩ; họ cầm trên tay Sách Phúc Âm Thánh, nến, áo lông cừu, áo choàng, mũ tu sĩ và tất cả những vật dụng cần thiết khác cho lễ xuất gia:

– Ngươi có muốn chúng ta cạo đầu cho ngươi không? – họ hỏi vị tu sĩ.

Ngài vui mừng đáp:

– Vâng, con muốn; Chúa đã sai các ngài đến, thưa các bậc tôn kính; xin hãy thực hiện ước nguyện trong lòng con.

Họ lập tức bắt đầu tiến hành các nghi thức, thực hiện đầy đủ mọi điều quy định trong nội quy về lễ xuất gia; như vậy, họ đã cạo đầu cho ngài theo hình ảnh vĩ đại của các thiên thần, mặc cho ngài áo choàng và áo tu sĩ, và đặt tên ngài là Pimen. Sau khi trao cho ngài, theo thông lệ, một ngọn nến đang cháy, họ nói:

– Trong suốt bốn mươi ngày và bốn mươi đêm, ngọn nến này sẽ không tắt.

Đồng thời, họ cũng tiên đoán rằng anh sẽ mắc một căn bệnh mãn tính, và việc khỏi bệnh sẽ là dấu hiệu báo trước cái chết sắp đến của anh. Sau khi hôn lên mặt Thánh Pimen, họ lui vào nhà thờ, nơi họ đặt tóc của anh lên quan tài của Thánh Theodosius, sau khi đã quấn chúng trong một tấm vải.

Các tu sĩ ở các phòng tu gần đó, nghe thấy tiếng hát, đã đánh thức những người khác, nghĩ rằng hoặc là vị Bề trên cùng một số anh em đang cạo đầu cho người bệnh, hoặc là ngài đã qua đời; tất cả cùng nhau đến phòng tu nơi vị Thánh đang nằm. Tại đó, họ thấy tất cả đều đang ngủ – cha, mẹ, và những người hầu; các tu sĩ đánh thức họ dậy và nhận thấy căn phòng tràn ngập hương thơm, còn người bệnh thì tràn đầy niềm vui và hân hoan, và đang mặc áo tu sĩ.

– Ai đã cạo đầu cho con và tiếng hát mà chúng ta nghe thấy ở đây là gì, mà cha mẹ con lại không nghe thấy? – họ hỏi, hướng về vị thánh nhân.

– Tôi nghĩ – ngài đáp – rằng vị tu viện trưởng đã đến đây cùng các tu sĩ, người đã cạo đầu cho tôi và đặt tên là Pimen; chính họ là những người đã hát như các vị đã nghe; chính họ cũng đã trao cho tôi ngọn nến này mà các vị đang thấy, và nói rằng nó sẽ cháy liên tục trong suốt bốn mươi ngày và đêm; sau đó, họ gói tóc tôi vào một chiếc khăn, rồi mang theo vào nhà thờ. Nghe vậy, các tu sĩ lập tức vội vã chạy đến nhà thờ, nhưng thấy cửa đã khóa; họ đánh thức các người phụ trách nhà thờ dậy và hỏi xem có ai vào nhà thờ sau giờ cầu nguyện buổi tối không. Họ trả lời rằng không ai vào cả, vì chính những chiếc chìa khóa cũng đang do vị quản lý nhà thờ giữ[5438] . Vị quản lý nhà thờ được đánh thức (ông ta không đưa chìa khóa cho ai và bản thân cũng không vào nhà thờ cùng ai cả); sau khi lấy chìa khóa, các tu sĩ bước vào nhà thờ và tại đây, trên quan tài của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, họ thực sự tìm thấy mái tóc được gói trong chiếc khăn lụa. Sau đó, họ báo cáo toàn bộ sự việc cho vị tu viện trưởng. Vị này vô cùng ngạc nhiên và đã tìm kiếm kỹ lưỡng xem ai có thể đã cạo đầu cho Thánh Pimen, nhưng mọi nỗ lực đều vô ích. Lúc đó, mọi người đều nhận ra rằng việc cạo đầu, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, đã được các Thiên thần thánh thực hiện. Vị tu viện trưởng và các tu sĩ đã bàn luận rất lâu xem liệu nên coi việc cạo đầu kỳ diệu này như một nghi thức thông thường, được thực hiện theo quy định, và cuối cùng họ quyết định không tiến hành lại nghi thức cạo đầu cho Thánh Pimen, vì đã có bằng chứng rõ ràng về tính xác thực của việc đã được thực hiện trên ngài: các tu sĩ thực sự đã tìm thấy, đúng như Thánh Pimen đã nói, tóc của ngài trên quan tài của Thánh Theodosius, và ngọn nến, vốn chỉ đủ cháy trong một ngày, lại cháy suốt bốn mươi ngày đêm mà không tắt[5439] , điều mà vị Thánh này cũng đã chỉ ra ngay sau khi được cạo đầu. Trước tình hình đó, họ chỉ nói:

– Đối với anh, anh Pimen, hình ảnh và tên mà Thiên Chúa đã ban cho anh là đủ rồi.

– Nhưng dù sao đi nữa, hãy cho chúng tôi biết, – vị tu viện trưởng nói khi mang cuốn sách thụ giới đến, – chính xác những ai đã thụ giới cho anh và liệu họ có bỏ sót điều gì được ghi trong cuốn sách này không.

Thánh Pimen nói với vị tu viện trưởng:

[5438] Người giữ chìa khóa nhà thờ, người được giao nhiệm vụ bảo quản tài sản của nhà thờ và có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy chế phụng vụ của nhà thờ.

[5439] Con số bốn mươi mang ý nghĩa tượng trưng quan trọng. Nó biểu thị sự chuyển đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác, sự đổi mới, sự thay đổi. Sau bốn mươi ngày kể từ khi chào đời, đứa trẻ sơ sinh được đưa vào nhà thờ để dâng hiến cho Thiên Chúa. Vào ngày thứ bốn mươi sau khi qua đời, theo tín ngưỡng của Giáo hội Chính thống, linh hồn của người Kitô hữu đã qua đời được đưa lên để thờ phượng Thiên Chúa. Tương tự, khi thụ giới tu sĩ, người mới thụ giới phải dành bốn mươi ngày để chuyên tâm cầu nguyện, vì họ như được sinh ra cho một cuộc sống mới, và như đã chết đối với cuộc sống trần thế và tạm bợ. Điều này cũng được thể hiện qua ngọn nến được các Thiên thần trao cho Thánh Pimen và đã cháy suốt bốn mươi ngày đêm.

– Cha đang thử thách con sao, thưa cha? Chính ngài, khi đến đây cùng toàn thể anh em, đã thực hiện trên con mọi điều được quy định trong cuốn sách này; đồng thời ngài còn nói rằng suốt đời con phải chịu đau khổ vì bệnh tật, và chỉ trước khi chết con mới được giải thoát khỏi nó, để con có thể tự mình mang giường chết của mình; xin cha cầu nguyện cho con, thưa cha thánh, để Chúa ban cho con sự kiên nhẫn.

Nghe xong những lời đó, mọi người đều rời bỏ ông.

Còn Thánh Pimen, theo lời tiên tri của những người đã cạo đầu cho ngài, đã nằm liệt giường nhiều năm vì căn bệnh nặng nề và gây ghê tởm: tất cả những người phục vụ ngài đều ghê tởm căn bệnh đó và thường có những lúc suốt ba ngày liền không cho ngài ăn uống gì, nhưng ngài vẫn chịu đựng mọi thứ với niềm vui, tạ ơn Thiên Chúa.

Có lần, một bệnh nhân mắc cùng căn bệnh với Thánh Pimen đã được đưa đến Tu viện Pechersk và được cạo đầu làm tu sĩ. Các tu sĩ, những người có trách nhiệm chăm sóc người bệnh, đã đưa anh ta đến gặp Thánh Pimen để cùng chăm sóc cả hai người một cách công bằng, nhưng vì lơ là nhiệm vụ, họ thường xuyên quên mất trách nhiệm của mình, đến nỗi những người bệnh đôi khi kiệt sức vì khát. Lúc đó, Thánh Pimen nói với người bệnh đang nằm cùng mình:

– Vì những người phục vụ chúng ta khinh bỉ chúng ta vì mùi hôi thối bốc ra từ chúng ta, vậy anh có muốn, hỡi anh em của tôi, đảm nhận nhiệm vụ của họ không, nếu Chúa cho anh khỏe lại?

Người bệnh hứa với vị thánh rằng sẽ tận tâm phục vụ cho đến khi chết. Thánh Pimen nói:

– Này, Chúa đang chữa lành bệnh tật cho anh, và khi anh đã khỏe mạnh trở lại, hãy thực hiện lời hứa của mình – hãy phục vụ tôi và những người như tôi; còn những người đã lơ là trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình, Chúa sẽ giáng xuống họ một căn bệnh dữ dội, để họ, sau khi trải qua sự trừng phạt, sẽ được cứu rỗi.

Người bệnh lập tức đứng dậy và bắt đầu phụng sự vị Thánh; còn những người phụng sự lơ là, đúng như lời Ngài, đã bị bệnh tật hành hạ.

Người anh em đã khỏi bệnh ấy không phục vụ vị thánh Pimen được bao lâu: không chịu nổi mùi hôi thối, anh ta bỏ đi và để ngài phải chịu đói khát; sau khi rời đi, anh ta định cư tại một phòng tu khác. Và bỗng nhiên, một cơn sốt dữ dội như lửa thiêu đốt anh ta; không còn sức để đứng dậy, anh ta đã phải chịu đựng cơn khát trong ba ngày và cuối cùng, anh ta bắt đầu kêu lên:

– Vì danh Chúa, xin hãy thương xót tôi, vì tôi đang chết khát đây!

Nghe thấy tiếng kêu của anh ta, các tu sĩ ở phòng tu gần nhất đã đến bên anh ta; thấy anh ta ốm nặng, họ báo tin cho Thánh Pimen:

– Anh em đã phục vụ ngài đang hấp hối.

– "Người ta gieo gì thì sẽ gặt nấy" – vị thánh nhân đáp – (xem Ga-la-ti 6:7): anh ta đã bỏ mặc tôi trong cơn đói khát, và chính anh ta cũng phải chịu cảnh tương tự, vì đã nói dối Đức Chúa Trời và khinh thường sự bất xứng của tôi. Nhưng chúng ta được dạy không được trả thù ác bằng ác, vì vậy hãy đi và nói với anh ta: 'Thánh Pimen đang gọi anh – hãy đứng dậy và đến gặp ngài.'

Khi người bệnh được truyền đạt điều này, anh ta lập tức khỏi bệnh và, đứng dậy, không cần ai giúp đỡ, đã đến gặp vị tu sĩ. Thánh Pimen đã khuyên nhủ anh ta rất lâu, nói rằng:

– Hỡi kẻ ít đức tin, giờ đây ngươi đã khỏe mạnh; hãy cẩn thận, đừng phạm tội nữa! Chẳng lẽ ngươi không biết rằng cả người bệnh lẫn người phục vụ người ấy đều sẽ nhận được phần thưởng như nhau sao? Sự kiên nhẫn của những người khiêm nhường sẽ không vô ích: những ai phải chịu đựng nỗi buồn và sự vất vả tạm thời ở đây, sẽ được hưởng niềm vui và sự hân hoan ở nơi không có bệnh tật, không có buồn phiền, không có tiếng thở dài, mà chỉ có cuộc sống vĩnh cửu. Vì điều đó mà tôi chịu đựng tất cả; Đức Chúa Trời, Đấng đã giải thoát con khỏi bệnh tật qua tôi, cũng có thể nâng tôi dậy khỏi chiếc giường này và chữa lành sự yếu đuối của tôi, nhưng tôi không muốn: *"Ai kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu rỗi"* (Mt 10:22), Chúa đã phán. Thà rằng trong cuộc đời này tôi trở thành một xác chết, để ở đời sau thân thể tôi được bất hoại; thà rằng ở đây tôi phải chịu đựng mùi hôi thối, để ở đó được tận hưởng hương thơm không thể tả xiết. Thật vĩ đại, hỡi anh em của tôi, việc phụng sự trong nhà thờ tại nơi sáng sủa, trong sạch và thánh thiện, nơi mà việc dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời cùng với các thiên thần vô hình là điều đẹp lòng Chúa và đầy ngọt ngào; đó là lý do tại sao nhà thờ được gọi là "thiên đàng trần gian", và những ai đứng trong đó được coi như đang đứng trên thiên đàng. Chính căn phòng tối tăm và hôi thối này chẳng phải là sự phán xét trước khi phán xét sao? Chẳng phải là cực hình trước khi chịu cực hình vô tận sao? Nhưng ai chịu đựng tất cả những điều này với lòng biết ơn thì có quyền nói: *"Tôi đã đặt niềm tin vững chắc nơi Chúa, và*

Ngài đã nghiêng mình xuống với tôi và nghe tiếng kêu của tôi" (Thi Thiên 39:2); để an ủi những người đau khổ như vậy, Sứ đồ nói: *"Nếu các anh em chịu hình phạt, thì Đức Chúa Trời đối xử với các anh em như với các con trai… Còn nếu các anh em không chịu sự sửa phạt chung cho mọi người, thì các anh em là những đứa con ngoài giá thú, chứ không phải là con cái"* (Hê-bơ-rơ 12:7–8), và chính Chúa cũng khuyên nhủ chúng ta, hỡi anh em, rằng: *"Hãy dùng sự kiên nhẫn của các anh em để cứu rỗi linh hồn mình"* (Lu-ca 21:19).

Thấm nhuần lời dạy dỗ này của vị thánh, anh em không rời bỏ ngài, mà luôn phục vụ ngài; còn vị thánh Pimen, người chịu khổ anh dũng và là người noi gương chân chính của Gióp công chính, đã nằm trên giường bệnh suốt hai mươi năm, không ngừng tạ ơn Đức Chúa Trời. Khi thời khắc ra đi của ngài đến, tại Tu viện Pechersk đã xuất hiện một điềm báo: vào ban đêm, ba cột lửa hiện lên trên phòng ăn, sau đó di chuyển lên phần trên của nhà thờ. Chỉ có Chúa mới biết ý nghĩa thực sự của dấu hiệu này, nhưng sẽ không phải là bất công khi cho rằng qua đó, Thiên Chúa Ba Ngôi – Đấng *"tạo ra các thần linh bằng các Thiên Thần của Ngài, và lửa bùng cháy bằng các tôi tớ của Ngài"* (Thánh Vịnh 103:4), đã sai các Thiên Thần của Ngài đến đón linh hồn của Piemen, người đang chịu nhiều bệnh tật, giống như đã từng đón linh hồn của Lazarus: vào ngày đó, ông bỗng nhiên khỏi bệnh và nhận ra cái chết đang đến gần, khi nhớ lại lời tiên tri của những người đã cạo đầu cho ông. Anh đứng dậy, đi vòng quanh tất cả các phòng tu, cúi chào mọi người và xin lỗi. Còn với các tu sĩ đang ốm, anh nói:

– Hỡi các anh em và bạn bè của tôi, hãy đứng dậy và tiễn tôi đi!

Ngay lập tức, theo lời ông, bệnh tật của họ biến mất, và họ, sau khi đã khỏe mạnh, đi theo ông. Còn Thánh Pimen, khi bước vào nhà thờ, đã rước Mình Thánh Chúa, và sau đó, cầm lấy giường chết của mình, mang nó đi, mà không cần bất kỳ chỉ dẫn nào, đến hang động mà ông chưa bao giờ đến, chưa bao giờ thấy kể từ ngày sinh ra. Khi vào hang động, ngài cúi đầu trước quan tài của Thánh Antôn[5440] và chỉ nơi ngài muốn được an táng. Trước khi qua đời, ngài đã tiết lộ một bí mật kỳ diệu, chỉ vào quan tài của một số anh em đang nằm gần đó:

– Ở đây, – ông nói, – các anh em đã an táng hai vị tu sĩ trong năm nay, một người không mặc áo tu, còn người kia thì mặc áo tu[5441] ; người đầu tiên, vốn được an táng mà không mặc áo tu, các anh em sẽ thấy ông ấy đang mặc áo tu; ông ấy đã nhiều lần muốn nhận áo tu, nhưng cứ trì hoãn mãi, nhưng vì ông ấy đã thể hiện những việc làm xứng đáng với hình thức này, nên Chúa đã ban cho ông ấy áo tu sau khi qua đời. Còn người anh em kia, người được an táng khi đang mang áo tu, thì các bạn sẽ thấy anh ta không còn mặc áo tu nữa: anh ta không muốn mặc áo tu khi còn sống, cũng không thể hiện những việc làm xứng đáng với nó, mà chỉ nói rằng: "Khi các bạn thấy tôi rời bỏ cõi đời này, thì hãy cạo đầu cho tôi và trao áo tu cho tôi"; ông đã không nhớ đến lời của Đấng đã phán: *"Người chết sẽ không ngợi khen Chúa, cũng như những ai xuống mồ; nhưng chúng ta sẽ chúc tụng Chúa"* (Thánh Vịnh 113:25–26). Vì thế, phẩm tước tu sĩ đã bị tước khỏi ông và trao cho người đã thể hiện những việc làm xứng đáng với phẩm tước ấy: *"Vì ai có"* (những việc lành) *"sẽ được ban thêm và nhân lên, còn ai không có"* (những việc lành) *"thì ngay cả những gì đang có cũng sẽ bị tước đi"* (Mt 25:29). "Người anh em thứ ba," ông tiếp tục, "đã được an táng tại đây từ nhiều năm trước và thân xác đã hoàn toàn mục nát, nhưng áo tu sĩ của ông vẫn còn nguyên vẹn: nó được giữ lại để làm bằng chứng cho sự phán xét và vạch trần tội lỗi của ông, vì ông đã làm những việc không xứng đáng với hình thức tu sĩ này – cả cuộc đời ông đã sống trong sự lười biếng và tội lỗi, không nhớ đến lời Chúa: *'Ai được ban cho nhiều, thì sẽ bị đòi hỏi nhiều'* (Lc 12:48); việc thọ giới tu sĩ không mang lại lợi ích gì cho những ai không làm những việc lành để thoát khỏi những cực hình vĩnh cửu.

Sau khi tiết lộ bí mật, Thánh Pimen nói với các tu sĩ:

– Kìa, những người đã cạo đầu cho tôi đã đến để đón linh hồn tôi.

Ngay sau những lời đó, ngài nằm xuống và an nghỉ trong Chúa[5442] . Các tu sĩ đã an táng ngài tại nơi đã chỉ định với sự tôn kính cao nhất. – Sau khi đào lên những ngôi mộ mà vị thánh đã kể, họ tìm thấy, đúng như lời ngài,

---

[5440] Xác thánh của Thánh Antôn (qua đời năm 1073) được an táng trong hang động nơi ngài đã tu hành (tức là những hang động được gọi là "Hang động Gần").

[5441] Áo tu sĩ (Skhima) là trang phục cao nhất của đời tu, được gọi là "Hình ảnh Thiên Thần Vĩ Đại". Khi thụ phong áo tu sĩ, tu sĩ còn được mặc thêm một số trang phục đặc biệt, cụ thể là: áo trùm đầu (kukol) và áo choàng (analav). Kukol là bộ áo bao bọc đầu và vai từ mọi phía: phần trên của nó hơi nhọn và được trang trí bằng năm cây thánh giá thêu bằng dây màu đỏ; các cây thánh giá này được bố trí ở trán, ngực, cả hai vai và lưng. Anolav là một tấm vải hình tứ giác có dây buộc được may ở các góc. Tấm vải này, từ trên cổ thả xuống bằng các sợi dây và chia ra hai bên, ôm lấy phần cơ dưới cánh tay, rồi xếp thành hình chữ thập trên ngực và vai, dùng chính những sợi dây đó để quấn và thắt chặt trang phục. Cả Kukol lẫn Analav đều mang ý nghĩa tâm linh.

[5442] Ngày 11 tháng 2 năm 1110.

ba tu sĩ mặc áo đen: trong số hai người mới qua đời, một người được chôn cất trong bộ áo tu sĩ, nhưng đã bị tước bỏ bộ áo đó – nó đã được đặt lên người kia, người vốn không có bộ áo đó; còn vị tu sĩ thứ ba, đã qua đời từ lâu, thì được tìm thấy đã hoàn toàn mục nát; chỉ có chiếc áo tu sĩ của ngài là còn nguyên vẹn. Và tất cả đều kinh ngạc trước sự phán xét không thể diễn tả của Đức Chúa Trời, Đấng ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ. Vinh quang, vinh dự và quyền năng thuộc về Đức Chúa Trời, cả bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. A-men.

Ngày lễ tưởng niệm Thánh Ora, tu sĩ mặc áo đen

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 8

Tại Fivaid, Ai Cập[5443] , vùng đất giáp ranh với Ethiopia[5444] , trong số các tu sĩ có một vị thánh nhân kỳ diệu tên là Or, người đã thành lập nhiều tu viện, với số tu sĩ lên đến một nghìn người, đều thuộc quyền quản lý của ngài; ông là một vị tu sĩ già 90 tuổi, tóc bạc phơ, sở hữu vẻ ngoài vô cùng trang nghiêm: khuôn mặt ông toát lên sự thanh thản đến mức khiến người ta có cảm giác như ông là một thực thể vô hình. Thánh nhân Or bắt đầu cuộc đời tu hành của mình ở một sa mạc xa xôi, nơi ngài đã sống nhiều năm trong sự cô độc tuyệt đối, tuân giữ chế độ ăn chay nghiêm ngặt nhất. Sau đó, theo ý Chúa, ngài rời khỏi nơi này và lập một tu viện gần một thành phố; để các tu sĩ không phải đi xa để kiếm củi, ngài đã tự tay trồng một khu rừng nhỏ xung quanh tu viện; trước khi ngài đến đây, nơi này không có lấy một cây nào. Vị thánh không chỉ quan tâm đến sự cứu rỗi tâm hồn của các tu sĩ, mà còn lo lắng cho những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống thể xác, cố gắng để các tu sĩ không thiếu thốn bất cứ điều gì. Khi ngài còn sống trong sa mạc hẻo lánh, ngài chỉ ăn rau xanh và rễ cây, những thứ mà ngài coi là thức ăn rất ngon; ông chỉ uống nước khi tìm thấy; phần lớn thời gian ban ngày và ban đêm, vị thánh Or dành để cầu nguyện siêng năng . Ông duy trì lối sống như vậy cho đến khi già nua, và rồi một ngày nọ, Thiên Thần của Chúa hiện ra với ông trong giấc mơ, nói:

– Ngươi sẽ là cha của nhiều người, vì nhiều người sẽ tin cậy ngươi, và ngươi sẽ dẫn dắt hàng ngàn người vào con đường cứu rỗi; trong kiếp sau, ngươi sẽ nhận được phần thưởng xứng đáng với công lao ngươi đã gánh vác để cứu rỗi họ; đừng nghi ngờ, đừng lo lắng về việc cần bao nhiêu thứ để đáp ứng nhu cầu vật chất của một đám đông như vậy: ngươi sẽ không thiếu thốn điều gì cả – ngươi sẽ có tất cả những gì ngươi xin từ Chúa.

Sau khi có thị kiến đó, vị tu sĩ già tiến gần đến các làng mạc; trước tiên, ngài dựng cho mình một căn phòng nhỏ và trồng rau; và tại đây, cũng như trước đây ở sa mạc xa xôi, Thánh Or chỉ ăn rau, và thậm chí chỉ ăn với lượng rất ít: thường trong một tuần, ngài chỉ ăn một bữa duy nhất. Trước đây, ngài không biết đọc, nhưng sau khi chuyển đến từ sa mạc xa xôi, Chúa đã ban cho ngài ân sủng để hiểu thấu các thánh thư: khi một vị tu sĩ trong cộng đoàn mang đến cho ngài một cuốn sách, ngài mở ra và bắt đầu đọc, như thể đã thành thạo nghệ thuật đọc viết từ lâu. Cùng với đó, Thánh Or đã nhận được từ Thiên Chúa quyền năng chế ngự ma quỷ: những người bị quỷ ám được đưa đến trước mặt ngài bằng sức mạnh, và họ công khai kể lại những việc làm thánh thiện mà ngài đã thực hiện trong bí mật; Thánh Or còn thực hiện nhiều phép chữa lành khác nhờ ân sủng của Chúa Kitô được ban cho từ trên cao. Rất nhiều người mong muốn tu hành dưới sự hướng dẫn của Thánh nhân Or đã đổ về với ngài, và chẳng bao lâu sau, một cộng đồng tu sĩ đông đảo đã hình thành, với Thánh nhân là người hướng dẫn và lãnh đạo. Ngài có thói quen trước tiên nếm thức ăn thiêng liêng, rồi mới dùng đến thức ăn trần thế: chỉ sau khi tham dự các Bí tích Thánh, ngài mới đến bàn ăn, đồng thời dạy dỗ anh em bằng những lời khuyên răn được Thánh Thần soi dẫn hoặc kể những câu chuyện bổ ích cho tâm hồn. Một lần, để răn dạy anh em, ngài đã kể lại như sau:

– Tôi đã thấy trong sa mạc một người đàn ông, người đã ba năm liền không ăn thức ăn trần gian: Thiên Thần của Chúa cứ hai ngày một lần mang đến thức ăn thiên đàng, đồng thời cũng thay thế cả nước uống cho ông ấy.

– Tôi biết, – vị thánh Or kể lại vào một dịp khác, – có một tu sĩ mà các quỷ dữ đã hiện ra trước mặt, hóa thân thành các đạo binh thiên đàng và các chức sắc thiên thần; chúng chỉ cho ông ta một cỗ xe lửa, nơi có một vị vua, như thể được vinh quang bao quanh. Vị vua ấy nói với tu sĩ:

[5443] Fivaida – vùng đất của thành phố Thebes nổi tiếng từ thời cổ đại; tên gọi này cũng được dùng để chỉ toàn bộ miền Thượng (Nam) Ai Cập, theo tên của thành phố chính. Vùng đất này có rất nhiều sa mạc với các tu viện.

[5444] Ethiopia – quốc gia nằm ở phía nam Ai Cập – bao gồm Nubia và Abyssinia.

– Ngươi sở hữu mọi đức hạnh, giờ đây ngươi chỉ cần quỳ lạy ta, và ta sẽ đưa ngươi, như Ê-li (4 Vua 2:1–25), lên cỗ xe lửa và đưa ngươi lên trời từ đây.

Nghe những lời đó, nhà tu rơi vào suy tư:

– Điều này có nghĩa là gì? – ông tự hỏi. – Ta luôn luôn thờ lạy Đấng Cứu Thế của ta, Đấng chính là Vua của ta, và nếu người mà ta đang thấy này chính là Ngài, thì Ngài sẽ không đòi hỏi ta phải thờ lạy, vì Ngài biết rằng ta luôn luôn thờ lạy Ngài.

Sau khi suy ngẫm như vậy, vị tu sĩ nói:

– Tôi có Vua của riêng mình, Đấng mà tôi luôn luôn thờ phượng; còn ngươi thì không phải là vua của tôi.

Ngay lập tức, lũ quỷ biến mất cùng với vị vua của chúng và cỗ xe.

Tất cả những điều này, Thánh nhân Or đã kể lại cho các tu sĩ như thể đó là chuyện của người khác, nhưng nhiều người trong số họ biết rõ rằng tất cả những gì được kể lại đều đã xảy ra với chính ngài. Thánh nhân Or rất hiếu khách và nhân từ với mọi người: mỗi khi có một tu sĩ nào đến gặp ngài và bày tỏ mong muốn sống cùng ngài, ngài sẽ xây dựng cho người ấy một căn phòng tu trong vòng một ngày: khi bắt tay vào việc, thánh nhân Or triệu tập toàn thể cộng đoàn và mọi người đều giúp đỡ ngài với lòng nhiệt thành: một số người khiêng đá, số khác mang cát, số khác mang nước, số khác nữa mang gỗ, và đến chiều tối, căn phòng nhỏ đã hoàn thành; khi trao căn phòng cho vị tu sĩ mới đến, Thánh Or đã cung cấp đầy đủ cho anh ta mọi thứ cần thiết cho cuộc sống. Chúa đã ban cho vị thánh nhân của Ngài một cách dồi dào tất cả những gì ngài xin nơi Ngài. Về vị thánh phụ này còn có câu chuyện sau đây, liên quan đến thời kỳ trong cuộc đời ngài khi ngài mới chỉ có một đệ tử: một lần, khi lễ Phục Sinh của Chúa Kitô sắp đến, đệ tử này nói với thầy mình:

– Thưa Cha, Cha có biết bây giờ là lễ Phục Sinh, và chúng ta phải ăn mừng lễ này như mọi người đang ăn mừng không?

– Ồ, con ơi, – vị tu sĩ già đáp, – cha đã quên mất rằng giờ là lễ Phục Sinh rồi.

Và, bước ra khỏi phòng tu, Thánh Or đứng dưới bầu trời rộng mở, giơ hai tay lên cao: không thay đổi tư thế đó, ngài đứng như vậy suốt ba ngày, đắm chìm trong suy ngẫm về Thiên Chúa. Ba ngày sau, ngài trở về phòng tu và nói:

– Này, con yêu, trong khả năng của ta, ta đã cử hành lễ Phục Sinh rồi.

– Thầy đã làm gì vậy, thưa thầy? – đệ tử hỏi.

– Đối với một tu sĩ, – vị tu sĩ già đáp, – lễ hội và Lễ Phục Sinh nằm ở chỗ tâm trí của người ấy phải vượt qua, như dân Israel đi qua biển mà chân không ướt (Xuất Hành, chương 14), những lời đồn đại trần tục và đến gần Đức Chúa Trời. "Người tu sĩ," ngài tiếp tục, "khi xa lánh thế giới hữu hình, sẽ đến gần hơn với Thiên Chúa vô hình; còn khi gắn bó với những vật chất trần gian, anh ta lại tự tách mình ra khỏi Thiên Chúa vô hình."

Là người cha của nhiều anh em, vị thánh nhân biết rõ cuộc sống và việc làm của từng người, ngay cả những việc họ làm trong bí mật.

Chẳng hạn, có lần, một tu sĩ lang thang mắc tật nói dối, khi đến gặp vị tu sĩ đáng kính, đã giấu quần áo của mình. Xuất hiện trước mặt ngài trong tình trạng nửa trần truồng, anh ta xin ngài cho quần áo: vị tu sĩ Or lập tức vạch trần lời nói dối của anh ta trước mặt mọi người, bằng cách lấy ra bộ quần áo đã giấu. Toàn thể các tu sĩ đều kinh hãi khi thấy vị cha có khả năng thấu thị này biết được những bí mật và những điều ẩn giấu khỏi người khác; không ai dám giấu diếm điều gì với ngài hay làm điều trái luật ở nơi nào đó xa tầm mắt ngài, vì Thiên Chúa đã mặc khải mọi sự cho ngài. Sau khi dẫn dắt vô số người, không chỉ trong hàng tu sĩ mà cả những người thế tục, lên con đường cứu rỗi, Thánh Or đã về với Chúa[5445] tại các nơi ở trên trời và được xếp vào hàng ngũ các vị Thánh Cha vĩ đại, đứng trước ngai vàng của Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi, vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Dometius

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 8

[5445] 90 năm kể từ khi sinh, khoảng năm 390.

Thánh Dometius sống vào thời trị vì của Hoàng đế Constantine Đại đế. Quê hương của ngài là Ba Tư, nơi ngài được một người tên là Uar dẫn dắt từ đạo ngoại giáo sang đạo Kitô giáo. Bỏ lại người thân và quê hương đầy dẫy sự vô đạo của ngoại giáo, Thánh Dometius đã lui về biên giới của nhà nước Hy Lạp, đến thành phố Nizibê[5446] . Khi vào một tu viện ở đây, ngài đã nhận phép rửa thánh, rồi khoác lên mình bộ áo tu sĩ, sống đời tu hành một cách vô tì vết. Nhưng do những lời vu khống của ác quỷ ghen tị và xảo trá, các tu sĩ sống trong tu viện đó đã ghét bỏ ngài, đến nỗi Thánh Dometius buộc phải chạy trốn khỏi đó đến tu viện của các thánh tử đạo Sergius và Bacchus, tại thành phố Theodosiopolis[5447] . Tại đó, ngài noi gương đời sống của Archimandrite Nurvel, người được kể lại là trong suốt sáu mươi năm, ngài không ăn bất cứ thứ gì được nấu chín, ngủ rất ít, và ngay cả khi ngủ cũng không nằm hay ngồi, mà đứng – tựa vào cây gậy. Thượng phụ Nurvel đã phong Thánh Dometius làm phó tế, nhưng khi vị thánh biết rằng thượng phụ muốn ép ông trở thành linh mục, ông đã rời khỏi đó[5448] . Sau khi ẩn dật trên một ngọn núi hoang vắng[5449] , Thánh Dometius đã sống một cuộc đời theo ý Chúa tại đó, chịu đựng nắng nóng, giá rét và mọi biến đổi của thời tiết. Sau đó, ngài vào một hang động và sống ở đó, thực hiện nhiều phép lạ nhân danh Chúa Kitô: ngài chữa lành bệnh tật cho nhiều người đến với ngài, dẫn dắt họ từ việc thờ ngẫu tượng trở về với đức tin vào Chúa Kitô. Khi Julianus, kẻ bội đạo[5450] , đến vùng đất này, sau khi biết rõ mọi chuyện về Thánh Dometius, ông ta ra lệnh ném đá ngài. Những kẻ được sai đi thực hiện hành vi tàn ác đã lên đường và vào giờ thứ ba buổi chiều, họ bắt gặp vị thánh cha cùng hai môn đệ đang thực hiện bài thánh ca thích hợp. Chúng xông vào và ném đá họ, và như vậy, cuộc đời thánh thiện của Thánh Dometius cùng hai môn đệ của ngài[5451] đã khép lại.

Bài thánh ca, giọng 4:

Ngài đã tu hành khổ hạnh trên núi, và bằng vũ khí thập tự giá, Ngài đã tiêu diệt đội quân kẻ thù một cách khôn ngoan, hỡi vị thánh toàn phúc. Rồi Ngài lại dũng cảm chấp nhận sự đau khổ: và vì cả hai người, Ngài đã được Thiên Chúa ban vương miện, hỡi vị thánh tử đạo đáng kính, Dometius, người mãi mãi được tưởng nhớ.

Bài ca Kondak, giọng 6:

Bởi đã khinh bỏ những sự khôn ngoan phù du và kéo con người xuống trần gian, hỡi vị thánh tử đạo Dometius, Ngài đã tỏ ra là một vị thầy vĩ đại cho các tu sĩ, không hề sợ hãi cơn thịnh nộ của vị vua không muốn tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa chân thật. Vì lý do đó, Ngài đã qua đời, vừa hát bài ca: "Thiên Chúa ở cùng con, và không ai chống lại chúng con."

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Marina và Asteria

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 8

Vào thời các vị vua ngoại đạo Valerian và con trai ông là Gallienus[5452] , tại Rôma có một quý tộc chính trực và đạo đức tên là Asterius, người tuyên xưng đức tin vào Đức Kitô; ông là một người danh giá và giàu có, được các

---

[5446] Tại Mesopotamia.

[5447] Trên bờ đông sông Euphrates.

[5448] Cùng với hai môn đệ.

[5449] Trong vùng Kirra ở Syria.

[5450] Julianus Apostata, cháu trai của Constantine Đại đế, con trai của anh trai ông là Julius Constantius, sinh năm 331. Năm 345, cùng với anh trai Gallus, ông bị Constantius đày đến Cappadocia, nơi ông đã trải qua sáu năm dưới sự giám sát nghiêm ngặt. Năm 351, ông rời nơi lưu đày và dành vài năm tại Nicomedia, nơi ông say mê nghiên cứu triết học; năm 355, ông được Constantius bổ nhiệm làm tổng chỉ huy quân đội tại Gaul, nơi ông đã giành được tình cảm của binh lính, những người vào năm 361 đã tôn ông lên làm hoàng đế. Việc nghiên cứu triết học dưới sự hướng dẫn của một thầy giáo ngoại đạo, những mâu thuẫn trong cộng đồng Kitô hữu do các cuộc nổi dậy của phái Arian gây ra, cùng với lòng căm ghét đối với Constantius đã khơi dậy trong Julian lòng căm ghét đối với tôn giáo của kẻ áp bức mình – Kitô giáo. Ông đặt mục tiêu khôi phục đạo ngoại và tiêu diệt Kitô giáo. Tuy nhiên, mọi nỗ lực của ông đều thất bại thảm hại. Julian qua đời vào năm 363 trong một cuộc chinh phạt chống lại người Ba Tư; những lời cuối cùng của ông được dành cho Chúa Kitô: "Ngài đã chiến thắng tôi, hỡi người Galilê!"

[5451] Ngày 23 tháng 3 năm 363.

vị vua ưu ái. Trong thời kỳ bách hại mà Giáo hội Chúa Kitô phải gánh chịu lúc bấy giờ, Asterius vẫn kiên định giữ vững đức tin, không hề che giấu niềm tin của mình vào Chúa Giêsu.

Một lần nọ, khi đang ở trong lãnh thổ Palestine, Thánh Asterius đã đến thành phố Caesarea Philippi[5453] , nơi được người Phoenicia gọi là Paneas; tại thành phố này, nơi có đông đảo những người thờ thần tượng, có một phong tục tổ chức lễ hội ngoại giáo gần một suối nước chảy ra từ núi Paneas; người ta cho rằng sông Jordan bắt nguồn từ đây. Trong lễ hội này, của lễ dâng cho quỷ dữ trở nên vô hình: con quỷ cư ngụ tại đó đã cướp lấy của lễ, che giấu nó khỏi tầm mắt mọi người, và những người ngoại đạo bị lừa dối bởi sự mê lầm đã ca ngợi sự lừa gạt của quỷ dữ này như một phép lạ vĩ đại. Người tôi tớ của Chúa Kitô là Asterius, khi có mặt tại chính lễ hội của quỷ dữ đó, không thể không xót xa trước sự lầm lạc và sự mù quáng tâm hồn của dân chúng bị lừa dối; ngài ngước mắt lên trời và giơ tay lên, với lòng tin, cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để Ngài xua đuổi con quỷ đang lừa dối dân chúng khỏi nơi đó. Và ngay lập tức, quỷ dữ bị xua đuổi bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, và phép lạ của quỷ dữ chấm dứt – mọi người đều tận mắt chứng kiến lễ vật; nó không còn ẩn mình như trước đây và cũng không còn trở nên vô hình nữa. Khi phép lạ chấm dứt, lễ hội cũng chấm dứt, vì những người ngoại đạo không còn tụ tập tại suối nước nữa. Như vậy, lời cầu nguyện của Thánh Asterius, kết hợp với đức tin, đã thanh tẩy nơi đó khỏi sự ô uế của ma quỷ.

Sự chịu khổ của ông vì Chúa Kitô, theo ý định của Thiên Chúa, đã diễn ra như sau. Tại thành Cêsarê khác, thuộc Palestine[5454] , có một chiến binh danh giá và giàu có tên là Marin, nhưng ông còn nổi bật hơn nữa bởi lòng trung thành với đức tin vào Chúa Kitô và sự hào phóng trong việc làm thiện. Các đồng đội trong trung đoàn đã đề cử ông vào vị trí trung úy, vốn trống sau khi người lính trước đó qua đời. Khi Marin đang chuẩn bị nhận chức vụ nói trên, một người lính khác, vì ghen tị và cũng muốn trở thành trung úy, đã đến gặp quan tòa Acheos: hắn tiết lộ rằng Marin, với tư cách là một Kitô hữu, không muốn dâng lễ vật cho các vị thần và các hình tượng của các vị vua; và vì vậy – kẻ tố cáo thêm vào – theo luật pháp La Mã, không thể bổ nhiệm một người như vậy làm trung úy. Thẩm phán lập tức triệu tập Marin và hỏi ông về đức tin mà ông đang theo; sau khi nghe chính Marin thừa nhận rằng ông là người Kitô hữu, thẩm phán đã cho ông ba giờ để suy ngẫm – liệu nên chọn sự sống hay cái chết. Thánh Marin chỉ có hai lựa chọn: hoặc dâng lễ vật ngoại giáo để được sống, hoặc chết vì tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô.

Lúc đó, Đức Giám mục Phê-tê-ik của Cêsarêa Palestine đã đến gặp vị chứng nhân của Chúa Kitô, nắm tay ngài và dẫn vào nhà thờ, đồng thời ban những lời dạy dỗ bổ ích cho linh hồn. Sau đó, khi cùng ngài bước vào bàn thờ thánh, vị giám mục chỉ tay vào Thánh Kinh và thanh gươm quân sự mà Thánh Marin đang đeo bên hông, rồi nói:

– Trong hai vật này, hỡi người đàn ông xứng đáng, hãy chọn một trong hai: hoặc mang thanh gươm này để tạm thời phụng sự vua trần gian, rồi sau khi chết sẽ phải chịu sự diệt vong vĩnh viễn; hoặc trở thành chiến binh của Vua Thiên Đàng, hiến dâng linh hồn vì Danh Thánh của Ngài, được ghi chép trong cuốn sách này, và cùng Ngài trị vì muôn đời.

Thánh Marin giơ tay phải về phía Thánh Kinh, rồi với tình yêu nồng nhiệt, ngài hôn lên cuốn sách, thể hiện rằng ngài sẵn sàng hy sinh mạng sống vì Chúa Kitô. Lúc đó, vị giám mục nói với ngài:

– Hãy gắn bó với Thiên Chúa bằng cả tâm hồn và, được củng cố bởi sức mạnh của Ngài, hãy chấp nhận điều mà chính ngươi đã chọn.

Sau đó, vị giám mục cho Thánh Marin ra về với lời chúc:

– Hãy đi trong bình an.

[5452] Valerian – hoàng đế từ năm 253–259; Gallienus – từ năm 260–268.

[5453] Thành phố này được Philip, con trai của Herod, xây dựng và đặt tên là Caesarea để vinh danh hoàng đế Tiberius. Thành phố tọa lạc tại nguồn sông Jordan.

[5454] Césarée Palestine – từ thời cổ đại xa xưa, nơi này được gọi là thành phố hoặc tháp Straton. Thành phố này đã được Hê-rốt Đại đế tái thiết và đặt tên là Césarée để vinh danh hoàng đế Augustus. Nơi đây nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải. Thánh Tông đồ Phaolô trong các chuyến truyền giáo của mình đã nhiều lần ghé thăm thành phố này (Công vụ 9:29–30, 18:28, 21:8) và đã bị giam giữ tại đây trong hai năm (Công vụ 23:23, 24:27, 25:4–6). Tại thành phố này có viên đội trưởng Cornelius, người đã được Thánh Tông đồ Phêrô dẫn dắt đến với Chúa Kitô và làm phép rửa (Công vụ 10:1–48); Thánh Tông đồ Philipphê cũng từng sống tại đây (Công vụ 21:8); cũng chính tại đây, Agrippa đã qua đời sau khi bị Thiên thần đánh và bị sâu bọ gặm nhấm (Công vụ 12:20–23). Trong Tin Mừng, thành Caesarea ở Palestine không được đề cập đến.

Khi Thánh Marin bước ra khỏi nhà thờ, người thông báo đã đứng sẵn trước cửa tòa án, lớn tiếng gọi tên Marin, vì đã trôi qua ba giờ đồng hồ. Bước vào phòng xử án, Thánh Marin, với sự can đảm hơn trước, đã tuyên xưng mình là Kitô hữu, công khai tôn vinh danh Chúa Kitô và lên án sự vô đạo của các thần ngoại. Thẩm phán tuyên án tử hình đối với ngài, và Thánh Tử đạo Marin bị dẫn ra ngoài thành và bị chém đầu tại đó. Thánh Asterius đã có mặt chứng kiến cái chết tử đạo của ngài, vì theo sự an bài của Thiên Chúa, ngài đã đến thành phố vào đúng thời điểm đó. Sau cái chết đầy đau khổ của Thánh Marin, ngài cởi bỏ chiếc áo choàng quý giá trên người, trải nó xuống đất, rồi dùng nó quấn lấy thi thể cao quý của vị tử đạo cùng với đầu của ngài, và mang trên vai đến mộ, an táng với tất cả sự tôn kính. Chính vì điều này, ngài cũng được ban tặng vương miện tử đạo: những kẻ ngoại đạo vô đạo đã bắt giữ ngài và chặt đầu ngài[5455] , và như vậy, Thánh Asterius, cùng với Thánh Marinus, đã được đón nhận vào hàng ngũ các thánh tử đạo trước mặt Vua Trời – Đức Kitô.

Điều này xảy ra dưới triều đại của Gallienus, người đã kế vị ngai vàng sau khi cha ông là Valerianus qua đời. Vì đã đổ máu của vô số Kitô hữu, ông đã bị trừng phạt bởi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa: trong trận chiến, người Ba Tư đã đánh bại người La Mã, và Valerianus bị bắt sống và rơi vào tay Sapor, vua Ba Tư; ông bị đưa về Ba Tư, và tại đó, ông phải làm bệ chân cho Savorius mỗi khi vị vua này lên ngựa. Đồng thời, Valerian không thể được chuộc khỏi cảnh tù đày nhục nhã này: Savorius không muốn nhận bất kỳ kho báu nào để đổi lấy ông, vì ông ta coi trọng vinh quang khi có cơ hội chà đạp lên vương quyền của hoàng đế La Mã. Sau một thời gian dài hành hạ Valerian, vị vua Ba Tư cuối cùng ra lệnh lột da ông ta trước mặt toàn dân và rắc muối lên; kẻ ác đã phải chịu cái chết tàn khốc như vậy, bắt đầu những cực hình vĩnh cửu ngay trong kiếp này. Cái chết thảm khốc của cha mình đã khiến Gallienus kinh hãi: ông nhận ra đó là sự trừng phạt của Thiên Chúa vì đã tàn sát dã man các tín hữu Kitô giáo; vì vậy, Gallienus đã ban hành sắc lệnh cho tất cả các vùng lãnh thổ của Đế quốc La Mã, trong đó ra lệnh chấm dứt cuộc đàn áp các tín hữu Kitô giáo và cho phép các giám mục tự do quản lý các giáo hội của mình. Nhưng trước khi sắc lệnh đến được Cêsarea ở Palestine, các thánh Marin và Asterius đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô và được hưởng niềm vui của Chúa của họ và Chúa của chúng ta là Đức Giêsu Kitô, Đấng ngự trị cùng Chúa Cha và Chúa Thánh Thần.

Ngày 21 tháng 8

Ngày 8 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Grigori, họa sĩ vẽ tranh thánh ở Pechersk vào thế kỷ XII, an nghỉ trong hang động của Thánh Antoni.

Cùng ngày này, tưởng nhớ các thánh tử đạo Eleutherius và Leonidas, những người đã bị ném vào lửa vì tuyên xưng Đức Giêsu Kitô.

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Grigorius Sinaita, người đã sống dưới triều đại của các vị vua Hy Lạp là Michael IX Palaiologos và Andronikos, người đã viết nhiều cuốn sách có ích cho tâm hồn và qua đời vào nửa đầu thế kỷ XIV.

Lễ kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội nhân dịp hiện ra của bức tượng thánh thiêng liêng và làm phép lạ của Mẹ, được gọi là Tolgskaya

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 8

Vào năm 6822 kể từ khi thế giới được tạo dựng[5456] dưới thời Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga Phêrô, dưới triều đại của Công tước Yaroslav David Feodorovich, Giám mục Rostov và Yaroslavl Prokhor – theo một số nguồn tin khác là Trifon – trong chuyến đi thăm giáo phận của mình, đã đến Tu viện Kirillo-Belozersky; từ đó, ngài tiếp tục hành trình bằng thuyền trên sông – trước tiên dọc theo sông Sheksna, một nhánh của sông Volga, rồi

[5455] Năm 250

[5456] tính từ Giáng sinh năm 1314

tiếp tục theo dòng Volga chính cho đến Yaroslavl. Khi đoàn lữ hành còn cách Yaroslavl sáu poprishch[5457] , trời bắt đầu chạng vạng; lúc đó, họ cập bến nghỉ đêm bên sườn núi nằm ở phía bên kia sông Volga, nơi thành phố tọa lạc; sau khi leo lên ngọn núi, họ dựng lều. Nơi dừng chân nằm ngay đối diện với chỗ mà con sông Tolga, một nhánh của sông Volga, đổ vào sông Volga; toàn bộ khu vực bên kia đều được bao phủ bởi một khu rừng rậm rạp. Trong lúc nghỉ đêm, vị giám mục thức giấc vào nửa đêm và nhận thấy một ánh sáng kỳ lạ; ông vội vàng đứng dậy và nhìn ra khỏi lều, thấy tất cả những người đồng hành của mình – các linh mục, giáo sĩ, người hầu và thậm chí cả những người canh gác – đều đang ngủ say; trong khi đó, một ánh sáng rực rỡ chiếu sáng cả khu vực. Quay mặt về phía sông, vị giám mục nhận thấy trên bờ đối diện có một cột sáng cực kỳ rực rỡ, tỏa sáng một cách kỳ lạ; đồng thời, ngài cũng nhìn thấy một cây cầu bắc qua sông Volga dẫn đến đó; hiện tượng bí ẩn này đã khơi dậy trong lòng vị giám mục sự ngạc nhiên xen lẫn nỗi kinh hoàng. Tuy nhiên, sau khi cầu nguyện với Chúa, ngài cầm lấy cây gậy giám mục, bước ra khỏi lều và, không đánh thức ai, đi về phía con sông rồi bước lên cây cầu mà ngài nhìn thấy: trên thực tế, vị giám mục đang đi trên mặt nước như đi trên cây gỗ – tại nơi này chưa bao giờ có cây cầu nào, nhưng theo lệnh của Chúa, nước đã đông cứng lại, tạo thành một cây cầu dưới chân ngài. Khi đến được bờ bên kia, vị giám mục nhìn thấy bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh đang bế Hài Nhi, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta; bức tượng không đứng trên cây, mà kỳ diệu lơ lửng trên không ở độ cao năm khuỷu tay, đến nỗi từ mặt đất không thể với tay chạm tới được. Vị giám mục, trong khi cúi đầu thờ lạy bức tượng Đức Mẹ, đã dâng lên Nữ Vương Hòa Bình những lời cầu nguyện nồng nhiệt, kèm theo những giọt nước mắt; sau một thời gian cầu nguyện khá lâu, ngài quay trở lại, nhưng lại để quên cây gậy của mình tại chỗ đó. Sau khi băng qua con sông trên chính cây cầu đó, vị giám mục trở về lều của mình, và vì mọi người đều đang ngủ nên không ai biết về chuyến đi của ngài; vị giám mục đã ngủ ngon lành cho đến sáng. Khi bình minh ló rạng, mọi người thức dậy, và như thường lệ, lễ sáng thứ năm được cử hành. Đã đến giờ phải ra bến thuyền, các người hầu bắt đầu tìm cây gậy của vị thánh, nhưng mọi nỗ lực đều vô ích. Lúc đó, họ báo với vị giám mục rằng không biết cây gậy đã biến mất đi đâu, dù tối qua nó vẫn được đặt trong lều. Vị giám mục chợt nhớ ra rằng mình đã để quên cây gậy ở bên kia sông, và ngài hiểu rằng Chúa muốn cho mọi người biết về hiện tượng kỳ diệu đã được nhắc đến; không thể thốt nên lời vì nước mắt, ngài bắt đầu chỉ tay về phía sông Volga; sau đó, với giọng nói run rẩy vì xúc động, vị thánh kể lại từng chi tiết cách ngài đã đến được bờ đối diện của sông Volga và những gì ngài đã thấy ở đó; rồi ngài ra lệnh cho mọi người đi theo hướng ngài chỉ định sang bên kia sông Volga để lấy cây gậy về. Các người hầu lên đường và trong lúc tìm kiếm cây gậy, họ đã tìm thấy trong rừng bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, nhưng không phải treo lơ lửng trên không, mà đang đứng trên mặt đất giữa các cây; cây gậy cũng nằm gần đó. Sau khi cúi đầu kính lễ bức tượng thánh và lấy cây gậy, họ trở về gặp vị thánh và báo cáo với ngài rằng họ đã nhìn thấy bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Lúc đó, vị giám mục, tạm hoãn chuyến đi đến Yaroslavl, đã cùng tất cả các thuộc hạ của mình vượt sông Volga; khi nhìn thấy bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ngài lập tức nhận ra chính là hình ảnh đã lơ lửng trên không vào ban đêm, được bao quanh bởi một luồng ánh sáng rực rỡ hình cột. Trong niềm vui và sự hân hoan thiêng liêng, vị thánh quỳ gối, dâng lên những lời cầu nguyện nồng nhiệt đến Đức Mẹ và kính cẩn hôn lên bức tượng thánh của Mẹ. Tất cả những người có mặt cũng không kìm được những giọt nước mắt vui sướng và, trong khi thờ lạy bức tượng thiêng liêng, họ cũng thành kính cầu nguyện với Mẹ Thiên Chúa.

Hiện tượng kỳ diệu của bức tượng Đức Mẹ Rất Thánh này đã diễn ra vào ngày 8 tháng 8, ngày kỷ niệm Thánh Emilian, Giám mục Kizich.

Thánh Prochorus, không chần chừ chút nào, ngay lập tức bắt tay dọn dẹp nơi bức tượng thánh hiện ra, chặt gỗ và chuẩn bị cây cối để xây dựng nhà thờ; những người đi cùng ngài cũng nhiệt thành noi gương ngài; ngay trong ngày hôm đó, họ đã khởi công xây dựng một nhà thờ nhỏ và đến trưa thì hoàn thành việc xây dựng. Tin tức về sự hiện ra kỳ diệu và những sự kiện liên quan đã lan đến Yaroslavl, và đông đảo dân chúng vội vã đổ về nơi vị giám mục đang ở; trong số những người đến có cả các linh mục lẫn giáo dân, già và trẻ, giàu và nghèo, khỏe mạnh và ốm yếu. Khi chiêm ngưỡng bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, họ tràn ngập niềm vui khôn tả và thành kính cầu nguyện; ai nấy đều cố gắng giúp đỡ những người đang xây dựng nhà thờ – có người chặt cây, có người cùng lao động với những người đã bắt đầu công trình xây dựng nhà thờ. Khi nhà thờ hoàn thành, vào chiều cùng ngày, vị giám mục đã làm lễ thánh hiến và rước bức tượng linh thiêng vào; sau đó, sau khi cử hành thánh lễ tại nhà thờ mới xây, vị thánh đã đặt tên cho nhà thờ theo danh hiệu "Lễ Rước Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội" và ấn định ngày lễ

[5457] Cách đó khoảng sáu verst.

kỷ niệm sự hiện ra của bức tượng Đức Mẹ vào ngày 8 tháng 8. Tất cả những người bệnh tật có mặt tại đó đều được chữa lành nhờ ân sủng của Đức Mẹ. Ngay lúc đó, vị giám mục ra lệnh thành lập một tu viện bên cạnh nhà thờ và cùng ngày đã bổ nhiệm vị tu viện trưởng. Kể từ thời điểm đó, tại nơi hiện ra bức tượng kỳ diệu, một tu viện đã được xây dựng, ban đầu khá khiêm tốn, nhưng sau đó, cùng với sự lan rộng của danh tiếng, tu viện này cũng ngày càng mở rộng về quy mô. Tu viện này, được Thiên Chúa che chở, vẫn tồn tại cho đến ngày nay và được biết đến với tên gọi Tolgskaya, theo tên con sông Tolg, một nhánh sông chảy vào sông Volga tại địa điểm này.

Kể từ ngày bức tượng kỳ diệu của Đức Mẹ Đồng Trinh hiện ra, vô số phép lạ đã bắt đầu xảy ra; trong số đó, chúng ta chỉ đề cập đến một số phép lạ nổi bật nhất tại đây. Vào ngày 16 tháng 9 năm 6900[5458] , dưới thời vị tu viện trưởng German, khi vị linh mục cất tiếng trong Thánh lễ Sáng sau bài ca thứ chín: "Hãy ca ngợi Đức Mẹ và Mẹ Ánh Sáng bằng những bài ca!" thì đột nhiên, từ bàn tay phải của Đức Mẹ Thiên Chúa, dầu thánh đã tuôn trào, và nhà thờ tràn ngập hương thơm kỳ diệu; tất cả những người có mặt trong nhà thờ khi chứng kiến phép lạ này không khỏi kinh ngạc và sợ hãi, đồng thời ca ngợi Thiên Chúa và Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội. Sau Thánh Lễ Sáng, người ta bắt đầu cử hành nghi thức cầu nguyện dâng lên Đức Mẹ Rất Thánh, và khi kết thúc nghi thức, trong lúc hát bài "Nữ Vương, xin nhận lời cầu nguyện của các tôi tớ Ngài", từ chân trái của Hài Nhi Rất Thánh, đang được Đức Mẹ ôm trên tay, đã tuôn ra dầu thánh; như vậy, trước mắt các tín hữu đang có mặt trong nhà thờ lúc bấy giờ, đã hiện ra hai nguồn suối – từ tay phải của Đức Mẹ Rất Thánh và bàn chân trái của Chúa Kitô – kỳ diệu tuôn chảy dầu thánh từ cùng một bức tượng. Phép lạ kỳ diệu này không thể không khơi dậy niềm vui thiêng liêng trong lòng vị tu viện trưởng và các tu sĩ: họ quỳ gối trước Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội với những giọt nước mắt và xức dầu thánh lên trán mình, loại dầu thánh này sở hữu sức mạnh chữa lành vĩ đại: bất kỳ ai đang ốm đau – dù mắc bệnh gì đi chăng nữa – chỉ cần được xức dầu thánh kỳ diệu này, lập tức sẽ được lành bệnh. Một thời gian sau sự kiện kỳ diệu này, một quan đại thần tên là Nikita được Đại công tước cử từ Moscow đến vùng Belozersk: khi ông cùng vợ và các người hầu đến Yaroslavl, họ lên thuyền để tiếp tục hành trình ngược dòng sông. Vị quý tộc này có một người con trai duy nhất, vẫn còn là một cậu bé nhỏ – mới chỉ khoảng bốn tuổi – và trên đường đi, cậu bé bỗng dưng ốm nặng rồi qua đời; thi thể cậu bé được đưa đến Tu viện Đức Mẹ Rất Thánh ở Tolg để an táng tại đó. Cha mẹ của cậu bé quá cố khóc lóc thảm thiết trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, vì họ không còn con cái nào khác. Sau khi tẩy rửa thi thể, họ bắt tay vào chuẩn bị quan tài và những vật dụng cần thiết khác cho lễ an táng; trong những công việc buồn bã này, thời gian trôi qua từ một giờ chiều đến mười giờ tối. Và rồi, khi sau buổi cầu nguyện thông thường, bài thánh ca bên mộ bắt đầu vang lên, cậu bé bất ngờ sống lại và kêu lên; mọi người đều kinh hoàng nhưng đồng thời cũng vui mừng; đặc biệt là cha mẹ cậu bé. Họ không biết phải cảm tạ Chúa và Mẹ Thiên Chúa như thế nào khi lại được nhìn thấy con trai mình sống sót và khỏe mạnh. – Một lần nọ, theo ý Chúa, một trận hỏa hoạn lớn đã xảy ra tại tu viện; lúc đó, nhà thờ bốc cháy nhanh đến mức các tu sĩ không kịp mở cửa nhà thờ để mang bất cứ thứ gì ra khỏi đó; toàn bộ nhà thờ cùng mọi thứ bên trong đều bị thiêu rụi. Mọi người đều đau buồn nghĩ rằng bức tượng thánh làm phép lạ cũng đã phải chịu chung số phận đó. Nhưng sau trận hỏa hoạn, người ta bất ngờ tìm thấy bức tượng thánh trong một khu rừng nhỏ gần tu viện, hoàn toàn nguyên vẹn và được bao quanh bởi ánh sáng rực rỡ: chắc chắn rằng chỉ có bàn tay của các Thiên thần, chứ không phải con người, mới có thể cứu bức tượng thánh ra khỏi ngọn lửa dữ dội đó. Các tu sĩ đã vui mừng đón nhận bức tượng thánh và, không chậm trễ, bắt tay vào việc xây dựng một nhà thờ mới, rộng lớn hơn về quy mô và lộng lẫy hơn về trang trí. Và cho đến nay, người ta vẫn có thể chiêm ngưỡng những tòa nhà nhà thờ và các công trình tu viện tuyệt đẹp. Ơn lành của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đức Trinh Nữ Maria cho đến ngày nay vẫn không ngừng thực hiện những phép lạ, như từ một suối nguồn, từ bức thánh tượng thiêng liêng của Mẹ, tuôn trào sự chữa lành cho các bệnh tật và xua đuổi các linh hồn xấu xa khỏi con người.

Những phép lạ này được mô tả chi tiết ngay tại chính tu viện; còn chúng ta, sau khi trình bày chỉ một phần nhỏ, và cũng chỉ tóm tắt – vì không đủ thời gian để kể chi tiết hơn – xin ngợi khen Thiên Chúa và Mẹ Ngài, Đức Trinh Nữ Maria; xin dâng lên sự tôn kính xứng đáng cho bức tượng thánh của Mẹ, mà tất cả các thế hệ Kitô hữu phải luôn tôn kính, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

[5458] Tính từ năm Chúa Giê-su ra đời là năm 1392.

Kỷ niệm Thánh Miron, vị Cha Thánh của chúng ta, Đấng Làm Phép Lạ, Giám mục đảo Crete.

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 8

Thánh Miron sinh ra trên đảo Crete[5459] , và cũng lớn lên tại đây; ngài kết hôn khi còn khá trẻ; nghề chính của ngài là làm nông nghiệp, và "bằng mồ hôi trên trán mình", Thánh Miron không chỉ tự nuôi sống bản thân mà còn nuôi sống người khác, chia sẻ thu hoạch của mình cho những người nghèo khó. Chúa đã ban phước lành cho những công lao của Thánh Miron: quy mô của những khoản bố thí tương ứng với sự dồi dào của mùa màng. Thánh Miron là người nhân từ nhất trong số tất cả những người sống trên mảnh đất ấy: một lần, ngài bắt gặp những tên trộm trên sân thóc của mình, khi chúng đã nhồi đầy lúa mạch vào bao đến mức không thể nhấc lên được; thay vì trừng phạt chúng bằng hình phạt thể xác hay bất kỳ hình thức nào khác, Thánh Miron đã tiến lại gần và dùng chính đôi tay mình giúp chúng vác những bao lúa lên vai; đồng thời ngài nghiêm khắc cấm những tên trộm không được tiết lộ hành động của mình. Nhờ cuộc đời đạo đức, Thánh Miron được phong làm linh mục; trong chức vụ này, ngài nhiệt thành dạy dỗ các tín hữu của mình về đời sống Kitô giáo thánh thiện, và trong thời kỳ bách hại dưới triều đại của vị vua vô đạo Decius[5460] , ngài đã nhiệt tình khuyên nhủ họ kiên cường chịu đựng những đau khổ. Khi cuộc bách hại chấm dứt cùng với cái chết của Decius[5461] , Thánh Miron được tấn phong làm giám mục: với tư cách là giám mục, ngài đã thiết lập ngày kỷ niệm các thánh tử đạo, những người đã chịu khổ vì Chúa Kitô trong thời kỳ bách hại, đồng thời nhờ quyền năng của Thiên Chúa, ngài đã thực hiện nhiều phép lạ và những việc kỳ diệu khác. Chẳng hạn, Thánh Miron đã làm ngừng dòng chảy của con sông: trong một trận lụt, một quý ông tên là Triton cần phải băng qua con sông[5462] ; vị giám mục thánh thiện đã làm ngừng dòng chảy của con sông cho đến khi người đàn ông đó, sau khi băng qua sông, quay trở lại; lúc đó, Thánh Miron đã gửi cây gậy của mình kèm theo lệnh để con sông tiếp tục dòng chảy bình thường của nó. Khi các sứ giả của Thánh Miron đến được con sông và, sau khi khuấy động dòng nước bằng cây gậy của vị thánh, lặp lại mệnh lệnh của ngài, dòng sông đã chảy qua lòng sông theo hướng cũ với tốc độ và sức mạnh phi thường. Thánh nhân, người được Chúa yêu mến, đã thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại không kém phép lạ vừa được mô tả. Thánh Miron đã về với Chúa khi đã là một cụ già trăm tuổi, dành trọn cuộc đời để phụng sự Chúa bằng cách tuân giữ các điều răn thánh của Ngài[5463] .

Lễ kính Thánh Cha chúng ta Emilián, vị Tuyên xưng đức tin, Giám mục Kizich

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 8

Thánh Emilián, Giám mục Kizich[5464] , đã chịu nhiều đau khổ vì tuyên xưng Đức Kitô dưới triều đại của Lêo người Armenia, vị hoàng đế chống thánh tượng[5465] . Thánh Emilián đã nhiều lần bị ép buộc phải từ bỏ việc thờ phượng các thánh tượng đáng kính và thánh thiện, nhưng ngài, kiên định tuân theo giáo huấn của các vị Thánh Cha, đã không tuân theo. Vì lòng trung thành với đức tin Chính Thống Giáo này, ngài đã phải chịu nhiều khổ nạn từ phía những kẻ dị giáo, thậm chí cả việc bị giam cầm[5466] , nhưng Thánh Emilian đã chịu đựng tất cả với niềm vui,

---

[5459] Crete – hòn đảo lớn nhất trong số các đảo Hy Lạp, nằm ở phía đông Địa Trung Hải.

[5460] Decius – hoàng đế từ năm 249 đến năm 251.

[5461] Năm 251

[5462] Một thông tin khác được ghi lại trong cuốn "Cuộc đời các thánh" và "Sinaxarion" của Nicodemus: ở đó có ghi rằng dòng sông tên là Triton đã bị Thánh Miron ngăn lại trong một trận lụt, và ngài, sau khi đi qua dòng sông đó trên cạn, đã ném cây gậy xuống với mệnh lệnh để dòng sông lại chảy tiếp. Tại Crete, Diodorus of Sicily cũng đã biết đến dòng sông Triton.

[5463] Thánh Miron qua đời vào khoảng năm 350.

[5464] Kizik nằm trên bán đảo Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch) thuộc Arktonisse; thành phố này được người Miletus thành lập cách đây 5 thế kỷ trước Công nguyên.

[5465] Lê V người Armenia – hoàng đế từ năm 813 đến 820.

[5466] Vào năm 815, ngài bị giam cầm cùng với các giám mục khác. Tại cuộc họp các giám mục do vị tổng giám mục chủ trì trước mặt vị hoàng đế chống thánh tượng là Thánh Emilián, ngài là vị giám mục đầu tiên đã dũng cảm đối thoại với Lê V người Armenia, kiên quyết bảo vệ quyền lợi của Giáo hội. Trước những lời thuyết phục của hoàng đế, người đang nghiêng về chủ nghĩa chống thánh tượng, ngài đã nói: "Nếu vấn đề này, thưa hoàng đế, là vấn đề của Giáo hội, như chính ngài đã nói, thì hãy để nó được xem xét trong Giáo hội theo thông

trong hy vọng rằng những đau khổ tạm thời này sẽ mang lại hạnh phúc vĩnh cửu. Với tâm hồn thuần khiết theo tinh thần Kitô giáo như vậy, khi bước đi trên con đường đời đầy đau khổ và thử thách, Thánh Emilián đã qua đời trong cảnh bị giam cầm, đặt trọn niềm tin vào Chúa và được đội vương miện của người làm chứng cho đức tin.

Kondak, giọng 3:

Ngài đã tỏ mình là vị chiến binh vinh quang trước Ba Ngôi, Giáo hội ca ngợi và tôn vinh Thánh Emilián, vì Ngài đã chịu khổ vì Giáo hội: vì lý do đó, chúng con tôn kính kỷ niệm của Ngài, xin cứu các tôi tớ của Ngài khỏi sự xâm lăng của những kẻ ngoại đạo.

Ngày 22 tháng 8

Ngày 9 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Psoi, môn đệ của Thánh Pachomius Đại Đế, người đã tu hành tại Ai Cập vào thế kỷ IV.

Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Mát-thê

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 8

Thánh Tông đồ Matthêu, thuộc chi phái Giu-đa, sinh ra tại Bê-lem; từ thuở ấu thơ, ngài đã bắt đầu học các sách thánh và luật pháp của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem dưới sự hướng dẫn của Thánh Si-mê-ôn, người đón Chúa Hài Đồng. Từ ngài, Thánh Matthêu đã được dạy dỗ về lối sống đạo đức: ngài sống một cuộc đời thánh thiện, nghiêm túc tuân theo con đường được vạch ra trong các điều răn của Đức Chúa Trời. Đã đến lúc, sau ba mươi năm kể từ ngày Chúa Giêsu ra đời từ Đức Trinh Nữ Maria và sau khi nhận phép rửa từ Thánh Gioan, Chúa đã tự mặc khải cho thế gian; Ngài tập hợp các môn đệ, rao giảng về sự đến của Nước Trời, đồng thời thực hiện vô số phép lạ và dấu lạ. Thánh Mát-thêu, khi lắng nghe lời dạy của Chúa Kitô và chứng kiến những phép lạ của Ngài, đã tràn đầy tình yêu dành cho Ngài: bỏ lại những lo toan trần thế, ngài cùng với các môn đệ khác và dân chúng đã theo Chúa, hân hoan chiêm ngưỡng Thiên Chúa đã nhập thể và niềm vui khôn tả từ lời dạy của Ngài. Chúa, Đấng thấu hiểu những chuyển động thầm kín nhất trong lòng con người, khi thấy lòng nhiệt thành và sự trong sạch tâm hồn của Thánh Matthêu, đã chọn ngài không chỉ vào số các môn đệ của Ngài, mà còn cho chức vụ tông đồ. Ban đầu, Thánh Mát-thêu thuộc số bảy mươi Tông đồ nhỏ, những người mà Phúc Âm có chép: *"Chúa đã chọn thêm bảy mươi người khác (môn đệ), và sai họ đi từng đôi một trước mặt Ngài"* (Lc 10,1); sau khi Chúa Giêsu Kitô chịu khổ nạn, phục sinh và lên trời, Thánh Matthêu được đưa vào hàng ngũ mười hai Tông đồ. Sau khi Giu-đa rời khỏi hàng ngũ Mười Hai Tông Đồ, nhóm này – vì không có ai được chọn thay thế Giu-đa – đã mất đi sự trọn vẹn, và cùng với đó là quyền được gọi là "Mười Hai"; vì vậy, vị đứng đầu trong các Tông Đồ, Thánh Phêrô, đã đứng giữa hội thánh các Kitô hữu đầu tiên và nói với các tín hữu rằng: để thay thế cho Giuđa – người đã phản bội và bị hủy diệt – họ phải chọn một người trong số những ai đã ở cùng các Tông đồ suốt thời gian Chúa Giêsu ở với họ, để nhóm Mười Hai Tông đồ thân cận nhất do Ngài chọn được giữ nguyên vẹn và không thay đổi. *"Họ đề cử hai người: Giô-sép, còn gọi là Ba-sa-va… và Ma-thi-a; rồi họ cầu nguyện và nói: Lạy Chúa, Đấng thấu hiểu lòng mọi người, xin chỉ cho chúng con trong hai người này một người mà Ngài đã chọn để nhận phần vụ và chức vụ Tông đồ mà Giu-đa đã bỏ rơi… Họ bốc thăm về hai người ấy, và phần bốc thăm rơi vào Ma-thi-a; người ấy được kể vào số mười một Tông đồ"* (Công vụ 1:23–26), như là Tông đồ thứ mười hai. Sự lựa chọn này chẳng bao lâu sau đã được Chúa xác nhận khi Thánh Thần ngự xuống dưới hình dạng những lưỡi lửa: vì Thánh Thần đã ngự xuống trên các Tông đồ thánh khác cũng như trên thánh Ma-thi-ơ, ban cho ông ân sủng ngang bằng với các môn đệ của Chúa. Sau khi Thánh Thần ngự xuống, các Tông đồ đã bốc thăm để xem ai trong số họ sẽ đi đến quốc gia nào để rao giảng Tin Mừng;

---

lệ. Từ thời cổ đại, ngay từ thuở ban đầu, các vấn đề của Giáo hội luôn được xem xét trong các nhà thờ, chứ không phải trong cung điện hoàng gia." Xem tiểu sử của Thánh Nikita vào ngày 3 tháng Tư

Thánh Matthêu được bốc thăm trúng phần Giu-đê, nơi ngài đã làm việc, đi khắp các thành phố và làng mạc để rao giảng về sự cứu rỗi thế gian qua Đức Giêsu Kitô; hơn nữa, ngài không chỉ rao giảng danh Chúa Kitô giữa dân Do Thái, mà còn giữa các dân ngoại. Truyền thuyết kể rằng Thánh Matthêu cũng đã mang Tin Mừng của Chúa Kitô đến cho người dân Ê-thi-ô-pi[5467] và đã phải chịu đựng vô số hình phạt tàn bạo tại đây: ngài bị lôi lê trên mặt đất, bị đánh đập, bị treo lên cột, bị cạo hai bên sườn bằng sắt và bị thiêu đốt bằng lửa; nhưng được Chúa Kitô củng cố, Thánh Matthêu đã can đảm và vui vẻ chịu đựng những cực hình này. Theo một số nguồn tin, Thánh Matthêu cũng đã rao giảng Tin Mừng tại Macedonia[5468] , nơi những người Hy Lạp vô đạo, muốn thử thách sức mạnh của giáo lý do vị Tông đồ thánh rao giảng, đã bắt giữ ngài và ép ngài uống chất độc làm mù mắt: ai uống phải chất độc đó sẽ bị mù. Nhưng Thánh Matthêu, sau khi uống chất độc nhân danh Chúa Kitô, không hề bị tổn hại gì, và thậm chí còn chữa lành cho những người bị mù do chất độc này – số người đó lên tới hơn hai trăm năm mươi người – bằng cách đặt tay và kêu cầu danh Chúa Kitô. Ma quỷ, không chịu nổi sự sỉ nhục như vậy, đã hiện ra trước những người ngoại đạo dưới hình dạng một thiếu niên, ra lệnh giết Thánh Matthêu, vì ngài đang phá hủy sự sùng bái các quỷ; nhưng khi họ muốn bắt vị Thánh Tông đồ, họ buộc phải tìm kiếm ngài trong ba ngày mà không thành công: Thánh Matthêu, dù đang đi giữa họ, nhưng lại vô hình đối với họ. Sau đó, vị Thánh Tông đồ hiện ra trước những người ngoại đạo đang tìm kiếm ngài và tự nguyện giao mình vào tay họ; họ trói ngài lại, giam vào ngục tối, nơi các quỷ dữ hiện ra trước mặt ngài, nghiến răng đầy giận dữ với ngài, nhưng vào đêm hôm sau, Chúa đã hiện ra với ngài trong ánh sáng rực rỡ; sau khi an ủi Thánh Matthêu và giải thoát ngài khỏi xiềng xích, Ngài đã mở cửa ngục và thả ngài ra ngoài. Khi ngày mới đến, vị Tông đồ lại đứng giữa dân chúng, rao giảng danh Chúa Kitô với lòng can đảm còn lớn hơn nữa; nhưng khi một số người, lòng đầy cay độc, không tin lời rao giảng của ngài và trong cơn thịnh nộ muốn giết ngài bằng chính tay mình, thì đột nhiên mặt đất nứt ra và nuốt chửng họ; còn những người còn lại thì kinh hoàng, quay về với Chúa Kitô và chịu phép rửa.

Sau đó, vị Tông đồ của Chúa Kitô lại trở về vùng đất được chỉ định cho mình – xứ Giu-đê, và ngài đã dẫn dắt nhiều người trong dòng dõi Ít-ra-en trở về với Chúa Giê-su Kitô, rao giảng Lời Chúa cho họ và xác nhận Lời ấy bằng các dấu lạ và phép lạ: nhân danh Chúa Kitô, Thánh Matthêu đã ban lại thị lực cho người mù, thính lực cho người điếc, sự sống cho người hấp hối, chữa lành cho người què, thanh tẩy người phong cùi và trừ quỷ. Trong khi tôn vinh Mô-sê là thánh và khuyến khích tuân giữ luật pháp, mà Thiên Chúa đã ban cho ông trên các tấm bia đá, Thánh Matthêu đồng thời dạy mọi người tin vào Đấng Kitô, qua các dấu lạ và hình ảnh đã được chính Mô-sê báo trước, được các ngôn sứ tiên tri, Đấng được Thiên Chúa Cha sai đến để cứu độ thế gian và đã nhập thể từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Đồng thời, Thánh Matthêu đã giải thích tất cả các lời tiên tri về Đấng Kitô như đã ứng nghiệm nơi Đấng Mêsia đã đến.

Vào thời điểm đó, Anan là Thượng tế của người Do Thái; ông ta căm ghét Chúa Kitô và phỉ báng danh Ngài – là kẻ bách hại các Kitô hữu, đã ra lệnh ném Thánh Tông đồ và anh em của Thiên Chúa là Giacôbê xuống từ mái nhà thờ, và như vậy đã giết chết ngài. Và khi Thánh Matthêu đi khắp xứ Galilê, rao giảng về Đấng Kitô, Con Thiên Chúa, trong các hội đường nơi đây, thì những người Do Thái, bị mù quáng bởi sự vô tín và lòng thù hận, tràn đầy cơn thịnh nộ dữ dội, đã bắt giữ vị Tông đồ thánh và đưa ngài về Giêrusalem gặp vị Thượng tế Anan nói trên. Thượng tế, sau khi triệu tập Hội đồng Công nghị và đưa vị Tông đồ thánh ra xét xử, đã quay sang đám đông đã mất lương tâm và nói những lời sau:

– Cả vũ trụ và hội đồng hiện tại đều biết dân tộc chúng ta đã phải gánh chịu sự chỉ trích nào, và điều này – không phải do lỗi của chúng ta, mà là do sự sa đọa của một số người đã xuất thân từ chính chúng ta, cùng với lòng tham vô độ – hay đúng hơn là sự tra tấn – của các quan chức La Mã; thậm chí không nên nhắc đến những kẻ gieo rắc các tà thuyết mới này, những kẻ đã lừa dối hàng vạn người dân: chính các ngươi cũng biết có bao nhiêu người trong số họ đã bị binh lính La Mã giết chết; thế là cả những kẻ lừa dối lẫn những kẻ bị lừa dối đều đã chết, phủ lên bộ tộc chúng ta một nỗi ô nhục; đó chính là những kẻ khai sinh ra các tà giáo: Giu-đa người Ga-li-lê và Phê-v-đa nhà Tiên tri; cùng với sự diệt vong của họ, chính ký ức về họ cũng đã bị xóa sổ. Nhưng giữa tất cả những kẻ tà giáo như vậy, tên thủ lĩnh tà giáo Giê-su người Na-xa-rét đã nổi lên: Ngài tự xưng là Con Thiên Chúa và là Thiên Chúa, và đã làm nhiều người kinh ngạc bởi những dấu lạ và phép lạ kỳ diệu của Ngài, thu hút lòng người về phía Ngài và rao giảng việc bãi bỏ luật pháp; vì thế, Ngài đã phải chịu xét xử theo chính luật pháp mà Ngài đã phỉ báng. Vậy

[5467] Khi nhắc đến "Ethiopia", người ta ám chỉ Ethiopia Pontic hay Colchis, tức là Mingrelia và Imereti ngày nay.
[5468] Macedonia – một quốc gia trên bán đảo Balkan, giáp với góc tây bắc của Biển Aegean (Vịnh Thessaloniki).

thì phải nói sao? Chẳng phải chúng ta đều biết rằng Luật pháp đã được chính Đức Chúa Trời ban cho Môi-se, rằng các tổ phụ và các tiên tri đã tuân giữ Luật pháp ấy, những người mà Đức Chúa Trời đã ban cho quyền năng thực hiện những phép lạ mà chính Chúa Giê-su cũng không thể làm được sao? Ai lại không biết Môi-se, người đã trò chuyện với Đức Chúa Trời như với một con người? Ai lại không biết Ê-li, người đã được rước lên thiên đàng trên cỗ xe lửa? Ai lại chưa từng nghe nói rằng người chết, khi được ném lên những xương khô của Ê-li-sê, đã sống lại? Và biết bao vị thánh nhân của Đức Chúa Trời đã thực hiện biết bao phép lạ, thế nhưng không ai trong số họ dám làm điều như Chúa Giê-su – tự chiếm lấy vinh quang của Đức Chúa Trời và thiết lập một luật pháp mới; các tiên tri, được Thánh Thần soi dẫn, đã nói với lòng khiêm nhường trọn vẹn, còn Ngài thì với sự kiêu ngạo đã nói ra những điều do chính mình bịa đặt và đã đi đến mức điên rồ đến nỗi lên án các thượng tế và các quan trưởng bằng những lời chỉ trích gay gắt, còn gọi các kinh sư và người Pha-ri-si là những kẻ đạo đức giả; liệu có vị tiên tri nào từng làm điều tương tự như vậy không? Và vì sự kiêu ngạo của Ngài, Ngài đã phải chịu kết cục xứng đáng, nhận lấy sự trừng phạt xứng đáng với những việc làm của Ngài. Ôi, giá như ký ức về Ngài đã cùng Ngài tiêu tan, và những giáo lý của Ngài, người đã chết cùng Ngài, không ai làm sống lại! Điều đặc biệt đau buồn là Đền Thờ của Đức Chúa Trời, thành thánh và các luật lệ của tổ tiên đang bị người La Mã nô dịch, và không có ai thương xót, không có ai chia buồn, cũng không có ai giải cứu; chúng ta bị lôi kéo đến các tòa án một cách oan ức, nhưng chúng ta vẫn chịu đựng; chúng ta bị lừa dối, nhưng chúng ta lại im lặng đồng ý; chúng ta bị cướp bóc, nhưng chúng ta không thốt lên một tiếng nào; và – điều đáng buồn nhất – những người Galilê đã giao nộp chúng ta vào tay người La Mã, không ngần ngại buộc tội chúng ta và dân tộc chúng ta về việc giết Chúa Giê-su, một người vô tội. Thà để số ít người Galilê này phải chết, còn hơn là nơi thánh thiêng này và toàn thể dân tộc chúng ta phải chịu sự tàn sát từ tay người La Mã; giữa hai điều ác – nếu không thể tránh khỏi cả hai – thì nên chọn điều ác ít hơn, dễ chịu hơn. Và người môn đệ của Chúa Giê-su đang đứng trước mặt chúng ta lúc này, xứng đáng phải chết; nhưng trước tiên hãy để anh ta tự suy ngẫm trong lòng – chúng ta không cần trở thời gian suy ngẫm của anh ta, vì chúng ta không mong anh ta bị diệt vong, mà mong anh ta được cải tà quy chính – và trong hai lựa chọn, hãy để anh ta chọn một: hoặc tuân theo luật pháp do Đức Chúa Trời ban qua Môi-se, và nhờ đó giữ được mạng sống, hoặc tự xưng là Kitô hữu và chết.

Đáp lại điều đó, thánh Matthêu giơ tay lên và nói:

– Hỡi các anh em! Tôi không muốn nói nhiều về cáo buộc mà các anh em gán cho tôi – đối với tôi, danh xưng Kitô hữu không phải là tội lỗi, mà là vinh quang. Vì chính Chúa đã phán qua vị tiên tri rằng vào những ngày sau cùng, *Ngài sẽ "đặt cho các tôi tớ của Ngài một danh hiệu mới"* (Is 65,15).

Thượng tế Anan phản bác:

– Chẳng phải coi thường luật thánh, không tôn kính Đức Chúa Trời và nghe những câu chuyện vô nghĩa về phép thuật là tội lỗi sao?

– Nếu các ngài chịu lắng nghe tôi, – thánh Ma-thi-ơ đáp, – tôi sẽ giải thích cho các ngài rằng giáo lý mà chúng tôi rao giảng không phải là những câu chuyện ngụ ngôn hay phép thuật, mà chính là lẽ thật, đã được luật pháp chứng thực từ lâu rồi.

Khi Thượng tế đồng ý, Thánh Matthêu cất tiếng và bắt đầu giải thích những hình bóng và lời tiên tri trong Cựu Ước về Chúa Giêsu Kitô, như Thiên Chúa đã hứa với các tổ phụ Áp-ra-ham, Isaac và Jacob rằng từ dòng dõi của họ sẽ xuất hiện một Đấng, nhờ Ngài mà mọi dân tộc trên đất sẽ được chúc phúc, điều mà vua Đa-vít cũng đã nói trong lời Thánh vịnh: *"Và các dân tộc sẽ được chúc phúc nhờ Ngài, mọi dân tộc sẽ ca ngợi Ngài"* (Thi Thiên 71:17), – cũng như bụi gai không cháy đã tiên báo về sự nhập thể của Đấng Christ từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm (Xuất Hành 3:2), Đấng mà Ê-sai đã tiên tri: *"Này, một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh ra một Con Trai, và người ta sẽ đặt tên Ngài là Ê-ma-nu-ên"* (Ê-sai 7:14), tức là "Thiên Chúa ở cùng chúng ta". Mô-sê cũng đã báo trước rõ ràng về Đấng Christ khi nói: *"Chúa là Thiên Chúa của ngươi sẽ dựng lên cho ngươi một vị tiên tri từ giữa các ngươi, từ anh em ngươi, giống như ta – hãy vâng lời Ngài"* (Đệ Nhị Luật 18:15). Ông cũng đã báo trước những đau khổ tự nguyện của Đấng Cứu Thế, khi treo con rắn lên cây, điều mà Ê-sai cũng đã nói: *"Như con chiên, Ngài bị dẫn đi để bị giết"* (Ê-sai 53:7) và: *"Ngài bị kể vào số những kẻ gian ác"* (Ê-sai 53:12); tiên tri Giô-na, người đã thoát ra khỏi bụng cá voi mà không bị tổn hại, là hình bóng của sự phục sinh sau ba ngày của Chúa.

Những lời giải thích chi tiết này từ các sách Cựu Ước nói về Chúa Giê-su đã khiến Anan nổi giận, đến nỗi ông không kìm được và nói với thánh Ma-thi-ơ:

– Ngươi dám xâm phạm luật pháp như vậy sao? Chẳng lẽ ngươi không biết lời Kinh Thánh rằng: 'Nếu có một nhà tiên tri hay một người thấy mộng nào đó nổi lên giữa các ngươi, và trình bày cho các ngươi một dấu hiệu

hay phép lạ, và dấu hiệu hay phép lạ mà người ấy đã nói với các ngươi trở thành sự thật, rồi người ấy lại nói: *"Hãy đi theo các thần khác mà các ngươi không biết, và hãy thờ phượng chúng"... 'Thì nhà tiên tri hay người thấy giấc mơ đó phải bị xử tử chăng?'* (Đệ Nhị Luật 13:1, 2, 5).

Thánh Matthêu đã trả lời:

– Đấng mà tôi đang nói đến không chỉ là một vị Tiên tri, mà còn là Chúa của các tiên tri; Ngài là Đức Chúa Trời, Con Đức Chúa Trời, điều này được chứng thực qua những phép lạ chân thật của Ngài; chính vì thế mà tôi tin vào Ngài và hy vọng sẽ kiên định trong việc xưng danh thánh của Ngài.

– Nếu người ta cho anh thời gian để suy nghĩ, anh có hối cải không? – vị thượng tế hỏi.

– Chớ có để tôi từ bỏ lẽ thật mà tôi đã tìm thấy – vị Thánh Tông Đồ đáp. – Tôi tin bằng cả trái tim mình và công khai tuyên xưng rằng: Đức Giêsu thành Nazarét, Đấng bị các ngươi ruồng bỏ và bị nộp cho cái chết, chính là Con Thiên Chúa, đồng bản thể và đồng vĩnh cửu với Chúa Cha, còn tôi là tôi tớ của Ngài.

Lúc đó, vị thượng tế bịt tai lại, nghiến răng và la lên:

– Hắn đang phỉ báng! Hắn đang phỉ báng! Hãy để hắn nghe Lời Luật!

Ngay lập tức, cuốn sách Luật pháp được mở ra và đoạn văn sau đây được đọc lên: "Ai phỉ báng Đức Chúa Trời của mình thì sẽ gánh lấy tội lỗi của mình; kẻ phỉ báng danh Đức Giê-hô-va phải chết; cả cộng đồng sẽ ném đá người ấy; mắt các ngươi chớ thương xót người ấy, để các ngươi loại trừ điều ác khỏi các việc làm của Y-sơ-ra-ên" (xem Lê-vi 24:15–16).

Sau khi đọc đoạn này, Thượng tế nói với Sứ đồ của Đấng Christ:

– Lời nói của ngươi làm chứng chống lại chính ngươi; máu ngươi sẽ đổ xuống đầu ngươi.

Sau đó, Thượng tế đã kết án Thánh Ma-thi-ơ phải bị ném đá; và vị Tông đồ bị dẫn đi hành hình. Khi đến nơi gọi là Bê-phla-ski-la, tức là "ngôi nhà của những người bị ném đá", Thánh Ma-thi-ơ nói với những người Do Thái đang dẫn dắt ngài:

– Hỡi những kẻ đạo đức giả, Tiên tri Đa-vít đã nói rất đúng về những kẻ như các ngươi: *"Họ xông xáo như một đám đông để giết linh hồn người công chính và kết án máu vô tội"* (Thánh Vịnh 93:21); Tiên tri Ê-xê-ki-ên cũng nói về loại người này rằng họ giết chết những linh hồn lẽ ra không nên chết (Ê-xê-ki-ên 13:19).

Sau những lời này của Sứ đồ Chúa Kitô, hai nhân chứng – theo như luật định – đã đặt tay lên đầu ngài và làm chứng rằng ngài đã phỉ báng Thiên Chúa, luật pháp và Mô-sê; chính họ là những người đầu tiên ném đá vào Thánh Ma-thi-ơ, trong khi ngài xin rằng hai hòn đá đầu tiên đó được chôn cất cùng ngài, như những chứng nhân cho những đau khổ của ngài vì Chúa Kitô. Sau đó, những người còn lại cũng bắt đầu ném đá, đánh đập vị Thánh Tông đồ, và ngài, giơ hai tay lên, đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Còn những người Do Thái vô luật pháp thì còn thêm sự nhạo báng vào sự hành hạ: sau khi vị tử đạo đã qua đời, họ, để lấy lòng người La Mã, đã dùng gươm chặt đầu ngài theo phong tục La Mã – như thể vị Tông đồ của Chúa Kitô là kẻ thù của hoàng đế vậy. Như vậy, sau khi hoàn thành công cuộc thánh thiện của mình, Thánh Tông đồ Matthêu đã kết thúc cuộc đời. Còn các tín hữu, sau khi rước thi hài của vị Tông đồ, đã an táng ngài một cách trang trọng, dâng lời ngợi khen lên Chúa Giêsu Kitô của chúng ta; xin dâng vinh quang và tôn kính lên Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen[5469] .

Bài ca Kondak, giọng 4:

Sáng chói như mặt trời, chiếu rọi khắp thế gian, lời rao giảng của ngài soi sáng Hội Thánh ngoại giáo bằng ân sủng, Thánh Tông đồ Matthêu, Đấng làm phép lạ.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Antôn

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 8

[5469] Theo các cuốn Lịch Thánh Hy Lạp, Thánh Matthêu được ghi nhận là đã tử đạo trên thập tự giá. Đầu của Thánh Matthêu từng được lưu giữ tại Constantinople, trong Nhà thờ Các Thánh Tông Đồ vào năm 1200, như lời chứng của vị hành hương người Nga Antony. Hiện nay, phần đầu và một phần di cốt được trưng bày tại Rome, phần còn lại ở Trier và Pavia.

Thánh Tử đạo Antôn gốc gác từ thành phố Alexandria[5470] , tin vào Chúa Kitô và sống một đời kính sợ Thiên Chúa. Ngài bị bắt và dẫn đến trước quan trưởng thành phố. Trong cuộc thẩm vấn, ngài tuyên xưng mình là Kitô hữu và can đảm rao giảng về Chúa Kitô như là Thiên Chúa chân thật. Vì điều này, ngài bị treo cổ trên cây, và thân thể ngài bị cạo bằng các dụng cụ sắt, nhưng ngài không từ bỏ Đức Kitô và chống lại những kẻ tra tấn, kiên nhẫn chịu đựng những cực hình, do đó ngài bị kết án thiêu sống. Khi đứng trên giàn hỏa thiêu, ngài đã giảng dạy những người có mặt như sau:

– Hỡi các anh em yêu dấu của tôi! Đừng chỉ phục vụ thân xác, mà hãy phục vụ linh hồn nhiều hơn. Hãy nhớ rằng linh hồn được Thiên Chúa ban cho các anh em và có mối liên hệ mật thiết với các quyền năng thần thánh đầy trí tuệ[5471] và hãy lo lắng để dâng hiến linh hồn đó cho Chúa trong sự tinh khiết.

Sau khi vị thánh tử đạo[5472] qua đời, thi thể của ngài được tìm thấy hoàn toàn nguyên vẹn.

Lễ tưởng niệm các thánh tử đạo Iulian, Markian và những người khác, những người đã chịu khổ vì các bức tranh thánh cùng với họ.

Ngày tưởng niệm 9 tháng 8

Khi Lê-vơ Isavri-an[5473] , người có biệt danh là Konon, lên ngôi vua của vương quốc Hy Lạp – người mang tên giống như con thú – thì ông đã phát động cuộc bách hại chống lại Giáo Hội của Đức Chúa Trời, khơi dậy trong đó một tà thuyết chống thánh tượng mới, theo đó các thánh tượng được coi là thần tượng, còn những ai thành kính thờ phượng chúng thì bị xem là những kẻ thờ thần tượng. Lêv Isavryanin ra lệnh vứt bỏ các thánh tượng ra khỏi các nhà thờ, nhà cửa và mọi nơi cư ngụ, rồi tiêu hủy chúng bằng cách ném vào lửa hoặc nước; còn những ai không đồng tình với những sai lầm dị giáo của ông, thì ông hoặc đày họ đến những vùng biên giới xa xôi nhất của đế quốc, hoặc tra tấn họ bằng nhiều hình thức khác nhau, thậm chí còn giết hại họ. Vào đầu cuộc đàn áp, ông đã lật đổ Đức Thượng phụ Thánh Germanus của Constantinople[5474] một cách nhục nhã và bằng bạo lực, vì ngài đã chống lại các mệnh lệnh của ông; thay thế vị Thượng phụ bị lật đổ là Anastasius[5475] , một kẻ dị giáo đồng quan điểm với nhà vua. Vào thời điểm đó, nhiều Kitô hữu đạo đức đã nổi dậy chống lại tà giáo, và vì thế họ đã nhận được vương miện tử đạo, cũng như những người mà chúng ta sắp nói đến. Sự đau khổ của họ bắt đầu từ lý do sau đây. Tại Constantinopolis, từ thời Constantine Đại đế đã có một cổng thành được gọi là Cổng Đồng; từ lâu trên cánh cổng này đã có một bức tượng Đấng Cứu Thế, cũng bằng đồng. Vị hoàng đế vô đạo và vị tổng giám mục đã ra lệnh tháo dỡ bức tượng này; họ đặt một cái thang, và một trong những chiến binh, mang chức vụ spharagios, bắt đầu leo lên; điều này đã làm dấy lên sự phẫn nộ trong lòng đám đông đông đảo tụ tập tại cổng; một số người trong đám đông đã nắm lấy chiếc thang và ném nó cùng với người lính đang đứng trên đó xuống đất, khiến người lính đó tử vong. Khi biết về hành động này của dân chúng, vị vua đã cử những người lính mang gươm trần tiến đánh những người Chính thống giáo, những người này đã giết chết rất nhiều nam nữ, già trẻ; số lượng của họ chỉ có Chúa mới biết. Còn những người có địa vị cao nhất, những người sùng kính các bức tượng thánh, đang ở giữa đám đông, thì bị bắt sống; tên của họ như sau: Iulian, Markian, Ioann, Iakov, Alexi, Dimitri, Foka, Petr, Leontii. Sau khi bị đánh đập dã man bằng gậy, họ bị tống vào ngục tối, nơi họ bị xiềng xích suốt tám mươi ngày, phải chịu những trận đòn tàn nhẫn: mỗi người phải hứng chịu năm trăm nhát đòn mỗi ngày. Nhưng được củng cố bởi sức mạnh của Chúa Kitô, các thánh tử đạo đã can đảm chịu đựng mọi thứ mà không hề suy giảm sức lực thể xác; thấy vậy, kẻ tra tấn ra lệnh trước tiên dùng sắt nung đỏ thiêu đốt khuôn mặt họ, rồi đưa ra quảng trường và chém chết bằng gươm. Các thánh đã kết thúc cuộc khổ nạn của mình như vậy. Cùng với họ, vì lòng tôn kính các bức tượng thánh, một phụ nữ quý tộc tên là Maria Patricia cũng bị chém đầu. Thi thể các thánh tử đạo đã bị ném xuống vực sâu biển cả. Khi các thánh tử đạo bị bắt, nữ tu Theodosius mặc áo đen cũng bị bắt cùng với họ, với cáo buộc phạm cùng tội danh – bà đã cùng những người khác tham gia vào việc lật đổ chiếc thang. Thánh nữ Theodosia đã nhận vương miện tử đạo trước các

---

[5470] Thành phố Alexandria tọa lạc tại Ai Cập, bên bờ Biển Địa Trung Hải.
[5471] Khi nói đến "các quyền năng thiêng liêng" ở đây, cần hiểu là các Thiên thần.
[5472] Thời điểm qua đời của Thánh Tử đạo Antony không được biết rõ.
[5473] Lêô III người Isauria – hoàng đế từ năm 716 đến 741.
[5474] Thánh German – Tổng Giám mục Constantinopolis từ năm 715 đến năm 730.
[5475] Tổng giám mục từ năm 730 đến năm 754.

thánh đã được nhắc đến; ngày kỷ niệm của bà được tôn vinh vào ngày 29 tháng Năm; cuốn tiểu sử của bà cũng được ghi chép dưới ngày này.

Tất cả các thánh tử đạo, những người đã chịu khổ vì bức tượng thánh chân chính của Đấng Cứu Thế, đã cùng nhau hiện diện trước Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta; vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen[5476] .

Ngày 23 tháng 8

Ngày 10 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cũng vào ngày này, năm 1515, Thánh Laurentius, vị thánh giả vì Chúa ở Kaluga, đã an nghỉ.

Ngày các thánh tử đạo Laurentius, phó tế trưởng, Giáo hoàng Sixtus và những người khác cùng với họ chịu khổ hình

Ngày tưởng niệm 10 tháng 8

Thánh Giáo hoàng Sixtus[5477] đã bị bắt cùng với các linh mục của ngài và bị giam vào nhà tù công cộng bởi Thống đốc La Mã Valerian, vào thời điểm Hoàng đế Decius[5478] đang trở về La Mã[5479] trong sự hân hoan sau chiến thắng trước người Ba Tư. Thánh Sixtus sinh ra tại thành phố Athens của Hy Lạp; ban đầu ngài là một nhà triết học, sau đó trở thành môn đệ của Chúa Kitô. Khi ngài đến Roma, với tư cách là một người khôn ngoan và đạo đức, ngài đã trở thành một thành viên rất hữu ích của Giáo hội Chúa Kitô; tại đây, trong một khoảng thời gian dài ngắn khác nhau, ngài đã trải qua các cấp bậc khác nhau trong hệ thống phẩm trật. Sau khi Thánh Giáo hoàng Stephano[5480] bị sát hại vì tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, Thánh Sixtus đã được bầu lên thay thế ngài, như thể đó là một cái chết chắc chắn: vào thời điểm đó, không có vị Giáo hoàng nào thoát khỏi chén đau khổ. Khi Đức Giáo hoàng Thánh Sixtus cùng các linh mục và các Kitô hữu khác đang bị giam cầm, tại Rôma, hai vị hoàng tử Ba Tư là Avdon và Senissus cũng đang bị tra tấn vì Đức Kitô: họ bị Đế vương Decius bắt làm tù binh và dẫn đi trong xiềng xích. Sau khi họ chịu tử đạo[5481] , vua Decius và Valerian đã ra lệnh đưa Thánh Giáo hoàng Sixtus đến với họ vào ban đêm tại ngôi đền được biết đến với tên gọi Telluda. Khi những người được cử đi đến nhà tù để đón Giáo hoàng, ngài đã nói với các Kitô hữu đang cùng chia sẻ xiềng xích với ngài:

– Hỡi anh em và những người thân yêu của tôi, đừng sợ những đau khổ tạm thời, hãy nhớ đến những đau khổ vĩ đại mà các thánh nhân trước chúng ta đã chịu đựng để nhận được vương miện sự sống đời đời; Chính Chúa Kitô đã chịu đau khổ vì sự cứu rỗi của chúng ta, để lại cho chúng ta gương mẫu để noi theo (xem 1 Phê-rô 2:21), – đừng sợ phải chịu đau khổ vì Chúa Kitô, để cùng Ngài ngự trị. Cùng với Đức Giáo hoàng, hai phó tế là Felicissimus và Agapitus cũng bị bắt; họ bị đưa ra trước mặt Decius và Valerian.

– Ngươi có biết không, – Decius hỏi Đức Giáo hoàng, – tại sao ngươi bị bắt và bị đưa ra trước mặt chúng ta?

[5476] Từ các biên niên sử về các vị tử đạo này được ghi trong Sách Hành Trình Các Thánh, có thể thấy: 1) người đóng vai trò chính trong việc giết chết người lính – kẻ đã cố gắng, theo lệnh của vua, lật đổ bức tượng Chúa Cứu Thế trên Cổng Đồng – là Maria Patrikia, thuộc dòng dõi quý tộc; 2) người trợ giúp đầu tiên của Maria trong việc ngăn chặn người lính đó là Thánh Grigori, một protospatharios, và ngài đã chịu tử đạo vì hành động anh hùng của mình; 3) sự kiện này xảy ra vào ngày 19 tháng 1; 4) phần lớn các tài liệu lịch sử gọi vị tử đạo Fokos là Photius. – Sau khi qua đời vào ngày 9 tháng 8 năm 730, các vị tử đạo được chôn cất tại khu vực "Pelagievy" thuộc Constantinopolis, gần nhà thờ Thánh Tử đạo Phê-ô-đô-rô. Xác thánh của các ngài được tìm thấy vẫn còn nguyên vẹn, dù đã nằm dưới đất 139 năm. Việc tìm thấy di cốt của các ngài diễn ra dưới thời Thượng phụ Ignatius, nhờ ba lần mặc khải mà ngài nhận được trong giấc ngủ.

[5477] Tên Sixtus, hay theo một số nguồn là Xistus, được cho là bắt nguồn từ *từ "xystos"* – có nghĩa là "được ủi phẳng, được đánh bóng" – hoặc *từ "xyston"* – có nghĩa là "ngọn giáo"; một số nguồn khác lại cho rằng tên này bắt nguồn từ từ tiếng Latinh "sisto" – có nghĩa là "đứng vững, được đặt chắc chắn".

[5478] Decius – hoàng đế từ năm 249 đến năm 251.

[5479] Rome – thủ đô của Đế chế La Mã, nằm ở miền trung nước Ý.

[5480] Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 2 tháng 8.

[5481] Ngày tưởng niệm của họ là ngày 30 tháng 7.

– Tôi biết rất rõ điều đó, – Đức Giáo hoàng đáp.

– Nếu ngài biết, – nhà vua nói, – thì hãy làm như những người khác trong hoàn cảnh của ngài: bằng cách đó, ngài sẽ giữ được mạng sống cho mình và gia tăng số lượng các linh mục của ngài.

– Đúng vậy, – Đức Giáo hoàng xác nhận, – tôi luôn quan tâm đến việc gia tăng số lượng giáo sĩ.

– Vậy thì hãy dâng lễ vật lên các vị thần, ngài sẽ được quyền cai quản tất cả các linh mục, – nhà vua đề nghị.

Thánh Sixtus phản đối điều này:

– Tôi luôn dâng lễ vật trong sạch và vô tì vết lên Thiên Chúa Cha toàn năng, Con của Ngài, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, và Thánh Thần.

– Chúng ta thương xót tuổi già của ngài, – nhà vua tiếp tục khuyên nhủ Đức Giáo hoàng, – xin ngài cũng hãy thương xót chính mình và hàng giáo sĩ của ngài, để cứu họ khỏi cái chết.

– Cho đến nay, – Thánh Sixtus đáp lại, – tôi đã lo lắng và hiện nay vẫn lo lắng cho cả bản thân lẫn hàng giáo sĩ của tôi, để cùng với họ, tôi có thể cứu rỗi tất cả và giải thoát họ khỏi cái chết vĩnh cửu.

– Hãy dẫn ngài đi, – Đế quốc Decius ra lệnh cho các binh sĩ, – đến đền thờ thần Mars, để ngài dâng lễ vật tại đó; nếu ngài không làm điều đó, thì hãy giam ngài vào ngục tối đặc biệt, ngục Mamertine.

Đức Thánh Cha cùng các phó tế được dẫn đến đền thờ thần Mars và họ bắt đầu thuyết phục ngài dâng lễ vật; ngài đáp lại các binh lính rằng:

– Hỡi những con người bị ma quỷ làm mù quáng và đáng thương xót vô cùng: tại sao các ngươi lại thờ lạy những thần tượng câm điếc, những thứ không thể giúp đỡ được cả chính mình lẫn người khác? Hãy nghe ta, các con của ta, hãy ăn năn, để giải thoát linh hồn các con khỏi những cực hình vĩnh cửu.

Nhưng họ, tuân theo mệnh lệnh của vua, đã dẫn Đức Giáo hoàng và các phó tế vào ngục tối Mamertine.

Thánh Tổng phó tế[5482] Khi thấy Đức Giáo hoàng bị dẫn vào ngục, Thánh Laurentius đã kêu lên, hướng về ngài:

– Cha ơi, cha đi đâu mà không có con trai của cha? Thánh Giám mục ơi, ngài vội vã đi đâu mà không có phó tế trưởng của ngài? Ngài chưa bao giờ cử hành Hy lễ Vô huyết mà không có sự đồng tế của con: vậy thì giờ đây con đã làm gì để làm phật lòng lòng thương xót của ngài? Chẳng lẽ con đã không còn xứng đáng để ở bên cạnh ngài nữa sao? Chẳng lẽ ngài không nhận ra con, người tôi tớ luôn vâng phục ngài sao? Và nếu con đã cùng ngài tham dự vào việc cử hành các Bí tích Thánh, thì tại sao con lại không được cùng ngài đổ máu mình vì Chúa Kitô? Hãy nhận lấy, hỡi cha tôi, con trai của cha, đừng bỏ rơi, hỡi Thầy, môn đệ của Thầy, hãy dâng con làm của lễ cho Đức Chúa Trời, như Áp-ra-ham đã dâng con trai mình là Y-sác (Sáng Thế Ký, chương 22) và như Thánh Tông Đồ Phêrô đã dâng người phó tế trưởng đầu tiên là Stephano (Công Vụ Tông Đồ, chương 6–7), và sau đó, khi ngài thấy con đã nhận được vương miện tử đạo, chính ngài hãy tiến lên nhận lấy nó.

Thánh Sixtus đáp lại:

– Ta không bỏ rơi con, hỡi con ta, nhưng ta giữ con lại để chịu những đau khổ lớn lao hơn: con sẽ phải thực hiện những kỳ công vĩ đại vì đức tin vào Đấng Kitô. Ta đã già nên sẽ bước vào cuộc chiến nhẹ nhàng hơn; còn con thì phải giành được chiến thắng và vinh quang rực rỡ hơn trước kẻ hành hạ. Đừng khóc: hãy biết rằng, ba ngày sau khi ta qua đời, con, người Lê-vi, sẽ theo chân vị linh mục của con; con không cần sự hiện diện của ta để được nâng đỡ. Ê-li đã rời bỏ Ê-li-sê, nhưng không tước đi quyền năng làm phép lạ của ông (2 Vua 2). Hãy đi, hãy tận dụng thời gian này: hãy phân phát các kho tàng của Giáo hội cho những người nghèo và những người khốn khó theo ý mình. Thánh Laurentius đã vâng lời: mang theo tất cả các kho tàng của Giáo hội, kể cả các đồ dùng thờ phượng, ngài đi khắp thành phố, tìm kiếm các giáo sĩ đang ẩn náu và những Kitô hữu nghèo khổ, và giúp đỡ họ tùy theo nhu cầu của họ. Rồi ngài đến núi Heliôn, nơi ngài tìm thấy nhà của một góa phụ, người đã mất chồng được ba mươi hai năm; người góa phụ này, tên là Kyriakia, đã che chở nhiều Kitô hữu cùng với các linh mục và giáo sĩ của họ tại nhà mình. Thánh Laurentius đã mang đến đây vào ban đêm bạc, quần áo và các vật dụng cần thiết khác, rồi bắt đầu rửa chân cho cả các linh mục lẫn các tín hữu Kitô giáo khác. Còn bà góa Kyriakia, sau khi quỳ lạy dưới chân ngài, đã nói:

– Tôi xin ngài, tôi tớ của Chúa Kitô, hãy đặt tay ngài lên đầu tôi, vì đầu tôi đang đau dữ dội.

[5482] Nhiệm vụ của phó tế trưởng vào thời điểm đó không chỉ bao gồm việc phục vụ trong nhà thờ, mà còn bao gồm việc quản lý tài sản của nhà thờ, giúp đỡ người nghèo và chăm sóc những người vô gia cư.

Thánh Laurentius đưa cho bà chiếc khăn mà ngài đã dùng để lau chân, rồi đặt tay lên đầu bà, làm dấu thánh giá, và nói:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, xin chị được bình an!

Và ngay lập tức, người góa phụ được chữa lành khỏi bệnh tật. Cùng đêm đó, Thánh Laurentius đến một khu vực của thành phố được gọi là Kanariyskaya, và tại đó, trong nhà của một tín hữu Kitô giáo tên là Narkisa, ngài gặp rất nhiều tín hữu Kitô giáo; ngài đã rửa chân cho họ và chia sẻ những của cải từ kho tàng nhà thờ để đáp ứng nhu cầu của họ. Tại đó có một tín hữu Kitô giáo mù lòa: anh ta khóc lóc thỉnh cầu vị thánh:

– Xin ngài đặt tay lên mắt con, để con có thể nhìn thấy khuôn mặt ngài.

Thánh Laurentius nói:

– Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng đã mở mắt cho người mù, xin soi sáng cho con!

Nói xong, ngài làm dấu thánh giá trước mắt người mù; người này lập tức sáng mắt và vui mừng khi nhìn thấy khuôn mặt của Thánh Laurentius. Khi ra khỏi nơi này, vị thánh được biết rằng có rất nhiều Kitô hữu đang ẩn náu trong các hang động Nepotiano; ngài liền lên đường đến đó, mang theo bạc để đáp ứng nhu cầu của họ. Tại đó, ngài tìm thấy tới bảy mươi ba tín hữu Kitô, kể cả nam lẫn nữ; trong số đó có cả Thánh Justino, một linh mục; sau khi rửa chân cho các tín hữu và phân phát số tiền cuối cùng, Thánh Laurentius đã ra về. Khi nghe tin Đức Giáo hoàng Sixtus cùng với hai phó tế bị dẫn đến phiên tòa tại đền thờ Telluda, Thánh Laurentius vội vã đến đó, mong muốn chứng kiến những gì sẽ xảy ra.

Khi Đức Giáo hoàng xuất hiện tại phiên tòa trước mặt Decius và Valerian, vị hoàng đế nói với ngài:

– Vì thương xót tuổi già của ngài, chúng ta mong ngài được bình an – hãy nghe lời chúng ta và dâng lễ vật lên các vị thần.

– Thay vào đó, hãy thương xót chính các ngài đi, – Thánh Sixtus đáp lại, – và đừng phỉ báng Thiên Chúa trên trời, hãy ăn năn về việc đổ máu các thánh, để không bị diệt vong vĩnh viễn.

Nghe những lời này, Decius nổi cơn thịnh nộ tột độ và nói với Valerian:

– Nếu không tiêu diệt hắn khỏi cõi đời này, thì sẽ chẳng ai tuân theo chính quyền và vâng lời họ nữa.

– Hãy xử tử hắn! – Valerian đáp lại.

Lúc đó, các phó tế kêu lên, hướng về phía những kẻ tra tấn:

– Ôi, giá như các ngươi, những kẻ không xứng đáng, chịu nghe lời khuyên nhủ của cha chúng ta; như vậy các ngươi sẽ tránh được những cực hình vĩnh cửu đang chờ đợi các ngươi!

– Họ còn sống và đe dọa chúng ta bằng những cực hình được bao lâu nữa đây? – Valerian nói – Hãy dẫn họ đến đền thờ thần Mars, – để họ dâng lễ vật; còn nếu họ không làm theo, thì hãy chém đầu họ.

Đền thờ thần Mars nằm phía sau tường thành, trước cổng Appia. Khi các thánh được dẫn đến đây, thánh Sixtus nhìn về phía đền thờ và nói:

– Nguyện Chúa Kitô, Con của Thiên Chúa Hằng Sống, nghiền nát ngươi!

Chưa kịp nói "A-men!", những người Kitô hữu có mặt tại đó đã chứng kiến một trận động đất xảy ra, một phần đền thờ sụp đổ và tượng thần bên trong bị vỡ tan. Thánh Laurentius kêu lên với Đức Giáo hoàng:

– Xin đừng bỏ rơi con, thưa Cha, con đã phân phát hết kho báu mà Cha đã giao phó cho con rồi!

Các binh lính, khi nghe tin về kho báu, đã bắt giữ Thánh Laurentius và không thả ngài ra, còn Đức Giáo hoàng cùng các phó tế thì bị hành quyết trên ngọn đồi trước nhà thờ, thi thể của họ bị bỏ lại mà không được chôn cất. Khi đêm xuống, các linh mục cùng các phó tế và các Kitô hữu khác đã đến và rước các thi hài cao quý: Đức Giáo hoàng được an táng trong lăng mộ thuộc khu mộ của Thánh Callixtus, còn các phó tế thì được an táng trong khu mộ của Thánh Pretextatus. Đức Giáo hoàng Sixtus cùng các phó tế của ngài là Felicissimus và Agapitus đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô vào ngày thứ sáu của tháng Tám năm[5483] . Sau khi giết Đức Thánh Sixtus, các binh lính dẫn Thánh Laurentius đến trước mặt hoàng đế và nói với ông:

– Chúng tôi đã bắt được phó tế trưởng Sixtus: ngài đã nhận kho báu từ giám mục và giấu nó ở đâu đó.

Nghe tin về kho báu, nhà vua rất vui mừng và gọi Thánh Laurentius đến, rồi nói với ngài:

[5483] Năm 258. Bằng chứng cổ xưa nhất về cái chết tử đạo của Thánh Sixtus và việc tôn kính ngài như một vị tử đạo được ghi lại trong thư của Thánh Cyprian gửi cho Successus (thập niên 80 hoặc 82); Thánh Cyprian đã chịu tử đạo sau Thánh Sixtus năm tuần rưỡi (ngày 14 tháng 9). Thánh Sixtus II đã làm Giám mục Rôma trong hơn 11 tháng, tức là chưa đầy một năm. Xác thánh của Đức Giáo hoàng Sixtus II được an táng tại nhà thờ mang tên ngài ở Rôma; xác thánh của các vị tử đạo Felicissimus và Agapitus cũng được an táng tại Rôma, trong nhà thờ Đức Mẹ Nhân Từ.

– Kho báu của Giáo hội mà ngươi đã giấu đi ở đâu?

Thánh Laurentius không trả lời gì cả.

Sau đó, Decius giao ông cho tổng giám mục Valerianus và dặn dò:

– Hãy tra hỏi hắn về kho báu của Giáo hội và ép hắn phải thờ lạy các vị thần: nếu hắn không tiết lộ kho báu và không thờ lạy các vị thần, thì hãy để hắn phải chết trong đau đớn!

Valerianus bắt Thánh Laurentius và giao ông cho tướng quân Hippolytus – người đồng thời cũng là cai ngục – để giam giữ trong ngục tối. Hippolytus nhốt Thánh Laurentius vào ngục tối, nơi đã có những tù nhân khác; trong số đó có một người Hy Lạp tên là Lucilius: ông ta bị giam giữ trong ngục rất lâu và vì khóc lóc liên miên nên đã bị mù.

– Hãy tin, – Thánh Laurentius nói với anh ta, – vào Con Thiên Chúa, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, và hãy chịu phép rửa: Ngài sẽ ban lại thị lực cho anh.

– Từ lâu tôi đã mong muốn được rửa tội nhân danh Chúa Kitô, – người mù đáp lại.

– Anh có tin tưởng bằng cả trái tim không? – Thánh Laurentius hỏi.

Người mù vừa khóc vừa trả lời:

– Tôi tin vào Chúa Giêsu Kitô, từ bỏ những thần tượng hư ảo và khinh bỉ chúng.

Hippolytus kiên nhẫn lắng nghe cuộc trò chuyện giữa Thánh Laurentius và người mù, mong muốn xác nhận xem liệu đôi mắt của người mù có thực sự được mở ra hay không và phép lạ này sẽ diễn ra như thế nào. Thánh Laurentius, sau khi giảng đạo cho Lucilius và ban phép lành cho nước, đã làm phép rửa tội cho anh ta; ngay lập tức, đôi mắt người mù được mở ra, và anh ta reo lên bằng giọng nói vang dội:

– Ngợi khen Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa hằng hữu, Đấng đã ban cho tôi ánh sáng!

Những người mù khác nghe tin về phép lạ này cũng bắt đầu đến nhà tù để gặp Thánh Laurentius. Còn ngài, bằng cách đặt tay lên mắt họ với dấu thánh giá và kêu cầu danh Chúa Kitô, đã ban lại thị lực cho họ. Tất cả những điều này khiến Hippolytus không khỏi ngạc nhiên. Một thời gian sau, ông nói với vị thánh:

– Hãy cho tôi xem kho báu của nhà thờ.

– Nếu ngươi tin – Thánh Laurentius đáp – vào Thiên Chúa Cha toàn năng và vào Con của Ngài là Chúa Giêsu Kitô, thì kho báu sẽ được mở ra cho ngươi và ngươi sẽ được ban sự sống đời đời.

– Nếu những điều ngài nói thực sự trở thành sự thật, thì tôi sẽ làm theo mọi điều ngài truyền dạy, – Hippolytus nói.

– Hãy nghe ta, – Thánh Laurentius tiếp lời, – và hãy mau chóng làm theo lời ta khuyên: hãy từ bỏ những thần tượng câm điếc và hãy chịu phép rửa tội.

Hippolyt đồng ý và dẫn Thánh Laurentius ra khỏi nhà tù về nhà mình. Sau khi dạy dỗ Hippolyt về đức tin thánh thiện và giảng giải cho anh ta, Thánh Laurentius đã cử hành phép rửa tội thánh cho anh ta.

– Tôi đã thấy, – Hippolytus nói sau khi làm phép rửa, – những linh hồn vô tội đang tràn ngập niềm vui lớn lao. (Đó chính là những kho tàng mà Thánh Laurentius đã tiên báo với ông rằng chúng sẽ được mở ra cho ông: trong lúc làm phép rửa, Chúa đã cho ông thấy những phúc lành trên trời qua một thị kiến kỳ diệu).

– Tôi khẩn cầu ngài, – sau đó Hippolytus thỉnh cầu Thánh Laurentius, – nhân danh Chúa Giêsu Kitô, – hãy rửa tội cho cả gia đình tôi.

Và Thánh Laurentius đã rửa tội cho mười chín người, cả nam lẫn nữ, trong nhà của Hippolytus. Lúc đó, Hippolytus nhận được lệnh phải dẫn Thánh Laurentius đến gặp Valerian. Hippolytus truyền đạt điều này cho Thánh Laurentius, và ngài nói:

– Hãy đi thôi, – cả tôi lẫn ngài đều đang chuẩn bị đón nhận vương miện tử đạo.

Khi cả hai xuất hiện trước mặt Valerian, ông ta nói với Thánh Laurentius:

– Hãy từ bỏ sự cứng đầu của ngươi và chỉ cho chúng ta những kho báu mà người ta nói rằng ngươi đang sở hữu.

– Hãy cho tôi hai hoặc ba ngày, và tôi sẽ mở kho báu cho ngài xem, – Thánh Laurentius đề nghị.

– Ta giao ông ấy cho ngươi trong ba ngày, – Valerian nói với Hippolytus rồi thả Thánh Laurentius ra. Trong ba ngày đó, Thánh Laurentius đã tập hợp rất nhiều người ăn xin, góa phụ và trẻ mồ côi, người mù, người què và người bệnh đến nhà Hippolytus. Khi ba ngày trôi qua, ngài dẫn tất cả họ đến gặp Decius và Valerianus, những người đang ở trong phòng của Salustius:

– Chính trong những người này, – Thánh Laurentius nói với Decius và Valerianus, những người mà các ngài đang thấy đây, như trong những chiếc bình, chứa đựng những kho tàng vĩnh cửu; và ai gieo trồng tài sản của mình vào những chiếc bình này, người ấy sẽ nhận lại gấp bội trong Nước Trời.

Cảm thấy xấu hổ trước hành động của Thánh Laurentius, Decius và Valerian rất tức giận, nhưng họ không còn tra hỏi ngài về những kho báu nữa, mà bắt đầu ép buộc ngài phải thờ lạy các thần tượng.

– Ngươi đang mưu mô gì vậy? – Valerian nói – Hãy dâng lễ vật cho các vị thần và từ bỏ những trò phù phép mà ngươi đang trông cậy.

– Tại sao các ngài lại để ma quỷ xúi giục các ngài ép buộc các Kitô hữu phải thờ lạy quỷ dữ? – Thánh Laurentius hỏi – Hãy tự suy xét xem, liệu có công bằng không khi thờ lạy một tượng thần do con người tạo ra, trong đó có quỷ dữ ngự trị, mà lại quên đi Thiên Chúa trên trời, Đấng Tạo Hóa của mọi sự hữu hình và vô hình.

Bừng lên cơn thịnh nộ, hoàng đế ra lệnh lột trần thánh nhân, quăng ngài xuống đất và đánh bằng "bọ cạp" (cái gọi là "bọ cạp" là một dụng cụ tra tấn – đó là một cây gậy sắt mảnh có những răng nhọn). Vị thánh tử đạo bị đánh đập dã man đến nỗi máu của ngài nhuộm đỏ cả mặt đất; còn Decius lúc đó thì nói:

– Đừng phỉ báng các vị thần, đừng phỉ báng!

Còn Thánh Laurentius, trong khi chịu đựng những đòn đánh, đã đáp lại:

– Ta tạ ơn Thiên Chúa của ta, vì Ngài đã ban cho ta vinh dự được tham dự vào những đau khổ mà các tôi tớ của Ngài – các thánh tử đạo – đã phải chịu đựng; còn ngươi, kẻ khốn khổ, đã bị mù quáng bởi sự điên rồ và cơn thịnh nộ của chính mình.

Lúc đó, Decius ra lệnh ngừng tra tấn và nâng Thánh Laurentius lên khỏi mặt đất; sau đó, ông ta ra lệnh mang đến và đặt trước mặt ngài một chiếc giường sắt, những tấm ván, những thanh thiếc và các dụng cụ tra tấn khác; chỉ vào tất cả những thứ đó, ông ta nói:

– Tất cả những thứ này sẽ dùng để tra tấn ngươi, nếu ngươi không dâng lễ vật cho các vị thần.

– Từ lâu tôi đã mong muốn những cực hình như thế này như một bữa tiệc, – Thánh Laurentius đáp lại, – đối với các ngài, đó là cực hình, còn đối với chúng tôi, đó là vinh quang.

– Nếu những cực hình này, – Decius chế nhạo, – đối với ngươi là một bữa tiệc và vinh quang, thì hãy nói cho chúng ta biết những Kitô hữu khác giống như ngươi đang ẩn náu ở đâu: hãy đưa họ đến đây, – để họ cùng dự tiệc với ngươi.

– Các ngươi là những kẻ vô đạo, – Thánh Laurentius đáp, – không xứng đáng được nhìn thấy những người mà tên của họ đã được ghi trên trời.

Sau đó, nhà vua ra lệnh dẫn vị tử đạo bị trói đến cung điện Tiberius, nơi chính ông cũng đang trên đường đến. Khi đến nơi, ông ngồi trong đền thờ Dia và ra lệnh cho người ta dẫn Thánh Laurentius đến trước mặt mình:

– Hãy nói cho chúng ta biết, – ông ta nói, – những kẻ Kitô hữu vô đạo đang ẩn náu ở đâu, để chúng ta có thể thanh trừng thành phố khỏi bọn chúng; còn ngươi thì hãy thờ lạy các vị thần và đừng hy vọng vào những kho báu mà ngươi đang giấu giếm.

– Ta sẽ không tiết lộ cho ngươi về những tôi tớ của Đấng Kitô, – vị thánh đáp lại, – còn về những kho báu, ta không đặt niềm tin vào chúng một cách vô ích: ta biết rõ về chúng.

– Ngươi có nghĩ rằng có thể thoát khỏi cực hình bằng vàng hay bạc không? – vị vua hỏi.

– Tôi là tôi tớ của Chúa Kitô, – vị tử đạo đáp, – và tôi đặt trọn niềm hy vọng vào Ngài; tôi cũng biết rõ những kho báu trên trời mà Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, đã chuẩn bị sẵn cho tôi và tất cả các tôi tớ của Ngài.

Vị vua tức giận ra lệnh đánh thánh nhân bằng gậy, đồng thời dùng những tấm sắt nung đỏ đốt cháy hai bên sườn ngài; trong lúc chịu những cực hình này, thánh Laurentius cầu nguyện với Thiên Chúa:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa từ Thiên Chúa, xin thương xót con, tôi tớ của Ngài: người ta đã vu khống con, nhưng con không chối bỏ Ngài; người ta đã hỏi con, và con đã xưng danh thánh thiêng liêng của Ngài.

Sau đó, Decius ra lệnh đánh vị tử đạo bằng những cây gậy thiếc, và Thánh Laurentius đã kêu lên:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin hãy đón nhận linh hồn con!

Lúc đó, có tiếng từ trời vang xuống:

– Ngươi còn phải chịu nhiều đau khổ nữa!

Mọi người đều nghe thấy tiếng nói ấy. Còn Decius, trong cơn điên cuồng, đã hét lớn:

– Hỡi các quý ông La Mã và toàn thể hội chúng! Các ngươi có nghe thấy tiếng quỷ dữ đang an ủi tên phù thủy và kẻ phạm thánh này không? Hắn không tôn kính các vị thần của chúng ta, không vâng lời ta, vị vua, và cũng không sợ hãi những cực hình!

Rồi ông ra lệnh lôi Thánh Laurentius ra một lần nữa và lại đánh ngài bằng những con bọ cạp. Nhưng vị thánh tử đạo đã cười nhạo những cực hình đó, làm cho Decius phải xấu hổ, và ngài cầu nguyện, nói rằng:

– Ngợi khen Chúa, Thiên Chúa, Cha của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con! Con tạ ơn Ngài vì đã ban ơn lành cho chúng con, những kẻ không xứng đáng, nhưng xin ban cho con ân sủng của Ngài, để những ai có mặt ở đây và đang nhìn con nhận ra rằng Ngài là Đấng an ủi các tôi tớ của Ngài.

Trong lúc cầu nguyện ấy, một người lính có mặt tại hiện trường tra tấn, tên là Roman, đã tin nhận Chúa Kitô và kêu lên bằng giọng lớn:

– Thánh Laurentius, tôi thấy một thiếu niên rực rỡ đang đứng bên cạnh ngài và lau chùi những vết thương cũng như toàn thân ngài; tôi khẩn cầu ngài nhân danh Chúa Kitô, Đấng đã sai Thiên Thần của Ngài đến với ngài, xin đừng bỏ rơi tôi!

Decius nói với Valerian:

– Chúng ta đã bị tên phù thủy này đánh bại! – và sau khi ra lệnh tháo dây trói vị tử đạo khỏi cột tra tấn, ông giao ông cho Hippolytus giam vào ngục. Còn chiến binh Roman mang một bình nước đầy đến cho Thánh Laurentius, quỳ xuống dưới chân ngài, nước mắt lưng tròng van xin ngài làm phép rửa tội cho mình. Khi anh vừa được rửa tội, bất ngờ có những chiến binh khác đến, bắt anh đi và dẫn về trước mặt vua; còn anh, trước khi họ kịp hỏi gì, đã kêu lên:

– Tôi là người Kitô hữu!

Vua lập tức ra lệnh chém đầu anh ta: sau đó, Roman bị dẫn ra ngoài thành qua cổng Salarius và bị chém đầu; đó là vào ngày 9 tháng Tám. Thi thể của anh ta được vị linh mục Justin nói trên mang đi vào ban đêm và an táng một cách trang trọng.

Cùng đêm đó, Decius và Valerian, khi đang ở tại Nhà tắm Olympiad, gần cung điện Salustius, đã ra lệnh chuẩn bị nơi xét xử để đưa Thánh Laurentius ra chịu thử thách cuối cùng; đồng thời, họ cũng ra lệnh chuẩn bị tất cả các dụng cụ tra tấn. Khi biết tin này, Hippolytus bắt đầu khóc. Còn Thánh Laurentius, an ủi ông, nói:

– Đừng khóc vì ta, hãy vui mừng đi, vì ta sắp đi nhận vương miện tử đạo vinh quang.

– Tại sao con không thể hét lên trước mặt ngài rằng "Con là người Kitô hữu!" để được chết cùng ngài? – Hippolytus hỏi.

– Hãy giữ lời tuyên xưng của mình trong lòng lúc này đi – Thánh Laurentius nói – một lát nữa, tôi sẽ gọi anh, anh sẽ nghe thấy và đến với tôi.

Khi hoàng đế cùng với Valerian ngồi trên bục xét xử, người ta dẫn Thánh Tử đạo Laurentius đến trước mặt ông.

– Hãy bỏ phép thuật của ngươi đi, – Đê-ki nói với ngài, – và cho chúng ta biết ngươi thuộc dòng dõi nào.

– Tôi sinh ra – vị thánh đáp – ở Tây Ban Nha, được nuôi dưỡng tại Roma và là người Kitô hữu từ khi còn trong tã lót; từ thuở ấu thơ, tôi đã được dạy dỗ về luật Chúa.

– Có phải đó là điều – nhà vua hỏi – ngươi gọi là luật của Đức Chúa Trời, để không tôn kính các vị thần và không sợ sự tra tấn?

– Luật pháp mà tôi được dạy, – vị thánh đáp, – đã khai sáng cho tôi và khiến tôi tôn kính Đức Chúa Trời của tôi, là Chúa Giê-su Ki-tô; nhờ danh Ngài mà tôi được củng cố. Thật vậy, tôi không sợ những hình phạt mà ngài đang đe dọa tôi.

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, – nhà vua nói, – nếu ngươi không làm điều đó, ngươi sẽ bị tra tấn suốt cả đêm.

Thánh Laurentius đáp lại:

– Đêm của tôi không tối tăm, mà tràn ngập ánh sáng.

Kẻ tra tấn ra lệnh dùng đá đập vào miệng Thánh Laurentius; nhưng vị thánh tử đạo lại càng thêm vững vàng trong tinh thần, làm cho nhà vua phải xấu hổ, và ngợi khen Đức Chúa Trời.

– Hãy mang cái giường sắt đến đây, – Decius nói, – để tên Laurentius kiêu ngạo kia nằm trên đó suốt đêm nay.

Và họ mang đến chiếc giường, thực chất là một cái lồng sắt; họ đặt nó trước mặt Decius và Valerian, rồi đặt vị thánh tử đạo trần truồng lên đó, đồng thời rải than hồng dưới gầm giường; trong khi đó, các đầy tớ dùng những cây giáo sắt đè lên người Thánh Laurentius từ phía trên, đốt cháy ngài, như thể ngài là miếng thịt để ăn vậy.

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, – nhà vua nói.

– Chính bản thân tôi, – vị tử đạo đáp, – tôi đã dâng mình với tinh thần khiêm nhường lên Đức Chúa Trời của tôi như một hương thơm ngào ngạt.

Lúc đó, các đầy tớ lại thổi bùng ngọn lửa lên, làm cho giường lửa càng nóng hơn.

– Hãy biết rằng, hỡi kẻ khốn khổ, – vị tử đạo quay sang nói với nhà vua, – rằng những than hồng này đang mang lại sự mát mẻ cho ta, còn ngươi thì sẽ phải chịu cực hình vĩnh viễn: Chúa của ta biết rằng, dù bị vu khống vì đã xưng danh thánh của Ngài, ta vẫn không từ bỏ Ngài, mà khi được hỏi, ta đã nói rằng ta là người Kitô hữu, và giờ đây, khi đang ở trên ngọn lửa này, ta dâng lên Ngài lòng biết ơn của mình.

– Ngọn lửa mà ngươi đã đe dọa chúng ta đâu rồi? – Valerian hỏi.

– Hỡi những kẻ điên rồ và mù quáng! – vị thánh đáp lại, – hãy biết rằng những than hồng mà các ngươi đang thiêu đốt ta đây, đối với linh hồn ta là sự mát mẻ, còn đối với linh hồn các ngươi thì đang chuẩn bị một ngọn lửa không thể dập tắt.

Tất cả những người có mặt đều kinh ngạc trước sự tàn bạo của nhà vua, người đã ra lệnh thiêu sống một con người. Còn Thánh Laurentius thì nói với khuôn mặt rạng ngời:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã ban cho con sức mạnh! – và ngước mắt nhìn Decius và Valerian, ngài nói:

– Này, lũ khốn kiếp, các ngươi đã nướng chín một bên thân thể ta rồi, hãy lật nó sang bên kia và ăn phần đã chín đi.

Rồi ngài ca ngợi Thiên Chúa:

– Con cảm tạ Ngài, lạy Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã cho con được bước vào cổng Nước Trời!

Nói xong những lời ấy, ngài trút hơi thở cuối cùng. Decius và Valerian, khi thấy vị tử đạo đã qua đời, bối rối bỏ đi, để lại thi thể trên giường. Còn Hippolytus thì đã bí mật mang thi thể cao quý và đầy đau khổ của vị thánh tử đạo đi trước khi mặt trời mọc; sau khi quấn thi thể ấy bằng tấm vải liệm tẩm hương thơm, ông báo tin cho vị linh mục thánh Justin. Vị linh mục này lập tức đến gặp Hippolytus, và cả hai cùng mang thi thể đến nhà góa phụ Kyriake đã được nhắc đến trước đó; thân thể được lưu giữ tại đó cho đến chiều tối, và suốt cả ngày hôm đó, họ ăn chay và khóc lóc. Vào tối muộn, trước sự tụ tập đông đảo của các tín hữu Kitô giáo, họ đã rước thi hài trong nước mắt vào một hang động nằm trên mảnh đất thuộc sở hữu của bà góa; sau khi cử hành lễ cầu nguyện suốt đêm tại đó, họ đã an táng vị tử đạo một cách trang trọng. Thánh Linh mục Justine đã cử hành Thánh lễ và mọi người đều rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô. Thánh Tử đạo Laurentius đã kết thúc cuộc đời đầy đau khổ của mình vào ngày mười tháng Tám. Còn Thánh Hippolytus đã chịu đau khổ cùng với những người khác vào ngày thứ ba sau ngày Thánh Laurentius, điều này sẽ được đề cập chi tiết hơn ở phần sau. Xin vinh quang thuộc về Thiên Chúa của chúng ta vì tất cả những điều này, Đấng được tôn vinh trong Thánh Ba Ngôi, hiện tại, muôn đời và đến muôn đời. Amen[5484] .

Bài ca Kondak, giọng 2:

Lửa Thánh đã thiêu đốt trái tim ngài, ngài đã thiêu rụi hoàn toàn ngọn lửa của những đam mê, là chỗ dựa vững chắc cho những người chịu khổ, vị tử đạo mang Thánh Thần là Thánh Laurentius, và trong những đau khổ, ngài đã kêu lên một cách trung thành: “Không gì có thể tách rời tôi khỏi tình yêu của Chúa Kitô.”

[5484] Thánh Laurentius đã tử đạo vào năm 258. Nơi an táng của ngài nằm ở phía đông Rome, cách thành phố một verst, trên con đường Tiburtina. Tại nơi này, theo lời chứng của Anastasius, Thư ký Thư viện, Hoàng đế Constantine Đại đế đã cho xây dựng một ngôi thánh đường tráng lệ để tôn vinh vị thánh. Xác thánh, hay chính xác hơn là một phần xác thánh, của Thánh Laurentius đã được an táng tại nhà thờ mang tên ngài ở Constantinopolis dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius II vào ngày 27 tháng 9. Hiện nay, di cốt của Thánh Laurentius được lưu giữ tại Rome, trong một nhà thờ ngoại ô mang tên ngài trên đường Tiburtina, còn phần đầu thì được lưu giữ tại nhà thờ riêng mang tên ngài của người quản lý kho báu tại Cung điện Quirinal.

Ngày 24 tháng 8

Ngày 11 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của các vị thánh cha Theodor và Basil, các tu sĩ tại Tu viện Kiev-Pechersk.

Ngày tưởng niệm 11 tháng 8

"Gốc rễ của mọi điều ác là lòng tham tiền" (1 Tm 6:10), – Thánh Tông đồ Phaolô đã nói như vậy. Chúng ta thấy sự ứng nghiệm của câu nói này trong cuộc đời của các vị thánh Theôdor và Vasil: Kẻ thù và thủ phạm của mọi điều ác đã khơi dậy trong tâm hồn Thánh Phê-ô-đô-r những ý nghĩ và ý định tội lỗi, không gì khác hơn là lòng tham tiền; qua lòng tham tiền, ma quỷ đã gây ra những đau khổ về thể xác và cái chết không chỉ cho vị thánh, mà còn cho người cố vấn của ngài, Thánh Ba-si-li-ô. Dưới đây là câu chuyện về các vị thánh cha này.

Thánh Theodor khi còn sống đời thế tục đã sở hữu một gia tài rất lớn. Một lần nọ, nghe được lời Chúa trong Phúc Âm: *"Ai trong các con mà không từ bỏ mọi thứ mình có, thì không thể làm môn đệ Ta được"* (Lc 14,33), ngài đã tuân theo lời ấy: từ bỏ đời sống thế tục và phân phát của cải cho người nghèo, Thánh Phê-ô-đô-r đã trở thành tu sĩ tại Tu viện Pechersk, sống một cuộc đời đầy những việc lành. Theo lệnh của vị tu viện trưởng, ngài đã định cư trong một hang động được gọi là "Hang Varyazhskaya", nơi ngài đã sống nhiều năm, tuân giữ sự kiêng khem nghiêm ngặt. Trong thời gian Thánh Phê-ô-đô-rơ ở trong hang động này, ma quỷ đã gieo rắc vào lòng ngài nỗi buồn bã và hối tiếc về tài sản đã phân phát cho người nghèo, khiến ngài nghĩ đến tuổi già, sức khỏe yếu ớt và thức ăn thiếu thốn trong tu viện. Thánh Phê-ô-đô-rơ đã không nhận ra rằng những suy nghĩ như vậy chính là sự cám dỗ của ma quỷ. Ngài đã quên lời Chúa: *"Đừng lo lắng cho linh hồn mình về việc ăn gì, uống gì, cũng đừng lo cho thân xác mình về việc mặc gì. Linh hồn chẳng quan trọng hơn thức ăn sao, và thân xác chẳng quan trọng hơn áo quần sao? Hãy nhìn các loài chim trên trời: chúng không gieo, không gặt, cũng không thu thập vào kho lẫm; mà Cha các con trên trời vẫn nuôi dưỡng chúng"* (Mt 6:25–26), và khi nhìn thấy sự nghèo khó của mình, ông bắt đầu rơi từ nỗi buồn sang tuyệt vọng, ngày càng bị cám dỗ chi phối nhiều hơn. Một lần nọ, ông đã bộc bạch nỗi buồn của mình với các bạn bè mà không giấu giếm điều gì.

Trong số các tu sĩ mặc áo đen của Tu viện Pechersk có một người tên là Vasily, một trong những người có đời sống đạo đức nhất. Mong muốn đưa Thánh Theodor ra khỏi vực thẳm tuyệt vọng và an ủi ngài, ông nói với ngài:

– Tôi xin anh, anh Theodor, đừng đánh mất phần thưởng của mình; nhưng nếu anh hối tiếc về số tài sản đã phân phát cho người nghèo, thì tôi sẽ cố gắng trả lại cho anh số lượng tương đương: anh chỉ cần cầu nguyện trước mặt Chúa để việc bố thí của anh được tính vào phần công đức của tôi, và ngay lập tức anh sẽ thoát khỏi nỗi buồn và lấy lại được tài sản của mình qua tôi. Tuy nhiên, hãy xem liệu Chúa có cho phép điều này không: tại Constantinople cũng có một người hối tiếc về số vàng đã phân phát cho người nghèo, và đã quy công việc bố thí đó cho người khác trước mặt Chúa, bằng cách nhận từ người đó số tiền tương đương với số đã phân phát; khi anh ta nói: "Lạy Chúa, không phải con đã làm việc bố thí, mà đó là việc của người kia," thì ngay lập tức ông ta ngã quỵ ngay giữa nhà thờ và qua đời, như vậy đã mất cả vàng lẫn mạng sống.

Nghe xong điều này, Thánh Phê-ô-đô-rô bừng tỉnh và bắt đầu than khóc về sự sa ngã của mình, đồng thời ca ngợi người anh em đã chữa lành cho ngài khỏi căn bệnh tâm hồn nguy hiểm đến thế. Về những con người như vậy, Chúa đã phán: *"Nếu ngươi lấy điều quý giá từ điều vô giá trị, thì ngươi sẽ như miệng Ta"* (Giê-rê-mi 15:19). Kể từ lúc đó, tình yêu thương giữa Thánh Theodor và Thánh Basil càng thêm sâu đậm. Từ đó, Thánh Theodor không ngừng tiến bộ trong việc tuân giữ các điều răn của Chúa, nỗ lực thực hiện mọi điều cần thiết cho một cuộc sống công chính, đẹp lòng Chúa, thánh thiện và vô tì vết. Còn ma quỷ thì phải chịu sự sỉ nhục lớn lao, vì không thể lôi kéo Thánh Theodor sa vào lòng tham tiền bạc một cách triệt để. Hắn lại tiếp tục tấn công vị thánh này, bày ra những mưu mô mới nhằm khơi dậy trong lòng ngài lòng tham lam. Một lần nọ, vị tu viện trưởng sai Thánh Basil rời tu viện để thực hiện một nhiệm vụ, việc này mất của ngài ba tháng: coi khoảng thời gian này là thuận lợi cho

mưu đồ của mình, ma quỷ, hóa thân thành hình dạng của Basil, đã đến hang động gặp Thánh Theodor như thể để có một cuộc trò chuyện cứu rỗi linh hồn.

– Anh thế nào rồi – hắn nói – trong cuộc sống đạo đức? Cuộc chiến chống lại những cám dỗ của ma quỷ đã chấm dứt chưa, hay vẫn còn tiếp diễn, khơi dậy lòng tham lam trong anh qua ký ức về tài sản đã được phân phát cho những người nghèo?

Thánh Theodorus, không nhận ra con quỷ và tưởng rằng người đang nói chuyện với mình là anh em Vasili, đã trả lời:

– Nhờ những lời cầu nguyện của cha, con đã chiến thắng được ma quỷ và không nghe theo những ý nghĩ do nó khơi dậy; và bây giờ, bất cứ điều gì cha ra lệnh, con sẽ sẵn lòng tuân theo, vâng lời cha: trong những lời dạy dỗ của cha, con đã tìm thấy lợi ích to lớn cho linh hồn mình.

Còn người anh em giả mạo kia, vì không nghe thấy tên Đức Chúa Trời từ miệng Thánh Theodor, nên càng trở nên táo bạo hơn:

– Ta sẽ cho ngươi – ông nói – một lời khuyên mới: nếu làm theo lời khuyên này, ngươi sẽ tìm được sự bình an và sớm nhận được phần thưởng từ Đức Chúa Trời tương đương với số tài sản mà ngươi đã phân phát: hãy cầu xin Đức Chúa Trời ban cho ngươi thật nhiều vàng và bạc, và đừng cho ai vào hang động của ngươi, cũng đừng tự mình ra khỏi đó.

Thánh Theodor hứa sẽ làm theo tất cả những điều đó. Lúc đó, ma quỷ đầy mưu mô xảo trá đã bỏ đi; nó lén lút gieo vào tâm trí vị thánh ý nghĩ về việc thu thập kho báu, và xúi giục ngài cầu nguyện về điều đó. Thánh Theodor đã cầu xin Chúa ban cho ngài một kho báu, mà ngài hứa sẽ phân phát hết cho những người nghèo khó. Sau khi cầu nguyện, ngài chìm vào giấc ngủ và thấy trong giấc mơ một con quỷ, vốn đã hóa thân thành một Thiên thần rực rỡ, chỉ cho ngài kho báu trong hang động. Ảo ảnh này không chỉ xuất hiện một lần, mà lặp lại nhiều lần. Một thời gian sau, Thánh Theodorus đến nơi đã được chỉ dẫn trong giấc mơ; khi bắt đầu đào, ngài thực sự tìm thấy ở đó một kho báu gồm vàng, bạc và những đồ đựng quý giá. Sau đó, con quỷ dưới hình dạng của Vasili lại đến gặp ngài và nói:

– Kho báu mà ngươi được ban cho ở đâu? Thiên thần đã hiện ra với ngươi cũng đã tiết lộ cho ta biết rằng nhờ những lời cầu nguyện của ngươi, ngươi đã nhận được rất nhiều vàng và bạc.

Thánh Theodor không muốn cho nó xem kho báu. Ngay lập tức, con quỷ xảo quyệt bắt đầu công khai xúi giục anh, đồng thời gieo rắc những ý nghĩ thầm kín, khuyên anh nên lấy kho báu và mang nó đi sang một đất nước khác. Đầu tiên, nó nói với vị thánh:

– Chẳng phải tôi đã nói rồi sao, anh em Phê-ô-đô-rơ, rằng anh sẽ sớm nhận được phần thưởng từ Đức Chúa Trời cho tài sản mà anh đã phân phát, vì chính Ngài đã phán: *'Ai từ bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha, mẹ, vợ, con cái, hay ruộng đất vì danh Ta, thì sẽ được gấp trăm lần và được hưởng sự sống đời đời'* (Mt 19:29), và giờ đây của cải đang nằm trong tay anh; hãy làm gì với nó tùy ý anh!

– Sau đó, tôi đã cầu xin Đức Chúa Trời – vị thánh nhân đáp – để phân phát tất cả những gì được ban cho tôi cho những người nghèo, và tôi nghĩ rằng chính vì mục đích đó mà nó đã được ban cho tôi.

– Hãy nghe đây, anh em Theodor, – kẻ thù phản bác, – chớ để ma quỷ lại gây đau khổ cho anh qua việc phân phát này, như trước đây; kho báu này được ban cho anh như sự bù đắp cho những gì anh đã phân phát, và tôi khuyên anh: hãy nhận lấy nó và đi đến một nơi khác, rồi ở đó mua cho mình một mảnh đất; tại nơi đó, anh có thể được cứu rỗi và tránh khỏi những mưu mô của ma quỷ. Khi giờ chết đến, sẽ không ai cấm anh phân phát tài sản cho bất cứ ai anh muốn, và nhờ đó, người ta sẽ mãi mãi ghi nhớ anh với lòng biết ơn.

Thánh Theodor trả lời:

– Tôi cảm thấy xấu hổ vì đã từ bỏ thế gian cùng những của cải của nó, hứa sẽ kết thúc cuộc đời trong hang động này, mà giờ lại trở thành kẻ chạy trốn và một người thế tục.

– Ngươi không thể – quỷ dữ thuyết phục ngài – giấu kho báu ở đây: người ta sẽ biết về nó và rồi sẽ lấy nó khỏi tay ngươi. Tốt hơn là ngươi hãy nghe lời ta và mau chóng làm theo lời ta khuyên: nếu Đức Chúa Trời không muốn ngươi sở hữu của cải, thì Ngài đã không gửi kho báu đến cho ngươi và cũng không báo cho ta biết để ta hướng dẫn ngươi.

Lúc đó, Thánh Phê-ô-đô-rô, tin lời con quỷ như tin anh em mình, bắt đầu bí mật chuẩn bị xe ngựa và các thùng chứa để có thể đựng kho báu, nhằm mang chúng ra khỏi hang động và lên đường đến nơi nào con quỷ dẫn dắt, kẻ muốn dùng mưu mô của mình để lôi kéo vị thánh rời khỏi nơi của các vị thánh Antôn và Theodosius, rời

khỏi Đức Mẹ Rất Thánh và, trên hết, rời khỏi Thiên Chúa. Nhưng Đức Chúa Trời nhân từ, *"Đấng muốn cho mọi người được cứu rỗi"* (1 Ti-mô-thê 2:4), đã cứu vị thánh và tôi tớ của Ngài là Thê-ô-đô-ri nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh.

Vào lúc đó, vị thánh Basil, người trước đây đã giải thoát thánh Theodor khỏi những ý nghĩ xấu xa, đã trở về từ chuyến đi. Muốn gặp lại ngài, ngài đến hang động của ngài và nói:

– Anh Theodor ơi, giờ đây anh đang sống đời sống theo Chúa như thế nào? Đã lâu rồi tôi không gặp anh.

Thánh nhân Theodor ngạc nhiên trước lời chào đó và nói:

– Anh nói gì vậy, rằng đã lâu rồi không gặp tôi ư? Hôm qua, ngày thứ ba và trước đó nữa, anh vẫn thường xuyên đến gặp tôi, dạy dỗ tôi, và giờ đây, tôi đang lên đường, như anh đã dặn dò.

Đến lượt mình, Thánh Basil lại càng ngạc nhiên hơn trước câu trả lời đó:

– Hãy nói cho tôi biết, – ngài hỏi, – ý anh muốn nói gì khi bảo rằng hôm qua, ngày thứ ba và trước đó tôi vẫn thường xuyên đến gặp anh, dạy dỗ anh? Và anh đang đi đâu vậy? Tôi mới trở về hôm nay và không biết gì cả: có lẽ ma quỷ đã cám dỗ anh chăng? Tôi xin anh, vì Chúa, đừng giấu giếm tôi.

Thánh Theodor đã nói với ngài một cách giận dữ:

– Sao ngươi lại cám dỗ ta? Tại sao ngươi lại làm xáo trộn tâm hồn ta, lúc thì nói thế này, lúc lại nói thế khác? Ta phải tin vào điều gì đây?

Sau khi bày tỏ sự bực bội của mình như vậy, ngài đã đuổi người ấy đi.

Nghe xong, Thánh Basil trở về tu viện. Và Ác quỷ lại đến gặp Thánh Theodore dưới hình dạng của Basil:

– Ta, kẻ khốn nạn, đã mất trí, – hắn nói, – khi nói với ngươi những điều không nên nói; vì thế ta không còn nhớ những lời sỉ nhục mà ngươi đã dành cho ta, và ta lại nhắc lại với ngươi lần nữa: ngay trong đêm nay, hãy mau rời khỏi đây, mang theo kho báu của ngươi.

Nói xong, hắn rời đi.

Còn Thánh Basil, sau khi rủ theo một số vị tu sĩ cao niên, lại đến gặp Thánh Theodor:

– Chúa là chứng nhân, – ngài nói với ông ta, – đã ba tháng rồi tôi không gặp anh: tôi được vị tu viện trưởng cử đi lo việc của tu viện; hôm nay là ngày thứ ba kể từ khi tôi trở về, vậy mà ngay khi tôi vừa bước vào phòng anh, anh đã nói với tôi rằng trong suốt thời gian tôi vắng mặt, tôi vẫn liên tục đến gặp anh. Tôi nghĩ rằng chính quỷ dữ đã đến gặp anh dưới hình dạng của tôi; nếu anh muốn xác minh, hãy làm như thế này: đừng cho phép bất kỳ ai đến gặp anh bắt đầu cuộc trò chuyện với anh trước khi người đó đọc Kinh Cầu Chúa Giêsu; nếu người đó không muốn làm vậy, thì anh sẽ biết rằng đó chính là quỷ dữ.

Sau đó, Thánh Basil đã đọc lời cầu nguyện xua đuổi, kêu cầu sự trợ giúp của các thánh, rồi sau khi hướng dẫn Thánh Theodore, ngài trở về tu viện và vào phòng tu của mình. Ác quỷ không dám hiện ra trước mặt Thánh Theodore nữa, và mưu mô xảo quyệt của kẻ dụ dỗ đã trở nên rõ ràng đối với ngài. Từ đó trở đi, ngài bắt buộc mọi người đến gặp mình trước hết phải đọc Kinh Lạy Chúa Giêsu, rồi mới trò chuyện với họ. Như vậy, Thánh Phêrô đã chiến thắng kẻ thù và nhờ ơn Chúa, thoát khỏi miệng con sư tử đang rình mồi (xem 1 Phêrô 5:8). Chúa đã và đang ban sự giải thoát tương tự cho nhiều người được Ngài chọn, những người lang thang trong sa mạc và vực thẳm, sống trong im lặng một mình trong các tu viện: họ cần một sức mạnh đạo đức vĩ đại và sự giúp đỡ của Chúa, để trong lúc chiến đấu, con thú giết người không đánh bại và nuốt chửng họ.

Sau khi được giải thoát khỏi hố diệt vong, Thánh Theodor đã lo liệu để chính kẻ thù của loài người phải rơi xuống hố đó: trước hết, ngài chôn sâu xuống đất kho báu mà ngài đã tìm thấy, thứ suýt nữa đã khiến ngài sa ngã khỏi Đức Chúa Trời; đồng thời, Thánh Phê-ô-đô-rô không ngừng cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài ban cho ngài sự quên lãng về nơi chôn giấu kho báu và tước bỏ khỏi ngài lòng tham lam. Chúa đã nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài: Thánh Phê-ô-đô-r đã hoàn toàn quên mất nơi cất giấu kho báu, và không bao giờ nghĩ đến việc tích lũy của cải; vàng và bạc đối với ngài chẳng quý hơn bùn đất.

Sau đó, để không sống trong sự nhàn rỗi – thứ sinh ra sự lười biếng, và cùng với nó là sự bất cẩn, mà ma quỷ có thể lợi dụng để cám dỗ ông một lần nữa – Thánh Theodor đã tự đặt lên mình một công việc nặng nhọc: ông đặt cối xay trong hang động của mình và bắt đầu làm việc cho cộng đoàn tu sĩ; không chỉ tự mình xay lúa mì, mà còn tự tay mang lúa mì từ tu viện về; ban đêm ngài hầu như không ngủ, dành phần lớn thời gian để cầu nguyện và làm việc với cối xay tay, còn ban ngày thì mang bột đi và lại mang lúa mì về. Bằng những công việc của mình, trong nhiều năm liền, vị thánh đã giúp giảm bớt gánh nặng đáng kể cho các tu sĩ trong tu viện, không ngần ngại chia sẻ công việc với họ.

Một lần nọ, người quản lý kho của tu viện, khi thấy vị tu sĩ Theodor đã tự gánh vác một công việc nặng nhọc và đầy gian khổ đến nhường nào, đã cảm động sâu sắc: khi lúa mì được chở về từ các làng thuộc tu viện, ông đã gửi năm xe lúa mì đến cho vị tu sĩ, để ngài không phải vất vả thêm nữa – không phải tự mình đi lấy lúa mì về tu viện. Thánh Theodor, sau khi đổ lúa mì ra, bắt tay vào công việc, vừa làm vừa hát thánh vịnh. Khi mệt mỏi, ngài định nghỉ ngơi một chút, bỗng nhiên vang lên một tiếng như sấm sét, và hai bánh cối bắt đầu tự xay. Nhận ra mưu mô của ma quỷ, Thánh Theodor đứng dậy và bắt đầu cầu nguyện nhiệt thành, sau đó ngài nói bằng giọng lớn:

– Chúa cấm ngươi, ác quỷ xảo trá!

Nhưng con quỷ vẫn không ngừng xay trên cối xay. Lúc đó, vị thánh lại nói:

– Nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, Đấng đã đuổi ngươi khỏi thiên đàng và giao ngươi vào tay các vị thánh của Ngài, ta, kẻ tội lỗi, ra lệnh cho ngươi không được ngừng công việc cho đến khi xay hết lúa mì: hãy làm việc vì anh em thánh thiện.

Nói xong, ngài tiếp tục cầu nguyện: còn con quỷ thì không dám trái lệnh và chỉ trong một đêm đã xay xong hết lúa mì. Sáng hôm sau, Thánh Phê-ô-đô-rô báo cho người quản lý nhà bếp biết để ông ấy cử người đến lấy bột. Người quản lý nhà bếp ngạc nhiên trước sự việc kỳ lạ đến vậy – làm sao có thể xay được năm xe lúa mì chỉ trong một đêm – và chính ông đã đến hang động để mang bột ra, và lúc đó một phép lạ khác đã xảy ra: từ chính số lúa mì đó, người ta lại thu được thêm năm xe bột nữa. Như vậy, tại đây, trong sự kiện vừa được kể lại về cuộc đời của Thánh Phê-ô-đô-rô, lời của các Tông đồ, những người xưa kia đã thưa với Chúa Giê-su Ki-tô: *"Lạy Chúa! Ngay cả các quỷ cũng vâng lời chúng con nhân danh Ngài"* (Lc 10,17), và cũng như lời hứa của chính Lời Chúa: *"Này, Ta ban cho các con quyền năng để giẫm lên rắn rết và mọi thế lực của kẻ thù"* (Lc 10,19). Những con quỷ xảo quyệt muốn dọa nạt Thánh Phê-ô-đô-rô và ép ngài phải tuân phục chúng như trước đây, trong thời gian ngài bị cám dỗ, nhưng thay vào đó, chính chúng lại tự trói mình vào xiềng xích nô lệ, đến nỗi buộc phải kêu lên:

– Chúng tôi sẽ không xuất hiện ở đây nữa.

Các vị thánh Theodor và Basil đã thiết lập giữa hai người một tập tục đạo đức là không bao giờ giấu giếm suy nghĩ của mình, mà cả hai cùng thảo luận với nhau để xem chúng có phù hợp với ý Chúa hay không. Sau khi bàn bạc với nhau, Thánh Vasil đã lui vào hang động để sống trong im lặng, còn Thánh Theodor, vì đã cao tuổi, đã rời khỏi đó để đến định cư tại một tu viện cổ kính.

Vào thời điểm đó, tu viện đã bị thiêu rụi. Những cây gỗ dùng để xây dựng nhà thờ và các phòng tu, được vận chuyển bằng bè trên sông Dnieper, đang nằm trên bờ; người ta đã thuê thợ để đưa chúng lên núi, nhưng Thánh Theodor, vì muốn tự tay xây dựng phòng tu cho mình, đã bắt đầu tự mình vác những khúc gỗ từ bờ sông lên núi, không cho phép ai làm thay mình. Những con quỷ dối trá, quên mất lời hứa mà chúng đã buộc phải đưa ra khi bị ép buộc lao động – rằng sẽ không bao giờ đến gần vị thánh – lại bắt đầu những mưu mô của chúng: tất cả những khúc gỗ mà Thánh Feodor đã vất vả mang lên núi trong ngày, ban đêm chúng lại đẩy xuống dốc, với ý định buộc ngài phải rời đi. Nhận ra mưu mô của lũ quỷ, vị thánh nói với chúng:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng đã ra lệnh cho các ngươi nhập vào bầy heo (Mt 8,32), tôi, một tôi tớ tội lỗi của Ngài, ra lệnh cho các ngươi chuyển tất cả các khúc gỗ từ bờ sông lên núi, để các anh em đang phục vụ Đức Chúa Trời không phải ngừng công việc của mình và có thể xây dựng nhà thờ Đức Mẹ Đồng Trinh cùng các phòng tu cho mình mà không bị các mưu mô của các ngươi cản trở; khi đó các ngươi sẽ biết rằng Chúa đang hiện diện tại nơi này.

Cùng đêm đó, các quỷ đã chuyển tất cả các khúc gỗ dự định dùng để xây tu viện từ bờ sông lên núi. Khi sáng hôm sau, những người được thuê để vận chuyển đến bờ sông, họ không tìm thấy một khúc gỗ nào; nhìn xung quanh, họ thấy rằng những khúc gỗ đã nằm trên núi và không bị chất thành đống, mà được sắp xếp gọn gàng: riêng những khúc dành cho mái nhà, riêng những khúc dành cho sàn nhà, và riêng những thanh xà dài, cực kỳ nặng. Tất cả những điều này, như một việc vượt quá sức người, đã gây nên sự ngạc nhiên. Chính nhờ các vị thánh nhân của Ngài là Thánh Phê-ô-đô-rơ và cố vấn của ngài là Thánh Ba-si-li-ô mà Chúa đã được tôn vinh; vì những công đức của họ, Chúa đã tỏ ra phép lạ này. Nhưng những tôi tớ của Chúa, những người đồng tâm đồng ý này, không hề kiêu ngạo khi thấy các quỷ phục tùng mình, mà tuân theo lời dạy của Đấng Christ: *"Đừng vui mừng vì các thần phục tùng các ngươi, nhưng hãy vui mừng vì tên các ngươi đã được ghi trên trời"* (Lc 10:20). Còn các quỷ dữ, bị các thánh Theodor và Vasili vạch trần mưu mô một cách rõ ràng như vậy, không thể chịu đựng được sự sỉ nhục này – chúng từng được những người ngoại đạo tôn kính và thờ phụng như các vị thần, giờ đây lại phải chịu sự khinh bỉ, sỉ nhục và ô nhục từ các vị thánh trung thành của Đức Chúa Trời; chúng phải làm việc như những nô lệ bị mua bán,

lúc thì xay lúa, lúc thì khiêng gỗ; hơn nữa, tuân theo lệnh cấm của chính các thánh nhân ấy, chúng phải tránh xa loài người. Chính vì thế, trong lúc khiêng gỗ, chúng đã gào thét, như một số người đã nghe thấy:

– Hỡi những kẻ thù độc ác và hung dữ của chúng ta, Theodore và Basil! Chúng ta sẽ không ngừng chiến đấu với các ngươi cho đến khi giết chết các ngươi!

Từ lúc đó, những con quỷ xảo quyệt – không biết rằng hành động của chúng sẽ góp phần làm rạng danh các vị thánh còn hơn nữa – bắt đầu dùng mọi cách để xúi giục những kẻ ác chống lại các thánh Theodor và Basil. Ngay lập tức, sau khi các khúc gỗ được di chuyển một cách kỳ diệu, những người thợ được thuê để vận chuyển đã nổi loạn:

– Hãy trả tiền công cho chúng tôi đi, – họ nói với Thánh Theodoros, – chúng tôi không muốn biết bằng mưu mẹo nào mà ngài cùng với Thánh Basil đã di chuyển những khúc gỗ đó, trong khi chúng tôi đã sẵn sàng làm việc đó rồi.

Hơn nữa, vị thẩm phán bất lương, sau khi bị hối lộ bằng vàng, cũng đã ra phán quyết: không nhớ lời cảnh báo của Chúa rằng kẻ xét xử bất công sẽ chính mình bị kết án, ông ta không ngần ngại nói với Thánh Theodor:

– Hãy để những con quỷ đã giúp các ngươi vận chuyển gỗ ấy giúp các ngươi trả tiền đi.

Cám dỗ mới này của ma quỷ đã gây ra nỗi đau khổ lớn lao cho Thánh Theodor, người không ham của cải, và Vasilij, cố vấn của ngài. Không thể giết chết các vị thánh, ma quỷ, nhớ lại chiến thắng đầu tiên của mình trước Thánh Theodor, lại gây ra một cơn bão chết chóc. Hóa thân thành hình dáng của Thánh Vasil, người lúc đó đang tu hành trong hang động Varyazh, hắn đến gặp một trong những quý tộc thân cận nhất với hoàng tử; đó là một kẻ tàn nhẫn và vô đạo, người từng quen biết Thánh Vasil.

– "Théodore, người từng sống trong hang động trước tôi," kẻ cám dỗ nói với ông ta, "đã tìm thấy một kho báu lớn gồm vàng, bạc và những đồ đựng quý giá, và suýt nữa thì đã định bỏ trốn cùng nó, nhưng tôi đã ngăn cản được ông ta; giờ đây hắn giả vờ là một người điên thánh và có quan hệ với lũ quỷ, ra lệnh cho chúng lúc thì xay lúa, lúc thì vác những khúc gỗ từ bờ sông lên núi; trong khi đó, hắn cẩn thận giấu đi những của cải mình đã tìm thấy, để khi thời cơ thuận lợi hơn đến, hắn có thể mang chúng đi đâu đó bí mật, tránh khỏi sự theo dõi của ta; trong trường hợp đó, hoàng tử tất nhiên sẽ chẳng nhận được gì cả.

Nghe xong, quan đại thần dẫn người tự xưng là Vasili đến gặp công tước Mstislav Svyatopolkovich. Con quỷ cũng kể lại cho ông ta nghe những điều tương tự, đồng thời đưa ra lời khuyên thêm như sau:

– Hãy bắt hắn càng sớm càng tốt, trước khi hắn trốn thoát, và khi đó các ngài sẽ có được kho báu; nếu hắn không chịu giao nộp tự nguyện, hãy dùng đến đòn roi; nhưng nếu sau đó hắn vẫn không chịu giao ra, thì hãy tra tấn hắn không nương tay và gọi ta đến: ta sẽ vạch trần hắn trước mặt mọi người và chỉ ra chính xác nơi cất giấu kho báu.

Sau khi dụ dỗ hoàng tử như vậy, con quỷ đã biến mất.

Sáng hôm sau, hoàng tử, như thể đang chuẩn bị đi săn hoặc ra trận chống lại kẻ thù, cùng với một đoàn binh lính đông đảo, đã đến tu viện; sau khi bắt được Thánh Phê-ô-đô-rô, ông đưa ngài về nhà mình và ban đầu nhẹ nhàng hỏi ngài:

– Xin cha cho con biết, liệu có đúng như con nghe nói, cha đã tìm thấy kho báu không?

– Vâng, – vị tu sĩ trả lời, – tôi thực sự đã tìm thấy nó, và hiện tại nó đang được giấu trong một hang động.

– Có biết không – hoàng tử lại hỏi – chính xác là ai đã giấu nó và trong đó có bao nhiêu vàng, bạc và đồ dùng bằng kim loại?

– Ngay từ thời cha chúng ta là Thánh Antôn còn sống, – Thánh Theodor nói, – người ta đã đồn đại về kho báu do người Varangian giấu trong hang động này, chính vì thế mà đến nay nó vẫn được gọi là Hang Varangian; con đã tận mắt thấy nó; kho báu đó gồm rất nhiều vàng, bạc và đồ gốm, nhưng toàn là đồ La Mã.

– Vậy tại sao cha lại không trao nó cho con? – hoàng tử hỏi. – Con sẽ chia sẻ nó với cha, cha cứ lấy bao nhiêu tùy ý, và nhờ đó, cha sẽ trở thành người cha thay thế cho cả con lẫn cha của con (lúc đó cha của hoàng tử đang ở Turov).

Thánh Theodorus đáp lại:

– Tôi sẽ không đòi hỏi gì cho bản thân từ những thứ không mang lại lợi ích gì cho tôi cả, tôi sẽ trao hết cho các ngài: các ngài đang gánh vác những lo toan mà tôi hoàn toàn được giải thoát, nhưng Chúa đã lấy đi khỏi tôi mọi ký ức về nơi mà tôi đã chôn giấu kho báu.

Lúc đó, hoàng tử trong cơn giận dữ ra lệnh cho các tôi tớ:

– Hãy xiềng tay chân tên tu sĩ này lại và đừng cho hắn cả bánh mì lẫn nước trong ba ngày: hắn không biết trân trọng ân huệ của ta.

Sau khi Thánh Theodor bị xiềng xích, người ta lại hỏi ông rằng ông đã giấu kho báu ở đâu?

Thánh Theodorus trả lời y như trước:

– Tôi đã nói rồi, tôi không biết nó ở đâu.

Sau câu trả lời đó, hoàng tử ra lệnh đánh ông, đến nỗi chiếc áo lông cừu mà vị tu sĩ đang mặc đã thấm đẫm máu; sau đó, theo lệnh của chính vị hoàng tử ấy, ông bị treo lên trong làn khói dày đặc và, sau khi bị trói chặt phía sau, người ta đã đốt lửa dưới chân ông. Nhiều người kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của Thánh Phê-ô-đô-rô: ngài đứng giữa ngọn lửa như thể đang đứng giữa sương mai; ngọn lửa thậm chí còn không chạm vào chiếc áo lông cừu. Một trong những người chứng kiến cảnh đó đã kể lại cho hoàng tử nghe; hoàng tử, khi nghe xong, kinh hoàng tột độ, lại tiếp tục khuyên nhủ vị tu sĩ già:

– Tại sao ngươi lại tự hủy hoại bản thân mà không tiết lộ kho báu vốn phải thuộc về chúng ta?

– Ta nói thật với ngươi rằng, nhờ những lời cầu nguyện của anh ta, thánh Basil, ta đã được giải thoát khỏi lòng tham tiền khi tìm thấy kho báu, và bây giờ – ta xin nhắc lại – Chúa đã lấy đi ký ức của ta về nơi nó được chôn giấu – thánh Theodor trả lời.

Nghe xong câu trả lời đó, hoàng tử lập tức sai người đi tìm thánh Basil, người đã bị lôi ra bằng vũ lực vì ông không chịu ra khỏi hang động.

– Tất cả những gì ngài đã khuyên tôi làm với lão già độc ác này – vị công tước nói với Thánh Vasili – tôi đã làm hết rồi, nhưng chẳng đạt được gì cả, và tôi xin lấy ngài làm chứng, người mà tôi mong muốn có thay cho cha mình.

– Vậy tôi đã khuyên ngài điều gì? – Thánh Basil hỏi với vẻ bối rối.

– Dù phải chịu đau đớn, ông ta vẫn không chịu tiết lộ nơi cất giấu kho báu mà, như ngài đã nói với tôi, chính ông ta đã tìm thấy, – hoàng tử trả lời.

– Ta nhận ra mưu mô của con quỷ xảo quyệt, – Thánh Basil nói, – kẻ đã lừa dối ngươi, vu khống ta và người đàn ông chính trực này: đã mười lăm năm rồi, ta không bước ra khỏi hang động.

– Ngài đã nói với hoàng tử trước mặt tất cả chúng tôi, – những người có mặt trong cuộc trò chuyện giữa con quỷ và hoàng tử phản bác.

– Tất cả các ngươi đều đã bị quỷ dữ lừa dối, – vị thánh nhân đáp, – ta không thấy cả các ngươi lẫn hoàng tử.

Hoàng tử tức giận ra lệnh tra tấn ngài một cách tàn bạo, giống như đã làm với Thánh Phê-ô-đô-rô. Không chịu nổi lời vạch trần và rơi vào cơn thịnh nộ tột độ, cơn say đã biến thành cơn điên loạn, ông ta cầm mũi tên và bắn trúng Thánh Vasil. Sau khi rút mũi tên ra khỏi cơ thể mình, vị thánh ném nó về phía hoàng tử và nói:

– Chính ngài sẽ sớm bị thương bởi mũi tên này, – và điều đó đã trở thành sự thật theo lời tiên tri của vị thánh. Sau đó, hoàng tử ra lệnh giam các vị thánh, lúc này đã gần như kiệt sức vì những cực hình, vào một ngục tối riêng biệt, để sáng hôm sau tra tấn họ bằng những hình thức mới, tàn bạo hơn. Cùng đêm đó, cả hai vị thánh đã về với Chúa (năm 1098). Chúa đã đưa linh hồn các ngài ra khỏi ngục tối để tôn vinh Danh Thánh của Ngài trong ánh sáng vĩnh hằng. Khi hay tin về cái chết của các ngài, các tu sĩ đã đến, rước thi hài các vị thánh tử đạo và an táng các ngài một cách trang trọng trong hang động Varyazh, nơi các ngài đã sống một cuộc đời đầy những việc làm thánh thiện. Sau đó, thi hài của họ được chuyển đến hang động của Thánh Antôn, nơi cho đến nay họ vẫn nằm đó, không hề hư nát, trong bộ quần áo dính máu và áo lông cừu, cũng không hề bị phân hủy.

Một thời gian ngắn sau khi các ngài an nghỉ trong bình an, lời tiên tri của Thánh Basil đã ứng nghiệm: Công tước Mstislav Svyatopolkovich bị trúng mũi tên trong trận chiến với Công tước David Igorevich tại thành phố Vladimir; khi nhận ra chính mũi tên của mình đã làm Thánh Basil bị thương, ông nói:

– Này, ta sắp chết, bị trừng phạt vì các vị thánh Theodor và Basil.

Vậy là tên sát nhân độc ác đã bị trừng phạt vì tội ác của mình; còn các vị thánh tử đạo, như những người chiến thắng ma quỷ – kẻ chinh phục lòng tham tiền bạc – đã được trao vương miện không phải bằng bạc và vàng hư nát, mà bằng vinh quang và danh dự vĩnh cửu: họ đã nhận được vương miện từ Hòn Đá quý giá – Đức Kitô, Ngài được vinh quang và danh dự cùng với Thiên Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Sosanna và các vị tử đạo khác cùng với ngài

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 8

Vào thời trị vì của Diocletian[5485] và Maximian[5486] , có biệt danh là Hercules, tại Rome có một linh mục tên là Gavius, em ruột của Giáo hoàng Gaius[5487] ; nhờ có kiến thức sâu rộng về các triết gia ngoại giáo và đã nghiên cứu kỹ lưỡng Kinh Thánh, Gavius, theo lời khuyên và sự thúc giục của anh trai mình, đã viết nhiều cuốn sách để bác bỏ những sai lầm của ngoại giáo. Cả hai đều xuất thân từ một gia tộc quý tộc, nên có quan hệ họ hàng với Hoàng đế Diocletian; tuy nhiên, vị hoàng đế này không muốn thừa nhận mối quan hệ họ hàng với họ; ông khinh miệt họ vì họ theo đạo Kitô: Diocletian căm ghét đạo này và vì thế đã từ chối những người thân trong gia đình mình là Kitô hữu.

Linh mục Gavius có một cô con gái tên là Susanna; ông đã nuôi dạy cô theo tinh thần Kitô giáo chân chính, từ khi còn nhỏ đã truyền cho cô lòng kính sợ Thiên Chúa, đồng thời ông cũng cho cô một nền giáo dục thế tục tốt đẹp. Sosanna nổi bật về trí tuệ và nhan sắc, nhưng vẻ đẹp tâm hồn của cô còn vượt trội hơn cả: cô yêu mến Chúa Giêsu Kitô bằng cả trái tim và là người tôi tớ trung thành, trong sạch của Ngài. Nghe nói về trí tuệ và nhan sắc của Sosanna, Diocletian muốn gả cô cho con trai mình là Maximian. (Một số người gọi ông là Maximino; trên thực tế, ông không phải là con ruột của Diocletian, mà được ông nhận làm con nuôi vì có nguồn gốc từ những người thân cận nhất của ông; ban đầu, Diocletian đã gả con gái mình là Valeria cho ông; sau khi cô qua đời, ông muốn gả Maximian cho người thân của mình là Sosanna. Maximian này có tên khác là Galerius, và cần phân biệt ông với Maximian đã được đề cập ở trên, người được gọi là Hercules). Diocletian đã cử một quý tộc, là anh em họ của mình tên là Claudius, đến gặp Gavinius để thương lượng về việc ông này gả con gái mình là Sosanna cho con trai ông, Maximian. Khi đến gặp Gavinius với nhiệm vụ này, Claudius nói:

– Đức vua vĩ đại của chúng ta, Diocletian, đã cử tôi đến gặp ngài với lòng nhân từ và niềm vui vô bờ: ngài muốn khôi phục mối quan hệ họ hàng với ngài thông qua việc gả con gái ngài, và còn ân huệ nào lớn lao hơn cho ngài so với việc gia tộc ngài được vinh danh thêm lần nữa nhờ mối quan hệ huyết thống với hoàng tộc!

– Chúng tôi nghèo khó và khiêm nhường, – Gavinius nói, – và với sự bất xứng của mình, làm sao chúng tôi có thể tự xưng là họ hàng của hoàng đế được?

Claudius đáp:

– Chẳng phải ngài và anh trai ngài, Giám mục Gaius, là con trai của Thượng nghị sĩ Maximian, người từng là họ hàng của chú chúng tôi, anh trai của Đức vua Diocletian, vị vua của chúng tôi sao?

– Điều đó đúng, – Gavinius đồng ý, – tuy nhiên, những biến cố gần đây buộc chúng tôi phải thừa nhận rằng chúng tôi không xứng đáng được gọi là họ hàng của hoàng đế.

– Đừng chối bỏ mối quan hệ họ hàng của mình, – Claudius phản bác, – đây, ngài chủ nhân và hoàng đế của chúng ta ra lệnh gả con gái của ngài cho con trai ngài là Maximian; người ta đồn rằng cô ấy sở hữu kiến thức sâu rộng về các môn khoa học; và lẽ ra không nên chia rẽ các nhánh xuất phát từ cùng một gốc rễ; đó cũng là điều chúng tôi, những người họ hàng của anh, mong muốn; tôi nghĩ điều này cũng sẽ mang lại niềm vui cho ngài.

Gavinus nói:

– Xin hãy cho tôi thời gian để hỏi ý kiến chính cô con gái ấy về đề nghị của ngài.

Sau đó, họ chia tay nhau.

Sau khi Claudius ra về, Gavius đã mời cha của anh trai mình là Gaius, người sống không xa đó, đến nhà. Khi Gaius đến, Gavius kể cho ông nghe về nhiệm vụ mà Claudius đã mang đến từ nhà vua. Sau đó, họ gọi Sosanna đến và nói với cô, nước mắt lưng tròng:

– Hoàng đế Diocletian đã cử người thân của chúng ta là Claudius đến đây, thông qua anh ấy để truyền đạt mong muốn của ngài là muốn con trở thành vợ của con trai ngài, Maximian.

Thánh nữ Sosanna đã trả lời cha và chú mình như sau:

[5485] Diocletian – hoàng đế từ năm 284 đến năm 305.

[5486] Maximian – hoàng đế, đồng trị vì với Diocletian từ năm 285 đến năm 305.

[5487] Gaius là Giáo hoàng từ năm 283 đến ngày 22 tháng 4 năm 296.

– Sự khôn ngoan của các ngài giờ đây đã biến đi đâu rồi? Thật sự con không thấy điều đó ở các ngài; nếu con không phải là một Kitô hữu như con đã trở thành nhờ sự dạy dỗ của các ngài, thì lúc đó mới có thể nói với con về những điều mà các ngài đang đề cập; thế mà giờ đây tại sao các ngài lại làm ô uế tai và miệng mình, khi lắng nghe những lời bất chính và truyền đạt chúng cho con với mục đích ép con phải kết hôn với kẻ bạo hành vô đạo ấy? Chẳng phải chính các ngài đã không ngần ngại từ chối mọi quan hệ họ hàng với hắn vì sự vô đạo của hắn, điều mà đức tin Kitô giáo thánh thiện mà các ngài tuyên xưng không thể dung thứ được sao? Nhưng vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời toàn năng, Đấng đã ban cho con một tinh thần đồng nhất với các thánh của Ngài: bằng cách từ chối cuộc hôn nhân ô uế này với kẻ vô đạo nhờ đức tin vào Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, con sẽ được xứng đáng nhận vương miện tử đạo!

– Hãy nghe đây, con gái của cha, – Gavinius nói – hãy vững vàng trong đức tin mà con đang có, để giữ cho mình không bị ô nhục trước mặt Chúa, và chúng ta sẽ vui mừng khi thấy thành quả của đức tin con dâng lên Chúa Kitô.

– Thưa các bậc cha chú, – Sosanna đáp lại cha và chú mình, – các ngài đã nhiều lần dạy dỗ con phải giữ trinh tiết vì Chúa Giê-su Ki-tô, và giờ đây, trong tình yêu dành cho Ngài và sự kính sợ Ngài, con đã vững vàng đến mức không thể nào nghĩ đến việc kết hôn theo xác thịt; cha ơi, con chỉ yêu mến, sống vì và đặt niềm tin nơi Đấng mà chính cha đã giao phó con cho Ngài mãi mãi; Ngài, Chúa, biết rõ sự chân thành trong lòng con!

– Vì con đã được trao phó cho Đấng Hôn Phu trên trời là Đức Kitô, Thiên Chúa, nên hãy luôn ở trong tình yêu của Ngài, tuân giữ các điều răn của Ngài, – Thánh Giáo Hoàng Gaius nói.

Vậy, cả hai vị thánh tôi tớ của Chúa, khi biết được ý định tốt lành của Sosanna, đã lâu dài khích lệ nàng trong lòng khao khát đạo đức ấy, đồng thời tràn ngập niềm vui lớn lao, khiến những giọt nước mắt xúc động bất giác tuôn trào từ đôi mắt họ.

Ba ngày sau, Claudius, cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo, lại đến nhà Gavius; ông để đoàn tùy tùng ở lại gần nhà, còn bản thân thì bước vào trong, nơi ông gặp Đức Giáo hoàng Gaius. Sau những lời chào hỏi thông thường, Claudius nói:

– Thưa các vị cha đáng kính, chắc hẳn các vị đã biết lý do vui mừng nào đã đưa tôi đến đây.

– Dù cho – Giám mục Gaius đáp – có hay không lý do đó, chúng tôi vẫn vui mừng khi gặp ngài, vì chúng ta là họ hàng của nhau; chúng tôi vui mừng được an ủi qua cuộc gặp gỡ thân thiết này và cuộc trò chuyện với nhau.

– Các anh em thân mến, – Claudius tiếp lời, – các vị biết rằng ngài của chúng ta, hoàng đế Diocletian, bày tỏ mong muốn mãnh liệt được thiết lập mối quan hệ họ hàng thân thiết hơn với các vị, và tôi khuyên nhủ cũng như xin các vị: hãy thực hiện ý muốn của Đấng cai trị vũ trụ và qua đó làm ngài hài lòng.

– Hãy truyền đạt mong muốn này của hoàng đế đến ngài chủ nhân và anh em của tôi, Giám mục Gaius, – Gavinius đáp lại.

– Hoàng đế nhân từ của chúng ta, – Claudius quay sang Gaius, – muốn gả con gái của ngài, cũng là cháu gái của tôi, làm vợ cho con trai ngài; ngài đã biết về nhan sắc, trí tuệ và tài năng của cô ấy; chúng tôi, những người thân trong gia tộc, tin rằng không có gì vinh dự hơn việc dòng họ chúng ta không chỉ không tách rời khỏi dòng dõi hoàng gia, mà còn gắn kết chặt chẽ hơn với nó: nhờ đó, dòng họ sẽ càng được nâng cao và vinh quang hơn nữa.

Vì giám mục im lặng, nên Gavinius đã trả lời bài phát biểu của Claudius:

– Hãy gọi cô gái đến và hỏi chính cô ấy.

Lúc đó, thánh Sosanna được gọi đến gặp họ. Trong phòng không có ai là người ngoài; chỉ có ba người họ ngồi đó. Khi nhìn thấy Sosanna, Claudius đã rơi nước mắt vì tình yêu và niềm vui, và muốn ôm lấy cô để chào đón bằng một nụ hôn. Nhưng cô đã từ chối điều đó và nói, quay mặt đi khỏi ông:

– Chúa Giê-su Ki-tô của con biết rõ rằng đôi môi của nữ tỳ Ngài chưa bao giờ chạm vào môi người nam: xin đừng làm ô uế chúng.

– Ta muốn hôn con như một người thân: vì con là cháu gái của ta mà, – Claudius đáp lại.

Thánh Sosanna đáp lại:

– Điều khiến tôi ghê tởm nụ hôn của ngài không phải vì lý do nào khác, mà là vì đôi môi ngài đã bị ô uế bởi những lễ vật dâng cho thần tượng.

Nghe những lời này của Thánh Sosanna, Claudius, như cảm nhận được ngón tay của Đức Chúa Trời chạm vào trái tim mình, bỗng cảm động và nói:

– Tôi phải làm gì để tẩy sạch sự ô uế khỏi đôi môi mình?

– Hãy ăn năn và chịu phép rửa tội nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, – thánh Sosanna đáp.

Lúc đó, Claudius quay sang vị giám mục và nói:

– Xin hãy thanh tẩy con, vì người trong sạch nhờ đức tin vào Đấng Kitô còn tốt hơn kẻ phụng sự các thần: con đã dâng cho họ vô số của lễ, nhưng chẳng nhận được gì từ họ, dù các vị vua cũng phải quỳ lạy trước mặt họ.

Khi chứng kiến sự thay đổi kỳ diệu và nhanh chóng xảy ra trong Claudius nhờ ân sủng của Thiên Chúa qua những lời của trinh nữ vô tì vết, Giám mục Gaius đã nói với niềm vui:

– Hãy nghe tôi, anh em của tôi! Ta định cho ngươi một lời khuyên tốt lành: ngươi đã đến với chúng ta để tìm vợ cho con trai chủ nhân của ngươi, nhưng Đức Chúa Trời đang tìm kiếm ngươi và muốn cứu rỗi ngươi nhờ những lời cầu nguyện của trinh nữ này, để trong dòng dõi chúng ta cũng có những người xứng đáng với Nước Trời. Vậy nên, hãy tin vào Đức Chúa Trời, hãy ăn năn vì máu của các thánh tử đạo đã đổ ra, và đừng chần chừ trong việc nhận phép rửa thánh.

– Nếu tôi, – Claudius hỏi, – nhận phép rửa tội, liệu mọi vết nhơ tội lỗi trong lòng tôi có được tẩy sạch không?

– Chắc chắn rồi; chỉ cần ngươi tin tưởng bằng cả trái tim, – Đức Thánh Cha đáp.

Nghe vậy, Thánh Sosanna quỳ xuống dưới chân chú mình, Thánh Gaius, và nói:

– Tôi khẩn cầu ngài, thưa ngài, vì danh Chúa Kitô, xin đừng trì hoãn việc rửa tội cho Claudius, hãy cứu rỗi linh hồn anh ấy.

– Trước tiên, chúng ta hãy xác minh xem liệu anh ta có thực sự tin vào Chúa Kitô là Thiên Chúa hay không, – vị giám mục thánh nói.

– Tôi thực lòng tin tưởng, – Claudius thốt lên, – miễn là tội lỗi của tôi được tha thứ, như ngài đã hứa với tôi.

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô toàn năng, mọi tội lỗi của ngươi đều được tha thứ, – Gaius đáp.

Claudius quỳ sấp xuống đất trước chân vị thánh và kêu lên, rắc tro lên đầu mình:

– Lạy Chúa Trời, Ánh Sáng Vĩnh Cửu, xin tha thứ những tội lỗi của con, những điều con đã phạm trong sự vô minh và bất tín; xin ban cho con ân sủng của Ngài, để vợ và con cái con nhận biết rằng chỉ có Ngài mới cứu rỗi những ai đặt niềm tin nơi Ngài!

Sau đó, Thánh Gaius, sau khi giảng dạy và hướng dẫn Claudius, đã cho anh ta về nhà. Rồi vào ban đêm, Claudius cùng vợ và hai con trai đến gặp Thánh Gaius, xin ngài ban phép rửa tội. Không chần chừ thêm nữa , vị giám mục đã rửa tội cho họ; linh mục Gavius là người đỡ đầu cho họ. Khi Claudius bước ra khỏi bể rửa tội, ông nói:

– Tôi đã thấy một ánh sáng rực rỡ hơn cả ánh mặt trời, chiếu sáng tôi trong lúc làm phép rửa.

Sau khi làm phép rửa tội và xức dầu thánh, vị giám mục cử hành Thánh Lễ và ban cho những người vừa được rửa tội Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, và mọi người đều hân hoan vì Thiên Chúa, Đấng Cứu Độ của họ. Vợ của Claudius tên là Prepedigna, còn hai con trai thì một người tên là Alexander, người kia tên là Kufius. Sau khi chịu phép rửa tội, Claudius bắt đầu bán tài sản của mình và phân phát cho những người nghèo; để làm điều này, ông đi tìm những Kitô hữu đang ẩn náu ở các nơi bí mật khác nhau, đồng thời cũng lén lút đến các nhà tù vào ban đêm; với tất cả những ai ông tìm thấy, Claudius đều rửa chân cho họ, hôn chân họ và đáp ứng nhu cầu của họ bằng những món quà hào phóng, cung cấp quần áo và thức ăn hàng ngày cho họ; đồng thời, ông không ngừng sám hối về những tội lỗi đã phạm trong kiếp trước.

Một thời gian sau, Diocletian bắt đầu hỏi về Claudius, tại sao ông ta không mang về tin tức gì, mặc dù đã được cử đi đặc biệt đến Gavius để tìm hiểu xem Susanna có đồng ý kết hôn với con trai ông ta hay không; người ta báo cáo với hoàng đế rằng Claudius đang ốm. Lúc đó, ông sai em trai út của mình là Maxim, người đang giữ chức vụ danh dự tại triều đình, đến thăm người bệnh và hỏi về Sosanna. Maxim thấy anh trai mình đang mặc áo lông cừu và dâng lời cầu nguyện lên Chúa. Anh kinh hoàng và nói:

– Anh trai yêu quý của em, người đã nuôi nấng em từ thuở nhỏ, điều gì đã khiến anh thay đổi đến vậy – sao anh lại trở nên xanh xao và gầy gò đến thế?!

– Nếu anh muốn nghe em nói, em sẽ kể cho anh nghe lý do khiến em thay đổi như vậy, – Claudius đáp.

– Hãy kể cho tôi nghe, thưa ngài, về căn bệnh của ngài! – Maxim kêu lên.

– Tôi thú nhận, – Claudius bắt đầu kể, – rằng khi tuân theo các vị vua và thi hành mệnh lệnh của họ, tôi đã giết hại các Kitô hữu, khiến máu vô tội phải đổ; dù tôi làm điều đó vì thiếu hiểu biết, chỉ tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, nhưng giờ đây tôi vô cùng đau buồn và hối hận về điều đó.

– Anh đang nói gì vậy, anh em của tôi? – Maxim phản đối. – Đức vua của chúng ta, hoàng đế Diocletian, đã cử anh đến gặp anh em của chúng ta là Gavius, để anh làm mai mối gả con gái ông ấy cho con trai ông ấy; để tìm hiểu về việc này, tôi mới được cử đến gặp anh, vậy mà anh lại nói những điều hoàn toàn khác.

– Chính vì điều đó mà tôi đã đi, – Claudius nói, – đến gặp cháu gái yêu quý của chúng ta và đã được gặp nàng: nàng xinh đẹp cả về thể xác lẫn tâm hồn; nàng thánh thiện và khôn ngoan, và đã là vị hôn thê của Đức Vua Thiên Đàng là Chúa Kitô; nhờ nàng, tôi cũng đã được giải thoát khỏi tội lỗi của mình. Nhưng để ngài cũng được biết về lòng thương xót của Đức Chúa Trời, Đấng muốn cứu rỗi tất cả mọi người, đêm nay chúng ta sẽ đến gặp anh em chúng ta, linh mục Gavius, và ngài sẽ được chiêm ngưỡng ánh sáng vĩnh cửu.

– Bất cứ điều gì ngài ra lệnh, tôi sẽ làm theo, – Maxim đáp.

Cùng đêm đó, họ đi đến cổng thành, được gọi là Cổng Salarius và nằm gần cung điện của Salustius. Khi Gavinius được báo rằng hai anh em của ông, Claudius và Maxim, đang đứng gần nhà và muốn vào gặp ông, ông liền vội vã ra đón họ và vui vẻ dẫn họ vào nhà. Trước khi bắt đầu cuộc trò chuyện với họ, Gaviinius đứng dậy cầu nguyện: ông quỳ gối và cúi đầu; Claudius và Maxim cũng làm theo gương ông.

– Lạy Chúa Trời, – Gavinius cầu nguyện, – Đấng quy tụ những kẻ lạc lối và nhìn xuống những ai đã được quy tụ, xin Ngài hãy nhìn xuống những việc làm của tay Ngài, xin soi sáng tất cả những ai tin vào Ngài: Ngài là Ánh Sáng chân thật đến muôn đời.

Mọi người cùng đáp:

– A-men!

Khi đứng dậy, họ ôm và hôn nhau, còn Claudius thì quỳ xuống dưới chân vị linh mục, hôn lên chân ngài. Thấy vậy, Maxim ngạc nhiên và xin phép được gặp Sosanna. Gavinius ra lệnh gọi cô đến. Khi bước vào, cô trước tiên cúi đầu thờ lạy Đức Chúa Trời, rồi tiến lại gần cha mình và nói:

– Xin cha ban phước lành cho con.

Vị linh mục lại cầu nguyện nhân dịp Sô-san-na đến:

– Nguyện Chúa Giêsu Kitô, Đấng hằng sống và ngự trị cùng Thiên Chúa Cha toàn năng đến muôn đời, ban bình an cho chúng con, – ngài nói.

– A-men! – mọi người cùng kêu lên.

Khi nhìn thấy thánh Sosanna, người tràn đầy sự khiêm nhường và trong sạch, Maxim muốn hôn tay cô; nhưng cô không cho phép điều đó. Và trong khi tất cả họ không thể kìm nén được những giọt nước mắt do tình yêu thương thân thiết gây ra, thì Thánh Gaius, người sống gần nhà thờ do chính ông xây dựng, được báo tin rằng các anh em của ông đã tụ họp lại. Ông nghĩ rằng họ sắp bị đưa đi chịu cực hình, và mong muốn là người đầu tiên trong số họ được nếm trải số phận của một vị tử đạo, nên vội vã đến nhà của Gaviinius. Khi thấy ngài, mọi người đều kinh ngạc và sợ hãi, rồi quỳ lạy ngài xuống đất.

– Bình an cho các con! – Thánh Gaius nói với họ, – Hãy can đảm lên nhân danh Chúa, chúng ta hãy cầu nguyện!

Và ngài bắt đầu cầu nguyện, nói rằng:

– Lạy Chúa là Thiên Chúa, Cha của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã sai Ngài đến để cứu độ muôn người, mong muốn giải thoát chúng con khỏi bóng tối của thế gian này và dẫn chúng con vào sự sống đời đời, xin củng cố chúng con, những tôi tớ của Ngài, trong đức tin của Ngài, vì Ngài ngự trị muôn đời.

– A-men, – những người có mặt cùng nói.

Sau khi ngồi xuống, vị giám mục bắt đầu bài giảng được Thánh Thần soi dẫn; mọi người đều chăm chú lắng nghe Lời Chúa mà ngài truyền đạt; còn thánh Sosanna thì đứng nghe, không muốn ngồi cùng họ; đồng thời, bà cũng thầm cầu nguyện. Khi bài giảng kết thúc, vị giám mục nói với Maximus:

– Chúng tôi cảm ơn anh, anh em, vì đã đến thăm chúng tôi.

– Tôi, kẻ không xứng đáng, đã đến đây để hôn lên đôi chân thánh của các ngài, còn điều gì đã thúc đẩy tôi đến với các ngài ngay từ đầu, chính các ngài cũng biết rõ rồi, – Maxim đáp lại.

– Tốt hơn là chính anh nên nói ra, – Thánh Gaius đề nghị.

– Hoàng đế Diocletian, – Maxim nói, – đang yêu cầu gả Susanna cho con trai ông ta là Maximian.

– Cô gái trinh nữ này đã có Chúa Kitô, Chàng Rể trên trời, Đấng được Thiên Chúa Cha ban cho nàng, và ngươi hãy biết rõ rằng nàng không thể kết hôn được nữa, – vị giám mục đáp lại lời đề nghị đó.

– Mọi điều Thiên Chúa ban đều vĩnh cửu, – Maxim nói.

– Ngươi cũng hãy nhận lấy sự sống đời đời đi, – Đức Giáo hoàng đề nghị với ông.

– Cuộc sống vĩnh cửu là gì? – anh hỏi.

– Đó chính là sự sống đời đời mà tôi đã nhận biết, – Claudius xen vào cuộc trò chuyện.

– Người mà ngài đã nhận biết, tôi cũng mong được nhận biết Người ấy, – Maxim nói với ông, – nhưng dù sao thì chúng ta cũng không nên cắt đứt quan hệ với nhà vua.

– Chúng tôi khuyên anh, – thánh Gai phản đối, – hãy tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Con Thiên Chúa hằng hữu, còn vinh quang và danh dự hữu hình của vị vua trần gian chỉ là tạm thời, và mối quan hệ với ngài chẳng mang lại điều gì; tất cả những điều đó, cùng với cuộc đời ngắn ngủi, sẽ trôi qua và tan biến. Còn những gì Vua trên trời, Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, hứa ban cho chúng ta, thì là điều vĩnh cửu, cần thiết và xứng đáng để chúng ta hướng tới.

Nghe xong những lời ấy, Maxim cảm động và vui mừng đồng ý chấp nhận đức tin thánh thiện.

– Anh biết đấy, anh em ơi, – vị giám mục nói, – rằng chúng tôi đã từ bỏ toàn bộ tài sản của mình và giờ đây không tìm kiếm gì khác ngoài Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà chúng tôi sống nhờ và tự hào.

– Xin các ngài đừng chần chừ, thưa các ngài, – Maxim kêu lên, – mà hãy nhanh chóng làm mọi điều các ngài cho là cần thiết cho sự cứu rỗi của tôi.

Sau khi truyền cho anh ta phải ăn chay, vị giám mục cho anh ta về nhà. Khi đã ra về, Maxim ban đầu che giấu đức tin của mình vào Đấng Kitô, dù lòng anh đang bừng cháy tình yêu dành cho Gavius, Gaius và đặc biệt là chính Chúa Giêsu; sau đó, khi tình yêu dành cho Thiên Chúa trong anh ngày càng mạnh mẽ, anh bắt đầu công khai xưng danh Chúa Kitô, coi thường cái chết. Nhưng vị giám mục và vị linh mục đã khuyên anh ta nên giấu kín đức tin của mình trong vòng năm ngày, cho đến khi anh ta bán hết tài sản và phân phát cho người nghèo. Maxim đã vâng lời họ. Sau năm ngày, anh ta đến gặp thánh Gaius và, quỳ xuống dưới chân ngài, nói:

– Tôi khẩn cầu ngài, thưa ngài, nhân danh Chúa Kitô, xin hãy ban phép Rửa tội thánh cho tôi, như ngài đã ban cho anh em tôi là Claudius; kể từ khi ngài dạy dỗ tôi về giáo lý của Chúa Giêsu Kitô, lòng tôi đã cảm động đến nỗi tôi không thể an lòng cho đến khi được nhận phép Rửa tội thánh.

Vị Giám mục đã làm phép rửa tội cho anh ta và, sau khi cử hành Thánh Lễ, ban cho anh ta các Bí tích Thánh Thể. Maxim ở lại với những người thân là Kitô hữu của mình, cùng họ ca ngợi Thiên Chúa và tôn vinh Ngài; trong thời gian đó, ông đã bán hết tài sản – thứ mà ông không thể bán và phân phát hết trong vòng năm ngày – và phân phát cho những người nghèo qua người bạn trung thành của mình là Pharson, người là một Kitô hữu bí mật và sau này đã ghi chép lại những đau khổ của các thánh tử đạo này, vì mọi việc đều diễn ra trước mắt ông.

Sau mười lăm ngày kể từ khi Maxim đến thăm Claudius, Diocletian biết được rằng cả hai người – và Claudius cùng cả gia đình ông – đã trở thành Kitô hữu: điều này khiến ông vô cùng đau buồn. Tuy nhiên, ông đã giấu đi nỗi buồn của mình và chỉ nói với vợ mình, hoàng hậu Irina, rằng ông đã cử người đến gặp Gavinius với ý định se duyên cho con gái ông ta là Sosanna với con trai mình là Maximian. Nghe tin này, Irina đã ngợi khen Thiên Chúa: bà là một tín đồ Kitô giáo bí mật, và bà đã nói với hoàng đế rằng:

– Hãy làm theo những gì Đức Chúa Trời mách bảo ngươi.

Không chia sẻ nỗi buồn của mình với hoàng hậu, Diocletian đã triệu tập tướng quân Julius, một người theo đạo ngoại giáo và tàn bạo, đến bên mình, rồi buồn bã kể cho ông ta nghe rằng những người thân yêu của ông, những người được cử đi để đính hôn cho con trai ông là Maximian, đã theo đạo Kitô mặc dù ông đã cấm đoán.

– Tất cả những ai coi thường mệnh lệnh của nhà vua – Julius nói – dù những mệnh lệnh gần đây có bất công đi chăng nữa, cũng phải chịu án tử hình; còn mệnh lệnh của ngài là công bằng, và nếu họ vi phạm nó, thì họ càng xứng đáng phải chết.

Nhà vua lập tức ra lệnh cho Julius cử binh lính đến bắt tất cả mọi người, trừ Giám mục Gaius, và lệnh này đã được thi hành. Ngài ra lệnh giam giữ linh mục Gavius cùng con gái trong nhà tù; còn Maximus và Claudius cùng vợ con thì bị đày đi lưu đày; sau đó, ngài ra lệnh thiêu sống họ tại thành Ostia[5488] , rồi rải tro xuống biển; các thánh đã qua đời như vậy, được ban tặng vương miện tử đạo vinh quang.

Năm mươi lăm ngày sau, Diocletian ra lệnh cho vợ mình đưa Thánh Sosanna về để thuyết phục cô kết hôn với con trai ông. Khi Thánh Sosanna, lúc đó đang bị giam giữ, nhìn thấy những người đang đi theo mình, cô đã thở dài từ tận đáy lòng và rơi lệ, rồi hướng về Thiên Chúa mà thốt lên:

[5488] Đó là tên của một bến cảng gần Rome.

– Lạy Chúa, xin đừng bỏ rơi tôi tớ của Ngài!

Khi Thánh Sosanna được dẫn vào gặp hoàng hậu, hoàng hậu đã cúi đầu chào cô trước: hoàng hậu tôn kính ân sủng của Chúa Kitô và sự trong trắng của cô. Thánh Sosanna quỳ sấp xuống trước mặt hoàng hậu, nhưng hoàng hậu đã nhẹ nhàng đỡ cô dậy và nói:

– Đấng Cứu Thế Kitô của chúng ta đang vui mừng vì con.

Nghe tên Chúa Kitô từ miệng hoàng hậu, Thánh Sosanna vui mừng và nói:

– Con tạ ơn Chúa Kitô, Thiên Chúa của con, Đấng ngự trị khắp mọi nơi!

Và cả hai người, Nữ hoàng Irina và Thánh Sosanna, đều hân hoan vì Chúa, trò chuyện với nhau về Ngài trong tình yêu thương. Họ dâng lên Ngài những lời cầu nguyện nồng nhiệt, đặc biệt là Thánh Sosanna: tuân theo lời dạy của cha mình, cô không ngừng ca ngợi và chúc tụng Thiên Chúa cả ngày lẫn đêm. Còn Đê-ô-clê-ti-an lúc đó đang chờ đợi, hy vọng rằng So-san-na sẽ đồng ý kết hôn. Sau một thời gian dài chờ đợi, ông sai người đi tìm nữ hoàng và hỏi bà:

– Bà ấy có thuyết phục được Sosanna kết hôn với con trai ông ta chưa? Cô ấy có xiêu lòng trước tình yêu của Maximian không?

– Nỗ lực ở đó là vô ích – nữ hoàng đáp – khi theo đuổi một mục tiêu bất khả thi, và không nên hy vọng ở nơi không có sự đồng thuận: tôi không thấy ở Sosanna dù chỉ một dấu vết nào của những suy nghĩ hay ý định nào đó, khiến người ta có thể nghĩ rằng ai đó có thể ép buộc cô ấy theo cách nào đó.

Nghe vậy, Diocletian nổi cơn thịnh nộ tột độ và ra lệnh cho con trai mình là Maximian làm nhục Sosanna bằng cách thực hiện hành vi cưỡng hiếp đồi bại đối với cô, nhưng không phải trong cung điện – hãy đưa cô ấy về nhà cha cô ấy và làm nhục cô ấy ở đó, để thỏa mãn dục vọng nhục nhã của hắn. Thánh Sosanna buộc phải rời khỏi cung điện để trở về nhà mình. Khi tiễn Thánh Sosanna, hoàng hậu đã khóc lóc và nói với cô:

– Đấng đã giải cứu người tôi tớ của Ngài là Sô-sa-na (Đa-ni-ên 13) trong thời xưa, cũng sẽ giải cứu con, giúp đỡ con và ban cho con sự an nghỉ vinh quang.

Sau khi chào tạm biệt, họ chia tay trong tiếng nức nở. Khi Thánh Sosanna được hai người phụ nữ đưa về nhà, cô ngã quỵ xuống sàn trong phòng mình và tại đó, vừa khóc lóc vừa cầu nguyện với Đấng Cứu Rỗi của mình là Đức Kitô, xin Ngài mau đến giúp đỡ cô. Cùng đêm đó, con trai của vua Maximian, người đang bị dục vọng bẩn thỉu xúi giục, đã đến; khi lẻn vào phòng nơi Thánh Sosanna đang cầu nguyện, hắn thấy Thiên Thần của Chúa đang ở trên đầu bà, tỏa ra ánh sáng rực rỡ. Maximian bỗng dưng cảm thấy sợ hãi tột độ: không dám lại gần Thánh Sosanna, hắn vội vã trở về cung điện càng sớm càng tốt, và kể lại tất cả cho cha mình nghe.

– Đó chẳng qua chỉ là trò phù phép của bọn Kitô hữu thôi, – Diocletian nói.

Và ông sai một trong những cận thần của mình, Curtius, đi điều tra xem chuyện gì đang xảy ra trong nhà của Sossanna. Nhưng ngay khi vừa bước vào nhà, Curtius cũng lập tức cảm thấy sợ hãi tột độ và trong cơn hoảng loạn, anh ta chạy về báo cho hoàng đế. Lúc đó, Diocletian đang tranh luận với hoàng hậu về sự giáng sinh của Chúa Kitô và việc thờ phụng các vị thần. Bị hoàng hậu thuyết phục, ông nhớ đến Sosanna và nói:

– Tại sao ngươi không khuyên nhủ nàng, khi thấy vẻ đẹp và trí tuệ của nàng, để nàng đồng ý kết hôn với con trai ta?

– Nàng đã tự chọn cho mình điều tốt nhất, – hoàng hậu đáp, – vì chính con trai ngài cũng đã nói rằng đã thấy một ánh sáng không thể chạm tới tỏa ra từ nàng.

Vua vô cùng tức giận và ra lệnh cho một người tên là Macedonia, một tín đồ ngoại đạo cuồng tín, nổi tiếng vì sự tàn bạo, đến gặp Sosanna và ép buộc cô ấy không chỉ bằng những lời đe dọa mà còn bằng những hình phạt tàn khốc để cô ấy thờ lạy các thần tượng; đồng thời, Diocletian ra lệnh phải thực hiện việc này một cách bí mật, để người ta không lên án nhà vua vì hành vi tra tấn, nói rằng ông ta thậm chí không nương tay với cả người thân của mình. Macedonia đến gặp Thánh Sosanna, mang theo một tượng thần nhỏ bằng vàng, tượng trưng cho thần Dia; khi chỉ cho thánh nữ xem, hắn ra lệnh cho cô phải thờ lạy nó. Thánh Sosanna thổi vào bức tượng và nói:

– Lạy Chúa của con, Đức Giêsu Kitô, xin đừng để đôi mắt con nhìn thấy công cụ của ma quỷ.

Và ngay lập tức, bức tượng trong tay Macedonia trở nên vô hình, như thể ai đó đã giật lấy nó vậy. Macedonia ngạc nhiên và nghĩ rằng có lẽ chính Thánh Sosanna đã đánh cắp bức tượng và giấu đi:

– Ta thấy, – ông nói, – rằng ngươi yêu thích vàng, vì đã lấy trộm tượng thần khỏi tay ta, và ta không thể không khen ngợi ngươi vì điều này: ta nghĩ rằng ngươi sẽ không lấy tượng thần nếu không yêu thích nó.

– Chúa là Đức Chúa Trời của con, – Thánh Sosanna đáp, – đã sai Thiên Thần của Ngài đến, và chính Ngài đã loại bỏ tượng thần khỏi tầm mắt con, ném nó ra khỏi nhà.

Đang nói dở lời thì người đầy tớ tên Macedonia bước vào, báo cáo rằng tượng thần đã bị ném ra khỏi nhà xuống đường. Bị cơn thịnh nộ bao trùm, Macedonia dùng tay xé rách áo của thánh Sosanna và bắt đầu đánh cô không thương tiếc bằng gậy. Còn thánh Sosanna thì lúc đó kêu lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa!

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần đi, – Macedoni nói.

– Chính con sẽ dâng chính mình làm của lễ cho Chúa của con, – thánh nữ đáp lại.

Macedoni đã tâu trình với nhà vua về sự kiên định và vững vàng của Sosanna trong đức tin, cũng như việc nàng đã sỉ nhục thần tượng. Nhà vua ra lệnh ngay tại đó, trong chính ngôi nhà ấy, phải chém nàng bằng gươm. Và đầu của vị hôn thê của Đấng Kitô, thánh tử đạo Sosanna, đã bị chém đứt; cô đã ra đi, trong niềm vui sướng và hân hoan, về với cung điện rạng ngời của Chàng Rể Thiên Đàng. Khi biết tin về cái chết của thánh Sosanna, hoàng hậu đã lấy thi thể thánh thiện của vị thánh tử đạo vào ban đêm và dùng tấm khăn trùm đầu của mình để thu gom máu của cô đã đổ trên mặt đất: sau khi quấn thi thể bằng tấm vải thấm hương thơm, hoàng hậu đặt thi thể thánh nữ vào lăng mộ của Thánh Alexander, nơi đã an táng nhiều vị tử đạo, còn máu của thánh nữ, được thu gom trên tấm khăn trùm đầu, bà đặt vào một chiếc hòm bạc, rồi giấu trong phòng riêng của mình, nơi bà thường cầu nguyện thầm lặng cả ngày lẫn đêm. Còn Thánh Giáo hoàng Gaius đã thánh hiến ngôi đền, nơi máu của Thánh nữ Tử đạo Sosanna đã đổ ra, thành một nhà thờ và cử hành các Thánh lễ tại đó[5489] . – Một thời gian ngắn sau, Thánh Linh mục Gavius cũng chịu tử đạo, và sau đó, Thánh Gaius cũng chịu cái chết tử đạo; tất cả họ, với tư cách là các vị tử đạo, đã được đưa đến trước ngai Thiên Chúa, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi. Xin Ngài nhận lấy vinh quang và danh dự từ chúng con, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời[5490] . Amen.

Lễ kính Thánh Tử đạo Evpl, phó tế

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 8

Vào thời trị vì của Diocletian và Maximian, cuộc bách hại các Kitô hữu đã lan rộng khắp toàn cõi thiên hạ. Vào thời điểm đó, hai vị vua vô đạo nói trên đã cử một vị công tước tên là Pentagur, người nổi tiếng vì sự tàn bạo, đến Sicily để truy lùng và tra tấn các Kitô hữu. Khi đến thành phố Catania, kẻ tra tấn đã ra lệnh cho quan trưởng thành phố Calvisianus tập hợp toàn thể dân chúng, không chỉ những người sống trong thành phố mà cả những người ở vùng lân cận, ra quảng trường. Tại quảng trường Achilles, một sân khấu đã được chuẩn bị sẵn, và dưới tiếng kèn và trống, một đám đông gồm cả nam lẫn nữ, đủ mọi lứa tuổi đã tụ tập lại. Công tước Pentagur cùng với Calvisian cũng đến đây; khi nhìn thấy đám đông, ông hỏi Calvisian:

– Mọi người có đều tôn vinh, thờ phụng và dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta không?

Calvisian trả lời:

– Thật vậy, thưa hoàng tử sáng suốt, tất cả những người ngài thấy đều tận tâm phụng sự các vị thần vĩ đại, dâng lên vô số lễ vật; trong số họ không có một kẻ vô đạo nào cả.

Câu trả lời này khiến Pentagur vô cùng vui mừng, và ngài bày tỏ sự tán thành đối với cả dân chúng lẫn quan trưởng thành phố; sau đó, sau khi công bố sắc lệnh của các vị vua, ngài trao quyền cho Calvisian trước mặt mọi người – nếu có ai tự xưng là Kitô hữu, thì người đó có thể bị tra tấn và xử tử. Sau đó, Pentagur rời đi đến các thành phố khác; còn Calvisian thì triệu tập các thuộc hạ của mình và ra lệnh cho họ tìm kiếm kỹ lưỡng xem liệu có ai trong thành phố hay vùng lân cận, dù chỉ là người bí mật theo đạo Kitô, thì họ phải bắt người đó để tra tấn. Lúc đó, một trong những thuộc hạ tiến đến và nói:

[5489] Trong tiểu sử của Đức Giáo hoàng Sergius có đề cập đến một nhà thờ nằm ngay trong chính ngôi nhà của Sosanna, được xây dựng vào năm 682.

[5490] Các thánh tử đạo được tưởng niệm cùng với Sosanna đã qua đời vào các năm 295–296. Xác thánh của thánh tử đạo Sosanna cùng với xác thánh của cha bà là Gavius được lưu giữ tại Rome, trong nhà thờ mang tên bà; xác thánh của Đức Giáo hoàng Gaius cũng được lưu giữ tại Rome, trong nhà thờ mang tên ngài.

– Ở đây trong thành phố có một người tên là Evpl: ông ta mang theo một cuốn sách nào đó và, khi đi qua các ngôi nhà và đường phố, ông ta giảng dạy cho dân chúng, ca ngợi Đức Chúa Trời của Kitô giáo là Đấng vĩ đại.

(Thánh Evpl là một phó tế và luôn mang theo sách Phúc Âm: khi đọc cho dân chúng nghe về các phép lạ của Chúa Kitô, ngài dạy họ tin vào Đấng Cứu Thế).

Nghe vậy, Calvisian lập tức ra lệnh bắt ông ta và đưa đến trước mặt mình trong tình trạng bị trói. Các binh lính lên đường, lùng sục khắp thành phố để tìm Thánh Evpl; cuối cùng, họ tìm thấy ông trong một túp lều nghèo nàn, nơi ông đang đọc Sách Phúc Âm Thánh và giảng dạy cho những người đang lắng nghe; các binh lính bắt ngài, trói tay ngài ra sau lưng và dẫn ngài ra tòa trước quan trưởng thành phố, đồng thời tịch thu cả cuốn Phúc Âm. Khi nhìn thấy Thánh Evpla, Calvisian nói:

– Ngươi có phải là kẻ phỉ báng các vị thần và phạm tội chống lại mệnh lệnh của hoàng đế không?

Thánh Evpl trả lời:

– Các vị thần của các ngươi là ai mà ta phải tôn kính họ?

– Các vị thần của chúng tôi là Jupiter, Asclepius và Diana, – Calvisian nói.

– Ngươi, – vị thánh phản bác, – thật mù quáng khi không biết đến Đấng Chúa Trời duy nhất và chân thật, Đấng đã tạo dựng trời đất, đã nắn con người từ đất, và đã ban cho chúng ta, những người Kitô hữu, bộ áo choàng bất tử vô giá và rực rỡ, đó chính là Bí tích Rửa tội.

– Ngươi nói như vậy một cách kiêu ngạo là vì ngươi chưa từng trải qua những cực hình, – Calvisian nói.

– Đối với tôi, những cực hình này là vương miện rực rỡ, còn đối với ngươi, đó là bóng tối và sự diệt vong, – Thánh Evpl phản bác.

Lúc đó, Calvisian, trong cơn thịnh nộ tột độ, ra lệnh treo cổ Thánh Evpl và tra tấn ngài bằng những chiếc lược sắt. Trong lúc chịu những cực hình ấy, Thánh Evpl ngước mắt lên trời và, trong lời cầu nguyện, ngài thốt lên:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin hãy mặc cho con – người mà giờ đây xác thịt đang bị lột bỏ như một bộ áo – sự bất tử trong cuộc sống mai sau, xin ban cho con sức mạnh trong giờ phút này, để những cực hình không thể đánh bại con. Và từ trời cao vang lên một tiếng nói:

– Hãy can đảm và vững vàng, Evpl! Bộ áo thật sự đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi rồi.

Họ tra tấn vị thánh tử đạo trong một thời gian dài, trong khi đó, Calvisian nói với ngài:

– Chẳng lẽ ngươi không chịu từ bỏ sự lầm lạc của mình sao? Tại sao ngươi không muốn vào đền thờ các vị thần và dâng lễ vật cho họ, để được họ tha thứ tội lỗi, được các vị vua ban tặng vinh quang và của cải, được chúng ta đề nghị kết bạn; nói chung, nhờ đó ngươi sẽ có được rất nhiều vàng và bạc.

– Hỡi kẻ con của sự diệt vong, tay sai và đồng lõa của ma quỷ! – Thánh Evpl đáp lại – Ngươi không biết rằng vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Đức Chúa Trời, ngươi sẽ bị trừng phạt khủng khiếp thế nào vì tất cả những người mà giờ đây ngươi đang dụ dỗ họ thờ lạy thần tượng bằng vàng và bạc sao?

Càng thêm phẫn nộ, tên tra tấn ra lệnh dùng búa sắt đập vào hàm Thánh Evpl và đập nát đùi cùng cẳng chân ngài. Trong lúc bị tra tấn, Thánh Evpl quở trách tên tra tấn, nói:

– Hỡi kẻ điên rồ, bị sự thù hận làm mù quáng! Ngươi gây ra những cực hình này cho ta để làm gì, khi mà ta, được Thiên Chúa củng cố, coi chúng chẳng khác gì những mạng nhện? Nếu ngươi có thể, hãy nghĩ ra những hình phạt còn tàn bạo hơn nữa, còn những thứ này đối với ta chẳng qua chỉ là trò chơi.

Sau đó, Calvisian ra lệnh tháo dây trói Thánh Evpl và, treo cuốn Phúc Âm lên cổ ngài, rồi dẫn ngài vào ngục tối; đồng thời, hắn ra lệnh khóa cửa ngục thật cẩn thận, niêm phong bằng chiếc nhẫn của hắn, và bố trí lính canh để không ai có thể tiếp cận Thánh Evpl và mang theo bánh mì cùng nước: Calvisian muốn ngài phải chết vì khát và đói. Thánh Euphlus ở trong ngục bảy ngày bảy đêm và cảm thấy khát khô cổ; lúc đó, ngài cầu nguyện với Chúa:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa chân thật của chúng con, Đấng ban lương thực cho mọi loài sống, chính Ngài đã cho dân Ngài, những người được Mô-sê dẫn dắt qua sa mạc, được uống nước sống tuôn ra từ tảng đá (Xuất Hành 17:6), Ngài, Đấng đã làm cho nước chảy ra từ hàm lừa khô cằn cho Samson (Các Quan Xét 15:19) và đã rửa sạch chúng con bằng nước Thánh Tẩy, xin Ngài cũng ban cho con sự mát mẻ, vì con đang kiệt sức vì khát: xin Ngài ra lệnh cho một suối nước tuôn trào trong ngục tù này để làm dịu cơn khát của con, và mọi người sẽ biết rằng chỉ có một mình Ngài là Đức Chúa Trời, và không có ai khác giống như Ngài.

Khi thánh Evpl kết thúc lời cầu nguyện này, bỗng nhiên một suối nước xuất hiện trong ngục; ngài uống nước đó và không chỉ làm dịu cơn khát mà còn xoa dịu cơn đói của mình, như thể đó là thức ăn; thánh Evpl đã hát

ca, ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa. Sau bảy ngày, Calvisian ra lệnh đưa vị tử đạo ra khỏi ngục nếu ông còn sống: ông cho rằng Thánh Evpl đã qua đời, một phần vì vết thương, một phần vì đói khát. Khi các binh lính đến và mở cửa ngục, họ kinh hoàng khi thấy cả ngục đầy nước. Còn Thánh Evpl thì giang hai tay ra trên mặt nước, như thể đang ra lệnh, và nước lập tức biến mất. Các binh lính nói với nhau:

– Quả thật, Đức Chúa Trời mà người này phụng sự thật vĩ đại!

Và, sau khi đưa vị thánh tử đạo đi, họ dẫn ngài đến nhà quan trưởng thành phố. Quan trưởng, khi thấy Thánh Evpl không hề thay đổi về thể xác và vẫn vui vẻ, như thể vừa bước ra từ một bữa tiệc, đã vô cùng ngạc nhiên và nói:

– Dù sao thì bây giờ hãy thờ lạy các vị thần đi, trước khi đầu ngươi bị chém rơi.

Thánh Evpl trả lời:

– Hỡi kẻ xảo quyệt và mù quáng, bạn của quỷ dữ! Ai lại muốn từ bỏ ánh sáng để đi trong bóng tối chứ?

Thị trưởng tức giận ra lệnh dùng móc sắt xé tai ông và dẫn người bị trói đến tòa án để xét xử; chính kẻ tra tấn cũng đến đây, ngồi vào chỗ của mình và ép buộc vị thánh dâng những lễ vật bất kính trong một thời gian dài, nhưng khi thấy Thánh Evpl vẫn kiên quyết không khuất phục, Calvisian đã kết án ông phải bị chém đầu bằng gươm. Sau khi nghe bản án tử hình, Thánh Evpl đã xin quan tổng trấn cho ngài thời gian cầu nguyện trước khi bị chém đầu, và Calvisian đã đồng ý với lời thỉnh cầu đó. Khi các binh lính dẫn vị thánh tử đạo đi hành quyết, một đám đông lớn người dân đi theo, trong đó có không ít Kitô hữu đang bí mật giữ vững đức tin của mình. Khi đến nơi, Thánh Evpl dừng lại; sau đó, ngài quay về phía đám đông, lấy cuốn Phúc Âm mà ngài luôn mang theo bên mình, mở ra và bắt đầu đọc về các phép lạ của Chúa Kitô, giảng dạy về sự nhận biết Thiên Chúa chân thật, và nhiều người ngoại đạo đã được soi sáng bởi ánh sáng chân lý của Chúa Kitô. Sau đó, Thánh Evpl bắt đầu cầu nguyện với Thiên Chúa và có tiếng nói từ trên cao vọng xuống:

– Hạnh phúc thay ngươi, Evpl, tôi tớ tốt lành và trung thành của Ta, hãy đến và bước vào niềm vui của Chúa ngươi, hưởng sự bình an cùng tất cả những ai từ thuở đời đời đã làm đẹp lòng Ta!

Sau khi tiếng phán ấy vang lên, Thánh Evpl cúi đầu xuống và, sau khi bị chém đầu, ngài đã về với Chúa của mình: những đau khổ của ngài kết thúc vào ngày mười một tháng Tám năm[5491] . Những người đàn ông sùng kính trong cộng đồng Kitô hữu đã rước thi hài và đầu thánh của ngài về chôn cất tại một nơi đã được chuẩn bị sẵn; và nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh tử đạo tại mộ ngài, đã xảy ra nhiều phép lạ chữa lành, trong đó ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đã hoạt động; vinh quang và tôn vinh thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 1:

Giữ vững các điều răn của Đấng Kitô trong tay, Ngài đã đứng lên chống lại kẻ thù trong cuộc chiến: Ngài tự nguyện chịu đau khổ một cách kiên cường nhất. Vì thế, với niềm vui, Ngài đã cúi đầu, chấp nhận bị chém bằng gươm, và kết thúc cuộc đời của Ngài.

Ngày 25 tháng 8

Ngày 12 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm các thánh tử đạo Pamphilus và Capiton.

Các thánh tử đạo Photius và Anicetus

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 8

[5491] Theo những nguồn tin khác, đáng tin cậy hơn, Thánh Eupulus đã bị chặt đầu vào ngày 12 tháng 8 năm 304. Xác thánh của ngài hiện được lưu giữ tại Trivico (nay là vico della Baronia) thuộc khu vực Naples; không rõ thời điểm xác thánh được chuyển đến đây từ Catania; vào năm 1656, một phần xác thánh đã được chuyển trở lại Catania từ đây.

Tại Nicomedia, một thành phố thuộc tỉnh Bithynia[5492] , hoàng đế vô đạo Diocletian (284–305) đã công khai đàn áp các Kitô hữu; theo lệnh của ông, các dụng cụ tra tấn đã được bày ra khắp thành phố: gươm, dao chém, xiên sắt, móng sắt, chảo, bánh xe, nồi đồng và những phát minh vô nhân đạo khác cùng loại; các loài thú dữ cũng đã được chuẩn bị sẵn; bằng tất cả những điều này, Diocletian muốn dọa nạt những ai kêu cầu danh Chúa Kitô. Ông đã ban hành những sắc lệnh đáng sợ đến khắp các ngõ ngách của Đế quốc La Mã, ra lệnh cho mọi nơi phải truy đuổi các Kitô hữu – tra tấn và giết hại họ, đồng thời nhiều lời phỉ báng đã được thốt ra chống lại Con Một của Thiên Chúa.

Vào thời điểm đó, tại Nicomedia có một quan tổng trấn cao quý và danh giá tên là Anikita. Được tràn đầy lòng nhiệt thành vì Đức Chúa Trời, ông đã đến gặp hoàng đế và can đảm xưng nhận Chúa Giê-su Christ, Con Một thật sự của Đức Chúa Trời – Thánh Anikita đã hùng hồn kể cho hoàng đế nghe về sự sinh ra vô thủy vô chung của Con Một Đức Chúa Trời và sự nhập thể của Ngài, khi đã đến thời điểm, vì sự cứu rỗi của chúng ta; đồng thời, ngài cũng lên án sự lầm lạc của những kẻ thờ thần tượng, gọi các vị thần ngoại đạo là những kẻ điếc và vô cảm; và cuối cùng, ngài quay sang nhà vua và nói những lời như sau:

– Những hình phạt mà bệ hạ đã chuẩn bị và công bố dành cho các Kitô hữu không làm chúng tôi sợ hãi chút nào: đối với chúng tôi, những cực hình ấy chẳng là gì cả, và chúng tôi sẽ không bao giờ thờ lạy những thần tượng vô hồn.

Vị vua, tràn đầy cơn giận dữ và phẫn nộ, không thể chịu đựng được bài giảng được Thánh Thần soi dẫn của Thánh Anikita và ra lệnh cắt lưỡi ngài ngay lập tức, nhưng ngài vẫn nói rõ ràng, ca ngợi Đức Kitô là Thiên Chúa; sau đó, ngài bị đánh bằng gân bò một cách tàn bạo và kéo dài đến mức xương lộ ra. Nhưng Thánh Anikita – dường như không phải ngài, mà là một người khác đang phải chịu cực hình – đã dũng cảm chịu đựng những đau khổ và lớn tiếng rao giảng cho đám đông đang nhìn ngài rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa duy nhất và chân thật. Sau đó, nhà vua ra lệnh ném Thánh Anikita cho thú dữ ăn thịt: một con sư tử khổng lồ được thả ra, con sư tử này, sau khi gầm rú dữ dội và tiến lại gần vị tử đạo, bỗng nhiên trở nên hiền lành như một con cừu non: nó âu yếm Thánh nhân và dùng chân lau mồ hôi trên trán và má của ngài – mồ hôi chảy ra do những cực hình – như thể dùng môi vậy. Còn Thánh Anikita thì lớn tiếng kêu lên:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã cứu con khỏi hàm răng của con thú này! Con khẩn cầu Ngài, lạy Chúa, trong thử thách sắp tới, xin Ngài giơ bàn tay phải ra để giúp đỡ tôi tớ Ngài, để con có thể chiến thắng cơn thịnh nộ của kẻ hành hình và được Ngài ban cho vương miện tử đạo.

Sau lời cầu nguyện của vị thánh, một trận động đất bùng phát; đền thờ Hercules cùng với tượng thần của nó và một phần tường thành đã sụp đổ, và nhiều người ngoại đạo đã thiệt mạng dưới đống đổ nát đó. Lúc đó, Diocletian ra lệnh chém đầu vị thánh tử đạo bằng gươm, nhưng khi người lính giơ gươm lên để thi hành mệnh lệnh của hoàng đế, tay anh ta lập tức yếu đi, còn bản thân anh ta ngã xuống đất và bất động như thể đã mất cảm giác. Thấy vậy, Diocletian ra lệnh trói Thánh Anicetus vào một bánh xe nằm giữa những thanh sắt nhọn, châm lửa và quay bánh xe: ông ta muốn vị thánh tử đạo phải chết trong cảnh bị sắt xé nát và lửa thiêu đốt. Nhưng Thánh Anicetus, khi bị trói vào bánh xe, đã cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, vì những người đang đứng trước mặt, xin giải thoát con khỏi những đau khổ này, để những ai nhìn thấy con, khi chứng kiến sự cứu giúp nhanh chóng của Ngài, có thể can đảm đứng lên chống lại kẻ hành hình và nhận lấy vương miện tử đạo từ Ngài.

Và ngay lập tức, dây trói của thánh Anikita được tháo ra; bánh xe dừng lại, và ngọn lửa tắt ngấm. Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh đổ chì vào nồi, nung chảy chì và ném vị thánh tử đạo vào đó. Mọi người đều thấy Thiên Thần của Chúa cùng với Thánh Anikita bước vào nồi, và ngay khi vị tử đạo vừa chạm vào nồi, thiếc liền nguội lạnh và cứng lại như băng.

Một người thân của Thánh Anikita, tên là Photius, khi chứng kiến những kỳ công của ngài và quyền năng của Chúa Kitô, Đấng bảo vệ tôi tớ của Ngài, đã gạt bỏ mọi nỗi sợ hãi; bước ra khỏi đám đông đến chính nơi hành hình, ông tiến lại gần vị thánh tử đạo, ôm lấy ngài với tình yêu thương và hôn lên má ngài, gọi ngài là cha và là người cầu thay cho sự cứu rỗi của mình; bằng hành động này, Photius đã rõ ràng thể hiện rằng ông sẵn sàng chịu đựng bất kỳ sự tra tấn nào vì Chúa Kitô; sau đó, quay sang nhà vua, Photius nói:

– Hãy hổ thẹn đi, kẻ thờ thần tượng! Các vị thần của ngươi chẳng là gì cả.

[5492] Tại Tiểu Á.

Lúc đó, Diocletian tức giận hét lên với các binh lính:

– Hãy chém hắn đi!

Nhưng khi một trong những binh lính giơ thanh gươm trần lên để chém vị tử đạo, nhờ quyền năng của Thiên Chúa, tay hắn đã quay lại chém chính mình, khiến hắn tự chém vào đầu gối, ngã xuống đất và chết. Sau đó, thánh Anikit và Photius bị xiềng xích bằng sắt, và cả hai cùng bị ném vào ngục tối. Ba ngày sau, Diocletianus triệu tập họ đến và nói:

– Nếu các ngươi vâng lời ta và dâng lễ vật cho các vị thần, ta sẽ tôn vinh và ban cho các ngươi của cải dồi dào.

– Danh dự và của cải của ngươi – các thánh đáp lại – hãy để chúng ở lại với ngươi cho đến khi ngươi diệt vong.

Trong cơn thịnh nộ, tên tra tấn ra lệnh trước tiên treo họ lên giá tra tấn và cạo da bằng móng sắt, rồi dùng lửa thiêu đốt các vết thương, sau đó ném đá vào họ. Nhưng các thánh đã chịu đựng tất cả những cực hình này với niềm vui và tạ ơn Thiên Chúa, vì họ không cảm thấy đau đớn gì cả: Chúa đã gìn giữ họ nguyên vẹn vì vinh quang của Danh Thánh Ngài. Sau đó, họ bị trói chân vào những con ngựa hoang, và những con ngựa ấy kéo lê họ đi. Nhưng ngay cả với hình phạt này, Diocletian cũng chẳng đạt được gì: Chúa lại một lần nữa bảo vệ họ khỏi mọi tổn thương – các thánh tử đạo, trong lúc bị kéo lê, như thể đang ngồi trên cỗ xe ngựa, đã ca ngợi sức mạnh bất khả chiến bại của Chúa và động viên lẫn nhau; còn những con ngựa hoang bỗng dưng dừng lại; chân các thánh được giải thoát khỏi dây trói, và họ đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh. Kẻ tra tấn lại ra lệnh đánh đập họ dã man, đổ giấm trộn muối lên vết thương; sau đó, họ lại bị ném vào ngục tối, nơi họ phải chịu đựng suốt ba năm. Sau đó, các thánh được dẫn ra để chịu những hình phạt mới. Theo lệnh của Diocletian, người ta đã đốt lò tắm đá công cộng trong ba ngày, rồi nhốt các thánh tử đạo vào đó. Nhưng các thánh Anicetus và Photius đã cầu nguyện với Chúa, lò tắm bỗng sụp đổ; dòng nước mang lại sự mát mẻ cho họ cũng cạn khô. Khi những người canh gác mở nhà tắm vào ngày thứ ba, họ thấy các thánh vẫn đi lại trong đó mà không hề hấn gì, đang ca ngợi Thiên Chúa; chuyện này đã được báo cáo lên hoàng đế. Hoàng đế, dường như không tin vào tin tức đó, đã tự mình đến để xác minh sự thật. Các thánh, khi thấy hoàng đế, đã nói với ông:

– Này, hỡi kẻ hành hạ, chúng tôi đã chiến thắng trong mọi cực hình, còn ngài thì đã bị đánh bại và bị sỉ nhục.

Vua trở về nhà trong sự xấu hổ; ông ra lệnh bắt các vị tử đạo và giam họ trong xiềng xích cho đến khi nghĩ ra cách tiêu diệt họ. Theo lệnh của ông, một lò lửa khổng lồ được dựng lên, được gia cố bằng bốn cột sắt; lò này có thể chứa được rất nhiều người. Giống như Nebuchadnezzar xưa kia (Đa-ni-ên, chương 3), ông ra lệnh nung nóng lò lửa này, với ý định thiêu sống trong đó không chỉ hai vị thánh tử đạo, mà cả tất cả các Kitô hữu mà ông tìm thấy. Còn các tín hữu Kitô giáo, không chờ đến lúc những kẻ ngoại đạo ném họ vào lò lửa, đã tự mình cùng với vợ con tiến về phía lò lửa, đồng thanh kêu lên:

– Chúng tôi là Kitô hữu và tôn thờ Đấng Thiên Chúa duy nhất!

Đầu tiên, các thánh tử đạo Anikita và Photius bước vào lò lửa, tiếp theo là cả đám đông các tín hữu Kitô giáo đã tụ tập, với lời cầu nguyện và hai tay giơ cao hướng lên trời, họ cùng nhau bước vào ngọn lửa. Từ trong ngọn lửa, các tín hữu Kitô giáo kêu lên:

– Chúng con tạ ơn Ngài, Cha và Thiên Chúa toàn năng, vì nhờ đức tin vào Con Một duy nhất của Ngài và Chúa chúng con là Đức Giêsu Kitô, Ngài đã quy tụ chúng con để nhận vương miện tử đạo; chúng con cầu xin Ngài, Đấng Nhân Từ, hãy giang tay từ trên cao và đón nhận linh hồn chúng con vào sự an nghỉ vĩnh cửu mà Ngài đã chuẩn bị cho những người tuyên xưng đức tin của Ngài.

Trong lúc cầu nguyện ấy, họ đã an nghỉ trong Chúa. Còn các thánh Anikit và Photi vẫn còn sống trong lò lửa đó suốt ba giờ, rồi sau khi cầu nguyện, họ đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa. Khi các đầy tớ của dùng dụng cụ sắt lấy thi thể các thánh Anikita và Photi ra, họ thấy rằng các ngài không hề bị lửa thiêu tổn hại, thậm chí cả tóc cũng còn nguyên vẹn. Và nhiều người ngoại đạo đã tin vào Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen[5493] .

[5493] Các vị tử đạo được nhắc đến ở đây đã chịu tử đạo vào năm 305 hoặc 306.

Lễ kính Thánh Tử đạo Alexander, Giám mục Komana

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 8

Tại thành phố Comana[5494] , gần Neocaesarea – nơi Thánh Grigorius, Đấng Làm Phép Lạ, đang làm giám mục vào thời điểm đó – có một người đàn ông tên là Alexander sống trong cảnh nghèo khó tự nguyện; cuộc đời thánh thiện của ngài được che giấu khỏi ánh mắt của mọi người và chỉ có một mình Thiên Chúa biết đến. Thánh Alexander, là một người có học thức uyên bác, lẽ ra có thể tích lũy được của cải dồi dào và được mọi người kính trọng, nhưng ngài đã chọn sống trong cảnh nghèo khó tự nguyện vì Chúa. Bỏ qua những điều trần thế, ngài không coi trọng kiến thức của mình và tự coi mình là người không biết chữ, thiếu học thức, thực hiện lời của Thánh Tông Đồ: *"Nếu ai trong các ngươi tự cho mình là khôn ngoan trong thế gian này, thì hãy trở nên điên rồ để được khôn ngoan"* (1 Cô-rinh-tô 3:18). Mong muốn tự nuôi sống bản thân bằng công việc của đôi tay mình, Thánh Alexander, trong sự khiêm nhường tột cùng, đã chọn cho mình một công việc gần như là thấp kém nhất: ngài bắt đầu làm than và bán than, nhờ đó kiếm được miếng ăn hàng ngày. Chính vì điều này, Thánh Alexander trở thành đối tượng bị trẻ con trêu chọc và chế giễu: do công việc, khuôn mặt và quần áo của ngài ngập tràn bụi than, và khi ngài xuất hiện tại chợ trong bộ dạng như vậy, ngài trông giống như một người Ê-thi-ô-pi; khắp thành phố, Thánh Alexander được biết đến với biệt danh "người bán than". Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng ngự trên cao, Đấng nhìn xuống những người khiêm nhường và nâng họ lên, đã thương xót và quyết định ngay trong cuộc đời trần thế này tôn vinh người tôi tớ khiêm nhường của Ngài là Alexander, đồng thời ban cho Giáo hội của Ngài một trụ cột và niềm vinh quang qua ông; vì thế, Ngài đã phong cho ông chức vụ giám mục. Khi Giám mục Komana qua đời, cư dân thành phố đã cử một phái đoàn đến Neocaesarea gặp Thánh Grigorius, vị Thánh làm phép lạ, với lời thỉnh cầu ngài đến với họ và tấn phong một vị giám mục. Thánh Grigorius đã nhanh chóng đến nơi. Khi hội đồng bắt đầu bầu chọn một người xứng đáng để ngồi lên ngai giám mục, những ý kiến trái chiều bắt đầu nảy sinh: một số người chọn những người có dòng dõi quý tộc, số khác chọn những người giàu có, số khác nữa chọn những người hùng biện, và số còn lại chọn những người có vẻ ngoài trang nghiêm và tuổi tác xứng đáng; tất cả những ứng viên này đều được đưa đến gặp Thánh Grigorius Thánh Tạo, như những người xứng đáng được ca ngợi và đảm nhận chức vụ giám mục. Tuy nhiên, Thánh Grêgôriô Thánh Nhân không vội vàng trong việc bầu chọn và tấn phong giám mục, mà chờ đợi cho đến khi chính Chúa tỏ ra người xứng đáng. Ngài quay sang hội đồng và nhắc nhở họ về cách Thiên Chúa đã chọn Đavít để người này trị vì dân Israel: khi Y-sai dẫn con trai cả của mình là Ê-li-av đến gặp Thánh Sa-mu-ên, vị tiên tri đã cầu hỏi Chúa rằng liệu người này có phải là Đấng được xức dầu của Ngài hay không? Nhưng Chúa phán với Sa-mu-ên: "Đừng nhìn vào ngoại hình và chiều cao của người ấy" (1 Sa-mu-ên 16:6–7).

– Và chúng ta phải – Thánh Grigori nói – chọn vị mục tử cho thành phố này, không dựa vào vẻ bề ngoài, mà phải tìm kiếm người đã được Thiên Chúa chuẩn bị sẵn: vì con người nhìn vào khuôn mặt, còn Thiên Chúa nhìn vào trái tim, và thước đo phẩm giá không phải là vẻ bề ngoài mà là tâm hồn bên trong, điều mà chỉ có Chúa mới biết.

Những lời của Thánh Grigori khiến một số người khó chịu, và họ thì thầm với nhau bằng giọng mỉa mai: nếu không xét đến ngoại hình và dòng dõi cao quý, thì ngay cả Alexander, người thợ than, cũng có thể được bầu chọn và phong làm giám mục. Việc nhắc đến người thợ than đã khiến những người khác có mặt tại hội đồng cũng bật cười; còn Thánh Grêgôriô, sau khi suy ngẫm một lát, đã nói:

– Không phải ngẫu nhiên mà người này, hiện đang trở thành đối tượng bị chế giễu, lại được nhắc đến.

Và ngài bắt đầu hỏi:

– Alexander mà các ngươi nhắc đến là ai? Ta muốn gặp người ấy.

Lúc đó, Thánh Alexander đang đứng bên ngoài tòa nhà nơi diễn ra hội đồng, trông coi những con la thuộc về những người đến tham dự cuộc bầu cử; một số người đã ra ngoài và dẫn Thánh Alexander vào hội đồng. Khi ngài đứng giữa hội nghị, mọi người bắt đầu nhìn ngài và cười, bởi vì cả người ngài lẫn bộ quần áo rách rưới nghèo nàn của ngài đều đen kịt vì than. Trong lúc mọi người đang cười ồ lên, ngài vẫn đứng trước vị thánh với thái độ kính trọng, chìm đắm trong suy tư và không để ý đến những người đang cười. Còn Thánh Grêgôriô, Đấng Làm Phép Lạ, người sở hữu ân sủng thấu thị, đã nhận ra ân sủng của Thiên Chúa ngự trong Thánh Alexandre, khiến ngài xứng đáng được chọn lên ngai thánh. Ngài đứng dậy khỏi chỗ ngồi, lui vào một góc riêng với Thánh Alexandre và

[5494] Nơi từng là Polemonian ở Ponte, bên bờ sông Iris.

bắt đầu hỏi ngài, khẩn cầu nhân danh Thiên Chúa hãy nói sự thật: ngài là ai? Thánh Alexander, dù muốn che giấu thân phận, nhưng không thể nói dối trước một vị thánh đáng kính như vậy, lại còn sợ lời thề, nên đã kể hết về cuộc đời mình: làm sao một người uyên bác như ngài lại có thể khiêm nhường đến vậy trước mặt Chúa và tự nguyện sống trong cảnh nghèo khó. Qua cuộc trò chuyện với ngài, Thánh Grigoriô đã tin chắc rằng ngài không chỉ thông thạo các môn học mà còn am tường Kinh Thánh. Sau đó, vị thánh đã ra lệnh cho những người thân cận dẫn Thánh Alexander đến chỗ ngài, tắm rửa sạch sẽ cho ngài, mặc quần áo tươm tất và đưa ngài trở lại hội đồng. Còn ngài, sau khi trở lại chỗ ngồi của mình, đã dẫn dắt một cuộc trò chuyện được Thánh Thần soi sáng. Một lúc sau, Thánh Alexander được dẫn vào hội đồng, đã được tắm rửa sạch sẽ, mặc áo quần sáng sủa và khuôn mặt vô cùng trang nghiêm; tất cả những ai từng thấy vị thánh nhân này trước đây, khi nhận ra ngài, đều không khỏi kinh ngạc. Còn Thánh Grigori bắt đầu trò chuyện với ngài, đặt ra những câu hỏi từ Kinh Thánh. Thánh Alexander trả lời một cách khôn ngoan đến nỗi những người có mặt không thể không công nhận ngài là một người học rộng và thông minh; hơn nữa, họ còn ngạc nhiên hơn nữa: tại sao một người có kiến thức sâu rộng như vậy lại che giấu sự khôn ngoan của mình, sống giữa họ như một kẻ dốt nát nhất? Đồng thời, họ tự trách mình vì đã chế giễu một con người khôn ngoan đến vậy, người đã hạ mình vì Chúa, lại coi ông như một kẻ điên rồ. Lúc đó, tất cả những ai có mặt tại hội đồng đều vui mừng và nhất trí bầu Thánh Alexander làm giám mục, để thực hiện lời Chúa đã phán trong Kinh Thánh: "Con người nhìn vào bề ngoài, còn Chúa nhìn vào lòng" (1 Sa-mu-ên 16:7). Thánh Grêgôriô, khi thăng chức cho Thánh Alexander theo các bậc phẩm trật, trước tiên đã phong ngài làm linh mục, rồi sau đó làm giám mục. Sau khi được phong làm giám mục, ngài đã bảo Thánh Alexander nói với dân chúng một bài giảng răn dạy. Khi vị thánh giảng dạy, ân sủng của Thánh Thần tuôn trào từ miệng ngài như dòng sông, làm lay động lòng người; và cả thành phố đều vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa, vì có được một vị mục tử đầy đức hạnh như vậy. Thánh Grêgôriô lui về Neocaesarea, còn Thánh Alexandre thì chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô tại Comana, làm gương cho các tín hữu bằng lời nói và đời sống. Vào thời điểm đó, có một nhà triết học trẻ người Attica tình cờ có mặt tại Comana; khi nghe vị thánh giảng dạy cho dân chúng, anh ta đã chế giễu sự đơn sơ trong lời nói của ngài, vốn không có những hoa mỹ của người hùng biện; nhưng Thánh Alexander trong các bài giảng của mình không quan tâm đến vẻ đẹp của lời nói, mà quan tâm đến tính giáo dục của nó, và vì sự đơn sơ của những người nghe, lời giảng của ngài cũng mang tính đơn sơ, đồng thời lại rất có ích cho sự cứu rỗi linh hồn. Nhưng rồi một ngày nọ, vị triết gia Attica nói trên đã có một thị kiến: trước mặt ông xuất hiện một đàn chim bồ câu trắng rất đẹp, tỏa ra ánh sáng rực rỡ, như lời người hát Thánh vịnh đã nói: "Cánh được phủ bằng bạc, còn lông thì bằng vàng ròng" (Thánh vịnh 67:14), và cùng lúc đó có một giọng nói cất lên:

– Đó là những lời của Giám mục Alexander, những lời mà ngươi đã chế giễu.

Khi tỉnh dậy khỏi giấc mơ, nhà triết học cảm thấy hổ thẹn vì hành động của mình và đã đến gặp vị giám mục để xin lỗi.

Chẳng bao lâu sau, dưới triều đại của Diocletianus[5495] , cuộc bách hại đối với các Kitô hữu bùng phát, và Thánh Alexander, Giám mục Komana, đã bị những kẻ ngoại đạo vô đạo bắt giữ; bị ép buộc phải thờ thần tượng, ngài vẫn không chối bỏ Chúa Kitô, và vì thế, sau khi chịu nhiều cực hình, ngài đã bị ném vào lửa, nơi vị giám mục thánh thiện này đã trút hơi thở cuối cùng vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Ngày 26 tháng 8

ngày 13 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, lễ rước di cốt thánh của vị cha đáng kính của chúng ta là Thánh Maximus, Người Chứng Đạo, được tưởng niệm vào ngày 21 tháng 1

Cùng ngày này, việc tìm thấy di cốt của vị thánh hạnh phúc Maximus thành Moscow, người đã tự nguyện hành động như người điên vì Chúa Kitô.

Cùng ngày này, ngày qua đời (năm 1783) và ngày khai quật (năm 1861) di hài của Thánh Cha chúng ta Tikhon, Giám mục Voronezh, vị làm phép lạ tại Zadonsk.

[5495] Hoàng đế từ năm 284–305.

Thánh Tử đạo Hippolytus

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 8

Sau khi Thánh Tổng phó tế Laurentius chịu tử đạo, Thánh Hippolytus, một vị tướng quân và người trông coi nhà tù, đã tổ chức tang lễ trang trọng cho thi hài đầy đau khổ của vị tử đạo, người ban đầu là tù nhân của ngài, sau đó trở thành thầy dạy của ngài; Thánh Hippolytus chỉ trở về nhà vào ngày thứ ba sau lễ an táng. Tất cả những người trong gia đình ngài – gồm mười chín người cả nam lẫn nữ – đều là Kitô hữu; họ đã được Thánh Laurentius dạy dỗ về những chân lý của đức tin Kitô giáo và sau đó được ngài rửa tội. Cùng với tất cả các thành viên trong gia đình, Thánh Hippolytus, sau khi cầu nguyện chung tại nhà, đã rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, và sau khi nhận lãnh lương thực thiêng liêng, bữa ăn được dọn ra để bồi bổ thân xác; nhưng trước khi họ bắt đầu dùng bữa, các binh lính đã đến, bắt Thánh Hippolytus và dẫn ngài đến gặp vua Decius[5496] . Khi nhìn thấy ngài, nhà vua cười lớn và nói:

– Chẳng lẽ ngươi cũng đã trở thành một pháp sư, chỉ vì đã đánh cắp thi thể của Thánh Laurentius sao?

– Tôi không phải là thầy phù thủy, mà là một Kitô hữu, – Thánh Hippolytus đáp lại.

Lúc đó, nhà vua tức giận ra lệnh dùng đá đánh vào miệng ngài, rồi cởi bỏ bộ quần áo mà ngài đang mặc – đó là trang phục thông thường của các Kitô hữu.

– Ngài không làm tôi trần truồng, mà lại mặc cho tôi bộ quần áo quý giá hơn, – Thánh Hippolytus đáp lại.

– Chẳng lẽ ngươi không còn tôn kính các vị thần nữa, khi mà ngươi lại hành động điên rồ như vậy và không hề xấu hổ vì sự trần truồng của mình sao? – vị vua hỏi.

– Tôi khôn ngoan chứ không trần truồng, – Thánh Hippolytus phản bác, – vì tôi đã mặc lấy Đức Kitô; lúc đó tôi mới thật sự điên rồ khi, giống như ngài, tôi phụng sự các quỷ dữ, và lúc đó tôi mới thật sự trần truồng khi chưa có ân sủng của Đức Kitô, còn bây giờ tôi là một Kitô hữu.

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, – nhà vua đề nghị, – để ngươi, giống như Thánh Laurentius, không phải chết vì những cực hình.

– Ôi, giá như tôi được hưởng số phận của Thánh Laurentius, người mà ngươi, kẻ khốn nạn, không nên thốt ra tên bằng cái miệng dơ bẩn của mình! – Thánh Hippolytus kêu lên.

Vua ra lệnh quật ngài xuống đất và đánh không thương tiếc bằng gậy; còn vị thánh tử đạo lúc đó thì lớn tiếng kêu lên:

– Ta là người Kitô hữu!

Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh ngừng đánh, nâng Thánh Hippolytus dậy khỏi mặt đất và mặc cho ngài bộ quân phục thông thường, đồng thời ông ta nói, hướng về vị thánh tử đạo:

– Hãy nhớ đến chức vụ quân nhân của ngươi và hãy tiếp tục là bạn của chúng ta, tiếp tục cùng chúng ta dâng hiến.

– Tôi là chiến binh của Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của tôi, và tôi mong muốn chết vì Ngài, – vị thánh phúc lành đáp lại.

Sau đó, Decius nói với giám mục Valerian:

– Hãy tịch thu toàn bộ tài sản của ông ta, còn bản thân ông ta thì tra tấn cho đến chết.

Cùng ngày hôm đó, những người được Valerian sai đi đã cướp bóc tài sản của vị thánh hạnh phúc Hippolytus; khi biết rằng trong nhà Hippolytus có những người tin vào Chúa Kitô, Valerian ra lệnh đưa họ đến trước mặt mình. Trong số những người bị dẫn đến có cả người vú nuôi của Hippolytus, tên là Concordia. Nhìn họ, Valerian nói:

– Hãy thương xót mạng sống của các ngươi, đừng để phải chết cùng với chủ nhân Hippolytus của các ngươi.

– Chúng tôi thà chọn điều tốt hơn, – Concordia đáp lại, – đó là chết một cách danh dự vì đức tin vào Chúa Kitô cùng với chủ nhân của chúng tôi, còn hơn là mất đi đức tin ấy mà sống giữa các ngài, những kẻ vô đạo.

– Loại nô lệ này chỉ có thể được uốn nắn bằng những vết thương mà thôi, – Valerian nói và ra lệnh đánh Concordia bằng những cây gậy thiếc; trong lúc bị đánh đập, vị thánh tử đạo đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa.

[5496] Hoàng đế từ năm 249 đến năm 251.

Tại đây, Thánh Hippolytus cũng đang bị lính canh giữ: khi chứng kiến cái chết tử đạo của người mẹ nuôi mình, ngài đã reo lên đầy hân hoan:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì đã cho người đã nuôi dưỡng con được về trước với các thánh của Ngài trong Nước Trời!

Giám mục nói:

– Ngươi vẫn còn trông cậy vào mưu mẹo phù phép sao? – Ngươi không tôn kính các vị thần và không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua sao?

Và trong cơn giận dữ, Valerian ra lệnh dẫn tất cả mọi người cùng với Hippolytus ra khỏi thành qua cổng Tivurtin và xử tử họ tại đó. Thánh Hippolytus đã động viên họ trên đường đi:

– Đừng sợ, – cả tôi và các bạn đều có cùng một Chúa Tể cai trị.

Khi đến nơi hành quyết, tất cả đều bị các binh lính chém chết ngay trước mặt Thánh Hippolytus. Tổng cộng có mười tám người, bất kể giới tính và lứa tuổi, đã chịu cái chết tử đạo này, chưa kể Thánh Concordia, người đã bị giết trong thành phố. Còn Thánh Hippolytus, theo lệnh của tổng giám mục, đã bị trói vào những con ngựa hoang và bị lôi kéo trên những con đường đầy đá cho đến khi ngài về với Chúa. Thánh Tử đạo Hippolytus cùng với các thành viên trong gia đình đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô vào ngày mười ba tháng Tám, tức là ngày thứ ba sau khi Thánh Laurentius chịu tử đạo.

Khi đêm xuống, Thánh Giustinô, một linh mục, cùng các tín hữu đã đến nơi hành hình, thu thập thi hài các thánh tử đạo và an táng họ ngay tại đó. Còn thi hài của Thánh Concordia, dù đã tìm kiếm rất kỹ lưỡng khắp thành phố, vẫn không thể tìm thấy; điều này khiến Thánh Giustinô vô cùng đau buồn đến nỗi ngài đã khóc. Thi hài thánh Concordia, theo lệnh của kẻ hành hình, đã bị ném vào một nơi ô uế. Một tín hữu Kitô giáo tên là Irineo đã biết được điều này từ một người lính, ba tuần sau ngày Thánh Hippolytus qua đời; ông đã rủ theo một tín hữu khác là Avundius, và vào ban đêm, họ đã vớt được thi hài của vị thánh tử đạo, vốn không hề bị ô uế bởi chất bẩn, rồi mang đến cho linh mục Justin. Vị linh mục rất vui mừng và đã an táng thi hài cao quý đó bên cạnh thi hài Thánh Hippolytus và các vị tử đạo khác. Sáng hôm sau, Valerian biết được chuyện này; ông ra lệnh bắt giữ Irenaeus và Avundius, rồi ném họ vào chính nơi mà họ đã lấy thi hài Thánh Concordia ra, để họ bị chìm sống trong chất thải. Và cả hai vị thánh đều qua đời tại đó vào ngày 26 tháng Tám. Thánh Iulian đã vớt thi hài của họ vào ban đêm và an táng bên cạnh di cốt của Thánh Laurentius, ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời[5497] . Amen.

Ngày 27 tháng 8

Ngày 14 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Arcadius, môn đệ của Thánh Ephrem của Novotorzhsk.

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Tử đạo Marcella, Giám mục Apamea, người đã bị những kẻ thờ thần tượng thiêu sống vào khoảng năm 389 vì đã phá hủy một đền thờ ngoại giáo.

Về việc xây dựng nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời tại Tu viện Kiev-Pechersk

Ngày tưởng niệm 14 tháng 8

Không ai nên nghi ngờ rằng tại tu viện vĩ đại và đầu tiên ở Nga[5498] của các vị thánh Antony và Theodosius Pechersky, nhà thờ đá tuyệt đẹp, lộng lẫy như bầu trời, của Đức Mẹ đã được xây dựng, trang trí và thánh hiến theo

[5497] Thánh tử đạo Hippolytus và thánh tử đạo Concordia đã chịu tử đạo vào ngày 13 tháng 8 năm 258.

[5498] "Laura" – từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là một phần của thành phố, "ngõ hẻm" – thực chất là một dãy các phòng tu, nằm xung quanh nơi ở của vị tu viện trưởng, được bố trí theo hình thức các ngõ hẻm trong thành phố và được bao quanh bởi hàng rào hoặc tường. Các tu sĩ trong các tu viện Lavra sống cuộc đời ẩn dật và tu hành trong phòng riêng của mình, chỉ tụ họp lại để cử hành thánh lễ vào ngày đầu tiên và ngày cuối cùng của tuần, còn những ngày còn lại thì giữ im lặng; cuộc sống trong các tu viện Lavra khó khăn hơn nhiều so với các tu viện khác. Từ thời cổ đại xa xưa, tên gọi "Lavra" đã được dùng để chỉ những tu viện đông đúc và có tầm quan trọng đặc biệt. Tên gọi này lần đầu

ý muốn và sự an bài của Chúa, cũng như lời cầu bầu của Mẹ Ngài. Cùng với Đức Giám mục Thánh Simon[5499] , trước hết chúng ta hãy nói về khởi đầu của việc xây dựng nhà thờ này, vốn đi kèm với những phép lạ.

Tại xứ Varangian có một vị công tước tên là Afrikan, anh trai của Yakun người mù – chính là người đã từ chối mặc bộ áo dệt bằng vàng khi cùng đoàn quân của mình chiến đấu vì Yaroslav chống lại người anh trai hung dữ của ông là Mstislav. Afrikan có hai người con trai là Friand và Shimon; sau khi Afrikan qua đời, Yakun đã trục xuất cả hai người con trai của ông khỏi các lãnh địa của họ. Shimon đã đến Nga gặp Công tước Yaroslav, người đã tiếp đón ông và dành cho ông sự tôn kính; ông đã bổ nhiệm Shimon làm quan đại thần cao cấp nhất dưới triều con trai mình là Vsevolod, và thực sự, dưới triều Vsevolod, Shimon đã nắm giữ quyền lực rất lớn.

Nhờ một hoàn cảnh sau đây, Shimon đã dành tình yêu rất sâu đậm cho Tu viện Thánh Pechersk. Trong thời kỳ Izyaslav Yaroslavich trị vì tại Kiev, các bộ tộc du mục Polovtsi[5500] đã tấn công lãnh thổ Nga; ba vị công tước thuộc dòng dõi Yaroslavich – Izyaslav, Svyatoslav và Vsevolod – đã ra quân chống lại họ, và Shimon cũng có mặt trong số đó. Tất cả họ đều đến gặp Thánh Antony, xin ngài cầu nguyện và ban phước lành cho cuộc chiến. Vị tu sĩ già, mở miệng nói lời chân thật, đã tiên đoán rõ ràng về sự diệt vong của họ. Shimon quỳ xuống dưới chân vị tu sĩ và cầu xin Chúa cứu anh khỏi tai họa đó. Thánh Antony đáp lại anh:

– Con ơi, nhiều người trong các con sẽ ngã xuống dưới lưỡi gươm, những người khác trong lúc chạy trốn khỏi kẻ thù sẽ bị chà đạp, bị thương và chết đuối trong nước; còn con, sau khi thoát nạn, sẽ được an táng tại đây, trong nhà thờ sắp được xây dựng. Khi các đạo quân của hai phe đụng độ nhau tại sông Alte[5501] , thì những người Kitô hữu, không còn được sự trợ giúp của Thiên Chúa, đã bị đánh bại – các công tước bỏ chạy, còn nhiều tướng lĩnh cùng binh lính của họ bị giết; giữa đám người đó, Shimon cũng nằm đó với thân thể bị thương. Nhìn lên trời, ông thấy một nhà thờ vĩ đại, giống như trước đây ông đã thấy trên biển, và nhớ lại những lời của Đấng Cứu Thế, từng được nói với ông[5502] ; lúc đó, Shimon kêu lên:

– Nhờ lời cầu nguyện của Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ và các thánh Antôn và Theodosius, xin Chúa cứu con khỏi cái chết đau đớn này.

Và bỗng nhiên, một sức mạnh nào đó đã đưa anh ra khỏi giữa những người chết, và anh lập tức được chữa lành khỏi những vết thương, trở lại hoàn toàn khỏe mạnh. Sau đó, khi trở lại gặp Thánh Antôn, Shimon đã kể lại tất cả cho ngài nghe, đồng thời còn kể thêm điều này:

– Cha tôi, Afrikan, đã làm một cây thánh giá lớn, dài khoảng mười khuỷu tay, trên đó có hình ảnh Chúa Kitô; để tôn kính hình ảnh Chúa, ông đã đeo cho Ngài một chiếc thắt lưng vàng nặng khoảng 50 grivna[5503] , và đội một vương miện lên đầu; khi chú tôi là Yakun đuổi tôi ra khỏi vùng đất của mình, tôi đã lấy chiếc thắt lưng và vương miện đó, rồi nghe thấy tiếng nói từ hình ảnh Chúa Cứu Thế đang hướng về phía tôi:

– Hỡi con người, đừng bao giờ đội vương miện này lên đầu mình, mà hãy mang nó đến nơi đã được chuẩn bị sẵn, nơi vị tu sĩ sẽ xây dựng nhà thờ dành cho Mẹ Ta; hãy trao nó vào tay ngài để ngài treo lên trên bàn thờ của Ta.

– Tôi – Shimon kể lại – đã ngã quỵ vì sợ hãi và nằm bất động như người chết, sau đó đứng dậy, bước lên con tàu; trong chuyến hành trình, một cơn bão dữ dội ập đến – đến nỗi chúng tôi tuyệt vọng về việc có thể sống sót. Lúc đó, tôi chợt nhớ đến chiếc thắt lưng mà mình đã hoàn toàn quên mất, và bắt đầu cầu nguyện lớn tiếng:

---

tiên xuất hiện ở Ai Cập và sau đó là ở Palestine. Hiện nay, tên gọi "Lavra" ở nước ta chỉ được sử dụng với ý nghĩa là một danh hiệu tôn kính.

[5499] Simon – một tu sĩ của tu viện Pechersk. Từ đó, ông được Đại công tước Vsevolod Yuryevich bổ nhiệm làm vị tu viện trưởng của Tu viện Giáng Sinh do ông thành lập tại Vladimir; sau đó, Simon được phong làm giám mục đầu tiên của giáo phận Vladimir, tách ra khỏi giáo phận Rostov vào năm 1214. Simon qua đời vào năm 1226 sau mười hai năm tại vị. Từ các bức thư của Giám mục Vladimir Simon gửi cho Polikarp, cũng là một tu sĩ và sau này trở thành vị tu viện trưởng của Tu viện Pechersk, cùng với bức thư của Polikarp gửi cho Akindin, vị đại tu viện trưởng tu viện Pechersk, với nội dung bao gồm một loạt truyền thuyết về các vị thánh làm phép lạ ở Pechersk và về những phép lạ đã xảy ra ngay tại tu viện trong quá trình xây dựng nhà thờ lớn của tu viện, cuốn "Paterikon Pechersk" nổi tiếng đã được biên soạn.

[5500] Người Polovtsi hay Kuman – là một bộ tộc du mục thuộc dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ, sinh sống ở miền nam nước Nga trong các thế kỷ X–XIII và từ đó tiến hành các cuộc cướp bóc vào các thành phố và làng mạc biên giới của vùng đất Nga.

[5501] Đó là vào năm 1066. Sông Alta là một nhánh của sông Trubezh, chảy vào sông Dnieper phía dưới Kiev từ phía bên trái, tức phía Moscow.

[5502] Xem phần giải thích các từ này ở dưới.

[5503] Grivna – đồng tiền cổ có trọng lượng nhất định (72–96 zolotnik), thường có dạng thỏi vàng hoặc bạc.

– Lạy Chúa, xin tha thứ cho con, vì giờ đây con đang chết vì chiếc thắt lưng này, thứ mà con đã lấy từ bức tượng thánh của Ngài, – và bỗng nhiên con nhìn thấy một nhà thờ ở phía trên và tự hỏi: đó là nhà thờ nào vậy? Rồi từ trên cao có tiếng nói:

– (Đó chính là nhà thờ ấy), sẽ được vị tu sĩ kính yêu xây dựng nhân danh Đức Mẹ; nó sẽ uy nghi và cao vút như ngươi đang thấy; kích thước của nó sẽ do vị tu sĩ kính yêu đo bằng chiếc thắt lưng vàng ấy – rộng hai mươi thắt lưng, dài ba mươi thắt lưng và cao năm mươi thắt lưng; ngươi sẽ được an táng trong nhà thờ này.

Sau đó, biển bỗng trở nên yên tĩnh. Tất cả chúng tôi đều ngợi khen Đức Chúa Trời và vô cùng vui mừng, khi nhận ra rằng mình đã thoát khỏi cái chết đau đớn.

Sau khi kể lại tất cả những điều này, Simon quay sang thánh Antony và nói:

– Thưa Cha, con không biết nhà thờ mà con được chỉ thấy sẽ được xây dựng ở đâu, cho đến khi nghe Cha nói rằng con sẽ được an táng tại nhà thờ sắp được xây dựng ở đây.

Rồi, cầm lấy chiếc thắt lưng vàng, ông trao nó cho Thánh Antôn và nói:

– Đây là thước đo nền móng cho nhà thờ đó, – còn khi trao vương miện, ông nói:

– Vòng hoa này phải được treo trên bàn thờ thánh.

Vị tu sĩ già, sau khi ngợi khen Đức Chúa Trời, đáp lại:

– Con trai của ta, từ nay tên con sẽ không còn là Shimon nữa, mà là Simon.

Thánh Antôn gọi thánh Theodosius đến và nói:

– Chính người này, Simon, sẽ xây dựng nhà thờ.

Và sau đó, ngài trao cho vị thánh tu sĩ chiếc thắt lưng và vương miện. Kể từ lúc đó, Simon đã tràn đầy tình yêu mãnh liệt dành cho vị thánh xây dựng nhà thờ Theodosius: ông đã dành nhiều tài sản của mình để xây dựng nhà thờ mà Đức Chúa Trời đã chỉ định, và thường xuyên đến thăm ngài. Một lần nọ, khi Simon đến gặp vị thánh Theodosius, sau cuộc trò chuyện thường lệ, ông nói với ngài:

– Thưa Cha, con chỉ xin Cha một điều duy nhất.

– Con có thể xin gì, – vị thánh Theodosius đáp, – hỡi con trai của cha, một người quý tộc, trước sự khiêm nhường của chúng ta?

– Con xin Cha một ân huệ rất lớn lao và vượt quá khả năng của con, – Simon phản đối.

– Con biết đấy, con trai của cha, – Thánh Phê-ô-đô-xi-ô lại đáp, – sự nghèo khó của chúng ta – rất nhiều lần chúng ta thậm chí không có đủ bánh mì để ăn trong ngày; vậy thì cha có gì để cho con đây – cha cũng không biết.

Simon nói:

– Nếu ngài muốn, ngài có thể ban cho con ân sủng mà Chúa đã ban cho ngài, Đấng đã xưng ngài là vị thánh: vì khi con tháo vương miện khỏi đầu Chúa Kitô, thì Chúa đã phán với con:

– Hãy mang vương miện đến nơi đã được chuẩn bị sẵn cho Ngài, và trao vào tay vị thánh, người sẽ xây dựng nhà thờ cho Mẹ Ta.

– Vì vậy, tôi xin ngài – hãy hứa với tôi rằng ngài sẽ ban phước cho tôi cả khi còn sống lẫn sau khi tôi và ngài qua đời.

Thánh Theodosius đáp:

– Ôi Simon, lời thỉnh cầu của ngươi vượt quá khả năng của ta! Nhưng nếu ngươi chứng kiến sự ra đi của ta và, sau khi ta qua đời, thấy nhà thờ được xây dựng tại đây, nơi các quy tắc được tuân thủ một cách bất di bất dịch, thì hãy biết rằng ta có lòng can đảm trước mặt Thiên Chúa; còn bây giờ, ta không biết – liệu lời cầu nguyện của ta có được chấp nhận hay không.

– Sự công chính của ngài – Simon đáp – đã được chính Chúa chứng thực: tôi đã nghe nói về ngài từ đôi môi thanh khiết của vị thánh mang hình ảnh Ngài, vì vậy tôi xin ngài: cũng như ngài cầu nguyện cho các tu sĩ của mình, xin hãy cầu nguyện cho tôi, kẻ tội lỗi này, cho con trai tôi là Georgi và tất cả họ hàng của tôi.

Thánh Theodosius, như thể đang hứa hẹn, nói:

– Tôi không chỉ cầu nguyện cho họ, mà còn cho tất cả những ai yêu mến thánh địa này.

Lúc đó, Simon quỳ xuống đất và thỉnh cầu:

– Thưa Cha, con sẽ không rời khỏi đây cho đến khi Cha xác nhận những lời nói của mình bằng một lá thư.

Được thúc đẩy bởi tình yêu của Simon, Thánh Theodosius đã viết như sau:

– Nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Đồng Trinh Maria, Nữ Vương Thánh Thiện của chúng ta, và các thánh thần vô hình… – cùng những lời cầu nguyện ban ân xá khác, kết thúc bằng:

– Nguyện con được tha thứ trong đời này và đời sau, khi Đấng Phán Xét Công Chính đến để phán xét người sống và người chết.

Từ đó, lời cầu nguyện này được đặt vào tay người đã khuất, như Simon đầu tiên đã di chúc về bản thân mình. Trong cùng lời cầu nguyện đó, Thánh Theodosius còn viết cho Simon như sau:

– Xin Chúa nhớ đến con, khi Ngài ngự đến trong Nước Ngài, để ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ; lúc đó, lạy Chúa, xin cho các tôi tớ của Ngài, Simon và George, được đứng bên hữu Ngài trong vinh quang của Ngài và nghe tiếng nói vui mừng của Ngài: *"Hãy đến đây, hỡi những người được Cha Ta chúc phúc, hãy thừa hưởng Nước Trời đã được chuẩn bị cho các con từ khi tạo dựng thế gian"* (Mt 25:34).

Sau đó, Simon lại thỉnh cầu:

– Xin Cha cầu nguyện để tội lỗi của cha mẹ và họ hàng con được tha thứ.

Thánh Theodosius giơ tay lên và nói:

– Nguyện Chúa ban phước lành cho các con từ Si-ôn, và các con sẽ được chiêm ngưỡng những điều tốt lành của Giê-ru-sa-lem trong suốt những ngày đời các con, cho đến thế hệ cuối cùng của dòng dõi các con (xem Tv 127,6).

Simon đã đón nhận lời cầu nguyện và phước lành của vị thánh như một viên ngọc quý giá nhất, mà ông không muốn rời xa, ngay cả khi xuống mồ, điều mà sau này đã thực sự xảy ra. Cho đến lúc đó, ông là một người Varangian theo đạo La Tinh, nhưng từ đó, được Thánh Phê-ô-đô-xi-ô dạy dỗ, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, ông đã từ bỏ những lầm lạc của đạo La Tinh và chân thành quy y đạo Chính Thống; cả gia đình ông, gồm đến ba nghìn người – trong đó có cả các linh mục – cũng theo ông quy y. Tất cả những điều này đã xảy ra nhờ các phép lạ của các vị thánh Antôn và Theodosius Pechersky. – Sau một khoảng thời gian khá dài, khi nhà thờ Pechersk đã được xây dựng xong, theo sự mặc khải từ trên cao và theo lời tiên tri của thánh Antôn, Simon là người đầu tiên được an táng tại đó.

Câu chuyện về Thánh Simon đáng kính và những sự mặc khải của Thiên Chúa dành cho ngài cho thấy rõ ràng rằng hình ảnh của nhà thờ thánh Pechersk, trước khi được xây dựng trên đất, đã được phác họa sẵn trên trời, đến nỗi những lời của vị tác giả Thánh vịnh đã được ứng nghiệm tại đây: "Chính Đấng Tối Cao đã đặt nền móng cho nó" (xem Tv 86:5). Sau đó, nhờ lời cầu bầu của Nữ Vương Thiên Đàng, điều này đã được bộc lộ rõ ràng hơn nữa, như có thể thấy trong phần tiếp theo.

Đã vài năm trôi qua kể từ khi Simon trao cho Thánh Antony chiếc thắt lưng và vương miện, và rồi một ngày nọ, bốn thợ xây dựng nhà thờ từ Constantinople – những người chuyên xây dựng nhà thờ bằng đá, những người rất giàu có – đến gặp Thánh Antony và Thánh Theodosius:

– Các ngài muốn bắt đầu xây dựng nhà thờ ở đâu? – họ hỏi.

– Ở nơi nào Chúa chỉ định, – các vị thánh nhân trả lời.

– Thật là điều kỳ lạ, – các thợ xây nói, – các ngài biết thời điểm mình sẽ qua đời, nhưng lại không thể chỉ định địa điểm xây nhà thờ, mặc dù khi thuê chúng tôi, các ngài đã trao cho chúng tôi một số lượng vàng rất lớn.

Sau khi triệu tập toàn thể anh em tu sĩ, các vị tu sĩ bắt đầu hỏi han những người Hy Lạp:

– Hãy kể cho chúng tôi nghe một cách trung thực, các vị vừa nói về điều gì.

Các thợ xây nói:

– Một lần nọ, khi chúng tôi đang ngủ trong nhà mình, vào sáng sớm – mặt trời vừa mọc – những chàng trai trẻ có vẻ ngoài hiền lành đến gặp từng người trong chúng tôi và nói:

– Nữ hoàng[5504] đang triệu tập các anh đến Vlacherna.

Chúng tôi, cùng mang theo bạn bè và người thân, đều đến Vlacherna cùng một lúc và, sau khi trò chuyện với nhau, mới biết rằng tất cả đều được những sứ giả giống hệt nhau và bằng những lời lẽ giống hệt nhau triệu tập đến gặp Nữ hoàng. Tại đó, chúng tôi thấy Nữ hoàng, được bao quanh bởi vô số chiến binh; chúng tôi cúi đầu chào Bà, và Bà nói với chúng tôi:

[5504] Vlaherna – một khu vực ở Tsargrad.

– Ta muốn xây dựng một nhà thờ cho Ta tại Kiev, nước Nga; vì vậy, Ta ra lệnh cho các ngươi: hãy lấy vàng đủ dùng trong ba năm và lên đường xây dựng nhà thờ.

Sau khi cúi đầu chào, chúng tôi thưa lại:

– Ôi Nữ hoàng, Người đang gửi chúng con đến một vùng đất xa lạ – chúng con sẽ đến gặp ai ở đó?

– Chính những người này đây, – Người nói, – những người đang đứng trước mặt, Antonia và Theodosius, Ta cũng sai họ đi cùng.

– Vậy thì tại sao, Nữ Vương, – chúng tôi hỏi, – Ngài lại ban cho chúng tôi vàng đủ dùng trong ba năm? Xin Ngài chỉ cần bảo họ để chúng tôi có thể nhận được thức ăn và mọi thứ cần thiết, còn việc thưởng cho chúng tôi thế nào thì chính Ngài đã biết rồi.

– Antony – Nữ Hoàng đáp – anh ấy đang bước vào cõi an nghỉ vĩnh hằng[5505] , đến mùa hè thứ hai, Theodosius cũng sẽ theo anh ấy đến đó; vậy các con hãy lấy càng nhiều vàng càng tốt, rồi hãy đi đi, và không ai có thể thưởng cho các con như Ta: Ta sẽ ban cho các con những điều *"mắt chưa từng thấy… tai chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến"* (1 Cô-rinh-tô 2:9). Và chính Ta sẽ đến để chiêm ngưỡng ngôi thánh đường mà Ta muốn ngự trị; sau đó, Người đã ban cho chúng ta di cốt của các thánh tử đạo: Artemius, Polyevktus, Leontius, Akakios, Arephas, Giacôbê, Theodorus, và dặn dò: "Hãy đặt chúng vào nền móng của thánh đường." Chúng tôi, sau khi nhận lấy các di cốt thánh và số vàng nhiều hơn mức cần thiết, đã hỏi Nữ Vương về kích thước của nhà thờ:

– Để đo đạc, – Nàng đáp, – Ta đã sai thắt lưng của Con Ta, theo lệnh của Ngài; dù sao các con hãy ra ngoài khoảng trống và xem kích thước của nó.

Chúng tôi bước ra ngoài và nhìn thấy nhà thờ từ xa. Khi trở lại, chúng tôi lại cúi đầu kính lạy Nữ Hoàng và hỏi: "Thưa Nữ Hoàng, nhà thờ này sẽ được đặt tên là gì?"

– Ta muốn đặt tên Ta cho nhà thờ này, – Đức Mẹ đáp.

Chúng tôi không dám hỏi Ngài về tên của Ngài, nhưng chính Nữ Vương đã nói:

– Nhà thờ sẽ được đặt theo danh Đức Mẹ và Người đã trao cho chúng tôi bức thánh tượng thiêng liêng này từ chính tay Người.

Nghe vậy, mọi người đều ngợi khen Thiên Chúa và Mẹ Ngài vô nhiễm; còn Thánh Antôn thì nói với các thợ thủ công:

– Hỡi các con, chúng ta chưa bao giờ rời khỏi nơi này để đến với các con.

Nhưng những người Hy Lạp đã thề thốt khẳng định:

– Trước sự chứng kiến của nhiều người, chúng tôi đã nhận vàng của Nữ hoàng từ chính tay các con, cùng các con tiễn các con ra tàu, và một tháng sau khi các con ra khơi, chính chúng tôi cũng lên đường; đến nay đã là ngày thứ mười kể từ khi chúng tôi rời Constantinople.

Thánh Antôn đáp lại họ rằng:

– Chúa Kitô đã ban cho các ngươi ân sủng lớn lao, vì các ngươi là những người thi hành ý muốn của Ngài; những thiếu niên tuấn tú đã gọi các ngươi chính là các Thiên thần rực rỡ, còn Nữ hoàng Vlacherna chính là Mẹ Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ Maria, Đấng Thánh Mẫu của chúng ta; còn những chiến binh đứng xung quanh Mẹ là các lực lượng Thiên thần vô hình; việc các con nhận vàng từ chính tay chúng tôi là một phép lạ của Thiên Chúa, mà Chúa đã thương ban cho các tôi tớ của Ngài, theo những con đường chỉ Ngài mới biết. Chúc phúc cho cộng đoàn của các con, và các con đã có một Người Bạn Đồng Hành tốt lành – bức thánh tượng thánh này của Đức Mẹ, Đấng sẽ ban cho các con, như đã hứa, *"những điều mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến"*; không ai có thể ban tặng điều này ngoài Đức Mẹ và Con của Người, Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Đức Giêsu Kitô. Dây thắt lưng và vương miện của Ngài được mang đến đây từ xứ Varangian; chiều rộng, chiều dài và chiều cao của nhà thờ đáng kính ấy được chỉ định bởi một tiếng nói phát ra từ vinh quang lộng lẫy trên trời, hướng đến Simon người Varangian, người đã mang dây thắt lưng và vương miện đến cho chúng ta.

Người Hy Lạp đã cúi đầu kính cẩn trước các thánh, và hỏi như trước đây:

– Nơi nào để xây dựng nhà thờ? – Xin chỉ cho chúng tôi.

Thánh Antôn đáp:

– Chúng ta sẽ cầu nguyện trong ba ngày, và Chúa sẽ chỉ cho chúng ta.

[5505] Thánh Antony

Và thế là, theo sự mách bảo của Chúa để tìm kiếm nơi xây dựng nhà thờ, một đám đông người đã tụ tập lại, dù chẳng ai kêu gọi họ; người này chỉ chỗ này, người kia chỉ chỗ kia, nhưng vẫn không tìm được nơi nào thích hợp. Gần đó có cánh đồng của vị công tước, và theo sự an bài của Chúa, đúng lúc đó chính vị công tước Sviatoslav lại tình cờ đi ngang qua; thấy đám đông, ngài hỏi: "Đang xảy ra chuyện gì vậy?" Khi biết được sự việc, ngài quay ngựa lại và tiến gần đến đám đông; và như được chính Chúa thúc đẩy, vị công tước chỉ vào một chỗ trên cánh đồng của mình, nơi ngài ra lệnh xây dựng nhà thờ.

Các vị thánh nhân đã cầu nguyện suốt ba ngày. Và trong đêm cầu nguyện đầu tiên, Chúa đã hiện ra với thánh nhân Antony, phán rằng:

– Antony! Ngươi đã được ân sủng trước mặt Ta.

Thánh Antôn đáp lại:

– Lạy Chúa, nếu con được ân sủng trước mặt Ngài, thì xin cho sương phủ khắp mặt đất, còn nơi mà Ngài thương xót thánh hóa – xin cho là đất khô.

Và vào buổi sáng, khi sương phủ khắp mặt đất, tại nơi mà giờ đây là nhà thờ, người ta đã tìm thấy đất khô. Sau khi cầu nguyện vào đêm hôm sau, Thánh Antôn nói:

– Lạy Chúa, xin cho khắp mặt đất đều khô ráo, còn nơi thánh thiêng thì có sương.

Và vào buổi sáng, tại nơi thánh, người ta thấy sương, trong khi khắp mặt đất đều khô ráo (xem Sách Các Quan Xét 6:37–40). Vào ngày thứ ba, họ cầu nguyện tại nơi này; Thánh Antôn đã ban phước cho nơi đó; chiều rộng và chiều dài của nơi đó được đo bằng thắt lưng vàng của Chúa Kitô, do Simon mang về từ xứ Varangian, và họ tuân theo đơn vị đo lường đã được chỉ dẫn cho Simon bằng tiếng nói từ trời khi ông đang ở trên biển. Sau đó, Thánh Antôn giơ hai tay lên cao và cầu nguyện bằng giọng lớn, giống như tiên tri Ê-li xưa kia:

– Xin hãy nghe con, lạy Chúa, xin hãy nghe con (hôm nay) bằng lửa, và xin cho tất cả những người này hiểu rằng chính Ngài là Đấng muốn điều này (xem 3 Vua 18:37).

Và ngay lập tức, lửa từ trời rơi xuống: ngọn lửa thiêu rụi cành cây và gai góc, làm tan biến sương, và tạo thành một hố sâu giống như một rãnh ở khu vực đã được chỉ định. Những người đang vây quanh vị thánh lúc đó vì sợ hãi mà ngã xuống như người chết. – Như vậy, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời và những lời cầu nguyện nhiệt thành của các tín hữu do vị thánh Antôn dẫn đầu, nơi mà Đức Chúa Trời đã chọn đã được tiết lộ: và trước đó nữa, ân sủng của Chúa, nhờ lời cầu nguyện của vị thánh Theodosius, như cuốn tiểu sử của ngài kể lại, đã báo trước về nơi này – lúc thì qua hình ảnh ngọn lửa uốn cong thành hình vòng cung từ nhà thờ cũ hướng về đây, lúc thì qua hình ảnh các Thiên thần đang rước bức thánh tượng.

Sau khi được chỉ dẫn kỳ diệu về địa điểm này, các vị thánh Antôn và Theodosius đã khởi công xây dựng một nhà thờ bằng đá mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh; đó là vào năm 6581 kể từ khi thế giới được tạo dựng và năm 1073 sau Công nguyên, dưới thời Giám mục Michael, người rất sùng đạo – lúc đó Tổng Giám mục George đang ở Hy Lạp – vào thời kỳ của Hoàng tử Sviatoslav Yaroslavich, người có đức tin vững vàng[5506] . Ngài đã tự tay bắt đầu đào hào để làm móng cho nhà thờ và tặng 100 grivna vàng cho Thánh Phê-ô-đô-xi-ô để công trình xây dựng được tiến hành thuận lợi hơn.

Trong nền móng của các bức tường, người ta cũng đặt các thánh tích của các thánh tử đạo, được Đức Mẹ Rất Thánh ban cho các thợ xây tại Vlacherna. Theo lời tiên tri của Mẹ, Thánh Antony không sống lâu sau khi đặt viên đá nền nhà thờ – cùng năm đó, ngài đã an nghỉ vĩnh hằng. Thánh Phê-ô-đô-xi-ô rất quan tâm đến việc xây dựng nhà thờ, nhưng ngài cũng sớm ra đi về cõi vĩnh hằng vào năm thứ hai sau khi Thánh An-tô qua đời, khi nền móng đã hoàn thành. Công trình xây dựng nhà thờ được hoàn tất vào năm thứ ba dưới thời Thánh Stê-pha-nô, người kế vị Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Thánh Stefan đã chứng kiến những phép lạ vinh quang vừa được mô tả: ngài đã thấy các thợ thủ công mang theo bức tượng Đức Mẹ từ Constantinople đến, và nghe chính họ kể lại câu chuyện về việc họ được Nữ hoàng tại Vlacherna thuê. Để tưởng nhớ những phép lạ này, sau khi rời Tu viện Pechersk, ngài đã xây dựng một nhà thờ tại Klov[5507] để tôn vinh Đức Mẹ Vlacherna. Còn Hoàng tử Vladimir Vsevolodovich Monomakh, người có đức tin vững vàng – khi đó vẫn còn là một thiếu niên – đã chứng kiến ngọn lửa rơi xuống từ trời và thiêu đốt một hố đất, nơi mà nền móng cho nhà thờ đã được đánh dấu bằng một chiếc thắt lưng vàng.

[5506] Sviatoslav Yaroslavich – Đại công tước Kiev từ năm 1073 đến 1075.

[5507] Klov – một khu vực gần Kiev.

Tin đồn về những phép lạ kỳ diệu đã lan truyền khắp đất nước Nga. Điều này đã thúc đẩy Công tước Vsevolod cùng con trai Vladimir từ Pereyaslav đến Kiev. Lúc đó Vladimir đang ốm; người ta đã thắt cho cậu chiếc thắt lưng vàng nói trên, và nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh tổ phụ của chúng ta là Antony và Theodosius, cậu đã lập tức khỏi bệnh. Vì vậy, Công tước Vladimir, người yêu mến Chúa Kitô, đã lấy kích thước của nhà thờ Pechersk do chính Thiên Chúa chỉ định, và tại lãnh địa của mình ở thành phố Rostov, ông đã xây dựng một nhà thờ hoàn toàn giống hệt về chiều cao, chiều dài và chiều rộng; đồng thời, trên một văn bản đặc biệt, ông đã ghi chép lại tất cả các ngày lễ được thiết lập tại nhà thờ Pechersk, để làm hướng dẫn cho giáo hội của mình. Còn con trai của Vladimir, Công tước Georgy, sau khi nghe cha mình kể về những sự kiện kỳ diệu trong quá trình xây dựng nhà thờ Pechersk, cũng đã xây dựng một nhà thờ có kích thước tương tự tại thành phố Suzdal trong lãnh địa của mình. Nhưng đã đến lúc chuyển sang kể về việc trang trí nhà thờ Pechersk bằng các bức thánh tượng.

Mười năm sau khi các thợ xây dựng từ Tsargrad đến, các họa sĩ thánh tượng cũng từ đó đến gặp vị tu viện trưởng Pechersk lúc bấy giờ là Thánh Nikon:

– Hãy chỉ cho chúng tôi – họ nói với ngài, người đã thuê chúng tôi để vẽ tranh thánh – chúng tôi muốn thương lượng với họ: trước sự chứng kiến của nhiều người, chúng tôi đã thỏa thuận với họ về việc trang trí một nhà thờ nhỏ bằng tranh thánh; nhưng ngôi thánh đường này lại rất lớn; nếu không, xin hãy lấy lại vàng của các ngài, còn chúng tôi sẽ trở về Constantinople.

Những lời này khiến vị tu viện trưởng bối rối, và ông nói với các họa sĩ thánh tượng:

– Những người đã thỏa thuận với các con là ai?

Các họa sĩ tranh thánh đã mô tả ngoại hình của họ và cho biết tên – một người tên là Antony, người kia tên là Theodosius. Lúc đó, vị tu viện trưởng thốt lên:

– Ôi các con của ta! Chúng ta không thể giới thiệu họ cho các con được; đã mười năm rồi, họ đã về với Chúa, nơi họ không ngừng cầu nguyện cho chúng ta, bảo vệ nhà thờ này, lo liệu cho tu viện của họ và những người sống trong đó.

Nghe câu trả lời, các họa sĩ vẽ tranh thánh kinh hãi. Họ dẫn nhiều thương gia, cũng từ Tsargrad, đến gặp vị tu viện trưởng và nói:

– Ngay trước mặt họ, chúng tôi đã thương lượng với những người đó và nhận vàng từ tay họ; nhưng ngài lại không muốn cho chúng tôi gặp họ; nếu họ đã qua đời, thì xin hãy cho chúng tôi xem hình ảnh của họ, để những người này cũng có thể nhận ra – liệu đó có phải là họ hay không.

Lúc đó, vị tu viện trưởng đã mang bức tranh thánh của các vị thánh Antony và Theodosius ra trước mặt mọi người. Khi nhìn thấy bức tranh, những người Hy Lạp đã cúi đầu thờ lạy và nói:

– Quả thật chính là họ, và chúng tôi tin rằng họ vẫn còn sống ngay cả sau khi qua đời, và có thể ban ân huệ cũng như cứu rỗi những ai nương tựa vào họ.

Còn các thương gia thì tặng bức tranh khảm mà họ mang theo, vốn là để bán: sau này, bức tranh đó được dùng để trang trí bàn thờ thánh. Sau đó, các họa sĩ vẽ thánh tượng bắt đầu sám hối về tội lỗi của mình và kể lại như sau:

– Khi chúng tôi đi thuyền đến Kiev, chúng tôi nhìn thấy nhà thờ vĩ đại này trên ngọn núi và hỏi: "Đây là nhà thờ nào vậy?" "Đó là Nhà thờ Pechersk, nơi các ngươi được kêu gọi đến để trang trí," – người ta trả lời chúng tôi.

Thấy quy mô to lớn của nhà thờ, chúng tôi nổi giận và định chèo thuyền quay về. Nhưng đêm đó xảy ra một cơn bão khủng khiếp, và khi thức dậy vào buổi sáng, chúng tôi nhận ra mình đang ở gần Tripoli, còn chiếc thuyền thì tự động đi ngược dòng – như thể bị một sức mạnh nào đó kéo đi vậy. Chúng tôi đã cố gắng giữ chặt thuyền lại và đứng đó cả ngày, suy ngẫm xem điều gì sẽ xảy ra tiếp theo? Làm sao mà chỉ trong một đêm, không cần dùng mái chèo, chúng tôi lại đi được quãng đường mà người khác phải mất đến ba ngày mới hoàn thành được? Đêm tiếp theo, chúng tôi có một thị kiến: chúng tôi nhìn thấy nhà thờ này và bức tượng Đức Mẹ đầy ân sủng tại đó, Người đã nói với chúng tôi:

– Sao các con lại phản kháng vô ích, không tuân theo ý muốn của Con Ta và Ta? Nếu các con không vâng lời Ta và chạy trốn trở lại, Ta sẽ đưa tất cả các con cùng con thuyền của các con đến gần nhà thờ của Ta: và hãy biết rằng các con sẽ không thể rời khỏi đó, mà sau khi xuất gia tại tu viện của Ta, các con sẽ kết thúc cuộc đời mình tại đó. Còn Ta sẽ cầu xin cho các con được ân sủng trong đời sau nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh xây dựng – Antôn và Theodosius.

Sáng hôm sau, khi thức dậy, chúng tôi lại muốn chạy trốn trở về: nhưng dù đã dùng hết sức chèo theo dòng nước, chiếc thuyền vẫn cứ đi ngược dòng; vì vậy, chúng tôi từ bỏ ý định của mình, phó thác cho ý muốn của Đức Chúa Trời, và chiếc thuyền chẳng bao lâu sau tự động cập bến gần tu viện.

Sau câu chuyện này, tất cả mọi người – các tu sĩ mặc áo đen và người Hy Lạp – những người xây dựng và các họa sĩ vẽ thánh tượng – đều ngợi khen Thiên Chúa, Mẹ Ngài vô nhiễm nguyên tội, bức thánh tượng làm phép lạ của Mẹ, cùng các thánh Antôn và Theodosius.

Sau đó, các họa sĩ thánh tượng bắt tay vào việc trang trí nhà thờ, và Chúa đã giúp đỡ họ bằng những dấu lạ của Ngài. Khi các họa sĩ thánh tượng đang trang trí bàn thờ bằng tranh khảm, thì hình ảnh Đức Mẹ Thiên Chúa đã tự hiện ra trên bàn thờ; lúc đó, tất cả các họa sĩ thánh tượng đều có mặt tại đó, trong số đó có cả Thánh Alipius, người đã học nghề và giúp đỡ họ; Đức Chúa Trời đã muốn cho họ trở thành những nhân chứng của phép lạ kỳ diệu và đáng sợ đến vậy. Khi họ nhìn vào hình ảnh đó, nó bỗng chốc tỏa sáng rực rỡ hơn cả mặt trời, đến nỗi các họa sĩ không thể nhìn thẳng vào nó và trong sự kinh hoàng, họ đã quỳ sấp xuống. Sau khi ngẩng đầu lên một chút, họ định nhìn lại bức tranh kỳ diệu ấy thì bỗng nhiên một con chim bồ câu trắng bay ra từ miệng Đức Mẹ. Những người có mặt trong nhà thờ đều nhìn theo, tự hỏi liệu nó có bay ra khỏi nhà thờ hay không. Và ngay trước mắt mọi người, con chim bồ câu lại bay ra từ miệng Đấng Cứu Thế và bay lượn khắp nhà thờ: nó bay đến gần các bức tranh thánh, đậu lên tay người này, rồi đậu lên đầu người kia; sau đó, nó bay xuống và đậu phía sau bức tranh thánh kỳ diệu của Đức Mẹ; những người có mặt trong nhà thờ muốn bắt con chim bồ câu: họ dựng thang lên, nhưng không tìm thấy con chim bồ câu đâu cả, dù là phía sau bức tượng hay phía sau tấm màn; họ tìm kiếm khắp nơi mà vẫn không thấy con chim bồ câu đã trốn đi đâu. Và tất cả đều đứng đó, nhìn chằm chằm vào bức tượng thánh vừa hiện ra trên bàn thờ: và rồi, ngay trước mắt họ, con chim bồ câu lại bay ra từ miệng Đức Mẹ và bay lên cao về phía hình ảnh của Đấng Cứu Thế. Những người đứng dưới la lên với những người đang làm việc ở trên cao:

– Hãy bắt lấy nó đi!

Họ vươn tay ra để bắt nó, nhưng con chim bồ câu lại bay vào miệng Đấng Cứu Thế. Lại một lần nữa, ánh sáng rực rỡ hơn cả ánh mặt trời chiếu rọi tất cả mọi người, khiến họ phải nhắm mắt lại: họ quỳ sấp xuống, thờ lạy Chúa, tạ ơn Ngài vì đã cho họ được chứng kiến sự hành động của Thánh Thần, Đấng ngự trong nhà thờ hang động. Được củng cố bởi những phép lạ, các họa sĩ thánh tượng, khi trang trí nhà thờ hang động giống như bầu trời, cũng tự trang điểm cho mình bằng những đức tính tốt đẹp. Sau khi sống một đời tu hành đẹp lòng Chúa, họ đã kết thúc cuộc đời mình ngay tại Tu viện Pechersk; các thợ xây dựng cũng vậy; tất cả đều được an táng trong tiền sảnh của hang động của Thánh Antony, nơi thi hài bất hoại của họ vẫn còn nằm đó cho đến ngày nay. Như vậy, lời tiên tri mà các họa sĩ thánh tượng đáng kính đã nghe từ bức tượng Đức Mẹ Rất Thánh đã ứng nghiệm, khi nhà thờ Pechersk hiện ra trước mặt họ vào lúc họ đang cố gắng trở về Tsargrad; Đức Mẹ đã phán với họ: "Các con sẽ không rời khỏi nơi đó, mà sau khi xuất gia, các con sẽ qua đời tại đó."

Cũng nên nhắc đến ở đây một phép lạ kỳ diệu khác, do Thiên Chúa ban cho cùng thời điểm đó qua bức tượng thánh Đức Mẹ đầy ân sủng và làm phép lạ, hiện đang được thờ phụng tại nhà thờ đá Pechersk của Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời.

Tại Kiev có hai vị quý tộc – là bạn thân của nhau – là Ioann và Sergii: một lần, khi đến nhà thờ Pechersk, họ thấy từ bức tượng thánh Đức Mẹ tỏa ra ánh sáng rực rỡ hơn cả ánh mặt trời, và trước bức tượng đó, họ đã khẳng định tình huynh đệ thiêng liêng của mình bằng lời thề. Nhiều năm trôi qua, Ioann lâm bệnh nặng, để lại người con trai năm tuổi là Zacharia: ông đã mời vị tu viện trưởng Pechersk, Thánh Nikon, đến và trước mặt ngài, ông đã phân phát tài sản của mình cho những người nghèo, còn phần dành cho con trai – một nghìn grivna bạc và một trăm grivna vàng – thì trao cho Sergius; ông cũng giao phó con trai mình cho Sergius, như một người bạn và anh em trung thành, đồng thời di chúc rằng Sergius phải trao bạc và vàng cho con trai ông khi cậu bé trưởng thành. Sau khi thực hiện di chúc này, ông đã qua đời không lâu sau đó.

Khi Zacharias tròn mười lăm tuổi, cậu muốn nhận lại bạc và vàng của mình từ Sergius; nhưng Sergius, bị ma quỷ cám dỗ, đã muốn hy sinh mạng sống để kiếm lấy của cải. Ông trả lời cậu thanh niên:

– Cha con đã dâng hết tài sản cho Đức Chúa Trời, – hãy đến xin vàng và bạc nơi Ngài; Ngài là người nợ con, và có lẽ Ngài sẽ thương xót con; còn ta thì không nợ gì cả cha con lẫn con; cha con, vì sự điên rồ của mình, đã phân phát hết tài sản cho những người nghèo và để lại cho con không một đồng nào.

Nghe vậy, chàng trai trẻ bắt đầu than thở về cảnh nghèo khó của mình. Sau đó, anh ta gửi lời thỉnh cầu đến Sergius, nói rằng:

– Xin hãy trả lại cho con ít nhất một nửa phần thừa kế của con, còn phần còn lại, bằng nhau, thì ngài cứ giữ lấy.

Nhưng Sergius đã dùng những lời lẽ cay độc để mắng chửi cả cha Zacharias lẫn chính anh ta. Zacharias sau đó xin một phần ba, hoặc ít nhất là một phần mười; nhưng khi thấy không thể nhận được gì, anh ta nói với Sergius:

– Nếu ngươi không lấy gì cả, thì hãy đến và thề với ta trước bức tượng thánh của Đức Mẹ Đồng Trinh trong nhà thờ hang động, nơi mà ngươi đã kết giao tình huynh đệ với cha ta.

Sergius, không hề nao núng, đi vào nhà thờ và đứng trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, thề rằng mình không nhận một nghìn grivna bạc hay một trăm grivna vàng nào. Nhưng khi ông muốn hôn lên bức tượng, ông lại không thể đến gần được. Và thế là, khi bước ra khỏi nhà thờ, ông bắt đầu la lên:

– Các vị Thánh Antôn và Theodosius, xin hãy che chở con trước vị Thiên thần vô tình này, kẻ muốn hủy diệt con; xin cầu nguyện cùng Đức Mẹ Rất Thánh để Người xua đuổi khỏi con những con quỷ mà con đang bị chúng ám – hãy để chúng lấy đi bạc và vàng đã được niêm phong và giấu kín trong hầm của con.

Mọi người đều kinh hoàng tột độ, và từ đó trở đi, không ai được phép thề trước bức thánh tượng Đức Mẹ nữa. Họ cử người đi tìm và quả thực đã phát hiện ra một chiếc bình được niêm phong, bên trong chứa hai nghìn grivna bạc và hai trăm grivna vàng. Chúa – Đấng ban ân sủng – đã làm gia tăng gia tài như vậy. Zacharias đã trao toàn bộ số tiền cho vị tu viện trưởng Ioann, để ngài sử dụng theo ý muốn; còn bản thân ông thì xuất gia tại Tu viện Pechersk và qua đời tại đó. Bằng số bạc và vàng đó, người ta đã xây dựng một nhà thờ ở tầng trên của nhà thờ Pechersk để tôn vinh Thánh Gioan Tiền Hô, nhằm tưởng nhớ quý tộc Gioan và con trai ông là Zacharia, những người sở hữu số bạc và vàng đó.

Sau khi kể về những phép lạ đi kèm với việc trang trí nhà thờ Pechersk bằng các bức tranh thánh, chúng ta sẽ nói về cách Đấng Tối Cao đã thánh hóa ngôi làng của Mẹ Ngài.

Trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ làm tu viện trưởng của vị tu viện trưởng mang cùng tên là Thánh Gioan Đấng Phúc Âm, dưới thời Tổng Giám mục cùng tên, nhà thờ Pechersk – được xây dựng và trang trí một cách kỳ diệu – đã được thánh hiến; lễ thánh hiến này, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, đã đi kèm với những phép lạ như sau. – Khi bắt đầu chuẩn bị cho lễ thánh hiến nhà thờ, người ta nhận ra rằng không có tấm đá cho bàn thờ thánh; dù đã cố gắng hết sức, họ vẫn không thể tìm được thợ nào có thể làm được tấm đá đó; vì vậy, họ buộc phải thay thế tấm đá bằng tấm gỗ. Nhưng Đức Tổng Giám mục Ioann không muốn trong một nhà thờ vĩ đại như vậy, trên bàn thờ thánh lại đặt tấm ván gỗ thay vì đá; điều này khiến vị Bề trên và các tu sĩ vô cùng buồn bã, vì lễ thánh hiến nhà thờ phải hoãn lại một thời gian. Ngày 13 tháng 8, các tu sĩ, theo thông lệ, đến nhà thờ để cử hành lễ chiều và bỗng nhiên họ thấy rằng tại hàng rào bàn thờ có một tấm ván đá và các cột để dựng bàn thờ thánh; họ lập tức báo tin này cho Đức Tổng Giám mục; ngài đã ngợi khen Thiên Chúa và ra lệnh cử hành lễ chiều để làm lễ thánh hiến. Người ta đã tìm kiếm rất lâu và kỹ lưỡng để xác định tấm đá này được mang đến từ đâu và bởi ai, qua đường thủy hay đường bộ, cũng như cách nó được đưa vào nhà thờ – vốn không bị khóa – nhưng mọi nỗ lực đều vô ích. Sau đó, họ đã gửi ba hryvnia bạc đến nơi chuyên chế tác những vật dụng như vậy, để trả công cho thợ đã làm tấm ván đá đó; nhưng dù đã tìm kiếm khắp nơi, vẫn không tìm thấy thợ nào như vậy; bởi vì chính Đấng Tạo Hóa và Đấng Quan Phòng mọi điều lành đã ban tặng tấm ván đá đó cho bàn ăn trong nhà Mẹ Ngài; chính trên tấm ván đó, Ngài đã muốn bị đóng đinh vì cả thế giới trong mọi ngày. Nhưng điều kỳ diệu chưa dừng lại ở đó. Sáng hôm sau, sau khi tấm ván nói trên được tìm thấy một cách kỳ diệu, Tổng giám mục Ioann vô cùng buồn bã vì đã đến lúc làm lễ thánh hiến nhà thờ Pechersk, mà bên cạnh ngài lại không có một vị giám mục nào, bởi vì các giáo phận của họ đều ở rất xa Kiev; nhưng bỗng nhiên, những vị giám mục yêu mến Chúa đã xuất hiện một cách bất ngờ: Giăng của Chernihiv, Isaia của Rostov, Antôn của Yuriev, Luca của Belgorod, dù không ai mời họ; nhờ vậy, mong muốn của Đức Tổng Giám mục được cử hành lễ thánh hiến nhà thờ cùng với các giám mục đã thành hiện thực. Đức Tổng Giám mục vô cùng ngạc nhiên, vì ngài không hề cử ai đi mời các giám mục, và ngài hỏi họ:

– Tại sao các ngài lại đến đây khi không được mời?

Các giám mục trả lời:

– Thưa Đức Cha, ngài đã sai những thanh niên đến gặp chúng tôi, họ báo cho chúng tôi biết rằng ngày 14 tháng 8 nhà thờ Pechersk sẽ được làm lễ thánh hiến và chúng tôi phải sẵn sàng để cử hành Thánh lễ cùng với ngài; và thế là, theo lời ngài, chúng tôi đã có mặt ở đây. Còn Antony Yuryevsky thì nói thêm:

– Tôi đang ốm, và đêm đó có một tu sĩ mặc áo đen đến gặp tôi, nói rằng: "Ngày mai nhà thờ Pechersk sẽ được thánh hiến – ngài phải có mặt ở đó"; ngay khi nghe xong, tôi liền khỏi bệnh và giờ đây, theo lệnh của ngài, tôi đã có mặt ở đây.

Đức Tổng Giám mục định đi tìm những người đã mời họ, nhưng bỗng có tiếng vang lên:

– *"Những kẻ chịu thử thách đã biến mất"* (Thi thiên 63:7).

Lúc đó, ngài giơ hai tay lên trời và nói

– Lạy Đức Mẹ Thiên Chúa chí thánh! Cũng như khi Ngài qua đời, Mẹ đã quy tụ các Tông đồ từ khắp các phương trời để tôn vinh lễ an táng của Ngài, thì giờ đây, nhân dịp làm phép thánh hóa nhà thờ của Ngài, Mẹ cũng đã quy tụ các đồng sự và các vị đại diện của chúng con; xin Mẹ ban phước lành cho chúng con trong công việc này, và vì vinh quang của Con Mẹ cũng như vì chính Mẹ, xin Mẹ giúp đỡ chúng con.

Mọi người đều kinh ngạc trước những phép lạ như vậy, mà thực ra vẫn chưa kết thúc.

Khi đang cử hành lễ thánh hiến, sau khi đi vòng quanh nhà thờ ba lần, họ tiến đến cửa nhà thờ và bắt đầu hát: "Hỡi các quan trưởng, hãy mở cửa ra", nhưng không ai trong nhà thờ đáp lại bằng câu: "Vị Vua vinh quang này là ai?" – bởi vì không còn ai ở lại trong nhà thờ. Nhưng sau một khoảng im lặng kéo dài, bỗng từ bên trong nhà thờ vang lên tiếng hát giống như tiếng hát của các Thiên thần: "Vị Vua vinh quang này là ai?" Mọi người bắt đầu tìm hiểu xem những người hát này là ai, họ đến từ đâu và làm sao có thể vào được nhà thờ khi cửa đã đóng kín; nhưng trong nhà thờ không tìm thấy một ai cả. Và mọi người đều nhận ra rằng tất cả những điều này đều do sự an bài của Đức Chúa Trời; và tất cả, khi nhớ lại những phép lạ trong việc xây dựng nhà thờ Pechersk, đã cùng thốt lên với vị Tông đồ:

– *"Ôi, sự giàu có, sự khôn ngoan và sự hiểu biết của Đức Chúa Trời thật là vô tận! Số phận của Ngài thật khó hiểu, và đường lối của Ngài thật không thể dò xét! Vì ai đã thấu hiểu ý định của Chúa? Hay ai đã làm cố vấn cho Ngài?"* (Rô-ma 11:33–34). – Như vậy, lễ thánh hiến nhà thờ hang động đã được cử hành vào năm 6597 kể từ khi thế giới được tạo dựng, tức năm 1089 sau Công nguyên, vào thời của Công tước Kiev đạo đức Vsevolod Yaroslavich, nhờ sự trợ giúp kỳ diệu của chính Chúa, qua những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và các vị thánh tổ phụ của chúng ta là Thánh Antôn và Thánh Theodosius.

Thật sự đầy ắp những phép lạ, hỡi anh em, câu chuyện về nhà thờ Pechersk, mà Chúa đã tỏ ra trong một sự hiện ra trước khi nó được xây dựng, và từ đất nước Varangian, Ngài đã gửi đến từ Hình ảnh Thánh của Ngài một vương miện và một thắt lưng; còn trên đất Hy Lạp, chính Đức Mẹ Thiên Chúa đã tỏ ra hình ảnh của nhà thờ này, bằng cách gửi đến bức tượng thánh của Mẹ và các di vật của các thánh tử đạo. Trong lịch sử sự hình thành của nó, được chia thành ba phần – lịch sử xây dựng công trình nhà thờ, việc trang trí và lễ thánh hiến – đã thể hiện sự tác động của Thánh Ba Ngôi. Chính Thiên Chúa Cha, Đấng Tối Cao từ thuở xa xưa, đã chỉ định nơi sẽ xây dựng nhà thờ bằng đất khô, vốn là dấu hiệu của sự cũ kỹ hay tuổi tác; Con, *"Đấng đã giáng xuống như sương trên lông cừu"*, đã ban xuống sương, còn Thánh Thần, Đấng đã ngự xuống dưới hình dạng những lưỡi lửa, đã ban xuống lửa từ trời. Cũng vậy, khi trang trí nhà thờ, Đức Chúa Cha, Đấng đã tạo dựng con người theo hình ảnh của Ngài, đã cho một người thợ vẽ tranh thánh – người không có tay – khắc họa hình ảnh Đức Mẹ Thiên Chúa bằng nghệ thuật khảm trong bàn thờ, " " Con – Mặt Trời của Sự Công Chính – đã làm tràn ngập nhà thờ bằng ánh sáng rực rỡ; Thánh Thần, Đấng hiện ra dưới hình dạng chim bồ câu, đã cho thấy hình ảnh một con chim bồ câu bay ra từ miệng bức tranh. Cuối cùng, trong lễ thánh hiến, Đức Chúa Cha, Đấng xưa kia đã ban Luật trên những tấm bia đá, đã ban tặng hòn đá cho ngai thánh; Đức Con, vị Giám mục ngự trên cao hơn các tầng trời, đã tập hợp các giám mục một cách kỳ diệu, Thánh Thần – tiếng nói vang vọng khắp cả đất – từ giữa nhà thờ, khi không có ai ở đó, đã cất lên lời đáp. Nếu Đức Chúa Trời, Đấng được thờ phượng trong Ba Ngôi, đã vui lòng xây dựng cho chính Ngài ngôi thánh đường Pechersk đầy vinh quang này nhân danh Nữ Vương Thiên Đàng mà Ngài yêu mến, qua những dấu hiệu kỳ diệu như vậy, thì chắc chắn Ngài cũng ngự tại đây với tình yêu thương; cùng với Ngài còn có Nữ Vương đứng bên hữu Ngài, Đấng Bào Chữa và Nơi Nương Tựa của mọi Kitô hữu, Đức Mẹ Thiên Chúa, như chính Mẹ đã hứa tại Vlacherna khi nói với các thợ xây:

– Chính Ta cũng sẽ đến xem nhà thờ và muốn sống trong đó.

Cũng vậy, các thánh của Chúa, những di cốt của các ngài nằm dọc theo các bức tường nhà thờ như nền móng vững chắc, luôn hiện diện không rời trong nhà thờ Pechersk. Chúng ta sẽ nói gì về nhà thờ này? Quả thực, nó thánh thiện và kỳ diệu, giống như bầu trời. Vì vậy, chúng ta phải dâng lời tạ ơn và ca ngợi các vị công tước đạo đức đã qua đời, các quý tộc yêu mến Chúa Kitô, các tu sĩ trung thực và tất cả các tín hữu Chính Thống Giáo, những

người đã hết lòng vì nhà thờ Pechersk thánh thiêng. Nhờ những lời cầu nguyện của các vị cha thánh của chúng ta, Thánh Antôn và Thánh Theodosius, xin Đấng Christ, Đầu của Giáo hội, ban ân sủng và lòng thương xót của Ngài cho cả họ lẫn chúng ta – những con cái của Giáo hội Chính thống; vinh quang và danh dự thuộc về Đức Kitô, Thiên Chúa, cùng với Cha Ngài vô thủy và Thánh Thần chí thánh, chí lành và ban sự sống, bây giờ, hiện tại và mãi mãi. Amen.

Lễ rước di cốt của vị thánh cha Theodosius, vị tu viện trưởng Pechersk

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 8

Vào năm thứ mười tám kể từ khi vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta, Thánh Theodosius, được linh hồn đưa từ trần gian lên thiên đàng[5508] , Chúa đã thương xót cho phép thi hài của ngài cũng được chuyển từ hang động vào nhà thờ Pechersk thánh thiện và giống như thiên đàng. Việc này đã diễn ra như sau.

Toàn thể các tu sĩ của Tu viện Pechersk thánh thiện, vĩ đại và đầy phép lạ, đã tập hợp cùng vị lãnh đạo của mình là Bề trên Ioann, và sau khi thảo luận, đã nhất trí quyết định chuyển di hài cốt thiêng liêng của vị thánh phúc lành và đầy ân sủng Theodosius, một vị thánh nhân cao quý trong đời sống, nổi bật bởi các đức tính và lừng lẫy bởi các phép lạ. Các tu sĩ nói với nhau:

– Phải chăng chúng ta đang tự tước đoạt cha và thầy của mình một cách vô ích? Không xứng đáng cho chúng ta khi bị tước mất vị mục tử, cũng không xứng đáng cho vị mục tử khi bỏ lại đàn chiên mà Thiên Chúa đã giao phó, để thú dữ không cướp mất đàn chiên của Đức Kitô. Hỡi anh em, chúng ta nên luôn ghi nhớ di sản cao quý của cha chúng ta, và luôn dâng lên ngài sự tôn kính xứng đáng. Thật không thích hợp khi ngài ở ngoài tu viện và nhà thờ của mình, vì chính ngài đã đặt nền móng cho nơi này và kết nối các tu sĩ lại với nhau.

Sau đó, tất cả cùng một lòng nói:

– Chúng ta hãy lấy thánh tích của vị Cha kính yêu của chúng ta và chuyển chúng từ hang động về đây: *"Khi thắp đèn*," Chúa phán, *"người ta không đặt nó dưới thùng, nhưng trên giá đèn, để nó chiếu sáng cho mọi người trong nhà"* (Mt 5,15).

Sau quyết định đó, các tu sĩ lập tức chuẩn bị nơi an táng các thánh tích và dựng một hòm đá. Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời đang đến gần. Ba ngày trước lễ, vị tu viện trưởng ra lệnh cho mọi người vào hang động và đào lên nơi an táng thánh tích của vị thánh cha Theodosius của chúng ta. Người đầu tiên thực hiện công việc này và cũng là người đầu tiên tận mắt chứng kiến thánh tích chính là Thánh Nestor, người đã viết nên câu chuyện này. Chính ngài đã tự chứng thực về bản thân như sau:

– Tôi sẽ kể cho các bạn nghe theo sự thật và chân lý, – vì tôi không nghe từ người khác[5509] , mà chính tôi là người đầu tiên tham gia. Vị tu viện trưởng đến gặp tôi và nói: "Hãy đi, con trai của ta, đến với vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta là Thánh Theodosius." Và chúng tôi đã đến hang động mà không ai hay biết. Sau khi quan sát xung quanh, chúng tôi đã chỉ định vị trí cần đào và lui ra. Sau đó, vị tu viện trưởng nói với tôi: "Hãy chọn bất kỳ ai trong số các tu sĩ mà con muốn để giúp đỡ, và ngoài những người được chọn này ra, đừng nói với ai cả – đừng để ai trong số các tu sĩ biết, cho đến khi chúng ta mang những di cốt thiêng liêng ra đặt trước hang động."

Cùng ngày hôm đó, tôi đã chuẩn bị dụng cụ để đào bới. Hôm đó là thứ Ba; vào buổi tối muộn, tôi dẫn theo hai anh em tu sĩ, những người có đời sống thánh thiện – ngoài họ ra, không ai khác biết chuyện này. Khi đến hang động, sau khi dâng lời cầu nguyện và cúi đầu kính lễ, chúng tôi liền bắt tay vào việc mà không chần chừ, vừa đào vừa hát các bài thánh vịnh. Tôi bắt đầu đào; sau một thời gian dài lao động, tôi trao cái xẻng cho một anh em khác. Chúng tôi đào như vậy cho đến nửa đêm mà vẫn không tìm thấy di cốt của vị thánh. Lúc đó, chúng tôi bắt đầu buồn bã và khóc lóc: ban đầu chúng tôi nghĩ rằng vị thánh không muốn hiện thân trước mặt chúng tôi; ý nghĩ đó được thay thế bằng một ý nghĩ khác – liệu chúng tôi có đang đào sai hướng không? Và thế là tôi lại cầm cuốc lên, bắt đầu đào một cách siêng năng hơn nữa. Một trong những anh em đi cùng tôi, đang đứng trước hang động, nghe thấy tiếng gõ chuông nhà thờ[5510] gọi mọi người đến lễ sáng, liền nói với tôi rằng chuông nhà thờ đã được gõ rồi. Còn

[5508] Thánh Feodosiy Pechersky qua đời vào năm 1074.
[5509] Về việc khai quật di cốt của Thánh Theodosius.

tôi lúc đó đã đào được lớp đất phủ lên các thánh tích và trả lời anh em: "Anh ơi, em đã đào xong rồi." Khi vừa làm xong, một nỗi sợ hãi tột độ ập đến và tôi bắt đầu kêu lên:

– Vì danh thánh Theodosius, xin Chúa thương xót con!

Sau đó, tôi sai người báo cho vị tu viện trưởng:

– Xin cha hãy đến đây, – chúng ta sẽ rước thi hài thiêng liêng của vị thánh ra.

Vị tu viện trưởng đến cùng hai anh em; còn tôi thì đào sâu thêm nữa. Và khi cúi xuống, chúng tôi thấy thi hài nằm đó một cách trang nghiêm: tất cả các bộ phận đều còn nguyên vẹn, không hề bị phân hủy; khuôn mặt rạng rỡ, đôi mắt nhắm nghiền, đôi môi khép chặt, còn mái tóc thì khô dính vào đầu. Sau khi đặt thi hài thiêng liêng lên giường, chúng tôi mang nó ra trước hang động.

Thánh Nestor đã kể lại như vậy về sự tham gia của ngài (trong việc tìm thấy các di cốt thiêng liêng); ngài cũng làm chứng về những việc kỳ diệu của Thiên Chúa đã xảy ra trong dịp đó.

Đêm đó, tại tu viện hang động, hai anh em tu sĩ làm nhiệm vụ canh gác đang thức trắng, khi vị tu viện trưởng bí mật cùng một tu sĩ mà họ không biết danh tính chuyển thi hài thiêng liêng của vị thánh; và họ chăm chú nhìn về phía hang động; khi tiếng chuông nhà thờ vang lên báo hiệu giờ lễ sáng, họ nhận thấy ba cột sáng, trông như những vòm ánh sáng rực rỡ, vốn đang lơ lửng trên hang động của Thánh Theodosius, đã di chuyển lên đỉnh nhà thờ lớn, nơi Thánh nhân sẽ được rước đến. Các tu sĩ khác đang trên đường đến nhà thờ dự lễ sáng cũng đã chứng kiến điều này; nhiều công dân sùng đạo trong thành phố cũng đã nhìn thấy.

Thánh Stefan đáng kính, người từng kế nhiệm Thánh Theodosius làm Bề trên tu viện hang động, sau đó thành lập tu viện tại Klov và sau này, theo ý muốn của Chúa, trở thành Giám mục thành phố Vladimir, lúc đó đang ở tu viện của mình tại Klov; và trong đêm đó, ngài đã nhìn thấy qua cánh đồng một vầng hào quang rực rỡ trên hang động. Ngài nghĩ rằng đó là lễ rước di cốt thiêng liêng của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô (trước đó một ngày, ngài đã được báo trước về sự kiện này), nên ngài rất tiếc nuối vì lễ rước diễn ra mà không có sự hiện diện của mình. Ngài lập tức lên ngựa và dưới sự tháp tùng của Clément – người mà ngài đã bổ nhiệm làm tu viện trưởng thay thế mình tại Klov – ngài nhanh chóng tiến về phía hang động. Trên đường đi, từ xa họ đã nhìn thấy ánh sáng rực rỡ, và khi bắt đầu đến gần, họ nhận thấy có rất nhiều ngọn nến trên hang động. Nhưng khi đến nơi, họ lại không thấy gì cả. Lúc đó, họ mới hiểu rằng ánh sáng thiêng liêng mà họ nhìn thấy phát ra từ di cốt thiêng liêng của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Khi đến gần cửa hang động, Thánh Stê-phan và Clément thấy Thánh Nê-stô-r cùng các tu sĩ đang vây quanh di cốt thiêng liêng.

Ngày hôm sau, sau khi tìm thấy thi hài thiêng liêng của vị thánh theo ý muốn của Đức Chúa Trời, các giám mục sùng đạo đã tụ họp: Ephrem Pereyaslavsky, Stefan Vladimirsky, Ioann Chernigovsky, Marin Yuryevsky, Antoni Porozhsky – cùng các vị tu viện trưởng của tất cả các tu viện (tại Kiev) với đông đảo các tu sĩ; từ thành phố cũng có rất nhiều tín hữu đạo đức đổ về, mang theo nến và hương trầm. Họ đã rước thi hài thiêng liêng của Thánh Theodosius và đưa vào Nhà thờ Thánh thiêng liêng do Chúa dựng nên. Và nhà thờ cao quý ấy đã tràn ngập niềm vui khi đón nhận ngọn đèn sáng của mình, đến nỗi ánh sáng ban ngày cũng bị che lấp bởi ánh nến. Sau đó, các vị thánh phụ chạm tay vào, các linh mục quỳ lạy, các tu sĩ cùng dân chúng đổ xô đến với lòng yêu mến, hôn lên di cốt của vị thánh, dâng lên Thiên Chúa những bài thánh ca thiêng liêng, và dâng lên vị thánh đáng kính lời ca ngợi tri ân. Vậy là, các di cốt thiêng liêng đã được an táng tại nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời do vị thánh Theodosius sáng lập, ở phía bên phải – vào ngày mười bốn tháng Tám, thứ Năm, vào giờ đầu tiên của ngày: và ngày này đã được cử hành long trọng. Không thể không nhắc đến một sự kiện rằng vào ngày , tức là ngày thứ ba sau khi di dời thi hài của vị cha đáng kính Theodosius của chúng ta, lời tiên tri sau đây của ngài đã trở thành hiện thực.

Trong những ngày làm Bề trên, mối quan tâm duy nhất của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô là làm thế nào để quản lý đàn chiên được giao phó cho ngài một cách tốt nhất có thể; đồng thời, ngài không chỉ quan tâm đến các tu sĩ, mà còn quan tâm đến sự cứu rỗi của những người thế tục, đặc biệt là các con cái thiêng liêng của ngài; ngài an ủi và hướng dẫn những người đến với ngài; thỉnh thoảng ngài còn đến thăm nhà họ và ban phước lành. Trong số các quý tộc có một người con tinh thần của Thánh Theodosius, tên là Gioan; vợ ông là Maria và chính ông đều là những người đạo đức, sống một cuộc đời trong sạch. Một lần nọ, vị Cha đáng kính đến thăm nhà họ (Ngài yêu mến họ vì họ sống theo các điều răn của Chúa và yêu thương lẫn nhau), Ngài bắt đầu giảng dạy cho hai vợ chồng về việc bố

[5510] Một tấm ván gỗ hoặc kim loại, trước khi có chuông, người ta dùng gậy hoặc búa đập vào tấm ván này để gọi các tín hữu đến tham dự thánh lễ tại nhà thờ.

thí cho người nghèo, về Nước Trời dành sẵn cho những người công chính, và về những cực hình dành cho kẻ có tội, và còn nói với họ nhiều điều khác từ Kinh Thánh, cho đến khi đề cập đến việc an táng thi thể. Nhân lời dạy của vị thánh, người vợ đạo đức của Gioan đã thưa với ngài:

– Thưa Cha đáng kính! Ai biết được thi thể con sẽ được an táng ở đâu?

Thánh Theodosius, được Thánh Thần soi dẫn và tràn đầy ân sủng tiên tri, đã trả lời bà:

– Thật vậy, tôi nói với bà điều này: nơi nào thi thể tôi được an táng, thì sau vài năm, bà cũng sẽ an nghỉ tại đó.

Điều đó đã trở thành sự thật vào năm thứ mười tám sau khi vị thánh qua đời, khi các di cốt thiêng liêng của ngài được chuyển đi; vào thời điểm đó, bà Maria, vợ của Gioan, cũng đã qua đời. Xác thánh của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô được chuyển đi vào ngày 14 tháng Tám, còn bà thì vào ngày 16 cùng tháng và cùng năm đó, được an táng trong cùng nhà thờ ở hang động, đối diện với quan tài của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, ở phía bên trái. Sau đó, vào năm thứ mười lăm kể từ khi di dời di cốt của Thánh Theodosius, chồng của Maria, vị đại thần Ioann, một cụ già uy tín đã chín mươi tuổi, con trai của vị tướng dũng cảm Vyshata, cháu nội của vị tướng Ostromir và bản thân ông cũng từng giữ chức tướng trong một thời gian khá dài, cũng đã qua đời; Ioann là một người công chính và không hề thua kém các bậc tiền bối của mình, là một con người hiền lành, hiền hòa, khiêm nhường, luôn tránh xa điều ác. Ông được an táng bên đầu vợ mình, đối diện với quan tài của chính Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, đến nỗi lời tiên tri của vị Thánh Cha về việc được an táng tại chính nơi thi hài của ngài nằm cũng đã ứng nghiệm trên ông.

Cũng nên nhắc đến điều sau đây. Chúa, Đấng tôn vinh những ai tôn vinh Ngài và đã ban ân sủng cho việc di dời thi hài của Thánh Theodosius từ hang động tối tăm vào Nhà thờ Thánh Pechersk vào năm thứ mười tám kể từ khi ngài qua đời, với mong muốn tôn vinh vị thánh của Ngài nhiều hơn nữa, đã ban ân sủng cho việc truyền bá danh hiệu và sự tôn kính dành cho ngài từ bóng tối của sự vô minh đến tất cả các nhà thờ Chính Thống, cũng vào năm thứ mười tám kể từ khi di dời khỏi hang động, – để ngọn đèn này chiếu sáng cho cả thế giới.

Đấng Thấu Hiểu Lòng Người đã đặt vào lòng vị Thánh Phúc Thiện Feoktist, vị tu viện trưởng Pechersk, nhiệm vụ lo liệu để tên của vị Thánh Phước Thiện Theodosius được ghi vào Sổ Ghi Chép Hội Đồng Giáo Hội, và để ngài được xếp vào hàng ngũ các vị Thánh Phước Thiện tiền bối và tất cả các thánh, những vị mà Giáo Hội Chính Thống cử hành lễ kính khắp nơi. Thánh Phêôctist đã bắt đầu nhắc nhở về điều này với Đại công tước Mihaïl-Sviatopolk Izyaslavich, người có đức tin vững vàng[5511] : ông xin ngài ra lệnh cho Đức Tổng Giám mục Nikifor[5512] triệu tập Hội đồng Thánh của các giám mục, các vị tu viện trưởng và toàn thể hàng giáo sĩ, đồng thời thông báo cho họ lý do của cuộc họp, và sau đó mọi việc sẽ diễn ra theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Đức Tổng Giám mục vui lòng tuân theo lời của Công tước, triệu tập các giám mục, các vị tu viện trưởng và toàn thể giáo sĩ, đồng thời thông báo cho họ về việc dự kiến tôn vinh Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Còn vị Đại Công tước thì đã kể cho tất cả các vị cha trong hội đồng nghe về cuộc đời của vị thánh đáng kính. Sau đó, tất cả đã nhất trí và đồng lòng quyết định ban hành sắc lệnh, để vị thánh đáng kính Theodosius được tôn kính trong Giáo hội Chính thống (Nga), ngang hàng với tất cả các thánh đã được tôn kính rộng rãi khắp nơi. Đức Tổng Giám mục đã ra lệnh cho các giám mục rằng mỗi người trong số họ phải ghi tên Thánh Phê-ô-đô-xi-ô vào danh sách các thánh tại tất cả các nhà thờ trong giáo phận của mình. Các giám mục đã vui mừng tuân theo: họ ghi tên Thánh Phê-ô-đô-xi-ô vào danh sách và bắt đầu tưởng niệm ngài trong tất cả các thánh đường, cầu nguyện cùng ngài và hàng năm cử hành ngày lễ tôn vinh ngài với những lời ca ngợi, để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng ban phát mọi ân huệ, và vị thánh được Ngài yêu mến, mang tên Phê-ô-đô-xi-ô.

Còn đối với Thánh Phêôctistô, người đã tận tâm phục vụ cha mình là Thánh Phêôdosiô – bằng cách ghi tên ngài vào danh sách các thánh – Chúa đã ban thưởng xứng đáng cho những công lao của ngài: không lâu sau đó, ngài được bầu làm giám mục của thành Chernihiv, thành phố được Chúa cứu rỗi, và được chính Đức Tổng Giám mục Nikifor phong chức. Khi ngài lên ngôi, hoàng tử David yêu mến Chúa, hoàng hậu, các quý tộc và toàn thể dân chúng đã đón nhận ngài với niềm vui khôn tả, như là người đã mang lại niềm vui khôn tả cho Giáo hội bằng việc ghi tên vị thánh Theodosius vào Sổ danh sách các thánh. Nhờ những lời cầu nguyện của ngài, chúng ta, cùng với Thánh Phêôctist, cũng mong được nghe lời kêu gọi đầy hân hoan: *"Hãy vui mừng vì tên các con đã được ghi trên trời"* (Lc 10,20)

[5511] Đại công tước Kiev từ năm 1093 đến năm 1114.

[5512] Nikifor – vị tổng giám mục đầu tiên mang tên này, nhiệm kỳ 1103–1121.

Chúng ta cũng xin trích dẫn tại đây lời kể của Đức Giám mục Thánh Simon[5513] về việc trang hoàng kỳ diệu bằng vàng và bạc cho hòm thánh tích của vị Cha Thánh Theodosius của chúng ta, người đã dùng chính những thánh tích được rước về của mình, như thể bằng vàng và bạc bất hoại, để trang hoàng cho Nhà thờ Thánh Pechersk, còn các nhà thờ Chính Thống khác thì được tôn vinh nhờ danh hiệu cao quý của ngài. Sự việc diễn ra như sau. Một thời gian khá dài sau khi di dời thi hài của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, con trai của Si-môn và cháu trai của A-phri-ca-na, hai vị công tước Varangian, viên quan chỉ huy ngàn người tên là Gê-ô-gi, người đang cai quản vùng đất Suzdal thay mặt cho Công tước Gê-ô-gi Vla-di-mi-rô-vi-ch Monomakh, đã muốn trang hoàng quan tài thi hài của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô như một biểu tượng cho tình yêu sâu sắc của mình dành cho ngài. Ông đã cử một trong những quan đại thần của mình, tên là Vasili, từ Suzdal đến Kiev, đến Tu viện Pechersk, và giao cho ông ta năm trăm grivna[5514] bạc và năm mươi grivna vàng để làm khung cho hòm thánh tích của vị thánh. Sau khi nhận bạc và vàng, Vasili miễn cưỡng lên đường, nguyền rủa cuộc đời mình và ngày sinh của mình:

– Điều này là sao – ông ta nói – chủ nhân của chúng ta lại nảy ra ý định hủy hoại của cải dồi dào như vậy? Và ông ta sẽ được phần thưởng gì khi đặt thuế lên quan tài của người đã khuất? Rõ ràng là ông ta đã thu được số tiền đó một cách dễ dàng – nhưng lại tiêu xài hoang phí và phung phí. Nhưng thật là nỗi đau cho chính tôi, kẻ không dám trái lời chủ nhân – tại sao tôi lại rời bỏ ngôi nhà của mình và vì ai mà tôi lại bước đi trên con đường đắng cay này? Liệu tôi có nhận được sự tôn vinh từ ai không? – vì tôi không được sai đi gặp hoàng tử, cũng chẳng phải gặp bất kỳ quan đại thần nào. Tôi sẽ nói gì với nắm đá kia? Và ai sẽ trả lời tôi? Ai sẽ không cười nhạo sự xuất hiện điên rồ của ta? Vasily còn nói nhiều điều khác như vậy với những người đi cùng. Thánh Theodosius đã hiện ra với ông trong giấc mơ, nói với giọng dịu dàng:

– Hỡi con yêu dấu! Ta muốn thưởng cho con vì công lao của con; nhưng nếu con không ăn năn, con sẽ phải chịu nhiều khổ sở.

Tuy nhiên, Vasily vẫn không ngừng than vãn, và Chúa đã giáng xuống cho ông một tai họa lớn vì những tội lỗi của ông: tất cả ngựa đều chết, còn tài sản, ngoại trừ kho báu được gửi đến, thì bị bọn trộm cướp mất. Lúc đó, Vasily đã lấy một phần năm số kho báu gồm vàng và bạc được gửi đến để làm khung đựng hài cốt của vị thánh; anh ta đã tiêu số tiền đó vào những nhu cầu của bản thân và ngựa, mà không hề hay biết rằng đó chính là hình phạt giáng xuống anh ta vì tội phỉ báng. Khi ông đang ở Chernihiv, ông ngã ngựa và bị thương nặng đến mức không thể cử động nổi một ngón tay. Những người tháp tùng Vasily đã đặt ông lên xe ngựa và đưa ông về gần Kiev vào buổi tối. Và trong đêm đó, Thánh Theodosius hiện ra trước Vasily và nói:

– Vasily! Chẳng lẽ ngươi chưa nghe lời Chúa phán: *"Hãy dùng của cải bất chính để mua chuộc bạn bè, để khi các ngươi lâm vào cảnh nghèo khó, họ sẽ đón nhận các ngươi vào những nơi ở vĩnh cửu"* (Lc 16:9); và: *"Ai tiếp đón người công chính nhân danh người công chính, thì sẽ nhận được phần thưởng của người công chính"* (Mt 10:41). Con trai ta là Georgy đã ấp ủ một việc thiện; cùng với nó, ngươi cũng đáng được vinh danh vì công lao của mình, và không phải ai cũng có được vinh quang như ngươi, vốn lẽ ra phải là đồng sự của Georgy. Giờ đây, anh đã mất tất cả; nhưng dù sao cũng đừng tuyệt vọng trong cuộc đời mình, dù anh không thể được chữa lành bằng cách nào khác ngoài việc ăn năn về những tội lỗi của mình. Hãy ra lệnh đưa mình vào tu viện Pechersk, vào nhà thờ Đức Mẹ Đồng Trinh, và hãy để họ đặt ngươi lên quan tài của ta, thì ngươi sẽ được lành bệnh; còn vàng và bạc mà ngươi đã tiêu xài, ngươi sẽ tìm thấy chúng còn nguyên vẹn.

Đó là những lời mà Thánh Theodosius đã nói với Vasily, khi ngài hiện ra một cách rõ ràng, chứ không phải trong giấc mơ. Sáng hôm sau, Công tước Georgy Vladimirovich cùng tất cả các quan đại thần đến gặp Vasily; khi thấy ngài đang mắc bệnh nặng, ông buồn bã ra về. Còn Vasily, sau khi tin vào thị kiến của vị thánh, đã ra lệnh cho người ta đưa mình đến Tu viện Pechersk. Khi họ đến bờ sông, một người lạ mặt bước vào gặp vị tu viện trưởng tu viện Pechersk và nói:

[5513] Simon – một tu sĩ của Tu viện Pechersk. Từ đó, ông được Đại công tước Vsevolod Yuryevich chọn làm vị tu viện trưởng của Tu viện Giáng sinh do ông thành lập tại Vladimir; sau đó, Simon được bổ nhiệm làm giám mục đầu tiên của Giáo phận Vladimir, tách ra khỏi Giáo phận Rostov vào năm 1214. Simon qua đời vào năm 1226 sau mười hai năm tại vị. Từ các bức thư của Giám mục Vladimir Simon gửi cho Polikarp, cũng là một tu sĩ và sau này trở thành vị tu viện trưởng của Tu viện Pechersk, cùng với bức thư của Polikarp gửi cho Akindin, vị archimandrite của Tu viện Pechersk, với nội dung bao gồm một loạt truyền thuyết về các vị thánh làm phép lạ ở Pechersk và về những phép lạ đã xảy ra ngay tại tu viện trong quá trình xây dựng nhà thờ lớn của nó, cuốn "Paterikon Pechersk" nổi tiếng đã được biên soạn.

[5514] Hryvnia – một loại tiền cổ có trọng lượng nhất định (72–96 zolotnik), thường có dạng thỏi vàng hoặc bạc.

– Hãy mau lên bờ, đưa Vasili đến và đặt ông ấy lên quan tài của Thánh Feodosii; khi ông ấy trao kho báu cho ngươi, hãy vạch trần trước mặt mọi người rằng ông ấy đã lấy đi một phần năm số đó; và nếu ông ấy ăn năn, hãy tha thứ cho ông ấy. Nói xong, người đó bỗng biến mất. Vị tu viện trưởng Timofei bắt đầu điều tra về người đàn ông đã đến gặp ông; nhưng không ai nhìn thấy người đó đi vào hay đi ra. Vị tu viện trưởng đi đến sông Dnieper, dẫn Vasili đến và đặt anh ta lên quan tài của Thánh Feodosii; và Vasili đứng dậy, nguyên vẹn và khỏe mạnh. Anh ta bắt đầu trao cho vị tu viện trưởng kho báu mà mình được giao, nói:

– Này, ở đây ngài sẽ tìm thấy bốn trăm grivna bạc và bốn mươi grivna vàng.

Vị tu viện trưởng liền nói với anh ta:

– Con ơi! Còn một trăm grivna bạc và mười grivna vàng nữa đâu?

Vasili bắt đầu ăn năn và thú nhận:

– Chính con đã lấy và tiêu xài hết rồi; xin cha hãy kiên nhẫn, con sẽ trả lại cho cha tất cả; con đã nghĩ rằng có thể giấu điều này khỏi Đức Chúa Trời toàn tri.

Lúc đó, họ đổ vàng và bạc ra khỏi chiếc bình, nơi chúng được niêm phong, đếm trước mặt mọi người và thấy vẫn còn nguyên vẹn – năm trăm grivna bạc và năm mươi grivna vàng; và tất cả đều ngợi khen Đức Chúa Trời và Thánh Theodosius. Sau đó, Vasily bắt đầu kể lại từng chi tiết về những lần Thánh nhân hiện ra với anh và những việc Thánh nhân đã làm cho anh. Sáng hôm sau, hoàng tử dẫn theo các bác sĩ đến nơi mà trước đó ông đã thấy Vasili đang ốm, với ý định chữa trị cho ông, nhưng không tìm thấy. Khi biết Vasili đã được đưa đến tu viện Pechersk và nghĩ rằng ông đã qua đời, hoàng tử vội vã đến tu viện và tại đó, ông tìm thấy Vasili – như thể ông chưa từng ốm vậy. Khi nghe ông kể về những phép lạ kỳ diệu, hoàng tử vừa kinh ngạc vừa tràn ngập niềm vui thiêng liêng; ngài đến cúi đầu trước quan tài làm phép lạ của vị thánh cha Theodosius của chúng ta, rồi ra về. Khi nghe tin này, Georgy Simonovich, chỉ huy trưởng, càng thêm nồng nàn tình yêu dành cho Đức Mẹ Đồng Trinh và Thánh Theodosius; bên cạnh món quà lớn lao của mình, ông còn tặng thêm một đồng grivna[5515] , mà chính ông đã đeo trên người và bên trong chứa một trăm grivna vàng; đồng thời, ông viết như sau:

– Này, tôi là Georgiy, con trai của Simon, tôi tớ của Đức Mẹ Đồng Trinh và Thánh Theodosius, người đã được ngài ban phước bằng bàn tay thánh của mình, từng bị bệnh mắt suốt ba năm và không nhìn thấy tia nắng mặt trời, nhưng nhờ lời của vị thánh đáng kính mà tôi đã được chữa lành – vì tôi đã nghe từ chính miệng ngài: "Hãy nhìn thấy!" và tôi đã nhìn thấy. Vì lý do này, tôi viết bức thư này gửi cho thế hệ sau cùng của dòng họ mình, để không ai tự tách mình khỏi tu viện của Đức Mẹ Thiên Chúa và các vị Thánh Cha, Antôn và Theodosius của Pechersk; lời cầu nguyện của các ngài mang lại sự che chở ngay cả cho các làng mạc xung quanh tu viện: khi chúng tôi cùng với người Polovets[5516] tiến đến Izyaslav Mstislavich, từ xa chúng tôi đã nhìn thấy một thành phố cao chót vót, và ngay lập tức chúng tôi đã lùi lại. Nhưng không ai biết đó là thành phố nào; trong số những người Polovets ở gần đó, có rất nhiều người bị thương, và chúng tôi đã chạy trốn khỏi thành phố đó. Sau đó, chúng tôi mới biết đó là một ngôi làng thuộc tu viện Pechersk; thực ra ở đó chưa bao giờ có thành phố nào cả; và chính những người dân sống trong ngôi làng đó cũng không biết chuyện gì đã xảy ra; khi ra ngoài vào buổi sáng, họ thấy có cảnh đổ máu và vô cùng ngạc nhiên. Vì vậy, tôi viết thư này cho các bạn để cho biết rằng tất cả các bạn đều được ghi tên vào lời cầu nguyện của Thánh Theodosius: Ngài đã hứa với cha tôi là Simon rằng sẽ cầu nguyện cho chúng ta, như cách ngài cầu nguyện cho các tu sĩ của mình; và ngài đã viết lời cầu nguyện mà cha tôi đã dặn dò, khi đặt ngài vào quan tài, hãy đặt vào tay ngài, với niềm tin rằng lời hứa đó sẽ được thực hiện. Về điều này, khi hiện ra với một trong những vị cha thánh, ngài đã nói như sau:

– Hãy nói với con trai ta là Georgi rằng ta đã nhận được ân huệ nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, – và con, con trai ta, hãy noi gương ta bằng những việc lành.

– Ai không mong muốn sự chúc lành và lời cầu nguyện của Thánh Theodosius mà lại quay lưng lại với ngài, thì người ấy sẽ yêu thích lời thề – và xin cho lời thề ấy giáng xuống trên người ấy.

Đây là phần kết thúc của bức thư do thánh Georgi yêu mến Chúa nói trên viết; và chúng ta, những người đang kết thúc câu chuyện này, cần phải học hỏi từ ngài – đừng xa lánh lời chúc lành và lời cầu nguyện mang lại nhiều ơn phước của vị cha thánh đáng kính Theodosius của chúng ta, nhưng hãy đến gần ngài bằng những việc

---

[5515] Tức là sợi dây chuyền được đeo quanh cổ như một món trang sức.

[5516] Người Polovtsi hay Kuman – một bộ tộc du mục thuộc nhóm dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ, sinh sống ở miền nam nước Nga từ thế kỷ X đến thế kỷ XIII và từ đó tiến hành các cuộc cướp bóc vào các thành phố và làng mạc biên giới của vùng đất Nga.

lành, và ngài sẽ đến gần chúng ta. Và như vậy, không sợ lời thề, chúng ta sẽ nhận được ân sủng, như những người thừa kế vương quốc đã được chuẩn bị từ khi Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, tạo dựng thế giới; nhờ Ngài và cùng với Ngài, vinh quang, quyền năng, danh dự và sự thờ phượng thuộc về Chúa Cha cùng Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Tiên tri Mi-kê.

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 8

Thánh Mi-chê, vị tiên tri đầu tiên mang tên này, xuất thân từ chi phái Ép-ra-im và là con trai của Iem-vlai. Ngài sống vào thời Thánh Tiên Tri Ê-li, khi A-háp và Iê-za-vel cai trị dân Y-sơ-ra-ên tại Sa-ma-ri, còn Giô-sa-phát cai trị dân Giu-đa tại Giê-ru-sa-lem. Vào thời điểm đó, con cháu của mười hai người con trai của Gia-cốp đã chia thành hai vương quốc: một vương quốc được gọi là Vương quốc Giu-đa – bao gồm các chi phái Giu-đa và Bê-ni-a-min, với thủ đô là Giê-ru-sa-lem; vương quốc kia được gọi là Vương quốc Y-sơ-ra-ên và bao gồm mười chi phái còn lại của dân Do Thái; thủ đô của vương quốc này là Samaria. Trong vương quốc Y-sơ-ra-ên còn có chi phái Ép-ra-im, mà vị tiên tri thánh Mi-chê cũng thuộc về chi phái này theo dòng dõi. Ông thường lên án vua A-háp của Y-sơ-ra-ên về những tội lỗi giống như những gì vị tiên tri thánh Ê-li đã chỉ trích, tức là hoặc vì việc ông ta bỏ Chúa để thờ thần tượng, hoặc vì những việc bất công mà ông ta đã gây ra. Vua ghét vị tiên tri vạch trần tội lỗi này, nhưng không dám giết ông: vua bị kìm hãm bởi nỗi sợ sự trừng phạt của Đức Chúa Trời, sự xấu hổ trước sự vô tội của người công chính, và nỗi lo rằng những lời tiên tri của ông sẽ trở thành sự thật. Tuy nhiên, vị tiên tri, để tránh cơn giận bất công của vua, đã rời khỏi kinh đô và thường sống trên núi: ông lo ngại rằng, nếu liên tục đến gặp vua và lên án ông ta, có thể sẽ khơi dậy trong lòng vua một cơn giận dữ không gì có thể ngăn cản được.

Vào những ngày ấy, mối quan hệ họ hàng đã được thiết lập giữa hoàng tộc của vua A-háp nước Y-sơ-ra-ên và hoàng tộc của vua Giô-sa-phát nước Giu-đa: Giô-sa-phát đã gả con gái A-pha-li-a của A-háp cho con trai trưởng của mình là Giô-ram. Được thúc đẩy bởi tình cảm họ hàng, Giô-sa-phát đã từ Giê-ru-sa-lem đến Sa-ma-ri để gặp A-háp. Trong buổi tiệc chiêu đãi khách, A-háp đã xin Giô-sa-phát giúp đỡ ông trong cuộc chiến chống lại vua A-si-ri, nhằm giành lại thành Ra-mô-phơ ở Ga-la-át; thành phố này từ lâu đã thuộc về Y-sơ-ra-ên, nhưng vua A-si-ri đã chiếm đoạt nó bằng vũ lực. Giô-sa-phát, hứa sẽ đích thân ra trận cùng với A-háp, đã nói:

– Ngươi thế nào thì ta cũng thế, dân ngươi thế nào thì dân ta cũng thế: ta sẽ cùng ngươi ra trận. Nhưng trước hết, chúng ta hãy cầu hỏi Đức Giê-hô-va: liệu cuộc chiến này có mang lại điều tốt lành cho chúng ta không?

Ngay lập tức, A-háp tập hợp 400 tiên tri gian ác và dối trá của mình; người đứng đầu những tiên tri giả này là Sê-đê-ki-a, con trai của Ha-na-an. Tất cả họ đều khích lệ A-háp bằng hy vọng về chiến thắng, nói rằng:

– Hãy đi đi, – Đức Chúa Trời sẽ giao vào tay ngài không chỉ thành Ramo, mà cả chính vua A-si-ri nữa.

Nhưng vua Giu-đa là Giô-sa-phát, là người kính sợ Đức Chúa Trời và trung thành với Ngài, đã nhận ra rằng trong số các tiên tri này không có một người chân chính nào, mà tất cả đều là những kẻ nịnh hót và xu nịnh; vì vậy, Giô-sa-phát nói với A-háp:

– Chẳng lẽ ở đây không có dù chỉ một nhà tiên tri của Đức Chúa Trời, để chúng ta hỏi và người ấy sẽ trả lời chúng ta sự thật sao?

A-háp đáp:

– Có một người có thể cầu hỏi Đức Chúa Trời và bày tỏ sự thật cho chúng ta, đó là Mi-chê, con trai của Iem-vê-la, nhưng tôi ghét hắn, vì hắn luôn tiên tri cho tôi những điều xấu xa.

– Đừng nói như vậy, – Giô-sa-phát phản đối A-háp, – nhưng hãy triệu tập ông ấy, hãy lắng nghe ông ấy và đừng tức giận trước những lời quở trách của ông ấy.

Và ngay lập tức, A-háp sai người đi tìm nhà tiên tri Mi-chê, người lúc đó vừa từ những ngọn núi hoang vu trở về Y-sơ-ra-ên. Cả hai vị vua đều ngự trên ngai vàng với tất cả sự uy nghi tại cổng thành Sa-ma-ri, trong khi các nhà tiên tri dối trá đang tiên tri trước mặt họ. Đặc biệt, thủ lĩnh của họ là Sê-đê-ki-a đã làm những chiếc sừng bằng sắt, thổi kèn lên và nói với A-háp:

– Đức Giê-hô-va phán như vầy: Bằng những chiếc kèn này, ngươi sẽ tiêu diệt và tàn phá A-ram.

Các tiên tri giả khác cũng nói y như vậy:

– Hãy đi đến Ramoth-Gilead, ngươi sẽ đánh bại vua A-si-ri; Đức Giê-hô-va sẽ phó vua ấy vào tay ngươi.

Trong khi đó, sứ giả được cử đến gặp nhà tiên tri Mi-chê đã nói với ông rằng:

– Tất cả các nhà tiên tri đều báo trước những điều tốt lành cho nhà vua; xin ngài hãy nói giống như họ, để lời ngài không mâu thuẫn với lời họ.

– Chúa hằng sống! – nhà tiên tri Mi-chê đáp, – và điều gì chính Chúa, Đức Chúa Trời của tôi, phán bảo tôi, thì chính điều đó tôi sẽ nói với nhà vua.

Và thế là, khi đến nơi, thánh Mi-chê đứng trước mặt vua A-háp của Y-sơ-ra-ên, người đã hỏi ông:

– Nghe này, Mi-chê, – ta có nên đi chinh chiến tại Ra-mô-phơ, Ghi-lê-át hay nên ở lại?

Vị tiên tri, không trả lời ngay câu hỏi của vua và muốn dẫn dắt vua đến những câu hỏi sâu sắc hơn, bèn nói:

– Hãy đi đi, – ngài sẽ thành công, và chúng sẽ bị nộp vào tay ngài.

A-háp, thấy nhà tiên tri không nói với giọng ngạo mạn, bèn quay sang ông và nói:

– Ta khẩn thiết thề với ngươi: hãy nói cho ta biết sự thật trước mặt Đức Giê-hô-va.

Lúc đó, thánh Mi-chê đã nói một cách dũng cảm:

– Ta đã thấy tất cả con cái Y-sơ-ra-ên, rải rác trên các ngọn núi như những con chiên không có người chăn.

Bằng những lời này, vị tiên tri đã tiên đoán rằng quân đội Y-sơ-ra-ên sẽ mất đi người chăn dắt của mình trong chiến tranh, tức là vị vua: ngài sẽ bị giết, và tất cả họ, như những con cừu trước bầy sói, sẽ bị quân đội A-si-ri xua đuổi khắp các ngọn núi và sa mạc. A-háp bèn nói với vua Giô-sa-phát:

– Chẳng phải ta đã nói với ngươi rằng ông ấy không tiên tri điều tốt lành gì về ta, mà chỉ toàn điều xấu xa sao?

Thánh Mi-chê tiếp tục:

– Vậy hãy lắng nghe lời Đức Chúa Trời: tôi đã thấy Đức Chúa Trời ngự trên ngai của Ngài, và cả đạo binh trên trời đứng ở bên phải và bên trái Ngài. Và Đức Chúa Trời phán: "Ai sẽ dụ dỗ A-háp, vua Y-sơ-ra-ên, để ông ta đi và bị giết tại Ra-mô-phê thuộc Ga-la-át?" Một người (trong số những người đứng đó) nói thế này, người khác lại nói thế khác. Rồi một thần linh bước ra, đứng trước mặt Đức Chúa Trời và nói: "Con sẽ dụ dỗ ông ta." Chúa phán với nó: "Bằng cách nào?" Nó đáp: "Con sẽ ra đi và trở thành thần dối trá trong miệng tất cả các tiên tri của ngài." Chúa phán: "Ngươi sẽ dụ dỗ ngài và sẽ thành công; hãy đi và làm như vậy." "Hỡi vua," tiên tri nói, "hãy biết rằng có thần dối trá trong miệng các tiên tri của ngài, và Chúa đã phán điều không hay về ngài."

Trong lúc nhà tiên tri đang nói những lời ấy, tên tiên tri giả Sedekia tiến lại gần và tát vào má thánh Mi-chê, rồi nói:

– Thần nào của Đức Chúa Trời đã phán cho ngươi tất cả những điều này?

– Ngươi sẽ thấy điều đó, – thánh Mi-chê đáp lại, – vào ngày mà vì sợ người A-si-ri, ngươi sẽ chạy từ phòng này sang phòng khác, chỉ để trốn trong chính ngôi nhà của mình.

Tràn ngập cơn giận, A-háp ra lệnh bắt nhà tiên tri Mi-chê giam vào ngục tối và ở đó cho ăn "bánh buồn" và uống "nước buồn", tức là chỉ cho ông một lượng bánh và nước vừa đủ để nhà tiên tri không chết vì đói khát, mà vẫn sống sót cho đến khi vua trở về, người muốn tra tấn ông. Vua đã nói như vậy:

– Hãy giam giữ ông ta cho đến khi ta trở về an toàn.

Thánh Mi-chê đáp lại nhà vua:

– Nếu ngài trở về bình an, thì không phải là Chúa đã phán qua miệng tôi.

Sau đó, Thánh Mi-chê quay sang dân chúng và nói lớn tiếng:

– Hỡi mọi người, hãy lắng nghe điều này!

Vị tiên tri thánh đã bị giam vào ngục tối, nằm ở thủ đô của vương quốc Israel – Samaria. Còn vua A-háp thì ra trận và bị giết chết đúng như lời tiên tri của Thánh Mi-chê; điều này được ghi chép chi tiết trong chương 22 của Sách Các Vua III và chương 18 của Sách Các Vua II. Sau khi A-háp qua đời, con trai ông là O-hô-xia lên ngôi.

Kinh Thánh không đề cập gì đến cái chết của thánh tiên tri Mi-chê; chỉ có trong phần mở đầu mới cho biết rằng ông dường như đã bị Giô-ram, con trai của A-háp, giết chết; nhưng như đã đề cập trước đó, Giô-ram là con rể, chứ không phải con trai của A-háp. Tuy nhiên, rất có khả năng là vị tiên tri thánh Mi-chê đã chịu tử đạo dưới tay một trong những kẻ hành hạ ngài: bởi vì Jezebel, vợ của A-háp, người đã trở thành góa phụ sau khi chồng qua đời, cùng con trai ông là A-hô-xia, người đã kế vị ngai vàng sau cha mình, và con rể ông, vua Giê-ru-sa-lem Giô-ram – tất cả họ đều không thể có thiện cảm với người đã tiên tri về sự diệt vong của A-háp. Ngày tưởng niệm vị tiên tri Mi-chê trong "Mineya Chetiya" và trong "Sách Lễ Tháng" của Kiev được ấn định vào ngày thứ năm của tháng Giêng. Và trong "Mineya Chetiya" cũng có ghi chép rằng, vì đã vạch trần sự bất chính, ngài đã bị giết và bị ném

xuống vực thẳm: những người thân cận của thánh Mi-chê đã vớt thi thể cao quý của ngài lên từ đó và an táng tại quê hương của họ, gần mộ của một vị tiên tri lang thang. Sau 150 năm, có thể còn hơn thế, sau vị tiên tri Mi-kê đầu tiên, đã xuất hiện (vào thế kỷ VIII trước Công nguyên) một vị tiên tri thánh khác cùng tên, ngày kỷ niệm của ngài được cử hành vào hôm nay.

Ngài xuất thân từ chi phái Giu-đa; quê hương của ngài là thị trấn Mô-ra-sphi gần thành phố Ê-lê-phê-rô-pô-li; từ đó, vị tiên tri thánh này đã được gọi với biệt danh là "người Mô-ra-sphi". Ngài đã tiên tri tại Giê-ru-sa-lem vào thời các vua Giu-đa là Giô-a-pham, A-cha và Ê-xê-ki-a; cùng thời kỳ đó, vị tiên tri thánh Ê-sai cũng đang sống. Thánh Mi-chê đã lên án đồng bào mình vì họ đã sa vào thờ thần tượng, quên mất Đức Chúa Trời chân thật và tiếp thu những tập tục gian ác của dân ngoại. Với lòng đau xót, vị tiên tri đã nói với họ, thay mặt Đức Chúa Trời:

– Hỡi dân Ta, Ta đã làm gì cho các ngươi? Ta đã xúc phạm các ngươi điều gì? Ta đã làm phiền các ngươi điều gì? – Hãy trả lời Ta. Hay là vì Ta đã đưa các ngươi ra khỏi xứ Ai Cập và giải thoát các ngươi khỏi ách nô lệ, mà các ngươi lại bỏ Ta và nhận các thần tượng ngoại đạo làm thần của mình?

Khi vạch trần những sự áp bức, bất công, cướp bóc và xúc phạm mà các quan, các thẩm phán và các trưởng lão gây ra cho những người nghèo khổ và khốn cùng, thánh Mi-chê đã nói:

– Hỡi các thủ lĩnh nhà Gia-cốp, những kẻ ghét điều thiện và tìm kiếm điều ác, chẳng phải các ngươi phải nỗ lực hết sức để thực thi công lý sao? Các ngươi đã áp bức những người nghèo khổ và khốn cùng vô tội một cách bất công đến mức lột da, nghiền nát xương và băm nát thân thể họ – như thể muốn ném họ vào nồi để nấu ăn vậy. Hãy nghe đây, các thủ lĩnh nhà Gia-cốp, những kẻ ghê tởm công lý và bóp méo mọi điều ngay thẳng, những kẻ xây dựng Si-ôn bằng máu và Giê-ru-sa-lem bằng sự bất công!

Như vậy, vị tiên tri đã vạch trần những kẻ có tội và, khi thấy họ không chịu sửa đổi, đã than khóc cho sự diệt vong của họ, kêu lên trong tiếng rên rỉ:

– Khốn cho ta! Vì giờ đây ta như trong mùa thu hoạch trái cây mùa hè, như khi hái nho: chẳng còn một quả nào để ăn (cũng chẳng còn ai làm đẹp lòng Đức Chúa Trời!). Ôi, linh hồn ta ơi! Trên đất không còn ai thương xót, giữa loài người không còn ai công chính; ai nấy đều dàn xếp mưu mô để đổ máu; ai nấy đều giăng bẫy cho anh em mình. Tay họ hướng về việc làm điều ác; quan chức đòi hối lộ, và quan tòa xét xử vì tiền hối lộ.

Trong khi than khóc trước sự cứng lòng không ăn năn của những kẻ bất chính, vị tiên tri đã tiên báo cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sắp giáng xuống họ: cơn thịnh nộ ấy trước tiên sẽ giáng xuống Samaria, thủ đô của vương quốc Y-sơ-ra-ên, vì chính tại đây sự thờ lạy thần tượng, sự vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời và sự gian ác ngoại đạo đã bắt đầu; sau đó, Giê-ru-sa-lem cũng sẽ phải chịu hình phạt tương tự – công lý của Đức Chúa Trời đã định rằng Sa-ma-ri sẽ bị hủy diệt bởi người A-si-ri, còn Giê-ru-sa-lem – bởi người Ca-đê. Và một lần nữa, vị tiên tri khóc lóc và nói:

– Ôi, khốn cho tôi! Sự trừng phạt của Đức Chúa Trời đang đến!

Nhưng giữa những lời tiên tri buồn bã ấy, vị tiên tri của Đức Chúa Trời cũng loan báo một tin vui, rằng Đấng Chăn Chiên và Đấng Cứu Rỗi linh hồn chúng ta, Chúa Giê-su Christ, sẽ ra đời tại Bê-lem: "Còn ngươi, hỡi Bê-lem Ê-phra-ta, ngươi có phải là thành nhỏ nhất trong hàng ngàn thành của Giu-đa chăng? Từ ngươi sẽ sinh ra Đấng phải làm Vua tại Y-sơ-ra-ên." (Chương 5, câu 2).

Các lời tiên tri còn lại của vị tiên tri thánh của Đức Chúa Trời này được trình bày trong cuốn sách tiên tri mang tên ngài.

Chúng ta không có thông tin cụ thể về việc thánh Mi-chê đã kết thúc cuộc đời mình như thế nào sau khi hoàn thành sứ vụ tiên tri, nhưng có lẽ ngài không chết một cái chết tử đạo. Trong sách của vị tiên tri thánh Giê-rê-mi, có ghi chép rằng khi các thầy tế lễ cùng với các tiên tri giả và đông đảo dân chúng định giết thánh Giê-rê-mi, thì một số trưởng lão đã bảo vệ ngài, nói với hội chúng rằng:

– Mi-chê, người Ma-ra-sê, đã tiên tri vào thời vua Ê-xê-ki-a, vua Giu-đa, và nói với toàn thể dân Giu-đa rằng: "Đức Giê-hô-va Sa-va-ô phán như vầy: Si-ôn sẽ bị cày xới như ruộng, Giê-ru-sa-lem sẽ trở thành đống đổ nát, và núi của đền thờ này sẽ trở thành ngọn đồi rậm rạp cây cối." Liệu vua Ê-xê-ki-a của Giu-đa và cả dân Giu-đa có giết ông vì điều đó chăng? Chẳng phải ông đã kính sợ Đức Giê-hô-va và khẩn cầu Ngài sao? Và Đức Giê-hô-va đã hủy bỏ tai họa mà Ngài đã phán trên họ, nhưng chúng ta lại muốn gây ra điều ác lớn lao cho linh hồn mình.

Từ những lời này, chúng ta có thể thấy rằng vị tiên tri thánh Mi-chê không bị giết, nhưng sau khi kết thúc cuộc đời phụng sự Chúa, ngài đã an nghỉ trong bình an. Ngài qua đời và được an táng tại quê hương của mình – Mô-ra-sê. Sau rất nhiều năm, thi hài thánh thiện của ngài cùng với thi hài của tiên tri Habacuc đã được tìm thấy vào

thời trị vì của Hoàng đế Theodosius Đại đế, nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời cho Zevin, Giám mục Eleutheropolis. Vì tất cả những điều này, xin vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời của chúng ta mãi mãi, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Ngày 28 tháng 8

Ngày 15 tháng 8 (theo lịch cũ)

Lễ Lên Trời của Đức Mẹ Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ Maria

Ngày kỷ niệm 15 tháng 8

Sau khi Chúa hoàn tất công cuộc cứu rỗi loài người và thăng thiên lên trời, Đức Trinh Nữ Maria vô nhiễm và đầy ân sủng, Mẹ Thiên Chúa và Đấng Cầu Thay cho sự cứu rỗi của chúng ta, đã sống giữa các Kitô hữu đầu tiên trong một thời gian khá dài; Ngài tràn ngập niềm vui thiêng liêng vô bờ khi chứng kiến Giáo Hội của Chúa Kitô lan rộng khắp vũ trụ và vinh quang của Con và Thiên Chúa của Ngài được truyền bá đến tận cùng trái đất; trong những ngày đầu tiên của đời sống Giáo Hội Kitô giáo, Đức Mẹ Thiên Chúa đã tận mắt chứng kiến lời Ngài phán được ứng nghiệm, rằng mọi dòng dõi sẽ ca ngợi Ngài (Lc 1,48) – các Kitô hữu, những người khắp nơi ca ngợi Chúa Kitô là Thiên Chúa, cũng ca ngợi Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội, lúc bấy giờ vẫn còn ngự trên trần gian.

Đức Mẹ Thiên Chúa đã đến gần giờ lâm chung cao quý và vinh hiển của Mình, khi tuổi thọ đã trọn vẹn[5517] ; chính Mẹ mong muốn sớm rời bỏ thân xác để về với Thiên Chúa. Linh hồn Mẹ luôn tràn ngập một khát khao không ngừng nghỉ là được chiêm ngưỡng khuôn mặt ngọt ngào của Con Mẹ, Đấng ngự bên hữu Chúa Cha trên trời (Hê-bơ-rơ 1:3); và khao khát Ngài với tình yêu vô cùng lớn lao, hơn cả các thiên thần Serafim[5518] . Mẹ Thiên Chúa, trong khi những dòng nước mắt tuôn trào từ đôi mắt thánh thiện của Mẹ, đã tha thiết cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài đưa Mẹ ra khỏi thung lũng nước mắt này để về những nơi ở hạnh phúc trên trời[5519] . Khi sống trong ngôi nhà của Thánh Gioan Thần Học trên núi Si-ôn[5520] , Mẹ thường rời khỏi đó để lên núi Ô-li-ve[5521] – nơi Con của Mẹ và Chúa đã thăng thiên; tại đây, trong sự cô độc, Mẹ dâng lên Ngài những lời cầu nguyện nhiệt thành. Và rồi một ngày nọ, trong lúc Đức Mẹ đang cầu nguyện một mình trên Núi Ô-li-ve, xin Chúa mau chóng cho Mẹ được ra đi và đưa Mẹ về trời, thì Tổng lãnh thiên thần Gáp-ri-ên[5522] – người đã phụng sự Đức Mẹ từ những ngày thơ ấu đầu tiên của Mẹ – đã hiện ra trước mặt Mẹ: Ngài đã nuôi dưỡng Mẹ trong Nơi Thánh Cực Thánh, mang đến cho Mẹ tin mừng về việc Mẹ sẽ sinh ra Con Thiên Chúa (Lc 1:27–38), và luôn bảo vệ Mẹ không rời trong suốt cuộc đời Mẹ trên trần gian. Với khuôn mặt rạng rỡ, sứ giả thiên đàng đã truyền đạt cho Đức Mẹ những lời đầy niềm vui của Chúa, rằng

---

[5517] Meliton, giám mục Sardis, một nhà biện hộ Kitô giáo thế kỷ II, xác định ngày Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời là năm thứ 69 trong cuộc đời của Mẹ, năm thứ 55 kể từ Giáng Sinh của Chúa Kitô và năm thứ 22 kể từ ngày Chúa Giêsu lên trời; Hippolytus, Giám mục Rôma (thế kỷ III), cho rằng năm Đức Mẹ qua đời là năm thứ 43 kể từ khi Chúa Giêsu ra đời và năm thứ 57 kể từ khi Người sinh ra; "Cha đẻ của lịch sử Giáo hội" Eusebius Pamphilus, Giám mục thành Caesarea ở Palestine (qua đời năm 340), viết rằng năm Đức Mẹ Trinh Nữ qua đời là năm thứ 63 trong cuộc đời của Mẹ, năm thứ 48 kể từ khi Chúa Giêsu Kitô ra đời và năm thứ 15 kể từ khi Chúa Giêsu Kitô lên trời; Epiphanius của Síp (qua đời năm 403) tính tổng số năm thánh đời của Đức Mẹ là 72, và theo ông, năm đó là năm thứ 57 kể từ khi Chúa Giêsu ra đời. Georgy Kedrin, một nhà văn Byzantine vào cuối thế kỷ XI hoặc đầu thế kỷ XII, cũng nói như vậy. Nhà sử học Giáo hội (thế kỷ XIV) Nikifor Kallist trích dẫn lời của Thánh Evod, một trong bảy mươi Tông đồ, người cho rằng năm Đức Mẹ qua đời là năm thứ 59 trong cuộc đời của Người và năm thứ 44 kể từ khi Chúa Giêsu ra đời. Thánh Anrê người Crete (qua đời năm 712) và Thánh Simêon Metaphrast (thế kỷ X) không xác định chính xác số năm sống của Đức Mẹ, mà chỉ nói rằng Người đã qua đời "ở tuổi già an lành".

[5518] Các Seraphim – từ tiếng Do Thái có nghĩa là những sinh vật rực lửa, bừng cháy. Thánh tiên tri Isaia mô tả họ trong Isaia 6:1–3. Khải tượng của vị tiên tri này cho thấy các Serafim là những thực thể thiêng liêng cao cả nhất, gần gũi nhất với Thiên Chúa. Trong "Hệ thống Thứ bậc Thiên đàng" của Thánh Dionysius Areopagita, họ chiếm vị trí đầu tiên trong các cấp bậc của các Thiên thần.

[5519] Gorny – cao nhất, trên trời (Ê-xê-chi-ên 41:7; Cô-lô-se 3:3).

[5520] Sion, khi dịch từ tiếng Do Thái, theo một số ý kiến có nghĩa là nơi trống trải, phơi mình dưới ánh mặt trời, còn theo những ý kiến khác là nơi cao và nổi tiếng hoặc một pháo đài. Sion là ngọn núi phía tây nam ở Giê-ru-sa-lem, nơi pháo đài Giê-ru-sa-lem sừng sững.

[5521] Núi Eleon hay Núi Ô-liu được đặt tên theo những cây ô-liu mọc rất nhiều trên đó; núi này nằm ở phía đông Giê-ru-sa-lem và thường được nhắc đến trong Kinh Thánh, đặc biệt là Tân Ước.

[5522] Tổng thiên thần – người đứng đầu các thiên thần (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:16; Giu-đe 1:9).

chẳng bao lâu nữa – sau ba ngày – Mẹ sẽ về với Chúa Kitô. Khi báo trước giờ lâm chung cho Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Tổng Lãnh Thiên Thần đã nói với Mẹ rằng Mẹ đừng lo lắng, mà hãy vui mừng đón nhận những lời của ngài, vì những lời ấy đang kêu gọi Mẹ đến với cuộc sống bất tử bên Đấng Vua vinh quang muôn đời:

– Con của Mẹ và là Thiên Chúa của chúng ta – Tổng Lãnh Thiên Thần nói – cùng với các Tổng Lãnh Thiên Thần và các Thiên Thần, các Cherubim và Seraphim, cùng với tất cả các thần linh trên trời và các linh hồn của những người công chính, sẽ đón nhận Mẹ, Mẹ của Ngài, vào Nước Trời, để Mẹ sống và trị vì cùng Ngài mãi mãi.

Như một dấu chỉ cho sự chiến thắng của Đức Mẹ trước cái chết, tức là cái chết thể xác sẽ không có quyền lực trên Mẹ, cũng như cái chết tâm linh đã không thể chi phối Mẹ, và – rằng Mẹ, như chìm vào giấc ngủ ngắn ngủi bởi cái chết, sẽ sớm thức dậy, xua đuổi cái chết khỏi mình như xua đi cơn buồn ngủ khỏi đôi mắt, sẽ chiêm ngưỡng vinh quang bất tử và sự sống dưới ánh sáng khuôn mặt Chúa, nơi mà Người sẽ đến trong những tiếng reo hò vui mừng cùng niềm hân hoan thiêng liêng – để làm dấu hiệu cho tất cả những điều này, Tổng Lãnh Thiên Thần đã trao cho Đức Trinh Nữ Thánh Thiện một cành cây thiên đàng: đó là một cành cây chà là, rực rỡ ánh sáng ân sủng thiên đàng; theo lời Tổng Lãnh Thiên Thần, cành cây ấy phải được mang đi trước quan tài của Đức Mẹ, khi thân thể vô cùng thánh thiện và tinh khiết của Người được rước đi an táng. Đức Mẹ Thiên Chúa tràn ngập niềm vui khôn tả và sự hân hoan thiêng liêng, vì điều gì có thể mang lại cho Mẹ niềm vui và sự hạnh phúc lớn lao hơn là được sống trên thiên đàng cùng Con Mẹ và Thiên Chúa, và được chiêm ngưỡng dung nhan ngọt ngào của Ngài? Quỳ gối xuống, Mẹ bắt đầu thành kính tạ ơn Đấng Tạo Hóa của Mẹ:

– Con không xứng đáng, – Đức Mẹ Thiên Chúa cầu nguyện, – để đón nhận Ngài, lạy Chúa, vào lòng con, nếu chính Ngài không thương xót con, tôi tớ của Ngài; Con đã gìn giữ kho tàng được giao phó cho con, và vì thế con dám xin Ngài, Vua vinh quang, hãy bảo vệ con khỏi vương quốc địa ngục[5523] : nếu trời và các Thiên thần còn run rẩy trước mặt Ngài, thì huống chi là con người được tạo dựng từ bụi đất, không có công đức nào ngoài những ân huệ do chính lòng nhân từ của Ngài ban tặng; Ngài, Chúa và Thiên Chúa, được chúc tụng muôn đời.

Đức Mẹ Vô Nhiễm, khi sắp rời khỏi cuộc đời này, đã mong được gặp các Thánh Tông Đồ, những người đã đi khắp vũ trụ để rao giảng Tin Mừng; Ngài cũng cầu xin Chúa rằng, vào giờ lâm chung, Ngài sẽ không phải đối diện với chúa tể bóng tối và những đầy tớ khủng khiếp của hắn, mà chính Con Một của Ngài và là Thiên Chúa, khi thực hiện lời hứa của Ngài, sẽ đến và đón nhận linh hồn Ngài vào đôi tay thánh thiện của Ngài. Khi Đức Mẹ của chúng ta, quỳ gối trên núi Ô-li-ve, dâng lên Đấng Tạo Hóa những lời cầu xin và tạ ơn, thì lời cầu nguyện của Mẹ được kèm theo một hiện tượng kỳ diệu như sau: những cây ô liu trên núi Ô-li-ôn, như được thổi hồn vào, cùng cúi đầu với Đức Mẹ: khi Đức Mẹ quỳ gối, thì những cây cũng cúi xuống; khi Người đứng dậy, thì chúng lại thẳng đứng trở lại; những cây, như những tôi tớ, phụng sự Đức Mẹ, tôn kính Đức Mẹ.

Khi kết thúc lời cầu nguyện, Đức Mẹ Rất Thánh trở về nhà, và ngay lập tức mọi thứ rung chuyển bởi sự hiện diện của sức mạnh vô hình của Thiên Chúa bao quanh Đức Mẹ, và bởi vinh quang của Chúa, mà Đức Mẹ được chiếu rọi. Khuôn mặt của Mẹ, vốn luôn rạng ngời ân sủng của Thiên Chúa hơn cả khuôn mặt của Mô-sê, người từng nói chuyện với Thiên Chúa trên núi Si-nai (Xuất Hành 34:30), lại càng rực rỡ hơn nữa bởi vinh quang không thể tả xiết. – Đức Mẹ vô cùng đáng kính bắt đầu chuẩn bị cho giờ lâm chung của Mẹ. Trước hết, Mẹ đã báo tin này cho Gioan, môn đệ yêu dấu của Chúa Kitô mà Mẹ đã nhận làm con nuôi, và chỉ cho anh ta thấy một cành cây thiên đàng đang tỏa sáng, dặn dò anh ta phải mang cành cây đó đến trước giường của Mẹ; sau đó, Đức Trinh Nữ Rất Thánh cũng báo tin này cho những người khác trong gia đình đã phục vụ Mẹ. Sau đó, Ngài ra lệnh cho người ta xông hương trong phòng của Ngài, chuẩn bị và thắp lên càng nhiều đèn càng tốt, trang trí cả căn phòng lẫn giường nằm trong đó – nói tóm lại, sắp xếp mọi thứ cần thiết cho lễ an táng. Thánh Gioan Thần Học ngay lập tức sai người đến gặp Thánh Giacôbê, anh em của Chúa và là vị giám mục đầu tiên của Giêrusalem, cũng như đến tất cả các thân nhân và những người thân cận, thông báo về sự ra đi sắp tới – với ngày tháng cụ thể – của Mẹ Thiên Chúa. Thánh Giacôbê đã nhanh chóng thông báo cho tất cả các Kitô hữu, không chỉ những người sống tại Giêrusalem mà còn ở các thành phố và làng mạc lân cận, đến nỗi cùng với Giám mục Giêrusalem, tất cả các thân nhân và một đám đông lớn các tín hữu nam nữ đã tụ họp lại trước Mẹ Thiên Chúa. Đức Mẹ Vô Nhiễm đã công khai kể lại cho những

[5523] Gehenna là cách phiên âm từ tiếng Do Thái, có nghĩa là thung lũng Enom hoặc "con cái của Enom"; thung lũng này được hiểu là một khe núi sâu và hẹp, nơi người Do Thái xưa kia, vào thời các vua, đã dâng con cái mình làm của lễ cho Moloch (2 Vua 23:10; Giê-rê-mi 7:31). Vào thời kỳ sau này, nơi đây trở thành bãi rác chứa đủ loại chất thải, và để tiêu hủy chúng, ngọn lửa luôn được duy trì tại đây; chính vì vậy, thung lũng Ennom đã trở thành biểu tượng của nơi chịu cực hình vĩnh viễn. Chính trong ý nghĩa này, tức là ý nghĩa của địa ngục, từ "Gehenna" được sử dụng trong Tân Ước (Mt 5:29–30, 10:28, 18:9, 23:15; Mc 9:43,45; Lc 12:5; Gc 3:6).

người có mặt những lời mà Tổng Lãnh Thiên Thần đã nói với Mẹ về việc Mẹ được rước lên trời, và để làm bằng chứng, Mẹ đã chỉ cho họ xem cành cây thiên đàng mà Mẹ nhận được từ vị sứ giả của mình, cành cây ấy tỏa sáng như tia nắng mặt trời, rực rỡ ánh vinh quang thiên đàng. Khi nghe chính từ miệng Đức Mẹ tin tức về sự ra đi sắp tới của Người, những tín hữu xung quanh Người không thể kìm được nước mắt: cả ngôi nhà tràn ngập tiếng khóc và tiếng nức nở; mọi người đều khẩn cầu Đức Mẹ đầy lòng thương xót, như Mẹ chung của tất cả, đừng bỏ rơi họ thành những đứa trẻ mồ côi. Nhưng Đức Mẹ đã xin họ đừng khóc, mà hãy vui mừng vì sự ra đi của Mẹ, bởi vì, khi đã đến gần ngai vàng của Thiên Chúa hơn, được nhìn thẳng vào Con của Mẹ và là Thiên Chúa, và trò chuyện với Ngài miệng đối miệng, Mẹ có thể, sau khi qua đời, với lòng can đảm lớn lao, khẩn cầu Ngài về lòng thương xót và ân sủng; đồng thời, Đức Mẹ Thiên Chúa đã hứa sẽ không để các con trở thành trẻ mồ côi sau khi Người ra đi, và không chỉ các con, mà cả thế giới này nữa: Người sẽ viếng thăm khắp thế giới, lắng nghe những nhu cầu của nó và giúp đỡ những người khốn khổ. Những lời an ủi của Đức Mẹ đã lau khô nước mắt của những người đang khóc và xoa dịu nỗi buồn của họ. Sau đó, Đức Mẹ Vô Nhiễm đã lập di chúc về hai bộ áo của Mẹ, để chúng được trao cho hai góa phụ nghèo, những người đã tận tụy phụng sự Mẹ và nhận được sự nuôi dưỡng từ Mẹ. Về thi thể vô nhiễm của Mẹ Thiên Chúa, Mẹ đã di chúc rằng thi thể ấy sẽ được an táng tại Vườn Ghết-sê-ma-ni[5524] nằm bên sườn núi Ô-li-ve, gần Giê-ru-sa-lem, nơi có mộ phần của cha mẹ công chính của Mẹ là Gio-a-kim và Anna, cùng với vị hôn phu thánh Giuse của Mẹ; những ngôi mộ này nằm sát thung lũng Giô-sa-phát, trải dài giữa Giê-ru-sa-lem và núi Ô-li-ve, vốn là nơi an táng chung cho những người nghèo ở Giê-ru-sa-lem.

Trong lúc Đức Mẹ Maria đang ban những di chúc cuối đời, bỗng vang lên một tiếng ồn ào, mạnh mẽ như tiếng sấm rền, và những đám mây bao phủ ngôi nhà của Thánh Gioan Tông đồ – đó là, theo lệnh của Thiên Chúa, các Thiên thần đã rước các Tông đồ – những người đã tản mác đi rao giảng Tin Mừng khắp các ngõ ngách của vũ trụ – và đưa họ trên những đám mây về Giê-ru-sa-lem, đặt họ tại núi Si-ôn, ngay trước cửa ngôi nhà nơi Đức Mẹ Thiên Chúa đang ngự. Các Thánh Tông đồ, khi nhìn thấy nhau, vừa vui mừng vừa ngạc nhiên, và cùng nhau thốt lên:

– Lý do nào mà Chúa đã quy tụ chúng ta lại với nhau?

Thánh Gioan Thần Học bước ra đón họ và với những giọt nước mắt vui mừng, ngài chào đón họ, đồng thời thông báo về sự ra đi sắp tới của Đức Mẹ Thiên Chúa. Lúc đó, các Thánh Tông Đồ mới hiểu rằng Chúa đã quy tụ họ từ khắp các ngõ ngách của vũ trụ để chứng kiến giây phút an nghỉ hạnh phúc của Mẹ Thiên Chúa, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội, và để họ có thể an táng thi hài thánh thiện của Mẹ một cách trang trọng. Tin tức về sự ra đi sắp tới của Đức Mẹ đã làm tràn ngập lòng các Thánh Tông Đồ một nỗi buồn sâu sắc. Khi bước vào trong nhà, các ngài thấy Đức Mẹ với khuôn mặt rạng rỡ đang ngồi trên giường; các Thánh Tông Đồ chào đón Mẹ bằng những lời:

– Nguyện Chúa chúc lành cho Mẹ, Đấng đã tạo dựng trời và đất!

– Bình an cho các anh em, những người được chính Chúa chọn! – Đức Mẹ Vô Nhiễm đáp lại.

Rồi Người hỏi:

– Các anh đã đến đây như thế nào?

Các Thánh Tông Đồ đã kể cho Mẹ nghe rằng mỗi người trong số họ đã được sức mạnh của Thánh Thần Chúa cất lên từ nơi rao giảng của mình và được đưa đến núi Si-ôn trên một đám mây. Đức Mẹ đã ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã nghe lời cầu nguyện của Mẹ và thực hiện ước nguyện từ đáy lòng của Mẹ – đó là được gặp các Thánh Tông Đồ vào lúc Mẹ qua đời.

– Lạy Chúa, – Mẹ nói, quay sang các ngài, – đã dẫn các ngài đến đây để an ủi linh hồn con, vốn sắp phải chia ly với thân xác, như bản chất phàm trần đòi hỏi: thời khắc đã được Đấng Tạo Hóa định sẵn cho con đã gần kề.

Còn các ngài, đáp lại điều đó, đã nói với Mẹ với nỗi buồn:

– Trong thời gian Mẹ ở trần gian, chúng con, thưa Đức Mẹ, đã được an ủi khi ngắm nhìn Mẹ như chính Chúa và Thầy của chúng con; nhưng giờ đây, khi mất đi sự hiện diện của Mẹ, làm sao chúng con có thể chịu đựng được nỗi đau buồn nặng nề đang bao trùm tâm hồn chúng con? Nhưng Mẹ đang lên các nơi ở cao cả theo ý muốn của Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng do Mẹ sinh ra, và chúng con không thể không vui mừng trước quyết định của

[5524] Gethsemane, từ tiếng Do Thái có nghĩa là "cối xay dầu" – là nơi nằm dưới chân núi Eleon, nổi tiếng vì chính tại đây, Đấng Cứu Thế đã trải qua những giây phút đau khổ chuộc tội và dâng lên lời cầu nguyện của vị Thượng tế (Mác 14:26, 32; Lc 22:39; Ga 18:1); theo truyền thuyết có từ thế kỷ thứ 4, Gethsemane nằm cách cầu bắc qua suối Kidron 50 sải về phía đông.

Thiên Chúa về Mẹ, dù đồng thời chúng con cũng không thể không than khóc cho cảnh mồ côi của mình, vì chúng con sẽ không còn được gặp Mẹ nữa, Mẹ và Đấng An Ủi của chúng con.

Nghe những lời ấy, các Thánh Tông Đồ đã khóc nức nở.

– Đừng khóc, – Đức Mẹ Rất Thánh an ủi họ, và các bạn, các môn đệ của Đấng Kitô, đừng làm lu mờ niềm vui của Mẹ bằng nỗi buồn của các con, – thà hãy cùng Mẹ vui mừng, vì Mẹ đang ra đi về với Con Mẹ và Thiên Chúa. Hãy chôn cất thân xác của Ta – mà chính Ta đã tự chuẩn bị cho việc an táng – tại Gethsemane, rồi hãy trở lại với sứ mệnh rao giảng Tin Mừng đã được giao phó cho các con; còn Ta, nếu Chúa muốn, các con sẽ được gặp lại Ta sau khi Ta ra đi.

Trong lúc Đức Mẹ đang trò chuyện với các Thánh Tông Đồ, vị được Thiên Chúa chọn làm khí cụ – Thánh Tông Đồ Phaolô – đã đến: ngài quỳ xuống dưới chân Đức Mẹ Rất Thánh, rồi cất tiếng ca ngợi và tôn vinh Mẹ:

– Xin chào mừng, – vị Thánh Tông Đồ nói, – Mẹ của Sự Sống và của công việc rao giảng của con; nếu trước khi Chúa Giêsu Kitô lên trời, con không thể được chiêm ngưỡng Ngài ngay tại đây, trên đất này, thì giờ đây, khi ngước nhìn Mẹ, con cảm thấy như đang nhìn thấy chính Ngài vậy.

Cùng với Thánh Phaolô còn có các môn đệ thân cận của ngài là Dionysius Areopagite[5525] , Hierotheus[5526] và Timôthê[5527] ; cùng với những vị Tông đồ còn lại trong số bảy mươi người – tất cả đều được Thánh Thần tập hợp lại để được hưởng ân sủng của Đức Trinh Nữ Maria và bằng sự hiện diện của mình, góp phần làm cho lễ an táng của Mẹ thêm trang trọng. Đức Mẹ Vô Nhiễm đã gọi từng vị Tông đồ thánh đến bên mình bằng tên, ca ngợi đức tin và những công lao của họ trong việc rao giảng Tin Mừng về Chúa Giêsu Kitô; Ngài cầu chúc cho mỗi người được hưởng hạnh phúc vĩnh cửu và cầu nguyện cho hòa bình trên toàn thế giới.

Ngày mười lăm tháng Tám đã đến, và giờ phút thiêng liêng mà mọi người hằng mong đợi – đó là giờ thứ ba trong ngày – giờ Đức Mẹ Thiên Chúa ra đi đã cận kề. Trong căn phòng, vô số ngọn đèn đã được thắp sáng; các Thánh Tông Đồ đang dâng lời ngợi khen lên Thiên Chúa; còn Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm thì đang nằm trên chiếc giường được trang hoàng lộng lẫy, chuẩn bị cho giây phút ra đi thanh thản và chờ đợi Con Yêu Dấu của Mẹ, cũng là Chúa, đến đón Mẹ về bên Ngài. Bất ngờ, trong căn phòng bừng sáng một ánh sáng không thể tả xiết của vinh quang Thiên Chúa, làm lu mờ các ngọn đèn. Những ai được chứng kiến cảnh tượng này đều kinh hoàng. Họ thấy mái nhà của căn phòng mở ra và vinh quang của Chúa ngự xuống từ trời cao, – Chính Đức Vua vinh quang là Đức Kitô, cùng với đoàn thiên thần và các Tổng lãnh thiên thần, cùng với mọi thế lực trên trời, cùng với các tổ phụ thánh và các ngôn sứ, những người xưa kia đã báo trước về Đức Trinh Nữ Rất Thánh, và cùng với mọi linh hồn công chính, đang tiến đến gần Mẹ Rất Thánh của Ngài. Thấy Con mình đang đến gần, Mẹ Thiên Chúa trong niềm vui sướng tột độ đã cất tiếng hát bài ca của Mẹ:

– *"Linh hồn con ngợi khen Chúa, và thần trí con hân hoan vì Thiên Chúa, Đấng Cứu Độ của con, vì Ngài đã đoái thương nhìn đến sự khiêm nhường của Nô Tì Ngài"* (Lc 1,46–47).

Và Người đứng dậy khỏi giường, như thể muốn bước ra đón Con của mình, rồi Người cúi đầu thờ lạy Chúa. Còn Ngài, khi đến gần và nhìn Người với tình yêu thương, đã nói:

– Hãy đến đây, người thân yêu của Ta, hãy đến đây, chim bồ câu của Ta, hãy đến đây, kho báu quý giá của Ta, và hãy bước vào nơi ở của sự sống đời đời.

Mẹ Thiên Chúa, sau khi cúi đầu thờ lạy, đã đáp lại:

[5525] Thánh Dionysius Areopagite, thành viên của Hội đồng Areopagus ở Athens, theo lời chứng trong Sách Công vụ các Tông đồ (Công vụ 17:34), đã được Thánh Tông đồ Phaolô dẫn dắt đến đức tin. Theo lời nhà sử học Giáo hội Eusebius, ngài là vị giám mục đầu tiên của Athens và đã kết thúc sứ vụ của mình, như lời tường thuật trong bản bào chữa của Aristides, bằng cái chết tử đạo dưới thời Domitian vào năm 96.

[5526] Thánh Hierotheos cũng là thành viên của Hội đồng Areopagus ở Athens và cũng được Thánh Tông đồ Phaolô dẫn dắt vào đạo Kitô; chính ngài đã được Thánh Phaolô tấn phong làm giám mục Athens; Thánh Hierotheos qua đời vào thế kỷ thứ nhất.

[5527] Thánh Timôthê, người gốc Tiểu Á, quê ở Derbe hoặc Lystra (Công vụ 16:1, 20:4; 2 Timôthê 3:4); việc ngài tin nhận Chúa Kitô là nhờ sự rao giảng của Thánh Tông đồ Phaolô, người vì thế mà gọi ngài là con trai mình (1 Cô-rinh-tô 4:17; 1 Tm 1:2); ngài là người đồng hành thường xuyên của Thánh Tông đồ Phaolô trong các chuyến hành trình rao giảng Tin Mừng (Rm 16:21; 1 Cr 16:10; 1 Tx 3:2). Sau này, theo truyền thuyết, chính vị Tông đồ đã tấn phong ông làm giám mục của Giáo hội Ê-phê-sô; Timôthê đã kết thúc 15 năm phục vụ với tư cách giám mục bằng cái chết tử đạo, theo một số nguồn là vào thời trị vì của Đô-mi-ti-an (81–96), theo các nguồn khác là vào thời trị vì của Nê-rô (96–98): Thánh Timôthê đã bị một đám đông người ngoại đạo ném đá đến chết trong một lễ hội ngoại đạo, vì họ tức giận trước bài giảng vạch trần tội lỗi của ngài.

– Danh Ngài được chúc tụng, lạy Chúa vinh quang và Thiên Chúa của con, Đấng đã thương chọn tôi tớ khiêm nhường của Ngài để phục vụ mầu nhiệm của Ngài; xin hãy nhớ đến con, lạy Vua vinh quang, trong vương quốc vĩnh cửu của Ngài; Ngài biết rằng con đã yêu mến Ngài bằng cả trái tim và đã gìn giữ kho báu được giao phó cho con; giờ đây, xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an và bảo vệ con khỏi mọi mưu mô của thế lực bóng tối, thế lực ma quỷ.

Chúa đã an ủi Mẹ bằng những lời đầy tình yêu, khuyên Mẹ đừng sợ thế lực ma quỷ, vốn đã bị Mẹ đánh bại; Ngài đã yêu thương kêu gọi Mẹ hãy can đảm bước từ trần gian lên thiên đàng.

– *"Lòng con đã sẵn sàng, lạy Chúa, lòng con đã sẵn sàng"* (Thánh Vịnh 107:2), – Đức Trinh Nữ Rất Thánh đáp lại.

Và sau đó, Ngài lặp lại những lời Ngài từng thốt lên: *"Xin hãy xảy ra cho con theo lời Ngài"* (Lc 1,38), rồi lại nằm xuống giường. Cảm nhận niềm vui khôn tả khi chiêm ngưỡng khuôn mặt rạng ngời của Con Mẹ và Chúa, Đức Mẹ, tràn đầy niềm hân hoan thiêng liêng vì tình yêu dành cho Ngài, đã phó thác linh hồn tinh tuyền của Mẹ vào tay Chúa; lúc đó, Mẹ không cảm thấy bất kỳ cơn đau nào, mà như chìm vào giấc ngủ ngọt ngào: Đấng mà Mẹ đã thụ thai mà không làm mất trinh tiết và sinh ra mà không bị bệnh tật, đã đón nhận cả linh hồn Mẹ từ thân thể vô nhiễm. Và ngay lập tức, tiếng hát kỳ diệu đầy niềm vui của các Thiên thần vang lên, trong đó người ta nghe thấy những lời chào của Thánh Gabriel dành cho Đức Trinh Nữ, được các Thiên thần lặp đi lặp lại nhiều lần:

– *"Hãy vui mừng, hỡi Đấng Được Ơn! Chúa ở cùng Bà; Bà được chúc phúc giữa các người nữ"* (Lc 1,28).

Với những bài thánh ca trang nghiêm như vậy, các thiên thần đã tiễn đưa linh hồn chí thánh của Đức Mẹ, đang được Chúa ôm trên tay để về các nơi ở trên trời. Các Thánh Tông Đồ, những người được ân sủng chứng kiến cảnh tượng này, đã tiễn đưa Mẹ Thiên Chúa bằng ánh mắt đầy xúc động, giống như ngày xưa họ đã tiễn đưa Chúa khi Ngài thăng thiên từ Núi Ô-li-ve (Công Vụ 1:9–12); họ đứng đó rất lâu, cảm thấy kinh hoàng và như rơi vào trạng thái mê man. Khi tỉnh táo lại, các môn đệ của Chúa Kitô đã quỳ lạy Chúa, Đấng đã rước linh hồn Mẹ Ngài lên trời trong vinh quang, và trong tiếng khóc, họ vây quanh giường của Đức Mẹ. Khuôn mặt của Đức Trinh Nữ Maria đầy ân sủng rạng ngời như mặt trời, và từ thân thể tinh khiết của Người toát ra một hương thơm kỳ diệu, thứ hương thơm mà trên trần gian này không thể tìm thấy được. Tất cả các tín hữu, với lòng kính trọng sâu sắc, đã hôn lên thân thể tinh khiết ấy với sự kính sợ; từ các thánh tích của Đức Mẹ toát ra một sức mạnh thánh hóa, làm tràn ngập niềm vui trong lòng những ai chạm vào. Còn những người bệnh tật thì được chữa lành: người mù được sáng mắt, người điếc được nghe lại, người què được đi thẳng, quỷ dữ bị trục xuất – mọi bệnh tật đều biến mất hoàn toàn chỉ bằng một cái chạm vào thi hài của Đức Mẹ.

Giữa những sự kiện này, diễn ra cùng với sự ra đi của Đức Mẹ, một cuộc rước long trọng đã bắt đầu với thi hài tôn kính của Người để an táng: Thánh Tông đồ Phêrô cùng với các Thánh Tông đồ Phaolô và Giacôbê, anh em của Chúa, đứng đầu đoàn, đã cùng các Thánh Tông đồ khác trong số mười hai người khiêng giường của Đức Mẹ; còn Thánh Gioan Thần Học thì mang đi trước một cành cây thiên đàng tỏa sáng rực rỡ. Còn các tín hữu khác, tay cầm nến và lư hương, đi theo sát bên, bao quanh quan tài. Mọi người cùng hát những lời cầu nguyện mở đầu: Thánh Tông đồ Phêrô bắt đầu, còn những người khác hát theo ông một cách hài hòa Thánh vịnh của Đavít: "Khi dân Israel ra khỏi Ai Cập" (Thánh vịnh 113), xen kẽ mỗi câu bằng tiếng "Alleluia"; theo sự soi dẫn của Thánh Thần, họ còn hát thêm những lời cầu nguyện và thánh vịnh trang nghiêm cùng tạ ơn khác. Đoàn rước trang nghiêm với Thánh Thể vô nhiễm của Đức Mẹ tiến từ Si-ôn qua Giê-ru-sa-lem đến Ghết-si-ma-ni. Trên chiếc kiệu và đoàn người tiễn đưa xuất hiện một vòng mây, trông giống như một vương miện và được chiếu rọi bởi ánh sáng rực rỡ phi thường. Và trong những đám mây, vang vọng khắp nơi, tràn ngập không gian, là tiếng hát kỳ diệu của các Thiên thần. Vòng hào quang mây này lơ lửng trên không trung phía trên giường của Đức Mẹ cho đến tận nơi an táng; trong suốt thời gian đó, tiếng hát của các Thiên thần cũng không ngừng vang lên. Nhưng cuộc rước đầy hân hoan ấy – mà ngôn ngữ yếu ớt của con người không thể diễn tả hết được – đã bất ngờ bị gián đoạn. Nhiều người Do Thái không tin vào Đấng Kitô, khi nghe thấy tiếng hát lạ thường và nhìn thấy đoàn rước long trọng, đã rời khỏi nhà mình và gia nhập vào đoàn rước: họ cũng đi ra ngoài thành, ngạc nhiên trước vinh quang và sự tôn kính được dành cho thi hài thánh thiện của Mẹ Đức Giêsu Kitô. Khi biết được điều này, các thượng tế và các kinh sư đã nổi cơn thịnh nộ dữ dội và sai các đầy tớ cùng binh lính – đồng thời xúi giục nhiều người trong dân chúng – đuổi theo đoàn rước và giải tán những người tham gia; đồng thời, họ ra lệnh giết các môn đệ của Chúa Kitô và thiêu hủy thi hài Đức Mẹ. Nhưng khi đám đông nghe theo những kẻ xúi giục, trang bị vũ khí như chuẩn bị chiến đấu, trong cơn thịnh nộ lao theo đoàn người hộ tống thi hài Đức Mẹ và sắp đuổi kịp họ, bỗng nhiên một vòng mây trôi lơ lửng trên

không trung hạ xuống mặt đất và bao quanh như một bức tường cả các Thánh Tông Đồ lẫn các Kitô hữu còn lại; những kẻ truy đuổi chỉ nghe thấy tiếng hát, mà không thấy ai phía sau đám mây. Các Thiên Thần Thánh, đang lơ lửng vô hình trên thi hài Đức Mẹ và các Kitô hữu, đã khiến những kẻ truy đuổi độc ác bị mù lòa: một số trong họ đập đầu vào tường thành; những người khác sờ soạng xung quanh và, không biết phải đi đâu, tìm kiếm người dẫn đường. Lúc đó, một linh mục Do Thái tên là Aphoni tình cờ đi ngang qua: khi nhìn thấy các Thánh Tông đồ – đám mây theo lệnh của Thiên Chúa lại bay lên để tôn vinh Đức Mẹ nhiều hơn – và đông đảo các tín hữu Kitô giáo cầm nến và hát ca, vây quanh thi hài Đức Trinh Nữ Maria, Aphoni tràn ngập lòng ghen tị; sự thù hận xưa kia đối với Chúa chúng ta lại bùng lên trong lòng ông, và ông nói:

– Hãy nhìn xem, sự tôn kính nào đang bao quanh thi hài của Đấng đã sinh ra kẻ nịnh hót, kẻ đã phá hủy luật pháp của các tổ phụ chúng ta!

Vì rất mạnh mẽ, hắn với cơn thịnh nộ điên cuồng đã lao qua đám đông các tín hữu Kitô giáo đến gần giường, nhằm hất thi hài Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội của chúng ta xuống đất: khi đôi tay táo tợn của vị linh mục chạm vào giường, ngay lập tức một Thiên Thần vô hình đã chém đôi chúng ngay giữa bằng thanh gươm vô hình của sự trừng phạt của Đức Chúa Trời, và chúng vẫn treo lơ lửng, không rời khỏi giường, còn chính Aphonius thì ngã xuống đất, kêu lên:

– Khốn cho tôi!

Nhận ra tội lỗi của mình, ông bắt đầu ăn năn và nói với các Thánh Tông Đồ:

– Xin các ngài thương xót tôi, hỡi các tôi tớ của Đấng Kitô!

Thánh Tông đồ Phêrô ra lệnh cho những người khiêng thi hài Đức Mẹ dừng lại và nói với Afonii:

– Này, ngươi đã nhận được điều ngươi mong muốn; hãy biết rằng Đức Chúa Trời – Đấng báo thù – đã tỏ mình ra (Thi Thiên 93:1), và chúng ta không thể chữa lành những vết thương của ngươi; chỉ có chính Chúa của chúng ta mới có thể làm điều đó, Đấng mà các ngươi đã bất chính nổi loạn chống lại, bắt giữ và giết chết; nhưng Ngài cũng sẽ không muốn ban cho ngươi sự chữa lành, cho đến khi ngươi tin vào Ngài bằng cả trái tim và xưng nhận bằng miệng rằng Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a chân chính, Con Thiên Chúa.

Afonî kêu lên:

– Tôi tin rằng Ngài chính là Đấng Cứu Thế của thế gian – Đấng Christ – Đấng đã được các tiên tri báo trước; ngay từ đầu, chúng tôi đã nhận ra rằng Ngài là Con Thiên Chúa, nhưng vì bị che mờ bởi lòng ghen tị độc ác, chúng tôi đã không muốn công khai thừa nhận vinh quang của Thiên Chúa và đã phản bội Ngài, khiến Ngài phải chịu cái chết oan uổng; nhưng Ngài, nhờ quyền năng Thần tính của Ngài, đã sống lại vào ngày thứ ba, khiến tất cả chúng tôi – những kẻ thù ghét Ngài – phải xấu hổ: chúng tôi đã cố gắng hối lộ lính canh để che giấu sự sống lại của Ngài, nhưng không thể làm gì được, vì tin mừng này đã lan truyền khắp nơi.

Khi Athonius nói những lời này, trong lúc ăn năn về tội lỗi của mình, các Thánh Tông Đồ và tất cả các tín hữu đã vui mừng như các Thiên Thần trước người tội nhân ăn năn: Thánh Tông Đồ Phêrô đã ra lệnh cho Athonius với lòng tin đặt những vết thương trên đôi tay bị chặt vào những bàn tay đang treo trên giường, đồng thời kêu cầu danh Đức Mẹ Rất Thánh. Afonii đã làm theo, và ngay lập tức hai bàn tay bị chặt đứt đã trở lại vị trí cũ; chúng trở nên hoàn toàn lành lặn; chỉ còn lại vết tích của việc bị chặt – giống như một sợi chỉ đỏ bao quanh khuỷu tay. Afonii quỳ sấp xuống trước giường, cúi đầu thờ lạy Đấng Kitô – Thiên Chúa, Đấng được sinh ra từ Đức Mẹ Rất Thánh – và ca ngợi Mẹ Rất Thánh của Ngài bằng nhiều lời khen ngợi: ông trích dẫn những lời tiên tri từ Kinh Thánh, làm chứng về cả Mẹ Ngài lẫn Đức Kitô, và mọi người đều kinh ngạc gấp bội khi chứng kiến phép lạ chữa lành đôi tay bị chặt đứt của Aphonius và nghe những lời khôn ngoan từ ông, qua đó ông tôn vinh Chúa Giêsu và ca ngợi Đức Mẹ. Sau đó, Aphonius gia nhập cùng các Thánh Tông Đồ, cùng các Kitô hữu khác đi theo Thánh Giá đến vườn Ghết-sê-ma-ni. Cũng như vậy, những người bị mù, khi nhận ra tội lỗi của mình và với lòng ăn năn, đã được người dẫn đường đưa đến chiếc giường thiêng liêng và chạm vào nó với lòng tin – họ đã được mở mắt không chỉ về thể xác mà còn về tâm hồn. Đức Mẹ đầy lòng thương xót của muôn loài, Nữ Vương chí thánh của chúng ta, cũng như khi sinh ra đã mang lại niềm vui cho cả vũ trụ, thì khi qua đời, Người cũng không muốn làm ai phải buồn phiền: với tư cách là Mẹ hiền của Vua nhân từ, Người đã nhân từ an ủi cả những kẻ từng là kẻ thù của mình bằng những ân sủng của Người.

Nhưng rồi các Thánh Tông Đồ cùng với đông đảo các Kitô hữu đã đến Vườn Ghết-sê-ma-ni; khi họ đặt giường với thi hài tôn kính, tiếng khóc lại vang lên giữa các Kitô hữu: tất cả, khi mất đi báu vật ấy, đã khóc than vì cảnh mồ côi của mình; khi trao nụ hôn cuối cùng, các tín hữu quỳ sấp xuống thi hài Đức Mẹ và hôn lên đó, nước

mắt tuôn trào, đến nỗi phải đến chiều tối mới có thể đặt thi hài tôn kính vào quan tài; nhưng ngay cả khi tảng đá khổng lồ đã được lăn đè lên quan tài, các tín hữu vẫn không rời khỏi đó, bị giữ lại bởi tình yêu dành cho Đức Mẹ. – Các Thánh Tông Đồ đã ở bên quan tài của Đức Mẹ Rất Thánh, không rời khỏi Vườn Ghết-sê-ma-ni, suốt ba ngày đêm, ngày đêm cùng hát các thánh vịnh. Và trong suốt thời gian đó, trong không trung vang lên tiếng hát kỳ diệu của các đạo binh thiên đàng, ca ngợi Thiên Chúa và tôn vinh Mẹ Rất Thánh của Ngài.

Theo sự an bài đặc biệt của Thiên Chúa, một trong các Tông đồ, Thánh Tôma, đã không có mặt trong lễ an táng vinh quang thi hài Đức Mẹ Vô Nhiễm; ngài chỉ xuất hiện tại Gethsemane vào ngày thứ ba. Thánh Tông đồ Tôma đã vô cùng đau buồn và hối hận vì không được, như các Thánh Tông đồ khác, nhận lời chào tạm biệt và phước lành cuối cùng của Đức Mẹ Vô Nhiễm; ông cũng khóc lóc thảm thiết vì chỉ có mình ông là người duy nhất không được chứng kiến vinh quang thiêng liêng, những mầu nhiệm kỳ diệu và những việc làm của Thiên Chúa, được tỏ hiện trong lúc Đức Mẹ qua đời và lễ an táng long trọng của Mẹ. Các Thánh Tông đồ, thương xót ngài, đã quyết định mở quan tài để Thánh Phêrô ( ) Tôma có thể nhìn thấy, dù chỉ là thi hài của Đức Mẹ Thiên Chúa, để ngài được thờ lạy và hôn lên thi hài ấy, qua đó phần nào xoa dịu nỗi buồn và tìm được sự an ủi trong nỗi đau khổ. Nhưng khi các Thánh Tông Đồ lăn tảng đá ra và mở quan tài, họ kinh hoàng tột độ: trong quan tài không còn thi hài Đức Mẹ nữa – chỉ còn lại những tấm vải liệm tỏa ra hương thơm kỳ diệu; các Thánh Tông Đồ đứng đó trong sự ngạc nhiên, không hiểu điều này có ý nghĩa gì! Họ hôn lên tấm vải liệm còn lại trong quan tài với nước mắt và lòng kính sợ, rồi cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài chỉ cho họ biết thi thể Đức Mẹ đã biến mất đi đâu? Đến chiều tối, họ ngồi xuống để dùng bữa nhẹ. Các Thánh Tông Đồ có một phong tục trong bữa ăn: họ để trống một chỗ giữa bàn, đặt lên đó một miếng bánh mì để tôn vinh Chúa Kitô – như một phần của Ngài. Khi bữa ăn kết thúc, sau khi dâng lời tạ ơn, họ lấy miếng bánh đã được nhắc đến, được gọi là "một phần của Chúa", và giơ cao lên, ca ngợi danh thánh của Ba Ngôi Chí Thánh; sau đó, sau khi nói: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin giúp chúng con!", họ ăn miếng bánh ấy như một ân sủng của Thiên Chúa. Các Thánh Tông Đồ đã làm như vậy không chỉ khi mọi người ở cùng nhau, mà cả khi mỗi người ở xa nhau. Giờ đây, tại Ghết-sê-ma-ni, trong bữa ăn, họ không nghĩ và không nói về điều gì khác ngoài việc tại sao thi thể tinh khiết của Đức Mẹ lại không được tìm thấy trong quan tài. Và khi kết thúc bữa ăn, các Thánh Tông Đồ bắt đầu dâng lên phần bánh đã được dành riêng để tôn vinh Chúa, ca ngợi Ba Ngôi Thánh, thì bỗng nghe thấy tiếng hát của các Thiên Thần: ngước mắt lên, họ thấy Đức Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm Nguyên Tội đang đứng trên không trung, được bao quanh bởi vô số Thiên Thần. Ngài được chiếu rọi bởi một ánh sáng không thể diễn tả và nói với họ:

– Hãy vui mừng! – vì Ta sẽ ở cùng các con mọi ngày.

Các Thánh Tông Đồ, tràn ngập niềm vui, thay vì lời cầu nguyện thường lệ "Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin giúp chúng con", đã kêu lên:

– Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, xin giúp chúng con!

Từ đó, không chỉ chính họ tin, mà họ còn dạy cho Giáo Hội thánh thiện tin rằng Đức Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm đã được Con của Mẹ làm cho sống lại vào ngày thứ ba sau khi an táng và được rước cả thân xác lên trời. Khi trở lại mộ, các Thánh Tông Đồ đã lấy tấm vải liệm còn lại để an ủi những người đang than khóc và làm bằng chứng không thể chối cãi về việc Đức Mẹ được phục sinh khỏi mộ.

Không xứng đáng để đền thờ của sự sống nằm dưới quyền lực của cái chết, và Đấng đã sinh ra Đấng Tạo Hóa của muôn loài lại phải chia sẻ số phận hư nát với loài thụ tạo trần gian. Đấng Lập Luật đã trở thành Đấng thi hành luật do chính Ngài ban ra – con cái phải tôn kính cha mẹ: Ngài đã tôn kính Mẹ vô nhiễm của Ngài như chính bản thân Ngài – cũng như chính Ngài đã sống lại trong vinh quang vào ngày thứ ba và sau đó thăng thiên với thân xác tinh tuyền lên trời, thì Ngài cũng đã làm cho Mẹ Ngài sống lại trong vinh quang vào ngày thứ ba và đưa Mẹ về với Ngài trong các nơi ở trên trời. Thánh Đa-vít cũng đã tiên báo điều này khi nói: *"Hỡi Chúa, xin hãy ngự vào nơi an nghỉ của Ngài – chính Ngài là hòm giao ước quyền năng của Ngài"* (Thánh vịnh 131:8); Những lời tiên tri của ngài đã ứng nghiệm khi Chúa Phục Sinh và khi Ngài làm cho Mẹ Ngài sống lại. – Cái quan tài trống rỗng của Đức Mẹ, được tạc trong đá, cũng như của Con Ngài, vẫn còn được bảo tồn cho đến ngày nay và là đối tượng của sự tôn kính thành kính của các tín hữu.

Theo sự an bài đặc biệt của Ngài, Chúa đã trì hoãn sự đến của Thánh Tôma cho đến ngày Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội qua đời, để quan tài được mở ra trước mặt ngài, và nhờ đó Hội Thánh được xác tín về sự phục sinh của Đức Mẹ, giống như trước đây, nhờ sự hoài nghi của chính vị Tông Đồ này, Hội Thánh đã được xác tín về sự phục sinh của Chúa Kitô (Ga 20:24–31). – Như vậy, sự an nghỉ của Đức Mẹ Vô Nhiễm và Đáng Chúc Tụng của

chúng ta đã diễn ra, cùng với việc an táng thân xác vô nhiễm của Mẹ, sự phục sinh vinh quang của Mẹ và sự xác nhận long trọng về việc Mẹ được rước lên trời cùng với thân xác.

Sau khi tất cả những phép lạ kỳ diệu và những mầu nhiệm của Thiên Chúa này kết thúc, các Thánh Tông Đồ, một lần nữa được đám mây nâng lên, đã trở về mỗi người một xứ sở, nơi mà họ đã được đưa đến trong thời gian rao giảng Tin Mừng.

Thánh Ambrôsiô, khi nói về cuộc đời của Đức Mẹ trên trần gian, đã mô tả những phẩm chất tâm hồn kỳ diệu của Đức Mẹ Thiên Chúa như sau:

– Mẹ không chỉ là Trinh Nữ về xác thịt, mà còn về tinh thần: khiêm nhường trong lòng và điềm đạm trong lời nói; lời Mẹ đầy tràn sự khôn ngoan thiêng liêng; Mẹ hầu như luôn luôn đọc Thánh Kinh và không mệt mỏi trong công việc; Mẹ trong sạch trong các cuộc trò chuyện, nói chuyện với mọi người như thể trước mặt Thiên Chúa; Mẹ chưa bao giờ làm tổn thương ai, luôn mong muốn điều tốt lành cho tất cả mọi người; không khinh thường ai, dù là người nghèo hèn, cũng không chế giễu ai, mà bao trùm mọi điều Người thấy bằng tình yêu của mình; từ miệng Người chưa bao giờ phát ra lời nào không mang lại ân sủng; trong mọi việc làm, Người thể hiện hình ảnh của sự trinh khiết cao cả nhất. Vẻ bề ngoài của Mẹ là sự phản chiếu của sự hoàn hảo bên trong – lòng nhân từ và sự không ác ý.

Thánh Ambrose đã nói như vậy. Chúng ta cũng tìm thấy lời mô tả về sự thánh thiện trong tâm hồn và vẻ bề ngoài của Đức Mẹ nơi Thánh Epiphanius và Thánh Nikiforos:

– Dù trong hoàn cảnh nào, Mẹ cũng luôn giữ được sự trang nghiêm và kiên định đáng kính; Mẹ nói rất ít, chỉ về những điều cần thiết và tốt lành – lời nói của Mẹ ngọt ngào như mật ong; Mẹ đối xử với mọi người bằng sự tôn trọng xứng đáng; Mẹ trò chuyện phù hợp với từng người, không cười cợt, không bực bội, huống chi là nổi giận. Chiều cao của Người ở mức trung bình; màu da như màu hạt lúa mì; mái tóc màu nâu nhạt và hơi ngả vàng; ánh mắt nhanh nhẹn, sắc sảo; đôi mắt có màu giống quả ô liu; lông mày hơi nghiêng, màu sẫm; mũi vừa phải; đôi môi như màu hoa hồng và ngọt ngào; khuôn mặt không hoàn toàn tròn; bàn tay và các ngón tay hơi dài; ở Người không có chút kiêu ngạo nào, mọi thứ đều giản dị, không có chút giả tạo nào; Người xa lánh mọi sự nịnh bợ, đồng thời thể hiện tấm gương khiêm nhường cao nhất. Quần áo của Người rất đơn sơ, không có bất kỳ đồ trang trí nhân tạo nào, như chiếc khăn trùm đầu của Người còn lưu giữ đến ngày nay đã chứng minh – nói tóm lại, trong mọi điều, ân sủng Thần thánh thấm nhuần trong Người đều được thể hiện rõ ràng.

Đó là những gì Nikifor và Epifani kể lại về hình ảnh tâm hồn và thể xác của Đức Mẹ Thiên Chúa trong thời gian Người sống trên trần gian.

Còn về Đức Mẹ Thiên Chúa, Đấng đã ngự trong các cung điện thiên đàng và đứng bên hữu ngai vàng của Thiên Chúa, thì chỉ có các thần linh trên trời và các linh hồn công chính, những người đang hiện diện trước mặt Đức Mẹ và được hưởng ân sủng chiêm ngưỡng cả Thiên Chúa lẫn Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, mới có thể kể lại; chỉ họ mới có thể nói với chúng ta về Ngài, như sự thánh thiện của Ngài đòi hỏi. Còn chúng ta, khi tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi, chúng ta cũng tôn vinh theo Chúa và Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, và chúng ta thành kính thờ lạy Mẹ, Đấng được mọi thế hệ tôn vinh và hạnh phúc muôn đời.

Về những sự kiện riêng biệt trong cuộc đời Đức Mẹ Rất Thánh kể từ ngày Ngài sinh ra, đã được ghi chép trong các ngày lễ đặc biệt dành cho Ngài: ngày thụ thai, ngày sinh, ngày dâng vào Đền Thờ, ngày Truyền Tin, cũng như vào Lễ Giáng Sinh và Lễ Dâng Chúa vào Đền Thờ. Và ở đây, sau khi kể về sự an nghỉ bất tử của Mẹ, để bổ sung cho câu chuyện về cuộc đời Mẹ, chúng ta sẽ kể về nơi và cách sống của Đức Mẹ chúng ta sau khi Chúa Giêsu lên trời.

Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, trong Sách Công Vụ Tông Đồ đã viết rằng, sau khi Chúa lên trời, các môn đệ của Ngài đã trở về Giê-ru-sa-lem từ núi Ô-li-ve; khi vào phòng trên lầu (nơi đã diễn ra Bữa Tiệc Ly của Chúa Kitô), *"tất cả họ đều đồng lòng ở lại cầu nguyện và khẩn nài, cùng với một số phụ nữ và Maria, Mẹ của Chúa Giêsu"* (Công vụ Tông đồ 1:13–14). Sau khi Chúa Giêsu Kitô lên trời, Đức Mẹ là nguồn an ủi duy nhất, niềm vui trong nỗi buồn và là người thầy vững chắc về đức tin cho các môn đệ của Ngài. Vì tất cả những lời nói và những sự kiện kỳ diệu mà Đức Mẹ đã cất giữ trong lòng (Lc 2:19), bắt đầu từ tin mừng hân hoan của Thiên Thần Gabriel về sự thụ thai không qua giao hợp và sự ra đời bất tử của Chúa Kitô từ lòng trinh nữ, cho đến những năm thơ ấu của Chúa và thời gian sống trước khi chịu phép rửa từ Gioan, – tất cả những điều đó, Mẹ đã tiết lộ cho các môn đệ của Con Mẹ; với những mặc khải dồi dào từ Thánh Thần và chính Mẹ là nhân chứng của mọi việc kỳ diệu đã xảy ra

trong cuộc đời Đức Kitô cho đến ngày Chúa hiện ra với thế gian, Đức Mẹ đã củng cố đức tin của các Thánh Tông Đồ bằng lời kể chi tiết về cuộc đời Đấng Cứu Thế trước khi Ngài chịu phép rửa. Tất cả các tín hữu, khi đang ở trong căn phòng trên lầu đã được nhắc đến, không ngừng cầu nguyện, chuẩn bị để đón nhận ân sủng Thánh Thần mà Chúa đã hứa ban từ Chúa Cha. Và vào lúc Thánh Thần ngự xuống – vào ngày thứ 11 sau khi Chúa lên trời, – Thánh Thần ngự xuống trên các Tông đồ dưới hình dạng những lưỡi lửa (Công vụ 2:1–4), Đấng An Ủi do Cha sai đến (Ga 14:16) trước tiên đã ngự trên Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Đấng từ trước đến nay vẫn là đền thờ xứng đáng của Ngài, nơi Ngài luôn ngự cùng không rời. Các ân sủng của Thánh Thần đã tuôn đổ trên Đức Trinh Nữ được chúc phúc dồi dào hơn so với các Thánh Tông Đồ, giống như một bình lớn hơn có thể chứa được nhiều nước hơn, và Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, là bình chứa dồi dào nhất các ân sủng của Thánh Thần, bởi vì Mẹ cao quý hơn các Tông đồ, các tiên tri và tất cả các thánh, như Giáo Hội đã kêu cầu Mẹ: "Quả thật, hỡi Đức Trinh Nữ tinh tuyền, Mẹ cao quý hơn tất cả"; vì thế, Mẹ đã đón nhận các ân sủng của Thánh Thần nhiều hơn tất cả.

Mẹ Thiên Chúa đã sống trong nhà của Thánh Gioan Thần Học, tọa lạc tại nơi cao nhất của Giêrusalem – trên núi Si-ôn: kể từ lúc Chúa nói với Mẹ Ngài từ trên thập giá, chỉ vào môn đệ yêu dấu: *"Này bà! Đây là con trai của bà"*, và nói với môn đệ: *"Đây là mẹ của con"* (Ga 19:26–27), Thánh Gioan đã đón Đức Trinh Nữ Rất Thánh về ở cùng mình và thực sự phụng sự Mẹ như chính mẹ ruột của mình. – Sau khi Đức Thánh Linh ngự xuống, các Thánh Tông Đồ không ngay lập tức đi khắp thế giới để rao giảng Tin Mừng, mà còn ở lại Giê-ru-sa-lem trong một thời gian dài, như được ghi chép trong Sách Công Vụ Các Tông Đồ. Tại đây có kể lại rằng, sau khi giết thánh Tông đồ đầu tiên là Thánh Stephano (Công vụ Tông đồ 7:59–60), đã xảy ra *"một cuộc bách hại lớn đối với Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem; và tất cả, trừ các Tông đồ, đều tản mác đến các nơi khác nhau ở Giu-đê và Sa-ma-ri"* (Công vụ Tông đồ 8:1); các môn đệ của Chúa Kitô, được sức mạnh của Thiên Chúa che chở, đã ở lại Giêrusalem khoảng mười năm, tính từ thời điểm Chúa lên trời cho đến ngày *"vua Hê-rô-đê ra tay chống lại một số người thuộc Hội Thánh để làm hại họ"* (Công vụ 12:1). Thật vậy, trong khoảng thời gian được mô tả, các Thánh Tông Đồ đã tạm thời đi đến các nước khác, như Phê-rô và Gio-an cùng nhau đến Sa-ma-ri (Công vụ 8:14–15), hoặc riêng Phê-rô – đến Lydda, nơi ngài đã chữa lành cho Ê-nê, người bị liệt đã tám năm (Công vụ 9:32–34), và đến Joppa, nơi ngài đã làm sống lại Tabitha, người đã qua đời (Công vụ 9:36–43), Césarée, nơi ngài làm phép rửa cho Cornelius, viên đội trưởng (Chương 10), và Antiôkhia, nơi ngài thành lập tòa giám mục đầu tiên của mình; hoặc như Giacôbê, anh em của Gioan, đã đi đến Tây Ban Nha, nhưng sau đó họ lại trở về Giêrusalem. Vào đầu sứ vụ rao giảng của mình, các Thánh Tông Đồ mong muốn phục vụ, trước hết, cho sự cứu rỗi của dân Israel, đồng thời củng cố Hội Thánh đầu tiên tại Giê-ru-sa-lem, là Mẹ của mọi Hội Thánh, như Thánh Gioan Damascene đã ca ngợi: "Hãy vui mừng, Si-ôn thánh thiện, Mẹ của các Giáo hội, Nơi ngự của Thiên Chúa: vì chính Ngài đã nhận lãnh sự tha thứ tội lỗi đầu tiên"; đồng thời, các ngài mong muốn được gặp Mẹ Thiên Chúa càng thường xuyên càng tốt và học hỏi từ Mẹ. Tôn kính Mẹ như thể là người đại diện của Đấng Kitô, các Thánh Tông Đồ ngắm nhìn khuôn mặt cao quý và vinh hiển của Đức Mẹ như chính khuôn mặt của Đấng Kitô, và khi lắng nghe những lời đầy ân sủng của Đức Trinh Nữ Vĩnh Cửu, họ tràn ngập niềm vui thiêng liêng khôn tả, nhờ sự ngọt ngào trong lời nói của Mẹ mà quên đi nỗi đắng cay của những khổ đau và bất hạnh. Vì vậy, nhiều người đã tin vào Chúa Kitô từ những vùng đất xa xôi đã đến Giêrusalem để được chiêm ngưỡng Đức Mẹ và lắng nghe những lời nói đầy khôn ngoan thánh thiện của Mẹ; rằng danh tiếng về Chúa Kitô và Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội, đã lan tỏa khắp mọi ngõ ngách của vũ trụ, thu hút nhiều người đến Giêrusalem để gặp Đức Trinh Nữ Rất Thánh, điều này được thể hiện rõ ràng trong bức thư của Thánh Ignatius, Người Mang Thiên Chúa, gửi cho Thánh Gioan Thần Học từ Antiôkhia:

– Ở nơi chúng tôi, – ông viết, – có rất nhiều phụ nữ mong muốn được gặp Mẹ của Chúa Giêsu; họ luôn khao khát tìm cơ hội đến với quý vị để viếng thăm Mẹ, áp mặt vào lòng Mẹ – người đã nuôi dưỡng Chúa Giêsu – và được Mẹ tiết lộ một số mầu nhiệm. Ở nơi chúng tôi, Mẹ được tôn vinh như Mẹ Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ, đầy ân sủng và đức hạnh; người ta kể rằng Mẹ luôn vui mừng giữa những gian nan và bách hại, không buồn phiền trước cảnh nghèo khó và thiếu thốn; không những không giận dữ với những kẻ làm tổn thương Mẹ, mà còn ban ơn cho họ; trong những dịp vui mừng, Mẹ hiền lành, nhân từ với người nghèo, giúp đỡ họ hết sức có thể; còn đối với những kẻ thù địch với đức tin của chúng ta, Người đối đầu với sự kiên định: Người là Thầy dạy của đức tin mới của chúng ta và là Người hướng dẫn cho mọi tín hữu trong mọi việc lành; Người đặc biệt yêu thương những người khiêm nhường, và chính Người cũng khiêm nhường với mọi người; tất cả những ai đã thấy Người đều ca ngợi Người. Và Người khiêm nhường biết bao khi các nhà luật pháp Do Thái và các người Pha-ri-si chế nhạo Người! Những người đáng tin cậy đã kể cho chúng ta nghe rằng, nơi Đức Maria, Mẹ của Chúa Giêsu, bản tính con người

dường như, nhờ sự thánh thiện của Người, được kết hợp với bản tính Thiên Thần. Tất cả những điều này khơi dậy trong lòng chúng ta, những người được nghe, một khát khao vô bờ bến được chiêm ngưỡng điều thiên thượng – tôi xin nói như vậy – một phép lạ kỳ diệu và thánh thiêng.

Trong một bức thư khác, chính Thánh Ignatius, Người Mang Thiên Chúa, lại viết cho Thánh Gioan Thần Học:

– Nếu có cơ hội, tôi nghĩ sẽ đến gặp ngài để được chiêm ngưỡng các tín hữu tụ họp tại Giê-ru-sa-lem, và đặc biệt là Mẹ của Chúa Giê-su: người ta nói về Bà rằng Bà là người cao quý, hiền hậu và khiến mọi người đều kinh ngạc, và ai cũng mong muốn được gặp Bà; và ai lại không mong muốn được gặp Đức Trinh Nữ và trò chuyện với Đấng đã sinh ra Thiên Chúa chân thật?

Từ những bức thư này của Thánh Ignatius gửi cho Thánh Gioan Thần Học, ta có thể dễ dàng hiểu được khát khao mãnh liệt đến nhường nào mà các thánh đã hướng tới việc được chiêm ngưỡng Đấng Thánh thiêng liêng đầy ân sủng của Thiên Chúa, Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm, và những ai được ân sủng chiêm ngưỡng Người đều coi mình là những người hạnh phúc nhất. Quả thật, phước cho đôi mắt đã được chiêm ngưỡng Mẹ trong Đức Kitô Đấng Cứu Thế, và phước cho đôi tai đã được nghe từ đôi môi tôn kính của Mẹ những lời mang lại sự sống thiêng liêng!

Họ đã nhận được biết bao niềm vui và ân sủng!

Chính vì thế mà Chúa đã để lại trên trần gian Mẹ Vô Nhiễm của Ngài, để nhờ sự hiện diện, sự hướng dẫn, những lời dạy dỗ và những lời cầu nguyện nồng ấm của Mẹ dâng lên Con và Thiên Chúa, Hội Thánh đang chiến đấu được nhân lên, được củng cố, và lớn mạnh đến mức dám hy sinh mạng sống mình vì Chúa. Mẹ Thiên Chúa đã củng cố mọi người, an ủi mọi người bằng niềm vui về Chúa Thánh Thần và cầu nguyện cho tất cả mọi người. Khi các Thánh Tông Đồ bị giam trong ngục, Đức Mẹ với trái tim tràn đầy thương xót đã cầu nguyện cho các ngài – và Chúa đã sai một Thiên Thần đến với các ngài, người đã mở cửa ngục vào ban đêm và dẫn các ngài ra ngoài (Công Vụ Tông Đồ 5:18–19). Khi Thánh Tông đồ đầu tiên là Thánh Stephano bị dẫn đi chịu tử đạo , Đức Mẹ Thiên Chúa đã đi theo ngài từ xa, và khi Thánh Stephano bị ném đá (Công vụ 7:57–60) tại thung lũng Giô-sa-phát, bên dòng suối Kê-đrôn, Ngài cùng với Thánh Gioan Thần Học đứng từ xa trên một ngọn đồi, từ đó chứng kiến sự ra đi của ngài và sốt sắng cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Chúa củng cố người chịu khổ và đón nhận linh hồn ngài vào tay Ngài. Khi *"Sa-un bách hại Hội Thánh"* (Công vụ 8:3), đuổi bắt các tín hữu, Mẹ Thiên Chúa đã cầu nguyện cho ông trước mặt Chúa với những giọt nước mắt ấm áp đến nỗi đã biến ông từ con sói hung dữ thành con chiên hiền lành, từ kẻ thù thành Tông đồ, từ kẻ bách hại thành môn đệ và thầy dạy của cả vũ trụ. Và Giáo hội sơ khai đã nhận được biết bao ân huệ từ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, như đứa trẻ bú sữa mẹ từ chính người mẹ của mình? Làm sao Giáo hội lại không vớt được ân sủng từ nguồn suối vô tận này? Chính nhờ sự chăm sóc và ảnh hưởng đầy ân sủng của Mẹ mà Giáo hội đã được nuôi dưỡng và trưởng thành đến tuổi trưởng thành – trở nên vững chắc đến nỗi ngay cả cổng địa ngục cũng không thể thắng nổi (Mt 16,18); vì thế chính Đức Mẹ cũng hân hoan, theo lời Đa-vít, như người mẹ vui mừng vì các con cái (Thánh Vịnh 112:9). Ngài thấy rằng con cái Giáo Hội không ngừng gia tăng: ngay từ đầu, nhờ lời rao giảng của Thánh Tông Đồ Phêrô, đã có 3.000 người trở lại (Công Vụ 2:41), sau đó là 5.000 người (Công Vụ 4:4), và rồi ngày càng nhiều hơn nữa. Các Thánh Tông Đồ, khi trở về Giê-ru-sa-lem sau khi rao giảng Tin Mừng, cũng kể cho Đức Mẹ Rất Thánh nghe về sự lan rộng của Giáo Hội Chúa Kitô khắp vũ trụ. Thành công của việc rao giảng Tin Mừng đã làm tràn ngập lòng Mẹ niềm vui thiêng liêng và thúc đẩy Mẹ dâng lời ngợi khen lên Con Mẹ và Thiên Chúa.

Nhưng rồi Giáo Hội phải hứng chịu cuộc bách hại của Hê-rốt: ông đã dùng gươm giết Gia-cô-bê, anh em của Gio-an, người vừa trở về từ Tây Ban Nha, rồi bắt giữ Phê-rô và giam ông vào ngục với ý định giết ông theo cách tương tự (Công Vụ Tông Đồ 12:1–4), sau đó, nhờ phép lạ giải thoát Thánh Phêrô khỏi xiềng xích nhà tù nhờ Thiên Thần, các Tông Đồ cũng phải rời khỏi Giêrusalem để tránh cuộc bách hại dữ dội của người Do Thái; họ tản mác khắp thế giới, bốc thăm để xem ai sẽ đến quốc gia nào để rao giảng. Nhưng trước khi chia tay, các Thánh Tông Đồ đã soạn thảo Kinh Tin Kính để khắp nơi đều rao giảng và củng cố đức tin thánh thiện vào Đức Kitô một cách nhất quán. Mỗi người đều lên đường đến nơi mình được bốc thăm; chỉ còn lại một mình anh em của Thiên Chúa, Thánh Giacôbê, người được chính Chúa bổ nhiệm làm Giám mục Giêrusalem, ở lại Giêrusalem. Để tránh sự bắt bớ, Thánh Gioan Thần Học cũng đã rời đi cùng với Mẹ Thiên Chúa, Đấng đã nhận ngài làm con nuôi: họ rời khỏi Giêrusalem, lánh xa sự bắt bớ và tra tấn tàn bạo, cho đến khi cơn giận của người Do Thái dịu bớt: nhưng để không lãng phí thời gian, Đức Mẹ và Thánh Gioan Tông đồ đã đến Ê-phê-sô, nơi Thánh Gioan đã được chỉ định đến. Thời

gian Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội cùng Thánh Gioan lưu lại tại Ê-phê-sô được xác nhận rõ ràng qua điều sau: có một bức thư gửi cho hàng giáo sĩ Constantinopolis từ các vị cha của Công đồng Đại kết lần thứ ba, được tổ chức tại Ê-phê-sô để chống lại Nestorius; trong bức thư này có đoạn như sau: "Nestorius, kẻ khởi xướng tà thuyết độc ác, đã được các vị Thánh Phụ và các Giám mục của Công đồng tại Ê-phê-sô triệu tập ra xét xử – nơi mà trước đây Thánh Gioan Thần Học và Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, từng ngự trị – nhưng hắn không dám đến trước mặt họ, vì bị lương tâm xấu xa của chính mình lên án và tự tách mình ra khỏi cộng đồng; vì vậy, sau ba lần triệu tập, ông đã bị tòa thánh công bằng của Công đồng kết án và bị tước bỏ chức thánh." Từ những lời này về việc Đức Mẹ cùng với Thánh Gioan Tông đồ ở tại Ê-phê-sô, có thể thấy rằng Đức Trinh Nữ Rất Thánh cùng với môn đệ yêu dấu của Chúa Kitô thực sự đã rời khỏi Giê-ru-sa-lem và ở lại Ê-phê-sô một thời gian. Và không chỉ Ephesus, mà Mẹ Thiên Chúa còn viếng thăm các thành phố và quốc gia khác, những nơi đã được soi sáng bởi ánh sáng giáo lý của Chúa Kitô: truyền thuyết kể rằng Mẹ đã đến Antioch để gặp Thánh Ignatius, Người Mang Thiên Chúa, và trước khi đến, Mẹ đã gửi thông báo về chuyến đi của mình cho ngài: "Con sẽ đến cùng Thánh Gioan để gặp ngài và đoàn chiên của ngài." Người ta cũng kể rằng Đức Mẹ đã đến đảo Síp[5528] thăm Thánh Lazarô, người đã phục vụ chức vụ giám mục tại đó trong bốn ngày, và cũng đã đến núi Athos. Thánh Stefan, một tu sĩ tại núi Athos, đã ghi chép về điều này.

Sau khi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta lên trời, các Thánh Tông Đồ cùng với Đức Mẹ đã ở lại trên núi Si-ôn không rời; tại đây, họ chờ đợi Đấng An Ủi, như Chúa đã truyền dạy, và ra lệnh cho họ không được rời khỏi Giê-ru-sa-lem cho đến khi nhận được Thánh Thần đã hứa (Lc 24,49). Các môn đệ của Chúa Kitô đã bốc thăm để xem ai trong số họ và vùng đất nào sẽ được trao để rao giảng Tin Mừng của Thiên Chúa; Đức Mẹ Maria đã nói:

– Và con cũng muốn tham gia vào việc rao giảng Tin Mừng và mong được cùng các con bốc thăm để nhận được vùng đất mà Thiên Chúa chỉ định.

Theo lời Mẹ Thiên Chúa, các Thánh Tông Đồ đã bốc thăm với lòng kính sợ và tôn kính, và Mẹ đã bốc trúng vùng đất Iveria[5529] . Đức Mẹ Vô Nhiễm đã vui mừng nhận lấy phần đất của mình và ngay lập tức – khi Thánh Thần ngự xuống dưới hình dạng những lưỡi lửa – Người muốn lên đường đến xứ Iveria, nhưng Thiên Thần của Chúa đã nói với Người:

– Bây giờ đừng rời khỏi Giê-ru-sa-lem, nhưng hãy ở lại đây cho đến khi đến thời điểm thích hợp – vùng đất mà Mẹ đã bốc thăm trúng sẽ được soi sáng vào những ngày cuối cùng và quyền cai trị của Mẹ sẽ được củng cố tại đó; sau một thời gian, Mẹ sẽ phải thực hiện công việc rao giảng Tin Mừng trên vùng đất mà Thiên Chúa sẽ dẫn dắt Mẹ đến.

Và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã ở lại Giê-ru-sa-lem trong một thời gian khá dài.

Lazarus, người được rửa tội khi mới bốn ngày tuổi, sống trên đảo Síp; tại đây, ngài được Thánh Tông đồ Barnabas tấn phong làm giám mục. Ngài rất mong được gặp Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội của Chúa chúng ta, Đấng mà ngài đã lâu không gặp, nhưng không dám đến Giê-ru-sa-lem vì sợ người Do Thái. Biết được điều này, Đức Mẹ đã viết thư cho Lazarus: trong thư, Người an ủi ông và ra lệnh cho ông gửi một con tàu đến đón Người, để Người có thể đến thăm ông tại Síp; còn bản thân Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm thì không ra lệnh cho ông phải đến Giê-ru-sa-lem vì Người. Sau khi đọc bức thư, Lazarus vô cùng vui mừng, đồng thời cũng ngạc nhiên trước sự khiêm nhường của Đức Mẹ; không chần chừ chút nào, ông đã cho gửi một con thuyền đến đón Mẹ cùng với bức thư trả lời. Đức Mẹ Thiên Chúa đã lên tàu cùng với Thánh Gioan, môn đệ yêu dấu của Chúa Kitô, và những người khác, những người đã tháp tùng họ với lòng kính trọng, và tất cả cùng ra khơi hướng về đảo Síp. Nhưng một cơn gió ngược bất ngờ nổi lên đã đẩy con tàu vào một bến cảng gần núi Athos; đó chính là công việc rao giảng Tin Mừng ngắn ngủi mà Thiên Thần đã nói với Đức Mẹ. Toàn bộ núi Athos[5530] chật ních các tượng thần: ở đây có một đền thờ lớn và thánh địa của thần Apollon, nơi diễn ra các nghi lễ bói toán, phù thủy và những hành vi ma quỷ khác. Tất cả những người ngoại đạo đều rất tôn kính nơi này, coi đó là nơi được các vị thần chọn lựa; họ từ khắp nơi trên thế gian đổ về đây để thờ phượng, và tại đây họ nhận được câu trả lời từ các nữ bói toán cho những thắc mắc của mình. Và khi con tàu chở Đức Mẹ Thiên Chúa cập bến, tất cả các tượng thần lập tức kêu lên:

[5528] Một hòn đảo ở cực đông bắc của Biển Địa Trung Hải.

[5529] Georgia ngày nay.

[5530] Núi Athos (Athos) – một bán đảo hẹp và đồi núi, nhô ra vào Quần đảo Aegean (Biển Aegean), được biết đến như trung tâm đời sống tu hành của Đông phương Hy Lạp. Đời sống tu hành ở đây xuất hiện từ thời cổ đại, mặc dù muộn hơn một chút so với ở Syria và Palestine.

– Hỡi những ai bị thần Apollon mê hoặc, hãy xuống núi đến bến cảng Climent để đón Đức Mẹ Maria, Mẹ của Đức Chúa Giêsu vĩ đại (như vậy, những quỷ dữ đang bị giam cầm trong các tượng thần, bất chấp ý muốn của chúng, đã bị sức mạnh của Đức Chúa Trời ép buộc phải công bố sự thật, giống như những kẻ từng kêu lên với Chúa tại xứ Gergesen: *'Chúa có liên quan gì đến chúng tôi, hỡi Chúa Giê-su, Con Thiên Chúa? Ngài đã đến đây trước thời hạn để hành hạ chúng tôi'* (Mt 8:29).

Nghe tất cả những điều này, dân chúng kinh ngạc và vội vã chạy ra bờ biển đến bến cảng đã được nhắc đến; khi thấy con thuyền và Mẹ Thiên Chúa, họ đã đón rước Mẹ một cách long trọng và hỏi trong cuộc tụ họp của mình:

– (Bà) đã sinh ra Đức Chúa Trời nào? Và tên Ngài là gì?

Đức Mẹ Thiên Chúa, mở miệng thánh thiêng của Mẹ, đã loan báo cho dân chúng mọi điều chi tiết về Đức Kitô Giêsu. Tất cả đều quỳ xuống đất, thờ lạy Thiên Chúa được sinh ra từ Mẹ và bày tỏ lòng kính trọng sâu sắc đối với Đấng đã sinh ra Ngài; sau khi tin nhận, họ đã chịu phép rửa tội, vì Đức Mẹ đã thực hiện nhiều phép lạ tại nơi đây. Sau khi họ chịu phép rửa tội, Mẹ đã bổ nhiệm một trong những người đi cùng Mẹ trên con tàu làm người lãnh đạo và thầy dạy cho những người mới được khai sáng, rồi với tâm hồn tràn đầy niềm vui, Mẹ nói:

– Nơi này sẽ là phần đất của Ta, được Con và Thiên Chúa của Ta ban cho.

Sau những lời ấy, Đức Mẹ Rất Thánh đã ban phước lành cho mọi người, và lại nói:

– Ơn sủng của Thiên Chúa xin ngự trị nơi này và trên những người sống ở đây, những ai với lòng tin và sự kính sợ Thiên Chúa mà tuân giữ các điều răn của Con và Thiên Chúa của Ta – họ sẽ có đủ mọi thứ cần thiết cho cuộc sống một cách dồi dào mà không phải vất vả; họ sẽ được ban tặng cuộc sống thiên đàng, và cho đến tận cùng thế kỷ, lòng thương xót của Con Ta sẽ không rời bỏ nơi này; Ta sẽ là Đấng Bào Chữa cho nơi này và là Đấng Cầu Thay nồng ấm cho nơi này trước mặt Thiên Chúa.

Nói xong, Đức Mẹ lại ban phước lành cho dân chúng, rồi cùng với Thánh Gioan và những người tháp tùng, Ngài lên thuyền và ra khơi đến đảo Síp. Bà thấy Lazarus đang chìm trong nỗi buồn sâu sắc, vì chuyến đi của Đức Mẹ quá lâu, và ông lo sợ liệu có phải do cơn bão khiến chuyến đi bị trì hoãn hay không: ông không biết những sự kiện đã xảy ra trên núi Athos theo ý định của Thiên Chúa. Với sự hiện diện của Mẹ Thiên Chúa , nỗi buồn của anh đã biến thành niềm vui; như một món quà dành cho anh, Mẹ mang theo chiếc áo choàng và đôi găng tay mà chính Mẹ đã tự tay làm cho anh; Mẹ kể cho anh nghe tất cả những gì đã xảy ra tại Giê-ru-sa-lem và trên núi Athos. Và họ cùng dâng lời tạ ơn Thiên Chúa về mọi sự. Sau khi ở lại Síp không lâu, an ủi các tín hữu của Giáo hội Síp và ban phước lành cho họ, Đức Mẹ đã lên thuyền và ra khơi trở về Giê-ru-sa-lem. (Đến đây là lời của Thánh Stefan, một tu sĩ trên Núi Athos).

Sau khi viếng thăm các quốc gia đã được nhắc đến, Đức Trinh Nữ Maria lại trở về cư ngụ tại Giê-ru-sa-lem trong ngôi nhà của Thánh Gioan Tông đồ; bàn tay quyền năng của Thiên Chúa đã bảo vệ Mẹ khỏi những mưu mô đố kỵ của hội đường giết Chúa, nơi không ngừng thù địch với Con Thiên Chúa và những ai tin vào Ngài. Tất nhiên, những người Do Thái đầy thù hận sẽ không để Mẹ của Chúa Giêsu sống sót và bằng mọi cách sẽ tiêu diệt Mẹ: nhưng sự che chở đặc biệt của Thiên Chúa đã bao phủ Hòm Giao Ước đầy ân sủng, để bàn tay của những kẻ vô tín không thể chạm đến. Ngày xưa, Con của Mẹ, Đấng Christ, Thiên Chúa của chúng ta, sau khi giảng dạy tại hội đường Nazareth, khi những người Do Thái đầy giận dữ dẫn Ngài lên đỉnh núi để từ đó ném Ngài xuống, Ngài đã đi qua giữa họ mà không hề hấn gì: dù người Do Thái đã nhìn thấy Ngài, nhưng họ không thể đặt tay lên hay thậm chí chạm vào Ngài, bởi vì quyền năng của Thiên Chúa đã đẩy họ lùi lại và giữ họ ở tư thế đó, vì thời điểm Con Thiên Chúa phải chịu đau khổ vẫn chưa đến (Lc 4:29–30); Chúa cũng đã tỏ ra điều tương tự đối với Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ, ngăn chặn những mưu đồ của người Do Thái và phá tan kế hoạch của họ chống lại Mẹ: người Do Thái đã nhiều lần cố gắng bắt giữ Mẹ Thiên Chúa, tra tấn và giết hại Mẹ, nhưng họ không thể làm gì được. Giữa sự thù hận và oán hận mãnh liệt như vậy, Đức Trinh Nữ đã sống tại Giê-ru-sa-lem như con chiên giữa bầy sói và như bông hoa huệ giữa bụi gai, thường xuyên lặp lại những lời của tổ phụ Đa-vít, những lời đã thực sự ứng nghiệm trên Mẹ: *"Chúa là ánh sáng và sự cứu rỗi của con: con phải sợ ai? Chúa là pháo đài của đời sống tôi: tôi còn sợ ai nữa? Nếu những kẻ ác, những kẻ thù địch và kẻ thù của tôi xông vào để nuốt chửng xác thịt tôi, thì chính chúng sẽ vấp ngã và ngã xuống. Nếu một đạo quân nổi dậy chống lại tôi, lòng tôi sẽ không run sợ; nếu chiến tranh bùng nổ chống lại tôi, thì lúc đó tôi sẽ đặt niềm tin»* (Thánh Vịnh 26:1–3), vì Ngài, Con và Thiên Chúa của con, đang ở cùng con. – Thánh Dionysius Areopagite, người đã được Thánh Tông Đồ Phaolô dẫn dắt đến với Chúa Kitô tại Athens và luôn đồng hành cùng ngài trong ba năm, đã đến viếng Đức Mẹ Rất Thánh để thờ lạy Mẹ. Ngài khao khát được chiêm ngưỡng Đức Mẹ Thiên Chúa, và vì thế, ba năm sau khi được hoán cải, với sự chúc lành của vị thầy mình là

Thánh Tông đồ Phaolô, ngài đã đến Giêrusalem: khi chiêm ngưỡng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, ngài tràn ngập niềm vui thiêng liêng vô bờ bến. Trong bức thư gửi Thánh Tông đồ Phaolô, Thánh Dionysius Areopagite đã miêu tả chuyến viếng thăm Đức Mẹ như sau:

– Đối với tôi, vị lãnh đạo vĩ đại của chúng ta, điều này là không thể nghi ngờ, – tôi nói trước mặt Thiên Chúa – rằng ngoài Thiên Chúa Tối Cao ra, không thể có gì tồn tại lại tràn đầy quyền năng Thần Thánh và ân sủng kỳ diệu đến thế; tuy nhiên, trí tuệ con người không thể nào thấu hiểu được rằng tôi đã được chiêm ngưỡng Đức Mẹ chí thánh của Chúa Giêsu Kitô, Đấng có dung nhan cao quý và thánh thiện vượt trội hơn tất cả các Thiên Thần trên trời; điều này là nhờ ân sủng của Thiên Chúa và vinh dự của chức vụ Tông đồ, cũng như lòng nhân từ và lòng thương xót khôn lường của chính Đức Trinh Nữ đầy lòng thương xót. Tôi lại một lần nữa tuyên xưng trước quyền năng vô biên của Thiên Chúa, trước ân sủng của Đấng Cứu Thế và trước vinh quang vĩ đại của Đức Trinh Nữ, Mẹ của Ngài, rằng khi tôi cùng với Gioan, người đứng đầu trong số các tác giả Tin Mừng và các ngôn sứ, người dù còn sống trong thân xác nhưng tỏa sáng như mặt trời trên trời, được dẫn vào trước mặt Đức Trinh Nữ xinh đẹp và Vô Nhiễm, thì tôi đã được bao phủ từ bên ngoài bởi một ánh sáng Thần Thánh vĩ đại, chiếu sáng linh hồn tôi; cùng lúc đó, tôi cảm nhận được một hương thơm kỳ diệu đến nỗi linh hồn và thân xác tôi hầu như không thể chịu đựng nổi sự tỏa sáng vinh quang ấy và sự báo trước của hạnh phúc vĩnh cửu; trái tim và linh hồn tôi đã kiệt sức trước vinh quang và ân sủng thiêng liêng của Mẹ. Tôi làm chứng trước Thiên Chúa, Đấng đã ngự trong lòng trinh nữ cao quý nhất, rằng tôi đã công nhận Mẹ là Thiên Chúa chân thật và sẽ tôn kính Mẹ bằng sự thờ phượng chỉ dành riêng cho một Thiên Chúa duy nhất, nếu như linh hồn mới được soi sáng của tôi không còn lưu giữ trong mình những lời dạy và luật lệ thiêng liêng của Ngài: không có vinh quang hay danh dự nào của những người được Thiên Chúa tôn vinh có thể sánh được với niềm hạnh phúc mà tôi, kẻ không xứng đáng, đã được ban cho vào thời điểm đó; thời khắc ấy đối với tôi là thời khắc của niềm hạnh phúc tột cùng. Tôi tạ ơn Thiên Chúa tối cao và vô cùng thánh thiện của tôi, Đức Trinh Nữ Thần Thánh, Thánh Gioan vĩ đại trong số các Tông Đồ, cũng như ngài, niềm vinh quang của Giáo Hội và vị thủ lĩnh bất khả chiến bại, những Đấng đã nhân từ ban cho tôi ân huệ vĩ đại đến thế.

Từ bức thư này của Thánh Dionysius Areopagita, chúng ta thấy rõ rằng khuôn mặt của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội của chúng ta đã được chiếu sáng bởi ân sủng thần thánh như thế nào trong suốt cuộc đời của Mẹ trên trần gian, và – linh hồn của những người đã được chiêm ngưỡng Mẹ trong thân xác đã được soi sáng ra sao, cũng như trái tim họ tràn ngập niềm vui thiêng liêng đến mức nào. Những người mới được khai sáng, cả nam lẫn nữ, đã đổ về với Mẹ từ khắp nơi và với số lượng đông đảo; như một người Mẹ đích thực, Ngài đón nhận tất cả mọi người một cách bình đẳng mà không phân biệt đối xử, ban phát ân sủng của Ngài một cách hào phóng cho tất cả – mang lại sự chữa lành cho những người đau khổ, sức khỏe cho những người yếu đuối, sự an ủi cho những người buồn bã, và cho tất cả mọi người, không trừ ai, sự vững vàng trong đức tin, sự kiên định trong hy vọng và niềm vui thiêng liêng trong tình yêu, còn đối với những người tội lỗi thì mang lại sự cải thiện.

Trong thời gian sống tại nhà Thánh Gioan, Đức Trinh Nữ Rất Thánh thường viếng thăm những nơi mà Con Yêu Dấu của Mẹ và là Thiên Chúa đã thánh hóa bằng bước chân và bằng máu của Ngài. Như vậy, Mẹ đã viếng thăm Bê-lem, nơi Mẹ đã giữ trinh khiết một cách không thể tả xiết, và từ Mẹ, Đức Kitô, Thiên Chúa, đã ra đời; nhưng đặc biệt, Mẹ Thiên Chúa thường xuyên đến những nơi mà Chúa chúng ta đã chịu đau khổ theo ý muốn của Ngài. Tình yêu của người Mẹ đã thúc đẩy Mẹ tuôn rơi những giọt nước mắt dạt dào tại đó, và Mẹ đã nói:

– Tại đây, Con yêu dấu của Mẹ đã bị đánh đòn, tại đây Ngài đã đội vương miện gai, tại đây Ngài đã vác thập giá, tại đây Ngài đã bị đóng đinh.

Còn bên quan tài, Đức Mẹ tràn ngập niềm vui khôn tả và thốt lên trong những giọt nước mắt hân hoan:

– Và tại đây, Ngài đã được an táng, và vào ngày thứ ba, Ngài đã sống lại trong vinh quang.

Ngoài ra, còn có lời kể như sau. Một số kẻ thù ghét trong số người Do Thái đã tọc mạch với các thượng tế và các kinh sư rằng Maria, Mẹ của Chúa Giêsu, mỗi ngày đều đến Golgotha và trước quan tài nơi Con của Bà là Chúa Giêsu đã được an táng, Bà quỳ gối, khóc lóc và thắp hương; khi đó, họ đã bố trí lính canh để không cho bất kỳ tín hữu Kitô giáo nào đi qua nơi này. Từ đây, chúng ta thấy rằng ngay từ thời đó, phong tục đạo đức của các tín hữu Kitô giáo là viếng thăm các thánh địa và thờ lạy Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng đã chịu khổ nạn vì chúng ta theo ý muốn của Ngài, đã bắt đầu: chính Đức Mẹ Maria đã nêu gương đầu tiên về điều này, và các thánh nữ cũng như các thánh nam khác đã noi gương Ngài. Vậy nên, các thượng tế và các kinh sư, đầy dẫy sự thù hận và ý định giết chóc, đã bố trí một đội canh gác, được lệnh không cho ai đến gần quan tài của Chúa Giêsu, và phải giết Mẹ Ngài. Nhưng Thiên Chúa đã làm mù mắt các lính canh, khiến họ không thể nhìn thấy Mẹ Ngài đến bên quan tài của Chúa Giêsu.

Và khi Đức Trinh Nữ vô cùng thánh thiện, theo thói quen thường lệ của Mẹ, đến bên mộ, lính canh không thể nhìn thấy cả Mẹ lẫn những người đi cùng Mẹ. Sau một thời gian dài, họ rời khỏi mộ và thề thốt với các thượng tế và các kinh sư rằng họ không thấy ai đến bên mộ Chúa Giêsu cả. Đức Mẹ cũng thường lên Núi Ô-li-ve, nơi Chúa chúng ta đã thăng thiên: quỳ gối xuống, Mẹ hôn lên dấu chân của Chúa Kitô còn in trên đá. Trong lúc đó, Đức Mẹ đã cầu nguyện với những giọt nước mắt tuôn trào, xin Chúa cũng đón Mẹ về với Ngài: tất nhiên, Bà còn *khao khát "được giải thoát và ở cùng Chúa Kitô"* (Pl 1,23) hơn Thánh Tông Đồ Phaolô gấp bội, và thường lặp lại lời của Thánh Đavít: *"Khi nào tôi được đến và hiện diện trước mặt Thiên Chúa! Nước mắt của con là bánh của con ngày đêm"* (Tv 41,3–4), khi nào con sẽ được thấy Con yêu dấu của con? Khi nào con sẽ đến với Ngài? Đấng đang ngự bên hữu Thiên Chúa Cha? (Mc 16,19) Khi nào con sẽ được đứng trước ngai vinh quang của Ngài? Khi nào con sẽ được no nê khi chiêm ngưỡng dung nhan Ngài? Ôi Con yêu dấu và Đức Chúa Trời của con! Đã đến lúc thương xót Si-ôn (xem Thi Thiên 50:20), – đã đến lúc thương xót con, Mẹ của Ngài, người cho đến nay vẫn đang đau khổ vì không được nhìn thấy dung nhan Ngài, trong thung lũng buồn bã của thế gian này; xin giải thoát linh hồn con khỏi thân xác, như thoát khỏi ngục tối; như con nai khát khao suối nước, linh hồn con cũng khao khát Ngài, lạy Thiên Chúa, để được hưởng niềm vui khi vinh quang của Ngài hiện ra trước mặt con (Tv 41,2). Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm đôi khi ở lại trên Núi Ô-li-ve khá lâu: dưới chân núi có vườn Ghết-sê-ma-ni và một khu đất nhỏ của Xê-đê-a, được truyền lại cho Thánh Gio-an Thần Học. Trong vườn Ghết-sê-ma-ni, Chúa chúng ta, trước cơn đau khổ tự nguyện của Ngài, đã cầu nguyện đến mức mồ hôi như giọt máu, quỳ gối và úp mặt xuống trước Cha trên trời (Mt 26:36–44). Chính tại nơi này, Mẹ Thiên Chúa cũng đã dâng lên những lời cầu nguyện nồng nhiệt, cũng quỳ gối và cúi mặt xuống, để nước mắt tuôn tràn trên mặt đất; chính tại đây, Mẹ đã được Chúa an ủi qua vị Thiên Thần của Mẹ, người đã báo cho Mẹ biết về sự về trời sắp tới của Mẹ. Theo lời chứng của Georgy Kedrin, một nhà sử học người Hy Lạp, trước khi qua đời, Đức Mẹ đã được Thiên Thần hiện ra hai lần: lần đầu tiên là mười lăm ngày trước khi Ngài về trời, và lần thứ hai là ba ngày trước; từ Thiên Thần, Mẹ Thiên Chúa đã nhận được một cành chà là từ thiên đàng, mà Thánh Tông Đồ và Thánh Tác Giả Tin Mừng Gioan Thần Học đã mang đến bên giường của Mẹ. Một số người, chẳng hạn như Giám mục Meliton của Sardis, cho biết rằng môn đệ yêu dấu của Chúa Kitô đã lui về Ephesus trước khi Đức Mẹ qua đời, và từ đó, giống như các Tông đồ khác, nhưng sớm hơn họ, ngài đã được một đám mây rước lên và đưa đến nơi an táng của Đức Mẹ. Tuy nhiên, những người khác, chẳng hạn như Metaphrastus và Sophronius, khẳng định một cách dứt khoát rằng Thánh Gioan Thần Học chưa bao giờ rời xa Mẹ Thiên Chúa đầy ân sủng, Đấng đã nhận ngài làm con nuôi, nhưng với tư cách là một người con đích thực, ngài đã phụng sự Mẹ, cưu mang Mẹ trong nhà mình cho đến tận lúc Mẹ qua đời. Chỉ thỉnh thoảng, trong một khoảng thời gian rất ngắn, ngài mới ghé thăm các vùng lân cận (như đã thấy ở trên trong Sách Công Vụ Các Tông Đồ : Thánh Gioan Thần Học cùng với Thánh Phêrô Tông Đồ đã có mặt tại Samaria), nhưng ngài làm điều đó với sự đồng ý và sự chúc lành của chính Đức Mẹ, và ngay lập tức trở về với Mẹ tại Giêrusalem; và trước khi ngài trở về, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội được Thánh Giacôbê, anh em của Chúa, phụng sự – ngài chưa bao giờ rời khỏi giáo phận của mình là Giêrusalem. Nếu chúng ta đồng ý với những người cho rằng Thánh Gioan Thần Học, cũng như các Thánh Tông Đồ khác, đã được rước lên trời bằng một đám mây, thì chắc chắn là từ vùng đất gần Giêrusalem nhất.

Lễ kỷ niệm long trọng ngày Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời vào ngày 15 tháng 8 được thiết lập dưới triều đại của Vua Mauritius, vị vua Hy Lạp đạo đức[5531] . – Trong niềm hân hoan mừng lễ Đức Mẹ được rước lên trời, chúng

[5531] Có một truyền thuyết đáng tin cậy kể rằng, dựa trên truyền thống, Juvenal đã khẳng định trước Hoàng đế Marcian (450–457) tính xác thực của những câu chuyện lan truyền vào thời đó về sự thăng thiên kỳ diệu của Đức Mẹ với thân xác lên trời. Ông thậm chí còn gửi đến Constantinople những tấm vải liệm của Đức Mẹ, mà Hoàng hậu Pulcheria đã đặt trong nhà thờ Đức Mẹ do bà xây dựng tại Vlacherna vào đầu triều đại của Hoàng đế Marcian. Truyền thuyết về Juvenal này được ghi chép vào ngày 2 tháng 7 trong cuốn Lịch tháng của Basil thế kỷ X; tác giả của cuốn sách này, dù không phải chính hoàng đế thì cũng là một cư dân của Constantinople, chắc chắn đã biết về những tấm vải liệm tại nhà thờ Vlacherna dựa trên các nguồn tin đáng tin cậy. Nhà sử học Nikiforos Kallistos (thế kỷ XIV) đã đề cập chi tiết về điều này. Từ đó có thể thấy rõ rằng tại Constantinopolis dưới triều đại của Marcian và Pulcheria, lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời đã được cử hành, điều này được minh chứng rõ ràng qua những tấm vải liệm của Mẹ. Qua các đoạn thơ mở đầu, có thể thấy rằng lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời được cử hành tại nhà thờ Vlacherna. Thật khó tưởng tượng rằng tại Constantinopolis – thành phố được Hoàng đế Constantine Đại đế giao phó cho sự che chở của Đức Mẹ, nơi chính Constantine đã xây dựng không chỉ một mà nhiều nhà thờ dành cho Mẹ, cùng ba nhà thờ do Pulcheria xây dựng – lại không có lễ kỷ niệm Lễ Lên Trời của Đức Trinh Nữ Rất Thánh vào thế kỷ IV hoặc ít nhất là thế kỷ V, khi các ngày lễ của nhiều vị thánh khác đều được cử hành. Vì vậy, quan điểm dựa trên lời chứng của nhà sử học Nikiforos, cho rằng lễ Lên Trời được Hoàng đế Mauricius (592–602) thiết lập lần đầu tiên, là không công bằng. Nikiforos viết: "Hoàng đế (Justinian) đã quy định rằng Lễ Hiển Linh phải được tôn vinh như một ngày lễ trên toàn thế giới; Justin cũng làm điều tương tự đối với Lễ Giáng Sinh của

ta hãy dâng vinh quang lên Đấng được sinh ra từ Mẹ và Đấng đã đón nhận Mẹ lên trời trong vinh quang – đó là Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Trong ngày sinh, Ngài đã giữ trọn sự trinh khiết; trong ngày an nghỉ, Ngài không bỏ rơi thế gian, hỡi Đức Mẹ: Ngài đã về với sự sống, là Mẹ của Sự Sống, và nhờ những lời cầu nguyện của Ngài, linh hồn chúng con được giải thoát khỏi sự chết.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Đức Mẹ luôn không ngừng cầu nguyện, và là niềm hy vọng vững chắc trong sự cầu thay, nấm mồ và sự chết không thể giữ được Mẹ lại: vì Mẹ của Sự Sống đã trở về với Sự Sống, Đấng ngự trong lòng Mẹ, Đấng luôn trinh khiết.

Ngày 29 tháng 8

Ngày 16 tháng 8 (theo lịch cũ)

Chúa Kitô, và không lâu sau đó, Mauricius đã ra lệnh rằng Lễ Lên Trời của Đức Mẹ phải được cử hành vào ngày 15 tháng 8". Cần hiểu lời của Nikifor như sau: Mauritius đã làm cho ngày lễ này trở nên long trọng hơn và, quan trọng nhất, đã ấn định một ngày cụ thể để cử hành – ngày 15 tháng 8. Trước thời điểm đó, một số người vẫn cử hành Lễ Lên Trời vào tháng Giêng: trong Sách Tử đạo La Mã cổ đại của Thánh Giê-rô-ni-mô, Lễ Lên Trời của Đức Mẹ được ghi là ngày 18 tháng Giêng, còn ngày 15 tháng 8 là ngày Đức Mẹ được rước lên trời. Grigorius của Tours (qua đời năm 594) cho biết rằng sự lên trời vinh quang của Đức Mẹ tại Pháp được cử hành vào tháng thứ 11, tức là vào tháng Giêng (tính từ tháng Ba). Trong các tài liệu Coptic và Abyssinian, ngày 16 tháng 1 được ghi là Lễ Lên Trời của Đức Mẹ, còn ngày 16 tháng 8 là Lễ Thăng Thiên của Đức Mẹ. Sau đó, lễ Lên Trời được ghi trong Sách Bí tích của Giáo hoàng Gelasius I (492–496), sớm hơn cả một thế kỷ so với thời Hoàng đế Mauritius. Lễ này đã xuất hiện vào thế kỷ IV và không muộn hơn thế kỷ V trong một lịch La Mã vào ngày 16 tháng 8; và người ta biết rằng các lễ trọng khác, ngoại trừ Lễ Giáng Sinh, đã du nhập từ Phương Đông sang Phương Tây, như có thể thấy qua tên gọi của chúng trong các lịch cổ; điều tương tự cũng phải được áp dụng cho Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Tại phương Đông, vào đầu thế kỷ VII, Đức Thượng phụ Modestus của Jerusalem (qua đời năm 634) đã giảng về lễ này; cũng trong thế kỷ đó hoặc vào đầu thế kỷ VIII, Thánh Andrew của Crete (qua đời năm 712) đã đề cập trong ba bài giảng về Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời đến việc cử hành long trọng ngày này. Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời được ghi chép trong cuốn Phúc Âm Lễ Hội cổ xưa nhất còn lưu truyền đến ngày nay, được biên soạn năm 715, cũng như trong tất cả các tài liệu lịch phụng vụ khác của thế kỷ VIII và các thế kỷ sau đó. "Không còn nghi ngờ gì nữa," – nhà thánh học nổi tiếng Sergius, Giám mục Vladimir, lập luận dựa trên những suy luận nêu trên – "niềm tin của các Kitô hữu vào việc Đức Mẹ lên trời trong thân xác vinh hiển là chân thật. Nếu Ê-nô-cơ từ thời tiền Đại Hồng Thủy và tiên tri Ê-li từ thời Cựu Ước đã được rước lên trời cùng với thân xác, thì làm sao thân xác vô nhiễm của Đấng Cao Quý hơn cả các Thiên Thần Hê-ru-vi và vinh quang hơn cả các Thiên Thần Sê-ra-phi lại phải chịu sự hư nát? Đám đông các vị tử đạo và các vị tu hành được tôn vinh nhờ các di cốt thơm ngát không hư nát, tuôn trào dòng suối chữa lành; thân xác của nhiều người trong số họ, những người trước đây vô danh, sau một thời gian dài nằm trong đất, đã được các tín hữu phát hiện nhờ những thị kiến và phép lạ, vậy mà thân xác vô nhiễm của Đức Mẹ, dù không hư nát, lại bị chôn giấu đâu đó trong đất mà không ai biết? Không có một mảnh thi hài nào của Đức Mẹ ở bất kỳ nơi nào trong thế giới Kitô giáo; điều này là bởi vì niềm tin vào việc Đức Mẹ được rước lên trời cùng với thân xác vô nhiễm đã có từ rất lâu đời, cùng thời với các Tông đồ và các vị Tử đạo. Dây lưng của Đức Mẹ, những bộ áo thánh của Người được trưng bày để thế giới Kitô giáo tôn kính; được bảo quản với lòng tôn kính, được phân chia thành nhiều phần trên khắp mặt đất, chúng đã và đang thực hiện những phép lạ. Vô số bức tượng thánh của Người khắp nơi ban phát biết bao phép chữa lành và dấu lạ; còn thân thể thánh thiêng của Người thì không ai biết đang ở đâu dưới lòng đất. Không, điều đó là không thể! Xác thánh của các vị tử đạo được tôn vinh, theo thời gian, đôi khi phải chịu chung số phận trần thế do tội lỗi của những người sống trên đất: hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sự sỉ nhục từ bọn man rợ. Điều này không xảy ra đối với thi hài vô nhiễm của Đức Mẹ; thi hài ấy không bị bỏ mặc trước những biến đổi ngẫu nhiên của thế giới phù du, nhưng cũng không bị hạ thấp so với thi hài các thánh bởi việc chôn cất vô danh dưới lòng đất; thi hài ấy được tôn vinh cao hơn họ vô cùng nhờ sự thăng thiên vinh quang lên trời". (Lịch Thánh đầy đủ của Phương Đông, tập II. Phương Đông Thánh, của Đức Tổng Giám mục Sergius. Vladimir, năm 1901. Ngày 15 tháng 8, tr. 323–326).

Lễ rước bức tượng không do tay người tạo ra của Chúa Giêsu Kitô từ Edessa về Constantinople

Ngày kỷ niệm 16 tháng 8

Vào những ngày Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta hiện thân trên đất, khi Ngài sống giữa loài người và đi khắp các thành phố và làng mạc của Giu-đê cùng các vùng lân cận để rao giảng về Nước Trời, *«"chữa lành mọi bệnh tật và mọi vết thương cho dân chúng"*, tại Edessa, một thành phố của Syria nằm bên kia sông Euphrates, có vị hoàng tử Avgar đang sinh sống. Ông mắc phải một căn bệnh nan y – bệnh phong: bên ngoài cơ thể ông phủ đầy những vết loét màu xanh xám; bên trong, ông cảm thấy xương khớp đau nhức và toàn thân yếu ớt. Tin tức[5532] về Chúa Giê-su Ki-tô và những phép lạ vĩ đại mà Ngài thực hiện – như cách Ngài dùng lời nói để chữa lành bệnh phong, chứng liệt và mọi bệnh tật – đã đến tai Avgar; và Avgar rất mong muốn được tận mắt chứng kiến Đấng Tạo Hóa của những phép lạ ấy, hy vọng chính mình cũng sẽ được Ngài chữa lành. Vì hoàng tử không thể tự mình đến xứ Giu-đê, nên ngài đã gửi lời thỉnh cầu đến Chúa Giê-su, khẩn khoản xin Ngài đến gặp ngài tại Ê-đê-sa. Tuy không chắc chắn rằng lời thỉnh cầu sẽ được đáp ứng, Avgar đã cử họa sĩ tài ba Ananias đến Palestine, giao phó cho ông vẽ khuôn mặt của Chúa trên một bức thánh tượng; hoàng tử mong muốn có được ít nhất niềm an ủi trong cơn bệnh của mình, đó là được chiêm ngưỡng hình ảnh khuôn mặt của Chúa Giêsu Kitô; tình yêu của ông dành cho Chúa Kitô, được khơi dậy bởi đức tin dựa trên những gì nghe được, thật sự rất lớn lao. Thư của Avgar gửi đến Chúa Giê-su có nội dung như sau: "Avgar, hoàng tử thành Edessa, kính gửi Chúa Giê-su, Đấng Cứu Thế nhân từ đã hiện ra tại vùng đất Giê-ru-sa-lem, Đấng hân hoan trong thân xác.

Tin đồn về Ngài và những phép lạ vinh quang của Ngài đã đến tai tôi, rằng Ngài chữa lành bệnh tật mà không cần thuốc men hay phương pháp y học – Ngài ban cho người mù được sáng mắt, cho người què đi lại được, xua đuổi các linh hồn ô uế khỏi con người, thanh tẩy những người bị hủi, những người bị liệt đã nằm trên giường nhiều năm, chữa lành bằng lời nói và làm cho người chết sống lại: khi nghe về Ngài, rằng Ngài thực hiện những phép lạ kỳ diệu đến thế, tôi đã đi đến hai kết luận như sau về Ngài: Hoặc Ngài là Đức Chúa Trời đã từ trời xuống, hoặc là Con Đức Chúa Trời. Vì vậy, tôi mới kính cẩn cầu xin Ngài, xin Ngài hãy bớt phiền đến với tôi và chữa lành căn bệnh nan y mà tôi đã phải chịu đựng suốt nhiều năm qua; tôi cũng nghe nói rằng người Do Thái ghét Ngài và muốn gây hại cho Ngài. Còn tôi thì có một thành phố, dù nhỏ nhưng xinh đẹp và trù phú; vậy xin Ngài hãy đến với tôi và sống cùng tôi trong thành phố của tôi, nơi mà cả hai chúng ta sẽ có đủ mọi thứ cần thiết".

Với bức thư này của Avgar, họa sĩ Anania đã đến được Giê-ru-sa-lem. Ông thấy Chúa Giê-su đang giảng dạy trên đồng bằng giữa đám đông, nhưng không thể đến gần Ngài vì chật chội do đám đông chen chúc. Trong lúc chờ đợi đám đông tan rã, Anania bước lên một tảng đá nhô cao hơn mặt đất một chút; từ đó, ông chăm chú quan sát khuôn mặt của Đấng Cứu Thế, với ý định vẽ lại hình ảnh Ngài; nhưng Anania không thể làm được điều đó, vì Đấng Toàn Tri, không ưng thuận ý định của họa sĩ, đã biến đổi khuôn mặt Ngài bằng vinh quang và ân sủng thiêng liêng, huyền bí, không thể diễn tả bằng bàn tay con người. Anania đã nỗ lực rất lâu, nhưng không đạt được kết quả gì. Còn Chúa thì ra lệnh cho Tông đồ Phô-ma đi và dẫn người đàn ông ấy đến, người đang đứng trên tảng đá và vẽ khuôn mặt của Ngài. Khi người ấy được dẫn đến và chưa kịp nói gì, Chúa đã gọi tên người ấy lại gần và, chỉ vào công việc của người ấy, gọi người ấy là họa sĩ Ananias, rồi tiết lộ lý do người ấy đến đây, nói rằng:

– Thư của hoàng tử Avgar, người mà ngươi đã mang từ Edessa đến cho Ta, ở đâu?

Ananias, vừa ngạc nhiên vừa kinh hãi trước sự thấu suốt của Chúa, lập tức lấy bức thư của vị hoàng tử ra và run rẩy trao nó vào tay Đấng Cứu Thế. Chúa, sau khi đọc bức thư, đã viết cho Avgar như sau:

[5532] Câu chuyện đầu tiên về mối quan hệ giữa Chúa Kitô và Avgar được ghi lại bởi nhà sử học Giáo hội Eusebius Pamphilus (qua đời năm 340); theo chính lời ông, ông đã đưa câu chuyện này vào tác phẩm lịch sử của mình, không chỉ dựa trên truyền thuyết mà còn dựa trên các tài liệu văn bản mà ông tìm thấy trong kho lưu trữ tại Edessa. Tiếp theo Eusebius là Ephrem the Syrian từ thế kỷ IV, nhà sử học Armenia Moses of Khoren từ thế kỷ V và Procopius từ thế kỷ VI. Nhà sử học Armenia thế kỷ V, Moses of Khoren, mô tả sự kiện nhờ đó Avgar đã nghe nói về Chúa Giêsu Kitô, cụ thể là: Avgar biết về Đấng Christ qua các sứ giả của mình, những người mà ông đã cử đến gặp quan tribune La Mã, người cai quản Phoenicia, Palestine, Syria và Mesopotamia – trên đường trở về, các sứ giả đã ghé qua Jerusalem và tại đây họ đã chứng kiến những phép lạ của Đấng Cứu Thế. Nhà văn thế kỷ X Constantine Porphyrogenitus (mất năm 959), người có bản tường thuật chi tiết nhất về nguồn gốc của Hình ảnh Không do Tay Người Tạo Ra, cho biết rằng Avgar được người hầu của mình là Ananias, người vừa trở về từ chuyến đi đến Ai Cập, báo tin về Chúa Kitô.

"Phúc cho ngươi, Avgar, người chưa từng thấy Ta mà đã tin vào Ta, vì đã có lời chép về Ta rằng: những ai thấy Ta thì không có đức tin, còn những ai không thấy Ta thì sẽ tin vào Ta và được hưởng sự sống đời đời. Ngươi viết thư cho Ta để xin Ta đến với ngươi, nhưng Ta phải hoàn thành sứ mệnh mà Ta được sai đến, và sau khi hoàn thành, Ta sẽ trở về với Cha, Đấng đã sai Ta. Và khi Ta được đưa lên cùng Ngài, thì Ta sẽ sai một trong các môn đệ của Ta đến với ngươi; người ấy sẽ chữa lành hoàn toàn bệnh tật của ngươi, và ban cho ngươi cùng những người ở với ngươi sự sống đời đời (qua phép rửa tội)".

Sau khi viết bức thư này cho Avgar, Chúa Giê-su Ki-tô đã đóng dấu lên đó, trên con dấu có dòng chữ bằng chữ Do Thái như sau: "Sự hiện thấy của Đức Chúa Trời, phép lạ thiêng liêng." Sau đó, Chúa, để đáp ứng mong muốn của Avgar và họa sĩ, đã ra lệnh mang nước đến; Ngài rửa khuôn mặt thánh thiêng của Ngài, rồi lau khô bằng chiếc khăn bốn góc được dâng lên. Và ôi, phép lạ! Nước thường đã biến thành màu, và trên chiếc khăn đã in lên hình ảnh thánh thiêng của khuôn mặt Thiên Chúa. Khi trao bức tranh này cho Ananias cùng với lá thư, Chúa đã phán:

– Hãy mang đi, trao lại cho người đã sai ngươi. (Đó là những ngày cuối cùng của cuộc đời Chúa trên trần gian trước khi Ngài chịu khổ nạn[5533] .

Và Ananias đã trở về[5534] Edessa gặp vị vua của mình và trao cho ngài hình ảnh không do tay người tạo ra trên tấm vải lụa của khuôn mặt Chúa Kitô cùng với bức thư. Khi nhận lấy những thứ đó, Avgar tràn ngập niềm vui và hôn chúng với tình yêu thương; sau khi cúi đầu thờ lạy hình ảnh Chúa Kitô, ông lập tức được chữa lành bệnh tật, đến nỗi chỉ còn lại một phần nhỏ bệnh phong trên khuôn mặt ông cho đến khi môn đệ do Chúa sai đến gặp ông.

Sau khi Chúa chịu khổ nạn, phục sinh và thăng thiên, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, Thánh Taddêô, một trong bảy mươi Tông đồ, đã đến Ê-đê-sa: sau khi đã hướng dẫn Avgar một cách đầy đủ về đức tin thánh thiện nơi Đấng Kitô, Thánh Phaddeus đã làm phép rửa cho vị hoàng tử; và khi Avgar bước vào bể rửa thánh và được rửa tội, phần bệnh phong còn lại lập tức biến mất, và ông bước ra khỏi bể rửa với thân xác và linh hồn hoàn toàn trong sạch, khỏe mạnh. Cùng với Avgar, cả gia đình ông và toàn thành phố đều được rửa tội, và danh Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa duy nhất và chân thật, được tôn vinh tại Edessa. Tại cổng thành Edessa, từ xưa đã có một tượng thần ngoại đạo nào đó được đặt ở đó, và bất cứ ai bước vào thành đều phải dâng lễ thờ phượng cho nó. Avgar đã lật đổ tượng

---

[5533] Có những ý kiến phản đối tính xác thực của các bức thư của Avgar gửi cho Chúa Giêsu Kitô và của Chúa Giêsu Kitô gửi cho Avgar. Người ta nói: 1) Phúc Âm không đề cập đến sự kiện này. Nhưng trong Phúc Âm có chép: *"Chúa Giê-su đã làm nhiều phép lạ khác trước mặt các môn đệ Ngài, mà không được ghi chép trong sách này"* (Giăng 20:30). Theo Phúc Âm, tin tức về Chúa Giê-su Kitô đã lan truyền đến Sy-ri và từ đó người ta đưa những người bệnh đến với Ngài (Ma-thi-ơ 4:24). 2) Các tác giả trong ba thế kỷ đầu tiên trước thời Eusebius không đề cập đến điều này. Tuy nhiên, đây cũng là một bằng chứng phủ định, giống như bằng chứng đầu tiên. Tác phẩm "Cộng hòa" của Cicero chỉ được phát hiện vào năm 1822; thật đáng ngạc nhiên là các nhà văn Hy Lạp phương Đông lại không biết về bức thư này, trong khi nhiều tác phẩm của chính họ đã bị thất lạc. Tuy nhiên, trong tác phẩm của Georgius Syncellus, ghi chép vào năm 215 sau Công nguyên, có đề cập rằng Julius người Phi đã nói về Avgar, vị vua thánh nhân tại Edessa; điều này cũng được đề cập trong tác phẩm của Moses of Khoren (thế kỷ 5, quyển 2, chương 9). 3) Thánh Giê-rô-ni-mô không đề cập đến điều này. Nhưng Eusebius lại ủng hộ quan điểm của Giê-rô-ni-mô. Chính ông đã tận mắt chứng kiến những văn bản này và công bố chúng bằng tiếng Hy Lạp trong tác phẩm Lịch sử Giáo hội của mình. 4) Thánh Au-gút-tinh cho rằng Chúa Giê-su Ki-tô không viết bất cứ điều gì. Ngài nói điều này trong cuộc tranh luận với những người Maniche, những người dựa vào các tác phẩm được cho là do chính Chúa Kitô viết về chính Ngài, và nói chung, ngài muốn nói rằng Chúa Giêsu Kitô không trình bày và cũng không có ý định trình bày bằng văn bản những giáo lý về chính Ngài; tuy nhiên, điều này không thể áp dụng cho bức thư ngắn của Chúa Giêsu Kitô gửi cho Avgar. Chúa Giê-su đã quỳ xuống trước mặt các người Pha-ri-si khi họ dẫn một người phụ nữ tội lỗi đến trước mặt Ngài. 5) Trong bức thư của Chúa Giê-su có đề cập đến Gioan (XX, 29). Không phải về Gioan, mà là về lời tiên tri của Isaia (6,9; 50; 15; 65,2). 6) Theo Eusebius, năm Chúa Giêsu Kitô qua đời, theo niên đại nhà Seleucid là năm 340, trùng với năm thứ 30 trong cuộc đời Ngài (năm thứ 15 dưới triều Tiberius). Eusebius không sử dụng hệ thống niên đại của riêng mình, mà là hệ thống của Edessa; trong thời cổ đại, nhiều người cho rằng Chúa Giêsu Kitô đã chịu khổ nạn vào năm đầu tiên của sứ vụ, tức là năm thứ 30 của cuộc đời Ngài. Tuy nhiên, người ta biết rằng những sai sót về con số trong các bản thảo cổ là chuyện thường thấy. 7) Đức Giáo hoàng Gelasius, qua sắc lệnh của mình, đã công nhận tác phẩm này là apocrypha; nhưng điều đó có nghĩa là nó không được đưa vào danh sách các tác phẩm chính thống, tuy nhiên, không phải tất cả các tác phẩm được công nhận là apocrypha đều không đáng tin cậy. – Trong Sách Lễ Slav, có ghi rằng Thánh Tông đồ Phaddeus đã an nghỉ tại Virite, một thành phố thuộc Phoenicia. Trong tác phẩm về các Tông đồ của Hippolytus hoặc được cho là của ông, cái chết tử đạo tại Virite được gán cho Thánh Phaddeus trong số 12 Tông đồ hoặc cho Thánh Giu-đa (ngày 19 tháng 6).

[5534] Truyền thuyết do Constantine Porphyrogenitus ghi chép lại cho biết rằng khi Ananias trên đường trở về quê hương và đến thành phố Hierapolis, ông đã dừng lại bên ngoài thành phố và giấu hình ảnh khuôn mặt Chúa Kitô trong một đống gạch vừa mới nung xong. Khoảng nửa đêm, cư dân thành phố nhìn thấy ngọn lửa bao quanh nơi đó và tìm thấy vật thánh được giấu ở đây; đồng thời, người ta phát hiện ra rằng trên một trong những viên gạch đó đã hiện lên hình ảnh của Đấng Cứu Thế. Người dân Hierapolis đã giữ lại viên gạch này, còn Ananias thì được thả tự do. Constantine ghi nhận rằng viên gạch này vẫn còn được lưu giữ tại Hierapolis vào thời của ông.

thần đó khỏi vị trí của nó và phá hủy nó; sau đó, ông cho đục một hốc tròn trên tường đá phía trên cổng thành, nơi mưa không thể lọt vào; sau khi đặt tấm vải có hình ảnh Chúa Kitô không do tay người tạo ra lên một tấm ván gỗ không mục nát, Avgar đã bao bọc và trang trí nó bằng vàng cùng đá quý, rồi treo lên tường phía trên cổng thành; ngoài ra, ông còn khắc thêm dòng chữ bằng chữ vàng như sau:

– Lạy Chúa Kitô! Ai đặt niềm tin nơi Ngài sẽ không phải hổ thẹn.

Và Avgar đã ra lệnh cho tất cả những ai vào thành và ra khỏi thành phải thờ lạy hình ảnh thiêng liêng của Chúa Kitô; ông ban hành một đạo luật, ra lệnh nhất định phải tôn vinh hình ảnh Chúa như vậy; mệnh lệnh đạo đức này của Avgar, được bảo đảm bằng luật pháp, đã được tuân thủ trong nhiều năm: cả trong thời gian ông còn sống và thời con trai ông, người đã kế vị ông làm vua tại Edessa, cũng như dưới thời cháu trai ông. Sau đó, dưới thời một trong những chắt của Avgar, người đã lên nắm quyền cai trị tại Edessa, sự tà đạo ngoại giáo cổ xưa lại bùng phát trong thành phố: vị công tước này, sau khi sa ngã, đã từ bỏ Chúa Kitô và sa vào việc thờ lạy thần tượng. Khi nhìn thấy hình ảnh Đấng Cứu Thế trên cổng thành, được tất cả những ai ra vào đều tôn kính, vị công tước, với tư cách là kẻ thù của Chúa Kitô, đã nổi giận; ông ta muốn lật đổ hình ảnh thiêng liêng đó khỏi tường thành và thay thế bằng một tượng thần. Khi biết được điều này, nhờ một lời báo đặc biệt từ Chúa, giám mục Edessa đã cùng các linh mục đến cổng thành vào ban đêm; ngài leo lên cầu thang và đặt trước hình ảnh thánh của Chúa Kitô một ngọn đèn đang cháy với dầu gỗ; sau đó, vị giám mục che phủ hình ảnh thánh bằng một tấm ván đất sét, rồi bằng gạch, và phủ lớp phấn lên chỗ đã được che kín như vậy, làm cho nó bằng phẳng với bức tường – đó là điều ngài được truyền lệnh qua sự hiện ra của Đức Chúa Trời. Khi bức tượng Chúa Kitô không do tay người tạo ra trở nên vô hình, vị hoàng tử vô đạo đã từ bỏ ý định của mình. Và, sau một thời gian dài, ký ức về bức tượng thánh đã phai mờ trong tâm trí mọi người, nơi bức tượng được che giấu cũng bị lãng quên; không ai biết về nó cho đến ngày nó hiện ra một cách kỳ diệu sau rất nhiều năm, diễn ra như sau.

Vào thời vua Justinianus đạo đức, vua Khosrow của Ba Tư đã dẫn một đạo quân hùng mạnh tiến đến Edessa, bao vây thành phố và bắt đầu một cuộc vây hãm dai dẳng và kéo dài. Khi những người dân, đang kiệt sức vì hoang mang và nỗi sợ hãi tột độ, khóc lóc cầu nguyện với Đức Chúa Trời, thì vào một đêm nọ, một cô dâu rực rỡ, toả sáng vinh quang vĩ đại, đã hiện ra trước mặt Giám mục Evlavius của Edessa; chỉ tay về phía cổng thành và một chỗ trên bức tường, cô nói:

– Phía trên cánh cổng này ẩn giấu hình ảnh thiêng liêng, không do tay người tạo ra, của Đấng Cứu Thế Kitô; ngài sẽ làm điều tốt lành khi mang hình ảnh ấy ra khỏi nơi bị giam giữ.

Vị giám mục vội vã đi đến cổng thành và, khi leo lên chỗ được chỉ định trên tường thành, ngài thấy mọi thứ đúng như những gì đã được tiết lộ; sau khi nhận ra hàng rào, ngài đã đào bới và tháo tấm ván ra; rồi ngài thấy hình ảnh thanh tịnh và thánh thiêng của Đấng Christ vẫn nguyên vẹn và không hề hấn gì, ngọn đèn, dù đã trôi qua bao nhiêu năm, vẫn chưa tắt và đầy dầu; và trên chính tấm ván đã dùng để che phủ bức tượng, một hình ảnh khác của Dung Nhan Chúa Kitô, không do tay người tạo ra, đã hiện ra. Vị Giám mục cầm tấm vải có hình ảnh Đấng Cứu Thế và trình bày cho dân chúng; và mọi người đều tràn ngập niềm vui lớn lao, và tất cả đều tràn đầy lòng can đảm, đặt niềm tin vào Chúa. Vị Giám mục, trong khi dâng lời cầu nguyện sốt sắng , đã mang bức hình đi dọc theo các bức tường thành, cho các binh sĩ Ba Tư đang vây hãm thành phố thấy Dung nhan của Đấng Cứu Thế, và ngay lập tức toàn bộ quân đội Ba Tư, bị sức mạnh thiêng liêng của Thiên Chúa xua đuổi, đã bỏ chạy. Như vậy, thành Edessa đã được giải thoát khỏi kẻ thù nhờ lòng thương xót của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, và nhờ sự hiện ra của hình ảnh thánh thiêng không do tay người tạo nên của Ngài.

Sau đó, cũng sau nhiều năm, khi Romanus Purpurinus – người còn được gọi là Likapenis – đang trị vì ở Hy Lạp và chia sẻ quyền lực với Constantine, con trai của Leo the Wise và cũng là con rể của ông, tấm vải thánh có hình ảnh không do tay người tạo ra của Đấng Christ đã được chuyển từ Edessa, nơi bị người Saracen chiếm đóng, đến Constantinople: vào thời điểm đó, toàn bộ Syria, nơi Edessa tọa lạc, đã nằm dưới sự cai trị của người Saracen. Việc chuyển giao này diễn ra như sau: Hoàng đế Hy Lạp Roman, mong muốn có được kho báu vô giá (hình ảnh Chúa Cứu Thế không do tay người tạo ra) tại Constantinopolis, đã nhiều lần gửi lời thỉnh cầu đến Emir người Saracen, xin ông trao lại hình ảnh Chúa Kitô không do tay người tạo ra. Tuy nhiên, vị emir, dù bị các Kitô hữu Edessa nài nỉ, vẫn không chịu trao bức tượng, và chiến tranh bùng nổ: vua Roman đã cử quân đội đến Edessa, bao vây thành phố và tàn phá các vùng lân cận. Lúc đó, người dân Edessa đã gửi lời thỉnh cầu đến vua Hy Lạp xin chấm dứt chiến tranh; còn nhà vua thì yêu cầu họ trao lại bức tượng Chúa Kitô. Còn vị Emir người Saracen, người đang cai trị Edessa, không muốn trao trả miễn phí; còn vị vua Kitô giáo, được thúc đẩy bởi khát khao mãnh liệt được sở

hữu bức chân dung Chúa Kitô không do tay người tạo ra, đã trao cho vị emir mười hai nghìn đồng bạc và trả tự do cho hai trăm quý tộc Saracen đang bị giam cầm tại Hy Lạp; ngoài ra, ngài còn kèm theo một văn bản có đóng dấu vàng của hoàng gia, hứa hẹn sẽ không bao giờ phát động chiến tranh chống lại Edessa hay các thành phố lân cận của nó. Sau khi đạt được điều mong muốn nhờ đó, vị vua đã nhận lấy hình ảnh Chúa Kitô không do tay người tạo ra, cùng với bức thư mà, như đã đề cập ở trên, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã viết cho Avgar, công tước Edessa; hình ảnh thánh thiêng này đã được các giám mục và các vị tu sĩ đáng kính khác trong hàng giáo phẩm rước về Constantinople. Trên đường đi cũng như ngay tại Constantinople, nhiều phép lạ đã xảy ra từ bức tượng thánh này: mọi bệnh tật đều được chữa lành – người mù được sáng mắt, người điếc được nghe, người què được đi lại và ma quỷ bị trục xuất. Một người bị quỷ ám đã kêu lên:

– Hãy đón nhận, Constantinople, vinh quang và niềm vui của ngươi, còn ngươi, Porphyrogenitus, hãy đón nhận vinh quang của vương quốc ngươi.

Khi kêu lên như vậy, người này đã được chữa lành khỏi chứng bị quỷ ám.

Lễ kỷ niệm việc rước bức tượng Chúa Kitô không do tay người tạo ra được ấn định vào ngày 16 tháng Tám, khi thành phố hoàng gia đã đón nhận bức tượng với vinh quang và lễ hội trọng thể, và đặt nó trong Nhà thờ Đức Mẹ Pharos[5535] để bảo vệ thành phố và tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, hiện tại, muôn đời và đến muôn đời. A-men[5536] .

Bài ca Troparion, giọng 2:

Chúng con thờ lạy hình ảnh vô cùng thánh khiết của Ngài, lạy Đấng Nhân Từ, và xin Chúa Kitô, Thiên Chúa, tha thứ cho những tội lỗi của chúng con: vì theo ý muốn của Ngài, Ngài đã vui lòng mang thân xác lên thập giá, để giải thoát những tạo vật mà Ngài đã dựng nên khỏi ách nô lệ của kẻ thù. Vì thế, chúng con kêu cầu Ngài với lòng biết ơn: Ngài đã làm tràn ngập niềm vui cho muôn loài, lạy Đấng Cứu Độ của chúng con, Đấng đã đến để cứu độ thế gian.

Kondak, giọng 2:

Chúng con tôn kính và hôn lên hình ảnh của Ngài, là sự nhìn ngắm không thể diễn tả và thiêng liêng của Ngài dành cho loài người, là Lời của Cha không thể miêu tả, là hình ảnh không được viết ra nhưng do chính Thiên Chúa khắc họa, dẫn dắt chúng con đến sự chiến thắng của sự nhập thể chân thật của Ngài.

Lời của Thánh Gioan Damascene[5537] về việc thờ lạy các thánh tượng

Ngày kỷ niệm: 16 tháng 8

[5535] Ngôi đền này được xây dựng bởi Hoàng đế Michael (856–867).

[5536] Constantine Porphyrogenitus mô tả việc chuyển hình ảnh Không do tay người tạo ra từ Edessa cùng với bức thư của Chúa Kitô gửi cho Avgar đến Constantinopolis vào năm 944. Hình ảnh Không do tay người tạo ra được lưu giữ tại Constantinopolis cho đến năm 1204. Về viên gạch có hình ảnh Không do tay người tạo ra, theo lời chứng của Zonaras (mất năm 1118), nó đã được Hoàng đế Nikiforos Fokas (963–969) chuyển đến vào năm 968. Zonaras gọi nó là *"ierón kē fion ektipora"* (hình ảnh thiêng liêng và thần thánh). – Theo một truyền thuyết, vào khoảng năm 1362, bức tượng Thánh không do tay người tạo ra đã được John Palaiologos trao tặng cho tướng quân người Genoa Leonardo de Montalto để cảm tạ ông đã giải cứu Đế quốc Hy Lạp khỏi cuộc tấn công của người Saracen, và Montalto đã trao nó cho tu viện Thánh Bartholomew ở Genoa, nơi nó vẫn còn lưu giữ cho đến ngày nay. Theo một truyền thuyết khác, có vẻ đáng tin cậy hơn, trong thời kỳ các hiệp sĩ Thập tự chinh cai trị Constantinople (1204–1261), bức tượng đã bị Doge Dandolo của Venice cướp đi, nhưng con tàu chở bức tượng cùng các vật thánh khác đã chìm ở Propontis.

[5537] Thánh Gioan Damascene – một nhà thần học và tác giả thánh ca nổi tiếng, tu sĩ tại tu viện Thánh Savva, người bảo vệ đạo Chính Thống trong cuộc đấu tranh chống lại những kẻ chống thánh tượng, sống vào thế kỷ VIII. Nhờ những bài thánh ca đầy tính nghệ thuật và cảm động, ngài được mệnh danh là "người có giọng hát như dòng vàng". – Ngày kỷ niệm ngài được Giáo hội Chính thống cử hành vào ngày 4 tháng 12.

Vì có một số người chỉ trích chúng ta vì chúng ta thờ phượng và tôn kính hình ảnh Đấng Cứu Thế của chúng ta và hình ảnh Mẹ Thiên Chúa, cũng như các hình ảnh (thánh tượng) của các thánh nhân khác là tôi tớ của Chúa Kitô[5538] , nên những người đó hãy biết rằng, ban đầu Thiên Chúa đã tạo dựng con người theo hình ảnh của Ngài. Vì lý do gì mà chúng ta thờ lạy lẫn nhau (chào hỏi lẫn nhau), nếu không phải vì tất cả chúng ta đều được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa? Thánh Basil Cả, vị Cha vĩ đại và thánh thiện của Giáo Hội[5539] , đã nói rằng sự tôn kính dành cho hình ảnh bắt nguồn từ nguyên mẫu. Còn nguyên mẫu chính là điều mà hình ảnh được phác họa và từ đó hình ảnh trên bức thánh tượng được tạo ra. Và vì lý do nào mà dân của Mô-sê đã thờ lạy Đền Tạm của những điều thuộc về trời, đứng xung quanh nó, trong khi Đền Tạm đó thể hiện hình ảnh của nhiều hình tượng, bởi vì Đức Chúa Trời đã phán với Mô-sê: *"Hãy xem, hãy làm chúng theo mẫu đã được chỉ cho ngươi trên núi*" (Xuất Hành 25:40). Cũng vậy, các thiên thần Cherubim che chở bàn thờ chẳng phải là tác phẩm của bàn tay con người sao? Tương tự như vậy, nhà thờ Jerusalem vinh quang chẳng phải cũng được xây dựng bằng nghệ thuật của bàn tay con người sao? Kinh Thánh chỉ lên án những ai thờ lạy tà thần và dâng của lễ cho ma quỷ. Cả người Hy Lạp lẫn người Do Thái đều dâng của lễ: nhưng những người trước dâng cho ma quỷ, còn những người sau thì dâng cho Đức Chúa Trời. Của lễ của người Hy Lạp bị từ chối và bị nguyền rủa, còn của lễ của người Do Thái thì được Đức Chúa Trời chấp nhận. Này, Nô-ê đã dâng lễ vật[5540] , và *"Đức Chúa Trời ngửi thấy mùi thơm dễ chịu"* (Sáng Thế Ký 8:21), vì lễ vật này được dâng lên từ một trái tim trong sạch và đầy thiện chí; nhưng các thần tượng của người Hy Lạp, vì ghê tởm và đáng ghét trước mặt Đức Chúa Trời, đã bị cấm đoán và nguyền rủa, vì chúng là những hình tượng của ma quỷ.

Ngoài ra, ai có thể miêu tả khuôn mặt của Đức Chúa Trời, Đấng vô hình, vô thể, không thể diễn tả, và không thể hình dung được? Mong muốn miêu tả Thần Tính như chính Ngài hiện hữu trong Bản Thể của Ngài là một sự vô thần điên rồ. Vì lý do này, trong Cựu Ước, các bức tượng thánh không được sử dụng. Nhưng sau đó, khi Đức Chúa Trời nhân từ, nhờ lòng thương xót của Ngài, để sắp đặt sự cứu rỗi cho chúng ta, đã hiện ra dưới hình dạng của một con người đích thực, chứ không chỉ dưới hình dáng giống khuôn mặt con người như Ngài từng hiện ra với Áp-ra-ham và các tiên tri trước đây, mà Ngài đã tự bày tỏ mình là một con người đích thực, đi lại trên đất, sống cùng loài người, làm những phép lạ, chịu đau khổ, bị đóng đinh trên thập tự giá, được chôn cất, rồi sống lại và thăng thiên – thì tất cả những gì đã thực sự xảy ra, tất cả những gì con người đã chứng kiến, nhưng những gì chúng ta – những người không sống vào thời đó – không được chứng kiến – tất cả những điều đó đã được ghi chép lại để làm gương và nhắc nhở cho chúng ta, để dù không được chứng kiến, chúng ta cũng như thể đã nghe thấy. và, nhờ đức tin, được hưởng phúc lành (vĩnh cửu). Và vì không phải ai cũng được ban cho sự hiểu biết về Kinh Thánh, không phải ai cũng được ban ân sủng để đọc sách, nên các vị Thánh Phụ đã nhất trí quyết định thể hiện tất cả những điều này trên các bức tranh thánh để dễ dàng ghi nhớ, như những dấu hiệu vinh quang và chiến thắng. Vì thường thì do sự lơ là của chúng ta, chúng ta quên đi sự đau khổ của Chúa; nhưng khi nhìn vào hình ảnh về cuộc khổ nạn của Chúa Kitô, chúng ta lập tức nhớ lại những đau khổ cứu độ của Ngài và, quỳ xuống, chúng ta thờ lạy không phải vật chất, mà là Đấng mà hình ảnh của Ngài chúng ta đang thấy trước mặt; vì chúng ta không thờ lạy vật liệu mà Phúc Âm được làm ra, mà là Lời Chúa được chép trong đó; cũng như vậy, chúng ta không thờ lạy vật liệu mà thập tự giá được làm ra, mà là sự Thương Khó của Chúa Kitô được thập tự giá tượng trưng. Thập tự giá sẽ chẳng khác gì vật liệu làm nên nó, nếu nó không tượng trưng cho sự Chịu đóng đinh của Chúa Kitô. Điều tương tự cũng áp dụng cho bức tượng Đức Mẹ Rất Thánh, vì sự tôn kính mà chúng ta dâng lên Đức Mẹ xuất phát từ Đấng đã Nhập Thể từ Mẹ. Cũng giống như vậy, những hành động dũng cảm của các thánh nhân, được khắc họa trên các bức tranh thánh, khích lệ chúng ta sống dũng cảm, nhiệt thành và noi gương các đức tính của họ, cũng như tôn vinh Thiên Chúa; và

[5538] Khi nói về những người chỉ trích các Kitô hữu, Thánh Gioan Damasceno ám chỉ những người chống thánh tượng. Tà thuyết chống thánh tượng xuất hiện vào thế kỷ VIII, do đó Thánh Gioan Damasceno là người cùng thời với họ. Những người chống thánh tượng đã vô lý khi nhầm lẫn việc tôn kính thánh tượng với việc thờ ngẫu tượng. Trong bài giảng này về việc tôn kính các thánh tượng, Thánh Gioan Damascene đã vạch trần sự lầm lạc vô thần của những người chống thánh tượng. – Người được coi là người sáng lập tà thuyết chống thánh tượng là Constantine, Giám mục Nakolia (tại Phrygia – một vùng thuộc Tiểu Á). Những người ủng hộ nhiệt thành nhất cho chủ nghĩa chống thánh tượng là các hoàng đế Lêô III người Isauria (717–741) và Constantine V Copronymus (741–775). Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ VII, diễn ra vào năm 787 tại thành phố Nicaea.

[5539] Thánh Basil Đại Đế – vị Giáo phụ lừng lẫy nhất của Giáo hội thế kỷ IV – ngày kính nhớ ngài được Giáo hội Công giáo cử hành vào ngày 1 và 30 tháng 1.

[5540] Nô-ê – con trai của La-méc, vị tổ phụ cuối cùng trước Đại Hồng Thủy. Nô-ê đã dâng của lễ lên Đức Chúa Trời sau khi ra khỏi chiếc thuyền (Sáng Thế Ký 8:15–20), và đó là hình bóng của của lễ hy sinh của Đức Kitô.

như chúng ta đã nói, sự tôn kính mà chúng ta dành cho các vị thánh nhân được khắc họa trên các bức tranh thánh, chính là bằng chứng về lòng thành kính của chúng ta trước Chúa, Đấng chung của tất cả chúng ta, và hơn nữa, sự tôn kính ấy hướng về Nguyên mẫu chân thật.

Những điều chúng ta đã nói không được ghi chép trong Kinh Thánh, cũng như việc thờ phượng hướng về phía đông, việc tôn kính Thánh Giá và nhiều điều khác tương tự cũng không được ghi chép ở đó. Tuy nhiên, trong Lịch sử có ghi chép rằng vua Avgar của Edessa đã sai họa sĩ của mình đi vẽ hình ảnh Chúa, nhưng người họa sĩ đó không thể thực hiện mệnh lệnh được giao, vì ánh sáng kỳ diệu tỏa ra từ khuôn mặt của Đức Kitô. Lúc đó, chính Chúa đã đặt một chiếc khăn lên khuôn mặt Thần thánh và ban sự sống của Ngài, rồi in hình ảnh của Ngài lên chiếc khăn ấy, và gửi đến Avgar để đáp ứng mong muốn của ông. Còn về việc các Thánh Tông đồ đã truyền lại cho chúng ta nhiều điều ngoài Kinh Thánh, thì Thánh Phaolô, Tông đồ của các dân ngoại, đã làm chứng như sau: *"Vậy, hỡi anh em, hãy đứng vững và giữ lấy những truyền thống mà anh em đã được dạy dỗ, hoặc bằng lời nói, hoặc qua thư tín của chúng tôi"* (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:15). Và ở một đoạn khác: *"Tôi khen ngợi anh em, hỡi anh em, vì anh em nhớ đến mọi điều của tôi và giữ lấy những truyền thống"* (1 Cô-rinh-tô 11:2).

Lễ kính Thánh Tử đạo Diô-mi-đô

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 8

Thánh Diômid xuất thân từ thành Tarsus thuộc xứ Cilicia[5541] , nghề nghiệp là bác sĩ, còn về đức tin thì là người Kitô hữu; ngài không chỉ chữa lành thân xác mà còn chữa lành tâm hồn con người; vì ngài khuyên nhủ người Hy Lạp tin vào Thiên Chúa và dạy dỗ họ, chuẩn bị cho họ lãnh nhận phép Rửa tội thánh.

Trong thời trị vì của Hoàng đế Diocletian[5542] , Thánh Diomedes đã rời Tarsus và đến thành phố Nicaea, nằm ở Bithynia[5543] ; và tại đây, theo thói quen của mình, Thánh Diomid đã thực hiện các phép chữa lành, không chỉ bằng thuốc men, mà chủ yếu là nhờ danh hiệu toàn năng và chữa lành của Chúa Giêsu Kitô, cùng với dấu thánh giá; Ngài đã dẫn dắt nhiều người thờ thần tượng đến với đức tin nơi Đấng Kitô nhờ tài năng chữa bệnh cũng như những lời giảng dạy của mình.

Khi Hoàng đế Diocletian, lúc bấy giờ đang ở các vùng đất phương Đông, nghe tin này, đã sai quân lính đến bắt vị thánh. Khi quân lính đến nơi, họ thấy Thánh Diomedes đã qua đời trong Chúa, tuy nhiên, họ vẫn chặt đầu thi thể ngài để mang về cho hoàng đế. Nhưng ngay sau khi chặt đầu, những người lính đó bỗng mất thị lực và trở nên mù lòa, đến nỗi họ phải được những người khác dắt đi gặp hoàng đế, trong khi họ vẫn đang mang theo cái đầu bị chặt của vị thánh tử đạo Diomedes.

Khi hoàng đế nhìn thấy cái đầu, cũng như nhìn thấy những người lính mù, ngài liền ra lệnh cho họ ngay lập tức mang cái đầu đi và đặt nó trở lại đúng vị trí trên thi thể; ngay khi những người lính làm như vậy, họ lập tức được sáng mắt và tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Thiên Chúa chân thật, Đấng mà vinh quang được dâng lên mãi mãi. Amen[5544] .

Cùng ngày đó, lễ kỷ niệm Thánh Hê-ri-môn

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 8

Thánh Hê-ri-môn được nhắc đến trong cuốn "Lavsaik" của Palladius và trong "Paterikon theo thứ tự chữ cái". Hang động của ngài cách mặt nước mười hai po; sau khi qua đời, người ta tìm thấy ngài đang ngồi tại chỗ và cầm trên tay tác phẩm thủ công của mình, vì ngài đã qua đời khi đang làm việc. Thánh Hê-ri-môn này cũng được Thánh Théodore le Studite[5545] nhắc đến trong Triodion Mùa Chay, vào Thứ Bảy trước Mùa Chay trong bài thánh ca buổi sáng, trong bài hát thứ sáu[5546] .

[5541] Cilicia – một vùng thuộc Tiểu Á.
[5542] Trị vì từ năm 284 đến năm 305.
[5543] Bithynia – một vùng thuộc Tiểu Á.
[5544] Thánh Diomedes qua đời vào cuối thế kỷ III hoặc đầu thế kỷ IV.
[5545] Ngày tưởng niệm ngài là ngày 11 tháng 11

Ngày 30 tháng 8

Ngày 17 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm các thánh tử đạo: Phaolô và Iuliana, em gái của ngài; lễ tưởng niệm các ngài được cử hành vào ngày thứ tư của tháng Ba (dưới ngày này có mô tả chi tiết về cuộc tử đạo của các ngài).

Cùng ngày này, tưởng niệm các thánh tử đạo: Phirs, Levkia và đoàn tùy tùng của họ, những người đã chịu khổ hình dưới thời hoàng đế Decius (249–251) tại Caesarea Bithynia; lễ tưởng niệm các ngài còn được cử hành vào ngày mười bốn tháng Mười Hai (tại ngày này, người ta cũng có thể đọc câu chuyện về cuộc tử đạo của các ngài).

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Patroclus

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 8

Dưới triều đại của Hoàng đế Aurelian[5547] , các Kitô hữu đã phải hứng chịu cuộc đàn áp tàn bạo tại Gaul, cũng như ở nhiều vùng khác. Vào thời điểm đó, tại thành phố Tricassine có một người đàn ông chính trực tên là Patroclus; ông sống ở ngoại ô thành phố trong ngôi nhà mà ông thừa kế sau khi cha mẹ qua đời; ông rất giàu có và sở hữu nhiều tài sản. Người đàn ông này phụng sự Thiên Chúa cả ngày lẫn đêm, vì ông yêu mến luật thánh của Ngài và sống một đời sống đạo đức theo đạo Kitô một cách nghiêm ngặt; được học hành bài bản, ông luôn siêng năng đọc Kinh Thánh và hàng giờ đều quỳ gối cầu nguyện. Ông chỉ dùng bữa một lần mỗi ngày, vào giờ thứ mười hai, sau khi đã dâng lời ngợi khen và cầu nguyện lên Chúa trước khi dùng bữa; còn của cải mà ông có, ông phân phát cho những người nghèo khó, các góa phụ và trẻ mồ côi, đặc biệt là những Kitô hữu nghèo khó đang phụng sự Chúa bằng cả trái tim mình. Lòng thương xót của ngài lớn lao đến nỗi những người nghèo khó coi ngài như người phân phát kho tàng thiên đàng, vì ngài không tích trữ kho tàng cho mình trên đất, mà là trên trời, và ngài tránh xa mọi thú vui trần thế, chỉ suy nghĩ về việc đạt được Nước Trời. Vị thánh nhân này, người đã sống cuộc đời trong sự kính sợ Thiên Chúa, trong việc ăn chay, cầu nguyện và mọi việc làm đẹp lòng Chúa, đã nhận được từ Chúa quyền năng để ra lệnh cho các quỷ; ngài cũng được ban ân sủng chữa lành, đến nỗi ngài đã trừ tà các linh hồn ô uế bằng quyền năng của Đức Kitô và chữa lành các bệnh tật khác nhau mà con người phải gánh chịu. Vào thời điểm đó, hoàng đế vô đạo Aurelian, kẻ bách hại tàn nhẫn các Kitô hữu, đã từ thành phố Senoniysk đến thành phố Trikassin; khi nghe tin về thánh Patroclus, Aurelian ra lệnh bắt ông và đưa đến trước mặt mình. Khi nhìn thấy Patroclus, ông ta nói với ông:

– Ta đã nghe nói về sự điên rồ của ngươi; ngươi đã theo một đức tin hão huyền và thờ phượng Đấng đã bị loài người sỉ nhục.

Nhưng vị thánh không trả lời gì trước những lời điên rồ đó.

Lúc đó, Aurelian hỏi ngài:

– Ngươi tên là gì?

Vị thánh đáp:

– Tên tôi là Patroclus.

Aurelian lại hỏi:

– Ngươi theo đạo nào và thờ phụng vị thần nào?

Thánh Patroclus đáp:

– Tôi thờ phượng Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, ngự trên trời và nhìn xuống những người khiêm nhường; tôi thờ phượng Đức Chúa Trời, Đấng biết mọi sự trước khi mọi sự xảy ra.

Aurelian nói:

[5546] Thánh Herimon qua đời vào cuối thế kỷ IV hoặc những năm đầu thế kỷ V.

[5547] Hoàng đế Aurelian trị vì từ năm 270 đến năm 275.

– Hãy từ bỏ sự điên rồ của ngươi và thờ phụng các vị thần của chúng ta; ngươi sẽ được chúng ta ban thưởng bằng vinh dự và của cải, và danh tiếng của ngươi sẽ được ca ngợi.

Thánh nhân đáp:

– Tôi không biết vị Thần nào khác ngoài Đấng chân thật, Đấng đã tạo dựng trời, đất, biển cả và mọi sự hữu hình lẫn vô hình.

Aurelian đáp lại:

– Hãy chứng minh cho chúng ta thấy, những điều ngươi nói có thật hay không?

Patroclus đáp:

– Quả thực, tất cả những gì tôi nói đều đúng; nhưng vì các ngài đều đang chìm đắm trong sự dối trá, nên các ngài không muốn tin vào sự thật, bởi vì sự dối trá luôn ghét sự thật.

Aurelian nói:

– Ta sẽ ném ngươi vào lửa nếu ngươi không dâng lễ vật cho các vị thần.

Vị thánh đáp lại:

– Này, tôi đang dâng lễ vật ngợi khen, và chính bản thân tôi cũng dâng mình làm lễ vật cho Đức Chúa Trời của tôi, Đấng đã thương xót kêu gọi tôi thực hiện hành động tử đạo vì danh thánh của Ngài.

Lúc đó, hoàng đế Aurelian bừng lên cơn thịnh nộ và ra lệnh trói chân vị tử đạo bằng xiềng sắt đã được nung đỏ trên lửa; ông cũng ra lệnh trói hai tay vị thánh ra sau lưng bằng xiềng sắt đã được nung đỏ trên lửa; sau đó, ông ra lệnh ném vị thánh vào ngục tối và giam giữ ở đó cho đến khi ông tìm ra cách tiêu diệt vị thánh.

Trong khi bị xiềng xích, vị thánh cầu nguyện với Thiên Chúa như sau:

– *"Xin lòng thương xót của Ngài trở thành sự an ủi cho con, theo lời Ngài đã phán cùng tôi tớ Ngài"* (Thánh vịnh 118:76).

Và còn nữa:

– *"Con sẽ vui mừng và hân hoan vì lòng thương xót của Ngài, vì Ngài đã đoái thương nhìn đến nỗi khốn khổ của con"* (Thánh vịnh 30:8).

Ba ngày sau, hoàng đế Aurelian ngự trên tòa án công khai của mình và ra lệnh dẫn vị tử đạo ra khỏi ngục tối để đưa ra xét xử. Khi vị thánh được dẫn đến, hoàng đế nói với ngài:

– Kẻ báng bổ, hãy đi, mau cứu lấy mạng sống mình khỏi cái chết và dâng lễ vật cho các vị thần.

Vị tử đạo đáp lại:

– Chúa chúng ta đã cứu linh hồn các tôi tớ của Ngài khỏi sự chết đời đời; Ngài sẽ không bỏ rơi những ai đặt niềm tin nơi Ngài; còn nếu ngài muốn nhận bất cứ thứ gì từ của cải của tôi, thì tôi sẵn lòng trao cho ngài, vì tôi thấy ngài là người nghèo khó.

Aurelian đáp lại:

– Sao ngươi dám gọi ta, Hoàng đế, là kẻ nghèo khó, trong khi ta có vô số kho báu?

Thánh nhân đáp:

– Ngươi có của cải trần gian, những thứ chóng qua; nhưng ngươi là kẻ nghèo khó, vì ngươi không có chính bản thân mình, bởi ngươi chưa tích lũy được trong lòng đức tin thánh thiện vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta; vì thế, ngươi sẽ bị Đấng Phán Xét Công Chính – Thiên Chúa – kết án chịu hình phạt cùng với cha ngươi – ma quỷ.

Aurelian nói:

– Ngươi đã xúc phạm ta một cách tàn nhẫn, và vì thế ta không thể thương xót ngươi được.

Vị tử đạo nói:

– Đức Chúa Trời của tôi, Đấng mà tôi đã phụng sự từ thuở thiếu thời, là Đấng nhân từ đối với tôi. Nhưng khốn cho ngươi, khi ngươi bị dẫn đến nơi ma quỷ – kẻ mà ngươi đang phụng sự – đang chịu cực hình; ở đó, ngươi sẽ thấy những cực hình vĩnh cửu đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi.

Hoàng đế đáp lại:

– Ta không hiểu những gì ngươi nói; ta chỉ hiểu rằng ngươi đang nằm trong tay ta và không có ai có thể cứu ngươi khỏi tay ta.

Thánh nhân đáp:

– Ngươi chỉ có quyền lực trên thân xác ta; còn linh hồn ta thì ngươi không thể đụng đến, vì không ai có quyền trên nó, ngoại trừ Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng đã tạo dựng nó, Đấng đã phán với chúng ta, những tôi tớ

của Ngài: *"Đừng sợ những kẻ giết thân xác mà không thể giết linh hồn; nhưng hãy sợ Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác trong hỏa ngục"* (Mt 10:28).

Vua Aurelian đáp lại:

– Chẳng phải các vị thần của chúng ta cũng có quyền năng y hệt như vậy sao? Vì đối với chúng ta, họ là thật, bởi họ luôn đưa ra câu trả lời cho mọi điều người ta hỏi; chính họ cho đến nay vẫn để ngươi sống – kẻ thù và kẻ phỉ báng của họ.

Thánh nhân đáp:

– Các ngươi có những vị thần nào?

Aurelian trả lời:

– Trong số các vị thần của chúng ta có cả vị thần vĩ đại Apollon[5548] , vị thần hùng mạnh Zeus[5549] , và mẹ của các vị thần Diana[5550] , bởi vì họ tiên đoán tương lai cho con người một cách chân thực[5551] .

Còn Thánh Patroclus thì nói:

– Về Apollon, người mà ngươi gọi là thần, chúng ta đã nghe từ cha ông chúng ta rằng ông ta từng là người chăn cừu cho vua Admetus của Thessaly[5552] ; còn về Zeus, vị mà ngươi thờ phụng như một vị thần, chúng ta biết rằng ông ta là một con người đồi bại và vô đạo, kẻ dâm đãng, ngoại tình, cướp bóc và gieo rắc mọi điều ác; người ta biết rằng ông ta đã gieo rắc hận thù và bạo loạn giữa loài người, gây ra những vụ giết người và cướp bóc, và cuối cùng chết một cái chết nhục nhã đến nỗi đất đai không chịu nhận thi thể của ông ta. Còn Diana, người được gọi là mẹ của các vị thần của các ngươi, ai mà không biết rằng bà ta chỉ là cơn điên loạn giữa trưa[5553] . Ôi sự điên rồ đáng nguyền rủa của loài người, những kẻ bị mù quáng bởi sự vô tín, đang thờ phụng những điều hư ảo và trống rỗng!

Vua nói:

– Sự kiên nhẫn của ta rất lớn, vì cho đến giờ ta vẫn còn nghe những lời phỉ báng của ngươi. Nhưng giờ đây ta nói với ngươi lần cuối cùng: nếu ngươi không quỳ lạy và dâng lễ vật cho Apollon, Zeus và Diana, thì ta sẽ lập tức xử tử ngươi.

Vị tử đạo đáp lại:

– Hỡi kẻ tra tấn vô đạo! Ngươi giống như một tên cướp giết người vô tội, nhưng lại không thể ăn thịt người đó. Ngươi cũng vậy, dù ngươi khoe khoang rằng sẽ giết chết thân xác ta, nhưng ngươi sẽ không thể ăn thịt ta; và ngay cả khi ngươi có ăn thịt ta đi chăng nữa, ngươi cũng không dám làm hại linh hồn ta.

Sau khi vị thánh nói những lời này, Aurelian nổi giận tột độ và ra lệnh chém đầu vị thánh bằng gươm. Đồng thời, Aurelian ra lệnh cho binh lính của mình không được chém đầu vị thánh trên đất khô, mà phải chém ở một nơi đầm lầy nào đó, để ngài không thể được chôn cất theo nghi thức thông thường của loài người, mà sẽ bị rắn rết, chim chóc và thú dữ ăn thịt.

Các binh lính bắt vị thánh tử đạo và dẫn ngài đến bờ sông có tên là Secwana, để chém đầu ngài tại đây, trong đầm lầy, bên bờ sông. Vị thánh bước đi đón nhận cái chết với niềm vui, cầu nguyện rằng:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin đừng để thân xác con bị hủy hoại tại nơi đầm lầy này, nhưng xin tôn vinh Danh Thánh của Ngài, để Danh Ngài được vinh quang trước mắt kẻ thù của Ngài, và để những kẻ ngoại đạo không nói: " , Đức Chúa Trời của họ đâu rồi?" – Xin Ngài, Đấng Thánh, hãy nghe lời cầu nguyện của con, như Ngài đã nghe Mô-sê và A-rôn cầu nguyện cho dân Ngài, và sau khi chia đôi biển cho họ, Ngài đã dẫn dắt (dân Y-sơ-ra-ên) đi trên đất khô (Xuất Ê-díp-tô Ký 14:21–32); cũng xin dẫn dắt con vượt qua dòng sông này sang bên kia, đến nơi không

---

[5548] Apollon được người Hy Lạp cổ đại coi là vị thần của ánh sáng; đồng thời, ngài còn được cho là có khả năng tiên tri tương lai.

[5549] Zeus – vị thần tối cao trong tôn giáo Hy Lạp cổ đại, được coi là tổ tiên của các vị thần khác.

[5550] Diana – được người Hy Lạp cổ đại coi là nữ thần của ánh sáng và sự sống; bà cũng được tôn kính như người ban tặng sự sống tươi mới, tràn đầy sức sống của thiên nhiên.

[5551] Hoàng đế Aurelian, với tư cách là một người theo đa thần giáo, tin chắc rằng các vị thần mà ông tôn thờ có thể tiên đoán tương lai; ông đã cố ý nhắc đến tên Apollon, người được người Hy Lạp cổ đại coi là nhà tiên tri. Nhiều đền thờ do người Hy Lạp cổ đại xây dựng để tôn vinh thần Apollon đồng thời cũng được coi là những đền thờ tiên tri nổi tiếng; nổi tiếng nhất là đền thờ tiên tri Delphi, đền thờ tiên tri ở Orobia, trên đảo Euboea và ở những nơi khác; người Hy Lạp cổ đại thường tìm đến sự trợ giúp của các đền thờ tiên tri trong mọi trường hợp nghiêm trọng và quan trọng, cả trong đời sống cá nhân lẫn xã hội: hiển nhiên là những nhà tiên tri mà người Hy Lạp tìm đến để xin lời khuyên không thể tiên đoán được tương lai, vì họ luôn đưa ra những câu trả lời lộn xộn và mơ hồ.

[5552] Trong trường hợp này, thánh Patroclus ám chỉ những truyền thuyết phi lý trong thần thoại Hy Lạp cổ đại.

[5553] "Quỷ giữa trưa", nghĩa đen là "dịch bệnh tàn phá vào giữa trưa"; có thể là một căn bệnh đặc biệt, giống như bệnh dại, do những tia nắng gay gắt của mặt trời phía nam gây ra (xem Thi thiên 90:6).

lầy lội, để máu con được đổ trên đất khô ráo và để thân xác con được an nghỉ, chứ không phải trong đầm lầy: *"Hãy kéo con ra khỏi bùn lầy, để con khỏi bị chìm đắm"* (Thánh Vịnh 68:15): xin cứu con khỏi những kẻ hành hạ con!

Vừa mới thánh nhân cầu nguyện bằng những lời ấy, mắt của những người lính dẫn ngài đi bỗng mờ đi, đến nỗi họ (những người lính) không còn nhìn thấy vị tử đạo nữa.

Còn Thánh Patroclus, khi bước xuống sông, đã đi trên mặt nước, nước ngập đến dưới đầu gối; trong khi đó, con sông ấy rất rộng và sâu, lại còn dâng cao do mưa; nhưng vị thánh tử đạo vẫn bước đi trên đó, nước thậm chí không ngập đến đầu gối; sau đó, khi sang được bờ bên kia, vị thánh tử đạo leo lên ngọn núi ở đó và nói:

– Chúa bảo vệ linh hồn các thánh nhân của Ngài và cứu họ khỏi tay những kẻ tội lỗi.

Còn các binh lính, không thấy vị tử đạo mà họ đang dẫn đi, bỗng rơi vào cơn sợ hãi và kinh hoàng tột độ, vì lo sợ rằng nhà vua sẽ nghĩ rằng họ đã thả người bị kết án theo ý riêng của mình, và sẽ trừng phạt họ; các binh lính tự nhủ trong lòng:

– Đức Chúa Trời của người ấy thật vĩ đại biết bao, vì Ngài đã cứu người ấy khỏi tay chúng ta một cách vô hình!

Một số binh lính khác lại nói:

– Đó không phải là con người, mà là một hồn ma nào đó, vì anh ta đã biến mất khỏi tầm mắt chúng ta mà không để lại dấu vết nào.

Trong lúc các chiến binh tranh cãi với nhau về chuyện này trong một thời gian dài, không dám quay về gặp vua, thì có một người phụ nữ ngoại đạo đang chèo thuyền qua sông, nghe thấy cuộc tranh cãi của các chiến binh và thấy sự buồn bã của họ, liền nói với họ:

– Tôi đã thấy ở bên kia sông, trên ngọn núi, một người Kitô hữu mà các anh đang tìm kiếm; anh ta đang quỳ sấp mặt xuống đất và cầu nguyện với Thiên Chúa của mình.

Còn họ, với đôi chân luôn sẵn sàng đổ máu người vô tội, lập tức chèo thuyền qua sông và leo lên ngọn núi, rồi tìm thấy vị thánh trong tư thế y như người phụ nữ kia đã nói. Lúc đó, người lính cao cấp nhất nói với vị thánh bằng giọng bực bội:

– Quả thật ngươi đáng chết, vì ngươi đã trốn chạy khỏi chúng ta; nhưng giờ đây ngươi lại rơi vào tay chúng ta; và giờ đây ngươi sẽ không thể trốn thoát khỏi chúng ta nữa: ngươi sẽ bị xử tử; còn nếu ngươi muốn sống sót, hãy dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta.

Vị thánh đáp lại họ:

– Ta sẽ không thờ lạy những ác quỷ vô đạo; ta chỉ thờ lạy một Thiên Chúa duy nhất mà thôi.

Các chiến binh nói với ngài:

– Thần của ngươi là thần nào – thần sinh ra hay thần được tạo ra?

Vị thánh nói:

– Ôi, sự lầm lạc hão huyền! Ôi, sự vô tín điên rồ! Ôi, những lời nói thiếu lý trí! Ai trong loài người có thể nói được gì về Đức Chúa Trời vô thủy vô chung! Ai có thể kể về nguồn gốc của Ngài? Ngài phán, và mọi sự đều xảy ra; Ngài ra lệnh, và mọi sự đều được tạo dựng – cả những gì nhìn thấy được lẫn những gì không nhìn thấy được. Ngài đã sai Đấng Cứu Chuộc đến cho loài người, Con Một duy nhất của Ngài, Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, Đấng đã đổ máu thánh của Ngài vì chúng ta, để cứu chúng ta khỏi sự hủy diệt và cái chết vĩnh cửu; nhưng Chúa đã sống lại từ cõi chết vào ngày thứ ba, thăng thiên lên trời trước mặt các môn đệ và đã sai Thánh Thần đến với họ, như Ngài đã hứa. Và chúng ta phải tin theo như Thánh Thần đã dạy qua miệng các Tông Đồ; vì giáo lý này là chính đáng và chân thật; ai không tin vào giáo lý này sẽ không được hưởng sự sống đời đời, nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sẽ ở trên người ấy mãi mãi. Chúng tôi, những người Kitô hữu, tin tưởng vững chắc và hy vọng sẽ nhận được sự sống đời đời từ Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng tôi; vì thế, chúng tôi chịu đau khổ vì Ngài với lòng yêu mến và sẵn sàng chết, biết rằng dù sống hay chết, chúng tôi đều thuộc về Chúa. Còn những ai thờ phượng ma quỷ, giống như các ngươi, sẽ cùng với ma quỷ bị ném vào lửa địa ngục.

Trong khi vị thánh đang thốt lên những lời này, các binh lính nổi giận và, gọi vị thánh là kẻ phỉ báng các vị thần của họ, đã rút gươm ra để chém chết vị thánh. Còn vị tử đạo thì nói, hướng về Thiên Chúa:

– Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài; vì Ngài biết rằng con đang chết vì danh thánh của Ngài.

Sau đó, vị thánh tử đạo Patroclus bị chém đứt đầu[5554] .

Các chiến binh lấy đầu vị tử đạo và ném nó ra xa khỏi thi thể; rồi họ bỏ đi.

Lúc đó, trên ngọn núi gần nơi ấy, có hai người ăn xin già nua, trước đây từng nhận sự bố thí từ tay vị thánh và tuyên xưng đức tin Kitô giáo. Hai người này đã chứng kiến cái chết của vị tử đạo và nghe những lời cuối cùng của ngài. Khi các binh lính đã đi khỏi, hai người này đã lấy thi thể và đầu của vị tử đạo với sự lo sợ tột độ, vì sợ bị những kẻ vô đạo phát hiện; họ đã giấu thi thể và đầu của vị tử đạo cho đến tối, rồi bí mật kể lại mọi chuyện cho vị tổng linh mục của thành phố đó, tên là Eusebius.

Khi đêm xuống, vị phó tế trưởng đã đến nơi đó (nơi thi thể vị tử đạo được giấu kín) cùng với phó tế Liverius; sau khi quấn thi thể thánh thiện ấy bằng một tấm vải liệm sạch, họ đã an táng ngài ngay trong đêm đó, một cách lặng lẽ và chỉ với vài ngọn nến, vừa hát những bài thánh vịnh phù hợp, vì sợ những kẻ ngoại đạo.

Thánh tử đạo Patroclus qua đời dưới triều đại của Hoàng đế Aurelian tại Rôma, còn trong cộng đồng Kitô hữu thì dưới sự cai trị của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang và danh dự được dâng lên cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của vị thánh cha Alipius của chúng ta tại Pechersk

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 8

Thánh Phụ Alipius của chúng ta tại Pechersk đã thể hiện mình là người noi gương Thánh Luca, nhà truyền giáo, vì ngài đã phụng sự Chúa, Đấng đã tạo dựng chúng ta theo hình ảnh và sự giống như của Ngài (Sáng Thế Ký 1:26), giống như Thánh Luca, cụ thể là: ông không chỉ vẽ những khuôn mặt của các thánh trên các bức tranh thánh một cách kỳ diệu, mà còn thể hiện những đức tính của các ngài trong tâm hồn mình; ngoài ra, ông còn là một vị bác sĩ tài ba; cuộc đời đạo đức của ông được trình bày trước chúng ta như sau:

Trong thời kỳ trị vì của Công tước Kiev đạo đức Vsevolod Yaroslavich[5554] , dưới sự lãnh đạo của vị tu viện trưởng đáng kính Nikon, theo sự an bài của Đức Chúa Trời và theo lời khuyên của các vị cha đáng kính Antony và Theodosius, những người đã hiện ra một cách kỳ diệu tại Constantinople vào năm thứ mười sau khi qua đời, – các họa sĩ vẽ tranh thánh người Hy Lạp đã đến để trang trí Nhà thờ Thánh Pechersk; chính những họa sĩ vẽ tranh thánh này là những người mà cha mẹ của Thánh Alipius đã giao phó cho để học nghệ thuật hội họa. Thánh Alipius là nhân chứng của phép lạ kỳ diệu được kể lại trong truyền thuyết về Nhà thờ Pechersk, cụ thể là: khi các họa sĩ đang trang trí bàn thờ bằng tranh vẽ, thì tại đó, bức tranh thánh của Đức Mẹ Đồng Trinh đã tự hiện ra: hình ảnh này bừng sáng và rực rỡ hơn cả mặt trời; sau đó, từ miệng Đức Mẹ Đồng Trinh bay ra một con bồ câu, con bồ câu này bay lượn một hồi lâu (trong nhà thờ), rồi bay vào miệng Đấng Cứu Thế, được khắc họa trên bức tranh thánh nằm ở phần trên cùng của nhà thờ. – Vào thời điểm đó, vị thánh hạnh phúc Alipius đang học tập, giúp đỡ các thầy của mình; và ngài còn vẽ nên những bức tranh tuyệt đẹp trong tâm hồn mình, bởi vì ân sủng của Thánh Thần ngự trị trong nhà thờ hang động đó.

Khi các họa sĩ thánh tượng nói trên hoàn thành công việc và trang hoàng nhà thờ thánh bằng các bức thánh tượng, thì Alipius cũng được vị tu viện trưởng đáng kính Nikon trang hoàng một cách kỳ diệu theo nghi thức tu sĩ thánh Angelus. Và thánh Alipius bắt đầu học nghệ thuật khắc họa các đức tính của các thánh trong tâm hồn mình; đồng thời, nhờ đã được huấn luyện về nghệ thuật, ngài cũng khắc họa hình ảnh của các ngài một cách cụ thể (trên các bức thánh tượng).

Thánh Alipius tài giỏi đến mức, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, ngài đã tái hiện hình ảnh thiêng liêng nhất của các đức tính qua hình ảnh hữu hình trên các bức thánh tượng; bởi vì ngài học nghệ thuật vẽ thánh tượng không phải để kiếm tiền, mà để trau dồi các đức tính; ông không ngừng lao động, vẽ các bức thánh tượng cho vị tu viện trưởng, cho các tu sĩ và cho tất cả những ai đang cần, mà không đòi hỏi bất kỳ khoản thù lao nào cho công sức của mình.

Thánh Alipius đã xin tất cả những ai nhìn thấy các bức thánh tượng đã cũ nát trong bất kỳ nhà thờ nào, hãy báo cho ngài biết; sau đó, ngài, không đòi hỏi bất kỳ khoản thù lao nào, đã dùng tài nghệ của mình để trang hoàng lại những nhà thờ đó. Còn khi vị thánh rảnh rỗi khỏi công việc đó, ngài lại rèn luyện nghệ thuật vẽ thánh tượng cho riêng mình và vẽ những bức thánh tượng, sau đó tặng cho những người mà ngài đã mượn vàng và bạc từ họ để trang trí các bức thánh tượng. Thánh nhân làm như vậy để không lãng phí thời gian; ngài noi gương các thánh cổ

[5554] Vsevolod Yaroslavich trị vì lần đầu tiên từ năm 1075 đến năm 1076 (sáu tháng) và lần thứ hai từ năm 1078 đến năm 1093.

đại và các vị tổ phụ, những người luôn bận rộn với công việc thủ công, cũng như chính Thánh Tông Đồ Phaolô tối cao, người đã nói về chính mình: "Các bàn tay này đã phục vụ cho nhu cầu của tôi và nhu cầu của những người ở cùng tôi" (Công vụ 20:34).

Còn khi Thánh Alipius kiếm được một khoản tiền nào đó từ việc làm thủ công của mình, ngài chia số tiền đó thành ba phần: phần thứ nhất dùng để tu sửa các bức tranh thánh, phần thứ hai để bố thí cho người nghèo, và phần thứ ba – dâng cho các nhu cầu của tu viện. Ngài làm như vậy hàng năm, không cho phép mình nghỉ ngơi cả ngày lẫn đêm; vì ban đêm ngài tu tập bằng việc thức trắng cầu nguyện và cúi lạy, còn ban ngày thì với lòng khiêm nhường sâu sắc, không tham lam, trong sạch, kiên nhẫn, ăn chay, yêu thương và suy ngẫm về Thiên Chúa, ngài làm các công việc thủ công; không ai bao giờ thấy ngài rảnh rỗi; nhưng dù vậy, ngài chưa bao giờ bỏ lỡ các buổi cầu nguyện chung, dù chỉ vì công việc của mình.

Khi vị tu viện trưởng nhận thấy những đức tính cao quý và tài năng hội họa thánh tượng của vị tu sĩ đáng kính đến mức ngài xứng đáng, với hình ảnh thiên thần trong hàng tu sĩ, trở thành người noi gương Con Thiên Chúa là Đức Giêsu Kitô – một linh mục theo phẩm trật Melchizedek[5555] – ngài đã phong cho ngài chức linh mục. Khi đó, vị tu sĩ đáng kính được đặt như ngọn đèn trên giá đèn (Mt 5:15), hay nói đúng hơn, như một tấm gương để noi theo ở vị trí cao quý, tỏa sáng vẻ đẹp đặc biệt của các đức tính tu sĩ và linh mục; và ngài không chỉ là một tấm gương thánh đơn thuần, vì ngài còn thực hiện những phép lạ; trong số nhiều phép lạ của ngài, chúng ta sẽ nhắc lại một số ở đây.

Có một người trong số những công dân giàu có của thành phố Kiev bị bệnh hủi; người này đã tìm kiếm sự giúp đỡ từ nhiều bác sĩ, pháp sư và những người theo đạo ngoại, nhưng không những không được giảm bớt bệnh tật mà tình trạng còn trở nên tồi tệ hơn. Lúc đó, một người bạn của người bệnh đã khuyên anh ta nên đến tu viện Pechersk để xin các vị thánh cha cầu nguyện; anh ta đồng ý, nhưng với thái độ không mấy vui vẻ.

Khi người bệnh này được đưa đến Tu viện Pechersk, vị tu viện trưởng ra lệnh cho người ta cho anh ta uống nước từ giếng của vị thánh, đồng thời cũng ra lệnh rửa mặt cho anh ta bằng chính nguồn nước đó. Và ngay lập tức, trên cơ thể người bệnh xuất hiện rất nhiều mủ, như một hình phạt cho sự không tin của anh ta, đến nỗi mọi người đều tránh xa anh ta, vì không thể chịu nổi mùi hôi thối bốc ra từ cơ thể người bệnh. Lúc đó, người bị bệnh hủi này đã khóc lóc và phẫn nộ trở về nhà mình, và không ra khỏi nhà trong nhiều ngày vì mùi hôi thối bốc ra từ người anh ta, đồng thời nói với bạn bè: *"Sự ô nhục đã bao trùm khuôn mặt tôi. Ta đã trở thành người xa lạ đối với anh em ta và người ngoài đối với các con trai của mẹ ta"* (Thánh Vịnh 68:8–9), bởi vì ta đã không tỏ lòng tin đối với các vị cha thánh Antôn và Thêôđôsiô; và mỗi ngày ta đều chờ đợi cái chết của mình.

Tuy nhiên, khi tỉnh táo lại, người đàn ông này quyết định xưng thú tất cả tội lỗi của mình; vì vậy, ông lại đến tu viện Pechersk gặp vị thánh Alipius và xưng thú những tội lỗi của mình với ngài. Vị thánh bèn nói với ông:

– Con đã làm rất tốt, hỡi con cái, khi đến xưng tội với Đức Chúa Trời trước sự bất xứng của ta; chính vị tiên tri cũng đã làm chứng về điều này khi kêu cầu Đức Chúa Trời: *"Ta đã nói: 'Ta sẽ xưng tội lỗi mình trước mặt Đức Chúa Trời', và Ngài đã cất bỏ tội lỗi của ta"* (Thi Thiên 31:5).

Sau đó, vị thánh Alipius đã giảng dạy anh ta trong một thời gian dài bằng những lời cứu rỗi linh hồn, rồi lấy màu vẽ tranh thánh, bôi lên mặt anh ta và xoa bóp những chỗ bị mưng mủ; sau đó, Thánh Alipius dẫn người bệnh vào nhà thờ, ban cho anh ta Thánh Thể và truyền cho anh ta rửa mặt bằng nước mà các linh mục thường dùng để rửa mặt sau khi rước Thánh Thể; ngay sau đó, những vảy mủ trên người bệnh bong ra và anh ta trở nên khỏe mạnh như trước.

Trong phép lạ này, vị thánh cha Alipius của chúng ta đã tỏ ra là người noi gương chính Chúa Giêsu Kitô của chúng ta; vì cũng như khi Chúa Kitô chữa lành người bị bệnh hủi, Ngài đã truyền cho người ấy đến gặp linh mục và dâng lễ vật để tẩy uế (Mt 8,4), thì vị thánh này cũng truyền cho người bệnh hủi đến gặp ngài, với tư cách là linh mục, trong lúc cử hành Thánh Lễ, và dâng lễ vật mà vị tiên tri đã nói đến: *"Ta sẽ đền đáp Chúa thế nào cho mọi ân huệ Ngài đã ban cho ta? Ta sẽ nhận lấy chén cứu rỗi"* (Thánh Vịnh 115:3–4). Chúng ta cũng xin nhắc đến

---

[5555] Melchizedek, vua của Salem, tư tế của Đức Chúa Trời Tối Cao, được nhắc đến trong Sáng Thế Ký 14:18. Sách Sáng Thế Ký, khi kể về Melchizedek, không đề cập gì đến nguồn gốc của Melchizedek cũng như về sự kết thúc cuộc đời ông; điều này, cùng với lời chúc phúc dành cho Áp-ra-ham, đã khiến Melchizedek, theo lời giải thích của Thánh Tông đồ Phao-lô (Hê-bơ-rơ 6:20), trở thành hình ảnh tiên tri của Chúa Giê-su Ki-tô – Thượng Tế và Vua vĩnh cửu. Ngay cả vua và tiên tri Đa-vít cũng đã chỉ ra ý nghĩa tiên báo của chức tư tế Mê-lích-xê-đéc khi ngài nói về Con Thiên Chúa: *"Ngài là tư tế muôn đời theo phẩm trật Mê-lích-xê-đéc"* (Thánh Vịnh 109:4). Tuy nhiên, ý nghĩa tiên tri của Melchizedek được Thánh Tông đồ Phaolô giải thích một cách đặc biệt rõ ràng và chi tiết trong Thư Hê-bơ-rơ 7:1–28.

lễ vật này, vì cháu chắt của người bị bệnh hủi ấy, để tạ ơn vì sự thanh tẩy của ông, đã mạ vàng cho hòm Giao Ước, vốn được đặt trên bàn thờ thánh trong nhà thờ hang động.

Ngoài ra, vị thánh Alipius còn thể hiện mình là người noi gương Chúa Kitô, Đấng đã chữa lành người mù bẩm sinh; bởi vì, giống như Chúa Kitô khi chữa lành người mù bẩm sinh, trước tiên Ngài đã xức bùn lên mắt người ấy, rồi truyền cho người ấy đi rửa mặt tại bể nước Siloam (có nghĩa là "được sai đi") (Giăng 9:6–7), thì vị thánh này cũng vậy, trước tiên đã bôi màu vẽ tranh thánh lên các vết loét của người bị bệnh hủi, sau đó ra lệnh cho anh ta rửa mặt bằng nước mà các linh mục – những sứ giả của Đức Chúa Trời – thường dùng để rửa mặt; như vậy, vị thánh đã chữa lành cho người bệnh khỏi cả bệnh hủi về thể xác lẫn sự mù lòa do tội lỗi, đến nỗi tất cả những người từ thành phố đi cùng người bệnh đều vô cùng kinh ngạc trước sự chữa lành nhanh chóng như vậy. Nhưng vị thánh Alipius đã nói với họ:

– Hỡi anh em! Hãy lưu ý lời đã được phán: *"Không ai có thể phụng sự hai chủ"* (Mt 6,24); vì người này ban đầu đã bị ma quỷ chi phối do những tội lỗi của mình; vì thế, khi anh ta đến với Đức Chúa Trời, nhưng theo lời xúi giục của kẻ thù, đã tuyệt vọng về sự cứu rỗi của mình và không tin vào Đức Chúa Trời, Đấng duy nhất có thể cứu anh ta, – thì bệnh phong hủi lại bao trùm thân thể anh ta với sức mạnh còn lớn hơn, như một hình phạt cho sự không tin của anh ta; vì Chúa đã phán: *"Hãy xin"*, và không chỉ đơn thuần là "hãy xin", mà phải với lòng tin, *"thì các ngươi sẽ được ban cho"* (Mt 7,24). Khi nay anh ta lần thứ hai quay về với Thiên Chúa trong sự ăn năn, trước mặt tôi, thì *"Thiên Chúa, Đấng giàu lòng thương xót"* (Ep 2,4), đã chữa lành cho anh ta.

Nghe xong, mọi người đã cúi đầu thờ lạy vị thánh và cùng người được chữa lành lên đường trở về, ngợi khen Đức Chúa Trời và các vị thánh cha Antôn và Thêôđôxiô, cũng như môn đệ của các ngài, vị thánh cha Aliphiô của chúng ta; và họ nói về vị thánh Alipius này rằng ngài đã hiện ra trước mặt họ như một Ê-li-sê mới, vì ngài đã chữa lành bệnh phong hủi cho người bệnh đó, giống như Ê-li-sê đã chữa lành bệnh phong hủi cho Nê-ê-man, người Sy-ri (2 Vua 5:14).

Còn có một người khác từ cùng thành phố Kiev, một người đàn ông đạo đức. Người này đã xây dựng một nhà thờ và mong muốn có bảy bức tranh thánh lớn để trang trí nhà thờ; người đàn ông này đã trao bạc cùng với những tấm ván dùng để vẽ tranh thánh cho hai tu sĩ của Tu viện Pechersk, những người mà ông quen biết, và yêu cầu họ tham khảo ý kiến của Thánh Alipius về việc vẽ tranh thánh. Nhưng các tu sĩ không nói gì với Thánh Alipius cả, mà lại chiếm đoạt số bạc đó cho riêng mình. Một thời gian sau, người đàn ông ấy sai người đến hỏi các tu sĩ xem các bức tranh thánh của ông đã được vẽ xong chưa. Họ trả lời rằng Thánh Alipius đòi thêm bạc. Rồi một lần nữa, họ lại lấy số bạc do người đàn ông ấy gửi đến và chiếm đoạt cho riêng mình. Sau đó, khi đã đạt đến mức vô liêm sỉ tột cùng, hai tu sĩ này lại sai người đến nói với người đàn ông đó (với lời vu khống Thánh Alipius) rằng Thánh Alipius đòi thêm số bạc bằng chính số đã nhận. Người đàn ông yêu mến Chúa ấy đã đưa bạc lần thứ ba, và nói:

– Tôi rất mong nhận được lời cầu nguyện và phước lành từ công việc do chính tay ngài thực hiện.

Còn Thánh Alipius thì hoàn toàn không hay biết gì về những việc các tu sĩ đã làm.

Cuối cùng, người đàn ông ấy lại cử người đến hỏi cho rõ: "Các bức tượng thánh đã được vẽ xong chưa?" Các tu sĩ ấy, không biết phải trả lời thế nào, bèn nói rằng Thánh Alipius đã lấy hết số bạc được gửi đến ba lần, nhưng lại không muốn vẽ các bức tượng thánh.

Lúc đó, người đàn ông yêu mến Chúa ấy đã đến tu viện Pechersk cùng với đoàn tùy tùng của mình, tìm gặp vị tu viện trưởng Nikon và kể cho ngài nghe về nguyên nhân nỗi buồn mà (được cho là) Alipius đã gây ra cho ông. Vị tu viện trưởng gọi Alipius đến và nói với ông:

– Tại sao anh, hỡi anh em, lại gây tổn thương như vậy cho con trai của chúng ta, người đã hết lòng nài nỉ anh vẽ các bức thánh tượng và đã trao cho anh số bạc đúng như anh yêu cầu? Nhưng anh, sau khi nhận được nhiều bạc như vậy và hứa sẽ vẽ các bức thánh tượng, lại không vẽ chúng, mặc dù trong những trường hợp khác anh đã từng vẽ thánh tượng mà không đòi hỏi bất kỳ khoản thù lao nào.

Thánh Alipius đáp lại:

– Thưa cha kính mến! Cha biết rõ rằng con chưa bao giờ tỏ ra lười biếng trong việc này; nhưng giờ đây con hoàn toàn không hiểu cha đang nói về điều gì.

Lúc đó, vị tu viện trưởng lại nói với ngài:

– Ngươi đã nhận gấp ba lần giá để vẽ bảy bức thánh tượng; nhưng cho đến giờ ngươi vẫn chưa vẽ chúng.

Và ngay lập tức, với ý định vạch trần vị thánh, ngài ra lệnh mang đến những tấm ván dùng để vẽ tranh thánh (những tấm ván đó ngày hôm trước đã được nhìn thấy đặt trong một trong những tòa nhà của tu viện, và trên đó

không có hình vẽ nào cả): vị tu viện trưởng cũng ra lệnh gọi những tu sĩ mà qua đó người đàn ông kia đã chuyển bạc cho vị thánh, để những tu sĩ này vạch trần Alipius.

Những người được cử đi lấy các tấm ván đã phát hiện chúng được vẽ rất tinh xảo và mang chúng đến cho vị tu viện trưởng; khi nhìn thấy điều này, tất cả những người có mặt tại đó đều vô cùng ngạc nhiên và rơi vào cơn sợ hãi tột độ; sau đó, với lòng kính sợ, họ quỳ sấp xuống đất và cúi đầu thờ lạy những hình ảnh không do tay người tạo ra – cụ thể là hình ảnh của Chúa, hình ảnh Đức Mẹ Đồng Trinh và các hình ảnh các thánh khác của Thiên Chúa.

Sau đó, hai tu sĩ đã vu khống Alipius đến; không biết gì về phép lạ này, họ đã tranh cãi với vị thánh, nói rằng:

– Này, ngươi đã nhận gấp ba lần tiền mà lại không chịu vẽ thánh tượng!

Nghe những lời đó, tất cả những người có mặt tại đó đều chỉ cho hai tu sĩ ấy xem các bức tranh thánh, và nói:

– Chính những bức thánh tượng này, do chính Thiên Chúa vẽ, đã chứng minh sự vô tội của Alipius!

Còn các tu sĩ kia, khi nhìn thấy những bức tranh thánh, đã kinh hoàng trước phép lạ vĩ đại đến thế. Họ lập tức bị vị tu viện trưởng vạch trần tội trộm cắp và nói dối, bị trục xuất khỏi tu viện và bị tước đoạt toàn bộ tài sản của mình.

Nhưng những tu sĩ này vẫn không từ bỏ lòng thù hận: họ bắt đầu lan truyền những lời vu khống nhắm vào Thánh Alipius trong thành phố, khẳng định rằng chính họ đã vẽ những bức tượng thánh đó; – Còn vị trưởng tu viện của chúng tôi, – họ nói, – không muốn thưởng cho chúng tôi vì công sức đã bỏ ra, – nhằm loại chúng tôi khỏi công việc, đã nói dối về những bức tượng thánh, rằng chúng được chính Đức Chúa Trời vẽ ra, với ý định bào chữa cho Alipius.

Nghe những lời như vậy, nhiều người dân đã từ thành phố đến tu viện để chiêm ngưỡng những bức tượng thánh đó và thờ lạy chúng. Tuy nhiên, mặc dù nhiều người dân đã tin những tu sĩ đã vu khống Thánh Alipius, – nhưng Đức Chúa Trời, Đấng tôn vinh các thánh của Ngài, như chính Ngài đã phán trong Phúc Âm thánh: *"Thành phố nằm trên đỉnh núi không thể bị che khuất"* (Mt 5:14); và còn nữa: *"Khi thắp đèn, người ta không đặt nó dưới cái chậu, mà đặt trên giá đèn, để nó chiếu sáng cho mọi người trong nhà"* (Mt 5,15), – Thiên Chúa đã không giấu diếm những việc làm cao đẹp của người công chính này; vì ngay cả Công tước Vladimir Monomakh[5556] cũng đã nghe tin về phép lạ này, do Chúa thực hiện vì Thánh Alipius; phép lạ này còn được xác nhận thêm như sau:

Theo ý Chúa, một trận hỏa hoạn đã xảy ra tại Kiev, thiêu rụi gần như toàn bộ khu Podol[5557] ở Kiev; tại khu vực này của thành phố cũng có một nhà thờ với những bức tượng thánh đã được đề cập, vốn cũng bị thiêu rụi, tuy nhiên, sau trận hỏa hoạn, người ta đã tìm thấy cả bảy bức tượng thánh đó vẫn hoàn toàn nguyên vẹn.

Khi hoàng tử nghe tin này, ngài đã đích thân đến hiện trường vụ hỏa hoạn, mong được tận mắt chứng kiến phép lạ đã xảy ra tại đó. Nhìn thấy những bức tượng thánh vẫn nguyên vẹn sau ngọn lửa, hoàng tử trước hết nhận ra rằng chúng đã được vẽ trong vòng một đêm theo sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, Đấng đã muốn minh oan cho Alipius khỏi những lời vu khống đang được gán ghép cho ngài. Lúc đó, Hoàng tử Vladimir Monomakh đã nhiệt thành ca ngợi Đấng Tạo Hóa, Đấng đã thực hiện những phép lạ vĩ đại như vậy vì những đức hạnh của Thánh Alipius. Sau đó, ngài lấy một trong những bức tượng thánh đó – chính là bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh – và ra lệnh chuyển nó đến thành phố Rostov, vào nhà thờ bằng đá ở đó, do chính ngài xây dựng. Có một thời, nhà thờ ở Rostov này cũng bị sụp đổ, nhưng bức tượng thánh đó vẫn hoàn toàn nguyên vẹn. Sau đó, bức tượng thánh được đặt trong một nhà thờ bằng gỗ; nhưng nhà thờ này, sau một thời gian, cũng bị thiêu rụi trong một trận hỏa hoạn; còn bức tượng thánh lại một lần nữa không hề hấn gì, đến nỗi trên đó không có lấy một vết xước nhỏ nào sau trận hỏa hoạn.

Tất cả những điều này đã khẳng định một cách chắc chắn cuộc đời đạo đức của vị thánh cha Alipius của chúng ta, người mà bức tượng thánh này đã tự nhiên được vẽ ra vì ngài.

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang phép lạ đã xảy ra khi vị thánh qua đời, để thấy người này, một nghệ nhân vẽ thánh tượng tài ba, đã chuyển từ cuộc sống tạm bợ này sang cuộc sống vĩnh cửu một cách kỳ diệu như thế nào.

Có một người sùng đạo đã thỉnh cầu vị Thánh Cha Alipius của chúng ta vẽ một bức thánh tượng Đức Mẹ Rất Thánh; đồng thời, ông cũng xin vị Thánh vẽ bức thánh tượng này để kịp ngày lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời.

[5556] Vladimir Monomakh trị vì từ năm 1114 đến năm 1125.

[5557] Một phần của thành phố.

Nhưng vị thánh nhân không lâu sau đó đã lâm bệnh và đang cận kề cái chết; trong khi đó, bức thánh tượng vẫn chưa được vẽ xong; người đàn ông ấy vô cùng đau buồn vì chuyện này và liên tục làm phiền vị thánh. Thánh Alipius bèn nói với ông ta:

– Hỡi con ơi! Đừng làm phiền ta, nhưng hãy phó thác mọi nỗi buồn của con cho Chúa, và Ngài sẽ làm theo ý Ngài: bức tượng thánh sẽ có mặt đúng chỗ vào ngày lễ của nó.

Người đàn ông ấy, tin vào lời của vị thánh, đã trở về nhà với niềm vui.

Sau đó, anh ta lại đến gặp Alipius vào ngày trước lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Thấy bức tranh thánh vẫn chưa được vẽ xong, và cũng thấy Thánh Alipius đã ốm nặng hơn, người đàn ông ấy bắt đầu trách móc vị thánh, nói rằng:

– Tại sao ngài không nói gì với tôi về căn bệnh nặng của ngài? Nếu vậy, tôi đã giao bức tranh thánh cho một họa sĩ khác, người sẽ vẽ nó cho tôi, để ngày lễ được trang nghiêm và long trọng; nhưng giờ đây, ngài đang khiến tôi phải chịu sự xấu hổ lớn lao.

Vị thánh nhân đã đáp lại anh ta với sự hiền lành:

– Hỡi con ơi! Chẳng phải ta làm điều này vì sự lười biếng của mình đâu. Tuy nhiên, chỉ cần một lời của Ngài, Đức Chúa Trời cũng có thể vẽ nên bức tượng Mẹ Ngài; chính ta cũng sắp rời khỏi cõi đời này, như Chúa đã mặc khải cho ta, nhưng ta không muốn để con phải buồn phiền.

Người đàn ông ấy ra về với nỗi buồn sâu thẳm. Ngay sau khi người ấy ra đi, một chàng trai trẻ rạng rỡ bước vào gặp vị tu sĩ Alipius và bắt đầu vẽ bức tượng thánh cho người đàn ông kia. Alipius nghĩ rằng người đàn ông ấy, vì giận ông, đã cử một họa sĩ vẽ tượng thánh mới đến, và ban đầu ông lầm tưởng chàng trai trẻ đó là con người; tuy nhiên, sự nhanh nhẹn và sự tinh tế trong công việc của chàng đã cho thấy đó là một Thiên thần; vì trong vòng ba giờ, anh ta đã vẽ nên một bức thánh tượng vô cùng đẹp đẽ, lúc thì phủ vàng lên thánh tượng, lúc thì nghiền các loại màu trên đá rồi dùng chúng để vẽ; sau đó, anh ta nói với vị tu sĩ:

– Thưa Cha! Có lẽ ở đây vẫn còn thiếu điều gì đó, hay con đã phạm lỗi ở điểm nào chăng?

Vị tu sĩ đáp lại:

– Con đã làm mọi việc thật tuyệt vời; chính Thiên Chúa đã giúp con vẽ bức tranh thánh với vẻ đẹp lộng lẫy như vậy; chính Ngài đã làm điều đó qua con.

Khi chiều tối buông xuống, người họa sĩ thánh tượng cùng với bức thánh tượng bỗng biến mất.

Trong khi đó, chủ nhân của bức thánh tượng không thể chợp mắt suốt cả đêm vì buồn bã, vì ông nghĩ rằng bức thánh tượng sẽ không kịp hoàn thành trước ngày lễ; vì vậy, ông tự cho mình là không xứng đáng với ân sủng của Đức Chúa Trời và tự gọi mình là một tội nhân lớn. Vì lý do này, khi thức dậy vào buổi sáng hôm sau, ông đã đến nhà thờ để xưng tội với Chúa về những lỗi lầm của mình. Nhưng ngay khi vừa mở cửa nhà thờ, ông đã thấy bức tượng thánh vẫn đứng nguyên tại chỗ. Ngay lập tức, ông ngã quỵ xuống đất vì sợ hãi, nghĩ rằng đó là một hồn ma; sau đó, khi đứng dậy một chút khỏi mặt đất và nhìn kỹ vào bức tượng thánh, ông mới nhận ra đó chính là bức tượng thánh của mình. Do đó, ông rơi vào cơn sợ hãi và kinh hoàng tột độ, và nhớ lại lời của Thánh Alipius, người đã nói với ông rằng bức tượng thánh sẽ sẵn sàng cho ngày lễ của mình; sau đó, ông đi đánh thức tất cả những người trong nhà. Các thành viên trong gia đình ông hân hoan vội vã đến nhà thờ với nến và lư hương; khi nhìn thấy bức tượng thánh ở đó, rực rỡ như mặt trời, tất cả đều quỳ xuống đất, cúi đầu thờ lạy bức tượng thánh và hôn lên nó với tâm hồn tràn đầy niềm vui.

Sau đó, người đàn ông đạo đức ấy đến gặp vị tu viện trưởng và kể cho ngài nghe về phép lạ đã xảy ra với bức tượng thánh; rồi họ cùng nhau đến gặp Thánh Alipius và thấy ngài đã sắp lìa cõi đời này. Mặc dù vậy, vị tu viện trưởng vẫn hỏi ngài:

– Thưa Cha! Bức thánh tượng này do ai và bằng cách nào được vẽ cho người đàn ông này?

Alipius kể lại cho họ tất cả những gì ông đã thấy và nói:

– Bức thánh tượng đó do một Thiên thần vẽ, và chính Ngài đang đứng ở đây, chuẩn bị đón linh hồn con.

Nói xong, vị thánh đã trao linh hồn mình vào tay Chúa vào ngày mười bảy tháng Tám năm[5558] . Các tu sĩ đã quấn thi thể ngài bằng vải liệm, rồi rước ngài vào nhà thờ; sau đó, sau khi cử hành nghi thức ca hát tang lễ theo thông lệ, họ an táng thi thể vị thánh trong hang động của Thánh Antôn.

[5558] Thánh Alipius qua đời vào năm 1114.

Vị thánh họa sĩ thánh tượng đầy phép lạ này đã làm rạng rỡ cả trời lẫn đất; sau khi sống trên trần gian bằng thân xác, ngài đã lên trời với linh hồn đầy đức hạnh, để tôn vinh Đấng Chủ Tể của các họa sĩ thánh tượng, Thiên Chúa Cha, Đấng đã phán: *"Chúng ta hãy tạo nên con người theo hình ảnh của Chúng ta [và] theo sự giống như của Chúng ta"* (Sáng Thế Ký 1:26), cũng như theo *"hình ảnh bản thể của Ngài"* (Hê-bơ-rơ 1:3), Đức Chúa Con, Đấng *"đã tự hạ mình, trở nên giống như con người"* (Phi-líp 2:7); cùng với Đức Thánh Linh, Đấng đã ngự xuống từ trời dưới hình dạng chim bồ câu (Ma-thi-ơ 3:16) và dưới hình dạng những lưỡi lửa (Công vụ 2:3). Chúng ta hãy cùng với vị cha thánh Alipius của chúng ta ngợi khen tất cả những Đấng này – Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Thần – những Đấng ngự trong một bản thể duy nhất, và hãy tôn vinh các Ngài đến muôn đời. A-men.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Straton, Philip, Eutychian và Cyprian

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 8

Các thánh tử đạo này, vốn là những người thuộc dòng dõi quý tộc, thường đi khắp thành Nicomedia[5559] và, khi đến các buổi biểu diễn công cộng, họ giảng dạy cho đám đông tụ tập ở đó, thuyết phục họ từ bỏ việc thờ lạy các thần tượng và quay về với đức tin nơi Đức Kitô. Một lần nọ, quan trưởng thành phố thấy nơi diễn ra các cuộc biểu diễn trống rỗng, hầu như không có khán giả; khi biết được nguyên nhân, đó là dân chúng đã từ bỏ việc tụ tập xem các cuộc biểu diễn nhờ được các thánh tử đạo dạy dỗ, và vì thế họ đã bỏ qua các tập tục của tổ tiên để sống một cuộc sống mới nào đó, ông liền ra lệnh đưa các thánh đến gặp mình ngay lập tức. Khi họ được dẫn đến trước mặt quan trưởng thành phố, họ tuyên bố với ông rằng họ giữ vững đức tin vào Chúa Kitô và đã dạy đức tin ấy cho người khác. Sau đó, họ bị dẫn đến đấu trường và bị ném cho thú dữ xé xác, nhưng những con thú ấy không gây ra bất kỳ tổn thương nào cho họ. Sau đó, họ phải chịu nhiều hình thức tra tấn khác nhau và cuối cùng bị ném vào lửa. Như vậy, các thánh tử đạo đã trải qua chặng đường[5560] đầy đau khổ vì Chúa Kitô và, sau khi chiến thắng, đã nhận được vương miện[5561] .

Lễ kính Thánh Tử đạo Miron

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 8

Thánh Miron là linh mục tại Achaia[5562] dưới triều đại của vua Decius bất chính[5563] ; còn Antipater là thống đốc của vùng đất đó. Thánh nhân xuất thân từ một gia đình quý tộc và giàu có; ngài có tính cách rất hiền lành; trong lòng ngài luôn nuôi dưỡng tình yêu nồng ấm dành cho Thiên Chúa và con người, và sống một cuộc đời thánh thiện.

Một lần nọ, vào ngày lễ Giáng sinh của Chúa Kitô, thống đốc Antipater bước vào nhà thờ Kitô giáo để bắt những tín hữu đang tụ họp cầu nguyện và tra tấn họ; khi chứng kiến cảnh đó, Thánh Miron tràn đầy lòng nhiệt thành và đã mạnh mẽ lên án thống đốc, đồng thời quở trách ông ta. Vì điều này, theo lệnh của quan tổng trấn, ngài bị bắt và phải chịu những hình phạt tàn bạo: ngài bị treo lên cây và bị cạo da bằng một chiếc lược sắt; sau đó, ngài bị thiêu đốt bằng lửa; cuối cùng, ngài bị ném vào lò lửa đang cháy rực và phun ra những ngọn lửa kinh hoàng; nhưng ngay lúc đó, ngọn lửa từ trong lò bùng ra và thiêu rụi một trăm năm mươi tên đầy tớ vô đạo của viên tổng trấn đang đứng gần đó; còn vị thánh thì vẫn sống sót, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, không hề hấn gì và, đứng giữa lò lửa, ngài ngợi khen Thiên Chúa. Cùng lúc đó, trong lò lửa có thể thấy các Thiên thần thánh đứng giữa ngọn lửa bao quanh vị thánh và làm mát lò lửa.

[5559] Nicomedia – thủ đô của phần phía đông Đế quốc La Mã cổ đại, nơi ở của Hoàng đế Diocletian, một thành phố nổi tiếng thuộc tỉnh Bithynia của La Mã ở Tiểu Á, nằm ở phía tây bắc Tiểu Á.

[5560] Trong tiếng Hy Lạp, "poprishche" là tên gọi của một khu vực có chiều dài và chiều rộng nhất định, được rào lại để chạy. Người chạy qua khu vực này và về đích trước những người khác sẽ được coi là người chiến thắng và nhận được một vòng hoa làm phần thưởng.

[5561] Thời điểm qua đời của các thánh tử đạo này vẫn chưa được biết.

[5562] Achaea – một vùng đất của Hy Lạp cổ đại, nằm trên bán đảo Peloponnese.

[5563] Hoàng đế Decius trị vì từ năm 249 đến năm 251.

Khi lò lửa tắt hẳn và vị thánh bước ra khỏi đó mà không hề hấn gì, viên tổng trấn bắt đầu ép buộc ngài phải thờ lạy các thần tượng; nhưng khi vị thánh không tuân theo mệnh lệnh vô đạo đó, viên tổng trấn ra lệnh lột da vị thánh và cắt thành những dải da, từ vai xuống đến chân. Vị thánh tử đạo đã lấy một sợi dây thắt lưng từ người mình, ném thẳng vào mặt vị thống đốc; sau đó, ngài lại bị cạo da bằng những móng sắt trên thân thể trần trụi, rồi bị ném cho thú dữ ăn thịt, nhưng ngài vẫn không hề hấn gì.

Khi đó, vị thống soái Antipater, khi thấy mình bị Miron – vị tử đạo của Chúa Kitô – làm nhục trong mọi việc, đã tràn ngập cơn giận dữ và điên cuồng, rồi tự tay giết chết chính mình; thế là kẻ vô đạo ấy đã chết trong tiếng ồn ào, giao phó linh hồn đồi bại của mình cho lũ quỷ xuống địa ngục để chịu cực hình vĩnh viễn. Còn vị thánh tử đạo thì được đưa đến thành phố Kizik[5564] và tại đây ngài đã qua đời, bị chém đứt đầu, trao linh hồn thánh thiện của mình vào tay Đức Chúa Trời[5565] . Như vậy, sau khi nhận lấy vương miện tử đạo, ngài đã bước vào niềm vui của Chúa mình.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Từ thuở thiếu thời, ngài đã yêu mến Đấng Christ vinh quang, và tuân giữ các điều răn thiêng liêng của Ngài, ngài đã đến với Ngài trong sự toàn vẹn, hỡi Miron đáng kính, và cùng các Thiên thần, ngài cầu nguyện không ngừng. Xin ngài cầu thay cho tất cả những ai tôn kính kỷ niệm của ngài được tha thứ tội lỗi.

Ngày 31 tháng 8

Ngày 18 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm các Thánh Tổng Giám mục Constantinopolis là Gioan và Giorgi. Gioan làm Tổng Giám mục từ năm 669 đến năm 674, còn Giorgi từ năm 678 đến năm 683 – cả hai đều dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Pogonatus (668–685).

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Emilián và các vị đồng hành

Ngày kỷ niệm: 18 tháng 8

Thánh Emilián sinh ra tại vùng Armenia thuộc châu Á. Cha mẹ ngài – những người Kitô hữu – là những người quý tộc và giàu có. Họ đã gửi ngài đến học chữ với một vị tu sĩ đạo đức tên là Ilarion. Sau khi học hỏi sâu rộng về kiến thức sách vở và đến tuổi trưởng thành, Thánh Emilian đã sống một cuộc đời trong sạch, hiếu Chúa và đạo đức, tận tâm tuân giữ việc ăn chay, cầu nguyện và đọc sách, đồng thời giữ gìn sự trinh khiết của mình một cách vô tì vết. Khi tin tức lan đến Armenia rằng các hoàng đế La Mã vô đạo là Diocletian và Maximian đã phát động cuộc bách hại tàn bạo đối với các Kitô hữu ở châu Âu, thì Emilian bừng cháy lòng nhiệt thành thánh thiện vì đức tin chân chính, và với tình yêu nồng cháy dành cho Chúa Kitô đến mức sẵn sàng chấp nhận cái chết vì Ngài, anh đã quyết tâm lên đường đến những vùng đất ấy để rao giảng danh Chúa Kitô cho những người ngoại đạo và hiến dâng mạng sống mình vì Chúa. Emilian có hai người anh em là Dionysius và Hermippus. Bằng những lời khuyên nhủ được Thánh Thần soi dẫn, anh đã truyền cảm hứng cho họ cùng chia sẻ ý định đó. Và thế là, sau khi cha mẹ qua đời, ba anh em đã cùng nhau quyết định, vì tình yêu dành cho Chúa Kitô, từ bỏ ngôi nhà, quê hương, gia tài và mọi của cải trần gian, rồi lên đường từ châu Á sang châu Âu. Họ cũng mang theo thầy dạy của mình, tu sĩ Hilarion, và đến thành phố Spolito[5566] , thuộc nước Ý. Tại thành phố này, giữa những người ngoại đạo, họ đã gặp nhiều Kitô hữu sống đời sống trong sạch và công chính, và theo lời thỉnh cầu của họ, họ đã ở lại sinh sống cùng họ. Thánh

[5564] Thành phố Kizik nằm trên bán đảo Arktonisse.
[5565] Thánh tử đạo Miron qua đời vào khoảng năm 250.
[5566] Ngày nay là Spoleto, nằm trên một trong những nhánh sông của sông Tiber ở Umbria. Nhánh sông này trong thời cổ đại được gọi là Clitumnae.

Emilián là gương mẫu về sự thánh thiện cho mọi người, vì cả ngày lẫn đêm, ngài đều miệt mài cầu nguyện và rao giảng Lời Chúa.

Sau một thời gian, tại một thành phố lân cận tên là Trebia[5567] , vị giám mục đã qua đời. Lúc bấy giờ, cư dân thành phố này – những người Kitô hữu đang sống giữa những kẻ thờ ngẫu tượng, như lúa mì giữa cỏ dại và như hoa huệ giữa bụi gai – khi biết đến cuộc đời và sự khôn ngoan của Thánh Emilián, đã bầu ngài làm giám mục của họ, vì dù còn trẻ tuổi nhưng ngài lại vượt trội hơn cả những bậc cao niên về trí tuệ và đức hạnh. Để được tấn phong, họ đã gửi ngài đến Rôma gặp Đức Thánh Cha Marcellius. Sau khi nhận lễ tấn phong giám mục từ Đức Thánh Cha, Thánh Emilian cùng với vị thầy và các anh em của mình đã chuyển từ Spoliton đến Trebia, thành phố tòa giám mục của giáo phận mình. Khi bắt đầu quản lý đoàn chiên của mình, ngài đã cai quản họ một cách anh dũng, hướng dẫn đoàn chiên của Chúa Kitô bằng cả hành động lẫn lời nói; đồng thời, ngài đã chữa lành các bệnh tật một cách kỳ diệu và dùng ân sủng của Chúa Kitô để chữa lành cả thân xác lẫn linh hồn con người, nhờ đó ngài đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo trở lại đức tin Kitô giáo.

Vào thời đó, người cai trị các vùng đất ấy là một kẻ tính tình tàn bạo tên là Maximian, người mà các hoàng đế vô đạo đã trao quyền cai trị Etruria và Umbria. Khi nghe tin về Giám mục Kitô giáo Emilián, rằng ngài đã dẫn dắt nhiều người từ việc thờ phượng các thần tượng quay về với Chúa Kitô và phá bỏ các đền thờ ngoại giáo, Maximian vội vã đến Trebia. Ông ra lệnh bắt giữ vị thánh của Thiên Chúa và đưa ngài đến trước mặt mình để xét xử, rồi nói với ngài:

– Emilian, ta nghe nói gì về ngươi vậy? Tại sao ngươi lại tự nguyện dấn thân vào cái chết vì sự điên rồ của mình? Nếu ngươi không thờ lạy các vị thần của chúng ta, ta sẽ khiến ngươi phải chịu những cực hình tàn bạo và ra lệnh xử tử ngươi một cách khủng khiếp.

– Ta sẽ không thờ lạy ma quỷ, – vị giám mục thánh thiện đáp lại với sự kiên định tuyệt đối, – bởi vì tất cả các vị thần ngoại đạo đều là ma quỷ, như đã được ghi chép trong các sách thánh, và ai thờ lạy chúng thì sẽ phải chịu những cực hình vĩnh viễn trong địa ngục.

Nghe những lời này, quan tổng trấn nổi giận và ra lệnh đánh đập vị thánh không thương xót, rồi sau khi đánh đập xong, hắn bắt đầu chế nhạo ngài bằng lời nói. Hắn phỉ báng Đức Chúa Kitô và nói rằng Đức Chúa Trời của Kitô giáo không có bất kỳ quyền năng nào, còn những vị thần mà ngài tôn kính thì toàn năng. Lúc đó, vị thánh của Đức Chúa Trời nói với hắn:

– Hãy thử đi, nếu ngươi muốn, và xem sức mạnh của ai lớn hơn, của Chúa Kitô hay của các vị thần của ngươi? Hãy ra lệnh mang đến đây một người bị liệt hoặc một người mắc bất kỳ căn bệnh nào khác, và bảo các thầy tế lễ của ngươi cầu nguyện với các vị thần để chữa lành cho người bệnh; tôi cũng sẽ cầu nguyện với Đức Chúa Trời của tôi, và Đức Chúa Trời nào dùng quyền năng của Ngài để chữa lành người bệnh, thì Đức Chúa Trời đó sẽ được mọi người công nhận là Đức Chúa Trời chân thật và mọi người sẽ thờ phượng Ngài.

Đề nghị của Thánh Emilian đã làm hài lòng Maximian, và ông lập tức ra lệnh đi tìm người bệnh. Chẳng bao lâu sau, người ta đưa đến một người bị liệt, đã nằm liệt giường từ rất lâu và hoàn toàn không thể điều khiển được các chi của mình. Trước cảnh tượng đó, một đám đông người dân đã tụ tập lại, mong muốn được chứng kiến phép lạ sắp xảy ra. Và theo lệnh của nhà vua, các thầy tế lễ bắt đầu cầu nguyện với các vị thần của họ, kêu cầu Apollon, Zeus, Mercury và các vị thần hư ảo, giả dối khác của họ, để họ chữa lành cho người bị liệt. Họ cầu nguyện rất lâu, nhưng không đạt được kết quả nào, còn vị thánh, đứng ở một bên, quan sát và chế giễu họ cùng các vị thần của họ. Cuối cùng, Maximian ra lệnh cho các thầy tế lễ của mình ngừng cầu nguyện và, quay sang giám mục Kitô giáo là Emilian, ông nói với ông ta:

– Bây giờ ngươi hãy cầu nguyện với Đức Chúa Trời của ngươi, nếu ngươi mong đợi nhận được điều gì từ Ngài.

Lúc đó, vị giám mục quỳ gối cầu nguyện, giơ hai tay lên, ngước mắt lên trời và bắt đầu cầu nguyện, nói rằng:

– *"Lạy Chúa! Xin hãy nghe lời cầu nguyện của con, và tiếng kêu khẩn thiết của con hãy đến với Ngài. Xin đừng che giấu khuôn mặt Ngài khỏi con… vào ngày [khi] con kêu cầu [Ngài], xin hãy mau nghe con"* (Thánh vịnh

[5567] Trebia, một thành phố khá quan trọng trong thời cổ đại, cũng giống như Spoleto, nằm trên con đường lớn nối thủ đô của thế giới, La Mã, với một trong những cảng của Biển Adriatic; hiện nay thành phố này không còn tồn tại. Nó nằm ở Umbria, hơi phía bắc Spoleto và cách đó không xa.

101,2–3). Lạy Chúa, xin hãy tỏ cho tất cả những ai có mặt ở đây thấy rằng Ngài là Đấng Thiên Chúa duy nhất và chân thật, và xin cứu rỗi những ai tin vào Ngài.

Sau khi cầu nguyện như vậy, vị thánh nhân bước đến bên người bị liệt, nắm lấy tay anh ta và nói:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con, hãy đứng dậy và được lành mạnh.

Người bị liệt lập tức đứng dậy, toàn thân khỏe mạnh, và trước mắt mọi người, anh ta bắt đầu đi lại, vui mừng và ngợi khen Đức Chúa Trời. Anh ta cho mọi người thấy mình để chứng minh rằng mình đã được chữa lành hoàn toàn, rồi vui vẻ trở về nhà.

Phép lạ này đã khiến tất cả những ai chứng kiến đều kinh ngạc, và nhiều người đã tin vào Đấng Christ. Bản thân Maximius cũng bắt đầu có ý định tin theo, nhưng các thầy tế lễ vô đạo đã thuyết phục ông đừng tin, nói rằng phép lạ này không phải do quyền năng của Đức Chúa Trời mà là do phép thuật của Emilian, và họ kêu gọi vị vua:

– Hãy xử tử tên phù thủy này, để sự tôn kính các vị thần không bị mất đi hoàn toàn.

Nghe theo những thầy tế lễ vô đạo và tin vào những lời dối trá của họ hơn là sức mạnh hiển nhiên của Đức Chúa Trời, Maximian lại bắt đầu thuyết phục Thánh Emilian thờ lạy các thần tượng và nói:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, vì ngài biết rằng nhiều người đã không nghe theo lời khuyên của ta, cho đến nay vẫn đang phải chịu những cực hình khủng khiếp.

– Những ai không dâng lễ vật cho các vị thần vô đạo của ngươi, – thánh nhân đáp lại, – mà đã quyết tâm chết vì Chúa Kitô, giờ đây đang cùng Ngài hưởng phúc vĩnh cửu.

– Đừng nói với ta về danh Chúa Kitô nữa, – Maximian đáp lại, – nhưng hãy thương xót tuổi trẻ của ngươi, vì những cực hình khủng khiếp đang chờ đợi ngươi.

– Ta, – tôi tớ của Chúa Kitô, – thánh Emilián đáp, – sẽ không ngừng công khai xưng danh và tôn vinh danh Chúa Giêsu Kitô; vì Ngài, ta sẵn sàng chịu mọi hình thức tra tấn và cả cái chết.

Lúc đó, Maximian ra lệnh lột trần Thánh nhân, treo lên nơi tra tấn và dùng những ngọn nến đang cháy rực để thiêu đốt thân thể ngài.

Chịu đựng sự tra tấn này một cách cam chịu, vị thánh tử đạo cầu nguyện cùng Chúa để Ngài củng cố lòng can đảm của ngài trong những đau khổ. Và rồi Chúa Kitô hiện ra với ngài và phán:

– Đừng sợ, Ê-mi-li-an, chính Ta đang ở cùng ngươi!

Và ngay lập tức, những ngọn nến tắt lịm và tay những kẻ hành hình co quắp lại. Thấy vậy, quan tổng trấn ra lệnh tháo vị tử đạo xuống khỏi nơi tra tấn và nói với ngài:

– Ngươi dùng phép thuật gì mà dập tắt cả ngọn nến và làm tê liệt tay các tôi tớ của ta? Nhưng ta còn có những hình phạt khắc nghiệt hơn dành cho ngươi, mà ngươi sẽ không thể chịu đựng nổi.

– Phép lạ của tôi, – vị tử đạo đáp lại, – chính là Chúa Kitô của tôi, và nếu ngài bắt tôi chịu những cực hình nặng nề hơn, thì Ngài sẽ ban cho tôi thêm sự kiên nhẫn và tỏ lộ quyền năng vĩ đại hơn nữa của Ngài qua tôi.

Lúc đó, Maximian ra lệnh nung chảy một cái nồi thiếc và ném vị tử đạo vào đó. Nhưng Chúa Kitô lại hiện ra với tôi tớ của Ngài, nắm lấy tay vị thánh tử đạo và cùng ngài bước vào nồi thiếc; ngọn lửa lập tức tắt ngấm, nồi thiếc vỡ tan và thiếc chảy ra, còn vị thánh vẫn nguyên vẹn. Phép lạ này khiến vị vua và tất cả những người có mặt tại đó kinh ngạc, tuy nhiên, họ không nhận ra đó là quyền năng của Thiên Chúa.

Sau đó, Maximian ra lệnh buộc một tảng đá lớn vào cổ vị thánh tử đạo và ném ngài xuống con sông chảy gần thành phố, có tên là Klitumna. Nhưng ngay cả ở đây, Chúa Kitô cũng hiện ra với thánh Emilian và, giống như đã từng làm với Thánh Phêrô, nắm lấy tay ngài và đưa ngài từ đáy sông lên bờ. Các binh lính đã dẫn vị thánh trở lại trước mặt vị thống đốc và kể cho ông nghe về phép lạ vừa xảy ra.

Lúc bấy giờ, Maximian ra lệnh ném Emilian cho thú dữ xé xác, nhưng ngay cả thú dữ cũng không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho vị thánh của Đức Chúa Trời, bởi chính Đức Chúa Trời, Đấng đã một lần nữa hiện ra trước người tôi tớ trung thành của Ngài, đang có mặt tại đó. Đức Kitô đã nói với ông:

– Hãy vững lòng, Ê-mi-li-an, tôi tớ tốt lành và trung thành của Ta!

Và các con thú cũng bình tĩnh lại: sư tử và báo hoa mai trở nên hiền lành như những con cừu non, có con liếm chân vị thánh, có con liếm tay ngài. Khi chứng kiến những phép lạ như vậy, dân chúng đã reo lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại! Xin hãy trả tự do cho tôi tớ của Ngài.

Và vào ngày đó, một ngàn người đã tin vào Chúa Kitô. Trong cơn thịnh nộ khủng khiếp đối với dân chúng, Maximian đã phái những chiến binh vũ trang đến và ra lệnh cho họ giết những ai ca ngợi Chúa Kitô. Như vậy, một ngàn người đã tin, cả nam lẫn nữ và mọi lứa tuổi, đã bị giết. Ngoài ra, theo lệnh của vị vua đang nổi giận, cả những

con thú không gây hại gì cho vị tử đạo cũng bị giết hết. Nhìn thấy cảnh những con thú bị giết, Emilián đã kêu lên rằng:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa Kitô, vì không chỉ con người mà cả thú vật cũng chết vì Ngài.

Khi lúng túng không biết nên tra tấn Thánh Emilián bằng hình thức nào nữa, Maximian ra lệnh giam ngài vào ngục tối. Lúc này, theo lời khuyên của các đao phủ, ông ra lệnh chế tạo một bánh xe tra tấn đặc biệt và gắn lên đó vô số răng sắt nhọn. Nhưng khi, theo lệnh của ông, vị thánh tử đạo được dẫn ra khỏi ngục tối và bị trói vào bánh xe đó rồi bị lăn xuống núi, thì ngay lúc đó, Chúa đã hiện ra với ngài, cởi trói và giải thoát ngài khỏi bánh xe; còn bánh xe bị lăn xuống đã làm bị thương và giết chết nhiều người ngoại đạo đang ở dưới chân núi. Sau đó, vị thánh tử đạo lại bị giam vào ngục tối. Trong khi đó, Maximian, khi biết về hai anh em của thánh Emilian là Dionysius và Hermippus, cùng với thầy dạy của họ là Hilarion, đã sai lính đi truy lùng họ, vì họ đang lẩn trốn vì sợ hãi. Khi họ bị tìm thấy và dẫn đến trước quan tổng trấn, ông ra lệnh giam họ vào cùng ngục tối nơi thánh Emilián đang bị giam giữ. Thấy thầy và các anh em của mình, vị thánh của Đức Chúa Trời đã vô cùng vui mừng; và tất cả cùng nhau hân hoan vì được vinh dự chịu khổ vì danh Chúa Kitô. Cùng đêm đó, Thánh Hilarion đã nhận được sự mặc khải từ Thiên Chúa rằng tất cả họ sẽ sớm nhận được vương miện tử đạo. Ngay sau đó, Dionysius và Hermipp cùng với vị tu sĩ già Hilarion đã bị dẫn đến trước quan tổng trấn để xét xử. Nhưng khi vị quan này ép buộc họ phải thờ lạy các thần tượng và đe dọa sẽ tra tấn họ, thì Chúa Kitô đã hiện ra để củng cố lòng tin của họ; cùng lúc đó, một trận động đất xảy ra, các thần tượng rơi xuống khỏi vị trí và vỡ tan thành bụi. Vì vậy, các thánh, theo lệnh của vị quan, đã bị đánh đập dã man và cuối cùng bị chém đầu. Như vậy, các ngài đã nhận được vương miện tử đạo mà Chúa đã hứa ban cho các ngài.

Sáng hôm sau, Maximian ra lệnh dẫn Thánh Emilian của Đức Chúa Trời đến tòa án và nói với ngài:

– Các anh em của ngươi và thầy dạy của ngươi đã từ bỏ Chúa Kitô, và ta đã gửi họ đến một thành phố khác để nhận những vinh dự.

Nhưng Thánh Emilián, nhờ sự mặc khải của Thiên Chúa mà biết trước cái chết tử đạo của các thánh, đã đáp lại vị thống đốc:

– Hỡi kẻ hành hình, ngươi nói dối: họ không từ bỏ Chúa Kitô, mà đã hiến dâng mạng sống mình vì Ngài. Tuy nhiên, ngươi đã nói đúng khi bảo rằng đã gửi họ đến một thành phố khác, bởi vì, sau khi giết họ, ngươi thực sự đã gửi họ đến thành phố thiên đàng để nhận vinh quang từ Vua vinh quang, là Chúa Kitô, Đấng mà họ đã chịu khổ vì Ngài.

Nghe những lời này, Maximian nổi giận và kết án thánh Emilian bị chém đầu bằng gươm. Sau bản án đó, vị thánh, được một đám đông lớn dân chúng tháp tùng, đã bị dẫn ra khỏi thành phố một quãng đường bằng một sân thi đấu[5568] đến một nơi gọi là Carpianovo để thi hành án. Trên đường đến nơi hành quyết, vị tử đạo đã hát ca ngợi Thiên Chúa và cầu nguyện cho dân chúng. Khi đao phủ vung gươm chém vào cổ vị thánh, lưỡi gươm bỗng uốn cong như sáp và không gây ra vết thương nào. Lúc đó, những người lính có mặt tại hiện trường đã quỳ xuống dưới chân vị thánh, xin ngài tha thứ, thừa nhận rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa duy nhất và chân thật, đồng thời khẩn cầu vị thánh tử đạo cầu nguyện cho họ trước mặt Thiên Chúa Kitô. Và khi vị tử đạo quỳ gối xuống, bắt đầu cầu nguyện không chỉ cho họ mà còn cho tất cả mọi người, thì ngài nghe thấy một tiếng nói từ trời, báo cho ngài biết rằng lời cầu nguyện của ngài đã được chấp nhận, và kêu gọi chính ngài lên các nơi ở trên trời. Nghe thấy tiếng nói đó, vị thánh tử đạo tràn ngập niềm vui khôn tả. Ngài mong muốn sớm từ bỏ thân xác để sống cùng Chúa Kitô; tuy nhiên, ngài khao khát đạt được điều đó không phải bằng cái chết bình thường, mà bằng cái chết của một vị tử đạo, nên ngài đã cầu xin Chúa cho ngài được chết dưới lưỡi gươm. Và thế là một tên hành hình khác đã đến và chém đứt đầu cao quý của ngài. Như vậy, vị giám mục thánh Emilian đã được đội vương miện tử đạo. Từ vết thương của ngài, thay vì máu, sữa đã chảy ra, và nhiều người ngoại đạo, khi chứng kiến những phép lạ ấy, đã tin vào Chúa Kitô. Họ đã quấn thi hài cao quý của vị thánh tử đạo vào những tấm vải liệm sạch sẽ, được xức dầu thơm, và chôn cất ngay tại chỗ.

Sau này, khi cuộc bách hại các Kitô hữu chấm dứt, các tín hữu đã long trọng rước thi hài của vị thánh về thành phố và an táng tại một nơi thánh thiêng, ngợi khen Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng mà chúng ta cũng xin dâng vinh quang cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ, luôn mãi và đến muôn đời. Amen.

[5568] Poprishe – đơn vị đo khoảng cách tương đương khoảng một verst (690 sazhen).

Lễ kính các thánh tử đạo Flora và Lavra

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 8

Các thánh tử đạo Flora và Lavra không chỉ là anh em ruột thịt mà còn là anh em về tinh thần, vì cả hai đều đồng lòng tin vào Chúa Kitô và làm đẹp lòng Ngài bằng những việc lành. Nghề nghiệp của họ là thợ xây. Thầy dạy của họ là hai vị thánh nhân Proclus và Maximus, từ những người này, cùng với nghề thủ công, họ đã học được lối sống thánh thiện theo các nguyên tắc của đức tin Kitô giáo. Vì đức tin vào Chúa Kitô, trước tiên các thầy của họ đã bị xử tử, và sau đó, một thời gian sau, theo gương các thầy, họ cũng đã nhận được vương miện tử đạo, chịu cái chết đau khổ dưới tay quan tổng trấn Illyria[5569] Lykiôn. Nguyên nhân dẫn đến sự đau khổ của họ là sự việc sau đây.

Một vị vua của nước láng giềng đã gửi lời thỉnh cầu đến vị vua Illyria, xin ông cử những thợ xây đá lành nghề đến để xây dựng một ngôi đền đá tráng lệ thờ các vị thần ngoại đạo. Vì thánh Flor và thánh Laurus là những người giỏi nhất trong nước về lĩnh vực này, nên Lycion đã cử hai vị đến gặp vị vua đó. Trong khi xây dựng ngôi đền theo ý muốn của vị vua đó, hai vị thánh anh em đã phân phát cho người nghèo số tiền mà họ nhận được từ công việc của mình, đồng thời dạy dỗ người nghèo về đức tin thánh thiện nơi Đức Kitô. Bản thân họ luôn dành thời gian cho việc ăn chay, cầu nguyện và lao động: ban đêm họ cầu nguyện, còn ban ngày thì làm việc; họ ăn rất ít, nhưng lại cho những người đói khát và nghèo khó ăn uống no nê. Nhờ hành động như vậy, họ đã dẫn dắt không chỉ những người nghèo mà họ chăm sóc đến với đức tin Kitô giáo, mà còn cả một thầy tế ngoại giáo cùng con trai ông ta. Chuyện xảy ra như sau.

Một ngày nọ, khi hai anh em thánh đang đục đá, con trai của vị thầy tế, một chàng trai trẻ, bước đến gần và đứng quan sát công việc của họ. Bỗng nhiên, một mảnh đá văng ra, đập trúng mắt chàng trai và làm rớt con mắt của anh ta. Vì đau đớn, chàng trai hét lên; nghe tiếng hét, cha cậu, vị thầy tế ngoại đạo, vội chạy đến. Thấy khuôn mặt con trai đầy máu và mắt đã rớt ra, ông ta vì đau đớn mà xé rách áo quần, bắt đầu mắng chửi các thợ thánh và định lao vào đánh họ, nhưng đã bị những người thợ khác có mặt tại đó ngăn cản. Để chứng minh sự vô tội của hai vị thánh anh em, họ nói rằng chính chàng trai trẻ là người phải chịu trách nhiệm về tai họa của mình, bởi vì anh ta đã đến quá gần họ vào lúc họ đang đục đá và nhìn vào công việc của họ mà không thực hiện bất kỳ biện pháp phòng ngừa nào. Các vị thánh Flor và Lavr, trong nỗ lực xoa dịu vị linh mục, đã hứa sẽ sớm chữa lành mắt cho con trai ông và giúp cậu bé nhìn rõ như trước đây.

Sau đó, họ đưa chàng trai về nhà mình qua đêm và bắt đầu dạy anh ta về Đấng Chúa duy nhất và chân thật, là Chúa Giê-su Ki-tô, đồng thời nói với anh ta:

– Nếu con tin tưởng hết lòng vào Đức Chúa Trời mà chúng tôi đang rao giảng cho con, thì mắt con sẽ sớm lành lại.

– Nếu mắt tôi trở lại như trước đây, – chàng trai đáp, – thì tôi sẽ tin vào Đức Chúa Trời của các vị và tôn kính Ngài. Chắc chắn rằng nên tin vào Đức Chúa Trời, Đấng chữa lành người bệnh và ban lại thị lực cho người mù, hơn là tin vào những vị thần không những không chữa lành người bệnh, mà còn khiến người khỏe mạnh trở nên ốm yếu.

Lúc đó, chàng trai kể cho các thánh nhân nghe về một sự việc như thế này.

– Có – anh ta nói – trong số các thầy tế của chúng tôi có một người tên là Erm. Vài năm trước, khi họ định phong chức thầy tế cho anh ta, họ đã dẫn anh ta đến trước tượng thần Zeus để đặt tay của tượng thần lên đầu anh ta. Đó là nghi lễ của chúng tôi khi phong chức tư tế. Nghi lễ này bao gồm việc các tư tế dùng một sợi xích bạc nâng cánh tay của tượng thần – được gắn vào vai và có thể cử động ở khớp – lên cao, rồi hạ xuống đầu người được phong chức. Khi cánh tay đó được hạ xuống đầu Erma, sợi xích bạc bất ngờ tuột khỏi tay những người đang giữ, và cánh tay của tượng thần, khi rơi xuống mặt Erma, đã cào xé da thịt anh ta bằng móng vuốt đến tận xương, đến nỗi cho đến ngày nay, răng của anh ta vẫn có thể nhìn thấy từ xa. Và không một vị thần nào giúp đỡ anh ta, ngược lại, tình trạng của anh ta ngày càng tồi tệ hơn.

Khi chàng trai kể lại sự việc này, các thánh Flor và Laurus đã khóc lóc và bắt đầu cầu nguyện với Chúa, xin Ngài chữa lành cho chàng trai và soi sáng không chỉ đôi mắt thể xác mà cả đôi mắt tâm hồn của anh. Sau khi cầu

[5569] Illyria – một vùng đất rộng lớn ở phía tây bắc bán đảo Balkan, nằm dọc theo bờ biển Adriatic. Hiện nay, trên lãnh thổ của Illyria cổ đại là Bosnia và Herzegovina, Serbia và các nước khác.

nguyện hết lòng, các ngài làm dấu thánh giá trên con mắt bị bệnh của chàng trai, và con mắt ấy lập tức lành lại, trở nên hoàn toàn khỏe mạnh và nhìn rõ như trước đây. Nhờ phép lạ này, không chỉ chàng trai được chữa lành mà cả cha anh ta, một thầy tế ngoại đạo, cũng đã tin vào Đức Kitô. Tên của vị thầy tế này là Memertin, và từ đó, ông đã từ một kẻ phụng sự ma quỷ trở thành tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô cùng với con trai mình.

Sau đó, các thánh công nhân Flor và Lavr, nhờ sự trợ giúp của Thiên Thần Chúa trong công việc, đã nhanh chóng hoàn thành việc xây dựng ngôi đền đang thi công; nhưng họ không để nó làm nơi thờ cúng các thần tượng, mà đã thánh hiến nó để tôn vinh danh thánh của Chúa Giêsu Kitô. Họ đã dựng Thánh Giá vinh hiển ở phía đông nhà thờ và, sau khi tập hợp được khoảng ba trăm người nghèo, những anh em cùng đức tin, đã cử hành lễ cầu nguyện suốt đêm để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa. Trong lúc cầu nguyện, một ánh sáng không thể diễn tả được của vinh quang thiên đàng đã từ trên cao chiếu xuống và tràn ngập nhà thờ bằng một ánh sáng kỳ diệu. Khi buổi cầu nguyện suốt đêm kết thúc, tất cả những người có mặt trong nhà thờ đều đi đến một tòa nhà gần đó, nơi chứa các tượng thần đã được chuẩn bị cho nhà thờ mới; họ dùng thắt lưng của mình buộc vào cổ các tượng thần ấy, rồi kéo lê chúng trên mặt đất, đánh đập và đập vỡ, khiến chúng vỡ thành từng mảnh nhỏ.

Khi biết được tất cả những điều này, quan tổng trấn đã ra lệnh bắt giữ Flora và Lavra cùng tất cả những ai đi cùng họ, trong đó có Mamertinus và con trai ông. Ông kết án tất cả những người đi cùng các thánh phải bị thiêu sống, còn bản thân họ thì sau khi bị đánh đập dã man, ông ra lệnh trói lại và gửi đến cho Likiôn, thống đốc Illyria. Likiôn đã tra hỏi họ kỹ lưỡng về mọi chuyện và, khi biết rằng họ là những người Kitô hữu và vẫn kiên định trong đức tin của mình, ông đã ra lệnh ném họ xuống một cái giếng sâu và lấp đất lên.

Nhiều năm sau, thi hài thánh thiện và có khả năng chữa lành của các ngài đã được tìm thấy và được rước về Constantinopolis một cách trang trọng để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta.

Bài thánh ca, giọng 4:

Chúng ta, những tín hữu trung thành, hãy ca ngợi đôi thánh nhân đáng kính và đầy ân sủng, sáng chói, xứng đáng với phẩm giá của mình: Thánh Flora, người được chúc phúc, và Thánh Lavra, người đáng kính, những vị đã nhiệt thành rao giảng rõ ràng về Ba Ngôi Thiên Chúa không được tạo dựng cho mọi người. Vì thế, các ngài đã chịu khổ nạn cho đến đổ máu, và được đội những vương miện rực rỡ: xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Kondak, giọng 8:

Vì là các vị tử đạo đạo đức, những người chịu khổ vì Chúa Kitô đầy khôn ngoan, hôm nay toàn thể vũ trụ tôn vinh Flora và Lavra một cách vinh quang: để chúng ta được hưởng ân sủng và lòng thương xót nhờ lời cầu nguyện của các ngài, và được giải thoát khỏi những tai ương và hoạn nạn, cũng như cơn thịnh nộ và nỗi đau buồn trong Ngày Phán Xét.

Lễ kính các thánh tử đạo Erma, Serapion và Polien

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 8

Những kẻ ngoại đạo đã tố cáo các thánh tử đạo này rằng họ tôn kính Chúa Kitô, còn quay lưng lại với các thần tượng và khinh bỉ chúng. Do đó, họ bị bắt giữ và khi được đưa ra trước tổng trấn La Mã[5570] , họ đã can đảm tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Vì điều này, ban đầu họ bị giam trong ngục tối hôi thối, sau đó được dẫn ra khỏi đó, nhưng họ không chịu dâng lễ vật cho các thần tượng. Do đó, họ bị lôi kéo qua những nơi chật hẹp và không thể đi qua được, và khi va vào những tảng đá, họ đã dâng hiến linh hồn trong sạch của mình cho Thiên Chúa, đón nhận hạnh phúc vĩnh cửu tại nơi cư ngụ của tất cả những ai đang hân hoan[5571] .

[5570] Trong Đế chế Hy Lạp-La Mã, các quan chức cấp tỉnh được gọi là “eparchi”.
[5571] Năm qua đời của các thánh tử đạo này không được biết rõ.

Tháng Chín

1 tháng 9

19 tháng 8 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Anrê Stratilát

Ngày tưởng niệm 19 tháng 8

Maximianus[5572] , kẻ vô đạo, khi cai trị phần phía đông của Đế quốc La Mã, đã phát động cuộc đàn áp rộng khắp đối với các Kitô hữu. Vào thời điểm đó, tại Syria có một vị tướng tên là Antiochus, một người có tính cách tàn bạo và là tín đồ cuồng tín của các thần tượng, luôn đe dọa và ra lệnh hành quyết những người tin vào Chúa Kitô . Hoàng đế đã giao cho ông quyền cai trị toàn bộ Syria và ra lệnh tra tấn và hành quyết các Kitô hữu; vì mục đích này, một số lượng đáng kể các chỉ huy ngàn quân cùng với các đạo quân La Mã dưới quyền họ đã được đặt dưới sự chỉ huy của ông. Trong số các chỉ huy ngàn quân khác, như bông hoa huệ thơm ngát giữa bụi gai, dưới quyền cai trị của Antiochus có người theo Chúa Kitô là Anrê, người ban đầu giữ đức tin thánh thiện vào Chúa Kitô trong bí mật, nhưng sau đó, khi thời cơ đến, đã công khai bày tỏ đức tin ấy trước toàn thế giới, công khai xưng danh Chúa Kitô trước mặt mọi người. Dù ông chưa được rửa tội, nhưng trong lòng ông vẫn nuôi dưỡng đức tin vững chắc và tình yêu nồng nhiệt dành cho Chúa Kitô, tránh xa mọi việc trái ý Chúa, và nhiệt thành thực hiện những việc phù hợp với ý muốn của Chúa. Vì lòng đạo đức ấy, Thiên Chúa đã ban cho ngài sự dũng cảm và can đảm phi thường trong các trận chiến, đến nỗi về mặt dũng cảm và can đảm, không ai trong toàn quân đội La Mã sánh kịp ngài. Không ít lần ngài đã giành được những chiến thắng lẫy lừng trước kẻ thù và được các chiến binh kính trọng và ca ngợi hơn cả các tướng lĩnh khác.

Một lần nọ, một lực lượng hùng hậu của quân đội Ba Tư, nhằm khơi mào chiến tranh chống lại Antiochus, đã tiến hành một cuộc tấn công bất ngờ vào Syria. Do sự bất ngờ của cuộc tấn công từ phía Ba Tư, Antiochus đã rơi vào tình trạng hoảng loạn tột độ. Nhưng khi nhớ đến vị chỉ huy ngàn dũng cảm Andrei, ông vội vàng triệu tập ông ta đến, giao phó cho ông ta quyền chỉ huy tối cao quân đội thay mình, và phong cho ông ta tước hiệu "Stratilates" – tức là chỉ huy cao cấp nhất trong các tướng lĩnh – đồng thời ra lệnh dẫn quân ra trận chống lại kẻ thù đang xâm lược đất nước và chặn đứng bước tiến của chúng, đồng thời nói với ông ta:

– Sự dũng cảm và lòng can đảm của ngươi trên chiến trường không chỉ ta biết, mà chính Hoàng đế cũng biết rõ; đó là lý do tại sao ta đã ban cho ngươi tước hiệu cao quý này. Vậy nên, ta giao phó cho ngươi cuộc chiến bất ngờ này. Hãy dẫn quân, chỉ huy thay ta và cố gắng làm rạng rỡ thêm danh tiếng mà ngươi đang có.

Nhận lời giao phó ấy, vị chiến binh của Chúa Kitô là Thánh Anrê, không phải vì danh vọng cá nhân, mà vì vinh quang của danh Chúa Giêsu Kitô, đã mong muốn đối đầu với kẻ thù với lòng dũng cảm xứng đáng; nhưng, noi gương Gédéon xưa kia (Các Quan Xét 7:1), từ đội quân La Mã đông đảo, ngài chỉ chọn cho mình một số ít chiến binh để ra trận, vì *ngài* thấu hiểu lời dạy của Thánh Vua Đa-vít rằng Chúa *"không nhìn vào sức mạnh của ngựa, cũng không ưa thích sự nhanh nhẹn của đôi chân con người – Chúa ưa thích những ai kính sợ Ngài, những ai trông cậy vào lòng thương xót của Ngài"* (Thi Thiên 146:10–11). Thánh Anrê đã chọn những người mà ân sủng của Thiên Chúa chỉ định cho ngài qua sự tác động huyền bí của sự soi dẫn trong lòng ngài, và ngài đã cùng họ ra trận chống lại kẻ thù. Khi thấy lực lượng địch rất hùng hậu, những kẻ như đàn châu chấu ập xuống vùng đất Syria, Thánh Anrê đã khích lệ các chiến binh của mình chiến đấu dũng cảm, để dù số lượng ít ỏi, họ cũng không sợ hãi trước đạo quân Ba Tư đông đảo, và vì tất cả các chiến binh của ngài đều thờ lạy các thần tượng và chưa ai trong số

[5572] Ở đây, tất nhiên không phải là đồng trị vì của Diocletian là Maximian Herculus, mà là Maximian Galerius, con rể của Diocletian và là đồng trị vì của ông ở phía đông Đế chế La Mã. Chính ông đã gợi ý cho Diocletian ban hành một đạo luật chung chống lại các Kitô hữu, dẫn đến việc bắt đầu cuộc đàn áp họ trên diện rộng.

họ là Kitô hữu, nên ngài đã đề nghị họ nhận biết Đức Chúa Trời duy nhất, toàn năng và đáng sợ trong chiến tranh, Đấng ban sự trợ giúp toàn năng cho những ai tin cậy Ngài. Ngài nói với họ:

– Hỡi các anh em và bạn bè của ta! Giờ đây các ngươi có thể tự mình chứng kiến rằng các vị thần ngoại đạo chính là ma quỷ. Chính chúng vốn vô lực, nên không thể giúp đỡ ai cả, nhưng có một Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật mà tôi phụng sự, Đấng đã tạo dựng trời và đất. Ngài toàn năng, và với tất cả những ai kêu cầu Ngài, Ngài đều ban sự giúp đỡ kịp thời: làm cho họ trở nên mạnh mẽ trong chiến trận và khiến kẻ thù phải tháo chạy trước mặt họ. Như các bạn thấy đây, có vô số đạo quân địch đang tiến đánh chúng ta, và về số lượng, chúng mạnh hơn chúng ta rất nhiều; nhưng nếu các bạn từ bỏ các vị thần hư ảo của mình và cùng với tôi kêu cầu Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, thì các bạn sẽ ngay lập tức thấy rằng kẻ thù sẽ tan biến trước mặt các bạn, giống như khói hay bụi tan biến vậy.

Khi vị thánh nói xong, tất cả các chiến binh đi cùng ngài đều tin vào lời ngài và, sau khi cầu xin Đức Chúa Kitô giúp đỡ, đã dũng cảm lao vào quân địch. Một trận chiến khốc liệt đã diễn ra, và các chiến binh của Thánh Anrê đã giành được chiến thắng lẫy lừng, bởi nhờ đức tin và những lời cầu nguyện của vị thánh, một sức mạnh vô hình từ trên cao đã hiện ra để giúp đỡ họ, khiến quân đội Ba Tư khiếp sợ và rơi vào hỗn loạn; họ lùi bước rồi bỏ chạy, còn quân đội La Mã, do Thánh Anrê chỉ huy, truy đuổi theo, đã dùng gươm chém đứt đầu quân Ba Tư, như người ta dùng liềm gặt lúa. Nhờ sức mạnh của Chúa Kitô, người La Mã đã giành được chiến thắng lẫy lừng trước quân Ba Tư. Khi kẻ thù đã bị đánh đuổi, tất cả các chiến binh đi cùng Thánh Anrê, trước chiến thắng bất ngờ này nhờ ơn Chúa Kitô, đã tin vào Ngài; còn Thánh Anrê thì cố gắng hết sức củng cố đức tin cho họ, giải thích cho họ những con đường chính trực dẫn đến sự cứu rỗi. Sau khi trở về từ chiến trường trong không khí long trọng, Thánh Anrê cùng các chiến binh của ngài, được vinh quang bao phủ, đã tiến vào thành phố Antiôkhia.

Trong khi đó, một số tướng lĩnh đầy ghen tị, vì đố kỵ trước sự dũng cảm và vinh quang của Thánh Anrê, đã tố cáo ngài với Antiochus, báo cho ông ta biết rằng Tướng Anrê đang tôn kính Đức Chúa Trời bị đóng đinh. Nghe tin này, Antiochus nổi cơn thịnh nộ và cử một số quan chức cấp cao trong quân đội đến gặp ngài để xác minh xem những điều người ta nói về ngài có đúng sự thật hay không. Khi biết rằng tất cả những điều đó đều đúng sự thật, Antiochus lại cử các sứ giả đến gặp Thánh Anrê, một phần để khuyên nhủ, một phần để đe dọa và nhắc nhở ngài về sự không khoan dung của mình đối với các Kitô hữu; cuối cùng, ông ra lệnh cho các sứ giả nói với ngài:

– Ngươi biết rõ ta đã trừng phạt con trai của Polyeuctus, Euphymius, cùng với nhiều tín đồ Kitô giáo khác bằng hình phạt đau đớn như thế nào. Ta không tha thứ cho ai trong số họ cả. Vậy sau tất cả những điều đó, ngươi còn trông chờ và hy vọng điều gì khi dâng sự tôn kính thiêng liêng lên Đấng đã bị đóng đinh trên thập tự giá?

Khi những sứ giả do Antiochus cử đến mang sứ mệnh này đến gặp vị thánh và truyền đạt những lời ấy cho ngài, ngài đã đáp lại họ rằng:

– Lời của Antiochus khiến tôi thêm can đảm hơn là khiến tôi sợ hãi: vì nếu những người mà ông ta nhắc nhở tôi, dù phải chịu những cực hình tàn bạo, đã trở thành những người chiến thắng ông ta và được dâng lên trước Chúa Kitô Thiên Chúa với vương miện của các vị tử đạo, thì tại sao tôi lại không thể trở thành tôi tớ trung thành của Chúa Giêsu Kitô của tôi, để cùng với họ – những người đã chịu khổ vì Ngài trước tôi – được hưởng gia nghiệp trong Nước Ngài?

Sau khi những người được cử đi báo lại cho Antiôchus câu trả lời của Thánh Anrê, ông ta nổi cơn thịnh nộ và sai lính đến bắt Thánh nhân, ra lệnh trói ông lại và dẫn về trước mặt mình. Ngồi trên ghế thẩm phán, ông ra lệnh cho Thánh Anrê phải công khai tuyên bố trước mặt mọi người rằng liệu ngài có muốn tuân theo mệnh lệnh của vua hay quyết tâm phụng sự Thiên Chúa của mình. Lúc đó, vị thánh, đứng trước tòa án bất chính này, trước mặt các Thiên thần và con người, đã dũng cảm tuyên xưng bằng giọng nói vang dội rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật, còn bản thân ngài là tôi tớ của Ngài. Sau đó, kẻ tra tấn lập tức ra lệnh mang đến một chiếc giường đồng và nung nó thật đỏ rực, để thiêu đốt vị chiến binh của Chúa Kitô trên đó. Khi chiếc giường đã được nung đến mức tia lửa bắn tung tóe, Antioch nói với vị tử đạo:

– An-rê, ngươi đã vất vả nhiều trong quân ngũ, vì vậy sau bao nhiêu gian khổ, ngươi nên nghỉ ngơi trên chiếc giường này.

Vị thánh tử đạo, không chờ các đao phủ đến đưa mình đi, liền tự tay cởi bỏ y phục, vội vã bước lên giường đồng và nằm duỗi người trên đó, như thể đang nằm trên một chiếc giường êm ái, dũng cảm chịu đựng sự thiêu đốt của thân thể mình. Ban đầu cảm thấy đau đớn, ngài bắt đầu cầu nguyện với Đức Kitô, Thiên Chúa, xin Ngài ban cho ngài sự cứu giúp kịp thời, và quả thật, theo lệnh của Thiên Chúa, ngọn lửa ngay lập tức mất đi sức mạnh và

không thể làm hại thân thể vị tử đạo. Cùng lúc đó, Antioch ra lệnh bắt giữ một số người khác trong số các chiến binh của Anrê, và sau khi ra lệnh đóng đinh tay họ theo hình chữ thập vào những cây gỗ gồm bốn phần, ông ta chế nhạo hỏi họ liệu họ có thấy điều đó dễ chịu không? Coi sự đau khổ vì Chúa Kitô như vậy là điều vô cùng dễ chịu đối với mình, họ đáp:

– Ôi, giá như chúng tôi được vinh dự trở thành những người noi gương Chúa Kitô, Chúa của chúng tôi, Đấng đã bị đóng đinh trên cây thập tự!

Sau đó, kẻ tra tấn lại quay sang thánh Anrê và hỏi ngài rằng liệu ngài đã bị trừng phạt đủ chưa bởi những vết bỏng rát do lửa gây ra, và liệu ngài có muốn từ bỏ Đức Kitô để quay sang thờ phượng các vị thần hay không. Trước câu hỏi đó, vị tử đạo trả lời rằng ngài muốn kiên trì đến cùng, bởi vì kết thúc là đỉnh cao của mọi việc đã bắt đầu; vì từ Chúa Kitô, Thiên Chúa, phần thưởng không dành cho người bắt đầu công việc một cách tốt đẹp, mà dành cho người hoàn thành nó một cách tốt đẹp. Vì vậy, kẻ tra tấn Antioch ra lệnh tháo Thánh Anrê xuống khỏi giường đồng, còn các đồng đội của ngài thì tháo khỏi cột gỗ và ném vào ngục tối, dường như để cho họ thời gian suy ngẫm cho đến khi đồng ý quay về thờ cúng các vị thần, nhưng thực ra là để báo cáo về họ cho hoàng đế, vì ông ta không dám xử tử một người dũng cảm và có địa vị cao quý như Thánh Anrê cùng các đồng đội của ngài mà không có sự biết và đồng ý của hoàng đế. Hoàng đế Maximian, sau khi nhận và đọc bản tấu trình của Antiochus, nhận thấy việc công khai xử tử một chiến binh lừng lẫy như vậy cùng với những chiến binh khác đã thể hiện lòng dũng cảm phi thường là điều không an toàn: điều đó có thể gây ra xáo trộn và nổi loạn trong quân đội, và từ đó có thể dẫn đến một cuộc chiến mới. Đáp lại, ông đã viết thư cho Antiochus, trong đó ra lệnh thả Andrew và đoàn tùy tùng của ông, giải thoát họ khỏi tù đày và án tử hình; nhưng đồng thời, ông cũng ra lệnh bí mật cho Antiochus rằng, sau khi thả Andrew và các đồng đội của ông, chờ một thời gian ngắn, khéo léo tìm ra một tội danh nào đó khác để buộc tội họ và xử tử họ, nếu họ vẫn kiên quyết giữ đức tin Kitô giáo, như thể không phải vì đức tin, và hơn nữa, để đưa họ ra xử tử từng người một. Sau khi nhận được mệnh lệnh như vậy từ hoàng đế, Antiochus lập tức giải thoát Thánh Anrê và các bạn đồng hành khỏi xiềng xích và ngục tối, rồi thả họ ra tự do, đồng thời ra lệnh cho họ tiếp tục giữ chức vụ như trước đây.

Trong khi đó, vị chiến binh của Chúa Kitô, Thánh Anrê, sau khi được Thiên Chúa mặc khải về âm mưu xảo quyệt của bọn vô đạo, đã bí mật rời khỏi Antioch cùng với tất cả các chiến binh đã tin vào Chúa Kitô (tổng cộng 2.593 người) để đến thành Tarsus thuộc xứ Cilicia[5573] gặp Giám mục Phêrô của thành phố này nhằm nhận phép rửa thánh từ ngài, vì không ai trong số các chiến binh của ngài và chính ngài cũng chưa được rửa tội. Một thời gian sau, khi Antiochus biết tin Thánh Andrew cùng đoàn tùy tùng của ngài đã rời đi đến vùng Cilicia, ông ta tràn ngập cơn thịnh nộ và giận dữ khủng khiếp; sau khi tham vấn với những người thân cận, ông ta đã gửi một bức thư cho Thống đốc Cilicia là Seleucus, trong đó viết:

– Ta biết ngươi đã nghe nói về An-rê, người từng là chỉ huy ngàn quân trong quân đội hoàng gia. Giờ đây, hắn không chỉ tự mình sa vào sự điên rồ, không tuân lệnh hoàng đế, mà còn lôi kéo nhiều binh sĩ khác vào cùng sự điên rồ ấy, và theo như chúng ta được biết, hắn đã trốn chạy cùng những kẻ đồng chí hướng đến vùng Ki-li-ki. Vì vậy, để thi hành mệnh lệnh của hoàng đế, hãy ra lệnh bắt giữ Andrei và tất cả những ai đang ở cùng anh ta, trói lại và đưa họ về cho chúng tôi. Nếu họ có ý định chống cự hoặc bỏ trốn, hãy ra lệnh cho các binh sĩ có vũ trang đánh đập họ.

Sau khi nhận được bức thư này từ Antiochus, Seleucus lập tức cử các sứ giả đi khắp các vùng đất của Cilicia để tìm hiểu về Andrew và các chiến binh đi cùng ông; và khi biết rằng ông đang ở Tarsus, chính ông đã dẫn quân đến đó. Lúc bấy giờ, Thánh An-rê, nhờ ơn linh hứng, đã thấy trước rằng bầy sói đang tiến đến đàn chiên của Chúa Kitô, nên đã xin Đức Giám mục Tarsus, Thánh Phêrô và một vị giám mục khác từ thành phố Bê-rê, tên là Nona, lúc đó tình cờ có mặt tại Tarsus, hãy ngay lập tức cử hành phép rửa tội thánh cho ngài và các chiến binh của ngài; và các vị giám mục đã lập tức rửa tội cho Thánh Anrê và toàn bộ đoàn tùy tùng của ngài.

Sau khi nhận phép rửa thánh, Thánh Anrê cùng các đồng đội đã rời Tarsus đến một vùng đất được gọi là Taxaniti, không phải vì sợ chết – điều mà ngược lại, ngài rất khao khát vì Chúa Kitô – mà là để tuân theo mệnh lệnh của Chúa, được thể hiện qua những lời: *"Khi người ta bắt bớ các con ở một thành phố, hãy trốn sang thành phố khác"* (Mt 10,23). Ngay sau đó, Seleucus cùng với những chiến binh được trang bị vũ khí như đi chiến trận đã đến

[5573] Cilicia – một tỉnh La Mã; nằm ở phần đông nam của bán đảo Tiểu Á, bên bờ Biển Địa Trung Hải, phía đông bắc Syria và giáp ranh với Syria ở phía đông. Thành phố Tarsus là quê hương của Thánh Tông đồ Phaolô.

Tarsus. Không tìm thấy Thánh Anrê cùng đoàn tùy tùng ở đó, ông ta lo lắng và thậm chí khuôn mặt cũng biến đổi vì cơn giận, rồi sau đó, tràn đầy cơn thịnh nộ khủng khiếp, ông ta lên đường truy đuổi đoàn chiên của Chúa Kitô. Trong khi đó, các thánh từ nơi nói trên đã đi vào lãnh thổ Armenia, lên những ngọn núi được gọi là Tavros[5574] , còn Seleucus thì đuổi theo họ khắp nơi, cố gắng bắt kịp để hành hạ họ. Khi đi qua các địa hình khác nhau trên những ngọn núi này, các thánh đã đến một nơi chật hẹp, bốn bề được bao quanh bởi những vách đá dựng đứng như tường thành, chỉ có thể vào được qua một lối đi duy nhất, giống như cổng vào thành phố. Tại đây, Thánh Anrê dừng lại cùng đoàn tùy tùng và chờ đợi những kẻ sát nhân, vì chính nơi này đã được Thiên Chúa chỉ định trước cho ngài và các bạn đồng hành của ngài chịu tử đạo. Thánh Anrê đã nói với đoàn tùy tùng của mình như sau:

– Hỡi các bạn, các anh em và các con của ta, *"bây giờ là thời điểm thuận lợi, bây giờ là ngày cứu rỗi"* (2 Cô-rinh-tô 6:2; Ê-sai 49:8); vậy chúng ta hãy đồng lòng và kiên định đứng vững trong tình yêu của Thiên Chúa, như Chúa chúng ta đã truyền dạy, và đừng giơ tay chống lại những kẻ bách hại chúng ta, nhưng hãy giơ tay lên hướng về Thiên Chúa với lời cầu nguyện tạ ơn vì Ngài đã cho chúng ta sống đến thời điểm này, khi chúng ta sẽ nhận được gia nghiệp cùng với tất cả các thánh đã chịu khổ vì Ngài. Vậy, chúng ta hãy cầu nguyện cùng Ngài, như thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, đã cầu nguyện khi những người Do Thái ném đá Ngài, rằng: *"Lạy Chúa Giê-su* Ki-tô, *xin hãy nhận lấy* (Công vụ 7:59) linh hồn các tôi tớ của Ngài, những người mà chúng con phó thác vào tay Ngài."

Sau khi nói những lời ấy với đoàn người của mình, Thánh Anrê đứng giữa họ, giơ tay lên và ngước mắt lên trời, bắt đầu cầu nguyện, nói rằng:

– Lạy Chúa, lạy Chúa, Đấng vĩ đại và toàn năng! Xin hãy nghe lời cầu nguyện của tôi tớ tội lỗi và không xứng đáng của Ngài, cùng tất cả những ai đang ở đây với con, những người đã giữ vững đức tin thánh thiện nơi Ngài một cách vô tì vết; xin hãy đón nhận linh hồn chúng con trong bình an, che chở họ bằng lòng thương xót của Ngài và ban cho họ được hưởng các nơi ở trên thiên đàng. Lạy Chúa! Chúng con cũng cầu xin Ngài cho những ai sẽ tôn kính ngày tưởng niệm của chúng con. Xin Ngài đáp ứng mọi lời khẩn cầu dẫn đến sự cứu rỗi của họ, và nhờ lời cầu nguyện của chúng con, xin Ngài trở thành Đấng trợ giúp cho họ trong mọi nhu cầu. Còn tại nơi này, nơi máu khiêm nhường của chúng con sẽ được đổ ra vì Ngài, xin cho nơi đây trở thành nguồn suối ban sự chữa lành và xua đuổi các thần ô uế. Xin Ngài bảo vệ tất cả những ai sẽ đến đây khỏi mọi tai ương và ban cho họ sự bình an về tâm hồn và thể xác, để tại nơi này, danh thánh của Ngài, của Cha, của Con và của Thánh Thần được tôn vinh.

Trong khi Thánh Anrê và những người đi cùng đang cầu nguyện như vậy với Thiên Chúa, Seleucus cùng các binh lính của hắn đã đuổi kịp họ. Họ rút gươm ra và nghiến răng, rồi như những con thú, lao vào đàn chiên của Chúa Kitô. Còn các thánh chiến binh của Chúa Kitô, dù dũng cảm và giàu kinh nghiệm chiến đấu, lẽ ra có thể tự vệ khỏi tay những kẻ sát nhân tại nơi chật hẹp chỉ có một lối ra này, nhưng, noi gương Chúa của mình, họ đã tự nguyện hiến mình cho những kẻ sát nhân như những con chiên hiền lành để bị giết. Họ quỳ gối xuống, đưa cổ ra dưới lưỡi gươm, và các chiến binh của Seleucus, không chút thương xót, đã chém giết họ, trong thời gian ngắn đã giết hết tất cả. Máu của các thánh tuôn trào như nước, chảy thành dòng từ nơi đó, còn linh hồn họ thì hân hoan bước vào niềm vui của Chúa mình.

Các thánh đã chịu tử đạo vào ngày 19 tháng Tám, vào ngày Chủ Nhật, lúc hai giờ chiều; và ngay tại nơi máu tử đạo của các ngài đổ xuống, một suối nước trong vắt và có khả năng chữa lành đã tuôn trào ngay lập tức.

Các vị giám mục đã được đề cập ở trên, là Phêrô từ Tarsus thuộc Cilicia và Non từ thành phố Berea, đã chứng kiến cảnh các thánh bị hành hình khi đang ẩn náu trên một tảng đá, bởi vì họ cùng các linh mục của mình đã theo dõi họ từ xa, mong muốn chứng kiến cái chết của các ngài. Khi Seleucus, sau khi đánh đập các thánh tử đạo, cùng các binh lính của mình trở về nhà, các giám mục này cùng các linh mục của họ đã đến bên thi thể các thánh tử đạo và khóc thương họ; sau đó, sau khi chuẩn bị cho lễ an táng, họ đã chôn cất các ngài một cách trang trọng ngay tại chính nơi đó. Họ cũng nhìn thấy suối nước tuôn trào nhờ lời cầu nguyện của các thánh tử đạo; sau khi uống nước từ suối đó, họ nhận ra sức mạnh chữa lành của nó, bởi một trong các linh mục đi cùng các giám mục đã lâu nay bị quỷ ám, nhưng khi uống nước từ suối này, quỷ ám lập tức rời khỏi ông. Sau khi an táng các thánh, Giám mục Phêrô không trở về Tarsus, vì Seleucus đã bắt đầu truy lùng ngài để giết chết, nhưng ngài cùng tất cả những người đi theo đã đến Isauria.

[5574] Ngày nay, Taurus là dãy núi trải dài dọc theo bờ nam của bán đảo Scania, sau đó vươn lên phía bắc và kéo dài về phía đông. Ở phần phía đông của dãy núi này, nó được gọi là Anti-Taurus. Sông Tigris nổi tiếng bắt nguồn từ các sông băng của Anti-Taurus.

Trong khi đó, người dân vùng lân cận, khi biết về suối nước chữa bệnh này, đã bắt đầu đến đó và đưa những người bệnh của họ đến. Họ uống nước, tắm rửa bằng nước đó và được chữa lành mọi bệnh tật nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Tử đạo An-rê và các thánh tử đạo đã chịu khổ cùng ngài, cũng như nhờ ân sủng của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, xin được vinh quang và tôn kính bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 5:

Bỏ lại vinh quang trần gian, Ngài đã thừa hưởng Nước Trời; bằng những giọt máu, như những viên ngọc quý vô cùng, Ngài đã trang hoàng những vương miện bất diệt, và dẫn dắt đoàn các vị tử đạo đến với Đấng Kitô; cùng với các thiên thần, Ngài đã tìm thấy ánh sáng bất tận của Mặt Trời Kitô không bao giờ lặn, Thánh Anrê Stratelates: xin ngài cùng những người đã chịu khổ với ngài cầu nguyện mãi mãi, để cứu rỗi linh hồn chúng con.

Kondak, giọng 2:

Ngài đứng trước mặt Chúa trong những lời cầu nguyện, như ngôi sao dẫn đường cho mặt trời, và Ngài đã chiêm ngưỡng kho báu đáng khao khát của Nước Trời, tràn ngập niềm vui khôn tả, Ngài hát ngợi khen Vua bất tử đến muôn đời, Đấng được các Thiên thần ngợi khen không ngừng, Thánh Andrei Stratilates: xin ngài cùng với các thánh ấy không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Lễ kính Thánh ảnh Đức Mẹ Don ([5575])

Ngày kỷ niệm 19 tháng 8

Vào ngày hôm nay, tại tu viện mang tên Donskaya, nằm gần thành phố Moscow, diễn ra lễ kính Đức Trinh Nữ Maria để tôn vinh bức tượng thánh kỳ diệu của Người.

Có một câu chuyện như sau về bức tượng này.

Khi Đại công tước Dimitri Ioannovich, người có đức tin vững vàng, giao chiến với Khan Mamai, vị thủ lĩnh Tatar vô đạo, giữa hai con sông Don và Nepryadva, thì bức tượng thánh thiêng liêng và làm phép lạ này cũng có mặt trong quân đội Nga. Bức tượng đã được quân đội Don dâng tặng cho Đại công tước như một món quà và để hỗ trợ trong cuộc chiến chống lại kẻ thù. Nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và sức mạnh đầy ân sủng của Người, phát ra từ bức tượng thánh làm phép lạ này, quân Tatar đã bị đánh bại. Sau khi long trọng ăn mừng chiến thắng cùng quân đội của mình, Đại công tước trở về thủ đô Moscow và mang theo bức tượng thánh này, được gọi là "Don" nhân dịp chiến thắng trước người Tatar bên bờ sông Don.

Có một câu chuyện như sau về tu viện được gọi là "Donskaya", theo tên của bức tượng thánh Đức Mẹ Đồng Trinh Donskaya.

Trong thời kỳ trị vì của vị vua đạo đức và Đại công tước Feodor Ioannovich, Đế chế Crimea đã tiến hành một cuộc tấn công bất ngờ vào lãnh thổ của Nhà nước Moskva, và Khan Tatar Murat Giray đã tiến đến tận thủ đô Moskva. Lúc bấy giờ, vị vua đạo đức đã dẫn quân ra chống lại quân Tatar và dựng trại ngay tại chính nơi mà ngày nay tu viện tọa lạc. Ông cũng mang theo bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, được mang về từ sông Don, đến trại quân của mình. Nhờ sự che chở của Đức Mẹ Đồng Trinh, ông đã giành chiến thắng trước quân Tatar và đánh đuổi chúng. Để tạ ơn Đức Mẹ về chiến thắng này, ngài đã ra lệnh xây dựng một nhà thờ bằng đá tại chính nơi này và đặt bức tượng thánh nói trên vào đó. Kể từ đó, tu viện này được gọi là Donskaya.

Vào ngày này, toàn thể giới tu sĩ từ nhà thờ chính tòa lớn của thành phố Moscow sẽ đến tu viện với những cây thánh giá và bức tượng thánh, và cử hành lễ kỷ niệm long trọng để tôn vinh Đức Mẹ.

[5575] Xem hình ảnh tại golden-ship.boom.ru

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Timôthê, Agapi và Fêcla

Ngày kỷ niệm: 19 tháng 8

Thánh Tử đạo vinh hiển Timôthê xuất thân từ thành phố Gaza thuộc Palestine[5576] . Vì ngài gây ấn tượng sâu sắc bởi lối sống và tài hùng biện, nên đã được bổ nhiệm làm thầy giảng đạo Kitô. Ngài bị bắt tại Gaza và khi được đưa ra trước quan tổng trấn thành phố là Urban, trong buổi thẩm vấn, ngài đã tuyên xưng mình là Kitô hữu, đồng thời rao giảng về tình yêu của Chúa Kitô dành cho loài người, về sự giáng sinh của Ngài trên trần gian và sự nhập thể. Vì điều này, ngài đã phải chịu nhiều hình thức tra tấn khác nhau, nhưng ngài vẫn kiên định trong đức tin. Sau đó, ngài bị ném vào lửa và qua đời. Cùng thời điểm đó, tại chính thành phố này, các thánh Agapius và Thecla cũng phải chịu những hình phạt tàn bạo; và vì sau đó họ vẫn giữ vững đức tin vào Chúa Kitô, nên đã bị ném cho thú dữ xé xác, và qua đời, nhận được vương miện thiên đàng[5577] .

Ngày 2 tháng 9

ngày 20 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Tiên tri Samuel

Ngày tưởng niệm 20 tháng 8

Trước khi có các vua cai trị dân Y-sơ-ra-ên, vào thời kỳ dân Chúa còn được các quan xét cai trị, có một người tên là Ê-lê-ca-na. Ông thuộc chi phái Lê-vi và cư ngụ tại phần đất của chi phái Ê-phra-im, trong một thành phố được gọi là Ra-ma (Ra-ma) và nằm trên ngọn núi có tên là Sê-pera. Sau này, thành phố này được gọi là Armaf và Arimatea, nơi mà sau này Giuse – người đã an táng thi thể thánh khiết của Chúa Giêsu Kitô – xuất thân. Elkanah có hai người vợ. Một người tên là Anna, còn người kia là Penanna. Phê-na-na sinh con, còn Anna thì vô sinh. Tuy nhiên, Êl-ca-na yêu Anna hơn Phê-na-na, vì thế Phê-na-na ghét Anna và thường xuyên sỉ nhục cô. Bị người thù ghét làm phiền lòng, Anna đau khổ vì không có con và khóc lóc vì nỗi buồn ấy. Hàng năm, vào các ngày lễ lớn, Elkanah cùng hai người vợ của mình đến Si-lô (tên của ngọn núi và thành phố đó) để dâng của lễ và cầu nguyện với Đức Chúa Trời Sa-va-ô, vì trước khi Đền Thờ ở Giê-ru-sa-lem được xây dựng, Đền Thờ và Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã được đặt tại đó, và tất cả các chi phái Y-sơ-ra-ên đều đến đó để thờ phượng Đức Chúa Trời. Vào thời đó, có một người tên là Ê-li, vừa là thầy tế lễ vừa là quan xét của dân Y-sơ-ra-ên; ông có hai con trai là Ô-phni và Phi-nê-a.

Một lần nọ, Elkanah cùng các vợ của mình đến Silo và dâng lễ vật lên Đức Chúa Trời; ông chia một phần lễ vật cho Peninnah và một phần đặc biệt cho từng đứa con của bà ấy, còn Anna thì chỉ được một phần, vì bà không có con. Lúc đó, Peninnah bắt đầu chế giễu và trách móc bà. Anna rất đau khổ vì những lời trách móc của Penna cũng như vì sự vô sinh của mình. Cô khóc lóc, không ăn uống gì, và vì nỗi đau đớn tột cùng khi Chúa đã đóng chặt tử cung cô, không ban cho cô con cái, và vì thế khiến cô trở thành đối tượng bị Penna chế giễu, nên cô đã kiệt sức. Lúc đó, chồng cô là Elkanah nói với cô:

– Anna ơi, em sao vậy? Sao em lại khóc, sao không ăn uống gì, và tại sao lại để nỗi đau đớn này làm khô cạn trái tim em như vậy? Chẳng phải anh còn quý hơn mười đứa con đối với em sao?

Nhưng Anna không còn sức để được an ủi. Sau khi ăn xong, nàng đứng dậy và đi đến Silo, đến đền thờ Chúa. Lúc đó, thầy tế lễ Ê-li đang ngồi tại chỗ tế lễ của mình ở ngưỡng cửa đền thờ Chúa. Đứng trước đền thờ, Anna cúi đầu thờ lạy Chúa và khóc nức nở vì nỗi đau trong lòng. Nàng bắt đầu cầu nguyện, thầm thì:

[5576] Gaza nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải. Trong thời cổ đại, đây là một trong năm thành phố nổi tiếng nhất của người Philistine và là ranh giới phía nam của người Canaan ở Palestine. Trong Tân Ước, Gaza chỉ được đề cập đến trong câu chuyện về sự hoán cải của Nữ hoàng Candace xứ Ê-thi-ô-pi (Công vụ 8:26). Từ thế kỷ IV, Gaza đã là một thành phố Kitô giáo, và vào thế kỷ VII, thành phố này bị người Hồi giáo chinh phục.

[5577] Theo lịch của Verzhinsky, các thánh Timôthê và Thekla qua đời vào năm 304 tại thành phố Gaza, còn thánh Agapius qua đời vào năm 306 tại thành phố Cêsarea ở Palestine. Thánh Timôthê bị thiêu sống, thánh Thekla bị thú dữ xé xác, còn thánh Agapius bị ném xuống biển.

– Lạy Adonai, Chúa Sabaoth! Nếu Ngài thương xót nhìn đến sự khiêm nhường của tôi tớ Ngài và, khi nhớ đến tôi, ban cho tôi tớ Ngài một đứa con trai, thì tôi sẽ dâng nó làm của lễ cho Ngài, để nó phụng sự Ngài suốt cả cuộc đời. Nó sẽ không uống rượu nho hay bất kỳ thức uống say nào, và dao cạo (theo phong tục của những người Nazirite) sẽ không chạm vào đầu nó.

Trong khi Anna cầu nguyện như vậy trước mặt Chúa và tiếp tục lời cầu nguyện của mình trong một thời gian dài, thầy tế lễ Ê-li đang nhìn chằm chằm vào môi nàng. Vì nàng đang thầm cầu nguyện trong lòng, môi nàng chỉ mấp máy mà không nghe thấy tiếng nói, nên Ê-li cho rằng nàng say rượu và nói với nàng:

– Đến bao giờ ngươi mới thôi say xỉn mà còn ở đây? Hãy rời khỏi nơi của Chúa và tỉnh táo lại đi.

– Không, thưa ngài, – Anna đáp lại, – tôi không say, nhưng tôi là một người phụ nữ đang chìm trong nỗi đau đớn tột cùng. Tôi không uống rượu hay bất kỳ thứ đồ uống gây say nào khác; tôi chỉ trút hết tâm can mình trước mặt Chúa. Xin đừng để con gái của Israel chế giễu tôi, vì cho đến giờ tôi vẫn nói như vậy là do nỗi đau buồn và sự đau khổ tột cùng của tôi.

Lúc đó, Ê-li nói với nàng sau những lời nàng nói:

– Hãy đi bình an. Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên sẽ ban cho con mọi điều con đã cầu xin Ngài.

– Con, tôi tớ của ngài, – Anna nói, – đã được ngài thương xót.

Sau đó, Anna trở về với chồng mình, cùng ăn uống với ông, và khuôn mặt nàng không còn u sầu như trước nữa. Ngày hôm sau, họ dậy sớm, thờ lạy Chúa, rồi trở về nhà mình. Chúa đã nhìn thấy sự khiêm nhường của Anna, nghe lời cầu nguyện của nàng và chữa lành chứng vô sinh của nàng. Anna thụ thai, và khi đến kỳ, nàng sinh được một con trai và đặt tên cho con là Samuel, nghĩa là "người được xin từ Chúa".

Chẳng bao lâu sau, lễ hội đến gần, theo tập tục, chồng của Anna cùng cả gia đình đi đến với Chúa tại Silo để dâng của lễ và lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời, đồng thời nộp một phần mười thu hoạch từ đất đai của họ. Anna nói với chồng:

– Bây giờ tôi sẽ không đi cùng anh đến Si-lô, nhưng sẽ ở nhà cho đến khi nuôi con nhỏ xong; và khi con đã cai sữa, lúc đó tôi sẽ đi ra trước mặt Chúa và thực hiện lời hứa mà tôi đã hứa với Chúa: con trai tôi sẽ ở lại mãi mãi để phụng sự Ngài.

Chồng bà đáp lại:

– Em cứ làm theo ý mình, và xin Chúa thực hiện lời em đã thốt ra từ miệng em. Anna ở lại nhà và không lên Si-lô gặp Chúa trong ba năm, cho đến khi cai sữa cho đứa trẻ Sa-mu-ên, vì theo phong tục của các bà mẹ Do Thái, họ cho con bú sữa mẹ trong ba năm.

Sau khi Sa-mu-ên được cai sữa, Anna cùng con và chồng đi lên Si-lô. Họ dâng ba con bò tơ làm của lễ, mang theo ba thùng bột lúa mì và một da rượu, rồi vào nhà Chúa ở Si-lô, cùng với đứa trẻ. Anna dâng đứa trẻ làm lễ vật cho Chúa, như đã hứa, và khi trao nó cho thầy tế lễ Ê-li, bà nói:

– Tôi chính là người phụ nữ mà ba năm trước đây ngài đã thấy ở đây đang cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời xin được giải thoát khỏi tình trạng vô sinh. Đức Chúa Trời đã đáp ứng lời cầu xin của tôi và ban cho tôi đứa trẻ này, mà tôi đã xin Ngài. Giờ đây, tôi dâng nó cho Đức Chúa Trời, để nó phục vụ Ngài suốt cả cuộc đời.

Nói xong, Anna trao đứa trẻ vào tay vị tư tế và cúi đầu thờ lạy Chúa, còn chồng bà là Elkanah thì dâng lên Ngài những lễ vật đã chuẩn bị sẵn (1 Sa-mu-ên 1:1–28). Lúc đó, Anna được đầy dẫy Thánh Linh và cất tiếng hát, nói rằng:

– Lòng tôi đã vững vàng nơi Chúa, và sức mạnh tôi được nâng cao trong Đức Chúa Trời của tôi, – cùng những lời khác mà ngày nay thường được hát trong nhà thờ (1 Sa-mu-ên 2:1–10).

Sau khi dâng các lễ vật tạ ơn và cầu nguyện xong, Elkanah và Anna trở về nhà, còn cậu bé Samuel ba tuổi thì họ để lại cho Đức Chúa Trời tại chỗ thầy tế lễ Ê-li, vì họ không muốn đưa về nhà người mà họ đã từng dâng cho Đức Chúa Trời. Và từ đó, cậu bé được nuôi dưỡng tại đền thờ Đức Chúa Trời, học chữ và phục vụ tại nơi thánh của Đức Chúa Trời dưới sự giám sát của Ê-li. Mẹ cậu, thường xuyên đến Si-lô với những lễ vật dâng lên Đức Chúa Trời, mang theo quần áo cho con trai mình và vui mừng vì thấy con lớn lên, mặc áo lanh của thầy tế lễ và thực hiện chức vụ trong đền thờ Đức Chúa Trời. Thầy tế lễ Ê-li yêu thương cậu, nhận thấy sự tận tụy của cậu trong việc phụng sự và nhìn thấy ở cậu ân tứ do Đức Chúa Trời ban cho. Ê-li đã ban phước cho cha mẹ của Sa-mu-ên và nói với Ê-lê-ca-na:

– Nguyện Chúa ban cho ngươi những đứa con từ ta để thay thế cho Samuel, người mà các ngươi đã dâng làm của lễ cho Chúa.

Sau đó, Chúa lại ban ơn cho Anna, và bà bắt đầu sinh con trai và con gái, còn Samuel lúc bấy giờ không chỉ lớn lên về thể xác mà còn về trí tuệ, và được Chúa và mọi người yêu mến.

Thầy tế lễ Ê-li đã già, còn hai con trai ông là Ô-phni và Phi-nê-a thì là những kẻ gian ác. Giống như con cái của những kẻ vô luật pháp, họ không biết Đức Chúa Trời và không tuân giữ bổn phận của thầy tế lễ. Họ gây tổn thương cho những người dâng của lễ, tự chiếm lấy những phần tốt nhất và để cho những phụ nữ đến cầu nguyện tại đền thờ Đức Chúa Trời bị sỉ nhục. Họ đã gây ra sự cám dỗ và tổn thương cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên, bởi vì họ còn phạm nhiều điều bất công khác nữa. Cha của họ là Ê-li đã nghe về điều này nhưng không trừng phạt họ bằng roi vọt hay trục xuất; ông chỉ khuyên nhủ họ bằng lời nói để chấm dứt những hành vi xấu xa, nhưng họ không nghe lời ông. Và Đức Chúa Trời đã nổi giận không chỉ với những người con hư hỏng, mà còn với cha của họ vì ông đã không trừng phạt họ một cách thích đáng cho những tội lỗi của họ, mặc dù bản thân ông là người vô tội. Đức Chúa Trời đã muốn tiêu diệt Ê-li và các con trai ông cùng cả gia đình họ, và Ngài đã sai một nhà tiên tri vô danh đến gặp Ê-li trước tiên để nói với ông rằng:

– Ta đã chọn gia đình cha ngươi trong số tất cả các gia đình Y-sơ-ra-ên để phụng sự Ta trong đền thờ của Ta, nhưng ngươi đã coi thường vinh dự mà Ta đã ban cho ngươi, và đã ưu ái các con trai ngươi hơn Ta, vì ngươi đã dung túng cho chúng phạm tội trước mặt Ta. Vì thế, Ta sẽ tước bỏ vinh dự này khỏi nhà ngươi, vì Ta chỉ tôn vinh những ai tôn vinh Ta, còn những ai không tôn vinh Ta sẽ bị sỉ nhục. Này, những ngày sắp đến, Ta sẽ tiêu diệt dòng dõi ngươi và dòng dõi nhà cha ngươi. Dấu hiệu của sự trừng phạt sắp giáng xuống nhà ngươi là cả hai con trai ngươi sẽ cùng chết dưới lưỡi gươm trong cùng một ngày. Và thay cho chúng, Ta sẽ lập một thầy tế lễ trung thành với Ta, người sẽ làm mọi việc theo ý Ta (1 Sa-mu-ên 2:10–36).

Lời tiên tri đó đã được ban cho Ê-li vào thời điểm Sa-mu-ên vẫn còn là một cậu bé, nhưng ngay cả sau lời tiên tri đó, Ê-li cũng không cố gắng răn đe các con trai mình bằng hình phạt thích đáng, mà chỉ tiếp tục khuyên răn chúng bằng lời nói, và những đứa con hư hỏng ấy không hề sợ cha mình. Còn Đức Chúa Trời, ngày càng phẫn nộ hơn, đã chuẩn bị hình phạt và một lần nữa báo trước cho Ê-li qua Sa-mu-ên như sau.

Khi Sa-mu-ên đã mười hai tuổi và đang phụng sự Đức Chúa Trời dưới sự hướng dẫn của thầy tế lễ Ê-li, có một đêm, Ê-li đang nghỉ ngơi tại chỗ riêng của mình ở tiền sảnh thuộc đền thờ Đức Chúa Trời, và đôi mắt của ông bắt đầu nhắm lại vì buồn ngủ, còn Sa-mu-ên thì đang ngủ trong đền thờ Đức Chúa Trời, nơi có Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời, và ngọn đèn vẫn còn sáng. Và Đức Chúa Trời đã phán từ phía sau bức màn trong, rằng:

– Sa-mu-ên, Sa-mu-ên!

Samuel liền thức dậy và đáp:

– Con đây!

Rồi cậu chạy đến chỗ Ê-li và nói:

– Con đây! Thầy đã gọi con.

Nhưng Ê-li nói:

– Ta không gọi con đâu, con trai ơi! Hãy quay lại và nằm xuống đi.

Samuel đi về và nằm xuống. Nhưng Đức Chúa Trời lại gọi cậu lần nữa:

– Sa-mu-ên, Sa-mu-ên!

Sa-mu-ên đứng dậy, chạy đến chỗ Ê-li và lần thứ hai nói:

– Con đây! Cha đã gọi con.

Nhưng vị thầy tế lễ nói:

– Ta không gọi con đâu, con trai ơi! Hãy quay lại và nằm xuống đi.

Lúc đó, Samuel chưa nhận ra tiếng Chúa, vì chưa từng được Chúa mặc khải.

Và Đức Chúa Trời lại gọi Sa-mu-ên lần thứ ba. Cậu vội vàng đứng dậy, lần thứ ba chạy đến chỗ Ê-li và nói:

– Con đây! Ngài đã gọi con.

Lúc đó, Ê-li mới hiểu rằng Đức Chúa Trời đang gọi cậu thiếu niên, và nói:

– Hãy quay lại, con trai ta, và nằm xuống; khi Đấng gọi lại gọi con, con hãy nói:

– Xin hãy phán, lạy Chúa, vì tôi tớ Ngài đang lắng nghe.

Samuel đi và nằm xuống chỗ của mình. Chúa đến, đứng gần đó, và gọi như lần thứ nhất, lần thứ hai và lần thứ ba, nói:

– Sa-mu-ên, Sa-mu-ên!

Sa-mu-ên thức dậy, vội vàng đứng dậy và nói:

– Xin hãy phán, lạy Chúa, vì tôi tớ Ngài đang lắng nghe.

Chúa phán cùng Sa-mu-ên rằng:

– Này, Ta sẽ làm một việc tại Y-sơ-ra-ên, ai nghe thấy thì tai họ sẽ ù lên. Vào ngày đó, Ta sẽ thực hiện trên Ê-li tất cả những gì Ta đã phán về nhà ông ấy. Ta sẽ bắt đầu và hoàn tất. Ta đã báo cho ông ta biết rằng Ta sẽ trừng phạt nhà ông ta mãi mãi vì tội ác này: ông ta biết con cái mình hành động gian ác mà lại không kiềm chế chúng.

Samuel nghe những lời của Đức Giê-hô-va với lòng run rẩy; và khi sự hiện ra của Đức Giê-hô-va chấm dứt, cậu lại chìm vào giấc ngủ và ngủ cho đến sáng. Sáng hôm sau, khi thức dậy, cậu mở cửa đền thờ Đức Giê-hô-va, nhưng lại sợ không dám kể lại giấc mơ này cho chủ mình, tức thầy tế lễ Ê-li. Nhưng Ê-li gọi Samuel và nói:

– Con trai ta, Sa-mu-ên! Đức Chúa Trời đã phán gì với con? Xin con đừng giấu cha.

Và với lời thề, Ê-li yêu cầu cậu bé Sa-mu-ên đừng giấu ông bất kỳ lời nào của Đức Chúa Trời. Lúc đó, Sa-mu-ên kể lại cho ông nghe tất cả những gì mình đã nghe. Linh mục Ê-li khiêm nhường nói:

– Theo ý muốn của Chúa tôi, xin Ngài hãy làm như vậy.

Nhưng Ê-li không còn sức để kiềm chế và sửa dạy các con trai mình nữa, vì ông đã rất già, và các con trai hoàn toàn không sợ ông. Còn Sa-mu-ên thì ngày càng lớn lên và tinh thần ngày càng vững vàng, ân sủng của Đức Chúa Trời cũng ngày càng dồi dào trong cậu. Đức Chúa Trời ở cùng cậu, và cậu nói những lời tiên tri, không có lời nào của cậu không ứng nghiệm. Toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đều nhận ra rằng Sa-mu-ên là tiên tri của Đức Chúa Trời (1 Sa-mu-ên 3:1–21).

Sau một thời gian, sự trừng phạt của Đức Chúa Trời giáng xuống nhà Ê-li, và cùng với đó là cả dân Y-sơ-ra-ên, vì không chỉ các con trai của Ê-li mà cả dân Y-sơ-ra-ên cũng đã làm phật lòng Đức Chúa Trời. Dù không phải tất cả, nhưng nhiều người trong số họ, sau khi học theo thói quen thờ thần tượng từ các dân ngoại, đã không từ bỏ thói quen đó; trong khi thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật, họ vẫn dâng của lễ cho các thần tượng, và như vậy đã làm phật lòng Đức Chúa Trời của họ. Nhưng Đức Chúa Trời đầy lòng nhẫn nại đã chịu đựng tội lỗi của dân chúng, cho đến khi các con trai của Ê-li, những người là thầy tế lễ và các nhà lãnh đạo của dân Y-sơ-ra-ên, xúc phạm Ngài. Và khi họ, bằng những hành vi bất chính của mình, đã khơi dậy cơn giận và sự trừng phạt của Đức Chúa Trời, thì Đấng Phán Xét và Đấng Ban Phần Thưởng công chính, khi nhớ lại cả những tội lỗi của dân chúng, đã trừng phạt tất cả cùng một lúc, bởi vì cùng với những người lãnh đạo, Đức Chúa Trời cũng trừng phạt cả những người dưới quyền. Và tội lỗi của dân chúng không dễ dàng khơi dậy cơn thịnh nộ và sự trừng phạt của Đức Chúa Trời bằng tội lỗi của những người mà Ngài đã đặt làm lãnh đạo và người cai trị dân tộc.

Dân Philistine đã tiến quân đánh dân Y-sơ-ra-ên, và dân Y-sơ-ra-ên đã bị dân Philistine đánh bại; trong quân đội Y-sơ-ra-ên có bốn ngàn người bị giết. Các trưởng lão Y-sơ-ra-ên bèn nói với nhau rằng:

– Tại sao hôm nay Đức Giê-hô-va lại khiến chúng ta bị đánh bại trước mặt các dân ngoại? Chúng ta hãy đem Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời chúng ta, từ Si-lô về và rước vào trại quân của chúng ta. Xin Ngài ở giữa chúng ta trong cuộc chiến với dân Phi-li-tin và cứu chúng ta khỏi tay kẻ thù.

Quyết định như vậy, họ sai người đến Si-lô và rước Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời, Đấng ngự trên các thiên thần Cherubim, về từ đó; cùng đi với Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời là hai con trai của Ê-li, là Ô-phni và Phi-nê-a. Khi Hòm Giao Ước của Đức Giê-hô-va đến trại quân, cả dân Y-sơ-ra-ên reo hò vui mừng đến nỗi đất rung chuyển. Dân Philistine nghe thấy tiếng reo hò đó và nói:

– Tại sao lại có những tiếng reo hò ầm ĩ như vậy trong trại quân Do Thái?

Và dân Philistine biết rằng Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã đến trại quân Y-sơ-ra-ên. Họ kinh hãi và nói:

– Đức Chúa Trời đã đến trại của họ để chiến đấu với chúng ta. Khốn cho chúng ta! Ai sẽ giải cứu chúng ta khỏi tay Ngài? Vì Ngài đã giáng mọi tai họa xuống dân Ai Cập. Nhưng hãy vững lòng lên, hỡi các chiến binh Philistine, và chúng ta hãy dũng cảm chiến đấu với dân Do Thái, để chúng ta không phải làm nô lệ cho họ, như họ đã làm nô lệ cho chúng ta.

Khích lệ lẫn nhau bằng những lời ấy, dân Philistine dũng cảm đối đầu với dân Do Thái. Cuộc chiến nổ ra cùng một trận chiến vĩ đại giữa hai bên, và thay vì bị đánh bại, người Philistine lại đánh bại người Do Thái. Vì Đức Chúa Trời đang nổi giận, nên thánh vật cũng không thể giúp đỡ, bởi vì nơi nào sự trừng phạt của Đức Chúa Trời giáng xuống, thì ngay cả thánh vật cũng không được tha thứ. Dân Philistine đã đánh bại dân Y-sơ-ra-ên, giết chết ba vạn chiến binh của họ, bắt giữ Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời và giết chết cả hai con trai của Ê-li đang ở bên cạnh Hòm Giao Ước. Như vậy, theo lời Đức Chúa Trời, cả hai đều ngã xuống dưới lưỡi gươm.

Đó là cách Đức Chúa Trời trừng phạt những người dưới quyền vì tội lỗi của các thủ lĩnh, và vì những hành vi gian ác của những người phục vụ tại bàn thờ, Ngài để cho những kẻ vô đạo cướp bóc các bàn thờ thánh và biến các đền thờ của Ngài thành hoang tàn. Hai con trai của Ê-li, những người thay mặt cha già của mình làm thầy tế lễ, quan xét và quan cai trị toàn thể Y-sơ-ra-ên, chủ yếu đã làm phật lòng Đức Chúa Trời bởi những hành vi phạm pháp của họ; trong khi đó, toàn thể Y-sơ-ra-ên phải chịu sự trừng phạt của Đức Chúa Trời vì họ, và Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã rơi vào tay những kẻ ngoại bang vô đạo.

Khi quân đội Y-sơ-ra-ên bị đánh bại như vậy, một người thuộc chi phái Bê-ni-a-min, tên là Giê-mi-nê, đã trốn thoát khỏi chiến trường, trong bộ quần áo rách rưới và đầu phủ đầy tro bụi, đến Si-lô và thông báo cho cả thành phố về sự thất bại của quân đội Y-sơ-ra-ên, và cả thành phố đều than khóc thảm thiết. Lúc đó, Ê-li đang ngồi trên ghế của mình ở cửa đền thờ Đức Giê-hô-va, và lòng ông lo lắng cho Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời. Nghe thấy tiếng khóc than của dân chúng, ông hỏi những người ở bên cạnh:

– Tiếng ồn ào này là do đâu vậy?

Lúc đó, người đàn ông vừa chạy đến từ trại quân tiến đến gần Ê-li và nói:

– Tôi vừa chạy đến từ chiến trường.

Ê-li hỏi anh ta:

– Chuyện gì đã xảy ra ở đó, con trai ta?

– Dân Y-sơ-ra-ên – anh ta trả lời – đã bị dân Phi-li-tin đánh bại và chạy trốn khỏi họ; dân chúng đã chịu một thất bại nặng nề, hai con trai của ngài đều bị giết, và Hòm Giao Ước đã bị cướp mất.

Khi Ê-li nghe tin Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã bị chiếm, ông liền ngã ngửa ra khỏi chỗ ngồi, gãy cột sống và qua đời, vì ông đã già và nặng nề, lúc đó đã chín mươi tám tuổi (1 Sa-mu-ên 4:1–22).

Trong khi đó, sau khi đánh bại quân đội Y-sơ-ra-ên, dân Phi-li-tin đã chiếm được Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời; trong sự hân hoan và kiêu ngạo vì đã bắt được vật thánh của Y-sơ-ra-ên, họ mang nó về thành phố chính của mình là A-xô-t, đưa vào đền thờ của thần ô uế Dagon và đặt nó bên cạnh thần tượng của họ. Nhưng khi vào sáng hôm sau, họ bước vào đền thờ Dagon, thì thấy vị thần của họ nằm sấp trên mặt đất, trước Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời. Họ nhấc vị thần ấy lên khỏi mặt đất và đặt lại vào vị trí cũ. Nhưng khi sáng hôm sau, họ lại vào đền thờ, thì thấy Dagon không chỉ nằm sấp trước Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời, mà còn bị phá hủy: đầu và cả hai bàn chân của nó nằm bị chặt đứt, mỗi cái riêng rẽ, trên ngưỡng cửa, còn hai lòng bàn tay của nó thì nằm bên cạnh cửa; chỉ còn lại thân thể của Dagon. Sức mạnh của Đức Chúa Trời, vốn ở cùng Hòm Giao Ước, đã trừng phạt không chỉ một vị thần Philistine này, mà còn cả dân Philistine và đất nước của họ. Từ trẻ đến già, họ đều bị một căn bệnh kỳ lạ tấn công, với những khối u mủ mọc ở những chỗ kín đáo trên cơ thể; nhiều người đã chết, còn những ai còn sống sót thì phải chịu đựng những vết thương khủng khiếp và la hét vì cơn đau không thể chịu đựng nổi, đến nỗi tiếng la hét của họ vang lên tận trời (1 Sa-mu-ên 5). Ngoài ra, đất nước tràn ngập chuột, chúng gặm nhấm mọi thứ, và đất đai bốc mùi hôi thối vì số lượng chuột quá đông. Người Philistine lúc đó mới nhận ra rằng Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên đang trừng phạt họ vì đã bắt giữ Hòm Giao Ước của Ngài, nên bất đắc dĩ họ đã gửi trả lại cho dân Y-sơ-ra-ên kèm theo những lễ vật bằng vàng, như đã được ghi chép chi tiết trong Sách Các Vua I (1 Sa-mu-ên 6:1–21). Chúng ta hãy quay trở lại câu chuyện về vị tiên tri thánh Sa-mu-ên.

Sau khi cuộc chiến tranh nêu trên kết thúc và sau khi thầy tế lễ kiêm quan xét của dân Y-sơ-ra-ên là Ê-li qua đời, dân Y-sơ-ra-ên đã phải sống dưới ách nô lệ của dân Phi-li-tin trong 20 năm, nằm dưới sự cai trị của kẻ thù và phải nộp cống phẩm cho chúng. Nhưng sau 20 năm, Đức Chúa Trời đã nhìn thấy cảnh khốn khổ của dân Ngài, những người đang bị dân Philistine áp bức, và khi Ngài thương xót họ, muốn giải thoát Y-sơ-ra-ên khỏi sự cai trị của kẻ thù, thì trước tiên Ngài đã dựng lên giữa họ một người rao giảng sự ăn năn, một tôi tớ trung thành và thầy tế lễ của Ngài, đó là nhà tiên tri Sa-mu-ên. Vì Đức Chúa Trời không muốn tha thứ cho dân Ngài theo cách nào khác, trừ khi họ ăn năn. Và thánh Samuel bắt đầu rao giảng cho tất cả các chi phái Y-sơ-ra-ên, nói rằng:

– Nếu các ngươi quay về với Chúa bằng cả tấm lòng, thì hãy loại bỏ khỏi giữa các ngươi các thần ngoại bang và các khu rừng thờ Astarte[5578] , hãy hướng lòng các ngươi về Chúa và chỉ thờ phượng Ngài mà thôi, thì Ngài sẽ giải thoát các ngươi khỏi tay dân Philistine.

[5578] Astarte – nữ thần được người Phoenicia và các dân tộc cổ đại khác ở phương Đông tôn kính. Những người sùng bái bà không xây dựng đền thờ mà chỉ lập các khu rừng sồi hoặc lùm cây để thờ phụng bà.

Dân chúng nghe theo lời Sa-mu-ên và tin cậy ông, vì họ đã biết ông từ thuở nhỏ, và cũng biết rằng những lời tiên tri của ông luôn ứng nghiệm. Và con cái Y-sơ-ra-ên đã loại bỏ các thần ngoại bang, Ba-anh[5579] và các khu rừng thánh của A-sê-ra, rồi bắt đầu thờ phượng duy nhất Đức Giê-hô-va; còn thánh Sa-mu-ên, với tư cách là tiên tri và thầy tế lễ của Đức Chúa Trời, đã làm quan xét và người cai trị cho họ. Thánh Sa-mu-ên ra lệnh cho toàn thể dân Y-sơ-ra-ên tập trung tại thành Ma-si-phơ, trên ngọn núi cao, để cùng dâng lên Đức Chúa Trời lời cầu nguyện sám hối của toàn dân. Khi dân Y-sơ-ra-ên tụ họp lại với Thánh Samuel, vị tiên tri của Đức Chúa Trời, và cầu nguyện, ăn chay, xưng tội và nói: "Chúng tôi đã phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời", còn Thánh Samuel, với tư cách là thầy tế lễ của Đức Chúa Trời, dâng của lễ lên Đức Chúa Trời để xin sự tha thứ cho tội lỗi của dân chúng, thì dân Philistine, nghe tin dân Y-sơ-ra-ên tụ họp và cho rằng họ đang chuẩn bị ra trận chống lại mình, nên đã vũ trang đông đảo và bất ngờ tấn công dân Y-sơ-ra-ên, với ý định tiêu diệt họ hoàn toàn. Dân Y-sơ-ra-ên, khi nghe tin kẻ thù đang tiến đến với ý định tấn công họ, đã rất hoảng sợ và nói với tiên tri của Đức Chúa Trời là Sa-mu-ên:

– Xin đừng ngừng cầu khẩn Đức Chúa Trời của chúng ta vì chúng ta, để Ngài cứu chúng ta khỏi tay dân Philistine.

Nhưng vị thánh nhân đã khích lệ họ, bảo họ đừng sợ hãi, mà chỉ cần cầu nguyện với Đức Chúa Trời và đặt niềm tin nơi Ngài; còn chính ông, trong khi dâng của lễ, đã hết lòng cầu nguyện cho họ. Và Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện của Sa-mu-ên. Chưa kịp dâng xong lễ vật, quân Philistine đã tiến đến để giao chiến với dân Y-sơ-ra-ên; nhưng vào ngày đó, Đức Giê-hô-va đã khiến sấm sét vang dội dữ dội trên đầu quân Philistine và giáng xuống họ những tiếng sấm sét kinh hoàng cùng những tia chớp: họ kinh hoàng tột độ và bị đánh bại trước mặt dân Y-sơ-ra-ên. Lúc bấy giờ, dân Y-sơ-ra-ên từ thành Ma-si-pha tiến ra, đuổi theo kẻ thù của mình; họ truy đuổi và đánh bại chúng cho đến nơi gần Bê-phô-rô[5580] ; nhờ lời cầu nguyện của thánh nhân Sa-mu-ên, người được Đức Chúa Trời yêu mến, cùng với sự ăn năn của chính họ và sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, họ đã đánh tan tành kẻ thù của mình.

Như vậy, Chúa đã khuất phục dân Philistine trước mặt dân Ngài, và họ không còn xâm nhập vào lãnh thổ Israel trong suốt thời gian Samuel làm quan xét; hơn nữa, những thành phố mà họ đã chiếm đoạt từ dân Israel, họ đã trả lại cho dân Israel. Và có hòa bình giữa dân Chúa trong suốt thời gian đó, khi vị thánh Samuel làm quan xét và người cai trị họ, người đã cai trị toàn thể Y-sơ-ra-ên một cách xứng đáng. Ông đi khắp các thành phố, sửa chữa mọi điều cần sửa chữa, và xét xử công bằng và vô tư, vì ông không nhận quà tặng từ ai cả, và xét xử mà không thiên vị bất kỳ bên nào trong vụ kiện. Sau đó, ngài trở về Armahem (Rama), vì đó là nơi ngài có nhà, tại đó ngài xét xử dân chúng và tại đó ngài đã dựng bàn thờ dâng cho Chúa (1 Sa-mu-ên 7:1–17).

Sau nhiều năm làm quan xét cho dân Y-sơ-ra-ên, thánh Sa-mu-ên đã già đi và bổ nhiệm hai con trai của mình là Giô-ên và A-vi-a làm quan xét thay thế ông. Nhưng hai con trai ông không muốn đi theo con đường của ông: họ sa vào tham lam và bắt đầu nhận quà tặng từ những người đến xin xét xử, xét xử dựa trên những món quà đó và đưa ra những phán quyết bất công. Vì vậy, các trưởng lão Y-sơ-ra-ên đã tụ họp lại, đến gặp Thánh Sa-mu-ên và nói với ông:

– Này, ông đã già rồi, còn các con trai ông lại không đi theo con đường của ông. Vậy, xin hãy lập một vị vua cai trị chúng tôi, để ngài xét xử và cai quản chúng tôi, như các dân tộc khác.

Những lời của các trưởng lão không làm Sa-mu-ên hài lòng, vì họ không xin ông trừng phạt các con trai mình hay tước quyền xét xử của chúng – điều mà ông sẵn sàng làm – mà lại xin ông lập cho họ một vị vua, và dân chúng cứ khăng khăng nói:

– Xin hãy lập cho chúng tôi một vị vua để ngài xét xử chúng tôi.

Lúc bấy giờ, Sa-mu-ên cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, và Đức Giê-hô-va phán cùng ông rằng:

– Hãy nghe tiếng dân chúng này và làm theo điều họ xin, vì họ không phải từ chối ngươi, mà là từ chối Ta, để Ta không cai trị họ nữa. Tuy nhiên, hãy cho họ biết những quyền hạn của vị vua sẽ cai trị họ.

Và Sa-mu-ên nói với dân chúng:

– Hỡi dân Y-sơ-ra-ên! Hãy biết rằng vị vua mà các ngươi đang xin sẽ cai trị các ngươi như thế nào. Ông ta sẽ lấy con trai các ngươi và biến chúng thành tôi tớ của mình: giao vũ khí cho chúng, cho chúng cưỡi ngựa, ra lệnh cho chúng chạy trước các cỗ xe của mình, và đặt chúng làm chỉ huy ngàn và chỉ huy trăm. Ngoài ra, ông ta sẽ biến

---

[5579] Baal, vị thần Mặt Trời, được người Phoenicia cổ đại đặc biệt tôn kính.

[5580] Vephor – một ngọn đồi cao với thành phố cùng tên. Nơi này nằm trong chi phái Beniamin, gần biên giới phía đông bắc của lãnh thổ Philistine.

họ thành nô lệ của mình: bắt họ cày ruộng, gặt lúa, hái nho trong vườn nho, và làm mọi công việc cần thiết cho ông ta. Ông ta sẽ lấy các con gái các ngươi để chúng làm mỹ phẩm, nấu ăn và nướng bánh. Cả ruộng đồng, vườn nho và vườn ô liu của các ngươi, cùng mọi thứ tốt nhất mà các ngươi có, hắn sẽ lấy đi và trao cho các tôi tớ của mình; còn những ruộng lúa, vườn nho và đồng ruộng còn lại của các ngươi, hắn sẽ đánh thuế thập phân lên đó, khiến các ngươi phải nộp cho hắn một phần mười từ những gì còn lại. Tương tự như vậy, ông ta sẽ lấy đi những nô lệ nam và nữ của các ngươi, cùng những con gia súc tốt nhất của các ngươi để dành cho mình, và các ngươi sẽ trở thành nô lệ của ông ta. Vào những ngày đó, các ngươi sẽ than khóc vì gánh nặng do vị vua của các ngươi gây ra, nhưng Đức Chúa Trời sẽ không đáp lại các ngươi, vì chính các ngươi đã tự mình mong muốn có một vị vua.

Khi thánh Sa-mu-ên nói những lời này, dân chúng không chịu nghe lời ông, mà la hét với ông rằng:

– Chúng tôi muốn có một vị vua, để chúng tôi cũng được như các dân tộc khác. Hãy để vua của chúng tôi xét xử chúng tôi và dẫn đầu chúng tôi ra trận chống lại kẻ thù của chúng tôi.

Sau đó, thánh Sa-mu-ên ra lệnh cho dân chúng trở về nhà, cho đến khi Đức Chúa Trời chỉ định cho họ một người xứng đáng làm vua (1 Sa-mu-ên 8).

Trong chi phái Ben-gia-min, tại thành phố tên là Giva (Gibeah), có một người tên là Kish. Ông có một người con trai tên là Sau-lơ, cao lớn và đẹp trai, và trong số dân Y-sơ-ra-ên không ai nổi bật hơn anh ta. Những con lừa cái của Kish bị mất, nên Kish sai con trai mình là Sau-lơ cùng một người đầy tớ đi tìm chúng. Trong khi tìm kiếm những con lừa cái, họ đã đi khắp mọi nơi nhưng không tìm thấy. Rồi họ đến một ngọn núi tên là Sifa, nơi có thành phố Armah (Rama), quê hương và nơi cư ngụ của thánh Samuel. Sa-ul bèn nói với người đầy tớ của mình:

– Chúng ta hãy trở về nhà với cha, vì tôi nghĩ cha không lo lắng về những con lừa bằng lo lắng cho chúng ta.

Nhưng người đầy tớ đáp lại:

– Trong thành này có một người của Đức Chúa Trời, người có khả năng tiên tri. Ông ấy tiên đoán tương lai cho những ai đến gặp ông. Chúng ta hãy đến gặp ông ấy; biết đâu ông ấy sẽ chỉ cho chúng ta biết nơi tìm thấy những con lừa.

Và họ đi đến gặp người của Đức Chúa Trời, còn trước đó, Đức Chúa Trời đã mặc khải cho Thánh Samuel biết tất cả về Sa-un và truyền lệnh cho ông xức dầu phong Sa-un làm vua. Thánh Sa-mu-ên, khi thấy Sa-ul, con trai của Ki-sô, đã đón tiếp ông một cách ân cần và bảo ông đừng lo lắng về những con lừa, vì chúng đã được tìm thấy rồi, rồi cho ông ở lại nhà mình trong ngày và đêm đó. Sáng hôm sau, khi tiễn Sa-un ra về, Sa-mu-ên cầm lấy bình dầu, đổ dầu lên đầu anh ta, hôn anh ta và nói:

– Này, Đức Giê-hô-va đã xức dầu cho con làm vua cai trị dân Ngài. Bây giờ con sẽ cai trị dân của Đức Giê-hô-va và giải cứu họ khỏi tay các kẻ thù vây quanh họ.

Lễ xức dầu này được thực hiện một cách bí mật, như một lời tiên tri về triều đại tương lai của Sa-un. Và thánh Sa-mu-ên đã nói với Sa-un, người đã được xức dầu, tất cả những gì sẽ xảy ra trên con đường của ông, rằng:

– Đây là dấu hiệu cho thấy Chúa đã xức dầu phong ngươi làm vua. Khi ngươi rời khỏi ta, ngươi sẽ gặp hai người gần mộ Ra-chên, trong lãnh thổ chi phái Bê-ni-a-min tại Tê-lu-a-ha, đang đi rất nhanh; họ sẽ nói với ngươi: 'Những con lừa cái mà ngươi đi tìm đã được tìm thấy, nhưng cha ngươi đã quên chuyện những con lừa đó và đang rất lo lắng cho các ngươi.' Sau khi rời khỏi hai người đó, khi ngươi đến rừng sồi Phavô, ngươi sẽ gặp ở đó ba người đang đi lên Bê-tên để dâng lễ vật cho Đức Chúa Trời – một người dắt ba con dê con, một người mang ba bao bánh, và người thứ ba mang một túi da đựng rượu. Họ sẽ chào đón ngươi và cho ngươi hai ổ bánh. Sau đó, ngươi sẽ leo lên ngọn đồi của Đức Chúa Trời và gặp một đoàn các nhà tiên tri. Thần của Đức Chúa Trời sẽ ngự trên ngươi, và ngươi sẽ cùng họ nói tiên tri. Khi ngươi thấy những dấu hiệu này ứng nghiệm đúng như lời ta đã nói, thì hãy biết rằng Đức Chúa Trời đang ở cùng ngươi.

Khi Sa-un rời khỏi thánh Sa-mu-ên, mọi việc trên đường đi đều xảy ra đúng như lời nhà tiên tri đã nói với ông.

Sau đó, thánh Sa-mu-ên ra lệnh cho toàn dân tụ họp trước mặt Chúa tại thành Ma-si-phơ, chính ông cũng đến đó và nói với dân Y-sơ-ra-ên rằng:

– Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên phán như vầy: Ta đã dẫn tổ phụ các ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô và giải cứu các ngươi khỏi tay Pha-ra-ôn cùng mọi vua đã áp bức các ngươi; nhưng bây giờ các ngươi đã từ chối Đức Chúa Trời của các ngươi, Đấng cứu các ngươi khỏi mọi tai họa, và đòi một vị vua để ngài cai trị các ngươi. Vậy thì, hãy để mọi việc diễn ra theo ý muốn của các ngươi.

Nói xong, Sa-mu-ên xếp tất cả các chi phái Y-sơ-ra-ên theo các chi tộc của họ trước mặt Đức Giê-hô-va, rồi bắt đầu bốc thăm để xem nên chọn vua từ chi phái nào; kết quả bốc thăm rơi vào chi phái Bê-ni-a-min. Sau đó, họ lại bốc thăm giữa những người đàn ông nổi tiếng trong chi tộc ấy, và que thăm rơi vào Sa-ul, con trai của Ki-sô. Họ bắt đầu tìm kiếm Sa-ul trong số họ nhưng không thấy, vì anh ta đã trốn trong một ngôi nhà, tự cho mình là không xứng đáng với vinh dự cao quý ấy và tránh né nó, nhưng Đức Giê-hô-va đã cho người ta biết nơi anh ta ở. Lúc đó, một số người trong dân cùng với Sa-mu-ên đi đến đó, đưa ông ra và đặt ông giữa hội chúng. Ông cao hơn tất cả mọi người. Sa-mu-ên bèn nói với toàn thể dân chúng:

– Các ngươi hãy xem, đây là người mà Đức Giê-hô-va đã chọn. Trong các ngươi không có ai sánh được với người ấy.

Toàn thể dân chúng đều vui mừng và reo lên:

– Vua muôn năm!

Samuel giải thích cho dân chúng các luật lệ liên quan đến vua, ghi chép các luật lệ đó vào sách và đặt trước mặt Đức Giê-hô-va. Tuy nhiên, lúc bấy giờ quyền lực vương quyền của Sa-un vẫn chưa được củng cố hoàn toàn, vì vẫn còn những người bất mãn và phản đối. Samuel cho dân chúng giải tán, và mỗi người trở về nhà mình. Sa-un cũng trở về nhà mình ở thành Ga-va (Ghi-vu), cùng đi với ông là những người dũng cảm, những người mà Đức Giê-hô-va đã khiến lòng họ hướng về Sa-un, còn những kẻ chống đối ông thì nói:

– Lẽ nào người này có thể giải cứu chúng ta khỏi tay kẻ thù của chúng ta chăng?

Họ khinh thường ông và không dâng lễ vật cho ông, nhưng Sa-un giả vờ như không nghe thấy những lời khinh miệt của họ (1 Sa-mu-ên 9–10).

Khoảng một tháng sau đó, Naas, vua Ammon, cùng một đạo quân hùng mạnh tiến đến thành phố thuộc phần đất của chi phái Ma-na-se, có tên là Gia-vi ở Ga-la-át, và bao vây thành từ mọi phía. Những người dân trong thành bị bao vây, khi thấy đạo quân hùng mạnh của Naas, đã nói với ông ta:

– Hãy kết giao ước với chúng tôi, và chúng tôi sẽ phục vụ ngài.

Nhưng Naas đáp lại:

– Ta sẽ kết giao ước với các ngươi, nhưng với điều kiện là ta sẽ móc mắt phải của mỗi người trong các ngươi, để làm ô nhục cả dân Y-sơ-ra-ên.

Lúc đó, dân thành đã sai người đến gặp Sa-un, xin ông giúp đỡ và giải thoát họ khỏi vòng vây. Sa-un lập tức sai sứ giả đi khắp các vùng đất của Y-sơ-ra-ên, nhanh chóng tập hợp một đạo quân hùng mạnh và, cùng với vị tiên tri thánh Sa-mu-ên, bất ngờ tiến đến đối đầu với Na-a-sơ. Sáng sớm hôm sau, ông tấn công Naas, đánh tan và làm tan rã quân đội của hắn, rồi giết chết chính hắn. Lúc đó, dân Y-sơ-ra-ên nói với tiên tri Sa-mu-ên:

– Ai đã nói rằng Sa-un không cai trị chúng ta? Hãy giao những người này cho chúng tôi, để chúng tôi giết họ.

Nhưng Sa-un nói:

– Hôm nay chớ để ai phải chết vì ta, vì hôm nay Đức Giê-hô-va đã thực hiện sự cứu rỗi cho Y-sơ-ra-ên.

Còn thánh nhân Sa-mu-ên thì nói:

– Hãy đi đến Gilgal và tái lập vương quốc tại đó.

Và cả dân chúng đều đi theo; tại Galgal, trước mặt toàn thể dân chúng, Sa-mu-ên đã xức dầu phong Sa-ul làm vua trước mặt Đức Giê-hô-va. Tại đó, họ dâng các của lễ bình an trước mặt Đức Giê-hô-va, và Sa-ul cùng toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đều vui mừng khôn xiết (1 Sa-mu-ên 11:1–15).

Vào lúc đó, khi dân Y-sơ-ra-ên đang vui mừng vì vị vua mới được lập, người đã cùng họ giành được chiến thắng lẫy lừng trước dân Am-môn, Thánh Sa-mu-ên đã nói với họ:

– Này, ta đã vâng theo lời các ngươi trong mọi điều các ngươi đã nói với ta, và đã lập một vị vua cai trị các ngươi; và nay vị vua ấy đã đi trước các ngươi từ thuở ta còn trẻ cho đến ngày nay. Vậy, bây giờ các ngươi hãy nói trước mặt Đức Chúa Trời và trước mặt Đấng được xức dầu của Ngài, tức là vua của các ngươi: Ta có lấy của ai trong các ngươi con bò, con lừa hay bất cứ thứ gì khác chăng? Ta có làm hại hay áp bức ai chăng? Hay ta có nhận tiền công hay quà tặng nào từ tay ai chăng? Hãy làm chứng chống lại ta, và ta sẽ hoàn trả lại cho các ngươi.

Dân chúng đáp lại:

– Ngươi không hề làm hại hay áp bức chúng ta, cũng không cưỡng ép hay đòi hỏi từ chúng ta bất kỳ khoản tiền nào hay bất kỳ món quà nào.

Sau đó, Samuel nói:

– Hôm nay, Đức Giê-hô-va và Đấng được xức dầu của Ngài, tức là vua của các ngươi, là chứng nhân rằng các ngươi không có lý do gì để đòi một vị vua, vì chính Đức Giê-hô-va là Vua của các ngươi và đã cai trị các ngươi qua các quan xét khác nhau, giải cứu các ngươi khỏi tay kẻ thù. Hãy biết rằng các ngươi đã phạm một tội lớn trước mặt Đức Giê-hô-va, vì đã xin có một vị vua. Ngay bây giờ các ngươi sẽ thấy một dấu lạ (1 Sa-mu-ên 12:1–25).

Nói xong những lời ấy, Sa-mu-ên bắt đầu cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va. Lúc bấy giờ đang vào mùa gặt, trời trong và khô ráo. Bỗng nhiên có tiếng sấm rền vang, tia chớp lóe lên đáng sợ, mây đen kéo đến và mưa xối xả trút xuống. Cả dân chúng đều kinh hãi trước Đức Giê-hô-va và Sa-mu-ên, rồi nói với nhà tiên tri rằng:

– Xin ngài cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời của ngài vì các tôi tớ của ngài, để chúng tôi khỏi phải chết, vì chúng tôi thấy rằng ngoài tất cả các tội lỗi của chúng tôi, chúng tôi còn phạm thêm một tội nữa là xin có một vị vua.

Và thánh Sa-mu-ên đáp lại dân chúng rằng:

– Đừng sợ, Đức Chúa Trời sẽ không bỏ rơi dân Ngài. Hãy ở lại với vua của các ngươi, nhưng hãy phụng sự Đức Chúa Trời bằng cả tấm lòng, và cả các ngươi lẫn vua của các ngươi hãy tuân theo ý muốn của Ngài; còn tôi sẽ không ngừng cầu nguyện cho các ngươi trước mặt Đức Chúa Trời; chỉ cần các ngươi kính sợ Ngài và phụng sự Ngài một cách chân thành, nhớ đến mọi phép lạ và ân huệ mà Ngài đã ban cho các ngươi. Nếu các ngươi làm điều ác, thì các ngươi sẽ bị diệt vong cùng với vua của các ngươi. Sau khi nói hết những điều này với dân chúng, Thánh Sa-mu-ên từ bỏ chức vụ quan xét và chỉ chuyên tâm vào việc phụng sự tư tế.

Khi trị vì Israel, Sa-un dần dần sa ngã, làm phật lòng Đức Chúa Trời, và dám tự cho mình quyền của chức tư tế – dâng của lễ cho Đức Chúa Trời mà không có sự hiện diện của Sa-mu-ên, vị tư tế của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, ông còn bất tuân mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Vì qua miệng vị tiên tri của Ngài là Sa-mu-ên, Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho ông đi tiêu diệt dân A-ma-li-cít vì tội ác từ lâu của họ – đó là khi dân Y-sơ-ra-ên đi qua sa mạc từ Ai Cập đến Đất Hứa, họ đã gây ra trở ngại lớn trên đường đi của dân Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời đã ra lệnh như sau:

– Đừng tha thứ cho ai trong số họ, nhưng hãy giết hết, từ đàn ông đến đàn bà, từ thiếu niên đến trẻ sơ sinh, từ bò đến cừu, và từ lạc đà đến lừa.

Vua Sa-un, sau khi tập hợp một đạo quân hùng mạnh từ dân Y-sơ-ra-ên, đã tiến vào xứ A-ma-li-cít, đánh tan quân đội của chúng, chiếm lĩnh xứ sở của chúng và bắt sống vua của chúng. Toàn thể dân A-ma-li-cít, từ già đến trẻ, nam lẫn nữ, đều bị ông tiêu diệt bằng gươm, nhưng ông đã tha mạng cho vua của chúng. Ngoài ra, vua và các binh sĩ của ông đã chiếm lấy những con vật tốt nhất trong đàn gia súc của dân Amaleki, chỉ tiêu diệt những con kém chất lượng và không đáng kể. Họ cũng cướp bóc cho riêng mình tất cả những tài sản quý giá nhất của dân Amaleki, không tuân theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời là không được tha thứ bất cứ điều gì, không được lấy bất cứ thứ gì cho riêng mình, mà phải tiêu diệt tất cả.

Và Đức Giê-hô-va phán cùng tiên tri Sa-mu-ên như vầy:

– Ta hối hận vì đã lập Sa-un làm vua, vì hắn đã quay lưng lại với Ta và không tuân theo lời Ta.

Sa-mu-ên buồn rầu vì Sa-un và đã kêu cầu Đức Giê-hô-va suốt đêm, cầu nguyện cho ông ấy. Sáng sớm hôm sau, Sa-mu-ên đi ra đón dân Y-sơ-ra-ên đang trở về từ chiến trường, và gặp Sa-un tại Ga-la-ga. Thấy vị thánh Sa-mu-ên, Sa-un nói với ông:

– Ngươi được Đức Giê-hô-va ban phước, vì ta đã làm theo mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn ta qua ngươi.

Nhưng Sa-mu-ên đáp:

– Tiếng cừu be be và tiếng bò rống mà ta nghe thấy là gì vậy?

Sa-ul đáp:

– Tôi đã dẫn chúng về từ dân Amaléc. Những con nào tốt hơn, dân chúng đã tha mạng và thu thập lại, còn những con nào kém hơn, thì đã tiêu diệt hết.

Và thánh Samuel nói với ông:

– Tại sao ngươi không vâng theo tiếng Chúa trong mọi điều Ngài đã phán dặn, mà lại lao vào cướp bóc và làm điều ác trước mặt Chúa?

Lúc đó, Sa-un đáp lại Sa-mu-ên:

– Tôi đã vâng theo lời Chúa và làm đúng như Ngài đã truyền cho tôi. Tôi đã tiêu diệt dân Amaleki, bắt vua của họ và dẫn về còn sống, còn dân chúng thì lấy chiến lợi phẩm từ đàn gia súc – những con cừu và trâu bò tốt nhất – để dâng lên làm lễ toàn thiêu và dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời.

Thánh Sa-mu-ên đáp lại Sa-ul:

– Lẽ nào các lễ toàn thiêu và của lễ của ngươi lại đẹp lòng Chúa sao? Chẳng phải tốt hơn là nên tuân theo mệnh lệnh của Chúa sao? Vì sự vâng lời đẹp lòng Chúa hơn tất cả các của lễ và mỡ cừu. Sự bất tuân mệnh lệnh của Chúa là tội lỗi ngang với việc phù thủy, và vi phạm điều răn của Chúa cũng giống như việc thờ thần tượng. Và vì ngươi đã khước từ lời Đức Chúa Trời, nên Đức Chúa Trời cũng sẽ khước từ ngươi, và dòng dõi ngươi sẽ không còn cai trị trong Y-sơ-ra-ên nữa.

Sa-un nói:

– Tôi đã phạm tội, vì đã vi phạm mệnh lệnh của Chúa và lời của ngài, nhưng tôi đã sợ dân chúng và nghe theo tiếng nói của họ. Nhưng xin ngài hãy tha thứ cho tội lỗi của tôi và trở lại cùng tôi để dâng của lễ, để tôi có thể thờ phượng Chúa trước mặt ngài.

Nhưng thánh Sa-mu-ên quay lưng lại để rời khỏi ông, thì Sa-ul nắm lấy mép áo của ông và xé rách nó, kéo người của Đức Chúa Trời lại gần mình. Lúc đó, vị thánh nói với ông:

– Hôm nay, Đức Chúa Trời đã tước vương quốc Y-sơ-ra-ên khỏi tay ngươi và trao nó cho người láng giềng của ngươi, người tốt hơn ngươi.

Sa-un nói với Sa-mu-ên:

– Tôi đã phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời, nhưng xin đừng làm tôi mất mặt trước mặt các trưởng lão Y-sơ-ra-ên và trước mặt dân tôi; xin hãy trở lại cùng tôi, để tôi được thờ lạy Đức Chúa Trời của ngài.

Samuel trở về cùng với Sa-un, và họ thờ lạy Đức Chúa Trời. Vị thánh Samuel bèn nói:

– Hãy dẫn A-ha-g, vua dân A-ma-li-cơ, đến đây cho ta.

A-ga-g, run rẩy, đến trước mặt ông và nói:

– Ôi, cái chết thật đắng cay làm sao!

Thánh Samuel nói với anh ta:

– Giống như thanh gươm của ngươi đã cướp đi con cái của các người phụ nữ ấy, thì mẹ ngươi cũng sẽ bị cướp đi con trai giữa các người phụ nữ.

Và Samuel đã chặt Agag làm đôi trước mặt Đức Chúa Trời tại Gilgal, không phải vì muốn hành hạ hắn, mà để thi hành mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Sau đó, Samuel đi đến Armaf (Rama), còn Sa-un thì trở về nhà mình ở Gai-va (Giv'a). Từ đó, Thánh Samuel không còn gặp vua Sa-un nữa cho đến ngày qua đời, nhưng ông vẫn thương xót ông, tiếc nuối cho sự diệt vong của ông (1 Sa-mu-ên 15:1–35).

Một thời gian sau, Đức Giê-hô-va phán cùng Sa-mu-ên rằng:

– Ngươi còn than khóc cho Sa-un, người mà Ta đã loại bỏ để ông ta không làm vua trên Y-sơ-ra-ên, đến bao giờ nữa? Hãy đổ dầu vào sừng của ngươi và đi đến Bết-lê-hem gặp Y-sê, vì trong các con trai của ông ấy, Ta đã tìm thấy một người xứng đáng làm vua.

Sa-mu-ên thưa lại với Đức Giê-hô-va:

– Làm sao tôi đi được? Sa-un sẽ nghe tin và giết tôi mất.

Bấy giờ Đức Giê-hô-va phán:

– Hãy lấy một con bò cái từ đàn gia súc, dẫn nó đến Bết-lê-hem, và nói rằng ngươi đến để dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va. Hãy mời Y-sê và các con trai ông ấy đến dự lễ dâng của lễ. Ta sẽ chỉ cho ngươi biết phải làm gì, và ngươi sẽ xức dầu cho người mà Ta chỉ định.

Sa-mu-ên làm theo lời Đức Giê-hô-va phán dặn, và đến Bết-lê-hem. Khi thấy ông đến, các trưởng lão trong thành hoảng sợ, ra đón ông và nói:

– Hỡi người có khả năng tiên tri! Liệu chuyến viếng thăm của ngài có bình an chăng?

Samuel đáp:

– Bình an. Tôi đến để dâng của lễ cho Chúa. Các ông hãy thanh tẩy mình bằng sự kiêng khem và cầu nguyện, rồi đến với tôi, tôi sẽ cử hành lễ dâng của lễ.

Sau khi dâng lễ vật, thánh Samuel đến nhà Y-sê và ra lệnh cho ông đưa các con trai của mình đến gặp ngài, từng người một. Y-sê đưa con trai cả của mình, Ê-li-áp, đến gặp nhà tiên tri. Nhà tiên tri thầm cầu nguyện với Chúa, hỏi xem liệu người này có phải là người được Chúa định sẵn làm vua hay không. Chúa phán với Samuel:

– Đừng nhìn vào dáng vẻ và chiều cao của nó, vì Ta đã loại bỏ nó. Vì Ta không xét đoán dựa trên bề ngoài. Con người nhìn vào bề ngoài, còn Đức Chúa Trời nhìn vào lòng.

Rồi Y-sê gọi A-mi-na-đáp và dẫn cậu đến trước mặt Sa-mu-ên. Nhà tiên tri nói:

– Chúa cũng không chọn người này.

Sau đó, Y-sê-a dẫn Sam-ma đến, và Sa-mu-ên nói: “Chúa cũng không chọn người này.”

Như vậy, Y-sê đưa bảy người con trai của mình đến trước mặt Sa-mu-ên. Sa-mu-ên bèn hỏi Y-sê:

– Đây đã là tất cả các con trai của ông rồi sao?

Ê-sai đáp:

– Còn một người nữa, là con út. Nó đang chăn cừu ngoài đồng.

Sa-mu-ên nói:

– Hãy đi gọi nó về đây, vì chúng ta sẽ không ngồi ăn trưa cho đến khi nó đến đây.

Ê-sai sai người đi, và họ dẫn Đa-vít đến. Cậu có mái tóc vàng, đôi mắt đẹp và khuôn mặt dễ mến. Rồi Đức Giê-hô-va phán cùng Sa-mu-ên rằng:

– Hãy đứng dậy và xức dầu cho cậu ấy, vì chính cậu ấy là người được chọn.

Samuel bèn lấy chiếc sừng đựng dầu và xức dầu cho Đa-vít giữa các anh em của chàng. Và Thánh Linh của Đức Giê-hô-va ngự trên Đa-vít từ ngày đó trở đi. Sau đó, Samuel đứng dậy và đi về nhà mình tại A-ma-phê (Ra-ma) (1 Sa-mu-ên 16:1–13).

Khi đã hoàn tất cuộc đời mình, Sa-mu-ên, lúc đó đã cao tuổi, đã an nghỉ trong giấc ngủ vĩnh hằng. Tất cả dân Y-sơ-ra-ên đều tụ họp lại, khóc thương ông và chôn cất ông tại nhà ông ở A-ma-phê-m (Ra-ma) (1 Sa-mu-ên 25:1).

Chúa Giê-su, con trai của Si-ra-khô, đã ca ngợi vị tiên tri thánh Sa-mu-ên này, nói rằng:

– Tiên tri Sa-mu-ên của Chúa, người được Chúa yêu mến, đã thiết lập vương quốc và xức dầu phong các vua (Sa-ul và Đa-vít) cai trị dân Ngài. Ông xét xử dân theo luật pháp của Chúa và (nhờ những lời cầu nguyện của ông) Chúa đã đoái thương đến Gia-cốp. Nhờ đức tin của mình, ngài đã được công nhận là vị tiên tri chân chính. Ngài đã kêu cầu Đức Chúa Trời Toàn Năng khi bị kẻ thù bao vây tứ phía, và Đức Chúa Trời đã sấm sét từ trời cao; trong tiếng ồn ào vang dội, Ngài đã phán tiếng Ngài và tiêu diệt các thủ lĩnh thành Ty-rơ cùng tất cả các quan trưởng Phi-li-tin. Ngay trước khi qua đời, (Sam-u-ên) đã làm chứng trước mặt Chúa và Đấng được xức dầu của Ngài rằng ông không nhận bất cứ thứ gì từ ai, kể cả tài sản hay đôi giày, và không một ai có thể trách cứ ông. Ông vẫn tiếp tục tiên tri ngay cả sau khi qua đời và đã báo trước cho vua (Sa-ul) về cái chết của ông ấy; trong lời tiên tri, tiếng nói của ông vang lên từ đất, rằng dân tộc vô luật pháp sẽ bị tiêu diệt (Si-ra 46:16–23).

Đó là những gì Sách Sirach nói về Sa-mu-ên. Còn chúng ta, những kẻ tội lỗi, hy vọng nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh được lòng Chúa này mà được tha tội và được cứu rỗi, chúng ta sẽ tôn vinh Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Ba Ngôi, bây giờ, luôn luôn và đến muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 8:

[5581] , món quà đầy ân sủng, đã được dâng lên Thiên Chúa trước khi thụ thai, và từ thuở thiếu thời, ngài đã phục vụ Ngài như một Thiên Thần, hỡi vị thánh đầy phúc lành, và ngài đã được ban ơn để tiên báo những điều sẽ xảy ra. Vì thế, chúng con kêu lên cùng ngài: Hãy vui mừng, hỡi nhà tiên tri của Thiên Chúa, Samuel, vị tổng giám mục vĩ đại.

Các thánh tử đạo Sevir và Memnon, viên trung úy, cùng với ba mươi bảy vị tử đạo khác.

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 8

Cùng ngày này, chúng ta tưởng niệm các thánh tử đạo: Sevir, người gốc Thrace, và Memnon, viên trung úy, cùng với 37 vị tử đạo khác, những người đã chịu khổ vì Chúa Kitô tại Philippopolis dưới tay quan tổng trấn Apelian. Thánh Sevir bị tra tấn bằng cách cạo da bằng sắt, sau đó những chiếc nhẫn nung đỏ được đeo vào các ngón tay của ngài, tiếp theo ngài bị thắt một chiếc thắt lưng sắt đã được nung đỏ trên lửa, và cuối cùng, ngài bị chém đầu. Trung úy Memnon bị kéo căng giữa hai cột và bị tra tấn; những kẻ tra tấn đã cắt ba dải da từ đầu đến chân của ông;

[5581] Tức là một ân huệ xứng đáng được tôn kính đặc biệt.

sau đó, chúng chặt đứt tay và chân của Memnon cùng 37 vị tử đạo khác, đốt lò lửa lớn và ném tất cả những người chịu khổ vì Chúa Kitô vào lửa. Như vậy, các thánh tử đạo đã kết thúc cuộc khổ nạn của mình[5582] .

Ngày 3 tháng 9

Ngày 21 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Avraam, vị tu sĩ siêng năng ở Pechersk, người đã tu hành trong hang động của Thánh Antony vào khoảng thế kỷ XII.

Cũng trong ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Avraam, vị làm phép lạ ở Smolensk (qua đời vào nửa đầu thế kỷ XIII).

Cuộc đời của Thánh Tông đồ (một trong bảy mươi) Phaddeus

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 8

Thánh Tông đồ Phaddeus xuất thân từ thành phố Edessa[5583] ; ngài là người Do Thái và thông thạo Kinh Thánh Cựu Ước. Vào thời Thánh Gioan Tẩy Giả, Thánh Phaddeus đã đến Giêrusalem; khi nghe bài giảng của Đấng Tiền Hô và chứng kiến đời sống thánh thiện như thiên thần của ngài, Thánh Phaddeus đã vô cùng kinh ngạc và nhận phép rửa từ Thánh Gioan Tiền Hô. Ngay sau đó, Thánh Phaddeus đã nhìn thấy Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng hiện thân trong xác phàm và sống giữa loài người, cũng nghe được giáo huấn của Ngài và chứng kiến những phép lạ kỳ diệu do Chúa Giêsu Kitô của chúng ta thực hiện, và đã theo Ngài. Thánh Phaddey đã được Chúa tiếp nhận và được kể vào hàng ngũ bảy mươi Tông đồ (nhỏ), những người được nhắc đến trong Phúc Âm: *"Chúa đã chọn thêm bảy mươi môn đệ khác, và sai họ đi từng đôi một trước mặt Ngài đến mọi thành phố và nơi chốn mà chính Ngài muốn đến"* (Lc 10,1).

Trong số bảy mươi Tông đồ này có Thánh Tông đồ Phaddeus, người mà chúng ta đang tưởng nhớ hôm nay. Khi sai các Tông đồ này đi rao giảng Tin Mừng, Chúa đã phán với họ:

– Mùa gặt thì nhiều, mà thợ gặt thì ít; vậy hãy cầu xin Chủ mùa gặt sai thợ gặt ra gặt lúa của Ngài. Hãy đi; Ta sai các con đi như chiên con giữa bầy sói. Đừng mang theo túi, bao, hay giày dép, và đừng chào hỏi ai trên đường. Khi vào nhà nào, trước hết hãy nói: 'Bình an cho nhà này.' Nếu họ không đón nhận, thì lời chúc ấy sẽ quay trở lại với các con. Hãy ở lại trong nhà đó, ăn và uống những gì họ có; vì người làm việc xứng đáng được thưởng công lao của mình; đừng đi từ nhà này sang nhà khác. Nếu các con đến một thành phố nào mà họ đón nhận các con, hãy ăn những gì họ dọn ra. Hãy chữa lành những người bệnh trong thành ấy, và nói với họ: "Nước Thiên Chúa đã đến gần các ngươi rồi." Còn nếu các con đến một thành nào mà họ không tiếp đón các con, thì hãy ra đường và nói: "Chúng tôi lắc bụi bẩn bám trên chân chúng tôi từ thành các ngươi xuống cho các ngươi; nhưng hãy biết rằng Nước Thiên Chúa đã đến gần các ngươi rồi…" Ai nghe các con là nghe Ta, ai từ chối các con là từ chối Ta; còn ai từ chối Ta, thì cũng từ chối Đấng đã sai Ta (Lc 10:2–16).

Bảy mươi môn đệ ra đi rao giảng Tin Mừng với niềm vui lớn lao và rao giảng Lời Chúa. Sau đó, họ trở về với Chúa và báo cáo với Ngài rằng ngay cả các quỷ cũng vâng lời họ nhân danh Ngài.

Sau khi Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, chịu khổ nạn tự nguyện, qua đời, phục sinh sau ba ngày và lên trời, các Thánh Tông đồ đã tản mác đi khắp vũ trụ để rao giảng Tin Mừng; Thánh Tông đồ Pha-đê đã được Chúa sai đi rao giảng Tin Mừng tại thành phố Ê-đê-sa; bởi vì Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, ngay trước khi chịu khổ nạn

---

[5582] Các thánh tử đạo này đã chịu tử đạo vào năm 304, dưới thời các hoàng đế Diocletian và Maximian.

[5583] Edessa, ngày nay là Urfa, là một thành phố ở phía bắc Mesopotamia, nằm bên bờ sông Euphrates; từ năm 137 trước Công nguyên, đây là thủ đô của Nhà nước Ozroene hay Edessa mới được thành lập; vào năm 217 sau Công nguyên, nơi đây đã được người La Mã biến thành một thuộc địa ở phương Đông. – Vào thế kỷ IV, tại Edessa, Thánh Ephrem the Syrian đã thành lập một trường thần học; đến thế kỷ V, trường này nghiêng về chủ nghĩa Nestorian, và linh mục Iva – một giáo sư của trường Edessa – đã hoạt động rất tích cực để ủng hộ chủ nghĩa này. Năm 614, Edessa bị các caliph Ả Rập chinh phục; năm 1098, Bá tước Baldwin chiếm được thành phố này và biến nó thành thủ đô của Công quốc Edessa; năm 1144, thành phố này bị người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục và từ đó liên tục thay đổi chủ quyền, cho đến khi vào năm 1637, nó chính thức rơi vào quyền cai trị của Thổ Nhĩ Kỳ.

tự nguyện, đã hứa sẽ sai một trong các Thánh Tông đồ của Ngài đến đây. Người cai trị thành phố này là Công tước Avgar, và chính với Avgar này, Chúa đã hứa sẽ sai Thánh Tông đồ của Ngài đến.

Vị Avgar này mắc phải một căn bệnh nan y – bệnh phong. Nghe nói về những phép lạ kỳ diệu do Chúa Giê-su Ki-tô thực hiện, Avgar rất mong được gặp Ngài, nghe lời giảng dạy của Ngài và được chữa lành khỏi căn bệnh nặng nề của mình nhờ quyền năng của Ngài. Nhưng không dám hy vọng rằng Chúa Giêsu Kitô sẽ đích thân đến với mình, Avgar đã sai một họa sĩ vẽ tranh thánh tài ba đến gặp Chúa và giao phó cho người ấy vẽ lại khuôn mặt của Chúa bằng màu sắc. Cùng với đó, Avgar đã gửi một bức thư đến Chúa, trong đó ông viết về những điều ông đã nghe về Chúa và những phép lạ kỳ diệu của Ngài, cách Ngài chữa lành bệnh tật mà không cần bất kỳ loại thuốc hay thảo dược nào, ban lại thị lực cho người mù, giúp người què đi lại được, chữa lành cho người hủi, trừ tà khỏi con người, chỉ bằng một lời nói của Ngài đã chữa lành cho những người bị liệt, những người đã nằm liệt giường lâu ngày, và làm cho người chết sống lại.

– Nghe kể về Ngài tất cả những điều này, – Avgar viết, – tôi chỉ có thể nghĩ về Ngài một trong hai điều: hoặc Ngài chính là Đức Chúa Trời, Đấng đã từ trời xuống, hoặc Ngài là Con Đức Chúa Trời, vì Ngài thực hiện những phép lạ vô cùng kỳ diệu và vinh hiển. Vì vậy, tôi viết cho Ngài bức thư khiêm nhường này, mong Ngài vui lòng đến với tôi và chữa lành căn bệnh nan y mà tôi đã phải chịu đựng suốt nhiều năm qua[5584] :

Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, khi thấy đức tin và niềm hy vọng của Công tước Avgar, đã sai đến cho ông một hình ảnh không do tay người tạo ra của Dung nhan Thánh Khiết của Ngài, đồng thời cũng viết và gửi một bức thư, trong đó Ngài phán như sau:

– Phúc cho ngươi, Avgar, người chưa từng thấy Ta nhưng đã tin vào Ta, vì đã có lời chép về Ta rằng: "Những ai thấy Ta sẽ không tin; còn những ai không thấy Ta thì sẽ tin vào Ta và được hưởng sự sống đời đời." Ngươi viết thư cho Ta để xin Ta đến với ngươi, nhưng Ta phải hoàn thành sứ mệnh mà Ta được sai đến, và sau khi hoàn thành, Ta sẽ trở về với Cha, Đấng đã sai Ta. Và khi Ta được đưa lên cùng Ngài, lúc đó Ta sẽ sai một trong các môn đệ của Ta đến với ngươi; người ấy sẽ chữa lành hoàn toàn bệnh tật của ngươi và ban cho ngươi cùng những người ở với ngươi sự sống đời đời.

Hoàng tử Avgar, sau khi nhận được bức thư này và nhìn thấy hình ảnh không do tay người tạo ra của Chúa Giêsu Kitô, đã tràn ngập niềm vui lớn lao. Sau khi hôn lên bức thư với tình yêu thương và cúi đầu thờ lạy hình ảnh của Chúa Kitô, Avgar ngay lập tức cảm thấy bệnh tình thuyên giảm đáng kể, bởi vì chỉ còn lại một phần rất nhỏ của bệnh phong trên khuôn mặt ông.

Để chữa lành hoàn toàn bệnh tật cho Avgar, theo lời hứa của Ngài, Chúa đã sai Thánh Tông đồ Thaddeus đến, người đã chữa lành Avgar một cách trọn vẹn, không chỉ về thể xác mà còn về tâm hồn, như sẽ được kể chi tiết hơn dưới đây.

Khi Thánh Tông đồ Phaddeus đến thành phố Edessa, ngài không ngay lập tức lộ diện trước Công tước Avgar, mà trước tiên ngài vào nhà một người Do Thái quen biết, tên là Tôbia. Trong thời gian ở lại nhà người Do Thái này, Thánh Phaddeus đã thực hiện nhiều phép lạ chữa lành đa dạng nhờ quyền năng của Đức Kitô, chữa lành mọi loại bệnh tật bằng cách đặt tay và kêu cầu danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta.

Tin tức về Thánh Phaddeus nhanh chóng lan truyền khắp thành phố, và cư dân nơi đây bắt đầu đưa nhiều người bệnh đến gặp vị Tông đồ thánh; khi chứng kiến sự chữa lành nhanh chóng của họ, mọi người đều vô cùng kinh ngạc.

Một thời gian sau, có tin báo đến Công tước Avgar rằng một người đàn ông vô danh, đến từ Giê-ru-sa-lem, đang thực hiện nhiều phép lạ nhân danh Chúa Kitô.

Ngay lập tức, Avgar nhớ lại lời hứa của Chúa Kitô rằng Ngài sẽ sai một trong các môn đệ của Ngài đến với ông, và ông tự nhủ: "Chẳng phải người này chính là người mà Chúa đã hứa sẽ sai đến sao?" Sau đó, ông ra lệnh gọi Tôbi và nói với ông ta:

– Ta nghe nói trong nhà ngươi có một người đàn ông nào đó đến từ Giê-ru-sa-lem đang ở; người ta nói rằng người đàn ông này chữa lành bệnh tật nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô.

Tô-bi-a đáp:

– Vâng, đúng vậy; ngài nói hoàn toàn chính xác, thưa ngài, rằng người đàn ông đang ở nhà tôi thực hiện nhiều phép lạ nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô.

[5584] Để biết thêm chi tiết về vấn đề này, xin tham khảo phần trên, mục ngày 16

Lúc đó, vị hoàng tử nói:

– Hãy dẫn người ấy đến gặp ta.

Tô-bi-a đi tìm thánh Pha-đê và nói với ông:

– Vị hoàng tử của thành phố này đã triệu tập tôi và ra lệnh cho tôi đưa ngài đến gặp ngài, để ngài chữa lành căn bệnh mà ngài đang mắc phải.

Thánh Phaddeus đáp:

– Quả thật, tôi đã được sai đến gặp ngài ấy.

Sáng sớm ngày hôm sau, cả hai cùng đến gặp vị công tước; lúc đó, tất cả các quan đại thần và cố vấn đã tụ tập tại dinh thự của vị công tước.

Khi Thánh Tông đồ Phaddeus bước qua cửa cung điện của vị công tước, vị công tước nhìn ngài và nhận thấy khuôn mặt của vị Tông đồ tỏa ra một ánh sáng kỳ lạ. Avgar kinh hoàng, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và cúi đầu xuống đất trước vị Tông đồ của Chúa Kitô.

Trong khi đó, tất cả những người có mặt tại đó đều vô cùng ngạc nhiên trước hành động của vị hoàng tử, không hiểu tại sao vị hoàng tử lại cúi lạy một người bình thường, bởi họ không nhìn thấy ánh sáng kỳ diệu tỏa ra từ khuôn mặt của vị Tông đồ của Chúa Kitô.

Sau đó, vị hoàng tử hỏi Thánh Phaddeus:

– Ngài có phải là môn đệ của Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng đã hứa sẽ sai một trong các môn đệ của Ngài đến với tôi, để chữa lành hoàn toàn căn bệnh của tôi và ban cho tôi, cũng như tất cả những người thân yêu của tôi, sự sống đời đời không?

Sứ đồ của Đấng Christ đáp:

– Vì ngài đã bày tỏ niềm tin lớn lao vào Chúa Giêsu Kitô của tôi, nên tôi được Ngài sai đến với ngài; và nếu đức tin của ngài còn tăng thêm nữa, thì mọi điều ngài mong muốn nhờ đức tin của mình sẽ được thực hiện.

Avgar đáp:

– Tôi đã tin Ngài (Chúa Giêsu) một cách nồng nhiệt đến nỗi định tập hợp quân đội và tiến hành chiến tranh chống lại những người Do Thái đã đóng đinh Chúa, để trả thù họ vì sự tàn bạo và độc ác của họ, và để tiêu diệt họ một cách triệt để; nhưng chính quyền La Mã, những người mà đất nước chúng tôi phải tuân theo, đã ngăn cản tôi làm điều đó.

Thánh Phaddeus nói:

– Chúa và Thiên Chúa của chúng ta là Đức Giêsu Kitô hoàn toàn không cần đến sự giúp đỡ của con người trong thời gian Ngài chịu đau khổ dưới tay những người Do Thái đầy ghen tị và lòng dạ độc ác; vì chính Ngài, nếu muốn, có thể hiện ra các đạo binh Thiên Thần; nhưng, để thực hiện ý muốn của Cha, Chúa chúng ta đã chịu đau khổ vì sự cứu rỗi thế gian; và sau khi hoàn thành ý muốn của Cha Ngài, Ngài đã lên trời cùng Cha trong vinh quang và ngự bên hữu Ngài; Chúa chúng ta không cần ai phải báo thù cho Ngài trước những kẻ thù của Ngài, vì chính Ngài có quyền trên tất cả; chính Ngài sẽ đến để phán xét người sống và người chết, và sẽ ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ.

Thánh Tông đồ Phadê đã nói với hoàng tử Avgar và tất cả những ai ở cùng ông ấy nhiều điều khác nữa về Chúa Giêsu Kitô của chúng ta; sau đó, khi đã dẫn dắt ông ấy đến đức tin trọn vẹn nơi Chúa, ngài đã làm phép rửa cho ông ấy.

Ngay sau khi được rửa tội, Avgar đã được chữa lành khỏi bệnh phong. Cần lưu ý rằng sau lần chữa lành đầu tiên[5585] , khuôn mặt của Avgar vẫn còn bị bệnh phong, trong khi ban đầu toàn thân ông đã bị bệnh phong tấn công. Khi bức thư (thư tín) của Chúa Kitô và hình ảnh không do tay người tạo ra của Thánh Diện Chúa Kitô được mang đến cho ông, thì lần đầu tiên Avgar được chữa lành – thân thể ông được thanh tẩy khỏi bệnh phong, và chỉ có một phần nhỏ trên thân thể ông, theo ý định của Thiên Chúa, cụ thể là khuôn mặt, vẫn chưa được chữa lành cho đến khi vị Tông đồ đến.

Cùng với đó, một sự chữa lành khác cũng đã xảy ra, không chỉ cho thân thể mà còn cho linh hồn, sau khi vị Tông đồ đến và thực hiện phép Rửa tội thánh; vì từ bể Rửa tội thánh, Hoàng tử Avgar đã bước ra hoàn toàn khỏe mạnh.

[5585] Xem tại đó.

Và không chỉ Hoàng tử Avgar được rửa tội sau bài giảng của vị Tông đồ; tất cả những người sống trong nhà ông đều được rửa tội, cũng như tất cả những ai đã chứng kiến những phép lạ do vị Tông đồ thực hiện, và cả những người đã được vị Tông đồ chữa lành khỏi bệnh tật.

Sau đó, Thánh Tông đồ Phaddeus ra lệnh cho hoàng tử tập hợp tất cả cư dân trong thành, để họ cũng có thể nghe Lời Chúa.

Sáng hôm sau, toàn thể dân chúng đã tụ tập. Thánh Tông đồ của Chúa Kitô, đứng trên một nơi cao, bắt đầu rao giảng cho toàn thể dân chúng về Đức Chúa Trời duy nhất, Đấng đã tạo dựng trời và đất, cùng mọi sự hữu hình và vô hình bằng quyền năng toàn năng của Ngài; Thánh Tông đồ Phaddeus cũng kể cho dân chúng nghe về việc Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã từ trời xuống đất, nhập thể một cách không thể diễn tả được vì sự cứu rỗi loài người, về việc Ngài đã chịu khổ hình theo ý muốn, sống lại, thăng thiên và đã chuẩn bị phần thưởng vĩnh cửu trên trời cho những người có đức hạnh, còn cho những kẻ ác là những cực hình vô tận trong địa ngục. Thánh Tông đồ cũng đã kể lại tất cả những mầu nhiệm khác trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa qua những lời giảng giải chi tiết.

Toàn thể dân chúng, những người đã lắng nghe vị Tông đồ, đã bày tỏ lòng tin vào những lời của ngài, vì họ đã chứng kiến những phép lạ do vị Tông đồ thực hiện: tất cả đều thấy vị thủ lĩnh của họ và nhiều người khác, trước đây bị các bệnh tật khác nhau hành hạ, đã được chữa lành; tất cả bắt đầu ngợi khen Chúa và xin vị Tông đồ làm phép rửa tội cho họ.

Như vậy, thành phố Edessa đã được soi sáng bởi đức tin thánh thiện nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và nhờ phép rửa thánh; sau đó, các nhà thờ bắt đầu được xây dựng tại đây, và các linh mục được bổ nhiệm theo sự chỉ định của các Tông đồ.

Hoàng tử Avgar rất mong muốn đền ơn Thánh Tông đồ của Chúa Kitô bằng cách nào đó vì sự chữa lành kỳ diệu của mình, nên ông đã đề nghị tặng ngài rất nhiều vàng, nhưng vị thánh không nhận lấy gì cả, và nói:

– Nếu chúng ta đã từ bỏ những gì thuộc về mình, thì làm sao chúng ta lại mong muốn nhận và sở hữu bất cứ điều gì từ người khác được?

Sau khi Thánh Tông đồ Phaddeus củng cố đức tin thánh thiện và lòng sùng kính tại Edessa, đồng thời hướng mọi việc đến điều thiện, ngài đã lên đường đến Mesopotamia[5586] ; tại đây, ngài đã khai sáng cho nhiều người, dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô, và xây dựng các nhà thờ; Thánh Tông đồ đã đi qua nhiều thành phố ở Syria, tận tụy rao giảng danh Chúa Kitô. Sau đó, ngài đến thành phố Beirut thuộc xứ Phoenicia[5587] ; sau khi rao giảng danh Chúa Kitô và làm phép rửa cho nhiều người tại đây, Thánh Tông đồ Phaddeus đã an nghỉ trong bình an cùng Chúa[5588] .

Cần lưu ý rằng Thánh Tông đồ Phaddeus được tưởng niệm hôm nay là một nhân vật khác với Thánh Tông đồ Giu-đa Phaddeus, còn được gọi là Lê-vi, một trong Mười Hai Tông đồ, ngày tưởng niệm của ngài được cử hành vào ngày mười chín tháng Sáu (tại mục này, quý vị cũng có thể đọc tiểu sử của ngài). Trong Phần Mở Đầu của Sách Lễ, dưới ngày hôm nay dành cho Thánh Tông đồ Phaddeus được tưởng niệm, có dòng chữ như sau: "Ngày tưởng niệm của Thánh Tông đồ Phaddeus, còn gọi là Lê-vi". Tuy nhiên, cần lưu ý rằng biệt danh "Lê-vi" không nên được gán cho Thánh Phaddeus này, mà là cho một vị Tông đồ khác trong số mười hai Tông đồ, như đã được đề cập trong Phúc Âm theo Thánh Matthêu (Mt 10:3).

Nikiforos Kallistos[5589] , một nhà sử học Giáo hội Hy Lạp cổ đại, đã nói chi tiết hơn về điều này trong chương 40 của cuốn thứ hai trong tác phẩm Lịch sử của ông. Chính Nikiforos Kallistos đã nói như sau: "Thánh

---

[5586] Mesopotamia – vùng đất đá và cát, nằm giữa hai con sông Tigris và Euphrates, trải dài từ Armenia ở phía bắc đến Vịnh Ba Tư ở phía nam.

[5587] Beirut – thủ đô của Lebanon. Trong thời cổ đại, Beirut là một cảng biển của người Phoenicia và mang tên Berytos. Vua Ai Cập Thutmose II đã chinh phục thành phố này, còn Antiochus III đã chiếm lại nó từ tay nhà Ptolemy. Năm 140 trước Công nguyên, Beirut bị người Syria là Diotos Trifon phá hủy, nhưng dưới thời Hoàng đế Augustus, thành phố này đã được Agrippa tái thiết và biến thành một thuộc địa dành cho các cựu chiến binh La Mã. Dưới thời các hoàng đế sau này, Beirut nổi tiếng với trường đại học hàng đầu về hùng biện, thi pháp và đặc biệt là luật học.

[5588] Thánh Tông đồ Phaddeus qua đời vào khoảng năm 44. – Có tin tức về phái đoàn của Narses, vua Assyria, đến gặp Avgar, công tước Edessa, với lời thỉnh cầu hoặc là gửi Thánh Tông đồ Phaddeus đến cho ông, hoặc là viết thư cho ông (Narses) về những phép lạ do vị Tông đồ này thực hiện. Đáp lại yêu cầu này của Narses, Avgar đã kể cho ông nghe về những phép lạ của Thánh Tông đồ Phaddeus.

[5589] Nikiforos Kallistos – nhà sử học Giáo hội nổi tiếng nhất thế kỷ XIV, là tu sĩ tại Tu viện Hagia Sophia ở Constantinople. Tác phẩm "Lịch sử Giáo hội" (gồm 18 quyển) của ông được hoàn thành cho đến khi Hoàng đế Byzantine Phokas qua đời (khoảng năm 611).

Giu-đa, không phải là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, mà là một người khác, người được gọi bằng hai tên: Pha-đê và Lê-vi, con trai của Giô-sép, anh em của Gia-cô-bê, người đã bị rơi từ mái đền thờ xuống, ban đầu đã rao giảng Tin Mừng ở Giu-đê và Ga-li-lê, tại Samari và Idumea, cũng như tại các thành phố Á Rập, ở các vùng đất Syria và Mesopotamia, sau đó ngài đã đến Edessa, thành phố của Avgar, nơi trước đó một Phaddeus khác, một trong Bảy Mươi Tông Đồ, đã rao giảng danh Chúa Kitô, và tại đây ngài đã hoàn tất tất cả những gì mà Phaddeus kia chưa hoàn thành"[5590] .

Đó là những gì Nikiforos Kallistos nói về hai vị Phaddeus này: một người ông gọi là (trong số mười hai Tông đồ) Lê-vi, còn người kia (đang được nhắc đến hiện nay) – trong số bảy mươi Tông đồ – chỉ được gọi là Phaddeus, chứ không phải Lê-vi.

Cũng cần lưu ý rằng Thánh Tông đồ và Thánh Sử Matthêu cũng được một số tác giả Phúc Âm gọi là Lê-vê[5591] .

Bài ca Kondak, giọng 4:

Như một ngôi sao rực rỡ, Giáo hội đã đón nhận ngài, Thánh Tông đồ Phaddeus, luôn được soi sáng bởi những phép lạ của ngài: xin cứu rỗi những ai tôn kính kỷ niệm của ngài bằng đức tin.

Lễ kính Thánh Tử đạo Vassa và các con của bà: Theognia, Agapia và Pista

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 8

Thánh nữ tử đạo Vassa sống dưới triều đại của Hoàng đế Maximian[5592] tại thành phố Edessa[5593] ; sau khi kết hôn với một thầy tế lễ thờ thần tượng tên là Valerius, bà đã sinh ra ba người con trai: Theognia, Agapia và Pista, và nuôi dạy họ trong đức tin Kitô giáo, vì bà là một Kitô hữu (bà đã được cha mẹ truyền dạy về đức tin Kitô giáo thánh thiện). Bị chồng vu khống, bà phải ra trước quan tòa ngoại giáo, và trước mặt ông ta, bà đã xưng mình là người Kitô hữu; vì thế, bà bị giam vào ngục cùng với các con. Sau đó, Thánh Vassa bị dẫn ra nơi xét xử; trong khi đó, ngay trước mắt bà, các con trai bà phải chịu đủ loại hình phạt: trước tiên là Theognis bị treo cổ và bị lột da; sau đó, con trai khác của bà là Agapios bị đánh đập; những kẻ tra tấn đã lột da Agapios từ đầu xuống ngực, nhưng anh vẫn im lặng và không thốt ra một lời nào; sau đó, người con trai thứ ba của bà cũng phải chịu đủ loại hình phạt. Người mẹ, khi chứng kiến nỗi đau khổ của các con, đã động viên và khuyên nhủ chúng bằng lời cầu nguyện, khích lệ chúng can đảm vượt qua thử thách của mình. Và cả ba thiếu niên này, sau khi can đảm chịu đựng hết thảy những cực hình giáng xuống, đã cùng lúc bị chém đầu bằng gươm.

Vassa, mẹ của các con, đã vui mừng khi được đưa những đứa con yêu dấu của mình về với Chúa Kitô; sau đó, bà lại bị giam cầm trong ngục tối; trong thời gian này, bà bị đói khát hành hạ, nhưng được Thiên Thần ban cho thức ăn, nhờ đó bà được củng cố để chịu đựng những đau khổ còn lớn hơn nữa. Sau đó, theo lệnh của kẻ tra tấn, bà bị đưa đến Macedonia và bị ép buộc phải thực hiện nghi lễ hiến tế ghê tởm; tuy nhiên, bà đã không tuân theo những kẻ tra tấn, vì thế bà bị ném xuống nước trước, rồi vào lửa; sau đó, bà bị ném đá, nhưng vẫn bình an vô sự giữa muôn vàn cực hình. Khi bà bị dẫn đến đền thờ thần tượng, bà đã cầm lấy tượng thần Zeus[5594] , ném nó xuống

---

[5590] Có tin cho rằng Thánh Tông đồ Giu-đa đã rao giảng Kitô giáo tại Ba Tư, và từ đó ngài đã viết thư chung của mình. Lý do để viết bức thư này là do trong cộng đồng các tín hữu đã có những kẻ vô đạo xâm nhập, những kẻ này đã biến ân sủng của Thiên Chúa thành cơ hội để phạm tội và dưới danh nghĩa tự do Kitô giáo, họ đã tự cho phép mình thực hiện mọi hành vi tội lỗi. Thư này một phần chứa đựng giáo lý tín lý: về mầu nhiệm Ba Ngôi, về sự nhập thể của Chúa Giêsu Kitô, về sự khác biệt giữa các thiên thần thiện và ác, và về Ngày Phán Xét Cuối Cùng; cũng chứa đựng giáo lý đạo đức: lời khuyên nhủ tránh xa sự ô uế của tội lỗi, dục vọng xác thịt, sự phỉ báng, kiêu ngạo, bất tuân và các tật xấu khác; Vị Tông đồ khuyên nhủ mọi người hãy kiên trì trong các bổn phận và chức vụ của mình – trong đức tin, cầu nguyện, và tình yêu thương; khuyên nhủ hãy quan tâm đến việc dẫn dắt những người lầm lạc trở lại và tự bảo vệ mình khỏi những kẻ dị giáo.

[5591] Có thể đọc chi tiết hơn về điều này trong cuốn sách kể về cuộc đời của Thánh Tông đồ và Nhà Truyền giáo Matthêu, tại mục số 16

[5592] Hoàng đế Maximian cai trị nửa phía đông của Đế quốc La Mã từ năm 305 đến năm 311.

[5593] Thành phố Edessa nằm ở Macedonia.

[5594] Zeus – vị thần tối cao trong tôn giáo Hy Lạp cổ đại, được coi là tổ tiên của các vị thần khác.

đất và đập vỡ. Sau đó, Thánh Vassa bị ném cho thú dữ ăn thịt, nhưng vẫn bình an giữa bầy thú. Lúc đó, những kẻ tra tấn đã ném bà xuống biển, cách bờ ba mươi popistria. Và tất cả những ai đang nhìn Thánh nữ từ xa đều thấy ba người đàn ông rực rỡ, sáng chói hơn cả mặt trời, dẫn Thánh nữ lên thuyền và đặt bà lên ngai vàng. Tám ngày sau đó, Thánh Vassa hiện ra trước các chiến binh trên một hòn đảo có tên là Hellespont; khi vị thống đốc Macedonia tên là Philip biết được điều này, ông đã viết thư cho quan cai trị vùng Kizik (giáo phận Hellespont), yêu cầu bắt nữ tử đạo; người này, sau khi bắt được thánh nữ, đã ép buộc bà phải dâng lễ vật cho thần tượng. Nhưng khi thấy thánh nữ vẫn kiên quyết không khuất phục, ông ta ra lệnh trói tay bà ra sau lưng và đánh đập bà không thương xót khắp thân thể; cuối cùng, ông ta ra lệnh chém đứt đầu thánh thiện của bà. Như vậy, vị thánh tử đạo Vassa đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng mà vinh quang được dâng lên ngay bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen[5595] .

Ngày 4 tháng 9

Ngày 22 tháng 8 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Evlalia.

Ngày tưởng niệm 22 tháng 8

Vào thời các hoàng đế ngoại đạo trị vì, khi cả vũ trụ chìm trong bóng tối của sự vô thần Hy Lạp, tại thành phố Barkinon[5596] , Tây Ban Nha, có một thiếu nữ tên là Evlalia, con gái của một gia đình Kitô hữu. Từ thuở ấu thơ, cô đã yêu mến Chúa Giêsu Kitô của chúng ta bằng cả trái tim; cô sống cùng cha mẹ tại một làng mạc nằm cách thành phố khá xa. Cha mẹ rất yêu thương Evlalia vì tính hiền lành, khiêm nhường và trí tuệ vượt xa tuổi tác của cô; Evalia được học chữ, và cô có một quyết tâm vững chắc – đó là dâng hiến sự trinh khiết của mình để phụng sự Chúa. Vị thánh này miệt mài đọc sách và ngợi khen Thiên Chúa cả ngày lẫn đêm, sống trong một phòng tu riêng cùng với các bạn đồng lứa.

Khi Evlalia tròn mười bốn tuổi, hoàng đế Diocletian[5597] đã phát động cuộc đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu. Quan tổng trấn Dacian đã đến thành phố Barkinon; ông ta dâng những lễ vật ghê tởm cho các thần vô đạo của mình tại đây, sau đó bắt đầu truy lùng các Kitô hữu để ép buộc họ thắp hương cho các thần tượng. Hậu quả là thành phố chìm trong hỗn loạn tột độ, vì các Kitô hữu bị lôi ra khỏi nhà một cách bạo lực và bị tra tấn để buộc phải thờ lạy các thần tượng; tất cả những điều này nhanh chóng lan truyền đến các làng mạc lân cận.

Khi thiếu nữ Evlalia nghe tin về tất cả những điều này, nàng tràn ngập niềm vui thiêng liêng và với khuôn mặt rạng rỡ, nàng nói:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô! Vinh quang thuộc về Danh Thánh của Ngài, vì con đã đạt được điều con hằng mong ước. Con tin tưởng vào Ngài, Chúa của con, rằng nhờ sự giúp đỡ của Ngài, ước nguyện trong lòng con sẽ được thực hiện.

Khi cha mẹ của Evlalia, cũng như các thiếu nữ đang ở bên cô, nghe những lời của vị thánh, họ không hiểu cô đang nói về điều gì, nên đã hỏi cô: “Lý do gì khiến cô vui mừng như vậy? Cô đã nhận được điều gì và cô mong muốn điều gì?” Nhưng cô không nói gì với họ, mà giấu kín ý định của mình trong lòng. Và mọi người đều ngạc nhiên, vì vị thánh nữ có thói quen không giấu giếm điều gì mà bà hiểu biết về đức tin thánh thiện; nhưng những gì bà thấu hiểu được từ sách vở, nhờ được soi sáng bởi ân sủng của Thiên Chúa, thì bà đều truyền đạt lại cho mọi người để mang lại lợi ích, chính vì thế mà mọi người đều yêu mến bà như chính linh hồn mình. Lúc đó, Evlalia đã không nói ra những suy nghĩ của mình để tránh gặp phải sự cản trở từ cha mẹ, những người vô cùng yêu thương cô.

[5595] Thánh nữ tử đạo Vassa và các con của bà đã qua đời vào đầu thế kỷ IV. Tại Chalcedon, vào khoảng năm 450, có một ngôi đền được xây dựng để tôn vinh thánh nữ tử đạo Vassa.

[5596] Ngày nay là Barcelona.

[5597] Hoàng đế Diocletian trị vì từ năm 284 đến năm 305.

Khi đêm xuống và mọi người đã chìm vào giấc ngủ (và tiếng gà gáy đầu tiên đã vang lên), cô gái thánh thiện lén lút rời khỏi nhà mình mà không ai hay biết – rồi hướng về thành phố, tràn ngập tình yêu dành cho Chú Rể trên trời của mình là Chúa Kitô, với quyết tâm vững chắc dâng hiến linh hồn mình cho Ngài. Và cuộc hành trình ban đêm này không khiến cô cảm thấy sợ hãi, như thường xảy ra với tất cả các thiếu nữ trẻ, những người sợ ra khỏi nhà vào ban đêm; đặt trọn niềm tin vào Đức Chúa Trời và quyết tâm chết vì Ngài, vị thánh nữ đã phớt lờ bóng tối ban đêm, không nao núng trước những bóng ma ban đêm, cũng như những con thú cản đường cô; nhưng giống như con nai khát khao tìm đến suối nước, cô lao đi trên con đường đá với đôi chân trần, vốn chưa quen với con đường khắc nghiệt như vậy.

Thánh Evlalia đến thành phố vào buổi trưa. Khi đi qua cổng thành, bà nghe thấy tiếng hô của những người rao tin, kêu gọi dân chúng đến nơi hành hình. Bà vội vã tiến về nơi hành hình nằm ngay giữa thành phố: tại đó, thánh nữ nhìn thấy quan tổng trấn Dacian đang ngồi trên bục xét xử cao. Vượt qua đám đông với nhiều khó khăn, Thánh nữ tiến đến trước mặt quan tòa và cất tiếng nói lớn:

– Hỡi vị quan tòa bất công, đang ngự trên ngai cao mà không kính sợ Đức Chúa Trời, Đấng ngự cao hơn tất cả. Phải chăng ngài ngự ở đây để hủy diệt những người vô tội, những người mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng theo hình ảnh và sự giống như của Ngài, để họ phục vụ Ngài? Ngài lôi kéo họ vào việc phụng sự Satan và kết án tử hình những ai không vâng lời ngài.

Igemon, ngạc nhiên trước sự táo bạo đến vậy của cô gái trẻ, nói:

– Ngươi là ai mà dám tự ý xuất hiện trước tòa án của chúng ta mà không được triệu tập, nói những lời trách móc thẳng thừng vào mặt chúng ta và chống lại mệnh lệnh của nhà vua?

Còn vị Thánh nữ thì với sự can đảm phi thường, đã đáp lại:

– Tôi là Evlalia, tôi tớ của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng là Vua của các vua và Chúa của các chúa; nhờ đặt niềm tin nơi Ngài, tôi không ngần ngại tự ý đến đây để vạch trần tội lỗi của ngươi. Tại sao ngươi lại hành động một cách thiếu lý trí đến thế, khinh thường Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng muôn vật: trời, đất, biển và mọi thứ trên đó cũng như trong đó; tại sao ngươi lại thờ phượng ma quỷ, và hơn thế nữa, còn ép buộc những người phụng sự Đức Chúa Trời chân thật phải thờ lạy các thần tượng – vốn không phải là thần, mà là quỷ dữ – bằng đủ mọi hình thức tra tấn; cùng với chúng, tất cả các ngươi, những kẻ thờ phượng chúng, sẽ bị ném vào lửa đời đời.

Igemon, tràn đầy cơn giận, lập tức ra lệnh đánh vào lưng cô gái trần truồng bằng những cây gậy sồi mà không chút thương xót. Và khi Evlalia đang bị đánh, Igemon nói:

– Nàng thiếu nữ khốn khổ kia! Thần của ngươi đâu rồi? Tại sao Ngài không cứu ngươi khỏi những trận đòn này; và tại sao ngươi lại điên rồ đến mức dám nói về chuyện không liên quan đến ngươi? Hãy thừa nhận rằng ngươi đã làm điều đó vì thiếu kinh nghiệm, không biết quyền lực của quan tòa lớn đến mức nào; khi đó ngươi sẽ được tha thứ; vì ngay cả ta cũng thấy thương xót khi phải để một thiếu nữ trẻ trung, xinh đẹp và cao quý như ngươi phải chịu những trận đòn tàn bạo như vậy.

Còn vị Thánh nữ thì đáp lại như sau:

– Ta sẽ chế nhạo ngươi, vì ngươi khuyên ta nói dối rằng, như thể ta vì thiếu hiểu biết mà dám tự nguyện chịu khổ hình vì Đức Chúa Trời của ta, và rằng, như thể ta không biết quyền lực của ngươi lớn lao đến mức nào. Ai mà không biết rằng quyền lực của mọi bạo chúa đều chỉ là tạm thời; cũng như con người hôm nay còn sống, ngày mai đã chết, thì quyền lực của họ cũng thay đổi không ngừng. Còn quyền năng của Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của tôi, là vô tận, vì chính Ngài cũng là Đấng vĩnh cửu. Tôi không muốn nói dối, vì tôi kính sợ Chúa của tôi, Đấng sẽ ném tất cả những kẻ nói dối và vô luật pháp vào hỏa ngục để thiêu đốt; còn tuổi trẻ trinh nữ của tôi sẽ càng thêm rạng ngời và sự cao quý của tôi sẽ càng được tôn vinh hơn nữa, nếu tôi chịu đựng những đau khổ vì Chúa của tôi. Hãy biết rằng, hỡi kẻ tra tấn, tôi không cảm thấy đau đớn trước những đau khổ mà ngươi gây ra cho tôi, nhờ sự che chở của Đấng Christ, Chúa của tôi, Đấng sẽ phán xét ngươi theo những việc làm của ngươi vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, để ngươi phải chịu những cực hình vĩnh viễn.

Nghe những lời này của vị tử đạo, viên quan cai trị càng tức giận hơn và ra lệnh treo thánh nữ lên cây hình thập tự dùng để tra tấn, rồi dùng những chiếc lược sắt cạo da trên thân thể trinh nữ tinh khiết của ngài, cho đến khi da thịt ngài bị lột sạch. Còn vị thánh nữ, giữa những đau khổ ấy, đã kêu cầu Thiên Chúa như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin hãy nghe con, tôi tớ bất xứng của Ngài, và tha thứ những tội lỗi của con! Xin củng cố con giữa những cực hình mà con đang chịu vì danh thánh của Ngài, để ma quỷ cùng với các tay sai của nó phải bị sỉ nhục.

Còn Igemon thì nói với nàng:

– Đấng mà ngươi đang kêu cầu ở đâu? Tốt hơn là ngươi hãy nghe lời ta, cô gái điên rồ và khốn khổ kia, và dâng lễ vật cho các vị thần: khi đó ngươi sẽ được tha mạng; vì cái chết của ngươi đã cận kề và không có ai có thể cứu ngươi được.

Thánh Evlalia đáp lại:

– Nguyện ngươi không được hưởng điều lành nào cả, hỡi kẻ phạm thánh, kẻ bị quỷ ám, kẻ đầy rẫy sự hủy diệt! Còn ta thì càng không bao giờ từ bỏ Thiên Chúa của ta, vì Đấng mà ta kêu cầu đang hiện diện ở đây; nhưng ngươi không thấy Ngài, vì sự ô uế của ngươi, bởi ngươi không xứng đáng được thấy Ngài; Ngài ban cho tôi sức mạnh, nên tôi không coi những cực hình mà ngươi dám gây ra cho tôi là gì cả.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh thiêu đốt vị thánh nữ bằng những ngọn nến đang cháy, và ra lệnh thiêu đốt cô cho đến khi cô chết.

Trong lúc bị thiêu đốt, vị tử đạo tràn ngập niềm vui và lớn tiếng đọc những lời trong Thánh vịnh: *"Này, Đức Chúa Trời là Đấng giúp đỡ tôi; Chúa củng cố linh hồn tôi. Ngài sẽ báo ứng lại sự ác cho kẻ thù của tôi; xin hãy tiêu diệt chúng bằng lẽ thật của Ngài. Con sẽ dâng của lễ cho Ngài với lòng thành, ca ngợi danh Ngài, lạy Chúa, vì danh Ngài là tốt lành, vì Ngài đã giải cứu con khỏi mọi tai ương"* (Thánh vịnh 53:6–9).

Trong khi vị thánh đang cầu nguyện bằng những lời ấy, ngọn lửa từ những ngọn nến bỗng quay sang các đầy tớ và thiêu đốt khuôn mặt họ dữ dội, khiến họ ngã quỵ xuống đất. Khi vị thánh thấy điều đó, bà ngước mắt lên trời và cất tiếng lớn hơn nữa:

– Lạy Chúa Giê-su Ki-tô! Xin hãy nghe lời cầu nguyện của con và tỏ lòng thương xót của Ngài trên con; xin hãy kể con vào số những người được Ngài chọn để được an nghỉ trong cuộc sống vĩnh cửu: *"Xin hãy tỏ ra cho con một dấu hiệu tốt lành, để những kẻ ghét con nhìn thấy và phải xấu hổ"* (Thánh vịnh 85:17); còn những ai tin vào Ngài, xin hãy ca ngợi quyền năng của Ngài.

Sau khi cầu nguyện bằng những lời ấy, vị thánh đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa[5598] ; và mọi người đều thấy một con bồ câu trắng như tuyết bay ra từ miệng bà và bay lên trời; tất cả những ai chứng kiến cảnh ấy đều vô cùng kinh ngạc; còn các Kitô hữu (người mà trong dân chúng có rất nhiều), thì vui mừng vì được ân sủng có một người đại diện từ chính thành phố của họ lên gặp Chúa trên trời.

Khi quan tổng trấn thấy vị nữ tử đạo đã qua đời, ông cảm thấy vô cùng xấu hổ vì đã bị một thiếu nữ đánh bại, và trong cơn giận dữ, ông đứng dậy khỏi ghế xét xử rồi trở về nhà mình. Thống đốc ra lệnh để thi thể vị nữ tử đạo tiếp tục treo trên cây hành hình đó và bố trí lính canh để không ai có thể tháo thi thể vị nữ tử đạo xuống; thống đốc nói: "Hãy để cô ta treo trên cây cho đến khi chim chóc ăn thịt và xé nát xương cốt của cô ta."

Khi vị thống đốc đã rời đi, thi thể của vị thánh vẫn còn treo trên cây, bỗng nhiên tuyết rơi xuống từ đám mây và phủ lên thi thể cao quý của vị thánh tử đạo như một chiếc áo choàng trắng; các lính canh bỗng chốc hoảng sợ; họ lùi lại khỏi nơi đó và quan sát từ xa, kinh hoàng trước tất cả những gì đã xảy ra.

Trong khi đó, cha mẹ của vị thánh đã biết được mọi chuyện: vì khi thức dậy vào buổi sáng mà không thấy con gái yêu quý của mình ở nhà, họ vô cùng hoang mang và bắt đầu đi tìm con khắp nơi. Đến khoảng giữa trưa, họ mới biết rằng con gái mình đã chết vì làm chứng cho danh Chúa Kitô và vẫn còn bị treo trên cây hình chữ thập; lúc đó, họ vội vã chạy vào thành phố trong những giọt nước mắt đắng cay. Khi nhìn thấy vị thánh đã qua đời, bị treo trên cây hình chữ thập, phủ đầy tuyết, cha mẹ cô đã khóc lóc thảm thiết, đau đớn và nức nở trong những giọt nước mắt đắng cay; nhưng đồng thời, họ cũng vui mừng vì cô con gái yêu quý của mình đã nhận được vương miện tử đạo và bước vào cung điện của Chú Rể trên trời. Họ định mang thi hài của vị tử đạo Chúa Kitô về nhà, nhưng không được lính canh cho phép lại gần; nhìn vị thánh từ xa, họ khóc lóc, nhưng trong lòng lại tràn đầy niềm vui.

Vào ngày thứ ba, một số người đàn ông đạo đức đã lén lấy thi hài cao quý của vị thánh tử đạo vào ban đêm (lính canh không phát hiện ra điều này) và quấn thi hài ấy bằng một tấm vải liệm tinh khiết có hương thơm trước sự chứng kiến của cha mẹ cô, những người đã dùng nước mắt để rửa sạch thi hài của cô con gái yêu quý. Còn Thánh Felix (người sau này đã chịu tử đạo vì tuyên xưng danh Chúa Kitô)[5599] , khi nhìn vào khuôn mặt của vị nữ tử đạo đã qua đời, đã nói trong nước mắt vui mừng:

– Thưa Nữ thánh Evlalia! Chị đã được ân sủng nhận vương miện tử đạo trước chúng tôi!

[5598] Thánh nữ tử đạo Evlalia qua đời vào khoảng năm 303.

[5599] Ngày kỷ niệm Thánh Felix được Giáo hội Công giáo cử hành vào ngày 22 tháng 8.

Khi Felix nói những lời này, khuôn mặt của thiếu nữ, vốn đã qua đời được ba ngày, bỗng mỉm cười như người còn sống, nhìn về phía ngài; sau đó, tất cả những người có mặt tại đó bắt đầu hát lời Thánh vịnh: *"Họ kêu cầu [những người công chính], và Chúa nghe thấy, và giải thoát họ khỏi mọi nỗi đau khổ"* (Thánh vịnh 33:18).

Và họ đã an táng thi hài của thánh nữ tử đạo Evlalia một cách trang trọng, ngợi khen Đức Chúa Cha, Con Một của Ngài, Chúa Giêsu Kitô, và Đức Thánh Thần, Đức Chúa Trời Duy Nhất trong Ba Ngôi, Nước Trời của Ngài vô tận và tồn tại muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh tượng Đức Mẹ Georgia

Ngày kỷ niệm 22 tháng 8

Ở phía bắc nước Nga có con sông Pinega chảy qua, đổ vào sông Dvina; dọc theo hai bên bờ sông Pinega có nhiều làng mạc; giáp với con sông này là một ngọn núi lớn và cao, được gọi là Chernaya; ngọn núi này trải dài đến tận Đại dương (Băng Bắc) và có chiều dài khoảng năm trăm poprishch; trước đây, nơi đây hoang vắng và không có người sinh sống.

Theo một sự mặc khải của Đức Chúa Trời, vào năm 7111 kể từ khi thế giới được tạo dựng (năm 1603 sau Công nguyên), một tu viện mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh đã được xây dựng trên ngọn núi đó; tu viện này được xây dựng bởi một linh mục của vùng đất ấy tên là Miron, – người sau này trở thành vị tu viện trưởng của tu viện đó.

Cần lưu ý rằng, dưới triều đại của vị vua đạo đức và Đại công tước Mikhail Feodorovich[5600] , Shah Abbas của Ba Tư[5601] đã chinh phục Iveria[5602] và đặt nó dưới quyền cai trị của mình; khi tìm thấy tại đây chiếc áo thánh có nhiều phép lạ của Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giêsu Kitô, ông đã lấy nó đi; vào thời điểm đó, người Ba Tư đã lấy đi nhiều thánh vật và các bức tượng thánh khác ở Iveria và mang tất cả về Ba Tư, không phải để tôn kính (vì họ là những người ngoại đạo), mà để bán cho các thương gia Nga; vì lúc bấy giờ có rất nhiều thương nhân Nga ở Ba Tư, và người Ba Tư biết rằng họ tôn kính và thờ phượng các bức tượng thánh. Trong số những thương nhân này có một người tên là Stefan, đến từ thành phố Yaroslavl của Nga; Stefan này là người quản lý tài sản của một công dân thành phố Yaroslavl tên là Georgy. Chính người Ba Tư này đã mang đến cho Stefan bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, được trang trí bằng bạc và vàng, và đề nghị ông mua nó. Người đàn ông sùng đạo ấy đã mua bức tượng thiêng liêng đó từ người Ba Tư với niềm vui vô cùng.

Cùng lúc đó, khi ông đang mua bức tượng thánh này ở Ba Tư, vị chủ nhân của ông là Georgiy, người đã được nhắc đến ở trên và đang sống tại thành phố Yaroslavl, đã có một giấc mơ, trong đó ông nghe thấy những lời như sau:

– Người quản lý điền trang của ngươi, đang cư ngụ tại Ba Tư, đã mua được cho ngươi những hạt ngọc quý; và khi ông ấy mang chúng đến cho ngươi, thì ngươi hãy gửi chúng đến vùng Dvinskaya, trên Núi Đen.

Quả thực, một thời gian sau, Stefan – người quản lý điền trang của Georgiy – đã từ Ba Tư trở về và mang đến cho Georgiy bức tượng thánh Đức Mẹ Đồng Trinh, mà ông đã mua được tại Ba Tư. Georgiy vui mừng nhận lấy vật thánh này và, nhớ lại giấc mơ, ông nói:

– Đây chính là viên ngọc quý vô giá mà tôi đã được báo trước trong giấc mơ.

Không lâu sau đó, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, Thánh George đã lên đường đến vùng Dvina và đến tu viện Chernogorsk đã được đề cập ở trên[5603] cùng với bức tượng thánh đáng kính này (bức tượng này được gọi là "tượng thánh Gruzia" vì được mang về từ đất nước Iveria hay Gruzia). Thánh George đã dâng tặng tu viện rất nhiều vàng, bạc, đồ thờ cúng và sách lễ[5604] .

Vào thời điểm bức tượng thánh Đức Mẹ được rước về tu viện này, vị tu viện trưởng và các tu sĩ đang cử hành lễ canh thức suốt đêm trong nhà thờ; một tu sĩ của tu viện đó, tên là Pitirim, đã mù và điếc nhiều năm, lúc đó đang ở bệnh xá của tu viện, đã bước ra hiên trước phòng tu của mình để cầu nguyện với Chúa. Trong lúc anh ta đang cầu nguyện, bỗng nhiên một ánh sáng rực rỡ chiếu rọi anh ta, khiến anh ta vô cùng hoảng sợ, vì đã nhiều năm

---

[5600] Mikhail Feodorovich trị vì từ năm 1613 đến năm 1645.
[5601] Năm 1622
[5602] Georgia ngày nay.
[5603] Hoặc Krasnogorsk.
[5604] Bức tượng Đức Mẹ Georgia đã được mang đến tu viện Chernogorsk (hay Krasnogorsk) vào năm 1629.

anh ta không nhìn thấy ánh sáng (do bị mù); Pitirim cho rằng đó là sự cám dỗ của ma quỷ; sau đó, ông làm dấu Thánh Giá và ngước mắt lên ngọn núi cao kia, rồi thấy trên đó có ánh sáng giống như những tia nắng mặt trời; sau đó, sau khi dâng lời cầu nguyện, ông lập tức bắt đầu nhìn thấy bằng mắt và nghe được bằng tai. Sau buổi ca ngợi buổi sáng, Pitirim đến gặp vị tu viện trưởng và kể cho ngài, cũng như cho các tu sĩ, về sự chữa lành khỏi bệnh mù và điếc mà ngài đã nhận được; và tất cả những ai có mặt ở đó đều ngợi khen Thiên Chúa.

Khi vị thánh nhân tên là Georgiy (lúc đó đang có mặt tại đó) nghe tin về phép lạ vinh quang này, ông đã xây dựng một nhà thờ đẹp đẽ trong tu viện đó để tôn vinh Đức Mẹ Thiên Chúa. Và từ đó, nhiều phép lạ khác nhau bắt đầu xảy ra từ bức thánh tượng thánh đó; nhiều người bệnh đã được chữa lành; chẳng hạn, ân sủng của Đức Mẹ Rất Thánh đã chữa lành cho một người phụ nữ tên là Neonila, người bị liệt; một người phụ nữ khác tên là Theodosia, người bị bệnh về mắt, cũng đã được chữa lành. Đức Mẹ đã ban ơn cứu giúp cho một người đàn ông tên là Kodrat, người bị quỷ ám và bị lũ quỷ đuổi đi khắp sa mạc trong mười tuần liền – không ăn uống gì cả; Đức Mẹ, khi hiện ra với anh ta, đã ban sức mạnh cho anh, chỉ đường về nhà cha mẹ anh và truyền lệnh cho anh đến tu viện của Mẹ để thờ phượng bức tượng thánh có phép lạ, hứa sẽ ban cho anh sự chữa lành trọn vẹn khỏi bệnh tật, và điều đó quả thực đã xảy ra. Nhờ sự can thiệp của Đức Mẹ, một người tên là Gioan, vốn là ngư dân và đang bị chìm trên hồ, đã được cứu khỏi chết đuối; ngoài ra, Đức Mẹ còn hiện ra với một người khác tên là Phaolô, sống ở vùng ven biển và bị bệnh dạ dày hành hạ suốt một năm; khi hiện ra với người tên Phaolô này, Đức Mẹ đã dạy anh ta Lời Chúa và chữa lành bệnh tật cho anh ta. Tương tự như vậy, Đức Mẹ cũng đã chữa lành nhiều bệnh tật và chứng bệnh nan y khác, chẳng hạn như: các bệnh về dạ dày, các khối u trên cơ thể, các bệnh về mắt và răng khác nhau; Ngài cũng đã chữa lành cho những người bị quỷ ám và cho đến ngày nay vẫn tiếp tục thể hiện quyền năng kỳ diệu của Ngài qua việc chữa lành các bệnh tật khác nhau[5605] . Không chỉ ở đó, mà ngay tại Moscow cũng có nhiều phép lạ xảy ra nhờ bản sao từ bức thánh tượng thiêng liêng này, hiện được lưu giữ tại Nhà thờ Thánh Ba Ngôi.

Bản sao bức tranh thánh này được thực hiện vì lý do sau đây.

Năm 1654, bức tượng Đức Mẹ Georgia làm phép lạ đã được mang từ Tu viện Chernogorsk hoặc Krasnogorsk đến Moscow để phục chế bức tranh và được đặt, theo như người ta tin, hoặc tại Nhà thờ Thánh Ba Ngôi ở Nikitniki, hoặc tại nhà của một trong những giáo dân của nhà thờ này. Vào tuần đầu tiên của Mùa Chay năm đó, tu sĩ Makari, theo lời thỉnh cầu của một thợ thủ công tên là Gavriil Evdokimov – người có con trai đang mắc bệnh nặng – đã mang bức tượng này đến nhà ông để cầu nguyện, và người bệnh đã được chữa lành. Để tạ ơn vì sự chữa lành, Gavriil Evdokimov đã cho sao chép một bản sao từ bức tượng thánh kỳ diệu của Gruzia, và đặt bản sao đó tại Nhà thờ Troitskaya, gần Cổng Varvarskaya.

Những phép lạ từ bức tượng thánh này vẫn tiếp tục diễn ra cho đến ngày nay, và nó được người dân thành phố Moscow sùng kính và cầu nguyện nhiệt thành[5606] .

Những phép lạ này được ban cho tất cả những ai đến với lòng tin và được thực hiện để tôn vinh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen.

Kỷ niệm các thánh tử đạo: Agathonica, Zoticus, Theoprepia, Akininda, Severianus và những người khác cùng với họ

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 8

Thánh Tử đạo Agathonikos của Chúa Kitô đã sống tại Nicomedia[5607] dưới triều đại của Hoàng đế Maximian[5608] ; ngài đã ngăn cản người Hy Lạp thờ lạy các thần tượng và dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô; ngài bị bắt

[5605] Trong thời kỳ trị vì của Alexei Mikhailovich (1645–1676), bức tượng Đức Mẹ Georgia có phép lạ đã được rước đến Siberia, dọc theo sông Lena, và đến các thành phố nội địa của Nga: Ustyug, Vologda, Pereyaslavl-Zalessky và Moscow. – Những dấu hiệu kỳ diệu về lòng thương xót của Nữ Vương Thiên Đàng vẫn tiếp tục diễn ra từ bức tượng thánh Gruzia cho đến tận ngày nay. Chẳng hạn, vào năm 1897 (ngày 17 tháng 6), vợ của một linh mục ở làng Shuyskoye, huyện Totemsky, tỉnh Vologda đã được chữa lành khỏi một căn bệnh cực kỳ nặng và nguy hiểm nhờ bức tượng thánh này.

[5606] Để biết thêm chi tiết về những dấu hiệu kỳ diệu đã hiện ra trước bức tượng này, quý vị có thể tham khảo cuốn sách đã đề cập: “Vinh quang Đức Mẹ” (trang 590–591).

để tra tấn bởi quan tổng trấn[5609] Eutolmius. Khi viên quan này, được hoàng đế cử đến xứ Pontus để tra tấn các Kitô hữu, đi thuyền đến một nơi gọi là Carpín, thì ông đã gặp Thánh Zótic cùng các môn đệ đang tuyên xưng Đức Kitô; viên quan Eutolmius đã kết án các môn đệ của ngài phải chịu hình thập tự giá, còn Thánh Zótic thì ông đưa về cùng mình. Khi trở về Nicomedia, ông bắt một người tên là Principus, người đã được Thánh Agathonicus dạy dỗ về đức tin Kitô giáo; sau khi trói ông ta lại, cùng với Thánh Agathonicus, Thánh Zoticus và các Kitô hữu khác, trong đó có Thánh Theoprepius, Thánh Akinindus và Thánh Severianus, ông đã dẫn tất cả đến Thrace, nơi mà chính hoàng đế cũng đã đến, để tại đây tra tấn tất cả họ. Khi các thánh đang ở vùng đất có tên là Potama, quan tổng trấn đã ra lệnh xử tử Thánh Zoticus, Thánh Theoprepios và Thánh Akinindos, vì họ không thể đi tiếp do những vết thương và vết loét đã chịu trước đó; khi đến vùng lân cận Chalcedon[5610] , quan tổng trấn đã ra lệnh xử tử Thánh Severianus, người đã can đảm tuyên xưng Đức Kitô; còn các vị tử đạo khác, cùng với Thánh Agathon, thì bị dẫn đến Byzantium và ở đó bị tra tấn trong một thời gian; sau đó, ông ta cùng họ đến Slimbria, tại một nơi gọi là Ammus – vì ở đây có Maximian đang cư ngụ; tại đây, thánh tử đạo Agathonicus, cũng như tất cả các Kitô hữu được dẫn theo từ Nicomedia, đã bị tra tấn và hành hạ lần cuối cùng, sau đó bị kết án tử hình và bị chém đầu, vì đã chịu khổ vì danh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta[5611] .

Bài ca Kondak, giọng 1:

Được Thiên Chúa ban cho danh hiệu cao quý, ngài đã từ chối đức tin trước những kẻ gian ác, không sợ hãi trước những cực hình, hỡi Thánh Agathonicus vinh quang. Vì thế, ngài đã trở thành người thừa kế những điều tốt lành, và đã nhận được những vương miện xứng đáng cùng với những người chịu khổ với ngài.

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Anphusa, Thánh Tử đạo Athanasius, Giám mục, và hai người hầu của Thánh Anphusa: Charisima và Neophytus

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 8

Thánh Anphusa, con gái của một gia đình giàu có ở thành phố Seleucia, sau khi chịu phép rửa tội, đã tu hành 23 năm trong sa mạc. Athanasius, Giám mục Tarsus thuộc xứ Cilicia, người đã làm phép rửa tội cho Thánh Anphusa, đã bị chém đầu bằng gươm dưới triều đại của Hoàng đế Aurelian (270–275); Harisim và Neofit, những người đã chịu phép rửa tội cùng với nữ chủ nhân của họ, cũng đã qua đời theo cách tương tự. Thánh Anfusa đã an nghỉ trong bình an, rất lâu sau khi họ chịu tử đạo (hơn 20 năm).

Ngày 5 tháng 9

23 tháng 8 (theo lịch cũ)

[5607] Nicomedia – một thành phố nằm ở góc đông bắc của vịnh được hình thành bởi Biển Đá Cẩm Thạch. Thành phố này được xây dựng vào năm 264 trước Công nguyên và được đặt tên theo vua Nicomedes I của Bithynia. Nơi từng là thành phố cổ Nicomedia ngày nay là thành phố Ismid.

[5608] Maximian Hercules, người mang tước hiệu Augustus, là đồng trị vì của Diocletian và cai trị nửa phía tây của Đế chế La Mã từ năm 285 đến năm 305.

[5609] Comites – vệ sĩ hoàng gia, người thu thuế nộp vào kho bạc hoàng gia, quan trưởng thành phố; trong trường hợp này, từ "comites" được hiểu là các quan trưởng thành phố.

[5610] Chalkidon, hay chính xác hơn là Chalcedon – ban đầu là một thuộc địa của Megara trên bờ Biển Đá Cẩm Thạch. Dưới thời các hoàng đế Kitô giáo, Chalkidon là thủ đô của tỉnh Bithynia thuộc Tiểu Á. Trong lịch sử Giáo hội Kitô giáo, Chalkidon nổi tiếng là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ IV, được triệu tập vào năm 451 bởi Hoàng đế Marcian.

[5611] Các thánh tử đạo qua đời vào cuối thế kỷ III hoặc đầu thế kỷ IV.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Irineus, Giám mục Lyon

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 8

Thánh Irineo, Giám mục Lyon, là một trong những vị Cha và Thầy vĩ đại nhất của Giáo hội. Ngài sống và hoạt động vào thế kỷ II, dành trọn cuộc đời để chống lại chủ nghĩa Gnosticism[5612] . Ý nghĩa của ngài đối với Giáo hội Kitô giáo thế kỷ II có thể so sánh với ý nghĩa của Thánh Athanasius Đại đế đối với Giáo hội Kitô giáo thế kỷ IV. Cả hai vị đều giống nhau, và trên hết, trong cuộc đời và hoạt động của mình, đều là những người bảo vệ giáo lý Giáo hội thuần khiết, nguyên vẹn, chống lại các học thuyết dị giáo sai lầm của thời đại mình – Thánh Irênê chống lại chủ nghĩa Gnosticism; Thánh Athanasius chống lại chủ nghĩa Arian[5613] .

Thánh Irineo xuất thân từ Tiểu Á; quê hương của ngài là thành phố Smyrna; từ thuở thiếu thời, ngài đã nghiên cứu sâu rộng toàn bộ trí tuệ Hy Lạp; ngài rất am hiểu về thi ca, triết học và các ngành khoa học Hy Lạp khác.

Tuy nhiên, Thánh Irineus không bị cuốn hút bởi những kiến thức trần tục giả tạo. Khi nghe nói về sự khôn ngoan thiêng liêng – sự khôn ngoan cao siêu của Kitô giáo – Irineo đã mong muốn tiếp nhận nó bằng cả trái tim mình; từ đó, ngài chỉ còn mong muốn học hỏi duy nhất sự khôn ngoan chân chính cứu rỗi linh hồn này, còn sự khôn ngoan trần tục – của Hy Lạp – thì ngài coi chẳng đáng gì cả.

Về các chân lý của đức tin Kitô giáo, Thánh Irineus ban đầu được Thánh Polycarp, Giám mục Smyrna, hướng dẫn. Thánh Polycarp này là môn đệ của Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Tin Mừng Gioan Thần Học, và chính ngài đã được Thánh Gioan phong làm Giám mục thành Smyrna. Thánh Polykarp đã cống hiến rất nhiều cho Giáo hội của Chúa Kitô, vì ngài không chỉ chăm lo cho đoàn chiên của mình tại Smyrna, mà còn viết thư gửi đến các Giáo hội lân cận. Theo lời chứng của Thánh Giê-rô-ni-mô[5614] , Polykarp là "người lãnh đạo toàn châu Á trong Kitô giáo".

Thánh Irênê chính là môn đệ của vị Thánh Polykarp vĩ đại này; sau khi nghe từ chính miệng Thánh Polykarp những giáo lý Kitô giáo cứu rỗi linh hồn, Irênê đã yêu mến chúng hơn bất kỳ môn học thế tục nào; khi trở thành môn đệ của Polykarp, Thánh Irineus dường như đã trở thành môn đệ của chính Chúa Kitô, vì ngài đã tiếp thu bằng trí tuệ của mình những chân lý của đức tin Kitô giáo với tất cả sự nhiệt thành và dâng hiến trọn vẹn bản thân để phụng sự Thiên Chúa. Vì Thánh Polykarp là môn đệ của Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Tin Mừng Gioan Thần Học, nên ngài đã truyền lại cho Thánh Irineo tất cả những gì chính ngài đã nghe từ các Thánh Tông đồ, những người đã tận mắt chứng kiến và là tôi tớ của Chúa Kitô.

[5612] Gnosticism – tên gọi chung của nhiều học thuyết dị giáo sai lầm xuất hiện trong hai thế kỷ đầu của Kỷ nguyên Kitô giáo. Gnosticism đã lan rộng mạnh mẽ và có nhiều tín đồ ở các quốc gia khác nhau. Người ta phân biệt Gnosticism Ai Cập, Gnosticism Syria-Chaldea và Gnosticism Tiểu Á. Các đại diện của Gnosticism Ai Cập là: Cerinthus (người cùng thời với Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Phúc âm Gioan Thần học), Valentin và Basilides; Gnosticism Syro-Chaldean được ủng hộ bởi các môn đệ của Simon Magus và Menander; Gnosticism Tiểu Á được ủng hộ bởi các dị giáo gia Kedron và Marcion. Những người theo Gnosticism phân biệt rõ ràng giữa sự hiện hữu Thần thánh – thuộc về tinh thần – và sự hiện hữu trần thế – thuộc về xác thịt; đồng thời, tất cả các hệ thống Gnosticism đều bác bỏ khả năng giao tiếp giữa sự hiện hữu tuyệt đối (hoàn hảo tuyệt đối) và sự hiện hữu tương đối (tức là sự hiện hữu của thế giới). Hậu quả tất yếu của sự phân chia tuyệt đối giữa Thần thánh và trần tục, thuộc linh và thuộc xác, trong lĩnh vực thực tiễn là sự phân chia giữa linh hồn và xác thịt. Những người theo thuyết Gnosticism phủ nhận sự mặc khải của Đức Chúa Trời và giải thích tất cả các chân lý của giáo lý Kitô giáo chỉ bằng nỗ lực của lý trí.

[5613] Người khai sinh ra tà thuyết Arian là linh mục Arius ở Alexandria. Ông phủ nhận sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Thiên Chúa Cha, coi Chúa Giêsu Kitô là một tạo vật, v.v. Tà thuyết Arian đã bị lên án quyết liệt tại Công đồng Toàn cầu lần thứ nhất (năm 325) và lần thứ hai (năm 381) , đồng thời các vị cha tham dự đã soạn thảo Tín điều. Vào thế kỷ V, tà thuyết Arian hầu như không còn tín đồ nào trong Đế quốc La Mã, nhưng đã hồi sinh tại Đức giữa các bộ tộc Goth, Burgund, Vandal và Lombard, nơi nó tồn tại cho đến thế kỷ VII.

[5614] Thánh Giê-rô-ni-mô – một trong những vị thầy vĩ đại nhất của Giáo hội Tây phương (330–419); gốc gác là người Slav (từ thành phố Stridon ở Dalmatia), Giê-rô-ni-mô đã nhận được nền giáo dục xuất sắc so với thời đại của mình tại Rô-ma; năm 373, ngài lên đường về phương Đông sau khi đã chịu phép rửa tội; nhờ đời sống đạo đức của mình, Thánh Giê-rô-ni-mô đã được tấn phong làm linh mục. – Thánh Giê-rô-ni-mô đã viết rất nhiều tác phẩm về các vấn đề khác nhau trong lĩnh vực thần học. Các tác phẩm của Thánh Giê-rô-ni-mô được chia thành bốn nhóm chính: 1) giải thích, 2) giáo lý, 3) răn dạy và 4) lịch sử. Tác phẩm quan trọng nhất của Thánh Giê-rô-ni-mô là bản dịch Kinh Thánh, được biết đến với tên gọi Vulgata. Ngoài ra, trong các tác phẩm của Thánh Giê-rô-ni-mô, những tác phẩm đáng chú ý đặc biệt bao gồm: "Biên niên sử", "Tiểu sử các vị Thánh Tổ", "Về những bậc vĩ nhân", "Sách các vị Tử đạo" và các tác phẩm khác. Tổng số tác phẩm của Thánh Giê-rô-ni-mô, không tính các lá thư ngắn, lên tới 180.

Thánh Irineo đã ghi nhớ tất cả những điều này trong tâm trí mình, ghi chép mọi điều vào lòng như trên một tờ giấy.

Thánh Irineu đã được Thánh Polycarp phong chức linh mục và được ngài sai đi đến Gaul để rao giảng Lời Chúa tại đó.

Vào thời điểm đó, Thánh Pothinus là Giám mục tại Lyon, người sau này đã chứng tỏ lời rao giảng của mình bằng sự tử đạo vì danh Chúa Kitô. Khi đến thành phố Lyon thuộc vùng Gaul, Thánh Irênê đã bắt đầu làm việc không mệt mỏi, hỗ trợ Thánh Pothinus trong các công việc mục vụ của ngài.

Vào thời điểm đó, tại Lyon đã nổ ra cuộc đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu từ phía những người ngoại đạo, và Thánh Irênê đã thể hiện mình là người bảo vệ dũng cảm cho các Kitô hữu và là trụ cột vững chắc của Giáo hội. Từ đó, Thánh Irênê được Giám mục Pothinus cử đi đến Rôma, nhằm chuyển thư của các vị tử đạo đến Giám mục Eleutherius[5615] .

Khi trở về từ Rôma, sau khi Thánh Pophinus[5616] qua đời trong sự tử đạo, Thánh Irineo đã tiếp nhận ngai giám mục để cai quản.

Thánh Irineo là vị mục tử nhân từ đối với người dân Lyon trong những thời kỳ khó khăn nhất của họ, bởi vì lúc bấy giờ Giáo Hội của Chúa Kitô đang phải đối mặt với nhiều tai ương: những kẻ thờ ngẫu tượng vô đạo đã phát động cuộc bách hại tàn bạo chống lại các Kitô hữu, và hơn nữa, những kẻ dị giáo vô thần bắt đầu gieo rắc hỗn loạn và bất hòa trong Giáo Hội của Thiên Chúa.

Thánh Irênê đã kiên nhẫn chịu đựng mọi sự áp bức và khó khăn do những kẻ thờ ngẫu tượng gây ra cho ngài vì danh Chúa Kitô, còn đối với những kẻ dị giáo, ngài đã trang bị cho mình bằng lời nói và các tác phẩm của mình một cách mạnh mẽ. Hoạt động mục vụ của Thánh Irênê không chỉ giới hạn ở Lyon – nơi ngài đã dẫn dắt toàn thể cư dân trở thành Kitô hữu – mà còn lan rộng ra khắp xứ Gaul. Thánh Irineo duy trì mối quan hệ rất mật thiết với Giáo hội Rôma, cũng như với các Giáo hội ở Tiểu Á, điều này được chứng minh qua các thư của ngài gửi cho các linh mục Rôma là Florinus và Vlastus, cũng như các thư gửi cho các giám mục Rôma và Tiểu Á trong thời gian xảy ra tranh cãi về việc cử hành Lễ Phục Sinh, nảy sinh dưới thời Giáo hoàng Victor I[5617] . Thánh Irenaeus luôn cố gắng hòa giải những người thù địch và bất đồng. Chẳng hạn, khi Đức Giáo hoàng Victor I nói trên, với sự kiên quyết thiếu khôn ngoan của mình, đe dọa gây ra sự chia rẽ giữa các Kitô hữu phương Đông và phương Tây do bất đồng về thời điểm cử hành Lễ Phục Sinh, Thánh Irênê đã dùng ảnh hưởng của mình để ngăn chặn sự chia rẽ đó và hòa giải những người bất đồng.

Thánh Irênê cũng đã thể hiện lòng nhiệt thành lớn lao trong việc vạch trần các tà thuyết và giáo lý sai lầm thời bấy giờ. Ngài đã viết nhiều tác phẩm, trong đó mạnh dạn vạch trần những sai lầm của các tà giáo và làm sáng tỏ những chân lý của giáo lý Kitô giáo. Trong số tất cả các tác phẩm của ngài, tác phẩm đáng chú ý nhất là tác phẩm có tựa đề "Chống lại các tà giáo"[5618] . Thánh Irênê bắt đầu viết tác phẩm này theo lời đề nghị của một người bạn, với mục đích bác bỏ tà giáo Valentinian[5619] , vốn đang lan truyền mạnh mẽ giáo lý sai lầm của mình vào thời điểm đó không chỉ ở Rôma mà còn ở Gaul. Sau đó, với mong muốn vạch trần bản chất sai lầm và bản chất thực sự của tà thuyết Valentinian, vốn chỉ lặp lại những sai lầm trước đó của các tà giáo, Thánh Irênê đã mô tả những tà thuyết cổ xưa nhất từng xuất hiện trước đó và đã đối đầu với Kitô giáo; và bằng sự khôn ngoan đích thực của Kitô giáo, Irineo đã bác bỏ mọi sai lầm của các kẻ dị giáo và làm sáng tỏ giáo lý duy nhất mang lại ơn cứu rỗi – đó là giáo lý Kitô giáo.

Nền tảng chính mà toàn bộ giáo lý Kitô giáo được xây dựng trên đó, "cột trụ và nền tảng của Giáo Hội"[5620] , – theo lời Thánh Irênê – chính là bốn Phúc Âm Tân Ước, được viết bởi các môn đệ và những người đã tận mắt chứng kiến Chúa. Những Phúc Âm này, – Thánh Irênê lập luận, – là những Phúc Âm sau đây: Tin Mừng theo thánh Matthêu, được viết bằng tiếng Do Thái; Tin Mừng theo thánh Marcô, môn đệ của Thánh Tông đồ Phêrô; Tin

---

[5615] Trong bức thư này, Thánh Irineus được ca ngợi là người bảo vệ đức tin Kitô giáo một cách tận tụy nhất.

[5616] Thánh Pothinus đã chịu tử đạo vào khoảng năm 177.

[5617] Vicentius I đã tại vị trên ngai Tòa Thánh từ năm 187 đến năm 200.

[5618] Tựa đề chính xác của tác phẩm này là: "Vạch trần và bác bỏ kiến thức giả mạo". Tác phẩm này được viết bằng tiếng Hy Lạp, nhưng từ bản gốc chỉ còn lưu lại một số đoạn trích do các nhà văn giáo hội phương Đông ghi chép lại. Tác phẩm nói trên được chia thành 5 quyển và được coi là một trong những tác phẩm tranh luận xuất sắc nhất.

[5619] Những kẻ dị giáo này được đặt tên theo tên của người sáng lập chính của họ – Valens.

[5620] "Chống lại các tà giáo", quyển III, chương 11.

Mừng theo thánh Luca, người đồng hành của Thánh Tông đồ Phaolô; và Tin Mừng theo thánh Gioan, môn đệ yêu dấu của Chúa, được ngài viết trong thời gian ngài lưu trú tại Tiểu Á, ở Êphêsô. Như vậy, trong Giáo Hội chỉ có bốn Phúc Âm đích thực của các Tông Đồ, đáng tin cậy và không thể sai lầm; và "không thể nào," – Thánh Irênê lập luận, "số lượng Phúc Âm lại nhiều hơn hoặc ít hơn số lượng hiện có trong Giáo Hội"[5621] . – Còn các môn đồ của (kẻ dị giáo) Valentin, – ngài tiếp tục, – thì không chút e ngại nào đưa ra các tác phẩm của họ và khoe khoang rằng họ có nhiều Phúc Âm hơn số lượng hiện có. Họ đã đi đến mức táo bạo đến nỗi đặt tên cho tác phẩm gần đây của mình là "Phúc Âm của Sự Thật", mặc dù nó không phù hợp với các Phúc Âm của các Tông Đồ về bất kỳ điểm nào. Vì nếu Phúc Âm mà họ đưa ra là chân thật, nhưng lại hoàn toàn không giống với những Phúc Âm mà các Tông đồ đã truyền lại cho chúng ta, thì những ai muốn biết đều có thể nhận ra, như chính các văn bản đã chỉ ra, rằng đó không phải là Phúc Âm của Sự Thật do các Tông đồ truyền lại[5622] . – Còn về việc những Phúc Âm đó là chân thật và đáng tin cậy, Thánh Irênê chứng minh như sau. Phải có bốn Phúc Âm, chỉ riêng vì trên thế gian này chỉ có bốn vùng đất; sau đó, theo lập luận của Thánh Irineo, con số bốn của các sách Phúc Âm phải tương ứng với bốn giao ước mà Thiên Chúa đã ban cho nhân loại – giao ước được ban dưới thời A-đam trước Đại Hồng Thủy, giao ước được ban sau Đại Hồng Thủy dưới thời Nô-ê, – luật pháp dưới thời Mô-sê và, cuối cùng, giao ước thứ tư và cuối cùng – giao ước Kitô giáo, bao hàm tất cả các giao ước còn lại[5623] . Cuối cùng, bằng chứng quan trọng nhất cho thấy chính xác là có bốn cuốn Phúc Âm, chứ không phải nhiều hơn hay ít hơn, theo Thánh Irenaeus, nằm ở sự tương ứng giữa các Phúc Âm với bốn loài thú trong sách Khải Huyền – các Cherubim, trên đó từ thuở đời đời ngự trị "Lời sắp đặt và bao trùm vạn vật"[5624] . Sức mạnh của bằng chứng này nằm ở chỗ, các Phúc Âm phải là sự thể hiện của bốn loại hoặc hình thức hoạt động của Con Thiên Chúa, được đề cập trong Sách Khải Huyền[5625] dưới biểu tượng của bốn loài thú – các Cherubim. Con thú thứ nhất, như được kể trong Sách Khải Huyền, giống như con sư tử và chỉ ra sự thống trị từ thuở ban đầu cùng quyền năng vương giả của Đức Chúa Trời Lời; chính điều này cũng được thể hiện trong Phúc Âm theo Thánh Gioan, khi mô tả sự ra đời vĩnh cửu và vinh quang của Con từ Cha, như Đức Chúa Trời từ Đức Chúa Trời: *"Ban đầu có Lời, và Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Lời là Đức Chúa Trời. Lời ấy đã ở cùng Đức Chúa Trời từ ban đầu. Mọi sự đều nhờ Ngài mà có, và không có Ngài thì chẳng có gì đã được tạo dựng"* (Giăng 1:1–2). Con thú thứ hai giống như con bò tót và biểu thị chức vụ Thượng tế của Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta; theo suy luận của Thánh Irênê, Phúc Âm Luca cũng chỉ ra chính chức vụ này; Phúc Âm này bắt đầu bằng câu chuyện về thầy tế lễ Zacharia dâng của lễ cho Đức Chúa Trời; điều này có nghĩa là Chiên Con, Đấng đã được định sẵn từ thuở đời đời để bị giết làm của lễ chuộc tội cho thế gian, đã đến thế gian để dâng lên Đức Chúa Trời của lễ chuộc tội cho tội lỗi loài người. Con vật thứ ba, trên đó Lời ngự trị, có khuôn mặt con người và chỉ ra sự hiện thân của Con Thiên Chúa dưới hình dạng và dáng vẻ con người; và Phúc Âm theo thánh Matthêu cũng chủ yếu loan báo về bản tính con người của Chúa Giêsu Kitô, trình bày Ngài là Con của Giuse và Maria. – Cuối cùng, con thú thứ tư giống như một con đại bàng đang bay và chỉ ra sự hiện diện của Đức Thánh Linh trong Giáo Hội, Đấng được Thiên Chúa Cha sai xuống nhờ công nghiệp cứu chuộc của Con Thiên Chúa; và sự hiện diện của Thánh Thần, theo suy luận của Thánh Irênê, cũng được thể hiện qua Phúc Âm theo thánh Mác-cô, được viết dưới dạng một câu chuyện cô đọng và như thể được tóm tắt, bởi vì chính đó là bản chất của tinh thần tiên tri. "Như vậy," Thánh Irênê kết luận, "hoạt động của Con Thiên Chúa ra sao thì hình dáng các loài thú cũng như vậy, và hình dáng các loài thú ra sao thì bản chất của Phúc Âm cũng như vậy. Các loài thú có bốn hình dạng, Phúc Âm cũng có bốn hình dạng, và hoạt động của Chúa cũng có bốn hình dạng"[5626] . Sự tương ứng hoàn toàn của các Phúc Âm với bốn hình thức hoạt động hay sự phục vụ của Chúa Giêsu Kitô của chúng ta chính là bằng chứng không thể chối cãi về nguồn gốc tông đồ đích thực của chúng, về tính chân thực và độ tin cậy của chúng; tất cả các Phúc Âm khác, dù được cho là chân chính, đều không phải là chính thống và không đáng tin cậy, bởi vì Phúc Âm chính thống chỉ có thể có bốn cuốn, không hơn không kém.

Thánh Irênê đặc biệt lên án những kẻ dị giáo phủ nhận sự hiệp nhất trong bản thể của Thiên Chúa. Kẻ dị giáo Marcion đã sai lầm khi khẳng định có hai hành động đối lập trong Thiên Chúa, được thể hiện qua hai Giao

---

[5621] Cùng nguồn, quyển III, chương 11.
[5622] Cùng nguồn.
[5623] Cũng tại đó.
[5624] Cùng nguồn.
[5625] Khải Huyền 4:1–11
[5626] "Chống lại các tà thuyết", quyển III, chương 11.

Ước – Cựu Ước và Tân Ước; ông ta khẳng định rằng có hai vị thần – một vị trừng phạt và trừng trị, còn vị kia chỉ biết thương xót.

Khi vạch trần học thuyết sai lầm này, Thánh Irineo đã nói rằng quan niệm như vậy không phù hợp với chính khái niệm về Thiên Chúa. Thiên Chúa chân chính – Thánh Irênê lập luận – không thể chỉ là Đấng trừng phạt và trừng trị, thiếu tình yêu và lòng nhân từ, cũng không thể chỉ là Đấng nhân từ và thương xót, thiếu công lý và sự phán xét, bởi vì cả tình yêu lẫn công lý đều thuộc về Thiên Chúa một cách bản chất và cần thiết. Một trong những thuộc tính thiết yếu nhất của Thiên Chúa, – Thánh Irênê lập luận, – là sự khôn ngoan vô biên. Nếu Thiên Chúa là Đấng khôn ngoan vô biên, thì Ngài có khả năng xác định và quyết định, do đó cũng có khả năng phán xét; và nếu phán xét, thì Ngài sẽ ban thưởng hay trừng phạt mỗi người tùy theo việc làm của họ, tức là hoặc trừng phạt hoặc ban thưởng[5627] .

Một trong những bằng chứng chính mà Marcion dựa vào để xây dựng lý thuyết về sự đối lập giữa việc xây dựng gia đình trong Cựu Ước và Tân Ước – giữa Cựu Ước và Tân Ước – nằm ở chỗ các hành động của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước dường như trái ngược với các hành động của Ngài trong Tân Ước; "Đức Chúa Trời trong Cựu Ước dường như chỉ là Đức Chúa Trời của sự phán xét và công lý," Marcion lập luận, "còn Đức Chúa Trời trong Tân Ước dường như hoàn toàn là Đức Chúa Trời của tình yêu và lòng nhân từ."

Trong các tác phẩm của mình, Thánh Irênê đã bác bỏ quan điểm sai lầm và vô đạo đức này của Marcion, đồng thời làm sáng tỏ ý tưởng rằng cả Cựu Ước lẫn Tân Ước đều tạo thành một thể thống nhất không thể tách rời. Theo lý luận của Thánh Irênê, việc gán cho Đức Chúa Trời trong Cựu Ước chỉ có công lý, còn trong Tân Ước chỉ có tình yêu bao la, có nghĩa là không biết và không hiểu tinh thần cũng như ý nghĩa của cả hai Giao Ước. Đức Chúa Trời trừng phạt nghiêm khắc trong Cựu Ước, nhưng Ngài sẽ trừng phạt còn nghiêm khắc hơn nữa và đang trừng phạt trong Tân Ước. Đạo Kitô hoàn hảo hơn đạo Do Thái, Tân Ước rộng lớn và trọn vẹn hơn Cựu Ước; trên cơ sở đó, các đòi hỏi của đạo Kitô phải nghiêm ngặt hơn nhiều so với các đòi hỏi của đạo Do Thái. Trong Do Thái giáo, có ít phương tiện hơn để tuân giữ Luật Thánh, còn trong Kitô giáo thì có nhiều phương tiện hơn rất nhiều – trong Kitô giáo, mọi ân sủng và sức mạnh cần thiết để tuân giữ Luật Thánh đều đã được ban tặng; do đó, mọi vi phạm và sự không tuân giữ Luật Thánh trong Kitô giáo đều phải bị trừng phạt nghiêm khắc hơn rất nhiều so với trong Do Thái giáo. – "Trong Tân Ước, – Thánh Irênê lập luận, – đức tin của chúng ta vào Thiên Chúa đã gia tăng (tức là được mở rộng) đến mức nào, thì những yêu cầu về lối sống cũng gia tăng tương ứng đến mức đó – chúng ta được truyền dạy phải kiêng khem không chỉ những việc xấu, mà ngay cả những ý nghĩ xấu, những cuộc trò chuyện vô bổ, những lời nói bừa bãi và những lời nói suông; cũng chính trong chừng mực đó, hình phạt dành cho những ai không tin vào Lời Chúa và khinh miệt sự giáng lâm của Ngài cũng đã gia tăng"[5628] . Trong Do Thái giáo, chính vì nó không hoàn hảo hơn Kitô giáo, nên theo suy luận của Thánh Irênê, những hình phạt của Thiên Chúa là "vừa phải" và có thể coi là tạm thời; còn trong Kitô giáo, vì nó cao cả và hoàn hảo hơn Do Thái giáo, những hình phạt này nghiêm khắc hơn nhiều và không còn chỉ là tạm thời nữa, mà là vĩnh viễn[5629] .

Như vậy, cả trong Cựu Ước lẫn Tân Ước, Thiên Chúa đều tỏ mình là Đấng vừa trừng phạt vừa đầy lòng yêu thương; ở cả hai nơi, Ngài vừa ban thưởng vừa trừng phạt, vừa thương xót vừa trừng trị. Và đó chính là cùng một Thiên Chúa chân thật, toàn năng và toàn hảo.

Khi vạch trần Marcion và những kẻ dị giáo khác cùng loại, Thánh Irenaeus đã giải thích chi tiết ý nghĩa và tầm quan trọng của Cựu Ước trong các tác phẩm của mình.

Theo suy luận của Thánh Irineo, Luật Cựu Ước bao hàm hai khía cạnh: khía cạnh bên ngoài, liên quan đến nghi lễ, và khía cạnh bên trong, thuộc về đạo đức và tinh thần. Khía cạnh bên ngoài của Luật chỉ có ý nghĩa tương đối và tạm thời: những quy định và nghi thức bao trùm toàn bộ cuộc sống của con người Cựu Ước, và những điều này đã giữ họ dưới ách nô lệ, theo quan điểm của Thánh Irênê, chỉ có ý nghĩa đối với người Do Thái, và trong kế hoạch của Thiên Chúa, chúng chỉ là phương tiện cần thiết để giáo dục đạo đức và tôn giáo cho dân tộc Do Thái; người Do Thái cần phải bị giữ dưới ách nô lệ – "vì sự thô lỗ và bất tuân trong lòng họ" – Thánh Irineo lập luận, và "vì khuynh hướng thường trực của họ là quay trở lại với các thần tượng và đúc cho mình những con bò vàng"[5630] .

[5627] "Chống lại các tà thuyết", quyển III, chương 25.
[5628] "Chống lại các tà thuyết", quyển I, chương 27; so sánh với quyển III, chương 25; quyển IV, chương 28 và 40.
[5629] "Chống lại các tà thuyết", quyển IV, chương 28.
[5630] "Chống lại các tà thuyết", quyển IV, chương 14 và 15.

Tuy nhiên, khi Tân Ước đến, các quy định nghi lễ của Luật Mô-sê đã trở nên hoàn toàn không cần thiết và thừa thãi, bởi vì con người giờ đây đã có mối quan hệ khác với Thiên Chúa, một mối quan hệ gần gũi, như con cái, và trở nên có khả năng tuân giữ các mệnh lệnh của Thiên Chúa một cách tự do và thoải mái, mà không cần đến những quy định bên ngoài chi tiết cụ thể. Tinh thần nô lệ trong mối quan hệ giữa con người với Đức Chúa Trời trong Cựu Ước, và tinh thần làm con trong Tân Ước, theo lập luận của Thánh Irineus, hoàn toàn không mâu thuẫn với nhau. Sự chuyển đổi từ tinh thần nô lệ sang tinh thần tự do và con cái chỉ cho thấy sự tuần tự và nhất quán nghiêm ngặt, cũng như sự khôn ngoan và hợp lý trong lịch sử công trình xây dựng gia đình Thiên Chúa và trong việc giáo dục đạo đức-tôn giáo của con người. Chính cùng một Thiên Chúa đã giáo dục nhân loại cổ đại theo một cách nhất định, và đang giáo dục nhân loại mới theo một cách hoàn toàn khác. – "Thiên Chúa làm mọi sự theo chừng mực và trật tự," Thánh Irênê lập luận, "và nơi Ngài không có gì là vô độ, bởi vì không có gì là hỗn loạn"[5631] .

Như một phương tiện giáo dục cần thiết trong tay Giao Ước Thần Thánh, đã trở nên không cần thiết và thừa thãi, và do đó bị bãi bỏ – khía cạnh bên ngoài của Luật Mô-sê, theo suy luận của Thánh Irenaeus, đồng thời là lời tiên tri về thời đại tương lai của Đấng Mê-si-a, và mang ý nghĩa tiên báo. Và từ khía cạnh này, việc bãi bỏ luật nghi lễ của Mô-sê một lần nữa là điều tự nhiên và cần thiết, và hoàn toàn không chứng minh sự mâu thuẫn giữa Giao Ước Cũ và Giao Ước Mới. Nhưng điều đặc biệt phản bác lý thuyết của Marcion chính là thái độ của Đấng Cứu Thế đối với khía cạnh nội tại, đạo đức của luật Cựu Ước; Đấng Cứu Thế – như Thánh Irênê lập luận – không bãi bỏ khía cạnh này, mà chỉ "hoàn thiện và mở rộng nó"[5632] . Giới răn đạo đức quan trọng nhất của Luật Mô-sê là tình yêu đối với Thiên Chúa và người lân cận; Đấng Cứu Thế không bãi bỏ giới răn này, mà trái lại, Ngài khẳng định và làm rõ nó như là giới răn cơ bản của Luật Tân Ước. Giáo lý đạo đức của Phúc Âm và nói chung của Tân Ước cao hơn và hoàn hảo hơn giáo lý đạo đức của Cựu Ước – nhưng nền tảng chính của cả hai đều giống nhau; do đó, Đấng Sáng Lập của cả hai giáo lý đạo đức này cũng là một.

Vậy nên – theo lập luận của Thánh Irênê – giữa Cựu Ước và Tân Ước không có bất kỳ sự mâu thuẫn nào, và cả hai đều là tác phẩm của cùng một Thiên Chúa chân thật và tối cao, Đấng đã sắp xếp công cuộc cứu rỗi loài người theo một trình tự và sự liên tục nghiêm ngặt, theo kế hoạch khôn ngoan đã được vạch ra từ muôn đời; từ đó, điều này tự nhiên trở nên rõ ràng rằng các văn bản Cựu Ước, trong đó thể hiện ý muốn và kế hoạch của Thiên Chúa về việc cứu rỗi loài người, cũng được Thánh Thần soi dẫn và mang tính cứu rỗi không kém gì các văn bản Tân Ước, trong đó mô tả chính sự hoàn thành và tiếp nhận ơn cứu rỗi. "Chính một Thánh Thần của Thiên Chúa, – Thánh Irênê lập luận – Đấng đã qua các tiên tri loan báo về sự giáng lâm của Chúa sẽ ra sao, và qua các bậc tiền bối[5633] đã giải thích rõ ràng những gì các tiên tri đã nói – chính Ngài cũng đã qua các Tông đồ rao giảng rằng thời kỳ trọn vẹn của việc trở thành con cái Thiên Chúa đã đến và Nước Trời đã gần kề"[5634] .

Theo giáo lý của Thánh Irênê, Thiên Chúa là Chúa của vạn vật theo nghĩa rộng nhất của từ này. Chỉ có một mình Ngài là Chủ tể và Chúa tể của vạn vật, và không có, cũng không thể có một Chủ tể và Chúa tể nào khác ngang hàng hay tương tự như Ngài, "bởi vì," Thánh Irineo lập luận, "ai có ai đó cao hơn mình hoặc ngang hàng với mình, thì không thể được gọi là Thiên Chúa hay Vua vĩ đại nữa"[5635] . Chỉ có một Thiên Chúa, với tư cách là Chúa Tể của vạn vật, – mới sở hữu một cách tuyệt đối quyền tối cao và quyền năng trên tất cả; mọi sự tồn tại khác đều do Ngài tạo dựng và được duy trì bởi quyền năng của Ngài.

Khi vạch trần những kẻ dị giáo, Thánh Irenaeus cũng đã bàn luận về các nguồn gốc của đức tin Kitô giáo thánh thiện. Tóm lại, những luận điểm của ngài như sau.

Kinh Thánh, bao gồm cả Cựu Ước lẫn Tân Ước, – chắc chắn có nguồn gốc thiêng liêng, vì nó được viết dưới sự soi sáng thiêng liêng đặc biệt của Thánh Thần Chúa trên các tác giả của các sách thánh. Thánh Thần này đã hành động cả qua các tiên tri lẫn qua các Tông đồ. Kinh Thánh là nguồn đầu tiên và quan trọng nhất của đức tin và kiến thức tôn giáo – chân thật, vô ngộ và bắt buộc đối với mọi người. Việc hiểu Kinh Thánh một cách chính xác và không sai lầm chỉ có thể thực hiện được dưới sự hướng dẫn của Giáo Hội Công Giáo toàn cầu, và chỉ trong Giáo Hội này mới có thể tìm thấy chân lý. Truyền thống Thánh cũng có nguồn gốc thiêng liêng giống như Kinh Thánh, – do đó, nó là nguồn thứ hai của đức tin và tri thức tôn giáo, cũng chân thật và không thể sai lầm, và bắt buộc đối với

---

[5631] Cùng tác phẩm, quyển IV, chương 4.
[5632] Cùng tác phẩm, quyển IV, chương 12 và 13.
[5633] Tất nhiên là bảy mươi nhà giải thích.
[5634] "Chống lại các tà giáo", quyển III, chương 21.
[5635] Cùng tác phẩm, quyển II, chương 30.

mọi người, giống như Kinh Thánh; chỉ có Giáo Hội toàn cầu, qua các vị lãnh đạo của mình, mới có thể là người bảo tồn duy nhất của Truyền thống Tông đồ đích thực. – "Ai muốn biết sự thật," Thánh Irênê lập luận, "thì phải tìm đến Giáo Hội, bởi vì các Tông Đồ chỉ truyền lại sự thật thiêng liêng cho một mình Giáo Hội, và như người giàu có trong kho tàng, họ đã đặt vào đó tất cả những gì liên quan đến sự thật. Chỉ có Giáo Hội mới là cánh cửa dẫn đến sự sống"[5636] . Và, cụ thể hơn, theo giáo lý của Thánh Irênê, chỉ có các mục tử của Giáo Hội, những người được tấn phong hợp pháp, mới là những vị thầy chân chính và những người gìn giữ sự thật được cất giữ trong Giáo Hội.

Thánh Irineo căn cứ vào sự hiện diện liên tục của Chúa Thánh Thần trong Giáo Hội, cũng như vào sự hoạt động liên tục của các ân sủng và quyền năng thần thánh trong Giáo Hội, để khẳng định vai trò của Giáo Hội như người bảo vệ và truyền bá duy nhất không thể sai lầm của truyền thống tông đồ đích thực. Theo giáo lý của Thánh Irineo, Chúa Thánh Thần hiện diện trong Giáo Hội ngay từ khi Giáo Hội được thành lập. Ngài như là sự sống và linh hồn của Giáo Hội; Ngài điều khiển và hướng dẫn Giáo Hội y như linh hồn điều khiển và hướng dẫn các chi thể của thân thể chúng ta. Trong Giáo Hội, Thiên Chúa đã thiết lập tất cả các chức vụ cần thiết – tông đồ, tiên tri, giảng dạy – nhờ đó sự cứu rỗi của chúng ta được thực hiện.

Nhờ sự hiện diện liên tục và trực tiếp của Thánh Thần trong Giáo Hội, Giáo Hội không bao giờ có thể phạm tội hay lầm lạc. Từ đó, chân lý Thần thánh được các Tông đồ truyền lại trong Giáo Hội, bằng lời nói hay bằng văn bản, sẽ luôn luôn tồn tại trong Giáo Hội như một chân lý duy nhất, thuần khiết và Thần thánh như chính nó đã từng là dưới thời các Tông đồ – bởi vì cùng một Thánh Thần đã hoạt động trong các Tông đồ, và hiện nay vẫn đang hoạt động trong Giáo Hội, qua các vị kế vị của họ. Sự kế thừa chức vụ tông đồ, như Thánh Irênê lập luận, được duy trì trong Giáo Hội khắp mọi nơi và liên tục, và cùng với đó, truyền thống tông đồ cũng được bảo tồn trong hình thức thuần khiết và nguyên vẹn. – "Nói chung," Thánh Irênê nhận xét, "Giáo Hội, dù rải rác khắp thế giới, nhưng nhờ sự hiện diện của cùng một Thánh Thần Thiên Chúa trong Giáo Hội và nhờ tính liên tục của cùng một chức vụ Tông Đồ trong Giáo Hội, nên Giáo Hội duy trì cùng một giáo lý khắp mọi nơi. Giáo Hội cùng một lòng tin, như thể có chung một linh hồn và một trái tim, cùng rao giảng, dạy dỗ và truyền lại, như thể có chung một miệng. Các Hội Thánh ở Đức, Tây Ban Nha, Gaul, cũng như ở phương Đông, tại Ai Cập và Libya, đều tin theo cùng một cách và giữ cùng một truyền thống. Giống như mặt trời duy nhất chiếu sáng khắp thế giới, lời rao giảng chân lý cũng tỏa sáng và soi sáng mọi người như một trong toàn thể Hội Thánh"[5637] .

Bằng cách giảng dạy và hướng dẫn mọi người như vậy, Thánh Irênê đã cứu rỗi nhiều người khỏi sự thờ lạy thần tượng ngoại giáo và khỏi những sai lầm dị giáo; ngài đã dẫn dắt nhiều Kitô hữu vào con đường cứu rỗi, đồng thời củng cố lòng can đảm cho những người khác để họ sẵn sàng chịu tử đạo. Cuối cùng, chính ngài cũng đã chịu khổ vì danh Chúa Kitô, dưới triều đại của Hoàng đế Severus[5638] . Vì làm chứng cho Tin Mừng, Thánh Irineo đã bị chém đầu và nhờ đó đã nhận được vương miện vinh quang của sự tử đạo trong Nước Trời của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta[5639] .

Lễ kính Thánh Callinicus, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 8

Thánh Callinicus ban đầu là linh mục và người trông coi các thánh vật tại Nhà thờ Vlacherna[5640] , được dâng kính Đức Mẹ Đồng Trinh. Khi Thượng phụ Phaolô về với Chúa, Thánh Callinicus được tấn phong lên ngai Thượng phụ. Điều này xảy ra dưới triều đại của Hoàng đế Justinian II[5641] – một vị vua độc ác và không kính sợ

[5636] Cùng tác phẩm, quyển III, chương 4.

[5637] Cùng tác phẩm, quyển I, chương 10.

[5638] Hoàng đế Severus trị vì từ năm 193 đến năm 211 – Thánh Tử đạo Irineus qua đời vào năm 202.

[5639] Ngoài tác phẩm "Chống lại các tà thuyết" ("Vạch trần và bác bỏ kiến thức giả mạo"), Thánh Irineus còn là tác giả của nhiều tác phẩm khác, tuy nhiên chỉ còn lại những đoạn trích ngắn. Trong số đó có: "Thư gửi Giám mục Victor của Rôma" (về vấn đề thời điểm cử hành Lễ Phục Sinh), "Về sự thống nhất tối cao, hay về việc Thiên Chúa không phải là thủ phạm của điều ác", "Về tám thời kỳ" (tức là các eon; – ý nói đến việc bác bỏ giáo lý Gnosticism về các eon như nguồn gốc của sự sống). Ngoài ra còn có khoảng 50 đoạn văn ngắn khác được ghi tên Thánh Irineus, nhưng tính xác thực của chúng vẫn chưa được chứng minh.

[5640] Vlacherna – một khu vực ở Constantinople, nằm ở góc phía tây của thành phố; nơi đây nổi tiếng với các thánh địa. Tại đây có nhà thờ được nhắc đến trong tiểu sử, được Hoàng đế Lêô Đại đế (457–474) xây dựng để tôn vinh Đức Mẹ Đồng Trinh, dưới triều đại của ngài, chiếc áo thánh của Đức Mẹ Đồng Trinh, được mang về từ Palestine, đã được an táng trong nhà thờ này; sự kiện này được Giáo hội Công

Thiên Chúa, người đã đàn áp rất nhiều người (Kitô hữu), không tôn trọng hàng giáo phẩm và không tôn kính các nhà thờ của Thiên Chúa.

Vị hoàng đế này đã cho xây dựng cho mình một cung điện lớn và tráng lệ, mà ông muốn đặt tên theo tên mình. Gần cung điện đó có một nhà thờ được xây dựng để tôn vinh Đức Mẹ Thiên Chúa; nhà thờ này được gọi là nhà thờ Tổng Giám mục. Vì một trong những bức tường của cung điện, đang được xây dựng theo lệnh của Hoàng đế Justinian, phải chạy ngang qua nhà thờ nói trên, nên hoàng đế đã nảy sinh ý định phá hủy nó, để nhà thờ không cản trở việc xây dựng cung điện, nhất là khi chính tại vị trí đó phải xây dựng các bậc thang và hiên trước lối vào cung điện. Hoàng đế ra lệnh cho tổng giám mục đọc lời cầu nguyện ban phước lành để phá dỡ ngôi đền nói trên. Nhưng tổng giám mục đã phản đối hoàng đế, nói rằng:

– Tôi không có lời cầu nguyện nào để phá hủy nhà thờ; ngược lại, tôi có những lời cầu nguyện để xây dựng và củng cố nhà thờ, vì Thiên Chúa đã tạo dựng thế giới để tồn tại, chứ không phải để phá hủy.

Lúc đó, các sứ giả của hoàng đế bắt đầu nài nỉ Đức Thượng phụ một cách mạnh mẽ và thậm chí ép buộc ngài phải tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế. Ngài, với đôi mắt đẫm lệ, đã thốt lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng Kitô, Đấng chịu đựng mọi sự!

Và ngay lập tức, ngôi đền sụp đổ.

Không lâu sau đó, theo sự phán xét công chính của Đức Chúa Trời, chính nhà vua cũng phải gánh chịu sự hủy diệt: vì ông đã bị trục xuất khỏi vương quốc của mình một cách nhục nhã, còn cung điện do ông xây dựng thì trở thành nơi ở của những người khác. Mọi chuyện đã diễn ra như vậy.

Khi hoàng đế biết rằng dân chúng Constantinopolis đang phàn nàn về mình, vì họ không ưa ông do những hành vi đàn áp liên miên và lối sống vô pháp của ông, và nghe nói rằng trong thành phố ai nấy đều nói xấu về ông, thì ông tràn ngập cơn giận dữ và phẫn nộ đối với cả thành phố; sau đó, ngài ra lệnh cho quý tộc[5642] và tướng quân Stefan, một người đàn ông tàn bạo, không thương xót, thường đổ máu người, gốc gác là người Ba Tư, bí mật chuẩn bị một đội quân vũ trang và vào đêm gần nhất, bất ngờ tấn công những công dân cao quý nhất và giết chết tất cả họ không chừa một ai.

Vào thời điểm đó, tại Constantinople có Tướng Leontius đang cư ngụ, người từng chiến đấu ở phương Đông. Vị tướng này đã không ít lần thể hiện sự dũng cảm phi thường trong chiến tranh và đánh bại nhiều đạo quân địch; nhưng thay vì được vinh danh và khen ngợi, ông lại bị hoàng đế giam cầm trong ngục tối suốt ba năm. Lúc này, ông vừa mới được thả ra khỏi nhà tù.

Leontius này, khi biết được âm mưu tàn bạo và bất công cùng mệnh lệnh của hoàng đế, đã bí mật kể lại mọi chuyện cho một số người bạn trung thành của mình. Họ cũng truyền lại thông tin đó theo cách tương tự cho những người bạn khác của mình, và như vậy, đến tối muộn, tất cả họ đã tụ tập lại với số lượng đáng kể. Để ngăn chặn cuộc hành hình bất công đối với các công dân dự kiến diễn ra vào ban đêm, tất cả họ, sau khi trang bị vũ khí, đã tiến về hoàng cung. Thấy hoàng đế đang ngủ, các chiến binh đã bắt giữ và trói ông lại. Ngay lập tức, Leontius mở tất cả các ngục tối, thả tất cả các tù nhân ra, trang bị vũ khí cho họ và cử họ đi khắp thành phố. Những người này đi khắp thành phố và hô to:

– Hỡi các Kitô hữu! Hãy tập trung về nhà thờ Thánh Sofia, vì vua Justinian đã bị đánh bại và bị trói lại rồi.

Nghe tin này, mọi người đều hân hoan đến nhà thờ, vừa đi vừa nói:

– *"Ngày này là do Chúa tạo nên: chúng ta hãy vui mừng và hân hoan trong ngày ấy!"* (Thánh vịnh 117:24)

Khi ngày đó đến, Leontius dẫn hoàng đế, người đang bị trói, đến nơi thường diễn ra các cuộc đua ngựa[5643] ; trước sự chứng kiến của toàn thể dân chúng tụ tập tại đó, ông đã cắt mũi hoàng đế và gửi ông ta đến Chersonesos[5644] để giam cầm; kể từ đó, Justinian được gọi là "Korkonos"[5645] . Còn cư dân Constantinopolis thì ngay lập tức tôn Leontius làm hoàng đế; ngài được Đức Thượng phụ Kallinikos, vị thánh nhất, phong vương.

---

giáo kỷ niệm vào ngày 2 tháng 7 (tại mục này, quý vị có thể đọc thêm câu chuyện về sự kiện nói trên). – Sau đó, nhà thờ này đã bị thiêu rụi; hiện nay chỉ còn lại những tàn tích nhỏ của nó.

[5641] Hoàng đế Justinian II trị vì từ năm 685 đến năm 695; sau đó trị vì lần thứ hai từ năm 705 đến năm 711.

[5642] Trong thời cổ đại, những người có xuất thân quý tộc được gọi là "Patrician"; họ thường được giao phó những chức vụ quan trọng nhất trong chính quyền.

[5643] Cuộc đua ngựa.

[5644] Chersonesos hay Cherson (tiếng Nga cổ: Korsun) – tên cổ của bán đảo Crimea ngày nay.

[5645] Theo bản dịch từ tiếng Hy Lạp – "có mũi bị cắt".

Leontius trị vì được ba năm; sau đó, ông bị tướng Apsimar lật đổ và trục xuất khỏi ngai vàng; các binh sĩ đã bầu Apsimar làm hoàng đế và đặt tên ông là Tiberius III[5646] . Apsimar bắt Leontius và đưa ông đi lưu đày tại một tu viện ở Dalmatia; Apsimar trị vì trong bảy năm.

Trong thời gian này, Justinianus Corconus đã trốn thoát khỏi nơi lưu đày ở Chersonesos và ban đầu đến với người Khazar, sau đó đến với người Bulgaria; sau khi tập hợp được một lực lượng quân sự hùng hậu từ phía người Bulgaria, Justinianus tiến về Constantinopolis và dừng chân tại Cổng Vàng[5647] . Số lượng quân đội của ông đông đảo đến mức kéo dài đến tận Vlacherna. Justinianus đã đóng quân tại đây ba ngày và đề nghị người dân Constantinopolis một lần nữa đón nhận ông trở lại ngai vàng; nhưng người dân Constantinopolis đã chỉ trích và mắng chửi ông.

Trong khi đó, Apsimar, vì sợ hãi trước sự xuất hiện của Justinian cùng đội quân hùng hậu, đã bỏ trốn đến Apollonia[5648] . Lúc bấy giờ, Justinian đã cử các sứ giả đến gặp Đức Thượng phụ Kallinikos và toàn thể Hội đồng Giám mục[5649] , khẩn cầu họ đón nhận ông và thề hứa sẽ không gây tổn hại cho bất kỳ ai.

Sau khi hội ý, Đức Thượng phụ và Hội đồng đã đề nghị Justinian hôn Thánh Giá của Chúa, Thánh Kinh Tin Mừng và Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô, để qua hành động hôn này, ông xác nhận lời thề của mình – cụ thể là sẽ không trả thù ai vì việc bị lưu đày trước đây. Justinianus đã xác nhận lời thề của mình theo cách đó.

Khi đó, cư dân Constantinopolis đã mở cổng thành đón ông và tiếp đón ông một cách long trọng. Tuy nhiên, ngay sau khi hoàng đế cùng quân lính tiến vào thành phố và lên ngôi, tên khốn kiếp này đã lập tức vi phạm lời thề của mình và bắt đầu giết hại nhiều thành viên trong Hội đồng Thượng viện, cũng như các công dân danh giá khác. Sau đó, ông ra lệnh bắt Leontius – người đã trục xuất ông – từ tu viện Dalmatia; quân lính của ông cũng bắt Apsimar ở Apollonia và dẫn đến trước mặt ông; ông ra lệnh cho cả hai, bị trói chặt, phải bị dẫn đi một cách nhục nhã khắp thành phố. Sau đó, hắn ra lệnh đưa họ đến nơi diễn ra các cuộc đấu ngựa; khi họ được dẫn đến và quăng xuống dưới chân hắn, hắn dẫm chân lên cổ họ và giẫm đạp lên đầu họ, còn binh lính của hắn thì hô to:

– *"Ngài sẽ giẫm lên con rắn độc và con rồng; Ngài sẽ chà đạp con sư tử và con rồng"* (Thi Thiên 90:13).

Sau khi chế nhạo và sỉ nhục họ, Justinian ra lệnh chặt đầu họ.

Nhưng điều đó vẫn chưa đủ: Justinian đã nhuộm đỏ cả thành phố bằng máu, không tha thứ cho cả dân chúng. Sau đó, ông bắt Thánh Tổng Giám mục Callinicus, móc mắt, cắt mũi và lưỡi của ngài, rồi gửi ngài đi lưu đày tại Rome, ra lệnh chôn sống ngài trong bức tường đá ở đó.

Lệnh của hoàng đế đã được thi hành, và Thánh Kallinikos bị chôn sống trong bức tường. Nhưng sau bốn mươi ngày, bức tường sụp đổ, và Thánh Kallinikos vẫn còn sống, dù chỉ còn thở thoi thóp. Bốn ngày sau, ngài đã về với Chúa[5650] .

Vào thời điểm đó, các Thánh Tông đồ tối cao Phêrô và Phaolô đã hiện ra trong giấc mơ của Đức Giáo hoàng Gioan VI[5651] và ra lệnh phải an táng thi hài của Thánh Thượng phụ Callinicus một cách trang trọng trong nhà thờ Tông đồ của các ngài. Đức Giáo hoàng đã tuân theo mệnh lệnh của các Thánh Tông đồ.

Còn kẻ phản bội lời thề và kẻ hành hạ, Hoàng đế Justinianus Corconos, đã không thể thoát khỏi sự phán xét công minh của Đức Chúa Trời. Không thể chịu đựng nổi những sự đàn áp vô nhân đạo của ông ta, các công dân và các tướng lĩnh đã lập mưu chống lại ông ta, và khi chọn được thời cơ thuận lợi, họ đã tấn công ông ta và chặt đầu ông ta.

Như vậy, kẻ vô đạo đã chết một cái chết tàn bạo; còn Thánh Callinicus của Chúa Kitô đã được ban vương miện tử đạo trong Nước Trời của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta.

Lễ kính Thánh Tử đạo Luppa

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 8

[5646] Hoàng đế Tiberius III Apsimar trị vì từ năm 698 đến năm 705.
[5647] Một khu vực ở Constantinople.
[5648] Có một số thành phố Hy Lạp cổ đại mang tên Apollonia. Trong trường hợp này, tất nhiên, có lẽ là Apollonia nằm ở Illyria.
[5649] Synklitos – hội đồng bao gồm những công dân cao tuổi và đáng kính nhất (cùng các đại diện của giới chức tôn giáo cao cấp).
[5650] Thánh Callinicus qua đời vào năm 705.
[5651] Giăng VI giữ chức Giáo hoàng từ năm 701 đến năm 705.

Thánh Tử đạo Lupp sống dưới triều đại của Hoàng đế Aurelian[5652] và là nô lệ của một chủ nhân nào đó, nhưng lại được tự do trong Chúa Kitô (xem 1 Cr 7,22), Đấng mà ngài đã tin nhận; tràn đầy lòng nhiệt thành thánh thiện, Thánh Lupp đã đập vỡ những tượng thần Hy Lạp vô hồn, và ném những tượng khác xuống đáy biển sâu. Thấy vậy, những kẻ thờ thần tượng vô đạo, tràn đầy cơn thịnh nộ, đã xông vào vị thánh với gươm trần, định xẻ ông ra thành từng mảnh, nhưng lại rơi vào cơn điên loạn và chém giết lẫn nhau; còn vị thánh, vẫn bình an giữa đám ngoại đạo, đã rao giảng Lời Chúa cho họ, tràn đầy đức tin, sự khôn ngoan và ân sủng của Chúa. Dù đã cố gắng hết sức, những kẻ vô đạo vẫn không thể bắt được vị thánh, vì sức mạnh của Chúa Kitô đã cản trở họ, không cho phép họ thậm chí đến gần vị tử đạo của Chúa Kitô; vì thế, những kẻ vô đạo, đứng từ xa, giương cung và bắt đầu bắn tên vào vị thánh, nhưng thay vì trúng vị tử đạo, họ lại bắn trúng lẫn nhau; còn thánh Lupp, đứng như một mục tiêu (điểm ngắm) giữa tất cả mọi người, không những không bị tên giết chết, mà thậm chí còn không bị thương. Và vì vị tử đạo của Chúa Kitô vẫn chưa được rửa tội và rất mong mỏi được nhận phép rửa thánh, để không phải chết dưới tay những kẻ hành hình mà chưa trở thành Kitô hữu, nên ngài đã cầu nguyện với Chúa về điều này; và ngay lập tức, nước từ trời tuôn xuống trên ngài. Như vậy, vị thánh tử đạo của Chúa Kitô đã nhận lãnh phép rửa thiêng liêng từ trên cao, trước sự chứng kiến của tất cả người Hy Lạp, những người đang nhìn ngắm ngài và vô cùng kinh ngạc trước mọi điều đang diễn ra.

Sau đó, thánh Lupp tự nguyện dâng mình, như một con chiên vô tội, để bị giết trong tay những kẻ vô đạo; những kẻ này, sau khi bắt được thánh nhân, đã dẫn ngài đến trước mặt quan tổng trấn. Ban đầu, quan tổng trấn cố gắng dùng lời ngọt ngào để thuyết phục tôi tớ của Chúa Kitô từ bỏ Chúa của mình và thờ lạy các thần tượng, nhưng không thể dụ dỗ được thánh nhân; lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh đánh thánh nhân bằng gậy không thương xót; sau đó, quan tổng trấn lại bắt thánh nhân chịu những hình phạt khác, nhưng vì không thể khuất phục được người tôi tớ bất khả chiến bại của Chúa Kitô, nên đã kết án ngài bị chém đầu bằng gươm.

Như vậy, vị thánh tử đạo Lupp, khi cúi đầu dưới lưỡi gươm, đã hiến dâng linh hồn mình vì Chúa Kitô, Chúa của ngài[5653] , và được các tín hữu an táng với những nghi thức trang trọng; từ quan tài của ngài, mọi bệnh tật và đau ốm đều được chữa lành, nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài và nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta.

Lễ kính các vị thánh Eutychius và Florentius

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 8

Trong vùng đất Nursia, có hai vị tu sĩ sống cùng nhau theo lối sống tu hành thánh thiện, dẫn một đời sống ẩn dật trong sa mạc; một người tên là Evtikhiy, còn người kia là Florentius. Evtikhiy, được sưởi ấm bởi ngọn lửa nhiệt thành thiêng liêng, không chỉ lo lắng cho sự cứu rỗi của chính mình, mà còn cho sự cứu rỗi của người khác, và bằng mọi cách cố gắng dẫn dắt mọi người đến với Chúa qua những lời giảng dạy và khuyên răn cứu rỗi linh hồn; còn Florentius, với sự đơn sơ của mình, chỉ nghĩ đến bản thân mình mà thôi, dành trọn cuộc đời để cầu nguyện.

Không xa nơi cư ngụ của các thánh Eutychius và Florentius có một tu viện; tình cờ, tại tu viện này, vị tu viện trưởng (avva)[5654] đã qua đời; các tu sĩ tập hợp lại, đến gặp Eutychius và bắt đầu thỉnh cầu ngài trở thành tu viện trưởng của tu viện họ. Lắng nghe lời thỉnh cầu của họ, Eutychius đã đến với họ và nhận lãnh chức vụ lãnh đạo tu viện, còn người bạn của mình là Florentius thì ông để lại một mình tu hành tại nơi ẩn dật đó, để nhà thờ mà họ có ở đó (nhà thờ đó rất nhỏ) không bị bỏ hoang.

Khi chỉ còn một mình, Florentius bắt đầu cầu nguyện với lòng thành kính lên Thiên Chúa, xin Ngài giúp đỡ để ông có thể tu hành một mình mà không gặp trở ngại nào tại nơi hẻo lánh đó.

Sau đó, một lần nọ, sau khi hoàn thành các lời cầu nguyện thường lệ và bước ra khỏi nhà thờ, Florentius thấy một con gấu đang đứng trước cửa nhà thờ, cúi đầu xuống đất và không bộc lộ chút nào bản tính hung dữ của loài thú, trái lại, bằng sự hiền lành của mình, nó cho thấy rằng nó được Thiên Chúa sai đến với Thánh Florentius để phục vụ và làm việc. Hiểu được điều này, thánh Florentius, tôi tớ của Đức Chúa Trời, đã tạ ơn Đức Chúa Trời vì

[5652] Hoàng đế Aurelian trị vì từ năm 270 đến năm 275.
[5653] Thánh tử đạo Luppa qua đời vào khoảng năm 275.
[5654] Abba – người đứng đầu, vị trụ trì tu viện.

đã ban cho ngài một người bạn đồng hành như vậy. Florentius có năm con cừu ở gần phòng tu của mình; không biết ai có thể chăn dắt và trông coi chúng, Florentius đã ra lệnh cho con gấu, nói rằng:

– Hãy đi, dẫn những con cừu này ra đồng cỏ và chăn dắt chúng; khoảng giờ thứ sáu thì hãy trở về cùng với chúng.

Và con thú luôn làm như vậy, nhận lấy trách nhiệm chăm sóc đàn cừu được giao phó; nhờ thế, kẻ vốn quen với việc xé xác con mồi để ăn, nay lại chăn cừu, chịu đựng cơn đói và chiến thắng bản tính tự nhiên của mình.

Khi người của Đức Chúa Trời muốn nhịn ăn cho đến giờ thứ chín, ông ra lệnh cho con gấu dẫn đàn cừu trở về vào giờ thứ chín; và con thú làm đúng như vậy. Còn khi ông không có ý định nhịn ăn cho đến giờ thứ chín, mà bày tỏ mong muốn dùng bữa vào giờ thứ sáu, thì con gấu cũng trở về vào đúng giờ đó; nói tóm lại, con thú tuân theo mọi mệnh lệnh của người của Chúa và không bao giờ sai lầm – nó không bao giờ đến vào giờ thứ chín khi được lệnh đến vào giờ thứ sáu, và ngược lại, không bao giờ đến vào giờ thứ sáu khi được lệnh đến vào giờ thứ chín. Vì chính Đức Chúa Trời đã khai sáng cho con thú ấy, Đấng đã giao nó cho vị thánh nhân của Ngài để phục tùng, và dạy nó hiểu mệnh lệnh của vị trưởng lão cũng như thực hiện ý muốn của ngài.

Sau khi con thú phục vụ vị tu sĩ già trong một thời gian dài, tin đồn về người của Đức Chúa Trời ở Florence bắt đầu lan truyền khắp cả nước, vì mọi người đều ngạc nhiên trước việc kỳ diệu đó, khi thấy con thú chăn cừu và phục vụ vị tu sĩ già.

Trong khi đó, kẻ thù cổ xưa là ma quỷ đã khơi dậy lòng ghen tị trong lòng một số người; bởi vì ma quỷ, khi thấy những người có đức hạnh tỏa sáng bởi vinh quang của họ, liền lợi dụng lòng ghen tị của những kẻ có tính cách và lối sống sa đọa, và lôi kéo họ vào con đường diệt vong. Và thế là, dưới sự xúi giục của ma quỷ, bốn tu sĩ – những môn đệ của Thánh Eutychius – đã vô cùng ghen tị với Florentius, bởi vì thầy của họ không thực hiện được phép lạ nào; trong khi đó, chỉ có một mình Florentius (những kẻ ghen tị suy luận), người được thầy của họ để lại trong một căn phòng tu viện hẻo lánh, lại trở nên nổi tiếng đến vậy. Với những suy nghĩ như vậy, bốn môn đệ ấy đã đến gặp Florentius và, ẩn nấp tại nơi mà con gấu thường dẫn đàn cừu đi chăn thả, họ đã giết chết con gấu. Vì con gấu không quay về với vị tu sĩ già vào giờ mà nó được lệnh phải trở về, nên vị tu sĩ già cảm thấy bối rối; sau khi chờ đến tối mà vẫn không thấy cả con thú lẫn đàn cừu, vị tu sĩ già bắt đầu buồn bã vì con gấu – mà vì tính chất đơn sơ của mình, ông thường gọi nó là "anh em" – đã không quay về với ông.

Sáng hôm sau, Florentium ra đồng để tìm con thú cũng như đàn cừu; khi thấy con gấu đã bị giết, vị tu sĩ vô cùng đau buồn. Sau khi quan sát kỹ lưỡng và nhận ra ai là người đã giết con thú, vị tu sĩ già bắt đầu khóc; tuy nhiên, ông khóc không phải vì cái chết của con gấu, mà vì lòng độc ác chết người của bốn anh em kia, và ông khóc nức nở.

Khi Abba Evtikhiy biết được nỗi buồn và đau khổ của Florentius, ngài đã gọi anh ta đến và bắt đầu an ủi anh. Người của Chúa, trước mặt Abba, với khuôn mặt đầy u sầu, đã nói:

– Tôi đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời Toàn Năng rằng những kẻ đã giết con gấu – vốn không gây hại cho ai cả – sẽ phải nhận hình phạt từ Chúa ngay trong kiếp này, trước mắt mọi người.

Vừa mới người được Chúa yêu mến kịp nói xong những lời ấy, thì sự việc đã xảy ra ngay lập tức; vì đột nhiên, bốn tu sĩ đó bị Chúa giáng xuống một căn bệnh hủi khủng khiếp, đến nỗi tất cả các chi thể của họ đều thối rữa, và họ đã chết vì căn bệnh ấy.

Sau khi tất cả những điều này xảy ra, người của Chúa là Florentius đã vô cùng kinh hãi vì đã nguyền rủa các tu sĩ ấy, và suốt cả cuộc đời mình, ông không ngừng khóc than vì các tu sĩ ấy, còn tự gọi mình là kẻ sát nhân tàn nhẫn của họ.

Tất cả những điều này đều do Đức Chúa Trời toàn năng thực hiện, để người đàn ông giản dị và đạo đức ấy, dù bị xúc phạm, sẽ không bao giờ nguyền rủa ai bằng chính miệng mình nữa.

Người đàn ông thánh thiện này còn thực hiện một việc kỳ diệu khác nữa. Khi tin đồn về ông lan truyền khắp nơi, một phó tế từ xa đã đến gặp ông để được hưởng ân sủng từ những lời cầu nguyện và phước lành của ông. Thấy xung quanh phòng tu của ông có rất nhiều rắn và các loài bò sát khác nhau, vị phó tế đã vô cùng hoảng sợ và kêu lên:

– Hỡi tôi tớ của Chúa! Xin cầu nguyện cho con!

Lúc bấy giờ, không khí rất trong lành và sáng sủa, vì được ánh nắng mặt trời chiếu rọi. Florentius bước ra khỏi phòng tu, đứng trên mặt đất, ngước mắt lên trời và giơ hai tay lên cao, cầu nguyện để Chúa xua đuổi những loài bò sát đó khỏi nơi đó bằng những cách mà chính Ngài biết. Và ngay lập tức, tiếng sấm vang lên, tia chớp lóe

sáng, và tiếng sấm cùng tia chớp ấy đã tiêu diệt hết thảy những con rắn đang cư ngụ tại nơi đó. Thấy tất cả những điều này, người của Chúa là Florentius, lại ngước mắt lên trời và nói:

– Này, lạy Chúa, Ngài đã tiêu diệt những con rắn này rồi: nhưng ai sẽ mang chúng đi khỏi đây?

Và ngay sau khi ngài nói xong, một đàn chim khổng lồ bay đến, số lượng bằng chính số rắn bị tiêu diệt; mỗi con chim mang đi một con rắn, mang đi xa và thả lại ở đó; nhờ vậy, nơi mà vị thánh sống đã được thanh tẩy khỏi lũ rắn.

Sau khi sống trọn vẹn cuộc đời trong sự phụng sự Chúa một cách cao cả, Thánh Florentius đã về với cuộc sống vĩnh hằng[5655] .

Tương tự như vậy, vị thánh Eutychius đã chăn dắt đoàn chiên được giao phó cho ngài trong nhiều năm; sau khi dẫn dắt nhiều người vào con đường dẫn đến Nước Trời và hướng dẫn nhiều người đến sự cứu rỗi, vị thánh đã về với Chúa[5656] . Và người mà khi còn sống không làm phép lạ, lại trở thành vị thánh làm phép lạ sau khi qua đời; bởi vì từ những bộ quần áo còn lại sau khi vị thánh qua đời, những người bệnh tật, đang chịu đựng các chứng bệnh khác nhau, đã được chữa lành. Như vậy, Chúa đã tôn vinh tôi tớ của Ngài.

Khi trời không mưa và đất đai bị hạn hán, dân chúng trong vùng đó tụ tập lại, lấy áo của Thánh Evtichii, mang đến nhà thờ và sau khi dâng lời cầu nguyện lên Chúa, họ rước áo ấy đi qua các làng mạc, đồng ruộng và vườn tược; và ngay lập tức, Chúa ban mưa xuống, tưới đẫm và làm no nê đất đai[5657] . Điều này đã cho mọi người thấy rõ sức mạnh nội tại của đức hạnh tâm linh vĩ đại đến nhường nào nơi vị thánh ấy khi còn sống, đến nỗi chỉ cần một bộ áo choàng bên ngoài được dâng lên trước mặt Chúa cũng đã đủ để xua tan cơn thịnh nộ của Ngài.

Như vậy, Đức Chúa Trời đã được tôn vinh bởi cả hai vị thánh nhân của Ngài vào thời đó, và ngày nay, vì chính họ, Ngài cũng được chúng con, những tôi tớ của Ngài, tôn vinh – và sẽ được tôn vinh đến muôn đời. A-men.

Ngày 6 tháng 9

Ngày 24 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Giô-rê-gi-ô Limneôta, vị chứng nhân đức tin, người đã sống đời thánh thiện dưới triều đại của Hoàng đế chống thánh tượng Lêô III Isaur (717–741).

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Arsenius Komelsky, vị làm phép lạ ở Vologda, đã qua đời năm 1550.

Cùng ngày này, lễ rước di cốt Thánh Phêrô, Tổng Giám mục, vị làm phép lạ của toàn nước Nga (năm 1479).

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Sira

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 8

Dưới triều vua Ba Tư Khosrow Đại đế[5658] , vào năm thứ hai mươi tám của triều đại ngài, tại Ba Tư đã xuất hiện, như một viên ngọc trai tinh khiết nhất giữa biển khơi, thánh nữ Si-ra, người tỏa sáng bởi vẻ đẹp của đức tin Kitô giáo và được ca ngợi nhờ những hành động chịu khổ vĩ đại vì danh Chúa Kitô.

Thánh nữ Sira sinh ra tại thành phố có tên là Kerch-Seleucia, và xuất thân từ một gia đình vô đạo. Cha của bà là một thầy tế lễ thờ thần tượng, một pháp sư được (những người ngoại đạo) kính trọng; ông đã từng là quan tòa và thủ lĩnh của hội đồng các pháp sư và thầy tế lễ Ba Tư trong một thời gian dài; ông am hiểu sâu sắc giáo lý của vị pháp sư tối cao cổ xưa nhất là Zoroaster[5659] , người đầu tiên thông thạo chiêm tinh học (khoa học về các vì sao) tại

---

[5655] Thánh Florentius qua đời vào năm 547.

[5656] Thánh Eutychius qua đời vào khoảng năm 540.

[5657] Sự kiện được mô tả đã xảy ra vào năm 1492.

[5658] Hozroy (hay chính xác hơn là Khosrow) trong tiếng Ba Tư có nghĩa là "vua". Danh xưng này thường được thêm vào tên riêng của các vị vua Ba Tư. Hozroy Cả, tức là Hozroy I Anushirvan, trị vì từ năm 531 đến năm 579.

[5659] Zoroaster – một nhà hiền triết (thầy pháp) người Ba Tư; sống cách đây 1.000 năm trước Công nguyên; đã sáng lập ra một hệ thống giáo lý tôn giáo rất phức tạp, dựa trên nguyên lý nhị nguyên (tức là nguyên lý phân chia rõ ràng giữa thiện và ác, như hai nguyên lý không thể hòa giải với nhau, nhưng đồng thời lại độc lập).

Ba Tư. Vị pháp sư này, cha của thánh nữ Sira, vô cùng căm ghét các Kitô hữu và rất lo sợ rằng con gái mình sẽ biết đến Kitô giáo và kết giao với các thiếu nữ Kitô hữu. Bởi vì vào thời đó ở Ba Tư có rất nhiều Kitô hữu (cũng như nói chung có rất nhiều Kitô hữu trên khắp châu Á dưới sự cai trị của người A-ga-ri), mặc dù họ bị đàn áp và bức hại rất nặng nề. Vì lý do này (với mong muốn bảo vệ Sira khỏi ảnh hưởng của Kitô giáo), sau khi mẹ cô qua đời, cha cô đã gửi cô đến một thành phố khác tên là Fars (nơi mà thuật phù thủy rất phổ biến) để giao cho một người họ hàng của ông, một phụ nữ hành nghề phù thủy, nhằm mục đích để bà ta nuôi dạy cô theo những tập tục ngoại đạo vô đạo đức.

Khi cô thiếu nữ bắt đầu trưởng thành, cô đã được dạy phép thuật và được dâng hiến cho việc thờ cúng tà thần ghê tởm, cụ thể là: cô được giao nhiệm vụ thực hiện những lễ hiến tế bí mật cho ma quỷ, được những người ngoại đạo gọi là "Iasf" và được họ coi là những lễ hiến tế trong sạch.

Tất cả những điều này được kể về thánh nữ Sira nhằm cho mọi người biết rằng cô đã từng chìm đắm trong sự mù quáng và sự lừa dối của ma quỷ như thế nào, và từ bóng tối sâu thẳm đến mức nào cô đã bước vào ánh sáng của sự hiểu biết về đức tin chân chính, thoát khỏi những cạm bẫy của ma quỷ.

Khi Sira đã đến tuổi trưởng thành và học hỏi thấu đáo mọi nghệ thuật phép thuật – vì lúc đó cô đã phục vụ các vị thần ghê tởm của Ba Tư với tư cách là một nữ tư tế – con đường cứu rỗi đã mở ra như sau.

Theo sự sắp đặt và ý muốn của Đức Chúa Trời, cô đã làm quen với một số phụ nữ Kitô hữu nghèo khó và từ họ, lần đầu tiên cô nghe nói về Chúa Kitô, Đức Chúa Trời chân thật; sau đó, cô bắt đầu hỏi họ chi tiết hơn về đức tin Kitô giáo, về các giáo lý và toàn bộ giáo huấn Kitô giáo, cũng như về cuộc sống của các Kitô hữu; và tất cả những gì nghe được từ họ, bà đều cân nhắc kỹ lưỡng trong tâm trí, so sánh đức tin Kitô giáo với đức tin Ba Tư và nhận ra sự khác biệt to lớn giữa hai bên. Bởi vì tất cả những gì liên quan đến đức tin Ba Tư, bà bắt đầu coi là sai lầm và ghê tởm, còn tất cả những gì liên quan đến đức tin Kitô giáo – thì là chính đáng và trong sạch; lúc đó, bà nảy sinh ý định vững chắc từ bỏ sự vô đạo của người Ba Tư và gia nhập cộng đồng Kitô hữu. Với mong muốn tìm hiểu sâu sắc hơn về đức tin Kitô giáo, cô bắt đầu lén lút đến các nhà thờ Kitô giáo, lắng nghe việc đọc và hát thánh ca cũng như những bài giảng từ Lời Chúa, đồng thời quan sát kỹ lưỡng cách cử hành các nghi lễ nhà thờ một cách trang nghiêm và kính cẩn. Dần dần, cô rất yêu mến đức tin Kitô giáo và thích lối sống của các Kitô hữu. Lúc đó, cô bắt đầu thận trọng noi gương các Kitô hữu trong việc tu dưỡng và chế ngự xác thịt. Lúc đó cô đã mười tám tuổi, và điều cô lo sợ nhất là bị gả đi lấy chồng và tâm trí bị vướng bận bởi những lo toan đời thường. Vì vậy, cô không xuất hiện trước mặt mọi người (những người ngoại đạo), không giao du với những thiếu nữ và phụ nữ Ba Tư danh giá và giàu có, mà tránh xa họ, không tham gia vào các cuộc trò chuyện hay kết bạn với họ; còn với các thiếu nữ và phụ nữ Kitô giáo, cô thường đến thăm và trò chuyện với họ về sự ra đời của Đức Kitô từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, về tất cả các phép lạ của Ngài, về sự chịu khổ và cái chết tự nguyện của Ngài, về sự Phục Sinh và việc Ngài thăng thiên cùng thân xác lên trời, về Ngày Phán Xét Cuối Cùng, về phần thưởng dành cho người công chính và về những cực hình dành cho kẻ có tội. Bà tin tưởng không chút nghi ngờ vào tất cả những gì nghe được từ các thiếu nữ Kitô hữu, ghi khắc mọi lời họ nói vào lòng, tâm hồn bà cảm động sâu sắc và ngày càng bừng cháy tình yêu dành cho Chúa. Cô tự nhốt mình trong phòng, đọc các sách Kitô giáo, làm quen với việc cầu nguyện và hát Thánh vịnh, và cầu nguyện với Đức Chúa Trời Kitô giáo duy nhất và chân thật, rắc tro lên đầu mình. Cô đã kiên trì như vậy trong một thời gian dài, giữ kín đức tin Kitô giáo. Bởi vì cô sợ cha mình và các pháp sư khác, hơn nữa cô còn nghĩ rằng để được cứu rỗi chỉ cần thầm tin vào Đấng Christ là đủ: lúc đó cô vẫn chưa hiểu lời của các Tông đồ: *"Người ta tin bằng lòng để được công chính, và xưng ra bằng miệng để được cứu rỗi"* (Rô-ma 10:10).

Sau một thời gian khá dài, Si-ra mắc phải một căn bệnh nào đó, tuy nhiên, cô không tìm cách chữa trị bằng phép thuật, như thói quen của những kẻ vô đạo, mà đã hướng lòng mình về Chúa. Trong lúc thân xác đang đau đớn, bà đến nhà thờ Kitô giáo và bắt đầu nài nỉ vị linh mục cho bà dù chỉ một ít tro thánh, với hy vọng sẽ được chữa lành nhờ tro đó. Nhưng vị linh mục đã từ chối bà, coi bà là kẻ vô đạo, và nói:

– Làm sao có thể có sự hiệp thông giữa ngươi, kẻ vô tín, với những người có đức tin? Ngươi, kẻ thờ thần tượng, có điểm gì chung với nhà thờ Kitô giáo?

Cô không tức giận vì điều đó, vì tự biết mình không xứng đáng, nhưng im lặng và với lòng tin, cô chạm vào áo của vị linh mục, giống như người phụ nữ bị chảy máu xưa kia đã chạm vào áo của Chúa Kitô (Mt 9:20–22), – và ngay lập tức được chữa lành khỏi căn bệnh của mình; sau đó, cô trở về nhà trong tình trạng khỏe mạnh, khiến mọi người đều ngạc nhiên trước sự hồi phục nhanh chóng của cô.

Sau đó, thánh nữ Si-ra tự nhủ trong lòng: nếu sức mạnh của các tôi tớ Chúa Kitô đã như vậy, thì chính Chúa Kitô còn toàn năng hơn gấp bao nhiêu lần, – và cô rất mong muốn hiểu biết sâu sắc hơn về đức tin Kitô giáo, suy nghĩ xem làm thế nào để được ban phép rửa thánh.

Ma quỷ, kẻ ghen tị với mọi điều thiện lành, khi nhận thấy ở thiếu nữ thánh thiện Sira những mầm mống đầu tiên của đức tin thánh thiện, đã quyết tâm cản trở cô; vì thế, hắn hiện ra trước mặt cô vào ban đêm với dáng vẻ giận dữ và bắt đầu lên án cô vì đã từ bỏ phong tục của dân tộc mình, tìm đến sự giúp đỡ của các Kitô hữu khi ốm đau và chạm vào áo của một linh mục Kitô giáo.

Còn cô gái thánh thiện, nhận ra đó là sự cám dỗ của ma quỷ, đã làm dấu thánh giá như đã được các Kitô hữu dạy, rồi quỳ gối xuống và bắt đầu đọc Thánh vịnh 90 của Đavít: *"Ai ở dưới bóng Đấng Tối Cao*, *dưới bóng Đấng Toàn Năng*, *sẽ được an nghỉ"* (Thánh vịnh 90:1), từ đầu đến cuối.

Sau đó, ma quỷ biến mất trong một thời gian ngắn, nhưng sau khi cô đọc xong Thánh vịnh, nó lại xuất hiện và nói với cô những lời tương tự với sự giận dữ.

Và một lần nữa, cô gái quỳ gối trước mặt Chúa và bắt đầu đọc lại cùng một Thánh vịnh đó.

Ma quỷ lại biến mất trong một thời gian ngắn, nhưng sau đó lại quay trở lại và táo tợn nói với cô gái:

– Ta là thần ngự trên cao, dưới sự che chở của Ta, mọi người đều được an toàn; và con (hắn tiếp tục) nên nương tựa vào Ta, chứ không phải vào những người Kitô hữu đang lừa dối con.

Cô gái thánh thiện, sau khi cúi đầu ba lần cùng lời cầu nguyện, bắt đầu khẩn thiết xin Chúa Kitô, Thiên Chúa, bày tỏ cho cô sự thật và xua đuổi mọi sự lừa dối khỏi cô.

Và ngay lập tức, nhờ quyền năng của Thiên Chúa, kẻ cám dỗ đã bị xua đuổi khỏi vị thánh nữ; nhưng trong tâm trí nàng, như một dấu vết của sự cám dỗ từ ma quỷ, vẫn còn lại sự nghi ngờ. Nhận ra rằng sự nghi ngờ này xuất phát từ sự ám ảnh của ma quỷ, Sira đã hướng lòng về Thiên Chúa với trái tim ấm áp, ăn năn trong nước mắt và xưng thú với Ngài về sự yếu đuối của mình.

Đêm tiếp theo, vị thánh được Chúa an ủi qua một giấc mơ, báo trước cuộc tử đạo của bà.

Cô cảm thấy như mình đang đứng trên một nơi cao, cao hơn các linh mục, và cầm trên tay chiếc chén thánh chứa đầy máu của Chúa Kitô; cô giơ chiếc chén này lên cho dân chúng xem, trong khi hai phó tế đang xông hương, đứng hai bên cô. Giấc mơ này báo trước rằng vị thánh sắp phải uống chén đau khổ vì danh Chúa Kitô trước mặt dân chúng, những người sẽ chứng kiến cảnh tượng nhục nhã ấy; còn vị trí cao quý mà bà đứng trên đó tượng trưng cho vinh dự cao cả của sự tử đạo, vượt trội hơn mọi phẩm trật của các thánh; còn việc xông hương là dấu hiệu cho thấy sự đau khổ của bà được Thiên Chúa chấp nhận như một của lễ và hương thơm, và rằng nhờ sự đau khổ ấy, toàn thể Giáo Hội của Chúa Kitô sẽ được lan tỏa hương thơm.

Sau thị kiến đó, vị thánh bắt đầu sống một đời tu hành nghiêm ngặt vì Thiên Chúa. Chẳng bao lâu sau, anh em và người thân của bà đã nhận ra rằng bà đồng cảm với đức tin Kitô giáo: vì họ thấy thân thể bà đã thay đổi, khuôn mặt xanh xao vì kiêng khem và ăn chay, hầu như không nói chuyện với ai, mà chỉ tự giam mình trong phòng và sống trong im lặng; bà ngừng dâng lễ vật cho các vị thần và bỏ các nghi lễ thường được cử hành trong giới ngoại đạo. Thấy vậy, họ buồn bã và bắt đầu nài nỉ mẹ kế thuyết phục cô gái từ bỏ lối sống ấy và không từ bỏ việc thờ phụng các vị thần của tổ tiên, để không làm ô danh dòng họ và không gây ra cơn thịnh nộ của nhà vua đối với cả gia đình họ. Còn người mẹ kế, bị dẫn dắt bởi kẻ đã cám dỗ Ê-va trong vườn Ê-đen xưa kia bằng hình dạng con rắn[5660] , – đã đến gặp riêng cô gái hạnh phúc ấy với khuôn mặt rạng rỡ và vui vẻ, rồi bắt đầu nói với cô rằng chính bà cũng theo cùng một đức tin Kitô giáo, nhưng bí mật giữ gìn đức tin ấy và phụng sự Chúa Kitô. Mẹ kế khuyên cô ấy đừng từ bỏ Chúa Kitô trong thầm lặng, nhưng trước mặt mọi người phải thực hiện các nghi lễ thờ cúng thần tượng như thường lệ, để khi mọi người thấy cô ấy thờ phụng các vị thần, họ sẽ không còn nghi ngờ cô ấy là người theo đạo Kitô nữa.

– Nếu làm như vậy, – người dụ dỗ ấy nói, – con sẽ không làm Chúa Giê-su phật lòng (vì Ngài cũng hài lòng khi ai đó phụng sự Ngài trong bí mật), cũng không làm cha và các anh em của con tức giận, và sẽ tránh được những cực hình khủng khiếp, vốn chắc chắn sẽ ập xuống con nếu con không nghe theo lời khuyên của ta. Hãy nghĩ xem, với thân phận một thiếu nữ trẻ tuổi, thể xác yếu đuối, làm sao ngươi có thể chịu đựng được những trận đòn roi, vết thương, sự tra tấn thể xác, sự thiêu đốt trên lửa, và những cực hình khác; chẳng lẽ ngươi không lo sợ rằng, vì không chịu nổi những đau khổ đó, ngươi sẽ phải từ bỏ Chúa Kitô trái với ý muốn của mình sao? Khi đó, ngươi sẽ phạm

[5660] Tức là quỷ dữ.

một tội lỗi lớn lao và không thể tha thứ. Sẽ tốt hơn nhiều cho con nếu con thầm lặng phụng sự Chúa Kitô, còn bề ngoài thì giả vờ như thể con đang phụng sự các vị thần. Điều đó sẽ không bị coi là tội lỗi đối với con.

Những điều này và nhiều điều khác tương tự, mẹ kế hàng ngày nói với cô gái Sira và đã thuyết phục trái tim cô theo lời khuyên của mình: *"Những mối quan hệ xấu làm hư hỏng những thói quen tốt"* (1 Cô-rinh-tô 15:33), – Kinh Thánh chép.

Tuy nhiên, Chúa không để cho tôi tớ của Ngài chìm đắm trong sự lừa dối ấy, như trong một vực thẳm nào đó, mà lại tiếp thêm sức mạnh cho cô bằng những sự mặc khải mới.

Bốn tháng trôi qua kể từ đó; Mùa Chay vĩ đại – Mùa Chay Thánh – đã đến, và cô gái thánh thiện mong muốn tu hành bí mật trong việc ăn chay và cầu nguyện. Khi thánh nữ bắt đầu ăn chay, nàng đã thấy (trong một giấc mơ) các anh em mình chìm đắm trong mủ và bùn, cũng như thấy cha mình đang nằm trên một chiếc giường bẩn thỉu; khi nhìn sang phía bên kia, nàng thấy một cung điện và một chiếc giường cao và đẹp, tỏa sáng bởi một ánh sáng kỳ diệu; cô cũng thấy nhiều khuôn mặt rạng rỡ đang kêu gọi cô vào cung điện đó.

Sau giấc mơ ấy, cô tỉnh giấc và sáng sớm hôm sau liền đến nhà thờ Kitô giáo; khi đến gặp Giám mục Gioan, cô kể lại cho ngài nghe chi tiết về bản thân mình, cách cô được chữa lành khỏi bệnh tật nhờ chạm vào áo của linh mục, những giấc mơ mà Chúa đã ban cho cô, và bắt đầu xin Giám mục ban cho cô phép rửa tội thánh.

Vị giám mục, sau khi nghe hết những điều cô gái kể lại, đã vui mừng trong lòng vì cô, nhận ra rằng cô đang được Thiên Chúa kêu gọi đến sự cứu rỗi. Tuy nhiên, xét đến hoàn cảnh khắc nghiệt lúc bấy giờ, ngài đã không ban phép rửa tội cho cô, vì ngài biết cô xuất thân từ một gia đình quý tộc và có người cha rất được kính trọng (bởi những người ngoại đạo); ông cũng biết rõ về lòng thù hận không thể hòa giải mà tất cả các pháp sư dành cho các tín hữu; ông lo sợ sẽ chọc giận những người ngoại đạo, khiến họ nổi cơn thịnh nộ vì việc rửa tội cho thiếu nữ ấy, xúi giục nhà vua phát động cuộc đàn áp chống lại Giáo hội của Chúa Kitô, và xua đuổi các chiên tinh thần của Chúa Kitô bằng cơn thịnh nộ của họ, với sự tàn bạo như những con sói. Ngoài ra, vị giám mục còn lo lắng cho cô gái, sợ rằng cô, vì sợ cơn giận của cha mẹ và lo sợ những cực hình, sẽ từ chối Chúa Kitô, và do đó ân sủng của phép rửa thánh sẽ bị xúc phạm. Vì vậy, vị giám mục khuyên cô gái thánh thiện này trước tiên hãy xưng nhận Chúa Kitô trước mặt cha mình, các anh em, họ hàng và tất cả những người trong gia đình. Nếu cô có thể chịu đựng được những đau khổ mà những người thân thánh thiện của cô có thể gây ra, thì cô sẽ vững vàng đến cùng trong việc xưng danh Chúa Kitô; và khi đó, cô sẽ được ban phép Rửa tội thánh. Sau khi đưa ra lời khuyên đó cho cô gái, vị giám mục đã cho cô ra về trong bình an.

Cô gái rời khỏi giám mục với tâm trạng vô cùng buồn bã, vì mong muốn của cô không được toại nguyện; tâm trí cô rối bời, bởi cô đang đứng giữa tình yêu và nỗi sợ – cô cháy bỏng tình yêu dành cho Chúa Kitô, nhưng đồng thời cũng sợ hãi những cực hình; vì thế, cô đã im lặng vì sợ hãi.

Một thời gian sau, cô gái thánh thiện lại có một giấc mơ, cụ thể là cô thấy Thiên Thần của Chúa đang cầm một cây gậy sắt trong tay và đánh cô bằng cây gậy đó; khi đó, Thiên Thần hỏi cô:

– Lời hứa của con đâu rồi? Chẳng phải con đã hứa sẽ trung thành phụng sự Đức Chúa Trời chân thật và kiên định bảo vệ danh thánh của Ngài trước những kẻ vô đạo sao?

Khi tỉnh dậy khỏi giấc ngủ và giấc mơ này, thiếu nữ đã vô cùng kinh hoàng.

Khi bình minh ló rạng, cô được gọi đến gặp mẹ kế. Mẹ kế ra lệnh cho cô thực hiện nghi lễ dâng tế buổi sáng cho các vị thần, theo phong tục. Đã tràn đầy lòng nhiệt thành dành cho Đức Kitô, Thánh Sira dự định công khai xưng danh Đức Kitô và từ bỏ phép thuật cùng việc thờ lạy thần tượng trước mặt mọi người; tuy nhiên, lúc đó cô giả vờ tỏ ra vâng lời mẹ mình, rồi cầm lấy các dụng cụ tế lễ theo nghi thức ma quỷ, theo truyền thống của Zoroaster, tiến đến bàn thờ; nhưng ngay lúc đó, cô thấy mình như được chiếu rọi bởi một ánh sáng Thần thánh nào đó. Sau khi củng cố lòng mình và xua tan nỗi sợ hãi khỏi tâm hồn, vị thánh đã đập vỡ những dụng cụ tế lễ đó ngay trước mắt mọi người, nhổ nước bọt vào ngọn lửa (mà người Ba Tư tôn sùng như một vị thần), dập tắt nó, phá hủy bàn thờ và lớn tiếng tuyên bố:

– Ta là người Kitô hữu! Ta từ chối thờ phượng các thần tượng, lên án mọi việc phù phép tà ác của ma quỷ, chà đạp các thần giả dối và các bàn thờ gian ác, và tin vào Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật của Kitô giáo, và ta đang trên đường đến nhà thờ Kitô giáo.

Các anh em cùng mẹ kế, cũng như tất cả những người có mặt trong nhà và nghe thấy những lời cô gái nói, đã bắt cô lại, giữ chặt và nhốt cô trong phòng để cô không thể ra khỏi đó; sau đó họ bố trí lính canh để canh giữ cô gái (lúc đó cha cô không có ở nhà). Còn vị Thánh nữ thì bắt đầu xin họ gọi cha mình đến, để cô có thể xưng danh

Chúa Kitô trước mặt ngài, dù có bị họ giao nộp để chịu cực hình đi chăng nữa; vì cô không còn muốn giấu giếm đức tin của mình vào Chúa Kitô nữa, mà muốn công khai bày tỏ đức tin ấy cho mọi người thấy, không sợ bất kỳ cực hình nào.

Trong khi đó, vào lúc này, những người thân và bạn bè của cô gái đã đến và bắt đầu khuyên nhủ cô trong nước mắt, bảo cô từ bỏ việc này, đừng làm cha và các anh em buồn lòng, đừng làm ô danh dòng họ và đừng tự ý dấn thân vào những cực hình tàn khốc; nhưng vị thánh thậm chí còn không thèm nghe những lời khuyên nhủ xảo trá đó.

Khi người cha đến và thấy ngọn lửa ma thuật của mình – thứ mà ông coi là thần linh – đã tắt lịm, bàn thờ bị lật đổ, các dụng cụ tế lễ bị đập vỡ, và khi nghe tin con gái mình là Sira đang lớn tiếng tôn vinh danh Chúa Kitô, ông bừng lên cơn thịnh nộ dữ dội, liền túm lấy cô và bắt đầu đánh đập cô bằng chính đôi tay mình không chút thương xót, đánh cho đến khi chính ông kiệt sức. Sau đó, ông bắt đầu khuyên nhủ và dỗ dành cô trong nước mắt, nói chuyện với cô một cách nhân từ và thân thiện, nhưng không thu được kết quả nào. Mặc dù người cha đã khiến cô phải chịu nhiều cực hình, trói cô lại, nhốt cô trong nơi tối tăm, để cô đói khát, và đánh đập cô nhiều lần; thỉnh thoảng, hoặc chính ông, hoặc qua những người thân trong gia đình, lại dịu dàng nài nỉ cô quay về với các vị thần của cha mình và chức vụ tư tế, – nhưng người nữ tỳ chân chính của Đấng Christ vẫn vững vàng như kim cương và bất khuất như cột trụ trong việc xưng nhận danh thánh của Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta.

Khi người cha nhận ra lòng trung thành bất diệt của Syra đối với đức tin Kitô giáo, cũng như việc không thể khiến cô gái từ bỏ Kitô giáo bằng bất kỳ cách nào, ông đã đi báo cáo mọi chuyện cho Maviptis, người được người Ba Tư coi là thủ lĩnh của các pháp sư. Maviptis, sau khi tập hợp tất cả các thầy tế lễ và các nhà chiêm tinh từ các thành phố lân cận, đã ngồi cùng họ tại đền thờ vị thần của họ – thần Lửa, và ra lệnh đưa thiếu nữ của Chúa Kitô ra trước tòa án của mình. Rất đông người đã tụ tập tại đó; trong số đó có không ít Kitô hữu đến để chứng kiến hành động anh hùng của thiếu nữ Sira; vì mọi người đều đã biết về sự hoán cải của cô và những đau khổ mà cha cô đã gây ra cho cô.

Maviptis bắt đầu tra hỏi cô gái tại sao cô lại từ chối các vị thần và truyền thống của cha mình để theo một đức tin khác. Cô gái trả lời như sau:

– Không một người nào có trí tuệ sáng suốt lại đi theo lối của những con vật dại dột, chỉ biết đi theo dấu chân những kẻ sinh ra chúng – không biết đi về đâu, mà sẽ chọn con đường mà họ thấy là tốt nhất; không một người sáng suốt nào lại đi theo cha ông và tổ tiên của mình, những người đang lôi kéo họ vào con đường lầm lạc dẫn đến diệt vong. Cũng giống như vậy, khi nhận ra rằng đức tin Kitô giáo tốt hơn vô cùng so với sự vô đạo của cha ông, tôi đã chọn điều tốt hơn và từ chối điều xấu hơn.

Maviptis giận dữ nói:

– Nhiều đau khổ đang chờ đợi ngươi, thiếu nữ ạ, nếu ngươi không nghe lời chúng ta.

Si-ra, đặt tay lên cổ mình, nói với sự can đảm phi thường:

– Hãy chặt đứt cái này đi; điều đó nằm trong quyền lực của ngươi – ta nói với ngươi một lần và mãi mãi.

Sau đó, Maviptis đã hỏi cô nhiều lần, nhưng cô không trả lời gì cả, mà chỉ thầm đọc những bài thánh vịnh của Đa-vít, mà những người ngoại đạo không hiểu.

Cuối cùng, Maviptis hỏi những người xung quanh:

– Cô ấy đang nói gì vậy?

Nhưng không ai biết cô ấy đang nói gì. Và chỉ có một người trong số những người có mặt ở đó (những người ngoại đạo) nói:

– Cô ấy đang đọc những lời cầu nguyện của Kitô giáo.

Maviptis lập tức ra lệnh gọi giám mục Kitô giáo đến, để xác minh xem cô gái có đang nói những lời Kitô giáo hay không.

Vị giám mục đến trong sự sợ hãi tột độ, vì e ngại quyền lực của các pháp sư. Nữ tử đạo nhìn ông. Thấy ông đang run rẩy vì sợ hãi, cô gái nói to với ông:

– Xin đừng sợ, thưa cha, nhưng hãy nhớ lời Kinh Thánh: *"Con sẽ nói về những mặc khải của Ngài trước mặt các vua và sẽ không hổ thẹn"* (Thánh Vịnh 118:46). Và còn nữa: *"Đừng sợ những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết linh hồn"* (Ma-thi-ơ 10:28).

Khi vị giám mục được hỏi về những lời cô gái đã nói, ngài xác nhận rằng đó quả thực là những lời của người Kitô hữu.

Maviptis, nổi giận với cô gái, ra lệnh đánh vào miệng cô. Sau đó, ông lúc thì nịnh hót cô, lúc thì đe dọa sẽ tra tấn, nhưng không đạt được kết quả gì, và bị bẽ mặt trước mặt các Kitô hữu đang có mặt tại đó và chứng kiến mọi chuyện diễn ra.

Sau đó, Maviptis ra lệnh giam giữ cô gái tại nhà cha cô trong một thời gian, không muốn báo ngay cho vua biết về cô, để tránh làm ô danh dòng dõi cao quý của cô; đồng thời, Maviptis khuyên cha cô gái nên dùng lời ngọt ngào hơn là đe dọa để thuyết phục cô từ bỏ đạo Kitô. Và vị tử đạo đã trở về nhà, vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa vì đã được ân sủng chịu khổ vì danh Chúa Kitô trước mặt hoàng tử, các quan tòa và toàn thể dân chúng.

Trong thời gian thiếu nữ ở nhà cha mình, Chúa đã an ủi và củng cố người tôi tớ của Ngài bằng những mặc khải mới; vì cô thường thấy các Thiên thần, những vị đã dạy cô cách trả lời các quan tòa vô đạo. Đôi khi Mô-sê, Ê-li, Thánh Phê-rô Tông đồ và các thánh khác hiện ra với cô, như được kể lại trong bản tường thuật chi tiết hơn về cuộc chịu khổ của thánh nữ Si-ra.[5661]

Trong khi đó, cha của thiếu nữ đã cố gắng bằng mọi cách để khiến cô xa lánh Chúa Kitô, nhưng không thể chiến thắng được sự kiên định của cô, và vì vậy, ông lại báo cáo về sự bướng bỉnh của thiếu nữ Maviptis cho Maviptis và toàn thể hội đồng các nhà chiêm tinh.

Vào thời điểm đó, một quan đại thần tên là Dar, người thuộc Hội đồng tối cao dưới triều vua, tình cờ đến thành phố đó; cả hai quan đại thần này, Dar và Maviptis, đều có mặt cùng lúc khi họ phải lắng nghe người cha của thiếu nữ than phiền về con gái mình, đồng thời ông ta còn vu khống các Kitô hữu rằng họ đã nổi loạn chống lại ông và định ném đá ông.

Quý tộc Dar đã cử một số người có danh tiếng đến gặp thiếu nữ, ra lệnh cho họ hỏi vị thánh nữ rằng tại sao cô lại từ bỏ trí tuệ huyền bí và chức vụ tư tế để chuyển sang theo đạo Kitô? Đồng thời, Dar ra lệnh cho những người được cử đi phải khuyên nhủ thiếu nữ bằng những lời dịu dàng, hứa hẹn với cô những món quà hoàng gia; còn nếu cô không nghe theo họ, ông ra lệnh cho họ nói với thiếu nữ rằng những cực hình khủng khiếp đang chờ đợi cô.

Khi những người được cử đến gặp cô gái và bắt đầu hỏi han cô về mọi chuyện, nói chuyện với cô một cách dịu dàng và thân thiện, cô gái đáp lại:

– Tôi đã định tự mình đến gặp người đã sai các ngài đi, để nói với ngài ấy về đức tin của tôi nơi Đức Kitô; nhưng vì các ngài đã đến gặp tôi, thì hãy nghe đây: tôi đã chấp nhận đức tin Kitô giáo vì tôi đã nhận ra sự chân thật và chính đáng của nó, bởi vì đức tin này công nhận Đấng Tạo Hóa của vạn vật là một Thiên Chúa duy nhất, toàn năng và bất tử; còn về phép thuật của các ngài và việc thờ lạy các thần tượng, tôi đã ghê tởm chúng, bởi vì các ngài thờ nhiều vị thần, nhưng những vị thần đó vô hồn và hèn mọn, Hãy nói với người đã sai các ngươi đến đây rằng: Này, đừng thay đổi lời hứa của ngươi, nhưng hãy thực sự giao nộp ta để chịu cực hình như ngươi đã hứa, vì ta sẵn sàng chịu đau khổ và thậm chí chết vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của ta.

Nghe câu trả lời của thiếu nữ, quan đại thần Dar bừng lên cơn giận dữ và ra lệnh bắt thiếu nữ khỏi nhà cha nàng và đưa vào ngục tối; sau đó, họ trói tay chân nàng bằng xiềng xích sắt, nhốt nàng trong một căn phòng chật hẹp và u ám, không cho nàng ăn bánh mì hay uống nước.

Và vị thánh nữ đã bị giam cầm trong ngục tối suốt ba ngày ba đêm, không thể cử động được, một phần vì những xiềng xích sắt nặng nề trói buộc cô, một phần vì căn phòng quá chật hẹp.

Ba ngày sau, cô gái được dẫn ra khỏi nhà giam. Lúc đó, những kẻ ngoại đạo hỏi cô: liệu hình phạt này đã đủ với cô chưa và cô có muốn quay lại thờ phụng các vị thần của tổ tiên và tuân theo luật lệ của tổ tiên hay không.

Cô gái vẫn kiên định trong đức tin vào Chúa Kitô.

Lúc đó, những người ngoại đạo lại xét xử cô một lần nữa và ra lệnh ném cô xuống một cái hào sâu, tối tăm, hôi thối và ghê tởm, đồng thời trói cô thánh bằng những xiềng xích sắt rất nặng. Khi đang trói cô gái, họ định dùng đinh để cố định xiềng xích, nhưng những chiếc đinh không thể cắm vào các lỗ đã chuẩn bị sẵn; nhiều thợ rèn đã được gọi đến, nhưng không ai làm được gì. Vị tử đạo đã làm dấu thánh giá trên những chiếc đinh và xiềng xích, và ngay lập tức những chiếc đinh tự động nằm đúng vào vị trí của chúng. Tuy nhiên, những kẻ thù của Chúa Kitô, bị mù quáng bởi sự thù hận, đã không nhận ra sức mạnh kỳ diệu của Thánh Giá và đã trói vị thánh một cách tàn nhẫn, cúi đầu bà xuống chân; sau đó ném bà xuống hố.

Chúa Kitô, Đấng không bao giờ bỏ rơi những ai yêu mến Ngài, ngay lập tức đã ban sự an ủi cho nữ tỳ của Ngài đang ở trong hố sâu ấy; vì ở đó, ánh sáng thiên đàng đã chiếu rọi xuống, xiềng xích sắt tự động mở ra và nằm

[5661] Câu chuyện chi tiết hơn này đã không còn lưu truyền đến ngày nay.

bên cạnh vị thánh nữ, mùi hôi thối biến thành hương thơm; vị tử đạo ở trong hào như trong cung điện, vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa.

Trong khi đó, các Kitô hữu ở thành phố ấy, cùng với vị giám mục của họ, đã tụ họp trong nhà thờ và bắt đầu cầu nguyện với nước mắt dâng lên Thiên Chúa cho nữ tử đạo Sira, để Ngài giúp nàng hoàn thành anh dũng công cuộc của mình.

Và vị tử đạo đã ở trong hố đó mười lăm ngày, đến nỗi không ai nghĩ rằng cô có thể còn sống sót vì mùi hôi thối nồng nặc và cơn đói, cũng như vì sự nặng nề của xiềng xích được đeo lên người cô.

Trong khi đó, vào thời điểm đó xảy ra hạn hán do trời không mưa kéo dài, và dân chúng đồn rằng đó là cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, trừng phạt tất cả mọi người bằng hạn hán và đói kém vì những đau khổ vô tội của thiếu nữ Sira.

Mười lăm ngày sau, những quan tòa bất chính mới biết rằng thiếu nữ Sira vẫn còn sống trong hố sâu và đã thoát khỏi xiềng xích. Mọi người đều vô cùng kinh ngạc. Thánh nữ lại được đưa từ hố sâu trở về nhà tù công cộng.

Ngay khi vị thánh tử đạo được đưa ra khỏi hố, một cơn mưa lớn lập tức trút xuống từ trời, tưới đẫm mặt đất; và dân chúng đồn rằng Đức Chúa Trời đã ban cơn mưa này vì cô gái Sira, người vừa được đưa ra khỏi hố.

Chúa đã ban cho nữ tỳ của Ngài ân sủng làm phép lạ, nhờ đó nàng có thể chữa lành bệnh tật và trừ tà; rất nhiều người đã đến gặp vị thánh đang ở trong ngục, mong được nàng chữa lành; và tất cả những ai chạm vào áo của nàng, hoặc chỉ chạm vào xiềng xích của nàng, đều được chữa lành khỏi bệnh tật của mình; còn các quỷ thì không chịu để ai đến gần bà.

Một thời gian sau, đến ngày lễ được thiết lập để tôn vinh các thánh tử đạo, những người trước đó đã chịu khổ nạn tại Ba Tư; ngày lễ này chỉ được cử hành một lần trong năm tại nhà thờ nằm ngoài thành phố; vị tử đạo mong muốn được tham dự lễ hội toàn dân và buổi thánh ca suốt đêm đó; bởi vì một tín hữu Kitô giáo sùng đạo đã đưa vàng cho các lính canh và tự mình bảo lãnh cho vị tử đạo, để họ thả bà ra khỏi ngục tối, đồng thời hứa sẽ đưa bà trở lại ngục vào sáng ngày hôm sau.

Thánh nữ được thả ra khỏi ngục; khi đó, bà đã thay đổi trang phục để những người ngoại đạo không nhận ra bà; khi đến nhà thờ, bà đứng ở góc tiền sảnh và lắng nghe tiếng hát thánh ca.

Tình cờ có một người phụ nữ bị quỷ ám cũng có mặt trong buổi lễ đó; ngay khi người phụ nữ ấy bước đến gần thánh nữ Sira, con quỷ đang ám trong người bà ta lập tức la lớn, nói rằng thánh nữ Sira đã đến nhà thờ và có thể trừ tà nó. Và khi tất cả những người có mặt ở đó bắt đầu tìm kiếm vị thánh tử đạo trong nhà thờ, cô lập tức rời khỏi đó và trở về ngục tối.

Các quỷ dữ sợ nàng đến nỗi thậm chí không dám đến gần nàng.

Vào một trong những đêm tiếp theo, thánh nữ Sira lại được thả ra khỏi ngục với điều kiện phải nộp tiền chuộc cho lính canh; lúc đó, bà đến gặp giám mục và nhận phép rửa tội thánh từ ngài tại nhà thờ nằm trong thành phố.

Sau tất cả những điều đó, Maviptis cùng các quan tòa và pháp sư đi theo ông đã quyết định đưa vị tử đạo đến gặp vua, vì họ không thể bằng bất kỳ cách nào ngăn cản cô tuyên xưng đức tin Kitô giáo. Khi đưa thiếu nữ đến gặp vua, các quan tòa đã đeo một con dấu lên cổ vị tử đạo, theo phong tục của họ, để tránh việc có người phụ nữ nào khác được đưa ra thay thế cho thiếu nữ Sira; con dấu đó có đặc điểm là không thể tháo ra khỏi cổ vị thánh tử đạo bằng bất kỳ cách nào, trừ khi cùng với cả đầu của bà.

Sau khi bắt được vị thánh nữ, các binh lính dẫn nàng đến thành phố tên là Aliak, vì lúc đó vua đang ở đó; các binh lính giao vị tử đạo cho quan trưởng thành phố cùng với văn bản nêu rõ tội lỗi của nàng, nguồn gốc gia đình nàng và những cực hình mà nàng đã phải chịu đựng.

Thống đốc thành phố (eparch) ban đầu đã khuyên nhủ vị thánh bằng những lời dịu dàng, sau đó bắt đầu đe dọa bằng những hình phạt, cố thuyết phục cô gái quay trở lại đức tin và lối sống cũ (tức là đức tin và lối sống ngoại giáo); nhưng khi thấy cô không nghe theo, ông ra lệnh cởi bỏ quần áo của cô, mặc cho cô một bộ áo rách rưới tồi tàn, rồi giao cô cho người Do Thái giám sát, vì biết rằng người Do Thái là kẻ thù của các Kitô hữu.

Người Do Thái, sau khi bắt cô thánh nữ bị trói bằng xiềng xích sắt, đã nhốt cô vào một căn phòng chật hẹp, còn thức ăn thì chỉ cho cô một miếng bánh lúa mạch rất nhỏ, để cô không chết đói; đồng thời mỗi ngày họ đều mắng mỏ cô bằng những lời lẽ thô tục, đồng thời cũng phỉ báng Chúa Kitô, nói rằng:

– Câu chuyện huyền thoại về ngươi đâu rồi, rằng chính những xiềng xích sẽ tự rơi khỏi cổ, tay và chân ngươi? Bây giờ chúng ta sẽ xem xiềng xích sẽ rơi ra sao!

Một lần nọ, khi những người Do Thái chế giễu thánh nữ bằng những lời như vậy, bà ngước mắt lên trời, thở dài và trong thâm tâm cầu nguyện cùng Chúa; ngay lập tức, trước mắt những người Do Thái, xiềng xích trên cổ, tay và chân bà đều rơi xuống, khiến họ vô cùng kinh ngạc.

Vị thánh nữ ở lại với người Do Thái mười một ngày, sau đó tổng trấn lại ra lệnh đưa bà đến gặp thủ lĩnh các nhà chiêm tinh, người từng phục vụ dưới triều vua, và kể lại cho ông ta tất cả những gì ông biết về cô gái.

Thủ lĩnh các pháp sư ra lệnh cho đưa thiếu nữ đến trước mặt mình, rồi hỏi nàng:

– Tại sao ngươi lại từ chối đức tin của chúng ta? Chẳng phải đức tin của chúng ta được cả các vị vua và các công tước tôn kính sao? Đức tin của chúng ta đã lan rộng khắp nơi, thống trị mọi người và làm giàu cho những ai giữ gìn nó; vậy tại sao ngươi lại gia nhập với những người Kitô hữu – những kẻ vô liêm sỉ, nghèo khổ và bị mọi người khinh bỉ, ghét bỏ?

Cô gái đáp lại một cách táo bạo:

– Ngày nay, vương miện của các vị vua đã khuất của các ngài ở đâu? Vinh quang của các công tước ở đâu? Tất cả những điều đó đã tiêu tan; các vị vua và các công tước, giống như cỏ, nở rộ trong một thời gian ngắn, nhưng rồi héo tàn và phải chịu cái chết vĩnh cửu, vì họ không nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, Đấng Tạo Hóa của vạn vật, và không tôn kính Đấng Chủ Tể của sự sống và cái chết, mà lại thờ phượng các tạo vật như thần linh, tôn sùng lửa, nước, mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Còn các Kitô hữu, nhờ những đau khổ mà họ phải chịu từ các ngài trong cuộc đời này, sẽ nhận được sự sống đời đời; và nhờ sự sỉ nhục tạm thời, họ sẽ thừa hưởng vinh quang trên trời.

Người đứng đầu các pháp sư nổi giận vì những lời nói của thiếu nữ; sau đó, ông bắt đầu tra hỏi cô chi tiết về nơi cô đã ở trước đó. Khi biết cô đã phải chịu đựng những cực hình khủng khiếp đến mức nào, cũng như biết về quãng thời gian bị giam cầm tăm tối trong ngục tối, và nghe nói rằng vị thánh nữ đang bị người Do Thái giám sát, ông ra lệnh giao cô lại cho người Do Thái, đồng thời ra lệnh cho họ canh chừng cẩn thận để không một tín hữu Kitô giáo nào đến gặp cô.

Sau khi nhận lại vị thánh nữ, những người Do Thái đã không thương xót mà bắt đầu tra tấn bà, hành hạ bà bằng đủ loại cực hình trong suốt ba ngày.

Khi một quan đại thần của vua, người được giao nhiệm vụ giám sát tất cả các ngục tối và tất cả các tù nhân, nghe tin về vị nữ tử đạo, ông đã nhận cô từ tay người Do Thái và đưa cô vào ngục tối của mình. Người này làm như vậy vì lợi nhuận, bởi vì các Kitô hữu có thói quen dùng vàng và bạc để mua quyền vào ngục từ các lính canh, nhằm thăm các tù nhân đang chịu khổ vì danh Chúa Kitô.

Trong thời gian nữ tử đạo đang ở trong ngục, một số tín hữu Kitô giáo, sau khi dùng tiền mua quyền vào ngục, đã đến thăm thánh nữ Sira. Thấy nàng bị xiềng xích sắt trói chặt và nằm trên mặt đất trần, họ đã mang đến và dọn cho nàng một chiếc giường, nhằm giảm bớt phần nào những đau đớn tột cùng mà nàng đang phải chịu. Nhưng một trong những lính canh ngục đến gần vị nữ tử đạo, đã đẩy cô xuống khỏi giường và gây cho cô cơn đau dữ dội, do sự nặng nề của những xiềng xích đeo trên người vị nữ tử đạo. Ngay lập tức, những xiềng xích sắt ấy tự động tuột ra và rơi khỏi người vị nữ tử đạo, khiến tất cả những ai có mặt tại đó đều vô cùng kinh ngạc trước sự việc vừa xảy ra.

Vào những ngày đó, nhà vua muốn rời khỏi thành phố đó để đến một thành phố khác tên là Resankusadon; đi cùng ngài có tất cả các quan đại thần Ba Tư, cũng như thủ lĩnh của các pháp sư. Theo sau họ là thánh nữ tử đạo Sira (bị trói), cùng với tất cả các tù nhân khác; suốt chặng đường, thánh nữ đã cầu nguyện cùng Chúa, đồng thời hát các thánh vịnh của Đa-vít. Các binh lính dẫn thánh nữ đi đã nhiều lần yêu cầu bà im lặng; vì lý do đó, họ đã xiềng xích bà chặt chẽ hơn nữa; nhưng bà vẫn không ngừng hát và tạ ơn Thiên Chúa.

Khi đến nơi gọi là Kars, thủ lĩnh các pháp sư cùng với các quan tòa khác đã ra lệnh đưa thánh nữ ra thẩm vấn và hỏi bà:

– Ngươi đã có đủ thời gian để suy ngẫm; hãy nói cho chúng ta biết ngươi chọn điều gì: ngươi có đồng ý quay trở lại thờ phụng các vị thần như ban đầu và được sống, hay ngươi muốn chết trong đức tin Kitô giáo?

Thánh nữ đáp:

– Tôi còn có thể chọn gì khác ngoài điều mà tôi đã chọn một lần và mãi mãi? Chẳng phải tôi đã nói nhiều lần rằng tôi là một Kitô hữu, là tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi: tôi yêu mến Ngài, tôi phụng sự Ngài và tôi mong muốn chết vì Ngài.

Thủ lĩnh các pháp sư nói:

– Hãy nói cho chúng ta nghe những lời khôn ngoan huyền bí mà ban đầu ngươi đã được dạy.

Còn vị thánh nữ thì bắt đầu cất tiếng đọc to những lời cầu nguyện dâng lên Đức Chúa Trời từ các Thi thiên của Đa-vít.

Thủ lĩnh các pháp sư rất tức giận và ra lệnh xé rách áo quần của bà, rồi đưa bà đến trước mặt mình trong tình trạng trần truồng để thẩm vấn; sau đó ông hỏi:

– Chẳng lẽ bây giờ ngươi không cảm thấy chút xấu hổ nào sao?

Thánh nữ đáp:

– Tại sao tôi phải xấu hổ? Tôi không phải là kẻ cướp, cũng không phải là kẻ dâm đãng; tôi chưa từng làm hại ai cả; dù các ngươi đã tước bỏ y phục bên ngoài của tôi, nhưng tôi vẫn có bộ y phục rực rỡ, bất hoại, vĩnh cửu trên trời, mà Chúa của tôi đã chuẩn bị sẵn cho tôi, chính vì Ngài mà giờ đây tôi đang trần truồng.

Vào lúc vị thánh nữ đang nói những lời ấy, vị hoàng tử xứ Khuzain, đang ngồi cùng với nhà chiêm tinh, đã nói:

– Bà ta đang điên loạn.

Nhưng vị thánh nữ đáp lại:

– Không phải tôi bị quỷ ám, mà chính ngài mới bị quỷ ám, vì ngài đang phụng sự lũ quỷ; nếu ngài muốn, tôi sẽ vẽ dấu thánh giá trên trán ngài, lúc đó quỷ sẽ ra khỏi ngài, và đôi mắt tâm hồn ngài sẽ được soi sáng, để ngài nhận biết sự thật.

Lúc đó, tất cả những người có mặt ở đó đều đồng thanh kêu lên:

– Cô ta phải chết, vì cô ta phỉ báng các vị thần của chúng ta, sỉ nhục nhà vua và nói những lời ngạo mạn với các hoàng tử.

Lúc đó, các quan tòa đã kết án tử hình nàng và lại niêm phong miệng nàng, để đề phòng có ai đó dùng mưu kế khiến một người phụ nữ khác bị giết thay cho nàng. Họ đã định đưa nàng đi hành quyết ngay trong ngày hôm đó. Nhưng một số thẩm phán khuyên nên hoãn án tử hình của nàng lại trong một thời gian ngắn, nói rằng không nên hành quyết nàng tại chỗ đó, vì ở đó có nhiều Kitô hữu và do đó có thể nảy sinh nổi loạn và tiếng oán than vì cái chết của nàng. Vì lý do này, việc hành quyết vị tử đạo của Chúa Kitô đã bị hoãn lại, và các thẩm phán lại giao thánh nữ cho viên cai ngục trưởng; sau khi tiếp nhận vị tử đạo, viên cai ngục trưởng này ra lệnh trói cô lại và giam cô trong cùng một phòng với các tù nhân khác.

Sau đó, nhà vua từ đó đi đến một thành phố tên là Vepharmais và ở lại đó một thời gian. Vị thánh tử đạo cũng bị dẫn đến đây và bị giam vào ngục tối. Trong ngục tối, vị nữ tử đạo bị ốm rất nặng, đến nỗi đã chuẩn bị đón nhận cái chết; lúc đó, vị nữ tử đạo của Chúa Kitô bắt đầu cầu nguyện với Chúa trong nước mắt, xin Ngài đừng để bà chết ở đây, mà hãy ban cho bà vương miện tử đạo và cái chết giữa những đau khổ. Thiên Chúa đã nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài và ban cho bà sức khỏe.

Lúc đó, một trong những lính canh ngục, bị ma quỷ xúi giục phạm tội xác thịt, đã xin cấp trên cho phép hắn thực hiện hành vi dâm ô đối với người tù nhân (cô trinh nữ thánh Si-ra).

Sau khi được chỉ huy đội lính canh cho phép, tên ngoại đạo đó đã tiến đến cô dâu của Đấng Kitô, bừng bừng dục vọng ô uế. Nhưng Chúa, Đấng bảo vệ tôi tớ của Ngài, đã vô hình đánh vào mắt, tai và lưỡi của tên lính canh đó, khiến hắn trở nên mù, điếc và câm, rồi ngã sấp xuống đất và bắt đầu thét lên những tiếng kêu điên cuồng.

Người chỉ huy lính canh, khi chứng kiến tất cả những điều này, thay vì kinh hoàng, nhận ra quyền năng của Đức Chúa Trời và trừng phạt người lính canh đó vì sự táo tợn, thì chính ông ta lại nảy sinh ý định phạm tội, bị cám dỗ bởi dục vọng đối với trinh nữ thánh thiện.

Thánh nữ nói với ông ta:

– Con đã đính hôn với Vua trên trời và Ngài sẽ không cho phép ai làm ô uế trinh nữ và cô dâu của Ngài.

Nhưng chỉ huy đội lính canh không nghe lời nàng. Tuy nhiên, khi hắn định táo tợn tiến lại gần trinh nữ, ngay lập tức Thiên Thần của Đức Chúa Trời đã đánh hắn, và hắn ngã xuống đất như người chết. Các đầy tớ đến và khiêng hắn đi khỏi đó; hắn không tỉnh lại ngay, nhưng ngay cả sau hình phạt của Đức Chúa Trời như vậy, tên đầy tớ của Satan vẫn không chịu hối cải. Tràn ngập cơn thịnh nộ, hắn lập tức âm mưu giết chết vị thánh nữ, vì hắn đã nhận lệnh phải khiến vị thánh nữ phải chịu một hình thức tử hình nào đó. Kẻ vô đạo này không muốn giết vị thánh nữ bằng gươm, mà âm mưu siết cổ nàng bằng dây thừng. Hắn gọi thợ rèn đến và ra lệnh cho người này tháo xiềng xích sắt khỏi vị thánh nữ.

Còn vị thánh nữ thì nói với chỉ huy đội lính canh:

– Không cần thợ rèn ở đây.

Nói xong, chính cô đã tự tháo xiềng xích khỏi cổ, tay và chân mình. Mọi người chứng kiến cảnh đó đều kinh ngạc, nhưng không nhận ra quyền năng của Đức Chúa Trời.

Lúc đó, chỉ huy lính canh nhà tù ra lệnh trói lại tay vị nữ tử đạo của Chúa Kitô, để cô không chống cự trong lúc hành hình. Nhưng vị nữ tử đạo lại nói với ông ta:

– Hãy bỏ những lời khuyên vô ích của ngươi đi, vì chính tôi, theo ý muốn của mình, sẽ tự nguyện hiến dâng mạng sống vì Đức Chúa Trời của tôi, đến nỗi tôi sẽ không hề nhúc nhích một ngón tay nào.

Lúc đó, bọn vô đạo đã buộc dây thừng vào cổ vị tử đạo và bắt đầu siết chặt vòng thòng lọng. Khi vị thánh đã gần chết, chúng nới lỏng dây thừng một chút và nói với bà:

– Nếu ngươi từ bỏ đức tin Kitô giáo, chúng ta sẽ để ngươi sống.

Nhưng vị tử đạo đáp lại:

– Hãy làm theo những gì các ngươi được lệnh.

Họ lại bắt đầu siết cổ, nhưng rồi lại nới lỏng dây thừng và hỏi:

– Ngươi có muốn từ bỏ Chúa Kitô để được sống không?

Nhưng vị thánh tử đạo, mong muốn chết vì Chúa Kitô, lại ra lệnh cho họ làm theo những gì đã được truyền. Lúc đó, những kẻ tra tấn đã dùng sức kéo dây thừng từ hai phía, cho đến khi vị thánh tử đạo qua đời.

Vậy là vị thánh tử đạo trinh nữ Sira đã qua đời, sau khi chịu khổ vì Chúa Kitô, Chúa của mình[5662] .

Những kẻ tra tấn quyết định không chôn cất thi thể thánh thiện của bà, mà ném cho chó ăn. Vì vậy, họ mang thi thể vị tử đạo ra khỏi ngục tối, đưa về nhà, tập hợp rất nhiều con chó ở đó, rồi khóa cổng lại và ném thi thể vị tử đạo cho chó ăn. Nhưng bầy chó không hề đụng đến thi thể ấy, và vào ban đêm, những kẻ ngoại đạo đã ném thi thể vị nữ tử đạo ra khỏi ngôi nhà đó. Các Kitô hữu trong thành phố ấy, khi biết tin về cái chết đầy đau khổ của vị nữ tử đạo của Chúa Kitô, đã theo dõi sát sao xem những kẻ hành hạ sẽ làm gì. Khi thi thể của vị nữ tử đạo của Chúa Kitô bị vứt ra ngoài, các Kitô hữu đã thu nhận và an táng thi thể ấy một cách trang trọng, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà chúng ta dâng lên sự tôn kính và vinh quang, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen.

Lễ tưởng niệm Thánh Tử đạo Evtichii

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 8

Thánh Evtichius xuất thân từ thành phố Sevastopol[5663] . Khi nghe tin về Tin Mừng của danh Chúa Kitô, ngài đã rời bỏ cha mẹ và bạn bè để đến với môn đệ yêu dấu và Tông đồ Gioan Thần Học; theo chân ngài khắp nơi và noi gương đời sống của ngài, Thánh Evtichius đã học hỏi từ ngài sự khôn ngoan thiêng liêng và tiếp nhận ân sủng của Thiên Chúa từ ngài như từ một nguồn suối. Tràn đầy lòng nhiệt thành tông đồ, Thánh Evtichius đã dũng cảm tiêu diệt sự lừa dối của ma quỷ. Khi gặp Thánh Tông đồ Phaolô, Eutychius đã trở thành người đồng hành của ngài và cùng ngài nỗ lực không ngừng trong việc rao giảng Tin Mừng, đồng thời can đảm chịu đựng mọi gian nan; chính vì thế, Thánh Eutychius được coi là môn đệ của cả hai vị – Thánh Gioan Tông đồ, nhà Thần học, và Thánh Tông đồ Phaolô.

Thánh Eutychius này cũng được xếp vào hàng các Tông đồ nhỏ và được gọi là Tông đồ, mặc dù ngài không có tên trong số bảy mươi Tông đồ; ông được tôn vinh với danh hiệu Tông đồ bởi vì đã cùng các Tông đồ tiền bối rao giảng danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, cũng như bởi vì chính các Tông đồ tiền bối này đã tấn phong ông làm giám mục để phục vụ Lời Chúa (rao giảng) và dâng lễ tế, và cuối cùng, bởi vì ngài đã đi qua nhiều vùng đất để rao giảng danh Chúa Kitô, không chỉ cùng với các Tông đồ khác, mà còn một mình. Tuy nhiên, ngài không rao giảng Tin Mừng một mình, vì luôn có Thiên Thần của Thiên Chúa đồng hành, Đấng đã củng cố ngài và báo trước

---

[5662] Thánh nữ tử đạo Sira qua đời vào năm 558. Ngay sau khi Thánh Tử đạo Sira qua đời, người thân của bà là Thánh Maria (tên tiếng Ba Tư là Golindukha) đã bắt đầu cuộc hành trình chịu khổ vì tuyên xưng danh Chúa Kitô dưới triều vua Khosrow I, và tiếp tục dưới triều vua Khosrow khác – cháu nội của vị vua đầu tiên – tức là dưới triều Khosrow II Parvez (590 – 628). – Ngày tưởng niệm Thánh Maria Golindukha là ngày 12 tháng 7

[5663] Trong thời cổ đại, có một số thành phố mang tên Sevastopol (hoặc Sebaste); không rõ trong trường hợp này, cụ thể là thành phố Sevastopol nào.

cho ngài mọi điều sẽ xảy ra với ngài. Vị Tông đồ của Chúa Kitô này đã kiên nhẫn chịu đựng mọi sự, từ việc bị giam cầm trong ngục tối cho đến những trận đòn roi, và đã can đảm chịu khổ vì Chúa của mình.

Một lần nọ, khi Thánh Eutychius bị giam trong ngục tối và phải chịu đói khát trong thời gian dài, Ngài đã được Thiên Chúa ban cho bánh từ trời; chiếc bánh ấy được mang đến bởi một bàn tay vô hình; sau khi nếm thử chiếc bánh ấy, vị Tông đồ của Chúa Kitô đã được củng cố sức mạnh đến mức coi thường mọi cực hình mà người ta giáng xuống cho Ngài.

Một lần khác, khi ngài bị treo trần truồng trên cây tra tấn và bị hành hạ bằng các dụng cụ sắt, từ thân thể tinh khiết của ngài đã chảy ra cùng với máu một loại dầu thơm ngát, làm tràn ngập không khí bằng hương thơm.

Sau đó, khi vị Thánh Tông đồ bị ném vào đống lửa đang cháy, bỗng nhiên có tiếng sấm vang lên từ trời, rồi một cơn mưa lớn kèm theo tuyết (mưa đá) đổ xuống và dập tắt ngọn lửa, còn vị Thánh vẫn sống sót và không hề hấn gì, và ngài đã tôn vinh Chúa.

Thánh nhân cũng bị ném cho thú dữ ăn thịt, nhưng chúng trở nên hiền lành như chiên khi nhìn thấy ngài; nhưng điều đáng chú ý nhất là: con sư tử được thả ra để tấn công ngài, đã dùng giọng nói của con người, ca ngợi sự vĩ đại của Chúa và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Đức Giêsu Kitô trước sự chứng kiến của mọi người, khiến tất cả những ai chứng kiến cảnh tượng đó đều vô cùng kinh ngạc và thậm chí hoảng sợ.

Nhưng có gì đáng ngạc nhiên đâu? Đấng đã có thể, từ thuở xưa, mở miệng con lừa của Balaam (Số 22:28–31), khiến nó nói bằng tiếng người, há chẳng thể mở miệng con sư tử để nó cất tiếng bằng ngôn ngữ con người, nhằm vạch trần và làm nhục những kẻ vô đạo, đồng thời tôn vinh quyền năng toàn năng của Ngài sao? Chính một và cùng một Chúa đã hiện diện và thực hiện phép lạ ở cả hai nơi.

Về cách Thánh Tông đồ Eutychius kết thúc cuộc đời thánh thiện của mình, người ta biết rằng ngài đã bị trói và dẫn từ Ê-phê-sô về quê hương Sevastopol, và tại đó ngài đã qua đời. Phần lễ được dành cho ngài trong Sách Lễ (Mineya) có đề cập đến cách ngài qua đời, cụ thể là: ngài bị chém bằng gươm vào đầu thánh, và chính Thiên Chúa đã trao cho ngài vương miện chiến thắng lộng lẫy[5664] .

Bài ca Kondak, giọng 3:

Là đồng tế với các Tông đồ và là vẻ đẹp của các Thánh, thánh Eutychius ơi, ngài đã được tôn vinh qua cuộc tử đạo, ngài đã tỏa sáng như mặt trời, soi sáng cho mọi người, và đã xua tan bóng tối sâu thẳm của sự vô thần. Vì lý do này, chúng con tôn kính ngài như một vị Thánh Thể thực sự của Đức Kitô.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Tatión

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 8

Vị thánh tử đạo này xuất thân từ Mantinea, thuộc Tổng giáo phận Claudiopolis và Giáo phận Honoriad[5665] . Bị những kẻ ngoại đạo bắt giữ vì tin vào Chúa Kitô, ngài được dẫn đến thành Claudiopolis[5666] gặp quan tổng trấn thành phố là Urbanus; trong buổi thẩm vấn, ngài đã tuyên xưng mình là Kitô hữu, và vì thế bị giam vào ngục tối. Sau đó, ngài phải trải qua một cuộc thẩm vấn lần thứ hai; vì vẫn kiên định giữ vững đức tin nơi Chúa Kitô, ngài trước tiên bị đánh bằng gậy, rồi bị cạo da bằng các dụng cụ sắt, sau đó lại bị đánh đập và bị lôi kéo khắp thành phố. Khi đến cổng thành, vị thánh tử đạo đã làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình và lúc đó nghe thấy một tiếng nói từ trên cao báo trước cho ngài một tương lai đầy niềm vui, sau đó ngài đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[5667] .

[5664] Thánh Tông đồ Eutychius qua đời vào cuối thế kỷ I hoặc đầu thế kỷ II.

[5665] Mantinea và Claudiopolis nằm trong khu vực Honorian thuộc tỉnh Bithynia, một tỉnh La Mã ở phía tây bắc Tiểu Á. Người Hy Lạp gọi các thành phố chính của các tỉnh là "metropolis", còn các thành phố thuộc các khu vực tỉnh là "eparchia". Về mặt hành chính, Mantineia thuộc quyền cai quản của thống đốc Claudiopolis và giám mục vùng Honorian.

[5666] Thành phố Claudiopolis, trước đây có tên là Bithynia, nằm trong tỉnh Bithynia thuộc Tiểu Á, gần thượng nguồn sông Billea.

[5667] Vì người tra tấn Thánh Tatión là quan tổng trấn Urban, nên cái chết tử đạo của ngài được cho là xảy ra vào thời Đế vương Diocletian, cụ thể là vào năm 305. Hoàng đế Basil trong cuốn lịch thánh của mình gọi ngài là Tatian.

Ngày 7 tháng 9

25 tháng 8 (theo lịch cũ)

Thánh Tông đồ Tít

Ngày tưởng niệm 25 tháng 8

Thánh Tông đồ Tít là người gốc Crete, sinh ra trong một gia đình quý tộc (vì họ có nguồn gốc từ Miroy, vua Crete), nhưng không phải là những người theo đạo chính thống – họ là những người ngoại đạo, theo tà đạo thờ thần tượng. Ban đầu, chính Tít cũng phục vụ cho sự tà đạo đó và từ thuở thiếu thời đã thể hiện sự nhiệt tình lớn lao trong việc nghiên cứu các môn học Hy Lạp: ngài miệt mài nghiên cứu các tác phẩm của các nhà triết học và thi sĩ cổ đại, chẳng hạn như Homer và những người khác. Mặc dù vậy, Tít vẫn sống một cuộc đời hiền lành và trong sạch; dù ông chưa biết đến Đức Chúa Trời chân thật, nhưng ông vẫn giữ gìn sự trong sạch trinh khiết của thân thể mình, như sau này Thánh Ignatius, Người Mang Đức Chúa Trời, đã làm chứng về ông trong thư gửi cho các tín hữu tại Philadelphia, khi gọi Tít là người trinh khiết; Chính Đức Chúa Trời mà Tít chưa biết qua đức tin, ông đã tôn kính Ngài bằng những việc làm tốt lành của mình, và được Ngài hài lòng.

Khi Tít tròn hai mươi tuổi, ông nghe thấy một tiếng nói từ trời phán xuống rằng:

– Tít ơi! Ngươi nên rời khỏi nơi này và cứu rỗi linh hồn mình, vì giáo lý Hy Lạp không dẫn đến sự cứu rỗi.

Sau khi nghe thấy tiếng nói ấy, Tít mong muốn được nghe lại lần thứ hai; vì anh biết rằng đôi khi cũng có những tiếng nói và sự xúi giục từ các thần tượng. Lúc này, Tít đã không còn muốn tin vào các thần tượng nữa, vì anh bắt đầu nhận ra sự lừa dối của ma quỷ (mà tất cả những ai thờ phượng thần tượng đều sa vào); và anh ở lại đó thêm một năm nữa.

Sau đó, trong giấc mơ, anh nhận được mệnh lệnh từ Đức Chúa Trời – hãy đọc các sách Do Thái; và sau giấc mơ ấy, Tít bắt đầu tìm kiếm các sách Do Thái. Khi tìm thấy sách của vị tiên tri thánh Ê-sai, Tít mở ra và dừng lại ở chương 41, bắt đầu như sau: *"Hỡi các hòn đảo, hãy im lặng trước mặt Ta, và các dân tộc hãy lấy lại sức lực"* (Is 41:1). Khi đọc chương này, Tít đã bắt gặp trong đó một số lời mà, theo ông, chính Đức Chúa Trời đang phán với lòng ông, cụ thể là: *"Ngươi là tôi tớ Ta, Ta đã chọn ngươi và sẽ không từ chối ngươi: đừng sợ, vì Ta ở cùng ngươi"*; đừng để bị lừa dối, "*vì Ta là Đức Chúa Trời của ngươi"* (Ê-sai 41:9–10). Và còn nữa: *"Ta là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ngươi; Ta nắm lấy tay phải ngươi"* (Ê-sai 41:13). Vào cuối chương, ông đọc về sự lừa dối của các thần tượng, cụ thể là: *"Không có ai cả, và giữa họ không có ai là cố vấn để Ta có thể hỏi họ, và họ trả lời. Này, tất cả họ đều là hư không, vô nghĩa, và việc làm của họ cũng vậy; các tượng thần của họ chỉ là gió và hư không"* (Ê-sai 41:28–29).

Những lời này cùng những lời khác trong sách tiên tri đối với Tít như một chìa khóa, mở ra cánh cửa tâm trí ông để nhận biết Đức Chúa Trời chân thật duy nhất, đồng thời giúp ông hiểu rõ sự lừa dối của thần tượng và sự lầm lạc của các dân ngoại; và kể từ đó, lòng Tít bừng cháy hướng về Đức Chúa Trời, Đấng mà dân Do Thái tôn kính.

Vào thời điểm đó, trên đảo Crete (nơi Tít cư ngụ), đã lan truyền tin đồn về Đấng Christ – Đức Chúa Trời đã hiện thân trong xác thịt, sống giữa loài người tại Giê-ru-sa-lem và thực hiện những phép lạ kỳ diệu và không thể tả xiết; vì danh tiếng về Ngài đã lan tỏa khắp bốn phương trời. Anfipat[5668] của đảo Crete, là chú ruột bên mẹ của Tít, sau khi tham vấn với các bậc trưởng lão có uy tín, đã gửi cháu trai mình – Tít, người khôn ngoan và ham học hỏi – đến Giê-ru-sa-lem để cậu có thể lắng nghe kỹ lưỡng và thấu hiểu những điều được phán ra từ miệng Đấng Christ, cũng như trò chuyện với Ngài; nhờ vậy, Tít có thể truyền đạt một cách chi tiết nhất cho đồng bào của mình tất cả những gì anh đã tự mình tìm hiểu về Chúa Kitô.

Tít lên đường đến Giê-ru-sa-lem; khi thấy Chúa Kitô, anh đã quỳ lạy Ngài và đi theo Ngài cùng các môn đệ, hòa mình vào đám đông đang theo Chúa; nhờ đó, Tít đã tận mắt chứng kiến nhiều phép lạ do Chúa Kitô thực hiện, chứng kiến cuộc khổ nạn cứu độ của Chúa, và cũng tin chắc vào sự Phục Sinh của Ngài. Sau khi Chúa thăng thiên, khi Thánh Thần ngự xuống trên các Tông đồ dưới hình dạng những lưỡi lửa, khiến các Tông đồ bắt đầu nói bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, Tít đã nghe thấy cuộc trò chuyện của các Tông đồ, trong đó họ cũng nói bằng

[5668] Tức là người cai trị.

tiếng Crete, và ông vô cùng kinh ngạc, như đã được ghi chép trong sách Công vụ Tông đồ: *"những người khách đến từ đảo Crete* (trong số đó có cả Tít) *và những người Ả Rập"*, trong sự ngạc nhiên, đã nói với nhau: *"Chúng tôi nghe họ nói bằng ngôn ngữ của chúng tôi về những việc lớn lao của Đức Chúa Trời"* (Công vụ 2:10–11). Sau đó, Tít đã kể lại tất cả những điều này tại quê hương của mình là đảo Crete.

Thánh Tít cũng đã tham gia vào sứ vụ tông đồ; khi cánh cửa đức tin được mở ra cho cả những người ngoại giáo (Công vụ 14:27) và viên chỉ huy Cornelius cùng những người Hy Lạp khác đã được rửa tội, thì Tít, xuất thân từ những người ngoại giáo chưa cắt bì, cũng đã nhận phép rửa tội từ Thánh Tông đồ Phaolô, người trước đây tên là Sa-lô-môn. Mặc dù Tít đã tin vào Đấng Christ, nhưng cho đến khi chưa được rửa tội, các Tông đồ không chấp nhận ông vào Hội Thánh ban đầu, vì họ vốn không chấp nhận những người chưa cắt bì; Còn Tít thì không muốn tuân theo nghi thức cắt bì theo Cựu Ước; tuy nhiên, những người Do Thái đã tin vào Đấng Christ ban đầu đòi hỏi tất cả những người ngoại giáo phải thực hiện nghi thức này, nói rằng nếu không cắt bì thì không ai có thể được cứu rỗi, như đã được ghi chép trong sách Công Vụ Các Tông Đồ: Một số người từ Giu-đê đến đã dạy các anh em rằng: *"Nếu các anh em không chịu cắt bì theo nghi thức của Môi-se, thì không thể được cứu rỗi"* (Công vụ 15:1). Những người ấy còn phàn nàn cả với Thánh Phêrô, vị Tông đồ Trưởng, về việc rửa tội cho viên sĩ quan Cornelius, và đã tranh cãi với ngài (Tông đồ Phêrô), nói rằng ngài đã vào nhà những người chưa chịu cắt bì và ăn uống cùng họ. Khi các Thánh Tông Đồ xem xét vấn đề này tại hội nghị, họ đã quyết định không ép buộc những người ngoại giáo phải cắt bì; lúc đó, Thánh Tít cũng đã đến để chịu phép rửa, vì không ai ép buộc ngài phải cắt bì, điều mà Thánh Phaolô cũng đề cập trong Thư gửi tín hữu Galát, khi ngài nói: *"Nhưng họ cũng không ép buộc Tít, người đã ở cùng tôi, dù là người Hy Lạp, phải cắt bì"* (Gl 2,3).

Sau khi chịu phép rửa, Thánh Tít đã được các Tông đồ chính khác ủy quyền để thi hành sứ vụ tông đồ và được kể vào số bảy mươi Tông đồ nhỏ; Tít đã được sai đi cùng với Thánh Tông đồ Phaolô để rao giảng Lời Chúa cho các dân ngoại; và Tít luôn luôn theo sát Thánh Phaolô, không chỉ như một môn đệ theo thầy, mà còn như một người con theo cha yêu dấu. Vì Phaolô gọi ông là con trai mình, như có thể thấy trong thư của ngài gửi cho Tít: *"Gửi Tít, con trai chân chính trong cùng một đức tin: ân sủng và lòng thương xót"* (Tít 1:4). Thánh Tít đôi khi đi cùng với Thánh Tông đồ Phaolô, đôi khi lại được ngài sai đi rao giảng một mình; chẳng hạn, ngài đã được Phaolô sai đi Dalmatia, điều mà Phaolô đề cập trong thư gửi cho Timôthê, khi ngài nói: *"Tít ở Dalmatia"* (2 Tim 4:10), tức là đã được tôi sai đi rao giảng Tin Mừng tại các thành phố Dalmatia. Đôi khi Thánh Tông đồ Phaolô sai Tít mang theo các thư Tông đồ của ngài, như chẳng hạn gửi cho các tín hữu Cô-rinh-tô, những người mà ngài nói: *"Tôi đã nài nỉ Tít và sai một anh em đi cùng với ông ấy"* (2 Cô-rinh-tô 12:18). Ngài còn nói: *"Chúng tôi đã nài nỉ Tít để anh ấy, như đã bắt đầu, thì cũng hoàn thành"* (2 Cô-rinh-tô 8:6). Và còn nữa: *"Cảm tạ Đức Chúa Trời, Đấng đã đặt vào lòng Tít lòng nhiệt thành như vậy đối với anh em"* (2 Cô-rinh-tô 8:16). Không còn nghi ngờ gì nữa, Phao-lô dành cho Tít một tình yêu thiêng liêng lớn lao vì Đấng Christ, bởi vì ông gọi Tít lúc thì là con trai, lúc thì là anh em của mình; và khi Tít chậm trễ sau khi rời khỏi Phao-lô, thì Phao-lô đã buồn rầu vì anh, nói về chính mình rằng: *"Khi đến Troas để rao giảng Tin Mừng về Đấng Christ, dù cánh cửa đã bị Chúa đóng lại trước mặt tôi, nhưng tâm hồn tôi vẫn không được an nghỉ, vì tôi không tìm thấy anh em Tít của tôi ở đó"* (2 Cô-rinh-tô 2:12–13). Và cũng như vị Tông đồ vĩ đại ấy đã buồn phiền biết bao khi không có Tít, thì ngài cũng được an ủi biết bao khi Tít có mặt, vì ngài nói: *"Đức Chúa Trời, Đấng an ủi những người khiêm nhường, đã an ủi chúng tôi nhờ sự đến của Tít"* (2 Cô-rinh-tô 7:6). Và ngài còn nói: *"Chúng tôi vui mừng vì niềm vui của Tít"* (2 Cô-rinh-tô 7:13).

Khi đi qua nhiều vùng đất để rao giảng danh Chúa Kitô, các Thánh Tông Đồ đã đến đảo Crete, quê hương của Tít. Lúc bấy giờ, tại Crete có một người tên là Rustylus, chồng của em gái Tít; khi nghe các Tông đồ rao giảng về Đức Kitô là Thiên Chúa, ban đầu ông đã chế nhạo; nhưng khi con trai đã qua đời của ông được Thánh Phaolô làm cho sống lại, thì Rustylus đã tin vào Đức Kitô và cùng cả gia đình mình lãnh nhận phép rửa thánh; cùng lúc đó, nhiều người trong số những kẻ chưa tin khác đang sinh sống trên hòn đảo ấy cũng đã chấp nhận đức tin thánh thiện và lãnh nhận phép rửa tội. Thánh Phaolô đã bổ nhiệm Thánh Tít làm giám mục của đảo Crete và các đảo lân cận, giao phó cho ngài những Kitô hữu mới được khai sáng, rồi để ngài lại đó; còn ngài thì lên đường đến các nước khác để rao giảng danh Chúa Kitô cho những người ngoại đạo. Khi đến Nicopolis, Thánh Phaolô đã viết thư cho Tít, trong đó ngài dạy dỗ ông về việc quản lý tốt (đàn chiên): *"Chính vì lý do đó mà tôi đã để anh lại ở Crete, để anh hoàn tất những việc còn dang dở và bổ nhiệm các trưởng lão ở khắp các thành phố, như tôi đã truyền lệnh cho anh"* (Tít 1:5). Khi giải thích những lời của vị Tông đồ này, Thánh Giuse Kim Khẩu nói: "Tít là người tài giỏi nhất trong số những người từng đi cùng Phaolô; vì nếu ông ấy không tài giỏi, Phaolô đã không giao phó cho ông ấy toàn

bộ hòn đảo, không ra lệnh hoàn thành những việc còn dang dở, và không đặt các giám mục dưới sự phán xét của ông ấy, nếu không tin tưởng vào người đàn ông này (Tít)."

Khi Phaolô lưu lại tại Nicopolis, ngài lại kêu gọi Tít đến với mình, viết trong thư gửi cho ông: *"Khi tôi sai Artemas hoặc Tích-cô đến với anh, hãy mau chóng đến gặp tôi tại Nicopolis, vì tôi đã định ở lại đó qua mùa đông"* (Tít 3:12). Và Thánh Tít đã đến gặp ông tại Nicopolis; sau khi ở cùng ông một thời gian ngắn, Tít lại được ông sai đi đến đảo Crete.

Sau đó, Thánh Phaolô bị bắt tại Giêrusalem, bị xiềng xích và bị đưa đến Rôma. Tít, khi nghe tin về tất cả những điều này, đã đến Rôma để chứng kiến sự hy sinh đầy đau khổ của vị thầy mình. Tít ở lại Rôma cho đến khi Thánh Tông đồ Phaolô qua đời; sau khi đầu của vị Tông đồ đáng kính bị chặt đứt (theo lệnh của Nê-rôn[5669] , Tít đã an táng thi hài đáng kính của vị Tông đồ và trở về với đoàn chiên của mình tại đảo Crete; Tít có tòa giám mục tại một trong những thành phố tốt nhất của Crete, có tên là Gortyna; Tít làm việc không ngừng nghỉ, dẫn dắt người Hy Lạp từ sự lầm lạc của họ đến với Chúa Kitô, giảng dạy họ và củng cố đức tin của họ bằng những phép lạ.

Cần lưu ý rằng trên hòn đảo đó có một tượng thần Diana, vị nữ thần được những người ngoại đạo tôn sùng[5670] ; rất nhiều người Hy Lạp đã đến thờ lạy tượng thần này và dâng lễ vật. Một lần nọ, Thánh Tít đến nơi tụ họp của những kẻ vô đạo và bắt đầu rao giảng Lời Chúa cho họ, khuyên nhủ họ hãy quay về với Đức Chúa Trời chân thật, nhận ra sự lừa dối của việc thờ tượng. Nhưng vì dân chúng không nghe lời ngài, nên Thánh Tít đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và ngay lập tức tượng thần đó đổ sụp và vỡ tan thành tro bụi. Lúc đó, tất cả những người có mặt tại đó đều kinh hoàng, và vào ngày hôm đó, có năm trăm người đã tin nhận Chúa Kitô. Cũng giống như vậy, khi theo lệnh của hoàng đế La Mã, trên đảo Crete đang được xây dựng một ngôi đền thờ thần tượng lớn để tôn vinh vị thần ghê tởm Zeus[5671] – và công trình đã gần hoàn thành – thì Thánh Tít, một Tông đồ của Chúa Kitô, khi đi ngang qua nơi đó, đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời chân thật, và đột nhiên ngôi đền ấy sụp đổ và bị phá hủy tận gốc rễ. Chứng kiến phép lạ ấy, nhiều người Hy Lạp đã quay về với Chúa Kitô và xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa chân thật.

Sau khi truyền bá ánh sáng đức tin thánh thiện đến đảo Crete và các vùng lân cận, Thánh Tít đã sống đến tuổi thọ cao; ngài đã về với Chúa khi đã chín mươi bốn tuổi. Khi ngài qua đời, các Thiên thần từ trời xuống để đón linh hồn ngài; và khuôn mặt ngài bừng sáng như mặt trời. Bởi vì cuộc đời của ai là ánh sáng cho thế gian, thì cái chết của người ấy cũng được tôn vinh bằng ánh sáng rực rỡ từ Chúa Giêsu Kitô của chúng ta[5672] .

Bài ca Kondak, giọng 2:

Thánh Phaolô đã hiện ra làm bạn đồng hành, hỡi Thánh Tông Đồ, ngài đã báo trước cho chúng con Lời về ân sủng thần thánh, hỡi Tít, người truyền đạt những lời bí ẩn, người được tưởng nhớ muôn đời. Vì lý do này, chúng con kêu cầu ngài: xin đừng ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Lễ rước di hài thánh của Thánh Tông đồ Bartholomew

Ngày kỷ niệm: 25 tháng 8

Sau khi Thánh Tông đồ Bartholomew[5673] chịu tử đạo một cách đau khổ vì Chúa Kitô dưới tay những kẻ vô đạo tại thành phố Albane của người Armenia[5674] , các tín hữu đã rước thi hài tôn kính của Thánh Tông đồ và an táng ngài tại chính thành phố đó trong một quan tài bằng thiếc; và những phép lạ bắt đầu xảy ra từ di cốt của vị Tông đồ, vì những người đau ốm đã được chữa lành nhờ chúng; vì lý do này, nhiều người ngoại đạo đã quay về với

---

[5669] Hoàng đế Néron trị vì từ năm 54 đến năm 68.

[5670] Đối với người Hy Lạp cổ đại, Diana được coi là nữ thần săn bắn và nói chung là vị thần bảo trợ của thiên nhiên.

[5671] Zeus được người Hy Lạp coi là vị thần tối cao – tổ tiên của tất cả loài người và các vị thần khác.

[5672] Xác thánh của Thánh Tông đồ Tít được an táng tại nhà thờ chính tòa ở Gortyna. Sau khi hòn đảo bị người Saracen tàn phá vào năm 823, chỉ còn lại một cái đầu của ngài tại đây, và chính cái đầu này đã được mang đến Venice, đặt tại Nhà thờ Thánh Mark. Tuy nhiên, theo một số nguồn tin khác, cái đầu của vị Tông đồ này hiện được lưu giữ ngay trên đảo Crete, tại nhà thờ mang tên ngài.

[5673] Lễ kính Thánh Tông đồ Bartholomew được cử hành vào ngày 11 tháng 6

[5674] Ngày nay là Baku.

Chúa Kitô. Còn những kẻ phục vụ ma quỷ, tức các thầy tế lễ gian ác và tàn nhẫn, khi nghe tin về những phép lạ ấy và thậm chí tận mắt chứng kiến, không những không nhận ra quyền năng của Thiên Chúa, mà còn trở nên hung hăng trong lòng và căm ghét thi hài thánh thiện của vị Tông đồ. Khi sự thù hận và cơn thịnh nộ đã lên đến tột độ, những tay sai của ma quỷ này đã lấy chiếc hòm thi hài bằng thiếc nói trên và ném nó xuống biển, với ý định nhấn chìm nó xuống đáy biển. Ngoài ra, những kẻ vô đạo này còn ném xuống biển thêm bốn chiếc hòm khác chứa thi hài của các thánh tử đạo khác, cụ thể là, theo như người ta cho rằng: Papian, Lucian, Gregory và Akakios. Nhưng thay vì chìm xuống đáy biển, những chiếc hòm này lại trôi nổi như những chiếc thuyền trên mặt biển, mang theo những kho báu vô giá. Hòm thánh tích của Thánh Tông đồ Bartholomew, dù được làm bằng thiếc, nhưng không chìm trong nước; ngược lại, một cách siêu nhiên, nó trở nên cực kỳ nhẹ và lướt trên biển giữa các quan tài của các vị tử đạo khác, như một con tàu được điều khiển bởi Đức Chúa Trời Toàn Năng; vì có hai quan tài ở phía bên phải và hai quan tài ở phía bên trái của nó, để tôn vinh danh dự của vị Tông đồ.

Lướt đi trên biển một cách kỳ diệu, các quan tài nói trên đã đến eo biển Bosporus của Thrace ở Propontis, sau đó đi qua eo biển Hellespont, vượt qua biển Aegean và biển Ionian, và đến được Sicily; để lại Syracuse ở phía bên trái, họ hướng về phía tây và cập bến đảo Lipari. Tại đây, chiếc thuyền của Thánh Tông đồ đã cập bến; còn những chiếc thuyền chở các thánh tử đạo khác, sau khi tiễn Thánh Tông đồ đến Lipari, đã để ngài lại ở đó và chia tay nhau, mỗi chiếc theo ý muốn của Thiên Chúa, đi theo hướng riêng của mình. Chiếc thuyền chở thi hài của Thánh Papias đã đi đến Sicily, của Thánh Lucianus đến Messinia, của Thánh Gregory đến Calabria, và của Thánh Akakios đến thành phố Ascalus; tất cả những điều này đã được Thiên Chúa mặc khải cho Đức Giám mục Agathon của đảo Lipari.

Vị giám mục này cùng với các linh mục và dân chúng đã đến bờ biển, và khi tìm thấy ở đó chiếc hòm đựng di cốt của vị Tông đồ, ngài tràn ngập niềm vui cùng với những người khác và nói:

– Từ đâu mà hòn đảo Lipari ơi, một kho tàng vô giá như thế này lại đến với ngươi; quả thật, giờ đây ngươi đã được tôn vinh và nổi tiếng; hãy hân hoan và vui mừng, hãy dùng chính đôi tay mình đón nhận vị Đấng Bổn Mạng vĩ đại và Đấng Cầu Thay cho ngươi trước mặt Thiên Chúa đã viếng thăm ngươi, và hãy kêu lên với ngài: "Thật là tốt lành khi ngài đã đến với chúng con, Thánh Tông Đồ của Chúa!"

Mọi người đều ngạc nhiên trước việc chiếc hòm thiếc chứa di cốt của Thánh Tông đồ không những không chìm trong nước, mà còn nhẹ hơn cả con thuyền và đã vượt qua quãng đường biển xa xôi như vậy, rõ ràng là được dẫn dắt không phải bởi sức người, mà bởi quyền năng của Thiên Chúa. Và tất cả đều ca ngợi vinh quang của Thiên Chúa.

Sau đó, họ mang chiếc hòm thánh chứa di cốt của vị Tông đồ, rước nó vào nhà thờ một cách long trọng trong tiếng hát các thánh vịnh; và dầu thánh đã chảy ra từ di cốt thánh của vị Tông đồ; nhờ dầu thánh này, những căn bệnh nan y đã được chữa lành[5675] .

Những di cốt thánh thiện của Thánh Tông đồ Chúa Kitô đã được lưu giữ trên hòn đảo đó trong một thời gian dài, thậm chí cho đến thời trị vì của Vua Theophilus, người chống lại việc thờ hình tượng[5676] . Trong thời trị vì của Vua Theophilus này, do sự cho phép của Thiên Chúa vì những tội lỗi của loài người, người Agaria đã chiếm đóng hòn đảo Lipari. Thống đốc thành phố Benevento, Công tước Sicard, từ lâu đã nghe nói về những phép lạ của Thánh Tông đồ, nên lòng ông tràn đầy đức tin nồng nhiệt đối với vị thánh; vì vậy, ngài đã mời các thủy thủ từ thành phố Amalfi và hứa sẽ thưởng cho họ xứng đáng, ngài đã thuyết phục họ lên thuyền ra đảo Lipari và từ đó mang về cho ngài di cốt của Thánh Tông đồ Bartholomew, như một kho báu quý giá. Những người này lên thuyền ra khơi, đến đảo Lipari, lấy từ đó kho báu thiêng liêng mà họ hằng mong ước và trở về với đồng bào của mình. Và ngay khi Công tước Sicard nghe tin di cốt của vị thánh đang đến gần, ngài đã cùng với vị giám mục và đông đảo người dân ra khơi trên những con thuyền để đón tiếp; xác thánh của vị Tông đồ Chúa Kitô đã được đón nhận trong niềm hân hoan; sau đó, chúng được rước về thành phố Benevento một cách trang trọng và an táng tại Nhà thờ Chính tòa, đồng thời tổ chức lễ kỷ niệm long trọng cho sự kiện này. Kể từ đó, lễ kỷ niệm việc rước di hài thiêng liêng của Thánh Tông đồ Bartholomew đã được thiết lập vào ngày 25 tháng Tám. Từ những di hài thiêng liêng này, những người mắc các bệnh tật khác nhau đã được chữa lành, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Tông đồ Bartholomew và nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta[5677] .

[5675] Sự kiện nói trên diễn ra vào cuối thế kỷ VI.

[5676] Hoàng đế Theophilus trị vì từ năm 829 đến năm 842.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã hiện ra như mặt trời vĩ đại của vũ trụ, chiếu sáng bằng những giáo lý và những phép lạ đáng kinh ngạc, dẫn dắt những ai tôn kính Ngài, Thánh Bartholomew, Tông đồ của Chúa.

Kỷ niệm các thánh chứng nhân của Đấng Christ, những người đã chịu khổ nạn tại Edessa dưới tay những người Arian

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 8

Sau nhiều cuộc bách hại đối với các Kitô hữu, do các vị vua và những kẻ hành hạ vô đạo, thờ thần tượng gây ra, Giáo Hội của Chúa Kitô đã được tự do dưới triều đại của vị vua vĩ đại Constantine và bắt đầu phát triển thịnh vượng trong hòa bình và yên tĩnh; tuy nhiên, một cuộc bách hại mới lại ập đến do mưu đồ của ma quỷ, nhưng lần này không phải từ những kẻ thờ ngẫu tượng, mà từ những Kitô hữu phản bội, những người đã sa vào tà giáo. Sau khi Hoàng đế Constantine qua đời – tà thuyết báng bổ Arian[5678] đã gia tăng mạnh mẽ, ban đầu dưới triều đại của Constantius[5679] , con trai của Constantine, và sau đó dưới triều đại của Valens[5680] ; bởi vì cả hai đều theo tà thuyết Arian và mỗi người, trong triều đại của mình, đã đàn áp Giáo hội của Chúa Kitô một cách tàn bạo.

Trong triều đại của Vala, khi các giám mục chính thống bị truất khỏi ngai tòa của mình và những kẻ dị giáo được bổ nhiệm thay thế, tại thành phố Edessa có một vị giám mục tên là Varsis – một người chính thống và thánh thiện, có ân sủng chữa lành mọi bệnh tật cho con người; vị Varsis này đã kiên quyết chống lại tà thuyết Arius. Vị hoàng đế độc ác Valentin, không thể chịu đựng được vị thánh nhân này, đã truất phế ngài khỏi chức vụ và đày ngài đi lưu đày, ban đầu là đến đảo Arad; nhưng khi nghe tin rằng ở đó có rất nhiều người dân đến với Đức Giám mục thánh Varsis và lắng nghe giáo lý chính thống của ngài, Valentin đã chuyển ngài từ đó đến Oxyrhynchus, một thành phố ở Ai Cập. Nhưng khi vị thánh này lại được tôn vinh tại đây nhờ các phép lạ và lời giảng dạy của mình, thì Valentin lại chuyển ngài đến một thành phố còn xa xôi hơn nữa, tên là Phê-nôn, nằm gần nơi cư ngụ của các bộ tộc man di; tại đây, vị thánh và người làm chứng cho Đấng Christ đã qua đời trong sự an lành; còn chiếc giường mà ngài để lại trên đảo Rade đã mang lại sự chữa lành cho những người bệnh; tất cả những ai mắc bất kỳ căn bệnh nào, khi nằm lên chiếc giường đó, đều được lành bệnh và được giải thoát khỏi các linh hồn ô uế.

Sau khi trục xuất vị giám mục thánh thiện này khỏi ngai tòa Giáo hội Edessa, vị vua vô đạo đã đưa một con sói lên thay thế – cả về tên gọi lẫn tính cách; bởi vì vị giám mục hão huyền đó tên là Lupus, có nghĩa là "sói"[5681] . Và như vậy, thay vì vị mục tử chân chính, một con sói săn mồi trong bộ áo chăn chiên của chức giám mục đã xâm nhập vào đàn chiên của Đấng Christ.

Còn dân chúng Edessa, những người giữ đức tin chân chính, không muốn hiệp thông với vị mục tử giả dối, kẻ dị giáo ấy – như "sự ghê tởm của sự hoang tàn" (Mt 24:15) – đang chiếm giữ nơi thánh, tức là trong nhà thờ; vì vậy, những công dân chính thống của thành phố đó đã ra khỏi thành phố đến đồng ruộng, tụ tập tại một nơi trống trải và cử hành thánh lễ dâng lên Đức Chúa Trời tại đó, như trong đền thờ; bởi vì không có một đền thờ nào được giao cho những người chính thống sử dụng, mà tất cả các đền thờ đều bị đóng cửa đối với họ, và những đền thờ vinh quang nhất đều đã bị những người Arian chiếm giữ, theo lệnh của hoàng đế.

Có lần, chính nhà vua, trên đường từ Antioch, đã đến Edessa; khi biết rằng các tín hữu (Kitô hữu) khinh bỉ tà thuyết Arian và không muốn giao thiệp với vị giám mục nói trên, mà còn lánh xa ông ta và tụ tập bên ngoài thành phố để cầu nguyện, – nhà vua đã nổi giận với tổng giám mục Edessa, tên là Modesta, vì đã để dân chúng hành động như vậy, và tát vào má tổng giám mục; sau đó, ngài ra lệnh cho ông ta chuẩn bị binh lính vũ trang; sau đó ra lệnh

---

[5677] Xác thánh của Thánh Tông đồ Bartholomew đã được chuyển từ Lipari đến thành phố Benevento vào khoảng năm 839.

[5678] Người khởi xướng tà thuyết Arian là linh mục Arius ở Alexandria. Ông phủ nhận sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Thiên Chúa Cha, coi Chúa Giêsu Kitô là một tạo vật và không công nhận các phẩm chất thần thánh của Ngài – toàn năng, toàn tri, v.v. Tà thuyết Arius đã bị lên án mạnh mẽ tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất (năm 325) và lần thứ hai (năm 381).

[5679] Trị vì từ năm 337 đến năm 361.

[5680] Từ năm 364 đến năm 378

[5681] Tiếng Latinh: lupus – con sói.

cho giám mục, sau khi dẫn những binh lính này đến nơi dân chúng tụ tập cầu nguyện, phải đánh đập và xử tử các Kitô hữu, đồng thời giải tán họ.

Vị giám mục, dù đã nhận được chỉ thị từ nhà vua, nhưng vì thương xót dân chúng vô tội, đã bí mật báo cho các tín hữu biết rằng ngày hôm sau họ không được ra khỏi thành phố và không được tụ tập để cầu nguyện và tham dự thánh lễ như thường lệ, vì nhà vua, trong cơn giận dữ, đã ra lệnh dẫn các binh lính vũ trang đến để giết chết các Kitô hữu. Còn các tín hữu, khi nghe tin này, thay vì sợ hãi, lại tràn đầy lòng nhiệt thành hơn bao giờ hết; họ dậy sớm vào buổi sáng, ra khỏi thành cùng với vợ con; các Kitô hữu tiến về nơi tụ họp thường lệ của mình, với ý định hiến dâng linh hồn mình vì Chúa Kitô tại đó. Còn vị tổng giám mục, tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, vào sáng ngày hôm sau đã dẫn theo các binh lính vũ trang đến nơi đó, như thể đang ra trận. Và khi ngài đến cổng thành, ngài thấy một người phụ nữ bước ra khỏi nhà mình, chưa đóng cửa lại, ăn mặc vội vã (không trang điểm), đang bế theo một cậu bé; người phụ nữ ấy khóc lóc và cố gắng vượt qua các binh lính của ngài; hướng ra ngoài thành. Thống đốc ra lệnh bắt bà ta lại và dẫn đến trước mặt mình. Dừng lại trên đường, thống đốc bắt đầu thẩm vấn, nói:

– Người phụ nữ khốn khổ ơi! Ngươi đang vội đi đâu vào giờ sớm thế này và tại sao lại vội vàng như vậy?

Người phụ nữ trả lời:

– Tôi đang vội đến cánh đồng nơi các tín hữu Kitô giáo đang tụ tập.

Thống đốc đáp:

– Chẳng lẽ cô chưa nghe nói rằng giám mục định đến đó cùng với binh lính và đánh đập tất cả những ai ông ta tìm thấy ở đó sao?

Người phụ nữ đáp:

– Vâng, tôi đã nghe nói về điều đó; chính vì thế mà tôi đang vội vã, để cùng với họ (các tín hữu Kitô giáo) chết vì danh Chúa Kitô.

Thống đốc lại hỏi:

– Vậy tại sao cô lại mang theo cậu bé này?

Người phụ nữ trả lời:

– Tôi muốn cậu bé này cùng với tôi được nhận vương miện tử đạo.

Nghe vậy, giám mục kinh ngạc trước lòng nhiệt thành của các tín hữu Kitô giáo và sự sẵn sàng hy sinh vì đức tin của họ, nên ra lệnh cho binh lính quay trở lại; sau đó, ông đến gặp vua và nói với nhà vua:

– Nếu ngài ra lệnh cho tôi chết, tôi sẵn sàng; nhưng tôi không thể thi hành mệnh lệnh mà ngài đã giao cho tôi.

Sau đó, vị giám mục kể cho nhà vua nghe về người phụ nữ cùng đứa trẻ, nói rằng bà đã vội vã ra khỏi thành phố đến cánh đồng với lòng nhiệt thành như thế nào, để được nhận vinh quang tử đạo, điều mà bà mong muốn cho cả bản thân lẫn đứa trẻ; sau đó, vị giám mục còn báo cho nhà vua biết về sự sẵn sàng của toàn thể dân chúng để đón nhận cái chết, vì tất cả các Kitô hữu cùng vợ con đều sẵn sàng chết để làm chứng cho đức tin của mình vào Đức Kitô.

– Và không thể nào – vị giám mục bổ sung – ép buộc dân chúng thành Edessa phải hiệp thông trong đức tin với vị giám mục, cho dù có phải xử tử tất cả công dân đi chăng nữa; nhưng điều đó có ích lợi gì? Bởi vì họ sẽ được ca ngợi giữa tất cả các Kitô hữu nhờ hành động dũng cảm và chịu khổ của mình, còn phần chúng ta sẽ chỉ còn lại sự xấu hổ và sự chế giễu vĩnh viễn.

Nói như vậy, vị giám mục đã thuyết phục nhà vua từ bỏ ý định trừng phạt dân chúng: nhà vua ra lệnh không được đàn áp dân chúng, chỉ cho phép tra tấn các linh mục, phó tế và các giáo sĩ khác không muốn hiệp thông với vị giám mục Arian.

Sau đó, vị giám mục triệu tập toàn thể hàng giáo sĩ tại Edessa, những người vẫn giữ vững đức tin chính thống, và bắt đầu khuyên nhủ mọi người một cách ôn hòa hãy tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, đồng thời đề nghị họ thiết lập mối quan hệ hiệp thông với vị giám mục tên là Lupus. Vị giám mục đã nói như sau:

– Điều điên rồ nhất là các ngươi, dù chỉ là một nhóm người nhỏ bé, lại không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và chống đối ngài, trong khi ngài đang cai trị nhiều vương quốc.

Khi giám mục nói những lời đó, mọi người đều im lặng. Sau đó, giám mục quay sang vị linh mục cao niên tên là Evlogius, người đã ở tuổi xế chiều, và hỏi ông:

– Tại sao ngươi không trả lời ta?

Evlogius đáp:

– Tôi không trả lời ngài vì ngài đang nói chung chung với mọi người; vì lý do đó, tôi không muốn trả lời trước mọi người khác. Nhưng nếu ngài chỉ hỏi riêng tôi về điều gì đó, thì tôi sẽ trả lời ngài.

Giám mục hỏi:

– Tại sao ngươi không rước lễ cùng với nhà vua?

Thánh Evlogi, chế giễu câu hỏi của kẻ dị giáo, đã trả lời:

– Chẳng lẽ nhà vua đã nhận chức linh mục để tôi rước lễ cùng với ngài sao?

Eparch, tràn đầy cơn giận, quở trách vị thánh già và nói:

– Hỡi kẻ điên rồ! Tại sao ngươi lại xa lánh đức tin của nhà vua và không hiệp thông với những ai hiệp thông cùng nhà vua?

Lúc đó, tất cả mọi người, cùng với vị thánh lão Evlogi, đã tuyên xưng đức tin Chính Thống của mình vào Đức Kitô, Thiên Chúa chân thật, đồng bản thể và đồng bản tính với Chúa Cha, và bày tỏ sự sẵn sàng hy sinh mạng sống vì lời tuyên xưng này.

Sau đó, theo lệnh của nhà vua, giám mục đã bắt giữ tám mươi vị tu sĩ, xiềng xích họ lại và đày họ đến Thrace.

Và khi những người làm chứng cho Đấng Kitô này bị dẫn đi lưu đày, dân chúng từ khắp các thành phố và làng mạc đã đổ ra đón họ, bày tỏ lòng kính trọng và cung cấp cho họ mọi thứ cần thiết. Biết được điều này, những kẻ dị giáo đã nhanh chóng cử người báo cáo với hoàng đế, nói rằng thay vì bị sỉ nhục, những người bị lưu đày lại được hưởng vinh dự lớn lao.

Lúc bấy giờ, nhà vua ra lệnh chia những Kitô hữu nói trên thành từng cặp và sai đưa tất cả đến các quốc gia khác nhau: người thì đến Thrace, người thì đến Ả Rập, người thì đến Ai Cập – và các quốc gia khác. Còn vị tu sĩ đáng kính Evlogius, cùng với một linh mục chính trực khác tên là Protogenes, đã được đưa đến thành phố Antinoe thuộc vùng Thebaid, nơi có rất ít Kitô hữu, trong khi người Hy Lạp thờ cúng các thần tượng thì vô số. Tại đây, các thánh đã ở lại một thời gian khá dài, chữa lành nhiều bệnh tật cho người dân bằng cách kêu cầu danh Chúa Giêsu Kitô và đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo trở lại đức tin Kitô giáo, ban cho họ phép rửa thánh.

Khi vị vua vô đạo Valentin qua đời, và vương trượng của vương quốc phương Đông được vị vua đạo đức Theodosius tiếp nhận, tà thuyết Arian đã phải xấu hổ và lắng xuống, còn sức mạnh và quyền lực của những kẻ dị giáo từng bức hại Giáo Hội của Chúa Kitô cũng suy yếu; các vị chứng nhân của Chúa Kitô, những người đang bị lưu đày (cụ thể là những ai trong số họ chưa về với Chúa nhưng vẫn còn sống), đã được tự do và mỗi người trở về quê hương của mình: các giám mục Chính Thống lại được trở về ngai tòa của mình. Lúc bấy giờ, hai vị thánh linh mục đã được nhắc đến là Evlogius và Protogenes cũng trở về từ nơi lưu đày tại Edessa; còn các Kitô hữu chính thống đã giành lại các nhà thờ từ tay những người Arian; vì thánh Varsis đã về với Chúa trong thời gian lưu đày, nên Evlogius được bổ nhiệm làm giám mục thành phố Edessa; còn Thánh Protogenes được tấn phong làm giám mục thành phố Karria thuộc Mesopotamia. Hai vị thánh Evlogius và Protogenes này đã làm rạng rỡ Giáo Hội của Chúa Kitô bằng lời giảng dạy và đời sống thánh thiện cho đến ngày qua đời[5682] . Chúng ta cùng tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa, Đấng Cứu Độ của chúng ta, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, Đấng được tôn vinh muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Mina, Tổng Giám mục Constantinopolis.

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 8

Trong thời trị vì của Hoàng đế Justinian[5683] , Thánh Mina là linh mục và người chăm sóc những người lữ hành tại Nhà trọ Thánh Sampson. Sau khi Thượng phụ Anphim[5684] bị phế truất khỏi ngai tòa vì những tư tưởng dị giáo, Thánh Mina, với tư cách là một người có đức tin chân chính, sống đời thánh thiện và xứng đáng với chức vụ cao quý, đã được Thánh Agapit[5685] , Giáo hoàng Rôma, người lúc bấy giờ đang có mặt tại Constantinopolis, tấn phong làm Thượng phụ.

[5682] Các thánh chứng nhân của Chúa Kitô là Evlogius và Protogenes qua đời vào nửa sau của thế kỷ IV.

[5683] Tất nhiên là Hoàng đế Justinian I, trị vì từ năm 527 đến năm 565.

[5684] Anphim I trị vì từ năm 535 đến năm 536.

[5685] Agapitus I giữ chức Giáo hoàng từ năm 535 đến năm 536.

Trong thời gian Thánh Mina đảm nhiệm chức vụ Thượng phụ tại thành phố Constantinople, một phép lạ đã xảy ra như sau:

Một cậu bé Do Thái đã cùng với các em nhỏ Kitô hữu vào nhà thờ, vào lúc đang cử hành Bí tích Thánh Thể và Máu Thánh của Chúa Kitô; cậu bé này, khi bước đến bàn thờ cùng với các em khác, đã rước lễ. Khi cậu bé về nhà, cha cậu hỏi cậu đã đi đâu và tại sao lại về muộn? Cậu bé, với sự ngây thơ của trẻ con, đã kể cho cha nghe toàn bộ sự thật – rằng cậu đã ở trong nhà thờ Kitô giáo và đã rước lễ theo nghi thức Kitô giáo. Nghe vậy, người cha Do Thái vô cùng tức giận, liền bắt lấy đứa trẻ và ném nó vào lò nung đang cháy rực, nơi ông thường dùng để chế tác thủy tinh (vì ông là thợ làm thủy tinh); nhưng ông không nói gì với vợ mình.

Trong khi đó, người mẹ vừa khóc vừa đi tìm con trai khắp nơi và gọi tên nó; đến ngày thứ ba của cuộc tìm kiếm, bà đến gần lò nung đang cháy rực, và đứa trẻ đã đáp lại tiếng gọi của bà; lúc đó, bà đã rất vất vả mới lôi nó ra khỏi đó và hỏi:

– Làm sao và tại sao con, khi ở trong ngọn lửa dữ dội như vậy, lại không bị thiêu cháy mà vẫn còn sống?

Cậu bé kể lại với bà như sau:

– Có một người phụ nữ rạng rỡ thường đến với con, dập tắt ngọn lửa và cho con uống nước; bà ấy còn mang thức ăn cho con khi con đói.

Chẳng bao lâu sau, tin tức về phép lạ này lan truyền khắp thành phố; vua Justinian và Thánh Tổng Giám mục Mina cũng đã nghe nói về phép lạ này. Sau đó, cậu bé nói trên đã được rửa tội cùng với mẹ mình, còn cha của cậu bé, người đã trở nên hung hăng và không muốn rửa tội, thì hoàng đế đã đưa ra tòa với tội danh giết con và ra lệnh xử tử

Thánh Mina đã chăn dắt Giáo hội của Chúa Kitô trong mười sáu năm, rồi về với Chúa[5686] .

Ngày 8 tháng 9

Ngày 26 tháng 8 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Adrian và Natalia

Ngày tưởng niệm 26 tháng 8

Vị vua vô đạo Maximian, kẻ bách hại lớn của Giáo hội Chúa Kitô[5687] , sau khi truy đuổi và giết hại vô số Kitô hữu khắp nơi, đã đến thành phố Nicomedia[5688] . Khi bước vào đền thờ thần tượng, vị vua này đã thờ lạy các vị thần tà ác của mình, quỳ sấp mặt xuống đất trước các tượng thần, và với sự tham gia của tất cả cư dân thành phố, đã dâng những lễ vật ghê tởm. Sau đó, ông ra lệnh truy lùng các tín hữu Kitô giáo và đưa họ ra tra tấn. Vua đe dọa sẽ áp dụng những hình phạt đặc biệt đối với những ai dám che giấu các tín hữu Kitô giáo. Ngược lại, đối với những ai, khi biết nơi ẩn náu của người Kitô hữu, sẽ tố cáo họ, hoặc khi tìm thấy người đó, tự mình đưa ra xét xử, nhà vua hứa hẹn sẽ ban thưởng và vinh danh. Vì thế, người ta bắt đầu tố cáo lẫn nhau để dẫn đến cái chết: hàng xóm tố cáo hàng xóm, người thân tố cáo người thân của mình; có người vì sợ lệnh trừng phạt khủng khiếp của nhà vua, có người vì ham muốn phần thưởng.

Một số kẻ vô đạo đã báo cáo với tướng quân của mình rằng có những người Kitô hữu đang ẩn náu trong một hang động, hát thánh ca suốt đêm và cầu nguyện với Thiên Chúa của họ. Ngay lập tức, các binh lính được cử đi, họ đến hang động và bắt giữ tất cả các Kitô hữu đang ở trong đó, tổng cộng hai mươi ba người. Sau khi xiềng xích họ bằng xích sắt, họ được đưa về thành phố để trình diện trước vua.

Lúc đó, nhà vua đang đi trên cỗ xe ngựa đến đền thờ thần tượng để dâng lễ vật. Gặp nhà vua trên đường, những binh lính dẫn theo các tín đồ Kitô giáo bị trói đã hét lên với ngài:

– Bệ hạ! Đây là những kẻ chống lại mệnh lệnh của ngài và phỉ báng các vị thần vĩ đại của chúng ta.

[5686] Thánh Mina giữ chức tổng giám mục từ năm 536 đến năm 552.

[5687] Maximianus Galerius (305–311) là con rể của Hoàng đế Diocletianus và sau đó trở thành người kế vị ông.

[5688] Nicomedia – thủ đô phía đông của Đế quốc La Mã, một thành phố tráng lệ thuộc vùng Bithynia, nằm bên bờ Biển Đá Cẩm Thạch, ở phía tây bắc Tiểu Á.

Sau khi ra lệnh dừng cỗ xe và gọi những tù nhân đó lại gần, nhà vua hỏi họ đến từ đâu.

– Chúng tôi sinh ra ở đất nước này, và về mặt tín ngưỡng, chúng tôi là Kitô hữu, – họ trả lời.

– Chẳng lẽ các ngươi chưa nghe sao, – nhà vua tiếp lời, – những cực hình nào đang chờ đợi những kẻ tự xưng là Kitô hữu?

– Chúng tôi đã nghe rồi, – các thánh nhân đáp, – và chúng tôi đã cười nhạo sự điên rồ của ngài, cũng như chính Satan đang hoạt động trong những kẻ không tin vào Đức Chúa Trời, những kẻ mà ngài là thủ lĩnh!

Vị vua tức giận thốt lên:

– Hỡi lũ khốn kiếp! Sao các ngươi dám gọi ta là kẻ điên rồ và cười nhạo ta? Ta thề trước các vị thần vĩ đại rằng ta sẽ nghiền nát thân xác các ngươi bằng những cực hình tàn khốc nhất!

– Trói chúng lại và đánh bằng gậy không thương xót chút nào, – ông ra lệnh cho các chiến binh, – và lúc đó chúng ta sẽ xem liệu Đức Chúa Trời của chúng có đến cứu chúng và giải thoát chúng khỏi tay ta hay không?

Và các vị tử đạo bị binh lính đánh đập dã man. Khi bị đánh, các vị nói với nhà vua:

– Kẻ thù của Đức Chúa Trời! Hãy cử thêm ít nhất ba kẻ tra tấn nữa đến với chúng tôi; dù ngươi có gọi bao nhiêu người đi chăng nữa và nghĩ ra những hình phạt tàn bạo đến đâu, hãy biết rằng bằng cách đó, ngươi chỉ làm cho vương miện của chúng tôi thêm rực rỡ mà thôi.

– Hỡi những kẻ khốn nạn nhất trong loài người! – nhà vua kêu lên. – Ta sẽ chặt đầu các ngươi, vậy mà các ngươi còn mong đợi vương miện trên đầu sao?.. Hãy từ bỏ đức tin hão huyền của các ngươi và đừng tự hủy hoại bản thân vì sự điên rồ của mình!

Các vị tử đạo đáp lại:

– Chúa sẽ hủy diệt ngươi vì ngươi đã hành hạ vô cớ các tôi tớ của Ngài, những người chưa từng làm điều ác nào cả!

Lúc đó, nhà vua ra lệnh cho binh lính:

– Hãy ném đá vào miệng họ!

Vội vàng nhặt đá lên, các thuộc hạ bắt đầu ném vào miệng các vị tử đạo, nhưng họ không gây hại cho các vị bằng chính họ, vì họ đã điên loạn đến mức dùng chính những viên đá đó để đập vỡ hàm của nhau.

Còn các thánh nhân thì nói với kẻ hành hạ là Maximian:

– Kẻ vô pháp và kẻ thù ghét Thiên Chúa! Ngươi đánh đập chúng ta một cách tàn nhẫn, dù chúng ta chẳng có tội gì trước mặt ngươi; nhưng Thiên Thần của Thiên Chúa sẽ giết ngươi và hủy diệt cả gia đình gian ác của ngươi. Ngươi không thể nào thỏa mãn với những cực hình mà ngươi đã tra tấn chúng ta suốt bao nhiêu giờ liền với sự tàn bạo như vậy, nhưng chính ngươi sẽ phải đối mặt với những cực hình còn khủng khiếp hơn gấp bội; rõ ràng ngươi đã không nghĩ đến việc chúng ta có thân xác giống hệt ngươi, chỉ khác ở chỗ thân xác ngươi thì ô uế và dơ bẩn, còn thân xác chúng ta thì đã được thanh tẩy và thánh hóa nhờ phép Rửa tội.

Càng tức giận hơn trước những lời đó, tên tra tấn Maximian đã thét lên:

– Ta thề trước các vị thần vĩ đại rằng ta sẽ ra lệnh cắt lưỡi các ngươi, để những người khác, khi nhìn thấy các ngươi, sẽ học được bài học không được chống lại chủ nhân của mình!

Các vị tử đạo của Chúa Kitô đáp lại:

– Hãy nghe đây, tên tra tấn vô đạo! Nếu ngươi ghét và tra tấn những nô lệ chống lại chủ nhân trần thế của họ, thì tại sao ngươi lại ép buộc chúng ta chống lại Chúa Trời của chúng ta? Hay là ngươi muốn chúng ta cũng phải chịu những cực hình giống như những gì đã được dành sẵn cho ngươi?

– Vậy hãy nói cho ta biết, – tên tra tấn hỏi, – những cực hình nào đã được dành sẵn cho ta?

– Những gì Đức Chúa Trời đã dành sẵn cho ma quỷ và các thiên thần của nó, – các thánh nhân đáp, – Ngài cũng đã dành sẵn cho các ngươi, những công cụ của ma quỷ; cụ thể là: lửa không bao giờ tắt, sâu bọ không ngừng gặm nhấm, sự đau khổ không ngừng nghỉ, hình phạt vĩnh viễn, sự diệt vong trong địa ngục, bóng tối tăm tối, nơi có tiếng khóc lóc và tiếng nghiến răng, cùng vô số cực hình khác không thể đếm xuể.

– Ta thề, ta sẽ cắt lưỡi các ngươi! – kẻ tra tấn hét lên.

– Kẻ điên rồ! – các thánh đáp lại, – nếu ngươi cắt đứt những bộ phận mà chúng ta dùng để tôn vinh Thiên Chúa, thì những tiếng thở dài của chúng ta sẽ dễ dàng đến với Ngài hơn, và trái tim chúng ta sẽ kêu cầu Ngài mạnh mẽ hơn nữa; còn máu của chúng ta mà ngươi đổ ra, sẽ như tiếng kèn, cất cao tiếng nói lên với Chúa rằng chúng ta đang chịu đau khổ một cách oan ức.

Nghe câu trả lời như vậy của các thánh, vị vua vô đạo ra lệnh xiềng họ bằng xiềng sắt và giam vào ngục tối, đồng thời ghi chép tên tuổi và lời nói của họ vào sổ tòa án.

Khi các thánh được dẫn vào phòng tòa để ghi chép tên tuổi, một trong những quan chức cao cấp của tòa án, một người quý tộc tên là Adrian, người theo đạo Hy Lạp vô đạo[5689] , khi chứng kiến sự chịu đựng kiên nhẫn và dũng cảm của các vị tử đạo ấy, đã tiến lại gần họ và hỏi:

– Tôi xin thề trước Đức Chúa Trời của các ngươi, Đấng mà vì Ngài các ngươi đang chịu đau khổ như vậy, – hãy nói cho tôi biết theo lương tâm, các ngươi mong đợi phần thưởng nào từ Đức Chúa Trời của các ngươi cho những đau khổ này? Tôi nghĩ rằng các ngươi hy vọng sẽ nhận được từ Ngài điều gì đó vĩ đại và kỳ diệu.

Các thánh tử đạo đáp lại:

– Chúng tôi không thể diễn tả cho ngài bằng lời nói, và ngài cũng không thể thấu hiểu bằng tai nghe hay nắm bắt bằng trí óc những niềm vui và vinh quang rực rỡ mà chúng tôi mong đợi nhận được từ Chúa của chúng tôi, Đấng Phán Xét Công Bình.

– Vậy các ngươi có biết gì về điều này trong các sách luật pháp, sách tiên tri và các sách khác không? – Adrian hỏi.

– Ngay cả các vị tiên tri – các thánh đáp – cũng không thể thấu hiểu trọn vẹn bằng trí tuệ những ân huệ vĩnh cửu ấy, vì họ cũng là con người như chúng ta; dù họ đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng đức tin chân chính và những việc lành, và nói những điều mà Thánh Linh đã soi dẫn cho họ, nhưng về vinh quang và phần thưởng mà chúng ta mong đợi sẽ nhận được, Kinh Thánh có chép: *"Mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, và lòng người chưa từng nghĩ đến những điều mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn cho những ai yêu mến Ngài"* (1 Cô-rinh-tô 2:9).

Nghe những lời ấy, Hadrian bước ra giữa phòng và nói với các thư ký đang ghi chép tên các vị tử đạo:

– Hãy ghi tên tôi cùng với các thánh nhân này, vì tôi cũng là một Kitô hữu và sẽ cùng với họ chết vì Đức Kitô, Thiên Chúa!

Các thư ký lập tức đến gặp vua và báo cáo rằng Adrian đã tự xưng là Kitô hữu và xin họ ghi tên ông vào danh sách những người bị kết án.

Nghe tin này, hoàng đế vừa ngạc nhiên vừa tức giận, liền triệu Adrian đến ngay và hỏi ông:

– Ngươi đã mất trí rồi sao, Adrian? Hay ngươi cũng muốn chịu sự diệt vong tàn khốc?

– Không, – anh ta đáp, – tôi không mất trí, mà ngược lại, từ sự điên rồ tột độ, tôi đã trở lại với lý trí.

– Đừng biện minh nữa, – nhà vua thốt lên, – tốt hơn là ngươi nên xin tha thứ, thú nhận trước mặt mọi người rằng ngươi đã phạm tội và xóa tên ngươi khỏi danh sách những người bị kết án.

– Từ nay trở đi, – Adrian đáp, – tôi sẽ bắt đầu khẩn cầu Đức Chúa Trời chân chính để Ngài tha thứ cho những tội lỗi mà tôi đã phạm khi còn là người ngoại đạo.

Bị những lời nói đó của Adrian làm phẫn nộ, hoàng đế Maximian liền ra lệnh xiềng xích ông ta bằng xiềng sắt và giam vào ngục tối cùng với các vị tử đạo kia, đồng thời ấn định ngày sẽ đưa tất cả họ ra hành hình.

Một trong những người hầu của Adrian, vội vã chạy về nhà, báo cho bà chủ của mình là Natalia, vợ của Adrian, rằng chủ nhân của anh ta đã bị xích lại và bị đưa vào ngục tối.

Nghe tin này, Natalia vô cùng kinh hoàng, khóc lóc thảm thiết và xé rách áo quần trên người, rồi hỏi người hầu:

– Vì tội gì mà chồng tôi lại bị giam vào ngục?

– Là người chứng kiến – người hầu trả lời – việc một số người bị tra tấn vì danh nghĩa của một vị Chúa Kitô nào đó và vì đã không tuân lệnh nhà vua, không từ bỏ đức tin của mình và không dâng lễ vật cho các vị thần, chủ nhân của chúng tôi đã xin các thư ký ghi tên ông ấy vào danh sách những người bị kết án tử hình, vì ông ấy muốn chết cùng với họ.

– Còn anh có biết rõ hơn không, tại sao những người đàn ông đó lại bị tra tấn? – Natalia lại hỏi người hầu.

– Tôi đã nói với cô rồi mà, – người hầu đáp, – rằng họ bị tra tấn vì một người nào đó tên là Chúa Kitô và vì đã không tuân theo lệnh của nhà vua phải thờ lạy các vị thần.

Lúc đó, Natalia cảm thấy tinh thần phấn chấn hẳn lên, ngừng khóc, cởi bỏ bộ quần áo rách nát và, sau khi mặc bộ đẹp nhất, cô đi vào ngục tối.

[5689] Tức là tôn giáo Hy Lạp-La Mã.

Là con gái của những bậc cha mẹ tin kính Đức Chúa Trời và các thánh, trước đây Natalia sợ không dám tiết lộ cho ai biết đức tin của mình vào Đấng Christ, điều mà cô đã giấu kín, vì cô đã chứng kiến những cuộc bắt bớ và tra tấn tàn bạo mà các tín hữu Kitô giáo phải chịu từ phía những kẻ vô đạo; nhưng giờ đây, khi nghe tin chồng mình tin vào Chúa Kitô và đã được ghi tên vào danh sách những người bị kết án chịu cực hình, cô đã quyết tâm tuyên xưng mình là người Kitô hữu.

Khi bước vào ngục tối, Thánh nữ Natalia quỳ xuống dưới chân chồng mình, hôn lên xiềng xích của ông và nói:

– Chồng em thật hạnh phúc, Adrian ơi, vì đã tìm được kho báu này, thứ mà anh không thừa hưởng từ cha mẹ mình: **người kính sợ Thiên Chúa sẽ được chúc phúc như vậy**. Quả thật, thưa ngài, giờ đây, khi còn rất trẻ, nhờ đức tin vào Đấng Kitô, ngài đã thu thập được một sự giàu có mà ngay cả khi về già, nếu vẫn còn chìm đắm trong sự lầm lạc của người Hy Lạp, ngài cũng không thể có được. Giờ đây, ngài sẽ bước vào cuộc sống vĩnh hằng mà không còn buồn phiền, và sẽ tìm thấy kho tàng mà những ai tích lũy của cải lớn lao và sở hữu tài sản ở đó sẽ không bao giờ có được. Ở đó, họ sẽ không còn thời gian để tích lũy bất cứ điều gì, hay cho vay, hay tự mình vay mượn từ ai, khi không ai có thể cứu họ khỏi cái chết vĩnh hằng trong địa ngục và khỏi những cực hình của Gehenna; ở đó, không ai có thể giúp đỡ lẫn nhau – cha không thể giúp con, mẹ không thể giúp con gái, của cải trần gian dồi dào cũng không thể giúp người đã tích lũy nó, nô lệ cũng không thể giúp chủ nhân của mình, mà mỗi người sẽ phải gánh chịu hình phạt của riêng mình. Còn tất cả các đức tính của ngài, thưa ngài, sẽ theo ngài đến với Đức Kitô, để ngài nhận lãnh từ Ngài sự hạnh phúc đã được chuẩn bị cho những ai yêu mến Ngài. Hãy đến với Ngài với lòng can đảm, đừng sợ hình phạt trong tương lai; vì ngài đã chiến thắng cả lửa không tắt và những cực hình khác rồi. Tôi xin khẩn cầu ngài, thưa ngài, hãy kiên định ở lại trong chức vụ mà ngài đã được kêu gọi bởi lòng thương xót của Thiên Chúa. Xin đừng để bất cứ điều gì trên con đường tốt lành ấy làm ngài quay lưng lại: dù là nỗi nuối tiếc về nhan sắc tuổi trẻ, tình yêu dành cho người thân, bạn bè, của cải, nô lệ nam hay nữ, hay bất cứ điều gì trần thế: tất cả những điều đó đều sẽ hư nát và tan biến; nhưng hãy chỉ hướng mắt về điều duy nhất là vĩnh cửu, và đừng để mắt đến những của cải phù du và tạm bợ của thế gian này. Đừng để bị cuốn theo những lời nịnh hót của họ hàng và bạn bè ngài, kẻo họ lôi kéo ngài xa rời đức tin bằng những lời khuyên xảo trá của họ. Hãy ghét bỏ sự nịnh nọt của họ, từ chối lời khuyên của họ và đừng nghe những lời dối trá của họ; hãy chỉ hướng mắt về những vị thánh tử đạo đang ở bên cạnh ngươi, hãy lắng nghe lời họ, hãy noi gương sự kiên nhẫn của họ mà không hề do dự. Đừng sợ cơn thịnh nộ của kẻ hành hình và những hình phạt đa dạng của hắn, tất cả những điều đó sẽ sớm chấm dứt, còn từ Chúa Kitô trên trời, các tôi tớ của Ngài, những người chịu đau khổ vì Ngài, sẽ nhận được phần thưởng vĩnh cửu.

Nói xong, Natalia im lặng. Đã là buổi tối.

Adrian nói với cô:

– Bây giờ em hãy về nhà đi, em gái của anh, và ngủ yên giấc, còn khi anh biết được thời gian chúng ta sẽ bị dẫn ra chịu hình phạt, anh sẽ báo cho em biết để em đến chứng kiến cái chết của chúng ta.

Đứng dậy khỏi chân Adrian, Natalia tiến lại gần từng người trong số hai mươi ba tù nhân, quỳ xuống trước mặt họ và hôn lên xiềng xích của họ, nói:

– Hỡi các tôi tớ của Chúa Kitô! Tôi xin các anh chị em, hãy củng cố con chiên của Chúa Kitô này; hãy khuyên anh ấy kiên trì đến cùng, chỉ cho anh ấy thấy phần thưởng trong tương lai đã được chuẩn bị sẵn cho những người trung thành, những người dâng máu mình cho Chúa Kitô, giống như các anh chị em đã dâng máu mình cho Ngài, và nhờ sự đau khổ đó, các anh chị em sẽ nhận được phần thưởng là sự cứu rỗi vĩnh cửu. Hãy kết hợp linh hồn anh ta với linh hồn các ngươi và hãy làm cha mẹ cho anh ta thay cho cha mẹ trần thế, những người đã bất kính; hãy củng cố anh ta bằng lời khuyên thánh thiện của các ngươi, để anh ta, với đức tin không lay chuyển, hoàn thành cuộc hành trình chịu khổ của mình.

Nói xong, Natalia lại quay sang Adrian, người đang ở tận cùng ngục tối:

– Hãy nghe đây, thưa ngài, – nàng nói, – đừng tiếc nuối tuổi trẻ và nhan sắc trần thế của mình: thân xác phù du này sẽ trở thành mồi cho giun sâu. Đừng bận tâm đến tài sản của ngài, đến vàng và bạc, vì tất cả những thứ đó sẽ chẳng mang lại lợi ích gì trong Ngày Phán Xét Cuối Cùng. Ở đó, không ai có thể chuộc linh hồn mình khỏi sự diệt vong vĩnh viễn bằng bất kỳ của lễ nào, vì không ai sẽ chấp nhận những của lễ ấy; chỉ có những việc lành của các linh hồn thánh thiện mới được Thiên Chúa chấp nhận thay cho của lễ.

Nói xong, Natalia trở về nhà.

Vài ngày sau, Adrian, khi nghe tin nhà vua đã định đưa anh cùng các tù nhân khác ra xét xử và tra tấn, đã thỉnh cầu các thánh tử đạo như sau:

– Thưa các ngài! – anh nói, – với sự ban phước của các ngài, tôi cần về nhà để gọi người tớ gái của các ngài, cũng là em gái tôi, Natalia, để cô ấy được chứng kiến sự đau khổ của chúng ta, vì tôi đã hứa sẽ gọi cô ấy vào giờ đã định cho việc đó.

Các thánh đã ban phước lành cho anh ta và bảo lãnh cho anh; Adrian, sau khi trả tiền cho lính canh nhà tù, liền lên đường.

Một người dân trong thành, thấy anh ta đang trên đường về nhà, vội vã chạy đến chỗ Natalia và báo cho cô biết rằng chồng cô đã được tháo xiềng xích và đang trên đường về nhà.

Nghe tin này, Natalia không tin và nói:

– Ai có thể giải thoát cho anh ấy được chứ? Không thể nào chồng tôi lại rời xa các thánh tử đạo được.

Trong lúc đang nói chuyện, một người hầu cũng đến và nói:

– Thưa phu nhân, bà có biết rằng ngài chủ của chúng ta đã được thả và đang đến gần nhà không?

Nghĩ rằng ông ấy đã chối bỏ Chúa Kitô và vì thế mà được thả ra, Natalia rơi vào nỗi đau đớn tột cùng và khóc nức nở, nhưng khi nhìn qua cửa sổ thấy ông ấy đã đến rất gần nhà, cô liền bỏ công việc đang làm, vội vàng đứng dậy, đóng cửa lại và nói lớn:

– Hãy tránh xa ta, kẻ phản bội Thiên Chúa, kẻ đã lừa dối Chúa của mình! Ta không thể trò chuyện với kẻ đã từ bỏ Thiên Chúa và sẽ không nghe những lời dối trá. Hỡi kẻ vô thần và kẻ khốn nạn nhất! Ai đã xúi giục ngươi dấn thân vào việc mà ngươi không thể hoàn thành? Ai đã chia rẽ ngươi khỏi các thánh nhân? Ai đã dụ dỗ ngươi rời xa sự hiệp thông với họ? Điều gì đã khiến ngươi bỏ chạy ngay cả trước khi bước vào trận chiến? Ngươi chưa thấy kẻ thù mà đã vứt bỏ vũ khí; chưa có mũi tên nào bắn trúng ngươi mà ngươi đã bị thương rồi! Tôi bàng hoàng tự hỏi: Liệu có điều gì tốt lành nào có thể đến từ dòng dõi vô thần và thành phố gian ác chăng? Liệu có thể dâng lên Đức Chúa Trời của lễ tinh khiết nào từ con cháu của kẻ hành hạ chăng? Liệu lư hương từ những kẻ làm đổ máu người vô tội có thể tỏa hương thơm ngát trước mặt Đấng Tối Cao chăng? Và tôi, kẻ khốn khổ này, đã kết hôn với tên gian ác ấy, phải làm gì đây? Tôi không được xứng đáng với danh hiệu vợ của vị tử đạo, trái lại, tôi đã trở thành vợ của kẻ bội đạo; niềm vui của tôi chỉ là nhất thời và đã biến thành sự sỉ nhục vĩnh viễn; trước đây tôi từng được khen ngợi giữa các phụ nữ, nhưng giờ đây tôi sẽ phải chịu sự xấu hổ không ngừng trước mặt họ!

Thánh Adrian, đứng sau cánh cửa và lắng nghe những lời của Natalia, lòng ông tràn ngập niềm vui và thêm vững tin vào hành động anh hùng của mình, với khát khao càng mãnh liệt hơn để thực hiện lời hứa với Đức Kitô, Thiên Chúa. Ông ngạc nhiên trước những lời nói ấy của người vợ trẻ, người mới kết hôn với ông không lâu, vì chỉ mới trôi qua mười ba tháng kể từ ngày họ làm lễ cưới.

Thấy nỗi đau khổ tột cùng của người vợ, Adrian gõ cửa và bắt đầu nài nỉ nàng, nói:

– Hãy mở cửa cho tôi đi, thưa phu nhân Natalia! Tôi không trốn chạy khỏi những đau khổ như em nghĩ đâu; không, tôi không thể làm như vậy được. Tôi đến để đưa em đi cùng, như đã hứa, để em được chứng kiến cái chết của chúng ta.

Không tin lời anh, Natalia tiếp tục nói với anh bằng giọng trách móc:

– Đây là cách tên tội phạm lừa dối tôi, đây là cách tên Giu-đa thứ hai nói dối! Hãy tránh xa tôi ra, kẻo tôi phải giết anh!..

Và cô không mở cửa.

– Mở cửa đi, mau lên, – Adrian nài nỉ, – nếu không tôi sẽ phải ra đi mà không được gặp em, và em sẽ phải đau buồn vì điều đó, bởi tôi cần phải trở về càng sớm càng tốt. Các thánh tử đạo đã bảo lãnh cho tôi, và nếu tôi không đến đúng hạn, khi các cấp trên hỏi về tôi mà tôi lại vắng mặt, thì các thánh tử đạo ngoài những đau khổ của chính họ còn phải gánh chịu thêm cả phần của tôi nữa; nhưng liệu họ có thể chịu đựng thêm đau khổ thay cho tôi được không, khi mà họ vốn đã gần như kiệt sức rồi?

Nghe vậy, Natalia lập tức vui mừng mở cửa, và cả hai ôm chầm lấy nhau.

– Em thật là người vợ hạnh phúc! – Adrian nói. – Chỉ có em mới nhận biết Thiên Chúa để cứu chồng mình! Quả thật, em là người vợ yêu thương chồng! Phần thưởng cho điều đó sẽ là hạnh phúc, vì dù em không phải chịu đau khổ, nhưng em đồng cảm với nỗi đau của các vị tử đạo qua sự tham gia của mình.

Adrian dắt vợ đi cùng mình.

Trên đường đi, ông hỏi nàng:

– Vậy chúng ta sẽ xử lý tài sản của mình thế nào?

Natalia đáp:

– Xin ngài đừng bận tâm đến những việc trần thế, kẻo chúng làm xao lãng tâm trí ngài; hãy chỉ lo và suy nghĩ duy nhất về việc hoàn thành công việc cao cả mà ngài được kêu gọi. Hãy quên đi mọi điều trần tục, phù du và gây hại cho tâm hồn; thay vào đó, hãy lo lắng để được chiêm ngưỡng và nhận lấy những ân huệ vĩnh cửu đã được chuẩn bị sẵn cho ngài và các thánh nhân, những người đang cùng ngài bước đi trên con đường của Chúa.

Khi bước vào ngục tối, nữ tỳ của Chúa Natalia quỳ xuống trước các thánh tử đạo và, trong lúc hôn lên xiềng xích của họ, nàng thấy rằng vết thương của họ đã bị mưng mủ và giòi bọ bò ra từ đó, còn do sức nặng của xiềng xích sắt trói buộc, các bộ phận cơ thể họ đang dần tách rời khỏi nhau. Nàng cúi xuống, lau sạch mủ trên vết thương của họ. Sau đó, bà lập tức sai các tỳ nữ của mình về nhà lấy vải tốt và băng gạc. Khi mọi thứ đã được mang đến, Natalia tự tay băng bó vết thương cho các vị tử đạo và, trong khả năng có thể, làm dịu bớt những đau đớn không thể chịu đựng nổi của họ, chăm sóc họ trong ngục tối suốt bảy ngày cho đến khi họ bị dẫn ra xét xử.

Khi ngày xét xử đến, hoàng đế Maximian ngự trên bục xét xử và ra lệnh dẫn các tù nhân đến trước mặt ngài. Các thị vệ lập tức đến nhà giam để truyền đạt mệnh lệnh của hoàng đế. Thấy họ kiệt sức vì những vết thương nặng đến mức không thể đi lại được, các thị vệ đã lôi tất cả các vị tử đạo đi như những xác gia súc, bị trói lại bằng một sợi xích; còn Adrian thì bị dẫn đi phía sau cùng, hai tay bị trói ra sau lưng.

Khi họ đến gần tòa án, có người báo với nhà vua rằng các tù nhân đã được dẫn đến.

– Đưa tất cả vào đây cùng một lúc, – nhà vua ra lệnh, – để họ chứng kiến sự đau khổ của nhau; hãy dẫn họ vào trong tình trạng trần truồng, sẵn sàng chịu hình phạt.

Trưởng ngục báo cáo với nhà vua:

– Thưa Bệ hạ! Những người đã bị tra tấn trước đó không thể được dẫn đến đây để chịu thử thách. Họ ra lệnh chỉ dẫn Adrian đến, vì anh ta vẫn còn tỉnh táo và cơ thể khỏe mạnh, có thể chịu đựng được các hình thức tra tấn khác nhau; còn cơ thể những người khác thì đã bị hoại tử, xương lộ ra qua các vết thương, và nếu bắt đầu tra tấn họ lần nữa, có lẽ họ sẽ chết ngay lập tức, không chịu đựng nổi nhiều cực hình đã được chuẩn bị sẵn cho họ. Chúng ta không muốn họ chết vì những hình phạt ngắn ngủi, như những kẻ phạm tội nhẹ, mà hãy cho họ một khoảng thời gian để hồi phục và lấy lại sức lực, để sau đó họ phải chịu những hình phạt tàn khốc nhất vì những tội ác của mình.

Sau đó, nhà vua ra lệnh dẫn một mình Adrian vào.

Sau khi lột trần Adrian, các đầy tớ đưa cho anh ta các dụng cụ hành hình, để anh ta tự tay mang chúng.

Các thánh tử đạo nói với anh ta:

– Hạnh phúc thay ngươi, Adrian, vì đã được ân sủng mang thập giá của mình và theo chân Chúa Kitô! Hãy nhìn xem, đừng sợ hãi, đừng quay đầu lại và đừng đánh mất phần thưởng của mình; hãy đề phòng để ma quỷ không cướp mất kho tàng của ngươi; đừng sợ những cực hình trước mắt, nhưng hãy hướng mắt về phần thưởng trong tương lai: hãy dũng cảm tiến lên và làm cho kẻ hành hạ phải xấu hổ! Hãy biết rằng: *"Những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì so với vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng ta"* (Rô-ma 8:18), mà chúng ta hy vọng sẽ nhận được nhờ ân sủng của Chúa.

Thánh Nữ Natalia cũng nói với ngài:

– Thưa ngài, xin hãy hướng tâm trí mình về một mình Thiên Chúa, và đừng để lòng ngài sợ hãi điều gì cả! Sự vất vả thì nhỏ nhoi, nhưng sự bình an thì vô tận; đau khổ chỉ là nhất thời, nhưng vinh quang của người tử đạo thì vĩnh cửu; ngài sẽ chịu đựng một chút bệnh tật và chẳng bao lâu nữa sẽ được hân hoan cùng các Thiên Thần. Nếu ngài, khi phụng sự vị vua trần gian, đã lo thu những khoản thuế nhỏ, không tiếc sức khỏe và sẵn sàng hy sinh trong chiến tranh, thì giờ đây, chẳng phải ngài càng phải thể hiện lòng dũng cảm lớn lao hơn để chịu đựng mọi cực hình và hy sinh vì Vua Thiên Đàng, Đấng mà chính ngài sẽ cùng ngự trị sao!

Khi Adrian được dẫn đến trước mặt vị vua vô đạo Maximian, ông ta nhìn anh và hỏi:

– Chẳng lẽ ngươi vẫn còn chìm đắm trong cơn điên loạn và muốn kết thúc cuộc đời mình bằng sự đau khổ sao?

– Ta đã nói với ngươi từ trước rồi, – Adrian đáp, – rằng ta không hề điên rồ, mà đã tỉnh ngộ và sẵn sàng chết trong kiếp này!

Vua hỏi:

– Ngươi có chịu dâng lễ vật và thờ lạy các vị thần không, giống như ta và tất cả những người đi cùng ta đang thờ lạy và dâng lễ vật cho họ?

– Kẻ điên rồ, – Adrian đáp, – chính ngươi đã lầm lạc, vậy tại sao ngươi lại lôi kéo người khác vào cùng sự lầm lạc đó? Ngươi không chỉ tự đưa mình vào con đường diệt vong, mà còn lôi kéo cả dân tộc đang nghe theo ngươi, vào cùng con đường diệt vong đó, bằng cách khuyên nhủ và ép buộc họ thờ lạy những pho tượng vô hồn, bỏ rơi Đức Chúa Trời chân thật, Đấng Tạo Hóa trời đất!

– Vậy ngươi coi các vị thần vĩ đại của chúng ta là nhỏ bé sao? – nhà vua hỏi.

– Tôi – Adrian đáp – không gọi họ là nhỏ hay vĩ đại, vì họ chẳng là gì cả.

Kẻ tra tấn tức giận liền ra lệnh đánh anh ta dã man bằng gậy.

Thánh nữ Natalia, khi nghe tin chồng mình bị đánh, đã báo cho các thánh tử đạo biết, nói rằng:

– Chồng tôi đã bắt đầu chịu đau khổ rồi!

Các thánh lập tức cầu nguyện với Thiên Chúa cho ngài, xin Ngài ban sức mạnh cho ngài trong cơn đau khổ.

Còn nhà vua thì ra lệnh cho những kẻ tra tấn phải lặp đi lặp lại: "Đừng phỉ báng các vị thần!"

Khi vị tử đạo bị đánh, ngài nói với nhà vua:

– Nếu tôi phải chịu đau khổ vì phỉ báng các vị thần, những kẻ không phải là thần, thì ngài sẽ phải chịu hình phạt nào khi phỉ báng Đức Chúa Trời Hằng Sống và chân thật?

– Chắc hẳn ngươi đã học cách nói ngạo mạn như vậy từ những kẻ nịnh hót này chăng? – nhà vua hỏi.

Vị tử đạo đáp:

– Tại sao ngài lại gọi những người hướng dẫn con đường cứu rỗi và những người dẫn dắt đến sự sống đời đời là những kẻ nịnh hót? Chính các ngài mới là những kẻ lừa dối lớn, lôi kéo con người vào con đường diệt vong!

Maximian, trong cơn thịnh nộ, ra lệnh cho bốn tên đầy tớ lực lưỡng đánh đập vị tử đạo một cách tàn nhẫn bằng những cây cọc dày.

Và khi Adrian bị đánh, ông nói:

– Càng nhiều hình phạt mà ngươi, kẻ hành hạ, nghĩ ra cho ta, thì ngươi càng cầu xin cho ta nhiều vương miện hơn vì những hình phạt đó!

Còn thánh nữ Natalia thì truyền lại cho các vị thánh tử đạo mọi điều mà hoàng đế hỏi và những gì Adrian đã trả lời.

– Hãy thương xót tuổi trẻ của ngươi đi, – kẻ tra tấn tiếp tục khuyên nhủ, – và hãy cầu khẩn các vị thần! Tại sao ngươi lại tự nguyện chết một cách vô ích như vậy? Các vị thần của ta rất vĩ đại, và ta thực sự thương xót ngươi khi thấy ngươi phải chịu đau khổ tột cùng và vẻ đẹp của ngươi đang tàn lụi!

– Ta đang tự thương xót chính mình, – vị tử đạo đáp lại, – để không phải chết hoàn toàn!

– Vậy thì hãy cầu khẩn các vị thần đi, – kẻ tra tấn nài nỉ, – họ sẽ tha thứ cho ngươi, còn ta sẽ trả lại cho ngươi chức tước cũ của ngươi. Không nên so sánh ngươi với những kẻ từng bị xiềng xích cùng ngươi, vì ngươi là người cao quý, con trai của những bậc cha mẹ danh giá, và dù còn trẻ nhưng xứng đáng nhận những vinh dự cao cả; còn những tù nhân kia – họ là những kẻ nghèo khổ, xuất thân thấp hèn và ngu dốt vô tri!

– Ta biết, – vị tử đạo đáp, – rằng ngươi biết rõ dòng dõi và xuất thân của ta; nhưng nếu ngươi biết dòng dõi của các thánh nhân ấy và gia tài phong phú mà họ đang mong đợi, thì chính ngươi sẽ là một trong những người đầu tiên quỳ xuống dưới chân họ và cầu xin họ cầu nguyện cho mình, rồi chính tay ngươi sẽ tiêu diệt những vị thần vô hồn của ngươi!

Càng tức giận hơn, kẻ tra tấn ra lệnh cho bốn tên đầy tớ lực lưỡng đánh vào bụng vị tử đạo.

Và họ đánh vị thánh cho đến khi bụng bị rách toạc và nội tạng bắt đầu tuôn ra. Thấy vậy, kẻ tra tấn ra lệnh ngừng đánh.

Thánh Adrian còn trẻ và thân thể mảnh mai: ngài mới chỉ hai mươi tám tuổi.

– Ngươi thấy chưa, – nhà vua nói với ngài, – ta đã khoan dung với ngươi biết bao! Chỉ cần ngươi gọi tên các vị thần bằng một lời, họ sẽ ngay lập tức thương xót ngươi; còn ta sẽ gọi các bác sĩ đến để chữa lành vết thương cho ngươi, và ngay hôm nay ngươi sẽ được ở trong cung điện hoàng gia của ta!

– Nếu ngài hứa sẽ cho các thầy thuốc chăm sóc ta, – vị tử đạo đáp lại, – và dành cho ta sự tôn kính trong cung điện của ngài, đồng thời nói rằng các vị thần của ngài sẽ thương xót ta, thì dù sao hãy để chính miệng họ nói với ta rằng họ muốn ban cho ta điều gì, hãy để họ nói rõ ân huệ nào mà họ hứa hẹn dành cho ta! Và khi ta nghe được lời của họ, ta sẽ dâng lễ vật và thờ lạy họ, như ngươi mong muốn!

– Họ không thể nói được! – nhà vua đáp.

– Vậy nếu họ không thể nói, – vị tử đạo nói, – thì tại sao lại phải thờ lạy họ, những kẻ câm lặng và vô hồn?

Trong cơn giận dữ và phẫn nộ, tên tra tấn ra lệnh trói vị thánh tử đạo lại cùng với các tù nhân khác và giam họ vào ngục tối, đồng thời ấn định ngày đưa họ ra xét xử.

Lúc đó, các binh lính dẫn các vị thánh tử đạo đi; một số bị lôi đi, số khác – những người đã kiệt sức vì những đau đớn thể xác và không thể đi được – thì được bế trên tay, còn thánh Adrian thì bị dẫn đi và lại bị giam vào ngục tối.

Thánh nữ Natalia động viên và an ủi ngài, rồi ôm lấy ngài và nói:

– Thật phúc cho ngài, thưa ngài, vì đã được ban ân sủng chia sẻ số phận của các thánh tử đạo! Thật phúc cho ngài, ánh sáng của đôi mắt tôi, vì ngài đang chịu đau khổ vì Đấng đã chịu đau khổ thay cho ngài! Giờ đây, ngài sắp được chiêm ngưỡng vinh quang của Ngài và trở thành người đồng hưởng vinh quang ấy, vì ai đồng chịu đau khổ với Ngài thì cũng sẽ được dự phần vào vinh quang của Ngài.

Trong lúc trò chuyện, Natalia lau máu cho ngài và bôi máu đó lên thân thể mình.

Còn các thánh tử đạo thì vô cùng vui mừng trước sự kiên nhẫn dũng cảm của Adrian, họ tiến lại gần anh, hôn lên trán anh và nói: "Bình an cho anh, anh em ạ."

Còn những người không thể đi lại vì vết thương quá nặng, thì nằm trên sàn nhà và bò đến gần anh để hôn anh, và tất cả đều nói với anh:

– Hãy vui mừng trong Chúa, anh em yêu dấu, vì tên của anh đã được ghi cùng với các tôi tớ vinh hiển của Đức Chúa Trời!

– Các con, những tôi tớ của Chúa Kitô, hãy vui mừng đi, – Adrian đáp lại, – các con sẽ được nhận vương miện vì đã chăm sóc cho tôi! Hãy cầu nguyện cùng Chúa cho tôi, để Ngài ban sức mạnh cho tôi, người đang kiệt sức về thể xác, và để kẻ thù đang chống lại tôi – ma quỷ – không thể làm gì được tôi!

– Hãy đặt niềm tin vào Thiên Chúa, – các thánh nói. – Satan sẽ không thể đánh bại ngươi: ngươi đã đẩy lùi hắn xa bằng chính sự đau khổ của mình. Ban đầu chúng tôi lo lắng cho anh, nghĩ rằng anh, với tư cách là con người, sẽ yếu đuối, nhưng giờ đây, khi chứng kiến sự kiên nhẫn vững vàng của anh, chúng tôi không còn nghi ngờ gì về anh nữa và tin chắc rằng, với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, kẻ thù không thể làm gì được anh; vì vậy đừng sợ: Chúa Kitô, Đấng Chiến Thắng ma quỷ, đang ở cùng anh!

Cùng với Thánh Natalia còn có những người phụ nữ đạo đức khác, họ chăm sóc các thánh nhân bằng cách bôi thuốc chữa lành lên vết thương và băng bó cho họ, đồng thời chia nhau chăm sóc các vị tử đạo sao cho mỗi người đều có thể phục vụ người mình được giao phó bằng mọi sự chăm sóc cần thiết.

Khi biết rằng nhiều phụ nữ đạo đức đến nhà tù để chăm sóc các tù nhân, bôi thuốc lên vết thương cho họ, vị vua vô đạo đã ra lệnh cấm họ vào thăm các tù nhân.

Thấy rằng các phụ nữ không còn được phép đến với các vị tử đạo nữa, thánh Natalia đã cạo trọc đầu, mặc áo nam và, khi vào ngục dưới hình dạng một người đàn ông, một mình chăm sóc không chỉ chồng mình, thánh Adrian, mà còn cả các vị tử đạo thánh thiện khác.

Sau khi băng bó vết thương cho các vị tử đạo, bà ngồi xuống dưới chân Adrian và nói:

– Tôi xin ngài, thưa ngài, hãy nhớ đến mối liên kết của chúng ta và sự hiện diện của tôi bên ngài trong lúc ngài chịu đau khổ, cũng như khát khao được nhận vương miện của ngài; xin ngài cầu nguyện cùng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, để Ngài cũng đưa tôi theo cùng Ngài, để như chúng ta đã sống bên nhau trong cuộc đời đầy đau khổ và tội lỗi này, thì chúng ta cũng sẽ ở bên nhau không rời xa trong cuộc sống hạnh phúc ấy. Xin ngài, thưa ngài, khi ngài được diện kiến Chúa Kitô, xin hãy dâng lên Ngài lời cầu nguyện đầu tiên cho con; con tin rằng bất cứ điều gì ngài xin, Chúa sẽ ban cho ngài, vì lời cầu nguyện của ngài được Ngài yêu mến và lời thỉnh cầu của ngài làm Ngài hài lòng. Nhưng ngài biết sự vô đạo của những người dân nơi đây và sự vô thần của nhà vua; tôi lo sợ rằng họ sẽ ép buộc tôi phải kết hôn với một người khác, một kẻ vô đạo và ngoại đạo; khi đó, giường ngủ của tôi sẽ bị ô uế và mối liên kết giữa chúng ta sẽ bị phá vỡ. Xin ngài hãy bảo vệ người vợ của mình, như lời dạy của vị Tông đồ, và hãy ban cho tôi phần thưởng vì sự trong sạch của tôi là được chết cùng ngài!

Nói xong, nàng đứng dậy và tiếp tục phục vụ các thánh nhân, dâng thức ăn và nước uống cho họ, rửa sạch và băng bó vết thương cho họ.

Các phụ nữ đạo đức, khi biết rằng Natalia đang mặc trang phục nam giới để phục vụ các thánh nhân, đã noi gương nàng, cũng cắt ngắn tóc trên đầu mình và, mặc trang phục nam giới, vẫn tiếp tục vào ngục tối để phục vụ các thánh nhân.

Khi vị vua vô đạo biết được những gì các phụ nữ đã làm, cũng như việc các tù nhân đã kiệt sức vì những vết thương mưng mủ và chỉ còn thoi thóp, ông ra lệnh mang một cái đe và một cái búa sắt vào ngục tối để đập gãy cẳng chân và tay các vị tử đạo, đồng thời nói:

– Hãy để họ chết một cái chết bạo lực, không phải cái chết thông thường của con người!

Và khi những kẻ tra tấn và những tên sát nhân là thuộc hạ mang búa sắt và đe sắt vào ngục tối, Natalia, khi nhìn thấy điều đó và biết lý do họ đến, đã đón họ với lời khẩn cầu rằng hãy bắt đầu từ Adrian, vì cô sợ rằng chồng mình, khi chứng kiến sự tra tấn tàn bạo và cái chết của các vị tử đạo khác, sẽ hoảng sợ.

Những kẻ tra tấn đã nghe theo lời Natalia và bắt đầu với Adrian trước.

Còn Natalia, sau khi nâng hai chân chồng mình lên, đã đặt chúng lên chiếc búa rèn; những kẻ tra tấn đã dùng một cú đập mạnh của búa vào chân vị tử đạo, làm gãy xương ống chân và đập gãy cả hai chân anh.

– Tôi van xin ngài, thưa ngài, tôi tớ của Chúa Kitô, – Natalia nói, – trong khi ngài còn sống, xin hãy giơ tay ra để họ chặt đứt nó đi, và như vậy ngài sẽ sánh ngang với các thánh tử đạo khác, những người đã chịu đau khổ nhiều hơn ngài!

Thánh Adrian giơ tay về phía nàng, và nàng nắm lấy tay ngài, đặt lên bàn rèn. Kẻ tra tấn, sau khi giáng một cú búa mạnh vào tay ngài, đã chặt đứt nó, và ngay lập tức, Thánh Adrian đã trao linh hồn mình vào tay Chúa vì những đau khổ tột cùng.

Sau khi giết chết Thánh Adrian, những kẻ tra tấn mang búa và đe đến chỗ các vị tử đạo khác, nhưng chính họ lại tự đặt tay và chân lên đe và nói:

– Lạy Chúa, xin hãy đón nhận linh hồn chúng con!

Sau đó, vị vua vô đạo ra lệnh thiêu xác các vị tử đạo để các Kitô hữu không thể lấy được.

Khi nghe lệnh của vua, thánh nữ Natalia đã lén lấy bàn tay chồng mình và giấu đi để nó không bị thiêu rụi.

Khi các đầy tớ của kẻ hành hình đốt lò và mang thi thể các thánh tử đạo ra khỏi ngục để thiêu, thánh Natalia cùng các bà vợ đạo đức khác đã đi theo họ, hứng máu tử đạo vào những bộ quần áo và khăn quấn quý giá của mình, rồi giữ lại để bôi lên thân thể. Ngoài ra, họ còn dùng tiền mua lại từ các đầy tớ cả những bộ quần áo dính đầy máu các vị tử đạo.

Khi thi thể các thánh bị ném vào lò thiêu, các phụ nữ đã khóc lóc và kêu lên:

– Xin các ngài, những vị chủ của chúng tôi, hãy nhớ đến chúng tôi trong sự an nghỉ vĩnh cửu của các ngài!

Còn thánh nữ Natalia đã chạy đến gần lò lửa để lao vào ngọn lửa, mong muốn dâng hiến chính mình cùng với chồng làm của lễ dâng lên Thiên Chúa, nhưng đã bị ngăn cản.

Bỗng nhiên, một tiếng sấm kinh hoàng vang lên, tia chớp lóe sáng và cơn mưa lớn trút xuống, ngập tràn mọi nơi và dập tắt cả lò lửa. Bị nỗi sợ hãi bao trùm, những kẻ tra tấn vô đạo đã bỏ chạy, và nhiều người trong số họ ngã gục chết trên đường, bị sét đánh trúng.

Khi những tay sai của kẻ hành hạ bỏ chạy, những người đàn ông trung thành có mặt tại đó cùng với Thánh Natalia và các bà vợ khác đã lấy thi thể các thánh tử đạo ra khỏi lò, vẫn còn nguyên vẹn, không hề bị lửa làm tổn hại chút nào, đến nỗi ngay cả một sợi tóc trên người họ cũng không bị cháy xém.

Một người đàn ông đạo đức cùng vợ mình, quỳ xuống trước Thánh Natalia, bắt đầu nài nỉ bà và các anh em khác, nói như sau:

– Chúng tôi sống ở ngoại ô thành phố, tại một nơi hẻo lánh; chúng tôi ghê tởm sự vô thần và không thể tiếp tục chứng kiến cuộc tàn sát đẫm máu mà vị vua vô đạo đang gây ra, vì vậy chúng tôi không muốn ở lại đây nữa và sẽ di cư đến Byzantium. Xin hãy trao cho chúng tôi thi hài các thánh tử đạo, chúng tôi sẽ chuyển chúng lên tàu, mang chúng đi khỏi đây cùng chúng tôi và bảo quản chúng ở đó cho đến khi vị vua vô đạo Maximian qua đời; sau khi ông ta qua đời, nếu chúng tôi còn sống, chúng tôi sẽ trở lại và mang thi hài các thánh trở lại đây, để mọi người đều tôn kính họ. Còn nếu các thi hài ấy vẫn ở lại đây, thì hoàng đế sẽ lại ra lệnh thiêu hủy chúng, và các ngươi sẽ trở thành những kẻ phản bội đối với những thi hài mà Thiên Chúa đã bảo vệ khỏi bị thiêu hủy nhờ cơn mưa.

Mọi người đều đồng ý và chuyển thi hài các vị tử đạo lên tàu để đưa đến Byzantium; và gió thuận lợi cho chuyến ra khơi của con tàu.

Trong khi đó, thánh Natalia sống trong nhà mình, giữ bên mình bàn tay của người chồng yêu dấu, thánh Adrian, mà bà đã xức dầu thơm quý giá và quấn bằng vải porphyry, rồi đặt ở đầu giường của mình, điều mà không ai trong gia đình bà biết.

Một thời gian sau, một quý tộc, giữ chức ngàn trưởng, muốn cưới Natalia, vì cô còn trẻ, xinh đẹp và giàu có. Ông xin nhà vua cho phép ông lấy vợ của Thánh Adrian làm vợ, và nhà vua đã đồng ý cho cuộc hôn nhân này. Chú rể ngay lập tức cử những quý bà sang gặp Natalia để cầu hôn. Nhưng Natalia nói với họ:

– Tôi rất vui khi nghe tin một người chồng như vậy muốn cưới tôi; nhưng xin các bà hãy chờ ba ngày để tôi chuẩn bị, vì tôi hoàn toàn không ngờ rằng lại có ai muốn kết hôn với tôi sớm như vậy.

Nói xong, thánh nữ Natalia đã nảy ra ý định trốn chạy đến nơi thi thể các vị tử đạo được đưa đến.

Sau khi cho những người phụ nữ được cử đến gặp bà trở về gặp viên chỉ huy ngàn quân và trấn an họ, chính bà, khi bước vào phòng ngủ của mình – nơi lưu giữ bàn tay của Thánh Adrian – đã quỳ sấp xuống đất và khóc lóc kêu cầu Chúa:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của chúng con, Thiên Chúa của những người đau khổ và lòng tan nát, xin hãy nhìn xuống con, tôi tớ của Ngài, và đừng để giường ngủ của vị tử đạo Adrian của Ngài bị ô uế. Xin đừng quên, lạy Chúa, những đau khổ mà tôi tớ của Ngài đã chịu đựng vì danh thánh của Ngài! Lạy Chúa nhân từ! Xin hãy nhớ đến việc chân họ bị gãy và tay họ bị chặt đứt, cũng như những tôi tớ khác của Ngài đã chịu đựng vì Ngài, và xin đừng để những đau khổ của họ trở nên vô ích. Xin hãy thương xót tôi vì họ, và xin đừng để tôi phải chung sống với kẻ thù của Ngài. Ngài, Đấng đã giải cứu các thánh nhân khỏi lửa, xin hãy giải cứu con khỏi ý định xấu xa của kẻ ác!

Trong lúc cầu nguyện này, Natalia vì kiệt sức và buồn bã nên đã thiếp đi và chìm vào giấc ngủ nhẹ, và kìa, trong giấc mơ, một trong các thánh tử đạo đã hiện ra với nàng và nói:

– Bình an cho con, tôi tớ của Đấng Kitô, Natalia! Hãy tin rằng Thiên Chúa không bỏ rơi con, và chúng tôi cũng không quên những công lao mà con đã gánh vác khi chăm sóc chúng tôi trong thời gian chúng tôi bị giam cầm trong ngục tối; hãy đến trước mặt Đấng Kitô, chúng tôi đang cầu xin Ngài để Ngài truyền lệnh cho con sớm đến với chúng tôi.

Thánh nữ Natalia liền hỏi ngài:

– Xin hãy cho tôi biết, thánh tử đạo, chủ nhân của tôi là Adrian đã được hiện diện trước mặt Chúa Kitô cùng với các ngài chưa?

Vị tử đạo đáp:

– Ngài đã được đưa đến trước mặt Chúa trước chúng tôi! Còn chị, hãy đi ngay, lên thuyền và ra khơi đến nơi thi thể chúng tôi đang nằm; ở đó, Chúa sẽ hiện ra với chị và dẫn chị đến với chúng tôi!

Tỉnh dậy khỏi giấc ngủ, Thánh Nataia lập tức bỏ lại tất cả, chỉ nắm lấy tay Thánh Adrian, rồi bước ra khỏi nhà. Khi đến bờ biển, nàng thấy một con tàu dường như đang chờ đợi nàng và sẵn sàng ra khơi đến Byzantium. Khi bước lên tàu, nàng thấy trên đó có cả nam lẫn nữ, tất cả đều là những Kitô hữu đã trốn chạy khỏi sự tra tấn của vị vua vô đạo Maximian, và nàng đã ngợi khen Thiên Chúa.

Còn vị chỉ huy ngàn quân, khi biết tin Natalia đã ra đi, đã xin vua cho quân lính hỗ trợ và, lên một con tàu khác, đuổi theo nàng. Khi con tàu của ông ta đã rời bờ được một nghìn stadia, một cơn gió ngược thổi lên trên biển, đẩy con tàu quay trở lại bờ, về chính nơi nó đã rời đi, và gây ra thiệt hại lớn cho nó, đến nỗi nhiều người trên tàu đã bị chìm. Còn con tàu Kitô giáo, nơi Thánh Natalia đang ở, thì lướt đi mà không gặp bất kỳ nguy hiểm nào. Vào nửa đêm, ma quỷ xuất hiện trước mặt họ, dường như đang lướt trên con tàu từ phía đông, mang theo những người trông giống như thủy thủ; ma quỷ hỏi các thủy thủ Kitô giáo bằng giọng nói giống như người lái tàu:

– Các ngươi từ đâu đến và đang đi về đâu?

Họ trả lời:

– Chúng tôi đến từ Nicomedia, đang trên đường đến Byzantium[5690] .

Kẻ thù nói với họ:

– Các ngươi đã đi chệch hướng, hãy quay con tàu sang bên trái.

Nói như vậy, ma quỷ muốn lừa gạt và dìm chết họ. Những người Kitô hữu, tin vào lời khuyên dối trá đó và nghĩ rằng những người họ gặp thực sự đang đi từ phía đông đến, bèn bắt đầu điều chỉnh buồm và lái con tàu sang bên trái; nhưng bỗng nhiên, thánh tử đạo Adrian xuất hiện trước mặt họ, tỏa sáng rực rỡ, và hét lên bằng giọng vang dội:

[5690] Byzantium, sau này là Constantinople nổi tiếng, hay Tsargrad, ban đầu là một thuộc địa nhỏ của Megara, được thành lập vào khoảng năm 658 trước Công nguyên và được đặt tên theo người sáng lập là Vizas, người gốc từ thành phố Miletus thuộc Tiểu Á của Hy Lạp, nơi từng thuộc quyền cai trị của người Ba Tư.

– Hãy tiếp tục đi theo con đường đã định và đừng nghe lời kẻ thù, kẻ chắc chắn đang chuẩn bị sự diệt vong cho các ngươi.

Nói xong, vị tử đạo dường như bước đi trên mặt nước, còn quỷ dữ thì biến mất cùng với con tàu của nó.

Thánh nữ Natalia đứng dậy, nhìn thấy Thánh Adrian đang đi phía trước con tàu và reo lên:

– Kìa, đó là chủ nhân của con!

Và ngay lập tức, vị thánh trở nên vô hình.

Một cơn gió thuận lợi thổi lên. Những người lữ hành đã đến Byzantium trước bình minh và cập bến, nơi gần đó có một ngôi đền, nơi an táng thi hài các thánh tử đạo, và họ vui mừng bước lên bờ.

Khi đến nhà thờ nơi an táng các thánh tử đạo, thánh Natalia với niềm vui khôn tả đã quỳ xuống bên cạnh các ngài, hôn lên thi hài và rơi lệ vì hạnh phúc; bà đặt bàn tay của thánh Adrian lên thi hài ngài, rồi quỳ gối và cầu nguyện rất lâu. Sau đó, sau một thời gian dài cầu nguyện, bà đứng dậy và hôn lên má các anh chị em đang có mặt tại đó, vì ở đó đã tụ tập rất nhiều tín hữu Kitô giáo, những người đã đón tiếp bà với niềm vui, dẫn bà vào trong nhà và khuyên bà nghỉ ngơi một chút, vì họ thấy bà đã kiệt sức sau chuyến đi biển. Khi cô chìm vào giấc ngủ say, Thánh Adrian hiện ra trong giấc mơ và nói với cô:

– Thật tốt là con đã đến đây, tôi tớ của Chúa Kitô và con gái của các vị tử đạo: hãy đến với nơi an nghỉ của con, nơi đã được Chúa chuẩn bị sẵn cho con, hãy đến và nhận lấy phần thưởng xứng đáng dành cho con!

Khi thức dậy, Thánh Natalia kể lại giấc mơ của mình cho các tín hữu đang ở bên cạnh và xin họ cầu nguyện cho cô. Sau đó, cô lại chìm vào giấc ngủ. Một giờ sau, các tín hữu đến đánh thức bà, nhưng phát hiện ra bà đã qua đời, vì linh hồn thánh thiện của bà đã về với Chúa trong sự an nghỉ vĩnh cửu. Như vậy, không lâu sau những đau khổ của các thánh tử đạo, Thánh Natalia cũng đã hoàn tất cuộc tử đạo của mình, dù không phải đổ máu. Bà đã cùng chịu đau khổ với các thánh tử đạo, phục vụ họ trong ngục tối và chứng kiến những đau khổ của họ; đồng thời, vì sự trong sạch, bà đã từ bỏ cả ngôi nhà và quê hương của mình, và trong hàng ngũ các thánh tử đạo, bà đã hiện diện trước mặt Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đấng mà cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, vinh quang và danh dự được dâng lên ngay bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Hỡi các vị tử đạo của Ngài, lạy Chúa, nhờ những đau khổ của mình, họ đã nhận được những vương miện bất diệt từ Ngài, Thiên Chúa của chúng con: vì họ đã đánh bại sức mạnh của Ngài, đã đè bẹp và nghiền nát sự ngạo mạn yếu ớt của ma quỷ; xin nhờ lời cầu nguyện của họ, cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hỡi người phụ nữ khôn ngoan của Lời Thiên Chúa, khi đặt hình ảnh Thánh Adrian, vị tử đạo của Chúa Kitô, vào lòng, ngài đã hăng hái lao vào những đau khổ, và cùng với người bạn đời, ngài đã nhận được vương miện.

Lễ kỷ niệm cuộc gặp gỡ Thánh tượng Đức Mẹ Vladimir

Ngày kỷ niệm 26 tháng 8

Trong thời kỳ trị vì của Đại công tước Vasily Dmitrievich, người có đức tin vững vàng[5691] , dưới sự lãnh đạo của Đức Tổng Giám mục Cyprian[5692] , vua Tamerlane (kẻ chinh phục người Mông Cổ) đã xâm lược đất nước Nga; Tamerlan này, tiến quân từ phương Đông với một đạo quân hùng mạnh, đã chinh phục nhiều quốc gia và cuối cùng tiến sát đến biên giới đất nước Nga. Khi đến gần biên giới vùng Ryazan, Tamerlan đã chiếm thành phố Yelets, bắt giữ Công tước Yelets và giết hại nhiều tín đồ Kitô giáo; bởi vì ông ta là kẻ thù ghét và là kẻ bách hại tàn bạo đối với các tín đồ Kitô giáo. Tamerlane khoe khoang rằng sẽ tàn phá toàn bộ đất nước Nga và tiêu diệt đức tin Kitô giáo; tên tàn phá này đã hướng quân về phía thành phố Moskva, với ý định phá hủy nó.

[5691] Vasili (II) Dmitrievich trị vì từ năm 1389 đến năm 1425.

[5692] Cyprian đã lãnh đạo Tổng giáo phận Moscow từ năm 1380 đến năm 1385; sau đó lần thứ hai từ năm 1390 đến năm 1406.

Khi Đại công tước Vasili Dmitrievich nghe tin này, ông đã tập hợp binh lính của mình và tiến về thành phố Kolomna. Sau khi khởi hành từ đây, ông dừng chân bên bờ sông Oka và lập trận địa tại đây để chống lại kẻ thù; còn Tamerlan thì đóng quân tại một chỗ suốt mười lăm ngày. Khi Đại công tước (cùng toàn thể binh lính Kitô giáo) biết được sức mạnh to lớn của vị vua vô đạo đã tiến vào Nga với đạo quân hùng hậu, cũng nghe tin về ý đồ xấu xa của hắn, thì ngài cùng các binh lính đã giơ tay lên trời và khóc lóc cầu nguyện với Chúa và Đức Mẹ Đồng Trinh, xin được giải thoát khỏi tên A-ga-ri vô thần đó: Đại công tước đã kêu gọi sự trợ giúp của các vị thánh nhân của Chúa, các thánh giám mục Phê-rô và A-lê-xi-ô, thánh Sergius và các vị thánh làm phép lạ khác của Nga.

Đồng thời, Đại công tước đã xin cha linh hướng của mình, Đức Tổng Giám mục Cyprian, ra lệnh cho dân chúng ăn chay và cầu nguyện; Đại công tước cũng xin Đức Tổng Giám mục mang bức tượng thánh Mẹ Thiên Chúa có khả năng làm phép lạ từ thành Vladimir về Moscow để bảo vệ thủ đô của nước Nga. Thánh Cyprian trước đó đã từng có ý định mang bức tượng thánh Đức Mẹ nói trên đến Moscow; khi nhận được lệnh từ Đại công tước, ngài đã nhiệt thành tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã gieo vào lòng Đại công tước chính ý tưởng đó; sự đồng lòng với vị Đại công tước, Đức Tổng giám mục đã coi đó là dấu hiệu của sự ân sủng và sự chấp thuận của Đức Chúa Trời, để bức tượng thánh Mẹ Thiên Chúa có khả năng làm phép lạ được mang về Moscow.

Không lâu sau đó, Đức Tổng Giám mục đã cử những vị tu sĩ đáng tin cậy đến Vladimir để rước bức tượng Đức Mẹ thiêng liêng từ đó về; sau khi tập hợp toàn thể hàng giáo sĩ và đông đảo dân chúng, Đức Tổng Giám mục đã chủ trì lễ cầu nguyện chung để xin chiến thắng trước kẻ thù và ra lệnh cho mọi người ăn chay kèm theo cầu nguyện; còn bản thân ngài thì không rời khỏi nhà thờ, cử hành thánh lễ ngày đêm và khóc lóc cầu nguyện cho Đại công tước, cho các chiến binh của ngài và cho tất cả các tín hữu Chính thống giáo.

Khi bức tượng thánh được rước từ thành phố Vladimir đang tiến gần đến thành phố Moscow, vào ngày mười lăm tháng Tám, trong ngày lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, Đức Tổng Giám mục cùng các vị chức sắc giáo hội và đông đảo dân chúng đã ra đón. Khi nhìn thấy bức tượng thánh đó, tất cả đều quỳ xuống đất và thờ lạy nó như chính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã đến với họ, và đón nhận nó với niềm vui lớn lao; khi ngắm nhìn bức tượng này, mọi người đều rơi lệ vì xúc động và cầu nguyện với Đức Mẹ để được giải thoát khỏi cuộc xâm lược của người Agaryan.

Lời cầu nguyện chung đầy nhiệt thành ấy không hề vô ích: ngay trong ngày mà bức tượng thánh của Đức Mẹ Thiên Chúa được rước về Moscow, vị vua vô đạo của người Aghar là Tamerlan đã kinh hoàng tột độ, bị ám ảnh bởi một giấc mơ đáng sợ, và bỏ chạy trở về cùng toàn bộ quân đội của mình, dù không ai truy đuổi ông ta.

Cơn ác mộng mà ông ta thấy như sau: ông ta nhìn thấy trước mặt mình một ngọn núi cao, từ đỉnh núi các vị thánh đang tiến về phía ông, tay cầm những cây gậy vàng và đe dọa ông; trên đầu các vị thánh ấy, Tamerlan thấy một ánh sáng kỳ diệu lơ lửng trên không trung; ông cũng thấy một Nữ hoàng nào đó, đang đứng giữa các vị thánh ấy trong vinh quang không thể tả xiết, mặc áo choàng màu đỏ thẫm và tỏa ra những tia sáng chói lòa như tia chớp, rực rỡ hơn cả mặt trời. Xung quanh Nữ hoàng ấy là vô số chiến binh vũ trang, đang phụng sự Nàng và dường như đã sẵn sàng cho chiến tranh. Hai tay Nữ hoàng giang rộng về phía trời – dường như Người đang cầu nguyện. Tamerlan cảm thấy như Nữ hoàng đang đe dọa mình, ra lệnh cho ông phải rời khỏi biên giới đất nước Nga và dường như đang ra lệnh cho quân đội của Người lao vào tấn công ông.

Trước cảnh tượng kinh hoàng này, Tamerlan hoảng sợ tột độ; anh ta bật dậy khỏi giường và la lên trong sợ hãi:

– Khốn khổ cho ta, vì ta đã chứng kiến cảnh tượng kinh hoàng!

Và người bất hạnh ấy run rẩy, toàn thân co giật và rên rỉ, dường như đang trong cơn mê sảng.

Một lúc sau, Tamerlan lấy lại bình tĩnh, gọi các công tước và các tướng lĩnh của mình đến và kể lại cho họ tất cả những gì mình đã thấy, trong khi vẫn run rẩy vì sợ hãi.

Còn họ, sau khi nghe câu chuyện của Tamerlan và thấy ông run rẩy vì sợ hãi, cũng rơi vào cơn kinh hoàng và, đầy bối rối, hỏi nhau:

– Giờ thì sẽ ra sao đây?

Một số người lại nói:

– Nữ hoàng mà chúng ta vừa thấy chính là Mẹ của Đức Chúa Trời của người Kitô giáo, Chúa Giêsu Kitô; chắc chắn, Người có ý định bảo vệ những người Kitô hữu, vì Người là Đấng Cứu giúp và Đấng Bảo chữa cho họ.

Tamerlan nói:

– Nếu người Kitô hữu có Đấng Cứu Trợ như vậy, thì chúng ta đã vô ích khi vũ trang chống lại họ; chúng ta đang làm việc một cách vô ích; vì nếu Người chỉ sai một trong số những người đứng trước mặt Người, thì Người sẽ đánh bại tất cả chúng ta, đến nỗi chúng ta sẽ không tìm được nơi nào để trốn chạy.

Như vậy, vị vua vô đạo ấy cùng toàn bộ quân đội Agaryan của mình đã quay trở lại, bỏ chạy trong nhục nhã, bởi vì người Agaryan tưởng rằng nhiều đạo quân từ đất nước Nga đang truy đuổi họ; vì sợ hãi và run rẩy, người Agaria chen lấn nhau, vứt bỏ vũ khí và bỏ lại chiến lợi phẩm, cũng như tất cả những người bị bắt làm tù binh.

Như vậy, nhờ những lời cầu nguyện của Đức Trinh Nữ Maria, các Kitô hữu Chính Thống đã được ban cho chiến thắng trước kẻ thù mà không cần giao chiến và đánh bại chúng mà không đổ máu.

Cuộc xâm lược của Tamerlane cùng với quân Aghar và việc ông ta bị trục xuất một cách kỳ diệu khỏi lãnh thổ Nga đã diễn ra vào năm 6903 kể từ khi thế giới được tạo dựng[5693] ; kể từ đó, tại thành phố hoàng gia Moscow, người ta đã thiết lập một ngày lễ để tôn vinh sự gặp gỡ với bức tượng Đức Trinh Nữ Maria, được gọi là Vladimir[5694] , như một kỷ niệm khó quên và đầy lòng biết ơn về sự giải thoát kỳ diệu khỏi quân Agaryan, được ban tặng nhờ sự cầu bầu của Mẹ Thiên Chúa. Xin cho chúng ta cũng luôn dâng lên Đức Mẹ Thiên Chúa, cùng với Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng sinh ra từ Mẹ, sự tôn kính, vinh quang và sự thờ phượng, bây giờ và cho đến muôn đời. Amen.

Bài thánh ca, giọng 4:

Hôm nay, thành phố Moscow vinh quang rực rỡ, như đón nhận ánh bình minh mặt trời, hỡi Nữ Vương, bức tượng thánh kỳ diệu của Ngài; chúng con đang chạy đến trước bức tượng ấy và khẩn cầu Ngài như sau: Hỡi Đức Mẹ Đồng Trinh kỳ diệu, xin cầu thay cho Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng con, Đấng đã nhập thể từ Ngài, để Ngài giải thoát thành phố này, cùng tất cả các thành phố và đất nước Kitô giáo khỏi mọi sự vu khống của kẻ thù, và cứu rỗi linh hồn chúng con, vì Ngài là Đấng đầy lòng thương xót.

Kondak, giọng 8:

Như vị tướng được chọn đã chiến thắng khi được giải thoát khỏi sự ác nhờ sự hiện diện của hình ảnh cao quý của Ngài, Đức Mẹ Thiên Chúa, chúng con hân hoan cử hành lễ mừng Ngài, và như thường lệ, chúng con kêu lên: “Hãy vui mừng, Cô Dâu không phải là cô dâu.”

Ngày 9 tháng 9

Ngày 27 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Savva tại Venefaleh (vị trí địa lý và thời gian sống của Thánh Savva không rõ).

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Tử đạo Anfisa, người đã bị ném xuống giếng vì tuyên xưng danh Chúa Kitô (thời gian các việc làm anh hùng và nơi qua đời của ngài không rõ).

[5693] Năm 1395 theo lịch R. X.

[5694] 85 năm sau sự kiện được mô tả, lễ kỷ niệm thứ hai dành cho bức tượng Vladimir đã được thiết lập vào ngày 23 tháng 6, để tạ ơn vì đã thoát khỏi cuộc xâm lược của Khan Akhmat thuộc Đế chế Mông Cổ vào năm 1480. “Đừng để những kẻ hời hợt tự hào về sự sợ hãi trước vũ khí của họ,” các sử gia Nga đã giải thích về phép lạ này. – Không, không phải vũ khí, không phải trí tuệ con người, mà chính Chúa đã cứu nước Nga hôm nay.” Năm 1521, người Mông Cổ dưới sự chỉ huy của Mahmet-Girey lại tiến quân vào Nga. Nhờ sự che chở của Đức Mẹ, lần này Moscow cũng được cứu thoát khỏi kẻ thù. Giáo hội Chính thống kỷ niệm sự kiện này vào ngày 21 tháng 5. Năm 1812, trong cuộc xâm lược của quân Pháp, bức tượng thánh Vladimir cùng với các bức tượng thánh Iver và Smolensk đã được Đức Tổng Giám mục Augustin đưa đến Murom vào ngày 1 tháng 9, và sau khi Moscow được giải phóng khỏi kẻ thù, các bức tượng này đã được đưa trở lại thủ đô vào ngày 20 tháng 10. Bức tượng Đức Mẹ Vladimir làm phép lạ hiện đang được lưu giữ tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời ở Moscow (để biết thêm chi tiết về bức tượng này, quý vị có thể tham khảo cuốn sách “Vinh quang Đức Mẹ” do Nhà in Thượng hội đồng Moscow xuất bản, Moscow, năm 1907, trang 380–385).

Cuộc đời của vị Thánh Cha Pi-men Đại Đế

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 8

Thánh Pimen là người Ai Cập gốc[5695] ; cùng với hai người em trai của mình, ngài đã vào một trong những tu viện cộng đồng ở Ai Cập; tại đây, cùng với các em, ngài đã nhận lấy đời sống tu sĩ[5696] .

Vài năm sau đó, mẹ của các anh em này, với tình yêu thương tự nhiên của người mẹ dành cho con cái, đã đến thăm họ, mong được gặp mặt, nhưng không thể gặp được nên bà đứng gần nhà thờ, chờ đợi họ đến nhà thờ để cầu nguyện. Khi các con trai đang trên đường đến nhà thờ, người mẹ tiến lại gần họ, nhưng họ đã chạy lùi lại tránh bà, rồi vào phòng tu và đóng cửa lại. Bà tiến đến cửa, bắt đầu gõ cửa và gọi tên các con trai mình, đứng bên ngoài phòng tu và khóc nức nở vì xúc động. Nhưng các tu sĩ không những không mở cửa phòng tu, mà thậm chí còn không trả lời gì cả. Trong khi đó, khi người phụ nữ ấy khóc lóc rất lâu, đứng trước cửa phòng tu, Abba Anuviy, sau khi nghe hết mọi chuyện, đã đi vào qua một cánh cửa khác để gặp các tu sĩ và nói với Pimen:

– Chúng ta sẽ làm gì với bà lão này đây? Bà ấy đã khóc thảm thiết từ lâu rồi, không chịu rời khỏi đây.

Lúc đó, Pimen đứng dậy, bước đến cửa và hỏi:

– Bà già ơi, bà khóc vì chuyện gì vậy?

Bà ấy nghe thấy giọng ông, nhưng không nhìn thấy ông vì cửa đang đóng, liền nói:

– Ta muốn được gặp các con, các con của ta! Chẳng phải ta đã nuôi nấng các con bằng chính sữa của ta sao? Chẳng phải ta đã nuôi lớn các con sao? Và giờ đây, ta đã ở tuổi xế chiều; lòng ta vô cùng đau khổ khi nghe tiếng các con mà không được nhìn thấy các con. Ta rất muốn được gặp các con, các con của ta, trước khi ta qua đời.

Pimen nói:

– Mẹ muốn gặp chúng con ở đâu: ở đây, hay ở kiếp sau?

Bà đáp:

– Nếu không được gặp các con ở đây, thì làm sao mẹ có thể gặp các con ở đó, các con yêu quý của mẹ?

Pimen đáp:

– Nếu mẹ kiên nhẫn chịu đựng và không gặp chúng con ở đây, thì chúng con hy vọng rằng, nhờ lòng nhân từ của Đức Chúa Trời, mẹ chắc chắn sẽ gặp chúng con ở đó.

Nghe những lời đó, bà đáp:

– Quả thật, tôi thà gặp các con ở đó còn hơn là ở đây.

Rồi bà ra về với niềm hy vọng lớn lao, vô cùng vui mừng, vì bà mong muốn được gặp lại các con mình trong cuộc sống vĩnh cửu hơn là trong cuộc sống tạm bợ này.

Thánh Pimen, dành những ngày tháng cho việc ăn chay khổ hạnh và không ngừng cầu nguyện, đã tiến bộ trong các đức tính tu hành và, nhờ ơn Chúa, đã dũng cảm đối đầu với kẻ thù vô hình; ông đã chế ngự xác thịt đang chống lại linh hồn, làm suy kiệt nó như một tù nhân bằng những công việc vất vả, và khuất phục nó để phục vụ cho linh hồn; nhờ đó, ông đã vươn tới đỉnh cao của sự vô dục và trở thành vị cha sa mạc vinh quang nhất, là người hoàn hảo nhất về các đức hạnh.

Một thời gian sau, vị vua của đất nước ấy muốn gặp vị thánh cha Pi-men của chúng ta và đã cử một sứ giả đến xin phép được đến gặp ngài. Vị thánh nhân bỗng cảm thấy vô cùng buồn bã, và tự nhủ trong lòng như sau:

– Nếu các quan lại đến gặp tôi để tỏ lòng kính trọng, thì nhiều người dân thường cũng sẽ tìm đến và làm phiền tôi; họ sẽ cản trở sự tĩnh lặng của tôi, và tôi sẽ mất đi ân sủng khiêm nhường mà tôi đã đạt được nhờ ơn Chúa từ thuở thiếu thời bằng những nỗ lực to lớn; khi đó, tôi rất dễ sa vào kiêu ngạo.

Sau khi suy ngẫm như vậy, vị tu sĩ từ chối gặp hoàng tử và nhờ chính sứ giả đó chuyển lời xin ngài đừng đến gặp mình – bởi vì, – vị tu sĩ nói, ngài sẽ không gặp được ngài; ngược lại, ngài sẽ đuổi ngài ra khỏi nơi đó.

Nghe câu trả lời như vậy, hoàng tử rất buồn bã và nói:

– Chính vì những tội lỗi của tôi mà tôi không được vinh dự gặp người của Chúa.

Tuy nhiên, vì rất mong được gặp vị thánh nhân bằng cách nào đó, ngài đã nghĩ ra một mưu kế như sau: ngài bắt con trai của em gái vị thánh nhân, với lý do là do một lỗi lầm nào đó, và giam cậu ta vào ngục tối, hy vọng rằng

---

[5695] Thánh Pimen sinh khoảng năm 340.

[5696] Thánh Pimen nhập tu vào khoảng năm 355.

vị thánh nhân sẽ can thiệp giúp cháu trai của mình; bằng cách đó, ngài nghĩ mình sẽ được gặp vị thánh nhân. Vì vậy, hoàng tử nói với các tôi tớ của mình:

– Nếu Abba Pimen đến, ta sẽ lập tức thả cậu thanh niên ra; còn nếu ngài không đến, ta sẽ không tha thứ cho kẻ có lỗi: vì lỗi lầm của cậu ta rất nặng.

Khi mẹ của chàng trai (em gái của Pi-men) nghe tin này, bà lập tức lên đường đến sa mạc tìm anh trai; khi đến căn phòng ẩn tu của ông, bà bắt đầu gõ cửa, khóc lóc van nài ông hãy đến gặp hoàng tử và cầu xin cho con trai bà, để cậu được thả tự do.

Vị tu sĩ không những không mở cửa cho bà, mà còn không trả lời gì cả.

Tuy nhiên, người chị vẫn tiếp tục khóc lóc van nài vị tu sĩ già trong một thời gian dài, vừa gõ cửa; nhưng vì không nhận được câu trả lời, bà bắt đầu nói với vị tu sĩ già bằng giọng trách móc và giận dữ:

– Người vô nhân đạo, vô cảm, tàn nhẫn, vô thần và dã man! Chẳng lẽ những giọt nước mắt của tôi không làm lay động lòng người sao? Con trai tôi, đứa con duy nhất của tôi, đang lâm vào nguy cơ tử vong!

Vị tu sĩ già liền sai một đệ tử đến nói với cô:

– Hãy đi khỏi đây đi: Pimen không có con cái nên ông ấy không buồn phiền.

Người chị trở về trong tiếng khóc thảm thiết, trách móc người anh trai.

Khi hoàng tử nghe tin về tất cả những gì đã xảy ra, ông nói với các bạn mình:

– Hãy nói với vị tu sĩ già – hãy bảo ông ấy viết thư cho ta xin ân xá, và khi đó ta sẽ thả cháu trai của ông ấy ra khỏi ngục.

Và nhiều người khuyên vị tu sĩ già viết thư cho hoàng tử. Vị tu sĩ già đã viết như sau:

– Xin ngài hãy ra lệnh cho các quan chức điều tra kỹ lưỡng tội lỗi của chàng trai trẻ đã phạm tội; nếu phát hiện ra điều gì đáng chết, thì hãy để hắn chết, để tránh khỏi những cực hình vĩnh viễn nhờ cái chết tạm thời; còn nếu kẻ phạm tội không đáng chết, thì sau khi trừng phạt hắn theo luật định, xin hãy thả hắn ra.

Khi hoàng tử đọc xong bức thư của vị tu sĩ, ngài đã kinh ngạc trước trí tuệ và đức hạnh của vị ấy, và nhận ra rằng đó là một vị thánh chân chính của Chúa; hoàng tử đã tha cho chàng trai trẻ; còn Thánh Pimen, để tránh danh vọng hão huyền và những vinh dự trần tục, đã lang thang khắp các vùng đất khác nhau trong một thời gian dài. Sau đó, ngài lại định cư trong sa mạc Ai Cập và ở lại đó cho đến khi về già, làm đẹp lòng Chúa bằng những công việc ăn chay khổ hạnh; và vị thánh Pimen này đã trở thành người cha tinh thần của nhiều tu sĩ.

Khi dạy các môn đệ về sự khiêm nhường, vì chính ngài cũng là người khiêm nhường, vị thánh đã lấy câu chuyện về một vị lão nhân (có thể là chính ngài) làm gương cho các môn đệ, và nói như sau:

– Cách đây không lâu, có một tu sĩ người Ai Cập sống gần Constantinople tại một nơi hoang vắng nào đó, trong một căn phòng nhỏ. Có lần, vị hoàng đế đạo đức Theodosius (Thứ Hai[5697]) đi ngang qua nơi đó; khi nghe nói về vị tu sĩ đang sống ở đó, hoàng đế đã để lại tất cả những người tháp tùng và, giả dạng thành một người lính bình thường, tiến về phía cửa phòng tu của vị tu sĩ già. Khi hoàng đế gõ cửa, vị tu sĩ mở cửa phòng, nhưng không nhận ra người đến là hoàng đế, mà lầm tưởng ông là một chiến binh bình thường. Sau khi dâng lời cầu nguyện, cả hai cùng ngồi xuống. Rồi hoàng đế hỏi:

– Các vị tu sĩ sống ở Ai Cập đang tu hành ra sao?

– Mọi người đều cầu nguyện Chúa ban ơn cứu rỗi cho chúng ta.

Sau khi quan sát khắp phòng tu của vị tu sĩ, nhà vua không thấy gì trong đó ngoài một cái giỏ treo trên tường, và trong đó có một ít bánh mì khô; rồi ông nói với vị tu sĩ:

– Thưa Cha! Xin Cha ban phước cho con nếm thử một chút.

Ngay lập tức, vị tu sĩ đổ nước vào một cái bát, rắc muối và đặt những miếng bánh mì khô vào; cả hai cùng ăn; sau đó, vị tu sĩ mang đến một bình nước và cho nhà vua uống. Sau bữa ăn, nhà vua hỏi vị tu sĩ:

– Ngài có biết tôi là ai không?

Ông trả lời:

– Tôi không biết, thưa ngài, chỉ có Chúa mới biết ngài là ai.

Lúc đó, nhà vua nói với ông:

– Ta là vua Theodosius.

Và ngay lập tức, vị tu sĩ già cúi đầu chào ông.

[5697] Tuy nhiên, một số người cho rằng đây là Hoàng đế Theodosius Đại đế, người trị vì từ năm 379 đến năm 395.

Sau đó, nhà vua nói:

– Các tu sĩ thật hạnh phúc, vì các ngươi được giải thoát khỏi những lo toan của thế gian phù du này và sống một cuộc đời tĩnh lặng, chỉ lo lắng về việc làm sao để đạt được sự sống thiên đàng, sự sống vĩnh cửu và những ân huệ trên trời. Thật vậy, ta nói với ngươi rằng, ta, người sinh ra trong vương quốc của mình và hiện đang là vua, chưa bao giờ nếm bánh mì ngọt ngào và uống nước ngon lành như ta vừa nếm và uống với niềm vui sướng tột độ.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Đó là vì chúng tôi, những tu sĩ, dùng bữa với lời cầu nguyện và lời chúc lành; chính vì lý do đó mà ngay cả thức ăn đơn sơ nhất cũng trở nên ngon miệng. Còn trong các gia đình của các ngài, việc nấu nướng được thực hiện mà không có lời cầu nguyện, nhưng lại kèm theo nhiều cãi vã và những cuộc trò chuyện vô bổ; chính vì lý do đó mà thức ăn của các ngài không nhận được lời chúc lành, thứ có thể làm cho nó trở nên ngọt ngào.

Sau khi hôn tay vị tu sĩ già, nhà vua rời khỏi đó và từ đó trở đi rất kính trọng vị tu sĩ ấy.

Trong khi đó, vị tu sĩ già, lo sợ sự kiêu ngạo và tự cao tự đại dẫn đến diệt vong, để không đánh mất ân sủng khiêm nhường của mình vì sự kính trọng của con người và để không mất đi ân sủng của Thiên Chúa, đã đứng dậy, chạy trốn khỏi đó và sau đó trở lại Ai Cập.

Thánh Pimen đã kể câu chuyện này cho các môn đệ của mình, với mong muốn dạy họ về sự khiêm nhường; qua câu chuyện này, Thánh Pimen muốn dạy các môn đệ tránh xa những lời khen ngợi và vinh dự hão huyền, những thứ không mang lại lợi ích mà chỉ gây hại cho các tu sĩ.

Thánh Pimen còn dạy các môn đệ của mình về các đức tính khác; những lời dạy của ngài luôn có giá trị, vì ngài có thể chỉ dẫn cho bất kỳ ai con đường dẫn đến sự cứu rỗi; cũng như cuộc đời ngài là tấm gương đức hạnh ngang hàng với các thiên thần, thì lời nói của ngài cũng mang lại lợi ích cho tất cả mọi người. Không chỉ những người mới bắt đầu tu hành mà cả những vị đã có nhiều năm tu tập cũng tìm đến ngài và hỏi về những điều hữu ích cho sự cứu rỗi linh hồn; tất cả những ai đến với vị Thánh đều nhận được từ ngài những lời đáp đầy sự khôn ngoan của Thiên Chúa và được Thánh Thần soi dẫn để xây dựng tâm hồn mình; những lời đáp ấy đã được một số người ghi chép lại trong các cuốn sách của các vị Thánh Tổ[5698] . Chúng ta sẽ nhắc lại một số câu trả lời trong số đó ở đây.

Có người hỏi Thánh Pimen như sau:

– Nếu tôi thấy anh em mình phạm tội, liệu tôi có nên che giấu tội lỗi của anh ấy không?

Thánh Pimen trả lời:

– Nếu chúng ta che giấu tội lỗi của anh em mình, thì Đức Chúa Trời cũng sẽ che giấu tội lỗi của chúng ta.

Một anh em nào đó nói với Abba Pimen:

– Thưa Cha! Con đang cảm thấy bối rối và đang nghĩ đến việc rời khỏi đây.

Vị tu sĩ già nói:

– Vì lý do gì mà con muốn rời khỏi đây?

Anh em ấy trả lời:

– Con nghe những lời xấu về một trong số các anh em đang sống ở đây và bị cám dỗ.

Vị trưởng lão nói:

– Những gì con nghe được không phải là sự thật.

Anh em đáp:

– Thật vậy, thưa cha, điều đó là sự thật, bởi vì người đã kể cho con nghe điều đó rất đáng tin cậy.

Nhưng vị tu sĩ già nói:

– Không, người đã kể cho con nghe không đáng tin, vì nếu người ấy đáng tin, thì đã không kể cho con nghe điều đó. Nhưng con đừng bao giờ tin những gì người ta nói với con, nếu chính con chưa tận mắt chứng kiến; vì ngay cả Đức Chúa Trời, khi nghe tiếng kêu than của Sodom, cũng không xác minh cho đến khi Ngài tự mình xuống để nhìn thấy mọi sự bằng chính đôi mắt của Ngài[5699] : *"Và Đức Chúa Trời phán: Tiếng kêu than của Sô-đôm và Gô-mô-ra thật lớn, và tội lỗi của chúng thật nặng nề; Ta sẽ xuống và xem xét, liệu chúng có thực sự hành động như tiếng kêu than đang dâng lên Ta hay không; Ta sẽ biết"* (Sáng Thế Ký 18:20–21).

Anh em đáp lại:

– Thưa cha, con cũng đã tận mắt chứng kiến người anh em đó phạm tội.

[5698] Tức là các tác phẩm về các vị Thánh Tổ và các tác phẩm về các vị Thánh Cha.

[5699] Đây là một cách diễn đạt ẩn dụ.

Nghe vậy, vị tu sĩ già nhìn xuống đất; rồi nhặt một cành cây nhỏ trên đất, nói với anh em:

– Đây là gì?

Anh em trả lời:

– Đây là một cành cây.

Sau đó, vị tu sĩ già nhìn lên phần trên của tòa nhà và chỉ vào thanh xà ngang đỡ mái nhà, rồi hỏi:

– Còn cái này là gì?

Anh em trả lời:

– Đó là một khúc gỗ.

Và vị tu sĩ già nói với người anh em:

– Hãy ghi nhớ trong lòng rằng, tội lỗi của con giống như khúc gỗ này, còn tội lỗi của người anh em mà con đang nói đến thì giống như cái mắt gỗ này; khi đó, con sẽ không bao giờ rơi vào sự bối rối và cám dỗ.

Những lời này của Thánh Pimen đã được Abba Siso, người lúc đó đang ở cùng ngài, nghe thấy: ông vô cùng ngạc nhiên trước những gì vừa nghe, nên đã nói với Thánh Pimen:

– Làm sao để ca ngợi ngài đây, Abba Pimen! Quả thật, những lời của ngài tràn đầy ân sủng và vinh quang, như một viên ngọc quý vậy!

Lúc đó, Abba Pimen nói:

– Có lời chép rằng: "Hãy chỉ làm chứng về những gì mắt ngươi đã thấy." Nhưng ta nói với các ngươi rằng, dù các ngươi có thấy điều gì bằng chính đôi mắt mình, cũng đừng tin vào điều đó.

Rồi ngài kể lại một sự việc như sau.

Có một anh em đã bị ma quỷ lừa dối bằng một ảo ảnh như thế này: anh ta thấy một anh em khác đang phạm tội với một người phụ nữ; anh em ấy bối rối trong suy nghĩ và bị dục vọng chi phối. Anh ta tiến lại gần, dùng chân đẩy họ ra, nói:

– Thôi đi; sao các ngươi lại phạm tội?

Nhưng hóa ra đó là những bó lúa mì, chứ không phải con người.

Vì vậy, – Pimen kết luận, – tôi nói với các bạn: đừng tin vào những gì các bạn nhìn thấy bằng chính đôi mắt mình.

Abba Anuvi nói với Thánh Pimen:

– Nhưng nếu ngươi thấy một kẻ phạm tội mà không lên án hắn, thì ngươi sẽ trả lời Đức Chúa Trời thế nào?

Pimen đáp lại:

– Tôi sẽ thưa với Đức Chúa Trời như thế này: Lạy Chúa! Ngài đã phán: *"Hãy lấy cái đà ra khỏi mắt mình trước, rồi anh em sẽ thấy rõ để lấy cái dằm ra khỏi mắt anh em mình"* (Mt 7:5). Tôi đã tuân theo mệnh lệnh của Ngài.

Sau đó, một anh em nọ hỏi Abba Pimen như sau:

– Thưa Cha! Con đã phạm một tội nặng. Con muốn dành ba năm để sám hối. Nhưng ba năm có đủ để sám hối không?

Vị trưởng lão đáp:

– Số lượng này nhiều quá.

Rồi anh trai nói:

– Vậy là ngài ra lệnh chỉ sám hối trong một năm thôi sao?

Nghe vậy, vị trưởng lão đáp:

– Như vậy cũng đã là quá nhiều rồi.

Khi các anh em khác nghe thấy điều này, họ nói:

– Vậy thì thời gian sám hối không nên quá bốn mươi ngày sao?

Nhưng vị tu sĩ già đáp lại:

– Như vậy cũng đã là quá nhiều rồi.

Rồi ông nói thêm:

– Tôi nghĩ rằng, nếu một người sám hối từ tận đáy lòng và quyết tâm không bao giờ quay lại với tội lỗi nữa, thì Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận cả sự sám hối chỉ kéo dài ba ngày của người ấy.

Một vị tu sĩ khác hỏi Abba Pimen như sau:

– Con người nên sống như thế nào?

Vị tu sĩ già đáp:

– Từ gương của Đa-ni-ên, chúng ta thấy rằng không ai có thể vu khống ông về bất cứ điều gì, ngoại trừ việc ông đã phụng sự Đức Chúa Trời của mình.

Bằng những lời này, vị thánh đã cho thấy rằng con người phải sống sao cho cả cuộc đời mình không là gì khác ngoài việc phụng sự Đức Chúa Trời.

Một tu sĩ khác hỏi:

– Làm thế nào để tôi có thể tự bảo vệ mình khỏi những mưu mô của kẻ thù?

Vị cha trả lời:

– Khi cái nồi được đốt từ dưới lên đang sôi sùng sục, thì không con ruồi nào, cũng như bất kỳ loài côn trùng nào khác, có thể chạm vào nó; nhưng khi nó nguội đi, thì cả ruồi lẫn côn trùng đều đậu lên đó. Cũng giống như vậy, đối với tu sĩ siêng năng tu tập các việc thiện đức, kẻ thù không dám đến gần và lôi kéo anh ta vào lưới của mình; còn đối với người sống một cuộc đời vô tư và lười biếng, kẻ thù dễ dàng tiếp cận và lôi kéo họ vào tội lỗi theo ý muốn của nó.

Có người hỏi vị trưởng lão về cách loại bỏ những ý nghĩ xấu xa cứ ám ảnh tâm trí. Vị trưởng lão trả lời như sau:

– Trường hợp này giống như một người có ngọn lửa ở bên trái và một bình nước ở bên phải; nếu người đó bị lửa thiêu, thì sẽ lấy nước từ bình để dập tắt ngọn lửa. Ngọn lửa chính là những ý nghĩ xấu xa mà kẻ thù của sự cứu rỗi chúng ta gieo vào lòng con người, như một tia lửa trong một ngôi đền nào đó, để con người bùng cháy bởi những ham muốn tội lỗi; còn nước chính là sự hướng về Thiên Chúa qua lời cầu nguyện của con người.

Lại một lần nữa, vị tu sĩ Pi-men hỏi Abba Ammon về những ý nghĩ xấu xa phát xuất từ lòng người và những ham muốn phù phiếm. Vị tu sĩ già đã trả lời dựa trên Kinh Thánh, nói như sau:

– Cái rìu có thể được vinh quang gì nếu không có người dùng nó để chặt? Và cái cưa có thể tự hào được gì nếu không có người thợ? Cũng vậy, con đừng để ý chí của mình tiếp tay cho những ý nghĩ xấu xa, và tất cả những ý nghĩ đó sẽ tan biến.

Abba Giuse hỏi Abba Pimen về việc ăn chay, và nói như sau:

– Nên ăn chay như thế nào cho đúng?

Vị tu sĩ già đáp:

– Hằng ngày tôi chỉ ăn một ít thức ăn, không ăn no hẳn.

Abba Giuse hỏi:

– Khi còn trẻ, ngài có từng nhịn ăn hai ngày liên tiếp không?

Pimen trả lời:

– Thật vậy, tôi đã từng nhịn ăn, không chỉ hai ngày, mà còn ba ngày, thậm chí cả một tuần; nhưng các vị thánh tổ, những người đã trải qua cả hai cách, nhận thấy rằng tốt hơn là nên ăn mỗi ngày, nhưng chỉ một ít; vì đó là con đường vương giả (dẫn đến sự cứu rỗi), dễ dàng và thuận tiện hơn, để tâm trí không bị kiêu ngạo.

Vị Trưởng tu viện Vĩ Đại hỏi Thánh Pimen như sau:

– Làm thế nào tôi có thể đạt được sự khiêm nhường?

Vị trưởng lão đáp:

– Làm sao lòng trắc ẩn có thể tồn tại trong một trái tim chỉ nghĩ đến pho mát, những bình dầu và những việc đời thường khác?

Một người khác hỏi vị trưởng lão:

– Nói hay im lặng, cái nào tốt hơn?

Vị tu sĩ già đáp:

– Ai nói vì Chúa thì làm điều tốt; ai im lặng vì Chúa cũng làm điều tốt.

Vị tu sĩ già đã đưa ra những câu trả lời đầy trí tuệ như vậy cho các câu hỏi; ngoài ra, trong cuốn "Các Bậc Thầy" còn có nhiều câu nói đầy trí tuệ của Thánh Pimen. Dưới đây là một số trong số đó.

Abba Pimen đã nói:

– Khi một người định xây nhà, người ấy sẽ thu thập nhiều vật liệu để xây dựng ngôi nhà; cũng giống như vậy, chúng ta sẽ dễ dàng xây dựng ngôi nhà thiêng liêng trong tâm hồn mình, nếu chúng ta lấy một phần nhỏ từ mỗi đức tính.

Ngài còn nói:

– Con người cần tuân thủ ba nguyên tắc chính: kính sợ Thiên Chúa, thường xuyên cầu nguyện và làm điều thiện cho người lân cận.

Abba Pimen cũng nói:

– Không tham lam, kiên nhẫn và sáng suốt – đó là ba nền tảng của đời sống tu sĩ; vì có chép rằng: nếu trong đó có ba người này: *"Nô-ê, Đa-ni-ên và Gióp, – thì họ chỉ cứu được linh hồn mình nhờ sự công chính của họ"* (Ê-xê-chi-ên 14:14). Nô-ê là mẫu mực của sự không tham lam, Gióp là mẫu mực của sự kiên nhẫn, còn Đa-ni-ên là mẫu mực của sự sáng suốt; nếu một tu sĩ có được ba đức tính này, thì Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi người ấy, sẽ ngự trị trong người ấy.

Vị trưởng lão còn nói thêm:

– Nếu một tu sĩ ghét bỏ hai điều này, thì người ấy có thể được giải thoát khỏi những cám dỗ của thế gian này.

Anh em hỏi vị trưởng lão:

– Đó là những điều gì vậy?

Ngài đáp:

– Sự thỏa mãn xác thịt và lòng kiêu ngạo.

Sau đó, vị trưởng lão nói:

– Trong Phúc Âm có chép: "Ai có áo, hãy bán đi và mua một con dao" (Lc 22,36); điều này có nghĩa là: ai có sự an nhàn của xác thịt, hãy từ bỏ nó và bắt đầu sống một cuộc đời khắc khổ, bước vào con đường chật hẹp.

Rồi ông còn nói thêm:

Khi Đa-vít chiến đấu với sư tử hay gấu, ông đã giết con thú bằng cách nắm lấy cổ họng nó (1 Sa-mu-ên 17:34–35); cũng như vậy, với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ chiến thắng sư tử – tức là ma quỷ – và gấu – tức là xác thịt của chúng ta – nếu chúng ta đặt ách kiêng khem lên cổ họng và dạ dày của mình.

Vị trưởng lão còn nói:

– Nếu như Nabu-Zardan, – người đứng đầu các đầu bếp của vua Ba-by-lôn, không đến Giê-ru-sa-lem, thì đền thờ của Chúa đã không bị thiêu rụi; cũng như vậy, ngọn lửa dục vọng tội lỗi sẽ không bùng cháy trong chúng ta, và tâm trí chúng ta, đang chiến đấu với kẻ thù, sẽ không bao giờ chịu thất bại – nếu chúng ta không sa vào thói ăn uống vô độ và sự lười biếng.

Vị trưởng lão còn nói thêm:

– Giống như những con ong chạy trốn khỏi khói, để cho con người được hưởng thụ những trái ngọt ngào từ công sức của chúng, thì sự an nhàn của thân xác cũng xua đuổi sự kính sợ Chúa khỏi linh hồn chúng ta, và linh hồn đó sẽ mất đi mọi việc lành.

Rồi ông còn nói thêm:

– Cũng giống như mọi người lính cận vệ của nhà vua luôn đứng bên cạnh nhà vua, luôn sẵn sàng bảo vệ ngài, thì linh hồn chúng ta cũng phải luôn sẵn sàng chiến đấu với ma quỷ của tội dâm dục.

Một lần, Abba Pimen nghe nói về một anh em nào đó, người ăn chay sáu ngày và chỉ ăn một chút thức ăn vào ngày thứ bảy, nhưng đồng thời lại nổi giận với anh em mình; Abba Pimen đã nói về người đó như sau:

– Anh ta đã học được cách ăn chay sáu ngày, nhưng lại không thể kiềm chế cơn giận ngay cả trong một ngày.

Một vị linh mục của một tu viện, khi nghe nói về một số anh em thường xuyên vào thành phố, tắm rửa ở nhà tắm công cộng, và không siêng năng lo cho sự cứu rỗi của mình, đã nổi giận với họ; khi trở về tu viện, ông đã tước bỏ áo tu sĩ của họ; nhưng sau đó ông hối hận, đến gặp Thánh Phụ Pimen và kể cho ngài nghe tất cả những gì ông đã làm với các tu sĩ đó. Vị Thánh Phụ bèn nói với ông:

– Chẳng lẽ trong lòng ngươi cũng còn chút gì đó của con người cũ; hay có lẽ ngươi đã hoàn toàn sa ngã vào nó[5700] ?

Nghe những lời đó từ vị tu sĩ cao niên, vị linh mục cảm động sâu sắc, liền gọi những anh em mà mình đã làm tổn thương, bày tỏ sự hối hận với họ và một lần nữa trao lại cho họ áo tu sĩ.

[5700] "Người cũ" là người sa vào tội lỗi, không biết con đường cứu rỗi. Thánh Tông đồ Phaolô dùng danh xưng này để chỉ những người chưa nhận được ân sủng của Tân Ước (xem Êphêsô 4:22; Côlôssê 3:9).

Một lần nọ, Abba Isaac đến gặp Abba Pimen và khi thấy ông đang đổ một ít nước lên chân mình, ông nói với ông ấy:

– Thật là tàn nhẫn khi có những người lại hành hạ thân thể mình như vậy!

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Chúng ta không được dạy để trở thành những kẻ hành hạ thân xác.

Rồi ngài nói thêm:

– Đôi khi, một người có vẻ như im lặng: nhưng nếu lòng người ấy lên án người khác, thì người ấy luôn luôn đang nói. Và có những người từ sáng đến tối không ngừng nói, nhưng đồng thời vẫn giữ im lặng (vì không lên án người lân cận cũng giống như im lặng).

Abba Giuse kể lại như sau:

– Một lần nọ, khi chúng tôi đang ngồi tại chỗ của Abba Pimen, trong số chúng tôi có một anh em trẻ tên là Agafon; muốn nói điều gì đó với Agafon, vị trưởng lão (Pimen) đã gọi anh ta là Abba, và nói như sau:

– Abba Agafon.

Nhưng chúng tôi đã nói với vị trưởng lão:

– Anh em này còn trẻ; tại sao ngài lại gọi anh ấy là "Abba"?

Vị trưởng lão đáp lại:

– Chính đôi môi im lặng của cậu ấy khiến tôi phải gọi cậu ấy là "avva".

Sau đó, Abba Pimen còn nói thêm:

– Anh em sống cùng với người lân cận phải giống như một bức tượng đá; khi bị xúc phạm, anh ta không được tức giận; khi được khen ngợi, anh ta không được kiêu ngạo.

Ngài còn nói thêm:

– Không bao giờ được dùng điều ác để đánh bại điều ác; nếu ai đó làm hại anh, hãy đáp lại bằng lòng tốt; khi đó, đức hạnh của anh sẽ chiến thắng sự ác độc của người ấy.

Đức hạnh này (cũng như các đức hạnh khác), Thánh Pimen đã dạy bằng chính hành động của mình; bởi vì trước khi ngài từ tu viện đến Ai Cập, ở Ai Cập đã có một vị tu sĩ già được mọi người kính trọng. Khi Abba Pimen đến nơi đó, nhiều người đã bỏ vị tu sĩ già kia và bắt đầu đến với Abba Pimen; vì lý do này, vị tu sĩ già kia bắt đầu tức giận với Abba Pimen, trở nên ghen tị với ngài và nói xấu về ngài. Khi Abba Pimen nghe được điều này, ngài rất buồn bã và nói với các anh em của mình:

– Giờ đây chúng ta phải làm gì đây, vì những người này đã khiến chúng ta đau buồn, khi bỏ lại một vị tu sĩ thánh thiện và đức hạnh như vậy để đến với chúng ta, những kẻ chẳng là gì cả? Làm thế nào để chúng ta xoa dịu cơn giận của vị cha vĩ đại ấy? Hãy chuẩn bị một ít thức ăn, mang theo một ít rượu, rồi đến gặp vị tu sĩ ấy, cùng dùng bữa với ngài; biết đâu như vậy chúng ta sẽ làm dịu lòng ngài.

Sau khi lấy một ít thức ăn và rượu, họ đi đến chỗ vị tu sĩ già ấy và gõ cửa phòng tu của ông. Đệ tử của vị tu sĩ già ấy, nghe tiếng gõ cửa, liền hỏi:

– Ai vậy?

Họ đáp:

– Hãy nói với vị tu sĩ trưởng của anh rằng Pimen cùng các anh em đã đến để nhận lời chúc phúc từ vị tu sĩ trưởng của anh.

Đệ tử đi báo lại cho vị tu sĩ già. Vị tu sĩ già nghe xong, nói:

– Hãy đi và nói với họ: hãy rời khỏi đây, vì ta không có thời gian để gặp các ngươi.

Khi đệ tử nói như vậy với những người vừa đến, họ đáp lại:

– Chúng tôi sẽ không rời khỏi đây cho đến khi được phép cúi đầu kính lễ vị tu sĩ.

Và họ đứng dưới cái nắng gay gắt trước cửa phòng tu.

Thấy sự khiêm nhường và kiên nhẫn của những người đến, vị tu sĩ già cảm động, mở cửa đón họ và chào đón họ bằng nụ hôn; sau khi ngồi xuống, mọi người trò chuyện với nhau đầy tình yêu thương và cùng thưởng thức những món ăn họ mang theo. Rồi vị tu sĩ già ấy nói:

– Quả thật, những điều tôi nghe nói về các con không chỉ đúng, mà tôi còn thấy ở các con những việc thiện gấp trăm lần như vậy.

Kể từ đó, vị tu sĩ già bắt đầu đối xử hòa nhã với Abba Pimen.

Đó là cách Thánh Pimen khéo léo xoa dịu sự thù hận của kẻ thù đối với mình và làm gương cho người khác noi theo.

Thánh Pimen còn biết chữa lành cho người khác bằng sự im lặng của mình, cũng như bằng lời nói.

Một lần nọ, các linh mục của vùng đất ấy đến thăm tu viện nơi vị thánh đang cư ngụ; Abba Anuvi, mong muốn ít nhất cũng chiêu đãi họ một chút, đã vào gặp vị thánh Pimen và nói với ngài về điều đó. Tuy nhiên, Pimen không trả lời, mà chỉ im lặng trong một thời gian dài; và Abba Anuvi đành phải rời khỏi ngài với nỗi buồn.

Sau đó, các tu sĩ đang ở cùng ngài đã hỏi ngài (Abba Pimen):

– Tại sao ngài không trả lời Abba Anuvius?

Vị trưởng lão đáp lại họ:

– Tôi không có công cụ (tức là lời nói) để làm điều đó; vì tôi đã chết; người chết thì không nói; vì vậy, đừng coi tôi là người đang ở cùng các anh em.

Vị tu sĩ già đã làm như vậy để không bị mời đến dùng bữa cùng các anh em mới đến; vì người ta còn kể về ngài rằng, mỗi khi các anh em mời ngài cùng dùng bữa với họ, ngài lại đi trong nước mắt, như thể miễn cưỡng; vì ngài không muốn no bụng, nhưng đồng thời cũng không muốn trái lời các anh em, để khỏi làm họ buồn lòng.

Một tu sĩ nào đó, nghe nói về đời sống đạo đức của Thánh Pimena, đã từ một xứ sở xa xôi đến gặp ngài, để được gặp mặt và học hỏi từ ngài; vị tu sĩ già đã tiếp đón tu sĩ ấy một cách trang trọng; sau khi hôn nhau, họ ngồi xuống; vị tu sĩ bắt đầu trò chuyện với vị tu sĩ cao niên về Kinh Thánh, về những điều khó hiểu được đề cập trong Kinh Thánh, và về những vấn đề thuộc về thiên đàng. Còn Cha Pi-men thì quay mặt đi, im lặng và không trả lời gì với vị khách. Vị tu sĩ ấy đã nói về Kinh Thánh trong một thời gian dài, nhưng không nhận được câu trả lời nào từ vị tu sĩ già, vì ông im lặng; sau đó, vị tu sĩ ấy bước ra khỏi phòng tu với vẻ buồn bã và nói với đệ tử của vị tu sĩ già:

– Tôi đã vô ích khi thực hiện một hành trình vĩ đại và gian nan đến thế: tôi đến đây vì ngài (Abba Pimen), nhưng ngài không nói với tôi một lời nào.

Sau đó, khi vào gặp vị tu sĩ già, đệ tử ấy nói với ngài:

– Thưa Cha! Vị tu sĩ chính trực này, người nổi tiếng giữa các tu sĩ ở quê hương ông, đã đến vì Cha; tại sao Cha lại không nói gì với ông ấy?

Vị tu sĩ già đáp:

– Ông ấy đến từ cõi trên – và nói về những điều thuộc về thiên đàng, còn tôi đến từ cõi dưới – và chỉ có thể nói về những điều thuộc về trần gian. Nếu vị anh em đến với chúng ta này nói về những đam mê của tâm hồn, về những yếu đuối của xác thịt, thì tôi sẽ trả lời ông ấy; nhưng vì ông ấy nói về những điều thuộc về thiên đàng, nên tôi không thể nói gì về những điều đó.

Học trò rời khỏi vị tu sĩ già, đi đến gặp vị tu sĩ kia và nói với ông ta:

– Xin cha biết rằng vị tu sĩ già không thích nói về Kinh Thánh, nhưng nếu ai đó bắt đầu nói chuyện với ngài về những đam mê trong tâm hồn, thì ngài sẽ trả lời.

Cảm động, vị tu sĩ ấy bước vào gặp vị trưởng lão và hỏi ngài:

– Thưa Thầy! Con phải làm gì đây, vì con đang bị những đam mê chi phối?

Lúc đó, nhìn anh ta với khuôn mặt rạng rỡ, vị tu sĩ già nói:

– Con đã làm rất tốt khi đến đây; giờ đây ta sẽ mở miệng và nói những lời tốt lành.

Và ngài trò chuyện với anh ta một thời gian đủ dài về cách chiến thắng những dục vọng đang nổi dậy trong chúng ta. Rất mãn nguyện với những lời được Thánh Thần soi dẫn của vị tu sĩ già, vị tu sĩ ấy đã tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã ban cho anh ta cơ hội được gặp vị tu sĩ già như vậy và được nghe lời dạy của ngài; rồi anh ta trở về với các anh em của mình, vui mừng vì đã nhận được lợi ích lớn lao cho linh hồn.

Sau đó, một tu sĩ khác, Abba Isaac, đến gặp Cha Pimen và thấy ngài đang ngồi im lặng, dường như đang trong trạng thái xuất thần. Chờ một lúc lâu mà không thấy vị tu sĩ cao niên tỉnh táo lại, vị tu sĩ ấy liền cúi đầu chào ngài, nói:

– Xin cha cho con biết, tâm trí cha vừa ở đâu vậy?

Ông, sau khi bị thúc giục mạnh mẽ, mới trả lời:

– Tâm trí con đang ở nơi mà Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, đã khóc khi đứng bên thập giá; và con mong được khóc như thế mãi mãi.

Vị thánh vĩ đại trong số các vị cha, Thánh Pimen, người đã tu tập mọi đức hạnh, mang lại lợi ích cho mọi người cả bằng đời sống lẫn lời nói của mình, có lòng khiêm nhường vô cùng lớn lao trong tâm trí, đến nỗi thường thở dài và nói:

– Tôi sẽ bị ném vào nơi mà Satan sẽ bị ném vào!

Tuy nhiên, Chúa đã đưa người tôi tớ khiêm nhường của Ngài lên những nơi mà các Thiên thần thánh thiện ngự trị, đến các cộng đồng của những người công chính và thánh thiện; sau khi kết thúc cuộc đời trần thế kéo dài nhiều năm, Chúa đã đưa ông vào các nơi cư ngụ trên trời, nơi những năm tháng không bao giờ kết thúc[5701] ; tại đó, tất cả các thánh, đứng trước ngai vinh quang của Đức Chúa Trời, luôn luôn ngợi khen Cha, và Con, và Thánh Thần, Đức Chúa Trời Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà ngay cả chúng ta, những kẻ tội lỗi, cũng dâng lên vinh quang, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Bằng dòng nước mắt của ngài, ngài đã biến sa mạc cằn cỗi thành đất màu mỡ, và từ sâu thẳm những tiếng thở dài, ngài đã làm cho trăm công việc sinh hoa kết trái, và ngài là ngọn đèn soi sáng vũ trụ, tỏa sáng những phép lạ, Pimen, cha của chúng con, xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hôm nay là ngày kỷ niệm thánh thiêng liêng về những công đức rực rỡ của ngài, hỡi vị Cha đáng kính, mang lại niềm vui cho các linh hồn đạo đức, hỡi Pimen, người khôn ngoan trước mặt Đức Chúa Trời, vị Cha đáng kính của chúng con.

Lễ tưởng niệm các vị thánh Kuksha, vị tử đạo, và Pimen, vị tu sĩ ăn chay

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 8

Không cần nhiều lời ở nơi mà hành động đã là bằng chứng rõ ràng, như có thể nói về các vị thánh này; vì vị thánh tử đạo Kuksha – một trong những vị cha của Tu viện Thánh Pechersk – được mọi người biết đến, vì ngài đã rửa tội cho người Vyatichi – những người trước đây bị che mờ bởi sự vô tín – và đã soi sáng đức tin cho nhiều người. Thánh Kukša này đã thực hiện nhiều phép lạ vinh quang – trừ tà, làm mưa rơi từ trời, làm cạn hồ nước, và thực hiện nhiều phép lạ kỳ diệu khác. Cuối cùng, sau nhiều cực hình, ngài đã bị những kẻ vô tín chém chết cùng với môn đệ của mình.

Cùng thời gian đó, tại Tu viện Pechersk, vị thánh hạnh phúc Pimen, người ăn chay, đã tu hành để làm đẹp lòng Chúa; nhờ sự ăn chay nghiêm ngặt và những công lao to lớn của mình, ngài đã nhận được từ Chúa một ân sủng vĩ đại đến nỗi không chỉ nổi tiếng vì chữa lành cho người bệnh, mà còn vì khả năng tiên tri về tương lai và những sự kiện diễn ra ở những nơi xa xôi và chưa được biết đến. Thánh Pimen này đã chữa lành cho nhiều người đau ốm, tiên tri nhiều điều và đã biết trước về việc mình sẽ về với Chúa hai năm trước khi qua đời. Thánh Pimen, sau khi nhìn thấy việc Thánh Kuksha – người đang ở xa ngài – bị chặt đầu, đã lớn tiếng tuyên bố giữa nhà thờ Pechersk:

– Anh em chúng ta, Kukša, hôm nay đã bị sát hại!

Nói xong, Thánh Pimen đã qua đời cùng ngày với Thánh Kukša và môn đệ của ngài[5702] .

Như vậy, ba người này cùng nhau nhận được niềm vui ba lần, điều mà mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe và lòng người chưa từng nghĩ đến (xem 1 Cô-rinh-tô 2:9); niềm vui này do Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, đã chuẩn bị cho tất cả những ai yêu mến Ngài: Vinh quang thuộc về Ngài, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen.

[5701] Thánh Pimen qua đời ở tuổi 110. Ngài qua đời vào khoảng năm 450.

[5702] Thánh Kukša, vị tử đạo, và Thánh Pimen, vị tu sĩ ăn chay, qua đời vào khoảng năm 1113.

Lễ kính Thánh Liverius, vị Tử đạo, Giáo hoàng Rôma

Ngày kỷ niệm: 27 tháng 8

Thánh Livieri lên ngôi giám mục sau Đức Giáo hoàng Julius[5703] . Ngay từ đầu triều đại của mình, ngài đã là người bảo vệ nhiệt thành cho chính thống giáo và là người bênh vực không ngừng nghỉ cho Thánh Athanasius thành Alexandria, người đã chiến đấu chống lại các tín đồ Arian. Hoàng đế Constantius (người nghiêng về phía phe Arian) dù dùng đe dọa, dụ dỗ, thông qua các cận thần hay đích thân mình cũng không thể ép Thánh Liberius lên án Thánh Athanasius, và do đó, lên án chính Chính Thống Giáo; vì sự kiên định trong Chính Thống Giáo , Thánh Livieri đã bị đày đến Beria, thuộc vùng Thrace. Nhưng khi Hoàng đế Constantius có mặt tại Rome[5704] , dân chúng – những người kính trọng và yêu mến vị Tổng Giám mục của mình – đã thỉnh cầu Hoàng đế cho phép Đức Giáo hoàng Livieri trở về Rome. Tuy nhiên, trước khi trở về Rome, Liverius đã bị triệu tập đến Công đồng Sirmium lần thứ ba (bán Arian), nơi ngài bị ép phải ký vào bản tuyên quyết của công đồng này. Chỉ sau đó, khi được phép trở về Rome, Liverius mới quay trở lại đó[5705] sau hai năm lưu đày. Nhưng sau đó, Liverius đã bày tỏ sự hối hận sâu sắc về hành động của mình (thể hiện qua việc ký vào nghị quyết của Công đồng Sirmium lần thứ ba theo chủ nghĩa bán Arian), noi gương Thánh Tông đồ Phêrô, người đã xóa bỏ sự chối bỏ Chúa của mình bằng sự hối hận chân thành. Tại Rôma, Li-vi-ri-ô đã cống hiến rất nhiều cho sự nghiệp Chính Thống Giáo và cuối cùng đã về với Chúa[5706] .

Lễ kính Thánh Cha Osias, vị Tử đạo, Giám mục Korduba

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 8

Vị thánh đáng kính này, sau khi từ bỏ những thú vui trần tục và trau dồi mọi đức tính tốt đẹp, đã được bổ nhiệm làm giám mục thành phố Korduba[5707] . Với lòng nhiệt thành bảo vệ đức tin Chính thống, ngài đã tham dự Công đồng Đại kết lần thứ nhất để vạch trần sự điên rồ của Arius và tiêu diệt tà thuyết độc hại của hắn. Và khi mọi người đã tụ họp tại Công đồng này, ngài đã dùng những lời vạch trần của mình để làm khó Arius và nhiều người khác. Sau khi các giám mục Chính Thống bị Hoàng đế Constantine[5708] cách chức khỏi chức vụ của mình vì đã không tham gia vào việc trục xuất Athanasius Đại đế[5709] và không đồng lõa với tà thuyết của Arius, thì ngài cũng bị lưu đày, nơi ngài đã trải qua vô vàn đau khổ trước khi qua đời[5710] .

Lễ kỷ niệm Thánh Pimen (người Palestine)

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 8

Các vị Thánh Phụ Sofronius và Gioan đã ghi chép về vị thánh Pimen này trong cuốn sách của họ[5711] như sau:

[5703] Giulius giữ ngai tòa Giáo hoàng từ năm 337 đến năm 352. Liberius lên ngôi Giáo hoàng vào ngày 22 tháng 5 năm 352.

[5704] Hoàng đế Constantius trị vì từ năm 337 đến năm 361 – Vào năm 357, ông có mặt tại Rome, khi dân chúng đã đến gặp ông để xin cho Liberius được trở về từ nơi lưu đày.

[5705] Livieri trở về Rome vào năm 358.

[5706] Thánh Liverius qua đời vào năm 366.

[5707] Thành phố Corduba, nay là Córdoba, nằm ở miền nam Tây Ban Nha, trên bờ phải sông Beta, hiện nay mang tên Guadalquivir.

[5708] Trong phần Lời mở đầu ở đây có một sai sót hoặc lỗi in. Các giám mục Chính thống giáo không bị Hoàng đế Constantine cách chức khỏi các giáo phận của họ, mà là do con trai ông, Constantius, một người theo phái Arian.

[5709] Ở đây tất nhiên là nói đến Thánh Athanasius Đại Đế, Tổng Giám mục Alexandria, vị bảo vệ lừng lẫy giáo lý Chính Thống về Con Thiên Chúa chống lại tà thuyết của Arius. – Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 2 tháng 5 và 18 tháng 1.

[5710] Năm 355, Thánh Osius đã bị Hoàng đế Constantius đày đến Sirmium vì đã bảo vệ Thánh Athanasius. Bị đe dọa, giam cầm và tra tấn, ngài đã bị ép phải ký vào bản tuyên xưng Arian của Công đồng Sirmium lần thứ hai năm 357; sau đó, khi được đưa trở lại Córdoba, ngài qua đời vào năm 359, hoặc theo Stadler là năm 358, nhưng trước khi qua đời, ngài đã một lần nữa lên án chủ nghĩa Arian.

– Abba Agafonik, vị tu viện trưởng của tu viện Thánh Savva, đã kể cho chúng tôi nghe – họ thuật lại – như sau:

– "Tôi đang đi," – Abba Agafonik kể lại, – "một lần nọ đến sa mạc Ruva để gặp Abba Pimen, người đang sống trong hang động và ăn rễ cây làm thức ăn. Khi gặp ngài, tôi đã chia sẻ những suy nghĩ của mình với ngài, và vì lúc đó đã là buổi tối, nên ngài để tôi ở lại một mình trong hang động qua đêm, còn ngài thì đi sang một hang động khác. Đêm đó trời rất lạnh, và tôi đã phải chịu đựng cái lạnh buốt giá. Sáng hôm sau, vị tu sĩ già đến gặp tôi và hỏi:

– Con đã trải qua đêm qua thế nào, con trai của ta?

– Tôi – Abba Agathon kể lại – đã trả lời ông:

– Xin tha thứ cho con, thưa cha! Cả đêm qua con đã phải chịu đựng cái lạnh rất nhiều.

Ngài nói với tôi:

– Ta nói thật với con, con trai ơi, – ta không hề bị lạnh chút nào.

– Nghe vậy (Abba Agathonic kể lại), con rất ngạc nhiên, vì vị tu sĩ già đang trần truồng; sau đó con hỏi ngài như sau:

– Xin cha hãy tỏ lòng yêu thương với con, – xin cha hãy kể cho con nghe, tại sao cha lại không cảm thấy lạnh dù đang trần truồng?

Và vị tu sĩ già trả lời tôi:

– Có một con sư tử đến, nằm bên cạnh tôi và sưởi ấm cơ thể tôi, tuy nhiên, con hãy biết rằng, con trai ơi, tôi sẽ bị các con thú ăn thịt.

Lúc đó, tôi hỏi ngài:

– Vì lý do gì mà cha sẽ bị thú dữ ăn thịt vậy?

Ngài già trả lời tôi:

– Khi ta còn sống trong thế gian tại quê hương ta (cả hai đều xuất thân từ Galatia[5712]), ta từng là người chăn cừu; một lần nọ, khi ta đang chăn cừu, có một người đàn ông đi ngang qua đàn cừu của ta; những con chó của ta đã lao vào tấn công và xé xác ông ta. Tôi có thể cứu anh ta khỏi bầy chó, nhưng đã không làm vậy. Và tôi đã biết, nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời, rằng chính tôi cũng sẽ phải chết theo cách tương tự – cụ thể là sẽ bị thú dữ xé xác.

Thánh Pimen đã kể lại điều này cho Abba Agafonik; và quả thực mọi việc đã xảy ra đúng như lời ngài nói; vì ba năm sau, người ta mới biết rằng vị ẩn sĩ Pimen đã bị thú dữ ăn thịt[5713] . Còn linh hồn thánh thiện của ngài đã được xếp vào hàng ngũ các vị thánh tổ phụ nhờ lòng thương xót của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang được dâng lên muôn đời.

Ngày 10 tháng 9

28 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Mô-sê Mu-rin

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 8

Tại các vùng đất Ai Cập, có một tên cướp tên là Mô-sê, thuộc dòng dõi Murin,[5714] , khuôn mặt u ám; ban đầu, ông là nô lệ của một vị chủ nhân danh giá, nhưng vì tội giết người mà Mô-sê đã phạm phải, ông bị vị chủ nhân đó trục xuất và gia nhập vào băng cướp; những tên cướp này, khi thấy ông ta mạnh mẽ và có tính cách cứng rắn, đã bầu ông ta làm thủ lĩnh của chúng. Câu chuyện này được kể về Thánh Mô-sê nhằm cho thấy sự cải tà quy chính của ông và để mọi người biết được cách Mô-sê đã từ một cuộc sống xấu xa như vậy đi đến sự ăn năn và sống đẹp

---

[5711] Tất nhiên là "Limonar" (hay "Cánh đồng thiêng liêng"), tức là tuyển tập các câu chuyện răn dạy về những chiến công của các ẩn sĩ (chương 167).

[5712] Galatia – một vùng ở Tiểu Á.

[5713] Thánh Pi-men qua đời vào cuối thế kỷ VI.

[5714] Tức là tiếng Ethiopia.

lòng Chúa; vì những tội lỗi (trong quá khứ) của các thánh nhân không bị che giấu, nhằm tôn vinh lòng thương xót của Đức Chúa Trời, Đấng phân biệt người chính trực với kẻ không xứng đáng và biến những kẻ tội lỗi thành những người công chính.

Khi còn làm cướp, Mô-sê cùng đồng bọn đã gây ra nhiều vụ cướp bóc, đổ máu, và thực hiện nhiều hành vi phạm pháp và tội ác ghê tởm khác; Mô-sê nổi tiếng giữa mọi người vì sự tàn bạo của mình, vì ai nấy đều sợ hãi ông. Trong số những hành vi cướp bóc của ông, cần phải nhắc đến điều này:

Mô-sê nuôi dưỡng lòng thù hận đối với một người chăn cừu vì người chăn cừu này cùng với những con chó của mình (đang canh giữ đàn cừu) đã từng cản trở Mô-sê thực hiện một hành vi ác độc; một lần nọ, khi thấy người chăn cừu đó đang chăn cừu bên kia sông Ni-lê, Mô-sê đã nảy sinh ý định giết hắn. Sông Nile lúc đó đang dâng cao (do lũ lụt); Mô-sê buộc quần áo lại, buộc vào đầu, ngậm thanh gươm trong miệng và bắt đầu bơi qua dòng sông vĩ đại này. Người chăn cừu nói trên, khi còn ở xa đã nhìn thấy Mô-sê đang bơi qua sông, liền bỏ đàn cừu lại và chạy trốn khỏi nơi đó: Còn Mô-sê, sau khi bơi qua sông nhưng không tìm thấy người chăn cừu, đã giết bốn con cừu con to nhất, rồi dùng dây thừng buộc những con cừu con này lại, sau đó bơi ngược trở lại sông Nile, mang theo những con cừu con; sau khi lột da những con cừu con này, Mô-sê đã ăn thịt chúng (rất ngon), còn da thì bán đi và dùng số tiền thu được để uống rượu.

Trong một thời gian dài, Mô-sê đã sống trong những việc làm tội lỗi như vậy; nhưng một lần nọ, anh ta bỗng nhiên tỉnh ngộ, vì Đức Chúa Trời đã thương xót anh ta và kêu gọi anh ta ăn năn, bởi vì Đấng Tối Cao và Nhân Từ không tìm kiếm sự hủy diệt của những kẻ có tội, mà chờ đợi họ quay về với sự cứu rỗi. Kẻ tội lỗi này đã cảm động trong lòng, ăn năn về những việc ác mình đã làm, từ bỏ nghề cướp bóc và những đồng bọn của mình, đi vào một tu viện hoang vắng và dâng hiến bản thân để phục tùng và vâng lời vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ, hơn hết là chính Đức Chúa Trời; Mô-sê đã rơi biết bao giọt nước mắt cả ngày lẫn đêm, ăn năn về những tội lỗi đã phạm trước đây; mọi công việc và nhiệm vụ được giao phó, ông đều thực hiện một cách siêng năng, và trở thành một tu sĩ đáng kính.

Một thời gian sau, Mô-sê lui về một căn phòng ẩn tu; tại đó, ông sống một mình, suy ngẫm về Đức Chúa Trời và thanh tẩy những tội lỗi đã phạm trước đây bằng lòng sám hối chân thành.

Khi Mô-sê đang sống cuộc đời sám hối như vậy, bốn tên cướp đã tấn công ông khi ông đang ở trong phòng ẩn tu, mà chúng không biết đó là Mô-sê. Dù chỉ có một mình, ông đã đánh bại chúng, trói chúng lại, rồi vác chúng trên vai như những bó lúa, mang về tu viện đến nhà thờ, và nói với các tu sĩ:

– Các anh em khuyên tôi nên làm gì với bọn chúng đây? Tôi không muốn làm hại ai, nhưng chúng đã đến tìm tôi, nên tôi đã bắt chúng.

Các vị cha đã ra lệnh cho ông tháo trói những tên cướp đó và thả chúng tự do, nói rằng:

– Chúng ta không được giết ai cả.

Còn bọn cướp, khi nhận ra đó chính là Mô-sê, người trước đây từng là thủ lĩnh của chúng, đã ngạc nhiên trước sự thay đổi lớn lao trong cuộc đời ông và ngợi khen Thiên Chúa; chính họ cũng cảm động, kính sợ Thiên Chúa, và sau khi ăn năn, đã trở thành những tu sĩ đáng kính.

Và không chỉ bốn người này, mà cả những tên cướp khác, khi nghe tin về thủ lĩnh Mô-sê của họ – rằng ông đã ăn năn và trở thành tu sĩ – cũng từ bỏ nghề cướp và mọi việc tội lỗi, trở thành những tu sĩ đạo đức.

Vậy là, Mô-sê tiếp tục sống trong những nỗ lực sám hối. Ban đầu, những ác quỷ dâm dục đã quấy rối ông bằng những ý nghĩ tội lỗi, khơi dậy dục vọng trong ông và lôi kéo ông trở lại cuộc sống dâm dục trước đây, như chính ông sau này đã kể lại cho các anh em, rằng:

– Tôi đã phải chịu đựng những khó khăn lớn lao đến mức suýt nữa thì vi phạm lời thề tu hành.

Khi đến gặp Cha Isidor, một linh mục tại tu viện, ông đã kể cho ngài nghe về những đau khổ mà mình phải chịu đựng vì dục vọng xác thịt. Và Thánh Isidor đã nói với ông:

– Đừng bối rối, anh em ơi! Anh vẫn còn là người mới bắt đầu (tức là mới chỉ bắt đầu tu hành), và vì thế ma quỷ tấn công anh một cách dữ dội, nghĩ rằng sẽ tìm thấy ở anh bản tính cũ; để xua đuổi chúng, tôi khuyên anh hãy tuân giữ việc ăn chay và kiêng khem hàng ngày, và đừng ăn no bụng. Giống như con chó đã quen gặm xương do người bán thịt vứt ra – nó không rời đi cho đến khi chợ đóng cửa; nhưng khi việc buôn bán đã kết thúc và không còn ai có thể ném cho con chó thứ gì để ăn nữa, thì nó, vì đói khát, sẽ rời khỏi nơi đó; cũng vậy, ác quỷ dâm dục luôn rình rập bên cạnh người ăn uống đến mức no nê. Nhưng nếu ngươi luôn tuân giữ việc ăn chay và kiêng khem, chế ngự các giác quan trần tục của mình và chặn đứng cánh cửa của sự no nê bằng sự kiêng khem, không cho phép

sự no nê – thứ khơi dậy những ham muốn tội lỗi – xâm nhập vào lòng mình, thì ác quỷ, như thể kiệt sức vì đói, sẽ rời xa ngươi trong nỗi buồn.

Mô-sê, tôi tớ của Đức Chúa Trời, sau khi trở về phòng tu của mình, đã tự nhốt mình trong đó và sống trong sự kiêng khem hàng ngày, chỉ ăn rất ít bánh vào buổi tối sau khi mặt trời lặn; Mô-sê đã làm việc rất chăm chỉ trong các công việc thủ công, đứng dậy cầu nguyện năm mươi lần trong ngày, thực hiện việc cầu nguyện bằng cách quỳ gối.

Tuy nhiên, mặc dù Mô-sê đã hành hạ thân xác mình bằng lao động và sự khổ hạnh, nhưng những ham muốn xác thịt dẫn đến tội lỗi vẫn không biến mất trong lòng ông. Lúc đó, ông lại đến gặp cha Isidore và nói với ngài:

– Thưa Cha! Con không thể ở trong phòng tu của mình được, vì những dục vọng xác thịt đang dâng trào trong con.

Thánh Isidore liền dắt ông lên tầng trên của phòng tu và nói với ông:

– Hãy nhìn về phía tây!

Mô-sê nhìn và thấy vô số quỷ dữ đáng sợ đang xôn xao và chuẩn bị chiến đấu.

Sau đó, Abba Isidore nói:

– Bây giờ hãy quay về phía đông và nhìn xem.

Khi nhìn về phía đông, Mô-sê thấy vô số các Thiên thần thánh thiện rực rỡ ánh sáng, cũng đang chuẩn bị chiến đấu.

Và Thánh Isidore nói với Mô-sê:

– Những kẻ ở phía tây đang gây chiến với các thánh của Đức Chúa Trời, còn những kẻ ở phía đông được Chúa sai đến để giúp đỡ các tu sĩ đạo đức. Hãy biết rằng những người giúp đỡ chúng ta nhiều hơn những kẻ chống lại chúng ta.

Mô-sê, được củng cố bởi thị kiến và những lời của vị tu sĩ già, trở về phòng tu của mình và lại tiếp tục thực hành sự tu hành và những công việc cầu nguyện như thường lệ.

Tuy nhiên, ngay cả sau đó, cuộc chiến vẫn không buông tha ông; ngược lại, Mô-sê bắt đầu phải chịu đựng nhiều hơn nữa từ kẻ thù, khi bị kích động bởi những giấc mơ. Vì vậy, sau khi thức dậy, ông đến gặp một vị tu sĩ thánh thiện khác, rất giàu kinh nghiệm, và nói với ngài:

– Con phải làm gì đây, thưa Abba? Những hình ảnh trong giấc mơ làm mờ trí óc con, kích thích xác thịt con, làm thỏa mãn dục vọng và xúi giục con quay trở lại lối sống tội lỗi ban đầu, làm con bối rối bởi những ảo ảnh?

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Ngươi phải chịu đựng sự ám ảnh ghê tởm ấy là vì ngươi không giữ tâm trí mình khỏi những giấc mơ dâm dục. Hãy làm theo lời ta dạy: hãy dâng mình cho việc thức trắng đêm, từ từ làm quen với nó và cầu nguyện với tinh thần sảng khoái; khi đó ngươi sẽ được giải thoát khỏi cuộc chiến ấy.

Mô-sê đã tiếp nhận lời khuyên tốt lành này từ vị thánh hướng dẫn giàu kinh nghiệm, trở về phòng tu và bắt đầu học cách thức cầu nguyện suốt đêm (tức là thức trắng cả đêm để cầu nguyện); ông đứng giữa phòng tu suốt cả đêm và không quỳ gối khi cầu nguyện, để không bị chìm vào giấc ngủ, mà đứng thẳng, không nhắm mắt lại.

Vị thánh đã kiên trì thực hành việc tu hành này trong sáu năm; nhưng ngay cả bằng cách đó, ngài cũng không thể thoát khỏi những ham muốn xác thịt đang chiến đấu chống lại tinh thần; vì Thiên Chúa đã cho phép điều đó xảy ra để vị tu sĩ đáng kính, sau khi được thử thách như vàng trong lò nung, sẽ nhận được vương miện vinh quang cùng với những người chịu khổ khác.

Một thời gian sau, vị tu sĩ dũng cảm này nghĩ ra một thử thách mới đầy gian khổ: vào ban đêm, ngài rời khỏi phòng tu của mình, đi vòng quanh các phòng tu của các vị ẩn sĩ trong sa mạc, và lấy những bình nước đang để trống bên ngoài các phòng tu đó, mang nước về mà các vị ẩn sĩ không hề hay biết (nước nằm cách xa nơi ở của ngài). Một số vị trưởng lão có phòng tu cách nguồn nước hai "popir'ya"[5715] , những người khác cách ba, bốn hoặc thậm chí xa hơn; cũng có những người do tuổi già quá cao mà hoàn toàn không thể tự mang nước về cho mình; đối với những người như vậy, Thánh Mô-sê mỗi đêm đều đổ đầy nước vào các bình cho họ. Công việc vĩ đại này của Thánh Mô-sê đã khiến ma quỷ căm ghét. Theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, ma quỷ đã gây ra cho Thánh Mô-sê một rắc rối như sau:

[5715] Poprishe – đơn vị đo chiều dài, tương đương khoảng hai kilômét.

Một đêm nọ, vị thánh siêng năng ấy cúi xuống giếng với chiếc bình của một vị lão nhân, định múc nước; lúc đó, ma quỷ đã dùng một cành cây đánh mạnh vào lưng ông; vị lão nhân ngã xuống bất tỉnh và nằm bất động như đã chết.

Sáng hôm sau, các tu sĩ đến giếng đó để múc nước, và thấy Mô-sê đang nằm đó trong tình trạng nửa sống nửa chết. Các tu sĩ đến gặp vị tu sĩ vĩ đại Isidor ở tu viện và kể lại mọi chuyện cho ông; ông liền cùng các tu sĩ khác đến, bế Mô-sê và đưa về nhà thờ. Mô-sê bị bệnh, như người bị liệt, và đau đớn đến mức phải mất một năm mới hồi phục.

Sau đó, Abba Isidor nói với ông:

– Anh em Mô-sê ơi! Đừng đẩy cuộc chiến chống lại ma quỷ của anh vượt quá sức mình, vì trong sự can đảm, cần phải giữ chừng mực.

Mô-sê, chiến binh bất khả chiến bại của Đấng Christ, đã trả lời như sau:

– Tôi sẽ không kết thúc cuộc chiến cho đến khi những giấc mơ ghê tởm trong giấc ngủ buông tha cho tôi.

Lúc đó, Abba Isidor nói với anh:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, ngay từ bây giờ những ham muốn xác thịt này sẽ rời xa ngươi; giờ đây ngươi sẽ được bình an; hãy mạnh dạn bước lên và rước Mình và Máu Thánh của Chúa Ki-tô . Hãy biết rằng cuộc chiến đấu khắc nghiệt với xác thịt này đã được cho phép xảy ra với ngươi để ngươi đừng kiêu ngạo trong tâm trí, tưởng rằng nhờ sự kiêng khem và những công đức của mình mà ngươi đã chiến thắng được các dục vọng, và để ngươi, khi kiêu ngạo, khỏi phải hư mất.

Nghe những lời này, Mô-sê đã rước Mình và Máu Thánh, trở về phòng tu của mình và tiếp tục tu hành trong bình an, thoát khỏi những cơn xao động trước đây, và sống một đời sống ăn chay nghiêm ngặt và thinh lặng.

Một thời gian sau, Mô-sê được hỏi liệu những dục vọng có còn làm phiền ông không. Mô-sê đáp:

– Kể từ khi Isidor, người phục vụ Chúa Kitô, cầu nguyện cho tôi, tôi không còn phải chịu đựng những ham muốn xác thịt nữa.

Sau những cám dỗ lớn lao như vậy, thánh Mô-sê đã đạt được sự bình an (trong tâm hồn) nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa và từ đó sống cuộc đời không còn bị cám dỗ xác thịt; đồng thời, ngài được Thiên Chúa ban cho quyền năng lớn lao trên các quỷ dữ, đến nỗi ngài khinh thường chúng như những con côn trùng; ngài được tràn đầy ân sủng của Thánh Thần và được tôn vinh giữa các vị tu sĩ.

Vì Thánh Mô-sê đã nổi tiếng nhờ đời sống đạo đức của mình, nên vị hoàng tử (người cai trị) của vương quốc đó cũng đã nghe danh ngài; vị hoàng tử này đã lên đường đến tu viện, mong được gặp Abba Mô-sê. Vị tu sĩ già đã được báo trước rằng vị hoàng tử có ý định đến gặp ngài (Mô-sê); nhưng Mô-sê, sau khi bước ra khỏi phòng tu, đã định trốn vào đầm lầy và bụi lau sậy; các thị vệ đi cùng vị hoàng tử đã gặp ngài và hỏi:

– Túp lều của Abba Mô-sê ở đâu?

Ông nói với họ:

– Các ngươi muốn gì ở ông ấy? Vị tu sĩ già đó không sáng suốt, rất dối trá và sống một cuộc đời đầy tội lỗi.

Nghe những lời đó, họ kinh ngạc và đi qua. Khi đến nhà thờ, hoàng tử nói với các linh mục:

– Ta đã nghe nói về Abba Mô-sê và đến đây để nhận lời chúc phúc từ ngài; nhưng chúng ta đã gặp một tu sĩ nào đó đang trên đường đi Ai Cập, và khi chúng ta hỏi ông ta về nơi Abba Mô-sê đang sống, thì ông ta đã nói xấu Mô-sê, gọi ngài là một vị tu sĩ thiếu khôn ngoan, dối trá và sống một cuộc đời tội lỗi.

Nghe vậy, các giáo sĩ vô cùng buồn bã và hỏi:

– Vị tu sĩ đó là người như thế nào mà lại thốt ra những lời phỉ báng như vậy đối với một vị thánh nhân?

Họ trả lời:

– Đó là một vị tu sĩ cao lớn, khuôn mặt u ám, mặc quần áo rách rưới.

Các giáo sĩ nói:

– Quả thực, đó chính là Abba Mô-sê; nhưng vì ông ấy không muốn lộ diện trước các vị, cũng không muốn nhận sự tôn kính từ các vị, nên đã nói về bản thân mình những điều xấu xa, như thể đang nói về một người khác vậy.

Sau khi nhận được nhiều lợi ích (về mặt tinh thần), vị hoàng tử ra về, ca ngợi Thiên Chúa.

Như vậy, vị thánh Mô-sê đã tránh xa danh vọng và sự tôn vinh của loài người, và không thích trò chuyện với những giáo dân đến thăm ngài, dù ngài rất hiếu khách, bởi ngài đã đón tiếp với tình yêu thương tất cả những ai đến với ngài, những anh em lữ hành, như đã được ghi chép về lòng hiếu khách của ngài trong cuốn “Otechnik”.

Một lần nọ, tất cả các vị tu sĩ ẩn tu đều nhận được mệnh lệnh sau đây tại tu viện:

– Hãy ăn chay suốt tuần này và cử hành Lễ Phục Sinh.

Tình cờ, một số anh em du hành từ Ai Cập đến gặp Mô-sê; vị tu sĩ già đã chuẩn bị cho họ một ít thức ăn luộc; nhưng khi những người hàng xóm của ông nhìn thấy khói, họ nói với các tu sĩ:

– Mô-sê đã vi phạm mệnh lệnh và đang nấu thức ăn cho mình.

Nhưng các tu sĩ đáp:

– Chúng ta sẽ vạch trần ông ấy khi ông ấy đến dự buổi họp (vì mọi người đều biết về những việc tu hành ăn chay của Mô-sê).

Khi ngày Sabát đến, Mô-sê đến đền thờ để tham dự thánh lễ; và họ nói với ông trước mặt tất cả các giáo sĩ:

– Thưa Cha Mô-sê! Ngài đã vi phạm điều răn của loài người, nhưng đã tuân giữ điều răn của Đức Chúa Trời.

Cũng được kể lại trong tiểu sử của Thánh Arsenius:

Có một tu sĩ từ xa đến tu viện để gặp Thánh Arsenius; khi được dẫn đến gặp Arsenius, tu sĩ ấy đã thấy ngài, nhưng không được nghe lời ngài nói; vì vị tu sĩ già (Arsenius) đang ngồi im lặng, nhìn xuống đất.

Sau đó, vị tu sĩ lữ hành bắt đầu nài nỉ vị tu sĩ kia dẫn mình đến gặp Thánh Mô-sê, người từng là tên cướp trước khi xuất gia. Vị tu sĩ kia đồng ý đáp ứng lời thỉnh cầu của ông và dẫn ông đến gặp Thánh Mô-sê.

Khi họ đến gặp Mô-sê, vị này đã tiếp đón họ với niềm vui, mời họ nghỉ ngơi và dùng bữa, rồi sau khi thể hiện tình yêu thương sâu sắc dành cho họ, ông đã tiễn họ ra về.

Trên đường đi, vị tu sĩ ở tu viện nói với người khách:

– Ngươi đã gặp cả cha Arsenius lẫn cha Mô-sê rồi. Theo ngươi, ai trong hai người tốt hơn?

Vị tu sĩ trả lời:

– Người tốt nhất trong số họ là người đã tiếp đón chúng ta với tình yêu thương.

– Một tu sĩ, khi biết chuyện này, đã cầu nguyện với Chúa như sau:

– Lạy Chúa! Xin hãy cho con biết, ai trong số họ hoàn hảo hơn và xứng đáng nhận được ân sủng lớn lao hơn của Ngài: người ẩn mình khỏi mọi người vì Ngài, hay người đón nhận tất cả mọi người, cũng vì Ngài?

Vị tu sĩ này, sau khi cầu nguyện, đã có một thị kiến như sau: ông thấy hai con thuyền đang lướt trên một dòng sông rất rộng; trên một con thuyền là Thánh Arsenius, và Thánh Thần của Chúa đang điều khiển con thuyền của ngài, giữ cho ngài trong sự tĩnh lặng tuyệt đối; trên con thuyền kia là Thánh Mô-sê; còn con thuyền của ngài được các Thiên thần của Đức Chúa Trời điều khiển, những vị đã nhỏ mật ong vào miệng Mô-sê.

Sau một thời gian dài tu hành khổ hạnh, Thánh Mô-sê đã được phong chức linh mục, theo một sự mặc khải nào đó của Đức Chúa Trời; và khi được phong lên bậc linh mục đầu tiên, ngài được mặc áo sticharion; lúc đó, giám mục nói với ngài:

– Này, Cha Mô-sê giờ đây đã hoàn toàn trắng tinh rồi.

Còn Mô-sê thì thưa với giám mục:

– Thưa Đức Cha! Điều gì làm nên một linh mục: bên ngoài hay bên trong (tức là ngài muốn hỏi: "Liệu bộ áo choàng che phủ con người từ bên ngoài có làm cho người ấy xứng đáng với chức linh mục, hay chính những đức tính bên trong?").

Vị giám mục, muốn thử thách Mô-sê để xác minh xem liệu ông có thực sự là tôi tớ của Đấng Christ, người có những đức tính bên trong tâm hồn mình hay không, đã nói với các linh mục:

– Khi Mô-sê bước vào bàn thờ, hãy đuổi ông ta ra; sau đó hãy đi theo ông ta và lắng nghe những gì ông ta sẽ nói.

Các giáo sĩ đã làm đúng như vậy: họ đuổi Mô-sê ra khỏi bàn thờ, nói rằng:

– Cút đi, thằng da đen!

Còn ông ta, sau khi ra ngoài và đứng ở một nơi riêng biệt, bắt đầu tự trách mình, nói:

– Các ngươi đã đối xử tốt với ngươi rồi, con chó ạ, các ngươi đã đối xử tốt với ngươi rồi, tên Ê-thi-ô-pi da sẫm màu; vì ngươi không xứng đáng, và sao ngươi lại dám bước vào nơi thánh; ngươi không phải là con người: vậy mà sao ngươi lại dám đến gần con người và các tôi tớ của Đức Chúa Trời?

Nghe những lời của vị thánh, các giáo sĩ đã báo lại cho giám mục; lúc đó, giám mục ra lệnh gọi Mô-sê trở lại bàn thờ và phong chức linh mục cho ông. Sau đó, ngài hỏi ông, nói:

– Cha đã nghĩ gì khi bị trục xuất rồi lại được đón nhận trở lại?

Mô-sê đáp:

– Con đã so sánh mình với một con chó, khi bị đuổi đi thì chạy trốn, nhưng khi được gọi trở lại thì nhanh chóng quay về.

Và vị giám mục nói:

– Quả thật, người này xứng đáng với ân sủng của Thiên Chúa; vì Thiên Chúa ban ân sủng cho những ai khiêm nhường.

Một thử thách tương tự cũng đã xảy ra với vị tu sĩ này trước đó, khi ngài còn là một tu sĩ mới; bởi vì khi các anh em đều tụ họp tại tu viện, các vị tu sĩ muốn thử lòng khiêm nhường của Mô-sê và bắt đầu hạ thấp ngài, nói rằng:

– Tại sao người Ê-thi-ô-pi này lại đi lại giữa chúng ta?

Nghe vậy, ông im lặng.

Khi các anh em định giải tán, họ hỏi ông, nói rằng:

– Cha Mô-sê ơi! Cha có bối rối không?

Anh ta đáp lại họ bằng lời trong Thi thiên: *"Tôi bàng hoàng và không thể nói được"* (Thi thiên 76:5) (tức là tôi chịu đựng sự sỉ nhục trong im lặng).

Sau khi nhận chức linh mục, Thánh Mô-sê tiếp tục tu hành thêm mười lăm năm nữa, khi đó ngài đã bảy mươi lăm tuổi; sau khi quy tụ được bảy mươi lăm môn đệ xung quanh mình, ngài đã qua đời một cách tử đạo[5716] như sau:

Một lần nọ, khi đang ở giữa các anh em, ngài nói:

– Kìa, bọn man rợ sắp đến tu viện để chém giết các tu sĩ; các anh em hãy đứng dậy và chạy khỏi đây đi.

Các tu sĩ liền hỏi ngài:

– Tại sao cha lại không chạy trốn khỏi đây?

Nhưng ngài đáp lại:

– Tôi đã chờ đợi từ nhiều năm nay thời khắc mà lời của Chúa tôi, Đức Giêsu Kitô, sẽ ứng nghiệm trên tôi, Người đã phán: *"Ai cầm gươm thì sẽ chết bởi gươm"* (Mt 26,52).

Nghe vậy, các anh em nói với ngài:

– Chúng con cũng sẽ không chạy trốn, mà sẽ chết cùng cha!

Nhưng ngài đáp lại họ:

– Ta không cần điều đó; mỗi người hãy làm theo cách mà mình thấy là tốt nhất.

Lúc đó, các anh em đã bỏ chạy khỏi nơi đó, và chỉ còn lại bảy tu sĩ ở lại bên cạnh vị thánh nhân. Một lúc sau, vị thánh nhân nói với họ:

– Bọn man rợ đã đến gần rồi!

Một trong bảy tu sĩ nói trên, vì sợ hãi, đã chạy trốn khỏi phòng tu và ẩn náu ở một nơi nào đó. Bọn man rợ xông vào phòng tu, giết chết Thánh Mô-sê và sáu tu sĩ đang ở cùng ngài. Còn vị tu sĩ thoát chết, đang ẩn náu ở nơi kín đáo, đã thấy trời mở ra và bảy vương miện rực rỡ từ trời hạ xuống.

Sau khi bọn man rợ rời đi, tu sĩ này trở về phòng tu và phát hiện ra Thánh Mô-sê cùng các tu sĩ khác đã bị giết; thi thể của họ nằm ngập trong vũng máu; nhìn thấy cảnh đó, tu sĩ ấy bắt đầu khóc lóc; sau đó, các tu sĩ còn lại đến và trong tiếng khóc than, họ đã chôn cất các tu sĩ đã qua đời.

Cuộc đời của vị thánh cha Mô-sê Mu-rin của chúng ta đã kết thúc như vậy – người từng là tên cướp nhưng đã trở thành tu sĩ và nhờ sự ăn năn chân thành mà được lòng Chúa, đến nỗi với tư cách là một vị tử đạo, không chỉ thiên đàng mà cả chính trời cao cũng mở ra cho ngài, và ngài được đội vương miện vinh quang. Nhờ những lời cầu nguyện của ngài, xin Chúa Kitô, Đấng Yêu Thương Loài Người, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được tôn vinh và ca ngợi, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời, hãy dẫn dắt chúng ta trên con đường sám hối chân chính và ban cho chúng ta được vào Nước Trời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Ngài là người sống ẩn dật trong sa mạc, là Thiên Thần trong thân xác, là Đấng làm phép lạ, là vị Cha thánh thiện của chúng con, Mô-sê: nhờ chay tịnh, thức trắng và cầu nguyện, Ngài đã nhận được ân sủng từ trời, chữa lành

[5716] Thánh Mô-sê Mu-rin qua đời vào khoảng năm 400.

những người bệnh tật và những linh hồn chạy đến với Ngài bằng đức tin. Vinh quang thuộc về Đấng đã ban cho ngài sức mạnh; vinh quang thuộc về Đấng đã tôn vinh ngài; vinh quang thuộc về Đấng hành động qua ngài để chữa lành mọi người.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã đánh bại những kẻ ác và khinh miệt những con quỷ, Ngài đã tỏa sáng trong tâm trí như mặt trời rực rỡ, soi sáng linh hồn chúng con bằng ánh sáng cuộc đời và giáo huấn của Ngài.

Kỷ niệm vị Thánh Cha Savva Krypetsky, vị Thánh làm phép lạ ở Pskov

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 8

Thánh Cha Savva của chúng ta đã sinh ra, được giáo dục và thụ phong tu sĩ tại những vùng đất xa lạ. Không rõ ngài đến từ quốc gia nào[5717] , chỉ biết rằng ngài không sinh ra trên đất Nga, mà với tư cách là một người nước ngoài, ngài đã đến thành phố Pskov, vào tu viện Đức Mẹ Rất Thánh, được gọi là Snyatogorsk[5718] . Được vị tu viện trưởng tiếp nhận, ngài đã tận tụy tu hành với những công đức cao cả và nhờ cuộc đời đạo đức của mình, ngài đã nhận được sự khen ngợi và danh tiếng từ mọi người. Tuy nhiên, không mong muốn danh tiếng từ con người, ngài đã chuyển đến bên sông Tolva, vào tu viện của vị thánh vĩ đại Evfrosin[5719] . Thánh Evfrosin đã tiếp nhận ngài và giao cho ngài nhiệm vụ làm người phục vụ trong tu viện. Tu sĩ Savva đã thực hiện những nhiệm vụ này một cách tận tụy và khiêm nhường. Một thời gian sau, sau khi xin phép Thánh Euphrosynus vĩ đại, ngài đã lên đường đến sa mạc cách tu viện Euphrosynus 15 poprishch, đến hồ Krypets, và định cư tại nơi hoàn toàn hoang vắng này. Tại đây, Thánh Savva đã phải chịu đựng không ít cám dỗ từ ma quỷ. Chẳng bao lâu sau, ngài đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Gioan Thần Học tại chính nơi ngài tu hành, sắp xếp các phòng tu và thành lập tu viện; sau đó, một số lượng không nhỏ các tu sĩ đã tụ họp về đây. Danh tiếng về cuộc đời đạo đức của ngài nhanh chóng lan rộng khắp nơi, và Công tước Pskov Yaroslav Vasilyevich[5720] đã biết đến ngài. Công tước dành cho vị thánh tu sĩ sự kính trọng sâu sắc. Ông đã đóng góp những khoản tiền lớn để xây dựng tu viện, tặng đất đai[5721] và các hồ nước để nuôi sống các tu sĩ, đồng thời thường xuyên đích thân đến thăm tu viện để nhận lời chúc phúc từ vị thánh tu sĩ. Có lần, ngài đến tu viện cùng với công nương, vợ của mình. Thánh Savva đã tiếp đón ngài với sự kính trọng cao độ, nhưng không cho phép công nương vào tu viện, mà đã ban phước lành cho bà ngay trước cổng tu viện và tại đó đã chữa lành bệnh cho bà, vì lúc đó bà đang ốm.

Thánh Savva đã sống rất lâu, và vào ngày 30 tháng 8 năm 1495 ([5722]), ngài đã về với Chúa. Xác thánh của ngài được tìm thấy vào năm 1554 nhờ sự hiện ra của vị tu sĩ thánh thiện tại tu viện Isaia do chính ngài thành lập, và cho đến ngày nay, xác thánh vẫn ban nhiều ơn chữa lành cho những ai đến với lòng tin, để tôn vinh Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng đáng được vinh quang bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời.

[5717] Theo cuốn Lịch tháng của Verzhinsky, Thánh Savva có nguồn gốc là người Serbia.

[5718] Tu viện Đức Mẹ Snyatogorsk – một trong những tu viện cổ xưa nhất của vùng Pskov (được nhắc đến vào năm 1265); tọa lạc tại khu vực được gọi là Núi Snyatnaya, bên bờ sông Velikaya, cách Pskov 4 verst.

[5719] Đó là Tu viện Spaso-Veliko-Pustynsky trên sông Tolva thuộc tỉnh Pskov, cách Pskov 30 verst, do Thánh Euphrosynus thành lập vào khoảng năm 1450. Ngày kỷ niệm Thánh Euphrosynus được tổ chức vào ngày 15 tháng 5. Ngày kỷ niệm của ngài cũng được ghi dưới ngày này.

[5720] Đó là Công tước Yaroslav Vasilyevich Obolensky, người cai trị Pskov.

[5721] Năm 1487, Công tước Yaroslav Vasilyevich đã ban chiếu chỉ cấp đất cho tu viện và ra lệnh xây dựng một cây cầu dài 1.400 sažen qua các bãi rêu và đầm lầy để nối với tu viện của Thánh Savva. Cây cầu này cho đến nay vẫn được gọi là Cầu Yaroslav.

[5722] Ở đây, trong phần Lời mở đầu, có lẽ có một lỗi in, vì trong tất cả các truyền thuyết về Thánh Savva, ngày qua đời của ngài đều được ghi là ngày 28 tháng 8.

Lễ kính Thánh Anna, người công chính

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 8

Thánh Anna công chính xuất thân từ chi phái Asir và là con gái của Phanuel. Như chính tên gọi của bà (Anna trong tiếng Do Thái có nghĩa là "đầy lòng thương xót") đã cho thấy, bà là một người phụ nữ đức hạnh. Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, Anna đã được ban cho ân sủng tiên tri. Khi đã cao tuổi, theo lời Phúc Âm, bà *"không rời khỏi đền thờ, ngày đêm phụng sự Thiên Chúa bằng việc ăn chay và cầu nguyện"* (Lc 2,37).

Thánh Anna thuộc số những phụ nữ Do Thái đạo đức, những người háo hức mong chờ sự giáng sinh của Đấng Mê-si-a – chính tại đây, Hài Nhi Giê-su đã được Giô-sép và Ma-ri mang đến để thực hiện nghi lễ hợp pháp cho Ngài. Lúc bấy giờ, ông Simêon, người được Chúa chọn, bế Hài Nhi Giêsu trên tay và thốt lên lời tiên tri kỳ diệu về Ngài, rằng:

– *"Lạy Chúa, giờ đây Ngài cho tôi tớ Ngài ra đi trong bình an, theo lời hứa của Ngài; vì mắt tôi đã được thấy sự cứu rỗi của Ngài, mà Ngài đã chuẩn bị trước mặt muôn dân, là Ánh Sáng soi sáng cho các dân ngoại, và là vinh quang của dân Ngài là Israel"* (Lc 2:29–32).

Sau đó, Simêon quay sang Mẹ Chúa và nói với Bà lời tiên tri này:

– *"Này, Đấng này sẽ là nguyên nhân khiến nhiều người trong dân Y-sơ-ra-ên ngã xuống và đứng dậy, và là đối tượng gây tranh cãi (và chính linh hồn Mẹ cũng sẽ bị lưỡi gươm đâm thấu), để những ý nghĩ trong lòng nhiều người được bày tỏ ra"* (Lc 2:34–35).

Trong những giây phút thánh thiêng và trang nghiêm ấy, tại đền thờ có bà Anna, một nữ tiên tri thánh thiện và công chính. Lúc đó, bà đã tám mươi bốn tuổi. Như vậy, vào những năm tháng cuối đời, bà đã có phúc được chiêm ngưỡng Hài Nhi Giêsu. Giờ đây, bà có thể ra đi thanh thản.

Sau khi nghe lời tiên tri của Simêon về Đấng Kitô, bà cùng với Simêon ngợi khen Chúa và nói về Ngài cho tất cả những ai đang mong chờ sự cứu rỗi tại Giêrusalem[5723] .

Ngày 11 tháng 9

Ngày 29 tháng 8 (theo lịch cũ)

Truyền thuyết về việc chặt đầu Thánh Tiên tri, Tiền hô và Người Rửa tội của Chúa Giăng

Ngày tưởng niệm 29 tháng 8

Thánh Gioan, Tiền Hô của Chúa Thiên Chúa và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Đức Giêsu Kitô, đã xứng đáng dùng cái chết của mình để báo trước cả sự ra đời lẫn sự chết của Chúa; và cũng như khi còn ở trần gian, ngài đã rao giảng về sự đến của Chúa, nói rằng: *"Đấng Mạnh Mẽ hơn tôi đang đến sau tôi"* (Mc 1,7): thì ngài cũng phải rao giảng về sự đến của Chúa cho các linh hồn các tổ phụ thánh đang ở trong địa ngục; vì Thánh Gioan Tiền Hô phải nói ở đó rằng Đấng Mêsia mà thế gian đang mong đợi đã hiện ra rồi. Và cũng như Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta đã chịu khổ hình vì tội lỗi loài người, thì Tiền Hô của Ngài cũng đã phải chịu cái chết đau khổ vì sự bất chính của Hê-rô-đê. Sự việc đã xảy ra như sau:

Hê-rốt, còn được gọi là An-ti-pô, con trai của Hê-rốt Cả – người đã ra lệnh tàn sát các trẻ sơ sinh ở Bê-lem – là một nhánh xấu xa mọc lên từ gốc rễ xấu xa, người cai trị xứ Ga-li-lê; ban đầu, ông kết hôn với con gái của A-rê-pha, vua Ả Rập; ông đã sống với bà ấy một thời gian dài. Nhưng sau đó, bị mê hoặc bởi nhan sắc của Hê-rô-di-a, vợ của Phi-líp, anh trai mình, ông đã trở nên thân thiết với bà, vì bà đã chiều theo dục vọng của ông; theo yêu cầu của người đàn bà dâm đãng này, ông đã đuổi người vợ hợp pháp đầu tiên của mình và kết hôn với vợ của anh trai mình, trái với luật pháp; bởi vì ngay cả khi anh trai ông qua đời, ông cũng không thể lấy vợ của anh ấy, vì con gái của anh trai, sinh ra từ người vợ đó, vẫn còn sống; luật pháp quy định chỉ được lấy vợ của anh trai đã qua đời (góa phụ) khi

[5723] Lễ kỷ niệm Thánh Anna được cử hành vào ngày 3 tháng 2 cùng với lễ kỷ niệm Thánh Simeon, người đón Chúa.

anh trai đó không để lại con cái[5724] . Có tin đáng tin cậy cho biết rằng Hê-rốt đã cướp vợ của Phi-líp, anh trai mình, ngay cả khi anh ta còn sống; như vậy, ông đã phạm một tội ác lớn lao, như một kẻ cướp bóc, kẻ ngoại tình và kẻ loạn luân.

Thấy sự vi phạm luật pháp tày trời do Hê-rốt gây ra, vị người bảo vệ luật pháp của Đức Chúa Trời, người vạch trần tội lỗi loài người và rao giảng sự ăn năn – Thánh Giăng Báp-tít – đã không im lặng, mà trước mặt mọi người, ngài đã vạch trần Hê-rốt là kẻ ngoại tình và cướp bóc, kẻ đã cướp vợ của anh trai mình, và nói với ông ta:

– Ngươi không được lấy vợ của Phi-líp, anh trai ngươi.

Còn Hê-rốt, không chịu nổi lời vạch trần đó, đã ra lệnh giam Thánh Gioan vào ngục tối, xiềng xích ngài lại; đặc biệt, vợ của Hê-rốt là Hê-rô-di-a rất tức giận với vị thánh này và khao khát ngài phải chết, nhưng bà không thể giết ngài được, vì chính Hê-rốt đã bảo vệ người tù khỏi ý định sát hại của vợ mình. Hê-rốt coi Gioan là một người công chính và thánh thiện; trước đây, ông đã từng lắng nghe ông với lòng mến mộ và, nhờ tuân theo lời ông, đã làm được nhiều việc thiện; vì thế, Hê-rốt sợ phải kết án tử hình cho Gioan. Tuy nhiên, ông không sợ Thiên Chúa bằng việc sợ con người, như Thánh Mát-thêu đã ghi chép: *"Ông muốn giết ông ấy, nhưng lại sợ dân chúng, vì họ coi ông ấy là một vị tiên tri"* (Mt 14,5); Hê-rốt lo sợ dân chúng sẽ nổi dậy chống lại mình và gây ra cuộc nổi loạn; chính vì lý do này, ông ta không dám công khai kết án tử hình vị tiên tri và Đấng Rửa Tội của Chúa, người được mọi người yêu mến và kính trọng, mà chỉ giam cầm ông trong ngục tối, mong muốn bịt miệng người lên án mình không ngừng.

Thánh Gioan đã ở trong ngục tù một thời gian dài; các môn đệ của ngài tụ tập đến với ngài; Gioan thường dạy dỗ họ sống đạo đức, theo luật pháp của Đức Chúa Trời, và loan báo cho họ về Đấng Mê-si-a đã đến thế gian, Đấng mà ngài sai họ đi gặp, như đã được chép trong Phúc Âm: *"Còn Gioan, khi nghe tin về những việc Chúa Kitô làm trong ngục, đã sai hai môn đệ đến hỏi Người: 'Chính Ngài có phải là Đấng phải đến, hay chúng con còn phải chờ đợi một Đấng khác?'"* (Mt 11,2–3). Ông sai họ đi hỏi không phải vì chính ông không biết; vì làm sao ông lại không biết Đấng mà chính ông đã làm phép rửa, và trên Đấng ấy ông đã thấy Thánh Thần từ trời ngự xuống, về Đấng ấy ông đã nghe tiếng Cha làm chứng, và cuối cùng chính ông đã chỉ tay vào Đấng ấy mà nói:

– *"Đây là Chiên Con của Đức Chúa Trời"* (Giăng 1:36).

Giăng đã sai các môn đệ của mình đến hỏi Chúa, để các môn đệ của ông được tận mắt chứng kiến những phép lạ vinh hiển mà Chúa đã làm, và để họ hoàn toàn tin chắc rằng Ngài (Chúa Giê-su Christ) đã đến để cứu rỗi loài người.

Một thời gian sau, đến ngày mà Hê-rốt thường tổ chức lễ kỷ niệm sinh nhật của mình. Sau khi tập hợp tất cả các quan đại thần, các quan tổng trấn, các trưởng lão và các tứ vương[5725] của Ga-li-lê, Hê-rốt đã tổ chức một bữa tiệc lớn cho họ (Mác 6:21). Trong bữa tiệc đó, con gái của Herodias đã nhảy múa, và điệu múa của cô đã làm Hê-rốt cùng những người ngồi cùng bàn với ông rất hài lòng; theo lời xúi giục của người mẹ độc ác, cô đã xin Hê-rốt đầu của Thánh Gioan Tẩy Giả và được toại nguyện, vì Hê-rốt đã thề với cô rằng sẽ ban cho cô bất cứ điều gì cô xin, dù đó là nửa vương quốc của ông. Kẻ khốn nạn ấy không muốn phá vỡ lời thề của mình, không muốn làm phật lòng người mẹ đê tiện của cô vũ nữ, nhưng đã quên đi nỗi sợ hãi khiến ông ta cho đến lúc đó vẫn chưa dám giết Thánh Gioan, cũng quên đi cuộc đời thánh thiện của ngài, và như một kẻ say rượu, ông ta bốc đồng với ý định đổ máu

---

[5724] Tục lệ cổ xưa của người Do Thái, được kế thừa từ tổ tiên, được mô tả trong sách Đệ Nhị Luật như sau: *"Nếu các anh em sống chung với nhau và một trong số họ qua đời mà không có con trai, thì vợ của người đã khuất không được lấy người ngoài làm chồng, nhưng anh rể của cô ấy phải đến với cô ấy và lấy cô ấy làm vợ, rồi sống cùng cô ấy, – và đứa con đầu lòng mà nàng sinh ra sẽ mang tên người anh trai đã qua đời của mình, để tên của anh ta không bị mai một trong dân Y-sơ-ra-ên. Nếu anh ta không muốn cưới em dâu của mình, thì em dâu của anh ta sẽ đến cổng thành, gặp các trưởng lão, và nói: 'Anh rể tôi từ chối làm sống lại tên của anh trai mình trong dân Y-sơ-ra-ên, không muốn cưới tôi'; lúc đó, các trưởng lão thành phố của anh ta phải triệu tập anh ta và khuyên nhủ anh ta; nếu anh ta đứng lên và nói: "Tôi không muốn cưới cô ấy", thì con dâu của anh ta hãy đến trước mặt các trưởng lão, cởi đôi giày ra khỏi chân anh ta, nhổ nước bọt vào mặt anh ta, và nói: "Đây là cách đối xử với người không xây dựng gia đình cho anh em mình [trong dân Y-sơ-ra-ên]"; và người ta sẽ gọi tên anh ta trong dân Y-sơ-ra-ên là: 'ngôi nhà bị cởi giày'"* (Đệ Nhị Luật 25:5–10). Tập tục hôn nhân này, bắt nguồn từ thời trước thời tổ phụ Gia-cốp trong dân Do Thái, cũng tồn tại ở dân Mô-áp; nó cũng được biết đến ở các dân tộc phương Đông khác, chẳng hạn như người Ba Tư và các dân tộc khác. Nguồn gốc của phong tục này được giải thích theo nhiều cách khác nhau; nhưng rất có thể, lời giải thích cho nó nên được tìm kiếm trong khát vọng mãnh liệt của các dân tộc phương Đông muốn có con cái nhằm lưu truyền dòng dõi và tên tuổi của họ qua các thế hệ sau.

[5725] Các nhà cai trị các vùng.

người vô tội. Và ngay lập tức, ông sai đao phủ vào ngục tối, ra lệnh chém đầu Gioan và mang đầu ông đến trên một cái đĩa.

Như vậy, Tiền Hô của Đấng Kitô, vì đã vạch trần mối quan hệ bất chính giữa Hê-rốt và Hê-rô-đi-a, đã bị chém đầu trong ngục tối, vào lúc khuya muộn; bởi vì bữa tiệc ghê tởm đó được Thánh Tin Mừng Mác-cô gọi là bữa tối: *"Ông đã tổ chức tiệc* (như Thánh Tin Mừng nói) *cho các quan đại thần của mình"* (Mc 6,21); bữa tiệc này kéo dài đến tận sau nửa đêm, và khi mọi người đã say mèm vì rượu và đã được giải trí đủ lâu bằng điệu múa của cô gái vô liêm sỉ nói trên, thì lúc đó vụ giết người bất công ấy mới xảy ra. Và đầu của Thánh Gioan đã được mang đến trên một cái đĩa giữa bữa tiệc, lúc đó máu vẫn còn nhỏ giọt và (theo một số nguồn tin) cái đầu vẫn thốt ra những lời lên án như trước khi bị chặt, nói với Hê-rốt:

– Ngươi không nên lấy vợ của Phi-líp, anh trai ngươi.

Ôi, nỗi kinh hoàng lớn lao đã bao trùm tất cả những người đang nằm và đứng tại bữa tiệc ấy, khi mọi người nhìn thấy cái đầu người, như một món ăn, được mang trên đĩa, vẫn đang chảy máu, và hơn nữa, cái đầu ấy còn cử động môi và thốt ra những lời; và cô vũ nữ đã cầm lấy cái đầu ấy bằng đôi tay táo tợn của mình và mang về cho mẹ mình. Còn Herodias, sau khi nhận lấy, đã dùng kim đâm vào lưỡi, thứ đã vạch trần những tội ác của bà; sau khi cười nhạo đủ lâu, Herodias không cho phép chôn cất đầu của Gioan cùng với thi thể, vì bà sợ rằng Gioan sẽ sống lại nếu đầu của ngài được ghép lại với thân thể, và khi đó ngài sẽ lại bắt đầu vạch trần tội lỗi của bà và Hê-rốt. Cơ thể của Thánh Tiền Hô đã được các môn đệ của ngài lấy ra khỏi ngục tối ngay trong đêm đó và chôn cất tại Sebaste; còn đầu của Thánh Tiền Hô thì Herodias đã chôn xuống đất, ngay trong cung điện của bà, tại một nơi ô uế và bí mật. Về việc đầu của Thánh Giăng Tẩy Giả đã được lấy ra khỏi đó như thế nào, đã được ghi chép vào ngày 24 tháng Hai, ngày lễ Kỷ niệm việc Tìm thấy đầu thiêng liêng này.

Sau khi giết chết Thánh Gioan Tẩy Giả, vị Tiền Hô vinh quang của Chúa, tên Hê-rốt khốn nạn đã phạm thêm một tội ác khác, không kém phần tàn bạo; vì hắn đã chế nhạo Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta trong thời gian Ngài tự nguyện chịu khổ nạn vì chúng ta, như Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, đã thuật lại: *"Hê-rốt cùng các binh lính của mình đã sỉ nhục Ngài và chế nhạo Ngài, rồi mặc cho Ngài một bộ áo trắng và gửi Ngài trở lại cho Phi-lát"* (Lc 23:11).

Tuy nhiên, sự trừng phạt của Đức Chúa Trời đã không chậm trễ giáng xuống kẻ sát hại các tiên tri và kẻ nhạo báng Đấng Christ; bởi vì, một mặt, máu của Gioan đã kêu gào lên Đức Chúa Trời chống lại Hê-rốt, giống như xưa kia máu của A-bên đã kêu gào lên chống lại Ca-in (Sáng Thế Ký 4:1–16); mặt khác, những tội ác khác của Hê-rốt (đặc biệt là việc xúc phạm đến Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta) đã khiến ông phải hứng chịu sự trừng phạt công bằng của Đức Chúa Trời; và quả thực, không lâu sau đó, Hê-rốt đã mất vương quốc và mạng sống cùng với Hê-rô-đi-a và người múa. Vì A-rê-pha, vua Ả Rập, để trả thù cho sự sỉ nhục và xúc phạm đối với con gái mình, đã tập hợp quân lính và dẫn họ đi đánh Hê-rốt; cũng giống như vậy, Hê-rốt, sau khi tập hợp quân lính của mình, đã ra trận chống lại A-rê-pha. Một trận chiến khốc liệt đã diễn ra giữa hai phe; quân của Arefa đã đánh bại quân của Hê-rốt; Hê-rốt phải chịu thất bại nặng nề; hầu hết quân lính của ông đều bị tiêu diệt, còn bản thân ông chỉ thoát chết trong gang tấc. Sau đó, Hê-rốt bị hoàng đế La Mã tước bỏ quyền lực và tất cả của cải, rồi bị đày cùng với người phụ nữ ngoại tình và con gái của bà ta, ban đầu đến Lyon, một thành phố ở Gaul, sau đó lại bị chuyển từ đó đến Hilerda, một thành phố ở Tây Ban Nha, và tại đây ông đã kết thúc cuộc đời trong cảnh thiếu thốn và khốn khổ; nhưng trước khi qua đời, ông đã chứng kiến cái chết của cô vũ nữ, con gái mình, người đã qua đời như sau:

Một ngày nọ vào mùa đông, vì một nhu cầu nào đó, cô muốn băng qua con sông tên là Sicoris; khi đang đi, băng dưới chân cô vỡ ra và cô rơi xuống nước, chìm ngập đến cổ. Theo công lý của Đức Chúa Trời, băng đã siết chặt cổ cô, khiến thân thể cô lơ lửng trong nước, chỉ còn đầu nhô lên trên mặt băng; và cũng giống như ngày xưa cô từng nhảy múa bằng đôi chân trên mặt đất, lần này cô cũng không với tới mặt đất bằng chân, mà chỉ thực hiện những cử động bất lực trong nước như đang nhảy múa, trong khi dòng chảy xiết của con sông làm cô chao đảo; tuy nhiên, không ai có thể giúp đỡ cô; và cô ta, kẻ khốn nạn, vẫn treo lơ lửng trong nước ở tư thế đó cho đến khi lớp băng sắc nhọn cắt đứt cổ cô ta. Thi thể ghê tởm của cô ta, bị dòng nước cuốn xuống dưới lớp băng, không bao giờ được tìm thấy, còn đầu cô ta thì được mang đến cho Hê-rốt và Hê-rô-đi-a, giống như ngày xưa đầu của Thánh Gioan Tiền Hô, chỉ có điều lần này nó không bị chém bằng gươm, mà bằng băng. Đó là cách công lý của Đức Chúa Trời trừng phạt người vũ nữ, kẻ đã phạm tội chặt đầu thánh Gioan.

Sau đó, tên sát nhân vô pháp Hê-rốt cùng với Hê-rô-di-a ghê tởm đã chết "trong tiếng ồn ào"; vì người ta kể rằng họ đã bị đất nuốt chửng khi còn sống.

Còn Thánh Gioan, cả khi còn sống lẫn sau khi qua đời, vẫn là Tiền Hô của Chúa Kitô. Vì trước khi Chúa xuống địa ngục, ngài đã rao giảng Tin Mừng cho những người đang ở trong địa ngục về Thiên Chúa đã hiện thân trong xác phàm, và làm cho các tổ phụ thánh vui mừng; cùng với họ, ngài đã được đưa ra khỏi địa ngục, sau khi địa ngục bị hủy diệt nhờ sự Phục Sinh của Đức Kitô, và được ban cho nhiều vương miện trong Nước Trời, với tư cách là người giữ trinh, là ẩn sĩ, là thầy dạy và người rao giảng sự sám hối, là ngôn sứ, là Tiền Hô và Người Rửa Tội, cũng như là vị tử đạo. Nhờ những lời cầu nguyện của ngài, xin Chúa Kitô, Chúa và Thiên Chúa đầy lòng thương xót của chúng ta, Đấng mà vinh quang được dâng lên cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần mãi mãi, hãy dẫn dắt chúng ta trên con đường sám hối chân chính và ban cho chúng ta Nước Trời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 2:

Kỷ niệm vị thánh công chính với những lời ca ngợi: Lời chứng của Chúa đã tỏa sáng trên ngài, Tiền Hô, vì ngài đã tỏ ra là vị tiên tri chân chính và cao quý nhất, khi ngài được ban ơn để làm phép rửa trong dòng nước cho Đấng đã được loan báo. Vì thế, Ngài đã chịu khổ vì lẽ thật trong niềm vui, và đã rao giảng Tin Mừng về Đấng đã hiện ra trong xác thịt tại địa ngục, Đấng gánh lấy tội lỗi thế gian và ban cho chúng ta ân sủng vĩ đại.

Bài ca Kondak, giọng 5:

Sự chặt đầu vinh quang của Thánh Tiền Hô là một cảnh tượng thần thánh: và đó cũng là sự rao giảng về sự giáng lâm của Đấng Cứu Thế cho những ai đang ở trong địa ngục. Hãy để Herodias khóc than, vì đã cầu xin một vụ giết người phi pháp: bởi vì bà không yêu mến luật pháp của Thiên Chúa, cũng không yêu mến sự sống đời đời, mà chỉ yêu mến những điều giả dối và tạm bợ.

Lời giảng của Thánh Gioan Vàng Miệng nhân ngày lễ Cắt đầu Thánh Gioan Tiền Hô[5726] .

Ngày kỷ niệm 29 tháng 8

Lại một lần nữa, Herodias nổi cơn điên cuồng, lại một lần nữa bối rối, lại một lần nữa nhảy múa, và lại một lần nữa đòi Herod, kẻ vô pháp, chém đầu Thánh Gioan Tẩy Giả. Lại một lần nữa, Jezabel[5727] âm mưu cướp đoạt vườn nho của gia đình Naboth[5728] và âm mưu đuổi thánh Ê-li lên núi. Và không phải tất cả[5729] những ai đã nghe tiếng Phúc Âm đều sẽ cùng tôi kinh ngạc trước sự táo bạo của Gioan, sự thiếu khôn ngoan của Hê-rốt và cơn điên cuồng như thú dữ của những người phụ nữ vô thần. Vì chúng ta đã nghe thấy gì? *"Hê-rốt sai người bắt Gioan và giam ông vào ngục"* (Mc 6,17). Vì lý do gì? *"Vì Hê-rô-di-a, vợ của Phi-líp, anh trai ông*".

Ai có thể lên án đủ mức sự điên rồ của Hê-rốt, vốn bộc lộ do thói chiều chuộng vợ quá mức của ông ta? Hay ai có thể miêu tả sự táo tợn chưa từng có của những người phụ nữ độc ác? Tôi nghĩ rằng trên cõi đời này không có con thú nào có thể sánh được với người vợ độc ác (hiện tại tôi chỉ nói về người phụ nữ độc ác, chứ không phải

---

[5726] Trong bài giảng này, Thánh Gioan Kim Khẩu nghiêm khắc lên án những người được gọi là "phụ nữ xấu xa", tức là những phụ nữ đã sa vào mức độ tột cùng của sự ác và tội lỗi trong cuộc đời. Thánh Gioan Kim Khẩu đặc biệt phản đối kịch liệt những phụ nữ mà vì lỗi lầm của họ, những người công chính và đạo đức đã phải chịu khổ. Tuy nhiên, như chính Thánh Gioan Vàng Miệng cũng lưu ý (trong bài giảng này), ngoài những người phụ nữ "xấu xa", đồi bại, còn có những người phụ nữ đức hạnh; những người mà ta chỉ có thể ca ngợi (điều mà ngài đã làm ở phần cuối bài giảng). Như vậy, Thánh Gioan Vàng Miệng không phản đối bản chất nữ giới nói chung, mà phản đối những biểu hiện xấu xa trong cuộc sống của bản chất đó.

[5727] I-sa-bê – vợ của vua A-háp nước Y-sơ-ra-ên, nổi tiếng vì sự vô đạo đức tột độ và lối sống trụy lạc. Mù quáng tuân theo ảnh hưởng của bà, A-háp đã vượt qua tất cả các vị vua tiền nhiệm về mức độ vô đạo đức và sa vào sự thờ lạy thần tượng đáng hổ thẹn nhất. Ông đã xây dựng đền thờ Ba-anh tại Sa-ma-ri, trồng những khu rừng thiêng, và cho phép I-e-za-vel dựng các bàn thờ cho các vị thần của Ty-rơ và Si-đôn (3 Vua 16:31–33). I-e-za-vel nuôi dưỡng bốn trăm tiên tri giả, những người được bà chu cấp (3 Vua 18:19).

[5728] Naboth – một người Y-sơ-ra-ên đạo đức đến từ Yizreel; ông đã từ chối bán vườn nho của mình, vốn giáp với sân cung điện của vua, cho A-háp; vì điều này, theo xúi giục của I-ê-sa-bên, Na-vu-phê đã bị vu khống công khai về tội phỉ báng Đức Chúa Trời và phản bội, rồi bị ném đá đến chết (xem chi tiết hơn 3 Vua 21:1–29).

[5729] Người giảng đạo hướng lời đến thính giả (bài giảng được trình bày trong đền thờ).

người tốt bụng và trong sạch, vì tôi biết rằng có rất nhiều phụ nữ hiền lành và có đạo đức, cuộc đời đức hạnh của họ sẽ được nhắc đến sau này, để làm gương và là nguồn cảm hứng cho những người đức hạnh, nhằm giúp chúng ta yêu mến những điều tốt đẹp và chính trực). Không có con thú nào trên thế gian này giống như người phụ nữ độc ác. Trong số các loài bò sát, có gì nguy hiểm hơn con rắn? Tuy nhiên, cũng chẳng có gì, nhưng sư tử và rắn lại ít độc ác hơn người phụ nữ (xấu xa), như lời của vị vua khôn ngoan nhất là Sa-lô-môn đã xác nhận khi ngài nói: *"Thà sống ở vùng đất hoang vắng còn hơn sống với người vợ hay cãi vã và nóng nảy"* (Châm Ngôn 21:19; so sánh với Sách Sirach 25:18). Đừng ai nghĩ rằng vị tiên tri đã nói điều này với ý chế giễu (người phụ nữ): chính những sự kiện đã chứng minh điều đó một cách chính xác: những con sư tử trong hố đã e ngại trước Đa-ni-ên; còn người công chính Na-vu-phê thì bị I-sa-bê giết chết. Con cá voi đã giữ Giô-na an toàn trong bụng mình; còn Đa-li-đa, sau khi cạo đầu và trói Sam-sôn, đã giao nộp ông cho những kẻ ngoại bang. Rắn, rắn độc và rắn hổ mang đã khiếp sợ trước Gioan trong sa mạc; còn Hê-rô-di-a thì đã chặt đầu ông trong bữa tiệc. Quạ đã nuôi Ê-li trên núi; còn Iê-za-vel thì đã tìm cách giết ông sau khi ông đã làm ơn, khiến mưa rơi xuống. Đây là những gì bà ta đã nói với ông:

– Nếu ngươi là Ê-li, thì ta là Giê-sa-bên; xin các thần làm với ta (theo ý họ), và xin gia tăng sự trừng phạt cho ta, nếu vào giờ này ngày mai linh hồn ngươi chưa bị giết (xem 3 Vua 19:2).

Ê-li bèn sợ hãi, nên bỏ đi để cứu lấy mạng sống mình, ẩn náu trong sa mạc, đi suốt bốn mươi ngày, và bắt đầu tìm cách tự tử, nói rằng:

– Lạy Chúa, Đức Chúa Trời! Đủ rồi cho con (những đau khổ này): xin hãy lấy linh hồn con đi, vì con chẳng tốt hơn các tổ phụ của con chút nào!

Ôi, thật bi thảm! Tiên tri Ê-li đã sợ một người phụ nữ; người đã mang trong mình cơn mưa của vũ trụ xuống trên dân ngoại, người đã gọi lửa từ trời xuống, người đã làm cho người chết sống lại bằng lời cầu nguyện, lại sợ một người phụ nữ.

Đúng vậy, quả thực, ngài đã sợ hãi. Bởi vì không có sự độc ác nào có thể sánh được với sự độc ác của một người phụ nữ độc ác. Lời của tôi cũng được Sách Khôn Ngoan xác nhận, khi nói: *"Không có cái đầu nào độc hơn đầu con rắn"* (Sir. 25:17) và không có sự độc ác nào hơn sự độc ác của người phụ nữ!

Ôi, sự ác quỷ quyệt và vũ khí sắc bén nhất!

Từ thuở xa xưa trong vườn Địa Đàng, ma quỷ đã dùng người phụ nữ để làm tổn thương A-đam; bằng người phụ nữ, hắn đã xúi giục Đa-vít – người hiền lành nhất – phạm tội giết U-ri một cách gian trá; bằng người phụ nữ, hắn đã dụ dỗ vị vua khôn ngoan nhất là Sa-lô-môn phạm tội; bằng người phụ nữ, hắn đã làm mù mắt Sam-sôn, người dũng cảm nhất; vì lỗi lầm của người phụ nữ, hắn đã giết chết các con trai của thầy tế lễ Ê-li; vì lỗi lầm của người phụ nữ, hắn đã xiềng xích và giam cầm Giô-sép, người cao quý nhất, vào ngục tối; vì lỗi lầm của người phụ nữ, hắn đã nộp Gio-an – ngọn đèn soi sáng cả thế gian – để bị chặt đầu.

Phải, tôi đang nói gì về con người (nói chung)? Vì lỗi của người phụ nữ, ma quỷ đã lôi kéo cả các thánh nhân xa rời đức hạnh; hắn (ma quỷ) dùng người phụ nữ để chém giết tất cả, giết chết tất cả, làm ô uế tất cả, hạ nhục tất cả; vì người phụ nữ vô liêm sỉ không tha thứ cho ai, không tôn kính các linh mục, không ngần ngại trước người Lê-vi, không e dè trước các tiên tri. Ôi cái ác, cái ác tột cùng hơn mọi cái ác, người phụ nữ độc ác! Nếu nàng nghèo, nàng giàu lên nhờ sự độc ác; còn nếu nàng có của cải, thứ góp phần vào sự xảo trá của nàng, thì điều đó lại càng tai hại gấp bội. Người phụ nữ là loài thú thiếu kiên nhẫn, là căn bệnh không thể chữa lành, là con thú không thể khuất phục. Ta đã thấy cả những con rắn độc không thể khuất phục cũng bị thuần hóa, cả sư tử, kỳ lân và gấu cũng bị thuần hóa; còn người phụ nữ độc ác, khi bị vạch trần thì nổi giận, khi được khuyên nhủ bằng lời dịu dàng thì lại kiêu ngạo. Nếu chồng nàng nắm giữ quyền lực, thì ngày đêm nàng sẽ dụ dỗ anh ta bằng lời nói, xúi giục anh ta làm điều ác, giống như Herodias đã làm với Herod; còn nếu chồng nàng nghèo khó, thì nàng lại xúi giục anh ta nổi giận và cãi vã. Nếu nàng là góa phụ, thì chính nàng làm ô danh tất cả mọi người; vì nàng không kiềm chế lưỡi mình bằng sự kính sợ Chúa, không nhìn đến sự phán xét trong tương lai, không đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, không tuân giữ các luật lệ của tình yêu thương. Đối với người phụ nữ độc ác, việc giết chết chồng mình chẳng có gì là khó khăn. Vì vợ của Giốp, người công chính, đã khuyên ông tự tử bằng cách phỉ báng (Đức Chúa Trời), nói rằng:

– Hãy nói một lời nào đó với Chúa, rồi chết đi (Giốp 2:9).

Ôi, tính cách xảo trá! Ôi, ý định bất chính! Vợ của Giốp đã không tỏ lòng thương xót khi nhìn thấy chồng mình đang đau đớn tột cùng vì căn bệnh nặng nề, giống như than hồng bắn ra tia lửa, – khi nhìn thấy toàn thân ông phủ đầy vết loét và bị sâu bọ gặm nhấm; cô không hề động lòng thương xót khi thấy ông co quắp, đau đớn tột cùng và khốn khổ vô cùng, thở gấp gáp qua đôi môi mở rộng vì đau đớn. Lòng cô không hề mềm lại khi thấy người từng

mặc áo choàng hoàng gia, giờ đây lại nằm trên đống mủ thối, thân thể trần truồng. Bà không nhớ lại mối quan hệ vợ chồng dịu dàng như xưa, cũng không nhớ rằng trước đây bà đã nhận được bao nhiêu vinh quang và ân huệ từ ông. Nhưng bà lại nói:

– Hãy thốt lên một lời nào đó với Chúa, rồi hãy chết đi.

Ôi lòng nhân ái của người phụ nữ! Ôi phương thuốc chữa lành nỗi đau! Ôi sự hợp pháp hóa tình yêu vợ chồng! Chẳng lẽ anh ta (tức là chồng) đã từng nói với nàng, khi nàng đang ốm đau, những lời như thế sao? Chẳng phải chính bằng những lời cầu nguyện và những việc làm tốt lành của mình mà anh ta đã chữa lành bệnh tật cho nàng sao? Chẳng lẽ hình phạt tạm thời này đối với anh ta vẫn chưa đủ sao, mà em lại cầu xin cho anh ta phải chịu cực hình vĩnh viễn vì tội phỉ báng (Chúa)? Hay em không biết rằng mọi tội lỗi đều sẽ được tha thứ cho con người, còn tội phỉ báng – tội chống lại Thánh Thần – sẽ không được tha thứ cho họ, dù trong đời này hay đời sau? (Mt 12:31)

Ngươi muốn thấy một người phụ nữ khác, giống như nàng này về sự xảo trá? Hãy nhìn Dalida, người đã trói Samson mạnh mẽ và giao nộp anh ta cho kẻ ngoại bang (Các Quan Xét 16:6); nàng đã giao nộp cho kẻ ngoại bang người chồng mà nàng yêu thương, âu yếm, và từng nói rằng nàng yêu anh ta hơn cả chính mình. Người mà hôm qua nàng còn yêu thương, hôm nay lại quyến rũ; người mà hôm qua nàng còn sưởi ấm bằng nụ hôn, hôm nay, trong lúc quyến rũ, lại đẩy vào cái chết. Chẳng phải anh ta rất đẹp trai sao? Ai đẹp trai hơn anh ta lúc đó, khi anh ta để bảy bím tóc trên đầu (Các Quan Xét 16:13–14), thể hiện hình ảnh của ân sủng rực rỡ bảy sắc? Chẳng phải anh ta rất dũng cảm sao? Nhưng ai dũng cảm hơn anh ta lúc đó, khi một mình anh ta đánh bại con sư tử đáng sợ trên đường đi và chỉ bằng một chiếc hàm lừa đã giết chết một ngàn kẻ ngoại bang? Nhưng, có lẽ anh ta không có đức hạnh? Không, anh ta có đức hạnh đến mức, khi một lần cảm thấy khát, anh ta đã cầu nguyện xin nước (xin Đức Chúa Trời ban nước cho anh ta), và từ chiếc hàm lừa chết mà anh ta đang cầm trên tay, nước đã chảy ra, giúp anh ta giải khát. Và người đàn ông tuyệt vời, dũng cảm, đức hạnh như vậy, lại bị chính vợ mình trói lại như kẻ thù và giao nộp cho kẻ địch. Nhưng làm sao một người phụ nữ lại có thể đánh bại một người mạnh mẽ như vậy? Chính nhờ lòng nhân từ vốn có ở nam giới: bởi vì, sau khi đã làm lộ bí mật sức mạnh của anh ta vào ban đêm, nàng đã trói anh ta trần truồng bằng sợi dây thừng chắc chắn. Vì vậy, sự khôn ngoan (Thiên Chúa) ra lệnh cho ngươi: *"Hãy canh giữ cửa miệng ngươi trước người nằm trong lòng ngươi"* (Mi-chê 7:5).

Hãy nói cho ta biết, loài thú nào có thể nảy sinh ý định như vậy đối với đồng loại cùng giới tính? Con rắn nào lại có ý định hủy diệt bạn đời của mình? Con sư tử cái nào lại giao nộp con sư tử đực của mình để bị giết thịt? Ngươi thấy chăng, Sách Khôn ngoan đã phán rất đúng khi nói rằng *"không có cái đầu nào độc hại hơn đầu con rắn"* (Sir. 25:17), và không có sự độc ác nào hơn sự độc ác của người phụ nữ!

Tôi sẽ nói thẳng: ai có người vợ độc ác, hãy biết rằng anh ta đang gánh chịu sự trừng phạt cho những tội lỗi của mình. Để lời này không phải là vô căn cứ, hãy lắng nghe Sự Khôn Ngoan phán rằng người vợ độc ác được gửi đến cho người chồng phạm tội vì những việc xấu xa của anh ta (Sir. 25:22–29).

Cho đến nay chúng ta đã nói về người phụ nữ độc ác, và ở đây chúng ta sẽ kết thúc bài nói này. Giờ đây, chúng ta nên nhắc đến cả những người phụ nữ tốt bụng, đặc biệt là vì những người đang có mặt ở đây.

Tại sao những người phụ nữ này lại được gọi là người tốt? Bởi vì khi họ thấy những đức tính đẹp đẽ, đẹp lòng Chúa, do người khác thực hành, họ vui mừng vì những điều đó như thể là của chính mình, và coi những công lao của người khác như phần thưởng cho đức hạnh của mình.

Người phụ nữ Sô-ma-ni là một người có đức hạnh và lòng nhân ái; bà đã xin phép chồng và sắp xếp nơi ở cho Ê-li-sê, để ngài có thể nghỉ ngơi tại nhà bà (2 Vua 4:9–10; so sánh với Lu-ca 4:25–26); bà đã chuẩn bị giường ngủ, đèn và bữa ăn cho ngài; giường không thiếu chăn đắp, mà được trang bị những vật dụng xứng đáng với một nhà tiên tri; đèn không thiếu ánh sáng, mà có dầu đang cháy và tỏa sáng; bàn ăn không thiếu bánh mì, mà đầy ắp thức ăn.

Tương tự như vậy, ai dám nói điều xấu về người góa phụ nghèo khó đã tiếp đón tiên tri Ê-li? Bà không có nhiều tiền bạc, nhưng đã thể hiện sự hào phóng dồi dào. Bà không có lúa mì, không có rượu nho, cũng không có bất kỳ thứ gì khác trong số những của cải trần gian; bà không có cánh đồng gieo lúa mì để mang lại cho bà những hạt ngũ cốc; vườn nho không sinh ra những chùm nho ngọt ngào cho bà; các loại cây trồng cũng không sinh ra những loại rau củ ngọt ngào cho bà. Vậy thì làm sao bà có thể tiếp đón và nuôi dưỡng vị tiên tri được? Mặc dù bà thậm chí không có lấy một tấc đất để canh tác, cũng không có vườn nho nào rộng bằng một khuỷu tay (tức là về diện tích hoặc thể tích), nhưng mỗi khi đến mùa gặt, bà lại đi dọc theo ranh giới ruộng, cúi xuống đất nhặt những

bông lúa rơi ra từ lưỡi liềm của những người gặt; nhờ đó, mỗi năm bà đều tích trữ đủ lượng thức ăn cần thiết cho mình. Chính người góa phụ này đã được Ê-li đến thăm trong thời kỳ đói kém, khi cả đất nước khô cằn vì hạn hán, khi bầu trời nứt nẻ, không khí nóng rực, mây mù đóng kín; khi không còn hạt lúa nào, không còn bông hoa nào, không còn chồi non nào, cũng không còn hơi thở của làn gió ẩm ướt tưới mát và giúp những bông lúa non vươn lên; khi các con sông cạn khô, các suối nguồn nuôi dưỡng sông ngòi đã biến mất vì nắng nóng, còn biển trở nên vô cùng mặn chát, bởi nước ngọt không còn chảy vào đó do mưa và dòng chảy đã cạn kiệt. Chính lúc đó, Ê-li đã đến với người góa phụ nghèo khó. Nhưng các bạn cũng biết, người góa phụ phải chịu khổ ngay cả trong mùa màng bội thu. Tuy nhiên, vị tiên tri đã bỏ qua những người giàu có, những người có dự trữ lúa dồi dào, và sau khi xuống núi, ngài đã đến với người góa phụ này. Nhưng tại sao Ê-li, người đã dùng lời nói của mình để gọi lửa từ trời xuống, lại không gọi lúa xuống cho chính mình? Có lẽ vì ngài không thể? Không, ngài có thể, nhưng ngài đã không làm như vậy. Vậy tại sao? Để không tước đi thành quả của lòng bác ái nơi người góa phụ, và để ban phước làm đầy thêm chiếc bình đựng bột cùng lượng dầu ít ỏi. Bởi vì vị tiên tri đến không phải chủ yếu để no bụng, mà là để nuôi dưỡng người nghèo khó và làm nổi bật đức tính tốt đẹp cùng lòng nhân ái ẩn giấu trong lòng bà. Đó là cách Đức Chúa Trời hành động: bởi vì, dù có thể nuôi dưỡng tất cả các tôi tớ của Ngài đang ở cùng Ngài trên thế gian, Ngài vẫn đòi hỏi sự bố thí, để bộc lộ những trái tim nhân ái qua những việc làm bác ái của họ. Và khi không còn ai có thể nuôi dưỡng họ (các tôi tớ của Ngài) nữa, thì Ngài nuôi dưỡng họ hoặc bằng chim chóc, như Ê-li trên núi, hoặc bằng các tiên tri ngoại quốc, như Đa-ni-ên trong hố, hoặc bằng thú biển, như Giô-na được cá voi nuốt chửng, hoặc chính Ngài tự mình sai thức ăn xuống, như đã làm cho tổ tiên chúng ta trong sa mạc; vì khi họ chẳng có gì để lấy (làm thức ăn), thì Ngài đã ban manna từ trời xuống và làm nước chảy ra từ tảng đá. Nhưng khi các thánh của Ngài sống hòa thuận với những người khác, thì Đức Chúa Trời giữ lại bàn tay phải của Ngài, dù Ngài thấy họ đang đau khổ; Ngài để họ lại, để ban ân sủng cho những ai muốn làm việc thiện với họ; vì nhờ đó, nhiều người có thể được cứu rỗi.

Vậy, Ê-li đã đến gặp người góa phụ, người không có gì ngoài một nắm bột, chỉ đủ cho một bữa ăn cho bà và các con bà. Vậy, vị tiên tri đã nói gì với bà?

– Hãy mang cho ta một ít nước trong bình, để ta uống.

Khi bà đi lấy nước, ông nói theo sau bà:

– Hãy mang cho ta thêm ít bánh nướng trong tay của bà nữa.

Bà đã nói về những gì mình không có, nhưng những gì mình có thì bà không giấu diếm, mà đã nói rõ:

– Chúa hằng sống! Làm sao tôi lại có bánh mì giấu ở đâu đó được chứ? Tôi chẳng có gì ngoài một nắm bột và một ít dầu trong bình.

Điều đáng ngưỡng mộ là dù trong hoàn cảnh thiếu thốn như vậy, cô vẫn không giấu đi phần thức ăn ít ỏi còn lại. Ngày nay có biết bao người, dù sở hữu nhiều vàng bạc, lại không chia sẻ với bạn bè khi họ xin? Ngay cả khi được xin với tình cảm, họ vẫn nói rằng mình chẳng có gì, không muốn cho; nhưng nếu sau những lời nài nỉ kéo dài, họ đồng ý cho ai đó mượn, thì họ lại đòi người nhận phải ký giấy nhận nợ, chắc chắn hơn cả sắt, buộc tay người nhận phải ký tên trước mặt các nhân chứng và người bảo lãnh. Nhưng người góa phụ ấy, chỉ với một lời nói, đã không từ chối cho đi một nắm bột.

Vậy thì vị tiên tri đã nói gì với bà?

– Hãy mau chóng chuẩn bị bánh không men, trước hết là cho ta, sau đó là cho bà và các con của bà.

Lời tiên tri ấy là một thử thách – là thử thách của trái tim, là thử thách của lòng nhân ái. Trái tim của người góa phụ hạnh phúc ấy dường như bị kẹp chặt trong kìm, bối rối không biết nên chọn điều gì: tình yêu dành cho các con, hay lòng nhân ái dành cho vị tiên tri? Và người góa phụ đã chọn cách hy sinh bản thân và các con mình, để tiếp đón vị tiên tri, vì bà biết rằng *"ai tiếp đón vị tiên tri nhân danh vị tiên tri, sẽ nhận được phần thưởng của vị tiên tri"* (Mt 10,41); và ai cho uống một chén nước lạnh nhân danh môn đệ, sẽ không mất phần thưởng của mình (Mt 10,42).

Nhưng tại sao vị tiên tri lại nói: "Hãy mau lên!" Chẳng lẽ ngài đói đến mức cần sự tận tâm đặc biệt của người góa phụ sao? Không, tuyệt đối không phải vậy, nhưng Ngài đã ám chỉ một cách huyền bí rằng việc làm thiện phải được thực hiện với sự nhiệt thành và niềm vui, chứ không phải với nỗi buồn và sự u sầu: *"vì Đức Chúa Trời yêu mến người cho với lòng vui vẻ"* (2 Cô-rinh-tô 9:7).

– Hãy nhanh lên và chuẩn bị, trước hết là cho ta, sau đó là cho chính ngươi và các con ngươi.

"Hãy mau lên," – giống như Áp-ra-ham, khi các Thiên sứ đến với ông, đã vội vã đến chỗ bò và giết một con bê để đón nhận Chiên Con (Sáng Thế Ký 18:6); cũng giống như Sa-ra đã vội vã đến chỗ bánh không men để nhận lấy bánh được giấu trong thiên đàng.

Hãy vội vàng và làm như Áp-ra-ham đã dâng của lễ cho Đức Chúa Trời; đừng làm theo kiểu "trước là cho ngươi, sau mới đến ta", như những gì Ca-in, Ô-phni và Phi-nê-a – các con trai của thầy tế lễ Ê-li – đã làm, những người đã coi thường Đức Chúa Trời khi tự ý lấy phần đầu của các của lễ dâng lên Ngài cho riêng mình.

Người góa phụ đã tuân theo lệnh của nhà tiên tri với lòng nhiệt thành.

Còn vị tiên tri, sau khi nhận lấy bánh – dù ít ỏi nhưng được dâng lên với lòng thành kính sâu sắc – đã nếm thử và ban phước lành tràn đầy cho ngôi nhà của bà, vì ngài đã phán:

– Một nắm bột trong thùng nước và dầu trong bình sẽ không bao giờ cạn, cho đến khi Đức Chúa Trời ban mưa xuống đất.

Nhưng tại sao – cho đến lúc đó (khi mưa được ban xuống)?

Để một cách huyền bí cho thấy rằng luật pháp cũ sẽ chấm dứt khi ân sủng mới xuất hiện, như mưa từ trời.

Và quả thực, mọi việc đã diễn ra đúng như lời tiên tri đã nói.

Các chị em có thấy những người phụ nữ tốt lành đã gặt hái được thành quả của lòng bác ái không? Bởi vì những việc làm tốt lành sẽ sinh ra những thành quả tốt lành và gốc rễ của sự trong sạch không bao giờ hư nát.

Các chị em, các chị đã nghe về những việc làm xấu xa của những người phụ nữ xấu và về đức hạnh của những người phụ nữ tốt; hãy yêu mến những người này, còn những người kia thì hãy tránh xa; hãy noi gương những người này, còn những người kia thì hãy tránh xa, để khi đi theo con đường của những người phụ nữ tốt, các chị sẽ được kể vào hàng ngũ các thánh, nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Đấng xứng đáng nhận vinh quang và quyền năng muôn đời. A-men.

Ngày 12 tháng 9

Ngày 30 tháng 8 (theo lịch cũ)

Cũng vào ngày này, năm 1652, di cốt của Thánh Công tước Đan-ni-ên Aleksandrovich, người Moscow, được tìm thấy. Di cốt của ngài được an nghỉ tại Tu viện Đan-ni-ên ở Moscow (ngày tưởng niệm sự ra đi của Thánh Công tước Đan-ni-ên được cử hành vào ngày 4 tháng 3).

Các Thánh Alexander, John và Paul, các Thượng phụ Constantinople

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 8

Thánh Alexander từng là giám mục (chorepiscopus[5730]) dưới thời Đức Thánh Mitrophan, vị tổng giám mục đầu tiên của Constantinople[5731] ; vị Alexander này được ban cho mọi đức tính cao quý. Khi Công đồng Đại kết lần thứ nhất được triệu tập tại Nicêa, Thánh Alexander đã được cử đến công đồng với tư cách là một người nhiệt thành bảo vệ đức tin, bởi vì Thượng phụ Mitrophan không thể tham dự công đồng do tuổi cao và cũng vì những bệnh tật về thể xác. Thay mặt Thượng phụ tại Công đồng này (tức là với tư cách là đại diện và người thay thế của ngài), Alexander đã nhiệt thành bảo vệ đức tin Chính thống giáo chống lại Arius, kẻ tà giáo. Khi các phiên họp của công đồng kết thúc, và Alexander đang trên đường trở về Constantinople, Thiên thần của Chúa đã hiện ra với Đức Thánh Mitrophan: Thiên thần này báo cho Mitrophan biết rằng giờ lâm chung của ngài đã gần kề và ra lệnh bổ nhiệm Alexander làm tổng giám mục kế nhiệm ngài. Thiên thần nói với Mitrophan:

– Mười ngày nữa, ngài sẽ nhận vương miện từ Thiên Chúa; còn ngai tòa Thượng phụ, hãy để đồng sự của ngài là Alexander kế vị sau ngài.

[5730] Horepiskop – giám mục nông thôn – là giám mục của các làng mạc lân cận thành phố.

[5731] Mitrophan giữ chức tổng giám mục từ năm 315 đến năm 325.

Hoàng đế Constantine, một người sùng đạo, cùng với nhiều vị linh mục đã đến thăm Đức Thượng phụ Mitrofan, người lúc đó đang nằm trên giường bệnh. Khi Constantine hỏi ngài rằng ngài sẽ ban phước cho ai kế vị ngai tòa Thượng phụ sau khi ngài qua đời, thì Thánh Mitrofan đã trả lời như sau:

– Chúa đã mặc khải cho tôi rằng, sau khi tôi qua đời, ngai tòa sẽ được người đồng sự của tôi là Alexander kế vị, người thực sự xứng đáng được chọn và nhận ân sủng của Thánh Thần.

Và điều đó đã xảy ra đúng như vậy.

Sau khi Đức Thượng phụ Mitrofan an nghỉ trong Chúa, Alexander được tấn phong làm Thượng phụ Constantinopolis, người đã tận tụy chăn dắt đoàn chiên Lời Chúa[5732] , xua đuổi những con sói, – những kẻ dị giáo và người Hy Lạp, bởi vì (Alexander) không chỉ phải đối đầu với những người Arian, mà còn phải tiến hành một cuộc đấu tranh vĩ đại với các triết gia Hy Lạp.

Vậy nên, một lần nọ, một số nhà triết học Hy Lạp đã dám đến gặp hoàng đế để tố cáo rằng ngài, sau khi từ bỏ đức tin cổ xưa của các tổ phụ cũng như các luật lệ La Mã và Hy Lạp, đã chấp nhận một đức tin mới và các luật lệ mới, điều này, theo lời các nhà triết học này, không phải là củng cố, mà là phá hủy vương quốc. Các nhà triết học xin nhà vua cho phép họ tranh luận về đức tin với Giám mục Alexander. Nhà vua đã cho phép cuộc tranh luận này. Thánh Alexander, mặc dù không được đào tạo về triết học Hy Lạp, nhưng được tràn đầy Thánh Thần, đã không từ chối cuộc tranh luận.

Khi các nhà triết học tụ tập với số lượng đông đảo và bày tỏ mong muốn cùng lúc tham gia tranh luận với vị giám mục Kitô giáo, thì vị thánh đã đề nghị họ chọn ra từ trong số họ một nhà triết học khôn ngoan và hùng biện nhất, và giao cho người đó dẫn dắt cuộc tranh luận; còn các nhà triết học còn lại có thể lắng nghe cuộc tranh luận.

– Không thể nào, – Thánh Alexander lý luận, – chỉ một người thôi thì làm sao có thể thuyết phục được tất cả các vị, những người đang la hét và hô hào như vậy.

Các nhà triết học đã chọn ra một người trong số họ, người mà họ coi là khôn ngoan nhất, và giới thiệu người đó với vị thánh, còn bản thân họ thì chuẩn bị lắng nghe một cách chăm chú. Bắt đầu cuộc tranh luận, Đức Thượng phụ Alexander thánh thiện nói với nhà triết học đó:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô của tôi, tôi ra lệnh cho ngươi im lặng!

Và ngay lập tức, nhà triết học đó mất khả năng nói và trở nên câm lặng, đến nỗi không thể thốt ra một lời nào.

Lúc đó, toàn thể hội đồng các nhà triết học đều kinh hãi và xấu hổ, đến nỗi một số người trong số họ bỏ chạy trong nhục nhã, còn những người khác thì tin nhận Chúa Kitô. Còn nhà triết học đã mất khả năng nói thì dùng cử chỉ để bày tỏ rằng ông thừa nhận cả sự lầm lạc của mình lẫn sự đúng đắn của đức tin Kitô giáo; sau đó, ông quỳ xuống dưới chân vị thánh; và ngay lập tức lưỡi ông được giải thoát khỏi sự câm lặng: ông bắt đầu công khai ngợi khen Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, sau đó được rửa tội cùng với những người bạn khác của mình.

Nhân dịp này, nhà vua và tất cả các tín hữu đều vui mừng, và cùng nhau ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban cho vị thánh nhân của Ngài một quyền năng kỳ diệu như vậy.

Thánh Alexander này sau đó đã dùng lời cầu nguyện của mình để đánh bại tên tà giáo Arius.

Kẻ dị giáo Arius, vài năm sau Công đồng Đại kết lần thứ nhất, đã được triệu tập đến Constantinopolis; tại đây, bằng sự xảo trá của mình, hắn đã lừa dối vị vua đạo đức Constantine như sau. Constantine hỏi hắn: liệu hắn có tin theo đúng như những gì các vị thánh phụ đã truyền dạy tại Công đồng Nicaea hay không? Còn Arius, tay ôm chặt tờ giấy ghi chép tà thuyết của mình trước ngực, đã đập tay vào ngực và nói:

– Tôi tin như vậy!

Như vậy, tên dị giáo này, bề ngoài dường như đồng ý với tín điều đã được xác nhận tại Nicaea, nhưng trong lòng hắn lại nghĩ rằng mình tin theo những gì chính tay hắn đã viết, và bản ghi chép đó đang nằm ngay trên ngực hắn. Hắn còn thề trước mặt hoàng đế rằng "tôi tin như vậy".

Không nghi ngờ gì về sự gian xảo đó, nhà vua đã tin lời Arius và gửi ông ta đến Đức Thượng phụ Alexander, ra lệnh cho ngài tiếp nhận Arius vào cộng đồng Giáo hội với tư cách là một tín hữu chính thống; đồng thời, ngày Chủ nhật cũng đã được ấn định, vào ngày đó Arius sẽ được đưa vào nhà thờ để tham dự Thánh lễ cùng các tín hữu.

Tuy nhiên, Thánh Alexander đã từ chối tiếp nhận Arius vào cộng đoàn, vì ông là người sáng lập tà giáo.

[5732] Alexander giữ chức Thượng phụ từ năm 325 đến năm 340.

Trong khi đó, ngày thứ Bảy trôi qua và ngày Chủ Nhật đến. Vào đêm trước ngày Chủ Nhật, vị Giám mục của Chúa đã quỳ xuống cầu nguyện trong bàn thờ trước ngai thánh. Với nước mắt, ngài khẩn cầu Thiên Chúa hãy rước linh hồn ngài ra khỏi thân xác, miễn là ngài không phải chứng kiến ngày mà Arius tham dự Thánh lễ và rước Mình Thánh Chúa; hoặc, vì lòng thương xót đối với Hội Thánh của Ngài, xin tiêu diệt Arius khỏi cõi đời.

Thánh Alexander đã cầu nguyện như vậy suốt cả đêm; sáng sớm đã đến và giờ cử hành Thánh lễ đang đến gần. Từ các cung điện hoàng gia, Arius bước ra với vẻ kiêu ngạo tột độ, hướng về nhà thờ; ông được bao quanh bởi các quan chức hoàng gia ủng hộ tà thuyết của ông, cùng với một đoàn vệ sĩ đông đảo.

Khi Arius đến nơi được gọi là "Chợ Constantine" (tại đây có một cột đá cẩm thạch với bức tượng của hoàng đế trên đó), ông bỗng chìm trong nỗi sợ hãi tột độ do lương tâm cắn rứt; vì nỗi sợ hãi đó, Arius cảm thấy cần phải giải quyết nhu cầu sinh lý, và bắt đầu tìm kiếm một nơi kín đáo nào đó. Không xa đó có một nơi công cộng; khi bước vào đó, Arius bất ngờ bị một cơn đau dữ dội ở nội tạng hành hạ, và bụng của kẻ vô đạo ấy bị rách toạc, giống như trường hợp của Giu-đa (Ma-thi-ơ 27:1), đến nỗi tất cả nội tạng đều trào ra ngoài.

Kẻ dị giáo đã chết một cách khủng khiếp như vậy.

Những người đứng gần đó và đang chờ Arius ra ngoài, thấy anh ta lâu không ra, liền tự mình vào trong và phát hiện anh ta đã chết, nằm trong mủ và máu. Ngay lập tức, tin tức về cái chết kinh hoàng và bất ngờ của kẻ dị giáo Arius lan truyền khắp thành phố; những kẻ dị giáo cảm thấy xấu hổ, còn những người Chính Thống thì vô cùng vui mừng vì Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật, đã trừng phạt kẻ thù và kẻ phỉ báng Ngài; đặc biệt, Đức Thượng Phụ Alexander thánh thiện nhất đã dâng lời tạ ơn lên Chúa Kitô, Thiên Chúa, vì Ngài đã tỏ lòng thương xót đối với Giáo Hội của Ngài và cứu Giáo Hội khỏi con sói hung ác đó.

Vị hoàng đế đạo đức Constantine Đại Đế, khi biết tin về cái chết của Arius, đã càng thêm vững vàng trong đức tin thánh thiện và cho đến tận lúc lâm chung, ngài vẫn bảo vệ các tín điều của Công đồng Nicaea.

Lời cầu nguyện công chính của vị Tổng Giám mục vĩ đại của Đức Chúa Trời, Alexander, đã có sức mạnh như vậy trước mặt Đức Chúa Trời. Giống như một vũ khí sắc bén, lời cầu nguyện ấy đã tiêu diệt kẻ thù của Thiên Chúa và mang lại chiến thắng cho Giáo Hội Chính Thống; về điều này, sau này Thánh Grêgôriô Thần Học[5733] đã đề cập trong bài giảng của ngài dành cho người dân Constantinopolis, khi ngài bày tỏ sự tán thành và ca ngợi Alexander, nói như sau:

– Thật vậy, tôi nói với các bạn: các bạn là môn đệ của Alexander vinh quang, người bảo vệ và rao giảng nhiệt thành về Chúa Ba Ngôi, Đấng đã vũ trang bằng cả lời nói lẫn hành động để chống lại sự lầm lạc dị giáo. Các ngươi còn nhớ lời cầu nguyện ngang hàng với các Tông đồ của ngài, nhờ đó ngài đã tiêu diệt ngay tại chỗ thủ lĩnh và người đứng đầu bọn dị giáo – kẻ xứng đáng với số phận tồi tệ nhất – để trả lại sự nhục nhã bằng sự nhục nhã, và để cái chết ô nhục, được ban xuống xứng đáng với tội lỗi, vĩnh viễn vạch trần cái ác chết chóc của dị giáo, thứ đã hủy diệt biết bao linh hồn.

Lời này được Thánh Grêgôriô nói ra để ca ngợi Thánh Alexandre và để làm nhục tên vô đạo Arius; chính vì thế, ngài đã nhắc đến cái chết của Arius, xảy ra tại một nơi ô nhục, nhờ những lời cầu nguyện của Alexandre; bởi vì, cũng như Arius đã xúc phạm Con Thiên Chúa, phỉ báng Thần Tính của Ngài – vốn đồng đẳng và đồng bản thể với Thiên Chúa Cha – thì chính hắn cũng phải chịu một cái chết nhục nhã; như vậy, sự xúc phạm đã bị trả thù bằng chính sự xúc phạm.

Thánh Alexander đã chăn dắt Giáo Hội của Đấng Christ trong một thời gian dài, cho đến khi ngài bước vào tuổi già. Khi ngài sắp qua đời, các con chiên tinh thần của ngài đã vây quanh giường của vị mục tử và hỏi ngài:

– Cha ơi, cha sẽ để lại chúng con, những đứa con của cha, cho ai? Cha sẽ chỉ định ai thay cha làm mục tử của chúng con; ai có thể đi theo bước chân của cha để vững vàng lãnh đạo Giáo hội?

Alexander, chỉ tay vào hai người đàn ông chính trực – đó là Phaolô, linh mục, và Macedonia, phó tế – đã trả lời:

– Nếu các con muốn có một vị mục tử khôn ngoan và tràn đầy đức hạnh, thì hãy chọn Phaolô; còn nếu các con chỉ muốn có một vị mục tử bề ngoài đẹp đẽ, rạng ngời vẻ đẹp bên ngoài, thì hãy chọn Macedonia.

[5733] Thánh Grêgôriô Thần học (Nazianzen) chỉ giữ chức Tổng Giám mục Constantinopolis trong thời gian ngắn (dưới một năm); ngài nổi tiếng với những tác phẩm cao siêu, nhờ đó mà được gọi là "Thần học". Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 25 tháng 1.

Nói xong những lời ấy, Đức Thượng phụ Alexander đã về với Chúa, thọ chín mươi tám tuổi kể từ khi sinh ra. Sau ngài, ngai tòa được kế vị bởi Thánh Phaolô, vị Thượng phụ đầu tiên của Constantinopolis mang tên "[5734] " (ngày kỷ niệm của ngài là ngày 6 tháng 11).

Thánh Gioan, được gọi là Cappadocian vì ngài xuất thân từ Cappadocia, đã kế vị ngai tòa Thượng phụ Constantinopolis sau Thượng phụ Timôthê[5735] – người không chính thống, vào cuối triều đại của hoàng đế dị giáo Anastasius[5736] . Ngài được bầu chọn trái với ý muốn của mình (vì ngài không muốn nhận chức vụ cao quý này), và được đưa lên ngai Tòa Thượng phụ chủ yếu nhờ sự ủng hộ của dân chúng chính thống hơn là bởi quyền lực của hoàng đế. Giăng không được yên ổn trước vị vua vô đạo (Anastasius) cho đến ngày qua đời, vì bị ông ta ghét bỏ và bức hại; bởi vì vị vua này ủng hộ tà thuyết của Severus, vị giả danh tổng giám mục Antioch[5737] , kẻ đối lập với Công đồng các Thánh Cha tại Chalcedon (Công đồng Đại kết lần thứ IV)[5738] . Kẻ dị giáo Severus này, theo học thuyết của Dioscorus và Eutyches – những người đã bị khai trừ và bị tuyên án vạ tuyệt thông tại Công đồng đó – chỉ công nhận một bản tính duy nhất trong Ngôi Vị của Chúa Giêsu Kitô của chúng ta: ông khẳng định rằng Lời và xác thịt trong sự nhập thể đã hợp nhất thành một bản tính duy nhất, và không công nhận hai bản tính trong một Ngôi Vị duy nhất của Đấng Kitô, như các Thánh Tổ đã dạy chúng ta tin và như hiện nay, khi giảng dạy thần học, Giáo Hội vẫn ca ngợi: "Bản tính là Thiên Chúa, và bản tính là con người vì chúng ta: không bị chia rẽ thành hai nhân vị, nhưng được nhận biết là hai bản tính không hòa trộn"[5739] . Kẻ chống đối Chính Thống Giáo được nhắc đến, với tư tưởng hão huyền, đã sai lầm khi khẳng định rằng Thần Tính của Thánh Ba Ngôi đã chịu đau khổ trên thập tự giá cùng với nhân tính của Đức Kitô; vì lý do này, hắn đã thêm vào bài hát "Ba Ngôi Thánh" những lời sau: "Đấng bị đóng đinh vì chúng con, xin thương xót chúng con".

Từ miền Bắc khốn khổ này đã nảy sinh tà thuyết "Akefaloi", tức là "những kẻ không đầu", được gọi như vậy vì họ không công nhận quyền cai quản của các giám mục Chính Thống Giáo đối với các giáo hội thuộc quyền của họ, giống như người đứng đầu cai quản các chi thể khác; nhưng mỗi người trong số họ lại tự coi mình là người đứng đầu và là thầy, theo suy luận riêng của mình. Sau khi các giám mục và linh mục dị giáo, những người bảo vệ tà thuyết này, qua đời, trong số những kẻ dị giáo đó không còn cử hành lễ rửa tội hay Thánh lễ theo nghi thức thông thường của Giáo hội; thay vào đó, họ rước lễ bằng con chiên đã được chuẩn bị sẵn từ trước và bảo quản lâu dài, bằng cách tụ họp vào các ngày Lễ Phục Sinh và bẻ con chiên thành những mảnh nhỏ. Lúc đó, mỗi kẻ dị giáo trong số họ tự chọn cho mình một niềm tin tùy ý; tự ý nắm quyền giảng dạy, họ dạy dỗ người khác, rao giảng cho họ những giáo lý sai lầm của mình. Do đó, từ những kẻ dị giáo này đã nảy sinh vô số tà thuyết, mâu thuẫn lẫn nhau; nhà sử học Giáo hội Hy Lạp Nikiforos Kallistos đã đề cập đến những kẻ dị giáo này trong quyển thứ mười tám, chương thứ bốn mươi lăm, và nhận xét như sau:

– Trong số những kẻ dị giáo đó có vị vua độc ác Anastasius, người đã gây ra nhiều tổn hại cho Giáo hội của Đức Chúa Trời, khi trục xuất các giám mục Chính thống khỏi ngai tòa của họ; vị vua này còn muốn trục xuất cả Thánh Gioan, Tổng Giám mục Constantinopolis, nhưng sự phán xét của Đức Chúa Trời đã giáng xuống kẻ dị giáo này, và cuộc đời ông ta đã bị chấm dứt bằng cái chết.

Cũng không thừa khi nhắc đến cái chết của vị vua vô đạo này, đã xảy ra trong những hoàn cảnh như vậy.

Vài ngày trước khi qua đời, vị vua này đã mơ thấy một người đàn ông đáng sợ, giống như một vị Thẩm phán đang ngự trên ngai vàng cao quý trong vinh quang, với nhiều người đứng trước mặt ngài. Vị Thẩm phán này cầm một cuốn sách trong tay; khi mở cuốn sách ra, ngài thấy tên Anastasius trong đó và, chỉ cho vị vua Anastasius xem, ngài nói:

– Ta muốn cho ngươi được sống lâu hơn, nhưng vì sự bất kính của ngươi, Ta sẽ cắt bớt mười bốn năm khỏi cuộc đời ngươi.

Nói xong, Thẩm phán đã xóa những dòng chữ đã viết trong cuốn sách; còn nhà vua, bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi và run rẩy, bừng tỉnh khỏi giấc mơ trong lo âu, gọi một trong những cố vấn thân cận nhất của mình, tên là

[5734] Phaolô (I) đảm nhiệm chức vụ Thượng phụ từ năm 340; không lâu sau đó, ngài bị truất phế nhưng được phục chức vào năm 347; ngài cai quản ngai Thượng phụ cho đến năm 350.

[5735] Timôthê (I) giữ chức Thượng phụ từ năm 511 đến năm 518.

[5736] Hoàng đế Anastasius (Dicor) trị vì từ năm 491 đến năm 518.

[5737] Sever đảm nhiệm chức vụ tổng giám mục từ năm 512 đến năm 519.

[5738] Năm 451

[5739] Đạo lý thứ 6.

Amant, người luôn đồng tình với ông (cũng như đồng tình với những tư tưởng dị giáo của ông), và buồn bã kể lại cho ông ta về giấc mơ đó. Amant, sau khi nghe vua kể và kinh hoàng trước câu chuyện đó, đã nói:

– Đêm nay, tôi cũng có một giấc mơ kinh hoàng: tôi tưởng tượng mình đang đứng gần khuôn mặt hoàng gia của ngài, như một người hầu, nhưng bỗng có một con lợn to tiến lại, túm lấy áo choàng của tôi, quăng tôi xuống đất rồi ăn thịt tôi.

Khi kể lại cho nhau nghe những giấc mơ kinh hoàng ấy và cảm thấy kinh hoàng vì điều đó, họ đã mời một nhà tiên tri tên là Prokla và kể cho ông ta nghe những giấc mơ của mình, để ông ta giải thích chúng. Ông ta nói với họ rằng cả hai sẽ sớm chết.

Và quả thực, không lâu sau đó, một tia sét đánh trúng cung điện hoàng gia và giết chết nhà vua. Thế là kẻ vô đạo đã chết một cái chết thảm khốc.

Sau khi vua Anastasia qua đời, Justin[5740] , một người đàn ông đạo đức và công chính, đã được bầu lên ngai vàng. Còn Amant và những kẻ vô đạo khác, những kẻ đã đồng lõa với những việc ác của Anastasia và đàn áp các tín hữu, đã bị kết án tử hình theo một phiên tòa công bằng. Như vậy, những giấc mơ của Anastasia và Amant đã trở thành hiện thực.

Sau khi những kẻ thù này bị tiêu diệt, hòa bình và an lạc đã trở lại trong Giáo hội của Đức Kitô và giữa các mục tử của Giáo hội. Đức Thượng phụ Gioan cùng với vị vua sùng đạo mới được bầu là Justin và toàn thể dân chúng trung thành đã hân hoan trước sự giải phóng Giáo hội thánh khỏi ách áp bức của những kẻ hành hạ, và đã cất lên những bài thánh ca tạ ơn trong nhà thờ. Không lâu sau đó, họ (vua và Thượng phụ) đã triệu tập các giám mục lân cận (tổng cộng bốn mươi vị) đến Công đồng Địa phương và tuyên bố vạ tuyệt thông đối với Severus, vị Thượng phụ giả mạo của Antioch, cùng tất cả những kẻ đồng lõa với hắn; đồng thời, họ cũng xác nhận và ca ngợi Công đồng Đại kết thứ tư, được tổ chức tại Chalcedon.

Thánh Gioan đã dành những ngày còn lại của cuộc đời mình trong sự bình an của Giáo hội, tận tụy chăn dắt đoàn chiên được giao phó và làm đẹp lòng Thiên Chúa; sau ba năm tại vị, Thánh Gioan đã an bình về với Chúa[5741] .

Thánh Phaolô, người hiện nay được tôn kính, là vị Tổng Giám mục Constantinopolis thứ tư cùng tên, gốc gác từ đảo Síp; ngài kế vị ngai tổng giám mục sau Nikita[5742] , một kẻ dị giáo chống thánh tượng[5743] , vào thời trị vì của Lêô[5744] , con trai của Kopronymos. Vị thánh Phaolô này được đề cập trong tiểu sử của Thánh Tarasius[5745] .

Phaolô là một người đàn ông có đức hạnh và sùng đạo, nhưng lại quá yếu đuối và nhút nhát; bởi vì, khi chứng kiến những cực hình khủng khiếp mà nhiều tín hữu chính thống phải chịu từ vị vua vô đạo vì các thánh tượng, ngài đã che giấu lòng sùng đạo của mình và giao du với những kẻ dị giáo, dù trong lòng không hề muốn điều đó. Sau khi vị vua vô đạo đó qua đời, ngài muốn khôi phục lại tập tục sùng kính các thánh tượng, nhưng không thể làm được điều đó, vì ngài không có ai giúp đỡ; trong khi đó, phong trào chống thánh tượng đã trở nên rất mạnh mẽ trong toàn thành phố, cũng như ở các vùng lân cận. Vì lý do này, Phaolô vô cùng đau buồn; thấy rằng khó có thể hy vọng thành công, ngài quyết định từ bỏ ngai tòa tổng giám mục của mình, nơi ngài chỉ tại vị không quá bốn năm; khi lâm bệnh, ngài bí mật rời khỏi dinh tổng giám mục để đến tu viện Thánh Flora, nơi ngài đã nhận lễ tu sĩ.

Chẳng bao lâu sau, tin tức này lan truyền khắp nơi, và mọi người đều vô cùng ngạc nhiên.

Nữ hoàng Irina[5746] vô cùng buồn bã trước sự việc này, khi biết rằng vị tổng giám mục đã hành động như vậy mà không nói với ai một lời nào. Irina đã đến gặp ngài cùng con trai mình, hoàng đế Constantine, và hỏi ngài:

– Thưa Cha? Cha đã làm gì và vì lý do gì mà Cha lại hành động như vậy?

Pavel trả lời như sau:

[5740] Justin I trị vì từ năm 518 đến năm 527.

[5741] Giăng giữ chức tổng giám mục từ năm 518 đến năm 520.

[5742] Nikita I giữ chức Thượng phụ từ năm 766 đến năm 780.

[5743] Tà thuyết chống thánh tượng xuất hiện vào thế kỷ VIII. Những người chống thánh tượng đã vô lý khi gộp việc tôn kính thánh tượng với việc thờ cúng thần tượng. Những người ủng hộ nhiệt thành nhất cho chủ nghĩa chống thánh tượng là các hoàng đế: Lêô III người Isauria (717–741) và Constantine V Copronymus (741–775). Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ VII, diễn ra vào năm 787 tại thành phố Nicaea.

[5744] Lêô IV (Khazar) trị vì từ năm 775 đến năm 780.

[5745] Ngày lễ kính Thánh Tarasius được Giáo hội Công giáo cử hành vào ngày 25 tháng 2.

[5746] Hoàng hậu Irina trị vì từ năm 797 đến năm 802.

– Chính căn bệnh và sự chờ đợi cái chết sắp đến đã thúc đẩy con chấp nhận lối sống tu hành thánh thiện này, nhưng trên hết, những xáo trộn và chia rẽ trong Giáo hội mới là điều thúc đẩy con từ bỏ ngai tòa Thượng phụ; vì Giáo hội đang đau khổ, bị xáo trộn bởi tà thuyết chống thánh tượng; do sự mưu mô vô đạo kéo dài của bọn dị giáo, Giáo hội đã chịu một vết thương nặng nề, và tôi, kẻ khốn khổ này, đã ba lần chấp thuận tà thuyết đó bằng chính tay và chữ ký của mình; tôi không những không thoát khỏi những cái bẫy của sự mê tín, mà còn sa lầy vào đó cả bằng lời nói lẫn hành động, điều mà giờ đây tôi vô cùng đau buồn; nhưng điều làm tổn thương và đè nặng lên tâm hồn tôi hơn cả là việc tôi thấy rằng tất cả các quốc gia thuộc quyền cai trị của quý vị, trong khi vẫn kiên định giữ vững niềm tin Chính Thống, tuân theo giáo lý Chính Thống và sống trong niềm vui, lại xa lánh Giáo hội của chúng tôi và đuổi chúng tôi đi như những con chiên lạc, khỏi chính họ, như đàn chiên của Đức Kitô. Vì lý do này, tôi không muốn làm mục tử cho một hội thánh dị giáo và thà nằm trong quan tài còn hơn là phải chịu sự tuyệt thông từ Thánh Tứ Tông Đồ[5747] . Nhưng vì Thiên Chúa đã trao vào tay các ngài quyền bính của cây quyền trượng, để các ngài có sự chăm sóc hoàng gia dành cho đàn chiên Kitô giáo đang rải rác khắp thiên hạ, nên xin hãy hướng sự chú ý của các ngài đến nỗi đau buồn của Mẹ các ngài, – Giáo Hội, và đừng để Người phải tiếp tục chìm trong nỗi buồn không thể an ủi, nhưng hãy bằng mọi cách lo liệu để Người lấy lại vẻ huy hoàng xưa kia. Đừng để tà thuyết ghê tởm, giống như một con heo từ đồng ruộng chạy ra, tàn phá và hủy hoại vườn nho của Chúa Kitô trong triều đại trung thành của các ngài; đừng để tà thuyết làm ô uế vườn nho của Chúa Kitô bằng những mưu mô gian ác. Các ngài có một người thợ lành nghề, người có thể tạo nên chùm nho của sự tuyên xưng chân chính, bằng cách mài giũa nó trong cối mài thiêng liêng của Giáo Hội duy nhất. Người thợ này sẽ làm đầy chén khôn ngoan và chuẩn bị cho dân chúng một thức uống đạo đức của sự khôn ngoan Chính Thống.

Họ hỏi ngài:

– Thưa Cha? Cha đang nói về ai vậy?

Ngài đáp:

– Tôi đang nói về Tarasius[5748] , cố vấn hàng đầu của hoàng gia các ngài; tôi biết rằng ông ấy xứng đáng trở thành người quản lý Giáo hội, vì ông ấy có thể dùng cây gậy trí tuệ của mình để xua đuổi những lời nói vô nghĩa của tà giáo và dẫn dắt đàn chiên của Chúa Kitô một cách khôn ngoan, tập hợp họ lại dưới hàng rào thống nhất của đức tin chính thống.

Nghe những lời ấy từ Đức Thượng phụ Phaolô, Hoàng hậu Irina đạo đức cùng con trai bà, Hoàng đế Constantine, đã ra về trong nỗi buồn. Còn Phaolô, quay sang một số quan đại thần vẫn còn ở lại bên cạnh, đã nói với họ:

– Ôi, tôi ước gì mình không phải ngồi trên ngai vàng vào thời điểm Giáo hội đang rơi vào hỗn loạn vì những kẻ dị giáo đã bị các tòa thánh toàn cầu lên án. Nếu Đại hội Thánh toàn cầu lần thứ bảy không được triệu tập và nếu tà thuyết chống thánh tượng không bị lên án, các ngài sẽ không được cứu rỗi.

Các quan đại thần nói với ngài:

– Vậy tại sao khi được tấn phong làm tổng giám mục, ngài lại đưa ra văn bản ủng hộ chủ nghĩa chống thánh tượng?

Phaolô đáp:

– Vì lúc đó tôi đã ký tên, nên giờ đây tôi ăn năn về điều đó và sợ sự trừng phạt của Đức Chúa Trời vì lúc đó tôi đã im lặng vì sợ hãi và không nói sự thật với các ngài. Giờ đây, tôi ăn năn và nói rằng các ngài không thể hy vọng được cứu rỗi nếu vẫn tiếp tục theo đuổi những tư tưởng dị giáo đó.

Vài ngày sau đó, Đức Thượng phụ đã an nghỉ trong bình an[5749] . Kể từ đó, người dân ở Constantinople bắt đầu tự do và không sợ hãi thảo luận và tranh luận với những kẻ dị giáo về các thánh tượng, mà từ thời Lê-ô Isaurus, không ai dám lên tiếng bảo vệ[5750]

mở miệng lên.

Khi đã biết rõ tất cả những điều này về ba vị thánh được nhắc đến hôm nay: Alexander, John và Paul, chúng ta hãy tôn vinh Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần. Amen.

[5747] Tất nhiên là các ngai tòa tổng giám mục: Constantinopolis, Rôma, Antiochia và Alexandria.

[5748] Thánh Tarasius là Thượng phụ Constantinopolis (sau Thánh Phaolô IV) từ năm 784 đến năm 806.

[5749] Phaolô IV giữ chức Thượng phụ từ năm 780 đến năm 784.

[5750] Lêô III (Isaur), trị vì từ năm 717 đến năm 741, là một người chống thánh tượng quyết liệt.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Được thắp sáng bởi tình yêu của Đấng Kitô, các ngài đã trở thành những người noi gương cuộc đời Ngài, và trở thành những người được dự phần vào vinh quang thiêng liêng của Ngài, Alexander, vị Thánh Khôn Ngoan, cùng với John, vị Thánh Kỳ Diệu, và Paul, vị Thánh Vĩ Đại. Vì vậy, khi đứng trước ngai vàng của Ngài, xin các ngài cầu nguyện nhiệt thành cho linh hồn chúng con.

Cuộc đời của Thánh Công tước Alexander Nevsky[5751]

Ngày kỷ niệm: 30 tháng 8

Thánh Công tước vĩ đại Alexander Yaroslavich sinh ngày 30 tháng 5 năm 1219 tại thành phố Pereslavl[5752] .

Cha của Alexander Yaroslavich, Đại công tước Yaroslav Vsevolodovich, theo lời kể của những người cùng thời, là một vị công tước hiền lành, nhân từ, đạo đức và được mọi người yêu mến. Mẹ của vị Đại công tước Alexander, Công nương Thánh thiện Theodosia, nhờ lòng sùng đạo và tinh thần tu hành, ngay khi còn sống đã được đồng thời phong tặng danh hiệu "Công nương Thánh"[5753] . Những năm tháng thơ ấu của vị Đại công tước Alexander trôi qua dưới sự chăm sóc của cha mẹ sùng đạo, những người yêu thương ngài vô cùng dịu dàng.

Theo phong tục thời bấy giờ, ngài được bắt đầu học từ rất sớm, và vì trong việc giáo dục lúc bấy giờ, người ta quan tâm nhất đến việc nuôi dưỡng lòng kính sợ Thiên Chúa và đức tin trong tâm hồn trẻ thơ, nên các vị đã dạy Hoàng tử trước hết là các sách thánh – Phúc Âm, Sách Thánh Vịnh – cuốn sách thiêng liêng được yêu mến tại nước Nga thánh thiện, trong những lời khôn ngoan của cuốn sách này, các hoàng tử sùng đạo của chúng ta đã tìm kiếm và tìm thấy sự an ủi trong những khoảnh khắc khó khăn nhất của cuộc đời, khi không thể trông chờ sự giúp đỡ hay an ủi từ ai khác ngoài Chúa.

Từ thuở ấu thơ, Chúa đã chuẩn bị trong lòng Hoàng tử Alexander, vị hoàng tử đạo đức, một ngọn đèn rực sáng bởi đức tin và các đức tính cao đẹp. Theo lời chứng của một nhà biên niên sử cổ đại về cuộc đời vị hoàng tử đạo đức này, ngài chưa bao giờ sa đà vào những trò chơi và thú vui trẻ con. Hoạt động yêu thích của ngài là đọc các sách thánh, còn cách nghỉ ngơi ưa thích là những lời cầu nguyện nồng nhiệt dâng lên Chúa, điều mà ngài luôn học hỏi từ tấm gương của người mẹ đạo đức. Ngài làm dịu lòng mình bằng việc hát các bài thánh ca, đồng thời rèn luyện và phát triển sức mạnh thể chất thông qua việc ăn chay và kiêng khem.

Bên cạnh việc học tập qua sách vở, trong gia đình hoàng gia Nga cổ đại, người ta cũng dành nhiều sự quan tâm đến việc rèn luyện thể chất: phát triển sức mạnh và sự nhanh nhẹn, kỹ năng sử dụng kiếm và giáo, cưỡi ngựa, v.v., bởi vì một hoàng tử không chỉ phải thành thạo trong các công đức thiêng liêng mà còn trong các chiến công trên chiến trường; không chỉ là chiến binh của Chúa Kitô mà còn là chiến binh trần thế, phải biết bảo vệ Giáo hội thánh thiện bằng sức mạnh của lời nói và, khi cần thiết, bằng sức mạnh của thanh kiếm. Và Hoàng tử Alexander, người có đức tin vững vàng, vị anh hùng bất khả chiến bại – như những người đương thời gọi ông – đã nắm vững hoàn hảo khía cạnh này của sự giáo dục hoàng gia, và đối với các đồng đội của mình, ông không chỉ là người lãnh đạo mà còn là tấm gương về lòng dũng cảm trên chiến trường.

Người ta bắt đầu chuẩn bị cho các hoàng tử trẻ từ rất sớm để họ sẵn sàng đảm nhận công việc cai trị trong tương lai. Và ở đây, đối với Hoàng tử Alexander, người cha lừng lẫy của ông – người mà theo lời kể của những người cùng thời là "người chịu khổ vì đất nước Nga", đã hiến dâng cả linh hồn mình cho đất nước mà Thiên Chúa đã giao phó cho ông cai trị – đã trở thành tấm gương cao quý và hình mẫu để noi theo.

[5751] Thông tin về cuộc đời của Hoàng tử Alexander Yaroslavich, người có đức tin vững vàng, được ghi lại trong các cuốn tiểu sử cổ xưa về ngài và trong các biên niên sử. Ở Nước Nga Cổ đại, người ta đã biên soạn năm cuốn tiểu sử về vị công tước đạo đức này, trong đó cuốn đầu tiên, tóm tắt, được viết bởi một người cùng thời với Alexander Yaroslavich, còn cuốn cuối cùng, chi tiết nhất, được viết vào thế kỷ XVII, dựa trên các cuốn tiểu sử cổ xưa nhất, lần lượt bổ sung cho nhau.

[5752] Ngày nay, đây là một thị trấn nhỏ thuộc tỉnh Vladimir (nằm bên sông Trubezh, tại điểm sông này đổ vào hồ Pereyaslav), nhưng vào thời đó, nơi đây là thủ phủ của công quốc Pereyaslav-Zalessky.

[5753] Công nương đức hạnh Feodosia, con gái của Công tước Mstislav Mstislavich Udaloy nổi tiếng người Nga, đã qua đời vào năm 1244.

Nhưng Công tước Alexander kính yêu không được sống lâu dưới mái nhà và sự che chở của cha mẹ; rất sớm, ngài đã phải bước vào con đường đời tự lập.

Veliky Novgorod, một thành phố giàu có vào thời đó, kiểm soát gần như toàn bộ miền Bắc nước Nga ngày nay, là một "thành phố tự do", tự đặt ra luật lệ và trật tự cho mình, tự bầu chọn và phế truất các công tước – đã đề nghị trao ngai vàng cho Yaroslav, cha của Công tước Alexander. Yaroslav Vsevolodovich đã chấp nhận đề nghị này; nhưng ông không thể chấp nhận vị thế phụ thuộc mà một công tước phải chịu khi ở dưới quyền người Novgorod. Năm 1228, vì tức giận trước sự bất tuân của người dân Novgorod, Yaroslav Vsevolodovich đã rút về Pereyaslavl của mình, để lại tại Novgorod hai người con trai còn nhỏ là Feodor và Alexander dưới sự chăm sóc của các quý tộc đáng tin cậy của ông. Ngày 5 tháng 6 năm 1233, người con trai cả của hoàng tử đột ngột qua đời một cách hoàn toàn bất ngờ, ngay khi các công tác chuẩn bị cho đám cưới của cậu đang diễn ra, và hoàng tử Alexander, người chồng chung thủy, đã phải sống cô đơn tại một thành phố xa lạ với mình.

Tình thế của ông tại đây không hề dễ dàng. Một mặt, người dân Novgorod yêu tự do muốn vị công tước trẻ không thoát khỏi sự kiểm soát của họ, phải tuân theo ý muốn của họ, và tôn trọng các quyền tự do cùng phong tục tập quán của họ. Mặt khác, với lập trường kiên định, Yaroslav Vsevolodovich yêu cầu con trai mình đi theo con đường mà ông đã đi, lo việc củng cố quyền lực hoàng gia tại Novgorod, bất chấp những đợt bất mãn bùng phát của người dân Novgorod. Vị hoàng tử trẻ tuổi cần phải có ý chí kiên định, sự thận trọng, đồng thời phải khéo léo trong cách đối xử với mọi người, khoan dung với quan điểm và thói quen của họ, để khi thực hiện kế hoạch của cha, có thể giành được sự tin tưởng và tình yêu mến của người dân Novgorod, những người không muốn từ bỏ bất kỳ quyền tự do nào của mình. Anh sống ở đây như thể giữa hai làn đạn, luôn cảnh giác, khéo léo vượt qua mọi khó khăn. Cha anh hài lòng về anh; người dân Novgorod yêu mến anh, gọi anh là "hoàng tử của chúng ta" và tự hào vì Alexander đang trị vì họ – người mà mọi vùng đất Nga đều mong muốn có làm hoàng tử của mình.

Không chỉ bằng trí tuệ và sự cai trị khôn ngoan, hoàng tử Alexander đức hạnh còn thu hút trí tuệ và trái tim của người dân Novgorod. Những phẩm chất tâm hồn hiếm có của vị công tước thánh thiện cũng thu hút họ, cùng với vẻ đẹp tâm hồn là vẻ đẹp thể chất phi thường, khiến ai từng một lần được chiêm ngưỡng vị công tước đức hạnh này cũng phải kinh ngạc. Về ấn tượng không thể cưỡng lại mà vị công tước đức hạnh Alexander tạo ra nhờ ngoại hình của mình, trong cuốn tiểu sử cổ xưa của ông còn lưu lại thông tin sau đây.

Một hiệp sĩ người Đức tên là Andriash đã đến Novgorod. Bị choáng ngợp trước vẻ đẹp kỳ diệu của Hoàng tử Alexander, khi trở về quê hương, ông đã kể lại những ấn tượng của mình cho đồng bào bằng những lời sau: "Tôi đã đi qua nhiều quốc gia, gặp gỡ nhiều người, nhưng dù là trong số các vị vua hay các hoàng tử, tôi cũng chưa từng gặp ai có thể sánh ngang với Hoàng tử Alexander".

Hình ảnh uy nghi của Công tước Alexander cũng đã gây ấn tượng sâu sắc đối với Batu – vị chinh phục đáng sợ của nước Nga. Còn đối với người dân Nga, những người cùng thời với Thánh Alexander, khi miêu tả ngoại hình của vị Công tước của họ, cũng giống như vị hiệp sĩ Đức kia, họ không thể tìm ra bất kỳ sự so sánh nào từ cuộc sống đương thời. Về vẻ đẹp, họ so sánh vị công tước đạo đức với Thượng phụ Giuse, người mà Pharaoh đã bổ nhiệm làm quan cai quản toàn cõi Ai Cập; về sức mạnh – với vị quan xét trong Cựu Ước Samson; về trí tuệ – với Vua Salomon; về lòng dũng cảm và những chiến công quân sự – với hoàng đế La Mã cổ đại Vespasian[5754] .

Khi vị hoàng tử đạo đức nói chuyện với dân chúng hoặc ra lệnh cho các chiến binh của mình, thì – như một người đương thời, người ghi chép cuộc đời của hoàng tử, đã nhận xét – giọng nói của ngài vang lên như tiếng kèn.

Nhưng điều thu hút mọi người hơn cả ở vị hoàng tử đạo đức này chính là vẻ đẹp tâm hồn, mà đối với những người cùng thời, vẻ đẹp ấy dường như cũng phi thường không kém gì vẻ đẹp thể xác. "Ngài nhân từ đến mức không thể đo lường được," – nhà biên niên sử đã ghi chép.

Lòng nhân từ là một đặc điểm nổi bật, được truyền lại qua các thế hệ trong gia đình hoàng gia của Hoàng tử Alexander, người có đức tin vững vàng. Cha mẹ ông, Yaroslav và Theodosia, cũng nổi bật nhờ đức tính này, chính nhờ đức tính này mà chú của Hoàng tử Alexander, Đại công tước Yuri Vsevolodovich của Vladimir, đã giành được tình yêu mến của mọi người; và chính tổ tiên của Thánh Alexander, Đại công tước Vladimir Vsevolodovich Monomakh của Kiev – một vị từ bi vĩ đại của Nga cổ đại, người đã thu hút mọi người bằng lòng hào phóng và sự sẵn lòng giúp đỡ bất cứ ai đang gặp khó khăn – cũng đã truyền lại đức tính này.

[5754] Hoàng đế Vespasian trị vì từ năm 70 đến năm 79.

Những sự kiện tại Novgorod, nơi Công tước Alexander thánh thiện đã trải qua thời thanh xuân, đặc biệt đã góp phần phát triển ở vị Công tước thánh thiện này nét tính cách mà ngài thừa hưởng từ tổ tiên. Novgorod giàu có nhờ thương mại, do điều kiện đất đai không hoàn toàn thuận lợi cho nông nghiệp, nên thường xuyên phải chịu cảnh mất mùa và thiếu lương thực. Vào những thời điểm như vậy, giá lúa mì tăng vọt một cách đáng sợ, và người dân nghèo đôi khi phải đối mặt với nguy cơ chết đói. Một thảm họa tương tự đã xảy ra trong những năm đầu đời của Công tước Alexander tại Novgorod.

Năm 1230, do sương giá đến sớm, toàn bộ vụ mùa đông ở vùng Novgorod đã bị hủy hoại. Không có nguồn cung cấp lúa mì từ bên ngoài, vì các vùng khác của Rus cũng đang gặp tình trạng mất mùa. Người dân Novgorod chỉ có thể nhận được sự giúp đỡ rất ít ỏi từ những người láng giềng phía tây của họ – các thương nhân Đức, những người mà Novgorod có quan hệ thương mại rộng rãi. Tuy nhiên, lượng lương thực mà các thương nhân nước ngoài có thể vận chuyển đến là quá ít. Do thiếu lương thực, người dân bắt đầu ăn rêu, vỏ cây bồ đề và thông, quả sồi, sau đó chuyển sang ăn thịt ngựa, chó và mèo, nhưng ngay cả những thức ăn này cũng không đủ. Hàng loạt thi thể chưa được chôn cất của những người chết vì đói nằm la liệt trên đường phố; không ai có thể lo việc chôn cất họ, vì ai nấy đều sống trong nỗi sợ hãi sẽ phải chịu cái chết khủng khiếp tương tự. Cơn đói dường như đã dập tắt mọi tình cảm nhân văn trong lòng con người. Anh em từ chối chia sẻ miếng bánh mì với nhau, cha từ chối con trai, mẹ từ chối con gái. Các bậc cha mẹ bán con cái làm nô lệ, chỉ để kiếm được miếng bánh mì khốn khổ đó. Cuối cùng, vì điên loạn vì đói khát và tuyệt vọng, họ bắt đầu ăn xác người, và một số người thậm chí còn điên cuồng đến mức tấn công những người còn sống, giết họ và ăn thịt họ. Đường xá và phố phường vắng tanh, ai nấy đều sợ hãi không dám ra khỏi nhà. Không có hình phạt nào có thể ngăn cản những kẻ bị bắt và bị kết tội; cơn đói đã lấn át nỗi sợ hãi trước sự trừng phạt và cái chết. Mọi trật tự xã hội đều sụp đổ: những vụ cướp bóc, đốt phá nhà cửa bắt đầu diễn ra với mục đích tìm kiếm bằng mọi giá những kho dự trữ lúa mì, và những cuộc tàn sát huynh đệ cũng bùng nổ. Hoàng tử Alexander, người có đức tin vững vàng, khi đó gần như còn là một đứa trẻ, đã cùng người dân Novgorod trải qua tất cả những nỗi kinh hoàng này, và ta có thể hình dung được chúng đã ảnh hưởng như thế nào đến tâm hồn nhạy cảm của cậu bé. Nhưng tai họa này không phải là duy nhất. Những thảm họa tương tự, dù ở mức độ nhẹ hơn, đã lặp lại không chỉ một lần sau này; gợi lại những gì đã trải qua, chúng gieo rắc nỗi sợ hãi về tương lai.

Những bất hạnh của người dân nghèo khó đã khơi dậy trong vị công tước đạo đức lòng thương xót đặc biệt dành cho họ. Theo lời chứng của cuốn tiểu sử cổ xưa, Alexander Yaroslavich là người bạn chân thành của tất cả những ai đang lâm vào cảnh khốn khó và bất hạnh, là người cha của các góa phụ và trẻ mồ côi, là người nuôi dưỡng những người ăn xin và những kẻ khốn cùng. Nhớ đến lời răn của Đấng Cứu Thế rằng đừng tích trữ của cải trên đất, ngài hào phóng ban phát cho những người thiếu thốn, và không ai rời khỏi dinh công tước mà không được đáp ứng lời thỉnh cầu của mình.

Bên cạnh những thảm họa khủng khiếp do sự trừng phạt của Đức Chúa Trời, Công tước Alexander, người có đức tin vững vàng, khi sống tại Novgorod, đã phải chứng kiến rất nhiều thảm họa phát sinh từ sự tùy tiện và bất công của con người.

Thành phố tự do, vốn rất coi trọng quyền tự do của mình, không phải lúc nào cũng công bằng và quan tâm đến tất cả mọi người như nhau. Trong các cuộc họp dân, nơi quyết định mọi vấn đề nhà nước, không hiếm khi dưới ảnh hưởng của những người giàu có, các nghị quyết được thông qua đã tác động nặng nề đến số phận của những người nghèo và chính đáng gây ra sự phàn nàn và bất mãn từ phía họ. Những người bị oan ức không phải lúc nào cũng tìm được sự bảo vệ từ những người nắm quyền, bởi lẽ thông thường quyền lực này – vốn thực thi các nghị quyết của hội đồng nhân dân – lại thuộc về chính những người giàu có đó. Và không ít lần, sự bất mãn đã chuyển thành sự phẫn nộ công khai; các phe đối địch đã trừng trị tàn nhẫn những ai mà họ coi là thủ phạm chính; trên cầu Volkhov[5755] đã diễn ra những cảnh tượng kinh hoàng: người ta ném những người còn sống xuống sông, và chỉ có tiếng nói của vị thánh Novgorod, kêu gọi mọi người quên đi hận thù và oán giận, thanh tẩy bản thân bằng lời cầu nguyện khỏi máu anh em, mới có thể ngăn chặn được cuộc xung đột huynh đệ tương tàn này. Hoàng tử Novgorod không thể làm gì để xoa dịu tình hình thành phố trong những trường hợp như vậy; ông buộc phải đứng ngoài làm khán giả chứng kiến những cảnh kinh hoàng đang diễn ra, bởi vì sự can thiệp của ông thay vì xoa dịu có thể lại gây

[5755] Thành phố Novgorod được sông Volkhov chia thành hai phần: khu Sofia, nơi tọa lạc thánh địa chính – Nhà thờ Thánh Sofia, Biểu tượng của Sự Khôn Ngoan Thần Thánh, và khu Thương Mại, nơi từng có cái gọi là "Cung điện Yaroslav".

ra sự phẫn nộ còn lớn hơn. Theo quan điểm của người Novgorod, việc can thiệp vào các vấn đề nội bộ của Novgorod không phải là trách nhiệm của hoàng tử.

Sau đó cũng có những trường hợp chính các công tước, và đặc biệt là các quý tộc và lính cận vệ của họ – những người không phải lúc nào cũng đối xử công bằng với dân chúng địa phương – lại là nguyên nhân gây ra những cuộc nổi loạn của dân chúng. Hoàng tử Alexander, người có đức tin vững vàng, đã rất quan tâm đến việc đảm bảo rằng các thuộc hạ của mình, trong mối quan hệ với dân chúng, không gây ra bất kỳ lý do nào dẫn đến sự bất mãn hay khiếu nại. Ông đã đưa ra những lời khuyên khôn ngoan cho các chiến binh của mình về cách họ nên sử dụng quyền lực của mình.

"Từ Đức Chúa Trời," ngài nói, "chúng ta đã nhận được quyền lực trên dân của Đức Chúa Trời, và vào ngày Phán Xét đáng sợ của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ phải trả lời về việc sử dụng quyền lực này. Hãy tự rèn luyện lòng kính sợ Đức Chúa Trời, luôn ghi nhớ ngày phán xét chung khi mỗi người sẽ nhận phần thưởng xứng đáng với việc làm của mình, và hãy xét xử với sự công bằng tuyệt đối; đừng thiên vị hay phân biệt địa vị của những người tranh chấp, hãy đối xử công bằng như nhau với cả người giàu lẫn người nghèo. Khi trừng phạt những kẻ có tội, đừng tàn nhẫn, hãy cân bằng hình phạt với lòng thương xót. Đừng làm bất cứ điều gì dưới ảnh hưởng của cơn giận, sự bực bội và lòng ghen tị. Đừng quên những người khốn khó, hãy giúp đỡ mọi người, hãy thực hành lòng từ thiện "không nương tay", để chính các ngươi cũng xứng đáng nhận được lòng thương xót của Đức Chúa Trời".

Không còn nghi ngờ gì nữa, Công tước Alexander, người có đức tin vững vàng, không chỉ dừng lại ở những lời dạy dỗ như vậy, mà còn ghi nhớ lời răn của vị tổ tiên khôn ngoan của mình, Vladimir Monomakh, người đã khuyên Công tước phải tự mình tìm hiểu mọi việc, không giao phó cho người khác những việc mà bản thân có thể và phải làm, nên ông đã theo dõi chặt chẽ hành động của những người thân cận. Và nhờ đó, hòa bình và sự hòa thuận giữa hoàng tử và người dân Novgorod hầu như không bao giờ bị xáo trộn; chưa từng có lần nào người dân Novgorod lên tiếng trách móc hoàng tử hay các chiến binh của ngài. "Hoàng tử của chúng ta không có lỗi lầm" – đó là lời nhận xét của người dân Novgorod về Thánh Alexander. Họ lặp lại lời nhận xét này ngay cả trong những lúc, dưới ảnh hưởng của những kẻ thù địch, sự hòa thuận thường ngày dường như sắp sụp đổ, khi những kẻ gây ra mâu thuẫn, quên đi những công lao của hoàng tử, sẵn sàng thốt ra những lời thường thấy trong những trường hợp như vậy: "Ngài, hoàng tử, là một mình ngài, còn chúng tôi là một mình chúng tôi", tức là chúng tôi không cần ngài nữa, hãy đi đâu tùy ý.

Tuy nhiên, Công tước Alexander, người có đức tin vững vàng, không chỉ phải đối mặt với những điều kiện sống khó khăn tại Novgorod. Trong những năm tháng tuổi trẻ của ngài, Đức Chúa Trời đã giáng xuống một thử thách lớn lao cho toàn cõi đất Nga. Ngay từ năm 1223, một kẻ chinh phục đáng sợ, trước đó chưa ai từng biết đến, đã xuất hiện ở miền nam nước Nga – đó là người Tatar. Các công tước miền Nam Nga đã phải hứng chịu một thất bại thảm khốc trước người Tatar trên bờ sông Kalki[5756] , khiến, theo lời các nhân chứng đương thời, đất nước Nga chìm trong tang thương suốt 200 năm. Tuy nhiên, kẻ chiến thắng, dường như đã hài lòng với chiến thắng này, không tiếp tục cuộc tiến công mà tạm thời để Nga được yên ổn. Ở phía đông bắc nước Nga, người ta đã không chú ý đúng mức đến tai họa sắp ập đến, cũng không nghĩ rằng kẻ thù đáng sợ có thể xuất hiện trở lại. Giữa các công tước nảy sinh những mâu thuẫn, khiến nước Nga càng thêm suy yếu. Và thế là, 14 năm sau thảm họa Kalk, khi người Tatar lại xuất hiện trên lãnh thổ Nga, họ hầu như không gặp phải sự kháng cự nào trên con đường tàn phá của mình. Thủ lĩnh người Tatar Baty, sau khi dẫn các đạo quân của mình vượt qua sông Kama và Volga, đã lần lượt tàn phá các công quốc Nga. Ryazan, Moscow và Vladimir – thủ đô của vùng Đông Bắc Rus lúc bấy giờ – chỉ còn lại những đống đổ nát. Đại công tước Yuri Vsevolodovich đã cố gắng ngăn chặn người Tatar, giao chiến với họ trên sông Siti[5757] , nhưng đã thất bại và chính ông cũng thiệt mạng trong trận chiến bi thảm đó.

Sau khi tàn phá các thành phố khác trên đường đi, quân Tatars tiếp tục tiến về Novgorod. Tuy nhiên, như một nhân chứng đương thời của những sự kiện kinh hoàng này đã ghi nhận, nhờ những lời cầu nguyện của các thánh nhân, các công tước và các vị tu sĩ Novgorod, Chúa đã bảo vệ Đại Novgorod và công tước Novgorod: khi còn cách Novgorod chưa đầy 100 verst, quân Tatar đã rẽ sang phía nam, tiến đi tàn phá "mẹ của các thành phố Nga" – thủ đô Kiev.

[5756] Kalkha – con sông ở miền nam nước Nga, đổ ra Biển Azov.

[5757] Sít – một nhánh của sông Moloti, chảy qua các tỉnh Tver và Yaroslavl.

Kể từ cuộc xâm lược này, một giai đoạn đen tối trong lịch sử Nga đã bắt đầu, được biết đến với tên gọi "Ách thống trị của người Tatar". Ngai vàng Đại công tước được kế vị bởi cha của Công tước Alexander, ông Yaroslav Vsevolodovich. Khi đến Vladimir, thủ đô của nước Nga thời bấy giờ, ông chỉ thấy nơi đây toàn là đống đổ nát và xác chết. Hoạt động không mệt mỏi của vị công tước bắt đầu: thành phố được dọn dẹp xác chết, dân chúng đã bỏ chạy được đưa trở về và trấn an, trật tự được khôi phục. Nhưng sự bình yên hoàn toàn vẫn chưa có, bởi không ai biết kẻ chinh phục đáng sợ kia sẽ làm gì tiếp theo, và cuộc cướp phá tàn khốc của hắn sẽ kết thúc ra sao. Mọi người đều lo sợ một cuộc tấn công mới của Khan vào Rus và sự lặp lại những nỗi kinh hoàng trước đây. Dân chúng hoảng sợ đến mức, theo lời kể của một người đương thời, chỉ cần nghe thấy từ "người Tatar", ai nấy đều bỏ chạy lung tung, không biết mình đang chạy đi đâu.

Để trấn an dân chúng và nhằm làm rõ thái độ của Khan đối với Nga, Yaroslav Vsevolodovich đã lên đường đến Đế chế Tatar để cầu xin sự khoan dung từ Baty. Vị công tước trung thành này đã phải trải qua biết bao gian nan, đau khổ và nhục nhã trong chuyến đi này để thuyết phục vị Khan đáng sợ ban ân huệ. Nhưng Yaroslav Vsevolodovich đã thành công trong việc lấy lòng Baty. Một sử gia đương thời thậm chí còn ghi chép rằng tại Đế chế Tatar, vị công tước Nga đã được tiếp đón với sự tôn trọng, và khi tiễn ông trở về Nga, họ đã trao cho ông quyền lực tối cao đối với tất cả các công tước Nga.

Người dân Nga giờ đây có thể phần nào an tâm sau những nỗi kinh hoàng đã trải qua và những lo âu về tương lai. Tuy nhiên, người Tatar đã yêu cầu người Nga nộp một khoản thuế đầu người rất nặng nề và phải tuân thủ tuyệt đối mọi yêu cầu của họ, nhưng họ không quấy rối người Nga bằng các cuộc cướp bóc, sống xa họ[5758] , không can thiệp vào trật tự đời sống nhà nước Nga và, điều đặc biệt quan trọng, đức tin Nga – nền tảng của trật tự xã hội nước Nga cổ đại và là bảo đảm cho sự phục hưng trong tương lai của đất nước – sự giải phóng khỏi ách nô lệ nặng nề.

Sống tại Novgorod, xa cách người Tatar, Công tước Alexander Yaroslavich, người có đức tin vững vàng, không trực tiếp tham gia vào các hoạt động của cha mình nhằm khôi phục trật tự ở miền đông bắc nước Nga. Thật ra, ông cũng chẳng có thời gian để nghĩ đến điều đó. Cùng lúc vùng đông bắc Nga đang đối mặt với nguy cơ diệt vong từ người Tatar, các thành phố phía tây bắc Nga – Veliky Novgorod và Pskov – lại phải đối mặt với một kẻ thù không kém phần nguy hiểm: người Thụy Điển, người Đức và người Litva.

Lợi dụng việc Nga bị người Tatar tàn phá, cùng với việc Đại công tước không thể gửi viện trợ cho người Veliky Novgorod và Pskov, họ đã tăng cường áp lực lên các thành phố biên giới của Nga và hy vọng sẽ dễ dàng đặt chúng dưới sự kiểm soát của mình.

Một mối nguy hiểm khủng khiếp đang rình rập vùng Tây Bắc Nga. Vấn đề ở đây không chỉ là nguy cơ mất đi sự độc lập chính trị, bị tách rời khỏi đất nước Nga, mà còn là nguy cơ mất đi đức tin Chính thống giáo. Kẻ thù phương Tây đã thực hiện một hành động táo tợn nhằm vào thánh địa Nga có từ hàng thế kỷ này, thứ mà ngay cả những kẻ chinh phục ngoại đạo cũng chưa từng động đến. Từ lâu, các giáo hoàng đã kêu gọi cần phải chiến đấu chống lại những "kẻ ly giáo"[5759] bằng sức mạnh của thanh gươm, dùng dòng máu để buộc họ phải phục tùng giáo hoàng và Giáo hội Công giáo. Cuộc tàn sát của người Tatar dường như là thời điểm rất thuận lợi cho mục đích này, và không có gì ngạc nhiên khi lời kêu gọi chiến đấu chống lại Chính Thống giáo ngày càng được người đại diện cao nhất của Giáo hội Công giáo đưa ra một cách quyết liệt hơn, và được một số tín đồ của ngài lắng nghe một cách chăm chú hơn. Nhưng qua hình ảnh của Công tước Alexander Yaroslavich, người có đức tin vững vàng, Chúa đã dựng nên một vị bảo vệ hùng mạnh và bất khả chiến bại cho đức tin Chính thống giáo, trước mặt người ấy, những người Công giáo không thể làm gì được.

Hoàng tử Alexander, người có đức tin vững vàng, đã lường trước được sự không thể tránh khỏi của cuộc chiến và chuẩn bị cho nó. Năm 1239, ông kết hôn với con gái của Hoàng tử Bryachislav của Polotsk, một trong những hoàng tử Nga ở vùng biên giới, người mà các tín đồ Công giáo đe dọa còn nhiều hơn cả Novgorod. Thông qua cha vợ của mình, Alexander Yaroslavich đã có được một đồng minh đáng tin cậy, dù không mạnh mẽ. Lễ cưới

[5758] Sau khi chinh phục Rus', người Tatar đã chiếm đóng các vùng thảo nguyên dọc theo các con sông Volga và Don, và tại đây họ đã thành lập vương quốc Tatar của mình, được biết đến với tên gọi "Đế chế Vàng". Thủ đô của Đế chế Vàng là Saray, nằm ở hạ lưu sông Volga.

[5759] Tức là những kẻ ly giáo. Người La Mã gọi những tín đồ Chính Thống Giáo như vậy vì người Nga không công nhận quyền lực của Giáo hoàng và các tín điều mới do Giáo hội La Mã đưa ra.

của hoàng tử diễn ra tại Toropets[5760] , còn tiệc cưới được tổ chức tại Torzhok và Novgorod. Và ngay khi các lễ hội cưới kết thúc, hoàng tử Alexander, người chồng chung thủy, lập tức bắt tay vào công việc quan trọng – xây dựng các công sự phòng thủ dọc biên giới vùng đất Novgorod-Pskov, nơi mà trước hết có thể dự đoán sẽ xảy ra các cuộc tấn công. Một loạt pháo đài đã được xây dựng trên sông Shelon. Nhưng kẻ thù đã không cho phép hoàn tất các công việc chuẩn bị này nhằm củng cố biên giới giữa Novgorod và Pskov. Bốn năm sau cuộc xâm lược của Baty, cuộc chiến khốc liệt với kẻ thù phương Tây bắt đầu, và cuộc chiến này kéo dài gần như suốt cuộc đời của Công tước Alexander Yaroslavich. Người Thụy Điển là những người đầu tiên khai chiến.

Vào thời điểm đó, vua Erich đang trị vì trên ngai vàng Thụy Điển. Người thân cận nhất của nhà vua – Birger, một hiệp sĩ dũng cảm và nhà chỉ huy quân sự, người đã nổi tiếng nhờ những cuộc tấn công táo bạo vào vùng đất ngày nay là Phần Lan và các lãnh địa của Novgorod giáp ranh với nước này, đã tính toán sẽ lên ngôi vua Thụy Điển sau khi Erich qua đời mà không có con nối dõi. Ông muốn giành được tình cảm của nhân dân bằng những chiến thắng mới và, dưới sự xúi giục của Giáo hoàng, đã phát động chiến tranh chống lại Rus. Với một đạo quân hùng hậu, bao gồm không chỉ người Thụy Điển mà còn có người Na Uy và người Phần Lan, được các giám mục Công giáo tháp tùng, Birger đã bất ngờ xuất hiện tại cửa sông Izhora[5761] vào năm 1240, khiến người Nga hoàn toàn bất ngờ, và gửi đến Novgorod một lời thách thức ngang tàng dành cho Công tước Alexander, người sùng đạo: "Ta đã có mặt trên đất nước ngươi, đang tàn phá nó và muốn bắt cả ngươi làm tù binh. Nếu ngươi có thể chống lại ta – thì hãy chống lại đi." Birger tin chắc rằng Công tước Alexander không thể chống cự và đã tự tin dự đoán chiến thắng từ trước. Và quả thực, cuộc tấn công của ông đã khiến người Novgorod bất ngờ, bắt họ phải đối mặt mà không kịp chuẩn bị. Thật đáng thương khi chứng kiến, như một người đương thời nhận xét, rằng Đại công tước Yaroslav không thể biết được tai họa đang đe dọa con trai mình và kịp thời giúp đỡ anh ta, và rằng Alexander Yaroslavich cũng không thể cảnh báo cha mình về nguy hiểm. Quân đội Novgorod chưa được tập hợp. Alexander Yaroslavich chỉ có một đội quân nhỏ, mà ông đã vội vàng bổ sung thêm bằng những người dân Novgorod. Nhưng ông không hề nao núng trước lời thách thức táo bạo của kẻ thù. Trước hết, ông tìm kiếm sự che chở và giúp đỡ từ Đức Chúa Trời. Tại nhà thờ Thánh Sofia, Biểu tượng của Sự Khôn Ngoan Thần Thánh, ở Novgorod, vị công tước đạo đức đã dâng lên Chúa một lời cầu nguyện nồng nhiệt và đẫm nước mắt, xin Ngài phán xét cuộc tranh chấp của ông với kẻ thù kiêu ngạo, và đừng để tài sản của Ngài rơi vào tay những kẻ vô đạo.

– Lạy Thiên Chúa công chính, vĩ đại, hằng hữu và toàn năng, – Hoàng tử Alexander, người có đức tin vững vàng, đã khẩn cầu. – Ngài đã tạo dựng trời và đất, thiết lập ranh giới lãnh thổ cho các dân tộc và ra lệnh phải sống mà không xâm phạm lãnh thổ của người khác. Ngài đã ban cho đoàn chiên nhỏ bé của những người trung thành với Ngài niềm hy vọng, để họ không sợ hãi trước những kẻ tấn công họ. Xin Ngài hãy nhìn xuống và lắng nghe ngay lúc này, lạy Chúa hào phóng, những lời kiêu ngạo của kẻ thù này, kẻ đang khoe khoang sẽ phá hủy Giáo Hội thánh thiện của Ngài, tiêu diệt đức tin Chính Thống, và làm đổ máu vô tội của các Kitô hữu. Xin Ngài phán xét cuộc tranh cãi của con với hắn. Xin Ngài hãy đứng lên giúp đỡ và bảo vệ chúng con, để kẻ thù của chúng con không dám nói: "Thần của chúng nó đâu rồi?" Chúng con đặt niềm tin nơi Ngài, lạy Chúa, và dâng vinh quang lên Ngài ngay bây giờ, muôn đời và đến muôn đời.

Với lời cầu nguyện nồng nhiệt như vậy, vị hoàng tử đạo đức sau đó đã hướng về Đấng Bảo Trợ của dân tộc Kitô giáo, Vị Tướng Chiến Thắng, Mẹ Thiên Chúa, và các thánh bảo trợ của đức tin Chính Thống, cùng các vị trung gian và người cầu nguyện trên trời cho nước Nga thánh thiện – các vị hoàng tử đạo đức Vladimir, Boris và Gleb, những vị thánh đáng kính.

Khi kết thúc lời cầu nguyện, vị công tước đạo đức đã nhận lời chúc phúc từ Đức Giám mục Spiridon của Novgorod, ra lệnh cho các cận thần của mình ban phát cho những người nghèo và xin họ cầu nguyện, còn bản thân ngài thì bước ra gặp đội quân của mình – những người đang lo lắng vì số lượng ít ỏi – để khích lệ họ cho cuộc chiến sắp tới. "Chúa không ở trong sức mạnh, mà ở trong lẽ phải," – với những lời ấy, vị thủ lĩnh đức tin đã khích lệ các

---

[5760] Vợ của Công tước Alexander Yaroslavich, bà Alexander Bryachislavovna, đã nhận được bức tượng thánh Mẹ Thiên Chúa có khả năng làm phép lạ như một ân sủng. Bức tượng này, theo truyền thuyết, do Thánh Luca, nhà truyền giáo, vẽ, đã được Hoàng đế Hy Lạp Manuel gửi tặng cho Công chúa Polotsk đáng kính Euphrosyne (qua đời ngày 23 tháng 5 năm 1173). Để kỷ niệm lễ cưới của mình tại Toropets, Alexandra Bryachislavovna đã để lại tại đây vật thánh này, hiện vẫn được lưu giữ tại Nhà thờ Chính tòa Toropets và được biết đến với tên gọi Bức tượng Đức Mẹ Korsun. Nhà thờ gỗ Thánh Ba Ngôi, nơi Công tước Alexander đã cử hành lễ cưới, không còn tồn tại đến ngày nay. Trên nền móng của nó hiện nay là một nhà thờ đá cổ kính mang tên Thánh Ba Ngôi.

[5761] Sông Izhora là một nhánh của sông Neva.

đồng đội của mình. Sau đó, cùng với nhóm nhỏ những người dũng cảm này, ông nhanh chóng tiến ra đối đầu với kẻ thù, và tại đây, trên bờ sông Neva, vào ngày mang ý nghĩa lịch sử đối với nước Nga – ngày tưởng niệm vị khai sáng, Công tước Vladimir đạo đức (ngày 15 tháng 7) – trận chiến nổi tiếng đã diễn ra, nhờ đó Alexander Yaroslavich được đặt tên là Nevsky.

Để tiếp thêm sức mạnh cho những người bảo vệ đức tin Chính thống giáo trước chiến công sắp tới, Chúa đã ban cho họ một điềm báo kỳ diệu.

Trong quân đội của Công tước Alexander có một người Izhora tên là Pelgusiy, tên rửa tội là Philip, người mà Alexander Yaroslavich đã giao nhiệm vụ canh gác ban đêm, vì ông là một chiến binh dày dạn kinh nghiệm và rất rành địa hình. Giữa những người đồng tộc vẫn theo đạo ngoại, người Kitô hữu Pelgusiy nổi bật bởi lối sống đạo đức: ông dành thời gian cho việc cầu nguyện, lao động và những việc tu hành; và Chúa đã ban cho chiến binh đạo đức này một thị kiến kỳ diệu như sau.

Khi mặt trời mọc, Pelgusiy nghe thấy từ phía sông tiếng ồn ào của một con thuyền đang tiến lại gần và, nghĩ rằng đó là kẻ thù, ông đã tăng gấp đôi sự cảnh giác. Những người chèo thuyền dường như được bao phủ bởi một làn sương mù, che khuất khuôn mặt của họ. Chỉ có thể nhìn thấy hai vị hiệp sĩ đang đứng trên thuyền. Khuôn mặt sáng sủa và trang phục của họ dường như quen thuộc với Pelgus; và đột nhiên, ông nghe thấy một giọng nói xác nhận suy đoán của mình, xua tan mọi nghi ngờ, khiến tâm hồn ông tràn ngập niềm vui. Vị hiệp sĩ lớn tuổi hơn, quay sang người trẻ hơn, nói: "Anh Gleb ơi, hãy ra lệnh chèo nhanh lên, chúng ta hãy mau đến giúp đỡ người thân của chúng ta là Alexander Yaroslavich." Đó chính là hai vị thánh tử đạo, các hoàng tử đức tin Boris và Gleb, những người mà hoàng tử đức tin Alexander đã thành kính cầu khẩn xin giúp đỡ.

Pelgusy vội vàng kể lại những gì mình đã thấy cho hoàng tử. Được khích lệ bởi điềm báo kỳ diệu này, Alexander Yaroslavich đã tấn công kẻ thù ngay trong ngày hôm đó. Người Thụy Điển không ngờ tới cuộc tấn công, không nghĩ rằng đối phương lại ở gần đến vậy, cũng không biết số lượng và sức mạnh của họ. Trận chiến khốc liệt kéo dài từ sáng đến tối.

Được vị thủ lĩnh của mình truyền cảm hứng, đội quân của hoàng tử trung thành đã thể hiện những kỳ tích dũng cảm, khiến kẻ thù phải kinh ngạc. Bản thân Alexander Yaroslavich luôn đứng đầu hàng ngũ chiến đấu; ông đã gây thương tích vào mặt thủ lĩnh quân Thụy Điển. Một chiến binh trong đội quân đã chém đổ lều của Birger; một người khác, bị cuốn vào trận chiến, đã lao lên một con tàu Thụy Điển, tiếp tục tung ra những đòn kiếm kinh hoàng vào những kẻ thù đang hoảng loạn vì bất ngờ và sợ hãi. Bị đánh tan tác ở mọi mặt trận, mất đi những đồng đội dũng cảm nhất, quân Thụy Điển, dù có ưu thế về số lượng so với quân Nga, cũng không dám tiếp tục giao tranh hay ở lại chiến trường đến sáng. Sau khi lấp đầy hai hố chôn bằng thi thể những người tử trận và mang theo những thi thể quý tộc nhất lên tàu, họ vội vã rời khỏi bờ sông Neva – nơi không hề hiếu khách với họ – ngay trong đêm đó. Tổn thất phía Nga là không đáng kể: chỉ có hai mươi người thiệt mạng, trong đó có Ratmir – một trong sáu chiến binh xuất sắc nhất trong trận chiến.

Nhưng chiến thắng vinh quang trên sông Neva này không chỉ nhờ vào lòng dũng cảm của đội quân và thủ lĩnh của họ. Chúa Trời, Đấng đã khích lệ các chiến binh Nga bằng một thị kiến kỳ diệu trước khi trận chiến bắt đầu, đã ban sự trợ giúp của Ngài ngay trong suốt trận chiến. Ngày hôm sau, những người tham gia trận chiến đã ngạc nhiên khi nhìn thấy vô số thi thể kẻ thù ở bên kia sông Izhora, tại một nơi gần như không thể đi qua, nơi mà không một chiến binh Nga nào đặt chân đến trong suốt trận chiến. Các thiên thần của Chúa đã âm thầm giúp đỡ nhóm nhỏ những người bảo vệ đức tin thánh thiện chống lại những kẻ thù đang phỉ báng đức tin đó.

Sau khi dâng lời tạ ơn Chúa vì sự giúp đỡ kỳ diệu của Ngài và vì chiến thắng đã giành được, Hoàng tử Alexander, người có đức tin vững vàng, đã trở về Novgorod trong vinh quang rực rỡ, được người dân Novgorod chào đón nồng nhiệt.

Nước Nga Thánh không bao giờ quên chiến công vinh quang này của vị công tước thánh thiện và đội quân của ngài, luôn cầu nguyện tưởng nhớ tên tuổi những chiến binh đã hy sinh trong trận chiến và mãi mãi lưu giữ danh hiệu "Nevsky" cho Công tước Alexander trung thành. Kẻ thù cũng nhớ mãi về thất bại của mình. Nhưng người dân Novgorod, những người lẽ ra phải đặc biệt trân trọng chiến công này của vị công tước, dường như đã sớm quên lãng nó. Nguy hiểm qua đi, và chẳng bao lâu sau, họ đã xảy ra mâu thuẫn với vị công tước. Alexander Yaroslavich rời Novgorod và đi đến Pereyaslavl. Chẳng bao lâu sau, người dân Novgorod phải hối hận vì hành động vô ơn của mình.

Khi nghe tin về những rối loạn ở Novgorod và việc Thánh Alexander rời khỏi thành phố, người Đức ở Livonia đã quyết định tận dụng cơ hội này và tấn công Pskov[5762] . Sau khi chiếm được pháo đài biên giới Izborsk của Pskov, người Đức tiếp tục tiến quân về phía Pskov. Người dân Pskov không thể chống chọi được cuộc vây hãm, nhất là khi trong số họ có một kẻ phản bội đã lén lút cho người Đức vào thành phố. Thành phố thiêng liêng của Thánh Olga giờ đây đã trở thành lãnh địa của người Đức. Người Đức đã bổ nhiệm các quan tổng trấn tại thành phố; sau khi thiết lập trật tự của người Đức, người ta cũng phải dự đoán sự thay đổi về tín ngưỡng: người Đức quyết định thành lập một giáo phận Công giáo tại Pskov.

Nhưng nguy hiểm không chỉ đe dọa riêng Pskov: người Đức còn tiến quân về phía Novgorod. Sau khi chiếm được vùng Vodskaya Pyatina của Novgorod vào mùa đông[5763] , họ đã xây dựng pháo đài Koporye tại đây, chiếm được Tesov, tiến hành cướp bóc và giết chóc trong phạm vi ba mươi verst từ Novgorod, bắt giữ tù binh và đưa họ đến Livonia. Tại Novgorod, nỗi sợ hãi bao trùm khắp nơi, hoạt động buôn bán ngừng trệ, người dân lo sợ thành phố sẽ bị vây hãm, nhưng do thiếu vắng người lãnh đạo và thủ lĩnh nên công tác chuẩn bị phòng thủ thành phố diễn ra rất sơ sài. Lúc đó, người dân Novgorod mới nhớ đến vị công tước lừng danh của mình, hối hận vì đã xúc phạm Thánh Alexander và quyết tâm bằng mọi giá phải nài nỉ ngài trở về Novgorod. Với mục đích đó, người dân Novgorod đã cử một phái đoàn đến Vladimir gặp Đại công tước Yaroslav Vsevolodovich, để xin ngài cho phép Công tước Alexander, người có đức tin vững vàng, trở về Novgorod.

Yaroslav đã cử một đạo quân cùng con trai mình là Andrei đến Novgorod. Nhưng người dân Novgorod không cần Andrei, mà cần Alexander; họ nhận ra rằng chỉ có ngài mới có thể giải cứu họ khỏi tai họa đang ập đến, và vì vậy họ vội vàng cử một phái đoàn mới, do tổng giám mục dẫn đầu, đến gặp Đại công tước để lần thứ hai xin cho Alexander Yaroslavich trở lại trị vì. Hoàng tử nhân từ đã không còn nhớ đến sự xúc phạm mà người dân Novgorod từng gây ra cho mình, và vội vã đến nơi mà họ đang rất cần đến ngài. Với sự xuất hiện của ngài tại Novgorod, mọi thứ đã thay đổi: công tác chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại kẻ thù đang tiến gần thành phố được tiến hành nhanh chóng và thành công; niềm tin vào chiến thắng và sự hăng hái cho những chiến công mới cùng vị anh hùng của họ – vị công tước – đã trở lại với tất cả mọi người. Sau khi hoàn tất các công tác chuẩn bị cho chiến tranh, Alexander Yaroslavich cùng các đoàn quân từ Novgorod và Nizov đã lên đường giải phóng Pskov. Người Đức đã bị đuổi khỏi Pskov, và người dân Pskov hân hoan chào đón vị cứu tinh của họ.

Nhưng vị công tước đạo đức không chỉ dừng lại ở việc đuổi quân Đức ra khỏi Pskov. Cần phải củng cố hòa bình ở phía tây bắc nước Nga, dạy cho kẻ thù một bài học và ngăn chặn khả năng chúng tiến hành các cuộc tấn công mới. Vị công tước đạo đức quyết định trừng phạt quân Đức vì những cuộc tấn công và cướp bóc của chúng bằng một cuộc tiến công vào chính lãnh thổ của chúng.

Sau khi cầu nguyện tại Nhà thờ Thánh Ba Ngôi, trước hòm thánh tích của người thân đáng kính là Công tước Pskov Vsevolod Mstislavich, được người dân Pskov tiễn đưa bằng những lời cầu nguyện và lời chúc tốt lành, Alexander Yaroslavich đã dẫn các đạo quân của mình tiến về Livonia. Người Đức không ngờ đến một cuộc tấn công nhanh chóng như vậy và không thể chống cự: Livonia đã bị quân đội Nga tàn phá. Trên đường trở về từ Livonia đến Pskov, vị công tước đạo đức này đã dừng chân bên bờ Hồ Chudskoye và tại đây, vào ngày 5 tháng 4 năm 1242, đã diễn ra trận chiến nổi tiếng với các hiệp sĩ Đức, được lịch sử biết đến với tên gọi Trận chiến trên băng[5764] .

Đội quân hùng hậu gồm các hiệp sĩ rất tự tin vào chiến thắng. “Hãy tiến lên, bắt sống Công tước Nga Alexander; người Slav phải trở thành nô lệ của chúng ta,” – các hiệp sĩ khoe khoang. Nhưng, nhờ cậy vào sự giúp đỡ của Chúa và tin tưởng vào sự thánh thiện cũng như tính chính nghĩa của sự nghiệp mà mình đang bảo vệ, vị Công tước đạo đức không hề nao núng trước những lời khoe khoang đó. Ngay cả thất bại đầu tiên trong cuộc đụng độ với các hiệp sĩ cũng không làm ngài nao núng. Các đơn vị tiên phong nhẹ, được vị công tước sùng đạo cử đi theo

---

[5762] Tại Livonia (khu vực Biển Baltic ngày nay), người Đức xuất hiện vào nửa sau thế kỷ XII. Năm 1201, họ xây dựng thành phố Riga tại đây – thủ đô của Livonia, và vào năm tiếp theo, một Dòng tu-hiệp sĩ đặc biệt (nửa tu sĩ, nửa quân sự) với mục tiêu không chỉ chinh phục vùng Livonia mà còn dùng vũ lực để cải đạo dân bản địa sang Công giáo. Năm 1237, Dòng Hiệp sĩ Kiếm đã hợp nhất với một Dòng tương tự khác – Dòng Teutonic, vốn trước đó đã thiết lập quyền thống trị dọc theo hạ lưu sông Vistula.

[5763] Các vùng đất Novgorod được chia thành năm phần, hay còn gọi là “pyatina”. Phần “Vodskaya” bao gồm các vùng đất nằm gần Hồ Ladoga.

[5764] Hồ Chudskoye nằm không xa Pskov. Tên gọi khác của nó là Peipus. Hồ này nối với Hồ Pskov qua một eo biển được gọi là “Hồ Ấm”. Chiều dài của Hồ Chudskoye là 90 verst, chiều rộng là 47 verst; chiều dài của Hồ Pskov là 50 verst, chiều rộng là 20 verst.

dõi động tĩnh của địch, đã đụng phải lực lượng chính của quân Đức và bị đánh tan. Một phần trong số họ bị bắt làm tù binh, phần còn lại chạy về báo tin buồn cho hoàng tử về thất bại vừa xảy ra tại . Lúc đó, hoàng tử đạo đức đã cho quân đội dừng chân trên băng hồ Chudskoye, gần khu vực Voronya Kamnya trên sông Uzmen[5765] và tại đây bắt đầu chuẩn bị cho trận chiến quyết định.

Số lượng binh sĩ của ngài đã được bổ sung bằng những lực lượng tươi mới từ người Novgorod, nhưng ngay cả lúc này, so với quân đội hiệp sĩ, số lượng đó vẫn quá ít ỏi. Tuy nhiên, sự thiếu hụt về số lượng này đã được bù đắp bằng tinh thần hăng hái của các chiến binh, cùng sự sẵn sàng không sợ hãi của họ để hy sinh tính mạng vì chính nghĩa và vì vị công tước yêu quý. Vị thủ lĩnh không cần phải khích lệ tinh thần chiến đấu của các chiến binh; tất cả đều ý thức được tầm quan trọng của sự kiện sắp diễn ra và dũng cảm tiến vào trận chiến với kẻ thù kiêu ngạo. "Ôi vị công tước thân yêu và chính trực của chúng ta! Đã đến lúc rồi, tất cả chúng ta sẽ hy sinh mạng sống vì ngài", – những tiếng hô hào đầy nhiệt huyết như vậy vang lên từ hàng ngũ các chiến binh Nga.

Các hiệp sĩ là những người đầu tiên mở màn trận chiến. Được bọc trong giáp sắt từ đầu đến chân, họ tiến về phía quân đội Nga với ý định nghiền nát đối phương bằng thế áp đảo về số lượng. Nhưng tại đây, họ vấp phải sự kháng cự dũng cảm đến mức khiến họ kinh ngạc. Thay vì sự rối loạn hay thậm chí là sự tháo chạy của kẻ thù như họ mong đợi, họ kinh hoàng khi thấy các hàng ngũ quân Nga khép chặt lại, tạo thành một bức tường sống. Các hiệp sĩ bối rối và dừng bước. Lúc đó, Công tước Alexander, người có đức tin vững vàng, nhận thấy sự bối rối của kẻ thù, đã khéo léo chỉ huy một phần quân đoàn của mình thực hiện một đợt bao vây và tấn công từ phía mà các hiệp sĩ hoàn toàn không ngờ tới. Một trận chiến kinh hoàng đã nổ ra. Tiếng ồn kinh hoàng từ những nhát kiếm chém vào khiên và mũ sắt, tiếng gãy răng rắc của những cây giáo, cùng tiếng rên rỉ của những người bị hạ gục và chìm trong biển máu đã khiến các thủ lĩnh không thể chỉ huy trận chiến hay ra lệnh cho quân đội. Không có một trận chiến có trật tự nào cả. Cảm nhận được thất bại, các hiệp sĩ dốc hết sức lực chỉ để cố gắng đột phá vòng vây của các trung đoàn Nga bao quanh họ và tránh bị bắt làm tù binh. Nhưng ngay cả điều đó cũng không thành công. Băng trên hồ nhuốm đầy máu và ở nhiều nơi không chịu nổi sức nặng, sụp xuống, cuốn theo cả các chiến binh lẫn vũ khí của họ. Trận chiến kéo dài đến tận tối muộn. Thiệt hại của các hiệp sĩ là vô cùng nặng nề. Những người còn sống sót tìm cách thoát thân bằng cách bỏ chạy, nhưng quân Nga đã đuổi kịp và giết chết họ. Trên quãng đường dài bảy verst, mặt hồ phủ đầy xác chết. Rất nhiều hiệp sĩ bị bắt làm tù binh, số người tử trận còn nhiều hơn, và từ đội quân dân quân từng rất hùng mạnh và đông đảo trước đó, giờ đây gần như không còn lại gì.

Những người chiến thắng, do thủ lĩnh của họ dẫn đầu, long trọng trở về Pskov. Ngay bên cạnh con ngựa của vị công tước trung thành là năm mươi hiệp sĩ danh giá nhất, phía sau quân đội Nga là vô số tù binh bình dân. Người dân Pskov hân hoan chào đón vị cứu tinh của họ.

"Chúa, Đấng đã giúp David hiền lành đánh bại những kẻ ngoại tộc, cũng đã giúp vị công tước đạo đức của chúng ta giải phóng thành Pskov khỏi những kẻ ngoại đạo và ngoại tộc," – tiếng reo hò vui mừng ấy vang lên khắp nơi.

Khắp nơi tràn ngập niềm vui và sự hân hoan chung; mọi người đều nhận thức được tầm quan trọng của chiến thắng này, cũng như ân huệ mà vị công tước trung thành đã ban cho thành phố biên giới Nga này, nơi không đủ sức tự bảo vệ sự độc lập của mình trước các cuộc tấn công của vô số kẻ thù. Người dân Pskov không bao giờ được phép quên chiến công vĩ đại này của vị công tước thánh Alexander Yaroslavich. "Hỡi những người dân Pskov thiếu hiểu biết! Nếu các ngươi quên đi vị hoàng tử vĩ đại Alexander Yaroslavich, hoặc quay lưng lại với ngài, với con cái ngài và dòng dõi của ngài, thì các ngươi sẽ giống như dân Do Thái, những người mà Chúa đã giải phóng khỏi ách nô lệ ở Ai Cập, nuôi dưỡng họ bằng manna trong sa mạc, nhưng họ lại quên Ngài," – nhà biên niên sử đương thời nói như vậy, khi kết thúc phần mô tả về chiến thắng vinh quang này. Bằng những lời này, ông dường như muốn cảnh báo người dân Pskov đừng lặp lại hành động của những người anh em lớn hơn của họ – người Novgorod, những người đã quá nhanh chóng quên đi chiến thắng trên sông Neva và bộc lộ không chỉ sự vô ơn mà còn cả sự thiếu khả năng thấu hiểu và đánh giá cao chiến công của vị công tước lừng lẫy của họ.

Sau khi long trọng kỷ niệm ngày giải phóng Pskov, vị công tước đạo đức Alexander Yaroslavich cùng các đạo quân của mình vội vã tiến về Novgorod, nơi ngài được chào đón với sự hân hoan và niềm vui không kém gì ở Pskov.

[5765] Khu vực này nằm ở chỗ rẽ từ Hồ Chudskoye sang Hồ Pskovskoye. Tên gọi của nó bắt nguồn từ vô số con quạ thường bay lượn ở đó.

Người dân ở cả hai thành phố biên giới Nga này đã lâu dài ghi nhớ chiến thắng lừng lẫy trên Hồ Chudskoye, và ngay cả vào cuối thế kỷ XVI, họ vẫn không ngừng cầu nguyện và tưởng nhớ tên tuổi những chiến binh đã hy sinh trong trận chiến này. Danh tiếng của người chiến thắng đã lan tỏa xa rộng. Dọc theo bờ biển Varyazhsky[5766] , Biển Đen và Biển Caspi, tại Rome và ở vùng châu Á xa xôi, như nhà sử học đương thời – người viết tiểu sử của vị công tước đáng kính – đã ghi nhận, người ta đã truyền tai nhau về những chiến thắng lừng lẫy của Alexander Yaroslavich.

Trong khi tại Rus người ta long trọng ăn mừng chiến thắng, thì tại Livonia, tin tức về việc lực lượng kỵ sĩ bị đánh tan tác đã nhanh chóng lan truyền và gieo rắc nỗi kinh hoàng cho tất cả mọi người. Người Đức ngày nào cũng lo ngại rằng Hoàng tử Alexander sẽ sớm dẫn quân tiến về thủ đô Riga của Livonia, và họ không hy vọng có thể tự mình đẩy lùi cuộc tấn công của Hoàng tử Nga cũng như bảo vệ thủ đô mới của mình. Thủ lĩnh (chỉ huy) của Dòng Tu Đức vội vàng cử phái đoàn ngoại giao đến gặp vua Đan Mạch và xin ông ta giúp đỡ để chống lại công tước Novgorod.

Nhưng Công tước Alexander, người được kính trọng, hoàn toàn không nghĩ đến và cũng không muốn chinh phục. Sau khi hoàn thành công việc vinh quang của mình, giải phóng Novgorod và Pskov khỏi tai họa đang đe dọa, ông đã trở về Pereyaslavl của mình. Lúc đó, người Đức, khi nghe tin Công tước đã rời khỏi Novgorod, vội vàng cử các sứ giả của họ đến đó và đề nghị ký kết hòa bình cũng như trao đổi tù binh. Họ từ bỏ tất cả các vùng đất đã chiếm được, sẵn sàng nhượng lại cho người Novgorod một phần lãnh thổ giáp ranh với vùng đất Novgorod, chỉ để thuyết phục người Novgorod chấp nhận hòa bình; và hòa bình đã được ký kết "theo ý muốn của toàn thể người Novgorod", tức là theo những điều kiện do chính người Novgorod đề xuất.

Cuộc chiến chống lại người Thụy Điển và người Đức đã kết thúc như vậy.

Đối với người Nga, những chiến thắng tại Nevskaya và Chudskaya có ý nghĩa vô cùng to lớn. Giờ đây, mối đe dọa từ các thế lực ngoại bang nhằm chiếm đoạt các thành phố biên giới của Nga, đặt chúng dưới sự cai trị của mình và ép buộc người dân Nga từ bỏ đức tin Chính thống giáo thiêng liêng để chuyển sang Công giáo đã không còn đáng sợ nữa. Chính Đức Chúa Trời đã phán xét cuộc tranh cãi kéo dài hàng thế kỷ, bảo vệ tổ quốc chúng ta khỏi những mưu mô của người La Mã, chỉ ra ranh giới cho sự bành trướng của quyền lực Đức, và bằng bàn tay quyền năng của vị thánh nhân được Ngài yêu mến – Hoàng tử Alexander, người có đức tin vững vàng – đã nghiêm khắc cảnh báo không được xâm phạm lãnh thổ của người khác và không được động đến thánh vật của người Nga – đức tin Chính thống giáo. Người bảo vệ thánh Nga, vị Công tước Alexander Yaroslavich – người được đồng thời gọi là "bất khả chiến bại" – đã lập nên công lao vĩ đại cho đất nước, và thánh Nga chưa bao giờ và sẽ không bao giờ quên chiến công vĩ đại trần thế này của ngài.

Hai kẻ thù hùng mạnh từ phương Tây đã bị đánh bại và không còn đáng sợ như trước đây nữa. Nhưng một kẻ thù mới, dù không nguy hiểm bằng nhưng lại hung hãn hơn, đã xuất hiện – đó là người Litva, những cuộc cướp bóc tàn phá của họ đã gây ra nhiều đau khổ cho các vùng biên giới phía tây nam của các lãnh địa Novgorod và Pskov.

Dọc theo bờ biển phía đông Biển Baltic, trên đồng bằng giữa cửa sông Vistula và sông Dvina Tây, từ vài thế kỷ trước đã có một bộ tộc Litva sinh sống – những người gần gũi với chúng ta cả về nguồn gốc lẫn ngôn ngữ. Nghèo khó và kém phát triển về mặt trí tuệ, trong những lần đụng độ đầu tiên với người Slav, họ buộc phải thừa nhận sự vượt trội của đối phương, thần phục các công tước Nga ở vùng biên giới và nộp cống nạp cho họ. Vào thời điểm đó, người Litva được chia thành các bộ tộc riêng biệt, thường xuyên xung đột lẫn nhau và không có hệ thống chính quyền cũng như trật tự xã hội. Tuy nhiên, vào đầu thế kỷ XIII, dưới tác động của những cuộc tấn công liên miên từ các hiệp sĩ của Dòng Tu Đức, các bộ tộc Litva vốn trước đó còn phân tán đã bắt đầu hợp nhất. Trong hàng ngũ người Litva xuất hiện những vị công tước hiếu chiến, ngày càng nắm giữ quyền lực và ảnh hưởng lớn hơn trong nước. Ban đầu, các vị công tước Litva đã liên minh với các vị công tước Nga để chống lại kẻ thù chung của họ – người Đức, nhưng sau đó họ lại tấn công cả chính các đồng minh của mình. Với những đội quân nhỏ trên những con ngựa dẻo dai và nhanh nhẹn, họ tiến hành các cuộc cướp bóc vào các vùng biên giới của Nga, gây ra sự tàn phá và giết chóc. Người dân ở các thành phố và làng mạc vùng biên giới của Novgorod và Pskov sống trong nỗi sợ hãi thường trực trước những cuộc tấn công bất ngờ của người Litva; và vì người dân Novgorod và Pskov chủ yếu bận rộn việc chống lại người Đức và người Thụy Điển, nên chủ yếu duy trì quân đội trang bị nặng và rất ít lực

[5766] Trong thời cổ đại, Biển Baltic từng được gọi như vậy.

lượng nhẹ, cơ động – như các xạ thủ – nên họ không thể bảo vệ được các vùng lãnh thổ giáp biên giới với Litva. Người bảo vệ ở đây cũng chính là Công tước Alexander, người có đức tin vững vàng.

Vào mùa hè năm đáng nhớ của Trận chiến trên băng, Novgorod nhận được tin về những cuộc cướp bóc của người Litva, và ngay lúc đó, Hoàng tử Alexander đã bắt đầu cuộc chiến chống lại họ. Chỉ trong một chiến dịch, ngài đã đánh tan được tới bảy đội quân địch, vốn đang hoạt động riêng rẽ tại các khu vực khác nhau. Nhiều thủ lĩnh của các đội quân Litva đã bị các đoàn quân của Công tước Alexander đánh bại hoặc bắt làm tù binh. Lúc này, người Litva bắt đầu, như lời một sử gia đương thời ghi chép, sợ hãi trước danh tiếng của Công tước Alexander, nhưng họ vẫn không muốn chấm dứt các cuộc cướp bóc của mình.

Năm 1245, họ đã tàn phá vùng lân cận Torzhok và Bezhetsk, và với chiến lợi phẩm cùng tù binh thu được, họ đang chuẩn bị trở về quê hương. Nhưng ngay dưới chân tường thành Toropets, họ đã bị lực lượng liên quân gồm người Novotorzh, Tver và Dmitrov truy đuổi; sau khi chịu thất bại trên chiến trường trống trải, họ đã cố thủ trong thành Toropets. Lúc đó, để bảo vệ Toropets cổ kính – lãnh địa của Công tước Mstislav Mstislavich Udaloy – Công tước Alexander, người được dân chúng kính trọng, đã vội vã đến cùng đội quân nhỏ của mình và người dân Novgorod. Ngay trong ngày đầu tiên của cuộc vây hãm, Toropets đã bị quân đội của Công tước Alexander chiếm lại. Quân Litva vội vã tháo chạy khỏi thành phố, nhưng đã bị đội quân của Alexander Yaroslavich đuổi kịp và phải trả giá đắt cho những cuộc cướp bóc của mình. Tám thủ lĩnh của họ đã ngã xuống trong trận chiến; những kẻ còn sống sót, vứt bỏ chiến lợi phẩm cướp được, đã chạy trốn thoát thân.

Nhưng Công tước Alexander không dừng lại ở chiến thắng này. Để răn đe kẻ thù ngạo mạn và bảo vệ biên giới Nga khỏi những cuộc cướp bóc và tàn phá tiếp theo của người Litva, ngài, bất chấp sự miễn cưỡng của người Novgorod trong việc tháp tùng ngài trong cuộc hành quân tiếp theo, đã dẫn theo một đội quân nhỏ của riêng mình truy đuổi kẻ thù. Gần hồ Zhivtsa, ông đã đuổi kịp bọn chạy trốn và tiêu diệt chúng đến người cuối cùng. Sau đó, ông tiến về Vitebsk, nơi cha vợ ông là Bryachislav đang cai trị, và sau một thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi, ông lại tiến quân vào lãnh địa của người Litva, đánh tan lực lượng dân quân mới của chúng gần Usvyat và gieo rắc nỗi kinh hoàng đến mức kẻ thù không dám tấn công các vùng đất Nga trong một thời gian dài.

Đó là cách mà Công tước Alexander Yaroslavich, người có đức tin vững vàng, đã bảo vệ lãnh địa phía tây bắc của mình một cách anh dũng. Nhờ lòng dũng cảm phi thường và tài năng quân sự của mình, ngay cả trong thời kỳ khó khăn đối với nước Nga cổ đại như những năm đầu của ách thống trị của người Tatar[5767] , không chỉ bảo vệ được các vùng đất tây bắc của Nga cổ đại, mà còn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho chúng, đồng thời chứng minh cho kẻ thù phương Tây thấy rằng ngay cả khi bị người Tatar đánh bại, nước Nga vẫn có khả năng bảo vệ sự độc lập và đức tin của mình.

Không chỉ riêng vùng đất Novgorod-Pskov mới hân hoan trước những chiến thắng của vị công tước đạo đức. Tin tức về những chiến thắng ấy lan truyền khắp nước Nga thời bấy giờ, tiếp thêm sức mạnh cho người dân Nga trong giờ phút thử thách cam go, ánh mắt của mọi người đều hướng về vị công tước anh hùng, người gieo mầm hy vọng về một tương lai tươi sáng hơn. Miền Đông Bắc Nga, đang chìm trong ách thống trị của người Tatar, cũng mong muốn không kém gì Novgorod được thấy vị công tước đạo đức Alexander ngồi trên ngai vàng đại công tước tại vùng đất của mình, và họ còn có thể đánh giá cao những hoạt động của ông hơn cả người dân Novgorod.

Các sự kiện năm 1246 đã tạm thời chấm dứt hoạt động của Công tước Alexander tại vùng Tây Bắc nước Nga, buộc ngài phải quay trở lại vùng Đông Bắc. Cũng trong năm đó, cha của Công tước Alexander – Đại công tước Vladimir Yaroslav Vsevolodovich[5768] – đã qua đời một cách thánh thiện tại Đế chế Mông Cổ. Theo truyền thống cổ xưa của Nga, quyền kế vị ngai vàng Đại công tước thuộc về anh trai của vị công tước quá cố – Svyatoslav Vsevolodovich. Nhưng giờ đây, quyền lực tối cao và quyền phân bổ các tước vị công tước đã thuộc về người Tatar, và để được Khan chấp thuận, Sviatoslav phải đích thân đến Đế chế Mông Cổ. Cùng năm đó, các cháu trai của Sviatoslav – Andrei và Alexander Yaroslavich – cũng lên đường đến Đế chế Mông Cổ để triều kiến Khan.

Tin đồn về vị công tước dũng cảm của Novgorod và những chiến thắng lừng lẫy của ông đã lan đến tai khan. Baty muốn gặp vị công tước đức hạnh mà người ta đã nói đến rất nhiều, và ra lệnh cho ông phải lập tức đến Đế quốc Tatar.

[5767] Vào thời điểm đó, vùng Đông Bắc nước Nga hầu như không thể hỗ trợ và giúp đỡ Alexander Yaroslavich trong cuộc chiến chống lại những kẻ thù mạnh như người Thụy Điển, người Đức và người Litva.

[5768] Yaroslav Vsevolodovich đã bị một số kẻ thù của công tước vu khống trước mặt khan. Người Tatars đã đầu độc ông.

"Chúa đã giúp ta chinh phục nhiều dân tộc, vậy mà chỉ có ngươi là không muốn khuất phục sao? Nếu muốn bảo toàn đất đai của mình, hãy đến triều kiến ta," Baty ra lệnh truyền đạt cho Alexander Yaroslavich.

Không thể không tuân theo mệnh lệnh của vị chúa tể đáng sợ này, và vị công tước đạo đức vội vã lên đường đi một chặng đường xa xôi.

Không ai biết điều gì đang chờ đợi ông ở đó. Cha ông từng được tiếp đón với vinh dự tại đó, nhưng sự tiếp đón trang trọng ấy đã phải trả giá bằng hàng loạt sự sỉ nhục và xúc phạm. Các công tước bị ép phải đi qua ngọn lửa thanh tẩy, cúi lạy trước bụi cây, trước bóng ma của các khan đã khuất, v.v. Không phải tất cả các hoàng tử Nga đều đồng ý tuân theo những yêu cầu nhục nhã này đối với một người Kitô hữu, và họ đã phải trả giá bằng mạng sống vì sự bất tuân của mình. Ví dụ về hoàng tử-tử đạo Nga Mikhail Yaroslavich Chernigovsky chắc chắn đã được hoàng tử Alexander, người có đức tin vững vàng, biết đến rất rõ. Tuy nhiên, đồng thời, tấm gương của cha ông cũng cho thấy rằng ngay cả sự vâng lời và việc tuân thủ mọi yêu cầu của các khan cũng không phải lúc nào cũng cứu được mạng sống. Yaroslav Vsevolodovich, người đã được đón tiếp long trọng trong chuyến viếng thăm đầu tiên của ông tới Đế chế Mông Cổ, đã bị người Tatar đầu độc khi ông trở lại lần thứ hai. Và Công tước Alexander, người có đức tin vững vàng, đã quyết định từ chối thực hiện các nghi lễ ngoại đạo, dù sự từ chối đó có thể khiến ông phải trả giá bằng chính mạng sống của mình. Là người bảo vệ dũng cảm cho đức tin Chính thống giáo, là khí cụ của sự đạo đức được Chúa chọn từ thuở thiếu thời, làm sao ông có thể hành động khác được!

Được trang bị những ân sủng thánh thiêng và lời chúc phúc của tổng giám mục, ngài lên đường từ Novgorod đến Đế chế Mông Cổ.

Khi vị công tước đạo đức đến Đế quốc Mông Cổ và khi, trước khi được dâng lên trước mặt Khan, ngài bị ra lệnh phải thực hiện các nghi lễ thông thường của người Tatar, ngài đã từ chối tuân theo mệnh lệnh đó. "Tôi là một Kitô hữu," ngài nói, "và tôi không nên cúi lạy trước loài thụ tạo. Tôi thờ phượng Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa duy nhất, được tôn vinh trong Ba Ngôi, Đấng đã tạo dựng trời, đất và mọi sự trong đó." Câu trả lời điềm tĩnh và cương quyết của vị hoàng tử thánh thiện đã khiến các quan lại trong triều của khan kinh ngạc; nhưng họ còn ngạc nhiên hơn nữa khi Baty, sau khi nghe tin Alexander Yaroslavich từ chối thực hiện các nghi lễ của người Tatar, thay vì ra lệnh "Chết đi, kẻ bất tuân" như thường lệ trong những trường hợp như vậy, lại ra lệnh không được ép buộc vị thánh nhân nữa và nhanh chóng đưa ông đến gặp mình.

"Thưa Đại vương," vị hoàng tử đạo đức quay sang nói với Đại vương, cúi đầu trước ngài, "tôi cúi đầu trước ngài vì Chúa đã ban cho ngài vương quốc này, nhưng tôi sẽ không cúi đầu trước bất kỳ sinh vật nào. Tôi phụng sự một Chúa duy nhất, tôn kính Ngài và thờ phượng Ngài."

Baty đã ngắm nhìn khuôn mặt đẹp đẽ và dũng cảm của Alexander Yaroslavich trong một thời gian dài, và cuối cùng, quay sang các quan lại vây quanh, ông nói: "Người ta đã nói đúng về ông ấy: không có vị công tước nào sánh được với ông ấy." Vị công tước trung thành cũng được hoàng hậu tiếp đón một cách trang trọng.

Baty không phải là một vị vua độc lập, ông chỉ được coi là tổng trấn của Đại Hãn, người đang sống tại Kara-Korum, ở vùng núi ven sa mạc Gobi của châu Á, nằm phía sau hồ Baikal. Sau khi triều kiến vị chúa tể trực tiếp của mình – Đại Hãn của Đế quốc Mông Cổ, các công tước Nga phải lên đường triều kiến vị chúa tể tối cao của người Mông Cổ tại kinh đô xa xôi của ông. Theo lệnh của Baty, vị công tước trung thành Alexander Yaroslavich[5769] cũng phải thực hiện chuyến đi xa xôi và vô cùng gian nan này.

Ông đã được vị chúa tể châu Á tiếp đón nồng hậu và sống một thời gian tại kinh đô của người Mông Cổ, đồng thời quan sát kỹ lưỡng tính cách của những vị chúa tể này đối với nước Nga. Mãi đến năm 1250, Alexander Yaroslavich và em trai ông là Andrei mới trở về nước Nga. Hãn đã trao ngai vàng Đại công tước cho Andrei, còn để lại Kiev và Novgorod cho Alexander Yaroslavich. Tuy nhiên, Kiev – "mẹ của các thành phố Nga", thủ đô cổ xưa nhất của Rus – sau cuộc tàn phá của người Tatar chỉ còn lại những đống đổ nát. Dân cư vùng Kiev đã tản mác chạy trốn khỏi người Tatar, một phần về phía tây nam, đến vùng Galicia ngày nay, một phần về phía đông bắc, đến

---

[5769] Có thể hình dung được sự gian nan của chuyến hành trình này qua những mô tả về các sa mạc Trung Á của các nhà thám hiểm đương đại. "Những khoảng không gian vô tận của thảo nguyên, không có bất kỳ thảm thực vật nào, để lại trong tâm hồn người lữ hành một ấn tượng u ám và nặng nề. Các loài động vật đều bỏ chạy khỏi những sa mạc đáng sợ này. Ngay cả thằn lằn và côn trùng cũng hiếm khi xuất hiện. Dưới chân, người ta thỉnh thoảng bắt gặp xương của những con ngựa, la và lạc đà đã chết. Đất đai nung nóng bởi cái nóng không thể chịu nổi, mặt trời thiêu đốt không thương xót từ lúc mặt trời mọc cho đến khi lặn. Gió nhẹ không làm lay động không khí, không mang lại dù chỉ một phút mát mẻ. Chỉ thỉnh thoảng có cơn lốc nóng thổi qua, cuốn theo những cột bụi muối xoáy tròn. Trong cơn bão, bụi muối này phủ kín những người lữ hành và làm mờ mắt họ".

vùng Vladimir của Rus. Alexander Yaroslavich không có việc gì để làm ở đây, nên sau khi ở lại Vladimir một thời gian, ông đã trở về Veliky Novgorod.

Người dân Veliky Novgorod đã chào đón ông với niềm vui; nhưng niềm vui ấy chẳng bao lâu sau đã bị che phủ bởi nỗi buồn và lo âu: vị công tước đạo đức, kiệt sức vì chuyến hành trình gian nan và những gì ông phải trải qua tại Đế chế Mông Cổ, đã lâm bệnh nặng. Người dân Veliky Novgorod theo dõi diễn biến bệnh tình của vị công tước với sự lo lắng sâu sắc; từ sáng đến tối, các nhà thờ chật kín người dân, họ thành kính cầu nguyện cho sự bình phục của vị công tước đạo đức. Và Chúa đã không từ chối lời cầu nguyện của dân chúng: vị công tước đạo đức đã hồi phục sau cơn bệnh nặng.

Người dân Novgorod giờ đây được hưởng hòa bình. Những người láng giềng phía tây của họ, nhớ đến những chiến thắng lừng lẫy của Alexander Yaroslavich, không dám lặp lại các cuộc tấn công của mình, và chỉ có người Na Uy thỉnh thoảng mới tiến hành các cuộc cướp bóc vào các vùng lãnh thổ biên giới của Novgorod. Hoàng tử đạo đức muốn bảo vệ lãnh địa của mình khỏi các cuộc tấn công của người Na Uy, ông muốn lôi kéo người Na Uy vào liên minh với người Novgorod. Với mục đích này, một phái đoàn ngoại giao đã được cử đến gặp Vua Hakon của Na Uy; đồng thời, phái đoàn này còn được giao nhiệm vụ đề nghị nhà vua thiết lập quan hệ hôn nhân với Alexander Yaroslavich – gả con gái Christina của mình cho con trai Alexander, là Vasily.

Cuộc hôn nhân dự kiến này không thành hiện thực, nhưng mục tiêu chính của phái đoàn đã đạt được: vua Na Uy cũng đã cử các sứ giả đến Novgorod để ký kết hiệp ước với người Novgorod, và kể từ đó, các cuộc tấn công của người Na Uy đã chấm dứt. Ngay sau khi hiệp ước này được ký kết, Alexander Yaroslavich đã vĩnh viễn rời bỏ ngai vàng của Novgorod.

Andrei Yaroslavich, người đã lên ngôi Đại công tước, không có được sự thận trọng cũng như sự khôn ngoan trong việc cai trị mà người anh cả của ông vốn nổi tiếng. Ông ít quan tâm đến việc điều hành đất nước, dành phần lớn thời gian cho các hoạt động giải trí đủ loại, bao quanh mình bằng những cố vấn thiếu kinh nghiệm và không thể hòa hợp với người Tatar. Trong Đế chế Mông Cổ, người ta coi ông như một vị công tước bất tuân, và người kế vị của Baty, là Sartak, đã quyết định trừng phạt vị công tước Nga này. Ông đã điều động các đạo quân của mình dưới sự chỉ huy của Nevryu để tấn công ông. Ngay khi nghe tin quân Tatars đang tiến đến, Andrei Yaroslavich đã bỏ trốn khỏi Vladimir, đầu tiên đến Novgorod, rồi khi người Novgorod từ chối tiếp nhận ông, ông lại chạy sang Thụy Điển[5770] . Chính người dân phải gánh chịu hậu quả từ những hành động thiếu thận trọng của vị đại công tước. Chính vị công tước trung thành Alexander đã đứng ra bảo vệ ông.

Để giải cứu quê hương khỏi sự tàn phá của người Tatar, Alexander Yaroslavich đã lên đường đến Đế chế Tatar và không chỉ thành công trong việc xoa dịu cơn thịnh nộ của Khan, từ đó chấm dứt cuộc tàn sát đang diễn ra tại Rus, mà còn nhận được sắc lệnh từ Khan công nhận tước vị Đại công tước. Từ thời điểm đó, hành trình cống hiến đầy hy sinh của vị công tước đức hạnh dành cho tổ quốc bắt đầu, khi ông dốc hết sức lực để giảm bớt gánh nặng của ách thống trị của người Tatar.

Alexander Yaroslavich không tiếc tiền từ kho bạc công tước của mình để chuộc những người bị bắt làm tù binh, những người đã bị người Tatar đưa đi hàng loạt đến Đế chế Hồi giáo. Ngài cũng quan tâm đến việc đảm bảo những người còn bị giam cầm không bị tước đoạt nguồn an ủi chính trong nỗi đau khổ của họ – đó là cầu nguyện và các nghi lễ thờ phượng. Cùng với Tổng giám mục Kirill, ngài đã xin được sự cho phép của Khan để thành lập một giáo phận Nga tại thủ đô của Đế chế Tatar – Sarai.

Nhưng không chỉ có những người bị bắt làm tù binh mới cần đến sự quan tâm của vị công tước đạo đức. Sau cuộc xâm lược của Nevryuev, vùng Đông Bắc Nga lại một lần nữa bị tàn phá, và vị công tước đạo đức Alexander đã khẩn trương khôi phục các nhà thờ bị phá hủy, tập hợp những người dân đã tản mác, giúp họ ổn định cuộc sống trên những đống tro tàn hoang tàn. Như một người cha, theo lời một người đương thời của vị hoàng tử thánh thiện, ngài đã chăm lo cho dân chúng; và nhờ những nỗ lực đó, sự bình yên và trật tự dần dần được thiết lập trong đại công quốc. Vị hoàng tử thánh thiện không chỉ muốn trấn an dân chúng, mà còn muốn giảm bớt hoàn cảnh khó khăn của họ, làm suy yếu gánh nặng ách thống trị của người Tatar càng nhiều càng tốt.

Mặc dù không thay đổi thể chế nhà nước Nga, cũng như giữ nguyên vẹn đức tin thiêng liêng và cơ cấu giáo hội, người Tatar vẫn áp đặt lên nước Nga một khoản cống nạp nặng nề. Họ lấy đi tất cả những gì tốt đẹp và quý giá nhất, và trong các yêu cầu của mình, họ không hề quan tâm đến việc những người nộp thuế có đủ khả năng chi trả

[5770] Sau đó, Công tước Alexander đã hòa giải Công tước Andrei với Khan. Andrei trở về quê hương và được giao quyền quản lý Suzdal.

số tiền thuế mà họ đòi hỏi hay không. Người Tatar thu thuế theo đầu người, không phân biệt giàu nghèo; những người nộp thuế không đủ khả năng, họ không chút thương xót nào mà bắt về Đế chế và biến thành nô lệ.

Năm 1257, nhằm xác định chính xác hơn nguồn thu có thể thu được từ Rus, người Tatar đã cử các quan chức của họ đến để thống kê toàn bộ dân số Nga. Đại công tước hiểu rõ rằng dù biện pháp này có nặng nề đến đâu, cũng cần phải tuân theo để tránh gây ra sự phản kháng, từ đó dẫn đến những hậu quả tồi tệ hơn từ phía người Tatar. Nhưng không phải ai cũng nghĩ như vậy.

Dưới sự thúc giục của Đại công tước, việc thống kê tại vùng Rus' Vladimir-Suzdal diễn ra trong trật tự, và Alexander vội vã đến Đế quốc Mông Cổ để cầu xin sự khoan dung của Khan, người hài lòng trước sự tuân phục của người dân Rus' và vị Đại công tước của họ. Tuy nhiên, tại Đế chế Mông Cổ, người ta đã quyết định đưa cả Veliky Novgorod vào danh sách thống kê, nơi mà lòng căm thù đối với những kẻ áp bức nước Nga đã phát triển đặc biệt mạnh mẽ. Biết rõ về sự phẫn nộ của người dân Novgorod, Đại công tước trở về quê hương với tâm trạng nặng nề và lo âu. Và những lo ngại của ông đã trở thành sự thật.

Ngay khi người dân Novgorod nghe tin về cuộc điều tra dân số sắp diễn ra, trong dân chúng bắt đầu nổi dậy, họ tổ chức các cuộc họp đại hội và quyết định thà chết còn hơn là tuân theo yêu cầu của Khan. Người dân Novgorod không muốn đồng ý với việc kiểm kê còn vì lý do Novgorod chưa từng bị người Tatars chinh phục, và nhiều người cho rằng chỉ riêng điều đó đã đủ để người Tatars không có quyền định đoạt vùng đất Thánh Sofia theo ý họ. "Chúng ta sẽ chết vì Thánh Sofia và vì các ngôi nhà của các Thiên thần (các tu viện thánh)", – những tiếng hô vang lên trên các đường phố thành phố, và người dân đang chuẩn bị cho cuộc nổi dậy.

Alexander Yaroslavich, nhằm ngăn chặn sự trả thù khủng khiếp của người Tatar đối với Novgorod, đã vội vã đến đây. Ông hy vọng rằng người dân Novgorod sẽ nghe theo lời khuyên sáng suốt của mình. Nhưng ngay trước khi hoàng tử đến, những bất đồng đã nảy sinh trong thành phố: trong khi dân thường muốn chiến đấu chống lại người Tatar, thì những người giàu có lại muốn nộp khoản thuế được yêu cầu để không làm phật lòng cả người Tatar lẫn đại công tước. Alexander Yaroslavich đã tận dụng điều này và nhờ sự cứng rắn của mình, ông đã thuyết phục được người dân Novgorod tham gia cuộc điều tra dân số. Tuy nhiên, sự xuất hiện của các quan chức Tatar cùng những hành vi lạm quyền xảy ra trong quá trình điều tra dân số – không chỉ từ phía người Tatar mà còn từ cả những người Novgorod giàu có – đã một lần nữa khơi dậy phong trào phản kháng tại Novgorod. Lần này, Công tước Vasily Alexandrovich của Novgorod cũng đứng về phía những người bất mãn, nhưng vì sợ cha mình, ông đã trốn chạy đến Pskov.

Công tước Alexander, người được kính trọng, đã ra lệnh bắt giữ người con bất tuân và, sau khi tước bỏ chức vụ công tước Novgorod của anh ta, đã gửi anh ta đến Rus' Suzdal. Những kẻ chủ mưu cuộc nổi loạn cũng bị trừng phạt nghiêm khắc; tuy nhiên, vì ngay cả sau những biện pháp cứng rắn này, người dân Novgorod vẫn không chịu bình tĩnh lại và chấp nhận các yêu sách của Khan, nên Công tước Alexander cùng với quân Tatars đã lập tức rời khỏi Novgorod, để cho chính người dân Novgorod phải đối mặt với cơn thịnh nộ của Khan. Sự ra đi của Đại công tước đã có tác động mạnh mẽ hơn bất kỳ lời thuyết phục nào: người dân Novgorod đã khuất phục, chấp nhận các quan chức của Khan, và nhờ đó, sự tàn phá Novgorod bởi người Tatar đã được ngăn chặn.

Nhưng chưa đầy hai năm trôi qua, tại Rus lại bùng phát các cuộc nổi dậy chống lại những người thu thuế của người Tatar, đe dọa sẽ biến thành cuộc nổi loạn công khai và lan rộng ra hầu hết các thành phố ở vùng đông bắc Rus. Nguyên nhân dẫn đến các cuộc nổi dậy này là do những tình huống sau đây.

Hãn mới – Berke – do những hành vi lạm dụng của các quan thu thuế và việc họ giấu giếm số tiền đã thu được, đã giao việc thu thuế này cho các thương nhân Khiva hoặc người Bessermens. Những người này, tất nhiên, nhằm mục đích trục lợi, đã thu nhiều hơn rất nhiều so với số tiền họ nộp cho khan, và gây ra sự áp bức đối với dân chúng còn nặng nề hơn so với các thu thuế người Tatar trước đây. Người dân không thể chịu đựng được những sự áp bức này, và các cuộc nổi dậy bắt đầu bùng phát ở nhiều vùng khác nhau. Nhưng cuộc nổi dậy này đã lên đến đỉnh điểm khi trong số những người thu thuế xuất hiện một tu sĩ đã bỏ đạo Chính thống giáo tên là Zosima, người không chỉ áp bức đồng bào của mình mà còn ngang nhiên xúc phạm đạo Chính thống giáo. Người dân không thể chịu đựng được những lời xúc phạm này, và tại Yaroslavl, tên phản bội đáng ghét đó đã bị giết; ngay sau đó, cuộc nổi dậy bùng phát ở các thành phố Nga khác thuộc các công quốc Rostov và Suzdal; người dân đã đuổi các thu thuế người Tatar đi, và đánh đập những kẻ đặc biệt đáng ghét trong số họ. Có tin đồn lan truyền rằng chính Đại công tước Alexander đã gửi các văn thư đến các thành phố với nội dung "đánh đuổi người Tatar" và đang chuẩn bị đứng đầu phong trào nhân dân.

Việc trừng trị những người thu thuế của Khan chắc chắn sẽ gây ra sự trả thù khủng khiếp từ phía người Tatar. Một lần nữa, Đại công tước lại phải gấp rút đến Đế chế Hồi giáo (Orda) để ngăn chặn tai họa sắp ập xuống Nga. Một nhiệm vụ nặng nề đang chờ đợi vị Đại công tước trung thành. Nhưng vào thời điểm này, khi tình hình ở vùng đông bắc Nga đang rất căng thẳng, thì ở vùng tây bắc, trong khu vực Novgorod-Pskov, tình hình cũng không mấy ổn định.

Sau Trận chiến trên sông Nev và Trận chiến trên băng, các kẻ thù phương Tây không dám tấn công Rus. Khi nhận ra rằng không thể đánh bại vị anh hùng trên sông Nev, họ quyết định thử một phương thức khác để khuất phục ông.

Năm 1248, Giáo hoàng Innocent IV đã cử một phái đoàn ngoại giao đến gặp Alexander Yaroslavich, do hai vị hồng y học giả là Gald và Gemont dẫn đầu. Trong bức thư mà các sứ giả phải chuyển đến công tước Nga, Đức Giáo hoàng viết: "Chúng tôi đã nghe nói về ngài như một vị công tước kỳ diệu và chính trực, và rằng đất nước của ngài rất rộng lớn, nên chúng tôi đã cử hai hồng y của chúng tôi đến gặp ngài để ngài lắng nghe những lời dạy của họ". Với vẻ ngoài tỏ ra đau buồn vì vùng đất rộng lớn của vị công tước Nga không thuộc quyền cai quản của Giáo hội La Mã, Đức Giáo hoàng đã thuyết phục Alexander Yaroslavich tuân phục quyền lực của ngài và lo việc dẫn dắt dân chúng của mình theo đạo La Mã. Trong khi thuyết phục rằng chỉ trong Giáo hội La Mã mới có thể tìm thấy sự cứu rỗi và đức tin chân chính, Đức Giáo hoàng cũng chỉ ra những lợi ích trần thế mà việc tuân phục quyền lực của Giáo hoàng sẽ mang lại cho vị công tước. Đồng thời, ngài cố gắng trấn an rằng sự phục tùng này sẽ không làm hạ thấp danh dự của vị công tước Nga chút nào; hơn nữa, Đức Giáo hoàng còn nói thêm rằng: "Chúng tôi sẽ coi ngài là người xuất sắc nhất trong số các vị quân vương Công giáo và sẽ luôn nỗ lực hết mình để nâng cao danh tiếng của ngài". Cuối cùng, biết rằng ký ức về cha mình rất quý giá đối với vị công tước sùng đạo, Đức Giáo hoàng đã cố tình đưa ra thông tin sai lệch trong thư của mình, rằng chính Yaroslav Vsevolodovich đã từng bày tỏ mong muốn chân thành là đặt Giáo hội Nga dưới quyền Đức Giáo hoàng và rằng chỉ có cái chết quá sớm của Yaroslav mới cản trở ông thực hiện ý định đó.

Nhưng tất cả những mưu mẹo này của Đức Giáo hoàng đều không mang lại kết quả nào. Trước bức thư dài của Innocent, Alexander Yaroslavich đã đưa ra một câu trả lời rất ngắn gọn nhưng đồng thời vô cùng thuyết phục: "Những gì đã xảy ra từ khi tạo dựng thế giới cho đến Đại hồng thủy, từ Đại hồng thủy cho đến khi các ngôn ngữ bị phân chia và cho đến Áp-ra-ham, từ Áp-ra-ham cho đến khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập và vượt qua Biển Đỏ, cho đến khi Vua Đa-vít qua đời, từ khi Vua Sa-lô-môn lên ngôi cho đến thời Hoàng đế La Mã Au-gút, người dưới triều đại của ông, Đấng Cứu Thế Giê-su Ki-tô đã ra đời, cho đến cuộc khổ nạn, sự phục sinh và sự thăng thiên của Chúa, cho đến Công đồng Đại kết lần thứ nhất và bảy Công đồng Đại kết còn lại – tất cả những điều này chúng tôi đều biết rõ, và chúng tôi không cần cũng như không chấp nhận giáo lý của các ngài."

Các Giáo hoàng cũng không chịu thua: họ bắt đầu huy động người Thụy Điển và các hiệp sĩ chống lại vị công tước Nga bất tuân; nhưng những cuộc chinh phạt mới này cũng không thành công.

Năm 1256, người Thụy Điển lại cố gắng chiếm lại bờ biển Phần Lan, và liên minh với người Đan Mạch cùng với Eym[5771] , họ bắt đầu xây dựng một pháo đài trên sông Narva. Lúc đó, người Novgorod đã cử sứ giả đến Đại công tước để xin viện trợ, đồng thời ra lệnh huy động quân đội trong lãnh địa của mình; kẻ thù, hoảng sợ trước những chuẩn bị này, vội vã rút lui ra biển. Vào mùa đông, vị Đại công tước đạo đức đã đến Novgorod và cùng với người dân Novgorod cùng các đạo quân của mình tiến quân đến Em, thuộc Phần Lan, nhằm răn đe người Phần Lan và ngăn chặn khả năng xảy ra các cuộc tấn công tiếp theo vào các vùng biên giới của Novgorod. Hành trình qua vùng đất lạ lẫm vô cùng gian nan: vì bão tuyết, quân đội không phân biệt được ngày hay đêm; nhưng bất chấp những khó khăn, cuộc hành quân đã rất thành công: người Nga đã tàn phá vùng đất của người Em, và kẻ thù không dám nghĩ đến việc chống cự.

Năm 1262, các cuộc đụng độ thù địch với người Đức bắt đầu. Đại công tước đang chuẩn bị cho cuộc chinh phạt người Đức, nhưng cuộc nổi loạn chống lại người Tatar đã buộc ông phải gấp rút đến Đế chế Tatar. Quân đội Nga dưới sự chỉ huy của em trai Đại công tước, Yaroslav, và con trai ông, Công tước Dimitri Alexandrovich, lần này cũng đã giành được một loạt chiến thắng lẫy lừng: thành phố Yuryev, một thành phố cổ của Nga, do Đại công tước Yaroslav the Wise xây dựng, đã bị chiếm đóng, và quân đội đã trở về Novgorod với chiến lợi phẩm dồi dào cùng rất nhiều tù binh.

[5771] Emi – một bộ tộc Phần Lan.

Trong khi đó, Đại công tước Alexander, người có đức tin vững vàng, đã đến được Đế chế Mông Cổ an toàn, và Chúa đã giúp ngài xoa dịu cơn giận của vị Khan. Vị Khan này không chỉ tha thứ cho người Nga vì đã đánh đập các quan thu thuế của người Tatar, mà theo lời thỉnh cầu của Đại công tước thánh Alexander, còn ban cho họ một ân huệ mới – miễn trừ nghĩa vụ nặng nề phải phục vụ trong các trung đoàn quân đội của người Tatar[5772] .

Hoàng tử đạo đức vội vã trở về quê hương với tin mừng. Nhưng người dân Nga đã không thể nghe được tin mừng này trực tiếp từ chính miệng hoàng tử. Đó đã là chiến công cuối cùng của hoàng tử đạo đức. Mệt mỏi vì chặng đường gian nan và những lo âu mà ngài phải trải qua, Hoàng tử Alexander Yaroslavich trên đường trở về từ Đế chế Mông Cổ đến Gorodets[5773] đã lâm bệnh nặng. Cảm nhận trước cái chết thanh thản của mình, ngài đã triệu tập các bạn đồng hành và nói với họ những lời chia tay cuối cùng, khiến tất cả đều rơi những giọt nước mắt đắng cay khi nghĩ đến sự mất mát sắp xảy ra. Sau đó, vị công tước đạo đức đã gọi vị tu viện trưởng đến và nhận lễ xuất gia, đổi tên công tước của mình thành tên tu sĩ – Alexei. Sau khi rước các Bí tích Thánh và từ biệt các tu sĩ xung quanh, vị hoàng tử-tu sĩ đạo đức đã lặng lẽ ra đi về cõi vĩnh hằng, phó thác linh hồn trong sạch của mình cho Chúa, Đấng mà ngài đã phụng sự một cách nhiệt thành trong cuộc đời trần thế. Đó là ngày 14 tháng 11 năm 1263. Ngài qua đời khi còn đang trong độ tuổi xuân xanh, chưa đầy 45 tuổi. Dù bất khả chiến bại trên chiến trường, ngài đã kiệt sức dưới gánh nặng của vương miện đại công tước, thứ mà vào thời kỳ khó khăn đó của nước Nga thực sự là một vương miện gai góc, đòi hỏi sự căng thẳng liên tục về sức lực và đổi lại chỉ mang đến cho đại công tước những nỗi buồn phiền và lo âu.

Tại Vladimir, người ta sớm biết tin về sự ra đi thanh thản của Đại công tước, trước cả khi các sứ giả đặc biệt từ Gorodets đến nơi. Chúa đã kỳ diệu tiết lộ điều này cho vị thánh của Vladimir lúc bấy giờ, Tổng giám mục toàn Nga Kirill.

Khi Đức Tổng Giám mục, được các linh mục vây quanh, dâng lên những lời cầu nguyện nồng nhiệt cho nước Nga thánh thiện và cho Đại công tước của đất nước, ngài đã được ban cho một thị kiến kỳ diệu như sau: ngài thấy các Thiên thần của Chúa đang đưa linh hồn thanh thản của Đại công tước Alexander, người có đức tin vững vàng, lên trời. Bị ấn tượng sâu sắc bởi thị kiến này, vị thánh im lặng một lúc, rồi bước lên bục giảng và thông báo tin buồn cho những người đang cầu nguyện: "Hỡi anh em, hãy biết rằng mặt trời của đất nước Nga đã lặn rồi ". Khi dân chúng nghe những lời này với vẻ bối rối, vị thánh, sau khi im lặng một lát, đã giải thích ý nghĩa của những lời mình vừa nói: "Hôm nay, Hoàng tử Alexander Yaroslavich, người có đức tin vững vàng, đã qua đời." Sự kinh hoàng bao trùm tất cả mọi người trước tin buồn này. Nhà thờ vang lên những tiếng khóc than và tuyệt vọng; "Chúng ta sắp chết rồi," – những người đang cầu nguyện đồng thanh lặp lại. Nỗi đau buồn sâu sắc mà sự ra đi của vị Đại công tước đạo đức đã gây ra có thể được thấy qua những lời của một người cùng thời với vị thánh công tước, người đã mở đầu bài tường thuật về sự ra đi của ngài như sau:

"Khốn khổ thay cho ngươi, hỡi người khốn khổ! Làm sao ngươi có thể miêu tả được sự ra đi của chủ nhân mình! Làm sao tròng mắt ngươi không rơi ra khỏi hốc mắt cùng với những giọt nước mắt! Làm sao trái tim ngươi không vỡ tan vì nỗi buồn cay đắng! Con người có thể quên cha mình, nhưng không thể quên một chủ nhân tốt bụng; nếu có thể, người ta sẽ nằm xuống cùng ngài trong quan tài."

Tất cả những người chứng kiến sự kiện đau buồn này cũng đều trải qua cảm xúc tương tự. Ngay khi người dân Vladimir nghe tin thi hài của vị công tước đạo đức đang tiến gần đến thành phố, tất cả đều đổ xô ra đón. Tổng giám mục Kirill cùng với các giáo sĩ đã đón thi hài của vị công tước quá cố tại Bogolyubov. Một đám đông vô số người – giàu có lẫn nghèo khó, người lớn lẫn trẻ em – đã tràn ngập khắp vùng lân cận. Và ngay khi quan tài xuất hiện, tất cả đều ùa tới một cách không kìm nén được, ai nấy đều cố gắng hôn lên chiếc quan tài chứa thi hài của vị công tước đạo đức. Tiếng khóc than của dân chúng vang dội khắp nơi: không ai nghe thấy tiếng của các linh mục và ca đoàn; theo lời một nhân chứng đương thời, dường như tiếng rên rỉ và la hét ấy có thể làm rung chuyển cả mặt đất.

Ngày 23 tháng 11, tại Nhà thờ Chính tòa Vladimir, Đức Tổng Giám mục cùng các linh mục đã long trọng cử hành nghi thức an táng trước sự chứng kiến của đông đảo dân chúng. Chúa đã ban sự an ủi cho những người đang than khóc trước sự ra đi của vị công tước đạo đức. Trong lúc cử hành nghi thức an táng, một phép lạ đã xảy ra.

[5772] Vào thời điểm đó, một cuộc chinh phạt vào sâu trong lục địa Á châu đang được chuẩn bị, trong đó tất cả các dân tộc thuộc quyền cai trị của khan đều phải tham gia.

[5773] Gorodets trên sông Volga – một làng thuộc tỉnh Nizhny Novgorod.

Khi quản gia của Tổng Giám mục Kirill, ông Sevastian, tiến lại gần quan tài và định mở bàn tay của người quá cố ra để Tổng Giám mục có thể đặt vào đó "thư từ biệt" (lời cầu nguyện ban ân xá), thì vị hoàng tử đạo đức, như thể còn sống, tự mình giơ tay ra, nhận lấy cuộn giấy và sau đó lại chắp hai tay thành hình thánh giá trên ngực. Một sự kinh ngạc đầy kính sợ bao trùm tất cả những người có mặt. Mọi người đều ngạc nhiên và ngợi khen Chúa, Đấng đã ban cho dấu hiệu kỳ diệu như vậy. Sau khi trang trọng rước quan tài chứa thi hài của vị hoàng tử đạo đức, họ đã an táng ngài tại nhà thờ Giáng Sinh Đức Mẹ trong tu viện.

Về phép lạ xảy ra trong lễ an táng, theo lệnh của Tổng Giám mục Kirill, tin tức đã được truyền đi khắp nơi, và như vậy, trên khắp nước Nga sùng đạo, nơi đang thương tiếc vị hoàng tử bảo hộ của mình – người đã hy sinh mạng sống vì nước Nga thánh thiện – cùng với tin buồn về sự ra đi quá sớm của ngài, tin an ủi cũng lan truyền rằng, qua hình ảnh của Hoàng tử Alexander trung thành, nước Nga đã có được một vị cầu nguyện và người bảo trợ mới trước ngai vàng của Đấng Tối Cao. Tin tức này đã mang lại biết bao sự an ủi cho những tâm hồn đau buồn của người dân Nga, những người đang lo âu nhìn về tương lai gần!

Cả cuộc đời của Hoàng tử Alexander Yaroslavich, người có đức tin vững vàng, đã được cống hiến cho việc phụng sự Tổ quốc. Bằng lòng dũng cảm vô song và những chiến công quân sự, ngài đã bảo vệ lãnh địa phía tây bắc của mình khỏi những tham vọng liên tục của các dân tộc Công giáo phương Tây; bằng sức mạnh của thanh gươm và sự khôn ngoan, ngài đã bảo vệ Giáo hội Chính thống khỏi các cuộc tấn công của người La Mã và khỏi những mưu đồ của các Giáo hoàng La Mã; bằng sự thận trọng và chính sách cai trị khôn ngoan, ngài đã làm nhẹ bớt ách nô lệ nặng nề của người Tatar, giúp người dân Nga chịu đựng nó một cách bình tĩnh hơn, củng cố niềm tin của họ vào sức mạnh của nước Nga, và gieo mầm hy vọng về những ngày tươi sáng hơn; đồng thời buộc chính những kẻ chinh phục phải đối xử với đất nước bị chinh phục và vị công tước của nó bằng sự tôn trọng. Sự cống hiến vĩ đại của vị công tước đạo đức này đã được một nhà biên niên sử đương thời mô tả một cách tuyệt vời bằng những lời sau: "Ngài đã cống hiến hết mình vì đất nước Nga, vì Novgorod, vì Pskov, vì toàn bộ vương quốc vĩ đại, hy sinh cả cuộc đời mình, và vì đức tin Chính thống giáo".

Nhưng ngay cả sau khi qua đời, vị công tước đức hạnh Alexander Yaroslavich vẫn không ngừng cống hiến vĩ đại của mình cho đất nước Nga; ngài luôn là người bảo trợ và là người trợ giúp kịp thời trong những thời khắc khó khăn nhất của tổ quốc chúng ta.

Hơn hai trăm năm sau khi vị công tước đạo đức qua đời, quê hương chúng ta phải gánh chịu ách thống trị nặng nề của người Tatar. Đất nước đã phải chịu đựng biết bao tai ương và mối đe dọa từ người Tatar, cho đến khi dưới sự cai trị sáng suốt của các hậu duệ của Hoàng tử Alexander, các Hoàng tử Moscow[5774] , đất nước đã trở nên vững mạnh, đứng lên đấu tranh chống lại những kẻ áp bức và không chỉ lật đổ ách thống trị của chúng, mà còn đưa các vương quốc Tatar từng một thời hùng mạnh vào vòng quyền lực của mình. 120 năm sau khi Công tước Alexander qua đời, dưới thời Đại công tước Dmitri Ivanovich Donskoy của Moscow, người Nga lần đầu tiên giành chiến thắng trước người Tatar trên bờ sông Don[5775] . Chiến thắng này đã phải trả giá rất đắt đối với người Nga, nhưng nó cũng vô cùng quý giá đối với họ, vì nó đã nâng cao tinh thần dân tộc và gieo rắc niềm tin rằng thời kỳ thống trị của người Tatar đang dần lụi tàn. Và vào khoảnh khắc lịch sử quan trọng này, vị thánh bảo trợ trên trời của nước Nga thánh thiện, Hoàng tử Alexander Yaroslavich, đã xuất hiện để cứu giúp. Đây là những gì được ghi lại trong cuốn tiểu sử cổ xưa về vị công tước đạo đức này, kể về sự giúp đỡ kỳ diệu mà ngài đã dành cho người thân của mình, Đại công tước Dimitri Ivanovich.

Tại tu viện Đức Mẹ Đồng Trinh ở Vladimir, nơi lưu giữ di cốt của vị công tước đạo đức, một tu sĩ kính sợ Thiên Chúa, người đã sống một cuộc đời tu hành đạo đức, vào ban đêm tại tiền sảnh nhà thờ, đã khóc lóc cầu nguyện với Chúa để giải thoát nước Nga khỏi các đạo quân của thủ lĩnh người Tatar Mamai. Trong lời cầu nguyện của mình, ông đã kêu cầu Đại công tước Dimitri và Công tước Alexander, người có đức tin vững vàng, đến giúp đỡ. Và trong lúc cầu nguyện, ông thấy những ngọn nến trước quan tài của vị công tước đạo đức bỗng tự bốc cháy, sau đó hai vị tu sĩ cao niên uy nghiêm bước ra từ bàn thờ, tiến lại gần lăng mộ của vị thánh và nói: "Hãy đứng dậy, mau đến giúp đỡ người thân của ngài, vị công tước đạo đức Dimitri Ioannovich." Và vị hoàng tử thánh Alexander lập tức đứng dậy và biến mất khỏi tầm nhìn. Bị choáng ngợp trước phép lạ này, vị tu sĩ im lặng; và chỉ sau khi biết

---

[5774] Người khai sinh ra dòng dõi các công tước Moscow là Daniil Alexandrovich, con trai út của Thánh Alexander Nevsky.

[5775] Đại công tước Moskva Dimitri Ivanovich Donskoy trị vì từ năm 1363 đến năm 1389. Trận chiến Donskoy nổi tiếng với người Tatars, nhờ đó mà đại công tước được gọi là Donskoy, đã diễn ra vào ngày 8 tháng 9 năm 1380.

rằng chính vào lúc đó đã diễn ra chiến thắng vinh quang trên sông Don, ông mới báo cáo về thị kiến của mình cho vị thánh Vladimir. Theo lệnh của Đức Giám mục, ngay lúc đó, thi hài của vị công tước đạo đức đã được kiểm tra và được phát hiện vẫn còn nguyên vẹn, không hề hư nát. Rất nhiều người bệnh tật đã cầu nguyện với vị thánh mới được tôn vinh này, và tại nơi an nghỉ thi hài thánh của ngài, đã xảy ra vô số trường hợp được chữa lành.

Chiến thắng lừng lẫy trên sông Don, một trong những khoảnh khắc vui mừng nhất trong cuộc đời tổ tiên chúng ta vào thời kỳ đen tối dưới ách thống trị của người Tatar, vẫn chưa giải phóng nước Nga khỏi ách thống trị ngoại bang. Đế chế Horda đã bị suy yếu, nhưng nước Nga cũng chưa đủ mạnh để bảo vệ độc lập của mình. Sự thống trị của người Tatar vẫn tiếp diễn, chỉ là nó đã mất đi bản chất như trước đây. Chính người Tatar cũng nhận ra rằng các công tước Moscow đã xây dựng từ những công quốc Nga vốn trước đây phân tán thành một nhà nước thống nhất và hùng mạnh, nhà nước này chắc chắn sẽ tận dụng sức mạnh của mình, cũng như những mâu thuẫn và chia rẽ đang diễn ra lúc bấy giờ trong hàng ngũ người Tatar, khiến sức mạnh trước đây của họ suy yếu. Một trăm năm đã trôi qua kể từ chiến thắng trên sông Don, và cháu cố của Dimitri Ivanovich Donskoy, Đại công tước Ioann III, đã thành công trong việc lật đổ ách thống trị của người Tatar mà không cần đến chiến tranh, giải phóng Rus khỏi sự cai trị kéo dài hai thế kỷ của người Á châu. Giờ đây, mối quan hệ trước đây giữa người Nga và người Tatar đã thay đổi hoàn toàn. Nước Nga, dưới triều đại của Đại công tước Alexander Nevsky – người từng là chư hầu tuân phục của Khan Tatar – nay bắt đầu cuộc tiến công chống lại người Tatar và dần dần đưa họ vào vòng kiểm soát của mình. Những vương quốc Tatar từng một thời hùng mạnh lần lượt sáp nhập vào lãnh thổ nước ta, và chỉ còn lại trong ký ức dân gian những mảnh vụn hồi ức về sự thống trị của những kẻ ngoại bang đã bị chinh phục đối với nước Nga. Trong cuộc đấu tranh kéo dài và kiên cường này với người Tatar, tổ quốc chúng ta vẫn không bị bỏ rơi, luôn được sự giúp đỡ và che chở của vị bảo hộ trên trời – Công tước Alexander Nevsky.

Năm 1552, khi lên đường chinh phạt vương quốc Kazan, Sa hoàng Ioann Vasilievich đã cầu nguyện tại Vladimir trước hòm thánh tích của Công tước Alexander, người có đức tin vững vàng, để cầu xin sự giúp đỡ của ngài. Như để đảm bảo cho sự giúp đỡ của mình, Công tước đã hiện ra một phép lạ như sau.

Cùng với Sa hoàng, các quý tộc của ông cũng cầu nguyện, trong đó có người sau này sẽ ghi chép lại những phép lạ của vị Công tước đáng kính. Khi ông cùng những người khác chạm tay vào di cốt của vị thánh, ông đã đưa ba ngón tay của bàn tay đang bị bệnh vào khe hở của hòm đựng di cốt. Ông cảm thấy như thể mình đã nhúng chúng vào một loại dầu thơm nào đó, và khi rút tay ra, căn bệnh trước đó đã biến mất hoàn toàn. Tất cả những người chứng kiến phép lạ chữa lành kỳ diệu này đều kính cẩn ca ngợi Công tước Alexander, người đã được Chúa ban ân sủng chữa lành, và với niềm hy vọng vào sự giúp đỡ của ngài, họ tiếp tục lên đường.

Cuộc chinh phạt Kazan đã kết thúc tốt đẹp. Vương quốc Tatar, nằm gần Moscow và suốt một thế kỷ qua đã gây rối loạn các vùng biên giới Nga bằng những cuộc cướp bóc, đã khuất phục trước Sa hoàng Moscow. Tại chính nơi và xung quanh các thánh đường Hồi giáo của người Tatar, những nhà thờ thánh đã mọc lên; việc rao giảng Phúc Âm của Thánh đã bắt đầu tại vùng đất Hồi giáo này, và tổ tiên chúng ta đã có thể yên tâm hướng về tương lai. Tiếp theo Kazan, một vương quốc Tatar khác – Astrakhan – cũng được sáp nhập, và "nữ hoàng của các con sông Nga" – sông Volga, với những tài nguyên phong phú dọc theo toàn bộ chiều dài của nó, nay đã trở thành con sông của Nga. Người Nga đã bắt đầu mở rộng quyền lực của mình một cách thành công ở Viễn Đông, tại Siberia, dần dần tiến về phía bờ biển Đại Tây Dương. Nhưng ở phía nam, tại Crimea, vẫn còn một kẻ thù mạnh mẽ – người Tatar Crimea, mà Nhà nước Nga đã phải đấu tranh trong một thời gian dài[5776] . Là đồng minh của Sa hoàng Moscow trước khi Kazan và Astrakhan sáp nhập vào Moscow, giờ đây, khi thấy sức mạnh của Nga ngày càng tăng, Khan Crimea đã bắt đầu cuộc chiến chống lại nước Nga, cuộc chiến càng nguy hiểm hơn đối với chúng ta vì ông ta được sự ủng hộ của người bảo vệ tối cao của đạo Hồi – Sultan Thổ Nhĩ Kỳ. Và trong suốt cuộc chiến này, vị thánh bảo trợ của nước Nga – Công tước Alexander Yaroslavich – vẫn không ngừng ban phát sự trợ giúp của mình.

Năm 1571, trong cuộc tấn công Moscow của Khan Devlet Giray thuộc Crimea, tại Vladimir, vị tu sĩ cao niên Antony của Tu viện Rozhdestvensky – một người chuyên cầu nguyện và ăn chay – trong lúc cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ để xin xua đuổi cuộc xâm lược khủng khiếp của Khan khỏi quê hương, đã được ban cho một thị kiến kỳ diệu như sau. Trong lúc ông đang đau buồn trước những tai họa ập xuống quê hương, bỗng nhiên ông nhìn thấy hai chàng trai trẻ mặc áo sáng màu, cưỡi những con ngựa trắng lao đến tu viện với tốc độ như tia chớp. Sau khi xuống ngựa, họ để ngựa lại trước cổng tu viện, rồi bước vào nhà thờ (đó chính là hai vị công tước thánh

[5776] Năm 1783, Nữ hoàng Catherine II

thiện Boris và Gleb). Lão tu Antony đi theo sau họ. Ngay khi hai vị công tước thánh thiện bước vào nhà thờ, cánh cửa hoàng gia mở ra và những ngọn nến bừng sáng. Tiến đến bên quan tài của vị công tước thánh thiện Alexander, các thánh Boris và Gleb nói với ông những lời sau: "Hãy đứng dậy, anh em của chúng ta, Đại công tước Alexander, chúng ta hãy nhanh chóng đến giúp đỡ người thân của chúng ta, vị vua đạo đức Ioann Vasilievich." Alexander đạo đức lập tức đứng dậy và cùng với họ bước ra khỏi nhà thờ đến cổng tu viện. Tại đó có ba con ngựa trắng đã được chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc chiến, và hai vị công tước đạo đức đã cưỡi lên những con ngựa đó. Trước khi lên đường, họ nói: "Chúng ta hãy đến nhà thờ chính tòa Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và rủ các người thân của chúng ta, các vị công tước đạo đức Andrei[5777] , Vsevolod[5778] , Georgy[5779] và Yaroslav[5780] , đi cùng."

Vị tu sĩ già đi theo họ. Và tại đây, cũng như trong nhà thờ tu viện, khi các vị hoàng tử thánh thiện bước vào, cổng hoàng gia bỗng mở ra, các vị hoàng tử đức tin đứng dậy khỏi lăng mộ của mình và một cách kỳ diệu bay qua tường thành, hướng về Rostov với những lời sau: "Chúng ta hãy đến Rostov gặp hoàng tử Peter[5781] , để ngài cũng giúp đỡ chúng ta". Chính nhờ sự trợ giúp của những chiến binh thiên giới này mà chiến thắng trước Khan Crimea đã được giành được.

Đó là cách hoàng tử Alexander Yaroslavich, người có đức tin, đã bảo vệ tổ quốc khỏi người Tatar; cả cuộc đời trần thế của ngài đều dành trọn cho mối quan tâm đó – bảo vệ nước Nga thánh thiện khỏi kẻ xâm lược đáng sợ.

Là vị bảo trợ trên trời của Nhà nước Nga, người đã nổi bật trong cuộc đời bởi lòng từ bi vĩ đại, luôn giúp đỡ mọi người khốn khó và đau khổ, Hoàng tử Alexander đức tin ngay cả sau khi qua đời vẫn không ngừng ban phát ân sủng cho tất cả những ai đang cần giúp đỡ và thành kính cầu nguyện xin ngài trợ giúp. Tại nơi an nghỉ thiêng liêng của thánh tích ngài, những người bệnh tật được chữa lành, những người đau buồn và oán hận – nhận được sự an ủi và giúp đỡ đầy ân sủng. Không phải tất cả những phép lạ này đều được ghi chép lại, nhưng ngay cả phần nhỏ bé trong số đó, được các nhà biên niên sử cổ đại của vị hoàng tử thánh mô tả, đã cho thấy rõ ràng rằng nguồn suối chữa lành và phép lạ dồi dào đã tuôn trào từ thi hài thánh của Hoàng tử Alexander, người có đức tin vững vàng, và rằng nước Nga thánh thiện đã có được một bình chứa quý giá của ân sủng Thiên Chúa trong vị bảo trợ và lãnh tụ trên trời của mình. Nhiều lần, ngay cả trước khi lễ kính Thánh Alexander được thiết lập, các tu sĩ của Tu viện Giáng Sinh đã được chứng kiến những điềm báo từ trời, báo trước sự thánh thiện và lòng trung thành với Chúa của vị hoàng tử đạo đức; không chỉ một lần, cả họ, tu viện và thành phố Vladimir đều nhận được sự trợ giúp từ trời của vị hoàng tử thánh thiện.

Năm 1491, tại Vladimir đã xảy ra một trận hỏa hoạn kinh hoàng, trong đó ngôi thánh đường nơi lưu giữ di cốt của vị công tước đức tin Alexander cũng bị thiêu rụi. Trong trận hỏa hoạn đó, những người đang cầu nguyện đã nhìn thấy vị công tước đạo đức dường như đang cưỡi ngựa bay lên trời. Và sau trận hỏa hoạn, người ta phát hiện ra rằng mặc dù toàn bộ phần bên trong nhà thờ đã bị thiêu rụi, nhưng di cốt của vị công tước đạo đức vẫn không bị lửa làm hư hại.

Năm 1541, sau lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, khi lễ chiều vừa kết thúc, trước hòm thánh tích của Hoàng tử Alexander, những ngọn nến bỗng tự bốc cháy, và nhiều tu sĩ cùng những người cầu nguyện đã chứng kiến cảnh tượng này với sự ngạc nhiên. Người phụ trách lễ nghi của tu viện, vì tính chất đơn sơ của mình, không nhận ra điều gì bất thường ở đây, nên đã tiến lại và dập tắt những ngọn nến. Sau đó, họ báo cáo sự việc này với vị trụ trì, Archimandrite Evfrosin, và khi ngài đến gần ngôi mộ và sờ vào một trong những ngọn nến, ngài nhận thấy từ ngọn nến đó tỏa ra một loại hơi ấm đặc biệt. Mọi người đều hiểu rằng phép lạ này là một dấu hiệu đặc biệt về sự thánh thiện của Hoàng tử Alexander.

Tu sĩ David, một vị trưởng lão tại Tu viện Rozhdestvensky, đã bị bệnh nặng và kéo dài. Nằm trên giường và rơi nước mắt, ông cầu nguyện với Hoàng tử Alexander để được chữa lành. Chẳng bao lâu sau, ông cảm thấy nhẹ nhõm hơn và càng cầu nguyện nhiệt thành hơn. Khi kết thúc lời cầu nguyện, ông đã được chữa lành hoàn toàn khỏi căn bệnh của mình.

[5777] Andrei Yuryevich, Đại công tước Vladimir (1169–1174).

[5778] Vsevolod III, Đại công tước Vladimir (1176–1212)

[5779] Georgy hay Yuri Vsevolodovich, chú của Công tước Alexander, Đại công tước Vladimir (1219–1238).

[5780] Yaroslav Vsevolodovich, cha của Công tước Alexander, Đại công tước Vladimir từ năm 1238 đến năm 1246.

[5781] Thánh Phêrô, hoàng tử của Đế quốc Mông Cổ, cháu trai của Khan Berke, đã bị lay động bởi những lời giảng của Giám mục Kirill của Rostov, người đang có mặt tại Đế quốc Mông Cổ, nên đã bí mật rời khỏi gia đình để đến Rostov và chịu phép rửa tội. Ngài qua đời vào năm 1290, sau khi đã nhận lễ xuất gia trước khi qua đời. Ngày kỷ niệm của ngài được tổ chức vào ngày 29 tháng 6.

Một tu sĩ khác của cùng tu viện, họ Krasovtsev, đã bị liệt trong một thời gian dài. Người ta đưa ông đến gần hòm thánh tích của Công tước Alexander, và khi ông nhìn vào đó với lòng xúc động, rơi những giọt nước mắt ấm áp và nhớ lại những tội lỗi của mình, ông cảm thấy sức mạnh đã trở lại trong các chi thể bị liệt của mình, và chẳng bao lâu sau, ông đã hoàn toàn bình phục.

Tu sĩ Terentius từng bị quỷ ám. Khi ông được dẫn đến hòm thánh tích của vị công tước đạo đức và mọi người cầu nguyện cho ông, ông lập tức trở nên hiền lành và bắt đầu thành kính tạ ơn Thiên Chúa cùng vị thánh nhân của Ngài vì sự chữa lành.

Các nhà biên niên sử cổ đại còn ghi chép nhiều hơn nữa về những trường hợp chữa lành đã xảy ra đối với những người thế tục thuộc các tầng lớp và lứa tuổi khác nhau.

Một người con trai của một quý tộc, Semen Zabelin, sống tại Pskov, bị bệnh nặng đến mức không thể cử động tay chân và hoàn toàn không thể ăn uống được. Với lòng tin sâu sắc vào Công tước Alexander, người mà tại Pskov cổ xưa luôn được lưu giữ những kỷ niệm đầy kính trọng – anh đã xin người nhà đưa mình đến Vladimir để cầu nguyện trước hòm thánh tích của vị Công tước, và tại đó, trong lúc cầu nguyện, anh đã được chữa lành khỏi căn bệnh của mình.

Một người con trai khác của một quý tộc, Golovkin, cũng mắc phải căn bệnh tương tự, không còn hy vọng khỏi bệnh và chỉ nghĩ đến cái chết. Anh ta đã chia hầu hết tài sản của mình cho các bác sĩ, nhưng việc điều trị không mang lại bất kỳ sự giúp đỡ hay lợi ích nào. Và nhờ sự cầu bầu của Công tước Alexander, trước hòm thánh tích của ngài, anh đã nhận được từ Chúa điều mà y học không thể ban cho: sự chữa lành hoàn toàn khỏi căn bệnh nan y của mình.

Từ một ngôi làng thuộc huyện Vladimir, người ta đã đưa một người phụ nữ bị liệt đến và đặt bà trên bậc thềm gần thi hài thánh của vị Công tước đạo đức. Trong lúc đang cầu nguyện tha thiết với vị thánh của Chúa để xin được chữa lành, bà bỗng cảm nhận được rằng vị Công tước thánh, đã hiện ra một cách kỳ diệu trước mặt bà, nắm lấy tay bà và nâng bà dậy khỏi giường bệnh.

Một quý tộc ở Vladimir tên là Maksim Nikitin có một người con trai là thiếu niên Ioann – bị câm và liệt. Với lòng tin tưởng vào vị Công tước thánh thiện, cha mẹ đã đưa đứa con bất hạnh của mình đến Tu viện Giáng Sinh, và tại đây, cậu đã được chữa lành.

Nhiều người đã được chữa lành khỏi bệnh mù nhờ sự cầu bầu của vị Công tước thánh thiện Alexander. Chẳng hạn, một người mù tên là David Iosifov, đến từ thành phố Vladimir, trong lúc đang nghe đọc Phúc Âm tại nhà thờ, bỗng nhiên nhìn thấy ánh sáng. Vô cùng xúc động trước tia hy vọng chữa lành bừng sáng trong tâm hồn, ông đã dâng lời cầu nguyện tha thiết hơn nữa lên vị thánh nhân của Chúa và xin được dẫn đến hòm thánh cốt của ngài. Khi ở đó, trước hòm thánh cốt, ông được rảy nước thánh, ông đã hoàn toàn nhìn thấy lại.

Từ làng Krasnoye thuộc tỉnh Vladimir, người ta đã đưa đến một người phụ nữ bị mù, và tại nơi lưu giữ di cốt thánh của vị công tước đạo đức, bà đã được chữa lành hoàn toàn, như thể chưa từng bị bệnh vậy.

Lòng thương xót từ di cốt làm phép lạ của vị công tước đạo đức đã nhiều lần tuôn tràn xuống những người mắc chứng bệnh quỷ ám khủng khiếp. Dưới đây là một số trường hợp được các nhà biên niên sử cổ đại ghi chép lại.

Từ làng Stary, một người bị quỷ ám đã được đưa đến tu viện; với vẻ ngoài đáng sợ, anh ta khiến mọi người kinh hoàng: anh ta thốt ra những lời khủng khiếp và lao vào người khác như một con thú. Anh ta được đưa đến tu viện trong tình trạng bị trói, và trong lúc cử hành lễ cầu nguyện, anh ta đã được chữa lành.

Một người bị quỷ ám khác thậm chí không nhận ra cả những người thân ruột thịt, tự giật tóc, cắn lưỡi mình; cơ thể anh ta đầy vết loét do những trận đòn mà chính anh ta tự gây ra cho bản thân. Và nhờ sự cầu bầu của Công tước Alexander, người có đức tin, anh ta đã được ban ơn chữa lành hoàn toàn khỏi căn bệnh khủng khiếp của mình.

Tại làng Ugryumova thuộc tu viện, huyện Vladimir, nông dân Afanasy Nikitin bị những cơn điên loạn hành hạ, đến nỗi không nhận ra những người xung quanh, từ chối ăn uống và hoàn toàn mất ngủ. Bất ngờ, trong khoảnh khắc tỉnh táo, ông bắt đầu xin người nhà đưa mình đến Tu viện Giáng Sinh để viếng di cốt của Công tước Alexander. Người thân đã thực hiện mong muốn của ông, và trên đường đến tu viện, người bệnh cảm thấy khỏe mạnh trở lại; khi đến nơi, với lòng xúc động sâu sắc, ông kể lại cho mọi người nghe rằng Thánh Công tước Alexander đã hiện ra với ông như thế nào, và chính ngài đã chỉ dẫn ông tìm sự chữa lành tại hòm thánh tích của ngài.

Biết bao ân huệ đã được ban cho những người đau ốm và tâm hồn đầy oán hận nhờ lòng tin vào vị Công tước thánh thiện! Và ký ức về những ân huệ của vị thánh nhân và những chiến công trần thế của ngài vì vinh quang của tổ quốc chúng ta chưa bao giờ phai nhạt trong lòng tổ tiên chúng ta. Cuộc đời của vị Công tước thánh thiện Alexander Yaroslavich ngay sau khi ngài qua đời đã trở thành đề tài cho những bản tường thuật mang tính giáo dục. Tiếp theo cuốn tiểu sử do một người đương thời với vị Công tước đạo đức viết, đã xuất hiện những cuốn tiểu sử khác, chi tiết hơn, được biên soạn tại nhiều nơi trên đất Nga, đặc biệt là ở những nơi vị Công tước thánh thiện từng sinh sống và làm việc thiện: tại Vladimir và vùng Novgorod-Pskov. Người ta đã cố gắng lưu giữ để làm gương cho các thế hệ sau tất cả những nét đặc trưng trong cuộc đời và hoạt động của vị thánh tử đạo vì đất nước Nga, ngôi sao sáng đã soi rọi con đường đời của tổ tiên chúng ta trong thời kỳ u ám và khó khăn nhất dưới ách thống trị của người Tatar. Song song với các nhà viết tiểu sử, các nhà biên niên sử Nga cổ đại cũng đã đưa vào các tác phẩm của mình những câu chuyện về cuộc đời của vị công tước đạo đức, và nhờ đó, không có vị công tước nào ở miền Đông Bắc Nga lại để lại cho chúng ta nhiều thông tin và câu chuyện như vị công tước đạo đức Alexander.

Ngay sau khi vị hoàng tử thánh thiện qua đời trong bình an, việc tôn vinh ngài trong Giáo hội đã bắt đầu. Chính phép lạ xảy ra trong lễ an táng của ngài đã minh chứng rõ ràng cho tất cả mọi người về sự thánh thiện và lòng trung thành với Chúa của ngài; những phép lạ khác cũng liên tục tuôn trào, như từ một nguồn suối không bao giờ cạn, từ hòm đựng di cốt thánh của ngài. Năm 1547, theo ý muốn của Sa hoàng Ioann Vasilievich, một công đồng giáo hội đã được tổ chức tại Moscow dưới sự chủ tọa của Đức Tổng Giám mục Makarii nổi tiếng của toàn nước Nga; tại công đồng này, việc tổ chức lễ kỷ niệm trên toàn nước Nga dành cho các thánh Nga – những vị trước đó chỉ được tôn kính ở địa phương – đã được thiết lập. Tại hội đồng này, ngày lễ toàn Nga để tôn vinh Công tước Alexander Nevsky cũng được thiết lập, và theo chỉ thị của Tổng giám mục, một nghi thức thánh lễ (vào ngày 23 tháng 11, ngày Công tước qua đời) cùng một bản tiểu sử mới, chi tiết hơn, đã được soạn thảo. Vào đầu thế kỷ XVII, tại Moscow đã có một nhà thờ để tôn vinh Công tước Alexander.

Năm 1724, một ngày lễ mới cũng được thiết lập – ngày 30 tháng 8, nhân dịp di dời di cốt của vị Công tước đạo đức từ Vladimir đến Saint Petersburg.

Trên bờ sông Neva, khoảng 500 năm sau khi Thánh Alexander qua đời, Hoàng đế Peter I đã giành được những chiến thắng rực rỡ mới trước kẻ thù truyền kiếp của Nga – người Thụy Điển. Chính tại đây, vào năm 1703, nền móng cho thủ đô mới của Nhà nước Nga đã được đặt, và vào năm 1717, một thánh địa mới của Nga – Tu viện Alexander Nevsky – cũng được thành lập. Hoàng đế Peter I mong muốn di dời thi hài của vị công tước đạo đức từ Vladimir đến Saint Petersburg, và ngay khi Nga cảm thấy vững vàng trên vùng đất mới chinh phục, lệnh di dời thi hài đã được ban hành. Chính Hoàng đế đã soạn thảo một sắc lệnh chi tiết về cách thức thực hiện việc di dời này, và đích thân theo dõi sát sao việc xây dựng tu viện và nhà thờ mới, nơi sẽ an táng di cốt thánh của Công tước Alexander. Tuy nhiên, các cuộc chiến tranh với Thụy Điển và Thổ Nhĩ Kỳ đã làm chậm trễ việc thi hành sắc lệnh này, và phải đến năm 1723, việc thực hiện mới được bắt đầu.

Vladimir đã long trọng tiễn đưa báu vật thiêng liêng đáng nhớ của mình, vốn đã trở thành món trang sức quý giá của thành phố cổ kính này trong khoảng năm thế kỷ. Từ đêm 10 đến rạng sáng ngày 11 tháng 8, các thánh lễ thâu đêm đã được cử hành tại tất cả các nhà thờ, và vào sáng hôm sau là Thánh lễ. Các linh mục của thành phố và các tu viện lân cận, cùng với đông đảo người dân, đã lên đường đến Tu viện Giáng Sinh, và sau khi dâng lời cầu nguyện, chiếc hòm đựng thánh tích được các linh mục cầm trên tay đã được rước ra khỏi nhà thờ và đưa ra khỏi thành phố. Ngày 17 tháng 8 năm , di cốt của vị công tước đạo đức đã được đón tiếp tại Moscow với sự long trọng còn lớn hơn nữa, và sau đó đoàn rước giáo hội đã tiến qua Tver và Novgorod để đến Saint Petersburg. Việc rước di cốt của Hoàng tử Alexander, người có đức tin vững vàng, là một lễ hội của toàn nước Nga. Ở tất cả các thành phố và làng mạc, các nghi lễ thờ phượng đều được cử hành, đông đảo người dân đã tháp tùng di vật thiêng liêng dọc theo toàn bộ hành trình. Theo dự kiến, di cốt thánh sẽ được rước vào Saint Petersburg vào ngày 30 tháng 8, ngày kỷ niệm Hiệp ước Nystad vừa được ký kết với người Thụy Điển không lâu trước đó. Tuy nhiên, quãng đường quá xa đã khiến kế hoạch này không thể thực hiện đúng như dự định, và phải đến ngày 1 tháng 10, di thể thánh mới đến được Shlisselburg. Theo lệnh của Hoàng đế, di thể thánh được an táng tại Nhà thờ Chính tòa Truyền Tin ở đó, và việc rước di thể thánh về Saint Petersburg được hoãn lại đến ngày 30 tháng 8 năm sau (1724).

Lễ đón rước thánh tích tại Saint Petersburg diễn ra trong không khí trang trọng đặc biệt. Hoàng đế cùng đoàn tùy tùng đã đến bằng thuyền buồm tại cửa sông Izhora. Sau khi trang trọng đặt các thánh tích lên thuyền, Hoàng đế ra lệnh cho các quan đại thần cầm mái chèo, còn bản thân ngài đứng ở đuôi thuyền để cầm lái. Tại Saint

Petersburg, một bến đỗ đặc biệt đã được dựng lên, nơi chiếc thuyền buồm chở các di vật thánh dừng lại. Dưới sự hộ tống của các giáo sĩ và dân chúng, các quan đại thần cao quý nhất đã rước chiếc hòm đựng các di vật thánh. Tiếng chuông vang lên và tiếng súng đại bác càng làm tăng thêm không khí trang nghiêm. Xác thánh được an táng trong nhà thờ dành riêng cho vị công tước đạo đức. Ngày hôm sau, lễ kỷ niệm tiếp tục diễn ra tại Tu viện Alexander Nevsky: Nhà vua trao cho những người có mặt bản thiết kế các công trình dự kiến xây dựng trong tu viện, và ngay lúc đó, ngày 30 tháng 8 được chính thức ấn định là ngày kỷ niệm việc rước xác thánh.

Như vậy, ước nguyện bấy lâu nay của Sa hoàng đã thành hiện thực. Ông không kịp hoàn thành kế hoạch xây dựng tu viện mới mà mình đã vạch ra: nửa năm sau lễ kỷ niệm này, Peter qua đời. Nhưng những người kế vị Peter đã hoàn tất công trình mà ông đã khởi xướng. Con gái ông, Hoàng hậu Elizabeth Petrovna, đã cho chế tác một chiếc hòm thánh bằng bạc lộng lẫy, nơi các thánh tích vẫn được an nghỉ cho đến ngày nay. Hoàng hậu Ekaterina II đã ra lệnh xây dựng một nhà thờ mới trên nền của nhà thờ cũ, và vào ngày 30 tháng 8 năm 1790, lễ thánh hiến nhà thờ mới đã diễn ra cùng với việc rước di cốt của vị công tước đạo đức vào đó.

Và cho đến nay, Hoàng tử Alexander Yaroslavich vẫn gìn giữ phần đất mà Thiên Chúa đã ban cho ngài – đó chính là tổ quốc của chúng ta. Và cho đến nay, ngài vẫn gần gũi và sẵn lòng đáp lại tất cả những ai với lòng tin kêu cầu danh thánh của ngài, ban phát lòng thương xót và cầu thay trước ngai vàng của Đức Chúa Trời Toàn Năng – chính Ngài, Đấng tôn vinh các thánh của Ngài, vinh quang và danh dự muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài là cành cao quý mọc lên từ gốc rễ đạo đức, hỡi Thánh Alexandre đáng chúc phúc: vì Chúa Kitô đã tỏ ra ngài như một kho tàng thiêng liêng của đất nước Nga, một vị thánh làm phép lạ mới, vinh quang và được Thiên Chúa yêu mến. Và hôm nay, chúng con tụ họp để tưởng nhớ ngài với đức tin và tình yêu, trong các thánh vịnh và bài hát, chúng con hân hoan ngợi khen Chúa, Đấng đã ban cho ngài ân sủng chữa lành: xin ngài cầu nguyện để Ngài cứu thành phố này, và để vương quốc của dòng dõi ngài được sống theo ý Chúa, và để con cái nước Nga được cứu rỗi.

Bài thánh ca khác, giọng 4:

Hãy nhận biết anh em của ngài, Joseph người Nga, không phải ở Ai Cập, mà là vị vua trị vì trên trời, Hoàng tử Alexander trung thành, và xin hãy nhận lời cầu nguyện của họ, làm cho lúa mì dồi dào cho dân chúng nhờ sự trù phú của đất đai ngài, bảo vệ các thành trì của vương quyền ngài bằng lời cầu nguyện, và hỗ trợ các hoàng đế trung thành của chúng ta – những người kế vị ngài – trong các cuộc chiến chống lại kẻ thù.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Chúng con tôn kính ngài như ngôi sao rực rỡ, tỏa sáng từ phương Đông và chiếu rọi đến phương Tây: vì ngài đã làm giàu cho cả xứ sở này bằng những phép lạ và lòng nhân từ, và soi sáng bằng đức tin những ai tôn kính ký ức về ngài, hỡi Alexander hạnh phúc. Vì lý do đó, hôm nay chúng con, những người dân của ngài, mừng lễ ngài an nghỉ: xin ngài cầu nguyện để cứu lấy tổ quốc của ngài, và vương quốc của Hoàng đế Chính thống giáo của chúng con, Nikolai Alexandrovich, cùng tất cả những ai đến viếng hòm thánh tích của ngài, và những ai thành kính kêu cầu ngài: xin vui mừng vì sự củng cố của thành phố chúng con.

Bài ca thứ hai:

Cũng như hai người thân của ngài, Boris và Gleb, đã hiện ra từ trời cao để giúp đỡ những người đang chiến đấu tại Veilger và quân đội của họ; vậy thì giờ đây, hỡi thánh Alexander đáng kính, xin hãy đến giúp đỡ những người thân của ngài, và đánh bại những kẻ đang chống lại chúng con.

Lễ kỷ niệm Thánh Cha Alexander Svirsky của chúng ta.

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 8

Thánh Alexander sinh ra[5782] tại lãnh địa của Veliky Novgorod[5783] , thuộc vùng Obonezh[5784] , nằm dọc theo sông Oyat[5785] , trong một ngôi làng tên là Mandera, đối diện với Tu viện Ostrovsky của Đức Mẹ Đồng Trinh, nơi tôn vinh Lễ Rước Đức Mẹ vào Đền Thánh[5786] . Cậu được sinh ra từ người cha tên là Stefan và người mẹ tên là Vasilissa, nhờ một sự hiện ra của Quyền Năng Thần Thánh[5787] và đã được rửa tội. Khi đến tuổi học chữ, cậu được cha mẹ gửi đi học Kinh Thánh. Nhưng trong khi các bạn cùng lớp của ngài học tập tiến bộ, ngài lại tiếp thu chậm chạp. Điều này là theo ý định đặc biệt của Thiên Chúa, để ngài nhận được sự khôn ngoan từ Thiên Chúa chứ không phải từ con người, và điều đó sau này đã xảy ra. Một lần nọ, cậu đến nhà thờ, quỳ xuống trước hình ảnh của Chúa Giêsu Kitô và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, rồi trong nước mắt, cậu cầu nguyện xin được ban cho sự thông thái để học hỏi Kinh Thánh. Và ngay lập tức, lời cầu nguyện của cậu đã được đáp lại – cậu nghe thấy một giọng nói bảo cậu: "Hãy đứng dậy, đừng sợ. Ngươi sẽ nhận được điều mà ngươi đã cầu xin."

Cậu thiếu niên vui mừng đứng dậy và đến gặp cha mình. Cha và mẹ nhận thấy niềm vui tràn ngập trong lòng cậu và đoán rằng đó là do ân sủng của Thiên Chúa ban cho cậu; nghĩ vậy, họ đã tạ ơn Thiên Chúa vì điều đó. Từ lúc đó, cậu thiếu niên thánh thiện bắt đầu tiến bộ nhanh chóng trong việc học, đồng thời lắng nghe chăm chú khi người ta đọc các sách Thánh và vâng lời cha mẹ trong mọi việc. Đồng thời, cậu tuân giữ một chế độ ăn chay nghiêm ngặt đến mức mỗi ngày chỉ ăn một miếng bánh mì và cũng chỉ vừa đủ, còn ban đêm thì ngủ rất ít. Cha mẹ cậu bé vô cùng ngạc nhiên trước điều này, và mẹ cậu, khi khuyên nhủ cậu, đã nói với cậu một lần rằng:

– Con ơi! Sao con lại tự hành hạ bản thân như vậy? Hãy ăn cùng chúng ta và ngủ như chúng ta. Nhưng cậu thiếu niên đã trả lời mẹ mình:

– Tại sao mẹ lại nói với con điều này, khiến con phải từ bỏ lối sống tiết chế mà con thấy thoải mái? Chẳng phải Kinh Thánh đã dạy rằng thức ăn và đồ uống không làm cho chúng ta gần gũi với Đức Chúa Trời hơn sao (1 Cô-rinh-tô 8:8)? Hãy để con tiếp tục làm như con đã bắt đầu.

Ngạc nhiên trước câu trả lời đầy khôn ngoan của con trai, và đặc biệt khi thấy rằng cậu có mong muốn chân thành đối với việc tu hành này, người mẹ nói với cậu:

– Con muốn làm gì thì cứ làm như vậy, con trai của mẹ.

Nhưng cậu thiếu niên tuyệt vời ấy lại cảm thấy bị cuốn hút bởi những việc làm cao cả hơn là những của cải hữu hình; cậu coi sự giàu có là bóng mờ và xem mọi thứ thuộc về con người trên trần gian này đều là hư vô và tầm thường.

Khi cậu đã đến tuổi trưởng thành, cha mẹ định gả vợ cho cậu theo nghi thức hợp pháp, nhưng chàng trai sùng đạo đã từ chối điều đó. Cậu luôn khao khát và nghĩ đến việc rời bỏ thế gian để đạt được điều mình mong muốn. Sau khi xin phép cha mình, như thể để đến một ngôi làng gần đó, anh rời khỏi nhà và, được Chúa dẫn dắt, hay nói đúng hơn là có Thiên thần đồng hành, anh đã đến tu viện Thánh Cứu Thế, nơi tôn vinh Sự Biến Hình của Ngài, tọa lạc tại Valaam[5788] . Anh đã thỉnh cầu vị trụ trì của tu viện này cho anh thụ giới tu sĩ. Lúc đó, anh mới 26 tuổi. Sau khi vào tu viện, anh đã tận tâm thực hành những việc làm đạo đức đến mức mọi người đều bàn tán về anh.

[5782] Thánh Alexander sinh ngày 15 tháng 6 năm 1448.

[5783] Lãnh thổ của Veliky Novgorod chiếm một vùng rộng lớn ở phía tây bắc nước Nga, kéo dài về phía bắc đến Biển Trắng và trải dài về phía đông qua dãy núi Ural. Lãnh thổ này bao gồm các tỉnh hiện nay: Novgorod, Saint Petersburg, một phần của tỉnh Olonets, Arkhangelsk, Perm, một phần của tỉnh Vyatka, Vologda, một phần của tỉnh Yaroslavl, một phần của tỉnh Tver và Pskov; và cho đến đầu thế kỷ XVIII, nó được chia thành 5 phần, hay còn gọi là "pyatina".

[5784] Ở đây, tất nhiên, là Obonezhye hay pyatina Obonezhskaya, pyatina rộng lớn nhất trong số các pyatina của Novgorod. Nó trải dài về phía bắc và đông bắc từ Novgorod, một bên giáp sông Volkhov và hồ Ladoga, còn bên kia giáp hồ Ilmen cùng các sông Meta và Mda. Vì nó bao quanh hồ Onega từ mọi phía, nên từ đó mà nó có tên gọi như vậy.

[5785] Sông Oyat là nhánh phụ bên trái của sông Svir và nằm trong tỉnh Olonets ngày nay.

[5786] Tu viện Đức Mẹ Viven nằm bên sông Oyat. Năm 1581, tu viện này bị "những người Đức" thiêu rụi hoàn toàn, khiến 6 tu sĩ phải sống ngoài tu viện, trên một hòn đảo hoang vắng.

[5787] Cha mẹ của Thánh Alexander đã không thể sinh con trong một thời gian dài, và họ đã cầu nguyện với Chúa để được ban lại khả năng sinh con; sau đó, con trai Amos của họ ra đời, người sau này trở thành Thánh Alexander.

[5788] Valaam – một hòn đảo trên Hồ Ladoga, gần bờ phía bắc của hồ, hiện nay nổi tiếng ở miền bắc nước Nga nhờ sự phát triển của tu viện tại đây.

Cảm thấy nặng nề vì sự nổi tiếng đó, ngài xin sự ban phước của vị trụ trì nơi đó và, không mang theo gì ngoài những bộ quần áo cần thiết, ngài đã rời tu viện vào ban đêm. Ngài đến nơi mà ban đầu ngài định định cư khi rời xa cha mẹ. Nơi này nằm bên bờ hồ[5789] , cách sông Svir bốn poprishch. Tại đây, vị thánh nhân đã tự xây cho mình một căn phòng nhỏ, nơi ngài dùng để nghỉ ngơi ngắn hạn sau những công việc tu hành.

Một lần nọ, ngài đi dạo quanh các vùng lân cận, tìm kiếm một nơi để dựng lên nơi ở cho mình, và đã nhìn thấy một địa điểm xinh đẹp, được chiếu rọi bởi một ánh sáng thiêng liêng nào đó, nơi mà cho đến ngày nay vẫn còn đứng đó một tu viện. Khi ngài đang ở đây, có lần ngài bước ra khỏi phòng tu của mình để đến hồ múc nước, thì bỗng nghe thấy một tiếng nói từ trời gọi tên ngài và phán rằng: "Vì ngươi đã tuân giữ các điều răn của Ta, nên Ta sẽ quy tụ vô số người đến với ngươi; ngươi đừng từ chối họ, mà hãy đón nhận họ với đôi tay rộng mở và trở thành người hướng dẫn họ đến sự cứu rỗi."

Nghe những lời ấy, vị thánh nhân quỳ sấp xuống đất và dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện tạ ơn, sau đó, múc nước xong, ngài trở về phòng tu của mình.

Một thời gian sau đó, anh trai ruột của vị thánh, tên là Gioan, người đang tìm kiếm ngài, đã đến gặp ngài. Thấy anh trai, vị thánh rất vui mừng, và cả hai cùng nhau làm việc để xây dựng một nơi ở rộng rãi hơn, vì họ muốn sống chung với nhau. Nhưng chẳng bao lâu sau, người anh em của vị thánh đã qua đời, và Alexander, sau khi hát những bài thánh ca tang lễ cho anh, đã chôn cất anh. Sau đó, vị thánh lại dấn thân vào cuộc sống ăn chay nghiêm ngặt, và số lượng các tu sĩ ngày càng tăng lên. Họ sống trong sự im lặng, tách biệt nhau và mỗi người đều noi gương vị thánh theo khả năng của mình.

Vị thánh sống cuộc đời như vậy và đã đạt đến mức có thể xua đuổi ma quỷ bằng lời cầu nguyện của mình, đồng thời có các Thiên thần làm bạn đồng hành. Một lần nọ, ngài được ân sủng được chiêm ngưỡng chính Thiên Chúa, Đấng đã hiện ra với ngài dưới ba Dung mạo, và trò chuyện với Ngài về cách thành lập nhà thờ, xây dựng tu viện và quy tụ các tu sĩ. Khi ngài cầu nguyện để xin chỉ dẫn nơi xây dựng nhà thờ, một Thiên thần của Chúa đã chỉ cho ngài địa điểm thích hợp. Các tu sĩ đã thuyết phục ngài nhận chức linh mục, và sau một thời gian, ngài đã xây dựng nhà thờ mang tên Thánh Ba Ngôi và làm lễ thánh hiến, sau đó số lượng các tu sĩ lại tiếp tục gia tăng.

Mặc dù vị tu sĩ đã đảm nhận chức vụ Bề trên của cộng đoàn, nhưng ngài không thay đổi nguyên tắc của mình và, với tư cách là Bề trên, ngài đã làm gương khiêm nhường cho mọi người, luôn ghi nhớ lời Chúa phán: "Ai muốn làm người đầu tiên, thì phải làm người cuối cùng và làm đầy tớ cho mọi người" (Mc 9:35; xem 10:43). Vì vậy, vị tu sĩ đã khiêm nhường bản thân, cố gắng trở thành người nhỏ nhất trong mọi người và phục vụ tất cả. Ngài làm gương cho mọi người và làm việc chăm chỉ, là người đầu tiên ra làm việc mỗi ngày. Ngài luôn tự tay làm mọi việc: vào bếp, nhào bột và nướng bánh mì, thỉnh thoảng múc nước từ hồ, chặt củi và mang về tu viện. Thỉnh thoảng ngài đến xưởng xay, nơi các tu sĩ đang xay lúa mạch đen, và vào lúc họ còn đang ngủ, ngài lấy lúa mạch đen đã chuẩn bị sẵn để xay, xay phần được phân định cho từng tu sĩ, đặt phần đã xay vào đúng chỗ, rồi trở về phòng của mình. Ngài đến nhà thờ trước tất cả mọi người và ra về sau cùng. Chưa ai từng thấy ngài nằm nghỉ, dù chỉ trên một tấm chiếu, hay dội nước lên người. Trang phục của ngài là một chiếc áo choàng làm từ vải thô, đã mòn rách đến mức phải vá rất nhiều miếng vá. Nhiều người thiếu hiểu biết đã chế giễu và sỉ nhục ngài, nhưng ngài đón nhận những lời sỉ nhục đó từ họ với lòng vui vẻ.

Sau một thời gian, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, vị thánh nhân đã xây dựng một nhà thờ bằng đá mang tên Thánh Ba Ngôi Tạo Hóa[5790] , mở rộng tu viện, ra lệnh xây dựng các phòng tu ở bốn phía, và ở giữa xây dựng một nhà thờ lớn kèm phòng ăn, đồng thời sắp xếp mọi thứ khác cần thiết cho nhu cầu của các tu sĩ.

Vị thánh đã sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa như vậy và cho đến những ngày cuối cùng của cuộc đời, ngài vẫn tiếp tục những việc làm thánh thiện của mình, nhờ đó mà ngài đã nhận được từ Chúa ân sủng làm phép lạ ngay khi còn sống. Cuối cùng, cảm nhận được rằng đã đến lúc ngài phải ra đi về với Chúa, ngài đã gọi các tu sĩ đến bên mình và nói với họ:

– Hỡi các anh em! Cuộc đời tôi đã sắp kết thúc, và tôi sắp rời khỏi cõi đời này. Tôi giao phó các anh em cho Đức Chúa Trời. Nguyện Ngài bảo vệ các anh em và củng cố các anh em trong tình yêu của Ngài.

Nói xong những lời ấy, vị thánh nhân dạy các tu sĩ hãy giữ tình yêu thương với nhau, khoan dung lẫn nhau và rèn luyện các đức tính khác. Cuối cùng, ngài dặn dò họ rằng sau khi ngài qua đời, không ai trong số họ được giữ

[5789] Hồ này trước đây có tên là Roshneskoe.

[5790] Nhà thờ này được thánh hiến vào năm 1526 dưới sự ban phước của Tổng Giám mục Makari.

bất kỳ loại đồ uống có cồn nào. Khi giờ phút linh hồn vị thánh nhân phải về với Chúa đã đến, ngài giơ hai tay lên trời và dâng lời cầu nguyện, kết thúc bằng những lời:

– Lạy Chúa! Con phó thác linh hồn con vào tay Ngài.

Và như vậy, với lời cầu nguyện trên môi, vị thánh đã dâng linh hồn trong sạch của mình lên Chúa. Sự việc này xảy ra vào năm 1533, vào ngày 30 tháng Tám. Ngài đã sống trọn 85 năm. Thi hài cao quý của ngài được an táng với đầy đủ nghi lễ tại nhà thờ Biến Hình Thánh, phía bên phải bàn thờ. Thi hài ấy mang lại nhiều ơn chữa lành cho những ai đến với lòng tin trước quan tài thánh của vị tu sĩ[5791] .

Bài thánh ca, giọng 4:

Từ thuở thiếu thời, ngài đã khôn ngoan trước mặt Chúa, với khát vọng thiêng liêng, ngài đã vào sống trong sa mạc, và khao khát hết lòng bước theo dấu chân của Đấng Christ duy nhất. Chính vì thế, các Thiên thần chứng kiến ngài đã kinh ngạc, vì ngài, vị thánh khôn ngoan, đã chiến đấu bằng xác thịt chống lại những mưu mô vô hình; ngài đã chiến thắng các đạo quân của các dục vọng bằng sự tiết chế, và ngài đã hiện ra như một vị Thiên thần trên trần gian, hỡi Thánh Alexander kính yêu. Xin ngài cầu thay cho Chúa Kitô, Thiên Chúa, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Như một ngôi sao rực rỡ, hôm nay ngài đã tỏa sáng trên đất nước Nga, thưa Cha. Ngài đã quyết tâm dấn thân vào sa mạc để nhiệt thành theo bước chân Chúa Kitô, và vì thế, ngài đã mang lấy cây thánh giá vinh hiển trên vai mình như một ách thánh, và đã chế ngự những ham muốn xác thịt qua những nỗ lực tu hành của mình. Vì thế, chúng con kêu cầu Ngài: Xin cứu lấy đàn chiên mà Ngài đã khôn ngoan quy tụ, để chúng con được kêu lên với Ngài: Hỡi Thánh Alexander, Cha của chúng con, xin vui mừng!

Lễ kính Thánh Cha Christopher của chúng con

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 8

Về vị thánh Christophorus này, Gioan và Sofronius, những người viết cuốn sách có tên là "Limonar", đã kể lại như sau:

– Khi chúng tôi ở Alexandria, chúng tôi đã đến gặp vị tu sĩ Theodulus, người đang ở tu viện Thánh Sophia, tại Faran; vị tu sĩ già đã kể cho chúng tôi nghe, nói rằng:

– Tôi đã xuất gia tại tu viện của vị thánh cha Theodosius của chúng ta; tu viện này nằm trong sa mạc của Thành Giê-ru-sa-lem, Thành Thánh của Chúa Kitô; tại đó, tôi đã gặp một vị tu sĩ cao lớn tên là Christopher, gốc La Mã. Một lần, tôi cúi đầu chào ngài và nói: "Xin cha hãy tỏ lòng nhân ái với con, xin cha kể cho con nghe những việc làm cao cả của cha từ thuở thiếu thời?"

Sau khi tôi nài nỉ ngài nhiều lần, vị tu sĩ già hiểu rằng tôi xin ngài điều đó vì lợi ích (tinh thần); lúc đó, ngài kể cho tôi nghe về bản thân mình, nói như sau:

– Khi con từ bỏ thế gian, hỡi con, cha đã nuôi dưỡng một tình yêu và lòng nhiệt thành lớn lao đối với đời sống tu hành:

ban ngày, con tuân giữ việc phụng sự Chúa, còn buổi tối, khi trời đã khuya, con lui vào hang động, nơi trước đây Thánh Phê-ô-đô-xi-ô và các vị thánh phụ khác thường cầu nguyện. Khi bước vào hang động, con thực hiện một trăm lần cúi lạy và trên mỗi bậc thang, con quỳ sấp mặt trước Chúa: tổng cộng có mười tám bậc. Khi vào

[5791] Thánh Alexander được tôn kính như một vị thánh từ năm 1547 và ngay lúc đó, một nghi thức thờ phượng đã được soạn thảo dành cho ngài; đến năm 1559, một nhà nguyện phụ đã được xây dựng tại Moscow để vinh danh ngài. Xác thánh của ngài được khai quật vào ngày 17 tháng 4 năm 1641, và vào năm 1643, Sa hoàng Mikhail Feodorovich đã cho làm một hòm bạc để cất giữ, nơi mà xác thánh vẫn được an nghỉ cho đến nay.

trong hang động, tôi dành thời gian cầu nguyện cho đến khi tiếng chuông vang lên, báo hiệu giờ hát kinh buổi sáng; chỉ khi đó tôi mới ra khỏi hang động và đi đến nhà thờ.

Tôi đã duy trì lối sống tu hành này trong mười một năm, không bao giờ vi phạm quy tắc này, tu tập với lòng kính sợ Chúa và giữ gìn tâm ý, lao động bằng thân xác trong mọi công việc được giao phó, và chịu đựng nhiều thiếu thốn vì lối sống không ham muốn của tôi.

Một đêm nọ, khi tôi đến hang động, tôi bắt đầu thực hiện những lời cầu nguyện quỳ gối thường lệ trên các bậc thang; khi đến bậc cuối cùng, tôi dừng lại – bất ngờ tôi rơi vào trạng thái hân hoan: tôi thấy cả hang động tràn ngập những ngọn đèn, trong đó có những ngọn đang cháy, còn những ngọn khác thì không. Tôi cũng thấy hai người đàn ông trông như ánh sáng, mặc áo choàng trắng và đang thắp các ngọn đèn, nên tôi hỏi họ:

– Tại sao các vị lại đặt những ngọn đèn này ở đây, khiến tôi không thể vào đây để cầu nguyện?

Họ trả lời tôi:

– Đây là những ngọn đèn của các bậc tiền bối, những người phụng sự Đức Chúa Trời.

Rồi tôi lại hỏi họ:

– Tại sao một số ngọn đèn lại sáng, còn một số khác thì không?

Họ trả lời tôi:

– Những người tận tụy phụng sự Chúa đã thắp sáng những ngọn đèn của mình, còn những kẻ lười biếng thì không thắp.

Sau đó, tôi nói với họ:

– Hãy tỏ lòng yêu thương với tôi, hãy nói cho tôi biết: ngọn đèn của tôi có sáng hay không?

Họ trả lời tôi:

– Hãy làm việc và cầu nguyện, rồi chúng tôi sẽ thắp sáng nó.

Nhưng tôi nói:

– Tôi luôn cầu nguyện và không làm gì khác cho đến giờ này.

Sau những lời đó, tôi tỉnh lại và không còn thấy ai nữa. Rồi tôi tự nhủ:

– Ôi, Christopher! Ngươi phải chịu đựng những gian khổ lớn hơn nữa để thắp sáng ngọn đèn của mình!

Sáng hôm sau, tôi rời tu viện và lên núi Sinai, không mang theo gì ngoài bộ quần áo đang mặc trên người. Sau khi ở trên núi Sinai được năm mươi năm, đã nỗ lực thực hiện nhiều công việc vất vả, một giọng nói vang lên với tôi:

– Christopher! Hãy trở về tu viện của ngươi, nơi ngươi đã tu hành trước đây, để an nghỉ tại đó cùng với các vị cha của ngươi.

Sau khi kể lại những điều này về bản thân, vị thánh Christopher đã sống thêm một thời gian ngắn nữa rồi trao linh hồn thánh thiện của mình vào tay Đức Chúa Trời.

Sau đó, chính Abba Theodulus đã kể cho chúng tôi nghe (theo lời kể của Gioan và Sofronius) về vị cha Christopher ấy, rằng vào một thời điểm khác, trước khi qua đời, vị thánh Christopher đã kể lại điều này:

Một buổi trưa nọ, tôi ra khỏi tu viện của mình (ông kể lại) và đi đến Thành Thánh Giê-ru-sa-lem, để thờ lạy và hôn Thánh Giá ban sự sống của Chúa. Và khi tôi ở đó, đã thờ lạy xong và đang chuẩn bị ra về, thì thấy một vị tu sĩ đang đứng trước cổng, giữa sân nhà thờ – không vào cũng không ra. Tôi cũng thấy hai con quạ đang bay một cách táo bạo trước mặt ngài và không cho ngài vào. Tôi nhận ra rằng những con quạ đó chính là ma quỷ. Lúc đó, tôi nói với người đang đứng đó:

– Hãy nói cho tôi biết, anh em ơi, vì lý do gì mà anh lại đứng giữa cổng mà không vào?

Anh ta trả lời tôi:

– Xin tha thứ cho con, thưa cha, con đang bị những ý nghĩ chi phối; một ý nghĩ bảo con: hãy đi và thờ lạy Thánh Giá và hôn lên nó; còn ý nghĩ kia lại bảo: không, đừng đi, mà hãy đi làm việc của con trước đã; lúc khác con sẽ quay lại và thờ lạy.

Còn tôi, khi nghe điều đó (Thánh Christopher kể lại), đã nắm tay anh em ấy và dẫn vào nhà thờ, và ngay lập tức những con quạ ấy biến mất; tôi đề nghị anh em ấy cúi lạy Thánh Giá và Mộ Thánh của Chúa, rồi sau đó cho anh em ấy ra về trong bình an.

Điều này đã được kể lại cho tôi (Theodulus nói) bởi Thánh Christopher, vì ngài thấy rằng tôi đã dành nhiều thời gian cho các công việc tu viện nhưng lại ít chú tâm vào việc cầu nguyện – để tôi biết rằng trước hết phải thực hiện việc phụng sự thiêng liêng, rồi sau đó mới đến công việc cần thiết cho nhu cầu thể xác.

Biết được điều này, các vị thánh cha Gioan và Sofronius đã ghi chép lại điều này vì lợi ích của những ai đọc và nghe, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta[5792] .

Ngày tưởng niệm Thánh Phantín, vị cha đáng kính của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 8

Vị thánh này sinh ra tại Calabria[5793] và là con trai của Georgios và Vryena. Từ thuở thiếu thời, ngài đã dâng hiến cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa. Sau khi được gửi vào một tu viện[5794] và nhận lễ xuất gia, ngài rèn luyện bản thân trong mọi loại đức hạnh và trở thành người thực hành các điều răn của Thiên Chúa một cách thành thạo đến nỗi được ban cho những mặc khải thiêng liêng vĩ đại. Lang thang khắp các sa mạc và núi non, ngài đã nhịn ăn suốt hai mươi ngày và sống trong tình trạng hoàn toàn trần truồng suốt bốn năm. Bị áp bức bởi nhiều thảm họa từ người Saracen[5795] , ngài kiên nhẫn chịu đựng chúng trong suốt sáu mươi năm, rồi sau đó, cùng các môn đệ của mình là Vitalius và Nikiforos, ngài lên đường đến Peloponnese[5796] . Ngài thường đến Corinth[5797] và đã trở thành người trợ giúp cho nhiều người trên con đường cứu rỗi. Ông cũng đã đến Athens[5798] , nơi ông cầu nguyện tại đền thờ Đức Mẹ, sau đó lên đường đến Thessaloniki[5799] và tại đó, ông đã chứng kiến những phép lạ từ di cốt của Thánh Tử đạo Dimitrios. Ông đã sống ở đây tám năm trong sự tiết độ bình thường, tuân thủ các quy tắc đã được chấp nhận, và khi đã cao tuổi, ông đã kết thúc cuộc đời mình[5800] .

Ngày 13 tháng 9

31 tháng 8 (theo lịch cũ)

Tháng 9

Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Tử đạo Cyprian, Giám mục Carthage

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 8

Thánh Cyprian, Giám mục Carthage, là một trong những vị Thánh Cha và Thầy dạy vĩ đại nhất của Giáo hội trong thế kỷ III. Ngài đã phải sống và hoạt động trong thời kỳ mà Giáo hội của Chúa Kitô phải đối mặt với cả sự bách hại từ bên ngoài – từ những người ngoại đạo – lẫn những xáo trộn nội bộ – từ những kẻ dị giáo và những kẻ gây chia rẽ. Thánh Cyprian đã trở thành tấm gương mẫu mực, vừa là vị mục tử dũng cảm chịu khổ vì danh Chúa Kitô, đã hy sinh mạng sống mình vì đoàn chiên, vừa là người tổ chức khôn ngoan đời sống nội bộ của Giáo Hội. Ngài đã để lại nhiều tác phẩm, trong đó đề cập đến các vấn đề thần học đa dạng và giải quyết gần như tất cả những thắc mắc nảy sinh vào thời đại của ngài liên quan đến việc tổ chức đời sống nội bộ của Giáo Hội. Vì vậy, cuộc đời và lịch sử chịu khổ của ngài đặc biệt mang tính giáo huấn.

[5792] Thánh Christopher đã tu hành vào thế kỷ V.

[5793] Calabria, một vùng đất La Mã cổ đại, nằm ở phần phía nam của bán đảo Apennine.

[5794] Trong một bản "Prologue", có ghi rằng Thánh Fantin gia nhập tu viện khi mới 8 tuổi.

[5795] Người Saracen – thực chất là cư dân Ả Rập. Ban đầu, tên gọi này dùng để chỉ một bộ tộc cướp bóc du mục ở Ả Rập, sau đó các nhà văn Kitô giáo đã mở rộng tên gọi này để chỉ chung tất cả người Ả Rập và người Hồi giáo. Người Saracen châu Phi đã tấn công Sicily và Calabria vào khoảng năm 828.

[5796] Trong thời cổ đại, Peloponnese là tên gọi của phần phía nam bán đảo Balkan. Theo lịch của Hoàng đế Basil, Thánh Fantin đã lên đường từ Calabria đến Thessaly và, sau khi ghé thăm Athens (và có lẽ cả Corinth), đã cư trú khá lâu tại thành phố chính của vùng này là Larissa, bên cạnh mộ thánh Achillius, người được tưởng niệm vào ngày 15 tháng 5.

[5797] Corinth là một thành phố nổi tiếng ở Hy Lạp cổ đại. Thành phố này tọa lạc tại vùng Argolis cổ đại, gần bờ Vịnh Corinth.

[5798] Thành phố Athens – thủ đô của Hy Lạp cổ đại – tọa lạc tại Attica, gần bờ biển Địa Trung Hải.

[5799] Thessaloniki – một thành phố ở Macedonia. Thành phố này nằm ngay bên bờ Biển Aegean.

[5800] Thánh Fantin qua đời vào cuối thế kỷ IX hoặc đầu thế kỷ X.

Cyprian sinh ra vào đầu thế kỷ III[5801] . Cha mẹ ngài là những người ngoại đạo và thuộc tầng lớp quý tộc, danh giá của thành phố Carthage. Tên ban đầu của ngài là Fascius Cyprian. Khi còn trẻ, Cyprian đã nhận được một nền giáo dục thế tục tốt. Cyprian đã đạt được những thành công rất lớn trong nghệ thuật hùng biện, chính vì vậy ông được bầu làm giáo viên hùng biện tại trường học ở Carthage; cũng vì lý do này, nhiều người đã chọn ông làm người đại diện pháp lý (luật sư) để xử lý các vụ kiện tụng. Có thể suy đoán rằng Cyprian đã thừa kế một gia tài đáng kể; ngoài ra, thu nhập từ nghề luật sư mang lại cho ông nguồn tài chính dồi dào để sống một cuộc đời xa hoa, chính vì vậy mà ban đầu, khi còn là người ngoại đạo, Cyprian đã sống một cuộc đời đầy tội lỗi. Hậu quả của điều này là, như chính ông đã nhận xét, "khi khuất phục trước những dục vọng (của mình), ông đã vô tình tạo điều kiện cho chính sự bất hạnh của mình, như thể đó là số phận bẩm sinh của ông vậy"[5802] .

Cyprian đã sống cuộc đời tội lỗi như vậy cho đến khi ân sủng của Thiên Chúa thương xót chiếu rọi linh hồn ông và kêu gọi ông đến sự cứu rỗi. Người ta cho rằng Cyprian vẫn là người ngoại đạo cho đến khi trưởng thành hoàn toàn, rất có thể là đến năm 46 tuổi[5803] .

Vào đầu thế kỷ III, tại Carthage đã có rất nhiều Kitô hữu. Cyprian biết điều này; ông không thể không quan tâm đến giáo lý cao cả của Kitô giáo, bởi bản tính ông vốn được ban cho một trí tuệ ham học hỏi và cao thượng. Ngay trước khi cải đạo sang Kitô giáo, Cyprian đã làm quen với một số tác phẩm của Tertullian[5804] và điều này đã dẫn dắt ông đến con đường chân lý.

Khi còn là người ngoại đạo, Cyprian đã bắt đầu cảm thấy ghê tởm lối sống ngoại đạo. Ông nhận thức được sự tai hại và tội lỗi của các cuộc đấu gladiator, nơi việc giết chóc người này lại mang lại niềm vui cho người khác; Cyprian cũng cảm thấy ghê tởm trước các vở kịch bi và hài ngoại đạo, những vở kịch này làm sống lại ký ức về những tội ác trong quá khứ và làm tha hóa con người. Ngay từ khi còn là người ngoại đạo, ông đã nhìn nhận với sự đau xót trước những bất công và sự đàn áp từ phía các quan tòa, trước những sự lừa dối và mâu thuẫn giữa các cá nhân; khi còn là người ngoại đạo, ông đã nhận thức được rằng địa vị cao quý, danh dự và của cải – những thứ mà nhiều người cho là hấp dẫn và quyến rũ – thực ra chỉ lấp đầy tâm hồn bằng những lo âu và nỗi sợ hãi trống rỗng và đau đớn. Tất cả những điều này đã dẫn Cyprian đến niềm tin rằng không thể được cứu rỗi trong đạo ngoại giáo, rằng tôn giáo ngoại giáo không thể mang lại sự bình an trong tâm hồn cho con người và không xứng đáng được chú ý dù chỉ một chút so với đạo Kitô giáo.

Tuy nhiên, nhận thức về mức độ sâu sắc và sự lan tràn của sự suy đồi đạo đức đã tạm thời cản trở việc Cyprian chuyển sang đạo Kitô. Ông thường suy ngẫm về sự sa ngã đạo đức của mình, về sự cần thiết phải sửa đổi và bắt đầu một cuộc sống mới trong đạo Kitô, nhưng đồng thời lại e ngại trước những yêu cầu khắt khe ban đầu của đạo Kitô; ông coi sự tái sinh tâm linh mà Kitô giáo ban tặng là điều vô cùng khó khăn, bởi vì ông đã trải qua nhiều năm trong đạo ngoại. Ông đã diễn đạt một cách hùng hồn những nghi ngờ và băn khoăn của mình về vấn đề này trong "Thư gửi Donatus". Cyprian nói ở đây: "Liệu có thể gác lại tất cả những gì mà một người từng là trước đây, và với cùng một thân xác, trở thành một con người khác về trí tuệ và tâm hồn không?.. Liệu có thể từ bỏ những gì, khi được sinh ra từ chất liệu sâu thẳm, đã cùng nó trở nên cứng nhắc, hay do thói quen lâu năm đã ăn sâu cùng với năm tháng... Liệu người đã quen với những bữa tiệc xa hoa và những món ăn tinh tế có bao giờ học được sự tiết kiệm không? Liệu người luôn mặc những bộ trang phục quý giá, được trang trí bằng vàng, có bao giờ mặc một bộ quần áo bình thường và đơn giản không? Không, – Cyprian suy luận, – con trai của sự xa hoa, đã quen với những vinh dự, sẽ không bao giờ dám trở thành một người bình thường và vô danh. Luôn được các đầy tớ tháp tùng, được bao quanh bởi đám đông đông đảo những người dân nịnh bợ như một dấu hiệu của sự tôn vinh, anh ta coi việc ở một mình là một hình phạt. Bị cuốn vào những cuộc vui không ngừng nghỉ, anh ta thường sa vào rượu chè, ngạo mạn, bốc lửa vì giận dữ, nung nấu ý định cướp bóc, sa vào sự tàn bạo, và đắm chìm trong dục vọng. Tôi thường tự suy ngẫm như vậy với chính mình, – Cyprian viết, – bởi vì bản thân tôi cũng từng sa vào nhiều lầm lạc"[5805] .

Trong tình trạng đấu tranh đạo đức và do dự như vậy, Cyprian không thể không cảm thấy cần có sự giúp đỡ và lời khuyên từ bên ngoài; và để giải tỏa những nghi ngờ của mình, Cyprian đã tìm đến một vị linh mục ở Carthage tên là Cecilius. Cecilius đã thuyết phục được Cyprian về sự phi lý tột độ của đa thần giáo ngoại đạo và

[5801] Người ta cho rằng Cyprian sinh ra vào khoảng năm 200.
[5802] "Thư gửi Donatus", chương 4.
[5803] Thời điểm Cyprian cải đạo sang Kitô giáo thường được cho là vào năm 246.
[5804] Cyprian đã biết đến tác phẩm "Apologia" của Tertullian.
[5805] "Thư gửi Donatus", chương 3 và 4.

rằng ngay cả những khuynh hướng xấu xa nhất của con người cũng có thể thay đổi nhờ ân sủng toàn năng của Thiên Chúa. Như vậy, Cyprian đã quyết tâm trở thành một Kitô hữu.

Theo phong tục tồn tại trong Giáo hội cổ đại, trước khi chịu phép rửa tội, Cyprian phải trải qua một khoảng thời gian trong giai đoạn được gọi là "thời kỳ công bố" ([5806]). Không rõ Cyprian đã trải qua giai đoạn này trong bao lâu; có thể giả định rằng đó là một khoảng thời gian không dài.

Khi quyết định trở thành Kitô hữu, Cyprian thực sự đã chứng minh sự chân thành của quyết định đó bằng việc thay đổi hoàn toàn lối sống của mình. Ngay khi còn trong giai đoạn "công bố", Cyprian đã bán hết tài sản của mình và phân phát số tiền thu được cho người nghèo, không giữ lại gì cho bản thân. Sau đó, linh mục Cecilius, người theo dõi đời sống tâm linh của Cyprian, không còn nghi ngờ gì nữa về sự chân thành trong sự hoán cải của môn đệ mình. Ngay sau đó, tất nhiên, lễ rửa tội của Cyprian đã diễn ra.

Cảm nhận sâu sắc về sự biến đổi tâm linh, được ban tặng qua bí tích Rửa tội, đã tác động mạnh mẽ đến Cyprian. Đây là cách ông mô tả trong thư gửi người bạn Donatus về những tác động cứu rỗi của bí tích Rửa tội:

"Khi dòng nước rửa tội đầy sự sống đã rửa sạch những vết nhơ của cuộc đời cũ của tôi, và ánh sáng thiên đàng tràn ngập vào trái tim đã được thanh tẩy và xưng công chính; khi, sau khi đón nhận Thánh Thần từ trời, tôi trở thành một con người mới, thì một cách kỳ diệu, tôi đã hoàn toàn tin chắc vào những điều mà trước đây tôi từng nghi ngờ; những bí ẩn bắt đầu được hé lộ, bóng tối dần tan biến; những điều trước đây dường như khó khăn nay trở nên dễ dàng, điều không thể đã trở thành có thể... Trong việc đón nhận những ân sủng từ trời, không có giới hạn nào cả. Chỉ cần lòng chúng ta khao khát và mở rộng ra, thì chúng ta đã có đủ đức tin để đón nhận ân sủng. Ân sủng ban cho khả năng tiêu diệt sức mạnh độc hại của tội lỗi bằng sự trong sạch tỉnh táo, suy nghĩ trong sáng, lời nói thanh khiết, đức hạnh chân thành: ân sủng thanh tẩy những vết nhơ của những trái tim sa đọa, mang lại sự lành mạnh cho chúng; Ngài ban sức mạnh để hòa giải kẻ thù, xoa dịu những tâm hồn bất an, và bằng những lời nguyền rùng rợn, buộc các linh hồn ô uế đang nhập vào con người phải thú nhận. Hình ảnh của ân sủng hành động trên những ai bị linh hồn ác ám là vô hình; những đòn đánh mà Ngài giáng xuống chúng là không thể nhận ra, nhưng sự trừng phạt thì rõ ràng và dữ dội. Như vậy, Thần Khí ân sủng ngự trong chúng ta bắt đầu tỏa sáng quyền năng vĩ đại của Ngài, và dù thân xác cùng các chi thể của chúng ta chưa được biến đổi thành thân xác khác, đôi mắt chúng ta đã không còn bị che phủ bởi bóng tối của thế gian này. Quyền năng ấy, sức mạnh ấy của Thần Khí thật vĩ đại biết bao! Ai đã được thanh tẩy và duy trì sự trong sạch, người ấy không chỉ tự bảo vệ mình khỏi những cám dỗ trần thế, không chỉ không sa vào bất kỳ cái bẫy nào của kẻ thù đang tấn công mình, mà còn được củng cố sức mạnh đến mức thống trị toàn bộ đạo quân của kẻ thù như một vị chúa tể"[5807] .

Vậy nên, ngay sau khi Cyprian được rửa tội, ân sủng của Thiên Chúa đã được thể hiện nơi ông qua sự tái sinh thiêng liêng từ bên trong. Mặc dù, như đã đề cập ở trên, ông đã thay đổi lối sống của mình ngay từ trước khi được rửa tội, khi còn trong giai đoạn dự tòng, nhưng theo chính lời thừa nhận của ông, đức tin của ông đã đạt đến sự vững chắc trọn vẹn, và ý chí của ông đã đạt đến sức mạnh và sự kiên định hoàn hảo ngay trong lễ rửa tội. Ông được rửa tội, có lẽ vào dịp lễ Phục Sinh hoặc lễ Ngũ Tuần[5808] .

Sau khi chịu phép rửa tội, Cyprian bắt đầu sống một cuộc đời nghiêm khắc và đạo đức. Ông là tấm gương về lòng không tham lam cho mọi người, bởi vì, với lòng trắc ẩn dành cho những người nghèo khổ, ông đã bố thí cho họ, chia sẻ tất cả những gì mình có. Những hoạt động chính của Thánh Cyprian sau khi chịu phép rửa tội là cầu nguyện và đọc Kinh Thánh.

Khi thực hiện các việc bác ái và giúp đỡ tất cả những người cần giúp đỡ, Cyprian không thể không dành tình yêu và lòng biết ơn đặc biệt cho người hướng dẫn của mình, linh mục Cecilius, người đã mở ra cho ông những bí mật của đức tin Kitô giáo và góp phần vào việc ông trở thành Kitô hữu. Và linh mục Cecilius, khi thấy ở Cyprian lòng trung thành và tình cảm sâu sắc dành cho mình, trước khi qua đời, ngoài Cyprian ra, ông không tìm được ai khác để có thể giao phó việc chăm sóc và lo lắng cho gia đình còn lại của mình với sự tin tưởng và hy vọng lớn hơn.

[5806] Giảng dạy – sự hướng dẫn bằng lời nói về các chân lý của đức tin Kitô giáo.

[5807] "Thư gửi Donatus", chương 4 và 5.

[5808] Trong Giáo hội cổ đại, những ngày này, vì tính trang trọng của chúng, được coi là đặc biệt thích hợp để rửa tội cho những người ngoại đạo mới cải đạo.

Sau khi trở thành Kitô hữu, Cyprian sống chung dưới một mái nhà với Cecilius, vì ông đã trao tặng toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo; đồng thời, cả hai người, Cyprian và Cecilius, đều sống một cuộc đời nghiêm khắc và đạo đức.

Một năm hoặc hơn một chút sau khi chịu phép rửa tội, Cyprian được tấn phong làm linh mục của Giáo hội Carthage.

Trong chức vụ linh mục, Thánh Cyprian càng nỗ lực hơn nữa trong việc tu dưỡng đức tin. Theo lời chứng của phó tế Pontius[5809] , khi đảm nhận chức vụ linh mục, Cyprian đã làm được nhiều điều theo gương các vị thánh xưa và chính ông cũng trở thành tấm gương đáng noi theo.

Không lâu sau đó, Đức Giám mục Donat của Carthage qua đời. Toàn thể dân chúng đã nhất trí bầu Thánh Cyprian vào ngôi giám mục còn trống. Như vậy, Thánh Cyprian chỉ giữ chức vụ linh mục trong chưa đầy một năm.

Ban đầu, Cyprian từ chối vinh dự này, vì cho rằng mình không xứng đáng đảm nhận chức vụ cao quý như vậy. Ông nói rằng có những linh mục lớn tuổi hơn ông và xứng đáng hơn ông. Nhưng dân chúng, những người yêu mến vị mục tử nhân từ của mình, đã khẩn thiết yêu cầu phong chức giám mục cho Thánh Cyprian. Khi đến thời điểm đã định cho lễ tấn phong, các Kitô hữu đã vây quanh ngôi nhà nơi Thánh Cyprian đang ở, và không chịu rời khỏi các lối vào và lối ra mà họ đang chiếm giữ cho đến khi Thánh Cyprian đồng ý đi cùng các Kitô hữu đến nhà thờ. Dù có lòng khiêm nhường cao cả, Thánh Cyprian vẫn phải nhượng bộ trước tình yêu của anh em, ngài đã đến nhà thờ và, trong niềm vui của mọi người, được tấn phong làm giám mục.

Như vậy, Thánh Cyprian đã được đặt, giống như ngọn đèn, trên giá đèn, để chiếu sáng thế gian bằng những đức tính cao đẹp của ngài[5810] .

Trong chức vụ giám mục, Cyprian trước hết đã tập trung vào việc cải tổ Giáo hội. Cần lưu ý rằng vào thời điểm đó có không ít Kitô hữu chỉ tự xưng là Kitô hữu, nhưng trên thực tế lại sống một cuộc đời không xứng đáng với một Kitô hữu chân chính. Vì sự bắt bớ của những người ngoại đạo đối với Kitô hữu đã chấm dứt từ lâu, và Giáo hội đã được hưởng gần bốn mươi năm hòa bình, nên một số Kitô hữu đã dễ dãi cho phép mình vi phạm các tập tục Kitô giáo nghiêm ngặt. Đây là cách chính Cyprian mô tả những khuyết điểm đạo đức của thời đại ông:

"Mọi người đều lo lắng về việc gia tăng tài sản. Ở các linh mục không có sự đạo đức như mong đợi từ lời khấn của họ, ở các giáo sĩ không có đức tin trong sáng, trong hành động không có lòng thương xót, trong lối sống không có sự trật tự[5811] . Nhiều Kitô hữu không giữ vững các chân lý của đức tin Kitô giáo và đã xa rời Chúa Kitô. Người ta thường xuyên thốt ra những lời thề bừa bãi, khinh miệt và bất tuân các vị lãnh đạo, nói xấu và thù hận lẫn nhau"[5812] .

Do tất cả những điều này, Thánh Cyprian, với tư cách là giám mục, đã phải nỗ lực rất nhiều để góp phần vào việc củng cố nội bộ Giáo hội.

Ngay sau khi được tấn phong làm giám mục, Thánh Cyprian đã bắt tay vào việc loại bỏ những rối loạn đã len lỏi vào đời sống của các Kitô hữu.

Thánh Cyprian trước hết đã tập trung sự chú ý vào hàng giáo sĩ, vào chính các mục tử của Giáo hội, những người là những người lãnh đạo dân chúng. Thánh Cyprian không cho phép bất kỳ ai, ngay cả những chức vụ thấp nhất trong hàng giáo sĩ, mà không qua quá trình kiểm tra kỹ lưỡng trước về năng lực và hành vi của từng người; Ngài yêu cầu những người mong muốn phục vụ Giáo hội phải có sự chuẩn bị nhất định; chính kỳ thi kiểm tra kiến thức về giáo lý Kitô giáo, Thánh Cyprian đã tiến hành trước sự chứng kiến của các linh mục, như đã được biết về trường hợp của Optan, người mà Thánh Cyprian đã bổ nhiệm làm giáo viên hướng dẫn cho những người dự tòng ngay từ đầu nhiệm kỳ giám mục của mình.

Bên cạnh đó, Cyprian còn quan tâm đến việc cải thiện đạo đức trong cộng đồng Kitô hữu. Phó tế Pontius đã nói về chức vụ giám mục của Thánh Cyprian như sau: "Ông ấy thật là đạo đức biết bao! Thật là cảnh giác biết bao! Lòng thương xót của ngài thật vĩ đại! Sự nghiêm khắc của ngài thật đáng kính! Sự thánh thiện và ân sủng tuôn trào từ miệng ngài đến nỗi khiến tất cả những ai nhìn thấy ngài đều kinh ngạc."

[5809] Phó tế Pontius đã để lại cuốn tiểu sử về Thánh Cyprian.

[5810] Thánh Cyprian có lẽ đã được tấn phong làm giám mục vào cuối năm 248.

[5811] "Cuốn sách về những người sa ngã", chương 6.

[5812] "Cuốn sách về những người sa ngã", chương 6.

Về ngoại hình, Thánh Cyprian trông rất chính trực, khuôn mặt thanh tú, bởi vì sự thánh thiện ẩn giấu trong tâm hồn ngài cũng được phản ánh trên khuôn mặt ngài. Cũng như sự khôn ngoan, theo lời sách Truyền Đạo, thì sự thánh thiện cũng làm rạng rỡ dung mạo con người (Truyền Đạo 8:1); còn ở con người của Đức Chúa Trời này – Thánh Cyprian – thì có cả hai điều đó: ngài vừa khôn ngoan, vừa thánh thiện. Ông mặc trang phục không quá sang trọng cũng không quá tồi tàn, bởi vì vị thánh tránh xa sự kiêu ngạo và tự cao, nhưng cũng không muốn làm ô danh chức vụ giám mục. Tính cách của ông rất điềm đạm: ông không quá nghiêm khắc, cũng không quá mềm mỏng hay hiền lành quá mức; khi cần phải trừng phạt, ngài, dù vẫn nhân từ, vẫn bộc lộ cơn giận của mình, chính vì thế mà ngài được mọi người kính trọng và tôn vinh. Ngoài ra, Thánh Cyprian còn thể hiện lòng thương xót và sự cảm thông sâu sắc đối với tất cả những người bị áp bức và khốn khó: ngài là người trợ giúp cho trẻ mồ côi, người lữ hành, người nghèo và người bệnh.

Trong các chỉ thị và hành động mục vụ của mình, Thánh Cyprian đã thể hiện sự sáng suốt và khôn ngoan đến mức ngay cả các vị lãnh đạo của các Giáo hội khác cũng tìm đến ngài để xin lời khuyên.

Chẳng hạn, Rogatian, Giám mục Novus, đã xin lời khuyên từ Thánh Cyprian về việc bị một phó tế nào đó xúc phạm. Thánh Cyprian đã trả lời:

– Nếu vị phó tế đó tiếp tục bất tuân và xúc phạm ngài, ngài có thể, theo quyền hạn của mình, hoặc tước chức của ông ta, hoặc khai trừ khỏi cộng đoàn; tuy nhiên, – ngài nói thêm, – chúng tôi mong muốn ngài hãy che đậy những tổn thương và sự xúc phạm bằng lòng kiên nhẫn hiền lành, hơn là trừng phạt bằng quyền bính thánh thiêng.

Một giám mục khác, Evkrati, hỏi Cyprian:

– Có nên cho phép một diễn viên kịch, người mà ngay cả sau khi trở thành Kitô hữu vẫn tiếp tục dạy cho thanh niên nghệ thuật mà ông ta từng theo đuổi trong thời kỳ ngoại giáo, được tham dự Thánh lễ không?

Cyprian đã trả lời như sau:

– Sự nghèo khó không thể là lý do bào chữa cho người diễn viên này (nay đã là Kitô hữu); anh ta có thể được nuôi dưỡng bằng các khoản dâng cúng của Giáo hội, miễn là anh ta sẵn lòng chấp nhận một mức sống khiêm tốn hơn, nhưng không phạm tội. Vì vậy, hãy thuyết phục anh ta bằng lòng với sự trợ cấp của Giáo hội: còn nếu các bạn không có đủ của lễ từ Giáo hội để nuôi sống những người lao động, thì hãy để anh ta đến với chúng tôi, và từ chúng tôi, anh ta sẽ nhận được những thứ cần thiết cho ăn uống và quần áo.

Thánh Cyprian còn đưa ra nhiều lời khuyên khác cho tất cả những ai hỏi ngài, vì ngài không muốn giấu giếm sự khôn ngoan và hiểu biết của mình, mà luôn cố gắng mang lại lợi ích cho mọi người.

Theo ý muốn của Thiên Chúa, Thánh Cyprian đã dành một vài năm để quản lý giáo phận của mình trong hòa bình. Không lâu sau khi Thánh Cyprian lên ngôi giám mục của Giáo hội, cuộc bách hại của Decius[5813] đã ập đến như một cơn bão. Ngay sau khi lên ngôi, vị hoàng đế vô đạo này đã ban hành sắc lệnh buộc tất cả các Kitô hữu phải chấp nhận tôn giáo ngoại đạo và dâng lễ vật cho các vị thần.

Từ rất lâu trước khi cuộc bách hại này bắt đầu, Cyprian đã được Chúa báo trước về thảm họa này qua một thị kiến, cụ thể là: Cyprian thấy một vị lão niên, bên phải ngài là một thanh niên tràn đầy sự bối rối, phẫn nộ và buồn bã, còn bên trái có ai đó cầm một chiếc lưới và đe dọa sẽ bắt giữ đám đông đang đứng xung quanh bằng chiếc lưới đó. Thánh Cyprian đã ngạc nhiên trước thị kiến này. Nó được giải thích cho ngài như sau: người ngồi bên phải đang buồn bã và đau xót vì các Kitô hữu không tuân giữ các điều răn của Ngài, còn người ở bên trái lại vui mừng vì có cơ hội và được phép trút cơn thịnh nộ của mình lên dân chúng. Thánh Cyprian hiểu rằng những nhân vật hiện ra với ngài trong thị kiến chính là Thiên Chúa Cha, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và kẻ thù từ thuở ban đầu của thế gian – ma quỷ.

Qua cuộc bách hại này, các Kitô hữu đã được thử thách như vàng trong lửa, để ánh sáng của các đức tính Kitô giáo được tỏa sáng rực rỡ và mạnh mẽ hơn khắp mọi nơi.

Khi sắc lệnh của hoàng đế đến Carthage, những người ngoại đạo muốn tra tấn Cyprian trước tiên. Vì ngài nổi tiếng hơn về đức hạnh và ảnh hưởng đối với các Kitô hữu, nên họ định tra tấn ngài trước hết, nhằm hù dọa những Kitô hữu còn lại. Nhưng vì thời điểm để Thánh Cyprian thực hiện những việc làm anh hùng của mình vẫn chưa đến, nên ngài quyết định tạm thời rời khỏi Carthage, để từ một nơi mà những người ngoại đạo không biết đến, ngài có thể dùng những lời khuyên nhủ và dạy dỗ của mình để củng cố đức tin của các Kitô hữu và khuyến khích họ kiên định tuyên xưng danh Chúa Kitô. Sau khi quyết định tạm thời rời khỏi Carthage, Cyprian đã viết một bức thư

[5813] Hoàng đế Decius trị vì từ năm 249 đến năm 251.

gửi cho các linh mục và phó tế của mình, cũng như các vị lãnh đạo của Giáo hội Rôma. Trong bức thư này, Cyprian thông báo rằng ngài rời khỏi Carthage để sự hiện diện của ngài không làm gia tăng thêm sự dữ dội của cuộc bách hại, rằng mặc dù vắng mặt về thể xác khỏi đoàn chiên của mình, ông vẫn hiện diện cùng họ trong Chúa, rằng ông đã viết mười ba bức thư để an ủi những người mạnh mẽ, khích lệ những người yếu đuối, để loại bỏ các loại rối loạn trong đời sống nội bộ của Giáo hội và để xoa dịu tâm hồn những người đang dao động.

Cyprian đã giải thích hành động của mình như sau: "Bậc thắng lợi thứ nhất là xưng nhận Chúa sau khi bị những kẻ ngoại đạo bắt giữ. Bậc vinh quang thứ hai là tự cứu mình cho Chúa bằng cách rút lui một cách khôn ngoan. Có hai hình thức xưng nhận: một là công khai trước toàn dân, hai là riêng tư. Hình thức thứ nhất chiến thắng trước tòa án thế gian, còn hình thức thứ hai thì được Thiên Chúa – Đấng Phán Xét – ưa chuộng hơn, vì nó duy trì lương tâm trong sạch trong sự thanh khiết của lòng. Trong trường hợp này, người ta thấy sự kiên định sống động hơn; trong trường hợp kia, sự thận trọng chắc chắn hơn. Người này, khi giờ của mình đến gần, đã sẵn sàng cho cái chết; còn người kia, có lẽ cái chết của anh ta đã được hoãn lại – ví dụ như người đã bỏ lại gia tài của mình và rút lui chính vì lý do đó, để không sa ngã, nhưng chắc chắn sẽ tự xưng mình là Kitô hữu nếu anh ta cũng bị bắt (bởi những người ngoại đạo)".

Không còn nghi ngờ gì nữa, bằng việc bị cách chức tạm thời, Thánh Cyprian đã cống hiến cho Giáo hội một ân huệ lớn lao hơn so với những gì ngài có thể mang lại nếu ngay lập tức chấp nhận cuộc tử đạo.

Trước khi bị cách chức, Thánh Cyprian đã chia số tiền của Giáo hội, vốn trước đó do ngài quản lý, cho tất cả các giáo sĩ còn ở lại Carthage, nhằm giúp đỡ những người nghèo khó một cách thuận tiện hơn. Phía các linh mục, họ sẵn lòng báo cáo cho giám mục của mình mọi thông tin về tình hình đoàn chiên và tuân phục ngài y như khi ngài còn hiện diện trực tiếp. Công bằng mà nói, chỉ có một mình ngài mới đủ khả năng điều hành Giáo hội Carthage trong thời kỳ khó khăn như vậy.

Người viết tiểu sử của ngài, phó tế Pontius, nhận xét: "Hãy thử tưởng tượng rằng ngài (Cyprian) lúc đó (tức là lúc ngài chưa rời khỏi Carthage) đã được ban ân sủng chịu tử đạo... Ai sẽ dạy những người sa ngã biết ăn năn, dạy những kẻ dị giáo biết lẽ thật, dạy những kẻ gây chia rẽ biết sự hiệp nhất, và dạy con cái của Đức Chúa Trời biết giữ gìn hòa bình và cầu nguyện?"

Thánh Cyprian do đó luôn duy trì liên lạc thường xuyên với đoàn chiên của mình và đã gửi nhiều lá thư và thông điệp đến các linh mục, phó tế, các vị tử đạo và các vị chứng nhân. Trước hết, ngài nói rằng ngài sẽ đến với họ ngay khi Thiên Chúa cho ngài biết đó là ý muốn của Ngài. Ngài xin họ chăm sóc các góa phụ, người bệnh, khách lữ hành và tất cả những người nghèo khó. Mặc dù ngài đã để lại một khoản tiền cho mục đích này, nhưng vì lo ngại rằng có thể số tiền đó đã được tiêu hết, ngài đã cử người hầu của mình là Narik mang theo một khoản tiền cúng dường mới. Điều mà Thánh Cyprian quan tâm nhất là các Kitô hữu đừng nản lòng giữa cơn bão của những nỗi đau khổ. Với lòng chân thành không kém, Thánh Cyprian cũng viết thư cho các vị chứng nhân và các vị tử đạo. Ngài củng cố lòng dũng cảm của họ, ca ngợi lòng trung thành của họ; đồng thời khuyên nhủ tất cả các Kitô hữu phải đảm bảo rằng thi thể các vị tử đạo được tôn vinh xứng đáng sau khi qua đời và được nhận mọi sự an ủi có thể trong thời gian chịu đau khổ.

Thánh Cyprian đã ca ngợi các vị thánh tuyên xưng đức tin với những lời khen ngợi cao cả. Ngài khuyến khích các linh mục của mình đảm bảo rằng, cũng như danh tiếng của các vị tuyên xưng đức tin không thiếu thốn điều gì, thì sự giúp đỡ dành cho họ cũng không thiếu thốn điều gì, và ngài xin được thông báo về ngày họ qua đời, để ngài có thể dâng lời cầu nguyện và lễ vật tưởng nhớ họ.

Trong thời gian đầu sau khi Thánh Cyprian bị trục xuất khỏi Carthage, cơn thịnh nộ của những kẻ ngoại đạo truy bức các Kitô hữu đã giảm bớt phần nào. Nhưng sau một thời gian, nó lại càng gia tăng hơn nữa. Để ép buộc các Kitô hữu từ bỏ đức tin mà họ tuyên xưng, những kẻ ngoại đạo đã nghĩ ra nhiều hình thức tra tấn và hành hạ tàn bạo khác nhau. Những người làm chứng cho danh Chúa Kitô bị quất bằng roi, đánh bằng gậy, xé xác bằng các dụng cụ sắt, và thiêu sống trên lửa. Các ngục tối chật ních các tín hữu Kitô giáo; một số người bị giam cầm đã sớm nhận được vương miện chiến thắng, những người khác thì sắp sửa nhận được những vương miện ấy, vì họ được truyền cảm hứng bởi cùng một lòng dũng cảm và với cùng một lòng nhiệt thành, họ hăng hái lao vào cuộc chiến. Nhưng cũng có những Kitô hữu không chịu nổi cực hình nên đã dâng lễ vật, hoặc thắp hương cho các thần tượng, hoặc dùng tiền mua từ các quan thành những giấy chứng nhận ghi rằng họ đã dâng lễ vật cho các thần tượng và từ bỏ Chúa Kitô, dù thực tế không phải vậy. Một số người thậm chí còn tự nguyện dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo mà không cần ai ép buộc. Những người khác thì khi đêm xuống, các quan tòa ngoại đạo thả họ về nhà

và không ép buộc họ dâng lễ vật, nhưng chính họ lại xin phép được dâng lễ vật vào buổi tối, không trì hoãn đến ngày hôm sau. Cũng có rất nhiều người đã xúi giục bạn bè của mình từ bỏ đức tin Kitô giáo, giống như chính họ đã làm.

Thánh Cyprian cảm thấy đắng cay và nặng nề khi nghe tin về sự sa ngã của những thành viên yếu đuối trong đoàn chiên của mình! Ngài gọi sự sa ngã của họ là việc từ bỏ một phần trái tim chính mình. Sau này, ngài đã viết về vấn đề này như sau: "Tôi đau buồn, tôi đau buồn cùng anh em, và nỗi đau của tôi không vơi bớt dù tôi vẫn còn sống và vẫn khỏe mạnh; với tư cách là một mục tử, tôi bị tổn thương bởi đòn đánh giáng vào đoàn chiên của tôi. Trái tim tôi gắn bó với mỗi người trong các anh em, tôi đau đớn và chết đi cùng mỗi người! Thân thể tôi cũng bị những đòn đánh của kẻ thù tàn ác làm tổn thương! Và linh hồn tôi cũng bị vũ khí xuyên thấu! Trái tim tôi, dù xa cách và thoát khỏi sự bách hại, vẫn không được yên bình; tình yêu đã làm tôi đau đớn khi các anh em tôi bị tổn thương"[5814] .

Khoảng thời gian này, còn xảy ra một sự việc khác, gây không ít nỗi buồn cho Thánh Cyprian.

Cần lưu ý rằng, trong thời cổ đại, tại Giáo hội Carthage, cũng như tại các Giáo hội khác, các vị chứng nhân có thói quen trao cho những người sa ngã những lá thư cầu thay đặc biệt, hay còn gọi là "thư hòa giải", nhờ đó những người phạm tội được sớm được phép tham gia vào sự hiệp thông với các tín hữu. Và giờ đây, nhiều người đã sa ngã khỏi Đức Kitô đặt rất nhiều hy vọng vào lời cầu thay của các vị chứng nhân và các vị tử đạo. Tuy nhiên, nhiều vị chứng nhân, do quá khoan dung với những người sa ngã, đã không chú ý đến tính chân thành của sự sám hối của họ và trao những lá thư cầu thay ("thư hòa giải") này mà không có sự xem xét và thận trọng cần thiết. Chỉ có một số ít các vị chứng nhân mới xin giám mục ban hòa giải cho một số người sa ngã sau khi cuộc bách hại kết thúc, khi chính giám mục trở về và sau khi đã điều tra kỹ lưỡng tình trạng đạo đức của những người sa ngã. Sự khoan dung như vậy đối với những người sa ngã được thể hiện vào thời điểm cuộc bách hại vẫn còn hoành hành tại Carthage; do đó, sự khoan dung này có thể làm suy yếu sự kiên định trong đức tin của các Kitô hữu khác, những người chưa phải chịu cuộc bách hại.

Khi Thánh Cyprian biết được tất cả những điều này, ngài đã gửi ba lá thư đến Carthage dành cho hàng giáo sĩ, các linh mục và dân chúng; và vì những người vi phạm nghiêm trọng nhất các quy tắc cổ xưa của Giáo hội lại chính là các linh mục, nên trong tất cả các lá thư này, Cyprian đã lên án họ nhiều nhất; đối với tất cả mọi người – cả hàng giáo sĩ lẫn dân chúng – Thánh Cyprian khuyên họ nên chờ đợi quyết định của công đồng về việc tiếp nhận những người sa ngã trở lại Giáo hội, và ngài hứa sẽ triệu tập công đồng này sau khi cuộc bách hại kết thúc và ngài trở về Carthage. Thánh Cyprian đã yêu cầu các vị chứng nhân đặc biệt chú ý đến hoàn cảnh và công đức, đến nguồn gốc và mức độ sa ngã của từng người, trong số những người mà họ sẽ đề nghị can thiệp.

Tuy nhiên, tất cả những lá thư của Thánh Cyprian này đều không đạt được thành công trọn vẹn. Đúng là các linh mục, vâng lời vị mục tử của mình, đã ngừng cho phép những người sa ngã được tham gia vào sự hiệp thông trong Giáo hội ngang hàng với các tín hữu, và khuyên nhủ họ trước hết phải chuộc tội bằng sự sám hối chân thành; nhưng một số người sa ngã vẫn không muốn ăn năn, không muốn chờ đợi phán quyết về vụ việc của mình cho đến khi cuộc bách hại kết thúc, mà đòi hỏi được tha tội ngay lập tức.

Tuy nhiên, Thánh Cyprian không nới lỏng các yêu cầu của mình ngay cả sau khi nhận được tin về sự bất tuân này từ một số Kitô hữu sa ngã.

Với sự kiên định như vậy trong việc bảo vệ kỷ luật Giáo hội, Thánh Cyprian từ nơi lưu đày của mình đã bắt đầu trao đổi thư từ với các giám mục lân cận nhằm, thông qua sự đồng thuận của họ, càng khẳng định mạnh mẽ hơn yêu cầu về sự sám hối đối với những người đã sa ngã. Trả lời các lá thư của ngài, các giám mục cho biết họ hoàn toàn tán thành các yêu cầu của ngài và viết rằng trong mọi trường hợp, ngài không nên lùi bước khỏi quyết định của mình cho đến khi diễn ra công đồng, dự kiến sẽ được tổ chức sau khi cuộc bách hại kết thúc.

Trong khi các giám mục lân cận công khai xác nhận và tán thành các yêu cầu của Thánh Cyprian đối với những người sa ngã, thì các vị chứng nhân lại tuyên bố không đồng ý với ngài. Một trong số họ, Lucian, thay mặt tất cả, đã viết thư cho Cyprian, trong đó ông thông báo với Cyprian rằng tất cả các vị chứng nhân đã ban hòa giải cho những người sa ngã; chính Lucian này cũng đã viết một lá thư tương tự gửi cho vị chứng nhân La Mã Celerinus.

[5814] "Cuốn sách về những người tử đạo", chương 4.

Được khích lệ bởi sự bảo trợ của các vị chứng nhân, những người đã sa ngã ở một số thành phố thuộc tỉnh Phi Châu đã gây náo loạn chống lại các vị chủ chăn và đe dọa đòi họ phải ban hòa giải cho mình, điều mà theo họ khẳng định, đã được các vị chứng nhân và các vị tử đạo ban cho từ trước. Ngay tại thành Carthage, những giáo dân bất mãn sau đó đã bắt đầu đòi hỏi sự hòa giải với Giáo hội một cách vô cùng ngang ngược.

Trong khi đó, Thánh Cyprian khuyên nhủ hàng giáo sĩ và dân chúng hãy hành động theo những gì đã được chỉ dẫn trước đó.

Do đó, những người sa ngã có thiện chí hơn đã hoàn toàn khiêm nhường và hứa sẽ vâng phục hoàn toàn giám mục. Không lâu sau đó, một số người trong số họ đã viết thư cho Thánh Cyprian, thừa nhận lỗi lầm của mình, thực hiện việc sám hối theo quy định của Giáo hội, không mong muốn sự hòa giải vội vàng và không đúng lúc với các tín hữu, mà chờ đợi sự trở về của vị giám mục của họ, cho rằng chính sự hòa giải trong sự hiện diện của ngài sẽ mang lại niềm vui lớn hơn cho họ.

Không lâu sau đó, Thánh Cyprian đã được mặc khải trong một thị kiến rằng hòa bình trong Giáo hội sẽ sớm được khôi phục, rằng chỉ còn một số người nữa sẽ phải chịu sự bắt bớ trong một thời gian ngắn, và rằng tùy theo sự sốt sắng trong cầu nguyện, hòa bình có thể đến sớm hơn.

Và quả thực, thị kiến của Thánh Cyprian đã được chính các sự kiện chứng minh là đúng. Cuộc bách hại các Kitô hữu tại Carthage dù vẫn còn tiếp diễn, nhưng đã suy yếu; những người ngoại đạo bắt đầu cho phép các tín hữu tuyên xưng danh Chúa Kitô được hưởng ngày càng nhiều tự do hơn. Những người bị giam trong ngục tối được trả tự do, còn những người bị lưu đày thì trở về quê hương.

Tuy nhiên, cuộc bách hại vẫn chưa chấm dứt. Vị tổng giám mục vĩ đại, Thánh Cyprian, vẫn còn phải đối mặt với nhiều lo toan và phiền muộn. Trong thời gian Thánh Cyprian vắng mặt tại Carthage, nhu cầu về các linh mục và giáo sĩ ngày càng cấp thiết. Thánh Cyprian đã chọn ra bốn người làm đại diện, giao phó cho họ nhiệm vụ xem xét kỹ lưỡng tuổi tác, hoàn cảnh và công lao của những người sẽ được ngài phong chức vào các bậc phẩm trật khác nhau. Những người được chọn làm đại diện này bao gồm hai giám mục của các giáo phận gần Carthage nhất – Caldonius và Herculanus, tiếp theo là Rogatian, một linh mục và nhà tuyên xưng đức tin tại Carthage, cùng với tu sĩ Numidicus.

Những người được đề cập ngay lập tức bắt tay vào thực hiện các yêu cầu của giám mục mình. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, họ đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ từ những người không hài lòng với sự quan tâm hoàn toàn hợp pháp và cần thiết của Cyprian trong việc lựa chọn những người xứng đáng phục vụ Giáo hội. Một trong những người đó là Felicissimus, một giáo dân, và linh mục Novatus; cùng với họ còn có bốn linh mục khác, những người lo sợ trước sự phán xét công bằng của Cyprian đối với bản thân họ. Họ, đặc biệt là linh mục Novatus, đã xúi giục Felicissimus nổi loạn chống lại giám mục của mình.

Khi tất cả những điều này được Cyprian biết đến, ngài đã tuyên bố vạ tuyệt thông đối với Felicissimus và đe dọa sẽ áp dụng hình phạt tương tự đối với tất cả đồng phạm của ông ta; còn bức thư mà Cyprian viết nhân dịp này, ngài đã ra lệnh đọc cho dân chúng nghe và chuyển đến Carthage cho hàng giáo sĩ. Lúc đó chỉ có sáu tín đồ cuồng nhiệt của Felicissimus bị khai trừ khỏi Giáo hội; nhưng vì vẫn có những người ủng hộ mới của Felicissimus xuất hiện, nên cuộc nổi loạn do ông ta gây ra vẫn chưa được dập tắt.

Cyprian dự định trở về Carthage vào dịp lễ Phục Sinh, nhưng do sự xáo trộn do Felicissimus và những người ủng hộ ông ta gây ra vẫn chưa chấm dứt, ngài, không muốn làm gia tăng sự hỗn loạn bằng sự xuất hiện của mình, đã quyết định cử hành lễ Phục Sinh tại nơi ngài đang lưu đày; và để trong thời gian ông vắng mặt, kẻ thù không thể đạt được thêm thành công nào nữa, ông đã viết thư khuyên nhủ đoàn chiên của mình đừng tin vào những lời lẽ độc hại của những kẻ gây rối.

Thánh Cyprian đã vô cùng đau khổ vì đoàn chiên của mình trong thời gian này. Nỗi đau buồn của ngài được thể hiện qua bức thư viết nhân dịp này:

"Tôi đang đau khổ biết bao," ông viết cho các tín hữu Kitô giáo tại Carthage, "vì không thể đích thân đến với các bạn và khuyên nhủ từng người trong các bạn theo giáo huấn của Chúa và Tin Mừng của Ngài. Hai năm lưu đày và sự chia ly đắng cay với các bạn đã là quá đủ đối với tôi; nỗi đau buồn và u sầu không ngừng dày vò tôi khi xa các bạn cũng đã là quá đủ; chưa đủ những giọt nước mắt, ngày đêm tuôn rơi vì vị mục tử mà các bạn đã bầu chọn với tình yêu và sự nhiệt thành như vậy, lại không thể đích thân chào đón các bạn, cũng không thể ở trong vòng tay các bạn. Đối với trái tim đang tan nát vì buồn bã của chúng ta, nỗi đau buồn còn lớn hơn nữa đã ập đến. Trong hoàn cảnh lo âu và khó khăn như vậy, chính tôi cũng không thể sớm đến với các bạn... Nhưng từ đây, tôi khẩn thiết

khuyên nhủ và xin các anh em thân mến: đừng tin vào những lời nói độc hại, đừng dễ dàng nghe theo những lời dối trá, đừng chọn bóng tối thay vì ánh sáng, đêm thay vì ngày, đói khát thay vì thức ăn, khát thay vì nước uống, độc dược thay vì thuốc men, cái chết thay vì sức khỏe... Những ai không có bình an trong lòng thì sẽ không mang lại bình an cho chúng ta... Chớ để ai lôi kéo các anh em rời xa con đường của Chúa. Hãy để những ai tự tìm đến sự hủy diệt thì phải chịu hủy diệt; hãy để những ai tách rời khỏi Giáo Hội thì ở ngoài Giáo Hội; hãy để những ai nổi loạn chống lại các giám mục thì không được ở cùng các giám mục... Tôi xin các bạn: hãy tách biệt khỏi những kẻ như vậy, hãy nghe theo lời khuyên của tôi. Hằng ngày, tôi dâng lên Chúa những lời cầu nguyện không ngừng cho các con; tôi mong muốn hàn gắn các con với Giáo Hội; tôi chỉ xin Chúa ban bình an cho Mẹ (Giáo Hội) trước tiên, rồi mới đến các con cái của Mẹ. Hãy kết hợp những lời cầu nguyện và khẩn nài của các con với những lời cầu nguyện của tôi, những giọt nước mắt của các con với những giọt nước mắt của tôi”[5815] .

Trong khi khuyên nhủ một cách cảm động những ai có thể nhận ra trong lời nói của ngài tiếng nói của tình yêu thương như người cha, Thánh Cyprian đã đe dọa trừng phạt – khai trừ khỏi Giáo Hội – những ai không muốn vâng lời ngài.

Tất nhiên, bức thư này đã giữ những người có thiện chí ở lại bên phía vị giám mục.

Ngay sau đó, khi Novatus, thông qua các đồng phạm của mình, mà không có sự đồng ý và không cho Thánh Cyprian biết, đã phong Felicissimus làm phó tế, Cyprian đã viết thêm hai lá thư gửi cho hàng giáo sĩ và dân chúng về lễ phong chức bất hợp pháp này. Đó là những lá thư cuối cùng từ nơi ngài bị lưu đày. Sự phản kháng của Felicissimus đã chấm dứt ngay tại công đồng diễn ra tại Carthage sau khi Thánh Cyprian trở về[5816] .

Ngay sau khi trở về Carthage, Cyprian đã chủ tọa công đồng này, nơi xem xét hai vấn đề: về sự ly giáo của Felicissimus và về việc cho phép những người sa ngã được hiệp thông với các tín hữu.

Sau nhiều cuộc thảo luận kéo dài, các vị cha trong công đồng đã nhất trí quyết định rằng không nên từ chối cho những người sa ngã được hiệp thông với Giáo hội, để họ không tuyệt vọng về lòng thương xót của Thiên Chúa và không sa vào lối sống ngoại giáo; nhưng cũng không nên cho phép họ hiệp thông quá sớm – việc tái hợp của họ với Giáo hội phải được tiền đề bằng sự sám hối kéo dài, cầu nguyện với Chúa kèm theo nước mắt, và việc xem xét tình trạng đạo đức của từng người. Đồng thời, tùy theo mức độ sai lầm của từng người, các mức độ sám hối khác nhau cũng được quy định. Còn Felicissimus và những người cùng quan điểm với ông, vì đã chống đối quyền lực của giám mục, đã bị khai trừ khỏi Giáo hội.

Tuy nhiên, những kẻ thù của Cyprian vẫn chưa chịu yên. Linh mục Novat chẳng bao lâu sau đã lên đường đến Rôma và tại đây, sau khi phản bội Felicissimus, ông đã gia nhập phe của Novatian[5817] , từ đó gây ra nhiều xáo trộn cả trong Giáo hội Rôma lẫn Giáo hội Carthage. Còn Felicissimus cùng với những người đồng chí hướng của mình, một năm sau đó, lại gây ra một cuộc nổi loạn mới chống lại Thánh Cyprian của Thiên Chúa.

Novatianus bắt đầu truyền bá tà thuyết tại Rôma, khẳng định rằng những người sa ngã trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được tiếp nhận vào cộng đoàn, dù họ có tỏ lòng sám hối đi chăng nữa; đồng thời, Novatianus đã cố gắng chiếm đoạt danh dự chức giám mục từ tay Cornelius, vị linh mục Rôma đã được bầu chọn hợp pháp làm giám mục. Nhờ sự hỗ trợ của Novata, người đã đến Rôma, Novatian đã thuyết phục được ba giám mục người Ý tiến hành lễ tấn phong cho ông làm giám mục.

Thánh Cyprian, với sự khôn ngoan đích thực của người Kitô hữu, đã cố gắng dập tắt tận gốc rễ mọi mâu thuẫn và xáo trộn trong Giáo hội. Thánh Cyprian đã gửi thư chung đến các giám mục châu Phi để thông báo về việc phong chức giám mục hợp pháp cho Cornelius và về những hành động bất hợp pháp của Novatian. Vị Thánh của Thiên Chúa không ngừng nhắc nhở mọi người về chân lý rằng: ở nơi nào đã có một giám mục được bầu chọn và tấn phong một cách hợp pháp, thì không thể tấn phong một giám mục khác; đồng thời, ngài thuyết phục những kẻ gây rối loạn hòa bình trong Giáo hội từ bỏ những mâu thuẫn và tranh cãi tai hại, để trở về lòng Giáo hội Công giáo toàn cầu duy nhất và chân chính. Để bảo vệ các tín hữu khỏi sự cám dỗ của những kẻ gây chia rẽ là Novatian và Felissimus, Thánh Cyprian đã viết cuốn sách “Về sự hiệp nhất của Giáo hội”.

[5815] Thư số 40.

[5816] Công đồng này diễn ra vào năm 251.

[5817] Novatian – một linh mục tại Rôma, trước đó ông đã viết thư cho Cyprian thay mặt toàn thể hàng giáo sĩ Rôma về vấn đề tiếp nhận những người sa ngã vào Giáo hội.

Những thử thách của Thánh Cyprian vẫn chưa kết thúc ở đó. Vẫn có những người tiếp tục gieo rắc mầm mống chia rẽ và xáo trộn trong Giáo hội. Chẳng hạn, một kẻ dị giáo tên là Privat, sau khi gia nhập phe của Felicissimus, đã ép buộc việc tấn phong bất hợp pháp Fortunatus làm giám mục Carthage. Tuy nhiên, sau những lời khuyên nhủ của Thánh Cyprian, những người ủng hộ Fortunatus bắt đầu từ bỏ ông ta và quay trở lại hòa bình trong Giáo hội.

Để loại bỏ triệt để mọi mâu thuẫn và bất đồng do những kẻ thù của hòa bình Giáo hội gây ra, Thánh Cyprian đã quyết định triệu tập Công đồng địa phương tại Carthage. Đã có một số công đồng như vậy được tổ chức tại Carthage. Tại Công đồng này, nhiều vấn đề liên quan đến đời sống nội bộ của Giáo hội đã được giải quyết, chẳng hạn như việc tiếp nhận những người sa ngã, việc rửa tội cho những kẻ dị giáo, v.v. Dần dần, sự xáo trộn do những thành viên bất tuân trong Giáo hội gây ra trong đời sống Giáo hội đã lắng xuống, và hòa bình cùng sự yên tĩnh được tái lập trong Giáo hội.

Chúa đã muốn thử thách Thánh Cyprian bằng một thử thách mới: thay cho những tai họa do sự bắt bớ từ phía những người ngoại đạo, một thảm họa thiên tai đã ập đến – dịch hạch.

Thảm họa bất ngờ ập đến này gây ra nỗi đau khổ như nhau cho cả Kitô hữu lẫn những người ngoại đạo. Dịch hạch hoành hành không ngừng trong một thời gian dài ở mọi tỉnh, mọi thành phố và gần như trong mọi gia đình.

Thảm họa chung này đã thúc đẩy Cyprian thực hiện những hành động vô cùng vị tha và cao thượng. Trong khi những người ngoại đạo chỉ càng trở nên ích kỷ hơn, trong khi họ dường như hoàn toàn bị chi phối bởi nỗi sợ hãi khiến họ phải bỏ lại những người thân yêu nhất và để xác chết nằm la liệt trên đường phố mà không được chôn cất, thì các Kitô hữu, dưới sự dẫn dắt của Cyprian, vẫn giữ vững lập trường. Bản thân Cyprian không chỉ dừng lại ở việc khuyên nhủ, mà còn bằng chính tấm gương của mình, đã trở thành hình mẫu để tất cả các Kitô hữu noi theo.

Dịch bệnh đi kèm với những hậu quả kinh hoàng thường thấy – hạn hán và nạn đói; ngoài ra, dọc theo biên giới Đế quốc La Mã, các bộ lạc man rợ Numidia lang thang và tiến hành các cuộc xâm lược, trong đó họ bắt đi rất nhiều tù binh; các Kitô hữu Carthage, dưới sự lãnh đạo của Thánh Cyprian, đã quyên góp tiền để chuộc lại ít nhất một số trong số những tù nhân này.

Như vậy, trong thời kỳ đại nạn xã hội khủng khiếp đó, Cyprian đã thực hiện mọi biện pháp nhằm giảm bớt nỗi khổ của những người đang chịu đau khổ bằng mọi cách.

Mặc dù vậy, trong số những người ngoại đạo vẫn có những kẻ dám khẳng định rằng dịch bệnh, cũng như các thảm họa xã hội khác, là do các vị thần ngoại đạo giáng xuống để trừng phạt các Kitô hữu vì không thờ phụng họ. Những tin đồn như vậy được lan truyền chủ yếu bởi một người tên là Dimitrius, một trong những quan tòa của Carthage. Theo sau ông ta, những người ngoại đạo khác cũng lặp lại lời vu khống này nhằm vào các Kitô hữu.

Thánh Cyprian đã bác bỏ quan niệm sai lầm này bằng cách viết một tác phẩm riêng về vấn đề này. "Những tai họa của thế giới," ngài viết cho Dimitrian và tất cả những ai đồng tình với ông ta, "có nguyên nhân từ sự suy đồi của con người; những tai họa này đã được các tiên tri tiên đoán như là hình phạt cho những thói hư tật xấu, vốn đặc biệt phổ biến trong giới ngoại đạo và bản thân chúng luôn phá hủy sự thịnh vượng của các dân tộc cũng như của từng cá nhân. Các vị thần ngoại đạo," Thánh Cyprian lập luận, "không thể tự bảo vệ chính mình, và điều đó rõ ràng chứng tỏ sự phụ thuộc của họ vào các Kitô hữu, khi họ bị các Kitô hữu xua đuổi khỏi lòng người[5818] ; "Chúng ta, những người Kitô hữu," Thánh Cyprian lập luận, "dù cũng phải đối mặt với những tai ương từ bên ngoài, nhưng nhờ sự kiên nhẫn chịu đựng và niềm hy vọng vào cuộc sống vĩnh cửu, chúng ta không phải chịu đựng những bất hạnh."

Trong khi đó, thời kỳ chịu khổ của Thánh Cyprian đang đến gần. Hoàng đế Valerian[5819] lên ngôi, người đã phát động cuộc đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu.

Tin tức về cuộc bách hại mới đối với các Kitô hữu nhanh chóng lan đến Giáo hội châu Phi và, như thường lệ, trong khi nó khiến những người nhút nhát khiếp sợ, thì lại khơi dậy lòng kiên nhẫn dũng cảm nơi những người vững vàng trong đức tin. "Còn điều gì tốt đẹp và quan trọng hơn mà chúng ta phải quan tâm, nếu không phải là việc bằng những lời khuyên nhủ không ngừng nghỉ, chuẩn bị cho dân chúng được giao phó cho chúng ta để chống lại những mũi tên của ma quỷ," – thánh Cyprian đã viết như vậy cho Fortunatus, giám mục Tuccabor. Nhưng ngoài

[5818] Tất nhiên là việc trừ tà những con quỷ đã nhập vào con người.
[5819] Hoàng đế Valerian trị vì từ năm 253 đến năm 259.

những lời khuyên nhủ bằng miệng và bằng văn bản, Thánh Cyprian còn bằng chính hành động của mình làm gương cho việc tuyên xưng đức tin một cách không sợ hãi trước những người ngoại đạo.

Sau khi cuộc đàn áp Kitô hữu được công bố, tổng trấn Carthage, Aspasius Paternus, đã nhận được sắc lệnh của hoàng đế, trong đó ra lệnh buộc các Kitô hữu phải thờ lạy các thần tượng; đồng thời, các giám mục Kitô giáo phải bị trục xuất, còn các cuộc tụ họp của Kitô hữu bị cấm. Thống đốc có ý định trước hết buộc Thánh Cyprian từ bỏ đức tin Kitô giáo, và vì vậy đã triệu tập ngài đến để thẩm vấn trước tiên.

Khi Thánh Cyprian đến, Tổng trấn hỏi ngài:

– Hoàng đế đã ra lệnh cho tôi buộc tất cả các Kitô hữu phải thờ lạy các thần tượng: ngài có ý kiến gì về việc này?

Thánh Cyprian trả lời:

– Tôi là một Kitô hữu và là giám mục Kitô giáo; tôi không biết các vị thần nào khác ngoài Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng đã tạo dựng trời, đất, biển và mọi sự vật trong đó; chúng tôi, những người Kitô hữu, phụng sự Đức Chúa Trời này cả ngày lẫn đêm.

Tổng trấn nói:

– Vậy ngươi sẽ kiên quyết với quyết định của mình sao?

Cyprian đáp lại:

– Quyết định tốt lành, được Chúa biết đến, phải được giữ vững. Tổng trấn nói:

– Trong trường hợp đó, theo lệnh của hoàng đế, ngươi phải đi lưu đày. Cyprian trả lời quan tổng trấn:

– Tôi sẵn lòng đi lưu đày.

Sau đó, tổng trấn lại hỏi Cyprian:

– Ta nhận được lệnh từ hoàng đế không chỉ liên quan đến các giám mục, mà còn liên quan đến các linh mục; vì vậy, hãy cho ta biết, có những linh mục nào đang ở trong thành phố này?

Cyprian đã trả lời như sau:

– Theo luật pháp của ngài, việc tố cáo là bị cấm; vì vậy tôi không thể tiết lộ và chỉ ra cho ngài những linh mục, nhưng nếu ngài đi tìm họ, thì chắc chắn sẽ tìm thấy trong thành phố.

Thống đốc còn nói thêm:

– Tôi còn được giao nhiệm vụ giám sát để đảm bảo rằng các Kitô hữu không được tụ tập ở bất cứ đâu và không được cử hành các nghi lễ của họ ở bất cứ nơi nào.

Thánh Cyprian trả lời quan tổng trấn:

– Hãy làm theo lệnh đã được giao.

Không lâu sau đó, Thánh Cyprian bị đày đến Kurubis[5820] . Phó tế Pontius, người đã ghi chép lại cuộc đời của Thánh Cyprian, đã tự nguyện tháp tùng ngài đến nơi lưu đày.

Ngay trong ngày đầu tiên sau khi đến đây, Thánh Cyprian đã có một giấc mơ vào ban đêm, báo trước cái chết tử đạo của ngài. Thánh Cyprian đã kể lại giấc mơ này cho Phó tế Pontius, và nói như sau:

"Vừa mới chợp mắt một chút, tôi đã thấy một chàng trai trẻ, không đẹp trai và không có vẻ ngoài ưa nhìn, người đã dẫn tôi vào phòng xử án; tôi có cảm giác rằng mình phải ra trước tòa án của vị thống đốc. Vị thống đốc, sau khi nhìn tôi, không nói gì với tôi, nhưng ngay lập tức viết gì đó. Tôi không biết ông ấy đã viết gì; nhưng tôi thấy một chàng trai khác, có khuôn mặt hiền lành, đang đứng phía sau vị Igemon; chàng trai này quan sát cách vị Igemon viết và lẩm bẩm đọc những gì vị Igemon đã viết. Sau khi đọc xong, chàng trai đó ra hiệu bằng tay cho tôi hiểu rằng trong đó ghi về án tử hình dành cho tôi, vì tôi sẽ bị chém bằng gươm. Phía tôi, tôi cũng ra hiệu bằng tay cho chàng trai biết rằng tôi đã hiểu những gì anh ta giải thích; đồng thời, tôi bắt đầu khẩn thiết xin vị thẩm phán cho tôi thêm một ngày sống nữa, để tôi có thể sắp xếp xong mọi việc của mình. Lúc đó khi tôi đang xin vị thẩm phán điều đó, vị này không trả lời gì với tôi, nhưng như để đáp lại lời thỉnh cầu của tôi, ông bắt đầu viết gì đó. Một chàng trai đứng phía sau vị thẩm phán, theo dõi những gì vị thẩm phán đang viết, đã ra hiệu bằng tay cho tôi biết rằng cuộc đời tôi sẽ được kéo dài thêm một ngày nữa. Tôi rất vui mừng vì điều này, tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy vô cùng sợ hãi và bối rối".

Thánh Cyprian đã giải thích giấc mơ này liên quan đến bản thân mình theo nghĩa rằng Ngài đã được Thiên Chúa tiền định phải chết vì bị chém bằng gươm khi làm chứng cho danh Chúa Kitô. Một ngày sống được ban cho

[5820] Kurubis nằm cách Carthage vài ngày đường.

ngài, theo thị kiến này, Thánh Cyprian đã giải thích là một năm. Và quả thực, ngài đã qua đời một cách tử đạo vì tuyên xưng danh Chúa Kitô, bị chém bằng gươm, một năm sau thị kiến đó.

Trong thời gian lưu đày, Thánh Cyprian dành toàn bộ thời gian để suy ngẫm về Thiên Chúa, chuẩn bị cho cái chết. Trong thời gian bị giam cầm, Cyprian đã viết nhiều tác phẩm thánh thiện; ông đã dạy dỗ tất cả những ai đến gặp ông để trò chuyện về sự cứu rỗi linh hồn, khuyên mọi người hãy vững vàng trong đức tin, đừng sợ hãi trước những lời đe dọa của những kẻ hành hạ và những đau khổ vì tuyên xưng danh Chúa Kitô; ông khuyên nhủ các Kitô hữu đừng gắn bó với những niềm vui tạm bợ và chóng qua của cuộc đời này, mà hãy tìm kiếm sự sống đời đời.

Trong thời gian lưu đày, Thánh Cyprian đã kiên nhẫn chịu đựng mọi thiếu thốn vì danh Chúa Kitô, coi nơi lưu đày như quê hương của mình. Vì đối với người Kitô hữu đã đặt trọn niềm tin vào Thiên Chúa, quê hương và ngôi nhà thân yêu cũng chỉ là chốn lưu lạc, như lời đã chép: "Con là khách lạ và người lữ hành trước mặt Ngài, cũng như tất cả các tổ phụ của con" (Tv 38,13); mặt khác, đối với người Kitô hữu ấy, nơi lưu đày và lữ hành cũng chính là quê hương, vì ở mọi nơi, người ấy đều thấy Thiên Chúa hiện diện gần bên mình, như lời đã chép: "Tôi luôn thấy Chúa trước mặt tôi" (Tv 15,8).

Một năm nữa trôi qua, và thay thế cho Aspasia Stern được đề cập ở trên, Galerius Maximus được bổ nhiệm làm tổng trấn. Vào thời điểm đó, hoàng đế Valerian đã ban hành một sắc lệnh còn tàn bạo hơn nữa về việc đàn áp các Kitô hữu, cụ thể là: Valerian yêu cầu tất cả các giám mục, linh mục và nói chung là tất cả các nhà lãnh đạo Kitô giáo phải bị tước bỏ chức vụ và tài sản, và nếu tiếp tục theo đạo Kitô thì phải bị xử tử.

Sắc lệnh của hoàng đế được biết đến ở châu Phi vào thời điểm tổng trấn Galerius Maximus vắng mặt tại thị trấn Utica, nơi có rất nhiều Kitô hữu từ các vùng khác nhau bị đày đến. Tổng trấn muốn bắt đầu cuộc đàn áp các Kitô hữu ngay tại đây và đã ra lệnh cho binh lính của mình đưa Thánh Cyprian đến nơi này.

Luôn sẵn sàng đón nhận cái chết tử đạo với sự bình tĩnh và dũng cảm tuyệt đối, Thánh Cyprian vẫn cho rằng việc thực hiện hành động tử đạo giữa đoàn chiên của mình là điều xứng đáng và hữu ích. Với suy nghĩ như vậy và đồng thời nghe theo lời khuyên của các bạn bè – những người đã báo cho ngài biết rằng lính canh đang trên đường đến bắt ngài – Thánh Cyprian đã tạm thời ẩn náu tại một nơi bí mật, nhưng chỉ đến khi Proconsul trở về Carthage. Để việc lánh mặt tạm thời này không bị chỉ trích, Cyprian đã viết một lá thư gửi cho hàng giáo sĩ và dân chúng, trong đó ngài giải thích lý do cho sự vắng mặt của mình; cũng trong lá thư này, Cyprian đã ban những lời dạy dỗ cuối cùng cho hàng giáo sĩ và đoàn chiên.

Ngay khi tổng trấn Galerius Maximus đến Carthage, Cyprian lập tức rời khỏi nơi ẩn náu của mình. Không lâu sau đó, tổng trấn đã cử hai người đàn ông chính trực, ra lệnh cho họ bắt Cyprian. Cyprian dũng cảm bước vào cuộc tử đạo và cùng với hai người đàn ông nói trên lên xe ngựa đến gặp tổng trấn. Tuy nhiên, do theo lệnh của tổng trấn, phiên tòa xét xử vị thánh của Chúa đã bị hoãn lại đến ngày hôm sau, nên Cyprian được đưa về qua đêm tại nhà của một trong những người đã được tổng trấn cử đi để bắt ông. Tại đây, vị thánh đã trải qua đêm cuối cùng, và nhờ lòng thương xót cùng sự tin tưởng dành cho ông, ông gần như không bị canh gác.

Trong khi đó, tin đồn lan truyền khắp thành phố rằng Giám mục Cyprian đã được đưa trở lại từ nơi lưu đày để đón nhận cái chết tử đạo; và ngay lập tức, các Kitô hữu đổ xô đến ngôi nhà nơi Cyprian đang ở, mong được gặp vị mục tử và thầy dạy của mình lần cuối cùng. Trong hoàn cảnh đó, các tín hữu đã thể hiện tình yêu và lòng trung thành đối với Thánh Cyprian còn sâu đậm hơn cả khi ngài được bầu làm giám mục. Họ không muốn chia tay vị mục tử yêu quý của mình cho đến giây phút cuối cùng, và vì thế đã thức trắng cả đêm trước cửa nhà ngài. Các tín hữu Kitô giáo hành động như vậy không phải vì muốn giải cứu Thánh Cyprian khỏi tay và quyền lực của những người ngoại đạo, mà là để được ngài, như một người cha thiêng liêng, ban phước lành cuối cùng.

Sáng hôm sau, Cyprian được dẫn ra khỏi ngôi nhà đó và được đưa đến trước quan tổng trấn để thẩm vấn.

Thống đốc hỏi Thánh Cyprian:

– Ngươi có phải là Cyprian không?

Thánh Cyprian trả lời:

– Vâng, chính là tôi.

Sau đó, quan tổng trấn nói:

– Chính ngươi, với tư cách là giám mục, đang đứng đầu những kẻ điên rồ tự xưng là Kitô hữu đó sao?

Cyprian trả lời:

– Vâng, tôi là giám mục của dân Chúa.

Thống đốc tiếp tục thẩm vấn và nói:

– Các hoàng đế đạo đức và vinh quang ra lệnh cho ngươi dâng lễ vật lên các vị thần.

Trước lời đó, Cyprian đáp:

– Dù thế nào đi nữa, tôi cũng sẽ không làm điều đó.

Thống đốc nói:

– Hãy suy nghĩ kỹ và chọn điều mà ngươi thấy có lợi nhất cho bản thân.

Nghe vậy, vị thánh của Đức Chúa Trời đáp lại:

– Hãy làm theo những gì ngài đã ra lệnh. Còn đối với tôi, trong một vấn đề rõ ràng như thế này, tôi không thấy cần phải suy nghĩ thêm.

Sau đó, quan tổng trấn tham khảo ý kiến của các thẩm phán khác có mặt tại phiên thẩm vấn, rồi sau khi trách mắng Cyprian vì không tôn kính các thần tượng, ông đã tuyên án quyết liệt rằng ông sẽ bị chém đầu bằng gươm, và nói như sau:

– Cyprian, giám mục Kitô giáo, phải bị chém đầu bằng gươm.

Còn vị Thánh của Chúa Kitô, khi nghe bản án dành cho mình, đã vui mừng và nói to cho mọi người nghe:

– Hãy tạ ơn Chúa!

Dân chúng, chứng kiến tất cả những gì đang diễn ra, quay sang quan tổng trấn và bắt đầu kêu lên:

– Chúng tôi cũng muốn chết cùng ngài!

Và đã xảy ra một sự hỗn loạn lớn trong dân chúng.

Trong khi đó, Cyprian được dẫn đến nơi hành quyết. Các Kitô hữu cũng theo chân vị thánh của Chúa đến đó, họ rơi lệ khi nhìn thấy vị mục tử đang bị dẫn đi chịu chết.

Khi đến nơi đã định, vị thánh của Đức Chúa Trời cởi bỏ áo ngoài, quỳ gối và bắt đầu cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Sau khi cầu nguyện đủ lâu, vị thánh tử đạo của Chúa Kitô ban bình an và phước lành cho mọi người, rồi ra lệnh cho các bạn hữu của mình trao cho đao phủ hai mươi lăm đồng vàng, thực hiện một việc thiện ngay cả khi sắp chết; sau đó, ngài dùng khăn (khăn mặt) bịt mắt lại, và giao tay cho vị linh mục và phó tế đang đứng bên cạnh trói lại. Trong khi đó, một số tín hữu Kitô giáo đã trải những chiếc khăn và tấm vải trước mặt vị thánh, để hứng lấy máu của vị thánh tử đạo của Chúa Kitô, như một kho báu quý giá. Cuối cùng, vị thánh của Thiên Chúa cúi đầu xuống và bị chém đứt đầu bằng gươm.

Vậy là vị thánh của Đức Chúa Trời đã kết thúc cuộc đời mình, chịu khổ nạn vì vinh quang của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta[5821] .

Thi hài thánh thiện của vị thánh này đã được rước đi vào ban đêm, dưới ánh nến và tiếng hát trang nghiêm, đến nghĩa trang riêng của một quan tổng trấn tên là Macrovius Candidianus, và được an táng tại đó. Sau đó, dưới triều vua Charlemagne, di cốt của vị thánh tử đạo Cyprian đã được chuyển đến Pháp, tại thành phố Arles, và dưới triều vua Charles II – đến thành phố Compiègne, tại tu viện Thánh Cornelius.

Còn những kẻ tra tấn vô đạo thì không thoát khỏi sự trừng phạt; chẳng bao lâu sau, họ đã phải hứng chịu sự phán xét công bằng của Thiên Chúa.

Vài ngày sau khi Thánh Cyprian chịu tử đạo, theo sự phán xét của Thiên Chúa, Tổng trấn Galerius Maximus đã bị cất đi khỏi cõi đời. Còn Hoàng đế Valerius, người đã tàn bạo đàn áp các Kitô hữu, đã phải chịu thất bại nặng nề trong cuộc chiến với người Ba Tư và qua đời trong ngục tối sau khi bị kẻ thù bắt giữ.

Thánh Cyprian đã để lại rất nhiều tác phẩm, trong đó ngài đã trình bày cả những chân lý về giáo lý lẫn những bài học đạo đức. Phần lớn trong số đó là các bức thư (tổng cộng Thánh Cyprian đã viết khoảng 80 bức thư); ngoài ra, ngài còn viết nhiều luận văn hoặc tác phẩm riêng lẻ. Các chủ đề trong các tác phẩm của ngài bao gồm: các mục tử của Giáo hội và những người trinh khiết, những người đau khổ và những kẻ sa ngã, những người ngoại đạo và người Do Thái, những kẻ dị giáo và những kẻ gây chia rẽ. Dành cho các mục tử của Giáo hội, Thánh Cyprian đã viết "Cuốn sách về lòng nhiệt thành và sự ghen tị" – thành quả của tinh thần tông đồ đích thực – với những quy định về cách hành xử để mang lại hòa bình và lợi ích cho Giáo hội. Dành cho các trinh nữ – "Cuốn sách về cách cư xử của các trinh nữ". Tình yêu dành cho những người đau khổ đã thúc đẩy Thánh Cyprian viết ba tác phẩm xuất sắc: "Về đỉnh cao của sự kiên nhẫn", "Về lòng thương xót" và "Về sự chết". "Cuốn sách về những người sa ngã" chứa đựng những luận bàn mang tính răn dạy về sự sám hối. Trong số các tác phẩm bảo vệ của Thánh Cyprian,

[5821] Thánh Cyprian qua đời vào năm 258.

trong đó ngài đã bảo vệ Kitô giáo trước những cuộc tấn công của những người ngoại đạo, có "Thư gửi Demetrian" và "Về sự hư vô của các thần tượng". "Ba cuốn sách chứng cứ chống lại người Do Thái" bao gồm những tóm tắt ngắn gọn về đức tin và hoạt động của Kitô hữu, đồng thời vạch trần sự cứng đầu của những người Do Thái. Để vạch trần các tà thuyết và sự chia rẽ, Thánh Cyprian đã viết "Cuốn sách về sự hiệp nhất của Giáo hội" và "Cuốn sách gửi cho Donatus về phép rửa tội". Trong tác phẩm "Gửi Fortunatus: Lời khuyên về sự chịu tử đạo", Thánh Cyprian kêu gọi tất cả các Kitô hữu hãy giữ vững tinh thần khi phải chịu sự bách hại. Thánh Cyprian còn để lại nhiều tác phẩm vĩ đại khác. Theo nhận xét của Thánh Giê-rô-ni-mô, các tác phẩm của Cyprian còn nổi tiếng hơn cả mặt trời; từ các tác phẩm của ngài, các vị cha của Công đồng Toàn cầu Ê-phê-sô và Khalkidôn[5822] đã trích dẫn các bằng chứng để bảo vệ đức tin Kitô giáo khỏi những cuộc tấn công của các kẻ dị giáo và để vạch trần những sai lầm trong tư tưởng của họ.

Giáo lý về Giáo Hội được trình bày một cách chi tiết và cụ thể hơn trong các tác phẩm của Thánh Cyprian. Tóm lại, những luận giải của Thánh Cyprian về vấn đề này như sau:

Giáo Hội là cộng đồng con người do Chúa Giêsu Kitô thành lập, được các Tông Đồ tổ chức và củng cố, thể hiện sự thống nhất cả về mặt nội tại lẫn bên ngoài, do một Đầu duy nhất là Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đứng đầu. Cũng như sự hiệp nhất nội tại của Giáo Hội được xác định bởi sự hiệp nhất trong đức tin và tình yêu, thì sự hiệp nhất bên ngoài của Giáo Hội lại được xác định bởi hệ thống phẩm trật (và trong đó chủ yếu là quyền bính của giám mục) cùng các bí tích của Giáo Hội. Theo lập luận của Thánh Cyprian, ngoài Giáo Hội duy nhất, chân chính và cứu rỗi này, không có và không thể có sự cứu rỗi; chỉ có Giáo Hội duy nhất này mới là Giáo Hội thực sự Tông Đồ, và do đó, không thể sai lầm. "Chúng ta tuân theo," Thánh Cyprian lập luận, "những gì đã nhận từ các Tông Đồ, và các ngài đã truyền lại cho chúng ta chỉ một Giáo Hội duy nhất. Chỉ có một Giáo Hội duy nhất, đã nhận được ân sủng sự sống, mới tồn tại muôn đời và ban sự sống cho dân Chúa"[5823] . Chính trong Giáo Hội duy nhất và chân chính này, đã nhận được ân sủng sự sống, tất cả các ân huệ thiêng liêng đều được tập trung, và chỉ trong Giáo Hội này mới có thể đạt được sự cứu rỗi. "Việc Giáo Hội là duy nhất," Thánh Cyprian lập luận, "cũng được Thánh Thần công bố trong Ca Vịnh Tình Yêu, khi Ngài phán nhân danh Chúa Giêsu Kitô: 'Nàng là duy nhất, chim bồ câu của ta, người tinh khiết của ta; nàng là duy nhất nơi mẹ nàng, được mẹ nàng ghi dấu' (Chương 6, câu 8); và Ngài cũng nói về nàng như sau: 'Vườn kín – em gái ta, cô dâu ta, giếng kín, giếng nước sống' (4, 12 và 15). Và nếu cô dâu của Đức Kitô, tức là Giáo Hội, là 'vườn kín', thì vườn kín ấy không thể mở ra cho những kẻ lạ mặt và người ngoài. Nếu Giáo Hội là "nguồn nước được niêm phong", thì người ở bên ngoài, không có quyền tiếp cận nguồn nước đó, không thể uống từ nó cũng như không thể được niêm phong bởi nó. Nếu Giáo Hội là kho tàng duy nhất của nước sống, thì những ai ở ngoài Giáo Hội không thể được thánh hóa và hồi sinh bởi dòng nước ấy, việc sử dụng và uống nước ấy chỉ được ban cho những ai ở bên trong Giáo Hội. Chúa đang kêu gọi lớn tiếng để mọi người khát khao hãy đến và uống từ nguồn nước sống tuôn trào từ Ngài. Vậy người khát khao phải đi đâu? Đến với những kẻ dị giáo, những kẻ hoàn toàn không có nguồn nước hay dòng sông nước sống, hay đến với Giáo Hội, là Giáo Hội duy nhất và theo lời Chúa được xây dựng trên Đấng duy nhất đã nhận lấy chìa khóa của Giáo Hội? Chỉ có Giáo Hội mới gìn giữ và nắm giữ toàn bộ quyền năng của Chàng Rể và Chúa của mình; Nước Thánh, cứu rỗi và chân thật của Giáo Hội không thể bị hư hỏng hay ô uế, vì chính Giáo Hội cũng bất hoại, tinh khiết và trong sạch"[5824] .

Trong Giáo Hội của Đấng Kitô chứa đựng trọn vẹn sự sống và ơn cứu độ. Giống như trong thời đại Đại Hồng Thủy, sự cứu rỗi chỉ có thể tìm thấy trong chiếc tàu của Nô-ê, hay khi thành Giê-ri-cô bị phá hủy, chỉ có thể tìm thấy trong nhà của Ra-a-vi (Na-bút 2), thì Giáo Hội cũng là nơi duy nhất mang lại sự cứu rỗi cho loài người, "Chỉ có một Nhà của Thiên Chúa," Thánh Kyprian lập luận, "và không ai có thể được cứu rỗi ở bất cứ đâu, ngoại trừ trong Giáo Hội. "Đừng bao giờ tưởng tượng rằng có thể thừa hưởng sự sống và sự cứu rỗi mà không vâng phục các giám mục và linh mục"[5825] .

Những ai ở ngoài Giáo Hội, tách rời khỏi sự hiệp nhất và hiệp thông với Giáo Hội, thì không có sự sống đích thực. "Rõ ràng," Thánh Cyprian nhận xét, "những ai không thuộc về Giáo Hội của Chúa Kitô được coi là những người chết, và ai không sống thì không thể ban sự sống cho người khác"[5826] .

[5822] Tại Ê-phê-sô diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ III, tại Chalcedon – Công đồng Đại kết lần thứ IV.
[5823] Thư số 71 và 73.
[5824] Thư số 73.
[5825] Thư số 62.
[5826] Thư số 71.

Nhưng chỉ có đức tin mà thiếu tình yêu thì không thể là sợi dây liên kết vững chắc và bền chặt giữa tất cả các thành viên của Giáo Hội. "Không chỉ là – Thánh Cyprian lập luận – việc nhận được điều gì đó; điều quan trọng hơn là biết cách giữ gìn những gì đã nhận được. Chính đức tin và sự tái sinh cứu rỗi mang lại sự sống không phải vì chúng ta đã nhận được chúng, mà chủ yếu là vì chúng ta đã giữ gìn được chúng"[5827] . Chỉ có đức tin chân thành, sống động và tích cực, kết hợp với tình yêu, mới ban cho con người quyền được tham gia vào mối liên kết sống động với cả Chúa Kitô lẫn toàn thể anh em Kitô hữu: nơi nào thiếu một trong hai điều đó, thì nơi đó không có sự sống với Chúa Kitô, và do đó, cũng không có sự cứu rỗi.

Tình yêu, theo suy luận của Thánh Cyprian, là nền tảng của mọi đức tính. "Tình yêu," Thánh Cyprian lý luận, "là sự hiệp nhất của tình huynh đệ, nền tảng của hòa bình, pháo đài và sự củng cố cho sự hiệp nhất;… nó đi trước việc làm lành và sự tử đạo, nó sẽ mãi mãi ở cùng chúng ta với Thiên Chúa trong Nước Trời"[5828] .

Thánh Cyprian còn tiết lộ nhiều chân lý cứu rỗi linh hồn khác trong các tác phẩm của ngài, để tôn vinh Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Đức Giêsu Kitô. Amen.

Lễ kính Thánh Gennadius, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 8

Thánh Gennadius đã kế vị ngai tòa Thượng phụ Constantinopolis sau Thánh Anatolius[5829] vào thời trị vì của Hoàng đế Lêô Đại đế[5830] . Cuộc đời thánh thiện của ngài được ghi chép trong cuốn sách mang tên "Limonar"; trong cuốn sách này, các vị cha thánh Sofronius và Gioan kể lại như sau.

"Chúng tôi đã đến," họ nói, "tu viện[5831] , được gọi là Salama, cách Alexandria chín dặm, và ở đó gặp hai vị tu sĩ cao niên, trước đây từng là các linh mục của Giáo hội Constantinople. Các linh mục này đã kể cho chúng tôi nghe về Đức Thánh Gennadius, Tổng Giám mục Constantinopolis, rằng ngài là người rất hiền lành, giữ gìn sự trong sạch về thể xác và nổi bật bởi lối sống tiết độ. Người ta cũng kể rằng nhiều người đã gây ra cho ngài những rắc rối lớn vì một linh mục tên là Harisima, người đã phạm rất nhiều tội lỗi. Vị linh mục này phục vụ tại nhà thờ Thánh Tử đạo Eleutherius, và người ta đồn rằng ông ta không chỉ sống trong sự lười biếng, thiếu trách nhiệm và ô uế bởi tội lỗi, mà còn đi cướp bóc và thực hành phù thủy. Sau khi triệu tập vị linh mục này, Đức Thượng phụ bắt đầu khuyên răn ông, với tinh thần hiền lành như người cha, nhưng khi thấy ông vẫn không chịu sửa đổi, ngài đã ra lệnh trừng phạt ông một cách nhẹ nhàng. Khi người đó vẫn tiếp tục không chịu sửa đổi và hình phạt không có tác dụng với hắn, Đức Thượng phụ đã sai một trong những người hầu của mình đến nhà thờ của vị tử đạo, nơi Harisim đang ở, để khẩn cầu vị tử đạo ấy tự mình sửa chữa hoặc trục xuất khỏi Giáo hội vị linh mục trong nhà thờ của ngài, người đã sa vào tội lỗi. Người được sai đi, khi đến nhà thờ, đã đứng trước bàn thờ và, giơ tay về phía quan tài của vị tử đạo, nói:

– Thánh Tử đạo Eleutherius! Đức Thượng phụ Gennadius thông báo với ngài qua con, kẻ tội lỗi này, rằng linh mục Harisim, người đang phục vụ tại nhà thờ của ngài, đang phạm nhiều điều trái luật và gây ra những cám dỗ; vì vậy, xin ngài hãy hoặc sửa đổi anh ta, hoặc loại trừ anh ta khỏi Giáo hội.

Sau đó, vào sáng hôm sau, Harisim được phát hiện đã chết.

Từ đó có thể thấy Thánh Gennadius đáng kính này đã được Thiên Chúa và các thánh của Ngài yêu mến đến mức nào, vì lời của ngài, được truyền đạt đến vị thánh tử đạo qua người được sai đi, đã nhanh chóng được lắng nghe và thực hiện trên thực tế.

Dưới thời Thánh Gennadius, một nhà thờ được xây dựng tại Constantinople để tôn vinh Thánh Gioan, Tiền Hô của Chúa, do một thượng nghị sĩ tên là Studius, người đến từ La Mã cổ đại; một tu viện cũng được thành lập, được gọi là Tu viện Studius (theo tên của thượng nghị sĩ Studius); tại tu viện này, nghi thức canh thức suốt đêm đã được thiết lập.

[5827] Thư số 6.

[5828] "Về đức tính kiên nhẫn", chương 15.

[5829] Anatolius giữ chức Tổng Giám mục từ năm 449 đến năm 458.

[5830] Lê Vĩ Đại trị vì từ năm 457 đến năm 474.

[5831] Kinoviya (từ tiếng Hy Lạp xoinos – chung và bios – cuộc sống) là tên gọi của các tu viện cộng đồng, nơi các tu sĩ được tu viện chu cấp sinh hoạt và đổi lại, họ cống hiến sức lao động của mình vì lợi ích chung của tu viện.

Dưới thời Thượng phụ Gennadius, vị Thánh Markian đã đảm nhiệm chức vụ Quản lý Giáo hội. Vị Markian này đã cởi bỏ bộ quần áo cuối cùng của mình và trao nó cho một người ăn xin; và người ta đã thấy vị tu sĩ Markian này mặc áo choàng hoàng gia dưới chiếc áo choàng tu sĩ, như được kể lại trong cuốn tiểu sử của ngài[5832] . Cũng dưới thời vị tổng giám mục này, thánh Daniel, người sống trên cột, đã tu hành, và ngài đã phong chức linh mục cho ông.

Vào thời Thánh Tổng Giám mục Gennadius, một phép lạ đã xảy ra tại Constantinople.

Một họa sĩ vẽ tranh thánh đã dám vẽ hình ảnh Chúa Kitô Cứu Thế theo hình dáng của thần Zeus ngoại giáo[5833] ; và ngay lập tức, họa sĩ đó đã phải hứng chịu sự trừng phạt của Thiên Chúa, vì bàn tay của ông, vốn đã dám miêu tả Chúa theo hình dạng như vậy, đã khô héo. Chính người đó, khi cảm nhận được sự trừng phạt nhanh chóng của Đức Chúa Trời giáng xuống mình, đã vội vã đến gặp Đức Thượng phụ Gennadius và tỏ lòng ăn năn, thú nhận tội lỗi của mình trước mặt mọi người trong nước mắt. Đức Thượng phụ đã cầu nguyện cho anh ta trước mặt Chúa và chữa lành bàn tay anh ta, khiến nó trở lại khỏe mạnh như trước đây.

Thánh Thượng phụ Gennadius có thói quen không phong chức linh mục cho bất kỳ ai (dù người đó có mong muốn) cho đến khi người đó thuộc lòng toàn bộ Sách Thánh Vịnh; bởi vì vị giám mục vĩ đại của Chúa này đã hết lòng quan tâm đến việc tuân thủ nghiêm ngặt các nghi thức của Giáo hội; Ngài nhận thức rõ rằng nghi thức này chỉ có thể được thực hiện một cách chu đáo khi tất cả các linh mục và giáo sĩ đều được đào tạo về kiến thức Kinh Thánh và có khả năng hiểu một cách thấu đáo Lời Chúa. Bởi vì một linh mục không được đào tạo về Kinh Thánh sẽ không thể dạy dỗ người khác; không thể sửa chữa và hướng dẫn họ trên con đường cứu rỗi, khi chính bản thân họ cũng không biết con đường cứu rỗi đó. Điều này ứng nghiệm lời Chúa Kitô: "Người mù có thể dẫn dắt người mù được chăng? Chẳng phải cả hai đều sẽ rơi xuống hố sao?" (Lc 6:39).

Thánh Gennadius đã triệu tập Công đồng Địa phương tại Constantinople, một phần để diệt trừ tà thuyết Eutychian, một phần để cải tổ Giáo hội; tại công đồng này, việc mua bán chức vụ (tham nhũng) đã lan tràn trong hàng các giám mục đã bị cấm.

Thánh Gennadius đã chăn dắt đoàn chiên tinh thần được giao phó cho ngài trong mười ba năm; ngài đã về với Chúa trong triều đại của chính Đức Giáo hoàng Lêô Cả[5834] .

Không lâu trước ngày qua đời, khi Thánh Gennadius đang cầu nguyện ban đêm trong nhà thờ, một con quỷ đáng sợ đã hiện ra trước mặt ngài; Thánh Gennadius đã xua đuổi con quỷ đó bằng dấu thánh giá; ma quỷ, vì sợ dấu thánh giá, đã bỏ chạy và nói: "Ta sẽ rời khỏi đây hoàn toàn và sẽ không gây hại cho ai ở đây chừng nào ngươi còn sống; nhưng sau khi ngươi qua đời, ta sẽ trở lại và bằng mọi cách gây rối cho Giáo Hội, lôi kéo nhiều người vào con đường diệt vong."

Thánh Gennadius, trong khi không ngừng rơi lệ cho đến ngày lâm chung, đã cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài gìn giữ Giáo Hội của Ngài để Giáo Hội không bị các cổng địa ngục đánh bại. Và cũng như khi còn sống, ngài đã là người cầu thay nhiệt thành trước Chúa cho Giáo Hội thánh thiện, thì sau khi qua đời, ngài cũng dâng lên những lời cầu nguyện không ngừng nghỉ cho Giáo Hội, đứng cùng với các vị thánh giám mục khác trước Đầu Giáo Hội, là Đức Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần được tôn vinh muôn đời.

Lễ đặt Dải thắt lưng Thánh của Đức Mẹ Thiên Chúa.

Ngày kỷ niệm: 31 tháng 8

Dải thắt lưng thiêng liêng của Đức Mẹ Thiên Chúa, sau khi được rước về Constantinople, đã được đặt trong một hòm vàng có đóng dấu hoàng gia, tại nhà thờ do vị vua đạo đức Theodosius II xây dựng; ngôi thánh đường này được xây dựng để tôn vinh Đức Mẹ Thiên Chúa tại nơi được gọi là Chalkopratia, có nghĩa là "Chợ Đồng".

[5832] Giáo hội Thánh tổ chức lễ tưởng niệm ngài vào ngày 10 tháng 1

[5833] Zeus được người Hy Lạp cổ đại coi là vị thần tối cao và là tổ tiên của các vị thần khác (và loài người).

[5834] Thánh Gennadius giữ chức Tổng Giám mục từ năm 458 đến năm 471. Thánh Gennadius được cho là tác giả của một số tác phẩm thần học. Gennadius của Messalia nhận xét về Thánh Gennadius như sau: "Một người hùng biện, trí tuệ sắc sảo, đã được trau dồi sâu rộng nhờ việc đọc các tác phẩm cổ đại đến mức có thể giải thích từng chữ trong sách tiên tri Đa-ni-ên, đồng thời còn soạn thảo nhiều bài giảng." Tất cả các tác phẩm này hiện nay đều không còn được biết đến; chỉ còn lại một thông điệp chung của ngài chống lại việc mua bán chức thánh, đã được thông qua tại Công đồng năm 459.

Nhiều năm sau đó, vào thời trị vì của Hoàng đế Lêo Khôn ngoan, vợ ông là Hoàng hậu Zoê bị quỷ ám, vì lý do này mà hoàng đế và các thân nhân của ông vô cùng đau buồn; và tất cả đều bắt đầu dâng lên Chúa những lời cầu nguyện tha thiết cho hoàng hậu đang chịu đau khổ.

Sau đó, hoàng hậu Zoë đã có một thị kiến thiêng liêng, báo hiệu rằng bà sẽ được chữa lành nếu được đeo thắt lưng của Đức Mẹ Đồng Trinh.

Nữ hoàng đã kể lại giấc mộng này cho chồng mình, vua Lê. Ngay lập tức, nhà vua đã khẩn cầu Đức Thượng phụ mở chiếc thắt lưng của Đức Mẹ Đồng Trinh: con dấu được gỡ bỏ và hòm thánh được mở ra; và chiếc thắt lưng thiêng liêng của Đức Mẹ Đồng Trinh vẫn còn nguyên vẹn, không hề bị hư hại chút nào do thời gian; mọi người đều hôn lên nó với lòng kính cẩn. Và ngay khi Đức Thượng phụ trải chiếc thắt lưng ấy lên người hoàng hậu, bà lập tức được giải thoát khỏi sự hành hạ của ma quỷ và được chữa lành hoàn toàn khỏi căn bệnh của mình.

Lúc đó, mọi người đều hân hoan ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa, và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội của Ngài; sau khi cất lên những bài thánh ca tạ ơn và ngợi khen, họ lại đặt chiếc thắt lưng thiêng liêng vào cùng chiếc hòm vàng đó, niêm phong bằng con dấu hoàng gia và thiết lập ngày lễ tôn vinh Đức Trinh Nữ Maria, để tưởng nhớ phép lạ đã xảy ra nhờ chiếc thắt lưng thiêng liêng của Mẹ, nhờ ân sủng, lòng thương xót và tình yêu thương loài người của Đấng Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng đã sinh ra từ Mẹ.

Bài thánh ca, giọng 8:

Đức Mẹ Đồng Trinh, nơi nương tựa của loài người, áo và thắt lưng của thân thể tinh tuyền của Ngài, đã ban cho thành phố uy quyền của Ngài sự bảo vệ, nhờ sự sinh ra không qua cha của Ngài mà vẫn tồn tại bất diệt, vì nhờ Ngài mà bản tính và thời gian đều được đổi mới. Vì thế, chúng con khẩn cầu Mẹ, xin ban bình an cho thành thánh của Mẹ, và ban ân sủng lớn lao cho linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Dạ con của Ngài được Thiên Chúa chấp nhận, Đức Mẹ, thắt lưng cao quý của Ngài, quyền năng của thành thánh Ngài không thể lay chuyển, và kho tàng của những điều tốt lành không bao giờ cạn kiệt, Đấng duy nhất sinh ra, Đức Trinh Nữ Vĩnh Cửu.

Bài ca Kondak khác, giọng 4:

Hôm nay, ngôi đền thánh kính của Ngài đang mừng lễ thắt lưng cao quý của Ngài, và thành kính kêu lên cùng Ngài: Hỡi Trinh Nữ, niềm tự hào của các Kitô hữu, xin hãy vui mừng.

Ngày 14 tháng 9

Ngày 1 tháng 9 (theo lịch cũ)

Lời giảng vào ngày đầu tiên của năm mới

Lễ kỷ niệm ngày 1 tháng 9
Ngày 1 tháng 9

Đức Vua muôn đời, Chúa là Đức Chúa Trời của chúng ta, *"đã định các thời kỳ và các năm trong quyền năng của Ngài"* (Công vụ 1:7)[5835] , chính Ngài đã thiết lập các ngày lễ khác nhau trong những thời kỳ này để tôn vinh Ngài và để con người được nghỉ ngơi khỏi các công việc trần thế của họ. Ngay từ thời Cựu Ước, Ngài đã

[5835] Xem Đan. 2:21. – "Thời kỳ" – những khoảng thời gian dài; "năm" – những khoảng thời gian ngắn.

truyền lệnh mỗi năm phải tổ chức lễ kỷ niệm đặc biệt vào ngày đầu tháng thứ bảy, để con người, sau khi thoát khỏi những lo toan đời thường, có thể dâng mình phụng sự Đức Chúa Trời Duy Nhất vào ngày đó. Vì đã chép trong các sách của Môi-se như sau: *"Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy nói với con cái Y-sơ-ra-ên rằng: Vào tháng thứ bảy, vào ngày đầu tiên của tháng, các ngươi phải nghỉ ngơi; chớ làm việc gì trong ngày đó tại mọi nơi ở của các ngươi, và hãy dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va"* (Lê-vi 23:24–31).[5836] Cũng như xưa kia chính Đấng Tạo Hóa, Đấng đã tạo dựng thế gian trong sáu ngày bằng Lời của Ngài, đã ban phước và thánh hóa ngày thứ bảy, nghỉ ngơi sau khi hoàn thành công việc sáng tạo (Sáng Thế Ký 2:2–3; Xuất Ê-díp-tô Ký 20:11; Hê-bơ-rơ 4:4); và sau đó Ngài cũng ban cho loài người điều răn: *"Hãy làm việc sáu ngày, còn ngày thứ bảy – ngày Sa-bát của Đức Chúa Trời ngươi – thì chớ làm bất cứ việc gì"* (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:9–10)[5837] , thì Ngài cũng đã ban phước và thánh hóa tháng thứ bảy, đồng thời truyền cho loài người nghỉ ngơi khỏi các công việc trần thế vào thời gian này. Về điều này, Đức Chúa Trời đã truyền lại cho Môi-se lần thứ hai, *"nói rằng: Vào tháng thứ bảy, khi các ngươi thu hoạch hoa màu của đất, hãy cử hành lễ hội của Đức Chúa Trời"* (Lê-vi 23:39)[5838] .

Vậy lý do nào đã dẫn đến việc thiết lập lễ hội này?

Chính trong tháng này, khi nước lụt bắt đầu rút đi, con tàu của Nô-ê đã dừng lại trên dãy núi A-ra-rát[5839] .

Cũng trong tháng này, vị tiên tri thánh Mô-sê đã xuống núi, với khuôn mặt rạng ngời vinh quang của Đức Chúa Trời, và mang theo những tấm bia mới, trên đó được khắc luật pháp do chính Đức Chúa Trời ban cho[5840] (Xuất Ê-díp-tô Ký 34:29).

Trong tháng này, việc xây dựng Đền Tạm của Chúa đã được khởi công giữa trại quân của dân Y-sơ-ra-ên (Xuất Ê-díp-tô Ký 35:1–35)[5841] .

Cũng trong tháng này, Thượng tế, duy nhất một lần trong cả năm, bước vào Nơi Chí Thánh *"không phải mà không có máu, mà ngài dâng lên cho chính mình và cho những tội lỗi do sự vô minh của dân chúng"*[5842] .

Trong tháng này, dân sự của Đức Chúa Trời, bằng cách khiêm nhường tâm hồn qua việc ăn chay và dâng của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời, đã được thanh tẩy khỏi những tội lỗi mà họ đã phạm trong suốt một năm[5843] .

Trong tháng này, lễ thánh hiến long trọng của ngôi đền vĩ đại của Chúa, do vua Sa-lô-môn xây dựng, đã được cử hành, và Hòm Giao Ước đã được rước vào ngôi đền này (3 Vua 8:1–66).

Trong tháng này, tất cả các chi phái của dân Y-sơ-ra-ên từ khắp nơi đổ về Giê-ru-sa-lem để dự lễ, tuân theo điều răn của Đức Chúa Trời: *"Đây là ngày Sa-bát an nghỉ dành cho các ngươi, hãy khiêm nhường tâm hồn mình"* (Lê-vi 23:32).[5844]

[5836] Lễ toàn thiêu – tên gọi trong Kinh Thánh dành cho một loại lễ vật đặc biệt. Trong khi các lễ vật khác chỉ có một phần bị thiêu đốt, phần còn lại được dành cho các linh mục hoặc chính những người dâng lễ, thì lễ vật được dâng trong lễ toàn thiêu được thiêu đốt toàn bộ. Lễ toàn thiêu biểu thị rằng người dâng lễ đang dâng hiến toàn bộ bản thân mình, cả linh hồn lẫn thể xác, làm của lễ cho Đức Chúa Trời, và là hình bóng của sự hy sinh của Đấng Christ (xem Hê-bơ-rơ 9:9–14).

[5837] Lê-vi 23:3; Đệ-nhị-luật 5:13.

[5838] Mùa thu là khởi đầu của năm mới từ thời cổ đại. Cơ sở cho điều này có thể tìm thấy ngay trong chính thiên nhiên. Khi mùa hè kết thúc, mùa gặt và công việc của cả năm thường cũng kết thúc (Xuất Ê-díp-tô Ký 23:16). Sau khi thu hoạch trái cây, như khi đạt được mục tiêu của thiên nhiên và nông nghiệp, một chu kỳ mới của các công việc và những hy vọng mới về sự màu mỡ trong tương lai lại bắt đầu.

[5839] Câu chuyện về Nô-ê, vị tổ phụ cuối cùng của thế giới trước Đại Hồng Thủy, và về Đại Hồng Thủy được kể lại (Sáng Thế Ký 5:29–32, 6–9). Thánh Tông đồ Phê-rô, qua việc cứu rỗi con người khỏi Đại Hồng Thủy trong chiếc tàu của Nô-ê, đã chỉ ra con đường cứu rỗi của chúng ta qua phép rửa trong Đức Kitô. (1 Phê-rô 3:19–22). – Ararat – dãy núi cao nhất của Armenia, nằm ở biên giới giữa Nga, Thổ Nhĩ Kỳ và Ba Tư, với hai đỉnh: Ararat Lớn, được người Ba Tư gọi là núi Nô-ê, và Ararat Nhỏ.

[5840] Các Bảng Đá – những tấm đá mà chính Đức Chúa Trời đã khắc lên 10 điều răn.

[5841] Lều Hội Ngộ (lều, trại) – là đền thờ di động của người Do Thái. Nó được xây dựng theo mẫu mà Đức Chúa Trời đã chỉ cho Môi-se trên núi Si-nai (Xuất Ê-díp-tô Ký 25:8–9, 40), và được gọi là Đền Tạm Hội Ngộ, vì dân chúng tụ họp tại đây để thờ phượng, và là Đền Tạm Khải Tượng hay Chứng Cớ, vì tại đây Đức Chúa Trời đã bày tỏ chính Ngài và ý muốn của Ngài cho con người.

[5842] Nơi Thánh Thánh – là phần thứ ba, phần bên trong nhất của Đền Tạm. Tại đây đặt Hòm Giao Ước, trong đó cất giữ các Bảng Luật, bình vàng (stamna) đựng manna và cây gậy của A-rôn. Chỉ có Thượng tế mới được vào đây, vào ngày thanh tẩy được cử hành một lần mỗi năm, mang theo máu của con vật hiến tế và rảy máu đó lên Hòm Giao Ước, để thanh tẩy tội lỗi của dân chúng (xem Lê-vi 16:29–34). Ý nghĩa và tầm quan trọng của nghi lễ này được Thánh Phaolô giải thích trong Thư gửi người Do Thái (Hê-bơ-rơ 9:3–7, 8–15, 24–28, 10:1–39).

[5843] Lễ nghi này được cử hành vào ngày thứ 10, được gọi là Ngày Tẩy Tội hay Ngày Xoa Dịu. Vào ngày này, Thượng tế đưa hai con dê đến trước Đền Tạm, rồi bốc thăm chọn một con để giết và dâng làm của lễ chuộc tội cho toàn thể dân chúng, còn trên con kia, ông xưng tội của dân chúng và ra lệnh đuổi nó ra sa mạc (Lê-vi 23:26–32. Xem thêm Hê-bơ-rơ 11:11–14).

Từ tháng này, người ta bắt đầu tính năm, với mỗi năm thứ năm mươi là một năm đặc biệt. Khi dân Y-sơ-ra-ên bước vào Đất Hứa, Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh cho dân chúng phải tổ chức lễ kỷ niệm đặc biệt vào mỗi năm thứ năm mươi; và không chỉ chính họ tham gia vào lễ kỷ niệm này, mà cả các tôi tớ và súc vật cũng vậy; thậm chí chính mảnh đất mà dân Y-sơ-ra-ên đã định cư cũng được truyền phải để yên, không được cày xới, không được gieo trồng, không được thu hoạch lúa mì, nho hay trái cây trong vườn: tất cả những thứ này đều được dành làm thức ăn cho người nghèo, cũng như cho thú vật và chim chóc. Điều này được ghi chép như sau trong các sách của Mô-sê: *"Hãy thổi kèn khắp cả đất nước các ngươi và thánh hóa năm thứ năm mươi, rồi công bố tự do trên đất cho tất cả những ai cư ngụ trên đó; đừng gieo hạt và đừng gặt những gì tự mọc trên đất, cũng đừng hái quả từ những cây nho chưa được cắt tỉa, để những người nghèo trong dân ngươi được ăn, còn những gì còn lại sau họ thì để cho thú rừng ăn; hãy làm như vậy với vườn nho và cây ô-liu của ngươi"* (Lê-vi 25:9–11; Xuất Ê-díp-tô Ký 23:11). Trong năm thứ năm mươi này, các khoản nợ của những người mắc nợ được xóa bỏ, nô lệ được trả tự do, và mỗi người đều đặc biệt cẩn trọng để không làm phật lòng Đức Giê-hô-va bởi bất kỳ tội lỗi nào, cũng như không làm buồn lòng người lân cận mình. Đó là năm của sự tha thứ toàn diện và thanh tẩy tội lỗi. Vòng tuần hoàn năm mươi năm này, theo lệnh của Đức Chúa Trời, được chia thành bảy chu kỳ bảy năm (tức là bảy lần bảy năm), và mỗi năm thứ bảy được gọi là năm Sa-bát hay năm nghỉ ngơi. Về điều này, Đức Chúa Trời đã ban lệnh qua Môi-se như sau: *"Trong sáu năm, hãy gieo hạt trên ruộng của ngươi và trong sáu năm, hãy tỉa cành vườn nho của ngươi, rồi thu hoạch thành quả của chúng; đến năm thứ bảy, đó sẽ là năm Sa-bát, năm nghỉ ngơi của đất, năm Sa-bát của Đức Chúa Trời; đừng gieo hạt trên ruộng của ngươi, và đừng tỉa cành vườn nho của ngươi. Nếu các ngươi nói: 'Vậy thì năm thứ bảy, khi chúng ta không gieo trồng cũng không thu hoạch sản vật của mình, chúng ta sẽ ăn gì?', thì Ta sẽ ban phước lành của Ta cho các ngươi vào năm thứ sáu, và năm đó sẽ sinh ra sản vật đủ dùng cho ba năm"* (Lê-vi 25:3–4, 20–21). Tất cả những năm này, mà Đức Giê-hô-va đã định ra là năm nghỉ lễ cho cả con người lẫn đất đai, đều bắt đầu, cũng theo lệnh của Đức Giê-hô-va, vào tháng Chín. *"Hãy thổi kèn*," – Đức Chúa Trời phán – *"để công bố năm nghỉ ngơi vào tháng thứ bảy"* (Lê-vi 25:9), tức là vào tháng Chín[5845] , vì tháng Chín tính từ tháng Ba – tháng đầu tiên kể từ khi thế gian được tạo dựng – là tháng thứ bảy.

Tuy nhiên, năm mới bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 không chỉ theo luật pháp Cựu Ước, mà còn theo hệ thống "indiction" của người ngoại giáo. Người ta kể lại về hệ thống "indiction" này như sau.

Khi Augustus[5846] , hoàng đế La Mã, giành chiến thắng trước Antony và Cleopatra[5847] , những người đang cai trị đất nước Ai Cập, và trở thành người thống trị duy nhất của toàn vũ trụ, thì để thuận tiện hơn trong việc thu thuế từ các quốc gia, ông đã thiết lập một chu kỳ Indiction kéo dài mười lăm năm[5848] . Augustus đã chia chu kỳ này thành ba giai đoạn, mỗi giai đoạn kéo dài năm năm, nhằm đảm bảo rằng trong suốt thời gian áp dụng chu kỳ, thuế

[5844] Năm của người Do Thái gồm 12 tháng âm lịch. Tháng Aviv hay Nisan (Nê-hê-mi 2:1, Ê-xơ-tê 3:7), tương ứng với tháng Ba của chúng ta, là khởi đầu của năm thánh (Xuất Ê-díp-tô Ký 12:2, 13:4), còn tháng Tishri, tháng thứ bảy theo thứ tự, tương ứng với tháng 9 của chúng ta, được coi là tháng đầu tiên của năm dân sự. Toàn bộ tháng này đều là ngày lễ. Ngày thứ nhất, ngày đầu năm mới, được gọi là Lễ Kèn (Xuất Ê-díp-tô Ký 23:24); ngày thứ 10 là ngày thanh tẩy; ngày thứ 15 là Lễ Lều, được thiết lập để tưởng nhớ sự che chở của Đức Chúa Trời trong thời gian dân Do Thái lang thang trong sa mạc, khi họ sống trong lều trại (Lê-vi 23:33–34; Số 29:12–39). Cũng trong tháng này, người ta bắt đầu kỷ niệm năm thứ bảy, hay năm Sa-bát, và năm thứ năm mươi, hay năm Lễ Giô-bi (Lê-vi 25:9). Do đó, tháng thứ bảy được gọi là "Sa-bát của các Sa-bát", tức là "lễ hội của các lễ hội".

[5845] Tháng Chín trong tiếng Latinh có nghĩa là "thứ bảy".

[5846] Khi Octavius, hoàng đế La Mã († năm 14 sau Công nguyên), trở thành người cai trị duy nhất của toàn bộ Đế chế La Mã, Thượng viện đã phong cho ông danh hiệu Augustus. Từ này có nghĩa là "bệ hạ", "vĩ đại", "đáng kính" và "thiêng liêng". Danh hiệu này sau đó cũng được các hoàng đế La Mã khác kế thừa.

[5847] Từ năm 42 đến năm 31 trước Công nguyên, thế giới La Mã được cai trị bởi ba vị tướng: Octavius, Antony và Lepidus, được gọi là Tam đầu chế. Họ chia nhau quyền lực tối cao và các tỉnh La Mã; Octavius nắm giữ miền Tây, Antony – miền Đông, còn Lepidus – châu Phi. Tuy nhiên, Lepidus sớm bị loại khỏi việc tham gia vào các vấn đề quốc gia, và sau đó cuộc tranh giành quyền lực bùng nổ giữa Octavius và Antony. Antony hoàn toàn nằm dưới sự chi phối của Nữ hoàng Ai Cập Cleopatra, người đã quyến rũ ông bằng vẻ đẹp phi thường của mình, và ông dành thời gian cho các lễ hội và thú vui. Octavius đã tận dụng cơ hội này và tuyên chiến với Antony và Cleopatra. Trong trận hải chiến tại Actium (năm 31 trước Công nguyên), Cleopatra đã bỏ chạy và kết liễu cuộc đời bằng cách tự sát. Antony, người đã mất quyền thống trị thế giới, cũng làm theo cách tương tự. Ai Cập được sáp nhập thành một tỉnh của La Mã và Octavius trở thành nhà cai trị độc tài.

[5848] Indiction, hay indict – là từ La Mã, có nghĩa là thông báo, chỉ định, thuế. Indict là tên gọi của ngày đầu tiên của tháng Chín; tên gọi này vẫn được lưu giữ cho đến nay trong hiến chương giáo hội của chúng ta và được dùng để chỉ sự khởi đầu của năm giáo hội. Indict Kitô giáo cũng bao gồm 15 năm.

sẽ được thu ba lần, vào mỗi năm thứ năm . Luật này được ban hành chủ yếu dành cho các vùng biên giới xa xôi của đế quốc, nơi việc thu thuế hàng năm gặp nhiều khó khăn, bởi vì số thuế thu được phải mất đến năm năm mới kịp chuyển về thủ đô – La Mã. Mỗi chu kỳ năm năm được gọi là lustrum, tức là "thời kỳ sáng sủa", bởi vì, khi "trao cho César những gì thuộc về César" (Lc 20:25), người dân trong thời gian này thường vui chơi và thắp nến. Dân chúng không cảm thấy gánh nặng vì thuế, bởi vì các khoản thuế này nhỏ và nhẹ, và được nộp một cách tự nguyện. Còn "indiction" kéo dài mười lăm năm vì lý do sau đây. Trong năm năm đầu tiên, người ta nộp thuế bằng sắt và đồng, những vật liệu được dùng để chế tạo gươm, giáo, mũ sắt, khiên, áo giáp và mọi loại vũ khí chiến tranh; trong năm năm thứ hai, thuế được thu bằng bạc để trả lương cho quân đội; còn trong năm năm thứ ba, người ta mang vàng đến Rôma để trang trí các tượng thần. Sau khi kết thúc chu kỳ 15 năm của Indiction, người ta lại bắt đầu lại từ đầu, và năm đầu tiên của Indiction được gọi là năm mới. Phong tục này được thiết lập từ ngày 1 tháng 9, bởi vì chính vào ngày này, chiến thắng trước Antonius đã được giành được và chế độ độc tài của Augustus được tuyên bố. Giáo Hội Thánh cũng đã tiếp nhận phong tục kỷ niệm ngày 1 tháng 9 là ngày bắt đầu chu kỳ Indiction. Điều này được thiết lập vì lý do rằng vào thời điểm người ta kỷ niệm năm mới tại Giu-đê và trên khắp thế giới, Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta đã đến Na-za-rét[5849] , nơi Ngài được nuôi dưỡng. Đó là vào ngày thứ Bảy, và vào ngày này, người Do Thái có thói quen tụ họp tại hội đường và dành thời gian để đọc các sách tiên tri. Chúa, *"theo thói quen của Ngài"*, cũng bước vào hội đường[5850] và đứng giữa các thầy dạy. Người ta đưa cho Ngài cuốn sách của tiên tri Ê-sai[5851] ; và Ngài mở sách ra, tìm thấy đoạn chép rằng: "Thần của Chúa ngự trên Ta, vì Chúa đã xức dầu cho Ta để rao giảng Tin Mừng cho người nghèo khó, sai Ta đi chữa lành những người đau khổ, rao giảng sự giải phóng cho những người bị giam cầm và mở cửa ngục cho những người bị giam giữ, rao giảng năm hồng ân của Chúa (Ê-sai 61:1–2)[5852] . Rồi, sau khi đóng cuốn sách lại và trao cho người phục vụ, Ngài bắt đầu nói rằng lời tiên tri vừa được đọc đã ứng nghiệm trên Ngài, rằng Ngài chính là Đấng Mê-si-a chân chính[5853] , được Đức Chúa Trời Cha sai

---

[5849] Thị trấn nhỏ Nazareth nằm ở phía bắc Palestine, nơi được gọi là Galilê. Dân cư nơi đây nghèo khó và không được những người Do Thái khác coi trọng (Ga 1:46). Nhưng đây là quê hương của Giuse, vị hôn phu của Đức Trinh Nữ; tại đây đã diễn ra sự Truyền Tin cho Đức Mẹ; tại đây, Chúa Giêsu Kitô đã trải qua thời thơ ấu và tuổi thiếu niên; tại đây, Ngài được nuôi dưỡng; tại đây, Ngài cũng đã ở lại vào đầu thời kỳ rao giảng công khai của mình, chính vì thế mà Ngài được gọi là Người Nazareth. Kể từ thời điểm đó, Nazareth, vốn trước đây vô danh, đã trở thành nơi nổi tiếng nhất trong toàn vùng Galilê. Nhưng vào năm 1263, nơi này đã bị người Thổ Nhĩ Kỳ phá hủy hoàn toàn. Sau vài thế kỷ, nó được xây dựng lại và trong một thời gian dài vẫn là ngôi làng nghèo nhất. Ngày nay, Nazareth có khoảng 6.000 cư dân, nằm dưới sự bảo trợ đặc biệt của các tổng lãnh sự Kitô giáo và là nơi hành hương của các tín hữu từ khắp nơi trên thế giới Kitô giáo.

[5850] Nhà hội (có nghĩa là nơi tụ họp, trong tiếng Slav là "sonmishche") – là nơi tổ chức các buổi tụ họp tôn giáo của người Do Thái. Theo luật, việc thờ phượng phải được tiến hành trong Lều Hội Ngộ và sau đó tại Đền Thờ Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, trong thời kỳ người Do Thái bị lưu đày, Đền Thờ Giê-ru-sa-lem đã bị phá hủy và người Do Thái phải tụ họp tại các ngôi nhà riêng để thờ phượng. Dần dần, những cuộc tụ họp riêng lẻ này đã có những địa điểm và thời gian cố định, cùng với nghi thức và trật tự nhất định, từ đó hình thành nên các hội đường. Vào thời Chúa Giê-su và các tông đồ, các hội đường đã phổ biến khắp mọi nơi có người Do Thái sinh sống, và ở các thành phố lớn thường có vài hội đường. Các buổi họp tại hội đường diễn ra vào ngày Sa-bát và các ngày lễ.

[5851] Trong các buổi họp tại hội đường, người ta thường đọc những đoạn nhất định trong Luật pháp, tức là các sách của Mô-sê, và các sách Tiên tri, tức là các sách tiên tri trong Cựu Ước; đồng thời, những đoạn đọc này cũng được giải thích, tức là có những bài giảng về những gì đã được đọc và nghe. Bất kỳ ai mong muốn đều có quyền đọc và giải thích, với sự cho phép của người đứng đầu hội đường (archisynagogue) và các trưởng lão. Người muốn đọc sẽ đứng dậy khi bày tỏ ý định của mình, và đứng khi đọc một đoạn nhất định từ các sách thánh. Khi Chúa ra hiệu rằng Ngài muốn đọc và giảng dạy, việc đọc từ Luật pháp, như có thể thấy, đã kết thúc và sắp đến phần đọc từ các sách tiên tri.

[5852] Thay mặt Đấng Mê-si, vị tiên tri miêu tả mục đích của sự giáng lâm của Ngài trên thế gian – đó là mở ra một thời kỳ mới trong cuộc sống của nhân loại, một thời kỳ hạnh phúc dành cho những ai bằng đức tin chấp nhận giáo lý của Chúa Giê-su Ki-tô và thực hành những điều răn vĩ đại của giáo lý ấy trong cuộc sống. – "Mùa Hè của Chúa thật dễ chịu" – đó là tên gọi của năm Lễ Kỷ Niệm, hay năm thứ năm mươi (xem phần trên), mà do việc công bố tự do cho tất cả mọi người, đã trở thành năm vui mừng nhất và được vị tiên tri chọn để miêu tả thời kỳ hạnh phúc của Nước Trời dưới thời Đấng Christ dành cho nhân loại đã được cứu chuộc.

[5853] "Messiah" là từ tiếng Do Thái và có nghĩa tương tự như từ "Christ" trong tiếng Hy Lạp – tức là "người được xức dầu", xuất phát từ nghi thức xức dầu bằng dầu thánh. Qua nghi thức xức dầu này, những người được Chúa chọn hoặc kêu gọi để thực hiện một chức vụ cụ thể sẽ nhận được các ân tứ của Thánh Thần. Các vua, các tiên tri và các thượng tế được gọi là những người được xức dầu. Nhưng đặc biệt, danh xưng này thuộc về Chúa Giê-su Ki-tô, bởi vì tất cả các ân sủng của Thánh Thần đã được tuôn đổ trên Ngài (Ê-sai 11:1–2). Ngài sở hữu một cách trọn vẹn sự thánh khiết của thượng tế, Đấng không dính líu đến điều ác và có chức tư tế vĩnh cửu (xem Hê-bơ-rơ 7:10), cũng như sự khôn ngoan của nhà tiên tri, Đấng đã soi sáng thế gian bằng giáo lý thiên thượng cao cả (xem Lu-ca 1:79, 2:32; Ma-thi-ơ 4:16; Giăng 1:4–10, 8:12, 9:5, 12:35–36, 46) cùng với quyền năng và uy quyền của vị Vua, Đấng nắm giữ mọi quyền năng trên trời và dưới đất, và hướng dẫn mọi sự hướng tới những mục tiêu vĩ đại của sự cứu rỗi loài người (xem Ma-thi-ơ 28:18; Lu-ca 1:33; 1 Cô-rinh-tô 15:25–26).

đến để cứu rỗi loài người và đổi mới cuộc đời họ. *"Và mọi người đều làm chứng về điều đó cho Ngài, và kinh ngạc trước những lời ân sủng phát ra từ miệng Ngài"* (Lc 4:16–22).

Lễ Năm Mới được các Thánh Tổ thiết lập tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất tại Nicêa[5854] . Đó chính là thời điểm mà Hoàng đế Constantine Đại đế, sau khi đánh bại Maxentius[5855] , đã chiếu sáng toàn vũ trụ bằng ánh sáng của đức tin, xóa bỏ các lễ hội thờ thần tượng, giải phóng đức tin vào Chúa Kitô khỏi những cuộc bách hại tàn khốc và thiết lập các niên hiệu của mình. Khi đó, các vị thánh phụ đã thiết lập việc kỷ niệm năm mới như khởi đầu của tự do Kitô giáo, để tưởng nhớ việc Chúa Kitô đã viếng thăm hội đường Do Thái vào ngày này và rao giảng về "mùa hè êm đềm của Chúa". Kể từ đó, chúng ta cũng kỷ niệm ngày đầu tiên của tháng Chín. Nhưng đây không còn là lễ hội của Cựu Ước nữa, mà là của ân sủng mới[5856] . Vì vào ngày này, chính Đấng Lập Luật, Đấng đã ngự xuống từ trời và mang trong mình Thánh Thần của Cha, đã tự tỏ mình ra cho thế gian và ghi chép luật pháp của Đức Chúa Trời không phải bằng ngón tay, mà bằng Lời Thần Thánh và đôi môi ngọt ngào của Ngài, và không phải trên những tấm bia đá, mà là *"trên những tấm bia bằng xác thịt"* (2 Cô-rinh-tô 3:3)[5857] . Khi thiết lập Hội Thánh của Ngài, vốn chỉ được báo trước qua Đền Tạm trong Cựu Ước[5858] , Ngài đã dâng lên Đức Chúa Cha của chúng ta của lễ chuộc tội không phải bằng máu, chính là bản thân Ngài. Chính Đấng Thượng Tế Vĩ Đại, Đấng đã đi qua các tầng trời (Hê-bơ-rơ 4:14), sau khi thanh tẩy chúng ta khỏi tội lỗi bằng chính máu Ngài đã đổ ra vì chúng ta, đã biến chúng ta thành những đền thờ thánh, như lời vị Tông Đồ đã nói: *"Đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, và đền thờ ấy chính là các ngươi"* (1 Cô-rinh-tô 3:17)[5859] .

[5854] Công đồng Đại kết lần thứ nhất được Thánh Constantine Đại đế (ngày kỷ niệm 21 tháng 5) triệu tập vào năm 326 để chống lại linh mục Arius và các đồng phạm của ông, những người rao giảng giáo lý dị giáo cho rằng Chúa Giêsu Kitô không phải là Thiên Chúa. Công đồng, gồm 318 giám mục, đã lên án tà thuyết Arian, xác nhận tín điều về sự đồng bản thể của Con với Thiên Chúa Cha và soạn thảo bảy điều đầu tiên của Kinh Tin Kính, mà Giáo hội Chính thống vẫn sử dụng cho đến ngày nay. – Nicaea – một thành phố ở Tiểu Á, xưa kia giàu có và phồn vinh, nay nghèo nàn và thưa thớt dân cư. Sau khi chinh phục thành phố này (lần thứ hai) vào năm 1330, người Thổ Nhĩ Kỳ đã phá hủy những công trình kiến trúc đẹp nhất và biến các nhà thờ thành thánh đường Hồi giáo.

[5855] Maxentius – hoàng đế La Mã (306–312). Ông đã đàn áp các Kitô hữu và nổi tiếng vì sự tàn bạo. Không thể chịu đựng được nữa, người La Mã đã mời Constantine đến giúp đỡ; dưới dấu hiệu cứu rỗi của Thánh Giá, Constantine đã giành chiến thắng trước quân đội của Maxentius, người đã chết trong dòng nước sông Tiber. Năm 313, các hoàng đế Constantine và Licinius (người cai trị miền Đông) đã ban hành sắc lệnh công nhận Kitô giáo là tôn giáo quốc gia, ngang hàng với các tôn giáo ngoại giáo cổ xưa. Tuy nhiên, không lâu sau đó, Licinius lại bắt đầu đàn áp các Kitô hữu. Lúc bấy giờ, Constantine đã quay vũ khí chống lại Licinius và, sau khi đánh bại ông ta một cách dứt khoát vào tháng 9 năm 323, trở thành người thống trị duy nhất của Đế quốc La Mã. Sự kiện này chính là lý do trực tiếp dẫn đến việc thiết lập lễ kỷ niệm năm mới vào tháng 9.

[5856] Từ "ân sủng" xuất hiện rất thường xuyên trong Kinh Thánh và được sử dụng với nhiều ý nghĩa khác nhau (sự ân huệ, lòng thương xót, tình yêu), nhưng đặc biệt chỉ sức mạnh cứu rỗi của Thiên Chúa, sức mạnh này, được ban cho chúng ta nhờ công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô, làm cho chúng ta được tái sinh vào đời sống thiêng liêng và hoàn tất sự thánh hóa cũng như sự cứu rỗi của chúng ta. Nó được gọi là ân sủng vì đó là món quà tốt lành của Cha Trên Trời. (Xem Ê-phê-sô 2:8). – Sự đối lập giữa luật pháp Cựu Ước và ân sủng đã được Thánh Tông Đồ Phao-lô làm sáng tỏ trong các thư gửi cho người Rô-ma, người Ga-la-ti và người Do Thái. Sự khác biệt chính: Luật Môsê quy định những điều răn không thể tuân giữ trọn vẹn và giáng lời nguyền rủa lên kẻ phạm tội, nhưng lại không ban cho họ đủ sức mạnh để đạt đến sự công chính theo luật pháp (Ga-la-ti 3:10); Ân sủng của Đấng Christ cất bỏ lời nguyền rủa theo luật pháp khỏi con người, xưng công chính trước mặt Đức Chúa Trời, và hòa giải họ với Ngài (Ga-la-ti 3:13; Rô-ma 5:9–10), tha thứ và tẩy sạch tội lỗi, đồng thời ban sức mạnh để tuân giữ luật pháp Tân Ước, đến nỗi nó trở thành ách tốt lành và gánh nặng nhẹ nhàng (1 Giăng 1:9; Ma-thi-ơ 11:30).

[5857] Xem Ê-xê-chi-ên 11 và Hê-bơ-rơ 8:10.

[5858] Theo lời giải thích của Filaret, Tổng Giám mục Moscow, Đền Tạm tượng trưng cho Hội Thánh, đang dần được thiết lập trong toàn thể nhân loại nói chung và trong tâm hồn mỗi tín hữu nói riêng. Sân, mở cửa cho toàn thể dân chúng, tượng trưng cho Giáo hội bên ngoài và lời kêu gọi chung hướng đến Giáo hội ấy, còn bàn thờ và bồn rửa tượng trưng cho các Bí tích Kitô giáo về máu và nước, những điều đi vào Giáo hội và ghi dấu sự hiệp nhất với Giáo hội. Nơi thánh, dành riêng cho các linh mục, tượng trưng cho Giáo Hội bên trong, nơi Đức Kitô là Ánh Sáng Chân Thật, là Bánh Sự Sống, và là Bàn Thờ dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện và tạ ơn mà các tín hữu đặt lên đó. Nơi Thánh Thánh, chỉ dành riêng cho một vị Thượng Tế, tượng trưng cho chính ngai vàng và quyền cai trị của Đấng Mê-si-a, Đấng là Thiên Chúa và là con người, Đấng được tiên báo tại đây qua các bảng luật pháp, qua manna nảy mầm trên cây gậy của A-rôn, và Đấng là sự cứu chuộc, sự xưng công chính, sự thanh tẩy và sự thánh hóa cho chúng ta. Đối với linh hồn chúng ta, với ba phần của mình, Đền Tạm tượng trưng cho ba mức độ chúng ta đến gần Thiên Chúa: sự thanh tẩy bên ngoài, sự soi sáng bên trong và sự hiệp nhất huyền nhiệm với Đức Kitô.

[5859] Xem 1 Cô-rinh-tô 6:19. Sứ đồ nói rằng các tín hữu Kitô đang ở trong sự hiệp nhất thiêng liêng và mầu nhiệm với toàn thể Ba Ngôi Thánh, vì Thiên Chúa Cha, Đấng Tối Cao của mọi thụ tạo, đã sai Con Một của Ngài xuống thế gian, để Ngài dùng máu quý báu của Ngài cứu chuộc những người tội lỗi khỏi ách nô lệ của ma quỷ, còn Thánh Thần, với tư cách là Đấng xây dựng ngôi nhà, dẫn dắt những nô lệ lầm lạc vào nhà Chúa, kết hợp họ với Đức Kitô và qua những ân sủng của Ngài được ban phát trong các bí tích thánh, Ngài kiến tạo mỗi linh hồn thành một nơi ở thiêng liêng để phụng sự Chúa bằng mọi sức lực của linh hồn và thân xác.

Khi dâng lời tạ ơn Chúa vì tất cả những điều này, chúng ta mừng lễ Mùa Hè của Chúa một cách vui vẻ: chúng ta đã nhận được từ Ngài biết bao ân huệ không thể diễn tả, vậy hãy mau chóng trở nên đẹp lòng Ngài. Thật vậy, chúng ta đang mừng lễ Indiction, không phải do các hoàng đế La Mã thiết lập, mà được Vua Thiên Đàng vinh quang – Đức Kitô – thiết lập. , Indiction của Đức Kitô chính là những điều răn thánh của Ngài, mà chúng ta phải tuân giữ và thực hành. Đức Kitô, Vua của chúng ta, không đòi hỏi chúng ta phải dâng đồng, sắt, bạc hay vàng, như Đavít đã giải thích khi ngài từng nói: *"Lạy Chúa, Chúa là Chúa của con; Chúa không cần những của cải của con"* (Thánh Vịnh 15:2)[5860] . Nhưng thay vì sắt và đồng, Chúa đòi hỏi nơi chúng ta đức hạnh vững chắc và kiên cường, cùng đức tin Chính Thống vững vàng nơi Thiên Chúa. Bởi vì đức tin của chúng ta được xây dựng trên máu của các thánh tử đạo đã bị hành hạ bằng vũ khí sắt và đồng, và về mỗi vị trong số họ, ta có thể nói rằng *"linh hồn Ngài đã đi vào sắt"* (Thánh Vịnh 104:18). Đức Vua trên trời và Thiên Chúa của chúng ta đã truyền cho chúng ta phải tin vào Ngài bằng trái tim chân thành và đạo đức: *"vì bằng lòng tin mà người ta được xưng công chính"* (Rm 10:10)[5861] . Vậy chúng ta cũng hãy chiến thắng kẻ thù bằng đức tin này, như bằng vũ khí sắt và khiên đồng. Hãy noi gương các tổ phụ thánh thiện của chúng ta, những người *"bằng đức tin đã chinh phục các vương quốc, thực thi công lý, nhận được những lời hứa, bịt miệng sư tử, dập tắt sức mạnh của lửa, tránh được lưỡi gươm sắc bén, được củng cố khỏi sự suy nhược, mạnh mẽ trong chiến tranh, và đuổi các đạo quân ngoại bang"* (Hê-bơ-rơ 11:33–34)[5862] .

Thay vì bạc, Đức Vua của chúng ta là Đức Kitô đòi hỏi nơi chúng ta một đức tính thứ hai, đó là niềm hy vọng vững chắc nơi Thiên Chúa. Đức tính này, hơn cả bạc, mang lại cho con người một cuộc sống hạnh phúc. Nếu người nào trở nên giàu có nhờ nhiều bạc, tin chắc rằng mình sẽ nhận được mọi của cải trần gian, và nhờ tin tưởng vào sự giàu có ấy mà vui vẻ sống qua từng ngày; thì người giàu có niềm hy vọng vững chắc nơi Thiên Chúa, và đặt trọn niềm tin vào Ngài mà thôi, sẽ nhận được mọi điều mình mong muốn, và sẽ sống trong niềm vui, coi thường mọi tai ương và đau khổ phát sinh từ thế gian, xác thịt và ma quỷ, đồng thời vui vẻ chịu đựng tất cả những điều đó vì phần thưởng trong đời sau. Thường thì bạc lừa dối chủ nhân của nó và, khi bất ngờ biến mất, để lại người ấy trong cảnh nghèo khó; và người từng hy vọng suốt đời sẽ được hưởng sự dư dật trong mọi sự, bỗng chốc lại mất đi cả miếng bánh mì hàng ngày. – Còn ai đặt niềm tin nơi Chúa, *"như núi Si-ôn sẽ không bao giờ lay chuyển"* (Thi Thiên 124:1)[5863] *"không làm cho chúng ta hổ thẹn, vì tình yêu của Đức Chúa Trời* đã tuôn tràn*"* (Rô-ma 5:5). Chính loại bạc vô hình này là điều Đức Chúa Trời mong muốn nơi chúng ta và Ngài truyền lệnh rằng chúng ta đừng đặt hy vọng vào sự giàu có chóng qua, *"nhưng vào Đức Chúa Trời hằng sống"* (1 Ti-mô-thê 6:17), *"lời của Chúa là lời tinh khiết, như bạc đã được luyện"* (Thi Thiên 11:7)[5864] . Ngài đã hứa với chúng ta một cách chân thật về những ân huệ vĩnh cửu không thể tả xiết trong Nước Trời của Ngài, để chúng ta xưng nhận bằng miệng lòng nhân từ dồi dào của Ngài dành cho chúng ta, điều mà chúng ta đã tin bằng lòng, *"và xưng nhận bằng miệng để được cứu rỗi"* (Rô-ma 10:10)[5865] . Vậy, với tư cách là những chiến binh tốt lành của Đấng Christ[5866] , chúng ta hãy lấy niềm hy vọng về phần thưởng làm động lực để khích lệ bản thân thực hiện những chiến công vĩ đại. Vì niềm hy vọng về phần thưởng khích lệ chiến binh chiến đấu, như Thánh Gioan Damasceno đã nói về các vị tử đạo: "Các vị tử đạo của Ngài, lạy Chúa, đã vững vàng trong đức tin và củng cố chính mình bằng niềm hy vọng, đã chiến thắng sự tra tấn của kẻ thù và nhận được vương miện"[5867] .

[5860] Tức là, lạy Chúa, Ngài không thiếu thốn điều gì; nếu ai làm điều thiện, chính người ấy sẽ được lợi ích từ việc đó; còn Ngài thì không thu được gì cả.

[5861] Tức là, sự xưng công chính nhờ Đức Kitô Đấng Cứu Thế đạt được nhờ đức tin vững chắc và chân thành nơi Ngài, cùng với lòng trung thành trọn vẹn đối với niềm tin rằng Ngài đã hạ sinh xuống trần gian vì sự cứu rỗi của chúng ta và sự Phục Sinh ban sự sống từ nấm mồ.

[5862] Khi khuyên nhủ về sự kiên nhẫn và đức tin, Thánh Phaolô đã giải thích tại sao đức tin lại cần thiết đến vậy đối với người Kitô hữu; đức tin làm cho những điều đang mong đợi trở nên hiện thực và những điều vô hình trở nên hữu hình; đức tin đã sinh ra những vị thánh công chính vĩ đại và hoạt động trong họ, khiến họ trở nên bất khả chiến bại trước nguy nan và thúc đẩy họ chịu đựng đau khổ. Cụ thể, câu "đã bịt miệng sư tử" đề cập đến tiên tri Đa-ni-ên (xem Đa-ni-ên 6:1–28); "đã dập tắt sức mạnh của lửa" – đề cập đến ba thiếu niên trong lò lửa Ba-by-lôn (Đa-ni-ên 3:1–100); "đã thoát khỏi lưỡi gươm sắc bén" – đề cập đến Đa-vít và tiên tri Ê-li; "đã phục hồi sức lực từ sự suy nhược" – đề cập đến Giốp và Ê-xê-chi-ên (2 Vua 20:1–21).

[5863] Si-ôn – ngọn núi mà trên đó thành Giê-ru-sa-lem được xây dựng.

[5864] Lời Đức Chúa Trời tinh khiết, không lẫn lộn bất kỳ sự dối trá hay lừa gạt nào, giống như bạc tinh khiết được thanh lọc qua lửa.

[5865] Để được cứu rỗi, người Kitô hữu không chỉ cần có đức tin, mà còn phải thể hiện đức tin đó, điều mà khi đức tin dồi dào sẽ tự nhiên bộc lộ (thú nhận) ra.

[5866] Hình ảnh người chiến binh của Đấng Christ và vũ khí của người ấy (Ê-phê-sô 6:10–18).

[5867] Các bài thánh ca giọng thứ 3 trong giờ chiều thứ Tư.

Thay vì vàng, Đức Kitô, Vua của chúng ta, đòi hỏi nơi chúng ta đức tính quý giá nhất, đó là tình yêu chân thành dành cho Thiên Chúa và tha nhân. Vì ý nghĩa cao cả của nó, tình yêu luôn được các Thánh Giáo Phụ so sánh với hình ảnh vàng; bởi vì cũng như vàng quý hơn bạc, đồng và sắt, thì tình yêu cũng cao quý hơn niềm hy vọng và đức tin. *"Bây giờ,"* như Kinh Thánh đã chép, *"ba điều này còn lại: đức tin, hy vọng và tình yêu; nhưng trong ba điều đó, tình yêu là lớn nhất"* (1 Cô-rinh-tô 13:13)[5868] . Chính loại vàng này là điều Chúa mong muốn nơi chúng ta và Ngài truyền dạy chúng ta phải cầu nguyện với Ngài một cách chân thành, không chỉ tin bằng lòng và xưng nhận bằng miệng, mà còn thể hiện tình yêu này qua hành động. Chúng ta phải sẵn sàng hiến dâng linh hồn mình vì Ngài và chấp nhận cái chết vì tình yêu thiêng liêng của Ngài dành cho chúng ta. Hơn nữa, chúng ta phải yêu thương cả những người lân cận, như lời dạy của Thánh Gioan Thần Học, môn đệ yêu dấu của Chúa Kitô. *"Hỡi các con của Ta,"* – ngài nói, – *"chúng ta hãy yêu thương không phải bằng lời nói hay bằng miệng, nhưng bằng hành động và sự thật"* (1 Ga 3:18)[5869] . Tình yêu như vậy được chính Đấng Tuyệt Mỹ nhất, hơn cả con cái loài người, là Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, chấp nhận để làm đẹp, như chính Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa đã phán: "Nàng đã trang điểm và trở nên xinh đẹp trước mặt Chúa và loài người; đó là sự đồng lòng giữa anh em và tình yêu giữa những người lân cận" (Sách Sirach 25:1–2)[5870] .

Đây chính là lễ kỷ niệm Kitô giáo mà Giáo Hội Chính Thống đang cử hành ngày nay, thay cho lễ kỷ niệm ngoại giáo cổ xưa, *"đã cởi bỏ con người cũ cùng những việc làm của nó, và mặc lấy con người mới, là con người được đổi mới theo hình ảnh Đấng đã tạo dựng nên nó"* (Col. 3:9–10). Vậy, chúng ta hãy mừng năm mới theo lời khuyên của vị Tông đồ: hãy sống trong sự đổi mới, để chúng ta được phục vụ "bằng *sự đổi mới của Thánh Linh, chứ không phải theo chữ viết cũ"* (Rô-ma 7:6)[5871] . Hãy cùng nhau mừng lễ Indiction, tuân theo các mệnh lệnh của Đức Chúa Trời chúng ta, được ban qua Môi-se, trong các sách của Ngài hiện nay có chép: *"Nếu các ngươi tuân theo các luật lệ của Ta, và giữ các điều răn của Ta, rồi thực hiện chúng: thì Ta sẽ ban mưa cho các ngươi đúng mùa, đất sẽ sinh hoa trái, Ta sẽ ban bình an cho xứ sở các ngươi, các ngươi sẽ đuổi được kẻ thù của mình, Ta sẽ đoái thương các ngươi, ban phước cho các ngươi, linh hồn Ta sẽ không ghê tởm các ngươi, Ta sẽ ở giữa các ngươi, và Ta sẽ là Đức Chúa Trời của các ngươi, còn các ngươi sẽ là dân của Ta"* (Lê-vi 26:3–4, 6–7, 11, 12)[5872] .

Bài thánh ca của Indikt, giọng 2:

Lạy Đấng Tạo Hóa muôn loài, Đấng nắm giữ thời gian và các mùa trong quyền năng của Ngài, xin chúc lành cho mùa hè này bằng lòng nhân từ của Ngài, lạy Chúa, xin gìn giữ hoàng đế và thành phố của Ngài trong hòa bình, nhờ lời cầu nguyện của Đức Mẹ, và xin cứu rỗi chúng con.

[5868] Vị Tông đồ ưu tiên tình yêu thương, như một đức tính kết hợp trong chính nó cả gốc rễ của đức tin lẫn hoa trái của sự trông cậy; nhưng đồng thời, khi đặt đức tin và sự trông cậy bên cạnh tình yêu thương, ngài cũng cho thấy giá trị to lớn của chúng.

[5869] Vị Tông đồ không ra lệnh phải yêu thương một cách giả dối, chỉ là tình yêu trên lời nói, mà là tình yêu thuần khiết và chân thật, được chứng minh qua chính hành động.

[5870] Từ "Lời Khôn Ngoan", theo cách sử dụng trong Kinh Thánh, có ý nghĩa rất rộng lớn và đôi khi chỉ chính Đức Kitô, Lời Thiên Chúa từ thuở đời đời và hằng hữu (xem Châm Ngôn 8:1–22, 36; và 1 Cô-rinh-tô 1:24, 30, v.v.).

[5871] Luật pháp Cựu Ước, như là chữ viết, không có sức mạnh nội tại nào, chỉ ràng buộc con người bằng các quy định của nó mà không ban cho sức mạnh để thực hiện chúng; nhưng bây giờ, khi Thần Khí sự sống đã hiện đến, chúng ta phải phụng sự Thiên Chúa theo Thần Khí sự sống mới này, phụng sự một cách tự do và vui mừng với niềm hy vọng vào sự trợ giúp của Thiên Chúa.

[5872] Những lời này trong Kinh Thánh được đọc trong thánh lễ vào ngày Indikt, trong một trong ba bài đọc được quy định. 1Is 61:1–9 – lời tiên tri về Đức Giêsu Kitô, Đấng Được Xức Dầu, Thầy Dạy, Đấng Cứu Độ và Đấng Phục Hồi cho tất cả những ai đang đau khổ trên đất, về sự lan rộng của Hội Thánh Ngài giữa các dân tộc, về sự hạnh phúc và vinh quang của những ai thuộc về Hội Thánh ấy. Chính lời tiên tri này, như chúng ta đã thấy ở trên, đã được chính Đấng Cứu Thế đọc tại hội đường Nazareth. – Phần Kinh Thánh thứ hai (trích từ Lê-vi 26:3–12, 14–17, 19–20, 22, 33, 40–41) chứa đựng những lời hứa của Chúa dành cho những ai tuân giữ các điều răn của Ngài và những lời cảnh báo dành cho những kẻ vi phạm; việc tuân giữ các điều răn này một cách nhiệt thành là điều kiện chính để có được sự thịnh vượng trên đất, điều mà chúng ta thường cầu chúc cho bản thân và những người thân yêu khi năm mới đến. – Bài đọc thứ ba (trích từ Sách Khôn ngoan 4:7–25) liên quan đến việc tưởng niệm Thánh Simeon Cột, người đã thể hiện trong cuộc đời mình những bài học về sự khôn ngoan chân chính và làm rạng rỡ sự đạo đức, được ca ngợi trong Sách Khôn ngoan. – Vào thế kỷ VIII, Thánh Gioan Damascene đã sáng tác nhiều bài thánh ca dành cho ngày 1 tháng 9.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Lạy Đấng Kitô, Vua ngự trên trời cao, Đấng Tạo Hóa và Đấng Sáng Tạo của muôn loài hữu hình và vô hình, Đấng đã tạo dựng ngày và đêm, thời gian và các mùa, xin chúc lành cho vương miện mùa hè này, xin gìn giữ và bảo vệ hoàng đế Chính Thống Giáo trong hòa bình, cùng thành phố và dân Ngài, lạy Đấng đầy lòng thương xót.

Cuộc đời của vị Thánh đáng kính và mang danh Chúa, Cha chúng con Simeon Cột

Ngày kỷ niệm: 1 tháng 9

Tại xứ Cappadocia[5873] , trong làng Sisan, có hai tín hữu Kitô giáo là Susotion và Martha. Thiên Chúa đã chúc lành cho cuộc hôn nhân của họ bằng sự ra đời của một người con trai, mà họ đặt tên là Simeon, và theo phong tục Kitô giáo, họ đã rửa tội cho cậu bé trong nghi thức rửa tội[5874] . Cậu bé này được nuôi dạy không phải bằng kiến thức sách vở, mà bằng sự đơn sơ và lòng nhân ái; nhưng sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời thường ngự vào những người đơn sơ và chọn họ làm công cụ của Ngài, để làm xấu hổ sự khôn ngoan của thế gian này (1 Cô-rinh-tô 15:21). Người chăn chiên tương lai của bầy chiên thuộc về Lời Chúa[5875] Khi Simeon tròn mười ba tuổi, cậu bắt đầu chăn đàn chiên của cha mình. Giống như Gia-cốp, Môi-se và Đa-vít, những người cũng từng chăn chiên và được ban cho những mặc khải thiêng liêng, Simeon cũng được Đức Chúa Trời kêu gọi. Một lần nọ, vào mùa đông, đàn cừu không được đưa ra đồng cỏ trong vài ngày vì tuyết rơi rất dày[5876] . Không phải làm việc, vào ngày Chủ nhật, cậu thiếu niên thánh thiện này đã cùng cha mẹ đến nhà thờ. Simeon lắng nghe chăm chú những bài hát và lời đọc trong nhà thờ, và nghe được Phúc Âm Thánh, trong đó những người nghèo khó, những người khóc than, những người hiền lành và những người trong sạch lòng được gọi là những người có phúc[5877] . Cậu hỏi một vị tu sĩ đáng kính đang đứng bên cạnh mình rằng những lời này có ý nghĩa gì. Được Thánh Thần hướng dẫn, vị tu sĩ già bắt đầu giải thích cho Simeon và dạy dỗ anh ta trong một thời gian dài, chỉ cho anh ta con đường dẫn đến sự nghèo khó thiêng liêng, sự trong sạch, tình yêu của Đức Chúa Trời và cuộc sống đạo đức. Những hạt giống tốt lành từ lời dạy của vị tu sĩ già đã rơi vào mảnh đất tốt: bởi ngay lập tức, trong tâm hồn Simeon nảy sinh khát khao mãnh liệt hướng về Đức Chúa Trời và khao khát vững chắc để bước đi trên con đường hẹp dẫn đến Ngài (Lc 13:24; Mt 7:14). Anh quyết tâm trong lòng – ngay lập tức từ bỏ mọi thứ và chỉ hướng về điều mà anh khao khát. Sau khi cúi đầu kính cẩn trước vị trưởng lão đáng kính và cảm ơn vì những lời dạy hữu ích, Simeon nói với ngài:

– Bây giờ, ông đã trở thành cha và mẹ của tôi, là người dạy tôi làm những việc lành và là người dẫn dắt tôi đến sự cứu rỗi.

Ngay sau đó, Simeon bước ra khỏi nhà thờ và, không ghé qua nhà, ông lui về một nơi thích hợp để cầu nguyện. Tại đó, ông nằm sấp xuống đất theo hình chữ thập[5878] và khóc lóc cầu xin Chúa chỉ cho ông con đường dẫn đến sự cứu rỗi. Ông nằm như vậy và cầu nguyện rất lâu; cuối cùng, ông chìm vào giấc ngủ và trong giấc mơ, ông thấy một khải tượng. Trong giấc mơ, anh thấy mình đang đào một cái rãnh cho một công trình nào đó. Bỗng anh nghe thấy một giọng nói bảo: "Hãy đào sâu hơn nữa!" Anh bắt đầu đào sâu hơn; sau đó, nghĩ rằng đã đủ rồi[5879] ,

---

[5873] Cappadocia – một vùng ở Tiểu Á. Cappadocia trước đây từng là một quốc gia độc lập. Từ năm 363 đến năm 370 trước Công nguyên, vùng này ban đầu nằm dưới sự cai trị của người Ba Tư, sau đó là người Macedonia. Sau đó, cho đến năm 16 sau Công nguyên, vùng này lại có các vị vua của riêng mình. Năm 17, dưới triều đại hoàng đế Tiberius, vùng này được sáp nhập với Pontus và Tiểu Armenia và trở thành một tỉnh của Đế quốc La Mã. Vào cuối thế kỷ XI (năm 1074), Cappadocia rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ và cho đến nay vẫn thuộc về họ. Vào thời của Thánh Simeon, Kitô giáo đã phát triển rực rỡ tại đây. Các vị thầy vĩ đại của Giáo hội: Thánh Grêgôriô Nazianzen, người bạn của ngài là Thánh Basiliô Cả, và anh trai của Thánh Basiliô là Thánh Grêgôriô Nissê – đều là người gốc Cappadocia.

[5874] Tức là, ngài đã được ban Bí tích Rửa tội, mà trong Kinh Thánh được gọi là "bồn tắm" (xem Tít 3:5; Ê-phê-sô 5:26).

[5875] Thánh Simeon thực ra không phải là mục tử của đàn chiên Lời Chúa, tức là ngài không có chức thánh, và được gọi như vậy bởi vì chính cuộc đời và giáo huấn (các bài giảng) của ngài đã dẫn dắt mọi người đến sự cứu rỗi.

[5876] Ở phương Đông, gia súc cho đến nay vẫn được chăn thả quanh năm và chỉ không được đưa ra ngoài khi có tuyết rơi dày và bão tuyết, lúc đó chúng được giữ trong những chuồng đặc biệt.

[5877] Các điều răn về sự hạnh phúc trong Phúc Âm được ghi lại trong các sách Phúc Âm: Ma-thi-ơ 5:3–12 và Lu-ca 6:20–23.

[5878] Các Kitô hữu thời xưa khi cầu nguyện thường quỳ sấp mặt xuống đất, tạo thành hình chữ thập, tức là dang hai tay ra hai bên; qua đó, họ bày tỏ lòng tin vào Chúa bị đóng đinh và ý thức về tính tội lỗi của con người.

[5879] Tức là, ông đã đào đến lớp đất cứng (lục địa).

anh dừng lại, nhưng lại nghe thấy giọng nói ấy ra lệnh phải đào sâu hơn nữa. Anh ta lại tiếp tục đào, và khi dừng lại lần nữa, lần thứ ba giọng nói đó lại thúc giục anh ta tiếp tục công việc đó. Cuối cùng, anh ta nghe thấy:

– Dừng lại đi. Bây giờ, nếu con muốn xây dựng một công trình, hãy xây dựng, nhưng hãy làm việc siêng năng, vì nếu không có sự lao động thì con sẽ không thành công trong bất cứ việc gì.

Cái thị kiến kỳ diệu ấy đã trở thành hiện thực đối với chính Simeon. Trong sự khiêm nhường sâu sắc của mình, ông đã đặt nền móng cho sự hoàn thiện bản thân và người khác đến mức những đức tính và công trạng của ông dường như vượt lên trên bản chất con người[5880] .

Sau khi có thị kiến đó, Simeon đứng dậy và đi đến một trong những tu viện nằm ở quê hương của ông. Vị tu viện trưởng[5881] của tu viện này là Thánh Timôthê. Simeon quỳ sấp xuống đất trước cổng tu viện và nằm đó suốt bảy ngày, chịu đựng cơn đói và khát. Vào ngày thứ tám, vị tu viện trưởng bước ra khỏi tu viện và bắt đầu hỏi Simeon rằng anh đến từ đâu, đang đi đâu, tên là gì, có làm điều ác nào không và có phải đang trốn chạy khỏi chủ nhân của mình không. Simeon liền quỳ xuống dưới chân vị tu viện trưởng và khóc lóc nói với ngài:

– Không, thưa cha, con không phải loại người như vậy; con chưa từng làm điều ác với ai, mà chỉ mong được phụng sự Chúa với tất cả lòng thành. Xin cha thương xót con, kẻ tội lỗi này: xin cho con được vào tu viện và trở thành người hầu của mọi người.

Nhận ra ơn gọi của Chúa nơi chàng, vị tu viện trưởng nắm tay chàng và dẫn vào tu viện, nói với các tu sĩ:

– Hãy dạy anh ta lối sống tu sĩ cùng các quy tắc và nội quy của tu viện.

Sau khi định cư trong tu viện, Simeon vâng lời và phục vụ mọi người một cách không hề phàn nàn. Trong thời gian ngắn, anh đã thuộc lòng toàn bộ Sách Thánh Vịnh. Dù mới chỉ mười tám tuổi, anh đã được cạo đầu làm tu sĩ và chẳng bao lâu sau, nhờ lối sống nghiêm khắc của mình, anh đã vượt trội hơn tất cả các tu sĩ trong tu viện đó. Có những tu sĩ chỉ ăn một bữa mỗi ngày, vào buổi tối; có người thì ba ngày mới ăn một lần; còn anh thì không ăn gì suốt cả tuần.

Cha mẹ của Simeon đã tìm kiếm con trai mình suốt hai năm mà không thể tìm thấy, vì Chúa đã che giấu anh. Họ đã khóc rất nhiều vì con trai và đau buồn đến mức cha anh đã qua đời vì quá đau khổ. Còn Simeon, sau khi tìm thấy Cha mình trong Chúa, đã dâng trọn bản thân cho Ngài ngay từ thuở thiếu thời.

Khi đang ở tu viện[5882] , thánh Simeon một lần đi đến giếng để múc nước. Ông lấy sợi dây của cái gáo[5883] – một sợi dây rất cứng, được đan từ cành cọ[5884] – rồi quấn nó quanh thân thể trần trụi của mình, từ hông lên đến cổ, chặt đến nỗi sợi dây cắm sâu vào da thịt. Mười ngày trôi qua, cơ thể anh ta bắt đầu mưng mủ vì những vết thương, và trong những vết thương đó, vô số con giun đang bò lổm ngổm. Các tu sĩ bắt đầu than phiền với vị tu viện trưởng:

– Ngươi đã đưa người này từ đâu đến đây vậy? Không thể chịu đựng được anh ta nữa: mùi hôi thối bốc ra từ người anh ta. Không ai có thể đứng gần anh ta. Khi anh ta đi lại, giun rụng xuống từ người anh ta: giường của anh ta cũng đầy giun.

Vị tu viện trưởng ngạc nhiên khi nghe điều này; nhưng sau khi xác nhận rằng mọi điều họ nói đều đúng, ông hỏi Simeon:

– Nói cho ta nghe, con ơi, tại sao từ con lại tỏa ra mùi hôi thối như vậy?

Nhưng Simeon, cúi gằm mặt xuống, đứng trước vị tu viện trưởng mà không nói lời nào. Vị tu viện trưởng nổi giận và ra lệnh dùng sức lột bỏ áo ngoài của Simeon. Lúc đó, họ thấy chiếc áo lông dê[5885] mà anh ta đang mặc đầy máu, còn sợi dây thừng thì đã cắm sâu vào da thịt, đến tận xương. Vị tu viện trưởng và tất cả những người có

[5880] Thánh Theodoret, Giám mục Kyrrha, người sống cùng thời với Thánh Simeon, đã đích thân đến thăm ngài trong thời gian ngài ở trên cột. Ngài viết: "Về những việc làm của ngài, dù tôi có thể làm chứng trước mọi người, nhưng tôi e ngại khi bắt đầu kể lại, để chúng không bị hậu thế coi là huyền thoại và không đáng tin cậy, vì chúng vượt quá bản chất con người".

[5881] Igumen (từ tiếng Hy Lạp – thủ lĩnh) – người đứng đầu tu viện.

[5882] Lavra (từ tiếng Hy Lạp, nghĩa là một phần của thành phố, ngõ hẻm) – là dãy các phòng tu sĩ nằm trong khuôn viên, bao quanh nơi ở của vị trụ trì, được bố trí như những ngõ hẻm trong thành phố. Vào ngày đầu tiên và ngày cuối cùng của tuần, các ẩn sĩ tụ họp lại để cử hành Thánh lễ; trong những ngày còn lại, họ giữ im lặng. Cuộc sống trong các tu viện Lavra khó khăn hơn nhiều so với các tu viện khác. Từ thời cổ đại xa xưa, tên gọi "Lavra" đã được dùng để chỉ những tu viện đông đúc và quan trọng. Tên gọi này lần đầu tiên xuất hiện ở Ai Cập, sau đó là ở Palestine.

[5883] Tức là từ cái xô dùng để múc nước từ giếng.

[5884] Dây thừng làm từ cành cây cọ – giống như dây thừng của chúng ta.

[5885] Áo lông ngựa – là loại áo lót được dệt từ lông ngựa và được các tu sĩ mặc trực tiếp trên da trần.

mặt đều kinh hoàng. Họ phải rất vất vả mới có thể tháo sợi dây thừng đó ra khỏi người Simeon, vì khi tháo dây, phần thân thể đã thối rữa cũng bị xé toạc theo. Còn Simeon, trong khi kiên nhẫn chịu đựng những đau khổ này, đã nói:

– Hãy thả tôi ra, như một con chó hôi thối: tôi xứng đáng chịu những đau khổ này vì tội lỗi của mình.

– Con mới chỉ mười tám tuổi thôi, – vị tu viện trưởng nói với cậu, – vậy thì tội lỗi của con là gì?

– Thưa Cha! – Simeon đáp, – như lời tiên tri đã phán: "Con được thụ thai trong sự gian ác, và mẹ con đã sinh ra con trong tội lỗi" (Thánh Vịnh 50:7).

Nghe câu trả lời ấy, vị tu viện trưởng kinh ngạc trước sự sáng suốt của Simeon và ngạc nhiên rằng một chàng trai đơn sơ như vậy lại có thể thấm nhuần lòng kính sợ Đức Chúa Trời sâu sắc đến thế. Tuy nhiên, ông bắt đầu khuyên nhủ cậu đừng tự gây ra những cực hình như vậy cho bản thân.

– Không có ích lợi gì cả – ông nói – khi bắt đầu làm những việc vượt quá khả năng của mình: đối với một môn đệ, chỉ cần trở nên giống như thầy mình là đủ rồi (xem Mt 10:24).

Phải mất rất nhiều thời gian những vết thương của Simeon mới lành lại. Nhưng khi Simeon đã bình phục, vị tu viện trưởng và các tu sĩ lại nhận thấy rằng anh ta, như trước đây, vẫn tiếp tục hành hạ thân thể mình. Lúc đó, lo ngại rằng những người yếu đuối hơn có thể bắt chước anh ta và tự gây ra cái chết cho chính mình, vị tu viện trưởng đã ra lệnh cho Simeon rời khỏi tu viện. Rời khỏi tu viện, Simeon lang thang khắp sa mạc và núi non trong một thời gian dài, cho đến khi cuối cùng tìm thấy một cái giếng cạn, nơi có những con rắn sống. Xuống dưới cái giếng đó, Simeon bắt đầu cầu nguyện với Chúa.

Một thời gian sau đó, vào ban đêm, vị tu viện trưởng thấy một thị kiến, như thể một đám đông người cầm vũ khí và nến trong tay đang bao vây tu viện và hô to:

– Simeon, tôi tớ của Chúa, ở đâu? Hãy chỉ cho chúng tôi người được Chúa và các Thiên thần yêu mến như vậy. Nếu không chỉ cho chúng tôi, chúng tôi sẽ thiêu rụi các ngươi và cả tu viện của các ngươi. Simeon cao quý hơn tất cả các ngươi, và qua ông ấy, Chúa sẽ thực hiện nhiều phép lạ trên đất này.

Tỉnh dậy khỏi giấc mơ, vị tu viện trưởng đã kể lại giấc mơ kinh hoàng của mình cho các tu sĩ và chia sẻ với họ nỗi kinh hoàng mà ông phải chịu đựng vì Simeon. Ông ra lệnh cho mọi người đi tìm Simeon khắp nơi và thậm chí chính ông cũng lên đường đi tìm. Dẫn theo một số tu sĩ, vị tu viện trưởng đi khắp sa mạc và các hang động, tìm kiếm vị tu sĩ khổ hạnh. Chẳng bao lâu sau, ngài gặp một nhóm người chăn cừu đang chăn đàn cừu, và sau khi hỏi han, ngài biết được rằng Simeon đang ở trong một cái giếng bỏ hoang. Vội vã chạy đến cái giếng đó, vị tu viện trưởng bắt đầu gọi Simeon:

– Ngươi có ở đây không, tôi tớ của Chúa?

– Xin các vị cha thánh hãy để con lại đây, – Simeon đáp, – chỉ một lúc thôi, cho đến khi con trút hơi thở cuối cùng: linh hồn con đã kiệt sức, vì con đã làm Chúa phật lòng.

Nhưng các tu sĩ đã lôi anh ta ra khỏi giếng bằng vũ lực và đưa về tu viện. Sau khi ở đây một thời gian ngắn, thánh Simeon đã lén lút rời khỏi tu viện và lại tiếp tục lang thang trên núi và sa mạc. Được Thánh Thần Chúa dẫn dắt, ngài đến một ngọn núi gần làng Talanissa, và khi tìm thấy ở đó một căn phòng nhỏ được đục trong vách đá[5886] , ngài đã tự giam mình trong đó. Ngài ở lại căn phòng này ba năm. Tại đây, ngài nhớ lại cách Mô-sê và Ê-li đã ăn chay bốn mươi ngày (Xuất Hành 24:18; 3 Vua 19:8), và ngài cũng muốn thử thách bản thân bằng việc ăn chay như vậy. Vào thời điểm đó, một vị giám mục của vùng đất ấy tên là Vass, người đang đi thăm các nhà thờ ở các thành phố và làng mạc, đã đến Talanissa. Nghe nói về thánh Simeon, vị giám mục đã đến gặp ngài. Simeon bắt đầu nài nỉ ngài khóa cửa phòng tu của mình lại trong bốn mươi ngày, không cho ngài bất kỳ thức ăn nào. Nhưng vị giám mục không đồng ý.

– Không nên, – ngài nói, – con người tự hành hạ bản thân bằng việc ăn chay quá mức: vì điều đó là tội lỗi hơn là đức hạnh.

– Vậy thì xin cha hãy để lại cho con, thưa cha, – vị thánh nhân đáp lại, – chỉ bánh mì và nước thôi, để nếu cần thiết, con có thể bổ sung chút thức ăn cho cơ thể mình.

Vass đã làm đúng như vậy: sau khi đặt bánh mì và nước vào phòng tu, ông chặn cửa lại bằng đá rồi lên đường. Ngay khi bốn mươi ngày trôi qua, ông lại đến gặp vị tu sĩ, dọn đá ra, mở cửa và bước vào phòng tu. Tại đó,

[5886] "Keli" trong tiếng Latinh có nghĩa là ô tổ ong.

anh thấy vị tu sĩ nằm trên đất như người đã chết, còn bánh mì và nước vẫn nguyên vẹn ở đúng chỗ đã được đặt: vị tu sĩ ăn chay nghiêm ngặt thậm chí còn chưa hề động đến chúng.

Lấy miếng bọt biển, Vass rửa sạch và làm mát miệng vị tu sĩ, và ngay khi ngài tỉnh táo lại một chút, ông đã ban Thánh Thể cho ngài. Sau đó, Simeon đã nạp lại sức lực bằng một bữa ăn nhẹ. Vị giám mục đã kể lại về sự kiêng khem vĩ đại của Simeon để làm gương cho nhiều anh em tu sĩ. Từ đó trở đi, vị thánh nhân này cũng bắt đầu ăn chay như vậy mỗi năm trong Mùa Chay Thánh, không uống hay ăn gì cả, và dành thời gian để cầu nguyện không ngừng, đứng suốt hai mươi ngày, và ngồi hai mươi ngày vì quá mệt mỏi.

Sau ba năm sống trong căn phòng đá chật hẹp của mình, Simeon đã leo lên đỉnh núi cao nhất. Và để không rời khỏi nơi này, ngài lấy một sợi xích sắt dài hai mươi khuỷu tay[5887] , dùng một đầu xích trói chặt chân mình, còn đầu kia thì xích chặt vào núi. Trong tư thế ấy, vị thánh luôn hướng ánh mắt lên trời, tâm hồn ngài vươn lên Đấng ở trên các tầng trời.

Ngay cả vị Tổng Giám mục của Giáo hội Antioch, Thánh Meletius, cũng nghe nói về vị tu sĩ này và đã đến thăm ngài. Khi thấy Simeon bị xích vào ngọn núi, ngài nói:

– Con người có thể tự chủ bản thân mà không cần xiềng xích; người ta có thể tự trói mình vào một nơi không phải bằng sắt, mà chỉ bằng lý trí và ý chí.

Ngài, khi nghe điều đó, vội vàng áp dụng lời dạy ấy và, mong muốn trở thành tù nhân tự nguyện của Đấng Christ, đã tháo xiềng xích khỏi mình và tự trói buộc bản thân chỉ bằng ý chí, *"đánh đổ mọi tư tưởng và mọi sự kiêu ngạo chống lại sự hiểu biết về Đức Chúa Trời, và bắt mọi tư tưởng phải phục tùng Đấng Christ"* (2 Cô-rinh-tô 10:5).[5888]

Danh tiếng về vị thánh tu hành này lan rộng khắp nơi. Và mọi người bắt đầu tìm đến ngài – không chỉ những người sống lân cận, mà còn từ những vùng đất xa xôi, những người phải trải qua một hành trình dài để đến được đó. Một số người trong số họ đưa những người bệnh của mình đến gặp ngài, một số khác xin ngài chữa lành cho những người bệnh đang nằm tại nhà; có người tự mình đang phải chịu đựng những tai ương và nỗi đau khổ, có người lại đang chịu sự hành hạ của ma quỷ. Và không ai trong số những người đến gặp vị thánh nhân lại ra về mà không được an ủi, nhưng ai cũng nhận được điều mình cầu xin: người thì được chữa lành, người thì được an ủi, người khác thì nhận được lời khuyên hữu ích, người khác nữa thì nhận được sự giúp đỡ nào đó. Tất cả đều trở về nhà với niềm vui, ngợi khen Đức Chúa Trời. Còn vị thánh nhân, nếu có ai được chữa lành nhờ lời cầu nguyện của ngài, thì ngài luôn nói:

– Hãy ngợi khen Chúa, Đấng đã ban cho ngươi sự chữa lành, và đừng bao giờ dám nói rằng chính Simeon đã chữa lành cho ngươi – để ngươi không phải gánh chịu tai họa lớn hơn.

Như những dòng sông, các dân tộc và bộ lạc khác nhau đổ về với Simeon: họ đến với ngài từ Ả Rập và Ba Tư, từ Armenia và Iberia[5889] , từ Ý, Tây Ban Nha và Anh. Như vậy, Đức Chúa Trời đã tôn vinh người đã tôn vinh Ngài. Khi một đám đông lớn như vậy tụ tập quanh Simeon và tất cả đều cố gắng chạm vào ngài để nhận lời chúc phúc, vị thánh này bắt đầu cảm thấy mệt mỏi vì sự tôn kính và sự xáo trộn đó. Và ngài đã nghĩ ra một cách chưa từng có để thoát khỏi sự hối hả của con người: để những người đến không thể chạm vào ngài, ngài đã quyết định xây một cột và đứng trên đó. Sau khi dựng xong cột đá đó, ngài đã bố trí trên đó một chỗ ở chật hẹp rộng hai khuỷu tay, và bắt đầu sống cuộc đời mình tại đó trong sự ăn chay và cầu nguyện. Và ngài là vị tu sĩ sống trên cột đá đầu tiên. Cột đá cao sáu khuỷu tay, và thánh Simeon đã đứng trên đó trong vài năm. Sau đó, chiều cao của cột được nâng lên đến hai mươi khuỷu tay, rồi tiếp tục lên đến ba mươi sáu khuỷu tay. Như vậy, vị thánh nhân, nhờ những cột đá có chiều cao khác nhau như những bậc thang, đã leo lên xứ sở thiên đàng, chịu đựng bao đau khổ: mùa hè thì bị mưa xối xả và nắng thiêu đốt, còn mùa đông thì chịu rét buốt; thức ăn của ngài là lá cây ngâm nước[5890] , còn nước uống là nước lọc. Xung quanh cột đá của ngài, chẳng bao lâu sau đã được xây dựng hai hàng rào đá[5891] .

[5887] "Lokot" hay "lakot" là đơn vị đo chiều dài, tương đương với 10,5 "vershka".

[5888] Những tư tưởng ngạo mạn chống lại sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời là những suy nghĩ táo bạo đi ngược lại các chân lý của Sự Khải Huyền và các giáo lý của Giáo Hội. Thu phục mọi tâm trí để vâng phục Đấng Christ có nghĩa là buộc tâm trí phải khuất phục trước chân lý của Đấng Christ, thừa nhận sự cao cả và quyền năng của Ngài.

[5889] Iberia – là Gruzia ngày nay.

[5890] "Mochenoe sochivo" là các loại trái cây khô, gạo, lúa mì, v.v., đã được ngâm nước hoặc nấu chín.

Các vị thánh phụ sống trong sa mạc nghe tin về cuộc sống như vậy của Simeon và ngạc nhiên trước những việc làm phi thường của ông: vì chưa ai từng nghĩ ra cách sống như vậy, đó là đứng trên cột. Muốn thử thách ông, họ sai người đến nói với ông:

– Tại sao ngươi không đi theo con đường của các vị tổ phụ chúng ta, mà lại tự nghĩ ra một con đường khác – một con đường mới? Hãy xuống khỏi cột đá và tuân theo lối sống của các ẩn sĩ xưa.

Cùng với đó, họ dặn dò những người được cử đi rằng, nếu Simeon không vâng lời, thì phải dùng sức ép buộc ông xuống khỏi cột; còn nếu ông vâng lời và muốn xuống, thì hãy để ông tiếp tục đứng như lúc ban đầu: vì khi đó, họ nói, sẽ rõ ràng rằng lối sống mới của ông là do Đức Chúa Trời ban cho. Khi những người được cử đến gặp Simeon và thông báo quyết định của hội đồng các vị thánh cha ẩn sĩ, ông lập tức đặt chân lên bậc thang, muốn bước xuống.

Thấy vậy, những người được cử đi đã kêu lên:

– Không, xin đừng xuống, thưa thánh phụ, nhưng xin hãy ở lại trên cột: giờ đây chúng con biết rằng công việc mà ngài đã khởi sự là do Đức Chúa Trời ban cho. Xin Ngài giúp đỡ ngài cho đến cùng.

Domnus[5892] , Tổng Giám mục Antioch, người kế vị Thánh Meletius, cũng đến gặp Simeon; khi chứng kiến cuộc đời tu hành của ngài, ngài đã kinh ngạc và trò chuyện lâu dài với ngài về những điều có ích cho linh hồn. Sau đó, vị Tổng Giám mục cử hành thánh lễ, và cả hai đều rước Mình Thánh Chúa.

Sau đó, vị tổng giám mục trở về Antioch; còn vị thánh thì dấn thân vào những cuộc chiến thiêng liêng còn vĩ đại hơn nữa, trang bị vũ khí để chống lại kẻ thù vô hình. Lúc đó, ma quỷ, kẻ thù ghét mọi điều thiện lành, đã hóa thân thành một Thiên thần sáng chói và hiện ra trước mặt vị thánh gần cột đá trên một cỗ xe lửa với những con ngựa lửa, như thể đang hạ xuống từ trời, và nói:

– Hãy nghe đây, Simeon! Thiên Chúa của trời và đất đã sai ta đến với ngươi, như ngươi thấy đây, cùng với cỗ xe và những con ngựa, để ta đưa ngươi lên trời, giống như Ê-li (2 Vua 2:11); vì ngươi xứng đáng với vinh dự này nhờ cuộc đời thánh thiện của ngươi, và giờ đây đã đến lúc ngươi được nếm trái ngọt của những công lao mình và nhận vương miện vinh quang từ tay Chúa. Hãy nhanh lên, tôi tớ của Chúa, để chiêm ngưỡng Đấng Tạo Hóa của ngươi và thờ lạy Đấng đã tạo dựng ngươi theo hình ảnh của Ngài; các Thiên thần và Tổng lãnh thiên thần cùng với các tiên tri, các tông đồ và các vị tử đạo cũng mong muốn được gặp ngươi.

Vị Thánh không nhận ra sự cám dỗ của kẻ thù và đã thốt lên:

– Lạy Chúa! Ngài muốn đưa con, một kẻ tội lỗi, lên thiên đàng sao?

Và Simeon giơ chân phải lên để bước lên cỗ xe lửa, nhưng đồng thời cũng làm dấu thánh giá. Lúc đó, ma quỷ cùng cỗ xe biến mất như bụi bị gió thổi bay. Còn Simeon thì nhận ra sự cám dỗ của ma quỷ, đã ăn năn và tự trừng phạt chân mình – chân mà ngài định bước lên cỗ xe của ma quỷ – bằng cách đứng trên chính chân đó suốt một năm trời.

Quỷ dữ, không chịu đựng được hành động anh hùng đó, đã giáng một vết loét dữ dội vào chân vị thánh, và thịt trên chân bắt đầu thối rữa, xuất hiện vô số con giun, mủ cùng giun chảy xuống đất từ vết thương dọc theo cột. Một thanh niên tên là Antony[5893] , đã thu nhặt những con giun rơi xuống đất, và theo lệnh của vị thánh chịu khổ, lại mang chúng trở lại cột cho ngài. Còn vị thánh, chịu đựng bệnh tật với lòng kiên nhẫn vô bờ, như một Giób thứ hai, đã đặt những con giun lên vết thương, nói: "Hãy ăn đi, đó là điều Thiên Chúa đã ban cho các con."

Vào thời đó, vị hoàng tử Saracen[5894] Vasilik, sau khi nghe nhiều về Thánh Simeon, đã đến gặp ngài và, sau khi trò chuyện với ngài, đã nhận được ân huệ lớn lao và tin nhận Chúa Kitô. Khi nhìn thấy con sâu rơi xuống đất từ vết thương của vị thánh, vị hoàng tử đã nhặt nó lên bằng tay rồi bỏ đi. Vị thánh đã gọi ngài lại và nói:

– Tại sao ngươi lại dùng đôi tay trong sạch của mình để nhặt con sâu hôi thối này, vốn rơi ra từ thân thể thối rữa của ta?

Vasilik liền duỗi tay ra, thấy trong đó có một viên ngọc quý và nói:

[5891] Những hàng rào này được những người đến đây xây dựng bằng đá khô. Những nơi được rào chắn như vậy được gọi là "mandra", và vì những người mong muốn tu hành dưới sự hướng dẫn của Thánh Simeon đã định cư tại đó, nên ngài được gọi là "archimandrite" (ví dụ, trong Sách Lễ Minea).

[5892] Thánh Meletius là Thượng phụ Antioch từ năm 358 đến năm 381, còn Domnus II, hay Domnin – từ năm 441 đến năm 448.

[5893] Thánh Antôn là môn đệ của Thánh Simeon và đã viết cuốn tiểu sử về ngài.

[5894] Người Saracen là cư dân của Ả Rập. Ban đầu, tên gọi này dùng để chỉ một bộ tộc du mục chuyên cướp bóc, nhưng sau đó các nhà văn Kitô giáo đã mở rộng tên gọi này để chỉ tất cả người Hồi giáo nói chung.

– Đây không phải là con sâu, mà là viên ngọc trai.

– Nhờ đức tin của ngươi mà ngươi có được điều này, – vị thánh nói.

Và người Saracen, sau khi nhận lời chúc phúc từ ngài, đã quay về nhà.

Nhiều năm trôi qua, mẹ của vị tu sĩ, bà Martha, khi biết tin về con trai, đã đến thăm ông và, dừng lại ở cổng hàng rào, khóc nức nở. Nhưng Simeon không muốn gặp bà và sai người đến nói với bà:

– Xin đừng làm phiền con lúc này, mẹ ơi, – nếu chúng ta xứng đáng, chúng ta sẽ gặp lại nhau ở thế giới bên kia.

Bà lại càng khao khát được gặp con hơn; và vị thánh lại sai người đến nói với bà, khẩn khoản xin bà hãy chờ đợi trong im lặng một chút.

Bà nằm xuống trước cửa hàng rào và tại đó, bà đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Thánh Simeon ngay lập tức biết tin về sự ra đi của bà và ra lệnh mang thi thể bà đến cột. Khi nhìn thấy mẹ, ngài đã khóc và cầu nguyện cho bà. Trong lúc ngài cầu nguyện, thi thể của Thánh Martha có những cử động nhẹ, và trên khuôn mặt bà nở nụ cười. Tất cả những ai chứng kiến cảnh đó đều kinh ngạc và ngợi khen Thiên Chúa. Thi hài bà được an táng bên cột, và vị thánh cầu nguyện tưởng nhớ mẹ mình hai lần mỗi ngày. Không lâu sau đó, người ta lại thay cột mới cho vị thánh và dựng cho ngài một cột cao bốn mươi khuỷu tay. Trên cột này, vị thánh đã đứng cho đến khi ngài an nghỉ trong bình an.

Gần nơi vị thánh sống cuộc đời kỳ diệu của mình không có nước – người ta phải mang nước từ xa đến, khiến những người đến thăm vị thánh và gia súc của họ phải chịu khổ rất nhiều. Thánh nhân, khi chứng kiến những khổ cực do thiếu nước, đã thành kính cầu nguyện với Đức Chúa Trời, xin Ngài ban nước, như xưa kia Ngài đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên khát nước trong sa mạc (Sách Dân Số 20:2–10). Và vào khoảng mười giờ sáng, đột nhiên mặt đất rung chuyển và nứt ra ở phía đông hàng rào, nơi một hang động như thể hiện ra, và trong đó, vượt xa mọi sự mong đợi, có rất nhiều nước. Vị thánh ra lệnh đào sâu thêm khu vực đó một vòng bảy khuỷu tay, và nước chảy ra từ đó dồi dào.

Một người phụ nữ, vì khát vào ban đêm, đã nuốt phải một con rắn nhỏ cùng với nước. Con rắn này bắt đầu lớn lên trong bụng người phụ nữ và trở nên to lớn. Người phụ nữ trông xanh xao như cỏ, và nhiều bác sĩ đã chữa trị cho bà, nhưng không thể chữa khỏi. Họ đưa bà đến gặp Thánh Simeon. Vị thánh nói: “Hãy cho bà uống nước ở đây.” Và khi người phụ nữ bắt đầu uống, một con rắn lớn trườn ra khỏi người bà; rồi khi bò đến cột đá, con rắn lập tức tan thành từng mảnh.

Một số người từ xa đến gặp vị thánh, để tránh cái nóng oi bức, đã dừng lại dưới gốc cây để nghỉ ngơi một chút. Ngồi đó trong bóng râm, họ thấy một con nai cái mang thai đi ngang qua và hét lên với nó:

– Chúng tôi cầu xin ngài nhân danh Thánh Simeon, xin hãy dừng lại một chút!

Và một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra: con nai cái dừng lại. Thậm chí cả loài thú cũng trở nên hiền lành và vâng lời khi nghe đến tên vị thánh! Bắt được con nai cái, những người lữ hành đã giết nó, lột da nó và chế biến thịt nó thành món ăn cho mình. Nhưng ngay khi vừa bắt đầu ăn, họ bỗng nhiên bị cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống, mất đi giọng nói của con người và bắt đầu kêu la như những con nai. Họ chạy vội đến gặp Thánh Simeon, mang theo tấm da con nai như một bằng chứng về tội lỗi của mình. Họ ở lại bên cột đá hai năm và chỉ vừa mới hồi phục, có thể nói chuyện như con người; còn tấm da con nai thì được treo lên cột đá như một bằng chứng về sự việc đã xảy ra.

Trên chính ngọn núi nơi Thánh Simeon tu hành, không xa cột đá, có một con rắn đáng sợ cư ngụ, đến nỗi ngay cả cỏ cũng không mọc được ở nơi đó. Một lần nọ, một cành cây to bằng khuỷu tay đâm vào mắt phải con rắn, gây cho nó cơn đau dữ dội. Lúc đó, con rắn bò đến cột của vị thánh và, nằm trước cổng hàng rào, uốn mình hết cỡ, như thể bày tỏ sự khiêm nhường và cầu xin lòng thương xót từ Thánh Simeon. Và khi vị thánh nhìn nó, ngay lập tức cành cây rơi ra khỏi mắt, và con rắn ở lại đó ba ngày, nằm trước cổng như một con cừu. Mọi người đều đến và đi một cách bình thản mà không hề bị nó gây hại. Khi con mắt đã hoàn toàn lành lặn, con rắn trở về hang ổ của mình. Và tất cả đều ngắm nhìn và kinh ngạc trước phép lạ kỳ diệu đó.

Ở vùng đất ấy có một con báo đốm[5895] , một con thú to lớn và vô cùng đáng sợ, chuyên ăn thịt cả người lẫn gia súc. Không ai dám đi ngang qua nơi con thú đó cư ngụ – và nó đã gây ra biết bao tai họa cho vùng lân cận. Người ta đã báo tin về nó cho vị thánh. Ngài ra lệnh lấy đất từ hàng rào của mình và nước từ đó, rồi đi vòng quanh

[5895] Pard, hay báo đốm – loài thú săn mồi giống hổ, nhưng có da đốm chứ không phải sọc và thân hình nhỏ hơn.

nơi con thú đang ở, rải và rảy từ xa. Họ đã làm đúng như lời vị thánh chỉ dạy. Một thời gian ngắn sau, thấy con thú không xuất hiện ở đâu cả, họ đi tìm và phát hiện nó đã chết, nằm ngay trên mảnh đất đã được lấy từ hàng rào của vị thánh. Và mọi người đều ngợi khen Thiên Chúa.

Chẳng bao lâu sau, một con thú khác, hung dữ hơn con trước, xuất hiện ở vùng đất ấy, đó là một con thú "biết nói". Đó là tên cướp đến từ Antioch[5896] , tên là Ionafan. Hắn đã giết hại rất nhiều người trên đường và trong nhà, tấn công các làng mạc và vùng ngoại ô một cách lén lút và bất ngờ. Không ai có thể bắt được hắn, dù nhiều người đã mai phục hắn trên đường; hắn rất mạnh mẽ và dũng cảm, đến nỗi không ai có thể chống lại được hắn. Khi thành Antioch xôn xao và quân lính được cử đi bắt hắn, tên cướp, không thể trốn thoát khỏi đoàn truy đuổi đông đảo, đã chạy vào khuôn viên của Thánh Simeon. Anh ta bám chặt vào cột, giống như người phụ nữ tội lỗi bám vào chân Chúa Kitô (Lc 7:37–38), và khóc lóc thảm thiết.

Và từ trên cao của cột đá, vị thánh đã gọi hắn:

– Ngươi là ai, từ đâu đến và tại sao lại đến đây?

Người ấy đáp:

– Tôi là Ionafan, tên cướp đã gây ra biết bao điều ác, và tôi đến đây để sám hối về những tội lỗi của mình.

Khi người ấy đang nói những lời đó, các chiến binh từ Antioch chạy đến và la lên với vị thánh:

– Xin cha hãy giao kẻ thù của chúng con, tên cướp đó, cho chúng con, vì trong thành đã có sẵn thú dữ để xé xác hắn rồi![5897]

Nhưng Thánh Simeon nói với họ:

– Các con ơi! Không phải ta đưa hắn đến đây, mà chính Đức Chúa Trời, Đấng mong muốn sự ăn năn của hắn, đã dẫn dắt hắn đến với ta; nếu các con có thể vào trong, thì hãy bắt hắn đi, còn ta thì không thể dẫn hắn ra cho các con, vì ta kính sợ Đấng đã sai hắn đến với ta.

Nghe vậy, các binh lính không dám bước vào hàng rào, thậm chí không dám thốt ra một lời nào chống lại vị thánh, nên họ sợ hãi quay về và kể lại mọi chuyện ở Antiôkhia.

Còn tên cướp thì ở lại bên cột suốt bảy ngày, khóc lóc thảm thiết, quỳ gối cầu nguyện với Đức Chúa Trời và xưng thú tội lỗi của mình. Tất cả những ai có mặt ở đó, khi thấy sự ăn năn và tiếng khóc của hắn, đều cảm động. Sau bảy ngày, tên cướp kêu lên với vị thánh:

– Thưa Cha! Cha có cho con đi được không?

– Chẳng phải con lại đang quay trở lại với những việc ác của mình sao? – vị thánh cha nói với anh ta.

– Không, thưa Cha, – tên cướp đáp, – giờ của con đã đến.

Và trong khi đang trò chuyện với ngài, hắn đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Khi các môn đệ của Thánh Simeon định chôn cất thi thể tên cướp bên hàng rào, các chỉ huy quân đội từ Antioch đã đến và bắt đầu la hét:

– Xin cha hãy giao cho chúng tôi kẻ thù của chúng tôi, kẻ đã khiến cả thành phố rơi vào hỗn loạn.

Nhưng vị thánh nhân đáp:

– Đấng đã dẫn hắn đến với tôi, cùng với vô số thiên binh, đã đến và đưa hắn, người đã được thanh tẩy nhờ sự sám hối, về với Ngài; vậy nên, xin đừng làm phiền tôi nữa.

Khi nhìn thấy tên cướp đã qua đời, các chỉ huy kinh hoàng và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng không muốn kẻ có tội phải chết. Trở về thành phố, họ loan báo những gì họ đã nghe từ vị thánh và những gì họ đã thấy.

Đứng trên cột như ngọn nến trên giá nến, vị thánh cha Simeon của chúng ta đã trở thành ánh sáng cho thế gian, soi sáng các dân tộc đang chìm trong bóng tối của sự thờ thần tượng, và dẫn dắt họ đến với ánh sáng của sự nhận biết Đức Chúa Trời chân thật. Vinh quang thuộc về ân sủng kỳ diệu của Đức Chúa Trời, Đấng đã hành động trong ngài! Dù đứng yên tại một chỗ, vị tu sĩ này đã dẫn dắt biết bao người đến với đức tin, như thể ngài đang đi khắp vũ trụ để giảng dạy và rao giảng. Bởi vì, giống như mặt trời, ngài tỏa ra những tia sáng từ cuộc đời đạo đức và những lời giảng dạy ngọt ngào của mình, soi sáng các vùng đất lân cận. Tại cột của ngài, người ta có thể thấy người Ba Tư và người Armenia đang nhận phép rửa thánh; còn người Izmail[5898] thì kéo đến từng đoàn – hai trăm, ba

---

[5896] Trong thời gian vị thánh sống, có một số thành phố mang tên này; thành phố gần nhất với nơi ngài lánh nạn là Antioch của Seleucia (gần thành phố Seleucia ở Pieria).

[5897] Việc để thú dữ xé xác tội phạm – một hình thức xử tử – thường diễn ra trong những tòa nhà đặc biệt được gọi là đấu trường, và theo truyền thống từ thời ngoại giáo, đây là một màn trình diễn công cộng thu hút đông đảo người xem.

[5898] Người Izmael – hậu duệ của Izmael, con trai của tổ phụ Áp-ra-ham với Ha-ga: xem Sáng Thế Ký 25:12 và các câu tiếp theo.

trăm, và đôi khi cả ngàn người; họ la lớn từ bỏ những lầm lạc của cha ông mình, mang những tượng thần mà họ đã tôn kính và thờ phụng từ thuở xa xưa đến cột thánh, đập vỡ chúng ngay tại đó và giẫm đạp lên chúng; và sau khi nhận lãnh luật của đức tin chân chính từ lời giảng ngọt ngào như mật ong của vị thánh, cùng được rước Mình Thánh Chúa, họ trở về với niềm vui vô bờ, được soi sáng bởi ánh sáng của Phúc Âm thánh.

Một vị tướng quân Saracen, người có người thân bị liệt, đã cầu xin vị thánh ban sự chữa lành cho người bệnh này. Vị thánh ra lệnh đưa người ấy đến cột thờ và hỏi:

– Ngươi có từ bỏ những điều gian ác của cha ông ngươi không?

Người ấy đáp:

– Tôi từ bỏ.

Và vị thánh lại hỏi:

– Ngươi có tin vào Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần không?

Người thanh niên đã thú nhận rằng mình tin mà không hề nghi ngờ gì cả.

Lúc đó, vị thánh nói: "Hãy đứng dậy", – và ngay lập tức chàng trai đứng dậy khỏe mạnh, như thể chưa từng mắc bệnh gì. Và để minh chứng rõ ràng hơn cho sự bình phục của chàng, vị thánh đã ra lệnh cho chàng trai ấy vác vị tướng quân, người có thân hình mập mạp, lên vai và mang về trại của mình, và chàng đã làm đúng như vậy, vác ông ta lên vai như một bó lúa. Thấy điều này, mọi người đều ngợi khen Thiên Chúa, Đấng thực hiện những phép lạ kỳ diệu qua vị thánh của Ngài.

Vị thánh nhân còn có ân sủng tiên tri, vì ngài đã tiên đoán trước hai năm về hạn hán, nạn đói và dịch bệnh, đồng thời cũng nói rằng sau ba mươi ngày, châu chấu sẽ ập đến, và tất cả những điều đó đều trở thành sự thật. Một lần, trong một thị kiến, ngài thấy hai cây gậy từ trời rơi xuống, trong đó một cây rơi về phía đông, còn cây kia rơi về phía tây. Vị thánh đã kể lại thị kiến này cho những người ở bên cạnh ngài và tiên tri rằng người Ba Tư và người Scythia[5899] sẽ nổi dậy chống lại các vùng đất Hy Lạp và La Mã. Với vô vàn giọt nước mắt và lời cầu nguyện không ngừng, vị thánh đã khẩn cầu Thiên Chúa, xin Ngài xoa dịu cơn thịnh nộ công chính của Ngài và đừng để hình phạt đó giáng xuống các Kitô hữu. Và ngài đã khẩn cầu Thiên Chúa về điều này: bởi vì toàn bộ quân đội Ba Tư, vốn đã sẵn sàng ra trận, theo ý muốn của Thiên Chúa đã chậm trễ trong việc xuất quân, và do trong hàng ngũ người Ba Tư nảy sinh những cuộc nội chiến, nên họ đã từ bỏ ý định của mình.

Một lần nọ, vị thánh nhân được biết rằng Hoàng đế Theodosius II[5900] đã trả lại cho người Do Thái ngôi nhà thờ, vốn trước đó đã được trao cho các Kitô hữu. Ngay lập tức, ngài gửi một bức thư đến hoàng đế và, không e ngại trước uy quyền của hoàng đế, đã đe dọa ngài bằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Sau khi đọc bức thư, hoàng đế cảm thấy sợ hãi – ngài lại ra lệnh cho các Kitô hữu tiếp nhận lại nhà thờ, đồng thời cách chức quan tổng trấn thành phố – người đã khuyên nên trả lại nhà thờ cho người Do Thái – và tự mình gửi lời cầu xin đến vị thánh, mong ngài tha thứ và dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa cho ngài. Với hoàng hậu Eudokia, vợ của vị vua đó, người sau khi chồng qua đời đã sa vào tà thuyết Eutychian[5901] , vị thánh đã khuyên răn bà qua những lá thư và trong vòng bốn tháng đã đưa bà trở lại con đường đạo đức. Sau khi trở lại đạo, bà đã sống thêm bốn năm trong sự sám hối, và được hưởng cái chết thanh thản tại Giê-ru-sa-lem; bà được an táng tại nhà thờ Thánh Tê-pha-nô, vị Tử đạo đầu tiên, do chính bà xây dựng. Vua Marcian[5902] , người lên ngôi sau Theodosius II, thường bí mật đến thăm vị thánh và nhận được nhiều ân huệ từ ngài.

Nữ hoàng Ba Tư, sau khi nghe kể về những phép lạ và sự thánh thiện của vị thánh Simeon, đã sai người đến xin ngài ban phước lành và nhận được từ ngài dầu thánh, mà bà coi là một ân huệ vĩ đại và cất giữ với lòng tôn kính.

Nữ hoàng của người Ishmael, vì không thể sinh con, đã sai người đến gặp vị thánh, xin ngài cầu nguyện cho bà và hy vọng rằng nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, bà sẽ trở thành người mẹ. Điều đó đã xảy ra: chẳng bao lâu sau, tình trạng vô sinh của bà đã được giải quyết, và bà sinh được một người con trai. Sau khi bế đứa trẻ, nữ hoàng lên đường đến gặp vị thánh. Nhưng khi nghe nói phụ nữ không được gặp vị thánh nhân, vì ngài thậm

---

[5899] Người Scythia chủ yếu sinh sống dọc theo bờ bắc Biển Đen.

[5900] Trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[5901] Eutyches, người bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ IV, đã dạy rằng Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính – bản tính Thiên Chúa, trong khi Giáo hội Thánh luôn công nhận và vẫn công nhận nơi Chúa Giêsu Kitô hai bản tính không hòa trộn và không tách rời – bản tính Thiên Chúa và bản tính con người.

[5902] Ngài trị vì từ năm 450 đến năm 457.

chí còn không cho cả mẹ ruột mình đến gặp ngài, bà đã gửi đứa con trai trên tay các nô lệ của mình, ra lệnh cho họ nói:

– Thưa Cha, đây là thành quả của những lời cầu nguyện thánh thiện của Cha, xin hãy ban phước lành cho đứa trẻ này.

Phải nói gì về những kỳ công không thể hiểu thấu của vị thánh? Không thể diễn tả được, vì chúng vượt xa sức người.

– Tôi, – thánh Theodoret nói, – trước hết ngạc nhiên trước sự kiên nhẫn của ngài: ngày đêm ngài đứng đó, ai cũng có thể nhìn thấy ngài. Có lần, cánh cửa và một phần không nhỏ của bức tường phía trên đã sụp đổ vì cũ nát, và cho đến khi bức tường và cánh cửa được xây dựng lại, vị thánh vẫn hiện diện trước mắt mọi người trong một thời gian dài. Lúc đó, mọi người chứng kiến một cảnh tượng mới mẻ và kỳ diệu: đôi khi ngài đứng bất động trong thời gian dài, đôi khi lại dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, thực hiện những lần cúi đầu liên tục. Một người trong số những người đứng gần cột kể lại rằng anh ta đã cố đếm số lần cúi đầu mà vị tu sĩ thực hiện không ngừng nghỉ; sau khi đếm được một nghìn hai trăm bốn mươi bốn lần, anh ta kiệt sức và, vì không thể nhìn lên đỉnh cột nữa, nên đã ngừng đếm. Tuy nhiên, vị thánh nhân không hề kiệt sức vì những lần cúi đầu, mà nhờ việc chỉ ăn một lần mỗi tuần, và đó cũng là bữa ăn rất ít và nhẹ, nên ngài trở nên nhẹ nhàng và có thể cúi đầu thường xuyên. Do phải đứng lâu, một vết loét không lành cũng xuất hiện trên chân kia của ngài, và rất nhiều máu chảy ra từ đó. Nhưng ngay cả nỗi đau này cũng không thể làm ngài xao lãng khỏi việc suy ngẫm về Thiên Chúa.

Vị tử đạo tự nguyện này đã dũng cảm chịu đựng tất cả, nhưng ông buộc phải cho người ta xem vết loét của mình. Một linh mục đến từ Ả Rập, một người tốt bụng và được Thánh Thần soi dẫn, đã đến gặp ông và nói:

– Tôi hỏi ngài nhân danh Chân Lý Tối Cao, Đấng đã thu hút loài người đến với Ngài, xin hãy nói cho tôi biết: ngài là con người hay là một thực thể vô hình?

– Tại sao ngài lại hỏi tôi điều này? – vị thánh nhân nói với ông.

– Tôi đã nghe nói về ngài – vị linh mục đáp – rằng ngài không ăn, không uống, không ngủ: nhưng điều đó không phù hợp với con người, và con người không thể sống thiếu thức ăn, nước uống và giấc ngủ.

Vị thánh nhân bèn ra lệnh cho vị linh mục leo lên cột nơi ngài đang ở và cho phép ông nhìn thấy cũng như sờ vào vết loét đầy mủ và giun. Vị linh mục, khi nhìn thấy vết loét và nghe kể về vị thánh nhân rằng ngài chỉ ăn một lần mỗi tuần, đã kinh ngạc trước sự kiên nhẫn và đức hạnh của vị thánh.

Dù thực hiện những việc làm phi thường như vậy, tạo ra biết bao phép lạ và sống một cuộc đời đầy đức hạnh, vị thánh vẫn hiền lành và khiêm nhường, như thể ngài thấp kém và tầm thường hơn tất cả mọi người. Đối với tất cả mọi người, khuôn mặt ngài đều rạng rỡ như nhau và lời nói đầy tình yêu thương – dù là với quan lại hay nô lệ, với người giàu hay người nghèo, và cả với kẻ tội lỗi thấp hèn nhất: vì ngài không hề phân biệt đối xử. Và tất cả đều không thể nào thỏa mãn – cả khi chiêm ngưỡng khuôn mặt thánh thiện của Ngài, lẫn khi lắng nghe những lời nói ngọt ngào của Ngài, vì đôi môi Ngài tràn đầy ân sủng của Thánh Thần. Với ân sủng của sự khôn ngoan, mỗi ngày ngài đều làm tràn ngập lòng những người lắng nghe bằng dòng suối giáo lý, và nhiều người, được hướng dẫn bởi giáo lý của ngài, đã từ bỏ mọi thứ trần thế và, như những con chim, bay lên núi cao – một số vào tu viện, một số khác vào sa mạc, còn một số khác thì ở lại sống cùng ngài.

Cuộc sống hàng ngày của vị thánh nhân diễn ra như sau. Suốt cả đêm lẫn ngày cho đến chín giờ, ngài đứng cầu nguyện; sau chín giờ, ngài giảng dạy cho những người tụ tập quanh cột; sau đó, ngài lắng nghe những nhu cầu và lời thỉnh cầu của bất kỳ ai đến gặp ngài, đồng thời chữa lành cho những người đau ốm. Sau đó, ngài hòa giải những mâu thuẫn và tranh cãi giữa con người, khôi phục hòa bình; cuối cùng, khi mặt trời lặn, ngài lại quay trở lại với việc cầu nguyện. Trong khi đảm nhận những công việc như vậy, ngài không ngừng quan tâm đến sự bình an của Giáo hội, tiêu diệt sự vô thần của các dân ngoại, bác bỏ những lời phỉ báng của người Do Thái, và nhổ tận gốc các giáo lý dị giáo; còn các vua, các hoàng tử và mọi thế lực, ngài đều hướng dẫn họ đến sự kính sợ Thiên Chúa, lòng thương xót và tình yêu thương qua những bức thư khôn ngoan và hữu ích của mình, đồng thời khích lệ họ bảo vệ Giáo hội của Thiên Chúa và dạy dỗ mọi người nhiều điều có ích cho linh hồn. Sống một cuộc đời kỳ diệu như vậy, vốn dường như vượt quá sức chịu đựng của bản tính con người, ngài đã gần kề giờ lâm chung, khi đã hơn một trăm tuổi. Theo lời kể của những người đáng tin cậy, ngài đã đứng trên cột trong tám mươi năm. Ngài đã hoàn thiện trọn vẹn các đức tính – ngài là một Thiên thần trần gian và một con người thiên đàng.

Về cái chết thanh thản của vị thánh, đệ tử của ngài là Antony đã kể lại như sau.

"Một ngày nọ," ông kể, "chính là vào thứ Sáu, sau chín giờ, khi chúng tôi đang chờ đợi bài giảng và lời chúc phúc thường lệ từ ngài, ngài đã không nhìn xuống chúng tôi từ trên cột; cũng vậy, vào thứ Bảy và Chủ Nhật, ngài cũng không truyền đạt cho chúng tôi lời dạy đầy tình cha như thường lệ. Tôi bỗng hoảng hốt, liền leo lên cột, và thấy – vị thánh nhân đang đứng với đầu cúi xuống, như đang cầu nguyện, còn hai tay thì chắp trước ngực. Nghĩ rằng ngài đang cầu nguyện, tôi đứng im lặng, rồi sau đó, bước đến trước mặt ngài, tôi nói:

– Thưa Cha! Xin ban phước lành cho chúng con, vì dân chúng đã bao vây cột đá suốt ba ngày ba đêm, mong chờ lời chúc lành từ Cha. Nhưng ngài vẫn không đáp lại tôi. Tôi lại nói với ngài:

– Tại sao, thưa Cha, Cha lại không đáp lại con trai của Cha, người đang chìm trong nỗi buồn? Phải chăng con đã xúc phạm Cha điều gì chăng? Xin Cha hãy giơ tay ra cho con, để con có thể hôn lên tay Cha.

Nhưng vẫn không có lời đáp. Sau khi đứng trước mặt ngài khoảng nửa giờ, tôi bắt đầu nghi ngờ và tự hỏi: Liệu ngài có phải đã về với Chúa rồi chăng? Tôi áp tai vào ngài, nhưng không nghe thấy hơi thở nào, chỉ có mùi hương nồng nàn, như thể từ nhiều loại hương liệu khác nhau, tỏa ra từ thân thể ngài.

Lúc đó, khi nhận ra rằng ngài đã an nghỉ trong Chúa, tôi đau buồn và khóc nức nở. Rồi tôi tiến lại gần ngài, thu thập và cất giữ thi hài của ngài, rồi hôn lên đôi mắt, bộ râu, đôi môi và đôi tay ngài, nói rằng:

– Cha để con lại một mình với ai đây? Ở đâu con mới được nghe những lời dạy ngọt ngào của cha? Ở đâu con mới được no nê những lời trò chuyện thiên thần của cha? Hay con sẽ trả lời thế nào về cha cho dân chúng đang mong chờ phước lành của cha? Con sẽ nói gì với những người bệnh sẽ đến đây, cầu xin được chữa lành? Và ai, khi thấy cột trụ của ngài trống rỗng, không còn ngài là ngọn đèn trên đó, mà không khóc than? Và khi nhiều người từ xa đến đây tìm ngài mà không thấy, – họ há chẳng khóc than sao? Khốn khổ cho con! Hôm nay con còn thấy ngài, nhưng ngày mai – dù con đi bên phải hay bên trái – con cũng sẽ không tìm thấy ngài!

Trong khi khóc lóc như vậy vì ngài, trong nỗi đau buồn của tâm hồn, tôi chợp mắt một lát, và bỗng vị thánh nhân hiện ra, rực rỡ như mặt trời, nói rằng:

– Ta sẽ không bỏ lại cột đá này, cũng như nơi này, hay ngọn núi được chúc phúc này. Hãy xuống và ban phước lành cho dân chúng, vì ta đã an nghỉ rồi. Đó là ý muốn của Chúa; và đừng kể cho họ nghe, để tránh tin đồn, nhưng hãy mau chóng gửi tin về ta đến Antiôkhia. Còn ngươi thì phải phục vụ tại nơi này, và Chúa sẽ ban thưởng cho ngươi xứng đáng với công lao của ngươi.

Và tôi tỉnh giấc, run rẩy thốt lên: "Xin cha đừng quên con trong sự an nghỉ thánh thiện của cha," – rồi quỳ xuống dưới chân ngài, hôn lên đôi chân thánh thiện của ngài, và cầm tay ngài đặt lên mắt mình, nói: "Xin cha ban phước lành cho con," – rồi lại khóc nức nở. Sau đó, tôi đứng dậy, lau nước mắt để không ai biết chuyện đã xảy ra, rồi đi xuống và bí mật cử một người anh em trung thành đến Antiôkhia gặp Thượng phụ Martirios[5903] để báo tin về sự ra đi của vị thánh. Chẳng bao lâu sau, Thượng phụ cùng ba vị giám mục, cũng như quan tổng trấn cùng quân đội của ông, và vô số người dân không chỉ từ Antioch, mà còn từ tất cả các thành phố và làng mạc lân cận, cùng các tu sĩ từ các tu viện mang theo nến và lư hương, và một đám đông lớn người Saracen cũng nhanh chóng đổ về như dòng sông, vì tin tức về sự ra đi của vị thánh đã lan truyền khắp nơi, như được gió thổi đi. Và Đức Thượng phụ cùng các giám mục đã leo lên cột thánh, rồi cầm lấy thi hài thiêng liêng, mang xuống và đặt bên cạnh cột thánh. Toàn thể dân chúng đều khóc than; ngay cả vô số chim chóc, trước mắt mọi người, cũng kêu gào bay lượn quanh cột thánh, như thể đang than khóc trước sự ra đi của ngọn đèn soi sáng cho thế gian. Tiếng khóc của toàn dân vang xa đến bảy stadia[5904] và những ngọn núi, cánh đồng, cây cối xung quanh dường như cũng than khóc cùng với con người, vì khắp nơi bầu trời u ám và mây đen cuồn cuộn. Còn tôi thì đã thấy một Thiên thần hiện ra bên cạnh các thánh tích, khuôn mặt ngài sáng như tia chớp, y phục trắng như tuyết, và cùng ngài là bảy vị trưởng lão đang trò chuyện; tôi cũng nghe thấy tiếng nói của họ, nhưng không hiểu họ đang nói gì, vì nỗi sợ hãi và kinh hoàng đã bao trùm lấy tôi".

Vào ngày Thánh Simeon qua đời, môn đệ và người noi gương đời sống thánh thiện của ngài, Thánh Daniel – không lâu trước thời điểm ngài dự định cũng sẽ leo lên cột tại cửa sông Biển Đen, gần Constantinople, – đã nhìn thấy từ phía có cột của Thánh Simeon, vô số đạo binh thiên đàng đang bay lên từ đất lên trời, và giữa họ là linh hồn vui mừng của Thánh Simeon đang bay lên. Và không chỉ Thánh Đaniel, mà cả Thánh Avksenti, người được triệu tập từ sa mạc đến Công đồng Chalcedon[5905] , cũng đã chứng kiến điều tương tự khi ngài đang ở Bê-tha-ni[5906] .

[5903] Martirius là Thượng phụ Antioch từ năm 456 đến năm 468.

[5904] Một stadia là đơn vị đo chiều dài, tương đương khoảng 88 sazeen; bảy stadia tương đương khoảng 1,25 verst.

Khi thi hài tôn kính của Thánh Simeon được đặt lên cáng đã chuẩn bị sẵn, vị tổng giám mục giơ tay ra, mong lấy một ít tóc từ râu của vị thánh làm kỷ niệm thiêng liêng, thì ngay lập tức bàn tay ngài bị khô cứng. Và chỉ sau khi mọi người cùng nhau cầu nguyện sốt sắng với Chúa và vị thánh được Chúa yêu mến, bàn tay của vị tổng giám mục mới trở lại bình thường. Sau khi rước thi hài thánh Simeon, người ta đã rước thi hài ấy về Antioch trong tiếng hát các thánh vịnh, và cả thành phố đã đổ ra đón rước. Tại đó có một người câm điếc khoảng bốn mươi tuổi. Ngay khi người ấy nhìn thấy thi hài thánh thiện của vị thánh, ngay lập tức những rào cản về thính giác và lời nói của ông được giải thoát, và ông quỳ xuống trước thi hài thánh, kêu lên: "Ngài đã đến mang lại ơn lành, hỡi tôi tớ của Chúa, vì chính sự hiện diện của ngài đã chữa lành cho tôi."

Người dân Antiôkhia, sau khi đón nhận thi hài của vị thánh – quý hơn cả vàng và bạc – đã rước nó vào Nhà thờ Tổng Giám mục vĩ đại[5907] , và nhiều phép lạ cùng sự chữa lành đã xảy ra bên quan tài của ngài. Vài năm sau, một nhà thờ mang tên Thánh Simeon Cột Đá được xây dựng, và thi hài thánh của ngài được rước về đó.

Thánh nhân đã an nghỉ trong triều đại của Hoàng đế Lêô Đại đế[5908] , vào năm thứ 4 của triều đại này. Đó là năm 460 sau Công nguyên. Hoàng đế Lê-ô đã cử sứ giả đến với người dân Antiôkhia, yêu cầu họ trao lại di cốt của vị thánh để chuyển về Tsargrad; nhưng họ, không muốn mất đi vị thánh bảo trợ như vậy, đã nói với các sứ giả của hoàng đế:

– Vì thành phố của chúng tôi không có tường đá, bởi chúng đã sụp đổ, một phần bị tàn phá bởi cơn thịnh nộ của nhà vua, một phần bị phá hủy bởi trận động đất lớn[5909] , nên chính vì lý do đó mà chúng tôi đã rước thi hài thánh Simeon vào, để nó trở thành bức tường và sự bảo vệ cho chúng tôi[5910] .

Tại chính nơi từng có cột đá của Thánh Simeon, người ta đã xây dựng một nhà thờ hình thánh giá tuyệt đẹp mang tên ngài và lập nên một tu viện lớn[5911] . Và vị thánh đã thực hiện lời hứa của mình, lời hứa mà ngài đã phán với môn đệ Antony trong một thị kiến, đó là ngài sẽ không rời bỏ nơi này: bởi vì những phép lạ và sự chữa lành cho người bệnh ở đó không bao giờ cạn kiệt. Và vào ngày kỷ niệm ngài hàng năm, một ngôi sao lớn lại xuất hiện trên cột đá và chiếu sáng cả vùng đất. Nhiều nhà sử học đã làm chứng về sự xuất hiện của ngôi sao đó, đặc biệt là Evagrius Scholasticus[5912] , người đã tận mắt chứng kiến nó. Chính Evagrius cũng viết rằng nơi thánh thiêng này cấm phụ nữ vào, và người ta đã bảo vệ nó bằng mọi cách để không một bước chân phụ nữ nào dám chạm vào ngưỡng cửa; ngay cả mẹ của vị thánh cũng không được phép bước qua ngưỡng cửa đó. Người ta kể lại rằng có một người phụ nữ đã mặc trang phục nam giới để lén vào nhà thờ Thánh Simeon mà không bị nhận ra, và khi chạm vào ngưỡng cửa nhà thờ, bà lập tức ngã ngửa và chết ngay tại chỗ. Nếu có phụ nữ đến đó, như Nikifor đã viết[5913] , thì họ vẫn không dám lại gần hàng rào, mà đứng từ xa và dâng lời cầu nguyện, hướng mắt về cột thánh.

Và tất cả những ai đến với lòng tin đều không bị tước mất ân sủng của vị thánh, mà còn nhận được sự giúp đỡ và những phép chữa lành khác nhau, rồi trở về trong niềm vui, tạ ơn Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Ngài là Đấng đáng được vinh quang, tôn kính và thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Lời từ Luga[5914]

[5905] Công đồng Chalcedon – Công đồng Đại kết lần thứ 4 – diễn ra vào năm 451.

[5906] Bethany – một làng nằm về phía đông nam Jerusalem, cách khoảng hơn 2 verst, dưới chân núi Eleon.

[5907] Các nhà thờ lớn ở phương Đông là những nhà thờ thuộc các tổng giáo phận và được chính các tổng giám mục chỉ định để cử hành các nghi lễ thờ phượng tại đó.

[5908] Lêô Đại đế trị vì từ năm 457 đến năm 474.

[5909] Ở đây tất nhiên là Antioch của Syria, từng là thủ đô lộng lẫy của Nhà nước Syria, nhưng nay chỉ còn là một thị trấn nghèo nàn thuộc Thổ Nhĩ Kỳ châu Á.

[5910] Một phần di cốt của Thánh Simeon sau đó đã được chuyển đến nơi an nghỉ của Thánh Đaniel Cột, nhờ những lời cầu nguyện của ngài, như được ghi chép trong cuốn tiểu sử về vị thánh này – ngày 11 tháng 12.

[5911] Vào thế kỷ VIII, Thánh Gioan Damascene đã soạn bài thánh ca dành cho Thánh Simeon, và từ Đức Thượng phụ Germanus, Giáo hội đã tiếp nhận các bài thánh ca thiêng liêng để tôn vinh vị thánh này.

[5912] Evagrius Scholasticus, người sống vào thế kỷ VI, đã ghi chép cuốn "Lịch sử Giáo hội".

[5913] Nikifor Kallist, người sống vào thế kỷ XIV, đã viết "Lịch sử Giáo hội".

[5914] "Đồng cỏ thiêng liêng" – tác phẩm của tu sĩ Gioan Moscha, chứa đựng những câu chuyện về cuộc đời của các ẩn sĩ phương Đông.

về Mina, một phó tế, người đã ra đi về cõi đời, từ bỏ hình ảnh tu sĩ, rồi lại mặc lấy hình ảnh đó một lần nữa nhờ Thánh Simeon và được cứu rỗi

Georgy Raifsky[5915] đã kể cho chúng ta nghe về một anh em, từng là phó tế ở đó, tên là Mina:

"Anh ấy đã rời tu viện, và – tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với anh ấy – nhưng anh ấy đã từ bỏ chức vụ tu sĩ và trở thành một người bình thường (tín hữu). Sau nhiều ngày, anh ta đi về thành phố của Chúa là Antioch, và khi đi qua Seleucia[5916] , anh ta nhìn thấy từ xa tu viện của Thánh Simeon Cột và tự nhủ: "Mình sẽ đi xem vị thánh vĩ đại Simeon, vì mình chưa bao giờ được gặp ngài." Khi anh ta tiến đến gần cột và đến mức vị thánh có thể nhìn thấy anh ta, Simeon đã được Chúa mách bảo rằng Mina là một tu sĩ và đang phục vụ với tư cách là phó tế; ông liền gọi người hầu của mình và nói:

– Hãy mang kéo đến đây cho ta.

Người hầu mang đến. Simeon nói với anh ta:

– Ngợi khen Chúa, hãy cạo đầu người này đi, – và chỉ tay vào Mina, trong khi có rất nhiều người đang đứng quanh cột.

Mina, kinh ngạc trước những lời của vị thánh và bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi lớn lao, không hề phản đối chút nào, vì đã hiểu rằng Đức Chúa Trời đã mặc khải cho vị tu sĩ già về mình. Sau khi cạo đầu cho anh ta, vị thánh vĩ đại Simeon nói với anh ta: "Hãy dâng lời cầu nguyện đi, phó tế", và khi anh ta dâng lời cầu nguyện xong, vị thánh nói với anh ta: "Hãy trở về Raifa, nơi mà ngươi đã ra đi."

Khi người ấy bắt đầu nói: "Con không thể chịu đựng được sự xấu hổ trước mặt các cha", thì Simeon nói với người ấy:

– Hãy tin ta, con ơi, – trong chuyện vừa xảy ra, con không có gì phải xấu hổ cả, các cha sẽ đón nhận con trong bình an, và họ sẽ vui mừng, hân hoan vì sự trở về của con. Hãy biết rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho con một dấu hiệu, nhờ đó con sẽ biết rằng Ngài đã tha thứ tội lỗi cho con, vì ân sủng của Ngài là vô cùng.

Khi anh ta đến Raifa, các vị cha đã đón nhận anh ta với vòng tay rộng mở và giữ nguyên chức vụ phó tế cho anh ta. Vào một ngày Chủ nhật nọ, khi anh đang rước Máu Thánh ban sự sống của Đức Chúa Trời Vĩ Đại và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giêsu Kitô, thì đột nhiên mắt anh chảy máu. Và từ dấu hiệu này, các vị cha đã nhận ra rằng Chúa đã tha thứ tội lỗi cho anh, theo lời của Thánh Simeon[5917] .

Phép lạ do Thánh Simeon thực hiện trên một linh mục

Một lần nọ, một vị linh mục đang ngồi trong tiền sảnh nhà thờ và đọc Thánh Tin Mừng. Bỗng nhiên, một tà linh đến với ngài dưới hình dạng một đám mây đen tối và u ám, quấn quanh đầu ngài như một chiếc mũ trùm; ánh sáng trong ngài tắt lịm, trí tuệ ngài bị tước đoạt, tất cả xương cốt ngài đều mềm nhũn và ngài không thể nói được. Những người vào trong thấy ông nằm bất động như đã chết; và ông nằm trong tình trạng bệnh tật ấy suốt chín năm, không thể tự lật người sang bên kia nếu không có ai giúp đỡ. Những người trong nhà anh ta, nghe nói về Thánh Simeon, đã đến gặp ngài, mang theo người bệnh trên giường; và chưa đi được ba dặm đến tu viện, họ đã dừng lại ở đó để nghỉ ngơi. Và Thánh Simeon, đang đứng cầu nguyện, đã được mặc khải về vị linh mục ấy. Vào nửa đêm, ngài gọi một trong các môn đệ của mình và nói với người ấy:

– Hãy lấy nước ở đây và đi ngay đi; con sẽ gặp một vị linh mục đang được khiêng trên giường, hãy rảy nước này lên người ông ấy và nói với ông ấy rằng: "Simeon tội lỗi này nói với ông: nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, hãy đứng dậy, rời khỏi giường của ông và tự mình đến với tôi."

[5915] Raifa – một làng nhỏ nằm trên bờ đông của bán đảo Sinai.

[5916] Selevkia – một thành phố ven biển của Syria, nằm bên bờ Địa Trung Hải, phía tây Antioch và ở cửa sông Orontes.

[5917] Sự việc liên quan đến phó tế Mina có thể được hiểu như sau. Vì một lý do không rõ, Mina đã tự ý từ bỏ đời tu và chức phó tế, rồi sống như một giáo dân. Hành động tự ý này của ông, tất nhiên, là một tội lỗi nghiêm trọng, nhưng đồng thời, nếu chưa qua phiên tòa giáo hội xét xử, ông vẫn chưa thể bị coi là đã mất ân sủng của chức phó tế. Theo đó, việc cạo đầu đối với Mina theo lệnh của vị thánh, cũng như việc Mina đọc lời cầu nguyện, tức là các lời cầu nguyện chung, chỉ là một lời nhắc nhở mang tính biểu tượng, hữu hình dành cho Mina về đời sống tu hành và chức vụ phó tế mà anh ta đã tự ý từ bỏ; thông qua lời nhắc nhở này, vị Thánh Tăng rõ ràng muốn khơi dậy lòng ăn năn trong Mina và, hơn nữa, có lẽ – để xua tan những nghi ngờ của các tu sĩ trong tu viện về khả năng Mina tiếp tục chức vụ phó tế. Còn về việc mắt Mina chảy nước mắt, điều đó có nghĩa là Mina đã bị chính Đức Chúa Trời trừng phạt vì tội lỗi của mình và, do đó, không còn phải chịu thêm hình phạt nào nữa (theo nội quy tu viện và các quy tắc của Giáo hội).

Đệ tử đi và làm theo lời vị thánh. Vị trưởng lão đứng dậy, hoàn toàn khỏe mạnh, và khi đến nơi, ông quỳ xuống trước mặt vị thánh.

Thánh nhân nói với ông:

– Hãy đứng dậy, đừng sợ! Dù ma quỷ đã gây ra nỗi đau khổ cho ngươi suốt chín năm, nhưng lòng nhân từ của Đức Chúa Trời đã không để ngươi phải hư mất đến cùng. Vì ngươi đã hành động trong thánh đường mà không kính sợ Đức Chúa Trời, thậm chí xúc phạm đến sự thánh thiêng; trước khi sự thật được phơi bày, ngươi đã nghe theo những kẻ vu khống, bí mật lên án những người lân cận mình, và vô cớ xúc phạm những người bị vu khống, tước quyền rước Mình Thánh Chúa của họ; và khi làm những điều đó, ngươi đã khiến Đức Chúa Trời, Đấng yêu thương loài người, vô cùng đau lòng, còn ma quỷ thì rất vui mừng – chính vì thế mà ma quỷ đã có quyền lực trên ngươi. Nhưng lòng nhân ái và ân sủng của Đức Chúa Trời đã dồi dào trên ngươi. Những người mà ngươi đã làm cho đau buồn vì bị tước quyền rước lễ, ngươi sẽ thấy họ đang ốm nặng: họ đang cầu nguyện cho ngươi, để khi ngươi khỏi bệnh, ngươi sẽ tha thứ cho họ; và như Thiên Chúa đã ban lòng thương xót cho ngươi, thì ngươi cũng hãy ban lòng thương xót cho họ, và hãy lấy đất ở đây rắc lên họ.

Và vị linh mục ra đi trong niềm vui, tạ ơn Đức Chúa Trời, và làm theo lời thánh nhân truyền dạy. Ngay lập tức, những người đó cũng được chữa lành, và họ ca ngợi Đức Chúa Trời: "[5918] ".

Bài ca Troparion, giọng 1:

Ngài là trụ cột của sự kiên nhẫn, vị tổ phụ đáng kính đầy lòng nhiệt thành, giống như Giốp trong những đau khổ, Giuse trong những cám dỗ, và như những vị thánh vô hình đang sống trong thân xác, hỡi Thánh Simeon, cha của chúng con: xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài tìm kiếm những điều cao cả, hiệp nhất với những điều cao cả, và đã dựng nên cột trụ cho cỗ xe lửa: vì thế, Ngài đã trở thành bạn đồng hành của các Thiên thần, hỡi vị thánh đáng kính, cùng họ không ngừng cầu xin Chúa Kitô, Thiên Chúa, cho tất cả chúng con.

Lễ kỷ niệm Thánh Giê-su Na-vin

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 9

Giê-su Na-vin là vị lãnh đạo dân Do Thái kế sau Mô-sê. Ngài cùng toàn thể dân chúng đã băng qua sông Giô-đanh khi nước cạn, giống như Mô-sê đã làm với Biển Đỏ (Na-vin 3:14–17; Xuất 14:1–31). Ngài đã gặp mặt đối mặt với Tổng chỉ huy các thiên binh, Thánh Michael (Giô-suê 5:13–16), và bằng tiếng kèn đã phá hủy các bức tường thành của Giê-ri-cô (Giô-suê 6:1–26)[5919] . Trong một trận chiến với kẻ thù, ngài đã làm mặt trời đứng yên cho đến khi đánh tan hoàn toàn quân địch (Giô-suê 10:12–14)[5920] . Sau khi dẫn dân vào Đất Hứa, Giô-suê đã chia đất đó cho dân Do Thái bằng cách bốc thăm và qua đời trong bình an ở tuổi 110[5921] .

[5918] Điều đáng chú ý trong câu chuyện này là những người bị linh mục khai trừ do bị vu khống, dù vô tội nhưng bị tước quyền rước Mình Thánh Chúa, lại phải chịu một căn bệnh nặng; và chính họ, dường như đã quên đi sự vô tội của mình, đã cầu nguyện cho người đã khai trừ họ được bình phục, để khi nhận được sự tha thứ từ người đó, họ có thể được rước Mình Thánh Chúa. Do đó, sức mạnh của Thánh Thể là như vậy, rằng việc bị tước đoạt Thánh Thể, dù không phải do lỗi của người bị tước đoạt, cũng không bao giờ trôi qua mà không để lại dấu vết nào đối với họ!

[5919] Thành phố Giê-ri-cô nằm trên bờ tây sông Giô-đanh, trong một thung lũng trù phú, giữa những vườn cây đầy ắp cọ, nên được gọi là "thành phố của những cây cọ". Đây là thành phố hoàng gia của xứ Ca-na-an, giàu có và kiên cố, được bao quanh bởi một bức tường thành rộng lớn. Khi dân Do Thái tiến vào Đất Hứa, thành phố này là mục tiêu đầu tiên họ phải chinh phục và đã bị chiếm đóng một cách kỳ diệu. Ngày nay, gần thành phố Giê-ri-cô cổ xưa là một ngôi làng nhỏ, nghèo nàn và bẩn thỉu tên là Ri-ha, với vài túp lều tồi tàn và những cư dân khốn khổ.

[5920] Câu chuyện về việc ngày được kéo dài một cách kỳ diệu nhờ lời cầu nguyện của Giê-su, xem Giô-suê 10:12–14

[5921] Hoạt động của Giô-suê, người công chính, với tư cách là thủ lĩnh của dân Do Thái được trình bày chi tiết trong "Sách Giô-suê" mang tên ông. Cuốn sách này được đặt trong Kinh Thánh ngay sau Ngũ Kinh của Mô-sê và, tiếp nối câu chuyện bắt đầu trong các sách của Mô-

Lễ kỷ niệm Thánh Mẫu tại tu viện Miacin

Ngày kỷ niệm 1 tháng 9

Trong khi tà thuyết của những kẻ chống thánh tượng[5922] , với sự tiếp tay của vua Lêô Isaurus[5923] , người vốn là kẻ chống thánh tượng đầu tiên, đang lan rộng mạnh mẽ ở phương Đông, thì bức thánh tượng làm phép lạ của Đức Trinh Nữ Maria, vốn được lưu giữ tại tu viện Miass, đã bị ném xuống hồ Azurovo. Vị trí chính xác của tu viện Miassos được đề cập trong cuốn tiểu sử của Thánh Akakios, Giám mục Melitene. Trong cuốn tiểu sử này, chúng ta đọc được như sau. “Cách thành phố Melitina của người Armenia[5924] 18 poprishch[5925] có một thị trấn nhỏ của người Hy Lạp tên là Miasin. Đó là một thung lũng rất đẹp, bằng phẳng và rộng lớn nằm giữa hai ngọn đồi, trải dài về hai phía đến tận chân trời. Giữa thung lũng này, con sông Azur trong vắt và chảy xiết chảy về hướng đông, làm tràn ngập cả thung lũng xung quanh bằng những hồ nước. Tại đây, ở một nơi đặc biệt đẹp đẽ, có một đền thờ thần tượng và một khu vườn với những cây trái ngon lành. Trong khu vườn này, người ta dâng những lễ vật tà ác lên các thần tượng. Thánh Giám mục Akakios đã thanh tẩy nơi này khỏi những ô uế của sự thờ thần tượng và xây dựng tại đây một nhà thờ mang tên Đức Trinh Nữ Maria. Sau khi làm phép nhà thờ mới xây, Thánh Akakios đã biến nơi từng là nơi cư ngụ của ma quỷ thành nơi ở của các Thiên thần thánh thiện. Nơi trước đây từng diễn ra những lễ tế đẫm máu để tôn vinh ma quỷ, nay đã trở thành nơi dâng lên Lễ Tế Vô Huyết thuần khiết cho Thiên Chúa chân thật, và những phép lạ đã xảy ra từ bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.” Như vậy, rõ ràng là tu viện, được đặt tên theo địa danh là Miassina, đã được xây dựng tại nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội nói trên. Đã nhiều năm trôi qua kể từ khi bức tượng Đức Mẹ bị những kẻ chống thánh ném xuống hồ. Vào thời trị vì của Hoàng đế Michael và Hoàng hậu Theodora[5926] , bức tượng đã nổi lên trên mặt hồ và được các tín hữu tìm thấy vào ngày 1 tháng 9, không hề bị hư hại chút nào dù đã nằm dưới nước trong thời gian dài như vậy. Nhân sự kiện kỳ diệu này , tại tu viện đó hàng năm đều tổ chức lễ kỷ niệm để tôn vinh và ca ngợi Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, Đức Trinh Nữ Maria[5927] .

---

sê, kể về việc chinh phục Đất Hứa, việc phân chia đất đai đó giữa các chi phái Y-sơ-ra-ên và sự qua đời của Giê-su, bao quát khoảng thời gian từ năm 1556 đến năm 1550 trước Công nguyên. Sách Giê-su Na-vin còn mang ý nghĩa tiên tri và biểu tượng. Thánh Phaolô gọi Giôsuê là hình bóng của Chúa Giêsu Kitô (xem Hê-bơ-rơ 4:8–9). Cũng như ngài đã dẫn dân Y-sơ-ra-ên vào Đất Hứa, thì Chúa Kitô cũng dẫn dắt những ai tin vào Ngài vào cơ nghiệp trong Nước Trời. Việc dân Do Thái băng qua sông Giô-đanh chính là hình bóng của phép rửa tội của chúng ta. Ra-av – một người ngoại giáo đã trở thành tổ mẫu của Đấng Cứu Thế (xem Mt 1:5) – là hình bóng của những người ngoại giáo đã gia nhập Hội Thánh của Đấng Christ. Trong thánh lễ của Giáo hội, có ba đoạn trích từ sách Giê-su Na-vin được đọc (ngày 5 tháng 1, vào Thứ Bảy Lớn và trong các ngày lễ tôn vinh các Thiên Thần).

[5922] Những kẻ dị giáo đã bác bỏ và đàn áp việc tôn kính hình ảnh, coi đó là sự thờ ngẫu tượng, cũng như việc tôn kính các thánh tích. Tà thuyết chống thánh tượng xuất hiện trong Giáo hội Đông phương vào đầu thế kỷ VIII và thống trị ở phương Đông trong một thời gian dài, cho đến khi cuối cùng bị lên án vào năm 787 tại Công đồng Đại kết lần thứ VII tại Nicêa. Việc tôn kính thánh tượng cuối cùng đã được khôi phục tại Công đồng Constantinopolis năm 842.

[5923] Ngài trị vì từ năm 716 đến năm 741.

[5924] Được xây dựng bởi Hoàng đế La Mã Trajan; thành phố chính của vương quốc cùng tên, nằm ở Cappadocia, từng là một phần của Tiểu Armenia.

[5925] Một “poprishche” tương đương khoảng 690 sazhen, do đó, 18 poprishche tương đương khoảng 23 verst.

[5926] Là vợ của hoàng đế Byzantine Theophilus, người chống lại việc thờ cúng hình tượng. Sau khi ông qua đời, vào thời trị vì của con trai bà là Michael III (trị vì từ năm 842 đến năm 867), tại Công đồng Constantinopolis năm 842, việc tôn kính các bức tượng thánh đã được khôi phục và lễ kỷ niệm Chính thống giáo được thiết lập, diễn ra vào tuần đầu tiên của Mùa Chay.

[5927] Sự kiện này thậm chí còn được tổ chức tại Nhà thờ Đức Mẹ Chalkoprateia ở Constantinopolis. Thời điểm tìm thấy bức thánh tượng được ghi là năm 6364 trong các cuốn lịch thánh Slav viết tay và in ấn thế kỷ XVII. Từ khi thế giới được tạo dựng đến Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, theo cách tính năm thông dụng, đã trôi qua 5508 năm; tuy nhiên, do trong các biên niên sử lịch sử của các cuốn lịch thánh in thế kỷ XVII, khoảng thời gian từ S. M. đến R. H. thường được tính không phải là 5508 năm, mà chính xác là 5.500 năm, nên ở đây cần hiểu là năm 864, chứ không phải năm 856 sau Công nguyên. Nữ hoàng Theodora vào thời điểm đó (855–867) đã lui về sống đời tư.

Bài thánh ca, giọng 1:

Hãy vui mừng, Đức Trinh Nữ Maria đầy ân sủng, nơi nương tựa và sự bảo trợ của loài người, vì từ Ngài, Đấng Cứu Thế của thế gian đã nhập thể: vì Ngài là Mẹ và Trinh Nữ duy nhất, Đấng luôn được chúc phúc và tôn vinh. Xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, ban bình an cho toàn thể vũ trụ.

Kỷ niệm 40 trinh nữ ăn chay và Ammun, thầy dạy của họ

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 9

Các trinh nữ thánh này[5928] xuất thân từ Adrianopolis thuộc Macedonia[5929] và, được phó tế Ammun khai sáng, đã tin vào Chúa Kitô. Vavd, quan tổng trấn thành phố đó, đã triệu tập họ ra tòa và tra tấn họ dã man nhằm ép buộc họ thờ lạy các thần tượng. Họ đã cầu nguyện cùng Thiên Chúa, và bỗng chốc, vị tư tế thờ thần tượng bị một sức mạnh vô hình nâng bổng lên không trung; sau một thời gian dài, ông ta rơi xuống đất và qua đời. Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh treo cổ Thánh Ammun và dùng dao cạo dọc theo xương sườn ngài; rồi họ đội lên đầu ngài một chiếc mũ sắt nung đỏ, nhưng vị thánh tử đạo đã được giải thoát một cách kỳ diệu khỏi chiếc mũ đó. Lúc bấy giờ, họ đưa Thánh Ammun cùng các trinh nữ thánh đến Heraclea[5930] , gặp một kẻ tra tấn khác. Theo lệnh của hắn, mười người trong số họ bị ném vào lửa, tám người cùng với vị thầy của mình bị chém bằng gươm; một số người qua đời sau khi bị gươm đâm vào miệng và tim; sáu người trong số họ bị đâm chết bằng dao; còn sáu người còn lại đã về với Chúa sau khi bị nhét một thanh sắt nung đỏ vào miệng.

Lễ kính các thánh tử đạo Callista và hai anh em ruột của bà là Evod và Hermogenes

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 9

Các thánh tử đạo này[5931] , sau khi được tái sinh về mặt thiêng liêng qua bí tích Rửa tội, đã bị cáo buộc trước vị vua ngoại đạo rằng họ là Kitô hữu. Thấy họ kiên định trong việc tuyên xưng Đức Kitô, vị vua này đã kết án họ bị chém bằng gươm, và họ, sau khi hoàn thành hành trình tử đạo của mình, đã về với Chúa.

Ngày 15 tháng 9

Ngày 2 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Mamant

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 9

Thánh Tử đạo Maman của Chúa Kitô sinh ra tại Paphlagonia[5932] . Cha mẹ ngài – Theodotus và Ruffina – là những người danh giá: cả hai đều xuất thân từ dòng dõi quý tộc[5933] , được kính trọng, giàu có và nổi tiếng về lòng

---

[5928] Những người này đã chịu khổ dưới thời Hoàng đế Licinius, người đồng trị vì với Constantine Đại đế từ năm 311 đến năm 324 sau Công nguyên.

[5929] Macedonia – một tỉnh của Đế quốc Byzantine nằm ở phía bắc Hy Lạp. Adrianople ban đầu được Hoàng đế Hadrian thành lập và đặt tên theo ông; thành phố này nằm không xa Constantinople, thuộc vùng Đông Rumelia ngày nay. Gần đây, thành phố này, vốn từng rất quan trọng, đang trên đà suy tàn. Một nửa dân số là người Bulgaria và người Serbia.

[5930] Heraclea – một thành phố nằm bên bờ Biển Đá Cẩm Thạch.

[5931] Họ đã chịu tử đạo tại Nicomedia, ở phía tây bắc Tiểu Á, nơi là nơi ở của Hoàng đế Diocletian. Thời điểm các thánh này qua đời không được biết chính xác. Một số người cho rằng đó là vào thời kỳ cuộc đàn áp của Diocletian (đầu thế kỷ IV) – Trong quy chế tu viện Studion của Thượng phụ Alexius thế kỷ XI có ghi rằng di cốt của các ngài được lưu giữ tại Tu viện Studion và vào ngày 1 tháng 9 hàng năm, người ta cử hành thánh lễ tại đó.

[5932] Paphlagonia – một tỉnh của Đế quốc La Mã, nằm ở phía nam Tiểu Á.

đạo đức. Họ không thể giấu diếm lâu niềm tin vào Chúa Kitô và tình yêu nồng nhiệt dành cho Ngài, nên đã công khai tuyên xưng đức tin trước mọi người và dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô. Vì vậy, họ đã bị tố cáo với Alexander, quan tổng trấn thành phố Gangra[5934] . Quan tổng trấn này đã nhận được mệnh lệnh từ hoàng đế – phải dùng mọi biện pháp để phổ biến và củng cố việc thờ phụng các vị thần ngoại đạo, còn những người Kitô hữu và tất cả những ai không tuân theo mệnh lệnh hoàng gia này thì phải tra tấn và giết chết.

Sau khi triệu tập Theodotus đến để xét xử, Alexander bắt đầu ép buộc ông dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng Theodotus thậm chí còn không thèm nghe những gì quan tổng trấn nói với mình. Alexander, dù sẵn sàng ngay lập tức đưa kẻ bất tuân ra tra tấn, nhưng đã kiềm chế không làm vậy, do Theodotus có xuất thân quý tộc; vì ông ta không có quyền làm nhục và tra tấn con cháu của giới quý tộc, trừ khi có sự cho phép đặc biệt của hoàng đế. Vì vậy, Alexander đã gửi Theodotus đến Caesarea Cappadocia[5935] , gặp quan tổng trấn Faustus. Vị quan tổng trấn này, càng nhiệt thành trong sự vô thần và bất kính của mình, thì lại càng tàn nhẫn đối với các Kitô hữu. Ngay khi nhìn thấy Theodotus, Faustus lập tức giam ông vào ngục tối. Vợ của Theodotus, thánh nữ Ruffina, dù lúc đó đang mang thai, vẫn theo chồng đến ngục tối; bà cùng ông chịu đựng những đau khổ vì Chúa Kitô tại đó. Théodot biết rõ sự yếu đuối của thân xác mình và chứng kiến sự tàn bạo khốc liệt của kẻ tra tấn, nhưng ông thà chết còn hơn là phạm tội chống lại đức tin. Lo sợ rằng mình sẽ không đủ sức chịu đựng những cực hình nặng nề sắp tới, ông đã dâng lên Chúa một lời cầu nguyện tha thiết.

– Lạy Chúa, Đức Chúa Trời của sức mạnh, – Thê-ô-đốt cầu nguyện, – Cha của Con Yêu Dấu của Ngài! Con ngợi khen và tôn vinh Ngài vì đã cho con được nương tựa trong ngục tù này vì danh Ngài. Nhưng con xin Ngài, lạy Chúa: Ngài biết sự yếu đuối của con, xin hãy đón nhận linh hồn con trong ngục tù này, để kẻ thù của con không thể khoe khoang về con.

Đức Chúa Trời, Đấng *"đã tạo dựng lòng mọi người… và thấu hiểu mọi việc"* (Thi Thiên 32:15), đã nghe lời người tôi tớ trung thành của Ngài và chẳng bao lâu sau đã ban cho ông một cái chết thanh thản; sau khi giải thoát linh hồn ông khỏi ngục tù của thân xác, Ngài đã đưa linh hồn ấy vào những nơi ở sáng láng trên trời. Còn vợ của Thêôđôta, bà Rufina đáng kính, trong khi phải chịu đựng cảnh thiếu thốn và đau khổ trong ngục tối, lại bị bao trùm bởi nỗi buồn sâu sắc vì chồng, đã sinh con trai trước thời hạn. Nhìn đứa trẻ mới sinh và thi thể không còn hơi thở của chồng, bà đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời trong sự đau đớn và nước mắt:

– Lạy Chúa, Đấng đã tạo dựng con người và từ xương sườn của người ấy đã tạo ra người vợ, xin hãy cho con cũng được đi theo con đường mà chồng con đã đi, và xin giải thoát con khỏi cuộc đời ngắn ngủi này, để đón nhận con vào những nơi ở vĩnh cửu của Ngài! Còn đứa trẻ mới sinh này, xin chính Ngài hãy nuôi dưỡng nó, theo ý Ngài! Xin hãy là cha, là mẹ và là Đấng bảo vệ cuộc đời của con!

Khi kêu cầu Chúa như vậy trong nỗi buồn, người vợ trung thực và thánh thiện này đã được Ngài lắng nghe và được giải thoát khỏi xiềng xích của thân xác, rồi ra đi đến sự tự do vĩnh cửu, phó thác linh hồn mình vào tay Chúa. Còn đứa trẻ sơ sinh thì vẫn sống sót giữa hai người cha mẹ đã qua đời.

Lúc bấy giờ, *"Chúa là Đấng gìn giữ các trẻ thơ"* (Thánh Vịnh 114:5) đã thương xót tiết lộ sự việc này cho một người phụ nữ quý tộc và đạo đức tên là Ammi, đang sống tại Cêsarê. Trong một giấc mơ, qua Thiên Thần của Ngài, Ngài đã truyền cho bà xin phép quan cai quản thi thể các thánh đã qua đời trong ngục tối và chôn cất họ một cách trang trọng; còn đứa trẻ thì mang về nuôi dưỡng như con trai của mình. Khi tỉnh giấc, Ammia vội vã thực hiện điều Chúa đã truyền, và bà đến xin quan cai ngục cho phép mang thi thể của những tù nhân đã qua đời ra khỏi ngục. Đức Chúa Trời đã làm mềm lòng quan cai ngục vốn tàn nhẫn, và ông ta không cản trở nguyện vọng của người phụ nữ đáng kính ấy. Và thế là Ammia, khi bước vào ngục tối, đã tìm thấy thi thể của cả hai tù nhân nằm cạnh nhau, và giữa họ là một đứa trẻ xinh xắn và tràn đầy niềm vui. Sau khi mang thi thể các thánh nhân về, bà đã an táng họ một cách trang trọng trong vườn nhà mình, còn đứa trẻ thì bà mang về nuôi dưỡng. Bà là một góa phụ không con và sống một cuộc đời trong sạch. Yêu thương đứa trẻ như con ruột của mình, bà đã nuôi dạy nó theo đạo Kitô.

Đứa bé lớn lên, nhưng đến năm tuổi vẫn chưa nói được lời nào. Lời nói đầu tiên mà em bé thốt ra với Ammia, người đã trở thành như người mẹ thứ hai của em, là "mamma" (tiếng Hy Lạp có nghĩa là vú hoặc mẹ), và

[5933] Tầng lớp thượng lưu trong Đế chế La Mã, tương đương với tầng lớp quý tộc có dòng dõi cao quý của chúng ta, được gọi là patricii.
[5934] Gangra – thành phố chính của Paphlagonia.
[5935] Có một số thành phố mang tên Caesarea. Caesarea, thành phố chính của tỉnh Cappadocia thuộc Đế chế La Mã, sau đó đã bị phá hủy bởi một trận động đất.

từ đó em được đặt tên là Mamant. Ammia gửi em đi học chữ, và chẳng bao lâu sau, em đã vượt trội hơn hẳn so với các bạn cùng lứa đến nỗi ai nấy đều kinh ngạc trước trí tuệ của em.

Lúc bấy giờ, tại La Mã, vị hoàng đế vô đạo Aurelian[5936] đang trị vì. Ông ta ép buộc tất cả mọi người phải thờ lạy các thần tượng, không chỉ những người đàn ông và phụ nữ trưởng thành, mà cả những thiếu niên nhỏ tuổi; hơn nữa, ông ta còn đặc biệt chú ý đến trẻ em, hy vọng rằng chúng, với tuổi thơ non nớt và thiếu lý trí, sẽ dễ dàng bị dụ dỗ và dẫn dắt vào mọi việc xấu xa. Hơn nữa, vị vua vô đạo này còn cho rằng, những đứa trẻ từ khi còn nhỏ đã quen với việc ăn thịt tế lễ, thì khi về già sẽ trở thành những kẻ thờ thần tượng nhiệt thành hơn. Vì vậy, ông ta đã dùng đủ mọi lời ngọt ngào để lôi kéo chúng vào con đường vô đạo của mình. Nhiều thiếu niên và thậm chí cả những thanh niên thực sự đã sa vào cám dỗ và tuân theo ý muốn của nhà vua. Nhưng những người từng là bạn học của Mamant, tuân theo lời dạy của anh, đã không thi hành mệnh lệnh của nhà vua. Bởi vì Mamant, ngay từ thuở thiếu thời đã có *"sự khôn ngoan* mà *người già mới có, và cuộc sống vô tì vết – như tuổi già"* (Châm Ngôn 4:9), đã chứng minh cho các bạn mình thấy sự hư vô của các vị thần ngoại đạo – những vị thần vô hồn và bất lực – đồng thời dạy dỗ họ nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật – Đấng mà chính anh tôn kính – và dâng lên Ngài của lễ thiêng liêng: tinh thần tan vỡ và lòng khiêm nhường (Thi Thiên 50:19).

Vào thời điểm đó, vua đã cử một quan tổng trấn khác tên là Democritus đến Caesarea để thay thế Faustus. Ông ta là một người nhiệt thành bảo vệ đức tin vô đạo và vô thần của mình, và dường như luôn khao khát việc bắt bớ và giết hại các Kitô hữu. Người ta báo cáo với ông về Maman, rằng không chỉ bản thân cậu không thờ lạy các vị thần, mà còn lôi kéo và dạy dỗ các thiếu niên khác, những người học cùng cậu, theo đức tin Kitô giáo. Lúc bấy giờ, Mamant đã bước sang năm thứ mười lăm kể từ khi chào đời. Cậu lại một lần nữa trở thành trẻ mồ côi, vì người mẹ thứ hai của cậu – Ammia – sau khi để lại cho con nuôi của mình – Thánh Mamant, với tư cách là người thừa kế duy nhất, một gia tài lớn, đã về với sự giàu có trên trời dành cho những ai yêu mến Thiên Chúa.

Democritus, khi nghe tin về Mamant, đã sai người đi tìm cậu và, khi cậu được dẫn đến, trước hết ông hỏi liệu cậu có phải là Kitô hữu hay không, và liệu có đúng là cậu không chỉ tự mình không thờ phượng các vị thần, mà còn lôi kéo các bạn bè của mình, dạy họ không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua hay không?

Mament trẻ tuổi, như một người đàn ông hoàn hảo và chín chắn, đã trả lời một cách không sợ hãi:

– Chính tôi là người coi sự khôn ngoan của các ngài chẳng đáng là gì cả. Ngài đã lạc lối khỏi con đường chính đạo và đang lang thang trong bóng tối dày đặc đến nỗi thậm chí không thể nhìn thấy ánh sáng của chân lý; bỏ rơi Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, ngài đã quay sang các quỷ dữ và cúi lạy những thần tượng vô hồn và điếc lác. Còn tôi thì sẽ không bao giờ rời xa Đức Kitô của tôi và luôn cố gắng dẫn dắt tất cả những ai tôi có thể đến với Ngài.

Bị sốc trước câu trả lời táo bạo như vậy của Mamant, Democritus nổi giận và ra lệnh lập tức dẫn anh ta đến đền thờ của vị thần xấu xa Serapis[5937] và ở đó, dùng vũ lực ép anh ta dâng lễ vật cho thần tượng. Mamant, không hề sợ hãi trước cơn giận của nhà cầm quyền, bình tĩnh phản bác lại:

– Ngài không nên xúc phạm tôi: tôi là con trai của cha mẹ thuộc dòng dõi thượng nghị sĩ danh giá.

Lúc đó, Democritus hỏi những người có mặt về nguồn gốc của Mamant và, khi biết rằng anh ta xuất thân từ các quan chức La Mã cổ đại, và rằng Ammia, một phụ nữ quý tộc và giàu có, đã nuôi dưỡng anh ta và chỉ định anh ta làm người thừa kế khối tài sản khổng lồ của bà, ông không dám bắt anh ta phải chịu cực hình, bởi thực tế ông không có quyền làm điều đó. Vì vậy, sau khi xiềng anh ta bằng xiềng sắt, ông đã gửi anh ta đến gặp vua Aurelian, người lúc đó đang ở thành phố Ega[5938] và trong thư, ông đã giải thích cho nhà vua mọi điều liên quan đến Mamant. Nhà vua, sau khi nhận được thư của Democritus và đọc nội dung đó, lập tức ra lệnh đưa chàng trai trẻ Mamant đến trước mặt mình. Khi vị tử đạo xuất hiện trước mặt nhà vua, nhà vua đã dùng mọi cách để dụ dỗ chàng theo con đường tà ác của mình, lúc thì đe dọa, lúc thì nịnh nọt, hứa hẹn những món quà và vinh dự, và nói:

– Chàng trai trẻ xinh đẹp ơi, nếu ngươi đến thờ phụng vị thần vĩ đại Serapis và dâng lễ vật cho ngài, thì ngươi sẽ được sống cùng chúng ta trong cung điện, được nuôi dạy như một vị vua, và mọi người sẽ kính trọng và ca

---

[5936] Hoàng đế Aurelian trị vì từ năm 270 đến năm 275.

[5937] Serapis – một vị thần ngoại giáo, thường được miêu tả dưới hình dạng một người đàn ông ngồi trên ngai vàng, tay cầm quyền trượng và có con đại bàng dưới chân; trên đầu là một chiếc giỏ, biểu tượng của sự sung túc. Vị thần này tượng trưng cho sức mạnh nam tính và khả năng sinh sôi nảy nở của thiên nhiên. Vào thời của Thánh Mamant, việc thờ phụng vị thần này trong Đế chế La Mã đặc biệt phổ biến.

[5938] Thành phố Egi nằm ở tỉnh Cilicia, thuộc Tiểu Á, bên Vịnh Issus.

ngợi ngươi, và ngươi sẽ thực sự hạnh phúc; còn nếu ngươi không nghe lời ta, thì ngươi sẽ phải chịu cái chết tàn khốc.

Nhưng chàng trai trẻ Maman đã dũng cảm đáp lại:

– Hỡi đức vua! Chớ để tôi phải quỳ lạy trước những tượng thần vô hồn mà ngài tôn sùng như các vị thần. Ngài thật điên rồ khi quỳ lạy trước cây cối và hòn đá vô tri, thay vì quỳ lạy trước Đức Chúa Trời Hằng Sống! Xin đừng lừa dối tôi bằng những lời nịnh hót nữa, vì khi ngài nghĩ rằng đang ban ân huệ cho tôi, thực ra ngài đang hành hạ tôi; còn khi ngài hành hạ tôi, thì đó lại là ân huệ đối với tôi. Hãy biết rằng, tất cả những ân huệ, quà tặng và vinh dự mà ngươi hứa hẹn với ta sẽ trở thành những cực hình nặng nề đối với ta, nếu ta yêu mến chúng thay vì yêu mến Chúa Kitô; còn những cực hình nặng nề mà ngươi hứa sẽ giáng xuống ta vì danh Chúa Kitô, sẽ là ân huệ lớn lao đối với ta, vì cái chết vì Chúa Kitô của ta quý giá hơn mọi vinh dự và của cải.

Thánh Mamant đã nói một cách dũng cảm trước mặt nhà vua như vậy, dù mang thân xác thiếu niên nhưng lại có trí tuệ và trái tim của một người đàn ông trưởng thành: bởi vì sức mạnh của Thiên Chúa có thể biến một cậu bé nhỏ bé thành Goliath bất khả chiến bại[5939] , *"Ngài đã khiến lời ca ngợi phát ra từ miệng trẻ thơ và trẻ sơ sinh"* (Thánh Vịnh 8:3) và đứa trẻ nhỏ sẽ được ban cho sự khôn ngoan đến mức nó sẽ hiểu biết hơn cả những bậc cao niên. Tất cả những điều này đã ứng nghiệm nơi Thánh Maman trẻ tuổi: những lời của vị vua bất chính không thuyết phục được ngài, những món quà không cám dỗ được ngài, những cực hình cũng không làm ngài khiếp sợ, mà ngài đã đón nhận chúng với niềm vui lớn lao hơn cả những vinh dự cao quý.

Kẻ tra tấn, trong cơn giận dữ, lập tức ra lệnh đánh đập cậu không thương tiếc. Nhưng Thánh Mamant đã chịu đựng những cực hình với sự kiên nhẫn đến mức dường như cậu không cảm thấy bất kỳ cơn đau nào.

Vị vua nói với ngài:

– Chỉ cần hứa rằng ngươi sẽ dâng lễ vật lên các vị thần, – thì ngay lập tức ngươi sẽ được giải thoát khỏi nỗi đau khổ.

Vị tử đạo đáp lại:

– Dù bằng trái tim hay bằng lời nói, tôi cũng sẽ không từ bỏ Đức Chúa Trời và Vua của tôi – Chúa Giê-su Ki-tô, cho dù họ có gây ra cho tôi thêm mười nghìn vết thương nữa đi chăng nữa; những vết thương này kết nối tôi với Chúa yêu dấu của tôi, và tôi mong rằng tay những kẻ hành hạ tôi sẽ không mệt mỏi, vì họ đánh tôi càng nhiều, thì tôi càng nhận được nhiều ân huệ từ Đấng Cứu Thế Kitô.

Aurelian, thấy rằng Mamant chẳng hề sợ hãi trước những đau khổ, đã ra lệnh dùng nến thiêu đốt thân thể ông. Nhưng ngọn lửa, như thể xấu hổ trước thân thể vị tử đạo, không chạm vào ông, mà quay sang thiêu đốt khuôn mặt những kẻ hành hình. Và nhà vua bừng lên cơn giận dữ, bùng cháy trong cơn thịnh nộ dữ dội hơn cả ngọn lửa vật chất thiêu đốt vị tử đạo của Chúa Kitô: bởi vì càng thấy vị ấy không để ý đến ngọn lửa, thì trái tim kẻ tra tấn lại càng bùng cháy dữ dội hơn. Nhà vua liền ra lệnh ném đá vào Thánh Mamant. Nhưng sự đau khổ này đối với vị tử đạo, người tràn đầy tình yêu dành cho Chúa Kitô, lại trở nên dễ chịu như thể có ai đó đang rải lên người ngài những bông hoa thơm ngát. Lúc đó, nhà vua, thấy rằng mình không thể đạt được kết quả gì, đã kết án tử đạo và ra lệnh ném ngài xuống biển. Sau khi buộc một khối chì nặng vào cổ ngài, các tôi tớ của vua dẫn ngài ra biển. Nhưng ngay cả ở đây, Chúa cũng không bỏ rơi tôi tớ của Ngài, *"vì Ngài đã truyền lệnh cho các Thiên thần của Ngài về ngươi – để bảo vệ ngươi"* (Thánh vịnh 90:11). Trên đường ra biển, một Thiên Thần của Chúa hiện ra, sáng chói như tia chớp. Thấy Thiên Thần, các đầy tớ bỏ lại Thánh Maman và sợ hãi chạy trở lại. Còn Thiên Thần thì đưa vị tử đạo đi, tháo khối chì ra, rồi dẫn ngài lên một ngọn núi cao trong sa mạc, gần Cêsarê, và truyền cho ngài ở lại đó.

Thánh Mamant bắt đầu cuộc sống trong sa mạc bằng việc ăn chay. Trên ngọn núi ấy, ngài ăn chay bốn mươi ngày và bốn mươi đêm, và ngài hiện ra như một Mô-sê thứ hai (Xuất Hành 24:18), người được trao vào tay luật pháp mới: vì có tiếng nói và cây gậy từ trời giáng xuống với ngài. Nhận lấy cây gậy ấy, theo lệnh từ trên cao, Thánh Maman đã dùng nó đập xuống đất, và ngay lập tức, Tin Mừng đã hiện ra từ lòng đất. Sau đó, ngài xây dựng một nhà thờ nhỏ và cầu nguyện trong đó, đồng thời đọc Thánh Tin Mừng. Theo lệnh của Đức Chúa Trời, các loài thú từ sa mạc ấy tụ tập quanh Thánh Mamant, như đàn chiên quanh người chăn chiên, và dường như những sinh vật có trí tuệ ấy lắng nghe và vâng lời ngài. Thức ăn của ngài là sữa của các loài thú hoang, từ đó ngài làm phô mai

[5939] Goliath – người khổng lồ nổi tiếng trong Kinh Thánh, người Philistine, từng được coi là bất khả chiến bại và đã bị đánh bại trong cuộc đấu tay đôi với Đa-vít (1 Sa-mu-ên 17:1–58).

– không chỉ cho bản thân mà còn cho những người nghèo: vì sau khi làm được nhiều phô mai, ngài mang nó đến thành phố Caesarea và phân phát cho những người nghèo.

Chẳng bao lâu sau, tin đồn về Mamant lan rộng khắp thành Cêsarea. Lúc bấy giờ, Alexander – không phải người đã được nhắc đến ở trên, mà là một người khác – lúc đó đang giữ chức tổng trấn tại Cappadocia, một kẻ tàn nhẫn và cực kỳ độc ác, sau khi biết hết mọi chuyện về Mamant, đã cho rằng ông là một pháp sư và sai lính kỵ binh vào sa mạc để truy lùng và bắt ông về. Khi xuống núi, Thánh Mamant đã tự mình ra đón những kỵ binh và hỏi họ đang tìm ai. Những người đó, tưởng rằng ông là một người chăn cừu đang chăn đàn cừu của mình trên núi, đã trả lời:

– Chúng tôi đang tìm Maman, người sống ở đâu đó trong sa mạc này; anh có biết ông ấy không, ông ấy ở đâu?

– Tại sao các anh lại tìm ông ấy? – Maman hỏi họ.

Các chiến binh trả lời:

– Có người đã tố cáo với quan tổng trấn rằng ông ta là một pháp sư, nên quan tổng trấn đã cử chúng tôi đến bắt ông ta để tra tấn.

Lúc đó, Mamant nói với họ:

– Các bạn ơi, tôi sẽ kể cho các bạn nghe về ông ấy, nhưng trước tiên hãy vào túp lều của tôi, nghỉ ngơi một chút sau chuyến đi vất vả và dùng bữa đi.

Các chiến binh đi theo ông vào nhà, và ông mời họ ăn phô mai. Khi họ đang ăn, những con nai cái và dê rừng – vốn đã quen được vị thánh ẩn sĩ vắt sữa – đã đến. Maman đã vắt đủ sữa và mời các chiến binh uống, còn bản thân ông thì bắt đầu cầu nguyện. Và ngày càng có nhiều thú vật tụ tập lại. Thấy chúng, các chiến binh hoảng sợ, bỏ lại thức ăn và chạy đến bên Maman. Ông trấn an họ, rồi tuyên bố rằng chính ông là Maman mà họ đang tìm kiếm. Lúc đó, họ nói với ông:

– Nếu chính ngài muốn đến gặp quan tổng trấn, thì hãy đi cùng chúng tôi; còn nếu không muốn, xin hãy để chúng tôi đi một mình, vì chúng tôi không dám dẫn đường cho ngài. Nhưng chúng tôi xin ngài đừng để các con thú làm hại chúng tôi.

Sau khi trấn an các chiến binh, Maman đã ra lệnh cho họ đi trước.

– Hãy đi đi, – anh ta nói, – các anh đi trước, còn tôi sẽ đi theo sau một mình.

Rời khỏi đó, các chiến binh chờ Maman đến tại cổng thành, vì họ hoàn toàn tin tưởng vào lời nói của người đàn ông kỳ diệu này và thậm chí không thể nghĩ gì xấu về ông. Còn Maman, dẫn theo con sư tử, đi theo sau các chiến binh. Khi ông bước vào cổng thành, con sư tử ở lại bên ngoài thành; còn các chiến binh thì bắt Maman lại và dẫn ông đến gặp quan tổng trấn Alexander.

Thống đốc, khi nhìn thấy vị thánh, liền bắt đầu thẩm vấn ông:

– Ngươi có phải là tên phù thủy mà ta đã nghe nói đến không? – ông ta nói.

Vị thánh đáp lại:

– Tôi là tôi tớ của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng ban ơn cứu rỗi cho tất cả những ai tin vào Ngài và thực hiện ý muốn của Ngài, còn những thầy bói và pháp sư thì Ngài sẽ ném vào lửa đời đời. Hãy nói cho tôi biết: tại sao ngài lại triệu tập tôi đến đây?

– Bởi vì – quan tổng trấn đáp – ta không biết bằng những phép thuật và bùa chú nào mà ngươi đã thuần hóa được những con thú hoang dã và hung dữ đến mức ngươi sống giữa chúng và, như ta nghe nói, ra lệnh cho chúng như thể chúng là những sinh vật có trí tuệ vậy.

Thánh Maman trả lời:

– Ai phụng sự Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Sống và Chân Thật, thì tuyệt đối không thể đồng ý sống chung với những kẻ thờ thần tượng và những kẻ ác. Vì thế, tôi thà sống với các loài thú trong sa mạc còn hơn là sống với các ngươi trong những làng mạc của những kẻ tội lỗi. Bởi vì các loài thú được thuần hóa và vâng lời tôi hoàn toàn không phải nhờ phép thuật, như ngươi nghĩ – tôi thậm chí còn không biết phép thuật là gì – nhưng dù chúng là những sinh vật vô tri, chúng vẫn biết kính sợ Đức Chúa Trời và tôn kính các tôi tớ của Ngài. Còn các ngươi thì còn thiếu lý trí hơn cả thú vật nhiều, vì các ngươi không tôn kính Đức Chúa Trời chân thật và làm nhục các tôi tớ của Ngài, hành hạ và giết hại họ một cách tàn nhẫn.

Thống đốc nổi giận khi nghe những lời đó, và ngay lập tức ra lệnh treo cổ vị thánh tử đạo, đánh đập và cào xé thân thể ngài bằng những móng sắt. Nhưng vị tử đạo, dù bị hành hạ dữ dội, vẫn chịu đựng mọi đau đớn với lòng

dũng cảm đến mức dường như không cảm thấy chút đau khổ nào: ngài không kêu la, cũng không rên rỉ, mà chỉ ngước mắt lên trời với lòng thành kính, trông chờ sự cứu giúp từ đó, và quả thực ngài đã nhận được: vì bỗng nhiên có tiếng nói từ trời vang xuống, phán rằng:

– Hãy vững lòng và can đảm lên, Maman!

Nhiều tín hữu có mặt tại đó đã nghe thấy giọng nói ấy và càng thêm vững tin vào đức tin của mình. Còn Thánh Maman, được củng cố hoàn toàn bởi giọng nói ấy, không hề bận tâm đến những cực hình. Người ta đã tra tấn vị thánh này trong một thời gian dài, hành hạ thân thể ngài; cuối cùng, họ ném ngài vào ngục tối trong lúc chờ chuẩn bị lò thiêu, nơi mà quan tổng trấn dự định thiêu sống ngài. Trong ngục có đến bốn mươi tù nhân khác. Khi họ kiệt sức vì đói và khát, Thánh Mamant đã cầu nguyện – và kìa, một con bồ câu bay vào ngục qua ô cửa sổ nhỏ, mỏ ngậm thức ăn sáng bóng như ngọc trai và ngọt hơn mật ong; sau khi đặt thức ăn trước mặt Thánh Mamant, con bồ câu bay ra ngoài. Thức ăn ấy đã nhân lên cho tất cả các tù nhân, giống như ngày xưa những chiếc bánh nhỏ đã nhân lên trong sa mạc để nuôi sống đám đông (Mt 14:19–20). Sau khi nếm thử thức ăn kỳ diệu này, các tù nhân đã lấy lại sức. Và một lần nữa, nhờ lời cầu nguyện của Thánh Mamant, vào nửa đêm, cánh cửa ngục tối mở ra, và tất cả các tù nhân đều bước ra; chỉ còn lại một mình Thánh Mamant. Khi lò lửa bùng cháy dữ dội, vị tử đạo được dẫn ra khỏi ngục tối và bị ném vào lò lửa đó. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng đã từng làm mát lò lửa Ba-by-lôn cho ba thiếu niên (Đa-ni-ên 3:49–50), cũng đã làm mát ngọn lửa cho Thánh Maman và ban sự mát mẻ cho tôi tớ Ngài ngay giữa ngọn lửa đang cháy rực. Vị tử đạo, vừa hát ca vừa ngợi khen Đức Chúa Trời trong lò lửa ấy, đã ở trong đó ba ngày, cho đến khi lò lửa nguội hẳn và than hồng hóa thành tro. Sau ba ngày, quan tổng trấn, khi thấy Maman vẫn còn sống, đã kinh ngạc và nói:

– Phải chăng sức mạnh của tên phù thủy này lớn đến nỗi ngay cả lửa cũng không thể chạm vào hắn?

Nhiều người trong dân chúng, khi thấy ngọn lửa chẳng hề chạm vào vị thánh và không gây hại gì cho ngài, đã nhận ra Đức Chúa Trời chân thật và, quy công kỳ tích này cho Ngài là Đấng Duy Nhất, đã tôn vinh quyền năng của Ngài.

Tuy nhiên, viên tổng trấn điên rồ lại không muốn nhận biết Đức Chúa Trời toàn năng; thay vào đó, sau khi lôi vị tử đạo ra khỏi lò lửa và thấy ngọn lửa không làm hại ông, hắn quy điều này cho phép thuật và nói nhiều lời phỉ báng sự thật. Cuối cùng, hắn kết án vị tử đạo phải bị dâng cho thú dữ ăn thịt. Người ta dẫn vị thánh vào đấu trường[5940] và thả một con gấu cái đói khát vào; nhưng khi đến gần, con gấu đã cúi đầu trước vị thánh và nằm dưới chân ngài, ôm lấy bàn chân ngài. Sau đó, họ thả một con báo ra, nhưng con báo ấy cũng hiền lành ôm lấy cổ ngài, hôn lên mặt ngài và liếm mồ hôi trên trán ngài. Lúc đó, một con sư tử chạy đến – chính là con sư tử đã cùng vị thánh trở về từ sa mạc – và nhảy vào vòng đấu, rồi nói với vị thánh bằng giọng người (vì Đức Chúa Trời, trong sự biểu lộ quyền năng toàn năng của Ngài, đã mở miệng con thú, giống như Ngài đã từng làm với con lừa của Balaam) những lời sau đây:

– Ngươi là mục tử của ta, người đã chăn dắt ta trên núi!

Và sau khi nói xong, nó lập tức lao vào đám đông, nơi có vô số người, gồm cả người Hy Lạp và người Do Thái, người lớn lẫn trẻ em. Theo ý muốn của Đức Chúa Trời, các cánh cửa đấu trường tự động đóng sập lại, và con thú đã xé xác vô số người dân ở đó, đến nỗi chính quan tổng trấn cũng suýt không thoát được: chỉ có rất ít người trong số những người có mặt tại đấu trường thoát khỏi cơn thịnh nộ của con sư tử, vốn đang vồ bắt và xé xác tất cả mọi người một cách tàn bạo. Nhưng vị thánh đã chế ngự con sư tử và đuổi nó về sa mạc. Thống đốc lại bắt vị thánh một lần nữa, giam ngài trong ngục một thời gian, rồi đưa ngài ra rạp xiếc lần thứ hai và thả con sư tử hung dữ nhất vào ngài. Nhưng ngay cả con sư tử này cũng lập tức trở nên hiền lành, nằm dưới chân vị thánh. Thấy vậy, dân chúng vì tức giận nên nghiến răng với vị thánh và la hét với thống đốc:

– Đưa con sư tử đi đi, còn chúng tôi sẽ ném đá vào tên phù thủy này!

Và họ bắt đầu ném đá vào vị tử đạo. Một trong những thầy tế ngoại đạo, theo lệnh của kẻ tra tấn, đã dùng cây đinh ba đâm mạnh vào bụng vị thánh và xé toạc bụng ngài, khiến tất cả nội tạng rơi ra ngoài. Sau khi nhặt chúng lên và cầm bằng chính đôi tay mình, Thánh Maman đã rời khỏi thành phố. Máu của ngài chảy ra như nước, một người phụ nữ tín hữu đã hứng vào một cái bình. Đi được khoảng 200 sajeen, Thánh Maman tìm thấy một hang

[5940] "Circus" là tên gọi của một quảng trường được rào bằng hàng ghế hoặc tường. Tại đó diễn ra các cuộc thi đấu giữa các võ sĩ với nhau và với thú dữ. Người ta cũng ném các tín đồ Kitô giáo vào quảng trường hay đấu trường này, rồi thả những con thú săn mồi – vốn được nuôi nhốt trong những chuồng đặc biệt tại rạp xiếc – vào đó.

động trong vách đá và ngủ lại ở đó. Tại đó, ngài nghe thấy tiếng nói từ trời cao kêu gọi ngài lên các làng trên núi, và với niềm vui sướng, ngài đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa, Đấng mà ngài đã chịu khổ vì Ngài một cách tận tụy[5941] .

Như vậy, Thánh Maman đã nhận được vương miện tử đạo. Xác thánh của ngài được các tín hữu an táng tại nơi ngài qua đời, và tại đó đã xảy ra nhiều phép lạ và sự chữa lành, như được thể hiện rõ ràng qua lời của Thánh Basil Đại Đế, người trong bài giảng của mình trước dân chúng, nhân dịp tưởng niệm Thánh Tử đạo Maman, đã nói:

– Hãy tưởng nhớ vị thánh tử đạo – những ai đã thấy ngài trong giấc mơ, những ai đang sống tại nơi này có ngài làm người trợ giúp, những ai đã kêu cầu danh ngài và được ngài giúp đỡ bằng chính hành động, những ai đã lạc lối trong cuộc đời được ngài chỉ dẫn, những ai được ngài chữa lành khỏi bệnh tật, những ai có con cái đã qua đời được ngài hồi sinh, những ai được ngài kéo dài cuộc sống, – tất cả hãy cùng nhau tụ họp lại để ca ngợi vị tử đạo.

Khi Julianus, kẻ bội đạo[5942] , còn trẻ tuổi và mong muốn để lại một di sản về lòng đạo đức (mặc dù ngay từ lúc đó ông ta đã là một con sói đội lốt cừu), đã bắt đầu xây dựng một nhà thờ tráng lệ trên mộ của Thánh Tử đạo Mamant để tôn vinh ngài (nhưng việc làm này không xuất phát từ lòng đạo đức, mà từ sự kiêu ngạo và đạo đức giả), thì quả thực người ta đã được chứng kiến một phép lạ vĩ đại. Bởi vì những gì được xây dựng vào ban ngày thì lại bị phá hủy vào ban đêm: những cột trụ vừa dựng lên đã biến thành đống đổ nát; một số viên đá không thể gắn chặt vào tường, một số khác lại trở nên cứng đờ đến mức không thể đục đẽo được; một số khác nữa thì vỡ vụn thành bụi; còn vữa và gạch thì mỗi sáng đều được tìm thấy như thể bị gió thổi tung và bay khỏi vị trí ban đầu. Và đó là sự vạch trần sự mê tín của Julian cũng như điềm báo về cuộc bách hại tương lai của ông ta đối với Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Phép lạ ấy xảy ra bên quan tài của vị thánh: bởi vì vị thánh không muốn một nhà thờ được xây dựng để tôn vinh ngài dành cho những ai sắp phải chịu bách hại vì đức tin chân chính.

Lạy Chúa, xin nhờ lời cầu nguyện của vị tử đạo Maman của Ngài, xin ban cho chúng con một dấu hiệu lành và giải thoát chúng con khỏi những kẻ bách hại chúng con, để chúng con ngợi khen Ngài cùng với Cha và Thánh Thần đến muôn đời, amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Hãy dùng cây gậy thánh mà Thiên Chúa đã ban cho ngài, để bảo vệ dân ngài trên những đồng cỏ tràn đầy sự sống; còn những con thú vô hình và không thể khuất phục, xin hãy nghiền nát chúng dưới chân những ai đang ca ngợi ngài: vì tất cả những ai đang gặp hoạn nạn đều có ngài, vị thánh bảo trợ đầy lòng thương xót, Maman, làm người cầu thay cho họ.

Cuộc đời của Thánh Gioan Người Kiêng Ăn, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày kỷ niệm: 2 tháng 9

Thánh Gioan sinh ra tại Constantinopolis[5943] ; ngài đã sống đời thánh thiện dưới triều các hoàng đế: Justinian[5944] , Tiberius[5945] và Mauricius[5946] . Ban đầu, ngài là một thợ kim hoàn; nhờ đời sống đạo đức, ngài là người sùng đạo, yêu thương người nghèo, hiếu khách và kính sợ Thiên Chúa.

Sau khi đón một tu sĩ người Palestine tên là Eusebius về ở cùng mình, Gioan đã sống chung với ngài. Một lần nọ, khi hai người đang đi cùng nhau, vị tu sĩ này đi bên phải Gioan. Bỗng nhiên, ngài nghe thấy một người lạ mặt nói: "Thưa cha, cha không nên đi bên phải của bậc vĩ nhân." Đó là điềm báo của Thiên Chúa dành cho Gioan, rằng ngài sẽ được giao phó chức vụ giám mục cao quý. Nghe thấy điều này, vị tu sĩ đã kể lại cho Đức Thánh Cha

---

[5941] Mammon qua đời vào năm 275.

[5942] Hoàng đế Julian trị vì từ năm 361 đến năm 363. Sau khi lên ngôi hoàng đế, ông đã từ bỏ đức tin Kitô giáo và đặt mục tiêu của cuộc đời mình là phục hưng đạo ngoại giáo. Chính vì vậy mà ông được gọi là "Kẻ Bội Đạo".

[5943] Constantinopolis – thủ đô của Đế chế Byzantine, ngày nay là Istanbul; được Constantine Đại đế thành lập từ thị trấn Byzantium.

[5944] Justin II Trẻ – hoàng đế Đông La Mã, trị vì từ năm 565 đến năm 578.

[5945] Tiberius – người kế vị Justin II; trị vì từ năm 578 đến năm 582.

[5946] Người kế vị Tiberius; trị vì từ năm 582 đến năm 602.

Eutychius, Tổng Giám mục Constantinopolis[5947] , người đã khuyên nhủ Gioan nhận lễ xuất gia, vì ngài cho rằng Gioan xứng đáng trở thành thành viên của hàng giáo sĩ.

Và rồi, tại nhà thờ Thánh Laurentius, trong lúc đang đứng cầu nguyện, Thánh Gioan đã nhận được sự mặc khải sau đây: trong bàn thờ, ngài thấy vô số các thánh, và tất cả họ đều mặc những bộ áo trắng sáng chói và hát những bài thánh ca tuyệt vời. Sau đó, từ bàn thờ, một người đàn ông bước ra với một chiếc bình, từ đó ông hào phóng phân phát bố thí cho nhiều người nghèo đang tụ tập, nhưng chiếc bình không hề cạn. Khi một trong những người nghèo kêu lên vì chen chúc: "Lạy Chúa, xin thương xót, bao giờ chiếc bình này mới cạn!" – chiếc bình lập tức trở nên trống rỗng. Sự mặc khải này khiến vị tu sĩ suy ngẫm và ngài kinh ngạc trước khải tượng, vốn báo trước cả chức vụ tương lai của ngài lẫn lòng hào phóng vĩ đại của ngài đối với những người nghèo.

Một thời gian sau, Đức Thượng phụ Eutychius của Constantinople qua đời và, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, Gioan, với tư cách là người xứng đáng, đã được bầu chọn và chỉ định để thụ phong, nhưng ông không đồng ý cho đến khi ông nhìn thấy một hình ảnh đáng sợ khác: một bên là biển dâng cao lên tận trời và một lò lửa khủng khiếp; còn phía bên kia là vô số Thiên thần nói với ngài: "Ngươi không nhận ngôi vị sao? – Hãy để người khác đảm nhận, nhưng ngươi sẽ bị tất cả chúng ta trừng phạt." Sau khi các Thiên thần nói những lời đe dọa này với Gioan, ngài, dù không muốn, vẫn vâng lời và được tấn phong làm Thượng phụ Constantinopolis. Trong chức vụ này, ngài đã sống một cuộc đời ăn chay và đạo đức cho đến khi qua đời, như những phép lạ của ngài đã chứng minh. Ngài đã làm dịu cơn bão biển dữ dội bằng lời cầu nguyện và dấu thánh giá. Ngài đã chữa lành cho một người mù tên là Gioan, đến từ Gaza[5948] , bằng cách đặt một phần Thánh Thể của Chúa Kitô lên mắt người ấy và nói: "Đấng đã chữa lành người mù bẩm sinh, xin Ngài cũng chữa lành cho anh", – và người mù ấy lập tức nhìn thấy được.

Một lần nọ, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, một trận dịch hạch lớn đã xảy ra tại Constantinople. Vị Thánh đã cầu nguyện để Thiên Chúa xua tan cơn thịnh nộ công chính của Ngài. Ngài ra lệnh cho một trong những người hầu trung thành của mình lấy hai cái bình – một cái đầy sỏi nhỏ, còn cái kia thì rỗng – đứng suốt cả ngày tại nơi người ta mang thi thể người chết đến, và đếm số thi thể bằng cách chuyển sỏi từ bình đầy sang bình rỗng. Sau khi đếm xong, người đầy tớ phát hiện ra rằng trong ngày đầu tiên có ba trăm hai mươi ba thi thể được mang đến và báo cáo điều này cho vị thánh. Thánh Gioan đã tiên đoán rằng dịch bệnh sẽ chấm dứt; điều này dần trở thành sự thật từng ngày, bởi vì vào ngày thứ hai, người đầy tớ đứng đếm đã thấy số người chết được mang đến ít hơn, ngày thứ ba – còn ít hơn nữa, và đến Chủ nhật, theo lời tiên đoán của vị thánh và nhờ những lời cầu nguyện của ngài, dịch bệnh đã chấm dứt hoàn toàn.

Sự kiêng khem của Thánh Gioan đến mức trong sáu ngày ngài không ăn bất kỳ thức ăn nào, còn vào ngày thứ bảy – ngài chỉ ăn một ít trái cây vườn: hoặc dưa hấu, hoặc nho, hoặc quả sung. Ngài đã duy trì chế độ ăn uống như vậy trong suốt thời gian sống thánh thiện của mình. Ngài ngủ rất ít, và khi ngủ cũng chỉ ngồi; đồng thời, ngài buộc một sợi dây nhỏ vào ngọn nến, và đặt một chậu nước bên cạnh, để khi ngọn nến tàn và sợi dây rơi vào chậu, sẽ phát ra tiếng động và như vậy đánh thức ngài dậy. Ngài luôn luôn dành thời gian cho việc cầu nguyện, và qua nhiều nỗ lực, ngài đã chiến đấu chống lại các dục vọng. Ngài đã nhiều lần đẩy lùi các cuộc xâm lược của quân ngoại bang và cứu thành phố khỏi sự diệt vong bằng những lời cầu nguyện và việc ăn chay của mình; ngài đã bảo vệ đoàn chiên của mình khỏi những kẻ thù hữu hình và vô hình; ngài rất nhân từ, là người cha của những đứa trẻ mồ côi, người nuôi dưỡng những người nghèo khó, người bảo vệ những người bị áp bức, người nhiệt thành vì Chúa, và người diệt trừ mọi sự ác độc. Một lần vào ngày thứ Sáu, vị thánh được báo tin rằng ngày hôm sau sẽ có cuộc đua ngựa: lúc đó chính là ngày thứ Bảy của Lễ Ngũ Tuần. Và vị thánh đáp lại: "Cuộc đua ngựa trong ngày Lễ Ngũ Tuần thánh không được diễn ra", rồi ngài quỳ gối xuống và cầu nguyện với Chúa, xin Ngài ban một dấu hiệu nào đó để khiến người ta sợ hãi và hủy bỏ việc làm đó. Và thế là – khi mọi người đã tập trung tại nơi thường diễn ra các cuộc đua, và khi cuộc đua bắt đầu – bỗng nhiên một cơn bão dữ dội ập đến, kèm theo sấm sét, mưa và mưa đá lớn, khiến mọi người hoảng sợ bỏ chạy khỏi nơi diễn ra sự kiện.

[5947] Eutychius lần đầu tiên đảm nhiệm chức vụ tổng giám mục từ năm 552 đến năm 565; sau đó, Gioan III Scholasticus kế nhiệm ông trong 5 năm; sau đó, Evtichius lại được tấn phong làm tổng giám mục và giữ chức vụ này cho đến khi qua đời vào năm 582, khi đó Thánh Gioan IV Postnik được tấn phong thay thế ông.

[5948] Gaza nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải; trong thời cổ đại, đây là một trong năm thành phố nổi tiếng nhất của người Philistine và là ranh giới phía nam của người Canaan ở Palestine. Trong Tân Ước, Gaza chỉ được đề cập trong câu chuyện về sự hoán cải của quan đại thần thuộc hoàng hậu Ê-thi-ô-pi là Kandaque (Công vụ 8:25). Từ thế kỷ IV, Gaza đã là một thành phố Kitô giáo, và vào thế kỷ VII, thành phố này bị người Hồi giáo chinh phục.

Vị thánh nhân còn có quyền năng trừ tà và xua đuổi các linh hồn ô uế. Chẳng hạn, có một người phụ nữ có chồng bị quỷ ám, đã dẫn chồng đến gặp một vị ẩn sĩ, nhưng vị ấy bảo bà: "Hãy đến gặp Đức Thánh Gioan, Tổng Giám mục Constantinopolis – ngài ấy sẽ chữa lành cho chồng bà." Sau khi làm theo lời khuyên đó, người phụ nữ đã được như ý nguyện, và cùng với chồng – người đã được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh – bà vui mừng trở về nhà. Nói chung, rất nhiều người bệnh đã được vị thánh này chữa lành. Nhờ những lời cầu nguyện của ngài, nhiều phụ nữ đã thoát khỏi tình trạng vô sinh.

Sau khi đã chăn dắt đàn chiên bằng lời nói một cách khôn ngoan như vậy, vị thánh nhân, ở tuổi già đáng kính, đã an nghỉ trong sự bình an và rời khỏi trần gian để về với các nơi ở trên trời[5949] . Khi thi thể của vị thánh đã nằm yên, một quan chức nổi tiếng của vùng Nil đã đến để từ biệt, cúi đầu và hôn lên thi thể ngài. Còn vị thánh, dù đã qua đời, trước sự chứng kiến và ngạc nhiên của mọi người, đã thì thầm vào tai quan trưởng vùng Nil vài lời, mà ông ta không tiết lộ cho ai. Thánh Gioan được an táng bên trong bàn thờ các Thánh Tông Đồ, như một người xứng đáng với vinh dự ấy, để tôn vinh và chúc tụng Thiên Chúa – Cha, Con và Thánh Thần – Đấng kỳ diệu trong các thánh. Amen.

Kỷ niệm 3.618 vị tử đạo, những người đã chịu khổ nạn tại Nicomedia

Ngày tưởng niệm 2 tháng 9

Trong thời trị vì của các hoàng đế La Mã Diocletian và Maximian[5950] , 3.618 vị tử đạo đến từ Alexandria đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô tại Nicomedia[5951] . Sau khi Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Alexandria, bị sát hại, những kẻ giết ngài đã tin nhận Chúa cùng với cả gia đình và nhiều người khác mong muốn chết vì Chúa Kitô. Họ dẫn theo vợ con và tất cả những người thân cận, tự nguyện lên đường đến Nicomedia để chịu tử đạo vì Chúa Kitô và trình diện trước hoàng đế, hô to: "Chúng tôi là Kitô hữu!" Nghe vậy, Diocletian bối rối và ban đầu đã dùng lời ngọt ngào khuyên họ từ bỏ Đấng bị đóng đinh, nhưng khi họ không tuân theo, ông ra lệnh cho binh lính chém đầu họ ngay trước mặt mình bằng gươm và ném thi thể họ xuống các vực thẳm trên núi. Nhiều năm sau, thi hài thánh thiện của họ đã được tìm thấy nhờ những phép lạ do các thánh tử đạo này thực hiện.

Ngày 16 tháng 9

ngày 3 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Tử đạo Anphim, Giám mục Nicomedia, cùng với nhiều người khác

Ngày tưởng niệm 3 tháng 9

Thánh Anphim sinh ra tại thành phố Nicomedia[5952] . Ngay từ thuở thiếu thời, ngài đã bộc lộ những phẩm chất của một người đàn ông hoàn thiện và nổi bật bởi tính cách hiền lành. Cùng với sự trưởng thành về thể xác, tinh thần ngài cũng ngày càng thăng hoa. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nổi bật hơn tất cả nhờ lối sống đạo đức; và trong những năm tháng của cuộc đời con người, khi những dục vọng thường nảy nở trong lòng người như cỏ dại giữa lúa mì, Anphim đã trở thành tấm gương của sự vô dục. Thân xác ngài đã được chế ngự khỏi những ham muốn

---

[5949] Đó là ngày 2 tháng 9 năm 595 sau Công nguyên.

[5950] Năm 284, Đế chế La Mã chia thành hai phần Đông và Tây: phần Đông do Diocletian cai trị, còn phần Tây do người bạn của ông là Maximian cai trị; họ trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[5951] Nicomedia – thủ đô của Đế chế Đông La Mã, nơi ở của Hoàng đế Diocletian, một thành phố tráng lệ thuộc vùng Bithynia, nằm bên bờ Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch), ở phía tây bắc Tiểu Á.

[5952] Nicomedia – thủ đô của Đế chế Đông La Mã, nơi ở của Hoàng đế Diocletianus, một thành phố tráng lệ thuộc vùng Bithynia, nằm bên bờ Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch), ở phía tây bắc Tiểu Á.

tội lỗi, còn tâm hồn ngài tràn đầy sự khiêm nhường. Ông đã nhổ tận gốc mọi hình thức ghen tị, nóng nảy và lười biếng trong tâm hồn mình, đồng thời không để thân xác sa vào sự no nê do ăn uống quá độ và say sưa. Ngược lại, bằng gương sáng của mình, ông đã thể hiện: sự tiết độ trong mọi việc, tình yêu thương và hòa bình với mọi người, sự khôn ngoan và sự chăm lo tận tụy vì vinh quang của Đức Chúa Trời. Nhờ cuộc sống đạo đức và đầy đức hạnh như vậy, ngài đã nhanh chóng được phong chức linh mục. Trong chức vụ này, Anphim hết lòng dâng mình cho việc cầu nguyện hướng về Thiên Chúa và các công việc có ích cho linh hồn, bằng lời nói và việc làm, ngài hướng dẫn mọi người đi trên con đường cứu rỗi của đức hạnh. Khi vị Tổng Giám mục của Giáo hội Nicomedia, Thánh Cyril, qua đời, Anphim được bổ nhiệm thay thế. Việc bầu chọn ngài làm Giám mục, với tư cách là người xứng đáng, đã được chứng thực từ trên cao: trong lễ tấn phong, ánh sáng thiên đàng chiếu rọi khắp nhà thờ và một tiếng nói thiêng liêng từ trên cao vang lên. Khi đảm nhận việc lãnh đạo Giáo hội Nicomedia, Thánh Anphim, như một người lái thuyền tài ba giữa cơn bão, đã bảo vệ Giáo hội ấy, như một con tàu không hề hấn gì trước nguy cơ chìm đắm. Bởi vì dù nhiều Kitô hữu đã từng bị nhấn chìm trong biển cả vì Chúa Kitô, nhưng họ không sa vào cảnh khốn cùng: cơn bão thờ ngẫu tượng không nhấn chìm họ, vực thẳm địa ngục cũng không nuốt chửng họ, mà nhờ sự hướng dẫn và chăn dắt của vị tổng giám mục thánh Anphim, họ đã đạt đến bến đỗ thiên đàng yên bình và không sóng gió. Vị mục tử nhân lành của Chúa Kitô này đã dẫn dắt gần như toàn bộ đoàn chiên tinh thần của mình đến với Thiên Chúa trong vương miện tử đạo. Khi những kẻ thờ ngẫu tượng phát động cuộc bách hại lớn lao đối với các Kitô hữu trên khắp phương Đông, đặc biệt là tại Nicomedia – nơi lúc bấy giờ các vị vua độc ác Diocletian và Maximian đang ngự trị[5953] – Thánh Anphim đã dạy dỗ và củng cố tất cả các tín hữu để họ sẵn sàng thực hiện việc làm chứng tử đạo.

– "Giờ đây," ngài nói, "chúng ta phải chứng tỏ mình là những Kitô hữu chân chính; giờ đây là lúc hành động anh hùng; giờ đây, ai thực sự là chiến binh của Chúa Giêsu Kitô, hãy dũng cảm bước ra chiến đấu." Ở đây, chúng ta chỉ phải chịu đau khổ một chút vì Đấng Kitô, Đấng đã chịu đau khổ rất nhiều vì chúng ta; chúng ta hãy làm chứng cho Ngài trước mặt mọi người ở đây, để ở đó Ngài làm chứng cho chúng ta trước Cha Trên Trời của Ngài. Ở đây, trước mặt mọi người, chúng ta hãy tôn vinh Ngài, để ở đó Ngài tôn vinh chúng ta trước các Thiên Thần của Ngài. Vậy, chúng ta hãy tôn vinh Thiên Chúa trong thân xác mình, bằng cách hiến dâng bản thân cho sự đau khổ; chúng ta sẽ chết cái chết tạm thời để được sống đời đời, đừng sợ những kẻ hành hạ và giết chóc. Vì nếu họ có giết chúng ta đi chăng nữa, thì họ cũng sẽ là những kẻ có công trong sự hạnh phúc tương lai của chúng ta: cái đầu bị chặt đứt sẽ được tay phải của Đấng Tiên Phong của chúng ta đội lên vương miện bất diệt; các chi thể bị nghiền nát sẽ tỏa sáng như mặt trời trong vương quốc của Ngài; những vết thương gánh chịu sẽ nhân lên phần thưởng vĩnh cửu cho chúng ta; những đau khổ đẫm máu sẽ dẫn chúng ta vào cung điện của Chú Rể Thiên Đàng. Vậy, hãy sẵn sàng đổ cả máu của mình, hãy trở thành cảnh tượng bị sỉ nhục và hạ nhục trước mắt các Thiên Thần và loài người.

Được củng cố bởi những lời này và những lời tương tự của vị thánh, rất nhiều tín hữu đã dũng cảm tự hiến mình chịu những cực hình nặng nề vì Chúa Giêsu Ngọt Ngào, Chúa của họ. Một tín hữu Kitô giáo, người có đức tin đặc biệt nồng nàn và đầy lòng nhiệt thành vì Thiên Chúa, đã quyết định thực hiện một hành động dũng cảm như vậy. Khi sắc lệnh của hoàng đế được viết trên giấy da về việc giết hại các Kitô hữu được đọc lên tại Nicomedia và sau đó được đóng đinh lên tường ở một nơi dễ thấy, – ông đã bước ra trước mặt mọi người, tuyên xưng Đức Kitô, rồi xé tấm sắc lệnh đó xuống khỏi tường và xé nát nó, đồng thời lên án mạnh mẽ sự tà ác của những kẻ ngoại đạo – và như vậy, ông đã trở thành vị tử đạo đầu tiên tại Nicomedia.

Sau đó, rất nhiều quan lại và các quan chức cao cấp trong triều đình bắt đầu công khai tuyên xưng Đức Kitô, tự xưng là Kitô hữu: trong số đó có Dorotheus, Mardonius, Migdonius, Peter, Indis, Gorgonius[5954] cùng với

---

[5953] Tất nhiên, người được đề cập ở đây không phải là Maximian – người đồng trị vì không thực sự cùng cai trị với Diocletian, mà là con rể của Diocletian – Maximian Galerius, người đồng trị vì cùng Diocletian ở phía đông Đế chế La Mã, và sau đó là người kế vị ông (305–311). Cuộc đàn áp Kitô hữu dưới thời Diocletian bắt đầu vào năm 303. Nguyên nhân của cuộc đàn áp là Galerius, người đã thuyết phục Diocletian ban hành một đạo luật chung chống lại Kitô hữu. Đạo luật này quy định phải phá hủy các nhà thờ Kitô giáo, đốt cháy các sách Thánh Kinh và tước bỏ mọi quyền công dân cũng như chức vụ của các Kitô hữu. Cuộc đàn áp dưới thời Diocletian nổi bật, thứ nhất, bởi sự tàn bạo của các hình thức tra tấn; thứ hai, bởi số lượng lớn các vị tử đạo, với từ 10 đến 100 người hoặc hơn bị hành quyết cùng một lúc trong một ngày.

một đoàn tùy tùng đông đảo khác; tất cả họ đều tự nguyện chịu khổ hình vì Chúa Kitô, và nhiều người trong số họ đã bị những kẻ tra tấn giết hại bằng các hình thức hành hình khác nhau.

Cùng lúc đó, một sự việc khác lại càng làm tăng thêm nỗi đau đớn tột cùng của các Kitô hữu. Không rõ vì lý do gì mà các cung điện hoàng gia bốc cháy, và phần lớn trong số đó đã bị thiêu rụi. Những kẻ ngoại đạo gian ác đã vu khống các Kitô hữu, nói rằng họ đã phóng hỏa đốt cung điện hoàng gia vì lòng thù hận. Lúc bấy giờ, cơn thịnh nộ của nhà vua đã lên đến tột độ, và trở nên hung dữ hơn cả thú dữ, ông ta đã tàn sát các Kitô hữu với số lượng rất lớn, kết án họ hoặc bị chém đầu bằng gươm, hoặc bị thiêu sống. Bất chấp tất cả những điều đó, các tín hữu, khi chứng kiến cái chết tử đạo của những anh em đồng đạo và biết rằng số phận tương tự cũng đang chờ đợi mình, đã được thắp sáng bởi tình yêu Thiên Chúa, tự nguyện giao mình cho những kẻ hành hình để bị thiêu sống, như thể đang bước vào một nơi nào đó dễ chịu và mát mẻ. Còn rất nhiều Kitô hữu khác bị những kẻ hành hình trói lại, đưa lên thuyền và ném xuống đáy biển. Trong cơn thịnh nộ không thể kiềm chế, nhà vua ra lệnh không chỉ dìm chết những người còn sống, mà còn phải đào xác các thánh tử đạo đã được chôn cất trước đó lên khỏi mặt đất và ném xuống biển, để những Kitô hữu còn sống không thể tôn kính họ. Cuộc bách hại tàn bạo đến mức, trong thời gian đó, Thánh Anphim bị truy lùng *"như con chiên bị dẫn đến giết mổ"* (Is 53:7). Trước khi xé xác vị mục tử, bầy sói đã lao vào đàn chiên của ngài; nhưng Sự Sắp Đặt và Sự Che Chở của Đức Chúa Trời đã giữ ngài lại tại một ngôi làng tên là Semana, để ngài trước tiên dẫn dắt những con chiên thuộc về lời ngài đến với Đức Chúa Trời, rồi sau đó chính ngài cũng ra đi về với Ngài, ghi dấu đức tin của Giáo hội Nicomedia bằng việc đổ máu của mình. Cũng vào thời điểm đó, tại nhà thờ, vào ngày Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, có tới hai mươi nghìn vị thánh tử đạo đã bị thiêu sống, còn những người còn lại trong đoàn chiên của Thánh Anphim thì bị giam cầm trong ngục tối. Còn vị thánh, qua những lá thư thường xuyên mà ngài bí mật gửi đến các Kitô hữu, đã dạy dỗ và củng cố đức tin cho họ; đến nỗi dù không ở cùng họ về thể xác – theo ý Chúa, ngài đã bị cách ly khỏi họ trong một thời gian – nhưng bằng tinh thần, ngài vẫn hiện diện cùng họ trong ngục tối, dùng những lá thư của mình để ban cho họ lương thực thiêng liêng. Các con chiên chiến đấu công khai, còn vị mục tử của họ thì chiến đấu bí mật chống lại bầy sói; vị thánh ẩn náu, không phải vì sợ hãi sự tra tấn, mà để bằng giáo huấn và lời cầu nguyện củng cố những người yếu đuối nhất trong đức tin, làm vững chắc những người yếu ớt nhất, biến những người nhút nhát thành những người dũng cảm, cho đến khi dâng hiến tất cả cho Chúa Kitô, và sau đó mới tự mình chịu những cực hình tương tự.

Một trong những tín hữu, được Thánh Anphim củng cố đức tin, tên là Zinon, vốn là một chiến binh, đã vạch trần trước mặt mọi người sự bất chính của hoàng đế Maximian như sau. Tại Nicomedia, gần đấu trường, có một đền thờ nữ thần ngoại đạo Ceres[5955] . Một lần nọ, Maximian cùng các binh sĩ và toàn thể dân chúng dâng lên tượng thần này những lễ vật dồi dào. Còn Zinon, trong lúc lễ hội vô đạo đó đang diễn ra, đã đứng trên một vị trí cao và lớn tiếng kêu lên:

– Bệ hạ đang tự lừa dối mình khi thờ phụng hòn đá vô hồn và cây gỗ câm lặng, vì đó là sự lừa dối của ma quỷ, dẫn đến sự diệt vong cho những kẻ thờ phụng chúng. Hãy nhận biết sự thật, Maximius, và hãy hướng đôi mắt thể xác cũng như đôi mắt tâm linh của ngài lên trời: hãy ngước nhìn, và qua việc chiêm ngưỡng tạo vật rực rỡ này, hãy hiểu về Đấng Tạo Hóa của nó, Đấng ấy là Đấng Tạo Hóa như thế nào. Hãy nhận ra điều này qua việc quan sát các loài thụ tạo; hãy học cách tôn kính Đức Chúa Trời này, Đấng không ưa thích máu của những con vật câm lặng bị giết mổ và thiêu đốt trong làn khói ngột ngạt, mà ưa thích những linh hồn trong sạch và trái tim trong sáng của loài thụ tạo có lý trí.

Nghe vậy, Maximian ra lệnh bắt Zinon và vì những lời táo bạo như thế trước mặt hoàng đế, ra lệnh ném đá vào mặt và miệng ông. Những kẻ tra tấn đã đánh rụng răng ông, xé nát khuôn mặt ông, cắt đứt lưỡi ông – lưỡi đã tuyên xưng Chúa Kitô – và cuối cùng, khi ông còn thoi thóp, họ lôi ông ra khỏi thành phố, rồi theo lệnh của hoàng đế, chém đứt đầu thánh của ông.

Vào thời điểm đó, thánh Anphim từ nơi ẩn náu của mình đã sai một phó tế mang thư của ngài đến cho Đô-rô-phê đang bị giam trong ngục và những người khác bị giam cùng ngài vì Chúa Kitô, khuyên nhủ họ hãy kiên nhẫn, để họ sẵn sàng vui mừng chết vì Đấng Ban Sự Sống – Chúa. Những kẻ vô đạo đã bắt giữ vị phó tế này và đưa

---

[5954] Dorotheus – quan tổng quản (quan chức); Peter và Gorgonius – các quan cao cấp trong triều đình. Xác thánh của Gorgonius đã được chuyển đến Roma. Migdonios được đặt tên theo nơi xuất xứ: Migdon, tức là thuộc Phrygia hoặc Mysia (ở phía tây và tây bắc Tiểu Á). Indis – hoạn quan. Xem thêm về họ trong phần sau của cuốn tiểu sử này.

[5955] Ceres hay Demeter – nữ thần La Mã và Hy Lạp của sự sinh sôi, nông nghiệp và hôn nhân. Các nghi lễ vô đạo đức để tôn vinh nữ thần này đặc biệt phổ biến ở Phrygia, nằm sát bên Bithynia.

ông cùng những lá thư của Thánh Anphim đến trình trước vua Maximian. Vua đọc những lá thư này và thấy nội dung trong đó khiến ngài khó chịu: các lá thư chứa đựng lời chào thân ái của vị thánh dành cho các vị tử đạo, lòng thương xót chân thành dành cho họ, lời khuyên răn như người cha, giáo huấn mục vụ, lời chúc lành của vị thánh cho cuộc tử đạo và sự khích lệ để lật đổ các thần tượng. Vô cùng phẫn nộ trước tất cả những điều này, nhà vua ra lệnh dẫn tất cả các vị tử đạo ra khỏi ngục tối và đưa đến trước mặt ngài để xét xử. Với ánh mắt kiêu ngạo và tàn bạo, ngài đã quở trách họ trong một thời gian dài. Sau đó, ngài ra lệnh đọc các bức thư của Thánh Anphim, nhằm quở trách và vạch trần họ.

– Các ngươi tin vào những câu chuyện bịa đặt lừa dối của kẻ ác này, – ông ta nói, – và nghe theo giáo lý đồi bại của hắn, chứ không phải mệnh lệnh của hoàng đế!

Các tín hữu, khi nghe bức thư được đọc lên, đã vô cùng vui mừng và, trong khi rơi lệ vì hạnh phúc, họ chào đón Thầy phó tế Anphim đang đứng ở xa bằng ánh mắt rạng rỡ, khuôn mặt hân hoan và đầu cúi xuống; còn những lời của Thánh Anphim, vốn được đọc lên để quở trách họ, thì họ ghi sâu vào lòng.

Lúc đó, nhà vua nói với phó tế:

– Hãy nói cho chúng ta biết, ngươi đến từ đâu? Ai đã trao cho ngươi những thông điệp làm xáo trộn lòng dân này? Và kẻ đã sai ngươi đến đang ẩn náu ở đâu?

Phó tế mở miệng, tràn đầy ân sủng, và bắt đầu nói như sau:

– Người gửi những thông điệp này chính là vị mục tử. Nhưng vì ngài ở xa đàn chiên của mình, nên ngài dùng thư từ để dạy dỗ và khích lệ họ sống đạo đức; đặc biệt là khi ngài nghe tin có nhiều con sói xâm nhập vào đàn chiên của Lời, thì ngài sẽ lớn tiếng báo cho các con chiên biết họ phải làm gì. Ngài cũng truyền đạt cho chúng những lời sau đây từ Đấng Chăn Chiên Tối Cao: *"Đừng sợ những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết linh hồn"* (Mt 10:28). Tôi đã mang thông điệp này đến cho đàn chiên của Đấng Christ này để truyền đạt nội dung của nó cho họ; nhưng người đã sai tôi đi hiện đang ở đâu – điều đó tôi sẽ không nói, vì sẽ là một sự điên rồ lớn lao nếu tôi trở thành kẻ phản bội vị Mục Tử của mình, Đấng mang lại lợi ích to lớn cho mọi người, và ngay cả khi không có lời thông báo của tôi về Ngài, Ngài cũng sẽ sớm được tỏ lộ, vì *"thành phố nằm trên đỉnh núi không thể bị che khuất"* (Mt 5,24).

Bị kích động bởi những lời nói dũng cảm này, kẻ tra tấn đã kết án tử hình vị thánh phó tế, tên là Theophanes. Trước hết, họ cắt lưỡi ông – cái lưỡi đã từng nói những lời đầy ân sủng – rồi sau đó giết ông bằng cách ném đá và bắn tên. Sau đó, nhà vua ra lệnh, thông qua nhiều hình thức tra tấn đau đớn khác nhau, phải giết chết các vị tử đạo đang bị đưa ra xét xử: chặt đầu Thánh Dorotheus, thiêu sống Mardonius trên giàn hỏa, ném Migdonius còn sống xuống hố và lấp đất lên, Gorgonius, Indis và Phêrô bị dìm chết dưới biển, bằng cách treo một hòn đá cối xay vào cổ họ, và tất cả những người còn lại bị giết bằng nhiều hình thức tra tấn khác. Như vậy, tất cả họ đều đã về với Chúa qua những cách chết khác nhau. Thi thể các vị tử đạo, vốn đã bị ném xuống biển, sau đó được các ngư dân vớt lên bằng lưới, và một thiếu nữ tên là Domna đã chôn cất họ. Khi biết được điều này, những kẻ ngoại đạo đã chém chết cô bằng gươm, ngay lúc cô đang cầu nguyện trước thi hài các thánh tử đạo. Cùng lúc đó, Euphemius, người đã dùng lời rao giảng của mình để dẫn dắt nhiều người đến việc xưng nhận Đức Kitô và thực hiện việc tử đạo, cũng tại Nicomedia, sau khi chịu nhiều hình phạt khác nhau, đã chịu cái chết tử đạo bằng cách bị chém bằng gươm. Sau tất cả những điều này, đã đến lúc thánh Anphimus phải chịu khổ vì việc xưng nhận Đức Giêsu Kitô.

Khi ngài đang ẩn náu tại làng Semane nói trên và bí mật gieo rắc Lời Chúa cũng như làm cho đức tin vào Chúa Kitô ngày càng lan rộng, Maximian đã phát hiện ra ngài và lập tức cử hai mươi binh lính đến bắt ngài. Khi đến làng này, họ gặp Thánh Anphim và trực tiếp hỏi ngài:

– Anphim, vị thầy Kitô giáo, đang ở đâu?

Khi gặp các chiến binh, Anfim dẫn họ vào túp lều của mình và nói:

– Ta sẽ cho các ngươi biết về Anphim và giao hắn vào tay các ngươi, nhưng trước tiên hãy nghỉ ngơi một chút sau chặng đường dài.

Sau đó, ông mời họ dùng bữa và chuẩn bị một bữa ăn đơn giản nhưng chu đáo, tiếp đãi họ một cách nồng hậu. Sau đó, vị thánh mới tiết lộ với họ rằng chính ông là Anphim.

– Chính tôi, – ông nói, – là người mà các anh đang tìm kiếm; hãy bắt tôi và dẫn tôi đến gặp người đã cử các anh đi.

Nghe vậy, các chiến binh kinh ngạc và xấu hổ không dám ngước mắt lên nhìn mái tóc bạc trang nghiêm của Anphim, bởi họ đã chứng kiến sự tiếp đón nồng hậu và bữa tiệc hiếu khách của ngài. Và thế là họ bắt đầu bàn luận

với nhau rằng họ phải dẫn người vô tội và tốt bụng này đi, không phải vì hạnh phúc của ông trong cuộc đời này, mà là đến với kẻ tra tấn, để chịu nỗi đau khổ tột cùng và cái chết rõ ràng sẽ đến sau những cực hình tàn bạo. Họ cảm thấy thương xót Anphim và xấu hổ trước mặt ông, nên họ nói với vị thánh:

– Chúng tôi sẽ không đưa ngài đi cùng, nhưng khuyên ngài nên lẩn trốn; còn chúng tôi sẽ thưa với Maximius rằng chúng tôi đã tìm kiếm Anphim khắp nơi trong vùng lân cận Nicomedia mà không thấy ngài ở đâu cả.

Nhưng Anphim siêng năng tuân giữ các điều răn của Chúa, nên đã khuyên họ phải nói sự thật, vì ngài không muốn họ phải nói dối vì mình, và hơn nữa, ngài khao khát chịu khổ và chết vì Chúa Kitô; vì thế, ngài đã đi cùng họ. Trên đường đi, ngài rao giảng Lời Chúa cho họ, dạy họ đức tin vào Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Hạt giống Lời Chúa mà Anphim gieo xuống không hề vô ích, mà đã rơi vào đất tốt: nó bén rễ trong lòng các chiến binh, nảy nở ở đó và lớn lên để họ được hoàn thiện trong đức tin. Khi họ đến sông, Anphim đã dâng lời cầu nguyện cho họ và làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Sau đó, họ lại tiếp tục lên đường, trò chuyện về những điều có ích cho linh hồn, cho đến khi đến được Nicomedia. Khi Anphim bước vào thành phố, tin tức về ngài đã được báo cho Maximian – và ông ta ra lệnh cho những người bị trói dẫn ngài đến trước mặt mình.

Và thế là vị thánh được dẫn ra trước mặt kẻ tra tấn với hai tay bị trói ra sau lưng: bởi vì, để làm chứng cho sự thật, ngài phải xuất hiện trước tòa án của những kẻ ngoại đạo vô đạo với tư cách là một kẻ bị trói, như thể là một tên tội phạm; nhưng tâm hồn ngài thì tự do và ngài hướng tâm hồn ấy lên trời, nơi ngài trông đợi sự cứu giúp. Kẻ tra tấn ra lệnh mang đến tất cả các dụng cụ dùng để tra tấn, trước hết là để dọa nạt Anphim chỉ bằng cái nhìn của chúng, hy vọng rằng vị thánh, vì sợ hãi chúng, sẽ đồng ý tuân theo ý muốn của hoàng đế. Sau đó, họ bắt đầu hỏi ngài:

– Ngươi có phải là Anphim, kẻ đã lầm lạc về một con người bình thường tên là Chúa Kitô, và từ đó dẫn dắt dân chúng vào cùng sự lầm lạc ấy, lừa dối họ và xúi giục họ chống lại mệnh lệnh hoàng gia của chúng ta, đồng thời phỉ báng và chỉ trích các vị thần của chúng ta bằng vô số lời lăng mạ?

Còn Anphim, sau khi cười nhạo những dụng cụ tra tấn được mang đến và những lời của nhà vua, đã nói:

– Xin bệ hạ biết rằng, tôi sẽ hoàn toàn không trả lời câu hỏi này của bệ hạ, nếu không phải vì vị Tông đồ Thần thánh đã khuyên nhủ tôi, dạy chúng ta phải sẵn sàng *"trả lời cho bất cứ ai đòi* hỏi các ngươi *giải thích về niềm hy vọng của mình"* (1 Phê-rô 3:15), vì Đức Chúa Trời đã hứa ban cho chúng ta *"lời nói và sự khôn ngoan, mà tất cả những ai chống đối* chúng ta *sẽ không thể phản bác hay chống lại được"* (Lu-ca 21:15). Và chính tôi là người đầu tiên chế nhạo những thần tượng của các ngươi, những thứ mà các ngươi gọi là thần; còn bây giờ, tôi đang chế nhạo sự điên rồ tột độ của ngươi, khi ngươi hy vọng sẽ tách tôi ra khỏi Đấng Tạo Hóa của tôi, Đấng đã tôn vinh cả ngươi – một tạo vật vô ơn – bằng Hình ảnh của Ngài. Tại sao ngươi lại dẫn tôi đến phiên tòa của ngươi trong tình trạng bị trói buộc và đặt những dụng cụ tra tấn trước mắt tôi? Chẳng lẽ ngươi muốn dùng chúng để dọa nạt ta, để ta, vì sợ hãi, phải tuân theo mệnh lệnh vô thần của ngươi sao? Nhưng ngươi không thể dọa nạt được kẻ tự nguyện chết vì Chúa của mình. Hãy dùng những điều đó để răn đe những kẻ hèn nhát và nhút nhát, những người coi cuộc sống tạm bợ này là niềm an ủi lớn lao, còn việc mất đi cuộc sống tạm bợ ấy là nỗi đau khổ tột cùng: hãy dọa nạt họ, chứ đừng dọa nạt ta. Còn đối với tôi, thân xác phù du này và cuộc đời tạm bợ này chẳng khác nào những xiềng xích nặng nề và ngục tù, ngăn cản linh hồn tôi tiến đến với Thiên Chúa mà tôi hằng khao khát; còn những lời đe dọa, những hình phạt và sự tra tấn của ngươi đối với ta lại còn dễ chịu hơn mọi thú vui trần thế, bởi vì sau đó sẽ là cái chết, cái chết sẽ giải thoát ta khỏi xiềng xích xác thịt và đưa ta đến nơi mà mọi khát vọng của ta đều hướng tới.

Sau khi vị thánh thốt lên những lời ấy, kẻ tra tấn ra lệnh ném đá vào cổ ngài. Còn Anphim, với lòng biết ơn đón nhận những đòn roi này như khởi đầu của những đau khổ vì Chúa Kitô và nền tảng của vương miện tử đạo, lại mong muốn những đau khổ lớn lao hơn nữa, khao khát được hưởng phần thưởng cao quý nhất; lúc thì chế nhạo và mỉa mai người tra tấn, lúc thì khiêu khích khiến hắn nổi cơn thịnh nộ tột độ, để hắn ra lệnh tra tấn ngài bằng những cực hình tàn khốc nhất, ngài lặp lại lời tiên tri đầy uy lực: *"Các thần không tạo dựng trời và đất sẽ biến mất khỏi mặt đất và khỏi dưới bầu trời"* (Giê-rê-mi 10:11).

Những lời này đã đâm thấu trái tim kẻ tra tấn bằng cơn thịnh nộ, và hắn ra lệnh dùng những cây cọc sắt nhọn đang rực lửa đâm xuyên qua đôi chân của vị thánh tử đạo. Nhưng ngay cả sự tra tấn này cũng là niềm vui đối với vị thánh, vì ngài, trong niềm hân hoan, đã tôn vinh Thiên Chúa, Đấng đã ban ơn cho ngài được chịu đựng những đau khổ như vậy vì danh Chúa Giêsu Kitô. Sau đó, Maximian ra lệnh rải những mảnh gốm sắc nhọn trên mặt đất, đặt vị thánh tử đạo trần truồng lên đó, và trong tình trạng ấy, đánh ông mạnh hơn nữa bằng gậy, để trái tim ông phải chịu nỗi đau gấp bội: từ trên xuống do những cú đánh bằng gậy, từ dưới lên do những mảnh gốm sắc

nhọn. Nhưng vị thánh vẫn không tuyệt vọng trong chiến thắng trước kẻ hành hạ mình, và ngài ca ngợi: "Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, Vua muôn đời, *'vì Ngài đã thắt lưng cho con bằng sức mạnh để chiến đấu và đã hạ gục những kẻ nổi loạn chống lại con dưới chân con; Ngài đã khiến kẻ thù quay lưng lại với con, và con tiêu diệt những kẻ ghét con"* (Thánh Vịnh 17:40–41).

Lúc đó, kẻ tra tấn nghĩ ra một hình phạt khác: nung đỏ đôi ủng đồng, rồi xỏ vào chân Anphim. Nhưng ân sủng thiêng liêng từ trên cao đã bao phủ người chịu khổ, củng cố anh trong những đau khổ, và anh nghe thấy một tiếng nói hứa hẹn với anh rằng anh sẽ sớm nhận được vương miện thiên đàng, và tiếng nói ấy đã làm tràn ngập lòng anh bằng niềm hạnh phúc. Từ sự an ủi thiêng liêng này, vị thánh bắt đầu công khai trước mặt mọi người không để ý đến những cực hình, và khuôn mặt ngài rạng ngời niềm vui thiên đàng, như thể ngài không phải chịu bất kỳ đau khổ nào. Thấy vậy, kẻ tra tấn kinh ngạc và nói về thánh Anphim rằng ngài là một pháp sư, và nhờ một loại phép thuật nào đó mà ngài đã chế ngự được sức mạnh thiêu đốt của ngọn lửa. Họ bắt đầu hỏi ngài: tại sao ngài lại vui mừng khi đang phải chịu những cực hình như vậy?

– Ta vui mừng như vậy – vị thánh đáp – bởi vì những đau khổ thực sự này mang lại cho ta niềm hy vọng vững chắc vào những ân huệ đã hứa. Sắp tới, ta sẽ chiến thắng sự kiêu ngạo ngạo mạn của ngươi và chứng minh rằng các vị thần của ngươi yếu đuối hơn nhiều so với sức mạnh con người, và ngươi sẽ hối hận về sự độc ác của mình mãi mãi, nhưng vô ích, – và ngươi sẽ không rời khỏi cõi đời này cho đến khi bị kết án phải chịu sự diệt vong vĩnh viễn.

Càng thêm tức giận vì những lời này, tên tra tấn ra lệnh trói vị thánh vào bánh xe và quay trục bánh xe cùng với ngài, đồng thời thiêu đốt thân thể ngài bằng lửa. Nhưng khi các đầy tớ bắt đầu thi hành mệnh lệnh của vua, trói Anphim vào bánh xe và bắt đầu nhóm lửa dưới chân ngài, thì chính họ bỗng ngã xuống như thể đã chết. Bánh xe dừng lại, ngọn lửa lao tới và thiêu đốt họ; sau đó, họ kể lại cho kẻ tra tấn như sau:

– Khi chúng tôi bắt đầu quay bánh xe và đốt người bị trói vào đó, ba người đàn ông tỏa sáng xuất hiện bên cạnh chúng tôi và nói: "Đừng sợ, Anphim, tôi tớ của Chúa!" Nhưng khi họ hướng ánh mắt về phía chúng tôi, nỗi sợ hãi ập đến, và ngọn lửa dưới bánh xe bùng lên hướng vào mặt chúng tôi và thiêu đốt chúng tôi.

Nghe vậy, kẻ tra tấn rất kinh ngạc, nhưng lại cho rằng tất cả những điều này là do phù phép. Sau đó, thánh Anphim được tháo xuống khỏi bánh xe, và nhà vua đe dọa sẽ chém đầu ông nếu ông không dâng lễ vật cho các thần tượng. Còn vị tử đạo, khi nghe tin mình sắp bị chém bằng gươm, đã vui mừng và sốt sắng cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài cho ngài sớm được về với đoàn chiên của mình, những người đã lên trời qua con đường tử đạo trước ngài, để ngài cũng có thể nói: *"Này, đây là con và các con cái mà Chúa đã ban cho tôi"* (Is 8:18).

Nhưng vị vua độc ác đã ra lệnh trước đó phải tống thánh nhân vào ngục tối và trói bằng xiềng xích sắt. Khi Anphim bị dẫn vào ngục, ngài vẫn ngợi khen và chúc tụng Thiên Chúa về mọi sự. – Bỗng chốc, một luồng ánh sáng từ trời chiếu rọi xuống, xiềng xích của ngài bỗng dưng đứt ra, còn những người lính dẫn đường thì ngã quỵ xuống đất vì kinh hoàng. Nhưng Anphim, sau khi đỡ họ dậy , đã ra lệnh cho họ thực hiện những gì đã được chỉ thị. Khi đến nhà ngục, vị thánh bước vào và ở lại đó giữa những kẻ ác và cướp bóc bị giam giữ; nhưng ngài vui mừng như thể đang được dẫn vào một bữa tiệc hay lễ cưới. Sau khi ban cho các tù nhân thức ăn thiêng liêng là Lời Chúa và cho họ uống nước của lòng đạo đức, ngài đã dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô và đưa họ vào Hội Thánh thánh thiện của Ngài, dạy dỗ họ về đức tin và những việc lành; ngay tại nhà ngục đó, ngài đã làm cho họ được tái sinh bằng nước Thánh Tẩy. Và nhà tù ấy đã trở thành một nhà thờ rực rỡ, tràn đầy ân sủng của Thánh Thần, nơi các tín hữu ngày đêm dâng lên Thiên Chúa của lễ ngợi khen.

Khi biết được điều này, Maximian ra lệnh đưa Thánh Anphim đến trước mặt mình và cố gắng dùng những lời nịnh hót để dụ dỗ ngài thờ lạy các thần ngoại đạo, hứa sẽ phong ngài làm vị tư tế đứng đầu trong số các tư tế thờ thần tượng. Nhưng Anphim, với sự can đảm thường thấy, đã đáp lại nhà vua:

– Ngay cả trước khi ngài nói những lời đó, tôi đã là vị linh mục cao quý nhất trong số các linh mục của Đức Chúa Trời[5956] ; tôi là linh mục của Đấng Mục Tử Tối Cao là Đức Kitô, Đấng đã mặc lấy xác phàm của tôi, và vì tôi, đã từ trời cao ngự xuống với tôi. Ngài đã dâng mình làm của lễ chuộc tội cho loài người trước mặt Đức Chúa Cha, đã chết trên thập tự giá, được chôn cất, và sau ba ngày đã sống lại, rồi ngự lên trời trong vinh quang, đưa tất cả những ai tin vào Ngài lên đó. Tôi là linh mục của Ngài, và vì thế, tôi dâng chính bản thân mình làm của lễ sống cho

[5956] Tức là giám mục.

Ngài. Còn chức tư tế, các của lễ, và những vị thần giả tạo của các ngươi chỉ là bóng tối, và sẽ chìm vào bóng tối vĩnh cửu.

Nghe vậy, kẻ tra tấn đã kết án Anphim tử hình. Và vị thánh đã bước đi đón nhận cái chết, tràn đầy niềm vui thiên đàng.

– Bây giờ, – ngài nói, – là lúc tôi vui mừng, bây giờ là lúc ước nguyện của tôi được thực hiện, bây giờ cánh cửa cuộc sống vĩnh cửu đang mở ra cho tôi; vâng, khi rời khỏi thân xác này, tôi sẽ vào với Chúa, và sẽ được no nê khi vinh quang của Ngài hiện ra trước mặt tôi.

Khi đến nơi hành hình, nơi ngài sẽ vượt qua cái chết tạm thời để bước vào cuộc sống vĩnh cửu, vị thánh đã xin được thời gian để cầu nguyện; và sau khi cầu nguyện xong, ngài cúi đầu thánh thiện xuống dưới lưỡi rìu, và theo lệnh của vua, ngài đã bị chém đầu, như vậy ngài đã đón nhận sự kết thúc của cuộc tử đạo vì Chúa Kitô, vào ngày 3 tháng 9. Khi chiều tối buông xuống, một số tín hữu đã lén lút đến nơi hành hình, mang thi hài đầy thương tích của Thánh Anphim đi và an táng Ngài một cách trang trọng, ca ngợi Thánh Ba Ngôi: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời, amen[5957] .

Kondak, giọng 4:

Sau khi sống một đời đạo đức trong hàng giáo sĩ, và đã hoàn tất con đường chịu khổ nạn, ngài đã dập tắt sự thờ phượng các thần tượng, trở thành người bảo vệ cho đoàn chiên của ngài, Đấng Khôn Ngoan của Thiên Chúa. Vì thế, chúng con kính tôn ngài hôm nay, thầm khẩn cầu: xin cứu chúng con khỏi những tai ương nhờ những lời cầu nguyện của ngài, Anphim, Đấng được tưởng nhớ muôn đời.

Cùng ngày đó là ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vasilisa

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 9

Trong thời trị vì của hoàng đế La Mã vô đạo Diocletian, hiếm có thành phố nào lại có nhiều máu tử đạo đổ ra như tại Nicomedia: tại đó, có rất nhiều tín hữu đã bị giết vì Chúa Kitô, đến nỗi chỉ trong một tháng, số người chịu tử đạo đã lên tới mười bảy nghìn, chưa kể hai mươi nghìn người bị thiêu sống trong nhà thờ vào ngày Lễ Giáng Sinh. Và việc giết hại vô cớ các tín hữu trong cuộc bách hại tàn bạo này không chỉ kéo dài một tháng, mà là một thời gian dài. Ai trong có thể đếm được tất cả các Kitô hữu đã hy sinh trong thời gian đó, ngoại trừ chính Thiên Chúa duy nhất, Đấng đếm được cả muôn vàn vì sao! Tại Nicomedia, Thánh nữ tử đạo Vasilisa cũng đã chịu khổ nạn. Vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời toàn năng, Đấng thể hiện quyền năng vĩ đại của Ngài không chỉ nơi những người trưởng thành, mà còn nơi cả những đứa trẻ nhỏ! Thánh nữ tử đạo mới chỉ chín tuổi khi cô bé bị dẫn ra trước tòa án của vị thống đốc, hay là quan cai trị Nicomedia, Alexandros, trước mặt người mà vị nữ tử đạo trẻ tuổi này, cô dâu trinh khiết của Chú Rể Thiên Đàng, đã can đảm tuyên xưng Đức Kitô đến nỗi mọi người đều kinh ngạc trước sự khôn ngoan và cách trò chuyện tự tại của cô với kẻ tra tấn, người mà cô đã tranh luận về đức tin Kitô giáo như một người đàn ông hoàn toàn trưởng thành. Thống đốc hy vọng sẽ thuyết phục cô tôn thờ các vị thần của mình bằng những lời ngọt ngào và hứa hẹn, nhưng vị thánh vẫn kiên quyết không lay chuyển; lúc đó, thống đốc ra lệnh đánh vào mặt cô: vị thánh thiếu nữ đã tạ ơn Thiên Chúa vì điều đó. Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh lột bỏ quần áo của cô và đánh cô bằng roi: cô lại dâng lên Chúa lời tạ ơn còn lớn lao hơn nữa vì điều này. Điều này khiến quan tổng trấn nổi giận, và ông ra lệnh đánh cô mạnh hơn nữa; khi toàn thân cô như bị bao phủ bởi những vết loét liên miên, cô kêu lên: "Lạy Chúa, con tạ ơn Ngài vì tất cả những điều này." Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh đâm xuyên qua hai ống chân cô, treo cô ngược đầu xuống và đổ nhựa thông, lưu huỳnh, dầu và thiếc vào ngọn lửa đang bùng

---

[5957] Cái chết tử đạo của Thánh Anphim phải được xác định vào năm 303: trong năm này, Diocletian đã ra lệnh thiêu rụi ngôi đền ở Nicomedia cùng với tất cả các Kitô hữu có mặt tại đó, ban hành sắc lệnh cấm các Kitô hữu tụ tập để cử hành thánh lễ, và sau đó là một sắc lệnh khác, ra lệnh giam giữ các giám mục, linh mục và phó tế vào ngục tối và buộc họ phải dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo, nếu từ chối thì phải tra tấn và giết chết. – Hoàng đế Byzantine Justinian (527–565) đã xây dựng một nhà thờ tráng lệ bên bờ Vịnh Vàng để tôn vinh vị thánh tử đạo Anphim, trang trí bằng đá cẩm thạch và vàng. Hoàng đế Lêô Đại Đế đã xây dựng cho ngài một nhà thờ gần Xiropyrka. Vào thế kỷ X, đầu của Thánh Anphim được lưu giữ tại Nicomedia, nơi đã xảy ra nhiều phép lạ và tóc trên đầu ngài liên tục mọc lại.

cháy dưới chân cô, tin chắc rằng cô sẽ sớm trút hơi thở cuối cùng vì những đau đớn tột cùng và khói độc; nhưng ngay cả trong những cực hình này, thánh nữ vẫn như đang ở trong sự mát mẻ của thiên đàng, không ngừng ca ngợi Chúa. Thấy thánh nữ coi thường những cực hình mà mình nghĩ ra, quan tổng trấn ra lệnh ném bà vào lò lửa đang cháy rực. Sau khi tự bảo vệ mình bằng dấu Thánh Giá, Thánh Vasilisa bước vào ngọn lửa và ở lại trong đó rất lâu mà không hề hấn gì. Tất cả những người có mặt đều kinh hoàng và ngạc nhiên trước cảnh tượng kỳ diệu đến vậy. Sau đó, khi đưa bà ra khỏi lò, họ thả hai con sư tử vào để xé xác bà; nhưng vị thánh, sau khi cầu nguyện, vẫn bình an vô sự: lời cầu nguyện của thiếu nữ, giống như lời cầu nguyện của tiên tri Đa-ni-ên xưa kia, đã bịt miệng những con sư tử (Đa-ni-ên 6:1–100). Sự kinh hoàng lúc đó đã bao trùm chính vị vua Alexander, người sau một thời gian dài như rơi vào cơn mê sảng, cuối cùng đã thốt lên: "Đây là ý định của Thiên Chúa!" Sau đó, quỳ xuống dưới chân vị thánh tử đạo, ông kêu lên: "Xin thương xót con, hỡi tôi tớ của Vua Trời và Thiên Chúa, và xin tha thứ cho tất cả những đau khổ này; xin cầu nguyện với Thiên Chúa của chị, để Chúa đừng hủy diệt con vì chị, vì từ nay trở đi, con cũng tin vào Ngài." Lúc đó, vị thánh tử đạo, sau khi lớn tiếng ngợi khen Chúa đầy lòng thương xót, Đấng đã xua tan sự mù quáng của vị vua và mở ra cho ông sự hiểu biết về chân lý, đã ra lệnh cho Giám mục Antonin giải thích cho Alexander về đức tin chân chính và, sau khi dạy dỗ ông, làm phép rửa tội cho ông. Tất cả các Kitô hữu có mặt tại đó đều chân thành vui mừng trước sự hoán cải của vị quan Alexander, người sau khi chịu phép rửa tội đã ăn năn về sự vô đạo trước đây của mình và những đau khổ mà ông đã gây ra cho các Kitô hữu, đồng thời cầu xin Thánh Vasilisa xin Chúa tha thứ cho ông. Nhờ lời cầu thay và những lời cầu nguyện của vị thánh tử đạo, vị thống đốc Alexander, sau khi đã hoàn toàn tin tưởng, không lâu sau đó đã qua đời trong sự ăn năn chân thành, và được các Kitô hữu an táng một cách trang trọng; còn vị thánh, sau khi an táng ông, đã rời khỏi thành phố một quãng đường dài ba poprish (khoảng 4 km). Tại đó, khi cảm thấy khát và tìm thấy một tảng đá, thánh nữ đứng lên tảng đá ấy và dâng lời cầu nguyện lên Chúa, và ngay lập tức nước chảy ra từ tảng đá. Sau khi giải khát, bà đi xa khỏi nơi đó một chút, quỳ gối cầu nguyện và trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Khi biết tin này, Giám mục Antonin đã đến đó và an táng vị thánh gần tảng đá mà từ đó, nhờ lời cầu nguyện của bà, nước đã tuôn ra. Nhờ lời cầu nguyện của vị thánh tử đạo, xin Chúa hãy tuôn đổ lòng thương xót vĩ đại và dồi dào của Ngài xuống trên chúng con, Amen.

Cùng ngày đó là ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Ariston

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 9

Thánh Aristion này là giám mục của Alexandria ven biển, nằm giữa hai thành phố Issus và Antioch, tại Syria. Ngài đã nhiệt thành rao giảng về Đức Kitô và những đau khổ cứu độ, cái chết và sự phục sinh của Ngài, đồng thời dạy dỗ dân chúng rằng mọi sự trên trần gian đều phù du và chóng qua, còn chỉ có những ân huệ thiên đàng trong tương lai mới là vĩnh cửu và bất diệt. Vì những giáo lý này, ngài đã bị đưa ra xét xử trước quan tổng trấn thành Alexandria và, sau khi tuyên xưng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật, ngài đã bị kết án thiêu sống, và trong hành động tử đạo này, ngài đã kết thúc cuộc đời hạnh phúc của mình.

Ngày 17 tháng 9

ngày 4 tháng 9 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vavila và ba thiếu niên cùng ngài

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 9

Vị vua độc ác Numerian[5958] trong thời gian lưu lại thành phố Antioch đã tổ chức một lễ hội lớn để tôn vinh các thần tượng. Trong số các của lễ dâng lên các thần tượng, có cả máu vô tội của một thiếu niên nhỏ, con trai của nhà vua, người mà Numerian đã lấy làm vật thế chấp cho một hòa bình vững chắc và bất khả xâm phạm với một

[5958] Hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 283 đến năm 284.

vị vua nước ngoài. Trước đây, ông từng giao chiến với vị vua này, và vì cả hai bên đều không thể đánh bại nhau, nên họ đã ký kết hòa bình, củng cố bằng những lời thề lẫn nhau và trở thành bạn bè. Để chứng minh cho hòa bình và tình bạn bất di bất dịch, vị vua nước ngoài đã giao con trai nhỏ của mình cho Numerian chăm sóc, với mong muốn rằng ông sẽ thay thế vai trò người cha và nuôi dạy cậu bé như con ruột của mình. Dù đã đón nhận cậu bé hoàng tử này với sự nịnh hót, Numerianus chẳng bao lâu sau đã bộc lộ sự tàn nhẫn vô nhân đạo: ông vi phạm hòa ước với vị vua kia, phớt lờ lời thề của mình, coi thường tình bạn và chính tay đâm chết hoàng tử trong đền thờ của những vị thần ghê tởm của mình.

Vào thời điểm đó, vị tổng giám mục của Giáo hội Antioch là Đức Thánh Vavila, một vị giám mục thánh thiện và kính sợ Thiên Chúa. Được chọn lên ngai giám mục theo sự an bài của Thiên Chúa, Thánh Vavila *"là gương mẫu cho các tín hữu về lời nói, đời sống, tình yêu, tinh thần, đức tin và sự trong sạch"* (1 Tm 4,12). Trong khi lễ hội thờ thần tượng và vụ thảm sát tàn bạo đang diễn ra, vị Giám mục đã tập hợp tất cả các Kitô hữu đang có mặt tại Antiôkhia vào nhà thờ thánh, dâng lên Thiên Chúa chân thật của lễ hiến tế không đổ máu, cầu nguyện cho đoàn chiên tinh thần của ngài, để họ không bị những con sói hủy diệt linh hồn cướp mất; đồng thời ngài dạy dỗ các con chiên thuộc về ngài phải vững vàng trong đức tin và không rời bỏ Giáo hội trong những lúc hoạn nạn. Trên đường trở về từ lễ tế ghê tởm và tàn sát con người, vị vua vô đạo đã tiến về nhà thờ Kitô giáo, mong muốn chứng kiến việc cử hành các Bí tích Thánh và đe dọa làm ô uế thánh địa của Chúa khi bước vào nhà thờ. Khi nghe tin vị vua vô đạo cùng toàn thể triều thần đang tiến vào nhà thờ, vị thánh bảo vệ vinh quang của Đức Chúa Trời, Thánh Vavila vĩ đại, đã rời khỏi bàn thờ thiêng liêng và bước ra đón vị vua, rồi dừng lại ở cửa nhà thờ. Khi vị vua tiến gần đến nhà thờ, vị thánh đã cất tiếng hô lớn:

– Ngươi, hỡi vị vua thờ thần tượng, không được phép bước vào nơi thánh của Đức Chúa Trời Hằng Sống và làm ô uế nơi này bằng sự hiện diện của ngươi.

Vị thánh Vavila đã vạch trần và quở trách nhà vua vì sự vô đạo và thờ thần tượng của ông, đồng thời dũng cảm ngăn cản nhà vua và không cho ông bước vào nhà thờ. Và khi vị vua tiến lại gần hơn nữa đến cửa nhà thờ, Thánh Vavila đã đặt tay phải lên ngực vị vua và đẩy ông ta ra khỏi đền thờ của Đức Chúa Trời, khiến vị vua phải quay trở lại trong sự xấu hổ tột độ. Vì có các tôi tớ và quân lính đi cùng, nên ông ta muốn dùng vũ lực xông vào nhà thờ, nhưng sức mạnh thiêng liêng, hoạt động qua Thánh Vavila, đã không cho phép kẻ vô đạo chạm đến ngay cả ngưỡng cửa nhà thờ: những lời của Thánh Vavila đối với kẻ vô thần đáng sợ như lời của Thiên thần. Hơn nữa, trước sự tụ tập đông đảo của dân chúng và số lượng lớn các tín hữu, nhà vua lo ngại sẽ xảy ra xung đột và bạo loạn. Vì vậy, ông đã kìm nén sự bực bội trong im lặng và trở về cung điện của mình trong cơn giận dữ. Nhưng ngày hôm sau, ông ra lệnh đốt cháy nhà thờ, và sau khi triệu tập vị thánh đến trước mặt, ông bắt đầu quở trách ngài vì hành động táo bạo đó.

– Hỡi kẻ bất hạnh nhất trong số những người phàm trần! – nhà vua nói. – Ngươi đã trông cậy vào ai khi dám chống lại quyền lực tối cao của ta và cấm ta vào nhà thờ? Ngươi không biết rằng gây phiền toái cho nhà vua là một tội ác lớn lao đến mức nào, và những hình phạt nào đang chờ đợi kẻ nào dám làm ô danh nhân phẩm của nhà vua sao?

Thánh Vavila đáp lại một cách không sợ hãi:

– Tôi không nhìn vào vị vua trần gian và cũng không e ngại trước mặt ngài, nhưng tôi hướng mắt về Vua Thiên Đàng và đặt niềm tin vào Ngài. Tôi kính sợ Đấng đã đặt tôi làm mục tử cho đàn chiên của Ngài và truyền lệnh cho tôi phải bảo vệ chúng khỏi sự tấn công của sói, không để con thú đó xâm nhập vào đàn chiên. Tôi không làm phiền nhà vua, vì tôi biết rằng sự táo bạo như vậy chẳng khác gì sự điên rồ, nhưng tôi đã ngăn cản kẻ muốn xâm nhập để xúc phạm thánh địa của Đức Chúa Trời và làm ô uế nó. Vì vậy, theo lẽ công bằng, ngươi đáng lẽ phải cảm ơn ta vì đã ngăn cản ngươi khỏi ý định xấu xa đó: nếu thực hiện nó, ngươi sẽ tự hủy hoại bản thân hoàn toàn, vì ngươi sẽ xúc phạm Đấng Tạo Hóa của mình một cách vô cùng tột độ, và việc lìa xa Ngài còn tồi tệ hơn bất kỳ cái chết nào.

– Sẽ thích hợp hơn nếu ngươi – Numerius nói – ăn năn về sự ngang ngược của ngươi ngày hôm qua đối với chúng ta và xin tha thứ, nhưng ngay cả bây giờ ngươi vẫn còn làm phiền chúng ta.

– Chúng ta, những người Kitô hữu, – Vavila đáp lại, – không nên quở trách hay làm phiền ai cả. Chúng tôi cũng không làm phiền ngài: vì không nên làm ô uế tạo vật của Thiên Chúa, được tạo dựng theo hình ảnh và giống như Ngài. Tuy nhiên, nếu ai chống lại Đức Chúa Trời và xúc phạm đến thánh điện của Ngài, thì người đó không những không xứng đáng được tôn trọng, mà còn hoàn toàn xứng đáng bị ghét bỏ như kẻ thù của Chúa, theo lời của

Đa-vít: *"Làm sao tôi lại không ghét những kẻ ghét Ngài, lạy Chúa, và không khinh bỉ những kẻ chống lại Ngài? Ta ghét họ bằng cả lòng căm thù: họ là kẻ thù của ta"* (Thi Thiên 138:21–22).

– Đừng nói nhiều nữa, – nhà vua nói với ông, – và hãy nghe chúng ta: nếu ngươi muốn thoát khỏi án tử hình vì tội lỗi của mình và được tha thứ, thì hãy dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta và thờ lạy họ.

– Vì đàn chiên được giao phó cho tôi, – vị thánh nhân đáp, – tôi sẵn sàng chịu mọi đau khổ và thậm chí là chết.

Và sau một lúc im lặng, ngài nói:

– Ta không thể từ bỏ Đức Chúa Trời của ta để thờ phượng những vị thần giả dối, những điều gian ác của chúng thậm chí nghĩ đến thôi cũng đã thấy xấu hổ rồi.

– Ta lại nói với ngươi lần nữa, – nhà vua nói, – hãy ngừng những lời dài dòng đó và dâng lễ vật lên các vị thần. Nếu ngươi không tuân theo, thì quyền lực của ta sẽ hủy diệt ngươi bằng chính sự ác của ngươi.

Vavila đáp:

– Ta đã mong muốn giải thoát ngươi khỏi bóng tối đang bao trùm ngươi, để ngươi có thể tránh khỏi những cực hình vô tận, nhưng ngươi lại tự chuốc lấy những đau khổ còn lớn hơn, và còn kêu gọi người khác cùng chịu đựng chúng. Ta nói thật với ngươi: ngươi không thể thoát khỏi bàn tay của Đức Chúa Trời Hằng Sống.

Lúc đó, kẻ tra tấn giả vờ hiền lành và bình tĩnh hỏi thánh Vavila:

– Ngươi có thể – hắn nói – giải thích cho chúng ta biết Đức Chúa Trời là gì không?

Thánh Vavila đáp:

– Không thể nào thấu hiểu được bản thể của Đức Chúa Trời, dù ngươi có dốc hết sức lực vào việc đó đi chăng nữa; vì Đức Chúa Trời là Vua và Đấng Tạo Hóa vĩnh hằng của muôn loài, là Đấng không thể diễn tả, không thể thấu hiểu, không thể kiểm chứng bằng trí tuệ con người, là Nguồn gốc và Sức mạnh của vạn vật. Ngài đã tạo ra các Thiên thần và các Tổng lãnh thiên thần cùng tất cả các thực thể vô hình khác; sau đó, Ngài đã tạo ra con người và ban cho họ vô số ân huệ, đặt họ làm vua trên đất, giống như cách Ngài ngự trị trên trời, và đặt họ vào vườn Địa đàng. Để con người hiểu được sứ mệnh cao cả của mình và nhận ra mình vượt trội hơn loài vật đến mức nào, Thiên Chúa đã dẫn các loài vật đến trước mặt con người và truyền cho con người đặt tên cho chúng. Thiên Chúa đã tạo ra người bạn đời cho con người và ban cho con người ân huệ được trò chuyện với Ngài. Con người vô ơn đã khinh thường Đấng Tạo Hóa của mình và coi thường các điều răn của Ngài, nhưng lại nghe theo kẻ thù của mình – kẻ chưa bao giờ làm điều tốt nào cho anh ta mà chỉ biết nịnh hót anh ta. Vì tin vào những lời nịnh hót của hắn, con người đã bị đuổi khỏi vườn địa đàng bởi sự phán xét công minh của Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng nhân từ và tốt lành, dù đã đuổi con người ra khỏi sự hiện diện của Ngài, vẫn không ngừng ban ân huệ cho con người, rõ ràng cho thấy rằng, bất chấp vô số tội lỗi của chúng ta, Ngài không muốn chúng ta bị hủy diệt, mà bằng mọi cách sắp xếp sự cứu rỗi cho chúng ta.

Nghe những lời ấy, Numerian không thể hiểu được. Và làm sao tâm hồn anh ta, vốn chưa biết đến ân sủng, chưa được hướng dẫn trong giáo lý đức tin, lại có thể thấu hiểu được những lời ấy? Tuy nhiên, vì xấu hổ trước những người xung quanh, sợ họ nhận ra sự không hiểu biết của mình, anh ta giả vờ như đã hoàn toàn thấu hiểu mọi điều Vavila nói, và khen ngợi ông như một người lập luận rất hay. Sau đó, anh ta lại hỏi ông:

– Vậy con người là gì?

– Con người, – Vavila đáp, – là sinh vật trần thế và hữu hạn, nhưng cao quý hơn tất cả các loài thú hữu hạn; hiền lành, tử tế với đồng loại, dù chúng ta đã trở nên hung dữ với nhau hơn cả loài thú.

Ngạc nhiên trước những lời nói của Vavila, nhưng đồng thời vẫn tiếp tục giả vờ là người khôn ngoan, Numerius thề trước các vị thần của mình rằng Vavila đang nói sự thật và sẽ chứng minh sự khôn ngoan của mình, miễn là anh ta dâng lễ vật lên các vị thần.

– Chỉ còn thiếu một điều duy nhất đối với Vavila – nhà vua nói – đó là anh ta phải tôn vinh các vị thần của chúng ta. Không thể nào một người khôn ngoan như vậy lại có thể xúc phạm các vị thần và dám nói chống lại họ.

Rồi ngài nhìn Vavila với ánh mắt ân cần và nói với ông:

– Hỡi vị lão nhân khôn ngoan! Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, và ngay lập tức ta sẽ coi ngươi như cha ruột của ta. Ta thề trước các vị thần rằng ta không nói dối và sẽ ban thưởng cho ngươi nhiều điền trang trong vương quốc của ta.

Và bằng đủ mọi lời ngọt ngào, lời hứa về những vinh dự và của cải lớn lao, vị vua vô đạo ấy đã cố gắng dụ dỗ người đàn ông chính trực này. Nhưng vị tín hữu chân chính của Đấng Christ vẫn kiên định trong đức tin của mình. Trước những lời nịnh hót của kẻ hành hạ, ông đáp lại:

– Nguồn gốc và nền tảng của mọi điều tốt lành chính là lòng đạo đức: nếu thiếu nó, thì tất cả những điều tốt lành mà ngươi hứa hẹn với ta chỉ là sự nghèo khó, nỗi đau khổ tột cùng và sự mất mát ngay cả những gì ta đang có.

Khi nhận ra rằng không thể lôi kéo Thánh Vavilo vào con đường tội lỗi, Numerius lại nổi cơn thịnh nộ và ra lệnh cho tướng quân Victorinus đeo những xiềng xích nặng nề vào cổ và chân vị thánh, rồi dẫn ngài đi khắp thành phố để làm nhục ngài trước mặt mọi người. Kẻ vô pháp ấy hy vọng rằng vị thánh nhân đáng kính này, người được mọi người ca ngợi và kính trọng, sẽ cảm thấy xấu hổ trước sự sỉ nhục này và đồng ý thực hiện ý muốn bất chính của nhà vua. Khi những sợi xích đã được đeo lên người vị thánh, nhà vua bắt đầu chế nhạo ngài:

– Chúa là chứng nhân cho ta, – ông ta nói, – rằng ngươi, Vavila, trông rất hợp khi đeo những xiềng xích này: chúng hoàn toàn xứng đáng với tuổi già của ngươi.

– Hỡi đức vua, – vị thánh đáp lại, – ngài nói những lời đó để chế giễu, còn tôi sẽ nói với ngài sự thật: những xiềng xích này đối với tôi cũng vinh dự như vương miện hoàng gia của ngài, và những đau khổ vì Chúa Kitô đối với tôi cũng dễ chịu như quyền lực hoàng gia của ngài đối với ngài; còn cái chết vì vị Vua Bất Tử cũng đáng khao khát đối với tôi như cuộc sống của ngài đối với ngài vậy.

Bên cạnh Thánh Vavila có ba thiếu niên, là anh em ruột. Họ còn trẻ về tuổi tác nhưng chín chắn về trí tuệ, và Thánh Vavila – người đã nuôi dưỡng họ về mặt tinh thần – coi họ như con ruột của mình. Theo chân vị thầy của mình, họ không bỏ rơi ngài ngay cả khi ngài bị xiềng xích. Nhìn họ, nhà vua nói với vị thánh:

– Ta nghĩ, Vavila, rằng những đứa trẻ này, khi gọi ngươi là thầy, chỉ càng làm tăng thêm sự kiêu ngạo của ngươi, và vì chúng mà ngươi vẫn cứng đầu chống lại ý muốn của chúng ta.

– Nếu ngài – vị thánh nhân đáp lại – muốn hỏi những đứa trẻ này, ngài sẽ thấy chúng khôn ngoan hơn chính ngài, và ngài sẽ biết rằng chúng chính là những hạt giống của giáo lý của ta.

– Vậy những đứa trẻ này là của ai? – nhà vua hỏi.

– Đây là những đứa con thiêng liêng của tôi, – Vavila đáp, – tôi đã làm cho chúng hồi sinh bằng Tin Mừng, nuôi dưỡng chúng bằng lời giảng dạy, và giúp chúng trưởng thành nhờ những lời khuyên răn; và đây, trước mặt ngài, trong thân xác nhỏ bé này, là những người vĩ đại và những Kitô hữu hoàn hảo. Hãy thử xem, ngài sẽ thấy.

Vua ra lệnh dẫn Vavila ra quảng trường và giam ông vào ngục tối; còn các thiếu niên thì vua gọi đến bên mình và, trước hết, hỏi họ xem có mẹ không.

– Vavila là mẹ, là cha, và là thầy của chúng con, – các em trả lời. – Chúng con yêu mến ngài hơn cả mẹ: mẹ chỉ sinh ra chúng con, còn ngài dạy dỗ chúng con về trí tuệ và đức tin, và bằng cách chăm lo cho linh hồn chúng con, ngài dẫn dắt chúng con đến những đức tính cao quý.

Nhưng nhà vua ra lệnh ngay lập tức tìm và đưa mẹ của những thiếu niên này đến trước mặt ngài. Khi bà được dẫn đến, nhà vua hỏi tên bà là gì và liệu bà có thực sự là mẹ của những đứa trẻ này hay không.

Bà trả lời:

– Tên tôi là Christodula; những đứa trẻ này quả thực là con tôi. Tôi đã dâng chúng, như những khởi đầu của những cơn bệnh của tôi, làm lễ vật dâng lên Đức Chúa Trời, và tôi hy vọng rằng vị thánh Vavila đầy khôn ngoan, người mà tôi đã giao phó các con tôi cho sự chăm sóc của ngài, sẽ đưa chúng vào kho báu trên trời.

Numerius nổi giận và ra lệnh tát vào má người mẹ đạo đức ấy, đồng thời nói với bà:

– Đừng nói với nhà vua một cách ngang ngược như vậy.

Còn các con, khi thấy mẹ mình bị đánh, đã nói:

– Nhà vua đã mất trí rồi: đánh mẹ chỉ vì bà nói lên sự thật.

Sau đó, nhà vua bắt đầu hỏi các con tên là gì và bao nhiêu tuổi.

Chúng nói rằng đứa đầu tiên mười hai tuổi và tên là Urvan, đứa thứ hai – Prilidian – chín tuổi, còn đứa thứ ba, tên là Eppoloni, bảy tuổi.

Kẻ tra tấn đã dụ dỗ các em bằng những lời ngọt ngào và quà tặng, cố thuyết phục các em thờ lạy các thần tượng. Nhưng các em đồng thanh trả lời:

– Chúng tôi là Kitô hữu và không nên quỳ lạy các thần tượng. Chúng tôi đã được dạy để tin vào Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng đã tạo dựng trời và đất. Chúng tôi thờ phượng Ngài, chứ không phải ma quỷ.

Sau nhiều lời dụ dỗ, thấy các em vẫn kiên quyết, kẻ tra tấn ra lệnh đánh đập các em, gây ra số vết thương tương ứng với số tuổi của từng em. Vậy là, cậu thiếu niên đầu tiên bị gây ra mười hai vết thương tàn bạo, cậu thứ hai – chín vết, còn cậu thứ ba – bảy vết. Các em dũng cảm chịu đựng những đau khổ và chỉ tiếc rằng mình không có thêm tuổi để nhận thêm những vết thương vì Chúa Kitô.

– Dù ngài có quyết định giết chúng con đi chăng nữa, – các em nói, – chúng con cũng sẽ không thờ lạy các thần giả dối: chúng con chỉ phụng sự Đức Chúa Trời Duy Nhất, là Chúa Giê-su Christ.

Sau khi thả mẹ các em và đưa các em đến một nơi khác, nhà vua lại gọi Vavila đến.

– Này, – ông nói – các con của ngươi đã thờ lạy các vị thần của chúng ta rồi, ngươi cũng phải lập tức tự mình thờ lạy ngay.

– Các ngươi đã học cách nói dối từ cha của sự dối trá, ma quỷ, – Ba-by-la đáp lại nhà vua, – ta biết rằng không thể nào dùng sự dụ dỗ hay tra tấn để khiến các con ta từ bỏ Đấng Christ: vì ta đã dạy dỗ chúng rất kỹ lưỡng để tôn kính Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, và tin vào Ngài.

Lúc đó, vua ra lệnh treo cả Vavila lẫn các đứa trẻ lên cây và thiêu sống chúng.

Vavila ngước mắt lên trời, cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, xin Ngài ban cho những đứa trẻ bé nhỏ này sức mạnh của Ngài và ban cho chúng sự kiên nhẫn không thể lay chuyển trong những cực hình sắp tới. Còn bản thân ngài thì khuyên nhủ các em hãy dũng cảm chịu đựng những đau khổ, hứa hẹn với các em phần thưởng vĩ đại từ Đấng Christ. Những đứa trẻ vô tội cùng với thầy của mình đã dũng cảm chịu đựng những đau khổ, và sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời đã củng cố lòng kiên nhẫn của các em.

Sau khi ra lệnh tháo những người chịu khổ ra khỏi cây và giam Vavila trong xiềng xích tại một ngôi nhà gần nơi tra tấn, kẻ tra tấn quyết định một lần nữa dụ dỗ các em bằng sự âu yếm. Hắn gọi các em là con cái của mình, những thiếu niên ngoan ngoãn và xinh đẹp, rồi tặng cho các em vàng và bạc. Nhưng các em đồng thanh nói với hắn:

– Kẻ dối trá xảo quyệt! Tại sao ngươi lại giăng ra trước mặt chúng ta cái lưới lừa dối phức tạp của ngươi? Chẳng lẽ ngươi nghĩ rằng có thể bắt được chúng ta như bắt chim sao? Hãy tin chắc rằng ngươi sẽ không thành công, dù ngươi có cố gắng hết sức đi chăng nữa; vì chúng ta được sức mạnh của Đấng Christ bảo vệ và che chở – và nhờ sức mạnh của Ngài, lưới của ngươi sẽ sớm bị phá hủy, còn chúng ta sẽ được giải thoát.

Sau đó, các thiếu niên kêu lên:

– Ôi Mẹ của chúng con, người đạo đức, chúng con sẽ không từ bỏ Mẹ! Ôi Thầy yêu quý của chúng con, Vavila, chúng con sẽ trung thành với giáo lý của Thầy! Bởi vì không chỉ riêng vị vua này, mà dù có nhiều vị vua và kẻ hành hạ tàn bạo nhất ở đây, họ cũng không thể tách chúng con khỏi Thiên Chúa của chúng con.

Thánh Vavila, đang bị giam giữ gần đó, khi nghe những lời này của các môn đệ, đã tràn ngập niềm vui khôn tả và tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đang nhận được lời ngợi khen từ miệng các trẻ thơ.

Chẳng bao lâu sau, nhà vua ra lệnh cho dẫn Thánh Vavila đến trước mặt mình và nói với ngài rằng:

– Vavila ơi, chẳng phải đây là những đứa con ruột của ngươi sao? Ta nghĩ chúng là con của ngươi, vì tính cách xấu xa của chúng rất giống ngươi.

– Quả thật vậy, – vị thánh đáp, – những thiếu niên này là con cái của tôi, nhưng không phải về mặt xác thịt, mà là về mặt tinh thần: vì cho đến nay tôi chưa từng bị cám dỗ bởi dục vọng xác thịt và cũng chưa từng trải qua cuộc sống hôn nhân.

– Vavila bất tuân! – nhà vua nói – tại sao cho đến nay ngươi vẫn cứ bám giữ sự cứng lòng của mình, hành hạ chính mình và cả chúng ta? Hãy mau dâng lễ vật lên các vị thần, để chúng ta không còn phải vất vả nữa, và để ngươi cùng các con của ngươi thoát khỏi đau khổ, đồng thời được hưởng vinh dự và quà tặng từ chúng ta. Ngươi tự nguyện đẩy bản thân và những đứa trẻ này vào đau khổ và cái chết thì có ích gì cho ngươi? Với tư cách là một vị thầy khôn ngoan, chẳng phải ngươi nên chăm lo cho các con như chính cuộc đời mình sao, để chúng không phải chết trước thời hạn, và không tàn lụi sớm, qua đời ngay khi đang ở độ tuổi thanh xuân rực rỡ nhất sao?

Nhưng Vavila, người khôn ngoan theo Chúa, đã phản bác:

– Hỡi nhà vua, chẳng phải ngài nên lo lắng cho vương quốc của mình, trang bị vũ khí chống lại kẻ thù và chiến đấu với chúng, thay vì hành hạ chúng tôi, những người vô tội sao? Chính ngài, đã bỏ qua mọi lo toan trần thế, lao vào chúng tôi và, quên đi những kẻ thù đang chiếm đóng đất nước, lại chiến đấu với chúng tôi và truy đuổi chúng tôi. Và ngài làm tất cả những điều này không phải vì lợi ích nào cho vương quốc của ngài, mà chỉ để thỏa mãn cơn thịnh nộ như thú dữ và tính khí hung bạo của ngài mà thôi.

Bị những lời này chọc giận đến điên cuồng, nhà vua đã kết án tử hình cả Vavila lẫn các trẻ em. Các chiến binh dẫn các thánh nhân đến nơi hành quyết, còn Vavila lúc đó đang ngâm nga những lời của Đa-vít:

– *"Hỡi linh hồn ta, hãy trở về nơi an nghỉ của ngươi, vì Chúa đã ban ơn cho ngươi"* (Thánh Vịnh 114:6).

Khi đến nơi mà các thánh nhân được định sẵn phải hiến dâng mạng sống vì Chúa Kitô, Vavila đã cho các thiếu niên đứng trước mặt mình và đưa họ lên chịu gươm chém trước tiên. Ông lo sợ rằng nếu có ai trong số họ còn lại sau ông, người đó có thể sợ hãi cái chết và từ bỏ Chúa. Vì thế, ông đã cho các thiếu niên lên trước về trời và an ủi họ, dạy họ đừng sợ bị chém bằng gươm, vì họ sẽ nhận được sự sống đời đời từ Đấng Christ. Khi các thiếu niên đã chấp nhận cái chết dưới lưỡi gươm, Vavila đã reo lên đầy hân hoan:

– *"Này, đây là tôi và các con tôi, những người mà Chúa đã ban cho tôi"* (Ê-sai 8:18).

Sau đó, chính ông cũng cúi đầu xuống để gươm chém. Lúc đó, ông dặn dò những người sẽ chôn cất thi thể ông rằng hãy đặt xiềng xích và cùm sắt vào quan tài cùng với ông:

– "Hãy để chúng," ông nói, "trở thành vật trang trí cho thi thể của ta."

Bị chém đứt đầu, Thánh Vavila đã về với các nơi ở trên cao, và cùng các con mình hiện diện trước mặt Cha Trên Trời. Thi thể thánh thiện của ngài được chôn cất cùng với xiềng xích, đúng như chính ngài đã truyền lại khi lâm chung; ba đứa trẻ thánh thiện cũng được chôn cất cùng ngài.

Nhiều năm sau đó, vua Constantius[5959] , con trai của Constantine Đại Đế, đã phong cho Gallius, anh trai của Julian và là con trai của chú mình[5960] (vì ông không có con ruột), làm đồng trị vì vương quốc của mình. Khi đến Antioch, Gallius đã chuyển di hài của Thánh Vavila và ba thiếu niên đã chịu khổ cùng ngài đến một vùng ngoại ô của Antioch, được gọi là Daphne. Người ta kể rằng nơi này được đặt tên theo một thiếu nữ tên là Daphne, người đã trốn ở đó để tránh thần Apollo[5961] , như được kể trong các truyền thuyết ngoại giáo Hy Lạp. Nơi này rất đẹp, được bao quanh bởi những cây bách và những lùm cây cao khác, chiếm một diện tích rộng lớn, đất đai màu mỡ và có một suối nước chảy xiết. Giữa Daphne có một đền thờ thần tượng, trong đó đặt một bức tượng thần Apollo được chạm khắc tinh xảo. Tượng thần này trả lời những ai hỏi nó, vì trong đó ẩn náu một con quỷ[5962] . Những người ngoại đạo tụ tập tại đây, dâng lễ vật cho tượng thần và thực hiện các trò chơi bất chính cùng những hành vi phạm pháp. Gallius đã được đề cập ở trên, vốn là một Kitô hữu đạo đức và luôn cố gắng ngăn cản những người ngoại đạo khỏi những hành vi phạm pháp của họ, đã muốn phá hủy ngôi đền thờ thần tượng ở Daphne, nhưng lại lo ngại rằng việc này có thể gây ra một cuộc nổi loạn trong cộng đồng người Hy Lạp, bởi vì ở đó vẫn còn rất nhiều người ngoại đạo, sẵn sàng hy sinh tính mạng vì những vị thần xấu xa của họ. Vì vậy, Gallius đã xây dựng một nhà thờ nhỏ tại đó và, như đã nói, chuyển thi hài của Thánh Vavila và ba thiếu niên vào đó, đặt chúng trong một quan tài đá lớn. Ông hy vọng rằng những kẻ vô đạo, khi tụ tập tại nơi đó, sẽ dần dần quay về với Chúa Kitô, khi chứng kiến những phép lạ phát xuất từ thi hài các thánh. Sau khi Gallius bị sát hại và Constantius qua đời, Julianus Apostata[5963] lên ngôi. Trong chuyến chinh phạt người Ba Tư, ông đã ghé thăm Antioch và vào đền thờ Apollo. Sau khi dâng lễ vật trước tượng thần, Julianus hỏi thần rằng liệu ông có đánh bại được người Ba Tư hay không. Nhưng tượng thần không trả lời ông, bởi vì kể từ khi di cốt của Thánh Vavila được chuyển đến Daphne, ác quỷ đã biến mất và tượng thần im lặng, không trả lời bất kỳ câu hỏi nào. Khi biết được điều này từ các thầy tế lễ của thần Apollon, Julian đã ra lệnh cho "những người Galilê"[5964] mang chiếc hòm đá chứa di cốt các thánh từ đó về. Các Kitô hữu ở Antioch, từ già đến trẻ, đều tụ tập lại và cùng với các thánh vịnh và bài ca, đã rước di cốt của Thánh Babylas và ba thiếu niên vào thành phố. Vây quanh hòm đá từ mọi phía, các Kitô hữu hát lên: *"Hãy để tất cả những ai phụng sự các tượng thần, những kẻ khoe khoang về các thần tượng, phải xấu hổ"* (Thánh vịnh 96:7). Ngay khi các di cốt thánh được rước từ Daphne vào thành phố, lửa từ trời đổ xuống đền thờ Apollon và thiêu rụi nó cùng với tượng thần. Như vậy,

---

[5959] Hoàng đế La Mã, con trai thứ hai của Constantine Đại đế, trị vì đến năm 361.

[5960] Julia Constantius, em trai của Constantine Đại đế. Những người đồng trị vì này được gọi là các Caesar.

[5961] Apollon – vị thần của người Hy Lạp và La Mã cổ đại, được tôn kính là thần của ánh sáng, đặc biệt là ánh sáng mặt trời, cũng như sự khai sáng trí tuệ, thi ca và âm nhạc; là vị thần tiên tri, người chữa lành bệnh tật và người bảo vệ trật tự xã hội.

[5962] Tức là ở đây có cái gọi là "thánh điện tiên tri", nơi mà theo tín ngưỡng của người Hy Lạp và La Mã cổ đại, các vị thần thông qua tiếng lá xào xạc của những cây thiêng, tiếng nước chảy róc rách, v.v., đã tiên đoán tương lai cho con người. Những lời tiên tri này mang tính chất những câu nói khó hiểu, và những người giải thích chúng là các thầy tế, những người vì lợi ích cá nhân mà duy trì những mê tín dị đoan và lầm tưởng thô thiển trong dân chúng.

[5963] Julianus Flavius, hoàng đế La Mã, được gọi là "Kẻ Bội Đạo".

[5964] Những người theo Chúa Kitô được gọi là người Galilê, Đấng được gọi là "Giê-su người Galilê" (Mt 26:69), bởi vì Ngài đã trải qua thời thơ ấu và tuổi thiếu niên tại Na-za-rét, một thị trấn nhỏ ở Galilê.

những kẻ vô đạo đã bị làm nhục; còn các tín hữu thì hân hoan và ngợi khen Thiên Chúa. Vinh quang thuộc về Chúa muôn đời. Amen.

Cuộc đời của Thánh Tiên tri Mô-sê, Đấng Nhìn Thấy Thiên Chúa

Ngày kỷ niệm: 4 tháng 9

Sau khi Giô-sép qua đời, dòng dõi của Gia-cóp, cha ông, trong vòng vài trăm năm[5965] đã sinh sôi nảy nở đến mức cả xứ Ai Cập tràn ngập người Y-sơ-ra-ên, và trong thời chiến, chỉ riêng họ đã có thể huy động được tới sáu trăm nghìn quân. Lúc bấy giờ, vua Ai Cập bắt đầu lo ngại rằng dân Israel có thể liên minh với kẻ thù của Ai Cập và, vì khao khát tự do, sẽ nổi dậy chống lại ông. Ông đã chỉ định những quan cai trị đặc biệt giám sát dân Israel, những người này có nhiệm vụ ép buộc họ làm những công việc nặng nhọc đến kiệt sức. Họ hành hạ dân Y-sơ-ra-ên với sự tàn bạo đặc biệt, ép buộc họ cày cấy đất đai, làm gạch và xây dựng thành phố, vừa vì lòng kiêu ngạo, vừa đặc biệt nhằm mục đích tiêu diệt dân Do Thái càng sớm càng tốt. Nhưng càng ngày họ càng trở nên cay độc với dân Y-sơ-ra-ên và càng làm họ kiệt sức, thì dân Y-sơ-ra-ên lại càng sinh sôi nảy nở: vì họ không thể làm giảm số lượng những người mà chính Đức Chúa Trời muốn cho sinh sôi và vinh hiển. Và mặc dù vua đã ra lệnh bí mật cho các bà mụ rằng ngay khi mới sinh ra, họ phải giết chết các trẻ sơ sinh nam người Do Thái; nhưng những người này, vì kính sợ Đức Chúa Trời, đã tha mạng cho các em. Sau đó, vua ban ra một sắc lệnh tàn nhẫn trên khắp đất Ai Cập, theo đó bất cứ ai phát hiện thấy trẻ sơ sinh nam người Do Thái đều phải ném chúng xuống sông (Xuất Hành, chương 1).

Vào thời đó, có một người đàn ông tên là Amram thuộc chi phái Lê-vi, sống ở đó cùng với vợ mình là Jochebed, cũng thuộc chi phái Lê-vi; cho đến lúc đó, họ đã có một con trai tên là A-rôn và một con gái tên là Ma-ri-am[5966] . Chính vào thời kỳ tàn bạo đó, khi các trẻ sơ sinh Do Thái đang bị tàn sát, họ lại sinh thêm một con trai thứ hai; đứa trẻ xinh đẹp đến nỗi người mẹ, dù biết luật tàn bạo về việc giết chết tất cả trẻ sơ sinh Do Thái, vẫn thương xót đứa bé và quyết định giấu nó trong nhà, điều mà bà đã làm trong suốt ba tháng. Nhưng sau đó, vì không thể giấu đứa trẻ được nữa, bà đã lấy một chiếc giỏ, bôi nhựa thông vào, đặt đứa trẻ vào đó và để nó giữa đám lau sậy bên bờ sông. Chị gái của đứa trẻ đứng từ xa quan sát xem điều gì sẽ xảy ra với em (Xuất Hành 2:2). Con gái của Pharaoh[5967] ra sông[5968] để tắm, còn các tỳ nữ của nàng thì đi dọc theo bờ sông. Nàng nhìn thấy chiếc giỏ giữa đám lau sậy, bèn sai một tỳ nữ đi lấy nó. Khi mở giỏ ra và thấy trong đó có một đứa trẻ đang khóc, nàng động lòng thương xót và nói: "Đây là một đứa trẻ Do Thái." Công chúa muốn nhận đứa trẻ làm con nuôi và tìm cho nó một người vú em là người Do Thái. Theo lời kể của Josephus Flavius[5969] , người ta đã đưa nhiều bà vú người Do Thái đến cho đứa trẻ được tìm thấy, nhưng nó không chịu bú sữa của họ. Lúc đó, Mariam, em gái của Mô-sê, đã dám tiến lại gần con gái của Pharaoh và nói với nàng:

– Tôi có nên đi gọi một người vú em Do Thái đến cho cô, để cô ấy nuôi dưỡng đứa trẻ này cho cô không?

Con gái Pharaoh đáp lại: "Hãy đi đi," – và Mariam liền dẫn mẹ mình đến gặp cô. Con gái Pharaoh nói với bà:

– Hãy bế đứa bé và nuôi nó: ta sẽ trả tiền cho chị.

Yohaveda bế đứa trẻ, và đứa trẻ bám chặt lấy bà, cảm nhận được bà là mẹ mình. Bà nuôi nấng em bé tại nhà mình; khi em bé lớn lên, bà đưa em đến gặp con gái Pharaoh, người đã nhận em làm con nuôi và đặt tên cho em là Mô-sê, *"vì*," bà nói, *"tôi đã vớt em lên từ nước"* (tên này trong tiếng Ai Cập có nghĩa là "nước") (Xuất Hành 2:7–10).

[5965] Cái chết của tổ phụ Giô-sép được cho là xảy ra vào khoảng năm 1923 trước Công nguyên. Thời gian dân Y-sơ-ra-ên lưu trú tại Ai Cập kéo dài khoảng 398 năm, kể từ khi Gia-cốp cùng gia đình di cư đến đó.

[5966] Amram thuộc chi phái Lê-vi (con trai của tổ phụ Gia-cốp) và là con trai của Ca-háp, con trai của Lê-vi (Xuất Ê-díp-tô Ký 6:20; Dân Số Ký 3:29, 26:58–59). Giô-ha-vê-đa là con gái của Lê-vi (Xuất Ê-díp-tô Ký 6:20; Dân Số Ký 26:59).

[5967] Tức là con gái của vua Ai Cập. Các vị vua Ai Cập được gọi là các pharaon.

[5968] Ở đây tất nhiên là sông Nile – con sông vĩ đại nhất trên thế giới. Chiều dài của sông Nile được ước tính là 6.000 verst; nó chảy qua vùng đông bắc châu Phi, bắt nguồn từ Ethiopia và đổ ra Biển Địa Trung Hải.

[5969] Giô-sép Flavius, nhà sử học Do Thái (sinh năm 37 sau Công nguyên), tác giả của cuốn "Cổ sử Do Thái", trong đó ông thuật lại một số truyền thuyết về Mô-sê mà không có trong các sách thánh Kinh.

Trong một số truyền thuyết cổ xưa[5970] có kể rằng, có lần con gái của Pharaoh đã mang Mô-sê đến gặp cha mình, và ông, trong lúc chơi đùa với cậu bé, đã đội lên đầu cậu một vương miện hoàng gia, trên đó có một bức tượng thần nhỏ; còn Mô-sê thì giật vương miện ra khỏi đầu, ném xuống đất và giẫm đạp lên nó bằng đôi chân của mình. Một thầy tế ngoại đạo, người đã nhận được lời tiên tri từ các nhà chiêm tinh[5971] rằng khi một vị thủ lĩnh của dân Y-sơ-ra-ên ra đời, Ai Cập sẽ phải hứng chịu nhiều tai họa, đã khuyên Pharaoh giết đứa trẻ sơ sinh đó để khi lớn lên, nó không gây ra bất kỳ thảm họa nào cho đất nước họ. Nhưng, nhờ ân sủng và sự an bài của Đức Chúa Trời, những người khác đã phản đối điều này, nói rằng đứa trẻ làm vậy không phải cố ý, mà là do vô tình. Để thử nghiệm sự vô tình của đứa trẻ, họ mang than hồng đến, và nó đã cầm lấy rồi cho vào miệng, khiến lưỡi bị bỏng và do đó, trở nên nói lắp.

Khi Mô-sê trưởng thành, công chúa đã chỉ định những nhà thông thái xuất sắc nhất của Ai Cập để dạy dỗ cậu mọi sự khôn ngoan của Ai Cập, và cậu đã trở nên giỏi giang cả về lời nói lẫn việc làm, vượt qua các thầy dạy của mình trong thời gian ngắn và trở thành người được vua và tất cả các quan đại thần thân cận của vua yêu mến (Công vụ 7:21–22). Khi ông biết được nguồn gốc của mình, rằng ông là người Y-sơ-ra-ên, và nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng ngự trên trời, Đấng Tạo Hóa của vũ trụ, Đấng mà dân tộc ông tin kính, thì ông bắt đầu ghê tởm sự vô đạo ngoại giáo của Ai Cập (Hê-bơ-rơ 11:24–26).

Một số nhà sử học viết[5972] rằng khi người Ê-thi-ô-pi chiến đấu chống lại Ai Cập, Môi-se, lúc đó đã ở độ tuổi trưởng thành, được người Ai Cập bầu làm tướng quân và, nhờ sự dũng cảm của mình, đã đánh bại kẻ thù. Tuy nhiên, thay vì biết ơn, vua Ai Cập lại càng căm ghét ông hơn, bởi vì một số thầy tế lễ Ai Cập, qua những lời bói toán của họ, đã tiên tri rằng Mô-sê trong tương lai sẽ mang tai họa đến cho Ai Cập, và khuyên vua nên giết ông. Dưới ảnh hưởng của những lời xúi giục đó, nhà vua thực sự đã nảy sinh ý định giết Mô-sê, nhưng không thực hiện ngay lập tức, vì không muốn xúc phạm con gái mình, đồng thời hy vọng sẽ tìm ra lỗi lầm nào đó ở ông hoặc chờ đợi thời cơ thuận lợi hơn.

Tình cờ, Mô-sê đến gặp đồng bào mình, tức con cái Y-sơ-ra-ên, và khi quan sát công việc nặng nhọc của họ, ông thấy một người Ai Cập đang đánh một người Do Thái. Nhận thấy không có người lạ nào ở gần đó, ông đã giết người Ai Cập và giấu thi thể của hắn trong cát. Ngày hôm sau, ông lại ra ngoài và thấy hai người Do Thái đang cãi nhau, ông nói với người đã bắt đầu cuộc cãi vã:

– Sao ngươi lại đánh người lân cận mình?

Người kia đáp:

– Ai đã đặt ngươi làm thủ lĩnh và quan tòa của chúng ta? Ngươi có định giết cả ta nữa không, giống như ngươi đã giết người Ai Cập hôm qua?

Mô-sê nghe vậy, liền hoảng sợ và tự nhủ:

– Chắc hẳn mọi người đã biết về chuyện này rồi.

Pharaon nghe tin này, định giết Mô-sê; nhưng Mô-sê trốn khỏi Pharaoh và dừng chân tại xứ Ma-đi-am (Xuất Ê-díp-tô Ký 2:11–15).

Mệt mỏi vì chặng đường dài, Môi-se ngồi xuống bên giếng nước. Và lúc đó, bảy cô con gái của thầy tế lễ Mi-đi-am là Yô-phơ-ra[5973] , những người đang chăn đàn chiên của cha mình, đến bên giếng. Họ bắt đầu múc nước vào các máng để cho chiên uống. Nhưng những người chăn chiên của các đàn khác đến và xua đuổi họ. Lúc đó, Môi-se đứng dậy bảo vệ các cô gái, múc nước cho họ và cho chiên của họ uống.

[5970] Truyền thuyết này được truyền lại bởi Georgy Kedrin, một nhà văn Byzantine vào cuối thế kỷ XI hoặc đầu thế kỷ XII, tác giả của tác phẩm được gọi là "Tóm tắt Lịch sử", hay tuyển tập các truyền thuyết biên niên từ khi thế giới được tạo dựng cho đến năm 1059 sau Công nguyên.

[5971] Trong thời cổ đại, thuật ngữ "ba nhà thông thái" dùng để chỉ những người khôn ngoan, sở hữu kiến thức cao siêu và rộng lớn, đặc biệt là kiến thức về những sức mạnh bí ẩn của thiên nhiên, các thiên thể, các văn bản thiêng liêng, v.v. Họ quan sát các hiện tượng tự nhiên, giải mã giấc mơ, tiên đoán tương lai; đồng thời, phần lớn trong số họ cũng là các thầy tế lễ và được kính trọng sâu sắc tại các triều đình hoàng gia cũng như trong dân chúng. Đặc biệt, các nhà chiêm tinh Ai Cập chính là như vậy.

[5972] Josephus Flavius trong tác phẩm "Cổ sử Do Thái", quyển 2, chương 10.

[5973] Dân Madiân, hay Madiâm, là hậu duệ của Madiân, con trai thứ tư của Áp-ra-ham với Hê-tu-ra; đây là một dân tộc đông đúc gồm nhiều bộ lạc Ả Rập khác nhau, sống theo lối du mục. Vùng đất Madi-am, nơi họ cư trú chủ yếu, là một vùng sa mạc nằm bên Vịnh Elanit thuộc Biển Đỏ, ở phía đông của vịnh này, tại Ả Rập. Là hậu duệ của Madi-am, con trai của Áp-ra-ham, I-ô-phơ và gia đình ông là những người tôn thờ Đức Chúa Trời chân thật.

Khi trở về nhà, các thiếu nữ kể lại cho cha mình rằng có một người Ai Cập đã bảo vệ họ khỏi những người chăn cừu, thậm chí còn múc nước cho họ và cho đàn cừu của họ uống. Yophor vội vàng mời Mô-sê đến nhà mình, tiếp đón ông và sau đó gả con gái mình là Sephora cho ông; từ cuộc hôn nhân này, Mô-sê có hai người con trai. Người đặt tên con trai đầu lòng là Risam, "bởi vì," ông nói, "tôi đã trở thành người lạ ở xứ người," còn con trai thứ hai là Ê-li-ê-se, và nói: "Đức Chúa Trời của cha tôi đã giúp đỡ tôi và giải cứu tôi khỏi tay Pha-ra-ôn" (Xuất Ê-díp-tô Ký 2:16–22).

Một thời gian dài sau đó, vua Ai Cập qua đời. Dân Y-sơ-ra-ên than khóc vì công việc nặng nhọc, và tiếng kêu than của họ về ách nô lệ nặng nề đã vươn lên đến Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã nghe tiếng than khóc của họ, và Ngài nhớ lại giao ước của Ngài với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp. Đức Chúa Trời đã nhìn thấy con cái loài người, và Ngài muốn giải phóng họ (Xuất Ê-díp-tô Ký 2:23–25).

Mô-sê chăn chiên cho Yô-phô-ra, cha vợ của ông. Một lần nọ, ông dẫn đàn chiên đi sâu vào sa mạc và đến núi Hô-ri-vơ của Đức Chúa Trời[5974] . Bỗng Thiên sứ của Đức Chúa Trời hiện ra với ông trong ngọn lửa bùng cháy từ giữa bụi gai[5975] , và Mô-sê thấy bụi gai đang bốc cháy nhưng không bị thiêu rụi.

Mô-sê nói:

– Ta sẽ đi xem hiện tượng kỳ diệu này, tại sao bụi gai lại không bị cháy?

Chúa liền phán với ông từ giữa bụi gai:

– Mô-sê, Mô-sê!

Ông đáp:

– Con đây, lạy Chúa!

Và Đức Chúa Trời phán cùng ông:

– Đừng đến gần đây; hãy cởi giày ra khỏi chân ngươi, vì nơi ngươi đang đứng là đất thánh.

Rồi Ngài nói thêm:

– Ta là Đức Chúa Trời của các tổ phụ các ngươi, là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác và Đức Chúa Trời của Gia-cốp.

Mô-sê che mặt lại, vì sợ nhìn thấy Đức Chúa Trời.

– Ta, – Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se, – đã thấy sự đau khổ của dân Ta ở Ai Cập, tiếng kêu than dưới ách của những người cai trị họ, và Ta biết những nỗi khổ của họ. Và Ta sẽ giải cứu họ khỏi tay người Ai Cập, đưa họ ra khỏi xứ này và dẫn họ vào xứ trù phú và rộng lớn, xứ của người Ca-na-an, người Hê-tít, người A-mô-rít, người Gê-rê-sít, người Pê-rê-zít, người Ê-vê và người Giê-vu-sít, xứ chảy sữa và mật[5976] . Và này, tiếng kêu than của con cái Y-sơ-ra-ên đã đến tai Ta, và Ta thấy sự áp bức mà người Ai Cập đang áp bức họ. Vậy, hãy đi: Ta sẽ sai ngươi đến với Pha-ra-ôn, và ngươi hãy dẫn dân Ta, con cái Y-sơ-ra-ên, ra khỏi Ai Cập.

Mô-sê thưa với Đức Chúa Trời rằng:

– Tôi là ai mà dám đến gặp Pha-ra-ôn và dẫn con cái Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập?

– Ta sẽ ở cùng ngươi, – Đức Chúa Trời đáp lại, – và đây là dấu hiệu cho thấy Ta đã sai ngươi đi: khi ngươi dẫn dân Ta ra khỏi Ai Cập, các ngươi sẽ thờ phượng Đức Chúa Trời trên ngọn núi này.

[5974] Hô-rív – ngọn núi ở sa mạc Ả Rập, là đỉnh phía tây của cùng một dãy núi, phần phía đông của dãy núi này là núi Si-nai.

[5975] Theo tiếng Slav: Kupina – cây acacia gai của bán đảo Ả Rập, mọc rất nhiều ở vùng núi Horeb và Sinai, là một loại cây bụi nhỏ có gai nhọn. Theo giáo lý của Thánh Giáo Hội, bụi cây bốc cháy nhưng không bị thiêu rụi đã hiện ra trước Mô-sê, tượng trưng cho Đức Mẹ – Trinh Nữ, Đấng vẫn giữ được sự bất hoại sau khi nhập thể và sinh ra Con Thiên Chúa từ chính Ngài.

[5976] "Đất Canaan" ở một số nơi được hiểu là những vùng đất rộng lớn nằm ở phía tây châu Á dọc theo bờ biển phía đông Địa Trung Hải – cụ thể là vùng đất bên này sông Jordan, Phoenicia và các vùng đất của người Philistine, trong khi đó, vùng đất bên kia sông Jordan lại khác biệt với đất Canaan. Trong thời hiện đại, "đất Canaan" thường được hiểu là toàn bộ "Đất Hứa" – tức là tất cả các vùng đất do dân Y-sơ-ra-ên chiếm giữ ở cả hai bên sông Giô-đanh. Vùng đất Canaan nổi bật với sự màu mỡ phi thường, sự phong phú của các đồng cỏ thuận lợi cho chăn nuôi gia súc, và theo nghĩa này, trong Kinh Thánh nó được gọi là "vùng đất chảy sữa và mật ong". Người Canaan là những cư dân ban đầu của đất Canaan, hậu duệ của Canaan, con trai của Ham, được chia thành 11 chi tộc, trong đó năm chi tộc: người Hê-vít, người Giê-vu-sít, người A-mô-rít, người Gê-rê-sít và người Hê-tít đã sinh sống tại vùng đất mà sau này người Israel chiếm đóng, hay nói cách khác là Đất Hứa. Người Yê-vê, một bộ tộc Canaan đông đảo, cư ngụ ở trung tâm xứ Canaan và một phần ở phía nam; người Amori – bộ tộc Canaan hùng mạnh nhất vào thời Mô-sê – đã lan rộng khắp vùng đất Canaan, ở phía này sông Giô-đanh, chiếm giữ vùng trung tâm của vùng đất này cùng với núi Amori, và mở rộng lãnh thổ xa về phía bắc lẫn phía nam; người Hittite cư ngụ ở các vùng cao nguyên gần người Amori và cũng là một bộ tộc mạnh mẽ và đông đúc; người Jebusite vào thời Mô-sê chiếm giữ phần phía nam của Đất Hứa; người Gergeze cư ngụ ở phía tây sông Jordan. Dân Phereze là một dân tộc thuộc về những cư dân bản địa cổ xưa của Palestine, và không có nguồn gốc từ bộ tộc Canaan; họ chủ yếu sinh sống ở trung tâm Palestine, hay còn gọi là đất Canaan.

Mô-sê thưa với Đức Chúa Trời:

– Này, tôi sẽ đến với con cái Y-sơ-ra-ên và nói với họ: Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi đã sai tôi đến với các ngươi. Nhưng họ sẽ hỏi tôi: Tên Ngài là gì? Tôi phải nói gì với họ đây?

– Ta là Đấng Hằng Hữu[5977] , – Đức Chúa Trời đáp lại Môi-se, – vậy hãy nói với con cái Y-sơ-ra-ên rằng: Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp[5978] đã sai ta đến với các ngươi. Đây là danh Ta cho đến đời đời, và sự tưởng nhớ về Ta từ thế hệ này sang thế hệ khác. Hãy đi, tập hợp các trưởng lão của dân Y-sơ-ra-ên lại, và nói với họ rằng: Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, đã hiện ra với ta và phán rằng: Ta đã thăm viếng các ngươi… Ta sẽ giải cứu các ngươi khỏi ách nô lệ ở Ai Cập; họ sẽ nghe lời ngươi, rồi các ngươi sẽ đến gặp vua Ai Cập và nói với ông ta rằng: Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của dân Do Thái, đã kêu gọi chúng ta. Vậy, hãy cho chúng tôi đi vào sa mạc, cách đây ba ngày đường, để dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúng tôi. – Nhưng Ta biết rằng vua Ai Cập sẽ không cho các ngươi đi. Khi đó, Ta sẽ giáng các phép lạ xuống Ai Cập: và Pha-ra-ôn sẽ buộc phải cho các ngươi đi.

– Nhưng nếu họ không tin tôi, – Mô-sê phản đối, – và không nghe theo lời tôi, rồi nói: ‘Chúa chưa từng hiện ra với ngươi sao?’

Đức Chúa Trời phán: “Cái gì trong tay ngươi vậy?

Ông đáp: “Một cây gậy.”

Đức Chúa Trời phán: “Hãy ném nó xuống đất.”

Mô-sê ném xuống, và cây gậy biến thành con rắn. Mô-sê chạy trốn khỏi nó, nhưng Đức Chúa Trời ra lệnh cho ông nắm lấy đuôi con rắn, và con rắn lại biến thành cây gậy trong tay ông.

Chúa phán:

– Đây là dấu hiệu để họ tin rằng Chúa, Đức Chúa Trời của tổ tiên họ, đã hiện ra với ngươi. Nếu họ không tin cả điều này nữa, thì hãy làm như thế này: hãy đặt tay vào trong áo.

Mô-sê đưa tay vào trong áo, rồi rút ra, và thấy tay mình đã trắng bệch vì bệnh hủi[5979] , như tuyết. Đức Chúa Trời truyền cho ông đưa tay vào trong áo lần nữa, và tay ông lại trở nên lành lặn.

– Nếu họ vẫn không tin vào phép lạ này, – Đức Chúa Trời phán, – thì hãy lấy nước từ sông và đổ lên đất liền, và nước trên đất liền sẽ biến thành máu.

Mô-sê lại cầu xin Đức Chúa Trời đừng sai ông đi, vì ông không giỏi ăn nói và lưỡi ông cứng.

Chúa phán:

– Ai đã ban cho con người cái miệng? Ai khiến người ta câm, điếc, sáng mắt hay mù? Chẳng phải là Ta, Đức Chúa Trời sao? Vậy hãy đi đi, Ta sẽ ở bên miệng ngươi và dạy ngươi những điều ngươi phải nói.

Mô-sê vẫn tiếp tục từ chối và xin sai ai đó có năng lực hơn thay cho ông. Lúc đó, Đức Chúa Trời nổi giận với Mô-sê và phán:

– Chẳng phải ngươi có A-rôn, anh trai ngươi sao? Ta biết rằng anh ấy có thể nói thay cho ngươi. Và anh ấy sẽ ra đón ngươi, và việc gặp gỡ ngươi sẽ làm anh ấy vui mừng. Ngươi sẽ nói với anh ấy và đặt những lời của Ta vào miệng anh ấy, còn Ta sẽ ở bên miệng ngươi và bên miệng anh ấy, và Ta sẽ chỉ dạy hai người phải làm gì. Anh ấy sẽ thay mặt ngươi nói với dân chúng và sẽ là miệng lưỡi của ngươi, còn ngươi sẽ là đại diện của Đức Chúa Trời

---

[5977] Đấng Hằng Hữu, hay theo tiếng Do Thái là Giê-hô-va, là một trong những danh xưng của Đức Chúa Trời, thể hiện bản chất, sự vĩnh cửu và bất biến của Thượng Đế.

[5978] Sau khi chọn Áp-ra-ham để gìn giữ đức tin trên đất và lập giao ước của Ngài với ông, Đức Chúa Trời sau đó đã lặp lại những lời hứa của Ngài cho Y-sác và Gia-cốp. Chính vì vậy, các tổ phụ này thường được đề cập cùng nhau trong Kinh Thánh, không chỉ với tư cách là tổ tiên của dân Do Thái, mà còn là những người kế thừa và gìn giữ các giao ước và lời hứa thiêng liêng của Đức Chúa Trời, là những bậc vĩ nhân của đức tin và sự đạo đức, cũng như là những người cầu thay và bênh vực trước mặt Đức Chúa Trời, những người nhờ đức tin và đức hạnh của mình mà đã nhận được ân sủng đặc biệt từ Đức Chúa Trời. Vì vậy, tên của họ được lặp lại và nhắc đến trong Kinh Thánh cũng như trong các lần hiện ra và mặc khải cho dân Chúa, và trong ý nghĩa này, Đức Chúa Trời được gọi là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp.

[5979] Bệnh hủi là căn bệnh truyền nhiễm kinh hoàng và ghê tởm nhất; nó hoành hành chủ yếu ở các nước có khí hậu nóng, đặc biệt là ở Ai Cập, Palestine, Syria, Ả Rập, Ấn Độ và nói chung là ở phương Đông. Khi bệnh tiến triển, da trở nên trắng bệch, sau đó sưng phồng, khô lại, phủ đầy vảy và vết loét có mùi hôi thối; tiếp theo, các bộ phận cơ thể bắt đầu rụng đi, và phần lớn những người mắc bệnh này cuối cùng đều qua đời trong những cơn đau đớn khủng khiếp.

đối với anh ấy. Hãy cầm lấy cây gậy này (cái đã biến thành con rắn) trong tay ngươi: bằng nó, ngươi sẽ làm những dấu lạ[5980] .

Sau đó, Mô-sê trở về gặp Giô-phơ và nói với ông: "Tôi sẽ đi đến Ai Cập gặp các anh em tôi, để xem họ còn sống hay không."

– Hãy đi bình an, – Yophor đáp.

Và Mô-sê đi đến Ai Cập mà không sợ hãi, vì vị vua từng muốn giết ông và tất cả những kẻ tìm cách hủy diệt ông đều đã chết. Theo lệnh của Đức Chúa Trời, A-rôn ra đón Mô-sê và vui mừng hôn ông. Mô-sê truyền lại cho A-rôn tất cả những lời của Đức Chúa Trời. Khi đến Ai Cập, họ tập hợp tất cả các trưởng lão của dân Y-sơ-ra-ên và kể cho họ nghe tất cả những lời mà Đức Chúa Trời đã phán với Môi-se, còn Môi-se thì thực hiện các dấu lạ và phép lạ trước mặt họ. Dân Y-sơ-ra-ên tin họ và vui mừng vì Đức Chúa Trời đã viếng thăm con cái Y-sơ-ra-ên và đoái thương đến sự đau khổ của họ.

Sau đó, Môi-se và A-rôn đến gặp Pha-ra-ôn và nói với ông ta:

– Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, phán như vầy: Hãy để dân Ta đi, để họ cử hành lễ cho Ta trong đồng vắng.

Nhưng Pha-ra-ôn đáp:

– Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên là ai mà ta phải vâng theo tiếng Ngài? Ta không biết Đức Giê-hô-va, và ta sẽ không thả dân Y-sơ-ra-ên đi. Còn các ngươi, Môi-se và A-rôn, tại sao lại làm dân chúng xao nhãng công việc? Hãy trở về làm việc của mỗi người đi.

Và ngay lập tức, ông ra lệnh cho các quan cai quản dân Do Thái phải áp bức họ nặng nề hơn bằng những công việc nặng nhọc, và không cho họ rơm để làm gạch nữa; từ đó trở đi, họ phải tự đi nhặt rơm, nhưng số lượng gạch phải nộp theo quy định thì không được giảm bớt.

– Người Do Thái – nhà vua nói – đang nhàn rỗi; vì thế họ mới la hét: 'Chúng tôi sẽ đi dâng lễ vật cho Đức Chúa Trời của chúng tôi.'

Sau đó, người Do Thái bị áp bức còn nặng nề hơn nữa. Vì phải tự đi tìm nguyên liệu, họ không kịp hoàn thành số lượng gạch quy định hàng ngày; vì lý do này, các giám thị người Do Thái bị đánh đập và không được chấp nhận bất kỳ lời giải thích nào từ họ, nên họ đã kêu ca chống lại Mô-sê và A-rôn, nói rằng: "Xin Đức Chúa Trời phán xét các ngươi vì đã khiến chúng ta bị Pha-ra-ôn và các tôi tớ của ông ta ghét bỏ, và đã trao vũ khí vào tay họ để giết chúng ta."

Mô-sê quay sang Đức Chúa Trời và thưa rằng:

– Lạy Chúa! Tại sao Ngài lại khiến dân này phải chịu tai họa như vậy, tại sao Ngài lại sai con đi? Vì từ khi con đến gặp Pha-ra-ôn và nói nhân danh Ngài, ông ta đã bắt đầu đối xử tồi tệ hơn với dân chúng.

Đức Chúa Trời đáp lại Môi-se:

– Bây giờ ngươi sẽ thấy Ta sẽ làm gì với Pha-ra-ôn: nhờ sức mạnh của Ta, hắn sẽ thả con cái Y-sơ-ra-ên, thậm chí còn đuổi họ ra khỏi đất nước hắn. Hãy nói với họ rằng: Ta, Đức Giê-hô-va, sẽ giải thoát các ngươi khỏi ách nô lệ của người Ai Cập, cứu các ngươi, làm cho các ngươi trở thành dân của Ta và làm Đức Chúa Trời của các ngươi, rồi dẫn các ngươi vào xứ mà Ta đã thề ban cho Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, và ban xứ ấy làm cơ nghiệp cho các ngươi.

Mô-sê đã truyền lại những lời này cho con cái Y-sơ-ra-ên, nhưng vì lòng nhút nhát và gánh nặng lao động, họ không tin Mô-sê. Bấy giờ, Đức Giê-hô-va truyền cho Mô-sê đi gặp Pha-ra-ôn và bảo ông ta phải thả con cái Y-sơ-ra-ên ra khỏi đất nước mình. Mô-sê thưa lại rằng: "Nếu dân Y-sơ-ra-ên còn không nghe lời tôi, thì làm sao Pha-ra-ôn lại nghe lời tôi được, khi mà chính lời nói của tôi, Mô-sê, cũng không rõ ràng."

Nghe vậy, Đức Chúa Trời đáp lại:

– Ta đã lập ngươi như một vị thần trước mặt Pha-ra-ôn, còn A-rôn, anh trai ngươi, sẽ là nhà tiên tri của ngươi. Ngươi sẽ nói với anh ấy mọi điều Ta truyền cho ngươi, còn anh trai ngươi sẽ nói với Pha-ra-ôn để ông ta thả dân Y-sơ-ra-ên ra. Nhưng Ta sẽ để cho Pharaoh tỏ ra cứng đầu đến tột cùng và không nghe lời các ngươi. Vì thế, Ta sẽ giơ tay Ta ra trên Ai Cập và giáng xuống đó sự phán xét khủng khiếp qua những tai họa kỳ diệu; lúc đó, tất cả dân Ai Cập sẽ biết rằng Ta là Đức Chúa Trời! Và Ta sẽ dẫn dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi giữa họ. Nếu Pha-ra-ôn đòi các ngươi đưa ra bằng chứng, thì ngươi hãy bảo A-rôn ném cây gậy xuống – và cây gậy sẽ biến thành con rắn.

[5980] Về sự hiện ra của Đức Chúa Trời với Môi-se và việc Ngài kêu gọi Môi-se, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:1–4:17.

Được chính Đức Chúa Trời khích lệ, Môi-se và A-rôn lại đến trước mặt Pha-ra-ôn và các quan của ông ta, rồi làm theo lời Đức Giê-hô-va đã truyền. A-rôn ném cây gậy của mình xuống trước mặt Pha-ra-ôn, và cây gậy biến thành con rắn. Pharaon triệu tập các nhà thông thái và các pháp sư Ai Cập, và họ cũng làm điều tương tự bằng phép thuật của mình; nhưng cây gậy của A-rôn đã nuốt chửng các cây gậy của họ. Lòng Pha-ra-ôn trở nên cứng cỏi, ông không nghe theo họ, đúng như lời Đức Chúa Trời đã tiên báo, và không chịu thả dân Do Thái ra. Lúc bấy giờ, theo lệnh của Đức Chúa Trời, Môi-se và A-rôn bắt đầu giáng các tai họa xuống đất Ai Cập[5981] .

Ngày hôm sau, theo lệnh của Mô-sê, A-rôn cầm cây gậy của mình, đánh xuống mặt nước sông trước mặt Pha-ra-ôn và các tôi tớ của ông ta, và toàn bộ nước trong sông biến thành máu; cá trong sông chết hết, sông bốc mùi hôi thối, và người Ai Cập không thể uống nước từ sông được nữa. Đại họa thứ hai là ếch nhái[5982] : Aaron giơ tay ra trên các dòng nước Ai Cập, và khiến ếch nhái tràn ra từ đó; chúng xâm nhập vào các ngôi nhà, phòng ngủ, giường ngủ, lò nướng và thùng ủ men, bám lên vua, các tôi tớ và dân chúng của ông, không để ai được yên ổn ở bất cứ đâu. Và cả đất Ai Cập đều bị ếch bao phủ; khi chúng chết đi theo lệnh của Môi-se, người Ai Cập đã gom chúng thành đống, và cả đất nước bốc mùi hôi thối vì xác ếch chết và thối rữa. Đại họa thứ ba là bọ chét trên người và gia súc, trên Pharaoh và gia đình ông, cũng như trên các nô lệ của ông; và toàn bộ đất đai Ai Cập đều tràn ngập bọ chét[5983] . Đại họa thứ tư là ruồi chó[5984] . Đại họa thứ năm là một căn bệnh rất nặng trên gia súc khắp đất Ai Cập. Đại họa thứ sáu là những vết loét mưng mủ trên người và gia súc. Đại họa thứ bảy là mưa đá và lửa xen lẫn trong mưa đá[5985] , và cơn mưa đá đó đã tàn phá mọi thứ dưới trời mở: cỏ, cây cối, gia súc và con người. Tai họa thứ tám là châu chấu và sâu bướm[5986] , chúng đã ăn sạch tất cả thực vật của Ai Cập. Đại họa thứ chín là bóng tối kéo dài ba ngày trên khắp đất Ai Cập, dày đặc đến nỗi ngay cả khi có lửa cũng không có ánh sáng, khiến không ai có thể nhìn thấy nhau trong suốt ba ngày, và không ai trong thời gian đó dám rời khỏi giường của mình. Đại họa thứ mười và cũng là cuối cùng là cái chết của các con đầu lòng Ai Cập.

Và tất cả những tai họa này, trong đó không có tai họa nào gây hại cho dân Y-sơ-ra-ên, mà chỉ gây hại cho người Ai Cập, đều do Đức Chúa Trời giáng xuống qua Môi-se và A-rôn vì Pha-ra-ôn không chịu thả dân của Đức Chúa Trời ra sa mạc để thờ phượng Ngài; bởi vì, mặc dù ông ta đã hứa sẽ thả họ ra vài lần vì sợ tai họa, nhưng khi tai họa giảm bớt, ông ta lại trở nên cứng lòng và do đó không thả họ ra cho đến tai họa thứ mười. Trước khi xảy ra tai họa thứ mười, con cái Y-sơ-ra-ên, theo như Môi-se đã truyền dạy, đã xin người Ai Cập những đồ dùng bằng bạc và vàng cùng những bộ quần áo quý giá, bao nhiêu họ có thể mang theo được.

Sau đó, Mô-sê đã thiết lập cho con cái Y-sơ-ra-ên lễ Vượt Qua, để tưởng nhớ việc họ ra khỏi Ai Cập, theo lệnh của Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-sê và A-rôn rằng:

– Tháng này[5987] sẽ là tháng đầu tiên trong năm của các ngươi. Hãy truyền cho toàn thể cộng đồng con cái Y-sơ-ra-ên rằng, vào ngày thứ chín của tháng này, mỗi gia đình phải chọn ra một con chiên con từ đàn chiên của mình. Con chiên phải là con đực, không tì vết, một tuổi. Hãy giữ nó cho đến ngày mười bốn của tháng này. Vào buổi tối ngày đó, mỗi gia đình hãy giết con chiên. Sau đó, hãy dùng máu của nó bôi lên hai khung cửa và xà ngang của những ngôi nhà mà họ sẽ tụ họp để ăn thịt chiên. Hãy ăn thịt con chiên đó, không được luộc trong nước, mà

[5981] Về các tai họa ở Ai Cập, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 7–12.

[5982] Một loài ếch lớn không có đuôi. Bản thân những con ếch này vô hại và không nguy hiểm, nhưng rất ghê tởm và đáng kinh tởm; chúng thường phủ kín đất Ai Cập với số lượng khổng lồ, tràn ngập các đầm lầy, kênh rạch sông Nile, đồng ruộng và sân vườn, rồi bò vào nhà, phòng ngủ, lên giường, vào lò nướng và thùng ủ men, khiến chúng trở thành một tai họa thực sự đối với người dân.

[5983] Hầu hết các nhà giải thích cho rằng "côn trùng" ở đây ám chỉ muỗi, loài côn trùng xuất hiện với số lượng khổng lồ ở phương Đông và nói chung ở các nước có khí hậu ấm áp, đặc biệt là gần các con sông, đến mức chúng thường trở thành tai họa của đất nước. Theo các cách giải thích khác, đó là các loại ký sinh trùng khác nhau trên người và gia súc.

[5984] "Ruồi chó" là một loài ruồi hoặc côn trùng gây loét, được cho là đặc biệt có hại cho chó. Tuy nhiên, từ tiếng Do Thái thay thế cụm từ này ở đây thực chất có nghĩa là "hỗn hợp" hay "số lượng lớn", do đó cần hiểu là chỉ chung cho vô số loài côn trùng gây hại nói chung.

[5985] Một số người hiểu "cơn tai họa thứ bảy" là cơn gió Hamsin – cơn gió nóng bỏng từ phía nam, mang theo những đống cát khổng lồ từ sa mạc vào Ai Cập, thường đi kèm với những cơn bão tàn phá và đồng thời là mưa đá dữ dội. Cơn gió Hamsin mang theo những thảm họa khủng khiếp cho người dân Ai Cập.

[5986] Cào cào là loài côn trùng thuộc họ nhảy và ăn thực vật. Nó nổi tiếng vì tính háu ăn, và vì thế được coi là một trong những tai họa khủng khiếp nhất của Đức Chúa Trời ở phương Đông. Loài côn trùng này luôn bay đến thành từng đám mây cùng với gió đông, trên đường đi nó nuốt chửng toàn bộ thảm thực vật, và không có gì có thể chống lại nó cho đến khi chính cơn gió đó thổi nó ra biển, nơi nó sẽ chết. Kinh Thánh thường đề cập đến châu chấu như một công cụ đặc biệt của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. – Sâu bướm – là một trong những loài châu chấu ở giai đoạn ấu trùng, trước khi chúng mọc cánh.

[5987] Trong tiếng Do Thái – tháng Aviv, hay Nisan, tương ứng với nửa sau của tháng Ba và nửa đầu của tháng Tư theo lịch của chúng ta.

phải nướng trên lửa, cùng với bánh không men và các loại rau đắng. Đừng để lại gì từ con chiên đó cho đến sáng, cũng đừng bẻ gãy xương nó; còn những gì còn lại, hãy đốt đi bằng lửa. Hãy ăn một cách vội vã, thắt lưng, mang giày, và cầm gậy trong tay. Đây là Lễ Vượt Qua của Chúa[5988] . Ta sẽ đi qua xứ Ai Cập trong đêm nay, và giết chết mọi con đầu lòng của dân Ai Cập, từ người đến súc vật; nhưng khi Ta thấy máu trên các ngôi nhà của các ngươi, Ta sẽ đi qua các ngươi và không cho kẻ hủy diệt vào nhà các ngươi để giết chóc. Và ngày này sẽ là ngày đáng nhớ; các ngươi hãy cử hành lễ này để tôn vinh Chúa qua mọi thế hệ, như một quy định vĩnh viễn[5989] .

Theo lệnh của Đức Chúa Trời, mỗi gia đình Y-sơ-ra-ên đều đã chọn ra và chuẩn bị một con chiên con cho đến giờ đã định. Cửa nhà của tất cả con cái Y-sơ-ra-ên đều được bôi máu và đóng kín; không ai ra khỏi nhà cho đến sáng. Vào nửa đêm, Thiên Thần Hủy Diệt đi qua xứ Ai Cập và giết chết tất cả các con đầu lòng của người Ai Cập, từ con đầu lòng của Pharaoh cho đến con đầu lòng của người tù bị giam trong ngục, và tất cả các con đầu lòng của súc vật. Còn đối với dân Do Thái, mọi thứ đều bình an.

Đêm đó, Pha-ra-ôn thức dậy, cùng với tất cả các tôi tớ của ông và toàn thể dân Ai Cập; một tiếng kêu la lớn vang dội khắp xứ Ai Cập, vì không có nhà nào mà không có người chết. Ngay lập tức, Pha-ra-ôn cho gọi Môi-se và A-rôn đến và nói:

– Hãy đứng dậy, ra khỏi giữa dân ta, các ngươi và tất cả con cái Y-sơ-ra-ên, rồi hãy đi dâng lễ cho Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các ngươi, như các ngươi đã nói; hãy mang theo cả gia súc nhỏ lẫn gia súc lớn. Hãy đi, và chúc phước cho ta.

Người Ai Cập bắt đầu ép buộc dân Y-sơ-ra-ên phải mau chóng rời khỏi đất nước họ, vì họ nói: "Nếu không, chúng ta sẽ chết hết vì họ."

Và dân Y-sơ-ra-ên mang theo bột bánh của mình trước khi nó lên men; các thùng men của họ, được bọc trong áo quần, được vác trên vai, vì họ, do bị người Ai Cập ép buộc, không kịp chuẩn bị bột để mang theo trên đường đi. Họ ra đi mang theo bạc, vàng và đồ trang sức quý giá; cùng đi với họ còn có nhiều người ngoại kiều, cùng gia súc lớn nhỏ. Số lượng tất cả những người đàn ông đi bộ, không kể gia đình và những người ngoại kiều khác, lên tới 600.000 người. Mô-sê mang theo hài cốt của Giô-sép, người đã qua đời tại Ai Cập và trước khi chết, nhờ tinh thần tiên tri mà nhìn thấy tương lai, đã thề với con cái Y-sơ-ra-ên rằng: *"Đức Chúa Trời sẽ thăm viếng các ngươi, và các ngươi hãy mang hài cốt của ta ra khỏi nơi này"* (Sáng Thế Ký 50:24–25).

Đức Chúa Trời đi trước dân Y-sơ-ra-ên: ban ngày Ngài soi sáng cho họ bằng cột mây, ban đêm bằng cột lửa, để họ có thể đi cả ngày lẫn đêm. Cột mây ban ngày và cột lửa ban đêm không bao giờ rời khỏi trước mặt cả dân (Xuất Ê-díp-tô Ký 13:16–32).

Khi vua Ai Cập được báo tin rằng dân Y-sơ-ra-ên đã trốn chạy, lòng ông và các tôi tớ của ông bỗng quay sang chống lại dân ấy, và họ nói: "Chúng ta đã làm gì vậy? Tại sao lại để dân Y-sơ-ra-ên đi, khiến họ không còn làm việc cho chúng ta nữa?" Pharaon đã đánh xe ngựa của mình, và dẫn theo dân của mình, gồm sáu trăm cỗ xe ngựa tinh nhuệ cùng tất cả các cỗ xe ngựa khác của Ai Cập, cùng các quan chỉ huy đứng đầu tất cả họ. Họ đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên và bắt kịp họ khi họ đang đóng trại bên bờ biển[5990] , nhưng không thể tấn công họ: Thiên sứ của Đức Chúa Trời, Đấng đi trước trại quân của con cái Y-sơ-ra-ên, bấy giờ đi phía sau họ, vào giữa trại quân Ai Cập và trại quân của con cái Y-sơ-ra-ên; Ngài trở thành đám mây và bóng tối đối với bên này, còn chiếu sáng ban đêm cho bên kia, nên hai bên không thể đến gần nhau. Mô-sê giơ tay ra trên biển, và Đức Giê-hô-va đã thổi một cơn gió đông mạnh mẽ suốt cả đêm, biến biển thành đất khô, và nước biển tách ra. Dân Y-sơ-ra-ên đi qua biển trên đất khô; còn nước biển thì đứng như bức tường ở bên phải và bên trái họ. Dân Ai Cập đuổi theo họ, và tất cả ngựa, xe ngựa cùng kỵ binh của Pharaoh đều tiến vào giữa biển. Sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã được dẫn qua biển, Môi-se, theo lệnh

---

[5988] Lễ Vượt Qua – khi dịch từ tiếng Do Thái – có nghĩa là sự vượt qua, sự đi qua của một điều gì đó, sự giải thoát, và từ đó có ý nghĩa là của lễ vượt qua, của lễ giải thoát. Lễ Vượt Qua là lễ hội vĩ đại nhất trong các lễ hội Do Thái của Cựu Ước, được thiết lập để kỷ niệm sự giải thoát kỳ diệu của dân Do Thái khỏi ách nô lệ ở Ai Cập. Lễ Phục Sinh trong Cựu Ước là hình bóng của sự cứu chuộc loài người khỏi tội lỗi nhờ sự đau khổ và cái chết của Chiên Con Thánh – Đấng Christ, và là một mầu nhiệm vĩ đại của đức tin đối với người Do Thái (Hê-bơ-rơ 11:28).

[5989] Về việc thiết lập lễ Vượt Qua, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:1–51, 13:1–16.

[5990] Vào thời điểm đó, dân Y-sơ-ra-ên đang đóng trại tại Pi-Ga-hi-rô-phê, đối diện với Ba-anh-Tse-phôn (Xuất Ê-díp-tô Ký 14:9). Ba-anh-Tse-phôn là một thành phố Ai Cập nằm bên Biển Đen hay Biển Đỏ, ở phía tây của rìa phía bắc biển này. Pi-Gahirof là một địa điểm nằm ở cuối vịnh phía bắc (vịnh Hieropolitan) của Biển Đỏ, về phía đông của Baal-Tsefon, còn được gọi là Agirud hoặc Agrud; ngày nay là một pháo đài có nguồn nước đắng đến nỗi ngay cả những con lạc đà vốn rất dễ tính cũng khó lòng uống được.

của Đức Chúa Trời, giơ tay ra trên biển; đến sáng, nước trở lại vị trí cũ, còn dân Ai Cập thì chạy trốn trước làn nước. Và Đức Giê-hô-va đã nhấn chìm dân Ai Cập giữa biển: nước dâng trở lại đã nhấn chìm các cỗ xe và các kỵ binh của toàn bộ quân đội Pha-ra-ôn, những người đã theo họ vào biển, đến nỗi không còn ai trong số họ sống sót. Và vào ngày đó, Đức Giê-hô-va đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi tay dân Ai Cập; họ thấy xác chết của những người Ai Cập trên bờ biển, nơi sóng đã dạt xác họ lên bờ, đến nỗi không còn ai sót lại. Lúc bấy giờ, dân Y-sơ-ra-ên thấy trong sự việc ấy bàn tay vĩ đại mà Đức Giê-hô-va đã bày tỏ trên dân Ai Cập; dân sự nên kính sợ Đức Giê-hô-va và tin cậy Ngài cùng Môi-se, tôi tớ Ngài (Xuất Ê-díp-tô Ký, chương 14). Mô-sê và con cái Y-sơ-ra-ên, trong niềm vui mừng và hân hoan, đã hát bài ca tạ ơn Đức Giê-hô-va:

– *"Ta sẽ hát ngợi khen Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã được tôn cao; Ngài đã ném ngựa và kỵ sĩ của nó xuống biển…"*[5991] (Xuất Ê-díp-tô Ký 15:1–18).

Và Mi-ri-am, em gái của Môi-se và A-rôn, đã tập hợp các phụ nữ Y-sơ-ra-ên lại, dẫn dắt họ thành các đoàn múa, tay cầm trống[5992] ; tất cả họ đều đánh trống và dưới sự dẫn dắt của bà, cùng hát bài ca đó.

Sau đó, Mô-sê dẫn dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Biển Đỏ[5993] , và họ bước vào sa mạc Su-rơ[5994] ; họ đi ba ngày trong sa mạc mà không tìm thấy nước. Khi họ đến Mê-ru và tìm thấy một suối nước ở đó, họ không thể uống nước từ suối ấy, vì nước rất đắng. Dân chúng bèn than phiền với Mô-sê, nói rằng: "Chúng ta sẽ uống gì đây?" Mô-sê kêu cầu Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời chỉ cho ông một cây; ông ném cây đó vào nước, – và nước trở nên ngọt[5995] . Mô-sê đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên trong suốt hành trình bốn mươi năm qua các sa mạc khác nhau, cầu xin Đức Chúa Trời ban cho họ mọi điều cần thiết. Khi họ than phiền với Mô-sê và A-rôn vì thức ăn, nhớ lại thịt mà họ đã ăn ở Ai Cập, – Mô-sê đã khẩn cầu Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đã ban cho họ manna và sai chim cút đến cho họ ăn no nê[5996] . Dân Y-sơ-ra-ên đã ăn manna này trong bốn mươi năm tại sa mạc A-ra-bi, cho đến khi họ bước vào đất Ca-na-an đã hứa ban cho họ. Khi họ phàn nàn vì khát, Môi-se đã làm cho nước chảy ra từ tảng đá: ông dùng gậy đập vào tảng đá, và một suối nước đã tuôn trào[5997] . Khi dân Amaleki tấn công dân Y-sơ-ra-ên, Môi-se giơ tay lên cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu đánh bại và chiến thắng kẻ thù, quân đội của chúng bị tiêu diệt hoàn toàn bằng gươm[5998] . Dù họ đã làm Đức Chúa Trời phẫn nộ bao nhiêu lần trong sa mạc, thì mỗi lần như vậy, Môi-se đều cầu xin Đức Chúa Trời, Đấng đã muốn tiêu diệt họ, nếu như Môi-se, người được Ngài chọn, không đứng trước mặt Ngài để xoa dịu cơn thịnh nộ của Ngài, để Ngài không hủy diệt họ!

[5991] Xuất Hành 15:1–18. Lời ca của toàn bộ bài ca tạ ơn và ngợi khen này tràn ngập sự say mê kính sợ và mang dấu ấn của sự vĩ đại thiêng liêng. Bài ca long trọng này của dân Y-sơ-ra-ên dâng lên Đức Chúa Trời trong Giáo Hội Chính Thống của chúng ta chiếm vị trí đầu tiên trong số chín bài ca thiêng liêng, làm nền tảng cho các kinh ca nổi tiếng, được Giáo Hội hát lên hàng ngày để tôn vinh Đức Chúa Trời và các thánh của Ngài.

[5992] Timpán là một trong những nhạc cụ cổ xưa nhất, hiện nay vẫn được sử dụng rộng rãi trên khắp phương Đông, và một phần ở phương Tây. Đây là một vòng tròn bằng gỗ hoặc kim loại có đường kính bằng lòng bàn tay, được bọc da, xung quanh mép thường được treo các vòng kim loại, nhẫn hoặc trống nhỏ. Và ngày nay, cũng như thời cổ đại, nhạc cụ này chủ yếu là của phụ nữ; khi hát và nhảy múa, họ cầm nó bằng tay trái, lắc lư, còn tay phải thì gõ vào nó theo nhịp.

[5993] Biển Đen, hay còn gọi là Biển Đỏ, là một eo biển dài và hẹp thuộc Ấn Độ Dương, ngăn cách bán đảo Ả Rập với Ai Cập và châu Á với châu Phi. Biển Đen rất sâu, ngay cả ở khoảng cách rất gần bờ.

[5994] Sa mạc Sur – sa mạc nằm giữa Palestine và Ai Cập, giữa vịnh Biển Đỏ và Biển Địa Trung Hải, kéo dài đến biên giới phía tây nam của Palestine. Ngày nay, nơi này được gọi là sa mạc El-Jifar.

[5995] Xuất Ê-díp-tô Ký 15:22–25. Mê-ra (nghĩa là "đắng") – một địa điểm trong sa mạc Sur, nằm trên bờ đông của Biển Đen. Ngày nay, người ta cho rằng địa điểm này nằm trên con đường từ Ayun-Musa đến Sinai, tại suối khoáng Gohare hoặc Gahore, nơi nước có vị rất khó chịu, đắng và mặn, đến nỗi được các bộ lạc Ả Rập du mục coi là suối tồi tệ nhất.

[5996] Xuất Ê-díp-tô Ký 16:1–36. Sự việc xảy ra tại sa mạc Sin ở Ả Rập, gần núi Si-nai. – Manna – dịch từ tiếng Do Thái có nghĩa là: "Đây là gì?", bởi vì khi lần đầu tiên nhìn thấy nó rơi xuống từ trời dưới dạng những hạt nhỏ, trông giống như tuyết, người Do Thái đã ngạc nhiên hỏi nhau: "Đây là gì vậy?" Ở đây, từ "manna" không thể được hiểu là bất kỳ loại manna tự nhiên nào đã biết, được chế biến từ những hạt nhỏ của một loại cây lúa mạch đặc biệt. Đó là một loại thực phẩm kỳ diệu đặc biệt mà Đức Chúa Trời đã ban xuống từ trời cho dân Y-sơ-ra-ên. Mô-sê so sánh hương vị của manna với hương vị của bột trộn với mật ong hoặc dầu; đồng thời, nó cũng rất thích hợp để chế biến các món ăn khác nhau.

[5997] Xuất Ê-díp-tô Ký 17:1–7. Sự việc này xảy ra tại Rê-phi-dim, trong sa mạc A-ra-bi, gần núi Hô-ri-vê. Sau khi làm phép lạ cho nước chảy ra từ tảng đá, Môi-se đặt tên cho nơi đó là Ma-sa và Mê-ri-va (tức là "sự cám dỗ và sự phàn nàn"), vì dân Y-sơ-ra-ên đã phàn nàn, và vì họ đã cám dỗ Đức Giê-hô-va, nói rằng: "Đức Giê-hô-va có ở giữa chúng ta hay không?"

[5998] Xuất Ê-díp-tô Ký 17:8–16. Dân A-ma-li-ki là một dân du mục, sống ở phía nam Pa-lét-tin, trong vùng Ả Rập đầy đá, giữa Ê-đu-mê và Ai Cập, tại các sa mạc Sin và Pa-ran, ở phía bắc bán đảo Si-nai.

Trong khi đó, Jethro, cha vợ của Mô-sê, khi nghe tin những điều Đức Chúa Trời đã làm cho Mô-sê và dân Y-sơ-ra-ên khi họ ra khỏi Ai Cập, đã đưa Sê-phô-ra, vợ của Mô-sê, cùng hai con trai của ông ấy, và cùng họ lên núi Hô-ri-vô, nơi dân Y-sơ-ra-ên đã dựng lều trại. Mô-sê ra đón ông và sau khi chào hỏi lẫn nhau, ông kể cho ông nghe về tất cả những điều Đức Chúa Trời đã làm với Pha-ra-ôn và toàn thể dân Ai Cập vì dân Y-sơ-ra-ên, cũng như về mọi khó khăn mà họ đã gặp phải trên đường đi. Yophor vui mừng khi nghe về những ân huệ mà Đức Chúa Trời đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên, ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã giải cứu dân Ngài khỏi ách thống trị của người Ai Cập, xưng nhận trước mặt mọi người rằng Đức Giê-hô-va là Đấng vĩ đại, vượt trội hơn tất cả các thần khác, và dâng của lễ lên Ngài.

Ngày hôm sau, Môi-se ngồi xét xử dân chúng; dân chúng đứng trước mặt ông từ sáng đến tối.

Thấy vậy, Yofor nói với Môi-se rằng ông đang tự làm khổ mình và dân chúng một cách vô ích, vì công việc này quá nặng nề đối với một mình ông.

– Hãy nghe lời ta, – Yofor nói, – hãy làm trung gian giữa dân chúng và Đức Chúa Trời, và trình bày với Ngài những việc của họ; hãy dạy con cái Y-sơ-ra-ên các điều răn và luật pháp của Đức Chúa Trời, chỉ cho họ con đường Ngài mà họ phải đi, và những việc họ phải làm; và hãy chọn cho mình những người có năng lực, kính sợ Đức Chúa Trời, những người công chính, ghét tham lam, rồi đặt họ làm thủ lĩnh cho dân: những người chỉ huy một ngàn, một trăm, năm mươi và mười người, cùng những người ghi chép; hãy để họ xét xử dân chúng mọi lúc và báo cáo cho ngươi mọi việc quan trọng, còn những việc nhỏ nhặt thì họ tự xét xử: như vậy ngươi sẽ nhẹ nhàng hơn, và họ sẽ cùng ngươi gánh vác gánh nặng.

Mô-sê vâng lời cha vợ mình; sau đó, Giô-phơ sớm từ biệt ông và trở về xứ sở của mình (Xuất Ê-díp-tô Ký 18).

Vào ngày trăng non của tháng thứ ba, sau khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, họ đến sa mạc Si-nai và dựng trại đối diện với ngọn núi. Môi-se leo lên núi Si-nai[5999] , và Đức Giê-hô-va phán với ông từ trên núi, truyền cho ông truyền đạt cho dân Y-sơ-ra-ên nhân danh Ngài: "Các ngươi đã thấy những gì Ta đã làm với dân Ai Cập, và cách Ta đã cõng các ngươi, như trên đôi cánh đại bàng, và đưa các ngươi đến với Ta. Nếu các ngươi vâng theo tiếng Ta và tuân giữ giao ước của Ta, thì các ngươi sẽ là dân được Ta chọn lựa hơn mọi dân khác, và sẽ là vương quốc thánh và dân thánh của Ta."

Dân chúng bày tỏ sẵn sàng tuân làm mọi điều Đức Chúa Trời truyền dạy. Bấy giờ, Đức Chúa Trời truyền cho Môi-se thánh hóa dân chúng và chuẩn bị cho họ qua hai ngày thanh tẩy để sẵn sàng cho ngày thứ ba. Vào ngày thứ ba, từ sáng sớm đã nghe tiếng sấm rền, chớp lóe sáng, và bóng tối dày đặc bao trùm ngọn núi; tiếng kèn vang lên, ngày càng mạnh mẽ hơn. Toàn thể dân chúng run rẩy. Mô-sê dẫn họ ra khỏi trại để đón Chúa; tất cả đều dừng lại ở chân núi. Ngọn núi được bao quanh bởi một ranh giới từ mọi phía, cấm vượt qua dưới hình phạt tử hình. Dân chúng thấy núi Si-nai rung chuyển từ tận nền móng, và khói bốc lên từ đó như từ lò lửa; vì Đức Giê-hô-va đã ngự xuống trên núi trong đám mây dày đặc và trong lửa. Còn Môi-se và A-rôn, theo lệnh của Đức Chúa Trời, đã đứng trên núi trước mặt dân chúng (Xuất Ê-díp-tô Ký 19:3–25).

Lúc đó, cả dân chúng đều nghe tiếng Đức Giê-hô-va phán:

"Ta là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng đã dẫn ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, khỏi nhà nô lệ; ngươi chớ có các thần khác trước mặt Ta. Ngươi chớ làm cho mình hình tượng nào, cũng chớ làm hình ảnh nào của những vật ở trên trời cao, ở dưới đất thấp, hay ở dưới nước dưới đất; đừng thờ lạy chúng và đừng phụng sự chúng, vì Ta là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ngươi, là Đức Chúa Trời ghen tuông, sẽ trừng phạt con cái vì tội lỗi của cha ông cho đến đời thứ ba và thứ tư của những kẻ ghét Ta, và sẽ ban ân điển cho đến ngàn đời đối với những ai yêu mến Ta và tuân giữ các điều răn của Ta. Chớ dùng danh Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ngươi, một cách vô cớ, vì Đức Giê-hô-va sẽ không tha thứ cho ai dùng danh Ngài một cách vô cớ. Hãy nhớ ngày Sa-bát để giữ cho thánh; sáu ngày ngươi hãy làm việc và làm mọi công việc của ngươi, còn ngày thứ bảy là ngày Sa-bát dành cho Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ngươi: ngày đó, chớ làm bất cứ công việc nào, dù là ngươi, con trai ngươi, con gái ngươi, tôi tớ nam, tôi tớ nữ, [con bò của ngươi, con lừa của ngươi, hay bất kỳ] súc vật nào của ngươi, hay

[5999] Núi Sinai thực chất là một nhóm núi, bao gồm các vách đá granit, được cắt ngang và bao quanh bởi những thung lũng dốc đứng và gồ ghề; ngày nay người Ả Rập gọi nó là núi Tur hoặc Jebel Tur-Sina; nó nằm gần như ở giữa các nhánh nổi tiếng của Biển Đen, tạo thành bán đảo Sinai. Nó bao gồm ba dãy núi. Chính ngọn núi Sinai, nơi dân Y-sơ-ra-ên đã lập giao ước với Đức Chúa Trời và nhận được các điều răn của luật pháp từ Ngài, là đỉnh cao nhất ở phía đông nam của dãy núi giữa, còn đỉnh thấp nhất ở phía tây bắc là núi Hô-rív.

người ngoại kiều đang ở trong nhà ngươi; vì trong sáu ngày, Đức Giê-hô-va đã dựng nên trời và đất, biển cả cùng mọi vật trong đó, còn ngày thứ bảy thì Ngài nghỉ ngơi; vì vậy, Đức Giê-hô-va đã ban phước cho ngày Sa-bát và thánh hóa nó. Hãy kính trọng cha và mẹ ngươi, [để ngươi được phước và] để những ngày của ngươi được kéo dài trên đất mà Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ngươi, ban cho ngươi. Chớ giết người. Chớ ngoại tình. Chớ trộm cắp. Chớ làm chứng dối chống lại người lân cận ngươi. Chớ thèm muốn nhà của người lân cận ngươi; chớ thèm muốn vợ của người lân cận ngươi, [cũng như ruộng của người ấy,] hay là tôi tớ nam, tôi tớ nữ, bò, lừa, [hay là mọi súc vật của người ấy,] bất cứ điều gì thuộc về người lân cận ngươi" (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:2–17; Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:5).

Sau đó, các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên đến trước Môi-se và nói:

– Này, Đức Chúa Trời đã tỏ vinh quang Ngài cho chúng tôi thấy, chúng tôi đã nghe tiếng Ngài từ giữa ngọn lửa… Chúng tôi cảm thấy rằng không một sinh vật phàm trần nào có thể nghe được Đức Chúa Trời Hằng Sống như chúng tôi đang nghe mà vẫn còn sống. Tốt hơn là ngài hãy đến gần, lắng nghe mọi điều Đức Chúa Trời của chúng ta phán bảo, rồi thuật lại cho chúng tôi: chúng tôi sẽ lắng nghe và tuân giữ.

– Đừng sợ, – Mô-sê nói, – Đức Chúa Trời đang thử thách các ngươi, để qua việc khiến các ngươi kinh sợ Ngài, Ngài sẽ ngăn cản các ngươi vi phạm các điều răn của Ngài.

Sau đó, Mô-sê bước vào nơi tối tăm, nơi được đánh dấu bởi sự hiện diện gần gũi của Đức Giê-hô-va, và tại đó, ông đã nhận từ Ngài các luật lệ khác nhau liên quan đến việc tổ chức đời sống tôn giáo và dân sự của dân sự Đức Chúa Trời; rồi khi xuống núi, ông truyền lại tất cả những gì Đức Chúa Trời đã phán cho dân sự và ghi chép tất cả những điều đó vào sách. Sáng hôm sau, Môi-se đã dựng một bàn thờ bằng đất dưới chân núi và đặt mười hai hòn đá xung quanh, tương ứng với mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên, rồi dâng lên Đức Chúa Trời các của lễ thiêu và của lễ tạ ơn từ những con bò đực và dê đực đã bị giết, thay mặt cho toàn thể dân sự, những người đã hứa trong dịp này sẽ tuân giữ mọi điều Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh (Đệ Nhị Luật 5:23–31; Xuất Hành 20:18–21, 24:1–11). Sau đó, Đức Chúa Trời phán cùng Môi-se rằng:

– Hãy lên núi gặp Ta và ở lại đó; Ta sẽ ban cho ngươi những tấm bia đá[6000] , cùng luật pháp và các điều răn mà Ta đã viết ra để dạy dỗ dân chúng.

Mô-sê cùng người phụ tá của mình trong công việc phụng sự, Giê-su, con trai của Na-vin[6001] , đã lên núi Si-nai, và một đám mây bao phủ ngọn núi, vinh quang của Đức Chúa Trời ngự xuống trên đó, và đám mây bao phủ núi Si-nai trong sáu ngày liên tiếp; đến ngày thứ bảy, Đức Chúa Trời đã gọi Môi-se, và ông đã leo lên đỉnh núi, nơi ông ở lại trong bốn mươi ngày và bốn mươi đêm. Trong thời gian đó, ông đã nhận được chỉ dẫn về cách dựng Lều Hội Ngộ, hay Đền Thờ Di Động, nơi dân chúng sẽ dâng của lễ và cầu nguyện lên Đức Chúa Trời. Khi bốn mươi ngày kết thúc, Đức Chúa Trời ban cho ông hai tấm bia, trên đó ngón tay của Đức Chúa Trời đã khắc ghi mười điều răn mà Đức Chúa Trời đã phán ra trước mặt toàn thể dân chúng (Xuất Ê-díp-tô Ký 24:12–18, 31; Phục Truyền Luật Lệ Ký 9:9–11).

Trong khi đó, dân chúng thấy Môi-se lâu không xuống núi, bèn tụ tập lại với A-rôn và đòi ông phải làm cho họ một vị thần để dẫn đường cho họ, "vì," họ nói, "chắc hẳn đã có chuyện gì đó xảy ra với Môi-se." Họ mang đến cho ông những đôi bông tai bằng vàng của vợ và con gái mình, và A-rôn đã đúc cho họ một hình tượng con bò bằng vàng. Dân chúng nói: "Đây là vị thần đã dẫn chúng ta ra khỏi xứ Ê-díp-tô." Và ngày hôm sau, họ dâng của lễ trên bàn thờ trước con bò vàng, rồi bắt đầu uống rượu, ăn uống và nhảy múa[6002] . Đức Chúa Trời nổi giận với họ, và Ngài phán với Môi-se rằng dân tộc cứng cổ này, mà Ngài đã giải cứu khỏi Ai Cập, đã sa ngã khỏi con đường đúng đắn, vi phạm các điều răn của Đức Chúa Trời và thờ lạy thần giả. Mô-sê bắt đầu cầu nguyện cho dân chúng, và Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu xin của ông. Khi xuống đến chân núi, Mô-sê và Giô-suê nhìn thấy con bò vàng và cảnh

---

[6000] Tức là những tấm đá.

[6001] Giô-suê – người kế vị Môi-se, thủ lĩnh dân Y-sơ-ra-ên, người đã dẫn dắt dân Do Thái vào Đất Hứa. Ngày tưởng niệm ngài là ngày 1 tháng 9.

[6002] Tất nhiên, không thể cho rằng dân Y-sơ-ra-ên định đúc một vị thần bằng kim loại và gán cho ngài công lao giải cứu họ khỏi Ai Cập, trong khi mới đây Đức Chúa Trời đã ban luật pháp của Ngài cho họ; không, họ muốn thờ phượng Đức Giê-hô-va (Xuất Ê-díp-tô Ký 32:5), nhưng, trái với lệnh cấm rõ ràng của Đức Chúa Trời (20:4), họ đã bị cuốn theo gương của các dân ngoại, những người thờ phượng các vị thần dưới hình dạng hữu hình; ví dụ gần gũi nhất đối với họ là người Ai Cập, những người tôn kính con bò đen Apis – tượng trưng cho vị thần Osiris – và đúc hình tượng của nó bằng kim loại. Dù sao đi nữa, tội lỗi của họ cũng là tội thờ hình tượng và xứng đáng nhận hình phạt nghiêm khắc.

nhảy múa. Mô-sê bừng lên cơn giận dữ, ném hai tấm bia đá xuống và đập vỡ chúng dưới chân núi trước mặt toàn thể dân chúng. Sau đó, ông lấy con bò tót mà họ đã làm, đập nát nó và nghiền thành bụi, rồi đổ bụi đó vào dòng suối chảy xuống từ núi, và để làm nhục thần tượng do tay người tạo ra, ông bắt dân Y-sơ-ra-ên phải uống nước đó. A-rôn, để đáp lại những lời trách móc của Môi-se, đã biện minh cho mình bằng sự bốc đồng và cứng đầu của dân chúng, và Môi-se thấy rằng dân chúng không có gì để bào chữa cho mình. Ông đứng ở cổng trại và kêu lên:

– Ai còn trung thành với Đức Giê-hô-va, hãy đến với ta!

Và tất cả các con trai của chi phái Lê-vi đều tụ tập lại với ông. Môi-se ra lệnh cho mỗi người trong số họ đi qua trại với thanh gươm trên tay, rồi quay trở lại, và giết bất cứ ai họ gặp. Và có đến ba nghìn người trong số những kẻ có tội đã bị giết (Xuất Ê-díp-tô Ký 32:1–29; Phục Truyền Luật Lệ Ký 9:12–17, 21).

Ngày hôm sau, Môi-se lại lên núi, sấp mình trước mặt Đức Chúa Trời, và sau khi ăn chay bốn mươi ngày bốn mươi đêm, ông cầu xin tha thứ cho tội lỗi của dân sự, nói rằng:

– Nếu Ngài không tha thứ tội lỗi của họ, thì xin hãy xóa tên con khỏi Sách của Ngài, nơi Ngài đã ghi danh những người được định sẵn để hưởng hạnh phúc vĩnh cửu.

Đức Chúa Trời đáp lại rằng Ngài sẽ xóa tên những kẻ đã phạm tội trước mặt Ngài khỏi Sách của Ngài, và khi truyền lệnh cho Môi-se dẫn dân vào Đất Hứa, Ngài cho biết rằng Ngài sẽ không còn ban ân sủng đặc biệt cho họ nữa. Dân chúng, khi nghe lời đe dọa này, đã khóc lóc thảm thiết, và tất cả đều mặc áo sám hối. Mô-sê càng cầu nguyện khẩn thiết hơn, và Đức Chúa Trời đã ban lại ân sủng của Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên.

Sau đó, Mô-sê được ban ân sủng được chiêm ngưỡng vinh quang của Chúa trên núi Si-nai.

– "Ngươi không thể nhìn thấy khuôn mặt Ta," Đức Chúa Trời phán với ông, "vì con người không thể nhìn thấy Ta mà vẫn còn sống. Nhưng Ta sẽ cho ngươi thấy toàn bộ vinh quang của Ta và xưng danh Ta là Giê-hô-va… Khi vinh quang của Ta đi qua, Ta sẽ đặt ngươi vào khe đá và che chở ngươi bằng tay Ta, cho đến khi Ta đi qua. Và khi Ta rút tay Ta ra, ngươi sẽ thấy Ta từ phía sau, nhưng Dung nhan Ta sẽ không hiện ra trước mắt ngươi.

Lúc đó, Môi-se nhận lệnh ghi chép những lời giao ước vào sách và lại nhận lấy hai bảng đá, trên đó Đức Chúa Trời lại khắc lại mười điều răn giống như những điều đã được ghi trên hai bảng trước đó.

Việc chiêm ngưỡng vinh quang của Đức Chúa Trời đã để lại dấu vết trên khuôn mặt Môi-se. Khi ông xuống núi, A-rôn và toàn thể dân Y-sơ-ra-ên đều sợ hãi không dám đến gần ông, vì thấy khuôn mặt ông rạng ngời. Môi-se gọi họ lại và truyền đạt cho họ tất cả những gì Đức Chúa Trời đã truyền phán cho ông. Sau đó, ông đeo một tấm khăn che mặt, và chỉ tháo nó ra khi đứng trước mặt Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 32:30–33, 33:1–6, 12–23, 34:1–8, 10–18, 22–24, 26–35; Đệ Nhị Luật 9:18–19, 10:1–4; 2 Cô-rinh-tô 3:13).

Môi-se đã truyền đạt ý muốn của Đức Chúa Trời về Đền Tạm cho con cái Y-sơ-ra-ên và bắt tay vào việc xây dựng nó, giao phó công việc này cho các thợ thủ công do Đức Chúa Trời chỉ định, theo mẫu mà ông đã thấy trên núi Si-nai trong suốt bốn mươi ngày ông ở đó. Còn dân Y-sơ-ra-ên thì dâng những của lễ hào phóng gồm vàng, bạc, đồng, len, lụa, da, gỗ, hương liệu, đá quý và mọi thứ mà ai có thể dâng được. Khi Đền Tạm đã hoàn thành và được thánh hiến cùng với tất cả các vật dụng bằng dầu xức, một đám mây bao phủ nó và tràn ngập khắp Đền Tạm, đến nỗi chính Môi-se cũng không thể vào được. Mô-sê đặt bên trong Đền Tạm Hòm Giao Ước được bọc vàng[6003] , trong đó ông đặt chiếc bình vàng đựng manna[6004] , cây gậy của A-rôn đã nảy mầm[6005] và các Bảng Giao Ước; trên Hòm Giao Ước, ông đặt hai hình tượng Cherubim bằng vàng[6006] và chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho các lễ dâng tế và

[6003] Hòm Giao Ước, hay theo tiếng Hy Lạp là "Hòm Giao Ước", là vật thánh thiêng liêng nhất trong Đền Tạm, là một chiếc hòm được làm từ gỗ sittim (loại gỗ tuyết tùng tốt nhất).

[6004] Stamna, dịch từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là bình hoặc nói chung là đồ đựng. Trong chiếc stamna bằng vàng này, người ta cất giữ một phần manna, thứ mà dân Y-sơ-ra-ên đã được nuôi dưỡng một cách kỳ diệu trong suốt bốn mươi năm lang thang của họ trên sa mạc Ả Rập.

[6005] Về nguồn gốc của cây gậy A-rôn này, Sách Dân Số có kể lại. Một lần nọ, một cuộc nổi loạn nguy hiểm bùng phát chống lại Môi-se và A-rôn, do người Lê-vi là Cô-rê đứng đầu cùng hai người thuộc chi phái Ru-bên là Đa-phan và A-vi-rôn, và còn có thêm 250 thủ lĩnh cộng đồng tham gia cùng họ. Kore, vì ghen tị với A-rôn, đã tự mình tham vọng chức vụ thượng tế và cùng với các đồng phạm của mình tuyên bố rằng toàn thể cộng đồng đều thánh khiết, và Môi-se cùng A-rôn tự đặt mình cao hơn tất cả là điều vô ích. Những kẻ có tội đã bị trừng phạt bởi sự phán xét của Đức Chúa Trời: họ bị đất nứt ra nuốt chửng; nhưng cuộc nổi loạn vẫn tiếp diễn, và cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã giáng xuống thêm 14.700 người nữa. Để ngăn chặn những tranh cãi về việc ai mới là người xứng đáng nắm giữ chức vụ tư tế, Đức Chúa Trời đã ra lệnh lấy cây gậy của mỗi vị thủ lĩnh trong mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên và đặt vào trong Đền Tạm, hứa rằng cây gậy của người được Ngài chọn sẽ nở hoa. Ngày hôm sau, Mô-sê thấy cây gậy của A-rôn đã nở hoa và kết quả là những quả hạnh nhân. Lúc đó, Mô-sê đặt cây gậy của A-rôn trước Hòm Giao Ước để lưu giữ, làm bằng chứng cho các thế hệ sau về sự chọn lựa thiêng liêng của Đức Chúa Trời dành cho A-rôn và con cháu ông trong chức tư tế.

lễ thiêu toàn bộ. Sau đó, Mô-sê đã thiết lập các ngày lễ cho dân Y-sơ-ra-ên và các ngày trăng mới[6007] , đồng thời bổ nhiệm các thầy tế lễ và người Lê-vi cho họ; theo lệnh của Đức Chúa Trời, ông đã chọn toàn bộ chi phái Lê-vi để phụng sự Ngài và giao phó họ cho A-rôn cùng các con trai ông[6008] .

Nô lệ của Đức Chúa Trời là Môi-se đã thực hiện nhiều dấu lạ và phép lạ khác, đã hết lòng chăm lo cho dân Y-sơ-ra-ên, và ban cho họ nhiều luật lệ cùng những chỉ thị khôn ngoan; tất cả những điều này đều được ghi chép trong các sách thánh do chính ông viết: Sách Xuất Hành, Sách Lê-vi, Sách Dân Số và Sách Phục Truyền; trong những sách này, cuộc đời và những công việc mà ông đã đảm nhận trong thời gian lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên được mô tả chi tiết.

Khi dân Y-sơ-ra-ên đến núi A-mô-rê ở Ca-đi-s-Va-rni[6009] , Môi-se nói với họ rằng đất mà Đức Giê-hô-va đã ban cho họ làm cơ nghiệp, giờ đây đang ở trước mặt họ; nhưng dân Y-sơ-ra-ên muốn cử những người thám thính đi thăm dò đất đai trước, và theo lệnh của Đức Chúa Trời, Môi-se đã chọn từ các thủ lĩnh Y-sơ-ra-ên, mỗi chi phái một người, trong đó có Giô-suê, để đi thám thính đất Ca-na-an. Khi trở về, những người được sai đi đã kể lại rằng vùng đất ấy trù phú về hoa quả, đồng cỏ, gia súc và ong mật, nhưng một số trong họ đã sợ hãi trước những cư dân của xứ sở ấy, những người nổi bật với vóc dáng và sức mạnh phi thường, và khuyên dân Y-sơ-ra-ên nên quay trở lại Ai Cập để khỏi bị dân A-mô-rít tiêu diệt; Còn Giô-suê và những người khác, những người đã thuyết phục họ tiến vào vùng đất tuyệt đẹp ấy, thì dân Y-sơ-ra-ên định ném đá họ. Nhưng Đức Chúa Trời, nhờ lời cầu nguyện của Môi-se, đã tha thứ tội lỗi cho dân Y-sơ-ra-ên, còn những kẻ gây ra sự nổi loạn thì bị chết đột ngột (Số 13:1–34, 14:1–45; Phục Truyền 1:19–46).

Trong hành trình tiếp theo, con cái Y-sơ-ra-ên lại tỏ ra hèn nhát, và bắt đầu than vãn và phàn nàn với Đức Chúa Trời. Lúc bấy giờ, Đức Giê-hô-va sai những con rắn độc, nọc của chúng gây chết người, và nhiều con cái Y-sơ-ra-ên đã chết vì chúng. Dân chúng khiêm nhường và ăn năn vì đã phạm tội chống lại Đức Chúa Trời và phàn nàn với Môi-se. Lúc đó, Mô-sê cầu nguyện xin Đức Chúa Trời xua đuổi những con rắn khỏi họ, và Đức Chúa Trời phán với ông: "Hãy làm một con rắn và treo nó lên cây cột; ai bị rắn cắn, chỉ cần nhìn lên nó là sẽ được sống." Mô-sê đã treo hình con rắn bằng đồng lên cây cột; sau đó, tất cả những ai bị rắn cắn mà nhìn lên hình tượng ấy với lòng tin đều được bình an[6010] .

Như vậy, Mô-sê đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên trên con đường đến xứ Ca-na-an, cứu họ khỏi các tai họa và sự trừng phạt của Đức Chúa Trời bằng những lời cầu nguyện và phép lạ của mình.

Chính Môi-se cũng đã được định sẵn phải qua đời bên ngoài Đất Hứa. Khi thời điểm lâm chung của ông đến gần, Đức Chúa Trời đã báo trước cho ông về sự ra đi sắp tới và phán:

– Hãy lên núi A-va-rim[6011] , nằm ở xứ Mô-áp, đối diện với Giê-ri-cô, và hãy nhìn xem xứ Ca-na-an, nơi Ta ban cho con cái Y-sơ-ra-ên làm sở hữu, rồi hãy chết trên ngọn núi đó, và hãy an nghỉ cùng dân của ngươi, như A-rôn, anh em ngươi, trên núi Or[6012] , và đã được đoàn tụ với dân tộc mình, vì các ngươi đã phạm tội chống lại Ta

---

[6006] Hình ảnh các thiên thần Cherubim dưới hình dạng con người nhưng có cánh, cùng việc đặt những hình ảnh này phía trên Hòm Giao Ước, thể hiện rằng với tư cách là những thực thể thiêng liêng cao cả nhất, họ được ban cho sự gần gũi đặc biệt với Đức Chúa Trời, đứng trước ngai vàng của Ngài và kính cẩn phụng sự Ngài, đồng thời thấu hiểu những mầu nhiệm của sự cứu rỗi chúng ta.

[6007] Các ngày lễ này bao gồm: các ngày Sabát, Lễ Phục Sinh và Lễ Bánh Không Men, Lễ Ngũ Tuần (được thiết lập để kỷ niệm việc ban Luật tại núi Sinai và để dâng lời tạ ơn Đức Chúa Trời về những hoa quả mới của đất), Lễ Kèn, Ngày Thanh Tẩy, Lễ Lều, và ngày trăng mới – ngày đầu tiên của mỗi tháng mới, được thánh hóa bằng các lễ vật dâng hiến. Ngoài ra, những lễ hội đặc biệt đối với dân Y-sơ-ra-ên là: năm Sa-bát, tức là năm thứ bảy, và năm Lễ Lược, tức là năm thứ 50.

[6008] Số 3:5–13, 8:5–22, 1:5–53. Ban đầu, A-rôn và các con trai ông được thánh hiến đặc biệt để phục vụ Đức Chúa Trời trong Đền Tạm; sau đó, toàn bộ chi phái Lê-vi được gia nhập cùng họ. Chức vụ tế lễ thực sự thuộc về A-rôn, các con trai ông và dòng dõi của họ; chức Thượng tế thuộc về người trưởng nam trong dòng dõi của ông; các hậu duệ khác của ông là các thầy tế lễ, còn những người khác trong chi phái Lê-vi được gọi chung là người Lê-vi, những người phục vụ tại Đền Tạm, thực hiện các nhiệm vụ cấp thấp hơn: khiêng Đền Tạm và các vật dụng của nó, bảo vệ chúng, giúp đỡ các thầy tế lễ trong các nghi lễ thờ phượng, một số trong họ là ca sĩ và nhạc công, người ghi chép Kinh Thánh và thẩm phán trong các vụ việc dân sự, v.v.

[6009] Cát-tít, hay Cát-tít-Varní – một địa điểm nằm ở biên giới Đất Hứa, gần núi Seir, ở phía nam Pa-lét-tin.

[6010] Sách Dân Số 21:4–9. Con rắn được giương lên trong sa mạc – theo lời Thánh Grêgôriô thành Nyssa – là dấu chỉ của Bí tích Thập giá, điều mà Lời Chúa dạy rõ ràng khi phán: *"Như Mô-sê đã giương con rắn lên trong sa mạc, thì Con Người cũng phải được giương lên như vậy"* (Ga 3:14).

[6011] Avarim thực chất là một dãy núi chạy dọc theo phía bên kia sông Jordan, đối diện với Giê-ri-cô, thuộc xứ Mo-áp. Mô-sê đã nhìn thấy Đất Hứa từ đỉnh núi Nê-bô; đỉnh núi này có tên là Phasga.

giữa các con cái Y-sơ-ra-ên tại suối Mê-ri-va ở Ca-đi-sơ, trong sa mạc Sin, vì các ngươi đã không tỏ ra sự thánh khiết của Ta giữa các con cái Y-sơ-ra-ên; ngươi sẽ được nhìn thấy đất mà Ta ban cho con cái Y-sơ-ra-ên, nhưng chính ngươi sẽ không được vào đó (Đệ Nhị Luật 31:14–30, 32:1–52, 33:1–29).

Trước khi qua đời, Môi-se đã ban phước cho con cái Y-sơ-ra-ên, từng chi phái một, đồng thời tiên tri về số phận tương lai của họ (Phục Truyền 3:23–28; Dân Số Ký 27:12–23). Sau đó, theo lệnh của Đức Chúa Trời, ông lên núi, và Đức Chúa Trời cho ông thấy toàn bộ xứ Gilead cho đến Dan, toàn bộ xứ Nephilim, toàn bộ xứ Ephraim và Manasseh, toàn bộ xứ Giu-đa, cho đến tận Biển Tây và miền Nam, cùng đồng bằng thung lũng Giê-ri-cô, thành phố của những cây cọ, cho đến Si-gô-r[6013] . Và Môi-se, tôi tớ của Đức Giê-hô-va, đã qua đời tại đó, trên đất Mo-áp, theo lời Đức Giê-hô-va phán. Thi thể ông được chôn cất trong thung lũng xứ Mo-áp, đối diện với Bê-phê-hô-rô[6014] , và không ai bao giờ biết được nơi chôn cất của ông. Khi qua đời, Môi-se đã được một trăm hai mươi tuổi; nhưng thị lực của ông vẫn không suy giảm, và sức lực trong ông vẫn không cạn kiệt. Dân Y-sơ-ra-ên đã tang lễ Môi-se bằng ba mươi ngày khóc than. Và từ đó trở đi, dân Y-sơ-ra-ên không còn có một tiên tri nào như Môi-se, người mà Đức Chúa Trời đã biết mặt đối mặt, qua mọi dấu lạ và phép lạ mà ông đã làm trước mặt cả dân Y-sơ-ra-ên (Đệ Nhị Luật 34:1–12).

Nhờ những lời cầu nguyện của thánh tiên tri Mô-sê, xin Chúa giải thoát chúng con khỏi mọi nỗi đau buồn, và dẫn dắt chúng con vào những nơi ở vĩnh cửu, đưa chúng con ra khỏi Ai Cập – thế giới đầy đau khổ này! A-men.

Bài ca Troparion, giọng 2:

Ngài đã vươn lên đỉnh cao của các đức hạnh, hỡi Tiên tri Mô-sê, và vì thế, Ngài đã được ân sủng chiêm ngưỡng vinh quang của Thiên Chúa: Ngài đã nhận lấy những Bảng Luật đầy ân sủng, mang trong mình những lời dạy đầy ân sủng, và Ngài là lời ca ngợi cao quý của các tiên tri, là mầu nhiệm vĩ đại của lòng đạo đức.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Hình ảnh các vị tiên tri, cùng với Mô-sê và A-rôn, hôm nay hân hoan vui mừng, vì sự tiên tri của họ đã được ứng nghiệm trên chúng con: hôm nay Thập tự giá tỏa sáng, nhờ đó Ngài đã cứu chuộc chúng con. Xin Chúa Kitô, Thiên Chúa, thương xót chúng con nhờ lời cầu nguyện của các ngài.

Lễ tưởng niệm các thánh tử đạo Theodoros, Mian, Ioulianos và Kion

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 9

Các thánh tử đạo này sống dưới triều đại của hoàng đế Maximian và xuất thân từ làng Kandavli[6015] . Vì tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, họ đã bị bắt giữ và phải chịu nhiều hình thức tra tấn khác nhau. Ban đầu, thân thể họ bị đánh đập dã man đến mức xương lộ ra ngoài. Sau đó, họ bị nhốt trong một phòng tắm được đốt nóng đến mức cực kỳ oi bức, cửa phòng tắm được niêm phong bằng chiếc nhẫn hoàng gia để các thánh tử đạo không thể thoát ra ngoài. Nhưng Thiên Thần của Đức Chúa Trời đã gọi họ, và họ bước ra an toàn, dù cửa vẫn còn bị niêm phong. Các binh lính bắt họ và dẫn ra khỏi thành phố. Theo lời thỉnh cầu của các thánh, họ được cho thời gian để

[6012] Núi Or nằm trên biên giới giữa Ê-đôm và Pa-lét-tin, gần Ca-đi-sơ, phía nam Biển Chết. – A-rôn qua đời một năm trước khi Môi-se qua đời.

[6013] Vùng đất Ghi-lê-át là tên gọi của vùng đất bên kia sông Giô-đanh – từ núi Hê-rôn đến sông Arnon. Thành phố Đan nằm ở phía bắc Pa-lét-tin và là ranh giới phía bắc của Đất Hứa. Vùng đất của chi phái Nephthali chiếm phần cực bắc của xứ Canaan. Chi phái Ephraim, khi phân chia Đất Hứa, đã chiếm phần chính giữa của nó. Chi phái Manasseh chiếm phần phía bắc của nó, giáp với Gilead, nơi sau này cũng do chính họ chiếm giữ. Chi phái Giu-đa chiếm phần rộng lớn nhất và quan trọng nhất của đất Ca-na-an, từ Biển Địa Trung Hải đến Biển Chết, và từ dòng sông Ai Cập đến biên giới của chi phái Ê-phra-im. – "Biển phía Tây" ở đây tất nhiên là chỉ Biển Địa Trung Hải. – Phía nam, tức là phía nam. Sigor là một thành phố trong thung lũng Siddim, ở phía nam sa mạc Giu-đa, bên phía đông Biển Chết. Như vậy, Môi-se đã được chỉ cho thấy toàn bộ đất nước mà theo ý muốn của Đức Chúa Trời, dân Do Thái phải chiếm giữ.

[6014] Veph-Phor – là một trong những thành phố của Sihon, vua dân Amori, nằm ở phía đông, đối diện với Giê-ri-cô.

[6015] Khi nhắc đến Maximian ở đây, tất nhiên là ám chỉ Maximian Galerius. Kandavla là một làng gần Nicomedia. Những đau khổ và cái chết của các thánh tử đạo diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 305 đến năm 311 sau Công nguyên.

cầu nguyện. Họ đã cầu nguyện rất lâu và tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã ban ơn cho họ được chịu khổ vì Chúa Kitô. Sau đó, thân thể họ bị xẻ thành nhiều mảnh, đầu gối họ bị nghiền nát, và cuối cùng, chính họ bị ném vào lửa, nơi họ đã vui mừng dâng linh hồn mình cho Chúa.

Lễ kính Thánh Vavila thành Nicomedia và 84 trẻ em cùng ngài

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 9

Vào thời điểm Hoàng đế Maximian đang cư ngụ tại Nicomedia để đàn áp các Kitô hữu, nhiều người trong số họ đã lẩn trốn khỏi những kẻ bách hại. Rồi có người báo cáo với hoàng đế rằng tại một nơi bí mật có một vị lão nhân tên là Vavila, người đang dạy các em nhỏ tôn kính không phải các vị thần ngoại đạo, mà là Đức Kitô bị đóng đinh. Ngay lập tức, các binh lính được phái đi và dẫn Thánh Vavila cùng các môn đệ của ngài đến trước mặt hoàng đế, người đã hỏi ngài: "Tại sao ngươi, lão già kia, không chỉ tự mình sa ngã khi tôn kính người bị người Do Thái đóng đinh và không thờ lạy các vị thần của chúng ta, mà còn dạy những đứa trẻ ngây thơ điều đó nữa?" Thánh Vavila đáp lại nhà vua: "Các vị thần ngoại đạo chính là ma quỷ, còn Thiên Chúa của chúng ta là Đấng đã tạo dựng trời và đất. Bệ hạ và tất cả các cận thần của ngài đều mù quáng, vì các ngài không nhìn thấy sự thật." Maximian ra lệnh cho bốn binh lính đánh vào mặt, vào sườn và vào đầu gối của vị thánh. Trong lúc chịu đau khổ, khi toàn thân ngài đã nhuốm đầy máu, Thánh Vavila kêu lên cùng Chúa: "Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì Ngài đã biến con, một người già yếu, thành người trẻ trung và mạnh mẽ – mạnh mẽ hơn cả chính nhà vua!" Maximian ra lệnh dùng đá đánh vào vai và chân ngài. Sau đó, khi tất cả các chi thể của ngài đã bị nghiền nát, họ đeo một gánh nặng lên cổ ngài, xiềng chân ngài bằng xiềng sắt và giam ngài vào ngục tối. Sau đó, họ dẫn tám mươi bốn môn đệ nhí của vị thánh, gồm cả trai lẫn gái, đến trước mặt vua. Vua bắt đầu dịu dàng thuyết phục các em thờ lạy các thần tượng. Nhưng các em không trả lời gì cả, chỉ thường xuyên liếc nhìn nhau. Thấy các em im lặng, Maximian tách ra mười em lớn tuổi nhất và nói với các em: "Này, các con thông minh hơn những đứa khác; vậy thì hãy nghe lời ta và dâng lễ vật cho các vị thần, đổi lại các con sẽ được sống trong cung điện của ta và nhận được nhiều quà tặng quý giá từ ta." Lúc đó, hai người trong số họ, Ammonius và Donatus, đáp lại: "Chúng tôi là Kitô hữu và không dâng lễ vật cho những ác quỷ câm điếc." Vua ra lệnh đánh đập họ. Trong lúc bị đánh, họ không ngừng lặp lại: "Chúng tôi là Kitô hữu và không thờ phượng các vị thần của ngài." Sau đó, nhà vua bắt đầu thuyết phục những đứa trẻ còn lại, nhưng chúng vẫn kiên định tuyên xưng đức tin của mình và từ chối dâng lễ vật cho các thần tượng. Thấy không thể thuyết phục được các em, nhà vua ra lệnh tống chúng vào ngục tối, còn thầy giáo của chúng thì bị treo cổ và đánh bằng gậy sắt. Khi tất cả những cực hình này vẫn không khiến các em từ bỏ Đức Kitô, thì án tử hình đã được tuyên đối với các thánh nhi và thầy dạy của các em, theo đó các em bị kết án chém đầu bằng gươm. Trên đường dẫn các môn đệ đến nơi hành quyết, Thánh Vavila đã hát: *"Này, đây là tôi và các con mà Thiên Chúa đã ban cho tôi!"* Khi đến nơi hành quyết, trước tiên Thánh Vavila bị hành quyết, sau đó đến lượt tất cả các em nhỏ, những môn đệ của ngài. Các tín hữu đã đến vào ban đêm, mang thi hài của các ngài lên thuyền, đưa về Byzantium và an táng trong ba quan tài, vừa ca ngợi vừa tạ ơn Thiên Chúa.

Lễ kính Thánh nữ tử đạo Hermionia

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 9

Thánh Tông đồ Philip, người đã làm phép rửa cho quan đại thần của Nữ hoàng Candace xứ Ê-thi-ô-pi (Công vụ 8:26–40), có bốn người con gái, về họ, Thánh Luca, tác giả Phúc Âm, ghi nhận rằng họ là những nữ tiên tri và còn trinh (Công vụ 21:9). Trong số đó, Hermionia và Eutychia đã lên đường đến Á Châu[6016] để tìm Thánh Gioan Thần Học, nhưng không gặp được ngài, vì Chúa *đã "đưa đi"*[6017] ngài, giống như xưa kia *đã đưa* Enoch (Sáng Thế Ký 5:24) và Ê-li (2 Vua 2:11). Họ đã gặp Petronia, môn đệ của Thánh Phaolô, và trở thành môn đệ của ông, noi gương lối sống của ông. Thánh Hermionia rất giỏi về y thuật, vì vậy nhiều Kitô hữu đã tìm đến bà, và bà đã chữa lành cho tất cả họ bằng quyền năng của Chúa Kitô. Vào thời đó, Hoàng đế Trajan[6018] đang dẫn quân đi chinh

[6016] Asia là một tỉnh của Đế quốc La Mã, nằm ở phía tây bán đảo Tiểu Á, với thành phố chính là Ephesus.
[6017] Tức là đã đưa ngài còn sống lên trời.

phạt người Ba Tư. Khi được báo rằng Hermionia là một Kitô hữu, ông ra lệnh đưa bà đến trước mặt mình và bắt đầu trò chuyện với bà một cách ân cần, mong muốn dụ dỗ bà và khiến bà từ bỏ Đức Kitô. Nhưng bà không chịu khuất phục trước những lời thuyết phục của ông. Lúc đó, hoàng đế ra lệnh đánh vào mặt bà trong một thời gian dài. Giữa những cực hình đó, vị thánh đã được ban cho một thị kiến an ủi: nàng nhìn thấy Chúa ngự trên ngai phán xét, có khuôn mặt giống như Petronius, đang trò chuyện với nàng và củng cố lòng tin của nàng, và nàng đã vui vẻ chịu đựng những đau khổ của mình. Sau khi nhận thấy sự kiên định của bà, hoàng đế đã thả bà ra. Bà đã mở một nhà trọ, nơi bà tiếp đón những người bệnh, chữa lành cho họ cả về tâm hồn lẫn thể xác, trong suốt thời gian trị vì của Trajan. Người kế vị ông, Hoàng đế Hadrian, lại ra lệnh đưa bà đến trước tòa và vì sự tuyên xưng vững vàng của bà về Chúa Kitô Cứu Thế, ông đã ra lệnh đánh đập bà không thương xót. Còn bà, với lời cầu nguyện trên môi, đã chịu đựng nỗi đau khổ ấy. Khi những người hầu đánh đập thánh nữ đã kiệt sức, hoàng đế ra lệnh cho những người hầu khác đâm xuyên bàn chân bà bằng những chiếc đinh dài. Và thánh nữ đã chịu đựng cực hình này, đồng thời ngợi khen Thiên Chúa. Sau đó, họ ném bà vào nồi chứa nhựa cây sôi sục, cùng với thiếc và lưu huỳnh. Khi ở trong nồi đó, Thánh Hermionia ngước mắt lên trời, cầu nguyện, và ngay lập tức ngọn lửa tắt lịm, thiếc chảy loang ra, còn thánh nữ thì vẫn nguyên vẹn. Hadrian ra lệnh đốt nồi sôi mạnh hơn nữa để tiêu diệt vị thánh tử đạo trong đó. Nhưng, trước sự ngạc nhiên tột độ của mọi người, bà đứng trong nồi như đang đứng giữa sương mai. Nhà vua kinh ngạc trước phép lạ này và, đứng dậy khỏi ngai vàng, ông chạm tay vào nồi, muốn xác nhận xem nó có nguội đi chưa. Và thế là da tay cùng móng tay của ông bị bỏng nặng. "Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!" – vị thánh kêu lên. Kẻ tra tấn liền ra lệnh nung nóng chảo sắt và đặt vị thánh nữ tử đạo đang trần truồng lên đó. Nhưng Thiên Thần của Chúa đã rải than hồng và làm bỏng nhiều người đang đứng xung quanh chiếc chảo. Còn vị thánh nữ, đứng trên đó như đứng trên thảm cỏ xanh mướt, vẫn cất tiếng ca ngợi và tôn vinh Chúa. Nhà vua kinh hãi khi chứng kiến phép lạ vinh quang này, liền ra lệnh đưa bà xuống khỏi chảo. Lúc đó, vị thánh tử đạo giả vờ như muốn dâng lễ vật cho thần Hercules[6019] . Vua vui mừng dẫn bà đến đền thờ thần tượng. Bà cầu nguyện với Thiên Chúa chân thật, và bỗng nhiên có tiếng sấm rền vang, tất cả các thần tượng trong đền thờ đều đổ xuống và vỡ tan. Vua nổi giận dữ dội và ra lệnh dẫn Hermionia ra ngoài thành và chém đầu bà. Hai người hầu, Theodulus và Timotheus, đã dẫn thánh nữ tử đạo ra ngoài thành. Trước khi hành quyết bà, họ định lao vào bà với ý định cưỡng hiếp, nhưng đột nhiên tay họ khô cứng lại. Lúc đó, họ đã tin nhận Chúa Giêsu Kitô, quỳ xuống dưới chân vị thánh tử đạo và xin bà cầu nguyện cho họ, để Chúa gọi họ về với Ngài trước bà – điều này đã xảy ra nhờ lời cầu nguyện của bà. Sau đó, vị thánh đã cầu nguyện cho chính mình và an lành trút hơi thở cuối cùng tại chính nơi đó. Một số tín hữu Kitô sùng kính đã thu thập di cốt của họ và an táng tại Ê-phê-sô, ở một nơi trang nghiêm, để tôn vinh Thiên Chúa[6020]

ngày 18 tháng 9

Ngày 5 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Tiên tri Zacharias

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 9

Thánh tiên tri Zacharia, một linh mục thuộc dòng dõi Ifamar, con trai của Aaron, có vợ là Elizabeth, người cũng thuộc dòng dõi Aaron và là em gái của Anna, mẹ của Đức Mẹ Đồng Trinh. Phúc Âm thánh chứng thực về Zacharia và Elisabet rằng họ được trang bị mọi đức hạnh, sống cuộc đời mình một cách vô tì vết. Thánh Tông đồ và Thánh Sử Luca nói về họ: *"Cả hai đều công chính trước mặt Thiên Chúa, tuân giữ mọi điều răn và luật lệ của Chúa một cách vô tì vết"* (Lc 1,6). Cuộc đời của họ thực sự đầy đức tin, điều này cũng được chứng thực bởi người

[6018] Trajan, hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 98 đến năm 117.

[6019] Hercules – anh hùng trong truyền thuyết Hy Lạp cổ đại, là hiện thân của sức mạnh thể chất của con người và sau này được người Hy Lạp cổ đại tôn kính như một trong những vị thần được yêu mến nhất.

[6020] Thánh nữ tử đạo qua đời vào khoảng năm 117 sau Công nguyên. Trong tiểu sử của thánh nữ Miropia dưới thời hoàng đế Decius, vào giữa thế kỷ II, có ghi rằng thánh nữ Miropia có lòng sùng kính đặc biệt đối với quan tài của thánh Hermionia tại Ephesus và từ di cốt của bà, dầu thánh chữa lành không bao giờ cạn kiệt.

con thánh thiện của họ, vị tiên tri trung thực và vinh quang, Thánh Gioan Tiền Hô và Người Rửa Tội của Chúa. Kinh Thánh có chép: *"Các con sẽ nhận biết họ qua hoa trái của họ"* (Mt 7,16): quả từ cây tốt quả thực không thể xấu được, vì như chính Kinh Thánh đã nói: *"Nếu gốc là thánh, thì cành cũng thánh"* (Rm 11,16). Vì thế, cành thánh – Thánh Gioan – chỉ có thể xuất phát từ gốc thánh.

Thánh Zacharia, cha của Đấng Tiền Hô, đã làm chức tư tế tại Giê-ru-sa-lem dưới triều đại của Hê-rốt[6021] . Ông thuộc nhóm trực ban ban ngày của dòng họ A-vi, tức là thuộc dòng dõi A-vi, nhóm này đến lượt trực vào tuần thứ tám.

Có câu chuyện sau đây kể về các nhóm trực này.

Vua Đa-vít, thấy dòng dõi A-rôn đã trở nên rất đông đảo, đến nỗi không thể nào tất cả cùng nhau thực hiện các nghi lễ trong đền thờ, nên đã chia các hậu duệ của A-rôn thành hai mươi bốn nhóm, để họ lần lượt, mỗi nhóm đảm nhận một tuần lễ, thực hiện các nghi lễ trong đền thờ. Trong mỗi nhóm riêng biệt, vua đã chọn một người đàn ông chính trực nhất và bổ nhiệm ông ta làm trưởng nhóm, nhờ đó mỗi nhóm đều có một thầy tế lễ trưởng, và trong toàn bộ các nhóm có hơn năm nghìn thầy tế lễ. Để tránh tranh cãi giữa các thầy tế lễ trưởng về việc ai sẽ cùng nhóm của mình phục vụ trong tuần đầu tiên, ai trong tuần thứ hai, ai trong tuần thứ ba, v.v. cho đến tuần thứ hai mươi bốn, họ đã bốc thăm và phân chia theo kết quả bốc thăm; họ tuân thủ thứ tự đã được thiết lập như vậy cho đến khi ân sủng mới đến, nên con cháu của mỗi thầy tế lễ đều tuân theo thứ tự do kết quả bốc thăm mà tổ tiên họ đã nhận được. Lá thăm thứ tám rơi vào tay thầy tế lễ Abijah (1 Sử ký 24:10), trong số con cháu của ông cũng có thánh Zacharias; chính vì lý do đó mà ông đã cử hành nghi lễ tại đền thờ trong suốt tuần thứ tám cùng với toàn bộ dòng dõi của mình, vì ông là người đứng đầu so với các thầy tế lễ khác trong hàng ngũ của mình.

Một lần nọ, khi Zacharias đang làm nhiệm vụ trước mặt Đức Chúa Trời theo lượt của mình, theo tập tục của các thầy tế lễ, ông phải vào Đền Thờ của Chúa để dâng hương; lúc đó có rất đông dân chúng đang cầu nguyện. Khi bước vào nơi thánh, Zacharias thấy Thiên Thần của Chúa đang đứng bên phải bàn thờ dâng hương. Khi nhìn thấy Thiên Thần, Zacharias bỗng run sợ; nhưng sứ giả của Đức Chúa Trời đã trấn an ông, nói: "Đừng sợ, Zacharias." Và ngài an ủi vị tư tế công chính ấy, báo tin rằng lời cầu nguyện của ông đã được Đức Chúa Trời chấp nhận; vì đã nghe lời cầu nguyện đó, Đức Chúa Trời ban cho ông ân sủng: Ngài đã ban phước cho vợ ông là Ê-li-sa-bét, giải thoát bà khỏi tình trạng vô sinh dù bà đã cao tuổi, và bà sẽ sinh ra một con trai, mang tên ân sủng là Gioan[6022] , người mà sự ra đời của ngài sẽ mang lại niềm vui không chỉ cho cha mẹ, mà còn cho vô số người: "Nhiều người," Thiên Thần nói thêm, "sẽ vui mừng vì sự ra đời của cậu bé." Thiên Thần cũng báo trước cho Zacharias rằng con trai ông sẽ vĩ đại trước mặt Chúa không phải về thể xác, mà là về tinh thần; ngài sẽ là người ăn chay và sống một đời sống tiết độ hơn bất kỳ ai khác; và quả thực, chính Con Một của Đức Chúa Trời cũng đã làm chứng về ngài như vậy: *"Vì Giăng Báp-tít đã đến: ngài không ăn bánh, cũng không uống rượu"* (Lc 7:33). Thiên thần đã tiên tri rằng ngay khi còn trong lòng mẹ, Gioan sẽ được đầy dẫy Thánh Thần và sẽ dẫn dắt nhiều người trong con cái Israel trở về với Đức Chúa Trời chân thật, rằng ngài sẽ là Tiền Hô của Đấng Kitô với tinh thần và quyền năng của tiên tri Ê-li[6023] và sẽ chuẩn bị dân chúng để đón nhận Đức Chúa Cứu Thế.

Nghe tất cả những điều này, Zacharias đã ngạc nhiên và kinh ngạc đến nỗi không dám tin những lời được nói; điều này dường như kỳ lạ đối với ông vì Elizabeth vô sinh, và cả hai đều đã ở tuổi cao. Ông nói với Thiên thần:

– Làm sao tôi có thể tin điều này được: vì tôi đã già, vợ tôi cũng đã già, và bà ấy chưa bao giờ có con?

Lúc đó, Thiên thần đáp lại ông:

– Ta là Gabriel, người đứng trước mặt Đức Chúa Trời; ta được sai đến để nói và báo tin mừng này cho ngươi. Và vì ngươi đã không tin lời ta, ngươi sẽ bị câm và không nói được một lời nào cho đến khi mọi điều này được ứng nghiệm.

[6021] Hê-rốt, người được lịch sử gọi là "Đại", con trai của An-ti-pa-tra, vua của dân Do Thái, ban đầu là thống đốc xứ Ga-li-lê, nhưng dưới thời hoàng đế La Mã đầu tiên là Ô-cta-vi-ô Au-gút-tô, trước khi ông lên ngôi, vào năm 40 trước Công nguyên, ông đã được phong tước hiệu vua Do Thái và cai trị toàn bộ xứ Do Thái, nơi lúc bấy giờ thuộc quyền cai trị của Đế quốc La Mã.

[6022] Từ "Giăng" trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "ân sủng của Đức Chúa Trời"; (dạng Hy Lạp [Ioannes] của tên Do Thái là Yohanan, "Yahweh là Đấng nhân từ").

[6023] Tức là với cùng lòng nhiệt thành bất khuất và sức mạnh đạo đức mà vị tiên tri Ê-li, người bảo vệ nhiệt thành cho Đức Chúa Trời, đã từng thể hiện.

Vì Zacharia đã nán lại trong bàn thờ khi trò chuyện với Thiên thần, nên dân chúng đang có mặt trong nhà thờ đều ngạc nhiên về điều đó. Khi bước ra trước dân chúng, Zacharia buộc phải dùng cử chỉ để cho thấy rằng ông đã câm; lúc đó, những người có mặt mới hiểu rằng ông đã có một thị kiến trong bàn thờ.

Sau khi hoàn thành ca trực của mình, Zacharias trở về nhà, nằm ở vùng núi, tại thành Hê-bron, thuộc xứ Giu-đa. Thành phố này là một trong những thành phố được phân chia bằng cách bốc thăm cho con cháu của Giu-đa và dành cho các thầy tế lễ cư ngụ[6024] .

Khi lời Thiên Thần báo trước đã ứng nghiệm, và Ê-li-sa-bét – người trước đó không thể sinh con – đã sinh ra Gio-an – tên này Xa-cha-ri đã ghi lên tấm bảng được trao cho ông – thì miệng Xa-cha-ri mở ra, lưỡi ông được cởi trói, và ông bắt đầu nói, ngợi khen Thiên Chúa. Được Thánh Thần đầy tràn, ông bắt đầu tiên tri, nói rằng: *"Ngợi khen Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, vì Ngài đã viếng thăm dân Ngài và ban sự giải cứu cho họ, và đã dựng nên sừng cứu rỗi cho chúng ta trong nhà Đa-vít, là Đấng Trẻ Thơ của Ngài, như đã được các thánh tiên tri của Ngài từ thuở xưa loan báo, rằng Ngài sẽ cứu chúng ta khỏi kẻ thù và khỏi tay những kẻ ghét chúng ta; Ngài sẽ tỏ lòng thương xót đối với các tổ phụ chúng ta và nhớ lại giao ước thánh của Ngài, lời thề mà Ngài đã thề với Áp-ra-ham, tổ phụ chúng ta, rằng sau khi được giải cứu khỏi tay kẻ thù, chúng ta sẽ được sống không sợ hãi, để phụng sự Ngài trong sự thánh khiết và công chính trước mặt Ngài, suốt cả cuộc đời chúng ta. Còn con, hỡi đứa trẻ, sẽ được gọi là tiên tri của Đấng Tối Cao, vì con sẽ đi trước mặt Chúa để dọn đường cho Ngài, giúp dân Ngài hiểu được sự cứu rỗi qua việc tha thứ tội lỗi của họ, nhờ lòng thương xót đầy ân sủng của Đức Chúa Trời chúng ta, Đấng đã viếng thăm chúng ta từ phương Đông trên cao, soi sáng những ai đang ngồi trong bóng tối và bóng chết, dẫn dắt bước chân chúng ta vào con đường bình an"* (Lc 1:68–79).

Nhưng rồi đã đến lúc Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, ra đời tại Bê-lem, và các nhà chiêm tinh từ phương Đông, sau khi nhìn thấy ngôi sao kỳ diệu, đã báo tin cho Hê-rốt về vị Vua mới sinh. Lúc bấy giờ, Hê-rốt đã sai quân lính đến Bê-lem để giết hết các trẻ sơ sinh, và ra lệnh giết cả con trai của Xa-cha-ri, người mà ông đã nghe nói nhiều. Hê-rốt biết rõ mọi sự đã xảy ra vào thời điểm Gioan ra đời; bởi vì tất cả những sự kiện đi kèm với sự ra đời của Gioan đã gieo rắc nỗi sợ hãi và sự kinh ngạc trong lòng dân chúng xung quanh. Tất cả người Do Thái đều bàn tán về những sự kiện kỳ diệu này; tin đồn đã lan đến tai Hê-rốt. Tất cả những ai nghe được đều suy ngẫm trong lòng về những điều đã xảy ra và nói: *"Đứa trẻ này sẽ trở thành ai đây?"* (Lc 1,66). Hê-rốt, giờ đây nhớ lại Gioan, bèn nghĩ: "Chẳng phải chính người này sẽ là Vua dân Do Thái sao?" Nảy sinh ý định giết hại cậu bé, nhà vua đã bí mật sai những kẻ sát nhân đến nhà ông Xa-cha-ri-a, nhưng những người được sai đi không tìm thấy thánh Gioan. Bởi vì, khi cuộc tàn sát vô nhân đạo các trẻ thơ ở Bê-lem bắt đầu, những tiếng rên rỉ và tiếng kêu thảm thiết đã vang đến Hê-bron, thành phố của Giu-đê, nơi các thầy tế lễ cư ngụ, vì thành phố này nằm cách Bê-lem không xa; tất nhiên, người dân Hê-bron cũng sớm biết được nguyên nhân của những tiếng kêu thảm thiết đó. Lúc đó, thánh Ê-li-sa-bét bế con trai mình, cậu bé Gioan, lúc đó đã được một tuổi rưỡi, và cùng con chạy trốn lên núi. Còn thánh Za-cha-ri-a lúc đó đang ở Giê-ru-sa-lem, thực hiện nghi lễ thường lệ theo thứ tự của dòng tu mình. Ẩn náu trên núi, Thánh Ê-li-sa-bét đã khóc lóc cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài bảo vệ bà và con trai bà. Khi nhìn thấy từ trên núi những binh lính đang lùng sục kỹ lưỡng những người trốn chạy và đã ở rất gần, bà kinh hoàng kêu lên với ngọn núi đá gần nhất: "Hỡi ngọn núi của Thiên Chúa, xin hãy đón nhận người mẹ và con trai này!" Ngọn núi lập tức mở ra, che chở họ bên trong, và nhờ đó họ đã trốn thoát khỏi những kẻ sát nhân đang truy đuổi. Không tìm thấy những người mình đang tìm kiếm, những người được cử đi đã trở về tay không trước mặt vua. Lúc đó, Hê-rốt ra lệnh cho Xa-cha-ri tại đền thờ phải giao con trai ông là Gio-an cho ông.

– Hiện nay tôi đang phụng sự Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên, – thánh Xa-cha-ri đáp lại, – và tôi không biết con trai tôi hiện đang ở đâu.

Hê-rốt nổi giận, lại sai người đến gặp ông lần thứ hai và ra lệnh giết chính Xa-cha-ri nếu ông không giao con trai mình ra. Những kẻ sát nhân hung ác lao đến như thú dữ, cố gắng thi hành ngay lệnh của vua, và gầm lên giận dữ với vị tư tế của Đức Chúa Trời:

[6024] Giô-suê 21:13; 1 Sử ký 6:65. Hê-bron là một trong những thành phố cổ xưa nhất của xứ Ca-na-an. Thành phố này vẫn tồn tại cho đến ngày nay và có khoảng mười nghìn cư dân, những người làm nghề buôn bán, trồng trọt, trồng vườn cây ăn quả và sản xuất rượu vang. Thành phố nằm cao hơn Giê-ru-sa-lem một nghìn feet, trong một thung lũng sâu và hẹp, được bao quanh bởi núi non ở cả hai bên, nằm trong một vùng đất được canh tác phong phú và trù phú. Toàn bộ vùng ngoại ô thành phố được bao phủ bởi những cây ô liu, lựu, sung và cây hồ trăn; đặc biệt, Hebron nổi tiếng với những vườn nho rộng lớn và tuyệt vời.

– Ngươi đã giấu con trai mình ở đâu? Hãy giao nó cho chúng ta, vì vua đã ra lệnh như vậy; còn nếu ngươi không giao con trai mình, thì chính ngươi sẽ phải chịu một cái chết thảm khốc.

Trước lời đó, thánh Zacharia đáp lại:

– Các ngươi có thể giết thân xác ta, nhưng linh hồn ta sẽ được Chúa đón nhận.

Lúc đó, bọn sát nhân xông vào Zacharia và giết ông ngay giữa nhà thờ và bàn thờ, như vua đã ra lệnh; máu của vị thánh đổ ra đã đông lại trên đá cẩm thạch và cứng như đá, làm bằng chứng và sự lên án vĩnh viễn đối với Hê-rốt; còn Ê-li-sa-bét, được Đức Chúa Trời che chở, cùng con trai mình ẩn náu trong ngọn núi đã nứt ra. Theo lệnh của Đức Chúa Trời, một hang động đã được sắp đặt cho họ ở đó, một suối nước đã tuôn trào, và trên hang động mọc lên một cây cọ, trên đó trĩu nặng trái cây dồi dào. Khi mẹ và con trai muốn ăn, cây cọ cúi xuống, dâng trái cây làm thức ăn, rồi lại thẳng đứng trở lại.

Bốn mươi ngày sau khi Thánh Zacharia bị sát hại, Thánh Elizabeth, mẹ của Thánh Gioan Tiền Hô, đã qua đời trong hang động đó, còn Thánh Gioan được Thiên Thần nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và được che chở trong sa mạc cho đến ngày Ngài hiện ra trước dân Israel.

Bài ca ngợi Thánh Zacharia, giọng 4:

Được khoác lên mình áo lễ của chức tư tế, hỡi vị khôn ngoan vô song, theo luật pháp của Đức Chúa Trời, ngài đã dâng lễ toàn thiêu một cách trang nghiêm và đẹp lòng, hỡi Zacharias, và ngài là ngọn đèn và người chứng kiến những điều bí ẩn, mang trong mình những dấu hiệu rõ ràng của ân sủng toàn năng: và sau khi bị giết bằng gươm trong đền thờ của Đức Chúa Trời, xin ngài, vị tiên tri của Đấng Kitô cùng với Tiền Hô, hãy cầu nguyện để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Kondak, giọng 3:

Hôm nay, ngài là vị tiên tri và linh mục của Đấng Tối Cao, Zacharia, cha của Tiền Hô, xin dâng lên bữa tiệc tưởng niệm của ngài, nuôi dưỡng những người trung thành, pha loãng thức uống của sự công chính cho mọi người: vì lý do này, ngài đã qua đời, như một người giữ bí mật thiêng liêng của ân sủng Thiên Chúa.

Kondak của Thánh Ê-li-sa-bét, giọng 4:

Như trăng tròn, ngài đã đón nhận ánh sáng chân lý từ mặt trời tinh thần của Đấng Mê-si-a, và ngài đã tuân giữ mọi điều răn của Chúa cùng với Zacharia, hỡi Thánh Elisabeth được Chúa yêu mến: chúng con ca ngợi Chúa, Đấng Toàn Năng chiếu sáng muôn loài, bằng những bài ca xứng đáng tôn vinh ngài.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Urvan, Theodor và Medimna, cùng nhiều người khác cùng với họ

Ngày tưởng niệm 5 tháng 9

Trong thời trị vì của hoàng đế độc ác Valens[6025] , những người theo phái Arian tại Constantinople có quyền lực to lớn và mở rộng ảnh hưởng của mình, bởi vì hoàng đế, bị mê hoặc bởi chính tà thuyết đó, đã giúp đỡ họ. Khi phát động cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu Chính Thống, họ đã trục xuất Giám mục Evagrius và đàn áp nặng nề các tín hữu: một số bị đánh đập, một số khác bị tống vào ngục tối, còn tài sản của một số người khác thì bị cướp bóc; nói tóm lại, họ bị áp bức bằng mọi cách. Vô cùng đau buồn trước tình trạng này, các tín hữu đã bí mật tụ họp và quyết định gửi một lời thỉnh cầu đến nhà vua, người lúc đó đang ở Nicomedia, mong rằng nếu không thể giải thoát họ hoàn toàn khỏi những kẻ Arian, thì ít nhất cũng hãy ra lệnh giảm bớt sự đàn áp đối với họ, để dân chúng

[6025] Valens – hoàng đế La Mã từ năm 364–378 sau Công nguyên, cai trị nửa phía đông của đế chế, là người bảo trợ nhiệt thành của phái Arian.

không phải chết hết. Để thực hiện việc này, họ đã chọn ra bảy mươi vị giáo sĩ xứng đáng, vững vàng trong đức tin, hùng hồn trong lời nói, nổi bật về trí tuệ, đứng đầu là Urvan, Theodor và Medimn. Sau khi lên đường, họ đã đến được Nicomedia và, khi đứng trước mặt nhà vua, đã khẩn thiết cầu xin ngài thương xót họ và bảo vệ họ khỏi tay những người Arian. Vua rất tức giận với họ, nhưng không để lộ ra vẻ giận dữ, mà bí mật gửi họ đến tổng trấn[6026] Modestus, ra lệnh cho ông ta bắt giữ và xử tử họ. Vị tổng giám mục, sau khi bắt giữ họ, lại e ngại việc xử tử họ công khai trước mặt mọi người; để tránh những lời đồn thổi trong dân chúng, ông ra lệnh đưa tất cả họ lên tàu và tung tin đồn rằng những người bị bắt sẽ bị đày đi lưu đày; trong khi đó, ông ta đã dặn dò các thủy thủ rằng khi ra đến giữa biển, họ phải xuống thuyền nhỏ và đốt cháy con tàu cùng với bảy mươi người đàn ông, và họ đã làm đúng như vậy: khi đến vùng biển Astakion, họ đã đốt cháy con tàu cùng các thánh tử đạo, trong khi bản thân họ đã xuống trước đó một chiếc thuyền nhỏ được chuẩn bị sẵn cho mục đích này, rồi trở về báo cáo với tổng trấn về cái chết của những người đàn ông đó. Con tàu bốc cháy như ngọn nến và lướt nhanh trên biển, nhờ gió thổi mạnh; con tàu chìm trong biển lửa đã đến một nơi được gọi là Dakidis ( ); khi neo đậu tại đây, con tàu đã cháy rụi hoàn toàn, tỏa ra từ thi thể đang cháy của các thánh tử đạo làn khói giống như khói trầm hương bay lên trời. Các thánh đã qua đời như vậy, và lời Kinh Thánh đã ứng nghiệm trên các ngài: (Thánh Vịnh 65:12). Bị lửa thiêu đốt trên mặt nước, các vị thánh này đã an nghỉ trong nơi an nghỉ thiên đàng[6027] , nơi các ngài đứng trước ngai của Chúa, cầu nguyện cho chúng con; xin Chúa, nhờ những lời cầu nguyện của các ngài, ban cho chúng con được hưởng sự sống đời đời. Amen.

Kỷ niệm Thánh Tử đạo Avdi

Ngày tưởng niệm 5 tháng 9

Vị thánh tử đạo này đã sống và chịu khổ nạn tại Ba Tư. Vì đã dùng giáo lý của mình để dẫn dắt nhiều người đến với đức tin vào Chúa Kitô, nên thủ lĩnh các pháp sư đã ra lệnh bắt ông và ép ông phải thờ lạy mặt trời và lửa, đồng thời từ bỏ Chúa Kitô. Vì sự tuyên xưng vững vàng về Thiên Chúa chân thật, ngài đã phải chịu đòn roi bằng những cây gậy gai nhọn hoắt. Bốn chiến binh đánh ngài lâu đến nỗi họ phải khiêng ngài về nhà trong tình trạng bất tỉnh, nơi ngài sớm dâng linh hồn thánh thiện và hạnh phúc của mình lên Thiên Chúa, ca ngợi và tạ ơn Ngài, đồng thời vui mừng vì được ân sủng chịu khổ vì danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta[6028] .

Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Fifaïl và Fiveï

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 9

Các thánh tử đạo này đã can đảm tuyên xưng trước mặt mọi người rằng Đức Kitô là Thiên Chúa chân thật, Đấng Tạo Hóa và Đấng Quan Phòng của muôn loài, còn các thần tượng thì họ gọi là những hình nộm câm điếc. Họ đã dẫn dắt nhiều người trở về với đức tin chân chính. Những kẻ ngoại đạo đã bắt giữ họ và tra tấn dã man. Cuối cùng, Thánh Fifaïl bị treo cổ trên cây và bị cưa làm đôi, còn em gái ngài là Thánh Fiveia bị giết bằng một nhát giáo đâm vào cổ. Cả hai đã phó thác linh hồn thánh thiện và hạnh phúc của mình vào tay Thiên Chúa, với lời cầu nguyện ngợi khen trên môi: "[6029] ".

Vụ sát hại Thánh Công tước Gleb

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 9

Svyatopolk, anh trai của Thánh Công tước Gleb, đã lừa dối để gọi anh ta ra khỏi Murom, bằng cách sai người truyền lời: "Cha ngươi sắp qua đời và đang gọi ngươi". Vào thời điểm đó, Svyatopolk đã giết chết anh trai của Gleb, Thánh Boris, và bắt đầu âm mưu giết hại Thánh Gleb[6030] . Hắn có ý định độc ác là giết hết các anh em

[6026] Eparch – từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "người đứng đầu". Đây là tên gọi dành cho các quan cai trị các tỉnh La Mã.
[6027] Đó là vào năm 370.
[6028] Thánh tử đạo Avdi đã chịu tử đạo dưới triều đại của vua Ba Tư Izdigerd (408–420).
[6029] Họ đã chịu tử đạo vào đầu thế kỷ II, dưới triều đại của Hoàng đế Trajan.

của mình để nắm toàn bộ quyền lực vào tay, nhưng kết cục của hành vi ác độc này là sự đau khổ vĩnh viễn, như lời tiên tri đã nói: *"Kẻ ác bị bắt bởi chính những việc làm của tay mình"* (Thánh Vịnh 9:17). Vào thời điểm đó, khi Công tước Gleb đang trên đường đến Kiev và đang ở gần Smolensk, tại Smyadyn[6031] , những kẻ sát nhân khốn kiếp do Svyatopolk phái đi – với lòng thù hận giống như những con thú dữ tợn – đã đuổi kịp ông. Thánh Gleb tưởng rằng họ đến để chào hỏi, nhưng họ lại âm mưu giết ông và bất ngờ bao vây ông từ mọi phía. Sau đó, đầu bếp của Thánh Gleb, người gốc Torchin[6032] , đã dùng dao đâm chết chủ nhân của mình vào ngày mùng 5 tháng Chín[6033] . Thi thể của ngài bị vứt bỏ ở một nơi hoang vắng. Nhưng Đức Chúa Trời đã không bỏ rơi tôi tớ của Ngài, mà đã tôn vinh ngài, giống như xưa kia đã tôn vinh Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên[6034] : thỉnh thoảng, trên nơi thi thể của Thánh Công tước nằm, người ta thấy một cột lửa, thỉnh thoảng lại xuất hiện những ngọn nến đang cháy, hoặc nghe thấy tiếng hát của các thiên thần. Những người chứng kiến những dấu hiệu này đã loan báo cho cả thành phố, và cư dân nơi đây đã rước thi hài vị thánh về Vyshgorod[6035] .

Lễ kỷ niệm Thánh Tông đồ Phêrô tại Athos

Ngày kỷ niệm: 5 tháng 9

Về ngôi thánh đường Thánh Tông đồ Phêrô được nhắc đến trong cuốn tiểu sử của Thánh Evtichius, Tổng Giám mục Constantinopolis (ngày 6 tháng 4), trong đó có ghi rằng, trước khi vị Tổng Giám mục này được bầu chọn vào năm 552, Hoàng đế Justinian[6036] đã có một thị kiến, mà ông đã tiết lộ cho người khác với lời thề: trong giấc mơ, ông thấy mình đang ở trong nhà thờ Thánh Tông đồ[6037] , chính Thánh Tông đồ đã hiện ra trước mặt ngài và, chỉ tay vào Thánh Eutychius, nói: "Người này hãy được phong làm giám mục cho các ngươi."

Lễ kính các thánh tử đạo Iuventin và Maximus

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 9

Các thánh tử đạo Iuventin và Maxim, những chiến binh, đã chịu tử đạo dưới thời hoàng đế La Mã Julianus Bội Đạo, người mà dưới triều đại của ông, họ từng giữ chức vụ lính khiên. Một lần nọ, khi đến Antiôkhia, Julian đã rảy nước từ các lễ tế thần tượng lên tất cả thực phẩm và đồ uống đang được bày bán tại chợ, với ý định buộc các Kitô hữu phải tham gia vào những lễ tế bất chính của mình. Vào thời điểm đó, hai tôi tớ của Đấng Christ này, khi

---

[6030] Gleb là con trai út của Thánh Công tước Vladimir Đại đế, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, sinh ra từ cuộc hôn nhân Kitô giáo của ngài với Công chúa Hy Lạp Anna. Ngài từng là hoàng tử của Murom cổ đại, trung tâm của vùng Rostov-Suzdal phía bắc (ngày nay là một thị trấn huyện khá nhỏ thuộc tỉnh Vladimir). Boris – anh em ruột của Thánh Gleb cùng mẹ, hoàng tử Rostov (Rostov – ngày nay là một thị trấn huyện thuộc tỉnh Yaroslavl); ông bị sát hại bởi những kẻ sát thủ được mua chuộc, ngay sau khi Vladimir qua đời vào năm 1015, trên sông Alta, nơi ông đang đóng trại khi trở về từ cuộc chinh phạt người Pecheneg. Svyatopolk – con trai của Vladimir với góa phụ của anh trai ông là Yaropolk; vì tội ác của mình, ông đi vào lịch sử với biệt danh "Kẻ Bị Nguyền Rủa" Sau khi giết Boris và Gleb, ông bị Yaroslav the Wise đánh bại và bị trục xuất khỏi Kiev, phải chạy trốn sang Ba Lan và sau đó chết một "cái chết thảm khốc" trong sa mạc giữa Ba Lan và Bohemia.

[6031] Smyadyn – một nhánh nhỏ của sông Dnieper, gần Smolensk.

[6032] Người Torks – một trong những dân tộc du mục có nguồn gốc châu Á⁴, trong thời kỳ Nga cổ đại với chế độ lãnh địa và hội đồng dân sự, họ chủ yếu sinh sống ở phía tây nam của đất nước.

[6033] Thánh Công tước Gleb qua đời vào năm 1015. Trong lễ rửa tội, Gleb được đặt tên là David.

[6034] Về việc tôn vinh di cốt thiêng liêng của Thánh Tử đạo đầu tiên Stefan trong "Chetiy Miney", có đoạn kể lại như sau: "Vào ban đêm, một luồng ánh sáng xuất hiện trên di cốt của vị thánh, và một mùi hương nồng nàn tỏa ra từ hòm thánh (nơi đựng di cốt), đồng thời tiếng hát của các thiên thần vang lên trong không trung". Xem ngày 2 tháng 8.

[6035] Vyshgorod – một thành phố cổ xưa và từng rất quan trọng của Nga, cách Kiev 15 verst về phía thượng nguồn sông Dnieper; nơi đây từng là pháo đài kiên cố bảo vệ Kiev từ phía bắc và là thành phố yêu thích của các vị Công tước vĩ đại của Kiev, đặc biệt là Vladimir Đại đế. – Tại Vyshgorod, di cốt của Thánh Công tước Gleb đã được chuyển đến và an táng cùng với di cốt của Thánh Công tước Boris vào năm 1019, dưới triều đại của Yaroslav the Wise tại Kiev. Năm 1072, lễ kỷ niệm đã được thiết lập để tôn vinh các vị Thánh Công tước. Xác thánh của các ngài đã bị thất lạc trong cuộc xâm lược Kiev của Baty, khan Mông Cổ, vào năm 1240.

[6036] Justinian Đại Đế – vị hoàng đế Byzantine lừng lẫy, trị vì từ năm 527 đến năm 565.

[6037] Thành phố Aphira hay Aphir nằm ở nơi sông Aphira đổ vào Biển Đá Cẩm Thạch và còn được gọi là Poros; thành phố này cách Constantinopolis 24.000 bước chân.

tham dự một bữa tiệc cùng với các chiến binh khác, đã buồn bã trò chuyện với họ về sự bất chính của nhà vua và lặp lại những lời của ba thiếu niên thánh, từng được nói tại Babylon: *"Ngài đã phó chúng tôi vào tay những kẻ thù vô luật pháp, những kẻ bội đạo đáng ghét nhất, và vào tay vị vua bất công và độc ác nhất trên toàn cõi đất"* (Đa-ni-ên 3:32).

Một trong những người dự tiệc đã truyền lại những lời này cho vua vào sáng hôm sau.

Lúc đó, vua triệu tập các chiến binh thánh và hỏi:

– Hôm qua tại bữa tiệc, các ngươi đã nói gì?

Họ đã nói sự thật và, lặp lại chính những lời đó, đã vạch trần nhà vua và lên án sự phản bội vô luật pháp của ông.

Vua nổi cơn thịnh nộ, ban đầu ra lệnh đánh đập họ không thương tiếc và ném vào ngục tối; sau đó, vào nửa đêm, ông sai một đao phủ đến ngục tối, người này đã giết chết họ trong bóng tối của ngục tối.

Ngày 19 tháng 9

Ngày 6 tháng 9 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm phép lạ của Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael tại Chonech

Ngày tưởng niệm 6 tháng 9

Tại thành phố Colossae thuộc Phrygia[6038] , gần thành phố Hierapolis[6039] , trên nguồn nước thần kỳ có một ngôi đền thờ Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael. Nhờ nước từ nguồn này, những người bệnh đã được chữa lành rất nhiều – thậm chí còn nhiều hơn cả tại bể tắm Siloam[6040] . Tại bể tắm đó, Thiên Thần của Chúa chỉ xuống một lần mỗi năm để khuấy động nước, còn ở đây thì ân sủng của vị chỉ huy các Thiên Thần luôn hiện diện. Ở đó, chỉ có người đầu tiên bước vào bể tắm sau khi nước được khuấy động mới được lành bệnh, còn ở đây – tất cả những ai đến với lòng tin, dù là người đầu tiên hay người cuối cùng, đều được lành bệnh. Ở đó, cần phải có những khu vực dành riêng cho bệnh nhân, những người phải chờ đợi sự chữa lành trong thời gian dài, vì có người phải mất đến 38 năm mới được lành bệnh; còn ở đây, chỉ trong một ngày, hoặc một giờ, người bệnh đã được lành bệnh. Người ta kể lại nguồn gốc của suối nước này như sau.

Khi cả vũ trụ chìm trong bóng tối của chủ nghĩa đa thần ngoại đạo và con người thờ phụng các loài sinh vật thay vì Đấng Tạo Hóa, – vào thời điểm đó, tại Hierapolis, những kẻ ngoại đạo tôn sùng một con rắn độc khổng lồ và đáng sợ[6041] , và cả đất nước, bị mê hoặc bởi sự cám dỗ của ma quỷ, đã thờ phụng nó. Những kẻ vô đạo đã xây dựng một đền thờ để tôn vinh con rắn độc này, nơi họ nuôi nhốt nó và, bằng cách dâng lên nó nhiều loại lễ vật khác

---

[6038] Colossae – một thành phố ở phía tây nam Phrygia, bên sông Lycus, gần Laodicea và Hierapolis. Vào năm thứ 10 triều đại của Nero (năm 64 sau Công nguyên), Colossae bị phá hủy bởi một trận động đất; sau đó thành phố được xây dựng lại, nhưng không bao giờ lấy lại được vinh quang như xưa. Sau này, thành phố này được gọi là Khoni. Ngày nay, đây là một ngôi làng nhỏ nằm trên một sườn núi Khonas, nơi vẫn còn lưu giữ những tàn tích của thành phố cổ Colossae. Một trong những thư của Thánh Phaolô được viết gửi cho cư dân của thành phố này. – Nhà thờ Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael đã tồn tại tại thành phố này từ thời cổ đại.

[6039] Ierapol (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "thành phố thiêng liêng") – một thành phố ở Tiểu Á, thuộc vùng Phrygia. Thành phố này tọa lạc không xa thành phố Colossae và Laodicea, gần nơi hợp lưu của hai con sông Meander và Lycus. Tên gọi hiện đại của thành phố là Rambuk-Kalesi (thành phố bông vải). Hierapolis từng có một vị giám mục tham dự Công đồng Nicaea lần thứ nhất vào năm 325. Tại Hierapolis, như chúng ta thấy qua câu chuyện được trình bày ở đây, Thánh Tông đồ Philip đã giảng dạy và chịu tử đạo.

[6040] Siloam – suối hoặc hồ Siloam, cùng với nhà tắm Siloam được xây dựng bên cạnh nó – nằm ở phía đông nam Jerusalem, dưới chân các ngọn núi Si-ôn và Mô-ri-a. Suối Siloam được đề cập đến 3 hoặc 4 lần trong Kinh Thánh, trong đó có trong các sách Phúc Âm của Thánh Gioan và Thánh Luca. (Xem Ga 5 và 9:7–11; Lc 13:4).

[6041] Echidna – loài rắn độc, dài khoảng 12 feet trở lên. Vết cắn của nó rất nguy hiểm và trong hầu hết các trường hợp đều dẫn đến cái chết nhanh chóng và không thể tránh khỏi. Trong Kinh Thánh, rắn nói chung được miêu tả là những loài vật đáng sợ và nguy hiểm, mà con người phải luôn sống trong tình trạng thù địch với chúng. Chúng là biểu tượng cho tất cả những gì, theo bản chất của nó, gây ra tổn hại và sự hủy diệt (Truyền Đạo 10:11; Châm Ngôn 21:31–33; Ma-thi-ơ 7:10).

nhau, đã nuôi dưỡng con rắn độc này – loài đã gây hại cho rất nhiều người. Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, mong muốn soi sáng thế gian bằng ánh sáng của sự hiểu biết Ngài và dẫn dắt những người lầm lạc trở về con đường chân chính, đã sai các môn đệ và các Tông đồ thánh thiện của Ngài đi khắp các miền đất để rao giảng Tin Mừng cho mọi người. Hai trong số các Tông đồ – Thánh Gioan Thần Học và Thánh Philip – một người đến Ê-phê-sô[6042] , người kia đến Hi-ê-ra-pol, và cả hai đều miệt mài rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô tại đó. Vào thời điểm đó, tại Ê-phê-sô có một ngôi đền kỳ vĩ và tượng thần của nữ thần ngoại giáo nổi tiếng Artemis[6043] . Với thanh gươm thiêng liêng – Lời Chúa – Thánh Gioan Thần Học đã chiến thắng những người phụng sự và những kẻ thờ lạy nữ thần này: nhờ quyền năng danh Chúa Kitô, ngài đã phá hủy ngôi đền và nghiền nát tượng thần thành tro bụi, và qua đó dẫn dắt cả thành phố đến với đức tin thánh thiện. Sau khi phá hủy tượng thần Artemis, Thánh Gioan Thần Học đã rời Ê-phê-sô đến Hi-ê-ra-pô-lơ để giúp đỡ người cộng sự của ngài, Thánh Tông đồ Phi-líp; lúc đó, tại đó còn có Thánh Tông đồ Ba-tô-lô-mê-ô và chị gái của Phi-líp là Ma-ri-a-mi-a. Cùng với họ, Thánh Gioan Thần Học đã cống hiến cho công cuộc cứu rỗi con người. Trước tiên, họ đã đối đầu với con rắn độc, loài mà những kẻ điên rồ dâng lễ vật, coi sinh vật này như Thượng Đế. Bằng những lời cầu nguyện của mình, họ đã tiêu diệt con rắn độc đó, và dẫn dắt những người thờ phụng nó quay về với Đấng Thượng Đế Duy Nhất và Chân Thật, Đấng đã tạo dựng trời và đất. Khi dừng chân tại một nơi gọi là "Hero-topa", họ đã tiên tri rằng ân sủng của Đức Chúa Trời sẽ chiếu rọi nơi đây, rằng nơi này sẽ được Thống soái các lực lượng thiên đàng, Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, viếng thăm, và rằng những phép lạ sẽ xảy ra tại đây. Tất cả những điều này đã sớm trở thành hiện thực. Khi Thánh Gioan Thần Học lên đường rao giảng Tin Mừng tại các thành phố khác, còn Thánh Tông đồ Philipphê thì bị những kẻ vô đạo bắt bớ, còn Bartholomew và Mariamia cũng tản mác sang các quốc gia khác – thì tại nơi đó, theo lời tiên tri của vị Thánh Tông đồ, đã xuất hiện nguồn nước làm phép lạ. Như vậy, những lời trong Kinh Thánh đã được ứng nghiệm: *"Nước sẽ tuôn trào trong sa mạc, và những dòng suối sẽ chảy trên đồng hoang. Hình bóng của nước sẽ biến thành hồ, và đất khô cằn sẽ trở thành suối nước; nơi ở của chó rừng, nơi chúng nghỉ ngơi, sẽ trở thành nơi mọc lau sậy và cỏ lau. Và ở đó sẽ có một con đường lớn, và lối đi trên đó sẽ được gọi là con đường thánh"*[6044] (Is 35:6–8.). Không chỉ những người tin Chúa mà cả những người không tin cũng bắt đầu đến suối nước này, vì những phép lạ diễn ra ở đó, như tiếng kèn vang dội, đã kêu gọi tất cả mọi người đến đây; và tất cả những ai uống nước và rửa mặt từ suối này đều được chữa lành khỏi bệnh tật, và nhiều người, sau khi được khỏe mạnh, đã chịu phép rửa tội nhân danh Chúa Ba Ngôi.

Vào thời điểm đó, tại Laodicea[6045] có một người Hy Lạp, người có cô con gái duy nhất bị câm bẩm sinh. Cha cô rất đau buồn vì điều này và đã nỗ lực rất nhiều để chữa lành chứng câm của con gái, nhưng không đạt được kết quả gì, nên ông rơi vào trạng thái chán nản sâu sắc. Một đêm nọ, khi đang ngủ trên giường, ông thấy trong một thị kiến một Thiên Thần của Chúa, rực rỡ như mặt trời. Thị kiến này không phải vì ông xứng đáng với điều đó, mà là để qua đó ông nhận ra lẽ thật và dẫn dắt những người khác đến với Chúa. Khi nhìn thấy Thiên Thần, ông hoảng sợ, nhưng đồng thời cũng nghe thấy những lời này từ Ngài:

– Nếu ngươi muốn con gái ngươi nói được, hãy đưa con bé đến suối nước của ta, nằm ở "Hero-top", gần Hierapolis, – cho con bé uống nước từ suối này, và lúc đó ngươi sẽ thấy vinh quang của Đức Chúa Trời.

Khi tỉnh dậy, người đàn ông này ngạc nhiên trước những gì mình đã thấy và, tin vào những lời được nói với mình, ngay lập tức bế con gái và vội vã đến nguồn nước kỳ diệu. Tại đó, ông thấy rất nhiều người đang múc nước này, làm phép rửa tội trong đó và được chữa lành khỏi các bệnh tật của họ. Ông hỏi họ:

– Các ngươi đang cầu khẩn ai khi tắm rửa bằng nước này?

[6042] Ê-phê-sô, nằm bên bờ Biển Aegean, là một thành phố thương mại quan trọng ở Tiểu Á.

[6043] Artemis – hay còn gọi là Diana – là nữ thần ngoại giáo nổi tiếng của người Hy Lạp, tượng trưng cho mặt trăng và được coi là vị thần bảo trợ của rừng rậm và săn bắn. Các nghi lễ thờ phụng nữ thần này được cử hành với sự hoành tráng và lộng lẫy; người ta đặc biệt tôn kính bà tại thành phố Ê-phê-sô.

[6044] Tại đoạn này, tiên tri Ê-sai chỉ ra những hậu quả vĩ đại sẽ đi kèm với sự giáng sinh của Đấng Cứu Thế trên thế gian. Khi đó, "nước sẽ tuôn trào thành dòng trong sa mạc, và vì thế, trên vùng đất khô cằn sẽ xuất hiện rừng rậm hay thung lũng", và khi đó "vùng đất khô cằn sẽ biến thành hồ nước, và trên vùng đất khô cằn sẽ xuất hiện suối nước: (đến nỗi) chim chóc sẽ vui đùa ở đó, lau sậy sẽ mọc lên và đồng cỏ sẽ xuất hiện".

[6045] Laodicea – thành phố chính của Phrygia, nằm ở phía tây nam của vùng này, gần thành phố Colossae, bên bờ sông Lycus. Giáo hội Laodicea là một trong bảy giáo hội nổi tiếng của Tiểu Á được đề cập trong Sách Khải Huyền. Trong lịch sử Giáo hội, Laodicea được biết đến nhờ Hội đồng Giám mục từng diễn ra tại đây (khoảng năm 365), đã để lại những quy định chi tiết về trật tự Thánh lễ, đạo đức của hàng giáo sĩ và giáo dân, cũng như các sai lầm khác nhau của thời kỳ đó.

Họ đáp lại:

– Chúng tôi kêu cầu danh Cha, Con và Thánh Thần, đồng thời kêu cầu sự trợ giúp của Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael.

Lúc đó, người đàn ông ấy ngước mắt lên trời và giơ hai tay lên, rồi nói:

– Lạy Cha, Con và Thánh Thần, – lạy Thiên Chúa của người Kitô hữu, – xin thương xót chúng con! Lạy Thánh Michael, tôi tớ của Thiên Chúa, xin giúp đỡ và chữa lành cho con gái tôi!

Nói xong, ông múc nước từ suối và với lòng tin, rót vào miệng con gái; ngay lập tức, lưỡi cô bé vốn bị câm bỗng cởi trói để ngợi khen Thiên Chúa, và cô bé nói rõ ràng:

– Lạy Thiên Chúa của người Kitô hữu, xin thương xót con! Thánh Michael, xin giúp đỡ con!

Tất cả những người có mặt tại đó đều kinh ngạc trước quyền năng của Chúa và, trong khi tôn vinh Thánh Ba Ngôi, họ ca ngợi sự giúp đỡ của Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael. Người Hy Lạp ấy, khi thấy con gái mình đã được chữa lành, vô cùng vui mừng và ngay lập tức chịu phép rửa tội cùng với con gái và tất cả những người trong gia đình đã đi cùng ông. Để bày tỏ lòng biết ơn, ông đã xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp bên suối nước thần kỳ, dâng hiến cho Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael, Tư lệnh các lực lượng thiên đàng. Sau khi trang hoàng nhà thờ này thật lộng lẫy và cầu nguyện rất nhiều tại đó, người Hy Lạp ấy đã trở về nhà.

Vào năm thứ 90 kể từ khi nhà thờ này được xây dựng, một cậu bé mười tuổi tên là Archippus đã đến đó từ Hierapolis; cha mẹ cậu là những Kitô hữu sùng đạo và đã nuôi dạy con trai mình trong sự đạo đức. Archippus bắt đầu sống tại nhà thờ Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, đảm nhận chức vụ phó tế tại đó. Cậu bé này bắt đầu tuân theo một nguyên tắc trong cuộc sống: kể từ khi định cư tại nhà thờ đó để phụng sự Thiên Chúa, cậu không ăn bất kỳ thức ăn hay đồ uống trần tục nào: không thịt, không rượu, thậm chí không ăn bánh mì, mà chỉ ăn rau dại trong sa mạc, do chính cậu hái và nấu; anh chỉ ăn một lần mỗi tuần và không dùng muối, còn đồ uống của anh chỉ là một lượng nước rất ít. Nhờ sự kiêng khem như vậy, chàng trai này đã chế ngự được xác thịt của mình, và luôn duy trì những đức tính ấy từ khi còn trẻ cho đến khi về già, toàn tâm toàn ý hướng về Chúa và sống giống như những vị thánh vô hình. Quần áo của anh ta rất đơn sơ: anh ta chỉ có hai tấm vải thô[6046] , trong đó một tấm mặc trên người, còn tấm kia dùng để phủ lên giường ngủ, được trải bằng những hòn đá nhọn. Ngài phủ tấm vải lên giường để những ai vào nhà không thấy ngài đang ngủ trên những hòn đá nhọn; còn gối đầu của ngài là một chiếc túi nhỏ chứa đầy gai góc. Đó chính là chiếc giường của vị tu sĩ thánh thiện này. Giấc ngủ và sự nghỉ ngơi của ông diễn ra như sau: khi cảm thấy cần phải ngủ, ông nằm xuống trên những hòn đá và gai nhọn – đến nỗi đó gần như là sự tỉnh táo hơn là giấc ngủ, và sự nghỉ ngơi của ông là sự đau khổ hơn là sự yên bình. Vì nằm trên những tảng đá cứng thì đâu là sự nghỉ ngơi cho thân thể, và giấc ngủ nào khi đầu tựa trên những cành gai nhọn? Hàng năm, Archippus lại thay đổi áo quần của mình: chiếc áo vải thô mà ông mặc trên người, ông dùng để phủ lên giường, còn chiếc áo trên giường thì ông mặc vào người; sau một năm, ông lại thay đổi những chiếc áo vải thô đó. Như vậy, không có chút an nghỉ nào cả ngày lẫn đêm, ngài đã làm chết đi thân xác mình và bảo vệ linh hồn khỏi những cạm bẫy của kẻ thù. Trên con đường đời chật hẹp và đầy đau khổ ấy, Thánh Archippus, kêu cầu Thiên Chúa, đã cầu nguyện:

– Lạy Chúa, xin đừng để con vui hưởng những niềm vui hư ảo trên trần gian này; xin đừng để đôi mắt con nhìn thấy bất kỳ điều tốt lành nào của thế gian này, và xin đừng để con tìm thấy bất kỳ niềm an ủi nào trong cuộc đời tạm bợ này. Xin Chúa hãy làm cho đôi mắt con tràn đầy những giọt nước mắt thiêng liêng, ban cho con lòng ăn năn trong lòng, và sắp xếp con đường của con, để cho đến cuối đời, con có thể làm chết đi xác thịt của mình và khuất phục nó trước Thánh Thần. Thân xác phù du này của con, được tạo ra từ đất, sẽ mang lại lợi ích gì cho con? Nó giống như bông hoa, sáng nở rộ, chiều tàn lụi! Nhưng xin Chúa cho con siêng năng làm việc vì những điều có ích cho linh hồn và cho sự sống đời đời.

Cầu nguyện và rèn luyện như vậy, thánh Archippus đã trở nên giống như một Thiên thần của Đức Chúa Trời, sống đời sống thiên đàng ngay trên đất. Vị thánh không chỉ lo lắng cho sự cứu rỗi của chính mình, mà còn cho sự cứu rỗi của người khác, vì ngài đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo đến với Chúa Kitô và làm phép rửa cho họ. Những người Hy Lạp vô đạo, khi chứng kiến tất cả những điều này, đã ghen tị với Thánh Archippus và, không chịu đựng nổi những phép lạ vinh quang phát xuất từ nguồn thánh, đã căm ghét người đàn ông công chính đang sống tại đó. Họ thường xuyên tấn công Thánh Archippus, túm tóc và râu ngài, quật ngài xuống đất rồi giẫm đạp lên người, và sau khi tra tấn đủ mọi cách, họ đuổi ngài ra khỏi đó. Nhưng với tinh thần kiên định như kim cương[6047]

[6046] Vretishche – túi làm bằng vải thô hoặc vải dệt thô, – áo rách, áo lông cừu.

, Thánh Archippus đã dũng cảm chịu đựng tất cả những điều này từ những kẻ thờ thần tượng và không rời khỏi ngôi đền thánh, phụng sự Thiên Chúa bằng sự thánh thiện và lòng nhân ái của mình, đồng thời lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn loài người.

Một lần nọ, những người Hy Lạp vô đạo tụ tập đông đảo và bàn tán với nhau:

– Nếu chúng ta không lấp nguồn nước này bằng đất và không giết người đàn ông mặc áo rách đó, thì tất cả các vị thần của chúng ta sẽ bị sỉ nhục hoàn toàn vì những người được chữa lành tại đó.

Sau đó, họ đi để lấp nguồn nước làm phép lạ bằng đất và giết người vô tội – vị thánh Archippus. Tiếp cận nơi thánh từ hai phía – một số người lao về phía nhà thờ và nguồn nước, còn những người khác vội vã đến nơi ở của vị thánh Archippus để giết ông. Nhưng Chúa, Đấng quan tâm đến số phận của những người công chính và không để họ rơi vào tay những kẻ tội lỗi, đã bảo vệ tôi tớ của Ngài khỏi những kẻ sát nhân đó: đột nhiên tay họ tê liệt, đến nỗi họ không thể dùng tay chạm vào vị thánh nhân. Từ dòng nước ấy đã xảy ra một phép lạ phi thường: ngay khi những kẻ vô đạo tiến gần đến suối nước, lập tức một ngọn lửa bùng lên từ dòng nước và lao vào những kẻ vô đạo, đuổi chúng ra xa khỏi suối nước; nhờ vậy, những kẻ vô đạo này đã phải chạy trốn trong sự xấu hổ khỏi suối nước và khỏi vị thánh Archippus, mà không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho ngài. Tuy nhiên, họ vẫn không chịu tỉnh ngộ trước phép lạ này: vừa nghiến răng, họ vừa không ngừng khoe khoang rằng sẽ hủy diệt nguồn nước đó, nhà thờ và vị linh mục. Tại nơi đó có một con sông tên là Chrysos, chảy dọc theo phía bên trái của nhà thờ. Những kẻ vô đạo đã nảy ra ý định dẫn dòng sông đó tràn vào nơi thánh, để suối thánh, khi hòa lẫn với nước sông, sẽ mất đi sức mạnh làm phép lạ của mình. Nhưng khi chúng bắt đầu thực hiện mưu đồ độc ác của mình và chuyển dòng chảy của con sông về phía suối thánh để ngập lụt nó, thì theo lệnh của Đức Chúa Trời, dòng sông đã thay đổi hướng chảy và chảy qua phía bên phải của nhà thờ. Và một lần nữa, những kẻ vô đạo đã phải trở về nhà trong sự xấu hổ.

Ở đó còn có hai con sông khác, chảy từ phía đông và tiến gần đến nơi thánh thiêng đó ở khoảng cách ba stade; tên của một con sông là Likokaper, còn con sông kia là Kufos. Cả hai con sông này, sau khi gặp nhau ở chân ngọn núi lớn, hợp lưu lại với nhau và, chảy về phía bên phải, đổ vào vùng đất Lycia[6048] . Ma quỷ xảo quyệt đã gieo rắc ý đồ độc ác vào lòng những kẻ vô đạo: hắn xúi giục họ dẫn nước của cả hai con sông đó tràn vào nơi thánh thiêng, nhằm phá hủy đền thờ Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, đồng thời khiến nước tràn ngập suối thánh và nhấn chìm Thánh Archippus. Khu vực này rất thuận lợi để dẫn nước đến đó, vì các con sông chảy ra từ đỉnh núi, còn nhà thờ lại nằm ở ngay dưới chân núi. Sau khi thông đồng với nhau, những kẻ vô đạo đã đổ về làng Laodicea với số lượng rất đông từ khắp các thành phố và tiến về phía nhà thờ. Gần bàn thờ nhà thờ có một tảng đá khổng lồ; từ tảng đá này, chúng bắt đầu đào một con mương sâu và rộng cho đến tận ngọn núi, nơi các con sông hợp lưu với nhau. Sau đó, chúng đã đào con mương với rất nhiều vất vả, để nước có thể được dẫn vào nhà thờ, và chặn các con sông lại để tích trữ nhiều nước hơn; những kẻ vô đạo đã lao động mười ngày trong công việc vô ích này. Thấy việc làm của những kẻ vô đạo, Thánh Archippus quỳ sấp xuống đất trong nhà thờ và khóc lóc cầu nguyện cùng Thiên Chúa, kêu cầu sự trợ giúp của vị trung gian nhanh chóng là Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, để ngài bảo vệ nơi thánh khỏi bị ngập lụt và không để cho kẻ thù, những kẻ đang cố gắng hủy diệt thánh địa của Chúa, được vui mừng.

– Tôi sẽ không rời khỏi nơi này, – vị thánh Archippus nói, – tôi sẽ không rời khỏi nhà thờ, mà thậm chí sẽ chết tại đây, nếu Chúa cho phép nơi thánh này bị ngập lụt.

Mười ngày trôi qua, khi mực nước dâng cao, những kẻ vô đạo đã đào bới nơi mà nước lẽ ra phải chảy theo con đường đã được chuẩn bị sẵn, và vào giờ đầu tiên của đêm, họ đã xả nước sông vào ngôi đền thánh; còn bản thân họ thì rời khỏi đó và đứng trên một vị trí cao ở phía bên trái, mong được chứng kiến nơi thánh này bị ngập lụt. Lúc đó, nước ào ạt đổ xuống, ầm ầm như sấm sét. Thánh Archippus, lúc đó đang cầu nguyện trong nhà thờ, nghe thấy tiếng ồn ào của nước và càng sốt sắng cầu nguyện với Thiên Chúa và Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, để nơi

---

[6047] Adamant (kim cương) – loại đá có độ cứng đến mức có thể mài mòn các loại đá khác mà bản thân nó không hề bị tổn hại. Trong văn học Giáo hội, danh xưng này được dùng để chỉ nhiều vị Thánh Cha và các nhà giảng dạy của Giáo hội, những người nổi tiếng vì sự kiên định trong đức tin hoặc tính cách của mình.

[6048] Lycian – một tỉnh thuộc Tiểu Á. Tỉnh này giáp với Pisidia ở phía bắc, với Pamphylia ở phía đông, với Biển Pamphylia hay nói chung là Biển Địa Trung Hải ở phía nam, và với Caria ở phía tây. Trong Kinh Thánh, hai thành phố của Lycian được nhắc đến là Patara và Myra. Tông đồ Phaolô đã ghé qua Patara trong một thời gian ngắn khi trở về sau chuyến hành trình thứ ba đến Giêrusalem (Công vụ 21:1). Các thành phố Patara và Myra đặc biệt nổi tiếng với các tín hữu nhờ câu chuyện về Thánh Nicôla, Tổng Giám mục Myra. Patara thuộc Lycia là quê hương của ngài, còn tại Myra, ngài từng là Giám mục.

thánh này không bị ngập lụt, và những kẻ thù vô đạo không được hân hoan, mà phải bị sỉ nhục; để danh Chúa được tôn vinh, và quyền năng cùng sự che chở của các Thiên thần được tôn cao. Rồi ngài cất tiếng hát Thánh vịnh của Đa-vít:

– *"Các dòng sông dâng cao, lạy Chúa, các dòng sông dâng cao tiếng nói của mình, các dòng sông dâng cao những con sóng của mình. Nhưng hơn cả tiếng ồn ào của muôn dòng nước, hơn cả những con sóng biển mạnh mẽ, Chúa ở trên cao vẫn hùng mạnh. Lời mặc khải của Ngài chắc chắn là chân thật. Sự thánh khiết thuộc về Đền Thờ Ngài, lạy Chúa, mãi mãi"* (Thánh vịnh 92:3–5).

Khi vị thánh Archippus đang ngâm bài thánh ca này, ngài nghe thấy một tiếng nói ra lệnh cho ngài ra khỏi nhà thờ. Khi ra khỏi nhà thờ, ngài thấy vị Đấng Bào Chữa và Bảo Vệ vĩ đại của dòng dõi Kitô hữu – Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael, dưới hình dạng một người đàn ông tuyệt đẹp và rực rỡ, giống như Ngài đã hiện ra với Tiên Tri Đa-ni-ên xưa kia (Đa-ni-ên 10:1–21). Thánh Archippus, không thể nhìn thẳng vào Ngài, vì sợ hãi nên đã ngã xuống đất.

Thiên thần trưởng bèn nói với ngài:

– Đừng sợ, – hãy đứng dậy, đến gần Ta đây và ngươi sẽ thấy quyền năng của Đức Chúa Trời trên dòng nước này.

Thánh Archipp đứng dậy và, với lòng kính sợ, tiến lại gần vị Tướng quân của các đạo binh trên trời, rồi dừng lại ở phía bên trái theo lệnh của ngài; lúc đó, ngài nhìn thấy một cột lửa vươn lên từ mặt đất lên đến trời. Khi nước đã đến gần, Tổng chỉ huy giơ tay phải lên và, làm dấu thánh giá trên mặt nước, nói:

– Hãy dừng lại ở đó!

Và ngay lập tức, dòng nước quay ngược lại. Như vậy, lời tiên tri đã ứng nghiệm: *"Nước đã thấy Ngài và run sợ"* (Thánh Vịnh 76:17). Các dòng sông đứng im như bức tường đá và vươn cao lên trời, giống như ngọn núi cao. Sau đó, vị Tổng lãnh thiên thần quay về phía đền thờ, dùng cây gậy đập vào tảng đá khổng lồ nằm gần bàn thờ, và vẽ dấu thánh giá lên đó. Ngay lập tức, một tiếng sấm lớn vang lên, mặt đất rung chuyển và tảng đá tách làm đôi, tạo thành một khe núi khổng lồ. Lúc đó, Tổng lãnh thiên thần Michael đã thốt lên những lời sau:

– Nguyện mọi thế lực chống đối ở đây đều bị tiêu diệt, và nguyện tất cả những ai đến đây với lòng tin đều được giải thoát khỏi mọi điều ác!

Nói xong, ngài ra lệnh cho Archippus bước sang phía bên phải. Khi vị tu sĩ bước sang đó, Thánh Michael đã lớn tiếng phán với dòng nước:

– Hãy chảy vào khe núi này!

Và ngay lập tức, nước ầm ầm chảy vào khe đá, và từ đó trở đi, nước luôn chảy theo con đường này xuyên qua đá. Những kẻ thù đứng bên trái, đang chờ đợi để chứng kiến ngôi thánh đường bị ngập lụt, đã hóa đá vì sợ hãi. Sau khi cứu ngôi đền và vị tu sĩ Archippus khỏi bị ngập lụt, Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael đã thăng thiên, còn vị tu sĩ Archippus đã tạ ơn Thiên Chúa vì phép lạ vĩ đại ấy, đồng thời ca ngợi vị bảo hộ vĩ đại, Tổng lãnh thiên thần Michael, vì sự che chở cao cả của ngài. Lúc bấy giờ, tất cả những kẻ chống đối đều cảm thấy hổ thẹn, còn các tín hữu thì tràn ngập niềm vui lớn lao; họ đến Đền Thờ Thiên Thần và suối nước kỳ diệu, cùng với Thánh Archippus ca ngợi Thiên Chúa. Kể từ đó, người ta quyết định kỷ niệm ngày mà phép lạ đã xảy ra nhờ sự hiện ra của Thiên Thần. Thánh Archippus đã sống nhiều năm tại nơi đó, tận tụy phụng sự Đức Chúa Trời, và qua đời trong bình an khi đã 70 tuổi. Các tín hữu đã an táng ngài tại chính nơi đó, nơi được gọi là "Honi" (tức là "sự chìm xuống"[6049]) vì phép lạ nêu trên, bởi vì tại đó, nước đã chìm sâu vào trong đá.

Cũng cần đề cập đến những phép lạ khác của Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, vị ân nhân của dân tộc Kitô giáo.

Giữa Biển Adriatic và ngọn núi mang tên Gargan[6050] , có thành phố Sipont, cách ngọn núi đó 12.000 foot[6051] . Tại thành phố đó có một người giàu có, đàn gia súc của ông ta thường chăn thả dưới chân núi Gargan. Một lần, ông ta mất một con bò đực, con vật này đã tụt lại phía sau đàn. Ông cùng các nô lệ của mình đã tìm kiếm con bò đực này rất lâu và cuối cùng cũng tìm thấy nó trên đỉnh núi, ngay trước cửa một hang động. Giận dữ và mệt mỏi

---

[6049] "Chonas" (tiếng Hy Lạp) – lỗ hổng, hố sâu, khe nứt.

[6050] Gargano – ngọn núi đá vôi nằm trên bờ đông của miền Trung Ý. Ngọn núi Gargano đã được các nhà văn cổ đại thời tiền Kitô giáo như Strabo, Mela, Virgil và những người khác đề cập đến.

[6051] "Stopa" – đơn vị đo khoảng cách; theo đơn vị của chúng ta, tương đương khoảng 4 vershok. 12.000 stopa tương đương khoảng 2 verst.

vì cuộc tìm kiếm, người đàn ông đó lấy cung và mũi tên, rồi bắn vào con bò đực của mình với ý định giết nó. Bất ngờ, mũi tên quay ngược lại và trúng chính người bắn. Những người đi cùng ông, khi chứng kiến cảnh đó, đã hoảng sợ và, không dám lại gần hang động ấy, quay trở về thành phố và kể lại sự việc đã xảy ra. Khi biết được điều này, vị giám mục của thành phố ấy đã dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, xin Ngài bày tỏ cho ông bí mật này. Và rồi Tổng thiên thần Michael hiện ra với ngài trong một giấc mơ và báo cho biết rằng Ngài đã chọn nơi đó làm nơi ở của mình, bảo vệ nó và mong muốn thường xuyên ghé thăm nơi đó cũng như giúp đỡ những người đến đó để cầu nguyện. Vị giám mục đã thông báo về giấc mơ này cho dân chúng và ra lệnh cho toàn thành phố ăn chay ba ngày; sau đó, ngài cùng với các linh mục và toàn thể dân chúng lên ngọn núi đó. Khi leo lên đến đỉnh núi, họ phát hiện ra một hang động trong đá với lối vào hẹp và không dám bước vào bên trong, nhưng đã dâng lời cầu nguyện trước cửa hang. Kể từ đó, người dân thường xuyên đến đó để cầu nguyện với Chúa và Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael.

Một lần nọ, người Naples[6052] , khi đó vẫn chưa tin Chúa, đã tập hợp quân đội và bất ngờ tiến đến thành phố Sipontum với ý định chiếm đóng và tàn phá nơi này. Người dân vô cùng hoảng sợ. Lúc đó, vị giám mục đã ra lệnh cho cư dân thành phố đó ăn chay ba ngày và cầu nguyện để được giải thoát khỏi những kẻ thù đang bao vây họ. Trước khi đến ngày mà kẻ thù đã định để tàn phá thành phố một cách triệt để, vị chỉ huy tối cao của các lực lượng thiên đàng, Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, đã hiện ra trong một giấc mơ với vị giám mục và nói:

– Ngày mai, vào lúc 4 giờ chiều, ngài hãy ra lệnh cho dân chúng trang bị vũ khí và ra khỏi thành phố để chống lại kẻ thù, còn tôi sẽ đến giúp đỡ các ngài.

Khi tỉnh giấc, vị giám mục đã kể lại giấc mơ này cho tất cả mọi người và khiến họ vô cùng vui mừng trước chiến thắng được Thiên Chúa báo trước trước những kẻ ngoại đạo. Khi đến 4 giờ chiều, một tiếng sấm rền vang lên, và khi ngước mắt lên, mọi người đều thấy một đám mây đang trôi xuống núi Gargan. Cùng lúc đó, giống như ngày xưa trên núi Sinai (Xuất Hành 19:1–25), lửa, khói, chớp và sấm sét xuất hiện, khiến cả ngọn núi rung chuyển và chìm trong mây mù. Kẻ thù, khi thấy cảnh đó, đã hoảng sợ và bỏ chạy; còn người dân, khi nhận ra rằng vị Thánh Bảo Hộ nhân từ và Đấng Bênh Vực nhanh nhẹn của họ, Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael cùng các chiến binh thiên đàng đã đến cứu giúp, đã mở cổng thành và đuổi theo kẻ thù, đánh bại chúng như những cọng rơm; họ truy đuổi từ phía sau, còn Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael thì từ trên cao giáng sấm sét xuống tiêu diệt chúng; có 600 người đã chết trong ngày hôm đó vì sấm sét. Người dân Sipont truy đuổi kẻ thù đến tận Naples và, nhờ sự trợ giúp của vị Tướng quân của các lực lượng thiên đàng, đã đánh bại chúng, rồi hân hoan trở về thành phố của mình. Kể từ đó, người dân Naples, sau khi chứng kiến sức mạnh hùng mạnh của Đức Chúa Trời Toàn Năng, đã chấp nhận đức tin thánh thiện. Còn người dân Sipontum, sau khi tập hợp đầy đủ cùng với giám mục và các linh mục, đã lên ngọn núi nơi xảy ra hiện tượng đáng sợ ấy, với mong muốn dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời và vị trợ thủ của họ, Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, cùng tất cả các lực lượng thiên đàng. Khi họ đến gần cửa hang động đó, họ phát hiện trên mặt đá cẩm thạch một dấu chân người nhỏ, in rõ nét như thể được in trên đất bùn. Lúc đó, họ nói với nhau:

– Này, quả thật Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael đã để lại dấu hiệu về chuyến viếng thăm của Ngài tại đây, vì chính Ngài đã có mặt ở đây để giải cứu chúng ta khỏi kẻ thù.

Họ cúi đầu kính lạy, hôn lên dấu chân ấy, rồi sau khi cử hành bài thánh ca cầu nguyện, họ vui mừng vì có được vị bảo hộ và người che chở như vậy, và dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa. Tại nơi đó, họ quyết định xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael. Khi họ bắt tay vào việc xây dựng, Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael lại hiện ra trước mặt vị giám mục và nói:

– Các ngươi không nên lo lắng về ngôi nhà thờ: Ta đã chuẩn bị sẵn một ngôi đền cho chính mình ở đó mà không cần các ngươi phải vất vả, chỉ cần bước vào đó là được. Còn ngươi, vào ngày mai, hãy cử hành Thánh Lễ tại đó và ban Thánh Thể cho các tín hữu.

Sau thị kiến đó, vị giám mục ra lệnh cho mọi người chuẩn bị rước Mình Thánh Chúa và cùng họ đi đến đó, vừa đi vừa hát các bài thánh ca cầu nguyện. Khi họ đến nơi thánh thiêng ấy, nơi những dấu chân thánh đã hiện lên trên đá cẩm thạch, họ phát hiện ra một nhà thờ nhỏ được tạc trong đá, có hình dạng như một hang động; tường của nó không phẳng lì, còn chiều cao thì không đều: có chỗ thì đầu người có thể chạm tới, nhưng chỗ khác thì ngay cả

[6052] Tức là cư dân của thành phố Naples. Naples, thành phố thủ phủ của tỉnh cùng tên thuộc Vương quốc Ý, nằm dọc theo bờ bắc Vịnh Naples.

tay cũng không thể với tới. – Từ đó, mọi người hiểu ra rằng Thiên Chúa không tìm kiếm đá quý trong nhà thờ, mà là một trái tim trong sạch. Bàn thờ trong nhà thờ này được phủ bằng một tấm khăn màu tím; vị giám mục đã cử hành Thánh Lễ trên bàn thờ này và ban Thánh Thể cho các tín hữu. Tại bàn thờ phía bắc, nước bắt đầu chảy ra từ trên cao – nước trong vắt, ngon lành, rất sáng và có phép lạ; những người bệnh tật, sau khi rước Mình Thánh Chúa, khi uống nước này đều được chữa lành, và vô số phép lạ khác đã xảy ra trong nhà thờ ấy nhờ lời cầu nguyện của Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael. Vị Giám mục đã xây dựng các phòng tu tại nhà thờ và bố trí các linh mục, phó tế, ca viên và người đọc kinh ở đó, để hàng ngày tại đây được cử hành thánh lễ nhằm tôn vinh Thiên Chúa và kính mừng Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael.

Chúng ta cũng hãy nhắc đến một phép lạ đã xảy ra trên núi Athos[6053] . Vào thời các vị vua Bulgaria sùng đạo, có một người giàu có và danh giá tên là Dohiar. Một lần nọ, với mong muốn làm đẹp lòng Chúa, ông quyết định trở thành một tu sĩ. Mang theo rất nhiều vàng, ông lên ngọn núi thánh để thăm các tu viện ở đó và tìm kiếm một nơi thích hợp để định cư. Sau khi đi thăm nhiều tu viện và bố thí rất nhiều, ông rời tu viện của Thánh Athanasius và đi từ Thessaloniki[6054] dọc theo bờ biển. Tại đây, ông tìm thấy một nơi rất đẹp với nguồn nước ngọt và thảm thực vật phong phú; nơi này vẫn chưa có ai sinh sống. Ông rất ưng ý với nơi này và nảy sinh ý định định cư tại đây cũng như xây dựng một tu viện. Với sự tận tụy và nỗ lực, ông sớm biến ước nguyện của mình thành hiện thực. Đầu tiên, ông xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp mang tên Thánh Nicholas, sau đó ông thiết lập tu viện và bao quanh nó bằng những bức tường đá. Sau khi sắp xếp mọi thứ vào trật tự thích hợp , chính ngài cũng nhập tu tại tu viện đó. Tuy nhiên, do có quá nhiều công trình xây dựng, số vàng ngài có không đủ, nên ngài không thể trang hoàng nhà thờ với vẻ lộng lẫy xứng đáng. Đặt niềm tin vào sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, ngài nói:

– Nếu Chúa Trời muốn tôn vinh nơi này, thì chính Ngài sẽ lo liệu việc trang hoàng nhà thờ; xin ý Ngài được thực hiện!

Đối diện với ngọn núi thánh có một hòn đảo tên là Luh, cách đó một ngày đường biển; ở đó có những người chăn cừu sinh sống và chăn thả gia súc, vì nơi đó rất thuận lợi cho việc chăn thả. Trên hòn đảo này, ở một nơi hoang vắng, có một cột đá cao; trên cột có một tượng thần bằng đá, trên đó có dòng chữ bằng tiếng Hy Lạp: "Ai đánh vào đầu ta sẽ tìm thấy rất nhiều vàng". Nhiều người đã thử xem điều đó có đúng không – và họ đánh vào đầu tượng thần, nhưng không tìm thấy gì cả. Vào thời điểm đó, có một chàng trai trẻ đang chăn bò gần cột đá nói trên; chàng trai này rất thông minh và biết chữ. Sau khi đọc dòng chữ khắc trên cột, anh ta đã đập vào đầu tượng thần, giống như những người khác đã làm để tìm vàng, nhưng cũng không tìm thấy gì. Sau đó, cậu nghĩ rằng có lẽ vàng được chôn dưới đất, và khi mặt trời lặn, cậu để ý xem bóng của cột đó kết thúc ở đâu trên mặt đất; tại chỗ mà bóng từ đầu tượng thần kết thúc, cậu bắt đầu đào đất để tìm kho báu, nhưng cũng không tìm thấy gì. Khi mặt trời mọc, anh ta lại quan sát xem bóng của cột kết thúc ở đâu và bắt đầu đào tại đó. Trong lúc đào, anh ta nghe thấy một tiếng động nào đó tại chỗ đó và, nhận ra rằng ở đây có kho báu được giấu kín, anh ta đào càng hăng say hơn và đào đến một hòn đá cối xay, to đến mức anh ta không thể nhấc nó lên được. Anh thò tay qua khe hở của hòn đá, thấy ở đó có rất nhiều vàng và băn khoăn không biết phải làm gì với số vàng này.

– Nếu tôi kể cho ai đó về số vàng này, – anh ta nghĩ, – thì e rằng tôi sẽ bị giết vì nó.

Chúa, lắng nghe những lời cầu nguyện của vị tu sĩ già nói trên – người luôn quan tâm đến việc trang hoàng ngôi đền thánh – đã mách bảo chàng trai hãy lên ngọn núi thánh, đến một trong những tu viện và kể cho vị tu viện trưởng nghe về kho báu vừa tìm thấy. Chàng trai đã làm đúng như vậy. Mang theo vài đồng vàng làm bằng chứng cho phát hiện của mình, chàng đến một làng ven biển và thuê một người chở chàng đến ngọn núi thánh. Theo ý Chúa, anh dừng chân tại bến cảng của tu viện nói trên, một tu viện mới được xây dựng và được đặt tên theo người xây dựng nó là Dohiar. Người chở thuyền trở về làng của mình, còn chàng trai thì đi vào tu viện đó. Khi gặp vị tu viện trưởng ở đó, anh kể chi tiết cho ông nghe về kho báu mà mình đã tìm thấy. Vị tu viện trưởng nhận ra đây là việc của Chúa; ông gọi ba tu sĩ, kể lại cho họ những gì đã nghe từ chàng trai, rồi sai họ đi cùng chàng để mang số vàng tìm được về tu viện. Các tu sĩ vội vã lên thuyền, khi đến hòn đảo, họ đi đến cột mốc nơi số vàng được chôn giấu. Khi họ lật tảng đá cối xay ra, họ phát hiện dưới đó có một cái nồi đầy vàng và vô cùng vui mừng. Nhưng kẻ

[6053] Núi Athos – một bán đảo hẹp và đồi núi, nhô ra vào Quần đảo. Núi Athos (hay còn gọi là Athos) – một trong những thánh địa được tôn kính nhất trong thế giới Chính thống giáo Đông phương và hàng năm thu hút hàng nghìn tín đồ hành hương. Hiện nay, trên núi Athos có 20 tu viện lớn, một số tu viện nhỏ và rất nhiều phòng tu riêng lẻ.

[6054] Thessaloniki (hay còn gọi là Thessalonica) – thủ phủ của một trong các tỉnh thuộc Macedonia. Tại Thessaloniki, Thánh Phaolô đã rao giảng Tin Mừng; hai trong số các thư của ngài được viết dành cho cư dân của vùng và thành phố này.

thù từ thuở khai thiên lập địa của loài người, kẻ thù ghét mọi điều thiện lành, tức là ma quỷ, đã gieo vào tâm trí một trong những tu sĩ ấy một ý nghĩ xấu xa, và người đó nói với tu sĩ khác:

– Anh ơi, tại sao chúng ta phải mang số vàng này đến cho vị tu viện trưởng? Chúa đã ban tặng nó cho chúng ta: bằng số vàng này, chính chúng ta sẽ tự xây dựng nhà ở và dựng lên tu viện.

Khi người kia phản đối: "Làm sao chúng ta giấu số vàng này được?" – thì anh ta đáp:

– Tất cả đều tùy thuộc vào ý chúng ta: chúng ta có thể ném chàng trai này xuống biển, và như vậy sẽ không có ai làm chứng chống lại chúng ta.

Sau khi bàn bạc như vậy, họ nói chuyện này với vị tu sĩ thứ ba; nhưng người đó, vì kính sợ Chúa, đã nói:

– Không, các anh em, đừng dám làm điều đó: đừng hủy hoại mạng sống của cậu thiếu niên, và cả linh hồn của chính các anh em vì số vàng này.

Nhưng họ, không nghe lời khuyên nhủ của anh ta, bắt đầu ép buộc anh ta phải đồng lòng với họ, và cuối cùng, họ nói:

– Nếu anh không đồng lòng với chúng tôi, thì chúng tôi sẽ giết cả anh cùng với cậu bé.

Người anh em, thấy ý định xấu xa không thể lay chuyển của họ, sợ rằng họ cũng sẽ giết cả mình, nên nói:

– Nếu các ngươi đã quyết định như vậy, thì cứ làm theo ý các ngươi; còn ta thì thề nhân danh Đức Chúa Trời rằng ta sẽ không kể chuyện này cho ai nghe và cũng không đòi vàng từ các ngươi.

Vậy là, sau khi khẳng định lời nói của mình bằng lời thề, anh ta im lặng. Còn họ, sau khi lấy vàng và hòn đá dùng để che giấu vàng, đã mang chúng lên thuyền, rồi cùng với cậu bé ngồi lên thuyền và chèo về phía tu viện. Khi thuyền đến chỗ nước sâu, họ xông vào cậu bé và bắt đầu buộc hòn đá vào cổ cậu. Cậu bé, hiểu rõ họ định làm gì với mình, bắt đầu khóc lóc và nức nở van xin họ đừng giết mình, nhưng vô ích: những tu sĩ vô đạo đó, với trái tim sắt đá và tâm hồn tham lam, không sợ Chúa, không động lòng trước những giọt nước mắt của cậu bé và không nghe theo lời van xin khiêm nhường của cậu; họ tóm lấy cậu bé, ném cậu cùng với một tảng đá xuống đáy biển sâu, và cậu lập tức chìm xuống đáy. Vào đêm đó, hành động tàn ác này đã xảy ra. Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, từ trên cao nhìn xuống tiếng khóc thảm thiết của cậu thiếu niên và chứng kiến việc cậu bị dìm chết oan uổng, đã sai Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, Đấng bảo vệ loài người, đến vớt cậu thiếu niên bị dìm chết từ đáy biển và mang cậu về nhà thờ còn sống. Và điều đó đã xảy ra đúng như vậy. Bất ngờ, cậu bé xuất hiện gần bàn thánh với hòn đá vẫn treo lủng lẳng trên cổ. Khi đến giờ cử hành Thánh lễ Sáng, người phụ trách nhà thờ[6055] bước vào nhà thờ để thắp nến và bắt đầu rung chuông báo hiệu Thánh lễ Sáng. Lúc đó, ông nghe thấy tiếng người và tiếng rên rỉ phát ra từ trong bàn thờ; ông rất hoảng sợ và đi báo lại cho vị tu viện trưởng. Vị tu viện trưởng gọi ông là kẻ hèn nhát và thiếu can đảm, rồi ra lệnh cho ông phải quay lại nhà thờ. Khi trở lại đó lần thứ hai, ông lại nghe thấy tiếng nói đó và một lần nữa quay về báo với vị tu viện trưởng. Lúc đó, vị tu viện trưởng đích thân đi cùng cậu vào nhà thờ và, khi nghe thấy tiếng nói, đã bước vào bàn thờ; ở đó, ngài thấy cậu thiếu niên đang nằm gần bàn thánh, với một hòn đá buộc vào cổ; nước biển thì đang chảy ra từ quần áo của cậu. Vị tu viện trưởng nhận ra cậu thiếu niên và hỏi:

– Chuyện gì đã xảy ra với con, con trai của ta, và làm sao con lại đến đây?

Cậu bé như vừa tỉnh giấc ngủ và nói:

– Những tu sĩ gian xảo mà ngài đã sai đi cùng con để tìm số vàng đã tìm thấy, sau khi buộc hòn đá này vào cổ con, đã ném con xuống biển. Khi chìm xuống đáy biển, con đã thấy hai người đàn ông tỏa sáng như mặt trời, và nghe thấy cuộc trò chuyện giữa họ; một người nói với người kia: "Thiên thần trưởng Michael! Hãy đưa cậu thiếu niên này đến tu viện Dohiar!" Nghe xong những lời đó, tôi đã ngất đi, và không biết làm sao mình lại ở đây.

Nghe câu chuyện của cậu thiếu niên, vị tu viện trưởng ngạc nhiên và ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng thực hiện những phép lạ kỳ diệu và vinh quang. Sau đó, ngài nói với cậu thiếu niên:

– Hãy ở lại đây, con trai của ta, cho đến sáng mai, cho đến khi sự ác bị vạch trần.

Sau đó, ngài bước ra khỏi đó, khóa cửa nhà thờ lại và ra lệnh cho người quản lý nhà thờ không được kể chuyện này cho ai biết; còn lễ sáng, vị tu viện trưởng ra lệnh cử hành tại tiền sảnh. Khi đó, ngài nói thêm với người quản lý nhà thờ:

– Nếu có ai hỏi: "Tại sao lễ sáng lại được cử hành ở tiền sảnh chứ không phải trong nhà thờ?" – thì hãy trả lời rằng đó là lệnh của vị trụ trì.

[6055] Ecclesiarch (tiếng Hy Lạp: người đứng đầu nhà thờ), có nhiệm vụ giám sát tòa nhà nhà thờ và sự sạch sẽ bên trong, cũng như trật tự của các nghi lễ thờ phượng trong tu viện, theo các quy định của Hiến chương Giáo hội.

Khi trời sáng, những kẻ sát nhân đó tiến đến tu viện, còn số vàng thì chúng đã giấu ở một nơi khác. Thấy họ, vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ khác bước ra đón và hỏi:

– Tại sao hôm qua các anh đi bốn người, mà giờ chỉ có ba người trở về? – Người thứ tư đâu rồi?

Họ tức giận trả lời:

– Thưa Cha, cậu thiếu niên đó đã lừa cả Cha lẫn chúng con, nói rằng đã tìm thấy vàng; cậu ta không thể chỉ cho chúng con thấy gì cả, vì chính cậu ta cũng chẳng biết gì và vì xấu hổ nên đã trốn đi đâu đó; chúng con đã tìm kiếm cậu ta rất lâu nhưng không thể tìm thấy nên đành quay về gặp Cha một mình.

Vị Trưởng tu viện, sau khi nói: "Xin ý Chúa được thực hiện", đã đi cùng họ về tu viện. Dẫn họ vào nhà thờ, nơi cậu thanh niên đang nằm, nước vẫn còn chảy từ quần áo của cậu, ngài chỉ cho họ thấy cậu và hỏi:

– Cậu thanh niên này là ai vậy?

Khi nhìn thấy chàng trai trẻ, họ kinh hoàng tột độ và đứng sững như hóa đá: họ không thể trả lời gì trong một thời gian dài, nhưng cuối cùng, dù miễn cưỡng, họ đã thú nhận tội ác của mình và kể ra nơi họ đã giấu số vàng tìm được. Lúc đó, vị tu viện trưởng đã cử những tu sĩ đáng tin cậy hơn đi, và họ đã mang số vàng tìm được về tu viện. Tin đồn về sự kiện kỳ diệu này lan truyền khắp ngọn núi thánh: các tu sĩ từ mọi tu viện đều tụ tập lại để chiêm ngưỡng phép lạ vinh quang này. Sau khi tổ chức một hội đồng, họ đã đổi tên nhà thờ đó thành nhà thờ Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, và xây dựng một nhà thờ khác để tôn vinh Thánh Nicholas, Đấng Làm Phép Lạ. Hai kẻ sát nhân xảo trá kia bị nguyền rủa và trục xuất khỏi tu viện, còn tu sĩ thứ ba, người không đồng ý với việc ném thiếu niên xuống biển và từ chối tham gia vào hành vi ác độc đó, đã được tuyên bố vô tội. Thiếu niên được cứu khỏi bị ném xuống biển đã khoác lên mình bộ áo tu sĩ và trở thành một người tu hành tốt bụng và một tu sĩ nghiêm khắc. Sau đó, vị tu viện trưởng đã dùng số vàng được dâng tặng để trang hoàng nhà thờ một cách lộng lẫy và xây dựng lại một tiền sảnh rất đẹp; còn hòn đá mà cậu thiếu niên đã bị ném xuống biển thì được gắn vào tường, để mọi người đều biết về phép lạ đã xảy ra. Khi vị tu viện trưởng qua đời, vị tu sĩ đã thoát khỏi số phận bị ném xuống biển được bổ nhiệm làm tu viện trưởng thay thế. Sau khi sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa, ngài cũng đã về với Chúa, được Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael cõng trên tay, giống như trước đây ngài đã được chính ngài ấy đưa từ biển vào nhà thờ.

Vì tất cả những điều này, chúng ta hãy ngợi khen Cha, Con và Thánh Thần, và tôn vinh Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael mãi mãi.

Bài ca ngợi Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần, giọng 4:

Thiên thần trưởng của các đạo binh trên trời, chúng con, những kẻ không xứng đáng, luôn cầu xin ngài, xin ngài bằng những lời cầu nguyện của ngài che chở chúng con dưới bóng cánh vô hình của vinh quang ngài, bảo vệ chúng con, những kẻ luôn quỳ lạy và khẩn cầu: xin cứu chúng con khỏi những tai ương, vì ngài là người đứng đầu các thế lực trên trời.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Thiên thần trưởng của Đức Chúa Trời, người phục vụ vinh quang thiêng liêng, thủ lĩnh các thiên thần, và người hướng dẫn loài người, xin cầu thay cho chúng con những điều có ích, và xin ban cho chúng con lòng thương xót vĩ đại, như vị Thiên thần trưởng vô hình.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Romila

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 9

Thánh Romil sống dưới triều đại của Hoàng đế Trajan[6056] và là quan đại thần hàng đầu trong toàn bộ hoàng cung.

[6056] Trajan – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 98 đến năm 117 sau Công nguyên. Ông là một trong những hoàng đế La Mã vĩ đại nhất. Tuy nhiên, ông cũng đã đàn áp các tín đồ Kitô giáo và ban hành hai đạo luật, góp phần không nhỏ vào việc khởi đầu các cuộc đàn áp công khai

Có lần, Trajan, khi đang dẫn theo một đạo quân hùng hậu đến các nước phương Đông để chinh phục các dân tộc Iver, Sauromat, Ả Rập và các dân tộc khác[6057] , bỗng nảy ra ý định kiểm đếm binh lính của mình, và phát hiện trong các trung đoàn quân có mười một nghìn người tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô và từ chối thờ lạy các thần tượng. Trajan đã đuổi tất cả họ về Armenia trong sự nhục nhã, hy vọng rằng điều này sẽ buộc họ từ bỏ Đức Kitô và dâng lễ vật cho các thần tượng, để họ có thể trở lại chức vụ quân sự và nhận lại danh dự quân sự như trước.

Lúc đó, Romil, với tư cách là một tướng quân, đã đến gặp hoàng đế và quở trách ông vì sự vô thần và thiếu suy xét, rằng khi ra trận, chính ông lại tự làm suy yếu quân đội của mình; còn bản thân Romil thì tuyên xưng mình là một Kitô hữu, sẵn sàng chết vì danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa của mình.

Trajan đã vô cùng tức giận với vị thánh, ra lệnh đánh đập ngài dã man và kết án tử hình. Ngay lúc đó, đầu thánh tử đạo[6058] đã bị chém rơi. Những Kitô hữu bị đày ải cũng bị giết hại bằng nhiều cách khác nhau: chín nghìn người trong số họ bị đóng đinh trên thập giá ở sa mạc gần núi Ararat ở Armenia, còn những người còn lại thì chết trong những hình thức tra tấn khác.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Evdoksia

Ngày kỷ niệm: 6 tháng 9

Thánh Evdoksiya sống dưới triều đại của Diocletian, kẻ bách hại tàn bạo Giáo Hội của Đức Chúa Trời. Vị hoàng đế này đã ban hành một sắc lệnh vô đạo, cấm thờ phượng Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật trong đế quốc của ông, đồng thời yêu cầu phải dâng sự tôn kính đáng lẽ dành cho Đức Chúa Trời lên những tượng thần câm lặng và vô hồn. Sau khi sắc lệnh này được công bố, nhiều tín hữu đã chạy trốn vào sa mạc và núi non, thà sống ở đó cùng với thú vật còn hơn là ở trong thành phố với những kẻ vô luật pháp. Tương tự như vậy, rất nhiều người có chức tước và quý tộc đã từ bỏ chức vụ và nơi ở của mình để ẩn náu tại những nơi không ai biết. Một trong số đó là chỉ huy quân sự Evdoksi, tôi tớ trung thành của Chúa Giêsu Kitô; ông đã từ bỏ chức vụ, cùng vợ con lánh xa những kẻ vô đạo để tránh cơn thịnh nộ của nhà vua. Trong khi đó, các binh lính do quan tổng trấn Melitina phái đi đang lùng sục ông khắp nơi, vì thánh Evdoksi đã bị vu khống trước mặt vị quan này. Tại một nơi nọ, các binh lính gặp Evdoksi đang mặc bộ quần áo rách rưới, liền hỏi ông có biết chỉ huy quân đội Evdoksi đang ở đâu không.

Thánh nhân, hiểu rằng họ đang tìm mình để giao nộp cho sự tra tấn, đã nói với họ:

– Hãy đến nhà tôi, nếm thử bánh mì của tôi và nghỉ ngơi sau chặng đường dài, – rồi tôi sẽ chỉ cho các anh thấy Evdoksiy, vì tôi biết ông ấy đang ẩn náu cùng gia đình ở đâu.

Các binh lính đồng ý và đi đến gặp vị thánh tử đạo.

Evdoksiy tiếp đón họ, đãi họ rất chu đáo, rồi tuyên bố với họ rằng chính ông là người mà họ đang tìm kiếm.

Các chiến binh, ngạc nhiên trước hành động của vị thánh, đáp lại:

– Vì lòng nhân từ của ngài, chúng tôi sẽ không bắt ngài, mà sẽ báo lại với người đã sai chúng tôi đến rằng chúng tôi đã tìm kiếm ngài rất lâu nhưng không thấy; còn ngài hãy ẩn náu đi, để không ai khác biết và tiết lộ về ngài.

Các chiến binh đã định ra về, nhưng vị thánh đã giữ họ lại, nói:

– Hãy chờ tôi, các anh em, và tôi sẽ đi cùng các anh; tôi không nên ẩn náu nữa, vì chính Thiên Chúa đang kêu gọi tôi thực hiện cuộc tử đạo, để tôi cũng trở thành người làm chứng và làm chứng cho Danh Thánh của Ngài. Và nếu Đức Chúa Trời muốn tôi không bị lộ diện, thì không chỉ các anh em sẽ không gặp tôi trên đường, mà thậm chí các anh em còn không được sai đi tìm tôi, và tôi cũng sẽ không phải gặp các anh em; tất cả những gì đã xảy ra đều là dấu hiệu của ân sủng Đức Chúa Trời, để tôi chịu khổ vì Ngài, thậm chí đến mức đổ máu.

Sau đó, gọi vợ mình tên là Vasilisa, các con, người trong nhà và bạn bè, Evdoksiy nói với họ:

đối với họ: một trong số đó cấm mọi cuộc tụ họp bí mật; đạo luật thứ hai hợp pháp hóa việc xử tử tất cả những ai kiên quyết từ chối dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo vì lý do theo đạo Kitô.

[6057] Người Iver – tức là người Gruzia ngày nay. Người Sauromati hoặc Sarmati sống láng giềng với người Iver từ vùng Caucasus và Biển Caspi trở về phía đông; người Ả Rập – trên Bán đảo Ả Rập.

[6058] Thánh tử đạo đã an nghỉ trong Chúa vào khoảng năm 107 hoặc 115, vào thời điểm hoàng đế Trajan đang dẫn quân ở phương Đông.

– Đã có lúc tôi phải ẩn náu, nhưng giờ là lúc phải lộ diện và tự nguyện nộp mình vào tay những kẻ hành hạ vì Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã tự hiến mình chịu đau khổ vì chúng ta; và đây, tôi sắp đi, và theo ý muốn của Chúa tôi, Ngài sẽ sắp xếp mọi việc cho tôi và giúp đỡ tôi, còn các bạn, tôi để lại dưới sự che chở của Ngài.

Sau đó, sau khi sắp xếp các việc trong nhà, vị thánh đã dạy dỗ các con cái và những người hầu của mình cách sống đạo đức khi không có ngài, trong sự kính sợ và tình yêu của Đức Chúa Trời; còn với người vợ, ngài dặn dò đừng khóc lóc hay than van khi nghe tin ngài qua đời, mà hãy dành ngày đó để vui mừng và hân hoan, tạ ơn Đức Chúa Trời vì Ngài đã ban cho tôi tớ của Ngài vương miện tử đạo.

Sau khi từ biệt gia đình và mặc trang phục xứng đáng với chức tước của mình, mang theo vũ khí và đai chiến binh – như cách một vị tướng quân nên ăn mặc – vị thánh đã rời bỏ ngôi nhà, vợ con, nô lệ, bạn bè và toàn bộ tài sản của mình, từ bỏ tất cả vì tình yêu dành cho Chúa của ngài.

Cuộc chia ly ấy thật cảm động, khi người vợ phải xa chồng, các con phải xa cha, những người bạn phải xa người bạn thân yêu! Mọi người đều khóc nức nở khi chia tay ngài, vì họ biết rằng ngài sẽ không bao giờ trở về với họ nữa. Chỉ có một điều duy nhất an ủi họ trong nỗi buồn ấy, đó là việc Evdoksiy muốn chịu khổ vì Chúa Kitô, trở thành vị tử đạo chiến thắng và được đội vương miện tử đạo để hiện diện trước mặt Chúa Kitô, Chúa của ngài.

Sau khi chia tay tất cả những người thân yêu, thánh Evdoksi đã lên đường cùng các chiến binh, còn Vasilisa, vợ ngài, thì theo sau từ xa, mong được chứng kiến những đau khổ của ngài. Đi cùng bà còn có hai người bạn thân thiết nhất của Evdoksi là Zinon và Makari, những người cũng đã được Chúa dành sẵn vương miện tử đạo.

Khi Thánh Evdoksi được dẫn đến trước quan tổng trấn, vị này đã chào đón ngài một cách nồng hậu và nói:

– Chúng ta đã triệu tập ngươi để ngươi thi hành mệnh lệnh của hoàng đế và dâng lễ vật cho các vị thần đáng được tôn kính, nhất là Zeus vĩ đại, cha của tất cả các vị thần, Apollon rực rỡ như mặt trời, và nữ thần Artemis được yêu mến.

Thánh Evdoksi trả lời:

– Tôi biết rằng phải dâng lễ vật cho Đấng Duy Nhất, được tôn vinh trong Ba Ngôi, là Thiên Chúa đã tạo dựng thế giới và ban tặng sự sống cùng ơn cứu rỗi. Tôi sẽ dâng lễ vật ngợi khen lên Ngài, chứ không phải những kẻ mà ngài gọi là các vị thần, trong khi chúng chỉ là cây cối và đá tảng, chẳng khác gì bất kỳ vật vô tri vô giác nào.

Vị vua lại nói với Evdoksiya:

– Ta ra lệnh cho ngươi phải tỏ lòng tôn kính xứng đáng đối với các vị thần; nhưng ngươi, như ta thấy, không chỉ khinh thường các vị thần, mà còn coi thường cả chính nhà vua. Ta nghe nói ngươi đang truyền bá một tín ngưỡng mới nào đó và lôi kéo nhiều người theo nó.

Nói xong, vị quan nhìn vào đám binh lính đang đứng xung quanh và giận dữ nói:

– Bất cứ ai không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua sẽ bị tước bỏ quân phục, vì không xứng đáng mặc nó; và hãy để người đó biết rằng danh dự của quân hàm sẽ bị tước bỏ.

Vị vua bất chính đã nói như vậy với ý định làm cho Thánh Evdoksius phải xấu hổ, vì ông ta hy vọng rằng vẫn chưa có ai dám chống lại mệnh lệnh của nhà vua, và chỉ có một mình Evdoksius là không tuân phục; do đó, vì xấu hổ, ông ta sẽ phải tuân theo mệnh lệnh của nhà vua để không bị tước mất danh dự của chức tước mình. Nhưng thay vào đó, chính kẻ hành hạ lại bị làm cho xấu hổ. Ngay trong lúc ông ta đang nói, Thánh Evdoksiy đã tháo chiếc thắt lưng – vốn là biểu tượng của quyền lực chỉ huy – và ném thẳng vào mặt vị quan đó. Thấy vậy, nhiều binh sĩ, trong số đó có 1.004 người là những Kitô hữu bí mật, bừng cháy lòng nhiệt thành vì Thiên Chúa, đã làm điều tương tự như chỉ huy Evdoksi: tháo bỏ các dấu hiệu quân sự, ném chúng vào mặt vị quan cai trị, sẵn sàng hy sinh cả thân xác, dâng hiến linh hồn mình vì danh Chúa Giêsu Kitô.

Kẻ tra tấn, khi thấy số lượng lớn các tín hữu của Chúa Kitô bất ngờ xuất hiện như vậy, đã rơi vào tình trạng hoang mang và, ngừng việc tra tấn họ, lập tức gửi tin về cho hoàng đế Diocletianus về sự việc đã xảy ra, xin chỉ thị về cách hành xử. Hoàng đế nhanh chóng gửi lại cho ông ta mệnh lệnh như sau: tra tấn dã man các quan chức cấp cao, còn những người cấp dưới thì để yên.

Sau khi nhận được mệnh lệnh của hoàng đế, quan tổng trấn ngồi trên ghế xét xử, ra lệnh dẫn Eudoxius – với tư cách là tổng tư lệnh – đến trước mặt mình và lại nói với ông ta:

– Ta khuyên ngươi, Evdoksiy, hãy từ bỏ sự phản kháng độc ác và sự chống đối điên rồ của ngươi, rồi tự nguyện dâng lễ vật lên các vị thần; còn nếu ngươi không đồng ý, thì ngươi sẽ phải làm điều đó trái với ý muốn của mình, bị ép buộc bởi những cực hình khủng khiếp.

Nói xong, vị thống đốc bắt đầu liệt kê những lần bị giam cầm, những ngục tối kinh hoàng, những vết thương, việc tra tấn bằng cách cạo da, thiêu đốt bằng lửa và những hình phạt tàn bạo khác, chỉ cần nhắc đến thôi cũng đã đủ khiến người ta kinh hãi.

Vị tử đạo đáp lại:

– Ngài đang chế giễu tôi, thưa quan tổng trấn, khi nói những lời này với tôi. Tôi coi những hình phạt của ngài chỉ như trò dọa trẻ con, vì tôi đặt niềm tin vào phần thưởng trong tương lai mà tôi sẽ nhận được từ Đấng Christ, Đấng ban thưởng hào phóng. Ta không sợ ngọn lửa mà ngươi vừa nhắc đến, mà là ngọn lửa không bao giờ tắt, cùng với tiếng nghiến răng và những hình phạt tàn khốc khác, vốn đã được dành sẵn cho những kẻ bất tuân Đức Chúa Trời chân chính và những kẻ chối bỏ Ngài. Còn những cực hình của ngươi, so với những điều đó, chỉ như đồ chơi trẻ con, còn ngọn lửa mà ngươi đe dọa ta, lạnh hơn cả nước so với ngọn lửa địa ngục: – Thanh gươm của ngươi – vị thánh tiếp lời – sẽ là chìa khóa mở cánh cửa dẫn đến miền đất hằng mong ước, nơi thay vì mặt trời hữu hình này, vốn sắp lặn, ta sẽ được chiêm ngưỡng ánh sáng không bao giờ tắt và không bao giờ nhấp nháy; và thay vì những ân huệ tạm thời, ta sẽ thừa hưởng những ân huệ vĩnh cửu. Hãy biết rằng ta sẽ không thờ lạy các vị thần của các ngươi, vì thật là điên rồ khi tôn sùng cây cối, đá, vàng và bạc – những thứ được chế tác bởi bàn tay nghệ nhân – làm thần linh.

Nghe câu trả lời như vậy của vị thánh, nhà vua nói với ngài:

– Câu trả lời điên rồ của ngươi là do sự khoan dung của ta, khi ta cho phép ngươi xúc phạm các vị thần, nhà vua và chính ta một cách ngang ngược như vậy; ta còn có thể chịu đựng sự sỉ nhục dành cho bản thân, nhưng không thể chịu đựng thêm sự sỉ nhục dành cho các vị thần và nhà vua nữa.

Sau đó, vị vua ra lệnh trói thánh nhân bằng tay và chân, rồi đánh không thương tiếc bằng một sợi dây thắt lưng cứng, sau đó treo cổ và cạo da thịt ngài bằng những dụng cụ sắt sắc nhọn. Sau những cực hình này, thánh nhân bị ném vào ngục tối.

Vài ngày sau, họ lại đưa ông đến để thẩm vấn, và kẻ tra tấn thấy Evdoksiya vẫn kiên định trong đức tin như trước, giống như một cột trụ vững chãi và một thành trì bất khả xâm phạm; vì vậy, hắn ra lệnh dùng gậy sắt đánh vào cổ vị tử đạo và bẻ gãy tất cả các khớp xương của ông, một hình phạt còn đau đớn hơn cả cái chết.

Sau đó, kẻ tra tấn đã kết án Evdoksiya phải bị chém đầu bằng gươm.

Vào lúc vị thánh được dẫn đến nơi hành hình, vị thánh tử đạo đã cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Đấng đã nhìn nhận những của lễ của A-vê-l và Áp-ra-ham, Đấng đã nhân từ chấp nhận sự nhẫn nại của nhiều vị tử đạo, xin hãy nhìn nhận của lễ của con bằng con mắt nhân từ của Ngài và đừng từ chối máu của con, mà con dâng lên Ngài với lòng nhiệt thành từ trái tim yêu mến.

Trong khi cầu nguyện như vậy, Evdoksiy nhìn thấy người vợ của mình đang khóc lóc theo sau, và hỏi bà liệu mọi việc đã được thực hiện đúng như lời ông dặn dò chưa, rồi ra lệnh cho bà chỉ sau khi ông qua đời mới được mang thi thể ông đi chôn cất tại nơi gọi là Amimna; sau đó, ông lại dặn dò bà – đừng khóc than vì cái chết của ông, mà hãy tôn vinh ngày đó bằng trang phục sáng sủa và trang điểm bằng đủ loại trang sức quý giá.

Sau đó, khi thấy người bạn Zinon của mình đang khóc thương cho ông, Eudoxius cũng nói với anh ta:

– Zinon thân yêu, đừng khóc: Đức Chúa Trời, Đấng mà chúng ta phụng sự, sẽ không chia lìa chúng ta, mà như thể trên cùng một con thuyền, chúng ta sẽ cùng nhau vượt qua để đến cuộc sống vĩnh cửu.

Những lời này đã tác động mạnh mẽ đến Zinon đến nỗi ông bắt đầu kêu lên lớn tiếng:

– Tôi cũng là một Kitô hữu, tôi tuyên xưng Đức Kitô và muốn chết vì Ngài.

Ngay lập tức, anh bị những tên đầy tớ vô đạo bắt giữ, và việc này được báo cáo lên quan tổng trấn. Vị quan này ra lệnh chém đầu cả hai người cùng với Evdoksi bằng gươm. Khi họ bị dẫn đến nơi hành quyết, Zinon là người đầu tiên bị chém đầu bằng gươm, trong khi Evdoksi đang cầu nguyện cho anh; sau khi tiễn người bạn của mình lên thiên đàng, Evdoksi cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm và đón nhận cái chết hạnh phúc.

Cùng với họ, những vị tử đạo khác, những người đã can đảm tuyên xưng Đức Kitô, cũng bị chém đầu, và thi thể của họ bị vứt bỏ mà không được chôn cất. Còn Vasilisa, vợ của Evdoksiy, đã dũng cảm nhận lấy thi thể của ông và chôn cất một cách trang trọng tại chính nơi mà ông đã chỉ định.

Vì hành động đó, bà bị bắt và dẫn đến trước mặt quan tổng trấn; trước mặt ông, bà đã công khai xưng nhận Đức Chúa Trời và lên án các thần tượng cùng những kẻ thờ phượng chúng, mong muốn được chịu khổ hình theo cùng con đường đó để sớm theo chồng về với Chúa.

Tuy nhiên, người tra tấn đã nói với nàng:

– Ta biết ngươi mong muốn theo chồng để được những người Galilê (tức là các Kitô hữu) ca ngợi, nhưng dù ngươi xứng đáng phải chết, ta cũng sẽ không giết ngươi.

Vasilisa đáp lại người tra tấn rằng:

– Chúa Giê-su Ki-tô của tôi biết rõ mong muốn này của tôi và sẽ chấp nhận nó thay cho chính hành động; dù tôi có không bị ngươi tra tấn, tôi vẫn sẽ không mất đi niềm hạnh phúc được ở bên chồng tôi nơi Chúa Trời.

Sau những lời đó, quan tổng trấn đã đuổi nàng đi.

Bảy ngày sau, Thánh Evdoksi xuất hiện trong giấc mơ của nàng và nói:

– Hãy nói với người bạn và người quản gia của chúng ta là Makari rằng anh ấy hãy đến tòa án và noi gương chúng ta; chúng ta đang chờ anh ấy.

Ngay khi Vasilisa kể lại giấc mơ này cho Makari, ông lập tức đến gặp quan tổng trấn và tuyên xưng mình là Kitô hữu và là môn đệ của Thánh Evdoksi. Quan tổng trấn, khi nhìn thấy ông và nghe lời tuyên xưng dũng cảm ấy, đã ra lệnh chém đầu ông bằng gươm. (Năm 311)

Và như vậy, Makari cũng đã theo chân Evdoksia và Zinon đến với Đấng Cứu Thế Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng ban ân sủng. Vasilisa cũng đã làm đẹp lòng Ngài, qua đời trong đức tin chân chính, và hiện diện giữa đoàn thánh trước ngai vinh quang của Thiên Chúa, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.

Kỷ niệm Thánh Tử đạo Cyril, Giám mục Gortyna

Kỷ niệm Thánh Tử đạo Cyril, Giám mục Gortyna

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 9

Vị thánh hạnh phúc Cyril này đã sống dưới triều đại của Hoàng đế Maximian, dưới thời thống đốc Agrippina. Được trang bị mọi đức tính tốt đẹp, ngài đã sống trọn vẹn chín mươi lăm năm. Một lần nọ, ngài cùng hai người hầu là Theophanes và Theoktistis lên đường đến một tu viện. Trên đường đi, ngài thấy những người ngoại đạo đang dâng bò và cừu làm lễ vật cho các thần tượng; ngài thở dài trước sự điên rồ ấy và đã lên án những kẻ thờ thần tượng. Vì điều này, họ bắt ngài và giam vào ngục tối. Khi Thánh Cyril đang cầu nguyện với Thiên Chúa tại đó vào nửa đêm, ngài nghe thấy một tiếng nói từ trời phán: "Cyril, hãy đi đến Rôma!" Sáng hôm sau, cánh cửa ngục tối đã mở ra, còn tất cả các thần tượng xung quanh đều bị đập vỡ. Thánh Cyril đi đến tu viện và tại đây, ngài đã thấy trong một thị kiến vị thánh Philoxen, người đã nói với ngài: "Ngươi sẽ nhận được hai vương miện – một là vương miện của vị thánh, và một là vương miện của vị tử đạo." Sau đó, vị thánh đã đi đến Rôma và tại đây, ngài đã củng cố đức tin của các tín hữu qua những bài giảng của mình. Khi cuộc bách hại bắt đầu, ngài quyết định lên đường đến Giê-ru-sa-lem. Trên đường đi, tại đảo Ma-lê-ôn, một người đàn ông mặc áo trắng hiện ra và ra lệnh cho ngài không được bỏ qua đảo Crete, và ngài đã tuân theo. Tại thành phố Gortyna thuộc Crete, ngài được tấn phong làm giám mục; lúc đó ngài đã sáu mươi tuổi. Khi cuộc bách hại các Kitô hữu lại bùng phát, vị thánh được dẫn ra trước tòa của vị thống đốc (người cai trị), người này đã cố thuyết phục ngài từ bỏ Đức Kitô; nhưng vì vị thánh chứng nhân không chịu khuất phục trước những lời khuyên nhủ đó, nên ngài bị kết án chém đầu bằng gươm. Lúc đó, người ta nhét cương ngựa vào miệng ngài, rồi đặt ngài lên xe ngựa (vì ngài không thể đi lại được do tuổi già), và đưa ngài đi. Khi đưa ngài đến nơi gọi là Raks, có tiếng từ trời vang lên: "Đến đây thôi!" Chiếc xe ngựa dừng lại, và đầu của vị thánh đã bị chém đứt.

Cuộc đời của Thánh Đa-vít

Ngày kỷ niệm: 6 tháng 9

Thánh và vị tu sĩ David trước đây là một tên cướp, sống trong sa mạc Ermopol[6059] , gây ra nhiều điều ác, giết hại nhiều người và độc ác, tàn nhẫn hơn bất kỳ ai khác. Dưới quyền chỉ huy của ông có hơn ba mươi người, cùng nhau cướp bóc. Một lần nọ, khi đang ngồi với họ trên núi, ông suy ngẫm về cuộc đời mình và nhớ lại bao

nhiêu điều ác và tai họa mà ông đã gây ra cho mọi người, nên rất sợ hãi trước Đức Chúa Trời. Bỏ lại tất cả những tên cướp từng đi cùng mình, ông đến tu viện.

Khi David gõ cửa, người gác cổng bước ra và hỏi anh ta:

– Ngươi muốn gì?

David trả lời:

– Tôi muốn trở thành tu sĩ.

Người gác cổng đi báo lại với vị tu viện trưởng. Vị tu viện trưởng ra gặp anh ta, nhưng khi thấy anh ta là một người già, ngài nói:

– Ngươi không thể ở đây được, vì các tu sĩ phải lao động vất vả và sống trong sự tiết chế nghiêm ngặt; còn ngươi thì tính cách khác biệt và không thể tuân giữ các giới luật của tu viện.

David vẫn tiếp tục nài nỉ xin được nhận vào tu viện.

– Bất cứ điều gì ngài bảo tôi làm, tôi đều sẽ làm, – ông nói, – chỉ cần ngài nhận tôi vào thôi.

Vị tu viện trưởng từ chối, nói:

– Cậu không thể sống cùng chúng tôi được.

Lúc đó, David nói với vị tu viện trưởng:

– Xin cha biết rằng con là David, thủ lĩnh bọn cướp; con đến đây để sám hối về những tội lỗi của mình. Nếu cha không chịu nhận con, thì con thề với cha rằng con sẽ quay trở lại, dẫn theo bọn cướp của con và giết hết tất cả các vị, đồng thời phá hủy tu viện của các vị.

Nghe vậy, vị tu viện trưởng đã nhận David vào tu viện và truyền giới tu sĩ cho anh ta. David bắt đầu tu tập trong sự tiết độ và rèn luyện lòng khiêm nhường. Chẳng bao lâu sau, anh ta đã vượt trội hơn các tu sĩ khác trong tu viện về đức hạnh và phục vụ mọi người bằng đời sống và lời nói của mình.

Một lần nọ, khi David đang ngồi trong phòng tu, Tổng thiên thần Gabriel hiện ra và nói với anh:

– David, Chúa đã tha thứ tội lỗi của ngươi, và từ nay ngươi sẽ thực hiện những phép lạ.

Đa-vít đáp lại Thiên thần:

– Con không thể tin rằng Chúa đã tha thứ tội lỗi của con nhanh đến thế, vì chúng rất nặng nề và nhiều hơn cát biển.

Thiên thần trưởng nói với anh:

– Ta là Tổng thiên thần Gabriel, người đã không nương tay với Zacharias[6059] khi ông ấy không tin lời ta, mà đã làm cho lưỡi ông ấy bị câm như một hình phạt, để ông ấy tin vào những gì ta đã nói. Ta lại nương tay với ngươi sao? Vậy thì, từ nay trở đi, ngươi sẽ bị câm!

Đa-vít cúi đầu thờ lạy và nói với Thiên Thần:

– Khi tôi còn là một tên cướp, làm những việc bất chính và đổ nhiều máu, lúc đó ngài không câm miệng tôi, khiến tôi không thể ngợi khen vinh quang của Đức Chúa Trời. Nhưng bây giờ, khi tôi muốn phụng sự Chúa và dâng lời ngợi khen lên Ngài, ngài lại câm miệng tôi, không cho tôi nói lời nào!

Lúc đó, Thiên Thần nói:

– Hãy nói, nhưng chỉ khi ngươi ca ngợi Đức Chúa Trời và cầu nguyện với Ngài theo quy định, còn thời gian còn lại, ngươi phải im lặng!

Sau khi trừng phạt ông như vậy, Thiên thần rời khỏi ông. Đa-vít dâng lời tạ ơn Thiên Chúa vì đã tha thứ tội lỗi của mình. Sau đó, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, ông đã thực hiện nhiều phép lạ: giúp người mù được sáng mắt, chữa lành cho người què, và giải thoát những người bị quỷ ám. Ông hát thánh ca ngợi khen Đức Chúa Trời trong nhà thờ khi cầu nguyện, nhưng không thể thốt ra bất kỳ lời nào khác. Sau khi sống như vậy nhiều năm để làm gương cho mọi người, ông đã về với Chúa[6060] , và giờ đây, đứng trước mặt Ngài, ông không ngừng cầu nguyện cho chúng ta.

Nhờ những lời cầu nguyện của ngài, xin cho chúng ta cũng được nhận ân sủng của Chúa. Amen.

[6059] Tất nhiên, đây chính là linh mục Zacharia, cha của Thánh Gioan Tiền Hô. Xem Lc 1:11–22.

[6060] Ông sống và qua đời vào thế kỷ VI.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Kyriakos, Faustus và Aviv

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 9

Các thánh tử đạo này đã chịu tử đạo dưới thời hoàng đế Decius[6061] , tại Alexandria[6062] , trong cùng cuộc bách hại mà thánh Fabian[6063] , Giáo hoàng Rôma, và thánh Alexander thành Alexandria[6064] cũng đã bị hành hình. Họ bị dẫn đến trước quan tổng trấn thành phố Valerius, và vì sự tuyên xưng vững vàng danh Chúa Kitô cũng như sự vạch trần dũng cảm sự nịnh hót và hư vô của thờ ngẫu tượng, họ đã bị chém bằng gươm. Cùng với họ, còn có mười ba vị tử đạo khác cũng bị giết. Một số Kitô hữu ở Alexandria đã thu thập thi hài của các ngài và tôn kính an táng tại thành phố của họ, để tôn vinh Thiên Chúa chân thật của chúng ta là Đức Kitô.

Ngày 20 tháng 9

ngày 7 tháng 9 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Sozont

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 9

Maximian[6065] , thống đốc xứ Cilicia, theo lệnh của hoàng đế, đã truyền bá tà giáo đa thần, đã đến thành phố Pompeopolis và, trong lễ tôn vinh thần tượng vàng tại đó, đã dâng nhiều lễ vật. Lúc bấy giờ, tại đó có một thanh niên, quê ở Lycaonia[6066] , tên là Sozont, là người theo đạo Kitô , tính tình hiền lành và đầy ắp những việc lành, vì ngày đêm ông đều học hỏi Lời Chúa. Anh chăn đàn chiên cần mẫn, nhưng đồng thời cũng dẫn dắt những "chiên biết nói" của Chúa Kitô đến đồng cỏ tốt lành. Dù ông ở đâu cùng đàn cừu, thì ở đó các mục tử khác, các thanh niên và người lớn đều tụ tập quanh ông; còn ông thì dạy họ nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất, và đã dẫn dắt nhiều người đến với phép rửa thánh, vì trên ông có ân sủng của Đức Thánh Linh. Một lần nọ, khi đang chăn cừu bên một suối nước, nơi có một cây sồi lớn đứng đó, Sozont chìm vào giấc ngủ ngon lành và thấy một khải tượng thiêng liêng, kêu gọi ngài thực hiện hành động tử đạo và báo trước rằng nơi đó sẽ mang lại lợi ích cho nhiều người, vì nó sẽ được thánh hóa bởi ân sủng từ trên cao, và nhiều người sẽ tìm thấy sự cứu rỗi tại đó và tôn vinh Thánh Ba Ngôi. Khi thức dậy, vị mục tử nhân lành này đã giao đàn chiên cho người khác, và để lại tại đó cây cung cùng ba mũi tên của mình làm kỷ niệm, rồi lên đường đến thành phố Pompeo-pol. Tại đó, ngài thấy sự gian ác ngày càng lan tràn, còn đức tin thánh thiện thì bị chà đạp, và lòng ngài vô cùng đau xót vì điều đó. Khi bước vào đền thờ, nơi có tượng thần bằng vàng, ngài bẻ gãy cánh tay của tượng, nghiền nát nó ra và phân phát cho những người nghèo. Việc lấy đi cánh tay vàng của tượng thần đã gây ra sự hỗn loạn lớn trong thành phố, và nhiều người đã bị thẩm vấn và tra tấn. Nhưng Thánh Sozont, không muốn ai khác phải chịu khổ vì mình, đã tự mình đến gặp quan tổng trấn Maximian và tuyên bố rằng chính ông là người gây ra vụ việc đó. "Tôi đã lấy cánh tay của thần của các ngài," ngài nói, "đập nát nó và phân phát vàng cho những người nghèo khó." Khi họ bắt đầu tra hỏi ngài tại sao lại dám hành động như vậy và làm ô nhục thần của họ bằng cách lấy đi và đập nát cánh tay của thần ấy, ngài đáp:

Tôi làm điều đó để chứng kiến sự bất lực của vị thần các ngài. Bởi vì, khi tôi lấy đi cánh tay của ngài, ngài không chống cự lại tôi, không nói gì, không tỏ ra đau đớn, cũng không thốt lên tiếng rên rỉ nào. Thật ra, là một kẻ câm điếc và điên dại, làm sao hắn có thể chống cự được? Nếu hắn là Thần thật sự và còn sống, thì hắn đã chống lại

---

[6061] Decius – kẻ bách hại tàn bạo các Kitô hữu; trị vì từ năm 249 đến năm 251.

[6062] Alexandria – thành phố nổi tiếng về trình độ học vấn, tầm quan trọng chính trị và thương mại, được Alexander Đại đế thành lập tại Ai Cập vào khoảng năm 333 trước Công nguyên.

[6063] Thánh Fabian – Giáo hoàng từ năm 236–250.

[6064] Thánh Alexander – Tổng Giám mục Alexandria từ năm 212 đến 250.

[6065] Trong một số cuốn lịch thánh cổ (của Hoàng đế Basil và những người khác), thay vì "Maximian" thì ghi là "Maxim". Người ta cho rằng đó là Numerus Maxim, người từng là thống đốc xứ Cilicia vào năm 304.

[6066] Trong lịch thánh của Hoàng đế Basil, nơi sinh của vị tử đạo Sozont được ghi là Lycia; trong Prologue cũng như trong Chetii-Minei, lại ghi là Lycaonia; theo các biên niên sử về các vị tử đạo, đó là Cilicia, nơi có thành phố ven biển Pompeopolis, vốn là Soly trong thời cổ đại.

tôi và không để tôi gây hại cho mình. Còn ta, biết rằng đó chỉ là một tượng thần chứ không phải thần linh, nên đã đập nát cánh tay của hắn, và thậm chí muốn đập nát cả thân thể hắn, để các ngươi không còn thờ phụng một sản phẩm do bàn tay con người tạo ra, thứ mà dù có mắt, tai, miệng, tay và chân, nhưng lại không nhìn thấy, không nghe thấy, không nói được, không sờ nắn được, không đi lại được, và không thể tự giúp mình được gì khi bị đánh đập hay đập vỡ thành từng mảnh.

Vị quan, nghe xong, ra lệnh tra tấn Sozont không thương xót. Ban đầu, họ treo ông lên cây và dùng móng sắt cào dọc theo xương sườn, sau đó xỏ cho ông đôi ủng sắt có đinh nhọn bên trong rồi dẫn ông đi khắp thành phố; vị thánh, trong khi đi trong đôi ủng đó, vẫn ngợi khen Thiên Chúa. Rồi họ lại treo ông lên cây và đánh ông dữ dội bằng gậy sắt, đến nỗi không chỉ thân thể mà cả xương cốt của ông cũng bị nghiền nát. Trong những cực hình này, vị thánh đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa[6067] . Thấy ngài đã qua đời, những kẻ tra tấn đã hạ thi thể ngài xuống khỏi cây, rồi theo lệnh của quan tổng trấn, họ đốt một ngọn lửa dữ dội để thiêu hủy thi thể, lo sợ rằng nó sẽ trở thành đối tượng tôn kính của các tín hữu. Và khi thi thể đầy đau khổ ấy bị ném vào lửa, bỗng chốc tia chớp lóe sáng, sấm sét vang dội và mưa lớn kèm theo mưa đá trút xuống, khiến ngọn lửa lập tức tắt ngấm; những người có mặt tại đó vì sợ hãi đã bỏ chạy, còn thi thể của vị thánh vẫn còn nguyên vẹn. Khi đêm xuống, các tín hữu muốn lấy thi hài thánh của ngài nhưng không thể, vì bóng tối dày đặc, và họ vô cùng đau xót vì điều đó. Nhưng đến nửa đêm, một luồng ánh sáng từ trời chiếu rọi xuống thi hài, và các tín hữu đã lấy thi hài đó về an táng một cách trang trọng. Từ quan tài của vị tử đạo đã xảy ra nhiều phép lạ, và không chỉ từ quan tài, mà cả từ suối nước chảy dưới gốc cây sồi – nơi vị thánh từng có một giấc mơ khi đang ngủ – nhờ ân sủng của Chúa Kitô và những lời cầu nguyện của vị tử đạo thánh thiện, nhiều người bệnh đã được chữa lành. Vì vậy, sau này tại đó đã được xây dựng một nhà thờ mang tên ngài, để tôn vinh trong đó Thiên Chúa Chân Thật, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi. Vinh quang thuộc về Chúa muôn đời, amen.

Bài ca ngợi thánh, giọng 2:

Hôm nay, khi chúng ta tụ họp để tôn vinh vị Tử đạo chân thật và khôn ngoan trước mặt Thiên Chúa, vị thánh chịu khổ vì đức tin một cách thành thạo, hãy cùng nhau ca ngợi Sozont, người giữ bí mật của ân sủng, Đấng ban phát những phép chữa lành dồi dào: xin ngài cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, cho tất cả chúng ta.

Kỷ niệm các Thánh Tông đồ Evod và Onisifor.

Ngày tưởng niệm 7 tháng 9

Thánh Evod, một trong bảy mươi Tông đồ, là vị giám mục đầu tiên tại thành Antioch vĩ đại sau Thánh Tông đồ Phêrô, và là nhà rao giảng vĩ đại Lời Chúa. Thánh Ignatius, người mang Chúa trong lòng, đã nhắc đến ngài trong thư gửi cho các tín hữu Antioch như sau: “Hãy tưởng nhớ vị cha đáng kính của các con là Thánh Evod, người đã được các Tông đồ bổ nhiệm làm vị mục tử đầu tiên cho các con; hãy là những người con đích thực của ngài, chớ làm kẻ ngoại tình, để cha các con không phải hổ thẹn vì các con.” Thánh Evod này đã viết về Đức Trinh Nữ Rất Thánh rằng, khi mới mười lăm tuổi, Người đã sinh ra Đấng Cứu Thế của thế gian là Chúa Kitô. “Khi mới ba tuổi,” ngài viết, “Ngài được dâng vào Đền Thờ Chúa, nơi Ngài ở lại mười một năm; khi Ngài tròn mười bốn tuổi, các linh mục đã giao Ngài cho Thánh Giuse để ngài bảo vệ Ngài. Ngài ở với ông ấy bốn tháng, rồi nhận được tin mừng từ Thiên Thần và vào cuối năm mười lăm tuổi, Người đã sinh ra Đấng Cứu Thế cho thế gian – Đức Kitô.” Ngoài ra, Thánh Evod còn để lại nhiều tác phẩm hữu ích khác, nhưng tất cả đều đã bị thất lạc trong những thời kỳ đầy biến động đó, khi Giáo Hội của Thiên Chúa phải chịu sự bách hại, và vì thế không còn tồn tại đến ngày nay. Hiện nay, chỉ còn biết đến cuốn sách mang tên “Ánh Sáng”, tuy nhiên, cuốn sách này chỉ được đề cập đến bởi nhà sử học cổ đại Nikiforos[6068] . Về chính Thánh Evod, có thông tin được ghi lại trong các sách liệt tử La Mã[6069] , nơi

[6067] Theo Sách Thánh Hy sinh của tu sĩ Nicodemos ở Mount Athos, sự đau khổ và cái chết của Thánh Tử đạo Sozont diễn ra vào năm 288. Theo các nguồn tin khác, sự kiện này xảy ra vào khoảng năm 304.

[6068] Nikifor Kallist.

[6069] Các sách tử đạo, hay các bản tường thuật tử đạo, là tập hợp những ghi chép cổ xưa nhất về những đau khổ của các vị tử đạo. Nguồn gốc và cơ sở ban đầu của các bản tường thuật tử đạo là những ghi chép về các cuộc thẩm vấn, kết án và hành quyết các vị tử đạo bởi các

cho biết ngài đã đổ máu vì Chúa Kitô và qua đời một cách tử đạo. Một số người khẳng định rằng vị thánh này đã chịu tử đạo tại Antioch dưới triều đại hoàng đế Vespasian[6070] . Vào thời điểm đó, theo họ kể lại, tại một thành phố nào đó đã xảy ra một cuộc nổi loạn lớn do một người Do Thái tên là Antiochus gây ra; sau khi phản bội đức tin của mình, hắn bắt đầu dâng lễ vật cho các thần tượng, và nhiều người Do Thái đã bị giết vì từ chối thờ lạy các thần tượng. Khi đó, rất nhiều người Do Thái đã chấp nhận đức tin Kitô giáo và có vị giám mục là Thánh Evod, người, với tư cách là người đứng đầu và mục tử của họ, đã bị sát hại không lâu sau đó[6071] .

Thánh Ô-ni-si-phô cũng thuộc về hàng ngũ bảy mươi Tông đồ. Về ngài, Thánh Phaolô trong thư gửi cho Timôthê đã nói: *"Xin Chúa ban ân sủng cho gia đình Ô-ni-si-phô, vì ông đã nhiều lần an ủi tôi và không hổ thẹn vì những xiềng xích của tôi, nhưng khi ở Rôma, ông đã tìm kiếm tôi với sự tận tâm lớn lao và đã tìm thấy tôi. Xin Chúa ban cho ông được ân sủng trước mặt Chúa vào ngày ấy; còn về việc ông đã phục vụ tôi như thế nào tại Ê-phê-sô, thì chính anh biết rõ hơn ai hết"* (2 Ti-mô-thê 1:16–18). Vị Onisifor này là giám mục tại Colophon[6072] và đã chịu khổ vì đức tin, chịu chết như một vị tử đạo. Các bản tường thuật về cuộc tử đạo của ngài chứng thực rằng, sau nhiều cực hình, thánh Onisifor đã bị những con ngựa hoang xé xác và cùng với Evod, ngài đã được đón nhận vào hàng ngũ các vị chứng nhân của Đức Chúa Trời trong các nơi ở trên trời.

Lễ kính Thánh Tử đạo Evpsikhios

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 9

Thánh Eupsychius sinh ra và lớn lên tại Caesarea Cappadocia. Trong thời trị vì của Hoàng đế Hadrian[6073] , có người tố cáo ngài rằng ngài không tôn thờ các vị thần ngoại đạo mà chỉ tôn kính Chúa Kitô. Do lời tố cáo đó, Thánh Eupsychius bị quan tổng trấn Cappadocia bắt giữ và tra tấn: thân thể ngài bị cào xé bằng những móng vuốt sắt cho đến khi xương sườn lộ ra. Sau những cực hình, Thánh Eupsychius, khi đã gần như chết , bị ném vào ngục tối. Tại đây, ngài đã dâng lên Chúa lời cầu nguyện tha thiết, và trong lúc cầu nguyện ấy, một Thiên thần đã hiện ra và bằng cái chạm tay của mình, đã chữa lành những vết thương của vị tử đạo.

Ngay sau đó, Thánh Eupsychius được thả ra khỏi ngục tối. Sự giải thoát này diễn ra theo ý muốn của Đức Chúa Trời, nhằm mục đích để của cải mà Eupsychius sở hữu không rơi vào tay những kẻ vô đạo, mà được phân phát cho người nghèo. Quả thực, Thánh Eupsychius đã phân phát toàn bộ tài sản của mình – vốn được tích lũy từ thời tổ tiên xa xưa – cho những người nghèo khổ và khốn cùng; trong đó, ngài còn dành một phần cho chính những kẻ thù đã vu khống ngài, và như vậy, ngài đã tôn vinh những kẻ gây ra nỗi đau khổ cho mình bằng những món quà, như thể họ là những ân nhân của ngài.

Sau đó, khi Công tước Sapricius cai trị Cesarea, Thánh Eupsychius lại bị bắt giữ. Ông bị treo cổ và tra tấn dã man trong một thời gian dài, sau đó ông đã chịu tử đạo bằng cách bị chém bằng gươm. Người ta kể rằng từ những vết thương trên thân thể ông, thay vì máu, sữa và nước đã chảy ra.

Cuộc đời của Thánh Cha Gioan, Tổng Giám mục Novgorod

Ngày kỷ niệm: 7 tháng 9

Thánh Gioan, vị thánh làm phép lạ mới của Nga, sinh ra tại thành phố Veliky Novgorod. Cha mẹ ngài – Nikolai và Christina – là những người sùng đạo. Vì vậy, cả ngài lẫn anh trai ngài – Gavriil – đều được nuôi dạy trong sự kính sợ Thiên Chúa. Từ khi còn nhỏ, Thánh Gioan đã hiến dâng mình cho Chúa và sống một cuộc đời đạo

---

quan chức ngoại giáo. Kể từ thời kỳ đàn áp của hoàng đế La Mã Decius Trajan (năm 250 sau Công nguyên), người ta bắt đầu lập các văn bản chính thức của Giáo hội tại Rome và các vùng khác về số phận của các vị tử đạo, nhưng chỉ có những đoạn trích nhỏ lẻ còn lưu truyền đến ngày nay.

[6070] Vespasian – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 70 đến năm 79 sau Công nguyên.

[6071] Thánh Evod đã an nghỉ trong Chúa vào năm 66 sau Công nguyên.

[6072] Colophon – một thành phố cổ ở Lydia, thuộc vùng tây bắc Tiểu Á. Gần đây, người ta đã phát hiện ra những tàn tích của thành phố này.

[6073] Hadrian – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 117 đến năm 138 sau Công nguyên. Mặc dù ông không tiến hành cuộc đàn áp kéo dài đặc biệt nào đối với các Kitô hữu, nhưng dưới triều đại của ông, nhiều vị tử đạo Kitô giáo đã phải chịu khổ nạn, và bản thân ông cũng có khuynh hướng mê tín và tin vào các giáo lý bí ẩn của các tôn giáo ngoại giáo.

đức; khi đến tuổi trưởng thành, ngài được phong chức linh mục tại nhà thờ Thánh Tử đạo Vlasiy. Vị linh mục mới được phong chức đã phục vụ Chúa với lòng nhiệt thành hơn bao giờ hết, tuân giữ nghiêm ngặt và không sai lệch bất kỳ điều răn nào của Chúa. Trong khi đó, cha mẹ của Thánh Gioan đã qua đời. Trước đây, ngài vốn yêu thích cuộc sống thầm lặng, thậm chí còn có ý định nhận lễ xuất gia; nhưng giờ đây, sau khi tham vấn với anh trai là Gabriel, Thánh Gioan quyết định thành lập một tu viện mới bằng số tiền cha mẹ để lại. Ban đầu, họ xây dựng một nhà thờ bằng gỗ mang tên Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội để tưởng nhớ sự Truyền Tin vinh quang của Mẹ, và thành lập tu viện; sau đó, họ dự định xây dựng thêm một nhà thờ bằng đá. Các tu sĩ háo hức bắt tay thực hiện ý định tốt lành của mình: họ bắt đầu xây dựng nhà thờ bằng đá một cách cẩn thận và đã hoàn thành được một nửa, nhưng buộc phải dừng lại vì nguồn tài chính cạn kiệt; Thánh Gioan và anh trai ông là Gabriel vô cùng buồn bã vì điều này, nỗi đau buồn của họ thật lớn lao. Và thế là, trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, nhưng đồng thời vẫn nuôi dưỡng đức tin vững chắc và lòng nhiệt thành sâu sắc đối với Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, họ đã dâng lời cầu nguyện lên Đấng Cứu Giúp Nhanh Chóng và Đấng An Ủi của tất cả những ai đang đau khổ:

– Nữ Vương của chúng con! – hai anh em cầu nguyện – Mẹ biết đức tin và tình yêu của chúng con dành cho Con Mẹ và Thiên Chúa của chúng con; Mẹ thấy lòng nhiệt thành mà chúng con hướng về Mẹ, Nữ Vương của chúng con; xin Mẹ giúp chúng con hoàn thành ngôi thánh đường này; chúng con đặt trọn niềm hy vọng vào Mẹ, Mẹ Thiên Chúa, xin Mẹ đừng bỏ rơi chúng con, những tôi tớ của Mẹ, và đừng để chúng con phải hổ thẹn: chúng con đã bắt đầu xây dựng ngôi thánh đường này, nhưng không thể hoàn thành công trình mà không có sự giúp đỡ của Mẹ.

Họ đã cầu nguyện như vậy với Đức Mẹ và trút nỗi buồn của mình trước mặt Người. Lời khẩn cầu chân thành của họ đã được lắng nghe. Nữ Vương Thiên Đàng đã hiện ra với họ trong một giấc mơ và nói:

– Tại sao các con, những tôi tớ của Thiên Chúa mà Ta yêu thương, lại chìm đắm trong nỗi buồn sâu thẳm và than thở như vậy vì việc xây dựng nhà thờ bị trì hoãn; Ta sẽ không bỏ qua lời cầu xin của các con, vì Ta thấy đức tin và tình yêu của các con: chẳng bao lâu nữa, các con sẽ có đủ nguồn lực, không chỉ đủ để xây dựng nhà thờ, mà thậm chí còn dư thừa; chỉ cần các con đừng từ bỏ việc lành và đừng nguội lạnh trong đức tin.

Sự hiện thấy này, mà cả hai anh em đều được ban cho, đã ban cho họ sức mạnh và sự phấn chấn; khi thức dậy, họ tràn ngập niềm vui lớn lao. Sau giờ kinh sáng, hai anh em kể cho nhau nghe những gì họ đã thấy, và niềm hy vọng của họ càng thêm vững chắc. Theo sự an bài của Chúa, sáng sớm cùng ngày đó, họ rời tu viện, và bỗng nhiên nhìn thấy trước cổng tu viện một con ngựa đẹp đẽ, trên đầu nó đeo dây cương được dát vàng; yên ngựa cũng được dát bằng kim loại đó; con ngựa đứng yên lặng và bất động, còn người cưỡi ngựa, người mà nó có thể thuộc về, thì không có mặt. Các tu sĩ vô cùng ngạc nhiên trước vẻ đẹp và sự trang trí lộng lẫy của con ngựa; họ đã chờ đợi rất lâu, hy vọng chủ nhân của nó sẽ xuất hiện từ đâu đó. Tuy nhiên, không ai xuất hiện, còn con ngựa vẫn đứng bất động tại chính chỗ đó . Lúc đó, họ tiến lại gần hơn và thấy rằng hai bên yên ngựa có treo hai túi được nhồi đầy ắp. Nhận ra rằng đây là ân huệ từ trên cao ban xuống, họ tháo những chiếc bao ra khỏi con ngựa, và ngay lập tức con ngựa biến mất. Các anh em mở các bao ra và thấy một bao chứa đầy vàng đến tận miệng, còn bao kia thì chứa đầy bạc. Ngạc nhiên trước sự chăm sóc của Thiên Chúa và Đức Mẹ Rất Thánh dành cho họ, họ bắt đầu dâng lên những lời cầu nguyện tạ ơn nồng nhiệt. Chẳng bao lâu sau, nhờ ơn Chúa, họ đã hoàn thành ngôi thánh đường và trang hoàng nó thật lộng lẫy; sau đó, họ mua nhiều làng mạc để duy trì tu viện, và dù vẫn còn khá nhiều tiền, họ đã dâng hết cho vị tu viện trưởng và các tu sĩ. Tại tu viện này, chính họ cũng đã nhận lễ xuất gia, trong đó Gioan được đặt tên là Ê-li, còn Ga-ri-ê-l là Grêgôri; cuộc sống của họ trôi qua theo ý Chúa trong sự ăn chay và cầu nguyện, tràn đầy những công việc và việc làm thánh thiện của đời tu.

Khi Thánh Tổng Giám mục Arkady của Novgorod qua đời, Thánh Ilya đã bị triệu hồi khỏi tu viện và, trái với ý muốn của mình, được tấn phong lên ngôi Tổng Giám mục. Tự cho mình không xứng đáng với chức vụ cao quý ấy, Ilia đã từ chối, nhưng dưới sự hướng dẫn của chính Thiên Chúa, vị công tước cùng các nhà lãnh đạo thế tục và tôn giáo, cũng như toàn thể cư dân Novgorod, đã nhất trí bầu Ilia làm Tổng Giám mục: vì ngài được cả Thiên Chúa lẫn con người yêu mến. Bằng những lời khẩn cầu và nài nỉ tha thiết, mọi người đã thuyết phục vị tu sĩ khiêm nhường này lên ngôi tổng giám mục; tất cả đều đòi hỏi điều đó. Cuối cùng, dù trái với ý muốn của mình, ngài đã tuân theo ý nguyện của dân chúng và được Đức Thánh Gioan, Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga, tấn phong làm Tổng Giám mục Novgorod. Ngài đã chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô một cách trung thành, sống trong sự thánh thiện và công chính[6074] . Trong thời gian ngài làm tổng giám mục, Công tước Roman của Suzdal cùng với nhiều công tước khác của đất nước Nga, tổng cộng bảy mươi hai người, đã nổi dậy chống lại thành phố vĩ đại Novgorod,

với ý định tàn phá thành phố này, đồng thời bắt giữ và xử tử những anh em cùng huyết thống và cùng đức tin của mình. Với một đạo quân hùng hậu, họ tiến đến thành phố và bao vây xung quanh, trong ba ngày liên tiếp đã gây áp lực dữ dội lên thành. Người dân trong thành, khi thấy số lượng kẻ bao vây đông đảo, đã mất tinh thần; sức lực của họ cạn kiệt, họ đau buồn và hoang mang tột độ, không mong đợi sự giúp đỡ từ đâu cả – họ chỉ cầu xin lòng thương xót của Chúa và đặt niềm tin vào những lời cầu nguyện của vị tổng giám mục thánh thiện của mình. Còn vị Giám mục, như một vị mục tử chân chính và nhân từ, khi thấy bầy sói đang tiến gần, sẵn sàng cướp bóc đàn chiên của mình, đã đứng canh gác, đôi mắt không ngừng hướng về Thiên Chúa và bằng những lời cầu nguyện thánh thiện của mình, như những bức tường, bảo vệ thành phố. Vào đêm thứ ba, khi ngài, theo thói quen, đang cầu nguyện trước bức tượng Chúa Giêsu Kitô và với những giọt nước mắt, khẩn cầu Chúa cứu thành phố, thì ngài nghe thấy một giọng nói phán với ngài:

– Hãy đến nhà thờ Chúa Giêsu Kitô trên phố Ilinskaya, lấy bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và mang nó ra trên tường thành để đối đầu với kẻ thù; ngay lập tức ngươi sẽ thấy thành phố được cứu thoát.

Nghe những lời ấy, Ilya tràn ngập niềm vui khôn tả và thức trắng cả đêm; đến sáng, ông tập hợp mọi người lại và kể lại những gì đã xảy ra. Nghe vậy, dân chúng ca ngợi Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, và như được tiếp thêm sức mạnh, tinh thần họ phấn chấn hẳn lên; còn tổng giám mục thì sai vị phó tế trưởng cùng các linh mục, ra lệnh cho họ mang bức tượng thánh quý báu đó đến cho ngài, còn bản thân ngài cùng Hội đồng Thánh chức bắt đầu cử hành nghi thức cầu nguyện trong nhà thờ lớn mang tên Thánh Sofia – Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa. Những người được cử đi, khi đến nhà thờ Spasova, nơi có bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Đồng Trinh, trước tiên, theo thông lệ, họ đã cúi đầu thờ lạy, sau đó định mang bức tượng đi, nhưng thậm chí không thể di chuyển nó khỏi chỗ; dù họ đã cố gắng nâng bức tượng lên bao nhiêu lần đi chăng nữa, họ vẫn không thể làm được. Sau đó, họ trở về gặp Tổng Giám mục và kể cho ngài nghe về hiện tượng kỳ diệu ấy. Dẫn theo tất cả mọi người, Tổng Giám mục lên đường đến nhà thờ Spasova; khi đến nơi, ngài quỳ gối trước bức tượng Đức Mẹ và cầu nguyện như sau:

– Lạy Đức Mẹ đầy lòng thương xót, Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ là niềm tin, hy vọng và Đấng bảo trợ cho thành phố chúng con, Mẹ là bức tường thành, tấm màn che chở và nơi nương tựa của mọi Kitô hữu, vì thế chúng con, những kẻ tội lỗi, cũng đặt niềm tin nơi Mẹ; xin Đức Mẹ cầu thay cho thành phố chúng con trước Con của Đức Mẹ và Thiên Chúa của chúng con; xin đừng phó thác chúng con vào tay kẻ thù vì những tội lỗi của chúng con, nhưng xin hãy lắng nghe tiếng khóc than và tiếng thở dài của dân Ngài, xin thương xót chúng con, như xưa kia Con của Đức Mẹ đã thương xót dân Ninive vì sự sám hối của họ, xin hãy ban ơn thương xót của Đức Mẹ xuống trên chúng con, Đức Mẹ.

Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, vị thánh bắt đầu nghi thức cầu nguyện – và khi các linh mục hát bài thánh ca "Sự cầu bầu của các Kitô hữu không hổ thẹn", đột nhiên bức tượng thánh của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội tự động chuyển động. Toàn thể dân chúng, khi chứng kiến phép lạ kinh ngạc này, đồng thanh kêu lên: "Lạy Chúa, xin thương xót!" Vị Tổng Giám mục Thánh Thiện, cầm bức tượng thánh lên, sau khi kính cẩn hôn lên đó, đã cùng dân chúng tiến hành nghi thức cầu nguyện " ", rồi nâng bức tượng lên tường thành và đặt nó hướng về phía kẻ thù. Lúc bấy giờ, quân địch đang siết chặt vòng vây quanh thành phố ngày càng dữ dội, bắn xuống một trận mưa tên. Và rồi, Đức Mẹ Rất Thánh đã quay mặt khỏi kẻ thù và hướng ánh mắt về phía thành phố, đó là dấu hiệu rõ ràng về lòng thương xót vĩ đại của Đức Mẹ, được ban cho những người đang lâm vào cảnh khốn khó trong cuộc vây hãm. Đức Tổng Giám mục, khi nhìn vào bức thánh tượng, đã thấy những giọt nước mắt trên đôi mắt Đức Mẹ; ngài lấy chiếc áo choàng của mình ra và bắt đầu hứng những giọt nước mắt đang rơi từ bức thánh tượng, đồng thời cất tiếng kêu lên:

– Ôi phép lạ vinh quang – nước mắt đang tuôn trào từ một cây khô! Bằng điều này, Nữ Vương ơi, Ngài ban cho chúng con dấu hiệu rằng Ngài đang cầu nguyện với nước mắt cùng Con của Ngài và Thiên Chúa của chúng con để giải cứu thành phố.

Và toàn thể dân chúng, khi thấy Đức Mẹ Rất Thánh đang rơi lệ, đã kêu cầu Thiên Chúa trong tiếng khóc nức nở và lòng tràn đầy xúc động. Bỗng chốc, nỗi sợ hãi ập xuống kẻ thù, bóng tối bao trùm chúng, cơn thịnh nộ của Thiên Chúa khiến chúng rơi vào hỗn loạn, và chúng bắt đầu giết lẫn nhau. Thấy kẻ thù rơi vào hỗn loạn, dân chúng Novgorod đã mở cổng thành và cầm vũ khí lao vào đối phương; một số bị chém chết bằng gươm, số khác bị bắt sống, và như vậy, nhờ ơn Đức Mẹ Rất Thánh, họ đã đánh bại toàn bộ các đạo quân địch. Kể từ thời điểm đó, Thánh Ilya của Đức Chúa Trời đã thiết lập tại thành phố vĩ đại Novgorod một lễ hội long trọng kỷ niệm Dấu hiệu

kỳ diệu của Đức Mẹ Đồng Trinh, và gọi ngày đó là ngày giải cứu và ngày trừng phạt, bởi vì, nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Đồng Trinh, Chúa đã ban ơn cứu rỗi cho dân chúng và trừng phạt những kẻ đã táo tợn nổi loạn chống lại anh em cùng dòng dõi và cùng đức tin của mình, gây ra cuộc nội chiến. Kể từ đó, thành Novgorod vĩ đại, dưới sự cai quản của vị mục tử nhân từ, đã được hưởng hòa bình trọn vẹn và sự yên tĩnh sâu lắng. Trong suốt vài năm nắm giữ chức vụ tổng giám mục, Thánh Ilya, với lòng nhiệt thành mong muốn tôn vinh danh thánh của Đức Chúa Trời, đã xây dựng những nhà thờ tuyệt đẹp; tổng số nhà thờ do ngài xây dựng lên tới bảy ngôi.

Nhà thờ đầu tiên, mà ngài đã xây dựng trước khi xuất gia, là để tôn vinh Lễ Truyền Tin của Đức Mẹ; nhà thờ thứ hai, để kỷ niệm Lễ Hiển Linh của Chúa, được xây dựng trong thời gian ngài đảm nhận chức vụ tổng giám mục; ngôi thứ ba – để tôn vinh Thánh Tiên tri Ê-li; ngôi thứ tư – để tôn vinh Thánh Phê-ô-đô-rô, Bề trên Tu viện Studion; ngôi thứ năm – để tôn vinh Ba Thánh Thiếu niên: Ananias, Azarias, Misael và Thánh Tiên tri Đa-ni-ên; ngôi thứ sáu – để tôn vinh Thánh La-xa-rô Công chính, người được sống lại sau bốn ngày; ngôi thứ bảy được dâng hiến cho Thánh Ni-cô-la, vị Thánh làm phép lạ.

Trong khi xây dựng các nhà thờ, Ê-li còn được ca ngợi vì đời sống đạo đức của mình: ngài rất nhân từ với mọi người, nổi bật bởi sự hiền lành phi thường và tình yêu chân thành; ông như mặt trời trong Giáo hội của Đấng Kitô, tỏa sáng bằng những việc làm tốt lành của mình, xua tan bóng tối của tội ác và đập tan đầu của chúa tể bóng tối – ma quỷ, kẻ luôn nuôi dưỡng thù hận và ghen tị với sự cứu rỗi của loài người; Thánh Ê-li cũng có quyền năng lớn lao trên các linh hồn ô uế đến nỗi chỉ bằng lời nói, ngài đã có thể trói buộc chúng, điều này được chứng thực qua câu chuyện kỳ diệu sau đây.

Một lần nọ, theo thói quen, vào nửa đêm, vị thánh đang đứng cầu nguyện trong phòng tu của mình. Con quỷ, muốn dọa nạt vị thánh, đã nhập vào cái chậu rửa tay treo trong phòng tu của ngài và, khuấy động nước, bắt đầu gây ra tiếng ồn. Vị thánh, nhận ra rằng đây là việc làm của ma quỷ, đã bước đến chiếc chậu và làm dấu thánh giá lên đó; bằng lời răn đe của mình, ngài đã trói buộc con quỷ trong chậu rửa mặt đến nỗi nó phải chịu đựng ở đó trong một thời gian dài, không thể thoát ra được; cuối cùng, không thể chịu đựng thêm sự đau khổ nữa, vì sức mạnh của dấu thánh giá đang thiêu đốt nó, con quỷ bắt đầu gào thét bằng giọng người.

– Ôi, khốn khổ cho tôi! Sức mạnh của Thánh Giá đang thiêu đốt tôi, tôi không thể chịu đựng nỗi đau khổ này thêm nữa, xin hãy thả tôi ra ngay, vị thánh được Chúa yêu mến.

Còn Ê-li thì hỏi:

– Ngươi là ai và làm sao ngươi vào được đây?

Quỷ Satan đáp:

– Ta là con quỷ xảo quyệt và đã đến đây để làm xao lãng ngươi, vì ta nghĩ rằng ngươi, với tư cách là con người, sẽ sợ hãi và ngừng cầu nguyện; nhưng ngươi đã nhốt ta vào cái bình này, và giờ đây ta đang phải chịu đau khổ tột cùng. Khốn khổ cho ta vì đã bị cám dỗ và bước vào đây. Hãy thả ta ra, hỡi tôi tớ của Chúa; từ nay trở đi, ta sẽ không bao giờ quay lại đây nữa.

Con quỷ đã kêu gào như vậy trong một thời gian dài.

Cuối cùng, vị thánh nói:

– Vì sự trơ trẽn vô liêm sỉ của ngươi, ta ra lệnh cho ngươi đêm nay phải đưa ta đến Giê-ru-sa-lem và đặt ta trước đền thờ, nơi có Mộ Thánh của Chúa; từ Giê-ru-sa-lem, ngươi phải lập tức đưa ta trở lại đây, vào phòng tu của ta trong cùng đêm đó, và khi đó ta sẽ thả ngươi ra. Con quỷ hứa hẹn đủ mọi cách sẽ tuân theo ý muốn của vị thánh, miễn là vị thánh thả nó ra khỏi bình. Vị thánh thả nó ra với những lời:

– Hãy biến thành một con ngựa đã được yên cương và đứng trước phòng tu của ta.

Giống như bóng tối, con quỷ bước ra khỏi bình và biến thành con ngựa theo lệnh của vị thánh. Thánh Ilya bước ra khỏi phòng tu, cưỡi lên lưng con quỷ, và ngay trong đêm đó đã đến thành thánh Giê-ru-sa-lem, gần Đền Thánh Phục Sinh, nơi có Mộ Thánh của Chúa. Tại đây, vị thánh nhân của Chúa đã ra lệnh cho con quỷ không được rời khỏi nơi đó; và con quỷ đứng đó, như bị xích chặt, không có sức để di chuyển khỏi chỗ đứng, cho đến khi Thánh Ê-li hoàn tất việc thờ lạy Mộ Thánh Chúa và Thánh Giá. Khi đến gần nhà thờ, vị thánh nhân quỳ gối trước cửa và bắt đầu cầu nguyện; bỗng nhiên những cánh cửa vốn đã khóa chặt tự mở ra, và những ngọn nến cùng đèn dầu bên Mộ Thánh Chúa bỗng sáng lên. Đức Tổng Giám mục, vừa dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện tạ ơn vừa rơi lệ, đã cúi đầu thờ lạy Mộ Thánh Chúa và kính cẩn hôn lên đó; ông cũng cúi đầu trước Cây Sự Sống, trước tất cả các bức tượng thánh và các nơi thánh. Sau khi thực hiện được nguyện vọng của mình, ông bước ra khỏi nhà thờ và một lần nữa, các cánh cửa nhà thờ lại tự động đóng lại; còn con quỷ thì đứng tại chính nơi nó được lệnh phải

đứng, dưới hình dạng một con ngựa đã được cỡi; ngồi lên lưng nó, Thánh Gioan lại đến thành Novgorod vĩ đại ngay trong đêm đó và trở về phòng tu của mình. Khi rời khỏi vị thánh, con quỷ van nài ngài đừng nói với ai về việc nó đã phục vụ ngài ra sao, về lời thề ràng buộc nó, cũng như việc nó đã tuân theo ngài như một tù nhân.

– Nếu ngươi kể cho ai biết, – con quỷ thêm vào, – rằng ngươi đã cưỡi trên lưng ta, thì ta sẽ không ngừng bày mưu tính kế chống lại ngươi và sẽ giáng xuống ngươi những cám dỗ mạnh mẽ.

Con quỷ đe dọa như vậy, nhưng vị thánh đã làm dấu thánh giá, và ngay lập tức con quỷ biến mất khỏi ngài, như làn khói.

Cùng lúc đó, Thánh Gioan đang có cuộc trò chuyện tâm linh với những người đàn ông chính trực: các vị tu viện trưởng, các linh mục và những công dân sùng đạo; Ngài kể lại cuộc đời các thánh, nói nhiều về những việc làm có ích cho linh hồn và, nhân tiện, cũng kể lại điều đã xảy ra với chính mình – cụ thể là về chuyến đi của ngài đến Giê-ru-sa-lem; khi kể lại, ngài không tự xưng tên mình, mà như thể đang nói về một người khác.

– Tôi, – ông nói, – biết một người đã đi từ Novgorod đến Jerusalem chỉ trong một đêm; sau khi thờ lạy Mộ Thánh Chúa và Thánh Giá ban sự sống của Chúa, ông ấy đã quay trở lại thành phố vĩ đại Novgorod ngay trong chính đêm đó; trong suốt chuyến đi, ông cưỡi trên lưng một con bò, mà ông đã trói buộc bằng lời cấm đoán của mình, khiến nó như thể trở thành tù nhân của ông vậy.

Những người nghe vô cùng ngạc nhiên trước câu chuyện của vị thánh, còn ma quỷ thì nghiến răng với vị tổng giám mục, nói:

– Vì ngươi đã tiết lộ bí mật, ta sẽ giáng xuống ngươi một cám dỗ đến nỗi ngươi sẽ bị tất cả dân chúng của ngươi kết án là kẻ dâm đãng.

Và kể từ lúc đó, với sự cho phép của Đức Chúa Trời, ác quỷ thực sự bắt đầu dàn dựng những mưu mô xảo quyệt nhằm vào vị thánh, cố gắng làm hoen ố danh tiếng tốt đẹp của ngài. Hắn cho những người, vốn đổ xô đến gặp Gioan để xin phước lành, thấy những ảo ảnh khác nhau trong phòng tu của vị thánh: lúc thì giày phụ nữ, lúc thì vòng cổ, lúc thì quần áo phụ nữ. Những người đến gặp tổng giám mục, khi nhìn thấy những điều đó, đã bị cám dỗ và bắt đầu nghi ngờ vị thánh, tự hỏi liệu ngài có đang giấu một người đàn bà lăng loàn trong phòng tu của mình hay không; họ cảm thấy vô cùng bối rối vì điều đó và, khi bàn tán với nhau về những gì đã thấy, họ nói với nhau rằng:

– Một kẻ dâm đãng không xứng đáng ngồi trên ngai tông đồ.

Một lần nọ, dân chúng tụ tập và đi đến phòng tu của vị thánh, thì con quỷ biến thành một thiếu nữ, chạy trước mặt đám đông, như thể đang rời khỏi phòng tu của vị thánh. Những người chứng kiến cảnh đó đã la lên và định đuổi theo cô gái để bắt giữ cô, nhưng con quỷ đã chạy trốn vào sau phòng tu của vị thánh và biến mất khỏi tầm mắt. Nghe thấy tiếng la hét và ồn ào của đám đông, vị thánh bước ra khỏi phòng tu và hỏi những người đang tụ tập:

– Có chuyện gì xảy ra vậy, các con của ta? Các con đang ồn ào vì điều gì?

Họ la hét vào mặt ngài, bắt đầu chửi rủa và trách móc ngài như một kẻ dâm đãng, bắt giữ ngài, chế giễu ngài, và không biết phải làm gì tiếp theo với ngài, họ bắt đầu bàn tán với nhau:

– Hãy đưa ngài ra sông và đặt ngài lên một chiếc bè, để ngài trôi ra khỏi thành phố theo dòng sông.

Sau khi bàn bạc, chúng dẫn vị giám mục thánh thiện và trong sạch của Chúa đến cây cầu lớn bắc qua sông Volkhov và đặt vị thánh lên chiếc bè. Như vậy, lời của con quỷ xảo quyệt đã trở thành sự thật, kẻ đã khoe khoang rằng:

– Ta sẽ giáng xuống ngươi một cám dỗ đến nỗi ngươi sẽ bị mọi người kết án như một kẻ dâm đãng.

Giờ đây, khi chứng kiến sự sỉ nhục dành cho vị thánh, kẻ thù xảo quyệt của loài người vô cùng hân hoan; nhưng nhờ sự an bài của Đức Chúa Trời, sự vô tội của người công chính đã chiến thắng và làm bẽ mặt kẻ thù xảo quyệt; bởi vì khi vị thánh được đặt lên chiếc bè, chiếc bè ấy không trôi theo dòng nước xuống hạ lưu, mà lại trôi ngược dòng, bất chấp việc dòng nước ở gần cây cầu lớn rất mạnh, và không ai kéo chiếc bè, mà chính nó tự trôi theo ý muốn của Đức Chúa Trời và hướng về tu viện Thánh George, nằm cách thành phố ba dặm. Thấy phép lạ như vậy, mọi người kinh hoàng; quên đi sự oán hận, họ xé rách áo quần và khóc lóc thốt lên:

– Chúng tôi đã phạm tội và làm điều bất chính, vì chúng tôi, những con chiên, đã kết án ngài, vị mục tử vô tội của chúng tôi, một cách oan uổng.

Trong khi đi dọc theo bờ sông, họ khẩn cầu vị thánh tha thứ cho những lỗi lầm của họ và trở lại ngai tòa của ngài.

– Xin tha thứ cho chúng con, thưa Cha, – họ kêu lên, – trong sự thiếu hiểu biết, chúng con đã phạm tội chống lại Ngài, xin đừng nhớ đến sự oán hận của chúng con và đừng bỏ rơi các con cái của Ngài.

Cả hàng giáo sĩ cũng vậy, họ chạy lên phía trước và quỳ lạy vị thánh, khóc lóc van nài ngài trở lại ngai tòa của mình. Còn Đức Tổng Giám mục, giống như Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, đã cầu nguyện cho những người đã xúc phạm ngài, nói rằng:

– Lạy Chúa, xin đừng tính điều này là tội lỗi cho họ!

Khi thuyền cập bến cách tu viện đã đề cập ở trên khoảng nửa quãng đường[6074] , ngài bước xuống bè và lên bờ. Dân chúng thì quỳ sấp xuống trước mặt ngài, khóc lóc xin tha thứ, và có một niềm hân hoan lớn lao khi vị thánh ban cho họ sự tha thứ; họ còn vui mừng hơn nữa khi Chúa đã bày tỏ cuộc đời vô tội và trong sạch của ngài. Vị mục tử nhân từ, sau khi ban ơn tha thứ cho tất cả mọi người, đã kể lại chuyến đi của ngài đến Giê-ru-sa-lem, cách ngài cưỡi con bò cái, và cách ma quỷ đã cố gắng dọa nạt ngài. Mọi người, khi nghe những điều này, đều ngợi khen Đức Chúa Trời.

Vậy là, vị thánh trở về ngai tòa của mình trong vinh quang và danh dự lớn lao, rồi bắt đầu giảng dạy mọi người:

– Hỡi các con, hãy làm mọi việc một cách thận trọng, để ma quỷ không lừa dối các con, để đức hạnh của các con không bị vấy bẩn bởi việc ác và để các con không làm phật lòng Chúa Tể.

Sau tất cả những điều đã kể, vị thánh sống không lâu nữa. Khi biết ngày lâm chung đã gần kề, ngài cởi bỏ áo choàng giám mục và nhận lễ xuất gia, đồng thời được đặt tên là Gioan, tên mà ngài mang cho đến khi xuất gia làm tu sĩ. Trong hình ảnh thiên thần ấy, ngài đã an bình về với Chúa[6075] . Thi hài ngài được an táng tại nhà thờ Thánh Sofia – Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa[6076] . Sau ngài, anh trai ruột của ngài là Grigori được tấn phong lên ngôi giám mục, và ngài cũng đã trung thành chăn dắt đoàn chiên của Lời Chúa.

Vinh quang thuộc về Thiên Chúa của chúng ta, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời! Amen.

Bài thánh ca, giọng 8:

Hôm nay, thành Novgrad vĩ đại và lừng lẫy rạng ngời, nhờ có thi hài của ngài trong lòng thành, thánh Gioan, như những tia nắng mặt trời chiếu rọi và ban sự chữa lành cho những ai với lòng tin đến trước hòm thi hài của ngài. Xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để Ngài giải thoát thành phố này khỏi sự bắt giữ man rợ, khỏi những cuộc nội chiến, và khỏi những đám cháy dữ dội, hỡi Thánh nhân khôn ngoan và làm phép lạ, con người trên trời và Thiên thần dưới đất: để khi chúng con tụ họp trong tình yêu thương để tưởng nhớ ngài, chúng con hân hoan cử hành lễ một cách rực rỡ qua những bài ca và tiếng hát, ca ngợi Chúa Kitô, Đấng đã ban cho ngài ân sủng chữa lành, và sự che chở cùng củng cố cho thành Novograd vĩ đại.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hãy hân hoan, Hội Thánh Chúa Kitô đáng kính, khi hôm nay chúng ta tưởng nhớ Thánh Gioan, Đấng đã tỏa sáng từ thành Novograd vĩ đại, và làm kinh ngạc cả đất nước bằng những phép lạ vinh quang, và được trang hoàng bởi mọi đức hạnh: vì sau khi ngài qua đời, thi thể thánh thiện của ngài đã được tìm thấy vẫn còn nguyên vẹn, tiếp tục ban phát những phép lạ vĩ đại. Vì vậy, chúng con kêu cầu ngài: hỡi vị thánh toàn phúc, xin không ngừng cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, cho tất cả chúng con.

[6074] Tương đương với 345 sažen, hoặc hơn 2/3 verst một chút.

[6075] Ngày 7 tháng 9 năm 1186

[6076] Năm 1439, dưới thời Tổng giám mục Euphymius, di cốt của Thánh Gioan đã được tìm thấy. Theo thời gian, người dân đã quên lãng vị Tổng giám mục thánh thiện này, thậm chí còn không biết cả nơi an táng của ngài. Cũng trong năm đó, một hòn đá nhỏ ở tiền sảnh Nhà thờ Thánh Sofia bỗng rơi khỏi vị trí và đập xuống ngôi mộ của vị thánh, khiến tấm bia đá lớn trên mộ vỡ tan. Điều này khiến mọi người ngạc nhiên; vì vậy, họ đã dỡ tấm bia bị vỡ ra và phát hiện ra thi hài không hư nát của vị thánh này dưới đó; nhưng không ai biết tên của vị tu sĩ này. Lúc đó, chính Thánh Gioan đã hiện ra trong giấc mơ với Tổng Giám mục Euthymius và tự xưng danh. Kể từ thời điểm đó, việc tôn kính Thánh Gioan tại địa phương bắt đầu; còn lễ kỷ niệm chung để tưởng nhớ vị tu sĩ này đã được Tổng Giám mục Makarios thiết lập vào năm 1547.

Ngày 21 tháng 9

ngày 8 tháng 9 (theo lịch cũ)

Bài giảng về Lễ Sinh Nhật Đức Mẹ

Ngày kỷ niệm 8 tháng 9

Chúa, Đấng ngự trên trời, khi muốn hiện thân xuống trần gian và sống cùng loài người, trước tiên đã chuẩn bị sẵn nơi ngự trị vinh quang của Ngài trên đất này – đó là Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội: bởi vì theo thông lệ của các vị vua, khi họ muốn đến một thành phố nào đó, họ sẽ chuẩn bị sẵn một cung điện tại đó để ngự trị. Và cũng như các cung điện của các vị vua trần gian được xây dựng bởi những thợ thủ công tài ba nhất từ những vật liệu quý giá nhất, tại nơi cao nhất, đẹp đẽ và rộng lớn hơn tất cả các nơi ở khác của loài người, thì cung điện vinh quang của Vua Trời cũng phải được dựng nên như vậy. Trong Cựu Ước, khi Đức Chúa Trời muốn ngự tại Giê-ru-sa-lem, Sa-lô-môn[6077] đã xây dựng đền thờ cho Ngài (3 Vua 5:1–18, 7:1–51; 2 Sử ký 2:1–18, 3:1–17, 4:1–22) nhờ người thợ xây tài ba nhất là Hiram[6078] , người tràn đầy tài năng, trí tuệ và kiến thức trong mọi công việc. Vua Sa-lô-môn đã xây dựng đền thờ bằng những vật liệu quý giá nhất, bằng đá tuyệt hảo (3 Vua 5:17–18), bằng các loại gỗ thơm: gỗ tuyết tùng và gỗ bách (2 Vua 6:9–10), được vận chuyển từ Li-băng[6079] , và bằng vàng ròng, tại vị trí cao nhất, trên núi Mô-ri-a[6080] . Đền thờ càng trở nên tuyệt đẹp hơn bởi trên các bức tường còn có những hình chạm khắc của các thiên thần Cherubim, các loại cây cối và trái cây khác nhau (3 Vua 6:18–35, 7:18–22, 29–42). Không gian của đền thờ rộng lớn đến nỗi có thể chứa đựng toàn thể dân Y-sơ-ra-ên mà không hề chật chội, và vinh quang của Đức Giê-hô-va đã ngự xuống trên đó trong lửa và mây (3 Vua 8:10–11). Tuy nhiên, đền thờ này vẫn chưa đủ để chứa đựng Đức Chúa Trời Vô Hạn. Sa-lô-môn đã xây dựng đền thờ cho Ngài, nhưng Đấng Tối Cao không ngự trong những đền thờ do tay người tạo ra. *"Các ngươi sẽ xây dựng cho Ta ngôi nhà nào, hay là nơi nào để Ta ngự?"* (Công Vụ 7:49). Và thế là Đức Chúa Trời đã thương xót, để vào đầu thời kỳ ân sủng Tân Ước, một đền thờ không do tay người tạo dựng được dựng nên – đó là Đức Trinh Nữ Maria, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đấng Được Chúc Phúc. Vậy thì đền thờ ấy được dựng nên bởi vị kiến trúc sư nào? Quả thật là bởi Đấng Khôn Ngoan Tối Cao, chính là Sự Khôn Ngoan của Đức Chúa Trời, như Kinh Thánh đã chép: *" " "Sự Khôn Ngoan đã xây dựng cho mình một ngôi nhà"* (Châm Ngôn 9:1), và mọi sự được tạo dựng bởi Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa đều tuyệt đẹp và hoàn hảo. Và vì Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa đã tạo dựng nên cung điện có linh hồn của Lời, nên đã có một ngôi đền hoàn hảo dành cho Thiên Chúa hoàn hảo, một cung điện rực rỡ dành cho Vua rực rỡ, một điện thờ tinh khiết và không tì vết dành cho Chú Rể tinh khiết và không tì vết, một nơi ở vô tì vết dành cho Chiên Con vô tì vết. Về điều này – có một nhân chứng trung thành trên trời, nói với Mẹ: *"Mẹ thật đẹp đẽ, hỡi người yêu dấu của con, và không có vết nhơ nào trên Mẹ!"* (Ca Vịnh 4:7). Và Thánh Damascene viết: "Toàn bộ – là cung điện của Thánh

---

[6077] Sa-lô-môn – vua của Y-sơ-ra-ên, con trai út và người kế vị của vua Đa-vít, tác giả các Thi thiên, đã trị vì với vinh quang lẫy lừng từ năm 993 đến năm 953 trước Công nguyên. Ông đã củng cố biên giới quốc gia, dẹp tan các cuộc nổi loạn nội bộ, và thiết lập quan hệ thương mại sôi động với các quốc gia láng giềng. Thời đại của Sa-lô-môn là thời kỳ rực rỡ nhất đối với khoa học và nghệ thuật. Danh tiếng về sự giàu có của ông, và hơn thế nữa là về sự khôn ngoan của ông, đã lan rộng xa ngoài biên giới vương quốc Y-sơ-ra-ên. Tên gọi Sa-lô-môn sau này đã trở thành từ đồng nghĩa với "nhà hiền triết". Những tác phẩm được Thượng Đế soi dẫn của ông (Sách Châm Ngôn, Sách Truyền Đạo, Ca Vịnh) sẽ mãi mãi là trường học của sự khôn ngoan và đức hạnh cho tất cả mọi người. – Cuối đời Solomon bị phủ bóng bởi sự sa ngã của ông; nhưng ngay trong những ngày cuối cùng của cuộc đời, ông đã nhận ra sự hư vô của mọi sự trên trần gian.

[6078] Trong lịch sử Kinh Thánh, có hai nhân vật mang tên Hiram, cả hai đều có liên quan mật thiết đến việc xây dựng Đền Thờ Giê-ru-sa-lem: 1) Vua thành Tyre, người có quan hệ thân thiết với Sa-lô-môn, nổi tiếng với những công trình kiến trúc tuyệt vời; ông đã gửi cho Sa-lô-môn gỗ tuyết tùng và gỗ bách, cùng thợ mộc và thợ thủ công để xây dựng đền thờ, và 2) kiến trúc sư thành Ty-rơ, người đã thiết kế các đồ thờ cho đền thờ của Sa-lô-môn. Ở đây, người ta thường hiểu đó là nhân vật thứ hai. Ông thông thạo nghệ thuật và kỹ năng chế tác mọi loại đồ vật – từ vàng, bạc, đồng và sắt, đến đá và gỗ, cũng như từ sợi len, vải lụa và vải tía. Xem 3 Vua 7:13–40 và 2 Sử Ký 2:13–14, 4:11, 16.

[6079] Li-ban – dãy núi ở phía bắc Pa-lét-tin, nằm trên biên giới giữa Giu-đê và Si-ri, ngăn cách Si-ri với Phi-ni-xi, nơi dãy núi này trải dài suốt chiều dài của Phi-ni-xi; nổi tiếng với những cây cối tuyệt đẹp, đặc biệt là cây tuyết tùng, cây bách và cây sồi.

[6080] Moria – ngọn núi gần Giê-ru-sa-lem. Ngọn núi này là một trong những ngọn đồi mà thành Giê-ru-sa-lem được xây dựng trên đó; nằm về phía đông bắc của Si-ôn.

Thần, toàn bộ – là thành phố của Thiên Chúa, là biển ân sủng, toàn bộ – là điều thiện, toàn bộ – là người gần gũi với Thiên Chúa" (Bài giảng thứ 1 nhân lễ Giáng sinh Đức Mẹ).

Vậy cung điện rực rỡ này được tạo nên từ những chất liệu nào? Quả thật – từ những chất liệu quý giá nhất: vì Người xuất thân, như từ một viên ngọc quý, từ dòng dõi vương giả, từ vua Đa-vít, người đã dùng viên đá đặt trong máy bắn đá – tượng trưng cho viên đá là Đấng Kitô – để đánh bại Gô-li-át[6081] (1 Sa-mu-ên 17:39–51); và, giống như từ những cây tuyết tùng và cây bách thơm ngát, Đức Trinh Nữ Maria đã ra đời từ dòng dõi các thượng tế, những người dâng lên Thiên Chúa những của lễ thơm ngát. Cha của Người, thánh Joachim công chính, là con trai của Varlafir, người có nguồn gốc từ Naphan, con trai của vua Đa-vít; còn mẹ của Người, thánh Anna công chính, là con gái của linh mục Matphan thuộc chi tộc A-rôn; như vậy, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm theo dòng dõi cha thuộc dòng dõi vua chúa, còn theo dòng dõi mẹ thuộc dòng dõi các vị thượng tế. Ôi, từ những chất liệu quý giá biết bao – tức là dòng dõi cao quý nhất – mà Đền thờ sống động của Vua vinh quang đã được tạo nên! Và cũng như trong Đền thờ của Sa-lô-môn, các công trình bằng đá và gỗ đã trở nên quý giá đặc biệt nhờ vàng ròng dùng để mạ vàng; thì trong sự ra đời của Đức Trinh Nữ Rất Thánh, dòng dõi cao quý của hoàng tộc và giám mục lại càng xứng đáng được tôn kính hơn nhờ sự trong sạch của cha mẹ thánh thiện của Người, điều quý giá hơn *"vàng: Người quý hơn ngọc quý; và không có gì trong những điều ngươi ao ước sánh được với Người"* (Châm Ngôn 3:15). Vì Đức Trinh Nữ Thánh đã được sinh ra từ những bậc cha mẹ trong sạch, điều đó cao quý hơn mọi dòng dõi quý tộc. Về điều này, Thánh Damascene, khi nói với các vị Thánh Tổ Phụ công chính, đã nói như sau:

"Hỡi đôi vợ chồng phúc lành, Gioakim và Anna! Quả thật, nhờ hoa trái từ lòng mẹ các ngài, các ngài đã tỏ ra vô nhiễm, theo lời Chúa phán: *'Các ngươi sẽ nhận biết họ qua hoa trái của họ'* (Mt 7:16, 20). Các ngài đã sắp xếp cuộc đời mình sao cho đẹp lòng Thiên Chúa và xứng đáng với Đấng được sinh ra từ các ngài. Vì, bằng cách sống trong sự trong sạch và công chính, các ngài đã nuôi dưỡng kho tàng trinh khiết – tức là Đức Trinh Nữ: là Đức Trinh Nữ trước khi sinh, là Đức Trinh Nữ khi sinh, là Đức Trinh Nữ sau khi sinh, và luôn luôn là Đức Trinh Nữ, Đấng duy nhất mãi mãi trinh khiết cả về trí tuệ, linh hồn lẫn thân xác. Và thật xứng đáng khi sự trinh khiết, được sinh ra từ sự trong sạch, đã được dâng hiến cho chính Ánh Sáng Duy Nhất trong xác thịt. Hỡi đôi chim bồ câu tinh khiết nhất trong lời nói, Gioakim và Anna! Các ngài, đã tuân giữ luật tự nhiên một cách trong sạch, đã được Thiên Chúa ban cho những ân sủng siêu nhiên, và đã sinh ra cho thế gian Đức Trinh Nữ, Mẹ Thiên Chúa. Các ngài, đã sống một cuộc đời đạo đức và công chính trong bản tính con người, đã sinh ra Con Gái cao quý hơn các Thiên Thần và nay đang cai trị các Thiên Thần. Ôi, Con Gái tuyệt đẹp và ngọt ngào nhất! Ôi bông hoa sen nở giữa bụi gai từ gốc rễ hoàng gia cao quý nhất! Nhờ Ngài, vương quốc của chức tư tế đã được làm giàu"[6082] . Bằng những lời này, Thánh Damascene đã chỉ rõ Mẹ Thiên Chúa được sinh ra từ những bậc cha mẹ nào, và cung điện của Vua Trời được xây dựng từ những chất liệu quý giá đến nhường nào.

Vậy cung điện đầy linh hồn này được dựng lên ở nơi nào? Quả thật – ở nơi cao nhất, vì Giáo Hội làm chứng về điều này như sau: "Quả thật, Nữ Trinh tinh khiết, Ngài cao hơn tất cả"[6083] ; nhưng cao hơn – không phải về địa điểm, mà là về các đức tính và sự cao cả của những ân sủng Thiên Chúa ban tặng. Còn nơi mà Đức Trinh Nữ được chúc phúc vô cùng sinh ra là một thị trấn nhỏ ở xứ Galilê, tên là Nazareth, thuộc quyền quản lý của thành phố lớn Capernaum[6084] , và dân cư nơi đó bị khinh miệt, chính vì thế mà người ta đã nói về Đức Kitô rằng: *"Làm sao có điều gì tốt lành lại có thể đến từ Nazareth được?"* (Ga 1,46). Nhưng Chúa, *"Đấng ngự trên cao, nhưng cúi xuống để nhìn xuống trời và đất"* (Thi Thiên 112:5–6), đã thương xót cho Mẹ Thánh của Ngài được sinh ra không phải tại Capernaum, nơi kiêu ngạo vươn cao đến tận trời, mà tại Nazareth khiêm nhường, *"vì những gì cao quý trong mắt loài người thì là điều ghê tởm trước mặt Đức Chúa Trời"* (Lc 16:15), còn những gì bị họ khinh miệt và hạ thấp thì lại cao quý và quý giá trước mặt Ngài. Chính cái tên Nazareth ở đây cũng thể hiện sự cao cả của các đức tính

---

[6081] Trong sự kiện này, các vị Thánh Cha: Ephrem the Syrian, Augustine và những vị khác nhìn thấy những nét tiên báo về Đấng Kitô: Đa-vít đã giết Goliath bằng một hòn đá ném từ máy bắn đá – "theo hình ảnh của Đấng Kitô; Goliát – như hình ảnh của ma quỷ: ma quỷ đã bị đánh bại bởi Lời Chúa và sự khiêm nhường, cuối cùng, trên Núi Sọ, nó đã bị tiêu diệt hoàn toàn".

[6082] Lời giảng của Thánh Gioan Damasceno nhân lễ Sinh nhật Đức Mẹ.

[6083] Trích từ Thánh lễ Lễ Dâng Đức Mẹ. Thánh ca, câu 9.

[6084] Capernaum – một thành phố nằm trên bờ tây bắc của Hồ Gennesaret hay Biển Tiberias, thuộc vùng Galilê, trên biên giới giữa các chi phái Nephthali và Zebulun. Thành phố này tọa lạc trên một mũi đất, không xa nơi sông Jordan đổ ra biển. Trong thời gian Đấng Cứu Thế còn tại thế, Capernaum nổi tiếng với sự thịnh vượng và giàu có. Trong các cuộc chiến với người La Mã, Capernaum đã bị tàn phá hoàn toàn, và hiện nay ở đây chỉ còn lại vài túp lều của ngư dân và những đống đổ nát thê thảm.

nơi Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm. Vì cũng như trong sự ra đời của Ngài, qua Bê-lem – có nghĩa là "ngôi nhà của bánh"[6085] – Chúa đã bí mật báo trước rằng Ngài chính là bánh từ trời xuống[6086] để ban sự sống và củng cố con người; thì trong sự ra đời của Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Ngài cũng qua Nazareth thể hiện những điều cao cả; vì tên gọi "Nazareth" có nghĩa là nơi nở hoa, được bao bọc, được vinh quang và thánh thiêng[6087] : và tất cả những điều này đều minh họa rõ ràng về Đức Trinh Nữ Thánh Thiêng. Ngài là bông hoa nảy mầm từ tử cung khô cằn và lâu năm của cây khô, bông hoa không tàn phai, mãi mãi nở rộ trong sự trinh khiết, bông hoa thơm ngát, toả ra hương thơm của Vị Vua Duy Nhất – bông hoa sinh ra trái ngọt là Đức Kitô, Thiên Chúa và Chúa, quả táo thơm ngát duy nhất. Ngài được thánh hóa bởi ân sủng của Thánh Thần, Đấng đã ngự xuống và bao phủ Ngài, và là Đấng Thánh nhất trong tất cả các thánh, vì đã sinh ra "Lời Thánh nhất trong tất cả các thánh"[6088] . Ngài được tách biệt khỏi số những người trần thế tội lỗi, vì Ngài tinh khiết và vô nhiễm, và không chỉ chính Ngài xa lánh tội lỗi, mà còn dẫn dắt những kẻ tội lỗi ra khỏi sự gian ác, như Giáo Hội kêu cầu Ngài: "Hãy vui mừng, Đấng loại trừ những việc xấu xa"[6089] . Mẹ được đội vương miện vinh quang và danh dự: đội vương miện vinh quang, vì Mẹ xuất thân từ dòng dõi hoàng gia; đội vương miện danh dự, vì Mẹ xuất thân từ dòng dõi các vị thượng phụ. Đội vương miện vinh quang, vì Mẹ sinh ra từ cha mẹ sống trong sự trong sạch; đội vương miện danh dự, vì Mẹ được tôn vinh bởi Tin Mừng và sự phục vụ của Tổng Lãnh Thiên Thần. Được vinh quang bao phủ, như Mẹ Thiên Chúa; vì còn gì vinh quang hơn việc sinh ra Thiên Chúa? Được vinh dự bao phủ, như Trinh Nữ Vĩnh Cửu; vì còn gì đáng kính hơn việc vẫn giữ trinh tiết sau khi sinh con? Được vinh quang bao phủ, "Seraphim vinh quang nhất", vì đã yêu mến Thiên Chúa như các Seraphim. Được tôn vinh bằng danh dự, "Cherubim cao quý nhất"[6090] , vì đã vượt qua các Cherubim về sự khôn ngoan và sự hiểu biết về Thần Tính: *"vinh quang, danh dự và bình an cho mọi người làm điều thiện"* (Rô-ma 2:10), như Thánh Tông Đồ đã nói. Nhưng liệu có ai trong số những người sinh ra trên trần gian này có đức hạnh hơn Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm Nguyên Tội chăng? Mẹ đã tuân giữ mọi điều răn của Chúa, thực hiện trọn vẹn ý muốn của Chúa, tuân theo mọi lời dạy của Ngài, cất giữ mọi lời Ngài trong lòng, và thực hiện mọi việc bác ái đối với người lân cận. Vì thế, Mẹ xứng đáng được tôn vinh như Đấng thực hiện mọi điều thiện lành. Ngài cũng là một kho tàng; vì Ngài đã gìn giữ kho tàng sự trinh khiết của mình một cách cẩn trọng đến nỗi thậm chí không muốn giao phó nó cho Thiên Thần, bởi vì khi thấy Thiên Thần, Ngài đã bối rối trước những lời của Ngài và suy ngẫm xem lời chào đó có ý nghĩa gì (Lc 1,29). Tất cả những điều này, thành Nazareth đã báo trước nơi Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm qua chính tên gọi của Người. Ai lại không thán phục rằng cung điện của Đức Kitô đã được nâng cao đến mức nào nhờ các nhân đức và ân sủng của Thiên Chúa? Cung điện ấy cao cả, vì được ban tặng từ trời, dù Người sinh ra trên đất từ những người trần thế; – từ trời, bởi vì, như một số vị thánh nhân được Chúa soi sáng đã nói, Tổng lãnh thiên thần Gabriel, Đấng đã báo tin cho Zacharias về sự ra đời của Gioan, cũng đã báo tin cho Joachim và Anna về việc thụ thai của Đức Trinh Nữ Rất Thánh và mang từ trời xuống cho Người danh hiệu được chúc phúc vô cùng, nói với người mẹ vô sinh: "Anna, Anna! bà sẽ sinh ra một Con Gái được chúc phúc vô cùng, và tên của Người sẽ là: Maria". Vậy nên, Người, không còn nghi ngờ gì nữa, có thể được gọi là thành thánh, Giê-ru-sa-lem mới, từ trời xuống từ Thiên Chúa (Khải Huyền 21:2), là Đền Thờ của Thiên Chúa. Đền thờ của Đức Chúa Trời này thật cao cả, vì sau khi sinh ra Vua Kitô, nó đã được nâng cao hơn cả các thiên thần Serafim. Ôi, độ cao ấy, thật không thể nào thấu hiểu được bằng trí óc con người!

Vậy vẻ đẹp của cung điện thiêng liêng của Đức Kitô là như thế nào? – Hãy lắng nghe chính vị thánh Giăng Damascene, người có giọng nói ngọt ngào, khi ngài nói về Ngài như sau: "Ngài được dâng lên Thiên Chúa, Vua của muôn loài, được khoác lên mình vẻ lộng lẫy của các nhân đức, như thể một chiếc áo choàng vàng, được trang hoàng bởi ân sủng của Thánh Thần, và vinh quang của Ngài ở ngay trong chính Ngài: vì như đối với mọi người phụ nữ, vinh quang của nàng là người chồng đến từ bên ngoài, thì vinh quang của Đức Mẹ Thiên Chúa lại ở ngay trong chính Ngài, tức là , thành quả trong lòng Ngài"[6091] . Và Damascene còn nói, khi hướng về Mẹ: "Ôi, Trinh Nữ được

---

[6085] Bê-lem – một thị trấn nhỏ bé, không mấy nổi bật thuộc chi phái Giu-đa, không xa Giê-ru-sa-lem, cách đó khoảng 2 giờ đi về phía nam, có lẽ được đặt tên như vậy vì đất đai màu mỡ – là nơi Chúa Giê-su ra đời.

[6086] Theo lời chính Đấng Cứu Thế, Đấng đã nói về chính Ngài: *"Ta là bánh sự sống, từ trời xuống; ai ăn bánh này sẽ sống đời đời"* (Giăng 6:51).

[6087] Nazareth, khi dịch từ tiếng Do Thái, có thể có nghĩa là *con cháu*, *nhánh cây*, *cành cây*, *bụi cây*, hoặc nơi *được rào chắn*, nơi *kín đáo*.

[6088] Bài ca Akathist dành cho Đức Mẹ Đồng Trinh, Kondak 13.

[6089] Bài ca ngợi, Ikos thứ 5.

[6090] Trích từ lời cầu nguyện dâng lên Đức Mẹ "Xứng đáng là".

ân sủng của Thiên Chúa, Hội Thánh thánh thiện của Thiên Chúa, Đấng đã được tạo dựng về mặt thiêng liêng bởi chính vị đã tạo dựng thế gian là Salomon (Đấng Tạo Hóa Khôn Ngoan của thế gian) và đã ngự vào trong Mẹ! Ngài không được trang hoàng bằng vàng hay những viên đá vô hồn, nhưng thay vì vàng, Ngài tỏa sáng bởi Thánh Thần; thay vì những viên đá quý, Ngài có những hạt ngọc quý giá – chính là Đức Kitô[6092] . Đó chính là sự trang hoàng của cung điện ấy, đẹp đẽ hơn nhiều so với những gì từng có trong Đền Thờ của Solomon, nơi có những hình ảnh của các Thiên Thần Cherubim, cây cối và hoa lá. Nhưng ngay trong Giáo Hội đầy sự sống này, trong Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, hình ảnh của các Thiên Thần Cherubim cũng hiện rõ; vì bằng cuộc đời giống như các Thiên Thần Cherubim, Mẹ không chỉ sánh ngang với các Thiên Thần Cherubim, mà còn vượt trội hơn họ. Nếu Giáo Hội thường gọi các thánh khác là các Thiên Thần Cherubim, khi ca ngợi: "Chúng ta sẽ gọi các ngài là thánh; Các Thiên Thần, vì Đức Kitô đã ngự trên các ngươi" ([6093]), thì Đức Trinh Nữ Maria lại càng là Thiên Thần, bởi vì trong Mẹ, Đức Kitô đã ngự bằng thân xác của Ngài, và trên đôi tay vô nhiễm của Mẹ, Thiên Chúa đã ngự như trên ngai vàng: Đức Trinh Nữ đã trở thành ngai vàng của các Thiên Thần. Ngài mang trong mình những nét tương đồng với những cây trĩu quả, đã trở thành cây ô-liu trĩu quả về mặt thiêng liêng trong nhà Đức Chúa Trời và cây chà là nở hoa (Thi Thiên 55:10), đó là lý do tại sao ngày nay Ngài được gọi là vườn ban sự sống, khi Giáo Hội hát lên: "Từ gốc không sinh trái, Ngài đã cho chúng con nảy sinh khu vườn ban sự sống, chính là Mẹ của Ngài, Đấng mà Thiên Chúa đã thực hiện những phép lạ" ([6094]). Tất cả những điều này nói lên vẻ đẹp thiêng liêng của Mẹ. Nhưng Mẹ cũng không thiếu vẻ đẹp thể xác, như nhiều vị thầy trong Giáo Hội đã làm chứng, rằng trên toàn cõi trần gian này chưa từng và sẽ không bao giờ có một trinh nữ nào xinh đẹp như Đức Trinh Nữ Maria; khi chiêm ngưỡng Mẹ, Thánh Dionysius Areopagite[6095] đã muốn gọi Mẹ là Thiên Chúa, nếu như ngài không biết Thiên Chúa, Đấng đã được sinh ra từ Mẹ. Bởi vì ân sủng thần thánh, mà Người được tràn đầy bên trong, đã tỏa sáng trên khuôn mặt rạng ngời của Người. Vị Vua trên trời đã chuẩn bị cho chính Ngài một cung điện trên đất – một cung điện tuyệt đẹp cả về tâm hồn lẫn thể xác, *"được chuẩn bị như một cô dâu, được trang điểm cho chồng mình"* (Khải Huyền 21:2), – hơn nữa, đó là cung điện rộng lớn: "bụng Mẹ rộng hơn cả các tầng trời" ([6096]), và "Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng không thể chứa đựng được" đã ngự trong Mẹ.

Các cung điện hoàng gia thường được xây dựng rất rộng lớn, để có thể chứa không chỉ vị vua, mà còn cả vô số các tôi tớ hầu cận và những người từ khắp nơi đến với Ngài. Nơi cư ngụ rộng lớn của Lời, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, không chỉ rộng lớn cho Thiên Chúa là Lời, với tư cách là Vua, mà còn cho chúng ta, những tôi tớ của Thiên Chúa đang đổ xô đến với Ngài: Ngài chứa đựng Thiên Chúa trong lòng, còn chúng ta thì trong lòng nhân từ của Ngài. Vật chứa được Chúa chọn, Thánh Tông Đồ Phaolô, được thúc đẩy bởi tình yêu, đã nói với các con cái yêu dấu của mình: *"Trái tim chúng ta đã được mở rộng. Các con không bị chật chội trong lòng chúng ta"* (2 Cô-rinh-tô 6:11–12). Nhưng trong số các thánh nhân, ai có thể có lòng nhân từ bao la như lòng nhân từ của Đức Mẹ và của Thiên Chúa? Nơi đây, cả người trong sạch lẫn kẻ có tội đều được chứa chấp, và không ai cảm thấy chật chội. Người ăn năn có chỗ đứng trong Mẹ, và đối với những ai tuyệt vọng hay không chịu ăn năn, Mẹ là nơi nương náu không bị cản trở, giống như chiếc tàu của Nô-ê đã trở thành nơi trú ẩn không chỉ cho các loài vật trong sạch mà cả những loài không trong sạch. Trong lòng từ bi của Mẹ, tất cả những ai đang đau khổ, bị tổn thương, đói khát, lang thang, bị dằn vặt, bệnh tật đều được chứa chấp mà không hề chật chội: vì lòng từ bi ấy, đã sinh ra Thiên Chúa Thánh Thiện cho chúng ta, không thể nào không đầy lòng thương xót. Các cung điện của các vị vua trần gian được canh gác bởi nhiều lính vũ trang, những người không cho bất kỳ ai muốn vào đó được vào, mà giữ lại, điều tra kỹ lưỡng xem họ đến từ đâu và vì mục đích gì. Còn cung điện đầy ân sủng của Đức Kitô, dù được bao quanh bởi các Thiên thần Cherubim và Seraphim, cùng vô số Thiên thần và các thánh, nhưng dù vậy, không ai cản trở ai bước vào cánh cửa lòng thương xót đầy ân sủng của Ngài, nếu ai đó mong muốn điều đó: các lính gác không đẩy lùi, các chiến binh

---

[6091] Bài giảng nhân Lễ Giáng Sinh của Đức Mẹ.

[6092] Cùng nguồn.

[6093] Octoechos, bài ca về các vị tử đạo vào thứ Sáu, chương 8.

[6094] Thánh lễ mừng Lễ Giáng sinh Đức Mẹ, bài thánh ca thứ nhất trên "Lạy Chúa, con kêu cầu".

[6095] Dionysius Areopagite – thành viên của Hội đồng Areopagus ở Athens, được Thánh Phaolô dẫn dắt vào đạo Kitô (Công vụ 17:34); ngài là vị giám mục đầu tiên của Athens và đã viết các thư gửi cho nhiều cá nhân và giáo hội. Ngài đã kết thúc sứ vụ của mình bằng cái chết tử đạo vào khoảng năm 96, dưới triều đại của Đế vương Domitian. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 3 tháng 10.

[6096] Thánh lễ Thánh Basil Cả, trích từ bài thánh ca "Về Ngài, chúng con hân hoan".

không xua đuổi hay tra hỏi lý do ai đến, mà ai cũng được vào đó một cách tự do với lời cầu nguyện và nhận được ân huệ theo lời khẩn cầu xứng đáng.

Vậy, chúng ta hãy nương tựa vào lòng thương xót của Đấng được sinh ra từ lòng mẹ trinh khiết với lời chào mừng như sau:

Hãy vui mừng, Đền thờ vô nhiễm của Vua muôn loài! Hãy vui mừng, Nơi ngự của Thiên Chúa và Lời, Đấng cùng với Cha và Thánh Thần, và Ngài, Con Gái của Cha, Mẹ của Con, Vợ của Thánh Thần, xin nhận từ chúng con, những kẻ phàm trần, vinh quang và tôn kính muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Sự Giáng Sinh của Mẹ, Đức Trinh Nữ Mẹ Thiên Chúa, là niềm vui loan báo cho cả vũ trụ: vì từ Mẹ, Mặt Trời Công Chính là Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, đã chiếu sáng; Người đã phá vỡ lời nguyền rủa, ban phước lành, và tiêu diệt sự chết, ban cho chúng ta sự sống đời đời.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Giô-a-kim và Anna đã thoát khỏi sự sỉ nhục vì không có con, và A-đam cùng Ê-va đã được giải thoát khỏi sự hư nát của cái chết, hỡi Đức Mẹ Vô Nhiễm trong ngày Giáng Sinh thánh thiêng của Ngài. Dân Ngài cũng mừng lễ này, đã được giải thoát khỏi tội lỗi, khi họ kêu lên: "Người vô sinh đã sinh ra Đức Mẹ Thiên Chúa, Đấng nuôi dưỡng sự sống của chúng ta."

Ngày 22 tháng 9

Ngày 9 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của các thánh và các bậc công chính: Thánh Joachim và Thánh Anna, cha mẹ Đức Mẹ

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 9

Thánh Joakim công chính xuất thân từ chi phái Giu-đa, thuộc dòng dõi vua Đa-vít. Phả hệ của ngài như sau: con trai của Na-than, con trai vua Đa-vít, sinh ra con trai là Lê-vi; Lê-vi sinh ra Mê-lích-gia và Pan-phir; Pan-phir sinh ra Bar-phir; còn Bar-phir sinh ra Joakim, cha của Đức Mẹ.

Thánh Gioakim sống tại thành Nazareth thuộc xứ Galilê và có vợ tên là Anna, thuộc chi tộc Lêvi, dòng dõi A-rôn, là con gái của linh mục Matphan, người đã sống trước thời vua Hê-rốt, con trai của An-ti-pa-trô. Vị tư tế Matphan này có vợ là Maria, thuộc chi phái Giu-đa, đến từ thành Bê-lem, và có ba người con gái: Maria, Sô-vi-a và Anna. Trong số đó, Maria là người đầu tiên kết hôn tại Bê-lem và sinh ra Sa-lô-mi; sau đó, So-vi-a cũng kết hôn tại Bê-lem và sinh ra Ê-li-sa-bét, mẹ của Gioan Tẩy Giả; còn người thứ ba, như chúng ta đã nói, là Mẹ Thiên Chúa, đã được gả cho Gioakim tại xứ Galilê, ở thành Nazareth. Vợ chồng Gioakim và Anna, xuất thân từ dòng dõi quý tộc, đã được dạy dỗ về Lề Luật của Chúa và sống công chính trước mặt Thiên Chúa. Dù sở hữu của cải vật chất, họ cũng không thiếu thốn của cải thiêng liêng. Được trang bị mọi đức tính tốt đẹp, họ tuân giữ một cách hoàn hảo mọi điều răn của luật Chúa. Vào mỗi ngày lễ, cặp vợ chồng đạo đức này đều dành ra hai phần từ tài sản của mình – một phần dâng cho nhu cầu của nhà thờ, phần còn lại phân phát cho người nghèo.

Bằng cuộc sống công chính của mình, Gioakim và Anna đã làm đẹp lòng Chúa đến nỗi Ngài đã ban cho họ ân sủng được làm cha mẹ của Đức Trinh Nữ Rất Thánh, Mẹ được Chúa tiền chọn. Chỉ riêng điều này đã đủ chứng tỏ rằng cuộc đời họ thánh thiện, đẹp lòng Chúa và trong sạch, bởi vì họ đã sinh ra một Người Con Gái, Đấng Thánh nhất trong các thánh, Đấng làm đẹp lòng Chúa hơn tất cả, và Đấng cao quý hơn cả các Thiên thần Cherubim. Vào thời đó, trên trần gian không có ai làm đẹp lòng Chúa hơn Joachim và Anna, nhờ cuộc đời vô tì vết của họ. Mặc

dù vào thời đó cũng có thể tìm thấy nhiều người sống công chính và làm đẹp lòng Thiên Chúa, nhưng hai người này đã vượt trội hơn tất cả nhờ các đức tính của mình và được Thiên Chúa xem là xứng đáng nhất để Mẹ Thiên Chúa được sinh ra từ họ. Ơn sủng này sẽ không được Thiên Chúa ban cho họ nếu họ thực sự không vượt trội hơn tất cả về sự công chính và thánh thiện. Nhưng cũng như chính Chúa đã muốn nhập thể từ Mẹ Thánh Khiết và Vô Nhiễm, thì Mẹ Thiên Chúa cũng phải được sinh ra từ những bậc cha mẹ thánh thiện và tinh khiết. Cũng như các vị vua trần gian có áo choàng hoàng gia của mình, không được làm từ chất liệu bình thường mà từ vải dệt bằng vàng, thì Đức Vua trên trời cũng muốn có Mẹ Vô Nhiễm của Ngài, trong thân xác của Người, như trong áo choàng hoàng gia, Ngài phải mặc lấy, không phải sinh ra từ những bậc cha mẹ bình thường và thiếu tiết độ, như thể từ chất liệu tầm thường, mà từ những bậc cha mẹ trong sạch và thánh thiện, như thể từ chất liệu dệt bằng vàng; hình ảnh tiên tri của điều này chính là Đền Tạm trong Cựu Ước, mà Đức Chúa Trời đã truyền cho Môi-se làm bằng vải tía, vải đỏ và vải lụa (Xuất Hành 27:16). Lều Thánh này là hình bóng của Đức Trinh Nữ Maria, Đấng mà Thiên Chúa đã ngự vào*, để "ở cùng loài người"*, như đã chép: *"Này, lều của Thiên Chúa ở cùng loài người, và Ngài sẽ ngự ở cùng họ"* (Khải Huyền 21:3). Vải tía, vải đỏ và vải lanh, những chất liệu dùng để làm Đền Tạm, đã tượng trưng cho cha mẹ của Đức Mẹ, Đấng đã được sinh ra từ sự trong sạch và tiết độ, như thể từ những bộ áo tía và đỏ, và sự hoàn hảo của họ trong việc tuân giữ mọi điều răn của Chúa, như thể từ vải lanh.

Nhưng đôi vợ chồng thánh thiện này, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, đã lâu không có con – để ngay trong chính sự thụ thai và sinh ra cô con gái ấy, sức mạnh của ân sủng Đức Chúa Trời, vinh quang của Đấng Được Sinh Ra, và phẩm giá của cha mẹ được tỏ lộ; vì một người phụ nữ vô sinh và đã cao tuổi không thể sinh con bằng cách nào khác, ngoại trừ nhờ sức mạnh của ân sủng Thiên Chúa: ở đây không còn là tự nhiên nữa, mà là Thiên Chúa, Đấng chiến thắng các định luật tự nhiên và phá vỡ xiềng xích của sự vô sinh. Được sinh ra từ những bậc cha mẹ vô sinh và cao tuổi là một vinh dự lớn lao đối với chính Đấng được sinh ra, bởi vì Người không được sinh ra từ những bậc cha mẹ phóng túng, mà từ những bậc cha mẹ tiết độ và cao tuổi, như Joachim và Anna, những người đã sống chung với nhau trong hôn nhân suốt năm mươi năm mà không có con. Cuối cùng, qua sự ra đời này, phẩm giá của chính cha mẹ cũng được tỏa sáng, vì sau một thời gian dài vô sinh, họ đã sinh ra niềm vui cho cả thế giới, nhờ đó họ trở nên giống như Thánh Tổ phụ Áp-ra-ham và người vợ đạo đức của ngài là Sa-ra, những người đã sinh ra Y-sác khi đã cao tuổi, theo lời hứa của Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 21:2). Tuy nhiên, không nghi ngờ gì nữa, có thể khẳng định rằng ngày sinh của Đức Mẹ cao quý hơn việc Áp-ra-ham và Sa-ra sinh ra Ít-xa-ác. Cũng như chính Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, Đấng được sinh ra, cao quý và xứng đáng được tôn vinh hơn Ít-xa-ác, thì phẩm giá của Gio-a-kim và Anna cũng cao quý và vĩ đại hơn Áp-ra-ham và Sa-ra. Họ không đạt được phẩm giá này ngay lập tức, mà chỉ nhờ sự ăn chay và cầu nguyện siêng năng, trong nỗi đau khổ tâm hồn và sự buồn bã tận đáy lòng, họ đã khẩn cầu Thiên Chúa về điều này: và nỗi buồn của họ đã biến thành niềm vui, sự nhục nhã của họ trở thành điềm báo của vinh quang vĩ đại, lời khẩn cầu siêng năng là người dẫn đường để nhận được ân huệ, và lời cầu nguyện – là người cầu thay tốt nhất.

Joakim và Anna đã đau buồn và khóc lóc trong một thời gian dài vì họ không có con. Một lần nọ, vào một ngày lễ lớn, Joakim mang lễ vật dâng lên Đức Chúa Trời tại Đền Thờ Giê-ru-sa-lem; cùng với Joakim, tất cả dân Y-sơ-ra-ên cũng dâng lễ vật của mình lên Đức Chúa Trời. Thượng tế Issachar lúc bấy giờ đã từ chối nhận lễ vật của Joachim, vì ông không có con.

"Không nên," ông nói, "nhận lễ vật từ ngươi, vì ngươi không có con cái, và do đó cũng không có phước lành của Đức Chúa Trời: chắc hẳn ngươi có những tội lỗi bí mật nào đó."

Cũng có một người Do Thái thuộc chi phái Ru-bên, cùng với những người khác dâng lễ vật, đã trách móc Giô-a-kim, nói rằng:

– Tại sao ngươi lại muốn dâng lễ vật lên Đức Chúa Trời trước ta? Ngươi chẳng biết rằng ngươi không xứng đáng dâng lễ vật cùng với chúng ta sao, vì ngươi sẽ không để lại dòng dõi nào tại Y-sơ-ra-ên[6097] ?

Những lời trách móc này đã khiến Giô-a-kim vô cùng đau buồn, và trong nỗi đau đớn tột cùng, ông rời khỏi đền thờ Chúa với tâm trạng xấu hổ và bị sỉ nhục; ngày lễ đối với ông đã biến thành nỗi buồn, và niềm vui lễ hội đã

[6097] Ngay từ thời các tổ phụ của dân Israel, Thiên Chúa đã nhiều lần hứa với họ về việc làm cho dòng dõi của họ sinh sôi nảy nở; vì thế, dân Israel coi việc có dòng dõi đông đúc là niềm hạnh phúc tột cùng và là ân sủng của Thiên Chúa. Mặt khác, theo lời hứa cổ xưa của Thiên Chúa, dân Israel hy vọng sẽ tìm thấy trong dòng dõi của mình "Hạt giống của người nữ" – Đấng Mêsia – mà Thiên Chúa đã hứa ban. Đó là lý do tại sao việc không có con được người Do Thái coi là một tai họa nặng nề và là sự trừng phạt của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi, và họ xem những người không có con là những kẻ tội lỗi lớn.

nhường chỗ cho nỗi đau. Trong nỗi đau buồn sâu sắc, ông không trở về nhà, mà đi vào sa mạc tìm các mục đồng đang chăn đàn gia súc của ông, và ở đó ông khóc than về sự vô sinh của mình cùng những lời sỉ nhục và trách móc mà ông phải chịu. Nhớ lại Áp-ra-ham, tổ phụ của mình, người mà ngay cả khi đã cao tuổi, Đức Chúa Trời vẫn ban cho một người con trai, Giô-a-kim bắt đầu khẩn thiết cầu xin Chúa, mong Ngài cũng ban cho ông ân sủng tương tự, lắng nghe lời cầu nguyện của ông, thương xót và xóa bỏ sự sỉ nhục từ phía con người, ban cho ông một đứa con trong tuổi già, giống như Ngài đã từng ban cho Áp-ra-ham.

– Xin cho con, – ông cầu nguyện, – được gọi là cha của đứa trẻ, chứ không phải là người vô con và bị Thiên Chúa ruồng bỏ, phải chịu những lời chỉ trích từ mọi người!

Cùng với lời cầu nguyện này, Giô-a-kim còn ăn chay và không ăn bánh mì trong bốn mươi ngày.

– Ta sẽ không ăn, – ông nói, – và cũng sẽ không trở về nhà mình; hãy để nước mắt ta làm thức ăn cho ta, và sa mạc này làm nhà ta, cho đến khi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên nghe thấy và xóa bỏ sự sỉ nhục này khỏi ta.

Cũng vậy, vợ ông, khi ở nhà nghe tin vị thượng tế không chịu nhận lễ vật của họ, còn trách móc vì không sinh con, và rằng chồng bà vì nỗi đau đớn tột cùng đã lui vào sa mạc, đã khóc những giọt nước mắt không thể an ủi.

– Giờ đây, – nàng nói, – tôi là người bất hạnh nhất: bị Đức Chúa Trời từ chối, bị mọi người sỉ nhục và bị chồng bỏ rơi! Giờ đây tôi phải khóc vì điều gì: vì cảnh góa bụa của mình, hay vì không có con, vì cảnh mồ côi của mình, hay vì không được xứng đáng được gọi là mẹ?!

Cô khóc thảm thiết như vậy suốt những ngày đó.

Nô tì của Anna, tên là Judith, đã cố an ủi nàng, nhưng không thể: vì ai có thể an ủi được người mà nỗi buồn sâu thẳm như biển cả?

Một ngày nọ, Anna buồn bã đi vào vườn nhà, ngồi dưới gốc cây nguyệt quế, thở dài từ tận đáy lòng và, ngước đôi mắt đẫm lệ lên trời, bà nhìn thấy trên cây một tổ chim với những chú chim non. Cảnh tượng này khiến bà càng thêm đau khổ, và bà bắt đầu khóc lóc thảm thiết:

– Khốn khổ cho tôi, người không có con! Chắc hẳn tôi là người tội lỗi nhất trong số tất cả các con gái của Y-sơ-ra-ên, vì chỉ có mình tôi bị sỉ nhục như vậy trước mặt tất cả các người phụ nữ. Mọi người đều bế con mình trên tay, – mọi người đều được an ủi bởi con cái của họ: còn tôi thì một mình xa lạ với niềm vui này. Khốn khổ cho tôi! Mọi người đều được đón nhận lễ vật trong Đền Thờ của Đức Chúa Trời, và họ được tôn kính vì đã sinh con; còn riêng tôi thì bị loại trừ khỏi Đền Thờ của Chúa tôi. Khốn khổ cho tôi! Tôi sẽ so sánh mình với ai đây? Không phải với chim trời, cũng không phải với thú vật trên đất: vì ngay cả chúng cũng dâng lên Ngài, lạy Chúa là Đức Chúa Trời, hoa trái của chúng, còn riêng tôi thì vô sinh. Thậm chí tôi cũng không thể so sánh mình với đất: vì đất ấy nảy mầm và nuôi dưỡng hạt giống, rồi khi sinh hoa kết trái, nó chúc tụng Ngài, Cha trên trời; còn tôi thì chỉ có một mình vô sinh trên đất. Khốn cho tôi, lạy Chúa, lạy Chúa! Tôi chỉ có một mình, tội lỗi, bị tước đoạt dòng dõi. Ngài, Đấng đã từng ban cho Sara, khi bà đã cao tuổi, một người con trai là Isaac (Sáng Thế Ký 21:1–8), Ngài, Đấng đã mở lòng dạ của Anna, mẹ của vị tiên tri Samuel của Ngài (1 Sử Ký 1:20), xin hãy nhìn xuống con lúc này và lắng nghe những lời cầu nguyện của con. Lạy Chúa Sabaoth! Ngài biết sự sỉ nhục của việc không có con: xin chấm dứt nỗi buồn trong lòng con và mở lòng con ra, biến con, người vô sinh, thành người sinh con đẻ cái, để con có thể dâng lên Ngài đứa con mà con sinh ra, cùng chúc tụng, ca ngợi và đồng lòng tôn vinh lòng thương xót của Ngài.

Khi Anna khóc lóc và than thở như vậy, Thiên Thần của Chúa hiện ra với bà và nói:

– Anna, Anna! Lời cầu nguyện của ngươi đã được nhậm, những tiếng thở dài của ngươi đã xuyên qua mây trời, những giọt nước mắt của ngươi đã hiện ra trước mặt Thiên Chúa, và ngươi sẽ thụ thai và sinh ra một Con Gái được chúc phúc vô cùng; nhờ Người, mọi dân tộc trên đất sẽ được chúc phúc và sự cứu rỗi sẽ được ban cho cả thế giới; tên Người sẽ là Maria.

Nghe những lời của Thiên Thần, Anna quỳ lạy Đức Chúa Trời và nói:

– Chúa là Đức Chúa Trời hằng sống, nếu con được sinh con, con sẽ dâng con ấy để phụng sự Đức Chúa Trời. Xin cho con ấy phụng sự Ngài và tôn vinh danh thánh của Đức Chúa Trời ngày đêm suốt cả cuộc đời.

Sau đó, tràn ngập niềm vui khôn tả, thánh Anna vội vã lên đường đến Giê-ru-sa-lem để tại đó, trong lời cầu nguyện, dâng lời tạ ơn Thiên Chúa vì sự viếng thăm đầy ân sủng của Ngài.

Cùng lúc đó, Thiên thần cũng hiện ra với Gioakim trong sa mạc và nói:

– Gioakim, Gioakim! Thiên Chúa đã nghe lời cầu nguyện của ngươi và vui lòng ban ân sủng của Ngài cho ngươi: vợ ngươi là Anna sẽ thụ thai và sinh cho ngươi một Đấng Nữ, sự ra đời của Đấng ấy sẽ là niềm vui cho cả

thế giới. Và đây là dấu hiệu cho thấy ta đang báo tin chân thật cho ngươi: hãy đến Giê-ru-sa-lem, đến đền thờ của Đức Chúa Trời, và ở đó, tại cổng vàng, ngươi sẽ gặp vợ ngươi là Anna, người mà ta cũng đã báo tin như vậy.

Giô-a-kim, ngạc nhiên trước lời loan báo của Thiên Thần, đã ngợi khen Thiên Chúa và tạ ơn Ngài bằng cả trái tim lẫn lời nói vì lòng thương xót vĩ đại, rồi với niềm vui và hân hoan, ông vội vã lên đường đến Đền Thờ Giê-ru-sa-lem. Tại đó, đúng như Thiên Thần đã báo trước, ông gặp Anna đang cầu nguyện với Đức Chúa Trời tại Cổng Vàng, và kể cho bà nghe về lời báo tin của Thiên Thần. Bà cũng kể lại cho ông nghe những gì bà đã thấy và nghe từ Thiên Thần, Đấng đã báo tin về việc bà sẽ sinh một cô con gái. Lúc đó, Giô-a-kim và Anna đã ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban cho họ ân sủng vĩ đại như vậy, và sau khi thờ lạy Ngài trong Đền Thờ thánh, họ trở về nhà mình.

Và thánh Anna thụ thai vào ngày thứ chín tháng Mười Hai, rồi vào ngày thứ tám tháng Chín, bà sinh ra một cô con gái, là Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đấng Chúc Tụng, là khởi đầu và Đấng Cầu Thay cho sự cứu rỗi của chúng ta; cả trời và đất đều hân hoan vì sự ra đời của Người. Nhân dịp Đức Trinh Nữ Maria chào đời, Thánh Gioakim đã dâng lên Thiên Chúa những lễ vật lớn lao, các của lễ và lễ toàn thiêu, và nhận được lời chúc lành từ Thượng Tế, các linh mục, các người Lê-vi và toàn thể dân chúng vì đã được hưởng ân sủng của Thiên Chúa. Sau đó, ngài đã dọn một bữa tiệc thịnh soạn tại nhà mình, và mọi người đều hân hoan ngợi khen Thiên Chúa.

Khi Đức Trinh Nữ Maria lớn lên, cha mẹ Người đã chăm sóc Người như con ngươi trong mắt, vì nhờ một sự mặc khải đặc biệt của Thiên Chúa, họ biết rằng Người sẽ là ánh sáng cho cả thế giới và là sự đổi mới bản tính loài người. Vì thế, họ đã nuôi dạy Người với sự cẩn trọng và chu đáo xứng đáng với Đấng sẽ trở thành Mẹ của Đấng Cứu Thế chúng ta. Họ không chỉ yêu thương Mẹ như một người con gái mà họ đã mong đợi bấy lâu, mà còn tôn kính Mẹ như Nữ Chúa của mình, nhớ đến những lời của Thiên Thần đã phán về Mẹ, và bằng linh hồn, họ đã nhìn thấy trước những điều sẽ xảy ra với Mẹ. Còn Mẹ, được tràn đầy ân sủng Thiên Chúa, đã một cách huyền nhiệm ban phát chính ân sủng ấy cho cha mẹ mình. Cũng như mặt trời chiếu sáng các vì sao trên trời bằng những tia sáng của mình, ban cho chúng những phần ánh sáng của mình, thì Đức Maria, người được Thiên Chúa chọn, cũng như mặt trời, đã chiếu rọi những tia ân sủng được ban cho Ngài xuống Gioakim và Anna, đến nỗi họ cũng được tràn đầy Thánh Thần của Thiên Chúa, và vững tin vào sự ứng nghiệm của những lời Thiên Thần đã phán.

Khi thiếu nữ Maria tròn ba tuổi, cha mẹ đã rước Ngài vào Đền Thờ Chúa trong vinh quang, đi kèm với những ngọn đèn đang cháy sáng, và dâng hiến Ngài để phụng sự Thiên Chúa, như họ đã hứa. Vài năm sau khi Maria được dâng vào Đền Thờ, Thánh Gioakim qua đời, thọ tám mươi tuổi. Thánh Anna, sau khi trở thành góa phụ, đã rời Nazareth và đến Jerusalem, nơi bà ở bên cạnh Con gái Thánh Thiêng liêng của mình, không ngừng cầu nguyện trong Đền Thờ Chúa. Sau hai năm sống tại Jerusalem, bà đã an nghỉ trong Chúa, thọ 79 tuổi[6098] .

Ôi, các vị cha mẹ thánh thiện, Gioakim và Anna, các ngài thật là phúc lành biết bao vì Con Gái Rất Phúc Lành của các ngài!

Các ngài thật sự được chúc phúc vì Con của Người, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, nhờ Người mà mọi dân tộc và mọi bộ lạc trên đất đều được ban phước! Giáo Hội Thánh đã xứng đáng gọi các ngài là Cha Mẹ Thiên Chúa[6099] , vì chúng con biết rằng Thiên Chúa đã sinh ra từ Con Gái Thánh Thiêng liêng của các ngài. Nay các ngài đang đứng gần Ngài trên trời, xin hãy cầu nguyện để chúng con cũng được chia sẻ ít nhất một phần nào đó trong niềm vui vô tận của các ngài. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Là những người công chính trong ân sủng hợp pháp, Joachim và Anna đã sinh ra cho chúng ta Hài Nhi do Thiên Chúa ban tặng; vì thế, hôm nay Giáo Hội Thánh Thiện hân hoan long trọng kỷ niệm ngày lễ của các ngài, vui mừng ca ngợi Thiên Chúa, Đấng đã dựng nên sừng cứu độ cho chúng ta trong nhà Đavít.

[6098] Giáo hội cử hành lễ tưởng niệm sự ra đi của thánh Anna vào ngày 25 tháng 7.

[6099] Hàng ngày, sau khi kết thúc các Thánh lễ, trong lời chúc lành, cầu xin Chúa ban ơn tha thứ và ơn cứu rỗi cho những người ra khỏi nhà thờ, nhờ lời cầu nguyện của Đức Mẹ và các thánh cha mẹ công chính Gioakim và Anna; và hàng năm, Giáo hội cử hành lễ tưởng niệm các ngài vào ngày tiếp theo sau lễ Giáng sinh Đức Mẹ, vì sau lễ Giáng sinh Đức Mẹ, việc tôn vinh các thánh cha mẹ của Người là điều xứng đáng.

Kondak, giọng 2:

Hôm nay Anna hân hoan, vì đã thoát khỏi sự vô sinh, và đang nuôi dưỡng Đức Trinh Nữ, kêu gọi mọi người cùng ca ngợi Đấng đã ban cho từ lòng bà Mẹ duy nhất của loài người và là Đấng Vô Tội.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Sevirian

Ngày kỷ niệm: 9 tháng 9

Trong thời trị vì của vị vua độc ác Licinius, khi Agricola, quan tổng trấn Sebaste[6100] , đã bắt giữ và giam cầm bốn mươi vị thánh tử đạo vào ngục tối, – tại vùng đất ấy có một người đàn ông tên là Severian, xuất thân từ dòng dõi quý tộc.

Sevirian là một Kitô hữu. Ông thường xuyên đến thăm bốn mươi vị tử đạo trong ngục tối, khích lệ họ kiên trì chịu khổ vì danh Chúa Kitô; và họ đã bừng cháy trong tình yêu dành cho Chúa của mình đến nỗi ngay cả hồ Sebaste lạnh giá cũng không thể dập tắt được tình yêu thiêng liêng ấy trong lòng họ; khi bị bắt buộc theo lệnh của vị vua vô đạo phải bước xuống nước hồ, họ đã đồng lòng xưng danh Chúa Giêsu Kitô trước mặt kẻ hành hình và tại đó, họ đã chịu chết một cách tử đạo[6101] .

Sau cuộc tử đạo của các vị tử đạo tại Sebaste – khi vị vua vô đạo Licinius bổ nhiệm Lysius thay thế Agricola, một kẻ hung ác và tàn bạo, như con thú hoang dã, tàn sát các tín hữu và làm đổ máu các Kitô hữu, – đã đến lúc Thánh Sevirian cũng phải bước vào cuộc chiến và cuộc đấu tranh tương tự, những điều mà ngài đã khích lệ người khác bằng lời nói của mình.

Những kẻ vu khống đã đến gặp quan tổng trấn và nói với ông ta:

– Danh dự của các vị thần vĩ đại của chúng ta đang bị hạ thấp tại thành phố này vì Severian: không chỉ bản thân ông ta không tôn kính và thờ phượng các vị thần, mà còn xúi giục nhiều người khác làm ô uế và hạ nhục các vị thần. Bản thân ông ta tin vào Đấng Bị Đóng Đinh, nên cũng dạy người khác cùng niềm tin đó, và đã có không ít người theo ông ta bỏ đạo; đến nỗi nếu ngài không tiêu diệt ông ta, thì chẳng bao lâu nữa cả thành phố sẽ theo đạo của ông ta: các vị thần sẽ phẫn nộ với thành phố của chúng ta và từ bỏ ân sủng của họ, và ngay cả hoàng đế, khi nghe tin này, cũng sẽ không tha thứ cho chúng ta.

Sau khi nghe những lời đó, quan tổng trấn Lysius đã sai các thuộc hạ đến bắt Severian và dẫn hắn về trước mặt mình. Còn vị chiến sĩ của Đấng Christ, không chờ đợi những người được sai đến, trước khi họ kịp đến và bắt giữ mình, đã tự mình đi trước, trình diện trước Lysius và nói với hắn một cách dũng cảm và táo bạo:

– Hay là, thưa quan tổng trấn, chỉ riêng sự diệt vong của chính ngài thôi vẫn chưa đủ, mà ngài còn muốn hủy diệt cả linh hồn chúng tôi nữa, rồi như một món hàng, giao nộp chúng vào tay ma quỷ sao? Nhưng hãy biết rằng ngài đã gặp phải những con người dũng cảm ở đây, chứ không phải những kẻ hèn nhát và sợ sệt, vì đối với tôi, như Thầy Thánh của tôi là Phaolô đã nói: "Đối với *tôi, sống là Đức Kitô, và chết là lợi ích"* (Pl 1,21).

Thống đốc Lysius, sau khi nghe những lời này, im lặng một lát; rồi, nhìn vào những người hầu đang đứng trước mặt mình và chỉ tay vào Severian, ông nói với họ một cách giận dữ:

– Hãy bắt hắn lại và đánh hắn thật tàn nhẫn, – để hắn biết phải nói chuyện với quan tổng trấn với thái độ khiêm nhường như thế nào.

Khi vị thánh bắt đầu bị tra tấn, ngài vui mừng vì được ân sủng chịu khổ vì Chúa Kitô, và ngợi ca những lời trong Thánh vịnh, vốn như là nguồn an ủi trong những đau khổ của ngài: *"Trên lưng tôi, những người cày đã cày xới, họ đã vạch những rãnh dài"*[6102] (Thánh vịnh 128:3).

Kẻ tra tấn, thấy các thuộc hạ của mình đã mệt mỏi, còn trên khuôn mặt vị tử đạo vẫn toát lên sự thanh thản và dũng cảm, liền ra lệnh ngừng đánh ngài, rồi quay sang nói với ngài:

[6100] Sebaste – một thành phố ở Armenia.

[6101] Các vị Tử đạo Sebaste đã chịu tử đạo vào năm 320. Ngày tưởng niệm các ngài là ngày 9 tháng 3. Trong cuốn tiểu sử về các ngài có kể lại rằng, vì kiên quyết tuyên xưng đức tin, các ngài đã bị tra tấn, sau đó bị kết án phải qua đêm trên mặt hồ đã đóng băng, trong cơn gió bắc buốt giá, và vào ngày hôm sau, sau những cực hình mới, các ngài đã bị thiêu sống.

[6102] Lời tiên tri ở đây ám chỉ những roi vọt và vết thương mà những kẻ tra tấn độc ác đã giáng xuống các vị tử đạo chiến thắng.

– Này, giờ đây qua những vết thương của ngươi, ngươi có thể nhận ra rằng Đấng Kitô của ngươi không mang lại cho ngươi niềm vui hay sự an lành nào trong cuộc đời.

Vị tử đạo đáp lại:

– Nếu đôi mắt tâm hồn ngươi không bị che phủ bởi bóng tối của sự vô thần, thì ta có thể bày tỏ cho ngươi biết những đau khổ của ta đã cầu xin được bao nhiêu ân huệ từ Chúa Kitô cho ta. Nhưng giờ đây, trước sự vô đạo của ngươi, ta có thể đạt được gì, chẳng khác nào thắp nến trước mặt người mù và hát ca trước mặt người điếc? Hỡi quan tòa! Nếu ngài không mù và điếc đến thế, ngài đã nhận ra ân sủng của Chúa Kitô và sức mạnh đang củng cố tôi.

Những lời này cùng nhiều lời khác của vị thánh tử đạo đã khiến vị quan cai trị càng thêm phẫn nộ. Sau khi treo vị tử đạo lên cây thập tự, ông ra lệnh dùng móng sắt cào xé thân thể ngài. Còn Thánh Sevirian, giữa những đau khổ tột cùng, đã cầu nguyện với Thiên Chúa như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng xưa kia đã bị treo trên thập giá, Đấng đã đánh bại sự kiêu ngạo của kẻ thù và cho đến ngày nay vẫn được tôn vinh vì mọi việc kỳ diệu của Ngài, xin hãy đến giúp con và đập tan sức mạnh của kẻ tra tấn đầy ác độc, xin chữa lành những chi thể bị xé nát của con và ban cho con được anh dũng hoàn thành công việc tử đạo!

Và những tên đầy tớ tra tấn vị thánh cứ thay nhau hành hạ; cuối cùng, sau khi tra tấn ngài một thời gian dài, chúng đã dẫn ngài vào ngục tối theo lệnh của quan tổng trấn. Trên đường đến ngục tối, vị thánh tử đạo đã tỏ ra là một nhà hùng biện tài ba và, dường như không cảm nhận được những đau đớn của mình, ngài tự hào khoe những vết thương đã chịu vì Chúa Kitô. Khi ngài đi qua giữa thành phố, ngài chỉ vào những vết thương của mình, với khuôn mặt rạng rỡ và đôi môi ngọt ngào, ngài đã nói như vậy, hướng về đám đông dân chúng đang nhìn ngài:

– Hỡi mọi người, hãy nhìn tôi và hiểu rằng hôm nay tôi đang ở trong sự hạnh phúc biết bao! Tôi nghĩ rằng các bạn hiện đang coi tôi là người bất hạnh và nghèo khổ nhất, vì tôi không chỉ mất đi danh dự và của cải tạm thời, mà thậm chí còn mất cả sức khỏe. Thế nhưng, hiện tại tôi lại hạnh phúc hơn tất cả các bạn. Bởi vì những vết thương tôi chịu vì danh Chúa Kitô quý giá hơn mọi niềm vui trần thế đối với tôi; máu tôi đã đổ ra và vết máu nhuộm đỏ còn quý giá hơn cả áo choàng hoàng gia; còn chính sự đau khổ vì Chúa của tôi thì đối với tôi còn dễ chịu hơn gấp bội so với mọi niềm vui trần thế mà các bạn rất yêu mến. Còn chức tước cao quý và của cải của tôi – chúng vốn là gì, nếu không phải là hư vô, tro bụi và sự quyến rũ của thế gian này, mà tôi gạt bỏ như bụi bẩn khỏi chân mình, khi bước lên phẩm giá cao quý của người tử đạo và nhận lấy của cải không bao giờ cạn kiệt? Đối với tôi, được gọi là vị tử đạo còn vinh quang hơn mọi tước vị hoàng gia, còn việc từ bỏ của cải vì Chúa Kitô thì quý giá hơn cả kho tàng của tất cả các vị vua trần gian. Thậm chí chính sức khỏe, sự cường tráng và vẻ đẹp mà trước đây tôi từng sở hữu, thì còn là gì khác ngoài bệnh tật, sự yếu đuối và sự xấu xí? Nếu các chi thể của thân thể tôi hiện nay không bị thương tổn vì Chúa Kitô, và không nhuốm máu, thì chúng sẽ không phải là chi thể của tôi, mà chỉ là xiềng xích và ngục tù cho linh hồn tôi; còn bây giờ, khi chúng bị hành hạ vì Chúa Kitô, chúng thực sự là các chi thể của tôi. Hiện nay, khi xác thịt tôi bị tiêu diệt, nó lại khỏe mạnh và vững chắc; vẻ đẹp của tôi vẫn ở cùng tôi, ngay cả bây giờ – khi tôi không còn dáng vẻ con người và trông như một vết thương duy nhất, vì chính Chúa Kitô cũng đã bị thương từ đầu đến chân. *"Bây giờ tôi vui mừng trong những đau khổ của tôi vì anh em, và tôi bù đắp những gì còn thiếu trong thân xác tôi về những đau khổ của Chúa Kitô cho Thân Thể Ngài"* (Col 1:24). Còn các con, khi nhìn vào những vết thương của ta, hãy suy ngẫm về phần thưởng dành cho chúng: không thể nào hiểu thấu bằng trí óc, cũng không thể diễn tả bằng lời những ân huệ mà Vua Bất Tử đang ban cho những ai chịu đau khổ vì Ngài, và đang chuẩn bị cho họ trên trời để hưởng hạnh phúc vĩnh cửu. Chỉ riêng việc chịu đau khổ vì Chúa Kitô đã là một niềm vui, còn chết vì Ngài thì còn đáng khao khát hơn nữa. Hỡi các bạn! Nếu ở đây có ai trong số chúng ta, nếu có ai trong số các tôi tớ trung thành của Chúa Kitô đang ở giữa dân tộc vô tín này, thì khi nhìn thấy tôi đang chịu đau khổ, hãy củng cố lòng mình, hãy can đảm và đừng sợ hãi. Chớ để bất kỳ cực hình nào tách các con khỏi danh thánh ngọt ngào của Chúa Giêsu Kitô: chớ để lưỡi gươm chém, lò lửa thiêu đốt, hay cơn thịnh nộ của thú dữ làm các con khiếp sợ! Chớ để sự nịnh hót của kẻ hành hình, hay lời hứa ban tặng của cải và tước vị làm các con mê hoặc. Hãy dẫm nát tất cả những điều đó dưới chân như rác rưởi, để được ngự trị cùng Chúa Kitô.

Trong khi Sevirian đang nói như vậy, có rất nhiều người theo sau ngài. Nghe ngài nói, dân chúng đã tiễn vị thánh tử đạo đến tận ngục tối. Khi bị ném vào đó, vị chiến binh của Đấng Kitô đã hân hoan như đang ở trong một cung điện rực rỡ, và hôn lên nơi mà bốn mươi vị thánh tử đạo đang bị giam giữ, những người mà trước đây ngài thường đến trò chuyện. Ngài ở trong ngục năm ngày, rồi lại bị dẫn ra tòa.

Tại phiên tòa, Lysius, giống như một con sói đội lốt cừu, giả vờ chia buồn với vị thánh và bắt đầu nói với ngài một cách xảo trá:

– Tất cả các vị thần đều chứng kiến, Sevirian ơi, rằng ta thương xót ngươi biết bao, và ta thực sự ngạc nhiên khi thấy ngươi, một con người nổi bật, đoan trang và đáng kính như vậy, lại tự ý từ bỏ thế giới đầy niềm vui này. Ta sẽ ca ngợi sự kiên cường và lòng dũng cảm của ngươi, nhưng chỉ khi ngươi dùng chúng để chống lại kẻ thù; còn việc chiến đấu với sắt và lửa, với thú dữ và đá, rồi tự hủy hoại bản thân như vậy, quả thực là một việc điên rồ. Và giờ đây, sức mạnh của ngươi đã bị nghiền nát, thân thể ngươi đã bị xé nát.

Nói như vậy, tên tra tấn vô pháp ấy muốn dùng mưu mô để dụ dỗ người tôi tớ chân chính của Đấng Christ, nhưng người ấy đã dũng cảm đáp lại:

– Đừng nương tay với thân thể đầy vết thương của tôi, mà hãy gia tăng nỗi đau khổ của tôi lên gấp bội. Không chỉ đánh đập và tra tấn thân thể tôi, mà hãy ném đá vào tôi, thiêu đốt tôi bằng lửa, và làm bất cứ điều gì ngươi muốn và có thể làm. Ngươi sẽ không bao giờ khiến ta xa lìa Chúa của ta. Ngươi sẽ mệt mỏi vì hành hạ ta trước, chứ không phải ta khi phải chịu đau khổ vì danh Chúa Kitô.

Lúc đó, tên tra tấn, bỏ qua sự xảo trá, lại rơi vào cơn thịnh nộ thường lệ của mình và ra lệnh ném đá vào miệng thánh Severian, đồng thời phán:

– Đừng mang danh Chúa Kitô trên môi miệng ngươi và đừng làm phiền tai các quan chức bằng việc nhắc đến danh hiệu ấy.

Vị thánh tử đạo, bằng đôi môi đã sưng tấy vì những cú đánh, đáp lại kẻ tra tấn:

– Hỡi kẻ khốn khổ, nếu ngươi đã tạo ra nơi trú ngụ cho ma quỷ trong tâm hồn mình, thì tất nhiên, tai ngươi cũng không thể chịu đựng được danh xưng của Đấng Christ nữa!

Lisius ra lệnh treo vị tử đạo lên cây một lần nữa và cào xé ông bằng những móng sắt. Severian, dù đang bị tra tấn dã man, vẫn thốt lên:

– Tôi chỉ coi một vết thương là tàn nhẫn – đó là vết thương khiến người ta xa lìa Chúa Kitô: nhưng tất cả những vết thương này đối với tôi lại là niềm vui hơn là nỗi đau, vì khi tách tôi khỏi mọi sự trần thế, chúng lại kết hợp tôi với Chúa Kitô.[6103]

Và quan tổng trấn lại nói với ông:

– Sevirian, hãy dâng lễ vật lên các vị thần, và ngươi sẽ được giải thoát khỏi sự đau khổ.

Nghe vậy, chiến sĩ của Chúa Kitô không trả lời gì cả; ông chỉ nhẹ nhàng nói:

– *"Những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì so với vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng ta"* (Rô-ma 8:18).

Lysius, coi việc vị tử đạo không đáp lại lời mình là một sự sỉ nhục, đã nghĩ ra một hình phạt mới cho ông: sau khi tháo vị thánh xuống khỏi cây, họ dẫn ông đến tường thành, buộc những tảng đá nặng – một tảng vào cổ và một tảng vào chân, rồi dùng dây thừng quấn quanh thân thể, treo ông lơ lửng cao trên tường thành.

Trong tư thế treo lơ lửng như vậy, vị thánh đã phó thác linh hồn công chính của mình vào tay Đấng Cứu Rỗi – Chúa Kitô, Chúa của ngài[6104] ; một số tín hữu Kitô giáo đã tháo thi hài thánh thiện của ngài xuống khỏi tường thành vào ban đêm, rồi rước về nơi cư ngụ cũ của vị tử đạo. Khi họ rước thi hài Ngài một cách tôn kính, vừa hát các thánh vịnh, vừa tiến gần đến ngôi làng nơi có ngôi nhà của Sevirian, hầu như tất cả cư dân đều ra đón thi hài thánh: người già lẫn người trẻ – ai nấy đều hối hả như nhau, tranh nhau vượt lên trước, như thể muốn đón nhận trước sự ban phước từ vị thánh nhân đầy đau khổ của Thiên Chúa. Chỉ có vợ của một trong những nô lệ của Sevirian là ở lại nhà, khóc than bên thi thể chồng mình: ông vừa mới qua đời và vẫn còn nằm ở nhà, chưa được chôn cất. Và bà khóc nức nở bên thi thể ông, nói với ông như thể ông còn sống:

– Này, chủ nhân của chúng ta đang đến gần nhà, và mọi người đều ra đón ngài, chỉ có mình anh là không ra, còn tôi thì ra vì anh. Vậy thì, hãy đứng dậy để đón chủ nhân của mình đi.

Vừa dứt lời, người chết liền đứng dậy như vừa thức giấc, đi ra đón những người đang rước thánh tích, rồi quỳ xuống, vui mừng hôn lên thi thể chủ nhân của mình. Còn mọi người, khi thấy người đã chết sống lại khi thi hài

---

[6103] Ý nghĩa của câu nói này là: vị thánh tử đạo, giống như Thánh Phaolô, khi cảm thấy trong thân xác mình vẫn còn thiếu những đau khổ và buồn phiền mà Đức Kitô đã chịu, nên tìm cách bù đắp điều đó, và vui mừng vì đã tìm thấy cơ hội ấy trong những đau khổ vì tuyên xưng danh Đức Kitô.

[6104] Sự tử đạo của Thánh Sevirian diễn ra vào năm 320, trong cùng một cuộc bách hại với 40 vị tử đạo tại Sebaste, nhưng muộn hơn nửa năm.

thánh được rước về làng họ, đã kinh ngạc trước phép lạ này, ca ngợi Chúa và bắt đầu hôn thi hài thánh với lòng sùng kính còn nồng nhiệt hơn nữa.

Về việc an táng thi hài vị thánh tử đạo, người dân trong làng đã nảy sinh bất đồng: một số muốn chôn cất ngài ở nơi này, số khác lại muốn chôn cất ở nơi khác. Trên thi hài của Thánh Severian có đặt một vòng hoa được đan từ những bông hoa đẹp; bỗng nhiên, từ đâu không biết, một con đại bàng xuất hiện và vồ lấy vòng hoa đó; bay đi một đoạn ngắn, con đại bàng lại hạ cánh xuống đất. Tất cả những ai chứng kiến cảnh đó đều đi theo hướng bay của con đại bàng, và khi đến gần nó, con đại bàng lại từ từ bay tiếp với vòng hoa trên mỏ; dân chúng cũng đi theo sau nó. Và như vậy, con đại bàng đã dẫn dắt những cư dân sùng đạo đến sa mạc gần nhất, và tại đó, nó đậu trên một ngọn núi cao và đẹp, đặt vòng hoa lên đó, rồi biến mất khỏi tầm mắt. Mọi người, khi tìm thấy vòng hoa của vị tử đạo trên ngọn núi, đã tin rằng Chúa đã thương xót cho thi hài thánh của Sevirian được an nghỉ tại đó; họ đã lấy thi hài và chôn cất với sự tôn kính xứng đáng trên ngọn núi ấy; và nhiều phép lạ chữa lành đã xảy ra bên quan tài của vị tử đạo Chúa Kitô[6105] .

Còn người đầy tớ đã được nhắc đến ở trên, người đã sống lại khi di chuyển thi hài thánh của Thánh Sevirian, đã sống thêm mười lăm năm nữa, luôn ở bên cạnh mộ của chủ nhân mình.

Vì tất cả những điều này, xin vinh quang thuộc về Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần, bây giờ, muôn đời và đến muôn đời! Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Nikita, vị thánh ẩn dật của Chúa, người mà phó tế Sozont đã từng gặp

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 9

Vị thánh ẩn dật của Chúa, Thánh Nikita, được gọi là "Hartularius" ([6106]), sinh ra và được nuôi dưỡng bởi cha mẹ quý tộc tại Constantinople; sống trong thế gian và thầm lặng phụng sự Chúa, ngài đã làm đẹp lòng Ngài đến nỗi cánh cửa nhà thờ tự mở ra khi ngài đến cầu nguyện vào nửa đêm, và ngọn đèn được thắp sáng không phải bởi bàn tay con người đã chiếu sáng cho ngài; ngài còn có thể cho phó tế Sozont thấy vị linh mục đã qua đời như thể còn sống, điều này được ghi lại trong một truyền thuyết.

Một linh mục đạo đức và một phó tế kính sợ Chúa đã nảy sinh tình yêu thương lẫn nhau trong Chúa, nhưng sau một thời gian, cả hai, dưới ảnh hưởng của sự vu khống từ ma quỷ, đã biến tình yêu thành thù hận. Tên của phó tế là Sozont, còn tên của linh mục thì vẫn chưa được biết. Họ đã ở trong tình trạng thù hận với nhau trong một thời gian dài, và linh mục đã qua đời trong tâm trạng đó. Lúc bấy giờ, phó tế bắt đầu cảm thấy bối rối và day dứt lương tâm vì đã không chấm dứt mối thù hận với linh mục và không xóa bỏ sự giận dữ bằng sự tha thứ. Vì vậy, ông lên đường tìm kiếm một vị cha thiêng liêng khôn ngoan, người mà ông có thể bộc bạch lương tâm mình, và ông lang thang qua những nơi hoang vắng, tìm kiếm vị bác sĩ chữa lành căn bệnh trong lòng mình; cuối cùng, khi tìm thấy một vị thánh già vĩ đại về đức hạnh, ông đã thú nhận với ngài về tội lỗi của sự giận dữ và thù hận mà ông đã có với vị linh mục, và xin được tha thứ.

Vị tu sĩ già nói với anh ta: *"Ai xin thì sẽ được, ai tìm thì sẽ thấy, và ai gõ cửa thì sẽ được mở"* (Mt 7:7; Lc 11:10–11). Anh làm rất đúng, anh em ạ, khi lo lắng về việc sớm giải quyết tội lỗi lớn lao này; xin Chúa giúp đỡ anh, vì việc hòa giải anh, con yêu dấu, với người đã khuất không phải là việc của tôi. Tuy nhiên, hãy trở về Constantinople, nơi anh đã đến; khi đến nhà thờ lớn Thánh Sophia[6107] vào ban đêm, hãy đứng trước những cánh cửa lớn và tuyệt đẹp đó, và bất cứ ai anh thấy đến gần cửa trước tiên, hãy cúi đầu chào người đó, báo tin về chúng tôi và trao lá thư niêm phong này; chính người đó sẽ giúp anh được tha thứ cho tội lỗi của mình.

Vị phó tế, tuân theo lệnh của cha linh hướng, đã vào thành phố, đến trước cửa nhà thờ Thánh Sofia vào ban đêm và đứng chờ đợi sự xuất hiện của một người lạ mặt. Và rồi, ông thấy một người đàn ông đang tiến lại gần cánh

---

[6105] Việc rước di hài thánh của vị tử đạo diễn ra 15 năm sau khi ngài qua đời.

[6106] Trong Giáo hội Hy Lạp, những người ghi chép cho các chức sắc Giáo hội được gọi là "Hartularii". – Cuộc đời và những việc làm cao cả của Thánh Nikita, vị thánh ẩn dật của Chúa, thuộc về thế kỷ XII.

[6107] Tất nhiên, ở đây có nhà thờ vĩ đại và tráng lệ nhất mang tên Thánh Sofia – Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa, được Hoàng đế Byzantine Justinian Đại Đế xây dựng tại Constantinople vào năm 537. Năm 1453, sau khi Constantinople bị người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục, Nhà thờ Sofia đã bị chuyển đổi thành thánh đường Hồi giáo.

cửa – đó chính là Thánh Nikita, nhân vật được kể trong câu chuyện này. Vị phó tế cúi đầu chào ông, hôn lên tay ông, trao lá thư của vị tu sĩ già và bày tỏ nỗi buồn của mình. Người đàn ông ấy, sau khi lắng nghe lời thú nhận của vị phó tế, bàn bạc và đọc lá thư nhận được từ vị tu sĩ già, bỗng khóc nức nở và nói:

– Làm sao tôi có thể quyết tâm làm một việc vượt quá sức lực của mình? Tuy nhiên, nhờ cậy vào những lời cầu nguyện của người đã sai anh đến đây, và với sự giúp đỡ của Chúa, tôi sẽ thực hiện điều mà tôi được lệnh phải làm. Nói xong, ông đứng trước cửa, giơ hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện bằng giọng thì thầm. Sau đó, ông quỳ gối, cúi đầu xuống đất, lặng lẽ dâng lời cầu nguyện; một lúc sau, ông đứng dậy và nói:

– Lạy Chúa, xin mở ra cho chúng con cánh cửa lòng thương xót của Ngài!

Ngay lập tức, tiền sảnh nhà thờ tự động mở ra, và Thánh Nikita, dẫn theo vị phó tế, bước lên bậc thềm, rồi tiến đến ngay trước cửa nhà thờ và nói với ông ta: "Hãy đứng yên tại đây", còn bản thân ngài thì cúi đầu chào tại ngưỡng cửa nhà thờ; cánh cửa mở ra, và ngài bước vào bên trong. Khi ngài đứng cầu nguyện giữa nhà thờ, một ngọn đèn đang cháy từ trần nhà thờ hạ xuống ngay trên đầu người đàn ông ấy và chiếu sáng cả nhà thờ; sau đó ngài đi đến bàn thờ, và ở đó các cánh cửa tự động mở ra; ngài cúi đầu và thầm cầu nguyện, rồi bước ra gặp vị phó tế, và một lần nữa tất cả các cánh cửa tự động đóng lại. Thấy cảnh đó, vị phó tế kinh hoàng và không dám lại gần người đàn ông ấy, vì nỗi sợ hãi tột độ đã bao trùm lấy ông; hơn nữa, khuôn mặt người đàn ông ấy trong mắt vị phó tế trông như khuôn mặt của một Thiên thần, được tôn vinh bởi lời cầu nguyện. Và vị phó tế tự hỏi: "Chẳng phải đây là một Thiên thần sao?" Nhưng điều này không qua mắt được người đàn ông ấy, và ông nói với vị phó tế:

– Sao ngươi lại bối rối vì những suy nghĩ về ta? Hãy tin rằng ta cũng là con người bằng xương bằng thịt, sinh ra trong một gia đình chính trực và lớn lên tại thành phố này. Ân sủng của Đức Chúa Trời, nếu Ngài muốn, vẫn có hiệu lực ngay cả trong sự yếu đuối. Hãy lên đường, con đường đang chờ chúng ta phía trước!

Sau đó, ông đi về phía khu chợ, còn vị phó tế thì theo sau. Khi họ đến nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh ở đó, cánh cửa nhà thờ lại mở ra sau lời cầu nguyện; sau khi ở lại trong nhà thờ để cầu nguyện, vị thánh nhân của Chúa bước ra, và cánh cửa tự động đóng lại. Vị phó tế, chứng kiến cảnh đó, chỉ biết kinh hoàng thầm cầu nguyện: "Lạy Chúa, xin thương xót!" Thế là họ tiếp tục đi đến nhà thờ Vlacherna. Sau này, vị phó tế mới nhận ra rằng cuộc hành trình qua các nhà thờ mà ông chứng kiến diễn ra nhanh đến mức dường như giống như những chú chim đang bay lượn. Khi họ đến gần cửa nhà thờ Vlacherna[6108] , người đàn ông ấy đã dâng lời cầu nguyện trong nước mắt; ngay lập tức, cũng như ở các nhà thờ khác, cánh cửa tự mở ra; ông để vị phó tế đứng ở cửa và dặn dò phải quan sát kỹ bên trong, còn bản thân ông thì bước vào nhà thờ, quỳ gối và bắt đầu cầu nguyện hết lòng. Còn vị phó tế, đứng ở cửa, nhìn thấy bên trong nhà thờ có ánh sáng chiếu rọi khắp nơi, và một vị phó tế tỏa sáng bước ra từ bàn thờ và đang xông hương khắp nhà thờ. Một lúc sau, ông nhìn thấy các linh mục mặc áo trắng bước ra từ bàn thờ vào giữa nhà thờ; anh ta còn thấy một nhóm linh mục khác mặc áo lễ màu đỏ; tất cả cùng tụ họp ở giữa nhà thờ và hát những bài thánh ca tuyệt đẹp và có phần đặc biệt, trong số đó phó tế không thể nhớ nổi bài nào, ngoại trừ "Alleluia".

Người đàn ông ấy, sau khi cầu nguyện xong, đứng dậy và nói với phó tế:

– Anh em ơi, hãy bước vào trong nhà thờ mà đừng sợ, và hãy nhìn về phía bên trái nơi các linh mục đang đứng: liệu anh có nhận ra vị linh mục mà anh từng có hiềm khích không?

Vị phó tế, với lòng run rẩy, bước vào và tiến lại gần người của Chúa, nhìn về phía bên trái nhưng không thấy vị linh mục mà mình đang tìm. Người đàn ông trông như thiên thần ra lệnh cho vị phó tế hãy nhìn cả phía bên phải của các linh mục nữa. Phó tế nhìn kỹ, thấy vị linh mục mà mình từng có hiềm khích, và chỉ cho người của Chúa biết. Người ấy bèn nói với phó tế:

– Hãy đi, nói với vị linh mục mà ngươi đã nhận ra rằng: Nikita Hartulari đang đứng bên ngoài nhà thờ và gọi ngươi đến gặp ông ấy!

Phó tế làm theo lệnh, nắm lấy tay phải của vị linh mục và dẫn ông đến gặp người của Chúa, người lúc đó đã ra khỏi nhà thờ. Ông nhìn vị linh mục với ánh mắt hiền từ và nói bằng giọng nhẹ nhàng:

– Thưa Cha, xin hãy trò chuyện với anh em của ngài và chấm dứt mối thù hận giữa hai người.

[6108] Vlacherna – một khu vực ở Constantinople nằm ở góc phía tây của thành phố – vào thời Đế chế Byzantine đã nổi tiếng khắp phương Đông nhờ các thánh địa của mình. Nơi đây đặc biệt nổi tiếng với Nhà thờ Đức Mẹ Vlacherna, được xây dựng dưới thời Hoàng đế Lêô Đại đế; vào năm 474, dưới triều đại của ông, những bộ áo thánh của Đức Mẹ Đồng Trinh – được mang về từ Palestine – đã được an táng tại nhà thờ này.

Ngay lập tức, linh mục và phó tế quỳ đối diện nhau, và sau những lời chào hỏi kéo dài, họ đã chấm dứt mối thù hận. Sau khi tha thứ, vị linh mục bước vào nhà thờ và trở về chỗ ngồi của mình, còn Nikita, người của Chúa, cúi đầu chào tại ngưỡng cửa nhà thờ, và ngay lập tức các cánh cửa nhà thờ đóng lại. Sau đó, cùng với phó tế, ông lên đường trở về. Đi được một đoạn đường, thánh Nikita nói với phó tế:

– Anh em Sozont, hãy cứu rỗi linh hồn anh vì chính anh và vì lợi ích của tôi; còn với vị cha đã sai anh đi, hãy nói rằng sự trong sạch của những lời cầu nguyện thánh thiện và lòng tin cậy vào Đức Chúa Trời của ngài có thể làm cho cả người chết sống lại!

Nói xong, vị thánh hạnh phúc bỗng biến mất khỏi tầm mắt của vị phó tế. Vị phó tế này, sau khi cúi đầu thờ lạy tại chính nơi đôi chân của vị thánh nhân kỳ diệu ấy từng đứng, đã trở về gặp vị tu sĩ cao niên – cha linh hướng của mình – với lòng vừa sợ hãi vừa vui mừng, ca ngợi và tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã cho anh được hòa giải với vị linh mục đã qua đời một cách kỳ diệu và thần kỳ, nhờ những lời cầu nguyện của người tôi tớ thầm lặng của Chúa là Nikita Hartularius, người đã làm đẹp lòng Chúa giữa dân chúng và những xáo trộn trần thế.

Lễ kỷ niệm Công đồng Phổ quát Thứ Ba tại Ê-phê-sô

Ngày kỷ niệm: 9 tháng 9

Vào năm thứ 21 triều đại của Hoàng đế Theodosius II, con trai của Arcadius, Công đồng Đại kết Thánh lần thứ ba đã được triệu tập tại Ephesus[6109] với lý do sau đây. Nestorius, người đã không xứng đáng đảm nhận chức vụ Tổng Giám mục Constantinopolis[6110] , đã bắt đầu rao giảng những giáo lý sai lầm, tương tự như những giáo lý của kẻ dị giáo trước đây là Paul của Samosata, cũng như của Diodorus của Tarsus[6111] . Ông ta không ngần ngại khẳng định rằng Đấng Con Một của Đức Chúa Trời là Đức Kitô, Đấng đã nhập thể và trở thành con người vì chúng ta và vì sự cứu rỗi của chúng ta, Đấng từ thuở đời đời được sinh ra từ Đức Chúa Cha mà không có mẹ, nhưng trên đất đã được sinh ra như một con người mà không có cha, – không chỉ có một Ngôi hay một Bản Thể, mà có hai Ngôi khác nhau: một là Thần tính, còn một là Nhân tính. Về Đức Mẹ Vô Nhiễm của Chúa Giêsu Kitô, ngài đã giảng dạy một cách bất kính rằng không nên gọi Mẹ là Đức Mẹ Thiên Chúa, mà phải gọi là Đức Mẹ Sinh Chúa Kitô, không muốn thừa nhận rằng Mẹ thực sự đã sinh ra Thiên Chúa Lời trong xác phàm. Thánh Cyril, Tổng Giám mục Alexandria[6112] , đã viết nhiều thư cho ông, khuyên nhủ ông từ bỏ sự lầm lạc đó, nhưng khi thấy rằng ông không những không nghe theo lời khuyên nhủ của ngài, mà còn củng cố thêm tà thuyết của mình, – ngài đã viết thư cho Thánh Celestine, Giáo hoàng Rôma[6113] , và các Thượng phụ khác, xin họ thuyết phục Nestorius từ bỏ giáo lý sai lầm của mình. Khi ngay cả họ cũng không thể khiến Nestorius, kẻ vô đạo, từ bỏ giáo lý sai lầm của mình, thì các vị Giám mục Chính thống đã gửi đơn thỉnh cầu đến Hoàng đế Theodosius, xin ngài triệu tập Công đồng Toàn cầu. Thiên hoàng Theodosius đã ra lệnh triệu tập Công đồng này tại Ephesus. Tại Công đồng này có sự hiện diện của hai trăm vị Thánh Cha, trong đó những vị nổi tiếng nhất là: Thánh Cyril thành Alexandria, Thánh Juvenal, Memnon thành Ephesus và nhiều vị khác (Thánh Celestine, Giáo hoàng Rôma, không thể đến dự Công đồng vì bệnh tật). Nestorius cũng đã đến Ephesus. Mặc dù các vị Thánh Phụ của Công đồng Ephesus đã ba lần gửi lời mời

---

[6109] Theodosius II hay Theodosius Trẻ – hoàng đế La Mã phương Đông (Byzantine), cháu nội của Theodosius Đại đế, trị vì từ năm 408 đến năm 450 – Công đồng Ecumenical lần thứ III được triệu tập vào năm 431. – Ê-phê-sô – một thành phố thuộc vùng Ionia trên bờ biển phía tây Tiểu Á, ban đầu là trung tâm của các thuộc địa Hy Lạp ở Tiểu Á, và trong thời kỳ thống trị của người La Mã – là thành phố chính của tỉnh Á Châu; nổi tiếng với thương mại sầm uất, khoa học và nghệ thuật, cùng với ngôi đền tráng lệ thờ nữ thần ngoại giáo Diana. Sau đó, Ephesus nhanh chóng suy tàn. Hiện nay, từ thành phố từng nổi tiếng và huy hoàng này chỉ còn lại những đống đổ nát.

[6110] Nestorius là tổng giám mục Constantinopolis từ năm 428 đến năm 431.

[6111] Phaolô Samosata (Samosata – một thành phố cổ ở Syria) – Giám mục Antioch (năm 260), đã giảng dạy về Chúa Giêsu Kitô như một con người đã đạt đến Thần tính và về Thánh Thần như sức mạnh của Thiên Chúa; bị kết án tại Công đồng Antioch năm 269. – Diodorus, Giám mục Tarsus (Tarsus – thành phố chính của Cilicia – tỉnh phía đông nam của Đế quốc La Mã ở Tiểu Á) – là một trong những nhà thần học Kitô giáo nổi tiếng của thế kỷ IV, nổi bật về lòng đạo đức và sự uyên bác. Tuy nhiên, ông thừa nhận sự kết hợp giữa hai bản tính Thần tính và Nhân tính trong Đức Giêsu Kitô chỉ mang tính đạo đức, chứ không phải về bản chất – tức là không hòa trộn và không tách rời – do đó, nhiều người không phải không có lý do khi xem ông là tiền thân trực tiếp của chủ nghĩa Nestorius.

[6112] Cyril thành Alexandria – nhà thần học xuất sắc nhất và uyên bác nhất của Giáo hội Kitô giáo trong thế kỷ V, người đấu tranh cho Chính Thống giáo và vạch trần các tà thuyết khác nhau, đặc biệt là chủ nghĩa Nestorian; ông để lại rất nhiều tác phẩm; qua đời năm 444.

[6113] Thánh Celestine I – Giáo hoàng từ năm 422 đến năm 432.

ông đến tham dự Công đồng, nhưng ông đều kiên quyết từ chối. Lúc đó, các vị Thánh Phụ quyết định bắt đầu các phiên họp Công đồng mà không có ông. Sau khi lên án Nestorius và giáo lý sai lầm của ông, các vị đã long trọng khẳng định giáo lý chính thống rằng chúng ta phải tuyên xưng trong Chúa Giêsu Kitô của chúng ta một Ngôi Vị và hai bản tính, đồng thời tôn vinh Mẹ Ngài là Đấng Trinh Nữ Vĩnh Cửu và Mẹ Thiên Chúa đích thực. Để vạch trần sự gian ác của Nestorius một cách rõ ràng hơn nữa, các vị thánh phụ của công đồng này đã phê chuẩn và trao cho Giáo Hội Thánh tác phẩm của Thánh Cyril thành Alexandria, có tên là "Mười hai lời nguyền rủa chống lại Nestorius".

Lễ kính Thánh Giuse Volokolamsk

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 9

Thánh Giuse xuất thân từ vùng lân cận thành phố Voloka Lamskaya[6114] . Ông cố của ngài có nguồn gốc từ Litva, còn cha mẹ ngài tên là Gioan và Marina[6115] . Khi mới bảy tuổi, ngài đã được gửi đi học[6116] và rất nhanh chóng đã thông thạo Kinh Thánh. Anh thường thích đến nhà thờ của Chúa và, tách biệt khỏi những người cùng lứa tuổi, dồn hết tâm trí vào việc làm đẹp lòng Chúa. Bỏ qua những lo toan trần tục, ngài lui về Borovsk[6117] , vào tu viện của Thánh Paphnutius, người đã truyền giới tu sĩ cho ngài[6118] . Ngài luôn sống trong sự kiêng khem và cầu nguyện, và là một tu sĩ tài giỏi, vâng lời mọi điều của vị thầy tâm linh của mình. Sau một thời gian, ngài đón cha ruột của mình – người cũng đã xuất gia – về sống cùng tại tu viện đó, và ngài đã phụng sự cũng như chăm sóc cha cho đến khi cha qua đời. Ngài đã sống trong sự vâng phục Thánh Paphnutius suốt mười tám năm. Sau khi vị thầy và người hướng dẫn của ngài qua đời, ngài được bổ nhiệm làm vị trụ trì của tu viện đó, và ngài đã điều hành tu viện này trong khoảng hai năm. Sau đó, ông cùng một số tu sĩ rút lui vào khu rừng bao quanh thành phố Volok Lamsky và xây dựng một tu viện tại đó, trong đó ông đã dựng lên một nhà thờ bằng đá để tôn vinh Lễ Lên Trời của Đức Mẹ[6119] . Ông đã quy tụ được nhiều tu sĩ và thiết lập một chế độ sinh hoạt cộng đồng vô cùng nghiêm ngặt. Bản thân ông ăn mặc như một người ăn xin, đến nỗi không ai có thể nhận ra ông là vị tu viện trưởng. Ngài đã nhiệt thành chống lại tà thuyết "những người theo Do Thái giáo"[6120] và viết một cuốn sách để vạch trần tà thuyết đó. Ngoài ra, ngài còn soạn thảo nội quy cho tu viện của mình. Trong thời kỳ đói kém, tu viện của ngài đã cung cấp lương thực cho nhiều người nghèo. Thánh nhân đã an nghỉ vào ngày 9 tháng 9, năm thứ 7094 kể từ khi thế giới được tạo dựng[6121] , dưới triều đại của Đại công tước Vasili Ioannovich, sau khi sống trọn vẹn bảy mươi lăm năm; thi hài thánh của ngài được an táng gần bàn thờ chính của nhà thờ chính tòa thuộc tu viện của ngài[6122] .

[6114] "Volok Lamsky", còn được gọi đơn giản là "Volok", tức là thành phố quận Volokolamsk thuộc tỉnh Moscow ngày nay, ban đầu được thành lập bởi những người định cư từ Novgorod bên bờ sông Gorodenka, một nhánh của sông Lama, và đã tồn tại từ năm 1135. Vào thời cổ đại, Volok Lamsky rất rộng lớn, đông dân và giàu có.

[6115] Thánh Giuse, tên thế tục là Ivan Sanin, sinh năm 1439 hoặc 1440.

[6116] Thánh Giuse đã học chữ tại Tu viện Vozdvizhensky.

[6117] Borovsk – hiện là thị trấn cấp huyện thuộc tỉnh Kaluga – nằm trên bờ phải của một khúc cong dốc của sông Protva, cách Moscow 80 verst và cách Kaluga khoảng cách tương tự. Thị trấn này tồn tại từ thế kỷ XIII và được đặt tên theo những khu rừng thông rộng lớn (borov) bao quanh nó cho đến ngày nay.

[6118] Đó là vào khoảng năm 1459.

[6119] Đó là vào khoảng năm 1479.

[6120] Tà giáo của những người "theo Do Thái giáo" nảy sinh vào nửa sau thế kỷ XV tại Novgorod, nơi người Do Thái ngoại tỉnh tên là Skhariya là người truyền bá nó, và từ đó lan sang Moscow, trở nên phổ biến rộng rãi và đe dọa Giáo hội Chính thống bằng những cuộc hỗn loạn lớn. Người đấu tranh xuất sắc và nhiệt huyết nhất chống lại tà giáo này chính là Thánh Giuse Volokolamsk, người đã viết tác phẩm được gọi là "Người soi sáng" để chống lại họ – một tác phẩm gồm 16 quyển, vạch trần chi tiết những giáo lý sai lầm của họ. Tà giáo "những người theo Do Thái giáo" đã vay mượn nhiều điều từ Do Thái giáo, từ đó mà có tên gọi của mình; "những người theo Do Thái giáo" phủ nhận sự Nhập Thể và Thần Tính của Chúa Giêsu Kitô; phủ nhận đời sống tu hành và hệ thống phẩm trật thiêng liêng, các bí tích, việc tôn kính các thánh và các bức tượng thánh, phủ nhận cuộc sống sau khi chết, v.v. Công đồng năm 1504 đã tuyên bố những kẻ dị giáo bị nguyền rủa, kết án một số kẻ dị giáo phải bị thiêu sống và chấm dứt sự lan truyền của dị giáo.

[6121] Kể từ Lễ Giáng sinh năm 1515

[6122] Xác thánh của Thánh Giuse Volokolamsk hiện đang được an táng tại tu viện của ngài.

Lễ tưởng niệm Thánh Theophanes, người ăn chay và người làm chứng cho đức tin

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 9

Cha mẹ của Thánh Theophanes là những người ngoại đạo, nhưng ngài đã quy y Đức Kitô ngay từ thuở ấu thơ. Khi còn là một đứa trẻ sơ sinh, ngài đã nhìn thấy một đứa trẻ khác đang chết vì lạnh; ngài thương xót đứa trẻ đó, cởi áo của mình ra và mặc cho nó. Khi ngài trở về nhà sau đó, cha mẹ ngài hỏi: "Con ơi, áo của con đâu rồi?"

Cậu trả lời:

– Con đã mặc quần áo đó cho Chúa Kitô.

Cha cậu hỏi:

– Chúa Kitô là ai? Chúng ta tôn kính thần Mercury và thần Apollo.

Sau đó, cậu bé rời xa cha mẹ. Thiên thần của Chúa đã đưa cậu lên núi Diavis, nơi Người giao phó cậu cho một vị tu sĩ đã sống đời tu hành suốt bảy mươi lăm năm. Vị tu sĩ già đã đón nhận cậu thiếu niên và bắt đầu dạy cậu về đời sống tu hành và các sách thánh. Cả hai đều được Thiên Thần nuôi dưỡng. Năm năm sau đó, vị tu sĩ già qua đời. Sau khi ông qua đời, cậu thiếu niên sống trong hang động, tiếp tục đời sống tu hành trong 58 năm. Sau đó, nhận được lệnh từ Thiên Thần của Chúa, cậu ra khỏi hang động, cưỡi lên lưng sư tử và đi qua sáu mươi vùng đất, rao giảng đức tin vào Chúa Kitô. Các vị vua Kar, Karin và Numerian[6123] đã ra lệnh bắt giữ và đánh đập cậu: vị thánh đã phải chịu một trăm nhát đánh vào cổ, sau đó còn phải chịu thêm nhiều cực hình khác. Khi những kẻ tra tấn thấy ngài thực hiện biết bao phép lạ, và có vô số người đến với ngài để nhận phép rửa thánh, họ cảm thấy xấu hổ vì sự bất lực của mình và đã thả ngài ra một cách hòa bình. Ngài trở về hang động của mình và, sau khi sống ở đó thêm mười bảy năm trong sự ăn chay nghiêm ngặt, ngài đã về với Chúa[6124] .

Ngày 23 tháng 9

Ngày 10 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của các thánh nữ tử đạo Minodora, Mitrodora và Nymphodora

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 9

Ba trinh nữ – Minodora, Mitrodora và Nymphodora – đã dâng chính bản thân mình làm của lễ cho Chúa Ba Ngôi. Có những người dâng của lễ cho Chúa từ tài sản của mình – giống như xưa kia ba vị vua phương Đông đã dâng cho Ngài vàng, nhũ hương và mộc dược[6125] (xem Mt 2:11); còn các trinh nữ thánh thì dâng lên Thiên Chúa những lễ vật từ kho tàng nội tâm của mình. Họ đã dâng lên Ngài linh hồn mình thay vì vàng, những linh hồn được chuộc không phải bằng vàng hư nát, mà bằng máu thánh khiết của Chiên Con vô tì vết[6126] (xem 1 Phê-rô 1:19); thay vì nhũ hương, họ dâng lên lương tâm trong sạch, cùng nói với vị Tông đồ: *"Vì chúng ta là hương thơm của Đấng Christ"*[6127] (2 Cô-rinh-tô 2:15); thay vì nhũ hương, họ dâng lên Chúa chính thân thể mình, hiến dâng nó

[6123] Carus, Numerian và Carinus là các hoàng đế La Mã trị vì liên tiếp: Carus từ năm 282 đến năm 283, còn Numerian và Carinus, hai con trai của Carus, cùng trị vì từ năm 283 đến năm 284.

[6124] Thánh Theophanes qua đời vào khoảng năm 300.

[6125] Các nhà chiêm tinh xuất thân từ Ba Tư và thuộc tầng lớp danh giá của những người khôn ngoan và học giả. Theo truyền thuyết, họ là những thủ lĩnh dân gian và vì thế ở đây được gọi là các vị vua.

[6126] Sứ đồ so sánh tình trạng của con người trước khi họ được dẫn dắt đến với Chúa Kitô với tình trạng nô lệ. Người ta có thể được giải thoát khỏi chế độ nô lệ bằng cách chuộc; còn khỏi chế độ nô lệ của tội lỗi và cuộc sống hư vô, chính máu của Chúa Kitô vô tội, Đấng được gọi là Chiên Con trong Kinh Thánh, đã chuộc chúng ta.

[6127] Sự hiểu biết về Chúa Giê-su Ki-tô, được truyền bá khắp thế gian qua việc rao giảng về Ngài, Thánh Phao-lô so sánh rằng: Cũng như trong Cựu Ước, các vật thánh và các thừa tác viên của Đền Tạm, được xức dầu bằng dầu thánh, đã lan tỏa hương thơm xung quanh mình, thì trong Tân Ước, các Tông đồ, như thể là những bình đựng dầu thơm quý giá nhất – sự hiểu biết về Đấng Kitô – đã tràn đầy hương thơm và, khi rao giảng về Đấng Kitô, đã lan tỏa hương thơm ấy khắp nơi.

ngay từ khi còn trong sự trinh khiết để chịu thương tích vì Đấng Christ. Các trinh nữ thánh thiện đã vững tin rằng Chúa không đòi hỏi của cải tạm bợ của chúng ta, mà là chính bản thân chúng ta, như Đavít đã từng nói: *"Ngài là Chúa của con; Ngài không cần những của cải của con"* (Thánh Vịnh 15:2). Vì thế, họ đã dâng chính bản thân mình làm của lễ cho Thiên Chúa, điều này được thể hiện rõ ràng qua cuộc đời thánh thiện và những đau khổ can đảm của họ.

Các trinh nữ thánh sinh ra tại Bithynia[6128] . Là chị em ruột thịt, họ cũng trở thành chị em về tinh thần: bởi vì họ đã nhất trí chọn cách phụng sự Thiên Chúa hơn là trở thành nô lệ của thế gian và mọi sự hư ảo của nó. Với mong muốn giữ cho cả linh hồn lẫn thân xác không bị ô uế, và trong sự trong sạch hoàn hảo được kết hợp với Chàng Rể thanh khiết của mình, là Chúa Kitô, các trinh nữ thánh đã đáp lại lời kêu gọi của Ngài: *"Vì thế, hãy ra khỏi giữa họ và tách biệt ra, Chúa phán, và đừng chạm vào những gì ô uế; thì Ta sẽ đón nhận các con"* (2 Cô-rinh-tô 6:17). Yêu mến sự trong sạch của trinh nữ hơn tất cả và biết rõ sự khó khăn trong việc giữ gìn sự trong sạch ấy giữa một dân tộc dễ sa vào tà dâm và tội lỗi không ngừng, các trinh nữ thánh đã rời bỏ xã hội loài người và, tách mình khỏi cả thế gian, định cư tại một nơi hẻo lánh. Cũng giống như nước sông chảy ra biển, ngay khi hòa vào nước biển, lập tức mất đi vị ngọt và trở nên mặn – thì sự trong sạch của tâm hồn, khi ở giữa thế gian, không thể không bị lây nhiễm bởi sự ham mê dục vọng của nó. Cũng vậy, con gái của Gia-cốp, Đina, đã giữ được sự trong trắng của mình cho đến khi cô đến thành phố ngoại giáo Si-chem; nhưng ngay khi cô làm quen với các cô gái sống trong thành phố đó và giao du với họ, cô lập tức đánh mất sự trinh trắng của mình[6129] . Thế gian này với ba người con gái của nó – dục vọng xác thịt, dục vọng mắt và kiêu ngạo đời thường[6130] (xem 1 Giăng 2:16) – chính là Si-chem ấy, và không quan tâm đến điều gì khác ngoài việc gây hại cho những ai yêu mến nó; cũng như nhựa cây làm đen những ai chạm vào nó, thế gian cũng làm cho những người tôn kính nó trở nên ô uế và không trong sạch. Vì thế, phước cho ai tránh xa thế gian để không bị vấy bẩn bởi sự ô uế của nó; phước cho ba trinh nữ này, những người đã chạy trốn khỏi thế gian và những con gái xấu xa của nó. Những ô uế trần gian không làm vấy bẩn các trinh nữ thánh thiện, và họ vẫn giữ được sự trong sạch như những con bồ câu trắng, bay lượn trên đôi cánh của đức hạnh và sự chiêm ngưỡng Thiên Chúa qua các ngọn núi và sa mạc, khao khát tìm thấy nơi nương náu, như trong tổ chim, trong tình yêu Thiên Chúa. Như vậy, đối với các ẩn sĩ sống ngoài thế gian phù du, chỉ có một khát vọng duy nhất và không ngừng nghỉ hướng về Thiên Chúa.

Để làm nơi cư ngụ, các trinh nữ thánh đã chọn một ngọn đồi cao và hoang vắng, nằm cách hai dặm[6131] từ các suối nước ấm ở Piphia[6132] . Sau khi định cư tại đây, họ đã tìm thấy một nơi nương náu yên tĩnh và sự bình an vững chắc, và dành cả cuộc đời mình cho việc ăn chay và cầu nguyện không ngừng. Các trinh nữ thánh đã che giấu sự trong trắng trinh nguyên của mình khỏi ánh mắt của con người trong sa mạc và dâng sự trong trắng ấy lên ngọn đồi cao, để các Thiên thần có thể chiêm ngưỡng; họ leo lên đỉnh cao nhất của ngọn núi, để, sau khi rũ bỏ bụi trần, có thể đến gần thiên đàng hơn. Có thể đánh giá cuộc sống đạo đức của các ngài qua chính nơi các ngài cư ngụ. Vì sa mạc có ý nghĩa gì, nếu không phải là sự từ bỏ mọi thứ và sự ẩn dật? Ngọn đồi cao chứng tỏ điều gì, nếu không phải là sự suy ngẫm về Thiên Chúa? Nước ấm nơi các trinh nữ thánh cư ngụ tượng trưng cho điều gì, nếu không phải là lòng nồng ấm của các ngài dành cho Thiên Chúa? Giống như dân Y-sơ-ra-ên, sau khi thoát khỏi ách nô lệ ở Ai Cập, đã phải băng qua sa mạc[6133] ; các trinh nữ thánh thiện, sau khi rời bỏ thế gian, cũng đã yêu mến cuộc sống ẩn dật. Giống như Môi-se, khi leo lên núi, đã được chiêm ngưỡng Đức Chúa Trời (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 34:4, 6); thì các trinh nữ thánh thiện ấy, khi cư ngụ trên ngọn đồi cao và ngước mắt lên hướng về Chúa, cũng đã chiêm ngưỡng Ngài một cách rõ ràng bằng ánh mắt tâm linh. Cũng như trong sa mạc, nước đã tuôn trào từ tảng đá khi bị đánh bằng cây gậy (Sách Dân Số 20:2–11); thì từ những cú đập khiêm nhường vào ngực, những dòng nước mắt đã tuôn

---

[6128] Viphinia lúc bấy giờ là tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á; tỉnh này nằm dọc theo bờ Biển Đen, eo biển Bosphorus và eo biển Constantinople.

[6129] Đina được nhắc đến trong Sách Sáng Thế Ký (Sáng Thế Ký 30:21, 34:1, 48:15). Trong thời gian Gia-cốp ở xứ Si-chem, Đina vì tò mò đã đi xem các thiếu nữ nơi đó. Lúc đó, con trai của vua Si-chem, bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của cô, đã tự ý bắt cóc cô, đưa về nhà mình và làm nhục cô.

[6130] Sứ đồ khuyên nhủ các tín hữu đừng yêu thế gian và đừng gắn bó với nó. Trong thế gian có ba dục vọng đang chi phối – dục vọng xác thịt, dục vọng mắt và dục vọng trí óc, hay còn gọi là kiêu ngạo trần tục.

[6131] Hai chặng đường – khoảng 3 km.

[6132] Đó là tên gọi của một vùng đất gần thành phố Nicomedia. Sau này, tại đây, Hoàng đế Justinian (527–565) đã xây dựng một cung điện, một bệnh viện và một nhà thờ mang tên Tổng lãnh thiên thần Michael.

[6133] Câu chuyện về cuộc hành trình của dân Do Thái qua sa mạc Ả Rập được ghi lại trong Sách Dân Số 11:21.

trào từ đôi mắt các trinh nữ thánh thiện. Và những giọt nước mắt nồng nàn ấy có sức mạnh mà ngay cả những suối nước ấm cũng không có: nước chỉ có thể rửa sạch sự ô uế của thân xác, còn nước mắt thì thanh tẩy những tật xấu của tâm hồn và làm cho tâm hồn trở nên trắng hơn cả tuyết. Nhưng còn gì để thanh tẩy bằng nước mắt ở những người đã thanh tẩy chính mình khỏi mọi sự ô uế, cả về thể xác lẫn tâm hồn (1 Cô-rinh-tô 7:1), và sống trên đất như các Thiên thần? Nếu trong lòng ai đó có thể nảy sinh nước mắt khi nhớ lại vô số tội lỗi, thì ở những trinh nữ tinh khiết này, nước mắt chỉ tuôn trào từ tình yêu dành cho Thiên Chúa. Bởi vì nơi nào tình yêu dành cho Thiên Chúa bùng cháy như ngọn lửa rực rỡ, thì ở đó không thể thiếu những dòng nước mắt. Sức mạnh của ngọn lửa ấy lớn đến nỗi, khi nó bùng cháy như trong lò lửa trong lòng ai đó, thì ngọn lửa càng lan rộng, sương nước càng dâng cao: vì tình yêu càng lớn, sự cảm động càng sâu sắc. Nước mắt sinh ra từ tình yêu: chính vì thế mà khi Đức Kitô rơi lệ trước xác chết của Lazarô, người ta đã nói: *"Hãy xem, Ngài yêu thương anh ấy biết bao!*" (Ga 11,36). Các trinh nữ thánh đã khóc khi dâng lời cầu nguyện và suy gẫm về Thiên Chúa: vì họ yêu mến Chúa của mình và khao khát được no nê trong việc chiêm ngưỡng Ngài; với những giọt nước mắt, họ mong chờ giây phút được gặp gỡ Chàng Rể Thiên Đàng yêu dấu. Mỗi người trong số họ đều lặp lại lời của Đa-vít: *"Khi tôi đến và hiện diện trước mặt Đức Chúa Trời, nước mắt tôi là bánh của tôi cả ngày lẫn đêm"* (Thi Thiên 41:3–4)[6134] . Cả ngày lẫn đêm, chúng tôi khóc than vì điều này, các trinh nữ thánh nói, rằng thời khắc ấy vẫn chưa đến, khi chúng tôi được hiện diện trước mặt Chàng Rể Ngọt Ngào nhất của chúng tôi là Chúa Giê-su Ki-tô, và chúng tôi khao khát được no nê trong việc chiêm ngưỡng Ngài, cũng như con nai khát khao suối nước (Thánh Vịnh 41:1).

Nhưng *"thành phố nằm trên đỉnh núi không thể ẩn mình được"* (Mt 5:14)[6135] ; cũng vậy, các trinh nữ thánh, dù đã hoàn toàn tách mình khỏi thế gian nhờ lối sống đặc biệt của mình, vẫn được chính Thiên Chúa tỏ ra cho mọi người. Những phép lạ chữa lành cho người bệnh, xảy ra nhờ lời cầu nguyện của các trinh nữ thánh, như những tiếng kèn vang dội, đã lan truyền tin tức về họ khắp cả nước. Lúc bấy giờ, vua Maximian độc ác đang trị vì, còn vùng Bithynia do công tước Fronton cai quản. Nghe tin về các trinh nữ thánh, công tước ra lệnh bắt giữ họ và đưa đến trước mặt mình. Những con chiên của Chúa Kitô, những người mà ngay cả thú dữ trong hoang mạc cũng không thể gây hại, đã bị những kẻ giống thú và có bản tính thú dữ bắt giữ và dẫn đến trước mặt kẻ tra tấn. Giống như ba Thiên thần, ba trinh nữ ấy đã đứng trước tòa án của những kẻ vô đạo. Họ lẽ ra phải đứng trước chính Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi, chứ không phải trước những con người tội lỗi, những kẻ thậm chí không xứng đáng ngước nhìn khuôn mặt của các trinh nữ thánh thiện, vốn rạng ngời vẻ đẹp thiên thần và ân sủng của Chúa Thánh Thần. Chính người tra tấn cũng ngạc nhiên không hiểu làm sao một vẻ đẹp như vậy – thứ mà ông chưa từng thấy ngay cả trong các cung điện hoàng gia – lại có thể được giữ gìn trong sa mạc. Bởi vì, mặc dù thân thể các trinh nữ thánh đã hoàn toàn kiệt sức vì ăn chay và nhiều công đức, nhưng khuôn mặt của họ không những không mất đi vẻ đẹp trinh nguyên, mà còn rạng rỡ hơn bao giờ hết. Nơi nào trái tim tràn đầy niềm vui và sự hân hoan thiêng liêng, thì vẻ đẹp trên khuôn mặt không thể phai tàn: "Trái tim vui vẻ," như Kinh Thánh đã chép, "làm cho khuôn mặt rạng rỡ" (Châm Ngôn 15:13). Trong sự tiết chế cũng có điều gì đó, thay vì gây kiệt sức, lại ban cho khuôn mặt con người vẻ đẹp; như xưa kia Đa-ni-ên cùng ba thiếu niên đi theo ngài, dù sống trong sự ăn chay và tiết chế, nhưng vẫn nổi bật hơn tất cả các thiếu niên trong cung đình nhờ vẻ đẹp của mình (Đa-ni-ên 1:5–16). Điều tương tự cũng xảy ra với các trinh nữ thánh thiện, và vẻ đẹp của những bông hoa sa mạc này, những con gái của Đức Chúa Trời, vượt trội hơn mọi vẻ đẹp của các con gái trần gian, là điều không thể thấu hiểu đối với trí óc con người.

Trước hết, hoàng tử hỏi các trinh nữ thánh tên là gì và họ đến từ đâu.

Họ trả lời rằng, nhân danh Chúa Kitô, họ được gọi là các Kitô hữu, và trong lễ rửa tội thánh, họ đã được đặt tên là Minodora, Mitrodora và Nymphodora; rằng họ là chị em ruột và sinh ra tại chính xứ Bithynia này.

Hoàng tử tiếp tục lời nói của mình và, với hy vọng dùng những lời ngọt ngào để lôi kéo các trinh nữ thánh vào con đường tội lỗi của mình, ông nói với họ:

– Hỡi các trinh nữ xinh đẹp! Các vị thần vĩ đại của chúng ta đã yêu mến các con và ban cho các con vẻ đẹp như thế này; họ sẵn sàng ban cho các con cả sự giàu có lớn lao nữa, chỉ cần các con tôn vinh họ, cùng chúng ta thờ lạy họ và dâng lễ vật cho họ; còn ta sẽ ca ngợi các con trước mặt nhà vua. Và khi nhà vua nhìn thấy các nàng, ngài

---

[6134] Tức là, những giọt nước mắt của tôi đã trở thành như thức ăn thường xuyên của tôi. Xem Thi Thiên 41:3–4.

[6135] Lời của Đấng Cứu Thế, Ngài đã phán với các Tông đồ (Ma-thi-ơ 5:14). Điều này có nghĩa là linh hồn được trang điểm bằng các đức tính, đã đến gần Đức Chúa Trời, không thể ẩn mình khỏi đôi mắt quan sát kỹ lưỡng.

sẽ yêu mến và ban tặng cho các nàng nhiều ân huệ, gả các nàng cho những quan đại thần, và các nàng, hơn cả những người vợ khác, sẽ được hưởng vinh dự, danh tiếng và của cải.

Lúc đó, người chị cả, Minodora, nói:

– Đức Chúa Trời đã tạo dựng chúng ta theo hình ảnh và sự giống như Ngài; chúng ta thờ phượng Ngài, còn những vị thần khác thì chúng ta không muốn nghe đến; còn những món quà và vinh dự của các ngươi thì đối với chúng ta cũng chẳng khác gì rác rưởi bị người ta giẫm đạp dưới chân. Ngươi hứa với chúng ta những người đàn ông cao quý từ vua của ngươi, nhưng ai có thể tốt hơn Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, Đấng mà chúng ta đã hiến dâng mình với lòng tin? Chúng tôi đã kết hôn trong sự trong sạch với Ngài, đã gắn bó với Ngài bằng cả tâm hồn, đã kết hợp với Ngài trong tình yêu; Ngài là danh dự, vinh quang và sự giàu có của chúng tôi, và không ai, không chỉ riêng ngươi và vua của ngươi, mà cả thế giới này cũng không thể chia rẽ chúng tôi.

Mitrodora, người chị thứ hai, đã nói:

– *"Con người được lợi gì nếu chiếm được cả thế gian mà lại làm tổn hại linh hồn mình?"* (Mt 16:26). Thế giới này đối với chúng ta có nghĩa lý gì so với Chàng Rể yêu dấu và Chúa của chúng ta? Nó cũng giống như bùn so với vàng, bóng tối so với mặt trời, mật đắng so với mật ong. Lẽ nào vì thế giới hư ảo này mà chúng ta lại phản bội Chúa trong tình yêu và hủy hoại linh hồn mình? Không bao giờ!

– Các ngươi nói nhiều quá, – tên tra tấn nói, – bởi vì các ngươi chưa từng chứng kiến những cực hình, chưa từng chịu những vết thương; nếu không, các ngươi sẽ nói khác đi khi đã trải qua chúng.

– Ngươi thực sự nghĩ rằng – cô em út, Nymphodora, đáp lại một cách dũng cảm – có thể dọa nạt chúng ta bằng những cực hình và những vết thương tàn bạo sao? Hãy tập hợp lại đây tất cả các dụng cụ tra tấn từ khắp vũ trụ, gươm, cọc, móng vuốt sắt; hãy triệu tập tất cả những kẻ tra tấn từ khắp nơi trên thế gian, kết hợp mọi hình thức tra tấn lại với nhau và giao thân thể yếu đuối của chúng tôi cho chúng; anh sẽ thấy rằng thà tất cả những dụng cụ tra tấn đó bị nghiền nát, tay của tất cả những kẻ tra tấn mỏi mệt và mọi hình thức tra tấn của anh cạn kiệt, còn hơn là chúng tôi từ bỏ Chúa Kitô của chúng tôi: những đau khổ cay đắng vì Ngài đối với chúng tôi sẽ là thiên đàng ngọt ngào, còn cái chết tạm thời – là sự sống vĩnh cửu.

Nhưng vị hoàng tử vẫn tiếp tục thuyết phục họ.

– Ta khuyên các con, – ông nói, – với tư cách là một người cha: hãy nghe lời ta, các con ơi, và dâng lễ vật lên các vị thần của chúng ta. Các con là chị em ruột thịt: các con đâu muốn nhìn thấy nhau trong sự nhục nhã, ô nhục và đau đớn, đâu muốn thấy vẻ đẹp của các con tàn phai. Lời ta nói có phải là sự thật không? Lời ta nói chẳng phải là vì lợi ích của các con sao? Thật sự, ta đang đưa ra lời khuyên của người cha dành cho các con, bởi vì ta không muốn thấy các con bị lột trần, bị đánh đập, bị hành hạ và bị xé thành từng mảnh. Hãy làm theo ý muốn của ta, để các con không chỉ được lòng ta mà còn được lòng nhà vua, và khi đã nhận được mọi điều tốt lành, các con sẽ sống trọn đời trong hạnh phúc. Nếu các con không nghe lời ta ngay bây giờ, thì ngay lập tức các con sẽ phải chịu những cực hình cay đắng và những căn bệnh nặng nề, và vẻ đẹp của các con sẽ tan biến.

– Thưa Thẩm phán! – Minodora nói, – chúng tôi không ưa những lời nịnh hót của ngài, và những lời đe dọa của ngài cũng không làm chúng tôi sợ hãi: chúng tôi biết rằng cùng ngài tận hưởng sự giàu có, vinh quang và mọi thú vui tạm thời – cũng giống như tự chuốc lấy nỗi đau khổ vĩnh viễn trong địa ngục; còn chịu đựng những đau khổ tạm thời vì Chúa Kitô – có nghĩa là xứng đáng nhận được niềm vui vĩnh cửu trên thiên đàng. Sự thịnh vượng mà ngài hứa hẹn với chúng tôi là vô thường; những cực hình, mà ngài đe dọa chúng tôi, chỉ là tạm thời; còn những cực hình mà Chúa của chúng tôi dành cho những ai ghét Ngài thì vĩnh cửu, và vô vàn ân sủng mà Ngài dành cho những ai yêu mến Ngài là vô tận. Chúng tôi không mong muốn những ân huệ thoáng qua của các ngài và cũng không sợ những cực hình tạm thời của các ngài; chúng tôi sợ hãi những cực hình địa ngục và khao khát những ân huệ thiên đàng, bởi vì chúng là vĩnh cửu. Nhưng điều quan trọng nhất là – vì chúng tôi yêu mến Đức Kitô, Chàng Rể của chúng tôi, nên chúng tôi đồng lòng mong muốn chết vì Ngài, và chết cùng nhau, để cho thấy rằng chúng tôi là những người chị em với nhau về tinh thần còn hơn cả về thể xác. Như một tử cung đã sinh ra chúng ta vào thế gian này, thì xin cho một cái chết cũng đưa chúng ta ra khỏi thế gian này, xin cho một cung điện của Đấng Cứu Thế đón nhận chúng ta và chúng ta sẽ ở đó mãi mãi.

Sau những lời ấy, bà ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng con! Chúng con không chối bỏ Ngài trước mặt mọi người, xin Ngài cũng đừng chối bỏ chúng con trước mặt Cha Thiên Thượng của Ngài.

Và một lần nữa, quay sang người tra tấn, bà bắt đầu nói:

– Hãy tra tấn chúng con đi, ngài quan tòa! Hãy gây thương tích cho thân thể mà ngài cho là xinh đẹp; đối với thân thể chúng con, không có gì có thể là trang sức tốt hơn – dù là vàng, ngọc trai hay y phục quý giá – so với những vết thương vì Đấng Kitô của chúng con, những vết thương mà chúng con đã mong muốn nhận lấy từ lâu.

– Ngươi là người lớn tuổi nhất và khôn ngoan nhất, – vị hoàng tử nói với nàng, – và lẽ ra ngươi phải dạy dỗ những người khác tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và của chúng ta; thế mà chính ngươi lại không nghe theo và còn lôi kéo họ sa ngã. Ta khẩn cầu ngươi: hãy nghe lời ta, hãy làm theo những gì ta ra lệnh, hãy thờ lạy các vị thần, để các chị em ngươi, noi gương ngươi, cũng làm như vậy.

– Ngài đang phí công, thưa hoàng tử, – vị thánh nữ đáp lại, – ngài đang cố gắng vô ích để tách chúng tôi khỏi Chúa Kitô và lôi kéo chúng tôi thờ lạy những thần tượng mà các ngài gọi là các vị thần. Cả tôi lẫn các chị em tôi đều sẽ không làm điều đó: vì chúng tôi chỉ có một linh hồn, một ý nghĩ, một trái tim yêu mến Chúa Kitô. Vì vậy, tôi khuyên ngài đừng tốn lời nữa, mà hãy thử thách chúng tôi bằng hành động thực tế: hãy đánh đập, chém, thiêu đốt, xé nát chúng tôi thành từng mảnh; lúc đó ngài sẽ thấy liệu chúng tôi có tuân theo mệnh lệnh vô thần của ngài hay không. Chúng tôi thuộc về Chúa Kitô, và sẵn sàng chết vì Ngài.

Sau khi nghe những lời đó, Công tước Fronton nổi giận và trút hết cơn thịnh nộ lên Minodora. Ông ra lệnh đưa hai người em gái đi, rồi ra lệnh lột trần Minodora và đánh đập cô. Bốn tên đao phủ bắt đầu đánh thánh nữ, trong khi đó, người tuyên bố lớn tiếng: "Hãy tôn vinh các vị thần và ca ngợi nhà vua, đừng xúc phạm luật pháp của chúng ta."

Họ đã đánh thánh Minodora trong hai giờ. Cuối cùng, kẻ tra tấn nói với cô:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần đi.

– Tôi chẳng làm gì khác cả, – vị thánh tử đạo đáp, – ngoài việc dâng lễ vật. Chẳng lẽ ngươi không thấy rằng tôi đã hiến dâng cả bản thân mình làm lễ vật cho Đức Chúa Trời của tôi sao?

Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh cho các đầy tớ đánh Thánh Minodora còn dữ dội hơn nữa. Họ đánh đập khắp thân thể bà một cách tàn nhẫn, làm nát các khớp xương, gãy xương và nghiền nát thân thể. Nhưng vị thánh nữ, tràn đầy tình yêu nồng cháy và khát khao hướng về Chàng Rể bất tử của mình, đã dũng cảm chịu đựng những cực hình, như thể không cảm thấy đau đớn.

Cuối cùng, bà thốt lên từ tận đáy lòng:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, niềm vui của con và tình yêu của lòng con, con chạy đến cùng Ngài; niềm hy vọng của con, con khẩn cầu Ngài: xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an.

Với lời cầu nguyện ấy, vị thánh đã trút hơi thở cuối cùng và về với Chàng Rể yêu dấu của mình, thay vì những món trang sức quý giá, toàn thân bà phủ đầy vết thương.

Bốn ngày sau, kẻ tra tấn triệu tập Mitrodora và Nymphodora ra tòa và ra lệnh mang thi thể người chị cả của họ đến đặt dưới chân hai người. Thi thể trong sạch của Thánh Minodora nằm trần truồng, không có bất kỳ tấm vải che nào; từ chân đến đầu đều đầy vết thương, tất cả các khớp xương đều bị nghiền nát. Cảnh tượng đó đã khơi dậy lòng thương xót sâu sắc trong lòng mọi người. Kẻ tra tấn dường như muốn nói với hai thiếu nữ: "Các con thấy rồi đó, chị các con đã ra sao, các con cũng sẽ ra như vậy"; hắn hy vọng rằng, khi nhìn thấy thi thể chị gái mình bị tra tấn dã man đến thế, hai thiếu nữ sẽ khiếp sợ và tuân theo ý muốn của hắn. Tất cả những người có mặt, khi nhìn thi thể chết chóc bị xé nát, không thể kìm nén được lòng thương xót tự nhiên và không giấu được những giọt nước mắt của mình: chỉ có tên tra tấn là cứng rắn như đá, và càng trở nên tàn nhẫn hơn. Mặc dù bản năng tự nhiên và tình yêu dành cho em gái đã khiến các trinh nữ thánh Mitrodora và Nymphodora muốn khóc, nhưng tình yêu còn lớn lao hơn dành cho Chúa Kitô đã ngăn cản họ khóc. Họ có niềm hy vọng vững chắc rằng chị gái mình đang tận hưởng niềm vui trong cung điện của Chú Rể và đang chờ đợi rằng họ, cũng được trang điểm bằng những vết thương tương tự, sẽ vội vã đến trước mặt Chúa, Đấng được mọi người khao khát. Vì vậy, khi nhìn vào thi thể thánh thiện nằm trước mặt, họ đã nói:

– Chúc tụng chị, chị em và mẹ của chúng con: chị đã được ban vương miện tử đạo và bước vào cung điện của Chàng Rể chị. Xin hãy cầu nguyện cùng Chúa Tối Cao, Đấng mà chị đang chiêm ngưỡng, để Ngài ngay lúc này ra lệnh cho chúng con được đến với Ngài theo con đường của chị, ban cho chúng con ân sủng được thờ lạy Ngài, Đức Chúa Trời Vĩ Đại, được tận hưởng tình yêu của Ngài và niềm vui vĩnh cửu cùng Ngài. Còn các ngươi, những kẻ hành hạ, tại sao lại chần chừ mà không giết chúng con? Tại sao các ngươi lại tước đoạt số phận của người chị em yêu dấu của chúng ta? Tại sao các ngươi không lập tức dâng cho chúng ta chén tử thần, thứ mà chúng ta khao khát như thức uống ngọt ngào nhất? Này, xương cốt chúng ta đã sẵn sàng để bị nghiền nát, xương sườn đã sẵn

sàng để bị thiêu đốt, thân thể chúng ta – để bị xé nát, đầu – để bị chém đứt, trái tim – để kiên nhẫn một cách dũng cảm. Hãy bắt đầu việc của các ngươi đi, đừng mong đợi gì thêm từ chúng ta nữa: chúng ta sẽ không quỳ gối trước các thần giả dối. Các ngươi thấy rõ chúng ta khao khát cái chết đến nhường nào. Các ngươi còn muốn gì nữa? Chết cùng với em gái chúng ta vì Chúa Kitô, Đấng Hôn Phu yêu dấu của chúng ta – đó là mong muốn duy nhất của chúng ta.

Thẩm phán thấy họ vô cùng dũng cảm và tin rằng khát khao chết vì Chúa Kitô của họ là bất di bất dịch, tuy nhiên, ông vẫn cố gắng dùng lời ngọt ngào để thuyết phục họ đồng lòng với mình và tiếp tục dỗ dành họ một cách xảo quyệt.

Nhưng hai chị em đáp lại:

– Bao giờ ngươi mới thôi chống đối quyết tâm sắt đá của chúng ta, hỡi kẻ tra tấn khốn kiếp? Ngươi biết rằng chúng ta cùng chung một gốc rễ, rằng chúng ta là chị em ruột thịt: hãy tin chắc rằng chúng ta cũng có chung một ý nghĩ. Ngươi có thể hiểu điều này qua chính người chị em của chúng ta mà ngươi đã hành hạ. Nếu chị ấy, dù không có bất kỳ tấm gương nào về lòng dũng cảm trong đau khổ trước mắt, vẫn thể hiện sự kiên nhẫn bất khuất như vậy; thì chúng ta phải làm gì khi chứng kiến người chị em của mình, người đã trở thành tấm gương cho chúng ta? Chẳng lẽ ngươi không thấy rằng, dù đang nằm đó với đôi môi khép chặt, nhưng qua những vết thương hở, chị ấy vẫn đang dạy dỗ và khuyên nhủ chúng ta hướng tới hành động chịu đựng đau khổ sao? Không, chúng ta sẽ không rời xa chị ấy, sẽ không phá vỡ mối liên kết huyết thống của chúng ta, mà sẽ chết vì Chúa Kitô, giống như chị ấy đã chết. Chúng ta từ chối những của cải mà các ngươi hứa hẹn; từ chối vinh quang và mọi thứ thuộc về trần gian và sẽ trở về với đất; chúng tôi từ chối những vị hôn phu trần tục, vì chúng tôi đã có Đấng Bất Tử: Chúng tôi chỉ yêu mến một mình Ngài, và dâng lên Ngài cái chết của chúng tôi thay cho của hồi môn, để được hưởng sự bất tử trong cung điện vĩnh cửu, tinh khiết và thánh thiện của Ngài.

Khi đó, mất hết mọi hy vọng, tên tra tấn nổi cơn thịnh nộ khủng khiếp, đuổi em gái út đi, rồi ra lệnh treo cổ Mitrodora và dùng nến thiêu đốt thi thể nàng. Mitrodora bị tra tấn như vậy trong suốt hai giờ đồng hồ. Trong lúc chịu cực hình, vị thánh ngước mắt lên hướng về Đấng Hôn Phu duy nhất và yêu dấu của mình, Đấng mà vì Ngài mà cô đã chịu đau khổ, và cầu xin Ngài giúp đỡ. Cô được tháo xuống khỏi cây, da thịt cháy xém như than, nhưng tên tra tấn lại ra lệnh đánh cô dữ dội bằng những cây gậy sắt, nghiền nát mọi chi thể của cô. Trong những cực hình ấy, thánh nữ Mitrodora, kêu cầu Chúa, đã phó thác linh hồn trong sạch của mình vào tay Ngài.

Khi bà qua đời, họ dẫn người con chiên thứ ba của Chúa Kitô, Nymphodora, đến để cô nhìn thấy thi thể của hai chị em mình và, vì kinh hoàng trước cái chết tàn bạo của họ, từ bỏ Chúa Kitô.

Hoàng tử bắt đầu nói với cô một cách xảo trá:

– Nàng trinh nữ xinh đẹp ơi! Ta kinh ngạc trước vẻ đẹp của nàng hơn cả vẻ đẹp của những người khác, và ta thương xót cho tuổi trẻ của nàng. Ta thề trước các vị thần rằng ta đã yêu thương nàng như con gái ruột của mình. Chỉ cần nàng thờ lạy các vị thần, nàng sẽ ngay lập tức được nhà vua ban ân sủng lớn lao: ngài sẽ thưởng cho nàng một điền trang và ban tặng vô vàn vinh dự. Còn nếu nàng không làm điều đó, nàng cũng sẽ phải chết như hai chị gái của nàng, những thi thể đang nằm trước mặt nàng.

Những lời này, như gió, lướt qua tai cô trinh nữ thánh thiện: cô không những không để ý đến chúng, mà còn nói về các thần tượng và những kẻ thờ thần tượng một cách khinh miệt, và giống như Đa-vít, cô nói: *"Các thần tượng là bạc và vàng, là tác phẩm của bàn tay con người: những kẻ làm ra chúng và tất cả những ai đặt niềm tin vào chúng sẽ giống như chúng vậy"* (Thánh vịnh 113:12, 16)[6136] .

Kẻ vô pháp, thấy rằng bằng lời nói mình sẽ không đạt được kết quả, đã ra lệnh treo cô lên trong tình trạng trần truồng và dùng móng sắt cào xé thân thể cô. Còn nàng, dù phải chịu những cực hình như vậy, vẫn không tỏ ra chút nôn nóng nào, không thốt lên tiếng kêu la hay rên rỉ nào, mà chỉ ngước mắt lên trời, lặng lẽ mấp máy đôi môi, đó là dấu hiệu cho thấy nàng đang cầu nguyện hết lòng. Và khi người truyền lệnh kêu lên: "Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, và ngươi sẽ được giải thoát khỏi những đau khổ", vị thánh nữ đã nói:

– Con đã dâng chính mình làm của lễ cho Thiên Chúa của con; sự đau khổ vì Ngài là niềm vui ngọt ngào đối với con, còn cái chết là một ân huệ.

[6136] Các thần tượng là tác phẩm của bàn tay con người, và chính những kẻ thờ thần tượng cũng trở nên giống như các thần tượng ấy – mất trí, vô cảm, giống như các thần tượng của họ.

Cuối cùng, kẻ tra tấn ra lệnh đánh bà bằng những cây gậy sắt cho đến chết, và thánh Nymphodora đã bị giết vì tuyên xưng Đức Giêsu Kitô.

Như vậy, bộ ba trinh nữ đã tôn vinh Chúa Ba Ngôi bằng cái chết đầy đau khổ của mình.

Tuy nhiên, tên tra tấn không chỉ thỏa mãn với những đau khổ mà các trinh nữ phải chịu, mà còn trút cơn thịnh nộ không thể kiềm chế của mình lên cả những thi thể đã chết. Hắn ra lệnh đốt một đống lửa lớn và ném thi thể các thánh nữ tử đạo vào đó. Ngay khi lệnh được thi hành, bỗng nhiên một ngọn lửa kèm theo tiếng sấm rền vang từ trời đổ xuống và lập tức thiêu rụi Công tước Fronton cùng tất cả các thuộc hạ của ông, những kẻ đã hành hạ các trinh nữ thánh. Còn ngọn lửa trên đống lửa đã được đốt lên thì bị một cơn mưa lớn trút xuống và dập tắt. Sau khi thu thập thi hài các thánh nữ – những thi hài vẫn nguyên vẹn trước ngọn lửa – các tín hữu đã an táng họ một cách trang trọng, đặt họ vào cùng một quan tài bên cạnh dòng nước ấm. Như vậy, những người được sinh ra từ cùng một tử cung đã được an nghỉ trong cùng một quan tài, để những người không thể tách rời khi còn sống sẽ mãi bên nhau cả sau khi qua đời. Là chị em trên trần gian, họ vẫn là chị em trên thiên đàng; là chị em trong quan tài, và cũng là chị em trong cung điện của Đấng Hôn Phu. Trên thi hài của các ngài, người ta đã xây dựng một nhà thờ mang tên các ngài[6137] , và ân sủng chữa lành từ di cốt của các ngài tuôn trào như những dòng sông, để tôn vinh Ba Ngôi Thánh và tưởng nhớ ba trinh nữ thánh, nhờ những lời cầu nguyện của các ngài mà chúng ta cũng được ơn chiêm ngưỡng Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất. Vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Những ai đã kiên nhẫn chịu đựng khổ nạn vì Chúa Ba Ngôi, đã chiến thắng kẻ thù đầy mưu mô, và được Thánh Thần bao bọc như anh em: chính nhờ đó, các ngài đã được an vị cùng với năm trinh nữ[6138] trong tu viện các vị tử đạo trên trời, và cùng với các Thiên thần, các ngài luôn hiện diện trước mặt Đấng Toàn Năng trong niềm hân hoan bất tận.

Cuộc đời của Thánh Hoàng hậu Pulcheria

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 9

Hoàng đế Hy Lạp Arcadius[6139] , khi qua đời, đã để lại người con trai tám tuổi là Theodosius và ba người con gái – Pulcheria, Arcadia và Marina. Pulcheria, người lớn hơn anh trai về tuổi tác, nổi bật bởi trí tuệ và sự khiêm tốn. Đó là ân huệ vĩ đại của Sự Sắp Đặt Thần Thánh dành cho vương quốc Hy Lạp – để giúp đỡ vị hoàng tử trẻ Theodosius và bảo vệ Chính Thống Giáo khỏi các cuộc tấn công của những kẻ dị giáo[6140] . Với sự khôn ngoan vượt xa tuổi tác, cô được anh trai mời làm đồng trị vì và được phong tước hiệu Augusta[6141] . Khi mới 16 tuổi, sau khi lên nắm quyền, cô bắt đầu cai trị Đế quốc Hy Lạp không phải với tư cách của một người vợ, mà bằng sự khôn ngoan của một người chồng, khiến cả thế giới thời bấy giờ phải kinh ngạc: đó là ân sủng mà Thiên Chúa ban cho cô nhờ sự trong sạch trong cuộc sống của cô. Vì lòng yêu mến Thiên Chúa, cũng như lo lắng cho hòa bình và an lạc của thần dân, bà đã từ chối kết hôn để tránh mọi mâu thuẫn giữa chồng và anh trai mình; và sau khi hiến dâng bản thân cho Thiên Chúa, bà đã giữ trinh tiết cho đến khi qua đời: và như một dấu hiệu của việc dâng hiến sự trinh khiết của mình cho Đức Chúa Trời, bà đã cho dựng trong nhà thờ chính tòa[6142] một ngai vàng bằng vàng và đá quý, được chế tác tinh xảo và vô cùng quý giá. Bà cũng khuyên nhủ các em gái mình giữ trinh tiết, và họ đã thề hứa với Chúa sẽ giữ sự trong sạch của người trinh nữ cho đến khi qua đời, và sống cùng bà trong sự ăn chay và cầu nguyện, vâng lời bà không chỉ như một người chị cả, mà còn như một người mẹ và một nữ hoàng.

[6137] Để tôn vinh các thánh nữ tử đạo, có một nghi lễ thánh, với kinh cầu do Thánh Giuse, nhà soạn thánh ca (qua đời năm 883), soạn thảo.
[6138] Ở đây, rõ ràng là ám chỉ năm trinh nữ khôn ngoan được nhắc đến trong dụ ngôn của Đấng Cứu Thế (Mt 25:1–13).
[6139] Trị vì từ năm 395 đến năm 408.
[6140] Người theo phái Nestorian và Eutychian; xem phần dưới đây để biết thêm chi tiết.
[6141] Danh hiệu này được truyền lại cho các hoàng đế Hy Lạp theo Kitô giáo từ các hoàng đế La Mã ngoại giáo, những người đều được gọi, ngoài tên riêng của họ, là "Augustus" – để vinh danh vị hoàng đế La Mã đầu tiên mang tên này; từ đó có từ "Đại đế" trong tiếng Nga.
[6142] Tức là tại Tòa Thượng phụ.

Pulcheria đã thay thế vai trò của người mẹ đối với anh trai mình, Hoàng đế Theodosius, và chăm sóc anh bằng mọi cách, dạy anh lòng kính sợ Chúa. Với kiến thức sâu rộng về tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh, chính bà đã trở thành người thầy của ngài, không chỉ dạy ngài về kiến thức sách vở mà còn về đạo đức; bà hướng dẫn ngài cách ứng xử trong các cuộc trò chuyện, cách cư xử chung, cách trừng phạt và khoan dung với những người có lỗi; nói tóm lại, bà dạy ngài tất cả những gì cần thiết để trở thành một vị vua tốt. Và hạt giống tốt lành ấy đã không rơi vào đất cằn cỗi, vì ngài vâng lời bà trong mọi việc; và nhờ sự giáo dục tốt đẹp mà ngài nhận được, khi đến tuổi trưởng thành, ngài đã trở nên tốt bụng, hiền lành, kiên nhẫn, không thù hận, khôn ngoan, sáng suốt và nhân từ hơn bất kỳ vị vua nào khác; nhưng ngoài sự giáo dục, những lời cầu nguyện của Thánh Pulcheria cũng đã giúp đỡ ngài trong cuộc đời. Bà đã xây dựng một ngôi đền tráng lệ mang tên Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội tại Vlacherna[6143] cùng nhiều nhà thờ và tu viện khác, đồng thời phân phát rất nhiều tiền bố thí cho người nghèo. Nhờ sự chăm lo của bà, vương quốc Hy Lạp, ngoại trừ những xáo trộn nội bộ do tà giáo gây ra, vẫn duy trì được hòa bình và yên tĩnh.

Khi Theodosius tròn hai mươi tuổi và đến lúc ngài phải lập gia đình, Thánh Pulcheria đã lo lắng tìm kiếm cho ngài một người vợ xứng đáng. Vào thời điểm đó, từ Athens[6144] , một thiếu nữ tên là Athinaida, theo đạo ngoại giáo, xinh đẹp, khiêm tốn và thông minh, con gái của nhà triết học nổi tiếng[6145] Leontius của Athens, đã đến Constantinople. Cô được cha dạy về thiên văn học, hình học và mọi loại tri thức Hy Lạp[6146] , và trí tuệ của cô vượt trội hơn nhiều nhà hiền triết. Cô đến Constantinople vì lý do sau đây. Trước khi qua đời, cha cô đã chia toàn bộ tài sản của mình cho hai người con trai là Valerius và Aetius, còn cô thì không được thừa kế gì ngoài vài đồng tiền vàng; khi họ hàng và hàng xóm hỏi ông sẽ để lại gì cho con gái, Leontius trả lời: "Vẻ đẹp và trí tuệ của con bé là đủ rồi."

Sau khi cha qua đời, hai anh em đã chia nhau toàn bộ tài sản của cha, còn cô em gái thì không được chia gì cả: vì muốn khiếu nại các anh trai, cô đã đến Constantinopolis. Khi nhìn thấy cô, Thánh Pulcheria đã chú ý đến vẻ đẹp, phẩm chất tốt và trí tuệ của cô, và quyết định gả em trai mình cho cô. Nhưng trước tiên, bà đã dẫn dắt cô đến với đức tin Kitô giáo và đối xử với cô như con gái ruột của mình, và chỉ sau đó, khi thấy cô xứng đáng để kết hôn với hoàng đế, bà mới gả cô cho Theodosius. Trong lễ rửa tội, cô được đặt tên là Eudokia. Từ cuộc hôn nhân với Theodosius, cô sinh ra một cô con gái tên là Eudokia, người sau này kết hôn với Hoàng đế La Mã Valentinian III[6147] .

Trong thời kỳ trị vì của các hoàng đế Theodosius và Valentinian[6148] , nhờ những nỗ lực của Thánh Pulcheria, Công đồng Đại kết lần thứ III đã được triệu tập tại Ephesus để chống lại Nestorius, kẻ dị giáo[6149] . Pulcheria có lòng nhiệt thành sâu sắc đối với đức tin và nhờ những lời khuyên nhủ của mình, bà đã đưa người anh trai – người ban đầu bắt đầu sa vào tà thuyết và xa rời giáo lý chân chính – trở lại với Chính Thống Giáo, nhờ đó bà được các vị Thánh Cha ca ngợi hết lời. Nhưng vài năm trôi qua, kẻ thù của loài người, không còn muốn chịu đựng những đòn đánh mà Thánh Pulcheria giáng xuống tà giáo nữa, đã vũ trang chống lại bà và âm mưu loại bỏ bà khỏi ngai vàng và quyền lực, điều mà hắn đã thành công trong một thời gian, vì đôi khi Thiên Chúa cho phép các thánh nhân phải chịu những cám dỗ. Cám dỗ đối với Thánh Pulcheria bắt đầu như sau. Hoàng đế Theodosius có một hoạn quan[6150] tên là Chrysaphius, là người được hoàng đế sủng ái và là cố vấn của ngài, một kẻ xảo quyệt, độc ác và tham lam. Hắn có thái độ thù địch với Thượng phụ Flavian[6151] , người kế vị Thánh Proclus. Flavian hoàn toàn xứng đáng với chức vụ tổng giám mục nhờ lòng đạo đức và cuộc sống vô tì vết của mình, trong khi Chrysaphius lại là một kẻ dị giáo[6152] và vì thế không ủng hộ việc Flavian được bổ nhiệm làm tổng giám mục. Với ý định gán cho Flavian một cáo buộc nào đó, Chrysaphius yêu cầu ông phải dâng lên hoàng đế một món quà "để xin phước lành",

---

[6143] Một khu vực ở Constantinople.
[6144] Một thành phố ở Hy Lạp, hiện là thủ đô.
[6145] Nhà triết học – bậc hiền triết.
[6146] "Ellinsky" – tiếng Hy Lạp; đôi khi từ này có nghĩa là "ngoại giáo"; vào thời điểm Chúa Giêsu ra đời, người Hy Lạp là dân tộc có trình độ văn hóa cao nhất trong thời cổ đại.
[6147] Trị vì từ năm 423 đến năm 455.
[6148] Ở đây tất nhiên là nói đến Valentinian III, người cùng thời với Theodosius II.
[6149] Theodosius từng bổ nhiệm Nestorius làm tổng giám mục Constantinople.
[6150] Từ "eunuch" trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "người trông coi giường ngủ"; đó là cách gọi ở Byzantium dành cho những quan chức triều đình đặc biệt, phụ trách phòng ngủ của hoàng đế; đồng thời, họ thường là những người thân cận nhất với hoàng đế.
[6151] Thánh Flavius giữ chức tổng giám mục từ năm 447 đến năm 449.
[6152] Chrysaphius là người theo phái Eutychian.

với tư cách là vị thánh mới được tấn phong. Flavian ra lệnh làm một số ổ bánh mì từ bột mì tinh khiết, rồi gửi chúng đến hoàng cung; nhưng Chrysaphius đã không nhận, nói rằng "để cầu phúc", tổng giám mục không nên gửi bánh mì mà phải gửi vàng. Tổng giám mục đã trả lời qua những người được cử đi: "Chrysaphius biết rõ rằng vàng và bạc của Giáo hội là của Chúa, và không thể trao cho ai, trừ khi là những người ăn xin".

Điều này càng khiến Chrysaphius thêm thù hận với ngài; ông ta bắt đầu tìm cách tiêu diệt tổng giám mục, nhưng khi thấy thánh Pulcheria, nhờ lòng đạo đức của mình, luôn đứng về phía tổng giám mục – khiến ông ta khó lòng gây hại gì cho ngài – ông ta bắt đầu dàn dựng những âm mưu mới chống lại bà: ông ta bắt đầu gieo rắc mâu thuẫn giữa bà và hoàng hậu Eudokia, dùng mọi cách để phá vỡ tình yêu thương lẫn nhau giữa hai người.

Trong khi đó, một sự việc sau đây đã xảy ra. Hoàng đế Theodosius có thói quen ký tên vào các văn bản mà không đọc nội dung bên trong. Pulcheria, với lòng quan tâm thường trực dành cho ông, đã muốn giúp ông khắc phục khuyết điểm này: bà soạn sẵn một văn bản nhân danh hoàng đế, trong đó nêu rõ rằng hoàng đế, theo yêu cầu của Pulcheria, trao vợ mình cho bà làm nô lệ và tuyên bố rằng từ nay trở đi, ông không còn bất kỳ quyền lực nào đối với Eudokia nữa, – đã dâng bản văn thư này cho Theodosius ký. Ông, theo thói quen của mình, không đọc bản văn thư và cũng không biết trong đó viết gì, đã ký tên vào đó. Pulcheria, sau khi nhận được văn bản, đã mời Hoàng hậu Eudokia đến cung điện của mình và bằng những cuộc trò chuyện thân mật cùng thái độ kính trọng, đã giữ bà ở lại đó trong một thời gian dài; khi hoàng đế sai người đến đón vợ, bà không cho bà ấy ra về; với người được cử đến lần thứ hai, Pulcheria mỉm cười đáp lại:

– Hãy để hoàng đế biết rằng ngài không còn quyền lực đối với vợ mình nữa, vì ngài đã giao bà ấy cho tôi làm nô lệ và đã xác nhận điều đó bằng sắc lệnh hoàng gia của ngài.

Sau đó, bà tự mình đến gặp anh trai và nói với anh ta:

– Hãy xem, anh đang hành động sai lầm thế nào khi ký vào các văn bản mà không đọc chúng – và bà đã cho anh ta xem sắc lệnh đó.

Nhờ sự khéo léo đó, bà đã khiến hoàng đế từ đó trở đi phải cẩn trọng hơn – xem xét và đọc kỹ các văn bản mà ông phải ký.

Khi biết được chuyện này, Chrysaphius xảo quyệt đã đến gặp Hoàng hậu Eudokia và nói với bà:

– Hãy xem Pulcheria đang làm gì với ngài, cô ta đang sỉ nhục ngài ra sao: cô ta muốn biến ngài thành nô lệ của mình; ngài còn chịu đựng cô ta được bao lâu nữa? Chẳng phải ngài cũng là hoàng hậu như cô ta sao? Chẳng phải ngài là người gần gũi nhất với hoàng đế, khi ngài và ngài là một thể thống nhất sao?

Bằng những lời lẽ như thế và những lời tương tự, hắn đã khơi dậy cơn giận của Evdokia đối với Pulcheria, và bà bắt đầu xúi giục chồng mình tước quyền lực của em gái, để ông ta trị vì một mình. Dù được vợ và Chrysaphius xúi giục, nhà vua, dù sẵn sàng làm theo ý họ, nhưng lại cảm thấy xấu hổ khi phải làm nhục chị gái và người thầy của mình, người hơn ông nhiều tuổi. Vì vậy, Evdokia và Chrysaphius đã đến xin Đức Thượng phụ thuyết phục Pulcheria, khi bà đến nhà thờ, hãy nhận chức danh nữ phó tế, nhờ cuộc sống trong sạch và thánh thiện của bà. Vào thời đó có một tập tục: các thiếu nữ và góa phụ nổi tiếng về lối sống trong sạch thường bị ép buộc, dù là trái với ý muốn của họ, phải phục vụ với tư cách là nữ phó tế; chính nhờ điều này mà những kẻ thù của Thánh Pulcheria hy vọng sẽ loại bỏ bà khỏi quyền lực[6153] . Đức Thượng phụ đã bí mật báo cho bà biết về những mưu đồ của họ. Nhưng Pulcheria, sau khi nhận ra ý đồ của anh trai và thấy sự thù địch từ phía Eudokia và Chrysaphius, đã tự nguyện từ bỏ quyền lực hoàng gia, cùng các thiếu nữ từng phụng sự bà rời khỏi cung điện đến một vùng hẻo lánh, và tại đó, bà sống một cuộc đời đạo đức trong sự tĩnh lặng.

Trong khi đó, kẻ dị giáo Chrysaphius, sau khi chờ đợi thời cơ thuận lợi để thực hiện những mưu đồ độc ác của mình, đã xúi giục nhà vua chống lại Đức Thượng phụ. Và thế là, thời kỳ hỗn loạn đã ập đến với Giáo hội của Đức Chúa Trời, bởi vì trong lúc Pulcheria – người bảo vệ sự sùng đạo – vắng mặt, những kẻ dị giáo bắt đầu hành động mà không hề e sợ, cho đến khi Đức Chúa Trời mở mắt tâm linh cho hoàng đế, khiến ngài cuối cùng nhận ra sự

[6153] "Diakonia" – từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "người phục vụ". Chức vụ diakonia có nguồn gốc từ thời các Tông đồ (xem Rô-ma 16:1). Những người được bầu vào chức vụ này là các trinh nữ hoặc góa phụ đã có tuổi (không dưới 40 tuổi). Nhiệm vụ của họ là giám sát sự trang nghiêm và trật tự trong hàng ngũ phụ nữ trong các buổi thờ phượng, hướng dẫn những phụ nữ mới gia nhập Kitô giáo – về cách họ nên cư xử khi chịu phép rửa, phụ giúp giám mục trong lễ rửa tội cho phụ nữ và, thay mặt ngài, thực hiện việc xức dầu lên các bộ phận cơ thể, ngoại trừ trán, v.v. Về các nữ phó tế, có một số quy định giáo luật, cụ thể là: Công đồng IV, Điều 15; Công đồng VI, Điều 14 và Vas.Đại Công đồng 44. – Nữ phó tế nào kết hôn sẽ bị vạ tuyệt thông cùng với chồng; do đó, đối với Thánh Pulcheria, nếu bà gia nhập hàng ngũ nữ phó tế, con đường dẫn đến ngai vàng hoàng gia sẽ hoàn toàn bị chặn lại.

lầm lạc của mình, tin chắc vào sự bất công trong cơn giận dữ của hoàng hậu đối với thánh Pulcheria và hiểu rõ sự độc ác của Chrysaphius.

Một lần nọ, người ta dâng lên hoàng đế Theodosius một quả táo, vô cùng đẹp đẽ và to lớn khác thường. Ngạc nhiên trước vẻ đẹp và kích thước của nó, ngài đã gửi quả táo đó cho hoàng hậu; còn bà, sau khi giữ nó lại một lúc, không tự mình ăn mà lại gửi cho thượng nghị sĩ Pavlin, người được nhà vua sủng ái, lúc bấy giờ đang ốm. Pavlin, không hay biết gì, đã gửi quả táo đó lại cho hoàng đế. Khi nhận được quả táo, hoàng đế nhận ra đó là quả táo mình đã tặng, liền đến gặp hoàng hậu và hỏi bà:

– Quả táo mà ta đã gửi cho nàng đâu rồi? Nàng, không biết rằng quả táo đó lại rơi vào tay chồng mình, đã trả lời:

– Tôi đã ăn nó rồi.

Lúc đó, nhà vua đưa quả táo cho cô xem và hỏi:

– Còn cái này là gì?

Ông vô cùng tức giận với vợ và mắng chửi cô ta không thương tiếc, vì nghĩ rằng cô ta đang ngoại tình với Pavlin. Hoàng đế đã đày Pavlin đến Cappadocia, còn vợ thì bị cấm không được xuất hiện trước mặt ông. Nhưng đồng thời, ông cũng vô cùng tức giận với Chrysaphius, vì biết rằng ông ta là nguyên nhân của nhiều điều xấu xa. Ban đầu, hoàng đế tịch thu tài sản của Chrysaphius, rồi sau đó kết án ông lưu đày. Chính Đức Chúa Trời đã trừng phạt Chrysaphius vì đã xúc phạm một cách oan uổng Thánh Pulcheria. Trong khi đang trên thuyền đi lưu đày, Chrysaphius đã chết đuối trên biển, còn Pavlin – người vô tội – khi đang ở nơi lưu đày, đã bị chém đầu bằng gươm theo lệnh của hoàng đế. Sau này, chính Eudokia, khi sắp qua đời, đã thề thốt chứng thực sự vô tội của Pavlin và của chính mình. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã để cho tai họa ấy ập xuống họ – đối với Pavlin là để cứu rỗi linh hồn, còn đối với hoàng hậu là để trừng phạt. Nữ hoàng, khi nghe tin Pavlin qua đời, vô cùng đau buồn vì một người khôn ngoan và trong sạch như vậy lại phải chết oan uổng vì lỗi lầm của mình, và bà bắt đầu xin chồng cho phép được hành hương đến các thánh địa. Sau khi được phép, bà lên đường đến Giê-ru-sa-lem và tại đó, bà đã bố thí rất hào phóng, xây dựng nhiều nhà thờ và thành lập các tu viện. Bà ở lại Jerusalem trong một thời gian dài, cho đến khi những lời nài nỉ không ngừng của bà làm dịu cơn giận của chồng và bà đã làm hòa với Thánh Pulcheria; như một dấu hiệu của hòa bình và tình yêu bất diệt, bà đã gửi cho bà ấy một bức tranh Đức Mẹ Đồng Trinh, theo truyền thuyết, được vẽ bởi Thánh Luca, nhà truyền giáo.

Sau khi Hoàng hậu Eudokia lên đường đến Jerusalem, Theodosius đã thỉnh cầu Thánh Pulcheria trở lại triều đình; nhưng bà không muốn điều đó, vì bà thà chọn cuộc sống ẩn dật để phụng sự Thiên Chúa Duy Nhất hơn là cai trị nhiều vương quốc. Lúc đó, hoàng đế lại khẩn khoản cầu xin bà trở về cung điện và cùng ông cai trị vương quốc, và không ngừng nài nỉ cho đến khi đạt được điều mong muốn: Thánh Pulcheria đã trở về cung điện hoàng gia của mình trong sự đón tiếp long trọng. Và một lần nữa, cơn bão do tà giáo gây ra đã chấm dứt, và những cuộc hỗn loạn cũng lắng xuống: sự bình yên trở lại trong Giáo hội, và Đế quốc Hy Lạp được hưởng hòa bình. Sau một thời gian khá dài, Hoàng hậu Eudokia cũng trở về từ Jerusalem, mang theo thi hài của Thánh Tông đồ đầu tiên Stephanos. Khi Eudokia mang thi hài ấy vào thành Chalcedon[6154] trên đường đi, Thánh Stephanos đã hiện ra với Pulcheria vào ban đêm và nói:

– Này, ngươi đã đạt được điều mong muốn, vì ta đã đến Chalcedon rồi.

Sáng hôm sau, Pulcheria cùng với Theodosius đi ra đón bàn tay của vị thánh tử đạo đầu tiên; tại đó, họ cũng đã nồng nhiệt đón tiếp Hoàng hậu Eudokia.

Vào năm thứ 42 kể từ khi sinh ra, Hoàng đế Theodosius lâm bệnh và, cảm nhận được cái chết đang đến gần, đã kể cho Thánh Pulcheria nghe về sự mặc khải mà ngài đã nhận được tại Ephesus, trong nhà thờ Thánh Gioan Thần Học. Khi ngài đang đứng cầu nguyện tại đó, ngài được mặc khải rằng sau khi ngài qua đời, người kế vị ngài sẽ là vị tướng Marcian. Vì vậy, Theodosius đã nhờ Pulcheria giúp đỡ Marcian để ông lên ngôi.

Marcianus xuất thân từ Thrace[6155] , là con trai của một chiến binh và bản thân cũng là một chiến binh dũng cảm, một người đã ở độ tuổi chín chắn, thông minh và có tính cách hiền lành. Được Trời chọn làm vua từ thuở thiếu thời, ông đã được bảo vệ một cách kỳ diệu khỏi cái chết. Một lần nọ, trên đường đến Philippopolis[6156] , ông tình

[6154] Một thành phố ở Tiểu Á, nằm bên bờ eo biển Constantinople (bên kia eo biển là Constantinople).
[6155] Một vùng thuộc Đế quốc Byzantine ở phía đông bắc bán đảo Balkan.
[6156] Một thành phố ở phía tây của Thrace.

cờ thấy thi thể một người vừa bị giết trên đường và dừng lại bên cạnh, lòng trào dâng thương xót trước người đã khuất. Với mong muốn thực hiện một việc từ thiện – chôn cất người chết – ngài bắt đầu đào hố; và bỗng nhiên, những người đi ngang qua con đường đó nhìn thấy Marcian đang chôn cất người chết; họ lầm tưởng rằng ngài đã phạm tội giết người, nên đã bắt giữ ngài, đưa về thành phố và đưa ra xét xử. Vì không có ai làm chứng cho sự vô tội của anh ta, và những lời bào chữa của chính anh ta cũng không được tin tưởng , nên anh ta đã bị kết án tử hình với tội danh giết người. Khi mọi việc đã sẵn sàng để thi hành án, thì ngay lúc đó, kẻ giết người thực sự đã được chỉ ra qua sự mặc khải thiêng liêng. Kẻ này đã phải chịu hình phạt xứng đáng với tội lỗi của mình, còn Marcian thì được thả ra một cách danh dự. Sau đó, ông phục vụ trong quân đội Hy Lạp dưới quyền chỉ huy của Aspar. Trong cuộc chiến với người Vandal[6157] , khi phe Vandal đánh bại người Hy Lạp và bắt giữ nhiều tù binh, Marcian cũng bị bắt cùng với những người khác và bị dẫn đến trước thủ lĩnh người Vandal là Giserich. Một lần nọ, Giserich, muốn xem các tù binh, đã leo lên một ngọn đồi vào giữa trưa dưới cái nắng gay gắt và từ xa nhìn thấy Marcian đang ngủ trên mặt đất, còn phía trên đầu anh, một con đại bàng đã sà xuống, dang rộng đôi cánh như dựng nên một chiếc lều, che chở anh khỏi những tia nắng mặt trời. Thấy vậy, Giserich đã nhận ra tương lai của tù nhân mình; ông gọi anh ta lại, hỏi tên và xuất thân, rồi nói:

– Nếu ngươi muốn được sống, nguyên vẹn và tự do, hãy thề với ta rằng khi ngươi lên ngôi vua, ngươi sẽ không bao giờ gây chiến với người Vandal, mà sẽ sống hòa bình cùng chúng ta.

Marcian đã thề theo điều Giserich mong muốn và được thả về quê hương một cách danh dự.

Sau khi trở về từ nơi bị giam cầm, Marcian lại chiếm một vị trí quan trọng trong quân đội Hy Lạp. Một lần nọ, trong cuộc chinh phạt của người Hy Lạp chống lại người Ba Tư, Marcian bị ốm dọc đường và phải ở lại một thành phố thuộc Lycia – Sidine; tại đây, anh được những người tốt bụng – hai anh em Tatian và Julian – đón về nhà; họ rất quý mến anh và chăm sóc sức khỏe anh một cách chu đáo. Ngay sau khi anh hồi phục, cả hai anh em đã cùng anh đi săn chim. Khi đến trưa và cái nắng gay gắt lên cao, họ nằm nghỉ ngơi và chìm vào giấc ngủ. Tatian là người thức dậy trước tiên và cũng giống như Giserich ngày xưa, anh nhìn thấy một con đại bàng lớn đang lượn trên đầu Marcián đang ngủ, che chở anh bằng đôi cánh dang rộng và che chắn anh khỏi cái nắng gay gắt. Thấy vậy, Tatian đánh thức em trai mình là Iulian, và cả hai đều kinh ngạc trước hiện tượng kỳ diệu này. Khi đó, Markian cũng thức dậy, con đại bàng bay đi, và hai anh em đã tiên đoán với Markian rằng anh sẽ trở thành vua, đồng thời hỏi anh sẽ thể hiện lòng biết ơn và ân huệ như thế nào đối với họ khi lên ngôi. Anh nói với họ:

– Nếu lời tiên đoán của các anh thành hiện thực, thì các anh sẽ là cha của tôi.

Sau đó, Marcian ngày càng trở nên lừng lẫy, vì chính Đức Chúa Trời đã tôn vinh người đàn ông mà Ngài đã chọn theo ý muốn của Ngài. Trong khi đó, hoàng đế sùng đạo Theodosius Trẻ qua đời, còn vợ ông là Eudoxia lại lui về Jerusalem; tại đó, sau khi sống một đời đạo đức trong vài năm, bà cũng qua đời và được an táng tại nhà thờ Thánh Tê-pha-nô, vị tử đạo đầu tiên, do chính bà xây dựng. Sau khi Theodosius qua đời, Thánh Pulcheria, sau khi thống nhất ý kiến với các quan lại triều đình và các tướng lĩnh, đã chọn Marcian làm hoàng đế, vì ông là người xứng đáng và được lòng Chúa. Sau khi lên ngôi, Marcian đã triệu tập hai anh em Tatian và Julian đã được đề cập ở trên đến triều đình, phong cho họ những tước vị cao quý và bổ nhiệm họ làm thống đốc – một người cai trị Thrace, người kia cai trị Lycia[6158] . Ông cũng đã thực hiện lời thề với Geiserich, duy trì hòa bình bất khả xâm phạm với ông ta cho đến cuối triều đại. Sau khi Marcian lên ngôi, Thánh Pulcheria đã muốn trở lại cuộc sống ẩn dật của mình, nhưng vị hoàng đế mới đắc cử và toàn thể hội đồng hoàng gia đã khẩn cầu bà đừng bỏ rơi họ, mà hãy giúp cai trị vương quốc, vì bà là người vô cùng khôn ngoan và giàu kinh nghiệm trong việc điều hành triều chính; nhưng điều này chỉ có thể thực hiện được nếu bà trở thành hoàng hậu. Bà đã nhắc nhở họ về lời hứa giữ trinh tiết mà bà đã thề với Chúa, điều mà bà phải tuân giữ cho đến khi qua đời. Tuy nhiên, Marcian cũng tuyên bố rằng ông cũng đã thề với Chúa sẽ giữ sự trong sạch. Lúc bấy giờ, vì lợi ích của Giáo hội thánh thiện, đang bị xáo trộn bởi sự gia tăng của các tà giáo, Thánh Pulcheria đã đồng ý kết hôn với Marcian, với điều kiện tuy nhiên, cô vẫn được phép giữ trinh tiết cho đến cuối đời, bởi vì điều này được yêu cầu bởi lời hứa đã dâng lên Thiên Chúa, bởi sự trong sạch tự nhiên của cả hai vợ chồng, và bởi tuổi tác đã không còn trẻ của họ: lúc đó cô đã 51 tuổi, và hoàng đế cũng đã không còn trẻ. Như vậy, Pulcheria được gọi là vợ của ông, nhưng trên thực tế, bà không phải là vợ, mà là em gái, đồng trị vì

[6157] Người Vandal – một dân tộc ban đầu sinh sống ở miền nam Tây Ban Nha, sau đó ở Bắc Phi; họ thuộc một bộ tộc German và vào thời Thánh Pulcheria, họ theo đạo Arian.

[6158] Một vùng thuộc Đế chế Byzantine ở phía tây nam Tiểu Á.

cùng ông và cai trị với những đóng góp to lớn cho toàn thể Giáo hội của Chúa và cho cả vương quốc; tương tự như vậy, Marcian được gọi là chồng của bà, nhưng trên thực tế ông không phải là chồng, mà là anh trai, đồng trị vì cùng bà, với tư cách là con gái hoàng gia đã kế thừa ngai vàng của cha mình. Vậy nên, vào thời đó, người ta có thể thấy trên ngai vàng Hy Lạp dường như sự trinh khiết đang trị vì, bởi vì cả vị vua, trong sạch về tâm hồn lẫn thể xác, và nữ hoàng – một trinh nữ, giữ mình trong sạch – đều đang trị vì.

Ôi, cuộc hôn nhân trinh khiết, hiếm nơi nào được thấy hay nghe nói đến! Hãy để thế giới đầy những dục vọng ô uế này phải kinh ngạc trước điều đó! Hãy để những người phục vụ cho những đam mê và khoái lạc xác thịt phải xấu hổ khi nghe về cuộc hôn nhân như vậy của đôi vợ chồng hoàng gia đạo đức này, vốn đã sánh ngang với sự trong sạch của các Thiên thần!

Nhờ sự quan tâm của hoàng hậu thánh thiện, ngoài Công đồng Ephesus đã đề cập ở trên, còn có Công đồng các vị Thánh Phụ tại Chalcedon được triệu tập để chống lại Dioscorus bất chính và Archimandrite Eutychius[6159] . Bà đã dùng mọi sức lực để bảo vệ Chính Thống Giáo, đến nỗi một số nhà văn còn ghi công cho bà về việc bảo vệ đức tin tại cả hai công đồng này.

Sự nhiệt thành của Pulcheria đối với sự đạo đức và sự khôn ngoan vĩ đại của bà xuất phát từ việc Thánh Thần ngự trong tâm hồn và trái tim trong sạch của bà, như trong đền thờ thánh của Ngài, và ban cho bà những ân sủng vĩ đại của Ngài.

Sau khi sống trọn 54 năm và phân phát toàn bộ tài sản của mình cho các nhà thờ, tu viện và người nghèo, Thánh Pulcheria đã về với Chúa, Đấng mà bà đã phụng sự bằng cả trái tim mình[6160] .

Xin Chúa, nhờ những lời cầu nguyện của bà, đừng tước đoạt Nước Trời của Ngài khỏi chúng con. Amen.

Lễ kỷ niệm ba vị thánh nữ được tìm thấy trên ngọn núi hoang vắng[6161]

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 9

Giám mục Monemvasia[6162] Phaolô đã kể lại câu chuyện sau đây.

Khi tôi còn là giáo dân, tôi được cử đi về phía Đông để thu thuế cho hoàng đế. Trên đường đi, tôi nhìn thấy một tu viện hoang vắng và muốn vào đó. Vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ đã ra đón tôi từ trong tu viện, và sau khi chào hỏi lẫn nhau, chúng tôi ngồi xuống sân tu viện, nơi có một vườn cây ăn quả. Và rồi, chúng tôi thấy những con chim bay đến các cây, bẻ những cành có quả và nhanh chóng bay đi.

Tôi hỏi vị tu viện trưởng:

– Tại sao chim không ăn quả ngay tại chỗ mà lại mang cả cành đi cùng?

Vị trụ trì trả lời:

– Đã mười một năm nay, những con chim này vẫn làm như vậy rồi.

Lúc đó, như thể được Chúa soi sáng, tôi đã nói rằng ở đâu đó trên những ngọn núi lân cận có những vị tu sĩ nam hay nữ của Chúa, và chính họ, theo lệnh của Chúa, được các loài chim mang những quả này đến. Đúng lúc tôi đang nói thì một con quạ bay đến và bẻ gãy một cành cây có quả. Lúc đó, tôi đề nghị vị tu viện trưởng đi theo con chim, và chúng tôi bám theo con quạ đang bay phía trước với quả trên mỏ; nhưng rồi con quạ bay lên một ngọn đồi rồi hạ xuống, đặt cành cây xuống đất. Khi chúng tôi bắt đầu leo lên ngọn đồi, con quạ lại nhặt cành cây lên và bay vào một khe núi sâu thẳm như vực thẳm, rồi sau đó bay ra khỏi đó, nhưng không còn mang theo cành cây nữa.

[6159] Dioscorus, Tổng Giám mục Alexandria, và Eutyches dạy rằng trong Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính Thần linh, vì bản tính nhân loại trong Ngài đã bị bản tính Thần linh đồng hóa. Những người theo họ được gọi là Eutychians hoặc Monophysites (từ các từ Hy Lạp có nghĩa là "một" và "bản tính"). Công đồng Chalcedon lần thứ IV diễn ra vào năm 451.

[6160] Thánh Hoàng hậu Pulcheria qua đời vào năm 453 – Hoàng đế Lêô (457–474) đã bắt đầu cử hành lễ tưởng niệm bà ngay sau khi bà qua đời.

[6161] Hoạt động vào thế kỷ X.

[6162] Monemvasia – một thành phố trên đảo Minoa, thuộc Vịnh Argos, từng là một pháo đài kiên cố và là trung tâm chính của các mối quan hệ thương mại giữa Đế quốc Byzantine với phương Đông. Ngày nay, đây là một thị trấn nhỏ với những tàn tích của các công trình pháo đài.

Lúc đó, chúng tôi cũng tiến đến khe núi đó và ném một hòn đá vào trong. Bỗng nhiên, từ trong đó vang lên một giọng nói:

– Nếu các người là Kitô hữu, xin đừng giết chúng tôi.

Chúng tôi hỏi:

– Các người là ai?

Họ trả lời:

– Nếu các ngươi muốn gặp chúng ta, hãy ném cho chúng ta ba bộ quần áo, vì chúng ta là phụ nữ và đang trần truồng; sau đó hãy đi dọc theo sườn núi, các ngươi sẽ tìm thấy một con đường mòn hẹp dẫn đến chỗ chúng ta.

Lúc đó, ba tu sĩ trong đoàn tu sĩ đi cùng chúng tôi đã cởi áo ra, gói đá vào trong, rồi ném những bộ áo đó xuống cho họ; còn chúng tôi, sau khi xuống khỏi ngọn đồi, đã tìm thấy, đúng như lời họ nói, một lối đi hẹp đến mức khó mà đi qua được, và qua con đường đó, chúng tôi đã đến được khe núi, nơi có ba vị thánh là những người phụ nữ. Khi gặp chúng tôi, các nữ tu đã cúi đầu chào đến tận đất; còn chúng tôi, sau khi dâng lời cầu nguyện, đã ngồi xuống; một trong số các nữ tu cũng ngồi xuống, còn hai người kia vẫn đứng. Lúc đó, vị tu viện trưởng quay sang người phụ nữ đang ngồi và hỏi:

– Chị đến từ đâu và làm sao chị lại đến được nơi này?

Người phụ nữ được hỏi đáp lại:

– Tôi đến từ Constantinople, nơi tôi từng kết hôn với một quan lại triều đình; nhưng chồng tôi qua đời khi còn trẻ, và tôi trở thành góa phụ khi mới hơn hai mươi tuổi, vừa than khóc vì cảnh góa bụa, vừa vì không có con. Vài ngày sau, một quan đại thần nghe tin về tôi, đã sai người hầu đến, muốn dùng vũ lực bắt tôi về với ông ta, và những người được sai đến yêu cầu tôi phải lập tức đến gặp chủ nhân của họ. Lúc đó, tôi đã dâng lời cầu nguyện lên Chúa Giê-su Ki-tô của tôi, xin Ngài cứu tôi khỏi người đàn ông ấy, kẻ muốn dùng bạo lực để làm ô uế linh hồn và thân xác tôi, rồi tôi nói với những người đầy tớ ấy: "Chẳng lẽ các ngươi nghi ngờ rằng ta sẽ vui vẻ đến gặp vị chủ nhân quan trọng của các ngươi sao? Nhưng hiện tại tôi đang mắc bệnh phụ nữ và không thanh tịnh do chảy máu liên tục. Hãy đợi một chút, cho đến khi tôi khỏi bệnh và thanh tịnh lại, rồi tôi sẽ vui vẻ đến gặp chủ nhân của các anh." Sau khi nghe tôi nói, những người được cử đến đã ra về, nói: "Được rồi, chủ nhân của chúng tôi sẽ đợi cô trong 40 ngày." Sau khi họ ra về, tôi đã phóng thích các nô lệ nam và nữ, ban cho họ vàng bạc, và chỉ giữ lại hai người mà các vị đang thấy ở đây, đồng thời phân phát toàn bộ tài sản của mình cho những người nghèo. Sau đó, tôi mời một người thân của mình, một người kính sợ Chúa, đến và dưới lời thề nghiêm khắc, tôi đã buộc ông ấy hứa sẽ bán hết các điền trang và nhà cửa của tôi, rồi phân phát số tiền thu được cho những người nghèo. Sau đó, vào ban đêm, tôi đã đưa theo hai người hầu gái này, nay đã trở thành chị em của tôi, và cùng họ lên con thuyền, nhờ sự dẫn dắt của Chúa, tôi đã đến nơi này. Và đây đã là năm thứ mười một kể từ khi chúng tôi không nhìn thấy một gương mặt con người nào, ngoại trừ các bạn hôm nay. Còn quần áo của chúng tôi, sau một năm, đã cũ nát và rách rưới.

Vị tu viện trưởng hỏi cô:

– Các chị lấy thức ăn ở đâu ra?

Người phụ nữ thánh thiện đáp:

– Đức Chúa Trời nhân từ và yêu thương loài người của chúng tôi, Đấng đã nuôi dưỡng dân Ngài trong sa mạc suốt bốn mươi năm, cũng ban cho chúng tôi, những tôi tớ bất xứng của Ngài, thức ăn. Hằng ngày, theo sự an bài thiêng liêng của Ngài, các loài chim mang thức ăn đến cho chúng tôi với số lượng nhiều hơn rất nhiều so với nhu cầu của chúng tôi. Chính Đức Chúa Trời đầy ân sủng ấy che chở chúng tôi khi trần truồng và sưởi ấm chúng tôi bằng ân sủng của Ngài, nên chúng tôi không sợ rét vào mùa đông cũng như nắng nóng vào mùa hè, mà sống như ở thiên đàng, luôn luôn ngợi khen Thánh Ba Ngôi.

Ngạc nhiên trước những điều vừa nghe, vị tu viện trưởng nói:

– Nếu bà cho phép, thưa bà, tôi sẽ cử một tu sĩ trong tu viện đi lấy thức ăn – và chúng ta sẽ cùng nhau dùng bữa.

Nhưng người phụ nữ thánh thiện đáp lại:

– Thay vào đó, xin ngài hãy sai một linh mục đến đây, cử hành Thánh Lễ tại đây và ban cho chúng tôi được rước Mình Thánh Chúa, vì từ khi chúng tôi rời khỏi thành phố, chúng tôi đã không được rước Mình Thánh.

Vị Trưởng tu viện liền cử một tu sĩ đến tu viện để đón linh mục và lấy thức ăn. Linh mục đến đã cử hành Thánh lễ, và sau đó, chính bà chủ là người đầu tiên rước Mình Thánh Chúa, rồi đến lượt các nữ tỳ của bà. Sau đó,

sau khi dùng bữa cùng chúng tôi, Giám mục Phaolô kết thúc câu chuyện của mình, người phụ nữ thánh thiện đã xin vị tu viện trưởng cho phép ở lại với họ ba ngày, và vị tu viện trưởng đã đồng ý. Lúc đó, người phụ nữ thánh thiện đứng dậy, dâng lên một lời cầu nguyện sốt sắng và trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Còn chúng tôi, trong nước mắt, đã hát những bài thánh ca tang lễ và sau đó an táng bà. Ngày hôm sau, người phụ nữ thứ hai, sau khi cầu nguyện, cũng đã an lành ra đi, và đến ngày thứ ba, người phụ nữ thứ ba cũng vậy. Sau khi an táng họ, chúng tôi trở về tu viện, ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng thực hiện những dấu lạ và phép lạ vinh quang nơi các thánh của Ngài. Ngài xứng đáng được tôn vinh và thờ phượng muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Varipsava

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 9

Vị thánh này đã nhận được từ một ẩn sĩ dòng máu chảy ra từ sườn thánh khiết của Chúa Giêsu Kitô, và đã dùng dòng máu ấy để thực hiện nhiều phép chữa lành. Vào ban đêm, những kẻ ngoại đạo đã giết Thánh Varisava[6163] , còn kho báu vĩ đại, dòng máu của Chúa Kitô, đã được các môn đệ của ngài bảo tồn.

Lễ kính các Thánh Tông đồ Apellius, Luca và Clément

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 9

Thánh Tông đồ Apellius là giám mục tại Smyrna[6164] ; Thánh Phaolô đã nhắc đến ngài trong Thư gửi tín hữu Rôma (Rm 16:10). Thánh Luca (Lukios) – người mà Thánh Phaolô đã làm chứng về ngài cũng được đề cập trong Thư gửi tín hữu Rôma (15:21), là giám mục tại Laodicea thuộc Syria[6165] . Thánh Clément, người được Thánh Phaolô đề cập trong Thư gửi tín hữu Philippi (Phil. 4:3), là giám mục tại Sardica[6166] .

Ngày 24 tháng 9

Ngày 11 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và những việc làm thánh thiện của Mẹ Thánh Theodora, người đã tu hành dưới hình dạng nam giới

Ngày tưởng niệm 11 tháng 9

"Mắt Chúa sáng hơn mặt trời gấp mười nghìn lần, nhìn thấu mọi nẻo đường của loài người, và thâm nhập vào những nơi thầm kín. Ngài đã biết mọi sự trước khi chúng được tạo dựng" (Sách Sirach 23:27–29).

Thê-ô-đô-ra, một phụ nữ quý tộc sống tại Alexandria[6167] , đã không biết đến lẽ thật này. Bà đã tin vào kẻ thù – ma quỷ, kẻ đã bí mật gieo rắc và thuyết phục bà rằng tội lỗi được tạo ra trong bóng tối – tội lỗi mà mặt trời

---

[6163] Cái chết tử đạo của Thánh Varipsava và những chiến công của ngài thuộc về thế kỷ II.

[6164] Smyrna – thành phố thương mại nổi tiếng của Ionia, nằm trên bờ đông Biển Aegean (hay Quần đảo Aegean), cách Ephesus khoảng 56 verst, tại cửa sông Meles, là một trong những thành phố cổ xưa nhất của Tiểu Á; Giáo hội tại Smyrna được Thánh Tông đồ Gioan Thần Học thành lập. Hiện nay Smyrna thuộc về người Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng cho đến nay, đức tin Kitô giáo Chính thống vẫn được duy trì và phát triển mạnh mẽ tại đó. Thành phố này vẫn là một trong những thành phố thịnh vượng và đông dân nhất của đế chế.

[6165] Laodicea của Syria – từng là thành phố chính của Phrygia, nằm ở phía tây nam vùng này, thuộc Tiểu Á, bên bờ sông Lycus; nổi tiếng với hoạt động thương mại sầm uất. Hiện nay, chỉ còn lại những tàn tích trên một ngọn đồi thấp gần ngôi làng hoang vắng Eski-Gassara là di tích còn sót lại của thành phố cổ này.

[6166] Sardica – Sardis cổ đại, hay Sardy, là một thành phố giàu có của Lydia, nằm ở phía tây bắc Tiểu Á, từng là thủ đô và nơi cư ngụ của vua Croesus, người nổi tiếng với sự giàu có; vào thời các Tông đồ, nơi đây vẫn là một thành phố quan trọng; Giáo hội Kitô giáo cũng sớm được thành lập tại đây. Vào thế kỷ X, Sardica đã bị Tamerlane, vị chinh phục châu Á, phá hủy hoàn toàn. Ngày nay, nơi đây chỉ còn là một ngôi làng nhỏ bé, và chỉ có những tàn tích còn lại mới chứng tỏ cho sự vĩ đại trong quá khứ của thành phố này.

không nhìn thấy – sẽ không bị Thiên Chúa phát hiện. Nhưng khi bà nhận ra từ chính kinh nghiệm của mình rằng không có gì có thể che giấu được trước mặt Thiên Chúa, thì bà đã thể hiện sự sám hối vĩ đại biết bao!

Sống chung thủy với chồng, Theodora lại sa vào cám dỗ này. Một người đàn ông giàu có, trẻ tuổi và bồng bột, bị ma quỷ xúi giục, đã nảy sinh ham muốn với nàng và bằng mọi cách cố gắng dụ dỗ nàng ngoại tình: gửi cho nàng những món quà quý giá, hứa hẹn những món quà còn đắt giá hơn nữa, và quyến rũ nàng bằng lời nói. Nhưng vì bản thân không thể làm gì được, hắn đã thuê một nữ phù thủy – kẻ dụ dỗ – để cô ta quyến rũ Theodora, người luôn giữ mình trong sạch, lôi kéo cô vào việc xấu xa mà hắn đã toan tính. Và thế là nữ phù thủy này, với sự tiếp tay của Satan, đã chọn thời cơ thuận lợi và bắt đầu nói với Theodora về chàng trai trẻ đó.

Còn Theodora thì nói:

– Ôi, giá như tôi có thể thoát khỏi người đàn ông này, người đã làm phiền tôi từ lâu! Nếu tôi nghe theo lời anh ta, thì chính mặt trời đang chiếu sáng trên chúng ta sẽ là chứng nhân trước mặt Đức Chúa Trời về tội lỗi của tôi!

– Trong trường hợp đó, – kẻ dụ dỗ khuyên nhủ, – khi mặt trời lặn và đêm tối buông xuống, nàng hãy đến một nơi kín đáo để đáp ứng mong muốn của chàng trai, và sẽ không ai biết chuyện của hai người, cũng không có ai làm chứng trước mặt Đức Chúa Trời, vì đêm đã khuya và bóng tối sẽ che phủ mọi thứ.

Theodora nói:

– Ồ, thật tốt biết bao nếu Đức Chúa Trời không biết tội lỗi được phạm vào ban đêm!

– Sẽ đúng như vậy thôi, – người dụ dỗ đáp lại, – vì Chúa chỉ nhìn thấy những tội lỗi được ánh mặt trời chiếu rọi, còn những gì diễn ra trong bóng tối, làm sao Ngài có thể thấy được?

Theodora, với tư cách là một thiếu nữ ngây thơ và thiếu kinh nghiệm, đã sa vào những lời dụ dỗ của kẻ cám dỗ; sự cám dỗ của ma quỷ cũng góp phần không nhỏ, bởi sức mạnh của nó rất lớn, bản tính con người chúng ta lại dễ bị chi phối bởi những đam mê, còn sức mạnh của chúng ta thì yếu ớt. Vậy nên, Theodora đã nghe theo lời khuyên xảo trá và phạm tội trong bóng tối của đêm. Nhưng khi bình minh ló rạng, ánh sáng của lòng thương xót Thiên Chúa lập tức chiếu rọi trong lòng nàng: bởi vì, khi nhận ra tội lỗi của mình, nàng bắt đầu ăn năn, tự tát vào mặt, giật tóc, cảm thấy xấu hổ về chính mình, và tự ghê tởm bản thân. Như vậy, lòng thương xót của Đức Chúa Trời, Đấng không muốn kẻ có tội phải chết, vì sự trong sạch trước đây của nàng, đã thúc đẩy nàng nhanh chóng ăn năn và sửa đổi; bởi vì Đức Chúa Trời đôi khi cho phép con người vấp ngã một chút, để khi đứng dậy, con người ấy thể hiện một sự vươn lên và sửa đổi còn lớn lao hơn, cùng với lòng nhiệt thành còn sâu sắc hơn đối với Đức Chúa Trời, Đấng tha thứ tội lỗi.

Trong lúc hối hận và khóc lóc vì tội lỗi mình đã phạm, Theodora cố gắng tự an ủi bản thân, dù chỉ một chút, bằng cách nghĩ rằng:

– Chúa không biết tội lỗi của tôi; tuy nhiên, dù Ngài có không biết đi chăng nữa, thì tôi vẫn cảm thấy xấu hổ và đau khổ.

Để xoa dịu nỗi đau buồn, Theodora đến một tu viện nữ để gặp bà tu viện trưởng, người mà cô quen biết. Thấy khuôn mặt u sầu của cô, bà tu viện trưởng hỏi:

– Con đang buồn vì chuyện gì vậy, con gái của ta? Chồng con có làm tổn thương con không?

Theodora trả lời:

– Không, thưa bà; nhưng chính tôi cũng không biết tại sao lòng mình lại buồn bã như vậy.

Bà Bề trên, mong muốn an ủi cô, dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần, đã bắt đầu một cuộc trò chuyện bổ ích cho tâm hồn với cô và bắt đầu đọc các sách Thánh. Khi bà đọc một đoạn (lời dạy), bà đã đến câu châm ngôn trong Phúc Âm này: *"Không có gì là bí mật mà không được tiết lộ, cũng không có gì là kín đáo mà không được biết đến. Vì vậy, những gì các ngươi đã nói trong bóng tối sẽ được nghe thấy trong ánh sáng; và những gì các ngươi đã thì thầm trong nhà sẽ được công bố trên các mái nhà"* (Lc 12:2–3; Mt 10:26).

Nghe những lời trong Phúc Âm này, Theodora đập tay vào ngực và kêu lên:

– Khốn cho tôi, kẻ tội lỗi! Giờ đây tôi đã hư mất, đã tự lừa dối mình khi nghĩ rằng Đức Chúa Trời không biết tội lỗi của tôi.

[6167] Alexandria – thành phố nổi tiếng, được Alexander Đại đế thành lập vào khoảng năm 333 trước Công nguyên trên một mũi đất nhô ra bờ biển phía nam Địa Trung Hải (nằm hơi phía nam so với thành phố cùng tên hiện nay); từng là trung tâm khoa học và thành phố thương mại hàng đầu trên thế giới; vào đầu thế kỷ IV, nơi đây trở thành trung tâm của Kitô giáo và là nơi cư ngụ của tổng giám mục.

Và cô bắt đầu tự đánh mình, khóc lóc thảm thiết.

Lúc đó, bà Bề trên mới hiểu rằng Theodora đã sa ngã, và bắt đầu hỏi cô xem chính xác điều gì đã xảy ra với cô?

Còn Theodora, nước mắt giàn giụa đến mức khó nói thành lời, đã kể lại cho bà Bề trên nghe mọi chuyện một cách chi tiết, rồi quỳ xuống dưới chân bà và thốt lên:

– Xin bà thương xót tôi, kẻ đã hư mất này, và chỉ dạy tôi phải làm gì? Tôi có thể được cứu rỗi hay tôi đã hư mất vĩnh viễn rồi? Tôi có nên hy vọng vào lòng thương xót của Chúa, hay phải tuyệt vọng?

Bà Bề trên bắt đầu nói với cô:

– Con đã làm sai rồi, con gái của ta, khi nghe theo kẻ thù; con đã suy nghĩ sai lầm khi tưởng rằng có thể che giấu điều đó trước mặt Chúa – Đấng dò xét lòng dạ và tử cung, Đấng từ xa biết rõ mọi ý nghĩ của con người, và nhìn thấy những điều chưa xảy ra bằng con mắt của Ngài: không có đêm tối nào, không có nơi kín đáo hay tối tăm nào có thể che giấu kẻ có tội khỏi con mắt toàn tri của Ngài. Con đã làm điều không tốt, con gái của ta: con đã làm phật lòng Đức Chúa Trời, không giữ lòng chung thủy với chồng, làm ô uế thân thể mình, và làm tổn thương linh hồn mình. Sao con không nói với mẹ về chuyện này sớm hơn, khi con đang bị cám dỗ, để mẹ có thể giúp con và dạy con cách đề phòng những cái bẫy của kẻ thù? Nhưng vì chuyện này đã xảy ra với con rồi, thì ít nhất bây giờ con hãy sửa đổi và nương tựa vào lòng thương xót của Đức Chúa Trời, cầu nguyện với lòng ăn năn, để Ngài tha thứ tội lỗi cho con. Đừng tuyệt vọng, con gái của ta: dù con đã phạm một tội lỗi lớn, nhưng lòng thương xót của Chúa còn lớn hơn nữa, và không có tội lỗi nào có thể chiến thắng được tình yêu thương của Chúa dành cho loài người; chỉ cần con lấy lại tinh thần, con sẽ được cứu rỗi.

Bằng những lời này và những lời tương tự, bà Bề trên đã khuyên nhủ, dạy dỗ và dẫn dắt cô ấy trên con đường sám hối, đồng thời an ủi cô ấy bằng cách kể về lòng thương xót của Đức Chúa Trời và sự nhân từ vô biên của Ngài, với lòng sẵn sàng đón nhận những người sám hối và tha thứ cho những kẻ phạm tội. Bà cũng nhắc nhở cô về người phụ nữ tội lỗi trong Phúc Âm, người đã rửa chân Chúa Kitô bằng nước mắt và lau khô bằng tóc mình, và đã được Thiên Chúa tha thứ các tội lỗi của mình.

Theodora, sau khi lắng nghe hết những lời của vị thầy tốt bụng và ghi nhớ chúng trong lòng, đã nói:

– Con tin vào Thiên Chúa của con, thưa bà, và từ nay con sẽ không phạm tội như vậy nữa; còn về những điều đã làm, con sẽ cố gắng sửa chữa hết mức có thể.

Sau khi tìm được sự an ủi hiếm có cho tâm hồn, nàng trở về nhà. Nhưng vì lương tâm đang lên án nàng, nên nàng xấu hổ không dám nhìn thẳng vào mặt chồng và suy nghĩ về cách làm sao để lấy lòng Thiên Chúa: nàng từng muốn vào tu viện nữ, nhưng biết rằng chồng sẽ không cho phép. Và thế là, để trốn tránh chồng và tất cả những người quen biết, cô đã nghĩ ra kế hoạch sau đây.

Khi chồng cô ra khỏi nhà vì một việc gì đó, vào đêm khuya, cô đã cắt ngắn mái tóc, mặc quần áo nam giới và, phó thác bản thân cho ý Chúa, lén lút rời khỏi nhà và đi nhanh như một con chim thoát khỏi lưới. Khi đến một tu viện hoang vắng tên là "Octodekat"[6168] , cách thành phố mười tám verst, cô gõ cửa và khi thấy người gác cổng, cô nói:

– Xin cha hãy thương xót: xin hãy đi báo với vị tu viện trưởng để ngài nhận tôi, một kẻ tội lỗi, vào tu viện, vì tôi muốn sám hối về những việc ác của mình, và vì thế tôi đã đến đây, để được rửa chân thánh của các ngài và ngày đêm phục vụ các ngài trong mọi việc mà các ngài truyền dạy.

Người gác cổng đi báo lại với vị tu viện trưởng. Vị tu viện trưởng nói:

– Phải thử xem – liệu có phải Chúa đã dẫn dắt anh ta đến với chúng ta không? Vậy thì, đừng trả lời anh ta cho đến sáng mai và đừng cho anh ta vào tu viện; nếu anh ta không bỏ đi mà vẫn kiên nhẫn ở lại trước cổng tu viện, chờ đợi sự thương xót, thì lúc đó chúng ta sẽ biết rằng anh ta thực sự và với lòng nhiệt thành đã đến để phụng sự Chúa.

Người gác cổng đã làm đúng như vậy, và không để ý đến Theodora, coi thường cô như một nô lệ vô dụng. Còn cô thì ngồi gần cổng và khóc. Đêm xuống, các loài thú bắt đầu đi qua (vì sa mạc ấy đầy dẫy thú vật); nhưng

---

[6168] Octodeka – trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là mười tám. Từ đó, tu viện đã lấy tên gọi của mình. Cần lưu ý rằng trong những thế kỷ đầu tiên, Ai Cập nổi tiếng với đời sống tu hành, vốn đã nảy sinh tại đây từ ban đầu, và tràn ngập các tu viện, như sẽ được đề cập chi tiết hơn trong phần tiếp theo của cuốn tiểu sử này; chính vì lý do đó mà một số tu viện được đặt tên dựa trên khoảng cách của chúng so với trung tâm lớn nhất gần nhất.

nhờ ân sủng của Chúa, Theodora vẫn bình an vô sự, được trang bị như một tấm khiên, bằng dấu thánh giá và lời cầu nguyện.

Sáng hôm sau, người gác cổng nhìn qua ô cửa nhỏ, thấy Theodora đang ngồi gần cổng, liền nói:

– Ngươi đang chờ gì ở đây? Chúng ta sẽ không nhận ngươi, vì ngươi không phù hợp với chúng ta.

Cô đáp lại:

– Dù có phải chết ngay tại cổng này, tôi cũng sẽ không đi đâu cả, cho đến khi các vị thương xót tôi và nhận tôi vào tu viện.

Lúc đó, người gác cổng, thấy sự kiên nhẫn và khiêm nhường của cô, đã mở cổng và dẫn cô vào gặp vị tu viện trưởng. Vị tu viện trưởng hỏi cô: cô đến từ đâu, tên là gì, và tại sao lại đến đây? Cô đáp:

– Từ Alexandria, thưa cha, tên con là Theodor, con đầy dẫy tội lỗi và sự gian ác; nhưng khi tỉnh ngộ và nhận ra những lỗi lầm của mình, con muốn tỏ lòng sám hối: và thế là con đã đến thánh địa của cha, xin cha hãy nhận con vào hàng ngũ của cha và cứu rỗi kẻ tội nhân đang lâm vào cảnh diệt vong này. Vậy nên, xin cha hãy nhận con, thưa cha, như Chúa đã nhận người cướp đường, người thu thuế và đứa con hoang đàng.

Lúc đó, vị tu viện trưởng bắt đầu chỉ cho cô những công việc và thử thách trong tu viện, rồi nói:

– Con ơi, con sẽ không đủ sức chịu đựng những điều này, vì cha thấy con còn trẻ và được nuôi dưỡng trong những thú vui trần tục; còn tu viện của chúng ta không có bất kỳ sự an ủi nào, quy luật của chúng ta đòi hỏi một cuộc sống gian khổ, và việc ở lại với chúng ta – đòi hỏi sự kiêng khem và ăn chay nghiêm ngặt. Các tu sĩ của chúng ta, trong sự vâng phục, gánh vác những công việc nặng nhọc, đồng thời không bỏ qua các quy tắc của nhà thờ, như: lễ nửa đêm và lễ sáng, các giờ kinh và lễ chiều, cùng nhiều lời cầu nguyện và lạy trong phòng riêng, cũng như thường xuyên thức trắng đêm để cầu nguyện. Còn anh thì đã quen với sự an nhàn của xác thịt, nên không thể cùng chúng tôi gánh vác gánh nặng của cuộc sống tu hành. Dù tôi thấy anh đã đến đây với lòng nhiệt thành, nhưng tôi e rằng anh sẽ thay đổi ý định của mình, vì nhiều người thường bắt đầu việc lành với nhiệt huyết, nhưng chẳng bao lâu sau, không chịu đựng nổi, họ bỏ dở việc lành đó và trở thành những kẻ lười biếng nhất. Vậy nên, tôi khuyên con hãy trở về đời sống thế tục, và xin Chúa sắp xếp sự cứu rỗi cho con theo ý Ngài.

Lúc đó, Theodora quỳ xuống dưới chân vị tu viện trưởng, nước mắt lưng tròng, nói:

– Xin cha đừng đuổi con ra khỏi tu viện thánh thiện của cha, đừng tước đi cuộc sống chung giống như các thiên thần với cha, đừng đuổi con trở lại thế gian, nơi con đang chạy trốn khỏi, giống như dân Do Thái chạy trốn khỏi Ai Cập, và con sẽ không bao giờ quay trở lại nữa. Xin cha đừng bối rối vì tuổi trẻ của con, vì nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của cha, con sẽ quen với mọi sự kiêng khem, và với sự giúp đỡ của Chúa, con sẽ gánh vác mọi công việc, và mọi điều cha truyền dạy, con sẽ làm với lòng nhiệt thành và tận tụy – chỉ xin cha hãy nhận con, người đang khao khát sám hối về những tội lỗi của mình.

Chịu thua trước những lời khẩn cầu ấy, vị tu viện trưởng đã nhận cô vào và ra lệnh cho cô phải thực hiện tất cả các nhiệm vụ tu viện. Thế là, người vợ ấy bắt đầu sống giữa các tu sĩ nam dưới hình thức và danh nghĩa của một người chồng, và không ai biết được bí mật này, ngoại trừ một mình Thiên Chúa. Và ai có thể kể lại cuộc đời đầy gian khổ của nàng? Các tu sĩ đã chứng kiến sự vất vả của nàng trong việc tuân giữ các bổn phận, sự kiên nhẫn trong việc kiêng khem, sự khiêm nhường trong sự vâng phục – còn những công đức thầm kín và bí mật của nàng, những lời cầu nguyện suốt đêm, những tiếng thở dài từ tận đáy lòng, những giọt nước mắt, việc quỳ gối, việc giơ tay cầu nguyện – chỉ có chính Đức Chúa Trời mới chứng kiến: ngày đêm, bà đều nương tựa vào lòng thương xót của Ngài, giống như người phụ nữ lăng loàn xưa kia đã rửa chân Chúa bằng nước mắt. Và sự sám hối của bà còn lớn hơn cả tội lỗi đã phạm: vì bằng sự khiêm nhường, bà đã chế ngự mọi đam mê và dục vọng của mình, hạ mình trước mọi người, chiến thắng ý chí của mình bằng sự hy sinh, và trở nên như một Thiên thần trong xác thịt. Thân xác nàng, từng bị ô uế, nay đã được thanh tẩy nhờ những việc làm sám hối và những giọt nước mắt dạt dào, trở thành đền thờ thánh của Đức Chúa Trời, nơi ngự của Thánh Thần.

Sau tám năm, tu viện thiếu dầu, và Theodora được cử đi cùng những con lạc đà đến thành phố Alexandria để mua dầu. Trong khi đó, chồng bà, không biết vợ mình đã đi đâu và chuyện gì đã xảy ra với bà, đã tìm kiếm bà trong một thời gian dài. Không tìm thấy nàng, ông than thở ngày đêm và siêng năng cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài chỉ cho ông biết vợ mình đang ở đâu. Rồi một đêm nọ, ông thấy một Thiên thần, người đã báo cho ông biết:

– Đừng buồn phiền vì vợ mình, vì nàng đang phụng sự Chúa giữa các tôi tớ của Ngài. Nếu anh muốn gặp nàng, hãy đi vào buổi sáng và đứng trước nhà thờ Thánh Phêrô – ở đó anh sẽ gặp nàng: vì ai đi ngang qua nhà thờ và chào anh, người đó chính là vợ anh.

Chồng của Theodora rất vui mừng trước thị kiến của Thiên thần này, đã báo cho anh biết về vợ mình và cách anh sẽ gặp lại nàng. Sáng sớm, anh vội vã đến nhà thờ Thánh Phêrô và, đứng ở đó, bắt đầu nhìn sang phải rồi sang trái, mong chờ được thấy điều mình mong muốn. Lúc đó, Thánh nữ Theodora đi ngang qua cùng những con lạc đà, mặc áo tu sĩ nam; người chồng không nhận ra bà, và thực sự cũng không thể nhận ra bà: một mặt là do bộ áo tu sĩ nam, mặt khác là do sự thay đổi trên khuôn mặt; xưa kia bà từng có khuôn mặt xinh đẹp, nhưng vì ăn chay và những việc tu hành nên nhan sắc của bà đã phai tàn. Còn Thánh Theodora, khi nhận ra ông từ xa, đã lặng lẽ rơi lệ và thầm nói trong lòng:

– Ôi, khốn khổ cho tôi, kẻ tội lỗi! Vì tội lỗi chống lại chồng mình, tôi đã mất đi ân sủng của Chúa!

Khi đi ngang qua ông, cô cúi đầu chào và nói:

– Chào ngài!

Và ông cũng cúi chào cô, nói:

– Chúc cha khỏe mạnh!

Và thế là họ chia tay nhau. Sau khi đứng chờ gần như cả ngày, chồng của Theodora trở về nhà, buồn bã vì không đạt được điều mình mong muốn, và coi sự hiện ra của Thiên thần là một sự lừa dối. Về đến nhà, ông lại cầu nguyện trong nước mắt:

– Lạy Chúa! Ngài thấy nỗi đau khổ của con, xin hãy nghe lời cầu nguyện của con và cho con biết, vợ con còn sống hay đã chết? Cô ấy đang đi trên con đường thiện hay ác?

Và rồi vào một đêm khác, ông lại thấy trong ảo ảnh một Thiên thần đang nói:

– Sao ngươi lại khóc? Chẳng phải hôm qua ngươi đã thấy vợ mình, như Ta đã nói với ngươi sao?

Anh ta đáp:

– Con chưa thấy, thưa ngài.

Thiên thần bèn nói:

– Chẳng phải ta đã nói với ngươi rằng, ai đi ngang qua, cúi đầu chào ngươi và chào hỏi ngươi, thì người đó chính là vợ ngươi sao?

Lúc đó, người chồng, khi nhận ra rằng mình đã thấy vợ nhưng không nhận ra cô ấy, đã tạ ơn Chúa vì vợ mình còn sống và đang phụng sự Chúa; anh ta cũng hy vọng chính mình sẽ được cứu rỗi nhờ những lời cầu nguyện của cô ấy. Còn thánh nữ Theodora thì tạ ơn Chúa vì đã được gặp chồng và vì chồng mình không nhận ra cô ấy. Khi trở về tu viện, bà chuyên tâm cầu xin sự cứu rỗi cho mình, ban đầu nhịn ăn một ngày, rồi hai ngày, sau đó là ba và bốn ngày; thỉnh thoảng bà nhịn ăn cả tuần liền, siêng năng cầu nguyện xin Chúa tha thứ tội lỗi của mình.

Gần tu viện đó có một hồ nước, nơi sinh sống của một con thú dữ – cá sấu[6169] , thường xuyên bò lên khỏi mặt nước và nuốt chửng những người và gia súc đi ngang qua. Giám mục[6170] Grigori, người được vua Zinon[6171] bổ nhiệm để cai quản thành phố Alexandria, đã bố trí lính canh trên con đường chạy dọc theo hồ, để không ai được đi qua con đường đó. Muốn tìm hiểu ân sủng của Chúa ngự trong Theodora, vị tu viện trưởng đã gọi cô đến và nói:

– Anh em Theodor, chúng ta cần nước; hãy cầm bình nước, đi múc nước từ hồ và mang về cho tôi.

Theodora, với tư cách là một tu sĩ vâng lời, cầm lấy bình nước rồi đi. Những người canh gác gặp cô liền nói:

– Đừng đến đây lấy nước, thưa cha, vì con thú sẽ xé xác cha mất.

Cô đáp lại:

– Cha Bề trên của con đã sai con đi, và con phải làm theo lệnh.

Khi cô đến bờ hồ, một con cá sấu bò ra và cõng cô trên lưng ra giữa hồ. Khi cô múc xong nước, con thú lại cõng cô trở lại bờ. Cô đã nguyền rủa con thú, để từ đó trở đi nó không làm hại ai nữa – và ngay lập tức con thú chết ngay. Các lính gác, khi chứng kiến phép lạ này, đã báo tin cho vị tu viện trưởng và giám mục, và mọi người đều

---

[6169] Một loài bò sát khổng lồ giống thằn lằn, có những tấm khiên da hóa xương trên lưng, hàm răng khổng lồ và những chiếc răng sắc nhọn khổng lồ. Cá sấu không chỉ nuốt chửng cá lớn, xác chết, mà thậm chí cả động vật và con người. Sông lớn nhất thế giới – sông Nile, tưới mát toàn bộ Ai Cập, từng tràn ngập loài này và chúng gây ra thiệt hại rất lớn. Mặc dù vậy, người Ai Cập cổ đại vẫn tôn sùng chúng và thường nuôi chúng trong các ao, nơi chúng được cho ăn thịt động vật và con người. Do đó, việc loài bò sát sông này xuất hiện trong hồ không có gì đáng ngạc nhiên, cũng như việc chính quyền, có lẽ vì lo sợ những người theo đạo ngoại giáo – những người vẫn còn rất đông ở Alexandria – nên không dám bắt và tiêu diệt con vật nguy hiểm này. Có thể giả định rằng hồ này chính là hồ Moreotis, hay Mariout, nằm không xa cả Alexandria lẫn sông Nile, nơi con cá sấu có thể tự bò qua một cách khá dễ dàng.

[6170] Thống đốc vùng trong Đế chế Hy Lạp-La Mã.

[6171] Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 474 đến năm 491.

ngợi khen Thiên Chúa. Các tu sĩ thì ngạc nhiên vì con thú không gây hại gì cho vị thánh nữ và ca ngợi sức mạnh của sự vâng lời.

Nhưng một số tu sĩ, bị ma quỷ xúi giục (vì không ai thoát khỏi những cám dỗ của kẻ thù), đã không tin vào điều đã xảy ra và bắt đầu ghét Theodora, nói rằng:

– Chúng ta đã sống trong tu viện bao nhiêu năm mà chẳng làm được phép lạ nào, còn anh ta mới đến hôm qua mà đã làm phép lạ rồi; chẳng phải anh ta muốn vượt trội hơn chúng ta sao? Chẳng phải anh ta đã giết con thú bằng một loại phép thuật nào đó sao?

Cách tu viện này vài verst, giữa sa mạc hoang vắng, có một tu viện khác. Những kẻ thù ghét đã bí mật viết một bức thư gửi đến tu viện đó mà không cho vị tu viện trưởng của họ biết, rồi đến tối muộn, họ đến phòng của Thánh nữ Theodora và nói với cô:

– Anh Theodor, vị tu viện trưởng ra lệnh cho anh phải mang bức thư này đến tu viện kia càng sớm càng tốt.

Thánh Theodora đứng dậy, cầm lá thư và đi đến tu viện đó vào ban đêm. Còn những kẻ thù ghét làm điều này với ý định để nàng bị thú dữ xé xác trên đường đi, vì ở đó có vô số thú dữ[6172] , và vì thế không ai có thể đi qua con đường đó vào ban đêm. Những kẻ thù ghét bàn luận với nhau như sau:

– Hãy xem xem, liệu tên thánh thiện này, người mà các con thú đều vâng lời, có trở về nguyên vẹn hay không?

Khi Thánh Theodora đi trên con đường đó, một con thú khổng lồ xuất hiện, cúi đầu chào bà, rồi quay lại và đi trước bà, hộ tống bà đến cổng tu viện. Con thú đẩy vào cổng; người gác cổng mở cổng ra, và thánh Theodora mang lá thư đến gặp vị tu viện trưởng. Nhưng vì người gác cổng không đóng cổng lại, nên con thú đã xông vào tu viện, tóm lấy người gác cổng và bắt đầu hành hạ anh ta.

Người gác cổng kêu lên:

– Khốn khổ, khốn khổ, cứu tôi với!

Mọi người đều thức giấc vì tiếng la hét đó. Biết được chuyện đã xảy ra, thánh nữ quay trở lại từ phòng của vị tu viện trưởng và tiến đến chỗ anh em đang bị con thú hành hạ. Nắm lấy cổ con thú, bà giải thoát cho người gác cổng và nói với con thú:

– Sao ngươi dám tấn công hình ảnh của Đức Chúa Trời và muốn giết chết ngài? Vậy thì chính ngươi hãy chết đi.

Và ngay lập tức, con thú ngã xuống dưới chân Theodora và chết. Còn vị tu sĩ bị con thú cắn xé, bà đã xức dầu thánh lên người anh ta, trong khi kêu cầu danh Chúa Kitô, làm dấu thánh giá trên những vết thương của anh ta và khiến anh ta lành lặn, không hề hấn gì. Thấy phép lạ đã xảy ra, mọi người đều quỳ lạy vị thánh nữ và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã khuất phục những con thú hoang dã cho người tôi tớ của Ngài là Theodora. Sau khi được cho phép rời khỏi tu viện đó, Theodora đã trở về tu viện của mình rất sớm và, khi về đến nơi, cô không kể cho ai biết mình đã ở đâu và đã làm gì.

Ngày hôm sau, các tu sĩ đến tu viện đó với một lễ vật nào đó; sau khi kể lại sự việc cho vị tu viện trưởng và toàn thể cộng đoàn, họ cúi đầu trước vị tu viện trưởng, tạ ơn vì đệ tử của ngài là Theodor đã cứu người gác cổng khỏi hàm răng của con thú, chữa lành vết thương cho anh ta và giết chết chính con thú đó. Nghe vậy, vị tu viện trưởng và tất cả các tu sĩ đều vô cùng ngạc nhiên. Sau khi tiễn đoàn tu sĩ vừa đến ra về, vị tu viện trưởng tập hợp tất cả các tu sĩ lại và hỏi họ:

– Ai đã cử anh em Feodor đến tu viện đó?

Tất cả đều từ chối, nói rằng:

– Chúng con không biết.

Vị tu viện trưởng cũng hỏi anh Theodoros:

– Ai đã cử anh đến tu viện đó vào ban đêm vậy, anh em?

Không muốn tiết lộ những kẻ thù ghét đã cử mình đi, Feodora nói với vị tu viện trưởng:

– Xin tha thứ cho con, thưa cha! Con đã chợp mắt trong phòng và không nhớ ai đã đến, ra lệnh cho con nhân danh cha phải nhanh chóng mang bức thư đến cho vị tu viện trưởng kia, và con đã đi, tuân theo mệnh lệnh.

[6172] Các sa mạc Ai Cập, cũng như các sa mạc châu Phi nói chung, đặc biệt tràn ngập vô số con sư tử hung dữ. Tên của con thú được kể đến sau đây nên được hiểu là sư tử.

Lúc đó, những kẻ thù ghét, khi nhận ra ân sủng của Chúa nơi Thánh nữ Theodora, đã hối hận về lòng thù hận của mình và, quỳ xuống trước mặt cô, xin tha thứ. Còn bà, với lòng không oán hận, không hề giận họ chút nào, thậm chí không kể cho ai nghe về họ, mà ngược lại – tự hạ mình, coi mình là kẻ có tội và không xứng đáng với tình yêu thương của anh em.

Một lần nọ, khi Theodora đang thực hiện nhiệm vụ của mình, một con quỷ hiện ra trước mặt bà và nói với giọng giận dữ:

– Này, con đàn bà ngoại tình đồi bại, đã bỏ rơi chồng mình, mày đến đây để chống lại tao sao? Ta sẽ dùng hết sức mạnh của mình để buộc ngươi từ bỏ không chỉ đời sống tu hành, mà cả đức tin vào Đấng bị đóng đinh, và phải chạy trốn khỏi nơi này! Đừng hòng nghĩ rằng ta không có mặt ở đây, vì ta sẽ không để ngươi yên cho đến khi ta quấn lưới quanh chân ngươi và ném ngươi xuống hố sâu mà ngươi không ngờ tới.

Còn Theodora, sau khi làm dấu thánh giá, đã nói:

– Xin Chúa đập tan sức mạnh của ngươi, ma quỷ!

Và con quỷ bỗng chốc biến mất.

Một thời gian sau, thánh nữ Theodora lại được cử đi cùng những con lạc đà đến thành phố Alexandria để mua lúa mì phục vụ nhu cầu của tu viện.

Khi tiễn bà lên đường, vị tu viện trưởng nói:

– Này con, nếu con đi trễ trên đường, hãy rẽ vào tu viện Enat và nghỉ qua đêm ở đó cùng đàn lạc đà (vì trên đường đi, gần thành phố có một tu viện tên là "Enat"[6173]).

Sau khi lên đường, Theodora quả thực đã bị trễ giờ và, theo lời dặn của vị tu viện trưởng, cô ghé vào tu viện Enatsky, rồi sau khi cúi chào vị tu viện trưởng của tu viện này, cô xin phép cho lạc đà nghỉ ngơi cho đến khi trời sáng. Vị tu viện trưởng đã chỉ cho cô một chỗ ở trong nhà trọ, nơi có chuồng dành cho lạc đà. Lúc đó, trong nhà trọ có một thiếu nữ đã không còn trẻ, là con gái của vị tu viện trưởng ấy, đến để kính lễ cha mình và thăm ông. Khi nhìn thấy vị tu sĩ trẻ (tức là Thánh nữ Theodora), cô gái, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã nảy sinh ham muốn đối với anh ta, nên vào ban đêm đã đến gần Theodora, người đang ngủ bên cạnh những con lạc đà, và không biết đó là một người phụ nữ, cô ta đã bắt đầu ve vãn cô một cách vô liêm sỉ và dụ dỗ cô phạm tội. Nhưng Theodora nói:

– Hãy tránh xa tôi ra, chị ơi, vì tôi không quen với chuyện như vậy; hơn nữa, trong tôi có một linh hồn ác quỷ và tôi sợ rằng nó sẽ giết chết chị.

Rút lui trong sự xấu hổ, cô gái ấy tìm được một vị khách khác, cùng người đó phạm tội tà dâm và mang thai. Trong khi đó, khi trời sáng, Theodora lên thành phố và, sau khi hoàn thành nhiệm vụ, trở về tu viện của mình và tiếp tục những việc tu hành để cứu rỗi linh hồn. Sau sáu tháng, người ta phát hiện ra cô gái mang thai, và những người trong nhà bắt đầu đánh đập và tra hỏi cô: "Ai đã khiến cô trở nên như vậy?" Còn cô, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã đổ lỗi cho Thánh nữ Theodora, nói rằng:

– Tu sĩ Theodoros thuộc tu viện Octodekaton, khi đang trên đường vào thành phố cùng đàn lạc đà, đã nghỉ qua đêm tại một nhà trọ; đêm đó, ông ta đến với tôi, và tôi đã mang thai với ông ta.

Nghe tin đó, cha cô, vị tu viện trưởng Enatsky, đã cử các tu sĩ của mình đến tu viện Octodekaton để khiếu nại với vị tu viện trưởng ở đó rằng một tu sĩ dưới quyền ông đã làm ô danh cô gái.

Vị tu viện trưởng gọi Theodora đến và hỏi cô:

– Con có nghe những người này nói gì về con không, rằng con đã làm nhục cô gái ấy và giờ cô ấy đang mang thai?

Theodora trả lời:

– Xin tha thứ cho con, thưa cha, nhưng Chúa là chứng nhân rằng con vô tội trong chuyện này.

Vị tu viện trưởng, biết rõ cuộc sống trong sạch, thánh thiện như thiên thần của tu sĩ Theodora, nên không tin những điều các tu sĩ khác kể về anh. Khi cô gái đó sinh con trai, các tu sĩ từ Enat đã đến tu viện Octodekatsky và bỏ đứa trẻ ngay giữa tu viện, trách mắng các tu sĩ sống ở đó và nói:

– Hãy nuôi nấng đứa trẻ của các ngươi đi!

Lúc đó, vị tu viện trưởng, khi nhìn thấy đứa trẻ, đã tin rằng sự việc quả thực diễn ra đúng như những gì người ta kể và rất tức giận với Thêôđôra, người vô tội và trong sạch cả về tâm hồn lẫn thể xác. Ông tập hợp các tu sĩ lại và gọi Thêôđôra đến, rồi hỏi cô:

[6173] Có lẽ là ngay gần thành phố – thậm chí, như tên gọi bằng tiếng Hy Lạp của tu viện cho thấy, cách đó một verst.

– Nói cho chúng ta biết đi, con người khốn nạn kia, ngươi đã làm gì vậy? Ngươi đã mang sự ô nhục đến cho tu viện của chúng ta và làm nhục hàng tu sĩ của chúng ta! Ngươi không sợ Chúa. Chúng ta từng coi ngươi như một Thiên thần, nhưng hóa ra ngươi lại là đồng lõa của ma quỷ. Vậy thì, hãy thú nhận tội lỗi của ngươi đi.

Còn Thánh nữ Theodora, kinh ngạc trước tai họa bất ngờ ập đến, đã khiêm nhường thưa rằng:

– Xin các vị cha thánh tha thứ cho con, con là kẻ có tội!

Sau khi bàn bạc với nhau, các tu sĩ đã đuổi bà ra khỏi tu viện trong sự sỉ nhục và đánh đập, đồng thời trao đứa trẻ cho bà. Sự kiên nhẫn kỳ diệu của vị thánh nữ thật vĩ đại biết bao! Chỉ cần một lời nói, nàng đã có thể chứng minh sự vô tội của mình, nhưng vì không muốn tiết lộ bí mật rằng nàng là phụ nữ, nàng đã gánh lấy tội lỗi của người khác như một sự đền bù cho tội lỗi trước đây của mình. Nàng bế đứa trẻ, ngồi xuống trước cổng tu viện, khóc nức nở như Adam bị đuổi khỏi vườn địa đàng. Đối diện với tu viện, bà dựng lên một túp lều nhỏ cho đứa trẻ và, xin sữa từ những người chăn cừu, bà đã nuôi dưỡng đứa trẻ bằng sữa đó suốt bảy năm liền; còn bản thân bà phải chịu đựng đói khát, trần truồng, giá rét và nắng nóng, uống nước biển và ăn cỏ dại.

Không chịu nổi sự kiên nhẫn ấy, quỷ dữ đã nảy ra ý định cám dỗ Theodora theo một cách khác: hắn hóa thân thành chồng bà và bước vào túp lều nơi bà đang ngồi cùng đứa trẻ, rồi nói:

– Nàng có ở đây không, thưa phu nhân? Bấy lâu nay ta đã vất vả, nước mắt lưng tròng đi tìm nàng, vậy mà nàng chẳng hề nghĩ đến ta sao, thưa phu nhân? Nàng có biết rằng vì nàng mà ta đã bỏ lại cha mẹ, vậy mà nàng lại bỏ rơi ta? Ai đã xúi giục nàng đến nơi này? Sắc mặt nàng đâu rồi? Sao nàng lại làm mình kiệt quệ đến thế? Vậy thì, hãy đến đây, người yêu dấu của ta, chúng ta hãy về nhà mình. Vì nếu nàng muốn, nàng vẫn có thể giữ trinh tiết ngay tại nhà: ta sẽ không cản trở nàng. Hãy nhớ lại tình yêu của ta, thưa phu nhân, và hãy đi cùng ta về nhà mình.

Người được chúc phúc không nhận ra đó là quỷ, mà tưởng rằng đó thực sự là chồng mình, nên đã nói với anh ta:

– Em không thể quay lại với anh trong thế gian này, nơi em đã chạy trốn vì tội lỗi của mình; em sợ rằng mình sẽ sa vào những tội lỗi lớn hơn.

Khi bà giơ tay làm dấu thánh giá để cầu nguyện, ngay lập tức con quỷ biến mất. Lúc đó, vị thánh nữ mới nhận ra đó là ma quỷ và nói:

– Suýt nữa thì ngươi đã lừa dối ta rồi, ma quỷ ạ.

Bà hối hận vì đã trò chuyện với ma quỷ, và từ đó trở đi, bà cẩn trọng hơn trong việc tự bảo vệ mình khỏi những mưu mô của ma quỷ. Nhưng ma quỷ không ngừng chuẩn bị vũ khí chống lại Theodora. Lúc bấy giờ, hắn tập hợp một đám ma quỷ, chúng hóa thân thành nhiều loài thú khác nhau, xông vào tấn công bà, la hét bằng giọng người:

– Hãy xé xác con đàn bà ngoại tình này đi!

Còn Theodora, sau khi làm dấu thánh giá, đã nói: *"Chúng đã vây quanh tôi, bao vây tôi, nhưng nhân danh Chúa, tôi đã đánh bại chúng"* (Thánh vịnh 117:11), và lũ quỷ lập tức biến mất. Sau đó, ma quỷ, muốn dụ dỗ nàng bằng lòng tham tiền bạc, đã cho nàng thấy vô số vàng và những người đang thu gom nó – nhưng tất cả những thứ đó cũng biến mất trước dấu thánh giá.

Sau đó, ma quỷ hóa thân thành một vị công tước; và một đoàn kỵ binh đi trước ông ta đã đi ngang qua túp lều của Theodora và la lên:

– Hoàng tử đang đến, hoàng tử đang đến!

Sau đó, họ nói với Theodora:

– Hãy cúi đầu chào hoàng tử.

Cô đáp lại:

– Tôi chỉ cúi đầu trước Đức Chúa Trời Duy Nhất.

Lúc đó, họ lôi cô ra khỏi túp lều, ép cô đến trước mặt chúa tể bóng tối (Đức Chúa Trời đã cho phép họ chạm vào vị thánh nữ, để cô được thử thách, *"như vàng trong lò nung"* (Thi Thiên 3:6)) và ép cô phải cúi đầu trước hắn. Nhưng cô không chịu, mà nói:

– Tôi thờ phượng Chúa, Thiên Chúa của tôi, và chỉ phụng sự Ngài mà thôi.

Lúc đó, lũ quỷ bắt đầu đánh đập bà không thương xót và, để lại bà trong tình trạng thoi thóp, chúng bỏ đi. Các mục đồng, khi đến chỗ Theodora, thấy bà nằm bất động như đã chết, và nghĩ rằng bà đã qua đời, nên đã mang bà về túp lều và đặt bà ở đó. Họ cũng báo tin này cho tu viện, nói rằng:

– Tu sĩ Theodora của các vị đã qua đời; hãy mang thi thể của ngài về và an táng.

Vị Trưởng tu viện cùng các tu sĩ đến túp lều của Theodora và, nhận thấy linh hồn cô vẫn còn trong người, đã nói:

– Hãy để cô ấy yên, vì cô ấy sẽ sống lại.

Và họ quay trở lại tu viện. Còn Theodora, khi tỉnh lại vào nửa đêm, bắt đầu khóc lóc và đập ngực, kêu lên:

– Khốn khổ cho tôi, kẻ tội lỗi, khốn khổ cho tôi, kẻ bất lực! Ôi, Chúa đang trừng phạt tôi thế nào vì những tội lỗi của tôi.

Rồi, giơ hai tay lên trời, nàng kêu lên bằng giọng lớn:

– Lạy Chúa nhân từ, xin cứu con khỏi tay ma quỷ và tha thứ cho con những lỗi lầm của con!

Những người chăn cừu đang nghỉ qua đêm gần đó, nghe thấy Thánh nữ Theodora – người mà họ tưởng đã chết – đang cầu nguyện, bỗng ngạc nhiên khi biết bà vẫn còn sống, và họ đã ngợi khen Chúa.

Sau đó, vị tu viện trưởng ra lệnh đưa đứa trẻ từ cô về tu viện, điều này khiến Theodora rất vui mừng, vì cô đã được giải thoát khỏi những vất vả và lo toan trong việc nuôi dạy đứa trẻ. Còn bản thân cô thì tiếp tục lang thang trong sa mạc. Thân thể bà đã sạm đen vì giá rét và nắng gắt, đôi mắt bà mờ đi vì những giọt nước mắt cay đắng, và bà sống cùng các loài thú, những con vật ấy, như những con cừu, vâng lời bà và rất hiền lành.

Ma quỷ lại một lần nữa tìm cách cám dỗ cô. Thấy cô đang đói khát tột độ, hắn hiện ra trước mặt cô dưới hình dạng một chiến binh mang theo thức ăn ngon lành, và nói:

– Vị công tước đã đánh đập cô giờ đây đang hối hận về điều đó và đã gửi thức ăn này cho cô, xin cô tha thứ cho ông ta và nhận lấy món quà này từ ông ta.

Còn Theodora, nhận ra sự quyến rũ của ma quỷ, liền làm dấu thánh giá và nói:

– Xin Chúa tiêu diệt và phá hủy mưu mô xảo trá của ngươi, hỡi kẻ thù! Chúa là Đấng trợ giúp của ta, và ngươi sẽ không lừa dối được ta.

Từ đó trở đi, ma quỷ không còn cám dỗ nàng nữa.

Sau bảy năm sống cuộc đời đầy gian khổ như vậy của Theodora, các tu sĩ đã thương xót và đến gặp vị tu viện trưởng, nói:

– Xin cha thương xót anh em Theodora, vì anh ấy đã sám hối về tội lỗi của mình; xin tha thứ cho anh ấy và nhận anh ấy vào tu viện.

Vị tu viện trưởng đáp lại:

– Anh em Theodor, Chúa đã tha thứ cho anh tội lỗi mà anh đã phạm. Hãy sống cùng chúng tôi trong tu viện và tiếp tục tu hành; đừng bao giờ ra khỏi tu viện nữa, để ma quỷ không lôi kéo anh vào cám dỗ lần nữa; hãy dạy dỗ con trai anh, để nó trở thành người noi gương những việc tu hành của anh.

Vị tu viện trưởng đã cấp cho cô một phòng tu, miễn cho cô mọi công việc trong tu viện, để cô có thể yên tâm cầu nguyện với Chúa và nghỉ ngơi sau những gian khổ to lớn như vậy. Và Theodora đã sống trong căn phòng đó hai năm cùng với người con trai nuôi của mình là Theod , dạy cậu bé chữ viết và lòng kính sợ Chúa, cũng như sự khiêm nhường, vâng lời và các đức tính tu sĩ khác.

Vào một mùa hè nọ, có một đợt hạn hán lớn, đến nỗi các giếng trong tu viện cạn khô, các hồ nước cũng cạn kiệt. Lúc đó, vị tu viện trưởng nói với một số anh em:

– Không ai khác có thể cầu xin Chúa ban nước cho chúng ta ngoài cha Theodor, vì ngài được tràn đầy ân sủng lớn lao của Chúa.

Sau khi gọi vị thánh nhân đến, vị tu viện trưởng nói:

– Cha Theodor, hãy cầm lấy cái bình và múc nước từ giếng cho chúng ta.

Nhưng giếng đã cạn khô, không còn một giọt nước nào.

– Xin cha ban phước! – Theodora nói, rồi đi đến giếng.

Cô thả chiếc bình xuống giếng, múc đầy nước trong vắt rồi mang đến cho vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ; thấy cảnh đó, mọi người đều kinh ngạc. Ngay lập tức, họ đi đến cái giếng mà nước đã cạn khô từ lâu, và khi nhìn xuống, họ thấy nó đầy nước, nên đã ngợi khen Đức Chúa Trời. Lượng nước đó đủ đáp ứng mọi nhu cầu của tu viện, cho đến khi mưa xuống và làm đầy lại tất cả các hồ nước đã cạn khô.

Thánh nữ Theodora, với tinh thần khiêm nhường, đã nói với các tu sĩ:

– Việc này không phải vì tôi mà là vì vị tu viện trưởng, người cha đã sai tôi đi, Đấng có đức tin vững chắc và bất diệt nơi Thiên Chúa – còn tôi chỉ làm theo những gì được giao phó, đặt niềm tin vào những lời cầu nguyện của vị cha ấy.

Và Theodora tiếp tục sống trong phòng tu của mình, cầu nguyện với Đức Chúa Trời và nuôi dạy đứa con trai nuôi của mình.

Một buổi tối nọ, trước sự chứng kiến của mọi người, Theodora dẫn cậu bé vào phòng tu của mình, khóa cửa lại và bắt đầu dạy dỗ cậu. Còn vị Trưởng tu viện, theo sự mách bảo của Chúa, đã cử một số tu sĩ đến nghe lén bên ngoài phòng tu, xem bà đang trò chuyện gì với cậu bé. Theodora ôm chặt cậu bé vào lòng, ôm hôn cậu và nói:

– Con trai yêu dấu của mẹ! Giờ của ta đã đến, giờ cuối cùng của ta đã đến và ta sắp rời xa con; con đừng khóc vì ta và đừng tự nhủ: "Ta là đứa trẻ mồ côi", – vì con có Thiên Chúa làm Cha, Đấng che chở con bằng ân sủng của Ngài, và ta (nếu được can đảm trước mặt Ngài) cũng sẽ cầu nguyện cho con. Hãy lắng nghe những lời cuối cùng của mẹ và ghi khắc chúng vào lòng con: hãy yêu mến Thiên Chúa hơn mọi loài thụ tạo và hơn chính bản thân con, hãy gắn bó với Ngài bằng cả trái tim, đừng ngừng ca ngợi Ngài và cầu nguyện với Ngài bằng môi miệng và trái tim, bằng lời nói và trí tuệ. Đừng bao giờ bỏ qua các quy tắc chung, nhưng hãy cùng các anh em khác đến nhà thờ: vào các giờ kinh – giờ thứ nhất, thứ ba, thứ sáu và thứ chín, vào giờ kinh chiều, kinh nửa đêm và kinh sáng. Mọi lời cầu nguyện của con hãy được kết hợp với sự ăn năn từ đáy lòng, với nước mắt và tiếng thở dài. Hãy khóc lóc trước mặt Thiên Chúa mỗi ngày, để con được hưởng sự an ủi vĩnh cửu. Hãy vâng lời vị Bề trên và các anh em, từ bỏ ý riêng của mình, giữ lòng không oán hận từ nay cho đến cuối đời; hãy im lặng và giữ miệng mình; hãy cố gắng đừng phán xét ai và đừng chế giễu tội lỗi của người khác; khi thấy ai phạm tội, hãy cầu nguyện cho người ấy cùng Đức Chúa Trời Duy Nhất Vô Tội, để Ngài sửa đổi họ, và giải thoát anh khỏi những lần sa ngã và cám dỗ của kẻ thù. Đừng nói điều gì vô ích, xấu xa hay phỉ báng: đừng để lời nào như thế thoát ra khỏi miệng ngươi, vì ngươi sẽ phải chịu trách nhiệm về nó vào Ngày Phán Xét; hãy hiền lành và khiêm nhường trong lòng, tôn kính mọi người như cha mẹ và ân nhân của mình, còn bản thân thì hãy xem mình thấp hơn tất cả. Nếu nghe tin ai đó trong anh em bị ốm, đừng ngại đến thăm và tận tâm phục vụ người ấy, đồng thời hãy thực hiện mọi nhiệm vụ được giao mà không than vãn. Hãy yêu mến sự nghèo khó và lòng không tham lam như thể đó là một kho báu quý giá. Hãy nhớ lại cuộc đời tôi, khi tôi lang thang cùng con: tôi đã có được gì trong túp lều của mình trước hàng rào tu viện? Là thức ăn hay quần áo? Là đồ dùng hay kho báu nào chăng? Không có gì khác ngoài Thiên Chúa. Vì điều gì quan trọng hơn Thiên Chúa và tình yêu thiêng liêng của Ngài đối với con người? Ngài là kho tàng của chúng ta, Ngài là của cải, Ngài là thức ăn và nước uống, Ngài là quần áo và nơi trú ẩn, Ngài là sức khỏe và sức mạnh của chúng ta, Ngài là niềm vui và sự hân hoan, Ngài là hy vọng và niềm tin của chúng ta; Hãy nỗ lực tìm kiếm Ngài, con trai của ta. Nếu con tìm được Ngài, thì con đã đủ rồi, và con sẽ vui mừng vì Ngài hơn cả khi con có được cả thế gian này. Hãy cố gắng giữ gìn sự trong sạch của con: như hiện nay con trong sạch về thể xác lẫn tâm hồn, hãy cứ như vậy cho đến cuối đời. Hãy tự giữ mình, con yêu dấu của cha, để không xúc phạm Thánh Thần của Đức Chúa Trời và không đẩy Ngài ra xa mình bởi sự ham mê khoái lạc và sự thỏa mãn xác thịt. Hãy làm chết đi các chi thể của mình, đừng cho thân xác được nghỉ ngơi hay buông thả: hãy khuất phục nó như một con lừa ngang bướng bằng đói khát, lao động và những vết thương, cho đến khi con dâng linh hồn mình lên cho Chúa Kitô như một cô dâu tinh khiết. Hãy tự bảo vệ mình cẩn thận khỏi những mưu mô của ma quỷ, hãy tỉnh táo và cảnh giác: vì ma quỷ không bao giờ ngủ, luôn tìm cách nuốt chửng bất cứ ai phụng sự Đức Chúa Trời. Nguyện sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời bảo vệ con khỏi kẻ thù này! Ngoài ra, con yêu dấu của ta, hãy cầu nguyện cho ta , để ta được nhận ân sủng từ Đấng Thẩm Phán Công Chính, Đấng sẽ phán xét không chỉ những tội lỗi rõ ràng mà cả những tội lỗi thầm kín, và Đấng mà ta đang trên đường đến với Ngài.

Còn cậu bé, vì thông minh, đã nói:

– Thật vậy sao, thưa cha, cha lại rời xa con, để con trở thành đứa trẻ mồ côi sao? Con sẽ làm gì đây khi không có cha? Ôi, con thật khốn khổ! Khốn khổ cho con, đứa trẻ mồ côi, khi phải xa cha, người cha tốt lành của con!

Còn Theodora, an ủi cậu, nói:

– Con đã nghe ta nói rồi mà, đừng tự gọi mình là đứa trẻ mồ côi, vì con có Đức Chúa Trời là Đấng bảo vệ con, Đấng luôn quan tâm đến con: Ngài sẽ là cha và mẹ, là thầy và người hướng dẫn, là Đấng che chở và dẫn dắt con đến sự cứu rỗi.

Sau đó, Theodora đứng dậy và trong nước mắt bắt đầu cầu nguyện, nói:

– Lạy Chúa, Ngài biết tội lỗi và sự ăn năn của con! Ngài biết nỗi buồn trong lòng con, – Ngài biết con đã không ngừng hối hận vì đã làm Ngài phật lòng, lạy Chúa! Ngài biết những nỗ lực của con, nhờ đó con đã khiêm nhường hóa thân xác tội lỗi của mình, – vì đã dám phạm tội và làm tổn thương lòng nhân từ của Ngài, Ngài biết nỗi

buồn của linh hồn con, biết rằng linh hồn con, kể từ khi con nhận ra tội lỗi của mình, đã không ngừng than thở và đau đớn vì đã làm Ngài phật lòng. Vậy nên, xin hãy nghe tiếng than khóc của con lúc này, hãy lắng nghe lời cầu nguyện của con, hãy nhìn xem trái tim con đang tan chảy như sáp, hãy thử nghiệm nó, hãy nhìn vào những giọt nước mắt của con và hãy thương xót linh hồn khốn khổ của con! Xin tha thứ những điều gian ác của con, xin tha thứ tội lỗi của con, xin đừng nhớ đến những việc xấu xa của con: *"Xin Ngài nhớ đến con vì lòng thương xót của Ngài, vì sự nhân từ của Ngài, lạy Chúa!"* (Thánh Vịnh 24:7). Xin hãy chấp nhận sự ăn năn của con, xin hãy chấp nhận lời cầu nguyện và tiếng khóc than của con, và xin hãy chấp nhận cả linh hồn con nữa!

Cô ấy cầu nguyện như vậy rất lâu, và không thể nghe rõ hết những gì cô ấy nói – chỉ nghe thấy tiếng khóc và tiếng đập ngực của cô ấy. Cậu bé cũng khóc cùng cô, than khóc vì cảnh mồ côi của mình. Cô lại an ủi cậu và tiếp tục cầu nguyện. Cuối cùng, cô vui mừng nói:

– Con tạ ơn Ngài, Đấng Tạo Hóa đầy lòng thương xót của con, vì Ngài đã nghe lời con, thương xót con, cứu linh hồn con khỏi cái chết và đôi mắt con khỏi những giọt nước mắt.

Sau khi thốt lên những lời tạ ơn khác và tâm hồn được an ủi, Theodora im lặng. Người ta có thể nghĩ rằng bà đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa, vì không còn nghe thấy lời bà nói nữa, chỉ còn nghe thấy tiếng khóc của cậu bé. Vào lúc đó, tiếng chuông báo hiệu giờ kinh sáng bắt đầu vang lên. Các tu sĩ đã nghe hết những gì Theodora nói, liền đến gặp vị tu viện trưởng và kể lại tất cả cho ngài. Vị tu viện trưởng, sau khi nghe xong câu chuyện của họ, bắt đầu nói trong nước mắt:

– Hỡi các con của ta, trong đêm nay ta đã thấy một thị kiến, như thể hai vị nam nhân rực rỡ ánh sáng đã hiện ra, dẫn ta lên đỉnh cao thiên đàng, từ đó có tiếng nói vang đến với ta, phán rằng: "Hãy đến và xem những ân huệ Ta đã chuẩn bị cho cô dâu của Ta, Theodora." Và tôi đã thấy một thiên đàng rực rỡ ánh sáng, vẻ đẹp và sự huy hoàng của nó không thể diễn tả được. Hai vị ấy dẫn tôi vào trong thiên đàng, chỉ cho tôi thấy các cung điện và chiếc giường vàng được chuẩn bị sẵn trong đó, cùng với một Thiên thần đang đứng canh giữ bên cạnh. Tôi hỏi những người dẫn đường: "Cung điện và chiếc giường này được chuẩn bị cho ai?" Và họ đáp lại: "Hãy chờ một lát, ngươi sẽ được chiêm ngưỡng vinh quang của Đức Chúa Trời." Chẳng bao lâu sau, tôi thấy các hàng ngũ Thiên thần, các vị tử đạo và các vị thánh nhân, đang tiến bước với tiếng hát du dương, sự ngọt ngào của nó không thể nào diễn tả được; giữa họ, tôi thấy một người phụ nữ xinh đẹp, trong vinh quang rực rỡ; khi được dẫn vào cung điện, họ đã cho nàng ngồi lên giường, vừa hát những bài ca ngọt ngào; còn tôi thì với lòng kính cẩn, đã cúi đầu chào người vợ đáng kính ấy. Và Thiên thần nói với tôi: "Ngươi có biết đó là ai không?" Tôi đáp: "Con không biết, thưa ngài." Ngài lại nói với tôi: "Đó là tu sĩ của ngươi, Theodore; về bản chất, người ấy là phụ nữ, còn là nam giới thì chỉ về hình dáng bên ngoài mà thôi. Sau một thời gian ngắn sống trong hôn nhân, vì Chúa, Theodora đã từ bỏ thế gian và tu hành tại tu viện của các ngươi; khi bị vu khống là cô gái đã sinh con, nàng không tiết lộ rằng mình là phụ nữ; nàng đã nhận đứa trẻ như cha ruột và nuôi nấng nó. Khi bị trục xuất khỏi tu viện của các ngài, bà đã phải chịu nhiều đau khổ, sống bằng cỏ và nước biển, chịu đựng giá rét, nắng nóng và cảnh nghèo đói, đồng thời phải đối mặt với nhiều cám dỗ từ ma quỷ. Vì tất cả những điều này, Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót đã tôn vinh bà: vì Ngài đã yêu thương bà như cô dâu của Ngài và ban cho bà trở thành người thừa kế Nước Trời cùng với tất cả các thánh." Nghe những lời ấy, tôi bắt đầu khóc, vì đã không biết bí mật này và, do tin vào lời dối trá, đã xúc phạm đến vị thánh nữ, đuổi bà ra khỏi tu viện một cách nhục nhã; trong lúc khóc, tôi bừng tỉnh. Vậy nên, hỡi các con của ta, hiện tại lòng ta tràn ngập niềm vui và nỗi buồn. Tôi vui mừng vì đã được chiêm ngưỡng một khải tượng huy hoàng mà mắt người phàm chưa từng thấy, và được nghe những âm thanh ngọt ngào của các bài thánh ca mà tai người chưa từng nghe; nhưng tôi cũng đau buồn và khóc than vì chúng ta, những tôi tớ của Chúa và cô dâu yêu dấu của Ngài, đã không nhận ra Người đang sống giữa chúng ta, và trong sự vô minh, đã xúc phạm Người trong một thời gian dài.

Sau đó, vị tu viện trưởng tập hợp các tu sĩ, đi đến phòng của Thánh nữ Theodora và, gõ cửa, nói:

– Cha Theodora, xin ban phước lành!

Nhưng không có lời đáp lại, vì Thánh nữ Theodora đã về với Chúa rồi. Còn cậu bé, vừa khóc than bên thi thể bà, đã chìm vào giấc ngủ, và họ gần như không thể đánh thức cậu dậy được. Khi bước vào phòng, các tu sĩ thấy Thánh nữ Theodora đang nằm trên sàn; hai tay bà chắp trước ngực, đôi mắt nhắm nghiền, còn khuôn mặt bà rạng ngời vẻ đẹp, như khuôn mặt của một thiên thần. Khi bắt đầu chuẩn bị an táng thi hài thánh thiện của bà, vị tu viện trưởng đã mở áo choàng của bà ra, phần ngực đã khô héo vì thời gian ăn chay kéo dài; và mọi người đều nhận ra rằng đó là một người phụ nữ. Vị tu viện trưởng ra lệnh cho các tu sĩ không được tiết lộ bí mật này cho ai, cho đến

khi những kẻ đã vu khống vị thánh nữ về việc làm ô uế danh dự của một trinh nữ được mời đến, và ngài sai các tu sĩ đến gặp vị tu viện trưởng ở Enat, nói rằng:

– Chúng con xin ngài thương xót, thưa cha: xin hãy đến với chúng con cùng các tu sĩ của ngài, vì hôm nay chúng con có một lễ trọng và chúng con muốn ngài cũng cùng chung vui với chúng con.

Vị tu viện trưởng Enatsky đã đến cùng các tu sĩ của ngài; và họ dẫn ngài đến trước thi hài thánh thiện của Thánh nữ Theodora, nói rằng:

– Thưa Cha, chồng của con gái Cha đã qua đời.

Sau khi chỉ cho ngài thi hài của vị thánh nữ, họ hỏi:

– Đây có phải là Theodora không?

Vị tu viện trưởng Enat đáp:

– Đúng vậy, chính là ngài.

Họ hỏi các tu sĩ đi cùng ông ấy:

– Các anh có biết người này không?

Họ đáp:

– Chúng tôi biết rất rõ: đó là anh em Theodor dối trá, kẻ đã làm ô uế cô gái; cầu xin Chúa trừng phạt hắn theo những việc hắn đã làm!

Lúc đó, vị tu viện trưởng Octodekatsky mở áo choàng của cô ta ra và, chỉ vào đôi vú của cô ta, nói:

– Đây có phải là thân thể của một người đàn ông không? Đúng vậy, các cha đã lầm: chúng ta tưởng rằng đây là một người đàn ông, nhưng thực ra đó là một người phụ nữ; bằng cách thay đổi ngoại hình và lấy tên đàn ông, cô ấy đã sống như một Thiên thần giữa chúng ta, những kẻ tội lỗi không biết bí mật này, và đã phải chịu đựng nhiều khổ nạn từ chúng ta. Giờ đây, sự ra đi của cô ấy đã cho thấy cô ấy là ai và cô ấy là gì, vì cô ấy là người công chính và thánh thiện, và được Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, hài lòng, bởi vì tôi đã thấy cô ấy đang vui mừng trong cung điện thiên đàng, trong vinh quang và ánh sáng vĩ đại cùng với các Thiên thần và tất cả các thánh.

Lúc đó, tất cả những người có mặt đều kinh hoàng và ngạc nhiên trước mầu nhiệm vĩ đại này; còn những kẻ đã vu khống bà về tội lỗi mà bà vô tội, thì vô cùng xấu hổ, và tất cả đều khóc lóc thảm thiết, kêu lên:

– Khốn cho chúng ta, vì đã xúc phạm đến tôi tớ của Chúa quá lâu như vậy!

Và, quỳ xuống trước di cốt thánh của bà, họ nói trong nước mắt:

– Xin tha thứ cho chúng con, nữ tỳ của Chúa, vì trong sự thiếu hiểu biết, chúng con đã phạm tội chống lại chị!

Sau đó, Thiên Thần của Chúa hiện ra trước vị tu viện trưởng Octodekaton và phán:

– Hãy lấy ngựa và lên đường đến thành phố, ai là người đầu tiên ngài gặp thì hãy bắt người đó lại và đưa về đây.

Vị tu viện trưởng lập tức lên đường, và khi thấy một người đang đi ngược chiều trên đường, ông liền hỏi người ấy:

– Cậu đi đâu vậy?

Người đó trả lời:

– Tôi nghe nói vợ tôi đã qua đời tại một tu viện nào đó, nên tôi đang đi để gặp bà ấy.

Vị tu viện trưởng đưa người đàn ông này theo, cho anh ta lên ngựa, rồi quay trở lại tu viện và dẫn anh ta đến trước thi hài của vị thánh nữ. Khi nhìn thấy Theodora, chồng bà bắt đầu khóc lóc thảm thiết và không thể nguôi ngoai trước thi hài của bà. – Một đoàn tu sĩ đông đảo sống xung quanh Tu viện Octodekata, khi nghe tin về mọi chuyện đã xảy ra, đã tụ tập lại với nến và lư hương, cử hành nghi lễ an táng thi hài thánh nữ Theodora, rồi an táng thi hài ấy một cách trang trọng tại tu viện, nơi bà đã tận tụy tu hành. Và họ đã tổ chức lễ kỷ niệm rực rỡ trong nhiều ngày, ca ngợi Đức Kitô Thiên Chúa và tôn vinh người vợ yêu dấu của Ngài – Thánh nữ Theodora. Còn chồng bà, sau khi bà được an táng, đã xin một căn phòng tu viện, nơi vợ ông – hay đúng hơn là cô dâu của Chúa Kitô – từng sống, và sau khi xuất gia, ông đã tu hành tại đó trong sự ăn chay, cầu nguyện và nước mắt, tưởng nhớ những công đức của Thánh nữ Theodora, và sau một thời gian ngắn, ông đã về với Chúa. Còn cậu bé Theodor, người mà vị thánh nữ coi như con trai mình, đã thừa hưởng tính cách, những việc làm cao cả và toàn bộ cuộc đời đạo đức của người cha nuôi, hay nói đúng hơn là người mẹ của mình, vị thánh nữ Theodora. Cậu đã đạt đến sự hoàn hảo đến nỗi, sau khi vị tu viện trưởng qua đời, tất cả các tu sĩ đã bầu cậu lên thay thế vị trí của ngài; cậu trở thành một người

cha nhân từ, dẫn dắt các con cái của mình trên con đường cứu rỗi, và chính cậu cũng đi theo con đường đó, bước theo dấu chân của Thánh nữ Theodora, và cùng ngài an nghỉ trong các cung điện thiên đàng.

Nhờ những lời cầu nguyện của các thánh của Ngài, lạy Chúa, xin đừng tước đoạt Nước Trời của Ngài khỏi chúng con. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Bằng việc kiêng ăn đến kiệt sức, ngài đã khẩn cầu Đấng Tạo Hóa qua những lời cầu nguyện không ngừng để được tha thứ tội lỗi, và ngài đã nhận được sự tha thứ, mở ra con đường sám hối.

Lễ kỷ niệm Thánh Euphrosyne

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 9

Thánh Euphrosynus[6174] xuất thân từ một gia đình bình dân, nhưng nhờ những đức tính cao quý của mình, ngài đã vượt trội hơn cả những người có dòng dõi quý tộc. Nhiều người dù xuất thân từ dòng dõi quý tộc nhưng lại không có đức hạnh nào, và vì thế mà rơi xuống vực thẳm địa ngục. Ngược lại, không hiếm khi những người xuất thân bình dân, nhờ sự khiêm nhường đầy ân sủng, được nâng lên thiên đàng của Đức Chúa Trời. Cũng như vậy, vị thánh Euphrosynus này đã được nhìn thấy trong một thị kiến đang ở trong thiên đàng, nơi mà ngài đã thừa hưởng nhờ đời sống thánh thiện của mình.

Tại tu viện, Thánh Euphrosyn phục vụ các tu sĩ trong nhà bếp, và ngài phục vụ không phải như phục vụ con người, mà như thể phục vụ chính Thiên Chúa – với lòng khiêm nhường và vâng phục sâu sắc. Làm việc ngày đêm để tuân theo các nhiệm vụ được giao, ngài không bao giờ bỏ qua việc cầu nguyện và ăn chay. Sự kiên nhẫn của ngài thật đáng kinh ngạc: vì ngài đã phải chịu đựng những khó khăn lớn lao, những lời sỉ nhục, những sự xúc phạm và những phiền toái thường xuyên. Khi thắp lên ngọn lửa vật chất trong nhà bếp, ngài lại bừng cháy bởi ngọn lửa thiêng liêng của tình yêu dành cho Thiên Chúa, và trái tim ngài bừng cháy hướng về Ngài. Khi nấu ăn cho các anh em, ngài đã dùng đời sống đạo đức của mình để chuẩn bị cho mình một bữa tiệc trong Nước Trời, để được no nê niềm hạnh phúc thiên đàng ở đó cùng với những người mà Kinh Thánh đã nói: *"Phúc cho ai được nếm bánh trong Nước Trời"* (Lc 14,15). Ông phục vụ Chúa trong thầm lặng, để được thưởng công một cách công khai, và điều đó quả thực đã xảy ra.

Đây là cách Chúa đã bày tỏ những gì mà người tôi tớ của Ngài, Euphrosynus, xứng đáng nhận được.

Có một vị linh mục, sống cùng tu viện với Euphrosynus, luôn cầu xin Đức Chúa Trời cho ngài được thấy bằng mắt thường những ân huệ tương lai đã được chuẩn bị sẵn cho những ai yêu mến Ngài. Và rồi vào một đêm nọ, ông có một thị kiến như thế này: ông thấy mình đang đứng trong thiên đàng, vừa kinh ngạc vừa hân hoan chiêm ngưỡng vẻ đẹp không thể tả xiết của nơi đó; tại đó, ông nhìn thấy Euphrosynus, người đầu bếp của tu viện mình.

Tiến lại gần anh ta, vị linh mục hỏi:

– Anh Euphrosyn, – đây là gì vậy? Chẳng lẽ đây là thiên đàng sao?

Euphrosynus trả lời:

– Vâng, thưa cha, đây là thiên đàng.

Vị linh mục lại hỏi anh ta:

– Còn anh thì sao lại ở đây?

Euphrosyn trả lời:

– Nhờ lòng thương xót vô biên của Đức Chúa Trời, con đã đến đây sinh sống, vì đây là nơi cư ngụ của những người được Đức Chúa Trời chọn lựa.

Vị linh mục hỏi:

– Ngươi có quyền lực nào đối với những vẻ đẹp này không?

Euphrosynus trả lời:

– Tôi chỉ có thể ban phát những gì anh thấy, trong phạm vi khả năng của mình.

[6174] Ông đã sống và tu hành vào thế kỷ IX tại các vùng đất của người Ammon, ở Palestine, gần sông Jordan.

Vị linh mục nói:

– Ngươi có thể ban cho ta một chút nào trong những ân huệ này không?

Euphrosynus đáp:

– Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, xin ngài cứ lấy những gì ngài muốn.

Lúc đó, vị linh mục chỉ tay vào những quả táo và xin lấy chúng. Euphrosyn hái ba quả táo, đặt vào chiếc khăn của vị linh mục và nói:

– Hãy nhận lấy những gì ngài đã xin và hãy thưởng thức đi.

Lúc đó, tiếng chuông nhà thờ bắt đầu vang lên báo hiệu giờ lễ sáng. Vị linh mục tỉnh giấc và lấy lại tinh thần, cho rằng những gì mình vừa thấy chỉ là một giấc mơ, nhưng khi đưa tay vào chiếc khăn, ông phát hiện ra những quả táo mà ông đã nhận được từ Evfrosin trong giấc mơ, và cảm nhận được mùi hương tuyệt vời không thể tả xiết tỏa ra từ chúng, khiến ông vô cùng kinh ngạc. Ông đứng dậy khỏi giường, đặt những quả táo lên đó, rồi đi đến nhà thờ và thấy Euphrosynus đang đứng trong buổi lễ sáng. Bước đến gần ông, vị linh mục khẩn khoản xin ông tiết lộ nơi ông đã ở trong đêm vừa qua.

Euphrosyne trả lời:

– Xin tha thứ cho con, thưa cha, đêm qua con đã ở nơi mà cha đã thấy con.

Vị linh mục nói:

– Chính vì thế mà con đã thề sẽ tiết lộ những việc của Chúa, để con không che giấu sự thật.

Lúc đó, Euphrosynus, người khiêm nhường và khôn ngoan, nói:

– Thưa Cha, Cha đã cầu xin Chúa cho Cha thấy bằng hình ảnh hữu hình phần thưởng dành cho những người được Ngài chọn, và Chúa đã thương xót cho Cha thấy điều đó qua con, một kẻ hèn mọn và không xứng đáng, và thế là Cha đã thấy con trong thiên đàng của Đức Chúa Trời con.

Vị linh mục hỏi:

– Thưa Cha, khi con xin Cha, Cha đã ban cho con điều gì trong Thiên Đàng?

Euphrosynus đáp:

– Con đã cho cha ba quả táo – chính là những quả táo mà cha đã đặt trên giường trong phòng tu của mình, nhưng xin cha tha thứ cho con, thưa cha, vì con chỉ là một con sâu, chứ không phải con người.

Khi lễ sáng kết thúc, vị linh mục tập hợp các tu sĩ lại, rồi chỉ cho họ ba quả táo từ thiên đàng và kể lại chi tiết những gì ngài đã thấy. Lúc đó, tất cả đều cảm nhận được từ những quả táo ấy một hương thơm không thể tả xiết và niềm vui thiêng liêng, và trong sự xúc động, họ kinh ngạc trước những điều vị linh mục đã kể. Họ đi đến nhà bếp của Euphrosyne để kính viếng tôi tớ của Chúa, nhưng không còn thấy ông nữa, vì ông đã ra khỏi nhà thờ và ẩn mình, tránh xa sự vinh quang của loài người, và họ không thể tìm thấy ông bằng cách nào. Còn ông đã ẩn mình đi đâu – thì không cần phải tìm hiểu nhiều: vì nếu thiên đàng đã mở ra cho ông, thì ông còn có thể ẩn mình đi đâu được nữa? Các tu sĩ đã chia những quả táo đó cho nhau và phân phát cho nhiều người như một lời chúc lành, đặc biệt là để chữa lành: vì những người bệnh đã nếm thử chúng đều được chữa lành khỏi bệnh tật của mình. Và mọi người đều nhận được nhiều ân huệ từ món quà thiêng liêng của Thánh Euphrosynus; họ không chỉ ghi chép lại khải tượng kỳ diệu này trên giấy tờ mà còn lưu giữ trong lòng, từ đó hướng tới những việc làm vĩ đại và làm đẹp lòng Chúa.

Nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Euphrosyne, xin Chúa ban cho chúng ta được vào các nơi ở trên thiên đàng! Amen.

Lễ kính Thánh Tử đạo Ii

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 9

Thánh nữ tử đạo Iya xuất thân từ thành phố Vizada[6175] ; cùng với 9.000 tín hữu Kitô giáo, bà đã bị vua Ba Tư Sapor bắt làm tù binh[6176] . Vì tuyên xưng Đức Kitô, bà đã bị đưa ra xét xử trước thủ lĩnh các pháp sư, người đã

[6175] Vizad – một thành phố thuộc vùng trung tâm của vương quốc Ba Tư.

[6176] Sapor II, được biết đến với danh hiệu "Đại đế", là vị vua Ba Tư trị vì từ năm 310 đến năm 381 sau Công nguyên; ông nổi tiếng với những chiến thắng trước người La Mã; đồng thời cũng là kẻ đàn áp tàn bạo đối với Kitô giáo.

ép buộc bà từ bỏ Đức Kitô. Nhưng bà không khuất phục trước những lời thuyết phục của ông ta và vẫn kiên định trong đức tin chân chính. Vì điều này, bà bị giam vào ngục tối và bị bỏ đói suốt một năm. Sau đó, bà bị dẫn ra khỏi ngục và bị đánh đập dã man bằng những cây gậy có gai, rồi lại bị đưa trở lại ngục tối, nơi bà phải chịu đựng suốt mười lăm năm. Sau khoảng thời gian đó, người ta lại dẫn bà ra và trói chặt đầu gối, hông và tay bà bằng dây thừng đến nỗi xương bà bị gãy. Sau đó, họ bắt đầu đánh bà bằng những sợi dây da cứng vào hông và bụng, và cuối cùng, họ chặt đầu bà[6177] .

Lễ kính các thánh tử đạo Diodorus và Didymus

Ngày tưởng niệm 11 tháng 9

Các thánh tử đạo này đến từ Laodicea thuộc xứ Syria. Trong khi tuyên xưng đức tin vào Đức Kitô, các ngài đã rao giảng về Đức Kitô cho những người ngoại đạo và đã dẫn dắt nhiều người trong số họ trở lại đạo và làm phép rửa. Vì lý do đó, các ngài bị đưa ra trước quan tổng trấn Laodicea để xét xử, và tại đó, các ngài đã can đảm tuyên xưng Đức Kitô. Họ đã phải chịu những hình phạt khủng khiếp, nhưng họ không từ bỏ Chúa Kitô, mà vẫn dũng cảm vạch trần sự nịnh hót của những kẻ thờ ngẫu tượng và quở trách quan tổng trấn vì đã bỏ Đức Chúa Trời chân thật để thờ lạy các thần giả. Với lời cầu nguyện trên môi, họ đã dâng linh hồn mình lên Chúa giữa những đau đớn.

Ngày 25 tháng 9

12 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Tử đạo Autonomos

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 9

Thánh Autonome là giám mục tại Ý dưới triều đại của Diocletian. Khi cuộc bách hại tàn bạo đối với các Kitô hữu bắt đầu, Autonome đã nhớ lại những lời của Chúa được ghi trong Phúc Âm thánh: *"Khi người ta bắt bớ các con ở một thành phố, hãy chạy sang thành phố khác"* (Mt 10,23), và sau khi rời Ý, ngài đã di cư đến Bithynia, nơi theo ý định của Thiên Chúa, ngài dừng chân tại một làng nhỏ tên là Soreos[6178] . Tại đây, Thánh Autonoma đã được một người hiếu khách tên là Cornelius tiếp đón. Ngài đã ở lại nhà ông ấy một thời gian khá dài và, qua việc rao giảng về Đấng Christ, đã dẫn dắt nhiều người Hy Lạp trở lại đức tin Kitô giáo. Và ngài đã dẫn dắt không ít linh hồn về với Thiên Chúa tại đây, vì rất đông người dân tụ tập tại nhà Cornelius để lắng nghe giáo lý của Thánh Auton. Ngài, giống như các Tông đồ, đã rao giảng Lời Chúa với sự can đảm, vì trong ngài đang hoạt động chính Thánh Thần, Đấng xưa kia đã ngự xuống trên các Thánh Tông đồ dưới hình thức những lưỡi lửa. Thông qua lời rao giảng của Thánh Auton, Thánh Thần đã thắp sáng lòng người với tình yêu Thiên Chúa và sự đạo đức, đến nỗi những ai nghe lời giảng dạy của ngài đều cảm động và sẵn lòng đón nhận lời rao giảng của ngài, xin ngài ban phép rửa thánh. Và tại vùng đất ấy, ngài đã dẫn dắt rất nhiều người đến với đức tin thánh thiện, đến nỗi ngôi nhà của Cornelius không còn đủ chỗ chứa cả cộng đoàn tín hữu nữa; lúc bấy giờ, Thánh Autonom đã xây dựng cho các Kitô hữu một nhà thờ mang tên vị Tướng quân của các lực lượng thiên đàng, Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, và phó thác tất cả những người mới được ngài khai sáng dưới sự bảo trợ của ngài; còn bản thân ngài, sau khi phong Cornelius làm phó tế và giao phó cho ông việc chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô, đã lên đường đến Lycaonia và Isauria[6179] , mong muốn trở thành người rao giảng đức tin tại những nơi đó.

[6177] Cái chết tử đạo của Thánh Ii diễn ra vào khoảng năm 362–384.

[6178] Bithynia – một tỉnh ở Tiểu Á. – Soreos, hay Sorei – nằm ở phía tay phải của các tàu thuyền đi vào Vịnh Nicomedia hoặc Vịnh Astace.

[6179] Lycaonia – một vùng ở Tiểu Á, giáp với Isauria, cũng là một vùng ở Tiểu Á, có thành phố cùng tên. Isauria trước đây từng thuộc về Phrygia, rồi Pisidia, rồi lại thuộc về Lycaonia.

Sau khi cống hiến một thời gian khá dài cho việc rao giảng Lời Chúa tại những vùng đất này, Thánh Autonome lại trở về với Cornelius: ngài mong muốn thăm viếng đoàn chiên của Chúa Kitô mà ngài đã dẫn dắt. Ngài phong Cornelius làm linh mục và cùng với ông, ngài tiếp tục phục vụ cho sự cứu rỗi của nhân loại.

Khi vị vua vô đạo Diocletianus đến Nicomedia với mục đích tiêu diệt tất cả các tín đồ của Chúa Kitô đang có mặt tại đó, thì những kẻ thờ thần tượng bắt đầu truy lùng cả Thánh Auton, người được coi là tín hữu Kitô nổi tiếng nhất. Nhưng vị thánh, mong muốn dẫn dắt thêm nhiều người nữa thoát khỏi bóng tối của ma quỷ để đến với ánh sáng của sự nhận biết Thiên Chúa chân thật, đã không tự nộp mình vào tay những kẻ tra tấn. Để bảo vệ bản thân vì lợi ích của Giáo hội, Thánh Auton đã lên thuyền đến Claudiopolis, nằm bên bờ Biển Euxine[6180] , nơi ngài gieo hạt giống Lời Chúa; những hạt giống ấy, khi rơi xuống mảnh đất tốt lành của lòng người, nhờ ân sủng của Chúa, đã sớm mang lại nhiều hoa trái thiêng liêng. Sau khi sắp xếp mọi việc liên quan đến đời sống đạo đức một cách chu đáo và hướng dẫn các tín hữu trên con đường cứu rỗi, Thánh Autonome lại trở về Soreos.

Thấy số tín hữu ở đây ngày càng gia tăng, vị thánh đã phong Cornelius làm giám mục, còn bản thân ngài thì lên đường đến xứ Á Châu[6181] , nơi ngài bắt đầu nhổ tận gốc những gai góc của sự vô thần và truyền bá đức tin thánh thiện vào Đức Chúa Trời Duy Nhất. Và tại đây, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, ngài đã giải thoát nhiều người khỏi sự lầm lạc và sự diệt vong vĩnh viễn, bằng lời giảng dạy phá hủy các bàn thờ thần tượng và xây dựng trong lòng con người những đền thờ thiêng liêng – dành cho Đức Thánh Linh.

Chẳng bao lâu sau, Thánh Autonum lại đến thăm Cornelius và đoàn chiên được giao phó cho ngài. Thấy rằng mọi người ở đây đều được học luật pháp của Đức Chúa Trời và tiến bộ trong các đức hạnh, Autonum cảm thấy an ủi và tạ ơn Đức Chúa Trời vì công lao của ngài không uổng phí, và vì các con cái thiêng liêng của ngài – những người mà ngài đã sinh ra nhờ việc rao giảng Tin Mừng – đã ngày càng đông đảo.

Gần thành phố Soreos có một làng tên là Limna; cư dân nơi đây vẫn còn chìm đắm trong bóng tối của sự thờ thần tượng. Và thế là, khi đến với họ, Thánh Autonum bắt đầu rao giảng về Chúa Kitô cho họ; ngài đã dẫn dắt nhiều người trong số họ trở lại đạo Kitô, dạy dỗ họ về những mầu nhiệm của đức tin thánh thiện, ban phép rửa tội cho họ, và nhờ đó đưa họ vào đoàn chiên được chọn của Chúa Kitô.

Một lần nọ, những người dân địa phương vẫn còn chìm trong sự vô tín đã tổ chức lễ hội để tôn vinh một trong những thần tượng xấu xa của họ; họ dâng lễ vật cho ma quỷ và hân hoan trong đền thờ thần tượng của mình; lúc bấy giờ, các Kitô hữu – lúc đó đã có rất đông – đã tụ họp lại, tiến đến chỗ những người ngoại đạo đang ăn mừng, lật đổ các bàn thờ hiến tế của họ, đập vỡ tất cả các thần tượng, và phá hủy đền thờ của họ đến tận nền móng. Bằng hành động này, họ đã chứng tỏ cho những kẻ vô tín rằng các vị thần của họ thật hèn mọn, vì chúng không thể chống cự khi bị nghiền nát, và cũng không kêu la khi bị đập vỡ.

Những người ngoại đạo, tức giận các Kitô hữu vì sự sỉ nhục nặng nề như vậy, đã quyết định trả thù họ vì đã đập vỡ các thần tượng của mình và bắt đầu chờ đợi thời cơ thuận lợi để làm điều đó.

Một lần nọ, khi biết được ngày mà vị tôi tớ của Chúa là Autonome sẽ dâng lễ vật không đổ máu lên Đức Chúa Trời tại nhà thờ Thánh Michael Tổng Lãnh Thiên Thần do chính ông xây dựng ở thành phố Soreos, họ từ Limna cùng với những người ngoại đạo từ các làng lân cận đã tụ tập với số lượng không thể đếm xuể và bí mật chuẩn bị tấn công bất ngờ vào nhà thờ của Chúa và giết vị mục sư Kitô giáo, Thánh Auton, điều mà họ đã thực hiện thành công.

Trong lúc cử hành Thánh lễ, đám người ngoại đạo đông đảo đã tấn công nhà thờ: một số cầm vũ khí, số khác cầm gậy hoặc đá; họ đã đuổi hết các Kitô hữu có mặt trong nhà thờ ra ngoài và giết Thánh Autonoma một cách tàn nhẫn: họ tra tấn ngài ngay tại bàn thờ, đến nỗi bàn thờ đó nhuốm đỏ bởi chính máu thánh của ngài. Như vậy, khi dâng lễ vật không đổ máu, chính vị thánh đã trở thành lễ vật đổ máu trên bàn thờ thiên đàng[6182] .

Sau khi giết Thánh Avtonom, những kẻ ngoại đạo đã ném lên người ngài vô số hòn đá, và chính những hòn đá đó đã giết chết ngài. Sau khi tổ chức lễ ăn mừng vì đã trả thù các Kitô hữu vì đã xúc phạm các vị thần của họ, tất cả bọn họ đều tản đi. Vị thánh nằm đó trong tình trạng đã bị giết – và lúc bấy giờ, trong nhà thờ tràn ngập sự hoang

---

[6180] Biển Euxine, hay Pontus – tên cổ của Biển Đen, theo truyền thuyết trước đây được gọi là "Axine", tức là "không hiếu khách", do những cơn bão; khi các bờ biển của nó, bắt đầu từ thế kỷ VII, bắt đầu được bao phủ bởi các thuộc địa Hy Lạp, thì nó được gọi là "Euxine", tức là "hiếu khách".

[6181] Asia – một tỉnh La Mã, bao gồm phần phía tây của Tiểu Á, hay còn gọi là "Asia Proconsularis".

[6182] Thánh Tử đạo Autonomos qua đời vào khoảng năm 312, ngay sau cuộc đàn áp của Diocletian.

mang tột độ cùng tiếng khóc than thảm thiết của các tín hữu vì cái chết của vị cha và vị mục tử nhân từ của họ. Một nữ phó tế tên là Maria đã mang thi hài thánh của vị thánh tử đạo, rồi với lòng tôn kính, bà đã an táng ngài.

Nhiều năm sau khi thánh Autonoma được an táng, vào thời điểm Hoàng đế Constantine Đại đế lên ngôi, một quan đại thần tên là Severian được nhà vua cử đi đến Alexandria. Vì lo sợ sóng biển, ông không đi bằng đường biển mà đi bộ dọc theo bờ biển. Theo sự an bài của Thiên Chúa, đoàn người phải đi ngang qua nơi an nghỉ của thi hài vị thánh tử đạo Autonome; và bỗng dưng những con ngựa đột ngột dừng lại và không thể đi tiếp được nữa. Dù có đánh chúng bằng roi thế nào đi chăng nữa, không con nào có thể nhúc nhích khỏi chỗ đứng; người ta đã giảm bớt gánh nặng mà chúng đang chở, nhưng ngay cả lúc đó chúng vẫn không thể tiếp tục hành trình: như thể có một bàn tay vô hình đang giữ chúng lại; và Sevirian cảm thấy vô cùng bối rối.

Cùng đi với Sevirian có một người đàn ông đạo đức, người được ban cho ân sủng để thấu hiểu những mầu nhiệm của Thiên Chúa. Ông nói với Sevirian:

– Ngươi nên dựng một nhà thờ tại chính nơi này để tưởng nhớ vị tử đạo, người mà thi thể đã được chôn cất ở đây; và nếu ngươi hứa sẽ làm điều này, thì ngươi sẽ thấy những con ngựa của ngươi sẽ nhanh chóng tiếp tục hành trình.

Sevirian vui mừng hứa sẽ làm điều đó, và những con ngựa của ông quả thực ngay lập tức cất bước và chạy nhanh đi. Còn Sevirian, trước khi trở về từ Alexandria, đã xây dựng tại nơi đó một nhà nguyện nhỏ để tôn vinh vị thánh tử đạo; và khi trở về, ông đã dựng lên một nhà thờ tuyệt đẹp trên ngôi mộ của ngài.

Nhiều năm sau, một linh mục, không biết rằng dưới lòng đất của nhà thờ này chôn cất di cốt thánh của Thánh Autonoma, đã phá dỡ nó do đã xuống cấp, và xây dựng một nhà thờ mới ở một nơi khác, gần biển[6183] . Chính nơi mà di cốt của vị thánh được chôn giấu dưới lòng đất đó đã bị bỏ hoang suốt sáu mươi năm – cho đến khi hoàng đế Byzantine Zinon qua đời[6184] – và không ai biết về kho báu vô giá đang được giấu kín trong lòng đất. Vào thời điểm đó, một trong những vệ sĩ hoàng gia tên là Ioann, khi đang thi hành một mệnh lệnh nào đó của hoàng đế, – đã có mặt tại các địa điểm nói trên – ở thành phố Soreos và Limne; một lần nọ, anh ta đi săn và tình cờ, tại chính nơi mà trước đây từng có một nhà thờ được xây dựng trên di cốt của vị thánh, anh ta nhìn thấy một con thỏ rừng; anh ta giương cung và bắn mũi tên, giết chết con thỏ; sau khi săn được nhiều con thú khác, anh ta trở về nhà. Nhưng vào ban đêm, khi ngài đang ngủ trên giường, vị thánh tử đạo Autonome đã hiện ra trong giấc mơ và ra lệnh cho ngài xây dựng một nhà thờ ngay tại chính nơi mà ngày hôm trước ngài đã bắn chết con thỏ. Khi tỉnh dậy, Gioan quyết tâm dốc hết sức mình để thực hiện mệnh lệnh đã được giao phó, và chẳng bao lâu sau, ông đã xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp mang tên vị thánh tử đạo Auton; còn di cốt của ngài thì ông tìm thấy trong lòng đất, vẫn còn nguyên vẹn và hoàn toàn không bị hư nát, và từ đó đã xảy ra nhiều phép lạ, và nhiều người bệnh đã được chữa lành tại đây.

Về việc tìm thấy di cốt của Thánh Autonoma, Thánh Simeon Metaphrastes[6185] đã nói như sau:

– Khi chứng kiến vị tu sĩ vinh quang, người đã chiến thắng những bản tính của bản chất con người, tôi đã đứng lên ngợi khen Thiên Chúa; và này, khi từng lúc nhìn sâu vào quan tài của Thánh Tử đạo Autonoma, tôi thấy rằng di cốt thánh của ngài vẫn bất khả chiến bại trước sức mạnh của cái chết. Cái chết, vốn tự hào rằng chỉ trong ba ngày có thể phá hủy toàn bộ cơ thể của một sinh vật sống, lại không thể, trong suốt bao nhiêu năm qua, hủy hoại dù chỉ một sợi tóc của vị thánh vĩ đại này. Đầu và mái tóc của ngài vẫn nguyên vẹn, khuôn mặt còn nguyên vẹn, làn da vẫn săn chắc – không một sợi lông mi nào trên mí mắt ngài bị hư hại: chỉ có đôi mắt ngài khép lại mà thôi. Và khi tôi nhìn ngắm ngài, tôi có cảm giác rằng cái chết chỉ khiến ngài im lặng, còn toàn bộ thân thể và mọi bộ phận của ngài vẫn được bảo toàn nguyên vẹn: không có gì rụng khỏi đầu ngài, cũng không có gì tách rời khỏi các bộ phận khác của thân thể. Đó là cách Chúa tôn vinh những ai tôn vinh Ngài trong thân xác thánh thiện của họ. Ngài xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen.

[6183] Đó là vào khoảng năm 430; còn việc tìm thấy thi hài bất hoại của Thánh Autonomos diễn ra 60 năm sau đó.

[6184] Hoàng đế Byzantine Zinon trị vì từ năm 474 đến năm 491.

[6185] Simeon Metaphrastes – một nhà văn Giáo hội nổi tiếng của thế kỷ X (qua đời năm 940), người biên soạn và sưu tầm các Cuộc đời các Thánh: các tác phẩm của ông trong lĩnh vực này sau này đã trở thành nguồn chính cho cuốn "Chet'i-Minei" của Thánh Dimitri Rostovsky. Metaphrastus ở đây trích dẫn lời chứng của một nhân vật khác, người sống 200 năm sau khi Thánh Autonomos qua đời và tự xưng là người cùng thời với Hoàng đế Justinus (518–527).

Kỷ niệm Thánh Tử đạo Cornutus, Giám mục Nicomedia

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 9

Thánh Tử đạo Cornutus sống ở vùng lân cận Nicomedia, tại làng Sataly (Sarsala, Sursana). Ngài là một người nhiệt thành tuyên xưng danh Chúa Kitô. Trong thời kỳ bách hại Kitô hữu, quan tổng trấn Perennius thuộc Ikonium[6186] đã được cử đến vùng đất đó. Khi nhiều Kitô hữu phải lánh nạn khỏi sự truy đuổi của ông ta vào những nơi ẩn náu, Thánh Cornutus, dù đã ở tuổi cao niên, vẫn tự mình ra trình diện trước mặt ông ta. Khi quan tổng trấn hỏi ngài là ai, vị thánh già nua đã dũng cảm trả lời: "Tôi là Kitô hữu" và bắt đầu công khai tuyên xưng rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật, Đấng Tạo Hóa của muôn loài, đồng thời vạch trần sự nịnh hót của các thần tượng. Chân ngài bị trói bằng những sợi dây thừng mỏng và bị lôi lê lết khắp các đường phố trong thành, máu chảy thành dòng từ những vết cắt do dây thừng gây ra trên chân. Giữa những cực hình, vị thánh tử đạo vẫn tạ ơn Thiên Chúa. Sau đó, sau những cực hình tiếp theo, ngài bị chém đầu bằng gươm[6187] .

Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Iulian

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 9

Trong thời trị vì của Diocletian và Maximian, Antoninus[6188] được bổ nhiệm làm tổng trấn vùng Galatia. Người ta báo cáo với ông rằng Julian cùng 40 Kitô hữu khác đang ẩn náu trong một hang động trên núi, và họ đang cử hành thánh lễ Kitô giáo tại đó. Khi theo lệnh của quan tổng trấn, ông bị bắt và bị ép buộc phải khai ra những Kitô hữu khác đang ở cùng ông, nhưng ông đã từ chối. Trước khi ra tòa, Thánh Iulian đã cất tiếng hô lớn, hướng về phía các bạn đồng đạo của mình vẫn còn ở trong hang động:

– Này, ta đã bị đưa ra xét xử, và ta đang tiến đến cuộc tử đạo vì Chúa Kitô, mà không tố cáo các ngươi! Nhưng các ngươi hãy cố gắng để theo gương ta trong cuộc tử đạo này!

Khi Thánh Julian đứng trước quan tổng trấn Antoninus, người này nói với ngài:

– Hãy đến trước các vị thần và dâng lễ vật cho họ.

Thánh tử đạo đã dũng cảm đáp lại:

– Lời khuyên của ngài không hợp ý tôi; đối với chúng tôi, những người Kitô hữu, không có số phận nào tốt hơn là chết vì đức tin thánh thiện mà chúng tôi đã được nuôi dưỡng.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh nung đỏ giường sắt, rồi lột trần vị tử đạo và đặt ngài lên đó. Vị thánh tử đạo, khi được dẫn đến nơi đó, đã làm dấu thánh giá và bước lên giường sắt đang rực lửa. Lúc đó, Thiên Thần của Chúa hiện ra, dập tắt ngọn lửa và bảo vệ vị thánh tử đạo khỏi bị thương tích.

– Ngươi là ai? – Antonin hỏi vị tử đạo, – và bằng cách nào ngươi dập tắt ngọn lửa dễ dàng như vậy?

– Tôi là tôi tớ của Chúa; tên tôi là Iulian, – vị thánh tử đạo trả lời. Igemon lại hỏi ông:

– Cha mẹ ngươi là ai?

Vị tử đạo đáp:

– Mẹ tôi là một bà lão, còn cha tôi đã về với Chúa.

Antonin ra lệnh dẫn mẹ ông đến và, nhìn bà với ánh mắt giận dữ, nói với bà:

– Hãy thuyết phục thằng con độc ác của bà dâng hương cho nữ thần; nếu bà không làm thế, tôi sẽ để thi thể bà bị nhục mạ.

Người mẹ cao thượng của vị thánh tử đạo đã trả lời vị thống đốc như sau:

– Nếu họ làm ô uế thân thể tôi trái với ý muốn của tôi, thì điều đó không những không được coi là tội lỗi của tôi, mà còn là bảo chứng cho vinh quang vĩnh cửu và phần thưởng hạnh phúc dành cho tôi.

[6186] Iconia – một thành phố nằm trên cao nguyên màu mỡ ở sâu trong Tiểu Á, dưới chân núi Taurus; từng là thủ phủ của Lycaonia, ngày nay là Konya, thủ phủ của vùng Karaman thuộc Tiểu Á, Thổ Nhĩ Kỳ.

[6187] Thánh Cornutus đã chịu tử đạo dưới triều đại của Hoàng đế La Mã Decius (249–251).

[6188] Galatia – một tỉnh nhỏ, nhiều núi nhưng màu mỡ ở Tiểu Á, nằm giữa Phrygia, Bithynia, Pontus và Cappadocia. Những đau khổ và cái chết tử đạo của Thánh Julian diễn ra tại thành phố Ancyra rất cổ xưa – nay là Ankara.

Vị quan tổng trấn, bị những lời của bà lão làm cho xấu hổ, đã ra lệnh thả bà ra, còn Thánh Iulian thì bị kết án chém đầu bằng gươm. Khi cùng các binh lính đến nơi hành quyết, vị thánh tử đạo đã xin họ cho thời gian để cầu nguyện.

– Con tạ ơn Chúa, – ngài cầu nguyện, – vì Ngài đã củng cố lòng con và giúp con giữ vững lòng ngay cả khi phải đổ máu. Xin Chúa ban cho những ai sẽ lấy đất từ nơi an táng của con được tha thứ tội lỗi và thoát khỏi những đam mê. Và xin đừng để bất kỳ loài côn trùng gây hại nào xuất hiện trên cánh đồng của họ: không có châu chấu, không có sâu bướm, cũng như bất kỳ loài nào khác; đồng thời, xin cho họ được thoát khỏi sự tấn công của các loài chim săn mồi! Và xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an!

Và có tiếng từ trời vang lên:

– Đấng đồng hành trong cuộc hành hương của ngươi – Đức Kitô đã mở rộng cánh cửa Nước Trời cho ngươi. Hãy bước vào đó, vì ngươi đã chiến đấu một cách chính đáng vì danh Ngài!

Bốn mươi tín hữu Kitô giáo đang ẩn náu trong hang động cũng nghe thấy tiếng nói ấy. Họ đến nơi Thánh Tử Đạo chịu khổ nạn, nhưng thấy ngài đã qua đời. Trước mặt tất cả các binh lính, họ công khai tuyên xưng Đức Kitô, Thiên Chúa chân thật. Lúc đó, các binh lính trói họ lại, dẫn đến trước quan tổng trấn, và quan này ra lệnh chém đầu họ[6189] .

Ngày 26 tháng 9

Ngày 13 tháng 9 (theo lịch cũ)

Bài giảng nhân dịp khánh thành lại Đền thờ Phục sinh ở Giê-ru-sa-lem[6190]

Ngày kỷ niệm 13 tháng 9

Hôm nay, chúng ta kỷ niệm Lễ Tái thiết Đền thờ vinh quang và vĩ đại tại Giê-ru-sa-lem – không phải ngôi đền mà vua Sa-lô-môn đã xây dựng trên núi Mô-ri-a, mà là ngôi đền mà Vua Constantine đạo đức cùng với người mẹ đáng kính của ngài là Helena đã xây dựng một cách kỳ diệu trên núi Golgotha, sau khi thanh tẩy và trùng tu nơi thánh thiêng đã bị ô uế bởi sự vô đạo của các dân ngoại.

Sau khi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta tự nguyện chịu khổ nạn và chết, sau khi Ngài phục sinh và lên trời, nơi thánh thiêng nơi sự cứu rỗi của chúng ta đã được thực hiện đã bị những kẻ thù của Chúa Kitô nhạo báng và làm ô uế. Đặc biệt, hoàng đế La Mã vô đạo Hadrian đã làm ô uế tất cả các nơi thánh thiêng bằng những hình tượng ma quỷ và các lễ tế vô đạo. Sau khi xây dựng một thành phố tại Jerusalem – nơi đã bị Titus tàn phá[6191] – ông ra lệnh lấp Mộ Chúa bằng đất và vô số hòn đá; còn trên ngọn núi nơi Chúa bị đóng đinh, ông đã xây dựng một đền thờ dành cho nữ thần dâm loạn ngoại giáo Venus và đặt tượng thần của bà tại đó, đồng thời đặt tượng thần Diya (Jupiter). Như vậy, chính tại nơi Chiên Con của Đức Chúa Trời đã dâng chính mình làm của lễ cho Đức Chúa Cha vì tội lỗi chúng ta, thì tại đó lại có những của lễ ô uế được dâng lên cho ma quỷ và mọi hành vi dâm loạn đều diễn ra. Tương tự, tại Bê-lem, nơi Đấng Vô Nhiễm đã ra đời từ lòng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, vị vua vô đạo đã dựng tượng thần Adonis[6192] , khiến nơi thánh thiêng này cũng bị ô uế bởi những hành vi dâm ô; còn tại nơi từng là đền thờ của vua Sa-lô-môn, ông ta đã xây dựng một đền thờ tà thần. Ông đã đặt tên cho chính thành phố này theo tên mình là Ê-li, – vì ông mang tên Ê-li-A-đri-an, – và ra lệnh rằng không ai được phép gọi nó là Giê-ru-sa-lem. Ông làm tất cả những điều này với mong muốn xóa sổ khỏi mặt đất ngay cả ký ức về danh xưng của Chúa Giê-su Ki-tô. Ông đã đổi tên

---

[6189] Thánh Iulian và 40 vị tử đạo khác của Chúa Kitô đã qua đời vào những năm đầu của thế kỷ IV.

[6190] Lễ này được gọi là "Sự Phục Sinh theo nghĩa bóng", tức là cái gọi là sự phục sinh. Tên gọi này cho thấy đây không phải là ngày Phục Sinh chính thức cũng không phải là ngày Chủ Nhật, mà là một lễ hội đặc biệt; mặc dù không diễn ra vào ngày Chủ Nhật, nhưng trong ngôn ngữ dân gian, nó vẫn được gọi là "Phục Sinh" vì liên quan đến Nhà thờ Phục Sinh của Chúa Kitô.

[6191] Titus – hoàng đế La Mã từ năm 79 đến năm 81. Jerusalem bị Titus chinh phục vào năm 70, dưới triều đại của cha ông là Vespasian.

[6192] Adonis – vị thần trong thần thoại Hy Lạp cổ đại, là hiện thân của mặt trời, chết vào mùa đông và hồi sinh vào mùa xuân; việc thờ phụng ngài rất phổ biến và đi kèm với những lễ hội hoành tráng, cùng với các nghi lễ và trò chơi trái đạo đức.

thành phố, nơi mà Chúa Giê-su Ki-tô đã thực hiện vô số phép lạ, và dựng nên những nơi ở của ma quỷ tại những địa điểm Ngài sinh ra, bị đóng đinh và an táng, chính với mục đích để thế hệ con người sau này hoàn toàn quên lãng Chúa Ki-tô và không bao giờ còn nhớ đến những nơi mà Chúa đã sống và giảng dạy. Tuy nhiên, chính Hoàng đế Adrian đã qua đời, còn nơi thánh thiêng ấy lại được Vua vinh quang tôn vinh trở lại.

Chúa, sau khi soi sáng tâm hồn vua Constantine và mẹ ông là Helena bằng ánh sáng của đức tin thánh thiện, đã gieo vào lòng họ khát vọng phục hưng Thành Thánh Giê-ru-sa-lem – tại chính nơi mà ngôi đền thờ thi thể Chúa Kitô, vốn đã bị phá hủy, đã được xây dựng lại trong ba ngày (xem Ga 2:19, 21; Ma-thi-ơ 26:16, 27:40; Mác 14:58, 15:29), xây dựng một ngôi đền thờ Chúa tuyệt đẹp, đồng thời thanh tẩy và thánh hóa tất cả các thánh địa khỏi những ô uế của ma quỷ. Để thực hiện điều này, vị vua đạo đức đã cử mẹ mình cùng một lượng vàng lớn đến Giê-ru-sa-lem và gửi thư cho Đức Thượng phụ Makarios[6193] , yêu cầu ngài dốc hết sức lực để xây dựng nhà thờ. Thánh Helena, khi đến Jerusalem, đã phá hủy tất cả các đền thờ ngoại đạo ở đó, tiêu diệt các tượng thần và thanh tẩy toàn thành phố khỏi những ô uế của ngoại đạo, đồng thời thánh hiến nơi này. Bà đã tìm thấy Thánh Giá của Chúa và ngôi mộ, sau khi dọn sạch đất và đá đã vùi lấp chúng, rồi xây dựng tại nơi đó một nhà thờ lớn đến nỗi chỉ một công trình duy nhất đã bao quanh cả nơi Chúa bị đóng đinh, cũng như nơi chôn cất của Đấng Christ, vì hai nơi này nằm gần nhau, như thánh sử Gioan đã ghi chép: *"Tại nơi Ngài bị đóng đinh, có một khu vườn, và trong vườn có một ngôi mộ mới, chưa từng có ai được an táng ở đó. Họ đã đặt Chúa Giêsu vào đó vì ngày thứ Sáu của người Do Thái, bởi vì ngôi mộ ở gần đó"* (Ga 19:41–42). Và như vậy, bà đã bao quanh cả Golgotha lẫn Mộ Thánh Chúa bằng một nhà thờ duy nhất. Nhà thờ này được gọi là "Martyrium", tức là "lời chứng" – chính là lời chứng về sự Phục sinh của Chúa Kitô, vì tại nơi đó Chúa Kitô đã chết và sống lại[6194] . Thánh Helena còn xây dựng nhiều nhà thờ khác: tại Bêlem, trên núi Ô-liu[6195] , tại Ghết-sê-ma-ni[6196] và tại nhiều thánh địa khác, đồng thời trang trí chúng một cách đa dạng và lộng lẫy. Tuy nhiên, nhà thờ trên Mộ Thánh lại là công trình đẹp nhất và lớn nhất trong số đó. Nhưng chính Nữ hoàng Helena đã không kịp chứng kiến ngày hoàn thành công trình này: sau khi trở về với con trai, bà đã an nghỉ trong Chúa khi nhà thờ vẫn chưa hoàn thành[6197] , bởi vì không thể xây dựng một công trình lớn và kỳ vĩ như vậy trong thời gian ngắn, và nó chỉ vừa mới hoàn thành sau mười năm.

Khi nhà thờ đã được hoàn thiện, vị vua đạo đức đã ra lệnh triệu tập các giám mục từ khắp các vùng đất đến Jerusalem để làm lễ thánh hiến nhà thờ. Và một đoàn giám mục đông đảo đã tụ họp tại đây: từ Bithynia, Thrace, Cilicia, Cappadocia, Syria, Mesopotamia, Phoenicia, Á Rập, Palestine, Ai Cập và các nước khác ở châu Phi, cùng một vị giám mục từ Ba Tư; cũng có vô số người dân từ khắp nơi trên thế giới tụ tập về đây, đến nỗi không phải ai cũng có thể chen chân vào trong thành Giê-ru-sa-lem. Nhà thờ Phục Sinh được thánh hiến vào ngày 13 tháng 9 năm 335, vào năm thứ 30 triều đại của Hoàng đế Constantine, khi toàn bộ thành Giê-ru-sa-lem cũng được trùng tu. Các vị thánh phụ tụ họp trong lễ kỷ niệm này, theo gương quy định trong Cựu Ước, đã quyết định mãi mãi kỷ niệm ngày Trùng tu Nhà thờ. Bởi vì, cũng như trong Cựu Ước, Giu-đa Ma-ca-vê, sau khi thanh tẩy nơi thánh thiêng liêng nhất – Nơi Chí Thánh – khỏi sự ô uế do việc thờ thần tượng của người Sy-ri, đã thiết lập việc kỷ niệm sự tái thiết đó mãi mãi (1 Ma-ca-bê 4:36–59), điều này cũng được đề cập trong Phúc Âm: *"Lúc bấy giờ, lễ Tái thiết đã đến tại Giê-ru-sa-lem"* (Giăng 10:22); cũng vậy, trong Tân Ước, Hoàng đế Constantine, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, sau khi xây dựng một "Nơi Thánh Cực Thánh" thứ hai, đã cùng các vị Thánh Tổ quy định rằng trên khắp vũ trụ phải cử hành Lễ Tái thiết của Giáo hội vĩ đại Giêrusalem, vốn là Mẹ của mọi Giáo hội.

[6193] Macarius I là Thượng phụ Giêrusalem từ năm 313 đến năm 333.

[6194] Thánh Cyril thành Jerusalem đã tiên đoán được cả nơi Phục Sinh, được gọi là Martyrion. Bởi vì tại sao nơi này – Golgotha và nơi Phục Sinh – lại không được gọi là nhà thờ như các nhà thờ khác, mà lại được gọi là Martyrion? Có lẽ dựa trên lời của vị tiên tri: "Vào ngày Phục Sinh của Ta, như một chứng cớ (martyrion)".

[6195] Núi Eleon hay Núi Ô-liu – là một trong những ngọn núi của người Do Thái nằm về phía đông Giê-ru-sa-lem, được ngăn cách với thành phố này bởi thung lũng Ke-đron; ngọn núi này được đặt tên như vậy vì có rất nhiều cây ô-liu mọc trên đó. Nó cao hơn các ngọn núi lân cận khác, chẳng hạn như núi Si-ôn và núi Mô-ri-a; từ đỉnh núi này có thể ngắm nhìn khung cảnh tuyệt đẹp tứ phía. Từ đỉnh núi Eleon, Chúa Giê-su Ki-tô đã thăng thiên vào ngày thứ bốn mươi sau khi Phục Sinh. Ngôi đền tráng lệ do Hoàng hậu Hê-lê-na xây dựng tại đây sau đó đã bị người Thổ Nhĩ Kỳ biến thành thánh đường Hồi giáo.

[6196] Gethsemane – một làng hoặc địa điểm nằm bên kia suối Kedrsky, dưới chân núi Eleon, nơi Chúa Giê-su bị Giu-đa phản bội (Ma-thi-ơ 26:36; Giăng 18:1–3). Gethsemane – trong tiếng Nga có nghĩa là: nơi trồng ô-liu, hoặc máy ép để lấy nước ép từ quả ô-liu. Vườn Gethsemane ngày nay vẫn được chỉ ra ở chân núi Eleon – phía nam của ngọn núi; trong vườn này, người ta cũng chỉ ra nơi Chúa đã cầu nguyện tại Gethsemane trước khi chịu khổ nạn trên đồi Golgotha, cũng như hang mộ của Đức Mẹ, nơi hiện nay đặt quan tài của Người.

[6197] Nữ hoàng Helena qua đời vào năm 327.

Vậy nên, hôm nay chúng ta hãy mừng lễ Tái thiết của Giáo hội này, tạ ơn Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng đã tái tạo toàn thể tạo vật và thanh tẩy Giáo hội thánh của Ngài khỏi những ô uế của sự thờ ngẫu tượng nhờ những đau khổ và sự phục sinh của Ngài. Chúng ta cũng hãy tự tái tạo chính mình, như những đền thờ của Thiên Chúa Hằng Sống, từ bỏ con người cũ và mặc lấy con người mới; hãy thanh tẩy bản thân khỏi những điều ác đã ăn sâu trong chúng ta và bắt đầu thực hiện những việc lành, bước vào một cuộc sống mới, đạo đức. Khi đó, – giống như cách con người mừng lễ Tái sinh của ngôi đền do tay người dựng nên, – các Thiên thần sẽ mừng lễ Tái sinh của ngôi đền thiêng liêng của chúng ta; vì mỗi khi một người tội lỗi được đổi mới nhờ sự sám hối, các Thiên Thần trên trời đều vui mừng, và cùng với các Thiên Thần, chính Đấng Tạo Hóa của các Thiên Thần – Chúa Kitô, Chúa chúng ta, Đấng không muốn sự chết cho những người tội lỗi – cũng vui mừng vì người ấy; vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Như Ngài đã tỏa sáng vẻ đẹp của các tầng trời cao, và đã bày tỏ vẻ đẹp thánh thiêng của nơi ngự vinh quang Ngài trên đất này, lạy Chúa, xin hãy củng cố điều này đến muôn đời, và xin hãy nhận lấy những lời cầu nguyện mà chúng con không ngừng dâng lên Ngài qua Đức Mẹ, Nguồn Sống và Sự Phục Sinh của muôn loài.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Bầu trời rực rỡ như một ngôi thánh đường, soi sáng tất cả các tín hữu, chúng con đứng trong đó và kêu cầu: Xin củng cố ngôi nhà này, lạy Chúa.

Cuộc đời của Thánh Tử đạo Cornelius, Chỉ huy trưởng

Ngày kỷ niệm: 13 tháng 9

Ngay sau khi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta chịu khổ nạn, và sau khi Ngài Phục Sinh và lên trời, tại Cêsarea thuộc Palestine có một viên trung úy tên là Cornelius, gốc gác từ vùng Thrace thuộc Ý[6198] . Dù vẫn còn chìm trong bóng tối của sự vô tín, nhưng ông đã thực hiện những việc làm của ánh sáng và, dù vẫn là người Hy Lạp, ông lại giống như một Kitô hữu. Ông không biết Chúa Kitô, nhưng qua những việc làm bác ái, ông đã vô tình tôn kính Ngài. Sống giữa một thế giới sa đọa, ông vẫn giữ được đức hạnh, như Thánh Luca đã làm chứng về ông trong Sách Công Vụ: *"Tại Cêsarê có một người tên là Cornelius, là một trung úy thuộc đoàn quân gọi là Ý"*[6199] (Công vụ 10:1). Đức Chúa Trời không coi thường những đức hạnh đó của ông và đã thương xót soi sáng ông bằng ánh sáng của đức tin, dẫn dắt ông đến sự hiểu biết về lẽ thật, để những việc làm tốt lành của ông không bị bóng tối của sự vô tín che phủ.

Một lần nọ, khi đang cầu nguyện với Đức Chúa Trời tại nhà mình, người đàn ông kính sợ Đức Chúa Trời này đã thấy một Thiên sứ của Đức Chúa Trời, người đã báo cho ông biết rằng những lời cầu nguyện và việc bố thí của ông đã được Đức Chúa Trời chấp nhận. Thiên thần truyền cho ông sai người đến Joppa[6200] để tìm Simon, người được gọi là Phêrô, và làm theo những gì người ấy dặn dò. Ông liền sai người đi khẩn khoản mời Phêrô. Trong khi những người được Cornelius sai đi đang trên đường đến Joppa, thì vào giờ thứ sáu buổi chiều[6201] , Phêrô lên tầng trên của ngôi nhà để cầu nguyện. Lúc đó, ông cảm thấy đói, và bỗng một thị kiến hiện ra trước mặt ông,

---

[6198] Một vùng thuộc Đế quốc La Mã, nằm về phía đông bắc của Macedonia. Hiện nay, Thrace được gọi là Romania.

[6199] Césarea – một thành phố lớn ở Palestine, ven Biển Địa Trung Hải, nơi các quan tổng trấn La Mã từng cư ngụ. Spira Italica – một trung đoàn gồm những người La Mã bản địa.

[6200] Ioppia (dịch từ tiếng Do Thái có nghĩa là: vùng đất đẹp, cao ráo) – thành phố Phoenicia cổ xưa nhất, sau khi chinh phục Đất Hứa đã thuộc về chi phái Dan, nằm bên bờ Địa Trung Hải trên một ngọn đồi cao, ở phía nam đồng bằng Saron thịnh vượng, cách Jerusalem 12 giờ đường đi. Thành phố này từ xưa đến nay luôn là một cảng biển và trung tâm thương mại vô cùng quan trọng; ngày nay được gọi là Jaffa.

[6201] Người Do Thái thường lui lên phòng trên lầu, nằm trên mái nhà (tương tự như tầng lửng của chúng ta ngày nay), để cầu nguyện. Còn Phê-rô thì ở lại ngay trên mái nhà, dưới bầu trời mở. Giờ thứ sáu tương ứng với 12 giờ trưa theo giờ của chúng ta.

khuyên ông đừng coi thường việc đến với những người ngoại bang chưa chịu cắt bì – vì người Do Thái không giao du với dân ngoại và coi thường họ. Thị kiến hiện ra cho Phê-rô như sau. Từ trời, một cái thùng hạ xuống ba lần, trông giống như một tấm vải lớn được buộc ở bốn góc, và một tiếng nói ra lệnh cho Phê-rô giết và ăn các loài động vật, thú vật, bò sát và chim chóc có trong cái thùng đó. Khi Phê-rô từ chối và nói rằng ông chưa bao giờ ăn thứ gì ô uế, tiếng nói từ trời lại phán với ông:

– Những gì Đức Chúa Trời đã thanh tẩy, đừng coi là ô uế.

Khải tượng này là dấu hiệu cho sự hoán cải của Cornelius và những người ngoại giáo khác. Cơn đói của Phê-rô tượng trưng cho cơn đói mà tiên tri A-mốt đã mô tả – *"không phải đói bánh, cũng không phải khát nước, mà là khát khao được nghe lời Đức Chúa Trời"*[6202] (A-mốt 8:11). Cơn đói như vậy đã hiện diện trong nhà Cornelius và nơi tất cả những người ngoại đạo: cũng như Phê-rô khao khát bánh mì cần thiết cho thân xác, thì họ cũng khao khát "bánh mì" cho linh hồn. Chiếc bình được buộc chặt ở bốn góc tượng trưng cho Hội Thánh của Đấng Christ, được củng cố trong đức tin bởi bốn vị thánh sử. Các loài thú ô uế, thú dữ, bò sát và chim chóc trong chiếc bình tượng trưng cho những người ngoại đạo, những người vì những ham muốn trần tục thấp hèn mà giống như loài thú bốn chân, chỉ nhìn xuống đất bằng con mắt tâm linh, không biết những suy nghĩ về cõi trời và không biết tìm kiếm những điều cao hơn trần gian; về sự hung dữ, chúng là thú dữ; về sự gian ác gây hại cho linh hồn, chúng là loài bò sát độc hại; còn về sự kiêu ngạo ngạo mạn, chúng giống như những loài chim bay lượn cao vút. Họ đã được truyền phải giết và ăn – tức là dùng thanh gươm sắc bén của Lời Chúa để tiêu diệt những ham muốn thú tính và thói tính hung bạo của thời ngoại giáo xưa, và biến những linh hồn và thân thể đã được thanh tẩy qua phép rửa thành *"một của lễ sống, thánh khiết, đẹp lòng Đức Chúa Trời"* (Rô-ma 12:1). Việc chiếc bình chìm xuống ba lần tượng trưng cho việc nhúng mình ba lần trong phép rửa. Và khi tiếng nói từ trời tuyên bố rằng họ đã được Đức Chúa Trời thanh tẩy, điều đó có nghĩa là Đấng Christ đã đổ huyết Ngài, rửa sạch những vết nhơ tội lỗi, không chỉ cho dân Y-sơ-ra-ên mà còn cho cả dân ngoại.

Khi Phê-rô đang suy ngẫm về thị kiến này và còn đang bối rối, những người được Cô-rê-ni-ô sai đến đã đến nhà ông và hỏi về ông. Thánh Thần của Đức Chúa Trời đã truyền cho ông đi theo họ mà không do dự, để đưa người ngoại giáo đầu tiên gia nhập Hội Thánh của Đấng Christ: sau ông, những người ngoại giáo khác cũng sẽ theo đến với Đấng Christ. Khi Phê-rô bước vào nhà, Cô-rê-ni-ô, được bao quanh bởi tất cả họ hàng và bạn bè, đã tiếp đón ông với sự kính trọng và, quỳ xuống dưới chân Phê-rô, cúi đầu thờ lạy ông. Lúc đó, Phê-rô đỡ ông dậy và nói:

– Ông biết rằng người Do Thái không được phép vào nhà người ngoại bang và giao du với họ; tuy nhiên, Thiên Chúa đã mặc khải cho tôi rằng không nên gọi bất kỳ ai là ô uế hay không tinh khiết. Vậy nên, tôi đã đến với các ông mà không chút do dự, và bây giờ tôi xin hỏi: tại sao các ông lại mời tôi đến đây?

Cornelius kể lại cho ông nghe từng chi tiết về việc ông đã thấy Thiên Thần và những gì ông nghe được từ Người, rồi xin Phê-rô chỉ dạy cho ông cách để được cứu rỗi. Phê-rô liền mở miệng ra và rao giảng cho ông về Đức Giê-su Ki-tô, rằng Ngài là Thiên Chúa nhập thể, đã sống trên đất cùng loài người, dạy dỗ và dẫn dắt họ trên con đường dẫn đến Nước Trời, và đã thực hiện nhiều dấu lạ và phép lạ, chữa lành mọi bệnh tật và làm cho người chết sống lại bằng lời nói. Tiếp đó, Phê-rô kể lại rằng Đấng Christ đã tự nguyện chịu khổ và chết, rồi sau đó sống lại để giải thoát con người khỏi đau khổ và làm cho họ sống lại từ cõi chết, ban cho họ sự sống đời đời – rằng Ngài sẽ phán xét người sống và người chết, rằng tất cả các tiên tri đều làm chứng về Ngài, và rằng bất cứ ai tin vào danh Ngài sẽ được tha tội. Khi Phê-rô nói những lời ấy, Thánh Thần, bằng cách gieo những lời của ngài vào lòng những người nghe, đã dẫn dắt họ đến đức tin, và Cornelius đã chịu phép rửa cùng cả gia đình mình. Ông là người ngoại giáo đầu tiên tin vào Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, và sau khi chịu phép rửa, ông đã từ bỏ mọi sự để theo Phê-rô, người đã phong ông làm giám mục. Trong khi đi qua các vùng đất khác nhau cùng với Phê-rô và các nhà truyền giáo khác, ngài đã làm việc hăng say, rao giảng về Đấng Christ. Khi Phê-rô cùng với Ti-mô-thê và Cô-rê-ni-ô đang ở thành Ê-phê-sô, họ được biết rằng việc thờ lạy thần tượng đặc biệt phổ biến ở thành Scepsis[6203] , và họ bàn bạc xem ai trong số họ sẽ đến đó để rao giảng. Họ bốc thăm, và kết quả rơi vào Cornelius; người này, sau khi cầu xin sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, đã vội vã lên đường đến thành phố đó. Tại đó có một vị công tước tên là Dimitri, một nhà triết học đã nghiên cứu triết học Hy Lạp, người cực kỳ căm ghét đức tin Kitô giáo, nhưng lại tôn sùng các vị

[6202] Tức là khát khao được nghe giáo lý chân chính về Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi.
[6203] Thành phố này nằm ở tỉnh Misia, phía tây Tiểu Á.

thần ngoại đạo, nhất là thần Apollo và thần Zeus. Khi biết tin Cornelius đã đến thành phố, vị hoàng tử lập tức triệu ông đến và hỏi: "Ông đến từ đâu và vì sao lại đến đây?"

Cornelius trả lời:

– Tôi là tôi tớ của Đức Chúa Trời Hằng Sống, tôi đến đây với tư cách là người được sai đến để dẫn dắt ngài thoát khỏi bóng tối sâu thẳm của sự vô minh, đưa ngài đến với ánh sáng của lẽ thật và chiếu rọi tia sáng tinh khiết của tri thức vào tâm hồn ngài.

Người ấy, không hiểu gì từ những lời của Cornelius, liền nổi giận và nói với giọng đầy phẫn nộ:

– Ta hỏi ngươi về một chuyện, mà ngươi lại nói về chuyện khác. Ta thề trước các vị thần, nếu ngươi không trả lời từng câu hỏi của ta, thì ta sẽ không nương tay trước tuổi già của ngươi và cũng không nể nang mái tóc bạc của ngươi. Vậy thì, hãy nói cho ta biết: ngươi phụng sự ai và tại sao ngươi lại đến đây?

Còn Cornelius thì nói:

– Nếu ngươi muốn biết về chức vụ của ta, thì hãy biết rằng ta là một trung úy; khi nghe nói về ngươi, rằng ngươi, vợ ngươi và tất cả cư dân trong vùng của ngươi đã sa vào sự lầm lạc lớn lao, nên ta đã đến để giải thoát các ngươi khỏi sự cám dỗ của ma quỷ, dẫn dắt các ngươi vào con đường chân chính và hòa giải các ngươi với Đức Chúa Trời Hằng Sống Duy Nhất, Đấng đã tạo dựng trời đất và mọi sự trong đó.

Nghe vậy, Dimitri nói:

– Ta thấy ngươi đang bị tuổi già đè nặng, và ta thương xót ngươi vì tuổi tác đã cao; hãy ngừng nói dối; hãy đến trước các vị thần của chúng ta và thờ lạy họ. Nếu ngươi không muốn làm điều đó, thì hãy biết rằng ta sẽ bắt ngươi phải chịu những cực hình nặng nề, và không có vị thần nào, ngoài các vị thần của ta, có thể cứu ngươi khỏi tay ta.

– Lạy Chúa của con, – Cornelius đáp, – Ngài không chỉ có thể giữ con được an toàn và vô sự trước mọi điều ác, giải thoát con khỏi tay loài người, mà còn có thể tiêu diệt các vị thần của ngươi, nghiền nát các tượng thần của chúng thành tro bụi, và dẫn dắt ngươi – kẻ đang đặt niềm tin vô ích vào chúng – đến với sự nhận biết về Ngài! Còn tôi thì sẽ không bao giờ thờ lạy ma quỷ và những hình tượng vô hồn của chúng. Vì có chép rằng: *"Các thần không tạo dựng trời đất sẽ biến mất"* (Giê-rê-mi 10:11). Và còn nữa: *"Hãy thờ phượng Chúa, Đức Chúa Trời của ngươi, và chỉ phục vụ Ngài mà thôi"* (Ma-thi-ơ 4:10). Ta đã đến đây để kêu gọi các ngươi ăn năn và [để] *"họ được giải thoát khỏi lưới của ma quỷ, kẻ đã bắt giữ họ theo ý muốn của nó"* (2 Ti-mô-thê 2:26).

Khi đó, vị hoàng tử nói:

– Ta đã thề trước các vị thần của ta rằng sẽ không tha thứ cho ngươi, mà sẽ bắt ngươi chịu những hình phạt tàn khốc, nếu ngươi không dâng lễ vật cho các vị thần.

– Ngài ra lệnh dâng lễ vật cho những vị thần nào? – Cornelius hỏi.

Và vị hoàng tử nói:

– Hãy dâng lễ vật cho Apollon và Diya.

Kornilius liền nói:

– Hãy chỉ cho ta thấy các vị thần của ngươi.

Vị hoàng tử rất vui mừng, nghĩ rằng ông muốn thờ phụng, nên dẫn ông đến đền thờ Diya.

Dân chúng đi theo sau, mong được chứng kiến Cornelius thờ lạy các thần tượng. Khi đến đền thờ, tất cả đều bước vào trong – vị công tước cùng Cornelius và những người khác, trong số đó có vợ của vị công tước tên là Evanthia, và con trai ông, được đặt tên theo cha mình là Dimitrius. Bước vào đền thờ thần tượng, Cornelius quay mặt về hướng đông[6204] và, quỳ gối xuống đất, cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Đấng làm rung chuyển mặt đất và biến những ngọn núi thành vực thẳm biển cả! Ngài đã dùng tay Đa-ni-ên để đánh bại Ba-anh, giết chết con rắn, và bằng cách bịt miệng những con sư tử, Ngài đã giữ cho tôi tớ Ngài được an toàn (Đa-ni-ên 14). Và bây giờ, xin Ngài lật đổ những thần tượng này và cho mọi người biết đến sức mạnh vĩ đại của Ngài!

Sau khi cầu nguyện như vậy, vị thánh bước ra khỏi đền thờ. Cùng với ngài, hoàng tử Dimitri và toàn thể dân chúng tụ tập tại đó cũng bước ra. Còn Evania cùng với Dimitrián thì vẫn ở lại bên trong đền thờ. Và bỗng nhiên, một trận động đất xảy ra, đền thờ cùng các thần tượng sụp đổ, và những vị thần mà dân ngoại đặt niềm tin vào đã vỡ

[6204] Các Kitô hữu thời xưa cầu nguyện bằng cách hướng về phía đông, nơi mặt trời mọc, vốn là biểu tượng của Mặt Trời Công Chính – chính là Chúa Kitô.

tan thành bụi; còn vợ của hoàng tử cùng con trai bà thì bị chặn lối ra bởi những bức tường sụp đổ. Toàn thể dân chúng kinh hoàng khi chứng kiến đền thờ sụp đổ, còn hoàng tử thì không biết rằng vợ và con trai mình đã bị vùi lấp dưới đống đổ nát.

Vui mừng trước quyền năng của Đức Chúa Trời Hằng Sống, Cornelius nói với vị công tước:

– Bây giờ thì các vị thần vĩ đại của ngài đâu rồi, thưa hoàng tử?

Ngài ấy, tràn đầy cơn thịnh nộ, nói:

– Hãy nói cho chúng ta biết, pháp sư, ngươi đã dùng phép thuật nào để khiến đền thờ và các vị thần của chúng ta sụp đổ?

Rồi ông ta bàn bạc với các cận thần xem nên dùng hình phạt nào để tiêu diệt Cornelius.

Ngày đã gần tàn, mặt trời bắt đầu lặn, nên không còn thời gian để tra tấn Cornelius nữa. Hoàng tử ra lệnh trói tay và chân ông, rồi treo ông trong ngục trong tư thế đó, để ông phải chịu đau đớn suốt đêm cho đến sáng; đến sáng, hoàng tử định tra tấn ông một cách tàn nhẫn rồi giết chết. Khi vị thánh được dẫn vào ngục tối và bị treo lên với tay chân bị trói theo lệnh của kẻ tra tấn, một trong những nô lệ của hoàng tử, tên là Talefon, chạy đến bên hoàng tử và nói:

– Thưa ngài! Phu nhân của tôi và con trai duy nhất của ngài đã thiệt mạng trong ngôi đền bị sập do động đất.

Hoàng tử Dimitri, nghe tin này, xé rách áo quần trên người[6205] và khóc nức nở. Các trưởng lão trong thành cũng khóc cùng ông, còn một số người khác thì an ủi ông. Nhưng ai có thể an ủi được nỗi đau đớn tột cùng mà ông cảm nhận trong lòng khi nhận được tin về cái chết đột ngột của vợ và con trai?

Lúc đó, hoàng tử nói với những người thân cận của mình:

– Hãy đi, dọn dẹp những tảng đá của ngôi đền đã sụp đổ, tìm kiếm hài cốt của người vợ yêu dấu và con trai thân yêu của ta, rồi mang chúng đến cho ta.

Nói xong, ngài lại khóc nức nở. Lúc đó, Varvat, trưởng các thầy tế lễ, vội vã đến gặp ngài và nói:

– Tôi đã nghe tiếng vợ và con trai ngài, từ giữa những bức tường đổ nát, họ kêu lên: "Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại: Ngài đã cứu chúng ta khỏi cái chết khủng khiếp nhờ người tôi tớ của Ngài là Cornelius. Vậy hãy xin vị thánh nhân này đưa chúng tôi ra khỏi đây để chúng tôi không phải chết ở đây. Vì chúng tôi thấy những phép lạ kỳ diệu của Đức Chúa Trời Ngài và nghe tiếng các Thiên thần hát: 'Vinh quang trên trời thuộc về Đức Chúa Trời, và bình an dưới đất, ân sủng nơi loài người' (Lc 2:14).

Nghe Varvata nói vậy, vị công tước liền vội vã cùng tất cả các cận thần chạy đến gặp tôi tớ của Đức Chúa Trời trong ngục tối và thấy ông đang đi lại tự do ở đó: Thiên thần của Chúa đã giải thoát ông khỏi xiềng xích. Vị công tước liền quỳ xuống dưới chân Cornelius, nói:

– Lạy Cornelius, Đức Chúa Trời của ngươi thật vĩ đại, Đấng đang gìn giữ vợ và con trai ta trong ngôi đền thờ đã sụp đổ. Vậy nên, ta xin ngươi, tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao, hãy đến và đưa họ ra khỏi đó: ta cùng tất cả những người thân cận của ta đều tin vào Đấng Christ bị đóng đinh, Đấng mà ngươi đang rao giảng.

Thánh Cornelius đi cùng họ đến ngôi đền thờ thần tượng đã sụp đổ, ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của muôn quyền năng, Đấng *"nhìn xuống đất, và đất run rẩy"* (Thánh Vịnh 103:32), trước mặt Ngài, núi non tan chảy và vực thẳm khô cạn! Xin hãy nghe, lạy Chúa, những lời cầu xin của những người bị giam cầm, xin giải cứu Evania khỏi đống đổ nát và đừng quay mặt khỏi con trai của bà, nhưng xin hãy lắng nghe họ vì danh Ngài.

Khi ông cầu nguyện như vậy, bỗng nhiên một lối đi mở ra, nơi Evafia cùng con trai bị kẹt giữa những bức tường đổ nát, và cả hai đều bước ra khỏi đó an toàn, ca ngợi Đức Chúa Trời. Tất cả những ai có mặt tại đó và chứng kiến phép lạ vinh quang này đều reo lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Dimitri đã chịu phép rửa tội cùng với vợ, con trai và cả gia đình mình; cùng với ông, còn có hai trăm bảy mươi bảy công dân khác cũng chịu phép rửa tội. Còn Thánh Cornelius thì sống ở thành phố đó khá lâu, nhổ tận gốc những gai góc của sự vô tín khỏi lòng người và gieo rắc những hạt giống của lòng đạo đức. Chẳng bao lâu sau, ngài đã dẫn dắt cả thành phố trở về với Chúa Kitô và bổ nhiệm một người đàn ông đáng kính tên là Evnomia làm linh mục tại đó. Sống đến tuổi già và khi cái chết đang đến gần – điều mà ngài đã biết trước – ngài đã cầu nguyện hết lòng, chuẩn bị tâm hồn để lên đường về với Chúa. Ngài tập hợp lại tất cả những người mà ngài đã dẫn dắt từ ngoại

[6205] Người xưa xé áo mình để biểu lộ sự đau buồn.

giáo sang Kitô giáo, dạy họ sống trong đức tin và tình yêu thương, rèn luyện mọi đức tính, và tuân giữ các điều răn của Chúa một cách xuất sắc. Sau khi dạy dỗ họ nhiều điều, ngài nghe thấy tiếng nói từ trời:

– Cornelius! Hãy đến với Ta, vì *"vương miện công chính"* đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi (2 Tm 4:8).

Nghe vậy, Cornelius liền cầu nguyện và quỳ gối xuống, nói:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của chúng con! Ngài đã ban ơn cho con được giữ vững đức tin, thực hiện những việc lành và chiến thắng những kẻ chống đối. Con tạ ơn Ngài về mọi sự! Nhưng con xin Ngài, lạy Chúa, hãy nhìn xuống từ nơi cao thánh của Ngài trên các tôi tớ của Ngài và hãy thương xót họ; xin củng cố đức tin của họ, làm cho họ vững vàng trong các việc làm anh hùng, xin ban cho họ sự giúp đỡ để tuân giữ các điều răn thánh của Ngài, để họ không ngừng tôn vinh danh thánh của Ngài, bây giờ và đến muôn đời.

Và khi mọi người cùng nói: "A-men", ông đã vui mừng phó thác linh hồn mình vào tay Chúa, Đấng đang kêu gọi ông lên thiên đàng.

Còn Công tước Dimitri cùng vợ là Evfania, con trai Dimitriyan[6206] , linh mục Evnomi và tất cả các tín hữu đã khóc thương cha và thầy của mình trong một thời gian dài; sau khi thắp nến và hát những bài ca tang lễ, họ đã an táng thi hài ngài một cách trang trọng gần ngôi đền của Thượng Đế đã sụp đổ. Và mỗi ngày, các tín hữu đến mộ ngài, thắp hương và cầu nguyện; từ quan tài của ngài, nhiều người bệnh đã được chữa lành.

Nhiều năm trôi qua – và tất cả những người cùng thời với các sự kiện được kể trên đều đã về với Chúa. Đối với các thế hệ sau, nơi an táng di cốt của Thánh Cornelius vẫn là một bí ẩn, bởi xung quanh mộ ngài đã mọc đầy gai góc và bụi rậm dày đặc, và không ai biết về kho báu quý giá được cất giữ tại đó. Một lần nọ, Giám mục thành Troas[6207] , Siluan, tình cờ có mặt tại nơi đó; Thánh Cornelius đã hiện ra với ngài trong giấc mơ vào ban đêm và nói:

– Tôi đã sống ở đây rất lâu rồi, mà không ai đến thăm tôi cả.

Vị giám mục, khi tỉnh giấc, đã ngạc nhiên trước những gì mình thấy và bối rối không biết ai đã hiện ra với mình. Đêm hôm sau, vị thánh lại hiện ra với ngài và nói:

– Ta là Trung úy Cornelius, thi hài của ta đang nằm trong bụi gai mọc gần nơi từng có ngôi đền của Thánh Diya. Ngươi hãy xây cho ta một nhà thờ gần nơi từng thuộc về Thánh Dimitri; nơi đó được gọi là Pandokhium[6208] và tại đó có nhiều thi hài của các tín hữu và các thánh anh em được an táng.

Sáng hôm sau, vị giám mục kể lại về thị kiến cho các linh mục của mình và cùng mọi người lên đường đến bụi gai mà vị thánh đã chỉ cho ngài trong thị kiến. Sau khi cầu nguyện, họ bắt đầu đào đất và chẳng bao lâu sau đã tìm thấy một chiếc hòm, bên trong chứa thi hài của Thánh Cornelius còn nguyên vẹn và không bị hư nát, tỏa ra một mùi hương kỳ diệu, và mọi người đều vô cùng vui mừng khi tìm thấy kho báu vĩ đại như vậy. Tuy nhiên, vị giám mục vẫn còn bối rối về việc xây dựng nhà thờ mà vị thánh đã truyền cho ngài, vì ngài không có đủ tiền cần thiết để xây dựng nhà thờ. Tuy nhiên, ngay cả trong việc này, thánh Cornelius cũng không chậm trễ trong việc giúp đỡ vị giám mục. Đêm hôm sau, ngài hiện ra trước một người sùng đạo và rất giàu có tên là Evgeni, và truyền cho ông ta trao cho Giám mục Siluan số tiền cần thiết để xây dựng nhà thờ. Evgeni đã kể lại giấc mơ của mình cho giám mục nghe và trao cho ngài tất cả những gì cần thiết; sau đó, ngôi thánh đường đã được xây dựng và trang hoàng lộng lẫy. Khi đến lúc rước các thánh tích từ bụi gai vào nhà thờ mới được xây dựng, đông đảo tín hữu đã tụ tập cùng với giám mục Siluan và Evgeni, tay cầm những ngọn nến đang cháy. Vừa khi vị giám mục cùng các linh mục bắt đầu hát "Ba Lời Thánh", thì hòm thánh bỗng tự mình bay lên và được những bàn tay vô hình mang đến nhà thờ; còn trong đám đông, không ai dám chạm vào nó. Thấy hòm thánh tự di chuyển, mọi người đều kinh ngạc và kinh hoàng, đồng thanh kêu lên:

– Thánh, Thánh, Thánh, Chúa Sabaoth, Đấng bày tỏ quyền năng và phép lạ của Ngài cho chúng con qua tôi tớ của Ngài là Cornelius!

Lúc đó cũng có nhiều người không tin đang có mặt tại đó; khi chứng kiến phép lạ này, họ đã tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Khi mọi người đến nhà thờ và bước vào trong, họ đứng hai bên, mong muốn được thấy hòm thánh tích sẽ di chuyển như thế nào và sẽ dừng lại ở đâu. Hòm thánh tích di chuyển thẳng về phía trước và dừng lại gần bàn thờ, ở phía bên phải. Vị Giám mục muốn đặt hòm thánh tích vào bên trong bàn thờ, nhưng không ai có thể di chuyển hòm thánh tích khỏi vị trí mà chính nó đã dừng lại. Và đã có nhiều phép lạ xảy ra vào thời điểm

---

[6206] Cả ba người đều chịu khổ vì Chúa Kitô và được phong thánh; ngày kỷ niệm của họ được cử hành vào ngày 11 tháng 9.

[6207] Troas – khu vực của thành phố cổ Troia, thuộc tỉnh Missia ở phía tây Tiểu Á. Giám mục Siluan của Troas qua đời vào năm 425.

[6208] Tên tiếng Hy Lạp của nhà trọ.

đó cũng như sau này nhờ các thánh tích thánh thiện và làm phép lạ của vị thánh được Chúa yêu mến. Sau khi Giám mục Siluan qua đời, Philostorgius lên thay thế, ông đã thuyết phục một họa sĩ vẽ tranh thánh tên là Enkratia trang trí toàn bộ nhà thờ bằng các hình ảnh thiêng liêng và đặc biệt chú trọng đến việc vẽ bức tranh thánh của chính Thánh Cornelius. Tuy nhiên, khi bắt đầu vẽ bức tượng thánh Cornelius, họa sĩ này không thể nào khắc họa được khuôn mặt của ngài, và đã nhiều lần tẩy sạch những gì đã vẽ trên bức tượng, vì cảm thấy mình không thể vẽ khuôn mặt của vị thánh một cách hoàn hảo. Enkraty bỗng nổi giận – sau khi thốt ra những lời xúc phạm Thánh nhân, ông bỏ lại bức tượng thánh và, với ý định vẽ thứ gì đó khác lên tường nhà thờ, leo lên thang, nhưng trượt chân ngã xuống và bị thương nặng đến mức nằm bất động như đã chết. Những người có mặt trong nhà thờ đã đỡ anh ta dậy, khiêng về nhà và đặt lên giường, lúc đó anh ta chỉ còn thoi thóp và không thể thốt ra được một lời nào. Xung quanh miệng anh ta có thể thấy những con giun, một số bò vào, một số bò ra khỏi miệng anh ta. Đó là hình phạt dành cho anh ta vì đã dám thốt ra những lời xúc phạm vị thánh bằng chính miệng mình. Tuy nhiên, cả chính Chúa và các tôi tớ thánh của Ngài đều không giận dữ mãi mãi và không phẫn nộ vĩnh viễn. Bởi vì vào sáng hôm sau, người đã cứu vợ và con trai của Dimitri khỏi những bức tường đổ nát đã hiện ra trước mặt Enkratius; người ấy nắm lấy tay anh ta, nâng anh ta dậy khỏi giường như thể vừa thức giấc, rồi biến mất. Còn Enkrati, khi cảm thấy khỏe mạnh trở lại, đã vội vã đến nhà thờ của vị thánh và, quỳ sấp xuống trước hòm thánh thiêng liêng, nơi an nghỉ các di cốt chữa lành của Cornelius, đã khóc lóc xin tha thứ cho lỗi lầm của mình và tạ ơn vị thánh vì đã thương xót và chữa lành bệnh tật cho ông, khi ông đã gần kề cái chết. Người họa sĩ vẽ thánh tượng ấy đã nhận được hai ân huệ từ sự hiện ra của vị thánh: ông được chữa lành khỏi bệnh tật và biết được dung nhan của vị thánh. Sau đó, ông đã vẽ hình ảnh Thánh Cornelius trên bức thánh tượng y như những gì ông đã thấy trong sự hiện ra, và ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được tôn vinh muôn đời. Amen.

Lễ kính các thánh tử đạo Gordian, Macrovius, Elias, Zoticus, Lucian và Valerian

Kỷ niệm các thánh tử đạo Gordian, Macrovius, Elijah, Zoticus, Lucian và Valerian

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 9

Các vị tử đạo này đã chịu tử đạo dưới thời Licinius. Gordianus là người Cappadocia, Macrovius là người Paphlagonia; cả hai đều còn trẻ và vì đức tin vững chắc vào Chúa Kitô, họ đã chịu tử đạo trước đó tại thành phố Tomis. Theo lệnh của Công tước Maximus, sau nhiều cực hình, họ đã bị chém đầu bằng gươm. Thánh Valerian đã khóc nức nở bên quan tài các vị tử đạo và, trong tiếng khóc, ngài đã qua đời[6209] .

Lễ kính Thánh Phêrô tại Atrea

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 9

Vị thánh này đã được Thiên Chúa thánh hóa ngay từ khi còn trong bụng mẹ. Suốt cuộc đời, ngài sống trong sự ăn chay và cầu nguyện không ngừng; ngài đã thực hiện nhiều phép lạ; trong số đó, ngài đã băng qua sông Galis như thể đi trên đất khô. Ngài đã tra tấn thân xác mình bằng những xiềng xích sắt đến nỗi trông ngài giống một cái bóng hơn là một con người. Sau khi làm đẹp lòng Thiên Chúa, ngài đã an lành qua đời sau một thời gian dài[6210] .

[6209] Họ đã chịu tử đạo vào đầu thế kỷ IV. Cappadocia và Paphlagonia là các vùng thuộc Tiểu Á. Khi nhắc đến Scythia, có lẽ ám chỉ các thuộc địa của nó dọc theo bờ biển Biển Đen. Thành phố Tomis – nay là Kyustendil, một cảng biển của Romania.

[6210] Galis – con sông ở phía tây bắc Tiểu Á, chảy qua Cappadocia và Galatia rồi đổ ra Biển Đen. Atrea có lẽ là tên một thành phố hiện nay không còn được biết đến ở Tiểu Á. Thánh Phêrô đã tu hành dưới thời Thượng phụ Tarasius của Constantinopolis (784–806) và dưới thời Hoàng đế Byzantine Nikiforos (802–811).

Lễ kính các thánh tử đạo Selevk, Stratonik, Kronid, Leontius và Serapion

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 9

Thánh Selevk đến từ Galatia, Thánh Stratonik đến từ Nicomedia thuộc Bithynia; còn Thánh Kronid, Thánh Leontius và Thánh Serapion đến từ Ai Cập. Sau nhiều cuộc tra tấn, những kẻ hành hạ đã trói tay và chân các thánh Kronid, Leontius và Serapion rồi ném họ xuống biển. Sóng biển đã đưa thi hài các ngài vào bờ. Các thiên thần đã truyền lệnh cho các Kitô hữu an táng các ngài. Thánh Seleucus đã chịu tử đạo tại Galatia. Ngài đã phải chịu nhiều hình phạt tàn bạo khác nhau, và cuối cùng, bị ném cho thú dữ ăn thịt. Còn Thánh Stratonik đã chịu tử đạo như sau: Sau nhiều hình phạt tàn bạo, quan tổng trấn Bithynia ra lệnh trói ngài vào hai cành cây uốn cong; sau đó, ông ta thả lỏng hai cành cây đó, và vị thánh tử đạo đã bị xé làm đôi, rồi như vậy, ngài đã dâng linh hồn mình lên Thiên Chúa[6211] .

Ngày 27 tháng 9

Ngày 14 tháng 9 (theo lịch cũ)

Truyền thuyết về việc dựng Thánh Giá vinh hiển và ban sự sống của Chúa

Ngày kỷ niệm 14 tháng 9

Khi Maxentius trị vì tại Rôma, ông đã gây ra nhiều tai họa cho dân chúng, không chỉ bức hại và tra tấn các Kitô hữu, mà còn giết hại cả những người ngoại đạo, cướp bóc tài sản của họ và sống một cuộc đời đồi bại, xúc phạm các gia đình quý tộc. Ông là nỗi ám ảnh và sự ghê tởm đối với toàn thể Rôma, vì những hành động tàn bạo và lối sống đồi trụy của mình. Vì vậy, người La Mã đã bí mật gửi một lá thư thỉnh cầu đến Hoàng đế Constantine, người lúc bấy giờ đang ở cùng mẹ tại Britannia, khẩn cầu ngài đến và giải thoát họ khỏi tên bạo chúa này. Constantine ban đầu đã viết thư cho Maxentius, khuyên nhủ ông ta một cách thân thiện hãy chấm dứt những hành vi tra tấn. Nhưng Maxentius không những không nghe theo lời khuyên và không sửa đổi, mà còn trở nên tồi tệ hơn nữa, và đã giương vũ khí chống lại chính Constantine, không muốn ông trở thành một vị vua ngang hàng với mình. Trong khi toàn bộ quân đội đã bầu Constantine lên ngai vàng, thì Maxentius lại tự ý lên ngôi. Dân chúng không ưa ông ta, và chỉ có một số quan lại cao cấp, những người mà ông ta hứa hẹn sẽ ban tặng những món quà lớn và nhiều vinh dự, mới bày tỏ mong muốn bầu chọn ông ta; còn Constantine thì được tôn lên làm vua nhờ sự đồng thuận chung của mọi người.

Khi nghe tin Maxentius không những không sửa đổi mà còn ngày càng gia tăng sự độc ác, Constantine đã tập hợp quân đội và tiến quân chống lại ông ta. Nhận thấy lực lượng quân đội của mình còn yếu ớt, đồng thời cân nhắc đến những mưu mô độc ác của Maxentius, ông bắt đầu nghi ngờ về khả năng thành công của mình. Ông biết rằng Maxentius đã đổ rất nhiều máu người để thực hiện các nghi lễ phù thủy và dâng hiến cho quỷ dữ nhiều thiếu niên, thiếu nữ và phụ nữ đang mang thai, nhằm làm hài lòng những vị thần giả dối mà hắn đặt niềm tin vào. Biết rằng Maxentius còn được sức mạnh của ma quỷ hỗ trợ, Constantine bắt đầu cầu nguyện với Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng cai trị trời và đất, Đấng được toàn thể cộng đồng Kitô hữu tôn kính, và khẩn cầu Ngài ban cho ông một dấu hiệu chiến thắng trước kẻ hành hạ mình. Và khi ngài đang cầu nguyện một cách sốt sắng như vậy, vào giữa trưa, hình ảnh Thánh Giá của Chúa hiện ra trên bầu trời, tỏa sáng rực rỡ hơn cả ánh mặt trời dưới hình dạng một ngôi sao; trên đó có dòng chữ: “Hãy chiến thắng bằng điều này.” Tất cả các chiến binh đều chứng kiến hiện tượng kỳ diệu này, trong số đó có cả tướng Artemius (người sau này đã bị tra tấn đến chết vì Chúa Kitô dưới thời

[6211] Sự tử đạo của các ngài diễn ra vào thế kỷ III. Kronid, Leontius và Serapion, sau nhiều cực hình, đã bị ném xuống biển tại Ai Cập, vào khoảng năm 237, tại Alexandria dưới triều đại của Maximinus I; Stratonicus đã chịu tử đạo tại Nicomedia thuộc Bithynia (ngày kỷ niệm của ngài được cử hành vào ngày 9 tháng 9).

Julian)[6212] , và họ đều kinh ngạc. Tuy nhiên, phần lớn trong số họ lại cảm thấy sợ hãi: đối với những người ngoại đạo, hình ảnh cây Thánh Giá là điềm báo của tai ương và cái chết, bởi vì trên cây Thánh Giá, những tên cướp và kẻ ác bị kết án tử hình đều phải chết; vì vậy, các chiến binh lo sợ rằng cuộc chiến của họ sẽ gặp bất hạnh. Chính Hoàng đế Constantine cũng rơi vào tình trạng bối rối tột độ. Nhưng vào ban đêm, chính Chúa Kitô đã hiện ra với ngài trong giấc mơ, và một lần nữa chỉ cho ngài thấy dấu hiệu Thánh Giá đã xuất hiện vào ban ngày, đồng thời phán với ngài:

– Hãy làm một bản sao của dấu hiệu này, và ra lệnh mang nó đi trước các đạo quân, – và khi đó ngươi sẽ chiến thắng không chỉ Maxentius, mà cả tất cả kẻ thù của ngươi.

Hoàng đế đã kể lại giấc mơ của mình cho những người thân cận và, sau khi triệu tập các thợ kim hoàn tài ba, ngài ra lệnh cho họ chế tác Thánh Giá của Chúa, theo hình ảnh của dấu hiệu đã hiện ra, bằng vàng, ngọc trai và đá quý. Bên cạnh đó, ngài còn ra lệnh cho tất cả các chiến binh của mình khắc hình dấu hiệu cây thánh giá lên mọi loại vũ khí, mũ sắt và khiên.

Maxentius, kẻ độc ác, khi nghe tin về cuộc hành quân của Constantine đến Ý nhằm chiếm Rome, đã liều lĩnh dẫn quân La Mã ra trận chống lại Constantine vĩ đại. Constantine ra lệnh cho các binh sĩ của mình mang Thánh Giá đi đầu các đoàn quân. Khi họ chạm trán với Maxentius và giao chiến, Maxentius đã bị đánh bại nhờ sức mạnh của Thánh Giá, và rất nhiều binh lính của hắn đã bị giết chết, còn bản thân hắn thì phải bỏ chạy. Bị Hoàng đế Constantine truy đuổi, hắn băng qua sông Tiber bằng cây cầu do chính hắn xây dựng; nhưng ngay lúc đó, cây cầu đã sụp đổ bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, và tên bạo chúa đáng thương ấy đã chìm xuống sông cùng với quân đội của mình, giống như vị pharaoh cổ đại, và dòng sông tràn ngập những kỵ binh, ngựa và vũ khí[6213] . Thánh Constantine Đại Đế đã tiến vào Rome trong chiến thắng, và toàn thể dân chúng đã hân hoan đón tiếp ngài với những nghi lễ vinh danh trọng thể. Vị hoàng đế đã dâng lên Thiên Chúa lòng biết ơn sâu sắc nhất, Đấng đã ban cho ngài chiến thắng trước kẻ hành hạ nhờ sức mạnh của Thánh Giá Thánh Thiện và Ban Sự Sống, và để kỷ niệm chiến thắng vinh quang đó, ngài đã dựng một cây thánh giá trên một cột đá cao giữa thành Rome, trên đó ngài viết: "Bằng dấu hiệu cứu rỗi này, thành phố này đã được giải phóng khỏi ách thống trị của kẻ hành hạ".

Một lần khác, Constantine dẫn quân đi chinh phạt người Byzantine; một thành phố nhỏ của họ – Byzantium – đã được một người Hy Lạp tên là Vizas thành lập và đặt theo tên mình vào thời vua Manasseh của người Do Thái[6214] . Sau hai lần bị họ đánh bại, Constantine chìm trong nỗi buồn sâu thẳm. Khi chiều tối buông xuống, ngước mắt lên trời, ông thấy một lá thư gấp lại, trên đó có ghi: *"Hãy kêu cầu Ta trong ngày hoạn nạn; Ta sẽ giải cứu ngươi, và ngươi sẽ tôn vinh Ta"* (Thi thiên 49:15). Hoảng sợ, ông lại ngước mắt lên trời, và thấy như trước đó, một cây thập tự trên trời được tạo thành từ các vì sao, và xung quanh nó có dòng chữ: "Bằng dấu hiệu này, ngươi sẽ chiến thắng." Sau đó, khi cây thập tự được rước lên trong trận chiến, Constantine giao chiến với người Scythia[6215] trên sông Danube, vũ khí cứu rỗi này lại hiện ra trên trời, và một lần nữa, như trước đây, Constantine đã giành chiến thắng.

Nhận ra từ đó quyền năng của Đức Kitô bị đóng đinh trên thập tự giá và tin rằng Ngài là Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật, Constantine đã chịu phép rửa tội nhân danh Ngài cùng với người mẹ đáng kính của mình là Helena; vì lòng đạo đức cao cả của bà, ông đã sai bà đến Jerusalem với của cải dồi dào để tìm kiếm Thánh Giá của Chúa. Nữ hoàng Helena, sau khi lên đường đến Jerusalem, đã đi thăm các thánh địa, thanh tẩy chúng khỏi sự ô uế do thờ ngẫu tượng gây ra và đưa ra ánh sáng nhiều di vật thánh. Lúc bấy giờ, Thượng phụ tại Giê-ru-sa-lem là Ma-ca-ri, người đã tiếp đón Hoàng hậu với những nghi lễ tôn kính xứng đáng. Hoàng hậu thánh thiện Hê-lê-na, mong muốn tìm thấy Thánh Giá ban sự sống của Chúa mà người Do Thái đã giấu kín, đã triệu tập tất cả người Do Thái và yêu cầu họ chỉ cho bà nơi Thánh Giá Thánh của Chúa được giấu kín. Khi họ bắt đầu chối bỏ rằng không biết, Nữ hoàng Helena đã đe dọa họ bằng những hình phạt tàn khốc và cái chết. Lúc đó, họ chỉ cho bà một vị lão nhân tên là

[6212] Ngày tưởng niệm Artemius là ngày 20 tháng 10; ngài đã chịu tử đạo vào năm 363.

[6213] Sự kiện này diễn ra vào ngày 28 tháng 10 năm 312.

[6214] Byzantium, sau này là Constantinopolis nổi tiếng, hay Tsargrad, lần đầu tiên được xây dựng bởi Constantine Đại đế, được thành lập vào khoảng năm 658 trước Công nguyên và được đặt tên theo tên người sáng lập chính của nó (được thành lập bởi những người di cư từ thành phố Miletus thuộc Tiểu Á của Hy Lạp, lúc bấy giờ thuộc về Vương quốc Ba Tư).

[6215] Người Scythia – một dân tộc du mục hoang dã, đến từ châu Á và ban đầu du mục trên các thảo nguyên phía nam của nước Nga ngày nay, từ đó họ tiếp tục tiến về phía tây đến sông Danube, gây rối loạn bằng những cuộc cướp bóc tàn phá các vùng ven sông Danube thuộc Đế chế La Mã.

Giu-đa, nói rằng ông ta có thể chỉ cho Nữ hoàng điều bà đang tìm kiếm, vì ông là con trai của một vị tiên tri được kính trọng.

Mặc dù bị tra tấn dồn dập, Giu-đa vẫn từ chối tiết lộ nơi cất giấu Thánh Giá của Chúa. Lúc đó, Nữ hoàng Hê-lê-na ra lệnh ném ông xuống một hố sâu. Sau một thời gian ở trong đó, Giu-đa cuối cùng đã hứa sẽ nói ra những gì ông biết về Thánh Giá của Chúa Kitô đang bị chôn vùi dưới đất. Sau đó, họ đưa anh ta ra khỏi hào và, theo chỉ dẫn của anh ta, đến một nơi có một ngọn đồi lớn bằng đất và đá, nơi hoàng đế La Mã Hadrianus đã xây dựng một đền thờ để tôn vinh nữ thần ngoại đạo Venus[6216] và đặt một tượng thần trong đó. Giu-đa chỉ ra rằng chính tại đây Thánh Giá của Chúa Kitô đang được giấu kín.

Nữ hoàng Helena ra lệnh phá hủy ngôi đền thờ thần tượng, đồng thời cho san phẳng đất đá và tiến hành đào bới. Sau khi Thượng phụ Macarius dâng lời cầu nguyện tại nơi đó, một mùi hương thoang thoảng lan tỏa trong không khí, và ngay lập tức, theo hướng đông, người ta đã tìm thấy Mộ Chúa Kitô và Nơi Chúa bị đóng đinh, và gần đó, người ta phát hiện ba cây thánh giá bị chôn vùi, rồi sau đó là những chiếc đinh mà Chúa đã bị đóng vào Thánh giá. Khi không thể xác định được cây thập tự nào trong số những cây thập tự được tìm thấy là Thập tự giá của Chúa Kitô, thì lúc đó có một người chết được đưa ra để an táng. Lúc đó, Đức Thượng phụ Makari ra lệnh cho những người khiêng quan tài dừng lại, và các cây thập tự được đặt lần lượt lên thi thể người chết. Khi Thánh Giá của Chúa Kitô được đặt lên thi thể người chết, người ấy lập tức sống lại và, nhờ quyền năng của Thánh Giá Thần Thánh của Chúa, đứng dậy còn sống[6217] . Hoàng hậu, với niềm vui sướng, đã đón nhận Thánh Giá thiêng liêng, cúi đầu thờ lạy và hôn lên nó – cũng như tất cả các quan chức và quý tộc quân sự và dân sự đi cùng bà. Lúc bấy giờ, do chỗ chật chội, một số người không có cơ hội nhìn thấy và hôn Thánh Giá, nên họ xin ít nhất được nhìn thấy nó từ xa. Lúc đó, Makarios, Thượng phụ Giêrusalem, đứng trên vị trí cao nhất, giơ cao Thánh Giá lên và chỉ cho dân chúng xem.

Và dân chúng đồng thanh kêu lên:

– Lạy Chúa, xin thương xót!

Từ đó, lễ Nâng Thánh Giá của Chúa[6218] đã ra đời.

Nữ hoàng đã giữ lại một phần của Thánh Giá Chúa, cũng như những chiếc đinh, còn Thánh Giá thì được đặt vào một hòm bạc và trao cho Thượng phụ Makarios để lưu giữ cho các thế hệ tương lai. Giu-đa, cùng với đông đảo người Do Thái, đã tin nhận Chúa Kitô và chịu phép rửa tội, và trong phép rửa thánh, ngài được đặt tên là Ki-ri-a-cô; sau này, ngài trở thành Thượng phụ Giê-ru-sa-lem và qua đời sau khi chịu tử đạo vì Chúa Kitô dưới triều vua Giu-li-a Bội Đạo[6219] . Còn Nữ hoàng thánh Helena đã ra lệnh xây dựng các nhà thờ tại các thánh địa ở Giê-ru-sa-lem, và trước hết, bà ra lệnh xây dựng Nhà thờ Phục Sinh của Chúa Giê-su Ki-tô, nơi đã tìm thấy quan tài của Chúa và Thánh Giá. Sau đó, bà ra lệnh xây dựng một nhà thờ tại Gethsemane, nơi đặt quan tài của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, để tưởng nhớ sự an nghỉ vinh hiển của Mẹ. Sau đó, nữ hoàng đạo đức này đã xây dựng thêm mười tám nhà thờ nữa, trang hoàng chúng bằng các loại ngọc quý và ban tặng mọi thứ cần thiết, rồi trở về Byzantium, mang theo một phần Cây Thánh Giá ban sự sống của Chúa và những chiếc đinh từng được dùng để đóng đinh thân thể Chúa Kitô.

[6216] Nữ thần Hy Lạp-La Mã của tình yêu, sắc đẹp, khoái lạc và những dục vọng bất chính. Hang Mộ Chúa, cách đây hai thế kỷ, đã bị lấp đầy theo lệnh của Hoàng đế La Mã Hadrian, nhằm làm cho chính nơi Chúa Giêsu bị đóng đinh và an táng trở nên hoàn toàn không thể nhận ra. Điều này xảy ra vào năm 119 sau Công nguyên.

[6217] Thánh Dimitri Rostovski trong bài giảng về Lễ Nâng Thánh Giá (trong phần chú thích) đã bổ sung những chi tiết sau: "Về phép lạ nhờ đó Thánh Giá chân chính của Chúa Kitô được nhận ra, nhiều người có những quan điểm trái ngược nhau. Một số người kể rằng một thiếu nữ đã chết đang được khiêng đi an táng thì nhờ sức mạnh của Thánh Giá mà được sống lại. Những người khác lại kể về một góa phụ đã qua đời, người đã được hồi sinh nhờ Cây Sự Sống. Còn có người kể rằng một góa phụ nào đó đang nằm ốm ở nhà và sắp chết, nhưng bỗng nhiên, Đức Thượng phụ (Macarius) cùng Hoàng hậu (Helena) đến thăm, mang theo các cây Thánh Giá và đặt chúng lên người bệnh nhân; khi cây Thánh Giá của Chúa được đặt lên, bà lập tức đứng dậy khỏe mạnh. Một số người khác lại kể rằng (vào thời điểm đó) có một người chết đang được khiêng đến nghĩa trang, nhưng nhờ được chạm vào Thánh Giá của Chúa, người ấy đã sống lại. Nikifor Kallist (Quyển VIII, Chương 29) cho biết cả hai phép lạ đều được thực hiện nhờ Thánh Giá của Chúa vào thời điểm đó: người góa phụ đang nằm ốm tại nhà và đã cận kề cái chết đã được cứu khỏi cửa tử và hồi phục sức khỏe, còn người chết đang được khiêng đi chôn cất đã được phục sinh".

[6218] Theo nghiên cứu của các nhà thánh học, sự kiện này xảy ra vào khoảng cuối tháng 5 năm 326. Từ năm 335, khi lễ thánh hiến Nhà thờ Phục Sinh của Chúa Kitô được cử hành vào ngày 13 tháng 9, người ta đã quy định cử hành Lễ Nâng Thánh Giá Chúa vào ngày hôm sau, tức ngày 14 tháng 9.

[6219] Lễ kính Thánh Cyriacus được cử hành vào ngày 28 tháng 10

Đức vua Constantine đã đặt Cây Thánh Giá vào một hòm vàng, còn trong số những chiếc đinh của Chúa, một chiếc đã được Thánh Helena ném xuống Biển Adriatic[6220] khi bà trở về Constantinople, nhằm xoa dịu cơn bão dữ dội và sóng biển đang nổi lên; chiếc thứ hai, đức vua đã đóng vào mũ giáp của mình, chiếc thứ ba được ông đóng vào dây cương của ngựa mình, để ứng nghiệm lời tiên tri của tiên tri Xa-cha-ri: *"Vào thời đó, ngay cả trên đồ trang trí ngựa cũng sẽ [được khắc]: 'Thánh vật của Chúa'* (Xa-cha-ri 14:20), còn chiếc đinh thứ tư thì Hoàng hậu Hê-lê-na đã giao cho các cố vấn thân cận nhất của hoàng gia để bảo quản.

Khi Thánh Helena trở về từ Giê-ru-sa-lem đến Byzantium, Hoàng đế Constantine, người yêu mến Chúa Kitô, đã dựng lên ba cây thánh giá lớn, tương ứng với ba chiến thắng mà Ngài đã được chứng kiến trong các cuộc chiến: một cây tại Rô-ma khi Ngài đánh bại Maxentius, cây thứ hai tại Byzantium khi Ngài chiếm được thành phố này, và cây thứ ba khi Ngài đánh bại người Scythia trên sông Danube. Phù hợp với ba chiến thắng này, ngài đã cho chế tác ba cây thánh giá bằng các vật liệu quý giá, và khắc lên đó bằng chữ vàng những lời sau: IS XS NIKA, tức là "Chúa Giêsu Kitô đã chiến thắng". Để chứng tỏ trước mọi người lòng nhiệt thành của mình đối với đức tin và cho thấy rằng ngài đã đánh bại kẻ thù bằng sức mạnh của Thánh Giá, hoàng đế đã dựng một cây thánh giá trên một vị trí cao tại khu chợ phía đông, cây thánh giá thứ hai trên đỉnh cột màu tím La Mã[6221] tại quảng trường chính của thành phố, cây thứ ba trên bệ đá cẩm thạch tuyệt đẹp tại chợ lúa mì, nơi đã diễn ra nhiều phép lạ và dấu hiệu kỳ diệu vì Thánh Giá của Chúa Kitô. Nhiều người làm chứng rằng Thiên Thần của Chúa đã từ trời giáng xuống nơi đó vào ban đêm trong ánh sáng rực rỡ, và khi đi vòng quanh, Ngài đã xông hương cho Thánh Giá, đồng thời cất tiếng hát bài ca Ba Lần Thánh một cách du dương, sau đó lại trở về trời. Điều này xảy ra ba lần trong năm: vào tháng Chín, trong đêm lễ Nâng Thánh Giá của Chúa Kitô; lần thứ hai vào ngày 7 tháng Năm, trong đêm kỷ niệm sự hiện ra của Thánh Giá Chúa trên trời; và lần thứ ba trong Mùa Chay Thánh, vào tuần lễ tôn kính Thánh Giá ( ). Và nhiều người sùng kính, sống công chính và thánh thiện, đã chứng kiến sự hiện xuống của Thiên Thần và nghe tiếng hát của Ngài, rồi sau đó kể lại điều này cho những người khác.

Giờ đây, chúng ta cũng nên nhớ lại việc Cây Thánh Giá của Chúa, Cây Thánh và Ban Sự Sống, từng bị người Ba Tư cướp đi và sau đó được trả lại cho Giê-ru-sa-lem, mang lại niềm vui cho các tín hữu[6222] .

Trong thời trị vì của hoàng đế Byzantine Phokas, Khosrow, vua Ba Tư, sau khi chinh phục Ai Cập, châu Phi và Palestine, đã chiếm Jerusalem và giết hại rất nhiều tín hữu Kitô giáo[6223] . Trong lúc đó, ông ta đã cướp đi nhiều kho báu và đồ thờ cúng của nhà thờ, trong đó có báu vật vô giá này – Thánh Giá Sống Lại của Chúa – và mang nó về Ba Tư. Một thời gian sau, khi vua Phốc qua đời, Heraclius[6224] lên ngôi; mặc dù ông đã cố gắng đánh bại Khosrow, nhưng chính ông lại nhiều lần bị đối phương đánh bại, vì vậy ông đã cầu hòa nhưng không nhận được sự đáp ứng từ kẻ thù kiêu ngạo. Lúc bấy giờ, trong nỗi buồn sâu sắc, hoàng đế đã cầu xin sự giúp đỡ từ Thiên Chúa: ngài ra lệnh cho tất cả các tín hữu thực hiện các lời cầu nguyện, các buổi canh thức và ăn chay, để Chúa giải thoát họ khỏi kẻ thù, kẻ trong sự kiêu ngạo của mình đã khoe khoang sẽ tiêu diệt tất cả các Kitô hữu và phỉ báng danh Chúa, và để kẻ thù không thể nói rằng: "Tay (tức là sức mạnh) của chúng ta vững chắc và các vị thần của chúng ta hùng mạnh", – nhưng để những người ngoại đạo nhận ra rằng chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật, mà không ai có thể chống lại sự vững chắc và sức mạnh của Ngài. Chính nhà vua cũng đã cầu nguyện trong nước mắt và ăn chay một cách sốt sắng. Sau đó, tập hợp tất cả các chiến binh và trang bị sức mạnh của Thánh Giá, với niềm hy vọng vào sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, Heraclius đã tiến quân chống lại người Ba Tư và trong trận chiến với Khosrow, ông đã đánh bại và khiến hắn phải tháo chạy; sau đó, trong suốt bảy năm, ông tàn phá vương quốc Ba Tư, chinh phục các thành phố và làng mạc, đồng thời giành chiến thắng trước vô số đạo quân của Khosrow. Cuối cùng, Khosrow, không còn khả năng chống cự lại quân đội Hy Lạp, đã bỏ trốn khỏi đất nước mình và, khi băng qua

---

[6220] Biển Adriatic – là một phần hình vịnh của Biển Địa Trung Hải, bao quanh bán đảo Apennine và phía tây bán đảo Balkan. Thánh Nữ hoàng Helena từ Jerusalem trước tiên có lẽ đã đến Rome, và từ đó tiếp tục đến thủ đô mới của đế chế – Constantinople.

[6221] Và cho đến nay, tại Constantinopolis vẫn còn lưu giữ phần còn lại của "cột tím" này, từng được Hoàng đế Constantine Đại đế chuyển từ Rome đến. Phần còn lại này được biết đến với tên gọi "cột cháy", và thực tế nó đúng là như vậy.

[6222] Câu chuyện dưới đây được dịch từ cuốn "Chetii-Minei" của Thánh Dimitri Rostovsky, dựa trên lời kể của Theophanes, vị tử đạo và tác giả các kinh lễ (qua đời vào nửa đầu thế kỷ IX), và Georgy Kedrin, nhà sử học Giáo hội Byzantine vào cuối thế kỷ XI và đầu thế kỷ XII.

[6223] Hoàng đế Byzantine Phocas trị vì từ năm 602 đến năm 610 – Khosrow II, vua Ba Tư, đã tuyên chiến với người Hy Lạp với lý do trả thù cho cái chết của Hoàng đế Mauricius, đồng minh của ông, cùng các con của ông, những người đã bị Hoàng đế Phocas – kẻ soán ngôi – sát hại một cách tàn nhẫn.

[6224] Heraclius trị vì từ năm 610 đến năm 641.

sông Tigris[6225] , đã phong con trai út là Medars làm đồng trị vì. Bị kích động bởi điều này, con trai cả của ông là Siroes đã âm mưu giết cả cha lẫn em trai, và không lâu sau đó đã thực hiện kế hoạch đó. Sau đó, Siroes, với tư cách là người thừa kế và vị vua của vương quốc Ba Tư, đã cử một phái đoàn đến gặp vua Hy Lạp Heraclius, mang theo những lời thỉnh cầu và vô số lễ vật, bày tỏ sự phục tùng trước mặt ông và xin ông chấm dứt cuộc chiến tàn phá này. Lúc bấy giờ, vua Heraclius, sau khi ký kết hòa ước với vua Ba Tư, đã mang theo Cây Thánh Giá của Chúa, vốn bị Khosrow cướp khỏi Jerusalem và bị người Ba Tư giam giữ suốt mười bốn năm. Và vị vua Hy Lạp trở về với nhiều thành quả, vui mừng và ngợi khen Đức Chúa Trời vì sự giúp đỡ vĩ đại của Ngài.

Khi đến Jerusalem, nhà vua đã vác Cây Thánh lên vai để mang về vị trí cũ của nó, và mang nó trong bộ áo choàng hoàng gia màu tím, được trang trí bằng vàng và đá quý, với vương miện hoàng gia trên đầu. Lúc đó, một phép lạ vĩ đại đã xảy ra: nhà vua đột ngột dừng lại tại cổng dẫn vào Nơi Thánh, và trước sự ngạc nhiên của mọi người, ngài không thể bước thêm một bước nào với Cây Thánh Giá của Chúa Kitô. Còn Zacharias, tổng giám mục Constantinople, cùng với tất cả cư dân Jerusalem, đã ra đón nhà vua với những cành cây và quả chà là cho đến tận Núi Ô-li-ve, và đi cùng với nhà vua. Và rồi ông thấy Thiên thần của Đức Chúa Trời, rực rỡ ánh sáng, đang đứng ở cổng đó và ngăn cản lối vào.

Và Thiên Thần nói với ông:

– Đấng Tạo Hóa của chúng ta đã không mang cây thập tự đến đây theo cách mà các ngươi đang mang nó.

Thấy và nghe điều đó, vị tổng giám mục bỗng run rẩy và quay sang nói với nhà vua:

– Xin bệ hạ hãy biết rằng, không thể nào một người mặc áo quần sang trọng và đeo những đồ trang sức hoàng gia lại mang cây thánh giá này, thứ mà Đấng Kitô đã mang trong tình trạng khiêm nhường khi trở nên nghèo khó vì chúng ta; nếu bệ hạ muốn mang nó vào, hãy noi gương sự nghèo khó của Ngài.

Khi đó, vị vua đạo đức Heraclius cởi bỏ áo choàng màu tím và mặc lên mình bộ quần áo đơn sơ, rồi mang Thánh Giá Thánh Thiện đi mà không gặp bất kỳ trở ngại nào, bước đi bằng đôi chân trần, – mang nó vào nhà thờ, đặt tại chính nơi mà vua Khosrow của Ba Tư đã lấy đi, và một lần nữa đặt Thánh Giá tại đó[6226] .

Và các tín hữu đã tràn ngập niềm vui và hân hoan vì sự trở về của Thánh Giá Chúa, và họ hân hoan reo mừng (giống như xưa kia dân Y-sơ-ra-ên đã vui mừng khi Hòm Giao Ước được trả lại từ tay dân Phi-li-tin) (1 Sa-mu-ên 7), ca ngợi Đức Kitô bị đóng đinh trên Thập giá, Vua vinh quang, và thờ lạy chân Thánh Giá của Ngài. Xin chúng con cũng dâng lên Ngài sự tôn kính, vinh quang và sự thờ lạy, bây giờ và đến muôn đời, a-men.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Xin Chúa cứu dân Ngài và ban phước lành cho vương quốc của Ngài, ban chiến thắng cho Hoàng đế trung thành của chúng con là Nikolai Alexandrovich, giúp ngài đánh bại kẻ thù và bảo vệ vương quốc của Ngài bằng Thánh Giá của Ngài.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Đấng đã tự nguyện chịu đóng đinh trên thập tự giá, xin Chúa Kitô, Thiên Chúa, ban ân sủng dồi dào cho nơi ở mới mang tên Ngài[6227] : xin làm cho Hoàng đế trung thành của chúng con, Nikolai Alexandrovich, được hân hoan nhờ quyền năng của Ngài, ban cho ngài chiến thắng trước những kẻ thù địch, nhờ vũ khí hòa bình của Ngài, mang lại chiến thắng bất khả chiến bại.

[6225] Sông Tigris – con sông chảy qua Ba Tư và Mesopotamia; ở đoạn cuối dòng chảy, nó hợp lưu với sông Euphrates và đổ ra Vịnh Ba Tư.

[6226] Đó là vào năm 629 sau Công nguyên. Vào thời điểm đó, Thánh Zacharias là Tổng Giám mục Giêrusalem từ năm 609 đến năm 633 (từ năm 614 đến năm 628, ngài bị người Ba Tư bắt làm tù binh).

[6227] Tức là đối với các Kitô hữu.

Lễ kính Thánh Tử đạo Papias

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 9

Thánh Papias đã chịu tử đạo dưới triều đại của Hoàng đế Maximian, dưới thời thống đốc Magne, tại vùng đất Lycaonia. Ngài đã phải chịu nhiều hình thức tra tấn khác nhau: hàm và gò má của ngài bị nghiền nát, ngài bị treo lên và bị cào xé bằng móng tay; sau đó, ngài bị buộc phải mang đôi ủng sắt có đinh và bị ép phải đi bộ trong đó. Trong những cực hình đó, ngài đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[6228] .

Ngày 28 tháng 9

15 tháng 9 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Nikita

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 9

Khi Thánh Giá vinh hiển và ban sự sống của Chúa, dấu hiệu của chiến thắng, được nâng cao trên thế gian, thì Thánh Nikita, người cùng tên với chiến thắng, đã đến dưới bóng râm của Thánh Giá. Vào ngày hôm trước, chúng ta đã kỷ niệm Lễ Nâng Thánh Giá, chiến thắng bất khả chiến bại đối với thế gian, và hôm nay chúng ta tôn vinh Thánh Nikita, người có tên nghĩa là "người chiến thắng" ([6229]). Vị chiến binh tốt lành của Chúa Giêsu Kitô này đã đứng dưới Thánh Giá, như đứng dưới lá cờ, để dẫn dắt cuộc chiến chống lại những kẻ thù của Thánh Giá, nhằm tôn vinh Đấng bị đóng đinh trên đó. Người này chiến đấu vì vị vua trần gian , người kia vì cuộc đời và vinh quang phù du của mình, – người khác vì của cải tạm bợ, còn Thánh Nikita đã chiến đấu vì Đấng Chúa duy nhất của ngài là Chúa Giêsu Kitô, Đấng là Vua của mọi thụ tạo, là vinh quang của chúng ta và là của cải không bao giờ cạn kiệt. Còn về nơi chốn và cách thức mà vị chiến binh này đã chiến đấu vì Chúa Kitô – điều này được kể lại như sau.

Khi đức tin thánh thiện bắt đầu lan rộng khắp vũ trụ dưới triều đại của Thánh Hoàng đế Constantine Đại đế, người ngang hàng với các Tông đồ, thì tại xứ Goth[6230] , bên kia sông Istra[6231] (sông Danube), lòng sùng kính thánh thiện đã tỏa sáng như ánh sáng trong bóng tối. Thánh Nikita đã được sinh ra, rửa tội và được giáo dục tại vùng đất ấy. Giám mục Theophilus của người Goth[6232] , người đã tham dự Công đồng Nicaea lần thứ nhất, tuyên xưng các tín điều của đức tin Chính Thống và ký vào các quyết định của công đồng – đã soi sáng Nikita bằng ánh sáng của đức tin và rửa tội cho ngài nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Một thời gian ngắn sau đó, kẻ ghen tị từ thuở xa xưa – ma quỷ, không thể chịu đựng được việc đức tin thánh thiện của Chúa Kitô đang lan rộng và số lượng Kitô hữu ngày càng gia tăng, đã khơi dậy trên vùng đất man rợ này, vốn bị bao trùm bởi sự thờ phượng thần tượng, những cuộc xung đột và sự bách hại dữ dội chống lại những ai xưng danh Chúa Kitô và tin vào Chúa. Tinh thần độc ác đã xúi giục vị công tước của xứ sở ấy, tên là Phanari, giết hại các Kitô hữu và xóa sổ khỏi đất nước mình ngay cả ký ức về họ. Vào thời điểm đó, dân Goth đã xảy ra chia rẽ và nội chiến. Họ chia thành hai phe: một phe do một người tên là Fritigern lãnh đạo, còn phe kia do tên tra tấn tàn bạo Afanari chỉ huy. Khi những người cùng dòng tộc này đụng độ nhau trong trận chiến và xảy ra cuộc tàn sát đẫm máu, Afanarikh, người có sức mạnh và lòng dũng cảm hơn, đã đánh bại đối thủ và khiến quân đội của hắn phải tháo chạy. Fritigern, sau khi bị đánh bại, đã chạy trốn sang Hy Lạp, nơi ông tìm kiếm sự giúp đỡ từ hoàng đế Valens, kẻ thù ghét Kitô giáo[6233] ; hoàng đế đã ra lệnh cho toàn bộ quân đội đang đóng tại Thrace tiến đến hỗ trợ Fritigern.

[6228] Thánh Papias đã chịu tử đạo vào cuối thế kỷ III hoặc đầu thế kỷ IV. Ngài xuất thân từ Lycaonia (một vùng ở Tiểu Á, giáp với Galatia ở phía bắc, Phrygia và Isauria ở phía tây, Cappadocia ở phía đông, và Lycia ở phía nam) từ thành phố Laranda, nơi ngài bắt đầu những đau khổ của mình, sau đó tiếp tục tại Diokesaaria và kết thúc tại Seleucia Isaurica.

[6229] Nikita – theo dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "người chiến thắng".

[6230] Vùng đất của người Goth trải dài từ hạ lưu sông Vistula đến Biển Đen; chủ yếu người Goth sinh sống ở khu vực hiện nay là Romania, dọc theo sông Danube.

[6231] Istr – tên cổ của sông Danube.

[6232] Mất vào khoảng năm 340.

[6233] Hoàng đế Valens trị vì từ năm 364 đến năm 378.

Sau đó, Fritigern, cùng với tất cả các chiến binh còn lại của mình và đạo quân Hy Lạp được tập hợp tại Thrace, đã tiến quân chống lại đối thủ của mình. Khi băng qua sông Ister (sông Danube), ông ra lệnh làm một hình ảnh Thánh Giá và mang hình ảnh này đi trước các trung đoàn của mình. Rồi ông tấn công Athanarich. Một trận chiến kinh hoàng đã diễn ra, nhưng nhờ sự trợ giúp của Thánh Giá, các Kitô hữu đã đánh bại Athanarich và toàn bộ quân đội của ông ta: một số bị giết, số khác bị bắt làm tù binh, đến nỗi chính ông ta cùng một nhóm nhỏ thuộc hạ chỉ kịp chạy trốn trong gang tấc. Kể từ đó, đức tin Chính thống giáo ngày càng lan rộng trong cộng đồng người Goth, bởi vì nhiều người, khi chứng kiến sức mạnh không thể lay chuyển của Thánh Giá được thể hiện trong trận chiến, đã tin vào Chúa Giêsu bị đóng đinh trên Thánh Giá.

Khi Giám mục Theophilus qua đời, Urfil[6234] , một người khôn ngoan và đạo đức, đã kế nhiệm chức vụ của ngài. Ông đã sáng tạo ra hệ thống chữ viết cho người Goth và dịch nhiều cuốn sách từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Goth, nhờ đó đức tin Kitô giáo thánh thiện ngày càng lan rộng hơn trong cộng đồng người Goth. Thánh Nikita, một trong những nhân vật cao quý và lừng lẫy nhất vùng đất ấy, cũng góp phần củng cố đức tin vào Chúa Kitô tại đó bằng lòng nhiệt thành của mình. Nhờ lòng đạo đức và những lời nói được Thánh Thần soi dẫn, ngài đã dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô.

Một thời gian sau, tên vô đạo Aphanarich lại trở về quê hương của mình. Khi đã nắm được quyền lực và sức mạnh, hắn, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã phát động một cuộc đàn áp khủng khiếp đối với các Kitô hữu trong lãnh địa của mình, nhằm trả thù cho sự sỉ nhục mà hắn phải chịu, vì hắn đã bị các Kitô hữu đánh bại và làm nhục trong trận chiến.

Lúc bấy giờ, Thánh Nikita, được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành dành cho Thiên Chúa, đã bước ra chiến đấu chống lại cả hai kẻ thù, kẻ vô hình và kẻ hữu hình: cuộc chiến chống lại kẻ thù vô hình, ngài tiến hành bằng cách dẫn dắt những kẻ ngoại đạo trở về với đức tin chân chính và chuẩn bị cho các tín hữu sẵn sàng cho việc chịu tử đạo; còn cuộc chiến chống lại kẻ thù hữu hình, ngài tiến hành bằng cách vạch trần tên tra tấn Afanarikh và quở trách hắn vì sự vô thần và tàn nhẫn, vì đã bắt vô số tín hữu phải chịu đủ loại cực hình; nhờ đó, Thánh Nikita đã chiến thắng cả hai: vừa đạp đổ ma quỷ, vừa vượt qua sự tàn bạo của tên tra tấn. Những hình phạt tàn bạo mà bọn chúng dùng để ép vị thánh tử đạo nhân lành của Chúa Kitô phải từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô đều vô hiệu, và chính tên tra tấn cũng bối rối không hiểu tại sao, dù có toàn bộ quyền lực của mình, hắn lại không thể khiến một tôi tớ của Chúa Kitô, người kiên định trong lời tuyên xưng đức tin như một cột trụ vững chắc và bất di bất dịch.

Vậy thì kẻ vô pháp đó đã toan tính điều gì? Hắn toan dùng lửa để tiêu diệt người mà hắn không thể giết bằng vô số vết thương, sự tra tấn thể xác và việc bẻ gãy các chi thể. Nhưng kẻ vô đạo đã đạt được điều gì? Hắn đã tự thiêu rụi chính mình bởi cơn thịnh nộ của mình hơn là thiêu rụi vị tử đạo bằng ngọn lửa: Thánh Nikita, dù đang ở trong lửa, nhưng thân xác ngài không bị thiêu rụi bởi lửa, còn linh hồn ngài đã được tái sinh cho một cuộc sống mới, vĩnh cửu và bất tử. Trong khi đó, kẻ tra tấn đã tự thiêu rụi bởi sự vô thần của chính mình ngay cả khi không có lửa: hắn đã làm chết linh hồn mình và tự chuẩn bị thân xác cho địa ngục. Như vậy, Thánh Nikita đã chiến đấu vì Chúa Kitô dưới lá cờ Thập tự và chứng tỏ mình là người chiến thắng; không chỉ về danh nghĩa, mà trên thực tế, ngài cũng chính là người như vậy.

Thi thể của vị thánh, không bị lửa làm hư hại, vẫn nằm đó mà không được chôn cất, bị vứt bỏ một cách nhục nhã. Vào thời điểm đó, có một Kitô hữu đạo đức tên là Marian đang sinh sống tại đó. Người đàn ông này gốc gác từ xứ Cilicia, thành phố Mopsuestia[6235] . Vì một việc riêng nào đó, ông đã đến vùng đất của người Goth và ở lại đây trong một thời gian khá dài. Marian đã làm quen với Thánh Nikita và giành được tình bạn cũng như tình yêu mến của ngài; đặc biệt, ông càng yêu mến ngài hơn khi thấy vị thánh tu hành này kiên định bảo vệ đức tin thánh thiện của Chúa Kitô, thậm chí sẵn sàng đổ máu vì đức tin ấy. Và khi thi thể của vị thánh vẫn chưa được chôn cất, Marian đã nảy ra ý định làm thế nào để lấy thi thể của người bạn thân yêu và vị tử đạo của Chúa Kitô của mình, rồi mang về quê hương. Nhưng ông sợ không dám thực hiện ý định đó, vì lo sợ vị công tước, người đã ra lệnh rằng không ai được phép chôn cất thi thể của vị tử đạo. Lúc đó, Marian nảy ra ý định bí mật mang thi thể đi vào ban đêm.

Khi đêm xuống, Marian đã sẵn sàng thực hiện kế hoạch của mình; nhưng đêm tối mịt mù và mưa rơi, khiến anh khó đi lại. Marian vô cùng buồn bã vì điều này, bởi anh không nhìn thấy đường đi và không biết tìm thi thể vị

[6234] Urfil hay Ulfilas – vị giám mục người Goth đầu tiên và là nhà truyền giáo nhiệt thành của Kitô giáo trong cộng đồng người Goth; sống từ năm 311 đến năm 383.

[6235] Thành phố Mopsuestia tọa lạc trên một đồng bằng, bên bờ sông Pirama.

tử đạo ở đâu. Khi anh đang vô cùng đau buồn vì điều này, Đức Chúa Trời, Đấng an ủi mọi người, Đấng đã từng dùng ngôi sao chỉ đường cho các nhà chiêm tinh đến Bê-lem (Ma-thi-ơ 2:2), đã an ủi cả Marian trong nỗi đau buồn và chỉ cho anh con đường thuận lợi để tìm thấy thi hài của vị thánh: Ngài đã sai một sức mạnh thiên thượng dưới hình dạng một ngôi sao; ngôi sao ấy tỏa sáng trước mặt Marian và dẫn dắt anh đến nơi cần đến. Ngôi sao ấy đi trước Marian và xua tan bóng tối đêm; còn anh thì hân hoan đi theo nó. Khi đến nơi có thi hài của vị thánh, ngôi sao dừng lại ngay trên đó. Lúc đó, Marian quấn thi hài vị tử đạo bằng một tấm vải liệm tinh khiết, rồi mang nó về nhà mình.

Như vậy, Marian đã có được kho báu mà mình tìm kiếm. Sau khi cất giấu thi hài đó một thời gian trong nhà mình với sự cẩn trọng cao độ, không lâu sau đó, ông trở về quê hương và mang theo thi hài của vị thánh tử đạo[6236] . Khi đến thành phố Mopsuestia, Marian đã an táng ngài một cách trang trọng tại nhà mình.

Chúa đã ban phước lành cho gia đình Mariana vì vị thánh tử đạo của Ngài, Thánh Nikita, giống như xưa kia Ngài đã ban phước lành với vô vàn của cải cho gia đình Penthephrius vì Giô-sép (Sáng Thế Ký 39:5) và cho gia đình Aveddar vì Hòm Giao Ước (2 Sử Ký 6:11). Ngôi nhà của Mariana trở nên tràn ngập của cải dồi dào: cả về vật chất lẫn tinh thần, bởi từ quan tài của vị thánh, nhiều ân huệ đã được ban phát cho tất cả những người nghèo khó, và nhiều phép chữa lành đã được ban cho những người đau ốm. Cả thành phố và cư dân vùng lân cận đều tụ tập về quan tài của vị thánh, đến nỗi nhà của Mariana không thể chứa hết tất cả các tín hữu đến đây; vì vậy, mọi người quyết định xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Nikita và an táng di cốt của vị tử đạo tại đó. Với lòng nhiệt thành, các tín hữu đã nhanh chóng hoàn thành việc xây dựng nhà thờ. Khi công trình hoàn tất, lúc nhà thờ đã được trang hoàng lộng lẫy xứng đáng, quan tài của vị thánh tử đạo được mở ra; họ lấy hòm thánh tích và rước nó vào nhà thờ mới xây, rồi an táng tại đó. Chỉ có một mình Marian là người may mắn được lấy một ngón tay từ di cốt của vị thánh để làm phước lành cho gia đình mình, và ông đã cất giữ nó với lòng kính trọng; không ai khác có thể lấy được dù chỉ một mảnh nhỏ nào từ di cốt của Thánh Nikita.

Một lần nọ, Đức Thánh Avksenti, Giám mục Mopsuestia, đã xây dựng một nhà thờ để tôn vinh các thánh tử đạo Tarach, Prova và Andronikos, nơi lưu giữ di cốt của ba vị thánh này; trong bức thư của mình, ngài đã xin các công dân Anazarva trao một phần di cốt của các thánh tử đạo cho ngôi thánh đường mới được xây dựng. Lúc đó, người dân Anazarva đã xin Đức Avksentius, để đổi lại, ngài hãy ban cho họ một phần di cốt của Thánh Nikita nhằm cầu phúc cho thành phố của họ. Muốn đáp ứng lời thỉnh cầu của họ, vị giám mục đã ra lệnh mở quan tài của Thánh Tử đạo Nikita. Và thế là, không có lý do rõ ràng nào, phiến đá cẩm thạch trên quan tài của vị thánh bỗng vỡ làm đôi. Một người có mặt tại đó đã táo bạo chạm tay vào di cốt thánh, nhưng ngay lập tức bàn tay anh ta khô héo, và chính anh ta cũng bị nỗi kinh hoàng bao trùm. Cùng lúc đó, một tiếng sấm rền vang lên từ trời và một tia chớp chói lòa lóe sáng; tất cả mọi người đều hoảng sợ. Lúc đó, vị giám mục mới nhận ra rằng Thiên Chúa không chấp thuận việc chia nhỏ di cốt của thánh nhân, và ngài đã hối hận về ý định của mình. Ngài nắm lấy bàn tay đã khô cứng của người đàn ông đã dám chạm vào di cốt thánh, rồi lại dùng chính bàn tay đó chạm vào di cốt và bắt đầu cầu nguyện:

– Hỡi thánh tử đạo Nikita của Chúa Kitô! Ngài xứng đáng chữa lành hơn là gây hại, vì Ngài là Đấng nhân lành và noi gương Chúa Toàn Thiện; và nếu Ngài đã trừng phạt người này ngay lập tức, thì chẳng lẽ Ngài lại không sớm thương xót anh ta sao?

Vừa khi vị giám mục thốt lên những lời ấy, bàn tay khô héo của người ấy lập tức được chữa lành, và mọi người đều kinh ngạc trước những phép lạ của vị thánh tử đạo Nikita và ngợi khen Thiên Chúa. Không dám chạm vào di cốt của vị thánh được Chúa yêu mến nữa, Đức Giám mục[6237] , sau khi cử hành nghi thức ca ngợi đầy kính cẩn trước di cốt, lại trang trọng đóng nắp mộ của ngài, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng muôn đời. Amen.

[6236] Thánh Nikita qua đời vào ngày 15 tháng 9 năm 372.

[6237] Giám mục Auxentius II sống vào nửa đầu thế kỷ V; ngài đã tham dự Công đồng Chung lần thứ IV tại Chalcedon vào năm 451.

Lễ kính Thánh Philotheos, linh mục và nhà làm phép lạ

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 9

Thánh Philotheus xuất thân từ một làng có tên là Muravyev (Mravino)[6238] . Khi đến tuổi trưởng thành, ngài kết hôn và có con cái. Sau đó, ngài được ban chức thánh. Kể từ đó, ngài không ngừng ăn chay và cầu nguyện. Nhờ cuộc đời thánh thiện, ngài được ban ân sủng làm phép lạ và đã thực hiện nhiều phép lạ nhân danh Chúa Kitô: chẳng hạn, ngài biến nước thành rượu, chỉ bằng một lời nói đã di chuyển tảng đá khỏi chỗ cũ và thực hiện nhiều phép lạ khác. Đồng thời, ngài cũng thực hiện những việc làm thể hiện tình yêu Kitô giáo: nuôi dưỡng những người đói khát và giúp đỡ những người khốn khó. Khi tròn một năm sau khi ngài qua đời[6239] , và các tín hữu muốn chuyển di hài cốt của ngài đến một nơi khác, thì vị thánh, như thể còn sống, đã giơ tay ra và, nắm lấy vai hai linh mục đang khiêng thi thể ngài, đứng dậy và bước đi ba bước. Người ta lại đặt ngài trở lại chính nơi đó, nơi mà di hài thánh của ngài bắt đầu tuôn ra một lượng lớn dầu thánh.

Lễ kính Thánh Tử đạo Porphyrius

Lễ kính Thánh Tử đạo Porphyrius

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 9

Một lần nọ, người ta tổ chức lễ sinh nhật của Hoàng đế Julianus Bội giáo. Porphyrius, với tư cách là một diễn viên, phải lên sân khấu để chế giễu và sỉ nhục các Kitô hữu. Ngay lúc ông nhảy xuống nước với mục đích đó và thốt lên: "Porphyrius được rửa tội nhân danh Cha, Con và Thánh Thần", ông bỗng nhiên tin vào Thiên Chúa chân thật và, khi bước ra khỏi nước, bắt đầu công khai tuyên xưng Đức Kitô. Vì điều này, ông bị đưa ra hành hình và bị chém đầu bằng gươm[6240] .

Lễ kính các thánh tử đạo Maximus, Askliaida và Theodotus

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 9

Các thánh tử đạo Maxim và Askliada sống tại thành phố Marcianopolis, thuộc vùng Mysia, dưới triều đại của hoàng đế vô đạo Maximian. Họ nổi tiếng vì lòng đạo đức và đã dạy dỗ nhiều người về đức tin chân chính, đồng thời dẫn dắt họ đến với phép rửa tội thánh. Khi biết được điều này, Tiris, quan tổng trấn xứ Thrace, lúc bấy giờ đang có mặt tại Markianopolis, đã ra lệnh đưa họ ra xét xử. Sau một cuộc đối thoại kéo dài với Maxim về đức tin, kẻ tra tấn đã ra lệnh cho bốn người đánh đập ông khắp cơ thể; sau đó, khi Askliada tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, hắn cũng ra lệnh đánh đập bà bằng gót giày. Lúc đó, vị thánh thiện Theodotus đã đứng ra lên án sự tàn ác vô nhân đạo của quan tra tấn; vì điều này, ông bị treo lên cây và bị cạo da trên khắp cơ thể. Sau 13 ngày, Tiris, khi đến Adrianople, đã gây ra những vết thương mới cho cả ba vị tử đạo được đưa đến thành phố này, bằng cách thiêu đốt họ bằng những tấm đồng nung đỏ, đến nỗi thân thể họ như bị nung chảy; nhưng một tiếng nói từ trời đã an ủi và khích lệ họ. Sau vài ngày bị giam trong ngục tối, họ bị ném vào đấu trường cho thú dữ trước sự chứng kiến của đông đảo dân chúng. Nhưng con gấu cái được thả ra để tấn công Maximus và Theodotus lại âu yếm họ, còn con bò đực mà Askladius bị trói vào thì đứng im như bị trói chặt và không nhúc nhích khỏi chỗ. Vị quan cai trị tức giận đã dẫn các thánh tử đạo đến Philippopolis, và trước khi đến được thành phố này, tại làng Saltis, sau khi lại một lần nữa ép buộc họ từ bỏ Đức Kitô, ông đã ra lệnh chém đầu họ. Không lâu sau đó, tên hành hình, khi đang ngồi trên ghế xét xử, đã bị sét đánh trúng[6241] .

[6238] Theo bản dịch từ tiếng Hy Lạp, nơi có từ "Mirmix" – có nghĩa là con kiến; từ đó có tên là Muravyevo, hay Mravino. Làng này nằm ở Tiểu Á, thuộc vùng Bithynia.

[6239] Người ta cho rằng Thánh Philotheos qua đời vào khoảng thế kỷ X.

[6240] Thánh Tử đạo Porphyrius đã chịu tử đạo dưới triều đại của Hoàng đế Julianus Apostata vào năm 361 tại Tiểu Á, ở thành phố Ephesus.

Ngày 29 tháng 9

16 tháng 9 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Euphemia

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 9

Trong thời trị vì của hoàng đế vô đạo Diocletian[6242] , thành Chalcedon[6243] được cai quản bởi Priscus[6244] , một quan tổng trấn do ông ta bổ nhiệm. Với ý định tổ chức lễ hội để tôn vinh vị thần ngoại đạo Ares[6245] – người mà tại Chalcedon đã có một ngôi đền được dâng hiến và trong đó có đặt hình tượng của ngài – Priscus đã ban hành sắc lệnh từ phía mình đến tất cả các thành phố và làng mạc lân cận, ra lệnh nhân danh hoàng đế rằng tất cả mọi người phải tập trung tại Chalcedon để dự lễ hội và mỗi người, tùy theo hoàn cảnh của mình, phải dâng lễ vật cho Ares. Trong sắc lệnh của mình, Priskus đe dọa sẽ trừng phạt nặng nề những ai không tuân theo mệnh lệnh của ông và không tham dự lễ hội, mà ông đã ấn định vào ngày thứ chín kể từ ngày ban hành sắc lệnh. Và khi ngày lễ ma quỷ đó đến, một đám đông khổng lồ đã tụ tập tại Chalcedon cùng với những con vật được dẫn đến để dâng làm lễ vật, và tất cả bắt đầu ăn mừng lễ hội, dâng cừu và bò làm lễ vật, đồng thời thờ lạy một bức tượng vô hồn, hay nói đúng hơn là con quỷ đang ngự trong đó. Lúc bấy giờ, các Kitô hữu ở những vùng đó, vì ghê tởm lễ hội ghê tởm này và sợ cơn thịnh nộ đáng sợ của tổng trấn, đã bắt đầu lẩn trốn và tụ họp tại những nơi bí mật để cử hành thánh lễ dâng lên Thiên Chúa chân thật, là Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta. Trong khi đó, quan tra tấn ra lệnh tiến hành một cuộc truy lùng gắt gao, để xem có ai chống lại mệnh lệnh của ông ta hay không, có ai không thờ lạy thần tượng Ares hay không. Và người ta phát hiện ra rằng các Kitô hữu đang chống lại quan tra tấn, vì họ không tuân theo mệnh lệnh của tổng trấn và không dành cho con quỷ ấy sự tôn kính mà chỉ có một Thiên Chúa chân thật mới xứng đáng nhận được. Kẻ tra tấn, vì tức giận trước việc các Kitô hữu không tuân theo mình, đã ra lệnh truy lùng họ và đưa ra tra tấn.

Vào thời điểm đó, có bốn mươi chín tín hữu Kitô đang ẩn náu tại một nơi bí mật để cầu nguyện; trong số họ có một thiếu nữ xinh đẹp tên là Euphemia, xuất thân cao quý, là con gái của Thượng nghị sĩ Philophron và vợ ông là Theodora, những người sùng đạo. Kẻ tra tấn đã được báo tin về những tín hữu Kitô đang ẩn náu đó, và ông ta ra lệnh bắt hết tất cả họ và đưa đến trước mặt ông ta để xét xử. Ngay lập tức, những tên đầy tớ hung ác của ông ta, tay cầm vũ khí, lao vào như những con thú săn mồi, nhắm vào đoàn chiên của Chúa Kitô đang tụ họp. Họ bao vây ngôi nhà nơi các tín hữu bí mật thờ phượng Thiên Chúa từ mọi phía, để không ai có thể trốn thoát; sau khi phá tung cửa, họ bắt đầu lôi các Kitô hữu ra ngoài từng người một một cách tàn nhẫn, rồi sau khi bắt hết tất cả, họ dẫn họ đến trước mặt quan tổng trấn trong sự sỉ nhục và chế giễu. Bị lôi đi như những con chiên đến lò mổ, các thánh nhân khiêm nhường, những tôi tớ của Chúa Kitô, đã đứng trước mặt kẻ tra tấn kiêu ngạo, sẵn sàng chịu đau khổ vì Chúa của mình, thậm chí đến mức đổ máu.

Khi nhìn thấy họ, vị quan cai trị kiêu ngạo nói:

[6241] Các thánh tử đạo Theodotus, Maximus và Askliaadas (hay còn gọi là Asklipiodotas) đã chịu tử đạo vào đầu thế kỷ IV, khi Galerius Maximianus trị vì ở phương Đông của Đế quốc La Mã. Ở đây, thuật ngữ "Mysia" không chỉ vùng tây bắc, mà là tỉnh La Mã ven sông Danube, được chia thành hai phần: phía tây (phần thượng) và phía đông (phần hạ). Marcianopolis là một thành phố ở phần hạ của Mysia, nằm trên con đường từ Constantinopolis đến sông Danube; sau này được gọi là Preslav, hiện nay là làng Pravody ở Bulgaria. Adrianopolis (tiếng Thổ Nhĩ Kỳ là Edirne) – một thành phố nổi tiếng, được thành lập vào nửa đầu thế kỷ II bởi hoàng đế La Mã Hadrian. Philippopolis – một thành phố cổ được củng cố vững chắc ở Thrace, nay thuộc Đông Rumelia, bên sông Maritsa; cho đến nay vẫn rất quan trọng về công nghiệp và quy mô dân số.

[6242] Vào đầu thế kỷ III.

[6243] Thành phố chính của tỉnh Bithynia thuộc Đế quốc La Mã, nằm trên bờ nam của Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch), đối diện với Byzantium.

[6244] Các quan Proconsul là những người đại diện của hoàng đế tại các tỉnh hoặc khu vực.

[6245] Ares hay Mars – vị thần ngoại giáo; được coi là thần chiến tranh, đồng thời là vị thần bảo vệ con người và đồng ruộng khỏi mọi điều tai hại.

– Chính các ngươi đang chống lại mệnh lệnh của hoàng đế và của chúng ta, coi thường lễ tế được cử hành để tôn vinh vị thần vĩ đại Ares sao?

Các Kitô hữu đáp:

– Lệnh của hoàng đế hay của ngài, thưa quan tổng trấn, – nếu nó không trái với Thiên Chúa trên trời, – thì chắc chắn phải tuân theo; còn nếu nó trái với Thiên Chúa, thì không chỉ không được tuân theo, mà thậm chí còn phải chống lại. Nếu các ngài ra lệnh cho chúng tôi những điều mà chúng tôi có nghĩa vụ phải tuân theo các quyền lực, thì chúng tôi sẽ trả lại cho César những gì thuộc về César (Mt 22:20). Nhưng vì mệnh lệnh của ngài trái với ý Chúa và đáng ghê tởm trước mặt Chúa, bởi vì ngài ra lệnh phải tôn kính tạo vật thay vì Đấng Tạo Hóa, và ép buộc chúng tôi phải thờ lạy và dâng lễ vật cho quỷ dữ, chứ không phải cho Đức Chúa Trời Tối Cao, nên chúng tôi sẽ không bao giờ tuân theo mệnh lệnh này của ngài, vì chúng tôi là những người thờ phượng chân chính của Đức Chúa Trời chân thật đang ngự trên trời.

Lúc bấy giờ, tên hành hạ, mở rộng đôi môi dối trá và mài sắc lưỡi nịnh hót như lưỡi dao cạo, đã hướng về họ với những lời lẽ xảo trá, cố gắng dùng lời hứa về của cải và vinh dự để lôi kéo những người mà Chúa đã "mua chuộc bằng chính máu thánh của Ngài"[6246] rời khỏi con đường chính trực và sa vào sự thờ phượng tà thần dẫn đến diệt vong. Đồng thời, quan tổng trấn đe dọa họ sẽ phải chịu những hình phạt khủng khiếp nếu họ không chịu tuân theo những gì ông ta khuyên bảo và ra lệnh.

Các thánh nhân đáp lại:

– Những ân huệ và vinh dự mà ngài, quan tổng trấn, hứa hẹn cho chúng tôi, chúng tôi đã từ chối từ lâu, đã ghét bỏ và coi là *"sự hư không, để được sự vượt trội trong sự nhận biết Đức Chúa Jêsus Christ"*[6247] (Phi-líp 3:8), vì chúng tôi có những ân huệ trên trời, lớn lao và tốt đẹp hơn những ân huệ trần gian. Các ân huệ trần gian – tạm bợ và bất định, còn các ân huệ trên trời – vĩnh cửu và bất biến (2 Cô-rinh-tô 4:18); chúng tôi không những không sợ những cực hình khủng khiếp mà ngươi đe dọa chúng tôi, mà thậm chí còn rất mong muốn phải chịu đựng chúng, để sức mạnh và sự vững chắc của Đức Chúa Trời chúng tôi được bày tỏ trong chúng tôi, khiến các ngươi phải kinh ngạc và, khi nhận ra sự yếu đuối của các thần tà ác của các ngươi, sẽ phải xấu hổ. Nhưng còn lý do gì để tiếp tục tranh cãi bằng lời nói nữa? Hãy bắt đầu làm điều ngươi đã toan tính, và ngươi sẽ thấy rằng sự kiên nhẫn của chúng tôi sẽ vững vàng hơn nhiều so với sự hăng hái tra tấn của ngươi.

Rồi kẻ tra tấn bắt đầu hành hạ họ bằng đủ loại hình phạt, và các thánh đã phải chịu đựng đủ loại cực hình suốt mười chín ngày liền, mỗi ngày đều mang thêm những vết thương mới và phải chịu đựng đói khát. Cùng với họ có thánh nữ Euphemia, một thiếu nữ trẻ trung và xinh đẹp; để động viên nàng, họ nói:

– Hãy kiên trì, hỡi trinh nữ, vì Đấng Hôn Phu trên trời, hãy kiên trì để làm đẹp lòng Ngài bằng sự đau khổ, hãy kiên trì để được gặp Ngài cùng với các trinh nữ khôn ngoan, để Ngài yêu thương con như cô dâu của Ngài, và đưa con vào cung điện của Ngài[6248] .

Sau đó, vào ngày thứ hai mươi, họ được đưa ra xét xử, nơi quan tổng trấn hỏi họ:

– Có lẽ, sau khi đã được rèn luyện qua những đau khổ, giờ đây các ngươi có muốn tuân theo sắc lệnh của chúng ta không?

Lúc đó, các thánh tử đạo, cùng với thánh Euphemia, đã đáp lại rằng:

– Đừng hy vọng, quan tổng trấn, rằng ngài có thể lôi kéo chúng tôi rời khỏi con đường chính trực: thà ngài lật đổ các ngọn núi trên đất và dịch chuyển các vì sao trên trời, còn hơn là khiến lòng chúng tôi xa lìa Thiên Chúa chân thật.

Bực tức trước những lời ấy, tên tra tấn ra lệnh đánh vào mặt họ trong một thời gian dài; sau đó, thấy rằng điều này không mang lại kết quả, hắn quyết định gửi họ đến trước mặt vua, còn trước mắt thì ra lệnh giam họ vào ngục tối. Khi họ bị dẫn đến đó, quan tổng trấn nhìn thấy thánh Euphemia, một thiếu nữ trẻ trung và xinh đẹp, tỏa sáng giữa các thánh tử đạo như mặt trăng giữa các vì sao, và như một con sói, hắn đã cướp đi con chiên này khỏi đàn chiên của Chúa Kitô. Còn nàng, ngước mắt và giơ tay lên trời, đã kêu lên:

[6246] Kinh thánh cho Lễ Dâng Chúa, bài ca 3, irmos.

[6247] Tức là, so với những ân huệ nhận được nhờ Đức Kitô, chúng ta coi đó chỉ là một sự ô uế đơn thuần, cần được quét sạch khỏi căn phòng.

[6248] Ở đây, tất nhiên, ám chỉ dụ ngôn của Đấng Cứu Thế về các trinh nữ khôn ngoan (xem Mt 25:1–13).

– Xin đừng bỏ rơi con, Đấng Hôn Phu yêu dấu nhất của con, Chúa Giêsu Kitô, vì con đặt niềm tin nơi Ngài; xin đừng phó thác linh hồn yêu mến Ngài và tuyên xưng danh thánh Ngài cho các thú dữ; xin đừng để kẻ thù của con được vui mừng vì con; xin củng cố con, tôi tớ yếu đuối của Ngài, để sự gian ác không thể chiến thắng con.

Với mong muốn lôi kéo nàng vào con đường vô thần, tên tra tấn đã nghĩ ra đủ mọi cách để dụ dỗ nàng, dùng những lời ngọt ngào, quà tặng và những lời hứa hẹn khác nhau để lôi cuốn trái tim trinh nữ của nàng.

Nhưng nàng đã cương quyết nói:

– Đừng nghĩ, hỡi kẻ tra tấn, rằng ngươi có thể dễ dàng dùng những lời dụ dỗ xảo quyệt để lôi kéo sự yếu đuối của ta vào sự vô đạo và bất chính của ngươi; vì dù ta là phụ nữ theo bản tính, yếu đuối về thể xác và còn trẻ tuổi, nhưng trái tim ta vẫn cứng cỏi hơn ngươi, và sức mạnh đức tin của ta còn vững chắc hơn sự dũng cảm của các ngươi; hơn nữa, nhờ ân sủng của Đức Kitô, tôi có trí tuệ vượt trội hơn tất cả những lời lẽ ngụy biện ngoại giáo của các ngươi, những lời mà các ngươi tự cho là khôn ngoan, nhưng thực ra lại điên rồ hơn cả những kẻ dốt nát, vì các ngươi không muốn nhận biết Thiên Chúa chân thật, mà lại tôn thờ quỷ dữ như thần linh. Vậy nên, ngươi sẽ không lừa dối ta bằng những lời xảo quyệt, như con rắn xưa kia đã lừa dối tổ mẫu của chúng ta; ngươi sẽ không làm cho thế gian đắng cay này trở nên ngọt ngào với những thú vui của nó – những điều mà ta coi là đắng cay vì Chúa Giêsu ngọt ngào nhất của ta – và ngươi sẽ không chiến thắng được *"sức mạnh được thể hiện trong sự yếu đuối"*[6249] (2 Cô-rinh-tô 12:9), dù những cuộc tấn công của ngươi có mạnh mẽ đến đâu đi chăng nữa. Vì tôi đặt niềm tin nơi Đấng Christ của tôi, rằng Ngài sẽ không bỏ rơi tôi và sẽ không rút lại bàn tay cứu giúp vững chắc của Ngài khỏi tôi, cho đến khi cái đầu kiêu ngạo của ma quỷ bị chà đạp dưới chân người phụ nữ.

Lúc đó, tên tra tấn, bị sỉ nhục bởi câu trả lời như vậy của Thánh Euphemia, đã vô cùng tức giận và, biến tình yêu ghê tởm mà hắn từng dành cho nàng thành cơn thịnh nộ, đã ra lệnh chuẩn bị bánh xe tra tấn, với vô số lưỡi dao sắc nhọn. Khi các thuộc hạ trói cô gái thánh thiện vào bánh xe đó, cô đã làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình. Và họ bắt đầu quay bánh xe, khiến thân thể của vị tử đạo bị cắt thành từng mảnh, còn các khớp xương thì vỡ vụn.

Còn nàng thì vẫn miệt mài cầu nguyện cùng Thiên Chúa.

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, – trinh nữ thánh kêu lên, – Đấng soi sáng linh hồn con, nguồn mạch sự sống, Đấng ban ơn cứu độ cho những ai trông cậy vào Ngài! Xin Ngài hãy đến giúp con ngay lúc này, để mọi người đều biết rằng Ngài là Thiên Chúa duy nhất và là niềm hy vọng vững chắc cho những ai trông cậy vào Ngài – *"không có điều ác nào xảy ra với con, và tai họa sẽ không đến gần nhà con"*[6250] (Thánh Vịnh 90:9–10).

Khi nàng cầu nguyện, bánh xe bỗng dưng dừng lại và những người hầu gục ngã vì kiệt sức, vì Thiên Thần của Đức Chúa Trời đã hiện ra, phá vỡ trục quay, rồi bế cô trinh nữ thánh thiện ra khỏi bánh xe, chữa lành vết thương cho nàng và phục hồi sức khỏe cho nàng. Còn cô, khi bước xuống khỏi bánh xe với thân thể nguyên vẹn và khỏe mạnh, đã hân hoan cất tiếng hát, tạ ơn Đức Chúa Trời và tôn vinh quyền năng toàn năng của Ngài.

Thấy vậy, kẻ tra tấn và tất cả những người có mặt tại đó đều bối rối và vô cùng kinh ngạc trước phép lạ này. Tuy nhiên, ở nơi mà lòng dạ bị sự ác che mờ, thì phép lạ vĩ đại đến thế cũng không thể mang lại lợi ích gì; họ không thể nhận ra bàn tay vững chắc của Đức Chúa Trời chân thật: *"Lòng dân này đã chai đá, tai họ khó nghe, và mắt họ đã nhắm lại"* (Ê-sai 6:10), và họ coi dấu lạ kỳ diệu này là một trò ảo thuật.

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh đốt một ngọn lửa lớn trong lò đặc biệt và ném vị thánh nữ vào đó. Trong lúc lò đang được đốt lên và ngọn lửa dữ dội đã bùng cháy bên trong, vị thánh tử đạo lại dâng mình vào lời cầu nguyện, vốn xưa kia đã như áo giáp bảo vệ ba thiếu niên trong lò lửa; trước ngọn lửa vật chất, vị trinh nữ thánh đã đối lập bằng ngọn lửa của tình yêu nhiệt thành dành cho Đức Chúa Trời, và ngước mắt lên trời, bà thưa rằng:

– Lạy Thiên Chúa, Đấng ngự trên cao và nhìn xuống những kẻ khiêm nhường (Is 33,5; Tv 137,6)! Ngài đã bảo vệ ba thiếu niên tại Ba-by-lôn, những người vì luật pháp của Ngài mà bị ném vào lửa, nhờ Thiên Thần thánh của Ngài, để họ được toàn vẹn và không bị tổn hại bởi ngọn lửa, và Ngài đã ban sương từ trời xuống cho họ: xin hãy trở thành Đấng trợ giúp cho con, tôi tớ của Ngài, vì con đang nỗ lực, hỡi Đấng Kitô của con, vì vinh quang của Ngài!

Nàng nói như vậy, rồi tự bảo vệ mình bằng dấu thánh giá như một vũ khí, đứng đó, bình tĩnh chờ đợi để bị ném vào lửa.

[6249] Tức là sức mạnh của Thiên Chúa, Đấng củng cố những con người yếu đuối.

[6250] Tức là tai họa sẽ không ập đến và vết thương sẽ không làm nặng nề thân thể những ai đã lấy Đức Chúa Trời làm nơi nương náu (Thi Thiên 90:9–10).

Lúc đó, hai người lính là Victor và Sosphen, những người được giao nhiệm vụ ném vị nữ tử đạo vào lò lửa, đã chứng kiến một hiện tượng kỳ diệu xuất hiện trong ngọn lửa; trước mặt họ, các Thiên Thần của Đức Chúa Trời hiện ra, xua tan ngọn lửa trong lò và cấm họ đụng chạm đến cô dâu của Đức Kitô. Thấy phép lạ này, họ nói với người tra tấn:

– Thưa quan tổng trấn, chúng tôi không dám dùng đôi tay ô uế của mình chạm vào trinh nữ thánh thiện này và ném nàng vào lửa, dù ngài có ra lệnh chém đầu chúng tôi đi chăng nữa, vì chúng tôi đang chứng kiến một phép lạ kỳ diệu mà mắt ngài không thấy được. Và thà chúng tôi chịu đựng cơn thịnh nộ của ngài còn hơn là cơn giận dữ của những vị thánh rực rỡ ánh sáng, những người đang đe dọa chúng tôi từ trong ngọn lửa.

Nghe vậy, tên tra tấn nổi giận với họ; nghĩ rằng họ là những người Kitô hữu và chính vì thế mà không muốn ném thiếu nữ vào lò lửa, hắn ra lệnh trói họ lại, còn lệnh của mình liên quan đến Euphemia thì giao cho hai chiến binh khác thi hành, trong đó một người tên là Caesar, còn người kia là Varius. Hai người này, sau khi tóm lấy thiếu nữ, đã ném cô vào lò lửa, nhưng ngay lập tức một ngọn lửa dữ dội bùng lên từ lò, lao thẳng vào những người lính đã ném thiếu nữ vào lò, thiêu rụi họ tại chỗ thành tro bụi, còn những người hầu khác thì phải bỏ chạy. Còn vị Thánh nữ, hân hoan giữa lò lửa, như thể đang ở trong một cung điện rực rỡ và sương mát, đã hát bài ca của ba thiếu niên: *"Ngợi khen Chúa, Thiên Chúa của cha ông chúng con, Đấng đáng ca ngợi và tôn vinh muôn đời"* (Đan. 3:52). Và một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra: ngọn lửa không chạm vào bà, thậm chí không làm xơ xác áo quần của bà, vì chính Chàng Rể bất diệt của bà, Chúa Kitô, đã bí mật xuống lò lửa để gặp vị hôn thê thánh thiện của Ngài và tưới lên bà sự mát mẻ từ trời cao. Khi lò lửa tắt, vị thánh bước ra nguyên vẹn và khỏe mạnh, khiến mọi người đều kinh ngạc. Không biết phải làm gì, tên tra tấn ra lệnh ném nàng vào ngục tối, tự nhủ: "Đêm nay ta sẽ nghĩ ra cách xử lý mụ phù thủy này." Sau đó, hắn gọi Victor và Sosthenes đến, trút cơn thịnh nộ lên họ và đe dọa sẽ giết chết họ nếu họ không thờ lạy các thần tượng.

Họ đáp lại:

– Cho đến nay, chúng tôi đã lầm lạc vì chưa biết sự thật; giờ đây, chúng tôi đã nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng đã tạo dựng trời và đất: chúng tôi tin và thờ phượng Ngài, còn các thần của ngài, những vị mà trước đây chúng tôi cũng đã thờ phượng mà không biết rằng mình đang bị ma quỷ lừa dối, từ nay trở đi chúng tôi sẽ không còn tôn kính nữa. Hãy làm với chúng tôi bất cứ điều gì ngài muốn: thân xác chúng tôi nằm trong tay ngài, còn linh hồn chúng tôi thì được Đức Chúa Trời che chở.

Và kẻ tra tấn đã kết án họ bị thú dữ xé xác. Khi các thánh nhân tiến về nơi mà các con thú sẽ xé xác họ, họ đã khẩn thiết cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài thương xót họ, tha thứ những tội lỗi họ đã phạm trong thời gian họ còn lầm lạc và vô tín, và đưa linh hồn họ đến nơi những ai tin tưởng vào Ngài đang ngự. Và ngay lập tức, một tiếng nói thiêng liêng vang lên từ trời, kêu gọi họ an nghỉ; nghe thấy tiếng nói ấy, họ vui mừng phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa. Còn các con thú thì không hề đụng đến thi thể của họ, và sau đó, những thi thể ấy đã được các tín hữu chôn cất một cách bí mật.

Khi đêm qua đi và bình minh ló rạng, kẻ tra tấn ngồi vào ghế thẩm phán, và thánh Euphemia được dẫn ra khỏi ngục tối; trên đường đến phiên tòa, bà hân hoan cất tiếng hát:

– *"Lạy Chúa! Con sẽ hát cho Ngài một bài ca mới"* (Thánh Vịnh 143:9). Con sẽ tôn vinh Ngài, lạy Chúa, sức mạnh của con! Con sẽ ca ngợi Ngài giữa các dân tộc và tôn vinh danh Ngài, vì Ngài là Đấng duy nhất – Thiên Chúa chân thật, và không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ngài.

Vừa hát ca như vậy, nàng đã đến trước tòa án. Tại đây, nàng bị thẩm vấn trong thời gian dài, bị tra tấn và bị ép buộc phải dâng lễ vật. Khi nàng vẫn kiên quyết từ chối tuân theo, kẻ tra tấn, sau khi nhận ra sự kiên định của nàng, đã ra lệnh treo cổ nàng và dùng những con dao sắc nhọn để cạo da thịt nàng. Tuy nhiên, ngay cả sau những cực hình đó, nhờ sức mạnh của Đức Chúa Trời, nàng vẫn không hề hấn gì. Sau đó, họ đào một hào sâu và đổ đầy nước vào, rồi thả vào đó vô số rắn, rắn độc, các loài bò sát biển độc hại và đủ loại bò sát, cả trên cạn lẫn dưới nước; khi hào đã chật kín các loài đó, kẻ tra tấn ra lệnh ném thánh Euphemia xuống đó.

Còn bà, vừa làm dấu thánh giá, vừa nói:

– Ánh sáng của con, Chúa Giêsu Kitô! Ngài đã bảo vệ Giô-na khỏi bị tổn hại trong bụng con thú dưới nước, Ngài đã giải cứu Đa-ni-ên khỏi hàm sư tử; xin hãy bảo vệ con bằng bàn tay mạnh mẽ của Ngài, để danh thánh của Ngài được tôn vinh nơi con.

Nói xong, bà lao mình xuống hào; còn những con rắn độc, khi đến gần bà, không gây hại gì cho bà, mà dường như còn chăm sóc bà, vì chúng cõng bà trên lưng, không để bà chìm xuống đáy hào đầy nước: nhờ ân sủng

của Thiên Chúa, vị trinh nữ thánh thiện đã bước ra khỏi đó mà không hề hấn gì. Kẻ tra tấn đã hoàn toàn bối rối, không biết phải làm gì với nàng nữa. Vẫn muốn tiêu diệt cô và cho rằng phép thuật mà, theo ông ta, vị thánh nữ sở hữu chỉ có thể vượt qua những nguy hiểm hiển nhiên chứ không phải những mưu đồ bí mật, ông ta ra lệnh đào một hố khác và lấp đầy nó bằng những cây giáo nhọn, kiếm và dao, cắm tất cả những vũ khí này xuống đáy hào với mũi nhọn hướng lên trên, rồi phủ lên bên ngoài một lớp cành cây và đất mỏng. Sau đó, ông ra lệnh cho vị thánh nữ băng qua hào đó, tính toán rằng bà, không hay biết gì, sẽ ngã vào những vũ khí sắc nhọn đã cắm sẵn và chết vì vết thương. Nhưng vị thánh nữ đã băng qua một cách nhẹ nhàng, như con chim bay qua lưới; trong khi đó, một số người ngoại đạo, không biết về cái hào đó, đã ngã vào đó và thiệt mạng. Thấy điều đó, kẻ tra tấn cảm thấy xấu hổ tột độ, và lời Kinh Thánh đã ứng nghiệm tại đây: *"Hắn đã đào hào, đã đào hố, rồi lại rơi vào cái hố mà chính hắn đã chuẩn bị"* (Thánh Vịnh 7:16).

Còn vị thánh nữ thì ngợi khen Đức Chúa Trời, hát lên:

– *"Ai có thể nói hết quyền năng của Chúa, ai có thể loan báo hết mọi lời ngợi khen của Ngài?"* (Thánh Vịnh 105:2), vì Ngài đã gìn giữ tôi tớ bị hành hạ của Ngài khỏi bị thương tích, cứu khỏi lửa, bảo vệ khỏi thú dữ, nước và bánh xe, và đưa ra khỏi hố sâu. Và bây giờ, lạy Chúa, xin cứu linh hồn con khỏi tay kẻ từ thuở xưa đã là kẻ thù của tất cả những ai vâng lời Ngài; *"Xin đừng nhớ đến những tội lỗi thời trẻ và những vi phạm của con*" (Thi Thiên 24:7), nhưng bằng những giọt máu của Ngài, đã đổ ra vì con, xin thanh tẩy sự ô uế của xác thịt và linh hồn con, vì Ngài là sự thanh tẩy, sự thánh hóa và sự soi sáng cho các tôi tớ của Ngài (Hê-bơ-rơ 1:3; Lu-ca 2:32).

Tổng trấn lại cố gắng dụ dỗ nàng bằng những lời ngọt ngào.

– Đừng làm ô danh – ông ta nói – dòng dõi của nàng, đừng hủy hoại tuổi thanh xuân của nàng và đừng tự đưa mình vào chỗ chết. Hãy tôn kính vị thần vĩ đại Ares, và nàng sẽ được tất cả chúng tôi kính trọng, ca ngợi và được ban tặng vinh quang và của cải to lớn.

Ông ta còn nói nhiều điều khác nữa để dụ dỗ nàng, nhưng nàng chỉ cười nhạo ông ta và gọi ông ta là kẻ điên rồ.

Rồi hắn lại bắt đầu tra tấn nàng, đánh đập dã man bằng gậy, rồi ra lệnh cưa nàng bằng chiếc cưa sắc nhọn; nhưng chiếc cưa không thể gây ra bất kỳ tổn thương nào cho thân thể thánh thiện của nàng. Sau đó, ông ta ra lệnh nướng cô trên chảo đỏ rực, nhưng chảo đã nguội đi, vì các Thiên thần luôn ở bên cô dâu của Chúa Kitô, bảo vệ cô trong mọi cực hình. Cuối cùng, quan tổng trấn đã kết án Euphemia bị ném cho thú dữ ăn thịt.

Khi vị thánh được dẫn đến đấu trường, nơi các con thú sẽ xé xác bà, bà đã cầu nguyện xin Chúa chấm dứt nỗi đau khổ của bà, đón nhận linh hồn bà vào tay Ngài và cho phép bà rời khỏi thân xác đầy đau khổ này để đến xứ sở hằng mong ước.

– Lạy Chúa toàn năng! – bà thốt lên. – Ngài đã tỏ ra trên con sức mạnh bất khả chiến bại và bàn tay phải không thể khuất phục của Ngài; Ngài đã cho thấy sự yếu đuối của ma quỷ và sự điên rồ của kẻ hành hạ, còn con thì Ngài đã đặt con cao hơn mọi sự đau khổ. Như Ngài đã cho phép việc sát hại và đổ máu của các vị tử đạo trước con, thì nay xin hãy nhận lấy của lễ của con, được dâng lên Ngài từ một tâm hồn tan nát và một tinh thần khiêm nhường, và xin an nghỉ linh hồn con trong các nơi cư ngụ của các thánh và trong hàng ngũ các vị tử đạo, "vì Ngài được chúc tụng muôn đời".

Khi Thánh Euphemia kết thúc lời cầu nguyện, những con thú – sư tử và gấu – được thả ra, nhưng khi chúng đến gần, chúng lại liếm chân bà. Chỉ có một con gấu cái gây ra cho bà một vết thương nhỏ, từ đó máu chảy ra; lúc đó, một tiếng nói từ trời vang lên, kêu gọi bà lên các nơi ở trên trời, và ngay lập tức bà trút hơi thở cuối cùng về với Chúa, Đấng mà vì Ngài, bà đã chịu khổ nạn với tất cả lòng trung thành. Đất rung chuyển, thành phố chao đảo, tường thành sụp đổ, các đền thờ đổ nát, và nỗi kinh hoàng tột độ bao trùm tất cả. Khi mọi người hoảng sợ bỏ chạy khỏi rạp xiếc, thi thể thánh thiện của vị tử đạo vẫn nằm bất động trên mặt đất.

Cha mẹ của Euphemia đã đón thi hài thánh thiện của con gái mình và an táng cô với đầy đủ nghi lễ gần thành phố, cách đó một khoảng đường đua[6251] . Họ tạ ơn Thiên Chúa, vui mừng vì đã được ân sủng làm cha mẹ của một người con gái như vậy, người nhờ đổ máu mình đã trở thành cô dâu của Chú Rể trên trời, là Đức Kitô và Vua

[6251] Sau này, tại đây đã được xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Thánh nữ Tử đạo Euphemia. Tại nhà thờ này, Công đồng Đại kết thứ tư (Công đồng Chalcedon) đã diễn ra vào năm 451 sau Công nguyên. Vào thế kỷ V, các nhà thờ dành cho Thánh nữ Tử đạo đã được xây dựng tại Rome và Mediolanum. Xác thánh của bà dưới thời Hoàng đế Theodosius Đại đế đã được đưa đến Alexandria, sau đó được đưa trở lại Chalcedon. Sau khi Chalcedon bị người Ba Tư chiếm đóng (năm 617), xác thánh của Thánh Euphemia đã được chuyển đến Constantinople, nơi vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay.

của muôn loài, Đấng được vinh quang và tôn kính cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Trong cuộc khổ nạn của mình, ngài đã chiến đấu một cách xuất sắc, và sau khi qua đời, ngài thánh hóa chúng con bằng những phép lạ dồi dào, hỡi Đấng đáng ca ngợi muôn đời: vì thế, chúng con ca ngợi sự an nghỉ thánh thiện của ngài, chạy đến với đức tin vào đền thờ thiêng liêng của ngài, để được giải thoát khỏi những bệnh tật của tâm hồn, và nhận lãnh ân sủng từ những phép lạ.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Sevastiana

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 9

Thánh Sevastiana sống dưới triều đại của Domitian[6252] và là môn đệ của Thánh Phaolô. Hêgemon George ra lệnh bắt bà tại thành phố Marcianopolis[6253] . Bà bị đánh đập và bị ném vào lò lửa đang cháy rực, nhưng bà vẫn bình an vô sự. Sau đó, bà bị dẫn đến Heraclea[6254] , nơi bà bị treo cổ trên cây, rồi bị ném cho thú dữ xé xác. Nhưng bà lại một lần nữa không hề hấn gì. Cuối cùng, đầu bà bị chém bằng gươm; lúc đó, thay vì máu, sữa đã chảy ra từ cơ thể bà[6255] .

Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Melitina

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 9

Thánh Melitina xuất thân từ thành phố Markianopolis thuộc Thrace; bà sống dưới triều đại của Hoàng đế Antoninus[6256] , dưới thời thống đốc Antiochus. Bà đã thực hiện nhiều phép lạ: chẳng hạn, bằng lời cầu nguyện của mình, bà đã lật đổ các thần tượng, phá hủy các hình tượng của Apollo và Hercules, và dẫn dắt nhiều người đến với đức tin chân chính. Sau đó, bà đã dẫn dắt vợ của vị thống đốc trở lại với Chúa Kitô. Vì điều này, bà đã bị chém đầu. Thi hài thánh thiện của bà ban đầu vẫn nằm đó mà chưa được chôn cất. Một người Macedonia tên là Akakios, khi đi ngang qua nơi đó trên đường về quê hương, đã xin phép được lấy thi hài thánh của bà, đặt vào một chiếc hòm nhỏ và định mang về quê hương mình. Trong chuyến hành trình trên biển, ông bị ốm và qua đời. Khi con tàu đến mũi đảo Lemnos[6257] , thi hài của vị thánh tử đạo đã được an táng tại đó. Thi hài của Akakiy cũng được chôn cất gần mộ của bà.

Ngày kỷ niệm Thánh nữ Tử đạo Lyudmila

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 9

Thánh nữ Lyudmila là người gốc Serbia, con gái của một hoàng tử Serbia. Bà được gả cho hoàng tử Bořivoj của Séc. Vào thời đó, dân tộc Séc vẫn chưa được rửa tội; chính hoàng tử Bořivoj và người vợ trẻ của ông cũng là những người ngoại đạo. Sau khi kết hôn, họ đã tin nhận Chúa Kitô và chịu phép rửa tội nhân danh Chúa

---

[6252] Domitian – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 81 đến năm 96, là kẻ bách hại tàn bạo đối với các Kitô hữu.
[6253] Marcianopolis – một thành phố ở hạ lưu Mizia trên con đường từ Constantinopolis đến sông Danube, sau này là Preslav, hiện nay là làng Pravody ở Bulgaria.
[6254] Irakli hoặc Heraclea – tên thành phố thường gặp. Ở đây cần hiểu là thành phố ở Thrace mang tên này trên Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch), với một cảng tuyệt vời. Đây là thuộc địa cổ xưa của người Samos – nay là Eregli. Tại Heraclea, người tra tấn Thánh Sebastiana là quan tổng trấn Pompian.
[6255] Theo các bản tường thuật Hy Lạp, thi thể của bà đã bị ném xuống biển, nhưng ba Thiên thần đã mang thi thể đó đến Rizist (Redest – ở Thrace bên Biển Marmara, nay là Rodosto).
[6256] Hoàng đế La Mã Antoninus Pius trị vì từ năm 138 đến năm 161.
[6257] Lemnos – một trong những hòn đảo lớn nhất của Biển Aegean, thuộc lãnh thổ Thrace, cách Athos 87 dặm.

Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần; họ đã xây dựng các nhà thờ và bổ nhiệm các linh mục phục vụ tại đó. Họ có ba con trai và một con gái. Boriwo qua đời khi mới 36 tuổi. Thánh nữ Lyudmila đã chịu đựng nỗi đau buồn của mình với lòng tận tụy trọn vẹn trước ý muốn của Thiên Chúa và phân phát toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo. Con trai bà là Vratislav lên ngôi sau cha mình, và trị vì dân tộc của mình trong 33 năm, sau đó cũng qua đời. Vyacheslav, cháu trai của Lyudmila, đã nắm quyền. Lúc bấy giờ, mẹ của Vyacheslav đã căm ghét mẹ chồng mình là Lyudmila và tìm mọi cách để tiêu diệt bà. Biết được điều này, Lyudmila đã lui về thành phố Techin. Con dâu bà đã xúi giục hai quan đại thần và sai họ đến Techin để giết thánh nữ Lyudmila. Hai tên ác nhân này, khi đến nơi, đã tập hợp xung quanh mình nhiều kẻ xấu xa khác giống như chúng. Khi trời tối, chúng bao vây khuôn viên và chính cung điện nơi thánh nữ Lyudmila đang ở, đập vỡ cửa và xông vào bên trong cung điện. Sau khi bắt được vị công chúa thánh thiện, chúng quấn dây thừng quanh cổ bà và siết cổ bà đến chết. Như vậy, Thánh nữ Lyudmila, vì lòng trung thành với Chúa, đã chịu tử đạo; sự việc xảy ra vào ngày thứ Bảy, lúc một giờ sáng; lúc đó bà đã sáu mươi mốt tuổi. Chúa đã làm rạng danh nơi an táng của bà bằng nhiều phép lạ (bà không được chôn cất trong nhà thờ, mà dưới tường thành): mỗi đêm, những ngọn nến sáng rực lại xuất hiện trên nơi đó; có một người mù đã được sáng mắt khi chạm vào đất từ mộ của Thánh Lyudmila. Khi nghe tin về những dấu hiệu kỳ diệu này, cháu trai của bà là Vyacheslav đã cho di dời thi hài của bà đến thành phố Praha và an táng tại nhà thờ Thánh George, nơi mà cho đến nay thi hài của bà vẫn tiếp tục tỏa ra nhiều dấu hiệu và phép lạ. Còn người mẹ độc ác của Vyacheslav thì đã chết một cái chết thảm khốc[6258] .

Lễ kính Thánh Cyprian, Tổng Giám mục Kiev

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 9

Thánh Cyprian, Tổng Giám mục Kiev và toàn cõi Nga, vị thánh làm phép lạ, xuất thân từ Serbia, thành phố Ternova, và nổi tiếng với đời sống thánh thiện[6259] , sự thông thái vĩ đại cùng kiến thức uyên bác về các sách thánh[6260] . Ngài đã răn dạy mọi người bằng những giáo lý được Thánh Thần soi dẫn và những lời khuyên răn cứu rỗi linh hồn. Ngài tận tụy cống hiến cho công việc giảng dạy không ngừng nghỉ[6261] ; hướng dẫn các tín hữu của mình để họ luôn sống trong sự kính sợ Thiên Chúa và bằng mọi cách tránh xa sự đùa cợt và lời nói vô ích, đặc biệt là siêng năng cầu nguyện và sám hối chân thành. Ngài yêu thích cuộc sống yên tĩnh, lặng lẽ, và vì thế thường lui về làng Golenishchevo, nơi ngài làm Tổng Giám mục[6262] . Nơi thanh bình đặc biệt này nằm giữa hai con sông

---

[6258] Thánh nữ Lyudmila, vợ của Công tước Borivoj – vị công tước Kitô giáo của Séc, đã sống vào cuối thế kỷ IX và đầu thế kỷ X. Bà là bà nội của Thánh Công tước Vyacheslav (926–935, con trai của Công tước Vratislav và người phụ nữ ngoại đạo Dragomira: ngài có đời sống thánh thiện, được dân chúng yêu mến và sau khi qua đời đã được tôn kính như vị thánh bảo trợ của đất nước); bà đã nhận phép rửa tội cùng với chồng từ Thánh Mê-phô-đi-ô, vị thánh ngang hàng với các Tông đồ, tại Moravia – vùng láng giềng của Bohemia; sau khi chồng qua đời, khi sống tại thủ đô Praha của Séc, bà đã tận tâm giáo dục cháu trai mình là Công tước Vyacheslav theo những chân lý của đức tin. Thánh Ludmila đã chịu tử đạo vào năm 927 do những lời vu khống của con dâu bà là Dragomira, người đã quay trở lại với đạo ngoại giáo. Tại lăng mộ của bà, nhiều dấu hiệu và phép lạ đã xảy ra; những lời đồn đại về những điều này đã thúc đẩy Công tước Vyacheslav long trọng rước thi hài bất hoại của bà về Praha, vào nhà thờ Thánh Đại Tử đạo Giô-rê do cha ông xây dựng; bà được coi là Thánh Bổn Mạng của Séc.

[6259] Thánh Cyprian ban đầu đã thực hiện những công việc tu hành trên núi Athos, nơi mà, như thư của Thượng phụ Euthymius của Ternovo gửi cho tu sĩ Cyprian trên núi Athos đã chứng thực, ngài đã trở nên nổi tiếng nhờ những nỗ lực của mình.

[6260] Với trình độ học vấn, tinh thần ham học hỏi và sự am tường về các sách thánh, ngài đã nổi tiếng ngay từ khi còn ở Athos; từ đó, ngài đã gửi thư đến Đức Thượng phụ Euphymius nói trên, xin ngài viết cho ngài về một số "vấn đề liên quan đến Giáo hội", cụ thể là các câu hỏi: về việc cúi lạy trong những ngày Lễ Ngũ Tuần và trong 12 ngày giữa Lễ Giáng Sinh và Lễ Hiển Linh, cũng như về việc rước Mình Thánh Chúa khi không có linh mục tại các vùng hoang mạc. Trình độ học vấn của ngài, cũng như đời sống thánh thiện, đã thu hút sự chú ý đặc biệt của Thượng phụ Philotheos tại Constantinople, người đã đưa ngài vào vòng thân tín và bổ nhiệm ngài làm người được tin cậy, sau đó tấn phong ngài làm tổng giám mục ban đầu của Kiev và Litva; sau khi Thánh Alexius qua đời, Cyprian trở thành tổng giám mục toàn nước Nga, bắt đầu điều hành Giáo hội Nga vào năm 1390, sau hai năm hỗn loạn về mặt giáo hội và hệ thống phẩm trật.

[6261] Những di sản về sự giảng dạy của ngài bao gồm, trong số những thứ khác, các bức thư của ngài, thấm đẫm tinh thần của sự khôn ngoan Kitô giáo chân chính và lòng quan tâm mục vụ nhiệt thành đối với những nhu cầu thiêng liêng của đoàn chiên được giao phó cho ngài. Trong số những bức thư đó, đặc biệt đáng chú ý là các bức thư gửi cho tu viện trưởng Athanasius và cho hàng giáo sĩ Pskov.

[6262] Golenishchevo – một ngôi làng gần Moscow, tọa lạc trên một vị trí cao và thơ mộng phía sau dãy núi Vorobyovy, thuộc huyện Moscow; nơi này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Vào những thời điểm khác, vị thánh thường lui về cái gọi là "hồ thánh" ở xã Vladimir, nơi ngài cũng đã xây dựng một nhà thờ mang tên Lễ Biến Hình của Chúa.

Setun và Ramenis, và được bao quanh bởi những khu rừng rậm rạp. Tại đây, ngài đã xây dựng một nhà thờ để tôn vinh ba vị thánh: Thánh Basil Đại đế, Thánh Grêgôriô Thần học gia và Thánh Gioan Vàng miệng.

Trong thời gian sống tại nơi này, Thánh Cyprian đã tấn phong các giám mục và linh mục, đồng thời miệt mài sao chép và dịch nhiều sách thánh từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Slav[6263] . Ngài cũng đã viết cuốn tiểu sử về vị thánh làm phép lạ vĩ đại, Thánh Phêrô, Tổng Giám mục toàn nước Nga[6264] . Thánh Cyprian cũng dành nhiều thời gian cho việc cầu nguyện và đọc các Kinh Thánh[6265] . Ông luôn ghi nhớ trong tâm trí về sự chết, Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Chúa Kitô, sự đau khổ của những kẻ có tội và sự hạnh phúc của những người công chính. Với những công đức thánh thiện như vậy, Đức Tổng Giám mục Cyprian đã sống đến tuổi thọ cao và lâm bệnh tại chính ngôi làng Golenishchevo của ngài. Bốn ngày trước khi qua đời, ngài đã viết một bức thư từ biệt, trong đó ngài tha thứ và ban phước lành cho tất cả các tín hữu, đồng thời chính ngài cũng xin họ tha thứ, qua đó thể hiện sự khôn ngoan và khiêm nhường đích thực của người Kitô hữu. Ngài làm như vậy vì ngài biết sức mạnh của sự khiêm nhường: nó xóa bỏ tội lỗi và hướng mọi sự về điều thiện. Trước khi qua đời, vị Thánh đã dặn dò các giám mục và những người thân cận xung quanh rằng họ phải đọc bức thư này bên quan tài của ngài, trong lễ an táng[6266] . Và trong sự khiêm nhường ấy, với lời cầu nguyện tạ ơn trên môi, ngài đã an nghỉ trong Chúa vào năm 6914 kể từ khi thế giới được tạo dựng, vào ngày 16 tháng Chín[6267] .

Ngày tưởng niệm Thánh Dorotheus, vị ẩn sĩ

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 9

Thánh Dorotheus xuất thân từ Phivaida và sống trong sa mạc gần Alexandria, tại một nơi được gọi là "Các phòng tu hành"[6268] . Palladius, Giám mục Elenopolis[6269] , người đã tận mắt chứng kiến những nỗ lực tu hành của ngài khi còn trẻ, kể lại về ngài như sau.

[6263] Như vậy, Thánh Cyprian đã dịch từ tiếng Hy Lạp các tác phẩm: "Sách Nghi thức" (Trebnik) và "Sách Phụng vụ" (Sluzhebnik), trong đó một số phần riêng lẻ đã được điều chỉnh một phần để phù hợp với nhu cầu của thực hành giáo hội Nga; các điều luật và lời cầu nguyện, cũng như "Kormchaya", vốn vào thế kỷ XVI vẫn được lưu giữ tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời ở Moscow. Thánh Cyprian cũng được cho là tác giả của một số bài viết nhỏ mang tính chất phụng vụ, một phần là bản dịch, một phần là sáng tác riêng. Vị Thánh này còn sưu tầm các điều luật của các vị thánh và các vị công tước Nga, gửi đi các danh sách về phụng vụ và các nghi lễ khác, đưa ra lời giải thích về các nghi lễ, lên án những hành vi tùy tiện trong việc cử hành chúng, v.v. Nói chung, trong lịch sử Giáo hội Nga, Tổng giám mục Cyprian chiếm một vị trí quan trọng, đặc biệt là với tư cách là một nhân vật hoạt động trong lĩnh vực chỉnh sửa các sách phụng vụ và nghi lễ của Giáo hội. Một ghi chép cổ xưa về Thánh Cyprian cho biết rằng ngài "đã dịch nhiều cuốn sách thánh từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Nga và để lại khá nhiều tác phẩm có ích cho chúng ta".

[6264] Cuốn tiểu sử về Thánh Tổng Giám mục Phêrô do Thánh Cyprian soạn thảo toát lên lòng sùng kính sống động và là thành quả của lòng biết ơn vì đã được giải thoát khỏi những tai ương và căn bệnh hiểm nghèo, điều mà chính Cyprian đã làm chứng. – Thánh Cyprian còn là tác giả của một số tác phẩm lịch sử khác còn lưu truyền đến ngày nay, trong đó một số đã được đưa vào cuốn sách được gọi là "Sách Bậc Thang"; có ghi chép cho biết Thánh Cyprian đã viết nhiều cuốn tiểu sử về các thánh Nga.

[6265] Theo các ghi chép trong biên niên sử, ngài tràn đầy "mọi sự khôn ngoan và trí tuệ", "rất am hiểu kinh sách và vô cùng thánh thiện; ngài tự tay viết sách và thường xuyên thực hành cầu nguyện cũng như suy ngẫm về Kinh Thánh".

[6266] Bức thư từ biệt, hay còn gọi là thư tâm linh, của Thánh Cyprian đã được đọc, theo di nguyện của ngài, trong lễ an táng của ngài, cũng như sau này được đọc trong lễ an táng của các vị kế nhiệm ngài. Bức thư này tràn đầy sự khôn ngoan Kitô giáo, thấm đẫm tinh thần đạo đức sâu sắc và bằng lời lẽ hùng hồn đầy xúc động, nói về sự phù du, hư vô và vô nghĩa của mọi sự trần gian, cũng như về bản chất hữu hạn của con người.

[6267] Năm 1406 sau Công nguyên – Xác thánh của ngài được tìm thấy vào năm 1472 và hiện được an táng dưới nền Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời ở Moscow (ngày kỷ niệm việc tìm thấy và rước xác thánh của ngài được cử hành vào ngày 27 tháng 5). – Trong thời gian Thánh Cyprian lãnh đạo Giáo hội Nga, sự giải cứu kỳ diệu của Moscow và toàn nước Nga, nhờ sự che chở của Đức Mẹ, khỏi cuộc xâm lược khủng khiếp của nhà chinh phục châu Á Tamerlan, sự kiện này trùng hợp với việc chuyển bức tượng Đức Mẹ Vladimir làm phép lạ từ Vladimir đến Moscow, được thực hiện theo lệnh và mong muốn của Thánh Cyprian.

[6268] Thivaida – vùng đất của thành phố Thiva nổi tiếng từ thời cổ đại; toàn bộ miền Thượng (miền Nam) Ai Cập cũng được gọi chung bằng tên này, theo tên thành phố chính là Thiva. Các tu viện ẩn tu là tên gọi của một trong những sa mạc Ai Cập, nằm ở phía tây sông Nile.

[6269] Palladius của Helenopolis (368–430), môn đệ của Thánh Dorotheus, người gốc Galatia, vào năm 388 đã đến Alexandria, từ đó sau đó ngài lui về một sa mạc lân cận – nơi Thánh Dorotheus cũng từng tu hành – và sau đó chuyển đến Bethlehem. Năm 399, ngài được bầu làm Giám mục Hê-lê-nô-pô-li ở Bithynia, Tiểu Á. Sau đó, Hoàng đế Arcadius đã đày ông, với tư cách là người ủng hộ Thánh Gioan Kim Khẩu, đến Thượng Ai Cập; từ đó, vào năm 408, ông được chuyển đến Antinoe, và vào năm 412, ông đã biên soạn một tuyển tập các tiểu sử các thánh và những truyền thuyết về họ, được đặt tên là "Lavsaik" để vinh danh ông.

Vị tu sĩ già đã sống trong một hang động suốt sáu mươi năm, với lối sống vô cùng khắc khổ; mỗi ngày, vào lúc nắng gắt giữa trưa, ngài lang thang dọc bờ biển, nhặt đá và dùng chúng để xây dựng các phòng tu, rồi trao tặng cho những ai không thể tự xây dựng được. Còn tôi, Palladius kể lại, đã từng nói với ngài:

– Thưa cha, tại sao ở tuổi già như vậy, cha lại hành hạ thân thể mình dưới cái nắng gay gắt như thế?

Và ngài trả lời tôi:

– Để không phải cơ thể hành hạ tôi, mà chính tôi sẽ hành hạ nó.

Ông ăn mỗi ngày vừa đủ, chỉ có bánh mì khô và một ít rau dại, một lần mỗi ngày, cũng uống nước vừa đủ. Chúa là chứng nhân, không ai từng thấy ông nằm trên chiếu hay ngủ; suốt đêm, ông ngồi đan giỏ từ cành cây chà là và bán chúng để mua thức ăn cho mình. Và tôi tự hỏi, liệu ông ấy có chỉ sống khắc khổ như vậy khi có mặt tôi hay không, và với mong muốn tìm hiểu về toàn bộ cuộc đời ông, tôi đã hỏi nhiều môn đệ của ông xem liệu lối sống của ông có luôn nghiêm khắc như vậy hay không. Họ kể với tôi rằng từ thuở nhỏ ông đã sống như vậy, và theo thói quen của mình, ông chưa bao giờ ngủ, trừ khi đang làm việc gì đó hoặc khi ăn uống, thỉnh thoảng ông nhắm mắt lại, đến nỗi nhiều lần bánh mì rơi ra khỏi miệng ông khi đang ăn. Khi một lần chúng tôi ép ông ngủ ít nhất một chút trên tấm chiếu, ông, như thể thương xót chúng tôi, đã nói với chúng tôi:

– Nếu các bạn có ngày nào thuyết phục được Thiên thần chợp mắt, thì hãy thuyết phục cả tôi nữa.

Vào một ngày nọ, ông ấy sai tôi – theo lời kể của Palladius – khoảng chín giờ sáng đến giếng nước của ông ấy, để tôi mang về một bình nước nhỏ cho bữa ăn của ông ấy. Và thế là, khi tôi đến bên giếng và cúi xuống, tôi thấy trong đó có một con rắn độc[6270] – vì sợ hãi, tôi không múc được một giọt nước nào, mà chạy vội về báo cho ông biết những gì mình đã thấy và nói:

– Chúng ta tiêu rồi, thưa Cha, vì con đã thấy một con rắn asp trong giếng.

Vị tu sĩ mỉm cười nhẹ và lắc đầu, rồi nói với tôi:

– Nếu ma quỷ muốn thả rắn echidna, rắn asp và các loài bò sát độc khác vào tất cả các giếng nước và suối nước, thì con sẽ không bao giờ uống được nước và sẽ chết vì khát.

Nói xong, ngài đứng dậy, tự mình đi đến giếng, múc nước lên, làm dấu thánh giá trên đó, rồi nếm thử, nói:

– Nơi nào có Thánh Giá, thì quyền lực của ma quỷ hoàn toàn không thể gây hại[6271] .

Ngày 30 tháng 9

Ngày 17 tháng 9 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh nữ tử đạo Vera, Nadezhda và Lyubov, cùng mẹ của các ngài là Sofia

Ngày tưởng niệm 17 tháng 9

Vào thời trị vì của Hoàng đế Adrian, có một góa phụ người Ý tên là Sofia, nghĩa là "sự khôn ngoan", sống tại Rome. Bà là một tín hữu Kitô giáo, và đúng như tên gọi của mình, bà đã sống một cuộc đời khôn ngoan – theo sự khôn ngoan mà Thánh Tông đồ Giacôbê ca ngợi khi nói: *"Sự khôn ngoan từ trên cao trước hết là trong sạch, sau đó là hiền hòa, khiêm nhường, vâng phục, đầy lòng thương xót và những hoa trái tốt lành"*[6272] (Gc 3,17). Nữ thánh Sofia khôn ngoan này, sống trong mối quan hệ hôn nhân trong sạch, đã sinh ra ba người con gái, và đặt cho các con những cái tên tương ứng với ba đức tính Kitô giáo: con gái đầu lòng được đặt tên là Đức Tin, con thứ hai là

[6270] Aspis hay basilisk – là một trong những loài rắn độc nhất, nọc độc của nó có thể gây tử vong; loài này thường xuất hiện ở các sa mạc cát của Ả Rập, Ai Cập và Sahara.

[6271] Lavsaik, Chương 2. – Thánh Dorotheus qua đời vào cuối thế kỷ IV, dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius Đại đế (379–395).

[6272] Vị Tông đồ so sánh sự khôn ngoan trần gian, thế tục với sự khôn ngoan từ trên cao, tức là sự khôn ngoan đến từ Thiên Chúa, và chỉ ra những đặc tính của sự khôn ngoan này: nó không vướng bận bất kỳ tội lỗi hay dục vọng nào, hiền hòa, tự mình yêu chuộng hòa bình và luôn tìm cách xoa dịu mọi hận thù; để không làm xáo trộn hòa bình, chính nó cũng nhẫn nại chịu đựng mọi sự bất công; trong nó không có ham muốn tranh cãi và tranh luận, và thậm chí ở người khác, nó cũng cố gắng dập tắt ham muốn đó bằng sự khiêm nhường (vâng lời), nó tràn đầy lòng thương xót và những việc lành.

Đức Hy Vọng, còn con thứ ba là Đức Mến. Và còn điều gì khác có thể nảy sinh từ sự khôn ngoan Kitô giáo, ngoài những đức tính đẹp lòng Chúa? Không lâu sau khi người con gái thứ ba chào đời, Sofia đã mất chồng. Dù đã trở thành góa phụ, bà vẫn tiếp tục sống một cuộc đời đạo đức, làm đẹp lòng Chúa qua cầu nguyện, ăn chay và bố thí; còn các con gái của mình, bà nuôi dạy như một người mẹ khôn ngoan nhất có thể: bà cố gắng rèn luyện cho các con thể hiện trong cuộc sống những đức tính Kitô giáo mà tên của các con mang theo.

Càng lớn lên, các đức tính trong các con cũng càng phát triển. Các con đã rất am hiểu các sách tiên tri và sách các tông đồ, quen với việc lắng nghe những lời dạy dỗ của các thầy hướng dẫn, siêng năng đọc sách, tận tâm trong cầu nguyện và các công việc gia đình. Vâng lời người mẹ thánh thiện và khôn ngoan của mình, các em thành công trong mọi việc và ngày càng trưởng thành hơn. Và vì các em vô cùng xinh đẹp và khôn ngoan, nên chẳng bao lâu sau, mọi người bắt đầu chú ý đến các em.

Tin đồn về sự khôn ngoan và vẻ đẹp của họ lan truyền khắp thành Rôma. Thống đốc vùng Antiôkhia cũng nghe nói về họ và muốn gặp mặt. Ngay khi nhìn thấy họ, ông lập tức nhận ra rằng họ là những người theo đạo Kitô; bởi vì họ không muốn che giấu đức tin vào Chúa Kitô, không nghi ngờ niềm hy vọng nơi Ngài và không suy giảm tình yêu dành cho Ngài, mà công khai trước mặt mọi người ca ngợi Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, đồng thời khinh bỉ những thần tượng ngoại đạo đáng ghê tởm.

Antiochus đã báo cáo tất cả những điều này cho vua Adrian, và vị vua này không chậm trễ, ngay lập tức sai các tôi tớ của mình đến để đưa các thiếu nữ đến gặp ngài. Tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, các tôi tớ đã đến nhà của Sofia và khi đến nơi, họ thấy cô đang dạy dỗ các con gái của mình. Các quan chức thông báo với bà rằng nhà vua triệu tập bà cùng các con gái đến gặp ngài. Hiểu rõ mục đích mà nhà vua triệu tập họ, tất cả đều hướng về Đức Chúa Trời và dâng lên lời cầu nguyện như sau:

– Lạy Thiên Chúa Toàn Năng, xin hãy hành động với chúng con theo thánh ý của Ngài; xin đừng bỏ rơi chúng con, nhưng xin ban cho chúng con sự trợ giúp thánh thiêng của Ngài, để lòng chúng con không sợ hãi trước kẻ tra tấn kiêu ngạo, để chúng con không run sợ trước những cực hình khủng khiếp của hắn, và không kinh hoàng trước cái chết; xin đừng để bất cứ điều gì tách rời chúng con khỏi Ngài, Thiên Chúa của chúng con.

Sau khi dâng lời cầu nguyện và cúi đầu thờ lạy Đức Chúa Trời, cả bốn người – mẹ và các con gái – nắm tay nhau như một vòng hoa đan xen, tiến đến trước mặt nhà vua; họ thường ngước nhìn lên trời, với những tiếng thở dài từ đáy lòng và lời cầu nguyện thầm kín, phó thác bản thân mình vào sự giúp đỡ của Đấng, Đấng đã truyền dạy đừng sợ *"những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết linh hồn"* (Mt 10,28). Khi họ đến gần cung điện hoàng gia, họ làm dấu thánh giá, và nói:

– Xin Chúa, Đấng Cứu Chuộc của chúng con, hãy giúp đỡ chúng con, vì vinh quang của Danh Thánh Ngài.

Họ được dẫn vào cung điện và trình diện trước nhà vua, người đang ngự trên ngai vàng với vẻ kiêu hãnh. Khi nhìn thấy nhà vua, họ đã bày tỏ sự kính trọng xứng đáng, nhưng đứng trước mặt ngài mà không hề sợ hãi, khuôn mặt vẫn bình thản, lòng tràn đầy dũng khí, và nhìn mọi người với ánh mắt vui vẻ, như thể họ được mời đến dự tiệc; họ đã đến trước mặt nhà vua để chịu tra tấn vì Chúa của mình với niềm vui như vậy.

Thấy những khuôn mặt cao quý, rạng rỡ và không sợ hãi của họ, nhà vua bắt đầu hỏi họ thuộc dòng dõi nào, tên là gì và tín ngưỡng của họ ra sao. Là một người khôn ngoan, người mẹ đã trả lời một cách sáng suốt đến nỗi tất cả những người có mặt, khi nghe những lời đáp của bà, đều kinh ngạc trước trí tuệ của bà. Sau khi đề cập ngắn gọn về nguồn gốc và tên của mình, Sofia bắt đầu nói về Đấng Christ, Đấng mà không ai có thể giải thích được nguồn gốc của Ngài[6273] , nhưng Danh Ngài thì mọi dòng dõi đều phải thờ phượng[6274] . Bà công khai tuyên xưng đức tin của mình vào Chúa Giê-su Christ, Con Đức Chúa Trời, và tự xưng mình là tôi tớ của Ngài, đồng thời tôn vinh Danh Ngài.

– Tôi là một Kitô hữu, – bà nói, – đó chính là Danh Thánh quý giá mà tôi có thể tự hào.

Bên cạnh đó, bà còn nói rằng bà đã hứa gả các con gái của mình cho Đấng Christ, để các con giữ được sự trong sạch bất diệt dành cho Chú Rể bất diệt – Con Thiên Chúa.

[6273] *"Ai có thể giải thích về dòng dõi của Ngài?"* – như đã được chép trong sách Tiên tri Ê-sai (Ê-sai 53:8); tức là nguồn gốc hay sự ra đời của Chúa Giê-su Ki-tô (sự ra đời vĩnh cửu của Ngài từ Thiên Chúa Cha và sự ra đời tạm thời từ Đức Trinh Nữ Ma-ri-a) không ai có thể diễn tả xứng đáng. Mầu nhiệm vĩ đại này thậm chí còn chưa được tiết lộ trọn vẹn cho các Thiên Thần (xem 1 Phê-rô 1:12).

[6274] Xem Phi-líp 2:10. Ở đây rõ ràng đề cập đến danh hiệu Con Đức Chúa Trời, nhờ đó mọi loài thọ tạo, trên trời và dưới đất, thậm chí cả những kẻ ở âm phủ và các thần ác, đều phải thờ lạy Đấng Christ.

Lúc đó, nhà vua, khi thấy trước mặt mình một người phụ nữ khôn ngoan đến vậy, nhưng không muốn tham gia vào một cuộc trò chuyện kéo dài với bà và xét xử bà, đã hoãn việc này lại đến một thời điểm khác. Ông sai Sofia cùng các con gái đến nhà một quý bà tên là Palladia, giao phó cho bà ấy trông nom họ, và sau ba ngày sẽ đưa họ đến trước mặt ông để xét xử.

Sống trong nhà Palladia và có khá nhiều thời gian để dạy dỗ các con gái, Sofia củng cố đức tin cho các con ngày đêm, bằng những lời dạy được Thượng Đế soi dẫn.

– Các con gái yêu dấu của mẹ, – bà nói, – giờ đây là lúc các con thực hiện công đức, ngày các con được kết hôn với Chàng Rể bất tử đã đến, chính lúc này các con phải thể hiện, xứng đáng với tên gọi của mình, đức tin vững chắc, niềm hy vọng không lay chuyển, tình yêu chân thành và vĩnh cửu. Giờ phút vinh quang của các con đã đến, khi các con sẽ được đội vương miện tử đạo để kết hôn với Chàng Rể yêu dấu của mình và với niềm vui lớn lao, các con sẽ bước vào cung điện rực rỡ của Ngài. Các con gái của ta, vì vinh quang của Đấng Kitô, đừng tiếc thân xác trẻ trung của các con; đừng tiếc vẻ đẹp và tuổi trẻ của các con, vì Đấng Tốt Lành hơn cả con cái loài người, và vì sự sống đời đời, đừng buồn phiền vì phải từ bỏ cuộc sống tạm bợ này. Vì Đấng Yêu Dấu trên trời của các con, là Đức Giêsu Kitô, chính là sức khỏe vĩnh cửu, vẻ đẹp không thể tả xiết và sự sống vô tận. Và khi thân xác các con bị tra tấn đến chết vì Ngài, Ngài sẽ mặc cho chúng sự bất hoại và biến những vết thương của các con thành sáng chói như những vì sao trên trời. Khi vẻ đẹp của các con bị tước đoạt khỏi các con qua những đau khổ vì Ngài, Ngài sẽ trang điểm cho các con bằng vẻ đẹp thiên đàng, mà mắt người phàm chưa từng thấy. Khi các con từ bỏ cuộc sống trần gian này, dâng hiến linh hồn vì Chúa của mình, thì Ngài sẽ ban thưởng cho các con sự sống vĩnh cửu, trong đó Ngài sẽ tôn vinh các con mãi mãi trước mặt Cha Thiên Thượng của Ngài và trước mặt các Thiên Thần thánh của Ngài, và tất cả các thế lực trên trời sẽ gọi các con là các cô dâu và các nữ chứng nhân của Đấng Kitô. Các vị thánh sẽ ca ngợi các con, các trinh nữ khôn ngoan sẽ vui mừng vì các con và đón nhận các con vào cộng đoàn của họ. Hỡi các con gái yêu dấu của ta! Đừng để mình bị cám dỗ bởi những sự quyến rũ của kẻ thù: vì, theo tôi nghĩ, vua sẽ dành cho các con những ân huệ và hứa hẹn những món quà lớn lao, đề nghị với các con vinh quang, giàu có và danh dự, tất cả vẻ đẹp và sự ngọt ngào của thế giới phù du và hư ảo này; nhưng các con đừng ham muốn bất cứ điều gì như thế, vì tất cả những điều này sẽ tan biến như khói, bị gió thổi bay như bụi, và như hoa cỏ khô héo rồi trở về với đất. Đừng sợ hãi khi chứng kiến những cực hình dữ dội, vì sau khi chịu đựng một chút, các con sẽ chiến thắng kẻ thù và được vinh quang muôn đời. Tôi tin vào Đức Chúa Trời của tôi là Đức Giê-su Christ, tôi tin rằng Ngài sẽ không bỏ mặc các con đang chịu đau khổ vì danh Ngài, vì chính Ngài đã phán: *"Có người mẹ nào lại quên con mình đang bú, không thương xót con trai trong lòng mình chăng? Nhưng dù người ấy có quên đi chăng nữa, thì Ta cũng sẽ không quên con"* (Ê-sai 49:15), Ngài sẽ luôn ở bên các con trong mọi nỗi đau khổ, chứng kiến những công lao của các con, củng cố những điểm yếu của các con và chuẩn bị cho các con vương miện bất diệt làm phần thưởng. Hỡi những con gái xinh đẹp của ta! Hãy nhớ lại những cơn đau đớn của mẹ khi sinh ra các con, hãy nhớ lại những vất vả của mẹ khi nuôi nấng các con, hãy nhớ lại những lời dạy của mẹ về sự kính sợ Đức Chúa Trời, và hãy an ủi mẹ trong tuổi già bằng sự xưng nhận đức tin vào Đấng Christ một cách tốt lành và dũng cảm của các con. Đối với ta, đó sẽ là niềm hân hoan, niềm vui, vinh dự và vinh quang giữa tất cả các tín hữu, nếu ta được xưng là mẹ của các vị tử đạo, nếu ta được chứng kiến sự kiên nhẫn anh dũng của các con vì Chúa Kitô, sự tuyên xưng vững chắc Danh Thánh của Ngài và cái chết vì Ngài. Khi đó, linh hồn ta sẽ hân hoan, thần trí ta sẽ vui mừng, và tuổi già của ta sẽ được củng cố. Khi đó, các con cũng sẽ thực sự là con gái của ta, nếu các con, sau khi nghe lời dạy dỗ của mẹ mình, sẽ đứng vững vì Chúa của các con cho đến khi đổ máu và chết vì Ngài với lòng nhiệt thành.

Sau khi lắng nghe những lời dạy dỗ đầy cảm động của mẹ mình, các thiếu nữ cảm nhận được sự ngọt ngào trong lòng và hân hoan trong tinh thần, mong chờ giờ phút chịu khổ như giờ phút kết hôn. Bởi vì là những cành thánh từ gốc thánh, họ khao khát bằng cả tâm hồn những điều mà người mẹ khôn ngoan của họ, Sofia, đã dạy dỗ. Họ ghi nhớ từng lời của bà và chuẩn bị tâm hồn cho cuộc hành trình tử đạo, như thể đang tiến vào cung điện sáng ngời, tự bảo vệ mình bằng đức tin, củng cố bản thân bằng niềm hy vọng, và thắp lên trong lòng ngọn lửa tình yêu dành cho Chúa. Khích lệ và củng cố lẫn nhau, họ hứa với mẹ mình rằng sẽ thực hiện tất cả những lời khuyên có ích cho tâm hồn của bà với sự giúp đỡ của Chúa Kitô.

Khi ngày thứ ba đến, họ bị dẫn đến trước mặt vị vua vô đạo để xét xử. Nghĩ rằng họ có thể dễ dàng nghe theo những lời dụ dỗ của mình, vị vua bắt đầu nói với họ như sau:

– Các con ơi! Nhìn thấy vẻ đẹp của các con và thương xót tuổi trẻ của các con, ta khuyên các con như một người cha: hãy thờ lạy các vị thần, những vị thống trị vũ trụ; và nếu các con nghe lời ta và làm theo những gì ta ra

lệnh, thì ta sẽ gọi các con là con cái của ta. Ta sẽ triệu tập các quan chức, các nhà cai trị và tất cả các cố vấn của ta, rồi trước mặt họ, ta sẽ công bố các con là con gái của ta, và các con sẽ được mọi người ca ngợi và tôn kính. Còn nếu các con không vâng lời và không tuân theo mệnh lệnh của ta, thì các con sẽ tự chuốc lấy tai họa lớn lao, làm mẹ già của các con phải đau khổ, và chính các con sẽ phải chết vào đúng thời điểm mà lẽ ra các con có thể vui vẻ nhất, sống một cuộc đời vô tư và hân hoan. Vì ta sẽ giao các con cho cái chết tàn khốc, xé nát các bộ phận cơ thể các con, ném chúng cho chó ăn, và các con sẽ bị mọi người chà đạp. Vậy nên, vì lợi ích của chính các con, hãy nghe lời ta: vì ta yêu thương các con, và không những không muốn hủy hoại vẻ đẹp của các con hay tước đoạt mạng sống này khỏi các con, mà ta còn mong muốn trở thành người cha của các con.

Nhưng các trinh nữ thánh thiện đã đồng thanh và nhất trí đáp lại ngài:

– Cha chúng con là Đức Chúa Trời, Đấng ngự trên trời. Ngài chăm lo cho chúng con và cuộc sống của chúng con, và thương xót linh hồn chúng con; chúng con muốn được Ngài yêu thương và mong được gọi là con cái chân chính của Ngài. Chúng con thờ phượng Ngài và tuân giữ các mệnh lệnh và điều răn của Ngài; chúng con khinh bỉ các vị thần của ngài và không sợ những lời đe dọa của ngài, vì điều duy nhất chúng con mong muốn là chịu đau khổ và chịu đựng những cực hình cay đắng vì Chúa Giêsu Kitô ngọt ngào nhất, Thiên Chúa của chúng con.

Nghe câu trả lời như vậy từ họ, nhà vua hỏi mẹ Sofia tên các con gái bà là gì và họ bao nhiêu tuổi.

Thánh Sofia đáp:

– Tên con gái đầu lòng của tôi là Vera, mười hai tuổi; con thứ hai là Nadezhda, mười tuổi; còn con thứ ba là Lyubov, mới chín tuổi.

Vua rất ngạc nhiên vì dù còn rất nhỏ tuổi, các cô bé lại có lòng dũng cảm và trí tuệ, và có thể trả lời ông như vậy. Ông lại bắt đầu ép buộc từng người trong số họ phải phạm tội bất kính, và trước tiên ông quay sang cô chị cả Vera, nói:

– Hãy dâng lễ vật lên nữ thần vĩ đại Artemis.

Nhưng Vera đã từ chối. Lúc đó, nhà vua ra lệnh lột trần cô và đánh đập cô. Những kẻ tra tấn, vừa đánh cô không chút thương xót, vừa nói:

– Hãy dâng lễ vật cho nữ thần vĩ đại Artemis đi.

Nhưng cô im lặng chịu đựng nỗi đau, như thể những cú đánh không phải giáng xuống thân thể cô, mà là của người khác. Không đạt được kết quả gì, kẻ tra tấn ra lệnh cắt bỏ vú trinh nữ của cô. Nhưng từ những vết thương, thay vì máu, sữa lại chảy ra. Tất cả những ai chứng kiến cảnh Vera bị tra tấn đều kinh ngạc trước phép lạ này và sự kiên nhẫn của vị nữ tử đạo. Và, lắc đầu, họ thầm trách móc nhà vua vì sự điên rồ và tàn bạo của ông, nói rằng:

– Cô thiếu nữ xinh đẹp này đã phạm tội gì, mà phải chịu đau khổ như vậy? Ôi, sự điên rồ và sự tàn bạo dã man của nhà vua, đã hủy diệt một cách vô nhân đạo không chỉ những người già, mà cả những đứa trẻ nhỏ.

Sau đó, người ta mang đến một tấm lưới sắt và đặt lên ngọn lửa dữ dội. Khi tấm lưới đã nóng rực như than hồng và tia lửa bắn ra tứ phía, họ đặt cô gái thánh Vera lên đó. Cô nằm trên tấm lưới sắt đó suốt hai giờ đồng hồ, vừa kêu cầu Chúa của mình, vừa không hề bị bỏng chút nào, khiến mọi người đều kinh ngạc. Sau đó, cô bị ném vào một cái nồi đặt trên lửa, chứa đầy nhựa cây sôi sục và dầu, nhưng ngay cả trong đó, cô vẫn không hề hấn gì, và ngồi trong đó như thể đang ngâm mình trong nước mát, cô vẫn ca ngợi Chúa. Kẻ tra tấn, không biết phải làm gì thêm với nàng, không biết bằng cách nào có thể khiến nàng từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô, đã kết án nàng phải bị chém đầu bằng gươm.

Khi nghe bản án này, Thánh Vera tràn ngập niềm vui và nói với mẹ mình:

– Xin mẹ cầu nguyện cho con, hỡi mẹ của con, để con có thể hoàn tất hành trình của mình, đi đến đích mong ước, được gặp Chúa và Đấng Cứu Thế yêu dấu của con, và được chiêm ngưỡng vinh quang thần thánh của Ngài.

Còn với các chị em, cô nói:

– Hãy nhớ lấy, các chị em thân yêu của con, chúng ta đã hứa nguyện với Ai, đã hiến dâng mình cho Ai; các chị em biết rằng chúng ta đã được đóng ấn bằng Thánh Giá của Chúa chúng ta và phải phục vụ Ngài mãi mãi; vì thế, chúng ta hãy kiên trì đến cùng. Cùng một người mẹ đã sinh ra chúng ta, cùng một người mẹ đã nuôi nấng và dạy dỗ chúng ta, vì thế chúng ta cũng phải đón nhận cùng một cái chết; như những người chị em cùng mẹ, chúng ta phải có cùng một ý chí. Hãy để tôi làm gương cho các chị, để cả hai chị cũng theo tôi đến với Chàng Rể đang kêu gọi chúng ta.

Sau đó, bà hôn mẹ mình, rồi ôm các chị em, cũng hôn họ và bước vào lưỡi gươm. Còn người mẹ thì không hề đau buồn vì con gái mình, vì tình yêu dành cho Thiên Chúa đã chiến thắng nỗi buồn trong lòng bà và lòng thương xót của người mẹ dành cho con cái. Bà chỉ lo lắng và trăn trở một điều duy nhất, đó là liệu có cô con gái nào của bà sợ hãi trước những đau khổ và từ bỏ Chúa của mình hay không.

Và bà nói với Vera:

– Mẹ đã sinh ra con, con gái của mẹ, và vì con mà mẹ đã phải chịu nhiều bệnh tật. Nhưng con đền đáp ân huệ này cho mẹ bằng cách chết vì danh Chúa Kitô và đổ ra vì Ngài chính dòng máu mà con đã nhận trong lòng mẹ. Hãy đến với Ngài, con yêu dấu của mẹ, và với thân thể nhuốm máu của chính mình, như được khoác lên mình áo tím, hãy hiện ra xinh đẹp trước mắt Chàng Rể của con, hãy nhắc đến người mẹ khốn khổ của con trước mặt Ngài và cầu nguyện cho các chị em của con, để Ngài cũng củng cố họ trong sự kiên nhẫn giống như con đang thể hiện.

Sau đó, Thánh Vera bị chém đứt đầu một cách vinh quang và trở về với Đầu của mình là Đức Kitô Thiên Chúa. Còn người mẹ, ôm lấy thân thể đầy đau khổ của con gái và hôn lên đó, đã vui mừng và ngợi khen Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng đã đón nhận con gái Vera của bà vào cung điện thiên đàng của Ngài.

Lúc đó, vị vua vô đạo đã đưa người chị em khác là Nadezhda đến trước mặt mình và nói với cô ấy:

– Con yêu quý ơi! Hãy nghe lời khuyên của ta: ta nói điều này với tình yêu thương dành cho con như một người cha – hãy cúi đầu trước nữ thần Artemis vĩ đại, để con không phải chịu chung số phận bi thảm như chị gái lớn của con. Con đã chứng kiến những đau đớn khủng khiếp của chị ấy, đã chứng kiến cái chết thảm khốc của chị ấy, lẽ nào con cũng muốn phải chịu đựng như vậy sao? Hãy tin ta, con yêu, rằng ta thương xót tuổi trẻ của con; nếu con nghe theo lời ta, ta sẽ nhận con làm con gái của ta.

Thánh Nadezhda đáp lại:

– Bệ hạ! Chẳng phải con là em gái của người mà ngài đã giết sao? Chẳng phải con được sinh ra từ cùng một người mẹ với chị ấy sao? Chẳng phải con được nuôi dưỡng bằng cùng một dòng sữa và nhận phép rửa tội giống như chị thánh của con sao? Con đã lớn lên cùng chị ấy và từ những cuốn sách giống nhau, từ những lời dạy dỗ của mẹ, con đã học cách nhận biết Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, tin vào Ngài và chỉ thờ phượng một mình Ngài. Đừng nghĩ, thưa hoàng đế, rằng tôi sẽ hành động và suy nghĩ khác đi, hay mong muốn điều gì khác với chị gái tôi là Vera; không, tôi muốn đi theo bước chân của chị ấy. Đừng chần chừ và đừng cố thuyết phục tôi bằng nhiều lời lẽ, mà hãy trực tiếp vào vấn đề chính, và ngài sẽ thấy sự đồng lòng của tôi với chị gái.

Nghe câu trả lời như vậy, nhà vua đã ra lệnh tra tấn nàng.

Sau khi lột trần cô, giống như đã làm với Vera, các thị vệ của nhà vua đã đánh đập cô không thương tiếc trong một thời gian dài – cho đến khi họ mệt lả. Nhưng nàng vẫn im lặng, như thể hoàn toàn không cảm thấy đau đớn nào, và chỉ nhìn về phía mẹ mình là Thánh Sofia, người đang đứng đó, dũng cảm chứng kiến nỗi đau khổ của con gái và cầu xin Thiên Chúa ban cho nàng sự kiên nhẫn vững vàng.

Theo lệnh của vị vua vô đạo, Thánh Nadezhda bị ném vào lửa và, vẫn nguyên vẹn như ba thiếu niên, đã ngợi khen Chúa. Sau đó, cô bị treo cổ và bị xé xác bằng những móng vuốt sắt: thân thể cô rơi ra từng mảnh và máu tuôn trào như suối, nhưng từ những vết thương tỏa ra một hương thơm kỳ diệu, còn trên khuôn mặt cô, rạng rỡ và tỏa sáng bởi ân sủng của Thánh Thần, là nụ cười. Thánh Nadezhda còn khiến kẻ tra tấn phải xấu hổ vì hắn không thể đánh bại sự kiên nhẫn của một thiếu nữ còn rất trẻ như vậy.

– Chúa Kitô là sự trợ giúp của con, – cô nói, – và con không những không sợ cực hình, mà còn khao khát nó như một món ngọt của thiên đàng: những đau khổ vì Chúa Kitô thật ngọt ngào đối với con. Còn ngươi, kẻ tra tấn, sẽ phải chịu cực hình trong hỏa ngục cùng với lũ quỷ, những kẻ mà ngươi tôn thờ như thần linh.

Lời nói ấy càng làm kẻ tra tấn tức giận hơn, và hắn ra lệnh đổ nhựa thông và dầu vào nồi, – châm lửa và ném thánh nữ vào đó. Nhưng khi họ định ném thánh nữ vào nồi đang sôi sục, nồi lập tức tan chảy như sáp, còn nhựa thông và dầu thì tràn ra và làm bỏng tất cả những người xung quanh. Như vậy, quyền năng kỳ diệu của Thiên Chúa không bao giờ rời bỏ Thánh Nadezhda.

Kẻ tra tấn kiêu ngạo, khi chứng kiến tất cả những điều này, đã không muốn nhận biết Thiên Chúa chân thật, vì lòng hắn đã bị che mờ bởi sự quyến rũ của ma quỷ và sự lầm lạc tai hại. Nhưng, bị một thiếu nữ nhỏ bé chế giễu, hắn cảm thấy vô cùng xấu hổ. Không muốn chịu đựng sự nhục nhã đó thêm nữa, cuối cùng hắn đã kết án thánh nữ phải bị chém đầu bằng gươm. Thiếu nữ, khi nghe tin cái chết đang đến gần, đã vui vẻ bước đến bên mẹ và nói:

– Mẹ ơi! Xin mẹ được bình an, hãy giữ gìn sức khỏe và hãy nhớ đến con gái của mẹ.

Còn người mẹ, ôm chặt và hôn con, nói:

– Con gái Nadezhda của mẹ ơi! Con được Chúa Trời Tối Cao ban phước lành vì đã đặt niềm tin vào Ngài và vì Ngài mà không tiếc đổ máu mình; hãy đến với chị gái Vera của con và cùng chị ấy đến trước mặt Đấng Yêu Dấu của con.

Nadezhda cũng hôn chị gái mình là Lyubov, người đã chứng kiến những đau khổ của cô, và nói với chị:

– Chị cũng đừng ở lại đây, chúng ta hãy cùng nhau đến trước Thánh Ba Ngôi.

Nói xong, nàng bước đến bên thi thể đã tắt thở của chị em mình là Đức Tin, ôm lấy thi thể ấy với tình yêu thương; theo bản tính thương xót của con người, nàng muốn khóc, nhưng vì tình yêu dành cho Chúa Kitô, nàng đã biến những giọt nước mắt thành niềm vui. Sau đó, cúi đầu xuống, Thánh Hy Vọng bị chém đứt đầu bằng gươm.

Nhận lấy thi thể con gái, người mẹ ngợi khen Thiên Chúa, vui mừng trước lòng dũng cảm của các con gái mình, và bằng những lời ngọt ngào cùng những lời khuyên nhủ khôn ngoan, bà khích lệ cô con gái út cũng hãy kiên nhẫn như vậy.

Kẻ tra tấn liền gọi cô thiếu nữ thứ ba là Lyubov và cố gắng dùng những lời ngọt ngào để dụ dỗ cô, giống như đã làm với hai chị em trước đó, nhằm khiến cô từ bỏ Đấng Bị Đóng Đinh và thờ lạy Artemis. Nhưng những nỗ lực của kẻ dụ dỗ đều vô ích. Vì ai có thể kiên định chịu đau khổ vì Chúa yêu dấu của mình hơn Lyubov, như Kinh Thánh đã chép: *"Tình yêu mạnh mẽ như cái chết… Nước lớn không thể dập tắt tình yêu, và sông ngòi cũng không thể nhấn chìm nó"* (Ca Vịnh 8:6–7).

Nhiều dòng nước cám dỗ trần gian không thể dập tắt ngọn lửa tình yêu dành cho Đức Chúa Trời trong cô thiếu nữ này, những dòng sông của hoạn nạn và đau khổ cũng không thể nhấn chìm nàng; tình yêu vĩ đại của cô đặc biệt được thể hiện rõ qua việc cô sẵn sàng hy sinh mạng sống mình vì Đấng Yêu Dấu, Chúa Giê-su Ki-tô, vì chẳng có tình yêu nào lớn hơn việc hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu (Ga 15:13).

Kẻ tra tấn, thấy rằng không thể làm gì được bằng lời ngọt ngào, đã quyết định tra tấn cả Tình Yêu, với ý định dùng đủ loại cực hình để làm cô ấy xa rời tình yêu dành cho Đấng Christ, nhưng cô ấy đã đáp lại, theo lời Thánh Tông Đồ:

– *"Ai có thể tách chúng ta khỏi tình yêu của Đức Chúa Trời: nỗi buồn, sự khốn khó, sự bắt bớ, sự đói khát, sự trần truồng, sự nguy hiểm, hay gươm giáo?"* (Rô-ma 8:35).

Kẻ tra tấn ra lệnh trói cô vào bánh xe và đánh bằng gậy. Cô bị trói chặt đến nỗi các bộ phận cơ thể bị tách rời khỏi khung xương, và khi bị đánh bằng gậy, người cô nhuốm đỏ như một tấm áo choàng bằng máu, khiến mặt đất cũng thấm đẫm máu như thể mưa rơi.

Sau đó, lò lửa được đốt lên. Chỉ tay vào lò, tên tra tấn nói với vị thánh:

– Nàng ơi! Hãy chỉ cần nói rằng nữ thần Artemis là vĩ đại, thì ta sẽ thả nàng ra; còn nếu nàng không nói điều đó, thì ngay lập tức nàng sẽ bị thiêu cháy trong lò lửa đang rực cháy này.

Nhưng vị thánh nữ đáp lại:

– Đức Chúa Giê-su Ki-tô của tôi thật vĩ đại, còn Artemis và ngươi sẽ cùng nàng bị diệt vong!

Kẻ tra tấn, tức giận trước những lời đó, ra lệnh cho những người có mặt ngay lập tức ném nàng vào lò lửa.

Nhưng vị thánh nữ, không chờ ai ném mình vào lò, đã tự mình vội vã bước vào đó và, vẫn nguyên vẹn, đi lại giữa lòng lò như thể ở nơi mát mẻ, vừa hát vừa ngợi khen Đức Chúa Trời, và vui mừng.

Cùng lúc đó, ngọn lửa từ lò thiêu bùng lên hướng về phía những kẻ vô tín đang vây quanh lò, thiêu rụi một số người thành tro bụi, làm bỏng những người khác, và khi lan đến nhà vua, ngọn lửa cũng thiêu đốt ông ta, khiến ông phải chạy trốn xa.

Trong lò lửa ấy, người ta còn thấy những khuôn mặt khác rạng ngời ánh sáng, đang hân hoan cùng với vị tử đạo. Danh Chúa Kitô được tôn vinh, còn những kẻ vô đạo thì bị sỉ nhục.

Khi lò lửa tắt, vị nữ tử đạo, cô dâu xinh đẹp của Chúa Kitô, bước ra khỏi đó khỏe mạnh và vui vẻ, như thể vừa bước ra từ cung điện.

Lúc đó, theo lệnh của vua, những kẻ tra tấn đã dùng mũi khoan sắt khoan xuyên qua các bộ phận cơ thể của bà, nhưng Thiên Chúa đã củng cố vị thánh bằng sự trợ giúp của Ngài ngay cả trong những cực hình đó, đến nỗi bà cũng không chết vì những đau đớn ấy.

Ai có thể chịu đựng những cực hình như vậy mà không chết ngay lập tức?!

Tuy nhiên, Chàng Rể yêu dấu, là Chúa Giêsu Kitô, đã nâng đỡ vị thánh nữ, để làm cho những kẻ vô đạo phải xấu hổ càng nhiều càng tốt, đồng thời ban cho bà phần thưởng lớn lao, và để sức mạnh vững chắc của Thiên Chúa được tôn vinh trong thân xác yếu đuối của con người.

Kẻ tra tấn, sau khi bị ốm vì vết bỏng, cuối cùng đã ra lệnh chém thánh nữ bằng gươm.

Còn bà, khi nghe điều đó, đã vui mừng và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã yêu thương tôi tớ của Ngài là Tình Yêu, – con ca ngợi và chúc tụng danh thánh của Ngài, vì Ngài đã cho con được đồng hành cùng các chị em, và ban cho con ân sủng để chịu đựng vì danh Ngài những gì mà họ đã chịu đựng.

Mẹ của cô, Thánh Sofia, không ngừng cầu nguyện với Chúa cho cô con gái út của mình, xin Ngài ban cho cô sự kiên nhẫn đến cùng, và bà nói với cô:

– Cành thứ ba của mẹ, con yêu dấu của mẹ, hãy kiên trì đến cùng. Con đang đi trên con đường thiện lành, và vương miện đã được dệt sẵn cho con, cung điện đã được chuẩn bị sẵn sàng, Chàng Rể đang chờ đợi con, ngắm nhìn từ trên cao những nỗ lực của con, để khi con cúi đầu dưới lưỡi gươm, Ngài sẽ ôm lấy linh hồn trong sạch và vô tì vết của con vào vòng tay Ngài và cho con được an nghỉ cùng các chị em của con. Xin hãy nhớ đến tôi, mẹ của các con, trong vương quốc của Chàng Rể, để Ngài cũng ban ân sủng cho tôi và không tước đi cơ hội được tham dự và ở cùng các con trong vinh quang thánh thiêng của Ngài.

Và ngay lập tức, Thánh Tình Yêu đã bị chém đứt đầu bằng gươm.

Người Mẹ, sau khi nhận thi thể con gái, đã đặt nó vào quan tài quý giá cùng với thi thể các thánh Đức Tin và Đức Hy Vọng; sau khi trang điểm thi thể các con theo nghi thức, Người đặt quan tài lên xe tang, đưa các con ra khỏi thành phố một quãng đường, rồi an táng các con gái trên một ngọn đồi cao với đầy vinh dự, vừa khóc vừa vui mừng. Sau ba ngày ở bên mộ các con, bà đã cầu nguyện sốt sắng với Thiên Chúa và chính bà cũng an nghỉ trong Chúa. Các tín hữu đã chôn cất bà tại đó cùng với các con gái. Như vậy, bà cũng không bị tách rời khỏi các con trong việc được tham dự Nước Trời và vinh quang của các vị tử đạo, bởi vì dù không phải bằng thân xác, nhưng bằng chính trái tim mình, bà cũng đã chịu đau khổ vì Chúa Kitô.

Vậy là Thánh Sofia khôn ngoan đã kết thúc cuộc đời mình một cách khôn ngoan, dâng lên Thánh Ba Ngôi ba người con gái đức hạnh của mình là Đức Tin, Đức Hy Vọng và Đức Yêu Thương.

Ôi, thánh nữ Sofia công chính! Có người phụ nữ nào được cứu rỗi nhờ việc sinh con[6275] như bà, người đã sinh ra những đứa con như vậy, những người đã trở thành vợ của Đấng Cứu Thế và, sau khi chịu đau khổ vì Ngài, nay đang cùng Ngài trị vì và được tôn vinh? Quả thật, bà là người mẹ đáng ngưỡng mộ và đáng được ghi nhớ; bởi vì, khi chứng kiến những cực hình khủng khiếp, đau đớn và cái chết của những đứa con yêu dấu, bà không những không than khóc như bản tính của một người mẹ, mà còn được an ủi bởi ân sủng của Thiên Chúa, bà càng vui mừng hơn, chính bà đã dạy dỗ và khẩn cầu các con gái mình đừng tiếc nuối cuộc sống tạm bợ này và hãy không ngần ngại đổ máu mình vì Chúa Kitô.

Hiện nay, khi đang chiêm ngưỡng dung nhan rực rỡ của Ngài cùng với các con gái thánh thiện của Mẹ, xin Mẹ ban cho chúng con sự khôn ngoan, để chúng con, bằng cách giữ vững các đức tính của đức tin, hy vọng và tình yêu, được xứng đáng đứng trước Ba Ngôi Thánh, Vô Tạo và Ban Sự Sống, và ngợi khen Ngài đến muôn đời. Amen.

Kondak, giọng 1:

Những nhánh thánh thiện nhất của Thánh Sofia, là Đức Tin, Đức Hy Vọng và Đức Mến, đã tỏa sáng, mang lại sự khôn ngoan cho dân Hy Lạp[6276] nhờ ân sủng: và sau khi chịu khổ nạn, họ đã trở thành những vị chiến thắng, được Chúa Tể ban cho vương miện bất diệt.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Agathoclia

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 9

[6275] Việc sinh con trong đau đớn là hình phạt dành cho phụ nữ vì tội sa ngã của Ê-va, nhưng chính điều này cũng là điều kiện để họ được cứu rỗi. Vì vậy, Thánh Phaolô nói: "Người phụ nữ *sẽ được cứu rỗi nhờ việc sinh con"* (1 Tm 2:15), tuy nhiên, *"nếu bà ấy giữ vững đức tin, tình yêu thương, sự thánh thiện và sự trong sạch*". Thánh Sofia cũng chính là như vậy.

[6276] Tức là, sự khôn ngoan của các dân ngoại đã bị biến thành sự điên rồ. Xem Is 33 và 1 Cr 1:20, 3:16.

Thánh Agathoclia là nô tì của một tín hữu Kitô giáo tên là Nicola. Vợ ông ta là Pavlina, người theo tà thuyết Arian[6277] , trong suốt tám năm đã hành hạ Agathoclia rất nhiều, ép buộc cô từ bỏ đức tin Chính Thống và chấp nhận giáo lý tà đạo: đôi khi ném đá vào cổ cô, đôi khi bắt cô đi chân trần trên những hòn đá nhọn, có lần dùng búa sắt đập gãy xương sườn cô và cuối cùng, cắt đứt lưỡi cô. Thánh nữ tử đạo không chịu khuất phục trước những lời khuyên nhủ của bà chủ, vì vậy đã bị giam vào ngục tối và bị bỏ đói. Nhưng, theo sự an bài của Thiên Chúa, các loài chim đã mang đến cho cô những quả nhỏ từ cây cối. Cuối cùng, bà chủ đã giết cô bằng một thanh sắt[6278] .

Ngày kỷ niệm Thánh nữ tử đạo Theodota

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 9

Vào thời kỳ Alexander Severus trị vì tại Rome[6279] , quan tổng trấn Symvlikius được cử đến Cappadocia. Người ta báo cáo với ông về một phụ nữ Kitô hữu tên là Theodota, người gốc từ xứ Pontus[6280] và rất giàu có. Quan tổng trấn đã khuyên nhủ cô từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô trong một thời gian dài, nhưng không thành công. Sau đó, họ treo cổ bà lên và bắt đầu cạo da trên thân thể bà. Bà chịu đựng sự tra tấn này, ngợi khen Thiên Chúa và dường như không cảm nhận được nỗi đau của mình. Sau đó, họ xiềng xích bà lại và đưa vào ngục tối. Sau tám ngày, nhà ngục tự nhiên mở ra. Thấy vậy, các lính canh hoảng sợ và chạy đi báo cho Simvliki; nhưng ông ta không tin họ và ra lệnh đưa thánh nữ đến trước mặt mình. Khi ông ta thấy rằng bà hoàn toàn không bị thương tích nào, dù vẫn còn một số dấu vết của những đau khổ đã qua, ông ta hỏi bà:

– Ngươi là ai?

Thánh nữ trả lời ông:

– Tâm trí ngươi đã bị mờ mịt; nếu ngươi tỉnh táo, chắc chắn ngươi sẽ nhận ra rằng ta là Theodota.

Lúc đó, Simvliki ra lệnh ném vị thánh nữ vào lò lửa đang cháy rực. Bất ngờ, ngọn lửa bùng ra từ lò lửa đó và thiêu rụi bảy mươi người; những người còn lại, đang đứng gần lò lửa, đã bịt kín lỗ lò và bỏ chạy. Igemon đã cử hai thầy tế thần tượng cùng một số người khác đến để quét tro từ thi thể của vị thánh tử đạo. Khi họ mở lò ra, ngọn lửa bùng lên và thiêu rụi các thầy tế, còn những người còn lại thì thấy vị thánh đang ngồi giữa lò, giữa hai chàng trai mặc áo trắng và đang hát; cảnh tượng này khiến họ kinh hoàng đến mức ngã xuống như chết. Thánh nữ bước ra khỏi lò, vui mừng và ca ngợi Thiên Chúa. Bà lại bị giam vào ngục tối, vì Simvliki có ý định đi đến Byzantium và muốn dẫn thánh nữ tử đạo bị xiềng xích theo mình. Khi trở về từ đó, khi đang ở Ancyra, quan tổng trấn lại triệu tập thánh nữ đến để xét xử và nói với bà:

– Nếu ngươi không vâng lời ta và không dâng lễ vật cho các vị thần, ta sẽ ra lệnh ném ngươi lên thanh sắt nung đỏ.

Cô đáp lại:

– Nếu Livius[6281] Dorotheus cùng tôi bước lên chảo lửa và nếu ngọn lửa không làm hại ông ấy, thì tôi sẽ dâng lễ vật cho các vị thần.

Symvlikios đồng ý với điều đó, và Dorotheos bước lên tấm sắt nung đỏ, nhưng ngay lập tức bị thiêu rụi, còn vị thánh tử đạo thì vẫn nguyên vẹn. Igemon bối rối không biết phải làm gì, rồi ra lệnh trói vị thánh tử đạo lại và dẫn đến Nicêa[6282] . Tại đây, ông ta đưa bà vào đền thờ thần tượng, nhằm ép buộc bà dâng lễ vật cho các thần tượng. Bà cầu nguyện, và đột nhiên tất cả các thần tượng đều ngã xuống đất và vỡ tan. Tất cả những ai chứng kiến cảnh đó đều kinh hoàng. Rất tức giận trước sự sỉ nhục các thần tượng như vậy, vị thống đốc ra lệnh cho bốn chiến binh trói chặt vị thánh nữ lại và cưa bà bằng cưa. Nhưng chiếc cưa trở nên cùn, các thuộc hạ kiệt sức, còn vị thánh lại một lần

---

[6277] Arius, một linh mục ở Alexandria, đã phủ nhận sự hiện hữu từ thuở ban đầu của Con Thiên Chúa, sự bình đẳng và đồng bản thể với Thiên Chúa Cha, khẳng định rằng Con Thiên Chúa không được Thiên Chúa Cha sinh ra từ thuở ban đầu, mà là được tạo dựng. Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Nicaea lần thứ nhất vào năm 325.

[6278] Theo các cuốn lịch phụng vụ Hy Lạp, Pavlina là một người bỏ đạo Kitô giáo và thờ lạy các thần tượng. – Thời gian chịu khổ nạn và qua đời của Thánh Tử đạo này không được biết chính xác.

[6279] Alexander Severus – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 222 đến năm 235.

[6280] Vùng Pontus, hay Pontus, là tỉnh phía đông bắc của Tiểu Á, giáp Biển Đen.

[6281] Livis – thư ký riêng của thống đốc.

[6282] Nicaea (nay là İznik) – trong thời cổ đại là một thành phố giàu có và thịnh vượng của Bithynia ở Tiểu Á, ngày nay rất nghèo và thưa dân.

nữa vẫn nguyên vẹn và ngợi khen Thiên Chúa. Simvliki sau đó ra lệnh chém đầu bà bằng gươm, và qua hình phạt này, Thánh Theodota đã được ban vương miện tử đạo[6283] .

Tháng Mười

1 tháng 10

18 tháng 9 (theo lịch cũ)

Thánh Evmenius, Giám mục Gortyna

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 9

Thánh Evmenius từ khi còn trẻ đã làm đẹp lòng Chúa bằng cuộc sống đạo đức của mình. Ngài đã đi trên con đường hẹp dẫn đến Nước Trời, tuân theo lời Chúa: *"Hãy cố gắng đi qua cửa hẹp"* (Lc 13:24). Ai muốn bước qua cánh cửa ấy thì phải gỡ bỏ khỏi mình hai gánh nặng: sự lo lắng về của cải và sự chăm sóc cho thân xác. Thánh Evmenius đã từ bỏ tài sản của mình và phân phát cho người nghèo, nhớ rằng người giàu khó vào Nước Thiên Chúa biết bao. Vì ai, khi bị gánh nặng bởi lòng tham lam đối với của cải, có thể bước qua cánh cửa hẹp của Nước Trời được chăng? Chúa đã ban lời khuyên tốt lành cho chàng trai trẻ, người đã hỏi Ngài phải làm gì để được hưởng sự sống đời đời: *"Nếu con muốn được trọn vẹn*," Chúa phán với chàng, *"hãy đi, bán tài sản của con và phân phát cho người nghèo; và con sẽ có kho tàng trên trời"* (Mt 19:21). Kẻ phụng sự Mammon[6284] không thể phụng sự Đức Chúa Trời, và kẻ bị gánh nặng của của cải đè nén sẽ không thể đi qua cánh cửa hẹp của Nước Trời, cũng như con lạc đà không thể chui qua lỗ kim. Giống như người muốn đi qua nơi chật hẹp phải cởi bỏ không chỉ gánh nặng mà cả áo quần; vậy người mong muốn được vào Nước Trời cũng phân phát cho người nghèo không chỉ phần dư thừa của tài sản mình – như gánh nặng không thể chịu đựng nổi – mà cả những thứ thiết yếu nhất, thậm chí cả áo quần che thân, để noi gương Chúa. Thánh Eumenius chính là như vậy: ngài coi mọi thứ đều là rác rưởi, từ bỏ tất cả, bỏ lại mọi thứ để theo Chúa Kitô, chỉ để tìm kiếm và đạt được Ngài mà thôi. Từ bỏ tài sản, cởi bỏ nó khỏi mình như cởi bỏ quần áo, ngài đã dùng những thứ đó để che chở cho những người nghèo, những người trần truồng và những người khốn khó. Sau khi trút bỏ mọi ham muốn trần thế, ngài đã bước vào con đường hẹp của sự nghèo khó, đi qua cánh cửa hẹp dẫn đến sự giàu có trên trời. Vị thánh nhân cũng từ bỏ gánh nặng khác – những lo toan về thân xác; bằng những công đức, lao động, sự tiết chế, ăn chay và thức trắng đêm, ngài đã chế ngự những dục vọng xác thịt và làm cho thân xác mình trở nên thanh tịnh, xa lánh mọi sự thỏa mãn xác thịt và ham muốn khoái lạc; vì *"những người tu hành*," như Thánh Tông Đồ đã nói, *"kiêng khem mọi sự"* (1 Cr 9,25). Ngài kiêng khem mọi điều làm cơ thể mập mạp, làm tâm trí nặng nề và sinh ra những đam mê. Ngài không cho đôi mắt mình chợp mắt cho đến khi thanh tẩy linh hồn và thân xác khỏi những đam mê, và trở thành nơi ngự của Thánh Thần. Như vậy, bằng cách gỡ bỏ những gánh nặng của của cải và mọi dục vọng xác thịt, ngài đã chuẩn bị cho mình khả năng bước đi trên con đường hẹp và qua cánh cửa chật hẹp dẫn đến sự sống đời đời.

Vì cuộc đời đạo đức của Thánh Eumenes tỏa sáng như ngọn đèn và mang lại lợi ích to lớn cho mọi người, nên ngài đã được bầu chọn và tấn phong làm Giám mục của Giáo hội Gortyna[6285] , và như ngọn nến đứng trên giá nến, ngài đã soi sáng đoàn chiên của mình, chiếu rọi Giáo hội của Chúa Kitô như mặt trời, Giáo hội của Đấng Christ bằng những việc làm và lời giảng dạy của mình: vì Ánh sáng của thế gian phải đi trước lời nói bằng việc làm,

---

[6283] Khoảng năm 230.

[6284] Từ "mammon" – có nguồn gốc từ tiếng Chaldean hoặc tiếng Syria – có nghĩa là tài sản, của cải, những điều tốt lành trần thế, bởi vì con người đặt niềm hy vọng vào chúng và qua đó thể hiện không chỉ sự giàu có, mà còn cả tình yêu và sự gắn bó với chúng. Trong Tân Ước, mammon được miêu tả như một vị thần nào đó, là vị thần bảo trợ cho sự giàu có (xem Mt 6:24).

[6285] Gortyna, hay Gortin, – trong thời cổ đại là một thành phố quan trọng trên đảo Crete, bên bờ sông Lefea (ngày nay là Ieropotamos). Những tàn tích của thành phố cổ vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

giống như ánh sáng tỏa ra từ ngọn nến đi trước ánh nhìn của con người. Và như vậy, Thánh Eumenius, khi ngự trên ngai giám mục của mình, đã dạy dỗ các con chiên của ngài trước hết bằng hành động, bằng cuộc sống trong sạch và đẹp lòng Chúa, trở thành gương mẫu cho đoàn chiên của mình, rồi sau đó mới giảng dạy họ bằng lời nói. Ban đầu, ngài tự biến mình thành ánh sáng, rồi mới soi sáng cho người khác; chính ngài ngày đêm học hỏi Lời Chúa, rồi mới hướng dẫn người khác theo đó; chính ngài, sau khi đạt được lương tâm trong sạch, đã thanh tẩy lương tâm của người khác. Ngài vô cùng nhân từ, đúng như ý nghĩa của tên gọi "[6286] ", và cuộc đời ngài tràn ngập những việc làm từ bi. Ngài là người cha của những đứa trẻ mồ côi, là nguồn của cải cho người nghèo, là người ban phát cho những ai xin xỏ, là người an ủi những ai đau buồn, là bác sĩ chữa lành cho những người đau khổ và là vị thánh làm phép lạ phi thường. Một lần, vị thánh đã dùng lời cầu nguyện để tiêu diệt một con rắn lớn đang lao vào ngài; nhưng ngài còn thực hiện một phép lạ vĩ đại hơn nữa khi đánh bại con rắn địa ngục – ma quỷ, chiến thắng nó bằng lời cầu nguyện và xua đuổi nó khỏi đàn chiên của Chúa Kitô mà ngài được giao phó. Và không chỉ ở Gortyna, mà cả ở Rôma[6287] , thánh Eumenius cũng đã chiến đấu chống lại các quỷ dữ. Khi đến Rôma, ngài đã khiến nhiều người kinh ngạc bởi những dấu lạ và phép lạ của mình: ngài trừ tà khỏi con người, chữa lành người bệnh và hòa giải những kẻ thù địch cũng như những người đang giận dữ. Sau đó, ngài đã đến vùng Thebaid[6288] , nơi trong thời kỳ hạn hán, ngài đã cầu nguyện và khiến mưa rơi xuống từ trời – và tại vùng đất ấy, ngài sau đó đã an lành qua đời, chuyển từ cuộc sống tạm bợ sang cuộc sống vĩnh cửu và bất tận[6289] . Thi hài thánh thiện của ngài đã được rước về Gortyn, nơi ngài từng thi hành sứ vụ, và được an táng tại đó với sự tôn kính.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Được chiếu sáng bởi Ánh Sáng Thần Thánh, hỡi vị thánh toàn phúc, ngài cũng soi sáng chúng con, những kẻ đang ca ngợi sự ra đi cao quý, vinh quang và thánh thiện của ngài, hỡi vị giám mục Evmenios, xin ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Lễ kính Thánh nữ Tử đạo Ariadne

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 9

Thánh nữ tử đạo Ariadna đã chịu khổ vì Chúa Kitô dưới triều đại của hoàng đế vô đạo Hadrian[6290] . Bà là nô tì của một người tên Tertillus, quan cai trị thành phố Primnisa ở Phrygia[6291] .

Khi Tertil này, nhân dịp sinh nhật con trai mình, tổ chức lễ hội tại đền thờ thần tượng, dâng lễ vật tại đó, thờ lạy ma quỷ và vui mừng cùng tất cả người trong nhà, bạn bè và hàng xóm của mình, thánh nữ Ariadna đã ở lại nhà và không muốn vào đền thờ thần tượng để ăn mừng cùng chủ nhân của mình. Lúc đó, chủ nhân của cô, vì tức giận, đã đánh đập cô không thương xót, và cuối cùng, sau khi treo cô lên, ra lệnh dùng sắt cạo da cô. Sau đó, ông ta giam cầm Ariadna và để cô chết đói trong một thời gian dài, ép buộc cô từ bỏ Đức Kitô và thờ lạy những thần tượng vô hồn; nhưng sau đó, ông ta thả cô ra khỏi ngục tối, và cô đã rời khỏi thành phố. Lúc đó, Tertillus hối hận vì đã thả nàng ra, nên đã đuổi theo nàng cùng với các đầy tớ của mình. Ariadna, ngoái lại và thấy bị truy đuổi, liền chạy trốn; khi đến gần một tảng đá, nàng bắt đầu cầu xin Thiên Chúa cứu nàng khỏi tay kẻ thù. Và ngay lập tức, theo lệnh của Đức Chúa Trời, tảng đá nứt ra, vị thánh bước vào bên trong tảng đá, và hai nửa của tảng đá đã nứt ra lại hợp lại với nhau. Phép lạ này được thực hiện bởi Thiên Thần của Chúa đã hiện ra tại đó. Lúc đó, những kẻ đuổi theo nàng

---

[6286] Eumenius, khi dịch từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là: nhân từ, thiện chí, khoan dung.

[6287] Ở đây, tên "Rôma" cần được hiểu là Constantinopolis, nơi được gọi là "Rôma mới" hay "Rôma thứ hai"; cách giải thích này phù hợp nhất với ý nghĩa của toàn bộ cuốn tiểu sử và diễn biến các sự kiện được mô tả trong đó.

[6288] Theo các bài thánh ca của Giáo hội, Thánh Eumenios không tự nguyện đến Thebaid, mà bị những kẻ thù của đức tin Chính thống lưu đày đến đó (Kinh Thánh ca, bài 7, Thánh ca 2). Ngài bị lưu đày vì đã "phủ nhận những tà thuyết u ám" (sedalen) của phái Monothelite, những người chỉ công nhận trong Đức Kitô duy nhất một ý chí – ý chí Thần thánh.

[6289] Hoạt động và sự ra đi của Thánh Eumenios diễn ra vào thế kỷ VII.

[6290] Thánh nữ tử đạo qua đời vào cuối triều đại của Hoàng đế Hadrian.

[6291] Phrygia – một vùng rộng lớn ở Tiểu Á, ban đầu bao trùm toàn bộ phần trung tâm của nửa phía tây bán đảo, ngoài ra còn bao gồm bờ nam của Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch) – sau này được xếp vào Mizia – cho đến Hellespont (Dardanelles). Các ranh giới của vùng này: phía tây – Mysia, Lydia và Caria; phía nam – Lycia, Pisidia và Lycaonia; phía đông – Cappadocia; phía bắc – Galatia và Bithynia.

hoảng sợ: họ bắt đầu đánh nhau và, sau khi đâm thương nhau bằng giáo, họ đã chết. Như vậy, Chúa đã giải cứu tôi tớ của Ngài khỏi tay những kẻ gian ác, như giải cứu một con chim khỏi lưới của những kẻ săn bắt. Nhờ những lời cầu nguyện của bà, xin Ngài cũng giải cứu chúng ta khỏi những kẻ thù của chúng ta và cùng với thánh Ariadne, xin Ngài ban cho chúng ta được hân hoan trong niềm vui thiên đàng muôn đời. Amen.

Ngày 2 tháng 10

Ngày 19 tháng 9 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Trofim, Savvati và Dorimedont

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 9

Trong thời trị vì của Hoàng đế La Mã Probus[6292] và dưới thời cai trị của Atticus tại Antioch, người còn được gọi là Iliodorus, một lần nọ, dân Antioch tổ chức lễ hội để tôn vinh thần Apollo Daphnius và, theo tập tục, họ dành cả ngày để dâng lễ vật cho các thần tượng, say sưa, hò reo và làm đủ mọi việc vô đạo đức. Vào thời điểm đó, có hai người lạ mặt từ một quốc gia khác đến Antioch: Trophimus và Savvatius – những người đạo đức, những người tôn kính Đức Chúa Trời chân thật. Khi chứng kiến sự mù quáng và sự hủy diệt của biết bao linh hồn, họ chỉ biết thở dài và, hướng về Đức Chúa Trời, cầu nguyện trong nước mắt, nói rằng:

– Lạy Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng cả vũ trụ từ hư không chỉ bằng một lời phán của Ngài và đã tạo dựng con người theo hình ảnh của Ngài! Xin hãy nhìn xuống từ trời cao và giải cứu những người này khỏi tay kẻ thù nghịch.

Khi họ đang nói những lời ấy, những kẻ thờ thần tượng nhận ra rằng họ không thờ lạy các vị thần ngoại đạo, liền bắt giữ họ và dẫn đến trước Atticus-Iliodorus, vị lãnh chúa và quan tòa của họ. Ông ra lệnh tách họ ra khỏi nhau và trước tiên đưa Thánh Trofim đến trước mặt mình, rồi bắt đầu tra hỏi ngài về tên tuổi, cuộc đời và đức tin.

Thánh nhân đáp:

– Tên tôi là Trophimus, tôi sinh ra từ cha mẹ tự do và cao quý, nhưng vì sa vào quyền lực của tội lỗi, ban đầu tôi đã sống một cuộc đời vô đạo, cho đến khi nhờ phép rửa tội thánh mà tôi nhận được sự tự do và sự cao quý đích thực.

Lúc đó, quan tòa hỏi:

– Anh theo đạo nào?

Trophimus đáp:

– Tôi đã nói với ngài rồi, nhưng xin hãy nghe đây – tôi sẽ nói rõ hơn nữa: tôi là một Kitô hữu, tôi tớ của Chúa Kitô, và tôi mong muốn trở thành của lễ dâng lên Chúa Kitô.

Thẩm phán hỏi:

– Ngươi đã đọc các sắc lệnh của hoàng đế về những người Kitô hữu chưa?

– Tôi đã đọc rồi, – vị thánh đáp, – nhưng chúng có nghĩa lý gì với chúng ta? Sự khác biệt giữa lòng đạo đức và sự lừa dối của ma quỷ cũng giống như sự khác biệt giữa ngày và đêm.

Những lời này khiến kẻ tra tấn nổi giận; hắn ra lệnh lột trần Thánh Trophimus, rồi trói tay chân ngài lại và đánh đập không chút thương xót. Vị tử đạo bị đánh đến nỗi mặt đất nhuốm đỏ máu. Sau đó, quan tòa ra lệnh ngừng đánh ngài và nói:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần đi, Trofim, nếu không ta sẽ gửi ngươi đến Phrygia[6293] , gặp tên tra tấn Dionysius.

Dionysius này nổi tiếng khắp nơi vì sự tàn bạo và vô nhân đạo của mình.

Thánh Trofim đáp lại:

[6292] Hoàng đế La Mã Probus trị vì từ năm 276 đến năm 282.

[6293] Phrygia – một vùng thuộc Tiểu Á.

– Đối với ta, không quan trọng là ngươi hay ai khác giết ta, là ngươi hay Dionysius tra tấn ta: cái chết, dù sao đi nữa, cũng chỉ có một, bởi vì cả hai ngươi đều có cùng một ý định: giết những ai phụng sự Đức Chúa Trời chân chính.

Thẩm phán càng thêm tức giận và ra lệnh treo thánh nhân lên cây và tra tấn thân thể ngài. Lúc đó, các đao phủ lập tức vây quanh ngài với những dụng cụ sắc nhọn, dùng chúng để tra tấn vị tử đạo, cạo da thịt ngài đến tận xương và thậm chí đến tận nội tạng. Còn ngài, dù phải chịu đựng tất cả, vẫn nói một cách nhẹ nhàng và hiền lành:

– Lạy Chúa, xin giúp đỡ tôi tớ của Ngài!

Lúc đó, quan tòa hỏi:

– Đấng Kitô của ngươi ở đâu?

Vị tử đạo đáp:

– Đấng Kitô của con đang ở cùng tất cả những ai kêu cầu Ngài – Ngài không bao giờ rời xa con, và dấu hiệu rõ ràng về sự hiện diện của Đấng Kitô nơi con chính là việc con dễ dàng chịu đựng những cực hình mà bản tính con người không thể nào chịu đựng nổi, nếu như chính Thiên Chúa không giúp đỡ những người chịu khổ.

Sau những cực hình đó, thánh Trofim bị tống vào ngục tối.

Sau đó, Thánh Savvatius được đưa ra xét xử, và quan tòa nói với ngài:

– Ta không hỏi ngươi có phải là Kitô hữu hay không, nhưng trước hết hãy nói: ngươi thuộc chức vụ nào?

Chính từ "Kitô hữu" đã quá ghê tởm đối với những người ngoại đạo, đến nỗi kẻ tra tấn thậm chí không muốn nghe thấy nó; cũng như người bệnh không thể nhìn vào ánh sáng – thứ ánh sáng dễ chịu đối với mọi người khỏe mạnh – thì ông ta, với đôi mắt tâm hồn bị che mờ bởi , cũng không thể nhìn ngắm ánh sáng của danh hiệu Đức Kitô, vì thế ông ta mới nói: "Ta không hỏi ngươi có phải là Kitô hữu hay không."

Thánh Savvati trả lời:

– Danh hiệu, phẩm giá, quê hương, vinh quang và của cải của tôi chính là Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng Hằng Hữu: vũ trụ được thiết lập và điều hành bởi sự quan phòng của Ngài.

Thẩm phán, coi câu trả lời táo bạo của vị tử đạo là sự xúc phạm đối với mình, đã nổi giận và tát vào má ông, rồi nói:

– Hãy trả lời những gì ta hỏi, và trước khi ta tiêu diệt ngươi bằng những cực hình, hãy đến trước các vị thần và dâng lễ vật cho họ.

Nhưng vị thánh đã phỉ báng các vị thần, chế giễu sự điên rồ của những kẻ vô đạo và vạch trần sự vô thần của họ.

Sau đó, theo lệnh của kẻ tra tấn, Savvatius bị treo cổ và bị cào xé bằng những móng vuốt sắt, cho đến khi xương của ngài lộ ra. Vì những mảnh thịt lớn đã rụng khỏi xương và tất cả nội tạng đã bị xé nát, nên những kẻ tra tấn không còn gì để hành hạ nữa. Vì vậy, vị tử đạo được tháo dây khỏi cây, và Thánh Savvatiy ngay lập tức phó thác linh hồn mình vào tay Chúa của ngài.

Khi Thánh Savvati qua đời, chỉ còn lại vị thánh hạnh phúc Trofim trong tay những kẻ tra tấn. Atticus, tuyệt vọng vì không thể khiến ông quay lại thờ thần tượng, đã quyết định gửi ông đến Phrygia gặp kẻ tra tấn Dionysius. Ông viết thư cho Dionysius, thông báo về Thánh Trophimus và rằng dù đã phải chịu biết bao cực hình, nhưng ngài vẫn mạnh mẽ hơn những kẻ tra tấn mình; rằng ngài chỉ tôn thờ một mình Đức Kitô, chế nhạo các vị thần và không coi trọng họ chút nào. Sau đó, ông ra lệnh đưa vị thánh ra khỏi ngục tối, buộc ông phải mang đôi ủng sắt, bên trong nhồi đầy đinh nhọn hướng lên trên, và dùng chính đôi ủng đó để áp giải ông đến Phrygia. Các binh lính bắt vị thánh, dẫn đi và bắt ngài phải đi bên cạnh họ: họ cưỡi ngựa, còn vị thánh thì đi bộ, trong đôi ủng sắt đầy đinh, với đôi chân bị đâm xuyên – đồng thời vượt qua cả những người đi bộ lẫn kỵ binh, và nhuộm đỏ cả con đường bằng máu của mình. Đó thực sự là con đường đầy đau khổ dẫn đến cuộc sống hạnh phúc: mỗi bước chân ngài đi là một vết thương mới trên đôi chân, và mỗi vết thương mới là một nỗi đau đớn và khổ sở mà ngài phải chịu đựng. Nhưng chính Chúa đã đồng hành cùng ngài: Ngài đã củng cố người tôi tớ của Ngài trên con đường này và chuẩn bị phần thưởng cho ngài sau mỗi bước chân.

Sau ba ngày hành trình, các chiến binh cùng vị thánh tử đạo đã đến thành phố Phrygia có tên là Sinad[6294] , và tại đó, họ đã trao bức thư của Iliodor cho Dionysius. Sau khi đọc xong bức thư, Dionysius ra lệnh ngay lập tức đưa thánh Trophimus đến trước mặt mình và hỏi:

– Ngươi có phải là Trophimus không?

Vị tử đạo đáp:

– Tôi là Trophimus và là tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật, những ai tin vào Ngài sẽ không bao giờ phải hổ thẹn.

Dionysius nói:

– Ngươi vẫn ngoan cố và còn kêu cầu Đấng Kitô hư ảo và vô ích, Đấng đã gây ra cái chết cho nhiều người; nhưng nếu trước đây ngươi không muốn từ bỏ Ngài, thì bây giờ hãy từ bỏ niềm hy vọng mà ngươi đã đặt vào Ngài: hãy dâng lễ vật cho các vị thần, để ngươi được thoát khỏi những cực hình tàn khốc và cái chết, và sống cuộc đời mình trong bình an.

Trophimus dũng cảm đáp lại:

– Dù ta có muốn thoát khỏi cái chết đi chăng nữa, điều đó cũng là không thể: vì nếu ngươi không giết ta, thì bản chất của ta vốn dĩ vẫn phải chết. Chính nhờ cái chết mà ta mới có được sự sống vĩnh cửu, vốn tốt đẹp và trường tồn hơn vô cùng so với cuộc đời trần thế đầy rẫy điều ác và ngắn ngủi này; còn những ân huệ của cuộc sống tương lai thì đôi mắt phàm trần của chúng ta không thể nhìn thấy, đôi tai không thể nghe được, và trí óc con người cũng không thể nào hình dung nổi. Tôi tràn ngập khát vọng mãnh liệt về cuộc sống ấy và vui mừng khi nghe ngươi nói về cái chết mà ngươi đang đe dọa tôi.

Lúc đó, Dionysius, tràn đầy cơn thịnh nộ, ra lệnh đánh Thánh Trofim bằng những sợi dây thừng dày; khi họ đang đánh ngài, kẻ tra tấn nói:

– Chỉ cần ngươi hứa sẽ dâng lễ vật cho các vị thần, thì ngay lập tức ngươi sẽ thoát khỏi sự đau đớn này.

Còn ngài, không để ý đến vết thương và lời nói của kẻ tra tấn, vẫn im lặng.

Theo lệnh của kẻ tra tấn, các đầy tớ lấy giấm, trộn với mù tạt rồi nhỏ vào lỗ mũi Thánh Trophimus. Sau đó, họ treo ngài lên cây, rạch hai bên sườn ngài, gây ra những vết thương sâu và dài, và máu tuôn trào từ xương sườn ngài.

Thánh nhân im lặng chịu đựng những cực hình này, tự nhủ với chính mình: *"Người công chính phải chịu nhiều đau khổ, nhưng Chúa sẽ giải thoát người khỏi tất cả những điều đó"* (Thánh Vịnh 33:20).

Dionysius, nghe thấy điều đó, đã nói:

– Hy vọng của ngươi là vô ích, Trophimus, và những suy nghĩ của ngươi cũng vô nghĩa: vì ai sẽ từ trời xuống cứu ngươi khỏi những đau khổ hiện tại đây? Vì vậy, ta khuyên ngươi nên dâng lễ vật cho các vị thần, và như thế ngươi sẽ tự cứu lấy mình.

Vị thánh, cười nhạo sự điên rồ của kẻ tra tấn, đáp lại:

– Ta sẽ không bao giờ từ bỏ Đức Chúa Trời của ta, Đấng chân thật và hằng sống.

Lúc đó, Dionysius giận dữ nói với các đầy tớ:

– Hãy tra tấn hắn thêm nữa.

Và họ bắt đầu tra tấn ngài với sự tàn bạo còn khủng khiếp hơn nữa.

Còn vị thánh thì cầu nguyện và nói như thế này: *"Lạy Thiên Chúa của con! Xin cứu con khỏi tay kẻ bất chính, khỏi tay kẻ vô luật pháp và kẻ áp bức, vì Ngài là niềm hy vọng của con, lạy Chúa Thiên Chúa"* (Tv 70:4–5).

Kẻ tra tấn ra lệnh đổ giấm pha muối lên vết thương của vị thánh tử đạo để làm tăng thêm nỗi đau khổ của ngài.

Lúc đó, vị thánh nói với kẻ tra tấn:

– Bây giờ ngươi chỉ đang làm cho thân thể con thêm vững chắc, để nó không bị mục nát vì những vết thương mà ngươi gây ra.

Sau đó, họ bắt đầu dùng những ngọn nến đang cháy để thiêu đốt xương sườn của ngài, nhưng ngay cả điều này cũng không thể đánh bại vị chiến binh bất khả chiến bại của Đấng Kitô; sau đó, Thánh Trophimus bị giam vào ngục tối.

Tại Synade có một thượng nghị sĩ kiêm cố vấn trưởng tên là Dorimédont; ông là một Kitô hữu đạo đức, nhưng đã giấu kín điều này vì sợ kẻ tra tấn. Ông thường bí mật đến thăm Thánh Trophimus trong ngục tối, rửa sạch máu và lau vết thương của ngài bằng những chiếc khăn sạch, băng bó vết thương và chăm sóc ngài bằng mọi cách có thể. Nhưng ông không thể lẩn trốn khỏi kẻ tra tấn lâu được. Chẳng bao lâu sau, một lễ hội chống lại Thiên Chúa, được gọi là "Dioskouria", tức là Ngày của Castor và Pollux[6294] : lễ hội này được tổ chức rộng rãi trên toàn thành

[6294] Theo tín ngưỡng của người Hy Lạp và La Mã, Castor và Pollux là con trai của Zeus (hay còn gọi là Dia) – vị thần cai trị bầu trời và là vị thần tối cao; chính vì vậy họ được gọi là Dioscuri; theo những tín ngưỡng này, sau khi chết, họ sống lại mỗi ngày rồi lại chết đi, giống

phố Synade. Dionysius, cùng với tất cả các cận thần và cố vấn của mình, đã thờ lạy các thần tượng và khi thấy Dorimedon không có mặt cùng họ, ông đã sai người đến bảo anh phải đến dự lễ hội.

Thánh Dorimedont đã trả lời những người được cử đi như sau:

– Tôi là một Kitô hữu, và vì thế tôi không nên tham dự các lễ hội của ma quỷ.

Khi nghe tin này, Dionysius ra lệnh bắt ông phải đến trước mặt mình bằng vũ lực; sau khi tra hỏi, ông ta xác nhận rằng Dorimedont quả thực là một Kitô hữu; tuy nhiên, không muốn xét xử ông ngay trong ngày hôm đó, ông ra lệnh giam giữ ông lại.

Sau đó, ông sai những người bạn của mình đến thuyết phục anh ta ăn năn và quay về với các vị thần của họ. Nhưng Dorimédont, nhìn họ với ánh mắt nghiêm khắc, nói: *"Hãy lui ra khỏi ta, hỡi những kẻ làm điều gian ác"* (Thi Thiên 6:9).

Sau đó, anh ta im lặng và trở nên *"như người không nghe thấy và không có lời đáp lại trên môi"* (Thi Thiên 37:15).

Ngày hôm sau, kẻ tra tấn đến tòa án và ra lệnh dẫn Dorimedont đến.

– Hỡi kẻ bị mê hoặc! – ông ta nói với vị thánh tử đạo – Chuyện gì đã xảy ra với ngươi hôm qua mà ngươi lại từ bỏ các vị thần và từ chối tuân theo mệnh lệnh của nhà vua? Chẳng lẽ ngươi không còn muốn được mọi người kính trọng và chiếm một vị trí không phải là thấp nhất trong số chúng ta sao?

Vị thánh đáp lại:

– Kẻ yêu mến Thiên Chúa chân thật không coi trọng danh vọng và vinh quang trần thế. Có ích gì khi tự hào trước mặt người khác, mặc áo quần quý giá và thờ lạy các thần tượng? Tất cả những điều này đều tạm bợ và hư vô, tất cả những điều này đều khiến con người xa lìa Thiên Chúa và đẩy họ vào hỏa ngục.

Kẻ tra tấn đã dùng cả lời dụ dỗ lẫn đe dọa trong một thời gian dài để cố gắng khiến Thánh Dorimedon từ bỏ Đức Kitô, nhưng khi không đạt được kết quả gì, hắn ra lệnh lột trần ngài, treo cổ ngài lên và dùng những cây cọc sắt nung đỏ đốt cháy xương sườn ngài, đồng thời nói:

– Ta sẽ xem xem Chúa Kitô có đến cứu ngươi không?

Còn vị thánh, giữa những cực hình ấy, vẫn không ngừng kêu cầu danh Chúa, Đấng Thiên Chúa của ngài, chế nhạo các vị thần ngoại đạo và bằng những lời nói của mình, ngài đã làm tổn thương trái tim kẻ tra tấn còn sâu sắc hơn cả những mũi giáo đâm vào thân thể ngài.

Lúc đó, Dionysius chuyển cơn giận sang những tên đầy tớ đang tra tấn vị thánh, và quở trách họ vì không thể khiến một người đang phỉ báng các vị thần của họ im lặng. Những tên đầy tớ, trong cơn thịnh nộ, đã dùng móng sắt xé rách khuôn mặt vị thánh và đánh rụng răng của ngài; tuy nhiên, ngay cả như vậy, chúng cũng không thể khiến đôi môi thánh thiện – vốn luôn tuyên xưng danh Chúa Kitô và chê bai những thần tượng vô hồn – im lặng được. Sau đó, họ đốt lửa dưới chân vị thánh tử đạo và đặt ngài lên than hồng; nhưng ngài bước đi trên đó như thể đang dạo bước trên những bông hoa tuyệt đẹp, vui mừng trước những đau khổ ấy và sẵn sàng chịu đựng những cực hình lớn lao và tàn khốc nhất vì Chúa Kitô. Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh đưa ngài vào ngục tối, còn Thánh Trophimus thì bị dẫn ra để chịu hình phạt. Ngài bị treo cổ, thân thể ngài bị xé rách bằng những móng vuốt sắt, làm tái phát những vết thương cũ, rồi sau đó mắt ngài bị móc ra bằng những thanh sắt nung đỏ. Nhưng giữa những đau khổ ấy, vị thánh vẫn tạ ơn Chúa Kitô, sau đó ngài lại bị đưa trở lại ngục tối.

Dionysius đã tham vấn với các cận thần của mình về hình thức tử hình nào nên áp dụng cho Trofim và Dorimedon, vì họ coi thường mọi hình thức tra tấn – và quyết định giao các vị tử đạo cho thú dữ xé xác. Để thực hiện điều này, tên tra tấn đã ra lệnh chuẩn bị những con thú đói và tổ chức một buổi biểu diễn công khai. Khi đến ngày mà các thánh dự định bị ném cho thú dữ ăn thịt, Dionysius cùng tất cả các cố vấn và tôi tớ của mình đã xuất hiện tại buổi trình diễn này, và một đám đông người dân đã tụ tập. Các thánh tử đạo Trophimus và Dorimedon được dẫn ra khỏi ngục trong tình trạng trần truồng, đầy vết thương, đến nỗi toàn thân họ dường như chỉ là một vết loét liên tục. Khi các thánh được đưa đến nơi dành cho cuộc săn thú, một con gấu cái được thả ra, nó lao vào các ngài với cơn thịnh nộ, nhưng khi đến gần, nó lập tức trở nên hiền lành. Thánh Dorimédont, mong muốn sớm *"được giải thoát khỏi* thân xác này và *ở cùng Chúa Kitô"* (Phil. 1:23), đã nắm lấy tai con gấu cái và khiêu khích nó để nó

---

như các vị thần ánh sáng của người Lopones. Đồng thời, họ được tôn kính như những vị thần bảo hộ của nhà nước. Để vinh danh họ, người ta tổ chức những lễ hội đặc biệt, được gọi là "Dioscuri" (theo tên của họ), cũng như "Anakiai" (lễ hội của các vị vua và nhà cai trị, vì ở một số vùng, Castor và Pollux được gọi như vậy).

mau chóng xé xác ngài; nhưng con gấu cái, như thể cảm thấy xấu hổ, lại cúi đầu và quay mặt đi khỏi ngài. Lúc đó, kẻ tra tấn nổi giận còn hơn cả con thú, và khi thấy các thánh nhân vẫn bình an trước con gấu cái, hắn thả con báo vào họ, nhưng con báo ấy cũng liếm chân họ như một con chó. Sau đó, họ thả con sư tử ra, nhưng con thú này cũng giống như những con trước, trở nên hiền lành như con chiên. Kẻ tra tấn nổi giận với người quản lý thú dữ và đe dọa sẽ giết hắn nếu hắn không thể kích động lũ thú dữ đến mức chúng ăn thịt hai Kitô hữu này; nhưng khi người đó bắt đầu khiêu khích con sư tử, con sư tử liền lao vào hắn và xé xác hắn. Tất cả những người có mặt, khi chứng kiến phép lạ ấy, đều kinh hãi và nhận ra quyền năng của Đức Chúa Trời chân thật và Đấng Cứu Thế của chúng ta. Chỉ có tên kẻ tra tấn vô đạo là không muốn nhận ra điều đó, mà lại càng chìm sâu hơn vào bóng tối của sự điên rồ, phỉ báng Đức Kitô và gọi các môn đệ của Ngài là những kẻ phù thủy. Sau đó, hắn ra lệnh chém đầu các thánh bằng gươm. Như vậy, cuộc khổ nạn của các thánh Trophimus và Dorimedon đã kết thúc; hai ngài đã qua đời dưới lưỡi gươm sau nhiều cực hình tàn bạo, và giờ đây, khi đã đoàn tụ với thánh Savvatius trong cuộc sống bất tử, các ngài đang hân hoan cùng các Thiên Thần, tôn vinh Thánh Ba Ngôi, – Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, được muôn loài tôn vinh đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Đức Chúa Trời được ngợi khen trong Ba Ngôi, đã làm rạng danh ba vị tử đạo: Trophimus, Savvatius và Dorimedon: vì đã tin vào Ngài, họ đã đánh bại kẻ thù. Nhờ những lời cầu nguyện của các ngài, lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng con, xin thương xót chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Như nền tảng của những người chịu khổ và sự củng cố của lòng đạo đức, Giáo hội tôn kính và ca ngợi sự chịu khổ rực rỡ của ngài, hỡi vị tử đạo hạnh phúc được ca ngợi muôn đời, hỡi Thánh Trophimus vinh quang và khôn ngoan: xin ngài cầu thay cho những ai đã chịu khổ cùng ngài, những người đang ca ngợi sự thanh tẩy, vì ngài là Đấng bất khả chiến bại.

Sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Zosima, vị ẩn sĩ

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 9

Một lần nọ, Dometian, thống đốc xứ Cilicia, cùng các tôi tớ của mình đi săn và đã đi qua nhiều sa mạc, đồi núi, đuổi theo và bắt các loài thú. Rồi tại một nơi, ngài thấy rất nhiều thú vật, giữa chúng có một vị tu sĩ già đang đi lại và trò chuyện với chúng như với con người. Những người đi săn lao vào họ và, khi các con thú chạy trốn, họ bắt ông lão và dẫn đến trước mặt vị công tước, nghĩ rằng ông là một pháp sư và đang thực hiện phép thuật trong sa mạc.

Họ hỏi ông là ai và tên ông là gì.

Vị thánh trả lời:

– Tôi là một Kitô hữu; tên tôi là Zosima.

Sau đó, họ trói ông lại và đưa vào thành phố để xét xử. Tại đây, hoàng tử bắt đầu hỏi ông về phép thuật và bùa chú: bằng cách nào mà ông đã yểm bùa những con thú đến nỗi có thể sống giữa chúng mà không bị hại và trò chuyện với chúng như với con người?

Zosima trả lời:

– Tôi không sống trong sa mạc vì phép thuật; nhưng, là một Kitô hữu, tôi không thể sống trong thành phố cùng với những người không tin – vì thế tôi đã vào sa mạc, thà sống cùng các loài thú còn hơn là sống cùng những con người xấu xa – những kẻ thù của Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi. Lấy cuộc đời của các Kitô hữu khác – các vị thánh tổ phụ, những người đã từ bỏ thế gian và sống trong sa mạc – làm gương mẫu, tôi cũng cố gắng noi gương họ hết sức có thể. Còn Đức Chúa Trời, Đấng biết những ai phụng sự Ngài và chăm lo cho họ, đã ban ân cho tôi theo lòng nhân từ của Ngài, khiến các loài thú hoang dã trở nên hiền lành với tôi để an ủi tôi – và thế là, tôi sống cùng chúng, vui mừng trong Chúa và đặt trọn niềm tin vào Ngài.

Vị công tước liền nói với ông:

– Vậy ngươi, lão già gian ác, lại tôn kính Người Nazareth sao? Được rồi. Vậy thì ta sẽ đến Nazareth và ở đó ta sẽ tra tấn ngươi dã man, để ngươi hoặc phải từ bỏ Người Nazareth, hoặc phải mất mạng trong những đau khổ tột cùng; và nhân tiện, để những người Nazareth, khi thấy những cực hình của ngươi, cũng phải khiếp sợ.

Và trước tiên, ông ta cho đưa Thánh Zosima bị xiềng xích đến Nazareth, rồi chính ông ta cũng lên đường đến đó. Chọn thời điểm để xét xử, Dometian ra lệnh dẫn Zosima đến và hỏi ông:

– Hãy kể về phép thuật của ngươi, ngươi đã mê hoặc các loài thú như thế nào?

Đáp lại câu hỏi này, Thánh Zosima đã thú nhận rằng mình là một Kitô hữu.

Lúc đó, vị hoàng tử ra lệnh treo thánh nhân ngược đầu, buộc một hòn đá lớn vào cổ ngài và dùng móng sắt cào xé.

Sau đó, ông lại hỏi:

– Bây giờ ngươi có kể về phép thuật của mình không?

Zosima đáp lại:

– Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi – chính Ngài là Đấng đã sai các loài thú đến an ủi tôi trong sa mạc.

Hoàng tử nói với ngài:

– Nếu các loài thú vâng lời Đức Chúa Trời của ngươi, thì hãy ra lệnh cho một con thú đến đây: khi đó tất cả chúng ta sẽ chấp nhận đức tin của ngươi.

Zosima giơ đôi tay trong sạch lên trời và bắt đầu cầu nguyện.

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa! – ông nói – xin hãy nghe lời con, tôi tớ của Ngài, hãy sai một con sư tử đến đây để nó phục vụ con.

Và đột nhiên, một con sư tử đáng sợ chạy vào thành phố – và tất cả mọi người, khi nhìn thấy nó, đều bỏ chạy. Còn con sư tử, tiến lại gần Zosima, bắt đầu đỡ viên đá được buộc vào cổ ông.

Lúc đó, vị công tước bắt đầu cầu xin vị thánh:

– Zosima! Hãy thuần hóa con thú đi, rồi chúng tôi sẽ tháo dây trói cho ngài.

Zosima ra lệnh cho con thú phải hiền lành, và hoàng tử ra lệnh tháo dây trói cho vị thánh và định gửi ngài đến gặp hoàng đế. Nhưng Zosima đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[6295] . Các tín hữu Kitô giáo đã an táng thi hài vị thánh một cách trang trọng, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Đấng được tôn vinh muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Công tước Theodor, người làm phép lạ tại Smolensk và Yaroslavl, cùng các con trai của ngài là David và Constantine

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 9

Thánh và phúc lành Công tước Theodor, có biệt danh là "Người Da Đen", là con trai của Công tước Rostislav Mstislavovich của Smolensk và có nguồn gốc từ thế hệ thứ chín của Thánh Công tước Vladimir, người ngang hàng với các Tông đồ[6296] . Feodor có hai người anh em là Gleb và Mikhail, những người sau khi cha qua đời đã đối xử bất công với ông, chỉ chia cho ông duy nhất thành phố Mozhaisk làm phần đất thừa kế[6297] . Mặc dù vậy,

---

[6295] Cuộc tử đạo của Thánh Zosima diễn ra vào đầu thế kỷ IV, vào thời kỳ trị vì của Hoàng đế La Mã Diocletian. Lễ tưởng niệm Thánh Zosima, vị ẩn sĩ, còn được cử hành vào ngày 4 tháng 1 cùng với Thánh Athanasius, người ghi chép (người trông coi tù nhân, chịu trách nhiệm ghi chép hồ sơ của họ), người đã tin vào Chúa Kitô sau khi thấy Zosima vẫn nguyên vẹn sau những cực hình khủng khiếp, và sau những công việc cầu nguyện, đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa trong sa mạc. Theo các truyền thuyết trong Sách Các Thánh, được Thánh Dimitri Rostovski tóm tắt lại, Thánh Zosima không qua đời vì những cực hình do Dometian gây ra, mà đã thanh thản trút hơi thở cuối cùng về với Chúa ngay tại sa mạc đó, cùng với Thánh Athanasius, trong một khe nứt của vách đá.

[6296] Không thể xác định chính xác năm sinh của Thánh Công tước Phê-ô-đô-rô, nhưng chắc chắn là vào khoảng giữa năm 1240 và 1245. – Theo lời chứng của người viết tiểu sử ngài (tu sĩ Antôn, nửa sau thế kỷ XV), từ thuở thiếu thời, ngài đã được nuôi dưỡng trong đức tin và được dạy dỗ các giáo lý thiêng liêng, khiến trái tim ngài tràn ngập tình yêu, như đôi môi được tưới mát bằng nước trong; khi còn là thiếu niên, ngài đã tránh xa những trò chơi và thói quen trẻ con, chuyên tâm vào việc đọc các sách thánh và giữ gìn sự trong sạch về tâm hồn lẫn thể xác.

[6297] Mozhaisk (ngày nay là một thị trấn nhỏ thuộc tỉnh Moscow) lúc bấy giờ vẫn còn là một thị trấn rất non trẻ, nghèo nàn và thưa thớt dân cư, với một vùng lân cận nhỏ và các làng mạc xung quanh. Nhưng Feodor đã chấp nhận phần đất được giao, theo lời người biên soạn tiểu

ông không hề giận họ và kiên nhẫn cai quản phần đất này. Vì lòng khoan dung đó, sau này Đức Chúa Trời đã giao phó cho ông quyền cai quản thành phố Yaroslavl lừng lẫy. Sự việc diễn ra như sau: tại Yaroslavl có Công chúa Ksenia, vợ của Công tước Vasily Rostovsky, người có một cô con gái duy nhất. Hoàng tử đức tin Feodor đã kết hôn với cô con gái này của hoàng tử Rostov, và sau đó có với bà một con trai là Mikhail cùng một con gái, đồng thời được trao quyền cai quản thành phố Yaroslavl[6298] . Sau khi anh trai mình là Mikhail qua đời, ông còn kế thừa cả vương quốc Smolensk[6299] .

Hoàng tử Feodor sống một cuộc đời đạo đức và làm đẹp lòng Chúa tại Yaroslavl, bởi từ thuở thiếu thời, ngài đã yêu mến Chúa Kitô và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Ngài đặc biệt kính trọng các linh mục và tu sĩ, đồng thời bố thí cho người nghèo. Với tư cách là một chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô, ngài luôn làm đẹp lòng Chúa của mình trong mọi việc và tránh xa mọi điều bất chính.

Vào thời kỳ đó, khi ách thống trị của người Tatar đang đè nặng lên đất nước Nga, có một phong tục là các hoàng tử Nga phải đến Orda gặp Khan để được công nhận địa vị hoàng tử. Một lần nọ, khi một số công tước lên đường đến Đế quốc Mông Cổ, Công tước Phê-ô-đô-rơ của Yaroslavl – người được tôn vinh – cũng đi cùng họ, mang theo nhiều lễ vật dâng lên Khan và phu nhân của ông[6300] . Tại Đế quốc Mông Cổ, ông được tiếp đón vô cùng nồng hậu và phục vụ tại triều đình Khan với tư cách là người được sủng ái và rất được kính trọng. Vẻ đẹp nam tính và trí tuệ của ông đã làm say đắm phu nhân của Khan đến mức bà mong muốn gả con gái mình cho ông. Nhưng ông đã nói với bà rằng mình đã có vợ ở Yaroslavl và không chịu khuất phục trước những lời thuyết phục của bà.

Sau khi xin và được Khan chấp thuận cho lên ngôi công tước tại Yaroslavl, Thánh Feodor đã rời khỏi Đế chế Mông Cổ để trở về nhà. Khi đến Yaroslavl, ngài nghe tin vợ mình , đã qua đời. Ngài muốn vào thành phố, nơi lúc bấy giờ con trai ngài là Mikhail và mẹ vợ đang sinh sống; nhưng các quan đại thần và mẹ vợ đã không cho ngài vào và bắt đầu nói những lời vô lý về ngài: "Theo phong tục của chúng tôi," họ nói, "không có thói quen đón nhận một người đến từ xứ lạ làm công tước; chúng tôi đã thấy đủ khi có người thừa kế của Feodor, Mikhail, làm công tước của mình." Thánh Feodor lại lên đường đến Odra và xin khan trao lại cho ngài công quốc Yaroslavl. Khan đã ra lệnh nghiêm khắc cho người dân Yaroslavl phải đón nhận công tước của họ, nhưng họ không tuân theo mệnh lệnh đó và kiên quyết từ chối đón nhận Feodor. Trong thời gian vị hoàng tử thánh đang lưu lại tại Đế quốc Mông Cổ làm khách của khan, vợ khan lại bắt đầu đề nghị chồng gả con gái của họ cho Feodor. Nhưng khan đã từ chối trong một thời gian dài, nói rằng không xứng đáng gả con gái của khan cho một thần dân, lại còn là người theo đạo khác. Lúc đó, hoàng hậu đã bày tỏ với chồng mong muốn rằng con gái họ sẽ theo đạo Kitô và chịu phép rửa tội, sau đó mới kết hôn với Thánh Theodor. Khan đã đồng ý[6301] . Con gái của Khan đã chịu phép rửa tội và sau đó kết hôn với hoàng tử Yaroslav. Trong lễ rửa tội, cô được đặt tên là Anna. Sau cuộc hôn nhân này, vị khan càng yêu mến Thánh Theodor hơn nữa. Ông thường mời ngài ngồi cùng bàn ăn với mình, hàng ngày đội vương miện của khan lên đầu ngài, cho ngài mặc áo choàng màu tím của mình, xây dựng cho ngài một cung điện tuyệt đẹp và bao bọc ngài trong vinh quang và giàu có[6302] . Nhưng giữa tất cả sự huy hoàng đó, trái tim của vị hoàng tử thánh thiện không hề kiêu ngạo, và vinh quang của thế gian này không làm ngài xa rời tình yêu của Chúa Kitô, và ngài ngày càng tiến bộ hơn trong việc tuân giữ các điều răn của Chúa. Khi ngài còn sống trong Đế chế Mông Cổ, ngài có một

---

sử của ngài, một cách cam chịu, luôn hướng tâm trí vào việc tích lũy kho tàng không thể bị đánh cắp, không hư nát và vĩnh cửu. Trong thời gian ngắn, vị công tước thông minh và nhân hậu này đã biến lãnh địa của mình thành một nơi đông đúc và không còn nghèo khó, đồng thời giành được tình yêu kính trọng của nhân dân.

[6298] Yaroslavl nằm ở nơi sông Kotorosli đổ vào sông Volga, cách Moscow 244 verst; đây là một trong những thành phố cổ xưa nhất của Nga; ban đầu thuộc quyền quản lý của Rostov, nhưng sau đó được cai trị bởi các công tước của chính mình. – Thánh Feodor kết hôn với công chúa Rostov Maria Vasilyevna vào khoảng năm 1267 và ngay sau đó bắt đầu cai trị Công quốc Yaroslavl.

[6299] Đó là vào năm 1279. Tuy nhiên, chính Công tước Thánh Feodor không sống tại Smolensk mà chỉ mang tước hiệu Công tước Smolensk; mặc dù trong một thời gian, ngài đã gửi các văn thư đến đó, xét xử các vụ án khác nhau và lo lắng cho lợi ích của người dân Smolensk với tư cách là công tước của họ; không lâu sau, ngài đã nhường Smolensk cho cháu trai mình là Alexander Glebovich.

[6300] Chuyến đi của Công tước Feodor đến Đế chế Mông Cổ một phần cũng xuất phát từ những hoàn cảnh khác: Khan Mengu-Temir của Đế chế Vàng, cùng với các công tước Nga khác, đã triệu tập cả Feodor để dẹp yên người Yass và người Bolgar ở Kam, những người không muốn nộp cống phẩm cho người Tatars. Tại Đế chế Mông Cổ dưới triều Khan Thánh, Công tước đã ở lại khoảng ba năm.

[6301] Chính Khan đã tự mình đứng ra can thiệp với Đức Thượng phụ Constantinopolis để xin phép cho cuộc hôn nhân này và đã cử một phái đoàn do Giám mục Feognost của Sarai dẫn đầu; Đức Thượng phụ đã đồng ý với điều kiện con gái của Khan phải theo đạo Kitô.

[6302] Nhân dịp này, Khan đã trao cho con rể và con gái mình một số thành phố để quản lý: Chernihiv, Bulgary, Kumany, Korsun, Arsk, Kazan và các thành phố khác – tổng cộng lên đến 36 thành phố. Hoàng tử Feodor đã xin Khan cho phép xây dựng một số nhà thờ trong Đế chế Mông Cổ, bằng mọi cách truyền bá Kitô giáo và bảo trợ cho hàng giáo sĩ.

người con trai, được đặt tên là David trong lễ rửa tội. Sau đó, ngài có người con trai thứ hai, được đặt tên là Constantine trong lễ rửa tội.

Không lâu sau đó, các sứ giả từ Nga đến báo tin rằng con trai ông là Mikhail đã qua đời tại Yaroslavl. Lúc bấy giờ, Công tước Feodor đã thỉnh cầu Khan cho phép ông trở về đất Nga cùng với Công nương và các con của họ. Khan đã tiễn ông đi với vinh dự lớn lao, trao vương miện cho ông và phong cho ông tước hiệu Đại Công tước Yaroslavl. Thánh Công tước đã đến Yaroslavl trong sự đón tiếp long trọng; cùng đi với ngài còn có nhiều quan đại thần người Tatar từ triều đình của Khan, những người mà sau một thời gian, ngài đã tiễn đưa họ trở về Đế quốc Mông Cổ một cách trang trọng.

Thánh Công tước Feodor đã cai trị thành phố Yaroslavl của mình một cách đạo đức và làm đẹp lòng Chúa cho đến khi về già[6303] . Khi lâm bệnh và cảm thấy rằng căn bệnh này là bệnh sắp chết, ngài đã gọi Công nương – vợ ngài – và các con đến bên mình, và di chúc cho họ hãy sống trong tình yêu thương và hòa bình[6304] . Sau đó, ngài ra lệnh cho người ta đưa mình đến tu viện và tại đó, với niềm vui lớn lao, ngài đã nhận lễ xuất gia từ vị tu viện trưởng; suốt cả ngày hôm đó, ngài hân hoan và tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã ban cho ngài ân huệ này, điều mà linh hồn ngài đã khao khát từ lâu. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, ngài mong muốn được nhận lễ tu sĩ cao cấp (skhim), sau đó, sau khi tha thứ cho mọi người và tự mình xin tha thứ từ mọi người, ngài làm dấu thánh giá và phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa[6305] . Thi hài ngài được an táng trang trọng tại nhà thờ Biến Hình của Chúa. Thánh tích của ngài cho đến nay vẫn tiếp tục thực hiện nhiều phép lạ để tôn vinh Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài bây giờ, hiện tại và mãi mãi.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Từ thuở thiếu thời, các thánh đã gắn bó với tình yêu của Chúa Kitô, và đã siêng năng tuân giữ luật pháp và sự công chính của Ngài: chính vì thế, được ban cho những ân sủng kỳ diệu, các ngài ban phát sự chữa lành, hỡi Thánh Phê-ô-đô-rô, Đa-vít và Cô-n-stan-tinh. Xin các ngài, những người được chúng con tôn kính vì đức tin, cầu xin Chúa Kitô, Thiên Chúa, cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài thánh ca nhân dịp rước di hài các thánh, giọng 8:

Như những vì sao rực rỡ đã tỏa sáng từ thuở thiếu thời, các ngài đã soi sáng lòng những người trung thành bằng việc rước di hài thánh thiêng của các ngài; trong xác phàm, các ngài đã hiện ra như các Thiên thần trên đất; nhờ sự tu hành, các ngài đã được trồng như những cây bên dòng nước tiết độ, được tưới bằng dòng nước mắt của các ngài, và đã rửa sạch mọi ô uế: vì thế, các ngài đã trở thành những người bạn thân thiết của Thánh Thần Chúa, là

[6303] Thánh Feodor cai trị công quốc một cách hiền lành, khôn ngoan và công bằng, bênh vực những người bị áp bức, các góa phụ và trẻ mồ côi, đồng thời thể hiện lòng từ bi đối với những người nghèo khó và khốn cùng. Các biên niên sử đặc biệt ghi nhận lòng sùng đạo chân thành và khiêm nhường của ngài, việc ăn chay và cầu nguyện nghiêm ngặt, những công lao vất vả và sự quan tâm đến việc xây dựng nhà thờ cùng sự trang nghiêm của giáo hội, cũng như sự kính trọng của ngài đối với chức vụ giám mục và linh mục – điều mà các con trai sùng đạo của ngài đã noi gương: Đa-vít và Cô-n-stan-tin, trong đó người em qua đời sau này khi chưa lập gia đình, còn người anh đã cai trị Công quốc Yaroslav một cách hòa bình trong 23 năm.

[6304] Di chúc trước khi qua đời của Thánh Công tước Phê-ô-đô-rô rất cảm động và mang tính giáo dục sâu sắc. Nó được khắc đầy đủ trên một bức tượng cổ tại Tu viện Spassky (nơi ẩn tu yêu thích của ngài và gia đình, do người vợ đạo đức của ngài là Anna xây dựng); trên bức tượng, Thánh Theodor được miêu tả toàn thân trong trang phục tu sĩ, đứng giữa các con trai của mình, tay trái cầm một cuộn giấy.

[6305] Đó là ngày 19 tháng 9 năm 1299. Hoàng tử David, con trai và người kế vị của Thánh Hoàng tử Theodore, qua đời vào năm 1321, còn năm qua đời của Hoàng tử Constantine thì không được ghi rõ trong các biên niên sử. Theo di nguyện của họ khi còn sống, thi hài của họ đã được an táng bên cạnh thi hài của cha mình, trong hầm mộ dưới vòm nhà thờ, không phải chôn dưới đất mà được đặt trên mặt đất trong các lăng mộ. Việc tìm thấy di cốt bất hoại của các vị Thánh Công tước Yaroslavl là Theodor, David và Constantine, đi kèm với vô số phép lạ chữa lành kỳ diệu, đã diễn ra gần 200 năm sau đó, vào năm 1467. Năm 1658, việc di dời thi hài của các ngài đã diễn ra, tạo cơ sở cho việc thiết lập ngày lễ địa phương vào ngày 13 tháng 6. Năm 1704, Thánh Dimitri, Tổng Giám mục Rostov, đã cho chế tác một hòm thánh bằng gỗ cây bách để đựng di cốt của các vị thánh làm phép lạ Yaroslavl; ngài đã chuyển di cốt vào hòm thánh này vào ngày 22 tháng 6, đồng thời thiết lập việc kỷ niệm ngày này vĩnh viễn. Sau đó, quan tài bằng gỗ cây bách chứa thánh tích của các vị thánh đã được đặt vào một quan tài bằng bạc mới, và ngay sau đó, thánh tích được rước đến nhà thờ mới được xây dựng mang tên các vị thánh làm phép lạ Yaroslavl, Công tước Theodor, Đa-vít và Cô-n-stan-tin, nơi các ngài vẫn an nghỉ cho đến ngày nay gần bục giảng bên trái.

Thêôđôrô, Đa-vít và Cô-nô-xtan-tinh. Xin cầu thay cho chúng con trước Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Các ngài đã hiện ra, những ngọn đèn rực rỡ nhất, trong thân xác như các Thiên thần; và như những cây sự sống trong vườn Địa đàng, nhờ sự kiêng khem, sự tỉnh thức và đức tin, các ngài đã trổ bông nở hoa nhờ những lời cầu nguyện của các ngài, nhận được ân sủng từ trời cao: Các ngài đã tỏ ra là những vị thầy thuốc mạnh mẽ, chữa lành những linh hồn đau khổ, những ai với lòng tin thành kính chạy đến trước hòm thánh tích của các ngài, hỡi các vị làm phép lạ vinh quang, Thêôđôra, Đa-vít và Cô-nô-xtan-tin. Xin cầu nguyện cùng Đức Kitô Thiên Chúa, ban ơn tha thứ tội lỗi cho những ai tôn kính kỷ niệm các ngài bằng đức tin và tình yêu.

Ngày 3 tháng 10

Ngày 20 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Đại Tử Đạo Eustathius Plakida, vợ và các con của ngài

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 9

Vào thời trị vì của Hoàng đế Trajan[6306] , có một quan tổng trấn tên là Plakida[6307] sống tại Rôma. Ông xuất thân từ một gia tộc danh giá và sở hữu của cải dồi dào. Sự dũng cảm của ông trên chiến trường nổi tiếng đến mức chỉ cần nghe tên Plakida thôi cũng đủ khiến kẻ thù khiếp sợ. Ngay từ thời Hoàng đế Titus còn đang chinh chiến tại xứ Do Thái[6308] , Plakida đã là một vị tướng La Mã xuất sắc và luôn tỏa sáng trong mọi trận đánh nhờ lòng dũng cảm không hề nao núng.

Về mặt tín ngưỡng, Plakida là người thờ thần tượng, nhưng trong cuộc đời mình, ông đã làm rất nhiều việc thiện theo tinh thần Kitô giáo: ông cho người đói ăn, cho người trần truồng mặc, giúp đỡ những người khốn khó và giải thoát nhiều người khỏi xiềng xích và ngục tù. Ông chân thành vui mừng mỗi khi có cơ hội giúp đỡ ai đó trong hoạn nạn và đau buồn, và thậm chí còn vui mừng hơn cả những chiến thắng lẫy lừng trước kẻ thù. Giống như Cornelius xưa kia, người được kể lại trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ (Công Vụ 10:1–48), Plakida đã đạt đến sự hoàn hảo trọn vẹn trong mọi việc lành, nhưng vẫn chưa có đức tin thánh thiện nơi Chúa Giê-su Christ của chúng ta – đức tin mà nếu thiếu đi, thì mọi việc lành đều trở nên vô nghĩa (Gia-cơ 2:17). Plakida có một người vợ, cũng đức hạnh như chính ông, và hai người con trai. Plakida đối xử rất tốt và nhân từ với mọi người; điều duy nhất ông còn thiếu là sự hiểu biết về Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng mà ông, dù chưa biết đến, đã tôn kính qua chính những việc lành của mình. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng Nhân Từ và Yêu Thương Loài Người, mong muốn sự cứu rỗi cho tất cả mọi người và nhìn nhận những ai làm điều thiện: *"Trong mọi dân tộc, ai kính sợ Ngài và làm điều công chính thì đều đẹp lòng Ngài"* (Công vụ 10:35). Ngài cũng không bỏ qua người đàn ông đức hạnh này, không để ông phải hư mất trong bóng tối của sự lầm lạc thờ thần tượng, và chính Ngài đã vui lòng mở ra cho ông con đường dẫn đến sự cứu rỗi.

[6306] Trajan là một trong những hoàng đế La Mã vĩ đại nhất: ông rất quan tâm đến hạnh phúc của dân chúng, đã cải cách triệt để hệ thống quản lý nhà nước, mở rộng biên giới đế chế thông qua những cuộc chiến thắng lợi, và thành lập nhiều thành phố mới. Tuy nhiên, ông cũng đã đàn áp các Kitô hữu.

[6307] Tên ngoại giáo của Thánh Eustathius, chính xác hơn theo cách phát âm La Mã là "Placidius", bắt nguồn từ từ tiếng Latinh placidus, có nghĩa là "hiền hòa", "điềm đạm", "bình tĩnh", "nhẹ nhàng", "hiền lành". Cái tên này đã miêu tả một cách hoàn hảo những phẩm chất đạo đức cao quý của Thánh Eustathius ngay cả trước khi ngài cải đạo sang Kitô giáo.

[6308] Titus – hoàng đế La Mã, con trai và người kế vị của hoàng đế Vespasian, trị vì từ năm 79 đến năm 81. Trong thời kỳ trị vì của cha mình, ông đã được cử dẫn một đạo quân hùng hậu đến Judea để trừng phạt những người Do Thái đã nổi dậy chống lại quyền lực La Mã. Chính cuộc chiến này được đề cập đến ở đây. Cuộc chiến kết thúc vào năm 70 với sự tàn phá của Jerusalem và Đền thờ Solomon.

Một lần nọ, Plakida, theo thói quen thường lệ, cùng các chiến binh và người hầu đi săn. Khi gặp một đàn nai, ông bố trí các kỵ sĩ và bắt đầu truy đuổi đàn nai. Chẳng bao lâu, ông nhận thấy một con, con lớn nhất trong đàn, đã tách khỏi đàn. Bỏ lại các chiến binh của mình, Plakida cùng một nhóm nhỏ người theo đuổi con nai vào sa mạc. Những người đồng hành của Plakida nhanh chóng kiệt sức và bị bỏ lại phía sau rất xa. Còn Plakida, nhờ có con ngựa mạnh mẽ và nhanh nhẹn hơn, một mình tiếp tục truy đuổi cho đến khi con nai chạy lên một vách đá cao. Plakida dừng lại dưới chân vách đá, và trong khi nhìn con nai, ông bắt đầu suy nghĩ về cách bắt được nó. Lúc bấy giờ, Đức Chúa Trời Toàn Năng – Đấng dùng muôn vàn phương cách dẫn dắt loài người đến sự cứu rỗi và bằng những định mệnh chỉ Ngài mới biết để hướng dẫn họ trên con đường chân lý – đã bắt giữ chính người thợ săn ấy, hiện ra trước Plakida, giống như Ngài đã từng hiện ra với Sứ đồ Phao-lô (Công vụ 9:3–6). Vẫn tiếp tục nhìn con nai, Plakida thấy giữa hai sừng của nó có một cây thánh giá rực rỡ, và trên cây thánh giá đó là hình ảnh Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng đã chịu đóng đinh vì chúng ta. Bị kinh ngạc trước cảnh tượng kỳ diệu này, viên quan đột nhiên nghe thấy một giọng nói cất lên:

– Tại sao ngươi lại đuổi theo Ta, Plakida?

Và cùng với tiếng nói thiêng liêng ấy, nỗi sợ hãi lập tức ập đến với Plakida: ngã xuống khỏi ngựa, Plakida nằm trên mặt đất như người chết. Vừa mới tỉnh táo lại sau cơn sợ hãi, ông hỏi:

– Ngài là ai, lạy Chúa, đang nói với con?

Và Chúa phán cùng ông:

– Ta là Chúa Giê-su Ki-tô – Thiên Chúa đã nhập thể vì sự cứu rỗi loài người và đã tự nguyện chịu đau khổ cùng cái chết trên thập giá, Đấng mà ngươi, dù không biết, vẫn tôn kính. Những việc lành và lòng bác ái dồi dào của ngươi đã đến tai Ta, và Ta đã muốn cứu rỗi ngươi. Và đây, Ta đã hiện ra ở đây để dẫn dắt ngươi nhận biết Ta và đưa ngươi vào hàng ngũ các tôi tớ trung thành của Ta. Vì Ta không muốn một người làm việc công chính lại phải sa vào lưới của kẻ thù.

Khi đứng dậy khỏi mặt đất và không còn thấy ai trước mặt mình nữa, Plakida nói:

– Giờ đây con tin, lạy Chúa, rằng Ngài là Đức Chúa Trời của trời và đất, Đấng Tạo Hóa của muôn loài. Từ nay trở đi, con sẽ thờ phượng một mình Ngài, và con không biết có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ngài. Con xin Ngài, lạy Chúa, hãy dạy con phải làm gì?

Và một lần nữa, anh ta nghe thấy tiếng nói:

– Hãy đến gặp một linh mục Kitô giáo, hãy nhận phép rửa tội từ ngài, và ngài sẽ dẫn dắt con đến sự cứu rỗi.

Tràn ngập niềm vui và xúc động, Plakida trong nước mắt quỳ sấp xuống đất và thờ lạy Chúa, Đấng đã ban cho ông ân sủng được Ngài hiện ra. Anh ta đau xót vì cho đến nay vẫn chưa biết sự thật và chưa nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, nhưng đồng thời tâm hồn anh ta cũng tràn ngập niềm vui vì đã được ban ân sủng này, giúp anh ta nhận biết sự thật và dẫn dắt anh ta vào con đường chính đạo. Lên ngựa trở lại, ông quay về với các bạn đồng hành, nhưng giữ kín niềm vui lớn lao ấy, không kể cho ai nghe về những gì đã xảy ra với mình. Khi trở về nhà sau chuyến đi săn, ông gọi vợ lại và kể cho bà nghe tất cả những gì ông đã thấy và nghe được. Vợ ông cũng kể lại với ông:

– Đêm qua, em nghe có ai đó nói với em những lời này: "Ngày mai, chị, chồng chị và các con trai chị sẽ đến với Ta và nhận biết Ta, là Đức Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa chân thật, Đấng ban ơn cứu độ cho những ai yêu mến Ta." – Vậy thì chúng ta đừng trì hoãn nữa, hãy thực hiện ngay những gì đã được truyền dạy.

Đêm đã xuống. Plakida sai người đi tìm nơi vị linh mục Kitô giáo đang cư ngụ. Sau khi biết được địa chỉ nhà ông, Plakida dẫn theo vợ, con cái và một số người hầu trung thành của mình, rồi lên đường đến gặp vị linh mục tên là Gioan. Khi đến nơi, họ kể lại chi tiết cho vị linh mục về sự hiện ra của Chúa và xin được rửa tội. Sau khi lắng nghe họ, vị linh mục đã ngợi khen Thiên Chúa, Đấng chọn lựa những người đẹp lòng Ngài ngay cả trong số những người ngoại đạo, rồi dạy họ về đức tin thánh và giải thích cho họ tất cả các điều răn của Thiên Chúa. Sau đó, ngài cử hành nghi thức cầu nguyện và rửa tội cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Và trong lễ rửa tội thánh thiêng, họ được đặt tên như sau: Plakides – Eustathius, vợ ông – Theopistia, còn các con trai của họ – Agapius và Theopistus. Sau khi rửa tội, vị linh mục ban Thánh Thể cho họ và tiễn họ ra về trong bình an, nói với họ rằng:

– Thiên Chúa, Đấng đã soi sáng các con bằng ánh sáng của sự hiểu biết về Ngài, và đã kêu gọi các con vào cơ nghiệp sự sống đời đời, xin Ngài luôn ở cùng các con! Khi các con được ân sủng chiêm ngưỡng Thiên Chúa trong cuộc sống ấy, xin hãy nhớ đến tôi, cha thiêng liêng của các con.

Sau khi được tái sinh qua phép Rửa tội thánh thiêng, họ trở về nhà, tràn ngập niềm vui khôn tả. Ân sủng của Thiên Chúa đã chiếu rọi linh hồn họ bằng ánh sáng dịu dàng và lấp đầy trái tim họ bằng niềm hạnh phúc đến nỗi họ cảm thấy như đang ở trên trời chứ không phải trên đất.

Ngày hôm sau, Eustathius cưỡi ngựa, mang theo một số người hầu, lên đường như thể đi săn đến chính nơi mà Chúa đã hiện ra với ngài, để dâng lời tạ ơn Ngài vì những ân huệ không thể diễn tả được. Khi đến nơi đó, ông sai các người hầu đi tìm con mồi. Còn bản thân ông, sau khi xuống ngựa, quỳ sấp mặt xuống đất và trong nước mắt, ông cầu nguyện và tạ ơn Chúa vì lòng thương xót không thể diễn tả được của Ngài, vì Ngài đã thương xót soi sáng ông bằng ánh sáng của đức tin. Trong lời cầu nguyện, ông phó thác chính mình cho Chúa, hoàn toàn tuân theo ý muốn tốt lành và hoàn hảo của Ngài, và khẩn cầu Ngài, nhờ lòng nhân từ của Ngài, hãy sắp xếp mọi sự cho ông được lợi ích, theo như chính Ngài biết và muốn. Và tại đây, ông đã nhận được sự mặc khải về những tai ương và đau khổ sắp ập đến với ông.

– Ê-vusta-fi, – Chúa phán với ông, – ngươi cần phải thể hiện bằng hành động đức tin, niềm hy vọng vững chắc và tình yêu nhiệt thành dành cho Ta. Tất cả những điều này không được bộc lộ giữa sự giàu có tạm bợ và hạnh phúc hư ảo, mà là trong cảnh nghèo khó và hoạn nạn. Ngươi, giống như Gióp, sẽ phải chịu đựng nhiều nỗi đau khổ và trải qua nhiều tai ương, để sau khi được thử thách như vàng trong lò nung, ngươi sẽ trở nên xứng đáng với Ta và nhận vương miện từ tay Ta.

– Xin ý Chúa được thực hiện, lạy Chúa, – Eustathius đáp, – con sẵn sàng đón nhận mọi sự từ tay Ngài với lòng biết ơn. Con biết rằng Ngài là Đấng nhân từ và thương xót, và như một người Cha, Ngài vừa thương xót vừa răn đe; làm sao con lại không nhận lấy sự răn đe của người Cha từ đôi tay đầy lòng thương xót của Ngài được? Quả thật, con sẵn sàng, như một tôi tớ, kiên nhẫn gánh chịu mọi điều được đặt lên vai con, miễn là sự giúp đỡ toàn năng của Ngài luôn ở cùng con.

Và một lần nữa, anh ta nghe thấy tiếng nói:

– Ngươi muốn chịu đựng những nỗi đau khổ ngay bây giờ hay vào những ngày cuối cùng của cuộc đời mình?

– Lạy Chúa, – Eustathius nói, – nếu không thể hoàn toàn tránh khỏi những cám dỗ, thì xin hãy để con chịu đựng những tai ương này ngay bây giờ; chỉ xin Ngài ban cho con sự giúp đỡ của Ngài, để cái ác không chiến thắng và không đẩy con ra khỏi tình yêu của Ngài.

Chúa phán với ông:

– Hãy vững lòng, Ê-vusta-fi, vì ân sủng của Ta sẽ ở cùng ngươi và bảo vệ ngươi. Con sẽ phải trải qua sự hạ mình sâu sắc, nhưng Ta sẽ nâng con lên – và không chỉ tôn vinh con trước các Thiên thần của Ta trên trời, mà còn phục hồi danh dự của con giữa loài người: sau nhiều nỗi đau khổ, Ta sẽ lại ban cho con sự an ủi và trả lại cho con chức tước như xưa. Tuy nhiên, ngươi đừng vui mừng vì vinh quang tạm thời, mà hãy vui mừng vì tên ngươi đã được ghi vào Sách Sự Sống Vĩnh Cửu.

Thánh Eustathius đã trò chuyện như vậy với Chúa vô hình và, được tràn đầy ân sủng thiêng liêng, ngài đã nhận được những mặc khải từ Ngài. Vui mừng trong tâm hồn và bừng cháy tình yêu dành cho Thiên Chúa, ngài trở về nhà mình. Tất cả những gì Thiên Chúa đã mặc khải cho ngài, Thánh Eustathius đều kể lại cho người vợ trung thành của mình. Ngài không giấu giếm với nàng rằng họ sắp phải đối mặt với nhiều thử thách và đau khổ, và khuyên nàng hãy can đảm chịu đựng chúng vì Chúa, Đấng sẽ biến những đau khổ ấy thành niềm vui và hạnh phúc vĩnh cửu.

Lắng nghe chồng mình, người phụ nữ khôn ngoan này nói:

– Xin ý Chúa được thực hiện trên chúng ta; còn chúng ta sẽ hết lòng cầu nguyện với Ngài, chỉ xin Ngài ban cho chúng ta sự kiên nhẫn.

Và họ bắt đầu sống một cuộc đời đạo đức và chính trực, siêng năng ăn chay và cầu nguyện, bố thí cho người nghèo còn hào phóng hơn trước, và nỗ lực hơn trước để hoàn thiện mọi đức tính.

Một thời gian ngắn sau, theo ý Chúa, bệnh tật và cái chết ập đến ngôi nhà của Eustathius. Tất cả những người trong gia đình ông đều lâm bệnh, và trong thời gian ngắn, không chỉ hầu hết các đầy tớ của ông mà cả đàn gia súc trong nhà cũng lần lượt qua đời. Và vì những người còn sống đều đang nằm liệt giường vì bệnh tật, nên không còn ai để canh giữ kho báu của Evstafiy, và bọn trộm đã lén lút cướp bóc tài sản của ông vào ban đêm. Chẳng bao lâu, vị thống đốc lừng lẫy và giàu có ấy đã trở nên gần như một kẻ ăn mày. Tuy nhiên, Evstafiy không hề buồn

phiền vì điều này và cũng không chìm trong nỗi đau đớn không thể an ủi: giữa tất cả những thử thách này, ông không hề phạm tội gì trước mặt Đức Chúa Trời, và nhờ Ngài, ông đã nói như Gióp:

– *"Chúa đã ban cho, Chúa cũng đã lấy đi; xin danh Chúa được ngợi khen!"* (Gióp 1:21).

Và Evstafiy an ủi vợ mình, để bà đừng buồn phiền về những gì đang xảy ra với họ, còn bà thì ngược lại cũng an ủi chồng; và như vậy, cả hai đều chịu đựng những nỗi đau khổ với lòng biết ơn đối với Chúa, phó thác mọi sự cho ý muốn của Ngài và được củng cố bởi niềm hy vọng vào lòng thương xót của Ngài. Thấy mình đã mất hết tài sản, Eustathius quyết định lánh xa tất cả những người quen biết, đến một nơi nào đó ở vùng đất xa xôi, và ở đó, không tiết lộ nguồn gốc quý tộc và tước vị cao quý của mình, sống giữa những người dân thường trong sự khiêm nhường và nghèo khó. Ông hy vọng rằng, bằng cách sống như vậy, ông sẽ được phục vụ Chúa Kitô, Đấng đã tự hạ mình và trở nên nghèo khó vì sự cứu rỗi của chúng ta, mà không gặp bất kỳ trở ngại nào và xa lánh những lời đồn đại trần tục. Eustathius đã bàn bạc điều này với vợ mình, sau đó họ quyết định rời khỏi nhà vào ban đêm. Và thế là, bí mật khỏi những người trong nhà – những người còn lại không nhiều, và đều đang ốm yếu – họ đưa các con theo, thay bộ quần áo sang trọng bằng những bộ quần áo rách rưới và rời khỏi ngôi nhà của mình. Xuất thân từ dòng dõi quý tộc, là một quan đại thần, được vua yêu mến và mọi người kính trọng, Eustathius hoàn toàn có thể dễ dàng lấy lại danh vọng, vinh dự và của cải mà ông đã mất, nhưng ông coi những thứ đó như không có gì, nên đã từ bỏ tất cả vì Thiên Chúa và chỉ muốn Ngài là Đấng bảo trợ duy nhất của mình. Để tránh bị nhận ra, Evstafiy lang thang qua những vùng đất xa lạ, dừng chân giữa những người dân thường nhất và ít học nhất. Như vậy, sau khi rời bỏ những cung điện sang trọng của mình, người noi gương Chúa Kitô này đã lang thang khắp nơi mà không có nơi nương tựa. Chẳng bao lâu sau, cả hoàng đế lẫn các quan đại thần đều biết rằng Plakida, vị tướng được họ yêu mến, đã biến mất không rõ tung tích. Mọi người đều bối rối và không biết phải nghĩ sao: liệu có ai đó đã giết Plakida, hay chính ông đã vô tình gặp nạn. Họ vô cùng thương tiếc và tìm kiếm ông, nhưng không thể thấu hiểu được mầu nhiệm của Thiên Chúa đang diễn ra trong cuộc đời của Evstafiy, *"Vì ai đã thấu hiểu được ý định của Chúa? Hay ai đã làm cố vấn cho Ngài?"* (Rm 11,34).

Trong khi Eustathius cùng gia đình đang ở một nơi vô danh nào đó, vợ ông đã nói với ông:

– Thưa ngài, chúng ta sẽ sống ở đây bao lâu nữa? Tốt hơn là chúng ta nên rời khỏi đây đến những vùng đất xa xôi, để không ai nhận ra chúng ta, và để chúng ta không trở thành đối tượng bị những người quen chế giễu.

Và thế là, cùng với các con, họ lên đường đi theo con đường dẫn đến Ai Cập[6309] . Sau vài ngày đi đường, họ đến biển và, khi thấy ở bến cảng có một con tàu đang sẵn sàng ra khơi đi Ai Cập, họ lên con tàu đó và ra khơi. Chủ con tàu là một người ngoại quốc[6310] và là một kẻ rất hung ác. Bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của vợ Eustathius, hắn bùng cháy đam mê với nàng và nảy sinh trong lòng ý định xảo trá là cướp nàng khỏi người đàn ông nghèo khổ này để chiếm làm của riêng. Khi đến bờ biển, nơi Evstafiy phải xuống tàu, chủ tàu thay vì nhận tiền cước vận chuyển trên biển đã chiếm lấy vợ của Evstafiy làm của riêng. Anh ta cố chống cự, nhưng chẳng thể làm gì được, vì người ngoại quốc hung tợn và vô nhân đạo ấy đã rút kiếm ra, đe dọa sẽ giết Evstafiy và ném anh ta xuống biển. Không ai có thể đứng ra bênh vực Evstafiy. Anh ta khóc lóc quỳ xuống dưới chân kẻ ác, van xin đừng tách anh khỏi người bạn đời yêu quý. Nhưng mọi lời cầu xin của anh đều vô ích, và anh nghe thấy câu trả lời dứt khoát:

– Nếu muốn sống sót, thì im lặng và rời khỏi đây, nếu không thì ngay lập tức chết tại đây dưới lưỡi gươm, và hãy để biển cả này trở thành nấm mồ của ngươi.

Trong tiếng nức nở, Evstafiy bế các con và bước xuống khỏi con tàu; còn chủ tàu, sau khi rời bến, giương buồm và ra khơi. Sự chia ly với người vợ chung thủy và trong sạch của mình thật nặng nề biết bao đối với người đàn ông đạo đức này! Với đôi mắt ngập tràn nước mắt và trái tim tan nát vì đau buồn, họ tiễn biệt nhau. Evstafiy khóc nức nở khi ở lại trên bờ, còn người vợ của ông, bị tách khỏi chồng một cách bất đắc dĩ và bị đưa đi đến một vùng đất xa lạ, cũng khóc nức nở trên tàu. Làm sao có thể diễn tả được nỗi đau buồn, tiếng khóc và tiếng nức nở

[6309] Tức là – theo hướng ra Biển Địa Trung Hải, nơi cần phải vượt qua bằng thuyền để đến được Ai Cập. Ai Cập là quốc gia nằm ở phía đông bắc châu Phi. Vào thời điểm được mô tả, Ai Cập nằm dưới sự cai trị của người La Mã, mà nước này đã hoàn toàn sáp nhập vào năm 30 trước Công nguyên.

[6310] Trong cuốn tiểu sử, hắn được gọi là "kẻ man rợ". Đó là cách người Hy Lạp, và sau đó là người La Mã, gọi chung tất cả những người ngoại quốc. Đó là một biệt danh mang tính khinh miệt, ám chỉ sự thô lỗ và dốt nát của các dân tộc khác. Đồng thời, thuật ngữ này trong Kinh Thánh còn mang ý nghĩa chỉ một con người vô nhân đạo và hung tợn nói chung. Có lẽ đây là một trong những tên cướp biển, những kẻ vào thời đó vẫn thường xuyên gieo rắc nỗi kinh hoàng dọc theo các bờ biển Địa Trung Hải, bắt cóc và bán những phụ nữ và thiếu nữ xinh đẹp làm nô lệ, đồng thời tàn sát một cách vô nhân đạo những ai cản trở chúng.

của họ? Evstafiy đứng lâu trên bờ và dõi theo con tàu cho đến khi không còn nhìn thấy nó nữa. Sau đó, ông lên đường cùng các con nhỏ của mình; người chồng khóc thương vợ, còn các con khóc thương mẹ. Điều an ủi duy nhất cho tâm hồn chính trực của Evstafiy là ông chấp nhận những thử thách này từ tay Chúa, vì không có ý muốn của Ngài thì chẳng điều gì có thể xảy ra với ông. Evstafiy cũng được an ủi bởi suy nghĩ rằng chính vì lý do đó mà ông được kêu gọi đến với đức tin vào Đấng Kitô, để kiên nhẫn bước đi trên con đường dẫn đến quê hương thiên đàng.

Nhưng những nỗi đau của Evstafiy vẫn chưa chấm dứt; ngược lại, chẳng bao lâu sau, ông lại phải trải qua những nỗi buồn mới, còn lớn hơn trước. Chưa kịp quên đi nỗi đau đầu tiên, một nỗi đau mới đã ập đến. Ông vừa trải qua cuộc chia ly đau đớn với người vợ, thì ngay gần đó, ông lại phải đối mặt với việc mất đi cả những đứa con. Tiếp tục hành trình, Evstafiy đến một con sông nước chảy xiết và rất mạnh. Không có phà hay cầu nào bắc qua con sông này, nên ông buộc phải lội qua. Việc đưa cả hai con trai sang bờ bên kia cùng một lúc là điều không thể. Lúc đó, Evstafiy bế một trong hai đứa lên vai và đưa sang bờ đối diện. Sau khi đặt con trai xuống bờ bên kia, ông quay lại để đưa đứa con trai còn lại sang. Nhưng khi ông vừa đi được đến giữa dòng sông, bỗng có tiếng la hét vang lên. Evstafiy quay đầu lại và kinh hoàng khi thấy con trai mình bị một con sư tử tóm lấy và kéo đi vào sa mạc. Với tiếng kêu thảm thiết và đầy đau đớn, Evstafiy nhìn theo con thú đang dần khuất xa, cho đến khi nó cùng con mồi biến mất khỏi tầm mắt. Evstafiy vội vã quay lại với người con trai còn lại. Nhưng chưa kịp đến bờ, bỗng một con sói lao ra và lôi cậu bé vào rừng. Bị bao vây tứ phía bởi những nỗi đau thương tột cùng, Evstafiy đứng giữa dòng sông và dường như đang chìm đắm trong biển nước mắt của chính mình. Liệu có ai có thể kể lại nỗi đau đớn và tiếng khóc than trong lòng ông lớn lao đến nhường nào? Ông đã mất đi người vợ, một người trinh tiết, chung thủy và đạo đức; mất đi những đứa con, những người mà ông xem như niềm an ủi duy nhất giữa muôn vàn thử thách ập đến. Thật sự là một phép lạ khi người đàn ông này không gục ngã dưới sức nặng của những nỗi đau khổ to lớn đến vậy và vẫn còn sống sót. Chắc chắn rằng chỉ có bàn tay toàn năng của Đấng Tối Cao mới có thể củng cố Evstafiy để ông chịu đựng được những nỗi đau khổ này: bởi vì chỉ có Đấng đã để cho ông rơi vào những cám dỗ như vậy mới có thể ban cho ông sự kiên nhẫn như thế.

Khi lên bờ, Evstafiy đã khóc rất lâu và đầy cay đắng, rồi với nỗi đau xót tận đáy lòng, anh tiếp tục cuộc hành trình của mình. Đối với ông, chỉ có một Đấng An Ủi duy nhất – đó là Đức Chúa Trời, Đấng mà ông tin tưởng vững chắc và vì Đấng ấy mà ông đã chịu đựng tất cả những điều này. Evstafiy không hề than vãn với Đức Chúa Trời, cũng không nói: "Chẳng lẽ, lạy Chúa, Ngài đã kêu gọi con đến với Ngài để con phải mất đi vợ con và các con cái sao? Lẽ nào niềm tin vào Ngài lại mang lại lợi ích gì, để con trở thành người bất hạnh nhất trong tất cả mọi người? Lẽ nào Ngài yêu thương những người tin Ngài đến mức để họ phải chết trong sự ly biệt với nhau?" Người đàn ông công chính và kiên nhẫn này thậm chí còn không hề nghĩ đến điều gì tương tự như vậy. Ngược lại, trong sự khiêm nhường sâu sắc, ông dâng lời tạ ơn Chúa vì Ngài đã vui lòng thấy các tôi tớ của Ngài không phải trong sự thịnh vượng trần gian và những niềm vui phù du, mà là trong những nỗi đau khổ và tai ương, để an ủi họ trong cuộc sống tương lai bằng niềm vui và sự hân hoan vĩnh cửu.

Nhưng Đức Chúa Trời Toàn Năng biến mọi sự thành điều lành, và nếu Ngài cho phép người công chính phải lâm vào hoạn nạn, thì không phải để trừng phạt họ, mà để thử thách đức tin và lòng dũng cảm của họ; Ngài không ưa thích những giọt nước mắt, mà ưa thích sự kiên nhẫn vững vàng, và lắng nghe lời tạ ơn của họ. Cũng như xưa kia Chúa đã bảo vệ Giô-na khỏi bị tổn hại trong bụng cá voi (Giô-na, chương 2), thì Ngài cũng đã bảo vệ các con của Êu-sta-fi-ô, những đứa trẻ bị thú dữ bắt cóc, khỏi bị tổn hại. Khi con sư tử mang cậu bé vào sa mạc, những người chăn cừu đã nhìn thấy và la hét đuổi theo nó. Con sư tử bỏ đứa trẻ lại và tìm cách trốn chạy để thoát thân. Tương tự, con sói đã bắt cóc một đứa trẻ khác cũng bị những người nông dân phát hiện và họ la hét đuổi theo nó. Con sói cũng bỏ đứa trẻ lại. Cả những người chăn cừu lẫn những người nông dân đều đến từ cùng một làng. Họ đã nhận nuôi các em nhỏ và chăm sóc chúng.

Nhưng Eustathius không biết gì về những chuyện này. Tiếp tục hành trình, lúc thì anh tạ ơn Chúa trong sự kiên nhẫn, lúc lại bị bản tính con người chi phối, anh khóc lóc và thốt lên:

– Ôi, khốn khổ cho ta! Ngày xưa ta từng giàu có, mà giờ đây lại nghèo khổ và mất hết tất cả. Ôi, khốn khổ cho ta! Ngày xưa ta từng được vinh quang, còn bây giờ lại rơi vào cảnh ô nhục. Ôi, khốn khổ cho ta! Ngày xưa ta từng là chủ gia đình và sở hữu những điền trang rộng lớn, còn bây giờ ta chỉ là một kẻ lang thang. Ngày xưa tôi như cây cối rậm rạp và trĩu quả, còn bây giờ tôi như cành cây khô héo. Ngày xưa tôi được bạn bè vây quanh trong nhà, đầy tớ trên đường phố, chiến binh trên chiến trường, còn bây giờ tôi chỉ còn lại một mình trong sa mạc. Nhưng xin đừng bỏ rơi tôi, lạy Chúa! Xin đừng khinh bỉ tôi, Đấng Toàn Tri! Xin đừng quên con, Đấng Toàn Lành! Lạy Chúa,

xin đừng bỏ rơi con cho đến cùng! Con nhớ lại, lạy Chúa, những lời Ngài đã phán tại nơi Ngài hiện ra với con: "Con sẽ phải chịu đau khổ, giống như Gióp." Nhưng điều xảy ra với con giờ đây còn lớn hơn cả điều đã xảy ra với Gióp: vì ông ấy, dù đã mất hết tài sản và danh vọng, nhưng vẫn nằm trên chính đống rác rưởi của mình, còn con thì ở xứ lạ và không biết phải đi đâu; ông ấy có những người bạn an ủi ông – còn niềm an ủi của tôi, những đứa con yêu dấu của tôi, đã bị thú dữ bắt đi trong sa mạc và nuốt chửng; dù ông ta đã mất đi các con, nhưng vẫn có thể tìm được chút an ủi và sự giúp đỡ từ người vợ – còn người vợ hiền lành của tôi lại rơi vào tay một kẻ ngoại bang vô pháp, và tôi như cây sậy giữa sa mạc, chao đảo trước cơn bão của những nỗi buồn cay đắng. Xin đừng giận con, lạy Chúa, vì con nói thế này do lòng đầy đau khổ; vì con đang nói như một con người. Nhưng con nương tựa vào Ngài, Đấng Sáng Tạo và Đấng Dẫn Dắt con đường của con, con đặt niềm tin vào Ngài, và bằng tình yêu của Ngài như sương mát và làn gió nhẹ, ngọn lửa đau khổ của con được xoa dịu; và bằng khát khao hướng về Ngài, như một thứ ngọt ngào nào đó, nỗi đắng cay của những nỗi khổ này được làm dịu đi.

Nói như vậy trong tiếng thở dài và nước mắt, Eustathius đã đến một ngôi làng tên là Vadisis. Sau khi định cư ở đó, ông bắt đầu làm việc, làm thuê cho người dân địa phương để kiếm sống bằng sức lao động của chính mình. Ông làm việc và vất vả với công việc mà ông chưa quen và trước đó chưa từng biết đến. Sau đó, Evstafiy đã xin người dân ngôi làng ấy giao cho anh nhiệm vụ canh giữ lúa mì của họ, và họ trả cho anh một khoản tiền nhỏ. Anh đã sống ở ngôi làng ấy mười lăm năm trong cảnh nghèo khó tột cùng, khiêm nhường và đầy vất vả, đến nỗi phải đổ mồ hôi trán mới kiếm được miếng ăn. Còn những đức tính và công đức của anh, ai có thể miêu tả được? Ai cũng có thể đánh giá được chúng, nếu hình dung rằng giữa cảnh nghèo khó và cuộc sống lang thang ấy, ông không tập trung vào điều gì nhiều bằng việc cầu nguyện, ăn chay, rơi lệ, thức trắng đêm và thở dài từ tận đáy lòng, hướng đôi mắt và trái tim lên Thiên Chúa, mong chờ ân sủng từ lòng thương xót vô biên của Ngài. Còn các con của Eustathius thì được nuôi dưỡng không xa đó, tại một làng khác, nhưng ông không biết về chúng, và chính chúng cũng không biết về nhau, dù cùng sống trong một làng. Còn vợ ông, giống như Sara ngày xưa[6311] , đã được Thiên Chúa bảo vệ khỏi sự dâm đãng của người ngoại quốc ấy; chính vào lúc người đó cướp bà khỏi người chồng công chính, hắn đã bị bệnh tật hành hạ, và khi trở về quê hương, hắn đã chết, để lại người phụ nữ bị bắt làm tù nhân vẫn trong sạch, không hề chạm vào bà. Chúa đã bảo vệ người nữ tỳ trung thành của Ngài đến nỗi, dù đang ở giữa lưới bẫy, nàng vẫn không bị bắt giữ, mà như một con chim thoát khỏi lưới của những kẻ săn bắt: lưới đã bị phá vỡ, và nàng được giải cứu nhờ sự giúp đỡ của Đấng Tối Cao. Sau khi người ngoại quốc đó qua đời, người phụ nữ đức hạnh ấy đã trở nên tự do và sống trong bình an, không gặp tai ương, tự kiếm sống bằng công sức của đôi tay mình.

Vào thời điểm đó, các bộ tộc ngoại bang đang tiến hành chiến tranh chống lại La Mã và gây ra nhiều thiệt hại, chiếm đóng một số thành phố và vùng lãnh thổ[6312] . Vì vậy, hoàng đế Trajan vô cùng đau buồn và, khi nhớ đến vị tướng dũng cảm Plakidas của mình, đã nói:

– Nếu Plakida của chúng ta ở đây, thì kẻ thù sẽ không thể chế giễu chúng ta; vì ông ấy là nỗi kinh hoàng đối với kẻ thù, và chúng run sợ trước tên tuổi của ông, bởi ông dũng cảm và luôn chiến thắng trong các trận chiến.

Và hoàng đế cùng tất cả các quan đại thần của mình đều ngạc nhiên trước hoàn cảnh kỳ lạ rằng Plakida đã biến mất không rõ đi đâu cùng vợ và các con. Quyết định cử người đi tìm kiếm ông ta khắp vương quốc, Trajan nói với những người xung quanh:

– Ai tìm được Plakida cho ta, ta sẽ ban cho người ấy vinh dự lớn lao và nhiều phần thưởng.

Và lúc đó, hai chiến binh tốt bụng là Antiochus và Akakios, những người từng là bạn thân của Plakida và sống tại nhà ông, đã nói:

– Bệ hạ, xin hãy ra lệnh cho chúng tôi đi tìm người này, người mà cả vương quốc La Mã đang rất cần. Dù phải tìm kiếm ông ấy ở những vùng đất xa xôi nhất, chúng tôi cũng sẽ dốc hết sức mình.

Nhà vua rất vui mừng trước sự sẵn lòng của họ và lập tức sai họ đi tìm Plakida. Họ lên đường và đi qua không ít vùng đất, tìm kiếm vị tướng quân yêu quý của mình khắp các thành phố và làng mạc, đồng thời hỏi mọi

---

[6311] Tất nhiên, ở đây có một ví dụ tương tự nổi tiếng từ cuộc đời của tổ phụ Áp-ra-ham trong Cựu Ước và vợ ông là Sa-ra, ngay sau khi họ di cư đến xứ Ca-na-an. Khi Áp-ra-ham đến Ai Cập trong thời kỳ nạn đói, vì vẻ đẹp của Sa-ra, pharaoh đã muốn lấy nàng làm vợ, nhưng Đức Chúa Trời không cho phép điều đó xảy ra và đã giáng những hình phạt nặng nề xuống cả vua lẫn triều đình của ông ta vì Sa-ra (Sáng Thế Ký 12:11–20).

[6312] Điều này xảy ra không lâu trước khi Trajan qua đời, như có thể thấy từ chính câu chuyện. Từ lịch sử có thể thấy rằng vào thời điểm đó, các dân tộc châu Á khác nhau, vốn thuộc quyền cai trị của La Mã, đã nổi dậy chống lại sự thống trị của La Mã, và hoàng đế đang chuẩn bị cho cuộc chinh phạt Mesopotamia.

người họ gặp trên đường xem có ai từng thấy người đó ở đâu không. Cuối cùng, họ đến gần ngôi làng nơi Eustathius đang sống. Lúc đó, Evstafiy đang canh giữ lúa mì trên đồng ruộng. Thấy các chiến binh đang tiến về phía mình, anh bắt đầu quan sát họ kỹ lưỡng và, nhận ra họ từ xa, anh vui mừng khôn xiết và khóc vì hạnh phúc. Thở dài sâu thẳm hướng về Chúa trong thâm tâm, Evstafiy đứng trên con đường mà các chiến binh đó sẽ đi qua; còn họ, khi đến gần Evstafiy và chào hỏi ông, đã hỏi ông đây là ngôi làng nào và ai là chủ nhân của nó. Sau đó, họ bắt đầu hỏi xem có người lữ hành nào ở đây không, ở độ tuổi và ngoại hình như thế này, tên là Plakida.

Eustathius hỏi họ:

– Các anh tìm anh ta để làm gì?

Họ trả lời:

– Anh ấy là bạn của chúng tôi, và chúng tôi đã lâu không gặp anh ấy, cũng không biết anh ấy đang ở đâu cùng với vợ và các con. Nếu ai đó cho chúng tôi biết tin về anh ấy, chúng tôi sẽ tặng người đó rất nhiều vàng.

Eustathius nói với họ:

– Tôi không biết ông ấy và cũng chưa bao giờ nghe nói đến Plakid. Tuy nhiên, thưa các ngài, xin mời các ngài vào làng và nghỉ ngơi tại túp lều của tôi, vì tôi thấy các ngài và ngựa của các ngài đã mệt mỏi sau chặng đường dài. Vậy nên, hãy nghỉ ngơi tại đây, rồi sau đó các ngài có thể hỏi thăm về người mà các ngài đang tìm kiếm từ những ai biết ông ấy.

Các chiến binh nghe theo lời Eustathius, đi cùng ông vào làng; nhưng họ không nhận ra ông; còn ông thì nhận ra họ rất rõ, đến nỗi suýt khóc, nhưng đã kìm lại được. Trong ngôi làng đó có một người tốt bụng, và Evstafiy đã được trú ngụ tại nhà ông ta. Anh dẫn các chiến binh đến gặp người này, xin ông ta tiếp đãi và cho họ ăn uống.

– Còn tôi, – anh nói thêm, – sẽ đền đáp cho ông bằng công sức của mình cho tất cả những gì ông chi tiêu để đãi họ, vì những người này là bạn của tôi.

Người đàn ông ấy, nhờ lòng tốt của mình, cũng như vì nghe theo lời thỉnh cầu của Evstafiy, đã tận tình chiêu đãi các vị khách. Còn Evstafiy thì phục vụ họ, mang thức ăn ra và dọn trước mặt họ. Lúc đó, anh chợt nhớ lại cuộc đời trước đây của mình, khi những người mà giờ đây anh đang phục vụ cũng từng phục vụ anh như vậy – và anh, bị chi phối bởi sự yếu đuối tự nhiên của bản chất con người, suýt nữa đã không kìm được nước mắt, nhưng anh đã giấu cảm xúc trước mặt các chiến binh để không bị nhận ra; vài lần anh bước ra khỏi túp lều, khóc một chút rồi lau nước mắt, sau đó lập tức quay trở vào, tiếp tục phục vụ họ như một nô lệ và một người dân thường. Còn các chiến binh, khi thường xuyên nhìn vào khuôn mặt anh ta, dần dần bắt đầu nhận ra anh ta và thì thầm với nhau: "Người này trông giống Plakida… chẳng lẽ đây thực sự là anh ta sao?.." Và họ nói thêm: "Chúng ta còn nhớ rằng Plakida có một vết thương sâu trên cổ, do anh ta bị thương trong chiến tranh. Nếu người đàn ông này có vết thương như vậy, thì quả thực chính là Plakida." Khi nhìn thấy vết thương đó trên cổ ông, các chiến binh lập tức nhảy bật dậy khỏi bàn, quỳ sấp xuống dưới chân ông, ôm chầm lấy ông và khóc nức nở vì vui sướng, nói với ông:

– Ngươi chính là Plakida mà chúng ta đang tìm kiếm! Ngươi chính là người được vua yêu mến, người mà ngài đã thương nhớ bấy lâu nay! Ngươi chính là tổng trấn La Mã, người mà tất cả các chiến binh đều thương tiếc!

Lúc đó, Eustathius nhận ra rằng thời khắc mà Chúa đã báo trước cho ông đã đến, thời khắc mà ông sẽ lấy lại chức tước ban đầu cùng vinh quang và danh dự xưa kia, và ông nói với các chiến binh:

– Hỡi các anh em, chính ta là người mà các ngươi đang tìm kiếm! Ta là Plakida, người mà các ngươi đã cùng chiến đấu chống lại kẻ thù trong suốt một thời gian dài. Ta là người từng là niềm vinh quang của La Mã, đáng sợ đối với các dân tộc ngoại bang, được các ngươi yêu mến, nhưng giờ đây lại trở thành một kẻ nghèo khổ, khốn cùng và không ai biết đến!

Niềm vui của họ thật lớn lao, và những giọt nước mắt của họ cũng tràn đầy hạnh phúc. Họ mặc cho Eustathius những bộ áo quần sang trọng như một vị tướng, trao cho ông bức thư của nhà vua và tha thiết xin ông hãy lập tức đến gặp nhà vua, nói rằng:

– Kẻ thù của chúng ta đã bắt đầu áp đảo chúng ta, và không ai dũng cảm bằng ngài, người có thể đánh bại và xua tan chúng!

Chủ nhà và cả gia đình ông, khi nghe điều đó, đều kinh ngạc và bối rối. Tin tức lan truyền khắp làng rằng ở đó đã xuất hiện một người vĩ đại. Tất cả cư dân trong làng đổ xô đến như chứng kiến một phép lạ lớn lao, và ngạc nhiên nhìn Evstafiy, người được mặc trang phục như một quan tổng trấn và đang nhận những vinh dự từ các chiến binh. Antiochus và Akakios kể cho dân chúng nghe về những chiến công của Plakida, về lòng dũng cảm, danh tiếng và phẩm chất cao quý của ông. Dân chúng, khi nghe nói rằng Eustathius là một quan tổng trấn La Mã dũng

cảm như vậy, đã ngạc nhiên và thốt lên: "Ôi, một người vĩ đại như vậy đã sống giữa chúng ta, phục vụ chúng ta với tư cách là một lính đánh thuê!" Và họ cúi đầu chào ông xuống đất, nói:

– Tại sao ngài không tiết lộ cho chúng tôi về nguồn gốc cao quý và địa vị của ngài, thưa ngài?

Chủ nhà cũ của Plakida, người mà ông từng ở nhờ, đã quỳ xuống dưới chân ông, van xin ông đừng giận mình vì sự thiếu tôn trọng từ phía ông ta. Và tất cả cư dân trong làng đều cảm thấy xấu hổ khi nghĩ rằng họ đã từng coi một con người vĩ đại như một người lính đánh thuê, như một nô lệ. Các chiến binh cho Eustathius lên ngựa và cùng ông trở về Rome, còn tất cả dân làng đều tiễn ông đi xa với những nghi lễ long trọng. Trên đường đi, Eustathius trò chuyện với các chiến binh, và họ hỏi ông về vợ con. Ông kể lại cho họ nghe từng chi tiết những gì đã xảy ra với mình, và họ đã khóc khi nghe về những biến cố đau thương đó. Đến lượt mình, họ cũng kể cho ông nghe rằng nhà vua đã buồn bã thế nào vì ông, và không chỉ riêng nhà vua, mà cả triều đình và các chiến binh cũng vậy. Trong khi trò chuyện như vậy, sau vài ngày họ đã đến được Rome, và các chiến binh báo tin cho nhà vua rằng họ đã tìm thấy Plakida – cùng với những chi tiết về việc đó. Nhà vua đã tiếp đón Plakida một cách long trọng, được vây quanh bởi tất cả các quan đại thần của mình, và vui mừng ôm chầm lấy ông, rồi hỏi han về mọi chuyện đã xảy ra với ông. Eustathius đã kể lại cho nhà vua nghe tất cả những gì đã xảy ra với ông, với vợ và các con của ông, và tất cả những người nghe đều cảm động. Sau đó, nhà vua đã khôi phục lại chức tước cũ cho Evstafiy và ban cho ông một gia tài lớn hơn cả những gì ông từng sở hữu trước đây. Toàn bộ thành Rome đều vui mừng trước sự trở về của Evstafiy. Nhà vua đã yêu cầu ông dẫn quân ra trận chống lại các bộ tộc ngoại bang, dùng sự dũng cảm của mình để bảo vệ Rome khỏi sự xâm lược của chúng, đồng thời trả thù cho việc chúng đã chiếm đoạt một số thành phố. Sau khi tập hợp tất cả các chiến binh, Eustathius nhận thấy số lượng không đủ cho cuộc chiến như vậy; vì vậy, ông đề nghị nhà vua ban chiếu chỉ đến tất cả các vùng trong vương quốc, huy động những thanh niên đủ điều kiện phục vụ quân sự từ các thành phố và làng mạc, rồi đưa họ về Rome; và điều này đã được thực hiện. Vua đã ban chiếu chỉ, và rất nhiều thanh niên trẻ trung, khỏe mạnh, đủ điều kiện tham chiến đã được tập hợp tại Rome. Trong số đó, hai con trai của Eustathius là Agapius và Theopistus cũng được đưa đến Rome; lúc bấy giờ, họ đã trưởng thành, có khuôn mặt đẹp đẽ, vóc dáng cao lớn và sức mạnh dẻo dai. Khi họ được đưa đến Rome, và quan tổng trấn nhìn thấy họ, ông đã rất yêu mến họ, bởi bản năng làm cha đã khiến ông bị thu hút bởi những đứa trẻ, và ông cảm thấy một tình yêu mãnh liệt dành cho họ. Dù ông không biết rằng họ là con mình, nhưng ông vẫn yêu thương họ như con ruột, và họ luôn ở bên ông, cùng ngồi chung bàn ăn với ông, vì họ rất được lòng ông. Sau đó, Evstafiy ra trận chống lại các bộ tộc ngoại bang và đã đánh bại họ nhờ sức mạnh của Chúa Kitô. Ông không chỉ giành lại các thành phố và vùng đất mà chúng đã chiếm đoạt, mà còn chinh phục toàn bộ lãnh thổ của kẻ thù, và đánh bại hoàn toàn quân đội của chúng. Được củng cố bởi sức mạnh của Chúa, ông đã thể hiện sự dũng cảm còn lớn lao hơn trước đây, và giành được một chiến thắng rực rỡ chưa từng có trong lịch sử.

Khi cuộc chiến kết thúc, và Eustathius đang trên đường trở về quê hương trong hòa bình, ngài tình cờ ghé qua một ngôi làng nằm ở một nơi phong cảnh hữu tình bên bờ sông. Vì nơi này thuận tiện để dừng chân, nên Eustathius cùng các chiến binh của mình đã ở lại đó ba ngày: bởi vì Đức Chúa Trời đã muốn cho người tôi tớ trung thành của Ngài được gặp lại vợ và các con, và để những người đã ly tán được đoàn tụ lại thành một. Vợ ông sống chính tại ngôi làng đó, có một khu vườn, nhờ đó bà kiếm sống một cách vất vả. Theo sự an bài của Đức Chúa Trời, Agapius và Theopist, không biết gì về mẹ mình, đã dựng lều gần khu vườn của bà; được nuôi dưỡng trong cùng một ngôi làng, họ chung một chiếc lều và yêu thương nhau như anh em ruột thịt. Họ không biết rằng mình là anh em ruột, nhưng dù không hay biết về mối quan hệ huyết thống gần gũi đó, họ vẫn dành cho nhau tình yêu thương anh em. Cả hai thường nằm nghỉ ngơi gần khu vườn của mẹ mình, không xa nơi đóng quân của vị tướng quân. Một ngày nọ, vào khoảng giữa trưa, mẹ họ đang làm việc trong vườn thì nghe thấy cuộc trò chuyện giữa Agapios và Theopistus, lúc đó hai người đang nghỉ ngơi trong lều của mình. Cuộc trò chuyện của họ diễn ra như sau: họ hỏi nhau về nguồn gốc của mỗi người, và người anh cả nói:

– Tôi còn nhớ lờ mờ rằng cha tôi từng là thống đốc ở Rome, và tôi không biết tại sao ông lại rời khỏi thành phố này cùng mẹ tôi, mang theo tôi và em trai út của tôi (chúng tôi có hai anh em). Tôi còn nhớ rằng chúng tôi đã đi đến biển và lên tàu. Sau đó, trong chuyến đi biển, khi tàu cập bến, cha chúng tôi bước xuống tàu, và chúng tôi cùng em trai cũng theo ông, còn mẹ chúng tôi, không biết vì lý do gì, lại ở lại trên tàu. Tôi cũng nhớ rằng cha đã khóc thảm thiết vì mẹ, chúng tôi cũng khóc theo ông, và ông tiếp tục hành trình trong tiếng khóc. Khi chúng tôi đến gần con sông, cha đặt tôi xuống bờ, còn em trai út của tôi, ông vác lên vai và mang sang bờ đối diện. Sau khi đưa em trai

qua sông và đi theo tôi, một con sư tử lao đến, tóm lấy tôi và mang tôi vào sa mạc; nhưng những người chăn cừu đã cứu tôi khỏi nó, và tôi được nuôi dưỡng tại ngôi làng mà anh biết.

Lúc đó, em trai tôi vội vàng đứng dậy, lao vào ôm chầm lấy cổ anh với những giọt nước mắt vui sướng, nói:

– Quả thật anh là anh trai em, vì em cũng nhớ tất cả những điều anh kể, và chính em đã tận mắt chứng kiến lúc con sư tử bắt cóc anh, còn lúc đó em thì bị con sói mang đi, nhưng những người nông dân đã cứu em khỏi nó.

Khi nhận ra mối quan hệ huyết thống, hai anh em vô cùng vui mừng và ôm hôn nhau, rơi những giọt nước mắt hạnh phúc. Còn mẹ của họ, nghe thấy cuộc trò chuyện ấy, đã ngạc nhiên và ngước mắt lên trời với tiếng thở dài và nước mắt, vì bà đã tin chắc rằng họ thực sự là con của mình, và trái tim bà tràn ngập sự ngọt ngào và niềm vui sau bao nỗi buồn cay đắng. Tuy nhiên, là một người phụ nữ khôn ngoan, bà không dám đến gặp họ và tiết lộ thân phận của mình nếu chưa có tin tức chắc chắn hơn, bởi bà là một người nghèo khổ, mặc quần áo rách rưới, trong khi họ lại là những chiến binh nổi tiếng và oai phong. Và bà quyết định đến gặp vị tướng quân để xin phép được trở về Rome cùng với quân đội của ông: bà hy vọng rằng ở đó, bà sẽ dễ dàng hơn trong việc tiết lộ thân phận với các con trai mình, cũng như tìm hiểu xem chồng bà còn sống hay đã qua đời. Bà đến gặp vị tướng quân, đứng trước mặt ông, cúi đầu chào và nói:

– Xin ngài, thưa ngài, hãy ra lệnh cho tôi được theo đoàn quân của ngài về Rôma; vì tôi là người Rôma và đã bị những kẻ ngoại tộc bắt làm tù binh đưa đến vùng đất này – đã được mười sáu năm rồi; và giờ đây, dù đã được tự do, tôi vẫn lang thang ở xứ người và phải chịu cảnh nghèo khổ tột cùng.

Eustathius, nhờ lòng nhân từ, ngay lập tức đồng ý với lời thỉnh cầu của nàng và cho phép nàng an toàn trở về quê hương. Lúc đó, người vợ ấy, khi nhìn vị tổng trấn, hoàn toàn tin chắc rằng ông chính là chồng mình, và đứng đó trong sự ngạc nhiên, như thể đang mê man. Nhưng Eustathius lại không nhận ra vợ mình. Còn nàng, khi bất ngờ đón nhận niềm vui này nối tiếp niềm vui khác, giống như trước đây nỗi buồn này nối tiếp nỗi buồn khác, trong lòng nàng thở dài cầu nguyện với Chúa và sợ hãi không dám tiết lộ thân phận với chồng mình rằng nàng chính là vợ ông; bởi vì ông đang ở trong vinh quang rực rỡ và được bao quanh bởi vô số cận thần; còn nàng thì giống như một người ăn mày khốn cùng nhất. Và bà rời khỏi lều của ông, cầu nguyện với Chúa và Đức Chúa Trời của mình, xin Ngài tự mình sắp xếp để chồng và các con nhận ra bà. Sau đó, bà chọn một thời điểm thuận tiện hơn, lại bước vào gặp Eustathius và đứng trước mặt ông. Còn ông, sau khi nhìn bà, hỏi:

– Bà già ơi, bà còn muốn xin gì ở ta nữa?

Bà cúi đầu chào ông đến tận đất và nói:

– Tôi xin ngài, thưa ngài, xin đừng giận tôi, người tôi tớ của ngài, vì tôi muốn hỏi ngài về một việc. Xin ngài hãy kiên nhẫn và lắng nghe tôi.

Ông nói với bà:

– Được rồi, hãy nói đi.

Rồi bà bắt đầu lời nói của mình như sau:

– Chẳng phải ngài là Plakida, người đã được đặt tên là Eustathius trong lễ rửa tội sao? Chẳng phải ngài là người đã nhìn thấy Chúa Kitô trên thập giá giữa những chiếc sừng hươu sao? Chẳng phải ngài là người đã rời khỏi Roma cùng vợ và hai con, Agapius và Theopistus, vì Chúa Trời sao? Chẳng phải chính ngài là người đã bị một người lạ cướp mất vợ trên con tàu sao? Chính Chúa Kitô, Đấng mà vì Ngài tôi đã phải chịu nhiều tai ương, là nhân chứng trung thành của tôi trên trời, chứng thực rằng tôi là vợ của anh, và nhờ ân sủng của Chúa Kitô, tôi đã được bảo vệ khỏi sự sỉ nhục; vì chính vào giờ phút người lạ mặt ấy cướp tôi khỏi anh, hắn đã chết, bị trừng phạt bởi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, còn tôi vẫn giữ được sự trong sạch, và giờ đây đang lâm vào cảnh khốn khó và lang thang.

Nghe xong tất cả những điều này, Eustathius như vừa tỉnh giấc ngủ và ngay lập tức nhận ra vợ mình, đứng dậy ôm lấy nàng, và cả hai cùng khóc nức nở vì niềm vui vô bờ bến. Eustathius nói:

– Hãy ngợi khen và tạ ơn Đấng Christ, Đấng Cứu Rỗi của chúng ta, Đấng đã không bỏ rơi chúng ta bằng lòng thương xót của Ngài, mà như đã hứa sẽ an ủi chúng ta sau những nỗi đau khổ, thì Ngài đã làm đúng như vậy!

Và họ đã tạ ơn Thiên Chúa với biết bao giọt nước mắt vui sướng. Sau đó, khi Evstafiy ngừng khóc, người vợ hỏi ông:

– Con cái chúng ta đâu rồi?

Ông thở dài sâu thẳm rồi đáp:

– Chúng đã bị thú dữ ăn thịt rồi.

Lúc đó, vợ ông nói với ông:

– Đừng buồn, chồng ơi! Chúa đã giúp chúng ta tình cờ tìm thấy nhau, thì Ngài cũng sẽ giúp chúng ta tìm thấy các con của chúng ta.

Anh ta nói với cô:

– Chẳng phải tôi đã nói với em rằng chúng đã bị thú dữ ăn mất rồi sao?

Cô ấy liền kể lại cho anh ta nghe tất cả những gì cô đã nghe được trong vườn nhà mình khi đang làm việc vào ngày hôm trước – tất cả những lời đối thoại giữa hai chiến binh trong lều, từ đó cô biết rằng họ chính là con trai của họ.

Eustathius lập tức gọi hai chiến binh đó đến và hỏi họ:

– Các anh có nguồn gốc từ đâu? Sinh ra ở đâu? Lớn lên ở đâu?

Lúc đó, người lớn tuổi nhất trong số họ trả lời như sau:

– Thưa ngài, chúng tôi mồ côi cha mẹ từ khi còn nhỏ nên hầu như không nhớ gì về thời thơ ấu. Tuy nhiên, chúng tôi nhớ rằng cha chúng tôi từng là một tướng quân La Mã, giống như ngài, nhưng chúng tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với cha mình, và tại sao ông lại rời Rome vào ban đêm cùng mẹ chúng tôi và hai anh em chúng tôi; chúng tôi cũng không biết tại sao, khi chúng tôi vượt biển trên con tàu đó, mẹ chúng tôi lại ở lại trên con tàu ấy. Còn cha chúng tôi, vừa khóc thương bà vừa dẫn chúng tôi đến một con sông. Vào lúc ấy, khi cha đang bế từng đứa chúng tôi qua sông và đang ở giữa dòng, chúng tôi bị thú dữ bắt đi: tôi bị sư tử bắt, còn anh trai tôi bị sói bắt. Nhưng cả hai chúng tôi đều được cứu khỏi thú dữ: tôi được những người chăn cừu cứu và nuôi dưỡng, còn anh trai tôi được những người nông dân cứu.

Nghe vậy, Ê-vusta-fi và vợ ông nhận ra các con mình, liền ôm chầm lấy chúng và khóc lóc rất lâu. Và có một niềm vui lớn lao trong trại quân của Ê-vusta-fi, giống như ngày xưa ở Ai Cập, khi các anh em nhận ra Giô-sép (Sáng Thế Ký 45:1–15). Tin tức về việc tìm thấy vợ và con cái của vị tướng quân đã lan truyền khắp các trung đoàn, và tất cả các binh sĩ đều hân hoan tụ họp lại với nhau, cả quân đội tràn ngập niềm vui sướng. Họ không vui mừng vì những chiến thắng bằng niềm vui trước sự kiện hạnh phúc này. Chúa đã an ủi các tôi tớ trung thành của Ngài như vậy, vì Ngài là *"Đức Giê-hô-va làm cho chết và làm cho sống… Chúa làm cho người ta nghèo và làm cho người ta giàu có"* (1 Sa-mu-ên 2:6–7), Ngài hạ người ta xuống trong đau buồn và nâng người ta lên trong niềm vui và sự hân hoan. Và lúc đó, Êu-sta-phi-ô có thể nói với Đa-vít: *"Hãy đến, hãy lắng nghe, hỡi tất cả những ai kính sợ Đức Chúa Trời, và tôi sẽ loan báo [cho các bạn] những điều Ngài đã làm cho linh hồn tôi.* Tôi sẽ nhắc lại những ân huệ Ngài đã ban cho tôi. *Tay phải của Chúa cao cả, tay phải của Chúa làm nên sức mạnh!"* (Thi Thiên 65:16, 10:16, 117:16).

Trong khi Eustathius đang trên đường trở về từ chiến trường, với niềm vui nhân đôi: vừa vì chiến thắng, vừa vì đã tìm lại được vợ con, thì trước khi ông kịp đến Rome, hoàng đế Trajan đã qua đời; người kế vị ông là Hadrian, một vị hoàng đế rất tàn bạo, căm ghét những người lương thiện và đàn áp những người sùng đạo. Sau khi Evstafiy tiến vào Rome trong một lễ đón tiếp long trọng, theo thông lệ của các tướng lĩnh La Mã, ông dẫn theo nhiều tù binh và được bao quanh bởi chiến lợi phẩm phong phú, thì hoàng đế cùng toàn thể người La Mã đã tiếp đón ông với sự tôn kính[6313] , và lòng dũng cảm của ông càng được ca ngợi hơn trước, và mọi người đều kính trọng ông hơn trước đây. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng không muốn các tôi tớ của Ngài được tôn kính và ca ngợi trong thế giới đầy biến động và bất ổn này bằng sự tôn kính hão huyền và tạm bợ, vì Ngài đã chuẩn bị cho họ trên trời vinh quang và danh dự vĩnh cửu và bất diệt, – đã chỉ cho Eustathius con đường tử đạo, vì chẳng bao lâu sau, Ngài lại gửi đến cho ông sự sỉ nhục và đau khổ, mà ông đã vui vẻ chịu đựng vì Chúa Kitô. Hạ đế Hadrian độc ác muốn dâng lễ tế cho ma quỷ, để tạ ơn vì chiến thắng trước kẻ thù. Khi ông ta cùng các quan đại thần bước vào đền thờ thần tượng, Eustathius không theo họ vào, mà ở lại bên ngoài. Hoàng đế hỏi ông:

– Tại sao ngươi không muốn vào đền thờ cùng chúng ta để thờ lạy các vị thần? Chẳng phải ngươi là người đầu tiên nên dâng lời tạ ơn họ sao, vì họ không chỉ giữ cho ngươi an toàn và vô sự trong chiến tranh, ban cho ngươi chiến thắng, mà còn giúp ngươi tìm được vợ và con cái của ngươi.

Eustathius đáp:

[6313] Tức là, theo phong tục La Mã, người ta đã tổ chức cho Placidus một lễ "triumph" (chiến thắng), hay một buổi đón tiếp long trọng và lộng lẫy, dành cho vị tướng quân – người chiến thắng – được vinh danh.

– Tôi là người Kitô hữu và biết Đức Chúa Trời Duy Nhất của tôi là Chúa Giêsu Kitô; tôi tôn kính, tạ ơn và thờ phượng Ngài. Vì chính Ngài đã ban cho tôi mọi điều: sức khỏe, chiến thắng, người vợ và các con. Còn những thần tượng điếc, câm, vô lực thì tôi sẽ không thờ phượng.

Và Eustathius trở về nhà mình. Nhà vua nổi giận và bắt đầu suy tính xem nên trừng phạt Eustathius thế nào vì đã xúc phạm các vị thần của mình. Đầu tiên, ông tước bỏ chức vụ tổng trấn của ông ta và triệu tập ông ta ra tòa như một thường dân, cùng với vợ và các con của ông ta, rồi khuyên nhủ họ dâng lễ vật cho các thần tượng; nhưng vì không thể thuyết phục được họ làm điều đó, ông đã kết án họ cho thú dữ ăn thịt. Và thế là Thánh Evstafiy, vị chiến binh vinh quang và dũng cảm này, đã bước vào đấu trường, bị kết án tử hình cùng với vợ và các con trai của mình. Nhưng ngài không hề hổ thẹn trước sự sỉ nhục này, cũng không sợ chết vì Chúa Kitô, Đấng mà ngài đã tận tụy phụng sự, công khai xưng danh thánh của Ngài trước mặt mọi người. Ngài đã khích lệ cả người vợ thánh thiện lẫn các con của mình, để họ không sợ hãi cái chết vì Chúa, Đấng ban sự sống cho muôn loài; và họ bước vào cái chết như đến một bữa tiệc, khích lệ lẫn nhau bằng niềm hy vọng vào phần thưởng trong tương lai. Những con thú dữ được thả ra để tấn công họ, nhưng chúng không hề đụng đến họ, bởi vì mỗi khi có con thú nào tiến lại gần, nó lập tức quay đầu lùi lại, cúi đầu trước mặt họ. Những con thú đã dịu bớt cơn thịnh nộ, còn nhà vua thì càng thêm phẫn nộ và ra lệnh đưa họ vào ngục tối. Và vào ngày hôm sau, ông ra lệnh nung đỏ con bò đồng và ném Thánh Eustathius cùng vợ và các con của ngài vào đó[6314] . Nhưng con bò đồng nung đỏ này đối với các thánh tử đạo cũng giống như lò lửa của người Chaldea được làm mát bằng sương mai đối với các thiếu niên thánh (Đan. 3:21). Khi ở trong con bò đồng đó, các thánh tử đạo đã cầu nguyện, phó thác linh hồn mình cho Đức Chúa Trời và bước vào Nước Trời. Ba ngày sau, Adrian đến gần con bò đồng đó, muốn xem tro tàn của các thánh tử đạo đã bị thiêu đốt; khi mở cửa lò ra, những kẻ tra tấn thấy thi thể các ngài vẫn nguyên vẹn và không hề hấn gì, không một sợi tóc nào trên đầu các ngài bị cháy, còn khuôn mặt các ngài trông như những người đang ngủ và toát lên vẻ đẹp kỳ diệu. Toàn thể dân chúng có mặt tại đó đã đồng thanh reo lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Vua xấu hổ quay trở về cung điện của mình, và toàn thể dân chúng trách móc ông vì lòng độc ác – rằng ông đã vô cớ kết án tử hình một quan tổng trấn vô cùng cần thiết cho La Mã. Còn các Kitô hữu, sau khi rước thi hài thánh thiện của các thánh tử đạo, đã an táng họ[6315] , ngợi khen Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài, Cha và Con và Thánh Thần; xin dâng lên Ngài từ tất cả chúng con sự tôn kính, vinh quang và thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Bằng cách noi gương những cuộc khổ nạn của Chúa Kitô, và uống cạn chén của Ngài một cách tận tụy, ngài, Eustathius, đã trở thành người đồng hành và người thừa kế vinh quang, nhận lãnh từ chính Thiên Chúa Tối Cao ân sủng thiêng liêng từ trên cao.

[6314] "Các Cuốn Sách Lễ Lớn" của Đức Tổng Giám mục Makari còn bổ sung thêm những chi tiết sau đây, mà Thánh Dimitri Rostovski không đề cập đến. Khi các thánh tử đạo tiến gần đến nơi hành hình khủng khiếp, họ giơ tay lên trời và dâng lên Chúa một lời cầu nguyện nồng nhiệt, như thể đang chiêm ngưỡng một hiện tượng nào đó trên trời, điều này thể hiện rõ qua những lời đầu tiên trong lời cầu nguyện của họ. Lời cầu nguyện đó như sau: "Lạy Chúa, Đấng Toàn Năng, Đấng vô hình đối với mọi người nhưng lại hiển hiện trước mắt chúng con! Xin hãy lắng nghe chúng con, những kẻ đang cầu nguyện cùng Ngài, và xin hãy nhận lấy lời cầu nguyện cuối cùng của chúng con. Nay chúng con đã đoàn tụ, và Ngài đã ban cho chúng con được chia sẻ số phận của các thánh Ngài; như ba thiếu niên bị ném vào lửa tại Babylon mà Ngài không từ chối, thì nay xin Ngài cũng ban cho chúng con được qua đời trong ngọn lửa này, để Ngài vui lòng đón nhận chúng con như một của lễ đẹp lòng. Xin Ngài, lạy Chúa là Đức Chúa Trời, ban cho mọi người nhớ đến chúng con được hưởng phần trong Nước Trời; xin biến cơn thịnh nộ của ngọn lửa này thành sự mát mẻ và xin cho chúng con được qua đời trong đó. Chúng con còn cầu xin Ngài, lạy Chúa: xin cho thân xác chúng con đừng bị chia lìa, nhưng được an nghỉ cùng nhau". Đáp lại lời cầu nguyện này, tiếng nói thiêng liêng từ trời vang lên: "Hãy để mọi sự xảy ra như các con đã xin! Và các con sẽ được ban cho nhiều hơn nữa, vì các con đã chịu đựng nhiều thử thách mà không bị khuất phục. Hãy ra đi trong bình an, hãy nhận lấy vương miện chiến thắng cho những đau khổ của các con, và an nghỉ muôn đời."

[6315] Xác thánh của Thánh Eustathius và gia đình ngài được an táng tại Rome, trong nhà thờ mang tên ngài.

Sự tử đạo của các thánh tử đạo Mi-khail, Công tước Chernigov, và quan đại thần của ngài là Feodor, những người đã chịu khổ vì tay Baty vô đạo

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 9

Khi ngươi thấy những cuộc hỗn loạn, chiến tranh hay những tai họa khác, đừng nghĩ rằng tất cả những điều này chỉ là hiện tượng đơn thuần, bình thường của thế giới tạm bợ này, hay xảy ra do một sự tình cờ nào đó; nhưng hãy biết rằng những tai họa được cho phép xảy ra theo ý muốn của Đức Chúa Trời toàn năng vì tội lỗi của chúng ta, để những kẻ phạm tội tỉnh ngộ và sửa đổi. Ban đầu, Chúa răn dạy chúng ta, những kẻ có tội, bằng những hình phạt nhẹ; nhưng nếu chúng ta không ăn năn, thì Ngài sẽ giáng xuống chúng ta những hình phạt nặng nề, như Ngài đã từng làm với dân Y-sơ-ra-ên. Vì Chúa đã cho phép điều gì xảy ra với những kẻ không chịu ăn năn trước những roi vọt của Đấng Christ? (Giăng 2:15) – "Ngài *sẽ đánh họ*," – Ngài phán, – *"bằng cây gậy sắt"* (Thi Thiên 2:9). Những hình phạt nhẹ mà Chúa cho phép xảy ra ban đầu bao gồm: nổi loạn, đói kém, cái chết bất ngờ, nội chiến và những điều tương tự. Nếu những kẻ tội lỗi vẫn không chịu tỉnh ngộ trước những hình phạt ấy, thì Chúa sẽ giáng xuống họ một cuộc xâm lược tàn bạo và khốc liệt của các dân ngoại, để ít nhất trong cơn hoạn nạn lớn lao này, con người có thể tỉnh ngộ và từ bỏ những con đường gian ác của mình – theo lời tiên tri: *"Khi Ngài giết họ, họ mới tìm kiếm Ngài"* (Thi Thiên 77:34). Điều đó cũng đã xảy ra với chúng ta, với toàn bộ đất nước Nga của chúng ta. Khi chúng ta, bằng tính cách xấu xa của mình, đã làm phật lòng lòng nhân từ của Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót và xúc phạm nặng nề đến lòng thương xót của Ngài, lại không muốn ăn năn, từ bỏ điều ác và làm điều thiện, – thì lúc đó, Đức Chúa Trời đã nổi giận với chúng ta bằng cơn thịnh nộ công chính của Ngài và quyết định trừng phạt chúng ta vì những tội ác của chúng ta bằng hình phạt tàn khốc nhất. Và thế là Ngài đã để cho những kẻ man rợ vô thần và tàn bạo, được gọi là người Tatar, cùng với vị vua vô đạo và bất chính nhất của họ là Baty[6316] , xâm lược chúng ta. Với số lượng vô số, chúng đã tấn công đất nước Nga[6317] , đánh bại các vị công tước Nga trung thành và đập tan quân đội của họ; chúng tàn phá tất cả các thành phố và biến đất nước Nga thành hoang tàn bằng gươm và lửa, vì không ai có thể chống lại những đạo quân vô thần đó, những kẻ mà Đức Chúa Trời đã phó chúng ta cho vì tội lỗi của chúng ta, Đấng đã từng phán qua vị tiên tri: *"Nếu các ngươi muốn và vâng lời, thì sẽ được hưởng những điều tốt lành của đất; còn nếu các ngươi từ chối và cứng lòng, thì gươm sẽ nuốt chửng các ngươi"* (Ê-sai 1:19–20). Những người Kitô hữu thoát khỏi gươm đao và sự bắt làm tù binh đã ẩn náu trong các ngọn núi và những sa mạc hoang vu; và toàn bộ đất nước Nga lúc bấy giờ trông thật thê thảm: những nơi trước đây có người sinh sống – thành phố và làng mạc – đã trở nên hoang vắng, còn những nơi trước đây là nơi cư ngụ của thú dữ, thì con người lại đến định cư, lánh nạn khỏi bọn man rợ.

Vào thời đó, có một người đạo đức và đáng kính tên là Mikhail, con trai của Vsevolod Chermny[6318] , công tước Chernigov. Từ thuở thiếu thời, ngài đã nổi bật bởi lối sống đạo đức; yêu mến Chúa Kitô, ngài phụng sự Ngài bằng cả trái tim – và mọi người đều thấy được lòng nhân ái của vị công tước: sự hiền lành, khiêm nhường, cách cư xử lịch thiệp với mọi người và lòng thương xót dành cho người nghèo. Luôn làm đẹp lòng Chúa bằng lời cầu nguyện và việc ăn chay, đồng thời trang điểm tâm hồn mình bằng mọi việc lành, Công tước Mikhail đã biến tâm hồn mình thành nơi ở tuyệt vời cho Chúa, Đấng Tạo Hóa của mình.

Vị hoàng tử đạo đức này có một quan đại thần được yêu mến, cũng đức hạnh như ngài, tên là Feodor; cùng với ông, Hoàng tử Mikhail đã chịu khổ vì tay Baty vô đạo, và đã hiến dâng linh hồn mình vì Chúa Kitô.

Khi Michael, vị công tước trung thành và yêu mến Chúa Kitô, đang cai trị Công quốc Kiev, Baty vô đạo đã cử quân Tatars của mình đến thăm dò thành phố Kiev. Những sứ giả này đã kinh ngạc trước sự vĩ đại và vẻ đẹp của thành phố Kiev, và khi trở về báo cáo với Baty, họ đã kể cho hắn nghe về thành phố lừng lẫy này. Lúc đó, Baty lại

---

[6316] Baty – cháu nội của Đại Hãn Thành Cát Tư Hãn, là một vị Hãn của người Tatar. Baty đã lập căn cứ của mình bên bờ sông Volga, đặt tên thủ đô là "Saray". Tại đây, Đế quốc của ông (Orda – trại quân của người Tatar) đã định cư, được biết đến với tên gọi Đế quốc Vàng hay Đế quốc Kipchak. Tuy nhiên, bản thân Baty không phải là vị lãnh chúa toàn quyền: ông lại phụ thuộc vào Đại Hãn, người thừa kế của Thành Cát Tư Hãn, người đang du mục cùng Đại Orda trong các sa mạc Trung Á, nơi nhiều công tước Nga đã đến để bày tỏ sự phục tùng đối với Đại Hãn.

[6317] Cuộc xâm lược của người Tatar vào lãnh thổ Nga diễn ra vào năm 1238.

[6318] Vsevolod, biệt danh là Chermnoi, công tước Chernigov, con trai của Đại công tước Kiev Sviatoslav Vsevolodovich. Từ năm 1210 đến năm 1214, Vsevolod cai trị Kiev; ông qua đời vào năm 1215.

cử các sứ giả đến gặp Mikhail với mục đích dùng lời ngọt ngào để thuyết phục vị công tước tự nguyện đầu hàng hắn. Công tước Mikhail, người có đức tin vững vàng, đã nhận ra rằng người Tatars muốn dùng mưu mô để chiếm thành phố và tàn phá nó: ngài đã nghe nói từ trước rằng những kẻ man rợ tàn bạo đó thậm chí còn giết chết cả những người tự nguyện đầu hàng họ mà không hề thương xót, vì vậy ngài đã ra lệnh xử tử các sứ giả của Baty. Ngay sau đó, Mikhail biết tin về sự tiến quân của một đạo quân Thát-đát khổng lồ, giống như đàn châu chấu, với số lượng khổng lồ (vì có tới 600.000 chiến binh), đã tràn vào đất Nga và chiếm đóng các thành phố được củng cố của nước này. Nhận thức được rằng Kiev không thể thoát khỏi tay kẻ thù đang tiến đến, Công tước Mikhail cùng với quý tộc Feodor đã chạy trốn sang Hungary[6319] để tìm kiếm sự giúp đỡ cho quê hương mình. Không nhận được sự trợ giúp này, Mikhail đã lang thang một thời gian ở xứ người; *"Hãy ẩn náu trong chốc lát, cho đến khi cơn giận qua đi"*[6320] (Ê-sai 26:20).

Sau khi Công tước Mikhail rời Kiev, các công tước Nga khác đã cai trị Công quốc Kiev, tuy nhiên, họ cũng không thể bảo vệ Kiev khỏi Baty, kẻ vô đạo. Khi dẫn toàn bộ quân đội của mình đến, Baty đã chiếm đóng Kiev, Chernihiv và các thành phố cùng công quốc được củng cố khác; tất cả đều bị tàn phá nặng nề bởi lửa và gươm. – Đó là vào năm 6748 kể từ khi thế giới được tạo dựng, và năm 1240 kể từ Giáng sinh của Chúa Kitô. – Lúc bấy giờ, thành phố Kiev nổi tiếng và vinh quang đã bị tàn phá hoàn toàn bởi tay những kẻ thù ghét Chúa Kitô; những công dân danh giá đã thiệt mạng dưới lưỡi gươm của bọn vô đạo – một số bị giết, số khác bị bắt làm tù binh. Các đền thờ uy nghi của Đức Chúa Trời đã bị ô uế và thiêu rụi, khiến lời của Đa-vít trở thành sự thật: *"Lạy Đức Chúa Trời! Dân ngoại đã xâm chiếm cơ nghiệp của Ngài, làm ô uế đền thờ thánh của Ngài, biến Giê-ru-sa-lem thành đống đổ nát; xác của các tôi tớ Ngài đã bị ném cho chim trời ăn, thi thể các thánh của Ngài – cho thú vật trên đất; máu của họ đã bị đổ ra như nước xung quanh Giê-ru-sa-lem, và không ai chôn cất họ"* (Thi Thiên 78:1–3).

Hoàng tử Mikhail, lúc bấy giờ đang lưu lạc xa xứ, khi nghe tin về mọi chuyện đang diễn ra trên đất Nga, đã khóc than thảm thiết cho những anh em đồng đạo của mình và sự hoang tàn của quê hương. Chẳng bao lâu sau, Mikhail được biết rằng những cư dân thành thị, số ít người may mắn thoát khỏi lưỡi gươm và cảnh bị bắt làm tù binh, đã được vị vua vô đạo ra lệnh cho họ được sống an toàn tại nơi ở của mình, nhưng với điều kiện họ phải nộp cống nạp cho ông ta. Và nhiều vị công tước Nga, những người đã chạy trốn đến những vùng đất xa xôi và lạ lẫm, khi nghe tin này, đã bắt đầu trở về quê hương. Sau khi cúi đầu trước vị vua vô đạo, họ trở lại nắm giữ các công quốc của mình và, bằng cách nộp cống nạp cho Baty, họ định cư lại trong những thành phố đã bị tàn phá của mình. Công tước sùng đạo Mikhail cũng trở về sau cuộc lưu lạc cùng với quan đại thần Feodor và toàn bộ thuộc hạ của mình, chấp nhận thà nộp cống phẩm cho vị vua vô đạo và sống ít nhất là trên quê hương hoang vắng của mình, còn hơn là làm kẻ lưu vong trên đất người. Ban đầu, ông đến Kiev và ở đây đã khóc nức nở khi thấy những nơi thánh thiêng trở nên hoang vắng, còn nhà thờ Pechersk[6321] – nơi được ví như thiên đường – đã bị tàn phá đến tận nền móng. Sau đó, Mikhail lên đường đến Chernihiv. Vừa mới kịp nghỉ ngơi sau chuyến đi, thì người Tatar, nghe tin ông trở về, đã từ trại của Batu đến và bắt đầu triệu tập ông (cũng như các công tước Nga khác) đến gặp vua của họ, nói rằng:

– Các ngài không thể sống trên đất của Baty mà không quỳ lạy ngài ấy. Vậy thì, hãy đi – quỳ lạy ngài ấy và trở thành thần dân của ngài ấy – rồi sau đó các ngài mới được ở lại trong nhà của mình.

[6319] Hungary (tiếng Slav: Ugria) – một vương quốc, là lãnh thổ chính của Đế chế Áo-Hung. Rostislav, con trai của Mikhail Chernigov, đã kết hôn với con gái của vua Bela của Hungary. Với hy vọng tìm được một đồng minh trung thành trong người thân, Công tước Mikhail đã khẩn khoản thỉnh cầu nhà vua cùng hợp lực nổi dậy chống lại kẻ thù chung, nhưng không thuyết phục được ông ta cũng như những người khác mà ông đã tìm đến xin giúp đỡ.

[6320] Tại đoạn này, tiên tri Ê-sai kêu gọi hãy kiên nhẫn chịu đựng những tai họa nặng nề, vì những tai họa này là hậu quả của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đối với sự bất kính của dân chúng. *"Hãy ẩn náu," tiên tri nói, "trong một thời gian ngắn, cho đến khi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời qua đi*."

[6321] Nhà thờ Đức Mẹ Kiev-Pechersk được thành lập bởi các vị thánh cha – Antony và Theodosius Pechersky – vào năm 1073, dưới thời Giám mục Michael, vào thời kỳ của Công tước Sviatoslav Yaroslavich, người có đức tin vững vàng. Việc xây dựng nhà thờ, bắt đầu trong bối cảnh nhiều phép lạ và điềm báo, tiếp tục dưới thời các vị tu viện trưởng Thánh Stefan và Thánh Nikon, và hoàn thành dưới thời tu viện trưởng Ioann. Vẻ đẹp và sự lộng lẫy của ngôi thánh đường này đã khiến những người đương thời kinh ngạc. Nội thất của nó rực rỡ với vàng và tranh khảm, thu hút ánh nhìn bởi những bức tranh thánh. Sàn nhà được lát bằng đá nhiều màu xếp thành những hoa văn đẹp mắt. Phần mái của nhà thờ được mạ vàng; cây thánh giá đặt trên mái vòm chính được rèn từ vàng nguyên chất; vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi những người đương thời gọi Nhà thờ Pechersk là "giống như thiên đàng" và cho rằng nó là niềm vinh quang và niềm tự hào của toàn cõi đất Nga.

Vị vua vô đạo đó có một phong tục như sau: nếu có vị công tước Nga nào đến triều kiến ngài, thì các pháp sư và thầy tế Tatar sẽ ép họ phải đi qua ngọn lửa[6322] , còn nếu có vị công tước nào mang theo lễ vật dâng lên vua, thì các pháp sư sẽ lấy một phần nhỏ từ tất cả những lễ vật đó và ném vào lửa như một lễ vật hiến tế. Sau khi buộc họ đi qua ngọn lửa, họ còn ép buộc họ phải thờ lạy mặt trời, bụi cây và các thần tượng – và chỉ sau đó mới cho phép họ vào gặp vua. Nhiều vị công tước Nga, vì sợ vua và để giữ vững vương quốc của mình, đã tuân theo tất cả những điều này: đi qua lửa, thờ lạy các thần tượng – và nhờ đó nhận được từ vua những gì họ xin.

Nghe tin rằng nhiều vị công tước Nga, bị mê hoặc bởi vinh quang trần thế, đã thờ lạy các thần tượng, vị công tước đạo đức Mikhail vô cùng đau buồn vì điều đó và, vì lòng ghen tị với Chúa Trời, đã quyết tâm đến gặp vị vua bất chính và xảo quyệt nhất trong tất cả mọi người, để can đảm xưng nhận Đức Kitô trước mặt ông ta và đổ máu mình vì Chúa. Sau khi ấp ủ ý định này và lòng tràn đầy nhiệt huyết, Mikhail đã triệu tập vị cố vấn trung thành của mình, Boyar Feodor, và kể cho ông nghe về ý định của mình. Người này, vốn là người sùng đạo và kiên định trong đức tin, đã tán thành quyết định của chủ nhân và hứa sẽ không rời bỏ ngài cho đến khi ngài qua đời, và cùng với ngài dâng hiến linh hồn mình vì Chúa Kitô. Sau cuộc bàn bạc đó, họ đã quyết tâm vững chắc, không hề thay đổi ý định, sẽ ra đi và hy sinh vì việc tuyên xưng Đức Giêsu Kitô. Ngay lập tức, họ đến gặp cha linh hướng của mình, tên là Gioan, để báo cho ngài biết điều này. Khi đến gặp ngài, hoàng tử nói:

– Thưa cha, con muốn đến gặp nhà vua, giống như tất cả các hoàng tử Nga khác.

Vị linh mục, nghe những lời ấy với lòng đau buồn và thở dài sâu sắc, nói:

– Đã có nhiều vị công tước đến đó và đã đánh mất linh hồn mình, khi tuân theo ý muốn của Baty và quỳ lạy lửa, mặt trời cùng các thần tượng khác; và ngươi, Mikhail, nếu muốn, hãy đi trong bình an, nhưng ta chỉ khẩn cầu ngươi – đừng bắt chước họ và đừng làm những điều họ đã làm để giữ quyền lực trần gian: đừng đi qua ngọn lửa của những kẻ vô đạo và đừng thờ lạy các vị thần ghê tởm của họ, vì chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất của chúng ta, là Chúa Giê-su Ki-tô; cũng đừng nếm bất cứ thứ gì trong những món ăn dơ bẩn dâng cho thần tượng, để ngươi không làm hư mất linh hồn mình.

Hoàng tử cùng quan đại thần đáp lại:

– Chúng tôi muốn đổ máu mình vì Đấng Christ và hiến dâng linh hồn mình cho Ngài, để trở thành của lễ đẹp lòng Ngài.

Nghe vậy, Gioan vui mừng trong lòng và nhìn họ với ánh mắt hân hoan, rồi nói:

– Nếu các ngươi làm như vậy, các ngươi sẽ được phúc lành, và trong thế hệ cuối cùng này, các ngươi sẽ được gọi là các vị tử đạo mới.

Sau đó, sau khi giảng dạy cho họ những lời dạy từ Phúc Âm và các sách thánh khác được Thánh Thần soi dẫn, ngài ban Thánh Thể và Máu Thánh của Chúa Kitô cho vị công tước và quan đại thần, ban phước lành cho họ và nói:

– Nguyện Chúa Trời củng cố các ngươi và ban cho các ngươi ân sủng của Thánh Thần, để các ngươi vững vàng trong đức tin, can đảm trong việc xưng danh Chúa Kitô và dũng cảm trong đau khổ, và nguyện Vua Trời ghi tên các ngươi vào hàng ngũ các vị thánh tử đạo đầu tiên.

Sau đó, Mikhail và Feodor trở về nhà; sau khi hoàn tất mọi sự chuẩn bị cần thiết cho chuyến đi và từ biệt những người thân trong gia đình, họ vội vã lên đường với lời cầu nguyện dâng lên Thiên Chúa, lòng tràn đầy tình yêu nồng nàn dành cho Ngài và khao khát vương miện tử đạo: *"Như con nai khao khát suối nước, linh hồn con cũng khao khát Ngài, lạy Thiên Chúa!"* (Thánh Vịnh 41:2).

Khi họ đến nơi mà vị vua vô thần Bát-tê đang ở, việc họ đến ngay lập tức được báo cáo cho ông ta. Sau khi triệu tập các nhà chiêm tinh và các thầy tế lễ của mình, Baty ra lệnh cho họ dẫn Công tước Chernigov đi qua ngọn lửa theo phong tục, buộc ông phải quỳ lạy các thần tượng, rồi mới đưa ông vào yết kiến mình. Khi đến gặp Công tước, các nhà chiêm tinh nói với ông:

– Đại vương đang triệu ngài.

[6322] Tất cả những ai đến gặp khan đều được các thầy tế Tatar dẫn đi qua giữa những ngọn lửa: theo niềm tin của họ, việc này sẽ tiêu diệt mọi ý đồ xấu xa của những người đang trên đường đến gặp vị thủ lĩnh của họ. Lửa, theo tín ngưỡng của họ, là "nơi thanh tẩy mọi ý đồ xấu xa" và thậm chí còn làm mất đi sức mạnh của chất độc được giấu kín.

Và họ dẫn ông đi. Theo sau ông, như theo chủ nhân của mình, là quan đại thần Feodor của ông. Chẳng bao lâu, họ đến nơi có lửa được đốt lên hai bên, còn ở giữa là con đường mà nhiều người đã đi qua; các nhà chiêm tinh định dẫn Công tước Mikhail đi theo con đường đó. Lúc đó, Công tước nói:

– Người Kitô hữu không nên đi qua ngọn lửa mà những kẻ vô đạo tôn thờ như Thượng Đế; còn tôi là người Kitô hữu; vì vậy ta sẽ không đi qua ngọn lửa ấy và cũng không thờ lạy tạo vật, vì ta chỉ thờ lạy Đấng Tạo Hóa – Cha, Con và Thánh Thần – Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng Tạo Hóa trời và đất.

Nghe những lời ấy của hoàng tử, các nhà chiêm tinh và các thầy tế lễ bừng lên cơn thịnh nộ; họ bỏ lại Mihaïl và đi báo cáo những lời nói của anh ta với nhà vua. Lúc bấy giờ, một số hoàng tử Nga – những người đã cùng hoàng tử Mihaïl đến để triều kiến Baty – đã đến gặp ông; trong số đó có hoàng tử Boris của Rostov[6323] . Họ thương xót Mihaïl và vô cùng đau buồn cho ông, nhưng đồng thời cũng lo sợ sẽ gánh lấy cơn thịnh nộ của nhà vua, nên đã khuyên Mihaïl nên tuân theo ý muốn của Baty.

– Ngươi có thể – họ nói – giả vờ tuân theo mệnh lệnh và quỳ lạy ngọn lửa cùng mặt trời, chỉ để thoát khỏi cơn thịnh nộ của hoàng đế và cái chết tàn khốc. Khi ngươi trở về nhà an toàn, lúc đó ngươi sẽ hành động theo ý muốn của mình: Chúa sẽ không trừng phạt ngươi vì điều này và cũng không giận dữ với ngươi, bởi vì Ngài biết rằng ngươi đã làm như vậy dưới sự ép buộc. Nếu vị linh mục giải tội của ngươi cho rằng hành động của ngươi là tội lỗi, thì tất cả chúng ta sẽ gánh lấy tội lỗi đó thay cho ngươi – chỉ cần ngươi nghe theo lời chúng ta, đi qua ngọn lửa và thờ lạy các vị thần của người Tatar; bằng cách đó, ngươi sẽ giải thoát cả bản thân và chúng ta khỏi cơn thịnh nộ của nhà vua và cái chết tàn khốc, đồng thời cầu xin được nhiều điều có lợi cho đất nước của ngươi.

Họ nói tất cả những điều này với Mikhail trong những giọt nước mắt đắng cay. Boyar sùng đạo Feodor, khi nghe những lời của họ, đã vô cùng buồn bã, lo sợ rằng hoàng tử sẽ nghe theo lời khuyên của những người xung quanh và từ bỏ đức tin. Bước đến bên hoàng tử, ông bắt đầu nhắc nhở ngài về lời hứa của mình và những lời của cha xưng tội:

– Hãy nhớ lại, thưa hoàng tử sùng đạo, – ông nói, – rằng ngài đã thề sẽ hiến dâng linh hồn mình vì Chúa Kitô; hãy nhớ lại những lời trong Phúc Âm mà cha linh hướng đã dạy chúng ta: *"Vì ai muốn giữ lấy linh hồn mình thì sẽ mất nó, còn ai mất linh hồn mình vì Ta và vì Phúc Âm thì sẽ giữ được nó. Vì người ta được lợi gì nếu chiếm được cả thế gian mà lại làm hại linh hồn mình?"* (Mc 8:35–36) – *"Vậy, ai xưng nhận Ta trước mặt mọi người , thì Ta cũng sẽ xưng nhận người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời; còn ai chối bỏ Ta trước mặt mọi người, thì Ta cũng sẽ chối bỏ người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời"* (Mt 10:32–33).

Hoàng tử Mikhail hân hoan lắng nghe những lời này của quan đại thần mình và, bừng cháy lòng nhiệt thành vì Đức Chúa Trời, hân hoan đón nhận sự đau khổ, sẵn sàng chết vì Đấng Christ – Đấng Ban Sự Sống. Còn Hoàng tử Boris, người đã được nhắc đến ở trên, vẫn tiếp tục khẩn khoản nài nỉ Mikhail tuân theo ý muốn của nhà vua.

– Ta không muốn chỉ là Kitô hữu trên danh nghĩa, – Mikhail đáp lại họ, – mà lại hành động như những kẻ ngoại đạo.

Và, tháo thanh gươm ra khỏi người, ông ném nó về phía họ và nói:

– Hãy nhận lấy vinh quang của thế gian này đi: tôi không cần nó.

Ngay sau đó, một quan đại thần danh giá của Baty, tên là Eldega, đã đến và truyền đạt cho Công tước Mikhail những lời sau đây từ vị vua của mình:

– Đại vương nói với ngươi như thế này: hãy chọn cái này hoặc cái kia. Nếu ngươi tuân theo mệnh lệnh của ta – đi qua ngọn lửa và thờ phụng các vị thần của ta, thì không chỉ được sống sót, mà còn nhận được ân huệ lớn lao từ ta và trở thành chủ nhân toàn quyền trong công quốc của ngươi. Còn nếu ngươi không nghe lời ta và không thờ phụng các vị thần của ta, thì ngươi sẽ chết một cái chết thảm khốc.

Sau khi nghe những lời của vua Eldegi, Công tước Michael không hề nao núng, mà dũng cảm đáp lại:

– Hãy nói với nhà vua rằng – đây là lời của Công tước Mikhail, tôi tớ của Đấng Christ: nếu như, thưa hoàng đế, ngài được Thiên Chúa trao ban vương quốc và vinh quang của thế gian này, và Tay Phải của Đấng Tối Cao đã

[6323] Boris Vasilkovich (Vasilievich) – công tước Rostov, cháu nội của Mikhail Chernigovsky, con trai cả trong hai người con trai của Vasilko Konstantinovich, từ cuộc hôn nhân của ông với Maria Mikhailovna, công chúa Chernigov. Sau khi cha ông bị người Tatar sát hại gần Rostov, trong rừng Shcherensky, vào năm 1238, Boris đã nhận Rostov làm lãnh địa. Công tước này được lịch sử ghi nhận là người đại diện cho đất nước Nga trước Khan của Đế chế Vàng. Ông đã đến Đế quốc Hồi giáo hơn 8 lần – theo lệnh của Baty, ông thậm chí còn đến Đại Tatar, gặp Khan Sartak (năm 1245). Boris qua đời tại Đế quốc Hồi giáo vào năm 1277. Ông được an táng tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời ở Rostov.

khiến chúng tôi phải phục tùng ngài vì những tội lỗi của chúng tôi, thì chúng tôi phải cúi đầu trước ngài như một vị vua và dâng lên ngài sự tôn kính xứng đáng với phẩm giá hoàng gia của ngài; nhưng việc từ bỏ Chúa Kitô và thờ lạy các vị thần của ngài – điều đó sẽ không bao giờ xảy ra: vì họ không phải là các vị thần, mà chỉ là những tạo vật. Còn các Sách Tiên Tri của chúng tôi thì nói như thế này: *"Các vị thần không tạo dựng trời và đất sẽ biến mất khỏi đất và khỏi dưới trời"* (Giê-rê-mi 10:11). Còn điều gì điên rồ hơn việc bỏ Đấng Tạo Hóa để thờ lạy tạo vật?

Eldega bèn nói với ông:

– Hỡi Mi-chên, ngươi đã lầm khi gọi mặt trời là tạo vật: vì, – hãy nói cho ta biết, – ai đã leo lên độ cao vô tận trên trời và tạo ra một thiên thể vĩ đại như vậy, chiếu sáng cả vũ trụ?

– Nếu ngươi muốn lắng nghe ta, – vị thánh đáp lại, – thì ta sẽ nói cho ngươi biết Ai là Đấng đã tạo dựng mặt trời cùng mọi sự hữu hình và vô hình. – Đó là Đức Chúa Trời vô thủy vô chung và vô hình, cùng Con Một của Ngài, Chúa Giê-su Christ của chúng ta, cũng là Đấng không được tạo dựng, không có khởi đầu cũng như kết thúc, và cả Đức Thánh Linh, – Thiên Chúa trong Ba Ngôi, nhưng Duy Nhất về Bản Thể, – chính Ngài đã tạo dựng trời và đất, mặt trời mà các ngươi đang thờ lạy, mặt trăng và các vì sao, cũng như biển cả và đất liền; chính Ngài cũng đã tạo dựng con người đầu tiên là A-đam và ban cho ông ấy quyền cai quản mọi sự đã được tạo dựng. Chúa đã ban luật cho loài người, để họ không thờ lạy bất cứ điều gì được tạo dựng – dù trên đất hay trên trời, mà chỉ thờ lạy Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng đã tạo dựng vạn vật; chính Ngài là Đấng tôi thờ lạy. Còn nếu nhà vua hứa ban cho tôi tước vị và vinh quang của thế gian này, thì tôi không tìm kiếm điều đó, vì chính nhà vua cũng không vĩnh cửu, và quyền lực mà ngài ban cho tôi cũng không vĩnh cửu, và tôi không cần đến nó. Tôi hy vọng rằng Đức Chúa Trời của tôi, Đấng mà tôi tin tưởng, sẽ ban cho tôi vương quốc vĩnh cửu, không có kết thúc.

Lúc đó, Eldega nói:

– Nếu ngươi, Mi-chai, cứ khăng khăng không tuân theo ý muốn của nhà vua, thì ngươi sẽ bị xử tử ngay lập tức.

Thánh nhân đáp:

– Tôi không sợ cái chết đó, bởi qua đó tôi có thể được vinh dự ở cùng Đức Chúa Trời mãi mãi. – Vậy thì còn nói gì thêm nữa? Tôi là một Kitô hữu, tôi tuyên xưng Đấng Tạo Hóa trời đất, tôi tin tưởng vững chắc vào Ngài và sẽ vui lòng chết vì Ngài.

Lúc đó, Eldega, thấy rằng dù dùng lời ngọt ngào hay đe dọa cũng không thể khiến Michael tuân theo ý muốn của nhà vua, liền đến gặp Batu để tâu lại tất cả những gì đã nghe được từ Michael.

Sau khi nghe Eldega trình bày, Batyu nổi giận và ra lệnh cho các cận thần của mình phải giết ngay lập tức Công tước Mikhail. Và những tên tay sai của tên bạo chúa lao vào như những con chó đi săn hay như những con sói đuổi theo con cừu. Vào lúc đó, vị thánh tử đạo của Chúa đang ở cùng với Feodor mà không hề sợ chết; họ hát các thánh vịnh và cầu nguyện nhiệt thành với Đức Chúa Trời. Khi nhìn thấy những kẻ sát nhân đang tiến lại gần, họ bắt đầu hát: "Hỡi Chúa, các thánh tử đạo của Ngài đã chịu nhiều đau khổ và nhờ tình yêu của Ngài, các linh hồn thánh thiện đã được kết hợp với nhau." Khi đến nơi mà hoàng tử Mikhail đang đứng, bọn sát nhân như những con thú đã túm lấy tay và chân ông, quật ngã ông xuống đất, rồi đánh đập ông một cách tàn nhẫn và không thương xót khắp cơ thể trong một thời gian dài , đến nỗi mặt đất nhuốm đỏ bởi máu của ông. Còn Mikhail thì chịu đựng tất cả những điều đó một cách dũng cảm, chỉ lặp đi lặp lại một câu: "Tôi là người Kitô hữu!"

Tại đó có một người hầu của hoàng gia, trước đây từng là Kitô hữu, nhưng sau đó đã trở thành kẻ bội đạo và theo đạo tà ác của người Tatar. Kẻ bội đạo này, khi thấy vị thánh chịu đựng những cực hình một cách dũng cảm, đã nổi giận với ngài, và vì là kẻ thù của các Kitô hữu, hắn rút dao ra, nắm lấy đầu Mikhail, chặt đứt và ném đi – trong khi đôi môi của vị thánh tuyên xưng vẫn tiếp tục lặp lại: "Tôi là người Kitô hữu."

Ôi, một phép lạ kỳ diệu! Cái đầu đã bị cắt rời khỏi thân thể vẫn tiếp tục tuyên xưng Chúa Kitô.

Sau đó, những kẻ tra tấn vô đạo tiến đến gần Thánh Theodorus và nói với ngài:

– Hãy tuân theo mệnh lệnh của nhà vua và thờ lạy các vị thần của chúng ta: nhờ đó, ngươi không chỉ được sống sót, mà còn nhận được vinh dự lớn lao từ nhà vua và thừa kế công quốc của chủ nhân ngươi.

Nhưng Thánh Theodorus đáp lại:

– Ta không tìm kiếm tước vị của chủ nhân ta, – ta cũng không cần vinh dự từ vua của các ngươi, – ta chỉ mong được đi theo Chúa Kitô trên con đường mà chủ nhân ta đã đi, – vị thánh tử đạo Công tước Michael, bởi vì tôi cũng giống như ngài, tin vào Đấng Kitô Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa trời đất, và tôi cũng muốn chịu đau khổ vì Ngài, không sợ hãi trước những cực hình hay chính cái chết.

Thấy sự kiên định của Theodor, bọn sát nhân đã bắt giữ ông và bắt đầu tra tấn ông một cách tàn bạo không kém gì Thánh Michael. Cuối cùng, chúng chặt đầu ông, đồng thời nói rằng:

– Ai không chịu quỳ lạy trước mặt trời rực rỡ, thì cũng không xứng đáng được ngắm nhìn mặt trời.

Như vậy, sau khi chịu khổ nạn một cách vinh quang, các thánh tử đạo Michael và Theodore đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa – vào năm 6753 kể từ khi thế giới được tạo dựng, tức năm 1245 kể từ Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, vào ngày 20 tháng Chín. Thi hài thánh của các ngài bị ném cho chó ăn, nhưng trong nhiều ngày liền vẫn nguyên vẹn và không ai dám động đến. – Chính ân sủng của Chúa Kitô đã gìn giữ các ngài nguyên vẹn. – Ngoài ra, trên thi hài các vị tử đạo còn xuất hiện một cột lửa tỏa sáng rực rỡ, và mỗi đêm đều thấy những ngọn nến đang cháy. Chứng kiến tất cả những điều này, các Kitô hữu lúc bấy giờ đang ở trong Đế chế Mông Cổ đã bí mật lấy thi hài các vị tử đạo và an táng các ngài một cách trang trọng[6324] .

Sau khi giết hại các thánh tử đạo, tên Baty vô đạo lại dẫn toàn bộ quân đội của mình đi chinh chiến, đầu tiên là đến Ba Lan, sau đó là Hungary, nhưng đã bị vua Hungary Vladislav giết chết, kết thúc cuộc đời tội lỗi của hắn một cách thảm khốc. – Như vậy, tên bạo chúa Baty đã nhận lấy địa ngục làm phần thưởng, còn các thánh tử đạo thì được thừa hưởng Nước Trời và mãi mãi tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Sau khi sống một cuộc đời tử đạo và được đội vương miện của đức tin, các ngài đã lên trời cùng với Thánh Michael khôn ngoan và Thánh Theodore dũng cảm: xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để Ngài bảo vệ quê hương của các ngài, hoàng đế và dân chúng, nhờ lòng thương xót vô biên của Ngài.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Đã coi vương quốc trần gian như hư vô, Ngài đã từ bỏ vinh quang như là điều tạm bợ: tự xưng là[6325] , Ngài đã đến để thực hiện những việc anh hùng, và đã rao giảng về Ba Ngôi trước mặt kẻ tra tấn vô đạo, hỡi Thánh Michael, người chịu khổ vì đức tin, cùng với vị thánh đồng hành Theodor. Xin đứng trước Vua của các quyền năng, cầu xin Ngài bảo vệ tổ quốc của các ngài khỏi mọi tai họa, cũng như hoàng đế và dân chúng, để chúng con luôn tôn kính các ngài.

Ngày 4 tháng 10

21 tháng 9 (theo lịch cũ)

Thánh Tông đồ Kodrat

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 9

Thánh Tông đồ Codrat, một trong số bảy mươi Tông đồ, đã rao giảng Lời Chúa tại Athens và Magnesia[6326] , nơi ngài từng làm giám mục; nhờ lời rao giảng của ngài, nhiều người đã được dẫn dắt đến ánh sáng của sự hiểu

---

[6324] Xác thánh của Công tước Mikhail và quan đại thần Feodor của ngài đã được những tín đồ Kitô giáo kính sợ Thiên Chúa chuyển từ Đế chế Vàng sang Vladimir trước tiên, rồi sau đó đến thành phố quê hương của Công tước Mikhail – Chernihiv. Sau đó, vào ngày 14 tháng 2 năm 1572, theo ý muốn của Sa hoàng Ivan Vasilyevich Grozny, các di cốt thánh đã được chuyển đến Moscow, vì lo ngại chúng có thể bị người Công giáo xúc phạm, sau khi Chernigov rơi vào tay người Ba Lan. Chúng được an táng dưới lòng đất tại Nhà thờ Chính tòa các Thánh làm phép lạ Chernihiv, tọa lạc trong Kremlin, gần Cổng Taynitsky. Khi nhà thờ chính tòa này bị giải thể, theo lệnh của Nữ hoàng Ekaterina II, các di cốt thánh đã được long trọng chuyển đến Nhà thờ Sretensky, nằm trong cung điện "Seny", vào ngày 25 tháng 8 năm 1770; từ đó, vào ngày 21 tháng 11 năm 1774, được chuyển đến Nhà thờ Thánh Archangel, nơi các di cốt ban đầu được an táng trong một quan tài bạc lộng lẫy, được chế tác để kỷ niệm hòa bình với Thổ Nhĩ Kỳ, và sau năm 1812 (khi quan tài này bị kẻ thù cướp đi) cho đến nay vẫn được an táng trong một quan tài đồng mạ bạc.

[6325] Tức là không bị ép buộc, mà hoàn toàn tự nguyện.

biết về Thiên Chúa. Theo lời của Sirach, ngài *"giống như ngôi sao mai giữa những đám mây"* (Sir. 50:6): những đám mây đen ở đây ám chỉ sự vô thần của các dân ngoại, xa lạ với ánh sáng của đức tin; những người bị nó chi phối đang sống trong bóng tối và cái chết. Còn Thánh Tông đồ Codrat, khi rao giảng Lời Chúa, đã tỏa sáng trước mặt họ như một ánh sáng vĩ đại; ngài đã xua tan bóng tối bao trùm họ, tiêu diệt các lễ tế thần tượng, phá hủy các thần tượng và bằng lời cầu nguyện của mình, ngài đã phá hủy các đền thờ ma quỷ; cũng như xưa kia ngôi sao đã dẫn đường cho các vua phương Đông, ngài cũng đã chỉ đường đến với Đức Kitô; và cũng như ngôi sao mai dẫn đường cho mặt trời, ngài cũng đã loan báo cho thế gian về Đấng Ánh Sáng vĩ đại và xua tan bóng tối bao trùm tâm hồn con người. Nhưng bóng tối là kẻ thù không đội trời chung của ánh sáng; vì thế, những người Hy Lạp vô thần, khi thấy Codrat phá hủy các thần tượng của họ, trục xuất ma quỷ và nhổ tận gốc sự gian ác, đã phát động cuộc bách hại chống lại vị Thánh Tông Đồ và ném đá vào ngài, giống như xưa kia người Do Thái đã làm với Thánh Stephano (Công Vụ 7:59); dù Thánh Kodrat đã bị ném đá, nhưng nhờ được ân sủng của Chúa Kitô che chở, ngài vẫn sống sót. Sau đó, họ giam ngài vào ngục tối và để ngài chịu đói khát trong thời gian dài; những kẻ thờ thần tượng vô đạo đã tước đoạt thức ăn tự nhiên của Đấng đã nuôi dưỡng tâm hồn họ không phải bằng bánh mì hư nát, mà bằng thức ăn dẫn đến sự sống đời đời. Họ để thánh nhân chịu đói, nhưng chính họ lại chết vì cơn đói mà Thánh Kinh đã nói: *"Không phải đói bánh, không phải khát nước, mà là khát nghe lời Chúa"* (A-mốt 8:11). Họ không thể giết chết người đàn ông luôn được nuôi dưỡng từ trên cao bằng cách bỏ đói, nhưng chính họ đã tự kết án mình vào cái chết vĩnh cửu. Sau những đau khổ kéo dài, Thánh Codrat đã qua đời, nhưng linh hồn ngài vẫn sống trong Nước Trời và hưởng thụ hạnh phúc thiên đàng. Ngài đã hoàn tất cuộc hành trình chịu khổ dưới triều vua Hadrian, và bắt đầu sống đời đời trước mặt Vua vinh quang là Đức Giêsu Kitô: ngài đã chịu khổ cùng Ngài, và cũng được tôn vinh cùng Ngài trong Nước Ngài. Thi hài thánh của ngài, được an táng tại Magnesia, đã ban phát nhiều phép chữa lành cho những người bệnh tật. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Như một vị lãnh đạo thiêng liêng đáng kính và một vị tử đạo kiên cường nhất, toàn thể vũ trụ dâng lên Ngài, lạy Chúa, Thánh Codratus Tông đồ, và tôn vinh ký ức cao quý của ngài bằng những bài ca, luôn cầu xin Ngài ban ân sủng tha thứ tội lỗi cho những ai ca ngợi lòng nhân từ của Ngài.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Ipatia và Andrei

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 9

Các thánh này sinh ra tại xứ Lydia[6327] . Từ thuở nhỏ, cả hai đều cùng nhau học tập tại một tu viện và, nhờ trau dồi mọi đức tính tốt đẹp, ngày càng vững vàng hơn trong đức tin. Khi đến tuổi trưởng thành, Ipaty đã nhận chức tu sĩ; ngài khao khát được sống trong sự im lặng và phục vụ trước mặt Thiên Chúa. Còn Andrei thì cống hiến cuộc đời mình để phục vụ con người: ông đảm nhận chức vụ linh mục, trở thành một nhà rao giảng Lời Chúa nhiệt thành và tận tâm giảng dạy các tín hữu Kitô giáo trong nhà thờ. Cả hai đều nổi bật bởi sự tiết độ cao độ, lòng khiêm nhường và tình yêu chân thành dành cho mọi người. Tổng Giám mục Ê-phê-sô, khi biết về cuộc sống đạo đức của những người đàn ông sùng đạo này, đã mời họ đến gặp mình; ngài đã thu được không ít lợi ích từ những cuộc trò chuyện với họ, vì vậy ngài rất yêu mến họ và đã bổ nhiệm Ipatia, trái với ý muốn của ông, làm Giám mục của Giáo hội Á Châu, nói rằng:

– Một ngọn đèn sáng như vậy không nên ở trong sa mạc, ẩn mình; ngài phải ngồi trên ngai giám mục để soi sáng Giáo hội bằng giáo lý của Chúa Kitô.

Còn Andrei, ngài đã phong chức linh mục cho ông. Hai vị thánh này đã tỏa sáng rực rỡ, soi sáng lòng người bằng giáo lý sâu sắc và lối sống trong sạch của mình. Trong khi đó, vua Hy Lạp Lêô Isaurian[6328] đã phát động cuộc đàn áp các bức tượng thánh; ông ra lệnh trên toàn đế quốc phải vứt bỏ chúng khỏi các nhà thờ của Chúa và ban

[6326] Magnesia – bán đảo phía đông và vùng Thessaly.
[6327] Lydia – một vùng nằm trên bờ biển phía tây của Tiểu Á.
[6328] Hoàng đế Lêô III Isaur từ năm 717 đến năm 741.

hành sắc lệnh nghiêm ngặt nhất, cấm không ai được phép thờ phượng chúng. Lúc bấy giờ, các thánh Ipaty và Andrei đã đứng lên chống lại những kẻ chống thánh tượng: họ thuyết phục đoàn chiên của mình không tuân theo sắc lệnh vô thần của nhà vua. Khi nghe tin này, hoàng đế ra lệnh đưa họ đến trước mặt mình và thuyết phục họ từ bỏ việc tôn kính các thánh tượng trong một thời gian dài; ông thậm chí còn ra lệnh cho các nhà thông thái của mình tranh luận với những chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô, nhưng kẻ bách hại đức tin chân chính không thể làm lung lay những trụ cột vững chắc của Giáo hội này bằng bất cứ cách nào. Sau đó, ông nhốt họ vào ngục tối và giam giữ họ ở đó trong một thời gian dài, hy vọng rằng điều này sẽ buộc họ từ bỏ niềm tin của mình. Khi thấy hy vọng của mình tan vỡ, ông ra lệnh đánh đập họ không thương tiếc, lột da đầu cùng với tóc của họ, bôi nhựa thông lên râu rồi châm lửa, và sau đó ném những bức thánh tượng quý giá lên đầu họ để thiêu rụi. Họ đã dũng cảm chịu đựng tất cả những điều này, và nhờ sức mạnh của Đức Chúa Trời mà vẫn còn sống. Sau đó, Lê-v đã ra lệnh lôi họ đi khắp thành phố, và các thánh nhân bị lôi đi để làm trò cười cho mọi người. Cuối cùng, họ bị giết như những con chiên, và đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa, sau khi chịu khổ vì các bức tượng thánh. Thi thể cao quý của họ bị ném cho chó ăn, nhưng các tín hữu đã bí mật lấy lại và an táng với sự tôn kính xứng đáng dành cho các vị tử đạo này.

Ngày kỷ niệm các thánh tử đạo Eusebius và Prisca

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 9

Thánh Eusebius sống tại Phoenicia[6329] và ban đầu là một tín đồ bí mật của Chúa Kitô. Vào thời đó, những người ngoại đạo đã gây ra cuộc bách hại khủng khiếp đối với các Kitô hữu; họ tra tấn các tín hữu bằng đủ mọi hình thức ở bất cứ nơi nào họ có thể tìm thấy họ; lúc bấy giờ, nhiều tín hữu, để trốn thoát khỏi tay những kẻ vô đạo, đã ẩn náu tại những nơi bí mật. Thánh Eusebius, khi suy ngẫm về lời Chúa Kitô: *"Ai xưng nhận Ta trước mặt người ta, thì Ta cũng sẽ xưng nhận người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời"* (Mt 10,32), đã tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng, liền đến gặp quan cai trị thành phố và, đứng trước mặt ông ta, nói:

– Ngươi điên rồ gì vậy, kẻ chống lại Thiên Chúa, khi bắt bớ đoàn chiên của Đấng Kitô?

Vị công tước nhìn ngài và hỏi:

– Ngươi là ai?

Ông đáp:

– Ta là tôi tớ của Đấng Christ, Đấng mà ngươi đang chống lại.

Rất tức giận trước những lời đó, hoàng tử nói:

– Sao ngươi dám liều lĩnh đến đây và làm nhục ta, một vị hoàng tử?

Trước lời đó, Eusebius đáp:

– Lòng nhiệt thành của tôi đối với Chúa Giêsu Kitô đã thúc đẩy tôi vạch trần sự mù quáng của ngài: vì ngài đã mất trí, thờ phượng ma quỷ chứ không phải Thiên Chúa.

Lúc đó, vị công tước ra lệnh lột trần ông, treo cổ và cạo da ông; vị thánh bị cạo bằng sắt nhọn cho đến khi xương ông lộ ra; sau đó, họ bắt đầu đổ giấm pha muối lên người ông và chà xát vào các vết thương của ông. Vị chứng nhân của Đấng Christ đã chịu đựng tất cả những điều này một cách dũng cảm – như thể không phải thân thể ngài đang phải chịu những cực hình ấy – và trong những cực hình đó, ngài vui mừng vì được chịu đau khổ vì đức tin vào Đấng Christ. Khi ngài đã chịu đựng xong những cực hình này, vị công tước nói với ngài:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần thì ngươi sẽ được sống; còn nếu không làm điều đó, chúng ta sẽ giết ngươi.

Ông đáp lại:

– Các ngươi có thể giết thân xác ta, nhưng Chúa Kitô sẽ đón nhận linh hồn ta; vì Ngài, ta sẵn sàng chịu đựng mọi sự, vì *"ai kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu rỗi"* (Mt 24,13).

Thấy sự kiên định của ông, bọn vô đạo đã chém đầu ông bằng gươm. Như vậy, ông đã về trời và nhận vương miện vinh quang từ tay Chúa.

[6329] Phoenicia – một quốc gia cổ đại ở phía bắc Palestine; nó là một dải đất ven biển hẹp nằm giữa biển và dãy núi Lebanon; trong số các thành phố của vùng này, nổi bật nhất là Tyre và Sidon.

Thánh Priscus đã rao giảng danh Chúa Kitô tại Phrygia và dẫn dắt nhiều người ngoại đạo đến với Chúa Kitô. Sau đó, bọn vô đạo bắt ngài, treo cổ ngài lên và dùng những móng sắt cào sâu vào hai bên sườn ngài, đến nỗi toàn thân Thánh Priscus bị xé rách như đất vừa được cày xới. Một số kẻ vô đạo đứng đó, khi chứng kiến những cực hình tàn bạo và máu của vị tử đạo tuôn trào, đã nổi cơn thịnh nộ dữ dội: họ rút gươm ra, lao vào vị thánh và chém đứt đầu ngài.

Vị chứng nhân tốt lành này đã chịu khổ vì làm chứng cho Chúa Giêsu Kitô, và giờ đây, chính Chúa Kitô đang làm chứng cho ngài trước Cha Trên Trời của Ngài.

Vinh quang thuộc về Thiên Chúa muôn đời. Amen.

Lễ kính các thánh giám mục Isak và Meletius

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 9

Các vị cha đáng kính và đạo đức của chúng ta, Isakii và Meletius, là các giám mục của Giáo hội Chúa Kitô. Cả hai đều thi hành cùng một chức vụ giám mục và nổi bật bởi lòng kính sợ Thiên Chúa cùng các đức tính Kitô giáo. Công việc không ngừng nghỉ của các ngài là dạy dỗ dân chúng bằng những lời dạy thiêng liêng, thuộc linh và hướng dẫn họ tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa. Cả hai đều nổi bật bởi lòng bác ái, đã phân phát tài sản của mình cho người nghèo và thương xót họ, vừa nuôi dưỡng họ bằng bánh mì vật chất, vừa nuôi dưỡng họ bằng bánh mì thiêng liêng – những bài giảng và lời khuyên có ích cho linh hồn. Nhờ cuộc đời của mình, các ngài đã được ban ân sủng làm phép lạ và qua đời trong bình an khi đã cao tuổi, vào những năm khác nhau, nhưng cùng một ngày[6330] .

Cuộc đời của Thánh Dimitri, Tổng Giám mục Rostov, vị thánh làm phép lạ

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 9

Thánh Dimitri, tên thế tục là Daniel, sinh vào tháng 12 năm 1651, tại thị trấn Makarov[6331] , cách thành phố Kiev bốn mươi verst. Cha ngài, Savva Grigoryevich Tupalo, xuất thân từ một người Cossack bình thường, đã thăng tiến lên chức Trung úy và dành phần đời còn lại để phụng sự Giáo hội, đảm nhận vai trò người bảo trợ cho Tu viện Kirillovskaya[6332] . Cả ngài và vợ là Maria Mikhailovna đều là những người sùng đạo và sống một cuộc đời Kitô hữu tốt lành. Tuy nhiên, cha cậu thường xuyên phải xa nhà vì các nhiệm vụ quân sự, nên cậu bé chủ yếu được nuôi dạy dưới sự hướng dẫn của mẹ. Chính vị thánh nhân đã nói về bà với tình yêu thương dịu dàng và những lời khen ngợi nhân dịp bà qua đời: “Vào chính ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, ngày của những đau khổ cứu rỗi, mẹ tôi đã qua đời vào giờ thứ chín ban ngày, đúng vào giờ mà Đấng Cứu Thế của chúng ta, khi đang chịu đau khổ trên thập tự giá vì sự cứu rỗi của chúng ta, đã phó thác linh hồn Ngài vào tay Thiên Chúa Cha. Bà đã hơn bảy mươi tuổi kể từ khi sinh ra… xin Chúa nhớ đến bà trong Nước Trời của Ngài! Bà ra đi với tâm hồn thanh thản, trí nhớ và lời nói minh mẫn. Xin Chúa, nhờ những lời cầu nguyện của bà, cũng ban cho tôi được hưởng cái chết hạnh phúc như vậy! Và quả thực, cái chết của bà là một cái chết theo đạo Kitô: vì đã được cử hành đầy đủ các nghi thức Kitô giáo và các bí tích thông thường, không sợ hãi, không hổ thẹn, bình an. Xin Chúa cũng ban cho bà một câu trả lời tốt lành trong Ngày Phán Xét đáng sợ của Ngài, vì tôi không nghi ngờ gì về lòng thương xót của Chúa và sự cứu rỗi của bà, khi biết cuộc đời bà luôn đầy đức hạnh và sùng đạo. Và tôi cũng coi đó là một dấu hiệu tốt lành cho sự cứu rỗi của bà, rằng vào chính ngày và giờ đó, khi Chúa Kitô đã mở cửa thiên đàng cho tên trộm trong lúc đang chịu khổ hình, thì Ngài cũng đã ra lệnh cho linh hồn bà lìa khỏi thân xác”[6333] . Dưới ảnh hưởng của người mẹ đức hạnh như

[6330] Thánh Isak là giám mục của Síp và qua đời tại Síp (một hòn đảo lớn ở phía đông bắc Địa Trung Hải); Meletius qua đời muộn hơn, không rõ tại thành phố nào.

[6331] Makarov – hiện là một thị trấn thuộc tỉnh và huyện Kiev – vào thời đó thuộc lãnh địa của Hetman Litva.

[6332] Tu viện Kirillovskyi ở Kyiv được Công tước Vsevolod Olgovich của Chernihiv thành lập vào thế kỷ XII; bị Batu tàn phá; được khôi phục vào thế kỷ XVII và bị giải thể vào năm 1786.

[6333] Nhật ký (những ghi chép hàng ngày của vị thánh) ngày 29 tháng 3 năm 1689.

vậy, cậu bé Daniel lớn lên trong sự kính sợ Đức Chúa Trời và lòng sùng đạo, ngày càng trưởng thành và vững vàng trong các đức tính tốt.

Daniel nhận được nền giáo dục ban đầu tại nhà. Cha mẹ đã dạy cậu biết đọc, và khi Daniel tròn 11 tuổi, họ gửi cậu đến Trường Anh em Kiev[6334] . Nhờ khả năng xuất sắc và sự nhiệt tình trong học tập, Daniel nhanh chóng đạt được thành tích xuất sắc trong các môn học và vượt trội hơn tất cả các bạn cùng lứa tuổi. Trong các lớp học hùng biện, anh đã thu hút sự chú ý đặc biệt nhờ tài năng làm thơ và nghệ thuật hùng biện. Dưới sự hướng dẫn của nhà thuyết giáo và nhà thần học tranh luận nổi tiếng Galyatovsky[6335] , Daniil đã nắm vững những kỹ thuật và cách diễn đạt khiến người nghe sau này không khỏi kinh ngạc khi nghe các bài giảng của ông, đồng thời rèn luyện được nguồn năng lượng và sức thuyết phục không thể lay chuyển, những phẩm chất này sau này đã được thể hiện rõ trong cuộc đấu tranh chống lại các nhóm ly giáo. Tuy nhiên, bên cạnh việc học tập xuất sắc, Daniil còn nổi bật với phẩm chất đạo đức cao quý và sớm bộc lộ khuynh hướng hướng tới cuộc sống chiêm niệm và tu hành. Cậu không tham gia vào bất kỳ trò chơi trẻ con nào và tránh xa mọi thú vui và giải trí. Thời gian rảnh rỗi ngoài giờ học, cậu dành để đọc Kinh Thánh, các tác phẩm và tiểu sử của các vị thánh, cũng như cầu nguyện. Với lòng nhiệt thành đặc biệt, cậu thường xuyên đến nhà thờ, nơi cậu thành kính dâng lên Chúa những lời cầu nguyện chân thành. Càng đọc Kinh Thánh và các cuốn sách về cuộc đời các vị thánh cha thường xuyên và chăm chỉ, thì trong tâm hồn cậu, khát vọng noi gương các vị thánh càng trở nên mãnh liệt hơn.

Khi mới mười lăm tuổi, Daniel buộc phải rời trường học. Trong thời kỳ đầy biến động đó của Kiev, thành phố này liên tục rơi vào tay người Ba Lan rồi lại rơi vào tay người Nga. Điều này cũng ảnh hưởng đến tình trạng của trường học, vốn vào năm 1665, khi người Ba Lan chiếm đóng Kiev, đã bị tàn phá hoàn toàn và trong một thời gian dài vẫn nằm trong tình trạng hoang tàn.

Do đó, Daniil không thể hoàn thành chương trình học và buộc phải ngừng việc học tập, sau khi chỉ theo học tại trường được ba năm.

Từ thuở thiếu thời đã ấp ủ khát vọng sống đời tu hành, Daniel, ngay sau khi tốt nghiệp trường học, đã từ bỏ thế gian này cùng mọi tiện nghi của nó. Sau khi xin phép cha mẹ, anh đã vào sống tại Tu viện Kirillov khi mới 18 tuổi. Vị Trưởng tu viện Meletius Dzik đã quen biết Daniel từ lâu, vì trước đây ông từng là Hiệu trưởng Trường Kiev. Ngày 9 tháng 7 năm 1668, ông đã cử hành nghi thức xuất gia cho Daniel và đặt tên cho anh là Dimitri. Tu sĩ mới xuất gia này đã hoàn toàn phó thác bản thân mình cho ý muốn và sự an bài của Đức Chúa Trời. Anh bắt đầu tuân thủ nghiêm ngặt và kiên định mọi quy tắc của tu viện, đồng thời nhiệt thành thực hành các công đức tu hành trong sự khiêm nhường và vâng lời. Ngài dốc hết sức lực để noi gương các đức hạnh của các vị thánh Antôn và Theodosius cùng các vị tu sĩ khổ hạnh khác ở Pechora. Ngài hoàn toàn không quan tâm đến việc tích lũy tài sản và của cải, mà chỉ khao khát bằng cả tâm hồn để làm đẹp lòng Chúa, trung thành và chân thành phụng sự Ngài mà thôi, và qua đó đạt được sự giàu có bất diệt.

Chưa đầy một năm sau khi Dimitri xuất gia, theo lời đề nghị của vị trụ trì, ngài đã được phong chức phó tế tu sĩ. Lễ phong chức này được cử hành vào ngày Lễ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh vào năm 1669 , do Đức Tổng Giám mục Iosif Tukalsky[6336] , người lúc bấy giờ đang cư ngụ tại thành phố Kanev, thuộc Tổng giáo phận Kiev, chủ trì. Với chức vụ phó tế, Dimitri đã ở lại tu viện Kirillov trong một thời gian khá dài. Ông vâng lời vị tu viện trưởng trong mọi việc, phục vụ các tu sĩ một cách khiêm nhường và tận tụy, tuân theo mọi mệnh lệnh mà không hề phàn nàn, là người đến nhà thờ sớm nhất và ra về muộn nhất; trong nhà thờ, ngài đứng với lòng kính sợ, chăm chú lắng nghe Lời Thánh Kinh; trong phòng tu, ngài thường cầu nguyện, viết lách và soạn thảo những gì vị tu viện trưởng giao phó, đồng thời tiếp tục miệt mài với các nghiên cứu học thuật của mình.

[6334] Trường Anh em Kiev (nay là Học viện Thần học Kiev) được khai trương vào năm 1615 cùng thời điểm với Tu viện Anh em Bogoyavlensky và thuộc tu viện này; được Tổng Giám mục Petro Mohyla (1633–1647) cải tổ và từ đó trở thành trung tâm của khoa học thần học và thế tục tại Nga trong một thời gian dài. Trường Kyiv đã đào tạo ra nhiều mục sư có học thức và những người bảo vệ nhiệt thành cho Chính thống giáo.

[6335] Ioannikii Galyatovskii († 1688), ban đầu là giáo viên, sau đó là hiệu trưởng Trường Kiev (1657–1665), người đã đóng góp rất nhiều cho sự phát triển của trường, là một trong những nhà thần học – nhà tranh luận và nhà thuyết giáo nổi tiếng nhất thời bấy giờ. Nhiều tác phẩm của Ioannikii, nhằm chống lại những người theo nghi thức La Mã và những người Uniate, chứng tỏ lòng nhiệt thành của ông trong việc bảo vệ chân lý Chính Thống Giáo.

[6336] Giuse (Nelyubovich – Tukalsky), từ năm 1661 là Tổng Giám mục Mogilev, sau đó là Tổng Giám mục Kiev; ông từng bị người Ba Lan bắt làm tù binh và qua đời tại Chyhyryn vào năm 1676.

Thánh Dimitri đã tu hành như vậy cho đến năm 1675. Vào thời điểm đó, Tổng Giám mục Chernihiv Lazar Baranovich[6337] đang lưu trú tại Tu viện Gustyn. Tại đây, Thánh Dimitri được giới thiệu với ngài để được phong chức linh mục tu sĩ, và lễ phong chức đã được cử hành vào ngày 23 tháng 5, ngày Lễ Hiện Xuống của Chúa Thánh Thần. Lúc bấy giờ, Thánh Dimitri mới chỉ 24 tuổi, nhưng ngài đã rất thành thạo trong việc rao giảng Lời Chúa. Sau khi làm quen với ngài và nhận ra những phẩm chất tâm linh cao quý của ngài, Tổng giám mục đã mời Thánh Dimitri làm nhà thuyết giáo[6338] tại Nhà thờ Chính tòa Chernihiv. Trong hơn hai năm, Thánh Dimitri đã rao giảng tại Nhà thờ Chính tòa và các nhà thờ khác thuộc Giáo phận Chernihiv. Khi giảng dạy dân chúng về luật của Chúa Kitô, ngài đã mang lại lợi ích thiêng liêng to lớn cho tất cả những người nghe và mang đến cho họ niềm vui lớn lao: lời nói sống động và lôi cuốn của ngài được thấm đẫm muối của sự khôn ngoan, đến nỗi ai nấy đều khao khát được lắng nghe ngài.

Danh tiếng về Thánh Dimitri, với tư cách là một nhà thuyết giảng vĩ đại, nhanh chóng lan rộng khắp Tiểu Nga và Litva, và các tu viện lần lượt mời ngài đến để được hưởng lợi từ những bài giảng hùng hồn và đầy giáo huấn của ngài. Sự kiện sau đây đã trở thành lý do trực tiếp dẫn đến những lời mời đó. Vào tháng 6 năm 1677, được thúc đẩy bởi lòng sùng đạo nhiệt thành, Dimitri đã lên đường từ Chernihiv đến Tu viện Novodvorsky[6339] để thờ lạy bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Đồng Trinh, do Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Moscow, vẽ, và ngài dự định sẽ ở lại Litva. Vào thời điểm Thánh Dimitri đến, tu viện đang chuẩn bị cho lễ rước long trọng bức tượng này từ nhà thờ cũ sang nhà thờ mới. Để thực hiện việc này, Giám mục Feodosiy của Belarus và Bề trên tu viện Thánh Thần ở Vilnius, Kliment, đã đến tham dự. Khi lễ hội kết thúc, Thượng phụ Kliment đã đưa Thánh Dimitri về tu viện của mình. Thánh Dimitri đã ở lại Vilnius hơn hai tháng và đã giảng hai bài giảng tại đây. Tuy nhiên, không lâu sau đó, theo lời đề nghị của Giám mục Theodosius, Thánh Dimitri đã lên đường đến Slutsk và, sau khi định cư tại Tu viện Anh em Preobrazhensky[6340] , ngài đã miệt mài làm việc trong mười bốn tháng để rao giảng Lời Chúa. Thánh Dimitri được ông Ioann Skotchkevich, người bảo trợ của tu viện và cũng là người đã tài trợ kinh phí xây dựng Tu viện Preobrazhensky, hết mực yêu mến và giúp đỡ. Thánh Dimitri cũng vô cùng kính trọng và yêu mến vị ân nhân của mình, ngài đã sống tại Slutsk cho đến khi vị ân nhân qua đời và đã tôn vinh ký ức của ông bằng cách giảng bài giảng tại lễ an táng.

Trong khi đó, Thánh Dimitri đã nhiều lần được mời trở về Malorossiya. Ông được cả Hetman Samoilovich[6341] và vị tu viện trưởng cũ của ông là Meletius – người hiện đang quản lý Tu viện Mikhailovsky ở Kiev – kêu gọi trở về. Vào tháng 2 năm 1679, Thánh Dimitri đã đến Baturin[6342] và được Hétman[6343] tiếp đón một cách rất nồng hậu và nhân từ. Sau khi định cư tại Tu viện Krupitsky ở Nikolaev[6344] , nằm không xa Baturyn, Dimitri tiếp tục tận tụy tu hành qua việc ăn chay, cầu nguyện và không ngừng đọc những cuốn sách có ích cho tâm hồn; đồng thời, ngài rao giảng Lời Chúa với lòng nhiệt thành đặc biệt. Danh tiếng về đời sống đạo đức của ngài lan rộng khắp các tu viện. Nhiều tu viện đã mời Thánh Dimitri đến để điều hành. Các tu sĩ của Tu viện Kirillov đã gửi

---

[6337] Lazar Baranovich († 1693) là Tổng giám mục Chernihiv từ năm 1657. Là cựu học sinh và Hiệu trưởng Học viện Kiev (1650–1656), Lazar nổi tiếng với việc rao giảng Lời Chúa và đã hỗ trợ chính quyền Moscow trong việc chinh phục Little Russia. Thánh Dimitri đã gọi ông là "cột trụ vĩ đại của Giáo hội".

[6338] Cho đến cuối thế kỷ XVI, ở Nga, các bài giảng hiếm khi được trình bày bằng lời nói: phần lớn là các bài giảng dịch từ các tác phẩm của các vị Thánh Phụ hoặc các cuốn tiểu sử các thánh. Tuy nhiên, kể từ khi các trường học xuất hiện ở miền tây nam Nga, những mẫu hình giảng đạo độc lập bắt đầu xuất hiện, và cùng với đó, một chức vụ đặc biệt dành cho các nhà giảng đạo đã được hình thành; chức vụ này do các tu sĩ có trình độ học vấn đảm nhận tại các thánh đường, tu viện và các hội đoàn tôn giáo.

[6339] Tu viện Novodvorsky, được thành lập để chống lại phong trào Unia vào năm 1618, nằm trong lãnh thổ Litva (nay thuộc huyện Pinsk) và trực thuộc Tu viện Thánh Thần ở Vilnius.

[6340] Thành phố Slutsk – thuộc tỉnh Minsk. Tu viện Preobrazhensky, được thành lập vào khoảng năm 1600, thuộc về hội anh em Slutsk, vốn giống như các hội anh em khác, đã bảo vệ Chính thống giáo khỏi sự đàn áp của người Công giáo và những người theo chủ nghĩa Unia.

[6341] Ivan Samoilovich, con trai của một linh mục, được bầu làm Hetman vào năm 1672; năm 1687, ông bị phế truất khỏi chức Hetman và qua đời tại Tobolsk vào năm 1690.

[6342] Baturin – hiện là một thị trấn nhỏ bên sông Seima, cách thị trấn quận Konotop 27 verst – được thành lập vào năm 1575 bởi vua Ba Lan Stefan Batory, người đã đặt tên cho nó theo tên mình (Batorin). Sau khi sáp nhập Tiểu Nga, Sa hoàng Alexei Mikhailovich đã chỉ định Baturin làm nơi cư ngụ của Hetman.

[6343] Hetman (tổng chỉ huy quân Cossack) là quyền lực tối cao và độc lập tại Tiểu Nga.

[6344] Được thành lập vào thế kỷ XV, bị người Tatar Crimea tàn phá, và được khôi phục lại vào thế kỷ XVI. Tu viện này được đặt tên là Krupitsky theo tên những hạt ngũ cốc rơi xuống gần tu viện trong thời kỳ đói kém. Truyền thuyết về điều này được chính tay Thánh Dimitri ghi lại trên cuốn Phúc Âm đặt trên bàn thờ.

đến ngài lời thỉnh cầu tha thiết xin ngài nhận chức vụ lãnh đạo. Nhưng Thánh Dimitri, có lẽ vì lòng khiêm nhường của mình, cũng như bị Hétman ngăn cản, đã từ chối lời thỉnh cầu này và gửi một lá thư cảm ơn đến Tu viện Kirillov. Ngay sau đó, vào năm 1681, vị tu viện trưởng của Tu viện Preobrazhensky ở Maksakovo,[6345] , đã qua đời. Các tu sĩ cũng đã tìm đến Thánh Dimitri, xin ngài làm tu viện trưởng cho họ. Với vị trí hẻo lánh của mình, Tu viện Maksakovo vô cùng phù hợp với lối sống tu hành nghiêm ngặt của Dimitri. Vì vậy, với sự đồng ý của Hetman, ngài đã chấp nhận lời đề nghị của các tu sĩ Maksakovsk và mang theo thư của Hetman đến Chernihiv để gặp Tổng Giám mục Lazar Baranovich nhằm xin sắc lệnh.

Tổng giám mục đã tiếp đón Dimitri một cách vô cùng ân cần. Như thể đã nhìn thấu tương lai, ngay khi mở phong thư của Hetman, Lazar đã nói với Dimitri: "Không cần đọc thư, tôi xin nói: Cầu Chúa ban phước lành cho ngài không chỉ với chức vụ Bề trên, mà với tên Dimitri, tôi cầu chúc ngài được đội mũ mitra: Dimitri hãy nhận lấy mũ mitra."

Cùng ngày đó, sau khi Dimitri được tấn phong làm tu viện trưởng[6346] , Lazarus đã chào đón Dimitri như sau: "Hôm nay là ngày kỷ niệm Tiên tri Mô-sê, người được Thiên Chúa soi sáng; vào ngày này, Chúa đã ban cho ngài chức vụ tu viện trưởng tại tu viện nơi có nhà thờ Biến Hình của Chúa, giống như Mô-sê trên núi Phavar. Và Đấng đã chỉ đường cho Mô-sê, cũng sẽ chỉ cho các con trên ngọn núi Pha-vô này con đường dẫn đến Pha-vô vĩnh cửu."

"Những lời này," chính Thánh Dimitri làm chứng, "tôi, một kẻ tội lỗi, đã coi đó là một điềm lành và lời tiên tri, và đã ghi nhớ trong lòng. Cầu xin Chúa cho lời tiên tri về chức vụ Bề trên của ngài trở thành hiện thực."

Khi chia tay Dimitri vào ngày hôm sau, Lazarus đã tặng ông một cây gậy tốt.

"Ngài đã tiễn tôi đi một cách ân cần như vậy," Thánh Dimitri kể lại, "như một người cha tiễn con ruột của mình. Xin Chúa ban cho ngài mọi điều tốt lành theo lòng ngài mong muốn."

Khi bắt đầu quản lý tu viện, Thánh Dimitri không hề thay đổi lối sống tu hành nghiêm ngặt trước đây của mình. Vẫn miệt mài trong các buổi thức đêm cầu nguyện, cầu nguyện và làm việc thiện, ngài đã làm gương cho mọi người về sự khiêm nhường Kitô giáo. Luôn ghi nhớ lời Chúa: *"Ai trong các con muốn làm người lớn, thì hãy làm đầy tớ cho các con"* (Mt 20,26), ngài đã sống như vậy, dạy người khác sống như vậy, và trở thành tấm gương về đức tin và sự đạo đức cho mọi người. Không còn nghi ngờ gì nữa, những vị tu viện trưởng như vậy chính là vinh quang và niềm tự hào cho các tu viện mà họ quản lý. Đó là lý do tại sao Thánh Dimitri không ở lại lâu tại bất kỳ tu viện nào, và như chúng ta sẽ thấy, ngài liên tục được chuyển từ tu viện này sang tu viện khác.

Các tu sĩ ở Maksakovo không được lâu để học hỏi từ lời dạy và đời sống thánh thiện của Dimitri. Ngày 1 tháng 3 năm 1682, ngài được bổ nhiệm làm vị tu viện trưởng tại Tu viện Nikolaevsky ở Baturyn. Nhưng chính ngài đã sớm từ chối chức vụ tại tu viện này. Ngài khao khát một cuộc sống yên tĩnh và thầm lặng, để có thể toàn tâm toàn ý dâng mình cho việc suy ngẫm về Thiên Chúa, cầu nguyện và các hoạt động thánh thiện khác. Vì vậy, vào năm thứ hai của nhiệm kỳ làm vị trụ trì tại Baturin, vào ngày lễ Thánh Bổn Mạng của ngài, ngày 26 tháng 10 năm 1683, ngài đã từ bỏ chức vụ quản lý tu viện, và ở lại đó với tư cách là một tu sĩ bình thường. Tuy nhiên, không lâu sau đó, nhờ sự an bài của Thiên Chúa, Thánh Dimitri đã được kêu gọi thực hiện công trình vĩ đại là biên soạn "Minei-Chetii", qua đó ngài đã mang lại lợi ích to lớn nhất cho toàn thể dân tộc Nga.

Năm 1684, Varlaam Yasinsky được bổ nhiệm làm Archimandrite của Tu viện Kiev-Pechersk. Từ các vị tiền nhiệm của mình – Peter Mohyla và Innokenty Gizel[6347] – ngài không chỉ kế thừa chức danh Archimandrite mà còn tiếp nhận ý tưởng về công trình vĩ đại biên soạn các cuốn "Sinh bình các Thánh". Công trình này càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết, bởi do các cuộc xâm lược của người Tatar cùng những cuộc tàn phá của người Litva và Ba Lan, Giáo hội đã mất đi rất nhiều cuốn sách thiêng liêng quý giá và các tiểu sử các thánh. Trong quá trình tìm kiếm một người có khả năng đảm nhận công việc quan trọng và vĩ đại này , Varlaam đã chú ý đến Thánh Dimitri, người vốn đã nổi tiếng nhờ lòng nhiệt thành dành cho các công việc cứu rỗi linh hồn. Sự lựa chọn này đã được các vị cha và anh em trong tu viện nhất trí thông qua. Sau đó, Varlaam đã đề nghị Thánh Dimitri chuyển đến Tu viện Kiev và đảm nhận công việc hiệu đính và biên soạn các cuốn tiểu sử các thánh.

[6345] Hiện nay, đây là một tu viện nữ thuộc Giáo hội Chính thống, tọa lạc tại huyện Sosnitsky, gần thành phố Borzna, bên bờ sông Desna.
[6346] Ngày 1 tháng 9 năm 1681 (Nhật ký, mục năm 1681).
[6347] Về Yasinsky, Mogila và Gizel – xem trong lời tựa của cuốn sách này.

Lo sợ trước gánh nặng của nhiệm vụ được giao phó, vị tu sĩ khiêm nhường này đã cố gắng từ chối. Tuy nhiên, vì sợ phạm tội bất tuân và nhận thức rõ nhu cầu của Giáo hội, ngài đã quyết định tuân theo những yêu cầu khẩn thiết của Varlaam. Đặt niềm tin vào sự giúp đỡ của Thiên Chúa và những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội cùng tất cả các thánh, vào tháng 6 năm 1684, Dimitri bắt đầu sứ mệnh mới của mình và với sự cẩn trọng cao độ, ông bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ được giao phó. Linh hồn ngài, tràn ngập hình ảnh các thánh mà ngài đã nghiên cứu tiểu sử, được ban cho những thị kiến thiêng liêng trong giấc ngủ, những thị kiến này củng cố ngài trên con đường hướng tới sự hoàn thiện thiêng liêng cao nhất và khích lệ ngài trong những công việc vĩ đại.

"Ngày 10 tháng 8 năm 1685," Thánh Dimitri tự thuật, "vào thứ Hai, tôi nghe tiếng chuông báo giờ kinh sáng, nhưng vì thói lười biếng thường lệ, tôi vẫn còn ngái ngủ, không kịp đến lúc bắt đầu và thậm chí còn ngủ quên đến tận lúc đọc Thánh vịnh. Lúc đó, tôi đã thấy một thị kiến như sau: dường như tôi được giao nhiệm vụ trông coi một hang động nào đó, nơi an nghỉ các thánh tích. Khi dùng nến soi xét các quan tài của các thánh, tôi thấy ở đó, dường như đang an nghỉ, là Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara. Khi đến gần quan tài của ngài, tôi thấy ngài nằm nghiêng, và quan tài của ngài có dấu hiệu bị mục nát. Muốn làm sạch quan tài, tôi lấy thi hài của ngài ra khỏi hòm, rồi đặt sang chỗ khác. Sau khi làm sạch hòm thánh tích, ngài tiến lại gần thánh tích của bà và dùng tay cầm lấy để đặt vào hòm; nhưng bỗng nhiên ngài thấy Thánh Barbara đang sống.

– Thánh nữ Varvara, ân nhân của con! Xin cầu xin Chúa tha thứ cho những tội lỗi của con, – tôi kêu lên.

Thánh nữ đáp lại, dường như có chút do dự:

– Tôi không biết liệu có thể cầu xin được không, vì ngài đang cầu nguyện theo cách của người La Mã.

Tôi nghĩ rằng điều này được nói với tôi bởi vì tôi rất lười cầu nguyện, và trong trường hợp này, tôi giống như người La Mã, những người có lời cầu nguyện rất ngắn gọn, bởi vì lời cầu nguyện của tôi cũng ngắn gọn và thưa thớt. Nghe những lời này từ vị thánh nữ, tôi bắt đầu buồn bã, và gần như tuyệt vọng. Nhưng không lâu sau, vị thánh nữ nhìn tôi với khuôn mặt vui vẻ và tươi cười, rồi nói: "Đừng sợ", – và còn nói thêm một số lời an ủi khác mà tôi không còn nhớ nữa. Sau đó, tôi đặt thi hài vào hòm thánh tích, rồi hôn lên tay và chân của Người; dường như thi hài vẫn còn sống động và rất trắng – nhưng chiếc hòm thánh tích thì nghèo nàn và cũ nát. Tiếc nuối vì đã dám dùng đôi tay và đôi môi ô uế, bẩn thỉu để chạm vào thánh tích, và vì không thấy chiếc quan tài đẹp đẽ, tôi suy nghĩ làm sao để trang hoàng lại chiếc quan tài này, và bắt đầu tìm kiếm một chiếc quan tài mới và sang trọng hơn để chuyển thánh tích vào đó: nhưng ngay lúc đó, tôi bừng tỉnh. "Dù tiếc nuối vì đã tỉnh giấc, nhưng lòng tôi vẫn tràn ngập niềm vui."

Kết thúc câu chuyện này, Thánh Dimitri khiêm nhường nhận xét: "Chúa biết giấc mơ này báo hiệu điều gì, và sự kiện nào sẽ xảy ra sau đó! Ôi, mong sao nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Barbara, vị thánh bảo trợ của tôi[6348] , Chúa sẽ ban cho tôi sự cải thiện cuộc sống xấu xa và tội lỗi của tôi!"

Một giấc mơ khác, xảy ra ba hoặc bốn tháng sau giấc mơ đầu tiên, như sau: "Năm 1685, trong Mùa Chay Thánh Philip, – Thánh Dimitri viết – vào một đêm nọ, sau khi hoàn thành bức thư kể về những đau khổ của Thánh Tử đạo Orest, người được tưởng niệm vào ngày 10 tháng 11, khoảng một giờ hoặc ít hơn trước giờ cầu nguyện buổi sáng, tôi nằm nghỉ mà không cởi quần áo, và trong giấc mơ, tôi thấy Thánh Tử đạo Orest, với khuôn mặt vui vẻ, nói với tôi những lời này:

– Ta đã chịu nhiều đau khổ vì Chúa Kitô hơn những gì ngươi đã viết.

Nói xong, ngài mở áo choàng ra và chỉ cho tôi thấy một vết thương lớn ở bên hông trái, xuyên thấu vào bên trong, rồi nói:

– Vết thương này là do một thanh sắt đốt vào.

Sau đó, ngài vén tay phải lên đến khuỷu tay, chỉ vào vết thương ngay phía đối diện khuỷu tay và nói:

– Vết thương này là do bị cắt đứt.

Lúc đó, có thể thấy các gân bị cắt đứt. Ông cũng mở tay trái ra, chỉ vào vết thương tương tự ở vị trí tương tự, và nói:

– Vết thương này cũng bị cắt đứt.

[6348] Thánh Dimitri đặc biệt tôn kính Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara. Ngay từ năm 1678, khi ngài đang ở Slutsk, vị tu viện trưởng Meletius đã gửi tặng ngài một phần di cốt của Thánh Barbara. Và vài năm sau thị kiến đã được mô tả, cụ thể là vào ngày 13 tháng 1 năm 1691, Thánh Dimitri đã tiến hành lễ rước long trọng một phần di cốt của vị nữ tử đạo vĩ đại này, vốn được lưu giữ sau khi Tukalsky qua đời tại kho bạc nhà nước Baturyn "như thể được giấu kín", đến Tu viện Nikolaev – và quy định mỗi thứ Ba sẽ cử hành nghi thức cầu nguyện dành cho Thánh Varvara.

Sau đó, anh cúi xuống, vén quần lên và chỉ vào vết thương ở khớp gối; rồi cũng vén quần chân kia lên đến đầu gối, chỉ vào vết thương tương tự ở cùng vị trí và nói:

– Còn chỗ này thì tôi bị rạch bằng lưỡi hái.

Rồi ngài đứng thẳng dậy, nhìn thẳng vào mặt tôi và nói:

– Anh thấy chưa? Tôi đã chịu đựng vì Chúa Kitô nhiều hơn những gì anh đã viết.

Tôi không dám nói gì phản đối, chỉ im lặng và thầm nghĩ: "Người này là Orestes, liệu có phải là một trong số năm người (ngày 13 tháng 12) không?" Trước suy nghĩ đó của tôi, vị thánh tử đạo đáp lại:

– Ta không phải là Orest thuộc nhóm năm vị đó, mà là người mà chính ngươi đang viết tiểu sử lúc này.

Tôi thấy một người quan trọng khác đang đứng phía sau ngài, và dường như người ấy cũng là một vị tử đạo, nhưng người ấy không nói gì cả. Ngay lúc đó, tiếng chuông báo giờ kinh sáng đã đánh thức tôi dậy, và tôi cảm thấy tiếc nuối vì giấc mơ rất đẹp đẽ này đã kết thúc quá sớm.

– "Về giấc mơ ấy," Thánh Dimitri bổ sung, khi ghi chép lại sự việc này hơn ba năm sau[6349] , "tôi, kẻ bất xứng và tội lỗi, thực sự đã thấy đúng như đã viết, chứ không phải khác đi; tôi tuyên thệ bằng lời thề linh mục của mình: vì tất cả những điều đó, tôi đã nhớ rõ ràng lúc bấy giờ, và bây giờ vẫn còn nhớ."

Đã hơn hai năm trôi qua kể từ khi Thánh Dimitri từ bỏ chức vụ tu viện trưởng và thực hiện công việc vĩ đại của mình trong một căn phòng tu hành hẻo lánh. Ông tình cờ có mặt cùng với Archimandrite Varlaam tại Baturyn. Hetman và Tổng giám mục mới Gedeon[6350] đã vui mừng đón tiếp ông và bắt đầu thuyết phục ông một lần nữa đảm nhận việc quản lý tu viện Nikolaevskaya. Thánh Dimitri đã từ chối điều này trong một thời gian dài, nhưng cuối cùng cũng phải nhượng bộ trước những lời thỉnh cầu nhiệt thành và vào ngày 9 tháng 2 năm 1686, ngài chuyển đến Baturin. Tuy nhiên, dù đã rời Tu viện Kiev, Thánh Dimitri vẫn không từ bỏ công việc của mình. Với sự tận tụy như khi còn ở Tu viện, ngài tiếp tục biên soạn các tiểu sử các thánh, và tại đây ngài đã hoàn thành phần đầu tiên của "Minei Chetii", bao gồm ba tháng – tháng 9, tháng 10 và tháng 11.

Thánh Dimitri đã trình tác phẩm của mình lên Archimandrite Varlaam. Sau khi đọc và xem xét bản thảo cùng với các vị trưởng lão của Thánh đường và những người khôn ngoan khác, Varlaam quyết định tiến hành in các cuốn tiểu sử các thánh. Thánh Dimitri đã từ Baturin trở về Tu viện, và dưới sự giám sát trực tiếp của ngài, cuốn sách đầu tiên của "Minei-Chetii" đã được in vào năm 1689.

Ngay sau đó, Thánh Dimitri có dịp đến Moscow. Công tước Golitsyn đã cử Hetman Mazepa[6351] đến Moscow với bản báo cáo về việc kết thúc cuộc chinh phạt Crimea[6352] . Cùng với Hetman, Thánh Dimitri và Innokenty, vị tu viện trưởng Tu viện Kirillov, cũng được cử đi để trao đổi với Đức Thượng phụ về một số vấn đề giáo hội. Đó là ngày 21 tháng 7 năm 1689. Khi đến Moscow, họ được giới thiệu với Sa hoàng Ioann Alekseevich và Công chúa Sofia. Cùng ngày đó, Thánh Dimitri được giới thiệu với Đức Thượng phụ Ioakim[6353] . Một tháng sau khi đến, Thánh Dimitri cùng với Hetman đã đến Tu viện Troitsa-Sergiev. Lúc bấy giờ, Sa hoàng Peter Alekseevich đang sống tại đây để lánh nạn khỏi những âm mưu ám sát của Công chúa Sofia. Ngài đã tiếp đón Dimitri một cách ân cần. Tại tu viện, Thánh Dimitri có dịp gặp gỡ Đức Thượng phụ. "Chúng tôi thường xuyên đến thăm ngài," chính vị thánh kể lại, "ngài đã ban phước lành cho tôi, một kẻ tội lỗi, để tiếp tục viết các cuốn tiểu sử các thánh và trao cho tôi bức tranh Đức Mẹ Đồng Trinh trong khung gỗ làm vật ban phước."

Khi trở về tu viện của mình, Thánh Dimitri đã hăng hái lao vào việc biên soạn các cuốn tiểu sử các thánh. Để thuận tiện hơn trong việc thực hiện công việc thánh thiện của mình, ngài đã rời khỏi phòng của vị trụ trì và dựng cho mình một căn phòng riêng ở một nơi hẻo lánh gần nhà thờ Thánh Nicholas Krupitsky, nơi mà trong các ghi chép của mình, ngài gọi là "sket".

[6349] Nhật ký, mục năm 1689

[6350] Gedeon Chetvertinsky († 1690) được bầu chọn tại Kiev vào tháng 7 năm 1685; được tấn phong tại Moscow vào ngày 8 tháng 11 cùng năm. Trên đường trở về từ Moscow, Tổng giám mục Gedeon đã ghé qua Baturyn.

[6351] Ivan Stepanovich Mazepa – Koledinsky († 1709) được nuôi dưỡng tại triều đình của Vua Ba Lan Jan Kazimierz, và hoàn thành việc học tập ở nước ngoài. Sau khi Samoilovich bị lật đổ, ông được bầu làm Hetman vào năm 1687 và tham gia vào cuộc viễn chinh Crimea lần thứ hai của Golitsyn. Năm 1708, ông phản bội Sa hoàng Peter và nước Nga, vì vậy đã bị vạ tuyệt thông.

[6352] Hoàng tử Vasily Vasilyevich Golitsyn (1643–1714) là nhà chính trị hàng đầu trong suốt bảy năm trị vì của Công chúa Sofia (1682–1689). Ở đây tất nhiên đề cập đến cuộc viễn chinh của ông đến Crimea năm 1689, cũng thất bại như lần đầu tiên vào năm 1687, nhưng lại mang lại cho Golitsyn những phần thưởng như một người chiến thắng.

[6353] Ioakim (1674–1690), vị tổng giám mục thứ chín của toàn nước Nga, ban đầu đối xử với Thánh Dimitri bằng sự nghi kỵ, cũng như đối với tất cả các học giả ở miền tây nam nước Nga.

Trong khi Thánh Dimitri đang miệt mài biên soạn cuốn thứ hai của "Minei-Chetii", vị tổng giám mục mới của Moscow là Adrian[6354] đã gửi cho ngài một bức thư khen ngợi. Bức thư này được Varlaam mang đến; ông đã được tấn phong và thụ phong tại Moscow (ngày 31 tháng 8 năm 1690) vào chức vụ tổng giám mục Kiev.

"Chính Đức Chúa Trời," vị tổng giám mục viết, "sẽ ban cho anh, hỡi anh em, mọi ân sủng tốt lành, ghi tên anh vào Sách Sự Sống Vĩnh Cửu, vì những công lao thánh thiện của anh trong việc soạn thảo, hiệu đính và in ấn cuốn sách về cuộc đời các thánh có ích cho linh hồn trong ba tháng đầu tiên: tháng Chín, tháng 10 và tháng 11: Nguyện Ngài cũng tiếp tục ban phước, củng cố và thúc đẩy anh tiếp tục lao động ngay cả trong suốt cả năm, để hiệu đính hoàn chỉnh và in ấn các cuốn sách về cuộc đời các thánh tương tự như vậy."

Đồng thời, Đức Thượng phụ cũng xin vị Tổng giám mục mới và vị Tổng tu viện trưởng tương lai của Tu viện Lavra hỗ trợ Thánh Dimitri trong mọi việc, "một người làm việc khéo léo, khôn ngoan và tận tụy".

Được khích lệ bởi sự quan tâm của Đức Thượng phụ, Thánh Dimitri đã trả lời vị lãnh đạo Giáo hội Moscow với lòng biết ơn khiêm nhường như sau: "Xin ngợi khen và tôn vinh Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh trong các thánh và bởi các thánh, vì Ngài đã ban cho Giáo hội Thánh của Ngài một vị mục tử tốt lành và tài giỏi như vậy, chức vụ Tổng Giám mục của ngài, người ngay từ đầu sứ vụ mục vụ của mình, đã quan tâm và lo toan trước hết về việc làm rạng ngời vinh quang của Thiên Chúa và các thánh của Ngài, mong muốn những cuộc đời thánh thiện ấy được công bố như một gương mẫu cho thế gian, vì lợi ích của toàn thể dân tộc Chính Thống giáo Nga. Vinh quang này thuộc về tất cả các vị thánh. Giờ đây, ngay cả tôi, kẻ không xứng đáng, cũng hăng hái hơn, nhờ sự trợ giúp của Chúa, giơ bàn tay yếu đuối và tội lỗi của mình lên trước những việc sắp tới, nhờ sự thánh chức của ngài hỗ trợ tôi trong công việc này, cùng với phước lành củng cố và hướng dẫn, điều đó khích lệ tôi vô cùng, để tôi lắc bỏ giấc ngủ của sự lười biếng, và thực hiện những gì được giao phó một cách cẩn trọng. Dù tôi chưa có kinh nghiệm, cũng không có đủ kiến thức và khả năng để đưa công việc đã khởi sự này đến sự hoàn hảo: tuy nhiên, nhờ Chúa Giê-su là Đấng củng cố tôi, tôi phải mang lấy ách của sự vâng phục thánh thiện, dù sự hiểu biết hạn hẹp của tôi không đủ để thực hiện điều đó, nhưng từ việc thực hiện đó, tất cả chúng ta đã nhận được và vẫn đang nhận được – mong rằng lời cầu nguyện đáng được Thiên Chúa chấp nhận của Đức Tổng Giám mục sẽ tiếp tục hỗ trợ tôi với sự chúc lành, điều mà tôi rất trông cậy".

Giờ đây, Thánh Dimitri đã quyết tâm dâng hiến bản thân hoàn toàn cho việc biên soạn "Cheti-Minei". "Ngày 14 tháng Hai (năm 1692)," ngài tự thuật, "vào tuần đầu tiên của mùa chay, trước thánh lễ, tôi đã từ bỏ và bàn giao chức vụ tu viện trưởng tại Tu viện Baturyn để có được sự an tĩnh tối đa cho việc lưu trú và viết các cuốn tiểu sử các thánh." Sống trong căn phòng ẩn dật của mình, ngài đã soạn thảo cuốn sách thứ hai, bao gồm ba tháng tiếp theo – tháng 12, tháng 1 và tháng 2, và vào ngày 9 tháng 5 năm 1693, chính ngài đã mang cuốn sách đó đến nhà in Kiev-Pechersk.

Tuy nhiên, dù vị tu sĩ cần cù này có khao khát một cuộc sống yên tĩnh và ẩn dật đến đâu, những người trân trọng những phẩm chất cao quý trong tâm hồn ông vẫn không để ông được yên. Vì vậy, trong khi Thánh Dimitri đang giám sát việc in ấn tác phẩm của mình, vị tổng giám mục mới của Chernihiv, Thánh Theodosius Uglitsky, đã thuyết phục ngài đảm nhận việc quản lý tu viện Petropavlovsk, cách thành phố Hlukhiv 27 verst[6355] . Trong thời gian ngài ở tu viện này, vào tháng 1 năm 1695, việc in ấn phần thứ hai của "Chetii-Minei" đã hoàn tất. Và nhờ cuốn sách này, Thượng phụ Adrian đã dành cho Dimitri những lời khen ngợi tương tự như đối với cuốn đầu tiên, đồng thời gửi cho ngài một bức thư khen ngợi khác. Điều này đã thúc đẩy Dimitri tiếp tục công việc của mình một cách hăng say, và ngài bắt đầu chuẩn bị cuốn thứ ba, bao gồm các tháng – tháng Ba, tháng Tư và tháng Năm.

Đầu năm 1697, Thánh Dimitri được bổ nhiệm làm viện trưởng Tu viện Kirillov ở Kiev, và năm tháng sau đó, vào ngày 20 tháng 6, ngài được tấn phong làm archimandrite của Tu viện Uspensky ở Yelets, Chernihiv[6356] . Như vậy, cuối cùng, mong muốn của Lazar Baranovich đã thành hiện thực: Dimitri đã nhận được chiếc mũ mitra. Tuy nhiên, sau khi được phong chức Archimandrite, Thánh Dimitri, luôn ghi nhớ lời Kinh Thánh: "Ai được ban cho nhiều, thì sẽ bị đòi hỏi nhiều" (Lc 12:48), đã dấn thân vào các công việc và việc làm thánh thiện của mình với

---

[6354] Adrian (1690–1700) – vị tổng giám mục Toàn Nga cuối cùng.

[6355] Tu viện Petro-Pavlovsky ở Glukhov, tỉnh Chernihiv, được thành lập bởi ai và vào thời điểm nào vẫn chưa rõ. Tu viện này đã tồn tại từ giữa thế kỷ XVII. Thánh Dimitri đã xây dựng một nhà thờ chính bằng đá trong tu viện.

[6356] Tu viện Uspensky ở Yelets, trên dãy núi Boldiny, phía sau Chernihiv, được thành lập theo lời khuyên của Thánh Antony của Pechersk bởi Công tước Sviatoslav Yaroslavich vào năm 1069 tại nơi hiện ra của bức tượng Đức Mẹ; bị người Tatar tàn phá, được khôi phục vào năm 1500; từ năm 1635 đến 1649 nằm dưới sự kiểm soát của những người Uniate; được phục hồi vào năm 1671.

sự nhiệt huyết và tận tụy còn lớn lao hơn nữa. Không ngừng nghiên cứu các cuộc đời các thánh, ngài cũng không quên việc cải thiện đời sống tu viện và luôn giúp đỡ mọi người bằng lời khuyên và sự phân tích, bằng lời nói và hành động.

Hai năm nữa trôi qua, Thánh Dimitri được chuyển đến Tu viện Spassky Novgorod-Seversky[6357] . Đây là tu viện cuối cùng mà ngài quản lý. Tại đây, ngài đã hoàn thành phần thứ ba của cuốn "Minei-Chetii", cuốn sách này sau đó được xuất bản vào tháng 1 năm 1700. Sau đó, Archimandrite Ioasaf Krokovsky của Tu viện Lavra,[6358] cùng các tu sĩ, nhằm bày tỏ sự kính trọng đặc biệt đối với tác giả cuốn "Cuộc đời các Thánh", đã gửi tặng ngài bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, vốn được Sa hoàng Alexei Mikhailovich ban tặng cho Tổng Giám mục Kiev Peter Mogila nhân dịp lễ đăng quang của ngài.

Cũng trong năm 1700 đó, Hoàng đế Peter Đại đế, trong nỗ lực quan tâm đến các vùng xa xôi của lãnh thổ rộng lớn của mình, đã giao nhiệm vụ cho Tổng giám mục Kiev Varlaam "tìm kiếm trong số các archimandrite, các igumen hoặc các tu sĩ khác, có lối sống tốt đẹp, học thức và trong sạch, để làm tổng giám mục tại Tobolsk, và nhờ ân sủng của Chúa, có thể rao giảng tại Trung Quốc và Siberia, dẫn dắt những người chìm đắm trong sự mù quáng của việc thờ thần tượng và những sự dốt nát khác đến với sự hiểu biết, sự phụng sự và sự thờ phượng Đức Chúa Trời Hằng Sống chân chính". Trong vấn đề này, không ai được biết đến nhiều như Archimandrite Novgorod-Seversky, và vào đầu năm 1701, Thánh Dimitri đã được triệu tập đến Moscow. Tại đây, ngài đã có bài phát biểu chào mừng trước Hoàng đế, trong đó ngài đã nêu bật phẩm giá của vị vua trần gian, người đại diện cho hình ảnh của Đấng Christ – Vua Thiên Đàng – trên đất. Không lâu sau – vào ngày 23 tháng 3 – Thánh Dimitri được tấn phong làm Tổng Giám mục Siberia và Tobolsk. Danh dự cao quý này đã được trao cho Dimitri khiêm nhường, nhưng điều đó không làm ngài hài lòng. Siberia là vùng đất khắc nghiệt và lạnh giá, trong khi sức khỏe của Thánh Dimitri lại yếu ớt, bị suy kiệt bởi những công việc không ngừng nghỉ. Siberia là vùng đất xa xôi, trong khi Thánh Dimitri có một công việc gần gũi với trái tim ngài, công việc mà ngài đã bắt đầu tại Kiev và chỉ có thể tiếp tục ở đó, hoặc gần những nơi mà nền giáo dục lúc bấy giờ đang tập trung, chứ không phải ở vùng Siberia hẻo lánh và xa xôi. Tất cả những điều này khiến ngài lo lắng đến mức phải nằm liệt giường. Chính nhà vua đã đến thăm người bệnh và, sau khi biết nguyên nhân bệnh tật của ngài, đã an ủi ngài và cho phép ngài ở lại Moscow một thời gian, trong khi chờ đợi giáo phận gần nhất. Chức vụ tại giáo phận đó sớm được trống: Tổng giám mục Ioasaf của Rostov đã qua đời, và vào ngày 4 tháng 1 năm 1702, Thánh Dimitri được bổ nhiệm làm người kế nhiệm ngài.

Thánh Dimitri đến Rostov vào ngày 1 tháng 3, trong tuần thứ hai của Mùa Chay. Khi vào thành phố, ngài trước hết đã viếng thăm Tu viện Spaso-Yakovlevskaya. Bước vào Nhà thờ Đức Mẹ Nhận Thụ, nơi an nghỉ di cốt của Thánh Giacôbê Rostov, vị tổng giám mục mới đã cử hành nghi thức cầu nguyện thông thường; đồng thời, nhờ một sự mặc khải đặc biệt từ trên cao, ngài biết rằng tại Rostov, ngài sẽ kết thúc cuộc đời đầy gian khổ nhưng cũng vô cùng hữu ích của mình, nên đã chỉ định cho mình một ngôi mộ ở góc phải của nhà thờ và nói với những người xung quanh: "Đây là nơi an nghỉ của ta: ta sẽ an nghỉ tại đây đến muôn đời"[6359] . Sau đó, sau khi cử hành Thánh lễ tại Nhà thờ Chính tòa Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, vị Thánh đã có bài giảng hùng hồn và cảm động dành cho đoàn chiên mới của mình, trong đó ngài trình bày những nghĩa vụ lẫn nhau giữa mục tử và đoàn chiên.

"Đừng lo lắng," vị thánh nói, "về việc tôi đến với các bạn: vì tôi đã bước vào qua cửa chính, chứ không phải trèo qua nơi khác; tôi không tìm kiếm, nhưng đã tìm thấy, và tôi không biết các bạn, cũng như các bạn không biết tôi, nhưng những định mệnh của Chúa thật vô cùng sâu thẳm; Chính những điều ấy đã sai tôi đến với các con, và tôi đã đến, không phải để các con phục vụ tôi, mà để tôi phục vụ các con, theo lời Chúa: 'Ai muốn làm người đầu tiên trong các con, thì hãy làm đầy tớ cho mọi người'."

Khi nhậm chức Tổng Giám mục Rostov, Thánh Dimitri đã phát hiện ra những rối loạn nghiêm trọng tại đó. Với lòng nhiệt thành như Ê-li, ngài đã dốc lòng không ngừng lo toan cho việc cải tổ Giáo hội và cứu rỗi các linh hồn con người. Như một vị mục tử chân chính, tuân theo lời Phúc Âm: *"Hãy để ánh sáng của các con chiếu sáng trước mặt mọi người, để họ thấy những việc lành của các con và tôn vinh Cha các con ở trên trời"* (Mt 5:16), Thánh nhân chính là tấm gương về sự đạo đức trong mọi việc. Đồng thời, ngài cũng nỗ lực loại bỏ khỏi mọi tầng

---

[6357] Tu viện này, tọa lạc ngay tại thành phố Novgorod-Seversky, được Tổng giám mục Lazar Baranovich xây dựng vào giữa thế kỷ XVII.
[6358] Ioasaf Krokovsky từng giữ chức Archimandrite của Tu viện Pechersk từ năm 1697 đến 1708.
[6359] Tu viện Spaso-Yakovlevsky ở Rostov được thành lập vào cuối thế kỷ XIV bởi Giám mục Yakov của Rostov (qua đời năm 1392); vào đầu thế kỷ XVII, trong thời kỳ xâm lược của người Litva, tu viện này đã bị tàn phá. Nhà thờ chính tòa kính Đức Mẹ Anna, nơi an nghỉ di cốt của Thánh Dimitri, đã tồn tại từ năm 1691.

lớp xã hội những thói hư tật xấu như ghen tị, dối trá và các tệ nạn khác. Đặc biệt, ngài vô cùng đau lòng trước sự thiếu hiểu biết và sự coi thường việc rao giảng Lời Chúa của giới tu sĩ.

"Ôi thời đại khốn khổ của chúng ta," Thánh Dimitri đã nói trong một bài giảng của ngài, "vì việc gieo rắc Lời Chúa đã bị coi thường đến mức Lời Chúa đã bị bỏ rơi hoàn toàn, và tôi không biết nên lên án ai trước tiên: những người gieo hạt hay mảnh đất, các linh mục hay trái tim con người, hay cả hai cùng một lúc? Tất cả đều vô dụng, không ai làm điều thiện, không một ai cả. Người gieo hạt không gieo, còn đất thì không tiếp nhận; các linh mục thì lơ là, còn con người thì lầm lạc; các linh mục không dạy dỗ, còn con người thì dốt nát; các linh mục không rao giảng Lời Chúa, còn con người thì không nghe, thậm chí không muốn nghe."

Thánh nhân cũng không tìm thấy sự giáo dục đạo đức tốt đẹp ở nhiều vị chức sắc. Ngược lại, ngài phải đau lòng nhận thấy rằng các ông bố trong gia đình lại thiếu quan tâm đến việc thực hiện những bổn phận Kitô giáo chính yếu của các thành viên trong nhà.

"Và điều đáng ngạc nhiên hơn nữa," Thánh Dimitri tiếp tục, "là vợ con của nhiều linh mục hầu như không bao giờ rước lễ, như tôi đã biết được từ đây: các con trai của các linh mục đến để kế vị cha mình, khi chúng tôi hỏi họ đã rước lễ từ bao lâu rồi, nhiều người thực sự trả lời rằng họ không nhớ mình đã rước lễ khi nào. Ôi, những linh mục khốn khổ, không lo lắng cho gia đình mình! Làm sao họ có thể lo lắng cho Giáo Hội thánh thiện, khi mà họ không dẫn dắt chính những người thân trong gia đình mình đến với Thánh Thể? Làm sao họ có thể dẫn dắt giáo dân, khi mà họ không quan tâm đến sự cứu rỗi của những linh hồn ngay trong chính gia đình mình?"

Các linh mục không hiểu rõ bổn phận của mình. Trong số họ có những người, trong các bữa tiệc, đã kể lại những tội lỗi của các con cái thiêng liêng của mình – những điều đã được bộc bạch trong buổi xưng tội – với thái độ chỉ trích và trách móc. Những người khác thì lười biếng không chịu đến thăm người bệnh để nghe xưng tội và ban các Bí tích Thánh, đặc biệt là những người nghèo.

Vị Thánh còn tràn đầy lòng nhiệt thành đạo đức hơn nữa, và càng đau buồn hơn khi biết rằng một số linh mục, đã quên đi sự kính sợ Thiên Chúa, không dành sự tôn kính xứng đáng cho các Bí tích Thánh Thể và Thánh Thể Sống Động của Chúa Kitô. Trong một trong những bức thư của mình, vị Thánh kể lại sự việc như sau.

– Vào tháng 1 năm 1702, chúng tôi có dịp đi đến thành phố Yaroslavl. Trên đường đi, tôi ghé vào một nhà thờ ở vùng nông thôn. Sau khi dâng lời cầu nguyện thông thường, tôi muốn bày tỏ sự tôn kính và thờ phượng xứng đáng đối với các Bí tích Thánh Thể của Chúa Kitô và đã hỏi vị linh mục tại đó:

– Các Bí tích ban sự sống của Chúa Kitô ở đâu?

Vị linh mục, dường như không hiểu lời tôi, đứng đó bối rối và im lặng. Lúc đó, tôi lại hỏi ngài:

– Thân Thể Chúa Kitô ở đâu?

Vị linh mục cũng không hiểu câu hỏi này. Một trong những linh mục có kinh nghiệm đi cùng tôi liền hỏi ông ấy:

– Kho dự trữ ở đâu?

Lúc đó, vị linh mục lấy ra từ góc phòng một "chiếc bình vô cùng tồi tàn" và chỉ cho chúng tôi thấy vật thánh thiêng liêng vĩ đại đang được cất giữ trong đó một cách cẩu thả đến thế, thứ mà ngay cả các Thiên thần cũng phải nhìn ngắm với sự kính sợ.

"Và lòng tôi vô cùng đau xót vì điều đó," vị thánh nói, "bởi vì Thân Thể Chúa Kitô lại được cất giữ trong sự thiếu tôn kính như vậy, và bởi vì họ thậm chí không gọi nó bằng một danh xưng xứng đáng với các Bí Tích Thánh Khiết. Trời ơi, hãy kinh ngạc vì điều này, và các tận cùng của trái đất hãy kinh hoàng!"

Thánh nhân đã quyết tâm loại bỏ ngay lập tức những khuyết điểm nghiêm trọng như vậy. Với mong muốn các linh mục từ bỏ sự lơ là và thực hiện chức vụ của mình với tất cả sự cẩn trọng và lòng kính sợ Thiên Chúa, Thánh Dimitri đã viết hai bức thư chung gửi các mục tử. Những bức thư này đã được sao chép thành nhiều bản và gửi đến các linh mục, để họ chép lại cho riêng mình, thường xuyên đọc lại và điều chỉnh các nhiệm vụ của mình theo đó.

Trong bức thư đầu tiên, vị Thánh đã khuyên nhủ các mục tử một cách đầy tình cha con rằng hãy từ bỏ tính xấu xa, cấm họ tiết lộ những lỗi lầm của các con chiên và khoe khoang về chức vụ cũng như địa vị của một vị cha thiêng liêng. Nhân danh Chúa, ngài khẩn khoản cầu xin họ đừng khinh miệt những người nghèo khó và khốn cùng, mà hãy chăm lo cho linh hồn của tất cả những người được chăn dắt một cách công bằng và không ngừng nghỉ.

Trong bức thư thứ hai, Thánh Dimitri, bằng quyền bính tổng giám mục của mình, đã ra lệnh rằng các linh mục, dưới sự đe dọa của Ngày Phán Xét khủng khiếp của Đức Chúa Trời, không chỉ tự mình dâng lên sự thờ phượng xứng đáng cho các Bí tích Thánh và Ban Sự Sống, mà còn phải dạy dỗ người khác làm điều đó; khuyên

nhủ phải bảo quản các Bí tích ấy tại những nơi xứng đáng với sự thánh thiêng và trong những bình thánh , đồng thời không được gọi chúng là "kho dự trữ"; ngài thuyết phục các linh mục chuẩn bị một cách xứng đáng cho chức vụ thánh của mình và khẩn khoản yêu cầu họ giảng dạy dân chúng thường xuyên nhất có thể, đồng thời tự mình thực hiện cẩn trọng các bổn phận của mình.

Với mong muốn loại bỏ hoàn toàn những khuyết điểm trong hàng giáo sĩ, Thánh Dimitri nhận thức rằng phương tiện hiệu quả nhất để làm điều này chính là giáo lý và giáo dục tốt đẹp. Vì vậy, ngài đã mở một trường học tại dinh thự giám mục của mình[6360] . Sau khi tập hợp hơn hai trăm người, chủ yếu là con cái của các linh mục, tại trường học này, ngài chia họ thành ba lớp và chỉ định một giáo viên riêng cho mỗi lớp. Trường học này là đối tượng được vị thánh quan tâm đặc biệt. Ngài thường xuyên đến thăm các lớp học, đích thân lắng nghe các học sinh và kiểm tra kiến thức của họ. Trong trường hợp giáo viên vắng mặt, chính ngài đảm nhận vai trò đó. Vào thời gian rảnh rỗi ngoài các công việc thường ngày, vị thánh tập hợp những học sinh có năng khiếu và giảng giải cho các em một số sách trong Cựu Ước; vào mùa hè, khi cư ngụ tại làng Demyany thuộc giáo phận, ngài giải thích Tân Ước cho các học sinh. Vị thánh cũng quan tâm không kém đến việc giáo dục đạo đức cho các học sinh. Vào các ngày Chủ nhật và ngày lễ, các học trò phải đến nhà thờ chính tòa để tham dự lễ canh thức suốt đêm và Thánh lễ. Sau khi kết thúc phần ca thứ nhất, trong lúc đang đọc một bài giảng hoặc tiểu sử thánh nhân nào đó, các học trò phải tiến đến gần vị thánh để nhận phép lành, qua đó cho ngài biết sự hiện diện của mình. Vị Tổng Giám mục ra lệnh cho các học trò phải tuân thủ nghiêm ngặt không chỉ Mùa Chay mà cả các thời kỳ ăn chay khác; chính ngài nghe họ xưng tội và ban Thánh Thể cho họ. Đối với những người đã hoàn thành khóa học, vị thánh ban cho họ các chức vụ tại các nhà thờ, tùy theo phẩm trật. Để khơi dậy lòng tôn trọng đối với chức vụ của họ, ngài đã phong chức cho các phó tế và người phụ trách nhà thờ, điều mà trước đây chưa từng có ở Rostov.

Tuy nhiên, dù ngài có bận rộn đến đâu với vô số lo toan và công việc, thì ngay cả trong chức vụ mới của mình, ngài vẫn không ngừng công việc biên soạn các cuốn tiểu sử các thánh. Đã gần ba năm trôi qua kể từ khi Thánh Dimitri đến Rostov, và trong biên niên sử các giám mục Rostov, được lưu giữ tại Nhà thờ Chính tòa Rostov, đã có ghi chép sau đây về việc Thánh Dimitri hoàn thành công trình vĩ đại này: "Vào mùa hè năm 1705 kể từ khi Đức Chúa Lời nhập thể, vào ngày 9 tháng 2, nhân ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Nikifor, người được xưng là Đấng Chiến thắng, trong lễ Hội Ngộ của Chúa, ngài đã dâng lời cầu nguyện lên Thánh Simeon, người đón nhận Chúa, rằng: 'Lạy Chúa, xin hãy cho tôi tớ của Ngài ra đi', vào ngày thứ Sáu, ngày Chúa chịu khổ nạn, ngày mà trên thập giá, Chúa Kitô đã phán: "Đã hoàn tất rồi", – trước ngày Thứ Bảy tưởng niệm các linh hồn đã qua đời và trước Tuần Lễ Phán Xét Cuối Cùng, nhờ ơn Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, cùng lời cầu nguyện của các thánh, tháng Tám đã được ghi chép. Amen".

Vào tháng Chín cùng năm đó, cuốn sách cuối cùng này, bao gồm các tháng Sáu, Bảy và Tám, đã được in tại Tu viện Kiev-Pechersk. Như vậy, công trình vĩ đại biên soạn "Minei-Chetii" đã được hoàn thành, công trình đã đòi hỏi ngài thánh nhân hơn hai mươi năm lao động miệt mài.

Tuy nhiên, Thánh Dimitri còn phải thực hiện một công việc quan trọng khác tại giáo phận Rostov. Vào thời điểm đó, nơi đây có rất nhiều kẻ ly giáo; các thủ lĩnh của họ, ẩn náu trong rừng Bryn[6361] , đã lợi dụng các nhà truyền giáo bí mật của mình để lan truyền giáo lý độc hại khắp nơi. Bằng những lời giải thích sai lầm và những lời khuyên nhủ bí mật, họ đã dụ dỗ các chiên của Chúa Kitô vào những cái bẫy hủy diệt của mình. Nhiều người, vì tin vào giáo lý nịnh hót của họ, đã dao động trong đức tin chân chính.

"Ôi, những kẻ khốn nạn của thời kỳ cuối cùng này!" – vị thánh nhân kêu lên – "vì hiện nay Giáo Hội thánh thiện đang bị áp bức và suy yếu nặng nề, một phần bởi những kẻ bách hại từ bên ngoài, một phần bởi những kẻ ly giáo từ bên trong, những kẻ mà, theo lời Thánh Tông Đồ, *'họ đã ra khỏi chúng ta, nhưng họ không phải là của chúng ta'* (1 Ga 2:19). Và chỉ riêng vì sự ly giáo này, chính Giáo Hội Tông Đồ Thánh Thiện và Hiệp Nhất đã bị suy yếu, đến nỗi khó mà tìm thấy một con cái chân chính của Giáo Hội ở đâu: bởi vì hầu như ở mọi thành phố, một niềm tin khác biệt và đặc biệt nào đó lại được bịa đặt ra, và ngay cả về đức tin, những người đàn ông và phụ nữ bình thường, vốn không hiểu rõ con đường chân lý, cũng đưa ra các giáo điều và giảng dạy, chẳng hạn như khi nói về

[6360] Các lớp học tại trường bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 1702. Tuy nhiên, trường học do Thánh Dimitri thành lập chỉ tồn tại trong thời gian ngắn; đến năm 1705, trường đã ngừng hoạt động.

[6361] Những khu rừng rậm rạp Bryn trải dài dọc theo sông Bryni, một nhánh của sông Zhizdra, thuộc tỉnh Kaluga, chảy vào sông Oka. Những kẻ ly giáo đã ẩn náu trong những khu rừng này. Từ đây mà tên gọi của phái ly giáo "Đạo Bryn" ra đời.

việc ghép ba ngón tay lại với nhau, họ cho rằng đó là một cây thánh giá sai lầm và mới, và trong sự bướng bỉnh đáng nguyền rủa của mình, họ vẫn kiên quyết giữ vững quan điểm đó, khinh thường và từ chối các vị thầy chân chính của Giáo hội".

Những hiện tượng như vậy thực sự vô cùng đáng buồn đối với một người bảo vệ đức tin vào Chúa Kitô đầy tri thức. Thánh nhân quyết định đi vòng quanh giáo phận của mình nhiều lần và ở lại Yaroslavl trong thời gian dài để bằng lời nói của mình vạch trần sự ngu dốt cố chấp của những kẻ ly giáo khỏi Giáo hội Chính thống. Trong một lần đến Yaroslavl, Thánh Dimitri, sau khi cử hành Thánh lễ vào ngày Chủ nhật tại nhà thờ chính tòa, đang trên đường trở về nhà. Lúc đó, hai người lạ mặt tiến lại gần ngài và hỏi:

– Thưa Đức Thánh Cha, ngài sẽ ra lệnh thế nào? Họ ra lệnh cho chúng tôi cạo râu[6362] , nhưng chúng tôi sẵn sàng hy sinh mạng sống vì bộ râu của mình.

Thánh nhân ngạc nhiên trước câu hỏi bất ngờ này và cũng hỏi lại:

– Các ngươi nghĩ sao, liệu đầu có mọc lại được không nếu bị chặt đi?

– Không, – họ đáp.

– Còn râu thì có mọc lại không? – vị thánh hỏi.

– Râu sẽ mọc lại, – họ đáp.

– Vậy thì cứ để họ cắt râu của các vị đi, các vị sẽ mọc lại râu khác.

Khi vị thánh và những công dân danh giá đi cùng ngài bước vào phòng tu của ngài, họ đã trò chuyện rất lâu về việc cạo râu. Thánh Dimitri biết rằng trong đoàn chiên của ngài có không ít người đang nghi ngờ về sự cứu rỗi của mình vì họ đã bị cạo râu theo sắc lệnh của nhà vua. Họ cho rằng cùng với bộ râu, họ đã mất đi hình ảnh và sự giống như Thiên Chúa. Vị thánh đã khuyên nhủ họ từ bỏ những nghi ngờ ấy trong một thời gian dài, chứng minh rằng hình ảnh và sự giống như Thiên Chúa không nằm ở bộ râu hay khuôn mặt, mà nằm trong tâm hồn con người. Sau đó, vị thánh đã viết tác phẩm "Về hình ảnh và sự giống như Thiên Chúa trong con người" và gửi đi khắp giáo phận của ngài. Theo lệnh của nhà vua, tác phẩm này đã được in ba lần.

Không lâu sau, Thánh Dimitri đã viết một tác phẩm đồ sộ mang tên "Nghiên cứu về Đức tin Bryn"[6363] , vạch trần bản chất của sự ly giáo.

Trong tác phẩm này, vị Thánh đã chứng minh một cách rõ ràng và thuyết phục rằng đức tin của những kẻ ly giáo là sai lầm, giáo lý của họ gây hại cho linh hồn, và những việc làm của họ không được lòng Chúa.

Không ngừng cống hiến vì lợi ích của Giáo hội và nhà nước, Thánh Dimitri còn thực hiện nhiều công trình khác. Chẳng hạn, ngài dự định biên soạn "Biên niên sử kể lại các sự kiện từ thuở khai thiên lập địa cho đến Lễ Giáng sinh của Chúa Kitô". Thánh nhân muốn biên soạn cuốn sách này vừa để đọc riêng trong phòng tu, vừa để phục vụ cho những hoàn cảnh đặc biệt khác. Ngài biết rõ rằng không chỉ ở Tiểu Nga mà cả ở Đại Nga, rất ít người sở hữu Kinh Thánh bằng tiếng Slav. Chỉ những người giàu có mới có thể mua được nó, còn những người nghèo thì hoàn toàn bị tước đoạt lợi ích thiêng liêng mà việc đọc cuốn sách được Thánh Thần soi dẫn này mang lại. Ngay cả trong giới giáo sĩ, nhiều người cũng không nắm rõ trình tự các câu chuyện trong Kinh Thánh. Vì vậy, vị thánh đã mong muốn biên soạn một cuốn tóm tắt lịch sử Kinh Thánh, để ai cũng có thể mua được với giá rẻ và làm quen với nội dung của Kinh Thánh[6364] . Thánh Dimitri lập tức bắt tay vào công việc và bắt đầu chọn lọc thông tin từ Kinh Thánh và các biên niên sử khác nhau[6365] .

[6362] Vào thời điểm đó, Peter Đại đế đã ban hành các sắc lệnh bắt buộc phải cạo râu.

[6363] Cuốn "Nghiên cứu về tín ngưỡng Bryn ly giáo" được xuất bản lần đầu tiên tại Moscow vào năm 1745. Tác phẩm này được chia thành ba phần. Trong phần đầu tiên, vị thánh giải quyết hai vấn đề: "Liệu tín ngưỡng của những người ly giáo có đúng đắn không?" và "Liệu tín ngưỡng của họ có phải là tín ngưỡng cổ xưa không?" Trả lời câu hỏi đầu tiên, Thánh Dimitri chứng minh rằng những người ly giáo không có đức tin chân chính, bởi vì đức tin của họ chỉ giới hạn ở những cuốn sách và các bức tranh thánh cổ, cây thánh giá tám cánh, cách làm dấu thánh giá bằng ngón tay của họ và con số bảy chiếc bánh thánh trong Thánh lễ – những điều đó không tạo nên đức tin. Khi giải quyết câu hỏi thứ hai, vị thánh nói rằng đức tin của những kẻ ly giáo là mới, hoặc là sự phục hưng của những tà thuyết và lầm lạc cũ. Trong phần thứ hai của tác phẩm "Sự Điều Tra", tác giả nói rằng giáo lý của những kẻ ly giáo, xuất phát từ những thầy tự xưng, 1) là sai lầm, 2) là tà giáo và 3) là phạm thượng. Trong phần thứ ba – về các hành vi của những kẻ ly giáo – tác giả chứng minh rằng những việc làm có vẻ tốt đẹp của họ đã bị làm hư hỏng bởi sự kiêu ngạo, tự mãn và đạo đức giả, sau đó liệt kê những hành vi xấu xa, rõ ràng là vi phạm luật pháp của những kẻ ly giáo.

[6364] Ý định này của vị Thánh được biết đến qua "Tập Thư", tức là tuyển tập các bức thư của ngài.

"Tôi viết," vị thánh nói, "với sự giúp đỡ của Chúa, những bài học đạo đức, đôi khi là lời giải thích Kinh Thánh, trong phạm vi khả năng hạn hẹp của mình; còn các câu chuyện Kinh Thánh, tôi chỉ trích dẫn ngắn gọn thay cho phần mở đầu, và từ đó, như từ các nguồn suối, tôi dẫn dắt những dòng chảy của bài học đạo đức"[6366] .

Dù vị thánh rất mong muốn hoàn thành "Biên niên sử", nhưng ngài không thể thực hiện được ý định của mình. Sức khỏe suy sụp trầm trọng chính là trở ngại lớn nhất đối với ngài. Ngài chỉ kịp ghi chép các sự kiện trong vòng 4.600 năm. Trong khi đó, sau tác phẩm này, vị thánh dự định sẽ bắt tay vào việc soạn thảo một bản chú giải ngắn gọn về Thánh Vịnh, với sự giúp đỡ của Thiên Chúa[6367] .

Thánh Dimitri là một nhà thuyết giảng nổi tiếng của thời đại ngài và thường xuyên hướng đến đoàn chiên của mình bằng những lời giảng dạy đầy hùng hồn. Không có công việc hay trách nhiệm nào bao giờ làm ngài xao lãng khỏi việc rao giảng Lời Chúa. Những chân lý Kitô giáo mà ngài rao giảng, tuôn trào trực tiếp từ tâm hồn vị giảng thuyết, luôn sống động và có sức thuyết phục, thu hút thính giả bằng sự giản dị của cuộc trò chuyện giữa người cha với con cái, giữa thầy giáo với học trò. Nếu có thể tìm kiếm và tập hợp lại tất cả các bài giảng của vị "Zlatoust" người Nga này, số lượng chắc chắn sẽ vô cùng lớn. Nhưng, thật đáng tiếc, rất nhiều bài giảng của Thánh Dimitri đã bị thất lạc[6368] .

Thánh Dimitri đã cai quản đoàn chiên của mình một cách khôn ngoan và chưa bao giờ phải dùng đến những biện pháp nghiêm khắc. Với tính cách hiền lành, ngài đối xử với tất cả mọi người – dù là quý tộc hay dân thường – bằng tình yêu thương như nhau và không hề thiên vị. Tất cả các con cái trung thành của Giáo hội đều yêu mến và tôn kính ngài như cha mình. Chính nhà vua và toàn thể hoàng gia cũng vô cùng kính trọng Đức Tổng Giám mục Rostov vì cuộc đời thực sự đạo đức của ngài. Những đức tính Kitô giáo của Thánh Dimitri tỏa sáng như nhau cả trong phòng tu sĩ lẫn trên ngai thánh. Đặc biệt, trong cuộc đời ngài, những đức tính như cầu nguyện, ăn chay, khiêm nhường, không tham lam và tình yêu dành cho người nghèo và trẻ mồ côi đã tỏa sáng rực rỡ.

Mặc dù có vô số công việc quản lý giáo phận, Thánh Dimitri vẫn hàng ngày đến nhà thờ để cầu nguyện; vào tất cả các ngày Chủ nhật và ngày lễ, ngài cử hành Thánh lễ và giảng đạo; ngài luôn đích thân tham gia các cuộc rước Thánh giá, dù chúng có kéo dài và xa xôi đến đâu. Còn nếu ngài cảm thấy không khỏe – điều này xảy ra không hiếm – thì ngài sẽ sai người đến chủng viện để các học trò, nhân dịp tưởng niệm năm vết thương của Chúa Kitô[6369] , đọc cho ngài nghe Kinh Lạy Cha năm lần. Khi đến thăm chủng viện, ngài khuyên nhủ các học trò hãy luôn cầu xin sự trợ giúp từ Đấng Dẫn dắt sự khôn ngoan và Đấng Ban phát trí tuệ, là Chúa Toàn Năng. Ngài dạy các đầy tớ và tất cả những ai sống cùng ngài phải làm dấu thánh giá và thầm đọc kinh "Kính mừng Đức Trinh Nữ Maria" mỗi

---

[6365] Từ "chronograph" có nguồn gốc Hy Lạp (xroyos – thời gian, grapo – viết) có nghĩa là "biên niên sử theo thời gian". Đây là tên gọi của các tuyển tập có nội dung lịch sử ở Byzantium, trong đó cũng trình bày cả lịch sử Kinh Thánh. Từ Byzantium, chúng đã được truyền sang nước ta.

[6366] Bức thư được ghi trong "Diary" năm 1708.

[6367] Trong số rất nhiều tác phẩm của Thánh Dimitri, có những tác phẩm mang nội dung giáo lý, những tác phẩm khác mang nội dung tâm linh và đạo đức, và những tác phẩm khác nữa mang nội dung lịch sử. – I. Các tác phẩm thuộc loại giáo lý bao gồm: 1) "Các câu hỏi và câu trả lời ngắn gọn về đức tin"; 2) "Gương phản chiếu của tín ngưỡng Chính thống" (cả hai tác phẩm này đều là những bản trình bày theo kiểu giáo lý về giáo lý đức tin và đạo đức của Giáo hội Chính thống); 3) "Mười hai điều về sự biến thể của bánh và rượu thành thân thể và huyết của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta"; 4) "Nghiên cứu về đức tin Bryn". – II. Các tác phẩm thuộc lĩnh vực tâm linh và đạo đức bao gồm: 1) "Phương thuốc tâm linh chữa trị sự xáo trộn trong tâm trí" (trích từ "Thang Thiên Đàng", "Paterikon", các cuốn tiểu sử các thánh, v.v.); 2) "Lời biện hộ để xoa dịu nỗi buồn của con người đang gặp hoạn nạn" (cuộc đối thoại giữa người đang đau khổ và người an ủi); 3) "Con người nội tâm trong ngóc ngách trái tim mình, sống ẩn dật, học hỏi và cầu nguyện thầm lặng" (mục đích của tác phẩm này là rèn luyện người Kitô hữu vào việc cầu nguyện); 4) "Sự thờ phượng Thánh Ba Ngôi"; 5) "Sự thờ phượng Đức Mẹ Rất Thánh"; 6) "Lời cầu nguyện xưng tội hàng ngày với Thiên Chúa"; 7) "Lời xưng tội tổng quát"; 8) "Về việc rước Mình Thánh Chúa" (suy niệm về cách xứng đáng rước Mình Thánh Chúa và các lời cầu nguyện trước và sau khi rước lễ); 9) Những suy niệm cầu nguyện về những đau khổ của Chúa (với các tiêu đề khác nhau); 10) Hai thông điệp mục vụ (về việc cử hành xứng đáng các Bí tích Hòa giải và Rước lễ); 11) "Bảng chữ cái thiêng liêng" (những quy tắc thiêng liêng và đạo đức ngắn gọn, được sắp xếp theo bảng chữ cái Slav, theo gương cuốn "Thang Thiên Đàng" của Thánh Gioan Thang Thiên Đàng); 12) "Các thánh vịnh hoặc bài thánh ca thiêng liêng" v.v. – III. Các tác phẩm lịch sử bao gồm: 1) "Nhật ký" (những ghi chép hàng ngày từ năm 1681 đến năm 1703 và các bức thư liên quan đến các công trình học thuật của vị thánh); 2) "Chiếc áo choàng được tưới nước" (câu chuyện về 24 phép lạ từ bức tượng Đức Mẹ tại Tu viện Ilinsky ở Chernihiv); 3) "Biên niên sử ghi chép các sự kiện từ thuở khai thiên lập địa cho đến Lễ Giáng sinh của Chúa Kitô"; 4) "Danh mục các Tổng giám mục Kiev" và 5) "Minei-Chetii".

[6368] Trong các hoạt động giảng đạo của vị thánh tại Tiểu Nga, có năm bài giảng được biết đến. Tổng cộng, có khoảng 100 bài giảng của Thánh Dimitri đã được xuất bản.

[6369] Ở đây ám chỉ những vết thương do thập tự giá gây ra trên đôi tay, đôi chân và sườn thánh khiết của Chúa Kitô.

khi đồng hồ điểm giờ. Ngài đối xử với các tôi tớ của mình rất nhân ái. Khi ai trong số họ có ngày lễ sinh nhật, ngài ban phước cho người đó bằng một bức tranh thánh hoặc tặng tiền. Ngài dạy họ ăn chay siêng năng, tránh ăn uống quá độ và say sưa. Chính Thánh Dimitri đã nêu gương về điều đó trong cuộc sống của mình. Chỉ ăn uống để duy trì sức khỏe thể chất, vị thánh này trong tuần đầu tiên của Mùa Chay chỉ ăn một lần – và cũng chỉ ăn một lần duy nhất trong Tuần Thánh, vào Thứ Năm Tuần Thánh.

Luôn ghi nhớ lời của Đấng Cứu Thế: *"Ai tự cao thì sẽ bị hạ xuống, còn ai tự hạ mình thì sẽ được nâng lên"* (Lc 18:14), Thánh Dimitri đã thể hiện sự khiêm nhường vĩ đại trong suốt cuộc đời mình.

"Tôi không phải là người như vậy," vị thánh nói về bản thân mình, "nhưng tình yêu của Ngài khiến tôi không thể không tồn tại. Tôi không phải là người tốt, mà là người xấu, đầy những thói quen xấu xa, và về trí tuệ thì tôi cách xa những người khôn ngoan; tôi là kẻ hung bạo và dốt nát; còn ánh sáng của tôi chỉ là bóng tối và bụi bặm... Vậy con xin tình yêu huynh đệ của anh em hãy cầu nguyện cho con trước mặt Chúa, Ánh Sáng của con, để Ngài soi sáng bóng tối của con, và điều cao quý sẽ phát xuất từ kẻ không xứng đáng"[6370] .

Khi đạt đến chức vụ cao nhất của một vị thánh, Thánh Dimitri vẫn giữ nguyên sự khiêm nhường đó: kính trọng những người cao hơn, thân thiện với những người ngang hàng, nhân từ với những người dưới quyền, và thương xót những người bất hạnh.

Điều hiển nhiên là với những phẩm chất đạo đức cao quý như vậy, vị thánh này hẳn phải nổi bật bởi sự vô tư hoàn toàn. Thật vậy, trong lòng ngài không có chỗ cho sự keo kiệt, lòng tham lam và sự ham mê tiền bạc. Suốt cuộc đời, ngài đã dùng tất cả các khoản bố thí và thu nhập hoặc cho các nhu cầu của Giáo hội, hoặc để làm từ thiện cho những người nghèo khó. Vị thánh chăm sóc trẻ mồ côi, góa phụ, người ăn xin và người nghèo như một người cha chăm sóc con cái mình. Tất cả những gì ngài nhận được, ngài đều chia sẻ cho họ, mời những người mù, điếc, què và khốn khó đến phòng Thánh Thập Tự của ngài, đãi họ bữa ăn, tặng quần áo và ban phát những ân huệ khác. Về lòng vô tư và không ham của cải của mình, vị Thánh đã tự chứng thực trong di chúc thiêng liêng, được ngài soạn thảo hai năm rưỡi trước khi qua đời.

"Ta đã quyết định," ông nói, "bằng văn bản thiêng liêng này, ta công bố cho mọi người biết, những ai sau khi ta qua đời muốn đòi lại tài sản riêng của ta, để họ không phải vất vả vô ích, cũng không làm khổ những người đã phụng sự ta vì danh Chúa, và để cho họ biết rõ về kho tàng và của cải của tôi, những thứ mà tôi đã tích lũy từ thuở thiếu thời (tôi nói điều này không phải để khoe khoang, mà để cho những ai tìm kiếm tài sản của tôi sau khi tôi qua đời được biết rõ). Bởi vì từ khi tôi nhận lấy đời sống tu sĩ thánh thiện và cắt tóc xuất gia tại Tu viện Kirillov ở Kiev vào mùa hè năm tôi mười tám tuổi, tôi đã hứa với Chúa rằng sẽ tự nguyện sống trong cảnh nghèo khó: từ thời điểm đó cho đến khi tôi sắp sửa ra đi, tôi không tích lũy tài sản hay của cải[6371] , ngoại trừ các sách thánh[6372] , tôi không thu thập vàng bạc, không muốn có quần áo dư thừa, cũng như bất kỳ vật dụng nào ngoài những thứ thiết yếu nhất; nhưng tôi luôn cố gắng tuân giữ lối sống không tham lam và sự nghèo khó của tu sĩ cả về tinh thần lẫn hành động, không lo lắng cho bản thân, mà phó thác vào sự quan phòng của Đức Chúa Trời, Đấng chưa bao giờ bỏ rơi tôi. Còn những khoản bố thí từ các ân nhân rơi vào tay tôi, cùng với thu nhập từ các tu viện mà tôi quản lý, tôi đều dùng hết cho nhu cầu của bản thân và của tu viện, dù khi tôi còn là tu viện trưởng hay tu viện phó, cũng như trong chức vụ giám mục hiện tại: tôi không thu thập các khoản thu từ các phòng tu – vốn không nhiều – mà chỉ dùng phần này cho nhu cầu cá nhân, phần kia cho những người cần giúp đỡ, theo như Chúa chỉ dẫn. Vậy nên, sau khi tôi qua đời, xin đừng ai bận tâm đến việc kiểm tra hay truy tìm bất kỳ khoản thu nào từ các giáo xứ của tôi; vì tôi không để lại gì cho lễ an táng hay lễ tưởng niệm, và sự nghèo khó của đời tu sĩ sẽ được dâng lên trước mặt Chúa khi tôi ra đi. Vì tôi tin rằng, sẽ đẹp lòng Ngài hơn nếu không còn lại dù chỉ một đồng xu[6373] cho tôi, hơn là khi có nhiều của cải được phân phát cho các tu sĩ."

Di chúc này, trong đó vị thánh lại một lần nữa nhắc lại mong muốn được an táng tại Tu viện Spaso-Yakovlevsky, ngài đã thông báo cho người bạn của mình, Tổng giám mục Stefan Yavorsky[6374] . Cùng lúc đó, họ

[6370] Đó là những gì Thánh Dimitri đã viết cho người bạn của mình, tu sĩ Theologos, người phụ trách Nhà in Hoàng gia tại Moscow.
[6371] "Msheloimstvo" có nghĩa là tham lam.
[6372] Thư viện lớn còn lại của vị tổng giám mục học giả Rostov, bao gồm các sách tiếng Hy Lạp, tiếng Latinh, tiếng Ba Lan và tiếng Slav, cả bản viết tay lẫn bản in, đã được chuyển giao cho Thư viện Tòa Thượng phụ Moscow (nay là Thư viện Thượng hội đồng). Một số cuốn sách từng thuộc sở hữu của Thánh Dimitri hiện được lưu giữ tại Thư viện Nhà in Thượng hội đồng Moscow.
[6373] Đồng tiền nhỏ.

đã lập một lời thề với nhau: nếu Đức Tổng Giám mục Stefan qua đời trước, thì Đức Tổng Giám mục Dimitri sẽ chủ trì lễ an táng của ngài; còn nếu Dimitri qua đời trước, thì Stefan sẽ là người an táng ngài.

Thánh Dimitri qua đời ở tuổi 58, vào ngày 28 tháng 10 năm 1709, một ngày sau ngày lễ thánh tên của ngài. Vài ngày trước khi qua đời, ngài được báo tin rằng Hoàng hậu Paraskeva Feodorovna[6375] sắp đến Rostov để chiêm bái bức tượng thánh Đức Mẹ Tolgskaya, vốn dự định sẽ được chuyển từ đây đến Rostov lần này, do thời tiết xấu vào mùa thu đã gây khó khăn cho chuyến đi của Hoàng hậu đến Yaroslavl[6376] . Ngài Thánh, khi nghe tin này, đã gọi người quản lý kho bạc của mình là tu sĩ Filaret và tiên tri báo trước cho ông về sự ra đi sắp tới của mình: "Hai nữ hoàng sắp đến Rostov: Nữ hoàng trên trời và nữ hoàng trần gian; chỉ có điều ta sẽ không còn được thấy họ nữa, còn ngươi, người quản lý kho bạc, phải sẵn sàng đón tiếp họ."

Ba ngày trước khi Thánh Dimitri qua đời, căn bệnh đã âm ỉ trong lồng ngực ngài từ lâu bùng phát dữ dội qua những cơn ho. Mặc dù vậy, vị thánh vẫn cố gắng tỏ ra tỉnh táo. Vào ngày lễ thánh tên của ngài, ngày 26 tháng 10, chính ngài đã chủ tế Thánh lễ tại nhà thờ chính tòa, nhưng ngài không thể tự giảng bài giảng nữa, nên đã nhờ một trong những ca viên của mình đọc bài giảng từ cuốn sổ tay. Tại bàn ăn trưa, ngài ngồi cùng các vị khách, dù trong tình trạng vô cùng khó khăn. Ngày hôm sau, Archimandrite của Tu viện Danilov ở Pereslavl đến thăm Thánh Varlaam. Trong lúc họ trò chuyện, nữ tu Varsonofia – người lúc đó đang sống tại Rostov, từng là vú nuôi của Hoàng tử Alexei Petrovich và được chính Thánh Dimitri cạo đầu xuất gia – đã gửi thư đến vị thánh. Bà luôn dành sự kính trọng sâu sắc cho vị Tổng Giám mục Rostov và thường xin ngài những lời dạy dỗ có ích cho linh hồn. Và lần này cũng vậy, Varsonofia đã tha thiết cầu xin vị thánh đến thăm bà ngay trong ngày hôm đó. Thánh Dimitri đã lên đường đến gặp bà cùng với Archimandrite Varlaam. Trên đường về, ngài gần như không thể tự đi đến phòng tu của mình mà phải dựa vào các tu sĩ phục vụ.

Ngay lập tức, ngài ra lệnh gọi các ca sĩ đến để hát những bài thánh ca do chính ngài sáng tác, như: "Chúa Giêsu, Đấng yêu dấu của con", "Con đặt niềm hy vọng nơi Chúa", "Ngài là Thiên Chúa của con, Chúa Giêsu, Ngài là niềm vui của con". Những bài hát này làm dịu lòng ngài bằng những lời lẽ tuôn trào từ chính tâm hồn ngài, và ngài lắng nghe các ca sĩ trong khi sưởi ấm bên lò sưởi.

Khi kết thúc buổi hát, sau khi cho các ca sĩ ra về, vị thánh đã giữ lại một người trong số họ, Savva Yakovlev, người mà ngài rất yêu quý, một người chép lại các tác phẩm của ngài một cách tận tụy. Thánh Dimitri bắt đầu kể cho anh ta nghe về cuộc đời mình, về cách ngài đã sống trong thời thanh xuân và khi trưởng thành, về cách ngài cầu nguyện với Chúa, với Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và tất cả các vị thánh, rồi ngài nói: "Các con ơi, các con cũng hãy cầu nguyện như vậy."

Sau đó, ngài ban phước lành cho người ca viên và, khi tiễn anh ta ra khỏi phòng, ngài cúi đầu chào anh ta gần như chạm đất và cảm ơn anh ta vì sự tận tụy trong việc sao chép.

Thấy vị Tổng Giám mục tiễn mình một cách khiêm nhường và khác thường như vậy, lại cúi đầu chào mình sâu đến thế, người ca sĩ bỗng rùng mình và với lòng kính sợ, nói:

– Thưa Đức Thánh Cha, ngài lại cúi chào tôi, kẻ tôi tớ hèn mọn nhất của ngài, như vậy sao?

Nghe vậy, vị thánh nhân đáp lại với cùng sự khiêm nhường ấy:

– Cảm ơn con, con yêu quý!

Người hát thánh ca khóc nức nở và lui ra. Sau đó, Thánh Dimitri ra lệnh cho các thừa tác viên trở về chỗ của mình, còn ngài thì lui vào một căn phòng riêng, như thể muốn nghỉ ngơi, và một mình dâng lên Chúa những lời cầu nguyện sốt sắng. Sáng hôm sau, các thừa tác viên bước vào căn phòng đó và thấy vị thánh đã qua đời trong tư thế quỳ gối, vẫn giữ nguyên dáng vẻ đang cầu nguyện. Như vậy, lời cầu nguyện, vốn đã làm ngọt ngào cuộc đời vị thánh, đã đồng hành cùng ngài cho đến giây phút lâm chung.

Thi hài của vị thánh quá cố được mặc vào bộ lễ phục giám mục, do chính ngài chuẩn bị[6377] , và ngay trong ngày hôm đó được rước về nhà thờ trong nhà. Theo di chúc của Thánh Dimitri, những tờ giấy nháp của ngài đã

[6374] Stefan Yavorsky (1658–1722), Tổng Giám mục Ryazan, người giữ chức vụ Quyền Thượng phụ, là một trong những nhân vật nổi bật nhất thời kỳ Peter Đại đế; ông được biết đến với tư cách là một nhà thuyết giáo. Ông đã gặp Thánh Dimitri vào năm 1684.

[6375] Người vợ góa của Sa hoàng Ioann Alekseevich, người đã qua đời vào năm 1696.

[6376] Lễ kỷ niệm để tôn vinh Bức tượng Đức Mẹ Tolg được tổ chức vào ngày 8 tháng 8. Tu viện Tolg nằm cách Yaroslavl 9 verst trên sông Volga; được thành lập vào năm 1314 bởi Giám mục Rostov Prokhor (tên tu sĩ là Trifon) tại nơi mà ngài đã được chiêm ngưỡng bức tượng.

được trải dưới đầu và dưới toàn bộ thi thể trong quan tài. Tin tức về sự ra đi của vị thánh lập tức lan truyền khắp Rostov. Một đám đông người dân đã đổ về bên quan tài của ngài, khóc than chân thành trước sự mất mát vô giá của vị mục tử và thầy giáo yêu quý của họ. Cùng ngày đó, Hoàng hậu Paraskeva Feodorovna đã đến Rostov cùng các con gái của bà, các công chúa Ekaterina, Paraskeva và Anna (người sau này sẽ trở thành hoàng hậu) Ioannovna. Không kịp gặp vị thánh khi ngài còn sống, như chính ngài đã tiên đoán, bà đã khóc rất nhiều vì không được nhận lời chúc phúc từ ngài, và ra lệnh cử hành lễ cầu siêu tại nhà thờ chính tòa.

Ngày 30 tháng 10, theo lệnh của hoàng hậu, thi hài của vị thánh đã được rước về nhà thờ chính tòa với những nghi thức trang trọng xứng đáng. Hoàng hậu đã tham dự lễ cầu siêu lần thứ hai, lần cuối cùng chia tay với vị thánh của Chúa và lên đường về Moscow.

Chẳng bao lâu sau, Đức Tổng Giám mục Stefan đã đến để lo tang lễ cho vị thánh. Bước thẳng vào nhà thờ chính tòa, ngài cúi đầu trước thi hài người bạn đã khuất và khóc rất nhiều bên cạnh ngài. Sau đó, ngài ra lệnh cho thủ quỹ Filaret chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho lễ an táng tại Tu viện Yakovlevsky. Lúc bấy giờ, các vị trụ trì các tu viện ở Rostov, các linh mục của nhà thờ chính tòa và nhiều người dân đã đến gặp Thượng phụ Stefan để thỉnh cầu an táng Dimitri tại nhà thờ chính tòa, nơi các vị giám mục tiền nhiệm thường được an táng. Nhưng Stefan không đồng ý, ngài nói: "Đức Thánh Dimitri, khi nhậm chức tại Giáo phận Rostov, trước hết đã đến thăm Tu viện Yakovlevsky và chính ngài đã tự chọn nơi an táng cho mình tại đây. Làm sao tôi có thể vi phạm ý nguyện của ngài được?"

Vào ngày 25 tháng 11, ngày đã định để an táng, Đức Tổng Giám mục Stefan, trung thành với lời thề tình bạn, đã cử hành Thánh lễ và lễ an táng, trong đó ngài đã phát biểu, nhiều lần thốt lên: "Thánh Dimitri, thánh Dimitri!" Sau đó, trong sự tiễn đưa của đám đông đang khóc than, thi hài Thánh Dimitri được rước về Tu viện Yakovlevsky, và tại đây, trong Nhà thờ Chính tòa Zachatievsky, ngài đã được an táng. Đức Tổng Giám mục Stefan đã viết những vần thơ tưởng niệm, trong đó, ngài có viết:

Hỡi tất cả các con, dân thành Rostov, hãy khóc than,
Hãy tưởng nhớ với nước mắt vị Mục tử đã qua đời,
Đức Thượng phụ Dimitri và Đức Tổng Giám mục,
vị Tổng Giám mục hiền lành và khiêm nhường.

Trong khoảng bốn mươi ba năm, thi hài của Thánh Dimitri được an táng dưới lòng đất. Vào tháng 9 năm 1752, khi tháo dỡ sàn nhà cũ nát của Nhà thờ Zachatievsky, người ta phát hiện ra một khung nhà gỗ đã mục nát; trên đó, thay vì mái nhà, người ta đã đặt những khúc gỗ dày dọc theo, sau đó chúng sụp xuống bên trong khung nhà. Sau khi tháo dỡ khung gỗ mục nát và dọn sạch đất đắp lên trên, người ta đã nhìn thấy quan tài của vị thánh. Quan tài đã bị hư hại: phần mái bị vỡ do những khúc gỗ sập xuống, và qua các khe hở, người ta có thể thấy tấm khăn che đầu, mũ mitra và toàn bộ trang phục của vị thánh vẫn nguyên vẹn, không bị phân hủy. Khi kiểm tra các thánh tích, người ta phát hiện ra rằng hai bàn tay của vị thánh, được xếp hình thánh giá trên ngực, hoàn toàn không bị phân hủy; chỉ có bốn ngón tay của bàn tay phải bị gãy do một tấm ván sập vào bên trong quan tài, và bàn tay trái bị đứt lìa từ khuỷu tay; tất cả các bộ phận còn lại của cơ thể đều nguyên vẹn.

Nghe tin về việc tìm thấy thánh tích, dân chúng đổ xô đến với vị thánh mới được tôn vinh của Chúa, và bên quan tài của ngài đã mở ra một nguồn ân sủng chữa lành dồi dào[6378] , những ân sủng này vẫn được ban cho các tín hữu cho đến ngày nay, để tôn vinh Đức Chúa Trời Ba Ngôi kỳ diệu trong các thánh của Ngài: Cha, Con và Thánh Thần. A-men.

[6377] Nữ hoàng Paraskeva Feodorovna và các con gái của Sa hoàng Alexei Mikhailovich thường xuyên đến thăm Thánh Dimitri và tặng ngài những chiếc áo tu sĩ. Từ những món quà cúng dường này, vị thánh đã may cho mình bộ lễ phục giám mục và di chúc rằng ngài muốn được chôn cất trong bộ trang phục đó.

[6378] Ngày 22 tháng 4 năm 1757, Thánh Dimitri được phong thánh. Theo chỉ thị của Thánh Hội Đồng, Đức Tổng Giám mục Arseni của Rostov đã viết tiểu sử của ngài ngay sau đó, còn nghi thức thánh lễ dành cho ngài được soạn thảo bởi Đức Giám mục Amvrosi của Pereyaslav, người sau này trở thành Tổng Giám mục Moscow.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Người nhiệt thành bảo vệ Chính Thống Giáo, người diệt trừ sự chia rẽ, vị thầy thuốc của nước Nga, và người cầu nguyện mới trước mặt Thiên Chúa, nhờ những tác phẩm của ngài, ngài đã giúp những kẻ sa ngã trở lại con đường chính đạo, nguồn suối thiêng liêng, Dimitri thánh thiện, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, để Hoàng đế Nikolai Alexandrovich của chúng ta, cùng toàn thể gia tộc và vương quốc của ngài được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngôi sao Nga đã tỏa sáng từ Kiev, và qua Novgorod Seversky đến Rostov, chiếu sáng cả đất nước này bằng những lời dạy và phép lạ, chúng ta hãy ca ngợi vị thầy có lời nói vàng Dimitri: vì ngài đã viết ra mọi điều cho mọi người, nhằm hướng dẫn, để thu hút tất cả, như Phaolô đã làm cho Chúa Kitô, và cứu rỗi linh hồn chúng ta bằng đức tin chân chính.

Ngày 5 tháng 10

22 tháng 9 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Phô-ki, Giám mục Sinope

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 9

Tại thành phố Sinope[6379] có một người đàn ông tên là Pamphilus, sống cùng vợ là Maria; họ là cha mẹ của thánh Fokas. Từ khi còn trẻ, vị thánh đã được ban ân sủng của Thánh Thần đến mức có thể trừ quỷ khỏi con người và chữa lành các bệnh tật. Khi Foka trưởng thành, nhờ cuộc sống đạo đức của mình, ông được bầu làm giám mục tại thành phố quê hương và tận tụy chăn dắt đoàn chiên tinh thần của mình; ông không chỉ dạy dỗ họ bằng lời nói mà còn làm gương cho họ; vốn đã sống một cuộc đời đạo đức từ trước, khi nhận chức giám mục, ông càng nỗ lực hơn nữa, đến nỗi tất cả mọi người, khi chứng kiến những việc lành của ông, đều ngợi khen Cha Trên Trời. Ngài đã ngăn cản nhiều người khỏi những lầm lạc, khiến nhiều người ngoại đạo từ bỏ việc thờ lạy thần tượng và dẫn dắt họ đến việc tôn kính Đức Chúa Trời Duy Nhất. Chúa đã thương ban cho người tôi tớ trung thành của Ngài vương miện tử đạo và báo trước điều này cho ngài trong một thị kiến như sau: từ trên cao, một con chim bồ câu bay xuống, trong mỏ cầm một vòng hoa; con chim bồ câu đặt vòng hoa đó lên đầu vị thánh và nói bằng giọng người:

– Chén của ngươi đã đầy rồi, ngươi phải uống cạn nó.

Từ thị kiến này, Thánh Foca đã hiểu rằng ngài sắp phải chịu khổ vì Chúa Kitô. Còn chúng ta thì nhận ra từ đó rằng ngài là một vị thánh vĩ đại trước mặt Thiên Chúa, bởi vì, ngay khi còn trong thân xác, ngài đã được ban cho vương miện từ trời cao. Đức Chúa Trời toàn năng nâng cao các vị thánh của Ngài, ban cho họ vinh quang và danh dự, và đặt vương miện lên đầu họ. Thánh Foca, nhờ sự trong sạch về tâm hồn và thể xác, là vị hôn phu đích thực của thiên đàng: thiên đàng đã muốn kết hợp với ngài và đặt vương miện lên đầu ngài; nhưng vương miện này là điềm báo của một vương miện cao quý hơn – trong cung điện của Đấng Cứu Thế, nơi ngài sẽ được đội vương miện vĩnh cửu và cùng Ngài tham dự tiệc cưới trên trời. Sau điềm báo vinh quang này, Thánh Foca, vào thời trị vì của Trajan, đã bị quan tổng trấn Afrikan đưa ra tra tấn; viên quan này đã ép buộc ngài dâng lễ vật cho các thần tượng trong một thời gian dài, nhưng vị thánh đã chọn dâng chính bản thân mình làm của lễ cho Thiên Chúa. Ngài không tuân theo mệnh lệnh của quan tổng trấn – ngài không muốn dành sự tôn kính vốn chỉ dành cho Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng ngự trên các Thiên Thần Cherubim, cho những tác phẩm do bàn tay con người tạo ra; lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh trói vị thánh vào cây và tra tấn ngài. Toàn thân ngài chằng chịt vết thương; giống như những con chim săn mồi đói khát lao vào xác chết, vừa xé xác vừa nuốt chửng: những kẻ tra tấn cũng hành hạ thân thể trong sạch của vị tử đạo vì Chúa Kitô như vậy. Nhưng Thánh Foca đã chịu đựng tất cả những điều này một cách dũng cảm; từ trên cao, ngài nghe thấy tiếng nói củng cố lòng tin; khi kêu cầu Chúa Giêsu Kitô, ngài đã vượt qua những cực

[6379] Thành phố Sinop nằm trên bờ nam Biển Đen.

hình, coi thường mọi đau khổ. Ngài không nương tay với thân xác mình vì Đấng đã không nương tay với chính Ngài và chịu khổ vì chúng ta trên thập giá; nỗi đau khổ này đối với Thánh Foca như là sự mát mẻ của thiên đàng: ngài đã chịu đựng những cực hình một cách dũng cảm như vậy, xưng danh Chúa đã chịu khổ vì chúng ta. Không có gì là không thể chịu đựng được đối với người tôi tớ trung thành, người đã chịu khổ vì Chúa của mình. Dù cho tất cả những kẻ tra tấn trên thế gian này có tụ tập lại để hành hạ ngài, dù cho mọi hình thức tra tấn có được nghĩ ra, thì ngay cả lúc đó ngài cũng sẵn sàng chịu đựng tất cả vì Chúa yêu dấu của mình, cùng cất tiếng kêu với tiên tri Đa-vít: *"Lòng con đã sẵn sàng, lạy Chúa"* (Thi Thiên 107:2). Những kẻ tra tấn đã đặt ngài lên một tấm sắt nung đỏ rực, nhưng tấm sắt ấy lập tức nguội lạnh, vì trái tim vị thánh nhân đang bừng cháy tình yêu dành cho Thiên Chúa, và ngọn lửa thiêng liêng ấy đã chiến thắng sức mạnh của ngọn lửa trần tục. Và trong mọi hình thức tra tấn, dù họ có nghĩ ra bao nhiêu đi chăng nữa, Thánh Foca vẫn là người chiến thắng: vì xung quanh ngài hiện ra đoàn quân Thiên thần và ánh sáng Thần thánh không thể diễn tả. Trong ngục tối, ánh sáng thiên đàng soi sáng cho ngài; trong xiềng xích, ngài vui mừng với niềm hy vọng về tự do thiên đàng; trong nỗi đau khổ, ngài được các Thiên thần an ủi; trong những vết thương, ngài được Chúa Giêsu Kitô củng cố. Sau nhiều hình phạt tàn khốc và đa dạng, ngài bị ném vào lò hơi đang bốc cháy, nơi ngài, trong khi cầu nguyện, đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa[6380] và được ban cho vương miện của người chiến thắng trong Hội Thánh đang hân hoan. Thi hài thánh thiện của ngài đã được các tín hữu an táng với đầy đủ nghi lễ, và nhiều phép lạ đã xảy ra bên quan tài của ngài[6381] .

Bài ca Kondak, giọng 6:

Như một vị giám mục dâng lễ vật cho Cha, cuối cùng ngài đã dâng chính mình làm của lễ sống, làm chứng một cách chính đáng về Đức Kitô, Thiên Chúa, được các Thiên thần củng cố, ngài đã chấp nhận cái chết cùng với những người kêu cầu ngài: "Hãy đến với chúng con, Fokas, và không ai chống lại chúng con."

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Fokas, người được gọi là người canh vườn[6382]

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 9

Cũng tại thành phố Sinope đó, nhưng vào một thời điểm khác, có một người tên là Foka; ông đã dựng cho mình một khu vườn gần biển và, sau khi trồng nhiều loại rau xanh khác nhau trong đó, ông bán chúng, nhờ đó kiếm được miếng ăn cho chính mình và cho những người nghèo. Ông đặt một phần rau xanh từ khu vườn của mình bên đường, để mọi người qua lại đều có thể lấy; vì ông nổi bật bởi tình yêu thương tha nhân và lòng hiếu khách sâu sắc, và ông chăm sóc khu vườn trong tâm hồn mình còn hơn cả khu vườn vật chất: nhờ sống đạo đức và nuôi dưỡng những suy nghĩ trong sáng trong lòng, ông đã sinh ra những hoa trái của đức hạnh, đến nỗi linh hồn thánh thiện của ông có thể được gọi là khu vườn của Thánh Thần, như Kinh Thánh đã chép: *"Vườn kín – em gái ta, cô dâu ta"* (Nhạc 4:12); và còn nữa: *"Quả của Thánh Thần là: tình yêu, niềm vui, bình an, kiên nhẫn, nhân từ, lòng thương xót, đức tin, hiền lành, tiết độ"* (Ga-la-ti 5:23).

Thánh Foca được bao bọc bởi các đức tính đến nỗi tên trộm cổ xưa – ma quỷ, kẻ đã cướp đi sự hạnh phúc trong vườn địa đàng của Mẹ Tổ của chúng ta, cũng không thể cướp đi các đức tính của Thánh Foca. Thánh nhân đã nỗ lực hết mình vì sự cứu rỗi của mình, với lòng kính sợ lắng nghe lời của Thánh Tông Đồ: *"Hãy tỉnh táo, hãy canh thức, vì kẻ thù của các con là ma quỷ đang rảo quanh như sư tử gầm thét, tìm kiếm ai để nuốt chửng"* (1 Phê-rô 5:8). Thánh nhân đã sống đời thánh thiện như vậy, và tiếng tăm về đời sống đạo đức của ngài đã lan truyền giữa mọi người. Đức hạnh, như ngọn nến đang cháy, không thể bị che giấu, mà ngay cả trong bóng tối của đêm cũng tỏa sáng từ xa; cũng vậy, Thánh Foca dường như tỏa sáng bằng đức hạnh của mình giữa bóng tối, giữa những người vô tín và sa đọa, dẫn dắt nhiều người đến với ánh sáng. Tin đồn về vị thánh cũng lan đến tai vị công tước vô đạo của xứ sở này. Người ta báo cho công tước biết rằng Thánh Foca không chỉ tự mình tin vào Đấng Bị Đóng Đinh,

---

[6380] Thánh Tử đạo Foki qua đời vào năm 117.

[6381] Ngày 22 tháng 7 là ngày kỷ niệm việc rước di cốt thiêng liêng của ngài từ Pontus về Tsargrad.

[6382] Vertogradary – người chăm sóc vườn cây ăn quả hoặc vườn rau, người làm vườn.

mà còn dẫn dắt người khác theo Ngài. Lúc đó, công tước sai các tôi tớ của mình đi giết người tôi tớ của Chúa Kitô; họ lập tức lên đường và bắt đầu tìm kiếm Thánh Foca để giết chết ngài.

Chính Foka đã ra đón họ và hỏi:

– Các ngươi đang tìm ai?

Họ đáp:

– Chúng tôi đang tìm Foka.

Lúc đó, Foka nói:

– Hãy đến nhà tôi, thưa các ngài, tôi sẽ kể cho các ngài nghe về anh ta.

Nói xong, ông dẫn họ về nhà mình và đãi họ, vì đó là cách nên đối xử với kẻ thù, theo lời Kinh Thánh: *"Nếu kẻ thù của ngươi đói, hãy cho nó bánh ăn; nếu nó khát, hãy cho nó nước uống"* (Châm Ngôn 25:22).

Khi các đầy tớ nếm rượu, Foca hỏi họ:

– Tại sao các ngươi lại đi tìm người này?

Lúc đó, họ đã tiết lộ bí mật cho ông:

– Chúng tôi đang tìm ông ấy để tra tấn, vì hoàng tử đã sai chúng tôi đến giết ông ấy vì ông ấy không thờ lạy các vị thần của chúng tôi, mà tôn kính Đấng bị đóng đinh.

Foca liền nài nỉ họ:

– Xin các ngài, các vị chủ nhân của tôi, hãy ở lại nhà tôi đến sáng mai, hãy dùng bữa và uống rượu, còn ngày mai tôi sẽ giao anh ta cho các ngài: vì không ai biết anh ta rõ hơn tôi; anh ta sống không xa đây; hiện giờ anh ta đã đi đâu đó, nhưng sẽ sớm trở về; khi đó tôi sẽ giao anh ta vào tay các ngài.

Những người được phái đi đã đồng ý và bắt đầu tiệc tùng tại nhà Thánh Foca. Trong khi đó, ông đã dựng một quan tài trong vườn nhà mình, chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho lễ an táng, phân phát tài sản của mình cho những người nghèo và suốt đêm cầu nguyện, chuẩn bị cho cái chết. Khi sáng sớm đến, những người hầu được hoàng tử phái đi đã thức dậy và hỏi ông:

– Foka, người mà ngươi muốn giao nộp cho chúng ta, có ở đây không?

Thánh nhân vui mừng đáp lại:

– Có đây, thưa các ngài, – các ngài cứ làm gì với ông ấy tùy ý.

Lúc đó, các người hầu hỏi:

– Vậy ông ta ở đâu?

Vị thánh đáp:

– Tôi là Foca, người mà các ngài đang tìm kiếm, tôi là tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô… Tôi từ chối các vị thần ghê tởm của các ngài, hãy giết tôi đi.

Nghe vậy, những người được cử đến đã rất ngạc nhiên; họ cảm thấy xấu hổ và không muốn làm vấy máu người này lên tay mình, vì ông đã tiếp đón và đãi họ rất nồng hậu; họ muốn ra về và nói với ông:

– Chúng tôi sẽ báo với hoàng tử rằng đã tìm kiếm Foka khắp nơi nhưng không thấy đâu.

Nhưng ông bắt đầu van xin họ, nắm lấy chân họ và nài nỉ để họ thực hiện điều đã được lệnh, nói rằng:

– Không có gì có thể đền đáp lòng hiếu khách của tôi bằng điều tôi đang xin các anh; vì nhờ điều này, các anh sẽ giải thoát tôi khỏi xiềng xích của xác thịt, và tôi có thể được hiệp nhất với Đấng Kitô mà tôi hằng mong mỏi.

Thánh Phô-ca khao khát được giải thoát khỏi xiềng xích của thân xác và sống cùng Đấng Christ. Ông khao khát đổ máu mình vì Đấng Christ đến mức ấy; tình yêu của ông dành cho Thiên Chúa lớn lao đến nỗi ông đã nói:

– *"Lòng thương xót của Ngài quý hơn cả sự sống"* (Thánh Vịnh 62:4).

Vậy là, ngài đã van nài các tôi tớ và nhận lấy vương miện tử đạo; sau khi bị chém đứt đầu bằng gươm, ngài đã từ trần gian về trời[6383] . Thánh tích của ngài được an táng trong quan tài do chính ngài chuẩn bị. Sau này, khi lòng sùng đạo ngày càng lan tỏa mạnh mẽ ở những vùng đất ấy, một nhà thờ mang tên ngài đã được xây dựng trên ngôi mộ của vị tử đạo. Và nhiều tín hữu đã nhận được ân sủng từ thi hài thánh của vị tử đạo vì Chúa Kitô: có người được chữa lành khỏi bệnh tật, có người được an ủi trong nỗi buồn, còn những người khác thì được giúp đỡ trong hoạn nạn nhờ những lời cầu nguyện của thánh tử đạo Foki. Không chỉ tại thành phố Sinope, mà trên khắp vũ trụ, trên đất liền lẫn trên biển cả, đối với tất cả những ai với lòng tin kêu cầu danh ngài và phó thác bản thân cho những lời cầu nguyện của ngài, vị thánh này đã trở thành ân nhân vĩ đại trong những lúc khốn khó và là người trợ giúp

[6383] Sự việc này xảy ra vào khoảng năm 320.

nhanh chóng. Các thủy thủ có thói quen cầu xin Thánh Foki giúp đỡ; bởi vì Ngài đã nhiều lần hiện ra với họ: có lúc vào ban đêm, khi sóng biển dâng cao, Ngài đánh thức người lái tàu đang ngủ; có lúc họ thấy chính Ngài giương buồm; đôi khi họ nhìn thấy Ngài ở mũi tàu; đôi khi Ngài hiện ra đang đi bộ trên mặt biển. Tên của Thánh Foka được tôn vinh trên nhiều con tàu đi lại trên Biển Đen, Biển Adriatic và đại dương; thay vì những bài hát thông thường, các thủy thủ bắt đầu hát những bài thánh ca ca ngợi Thánh Foka, đến nỗi tên ngài luôn thường trực trên môi các thủy thủ. Không chỉ trong hoạn nạn, mà ngay cả khi đang tận hưởng niềm vui, họ cũng nhớ đến Thánh Foka. Họ có một phong tục như thế này: khi ngồi vào bàn ăn hoặc tham dự bất kỳ bữa tiệc nào, họ sẽ dành ra một phần thức ăn hoặc đồ uống để dâng lên Thánh Foka. Một trong những người có mặt tại bàn ăn sẽ mua phần đó, và số tiền thu được từ việc bán sẽ được gom vào một chiếc cốc riêng. Như vậy, mỗi ngày họ đều dành một phần bữa ăn của mình cho vị thánh, và lần lượt từng người mua phần đó: hôm nay là người này, ngày mai là người khác, rồi đến người thứ ba – từ người đầu tiên đến người cuối cùng, tất cả đều lần lượt mua phần đó và gom tiền từ việc bán nó. Khi họ lên bờ, số tiền thu được từ việc bán những phần bánh này được phân phát cho người nghèo, người ốm yếu, trẻ mồ côi và những người lữ hành.

Tục lệ này được duy trì trong nhiều năm cho đến khi những kẻ thù của Thánh Giá, do sự cho phép của Thiên Chúa vì tội lỗi của chúng ta, chiếm lấy tất cả các vùng đất này[6384] ; họ bắt đầu đàn áp đức tin thánh thiện một cách dữ dội và làm giảm số lượng Kitô hữu. Tuy nhiên, ngay cả bây giờ, Thánh Foca, Đấng Bổn Mạng chung của mọi người, vẫn không ngừng giúp đỡ những ai đang lênh đênh trên biển đời này; Ngài dẫn dắt chúng ta đến bến đỗ thiên đàng, siêng năng cầu nguyện cho chúng ta trước mặt Chúa. Xin cho chúng ta, nhờ những lời cầu nguyện của vị tử đạo này của Chúa Kitô, được thoát khỏi mọi sự chìm đắm, sóng gió và bão táp, bây giờ, luôn luôn và đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của Thánh Tiên tri Giô-na

Ngày kỷ niệm: 22 tháng 9

Thánh tiên tri Giô-na là con trai của Amaphi và xuất thân từ thành phố Gafhefer[6385] . Theo truyền thuyết, mẹ của ngài chính là người góa phụ thành Sarepta[6386] , người đã cung cấp thức ăn cho vị tiên tri Ê-li trong thời kỳ đói kém và chính bà cũng được nuôi sống nhờ ngài, vì bột trong thùng của bà không bao giờ cạn và dầu trong bình cũng không bao giờ vơi cho đến ngày Chúa ban mưa xuống đất. Trong khi đó, Giô-na, lúc bấy giờ còn là một cậu bé, đã lâm bệnh và qua đời; lúc đó, người góa phụ nói với Ê-li:

– Tôi đã làm gì với ngài, hỡi người của Đức Chúa Trời? Ngài đến với tôi để nhắc nhở về tội lỗi của tôi và trừng phạt tôi bằng cái chết của con trai tôi.

Ông bèn nói với bà:

– Hãy đưa con trai bà cho tôi.

Lấy đứa trẻ từ tay bà, Ê-li mang nó lên phòng trên, nơi ông ở, và đặt nó lên giường của mình; rồi ông kêu cầu Đức Chúa Trời và nói:

– Lạy Chúa, Đức Chúa Trời của con! Chẳng lẽ Ngài lại làm điều ác với người góa phụ mà con đang ở cùng, bằng cách giết con trai bà ấy sao?

Rồi ông thổi vào cậu bé ba lần, và bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa, Đức Chúa Trời của con! Xin hãy cho linh hồn cậu bé này trở về trong thân xác.

Chúa đã nghe lời cầu nguyện của vị tiên tri thánh của Ngài và đã thực hiện theo lời khẩn cầu của ông: linh hồn cậu thiếu niên đã trở về trong thân xác, và cậu đã sống lại.

[6384] Ở đây ám chỉ những người Hồi giáo – người Thổ Nhĩ Kỳ. Năm 1214, Sinop rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ Seljuk, và sau 2,5 thế kỷ, thành phố này lại bị chinh phục (năm 1461) bởi những người Hồi giáo (người Thổ Nhĩ Kỳ Ottoman), cụ thể là Mohammed II, người đã chinh phục Constantinople và thành lập Đế chế Thổ Nhĩ Kỳ (Hồi giáo) trên tàn tích của Đế chế Byzantine.

[6385] Giăng 1:1; 4 Vua 14:25. Theo lời chứng của sách Giô-suê, khi đất hứa được chia cho các con trai Y-sơ-ra-ên bằng cách bốc thăm, Gafhefer thuộc về chi phái Xa-bu-lôn và nằm ở phía bắc Ga-li-lê (phía bắc Pa-lét-tin), trên đường đến Ti-bê-ri-a, phía trên Na-xa-rét.

[6386] 3 Vua 17:14–23. Sarepta của Si-đôn – một thành phố của người Phoenicia, nằm không xa Si-đôn.

Khi đến tuổi trưởng thành, Iona sống một cuộc đời đạo đức và kiên định tuân giữ mọi điều răn của Chúa. Ông đã làm đẹp lòng Chúa đến nỗi, theo truyền thuyết, ông sớm được ban ân sủng tiên tri và đã tiên báo, trong số những lời tiên tri khác, về những đau khổ của Chúa, về sự hoang tàn của Giê-ru-sa-lem và về sự tận thế.

– Khi nào – ông nói – các ngươi nghe thấy hòn đá kêu lên bằng giọng nói thê lương và than khóc, khi lời cầu khẩn hướng về Đức Chúa Trời vang lên từ cây cối, thì lúc đó sự cứu rỗi sẽ đến gần và mọi dân tộc sẽ đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng Đức Chúa Trời; còn Giê-ru-sa-lem, chật ních thú dữ, sẽ chìm trong sự ghê tởm của sự hoang tàn: lúc đó, sự diệt vong sẽ ập đến với mọi sinh vật.

Nhận được ân tứ tiên tri từ Đức Chúa Trời trên cao, Giô-na đã bước vào chức vụ tiên tri công khai tiếp nối sau tiên tri Ê-li-sê, trở thành người kế thừa công việc của ông, giống như chính Ê-li-sê đã là người kế thừa công việc của Ê-li – cùng một tinh thần với ông. Truyền thuyết Do Thái cổ đại gọi thánh tiên tri Giô-na là môn đệ của Ê-li-sê[6387] , thuộc về trường phái các con trai của các tiên tri, do tiên tri Ê-li đứng đầu lúc đầu và sau đó là Ê-li-sê; Giô-na là một trong những con trai của các tiên tri được Ê-li-sê sai đi để xức dầu phong Giê-hu làm vua vương quốc Y-sơ-ra-ên[6388] . Sau khi Ê-li-sê qua đời, Giô-na đã kế vị ông. Để khích lệ vua Yê-rô-bô-am của Y-sơ-ra-ên trong cuộc chiến sắp tới với vương quốc Sy-ri hùng mạnh, tiên tri Giô-na, sau khi nhận được lệnh từ Đức Chúa Trời, đã tiên tri cho ông những chiến thắng vĩ đại trong cuộc chiến này, và Giê-rô-bô-am, theo lời tiên tri ấy, đã khôi phục lại biên giới vương quốc Y-sơ-ra-ên từ A-ma-phơ đến Biển Chết, nhờ đó lấy lại được các vùng đất cổ xưa của vương quốc mình, vốn đã bị người Sy-ri chiếm đoạt[6389] .

Cũng trong triều đại của Giê-rô-bô-am, Giô-na được kêu gọi thực hiện một sứ mệnh mới. Ông nhận được lệnh từ Đức Chúa Trời phải đi rao giảng sự ăn năn cho những dân ngoại vô đạo và thù địch với dân Y-sơ-ra-ên.

– Hãy đứng dậy, – Đức Chúa Trời phán với ông, – hãy đi đến Ninive – thành phố vĩ đại[6390] – và rao giảng tại đó, vì những tội ác của nó đã đến tai Ta.

Nhưng vị tiên tri đã không tuân theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Ông nghĩ rằng Đức Chúa Trời, là Đấng nhân từ và thương xót, kiên nhẫn và đầy ân điển, sẽ thương xót dân Ninive nếu họ ăn năn về tội lỗi của mình. Vì thế, ông lo sợ rằng lời tiên tri của mình về sự diệt vong của Ninive sẽ không thành hiện thực, và ông sẽ bị coi là kẻ dối trá, còn chính danh hiệu của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên cũng sẽ phải hứng chịu những lời chỉ trích và lên án. Trong thâm tâm, ông cũng không muốn thương xót thành phố gian ác này, nơi những cư dân đã tỏ ra thù địch và nguy hiểm đến thế đối với dân Y-sơ-ra-ên. Đồng thời, khi cảm nhận được hết thảy sự nặng nề của việc bất tuân Đức Chúa Trời, Giô-na, trong sợ hãi và đau buồn, đã chạy trốn khỏi mặt Đức Chúa Trời. Nhưng không ai có thể trốn khỏi Đức Chúa Trời, vì *"Đất và mọi vật trên đất đều thuộc về Đức Giê-hô-va"* (Thi Thiên 23:2): ai có thể trốn khỏi Đấng "hiện diện khắp mọi nơi và lấp đầy vạn vật"?

Trong lúc trốn chạy, Giô-na đến thành Giô-pi và tìm thấy ở đó một con tàu đang chuẩn bị khởi hành đến thành Phár-si-sơ xa xôi[6391] ; sau khi trả tiền cước vận chuyển, ông lên tàu và bắt đầu cuộc hành trình dài. Nhưng Đức Chúa Trời, muốn khai sáng cho tôi tớ Ngài, đã khiến một cơn gió mạnh nổi lên, và trên biển bùng phát một cơn bão lớn. Những con sóng dữ dội quăng con tàu từ bên này sang bên kia, đến nỗi nó suýt nữa thì bị đắm. Sự kinh hoàng bao trùm các thủy thủ, và họ bắt đầu kêu cầu mỗi người một vị thần mà họ tôn thờ và coi là Đấng bảo vệ mình. Cùng lúc đó, mong muốn giảm bớt trọng lượng thừa của con tàu để giảm bớt nguy hiểm đang rình rập, họ

[6387] Ê-li-sê – nhà tiên tri nổi tiếng của Y-sơ-ra-ên, là môn đệ và người kế vị của tiên tri Ê-li

[6388] 4 Vua 9:9–22. – "Các con trai của các tiên tri" là tên gọi mà người Israel dùng để chỉ các môn đệ của các tiên tri, những người tập hợp thành các nhóm, được đào tạo dưới sự hướng dẫn trực tiếp của các vị. Mặc dù về bản chất đây không phải là các trường học theo nghĩa đen, nhưng tại đó, những thanh niên được kêu gọi vẫn được chuẩn bị cho chức vụ tiên tri, và từ những trung tâm này, giáo dục tôn giáo được lan tỏa ra trong dân chúng.

[6389] 4 Vua 14:25. Từ đó, thời gian thi hành chức vụ tiên tri của Giô-na cũng được xác định, thuộc về thời kỳ trị vì của Giê-rô-bô-am và người tiền nhiệm của ông là Giô-a-s. Do đó, Giô-na là một trong những nhà tiên tri cổ xưa nhất của Y-sơ-ra-ên và sống vào thế kỷ IX trước Công nguyên.

[6390] Thành Ninive là thủ đô của người Assyria, những người mà người Do Thái lúc bấy giờ đang có quan hệ thù địch. Thành phố này nằm trên bờ đông sông Tigris ở Mesopotamia. Đây là thành phố đông dân nhất và giàu có nhất trong thế giới cổ đại, có chu vi khoảng 84 verst, điều này hoàn toàn phù hợp với mô tả trong Kinh Thánh về thành phố này trong Sách Tiên tri Giô-na là quãng đường đi trong ba ngày (Giô-na 3:3), bởi vì quãng đường đi trong một ngày của các dân tộc phương Đông tương đương với 25–30 verst của chúng ta.

[6391] Farsis hay Tartessos – là một thuộc địa cổ đại của người Phoenicia ở góc tây nam của Iberia cổ đại (Tây Ban Nha) trên sông Betis (Guadalquivir).

bắt đầu ném hàng hóa xuống biển. Chỉ có Giô-na là vẫn thảnh thơi; ông xuống khoang tàu, nằm xuống đó và ngủ say sưa.

Trong lúc đó, người lái tàu đến chỗ Giô-na và, khi thấy anh đang ngủ giữa tình thế nguy hiểm như vậy, đã đánh thức anh dậy và nói với anh trong sự kinh hoàng:

– Sao ngươi lại ngủ được? Hãy thức dậy, cầu khẩn Đức Chúa Trời của ngươi: biết đâu Đức Chúa Trời sẽ nhớ đến chúng ta, và chúng ta sẽ không bị chết.

Nhưng cơn bão vẫn không dịu đi và nguy hiểm từ nó cũng không giảm bớt. Lúc đó, các thủy thủ nói với nhau:

– Nào, chúng ta hãy bốc thăm để xem ai là người gây ra tai họa này cho chúng ta.

Họ bốc thăm, và kết quả rơi vào Giô-na. Lúc đó, họ hỏi anh ta:

– Hãy nói cho chúng tôi biết, tại sao tai họa này lại ập xuống chúng tôi? Ngươi làm nghề gì, ngươi đến từ đâu, quê hương ngươi ở đâu và ngươi thuộc dân tộc nào?

I-ô-na đáp:

– Tôi là người Do Thái, tôi thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời, Đấng đã tạo ra biển cả và đất liền.

Sau đó, ông kể cho họ nghe về việc mình đã bất tuân ý muốn của Đức Chúa Trời, và về việc, sau khi phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời, ông đã sợ hãi và hiện đang trốn chạy khỏi sự hiện diện của Ngài. Nghe vậy, các thủy thủ vô cùng kinh hoàng và kinh hãi trước tội lỗi của ông khi bất tuân ý muốn của Đức Chúa Trời, họ kêu lên:

– Tại sao ngươi lại làm điều đó?

Mặc dù Ion đã bị bốc thăm trúng số, khiến anh ta phải chết và họ cũng đối mặt với nguy cơ diệt vong, họ vẫn không muốn thi hành án tử hình đối với anh ta, vừa vì lòng nhân ái, vừa vì sự kính sợ trước Đức Chúa Trời toàn năng của Israel, Đấng đã giáng cơn bão xuống họ vì sự bất tuân của Ion. Nhận ra người này chính là sứ giả của Đức Chúa Trời, họ liền hỏi anh ta:

– Chúng tôi phải làm gì với ngài để biển lặng lại cho chúng tôi?

Nhưng cơn bão vẫn không ngừng, và sóng biển ngày càng dữ dội hơn. Lúc đó, Giô-na nói với họ:

– Hãy bắt ta và ném ta xuống biển, thì biển sẽ yên lặng cho các ngươi, vì ta biết rằng chính vì ta mà cơn bão lớn này đã ập xuống các ngươi.

Nhưng các thủy thủ vẫn còn do dự, vì họ thấy Giô-na là một con người phi thường và sợ rằng nếu xúc phạm ông, họ sẽ xúc phạm chính Đức Chúa Trời Toàn Năng của Y-sơ-ra-ên. Ngược lại, họ bắt đầu chèo thuyền hết sức để cập bến, trong khi biển vẫn tiếp tục nổi sóng dữ dội chống lại họ. Cuối cùng, họ quyết định thi hành án tử hình đối với Giô-na. Nhưng trước khi làm điều đó, họ đã kêu cầu Chúa:

– Lạy Chúa, xin đừng để chúng con phải chết vì linh hồn người này, và xin đừng quy tội máu vô tội cho chúng con; vì chính Ngài, lạy Chúa, đã làm theo ý Ngài.

Họ bèn bắt Giô-na và ném ông xuống biển, và ngay lập tức sóng biển dịu xuống. Lúc đó, tất cả những người trên tàu càng thêm tin chắc rằng cơn bão là do Đức Chúa Trời sai đến để trừng phạt tội lỗi của Giô-na, và họ kinh sợ trước quyền năng vô biên của Ngài; đầy lòng kính sợ Ngài, họ dâng của lễ tạ ơn và hứa sẽ tôn kính Ngài.

Trong khi đó, theo lệnh của Đức Chúa Trời, tiên tri Giô-na bị một con cá voi nuốt chửng, và Giô-na ở trong bụng con cá voi ấy ba ngày ba đêm[6392] . Bị ném xuống biển và bị cá voi nuốt chửng, Giô-na không thể không cảm

---

[6392] Thời gian ba ngày tiên tri Giô-na ở trong bụng cá voi là hình ảnh tiên tri về ba ngày Chúa Cứu Thế ở trong lòng đất. Chính Chúa Giêsu Kitô đã làm chứng về ý nghĩa tiên báo của tiên tri Giô-na như sau: *"Như Giô-na đã ở trong bụng cá voi ba ngày ba đêm, thì Con Người cũng sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm"* (Mt 12:39–40). Đấng Cứu Thế so sánh chính Ngài với Giô-na: *"Dân Ni-ni-ve sẽ đứng lên xét xử thế hệ này và kết án nó, vì họ đã ăn năn nhờ lời rao giảng của Giô-na; và này, ở đây có Đấng lớn hơn Giô-na"* (Mt 12:41). Như vậy, Giô-na trong sứ vụ và cuộc đời của mình đã tiên báo về cái chết, sự phục sinh và lời rao giảng của Đức Giê-su Ki-tô. Các vị Thánh Tổ của Giáo Hội đã nói về điều này như sau: "Vị tiên tri chạy trốn đã lên thuyền, còn Đức Ki-tô đã lên thập giá; trên biển nổi lên cơn bão dữ dội, cơn sóng biển ấy chính là sự bất tín của dân Do Thái. Tiên tri đã bị bốc thăm phải bị ném xuống biển; lá thăm này biểu thị ý muốn của Cha, theo đó Đấng Christ hạ mình xuống vực thẳm của đau khổ và cái chết. Giô-na tự nguyện đồng ý bị ném xuống biển; Chúa Giê-su Christ tự nguyện bước lên thập tự giá. Giô-na xuống biển từ con tàu; Đức Kitô từ thập giá xuống quan tài và xuống âm phủ. Giô-na hiến dâng chính mình để cứu những người đang chịu cơn bão; Đức Kitô chết để cứu loài người, những người đang bị cuốn trôi bởi những con sóng tội lỗi. Vị tiên tri, bị con cá nuốt vào bụng nhưng không bị nó ăn thịt, đã cầu nguyện trong bụng nó; Chúa Giêsu Kitô, dù bị cái chết đánh gục nhưng không bị nó chi phối, đã cầu nguyện cho tất cả mọi người. Giô-na vẫn nguyên vẹn trong bụng cá voi; thân thể Chúa Giêsu Kitô vẫn nguyên vẹn trong quan tài. Giô-na ở trong bụng cá voi ba ngày ba đêm; Chúa Giêsu cũng ở trong lòng đất ba ngày ba đêm. Vào ngày thứ ba, Giô-na được phun ra nguyên vẹn từ bụng cá voi; Chúa Giê-su Ki-tô, nhờ quyền năng Thần tính của Ngài, đã sống lại từ ngôi mộ vào

thấy nỗi đau đớn tột cùng; nhưng ông không mất bình tĩnh, nhất là khi thấy mình vẫn còn nguyên vẹn: trong lòng ông nảy sinh niềm hy vọng rằng Chúa sẽ cho ông được nhìn thấy ánh sáng của Ngài một lần nữa và cứu ông khỏi vực sâu biển cả. Đầy tràn niềm hy vọng ấy, ông bắt đầu cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, xưng tội trước mặt Ngài về tội lỗi của mình. Trút hết những cảm xúc đau buồn, ăn năn và đồng thời biết ơn Đức Chúa Trời, Giô-na đã kêu cầu từ trong bụng cá voi như sau:

– Trong nỗi đau khổ, con đã kêu cầu Chúa, và Ngài đã nghe con; từ lòng âm phủ, con đã kêu lên, và Ngài đã nghe tiếng con. Ngài đã ném con xuống vực sâu, vào lòng biển cả, và những dòng nước đã vây quanh con; mọi dòng nước và sóng của Ngài đều tràn qua con. Và tôi đã thốt lên: "Tôi đã bị loại khỏi trước mặt Ngài," và những dòng nước đã vây quanh tôi; mọi dòng nước và sóng biển của Ngài đều tràn qua trên tôi. Nước đã bao trùm tôi đến tận linh hồn, vực thẳm đã giam cầm tôi; đầu tôi bị quấn chặt bởi rong biển. Con đã xuống tận nền núi, đất đã dùng những rào cản của nó để vĩnh viễn ngăn chặn con; nhưng Ngài, lạy Chúa, Đức Chúa Trời của con, sẽ giải cứu linh hồn con khỏi âm phủ. Khi linh hồn con kiệt sức, con đã nhớ đến Chúa, và lời cầu nguyện của con đã đến với Ngài, đến đền thánh của Ngài. Những kẻ thờ phượng các thần hư ảo và dối trá đã bỏ rơi Đấng Nhân Từ, Đấng Ban Ơn của họ. Còn con, con sẽ dâng lên Ngài của lễ bằng tiếng ngợi khen; những gì con đã hứa, con sẽ thực hiện: sự cứu rỗi ở nơi Chúa[6393] .

Lời cầu nguyện của Giô-na đã được nhậm lời: Đức Chúa Trời nhân từ đã trừng phạt tôi tớ của Ngài vì đã không vâng theo ý muốn thiêng liêng, nhưng vì không muốn người ấy chết, Ngài đã ra lệnh cho con cá voi nhả Giô-na lên bờ. Khi nhìn thấy ánh sáng ban ngày, bầu trời, đất và biển, Giô-na đã nhiệt thành tạ ơn Đức Chúa Trời, Đấng đã cứu người khỏi cái chết.

Sau đó, Lời Chúa lại phán với Giô-na.

– Hãy đứng dậy, đi đến thành phố vĩ đại Ninive, và rao giảng ở đó những điều Ta đã truyền cho ngươi.

Bấy giờ, Giô-na đứng dậy và đi đến Ni-ni-ve. Ni-ni-ve là một thành phố lớn, phải mất ba ngày mới đi hết được một vòng quanh thành. Giô-na bắt đầu đi khắp thành phố, đi bao nhiêu thì đi được trong một ngày, và rao giảng rằng:

– Còn bốn mươi ngày nữa, Ninive sẽ bị hủy diệt.

Lời của tiên tri Giô-na ngắn gọn và đáng sợ, dường như ông đang tiên đoán một cách dứt khoát về sự diệt vong sắp xảy ra của Ninive. Nhưng dân thành đã nhận ra rằng, khi Đức Chúa Trời đã định sự diệt vong cho họ, Ngài không phải vô cớ mà hoãn lại việc thi hành định mệnh ấy trong một thời gian; rằng bốn mươi ngày được ban cho họ, không còn nghi ngờ gì nữa, là để họ ăn năn – và họ đã tin vào lời mà Đức Chúa Trời đã truyền cho họ qua tiên tri Giô-na. Họ tuyên bố ăn chay và mặc áo vải thô, tất cả – từ người lớn nhất đến người nhỏ nhất. Lời rao giảng của Giô-na đã đến tai chính vị vua của thành Ninive hùng mạnh; – ông đứng dậy khỏi ngai vàng, cởi bỏ y phục hoàng gia, mặc áo vải thô và ngồi trên tro bụi[6394] . Sau đó, ông ra lệnh công bố khắp thành Ninive nhân danh ông, vị vua, và các quan đại thần, rằng không ai, dù là người, gia súc, bò hay cừu, được ăn bất cứ thứ gì, không được ra đồng cỏ và không được uống nước, và cả người lẫn súc vật đều phải khoác áo vải thô, khẩn thiết kêu cầu Đức Chúa Trời, và mỗi người phải từ bỏ con đường gian ác của mình cùng những hành vi bạo lực của tay mình.

– Ai biết được – dân Ninive nói – có lẽ Đức Chúa Trời sẽ thương xót và xoay chuyển cơn thịnh nộ đang bùng cháy của Ngài khỏi chúng ta, và chúng ta sẽ không bị diệt vong.

---

ngày thứ ba mà thân thể không hề hư nát. Sau khi được giải thoát kỳ diệu khỏi cái chết, Giô-na đi rao giảng sự sám hối cho dân Ni-ni-ve; sau khi Chúa Ki-tô sống lại, giáo lý của Ngài được rao giảng cho các dân ngoại. Cho đến thời điểm chuyến hành trình đầy tai ương của Giô-na, Ninive chưa từng nghe lời rao giảng về sự ăn năn và đã tự chuốc lấy cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời; nhưng sau đó, vị tiên tri đã cứu dân Ninive khỏi cơn thịnh nộ của Chúa nhờ lời rao giảng của mình; chính nhờ cái chết và sự phục sinh của Đức Kitô mà nhân loại, đang chìm đắm trong vực thẳm tội lỗi, mới được giải thoát khỏi tội lỗi, lời nguyền rủa và cái chết, và được hòa giải với Thiên Chúa.

[6393] Lời cầu nguyện của Giô-na trong bụng cá voi là nền tảng của bài ca thứ 6 trong các thánh ca. Giáo Hội Thánh Thiện nhìn thấy trong cuộc hành trình của Giô-na không chỉ là hình ảnh tiên báo về những đau khổ và thời gian ở trong mộ của Đấng Cứu Thế, mà còn là hình ảnh phản chiếu cuộc đời chúng ta. Giáo Hội so sánh linh hồn chúng ta – bị những con sóng của biển đời xô đẩy, chìm đắm trong tội lỗi, và bị con thú thiêng liêng – ma quỷ – bắt giữ – với con thuyền của Giô-na, bị cơn bão ập đến và chìm trong sóng biển. Bờ biển cứu rỗi, nơi Giô-na bị sóng đánh dạt vào, được Giáo Hội ví như bến đỗ yên bình mà linh hồn chúng ta tìm thấy nơi Thiên Chúa. Với suy nghĩ này, mỗi ngày trong giờ kinh sáng, tại bài ca thứ 6 của kinh ca, bà nhắc nhở chúng ta về bài ca sám hối của ông và, bằng cách đặt lời ca ấy vào miệng chúng ta, bà khích lệ chúng ta cũng cầu nguyện một cách nồng nhiệt như Iona đã cầu nguyện trong bụng cá voi, để Thiên Chúa làm sống lại linh hồn chúng ta khỏi sự mục nát thiêng liêng.

[6394] Đó là những cách diễn đạt nỗi buồn và sự ăn năn thường thấy ở các dân tộc phương Đông.

Niềm hy vọng đã không phụ lòng những người Ninive đã ăn năn: Đức Chúa Trời, khi thấy sự ăn năn và lòng hối cải của họ, đã hủy bỏ quyết định của Ngài, thương xót họ, và không giáng tai họa xuống họ như Ngài đã báo trước qua miệng vị tiên tri của Ngài.

Nhưng nếu Đức Chúa Trời vui lòng khi thấy sự ăn năn của dân Ninive và thương xót họ, thì Giô-na, người vẫn còn giữ những suy nghĩ cũ về tính bất di bất dịch của lời tiên tri và, vì sự yếu đuối của con người, không thể thấu hiểu lòng thương xót vô biên của Đức Chúa Trời, đã vô cùng buồn bã trước việc Đức Chúa Trời nhanh chóng ban ơn tha thứ cho những kẻ tội lỗi đã ăn năn. Sau khi kết thúc bốn mươi ngày rao giảng, ông rời khỏi thành phố và leo lên ngọn núi ở phía đông thành phố, dựng cho mình một cái lều và ngồi dưới bóng râm của nó để xem điều gì sẽ xảy ra với thành phố. Nhưng khi thấy thành phố vẫn bình an vô sự, ông trong nỗi buồn sâu sắc, đã kêu cầu Đức Chúa Trời trong lời cầu nguyện của mình:

– Lạy Chúa! Chẳng phải điều này chính là điều con đã nói khi còn ở quê hương con sao? Chính vì thế mà con đã chạy trốn đến Pharsis; vì con biết rằng Ngài là Đức Chúa Trời nhân từ và thương xót, kiên nhẫn và đầy lòng thương xót. Và bây giờ, lạy Chúa, xin hãy lấy linh hồn con khỏi con; vì thà con chết còn hơn là sống.

Và vào ban đêm, Đức Chúa Trời đã cho mọc lên một cây leo[6395] trên đầu Giô-na, để che chở ông khỏi cái nắng gay gắt và đồng thời xoa dịu nỗi buồn của ông, vì vị tiên tri đã tìm thấy sự an ủi cho tâm hồn đang đau khổ của mình qua điều đó. Giô-na có thể nhìn thấy trong đó dấu chỉ về ý muốn của Đức Chúa Trời, rằng ông phải ở lại nơi này và chờ đợi những gì sẽ xảy ra với thành phố; điều này có thể còn nuôi dưỡng trong ông niềm hy vọng rằng Đức Chúa Trời sẽ bằng một cách kỳ diệu nào đó làm cho phán quyết của Ngài về Ni-ni-ve trở nên công bằng. Đồng thời, qua sự xuất hiện rõ ràng kỳ diệu của cây che bóng mát, Giô-na nhận ra sự chăm sóc đặc biệt của Đức Chúa Trời dành cho mình. Trái tim ông tràn ngập niềm vui, và nỗi buồn – xuất phát từ suy nghĩ rằng Đức Chúa Trời đã bỏ rơi ông – đã biến thành niềm hân hoan; và Giô-na ở lại dưới bóng cây mọc lên suốt cả ngày hôm đó, trú ẩn khỏi cái nắng gay gắt.

Nhưng niềm vui của Giô-na về cây che bóng mát ấy không kéo dài. Ngày hôm sau, khi bình minh ló rạng, theo lệnh của Đức Chúa Trời, một con sâu đã gặm nhấm cây ấy, và nó khô héo.

Khi mặt trời mọc, Đức Chúa Trời cho thổi một cơn gió nóng từ phương Đông, và mặt trời chiếu rọi xuống đầu Giô-na, khiến ông kiệt sức và cầu xin được chết.

– Thà tôi chết còn hơn là sống, – ông nói.

Và Đức Chúa Trời phán cùng Giô-na rằng:

– Chẳng lẽ ngươi lại buồn bã đến thế chỉ vì cây cối đã héo khô sao?

Giô-na đáp:

– Tôi rất buồn, thậm chí đến mức muốn chết.

Rồi, với lòng thương xót như người cha, Đức Chúa Trời khuyên nhủ nhà tiên tri rằng:

– Ngươi thương xót cho cây cối mà ngươi không hề vất vả chăm sóc, cũng không phải do ngươi trồng, cây ấy mọc lên chỉ trong một đêm và cũng biến mất chỉ trong một đêm. Làm sao Ta lại không thương xót Ninive, thành phố vĩ đại, nơi có hơn một trăm nghìn người không phân biệt được tay phải với tay trái[6396] , cùng vô số gia súc?

Sau đó, khi đã trôi qua bốn mươi ngày mà sự hủy diệt của Ninive vẫn chưa xảy ra, trái lại mặt trời lại chiếu sáng rực rỡ, dân Ninive nhận ra đó là dấu hiệu của lòng thương xót và sự tha thứ của Đức Chúa Trời, họ ra khỏi thành phố đến gặp tiên tri Giô-na và dâng cho ông những lễ vật dành cho Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, để tạ ơn vì đã được cứu rỗi. Được người dân Ninive, những người mà ông đã kịp thời thức tỉnh bằng lời rao giảng về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, tiễn đưa trong lòng biết ơn, Giô-na đã rời Ninive trong bình an để trở về quê hương của mình. Sau khi sống tại đây một thời gian đủ dài theo ý Chúa, vị tiên tri thánh Giô-na đã an nghỉ trong bình an và được an táng tại thành phố quê hương của ngài[6397] ; còn nay, ngài đang đứng trước mặt Chúa Kitô, Thiên Chúa trên trời,

---

[6395] Trong bản văn tiếng Do Thái ở đây có từ "kikayon", chỉ một loại cây râm mát đặc biệt, thuộc họ cây thường xuân, hoặc, như một số người dịch, là cây keo, loại cây này chỉ trong vài ngày đã mọc cao như một cây râm mát; nhưng cũng có thể khô héo rất nhanh, vì thường bị sâu ăn mòn ngay từ gốc rễ.

[6396] Dưới cái tên này, người ta có lẽ ám chỉ những đứa trẻ ở độ tuổi sơ sinh, và trong trường hợp đó, số dân của Ninive thường được ước tính là 645.000 người.

[6397] Mất khoảng năm 800 trước Công nguyên – Cuộc đời của nhà tiên tri Giô-na sau khi rao giảng chỉ được biết đến qua các truyền thuyết; trong đó, những truyền thuyết cổ xưa nhất kể lại rằng ông đã qua đời tại thành phố quê hương của mình, nơi mà cho đến nay người ta vẫn chỉ ra ngôi mộ của ông và nơi người Hồi giáo đã xây dựng một nhà thờ Hồi giáo tráng lệ để tưởng nhớ ông. Theo một truyền thuyết khác,

được no nê khi chiêm ngưỡng dung nhan Ngài và cùng các tiên tri, các Tông đồ và tất cả các thánh ca ngợi Ngài muôn đời[6398] . A-men.

Lễ kỷ niệm Thánh Iona, linh mục

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 9

Thánh Iona, linh mục, đã sống tại Palestine và là cha của các thánh Theodoros và Theophanos "Những Người Được Chọn", những người đã phải chịu nhiều đau khổ dưới tay các hoàng đế chống thánh tượng vì việc tôn kính các thánh tượng[6399] . Thánh Iona nổi bật bởi lòng kính sợ Thiên Chúa và đời sống đạo đức, đồng thời đặc biệt tận tụy trong việc tiếp đón khách lạ và các việc làm bác ái Kitô giáo khác. Ngài đã chăm lo nuôi dạy các con trai mình với tình yêu thương; ngay từ khi còn ở nhà, chính ngài đã dạy dỗ các con về kiến thức sách vở, đồng thời hướng dẫn các con về các nguyên tắc đạo đức. Khi đã đến tuổi trung niên, sắp bước vào tuổi già, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, Iona đã mất đi người vợ của mình và quyết định dành phần đời còn lại để phục vụ Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn và hoàn hảo. Ông lui về Tu viện Thánh Savva Thánh Hóa, một nơi hẻo lánh nổi tiếng nhờ những công đức của các tu sĩ thánh thiện, nơi trước đây các con trai thánh thiện của ông cũng đã từng tu hành. Tại đây, ngài đã nhận lễ xuất gia và, noi gương đời sống thánh thiện và khổ hạnh của các tu sĩ trong tu viện đó, ngài đã đạt được lòng kính sợ Chúa ngày càng sâu sắc hơn và với lòng kính sợ, ngài đã xây dựng sự cứu rỗi cho chính mình.

Iona không ngừng tuân giữ chay tịnh nghiêm ngặt và dâng những lời cầu nguyện sốt sắng hướng về Thiên Chúa. Khi cầu nguyện cho bản thân, ông cũng không quên thế gian mà mình đã bỏ lại; với tâm hồn trăn trở vì thế gian và ngọn lửa tình yêu dành cho đồng loại, ông siêng năng cầu nguyện cùng Thiên Chúa cho sự thịnh vượng của Kitô giáo, cho sự bình an của Giáo Hội Thánh và sự đạo đức của các vị vua, bởi vì các vị vua Byzantine lúc bấy giờ đã sa vào giáo phái chống thánh tượng và gây rối loạn cho sự bình an của Giáo Hội Thiên Chúa[6400] . Trong cuộc đời đạo đức như vậy, Iona đã sống đến tuổi già và nhờ cuộc đời phụng sự Thiên Chúa, ngài đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng chữa lành. Sau khi an lành kết thúc cuộc đời, ngài đã vui mừng dâng linh hồn thánh thiện và hạnh phúc của mình lên Chúa[6401] , Đấng mà ngài luôn dành trọn tình yêu trong sáng và nồng nàn.

---

vị tiên tri đã ở lại Ninive; giữa những tàn tích của thành phố này, gần Mosul, người ta cũng chỉ ra ngôi mộ của ông, nơi được cả Kitô hữu, Do Thái giáo và Hồi giáo cùng tôn kính. Quan điểm đầu tiên được xác nhận bởi lời chứng trong Sách Macabe 3, nơi nói rằng Đức Chúa Trời *"đã cho mọi người thấy Giô-na nguyên vẹn, khi ông đang chịu đựng trong bụng con cá voi sống ở đáy biển"* (3 Macabe 6:6).

[6398] Tên của tiên tri Giô-na được đặt cho cuốn thứ năm trong các sách các tiên tri nhỏ, nội dung của cuốn sách này kể về sứ mệnh của Giô-na đến Ni-ni-ve với lời rao giảng về sự ăn năn. Lý do cho sứ mệnh của Giô-na không chỉ là để cứu Ni-ni-ve, mà còn để răn dạy chính người Do Thái, những người lúc bấy giờ đã phát triển thái độ không khoan dung đối với người ngoại bang. Chúa đã khai sáng cho vị tiên tri rằng ơn cứu rỗi cũng dành cho cả những người ngoại giáo, đồng thời cảnh báo dân Do Thái phải ăn năn, vì nếu họ không ăn năn, họ cũng có thể bị hủy diệt, và chỗ của họ sẽ bị những người ngoại giáo chiếm lấy. Từ đó, bài giảng của Giô-na mang một ý nghĩa tiên báo mới, như là hình ảnh tiên báo cho bài giảng tông đồ trong Tân Ước, kêu gọi mọi dân tộc gia nhập Hội Thánh của Đấng Christ. Có thể tìm thấy manh mối về ý nghĩa này của sách tiên tri Giô-na và chính ông trong những lời của Đấng Cứu Thế, Đấng khi quở trách người Do Thái và đặc biệt là những người Pha-ri-si vì sự không ăn năn, sự không tin và sự thờ ơ đối với lời rao giảng về sự ăn năn của Giăng Báp-tít, đã phán: *"Dân Ninive sẽ đứng lên xét xử thế hệ này và kết án nó, vì họ đã ăn năn nhờ lời rao giảng của Giô-na; và này, ở đây có Đấng vĩ đại hơn Giô-na"* (Mt 12,41). – Sách tiên tri Giô-na được đọc trọn vẹn trong thánh lễ chiều Thứ Bảy Lớn, cùng với các lời tiên tri khác trong Cựu Ước về sự phục sinh của Đấng Cứu Thế.

[6399] Ngày kỷ niệm Thánh Phê-ô-đô-rô "Những Người Được Khắc" được Giáo hội cử hành vào ngày 27 tháng 12. "Họ được gọi là 'Những Người Được Khắc' bởi vì, giữa những cực hình mà họ phải chịu từ các hoàng đế Byzantine chống thánh tượng vì việc tôn kính thánh tượng, trên người họ đã bị khắc những dòng chữ nhục mạ về sự điên rồ của họ; những dòng chữ đau đớn đó đã được khắc lên khuôn mặt họ bằng những cây kim nung đỏ, để lại vết sẹo vĩnh viễn. Thánh Theophan còn được biết đến như một nhà văn và tác giả của các kinh cầu.

[6400] Các hoàng đế Byzantine cùng thời với Thánh Iona bao gồm: Lê V người Armenia (813–820), Michael II Balba (820–829) và Theophilus (829–842). Tà thuyết chống thánh tượng xuất hiện ở Byzantium vào nửa đầu thế kỷ VIII và kéo dài đến giữa thế kỷ IX (năm 842).

[6401] Thánh Iona, một linh mục, đã qua đời vào nửa đầu thế kỷ IX.

Cuộc đời của Thánh Phêrô, người trước đây từng là người thu thuế[6402]

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 9

Tại châu Phi, có một người thu thuế tàn nhẫn và vô nhân đạo tên là Phêrô; ông ta chưa bao giờ thương xót những người nghèo khó, không bao giờ nghĩ đến cái chết, không bao giờ đến nhà thờ của Chúa, và trái tim ông ta luôn vô cảm trước những người xin bố thí. Nhưng Đức Chúa Trời nhân từ và yêu thương loài người không muốn sự chết cho những kẻ có tội, mà quan tâm đến sự cứu rỗi của tất cả mọi người và bằng sự Sắp đặt không thể thấu hiểu của Ngài, Ngài cứu rỗi mỗi người. Ngài cũng đã tỏ lòng thương xót của Ngài cho người thu thuế Phêrô này và cứu rỗi ông theo cách sau đây.

Một ngày nọ, những người ăn xin và nghèo khổ đang ngồi trên đường phố bắt đầu ca ngợi những người đối xử nhân từ với họ, cầu nguyện cho họ trước mặt Đức Chúa Trời, đồng thời trách móc những kẻ vô nhân đạo; trong khi trò chuyện như vậy, họ cũng nhắc đến Phê-rô, kể lại cách ông đối xử tàn nhẫn với họ, rồi hỏi nhau xem có ai từng nhận được chút bố thí nào từ nhà Phê-rô hay không; khi không tìm thấy ai như vậy, một người nghèo khó đứng dậy và nói:

– Các anh sẽ cho tôi bao nhiêu nếu tôi đi xin ông ấy bố thí ngay bây giờ?

Sau khi thống nhất, họ gom góp một khoản tiền đặt cọc, và người ăn mày đó lên đường, đứng chờ ở cổng nhà Phê-rô. Chẳng bao lâu sau, Phê-rô bước ra khỏi nhà. Ông dắt theo một con lừa đang chất đầy bánh mì dành cho bữa tiệc của hoàng tử. Người ăn xin cúi đầu chào ông và lớn tiếng xin bố thí. Peter nắm lấy ổ bánh mì, ném thẳng vào mặt người ăn xin rồi bỏ đi. Nhặt ổ bánh mì lên, người ăn xin quay về với các bạn đồng hành và nói:

– Chính từ tay Phêrô, tôi đã nhận được ổ bánh mì này.

Nói xong, ông bắt đầu ngợi khen Chúa và tạ ơn Ngài vì sự nhân từ của Phêrô. Hai ngày sau, người thu thuế bị ốm nặng đến mức suýt chết, và bỗng ông thấy trong một giấc mơ rằng mình đang đứng trước tòa án, và những việc làm của ông được đặt lên cân. Một bên cân là những linh hồn hôi thối và độc ác, còn bên kia cân là những người đàn ông sáng sủa và hiền lành. Những linh hồn ác quỷ mang đến tất cả những việc ác mà người thu thuế Phêrô đã làm trong suốt cuộc đời mình, kể từ khi còn rất trẻ, và đặt chúng lên một bên cân; còn những người đàn ông sáng sủa thì không tìm thấy một việc thiện nào của Phêrô để có thể đặt lên bên kia cân; vì vậy, họ rất buồn bã và bối rối nói với nhau:

– Chúng ta chẳng có gì để đặt lên cân cả.

Lúc đó, một trong số họ nói:

– Quả thật, chúng ta chẳng có gì để đặt cả, ngoại trừ một ổ bánh mì mà anh ta đã cho đi vì Chúa Kitô hai ngày trước, và đó cũng chỉ là vì bị ép buộc mà thôi.

Họ đặt chiếc bánh mì đó lên bên kia của chiếc cân, và nó đã làm chiếc cân nghiêng về phía mình. Lúc đó, những người đàn ông sáng láng nói với người thu thuế:

– Hãy đi đi, hỡi Phêrô khốn khổ, và hãy thêm vào chiếc bánh này nữa, để ma quỷ không bắt được ngươi và dẫn ngươi vào sự đau khổ vĩnh viễn.

Khi tỉnh táo lại, Phê-rô bắt đầu suy ngẫm về điều này và nhận ra rằng những gì anh ta thấy không phải là ảo ảnh, mà là sự thật; cùng lúc đó, anh ta nhớ lại tất cả tội lỗi của mình, ngay cả những tội mà anh ta đã quên – tất cả những lỗi lầm của anh ta hiện lên rõ ràng trước mắt – chính những tội lỗi đó đã được những con quỷ ác thu thập và đặt lên cân. Lúc đó, Phê-rô ngạc nhiên và nghĩ:

– Nếu chỉ một miếng bánh mì mà tôi ném vào mặt người nghèo đã giúp tôi đến mức những con quỷ không thể bắt được tôi, thì việc bố thí hào phóng hơn nữa, được thực hiện với lòng tin và sự tận tâm, sẽ giúp ích biết bao nhiêu cho những ai không tiếc rẻ mà chia sẻ của cải của mình cho người nghèo.

Và từ đó, ông trở nên vô cùng nhân từ, đến nỗi thậm chí không nương tay với chính bản thân mình. Một lần nọ, ông đang trên đường đến trạm thu thuế của mình[6403] . Trên đường đi, ông gặp một chủ tàu: người này đang trần truồng, vì sau khi con tàu của ông ta bị chìm, ông ta đã trở nên hoàn toàn khánh kiệt. Và người này, quỳ xuống dưới chân Phê-rô, xin ông cho mình một bộ quần áo để che đi sự trần truồng của mình. Phê-rô cởi chiếc áo khoác đẹp

[6402] Người thu thuế – người thu thuế.

[6403] Trạm thu thuế – nơi thu các khoản thuế hoặc phí.

đẽ và đắt tiền của mình ra và đưa cho người ấy; nhưng người ấy, vì xấu hổ khi phải mặc bộ quần áo như vậy, đã bán nó cho một thương gia. Khi trở về từ trạm thu thuế, Phê-rô tình cờ thấy bộ áo đó được treo bán ở chợ; điều này khiến ông buồn bã đến mức khi về đến nhà, ông thậm chí không muốn ăn uống gì, mà chỉ đóng cửa lại, khóc lóc thảm thiết và than thở:

– Chúa đã không chấp nhận lòng bác ái của con; con không xứng đáng để người nghèo khó ấy còn nhớ đến con.

Trong lúc khóc lóc và đau buồn như vậy, ông chợp mắt một lát, và bỗng một người đàn ông có vẻ ngoài trang nghiêm, tỏa sáng rực rỡ hơn cả mặt trời, hiện ra trước mắt ông; trên đầu ông ta có một cây thánh giá, và ông ta mặc chính bộ quần áo mà Phêrô đã tặng cho người chủ tàu đang lâm vào cảnh khốn cùng; người đàn ông này nói với Phêrô:

– Anh Phêrô ơi, anh đang buồn bã và khóc lóc vì điều gì vậy?

Người thu thuế đáp lại:

– Làm sao tôi không khóc được, thưa Chúa, khi tôi cho người nghèo những gì Ngài đã ban cho tôi, nhưng họ lại bán những thứ đó ở chợ.

Rồi Đấng Hiện Thân nói với ông:

– Anh có nhận ra bộ áo này mà tôi đang mặc không?

Pê-trô đáp:

– Vâng, Thưa Chúa, tôi nhận ra; đó là của tôi; tôi đã dùng nó để che thân cho người trần truồng.

Vị hiện thân nói:

– Đừng buồn nữa, vì bộ quần áo mà ngươi đã cho người ăn xin, Ta đã nhận và đang mặc nó, như ngươi thấy; Ta khen ngợi ngươi vì việc làm tốt lành của ngươi, vì ngươi đã cho Ta mặc, khi Ta đang chết cóng vì lạnh.

Khi tỉnh dậy, người thu thuế ngạc nhiên và cảm thấy ghen tị với cuộc sống của những người nghèo khó, nói rằng:

– Nếu những người nghèo khó cũng chính là Chúa Kitô, thì, ta thề trước Chúa, ta sẽ không chết cho đến khi trở thành một trong số họ.

Ngay lập tức, ông phân phát toàn bộ tài sản của mình cho những người nghèo và giải phóng các nô lệ, chỉ giữ lại một người trong số họ; ông nói với người nô lệ đó:

– Ta muốn tiết lộ cho ngươi một bí mật; hãy giữ kín và vâng lời ta; còn nếu ngươi không giữ kín bí mật và không vâng lời ta, thì hãy biết rằng ta sẽ bán ngươi cho những kẻ ngoại đạo.

Người nô lệ đó đáp lại:

– Bất cứ điều gì ngài ra lệnh cho tôi, thưa chủ, tôi đều phải làm.

Rồi Phêrô nói với anh ta:

– Hãy cùng đi đến thành thánh, thờ lạy Mộ Thánh ban sự sống của Chúa, và ở đó, ngươi hãy bán ta cho một người Kitô hữu nào đó, rồi dùng số tiền thu được từ việc bán ta để giúp đỡ những người nghèo; khi đó, chính ngươi cũng sẽ trở thành một người tự do.

Người đầy tớ ngạc nhiên trước ý định kỳ lạ của chủ mình; anh ta không muốn vâng lời và nói:

– Tôi phải đi cùng ngài đến thành thánh, vì tôi là nô lệ của ngài; nhưng tôi không thể bán ngài, chủ nhân của tôi, và tôi sẽ không bao giờ làm điều đó.

Lúc đó, Phêrô nói với anh ta:

– Nếu ngươi không bán ta, thì ta sẽ bán ngươi cho những kẻ ngoại đạo, như ta đã nói với ngươi rồi.

Và họ lên đường đến Giê-ru-sa-lem. Sau khi thờ lạy các thánh địa, Phê-rô lại nói với người đầy tớ:

– Hãy bán ta đi; còn nếu ngươi không bán ta, thì ta sẽ bán ngươi cho bọn man di để làm nô lệ khổ sai.

Thấy ý định kiên quyết như vậy của chủ mình, người đầy tớ buộc phải vâng lời ông, dù trái với ý muốn của mình. Gặp một người đàn ông kính sợ Đức Chúa Trời mà anh ta quen biết, là một thợ bạc tên là Zoila, người đầy tớ nói với ông ta:

– Hãy nghe ta đây, Zoila, – hãy mua một nô lệ tốt từ ta.

Người thợ bạc đáp lại:

– Anh ơi, tin tôi đi: tôi đã lâm vào cảnh túng thiếu, nên không có gì để trả tiền mua anh ta cả.

Lúc đó, người nô lệ đề nghị với ông:

– Hãy vay tiền ai đó rồi mua anh ta đi, vì anh ta rất tốt, và Chúa sẽ ban phước cho anh vì điều đó.

Tin lời anh ta, Zoil mượn ba mươi đồng vàng từ một người bạn và dùng số tiền đó mua Phêrô từ người nô lệ kia, mà không biết rằng Phêrô chính là chủ nhân của người nô lệ đó. Người nô lệ kia, sau khi nhận tiền thay cho chủ mình, đã lên đường về Constantinople, và không nói với ai về việc mình đã làm, anh ta đã phân phát số tiền đó cho những người nghèo. Từ đó, Phêrô bắt đầu phục vụ cho Zoil; anh phải làm những việc mà trước đây anh chưa từng quen: lúc thì làm việc trong bếp, lúc thì chở phân từ nhà Zoil, lúc thì đào đất trong vườn nho; bằng những công việc nặng nhọc này và những việc khác, với lòng khiêm nhường vô bờ bến, anh đã làm kiệt sức thân xác mình. Còn Zoil thì thấy rằng Phêrô mang lại phước lành cho ngôi nhà của ông, giống như ngày xưa ngôi nhà của Pentêphria đã nhận được phước lành nhờ Giuse; ông thấy rằng của cải của mình đã tăng lên gấp bội; vì thế ông yêu mến Phêrô, và đồng thời, khi chứng kiến sự khiêm nhường phi thường của anh, ông cảm thấy kính trọng anh. Một lần nọ, ông nói với anh:

– Phêrô, ta muốn giải phóng ngươi, hãy làm anh em của ta.

Còn Phêrô thì không muốn tự do, mà thà phục vụ với tư cách là một nô lệ; người ta thường thấy các nô lệ khác mắng chửi anh, đôi khi thậm chí đánh đập và sỉ nhục anh bằng mọi cách, nhưng anh vẫn kiên nhẫn chịu đựng tất cả những điều đó mà không thốt lên một lời nào. Một lần nọ, Phêrô thấy trong giấc mơ một Người đàn ông rạng ngời, người mà trước đây đã hiện ra với anh ở châu Phi trong bộ quần áo của anh; Người này, giờ đây cầm trên tay ba mươi đồng vàng, nói với anh:

– Đừng buồn, anh em Phêrô, vì chính Ta đã nhận tiền thay cho anh; hãy kiên nhẫn cho đến khi người ta nhận ra anh.

Một thời gian sau, có một số người buôn bạc từ châu Phi đến viếng các thánh địa; Zoil, chủ của Phêrô, đã mời họ về nhà dùng bữa trưa. Trong bữa ăn, các vị khách bắt đầu nhận ra Phêrô và nói với nhau:

– Người này trông giống hệt Phêrô, người thu thuế.

Nghe thấy cuộc trò chuyện của họ, Phê-rô liền che mặt lại để họ không nhận ra mình. Tuy nhiên, họ vẫn nhận ra ông và bắt đầu nói với chủ nhà:

– Chúng tôi muốn nói với anh, Zoil, một điều quan trọng: anh có biết rằng trong nhà anh đang có một người vĩ đại đang phục vụ – đó là Phêrô không? Ở châu Phi, ông ấy là một nhân vật rất nổi tiếng, đã giải phóng tất cả nô lệ của mình; hoàng tử rất buồn bã và tiếc nuối vì Phêrô đã rời bỏ chúng tôi; vì vậy, chúng tôi sẽ đưa ông ấy đi cùng chúng tôi.

Đứng bên ngoài cánh cửa, Phêrô nghe rõ mọi lời nói; anh đặt chiếc đĩa đang cầm xuống đất, rồi vội vã chạy đến cổng để trốn thoát; người gác cổng bị câm và điếc bẩm sinh, nên chỉ mở và đóng cổng theo những dấu hiệu đã quen thuộc.

Thánh Phêrô, vội vã muốn ra ngoài, đã nói với người câm:

– Ta nói với ngươi nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta: hãy mở cửa cho ta ngay lập tức.

Lúc đó, miệng người câm bỗng mở ra, và anh ta nói:

– Vâng, thưa ngài, tôi sẽ mở ngay.

Nói xong, anh ta lập tức mở cổng, và Phê-rô vội vã ra đi. Lúc đó, người từng bị câm đến gặp chủ mình và bắt đầu nói trước mặt mọi người; tất cả những ai có mặt trong nhà đều ngạc nhiên khi nghe anh ta nói; ngay lập tức, mọi người bắt đầu tìm kiếm Phê-rô, nhưng không tìm thấy ông. Người câm bèn nói:

– Hãy xem, liệu anh ta có chạy trốn không? Hãy biết rằng đây là một tôi tớ vĩ đại của Đức Chúa Trời; khi anh ta đến gần cổng, anh ta đã nói với tôi: 'Nhân danh Chúa Giê-su Christ, ta bảo ngươi, hãy mở cổng ra.' Và ngay lập tức tôi nhận thấy ngọn lửa phát ra từ miệng anh ta, ngọn lửa ấy chạm vào tôi, và tôi bắt đầu nói được.

Mọi người lập tức đuổi theo dấu vết của Phê-rô, nhưng không đuổi kịp; họ tìm kiếm ông khắp nơi một cách cẩn thận, nhưng không thấy. Lúc đó, tất cả những người trong nhà Zoê-la đều khóc nức nở và nói: "Sao chúng ta lại không biết rằng ông ấy là một tôi tớ vĩ đại của Đức Chúa Trời?" Và họ ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng có nhiều tôi tớ thầm lặng của Ngài. Còn Phê-rô, để tránh sự vinh quang của loài người, đã ẩn náu ở những nơi bí mật cho đến khi qua đời[6404] .

Vinh quang thuộc về Chúa đến muôn đời. A-men.

[6404] Thánh nhân qua đời vào thế kỷ VI tại Constantinople.

Ngày 6 tháng 10

Ngày 23 tháng 9 (theo lịch cũ)

Lời giảng về ngày thụ thai của vị tiên tri đáng kính và vinh quang, tiền hô và người rửa tội của Chúa Giăng

Ngày kỷ niệm: 23 tháng 9

Khi ngày thụ thai của Đấng Cứu Thế của chúng ta đang đến gần, việc thụ thai của Thánh Gioan Tiền Hô đã diễn ra một cách vinh quang và kỳ diệu. Có nhiều người mẹ thụ thai con cái, nhưng hiếm có ai mà sự thụ thai của họ lại được Giáo Hội Thánh tôn vinh và kỷ niệm. Chỉ có ba người mẹ được biết đến, trong bụng của họ, những sự thụ thai đã diễn ra trở thành đề tài khiến cả thế giới kinh ngạc. Đó là bà Anna công chính, thánh Elisabeth và Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội. Bà Anna công chính đã thụ thai Đức Mẹ, bà Êlisabét – Thánh Gioan Tiền Hô, còn Đức Trinh Nữ Maria – Đấng Cứu Thế của chúng ta. Tất cả những sự thụ thai này đều được Thiên Thần báo tin và diễn ra nhờ ân sủng của Thiên Chúa, nhưng đồng thời cũng phải thông qua cuộc đối thoại giữa vị sứ giả và những người thụ thai, vì chính Thiên Chúa đã đòi hỏi sự đồng ý của họ. Vì vậy, vị thiên thần báo tin, Thánh Tổng lãnh thiên thần Gabriel, khi bước vào nơi thánh để gặp linh mục Zacharia, người lúc bấy giờ đang dâng lễ trước mặt Thiên Chúa, đã nói:

– Đừng sợ, Zacharias: lời cầu nguyện của ngươi đã được nhậm, và vợ ngươi là Elizabeth sẽ sinh cho ngươi một con trai, và ngươi sẽ đặt tên cho nó là Gioan. Và nhiều người sẽ vui mừng vì sự ra đời của nó.

Zacharias đáp:

– Điều mà ngươi báo cho ta, sứ giả mang tin vui, thật bất ngờ và kỳ lạ, vì sinh con ở tuổi già là điều không tự nhiên; ta đã già, và vợ ta cũng đã cao tuổi: làm sao chúng ta có thể thụ thai và sinh ra một con trai?

Thiên thần đáp lại:

– Ngay từ những lời đầu tiên của ngươi, Zacharias, ta đã thấy ngươi thiếu đức tin; ngươi không tin rằng lời ta nói sẽ thành hiện thực. Đúng là điều ta báo tin không phù hợp với bản tính của ngươi, nhưng đây là ý muốn của Đức Chúa Trời, Đấng mà không có gì là không thể: *"Đức Chúa Trời có thể làm cho những hòn đá này sinh ra con cái cho Áp-ra-ham"* (Mt 3:9). Chẳng lẽ ngươi không biết rằng Đức Chúa Trời đã có thể tạo dựng A-đam từ đất, tạo ra Ê-va từ xương của A-đam, và ban cho Sa-ra, người đã cao tuổi, một người con trai là Y-sác sao? Vì vậy, Đức Chúa Trời Toàn Năng cũng sẽ ban cho vợ ngươi một người con trai khi bà đã cao tuổi; vì lời cầu nguyện của ngươi đã được nhậm.

– Tôi, – Zacharia nói, – hiện nay đang dâng lên Đức Chúa Trời những lời cầu nguyện về sự giáng lâm của Đấng Mê-si-a được mong đợi, Đấng mà Ngài đã hứa qua miệng các tiên tri thánh của Ngài; tôi cầu nguyện để Đức Chúa Trời sớm sai Ngài xuống trần gian để cứu dòng dõi Áp-ra-ham khỏi ách nô lệ của các dân ngoại; tôi cũng cầu xin Ngài tha thứ những lỗi lầm của tôi và tội lỗi của cả dân tộc; còn về việc có con trai, thì hiện tại tôi không cầu xin, vì bản thân tôi đã ở tuổi xế chiều, và vợ tôi cũng đã già yếu.

Thiên thần bèn nói với ông:

– Ta là Gabriel, người đứng trước mặt Đức Chúa Trời; nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời, ta biết rằng hiện nay ngươi không cầu xin được ban cho một người con trai, mà là điều ngươi đã nói với ta; tuy nhiên, trước đây, khi cả ngươi và vợ ngươi chưa già, ngươi đã hết lòng cầu xin Đức Chúa Trời ban cho hai người một người con trai. Chúa là Đấng đầy lòng thương xót, không một sự lay động nhỏ nhất trong lòng con người nào có thể che giấu được trước mặt Ngài; Ngài lắng nghe những ai cầu nguyện cùng Ngài và thực hiện những điều mong ước của những ai kính sợ Ngài. Nghe thấy những lời cầu nguyện trước đây của ngươi, Ngài ban cho ngươi một người con trai mang tên ân sủng "[6405] "; vì Chúa biết theo ý muốn của Ngài khi nào sẽ đáp ứng những lời cầu xin của các thánh của Ngài: và đây, ngươi sẽ sinh được một người con trai, người ấy sẽ vĩ đại trước mặt Chúa.

Zacharias đáp lại như sau:

[6405] "Giăng" có nghĩa là ân sủng.

– Bây giờ tôi đã nhận ra, hỡi sứ giả, rằng ngài là Thiên Thần của Đức Chúa Trời, vì lời nói của ngài làm chứng về điều đó, dáng vẻ của ngài rõ ràng cho thấy điều đó, và sức mạnh trong lời nói của ngài xác nhận điều đó. Ban đầu, khi ngươi đột ngột hiện ra trước mặt ta và bắt đầu nói, ta đã kinh hoàng, giống như ngày xưa tiên tri Đa-ni-ên đã sợ hãi khi nhìn thấy Thiên Thần: *"Ta đã nhìn*," ông nói, *"vào khải tượng vĩ đại này, nhưng trong ta không còn chút sức lực nào"* (Đa-ni-ên 10:8); cũng như mẹ của Samson đã nói: *"Một người của Đức Chúa Trời đã đến với tôi, dáng vẻ của người ấy giống như dáng vẻ của Thiên Thần Đức Chúa Trời, rất đáng kính [đáng sợ]"* (Các Quan Xét 13:6). Vì vậy, tôi đã sợ hãi và không dám phản đối những lời Thiên Thần của ngài, tuy nhiên, tôi xin hỏi, tại sao con trai sắp chào đời của tôi lại sẽ trở nên vĩ đại? Chẳng lẽ nó sẽ cao cả và thánh thiện hơn cả tiên tri Giê-rê-mi, người mà Lời Chúa đã phán: *"Trước khi Ta hình thành ngươi trong lòng mẹ, Ta đã biết ngươi; trước khi ngươi ra khỏi bụng mẹ, Ta đã thánh hóa ngươi; Ta đã lập ngươi làm tiên tri cho các dân tộc"* (Giê-rê-mi 1:5).

Thiên thần đáp:

– Con trai ngươi sẽ vĩ đại trước mặt Chúa, và về sự vĩ đại thuộc linh, nó không chỉ ngang hàng với tiên tri Giê-rê-mi, mà còn vượt trội hơn ông ấy; nếu ông ấy đã được thánh hóa trước khi chào đời, thì đứa trẻ này sẽ còn được đầy dẫy Thánh Linh nhiều hơn nữa ngay khi còn trong bụng mẹ; Giê-rê-mi chỉ được định sẵn để tiên tri về Đấng Mê-si-a, còn người này sẽ được vinh dự đặt tay lên Ngài và làm phép rửa cho Ngài. Và không chỉ Giê-rê-mi, mà cả các thánh vĩ đại khác, người ấy cũng sẽ vượt trội hơn về sự vinh hiển của ân sủng Thiên Chúa, vì ngay cả trong các hàng ngũ thiên thần của chúng ta, những vị luôn chiêm ngưỡng dung nhan Chúa Sa-va-ô-phát, Thiên Chúa cũng không bày tỏ những mầu nhiệm của ý muốn tốt lành Ngài cho tất cả mọi người như nhau, nhưng qua các hàng ngũ cao hơn, Ngài mới tỏ lộ cho các hàng ngũ thấp hơn. Có nhiều ngôi sao xuất hiện trước khi mặt trời mọc, nhưng chỉ có sao Mai là đi trước chính mặt trời. Nhiều nhà tiên tri đã rao giảng về sự đến của Đấng Mê-si-a, nhưng đứa trẻ do ngươi sinh ra không chỉ rao giảng bằng lời nói, mà còn dùng chính ngón tay mình chỉ cho mọi người thấy Chiên Con của Đức Chúa Trời, Đấng gánh lấy tội lỗi thế gian. Đó là lý do tại sao con trai ngươi sẽ vĩ đại và vượt trội hơn tất cả những ai được sinh ra bởi phụ nữ. Cũng như việc thực hiện tin mừng còn vui sướng hơn chính tin mừng ấy, thì vị tiên tri sẽ ra đời từ ngươi cũng sẽ được vinh quang hơn so với các tiên tri khác. Tất cả các tiên tri và chính Luật Mô-sê đều đã tiên tri về Ngài; còn Ngài sẽ là đỉnh cao của tất cả các tiên tri, là kết thúc của Giao Ước Cũ, là tiền hô của ân sủng mới.

Zacharia đã đáp lại điều này rằng:

– Tin mừng của ngươi thật tốt lành và vui mừng, Thiên Thần của Chúa! Nếu mọi người con khôn ngoan đều làm cha mình vui mừng, thì người con khôn ngoan nhất sẽ làm ta, một người già, vui mừng biết bao nhiêu hơn tất cả các vị tiên tri! Nhưng làm sao tôi có thể vui mừng khi tôi còn nghi ngờ những lời của ngài? Không có niềm vui và sự hân hoan trong những điều đáng nghi ngờ, mà chỉ có trong những điều chắc chắn. Vì vậy, tôi khẩn cầu ngài, Thiên Thần của Đức Chúa Trời, xin hãy cho tôi biết, làm sao tôi có thể chắc chắn về điều ngài đang báo cho tôi?

Lúc đó, Gabriel đáp lại:

– Ngươi vẫn còn nghi ngờ và không tin lời ta, Zacharias; làm sao ta, sứ giả của Đức Chúa Trời, lại có thể nói dối được, [vì] *"Đức Chúa Trời trung tín trong mọi lời Ngài và thánh khiết trong mọi việc Ngài làm"* (Thánh Vịnh 144:13), nên *"không có lời nào của Đức Chúa Trời là không thể thực hiện được"* (Lu-ca 1:37). Ngươi là thầy tế lễ và thầy dạy của dân Y-sơ-ra-ên, há ngươi không biết rằng thời điểm mà ta đã tính toán bằng các tuần lễ khi được sai đến Ba-by-lôn gặp tiên tri Đa-ni-ên đã đến rồi sao? Chẳng lẽ các ngươi chưa từng đọc những lời tiên tri của ông ấy sao? Hãy suy ngẫm và nhận biết rằng Đấng Cứu Rỗi của Y-sơ-ra-ên đã gần kề, và trước mặt Ngài sẽ có một Thiên Thần trong xác thịt đi trước – đó là con trai ngươi, người sẽ dọn đường cho Đấng Mê-si, bước đi trước Ngài trong tinh thần và quyền năng của Ê-li. Nhưng vì ngươi đã không tin lời ta, ngươi sẽ bị câm và không nói được lời nào cho đến ngày điều này ứng nghiệm.

Và ngay lập tức, sự câm lặng đã trói buộc đôi môi của Zacharias, còn sự vô sinh của Elizabeth thì được giải thoát. Còn thiên thần thì trở về ngai vàng của Đấng Toàn Năng. Vinh quang thuộc về Chúa đến muôn đời. A-men.

Bài thánh ca, giọng 4:

Hỡi người chưa từng sinh con, hãy vui mừng, vì ngươi đã thụ thai Đấng Ánh Sáng Mặt Trời, Đấng sẽ soi sáng cả vũ trụ đang chìm trong bóng tối của sự mù lòa. Hãy hân hoan, hỡi Zacharias, và hãy kêu lên với lòng can đảm: "Vị Tiên Tri của Đấng Tối Cao sắp ra đời."

Bài ca Kondak, giọng 1:

Zacharia vĩ đại đang hân hoan rạng ngời, cùng với người vợ vinh quang là Elisabet, người đã thụ thai một cách xứng đáng Thánh Gioan Tiền Hô: chính vị Tổng Lãnh Thiên Thần đã loan báo tin mừng này trong niềm vui sướng, và chúng ta hãy tôn kính ngài một cách xứng đáng, như một người giữ bí mật của ân sủng.

Lễ kính các thánh tử đạo An-rê, Gioan, Phê-rô và An-to-ni-nô

Ngày tưởng niệm 23 tháng 9

Các thánh tử đạo này đã chịu khổ nạn vào thời kỳ châu Phi bị thống trị bởi vị vua tàn bạo Ibrahim. Khi chiếm đóng và phá hủy thành phố Syracuse ở Sicily[6406] , Ibrahim đã đưa Gioan cùng hai con trai của ông là Phêrô và Antonin từ đó sang châu Phi. Ông ra lệnh dạy hai thiếu niên này tiếng Ả Rập và các môn học. Khi các em lớn lên, hoàng tử Ibrahim yêu mến các em vì sự khôn ngoan và lối sống đạo đức đến nỗi đã coi Antonina như người thân trong gia đình, còn trao cho Phêrô tước hiệu sakellarios[6407] . Họ bí mật theo đạo Kitô, nhưng không thể giấu điều này khỏi hoàng tử. Khi biết họ tin vào Chúa Kitô, ông ta nổi giận dữ dội, ra lệnh xiềng họ vào cùm sắt và đánh họ bằng những cây gậy có gai. Những kẻ tra tấn đã đánh đập Thánh Antonina trong một thời gian dài; sau đó họ buộc ngài lên lưng lừa, dùng dây thừng chắc chắn trói chặt, rồi kéo ngài đi khắp thành phố, vừa đánh đập vừa buông ra đủ loại lời sỉ nhục. Thánh Antonin đã chịu đựng tất cả những điều này, nhờ ơn Chúa. Còn Thánh Phêrô thì bị lột trần và bị đánh bằng gậy vào xương và bụng trong một thời gian dài. Sau đó, các vị tử đạo bị giam vào ngục tối. Sau một thời gian, vị hoàng tử ra lệnh đưa họ ra khỏi đó và đặt lên người họ những tấm ván gỗ nặng nề, đến nỗi tay họ bị tách khỏi thân thể, còn hông và đầu gối thì bị nghiền nát hoàn toàn; thân thể các thánh tử đạo nhuốm đỏ bởi chính máu của họ, và tất cả xương cốt của họ đều vỡ vụn. Sau đó, họ dẫn cha của các vị là Thánh Gioan đến; vị hoàng tử dùng tay trái siết cổ ông, còn tay phải thì đâm con dao vào thanh quản ông; thế là vị thánh tử đạo đã trút hơi thở cuối cùng ngay trước thi thể các con mình. Lúc đó, Ibrahim ra lệnh đốt một đống lửa lớn và thiêu xác các vị thánh tử đạo trên đó. Còn với thánh Anrê, người đã ở tuổi xế chiều, tên hành hình tàn ác đã đối xử như sau. Đầu tiên, hắn để ngài chịu đói khát trong một thời gian khá dài, tước đoạt quần áo của ngài, rồi sau đó, hắn cưỡi ngựa, cầm giáo, lao vào vị thánh tử đạo và đâm ngài vào ngực bằng cây giáo. Thánh Anrê bắt đầu lớn tiếng ngợi khen Thiên Chúa. Vị công tước tàn bạo lại lao vào ngài lần thứ hai và đâm xuyên qua giữa hai vai ngài. Trong lúc máu chảy ròng ròng, vị thánh đã ngã xuống đất, sau đó đầu ngài bị chém đứt bằng gươm.

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Iraida

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 9

Thánh trinh nữ Iraida sống tại Alexandria. Một lần nọ, khi ra suối để múc nước, bà nhìn thấy một con tàu đang neo đậu bên bờ; trên con tàu đó có rất nhiều thiếu nữ, nam giới, linh mục, phó tế và tu sĩ; tất cả đều bị xiềng xích, vì họ đang bị đưa đi chịu cực hình do tuyên xưng danh Chúa Giêsu Kitô. Bất chợt, thánh nữ Iraida bừng cháy lòng yêu mến Chúa; bà bỏ lại bình nước, tự nguyện gia nhập cùng các tù nhân của Chúa Kitô và bị xiềng xích cùng với họ. Khi con tàu cập bến thành phố Antinopolis của Ai Cập, Thánh Iraida là người đầu tiên phải chịu những hình phạt tàn bạo và bị chém đầu bằng gươm[6408] , và sau đó, tất cả những người còn lại cũng đã dùng chính máu của mình để chứng thực lòng tin vào Chúa Giêsu Kitô.

[6406] Việc chiếm Syracuse diễn ra vào năm 868.
[6407] Quản gia trưởng.

Cuộc đời của Thánh Polixenia

Ngày kỷ niệm: 23 tháng 9

Thánh Polixenia gốc gác từ Tây Ban Nha. Bà sống vào thế kỷ thứ nhất sau Giáng sinh, vào thời các Thánh Tông đồ, và là môn đệ của các ngài. Từ khi sinh ra và trong thời trẻ, Polixenia là một người ngoại đạo. Cùng với chị gái lớn của mình, Xanthippa[6409] , người từng là vợ của Prova, vị vua cai trị đất nước đó, thiếu nữ Polixenia đã nghe về giáo lý thiêng liêng của Đấng Cứu Thế Kitô từ Thánh Tông đồ Phaolô, khi ngài rao giảng tại Tây Ban Nha. Xanthippa và Prova ngay lập tức đã chấp nhận đạo Kitô, còn Polyxenia vẫn còn là người theo đạo ngoại.

Sau đó, Polixenia phải chịu nhiều bất hạnh. Cô vô cùng xinh đẹp; bị mê hoặc bởi nhan sắc của cô, một kẻ vô liêm sỉ đã cưỡng ép bắt cóc Polixenia và đưa cô đến Hy Lạp. Nhưng Đấng Bảo Trợ đầy lòng thương xót và toàn năng của những người vô tội và yếu đuối, Chúa đã bảo vệ cô gái trẻ khỏi mọi tổn hại và không để cho những mưu đồ tội ác của tên bắt cóc vô đạo được thực hiện. Chúa thậm chí còn biến ý đồ xấu xa của tên vô đạo đó thành điều có lợi cho Polyxenia. Trên đường đi thuyền đến Hy Lạp, trên một trong những con tàu đó, Polixenia đã được nghe bài giảng của một vị môn đệ vĩ đại khác của Chúa Kitô, Thánh Tông đồ Phêrô. Với lòng mến mộ đối với giáo lý cao cả của Chúa Kitô Cứu Thế, khi đến Hy Lạp, cô đã với niềm tin mãnh liệt tìm đến sự che chở và bảo vệ của các Kitô hữu. Thánh Tông đồ Philip của Chúa Kitô, người đang rao giảng tại đó vào thời điểm đó, đã giao phó cho một gia đình đạo đức nhiệm vụ che giấu Polixenia khỏi kẻ bắt cóc tội ác của cô. Với nhiều khó khăn và trở ngại, những Kitô hữu đạo đức này đã thành công trong việc che giấu Polyxenia tại thành phố Patras (hay Patras) thuộc vùng Achaea của Hy Lạp, nơi phần lớn cư dân lúc bấy giờ đã được cải đạo sang Kitô giáo nhờ lời rao giảng của Thánh Tông đồ Anrê, môn đệ đầu tiên của Chúa Kitô Cứu Thế.

Tại Patras, Polixenia – người đã được chuẩn bị tâm hồn nhờ Tin Mừng của các Thánh Tông đồ Phaolô, Phêrô và Philipphê, và giờ đây đã tận mắt chứng kiến lòng bác ái tích cực của các Kitô hữu – với đức tin sống động vào tính Thần thánh của giáo lý Chúa Kitô Cứu Thế, đã chấp nhận Kitô giáo và được chính Thánh Tông đồ Anrê, người được kêu gọi đầu tiên, làm phép rửa. Ngay tại đó, Polyxenia đã chứng kiến những phép lạ vinh quang do Thánh Tông đồ Anrê thực hiện. Bà đã chứng kiến vị tu sĩ già nua lúc bấy giờ đã chịu đựng những hình phạt và cực hình nặng nề một cách nhẫn nại như thế nào, cũng như cách ngài đã chịu chết trên thập tự giá vì không chịu từ bỏ Chúa Giêsu Kitô và vì đã dũng cảm bênh vực các Kitô hữu.

– Hãy tự mình tin vào Đấng Kitô đi, – vị Thánh Tông đồ nói với vị quan cai trị thành phố và vùng đất, một người ngoại đạo đầy giận dữ, khi ông ta đe dọa bằng án tử hình, yêu cầu Thánh Anrê từ bỏ Đấng Kitô, thờ lạy các vị thần ngoại đạo và dâng lễ tế để tôn vinh họ. "Ta đau buồn vì sự hủy diệt của ngươi hơn là vì những đau khổ đang chờ đợi ta," vị Thánh Tông Đồ tiếp tục, "những đau khổ của ta sẽ chỉ kéo dài một hoặc hai ngày, còn sự đau khổ của ngươi sẽ kéo dài mãi mãi."

Nhưng, phớt lờ lời khuyên nhủ ôn hòa của Thánh Anrê, vị quan độc ác trước tiên đã kết án ngài phải chịu những hình phạt tàn bạo, rồi sau đó kết án ngài phải chịu cái chết trên thập giá; và để kéo dài sự đau khổ càng lâu càng tốt, hắn ra lệnh không đóng đinh mà buộc ngài vào thập giá.

Khi vị Tông đồ của Chúa được dẫn đến nơi đóng đinh, đám đông, trong đó có cả cô gái trẻ Polyxenia, tụ tập đông đúc xung quanh ngài, đồng thanh kêu lên:

– Người công chính này, người bạn của Đức Chúa Trời này, đã phạm tội gì mà lại bị dẫn đi chịu hình phạt nhục nhã nhất ở xứ sở chúng ta, hình phạt mà chỉ những tên tội phạm tàn ác nhất mới phải chịu?

Nhưng Thánh Anrê đã trấn an và khuyên nhủ dân chúng, rồi vui vẻ bước đi đến nơi chịu cực hình vì đã tuyên xưng Đức Kitô.

Các môn đệ trung thành của Thánh Anrê, trong đó có cả Polixenia, không rời bỏ ngài, ngay cả khi ngài bị đóng đinh và treo trên thập giá. Đám đông tụ tập xung quanh Thánh Anrê, người bị đóng đinh một cách oan uổng, phẫn nộ trước quyết định của quan cai trị và kêu lên với sự bất bình ngày càng gia tăng:

– Vị thánh nhân này đang chịu đau khổ một cách oan uổng!

[6408] Thánh Iraida qua đời vào khoảng năm 308. Lễ kỷ niệm lần thứ hai của ngài với tên gọi Raisa được tổ chức vào ngày 5 tháng 9.

[6409] Ngày tưởng niệm Thánh nữ Xanthippa cũng được tổ chức vào cùng ngày.

Còn vị Tông đồ thì cố gắng trấn an những người đang xôn xao và tiếp tục giảng dạy Lời Chúa:

– Hỡi những người đang đứng ở đây, – ngài nói, – các bà vợ và con cái, người già và người trẻ, nô lệ và người tự do! Hãy lắng nghe lời ta và đừng nghĩ nữa đến sự hư vô của cuộc đời tạm bợ này, nhưng hãy nhìn ta, người đang bị treo trên thập tự giá vì Chúa Kitô và đã sẵn sàng từ bỏ thân xác này. Những ai phải chịu chết vì lẽ thật trong thế gian này thì không nên sợ hãi cái chết: họ sẽ đạt được sự an nghỉ hạnh phúc. Hãy thanh tẩy tâm hồn mình, đừng quên giáo huấn của ta; hãy tin tưởng hết lòng vào Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Hãy tuân giữ các điều răn của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, và nhờ đó, các con sẽ chứng tỏ mình xứng đáng với hạnh phúc vĩnh cửu mà Chúa đã dành sẵn cho những ai yêu mến Ngài!

Ngày và đêm trôi qua như vậy. Vị thánh già, dù phải chịu những cực hình nặng nề, vẫn không ngừng giảng dạy dân chúng. Và bài giảng từ thập tự giá ấy, tuy hiền lành nhưng tràn đầy sức sống và tình yêu chân thật, đã tác động đặc biệt mạnh mẽ đến cô gái trẻ Polyxenia. Trong vài ngày ngắn ngủi, cô đã trải qua cả một cuộc đời, và đức tin Kitô giáo đã được củng cố vững chắc trong lòng cô.

Trong khi đó, sự đau khổ kéo dài của Thánh Anrê đã làm gia tăng sự phàn nàn và phẫn nộ của dân chúng đến mức đám đông la hét vây quanh dinh thự của quan tổng trấn Egeat, đòi thả Thánh Anrê, người đã bị treo trên thập tự giá suốt ba ngày liền mà không được ăn uống.

– Người hiền lành, thánh thiện và ôn hòa này đang phải chịu đau khổ một cách vô ích, – dân chúng nói. – Đã hơn hai ngày nay, ngài vẫn treo trên thập tự giá và không ngừng dạy chúng ta về điều thiện và lẽ phải; ngài phải được tháo xuống!

Egeat, lo sợ trước sự náo động, đã đồng ý với nguyện vọng của dân chúng và tự mình đến nơi hành hình để ra lệnh tháo Thánh Anrê xuống khỏi thập giá. Vị Tông đồ đầu tiên, khi nhìn thấy ông, đã nói:

– Ngươi đến đây để làm gì, Egeat? Nếu là để xưng nhận đức tin vào Chúa Giêsu Kitô, thì chắc chắn ngươi sẽ được tha thứ; còn nếu ngươi đến đây để tháo dây trói ta khỏi cây thập giá này, thì giờ đây ngươi cố gắng cũng vô ích thôi – ta đã được chiêm ngưỡng Vua Thiên Đàng, đã thờ lạy Ngài, và đang đứng trước mặt Ngài rồi! Nhưng trong khi vẫn còn thời gian, hãy lo cho linh hồn mình và đừng tự chuốc lấy những cực hình vĩnh cửu.

Theo lệnh của quan tổng trấn, các binh lính định tháo Thánh Anrê khỏi thập giá, nhưng vị Tông đồ, ngước mắt lên trời, đã kêu lên:

– Lạy Chúa, xin đừng để con bị tháo xuống khỏi thập giá, xin ban cho con được chịu khổ vì Ngài theo cùng cách mà Ngài đã vui lòng chịu khổ. Xin đừng để những ai đã nhận biết và yêu mến Ngài qua Tin Mừng của con dao động; xin bảo vệ và củng cố họ trong đức tin thánh thiện của Ngài, để họ cũng tôn vinh Ngài, Thiên Chúa chân thật; xin hãy đón nhận con trong bình an!

Và quả thực, những kẻ thi hành án đã vô ích khi cố gắng đến gần người bị đóng đinh để tháo dây buộc Ngài khỏi thập tự giá – một sức mạnh vô hình đã ngăn cản họ. Một ánh sáng chói lọi, rực rỡ hơn cả ánh mặt trời, đã bao trùm hoàn toàn Thánh Anrê và trong gần nửa giờ liền che khuất ngài khỏi những người đứng xung quanh. Khi ánh sáng ấy biến mất, hóa ra Thánh Tông đồ Anrê đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa, và chỉ có khuôn mặt ngài vẫn rạng ngời ánh sáng thiên đàng.

Cũng như sự Phục sinh của Chúa Giêsu Kitô đã khích lệ mạnh mẽ các Thánh Tông đồ rao giảng giáo lý thiêng liêng của Ngài, thì sự ra đi của Thánh Tông đồ Anrê cũng đã tác động sâu sắc đến Thánh Polixenia. Đã nhận lãnh đạo Kitô giáo từ một cột trụ của Giáo hội Chúa Kitô như Thánh Tông đồ Anrê, đã tu luyện và củng cố đức tin vào giáo lý thiêng liêng của Đấng Cứu Thế dưới sự hướng dẫn của chính ngài, – Thánh Polixenia đã tự nguyện rao giảng giáo lý thiêng liêng của Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế. Và khi bà biết rằng Thánh Ô-ni-xim, người đã đến thăm thành phố Patras ngay sau khi Thánh Tông đồ An-rê qua đời, sắp lên đường rao giảng tại Tây Ban Nha, Thánh Polixenia đã hân hoan đồng hành cùng ngài về quê hương của mình để tham gia vào công việc truyền giáo . Bà mong muốn dẫn dắt đồng bào của mình, những người vẫn chưa được soi sáng bởi ánh sáng Phúc Âm, đến với Chúa Kitô.

Khi trở về Tây Ban Nha cùng Thánh Onisimus và người bạn thân Rebecca – người cũng đã được rửa tội cùng bà – Thánh Polixenia đã tận tụy dấn thân vào công cuộc truyền bá Kitô giáo một cách tích cực giữa những người đồng bào của mình. Chị gái của bà là Xanthippa cũng tham gia vào công việc truyền giáo của bà. Có truyền thuyết kể lại rằng họ thường xuyên rao giảng tại thành phố Toledo đông đúc.

Vậy là, suốt quãng đời còn lại, gần bốn mươi năm, Thánh Polixenia đã cống hiến cho công cuộc vĩ đại này, làm gương về đời sống đạo đức cho những ai tin vào Chúa Kitô. Thành quả của sứ vụ tông đồ đạo đức này là rất nhiều người ngoại đạo ở Tây Ban Nha đã được bà dẫn dắt và củng cố đức tin trong Kitô giáo.

Vào khoảng năm 109 sau Công nguyên, Thánh Polixenia đã an nghỉ trong bình an, giữ trọn sự trinh khiết cho đến cuối đời.

Ngày 7 tháng 10

24 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Têcla, vị tử đạo đầu tiên, ngang hàng với các Tông đồ

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 9

Các Thánh Tông đồ Phaolô và Barnaba, trong khi rao giảng Tin Mừng cho thế gian, đã đến Iconium[6410] và ở lại nhà Ô-ni-si-phô, người mà Thánh Phaolô đã nhắc đến trong Thư gửi Tê-mô-thê, khi nói: *"Xin Chúa ban ân sủng cho nhà Ô-ni-si-phô, vì ông đã nhiều lần an ủi tôi và không hổ thẹn vì những xiềng xích của tôi"* (2 Tm 1,16). Trong thời gian ở nhà Ô-ni-si-phô, họ thường xuyên đến hội đường, can đảm rao giảng Lời Chúa, dẫn dắt mọi người đến con đường cứu rỗi và kêu gọi họ tin vào Đức Giê-su Ki-tô. Lúc bấy giờ, nhiều người, sau khi lắng nghe giáo huấn của họ và chứng kiến những dấu lạ và phép lạ do họ thực hiện, đã tin vào Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta. Điều này được kể lại trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ: *"Tại I-cô-ni-a, họ* (tức là Phao-lô và Ba-na-ba) *cùng nhau vào hội đường Do Thái và giảng dạy đến nỗi một đám đông lớn người Do Thái và người Hy Lạp đã tin nhận. Còn những người Do Thái không tin đã xúi giục và kích động lòng người ngoại giáo chống lại các anh em." Tuy nhiên, họ đã ở lại [đó] một thời gian khá lâu, dũng cảm rao giảng về Chúa, Đấng, để làm chứng cho Lời ân sủng của Ngài, đã thực hiện những dấu lạ và phép lạ qua tay họ"* (Công vụ 14:1–3).

Vào thời đó, tại I-cô-ni có một thiếu nữ mười tám tuổi, xinh đẹp, tên là Tê-cla, con gái của Tê-ô-cli-a, thuộc dòng dõi quý tộc và danh giá. Cô đã đính hôn với một người tên là Pha-mi-rơ, một trong những thanh niên danh giá nhất thành phố, nổi tiếng về sự giàu có và vẻ đẹp. Khi chứng kiến những phép lạ do các Tông đồ thực hiện, Thekla cùng với những người khác đã đứng bên cửa sổ lắng nghe những bài giảng của họ tại nhà Ô-ni-si-phô, chăm chú theo dõi mọi điều họ rao giảng. Hạt giống Lời Chúa đã rơi vào mảnh đất màu mỡ; nhờ sức mạnh của Thánh Thần, nó đã bén rễ sâu trong lòng Thecla và nảy mầm: cô đã tin vào Con Thiên Chúa, yêu mến Ngài và gắn bó với Ngài bằng cả tâm hồn. Còn Phaolô, theo sự soi dẫn từ trên cao, đã bắt đầu nói về sự trinh khiết và sự trong sạch; ngài nói, trong số những điều khác, rằng một thiếu nữ giữ trinh tiết vì tình yêu dành cho Chúa Kitô thì giống như các Thiên thần; cô ấy là cô dâu của Chúa Kitô, còn Chúa Kitô là Chú rể của cô, Đấng sẽ dẫn dắt cô vào cung điện thiên đàng của Ngài. Thánh Phaolô đã nói rất nhiều về điều này và khích lệ Thekla giữ gìn sự trinh khiết, đến nỗi cô trinh nữ thánh thiện ngay lập tức quyết tâm từ bỏ vị hôn phu, khinh thường mọi sự ngọt ngào của thế gian này và phụng sự Chúa Kitô trong sự trong sạch cho đến tận lúc lâm chung. Vậy là, trinh nữ khôn ngoan đã trở thành cô dâu của Chàng Rể trên trời và với tình yêu nồng cháy, nàng đã theo Ngài; khao khát hướng về Chàng Rể bất diệt của mình, nàng tan chảy như sáp, đến nỗi lời tiên tri của Đa-vít đã ứng nghiệm trên nàng: *"Trái tim tôi đã trở nên như sáp, tan chảy giữa lòng tôi"* (Thi Thiên 21:15). Thecla say mê lời giảng của Phaolô đến nỗi trong ba ngày ba đêm, nàng hoàn toàn quên mất việc ăn uống và sự nghỉ ngơi của thân xác. Giống như Ma-ri xưa kia, *"người đã ngồi dưới chân Chúa Giê-su"* (Lc 10:39), chỉ suy nghĩ về một mình Đức Chúa Trời, thì Thekla cũng chỉ nuôi dưỡng tâm hồn bằng Lời của Ngài, vì trong Kinh Thánh có chép: *"Con người không chỉ sống bằng bánh mà thôi,*

[6410] Sự kiện này diễn ra vào năm 45–46 sau Công nguyên, trong chuyến hành trình đầu tiên của Thánh Tông đồ Phaolô. Thành phố Iconium nằm ở Lycaonia, một vùng thuộc Tiểu Á, về phía tây nam của Cappadocia. Chuyến hành trình đầu tiên của Thánh Tông đồ Phaolô được kể lại trong sách Công vụ các Tông đồ, từ chương 13 đến chương 14. Thánh Tông đồ đã đến Iconium từ Antioch thuộc Pisidia.

nhưng bằng mọi lời ra từ miệng Đức Chúa Trời" (Mt 4:4). Khi Theoclia biết con gái mình đã tin vào Đấng Christ và siêng năng lắng nghe Lời Chúa, bà liền đến và trong cơn giận dữ, dùng sức mạnh lôi con gái ra khỏi việc làm có ích cho linh hồn ấy; đồng thời, bà quở trách các vị rao giảng thánh thiện – các Tông đồ – và trong lúc mắng chửi họ, bà đã tách con gái mình, con chiên non của Đấng Christ, ra khỏi đàn chiên của Ngài. Sau đó, bà gọi chú rể của con gái là Phamir và nói với anh ta:

– Hay là ngươi không quan tâm đến cô dâu của mình, khi nàng đang rơi vào cơn mê sảng nào đó? Hãy nhìn xem: nàng đã bị những kẻ lạ mặt – những kẻ lừa dối – quyến rũ, những kẻ dùng những lời hoa mỹ để lôi kéo những người điên rồ; đã ba ngày nay, nàng không rời xa họ, quên cả ngôi nhà của mình.

Lúc đó, Famir bắt đầu nói chuyện với Fekla một cách dịu dàng và âu yếm; nhưng cô không muốn nói gì với anh ta cả; thậm chí cô còn không muốn nhìn anh ta, vì trong lòng cô đã có một Chú Rể khác, "đẹp đẽ hơn cả con cái loài người nhờ lòng nhân từ". Nhìn Ngài bằng đôi mắt tâm linh, nàng trò chuyện với Ngài trong tâm trí mình, còn vị hôn phu phù du và tạm bợ này chỉ gieo rắc sự ghê tởm trong lòng nàng. Famir, thấy Thekla từ chối và không yêu mình, đã vô cùng đau khổ, còn Theoklia trong cơn giận dữ đã đánh con gái mình, túm tóc và giẫm đạp lên người cô bé; sau đó, bà nhốt cô bé một mình và bỏ đói cô. Tuy nhiên, chính bà, bị tình yêu mẹ tự nhiên chiến thắng, đã khóc thương cho con gái mình; ôm lấy con, bà bắt đầu hôn con, trong nước mắt van nài để Thekla đừng từ chối vị hôn phu của mình – người đẹp trai, giàu có, cao quý, được mọi người kính trọng – và cho con ngồi vào bàn bên cạnh Famir. Còn Thekla, quay mặt đi khỏi anh ta, ngồi im lặng, nhìn xuống đất, không ăn gì cả, chỉ không ngừng nhớ về Chàng Rể trên trời trong sâu thẳm trái tim mình. Khi Famir, trong lúc vuốt ve cô, định ôm và hôn cô một cách cưỡng ép, cô đã nhổ nước bọt vào mắt anh ta và giật mình thoát khỏi vòng tay anh ta, như một con chim thoát khỏi lưới. Lúc đó, người mẹ lại nổi cơn thịnh nộ và tiếp tục đánh cô, còn Famir, vô cùng đau buồn, đã đến gặp hoàng tử để khiếu nại về Sứ đồ Phaolô.

– Trong thành phố của chúng ta, – Famir nói, – đã xuất hiện một kẻ lạ mặt; bằng phép thuật của mình, hắn mê hoặc dân chúng và, khiến họ từ bỏ việc thờ phụng các vị thần, hướng họ về Chúa Giê-su, Đấng đã bị người Do Thái đóng đinh trên Thập tự giá. Hắn đã mê hoặc cả cô gái Fekla, vị hôn thê của tôi; ban đầu cô ấy rất yêu tôi, nhưng giờ đây không những không muốn nhìn mặt tôi, mà còn ghê tởm tôi như người bị hủi và chạy trốn khỏi tôi như thể tôi là một con thú nào đó; tên phù thủy đó đã dập tắt tình yêu của cô ấy dành cho tôi như vậy; và tôi không thể hiểu được hắn đã làm gì với cô ấy.

Hoàng tử triệu tập Phaolô và hỏi ông: "Ngài từ đâu đến và đã làm gì ở thành phố này?" Lúc đó, Phaolô mở miệng ra và như thường lệ, bắt đầu giảng dạy Lời Chúa cho ông, rao giảng về Đức Giêsu Kitô. Tuy nhiên, hoàng tử không xét xử ngay lập tức, mà hoãn phiên tòa xét xử Phaolô đến một thời điểm khác; ngài ra lệnh trói Phaolô lại, giam vào ngục tối và giữ anh ta ở đó cho đến khi có cơ hội thẩm vấn anh ta kỹ lưỡng hơn. Còn Thekla, khi nghe tin Phaolô bị giam vào ngục tối vì cô, đã thức dậy vào ban đêm, lén lút rời khỏi nhà và đến ngục tối. Sau khi tìm thấy người gác cửa đang canh giữ cửa ngục, cô tháo chiếc vòng cổ và những món đồ vàng khác trên người, đưa cho người gác cửa, đồng thời xin anh ta mở cửa cho cô vào gặp Pavlo.

Thánh Zlatoust đã đề cập đến điều này khi nói:

– Hãy nghe chuyện về Thánh Thekla; bà ấy đã trao vàng của mình cho người gác ngục để được gặp Phaolô; còn anh thì lại không muốn cho dù chỉ một cata[6411] , để được chiêm ngưỡng Chúa Kitô[6412] .

Người gác ngục đã đáp ứng lời thỉnh cầu của nàng – ông ta vui mừng trước chiếc vòng cổ quý giá và những vật dụng bằng vàng – rồi dẫn nàng vào gặp Thánh Phaolô. Thánh Thecla, với những giọt nước mắt vui sướng, quỳ xuống trước mặt ngài và hôn lên xiềng xích của người tù nhân của Chúa Kitô. Lúc đầu, khi nhìn thấy cô, Phaolô đã kinh hoàng, nhưng sau đó, khi biết hết những gì cô đã phải chịu đựng từ mẹ và vị hôn phu vì sự trinh khiết của mình, ông đã tràn ngập niềm vui lớn lao trước sự dũng cảm của cô thiếu nữ trẻ và hôn lên đầu cô, ban phước lành cho cô, ca ngợi đức tin và sự trinh khiết của cô, gọi cô là cô dâu của Chúa Kitô và là con gái đầu lòng của mình, người mà ông đã tái sinh nhờ Tin Mừng. Và Thekla ngồi trong ngục tối cùng với Phaolô như con gái bên cạnh cha mình, lắng nghe những lời dạy đầy tình cha của ông và cất giữ những lời ấy trong lòng như một kho báu vô giá; ông cũng dạy dỗ cô rất nhiều về đức tin nơi Chúa Giêsu Kitô, hướng dẫn cô về tình yêu đối với Thiên Chúa, khuyên nhủ

[6411] Cata – một đồng tiền tương đương 10 kopeck.

[6412] Lời chứng này về Phê-clê được tìm thấy trong bài giảng thứ 25 của Thánh Gioan Vàng Miệng về Sách Công Vụ Các Tông Đồ.

cô giữ gìn sự trinh khiết và củng cố cô một cách trọn vẹn trong giáo lý của Chúa Kitô, như Thánh Grêgôriô Nissê[6413] đã viết, rằng:

– Từng có một lần, Phaolô đã đổ "mỹ dầu" (tức là giáo lý) ấy, cùng với "hoa huệ trắng"[6414] của sự trong trắng, vào tai vị trinh nữ thánh thiện; bằng những giọt nước này, tuôn ra từ "hoa huệ trong lòng", Thekla đã làm chết đi con người bên ngoài – mọi ý nghĩ phù phiếm – và dập tắt những ham muốn.

Cũng vậy, Thánh Epiphanius[6415] viết:

– Thekla, người có một vị hôn phu đẹp trai, là người đứng đầu trong thành phố, rất giàu có, được kính trọng và có dòng dõi cao quý, đã gặp được Phaolô, người đã khiến nàng từ bỏ hôn ước với vị hôn phu đó; như vậy, trinh nữ thánh thiện đã từ bỏ mọi của cải trần gian để được hưởng những ân sủng trên trời.

Trong khi đó, tại nhà của Theoklia, mọi người bắt đầu tìm kiếm Thekla nhưng không thấy cô đâu. Lúc đó, tiếng la hét, tiếng khóc lóc và tiếng thét vang lên; người mẹ khóc nức nở vì con gái, Famir khóc vì cô dâu, các nô lệ khóc vì chủ nhân của họ; những người hầu chạy tứ tung khắp nơi, tìm kiếm, hỏi han cả trên đường phố lẫn trong các ngôi nhà – nhưng không tìm thấy cô ở đâu cả. Phải đến một thời gian khá lâu sau, họ mới biết cô đang ở trong ngục; họ lập tức lao đến đó; khi chạy đến nơi, những người được cử đi thấy cô đang ngồi bên cạnh Phaolô và, như thể bị trói chặt, đang lắng nghe những lời dạy dỗ của ông với sự chú ý tột độ; lúc đó họ bắt cô lại và dẫn cô ra khỏi ngục, rồi báo cáo toàn bộ sự việc đã xảy ra cho hoàng tử. Ngài ngồi lên ghế thẩm phán, ra lệnh dẫn Phaolô đến trước mặt mình. Ngay khi dân chúng thấy ông được dẫn đến, họ đã la lên với vị công tước:

– Công tước ơi, người này là thầy phù thủy, hãy xử tử hắn đi!

Đặc biệt là Famir khăng khăng đòi xử tử Pavel; trong đơn tố cáo của mình, hắn chỉ ra rằng Pavel đã cướp mất vị hôn thê của hắn. Khi gọi Fekla đến, hoàng tử hỏi nàng:

– Tại sao con lại ghê tởm vị hôn phu của mình, một người đẹp trai và cao quý như vậy? Tại sao con không chịu lấy anh ta?

Cô ta chỉ nhìn Pavel và im lặng không nói gì. Lúc đó, Theoklia, quên đi tình yêu tự nhiên dành cho con gái, đã phản bội tình mẫu tử của mình, và như một con sư tử cái hung dữ hay một con gấu cái điên cuồng, bà bắt đầu gào thét điên dại với hoàng tử:

– Hãy thiêu sống con nô tì độc ác này đi, nó xứng đáng với cái chết như vậy, đây không phải là con gái ta, vì nó không nghe lời ta, mẹ của nó; hãy thiêu sống nó để làm gương cho những người khác – để tất cả các thiếu nữ trong thành, khi nhìn thấy điều này, sẽ khiếp sợ, để chúng không dám bất tuân và chống đối mẹ mình, như con bé đầy ác ý và ngang bướng này. Không, đây không phải là con ta, không phải là đứa con do tử cung ta sinh ra, mà là một đứa con bị nguyền rủa và một cành cây khô – hãy thiêu sống nó đi!

Người mẹ khăng khăng đòi thiêu sống con gái mình, còn Famir thì đòi xử tử Phaolô. Hoàng tử đã thẩm vấn vị Thánh Tông đồ trong một thời gian dài, nhưng không tìm thấy ở ông bất kỳ tội lỗi nào, ngoài việc rao giảng về Chúa Kitô, và vì vậy không kết án ông tử hình, mà ra lệnh đánh đập ông và trục xuất khỏi thành phố, để ông không thể thuyết phục các thiếu nữ khác giữ trinh tiết. Cùng với Phaolô, Barnaba và Onisifor cùng các con trai của ông cũng bị trục xuất. Tuy nhiên, chính Phaolô cũng mong muốn rời khỏi thành phố, không chỉ vì bị hoàng tử, Famir và Theoklia truy đuổi, mà còn vì dân chúng tấn công ngài và muốn giết ngài vì việc rao giảng Lời Chúa và làm chứng về Đức Giêsu Kitô. Thánh Luca đã đề cập đến điều này trong Sách Công Vụ Tông Đồ, khi ngài viết: *"Còn những người Do Thái không tin đã xúi giục và kích động lòng thù hận của dân ngoại chống lại các anh em. Trong khi đó, dân chúng trong thành chia rẽ: một số đứng về phía người Do Thái, số khác đứng về phía các Tông Đồ. Khi những người ngoại giáo và người Do Thái cùng các thủ lĩnh của họ xông vào để sỉ nhục và ném đá họ, các Tông đồ, khi biết [chuyện này], đã rút lui đến các thành phố Lycaonia là Lystra và Derbe"*[6416] (Công vụ 14:2,4–6), rồi từ đó đến Antiôkhia. Ban đầu, họ ở lại vài ngày gần thành phố Ikonia, trong một hang động trên đường đến Daphne[6417] , với mong muốn biết điều gì sẽ xảy ra với Thekla; tại đó, họ ăn chay và cầu nguyện nhiệt thành cho cô, để Chúa củng cố cô và ban ân sủng của Ngài cho cô, và điều này thực sự đã xảy ra.

[6413] Trong bài giảng thứ 4 về "Ca Vịnh".

[6414] Krin – hoa huệ.

[6415] Thánh Epiphanius – người cùng thời với Thánh Gioan Vàng Miệng; ngài đã làm giám mục trên đảo Síp trong 36 năm.

[6416] Các thành phố Listra và Derbe nằm ở vùng Lycaonia thuộc Tiểu Á, không xa Iconium.

[6417] Vùng ngoại ô Antioch.

Trong một thời gian dài, hoàng tử đã cố gắng thuyết phục Thekla đối xử với vị hôn phu của mình bằng tình yêu như xưa, nhưng những nỗ lực của ông đều không thành công; lúc đó, theo lời thỉnh cầu của Theoklia, ông đã kết án cô gái thánh thiện này phải chịu hình phạt thiêu sống. Để thực hiện điều này, người ta đã mang đến rất nhiều củi khô, rơm và cành cây khô, rồi chất thành một đống lửa lớn; sau đó, các tôi tớ dẫn thánh nữ đến đó; nhưng cô không để họ dắt đi, mà tự mình vội vã bước đến đống lửa đã chuẩn bị sẵn, sau khi làm dấu thánh giá, cô leo lên và đứng trên đỉnh đống lửa, sẵn sàng bị thiêu cháy: ngọn lửa vật chất không làm cô sợ hãi, vì chính cô đang bừng cháy trong ngọn lửa siêu phàm của tình yêu Thiên Chúa. Khi đang đứng trên đống lửa, bà nhìn về phía trước và thấy hình ảnh Chúa Giêsu hiện ra dưới hình dạng Thánh Phaolô, đang đứng và truyền lệnh cho bà hãy kiên vững. Vì thế, Thánh Cyprian đã diễn tả như sau trong lời cầu nguyện: "Xin hiện ra với chúng con như Thánh Phaolô trong xiềng xích, và như Thánh Thekla trong lửa"[6418] .

Trong khi đó, người ta đã chất củi và châm lửa từ mọi phía; nhưng khiến mọi người kinh ngạc, ngọn lửa bốc cao bao quanh Thekla; mọi người còn kinh ngạc hơn nữa khi đột nhiên một cơn mưa lớn kèm theo mưa đá trút xuống, dập tắt ngọn lửa; vị hoàng tử và toàn thể dân chúng hoảng sợ chạy về nhà để tránh cơn mưa xối xả và những viên đá lớn. Còn Thecla thì thoát khỏi nguy hiểm mà không hề hấn gì: ngọn lửa không hề chạm đến cô trinh nữ trong sạch ấy. Sau đó, cô không về nhà mẹ mình và cũng không nán lại ở Iconium, mà rời khỏi thành phố để đi tìm cha linh hướng của mình – Phaolô. Trên đường đi, cô gặp một môn đệ của Phaolô thuộc nhà Ô-ni-si-phô, người đang trên đường vào thành phố để mua bánh mì; trinh nữ thánh nhận ra anh ta và hỏi:

– Thánh Phaolô, Tông đồ của Chúa Giêsu Kitô, đang ở đâu?

Rồi anh ta dẫn Thecla vào hang động, nơi Phaolô đang ở cùng những người khác, và sau khi ăn chay, ông đã cầu nguyện hết lòng với Thiên Chúa cho cô. Thấy Thecla còn sống và khỏe mạnh, mọi người đều vui mừng khôn xiết; họ ngước mắt lên trời, giang tay ra và tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã gìn giữ tôi tớ của Ngài được an toàn; sau đó họ dâng bánh cho cô và chính họ cũng dùng bữa. Từ đó, Phaolô cùng với Barnaba đi qua Lystra và Derbe, rao giảng Tin Mừng và chữa lành cho những người bệnh; Thecla cũng theo sau họ đến Antiôkhia. Khi họ bước vào thành phố này, tình cờ gặp một người tên là Alexander, một trưởng lão của thành phố đó. Ông ta còn trẻ, sống trong sự đam mê xác thịt và sa vào những việc gian ác, như cách sống thông thường của những người ngoại đạo. Thấy cô gái thánh thiện Thecla và bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của cô, ông ta bừng lên ham muốn ô uế đối với cô. Nghĩ rằng Thekla là vợ của Phaolô, Alexander ban đầu đã đề nghị cho Phaolô rất nhiều vàng và cố thuyết phục ông đừng cản trở những ý định xấu xa của mình; sau đó, khi biết rằng Thekla không phải là vợ của Phaolô mà là một thiếu nữ chưa chồng, anh ta lại càng bùng cháy niềm đam mê mãnh liệt hơn đối với cô và mong muốn lấy cô làm vợ. Anh ta bắt đầu nài nỉ thánh nữ Thekla để cô yêu anh ta, nhưng cô lại chạy trốn khỏi anh ta như trốn một con sư tử đang gầm gừ và tìm cách nuốt chửng lòng nhân ái của cô. Còn Alexander thì bằng mọi cách cố gắng bắt giữ nàng. Một lần nọ, khi gặp Thekla trên đường giữa đám đông, anh ta không thể kìm nén được ngọn lửa dâm dục đang bùng cháy trong lòng: quên hết mọi sự xấu hổ, anh ta đã túm lấy nàng bằng vũ lực và lao vào ôm chầm lấy cổ nàng; còn trinh nữ thánh thiện thì trong nước mắt đã van xin Alexander buông tha cho nàng.

– Đừng ép buộc tôi, hỡi người lữ hành, đừng ép buộc tôi, hỡi tôi tớ của Chúa, tôi đã từ chối vị hôn phu; làm sao tôi có thể đồng ý với mong muốn của ngài được?

Nói xong, Thekla giật mình thoát khỏi vòng tay anh ta, xé rách áo quần của anh ta trước mặt mọi người và khiến anh ta phải chịu sự sỉ nhục lớn lao. Alexander nổi giận dữ dội và, khi biết cô còn là một tín đồ Kitô giáo, đã đưa cô ra trước công lý của hoàng tử. Khi được hỏi: "Tại sao cô lại khinh bỉ hôn nhân?", Thekla trả lời:

– Chồng hứa hôn của tôi là Chúa Kitô, Con Thiên Chúa; tôi đã kết hợp với Ngài bằng hôn nhân thiêng liêng.

Công tước bắt đầu ép buộc cô phải từ bỏ Đức Kitô và kết hôn. Khi cô kiên quyết từ chối, công tước đã kết án cô bị thú dữ xé xác – vì hai tội: đức tin và sự trinh khiết – vì cô tin vào Đức Kitô và vì cô từ chối hôn nhân dù còn trẻ và xinh đẹp. Hình phạt này được hoãn lại đến sáng hôm sau, còn trong đêm đó, một người phụ nữ tên là Triphena đã đưa cô về nhà mình để bảo vệ. Triphena xuất thân từ dòng dõi hoàng tộc, được mọi người kính trọng; sau này, bà cũng tin nhận Chúa Kitô ; chính về bà mà Thánh Phaolô đã nhắc đến trong Thư gửi tín hữu Rôma: *"Xin chào* – ngài nói – *Triphena và Triphosa"*[6419] (Rm 16,12).

[6418] Những lời này được trích từ bài giảng của Thánh Cyprian về các vị tử đạo.

Triphena đã đón nhận Thánh Thecla về nhà và dành cả đêm trò chuyện về đức tin với bà. Sáng hôm sau, đông đảo dân chúng tụ tập để chứng kiến cảnh tượng này: cả hoàng tử lẫn các quan chức thành phố đều có mặt; Thánh Thecla được dẫn ra như một con chiên sắp bị hiến tế và đứng tại nơi mà các con thú sẽ xé xác bà. Khi những con thú được thả ra, tất cả chúng đều đi vòng quanh bà, nhưng không con nào chạm vào bà, vì Đức Chúa Trời đã bịt miệng các con thú, giống như ngày xưa trong hố của Đa-ni-ên. Tất cả những người chứng kiến đều kinh ngạc trước hiện tượng kỳ diệu này: những con thú khát máu đã từ bỏ sự hung dữ và trở nên hiền lành như những con cừu; và một số người trong đám đông ca ngợi Đức Chúa Trời mà Thánh Tê-cla đã tuyên xưng, trong khi những người khác lại phỉ báng và nói:

– Cô ta có bùa chú trong áo quần, nên các con thú mới không đụng đến cô ta.

Ngay cả chính vị công tước cùng các quan chức thành phố cũng nói rằng cô là một phù thủy và đã yểm bùa các con thú để chúng không thể gây hại cho cô. Vì vậy, họ quyết định vào ngày hôm sau sẽ ném Thekla cho bầy thú đông đảo và đói khát nhất, còn lúc này họ lại gửi cô trở lại nhà Trifena; người này đã vô cùng vui mừng khi thấy vị trinh nữ thánh thiện trở về từ nơi hành hình mà vẫn nguyên vẹn. Trong thời gian Fekla ở lại nhà Trifena cho đến sáng, hoàng tử đã ra lệnh không cho các con thú ăn, để chúng, khi đói khát, sẽ nhanh chóng lao vào con mồi của mình. Và thế là, sáng hôm sau, vị thánh nữ lại bị dẫn đến nơi hành hình; Trifen đi theo sau, khóc than vì một trinh nữ thánh thiện vô tội như vậy lại bị kết án tử hình. Thekla được đặt ở một vị trí dễ thấy, và vị hoàng tử vô liêm sỉ ra lệnh lột trần vị thánh nữ:

– Trong bộ quần áo của nàng, – hắn nói, – có phép thuật, đó là lý do tại sao thú vật không đụng đến nàng; hãy lột trần nữ phù thủy này ra và chúng ta sẽ xem liệu nàng có còn nguyên vẹn hay không.

Lúc đó, cô gái thánh thiện bị lột trần và bị đặt ở vị trí để dân chúng có thể nhìn thấy; chỉ có sự xấu hổ là tấm màn che duy nhất của nàng, và nàng lặp lại lời của tiên tri Đa-vít: *"Sự xấu hổ che phủ khuôn mặt tôi…"* (Thi Thiên 43:16). Những con thú đói khát và hung dữ, sư tử và gấu, được thả vào nàng; khi chúng thoát ra khỏi chuồng và nhìn thấy cô gái đang đứng trần truồng, chúng cúi đầu xuống đất, hạ mắt xuống và, như thể xấu hổ trước sự trần truồng của cô gái, lùi xa khỏi cô. Một cảnh tượng kỳ diệu! Những con thú cảm thấy xấu hổ: chúng quay mặt đi khỏi sự trần truồng của thiếu nữ, trong khi con người lại nhìn nàng một cách vô liêm sỉ – vậy nên những con thú không biết nói đã trở thành những người lên án và phán xét con người trong cảnh tượng này: dù bản tính vốn khát máu, những con thú lại mang trong mình đức tính trong sạch của con người, còn con người, dù có trí tuệ, lại trở nên giống như những con thú hoang dã. Nhưng họ đã đạt được điều gì từ việc đó? Bằng cách phơi bày cô gái trong trắng trước mắt mọi người, họ muốn làm ô uế danh dự của cô, nhưng lại càng làm cho danh dự của cô thêm rạng ngời. Thánh Zlatoust đã nói rất hay khi nhắc lại việc hai người phụ nữ bị phơi bày – vợ của Penthephrius trong phòng ngủ và Thánh Thekla trước mặt toàn thể dân chúng: "Người vợ ham mê dục vọng của Ai Cập đã thu được lợi ích gì khi cởi bỏ y phục trong phòng ngủ? Thánh nữ tử đạo đầu tiên Thekla đã phải chịu tổn hại gì khi bị lột trần trước mặt đông đảo dân chúng? Thánh Thekla, dù bị lột trần, đã không phạm tội như người phụ nữ Ai Cập kia, cũng không sa vào sự ô nhục, mà được tôn vinh như một vị thánh; sự trần truồng này trước mặt đông người đã được vinh danh – còn sự trần truồng kia, ngay cả trong phòng ngủ kín đáo, cũng bị sỉ nhục[6420] .

Khi thánh nữ Thekla đứng trần truồng tại nơi đó, một con sư tử cái đã tiến lại gần, nằm xuống trước mặt bà và liếm chân bà, như thể đang tôn vinh sự trinh khiết của bà. Thánh Ambrose đã đề cập đến điều này[6421] , khi ngài nói: "Người ta có thể thấy con thú nằm dài trên mặt đất và liếm chân thánh nữ; bằng cách đó, nó đã thầm chứng tỏ rằng nó không thể gây hại cho thân thể trinh khiết; con thú đã cúi đầu trước người mà chúng được giao để xé xác, và, quên đi bản năng tự nhiên của mình, đã tiếp thu phẩm chất mà con người đã đánh mất."

Trong khi đó, dân chúng thấy các con thú không dám động đến trinh nữ thánh thiện, liền đồng thanh reo lên:

– Đức Chúa Trời mà Thánh nữ Thekla tuyên xưng thật vĩ đại.

[6419] Cả hai người phụ nữ này đều được nhắc đến trong Sách Lễ Rôma vào ngày 10 tháng 11, cụ thể là: "Kỷ niệm các thánh nữ Triphêna và Triphosa, những người đã sống tại Ikonia thuộc Likaon; được hướng dẫn bởi lời giảng của Thánh Phaolô và được gương sáng của Thánh Thekla soi dẫn, họ đã đạt được nhiều thành tựu trong giáo lý Kitô giáo".

[6420] Những lời này của Thánh Giuse Kim Khẩu được trích từ bài giảng về người mù bẩm sinh.

[6421] Thánh Ambrôsiô, Giám mục Mediolan, nổi tiếng với cuộc chiến thắng lợi chống lại các tín đồ Arian và sự quan tâm đến lợi ích của đoàn chiên mình. Ngài qua đời vào năm 397. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 7 tháng 12. Thánh Thecla được đề cập trong cuốn sách thứ hai về sự trinh khiết.

Còn tên tra tấn, vì không nhận ra quyền năng của Đức Chúa Trời, nên muốn tiêu diệt Thekla bằng một cách khác: hắn ra lệnh đào một cái hố sâu, nhồi đầy các loài bò sát, rắn và rắn độc vào đó, rồi ném thánh nữ xuống đó. Nhưng Đấng đã từng bịt miệng những con sư tử, và giờ đây đã làm cùn nọc rắn, xoa dịu cơn thịnh nộ của chúng và tiêu diệt nọc độc của chúng: vị thánh nữ bước ra khỏi hố mà không hề hấn gì, khiến mọi người đều kinh ngạc trước phép lạ ấy. Kẻ tra tấn độc ác bối rối không biết phải làm gì tiếp theo; cuối cùng, hắn ra lệnh dẫn đến hai con bò đực khỏe mạnh, trói chân Thánh nữ Thekla vào giữa hai con bò, rồi dùng những cây gậy nung đỏ chọc vào chúng, để chúng, khi lao ra các hướng khác nhau, xé xác nàng. Nhưng ngay cả sau đó, vị thánh nữ vẫn nguyên vẹn, bởi khi họ dùng những sợi dây thừng chắc chắn trói cô vào hai con bò đực và bắt đầu chọc những con bò bằng sắt nung đỏ, thì những sợi dây thừng bỗng đứt tan như mạng nhện, hai con bò đực bỏ chạy, còn vị thánh nữ vẫn đứng nguyên tại chỗ, không hề hấn gì. Lúc đó, chính vị hoàng tử, ngạc nhiên trước những gì đã xảy ra, đã nhận ra sức mạnh của Chúa trong cô gái và, gọi Fekla lại, hỏi cô:

– Ngươi là ai? Và ngươi có sức mạnh gì mà không gì có thể làm hại ngươi?

Cô đáp lại:

– Tôi là tôi tớ của Đức Chúa Trời Hằng Sống!

Và cô không nói thêm gì nữa. Hoàng tử, vì kính sợ Đức Chúa Trời, Đấng đã bảo vệ Fekla khỏi mọi tai họa, đã ra lệnh cho người ta mặc cho cô bộ quần áo trang trọng và thả cô ra, đồng thời ban hành phán quyết như sau: "Ta thả Fekla, tôi tớ của Đức Chúa Trời, về tự do."

Thánh nữ đến nhà Triphena, và cả nhà Triphena đều vô cùng vui mừng vì sự giải thoát của Fekla. Trong thời gian ở đây, Fekla rao giảng Lời Chúa và dẫn dắt nhiều người đến với đức tin nơi Đấng Christ. Cô rất mong được gặp Phaolô, người cha và thầy của mình, và sau khi tìm thấy ông, cô muốn theo ông, nhưng ông không cho phép, nói rằng:

– Không ai đi chiến đấu khi đang có hôn thê.

Sau đó, cô nhận lời chúc phúc từ vị Tông đồ, rồi lên đường đến Seleucia[6422] , và định cư trong sa mạc trên một ngọn núi gần Seleucia; tại đó, cô tu hành bằng việc ăn chay, cầu nguyện và suy gẫm về Chúa, cô đã thực hiện nhiều phép lạ và chữa lành mọi loại bệnh tật. Người dân các vùng lân cận, khi biết tin này, đã đến với bà và đưa những người bệnh của họ đến; Thánh Thekla đã dạy họ tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và chữa lành cho họ. Một lần nọ, một thầy tế ngoại đạo từ Seleucia đang cưỡi ngựa đi ngang qua nơi thánh nữ cư ngụ. Thấy Thánh nữ Thekla đang hái cỏ làm thức ăn, ông ta bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của bà và nảy sinh ham muốn dâm dục: ông ta thúc ngựa lao thẳng về phía bà để thực hiện ý đồ xấu xa của mình. Còn vị thánh nữ, được sức mạnh của Thiên Chúa củng cố, đã tóm lấy hắn, quật ngã xuống đất và đập hắn xuống đất mạnh đến nỗi hắn nằm bất động và câm lặng suốt ba ngày. Những người đi ngang qua, thấy vị tư tế nằm như người chết, đều bối rối không biết chuyện gì đã xảy ra với hắn. Đến ngày thứ ba, tin tức này lan truyền khắp thành phố; lúc đó, rất đông người từ thành phố đổ xô đến để xem chuyện gì đã xảy ra với hắn và đưa hắn về nhà. Ngay khi tỉnh lại, tên thầy tế lập tức đứng dậy và nói:

– Ta đã thấy một vị nữ thần nào đó và đã phải chịu cảnh này vì bà ấy.

Chỉ với rất nhiều khó khăn, trong cơn đau đớn tột cùng, ông mới có thể đi về đến nhà mình. Ông gọi một họa sĩ đến và ra lệnh cho người ấy vẽ hình một thiếu nữ mười tám tuổi lên tấm ván. Khi người họa sĩ bắt đầu vẽ, nhờ sự an bài của Đức Chúa Trời, ông đã vẽ được hình ảnh của Thánh Thekla một cách rất chân thực: bức tranh vô cùng sống động; sau khi hoàn thành tác phẩm, người họa sĩ mang bức tranh thánh đến cho vị linh mục; vị linh mục, khi nhìn thấy bức tranh chân thực đến vậy, đã nói:

– Chính cô gái như thế này tôi đã từng thấy!

Sau khi nhận bức tranh thánh, ông đã hôn lên nó và ngay lập tức khỏi bệnh hoàn toàn; từ đó, ông luôn cất giữ bức tranh thánh Thánh nữ Thekla một cách tôn kính trong nhà mình; sau đó, nhờ lời rao giảng của Thánh nữ, ông cùng cả gia đình đã tin nhận Chúa Kitô. Thánh nữ Thekla, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, đã sống ở vùng đất đó trong một thời gian dài, dẫn dắt nhiều người đến con đường cứu rỗi, giúp đỡ nhiều người trong hoạn nạn và chữa lành nhiều bệnh tật. Các bác sĩ và pháp sư ở Seleucia thấy rằng bất cứ ai mắc bệnh gì cũng không tìm đến họ, mà trực tiếp đến với Thánh nữ Thekla, khiến những mưu mẹo xảo quyệt của họ trở nên vô dụng. Mất đi nguồn lợi nhuận, họ trở nên nghèo khó; vì thế, họ vô cùng buồn bã và bắt đầu oán giận nữ thầy thuốc nhân từ Fekla,

[6422] Selevkia – nằm ở phía nam Lycaonia và phía bắc Antioch.

người đã chữa lành miễn phí cho tất cả những ai đến với bà. Được thúc đẩy bởi lòng ghen tị và cơn giận dữ, họ âm mưu xúi giục một số thanh niên đồi bại để họ cưỡng hiếp bà; những kẻ thù ghét đã nói với nhau như sau:

– Fekla là một thiếu nữ trong trắng, và chính vì thế mà nàng được nữ thần vĩ đại Artemis sủng ái; nữ thần lắng nghe những lời cầu khẩn của nàng và ban cho nàng sức mạnh để chữa lành cho những người ốm đau. Nhưng nếu nàng bị làm nhục, thì Artemis sẽ quay lưng lại với nàng; sức mạnh chữa bệnh sẽ bị tước đoạt khỏi nàng, và khi đó, nghệ thuật y thuật của chúng ta sẽ lại được nâng cao.

Suy nghĩ như vậy, họ đã tìm cách lôi kéo những chàng trai vô liêm sỉ vào việc làm đồi bại này, rồi cho họ uống rượu say, và nài nỉ họ đi làm nhục Thekla. Họ còn cho họ rất nhiều tiền và hứa sẽ cho thêm nữa nếu họ thực hiện yêu cầu của họ. Những kẻ điên rồ và vô tín ấy không biết rằng Fekla không chữa lành mọi bệnh tật và mọi chứng bệnh nhờ sức mạnh của Artemis, mà là nhờ ân sủng của Chúa Kitô!

Những chàng trai dâm đãng, say sưa vì rượu, đã nghe theo lời các thầy thuốc và pháp sư; họ vội vã tiến về phía Thekla, bị dục vọng kích động và tràn đầy những ý nghĩ xấu xa cùng ý định độc ác.

Thấy họ, Thekla hỏi:

– Hỡi các con! Các con cần gì?

Họ bắt đầu đáp lại bằng những lời tục tĩu. Nghe thấy điều đó và nhận ra ý đồ xấu xa của họ, thánh Thekla đã chạy trốn khỏi họ; người phụ nữ vốn chưa bao giờ sợ hãi thú dữ, lại phải chạy trốn khỏi những kẻ vô liêm sỉ. Họ đuổi theo Thánh Thekla và truy đuổi bà như bầy sói đuổi con cừu; khi họ sắp bắt kịp bà, bà đã cầu nguyện với Chúa để Ngài cứu bà khỏi tay những kẻ vô pháp. Ngay lập tức, ngọn núi đá đang ở đó, theo lệnh của Chúa, đã tách ra, đón nhận vị thánh vào lòng núi và bảo vệ sự trinh khiết của bà. Ngọn núi ấy đã trở thành nấm mồ cho thi thể thánh thiện của bà: tại đó, bà đã phó thác linh hồn mình vào tay Đức Chúa Trời. Tổng cộng, bà đã sống chín mươi năm. Nay, trong cuộc sống vĩnh cửu, bà ngợi khen Đấng Ban Sự Sống là Đức Kitô, Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh cùng với Đức Cha và Đức Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Được dạy dỗ bởi Thánh Phaolô, thánh nữ Thekla, người được Thiên Chúa chọn, và được củng cố đức tin bởi Thánh Phêrô, ngài đã trở thành vị tử đạo đầu tiên và người chịu đau khổ đầu tiên trong số các phụ nữ. Ngài đã bước vào ngọn lửa như bước vào nơi trú phú; thú dữ và thanh niên đều khiếp sợ trước Ngài, vì Ngài đã vũ trang bằng Thánh Giá: xin Ngài cầu thay cho Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng đáng ca ngợi, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Kondak, giọng 8:

Ngài đã tỏa sáng bởi sự trinh khiết, và được trang hoàng bằng vương miện tử đạo; hỡi trinh nữ được giao phó sứ vụ tông đồ, thật là vinh quang: vì Ngài đã biến ngọn lửa thành sương mai; còn cơn thịnh nộ của con bò tót, Ngài đã xoa dịu bằng lời cầu nguyện của mình, như vị nữ tử đạo đầu tiên.

Lễ kính Thánh Kopria

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 9

Thánh Kopria sinh ra tại bãi rác[6423] gần tường tu viện của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô Vĩ Đại, vị trưởng tu viện. Mẹ ngài đã chạy trốn khỏi sự truy đuổi của người A-ga-ri cùng với nhiều người khác, để tìm nơi ẩn náu bên tường tu viện của vị thánh. Khi người Agary rút lui, các tu sĩ bước ra khỏi tu viện và tìm thấy một đứa trẻ sơ sinh trên bãi rác. Theo lệnh của vị Bề trên, Thánh Theodosius Vĩ đại, họ đã nhận nuôi đứa trẻ và đặt tên cho nó là Kopria. Đứa trẻ được nuôi bằng sữa dê. Để làm điều này, các tu sĩ đã cố ý chọn một con dê đặc biệt từ đàn dê. Mỗi khi đứa trẻ đòi ăn, con dê này tự tách khỏi đàn cừu mà nó đang chăn thả, đi xuống núi, cho đứa trẻ bú xong rồi lại quay về với đàn. Nó cứ làm như vậy cho đến khi đứa trẻ bắt đầu ăn được thức ăn đặc. Khi cậu bé Koprij đến tuổi trưởng thành, ngài

[6423] Tên Coprio có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp "kopra" – nghĩa là bãi rác, đống phân.

Thánh Theodosius Đại Đế đã đặc biệt yêu mến cậu. Nhờ cuộc sống đạo đức của mình, ngài sớm trở thành nơi ngự của Thánh Thần; ngay cả những con thú hoang dã cũng vâng lời ngài. Một lần nọ, ngài thấy trong vườn tu viện có một con gấu đang ăn rau trong vườn; vị thánh đã bắt con thú và dẫn nó ra khỏi vườn, đồng thời cấm nó không được vào đó nữa. Lần khác, cậu cùng con lừa leo lên núi để mang củi về tu viện. Trong lúc cậu đang thu gom củi, một con gấu đã cắn vào đùi con lừa. Lúc đó, Thánh Koprij đặt đống củi lên lưng con gấu và nói với nó:

– Giờ đây ngươi phải làm việc cho đến khi con lừa khỏi bệnh.

Con gấu vâng lời ngài và mang củi cùng nước cho đến khi con lừa khỏi bệnh; chỉ khi đó vị thánh mới tha thứ cho con thú.

Trong một thời gian, Thánh Koprij phục vụ tại nhà bếp của tu viện; một lần, thức ăn trong nồi sôi trào và tràn ra ngoài. Không tìm thấy muỗng gần đó, vị thánh bắt đầu vớt bọt bằng tay trần, sau đó dùng chính bàn tay đó khuấy thức ăn trong nồi và nhờ đó làm ngừng cơn sôi, còn bản thân ngài thì hoàn toàn không bị thương. Vị thánh sống đến 90 tuổi và tỏa sáng giữa các tu sĩ như mặt trời. Ngài được ban chức thánh và được trang bị mọi đức tính cao quý; thường xuyên, khi lui về nơi vắng vẻ, ngài cầu nguyện sốt sắng với Thiên Chúa. Thánh Phê-ô-đô-xi-ô Vĩ Đại, người lúc đó đã qua đời, thỉnh thoảng hiện ra với ngài và đứng bên cạnh, cùng ngài hát những lời cầu nguyện. Khi hiện ra với ngài lần cuối cùng, ngài nói với ngài:

– Này, Koprij, đã đến lúc ngươi phải từ bỏ cuộc đời tạm bợ này; hãy đến với chúng ta tại nơi an nghỉ đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi.

Ngay sau khi có thị kiến đó, vị thánh nhân vĩ đại này, sau một thời gian ngắn bị ốm và sau khi từ biệt các tu sĩ, đã về với Chúa[6424] .

Cuộc đời của vị thánh cha Nikandr Pskov

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 9

Vào thời Đại công tước Vasili Ioannovich của Moskva[6425] , tại vùng Pskov, giữa vùng đất hoang vu và đầm lầy, ở làng Videlebye, có một người đạo đức tên là Philip. Cả ông lẫn vợ ông là Anastasia đều sống một cuộc đời thánh thiện, thường xuyên đến nhà thờ của Chúa, lắng nghe Lời Chúa và học hỏi các điều răn của Đức Kitô. Con trai cả của họ, Arseni, luôn nhìn thấy tấm gương đạo đức của cha mẹ mình, đã từ bỏ những lo toan trần tục và nhận lễ xuất gia. Nhưng người em trai của ông, Nikon – sau này là Thánh Nikandr – lại càng nổi tiếng hơn nhờ những công đức và phép lạ của mình.

Nikon sinh năm 1507, và ngay từ thuở ấu thơ, ân sủng của Đức Chúa Trời đã ngự trên người; khi còn rất trẻ, cậu đã xin cha mẹ cho mình được theo học Kinh Thánh. Thường xuyên đến nhà thờ mang tên vị thánh vĩ đại của Chúa là Thánh Nicholas, Tổng Giám mục Myra, và nghe kể về những phép lạ của vị thánh vĩ đại này, cậu bé Nikon từ khi còn nhỏ đã nung nấu khát vọng theo chân Chúa Kitô; cậu cũng rất ngưỡng mộ cuộc sống tu hành yên tĩnh của anh trai mình là Arsenius, dành trọn cho lao động và cầu nguyện; gương sáng của các vị thánh Savva và Evfrosina ở Pskov, những người vừa mới qua đời và đã tỏa sáng nhờ những công đức và phép lạ của mình, càng củng cố quyết tâm của chàng trai trẻ; Nikon mong muốn được chiêm bái thi hài bất hoại của các vị thánh này và viếng thăm những nơi gần Pskov, nơi họ từng tu hành. Thánh thiếu niên thường xuyên và tha thiết cầu nguyện với Đấng Tạo Hóa, xin Ngài giải thoát anh khỏi những lo toan trần tục tai hại và khiến anh xứng đáng với Nước Trời vĩnh cửu của Ngài; Nikon không ưa thích những trò chơi thường thấy ở lứa tuổi thiếu niên, cũng không ham mê quần áo đẹp, không tham gia vào những cuộc trò chuyện vô bổ, luôn mặc trang phục giản dị, yêu mến sự nghèo khó về tinh thần và sự trong sạch của lòng, anh liên tục chiến đấu với kẻ thù của loài người, qua đó chuẩn bị cho những công trạng thiêng liêng vĩ đại hơn trong tương lai. Trong khi đó, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, cha của ngài đã qua đời. Chàng trai mười bảy tuổi, với khát khao mãnh liệt được phụng sự Chúa, đã với những giọt nước mắt và lòng khiêm nhường thuyết phục mẹ mình chia một phần tài sản cho những người nghèo khó, một phần dâng hiến cho nhà thờ của Đức Chúa Trời và từ bỏ thế gian phù du này. Khi đến một tu viện nữ, Anastasia đã nhận lễ xuất gia tại đó và chẳng bao lâu sau đã về với cuộc sống vĩnh hằng, nơi những người có đức hạnh và sùng đạo từ thuở

[6424] Thánh Koprí qua đời vào khoảng năm 530.
[6425] Hoàng tử Vasily Ioannovich (1505–1533).

đời đời đã được định sẵn để nhận vương miện bất diệt. Sau đó, Nikon lên đường đến thành phố Pskov, viếng thăm tất cả các nhà thờ và tu viện ở đó, cũng như đi qua các tu viện lân cận, và cuối cùng, ông đã đến được những nơi từng chứng kiến những công đức của các thánh Euphrosyne và Savva; chàng thanh niên sùng đạo vô cùng vui mừng vì Chúa đã dẫn dắt anh đến chiêm bái di cốt của các vị thánh này – điều mà anh đã mong ước từ lâu, và tinh thần anh càng thêm vững vàng trước thử thách sắp tới. Chỉ có một điều khiến Nikon vô cùng đau buồn, đó là anh chưa được học Kinh Thánh một cách đầy đủ; vì vậy, vị tu sĩ trẻ đã tha thiết cầu xin Chúa và Thầy của muôn loài, xin Ngài soi sáng đôi mắt tâm linh của mình. Và thế là, được Thánh Thần hướng dẫn, anh lại lên đường đến Pskov; tại đây, Nikon gặp một người đàn ông sùng đạo tên là Philip và được ông ấy đón về nhà để làm việc. Thấy khát khao mãnh liệt của Nikon trong việc thấu hiểu Kinh Thánh, Philip đã gửi anh đến học với một phó tế nào đó, người nổi tiếng về kiến thức và sự khôn ngoan. Vị thánh thường xuyên và sốt sắng cầu nguyện, nói rằng:

– Xin Chúa hãy dẫn dắt con bằng lẽ thật của Ngài và ban cho con sự khôn ngoan để học hỏi Lời Ngài.

Và Đức Chúa Trời, Đấng Yêu Thương Loài Người, đã nghe lời cầu nguyện nồng nhiệt của tôi tớ khiêm nhường của Ngài: Ngài đã mở ra cho Nikon sự hiểu biết về Kinh Thánh, tuôn đổ ân sủng của Ngài trên anh, ban cho anh tinh thần thông thái, đến nỗi mọi người đều ngạc nhiên trước tốc độ và sự thành thạo mà Nikon đã học được Kinh Thánh. Như lửa thanh tẩy vàng, thì những bất hạnh cũng thanh tẩy và nâng cao con người lên hơn nữa. Ma quỷ, kẻ ghen tị từ thuở xa xưa của loài người, không chịu đựng được cuộc sống đạo đức của vị thánh, đã xúi giục một số kẻ ác chống lại ngài; nhưng Thánh Nikon, theo lời răn của Chúa Kitô, đã chịu đựng mọi sự tấn công bằng lời cầu nguyện và lời tạ ơn, và bằng sự khiêm nhường của mình, ngài đã chiến thắng những kẻ nổi loạn chống lại ngài.

Một lần nọ, khi đang cầu nguyện trong nhà thờ, vị thánh đã nghe thấy những lời trong Phúc Âm: "Hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, hãy đến với Ta, Ta sẽ cho các ngươi được an nghỉ; hãy mang ách của Ta và học theo Ta, vì Ta hiền lành và khiêm nhường trong lòng, và các ngươi sẽ tìm được sự bình an cho linh hồn mình; vì ách của Ta dễ chịu, và gánh nặng của Ta nhẹ nhàng" (Mt 11:28–30). Những lời này đã làm Thánh Nikon xúc động sâu sắc, và ngài quyết định nhanh chóng thực hiện ước nguyện bấy lâu nay của mình. Từ lâu, ông đã nghe nói về một nơi hoang vắng nào đó, cách xa các làng mạc, nằm giữa Pskov và Porkhov[6426] , giữa những khu rừng hoang dã và đầm lầy không thể đi qua; nhưng Nikon không biết ai có thể chỉ cho ông chính xác nơi đó; với mong muốn luôn luôn thực hiện những lời mà Thánh Thần đã phán qua vị tiên tri công chính và vua Đa-vít: *"Ta sẽ đi xa, và ở lại trong sa mạc; ta sẽ vội vã ẩn náu khỏi cơn lốc, khỏi cơn bão"* (Thánh Vịnh 54:8–9), vị tu sĩ khiêm nhường đã sốt sắng cầu nguyện cùng Chúa, nói rằng:

– Lạy Chúa và Đấng Chủ Tể của linh hồn con, Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin nghe lời cầu nguyện của con, xin ban cho con được thấy sa mạc, xin sai đến cho con một người đàn ông, người sẽ dẫn dắt con trên con đường cứu rỗi và chỉ cho con nơi hẻo lánh ấy.

Lời cầu nguyện của vị thánh đã được nhậm lời, và dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần, ngài đã rời Pskov để trở về làng quê của mình là Videlebye. Tại đây, Nikon được biết có một người tên là Feodor biết nơi đó. Khi đến gặp Feodor, vị tu sĩ đã thỉnh cầu ông:

– Từ thuở thiếu thời, tôi đã nghe nói về nơi hoang vắng ấy, nhưng không có ai chỉ cho tôi. Anh biết nơi này; vì Danh Thánh vĩ đại của Đức Chúa Trời, xin hãy chỉ cho tôi; nhờ điều này, chính anh cũng sẽ nhận được phần thưởng từ Chúa và sẽ trở thành người hướng dẫn cho linh hồn tội lỗi của tôi.

Thấy lòng khao khát mãnh liệt của Nikon, vị thánh nhân Theodor đã bí mật dẫn ngài vào sa mạc, tránh xa ánh mắt của những người khác. Sau khi dựng xong một túp lều nhỏ, cả hai đều định cư tại đó và bắt đầu tu hành trong lao động và cầu nguyện. Một thời gian sau, vị thánh nhân trở về Pskov để, theo thói quen của mình, tham dự Thánh lễ tại nhà thờ Thánh Hiển Linh vinh quang; tại ngôi thánh đường này, có tiếng nói từ bàn thờ vọng đến Nikon:

– Nikon, Nikon, tôi tớ của Ta, hãy đi vào sa mạc mà người đàn ông đạo đức Theodor đã chỉ cho ngươi, và ở đó ngươi sẽ tìm thấy sự bình an; sa mạc ấy sẽ nở rộ nhờ ngươi, và nhiều người sẽ được cứu rỗi ở đó; những ai đến đó sẽ nhận được ân sủng và sẽ tôn vinh danh Ta.

Ngay lập tức, vị thánh nhân, tràn đầy niềm vui thiêng liêng, đã rời khỏi nhà thờ và lên đường đến nơi mà chính Chúa đã chỉ định cho ngài. Trên đường đi, Nikon gặp Thánh Nikolai Pskov[6427] ; ngài đã tiên đoán rằng ở sa

[6426] Hiện nay là một thị trấn thuộc tỉnh Pskov.

mạc, vị tu sĩ sẽ phải đối mặt với nhiều cám dỗ từ ma quỷ và những cuộc tấn công từ những kẻ ác; nhưng không gì có thể cản bước Nikon; với lòng hân hoan, giống như một chiến binh tiến vào trận chiến, vị thánh nhân đã trở về sa mạc của mình và tu hành tại đây suốt 15 năm trong lao động, cầu nguyện, ăn chay, đọc Kinh Thánh, thức trắng liên tục, và phải chịu đựng nhiều đau khổ từ ma quỷ và những kẻ ác.

Trong khi đó, tin đồn về những việc làm cao cả của ngài bắt đầu lan truyền, và người dân vùng lân cận bắt đầu đổ xô đến với ngài. Điều này khiến vị tu sĩ khiêm nhường cảm thấy nặng nề: ngài không mong đợi phần thưởng từ con người, mà chỉ trông chờ vào Thiên Chúa; vinh quang trần thế đối với ngài là gánh nặng. Vì vậy, trong nước mắt và nỗi buồn sâu sắc, không muốn rời khỏi nơi này, nhưng đồng thời cũng muốn tránh sự ca ngợi của con người, vị thánh lại lên đường trở về Pskov. Tại đây, ông được chính Philip – người mà vị tu sĩ đã từng ở cùng trong thời gian học tập – đón về nhà; khi biết rằng Nikon đã quyết tâm dâng hiến bản thân cho Đức Chúa Trời, ông đã đưa vị thánh hạnh phúc này đến tu viện Thánh Gioan Thần Học, nơi an nghỉ di cốt của vị sáng lập tu viện này, vị tu sĩ thánh thiện Savva Krypetsky. Khi nhìn thấy hình ảnh của vị tu sĩ thánh thiện này và quỳ xuống trước hòm di cốt của ngài, Nikon đã cầu nguyện như sau:

– Thánh nhân Savva, người được Chúa hài lòng, xin ngài cầu nguyện cùng Chúa Kitô, để Ngài ban ơn cho con, một tôi tớ tội lỗi và không xứng đáng của Ngài, được bước đi trên con đường mà ngài đã đi qua, xin Ngài giúp đỡ con trên con đường này và xin Ngài trở thành Đấng bảo trợ của con.

Sau đó, Nikon với lòng khiêm nhường và nước mắt đã khẩn cầu vị Trưởng tu viện này nhận ông vào hàng ngũ các tu sĩ. Nhưng vị Trưởng tu viện đã ngăn cản ông, nói rằng:

– Tu viện của chúng ta nghèo khó, hơn nữa sức khỏe của con cũng không được vững vàng, xin đừng tự gánh vác gánh nặng như vậy. Con có thể sống cùng chúng ta, nhưng đừng vội nhận lễ xuất gia.

Nhưng Nikon chỉ cầu xin một điều duy nhất – đó là đáp ứng lời thỉnh cầu của ngài. Lúc bấy giờ, vị Trưởng tu viện, khi chứng kiến lòng nhiệt thành của vị thánh, cùng khát khao không thể kìm nén được để trở thành tu sĩ, cuối cùng cũng phải nhượng bộ trước những lời thỉnh cầu tha thiết của ngài: ngài ra lệnh cho một vị tu sĩ linh mục cạo đầu cho Nikon, và ngài được đặt tên là Nikandr.

Từ đó, vị thánh nhân với sức mạnh mới lại dấn thân vào những việc thánh thiện, ngày càng tiến bộ hơn trong các đức tính, mang lại thành quả gấp trăm lần cho Chúa. Cháy bỏng tình yêu dành cho Đấng Christ, ngài hoàn toàn từ bỏ ý chí riêng, dâng hiến toàn bộ bản thân cho Thiên Chúa và trở thành đền thờ thuận lợi cho Thánh Thần; ông không ngừng củng cố bản thân bằng những suy ngẫm đạo đức như sau: cuộc sống tu hành giống như cánh đồng lúa mì, nó đòi hỏi những cơn mưa nước mắt thường xuyên và sự cần cù vĩ đại. Nếu muốn mang lại hoa trái dồi dào chứ không phải gai góc, thì hãy tỉnh táo và siêng năng làm việc. Hãy cố gắng trở thành mảnh đất màu mỡ, chứ không phải đất đá, để những hạt giống được gieo từ trên cao vào lòng ngươi có thể sinh hoa kết trái, để lòng ngươi không bị khô héo vì cái nắng gay gắt của sự chán nản và sự lơ là. Bằng cách nuôi dưỡng linh hồn mình bằng những suy ngẫm cứu rỗi như vậy và mang lại cho nó niềm vui thiêng liêng qua những lời cầu nguyện, Thánh Nikander đã cố gắng làm kiệt sức xác thịt mình; luôn ghi nhớ lời của Đa-vít: *"Xin hãy nhìn đến sự đau khổ và sự kiệt sức của con, và tha thứ mọi tội lỗi của con"* (Thi thiên 24:18), vị thánh không bao giờ bỏ bê công việc thể xác. Các tu sĩ và vị tu viện trưởng đều kinh ngạc trước cuộc đời và những việc làm cao cả của vị thánh, và họ ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã sai những vị tu hành như vậy đến. Hai vị tu sĩ nói trên là Philip và Theodore đã noi gương vị thánh và nhận lễ xuất gia tại cùng một tu viện; người thứ nhất được đặt tên là Filaret, còn người thứ hai là Theodosius; một thời gian sau, cả hai đều an lành ra đi về cõi vĩnh hằng.

Trong khi đó, Thánh Nikandr, khi nhận thấy cuộc sống tu hành của mình khiến các tu sĩ trong tu viện ngạc nhiên, đã bắt đầu cảm thấy mệt mỏi với cuộc sống giữa các tu sĩ: danh tiếng của con người trở nên nặng nề đối với ngài. Để trốn tránh những lời khen ngợi của các tu sĩ và khao khát trở lại cuộc sống ẩn dật trước đây, ngài đã trở về sa mạc của mình và sống ở đó thêm 15 năm nữa; ngài thường chỉ ăn một loại thực vật gọi là "už" ([6428]), không ngừng cầu nguyện và lao động, đồng thời bằng mọi cách lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn mình. Chính cuộc sống của ngài cũng không ít lần lâm vào nguy hiểm. Có lần, những kẻ ác, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã tấn công túp lều tồi tàn của vị thánh, cướp đi những vật dụng ít ỏi của người ẩn sĩ, tước đoạt cả niềm an ủi cuối cùng của ngài –

[6427] Thánh Nikolai Pskov đã qua đời vào ngày 28 tháng 2 năm 1576.

[6428] Uzh hoặc uzhevnik – là một loại cải hoang dã, tên khác của loài thực vật này là brylena.

những bức thánh tượng và sách thánh – đồng thời đâm ngài bị thương nặng vào sườn bằng giáo và bỏ lại ngài trong tình trạng thoi thóp. Với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, vị thánh đã đứng dậy và bắt đầu cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con, là sức mạnh và chỗ nương tựa của những ai đặt niềm tin nơi Ngài! Ngài, Đấng Vô Tội, đã vô cớ chịu đau khổ tự nguyện từ tay dân Do Thái; còn con, tôi tớ bất xứng của Ngài, đã phải chịu tất cả những điều này một cách hoàn toàn công bằng vì vô số tội lỗi của con. Con tạ ơn Ngài về mọi sự, và với nước mắt cùng trái tim đầy xúc động, con cầu xin Ngài cho những người này: xin tha thứ cho họ, vì họ không biết mình đang làm gì; không phải họ có lỗi, mà là kẻ thù, kẻ gieo rắc mọi điều ác , đã xúi giục họ làm việc này; xin Chúa đừng để họ phải hư mất vì con, kẻ tội lỗi này: họ đã làm điều này trong sự vô minh.

Chúa, Đấng nhanh chóng đến cứu giúp, đã ban cho người tôi tớ khiêm nhường của Ngài sự chữa lành một cách kỳ diệu, nhưng bọn cướp cũng đã bị trừng phạt. Cách phòng tu của vị thánh một versta rưỡi là hồ Demyanovo, nơi sông Demyanka đổ vào; Theo ý Chúa, trên bờ hồ này, bọn cướp đã lạc đường; ba ngày liền chúng lang thang, vô vọng tìm đường và phải chịu đói khát dữ dội. Hai trong số chúng đã hối hận về tội lỗi của mình và nói với các đồng bọn:

– Chính vì chúng ta đã hành động bất công: cướp bóc tài sản của vị thánh và gây ra những vết thương nặng nề cho ngài, nên chúng ta mới không thể tìm được đường.

Còn hai tên còn lại thì rơi vào tuyệt vọng tột cùng và bắt đầu nói:

– Ngay cả bản thân mình, ngài cũng không thể tự bảo vệ được.

Nhưng Đức Chúa Trời Toàn Tri đã nghe những lời ấy và trừng phạt những kẻ đã phỉ báng vị thánh nhân; khi đang băng qua sông Demyanka, họ bị rơi xuống từ bục gỗ và chết đuối. Chứng kiến cảnh đó, hai người còn lại hoảng sợ và bắt đầu cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài tha thứ tội lỗi của họ. Lời cầu nguyện của họ đã được nhậm lời, và chẳng bao lâu sau, họ đã tìm được đường đến túp lều của Thánh Nikandr. Sau khi trả lại cho vị thánh tất cả những gì đã lấy đi, họ khóc lóc thảm thiết, quỳ sấp mặt trước chân vị thánh, van xin ngài tha thứ cho họ và cầu nguyện cho họ trước mặt Chúa. Với tình yêu thương như người cha, vị thánh Nikandr đã đón nhận những người ăn năn, tha thứ cho họ, cho họ ăn uống và khuyên họ từ bỏ nghề nghiệp xấu xa của mình, đồng thời chỉ ra rằng kẻ thù của loài người đang xúi giục họ đi theo con đường diệt vong này, rồi ông đã để họ ra về trong bình an. Khi trở về an toàn, họ kể lại cho mọi người nghe về những gì đã xảy ra với mình, đồng thời ca ngợi Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót và vị thánh nhân của Ngài là Thánh Nikandr. Kể từ đó, danh tiếng của vị thánh càng lan rộng hơn; nhiều người bắt đầu đến gặp ngài, mang thức ăn đến và xin ngài ban phước lành.

Thánh Nikandr đã dành nhiều năm trong sa mạc, trải qua biết bao gian khổ ở đó, nhưng danh tiếng trần thế vẫn là gánh nặng không thể chịu đựng được đối với ngài, điều khiến ngài sợ hãi hơn cả. Ngài không sợ bọn cướp bằng việc sợ sự ca ngợi của con người. Vì vậy, vị thánh lại rời sa mạc và đến tu viện Krypetsky, nơi ngài thụ giới tu sĩ. Khi đến tu viện, vị thánh tiếp tục cuộc sống tu hành khổ hạnh của mình; ngài chỉ ăn bánh mì khô, giải khát bằng nước lọc, không uống rượu cũng không ăn cá, chỉ vào thứ Bảy và Chủ Nhật ngài mới cho phép mình ăn một chút thức ăn nấu chín, nhưng ngay cả thứ đó cũng thường không có; vị tu sĩ khiêm nhường này vượt trội hơn tất cả mọi người trong tu viện nhờ lối sống đạo đức và nghiêm khắc; ngài luôn sẵn lòng giúp đỡ và phục vụ mọi người, mang nước và củi từ xa về, ông dành cả đêm để thức trắng cầu nguyện, thường ra rừng vào ban đêm và, để trần thân thể, để cho muỗi và ruồi đốt, đến nỗi cơ thể ông phủ đầy những vệt máu; trong lúc đó, ông vẫn ngồi bất động, quay sợi len và ngâm nga các thánh vịnh của Đa-vít. Khi bình minh ló rạng, vị thánh nhân trở về tu viện, là người đầu tiên vội vã đến nhà thờ, nơi ngài đứng suốt cả thánh lễ mà không rời khỏi chỗ ngồi, và là người cuối cùng rời khỏi nhà thờ. Các tu sĩ, kinh ngạc trước những việc làm cao cả của ngài, đã bổ nhiệm ngài làm người phụ trách nhà thờ. Thánh nhân được giao nhiệm vụ khó khăn và nặng nhọc là nướng bánh thánh, nhưng Thánh Nikandr đã vui vẻ thực hiện công việc này, nói rằng:

– Nếu Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã gọi bánh được chuẩn bị cho Bữa Tiệc Ly là Thân Thể của Ngài, thì tôi phải vui mừng vì Thiên Chúa đã ban ơn cho tôi được chuẩn bị những chiếc bánh này, trên đó diễn ra mầu nhiệm vĩ đại và thiêng liêng: theo cách kỳ diệu và không thể hiểu thấu, chúng được biến đổi thành Thân Thể thánh thiêng của Chúa Kitô.

Và vị tu sĩ của Đức Chúa Trời tiếp tục làm việc không mệt mỏi; các tu sĩ, khi thấy lòng nhiệt thành ngày càng tăng của ông và yêu mến ông vì sự khiêm nhường, hiền lành, đã xin vị tu viện trưởng bổ nhiệm Nikandr làm người phụ trách nhà bếp[6429] . Vị tu viện trưởng đã đáp ứng lời thỉnh cầu của các tu sĩ và bổ nhiệm vị thánh nhân vào chức vụ này; dù được thăng chức, vị thánh nhân vẫn không thay đổi lối sống trước đây, mà thực hiện nhiệm

vụ mới với sự khiêm nhường và tận tụy, như thể đó là công việc do chính Chúa giao phó; ngài không tự cao tự đại vì quyền hành được trao, mà luôn ghi nhớ lời Kinh Thánh: *"Ai trong các con muốn làm người lớn, thì hãy làm đầy tớ cho các con"* (Mt 20,26). Tuy nhiên, Thánh Nicander không giữ chức vụ quản lý tu viện lâu: ngài lo sợ sẽ làm tổn thương ai đó trong cương vị mới của mình; hơn nữa, ngài khao khát trở lại cuộc sống ẩn tu trước đây, vì vậy ngài đã quyết định rời khỏi tu viện một lần nữa. Sau khi rời tu viện, ngài định cư trên một hòn đảo cách tu viện bốn verst; tại đây, vị thánh lại tiếp tục những công việc thường ngày của mình và dành ba năm rưỡi cho những việc đó. Danh tiếng về cuộc sống tu hành của vị ẩn sĩ bắt đầu thu hút nhiều người đến với ngài, điều này lại khiến Nikandr cảm thấy phiền lòng. Trong khi đó, kẻ thù và kẻ ghen tị của loài người – ma quỷ, cha đẻ của dối trá và bất chính – đã gieo vào tâm trí vị tu viện trưởng tu viện Krypetsky ý nghĩ rằng Nikandr đang làm giảm thu nhập của tu viện. Vì vậy, ông đã yêu cầu vị thánh chuyển đến một nơi khác. Với lòng khiêm nhường tột bậc, vị thánh đã tuân theo ý muốn của vị tu viện trưởng, người đã cáo buộc ngài một cách bất công: ngài lại lên đường đến sa mạc mà trước đó Thánh Thần đã chỉ dẫn cho ngài.

Trong chuyến hành trình của mình, vị thánh Nikandr đã đến một ngôi làng tên là Lokoty; trời đã gần tối, và vị thánh ghé vào nhà một người dân làng để nghỉ qua đêm, nhưng lúc đó người này đang tổ chức tiệc tùng. Điều này xảy ra đúng vào thứ Hai của Tuần Phô mai, khi vị thánh theo thói quen của mình đang giữ chay. Người nông dân bắt đầu mời Thánh Nikandr dùng bữa, nhưng vị thánh đã từ chối. Kẻ thù của sự cứu rỗi loài người đã nảy sinh ý định sỉ nhục vị thánh: không lâu trước khi vị thánh đến làng, hắn đã xúi giục một số kẻ xấu nảy sinh ý định cướp phá ngôi nhà của một người nông dân trong làng đó; và họ đã làm đúng như vậy: tấn công ngôi nhà đó, cướp bóc và đốt cháy nó. Vì thế, người nông dân đã tiếp đón vị thánh, vì bực bội trước sự từ chối của ngài, liền nói:

– Chắc hẳn ngài cũng là một trong những kẻ đã đốt nhà hàng xóm của tôi; và tôi nghĩ ngài cũng đang toan tính điều gì đó tương tự đối với tôi, vì ngài không chịu động đến thức ăn của tôi.

Ông ta kể lại chuyện này cho những người hàng xóm; họ tụ tập lại, rồi dùng gậy đánh vị thánh không thương tiếc khắp người và vào đầu. Nhưng Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, đã không để vị thánh phải chịu đau khổ lâu dài và chết vì lời vu khống của ma quỷ, mà nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Maria, Nữ Vương Thánh Thiện và Trinh Nữ Vĩnh Cửu của chúng ta, Ngài đã nhanh chóng giải thoát ngài khỏi nỗi đau khổ: những tiếng rên rỉ của thánh Nicandro và tiếng la hét của những kẻ đánh đập ngài đã được những người đi ngang qua nghe thấy; khi đến nơi, họ bắt đầu nói:

– Vị lão nhân này chẳng gây hại gì cho các ngươi cả; các ngươi đang làm gì vậy, lũ điên rồ, lại muốn giết chết một người vô tội sao?

Những người ấy cảm thấy hổ thẹn và bắt đầu van xin vị thánh tha thứ cho họ; họ cũng mời ngài dùng bữa theo ý thích; nhưng vị thánh từ chối ăn và bắt đầu cầu nguyện cho những kẻ đã hành hạ ngài như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin đừng tính điều này là tội cho họ: họ không biết mình đang làm gì.

Mãi đến sáng hôm sau, Nicander mới ăn một ít bánh mì và với lòng khiêm nhường, sau khi tha thứ từ tận đáy lòng cho những người dân làng đã đánh đập ngài trong sự vô tình, ngài lại lên đường. Một lần nọ, trong chuyến hành trình tiếp theo, vị thánh, vì mệt mỏi, nằm xuống và chìm vào giấc ngủ chập chờn; bỗng nhiên ngài thấy hai con sói to lớn và mạnh mẽ đang chuẩn bị lao vào ngài. Vị thánh đứng dậy, làm dấu thánh giá, rồi dùng cây gậy gõ xuống đất và nói:

– *"Hãy lui xa khỏi ta, hỡi những kẻ làm điều gian ác"* (Thánh vịnh 6:9).

Và những con thú lập tức biến mất. Khi đến sa mạc của mình, vị thánh lại tiếp tục những việc tu hành, ngài đã sống ở đó suốt 15 năm, phải chịu nhiều thử thách từ ma quỷ và những kẻ ác, nhưng ngài đã vượt qua và chiến thắng mưu mô của chúng bằng những lời cầu nguyện không ngừng và những tiếng khóc nức nở vì tội lỗi của mình, như những hạt ngọc sáng lấp lánh trang trí tâm hồn ngài bằng những công đức, và luôn tự rèn luyện bản thân bằng những suy ngẫm có ích cho tâm hồn.

Những ân huệ của Đấng Tạo Hóa, Thiên Chúa của chúng ta, thật vĩ đại. Ngài không chỉ tôn vinh vị thánh nhân của Ngài trên trời sau khi ngài qua đời, mà ngay cả khi còn sống, Ngài đã ban cho ngài ân sủng của sự thấu thị, như điều này được thể hiện qua câu chuyện sau đây. Có một người tên là Phêrô, biệt danh là Esyukov, sống cách túp lều của vị thánh mười hai verst, đang vô cùng đau khổ vì không có con cái. Rồi một ngày nọ, một con nai sừng tấm chạy thẳng vào sân nhà Phêrô. Điều này không phải ngẫu nhiên, mà là theo ý muốn của Đức Chúa Trời, vì trong Phúc Âm có chép: *"Thành phố nằm trên đỉnh núi không thể ẩn mình được. Khi thắp đèn, người ta không*

đặt nó dưới cái chậu, mà đặt trên giá đèn, để chiếu sáng cho mọi người trong nhà" (Mt 5:14). Cũng như vậy, Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót đã chỉ dẫn cho Thánh Nikandros qua con nai sừng tấm ấy. Ngồi lên ngựa, Phêrô cùng những người đi theo đuổi theo con thú; những người đồng hành của ông dần dần tụt lại phía sau, đến nỗi cuối cùng ông chỉ còn lại một mình; Pê-trô đã đuổi theo con thú rất lâu, khi nó cố gắng ẩn náu trong rừng; khi đi vào một khu rừng rậm rạp, không thể đi qua được, Pê-trô đã mất dấu con nai sừng tấm; ngay lúc đó, ông nhìn thấy một túp lều nhỏ; nghĩ rằng có ai đó đang sống ở đây, Pê-trô gõ cửa và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng con, xin thương xót chúng con.

Nhưng không có ai trả lời; chỉ đến lần gõ thứ ba (đó là thói quen của vị thánh) thì cánh cửa mới mở ra, và Nicander đón tiếp Peter, người trước đây chưa từng gặp vị thánh này, với lời nói:

– Con trai của ta, Phêrô, hãy đến cây sồi, nơi có một căn phòng dành cho những người đến thăm, ta sẽ đến đó ngay.

Khi đến nơi được chỉ định, Phêrô chẳng bao lâu sau đã thấy một vị tu sĩ già có vẻ mặt hiền từ đang tiến lại gần mình, anh cúi đầu chào ngài và xin ngài ban phước lành.

– Nguyện ân sủng của Chúa ngự trên con và trên vợ con, – vị tu sĩ già đáp lại.

Còn Phêrô thì nghĩ thầm:

– Quả thật, ân sủng của Chúa ngự trong con người này, quả thật ông được đầy dẫy Thánh Thần, vì dù chưa từng gặp tôi, ông lại biết cả tên tôi lẫn việc tôi đã có vợ.

Sau khi cúi đầu chào vị tu sĩ già, Phêrô hỏi tên ông là gì và ông đã sống trong sa mạc bao lâu rồi.

– Tên tôi là Nicander, kẻ tội lỗi, còn về số năm tôi ở đây – xin đừng hỏi: chỉ có một mình Đức Chúa Trời mới biết điều đó – vị tu sĩ già khiêm nhường trả lời.

Lúc đó, Phêrô quỳ xuống trước vị thánh và bắt đầu than thở một cách đau đớn về nỗi bất hạnh của mình:

– Tôi đã già rồi, mà vẫn chưa có con trai.

Nghe vậy, Thánh Nikandr đáp:

– Hãy đứng dậy, con ơi, và trở về nhà đi: nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Đồng Trinh, các con sẽ có một đứa con trai.

Và quả thực, lời tiên tri của vị thánh đã thành hiện thực. Kể từ đó, Phêrô thường xuyên đến gặp vị thánh và được nuôi dưỡng tâm hồn bằng những lời dạy dỗ đầy ý nghĩa của ngài.

Một lần nọ, vị thánh nhân của Chúa nói với anh:

– Sau khi ta ra đi về cõi vĩnh hằng, nơi hoang dã này sẽ được tôn vinh và ca ngợi; trên ngôi mộ nơi thân xác tội lỗi của ta được an táng, một nhà thờ sẽ được xây dựng để tôn vinh Lễ Truyền Tin vinh hiển của Đức Mẹ Thiên Chúa, Nữ Vương của chúng ta.

Một lần khác, có một người đàn ông tên là Simeon đến gặp Nicander, mong nhận được sự ban phước và lời dạy dỗ từ vị thánh. Vị thánh, sau khi nhận ra rằng Simeon sắp qua đời, đã nói:

– Con Simeon ơi, thời gian sống của con đang dần cạn kiệt, – và sau khi đưa cho anh ta một chiếc kéo, ngài tiếp tục:

– Hãy đến tu viện mà Chúa chỉ dẫn cho con và nhận lấy đời sống tu sĩ, vì cuối đời con đang đến gần.

Nghe vậy, Simeon đã lên đường đến một trong những tu viện, nhận lễ xuất gia tại đó và chẳng bao lâu sau, sau khi rước Mình Thánh Chúa, ông đã an lành ra đi về cõi vĩnh hằng.

Trong khi đó, khi nghe tin về cuộc đời tu hành của Thánh Nikandros, mọi người bắt đầu tìm đến ngài ngày càng nhiều; mỗi khi họ lặng lẽ tiến lại gần phòng tu của ngài, họ nghe thấy tiếng ngài cầu nguyện và thấy ngài thường xuyên quỳ lạy xuống đất. Chỉ khi vị thánh nhận ra họ đến, ngài mới giả vờ như đang ngủ. Khi người đến gõ cửa và nói: "Xin cha ban phước lành", Nikandr im lặng; ngài cũng không trả lời lần thứ hai; chỉ đến lần thứ ba, như thể vừa thức dậy, vị thánh mới đáp lại:

– Chúa Giêsu Kitô của chúng ta xin chúc lành cho con, hỡi con yêu dấu.

Thánh nhân dành cả ngày lẫn đêm cho những việc thánh thiện như vậy; ngài không bao giờ nằm xuống ngủ, nhưng nếu cơn buồn ngủ lấn át, ngài sẽ ngồi thiếp đi, và cũng chỉ trong chốc lát, rồi lại tiếp tục cầu nguyện; sự khinh thường xác thịt của Nikandr đã đến mức ngài chỉ rửa tay và mặt bằng nước; ông chủ yếu ăn các loại thực vật; khi những người sùng đạo mang bánh mì đến cho ông, vị thánh nhân nhận lễ vật với lòng biết ơn; sau đó, ông để bánh mì khô lại và ăn nó như vậy khi mặt trời lặn; ông giải khát bằng nước; mặc dù sống một cuộc đời khắc khổ như vậy, nhưng người ta chưa bao giờ thấy khuôn mặt ông u ám, mà luôn rạng ngời niềm vui và sự thanh thản;

trong suốt Mùa Chay Lớn, vị thánh chỉ dùng bữa một lần mỗi tuần, còn vào Thứ Sáu Tuần Thánh, ông đến tu viện Demyansk; sau khi tham dự các Bí tích thiêng liêng và ban sự sống của Chúa Kitô tại đó, ngài lại trở về sa mạc của mình, tự cho rằng mình không xứng đáng được ở trong hàng ngũ các tu sĩ của tu viện này. Chỉ có một mình Thiên Chúa mới biết những gian khổ và công đức mà Thánh Nicandro đã trải qua trong sa mạc. Thường xuyên, các linh hồn ác quỷ xuất hiện để quấy rối vị tu sĩ và thậm chí gây thương tích cho ngài, giống như trường hợp của Thánh Antôn Ai Cập[6429] . Để củng cố người tu hành của Ngài, Chúa đã sai Thánh Alexander Svirsky hiện ra trong giấc mơ cho ngài; vị thánh được Chúa yêu mến này đã khích lệ Nikandr trong cuộc chiến chống lại những kẻ thù vô hình. Trong Phúc Âm có chép rằng loại quỷ này không thể bị trừ khử bằng cách nào khác ngoài cầu nguyện và ăn chay – chính bằng vũ khí này, vị tu sĩ Nikandr đã chiến thắng chúa tể bóng tối. Nhưng ngài đã phải chiến đấu với các linh hồn độc ác trong một thời gian dài: mỗi khi Nikandr muốn nghỉ ngơi sau những công việc vất vả của mình, xung quanh phòng tu của ngài lại nổi lên một tiếng ồn ào đến mức dường như có vô số cỗ xe ngựa đang lăn bánh, hoặc nghe thấy tiếng trống và sáo[6430] . Lúc đó, vị thánh bắt đầu đọc các thánh vịnh của Đa-vít, và tiếng ồn liền im bặt; những linh hồn ác quỷ đã không cho vị thánh được nghỉ ngơi suốt ngày đêm trong một thời gian dài, cho đến khi nhờ ân sủng của Chúa, ngài đã đánh bại chúng hoàn toàn. Một lần nọ, một con gấu lớn đến gần phòng tu của vị thánh và cọ xát vào tường với sức mạnh đến nỗi căn phòng rung chuyển và suýt nữa thì sụp đổ. Sau khi làm dấu thánh giá trên cửa sổ phòng tu và tự làm dấu thánh giá cho mình, vị thánh ngước nhìn – và thấy con thú to lớn đang đứng trước phòng tu. Lúc đó, vị thánh, sau khi lại làm dấu thánh giá một lần nữa, bước ra khỏi phòng tu và làm dấu thánh giá cho con thú. Như bị một sức mạnh vô hình nào đó tác động, con gấu ngã xuống trước mặt vị thánh, bắt đầu ngoan ngoãn liếm đôi chân thánh thiện của ngài, rồi biến mất vào rừng. Và một lần nữa, vị thánh Alexander Svirsky lại hiện ra trước hiên phòng tu của ngài; để khích lệ ngài thực hiện những việc làm cao cả, ngài nói:

– Đừng sợ, anh em Nikandr của tôi: từ nay trở đi, Chúa sẽ giải thoát anh khỏi mọi cạm bẫy của kẻ thù.

Từ đó, vị thánh có được quyền năng lớn đến nỗi các quỷ dữ thậm chí không dám đến gần phòng tu của ngài.

Một người tên là Nazari, sống gần phòng tu của vị thánh, đã mắc phải một căn bệnh nặng nề: toàn thân ông ta bị giòi bọ bao phủ, đặc biệt là một vết loét lớn đã mở ra trên ngực, đến nỗi có thể nhìn thấy nội tạng; trong tình trạng đó, người bệnh không thể cử động được mà không phải chịu cơn đau khủng khiếp; Nazariô đã phải chịu đựng căn bệnh nặng nề này suốt một năm sáu tháng. Những người thân trong nhà, khi thấy Nazariô mắc phải căn bệnh nan y như vậy, đã khóc lóc, không biết làm sao để giảm bớt nỗi đau đớn cho người bệnh. Còn Nazari, sau khi nghe kể về những phép lạ và đời sống tu hành của Thánh Nikandros, đã ra lệnh cho người nhà đưa mình đến gặp vị thánh; họ đã thực hiện lời yêu cầu của Nazari và, sau khi đưa đến, đặt người bệnh trước căn phòng tu hành của vị ẩn sĩ. Khi Thánh Nicander bước ra khỏi nơi ở của mình, Nazari, dồn hết sức lực, ôm lấy và làm ướt đôi chân của vị thánh bằng nước mắt, rồi bắt đầu cầu xin ngài hãy cầu nguyện cho mình trước mặt Chúa. Vị thánh đáp lại:

– Nazari, đừng chạm vào chân ta; ngươi hôn chúng là vô ích, ngươi cầu xin ta chữa lành cũng là vô ích, bởi vì sự chữa lành của ngươi là điều không thể đối với con người, nhưng lại có thể đối với Đức Chúa Trời; chính Ngài mới là Đấng mà ngươi phải thành tâm cầu xin sự chữa lành. Nghe vậy, người bệnh ngạc nhiên vì vị thánh biết tên mình, dù trước đó chưa từng gặp ngài; vì thế, anh ta càng khẩn thiết cầu xin ngài hơn.

– Nếu cha bỏ con lại, thưa cha, – Nazari thêm vào, – thì con sẽ không rời khỏi nơi này và sẽ chết ngay trước cửa phòng tu của cha.

Lúc đó, vị tu sĩ, thấy đức tin nồng nhiệt của Nazari, đã ra lệnh đưa anh ta vào phòng dành cho những người lữ hành ghé qua, và bảo anh ta cố gắng ngủ ở đó. Nhưng người bệnh đáp lại:

– Thưa Cha thánh, trong suốt thời gian ốm đau của con, con chưa từng nhắm mắt được lấy một lần, vậy mà bây giờ Cha lại khuyên con hãy ngủ sao?

Nghe vậy, Nicander nói:

– Ngay trước khi con đến, con đã sưởi ấm căn phòng đó rồi, vì con biết con sẽ đến gặp con; bây giờ, trong khi con đi cầu nguyện, con hãy cố gắng ngủ một chút, rồi sau đó con sẽ cho con xem vết thương của con.

Nazariô định ngay lập tức mở vết thương ra, nhưng không thể, vì chiếc áo sơ mi đã dính chặt vào cơ thể anh đến mức không thể lột ra được. Thấy vậy, vị thánh làm dấu thánh giá trên vết thương và cho Nazariô đến chỗ đã

[6429] Ngày tưởng niệm Thánh Antôn Vĩ đại, người đã dũng cảm chiến đấu chống lại các thế lực ác quỷ, được tổ chức vào ngày 17 tháng 1.

[6430] Timpán – một loại nhạc cụ được bọc da, gồm hai đĩa kim loại, hai bên có gắn chuông lắc. Svirel – một loại nhạc cụ hơi.

chỉ định, nơi anh ta chẳng bao lâu sau đã chìm vào giấc ngủ say. Còn vị thánh nhân, sau khi lui về phòng tu của mình, đã cầu nguyện hết lòng với Chúa suốt cả đêm, xin Ngài – Đấng Chữa Lành Duy Nhất của mọi người đau khổ – ban sức khỏe cho người bệnh, đồng thời soi sáng đôi mắt tâm hồn anh ta và củng cố đức tin của anh. Chúa, Đấng luôn sẵn sàng giúp đỡ tất cả những ai kêu cầu danh thánh của Ngài với lòng tin, đã nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài: sáng hôm sau, khi Nazari thức dậy, anh cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh; anh lập tức đứng dậy: vảy thương cùng với chiếc áo sơ mi bong ra như vỏ cây; lúc đó, anh ta bắt đầu nhiệt thành tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho anh sự chữa lành, và tôn vinh vị thánh được Ngài yêu mến là Thánh Nikandros; còn vị thánh nhân, không muốn nhận vinh quang từ loài người, đã cấm anh ta kể lại chuyện đã xảy ra – "để chuyện của anh đừng trở nên tồi tệ hơn nữa", – ngài nói thêm.

Một lần khác, một nông dân tên là Simeon Vasiliev, thuộc người của Công tước Kostrov, đến gặp Nikandr và than thở cay đắng với vị thánh rằng con ngựa của ông đã bị đánh cắp; vị thánh, khi nghe điều này, thở dài sâu sắc; Còn Simeon thì tiếp tục than thở và nói rằng từ lúc đó đã trôi qua năm ngày rồi. Lúc đó, Nikandr với lòng khiêm nhường và hiền lành vô cùng, bắt đầu nói:

– Con ơi, con không nên buồn vì con ngựa của con bị đánh cắp; không, con không nên đau buồn vì thứ bị đánh cắp, mà nên đau buồn vì kẻ đã đánh cắp, vì người đó đã làm điều này dưới sự xúi giục của ma quỷ.

Simeon ngạc nhiên thốt lên:

– Vậy thì, thưa cha, cha đang thương xót cho người đã thực hiện vụ trộm cắp đó sao?

Lúc đó, Nicander đáp:

– Con Simeon ơi, hãy về nhà đi, thứ bị đánh cắp của con sẽ trở về.

Lời nói của vị thánh đã thành hiện thực: ngay trong đêm đó, con ngựa tự chạy về nhà. Simeon lại đến gặp vị thánh, cảm ơn ngài và kể lại những gì đã xảy ra.

– Còn người đã cướp con ngựa của tôi – anh ta nói thêm – thì đã chết đuối ở sông.

Nghe vậy, Nikandr buồn bã và bắt đầu dạy dỗ Simeon như sau:

– Con ơi, chúng ta phải thương xót những người Kitô hữu đã phải chết trước khi kịp sám hối về tội lỗi của mình; và chúng ta cũng cần cầu nguyện cho người đó, vì Chúa đã phán: *"Nếu các ngươi không sám hối, thì tất cả các ngươi cũng sẽ bị hủy diệt"* (Lc 13,3).

Vị thánh nhân đã nói rất lâu và bằng những lời răn dạy đầy tình yêu thương, ngài đã soi sáng đôi mắt tâm hồn của Simeon; Simeon từ đó càng nhiệt thành hơn trong việc ngợi khen Chúa, Đấng đã sai vị thánh nhân này xuống trần gian.

Trong khi đó, vị thánh Nikandr, thấy rằng cuộc đời trần thế của mình sắp kết thúc, bắt đầu chuẩn bị để được bước vào Nước Trời với đầy đủ mọi đức hạnh. Ngày đêm, ngài cầu nguyện và khẩn cầu Đức Chúa Trời Toàn Lòng Thương Xót tha thứ cho những lỗi lầm của mình; không chỉ hài lòng với lối sống khắc khổ thường ngày, ngài quyết tâm noi gương các Thiên thần và nhận lấy bộ áo tu sĩ cao cả. Để làm điều này, vị thánh đã đến Tu viện Demyansk và tại đây, ngài đã nhận lễ cắt tóc tu sĩ cao cả từ tay vị tu viện trưởng; điều này xảy ra tám năm trước khi ngài qua đời, sau đó vị thánh lại trở về sống ẩn dật.

Vào thời gian đó, một phó tế tên là Phêrô từ thành phố Porkhov thường xuyên đến thăm vị thánh. Vị thánh đã trò chuyện nhiều với ông về Kinh Thánh, về đức tin nơi Đức Kitô, và về các đức tính Kitô giáo. Một lần nọ, Nicander kể cho Phêrô nghe về một phép lạ đã xảy ra với ngài.

– Trước đây, tôi thường xuyên bị đau chân rất dữ dội, nhưng giờ đây, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, tôi đã được giải thoát khỏi căn bệnh này.

Nhìn xuống đôi chân của vị thánh, Phêrô thấy rằng cả hai ống chân của ngài đều trần trụi, không còn lớp da che phủ – và ông vô cùng kinh ngạc trước điều đó. Lần khác, Nicander nói với Phêrô:

– Sắp tới, Chúa sẽ gọi linh hồn tội lỗi của tôi về với Ngài; khi anh nghe tin tôi qua đời, hãy đến và chôn cất thi thể phàm trần của tôi.

– Điều mà ngài nói với tôi sẽ xảy ra sớm chăng? – Phêrô hỏi – Và ngài sẽ báo cho tôi biết chuyện đó đã xảy ra như thế nào?

– Tôi không biết sẽ báo cho anh biết thế nào, vì lúc đó sẽ có chiến tranh: quân đội Ba Lan và Litva sẽ đến đây và bao vây Pskov và Porkhov; còn ngươi, khi nghe tin ta đã về với Chúa, hãy an táng thi thể ta một cách bình thản tại chính nơi ngươi tìm thấy nó; và trên ngôi mộ của ta sẽ được xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Lễ Truyền Tin vĩ đại và vinh quang.

Vậy là Thánh Nikandr đã bình an chuẩn bị rời bỏ cõi đời tạm bợ này. Sau 47 năm và 2 tháng kể từ khi vị thánh lần cuối cùng an cư trong nơi ẩn dật của mình, ngài đã mắc phải bệnh tật; chẳng bao lâu sau, vị thánh cảm nhận được cái chết đang đến gần và trong nước mắt, ngài bắt đầu cầu xin Chúa ban cho ngài sự tha thứ mọi tội lỗi, kêu cầu các thánh trong lời cầu nguyện và phó thác nơi ẩn dật của mình cho sự chăm sóc của Đức Mẹ Thiên Chúa. Sau đó, vị tu sĩ Nikandr nằm xuống giường, chắp tay thành hình thánh giá và với những lời: "Chúc tụng Thiên Chúa, Đấng đã thương xót, vinh quang thuộc về Ngài", – ngài đã trao linh hồn mình cho Chúa.

Vậy là vị cha đáng kính của chúng ta, Thánh Nikandr, đã an nghỉ trong Chúa một cách bình an vào ngày 24 tháng 9 năm 1582.

Nhờ sự cho phép của Đức Chúa Trời, vua Ba Lan Stefan Batory[6431] đã dẫn quân tiến vào đất Nga; quân địch đã vây hãm các thành phố Pskov và Porkhov, khắp vùng đó có rất đông người Ba Lan và Litva, đến nỗi dân thành không thể ra khỏi tường thành. Vào thời điểm đó, một người nông dân ở làng Borovichi tên là Ioann, biệt danh là Dolgii, đã đến sa mạc nơi vị thánh sống để xin sự ban phước từ ngài. Sau khi gõ cửa phòng tu của Thánh Nikandr một, hai, rồi ba lần, Ioann vẫn không nghe thấy tiếng đáp lại từ vị tu sĩ; lúc đó, khi bước vào phòng tu, ông thấy rằng Thánh Nikandr đã về với Chúa, còn cả căn lều tràn ngập một mùi hương kỳ diệu. Lúc đó, Gioan, với lòng kính trọng, đã nâng thi hài thánh lên, rồi với lòng xúc động sâu sắc, phủ đất lên thi hài; sau đó, nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, ông đã lọt qua quân đội Ba Lan mà không bị phát hiện, đến thành phố Porhov và báo tin cho tất cả cư dân về sự ra đi của vị thánh. Nghe tin này, người dân thành phố Porkhov bắt đầu khóc lóc và than thở vì đã mất đi một vị bảo trợ và người cầu nguyện vinh quang trước mặt Thiên Chúa; họ rất mong muốn được đến dự lễ an táng vị thánh, nhưng lại sợ kẻ thù. Lúc đó, phó tế Phêrô, thấy sự do dự của đồng bào mình, đã nói với họ như sau:

– Hỡi anh em, hãy lắng nghe những gì tôi sẽ nói với các bạn về Cha Nikandra vừa qua đời, vì chính tôi đã tận mắt chứng kiến cuộc đời đầy gian khổ và tu hành của vị tu sĩ cao niên này; không thể nào dùng lời nói của con người để kể hết mọi đức hạnh của vị cha này. Chính vị thánh nhân đã báo trước cho tôi về sự ra đi của ngài về với Chúa; Ngài đã tiên đoán rằng sự ra đi của Ngài sẽ xảy ra vào thời điểm quân Litva xâm lược; các anh em đừng sợ hãi hay lo lắng, nhưng hãy can đảm tiến lên và an táng thi hài cao quý của vị tu sĩ này, vì chính vị thánh nhân đã nói với tôi rằng Chúa Trời sẽ không phó các anh em vào tay kẻ thù, và điều ác sẽ không đụng đến các anh em.

Bằng lời nói của mình, Phêrô đã thuyết phục các đồng bào can đảm tiến vào sa mạc, nơi vị thánh nhân của Chúa đã tu hành một cách nhiệt thành suốt cuộc đời trần thế của ngài. Không ai cản trở, tất cả các công dân, từ giáo dân đến các linh mục, nam giới và phụ nữ, người già và người trẻ, đều đến sa mạc, đến nơi thi thể của vị thánh đã được lấp đất, và an táng ngài một cách trang trọng.

Thánh nhân Nicander đã sống 75 năm và 8 tháng. Trong suốt cuộc đời mình, ngài đã trung thành và chân thành phụng sự Chúa, để lại cho chúng ta gương mẫu về một cuộc sống tốt lành và đẹp lòng Chúa; chúng ta cũng hãy bước theo dấu chân ngài và luôn noi gương vị thánh nhân này trong sự nhẫn nại và khiêm nhường, để ngài ban xuống và ban cho sự giúp đỡ cùng sự che chở cho tất cả những ai với lòng tin kêu cầu: "Thánh phụ Nikandr kính mến, xin cầu nguyện cùng Chúa cho chúng con".

Năm 1585, một tu sĩ tên là Isaia, mong muốn noi gương Thánh Nikandros, đã đến nơi mà vị thánh nhân này từng sinh sống và tu hành. Trong một thời gian dài, Isaia bị bệnh ở chân, và cuối cùng, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Nikandros, ông đã được chữa lành khỏi căn bệnh của mình. Vị tu sĩ Isaia này đã xây dựng tu viện[6432] tại chính nơi Thánh Nikandra từng tu hành và quy tụ được một cộng đoàn tu sĩ đông đảo tại đó. Theo lời thỉnh cầu khẩn thiết của cộng đoàn, Isaia đã nhận chức Bề trên và được Đức Giám mục Alexander của Novgorod tấn phong làm Giám mục. Vị giám mục đã tận tâm chăm lo cho tu viện mới, cung cấp kinh phí cho tu viện và ra lệnh xây dựng một nhà thờ trên mộ của Thánh Nikandr để tôn vinh Lễ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh.

Bài thánh ca, giọng 4:

Tiếng nói Thần thánh, như trong Phúc Âm, Thánh Phụ Nikandra đã nghe: "Hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, hãy đến với Ta, Ta sẽ cho các ngươi được nghỉ ngơi", và ngài đã vác thập giá, theo chân Đức Kitô: Ngài đã từ bỏ thế gian, dấn thân vào sa mạc, nhờ sự kiêng khem và cầu nguyện, Ngài đã nhận được ân sủng từ trời, và

[6431] Stefan Batory là vua Ba Lan từ năm 1576 đến năm 1586.
[6432] Tu viện Blagoveshchenskaya Nikandrova, hiện không còn hoạt động, cách Porkhov 20 verst.

chữa lành linh hồn những người đau khổ đến với Ngài bằng lòng tin. Vì thế, hỡi vị thánh đáng kính, linh hồn Ngài đang hân hoan cùng các Thiên thần.

Bài ca Kondak, giọng 1:

Vì Chúa Kitô đã tỏ ra ngài như tia nắng mặt trời, hỡi vị thánh đáng kính: ngài chiếu sáng trên đất Nga bằng ân sủng của các phép lạ, và xua tan bóng tối của các đam mê cũng như nỗi buồn, cho những ai đến với ngài bằng lòng tin. Vì thế, chúng con tôn kính kỷ niệm của ngài, Cha Nikandr của chúng con, và kêu lên cùng ngài: Hãy vui mừng, vẻ đẹp của những người sống ẩn dật, và là niềm tự hào và sự củng cố của đất nước chúng con.

Ngày 8 tháng 10

Ngày 25 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Mẹ Thánh Euphrosyne

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 9

Từng có một người đàn ông tên là Paphnutius sống tại thành phố Alexandria. Ông giàu có, nổi tiếng, được kính trọng, kính sợ Đức Chúa Trời, tuân giữ các điều răn của Chúa và sống một cuộc đời thánh thiện. Vợ ông cũng là một người phụ nữ tốt bụng, đạo đức và kính sợ Chúa. Chỉ có một điều khiến họ phiền muộn: họ không có con; họ rất đau buồn vì điều này, bởi vì không có ai để lại tài sản cho họ, người mà sau khi họ qua đời có thể quản lý nó một cách tốt đẹp. Trong nỗi buồn vì không có con, họ không ngừng cầu xin Chúa ban cho họ một đứa con, họ hào phóng bố thí cho người nghèo, đóng góp nhiều cho nhà thờ và các tu viện; ngoài ra, họ còn ăn chay và cầu nguyện, thường xuyên đến các nhà thờ của Chúa và xin Ngài thực hiện mong ước của họ. Một lần nọ, Paphnutius đến một tu viện nào đó, nơi vị tu viện trưởng, theo như ông nghe nói, nổi tiếng vì đời sống thánh thiện; và ông cũng đã cúng dường một khoản lớn cho tu viện này. Trong cuộc trò chuyện với vị tu viện trưởng, Paphnutius đã nhận được sự an ủi từ ngài. Nhận ra rằng vị tu sĩ này được Chúa hài lòng, ông đã tâm sự với vị tu viện trưởng về nỗi buồn của mình, cụ thể là việc ông không có con cái. Với một cái cúi đầu kính cẩn, ông xin vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ trong tu viện cầu nguyện với Chúa cho ông, để Chúa ban cho ông một đứa con. Đức Chúa Trời toàn năng, Đấng nhân từ chấp nhận lời cầu nguyện của tất cả những ai thành tâm cầu khẩn và kêu cầu Ngài, đã nhậm lời cầu nguyện của vị tu viện trưởng và ban phước lành cho Pafnuti. Sau đó, tình trạng vô sinh của vợ ông được chữa lành, và Đức Chúa Trời đã ban cho họ một cô con gái vô cùng xinh đẹp. Cha mẹ, tràn ngập niềm vui vô bờ bến, đã dâng lên Đức Chúa Trời lời tạ ơn từ tận đáy lòng. Trong lễ rửa tội, đứa trẻ được đặt tên là Euphrosyne[6433] . Kể từ đó, Paphnutius thường xuyên ghé thăm tu viện đó, bố thí cho tất cả các tu sĩ, và dành tình yêu thương sâu sắc cho vị tu viện trưởng ấy vì những lời khuyên hữu ích của ông, cũng như vì nhờ những lời cầu nguyện của ông mà ông đã nhận được điều mình mong muốn từ Đức Chúa Trời. 12 năm sau khi Euphrosyne chào đời, mẹ cô đã qua đời; còn Paphnutius, như trước đây, vẫn tiếp tục dạy con gái mình về Kinh Thánh. Sau khi đã quen thuộc với Lời Chúa, thiếu nữ này đắm mình vào việc đọc các sách thánh một cách siêng năng. Trong khi đó, danh tiếng về sự khôn ngoan và vẻ đẹp của cô lan rộng khắp thành Alexandria. Vì vậy, nhiều quý tộc và những người có địa vị cao trong thành phố mong muốn con trai mình được lấy cô làm vợ, và họ đua nhau vội vã bày tỏ nguyện vọng đó với cha cô. Còn Paphnutius thì nói:

– Xin mọi sự được diễn ra theo ý Chúa!

Trong số những người cầu hôn Euphrosyne có một người đàn ông nổi bật hơn tất cả về sự cao quý, chức tước, giàu có và danh tiếng. Ông đã nài nỉ Paphnutius gả con gái cho con trai mình, và Paphnutius đã đồng ý. Sau khi thỏa thuận, họ đã ấn định ngày lễ cưới.

Trước khi đám cưới diễn ra, Paphnutius đã cùng con gái đến tu viện, nơi vị tu viện trưởng nói trên đang cư ngụ – người mà ông kính trọng như cha mình – và nói với ông ấy:

[6433] Thánh nữ Euphrosyne đã tu hành vào nửa đầu thế kỷ V.

– Thưa cha thánh, con đã đưa con gái của con đến đây, chính là cô con gái mà Thiên Chúa đã ban cho con nhờ những lời cầu nguyện của cha; con xin cha hãy cầu nguyện cho con bé, vì con muốn gả con bé đi.

Vị tu viện trưởng ban phước lành cho Euphrosyne, rồi bắt đầu trò chuyện với Pafnutius về sự cứu rỗi linh hồn, đồng thời dạy dỗ con gái ông về sự trong sạch, khiêm nhường, lòng kính sợ Thiên Chúa và tình yêu dành cho Đấng Tạo Hóa, cũng như khuyên nhủ cô thực hành việc bố thí. Tất cả những lời này đã thấm sâu vào lòng cô gái khôn ngoan và sáng suốt, lúc đó mới mười tám tuổi. Pafnutius đã ở lại nhà khách của tu viện cùng con gái mình trong ba ngày. Trong thời gian đó, Euphrosyne hàng ngày lắng nghe các bài đọc và thánh ca trong nhà thờ; cô ngạc nhiên khi chứng kiến những việc làm cao cả của các tu sĩ, và thầm nghĩ trong lòng:

– Phúc cho những người này, vì ngay cả khi còn ở trần gian này, họ đã sống như các Thiên thần, và trong cuộc sống mai sau, họ sẽ được ở cùng các Thiên thần.

Và cô khao khát được noi gương cuộc sống thánh thiện của họ. Ba ngày trôi qua, Paphnutius nói với vị tu viện trưởng:

– Chúng con muốn vào thành phố; xin cha cho chúng con ra đi bình an, thưa cha đáng kính.

Còn Euphrosyne thì quỳ xuống dưới chân vị tu viện trưởng và nói:

– Xin cha, xin cha cầu nguyện cho con, để Chúa cứu rỗi linh hồn con.

Vị tu viện trưởng ban phước lành cho cô và cầu nguyện với Chúa như sau:

– Lạy Chúa, Đấng biết trước số phận của mỗi con người ngay từ trước khi họ được sinh ra, xin ban cho tôi tớ của Ngài là người này được hưởng phần thưởng và sự báo đáp ngang bằng với tất cả những ai từ thuở xưa đã làm đẹp lòng Ngài.

Sau đó, sau khi cúi chào vị tu viện trưởng, Paphnutius cùng con gái trở về thành phố. Người đàn ông chính trực này kính trọng đời sống tu hành đến mức mỗi khi gặp một tu sĩ ở đâu đó trên đường hay trong thành phố, ông đều mời người ấy về nhà mình, tiếp đãi nồng hậu và xin người ấy cầu nguyện với Chúa cho ông và con gái ông.

Chẳng bao lâu sau, tại tu viện đó đến ngày tưởng niệm vị sáng lập, và vị tu viện trưởng đã cử một tu sĩ trong tu viện đi mời Pafnutiy, ân nhân của tu viện, đến dự lễ này. Tình cờ, vị tu sĩ được cử đi không gặp được Paphnutius ở nhà; Euphrosyne, khi biết có một tu sĩ đến nhà mình, đã gọi anh ta vào và bắt đầu hỏi xem trong tu viện của họ có bao nhiêu tu sĩ. Anh ta trả lời cô:

– Ba trăm năm mươi hai người.

Rồi bà hỏi anh ta:

– Nếu có ai đến tu viện của các anh và muốn sống cùng các anh, vị tu viện trưởng của các anh có nhận người đó không?

Nghe vậy, vị tu sĩ trả lời:

– Tất nhiên, ngài sẽ vui lòng nhận, nhớ theo lời Chúa: *"Ai đến với Ta, Ta sẽ không đuổi đi"* (Giăng 6:37).

Cô gái lại hỏi anh ta thêm một câu nữa:

– Mọi người có cùng hát và cùng ăn chay không?

– Vâng, chúng tôi hát cùng nhau, – vị tu sĩ trả lời, – còn việc ăn chay thì mỗi người tùy theo ý muốn và khả năng của mình.

Sau khi hỏi vị tu sĩ về mọi điều liên quan đến đời sống tu viện, cô gái nói với ông:

– Tôi cũng rất muốn bắt đầu một cuộc sống như vậy, nhưng tôi sợ sẽ trái lời cha mình, vì ngài muốn gả tôi đi, bị cuốn hút bởi sự giàu có hão huyền của thế gian này.

Vị tu sĩ nói với cô:

– Đừng mong muốn một mối quan hệ tạm bợ và chóng qua với một người phàm trần, mà hãy dâng hiến bản thân cho Chúa Kitô: Ngài sẽ ban cho con Nước Trời và được ở cùng các Thiên Thần, thay vì tất cả những của cải chóng qua và hư ảo. Hãy lén lút rời khỏi nhà và đến tu viện, bỏ lại những bộ quần áo thế gian, mặc áo tu sĩ để không ai nhận ra con.

Thánh Euphrosyne rất vui mừng khi nghe những lời của vị tu sĩ này, và hỏi ông:

– Ai sẽ cạo đầu cho con?

Ông ta đáp lại:

– Cha của con sẽ đến tu viện của chúng tôi và ở lại đó ba hoặc bốn ngày, còn trong thời gian đó, con hãy gọi một tu sĩ nào đó đến: ông ấy sẽ vui lòng thực hiện mong muốn của con và cạo đầu cho con.

Trong lúc họ đang trò chuyện với nhau như vậy, Paphnutius đến và, khi thấy vị tu sĩ mặc áo đen, đã hỏi ông:

– Điều gì đã thúc đẩy cha đến với chúng con, thưa cha?

Vị tu sĩ trả lời:

– Sắp đến ngày kỷ niệm vị sáng lập tu viện của chúng tôi, và vị tu viện trưởng xin ngài đến với chúng tôi để tham dự lễ kỷ niệm; nhờ đó, ngài sẽ nhận được ân sủng từ Thiên Chúa.

Pafnutius vui vẻ đồng ý đi cùng vị tu sĩ về tu viện và mang theo nhiều lễ vật dành cho nhà thờ tu viện và các tu sĩ. Trong lúc ông vắng mặt, con gái ông, thánh Euphrosyne, gọi một trong những người hầu trung thành của mình đến và nói với anh ta:

– Hãy đến tu viện của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, vào nhà thờ ở đó và gọi cho tôi vị tu sĩ đầu tiên mà anh gặp.

Người đầy tớ ấy, nhờ sự an bài đặc biệt của Thiên Chúa, đã gặp một tu sĩ đang mang những món đồ thủ công từ tu viện ra để bán; anh ta xin tu sĩ đi cùng mình đến nhà chủ, và tu sĩ đã đồng ý. Thánh Euphrosyne, khi thấy vị tu sĩ đáng kính, liền bước ra đón và cúi đầu chào ngài, xin ngài cầu nguyện cho mình. Vị tu sĩ đã cầu nguyện, ban phước lành cho cô, rồi cả hai cùng ngồi xuống. Cô trinh nữ thánh thiện bắt đầu nói với ông như sau:

– Thưa ngài, cha tôi là một Kitô hữu và là tôi tớ trung thành của Chúa, còn mẹ tôi thì đã qua đời. Cha tôi, người sở hữu gia tài khổng lồ, muốn gả tôi đi để tránh việc tất cả của cải của ngài bị tiêu tan; còn tôi thì không muốn làm ô uế bản thân bởi những lo toan trần tục, nhưng lại sợ không vâng lời cha mình, nên không biết phải làm sao. Cả đêm qua, con đã thức trắng, khẩn cầu Chúa ban cho con ân sủng của Ngài. Khi bình minh ló rạng, con muốn mời một vị tu sĩ đến gặp con, để được nghe lời răn dạy và chỉ dẫn từ ngài về cách con nên hành động. Con xin thưa, thưa cha, xin hãy dạy con con đường của Chúa, vì con biết rằng cha được Chúa sai đến với con.

Rồi vị tu sĩ già bắt đầu dạy dỗ cô như sau:

– Chúa phán trong Phúc Âm thánh: *"Ai đến với Ta mà không ghét bỏ cha mẹ, vợ con, anh em chị em, và cả chính mạng sống mình, thì không thể làm môn đệ Ta được"* (Lc 14,26). Tôi không biết phải nói gì thêm với con ngoài điều này. Nếu con có thể chịu đựng được cuộc chiến chống lại xác thịt, thì hãy bỏ lại tất cả và chạy trốn khỏi thế gian này, như dân Y-sơ-ra-ên đã chạy trốn khỏi những công việc của Pha-ra-ôn. Còn những người thừa kế gia tài của cha con thì rất nhiều: các nhà thờ, tu viện, bệnh viện, nhà trọ, trẻ mồ côi, góa phụ, người lữ hành, những người bị giam cầm trong ngục tối và những người bị bắt làm tù binh. Cha con có thể phân phát tài sản cho ai tùy ý, còn bản thân con hãy lo cho linh hồn mình.

Nghe vậy, cô gái nói với ngài:

– Con đặt niềm tin vào Chúa và vào những lời cầu nguyện của cha, thưa cha, vì con nghĩ rằng, với sự giúp đỡ từ trên cao, con sẽ dâng hiến bản thân cho Chúa.

– Đừng chần chừ với ý định này, con gái của ta, – vị tu sĩ già đáp lại, – vì ai trì hoãn việc thực hiện một việc làm đẹp lòng Chúa, thì thường sau này sẽ hối hận vì sự chậm trễ đó; bây giờ chính là lúc để ăn năn.

Thánh Euphrosyne nói với vị tu sĩ già:

– Chính vì thế mà con đã xin cha đến gặp con; con muốn cha thực hiện ước nguyện trong lòng con, và sau khi cầu nguyện cho con, xin cha ban phước và cạo đầu cho con.

Lúc đó, vị tu sĩ đứng dậy, cầu nguyện và, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, đã cạo đầu cho Euphrosyne để bà trở thành tu sĩ, đồng thời trao cho bà áo tu sĩ. Khi làm điều này, ngài nói với bà:

– Chúa, Đấng đã ban ơn cứu rỗi cho tất cả các thánh của Ngài, xin hãy gìn giữ con khỏi mọi điều ác.

Sau đó, ngài trở về tu viện của mình, vui mừng và ngợi khen Đức Chúa Trời. Trong khi đó, Euphrosyne bắt đầu suy ngẫm trong lòng:

– Nếu tôi vào tu viện nữ, cha tôi sẽ tìm thấy tôi ở đó, ép tôi phải rời tu viện và kết hôn; vì vậy, tốt hơn hết là tôi nên đến tu viện nam, nơi không ai nhận ra tôi.

Quyết tâm thực hiện ý định của mình, vào tối muộn, cô mặc quần áo nam giới và lén lút rời khỏi nhà, chỉ mang theo năm mươi đồng vàng, rồi ẩn náu ở một nơi nào đó trong đêm đó. Sáng hôm sau, cha cô đến thành phố và, theo sự sắp đặt đặc biệt của Đức Chúa Trời, ông lập tức đến nhà thờ. Còn Euphrosyne thì lui về tu viện đó, nơi mọi người đều biết cha cô. Khi đến cổng tu viện, cô gõ cửa và nói với người gác cổng:

– Hãy đi báo với vị tu viện trưởng rằng có một hoạn quan tên là[6434] từ hoàng cung đã đến, đang đứng trước cổng và muốn trò chuyện với ngài.

Khi vị tu viện trưởng bước ra, Euphrosyne quỳ xuống đất và cúi đầu chào ngài. Ngài đỡ cô dậy và cầu nguyện theo nghi thức, sau đó cả hai cùng ngồi xuống. Rồi ngài bắt đầu hỏi cô:

– Tại sao, con yêu, con lại đến đây với chúng ta?

Euphrosyne trả lời ngài:

– Thưa Cha, con từng phục vụ với tư cách là hoạn quan trong hoàng cung và rất yêu mến đời sống tu hành, nhưng không tìm thấy trong thành phố điều mà linh hồn con đang tìm kiếm. Khi biết về đời sống tu hành của các tu sĩ trong tu viện của Cha, con đã đến ngôi tu viện thánh thiện này, mong muốn cùng các vị tu hành.

Nghe vậy, vị tu viện trưởng đáp:

– Con đã làm rất đúng khi đến với chúng ta, hỡi con. Nếu con muốn sống trong tu viện của chúng ta, thì hãy ở lại đây.

Sau đó, ngài hỏi: "Tên con là gì?" Euphrosyne trả lời rằng tên cô là Izmaragd.

– Con Izmaragd ơi, – vị tu viện trưởng nói với cô, – con còn trẻ nên không thể sống một mình trong phòng tu; con cần có một vị thầy tâm linh để hướng dẫn con trong đời sống tu hành, dạy con về nội quy tu viện và tất cả các nghi thức.

Nghe vậy, cô gái trẻ đáp:

– Xin cha sắp xếp cho con theo ý cha.

Cùng lúc đó, cô lấy ra năm mươi đồng vàng, đưa cho vị tu viện trưởng và nói:

– Xin cha hãy nhận lấy số tiền này; sau này, tất cả tài sản còn lại của con ở thành phố, con sẽ hiến dâng cho tu viện.

Vị tu viện trưởng gọi một vị tu sĩ tên là Agapit, một người sống đời thánh thiện, và giao Izmaragda cho ông với những lời sau:

– Từ nay trở đi, chàng trai này sẽ là con tinh thần và đệ tử của ngươi; hãy dạy dỗ chàng về các đức tính, để chàng còn vượt qua cả người thầy của mình.

Sau khi cầu nguyện sốt sắng với tư thế quỳ gối, vị tu sĩ già Agapit đưa Izmaragd về phòng tu của mình và dạy dỗ cậu về đời sống tu hành. – Tu sĩ mới có khuôn mặt rất đẹp; mỗi khi anh ta đến nhà thờ dự Thánh lễ, ma quỷ lại gieo rắc những ý nghĩ ô uế vào tâm trí nhiều tu sĩ, làm tổn thương trái tim họ bởi vẻ đẹp của tu sĩ mới; vì thế, các tu sĩ than phiền với vị Bề trên, nói rằng:

– Tại sao ngài lại đưa một tu sĩ đẹp trai như vậy vào tu viện để cám dỗ những tu sĩ yếu đuối nhất?

Nghe vậy, vị tu viện trưởng gọi Izmaragd đến và nói với anh ta:

– Nhìn thấy vẻ đẹp của con, những tu sĩ yếu đuối nhất trong cộng đoàn bị cám dỗ; vì vậy, tốt hơn là con nên ở một mình trong phòng tu, tu tập trong sự im lặng và cầu nguyện, và không đến nhà thờ. Vị hướng dẫn tinh thần của con sẽ mang thức ăn đến phòng tu của con, để con không cần phải ra khỏi đó.

Euphrosyne đáp:

– Con sẽ làm theo lời cha dạy.

Vị Trưởng tu viện ra lệnh cho Agapit chuẩn bị một phòng tu riêng cho Izmaragd; Agapit tuân theo ý muốn của vị Trưởng tu viện và dẫn Izmaragd vào phòng tu đó, nơi anh bắt đầu dành thời gian để cầu nguyện, ăn chay và thức trắng đêm, ngày đêm phụng sự Thiên Chúa với lòng trong sạch. Thánh Agapit ngạc nhiên trước những công đức và nỗ lực của anh ta, và kể lại những điều đó cho toàn thể anh em trong tu viện để làm gương; các anh em thì học hỏi từ những công đức ấy và ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho vị tu sĩ trẻ tuổi ấy sức mạnh như vậy.

Trong khi đó, Paphnutius, cha của Euphrosyne, khi trở về nhà, vội vã bước vào phòng con gái mình và, không thấy cô ở đó, bắt đầu vô cùng đau khổ và buồn bã; ông giận dữ hỏi các nô lệ nam và nữ của mình rằng đã xảy ra chuyện gì với Euphrosyne, cô đã đi đâu. Các người hầu trả lời ông:

– Tối qua chúng tôi vẫn còn thấy cô ấy, nhưng hôm nay cô ấy chưa xuất hiện trước mặt chúng tôi, nên chúng tôi nghĩ có lẽ cha của vị hôn phu đã mời cô ấy đến nhà ông ấy.

Paphnutius sai các đầy tớ đến nhà vị hôn phu của con gái mình, nhưng cũng không tìm thấy cô ấy ở đó. Cả vị hôn phu lẫn cha của anh ta, khi nghe tin Euphrosyne mất tích, đều vô cùng đau buồn; khi đến gặp Paphnutius, họ thấy ông đang chìm trong nỗi đau đớn tột cùng, nằm trên đất và khóc nức nở.

– Có ai dụ dỗ cô ấy không, hay có ai bỏ trốn cùng cô ấy không? – họ hỏi ông.

Ngay lập tức, họ cử các kỵ sĩ đi khắp thành Alexandria để tìm Euphrosyne; họ tìm cô ấy ở các nhà hàng xóm, trên các con đường, bên bờ biển, và trên các con tàu; họ đã đi qua nhiều tu viện nữ, đồng ruộng, sa mạc, núi non và hang động – họ tìm kiếm con gái của người cha đau khổ khắp mọi nơi. Không tìm thấy cô ở đâu cả, những người được cử đi đã trở về trong nỗi đau buồn. Và tất cả đều khóc thương cô như thể cô đã qua đời. Chú rể khóc

nức nở vì cô dâu của mình, cha vợ thương xót con dâu, còn người cha thì rơi những giọt nước mắt đắng cay vì con gái mình, giống như xưa kia Gia-cốp đã khóc vì Giô-sép, và ông thốt lên những lời đau thương như sau:

– Ôi, con yêu quý của cha! Ôi, ánh sáng trong mắt cha! Ôi, niềm an ủi của tâm hồn cha! Ai đã cướp đi báu vật của cha? Ai đã làm khô héo cành cây của cha? Ai đã dập tắt ngọn đèn của cha? Ai đã cướp đi hy vọng của cha? Ai đã làm nhục con gái cha? Con sói nào đã xé xác con cừu non của ta? Nơi nào đã che giấu khuôn mặt rạng rỡ của con khỏi ta? Con lẽ ra đã là người nối dõi dòng dõi của ta, là điểm tựa cho tuổi già của ta, là nguồn an ủi trong những nỗi buồn của ta. Xin đừng để đất chôn vùi thi thể ta cho đến khi ta biết được điều gì đã xảy ra với con gái ta, Euphrosyne!

Tất cả bạn bè và hàng xóm tụ tập tại nhà Paphnutius cũng than khóc và khóc lóc thảm thiết cùng ông trước cái chết bất ngờ của con gái ông. Không tìm thấy sự an ủi nào cho nỗi buồn của mình, Paphnutius đến tu viện, nơi con gái ông đang tu hành trong khu kín, và quỳ xuống dưới chân vị tu viện trưởng, ông nói:

– Thưa Cha, xin đừng ngừng cầu nguyện với Chúa để Ngài lắng nghe những lời cầu nguyện của con, vì con không biết điều gì đã xảy ra với con gái con – liệu có ai bắt cóc cô ấy hay cô ấy đã qua đời theo một cách nào khác.

Nghe những lời này, vị tu sĩ đáng kính ấy rất bối rối, liền tập hợp toàn thể các tu sĩ lại và nói:

– Hỡi các anh em, hãy thể hiện tình yêu thương, hãy cầu nguyện cùng Chúa, để Ngài thương xót và cho chúng ta biết số phận của con gái người bạn và ân nhân của chúng ta, Paphnutius.

Suốt một tuần liền, các tu sĩ ăn chay và cầu nguyện, nhưng họ không nhận được bất kỳ sự mặc khải nào, như đã từng xảy ra với những lời cầu xin khác của họ; bởi vì ngày đêm, Euphrosyne đều cầu nguyện với Chúa, xin Ngài đừng tiết lộ về cô cho bất kỳ ai trong cuộc đời trần thế này, và những lời cầu nguyện của cô mạnh mẽ hơn cả những lời cầu nguyện của toàn thể cộng đoàn.

Không nhận được bất kỳ sự mặc khải nào về Euphrosyne, vị tu viện trưởng bắt đầu an ủi Pafnutius bằng những lời sau:

– Con ơi, *"đừng coi thường sự sửa phạt của Chúa… Vì Chúa sửa phạt ai thì Ngài yêu thương người ấy"* (Hê-bơ-rơ 12:5, 6). Nếu không có ý muốn của Chúa thì không một con chim nào rơi xuống đất, huống chi là con gái của con. Ta nghĩ rằng con bé đã chọn phần phúc lành; và vì thế, chúng ta không nhận được sự mặc khải nào từ Đức Chúa Trời về con bé. Nếu cô ấy sa vào tội lỗi (xin đừng để điều đó xảy ra!), thì Đức Chúa Trời sẽ không phớt lờ công lao cầu nguyện vĩ đại của toàn thể anh em trong tu viện chúng ta, và Ngài sẽ cho chúng ta biết về cô ấy; còn tôi thì hy vọng rằng ngay trong cuộc đời trần thế này, Đức Chúa Trời sẽ cho anh biết về cô ấy.

Paphnutius được an ủi phần nào bởi những lời ấy và trở về nhà, tạ ơn Chúa. Mỗi ngày, ông siêng năng cầu nguyện với Chúa và bố thí hào phóng cho người nghèo. Sau vài ngày, ông lại đến thăm tu viện và xin các tu sĩ cầu nguyện cho mình. Một lần nọ, khi gặp vị tu viện trưởng, ông cúi đầu chào và nói:

– Xin cha cầu nguyện cho con, thưa cha, vì nỗi đau buồn về con gái con vẫn chưa nguôi; tâm hồn con chưa được an ủi chút nào, vết thương trong lòng con ngày càng sâu thêm, và mỗi ngày nỗi đau buồn của con lại càng gia tăng.

Vị tu viện trưởng, thấy nỗi buồn sâu sắc của ông, đã an ủi ông bằng mọi cách; trong một lần trò chuyện với ông, ngài nhớ đến Izmaragd và nói:

– Chúng ta có một tu sĩ đang sống một cuộc đời rất khắc khổ; ngài đến với chúng ta từ cung điện của Hoàng đế Theodosius[6434] , và tất cả chúng ta đều ngạc nhiên trước cuộc sống thánh thiện của ngài. Anh có muốn trò chuyện với ngài không? Biết đâu, anh sẽ nhận được ít nhất một chút an ủi từ cuộc trò chuyện này, vì ngài tràn đầy Thánh Thần.

– Vâng, tôi muốn, – Paphnutius đáp.

Lúc đó, vị tu viện trưởng, không biết rằng Izmaragd chính là con gái của Pafnutius, đã gọi Agapit đến và nói với ông:

– Hãy dẫn Pafnuti đến gặp Izmaragd để anh ấy trò chuyện với cô ấy.

Agapit và Pafnuti bước vào phòng của Izmaragd; khi Euphrosyne nhìn thấy cha mình, cô nhận ra ông và bật khóc; còn Pafnutius thì nghĩ rằng cô khóc vì xúc động khi cầu nguyện, nhưng ông không thể nhận ra cô, bởi vì do sự kiêng khem nghiêm ngặt và những giờ cầu nguyện suốt đêm, sắc mặt cô đã tiều tụy, hơn nữa chính Euphrosyne cũng cố ý che mặt bằng chiếc mũ tu sĩ để không ai nhận ra cô. Sau khi cầu nguyện xong, cả hai cùng

[6434] Ở đây tất nhiên là nói đến Theodosius II (408–450).

ngồi xuống, và Izmaragd bắt đầu cuộc trò chuyện với Pafnutius, nói với ông về Nước Trời, về vinh quang vĩnh cửu mà con người có thể đạt được nhờ sự khiêm nhường, sự trong sạch, sự thánh thiện, lòng bác ái và tình yêu thương; ông cũng nói với ông về việc từ bỏ thế gian và rằng không nên yêu thương con cái hơn cả Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của vạn vật; ông trích dẫn lời của Thánh Tông Đồ rằng *"từ sự đau khổ sinh ra sự kiên nhẫn, từ sự kiên nhẫn sinh ra kinh nghiệm"* (Rô-ma 5:3–4). Thấy nỗi đau khổ lớn lao của cha mình, Izmaragd chia buồn và an ủi ông, nói:

– Hãy tin tôi: Đức Chúa Trời sẽ không bỏ rơi cha. Bởi vì nếu con gái cha đang đi trên con đường hư mất, thì Chúa đã cho cha biết về cô ấy, nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh tổ, những người đã cầu nguyện hết lòng về điều đó; không, tôi tin chắc rằng con gái cha đã vâng lời Đấng Thầy Tốt Lành, Đấng đã phán trong Phúc Âm: *'Ai yêu cha hay mẹ hơn Ta thì không xứng đáng với Ta; ai không từ bỏ mọi sự mình có thì không thể làm môn đệ Ta* được' (Mt 10,37; Lc 14,33). Chúa có thể cho anh thấy con gái anh ngay trong cuộc đời này. Vì vậy, hãy ngừng than khóc. Tại sao anh lại tự hành hạ mình bằng nỗi buồn? Ngược lại, hãy tạ ơn Thiên Chúa về mọi sự và đừng mất hy vọng, vì chính tôi, khi thầy của tôi là Agapit báo cho tôi biết về sự đến của bạn tại tu viện và về nỗi buồn của bạn, đã siêng năng cầu nguyện với Thiên Chúa, để Ngài ban cho bạn sự kiên nhẫn và can đảm, sắp xếp mọi sự vì lợi ích của bạn và con gái bạn, và an ủi bạn. Tôi tin chắc rằng Đức Chúa Trời, Đấng ban mọi sự an ủi, sẽ không để chị phải sống trong nỗi buồn đến cuối cùng: dù có thể không phải ngay lập tức, nhưng Ngài sẽ cho chị biết về số phận của con gái chị, người mà chị đang lo lắng đến vậy.

Sau đó, Euphrosyne, lo sợ cha mình có thể nhận ra cô vì đã trò chuyện với ông quá lâu, bèn nói với Paphnutius:

– Thưa ngài, giờ ngài hãy về nhà bình an.

Nghe những lời ấy, Paphnutius vừa khóc vừa vui mừng, vì lòng ông bừng cháy tình yêu tự nhiên dành cho Izmaragd và ông đã thu được nhiều lợi ích từ những cuộc trò chuyện với ông ấy; sau đó, ông đến gặp vị tu viện trưởng và nói với ngài:

– Chỉ có một mình Đức Chúa Trời mới biết, thưa cha, tôi đã được lợi ích gì từ vị tu sĩ này, và nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, những lời của ngài đã lấp đầy trái tim tôi bằng niềm vui, như thể tôi vừa tìm thấy đứa con yêu quý của mình vậy.

Sau đó, Paphnutius, sau khi xin tất cả các tu sĩ cầu nguyện cho mình, đã trở về nhà. – Còn Izmaragd thì sống tại tu viện đó ba mươi tám năm, sống một cuộc đời thánh thiện; sau khoảng thời gian đó, ngài mắc phải một căn bệnh nặng, và sau đó đã dâng linh hồn mình lên Chúa. Ngay trước khi ông qua đời, Paphnutius lại đến tu viện để thờ phượng và thăm các tu sĩ. Sau cuộc trò chuyện thông thường với vị tu viện trưởng, ông nói với ngài:

– Thưa Cha, nếu có thể, xin cho con được gặp anh em Izmaragd, vì con rất yêu mến anh ấy.

Vị tu viện trưởng gọi Agapit đến và giao cho ông ta dẫn Pafnutius đến gặp Izmaragd. Khi Pafnutius bước vào phòng của anh ta và thấy Izmaragd đang nằm trên giường trong cơn bệnh nặng, ông liền quỳ xuống bên giường anh ta và nói trong những giọt nước mắt đắng cay:

– Ôi, khốn khổ cho tôi! Những lời ngọt ngào của anh đâu rồi, những lời hứa của anh rằng tôi sẽ được gặp lại con gái đã mất của tôi đâu rồi? Này, không những tôi không được gặp con bé, mà giờ đây tôi còn mất cả anh, người an ủi tôi. Ôi, khốn khổ cho tôi! Giờ đây ai sẽ an ủi tuổi già của tôi? Tôi sẽ đi tìm ai, và ai sẽ là niềm an ủi trong nỗi buồn của tôi? Ta khóc và đau đớn tận đáy lòng vì phải xa cách ngươi; đã ba mươi tám năm rồi, ta không được gặp con gái mình và cũng không nhận được tin tức gì về nó từ đâu cả, và giờ đây, người thân yêu của ta, Izmaragd, cũng đang rời xa ta – Izmaragd, người mà ta đã vui mừng biết bao, như thể ta đã tìm lại được con gái đã mất của mình vậy. Vậy giờ đây tôi còn có thể mong đợi điều gì? Tôi có thể tìm thấy sự an ủi ở đâu? Tôi chỉ còn một lựa chọn duy nhất: mang nỗi buồn này xuống mồ!

Thấy Paphnutius khóc lóc thảm thiết, Izmaragd nói với ông:

– Sao ngươi lại bối rối và đau khổ vì nỗi buồn quá lớn như vậy? Chẳng phải bàn tay của Chúa là mạnh mẽ sao? Hay có điều gì là không thể đối với Đức Chúa Trời? Vậy thì, đừng buồn nữa. Hãy nhớ rằng, ngày xưa Chúa đã cho Gia-cốp thấy Giô-sép còn sống, người mà ông đã khóc than như thể đã chết; chính Đức Chúa Trời ấy cũng sẽ an ủi anh. Bây giờ, tôi chỉ xin anh một điều: hãy ở lại đây ba ngày và đừng rời xa tôi.

Paphnutius ở lại tu viện và trong lòng suy ngẫm như sau:

– Liệu Chúa có tiết lộ cho Izmaragd điều gì về con gái tôi không?

Cuối cùng, ngày thứ ba cũng đến, và Euphrosyne, người đã nhận được sự mặc khải về thời điểm mình sẽ về với Chúa, đã gọi cha mình là Paphnutius đến và nói với ông:

– Đức Chúa Trời Toàn Năng đã sắp đặt số phận của con theo ý Ngài và thực hiện mong muốn của con; giờ đây con đã hoàn thành những công việc thánh thiện của mình, đã đi qua con đường tu hành không phải bằng sức lực của chính con, mà nhờ sự giúp đỡ của Đấng đã bảo vệ con giữa những cạm bẫy của kẻ thù; con không muốn cha phải buồn rầu vì con gái của cha nữa. Con là Euphrosyne, con gái của cha, còn cha là cha của con. Con chính là người mà cha đang tìm kiếm. Vì tình yêu dành cho Thiên Chúa, con đã từ bỏ cha, người cha của con, cả gia tài lẫn vị hôn phu tạm thời, và đến đây, giấu kín thân phận phụ nữ của mình. Giờ đây con xin cha: xin đừng để ai khác ngoài cha tắm rửa thi thể con; con còn khẩn cầu cha, hãy thực hiện lời hứa mà con đã hứa với vị trụ trì tu viện này: khi con xin ngài cho con vào đây, con đã nói rằng con có một gia tài lớn mà con định hiến dâng cho tu viện này; vì vậy, xin cha hãy thực hiện lời hứa của con, mang phần tài sản còn lại vào tu viện này và cầu nguyện cho con.

Sau những lời ấy, Euphrosyne đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Nghe hết những điều này và thấy con gái mình đã qua đời, Paphnutius vì sợ hãi và đau buồn tột độ nên ngã quỵ, nằm bất động trên mặt đất như người chết. Khi Agapit đến và thấy rằng Izmaragd đã qua đời, còn Pafnutiy thì gần như đã chết, ông đã dội nước lên mặt Pafnutiy, đỡ ông dậy khỏi mặt đất và hỏi:

– Anh sao rồi, Pafnutius?

Ông ta đáp lại như sau:

– Hãy để tôi chết ở đây, vì tôi đã chứng kiến một phép lạ kỳ diệu.

Sau đó, Paphnutius đứng dậy khỏi mặt đất và cúi xuống bên mặt người đã khuất, khóc lóc thảm thiết và nói:

– Ôi, con yêu quý của cha, sao con không tỏ lộ cho cha biết trước giờ phút này; Ôi, cha ước gì được chết cùng con! Thật đau lòng khi con đã giấu diếm cha, con gái yêu quý của cha! Thật tốt lành khi con đã thoát khỏi những cái bẫy của kẻ thù, lánh xa sự hão huyền của thế gian này và bước vào cuộc sống vĩnh cửu!

Lắng nghe những lời của Paphnutius, Agapit đã hiểu được bí mật kỳ diệu này; ông kinh hoàng và lập tức đi báo tin cho vị tu viện trưởng; vị này ngay lập tức vội vã đến đó, quỳ xuống trước thi hài thánh thiện của Euphrosyne và trong tiếng nức nở, bắt đầu nói:

– Euphrosyne, cô dâu của Chúa Kitô và trinh nữ thánh thiện, xin đừng quên các đồng đạo của chị và tu viện này, nhưng hãy cầu nguyện cho chúng con cùng Chúa Giêsu Kitô, để Ngài ban ơn cho chúng con, sau những việc lành, được đạt đến sự cứu rỗi và được ở cùng các thánh của Ngài.

Sau đó, vị tu viện trưởng ra lệnh tập hợp toàn thể anh em tu sĩ để an táng thi hài thánh thiện của bà với sự tôn kính xứng đáng. Khi tất cả các tu sĩ đã tập hợp và chứng kiến phép lạ kỳ diệu này, họ đã ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã tỏ lộ quyền năng vững chắc của Ngài trong thân xác yếu đuối. Có một tu sĩ trong cộng đoàn bị mù một mắt. Anh ta đến trước di cốt của vị thánh nữ và trong nước mắt, anh ta hôn lên thi hài thánh thiện của bà – và ngay lập tức, mắt anh ta mở ra, và anh ta nhìn thấy được. Chứng kiến sự chữa lành này, toàn thể cộng đoàn đã ca ngợi lòng thương xót của Thiên Chúa, tôn vinh vị thánh nữ Euphrosyne và lấy cuộc đời thánh thiện của bà làm gương sáng. Sau đó, họ an táng bà tại nơi an nghỉ của các vị thánh tổ tiên – những vị tu sĩ khổ hạnh – và với niềm vui thiêng liêng, họ đã cử hành lễ tưởng niệm cho bà. Còn cha của bà, Paphnutius, trở về nhà, phân phát tài sản của mình cho các nhà thờ và tu viện, cho người nghèo và khách lữ hành, còn phần lớn tài sản còn lại, ông dâng cho tu viện đó để phục vụ nhu cầu của tu viện, và chính ông cũng xuất gia tại đó. Ông xin được ở trong căn phòng của con gái mình và sống một cuộc đời thánh thiện trong mười năm; sau khoảng thời gian đó, ngài đã qua đời trên chính tấm chiếu mà con gái ngài, Thánh nữ Euphrosyne, cũng đã qua đời. Ngài được an táng một cách trang trọng bên cạnh con gái, và người ta đã thiết lập việc hàng năm cử hành lễ tưởng niệm hai người để tôn vinh Chúa Ba Ngôi Chí Thánh: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa kỳ diệu trong các thánh của Ngài. Vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Khao khát được hưởng cuộc sống vĩnh cửu, ngài đã cẩn thận từ bỏ những niềm vui trần thế[6435] , và tự hòa mình vào giữa các nam tu sĩ, hỡi người đẹp nhất: vì Chúa Kitô, vị hôn phu của ngài, mà ngài đã không màng đến mối quan hệ hôn nhân tạm thời.

Cuộc đời và các phép lạ của vị Thánh Cha đáng kính và thánh thiện của chúng ta, Thánh Sergius, vị Thánh làm phép lạ ở Radonezh[6435]

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 9

Thánh phụ Sergius, vị thánh đáng kính và đầy ân sủng của chúng ta, sinh ra tại vùng Rostov, là con của hai bậc cha mẹ đạo đức là Cyril và Maria[6436] . Ngay từ khi còn trong bụng mẹ, Thiên Chúa đã chọn ngài để phục vụ Ngài. Không lâu trước khi ngài chào đời, vào một ngày Chủ nhật, theo thói quen, mẹ ngài đã đến nhà thờ dự Thánh lễ. Trước khi bắt đầu đọc Phúc Âm, đứa trẻ trong bụng bà đã khóc thét lên rất to, đến nỗi tất cả những người đang đứng trong nhà thờ đều nghe thấy tiếng khóc của em; trong lúc hát bài ca Cherubim, đứa trẻ lại kêu lên lần thứ hai; và khi linh mục cất lời "Thánh là Thánh", – lần thứ ba tiếng kêu của đứa trẻ lại vang lên từ trong bụng mẹ. Từ đó, mọi người đều hiểu rằng một ngọn đèn sáng chói cho thế gian và một vị tôi tớ của Thánh Ba Ngôi sẽ ra đời. Giống như Thánh Gioan Tiền Hô đã vui mừng nhảy múa trong bụng Đức Mẹ (Lc 1,41), em bé này cũng nhảy múa trước mặt Chúa trong thánh đường thánh thiêng của Ngài. Trước phép lạ này, mẹ của vị thánh đã bị bao trùm bởi sự sợ hãi và kinh hoàng; tất cả những ai nghe thấy tiếng nói ấy cũng đều vô cùng ngạc nhiên. Khi ngày sinh nở đến, Thiên Chúa đã ban cho Maria một người con trai, người ta đặt tên cho em là Bartholomew. Ngay từ những ngày đầu tiên của cuộc đời, đứa trẻ đã tỏ ra là một người ăn chay nghiêm ngặt. Cha mẹ và những người xung quanh đứa trẻ bắt đầu nhận thấy rằng vào các ngày thứ Tư và thứ Sáu, em không bú sữa mẹ; em cũng không bú sữa mẹ vào những ngày khác khi bà tình cờ ăn thịt; nhận thấy điều này, người mẹ đã hoàn toàn từ bỏ việc ăn thịt.

Khi lên bảy tuổi, Bartholomew được cha mẹ gửi đi học chữ; cùng học với cậu còn có hai anh em trai, anh cả là Stephen và em út là Peter. Các em học rất giỏi và tiến bộ vượt bậc, còn Bartholomew thì tụt lại rất xa so với các em: việc học đối với cậu rất khó khăn, và mặc dù thầy giáo dạy cậu rất tận tâm, cậu vẫn tiến bộ rất ít.

Điều này là theo ý định của Đức Chúa Trời, để đứa trẻ nhận được trí tuệ học vấn không phải từ con người, mà từ Đức Chúa Trời. Bartholomew rất buồn bã vì điều đó, cậu đã cầu nguyện nồng nhiệt và rơi lệ, xin Đức Chúa Trời ban cho cậu sự hiểu biết về chữ viết. Và Đức Chúa Trời đã đáp lại lời cầu nguyện phát xuất từ tận đáy lòng của cậu thiếu niên đạo đức này.

Một lần, cha cậu sai Bartholomew đi tìm ngựa; đã quen tuân theo ý muốn của cha mẹ một cách không do dự, cậu bé lập tức lên đường; nhiệm vụ này càng hợp ý cậu hơn, vì cậu luôn yêu thích sự cô độc và tĩnh lặng. Con đường cậu đi qua khu rừng; tại đó, cậu gặp một vị tu sĩ, hay đúng hơn là một Thiên thần do Chúa sai đến dưới hình dạng một tu sĩ; ngài đang đứng giữa rừng và dâng lời cầu nguyện. Bartholomew tiến lại gần vị tu sĩ già, cúi đầu chào ngài, rồi đứng chờ cho đến khi ngài kết thúc lời cầu nguyện. Khi kết thúc, vị tu sĩ già ban phước lành cho cậu thiếu niên, hôn lên má cậu và hỏi cậu cần gì.

Bartholomew trả lời:

– Thưa cha, con đang theo học chữ, nhưng con hiểu rất ít những gì thầy dạy; con rất buồn vì điều này và không biết phải làm sao.

Nói xong, cậu bé xin vị tu sĩ cầu nguyện cho mình trước Chúa. Vị tu sĩ đã đáp ứng lời thỉnh cầu của Bartholomew. Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, ngài ban phước lành cho cậu bé và nói:

– Từ nay trở đi, Chúa sẽ ban cho con, con yêu quý của ta, sự hiểu biết những điều cần thiết, để con có thể dạy dỗ người khác.

Nói xong, vị tu sĩ già lấy ra một chiếc bình nhỏ và đưa cho Bartholomew một mẩu bánh thánh; ông bảo cậu nếm thử, nói:

– Hãy nhận lấy, con ơi, và ăn đi; điều này được ban cho con như một dấu hiệu của ân sủng Thiên Chúa và để con hiểu được Kinh Thánh. Đừng để ý rằng miếng bánh này quá nhỏ: niềm vui của con sẽ rất lớn nếu con nếm thử nó.

[6435] Được biên soạn dựa trên cuốn "Cuộc đời của Thánh Sergius", do đệ tử của ngài là Thánh Epiphanius viết vào thế kỷ XV, cùng với các tài liệu tham khảo khác.

[6436] Năm sinh của Thánh Sergius không được biết chính xác, có lẽ là vào năm 1314.

Sau đó, vị tu sĩ già định tiếp tục lên đường, nhưng cậu thiếu niên đầy hân hoan đã nài nỉ vị tu sĩ ghé thăm nhà cha mẹ mình.

– Xin đừng bỏ qua nhà chúng con, – Bartholomew nài nỉ, – xin đừng tước đi phước lành thánh thiện của ngài dành cho cha mẹ con.

Cha mẹ của Bartholomew, những người rất kính trọng các tu sĩ, đã đón tiếp vị khách quý một cách trang trọng. Họ mời ngài dùng bữa, nhưng ngài đáp rằng trước tiên cần phải nếm thử thức ăn thiêng liêng – và khi mọi người bắt đầu cầu nguyện, vị tu sĩ già bảo Bartholomew đọc các thánh vịnh.

– Con không biết, thưa cha, – cậu thiếu niên đáp.

Nhưng vị tu sĩ đã nói một cách tiên tri:

– Từ nay trở đi, Chúa sẽ ban cho con khả năng biết chữ.

Và quả thực, cậu bé ngay lập tức bắt đầu đọc các Thánh vịnh một cách trôi chảy. Cha mẹ cậu vô cùng ngạc nhiên trước sự thay đổi kỳ diệu đã xảy ra với con trai mình.

Khi chia tay, vị tu sĩ già nói với cha mẹ của vị thánh:

– Con trai các vị sẽ trở nên vĩ đại trước mặt Thiên Chúa và loài người; cậu bé sẽ trở thành nơi ngự của Thánh Thần và người phục vụ Ba Ngôi Thánh.

Cũng như đất được tưới đẫm mưa sẽ trở nên màu mỡ, từ đó trở đi, cậu bé thánh nhân đọc sách một cách dễ dàng và hiểu rõ mọi điều được ghi chép trong đó; việc học chữ đến với cậu một cách tự nhiên, vì *"Ngài đã mở lòng trí cậu để hiểu Kinh Thánh"* (Lc 24,45). Cậu thiếu niên lớn lên theo năm tháng, và cùng với đó, trí tuệ và đức hạnh của cậu cũng ngày càng trưởng thành. Cậu sớm cảm nhận được tình yêu dành cho việc cầu nguyện, ngay từ những năm tháng đầu đời đã nếm trải sự ngọt ngào trong cuộc trò chuyện với Thiên Chúa; vì thế, cậu đã siêng năng đến nhà thờ của Thiên Chúa đến mức không bỏ lỡ bất kỳ thánh lễ nào. Cậu không thích những trò chơi trẻ con và luôn cố gắng tránh xa chúng; cậu cũng không ưa những tiếng cười đùa và sự vui vẻ của bạn bè cùng lứa tuổi, vì cậu biết rằng *"những mối quan hệ xấu làm hư hỏng những thói quen tốt"* (1 Cô-rinh-tô 15:33). Cậu luôn ghi nhớ vững chắc rằng *"sự khôn ngoan bắt đầu từ sự kính sợ Chúa"* (Thi Thiên 110:10), và vì thế luôn cố gắng học hỏi sự khôn ngoan ấy. Với sự cẩn trọng và nhiệt thành đặc biệt, cậu dành thời gian đọc các sách Thánh và các tác phẩm thiêng liêng. Biết rằng cách tốt nhất để chiến thắng các dục vọng là kiêng khem, cậu thiếu niên này đã tự đặt ra cho mình một chế độ ăn chay nghiêm ngặt: vào các ngày thứ Tư và thứ Sáu, cậu không ăn gì cả, còn những ngày khác chỉ ăn bánh mì và uống nước. Anh đã ghét bỏ xác thịt của mình đến mức đó để cứu rỗi linh hồn. Nếu gặp ai đó nghèo khó, Bartholomew vui vẻ chia sẻ quần áo của mình với họ và cố gắng phục vụ họ bằng mọi cách. Dù chưa vào tu viện, cậu đã sống cuộc đời tu sĩ, đến nỗi mọi người đều kinh ngạc khi chứng kiến sự tiết độ và lòng đạo đức của cậu thiếu niên. Ban đầu, người mẹ, lo lắng cho sức khỏe của con trai, đã khuyên nhủ cậu từ bỏ lối sống khắc khổ như vậy. Nhưng cậu thiếu niên khôn ngoan đã khiêm tốn trả lời mẹ mình:

– Xin mẹ đừng ngăn cản con tuân giữ sự tiết độ, vì nó thật ngọt ngào và có lợi cho linh hồn con.

Ngạc nhiên trước câu trả lời đầy trí tuệ đó, người mẹ không còn muốn cản trở ý định tốt đẹp của con trai nữa. Như vậy, trong khi kiềm chế xác thịt bằng sự tiết độ, Bartholomew vẫn không đi ngược lại ý muốn của cha mẹ.

Trong khi đó, Cyril và Maria đã chuyển từ thành phố Rostov nói trên đến một vùng đất có tên là "Radonezh"[6437] ; điều này xảy ra không phải vì nơi đó nổi tiếng hay có gì đặc biệt, mà là do ý muốn của Đức Chúa Trời: chính tại nơi này, Ngài đã muốn tôn vinh người tôi tớ tận tụy của Ngài.

Bartholomew, khi đó khoảng 15 tuổi, cũng theo cha mẹ đến Radonezh. Các anh trai của cậu lúc đó đã lập gia đình. Khi chàng trai tròn 20 tuổi, anh bắt đầu xin cha mẹ ban phước lành để anh được xuất gia làm tu sĩ: từ lâu anh đã khao khát dâng hiến cuộc đời mình cho Chúa. Mặc dù cha mẹ anh rất coi trọng đời sống tu hành, nhưng họ vẫn xin con trai chờ đợi thêm một thời gian.

– Con ơi, – họ nói với cậu, – con biết rằng cha mẹ đã già; ngày tàn của cuộc đời chúng ta đã gần kề, và ngoài con ra không còn ai có thể chăm sóc chúng ta trong tuổi già; hãy kiên nhẫn thêm một thời gian nữa, lo tang lễ cho cha mẹ, và khi đó sẽ không ai cản trở con thực hiện ước nguyện bấy lâu nay của mình.

[6437] Tại vị trí của Radonezh cổ xưa ngày nay là làng Gorodishche hay Gorodok; làng này nằm giữa Moscow và Tu viện Troitsa-Sergiev, cách tu viện này 12 verst.

Bartholomew, với tư cách là một người con hiếu thảo và yêu thương, đã vâng theo ý muốn của cha mẹ và hết lòng chăm lo cho tuổi già của họ, nhằm xứng đáng nhận được những lời cầu nguyện và lời chúc phúc từ cha mẹ. Không lâu trước khi qua đời, Cyril và Maria đã xuất gia tại Tu viện Pokrovsko-Khotkovo, cách Radonezh khoảng ba verst[6438] . Stefan, anh trai cả của Bartholomew, người lúc đó cũng vừa góa vợ, cũng đã đến đây và gia nhập hàng ngũ các tu sĩ. Không lâu sau đó, cha mẹ của vị thánh trẻ, lần lượt từng người một, đã an lành về với Chúa và được an táng tại tu viện này. Sau khi cha mẹ qua đời, hai anh em đã ở lại đây trong bốn mươi ngày, dâng lên Chúa những lời cầu nguyện sốt sắng xin Ngài ban sự an nghỉ cho các tôi tớ của Ngài vừa mới qua đời. Kirill và Maria đã để lại toàn bộ tài sản của mình cho Bartholomew. Chứng kiến sự ra đi của cha mẹ, vị thánh trẻ đã tự suy ngẫm trong lòng: "Ta là người phàm, và ta cũng sẽ chết, giống như cha mẹ ta vậy". Suy ngẫm như vậy về sự ngắn ngủi của cuộc đời này, chàng trai khôn ngoan đã phân phát hết tài sản của cha mẹ, không giữ lại gì cho bản thân ; ngay cả để nuôi sống bản thân, anh cũng không giữ lại gì, vì anh đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, *"Đấng ban bánh cho kẻ đói khát"* (Thi Thiên 145:7).

Với khát vọng sống ẩn dật, Bartholomew cùng với người anh em của mình là Stephen đã lên đường tìm kiếm một nơi thích hợp cho cuộc sống ẩn dật. Hai anh em đã lang thang trong những khu rừng lân cận suốt một thời gian dài, cho đến khi họ đến nơi mà ngày nay tu viện Thánh Ba Ngôi, vốn nổi tiếng nhờ danh tiếng của Thánh Sergius, đang sừng sững. Nơi này vào thời đó được bao phủ bởi một khu rừng rậm rạp, hoang sơ, chưa từng bị bàn tay con người chạm đến; không có con đường nào đi qua khu rừng này, cũng không có ngôi nhà nào được dựng lên trong đó, chỉ có thú rừng và chim chóc sinh sống tại đây. Các tu sĩ đã dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện nồng nhiệt, xin Ngài ban phước lành cho nơi cư ngụ tương lai của họ, và phó thác số phận mình vào ý muốn thánh thiêng của Ngài. Sau khi dựng xong một túp lều, họ bắt đầu siêng năng tu hành và cầu nguyện với Thiên Chúa. Họ cũng xây dựng một nhà thờ nhỏ và nhất trí quyết định thánh hiến nó nhân danh Thánh Ba Ngôi; vì vậy, họ đã đến Moscow và xin Đức Tổng Giám mục Feognost[6439] ban phước lành cho việc thánh hiến nhà thờ. Đức Thánh Cha đã tiếp đón họ một cách ân cần và cử các linh mục đi cùng họ để thánh hiến nhà thờ. Như vậy, nền móng của Tu viện Thánh Ba Ngôi đã được đặt một cách khiêm tốn.

Với sự tận tụy và lòng nhiệt thành không ngừng, Bartholomew giờ đây đã dấn thân vào những công việc tu hành: vị tu sĩ trẻ tràn ngập niềm vui lớn lao khi thấy ước nguyện thầm kín của mình đã thành hiện thực.

Còn người anh trai lớn của ông là Stefan, vì cảm thấy nặng nề với cuộc sống ở nơi hoang vắng như vậy, đã rời bỏ Bartholomew, chuyển đến Tu viện Bogoyavlensky ở Moscow và tại đây đã trở nên thân thiết với Alexius, người sau này trở thành Tổng Giám mục Moscow.

Ở lại trong sự cô độc hoàn toàn, Bartholomew càng chuẩn bị kỹ lưỡng hơn cho đời sống tu sĩ; chỉ khi nào anh đã vững vàng trong lao động và các việc tu hành, đồng thời rèn luyện bản thân tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc tu viện, anh mới quyết định nhận lễ cắt tóc tu sĩ.

Vào thời điểm đó, một vị tu viện trưởng tên là Mitrofan đã đến gặp ông; chính ngài đã cử hành nghi thức thọ giới tu sĩ cho Thánh Varfolomei khi ông 23 tuổi. Nghi thức thọ giới được cử hành vào ngày kỷ niệm các Thánh Tử đạo Sergius và Bacchus, và Varfolomei được đặt tên là Sergius. Sau khi thụ giới, Mitrofan đã cử hành Thánh lễ tại Nhà thờ Thánh Ba Ngôi và ban cho tu sĩ mới được rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô; ngay lúc đó, nhà thờ tràn ngập một hương thơm kỳ diệu, lan tỏa thậm chí ra ngoài tường nhà thờ. Trong bảy ngày, tu sĩ mới thụ giới không rời khỏi nhà thờ. Mỗi ngày, Mitrofan đều cử hành Thánh lễ và ban cho anh ta Mình và Máu Thánh của Chúa. Trong suốt thời gian đó, thức ăn duy nhất của Sergiy là bánh thánh, được Mitrofan trao cho anh ta hàng ngày. Sergius dành toàn bộ thời gian để cầu nguyện và suy ngẫm về Chúa, không ngừng kêu cầu Chúa từ tận đáy lòng trong sạch của mình, ngợi khen danh thánh vĩ đại của Chúa, hát các thánh vịnh của Đa-vít và các bài thánh ca: cả con người ông tràn ngập niềm vui, và linh hồn ông bừng cháy bởi ngọn lửa thiêng liêng và lòng nhiệt thành đạo đức. Sau khi ở cùng Sergius được vài ngày, Mitrofan nói với anh:

– Con ơi, ta sẽ rời khỏi nơi này và phó thác con vào tay Chúa; xin Chúa trở thành Đấng bảo trợ và Đấng che chở cho con.

Và nhìn thấy tương lai, ngài đã tiên tri:

[6438] Tu viện này vào thời đó có hai khu riêng biệt – một dành cho các tu sĩ nam, một dành cho các tu sĩ nữ.

[6439] Feognost là tổng giám mục từ năm 1328 đến năm 1353.

– Tại nơi này, Đức Chúa Trời sẽ dựng nên một tu viện vĩ đại và vinh quang, nơi danh hiệu vĩ đại và uy nghiêm của Ngài sẽ được tôn vinh, và đức hạnh sẽ tỏa sáng.

Sau khi dâng lời cầu nguyện và truyền lại một số lời dạy về đời sống tu sĩ, Mitrofan đã ra đi. Thánh Sergius, ở lại một mình tại nơi đó, đã tu hành một cách nhiệt thành, chế ngự xác thịt bằng việc ăn chay, thức đêm và nhiều công việc khác nhau; còn vào mùa đông khắc nghiệt, khi đất nứt nẻ vì giá rét, ngài vẫn chịu đựng cái lạnh chỉ với một bộ quần áo. Ngài đã phải chịu đựng vô vàn nỗi đau khổ và cám dỗ từ ma quỷ vào những ngày đầu sống ẩn dật trong sa mạc. Những kẻ thù vô hình đã hung hăng tấn công vị tu sĩ; không chịu đựng được những việc tu hành của ngài, chúng muốn dọa nạt vị thánh để ngài rời khỏi nơi đó. Chúng lúc thì biến thành thú vật, lúc lại hóa thành rắn rết. Còn Thánh Sergius thì xua đuổi chúng bằng lời cầu nguyện: khi kêu cầu danh Chúa, ngài đã phá tan những ảo ảnh của ma quỷ như mạng nhện mỏng manh. Một đêm nọ, lũ ma quỷ, như cả một đạo quân, tiến lại gần ngài một cách đe dọa và gầm thét với cơn thịnh nộ kinh hoàng:

– Hãy rời khỏi nơi này, đi đi, nếu không ngươi sẽ chết một cái chết thảm khốc!

Khi lũ quỷ thốt ra những lời ấy, ngọn lửa bùng lên từ miệng chúng. Còn vị thánh, được trang bị bằng lời cầu nguyện, đã xua đuổi thế lực kẻ thù và, trong khi ngợi khen Thiên Chúa, ngài vẫn ở lại đó mà không hề sợ hãi.

Một lần nọ, khi vị ẩn sĩ đang đọc kinh vào ban đêm, bỗng từ trong rừng vang lên tiếng ồn ào; lũ quỷ lại vây quanh căn phòng với số lượng đông đảo và gào thét đe dọa vị thánh Sergius:

– Hãy rời khỏi đây đi, sao ngươi lại đến nơi rừng rậm hẻo lánh này? Ngươi đang tìm kiếm điều gì? Đừng hy vọng sống ở đây nữa, chính ngươi cũng thấy rồi – nơi này hoang vắng và không thể đi qua được! Ngươi không sợ chết đói hay bị bọn cướp giết sao?

Bọn quỷ dữ dùng những lời lẽ đó để dọa nạt vị thánh, nhưng mọi nỗ lực của chúng đều vô ích: vị thánh cầu nguyện với Chúa, và ngay lập tức đám quỷ dữ biến mất.

Sau những thị kiến ấy, hình ảnh những con thú hoang dã không còn đáng sợ đối với vị tu sĩ nữa; những bầy sói đói chạy ngang qua căn phòng tu hành cô độc của ngài, sẵn sàng xé xác vị tu sĩ, và cả những con gấu cũng ghé vào đây. Nhưng sức mạnh của lời cầu nguyện đã cứu rỗi vị ẩn sĩ ngay cả trong hoàn cảnh này. Một lần, Thánh Sergius phát hiện một con gấu trước căn phòng tu hành của mình; thấy con gấu rất đói, ngài thương xót con thú, mang ra cho nó một miếng bánh mì và đặt lên một gốc cây. Từ đó, con gấu thường xuyên đến gần căn phòng, chờ đợi phần ăn quen thuộc và nhìn vị thánh với vẻ hiền lành; Thánh Sergius chia sẻ thức ăn với nó, thậm chí thường xuyên dành cho nó miếng bánh cuối cùng. Và con thú hoang dã ấy trở nên hiền lành đến mức còn vâng lời cả tiếng gọi của vị thánh.

Như vậy, Chúa không bỏ rơi vị thánh nhân của Ngài trong sa mạc: Ngài luôn ở bên ngài trong mọi nỗi đau khổ và cám dỗ, giúp đỡ, khích lệ và củng cố người tôi tớ siêng năng và trung thành của Ngài.

Trong khi đó, danh tiếng của vị thánh nhân bắt đầu lan rộng khắp nơi. Có người nói về lối sống tiết độ nghiêm ngặt, tính cần cù và những việc làm cao cả khác của ngài; có người ngạc nhiên trước sự giản dị và lòng nhân hậu của ngài; có người kể về quyền năng của ngài đối với các linh hồn xấu xa – và tất cả đều kinh ngạc trước sự khiêm nhường và sự trong sạch tâm hồn của ngài. Vì thế, nhiều người từ các thành phố và làng mạc lân cận bắt đầu đổ về gặp vị thánh nhân. Có người tìm đến ngài để xin lời khuyên, có người mong được thưởng thức những cuộc trò chuyện cứu rỗi tâm hồn của ngài. Ai nấy đều nhận được lời khuyên tốt lành từ ngài, ai nấy đều ra về với lòng được an ủi và bình an, tâm hồn ai nấy cũng trở nên sáng sủa hơn: đó chính là sức mạnh của những lời nói hiền lành và đầy ân sủng, mà Thánh Sergius dùng để đón tiếp tất cả những ai đến với ngài để xin lời khuyên hay sự hướng dẫn đạo đức. Vị thánh nhân đón tiếp mọi người với tình yêu thương; có người thậm chí còn xin ngài cho phép được sống cùng ngài, nhưng vị thánh đã khuyên can họ, chỉ ra những khó khăn của đời sống tu hành.

– Những nơi này, – vị thánh nói, – hoang vắng và hẻo lánh, chúng ta sẽ phải đối mặt với nhiều thiếu thốn ở đây.

Được thúc đẩy bởi lòng kính trọng sâu sắc dành cho vị thánh, những người đến đây chỉ xin một điều duy nhất, đó là Thánh Sergius cho phép họ định cư tại đây. Thấy được sự kiên định trong ý định và quyết tâm vững chắc của họ trong việc hiến dâng bản thân cho Chúa, vị thánh đã phải nhượng bộ trước những lời thỉnh cầu của họ. Chẳng bao lâu sau, dưới sự dẫn dắt của vị thánh, mười hai người đã tụ họp lại, và con số này không thay đổi trong một thời gian dài: nếu có ai trong số các tu sĩ qua đời, thì sẽ có người khác thay thế vị trí của họ, đến nỗi nhiều người nhận thấy sự trùng hợp trong con số này: số môn đệ của vị thánh cũng giống như số môn đệ của Chúa Giêsu Kitô của chúng ta; còn một số người khác lại so sánh con số này với mười hai chi tộc của Israel. Những người đến

đây đã xây dựng 12 căn phòng tu. Thánh Sergius cùng các tu sĩ đã bao quanh các căn phòng bằng một hàng rào gỗ. Như vậy, tu viện đã ra đời và tồn tại nhờ ân sủng của Thiên Chúa cho đến ngày nay.

Cuộc sống tu hành của các ẩn sĩ trôi qua trong sự yên tĩnh và bình an; hàng ngày, họ tụ họp tại nhà thờ nhỏ của mình và tại đây dâng lên Chúa những lời cầu nguyện chân thành; bảy lần mỗi ngày, nhà thờ đón các tu sĩ vào trong: họ cử hành tại đây Thánh Lễ nửa đêm, Thánh Lễ sáng, giờ thứ ba, thứ sáu và thứ chín, Thánh Lễ chiều và Thánh Lễ tối, còn để cử hành Thánh Lễ Thánh Thể, họ mời một linh mục từ các làng lân cận đến.

Một năm sau khi các tu sĩ đến với Thánh Sergius, vị linh mục tu sĩ Mitrofan nói trên – người đã cử hành nghi thức cắt tóc tu sĩ cho Thánh Sergius – cũng đến định cư tại tu viện mới thành lập; ngài được các tu sĩ chào đón nồng nhiệt và được toàn thể nhất trí bầu làm vị tu viện trưởng. Các tu sĩ vui mừng vì giờ đây họ có thể cử hành Thánh lễ thường xuyên hơn trước rất nhiều. Nhưng Mitrofan chẳng bao lâu sau đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Lúc đó, các tu sĩ bắt đầu thỉnh cầu vị thánh tu sĩ nhận chức linh mục và làm vị trụ trì của họ. Sergius đã từ chối điều này: ngài muốn noi gương Chúa và trở thành người phục vụ mọi người; chính ngài đã tự tay xây dựng một số phòng tu, đào giếng, mang nước và đặt trước cửa phòng tu của từng tu sĩ, chặt củi , nướng bánh mì, may quần áo, nấu ăn và khiêm nhường thực hiện các công việc khác. Thời gian rảnh rỗi, Thánh Sergius dành trọn cho việc cầu nguyện và ăn chay, chỉ ăn bánh mì và nước với lượng rất ít; mỗi đêm, ngài dành trọn cho việc cầu nguyện và thức trắng, chỉ chợp mắt trong chốc lát. Điều khiến mọi người kinh ngạc nhất là, cuộc sống khắc nghiệt như vậy không những không làm suy yếu sức khỏe của vị tu sĩ, mà dường như còn củng cố cơ thể ngài và ban cho ngài sức mạnh để thực hiện những kỳ công mới, vĩ đại hơn nữa. Bằng sự tiết chế, khiêm nhường và đời sống đạo đức của mình, Thánh Sergius đã trở thành tấm gương cho toàn thể cộng đồng tu sĩ. Các ẩn sĩ ngắm nhìn vị "Thiên thần trong xác phàm" này với sự ngạc nhiên và cố gắng hết sức để noi gương ngài; cũng giống như ngài, họ sống trong sự ăn chay, cầu nguyện và lao động không ngừng: lúc thì may quần áo, lúc thì chép lại sách vở, lúc thì canh tác những mảnh vườn nhỏ của mình và thực hiện những công việc tương tự khác. Trong tu viện, sự bình đẳng tuyệt đối được duy trì, nhưng vị Thánh Tăng vẫn đứng trên tất cả: ngài là vị tu sĩ đầu tiên tại nơi này, hay nói đúng hơn, là người đầu tiên và cũng là người cuối cùng, bởi vì nhiều người đã tu hành ở đây vào thời của ngài và sau đó, nhưng không ai có thể sánh ngang với ngài: ngài tỏa sáng như mặt trăng giữa các vì sao. Danh tiếng về đời sống tu hành của ngài ngày càng lan rộng, vững chắc và lan tỏa: anh trai ngài là Stefan đã đưa con trai mười hai tuổi của mình là Ioann đến với ngài; cậu bé, sau khi nghe kể về cuộc đời thánh thiện của Sergius, đã bừng cháy khát vọng noi gương ngài; cậu đã nhận lễ xuất gia và được đặt tên là Theodore; tại tu viện này, Theodore đã sống khoảng 22 năm và chuyên vẽ tranh thánh.

Đã hơn mười năm trôi qua kể từ khi những người đồng hành đầu tiên đến với Thánh Sergius, và mỗi ngày nhu cầu về một vị tu viện trưởng và linh mục lại càng trở nên cấp thiết. Việc mời các linh mục đến tu viện không phải lúc nào cũng khả thi, hơn nữa, nơi đây cần một người lãnh đạo được trao quyền tu viện trưởng. Không có ai xứng đáng hơn để đảm nhận vị trí đó ngoài người sáng lập tu viện này, nhưng Thánh Sergius lại e ngại chức vụ tu viện trưởng: ngài không muốn làm người đứng đầu, mà chỉ mong được là tu sĩ cuối cùng trong tu viện do chính công lao của ngài xây dựng. Cuối cùng, các tu sĩ ẩn dật đã tụ họp lại, đến gặp Thánh Sergius và nói:

– Thưa Cha, chúng con không thể sống thiếu vị Bề trên; chúng con mong Cha trở thành người hướng dẫn và lãnh đạo của chúng con; chúng con muốn đến với Cha để xưng tội, và mỗi ngày, khi bày tỏ trước mặt Cha mọi suy nghĩ của mình, được Cha tha thứ các tội lỗi của chúng con. Xin Cha cử hành Thánh Lễ cho chúng con, để từ đôi tay thánh thiện của Cha, chúng con được rước các Bí tích Thánh.

Sergius đã từ chối một cách kiên quyết và lâu dài:

– Hỡi các anh em của tôi, – ngài nói, – tôi chưa bao giờ có ý nghĩ nào về chức vụ Bề trên cả; linh hồn tôi chỉ mong một điều duy nhất – được kết thúc cuộc đời mình như một tu sĩ bình thường. Xin các anh em đừng ép buộc tôi. Tốt hơn hết là chúng ta hãy phó thác tất cả điều này cho Thiên Chúa; xin Ngài tự mình bày tỏ ý muốn của Ngài cho chúng ta, và khi đó chúng ta sẽ biết phải làm gì.

Nhưng các tu sĩ vẫn không ngừng khẩn khoản xin vị tu sĩ đáng kính thực hiện mong muốn của họ, và nói:

– Nếu ngài không muốn chăm lo cho linh hồn chúng con và làm mục tử của chúng con, thì tất cả chúng con sẽ buộc phải rời khỏi nơi này và vi phạm lời khấn mà chúng con đã thề; khi đó, chúng con sẽ phải lang thang như những con chiên không có mục tử.

Các tu sĩ còn thuyết phục, nài nỉ và thậm chí khăng khăng đòi hỏi trong một thời gian dài. Cuối cùng, cảm động và bị lay động bởi những lời khẩn cầu của họ, vị thánh đã cùng hai vị tu sĩ cao niên lên đường đến Pereyaslav-

Zalessky[6440] gặp Afanasy, Giám mục Volyn, vì ngài này, nhân dịp Đức Tổng Giám mục Alexius lên đường đến Constantinople, đang điều hành các công việc của tổng giáo phận. Vị thánh đã nồng hậu tiếp đón vị tu sĩ khổ hạnh, người mà ngài đã nghe danh từ lâu. Sau khi hôn lên má ông, ngài đã trò chuyện với ông rất lâu về sự cứu rỗi linh hồn. Khi cuộc trò chuyện kết thúc, Thánh Sergius khiêm nhường cúi đầu chào Afanasy và xin ngài chỉ định một vị tu viện trưởng cho tu viện của mình. Trước lời thỉnh cầu này, vị thánh đáp lại:

– Từ nay trở đi, ngươi hãy làm cha và làm vị tu viện trưởng cho các tu sĩ, những người do chính ngươi tập hợp lại tại tu viện mới mang tên Ba Ngôi Tạo Hóa!

Như vậy, ngài đã phong Thánh Sergius làm phó tế tu sĩ trước tiên, sau đó tấn phong ngài làm tu sĩ linh mục; với lòng kính sợ tột độ, tràn đầy sự kính sợ và xúc động, Thánh Sergius đã cử hành Thánh lễ đầu tiên, và sau đó ngài được bổ nhiệm làm vị tu viện trưởng. Thánh Athanasius đã trò chuyện lâu với vị tu viện trưởng mới được bổ nhiệm và nói với ngài:

– Con ơi, giờ đây con đã nhận lãnh chức thánh cao quý, hãy biết rằng con phải tuân theo lời dạy của vị Tông đồ vĩ đại: *'Chúng ta, những người mạnh mẽ, phải chịu đựng những yếu đuối của những người yếu đuối và không được tìm kiếm sự thỏa mãn cho chính mình'* (Rô-ma 15:1); hãy ghi nhớ lời của ngài: *'Hãy gánh vác gánh nặng cho nhau, và như vậy các con sẽ thực hiện luật pháp của Đấng Christ'* (Ga-la-ti 6:2).

Sau đó, Thánh Athanasius hôn lên trán và ban phước lành cho vị tu sĩ, rồi tiễn ông về Tu viện Thánh Ba Ngôi trong bình an. Các tu sĩ ẩn tu đã hân hoan chào đón vị Bề trên đầu tiên của mình; họ bước ra đón vị Thầy và Cha của mình, rồi cúi đầu kính lễ Ngài với tình yêu thương của những người con. Vị tu viện trưởng cũng vui mừng khi nhìn thấy các con cái thiêng liêng của mình. Khi vào nhà thờ, ngài dâng lên Chúa lời cầu nguyện sốt sắng và xin Thiên Chúa ban phước lành cho ngài, ban cho ngài sự trợ giúp toàn năng trong sứ vụ mới đầy gian nan này. Sau khi cầu nguyện, vị tu sĩ đáng kính đã hướng đến các tu sĩ với lời giảng dạy, khích lệ các tu sĩ đừng nản lòng trong các việc tu hành, xin họ hợp tác với mình và lần đầu tiên ban cho họ lời chúc phúc của vị tu viện trưởng. Lời dạy của ngài đơn giản và ít lời, nhưng nhờ sự rõ ràng và thuyết phục, nó đã mãi mãi in sâu vào lòng mọi người. Tuy nhiên, vị tu sĩ không chỉ hành động bằng lời nói, mà còn bằng chính cuộc đời mình để làm gương tốt cho mọi người. Khi trở thành vị tu viện trưởng, ngài không những không thay đổi sự nghiêm khắc trước đây của mình, mà còn thực hành tất cả các quy tắc tu viện với lòng nhiệt thành hơn; ngài luôn ghi nhớ trong lòng những lời của Đấng Cứu Thế: *"Ai muốn làm người đầu tiên trong các con, thì hãy làm tôi tớ cho mọi người"* (Mk 10,44). Hàng ngày, ngài cử hành Thánh lễ, luôn tự tay chuẩn bị bánh thánh; ngài tự tay xay lúa mì để làm bánh và thực hiện mọi công việc khác. Công việc mà vị thánh nhân đặc biệt yêu thích là nướng bánh thánh; ngài không cho phép ai khác làm việc này, dù nhiều anh em trong tu viện cũng mong muốn đảm nhận công việc này. Ngài là người đầu tiên đến nhà thờ, nơi ngài đứng thẳng lưng, không bao giờ cho phép mình tựa vào tường hay ngồi xuống; ngài là người cuối cùng rời khỏi nhà thờ của Chúa; Ngài không ngừng và với tình yêu thương dạy dỗ các tu sĩ, khuyên nhủ họ noi gương các vị thánh vĩ đại của Chúa, những câu chuyện về cuộc đời các vị mà ngài thường kể cho các con cái thiêng liêng của mình. Ngài chăn dắt đàn chiên tinh thần của mình một cách tận tụy như vậy, hướng dẫn họ trên con đường cứu rỗi và xua đuổi những con sói trong tâm trí khỏi họ bằng lời cầu nguyện.

Sau một thời gian, lũ quỷ, không chịu nổi cuộc sống đạo đức của vị thánh, lại bắt đầu nổi loạn chống lại ngài. Biến thành rắn, chúng bò vào phòng tu của ngài với số lượng đông đến nỗi phủ kín cả sàn nhà. Lúc đó, vị thánh đã dâng lời cầu nguyện lên Chúa và trong nước mắt, ngài khẩn cầu Ngài giải thoát ngài khỏi sự quấy rối của ma quỷ, và ngay lập tức, lũ quỷ biến mất như khói. Kể từ lúc đó, Thiên Chúa đã ban cho vị thánh của Ngài quyền năng lớn lao đến nỗi những linh hồn ô uế không dám đến gần ngài.

Trong một thời gian dài, cộng đoàn trong tu viện chỉ có 12 người. Nhưng rồi một vị tổng tu viện trưởng tên là Simeon từ Smolensk đến. Từ bỏ chức vụ cao quý, với lòng khiêm nhường sâu sắc, Simeon xin vị thánh nhân nhận ông làm một tu sĩ bình thường. Sergius rất cảm động trước lời thỉnh cầu đó và đã đón nhận vị khách mới đến với tình yêu thương. Thượng phụ Simeon mang theo nhiều tài sản và trao lại cho vị thánh để ngài có thể xây dựng một nhà thờ rộng lớn hơn. Nhờ sự cúng dường của Simeon, vị thánh, với sự giúp đỡ của Chúa, đã nhanh chóng xây dựng một nhà thờ mới, mở rộng tu viện và cùng với các tu sĩ của mình ngợi khen Chúa ngày đêm.

Kể từ đó, nhiều người bắt đầu tụ tập về với Thánh Sergius để, dưới sự hướng dẫn của vị tu sĩ vĩ đại này, cứu rỗi linh hồn mình; vị tu viện trưởng thánh thiện đã đón tiếp tất cả những người đến với tình yêu thương, nhưng vì

[6440] Pereyaslavl-Zalessky – hiện là một thị trấn huyện thuộc tỉnh Vladimir.

biết rõ từ kinh nghiệm về sự khó khăn của đời sống tu hành, ngài không vội vàng cho họ thụ giới. Thông thường, ngài ra lệnh cho người mới đến mặc một bộ áo dài bằng vải đen và yêu cầu họ cùng các tu sĩ khác thực hiện một nhiệm vụ nào đó. Ngài làm như vậy để người mới đến có thể làm quen với toàn bộ nội quy của tu viện; chỉ sau một thời gian thử thách dài, Thánh Sergius mới cạo đầu cho người mới đến, trao cho họ áo choàng và mũ tu sĩ.

Sau khi tiếp nhận các tu sĩ qua quá trình thử thách kỹ lưỡng như vậy, vị thánh này tiếp tục quan tâm đến cuộc sống của họ. Vị tu sĩ đáng kính nghiêm cấm các tu sĩ ra khỏi phòng riêng hoặc trò chuyện với nhau sau giờ kinh tối; mỗi người phải ở trong phòng riêng của mình vào thời gian này, làm việc thủ công hoặc cầu nguyện. Vào đêm khuya, đặc biệt là trong những đêm dài và tối tăm, vị tu viện trưởng không mệt mỏi và nhiệt thành, sau khi cầu nguyện trong phòng riêng, thường đi tuần tra các phòng tu và nhìn qua ô cửa sổ nhỏ để xem mỗi người đang làm gì. Nếu ngài bắt gặp một tu sĩ đang cầu nguyện, làm việc thủ công, hoặc đọc những cuốn sách cứu rỗi linh hồn, thì ngài vui mừng dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa cho người đó, và xin Chúa ban sức mạnh cho người ấy. Còn nếu ngài nghe thấy những cuộc trò chuyện không được phép hoặc bắt gặp ai đó đang làm việc vô ích, thì sau khi gõ cửa hoặc gõ cửa sổ, ngài sẽ đi tiếp. Vào ngày hôm sau, ngài gọi tu sĩ đó đến và trò chuyện với anh ta. Tu sĩ vâng lời sẽ thú nhận lỗi lầm, xin tha thứ, và Thánh Sergius với tình yêu thương như người cha sẽ tha thứ cho anh ta; còn với những ai không vâng lời, ngài sẽ áp đặt hình phạt sám hối. Như vậy, Thánh Sergius đã chăm sóc đàn chiên được giao phó cho ngài, và ngài biết cách kết hợp sự hiền lành với sự nghiêm khắc. Ngài thực sự là một vị mục tử chân chính đối với các tu sĩ trong tu viện của mình.

Tu viện của Thánh Sergius, nơi tràn ngập những tấm gương về đời sống Kitô hữu đích thực, trong những ngày đầu thành lập lại thiếu thốn những vật dụng thiết yếu nhất; các tu sĩ thường phải chịu cảnh thiếu thốn trầm trọng ngay cả những thứ cần thiết nhất. Nằm xa các khu dân cư, bị cách biệt với thế giới bên ngoài bởi một khu rừng rậm rạp, hoang vắng, đầy rẫy các loài thú hoang dã, tu viện này không thể trông cậy vào sự giúp đỡ của con người. Thường thì các tu sĩ không có rượu nho để cử hành Thánh Lễ, và họ buộc phải từ bỏ nguồn an ủi thiêng liêng này với lòng tiếc nuối sâu sắc; thường thiếu lúa mì để làm bánh thánh, thiếu nhang để xông hương, thiếu sáp để làm nến, thiếu dầu để thắp đèn – lúc đó các tu sĩ thắp những que củi và dưới ánh sáng đó cử hành các nghi lễ trong nhà thờ. Trong ngôi thánh đường nghèo nàn và thiếu ánh sáng ấy, chính họ lại bừng cháy và rực rỡ trong tình yêu dành cho Thiên Chúa, sáng hơn cả những ngọn nến rực rỡ nhất. Cuộc sống bên ngoài của các tu sĩ rất đơn sơ và giản dị, mọi thứ xung quanh họ và những gì họ sử dụng cũng đều đơn giản, nhưng sự giản dị ấy lại mang một vẻ trang nghiêm: các bình đựng dùng cho Bí tích Thánh Thể được làm bằng gỗ, áo lễ được may từ vải nhuộm đơn sơ, các sách phụng vụ được viết trên vỏ cây bạch dương. Đôi khi các tu sĩ của tu viện này, nơi lúc bấy giờ vẫn chưa có khu nhà ở chung, phải chịu cảnh thiếu thốn thức ăn; ngay cả vị Bề trên cũng không ít lần lâm vào cảnh túng thiếu. Có lần, vị Thánh tu sĩ không còn một miếng bánh mì nào, và cả tu viện cũng thiếu thốn thức ăn; tuy nhiên, vị thánh nghiêm cấm các tu sĩ ra khỏi tu viện để xin thức ăn từ giáo dân: ngài yêu cầu họ đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, Đấng nuôi dưỡng mọi sinh linh, và với lòng tin, hãy cầu xin Ngài mọi điều cần thiết; và những gì ngài ra lệnh cho các tu sĩ, chính ngài cũng tuân thủ một cách nghiêm túc, không bỏ sót điều gì. Vì vậy, vị thánh đã nhịn đói suốt ba ngày. Nhưng vào lúc bình minh ngày thứ tư, ngài, vì quá đói, đã cầm rìu đến gặp một vị tu sĩ cao niên sống trong tu viện này tên là Đan-ni-ên, và nói với ông:

– Thưa cụ, con nghe nói cụ muốn xây thêm hiên cho phòng tu của mình; con không muốn đôi tay mình rảnh rỗi, nên con đã đến đây, xin cụ cho phép con xây hiên giúp cụ.

Nghe vậy, Daniel đáp:

– Đúng vậy, từ lâu tôi đã muốn làm mái hiên rồi, thậm chí đã chuẩn bị sẵn mọi thứ cần thiết; chỉ còn chờ thợ mộc từ làng đến thôi; nhưng tôi không dám giao việc này cho anh, vì anh cần phải được trả công xứng đáng.

Nhưng Sergius nói rằng anh chỉ cần vài miếng bánh mì cũ, đã mốc meo. Lúc đó, vị tu sĩ già mang ra một cái rổ đựng những miếng bánh mì, nhưng vị thánh nhân nói:

– Nếu chưa hoàn thành công việc, tôi sẽ không nhận thù lao.

Sau đó, ngài hăng hái bắt tay vào công việc; cả ngày ngài miệt mài với việc này và, nhờ ơn Chúa, đã hoàn thành nó. Chỉ đến chiều tối, khi mặt trời lặn, ngài mới nhận bánh mì; sau khi cầu nguyện, vị thánh bắt đầu ăn, và một số tu sĩ nhận thấy bụi từ bánh mì mốc bay ra từ miệng ngài. Thấy điều này, các ẩn sĩ ngạc nhiên trước sự khiêm nhường và kiên nhẫn của ngài.

Có lần khác, thực phẩm cạn kiệt; các tu sĩ phải chịu đựng sự thiếu thốn này trong hai ngày; cuối cùng, một trong số họ, vì đói khát quá mức, bắt đầu phàn nàn với vị thánh, nói rằng:

– Đến bao giờ ngài mới cho phép chúng tôi ra khỏi tu viện để xin những thứ cần thiết cho chúng tôi? Chúng tôi sẽ chịu đựng thêm một đêm nữa, nhưng sáng mai chúng tôi sẽ rời khỏi đây để khỏi chết đói.

Vị thánh an ủi các tu sĩ, nhắc nhở họ về những việc làm cao cả của các vị thánh tổ, chỉ ra rằng vì Chúa Kitô, các ngài đã chịu đói, khát và trải qua nhiều thiếu thốn; ngài trích dẫn lời Chúa Kitô cho họ: *"Hãy nhìn xem các loài chim trên trời: chúng không gieo, không gặt, cũng không thu thập vào kho lúa; mà Cha các con trên trời vẫn nuôi dưỡng chúng"* (Mt 6,26).

– Nếu Ngài còn nuôi dưỡng các loài chim, – vị thánh nói, – thì làm sao Ngài lại không thể ban thức ăn cho chúng ta? Bây giờ là thời gian của sự kiên nhẫn, vậy mà chúng ta lại than vãn. Nếu chúng ta vượt qua thử thách ngắn ngủi này với lòng biết ơn, thì chính cám dỗ này sẽ mang lại lợi ích lớn lao cho chúng ta; vì vàng cũng không thể tinh khiết nếu không qua lửa.

Khi đó, ngài đã nói một cách tiên tri:

– Hiện tại chúng ta đang gặp chút khó khăn về lương thực, nhưng sáng mai sẽ có đủ đầy.

Và lời tiên tri của vị thánh đã thành hiện thực: sáng hôm sau, một người lạ mặt đã gửi đến tu viện rất nhiều bánh mì mới nướng, cá và các món ăn khác vừa mới chế biến. Những người mang những thứ này đến đã nói:

– Đây là món quà mà một tín hữu của Chúa Kitô đã gửi đến cha[6441] Sergius và các tu sĩ đang sống cùng ngài.

Lúc đó, các tu sĩ đã mời những người được cử đến dùng bữa cùng họ, nhưng họ từ chối, nói rằng họ được lệnh phải quay về ngay lập tức, – và vội vã rời khỏi tu viện. Các ẩn sĩ, khi thấy số lượng thức ăn dồi dào được mang đến, đã nhận ra rằng Chúa đã viếng thăm họ bằng lòng thương xót của Ngài, và sau khi nhiệt thành tạ ơn Chúa, họ đã dọn bữa ăn: lúc đó, các tu sĩ vô cùng ngạc nhiên trước độ mềm mại phi thường và hương vị đặc biệt của bánh mì. Số thức ăn này đủ cho cả cộng đoàn trong một thời gian dài. Vị tu viện trưởng đáng kính đã nhân cơ hội này để dạy dỗ các tu sĩ, ngài nói, khuyên nhủ họ:

– Hỡi anh em, hãy nhìn xem và ngạc nhiên trước phần thưởng mà Thiên Chúa ban cho sự kiên nhẫn: *"Hãy đứng dậy, lạy Chúa, Thiên Chúa [của con], hãy giơ tay Ngài lên, đừng quên những người bị áp bức"* [Ngài sẽ không quên những người nghèo khó của Ngài cho đến cùng] (Thánh Vịnh 9:33). Ngài sẽ không bao giờ bỏ rơi nơi thánh thiêng này và những tôi tớ của Ngài đang sống tại đây, những người phụng sự Ngài ngày đêm.

Sự quan tâm như người cha của vị thánh đối với các anh em của mình và lòng khiêm nhường vô cùng của ngài cũng thường được thể hiện trong những trường hợp khác, như có thể thấy trong câu chuyện sau đây.

Khi đến sa mạc, Thánh Sergius đã định cư tại một nơi khô cằn, không có nước. Ngài dừng chân ở đây không phải ngẫu nhiên: bằng cách mang nước từ xa về, ngài muốn làm cho công việc của mình càng vất vả hơn, vì ngài mong muốn kiệt sức thân xác mình ngày càng nhiều hơn. Khi nào, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, số anh em tăng lên và tu viện được thành lập, thì tình trạng thiếu nước trở nên trầm trọng, nước phải được mang từ xa về với nhiều khó khăn. Vì vậy, một số người bắt đầu phàn nàn với vị thánh, nói rằng:

– Tại sao ngài lại định cư ở nơi này mà không suy xét kỹ? Tại sao ngài lại lập tu viện ở đây khi xung quanh không có nước?

Đức Thánh nhân khiêm nhường đáp lại những lời trách móc ấy:

– Hỡi các anh em, tôi chỉ muốn sống trong sự tĩnh lặng tại nơi này, nhưng ý Chúa là nơi đây phải có một tu viện. Ngài có thể ban cho chúng ta cả nước nữa, chỉ cần các anh em đừng nản lòng và hãy cầu nguyện với lòng tin: vì nếu Ngài đã làm cho nước chảy ra từ tảng đá giữa sa mạc cho dân Do Thái bất tuân, thì Ngài càng không bỏ rơi các anh em, những người đang tận tâm phụng sự Ngài.

Sau đó, một lần nọ, ngài dẫn theo một vị tu sĩ trong cộng đoàn, và bí mật cùng người ấy đi xuống khu rừng rậm nằm dưới chân tu viện, nơi chưa bao giờ có nước chảy. Khi tìm thấy một ít nước mưa trong hố, vị thánh quỳ gối xuống và cầu nguyện như sau:

– Lạy Thiên Chúa, Cha của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã tạo dựng trời đất và muôn loài hữu hình lẫn vô hình, Đấng đã tạo dựng con người và không muốn kẻ có tội phải chết, chúng con, những tôi tớ tội lỗi và không xứng đáng của Ngài, xin Ngài hãy nghe lời chúng con trong giờ phút này và tỏ lộ vinh quang của Ngài; như trong sa mạc, qua Mô-sê, bàn tay phải hùng mạnh của Ngài đã làm phép lạ, tuôn nước ra từ tảng đá, thì ở đây xin Ngài cũng tỏ ra quyền năng của Ngài, – Đấng Tạo Hóa trời và đất, xin ban cho chúng con nước tại nơi này, và xin cho mọi người

[6441] Avva – nghĩa là "cha".

hiểu rằng Ngài lắng nghe những ai cầu nguyện cùng Ngài và dâng vinh quang lên Cha, Con và Thánh Thần, bây giờ và đến muôn đời. Amen.

Rồi bỗng chốc, một suối nước dồi dào tuôn trào. Các tu sĩ vô cùng kinh ngạc; tiếng than vãn bất mãn đã nhường chỗ cho lòng kính sợ trước vị tu viện trưởng thánh thiện; các tu sĩ thậm chí còn gọi suối nước này là "Suối Sergius". Nhưng vị tu sĩ khiêm nhường ấy cảm thấy nặng nề trước sự ca ngợi của mọi người; vì vậy, ngài nói:

– Không phải tôi, các anh em, đã ban cho các anh em dòng nước này, mà chính Chúa đã ban cho chúng ta, những kẻ không xứng đáng. Vì vậy, đừng gọi nó bằng tên tôi.

Lắng nghe những lời này của vị thầy mình, các tu sĩ đã ngừng gọi suối nước đó là "Suối Sergiev".

Từ đó trở đi, các tu sĩ không còn thiếu nước nữa, mà lấy nước từ suối này để phục vụ mọi nhu cầu của tu viện; và những ai múc nước này với lòng tin thường được chữa lành nhờ nó.

Đã nhiều năm trôi qua kể từ khi Thánh Sergius đặt nền móng cho tu viện. Cuộc đời thánh thiện của vị tu sĩ vĩ đại này không thể không được chú ý, và thế là nhiều người bắt đầu định cư tại những vùng đất vốn được bao phủ hoàn toàn bởi rừng rậm; nhiều người bắt đầu tìm đến ngài, xin lời cầu nguyện và sự ban phước của ngài; nhiều người dân trong vùng thường xuyên đến tu viện và mang theo những thứ cần thiết cho sinh hoạt. Danh tiếng về vị thánh ngày càng lan rộng và lớn mạnh. Vị thánh đã thực hiện nhiều phép lạ khác nhau ngay khi còn tại thế. Chúa đã ban cho vị thánh của Ngài một sức mạnh kỳ diệu phi thường: chẳng hạn, có lần vị thánh đã làm cho một người chết sống lại. Sự việc xảy ra như sau: tại vùng lân cận tu viện, có một người đàn ông rất sùng kính Thánh Sergius; con trai duy nhất của ông mắc phải căn bệnh nan y; với niềm tin vững chắc rằng vị thánh sẽ chữa lành cho con trai mình, người dân làng này đã lên đường đến gặp vị thánh. Nhưng ngay khi ông bước vào phòng của vị thánh và bắt đầu cầu xin ngài giúp đỡ đứa con đang ốm, cậu bé, kiệt sức vì căn bệnh nặng, đã qua đời. Mất hết hy vọng, cha của cậu bé bắt đầu khóc lóc thảm thiết:

– Ôi, thật đáng thương cho tôi, – ông nói với vị thánh, – tôi đã đến gặp ngài, người của Chúa, với niềm tin vững chắc rằng ngài sẽ giúp tôi; thà rằng con trai tôi chết ở nhà còn hơn, như vậy tôi sẽ không mất đi đức tin mà tôi vẫn dành cho ngài cho đến nay.

Trong nỗi đau buồn và tiếng khóc nức nở, ông ra ngoài để chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho lễ an táng con trai mình.

Thấy người đàn ông này khóc lóc thảm thiết, vị thánh cảm thương anh ta và, sau khi dâng lời cầu nguyện, đã làm cho cậu bé sống lại. Chẳng bao lâu sau, người dân làng quay trở lại với quan tài dành cho con trai mình.

Vị thánh bèn nói với anh ta:

– Ngươi đừng vội vàng chìm đắm trong nỗi buồn một cách thiếu suy nghĩ: cậu bé không chết, mà vẫn còn sống.

Vì người đàn ông này đã tận mắt chứng kiến con trai mình qua đời, nên ông không muốn tin lời vị thánh; nhưng khi lại gần, ông ngạc nhiên nhận ra rằng cậu bé thực sự còn sống; lúc đó, người cha vui mừng đã cảm tạ vị thánh vì đã làm cho con trai mình sống lại.

– Ông đang lầm tưởng, – Thánh Sergius nói, – và chính ông cũng không biết mình đang nói gì. Khi ông mang cậu bé đến đây, cậu ấy đã kiệt sức vì cái lạnh buốt giá – nên ông nghĩ rằng cậu ấy đã chết; bây giờ trong căn phòng ấm áp, cậu ấy đã được sưởi ấm – còn ông thì tưởng rằng cậu ấy đã sống lại.

Nhưng người dân làng vẫn tiếp tục khẳng định rằng con trai ông đã sống lại nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh. Lúc đó, Sergius cấm ông ta nói về chuyện này, và nói thêm:

– Nếu ngươi kể lại chuyện này, ngươi sẽ mất hẳn đứa con trai của mình.

Trong niềm vui vô bờ, người đàn ông ấy trở về nhà, ngợi khen Thiên Chúa và vị thánh nhân Sergius. Một trong những môn đệ của vị thánh nhân đã biết về phép lạ này và kể lại cho mọi người nghe.

Vị thánh còn thực hiện nhiều phép lạ khác nữa. Chẳng hạn, một người dân trong vùng bị mắc bệnh nặng; trong một thời gian, ông ta không thể ngủ cũng như không thể ăn uống được. Các anh em của người bệnh, nghe nói về những phép lạ của Thánh Sergius, đã đưa người bệnh đến gặp vị tu sĩ và xin ngài chữa lành cho người đang đau khổ. Vị thánh đã cầu nguyện, rảy nước thánh lên người bệnh, sau đó người bệnh chìm vào giấc ngủ; khi tỉnh dậy, anh ta đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh và tràn đầy sức sống, như thể chưa từng bị bệnh; vừa ca ngợi vừa tạ ơn vị tu sĩ vĩ đại, người dân làng này đã trở về nhà.

Người ta bắt đầu tìm đến vị tu sĩ không chỉ từ các làng mạc lân cận, mà thậm chí từ những vùng xa xôi. Một lần nọ, người ta đưa đến cho Thánh Sergius từ bờ sông Volga một quý tộc bị quỷ ám. Ông ta đau khổ tột cùng: lúc

thì cắn xé, lúc thì giãy giụa, lúc thì chạy trốn khỏi mọi người; mười người cũng khó lòng giữ được ông ta. Người thân của ông, sau khi nghe nói về Thánh Sergius, đã quyết định đưa người bị quỷ ám này đến gặp vị thánh. Việc này đòi hỏi rất nhiều công sức và nỗ lực không nhỏ. Khi người bệnh được đưa đến khu vực gần tu viện, ông ta đã dùng sức mạnh phi thường để xé toạc xiềng xích sắt và la hét ầm ĩ đến mức tiếng la của ông ta vang vọng cả trong tu viện. Biết được điều đó, Thánh Sergius đã cử hành nghi thức cầu nguyện cho người bệnh; lúc này, người đang chịu khổ bắt đầu bình tĩnh lại phần nào; họ thậm chí còn đưa anh ta vào tận bên trong tu viện. Khi nghi thức cầu nguyện kết thúc, vị thánh tiến lại gần người bị quỷ ám với cây thánh giá và bắt đầu làm dấu thánh giá cho anh ta; chính vào khoảnh khắc đó, người đàn ông ấy đã lao mình xuống dòng nước đọng lại gần đó sau cơn mưa, kèm theo tiếng thét lớn. Khi vị thánh nhân làm dấu thánh giá lên người anh ta, anh ta cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh và lý trí đã trở lại với anh ta. Khi được hỏi tại sao lại lao xuống nước, người được chữa lành đã trả lời:

– Khi tôi được dẫn đến gặp vị tu sĩ, và ngài bắt đầu làm dấu thánh giá trên người tôi, tôi đã thấy một ngọn lửa lớn bốc lên từ cây thánh giá, và vì nghĩ rằng ngọn lửa đó sẽ thiêu rụi tôi, nên tôi đã lao xuống nước.

Sau đó, anh ta ở lại tu viện vài ngày, ca ngợi lòng thương xót của Đức Chúa Trời và cảm ơn vị thánh vì đã chữa lành cho mình.

Người ta thường đưa những người bị quỷ ám khác đến gặp vị thánh, và tất cả họ đều được giải thoát.

Chúa đầy lòng thương xót đã ban cho người tôi tớ siêng năng và trung thành của Ngài một sức mạnh đến nỗi, ma quỷ đã rời khỏi những người bị chúng ám ngay cả trước khi những người bệnh được đưa đến gặp vị thánh. Rất nhiều phép lạ khác cũng đã xảy ra nhờ những lời cầu nguyện của vị tu sĩ. *"Người mù được sáng mắt, người què đi được, người phong hủi được sạch"* (Mt 11,5); nói tóm lại, tất cả những ai với lòng tin đến với vị thánh, dù mắc phải bệnh tật nào đi chăng nữa, đều được sức khỏe thể xác và sự rèn luyện đạo đức, nhờ đó họ thu được lợi ích gấp bội.

Tin đồn về những phép lạ của Thánh Sergius lan truyền ngày càng xa, danh tiếng về cuộc đời tu hành cao cả của ngài ngày càng lan rộng; số người đến thăm tu viện ngày càng tăng. Mọi người đều ca ngợi Thánh Sergius, đều kính trọng ngài một cách thành kính; nhiều người từ các thành phố và địa phương khác nhau đã đến đây, mong được gặp vị thánh tu hành; nhiều người mong muốn nhận được lời dạy dỗ từ ngài và được thưởng thức những cuộc trò chuyện bổ ích cho tâm hồn; nhiều tu sĩ, sau khi rời bỏ tu viện của mình, đã đến nương náu dưới mái nhà của tu viện do ngài thành lập, mong muốn tu hành dưới sự hướng dẫn của ngài và sống cùng ngài; cả người dân thường lẫn giới quý tộc đều khao khát nhận được lời chúc phúc từ ngài, các công tước và quý tộc đều đến gặp vị cha thánh thiện này. Mọi người đều kính trọng ngài và coi ngài như một trong những vị thánh tổ xưa hay như một vị tiên tri.

Được mọi người kính trọng và ca ngợi, Thánh Sergius vẫn luôn là một tu sĩ khiêm nhường như xưa: danh vọng trần thế không làm ngài say mê; ngài vẫn tiếp tục lao động và là tấm gương cho mọi người. Ngài chia sẻ tất cả những gì mình có với người nghèo; ngài không ưa thích những bộ quần áo mềm mại và đẹp đẽ, mà luôn mặc áo choàng làm từ vải thô, do chính tay ngài may. Một lần, trong tu viện không còn vải tốt, chỉ còn lại một mảnh duy nhất, và mảnh vải đó xấu và mục nát đến nỗi các tu sĩ đều từ chối lấy nó. Lúc đó, Thánh Sergius đã lấy mảnh vải đó về, tự tay may thành áo và mặc nó cho đến khi nó rách nát.

Nói chung, vị thánh luôn mặc những bộ quần áo cũ kỹ và đơn sơ, đến nỗi nhiều người không nhận ra ngài và chỉ coi ngài là một tu sĩ bình thường. Một người nông dân từ một làng xa xôi, nghe nói nhiều về Thánh Sergius, nên mong muốn được gặp ngài. Vì vậy, ông đến tu viện của vị thánh và hỏi xem ngài đang ở đâu. Lúc đó, vị thánh đang cày xới đất trong vườn rau. Các tu sĩ đã nói điều này với người nông dân vừa đến; ngay lập tức, ông ta đi vào vườn rau và ở đó thấy vị thánh đang đào đất, mặc bộ quần áo rách rưới, đầy những mảnh vá. Ông ta nghĩ rằng những người chỉ cho ông ta gặp vị tu sĩ già này đã chế giễu ông, vì ông đã mong đợi được thấy vị thánh trong vinh quang và danh dự lớn lao.

Vì vậy, khi trở về tu viện, anh ta lại hỏi lần nữa:

– Thánh Sergius ở đâu? Hãy chỉ cho tôi gặp ngài, vì tôi đã từ xa đến đây để chiêm ngưỡng và thờ lạy ngài.

Các tu sĩ đáp lại:

– Vị lão nhân mà anh vừa thấy chính là cha đáng kính của chúng tôi.

Sau đó, khi vị thánh bước ra khỏi vườn, người nông dân quay mặt đi và không muốn nhìn vị thánh; trong cơn phẫn nộ, ông ta suy nghĩ:

– Tôi đã tốn bao nhiêu công sức một cách vô ích! Tôi đến để chiêm ngưỡng vị thánh vĩ đại và hy vọng được thấy ngài trong sự tôn kính và vinh quang lớn lao – thế mà giờ đây tôi lại thấy một vị lão nhân bình thường, nghèo khó.

Nhìn thấu những suy nghĩ của ông, vị thánh đã nhiệt thành tạ ơn Chúa trong lòng; vì người kiêu ngạo càng tự hào về lời khen ngợi và vinh quang của mình, thì người khiêm nhường lại càng vui mừng trước sự sỉ nhục và hạ nhục. Sau khi gọi người nông dân đó lại gần, vị thánh đã dọn bữa ăn trước mặt ông và nồng nhiệt chiêu đãi ông; trong lúc đó, vị thánh nói với ông:

– Đừng buồn, bạn ơi, chẳng bao lâu nữa bạn sẽ được gặp người mà bạn muốn gặp.

Vừa dứt lời, một sứ giả đã đến báo tin về sự có mặt của vị hoàng tử tại tu viện. Thánh Sergius đứng dậy và ra đón vị khách quý, người đã đến tu viện cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo. Khi nhìn thấy vị tu viện trưởng, hoàng tử đã cúi đầu chào vị thánh xuống đất từ xa, khiêm tốn xin ngài ban phước lành. Vị thánh, sau khi ban phước lành cho hoàng tử, đã dẫn ngài vào tu viện với sự tôn kính xứng đáng; tại đó, vị tu sĩ già và hoàng tử ngồi cạnh nhau và bắt đầu trò chuyện, trong khi những người khác đều đứng xung quanh. Người dân làng, bị các thị vệ của hoàng tử đẩy lùi xa, dù đã cố gắng hết sức, vẫn không thể nhận ra từ xa vị tu sĩ già mà trước đây anh ta từng khinh bỉ. Lúc đó, anh ta nhẹ nhàng hỏi một trong những người đang đứng xung quanh:

– Thưa ngài, vị tu sĩ đang ngồi cùng hoàng tử là ai vậy?

Người đó đáp lại:

– Chẳng lẽ anh là người mới đến đây mà không biết ông lão này sao? Đó là Thánh Sergius.

Lúc đó, người dân làng bắt đầu tự trách móc và tự khiển trách mình:

– Quả thật tôi đã mù quáng, – anh ta nói, – khi không tin những người đã chỉ cho tôi vị thánh phụ này.

Khi hoàng tử rời khỏi tu viện, người dân làng vội vàng tiến lại gần vị thánh và, vì xấu hổ không dám nhìn thẳng vào ngài, đã cúi đầu xuống chân vị lão nhân, xin tha thứ vì đã phạm tội do thiếu hiểu biết. Vị thánh an ủi anh ta, nói:

– Con ơi, đừng buồn, vì chỉ có con là người suy nghĩ đúng về ta, khi nói rằng ta chỉ là một người bình thường, còn tất cả những người khác đều lầm tưởng rằng ta là người vĩ đại!

Từ đó có thể thấy rõ, vị thánh Sergius nổi bật với lòng khiêm nhường vĩ đại đến nhường nào: ngài yêu mến người nông dân đã coi thường ngài còn hơn cả vị công tước đã tỏ lòng kính trọng ngài. Bằng những lời dịu dàng ấy, vị thánh đã an ủi người nông dân bình thường; sau khi sống một thời gian trong đời thế tục, người này sớm quay trở lại tu viện và nhận lễ xuất gia tại đây: lòng khiêm nhường của vị tu sĩ vĩ đại đã lay động anh ta sâu sắc đến vậy.

Một đêm muộn, vị thánh, theo thói quen, đang thực hành nghi thức tu hành và thành kính cầu nguyện với Chúa cho các đệ tử của mình, bỗng ngài nghe thấy một giọng nói gọi tên ngài:

– Sergius!

Vị thánh rất ngạc nhiên trước hiện tượng kỳ lạ này vào ban đêm; ngài mở cửa sổ ra, muốn xem ai đang gọi mình. Và rồi, ngài thấy một ánh sáng rực rỡ từ trời cao, xua tan bóng tối đêm đến mức sáng hơn cả ban ngày. Giọng nói lại vang lên lần thứ hai:

– Sergius! Ngươi đang cầu nguyện cho các con cái của mình, và lời cầu nguyện của ngươi đã được lắng nghe: hãy nhìn xem – ngươi thấy bao nhiêu tu sĩ đang tụ họp dưới sự dẫn dắt của ngươi nhân danh Chúa Ba Ngôi.

Quay đầu lại, vị thánh thấy vô số loài chim xinh đẹp đang đậu trong tu viện và xung quanh đó, hót lên những giai điệu ngọt ngào không thể tả xiết. Và tiếng nói lại vang lên:

– Số môn đệ của ngươi sẽ gia tăng như những con chim này; và sau khi ngươi ra đi, số lượng đó sẽ không suy giảm hay thưa thớt, và tất cả những ai mong muốn bước theo dấu chân ngươi sẽ được trang hoàng một cách kỳ diệu và đa dạng nhờ những đức hạnh của họ.

Vị thánh kinh ngạc trước cảnh tượng kỳ diệu ấy; mong muốn có ai đó cùng chia sẻ niềm vui với mình, ngài đã gọi to tên Simeon, người sống gần nhất trong số những người khác. Ngạc nhiên trước tiếng gọi bất thường của vị tu viện trưởng, Simeon vội vã đến gặp ngài, nhưng không còn được chứng kiến toàn bộ khải tượng nữa, mà chỉ nhìn thấy một phần nào đó của ánh sáng thiên đàng ấy. Vị thánh đã kể lại chi tiết cho Simeon tất cả những gì ngài đã thấy và nghe, và cả hai đã thức trắng cả đêm, vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa.

Ngay sau đó, các sứ giả từ Đức Thượng phụ Philotheos của Constantinople[6442] đã đến gặp vị thánh và trao cho ngài, cùng với lời chúc phúc, những món quà từ Đức Thượng phụ: một cây thánh giá, một chiếc áo choàng[6443] và bộ áo tu sĩ.

– Có phải các ngươi được sai đến gặp người khác chăng? – vị tu viện trưởng khiêm nhường nói với họ – Tôi là kẻ tội lỗi, sao lại được nhận những món quà từ Đức Thượng phụ?

Nghe vậy, các sứ giả đáp:

– Không, thưa cha, chúng con không nhầm lẫn, chúng con không đến gặp ai khác, mà là đến gặp cha, Sergius.

Họ mang theo thông điệp sau đây từ Đức Thượng phụ:

"Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, Đức Tổng Giám mục thành Constantinople, Đức Thượng phụ Toàn cầu, ngài Philotheos, xin gửi ân sủng, bình an và lời chúc lành của chúng tôi đến Sergius, con trai và đồng sự khiêm nhường của chúng tôi trong Thánh Thần! Chúng tôi đã nghe nói về cuộc sống đạo đức của anh theo các điều răn của Đức Chúa Trời, đã ngợi khen Đức Chúa Trời và tôn vinh danh Ngài. Nhưng anh vẫn còn thiếu một điều, và đó lại là điều quan trọng nhất: anh chưa có nơi ở chung. Anh biết rằng chính vị Tiên tri Đa-vít, người đã thấu hiểu mọi sự bằng trí tuệ của mình, đã phán: *'Thật tốt lành và thật vui sướng khi anh em sống chung với nhau!'* (Thánh Vịnh 132:1). Vì thế, chúng tôi cũng khuyên nhủ các con một lời khuyên tốt lành – hãy lập nên một cộng đoàn, và xin ân sủng của Thiên Chúa cùng lời chúc lành của chúng tôi luôn ở cùng các con."

Sau khi nhận được bức thư của Đức Thượng phụ, vị tu sĩ đáng kính đã đến gặp Đức Tổng Giám mục Alexius và, sau khi cho ngài xem bức thư này, đã hỏi ngài:

– Thưa Đức Thánh Cha, ngài có chỉ thị gì không?

Trước câu hỏi của vị tu sĩ cao niên, Đức Tổng Giám mục đáp:

– Chính Đức Chúa Trời tôn vinh những ai trung thành phụng sự Ngài! Ngài đã ban cho ngài ân sủng này, khiến danh tiếng và cuộc đời ngài lan tỏa đến những vùng đất xa xôi; và như lời khuyên của Đức Thượng phụ Toàn cầu vĩ đại, chúng tôi cũng khuyên nhủ và tán thành điều đó.

Từ đó, Thánh Sergius đã thiết lập chế độ sống chung trong tu viện của mình và ra lệnh nghiêm ngặt phải tuân thủ các quy tắc sống chung: không được mua sắm gì cho riêng mình, không được gọi bất cứ thứ gì là của riêng, mà phải chia sẻ mọi thứ chung theo các điều răn của các vị Thánh Tổ.

Trong khi đó, vị thánh lại cảm thấy nặng nề trước danh tiếng của con người. Sau khi thiết lập khu sinh hoạt chung, ngài mong muốn sống ẩn dật và lao động trước mặt Chúa trong sự tĩnh lặng và im lặng. Vì vậy, ngài đã bí mật rời khỏi tu viện của mình và hướng về sa mạc. Sau khi đi khoảng sáu mươi verst, ngài tìm thấy một nơi rất ưng ý gần con sông tên là Kirzhach[6442] . Các tu sĩ, khi thấy mình bị vị cha tinh thần bỏ lại, đã chìm trong nỗi buồn và hoang mang sâu sắc; như những con chiên không có người chăn dắt, các tu sĩ bắt đầu đi tìm ngài khắp nơi. Sau một thời gian, họ biết được nơi vị mục tử của mình đã định cư và, khi đến nơi, họ đã khóc lóc van nài vị thánh hãy quay trở lại tu viện. Nhưng vị thánh, vì yêu thích sự tĩnh lặng và ẩn dật, đã chọn ở lại nơi mới. Vì vậy, nhiều môn đệ của ngài đã rời tu viện, cùng ngài định cư tại sa mạc đó, lập nên một tu viện và xây dựng một nhà thờ mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh. Nhưng các tu sĩ của tu viện lớn, không muốn sống thiếu vị cha của mình và đồng thời cũng không thể thuyết phục ngài quay trở lại với họ, đã đến gặp Đức Tổng Giám mục Alexius và xin ngài thuyết phục vị thánh trở về tu viện Thánh Ba Ngôi. Lúc bấy giờ, Đức Thánh Alexius đã cử hai vị Archimandrite đến gặp vị tu sĩ đáng kính, với lời thỉnh cầu rằng ngài hãy lắng nghe lời khẩn cầu của các tu sĩ và, sau khi trở về, an ủi họ. Ngài khuyên nhủ Thánh Sergius làm điều này để các tu sĩ của tu viện do ngài thành lập không phải tan rã vì thiếu người chăn dắt, và nơi thánh thiêng ấy không bị bỏ hoang. Thánh Sergius đã tuân theo lời thỉnh cầu của vị thánh đáng kính này một cách không do dự: ngài trở lại tu viện, nơi ngài từng cư ngụ lần đầu tiên, điều này đã mang lại sự an ủi và niềm vui lớn lao cho các tu sĩ.

Thánh Stefan, Giám mục Perm[6443] , người dành tình yêu thương sâu sắc cho vị tu sĩ đáng kính, một lần nọ đang trên đường từ giáo phận của mình đến thành phố Moscow; con đường mà vị thánh đi qua cách Tu viện Sergiev khoảng tám verst; vì Thánh Stefan rất vội vàng vào thành phố, nên ngài đã đi qua tu viện, dự định sẽ ghé thăm nơi này trên đường trở về. Nhưng khi ngài đi ngang qua tu viện, ngài đã xuống khỏi cỗ xe ngựa của mình, đọc lời "Xứng đáng", và sau khi dâng lời cầu nguyện thông thường, ngài cúi đầu trước vị thánh Sergius với những lời:

– Bình an cho ngài, anh em thiêng liêng.

[6442] Huyện Pokrovskoye thuộc tỉnh Vladimir.

[6443] Lễ kỷ niệm Thánh Stefan, vị truyền giáo tại Perm, được cử hành vào ngày 27 tháng 4; di cốt của ngài được an táng tại Nhà thờ Chính tòa Chúa Cứu Thế trên Đồi Bora ở Moscow.

Lúc bấy giờ, Thánh Sergius cùng các tu sĩ đang dùng bữa. Nhận ra bằng linh hồn rằng vị giám mục đang cúi chào, ngài liền đứng dậy; sau khi đứng lặng một lát, ngài dâng lời cầu nguyện và đến lượt mình cũng cúi chào vị giám mục, người lúc đó đã đi xa khỏi tu viện một quãng đường khá xa, rồi nói:

– Xin hãy vui mừng, hỡi vị mục tử của đoàn chiên Chúa Kitô, và xin ân sủng của Chúa ở cùng ngài.

Các tu sĩ đều ngạc nhiên trước hành động phi thường của vị thánh; một số người thì hiểu rằng vị tu sĩ đáng kính đã được ban cho một thị kiến. Sau khi bữa ăn kết thúc, các tu sĩ bắt đầu hỏi ngài về những gì đã xảy ra, và ngài nói với họ:

– Vào giờ đó, Đức Giám mục Stefan đã dừng chân trước tu viện của chúng ta trên đường đến Moscow, ngài đã cúi đầu thờ lạy Thánh Ba Ngôi và ban phước lành cho chúng ta, những kẻ tội lỗi.

Sau đó, một số môn đệ của vị thánh nhân đã biết rằng điều này quả thực đã xảy ra – và họ kinh ngạc trước sự sáng suốt mà Thiên Chúa đã ban cho cha Sergius của họ[6444] .

Nhiều vị tu sĩ đạo đức đã tỏa sáng vinh quang trong tu viện của vị thánh; nhiều người trong số họ, nhờ những đức hạnh vĩ đại, đã được bổ nhiệm làm viện trưởng tại các tu viện khác, còn một số khác thì được tấn phong lên ngôi thánh. Tất cả họ đều tiến bộ trong các đức hạnh, được vị thầy vĩ đại của mình là Thánh Sergius dạy dỗ và hướng dẫn.

Trong số các đệ tử của vị thánh, có một người tên là Isaak; anh ta mong muốn dâng hiến bản thân cho việc tu hành trong im lặng và vì vậy thường xin vị thánh ban phước lành cho việc tu hành vĩ đại này. Một lần nọ, vị mục tử khôn ngoan, đáp lại lời thỉnh cầu của anh ta, đã nói:

– Nếu con, hỡi con yêu dấu, mong muốn sống trong sự im lặng, thì ngày mai ta sẽ ban phước lành cho con về điều này.

Ngày hôm sau, sau khi Thánh lễ kết thúc, Thánh Sergius làm dấu thánh giá trên đầu anh và nói:

– Xin Chúa thực hiện điều con mong muốn.

Ngay khoảnh khắc đó, Isaak thấy một ngọn lửa kỳ diệu tỏa ra từ bàn tay của vị thánh và bao quanh chính mình; kể từ lúc đó, anh sống trong im lặng, chỉ có một lần duy nhất, một hiện tượng kỳ diệu đã cho phép anh cất tiếng nói.

Thánh Sergius, khi còn sống trong thân xác phàm trần, đã được ân sủng được giao tiếp với các vị thánh vô hình. Sự việc xảy ra như sau. Một lần nọ, vị tu viện trưởng thánh thiện cử hành Thánh lễ cùng với anh trai mình là Stefan và cháu trai là Theodore. Lúc đó, trong nhà thờ, giữa những người khác, còn có cả Isaak, người im lặng. Với lòng kính sợ và tôn kính, như mọi khi, vị thánh cử hành Bí tích cao cả. Bỗng nhiên, Isaak nhìn thấy trong bàn thờ một người đàn ông thứ tư, mặc áo lễ rực rỡ kỳ diệu và toả sáng với ánh sáng phi thường; khi thực hiện nghi thức "Lễ Nhập Lễ Nhỏ" với Sách Phúc Âm, vị đồng tế thiên thượng đã đi theo vị thánh, khuôn mặt ngài rạng ngời như tuyết, đến nỗi không ai có thể nhìn thẳng vào ngài. Hiện tượng kỳ diệu này đã làm Isaak kinh ngạc, ngài mở miệng và hỏi Cha Makari đang đứng bên cạnh:

– Hiện tượng kỳ diệu này là gì vậy, thưa cha? Người đàn ông phi thường này là ai?

Thầy Macarius, người cũng không kém phần đức hạnh, cũng được chứng kiến cảnh tượng này; ngạc nhiên và kinh ngạc trước điều đó, ngài đáp:

– Tôi không biết, anh em ạ; chính tôi cũng kinh hoàng khi chứng kiến hiện tượng kỳ diệu như vậy; chẳng lẽ có vị linh mục nào đi cùng Công tước Vladimir sao?

Hoàng tử Vladimir Andreevich[6445] lúc đó đang ở trong nhà thờ cùng với các quan đại thần của mình; các vị tu sĩ già hỏi một trong số họ xem liệu có vị linh mục nào đi cùng hoàng tử không; người được hỏi trả lời rằng không có linh mục nào đi cùng hoàng tử. Lúc đó, các tu sĩ mới hiểu rằng Thiên Thần của Chúa đang đồng tế cùng Thánh Sergius. Khi Thánh lễ kết thúc, các môn đệ của Thánh nhân đã đến gần ngài và hỏi về điều này. Lúc đầu, vị Trưởng tu viện không muốn tiết lộ bí mật cho họ:

– Các con đã chứng kiến hiện tượng kỳ lạ nào vậy, hỡi các con? Chỉ có Stefan, Theodore và tôi, kẻ tội lỗi này, cử hành Thánh lễ; không có ai khác cả.

[6444] Để tưởng nhớ điều này, cho đến nay tại Tu viện Troitsa-Sergiev vẫn duy trì một phong tục như sau: trước món ăn cuối cùng, khi nghe tiếng chuông reo, tất cả các tu sĩ đều đứng dậy, một tu sĩ linh mục được chỉ định sẽ đọc: "Nhờ lời cầu nguyện của các thánh tổ phụ chúng con, lạy Chúa Giêsu Kitô, xin thương xót chúng con", – sau đó mọi người lại ngồi xuống để kết thúc bữa ăn.

[6445] Công tước Vladimir Andreevich Serpukhovsky, người cai quản khu vực có Tu viện Troitsa, là đồng minh của Dimitri Ioannovich Donskoy trong Trận Kulikovo.

Các môn đệ vẫn tiếp tục nài nỉ ngài; lúc đó, vị thánh nói với họ:

– Các con ơi, nếu chính Chúa Trời đã mặc khải cho các con, thì làm sao ta có thể giấu diếm điều này được? Đấng mà các con đã thấy chính là Thiên Thần của Chúa; không chỉ hôm nay, mà bất cứ khi nào người tội lỗi như ta phải cử hành Thánh lễ, Ngài, theo ý muốn của Chúa, đều đồng tế cùng ta. Các con hãy giữ kín điều này cho đến khi ta còn sống.

Trong số các môn đệ của vị thánh có một người tên là Andronik, xuất thân từ thành phố Rostov, cũng là quê hương của chính vị thánh. Ngay từ thuở thiếu thời, anh đã đến tu viện của Đức Cha Sergius và được ngài nhận vào hàng tu sĩ. Tại đây, anh đã tu hành nhiều năm, trau dồi nhiều đức tính tốt đẹp và gánh vác nhiều công việc; chính vì thế, vị thánh rất yêu mến môn đệ nhiệt thành của mình và luôn cầu nguyện hết lòng cho anh trước mặt Chúa. Vào thời điểm đó, Thánh Alexius vẫn còn là Tổng Giám mục Moscow; tình bạn thân thiết và những sợi dây tình anh em gắn kết vị Thánh này với Thánh Sergius; họ thường có những cuộc trò chuyện bổ ích cho tâm hồn, và không ít lần vị Tổng Giám mục thánh thiện đã xin lời khuyên từ vị tu viện trưởng đáng kính. Một lần, khi đến thăm tu viện, Alexius nói với Sergius:

– Hỡi người thân yêu, tôi muốn xin ngài một ân huệ và tôi tin rằng vì tình yêu dành cho tôi, ngài sẽ không từ chối lời thỉnh cầu này.

Vị tu sĩ cao niên đáp lại vị tổng giám mục:

– Thưa Đức Thánh Cha, tất cả chúng con đều nằm trong quyền của ngài, không có gì là ngài không được phép làm trong tu viện này.

Lúc đó, vị tổng giám mục nói:

– Con muốn, với sự giúp đỡ của Chúa, xây dựng một tu viện. Bởi vì, khi chúng con đang trên đường từ Constantinople, một cơn bão dữ dội đã ập đến, đến nỗi con tàu suýt chìm, và chúng con đứng trước nguy cơ tử vong. Mọi người đều bắt đầu cầu nguyện với Chúa; tôi cũng đã khẩn cầu Ngài cứu chúng tôi khỏi cái chết đang cận kề. Lúc đó, tôi đã thề hứa sẽ xây dựng một nhà thờ mang tên vị thánh mà ngày lễ kỷ niệm của ngài trùng với ngày mà Chúa cho phép chúng tôi cập bến. Kể từ lúc đó, cơn bão đã dịu xuống, sự yên tĩnh trở lại, và chúng tôi đã cập bến vào ngày 16 tháng 8 năm[6446] ; giờ đây tôi muốn thực hiện lời thề của mình – xây dựng một nhà thờ nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, để tôn vinh Hình ảnh Không do Tay Người Tạo Ra của Ngài; bên cạnh đó, tôi muốn lập một tu viện và thành lập một cộng đoàn tu sĩ tại đó. Vì vậy, tôi xin ngài, hãy cho tôi được nhận Andronikos, môn đệ yêu quý của ngài.

Thánh nhân đã sẵn lòng đáp ứng lời thỉnh cầu của tổng giám mục. Sau khi cúng dường cho các nhu cầu của tu viện, Alexius lên đường đến Moscow và tại đây, bên bờ sông Yauza, ngài đã thành lập tu viện[6447] , nơi ngài giao quyền quản lý cho Andronikos đã được nhắc đến ở trên. Một thời gian sau, chính Thánh Sergius cũng đến tu viện mới này; sau khi ban phước lành cho môn đệ của mình, ngài nói:

– Lạy Chúa, xin hãy nhìn xuống nơi này từ trên trời và ban ân sủng của Ngài cho nơi này.

Cũng chính Thánh Alexius, để tạ ơn Chúa vì đã chữa lành cho Hoàng hậu Tatar Taidula nhờ những lời cầu nguyện khiêm nhường của ngài, đã thành lập một tu viện khác tại Moscow – để tưởng nhớ Phép lạ của Tổng lãnh thiên thần Michael; và để phục vụ cho tu viện Chudov này, vị tổng giám mục đã xin Thánh Sergius cử một số vị tu sĩ cao niên đến.

Tên của vị thánh này còn gắn liền với việc thành lập một tu viện khác tại Moscow, đó là Tu viện Simonovsky[6448] . Theodore, cháu trai của Thánh Sergius đã được đề cập ở trên, đã ở lại tu viện của vị tu sĩ vĩ đại này trong một thời gian dài, trau dồi các đức tính và rèn luyện thân xác bằng sự tiết chế. Anh ta không bao giờ giấu giếm điều gì với vị thầy hướng dẫn là vị tu viện trưởng, mà luôn xưng tội mọi ý nghĩ với ngài. Khi đã trở thành tu sĩ linh mục, anh ta mong muốn thành lập một tu viện ở đâu đó; anh ta đã kể điều này với Thánh Sergius. Một thời gian sau, Thánh Sergius, nhận thấy đây là ý muốn của Thiên Chúa, đã ban phước lành cho Theodor và cho phép ông cùng một số anh em tu sĩ ra đi. Tìm được một nơi gần sông Moskva, gọi là Simonovo, Theodor nảy sinh ý định lập tu viện tại đây. Khi vị thánh nghe tin này, ngài đã đến, ban phước lành cho Theodor và khen ngợi ý định của ông.

[6446] Ngày 16 tháng 8 là ngày kỷ niệm việc chuyển bức tượng không do tay người tạo ra của Chúa Giêsu Kitô từ Edessa đến Constantinople, diễn ra vào năm 944.

[6447] Tu viện Spaso-Andronikov được thành lập vào năm 1361.

[6448] Tu viện Simonov ra đời vào khoảng năm 1370.

Theodor đã xây dựng một nhà thờ mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh, để tôn vinh Lễ Giáng Sinh vinh quang của Mẹ; sau khi lập tu viện tại đây, Theodor đã thiết lập chế độ sống chung trong tu viện. Danh tiếng về cuộc sống đạo đức của Feodor ngày càng lan rộng, số lượng tu sĩ trong tu viện của ông không ngừng gia tăng. Chính vị thánh Sergius cũng đã nhiều lần viếng thăm tu viện này và, theo truyền thuyết, đã tham gia vào các công việc của cộng đoàn tu sĩ. Một thời gian sau, Thánh Phê-ô-đô-rơ được tấn phong làm Tổng Giám mục Rostov và nhờ những đức hạnh của mình, ngài đã tỏa sáng rực rỡ tại đó như một ngọn đèn sáng chói cho đến khi qua đời vào ngày 28 tháng 11 năm 1394.

Không chỉ ở Moscow, mà còn ở nhiều nơi khác, các tu viện – những ngọn đèn của đức tin chân chính – đã mọc lên, được thành lập bởi các đệ tử của Thánh Sergius hoặc do chính vị tu sĩ vĩ đại này trực tiếp xây dựng. Như vậy, Đại công tước Dimitri Ioannovich, mong muốn xây dựng một tu viện tại Kolomna ở nơi gọi là Golutvino, đã tha thiết xin Thánh Sergius ban phước lành cho nơi đó và xây dựng một nhà thờ. Cảm động trước đức tin sâu sắc của Đại công tước và được thúc đẩy bởi tình yêu dành cho ngài, vị Thánh đã đi bộ đến Kolomna – đó luôn là thói quen của ngài – ban phước cho nơi đó và xây dựng tại đó một nhà thờ mang tên Lễ Hiển Linh. Theo lời thỉnh cầu của Đại công tước, ngài đã cử một trong những đệ tử của mình là tu sĩ Grigori – một người kính sợ Chúa và đạo đức – đến phục vụ tại tu viện mới; chẳng bao lâu sau, tu viện này, nơi cũng có khu nội trú, nhờ ân sủng của Chúa, đã phát triển thịnh vượng để tôn vinh Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi[6449] .

Theo lời thỉnh cầu của một vị công tước khác, Vladimir Andreevich, vị thánh đã ban phước cho một địa điểm ở Serpukhov để xây dựng tu viện tôn vinh Lễ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh. Tại tu viện này, được gọi là Vysotsky, vị thánh đã cử một trong những đệ tử yêu quý nhất của mình là Afanasy làm người chỉ huy xây dựng; ông là người thông thạo Kinh Thánh , nổi bật bởi sự vâng lời phi thường cùng các đức tính khác, và đã cống hiến nhiều công sức cho việc sao chép các cuốn sách[6450] . Như vậy, Thánh Sergius, khi ban phước lành cho nhiều tu viện và gửi các môn đệ của mình đến đó, đã cống hiến cho lợi ích của Giáo hội và để tôn vinh danh thánh và vĩ đại của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Cuộc đời thánh thiện như thiên thần của vị thánh, sự khiêm nhường phi thường cùng những công lao vì lợi ích của Giáo hội đã khơi dậy trong lòng Đức Tổng Giám mục Alexius mong muốn – có Thánh Sergius làm người kế vị và đại diện cho mình.

Vị mục tử xứng đáng của đoàn chiên Chúa Kitô này, khi nhận thấy giờ lâm chung của mình đã gần kề, đã gọi Thánh Sergius đến bên mình và, cầm lấy cây thánh giá giám mục được trang trí bằng vàng và đá quý, trao nó cho ngài. Nhưng vị tu sĩ vĩ đại, sau khi cúi đầu khiêm nhường, đã nói:

– Xin ngài tha thứ cho con, thưa Đức Thánh Cha, từ thuở thiếu thời con đã không phải là người ham mê vàng bạc, và đến tuổi già, con càng mong muốn sống trong cảnh nghèo khó.

Thánh Alexius bèn nói với anh ta:

– Hỡi người thân yêu, ta biết rằng cuộc đời ngươi luôn như vậy; giờ đây, hãy tỏ lòng vâng phục và nhận lấy lời chúc phúc mà chúng ta ban cho ngươi.

Nói xong, ngài tự tay đặt cây thánh giá lên vai vị thánh, rồi bắt đầu nói:

– Ngài có biết không, thưa vị thánh đáng kính, tại sao tôi đã triệu tập ngài và điều tôi muốn đề nghị với ngài là gì. Này, tôi đã nắm giữ chức Tổng Giám mục Nga do Thiên Chúa trao phó cho tôi, trong suốt thời gian Chúa muốn; nhưng giờ đây, ngày cuối cùng của tôi đã gần kề, tôi chỉ không biết chính xác ngày tôi qua đời mà thôi. Trong thời gian còn sống, tôi mong tìm được một người có thể chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô sau khi tôi qua đời, và tôi không tìm thấy ai khác ngoài ngài. Tôi biết rất rõ rằng cả hoàng tử, các quý tộc, và giới tu sĩ – nói tóm lại là tất cả mọi người, không trừ một ai – đều yêu mến ngài, và tất cả sẽ nài nỉ ngài lên ngôi Tổng Giám mục, vì chỉ có ngài là người xứng đáng nhất với chức vụ này. Vậy nên, xin ngài hãy nhận chức Giám mục ngay bây giờ, để sau khi tôi qua đời, ngài sẽ trở thành người kế nhiệm tôi.

Nghe những lời này, vị tu sĩ, người tự cho mình là không xứng đáng với chức vụ ấy, đã vô cùng bối rối.

[6449] Ban đầu, Tu viện Golutvin ở Kolomna, được thành lập vào khoảng năm 1385, nằm cách thành phố Kolomna 4 verst, tại nơi sông Moskva đổ vào sông Oka; nhưng vào thế kỷ XVIII, tu viện này đã được chuyển vào ngay trong thành phố, do đó nó được gọi là "Novogolutvin".

[6450] Tu viện Vysotsky, được đặt tên như vậy vì tọa lạc trên bờ cao của sông Nary, được thành lập vào năm 1374.

– Xin tha thứ cho con, thưa Đức Cha, – ngài đáp lại vị thánh, – ngài muốn đặt lên vai con một gánh nặng vượt quá sức lực của con. Điều này là không thể: con là kẻ tội lỗi và là người hèn mọn nhất trong tất cả mọi người, làm sao con dám nhận chức vụ cao quý đến thế?

Thánh Alexius đã thuyết phục vị tu sĩ đáng kính ấy trong một thời gian dài. Nhưng Sergius, người yêu mến sự khiêm nhường, vẫn kiên quyết từ chối.

– Thưa Đức Thánh Cha, – ông nói, – nếu ngài không muốn đuổi con ra khỏi vùng đất này, thì xin đừng nhắc đến chuyện này nữa và cũng đừng để ai khác làm phiền con bằng những lời như vậy: không ai có thể thuyết phục con đồng ý với điều này cả.

Thấy vị thánh vẫn kiên quyết, vị Tổng Giám mục ngừng nói với ngài về chuyện này: ngài lo sợ rằng vị tu sĩ kính yêu có thể sẽ rời đi đến những nơi xa xôi hơn và các sa mạc, và Moscow sẽ mất đi một ngọn đèn sáng như vậy. Sau khi an ủi ngài bằng một cuộc trò chuyện tâm linh, vị thánh đã bình an tiễn ngài trở về tu viện.

Một thời gian sau, Đức Tổng Giám mục Alexius qua đời; lúc đó, mọi người đều khẩn thiết thỉnh cầu Sergius nhận chức Tổng Giám mục Nga. Nhưng vị thánh vẫn kiên quyết như đá kim cương. Trong khi đó, Archimandrite Mikhail đã lên ngôi Tổng Giám mục; ông ta đã dám mặc áo thánh và đội mũ trắng trước khi được tấn phong. Nghĩ rằng Thánh Sergius sẽ cản trở ý định táo bạo của mình và chính ngài cũng muốn đảm nhận chức Tổng Giám mục, ông ta bắt đầu dàn xếp mưu mô chống lại vị thánh và tu viện của ngài. Khi biết được điều này, vị thánh đã nói với các môn đệ của mình:

– Mikhail, kẻ đang tự cao tự đại trên tu viện này và trên sự khiêm nhường của chúng ta, sẽ không đạt được điều mình mong muốn và thậm chí sẽ không bao giờ đặt chân đến Tsargrad, vì hắn đã bị kiêu ngạo đánh bại.

Lời tiên tri của vị thánh đã ứng nghiệm: khi Mikhail đang đi thuyền đến Tsargrad để được tấn phong[6451] , ông đã lâm bệnh và qua đời, còn Cyprian[6452] thì được đưa lên ngai vàng.

Hơn một trăm năm rưỡi, đất nước Nga phải chịu đựng thảm họa nặng nề: đã hơn một trăm năm rưỡi trôi qua kể từ khi người Tatar chiếm đóng nơi đây. Ách thống trị của những kẻ chinh phục đáng sợ này thật nặng nề và nhục nhã; những cuộc cướp bóc liên miên trên khắp các vùng đất, sự tàn phá dân cư, việc hành hạ người dân, sự phá hủy các nhà thờ của Chúa, cùng với khoản cống nạp khổng lồ – tất cả những điều này đã đè nặng lên đất nước Nga như một gánh nặng không thể chịu đựng nổi; các công tước thường phải đến triều cống tại Đế chế Mông Cổ và tại đó phải chịu đựng đủ loại sự sỉ nhục. Không hiếm khi xảy ra những bất đồng và xung đột ngay trong hàng ngũ các công tước, điều này cản trở họ đoàn kết lại để lật đổ ách thống trị của những kẻ ngoại bang.

Vào thời điểm đó, do sự cho phép của Đức Chúa Trời vì những tội lỗi của loài người, một trong những khan của người Tatar, tên Mamai vô đạo, đã tiến quân vào Nga cùng với cả đội quân đông đảo vô số của mình. Khan kiêu ngạo này thậm chí còn muốn tiêu diệt đức tin Chính thống giáo; trong sự kiêu ngạo của mình, hắn nói với các quan đại thần:

– Ta sẽ chiếm lấy đất Nga, phá hủy các nhà thờ Kitô giáo và giết hết các công tước Nga.

Công tước Dimitri Ioannovich, một người sùng đạo, đã cố gắng dùng quà tặng và sự khiêm nhường để xoa dịu cơn thịnh nộ của người Tatar, nhưng vô ích; vị khan vẫn không lay chuyển; quân thù đã tiến đến biên giới đất nước Nga như những đám mây giông bão. Đại công tước cũng bắt đầu chuẩn bị cho cuộc chinh phạt, nhưng trước khi lên đường, ngài đã đến tu viện Thánh Ba Ngôi Hằng Sống để thờ lạy Chúa và xin sự ban phước cho cuộc chinh phạt sắp tới từ vị tu viện trưởng thánh thiện của tu viện này; sau khi cầu nguyện sốt sắng trước bức tượng Thánh Ba Ngôi, Dimitri nói với Thánh Sergius:

– Thưa Cha, Cha biết rằng nỗi đau khổ to lớn nào đang đè nặng lên con và tất cả các tín hữu Chính Thống: tên Khan vô thần Mamai đã huy động toàn bộ quân đội của hắn, và giờ đây chúng đang tiến về lãnh địa của con để tàn phá các nhà thờ thánh và tiêu diệt dân tộc Nga. Xin Cha hãy cầu nguyện để Chúa cứu chúng con khỏi tai họa to lớn này.

Nghe vậy, vị thánh bắt đầu an ủi hoàng tử và nói với ngài:

– Ngài nên lo lắng cho đoàn chiên mà Chúa đã giao phó, và đứng lên chống lại những kẻ vô thần.

[6451] Vào thời điểm đó, Giáo hội Nga vẫn còn trực thuộc Thượng phụ Constantinople.

[6452] Ông giữ chức tổng giám mục từ năm 1354 đến năm 1391.

Sau đó, vị thánh già mời hoàng tử tham dự Thánh lễ; khi lễ kết thúc, Thánh Sergius xin Dimitri Ioannovich dùng bữa tại tu viện của ngài; dù vị đại công tước đang vội vã trở về với quân đội của mình, nhưng ngài vẫn vâng lời vị tu viện trưởng thánh thiện. Lúc đó, vị thánh già nói với ngài:

– Bữa trưa này, thưa Đại công tước, sẽ mang lại lợi ích cho ngài. Chúa Trời sẽ là Đấng trợ giúp ngài; thời điểm để chính ngài đội vương miện chiến thắng vẫn chưa đến, nhưng đối với rất nhiều – vô số – những người đồng hành của ngài, những vương miện của những người chịu khổ đã sẵn sàng.

Sau bữa ăn, vị tu sĩ, sau khi rảy nước thánh lên Đại công tước và những người đi cùng ngài, đã nói với ngài:

– Kẻ thù sẽ phải đối mặt với sự diệt vong cuối cùng, còn ngài sẽ nhận được lòng thương xót, sự giúp đỡ và vinh quang từ Thiên Chúa. Hãy đặt niềm tin vào Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.

Sau đó, sau khi làm dấu thánh giá trên Đại công tước, vị thánh nhân đã tiên tri rằng:

– Hãy đi đi, thưa ngài, đừng sợ hãi: Chúa sẽ giúp ngài chống lại những kẻ vô thần: ngài sẽ đánh bại kẻ thù của mình.

Những lời cuối cùng ấy, ngài chỉ nói riêng với vị công tước; người bảo vệ đất nước Nga bấy giờ vô cùng vui mừng, và lời tiên tri của vị thánh đã khiến ngài rơi lệ vì xúc động. Cùng lúc đó, tại tu viện Sergiev, có hai tu sĩ là Alexander Peresvet và Andrei Oslyabya đang tu hành: khi còn ở đời, họ là những chiến binh dày dạn kinh nghiệm trong các trận chiến. Chính những tu sĩ-chiến binh này mà Đại công tước đã xin từ Thánh Sergius; vị tu sĩ cao niên lập tức đáp ứng lời thỉnh cầu của Dimitri Ioannovich: ngài ra lệnh trao cho các tu sĩ này chiếc áo tu sĩ có hình Thánh Giá của Chúa Kitô:

– Này, các con, đây là vũ khí bất khả chiến bại: hãy để nó thay thế cho mũ sắt và khiên chiến của các con!

Lúc đó, Đại công tước xúc động thốt lên:

– Nếu Chúa giúp đỡ tôi, và tôi giành được chiến thắng trước những kẻ vô thần, thì tôi sẽ xây dựng một tu viện mang tên Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.

Sau đó, vị tu sĩ đáng kính lại một lần nữa ban phước lành cho vị công tước và những người xung quanh; theo truyền thuyết, ngài đã trao cho ông bức tượng Chúa Toàn Năng và tiễn ông đến tận cổng tu viện. Như vậy, vị tu viện trưởng thánh thiện đã cố gắng động viên vị công tước trong thời khắc khó khăn này, khi những kẻ thù vô đạo đe dọa xóa sổ tên tuổi của người Nga khỏi mặt đất và tiêu diệt đức tin Chính Thống Giáo.

Trong khi đó, các hoàng tử Nga đã liên minh với nhau, và đạo quân tập hợp đã lên đường; ngày 7 tháng 9, lực lượng dân quân đã đến sông Don, vượt qua sông và đóng quân tại cánh đồng Kulikovo nổi tiếng[6453] , , sẵn sàng đối đầu với kẻ thù đáng gờm. Sáng ngày 8 tháng 9, vào ngày lễ Giáng sinh Đức Mẹ Đồng Trinh, quân đội bắt đầu chuẩn bị cho trận chiến. Ngay trước khi trận chiến diễn ra, tu sĩ Nektarios cùng hai tu sĩ khác từ Thánh Sergius đã đến. Vị tu viện trưởng thánh thiện muốn củng cố lòng dũng cảm của hoàng tử: ngài truyền cho ngài lời chúc lành của Chúa Ba Ngôi, gửi theo các tu sĩ bánh thánh Đức Mẹ và một bức thư, trong đó an ủi ngài bằng niềm hy vọng vào sự giúp đỡ của Chúa và tiên đoán rằng Chúa sẽ ban cho ngài chiến thắng. Tin tức về các sứ giả của Thánh Sergius nhanh chóng lan truyền khắp các trung đoàn và truyền cảm hứng dũng cảm cho các chiến binh; nhờ tin tưởng vào những lời cầu nguyện của Thánh Sergius, họ dũng cảm tiến vào trận chiến, sẵn sàng hy sinh vì đức tin Chính thống và vì quê hương của mình.

Một đạo quân Tatar đông đúc như mây đen đang ập đến; từ giữa đám đông đó, vị anh hùng Chelubey, người có vóc dáng khổng lồ và nổi bật với sức mạnh phi thường, đã bước ra. Với thái độ kiêu ngạo, giống như Goliath thời xưa, hắn thách đấu một chiến binh Nga nào đó trong trận đấu tay đôi. Dáng vẻ đáng sợ của vị anh hùng này thực sự khiến người ta khiếp sợ. Nhưng người bước ra đối đầu với hắn lại là tu sĩ khiêm nhường Perekosvet. Sau khi thầm từ biệt cha tinh thần của mình, người anh em đồng đạo Oslyaba, và Đại công tước, vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô này, với cây giáo trong tay, đã lao nhanh về phía đối thủ; họ va chạm với nhau bằng sức mạnh khủng khiếp, và cả hai đều ngã xuống chết. Khi đó, một trận chiến kinh hoàng bùng nổ; chưa từng có cuộc giao tranh nào như thế này ở Rus: họ chém nhau bằng dao, siết cổ nhau bằng tay; chen lấn lẫn nhau, chết dưới móng ngựa; vì bụi mù và vô số mũi tên, mặt trời không còn nhìn thấy, máu chảy thành dòng trên một khoảng cách suốt mười verst. Nhiều chiến binh Nga dũng cảm đã ngã xuống trong ngày hôm đó, nhưng số người Tatar bị tiêu diệt gấp đôi – trận chiến kết thúc bằng thất bại hoàn toàn của kẻ thù: những kẻ thù vô thần và kiêu ngạo đã bỏ chạy, để

[6453] Cánh đồng Kulikovo nằm ở huyện Epifanovsk, tỉnh Tula.

lại sau lưng chiến trường rải rác xác chết của những kẻ ngã xuống; chính Mamai cũng chỉ kịp chạy trốn cùng một đội quân nhỏ.

Trong suốt thời gian trận chiến kinh hoàng diễn ra, Thánh Sergius đã tập hợp các tu sĩ, cùng họ đứng cầu nguyện và khẩn thiết xin Chúa ban chiến thắng cho đạo quân Chính thống. Với ân sủng của sự thấu thị, vị thánh đã nhìn thấy rõ ràng, như thể ngay trước mắt mình, tất cả những gì đang diễn ra ở một khoảng cách rất xa; sau khi nhìn thấy tất cả những điều này, ngài đã báo cho các tu sĩ về chiến thắng của người Nga, gọi tên từng người đã hy sinh và đích thân dâng lời cầu nguyện cho họ. Chúa đã mặc khải tất cả những điều này cho vị thánh được Ngài yêu mến.

Với niềm vui vô bờ bến, Đại công tước – người đã được đặt biệt danh là "Donskoy" nhờ chiến thắng lẫy lừng trước người Tatars – trở về Moscow và lập tức đến gặp Thánh Sergius. Khi đến tu viện, ngài đã dâng lời tạ ơn Chúa từ tận đáy lòng, "Đấng Mạnh Mẽ trong các trận chiến", cảm ơn vị tu viện trưởng thánh thiện và các tu sĩ vì những lời cầu nguyện, kể lại chi tiết cho vị thánh về trận chiến, ra lệnh cử hành các thánh lễ cầu hồn và lễ tưởng niệm cho tất cả các chiến binh đã hy sinh trên cánh đồng Kulikovo[6454] và đóng góp hào phóng cho tu viện. Nhớ lại lời hứa đã đưa ra trước trận chiến – xây dựng một tu viện, Đại công tước, với sự giúp đỡ của Thánh Sergius, người đã chọn địa điểm và làm lễ thánh hiến nhà thờ của tu viện mới, đã xây dựng tu viện để tôn vinh Lễ Lên Trời của Đức Mẹ trên sông Dubenka[6455] , nơi cũng được thành lập một ký túc xá.

Ngay sau đó, dưới sự xúi giục của ma quỷ, người Tatar do vị khan mới Tokhtamysh lãnh đạo đã xâm lược đất nước Nga một cách xảo quyệt[6456] ; Tokhtamysh bất ngờ chiếm đóng Moscow, tàn phá thành phố này cùng một số thành phố khác. Thánh Sergius đã lui về Tver; những kẻ thù đáng sợ đã ở rất gần tu viện, nhưng bàn tay quyền năng của Chúa đã bảo vệ tu viện khỏi bàn tay táo bạo của những kẻ chinh phục đáng sợ: Tokhtamysh đã nhanh chóng rút lui khi biết rằng Đại công tước đang tiến đến cùng quân đội của mình.

Người Tatar vốn đã đáng sợ, lại càng đáng sợ và nguy hiểm hơn đối với đất nước Nga vào thời điểm đó, khi giữa các công tước đang xảy ra nhiều tranh chấp và xung đột vì ngai vàng Đại công tước cũng như các lãnh địa khác. Một số vị công tước thậm chí còn liên minh với kẻ thù của đất nước Nga – người Tatar và người Litva; những kẻ thù của chúng ta thường lợi dụng những cuộc nội chiến như vậy, khiến đất nước Nga đối mặt với nguy cơ diệt vong không thể tránh khỏi; trong khi đó, để cứu vãn đất nước và đẩy lùi những kẻ thù đáng gờm, tất cả mọi người cần phải đoàn kết chặt chẽ và kiên quyết bảo vệ quê hương khỏi những kẻ theo đạo khác, gác lại mọi mâu thuẫn nội bộ. Để làm được điều này, quyền lực tối cao phải nằm trong tay một Đại công tước duy nhất, sao cho các công tước khác phải tuân phục ngài và thực hiện ý chí của ngài. Thánh Sergius đã nỗ lực thúc đẩy điều này, cả trước Trận Kulikovo, và sau đó, nhờ đó mang lại lợi ích to lớn cho quê hương. Nhiều lần ngài đến gặp từng vị công tước này rồi đến vị khác, và nhờ ơn Chúa, bằng những lời nói đầy cảm hứng, ngài thường xuyên dập tắt các cuộc xung đột. Vào năm 1365, ngài đã đến thăm Nizhny Novgorod và thuyết phục Công tước Boris Konstantinovich – người đã chiếm thành phố này từ tay anh trai mình là Dimitri – phải tuân phục Đại Công tước Dimitri Ioannovich, người đang yêu cầu trả lại Nizhny Novgorod cho Công tước Dimitri.

Thánh Sergius đã hòa giải Công tước Oleg của Ryazan với Đại công tước Moscow. Người này đã nhiều lần vi phạm các hiệp ước, thiết lập quan hệ với kẻ thù của đất nước Nga. Dimitri Ioannovich, tuân theo lời răn của Chúa Kitô, đã nhiều lần đề nghị hòa bình với Oleg, nhưng ông ta từ chối tất cả các đề nghị của Đại công tước. Lúc đó, ông đã tìm đến Thánh Sergius với lời thỉnh cầu thuyết phục Oleg hòa giải. Năm 1385, vị tu viện trưởng khiêm nhường, như thường lệ, đã đi bộ đến Ryazan và trò chuyện lâu dài với Oleg. Công tước Ryazan đã cảm động sâu sắc: ông cảm thấy hổ thẹn trước vị thánh nhân và đã ký kết hòa bình vĩnh viễn với Đại công tước.

Chính Dimitri Ioannovich cũng dành tình yêu và sự kính trọng đặc biệt cho vị thánh tu sĩ: ông thường tìm đến vị tu viện trưởng thánh thiện để xin lời khuyên, và thường đến gặp ngài để xin lời chúc phúc. Ông đã mời Thánh Sergius làm cha đỡ đầu cho các con mình; thậm chí bản di chúc của vị công tước này còn được Thánh Sergius ký tên xác nhận; trong bản di chúc này, trật tự kế vị ngai vàng đại công tước đã được quy định vĩnh viễn: quyền lực đại công tước phải được truyền lại cho người con trai trưởng.

[6454] Lúc bấy giờ, ngày Thứ Bảy Thánh Dimitri (vào tháng 10) đã được thiết lập – ngày để tưởng niệm các chiến binh đã hy sinh trong trận chiến này và tất cả những người đã khuất nói chung.

[6455] Tu viện Dubensky, được xây dựng cách Tu viện Lavra 40 verst trên sông Dubenka, một nhánh của sông Dubna, hiện nay không còn tồn tại.

[6456] Cuộc xâm lược của Tokhtamysh diễn ra vào năm 1382.

Hoàng tử Vladimir Andreevich nói trên dành cho vị thánh một tình yêu thương như con cái và lòng tin sâu sắc: ông thường xuyên đến thăm ngài, thường xuyên gửi tặng ngài những vật dụng cần thiết trong cuộc sống. Một lần nọ, theo thói quen của mình, ông cử một người hầu mang theo nhiều món ăn ngon đến tu viện của vị thánh. Trên đường đi, người hầu, do bị ma quỷ xúi giục, đã sa ngã và ăn một ít trong số các món ăn được gửi đến. Khi đến tu viện, anh ta nói với vị thánh rằng những món ăn này do hoàng tử gửi đến. Vị tu sĩ già có tầm nhìn xa trông rộng không muốn nhận chúng, và nói:

– Tại sao, con ơi, con lại nghe theo kẻ thù, tại sao con lại bị cám dỗ khi nếm thử những món ăn mà con không nên động đến nếu chưa được ban phước?

Người đầy tớ bị vạch trần liền quỳ xuống dưới chân vị thánh nhân và trong nước mắt, bắt đầu xin ngài tha thứ, ăn năn về tội lỗi của mình. Chỉ đến lúc đó, vị thánh nhân mới nhận lấy những món quà được gửi đến; ngài tha thứ cho người hầu, cấm anh ta không được làm điều tương tự nữa, và cho anh ta ra về trong bình an, đồng thời dặn dò gửi lời cảm ơn và lời chúc phúc từ tu viện Thánh Ba Ngôi đến vị hoàng tử có đức tin.

Nhiều người đã tìm đến vị thánh, cầu xin sự giúp đỡ và sự che chở của ngài, và Thánh Sergius luôn giúp đỡ những ai đang gặp hoạn nạn và bảo vệ những người bị áp bức và nghèo khó. Gần tu viện có một người keo kiệt và nhẫn tâm; ông ta đã làm tổn thương người hàng xóm của mình – một đứa trẻ mồ côi: ông ta đã lấy con lợn của cậu bé mà không trả tiền, và ra lệnh giết con lợn đó. Người bị tổn thương đã đến than thở với vị thánh và xin ngài giúp đỡ; lúc đó, vị thánh đã gọi người đàn ông đó đến và nói với ông ta:

– Hỡi con, con có tin rằng có Đức Chúa Trời không? Ngài là Đấng Phán Xét người công chính và kẻ tội lỗi, là Cha của những đứa trẻ mồ côi và các góa phụ; Ngài sẵn sàng trừng phạt – nhưng thật đáng sợ khi rơi vào tay Ngài. Vậy mà sao chúng ta lại không sợ khi chiếm đoạt của người khác, làm tổn thương người lân cận và gây ra mọi điều ác? Chẳng lẽ chúng ta vẫn chưa hài lòng với những gì Ngài ban cho chúng ta nhờ ân sủng của Ngài, mà lại bị cám dỗ bởi của cải của người khác sao? Làm sao chúng ta có thể coi thường lòng nhẫn nại của Ngài được? Chẳng phải chúng ta thấy rằng những kẻ làm điều bất chính sẽ trở nên nghèo khó, nhà cửa của họ trở nên trống rỗng và ký ức về họ sẽ biến mất mãi mãi; và trong thế giới tương lai, sự đau khổ vô tận đang chờ đợi họ sao?

Vị thánh nhân còn giảng dạy người đàn ông ấy rất lâu và ra lệnh cho anh ta phải trả cho đứa trẻ mồ côi một khoản tiền xứng đáng, đồng thời nói thêm:

– Đừng bao giờ áp bức những đứa trẻ mồ côi.

Người đàn ông ấy đã hối hận, hứa sẽ sửa đổi và trả tiền cho người hàng xóm của mình; nhưng sau một thời gian, anh ta lại thay đổi ý định và không trả tiền cho đứa trẻ mồ côi. Và rồi, khi bước vào chuồng, nơi có thịt con lợn vừa bị giết, bỗng nhiên anh ta thấy rằng tất cả thịt đều đã bị sâu bọ gặm nhấm, dù lúc đó trời đang rét buốt. Bị nỗi sợ hãi bao trùm, anh ta lập tức trả cho đứa trẻ mồ côi số tiền đáng lẽ phải trả, còn thịt thì vứt cho chó ăn.

Một lần nọ, có một vị giám mục từ Tsargrad đến Moscow; ông đã nghe nói nhiều về vị thánh được Chúa yêu mến này, nhưng không tin điều đó.

– Liệu có thể – ông tự hỏi – một ngọn đèn sáng chói như vậy lại xuất hiện ở vùng đất này chăng?

Suy nghĩ như vậy, ông quyết định đến tu viện để tận mắt chứng kiến vị tu sĩ già. Khi ông đến gần tu viện, nỗi sợ hãi bao trùm lấy ông; và ngay khi ông bước vào tu viện và nhìn vào vị thánh, ông lập tức bị mù. Lúc đó, vị tu sĩ đáng kính nắm lấy tay ông và dẫn ông vào phòng của mình. Vị giám mục, nước mắt lưng tròng, bắt đầu khẩn cầu Thánh Sergius, thú nhận với ngài về sự hoài nghi của mình, xin được phục hồi thị lực, và ăn năn về tội lỗi của mình. Vị tu viện trưởng khiêm nhường chạm tay vào mắt ông, và vị giám mục lập tức nhìn thấy lại. Lúc đó, vị thánh nhân bắt đầu trò chuyện với ông một cách hiền lành và dịu dàng, và nói rằng không nên kiêu ngạo; còn vị giám mục, trước đây từng nghi ngờ, giờ đây lại khẳng định với mọi người rằng vị thánh thực sự là người của Chúa, và rằng Chúa đã ban ân cho ngài được chiêm ngưỡng một thiên thần trần gian và một con người thiên đàng. Vị thánh đã tiễn vị giám mục ra khỏi tu viện của mình với sự tôn kính xứng đáng, và ngài trở về nhà, ngợi khen Thiên Chúa và vị thánh được Ngài yêu mến là Sergius.

Một đêm nọ, Thánh Sergius đứng trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, thực hiện nghi thức cầu nguyện thường lệ của mình, và khi ngước nhìn dung nhan thánh thiện của Mẹ, ngài đã cầu nguyện như sau:

– Mẹ Vô Nhiễm của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Bào Chữa và Đấng Cứu Trợ vững chắc cho loài người, xin hãy làm Đấng Bào Chữa cho chúng con, những kẻ không xứng đáng, và luôn cầu nguyện cùng Con của Mẹ và Thiên Chúa của chúng con, để Ngài ngự xuống nơi thánh thiêng này. Chúng con, những tôi tớ của Mẹ, kêu cầu Mẹ, Mẹ của Đấng Kitô ngọt ngào nhất, xin Mẹ giúp đỡ, vì Mẹ là nơi nương tựa và niềm hy vọng của mọi người.

Vị thánh nhân đã cầu nguyện và hát bài thánh ca tạ ơn Đức Mẹ Vô Nhiễm. Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, ngài ngồi xuống một lát để nghỉ ngơi. Bỗng nhiên, ngài nói với đệ tử của mình là Mi-kê:

– Hỡi con, hãy tỉnh táo và tỉnh táo! Vào giờ này, chúng ta sẽ có một cuộc viếng thăm bất ngờ và kỳ diệu.

Vừa dứt lời, bỗng có tiếng nói vang lên:

– Này, Đức Mẹ Vô Nhiễm đang đến.

Nghe thấy điều đó, vị thánh vội vã bước ra khỏi phòng tu vào hiên nhà; tại đó, một ánh sáng vĩ đại, rực rỡ hơn cả ánh nắng mặt trời, chiếu rọi ngài, và ngài được ân sủng chiêm ngưỡng Đức Mẹ, được hai Tông đồ Phêrô và Gioan tháp tùng: một vầng hào quang phi thường bao quanh Đức Mẹ. Không chịu nổi ánh sáng kỳ diệu đến thế, vị thánh liền quỳ sấp mặt xuống đất. Đức Mẹ thì chạm vào vị thánh bằng chính đôi tay của Mẹ và nói:

– Đừng sợ hãi, người được Ta chọn! Ta đã đến thăm con, vì những lời cầu nguyện của con về các môn đệ đã được lắng nghe. Đừng buồn phiền nữa về tu viện này: từ nay trở đi, nơi đây sẽ được dồi dào mọi thứ, không chỉ trong suốt cuộc đời con, mà cả sau khi con về với Thiên Chúa. Còn Ta, Ta sẽ không bao giờ rời bỏ nơi này.

Nói xong những lời ấy, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội bỗng trở nên vô hình. Vị thánh cảm thấy kinh hoàng và run rẩy tột độ. Sau một lúc bình tĩnh lại, ngài thấy môn đệ của mình nằm bất động như đã chết. Vị thánh bế anh ta dậy; lúc đó, Mi-kê bắt đầu quỳ lạy dưới chân vị trưởng lão, nói:

– Thưa Cha, vì danh Chúa, xin hãy kể cho con biết hiện tượng kỳ diệu này là gì; linh hồn con suýt nữa đã lìa khỏi thân xác, vì cảnh tượng này thật quá kỳ diệu.

Còn vị thánh thì tràn ngập niềm vui lớn lao; khuôn mặt ngài thậm chí còn rạng ngời vì niềm hân hoan khôn tả; ngài không thể thốt lên điều gì khác ngoài:

– Con ơi, hãy chờ một lát, vì linh hồn ta cũng đang run rẩy vì cảnh tượng kỳ diệu này!

Và trong một lúc, vị thánh đứng im lặng; sau đó, ngài nói với đệ tử của mình:

– Hãy gọi Isaac và Simon đến đây!

Khi họ đến, vị thánh kể lại cho họ nghe mọi chuyện theo thứ tự, rằng ngài đã thấy Đức Mẹ Vô Nhiễm cùng các Tông đồ và những lời Đức Mẹ đã phán với ngài. Nghe vậy, họ tràn ngập niềm vui lớn lao, và tất cả cùng nhau cử hành lễ cầu nguyện kính Đức Mẹ; còn vị thánh thì thức trắng cả đêm đó, suy ngẫm về cuộc viếng thăm đầy ân sủng của Đức Mẹ Vô Nhiễm.

Một lần nọ, vị thánh đang cử hành Thánh Lễ. Simon, môn đệ đã được nhắc đến ở trên, một người có đức hạnh đã được thử thách, lúc đó đang đảm nhiệm chức vụ quản lễ. Bỗng nhiên, ông thấy ngọn lửa bay lượn quanh bàn thờ thánh, chiếu sáng bàn thờ và bao quanh Thánh Sergius đang cử hành, đến nỗi vị thánh bị ngọn lửa bao trùm từ đầu đến chân. Và khi vị thánh bắt đầu rước Mình Thánh Chúa, ngọn lửa bốc lên, cuộn tròn lại như một tấm màn kỳ diệu, rồi chìm vào chén thánh, từ đó vị thánh Sergius – vị thừa tác viên xứng đáng của Chúa Kitô – đã rước Mình Thánh.

Thấy cảnh đó, Simon kinh hoàng và đứng im lặng. Sau khi rước lễ, Thánh Sergius rời khỏi bàn thờ thánh và, nhận ra rằng Simon đã được ban cho một thị kiến, ngài gọi anh ta lại và hỏi:

– Con ơi, tại sao tâm hồn con lại kinh hoàng như vậy?

– Thưa Cha, con đã thấy một thị kiến kỳ diệu: con đã thấy ân sủng của Thánh Thần đang hoạt động cùng Cha.

Lúc đó, vị thánh nhân cấm anh không được kể chuyện này cho ai biết, và nói:

– Đừng nói chuyện này với ai cả, cho đến khi Chúa gọi con về với Ngài.

Và cả hai đều nhiệt thành tạ ơn Đấng Tạo Hóa, Đấng đã ban cho họ ân sủng như vậy.

Sau nhiều năm sống trong sự tiết độ nghiêm ngặt giữa những công việc không ngừng nghỉ, và đã thực hiện nhiều phép lạ vinh quang, vị thánh nhân đã bước vào tuổi già. Ngài đã tròn bảy mươi tám tuổi. Sáu tháng trước khi qua đời, khi đã tiên kiến được sự ra đi về với Chúa, ngài đã triệu tập các tu sĩ lại và giao phó việc lãnh đạo cộng đoàn cho đệ tử của mình là Nikon: người này dù còn trẻ về tuổi tác, nhưng đã được trau dồi bởi sự khôn ngoan từ kinh nghiệm thiêng liêng. Suốt cuộc đời mình, đệ tử này luôn noi gương vị thầy và người hướng dẫn của mình là vị thánh Sergius. Chính vị Thánh này đã bổ nhiệm Nikon làm Bề trên, còn bản thân Ngài thì hoàn toàn im lặng và bắt đầu chuẩn bị cho việc ra đi khỏi cuộc đời tạm bợ này. Vào tháng Chín, Ngài lâm vào cơn bệnh nặng và, khi cảm nhận được giờ lâm chung sắp đến, Ngài đã triệu tập các tu sĩ đến bên mình. Khi các tu sĩ đã tập trung đầy đủ, vị thánh đã lần cuối cùng hướng đến họ với những lời dạy dỗ và khuyên răn; ngài khuyên nhủ các tu sĩ hãy giữ vững đức tin và sự hiệp nhất, khẩn cầu họ giữ gìn sự trong sạch về tâm hồn và thể xác, di chúc cho họ hãy nuôi dưỡng

tình yêu chân thành đối với mọi người, khuyên họ tránh xa những ham muốn và dục vọng xấu xa, giữ sự tiết độ trong ăn uống, khuyên họ đừng quên lòng hiếu khách và hãy khiêm nhường, tránh xa vinh quang trần thế. Cuối cùng, ngài nói với họ:

– Ta sắp về với Thiên Chúa, Đấng đang kêu gọi ta, và ta phó thác các con cho Chúa Toàn Năng và Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm; xin Mẹ trở thành nơi nương tựa và bức tường che chở các con khỏi những mũi tên của kẻ ác.

Trong những giây phút cuối cùng, vị thánh nhân mong được rước các Bí tích thánh của Chúa Kitô. Lúc này, ngài đã không thể tự mình đứng dậy khỏi giường: các môn đệ kính cẩn đỡ tay vị thầy của mình khi ngài lần cuối cùng rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô; sau đó, ngài giơ hai tay lên và trong lời cầu nguyện, ngài dâng linh hồn trong sạch của mình lên Chúa[6457] . Ngay khi vị thánh qua đời, một hương thơm không thể tả đã lan tỏa khắp phòng tu của ngài. Khuôn mặt của vị thánh nhân rạng ngời niềm hạnh phúc thiên đàng – dường như ngài đang chìm vào giấc ngủ sâu.

Mất đi vị thầy và người hướng dẫn của mình, các tu sĩ đã rơi những giọt nước mắt đắng cay và than khóc thảm thiết như những con chiên mất đi người chăn dắt; với những bài ca tang lễ và những bài thánh vịnh, họ đã an táng thi hài đáng kính của vị thánh và đặt ngài tại tu viện, nơi ngài đã tận tụy tu hành suốt cuộc đời.

Đã hơn ba mươi năm trôi qua kể từ khi Thánh Sergius qua đời. Chúa đã muốn tôn vinh vị thánh nhân của Ngài thêm nữa. Vào thời điểm đó, có một người đạo đức sống gần tu viện; với lòng tin sâu sắc vào vị thánh, ông thường đến viếng mộ Thánh Sergius và cầu nguyện hết lòng với vị thánh nhân của Chúa. Một đêm nọ, sau khi cầu nguyện nhiệt thành, ông chìm vào giấc ngủ nhẹ; bỗng nhiên, Thánh Sergius hiện ra và nói:

– Hãy báo cho vị tu viện trưởng của tu viện này biết: tại sao người ta lại để ta nằm dưới lớp đất trong quan tài quá lâu như vậy, nơi mà nước bao quanh thi thể ta?

Khi tỉnh dậy, người đàn ông ấy vừa cảm thấy sợ hãi, vừa cảm nhận được một niềm vui lạ thường trong lòng; ông lập tức kể lại giấc mơ này cho đệ tử của Thánh Sergius – Nikon, người lúc bấy giờ đang là vị tu viện trưởng. Nikon đã kể lại điều này cho toàn thể cộng đoàn – và tất cả các tu sĩ đều vô cùng hân hoan. Tin đồn về giấc mơ ấy lan truyền rất xa, và vì thế nhiều người đã đổ về tu viện; trong số đó có Công tước Yuri Dmitrievich[6458] , người luôn kính trọng vị Thánh như cha ruột và đã hết lòng chăm lo cho tu viện thánh thiêng này. Ngay khi những người có mặt mở nắp quan tài của vị Thánh, một mùi hương thơm ngát lập tức lan tỏa khắp nơi. Lúc đó, họ chứng kiến một phép lạ kỳ diệu: không chỉ thi hài của Thánh Sergius vẫn còn nguyên vẹn và không hề hấn gì, mà ngay cả y phục của ngài cũng không hề bị phân hủy; nước đứng hai bên quan tài, nhưng nó không chạm vào cả thi hài của ngài lẫn y phục của ngài. Thấy điều này, mọi người đều vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã tôn vinh vị thánh nhân của Ngài một cách kỳ diệu như vậy. Với niềm hân hoan, thi hài thánh của vị thánh nhân đã được an táng vào một quan tài mới. Việc tìm thấy thi hài thánh của Thánh Sergius diễn ra vào ngày 5 tháng 7 năm 1428, và ngày lễ kỷ niệm này được thiết lập để tưởng nhớ sự kiện đó.

Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót đã tôn vinh vị thánh nhân vĩ đại của Ngài một cách kỳ diệu: vô số phép lạ đa dạng được ban cho tất cả những ai với lòng tin kêu cầu danh thánh của ngài và quỳ lạy trước hòm đựng di cốt đầy ân sủng và phép lạ của ngài. Vị tu sĩ khiêm nhường này đã từ chối vinh quang trần thế, nhưng bàn tay quyền năng của Đức Chúa Trời đã tôn vinh ngài lên cao; và càng khiêm nhường, ngài càng được Đức Chúa Trời tôn vinh. Khi còn tại thế, Thánh Sergius đã thực hiện nhiều phép lạ và được ban cho những thị kiến kỳ diệu; nhưng được thấm nhuần tinh thần khiêm nhường và hiền lành , ngài đã cấm các môn đệ của mình kể lại những điều này; nhưng sau khi qua đời, ngài đã nhận được một sức mạnh lớn lao từ Chúa đến nỗi những phép lạ khác nhau được thực hiện nhờ lời cầu nguyện của ngài giống như một dòng sông dồi dào, không bao giờ cạn kiệt dòng chảy. Lời Kinh Thánh quả thật và không sai lầm*: "Lạy Chúa, Ngài thật đáng kính sợ trong đền thánh của Ngài"* [Đức Chúa Trời thật kỳ diệu trong các thánh của Ngài] (Thi Thiên 67:36). Những phép lạ kỳ diệu được ban cho mọi người qua vị thánh nhân này; người mù được sáng mắt, người què được chữa lành, người câm được ban ân sủng lời nói, người bị quỷ ám được giải thoát khỏi các linh hồn gian ác, người bệnh được bình phục, người gặp hoạn nạn được giúp đỡ và che chở, người bị kẻ thù bao vây được bảo vệ, người đau buồn được an ủi và xoa dịu, nói tóm lại – ai cầu xin vị thánh nhân này đều được giúp đỡ. Mặt trời chiếu sáng rực rỡ và sưởi ấm mặt đất bằng những tia nắng của mình, nhưng vị thánh nhân này còn tỏa sáng rực rỡ hơn, soi sáng tâm hồn con người bằng những phép lạ và lời cầu nguyện của

[6457] Thánh Sergius qua đời vào ngày 25 tháng 9 năm 1392.
[6458] Công tước Zvenigorod.

ngài. Và mặt trời lặn đi, nhưng vinh quang của vị thánh làm phép lạ này sẽ không bao giờ phai mờ – nó sẽ tỏa sáng mãi mãi, vì trong Thánh Kinh có chép: *"Còn những người công chính sẽ sống đời đời"* (Thư Thê-sa-lô-ni-ca 5:15).

Không thể không nhắc đến những phép lạ của vị thánh này, nhưng cũng không dễ dàng để mô tả chúng; số lượng chúng quá lớn, và chúng rất đa dạng; chúng ta chỉ đề cập đến những phép lạ quan trọng nhất, qua đó Thiên Chúa đã thương ban để tôn vinh vị tu sĩ vĩ đại của Ngài[6459] .

Dù đã rời xa các tu sĩ một cách hữu hình, Thánh Sergius vẫn không ngừng giao tiếp với họ một cách vô hình; vị thánh làm phép lạ vĩ đại này vẫn quan tâm đến tu viện của mình ngay cả sau khi qua đời, nhiều lần hiện ra trước một số tu sĩ. Một lần nọ, một tu sĩ của tu viện này, tên là Ignatius, đã được ban cho một thị kiến như sau: Thánh Sergius đang đứng tại chỗ của mình trong buổi cầu nguyện suốt đêm và cùng với các tu sĩ khác tham gia vào việc hát thánh ca. Ignatius, đầy ngạc nhiên, lập tức kể lại điều này cho các tu sĩ, và tất cả đều với niềm vui lớn lao đã tạ ơn Chúa, Đấng đã ban cho họ một vị cầu nguyện và đồng hành vĩ đại như vậy.

Vào mùa thu năm 1408, khi vị tu sĩ được nhắc đến ở trên – đệ tử của Thánh Nikon – đang giữ chức Bề trên, quân Tatari dưới sự chỉ huy của Edigei hung tợn bắt đầu tiến gần đến biên giới Moscow. Thánh Nikon đã cầu nguyện lâu dài với Chúa, xin Ngài bảo vệ nơi này và che chở nó khỏi sự xâm lược của những kẻ thù đáng sợ; đồng thời ngài cũng kêu cầu danh hiệu của vị sáng lập vĩ đại của tu viện này – Thánh Sergius. Một đêm nọ, sau khi cầu nguyện, ngài ngồi xuống để nghỉ ngơi – và chìm vào giấc ngủ chập chờn. Bỗng nhiên, ngài thấy các Thánh Phêrô và Alexius cùng với Thánh Sergius, người đã phán:

– Chúa đã muốn cho những kẻ ngoại bang đặt chân đến nơi này; còn con, hỡi con cái của Ta, đừng buồn phiền và đừng lo lắng: tu viện sẽ không bị bỏ hoang, mà sẽ phát triển thịnh vượng hơn nữa.

Sau đó, sau khi ban phước lành, các thánh bỗng biến mất khỏi tầm mắt. Khi tỉnh lại, Thánh Nikon vội vã chạy đến cửa, nhưng cửa đã bị khóa; khi mở cửa ra, ngài thấy các thánh đang đi từ phòng tu của ngài đến nhà thờ. Lúc đó, ngài mới hiểu rằng đây không phải là giấc mơ, mà là một thị kiến chân thật. Lời tiên tri của Thánh Sergius sớm trở thành hiện thực: người Tatars đã tàn phá tu viện và đốt cháy nó. Nhưng nhờ được cảnh báo một cách kỳ diệu như vậy, Thánh Nikon cùng các tu sĩ đã tạm thời rời khỏi tu viện; và khi người Tatars rút lui khỏi biên giới Moscow, Nikon, nhờ ơn Chúa và nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Sergius, đã tái thiết tu viện và xây dựng một nhà thờ bằng đá để tôn vinh Chúa Ba Ngôi, nơi mà cho đến ngày nay, di cốt của Thánh Sergius vẫn được an nghỉ[6460] . Trong dịp đó, nhiều người đáng kính đã chứng kiến Thánh Alexius cùng với Thánh Sergius đến dự lễ thánh hiến các tòa nhà mới của tu viện.

Trong thời gian Thánh Nikon làm Bề trên, có một tu sĩ đang chặt gỗ để xây dựng các phòng tu; anh ta đã vô tình dùng rìu làm bị thương nặng vào mặt mình. Vì cơn đau dữ dội, anh ta không thể tiếp tục công việc và quay trở về phòng tu của mình; lúc đó trời đã gần tối; còn vị Bề trên thì lúc đó không có mặt tại tu viện. Bỗng nhiên, vị tu sĩ này nghe thấy có ai đó gõ cửa phòng tu và tự xưng là vị tu viện trưởng; kiệt sức vì đau đớn và mất máu, anh ta không thể đứng dậy để mở cửa; lúc đó cánh cửa tự mở ra, cả căn phòng bỗng chốc được chiếu rọi bởi một ánh sáng kỳ diệu, và giữa ánh sáng rực rỡ ấy, tu sĩ nhìn thấy hai người đàn ông, một trong số họ mặc áo lễ của giám mục. Người đang đau đớn thầm cầu xin sự ban phước từ những vị khách đến. Vị tu sĩ rạng ngời ánh sáng chỉ cho vị thánh các nền móng của căn phòng, còn vị thánh thì ban phước lành cho chúng. Lúc đó, người bệnh, với sự ngạc nhiên tột độ, nhận thấy máu từ vết thương của mình đã ngừng chảy, và cảm thấy mình hoàn toàn khỏe mạnh. Từ đó, ông hiểu rằng mình đã được ân sủng được gặp Thánh Alexius và Thánh Sergius. Như vậy, những vị thánh này, vốn gắn bó với nhau bằng những sợi dây tình anh em chặt chẽ khi còn sống, thì sau khi qua đời cũng thường xuyên hiện ra cùng nhau trước mặt nhiều người.

Một cư dân Moscow tên là Simeon, người được sinh ra theo lời tiên tri của vị thánh, đã mắc bệnh nặng đến mức không thể cử động, không thể ngủ, cũng không thể ăn uống, mà chỉ nằm bất động như người chết trên giường bệnh. Trong lúc đang chịu đựng nỗi đau đớn như vậy, một đêm nọ, ông đã cầu xin sự giúp đỡ của Thánh Sergius:

[6459] Mô tả về các phép lạ sau khi qua đời của Thánh Sergius được biên soạn dựa trên cuốn "Chetiy-Miney" của Tổng Giám mục Toàn Nga Makarii, dựa trên các cuốn tiểu sử về Thánh Sergius do các Tổng Giám mục Platon và Filaret biên soạn, và dựa trên truyền thuyết về các phép lạ sau khi qua đời của Simon Azaryin; mô tả các phép lạ trong thời gian Tu viện Troitsky bị quân Ba Lan vây hãm được trích từ "Truyền thuyết về cuộc vây hãm Tu viện Troitsky" – của quản lý kho Avramiy Palitsyn; các cuốn tiểu sử in cổ về Thánh Sergius và các nguồn lịch sử khác cũng được tham khảo.

[6460] Lễ thánh hiến ngôi đền này diễn ra vào ngày 25 tháng 9 năm 1412.

– Xin hãy giúp con, Thánh Sergius kính mến, xin giải thoát con khỏi căn bệnh này; khi còn sống, ngài đã rất nhân từ với cha mẹ con và đã tiên tri về sự ra đời của con; xin đừng quên con, người đang chịu đựng căn bệnh nặng nề này.

Bỗng nhiên, hai vị tu sĩ già hiện ra trước mặt ông; một trong số họ là Nikon; người bệnh lập tức nhận ra ngài, vì trước đây ông đã từng quen biết vị thánh này khi ngài còn tại thế; lúc đó ông mới hiểu rằng vị thứ hai xuất hiện chính là Thánh Sergius. Vị tu sĩ cao niên kỳ diệu ấy đã làm dấu thánh giá trên người bệnh, rồi sau đó bảo Nikon lấy bức tượng thánh đang đặt bên giường – bức tượng này trước đây chính Nikon đã tặng cho Simeon. Sau đó, người bệnh có cảm giác như toàn bộ da của mình đã bong ra khỏi cơ thể; sau đó, các vị thánh trở nên vô hình. Ngay lúc đó, Simeon cảm thấy mình đã hoàn toàn bình phục: ông ngồi dậy trên giường bệnh, và không còn ai phải đỡ ông nữa; lúc đó ông mới hiểu rằng không phải da mình bong ra, mà chính căn bệnh đã rời bỏ ông. Niềm vui của ông thật lớn lao; đứng dậy, ông bắt đầu nhiệt thành tạ ơn Thánh Sergius và Thánh Nikon vì sự chữa lành bất ngờ và kỳ diệu đến vậy.

Một lần nọ, như thường lệ, rất đông người tụ tập tại tu viện của vị tu sĩ, vì lễ trọng kính Thánh Ba Ngôi đang đến gần. Trong số những người đến có một người mù nghèo, đã mất thị lực từ khi mới bảy tuổi; anh ta đứng bên ngoài nhà thờ, nơi lúc đó đang diễn ra thánh lễ trang nghiêm; người dẫn đường của anh ta đã rời khỏi anh ta một lúc; khi nghe tiếng hát trong nhà thờ, người mù buồn bã vì không thể vào trong để thờ lạy di cốt của vị thánh đáng kính, người mà anh ta thường nghe nói đã ban cho biết bao phép chữa lành. Khi bị người dẫn đường bỏ lại, anh ta bắt đầu khóc nức nở; bỗng nhiên, vị thánh Sergius – Đấng cứu giúp nhanh chóng cho tất cả những ai đang gặp hoạn nạn – hiện ra trước mặt anh; nắm lấy tay anh, vị thánh dẫn người đàn ông này vào nhà thờ, đưa anh đến gần hòm thánh tích – người mù cúi đầu thờ lạy, và ngay lập tức, bệnh mù của anh biến mất. Rất nhiều người đã chứng kiến phép lạ vinh quang này; tất cả đều tạ ơn Thiên Chúa và tôn vinh vị thánh nhân của Ngài; còn người đàn ông được chữa lành, để tỏ lòng biết ơn, đã ở lại tu viện của vị thánh nhân mãi mãi và giúp đỡ các tu sĩ trong công việc của họ để đền đáp ân huệ đã nhận được.

Năm 1551, Sa hoàng Ioann Vasilievich Grozny[6461] đã thành lập thành phố Sviyazhsk[6462] để phòng thủ chống lại người Tatar; tại thành phố này, một tu viện được xây dựng để tôn vinh Thánh Ba Ngôi, nơi lưu giữ bức tượng thánh Sergius; bức tượng này đã ban nhiều phép lạ không chỉ cho các tín đồ mà còn cho cả những người ngoại đạo. Một lần nọ, các trưởng lão của bộ tộc Cheremis vùng núi đã đến Sviyazhsk với thái độ khiêm nhường[6463] ; họ kể lại như sau: "Khoảng năm năm trước khi thành phố này được thành lập, khi nơi đây còn hoang vắng, chúng tôi thường nghe thấy tiếng chuông nhà thờ Nga vang lên ở đây; chúng tôi đã cử những thanh niên nhanh nhẹn đến đây để xem chuyện gì đang xảy ra; họ nghe thấy những giọng hát tuyệt vời, như thể trong nhà thờ, nhưng không thấy ai cả, chỉ có một tu sĩ đi với cây thánh giá, ban phước lành về mọi hướng và dường như đang đo đạc khu vực nơi thành phố hiện nay tọa lạc, và toàn bộ khu vực đó tràn ngập hương thơm. Khi người ta bắn tên vào ngài, những mũi tên ấy không làm ngài bị thương, mà bay vút lên cao rồi gãy vụn khi rơi xuống đất. Chúng tôi đã kể lại điều đó cho các công tước của chúng tôi, và họ đã báo lại cho nữ hoàng và các quan đại thần."

Nhưng đặc biệt có rất nhiều phép lạ được Thánh Sergius thực hiện trong thời kỳ khó khăn khi Tu viện Troitsky bị quân Ba Lan vây hãm. Qua những lần hiện ra của mình, vị thánh muốn khích lệ lòng dũng cảm của những người bảo vệ ngôi tu viện vinh quang này và củng cố tinh thần cho tất cả các tín đồ Chính thống giáo. Kẻ thù dưới sự chỉ huy của Lisowski và Sapieha bắt đầu bao vây tu viện vào ngày 23 tháng 9 năm 1608; số lượng của chúng rất đông, lên tới 30.000 người, trong khi những người bảo vệ chỉ có hơn hai nghìn người một chút; vì vậy, tất cả những người tập trung tại tu viện đều vô cùng chán nản; giữa tiếng khóc than và nức nở của mọi người, một buổi cầu nguyện thâu đêm đã được cử hành vào đêm 25 tháng 9 – ngày kỷ niệm Thánh Sergius ( ). Nhưng vị thánh đã vội vã an ủi những người đang chìm trong buồn bã và đau khổ: ngay trong đêm đó, một tu sĩ tên là Pimen đã có một thị kiến. Vị tu sĩ này đang cầu nguyện với Đấng Cứu Thế Toàn Năng và Đức Mẹ Vô Nhiễm; bỗng nhiên, trong phòng tu của ông sáng rực như ban ngày; nghĩ rằng kẻ thù đã đốt cháy tu viện, Pimen bước ra khỏi phòng tu của mình, và ông chứng kiến một hiện tượng kỳ diệu: ông thấy trên đỉnh nhà thờ Thánh Ba Ngôi, một cột lửa vươn cao

[6461] Ivan Vasilyevich Grozny trị vì từ năm 1533 đến năm 1584.

[6462] Sviyazhsk hiện là một thị trấn thuộc tỉnh Kazan.

[6463] Người Cheremis là một bộ tộc Phần Lan, phân bố chủ yếu ở các tỉnh Vyatka, Kazan, Orenburg, Perm, Kostroma và Nizhny Novgorod.

lên tận trời; trong sự kinh ngạc, Pimen đã gọi các tu sĩ khác và một số giáo dân – và tất cả đều ngạc nhiên trước cảnh tượng phi thường này: sau một lúc, cột lửa bắt đầu hạ xuống và, cuộn tròn thành một đám mây lửa, đi vào nhà thờ Thánh Ba Ngôi qua cửa sổ phía trên lối vào.

Trong khi đó, quân vây hãm liên tục bắn đạn pháo vào tu viện; nhưng bàn tay toàn năng của Chúa đã bảo vệ tu viện Thánh Ba Ngôi: những quả đạn pháo rơi xuống những khu vực trống hoặc xuống ao hồ và gây ra rất ít thiệt hại cho những người bị vây hãm. Rất đông người dân đã tụ tập dưới sự che chở của tường tu viện, đến nỗi bên trong tu viện trở nên chật chội một cách bất thường; nhiều người không có chỗ trú ngụ, dù đã vào cuối mùa. Trong khi đó, kẻ thù bắt đầu đào hầm dưới tu viện và làm kiệt sức những người bị vây hãm bằng những cuộc đột kích liên tiếp. Để khích lệ những người đang ở trong tu viện, vào một ngày Chủ nhật, vị thánh đã hiện ra trước mặt người quản lễ Irinarh và tiên đoán về cuộc tấn công của kẻ thù. Sau đó, chính vị tu sĩ già này đã thấy Thánh Sergius đi dọc theo hàng rào và rảy nước thánh lên đó. Đêm tiếp theo, kẻ thù quả thực đã tiến hành một cuộc tấn công dữ dội vào tu viện, nhưng nhờ được cảnh báo một cách kỳ diệu như vậy, những người bảo vệ đã đẩy lùi kẻ thù và gây cho chúng một thất bại không nhỏ.

Dù biết về đường hầm đào lén, những người bị vây hãm vẫn không biết hướng của nó: mỗi phút trôi qua đều đe dọa họ bằng cái chết khủng khiếp, ai nấy cũng nhìn thấy cái chết hiện ra trước mắt mình từng giờ; trong thời khắc đau thương này, tất cả đều hăng hái đổ về nhà thờ Thánh Ba Ngôi, tất cả đều khẩn cầu Chúa giúp đỡ với lòng thành kính, tất cả đều sám hối về tội lỗi của mình; không có ai là không thành kính hướng về các di cốt của các vị thánh bảo trợ vĩ đại là Sergius và Nikon; tất cả, sau khi được rước Mình và Máu Thánh của Chúa, đều chuẩn bị đón nhận cái chết. Trong những ngày gian nan ấy, Thánh Sergius đã hiện ra trước mặt Archimandrite Ioasaf[6464] ; một lần, sau khi cầu nguyện sốt sắng trước bức tượng Thánh Ba Ngôi, Ioasaf chìm vào giấc ngủ nhẹ; bỗng nhiên, ngài thấy vị thánh đang giơ cao hai tay và khóc lóc cầu nguyện với Thánh Ba Ngôi; sau khi kết thúc lời cầu nguyện, ngài quay sang vị đại tu viện trưởng và nói với ngài:

– Hãy thức dậy đi, anh em, giờ là lúc phải cầu nguyện: *"Hãy tỉnh thức và cầu nguyện, để khỏi sa vào cám dỗ"* (Mt 26,41); Chúa Toàn Năng và Đầy Lòng Thương Xót đã thương xót anh em, để anh em cũng có thể tiếp tục nỗ lực trong cầu nguyện và sám hối trong những lúc khác.

Vị tu sĩ trưởng đã kể lại sự kiện này cho các tu sĩ và đã an ủi rất nhiều những người đang chìm trong sợ hãi và đau buồn.

Ngay sau đó, chính vị Archimandrite Ioasaf này lại được ban cho một thị kiến khác: một lần nọ, khi ngài đang thực hành nghi thức cầu nguyện trong phòng tu của mình, bỗng thánh Sergius bước vào và nói:

– Hãy đứng dậy và đừng buồn rầu, nhưng hãy dâng lời cầu nguyện trong niềm vui, vì Đức Mẹ Đồng Trinh Maria, cùng các Thiên thần và tất cả các thánh, đang cầu nguyện cho tất cả các con trước mặt Thiên Chúa.

Thánh Sergius không chỉ hiện ra với những người trong tu viện thánh thiện, mà còn hiện ra với cả những người Cossack đang vây hãm tu viện. Một người Cossack từ trại địch đã đến tu viện và kể lại những hiện tượng liên quan đến vị thánh: nhiều tướng lĩnh đã nhìn thấy hai vị tu sĩ rực rỡ ánh sáng đi dọc theo tường tu viện, giống như các vị thánh làm phép lạ Sergius và Nikon; một trong hai người đang xông hương cho tu viện, còn người kia thì rảy nước thánh lên đó. Sau đó, họ quay sang các trung đoàn Cossack, quở trách họ vì đã cùng với những kẻ khác đạo muốn phá hủy ngôi nhà của Đức Thánh Ba Ngôi. Một số người Ba Lan bắt đầu bắn vào các vị tu sĩ, nhưng mũi tên và đạn lại bật ngược lại trúng chính những kẻ bắn và làm nhiều người trong số họ bị thương. Cùng đêm đó, vị thánh nhân đã hiện ra trong giấc mơ của nhiều người Ba Lan và tiên đoán sự diệt vong cho họ[6465] . Một số người Cossack, hoảng sợ trước hiện tượng này, đã rời khỏi trại quân địch và trở về nhà, hứa sẽ không bao giờ giương vũ khí chống lại những người Chính Thống Giáo nữa. Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, những người bị vây hãm đã phát hiện ra hướng của đường hầm đào lén. Họ đã phá hủy nó, trong đó một số người bảo vệ đã hy sinh mạng sống của mình, thực hiện lời răn của Đấng Christ: *"Chẳng có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu"* (Giăng 15:13). Trong khi đó, mùa đông ập đến đã buộc kẻ thù phải ngừng các cuộc tấn công thường xuyên, nhưng những người bị vây hãm lại phải chịu đựng nặng nề trước kẻ thù nội bộ khủng khiếp: do sự chật chội

[6464] Ioasaf là tổng tu viện trưởng từ năm 1608 đến năm 1610.

[6465] Thật vậy, cả hai thủ lĩnh chính của quân Ba Lan – Sapieha và Lisowski – đều qua đời không lâu sau đó; Sapieha qua đời năm 1611 tại Moscow, còn Lisowski vào ngày 25 tháng 9 năm 1616 – đúng vào ngày tưởng niệm Thánh Sergius – đã đột ngột qua đời sau khi ngã ngựa.

và thực phẩm kém chất lượng trong tu viện, một căn bệnh khủng khiếp đã bùng phát – bệnh scorbut[6466] . Lực lượng phòng thủ vốn đã ít ỏi lại ngày càng suy giảm; các tu sĩ không kịp ban lời an ủi cho những người sắp qua đời; chỉ còn lại khoảng 200 người đủ sức cầm vũ khí. Những người bị vây hãm chờ đợi sự tái diễn của các cuộc giao tranh với tâm trạng chán nản. Nhưng Thiên Chúa đã bảo vệ tu viện do vị thánh vĩ đại của Ngài sáng lập một cách kỳ diệu. Với lực lượng khiêm tốn, những người bảo vệ đã lâu nay vẫn đẩy lùi các đợt tấn công của kẻ thù; nhưng càng về sau, tinh thần của những người bị vây hãm càng suy sụp; những người yếu đuối và do dự thậm chí còn khuyên nên đầu hàng kẻ thù một cách tự nguyện; họ nói rằng đã không thể cử ai đến Moscow để cầu cứu nữa – vì kẻ thù đã bao vây tu viện quá chặt chẽ. Giữa những tiếng than vãn và sự chán nản đó, Thánh Sergius muốn khích lệ lòng dũng cảm và an ủi những người yếu đuối. Ngài lại hiện ra trước mặt người quản lễ Irinarkh và nói:

– Hãy nói với các tu sĩ và tất cả các chiến binh: tại sao lại phải buồn phiền vì không thể gửi tin tức đến Moscow? Hôm nay, vào giờ thứ ba của đêm, ta đã cử ba đệ tử của ta là Miheya, Varfolomey và Naum đến Moscow, đến Nhà Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và các vị thánh làm phép lạ ở Moscow, để họ cử hành lễ cầu nguyện tại đó. Kẻ thù đã nhìn thấy những người được cử đi; hãy hỏi xem tại sao chúng không bắt giữ họ?

Irinarh đã kể lại sự việc này; mọi người bắt đầu hỏi han lính gác và kẻ thù xem có ai nhìn thấy những người được phái đi từ tu viện không? Lúc đó mới lộ ra rằng kẻ thù thực sự đã nhìn thấy ba vị tu sĩ già; chúng bắt đầu truy đuổi họ và hy vọng sẽ nhanh chóng bắt kịp, vì những con ngựa chở các vị tu sĩ rất yếu ớt. Nhưng những kẻ truy đuổi đã lầm tưởng: những con ngựa của các vị tu sĩ già phi nước đại như thể có cánh; kẻ thù không thể nào đuổi kịp họ.

Lúc bấy giờ, trong tu viện có một vị tu sĩ già đang ốm; nghe tin này, ông bắt đầu suy ngẫm xem chính xác những vị tu sĩ do Thánh Sergius phái đi đã cưỡi những con ngựa nào, và liệu tất cả những điều này có thật hay không? Rồi đột nhiên, vị thánh nhân hiện ra trước mặt ông; ngài nói rằng ngài đã sai các vị tu sĩ đi trên những con ngựa mù đó, vốn do thiếu thức ăn nên đã bị thả ra ngoài hàng rào tu viện, và ngài đã chữa lành bệnh tật cũng như sự hoài nghi trong lòng vị tu sĩ già ấy.

Cũng chính vào ngày đó, tại Moscow, người ta nhìn thấy vị tu sĩ, phía sau ông là mười hai chiếc xe ngựa chở đầy bánh mì nướng. Lúc bấy giờ, Moscow cũng đang bị kẻ thù vây hãm. Vị tu sĩ đang trên đường đến Tu viện Bogoyavlensky, nơi lúc đó có một chi nhánh của Tu viện Lavra. Những người nhìn thấy vị tu sĩ già đều ngạc nhiên và bối rối, không hiểu làm sao ông có thể đi qua giữa các trung đoàn quân địch mà không bị phát hiện.

– Ông là ai và làm sao ông có thể đi qua một đội quân đông đảo như vậy? – người dân Moscow hỏi vị tu sĩ già.

Ngài đáp lại:

– Tất cả chúng tôi đều đến từ ngôi nhà của Thánh Ba Ngôi Tối Thánh và Đấng Ban Sự Sống.

Khi được hỏi về tình hình tại tu viện của Thánh Sergius, vị tu sĩ già đáp:

– Chúa sẽ không để danh Ngài bị những kẻ vô tín phỉ báng; chỉ cần các anh em đừng hoang mang và đừng tuyệt vọng.

Trong khi đó, tin đồn về những người đến từ tu viện của Thánh Sergius bắt đầu lan truyền khắp Moscow; chính Sa hoàng Vasily[6467] cũng đã hỏi tại sao họ không được đưa đến gặp ngài; rất nhiều người đổ về tu viện Bogoyavlensky, nhưng ở đó không ai nhìn thấy những người mới đến. Khi đột nhiên trong tu viện này xuất hiện một lượng lớn lương thực dồi dào, lúc đó mọi người mới hiểu rằng đó chỉ là một ảo ảnh.

Moscow cũng phải chịu đựng những khó khăn do bị bao vây; kẻ thù đã cắt đứt mọi đường tiếp cận vào thành phố, khiến giá lúa mì tăng vọt. Sa hoàng Vasili và Thượng phụ Hermogenes[6468] đã thuyết phục người quản lý kho của Tu viện Troitsky, Avraam Palitsyn[6469] , bán một phần lúa mì từ kho dự trữ của Tu viện Bogoyavlensky với giá rẻ. Avraam đã tuân theo mệnh lệnh này; nhưng sau một thời gian, giá lúa mì lại trở nên rất cao. Sa hoàng và tổng giám mục lại yêu cầu phân phát lúa mì từ khu nhà phụ thuộc của Tu viện Lavra. Avraam lo ngại rằng kho dự trữ lúa mì sẽ cạn kiệt rất nhanh, nhưng, nhờ cậy vào lòng thương xót của Chúa và cầu khẩn danh hiệu vị thánh vĩ đại của Ngài là Thánh Sergius, ông đã thực hiện yêu cầu của sa hoàng. Lúc bấy giờ, tại kho lúa của Tu viện

---

[6466] Bệnh cinga là căn bệnh khiến nướu sưng tấy và xuất hiện các vết loét ở chân.

[6467] Vasili Ioannovich Shuysky trị vì từ năm 1606 đến năm 1610.

[6468] Hermogenes, người nổi tiếng vì cái chết đầy đau khổ của mình, là tổng giám mục từ năm 1606 đến năm 1612.

[6469] Người quản lý kho, từ tiếng Hy Lạp "kellaros", có nhiệm vụ bảo quản các vật tư của tu viện. Avraam Palitsyn, người đã để lại truyền thuyết về cuộc vây hãm Tu viện Troitskaya Lavra bởi quân Ba Lan, qua đời vào năm 1625.

Bogoyavlensky có một người tên là Spiridon đang làm việc; khi đang xúc lúa mì, ông nhận thấy lúa mạch đen đang tràn ra từ một khe hở trên tường; ông bắt đầu xúc nó đi – nhưng nó lại tràn ra mạnh hơn nữa. Chứng kiến phép lạ này, ông đã kể lại cho các tu sĩ khác và chính người quản lý kho; Điều đáng ngạc nhiên là trong suốt thời gian bị vây hãm, lượng lương thực trong tu viện không hề giảm sút, nhờ đó cả những người sống tại đây lẫn nhiều người đến thăm đều được nuôi sống bằng số lương thực này. Cuối cùng, sau khi bị đánh bại nhiều lần, quân địch đã sợ hãi rút lui khỏi tường thành của Tu viện Troitskaya vào ngày 12 tháng 1 năm 1610[6470] .

Toàn bộ đất nước Nga khi đó đang trải qua thời kỳ khó khăn: kẻ thù tràn ngập khắp nơi; một số thành phố bị vây hãm, trong khi những thành phố khác lại không biết phải làm gì, nên theo ai và nghe lời ai; kẻ thù đã làm đổ nhiều máu, đất nước Nga đang lâm vào cảnh diệt vong. Trong thời kỳ đau thương này, Tu viện Troitskaya đã mang lại lợi ích to lớn cho tổ quốc. Thượng phụ Dionysius[6471] và quản lý tu viện Avraam Palitsyn, sau khi tập hợp xung quanh mình những người chép văn nhanh nhẹn và sáng suốt, đã soạn thảo các bức thư kêu gọi và gửi đi khắp các thành phố. Trong những bức thư này, thượng phụ và quản lý tu viện kêu gọi toàn thể người dân Nga đoàn kết lại và kiên quyết chống lại kẻ thù của đất nước Nga và đức tin Chính thống giáo. Một trong những bức thư như vậy đã được gửi đến Nizhny Novgorod. Vào thời điểm đó, tại đó có một người sùng đạo tên là Kozma Minin; ông thường thích lui về một ngôi đền riêng biệt và ở đó, một mình dâng lên Chúa những lời cầu nguyện chân thành. Một lần nọ, trong ngôi đền này, Thánh Sergius đã hiện ra với ông trong một giấc mơ; vị thánh làm phép lạ vĩ đại đã ra lệnh cho Kozma quyên góp tiền bạc cho các chiến binh và cùng họ ra trận để giải phóng Nhà nước Moskva khỏi kẻ thù. Khi tỉnh dậy, Kozma lo sợ và bắt đầu suy ngẫm về giấc mơ ấy, nhưng vì cho rằng việc tập hợp quân đội không phải là việc của mình, ông không biết nên quyết định thế nào. Một thời gian ngắn sau, vị thánh lại hiện ra với ông lần thứ hai – nhưng ngay cả sau đó, Kozma vẫn còn do dự. Lúc đó, Thánh Sergius hiện ra với ông lần thứ ba và nói:

– Chẳng phải ta đã bảo ngươi tập hợp những người lính sao? Đức Chúa Trời nhân từ đã muốn thương xót các Kitô hữu Chính thống, giải thoát họ khỏi lo âu và ban cho họ hòa bình và an lành. Vì thế, ta mới bảo ngươi hãy ra đi để giải phóng đất nước Nga khỏi kẻ thù. Đừng lo lắng rằng những người lớn tuổi sẽ ít lắng nghe ngươi: những người trẻ tuổi sẽ sẵn lòng theo ngươi – việc thiện lành này sẽ có một kết cục tốt đẹp.

Lời tiên tri cuối cùng đã khiến Kozma run rẩy, anh thậm chí còn bị ốm, và khi cho rằng căn bệnh này là sự trừng phạt dành cho sự nghi ngờ của mình, anh đã tha thiết cầu xin Thánh Sergius tha thứ, và sau đó hăng hái bắt tay vào công việc. Anh bắt đầu thuyết phục đồng bào của mình tập hợp quân đội và tiến đánh kẻ thù; đặc biệt là những người trẻ tuổi đã giúp đỡ anh rất nhiều. Chẳng bao lâu sau, Kozma được bầu làm trưởng làng, và người dân đồng ý tuân theo mọi lời ông; lúc đó, người đàn ông đạo đức này đã hiến dâng toàn bộ tài sản của mình cho các chiến binh, và tất cả người dân Nizhny Novgorod đều noi gương ông. Nhờ vậy, ông đã tập hợp được đội quân, dẫn họ ra trận chống lại những kẻ thù vô thần và góp phần to lớn vào việc giải phóng quê hương khỏi ách thống trị của người Ba Lan và Litva. Trong vài năm nữa, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, chúng vẫn tiếp tục tàn phá đất nước Nga, làm đổ máu những người theo Chính Thống Giáo; nhưng Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đấng không muốn kẻ có tội phải chết, đã nhìn xuống đất nước Nga bằng con mắt đầy lòng thương xót, cứu rỗi và bảo vệ đất nước này nhờ lời cầu nguyện của vị thánh đáng kính của Ngài, Thánh Sergius.

Vị thánh nhân của Chúa này đã thực hiện rất nhiều phép lạ khác, và cho đến ngày nay, quan tài của ngài vẫn là nguồn phép lạ vô tận; tất cả những ai đến với lòng tin đều nhận được những ân sủng phong phú và đa dạng: chúng ta cũng hãy quỳ xuống trước quan tài chứa di cốt đầy ân sủng của Thánh Sergius và với lòng thành kính, hãy kêu lên: “Thánh Sergius kính yêu, xin cầu nguyện cùng Chúa cho chúng con.”

Bài thánh ca, giọng 4:

Ngài là người tu hành đầy đức hạnh, như một chiến binh chân chính của Đức Kitô, Thiên Chúa, đã nỗ lực hết mình trong cuộc đời tạm bợ này, qua việc hát thánh ca, thức đêm cầu nguyện và ăn chay, trở thành hình mẫu cho các môn đệ của Ngài: chính vì thế, Thánh Thần Chí Thánh đã ngự trong Ngài, và nhờ quyền năng của Ngài,

---

[6470] Để tưởng nhớ sự kiện này, vào ngày Chủ nhật gần nhất với ngày 12 hàng tháng, một cuộc rước thánh giá được tổ chức tại Tu viện Troitskaya Lavra.

[6471] Dionysius là tổng tu viện trưởng tại Tu viện Troitsk từ năm 1610 và đã qua đời.

Ngài được trang hoàng rực rỡ. Nhưng vì ngài có lòng can đảm trước Thánh Ba Ngôi, xin hãy nhớ đến đoàn chiên mà ngài đã khôn ngoan quy tụ; và xin đừng quên, như ngài đã hứa, hãy đến thăm các con cái của ngài, hỡi Thánh Sergius, vị Cha đáng kính của chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Được tình yêu của Chúa Kitô chạm đến, thưa vị Thánh đáng kính, và theo đuổi khát vọng không thể quay lại ấy, ngài đã ghét bỏ mọi thú vui xác thịt, và như mặt trời chiếu sáng trên quê hương ngài, chính vì thế mà Chúa Kitô đã ban cho ngài ân sủng của các phép lạ. Xin hãy nhớ đến chúng con, những người tôn kính ký ức rực rỡ của ngài, để chúng con có thể kêu lên với ngài: Hãy vui mừng, Thánh Sergius, người khôn ngoan trước mặt Thiên Chúa.

Cuộc đời của Thánh nữ Euphrosyne xứ Suzdal

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 9

Thánh nữ Euphrosyne là con gái của Công tước Mikhail Chernigov, một người tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Trong một thời gian dài, phu nhân của vị công tước này vẫn chưa có con; với lòng tin nồng nhiệt, Công tước Mikhail và phu nhân đã cầu khẩn Đức Mẹ Đồng Trinh và các vị thánh cha Antony và Theodosius, và trong nước mắt, họ cầu xin được ban phước với một đứa con trong bụng. Vào một đêm nọ, Đức Mẹ Đồng Trinh đã hiện ra với họ và nói:

– Hãy can đảm lên, hãy cầu nguyện; lời thỉnh cầu của các con sẽ được đáp ứng, và như một dấu hiệu cho điều đó, các con sẽ nhận được hương thơm.

Hình ảnh này khiến họ kinh hoàng. Khi tỉnh giấc, họ thấy ở đầu giường một gói hương liệu, liền cho vào lư hương, và cả ngôi nhà tràn ngập mùi hương kỳ diệu. Cả các quan đại thần lẫn người trong gia đình hoàng tử đều kinh ngạc trước mùi hương không thể tả xiết này. Hoàng tử Mikhail và phu nhân của ngài càng sốt sắng cầu nguyện với Chúa hơn. Sau đó, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội lại hiện ra với họ và trao vào tay họ một con chim bồ câu, và ngôi nhà lại tràn ngập hương thơm. Và lần thứ ba, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội hiện ra với họ cùng các vị thánh Antony và Theodosius, và nói:

– Lời cầu nguyện của các ngươi đã được nhậm lời: các ngươi sẽ sinh được một cô con gái, mà các ngươi sẽ đặt tên là Theodulia; con bé sẽ là nữ tu tại Nhà thờ Vlacherna.

Cuối cùng, đã đến lúc cô con gái này chào đời[6472] và cha mẹ đã đặt tên cho cô bé là Theodulia, theo lời Đức Mẹ. Mỗi khi người vú nuôi ăn thịt, thì cô bé thánh thiện, dù vẫn còn trong tã lót, lại không chịu bú sữa từ vú của người vú nuôi suốt cả ngày hôm đó. Thấy vậy, người mẹ băn khoăn không biết điều gì sẽ xảy ra với con gái mình. Và rồi, một ngày nọ, bà có một giấc mơ: chính bà bay lên trời trên đôi cánh và dâng con gái mình cho Đức Chúa Trời. Khi tỉnh giấc, bà đã tạ ơn Đức Mẹ Đồng Trinh vì tất cả những dấu hiệu kỳ diệu đó. Cô bé mới sinh được rửa tội tại Tu viện Pechersk, trong nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Khi cô lớn lên, Hoàng tử Mikhail, người có đức tin vững vàng, đích thân dạy cô về Kinh Thánh. Ngoài ra, người hướng dẫn cho công chúa trẻ là Boyar Feodor, người nổi tiếng với sự khôn ngoan và kiến thức uyên bác. Cô thiếu nữ đạo đức này vượt trội hơn tất cả các bạn cùng lứa về thành tích học tập và nhan sắc. Nhiều người, khi nghe nói về sự thông thái và vẻ đẹp của cô, đã nỗ lực cầu hôn cô, nhưng đều bị từ chối. Vào thời đó, tại Suzdal có một hoàng tử rất đạo đức tên là Mina. Ông đã xin cha mẹ của thiếu nữ thánh thiện này gả Feodulia cho mình. Họ đã đồng ý, nhưng bản thân thiếu nữ lại vô cùng buồn bã vì điều đó và đã thành kính cầu nguyện Đức Mẹ Rất Thánh giữ gìn sự trinh khiết cho cô. Đức Mẹ Rất Thánh đã hiện ra với cô, truyền bảo cô phải vâng lời cha mẹ, và nói:

– Tội lỗi sẽ không đụng chạm đến thân thể con.

Cô trinh nữ thánh thiện đã vâng theo ý muốn của cha mẹ và lên đường đến Suzdal; trong khi cô vẫn còn trên đường đi, vị hôn phu của cô đã qua đời. Khi đến thành phố đó, cô đã xuất gia tại tu viện địa phương để tôn vinh Lễ An Táng Áo Choàng của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội tại Vlacherna, và trong lễ xuất gia, cô được đặt tên là

[6472] Thánh nữ sinh năm 1212.

Euphrosyne. Cô đã tỏ ra vô cùng vâng phục các nữ tu trong tu viện này; cô đã khắc khổ thân xác mình, không ngừng chăm lo cho linh hồn và tỏa sáng rực rỡ bởi mọi đức tính tốt đẹp. Nhờ cuộc đời thánh thiện của mình, Euphrosyne đã nhận được ân sủng tiên tri từ Thiên Chúa; cô thường giảng dạy mọi người bằng Lời Phúc Âm và chữa lành cho nhiều người bệnh. Trong thời kỳ xâm lược của Batyu tà ác, vị thánh đã bảo vệ tu viện khỏi sự tàn phá nhờ những lời cầu nguyện của mình. Bà đã về với cuộc sống vĩnh cửu vào ngày 25 tháng 9 – chính ngày mà bà đã nhận lễ xuất gia[6473] .

Lễ tưởng niệm Thánh Tử đạo Pafnuti.

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 9

Thánh Tử đạo Paphnutius sống dưới thời Hoàng đế Diocletian và là người gốc Ai Cập. Arrian, thống đốc Ai Cập, người đã bức hại các Kitô hữu, khi đến thành phố Gentiria (Tentira), đã ra lệnh cho 200 binh sĩ tìm và dẫn tu sĩ Paphnutius đến trước mặt ông. Nhưng nhờ được Thiên thần báo trước, ngài đã tự mình ra trình diện và, sau khi tuyên xưng Đức Kitô, bị giam vào ngục tối. Sau đó, ngài lại được dẫn ra trước quan tổng trấn, và lúc đó xiềng xích trên tay và chân ngài tự động rơi ra. Lúc bấy giờ, ngài phải chịu những cực hình khủng khiếp đến nỗi nội tạng của ngài rơi ra, nhưng Thiên thần đã chữa lành cho ngài. Hai chiến binh là Dionysius và Callimachus, những người đã tra tấn vị thánh, khi chứng kiến điều này, đã tin theo và ngay lập tức bị chém đầu. Paphnutius, khi bị giam trong ngục tối, đã dẫn dắt 40 quan chức mà quan tổng trấn đã ném vào đó. Tất cả họ đều bị thiêu sống vì đã tuyên xưng Đức Kitô. Sau đó, vị thánh, được giải thoát một cách kỳ diệu khỏi sự giam giữ và được đón tiếp nồng nhiệt tại nhà của một người giàu có tên là Nestoria, đã khích lệ chính ông ta, vợ và con gái ông là Stephana thực hiện hành động tử đạo; họ đã bị Arrian chặt đầu; sau đó, Thánh Paphnutius đã cải đạo 16 môn đệ thiếu niên, con cái của những gia đình quý tộc; những người này bị đâm bằng giáo, và một trong số họ đã trút hơi thở cuối cùng trên giàn hỏa thiêu; 80 ngư dân, được khích lệ để chịu tử đạo, đã bị chém đầu bằng rìu. Bản thân Paphnutius còn cải đạo thêm 400 chiến binh cùng với chỉ huy của họ là Eusebius, những người này đã bị thiêu sống trong các hố sâu. Sau đó, vị thánh này bị ném xuống sông cùng với một tảng đá, nhưng ngài đã bám vào tảng đá đó để trôi dạt vào bờ; cuối cùng, khi bị đưa đến trước mặt chính Diocletian, thánh Paphnutius đã bị ông ta đóng đinh vào cây cọ và trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa.

Ngày 9 tháng 10

26 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Tông đồ và Nhà Truyền giáo Gioan Thần học

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 9

Thánh Tông đồ và Nhà Truyền giáo Gioan Thần học là con trai của Zebedee và Salome, con gái của Giuse Hôn phu[6474] . Ngài được kêu gọi rao giảng Tin Mừng khi đang làm nghề đánh cá. Khi Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô, đi dọc bờ Biển Galilê, chọn các Tông đồ từ những người đánh cá và đã kêu gọi hai anh em là Phêrô và Anrê, thì Ngài cũng nhìn thấy hai anh em khác, Gia-cơ, con của Xê-đê-vê, và Gio-an, đang sửa lưới trên thuyền cùng với

---

[6473] Thánh Euphrosyne qua đời vào năm 1250; di cốt thánh của bà được an táng tại Tu viện Rizopolozhensky ở Suzdal.

[6474] Quê hương của Thánh Gioan Thần Học là Bethsaida. Cha mẹ ngài là những người đạo đức, sống trong sự mong đợi Đấng Mêsia. Ngay từ thuở thiếu thời, họ đã dạy Thánh Gioan về Luật Mô-sê. Từ thuở ấu thơ, Thánh Gioan đã là người trợ giúp cha mình trong công việc đánh cá và buôn bán. Những người bạn và đồng chí hướng của Gioan chính là những cư dân cùng quê Vitsaida, các thánh anh em Phêrô và Anrê, sau này cũng trở thành các thánh Tông đồ. Khi Thánh Gioan Tẩy Giả bắt đầu rao giảng, tất cả những thanh niên sùng đạo này đều sẵn lòng trở thành môn đệ của ngài, dù lúc đó họ vẫn chưa rời bỏ gia đình hay công việc của mình. Họ chỉ từ bỏ tất cả những điều đó khi Chúa đã chọn họ làm môn đệ của Ngài.

cha họ là Xê-đê-vê, và Ngài đã kêu gọi họ[6475] . Ngay lập tức, họ bỏ thuyền và cha mình lại, rồi đi theo Chúa Giê-su Ki-tô.

Ngay từ khi được kêu gọi, Gioan đã được Chúa gọi là "Con của Sấm sét", bởi vì thần học của ngài, giống như tiếng sấm, phải vang vọng khắp thế giới và tràn ngập khắp mặt đất[6476] . Và Gioan đã theo chân vị Thầy tốt lành của mình, học hỏi sự khôn ngoan phát ra từ miệng Ngài; và ông được Chúa Kitô, Chúa của mình, yêu mến vô cùng vì lòng nhân từ hoàn hảo và sự trong sạch như trinh nữ của ông. Chúa đã tôn vinh ông như là một trong những người xuất sắc nhất và thuộc số mười hai tông đồ: ông là một trong ba môn đệ thân cận nhất của Đấng Christ, những người mà Chúa đã nhiều lần mặc khải những mầu nhiệm thiêng liêng của Ngài. Chẳng hạn, khi Ngài muốn làm cho con gái của Gia-i-rô sống lại, Ngài không cho ai đi theo Ngài, ngoại trừ Phê-rô, Gia-cô-bê và Gioan. Khi Ngài muốn tỏ vinh quang Thần tính của Ngài trên núi Phà-vô, Ngài đã dẫn theo Phê-rô, Gia-cô-bê và cả Gio-an. Khi Ngài cầu nguyện trong vườn, Gio-an cũng có mặt ở đó, vì Ngài đã nói với các môn đệ: *"Các con hãy ngồi lại đây, trong khi Ta đi cầu nguyện ở đó; và Ngài dẫn theo Phê-rô cùng hai con trai của Xê-đê-a"* (Mt 26:36–37), tức là Giacôbê và Gioan. Ở mọi nơi, Gioan, với tư cách là môn đệ yêu dấu, không bao giờ xa rời Chúa Kitô. Và Chúa Kitô yêu mến ông đến mức nào, điều đó thể hiện qua việc Gioan tựa đầu vào ngực Ngài. Vì khi trong Bữa Tiệc Ly, Chúa đã tiên báo về kẻ phản bội Ngài, và các môn đệ bắt đầu liếc nhìn nhau trong bối rối, không biết Ngài đang nói về ai, thì lúc đó Gioan đang tựa đầu vào ngực vị Thầy yêu dấu; chính ông đã thuật lại điều này trong Phúc Âm của mình: *"Một trong các môn đệ của Ngài, người mà Chúa Giê-su yêu mến, đang tựa đầu vào ngực Chúa Giê-su; Si-môn Phi-e-rơ ra hiệu cho người ấy hỏi xem người mà Ngài đang nói đến là ai; người ấy liền cúi đầu vào ngực Chúa Giê-su và thưa với Ngài: 'Lạy Chúa! Đó là ai vậy?"* (Ga 13:23–25). Gioan được Chúa yêu thương đến nỗi chỉ có mình ông mới có thể tự do tựa đầu vào ngực Chúa và mạnh dạn hỏi Ngài về mầu nhiệm này. Nhưng Gioan cũng đã bày tỏ tình yêu đáp lại dành cho Thầy yêu thương mình, một tình yêu lớn hơn các Tông đồ khác: vì trong thời gian Chúa Kitô chịu đau khổ tự nguyện, tất cả họ đều bỏ rơi Đấng Chăn Chiên của mình mà bỏ chạy, còn riêng ông thì không rời mắt khỏi mọi nỗi đau khổ của Chúa Kitô, đồng cảm sâu sắc với Ngài, khóc lóc và than thở cùng Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ của Chúa, và thậm chí không rời xa Người cùng với Mẹ khỏi Con Thiên Chúa đang chịu khổ vì chúng ta, cho đến tận thập giá và cái chết của Đấng Cứu Thế. Chính vì điều này mà ngài đã được Chúa nhận làm con nuôi bên thập giá trước mặt Đức Trinh Nữ Maria: khi đang treo trên thập giá, Chúa*, "thấy Mẹ và môn đệ mà Người yêu mến đang đứng đó, bèn nói với Mẹ Người: Hỡi Mẹ! Đây là con của bà. Rồi Người nói với môn đệ: Đây là Mẹ của con! Và từ lúc đó, môn đệ ấy đã đón Mẹ về ở cùng mình*" (Ga 19:26–27). Ông đã đối xử với Mẹ như với chính mẹ ruột của mình, với tất cả sự kính trọng, và phụng sự Mẹ cho đến khi Mẹ an nghỉ trong vinh quang. Vào ngày Mẹ qua đời, khi thi hài cao quý và thánh thiện của Mẹ Thiên Chúa được rước đi an táng, Thánh Gioan đi trước linh cữu của Mẹ với cây quyền trượng hoàng gia rực rỡ như ánh sáng, chính là cây quyền trượng mà Tổng lãnh thiên thần Gabriel đã mang đến cho Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, báo tin cho Mẹ về việc Mẹ sẽ được rước từ trần gian lên trời.

Sau khi Đức Mẹ Thiên Chúa an nghỉ, Thánh Gioan cùng với môn đệ của mình là Prochorus lên đường đến Tiểu Á, nơi ngài được chỉ định rao giảng Lời Chúa[6477] . Trên đường đi, Thánh Gioan cảm thấy buồn bã vì đã tiên đoán được những tai họa trên biển, và ngài đã báo trước điều này cho môn đệ Prochorus của mình. Chuyện xảy ra là, khi họ lên tàu tại Ioppia và bắt đầu hành trình, vào giờ thứ mười một ban ngày, một cơn bão lớn ập đến, và vào ban đêm, con tàu bị đắm, tất cả những người trên tàu đều trôi dạt trong sóng biển, mỗi người bám víu vào bất cứ thứ gì có thể. Đến giờ thứ sáu buổi trưa, biển đã dạt tất cả họ cùng với Prochorus lên bờ, cách Seleucia năm dặm[6478] : chỉ có mình Ioannes còn lại trên biển. Prochorus đã khóc rất nhiều và rất lâu, rồi một mình lên đường đến châu

---

[6475] Theo lời kể của Thánh Giê-rô-ni-mô, Gioan vẫn còn là một thiếu niên khi Chúa kêu gọi ngài gia nhập hàng ngũ các môn đệ của Ngài. Cha mẹ đạo đức của ngài đã không cản trở Gioan, cũng như anh trai ngài là Gia-cô-bê, trở thành môn đệ của Đấng Thầy Chí Thánh.

[6476] Ngoài ra, danh hiệu "Boanerges" (con trai của sấm sét) còn chỉ ra một số nét đặc trưng trong tính cách của Thánh Tông đồ. Là người trong sạch, nhân hậu, không thù hận và tin tưởng, ngài đồng thời cũng tràn đầy lòng nhiệt thành mãnh liệt vì vinh quang của Thiên Chúa. Ngài đã yêu mến Chúa bằng tất cả sức mạnh của trái tim trong sáng. Chính vì thế, Chúa đã yêu mến Gioan hơn tất cả các môn đệ khác của Ngài. Chỉ một năm sau khi được kêu gọi, Gioan đã được Chúa chọn từ giữa đông đảo các môn đệ của Ngài để trở thành một trong 12 Tông đồ.

[6477] Vào năm thứ 50 sau Công nguyên, tức là hai năm sau khi Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, Thánh Gioan vẫn còn ở tại Giêrusalem, vì người ta biết rằng ngài đã tham dự Công đồng Tông đồ diễn ra tại Giêrusalem trong năm đó. Chỉ sau năm 58 sau Công nguyên, Thánh Gioan mới chọn các vùng đất Tiểu Á làm nơi rao giảng Tin Mừng, nơi mà trước đó Thánh Tông đồ Phaolô đã từng rao giảng.

[6478] Một thành phố ven biển ở Syria.

Á. Vào ngày thứ mười bốn của hành trình, ông đến một ngôi làng nằm bên bờ biển và dừng lại ở đó để nghỉ ngơi. Và vào lúc đó, khi anh đang ngắm nhìn biển và nhớ nhung Ioan, một con sóng biển sủi bọt ầm ầm ập vào bờ và đưa Ioan còn sống lên bờ. Prokhor tiến lại gần để xem ai đã bị biển trôi dạt vào, và khi gặp Ioann, ông đã đỡ anh ta dậy khỏi mặt đất; hai người ôm chầm lấy nhau, khóc nức nở và tạ ơn Chúa vì mọi điều. Như vậy, thánh Ioann đã ở trên biển suốt mười bốn ngày đêm, và nhờ ân sủng của Chúa, anh vẫn còn sống. Khi vào làng, họ xin nước và bánh mì; sau khi ăn uống no nê, họ lên đường đến Ê-phê-sô[6479] .

Khi họ cùng nhau vào thành phố, họ gặp một người phụ nữ tên là Romana (Romeca), người đã nổi tiếng khắp cả đến tận Roma vì những hành vi độc ác của mình, và người này đang quản lý một nhà tắm công cộng trong thành phố đó. Và thế là, bà ta đã thuê Gioan và Prochorus, bắt họ làm việc trong nhà tắm và hành hạ họ. Bằng mưu mẹo của mình, bà ta đã lôi kéo cả hai vào phục vụ cho bản thân: bà bắt Gioan phải giữ lửa, còn Prochorus phải múc nước, cả hai phải làm việc đó suốt đời, và họ đã phải chịu đựng biết bao khổ cực. Trong nhà tắm đó có một con quỷ, hàng năm nó giết chết một người đang tắm ở đó – có thể là một chàng trai hoặc một thiếu nữ. Khi nhà tắm này được xây dựng và đặt nền móng, dưới sự xúi giục của quỷ dữ, người ta đã chôn sống một chàng trai và một thiếu nữ tại đó; kể từ đó, những vụ giết người như vậy bắt đầu xảy ra. Vào thời điểm đó, có một thiếu niên tên là Domn, con trai của quan trưởng thành phố Dioscorides, tình cờ bước vào nhà tắm. Khi Domn đang tắm, con quỷ đã tấn công và siết cổ anh ta đến chết, khiến mọi người khóc than thảm thiết. Chuyện này lan truyền khắp thành phố Ê-phê-sô; khi biết tin, chính Dioscorides cũng đau buồn đến mức qua đời vì nỗi đau thương. Còn Romana thì cầu nguyện rất nhiều với Artemis để bà ấy làm sống lại Domn, và trong lúc cầu nguyện, cô tự hành hạ thân thể mình, nhưng chẳng có gì giúp được. Trong khi Gioan đang hỏi Prochorus về chuyện đã xảy ra, Romana, khi thấy họ đang trò chuyện, đã túm lấy Gioan và bắt đầu đánh đập anh, trách mắng và đổ lỗi cho Gioan về cái chết của Domna. Cuối cùng, cô nói: "Nếu anh không làm Domna sống lại, tôi sẽ giết anh."

Sau khi cầu nguyện, Gioan đã làm cho cậu thiếu niên sống lại. Romana kinh hoàng tột độ. Cô gọi Gioan là Đức Chúa Trời hay Con Đức Chúa Trời, nhưng Gioan rao giảng về quyền năng của Đấng Christ và dạy mọi người tin vào Đấng Christ. Sau đó, ông cũng làm cho Dioscorides sống lại, và cả Dioscorides lẫn Domnus đều tin vào Đấng Christ, rồi tất cả họ đều được rửa tội. Mọi người đều kinh hãi và ngạc nhiên trước những điều đã xảy ra. Một số người nói về Gioan và Prochorus rằng họ là những nhà chiêm tinh, nhưng những người khác phản bác một cách chính đáng rằng các nhà chiêm tinh không thể làm cho người chết sống lại. Gioan đã trừ quỷ khỏi nhà tắm, và họ cùng Prochorus ở lại trong nhà của Dioscorides, củng cố đức tin cho những người mới được khai sáng và dạy họ sống một cuộc đời đạo đức.

Vào một dịp nọ, lễ hội Artemis diễn ra tại Ê-phê-sô, và toàn thể dân chúng mặc áo trắng tham gia lễ hội, hân hoan và reo hò trước đền thờ Artemis; còn đối diện với đền thờ là tượng thần của nữ thần ấy. Và thế là Gioan, bước lên một nơi cao, đứng gần tượng thần và lớn tiếng vạch trần sự mù quáng của những người ngoại đạo, rằng họ không biết mình đang thờ phượng ai, và thay vì thờ phượng Thiên Chúa, họ lại tôn sùng quỷ dữ. Dân chúng vì thế mà nổi giận và ném đá vào Gioan, nhưng không một hòn đá nào trúng ông; ngược lại, những hòn đá ấy lại đánh trúng chính những người ném chúng. Thánh Gioan giơ hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện – ngay lập tức, một cơn nóng bức và oi ả khủng khiếp ập xuống mặt đất, khiến khoảng 200 người trong đám đông ngã gục và tất cả đều chết, còn những người còn lại vừa kịp tỉnh táo lại sau cơn sợ hãi thì đã van xin Thánh Gioan thương xót, vì sự kinh hoàng và run rẩy đã ập xuống họ. Khi Gioan cầu nguyện với Thiên Chúa, tất cả những người đã chết đều sống lại, rồi họ đều quỳ xuống trước Gioan, tin nhận Đức Kitô và chịu phép rửa. Cũng tại đó, ở một nơi gọi là Tichi, Gioan đã chữa lành cho một người bị liệt đã nằm liệt giường suốt 12 năm. Người được chữa lành đã ngợi khen Thiên Chúa.

Sau khi Gioan đã thực hiện nhiều phép lạ khác nữa, và tin tức về các phép lạ của ngài lan truyền khắp nơi, con quỷ đang ngự trong đền thờ Artemis, vì sợ rằng mình cũng sẽ bị Gioan đánh đuổi, đã hóa thân thành hình dạng một chiến binh, ngồi ở một nơi dễ thấy và khóc lóc thảm thiết. Những người đi ngang qua hỏi anh ta đến từ đâu và tại sao lại khóc lóc thảm thiết như vậy.

[6479] Những nền tảng đầu tiên của đức tin Kitô giáo đã được các môn đệ của Thánh Gioan Tẩy Giả đặt ra tại đây; Thánh Phêrô đã gặp gỡ các Kitô hữu tại đây, nhưng chủ yếu là Thánh Phaolô đã rao giảng Tin Mừng tại đây; sau đó, môn đệ của ngài là Thánh Timôthê đã làm giám mục tại đây; cuối cùng, Ê-phê-sô là nơi cư ngụ của Thánh Tông đồ Gioan, người đã qua đời tại đây. Thành quả của sự chăm lo không ngừng nghỉ của Thánh Tông đồ Gioan là giáo lý Phúc Âm thuần khiết đã được bảo tồn tại Ê-phê-sô, đến nỗi Giáo hội Ê-phê-sô, theo lời Thánh Irênê, đã trở thành chứng nhân chân chính của truyền thống tông đồ.

Nó đáp: "Ta đến từ Cêsarêa thuộc Palestine, là quan cai ngục. Ta được lệnh canh giữ hai nhà chiêm tinh đến từ Giê-ru-sa-lem là Gioan và Prochorus, những người đã bị kết án tử hình vì vô số tội ác của họ. Sáng mai họ lẽ ra phải chịu cái chết tàn khốc, nhưng nhờ phép thuật của mình, đêm qua họ đã trốn thoát khỏi nhà tù, và vì họ mà tôi lâm vào cảnh khốn đốn, bởi vì vị công tước muốn trừng phạt tôi thay cho họ. Tôi đã nài nỉ vị công tước cho phép tôi đi truy lùng họ, và giờ đây tôi nghe nói những pháp sư đó đang ở đây, nhưng tôi không có ai giúp tôi bắt giữ họ cả."

Nói xong, con quỷ đó đưa ra một lá thư làm bằng chứng, đồng thời chỉ vào một gói vàng lớn, hứa sẽ trao nó cho ai tiêu diệt được những pháp sư này.

Nghe vậy, một số binh lính động lòng thương xót hắn, xúi giục dân chúng chống lại Gioan và Prochorus, rồi tiến đến nhà của Dioscorides và nói: "Hoặc là giao những nhà chiêm tinh đó cho chúng tôi, hoặc là chúng tôi sẽ đốt nhà ông." Dioscorides thà để ngôi nhà của mình bị thiêu rụi còn hơn là giao nộp vị tông đồ cùng môn đệ Prochorus của ngài cho bọn chúng. Nhưng Gioan, nhờ linh hứng, đã nhận ra rằng cuộc nổi loạn của dân chúng sẽ dẫn đến điều tốt lành, nên đã tự nguyện giao nộp bản thân và Prochorus cho đám đông. Được dân chúng dẫn đi, họ đến đền thờ Artemis. Thánh Gioan cầu nguyện với Thiên Chúa – và đột nhiên, đền thờ thần tượng sụp đổ, không làm hại một ai. Vị Tông đồ nói với con quỷ đang ngồi ở đó:

– Ta bảo ngươi đây, con quỷ vô đạo, hãy nói xem ngươi đã sống ở đây bao nhiêu năm rồi, và có phải chính ngươi đã xúi giục dân chúng này chống lại chúng ta không?

Con quỷ đáp lại:

– Ta đã ở đây 109 năm, và chính ta đã xúi giục đám đông này chống lại các ngươi.

Thánh Gioan liền nói với nó:

– Nhân danh Chúa Giê-su người Na-xa-rét, ta ra lệnh cho ngươi phải rời khỏi nơi này. Và ngay lập tức, con quỷ đó đã ra khỏi.

Sự kinh hoàng bao trùm tất cả mọi người, và họ đã tin vào Đấng Christ. Gioan còn thực hiện những phép lạ lớn lao hơn nữa, và rất đông người đã quay về với Chúa.

Vào thời đó, Đô-mi-ki-an, hoàng đế La Mã, đã phát động một cuộc bách hại lớn đối với các Kitô hữu, và Gioan bị vu khống trước mặt ông ta. Tổng trấn Á Châu đã bắt thánh nhân, rồi trói ông lại và gửi đến Rôma để trình diện trước hoàng đế; tại đó, vì đã làm chứng cho Đấng Kitô, thánh Gioan trước hết phải chịu những đòn roi, rồi sau đó bị ép phải uống một chén đầy chất độc chết người. Khi đó, theo lời Chúa Kitô: *"Nếu họ uống thứ gì gây chết người,* nó cũng *sẽ không làm hại* họ*"* (Mc 16,18), ngài không hề bị tổn hại gì, nên ngài bị ném vào nồi dầu sôi, nhưng cũng ra khỏi đó mà không hề hấn gì. Và dân chúng reo lên: "Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!" Còn Hoàng đế, không dám tra tấn Gioan thêm nữa, đã coi ông là bất tử và kết án lưu đày ông đến đảo Patmos, đúng như Chúa đã phán với Gioan trong giấc mơ: "Con sẽ phải chịu nhiều đau khổ, và con sẽ bị lưu đày đến một hòn đảo nào đó, nơi rất cần đến con."

Sau khi đưa Gioan cùng Prochorus lên tàu, các binh lính đã đưa họ ra khơi. Trong một ngày trên hành trình, các quan đại thần của hoàng đế ngồi dùng bữa trưa và, với vô số món ăn và đồ uống, họ đã vui vẻ say sưa. Một trong số họ, một thiếu niên, trong lúc đang chơi đùa, đã ngã từ tàu xuống biển và chết đuối. Lúc đó, niềm vui và sự hân hoan của họ bỗng chốc biến thành tiếng khóc than và than vãn, vì họ không thể cứu được cậu bé đã rơi xuống đáy biển sâu. Đặc biệt, cha của cậu bé, người đang có mặt trên con tàu đó, khóc lóc thảm thiết: ông muốn nhảy xuống biển, nhưng đã bị những người khác ngăn cản. Biết rõ quyền năng làm phép lạ của Gioan, tất cả họ đều bắt đầu khẩn thiết cầu xin ngài giúp đỡ. Ngài liền hỏi từng người trong số họ rằng họ thờ phượng vị thần nào; có người nói: "Apollon", người khác nói: "Zeus", người thứ ba nói: "Hercules", một số người nói: "Aesculapius", những người khác nói: "Artemis của Ephesus"[6480] .

Và Gioan nói với họ:

– Các ngươi có nhiều vị thần như vậy, mà họ lại không thể cứu nổi một người đang chìm!

Và ông để họ trong nỗi buồn cho đến sáng. Sáng hôm sau, Gioan xót thương trước cái chết của chàng trai trẻ và đã khẩn thành cầu nguyện với Chúa trong nước mắt. Ngay lập tức, biển nổi sóng, và một con sóng dâng cao đến tận con tàu, đã ném chàng trai còn sống xuống ngay dưới chân Thánh Gioan. Thấy vậy, mọi người đều ngạc

[6480] Aesculapius – con trai của thần Apollo, một vị bác sĩ trong truyền thuyết, sau khi qua đời đã trở thành vị thần y học theo quan niệm của những người ngoại đạo, thường được miêu tả với cây gậy quấn rắn.

nhiên và vui mừng vì chàng trai đã được cứu khỏi bị chìm. Họ bắt đầu tôn kính Thánh Gioan rất nhiều và tháo xiềng xích sắt ra khỏi người ngài.

Một đêm nọ, vào lúc năm giờ, một cơn bão lớn ập đến trên biển, và mọi người bắt đầu la hét, tuyệt vọng về mạng sống của mình, vì con tàu đã bắt đầu tan vỡ. Lúc đó, tất cả đều kêu cầu Thánh Gioan, xin ngài giúp đỡ họ và khẩn cầu Thiên Chúa của ngài cứu họ khỏi sự diệt vong. Sau khi ra lệnh cho họ im lặng, vị thánh bắt đầu cầu nguyện – và cơn bão lập tức chấm dứt, một sự tĩnh lặng bao trùm khắp nơi.

Có một chiến binh bị bệnh dạ dày và đang hấp hối; vị thánh đã chữa lành cho anh ta.

Nước trên tàu cạn kiệt, và nhiều người, kiệt sức vì khát, đã cận kề cái chết. Thánh Gioan nói với Prochorus:

– Hãy đổ đầy các bình bằng nước biển.

Và khi các bình đã được đổ đầy, ngài nói:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, hãy múc nước và uống đi!

Họ múc nước lên, thấy nước ngọt lịm, uống no nê rồi nghỉ ngơi. Chứng kiến những phép lạ như vậy, những người đồng hành của Gioan đã chịu phép rửa tội và muốn thả Gioan ra. Nhưng chính ông đã thuyết phục họ đưa ông đến nơi đã được chỉ định. Khi đến đảo Patmos, họ trao bức thư cho vị thống đốc. Miron, cha vợ của vị thống đốc, đã đưa Gioan và Prochorus về nhà mình. Miron có một người con trai cả tên là Apollonides, trong người có một con quỷ tiên tri, có khả năng dự đoán tương lai; và mọi người đều coi Apollonides là một nhà tiên tri. Vào lúc Gioan bước vào nhà Miron, Apollonid bỗng dưng biến mất tăm; anh ta đã trốn sang một thành phố khác, vì sợ rằng con quỷ tiên tri trong người mình sẽ bị Gioan trục xuất. Khi trong nhà Miron vang lên tiếng la hét về Apollonid, một thông báo từ hắn được gửi đến, cho biết rằng John đã dùng phép thuật đuổi hắn ra khỏi nhà, và rằng hắn không thể trở về cho đến khi John bị tiêu diệt.

Sau khi đọc xong lá thư, Miron đến gặp con rể mình là Igemon để báo tin về sự việc đã xảy ra; còn Igemon thì bắt giữ John, định ném anh ta cho thú dữ ăn thịt. Nhưng Gioan đã van nài Igemon hãy kiên nhẫn chờ đợi một chút và cho phép ông gửi đệ tử của mình đến gặp Apollonides, hứa sẽ đưa người đó trở về nhà. Thống đốc không cản trở việc gửi môn đệ đi, nhưng chính Gioan thì bị trói bằng hai sợi xích và bị giam vào ngục tối. Rồi Prochorus đi đến gặp Apollonides với bức thư của Gioan, trong đó có viết như sau: "Ta, Gioan, tông đồ của Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, ra lệnh cho thần tiên tri đang ngự trong Apollonius, nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần: hãy ra khỏi tạo vật của Thiên Chúa và đừng bao giờ trở lại đó nữa, nhưng hãy ở một mình ngoài hòn đảo này, tại những nơi khô cằn, chứ đừng ở giữa loài người".

Khi Prochorus đến gặp Apollonides với thông điệp này, con quỷ lập tức rời khỏi người ấy. Apollonides lấy lại được lý trí, và như vừa thức dậy khỏi giấc ngủ, ông cùng Prochorus trở về thành phố của mình. Nhưng ông không vào nhà ngay, mà trước tiên vội vã chạy đến nhà tù nơi Gioan đang ở, rồi quỳ xuống dưới chân ông, tạ ơn vì đã giải thoát ông khỏi linh hồn ô uế. Khi biết tin Apollonid trở về, cha mẹ, anh chị em của ông đều tụ họp lại và vui mừng, còn Gioan thì được giải thoát khỏi xiềng xích. Apollonides kể lại về bản thân như sau: "Đã nhiều năm trôi qua kể từ khi tôi chìm vào giấc ngủ sâu trên giường của mình. Một người nào đó đứng bên trái giường, lay tôi dậy và đánh thức tôi – và tôi thấy rằng ông ta đen hơn cả một gốc cây bị cháy và mục nát; đôi mắt hắn rực sáng như ngọn nến, và tôi run rẩy vì sợ hãi. Hắn nói với tôi: 'Hãy mở miệng ra'; tôi mở miệng, và hắn đi vào miệng tôi rồi lấp đầy bụng tôi; từ lúc đó, tôi biết được điều thiện và điều ác, cũng như mọi chuyện xảy ra trong nhà. Khi vị tông đồ của Đấng Christ bước vào nhà chúng tôi, thì kẻ đang ngự trong tôi đã nói với tôi: "Hãy chạy trốn khỏi đây, Apollonid, để ngươi khỏi phải chết trong đau khổ, vì người này là một pháp sư và muốn giết ngươi." Và tôi lập tức chạy trốn sang một thành phố khác. Khi tôi muốn quay trở lại, nó không cho phép, nói rằng: "Nếu Gioan không chết, ngươi không thể sống trong nhà mình được." Và khi Prochorus đến thành phố nơi tôi đang ở, và tôi nhìn thấy ông ấy, – linh hồn ô uế lập tức rời khỏi tôi theo cùng cách mà nó đã xâm nhập vào bụng tôi lúc ban đầu, và tôi cảm thấy nhẹ nhõm khỏi gánh nặng lớn lao, tâm trí tôi trở lại trạng thái lành mạnh, và tôi cảm thấy khỏe khoắn."

Nghe vậy, mọi người đều quỳ xuống dưới chân Thánh Gioan. Ngài mở miệng ra và giảng dạy họ về đức tin vào Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Miron cùng vợ và các con đã tin nhận, tất cả đều được rửa tội, và trong nhà Miron tràn ngập niềm vui lớn lao. Sau đó, vợ của vị thống đốc, là Chrysippida, con gái của Miron, cùng con trai và tất cả các nô lệ của mình đã nhận phép rửa thánh; tiếp theo, chồng bà là Laurentius, thống đốc của hòn đảo đó, cũng đã chịu phép rửa, đồng thời từ bỏ quyền lực của mình để được tự do phụng sự Đức Chúa Trời. Và Gioan cùng với Prokhor ở lại nhà Mironov trong ba năm, rao giảng Lời Chúa. Tại đây, nhờ quyền năng của Chúa Giêsu Kitô, ngài đã thực hiện nhiều dấu lạ và phép lạ: chữa lành người bệnh và trừ quỷ, phá hủy đền thờ Apollon cùng tất cả

các thần tượng trong đó chỉ bằng một lời nói, và đã rửa tội cho nhiều người sau khi dẫn dắt họ đến đức tin nơi Chúa Kitô.

Ở xứ sở ấy có một pháp sư tên là Kynops, sống trong sa mạc và đã quen biết với các linh hồn ô uế từ nhiều năm. Vì những ảo ảnh do ông ta tạo ra, tất cả cư dân trên đảo đều coi ông ta là thần. Còn các thầy tế lễ của thần Apollon, vì phẫn nộ với Gioan vì đã phá hủy đền thờ Apollon và vì đã khiến mọi người trở thành môn đệ của Chúa Giêsu Kitô, đã đến gặp Kinops và than phiền với ông ta về vị tông đồ của Chúa Kitô, van nài ông ta trả thù cho sự sỉ nhục mà các vị thần của họ phải chịu. Tuy nhiên, Kinops không muốn tự mình vào thành phố, vì đã sống ở nơi đó nhiều năm mà không thể ra ngoài. Nhưng người dân lại càng thường xuyên đến gặp ông với cùng một yêu cầu. Lúc đó, ông hứa sẽ gửi một linh hồn quỷ dữ đến nhà Miron, bắt linh hồn của Gioan và giao nó cho sự phán xét vĩnh cửu. Sáng hôm sau, ông sai một trong những vị chúa tể cai quản các linh hồn ác đến gặp Ioann, ra lệnh mang linh hồn của anh ta về cho mình. Khi đến nhà Mironov, con quỷ đứng ngay tại chỗ Ioann đang ở. Còn Ioann, khi nhìn thấy con quỷ, đã nói với nó:

– Nhân danh Đức Kitô, ta ra lệnh cho ngươi không được rời khỏi nơi này cho đến khi ngươi nói cho ta biết mục đích ngươi đến đây gặp ta là gì.

Bị trói buộc bởi lời của Gioan, con quỷ đứng bất động và nói với Gioan:

– Các thầy tế lễ của thần Apollon đã đến gặp Kinops và nài nỉ ông ta hãy vào thành phố để giết ngươi, nhưng ông ta không chịu, nói rằng: "Ta đã sống ở nơi này nhiều năm mà không ra ngoài; liệu bây giờ ta lại phải vất vả vì một con người gầy gò và hèn mọn sao? Các ngươi hãy đi đường của các ngươi, còn sáng mai ta sẽ sai linh hồn ta đi, nó sẽ cướp lấy linh hồn hắn và mang đến cho ta, rồi ta sẽ giao nó cho sự phán xét vĩnh cửu."

Và Giăng nói với con quỷ:

– Hắn có bao giờ sai ngươi đi lấy linh hồn con người và mang về cho hắn chưa?

Con quỷ đáp:

– Toàn bộ quyền năng của Sa-tan đều ở trong hắn, và hắn đã thỏa thuận với các chúa tể của chúng ta; chúng ta cũng đồng minh với hắn – và Ki-nô-ps nghe theo chúng ta, còn chúng ta cũng nghe theo hắn.

Lúc đó, Gioan nói:

– Ta, tông đồ của Chúa Giêsu Kitô, ra lệnh cho ngươi, hỡi linh hồn ác quỷ, không được xâm nhập vào nhà cửa của loài người và không được trở về với Kinops, mà phải rời khỏi hòn đảo này và chịu đau khổ.

Và ngay lập tức, con quỷ rời khỏi hòn đảo. Còn Kinops, khi thấy linh hồn đó không quay trở lại, đã sai một con quỷ khác; nhưng con quỷ đó cũng phải chịu khổ. Hắn còn sai thêm hai vị chúa tể bóng tối nữa: một tên được lệnh vào gặp Gioan, còn tên kia phải đứng bên ngoài để mang câu trả lời về cho hắn. Con quỷ vào gặp Gioan cũng phải chịu khổ như kẻ đến trước đó; còn con quỷ kia, đang đứng bên ngoài, khi thấy tai họa của bạn mình, đã chạy trốn về với Kinops và kể lại những gì đã xảy ra. Kinops bừng lên cơn thịnh nộ, dẫn theo cả đám quỷ, tiến vào thành phố. Cả thành phố đều vui mừng khi thấy Kinops, và tất cả những ai đi qua đều cúi đầu chào ông. Thấy Gioan đang giảng dạy dân chúng, Kinops bừng lên cơn thịnh nộ dữ dội và nói với dân chúng:

– Hỡi những người mù quáng, những kẻ đã lạc lối khỏi con đường chân lý, hãy nghe ta đây! Nếu Gioan là người công chính, và mọi điều ông ấy nói đều là sự thật, thì hãy để ông ấy đối thoại với ta và thực hiện những phép lạ giống như những gì ta đang làm, và các ngươi sẽ thấy ai trong chúng ta vĩ đại hơn, Gioan hay ta. Nếu ông ấy tỏ ra mạnh hơn ta, thì ta cũng sẽ tin vào lời nói và việc làm của ông ấy.

Và Kinops nói với một chàng trai trẻ:

– Chàng trai ơi! Cha ngươi còn sống chăng?

Cậu thanh niên đáp:

– Đã qua đời rồi.

Và Kinops nói:

– Chết như thế nào?

Cậu ta đáp:

– Ông ấy là một vận động viên bơi lội, và khi con tàu bị đắm, ông ấy đã chết đuối trên biển.

Và Kinops nói với Ioann:

– Giờ thì hãy cho chúng tôi thấy sức mạnh của ngươi, Ioann, để chúng tôi tin vào lời ngươi: hãy cho con trai thấy cha mình còn sống.

Giăng đáp:

– Chúa Kitô không sai tôi đến để vớt xác chết khỏi biển, mà là để dạy dỗ những người bị lừa dối.

Và Kinops nói với toàn thể dân chúng:

– Dù sao thì bây giờ các ngươi hãy tin ta rằng Gioan là kẻ nịnh hót và đang lừa dối các ngươi; hãy bắt hắn lại và giam giữ hắn cho đến khi ta đưa người cha còn sống của cậu bé đến đây.

Họ bắt Giăng lại, còn Kinops thì dang rộng hai tay và vỗ xuống mặt nước. Khi tiếng nước vỗ ầm ầm vang lên trên biển, mọi người đều hoảng sợ, còn Kinops thì biến mất tăm. Và tất cả đều reo lên:

– Ngươi thật vĩ đại, Kinops!

Và đột nhiên, Kinops bước ra khỏi biển, tay ôm người cha của cậu bé như đã hứa. Mọi người đều ngạc nhiên. Kinops nói:

– Đây có phải là cha của con không?

– Vâng, thưa ngài, – cậu bé đáp.

Lúc đó, dân chúng quỳ xuống dưới chân Kinops và muốn giết Ioann. Nhưng Kinops cấm họ, nói:

– Khi các ngươi thấy nhiều hơn thế này nữa, thì hãy để hắn chịu hình phạt.

Sau đó, ông gọi một người khác lại và hỏi:

– Ngươi có con trai không?

Người đó đáp:

– Vâng, thưa ngài, tôi có, nhưng có kẻ vì ghen tị đã giết nó.

Và ngay lập tức, Kinops cất tiếng gọi tên kẻ sát nhân và nạn nhân – và cả hai đều hiện ra. Kinops bèn nói với Gioan:

– Ngươi có ngạc nhiên không, Gioan?

Thánh Gioan đáp:

– Không, tôi không ngạc nhiên về điều này.

Kinops nói:

– Ngươi sẽ còn thấy nhiều điều nữa, và khi đó ngươi sẽ kinh ngạc, và ngươi sẽ không chết cho đến khi ta làm ngươi khiếp sợ bằng những điềm báo.

Và Gioan đáp lại Kinops:

– Những điềm báo của ngươi sẽ sớm sụp đổ.

Nghe những lời đó, đám đông xông vào Giăng và đánh anh ta cho đến khi họ cho rằng anh ta đã chết. Kinops nói với đám đông:

– Hãy để anh ta nằm đó mà không chôn cất, để chim chóc xé xác anh ta.

Và họ rời khỏi nơi đó, vui mừng cùng với Kinops. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, họ nghe tin rằng Gioan đang giảng dạy tại nơi mà trước đây người ta từng ném đá những kẻ phạm tội. Kinops triệu hồi con quỷ mà hắn dùng để phù phép, rồi đến nơi đó và nói với Gioan:

– Ta đang ấp ủ kế hoạch khiến ngươi phải chịu sự sỉ nhục và xấu hổ còn lớn hơn nữa, đó chính là lý do ta để ngươi sống sót; hãy đến bãi cát ven biển – ở đó ngươi sẽ thấy vinh quang của ta và sẽ phải xấu hổ.

Cùng đi với hắn là ba con quỷ, mà dân chúng tưởng là những người đã được Kinops hồi sinh từ cõi chết. Vỗ mạnh hai tay, Kinops lao xuống biển và biến mất khỏi tầm mắt mọi người.

– Ngươi thật vĩ đại, Kinops, – dân chúng reo lên, – và không ai sánh bằng ngươi!

Còn Gioan thì ra lệnh cho những con quỷ đang hiện thân dưới hình dạng con người không được rời xa ngài. Rồi ngài cầu nguyện cùng Chúa để Kinops không còn sống nữa, và điều đó đã xảy ra; vì biển bỗng dưng nổi sóng dữ dội, và Kinops không còn trồi lên khỏi mặt biển nữa, mà chìm sâu xuống đáy biển, giống như vị pharaoh khốn khổ thời xưa. Còn đối với những con quỷ mà dân chúng lầm tưởng là những người đã sống lại từ cõi chết, Gioan nói:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng đã chịu đóng đinh và sống lại vào ngày thứ ba, hãy rời khỏi hòn đảo này. Và chúng lập tức biến mất.

Còn dân chúng thì ngồi trên cát, chờ đợi Kinops suốt ba ngày ba đêm; vì đói, khát và nắng gắt, nhiều người trong số họ kiệt sức và nằm bất động, không thốt nên lời, còn ba đứa trẻ trong số họ đã qua đời. Thương xót dân chúng, Gioan đã cầu nguyện xin Chúa cứu rỗi họ, và sau khi trò chuyện nhiều với họ về đức tin, ngài đã làm cho các em nhỏ sống lại, chữa lành những người bệnh – và tất cả họ đều đồng lòng quay về với Chúa, chịu phép rửa và trở về nhà mình, ca ngợi Chúa Kitô. Còn Gioan thì trở về nhà gia đình Miron và thường xuyên đến gặp dân chúng,

giảng dạy họ về đức tin vào Chúa Giêsu Kitô. Một lần nọ, ngài thấy một người bệnh nằm bên đường, đang bị sốt cao hành hạ, và đã chữa lành cho người ấy bằng dấu thánh giá. Một người Do Thái tên là Philo, người trước đó đã tranh luận với vị tông đồ về Kinh Thánh, khi chứng kiến điều này, đã mời Thánh Gioan về nhà mình. Vợ ông ta lúc đó đang mắc bệnh phong; người phụ nữ ấy liền quỳ xuống trước mặt vị tông đồ và ngay lập tức được chữa lành khỏi bệnh phong, đồng thời tin nhận Chúa Kitô. Sau đó, chính Philo cũng tin nhận và cùng cả gia đình mình lãnh nhận phép rửa thánh. Thánh Gioan sau đó ra đến quảng trường, và dân chúng tụ tập lại để nghe lời giảng dạy cứu rỗi từ chính miệng ngài. Các thầy tế lễ thờ thần tượng cũng đến, trong số đó có một người, nhằm thử thách thánh nhân, đã nói:

– Thưa Thầy! Con có một đứa con trai bị què cả hai chân, con xin Thầy chữa lành cho nó; nếu Thầy chữa lành cho nó, thì con cũng sẽ tin vào Đức Chúa Trời mà Thầy rao giảng.

Vị thánh đáp lại:

– Sao ngươi lại thử thách Đức Chúa Trời như vậy, Đấng sẽ phơi bày rõ ràng sự gian dối trong lòng ngươi?

Nói xong, Gioan sai người đến với con trai ông ấy và nói:

– Nhân danh Đức Kitô, Thiên Chúa của tôi, hãy đứng dậy và đến với tôi.

Và người con ấy lập tức đứng dậy, đến gặp vị thánh trong tình trạng khỏe mạnh; còn người cha, ngay lúc đó, vì sự cám dỗ này mà bị liệt cả hai chân, và vì cơn đau dữ dội, ông la lên rồi ngã xuống đất, van xin vị thánh:

– Xin thương xót con, vị thánh của Đức Chúa Trời, và chữa lành con nhân danh Đức Kitô, Đức Chúa Trời của ngài, vì con tin rằng không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Ngài.

Cảm động trước những lời van xin, vị thánh đã chữa lành cho vị linh mục và, sau khi dạy dỗ về đức tin, đã rửa tội cho ông nhân danh Chúa Giêsu Kitô.

Sáng hôm sau, Gioan đến nơi người đàn ông bị bệnh phù thũng, người đã nằm liệt giường suốt 17 năm. Vị Tông đồ đã chữa lành cho ông bằng lời nói và ban phép rửa thánh cho ông. Cùng ngày hôm đó, một người đàn ông – người đã trở thành quan tổng trấn sau khi con rể của Mironov là Laurentius qua đời – đã sai người đi tìm Thánh Gioan, khẩn thiết nài xin vị thánh đến nhà mình; vì vợ của quan tổng trấn, người đang mang thai, đã đến giờ sinh nở, và bà đang đau đớn tột cùng, không thể tự mình giải thoát khỏi gánh nặng trong bụng. Vị Tông đồ nhanh chóng đến, và ngay khi vừa bước qua ngưỡng cửa, người vợ liền sinh con, và cơn đau đớn cũng dịu đi. Thấy điều đó, vị thống đốc cùng cả gia đình đã tin nhận Chúa Kitô.

Sau khi sống ở đó ba năm, Gioan đã đi đến một thành phố khác, nơi người dân đang chìm trong bóng tối của sự thờ thần tượng. Khi ngài bước vào đó, ngài thấy dân chúng đang tổ chức lễ hội thờ quỷ, và một số thanh niên bị trói lại. Gioan liền hỏi một người đang đứng đó:

– Tại sao những chàng trai này lại bị trói?

Người đó trả lời:

– Chúng tôi tôn thờ vị thần vĩ đại – con sói, và hôm nay chúng tôi đang tổ chức lễ hội để tôn vinh ngài; chính những chàng trai này sẽ bị giết làm lễ vật dâng lên ngài.

Giăng xin được xem vị thần của họ, người đó liền nói:

– Nếu ngài muốn thấy ngài ấy, hãy đợi đến giờ thứ tư buổi chiều; lúc đó ngài sẽ thấy các thầy tế lễ cùng dân chúng đi đến nơi vị thần hiện thân; hãy đi theo họ, và ngài sẽ thấy vị thần của chúng tôi.

Còn Gioan thì nói:

– Tôi thấy ông là người tốt bụng, tôi đã đến đây rồi; tôi xin ông, hãy đích thân dẫn tôi đến nơi đó ngay bây giờ: vì tôi rất mong muốn được thấy vị thần của các ông; và nếu ông chỉ cho tôi thấy ngài, tôi sẽ tặng ông những hạt ngọc quý.

Người ấy dẫn Giăng đi và, chỉ cho anh ta thấy một đầm lầy đầy nước, nói:

– Từ đây, vị thần của chúng tôi sẽ xuất hiện trước dân chúng.

Thánh Gioan chờ đợi vị thần ấy xuất hiện; và vào khoảng bốn giờ chiều, một con quỷ xuất hiện, bước ra khỏi nước dưới hình dạng một con sói khổng lồ. Dừng nó lại bằng danh Chúa Kitô, Thánh Gioan hỏi:

– Ngươi đã sống ở đây bao nhiêu năm rồi?

– 70 năm, – con quỷ đáp.

Vị Tông đồ của Chúa Kitô nói:

– Nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, ta ra lệnh cho ngươi: hãy rời khỏi hòn đảo này và đừng bao giờ quay lại đây nữa.

Và quỷ lập tức biến mất. Người đàn ông ấy, khi chứng kiến sự việc, đã kinh hoàng và quỳ xuống dưới chân vị Tông đồ. Thánh Gioan đã dạy cho ông ta đức tin thánh thiện và nói với ông:

– Này, đây là viên ngọc quý mà ta đã hứa sẽ trao cho ngươi.

Trong khi đó, các thầy tế lễ cùng với những thiếu niên bị trói đã đến nơi đó, tay cầm dao, và đi theo họ là rất đông người dân. Họ đã chờ đợi rất lâu để con sói xuất hiện, nhằm đâm chết các thiếu niên làm mồi cho nó.

Cuối cùng, Thánh Gioan tiến lại gần họ và nài nỉ họ thả những thiếu niên vô tội ra:

– Không còn nữa, – ông nói, – thần của các ngươi là con sói; đó là quỷ dữ, và quyền năng của Chúa Kitô đã chiến thắng và xua đuổi nó.

Khi nghe tin con sói đã chết, họ hoảng sợ, và dù đã tìm kiếm rất lâu mà không thấy nó đâu, họ đã thả các thiếu niên ra và để họ đi trong tình trạng khỏe mạnh. Thánh Gioan bắt đầu rao giảng cho họ về Chúa Kitô và vạch trần sự lừa dối của họ, và nhiều người trong số họ đã tin và chịu phép rửa.

Trong thành phố đó có một nhà tắm công cộng. Một lần nọ, con trai của thầy tế lễ Zevsov đang tắm ở đó thì bị ma quỷ cư ngụ trong nhà tắm giết chết. Nghe tin này, cha cậu bé đã đến gặp Thánh Gioan trong tiếng khóc than thảm thiết, cầu xin ngài làm cho con trai mình sống lại và hứa sẽ tin vào Chúa Kitô. Thánh nhân đi cùng ông và nhân danh Chúa Kitô, đã làm cho người chết sống lại. Rồi ngài hỏi chàng trai rằng nguyên nhân cái chết của anh là gì:

Chàng trai đáp:

– Khi con đang tắm trong nhà tắm, có một kẻ da đen trồi lên từ dưới nước, túm lấy con và siết cổ con.

Nhận ra rằng có một con quỷ đang sống trong nhà tắm đó, vị thánh đã trục xuất nó và hỏi:

– Ngươi là ai và tại sao ngươi lại sống ở đây?

Con quỷ đáp:

– Ta chính là kẻ mà ngài đã đuổi khỏi nhà tắm ở Ê-phê-sô, và ta đã sống ở đây được sáu năm rồi, gây hại cho mọi người.

Thánh Gioan đã trục xuất nó khỏi nơi này. Chứng kiến cảnh đó, vị tư tế đã tin vào Chúa Kitô và chịu phép rửa cùng con trai và cả gia đình mình.

Sau đó, Thánh Gioan ra quảng trường chợ, nơi hầu như cả thành phố đã tụ tập lại để nghe Lời Chúa. Bấy giờ, một người phụ nữ quỳ xuống dưới chân ngài, khóc lóc van xin ngài chữa lành cho con trai bị quỷ ám của bà, người mà bà đã tiêu tốn gần như toàn bộ tài sản để chữa trị. Vị Tông đồ ra lệnh cho người ta dẫn cậu bé đến với ngài, và ngay khi những người được sai đi nói với người bị quỷ ám: "Giăng đang gọi con", thì quỷ lập tức ra khỏi cậu. Khi đến với vị Tông đồ, người được chữa lành đã tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô và được rửa tội cùng với mẹ mình.

Cũng tại thành phố đó có một đền thờ thần Bacchus được tôn kính đặc biệt, được những kẻ thờ thần tượng gọi là "cha đẻ của tự do". Khi tụ tập tại đây vào ngày lễ của thần với thức ăn và rượu, nam nữ cùng vui chơi và, khi say sưa, họ đã phạm những tội ác tày trời để tôn vinh vị thần đồi bại của mình. Khi đến đây vào dịp lễ hội, Thánh Gioan đã lên án họ vì cách ăn mừng đồi bại của họ; còn các thầy tế lễ, vốn có rất đông ở đó, đã bắt giữ ngài, đánh đập và trói ngài lại, rồi tự mình quay trở lại với những việc làm ghê tởm của họ. Thánh Gioan đã cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài đừng dung thứ cho sự vô luật pháp như vậy; và ngay lập tức, đền thờ tà thần sụp đổ hoàn toàn, đè chết tất cả các thầy tế lễ; còn những người khác, vì hoảng sợ, đã tháo trói cho vị tông đồ và van xin ngài đừng hủy diệt họ.

Tại thành phố đó có một pháp sư nổi tiếng tên là Nukian; khi biết tin đền thờ sụp đổ và các thầy tế lễ bị giết, ông ta vô cùng phẫn nộ và đến gặp Thánh Gioan, nói:

– Ngươi đã làm điều không tốt khi phá hủy đền thờ Bacchus và giết chết các thầy tế lễ của ngài; ta van xin ngươi hãy làm cho họ sống lại, như ngươi đã làm cho con trai của thầy tế lễ sống lại trong nhà tắm, và khi đó ta sẽ tin vào Đức Chúa Trời của ngươi.

Thánh Gioan đáp lại:

– Nguyên nhân dẫn đến cái chết của họ là do sự vô đạo đức của họ; vì vậy, họ không xứng đáng được sống ở đây, mà hãy để họ chịu đau khổ trong địa ngục.

– Nếu ngươi không thể làm cho họ sống lại, – Nukian nói, – thì ta sẽ nhân danh các vị thần của ta mà làm cho các thầy tế sống lại và khôi phục lại đền thờ, còn ngươi thì không thể thoát khỏi cái chết.

Nói xong, họ chia tay nhau. Gioan đi rao giảng cho dân chúng, còn Nukian thì đến nơi ngôi đền đã sụp đổ, sau khi đi vòng quanh đó với những nghi thức phù thủy, hắn đã khiến 12 con quỷ hiện ra dưới hình dạng các thầy tế lễ đã bị giết, và hắn ra lệnh cho chúng đi theo hắn để giết Gioan.

Các quỷ liền nói:

– Chúng tôi không chỉ không thể giết hắn, mà thậm chí còn không thể xuất hiện tại nơi hắn đang ở; nếu ngươi muốn Gioan chết, hãy đi và dẫn dân chúng đến đây, để khi nhìn thấy chúng tôi, họ sẽ nổi giận với Gioan và tiêu diệt hắn.

Nukian đi ra, gặp một đám đông đang lắng nghe lời giảng dạy của Thánh Gioan, và Nukian hét lên với họ bằng giọng nói mạnh mẽ:

– Hỡi những kẻ ngu muội! Sao các ngươi lại để mình bị lừa dối bởi tên khách lạ này, kẻ đã phá hủy đền thờ cùng các thầy tế lễ của các ngươi, và sẽ hủy diệt cả các ngươi nữa nếu các ngươi nghe theo hắn? Hãy theo ta, các ngươi sẽ thấy các thầy tế lễ của các ngươi, những người mà ta đã làm sống lại; hơn nữa, ta sẽ xây dựng lại đền thờ đã bị phá hủy ngay trước mắt các ngươi, điều mà Gioan không thể làm được.

Và tất cả họ, như những kẻ điên dại, đã đi theo ông, bỏ lại Gioan. Nhưng vị tông đồ, đi cùng Prochorus theo một con đường khác, đã đến nơi đó trước họ, nơi có những con quỷ hiện thân dưới hình dạng các thầy tế lễ đã sống lại. Khi nhìn thấy Gioan, những con quỷ lập tức biến mất. Và rồi Nukian đến cùng đám đông; không tìm thấy lũ quỷ, ông rơi vào nỗi đau khổ tột cùng và lại bắt đầu đi vòng quanh ngôi đền bị phá hủy, niệm chú và gọi chúng, nhưng không có kết quả. Khi chiều tối buông xuống, đám đông phẫn nộ muốn giết Nukian vì đã lừa dối họ. Một số người nói:

– Hãy bắt hắn lại và dẫn đến gặp Thánh Gioan, rồi chúng ta sẽ làm theo những gì ngài ra lệnh.

Nghe thấy điều đó, Thánh Gioan đã cảnh báo họ theo cách tương tự và đứng lại tại chỗ cũ. Dân chúng, sau khi dẫn Nukian đến trước mặt Thánh Gioan, nói:

– Kẻ lừa dối và kẻ thù của ngài này đã âm mưu hủy diệt ngài; nhưng chúng tôi sẽ xử lý hắn theo như ngài chỉ dẫn.

Thánh nhân bèn nói:

– Hãy thả hắn ra! Hãy để hắn sám hối.

Sáng hôm sau, Thánh Gioan lại giảng dạy dân chúng về đức tin vào Chúa Kitô, và nhiều người trong số họ, sau khi tin nhận, đã xin Thánh Gioan làm phép rửa cho họ. Khi Thánh Gioan dẫn họ đến bên sông, Nukian đã dùng phép thuật biến nước thành máu. Vị Tông đồ đã dùng lời cầu nguyện làm mù mắt Nukian và, sau khi làm cho nước trở lại trong sạch, đã làm phép rửa cho tất cả những người đã tin nhận. Bị đánh bại bởi điều này, Nukian đã tỉnh ngộ và, với lòng ăn năn chân thành, xin vị Tông đồ thương xót mình. Thánh nhân, thấy sự ăn năn của ông và sau khi giảng dạy một hồi, đã làm phép rửa cho ông – và ngay lập tức ông được sáng mắt lại và dẫn Gioan vào nhà mình. Khi Thánh Gioan bước vào, bỗng chốc tất cả các tượng thần trong nhà Nukian đều đổ sập và vỡ tan thành bụi. Chứng kiến phép lạ này, những người trong nhà ông đều kinh hãi, rồi tin nhận và được rửa tội.

Trong thành phố đó có một góa phụ giàu có và xinh đẹp tên là Proclania. Bà có một người con trai tên là Sosipater, có khuôn mặt đẹp trai; nhưng dưới sự xúi giục của ma quỷ, bà đã nảy sinh tình yêu cuồng nhiệt với con trai mình và bằng mọi cách cố gắng lôi kéo anh ta vào con đường tội lỗi của mình. Nhưng người con trai đã ghét bỏ mẹ mình vì tình yêu điên cuồng đó. Sau khi trốn khỏi bà, anh đến nơi mà lúc bấy giờ Thánh Gioan đang giảng dạy, và say sưa lắng nghe những bài giảng của vị Tông đồ. Thánh Gioan, người đã được Thánh Thần mặc khải mọi điều đã xảy ra với Sosipater, khi gặp riêng chàng, đã dạy chàng phải kính trọng mẹ, nhưng không được vâng lời bà trong việc phạm luật, và không được nói với ai về điều đó, đồng thời phải che giấu tội lỗi của mẹ mình. Sosipater không muốn trở về nhà với mẹ mình; nhưng Prokliana, khi gặp cậu, đã túm lấy áo cậu và kéo cậu vào nhà trong tiếng la hét. Nghe tiếng la hét đó, vị thống đốc, người mới đến thành phố này không lâu, đã xuất hiện và hỏi tại sao người phụ nữ lại kéo cậu thanh niên như vậy. Còn người mẹ, che giấu ý định phạm pháp của mình, đã vu khống con trai, nói rằng anh ta định cưỡng hiếp bà, rồi vừa khóc lóc vừa la hét, vừa giật tóc mình. Nghe vậy, vị thống đốc tin vào lời dối trá và kết án Sosipater, người vô tội, phải bị nhốt cùng với những con rắn độc trong một cái túi da rồi ném xuống biển. Khi biết tin này, Gioan đã đến gặp quan tổng trấn, vạch trần sự bất công trong phiên tòa của ông ta, vì đã không điều tra kỹ lưỡng cáo buộc như lẽ ra phải làm, mà lại kết án tử hình cho chàng trai vô tội. Còn Proclania thì vu khống cả Gioan, rằng kẻ lừa dối này đã xúi giục con trai bà làm điều ác đó. Nghe vậy, quan tổng trấn ra lệnh dìm chết cả vị thánh tông đồ, bằng cách nhốt ngài vào cùng một chiếc túi da với Sosipater và các loài bò

sát khác. Vị thánh cầu nguyện – và bỗng nhiên đất rung chuyển, còn bàn tay mà quan tổng trấn đã dùng để ký bản án đối với vị thánh thì teo lại; còn Proklian thì cả hai tay đều teo lại và đôi mắt bị lệch. Thấy vậy, quan tòa kinh hoàng, và tất cả những người có mặt tại đó đều quỳ sụp xuống vì sợ hãi. Quan tòa van xin Gioan hãy thương xót ông và chữa lành cánh tay teo lại của mình; còn vị thánh, sau khi dạy dỗ ông về sự công bằng trong phán xét và đức tin vào Đấng Christ, đã chữa lành cho ông và rửa tội cho ông nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Như vậy, Sosipater, người vô tội, đã được giải thoát khỏi tai họa và cái chết, còn vị thẩm phán đã nhận biết Đức Chúa Trời chân thật. Còn Proclania thì chạy trốn khỏi cậu thiếu niên về nhà mình, mang trên mình sự trừng phạt của Đức Chúa Trời. Vị Tông đồ, dẫn theo Sosipater, đã đến nhà bà. Sosipater không muốn đến gặp mẹ mình, nhưng Gioan đã dạy cậu lòng nhân từ, bảo đảm rằng giờ đây cậu sẽ không còn nghe thấy điều gì trái luật từ mẹ mình nữa, vì bà đã sống trong sự trong sạch. Quả thực là như vậy. Bởi vì, khi Gioan cùng Sosipater bước vào nhà bà, Proclania ngay lập tức quỳ xuống dưới chân vị Tông đồ, vừa khóc vừa thú nhận và ăn năn về những tội lỗi của mình. Sau khi chữa lành bệnh cho bà và dạy bà về đức tin cùng sự trong sạch, vị Tông đồ đã làm phép rửa tội cho bà cùng cả gia đình bà. Từ đó, sau khi trở nên trong sạch, Proclania đã sống những ngày còn lại trong sự sám hối sâu sắc.

Vào thời điểm đó, hoàng đế Domitian đã bị ám sát. Sau ông, Nerva, một người rất nhân từ, đã lên ngôi hoàng đế La Mã; ông đã phóng thích tất cả những người đang bị giam cầm. Được phóng thích cùng với những người khác khỏi nơi giam cầm, Thánh Gioan dự định trở về Ê-phê-sô: vì hầu như tất cả những người sống trên đảo Patmos, ngài đã dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô. Còn các Kitô hữu, khi biết được ý định đó của ngài, đã nài nỉ ngài đừng bỏ rơi họ cho đến cuối cùng. Nhưng vì vị Tông đồ không muốn ở lại với họ, mà mong muốn trở về Ê-phê-sô, nên họ đã xin ngài để lại ít nhất là cuốn Phúc Âm mà ngài đã viết ở đó, như một kỷ niệm về giáo huấn của ngài. Vì vậy, sau khi ra lệnh cho mọi người ăn chay, ngài đã dẫn theo môn đệ Prochorus của mình, rời xa thành phố một quãng đường dài, leo lên một ngọn núi cao, nơi ngài ở lại cầu nguyện trong ba ngày. Đến ngày thứ ba, một tiếng sấm lớn vang lên, tia chớp lóe sáng, và ngọn núi rung chuyển; Prochorus vì sợ hãi đã ngã xuống đất. Quay sang anh ta, Thánh Gioan đỡ anh ta dậy, cho anh ta ngồi bên tay phải mình và nói:

– Hãy ghi lại những gì ngươi nghe từ miệng ta.

Rồi ngài ngước mắt lên trời, lại cầu nguyện, và sau khi cầu nguyện xong, ngài bắt đầu nói:

– "Ban đầu là Lời" và những điều khác.

Còn môn đệ thì ghi chép cẩn thận tất cả những gì nghe được từ miệng ngài; và như vậy, Phúc Âm Thánh đã được viết ra, mà vị tông đồ, sau khi xuống núi, đã ra lệnh cho Prochorus chép lại một lần nữa. Và ông đồng ý để bản chép lại đó ở Patmos cho các Kitô hữu, theo lời thỉnh cầu của họ, còn bản gốc thì ông giữ lại cho riêng mình. Cũng trên hòn đảo đó, Thánh Gioan đã viết sách Khải Huyền[6481] .

Trước khi rời khỏi hòn đảo đó, ngài đã đi thăm các thành phố và làng mạc lân cận, củng cố tình huynh đệ trong đức tin; và ngài tình cờ đến một ngôi làng, nơi có một thầy tế Zeus tên là Evcharis, người có một đứa con trai mù. Vị thầy tế lễ đó từ lâu đã mong muốn được gặp Thánh Gioan. Khi nghe tin Thánh Gioan đã đến làng của họ , ông đã đến gặp vị thánh, nài nỉ ngài đến nhà mình để chữa lành cho con trai. Thánh Gioan, thấy rằng ngài sẽ thu hút được những linh hồn về với Chúa Kitô tại đây, đã đến nhà vị thầy tế lễ và nói với con trai mù của ông: "Nhân danh Chúa Giêsu Kitô của tôi, hãy mở mắt ra," – và người mù lập tức nhìn thấy.

Thấy điều đó, Evcharis đã tin vào Đấng Christ và cùng con trai mình chịu phép rửa. Và tại tất cả các thành phố trên hòn đảo đó, Thánh Gioan đã xây dựng các nhà thờ thánh và bổ nhiệm các giám mục và linh mục; sau khi dạy dỗ cư dân một cách đầy đủ, ngài chào tạm biệt mọi người và bắt đầu trở về Ê-phê-sô. Các tín hữu tiễn đưa ngài trong tiếng khóc lóc và than thở thảm thiết, không muốn mất đi "mặt trời" đã soi sáng đất nước họ bằng giáo lý của ngài; nhưng vị thánh, sau khi lên thuyền và chúc bình an cho mọi người, đã ra khơi tiếp tục hành trình của mình.

[6481] Truyền thuyết kể lại rằng một lần nọ, Thánh Gioan cùng với môn đệ của mình là Prochorus đã rời khỏi thành phố để ẩn dật trong một hang động hoang vắng, nơi ngài đã ở cùng Prochorus trong 10 ngày, và 10 ngày còn lại thì ở một mình. Trong 10 ngày cuối cùng đó, ngài không ăn gì cả, mà chỉ cầu nguyện với Thiên Chúa, xin Ngài chỉ cho biết ngài phải làm gì. Rồi có tiếng từ trên cao vang đến với Gioan: "Gioan, Gioan!" Gioan đáp: "Chúa truyền lệnh gì vậy, lạy Chúa?" Tiếng từ trên cao phán: "Hãy kiên nhẫn thêm 10 ngày nữa, và ngươi sẽ được mặc khải nhiều điều vĩ đại." Gioan đã ở đó thêm 10 ngày nữa mà không ăn gì. Và lúc đó, một điều kỳ diệu đã xảy ra: Các thiên thần của Đức Chúa Trời đã xuống với ông và báo cho ông biết nhiều điều không thể diễn tả bằng lời. Khi Prochorus trở lại với ông, ông đã sai anh ta đi lấy mực và giấy, rồi trong hai ngày liền, ông kể cho Prochorus nghe về những sự mặc khải mà ông đã nhận được, còn Prochorus thì ghi chép lại.

Khi ngài đến Ephesus, các tín hữu đã đón tiếp ngài với niềm vui khôn tả, reo hò và hô to: "Phúc cho Đấng đến nhân danh Chúa!"

Và ngài đã được đón tiếp với vinh dự. Trong thời gian ở đây, ngài không ngừng lao động, luôn luôn dạy dỗ dân chúng và hướng dẫn họ trên con đường cứu rỗi.

Không thể không nhắc đến những gì Thánh Clément d'Alexandrie kể về Thánh Gioan[6482] . Khi vị Tông đồ đi qua các thành phố ở Á Châu, tại một trong số đó, ngài gặp một thiếu niên có tâm hồn hướng thiện; vị Tông đồ thánh thiện đã dạy dỗ và rửa tội cho cậu. Khi định rời khỏi đó để rao giảng Tin Mừng, ngài đã giao phó chàng trai trẻ này cho giám mục của thành phố đó trước mặt mọi người, với mong muốn vị mục tử sẽ dạy dỗ anh ta mọi việc lành. Vị giám mục ấy đã nhận cậu thanh niên về, dạy dỗ cậu về Kinh Thánh, nhưng lại không quan tâm đến cậu như lẽ ra phải thế, cũng không cho cậu một nền giáo dục xứng đáng với lứa tuổi thanh niên, mà trái lại, để cậu tự do theo ý mình. Chẳng bao lâu, cậu thanh niên bắt đầu sống một cuộc đời sa đọa, say sưa rượu chè và trộm cắp. Cuối cùng, cậu ta kết bạn với bọn cướp, những kẻ đã dụ dỗ cậu ta, đưa cậu ta vào sa mạc và núi non, phong cậu ta làm thủ lĩnh của chúng và tiến hành cướp bóc trên các con đường. Sau một thời gian, khi trở về, Gioan đến thành phố đó và, khi nghe tin về cậu thiếu niên ấy rằng cậu ta đã sa ngã và trở thành tên cướp, ông đã nói với vị giám mục:

– Hãy trả lại cho tôi kho báu mà tôi đã giao phó cho ngài để cất giữ, như giao vào tay người đáng tin cậy; hãy trả lại cho tôi cậu thiếu niên mà tôi đã giao phó cho ngài trước mặt mọi người, để ngài dạy dỗ cậu ấy biết kính sợ Đức Chúa Trời.

Và vị giám mục đã khóc lóc đáp lại:

– Chàng trai ấy đã hư mất rồi, linh hồn thì đã chết, còn thân xác thì đang làm cướp trên các nẻo đường.

Thánh Gioan bèn nói với vị giám mục:

– Đó có phải là cách ngươi nên bảo vệ linh hồn anh em mình không? Hãy cho ta một con ngựa và một người dẫn đường, để ta đi tìm người mà ngươi đã hủy hoại.

Khi Thánh Gioan đến chỗ bọn cướp, ngài xin họ dẫn ngài đến gặp thủ lĩnh của chúng, và họ đã làm theo. Còn chàng trai, khi nhìn thấy Thánh Gioan, liền cảm thấy xấu hổ, đứng dậy và chạy trốn vào sa mạc. Quên đi tuổi già của mình, Thánh Gioan đuổi theo chàng, lớn tiếng kêu lên:

– Con ơi! Hãy quay về với cha con và đừng tuyệt vọng vì sự sa ngã của con; ta sẽ gánh lấy tội lỗi của con; hãy dừng lại và chờ ta, vì Chúa đã sai ta đến với con.

Chàng trai trẻ dừng lại, quỳ sấp xuống chân vị thánh với lòng run rẩy và sự xấu hổ tột độ, không dám ngước mắt nhìn vào mặt ngài. Còn Thánh Gioan, với tình yêu thương của người cha, ôm lấy chàng và hôn lên trán, rồi dẫn chàng về thành phố, vui mừng vì đã tìm lại được con chiên lạc. Ngài đã dạy dỗ chàng rất nhiều, hướng dẫn chàng về sự sám hối; nhờ siêng năng tu tập trong sự sám hối ấy, chàng trai đã làm đẹp lòng Chúa, được tha thứ tội lỗi và ra đi trong bình an.

Vào thời đó, có một người Kitô hữu lâm vào cảnh nghèo túng đến mức không có gì để trả nợ cho những người cho vay; vì nỗi đau khổ tột cùng, anh ta nảy sinh ý định tự sát và đã xin một thầy phù thủy người Do Thái cho mình một loại độc dược chết người. Kẻ thù của các Kitô hữu và bạn của ma quỷ này đã đáp ứng lời cầu xin và đưa cho anh ta thứ nước uống gây chết người. Người Kitô hữu ấy, sau khi nhận lấy chất độc chết người, đã trở về nhà mình, nhưng trên đường đi, anh ta bỗng suy nghĩ lại và hoảng sợ, không biết phải làm gì. Cuối cùng, sau khi làm dấu thánh giá trên chiếc cốc, anh ta uống cạn nó mà không cảm thấy chút tổn hại nào, vì dấu thánh giá đã loại bỏ hết chất độc khỏi chiếc cốc. Anh ta vô cùng ngạc nhiên trong lòng vì vẫn khỏe mạnh và không cảm thấy bất kỳ tổn hại nào. Nhưng, một lần nữa không chịu nổi sự truy đuổi của những người cho vay, anh ta đến gặp một người Do Thái để xin người đó cho anh ta loại độc dược mạnh nhất. Ngạc nhiên khi thấy người đó vẫn còn sống, thầy phù thủy đã cho anh ta loại độc dược mạnh nhất. Nhận được độc dược, người đàn ông trở về nhà. Sau một hồi suy nghĩ kỹ lưỡng trước khi uống, anh ta lại làm dấu thánh giá trên chiếc cốc đó rồi uống, nhưng một lần nữa cũng không hề bị tổn hại chút nào . Anh ta lại đến gặp người Do Thái và xuất hiện trước mặt ông ta với sức khỏe tốt. Anh ta chế giễu nhà phù thủy rằng ông ta không thành thạo trong nghệ thuật phù phép của mình. Người Do Thái, hoảng sợ, hỏi anh ta đã làm gì khi uống? Anh ta đáp: "Không có gì khác ngoài việc làm dấu thánh giá trên chiếc cốc." Người Do Thái ấy nhận ra rằng chính quyền năng của Thánh Giá đã xua đuổi cái chết; và, muốn tìm hiểu sự thật, ông ta đã

[6482] Clément d'Alexandrie – một trong những học giả Kitô giáo nổi tiếng nhất của những thế kỷ đầu tiên của Kitô giáo, đã qua đời vào khoảng năm 217.

cho con chó uống chất độc đó – và con chó lập tức chết ngay trước mặt ông. Thấy vậy, người Do Thái ấy cùng với người Kitô hữu đó đến gặp vị Tông đồ và kể lại cho ngài nghe những gì đã xảy ra với họ. Thánh Gioan đã dạy người Do Thái ấy tin vào Chúa Kitô và rửa tội cho ông; còn người Kitô hữu nghèo khó kia, ngài bảo mang đến một bó cỏ khô, rồi bằng dấu thánh giá và lời cầu nguyện, ngài đã biến nó thành vàng, để anh ta có thể trả hết các khoản nợ của mình, và dùng phần còn lại để nuôi sống gia đình. Sau đó, vị Tông đồ lại trở về Ê-phê-sô, nơi ngài ở tại nhà của Đô-mna, đã dẫn dắt vô số người đến với Chúa Kitô và thực hiện vô số phép lạ[6483] .

Khi vị tông đồ đã hơn một trăm tuổi, ngài rời khỏi nhà Đô-mna cùng với bảy môn đệ của mình và, khi đến một nơi nào đó, ngài bảo họ ngồi lại ở đó. Lúc đó đã gần sáng, và ngài đi ra một khoảng cách chỉ bằng một viên đá ném được, rồi bắt đầu cầu nguyện. Sau đó, khi các môn đệ của ngài, theo ý muốn của ngài, đã đào cho ngài một ngôi mộ hình thánh giá, ngài truyền cho Prochorus đi đến Jerusalem và ở lại đó cho đến khi ngài qua đời. Sau khi truyền dạy thêm những lời răn dạy cho các môn đệ và hôn họ, vị tông đồ nói: "Hãy lấy đất, mẹ của ta, và phủ lên ta bằng nó." Các môn đệ hôn ngài và phủ đất lên người ngài đến đầu gối; khi ngài lại hôn họ, họ phủ đất lên người ngài đến tận cổ, đặt tấm khăn che lên mặt ngài, rồi sau khi hôn thêm lần nữa, trong tiếng khóc nức nở, họ phủ đất che kín ngài hoàn toàn. Nghe tin này, các anh em từ thành phố đến và đào mộ lên, nhưng không tìm thấy gì ở đó và khóc lóc rất nhiều; sau đó, sau khi cầu nguyện, họ trở về thành phố. Và mỗi năm, vào ngày thứ tám của tháng Năm, dầu thơm từ quan tài của ngài lại tỏa ra, và nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh tông đồ, nó mang lại sự chữa lành cho những người đau ốm[6484] để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi muôn đời. Amen.

[6483] Trong những năm cuối đời, Gioan sống một cuộc đời khổ hạnh khắc nghiệt: chỉ ăn bánh mì và uống nước, không cắt tóc và mặc những bộ quần áo vải lanh đơn sơ. Do tuổi già, ngài không còn sức để rao giảng Lời Chúa ngay cả ở vùng lân cận Ê-phê-sô. Giờ đây, ngài chỉ còn dạy dỗ các giám mục của Giáo hội và khích lệ họ không ngừng dạy dỗ dân chúng về Lời Phúc Âm, đặc biệt là ghi nhớ và rao giảng điều răn đầu tiên và quan trọng nhất của Phúc Âm, đó là điều răn về tình yêu. Theo lời kể của Thánh Giê-rô-ni-mô, khi vị Thánh Tông Đồ đã suy yếu đến mức các môn đệ phải vất vả mới có thể đưa ngài vào nhà thờ, và ngài không còn có thể giảng những bài giảng dài nữa, thì ngài chỉ giới hạn các bài giảng của mình bằng việc lặp đi lặp lại không ngừng lời dạy này: "Hỡi các con, hãy yêu thương nhau!" Và khi một lần các môn đệ hỏi ngài tại sao ngài lại không ngừng lặp lại điều này với họ, Thánh Gioan đã trả lời bằng những lời xứng đáng với ngài như sau: "Đây là điều răn của Chúa, và nếu các con tuân giữ điều răn này, thì đã đủ rồi." Vào những ngày cuối đời, vị Thánh Tông đồ được cả thế giới Kitô giáo yêu mến một cách đặc biệt. Lúc bấy giờ, ngài là vị Tông đồ duy nhất còn sống – người đã tận mắt chứng kiến Chúa, vì tất cả các Tông đồ khác đều đã qua đời. Cả thế giới Kitô giáo đều biết rằng Thánh Gioan là môn đệ được Chúa yêu mến nhất. Vì thế, nhiều người tìm cách được gặp vị Tông đồ và coi việc được chạm vào áo của ngài là một vinh dự và hạnh phúc. Ngoài những công lao to lớn trong việc truyền bá đức tin Kitô giáo giữa những người ngoại đạo, Thánh Tông đồ Gioan còn phục vụ Giáo hội của Chúa Kitô qua các tác phẩm văn chương. Ngài đã viết Phúc Âm Thánh, ba Thư và Khải Huyền, hay còn gọi là Sách Khải Huyền.
Tin Mừng được Thánh Gioan viết khi ngài đã ở tuổi rất cao, vào cuối thế kỷ I sau Công nguyên. Các giám mục tại Ê-phê-sô và khắp Tiểu Á, lo ngại trước sự gia tăng của các tà thuyết về Ngôi Vị của Chúa chúng ta, Đức Giê-su Ki-tô, vào thời điểm đó, và dự đoán sự ra đi sắp tới của Thánh Tông đồ, đã xin ngài trao cho họ cuốn Phúc Âm của ngài (một bản mới, so với ba bản đã có trước đó). Họ mong muốn có cuốn Phúc Âm này làm kim chỉ nam trong cuộc chiến chống lại những kẻ dị giáo, những người phủ nhận Thần tính của Đấng Christ. Thánh Gioan đã đáp ứng lời thỉnh cầu của các giám mục và trao cho họ cuốn Phúc Âm do ngài viết dưới sự soi dẫn của Thánh Thần, khác biệt so với các Phúc Âm của Matthêu, Marcô và Luca. Trong Phúc Âm của mình, Thánh Gioan chủ yếu đề cập đến những điều mà các tác giả Phúc Âm kia không đề cập đến. Ngài bổ sung cho các tác giả đó bằng cách bỏ qua những gì họ đã ghi chép và kể lại những điều mà họ đã bỏ sót. Tất cả các sự kiện trong cuộc đời trần thế của Đấng Cứu Thế mà Thánh Gioan đề cập đều được ngài thuật lại với độ chính xác và chi tiết nhất. Nhờ Phúc Âm của mình, Thánh Gioan được gọi là "Thần học gia", tức là một tác giả trong Phúc Âm của mình không chủ yếu trình bày các sự kiện trong cuộc đời trần thế của Chúa, mà là những lời giảng cao siêu và sâu sắc về Thiên Chúa, Thiên Chúa là Lời, tức là Con Thiên Chúa, và những lời giảng của Đấng Cứu Thế về sự tái sinh thiêng liêng trong Thánh Thần (Ga 3:1–36), về nguồn nước sống (nước sống), làm thỏa mãn cơn khát thiêng liêng của con người (Ga 4:1–54), về bánh sự sống nuôi dưỡng linh hồn con người (Giăng 6:1–71), về con đường huyền bí dẫn đến lẽ thật, về cánh cửa mà qua đó chúng ta vào và ra (Giăng 10:1–42), về ánh sáng và hơi ấm, v.v. Dưới tất cả những danh xưng này, Thánh Gioan luôn ám chỉ chính Chúa Giêsu Kitô, vì chỉ có Ngài mới thực sự là Nước Hằng Sống, Bánh Thánh, Ánh Sáng, Cánh Cửa cứu rỗi của chúng ta, Chân Lý, Sự Thật, và chính là Thiên Chúa. Ngài là Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, từ thuở đời đời đã hiện hữu cùng Thiên Chúa, trong Thiên Chúa, và chính Ngài cũng là Thiên Chúa. Và Thiên Chúa chính là Tình Yêu Tối Cao, Đấng đã yêu thương thế gian đến nỗi không tiếc cả Con Một của Ngài, mà đã sai Con Ngài xuống thế gian để chịu đau khổ nhằm chuộc tội cho loài người và cứu họ khỏi tội lỗi, lời nguyền rủa và sự chết. Vì nội dung cao cả như vậy của Phúc Âm theo Thánh Gioan, nó được gọi là Phúc Âm "thần linh", và Thánh Gioan Thần Học được miêu tả trên các bức tranh thánh với hình ảnh con đại bàng: cũng như con đại bàng bay lượn cao trên bầu trời, Thánh Gioan trong Phúc Âm của Ngài cũng vươn tới những chân lý tôn giáo cao cả nhất. "Những dòng sông thần học tuôn trào từ đôi môi chính trực của ngài, hỡi Thánh Tông Đồ," – Giáo Hội ca ngợi Thánh Gioan trong các bài thánh ca của mình; cũng tại đó, Giáo Hội gọi ngài là "người thổi kèn do Thiên Chúa thúc đẩy của những bài ca thiên đàng", "người ghi chép bí mật", "đôi môi do Thiên Chúa phán truyền", "người chứng kiến trực tiếp những mầu nhiệm không thể diễn tả", "người giữ bí mật của điều không thể diễn tả", "người đã vươn lên đỉnh cao của thần học", v.v. Những tư tưởng tương tự cũng được Thánh Gioan bày

Bài thánh ca, giọng 2:

Hỡi Thánh Tông đồ được Đức Kitô, Thiên Chúa, yêu mến, xin mau chóng giải thoát những người lầm lạc, xin đón nhận những ai quỳ lạy trước Ngài, những người đã ngã xuống trên đất: Xin Ngài cầu nguyện, hỡi Nhà Thần học, và xua tan màn sương mù của các ngôn ngữ, xin ban cho chúng con hòa bình và lòng thương xót vĩ đại.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Vinh quang của ngài, hỡi trinh nữ, ai có thể kể xiết; vì ngài làm nên những phép lạ, ban phát sự chữa lành, và cầu nguyện cho linh hồn chúng con, như một nhà thần học và bạn của Đấng Kitô.

Ngày 10 tháng 10

Ngày 27 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Tử đạo Callistratus

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 9

Thấy đoàn chiên được Chúa Kitô chọn ngày càng gia tăng, kẻ thù ghen tị – ma quỷ – đã nổi dậy chống lại Ngài với cơn thịnh nộ dữ dội, nhằm cướp bóc và hủy diệt tất cả những con chiên của Lời Chúa[6485] . Hắn đã chọn Diocletian và Maximian, hai vị vua La Mã vô đạo, những kẻ vì sự tàn bạo mà trở nên giống như những con thú vô nhân tính, làm công cụ cho mưu đồ này. Hắn xúi giục họ như những con sói săn mồi tấn công đàn chiên của Chúa Kitô và qua tay họ, hắn đã xé nát đàn chiên ấy một cách tàn bạo và không thương xót: bởi vì hắn đã gieo vào lòng họ một cơn thịnh nộ mãnh liệt đến mức chống lại các Kitô hữu, đến nỗi các vị vua này, gác lại mọi lo toan khác về vương quốc của mình, đã dốc hết sức lực chỉ để tiêu diệt hết thảy các Kitô hữu cho đến cùng. Họ coi ý định và hành động độc ác này của mình là một công lao lớn lao và cao quý hơn tất cả những việc làm vĩ đại khác của các vị vua, những chiến thắng lừng lẫy và sự chiến thắng trước kẻ thù của họ. Vì lý do này, họ đã phái các quan cai trị và những kẻ tra tấn – những kẻ ngang bằng, thậm chí còn vượt trội hơn họ về sự độc ác – đi khắp mọi miền đất nước, để buộc các Kitô hữu phải dâng lễ vật cho các thần tượng; còn những ai không tuân theo thì bị tra tấn, giết hại và tiêu diệt bằng đủ loại hình phạt tử hình. Khi mệnh lệnh này được thi hành, nhiều người trung thành và tận tụy với Chúa Kitô từ tận đáy lòng, sau khi được đội vương miện tử đạo, đã chuyển từ Giáo Hội Chiến Đấu sang Giáo Hội

---

tỏ trong ba thư của ngài. Tất cả các thư này đều do ngài viết tại thành phố Ê-phê-sô. Trong đó, ngài cũng bác bỏ những giáo lý sai lầm của các kẻ dị giáo, bảo vệ phẩm giá của Chúa Giê-su Ki-tô với tư cách là Đấng Cứu Thế của thế gian, tính xác thực của sự nhập thể của Ngài và tính chân thật của giáo lý Ngài, đồng thời khuyên nhủ các tín hữu đừng chỉ là Ki-tô hữu trên danh nghĩa, mà phải là Ki-tô hữu thực sự. Vì vào thời đó đã xuất hiện những kẻ dị giáo phủ nhận sự hiện thân của Đấng Christ trong xác thịt, nên Thánh Tông Đồ Gioan cảnh báo các tín hữu về những giáo lý sai lầm đó và khẳng định rằng*: "Mọi thần khí nào xưng nhận Đức Giêsu Kitô đã đến trong xác thịt, thì thần khí ấy là từ Thiên Chúa"* (1 Ga 4,2). Sau đó, trong các thư của mình, ngài cũng nhắc lại rằng *"Thiên Chúa là tình yêu"* (1 Ga 4:16), và vì thế con người phải yêu mến Thiên Chúa. Chỉ *"ai ở trong tình yêu thì ở trong Thiên Chúa, và Thiên Chúa ở trong người ấy"* (1 Ga 4:16). Nhưng tình yêu đối với Thiên Chúa là gì? – *"Tình yêu thương thể hiện ở chỗ chúng ta tuân giữ các điều răn của Ngài"* (2 Giăng 1:6). Còn các điều răn của Chúa thì tóm gọn lại trong điều răn về tình yêu thương (1 Giăng 4:7–8). Chúng ta cần yêu thương không phải *"bằng lời nói hay bằng miệng lưỡi, mà bằng hành động và sự thật"* (1 Giăng 3:18). *"Ai nói rằng: 'tôi đã nhận biết Ngài* (tức là Đức Chúa Trời), *nhưng lại không tuân giữ các điều răn của Ngài, thì người ấy là kẻ nói dối, và không có lẽ thật trong người ấy'* (1 Giăng 2:4), cũng như không có lẽ thật trong người nào *'nói rằng: "Tôi yêu mến Đức Chúa Trời", nhưng lại ghét anh em mình'* (1 Giăng 4:20). *'Ai yêu mến Đức Chúa Trời thì cũng yêu mến anh em mình'* (1 Giăng 4:21). Sách Khải Huyền miêu tả số phận tương lai của Hội Thánh Chúa Kitô, cuộc chiến của Chúa Kitô với Anti-Christ và sự thất bại của Anti-Christ. Số phận tương lai của Hội Thánh Chúa Kitô được miêu tả ở đây một cách đầy đủ nhất so với bất kỳ cuốn sách nào khác trong Kinh Thánh.

[6484] Để tưởng nhớ sự kiện kỳ diệu này, người ta đã thiết lập lễ kỷ niệm hàng năm dành cho Thánh Tông đồ Gioan vào ngày 8 tháng 5

[6485] Tức là những sinh vật có lý trí – con người, những người mà Chúa Kitô bảo vệ, như người chăn chiên bảo vệ đàn chiên.

Chiến Thắng[6486] , cất cao bài ca chiến thắng trước kẻ thù. Trong số rất nhiều người khác , vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô, Callistratus, cũng là một trong số đó; không chỉ một mình, mà cùng với đoàn quân đông đảo của mình, ngài đã đi trên con đường vinh quang của sự tử đạo và, sau khi đánh bại kẻ thù, đã hiện diện trước Đấng Chiến Thắng của thế gian là Chúa Kitô, mang trên mình những vết thương nhận được vì Ngài và nhận lấy vinh dự cho chiến công của mình.

Quê hương của vị tử đạo vì Chúa này là Carthage[6487] ; từ đó, ông được tuyển vào quân ngũ và gia nhập trung đoàn của tướng Persentin; trong trung đoàn này, chỉ có một mình Callistratus tỏa sáng như ngôi sao trong đêm tối nhờ lòng đạo đức của mình, bởi vì tất cả các đồng đội của ông đều bị che phủ bởi bóng tối của sự thờ thần tượng. Chỉ có một mình ông được soi sáng bởi ánh sáng của đức tin thánh thiện, mà ông đã học được từ cha mình, một người Kitô hữu; còn cha ông thì được ông nội, tên là Neokor, dạy dỗ đức tin ấy; người này, vào thời kỳ Chúa Giêsu Kitô của chúng ta chịu khổ nạn một cách tự nguyện, đã có mặt tại Giêrusalem dưới thời Pontius Pilate, trong hàng ngũ binh lính. Khi chứng kiến tất cả những phép lạ xảy ra trong lúc Chúa chịu chết và phục sinh, ông đã tin vào Ngài và, sau khi được các Tông đồ làm phép rửa, ông trở về nhà; từ đó, ông mang về những viên ngọc quý giá – đức tin vào Đấng Kitô – để làm giàu cho con trai mình, cha Callistratus, và tất cả những người trong gia đình, truyền lại cho họ về Chúa Giêsu Kitô tất cả những gì ông đã tận mắt chứng kiến và nghe được từ các Tông đồ. Nhận được từ ông nội và cha mình di sản tinh thần là đức tin – thứ không thể bị cướp mất – Thánh Callistratus đã dùng nó để làm giàu cho bất cứ ai ông có thể, bí mật dạy dỗ họ nhận biết lẽ thật và hướng tâm hồn con người về với Thiên Chúa. Vì lý do này, ông bị các bạn đồng hành nghi ngờ, và họ theo dõi ông chặt chẽ để xác định xem ông có phải là Kitô hữu hay không.

Khi ngài cùng vị tướng của mình ở tại Roma[6488] , lòng đạo đức Kitô giáo của ngài đã được phát hiện như sau. Vị Thánh này có thói quen mỗi đêm thức dậy để cầu nguyện và cầu nguyện bí mật trong một thời gian dài. Một lần nọ, khi ngài thức dậy như thường lệ để cầu nguyện, một số binh lính đang ngủ gần đó thức giấc và nhận ra điều này: khi nghe ngài thường xuyên kêu cầu danh Chúa Giêsu Kitô, họ đã tin chắc rằng ngài là một Kitô hữu chân chính. Chọn thời điểm thích hợp, họ báo cáo với Tướng Persentin về những gì họ đã nghe thấy. Tổng trấn liền triệu tập Callistratus và hỏi ông:

– Callistratus ơi, những điều đồng đội của ngươi nói về ngươi có đúng không?

Thánh nhân đáp:

– Tôi không biết họ có thể nói gì về tôi, vì tôi không nhận thấy mình đã làm điều xấu nào cả.

Khi Persentin ra lệnh cho các binh sĩ nói thẳng thắn, không giấu giếm, các binh sĩ bèn thưa với quan tổng trấn:

– Thưa ngài, chỉ cần ra lệnh cho ông ấy dâng lễ vật lên các vị thần, thì ngài sẽ ngay lập tức biết được suy nghĩ và đức tin của ông ấy.

Thống đốc ra lệnh cho Callistratus dâng lễ vật lên các vị thần và thờ lạy họ; còn thánh Callistratus thì đáp:

– Tôi không được dạy dỗ để dâng lễ vật cho nhiều vị thần, mà chỉ cho Đấng Thần Duy Nhất, chân thật và hằng sống, Đấng đã gọi vạn vật từ hư vô ra hiện hữu và tạo dựng con người từ đất; còn những vị thần mà các ngài tôn kính, do bàn tay con người tạo ra, tôi không gọi là thần, mà là quỷ dữ, như tôi đã biết qua Kinh Thánh, nơi chép rằng: *"Tất cả các vị thần của các dân tộc đều là tượng thần"* (Thi Thiên 95:5) và: *"Các tượng thần của họ là bạc và vàng, là tác phẩm của bàn tay con người"* (Thi Thiên 113:12). Từ Kinh Thánh, tôi đã học được cách nhận biết Đức Chúa Trời hằng sống trên trời, dâng lễ vật ngợi khen và thực hiện các lời hứa với Đấng Tối Cao. Vậy thì, liệu những người này có đang buộc tội tôi vì tôi tôn kính Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, chứ không phải nhiều vị thần giả dối hay không? Họ chỉ nên tố cáo tôi trong trường hợp họ phát hiện ra rằng tôi thi hành nghĩa vụ quân sự một cách tồi tệ, rằng tôi hèn nhát và đã chạy trốn trước mặt kẻ thù; chính những hành vi như thế họ mới có thể nói trước mặt ngài để chống lại tôi, và những lời tố cáo như vậy, thưa quan tổng trấn, ngài mới nên lắng nghe. Biết rõ

[6486] Giáo Hội chiến đấu là Giáo Hội bao gồm các Kitô hữu đang sống trên đất, còn Giáo Hội chiến thắng là cộng đồng các tín hữu được vinh quang, đang ngự trên trời.

[6487] Carthage – một thành phố ở Bắc Phi.

[6488] Ở đây cần hiểu là Byzantium, nơi sau khi trở thành thủ đô phía đông của Đế quốc La Mã, đã được gọi là "La Mã Mới". Tại La Mã cổ đại, việc tôn kính Thánh Callistratus không tồn tại. Hơn nữa, La Mã được đề cập ở đây, như có thể thấy từ phần tiếp theo, nằm ngay bên bờ biển, trong khi từ La Mã cổ đại, biển nằm ở một khoảng cách rất xa (khoảng 4 verst).

rằng tôi vô tội trong những việc như thế, tại sao ngài lại nghe theo những kẻ vu khống và đưa tôi ra tòa chỉ vì giáo lý đức tin mà tôi theo đuổi không phù hợp với giáo lý của các ngài?

Đáp lại những lời này, quan tổng trấn nói với giọng giận dữ:

– Bây giờ không phải là lúc để nói nhiều như một nhà hùng biện, mà là lúc của những cực hình nặng nề và những hình phạt tàn khốc, mà ngươi sẽ sớm phải chịu nếu không khuất phục ta và không dâng lễ vật cho các vị thần mà chính nhà vua cũng thờ phụng. Ngươi chẳng lẽ không biết ta tàn nhẫn đến mức nào sao, vì ta có sức mạnh khiến bất cứ ai cũng phải khiếp sợ chỉ bằng một cái nhìn và giọng nói, ngay cả trước khi tra tấn bắt đầu?

Thánh Callistratus đáp lại:

– Cơn thịnh nộ và tiếng nghiến răng của ngài, dù có gây ra nỗi sợ hãi, thì cũng chỉ là tạm thời; còn có một nỗi sợ hãi và tiếng nghiến răng khác – vĩnh cửu, và đó chính là điều tôi sợ hãi nhất; chỉ cần nghĩ đến nó thôi cũng đủ khiến tôi kinh hoàng.

Không thể kìm nén cơn giận dữ của mình, quan tổng trấn ra lệnh quăng vị thánh xuống đất và đánh đập; nhưng trong suốt thời gian dài bị tra tấn, ngài không hề tỏ ra nôn nóng, mà vẫn hướng về Đức Chúa Trời, nói rằng: *"Con đã thề sẽ tuân giữ các phán quyết công chính của Ngài, và con sẽ thực hiện điều đó"* (Thi Thiên 118:106–107). Và còn nữa: con đã suy yếu, lạy Chúa, *"xin hãy làm cho con sống lại theo lời Ngài"* (Thánh Vịnh 118:25) và xin đừng để kẻ vô đạo này sỉ nhục con; xin hãy củng cố con, lạy Chúa, để con có thể chịu đựng những cực hình này, ban sức mạnh cho thân xác khiêm nhường và yếu đuối của con, và khơi dậy trong con tinh thần dũng cảm.

Thấy máu tuôn trào thành dòng từ những vết thương của vị tử đạo, quan tổng trấn ra lệnh giải thoát ông khỏi những cực hình và nói với ông:

– Đây chỉ là khởi đầu của những hình phạt dành cho sự bất tuân của ngươi, Callistratus; vì vậy ta cho ngươi một lời khuyên tốt – hãy tuân theo mệnh lệnh của ta để thoát khỏi những cực hình nặng nề hơn. Nếu ngươi không chịu khuất phục, thì ta thề trước các vị thần, bàn tay của những kẻ tra tấn sẽ xé nát thân thể ngươi thành từng mảnh, chó sẽ liếm máu ngươi, còn thịt ngươi sẽ bị sư tử ăn thịt: ngươi sẽ chết một cái chết khủng khiếp như vậy.

Nhưng Callistratus dũng cảm đã đáp lại:

– Ta đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời hùng mạnh, Đức Chúa Trời hằng sống, rằng Ngài sẽ giải cứu ta khỏi hàm sư tử và cứu *"linh hồn cô độc của ta khỏi bầy chó"* (Thi Thiên 21:21), linh hồn duy nhất giữa tất cả những chiến binh này biết đến Đức Chúa Trời chân thật, Đấng mà tôi trông đợi rằng Ngài không chỉ đón nhận linh hồn tôi mà còn đón nhận nhiều linh hồn khác về với Ngài, ban cho họ ân sủng được biết đến danh thánh của Ngài[6489] !

Càng tức giận hơn trước những lời này, quan tổng trấn ra lệnh lột trần Callistratus và lôi ông đi trên những mảnh gốm sắc nhọn rải rác trên mặt đất, gây ra nỗi đau đớn tột cùng cho thân thể đầy thương tích của ông. Khi vị thánh đã chịu đựng xong những cực hình này, kẻ tra tấn ra lệnh đổ nước vào miệng ngài qua một cái phễu, như thể đổ vào một cái túi da. Trong lúc tra tấn này, quan tổng trấn nói với vị thánh:

– Callistratus, nếu ngươi không dâng lễ vật cho các vị thần, ta sẽ lập tức ném ngươi xuống biển: vì ta lo ngại rằng ngươi có thể lôi kéo những chiến binh khác theo ngươi, nếu ta không sớm xử tử ngươi.

– Hỡi kẻ vô pháp tột cùng, – vị tử đạo đáp lại, – ngươi lo lắng để đàn chiên dưới quyền cai trị của cha ngươi, ma quỷ, không bị suy giảm, còn ta thì tin tưởng vào Đức Chúa Trời rằng ta sẽ thu phục đàn chiên này cho Đấng Christ của ta, củng cố họ trong đức tin chân chính và xây dựng cho Ngài một nhà thờ ngay giữa thành phố này[6490] .

Bừng lên cơn thịnh nộ, quan tổng trấn nói:

– Hỡi kẻ vô đạo và đáng nguyền rủa, cái chết đã treo lơ lửng trên đầu ngươi, vậy mà ngươi còn dám nghĩ đến việc xây dựng nhà thờ và dẫn dắt nhiều người đến với Đức Chúa Trời của ngươi!

Nói xong, quan tổng trấn lập tức ra lệnh mang một cái túi da đến, nhốt vị tử đạo vào đó rồi ném xuống đáy biển, còn bản thân thì đứng trên bờ, mong được chứng kiến sự diệt vong của vị thánh. Nhưng chiếc túi da chứa thánh Callistratus, người đang cầu nguyện như Giô-na trong bụng cá voi, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, đã bị dòng nước cuốn vào một tảng đá nhọn dưới biển và bị rách toạc; còn thánh Callistratus thì được hai con cá heo[6491] nâng lên lưng và nhẹ nhàng đưa ngài vào bờ. Vị Tử đạo hân hoan ca ngợi: *"Con đã xuống tận đáy biển sâu"*

[6489] Biết tên của Đức Chúa Trời có nghĩa là nhận biết các thuộc tính và sự hoàn hảo thiêng liêng, được bộc lộ qua việc cai quản thế giới và cuộc sống con người.

[6490] Tức là ngôi đền nơi các vị tử đạo – những chiến binh – sẽ được các tín hữu tôn kính.

[6491] Cá heo là loài động vật có vú biển ăn thịt.

(Thánh vịnh 68:3), nhưng cơn bão nước không nhấn chìm con, và con cũng không mệt mỏi trong những lời cầu khẩn hướng về Ngài, lạy Chúa; Ngài đã mau chóng nghe lời cầu nguyện của con và kỳ diệu giải thoát con khỏi những xiềng xích không thể gỡ bỏ và vực sâu biển cả, khi đã không còn chút hy vọng nào nữa: *"Ngài đã cởi bỏ khỏi con tấm áo vải thô và thắt lưng cho con bằng niềm vui"* (Thánh vịnh 29:12). Khi vị thánh ca ngợi điều này bằng giọng nói hân hoan, đông đảo binh lính đã kinh ngạc, và một số trong họ quỳ xuống dưới chân vị thánh, xin ngài giải thoát họ khỏi sự lừa dối của ma quỷ và dẫn dắt họ đến với Đức Kitô, Thiên Chúa của họ. Số người đó là bốn mươi chín, và họ nói:

– Chúng tôi đã nhận ra rằng Đức Chúa Trời của ngài thật vĩ đại và chân thật, vì Ngài đã giải cứu ngài một cách kỳ diệu khỏi vực sâu của biển cả.

Vị thánh tử đạo đáng kính bèn nói:

– Chúa Giêsu Kitô của tôi sẽ không từ chối những ai đến với Ngài, vì Ngài phán: *"Hỡi những ai vất vả và gánh nặng, hãy đến với Ta, Ta sẽ cho các ngươi được nghỉ ngơi"* (Mt 11,28).

Nói xong những lời ấy, ngài giơ hai tay lên trời, ngước mắt lên và cầu nguyện:

– Lạy Chúa, Đấng ngự trên cao và nhìn xuống những kẻ khiêm nhường! Xin Ngài hãy nhìn xuống đàn chiên nhỏ bé này của Ngài, bảo vệ nó khỏi mọi điều ác và giữ cho nó được an toàn khỏi con thú hữu hình – tên tra tấn Persentin, và khỏi con thú vô hình – ma quỷ, vì Ngài là Đấng duy nhất được tôn vinh muôn đời.

Thấy những gì đang diễn ra, quan tổng trấn ngạc nhiên và nói:

– Ta thề bằng mặt trời rực rỡ[6492] – người này sở hữu một sức mạnh phép thuật vĩ đại, vì ông ta đã bước ra khỏi biển mà không hề hấn gì và, đúng như lời hứa, đã dùng phép thuật làm mê hoặc binh lính của ta.

Cùng lúc đó, ông ta nói với vị thánh:

– Ta sẽ sớm phá vỡ phép thuật của ngươi, Callistratus, và ngươi sẽ biết Persentin là ai – người phục vụ các vị thần vĩ đại – và Đấng Bị Đóng Đinh là ai, Đấng mà ngươi tôn kính và đặt niềm tin vào một cách vô ích.

Sau đó, hắn ngồi lên ghế thẩm phán và ra lệnh đánh đập dã man tất cả các chiến binh đã tin vào Đấng Kitô, làm gãy nát các khớp xương của họ. Trong lúc bị tra tấn, những chiến binh này dường như cùng một lúc cất tiếng nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin hãy là Đấng trợ giúp cho các tôi tớ của Ngài và ban cho chúng con sức mạnh để kiên trì đến cùng, vì vì Ngài mà chúng con đã chịu những đau khổ này. Xin hãy gìn giữ vị thầy và mục tử của chúng con là Callistratus, để nhờ ngài, chúng con được học hỏi thêm cách xưng nhận Ngài, Đấng Thiên Chúa Duy Nhất, vì giờ đây, lạy Chúa, chúng con đứng trước mặt Ngài như những con chiên lạc.

Khi cơn thịnh nộ của Persentin dịu đi phần nào, ông ra lệnh ngừng tra tấn và đưa các vị tử đạo vào ngục tối, cho đến khi ông nghĩ ra cách xử lý họ; vì ông rất buồn bã khi thấy quân đoàn của mình mất đi năm mươi chiến binh.

Khi họ bị ném vào ngục tối cùng với Thánh Callistratus, họ bắt đầu học hỏi từ ngài về sự hiểu biết Thiên Chúa một cách chi tiết; vì vị thánh, sau khi mở miệng, đã giải thích cho họ mọi điều, từ sự sáng tạo thế giới và tội lỗi mà những người đầu tiên đã phạm trong vườn Địa Đàng, cho đến sự nhập thể của Đức Kitô, sự chịu khổ tự nguyện và sự phục sinh của Ngài. Ngài đã rao giảng cho họ về ngày phán xét, về linh hồn, về cuộc sống sau này, về phần thưởng dành cho người công chính và hình phạt dành cho kẻ có tội trong địa ngục; và sau khi giải thích cho họ tất cả những mầu nhiệm thánh thiêng của đức tin, ngài đã củng cố lòng họ để sẵn sàng chịu tử đạo.

Ngày hôm sau, quan tổng trấn, được vây quanh bởi đông đảo binh lính, ngồi vào ghế thẩm phán, ra lệnh dẫn Thánh Callistratus cùng các môn đệ từ ngục ra và nói với ngài như sau:

– Hãy nói cho ta biết, Callistratus! Các ngươi có dâng lễ vật lên các vị thần để thoát khỏi những cực hình khủng khiếp này, hay vẫn tiếp tục bướng bỉnh như trước?

Thánh Callistratus đáp:

– Về phần mình, ta cam đoan sẽ không từ bỏ Chúa của ta cho đến khi chết; còn những người này, hãy để chính họ tự nói về mình; ngươi hãy hỏi họ và ngươi sẽ nghe được những gì họ nói với ngươi.

Rồi quan tổng trấn nói với họ:

– Các ngươi, những kẻ bị lừa dối, các ngươi sẽ nói gì?

Họ đáp:

[6492] Người ngoại đạo tôn thờ Mặt Trời như một vị thần, gọi ngài là Apollon.

– Chúng tôi là những người Kitô hữu, tuyên xưng Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng đã tạo dựng trời và đất, và chúng tôi tin vào Ngài, vào Con Một của Ngài, Chúa Giêsu Kitô, và vào Đức Thánh Thần, như vị thầy tốt lành của chúng tôi, Callistratus, đã dạy chúng tôi.

Khi các thánh đồng thanh nói điều này, quan tổng trấn ra lệnh đánh đập họ dã man, từng người một. Sau đó, ông ra lệnh trói tay chân họ lại rồi ném xuống ao nước nằm gần đó.

Trước khi mệnh lệnh này được thi hành, Thánh Callistratus đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời, nói rằng:

– Lạy Chúa, Đấng ngự trên cao và đoái thương những kẻ khiêm nhường, xin hãy hướng đôi mắt nhân từ của Ngài về đàn chiên nhỏ bé này của Ngài và xin vui lòng rửa sạch họ trong dòng nước này, như trong bể rửa tái sinh và nhận làm con nuôi[6493] bằng sự giáng lâm của Thánh Thần Ngài, để họ, sau khi rửa sạch mọi vết nhơ của con người cũ[6494] , trở thành những người được dự phần vào gia tài (Col. 1:12) của những ai từ thuở xưa đã làm đẹp lòng Ngài.

Khi các vị tử đạo bị trói lại và ném xuống nước, thì dây trói của họ lập tức tan rã, và họ đứng trong nước với khuôn mặt rạng rỡ, vui mừng vì phép rửa tội của mình. Lúc đó, người ta thấy một vương miện tuyệt đẹp từ trời giáng xuống trên đầu họ, và nghe thấy một tiếng nói phán rằng:

– Hãy can đảm lên, Callistratus, cùng với đoàn chiên của ngươi, và hãy đi nghỉ ngơi cùng họ trong những nơi ở vĩnh cửu.

Và ngay sau những lời đó, một trận động đất mạnh đã xảy ra, khiến bức tượng của một vị thần ngoại đạo xấu xa nào đó, đang đứng gần đó, đổ sập và vỡ tan thành tro bụi. Thấy điều này, 135 chiến binh khác, những người đã nghe thấy tiếng nói từ trời phán với Callistratus, đã tin vào Chúa của chúng ta. Lo sợ những lời đồn đại và sự xáo trộn trong quân đoàn, vị tướng quân không nói gì với họ, mà ra lệnh ném bốn mươi chín chiến binh đầu tiên cùng với Callistratus trở lại ngục tối. Tại đó, thánh Callistratus nói với các đồng đội của mình:

– Này, anh em, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, các anh em đã được ban phép rửa thánh, vì điều đó các anh em phải tạ ơn Thiên Chúa một cách xứng đáng; vậy thì, hãy đứng dậy và cầu nguyện cùng Ngài!

Khi mọi người đều đứng dậy, giơ tay và ngước mắt lên trời, Callistratus đã cầu nguyện bằng những lời sau:

– Lạy Chúa là Thiên Chúa, *"Đấng muốn cho mọi người được cứu rỗi"* (1 Tm 2,4), Đấng đã giải thoát đoàn chiên này khỏi nanh vuốt sư tử và kêu gọi chúng con đến sự cứu rỗi vĩnh cửu! Xin cho chúng con được qua đời trong đức tin thánh thiện nơi Ngài, Thiên Chúa của chúng con, và xin cho chúng con được hiện diện trước thánh diện Ngài với tâm hồn trong sạch và tinh khiết, để thờ lạy Ngài, Đấng được chúc tụng muôn đời.

Thánh Callistratus và tất cả các thánh tử đạo đã siêng năng cầu nguyện. Khi đêm xuống, theo lệnh của kẻ hành hình, những người lính mang gươm trần bước vào ngục tối và chém tất cả thành từng mảnh[6495] . Thánh Callistratus đã chiến đấu anh dũng cùng đoàn tùy tùng của mình như vậy, thậm chí còn đứng vững đến đổ máu (xem Hê-bơ-rơ 12:4) vì Chúa của mình. Xác thánh của các ngài đã được thu thập và an táng một cách trang trọng bởi chính 135 chiến binh đã tin vào Đấng Christ; chính những chiến binh này sau đó đã xây dựng một nhà thờ trên nơi an nghỉ của các thánh. Như vậy, lời mà Thánh Callistratus đã nói với Persentin đã ứng nghiệm: "Ta sẽ xây dựng một nhà thờ ngay giữa thành phố này", mặc dù nhà thờ đó không được xây dựng khi ngài còn sống, mà là sau khi ngài chịu tử đạo; và tại đó, danh Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Đức Giêsu Kitô đã được tôn vinh; xin vinh quang thuộc về Ngài từ chúng ta đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Sau khi chịu đựng muôn vàn vết thương, và nhận lấy vương miện từ Thiên Chúa, xin các ngài, những vị thánh được Chúa Kitô chúc phúc, hãy cầu thay cho chúng con, những người đang cử hành lễ kính các ngài, hỡi Thánh Callistratus vĩ đại cùng những vị đã chịu khổ với ngài, để an ủi đoàn chiên và dân chúng: Vì Ngài[6496] chính là sự củng cố cho những người trung thành.

[6493] Điều này ám chỉ phép rửa tội, vốn được cử hành từ thời cổ đại trong các bể rửa tội hoặc nhà tắm đặc biệt. – Qua phép rửa tội, con người được tái sinh vào một cuộc sống mới, thánh thiện và trở thành con cái của Đức Chúa Trời.

[6494] Con người cũ là người chưa được rửa tội theo đạo Kitô và vẫn còn mang tội nguyên tổ của A-đam. (Xem Cô-lô-se 1:12).

[6495] Thánh Callistratus và vợ ngài đã chịu tử đạo vào khoảng năm 304 sau Công nguyên.

[6496] Tức là Chúa Giêsu Kitô.

Cuộc đời của vị thánh cha Savvatiy Solovetsky, vị thánh làm phép lạ

Ngày kỷ niệm: 27 tháng 9

Không còn thông tin nào ghi lại Thánh Savvatiy xuất thân từ thành phố hay làng mạc nào, cha mẹ ngài là ai, và ngài đã nhận tu phục khi bao nhiêu tuổi. Chỉ biết rằng vào thời Tổng Giám mục Toàn Nga Photius[6497] , vị tu sĩ đáng kính Savvatiy đã tu hành tại Tu viện Belozersk của Thánh Cyril, nằm ở vùng Novgorod[6498] . Vị tu sĩ đạo đức này đã rèn luyện thân xác bằng lời cầu nguyện, sự thức trắng không ngừng nghỉ, đói khát và vô số những công việc khác không thể đếm xuể của đời sống tu hành nghiêm ngặt, không lười biếng trong mọi nghi lễ của tu viện, luôn vâng lời vị tu viện trưởng và các tu sĩ trong tu viện. Nhờ việc tuân giữ không ngừng các lời thề tu hành, Thánh Savvati được mọi người yêu mến và kính trọng, trở thành tấm gương về cuộc sống đạo đức và cần cù cho các tu sĩ khác trong tu viện, đến nỗi tên tuổi của ngài luôn được cộng đồng tu sĩ và vị tu viện trưởng ca ngợi. Nhưng với ý thức vững chắc rằng trong cuộc sống trần thế này, sự khen ngợi không nên tìm kiếm từ con người mà phải từ Thiên Chúa, vị thánh này cảm thấy nặng nề trước vinh quang được dành cho mình và vì thế không ngừng suy nghĩ về việc rời khỏi Tu viện Kirillov, nơi ngài đã tu hành nhiều năm, và tìm kiếm một nơi mới để tiếp tục cuộc sống tu hành, nơi ngài có thể sống trong sự vô danh và tách biệt khỏi thế gian.

Khi nghe nói rằng tại vùng Novgorod có hồ Nevo[6499] , và trên hồ có một hòn đảo tên là Valaam[6500] , nơi tọa lạc tu viện mang tên Lễ Biến Hình của Chúa, các tu sĩ ở đó tu hành nghiêm ngặt, không ngừng dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời và tự cung tự cấp bằng công sức lao động của chính mình, – Thánh Savvati đã thỉnh cầu vị Trưởng tu viện và các tu sĩ của Tu viện Kirillov Belozersky cho phép ngài, với sự ban phước, được đến sinh sống tại Tu viện Valaam. Được họ cho phép với sự chúc phúc, vị thánh đã đến đảo Valaam, nơi ngài được các tu sĩ trong tu viện đón tiếp nồng nhiệt. Tại đây, vị tu sĩ khổ hạnh cũng đã dành không ít thời gian. Học theo những việc tu hành vất vả của các tu sĩ nơi đây và không ngừng gia tăng công việc của mình, Thánh Savvatiy, cả ở đây lẫn tại Tu viện Kirillov, đều vượt trội hơn tất cả về đời sống tu hành, đến nỗi cuộc đời đạo đức của ngài trở nên nổi tiếng khắp Valaam, bởi ngài đã kiệt sức thể xác đến cùng cực và ngay khi còn sống đã trở thành nơi ngự của Thánh Thần.

Tại nơi ở mới của mình, tu viện Valaam, cũng như tại tu viện Kirillov, Thánh Savvatiy được tôn kính và ca ngợi; vì vậy, vị thánh lại rơi vào nỗi buồn sâu sắc, cảm thấy nặng nề trước sự tôn kính và ca ngợi của các tu sĩ, và một lần nữa ngài nghĩ đến việc tìm kiếm một nơi yên tĩnh và hẻo lánh để tiếp tục hành trình tu hành của mình. Trước đó, vị thánh đã nghe nói về hòn đảo Solovetsky hoang vắng[6501] , nằm giữa vùng nước lạnh giá của Biển Trắng, cách đất liền hai ngày đi thuyền. Khi nghe những câu chuyện về hòn đảo hoang vắng ấy, vị thánh cảm thấy lòng vui sướng và tràn đầy khát khao mãnh liệt được định cư tại đó để thực hành đời sống tĩnh lặng. Ngài bắt đầu khẩn thiết xin vị trụ trì Tu viện Valaam cho phép ngài ra đi. Tuy nhiên, vị trụ trì cùng các tu sĩ, vì yêu mến vị tu sĩ đáng kính và tôn kính ngài như sứ giả của Chúa, không muốn mất đi một người đồng tu đáng kính như vậy, người đã trở thành tấm gương về đức hạnh cho tất cả mọi người[6502] , nên đã nài nỉ vị tu sĩ cao niên đừng bỏ rơi họ. Nhận thấy lời thỉnh cầu của các tu sĩ Valaam, vị thánh nhân đã ở lại tu viện của họ thêm một thời gian ngắn nữa, rồi sau khi cầu nguyện với Chúa và phó thác vào sự giúp đỡ thánh thiêng của Ngài, ngài đã bí mật rời khỏi tu viện vào ban đêm, mà không ai phát hiện ra.

[6497] Đức Tổng Giám mục Photius, người Hy Lạp gốc từ Morea, đã nắm giữ chức vụ từ năm 1408 đến năm 1431.

[6498] Tu viện Kirillo-Belozersky ở thành phố Kirillov, tỉnh Novgorod, phía nam Hồ Beloye, được thành lập vào năm 1397 bởi Thánh Kirill (qua đời ngày 9 tháng 6 năm 1427).

[6499] Tên gọi ban đầu của Hồ Ladozh, nơi sông Neva bắt nguồn, được đặt theo tên cổ của Hồ Ladozh.

[6500] Ở phần phía bắc của Hồ Ladoga. Tu viện Spaso-Preobrazhensky trên đảo Valaam được các vị thánh Sergius và Herman thành lập vào đầu thế kỷ XIV. Thời điểm hai vị tu sĩ này viên tịch một cách thanh thản thì không ai biết chính xác.

[6501] Quần đảo Solovetsky trên Biển Trắng, thuộc tỉnh Arkhangelsk, gồm sáu hòn đảo, nằm cách bờ huyện Kem 150 verst và cách thành phố Arkhangelsk 400 verst. Hòn đảo chính trong số đó là Solovki, dài 23 verst từ bắc xuống nam và rộng 18 verst; chu vi đảo dọc theo đường bờ biển là 175 verst.

[6502] Là một người có kinh nghiệm trong đời sống tu hành, Thánh Savvatiy, khi còn ở Tu viện Valaam, đã đảm nhận vai trò trưởng lão hướng dẫn các tu sĩ mới nhập môn, dẫn dắt họ trong các công việc tu hành. Trong số các đệ tử của ngài có Gennady, người sau này trở thành Tổng giám mục Novgorod, nắm giữ chức vụ này từ năm 1484 đến năm 1504.

Được Chúa hướng dẫn và che chở, ngài lên đường đến đảo Solovetsky. Khi đến bờ biển, vị tu sĩ đáng kính gặp những người dân sống dọc bờ biển đối diện với đảo Solovetsky, và bắt đầu hỏi họ về hòn đảo. Họ cho vị thánh biết rằng đảo Solovetsky nằm cách xa bờ biển, con đường đến đó rất gian nan và nguy hiểm; ngay cả các thủy thủ cũng phải mất hai ngày lênh đênh trên biển mới đến được đảo, và đó là khi thời tiết êm đềm. Sau khi hỏi han chi tiết về hòn đảo, Thánh Savvatiy nhận ra rằng đây là nơi lý tưởng nhất để thực hành đời sống tĩnh lặng và ẩn dật của tu sĩ. Ngài được biết chu vi hòn đảo dài hơn một trăm verst; gần đó người ta đánh bắt cá và các loài động vật biển; trên đảo có nước ngọt uống được, các hồ cá, những ngọn núi với đỉnh phủ đầy rừng cây lớn, những thung lũng rậm rạp cây cối nhỏ hơn; nhiều loại quả mọng khác nhau; vị tu sĩ nhận ra rằng đảo Solovetsky hoàn toàn thích hợp cho cuộc sống con người; lý do nó chưa có người ở là vì việc đi lại giữa đảo và đất liền cực kỳ khó khăn. Nhiều người, những người đã nhiều lần mong muốn định cư ở đó, nhưng không thể thực hiện được vì lo sợ những hiểm nguy trên biển. Chỉ thỉnh thoảng, khi thời tiết thuận lợi, những ngư dân mới chèo thuyền từ đất liền đến đảo, nhưng sau khi đánh bắt xong, họ lập tức quay trở lại đất liền. Sau khi nghe những điều này từ người dân ven biển, Thánh Savvatiy bừng lên khát khao mãnh liệt muốn định cư trên đảo Solovetsky. Khi biết được ý định đó của vị thánh, những người dân ven biển đã cố thuyết phục ngài từ bỏ ý định này, nói rằng:

– Thưa ngài! Ngài sẽ ăn gì hay mặc gì trên đảo, khi đã ở tuổi già như vậy mà lại chẳng có gì cả? Và làm sao ngài có thể sống một mình ở vùng đất lạnh giá, cách xa mọi người, trong khi ngài đã không còn đủ sức tự lo cho bản thân nữa?

Vị Thánh nhân đáp lại họ:

– Hỡi các con, ta có một Đấng Chủ Tể, Đấng làm cho thân thể người già trở nên trẻ trung, cũng như nuôi dưỡng đứa trẻ cho đến tuổi già nua. Ngài làm giàu cho người nghèo, ban cho người ăn xin những gì họ cần, mặc áo cho người trần truồng, và chỉ với ít thức ăn đã làm no nê những người đói khát, giống như ngày xưa trong sa mạc, Ngài đã làm no nê năm nghìn người chỉ với năm chiếc bánh (Ga 6:5–13).

Khi nghe vị lão nhân trích dẫn những lời trong các sách thánh, một số người Pomor ngạc nhiên trước trí tuệ của ông, còn những người khác, vì sự thiếu hiểu biết của mình, đã chế giễu ông. Trong khi đó, vị thánh nhân, *"đã phó thác mọi lo âu của mình cho Chúa"* (Thánh Vịnh 54:23), đã lui về sông Vyg[6503] , nơi ngài gặp tu sĩ German[6504] , người đang sống tại đó gần một nhà nguyện. Vị thánh nhân Savvatiy đã ở lại với German một thời gian. Từ ông, ngài biết được về đảo Solovetsky những điều tương tự như những gì ngài đã nghe từ người Pomoryan. Sau khi bàn bạc với nhau và phó thác cho Chúa, cả hai vị tu sĩ đã quyết định lên đường và cùng nhau định cư trên đảo Solovetsky. Sau khi chuẩn bị thuyền và mang theo một ít thức ăn, quần áo, cùng các dụng cụ cần thiết cho công việc, họ đã thành kính cầu nguyện với Chúa, đặt trọn niềm tin vào Ngài, rồi lên thuyền và bắt đầu hành trình trong thời tiết êm đềm.

Với sự giúp đỡ của Chúa, đến ngày thứ ba họ đã đến được hòn đảo và, với tâm hồn tràn ngập niềm vui và hân hoan, họ đã tạ ơn Chúa, Đấng đã chỉ dẫn cho họ nơi hoang vắng này[6505] . Tại chỗ bờ hồ mà chiếc thuyền của các tu sĩ đã cập bến, họ đã dựng lên một cây thánh giá. Sau khi đi sâu vào trong đảo một quãng đường[6506] , các tu sĩ đáng kính đã nhìn thấy một vùng núi rất đẹp bên bờ hồ, và họ quyết định dừng chân tại đó để định cư lâu dài. Tại đây, sau khi xây dựng các phòng tu, họ bắt đầu sống vì Chúa, và miệt mài lao động, tự kiếm thức ăn chay bằng mồ hôi công sức, đào đất bằng cuốc[6507] . Các vị tu sĩ làm việc bằng đôi tay, còn bằng đôi môi thì ngợi khen Chúa, đến gần Ngài bằng tinh thần, qua việc cầu nguyện không ngừng và hát các thánh vịnh của Đa-vít.

Sau một thời gian, những người dân ven biển sống gần hòn đảo nhất bắt đầu ghen tị với các vị tu sĩ cao niên đã định cư trên đảo, họ nảy sinh ý định đuổi các vị ra khỏi đây và bàn tán với nhau rằng: "Chúng ta là những người láng giềng gần nhất của hòn đảo, như thể là chủ nhân của nó, vì là cư dân bản địa của vùng đất Karelia, và vì vậy, chúng ta, và sau này là con cháu chúng ta từ thế hệ này sang thế hệ khác, phải có quyền tham gia vào việc sở hữu hòn đảo này."

[6503] Sông Vyg chảy qua các tỉnh Olonets và Arkhangelsk, rồi đổ nước vào vịnh Onega thuộc Biển Trắng. Nơi Thánh Savvati dừng chân nằm ở cửa sông Vyg (nay là xã Soroki, trên bờ Karelia).

[6504] Thánh German Solovetsky qua đời vào năm 1479, ngày tưởng niệm ngài là ngày 30 tháng 7.

[6505] Các vị thánh Savvatiy và German đã đến đảo Solovetsky vào năm 1429.

[6506] Cách tu viện hiện nay 12 verst, gần núi Sekirnaya; sau này, tại nơi này đã được xây dựng một tu viện hoang dã với nhà nguyện của Thánh Savvatiy.

[6507] Motyga – một loại cuốc đặc biệt.

Một thời gian sau, theo lời khuyên của bạn bè, một ngư dân đã cùng vợ và cả gia đình đến hòn đảo đó và định cư gần các am của các vị tu sĩ hiếu đạo. Sống ở đây, ông cùng gia đình bắt đầu đi câu cá trên các hồ. Còn các vị tu sĩ thánh thiện, vì lo cho sự cứu rỗi của chính mình, nên sống trong im lặng và không biết gì về gia đình ngư dân đã định cư ở đó.

Vào một buổi sáng sớm Chủ nhật, sau khi hoàn thành nghi thức thường lệ, Thánh Savvatiy cầm lư hương ra ngoài để xông hương cho Thánh Giá mà ngài đã dựng gần phòng tu của mình. Lúc đó, ngài nghe thấy những tiếng đập và tiếng la hét, như thể ai đó đang bị đánh đập. Vị tu sĩ kinh hoàng trước tiếng la hét đó và, cho rằng đó chỉ là ảo giác, đã làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình, rồi quay trở lại và kể lại những tiếng đập và tiếng la hét mà ngài nghe thấy cho Thánh German, người đang sống cùng ngài. Bước ra khỏi phòng tu và nghe thấy những âm thanh tương tự, vị tu sĩ Hermann đi theo tiếng kêu, thấy một người phụ nữ đang khóc và hỏi cô ấy chuyện gì đã xảy ra và tại sao cô lại khóc. Trong nước mắt, người phụ nữ kể lại những gì đã xảy ra với mình.

"Khi tôi đang đi ra hồ để gặp chồng mình," cô nói, "tôi đã gặp hai chàng trai rạng rỡ, họ túm lấy tôi và đánh tôi rất mạnh bằng những cây gậy, nói rằng: 'Hãy rời khỏi nơi này đi, các người không xứng đáng sống ở đây, vì Chúa đã định nơi này là nơi cư ngụ của các tu sĩ; hãy mau rời khỏi đây, kẻo các người sẽ phải chịu cái chết thảm khốc." Sau đó, hai chàng trai rạng rỡ ấy bỗng biến mất.

Thánh German, khi trở về gặp vị tu sĩ cao niên Savvatiy, đã kể lại cho ngài nghe những điều nghe được từ vợ người ngư dân, và cả hai cùng ngợi khen Chúa; còn người ngư dân, sau khi đưa vợ và đồ đạc theo, đã lập tức ra khơi trở về làng mà họ từng sinh sống trước đây. Và kể từ đó, không còn ai trong số giáo dân dám định cư trên đảo Solovetsky nữa, chỉ có những ngư dân thỉnh thoảng ghé đảo để đánh cá.

Sau vài năm, Thánh German đã lui về sông Onega[6508] , còn Thánh Savvatiy, với đức tin sâu sắc vào Chúa, đã ở lại một mình trên đảo. Chỉ có Đấng Toàn Tri, là Chúa, Đấng từ trên cao chăm sóc vị thánh nhân của Ngài, cùng các Thiên thần thánh của Ngài, những Đấng đã viếng thăm Savvatiy – tôi tớ của Chúa, người trong thân xác đã noi gương các vị vô hình – mới biết rõ cuộc sống của ngài trên đảo ra sao, việc ăn chay của ngài thế nào, và những công đức thiêng liêng của ngài lớn lao đến mức nào! Còn chúng ta có thể phán đoán về những vất vả và thiếu thốn trong đời sống tu hành của vị thánh nhân này qua chính bản chất của nơi mà ngài đã định cư. Đối với vị thánh nhân già nua, sống cô độc trên một hòn đảo xa xôi giữa biển khơi, nơi không ai ghé thăm, ngài không thể có việc gì khác ngoài việc rèn luyện bản thân trong những nỗ lực không ngừng để suy ngẫm về Đức Chúa Trời. Quả thực, khi đắm chìm tâm trí vào cuộc đối thoại cầu nguyện liên tục với Thiên Chúa và hướng đôi mắt đẫm lệ về phía Ngài, vị tu sĩ thánh thiện thở dài ngày đêm, mong muốn từ bỏ thân xác và hiệp nhất với Chúa.

Khi đã ở tuổi già nua, sau những công việc phụng sự Chúa, cảm nhận được cái chết đang đến gần, vị thánh Savvati bắt đầu suy nghĩ về cách làm sao để được rước Mình Thánh Chúa, điều mà ngài đã bị tước đoạt kể từ khi rời Tu viện Valaam. Sau khi cầu nguyện với Chúa về điều đó, ngài lên một chiếc thuyền nhỏ và sau khi biển lặng xuống nhờ lời cầu nguyện của ngài, ngài đã chèo thuyền trong hai ngày để sang bờ bên kia. Khi lên bờ, ngài đi bộ trên đất liền, mong muốn đến được nhà nguyện nằm bên sông Vyga. Tình cờ lúc đó, tại Vyga có một vị tu viện trưởng tên là Nafanail đang tạm trú lại đây với mục đích thăm viếng các tín hữu Kitô giáo đang sinh sống tại đó.

Đi theo con đường đã định trước, vị thánh, nhờ sự an bài của Thiên Chúa, đã gặp vị tu viện trưởng Nafanail, người đang mang các Bí tích Thánh đến một ngôi làng hẻo lánh để ban Thánh Thể cho một người bệnh. Sau lời chào hỏi thông thường của các tu sĩ, những người lữ hành gặp nhau đã trò chuyện với nhau và, khi biết được danh tính của nhau, họ đều vui mừng gặp gỡ nhau. Thánh Savvatius vui mừng vì đã tìm thấy điều mình đang tìm kiếm, còn Viện trưởng Nafanail cũng vui mừng vì được chiêm ngưỡng mái tóc bạc trắng và khuôn mặt thánh thiện của Thánh Savvatius, người mà ông đã nghe nói nhiều về cuộc đời đạo đức của ngài. Và Thánh Savvatius nói với Nafanail:

– Thưa Cha, con khẩn cầu sự thánh thiện của Cha: xin Cha dùng quyền năng do Thiên Chúa ban cho để tha thứ những tội lỗi mà con sắp xưng với Cha, và xin Cha ban cho con được rước Mình và Máu Thánh của Đức Kitô, Chúa của con. Đã nhiều năm nay, lòng con luôn khao khát được nuôi dưỡng linh hồn bằng thức ăn thiêng liêng này. Vậy nên, thưa Cha thánh, xin hãy nuôi dưỡng con ngay lúc này, vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của con, đã cho con thấy lòng yêu mến Thiên Chúa của Cha, để Cha thanh tẩy con khỏi những tội lỗi mà con đã phạm từ thuở thiếu thời cho đến ngày hôm nay, bằng lời nói, việc làm và ý nghĩ.

[6508] Sông Onega ở các tỉnh Olonets và Arkhangelsk; sông này đổ vào vịnh Onega.

– Xin Chúa tha thứ cho anh, anh em ơi, – Bề trên Nafanail đáp lại, rồi sau một lúc im lặng, ngài giơ hai tay lên trời và trong nước mắt thốt lên: "Ôi, giá như tôi có thể mang lấy những tội lỗi của anh, thưa vị thánh đáng kính, để chuộc lại sự lơ là của tôi!"

Thánh Savvati nói với Nafanail:

– Con khẩn cầu sự thánh thiện của ngài, xin hãy cho con được rước Thánh Thể ngay lập tức, vì cuộc đời con sắp kết thúc rồi.

Vị Trưởng tu viện đáp:

– Thưa ngài, Cha Savvati, xin ngài hãy đến nhà nguyện và chờ tôi ở đó: tôi sẽ đi thăm người bệnh và sẽ sớm trở lại với ngài; sáng sớm mai tôi sẽ đến gặp ngài.

Nghe vậy, Thánh Savvatiy nói:

– Thưa Cha, xin đừng trì hoãn đến sáng mai: vì chúng ta không biết liệu mình có còn thở được đến ngày mai hay không, huống chi là làm sao chúng ta có thể biết được điều gì sẽ xảy ra sau đó.

Thánh Savvati nói điều này như một điềm báo về cái chết sắp đến của ngài.

Thấy Thánh Savvati là người được Chúa yêu mến, vị tu viện trưởng Nafanail không dám phản đối ngài nữa, nhưng để thực hiện mong muốn của ngài, sau khi hoàn tất việc xưng tội, ngài đã ban Thánh Thể cho ngài và, sau khi trao nụ hôn huynh đệ, ngài nói:

– Hỡi tôi tớ của Chúa, tôi xin ngài: hãy đợi tôi tại Viga, bên cạnh nhà nguyện.

Thánh nhân đồng ý chờ vị tu viện trưởng tại đó. Vị tu viện trưởng đi đến chỗ người bệnh, còn Thánh Savvati thì đến nơi đã hẹn, nơi đó, sau khi dâng lời tạ ơn Thiên Chúa vì đã được rước lễ và vì tất cả ân huệ Ngài ban cho ngài, ngài bước vào căn phòng nhỏ bên cạnh nhà nguyện, rồi đóng cửa lại, chuẩn bị tâm hồn thánh thiện của mình để phó thác nó vào tay Thiên Chúa.

Vào thời điểm đó, một thương gia đến từ Veliky Novgorod tên là Ioann, đang chèo thuyền trên sông Vyga cùng hàng hóa của mình, đã cập bến tại nhà nguyện nằm bên bờ sông. Sau khi bước xuống thuyền lên bờ, ông cúi đầu kính lễ các thánh tượng trong nhà nguyện, rồi bước vào phòng tu của Thánh Savvatiy và nhận được lời chúc phúc từ ngài. Sau khi ban phước lành, Thánh Savvati đã giảng dạy cho thương gia từ Kinh Thánh, khuyên nhủ ông làm những việc thiện. Thương gia này rất giàu có, có nô lệ và muốn tặng Thánh nhân tất cả những thứ cần thiết từ hàng hóa của mình. Tuy nhiên, Thánh nhân, không muốn nhận bất cứ thứ gì từ thương gia, đã nói:

– Nếu ngươi muốn làm việc bác ái, thì xung quanh ngươi có những người đang cần giúp đỡ, còn ta thì không thiếu thốn gì cả.

Sau đó, vị thánh nhân đã dạy dỗ Gioan về lòng yêu thương người nghèo, lòng thương xót đối với những người trong gia đình và các đức tính tốt đẹp khác. Người thương gia cảm thấy buồn bã vì vị thánh nhân không nhận lấy gì từ ông. Muốn an ủi ông, vị thánh nhân nói:

– Con ơi, Gioan! Hãy ở lại đây qua đêm cho đến sáng – và con sẽ được chứng kiến ân sủng của Chúa và an toàn tiếp tục hành trình của mình.

Nhưng Ioann muốn rời khỏi đó. Bỗng nhiên, một cơn giông bão ập đến kèm theo sấm sét, và sóng gió bắt đầu nổi lên trên sông và trên biển. Thấy thời tiết đột ngột thay đổi và nước dâng sóng dữ dội, Ioann hoảng sợ và quyết định ở lại qua đêm tại đó. Khi sáng sớm, anh đến phòng tu, mong nhận được lời chúc phúc từ Thánh Savvati trước khi lên đường – vì lúc này sóng đã lặng –. Sau khi gõ cửa phòng tu của vị thánh với lòng thành kính, ông không nhận được câu trả lời. Sau khi gõ lần thứ hai và thứ ba, cánh cửa mở ra, và khi bước vào trong phòng tu, Gioan thấy vị thánh đang ngồi trong áo choàng và mũ trùm đầu, bên cạnh là lư hương. Người thương gia bèn thưa với vị thánh:

– Xin tha thứ cho con, tôi tớ của Chúa, vì con, với lòng yêu mến và đức tin dành cho sự thánh thiện của ngài, đã dám bước vào đây. Con xin ngài ban phước lành để dẫn dắt con trên con đường này, để con, được che chở bởi những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, có thể hành trình bình an.

Khi Gioan nói những lời ấy, – không có tiếng đáp lại, cũng chẳng có phản ứng nào, bởi vì linh hồn thánh thiện của vị tu sĩ đã về với Chúa, và lúc đó, một mùi hương nồng nàn lan tỏa khắp căn phòng. Thấy vị thánh nhân không đáp lại gì, và nghĩ rằng ngài đang ngủ, Gioan tiến lại gần và chạm tay vào ngài; nhưng khi chắc chắn rằng ngài đã an nghỉ trong Chúa, ông kinh hoàng, đồng thời cũng cảm động sâu sắc và những giọt nước mắt ấm áp tuôn trào từ đôi mắt.

Lúc đó, vị tu viện trưởng Na-pha-na-ên đang trên đường trở về từ chỗ người bệnh. Ông bước vào phòng tu và, khi thấy vị thánh đã qua đời, ông khóc nức nở và hôn lên thi hài thánh thiện của ngài. Vị tu viện trưởng và thương gia kể cho nhau nghe về vị thánh, người thứ nhất kể về việc hôm qua ông đã được ân sủng ban cho vị thánh nhân của Chúa những Bí tích Thánh, còn người thứ hai kể về việc ông đã được hưởng một cuộc trò chuyện có ích cho linh hồn với vị thánh. Sau khi hát các bài thánh ca tang lễ, họ đã an táng thi hài thánh thiện của vị thánh, trả lại đất cho đất.

Thánh Savvati đã qua đời vào ngày 27 tháng 9 năm[6509] . Vào ngày này, người ta tôn kính ngày kỷ niệm của ngài để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần; vinh quang và sự thờ phượng thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 3:

Ngài đã rời bỏ thế gian và an cư trong sa mạc, Ngài đã tu hành bằng những việc lành, bằng sự chịu khổ, sự tỉnh thức và những lời cầu nguyện: chính vì thế mà ngay cả sau khi qua đời, Ngài vẫn ban phát ân sủng chữa lành, hỡi Thánh Savvati, Cha của chúng con. Xin cầu thay cho Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã tránh xa những lời đồn đại trần thế, an cư trên hòn đảo giữa biển khơi một cách khôn ngoan, và mang lấy thập giá của mình, theo chân Chúa Kitô, trong những lời cầu nguyện, những giờ canh thức và những việc ăn chay, làm cho thân xác Ngài kiệt sức vì những đau khổ. Nhờ đó, ngài đã trở thành gương sáng cho các vị thánh: vì lý do này, với lòng yêu mến, chúng con kỷ niệm ngài, thánh Savvati, xin ngài không ngừng cầu xin Chúa Kitô, Thiên Chúa, cho tất cả chúng con

Lễ kính các Thánh Tông đồ Mác-cô, A-ri-s-ta-khô và Xi-na

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 9

Thánh Tông đồ Mác-cô, còn được gọi là Gio-an[6510] , người được Thánh Luca nhắc đến trong sách Công vụ các Tông đồ (Công vụ 15:37), đã được các Tông đồ bổ nhiệm làm giám mục tại Ba-by-lôn và đã tận tụy rao giảng Tin Mừng. Ngài đã đạt đến mức độ can đảm trước mặt Thiên Chúa đến nỗi ngay cả bóng của ngài cũng chữa lành cho những người bệnh.

Thánh Aristarchus, người được Thánh Phaolô nhắc đến trong các thư của ngài (Col 4:10; Philem 1:24), là giám mục của Apamea thuộc Syria[6511] .

Thánh Zina từng là một luật sĩ[6512] (trước khi trở thành tông đồ), và sau đó là giám mục tại Diospolis[6513] .

[6509] Năm 1435. Năm 1465, di cốt của vị thánh đã được chuyển từ nơi ngài qua đời bên sông Vyga sang đảo Solovetsky.

[6510] Người đồng hành của các Tông đồ Phaolô và Barnaba trong chuyến truyền giáo đầu tiên của họ; trong chuyến truyền giáo thứ hai của Tông đồ Phaolô, Tông đồ Barnaba, sau khi tách khỏi "Tông đồ các dân ngoại", đã cùng với Gioan Mác thực hiện một chuyến truyền giáo riêng biệt.

[6511] Apamea thuộc Syria nằm ở phía tây nam Syria, bên bờ sông Orontes – con sông lớn nhất của Syria, con sông này phun trào từ lòng đất gần thành phố này, tạo thành một hồ nước lớn. Apamea trong thời cổ đại là thành phố chính của vùng Apamea thuộc Syria và được đặt tên theo Apame, vợ của Seleucus I Nicator, vị vua cai trị Syria, người mà thành phố này nợ sự quan trọng của mình.

[6512] Thánh Zina là môn đệ và cộng sự của Thánh Phaolô. Vào khoảng năm 64 sau Công nguyên, khi Thánh Phaolô viết thư gửi cho Tít, ngài đang hoạt động tại đảo Crete cùng với Tít. Những người được gọi là "những người thông luật" (hay còn gọi là "những người thông thạo Kinh Thánh") là những học giả, tạo thành một tầng lớp đặc biệt được ưu đãi giữa đám dân chúng thô lỗ và đơn sơ; họ am hiểu luật pháp và phụ trách các vụ việc pháp lý tại các tòa án giáo hội.

[6513] Diospol là một thành phố nằm trên con đường phía bắc từ Giê-ru-sa-lem đến Ioppia (Jaffa).

Lễ kính Thánh Tử đạo Epicharia

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 9

Thánh tử đạo Epicharia của Chúa Kitô đã sống tại Rôma dưới triều đại của Hoàng đế Diocletian[6514] . Tổng giám mục Caesarius đã ra lệnh bắt bà và đưa bà đến trước tòa án của mình. Vì kiên quyết tuyên xưng danh Chúa Kitô, bà đã bị treo cổ và tra tấn, sau đó 40 chiến binh đã đánh bà bằng búa thiếc; nhưng nhờ lời cầu nguyện của bà, một Thiên thần đã đánh bại họ. Sau tất cả những cực hình, đầu bà bị chém bằng gươm. Từ tảng đá mà vị thánh tử đạo đứng trên đó, đã tuôn ra rất nhiều nước.

Lễ kính Thánh Ignatius.

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 9

Vị thánh đáng kính này sống dưới triều đại của các hoàng đế Nikiforos Fokas và Ioannes Tzimiskes[6515] , tại Cappadocia. Ngay từ khi còn là trẻ sơ sinh, cha mẹ đã dâng hiến ngài cho Thiên Chúa, giống như xưa kia đã dâng hiến Samuel[6516] . Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đã nhận chức tu sĩ và chẳng bao lâu sau được phong làm linh mục, rồi sau đó là vị tu viện trưởng. Ngài đã cống hiến rất nhiều cho tu viện của mình[6517] : mở rộng, trang hoàng và làm giàu cho tu viện, xây dựng trong đó hai nhà thờ mang tên Thánh Tiên tri Ê-li, và tại một thành phố khác, ngài còn xây dựng một nhà thờ mang tên các Thánh Tông đồ. Ngoài ra, ngài còn xây dựng xung quanh tu viện của mình một bức tường rào vững chắc và tráng lệ. Một lần, ngài lên đường đến Constantinople, nơi ngài dâng tặng một tu viện cây Thánh Giá và Sách Phúc Âm Thánh; trên đường trở về từ đó, ngài mắc bệnh dạ dày và qua đời tại Ammoria[6518] . Thi hài ngài được an táng tại một trong những nhà thờ của thành phố này. Khi mùa đông qua đi, các vị tu sĩ trong tu viện của ngài muốn di dời thi hài ngài. Khi mở quan tài ra, họ thấy thi hài ngài vẫn nguyên vẹn và không bị hư nát, toát ra một mùi hương kỳ diệu. Họ đã tôn kính di dời thi hài ngài và đặt tại tiền sảnh nhà thờ, ca ngợi Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài.

Ngày 11 tháng 10

28 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Chariton, Người Chứng Đạo

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 9

Thánh Chariton sống tại thành phố Iconium, thuộc giáo phận Lycaonia[6519] . Ngài là một Kitô hữu đạo đức, nổi bật bởi các đức tính tốt đẹp và trong thời trị vì của vị vua vô đạo Aurelian, ngài đã tự xưng là người làm chứng cho danh Chúa Kitô[6520] . Bởi vì, khi sắc lệnh vô thần của vị vua này được truyền đi khắp các vùng đất, buộc các Kitô hữu phải dâng lễ vật cho các thần tượng và giết những ai không tuân theo, thì để thi hành mệnh lệnh này, tại Iconium, Thánh Hariton đã bị quan tổng trấn của vùng đất đó bắt giam, vì ngài là người nổi bật nhất trong số các

---

[6514] Đó là vào đầu thế kỷ IV.

[6515] Nikifor II Fokas, hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 963 đến 969; Ioannes Tzimiskes, người kế vị ông, trị vì từ năm 969 đến 975.

[6516] 1 Sa-mu-ên 1:1–28

[6517] Tu viện Chúa Cứu Thế Sông Sâu; được thành lập vào đầu thế kỷ IX sau Công nguyên, nằm ở Tiểu Á, bên bờ Biển Đá Cẩm Thạch, gần Constantinople.

[6518] Amoria nằm ở Phrygia, thuộc Tiểu Á, và là một thành phố thịnh vượng và đông dân.

[6519] Tỉnh Lycaonia và cùng với đó là giáo phận Lycaonia, ở Tiểu Á, bao gồm 18 thành phố. Iconium là thành phố chính của giáo phận Lycaonia. Tại đây đã diễn ra một công đồng về vấn đề rửa tội cho những người dị giáo (Eusebius, Lịch sử Giáo hội, quyển 7, chương 6).

[6520] Trong Giáo hội cổ đại, những người "chứng nhân" là những Kitô hữu không từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô khi bị đưa ra xét xử trước tòa án ngoại giáo và phải chịu những hình phạt tra tấn, dù những hình phạt đó không dẫn đến cái chết. Ngoài ra, danh hiệu này còn được dùng để chỉ những Kitô hữu sống đời sống đạo đức cao cả, chiến đấu chống lại thế gian và những cám dỗ của nó, qua đó làm chứng cho lòng trung thành của họ đối với Đức Kitô Cứu Thế.

Kitô hữu về lòng đạo đức và tỏa sáng bởi các đức tính cao quý. Ông bị trói lại và bị dẫn ra trước tòa án của những kẻ vô đạo, nơi vị thống đốc hỏi ông:

– Tại sao ngươi không thờ lạy các vị thần vĩ đại, những vị mà nhà vua và tất cả các dân tộc đều cúi đầu trước?

Chariton đáp:

– Tất cả các vị thần của những người ngoại đạo đều là những ác quỷ, những kẻ xưa kia đã muốn sánh ngang với Đức Chúa Trời Tối Cao, và vì sự kiêu ngạo của mình mà đã bị lật đổ khỏi thiên đàng xuống vực thẳm địa ngục; còn bây giờ, chúng lại tìm cách để được những con người điên rồ và bị lừa dối tôn kính như những vị thần. Tuy nhiên, cả chúng lẫn những kẻ cúi đầu trước chúng đều sẽ sớm diệt vong và tan biến nhanh như khói: vì thế tôi không thờ phụng chúng; tôi tin vào Đức Chúa Trời chân chính, tôi phụng sự và thờ phụng Ngài, vì Ngài là Đấng Tạo Hóa của vạn vật, Đấng Cứu Rỗi thế gian, Đấng hằng hữu muôn đời.

– Chỉ với câu trả lời thô lỗ đầu tiên này thôi, – vị thống đốc nói, – ngươi đã tự khiến mình đáng chết, vì đã dám phỉ báng các vị thần bất tử, và dám gọi chúng ta, những người thờ phụng họ, là những kẻ điên rồ và bị lừa dối; chỉ riêng vì điều này thôi, đầu ngươi đầy lời độc ác đáng lẽ đã phải bị chém bằng gươm rồi. Nhưng vì các vị thần của chúng ta rất khoan dung và không vội vàng trả thù cho sự sỉ nhục mà họ phải chịu, nên ta sẽ khoan hồng với ngươi và không tiêu diệt ngươi ngay lập tức; có lẽ, khi tỉnh táo lại, ngươi sẽ suy nghĩ thấu đáo và cùng chúng ta dâng lễ vật cho những vị mà ngươi đang phỉ báng, đồng thời cầu xin họ tha thứ cho tội lỗi mà ngươi đã phạm; còn họ, với lòng khoan dung, sẵn sàng đón nhận ngươi và tha thứ cho sự sỉ nhục mà ngươi đã gây ra.

Chariton đáp:

– Nếu các thần tượng của các ngươi là các vị thần, thì ngươi đang làm điều sai trái, hégemon, khi tha thứ cho những lời xúc phạm mà ta đã dùng để làm ô danh họ; vì ai cũng phải bảo vệ danh dự của vị thần mình và bày tỏ lòng ghen tuông đối với ngài. Còn nếu họ không phải là các vị thần, thì ngươi ra lệnh thờ phụng họ là vô ích. Hãy biết rằng không có hình phạt nào có thể tách tôi khỏi Đức Chúa Trời Hằng Sống và khiến tôi tôn thờ những thần tượng ô uế; vì tôi là môn đệ của vị nữ tử đạo đầu tiên phúc lành Thekla[6521] , người đã tỏa sáng như bình minh rực rỡ của sự tử đạo tại Iconium của chúng ta. Chính bà đã được vị Thầy vĩ đại – Thánh Phaolô – hướng dẫn để thực hiện công trình anh hùng này, và giờ đây tôi cũng cùng ngài nói: "Ai có thể tách tôi khỏi tình yêu của Thiên Chúa – dù là nỗi buồn, sự chật hẹp, sự bách hại, hoạn nạn, gươm giáo, hay bất cứ điều gì khó khăn khác?"[6522] . Còn Igemon thì nói:

– Nếu các vị thần của chúng ta không phải là các vị thần, như ngươi nói, thì họ đã không ban cho chúng ta cuộc sống an lành, sự giàu có, vinh quang và sức khỏe.

Chariton đáp lại:

– Ngài lầm rồi, thưa ngài Igemon, khi cho rằng ngài đã nhận được tất cả những điều này từ các vị thần giả dối của ngài, những vị thần mà bản thân họ cũng chỉ là những kẻ nghèo nàn và chẳng có gì ngoài sự diệt vong của chính họ; vì ngay cả quỷ dữ cũng không có quyền lực trên lợn nếu không được Đức Chúa Trời cho phép (Ma-thi-ơ 8:31–32); còn các thần tượng thì làm sao có thể ban cho ai điều gì được, khi chính chúng chẳng có gì cả? Chúng không thể giơ tay, không thể đi bằng chân, không thể nói bằng lưỡi, không thể nhìn bằng mắt, không thể nghe bằng tai, vì trong chúng không có linh hồn. Nếu ngài muốn biết sự thật, hãy thử nghiệm thực tế và ngài sẽ thấy sự hư vô của chúng: hãy đưa ngọn nến đang cháy đến miệng tượng thần và đốt cháy nó – liệu nó có cảm thấy đau không? Hãy lấy rìu và chém đứt chân nó – liệu nó có la hét không? Hãy mang búa đến và đập nát xương sườn nó – liệu nó có rên rỉ không? Quả thật, ngươi sẽ chẳng nghe thấy gì cả, vì nó chẳng có sự sống, cũng chẳng có hơi thở.

Nghe vậy, quan tổng trấn nổi giận và, như người say rượu, gào thét vì phẫn nộ, không cho vị thánh tiếp tục bài diễn thuyết. Ngay lập tức, ông ta ra lệnh bắt vị thánh, lột trần và trói ông ta thành hình chữ thập, rồi đánh ông ta không thương tiếc bằng dây thừng; còn vị thánh thì kiên cường chịu đựng, quyết tâm thà chết vì Chúa Kitô còn hơn là sống trong sự vô luật pháp, từ bỏ Đấng Tạo Hóa của mình.

Trong khi vị thánh đang bị đánh, kẻ tra tấn hỏi ngài:

[6521] "Môn đệ" ở đây có nghĩa là người theo, bởi vì Thánh Chariton không thể là môn đệ thực sự của Thánh Thecla, người cùng thời với các Tông đồ: ngài sống vào nửa sau thế kỷ III và nửa đầu thế kỷ IV.

[6522] Một đoạn văn được sửa đổi nhẹ từ Rô-ma 8:35, nơi Thánh Phao-lô bày tỏ lòng trung thành của mình đối với Đấng Cứu Thế Kitô.

– Hê-ri-tôn ơi, ngươi có dâng lễ vật cho các vị thần bất tử không, hay muốn chịu thêm những vết thương nặng nề hơn nữa?

– Nếu tôi – vị tử đạo đáp – có thể chết vì Đấng Cứu Thế của tôi một ngàn lần, thì tôi thà làm điều đó còn hơn là sống và quỳ lạy trước các quỷ dữ.

Vị thánh bị đánh đập khắp cơ thể đến nỗi nội tạng của ngài cũng lộ ra; vì thịt bong tróc khỏi xương, máu chảy như suối, và toàn thân ngài trở thành một vết loét liên miên. Cuối cùng, khi nhận thấy ngài gần như đã chết, họ ngừng đánh ngài và, nghĩ rằng ngài sắp chết, họ vác ngài lên vai và mang ngài vào ngục tối. Ngài không chỉ hoàn toàn không thể tự đi được, mà còn không đủ sức thốt ra dù chỉ một lời, chỉ còn thở yếu ớt: ngài đã bị thương nặng đến mức đó. Sau khi bỏ anh ta vào ngục tối, những kẻ tra tấn đã bỏ đi.

Thấy sự kiên nhẫn của người chịu khổ vì Ngài, Đức Chúa Trời đã củng cố anh ta bằng sự giúp đỡ của Ngài, nhanh chóng chữa lành các vết thương, và người mà những kẻ vô đạo hy vọng sẽ thấy chết, Ngài đã làm cho sống lại và khỏe mạnh, đến nỗi anh ta có thể nói cùng với Đa-vít: *"Ta sẽ không chết, nhưng sẽ sống và rao giảng những việc làm của Chúa"* (Thánh Vịnh 117:17). Sau đó, ngài lại bị đưa ra xét xử; và khi thể hiện sự can đảm còn lớn hơn lần đầu, ngài đã khơi dậy cơn thịnh nộ còn dữ dội hơn nơi kẻ tra tấn. Igemon ra lệnh dùng nến thiêu đốt thân thể vị thánh, đến nỗi toàn thân ngài bị nướng chín như thịt được chế biến để làm thức ăn. Còn ngài, dù phải chịu những cực hình như vậy vì Chúa Kitô, Chúa của ngài, vẫn vui mừng và lại bị ném vào cùng một ngục tối.

Vào thời điểm đó, Hoàng đế Aurelian đã qua đời, do bị trừng phạt bởi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vì đã làm đổ máu các tín đồ Kitô giáo. Khi đang trên đường từ Byzantium đến Heraclea, trước tiên ông bị một tiếng sấm lớn từ trời làm kinh hãi, báo trước cái chết sắp đến của ông, và sau đó, trong cùng chuyến đi đó, ông bị chính những người thân cận của mình giết hại và kết thúc cuộc đời trần thế một cách thảm thương như vậy. Sau khi ông qua đời, cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu chấm dứt, và các tù nhân của Chúa Kitô được giải thoát khỏi sự lưu đày, xiềng xích và ngục tối; bởi vì hoàng đế Tacitus, người đã lên ngôi sau khi Aurelian qua đời, sau khi nhận ra bài học từ cái chết của vị hoàng đế tiền nhiệm, đã ban chiếu chỉ ra khắp các vùng đất thuộc quyền cai trị của mình, ra lệnh cho tất cả các Kitô hữu được tự do. Ông lo sợ rằng mình sẽ phải chịu chung số phận như Aurelian nếu đối xử tàn nhẫn với các Kitô hữu. Và lúc bấy giờ, niềm vui lớn lao đã tràn ngập lòng các tín hữu: các tù nhân được thả ra, những người bị lưu đày trở về từ nơi lưu đày, các giám mục, linh mục và giáo dân – những người đã ẩn náu trong các sa mạc và hang động vì sợ hãi trước những kẻ hành hạ – bước ra, chào hỏi lẫn nhau và vui mừng vì sự bình an của Giáo hội. Lúc bấy giờ, Thánh Chariton, vị Tử đạo, cũng được thả ra khỏi ngục tối. Nhưng ngài không vui mừng vì không phải chịu đau khổ đến cùng, bởi ngài thà hoàn tất vương miện tử đạo bằng sự đau khổ còn hơn là được sống sót; ngài thà chết vì Chúa Kitô còn hơn là được trả tự do. Tuy nhiên, Sự Sắp Đặt của Thiên Chúa đã kéo dài cuộc đời ngài vì lợi ích của nhiều người, để ngài được diện kiến Thiên Chúa trong các nơi ở trên trời không phải một mình, mà cùng với đoàn các vị tử đạo tự nguyện, như người chăn chiên với đàn chiên và người cha với các con cái.

Kể từ đó, Thánh Chariton, vị chiến binh được trang hoàng bằng những vết thương của Chúa Kitô, đã từ bỏ thế gian và mọi sự trong thế gian; mang lấy thập giá của mình, ngài bước đi trên con đường gian nan và trở thành người chết mà vẫn sống – đã chết đối với thế gian, nhưng còn sống cho Thiên Chúa. Vì mang trên mình những vết thương của Chúa Giêsu (Gl 6,17), ngài đã hoàn toàn hiến dâng mình cho Ngài và chịu đóng đinh cùng Ngài; và để luôn có trước mắt những nỗi đau khổ thần thánh của Ngài, ngài đã lên đường đến Giêrusalem, nơi Chúa chúng ta đã trút hơi thở cuối cùng trên thập giá. Khi ngài đang trên đường đến đó và đã gần đến Giê-ru-sa-lem, ngài bị rơi vào tay bọn cướp; chúng, không tìm thấy gì có giá trị trên người ngài, đã bắt giữ ngài và đưa ngài vào hang động của chúng để ở đó giết ngài một cách tàn bạo. Tuy nhiên, chúng không giết ngài, vì vội vã đi tìm những người lữ hành để cướp bóc họ; còn Thánh Chariton thì bị bỏ lại nằm trói trong hang động. Ngài, cũng như trước đây khi đang bị xiềng xích và chịu đau khổ, vẫn tạ ơn Thiên Chúa, sẵn sàng đón nhận bất kỳ cái chết nào sẽ ập đến với ngài theo sự cho phép của Thiên Chúa. Lúc đó, ngài đã can đảm nói với quỷ dữ:

– Ta biết, hỡi quỷ dữ, rằng ngươi, vì chính ngươi cũng sợ phải đối đầu với ta, nên đã xúi giục bọn cướp đến với ta, và với ý định cản trở ý định của ta, ngươi đã giăng bẫy trên con đường này. Nhưng hãy biết đi, hỡi kẻ bị nguyền rủa, rằng không phải ngươi sẽ chiến thắng ta, mà chính ta sẽ chiến thắng ngươi, nhờ sự giúp đỡ của Thiên Chúa của ta; vì nếu bọn cướp có giết ta đi chăng nữa, thì ta vẫn trông cậy vào lòng thương xót của Đức Chúa Trời, rằng ta sẽ được thừa hưởng sự an nghỉ thánh thiện của Ngài, còn ngươi sẽ thừa hưởng địa ngục[6523] . Ta sẽ sống lại

[6523] Gehenna – tức là địa ngục.

trong sự sống đời đời, còn ngươi thì đã chết một cái chết vĩnh viễn và sự đau khổ của ngươi sẽ không bao giờ chấm dứt. Tuy nhiên, Chúa của tôi có thể ngay tại đây giải cứu tôi còn sống khỏi tay bọn cướp và cứu tôi khỏi cái chết, như Ngài đã cứu Isaac khỏi bị hiến tế (Sáng Thế Ký 22:1–24), các thiếu niên khỏi lò lửa (Đa-ni-ên 2:1–49), Đa-ni-ên khỏi bầy sư tử (Đa-ni-ên 14:1–42), thánh Tê-cla khỏi lửa và thú dữ.

Khi vị thánh đang nói những lời ấy, một con rắn bò vào hang và, khi tìm thấy ở đó một bình rượu, nó bắt đầu uống từ đó; sau khi say, con rắn nôn rượu trở lại vào bình cùng với nọc độc của nó, rồi bò đi. Bọn cướp trở về nhà, vì khát khô cổ, nên lần lượt uống từ chiếc bình đó, và ngay lập tức bị đầu độc bởi chất độc ấy: vì tất cả đều ngã xuống đất và chết trong những cơn đau đớn khủng khiếp. Như vậy, chúng đã nhận lấy hình phạt xứng đáng cho tội lỗi của mình và kết thúc cuộc đời một cách kinh hoàng.

Sau khi thoát khỏi cái chết, Thánh Chariton, nhờ ơn Chúa, đã giải thoát mình khỏi xiềng xích và tìm thấy trong hang động đó một lượng vàng khổng lồ, mà bọn cướp đã tích lũy được qua nhiều năm bằng những vụ cướp bóc của chúng. Số của cải này, vốn được bọn cướp thu được bằng những thủ đoạn bất chính, Thánh Hariton đã dùng một phần để làm việc thiện; phần còn lại, ngài dùng để xây dựng một tu viện tại chính nơi đó, mang tên Phare[6524] , và biến hang động của bọn cướp thành nhà thờ, tập hợp các tu sĩ tại đây. Danh tiếng về ngài lan truyền khắp cả vùng đất ấy, và nhiều người đã tìm đến ngài vì lối sống đạo đức của ngài; sau khi nhận lễ xuất gia từ ngài[6525] , họ sống một cuộc đời thanh tịnh tại tu viện đó, được hưởng lợi từ vị thầy và người hướng dẫn của mình, Thánh Hariton, người mà họ coi cuộc đời thánh thiện của ngài như một ngọn đèn sáng chói và lấy đó làm gương để noi theo. Vì ngài hoàn hảo trong các đức hạnh và những việc tu hành, yêu thích việc ăn chay và kiêng khem như món ăn ngọt ngào, coi lao động là sự an nghỉ và xem sự nghèo khó như của cải; đồng thời ngài cũng nhân từ và hiếu khách, từ bi, yêu thương anh em, hiền lành, ít nói và luôn sẵn lòng tiếp đón mọi người. Ông luôn có những lời nói, được nêm nếm bằng muối của sự khôn ngoan[6526] , qua đó ông luôn hướng dẫn các tu sĩ trên con đường cứu rỗi. Tại tu viện của mình, ngài quy định chỉ dùng bữa một lần mỗi ngày – vào buổi tối, và không phải là những món ăn hay đồ uống được chế biến cầu kỳ, mà chỉ có bánh mì và nước, và với lượng vừa phải, để các tu sĩ không bị uể oải khi thức dậy vào nửa đêm và cầu nguyện do bụng quá no vì ăn uống quá độ. Ngài cũng quy định rằng sau khi cầu nguyện, các tu sĩ phải làm việc thủ công, tránh để lãng phí dù chỉ một giờ, để ma quỷ, khi thấy tu sĩ rảnh rỗi, không dễ dàng bắt họ vào lưới tội lỗi, vì sự lười biếng và nhàn rỗi là khởi đầu của sự sa ngã. Thánh nhân còn ra lệnh cho các tu sĩ phải ở trong phòng riêng của mình và giữ im lặng, không đi lại lung tung và không tụ tập để trò chuyện vô ích, vì nhiều cám dỗ nảy sinh từ những cuộc trò chuyện vô nghĩa, như Kinh Thánh đã chứng thực: *"Những mối quan hệ xấu làm hư hỏng những thói quen tốt"* (*[6527]*) (1 Cô-rinh-tô 15:33). Ngài cũng dạy các tu sĩ phải gìn giữ sự trong sạch của lương tâm như con ngươi của mắt, yêu mến sự nghèo khó hơn vàng bạc, và coi sự vâng lời như người trợ giúp dẫn đến sự cứu rỗi; còn sự khiêm nhường, tình yêu thương, sự kiên nhẫn, lòng không oán hận và tất cả các đức tính tu sĩ khác, ngài dạy họ phải tích lũy như một kho tàng quý giá và làm giàu nhờ chúng.

Sau khi dạy dỗ các tu sĩ như vậy và đưa tu viện vào trật tự thích hợp, vị thánh đã ra lệnh cho mọi người tập hợp lại, rồi chọn ra từ trong số các tu sĩ người được biết đến nhiều nhất nhờ đức hạnh của mình, và bổ nhiệm người đó thay thế ngài làm mục tử cho họ; còn bản thân ngài thì quyết định lui vào sa mạc sâu thẳm nhất, yêu thích sự tĩnh lặng và lánh xa con người; bởi ngài có ân sủng chữa lành bệnh tật, trừ tà, nên người ta từ khắp nơi đổ xô đến với ngài, mang theo những người bệnh tật của họ. Ngay cả những quan chức cao cấp cũng đến để xin ngài ban phước lành, đến nỗi ngài không thể duy trì được sự tĩnh lặng trọn vẹn của đời tu. Mệt mỏi vì sự xáo trộn này, ngài quyết định lui về sống ẩn dật, tránh xa danh vọng trần gian. Các tu sĩ thì khẩn thiết nài nỉ ngài đừng bỏ rơi họ, và khi những lời nài nỉ đó không thành công, họ khóc than vì ngài như những đứa trẻ mồ côi khóc cha. Tuy nhiên, những lời cầu nguyện đẹp lòng Chúa của vị cha hiền lành ấy vẫn không rời bỏ các con cái của ngài, bởi nhờ những lời cầu nguyện của ngài, tất cả đều thành công trong việc tuân giữ các điều răn của Chúa và, như những bông hoa huệ[6528] được trồng trong sa mạc, họ nở rộ trong sự thánh thiện. Vậy là, sau khi từ biệt các anh em, ban phước lành cho họ

[6524] Tu viện Phare hoặc Pharus nằm cách Jerusalem về phía nam sáu miliarium, tức là 60.000 bước chân.

[6525] Lễ cắt tóc là một nghi thức phụng vụ đặc biệt để nhận vào hàng tu sĩ, được gọi như vậy vì trong thời cổ đại, việc cắt tóc là dấu hiệu bên ngoài đầu tiên của việc thụ phong tu sĩ. Chỉ sau khi cắt tóc, người được thụ phong mới mặc áo tu sĩ.

[6526] Tức là lời nói của ông được nêm nếm bằng sự khôn ngoan, như muối vậy, mà thiếu nó thì món ăn sẽ không ngon. Xem Cô-lô-se 4:6.

[6527] Tức là những thói quen và đạo đức tốt thường bị hủy hoại do tham gia vào những nhóm bạn xấu và những cuộc trò chuyện vô bổ. Xem 1 Cô-rinh-tô 15:33.

[6528] Tức là những bông hoa huệ dại mọc ngoài đồng.

và phó thác họ cho Chúa, vị thánh nhân đã lên đường đến những sa mạc xa xôi và những khu rừng rậm rạp không thể đi qua[6529] .

Sau khi đi một ngày đường[6530] , vị thánh nhân tìm thấy một hang động khác không xa biên giới Giê-ri-cô[6531] , và sau khi định cư ở đó, ngài sống vì Chúa, ngày đêm ngợi khen Ngài, như thể một Thiên thần[6532] . Thức ăn của ngài là những loại rau xanh mọc quanh nơi đó, nhưng trên hết, ngài nuôi dưỡng tâm hồn bằng Lời Chúa, những lời cầu nguyện không ngừng và những giọt nước mắt ấm áp tuôn trào từ tình yêu chân thành dành cho Chúa, như lời trong Thánh vịnh: *"Nước mắt tôi là bánh của tôi ngày đêm"* (Thánh vịnh 41:4).

Khi ngài ở đó được một thời gian, Đức Chúa Trời đã bày tỏ ngài cho mọi người như một kho báu được giấu kín trong cánh đồng[6533] . Vì nhiều người đau buồn trước sự ra đi của ngài và than thở vì mất đi một người cha tốt lành, nên một số anh em, sau khi thống nhất với nhau, đã đi tìm vị mục sư của mình trong sa mạc: Chính Đức Chúa Trời đã muốn vị thầy giỏi giang và vị lãnh đạo nhân từ này không chỉ dẫn dắt bản thân mình, mà còn dẫn dắt nhiều người khác vào Nước Trời. Từ đó, nơi ẩn dật của ngài được biết đến, và các tu sĩ cùng giáo dân bắt đầu tìm đến ngài, mong được sống cùng ngài, chiêm ngưỡng khuôn mặt giống như thiên thần của ngài và được no nê bởi những lời giảng dạy hữu ích của ngài. Chẳng bao lâu, một đoàn chiên tinh thần đông đảo đã tụ họp, và một tu viện khác được thành lập theo cùng một thể chế và quy tắc như tu viện đầu tiên. Như vậy, vinh quang của Đức Chúa Trời ngày càng lớn lên và lan rộng hơn ở những nơi hoang vắng và hiểm trở, hơn là giữa những thành phố đông đúc, nơi đầy rẫy sự vô luật pháp và tranh cãi. Nhưng vị cha không ở lại lâu với các con chiên của mình; bởi vì, sau khi sắp xếp trật tự tu viện một cách xứng đáng, ngài lại một lần nữa trở về sa mạc sâu thẳm nhất, cách xa xứ Fekuit[6534] khoảng mười bốn hoặc hơn thế các stadia, và ở đó, noi gương Ê-li và Tiền Hô, *"tôi sẽ đi xa và ở lại trong sa mạc"* (Thi Thiên 54:8). Ngài lang thang từ nơi này sang nơi khác, qua những khu rừng rậm, những dòng suối xiết, những ngọn đồi, những khe nứt và những vực thẳm trên đất, dâng hiến trọn vẹn bản thân cho Đức Chúa Trời. Ai có thể kể lại những công lao của ngài trong sa mạc? Chỉ có một mình Đức Chúa Trời, Đấng thấu hiểu những điều thầm kín, mới biết những kỳ công của ngài, chứng kiến những công lao của ngài và vì điều đó, Ngài đã chuẩn bị phần thưởng trên trời cho ngài.

Sau khi vị tu sĩ đã lang thang trong sa mạc một thời gian dài, Đức Chúa Trời đã muốn ngọn đèn này, vốn rực rỡ bởi những đức hạnh, một lần nữa bước ra khỏi bóng tối của sa mạc[6535] và chiếu sáng bằng lối sống của mình cho tất cả những ai mong muốn bước đi trên con đường hẹp dẫn đến sự sống đời đời. Một số vị tu sĩ đang đi qua sa mạc đã tìm thấy ngài lần nữa, họ quỳ xuống dưới chân ngài và khẩn cầu ngài cho phép họ ở lại cùng ngài để noi gương những việc làm đạo đức của ngài. Khi những người khác nghe tin này, nhiều người bắt đầu tụ tập quanh vị thánh nhân, tránh xa thế gian phù phiếm. Ngài, sau khi đã quy tụ đàn chiên thứ ba của Chúa Kitô và dạy dỗ họ lối sống tu hành, đã lập tu viện thứ ba, sau này được gọi là Sukiyskaya trong tiếng Syriac, còn trong tiếng Hy Lạp thì được gọi là Stara Lavra. Sau đó, ngài leo lên đỉnh ngọn núi ở đó và định cư trên một cao nguyên có một hang động nhỏ, nơi chỉ có thể leo lên bằng một cầu thang rất cao. Tại đó, ngài đứng như trên một cột trụ[6536] , xa rời trần gian và tiến gần đến các nơi ở trên trời. Từ đó, như một vị mục tử nhân từ đang canh gác, ngài cầu nguyện cho các tu viện của mình và suy ngẫm về sự cứu rỗi của các tu sĩ đang tụ họp tại đó; như đang đứng ở đuôi con thuyền, ngài điều khiển từ đó hành trình của vô số linh hồn, bởi từ tất cả các tu viện do ngài thành lập, những người khao khát lương thực thiêng liêng đều đổ về với ngài. Và ngài đã sống tại nơi đó cho đến tuổi già nua trong sự ăn chay, cầu nguyện và những việc làm cao cả đến nỗi không thể kể xiết; bởi vì, ngày càng gia tăng công việc của mình, ngài dường như không còn mang thân xác trần thế. Nơi đó không có nước, nhưng vị tu sĩ không muốn bất kỳ anh em nào phải vất vả vì ngài, mang nước từ xa đến cho ngài, trong khi chính ngài cũng không thể tự mang nước về – một phần vì lối lên

---

[6529] Tháng Mười Hai – thung lũng, vùng trũng được bao phủ bởi rừng rậm, hoặc là không gian bị bao quanh bởi các vách đá.

[6530] Tức là quãng đường mà một người đi bộ thường đi được trong một ngày.

[6531] Có lẽ là ở sa mạc Giu-đê.

[6532] Theo Lời Thánh Kinh, các thiên thần không ngừng ngợi khen Đức Chúa Trời. Thi Thiên 21:4.

[6533] Xem dụ ngôn về kho báu giấu trong ruộng. Mt 13:44.

[6534] Fekuya – một thành phố cổ của người Do Thái, nằm không xa Bê-lem.

[6535] "Spud" là đơn vị đo lường vật liệu rời, đôi khi được dùng để che đèn vào ban đêm để không làm tắt ngọn lửa; "dưới spud" có nghĩa là "bí mật".

[6536] Ở đây, rõ ràng là ám chỉ những tháp gỗ nhỏ mà các mục đồng Palestine dựng lên để canh chừng đàn gia súc của họ, vốn rải rác trên đồng cỏ rộng lớn.

ngọn đồi cao rất khó khăn, một phần vì cơ thể già nua và suy yếu do lao động vất vả. Vì thế, ngài đã dâng lên Thiên Chúa một lời cầu nguyện tha thiết, xin Ngài làm cho nước tuôn ra từ tảng đá, như Ngài đã làm cho dân Israel trong sa mạc; điều đó đã thành hiện thực, vì Chúa thực hiện những ước nguyện của những ai kính sợ Ngài và lắng nghe lời cầu nguyện của họ – và đột nhiên, từ tảng đá khô cằn và không thể đập vỡ, một dòng suối nước đã tuôn trào nhờ quyền năng của Thiên Chúa. Lời cầu nguyện của vị cha đạo đức ấy đã có sức mạnh lớn lao trước mặt Đức Chúa Trời.

Sau khi sống một đời hoàn toàn đạo đức và đạt đến tuổi thọ tối đa như một chùm nho chín mọng, vị thánh nhân đã tiến gần đến giờ lâm chung hạnh phúc của mình. Sau khi được Chúa báo trước, ngài đã triệu tập các vị tu viện trưởng và các tu sĩ từ ba tu viện của mình – những người nhờ lời cầu nguyện và sự cầu thay của ngài trước mặt Chúa mà đã sinh sôi nảy nở trong sa mạc ấy như những vì sao trên trời – và báo cho họ biết về sự ra đi sắp tới của mình.

– Ta – ngài nói – sẽ rời xa các con, theo như Chúa truyền cho ta; vì đã đến lúc mà ta đã mong đợi từ lâu, để, sau khi từ bỏ sự ràng buộc với xác thịt, ta có thể ra đi và hiện diện trước mặt Thiên Chúa của ta. Còn các con, hỡi các con cái, hãy lo lắng cho sự cứu rỗi của mình, để mỗi người trong các con, sau khi tránh được những cạm bẫy của kẻ thù, sẽ được xứng đáng, khi qua đời, bước vào nơi Chúa và nhận được ân sủng từ Ngài.

Nghe vậy, mọi người đều khóc và nói:

– Cha và Thầy của chúng con ơi, Cha đang bỏ chúng con, những đứa con của Cha! Cha đang bỏ chúng con, vị Mục tử và Người hướng dẫn của chúng con! Ngọn đèn của chúng con và người dẫn đường trên con đường của chúng con đang tắt dần!

Ngài an ủi họ, nói rằng:

– Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta đã hứa sẽ ở cùng chúng ta không rời xa cho đến tận thế, và Ngài sẽ không bỏ rơi các con; và nếu con được Ngài ban ơn, con sẽ cầu xin Ngài, Đấng Nhân Từ, đừng chia rẽ các con khỏi nhau, như chiên với dê trong Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Ngài, nhưng xin Ngài đặt tất cả các con bên hữu Ngài[6537] và quy tụ các con vào một đàn trong Nước Trời của Ngài.

Các anh em hỏi ông:

– Thưa Cha, Cha sẽ định đoạt thế nào về thi thể của mình? Chúng con sẽ chôn cất Cha ở đâu?

Ngài đáp:

– Hãy trả đất về cho đất, ở bất cứ nơi nào các con muốn: *"Đất và mọi thứ trên đất đều thuộc về Chúa"*[6538] (Thi Thiên 23:1).

Họ lại nói:

– Không, thưa Cha; Cha đã lập ba tu viện và quy tụ ba cộng đoàn; mỗi cộng đoàn đều mong muốn được lưu giữ thi hài của Cha tại nơi mình[6539] ; vì vậy, để tránh tranh chấp giữa chúng con, xin Cha hãy chỉ định ngay bây giờ nơi chúng con sẽ an táng thi hài của Cha.

Thực hiện theo mong muốn của họ, ngài đã đồng ý để được an táng tại tu viện đầu tiên của ngài, nơi ngài từng bị bọn cướp bắt giữ và nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, ngài đã được giải thoát khỏi chúng một cách kỳ diệu. Các tu sĩ từ cả ba tu viện đã đón ngài và đưa ngài về tu viện đó. Tại đây, sau khi ban nhiều lời dạy dỗ cho anh em về đời sống tu hành hoàn hảo và trao bình an cho họ, ngài nằm xuống giường và phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa, mà không hề trải qua bất kỳ bệnh tật thể xác nào[6540] .

Vậy là vị Thánh Cha đáng kính của chúng ta, Chariton, vị Tử đạo của Chúa Kitô, vị Chứng nhân và vị Tu sĩ thánh thiện, đã qua đời. Tất cả các vị cha sa mạc đều khóc thương ngài, và cả sa mạc tràn ngập tiếng khóc thương cho vị cha và thầy vĩ đại này, người đã chiếu sáng thế gian như mặt trời. Sau khi khóc thương ngài một thời gian đủ lâu, các tu sĩ đã an táng thi hài thánh của ngài một cách trang trọng, ngợi khen Cha, Con và Thánh Thần đến muôn đời. A-men.

[6537] "Đứng bên phải" có nghĩa là được Đức Chúa Trời xưng công bình. Ma-thi-ơ 25:33.

[6538] Tức là mọi thứ đều thuộc về Đức Chúa Trời, từng mảnh đất. Thi Thiên 23:1.

[6539] Xác thánh – nói chung là thi thể của một tín hữu Kitô đã qua đời, và đặc biệt là thi hài của các vị thánh được Thiên Chúa tôn vinh.

[6540] Khoảng năm 350 sau Công nguyên.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Sau khi tận hưởng sự tiết độ theo sự khôn ngoan của Thiên Chúa, và kiềm chế những ham muốn của xác thịt, ngài đã tỏ mình ra là người trở về với đức tin: và như cây sự sống, ngài đã nở hoa giữa vườn địa đàng, hỡi Chariton, vị thánh tối cao và đầy phúc lành.

Lễ kỷ niệm Thánh Tiên tri Baruch

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 9

Thánh tiên tri Giê-rê-mi-a đã chứng kiến cuộc lưu đày tại Ba-by-lôn khi ngài 70 tuổi, còn thánh Ba-ru-kh, môn đệ của ngài, không rời bỏ thầy mình. Khi Giê-rê-mi-a than khóc trước sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem, Baruch cũng lui vào một hang động và khóc lóc thảm thiết. Sau một thời gian, ngài bước ra khỏi hang động và với lòng đau buồn, chứng kiến cảnh thầy mình là Giê-rê-mi-a bị ném đá đến chết. Thánh Baruch đã tiên tri một cách đặc biệt rõ ràng về sự nhập thể của Con Thiên Chúa; lời tiên tri này của ngài bắt đầu bằng những lời sau: *"Đây là Thiên Chúa của chúng ta, và không ai khác sánh được với Ngài"* (Bar. 3:36–38). Ngài cũng đã tiên báo về số phận của Giê-ru-sa-lem. Sau khi Thánh Giê-rê-mi qua đời, người mà ngài đã lo liệu việc an táng, ngài cũng sớm qua đời[6541] .

Lễ kính các thánh tử đạo Alexander, Alpheus, Zosima, Mark, Nikon, Neon và Iliodor.

Ngày tưởng niệm 28 tháng 9

Tất cả các thánh tử đạo này đã chịu tử đạo dưới thời hoàng đế Diocletian[6542] , tại Antioch thuộc Pisidia, dưới thời thống đốc Magnus. Khi họ leo lên một ngọn núi, họ thấy thánh Mark đang chăn đàn cừu; và con thú mà các binh lính đang truy đuổi đang nằm dưới chân ngài và liếm chân ngài. Nghe tin đó, Magn ra lệnh cho ba mươi binh sĩ dẫn ngài về; nhưng tất cả những binh sĩ này đều đã trở thành Kitô hữu, nhờ được Thánh Marc dạy dỗ. Thống đốc ra lệnh trói một số người trong số họ lại, còn những người khác thì bị gửi đến Nicêa, nơi họ bị chém đầu. Sau đó, người ta tìm thấy ba anh em Kitô hữu: Alfeus, Alexander và Zosima. Thánh Mác-cô cùng với họ bị đóng đinh trên thập giá, rồi sau đó bị chém bằng gươm. Magnus đã gửi đầu của ngài đến đền thờ nữ thần Artemis của mình; ngay khi đầu của vị thánh tử đạo được mang vào đền thờ, tất cả các tượng thần ở đó đều ngã xuống và vỡ tan. Khi chứng kiến phép lạ này, Nikon, Neon và Iliodor cũng tin vào Chúa Kitô và bị hành quyết ngay tại đó.

Cuộc đời của Thánh Vyacheslav, Công tước Séc

Ngày kỷ niệm: 28 tháng 9

Thánh Vyacheslav xuất thân từ dòng dõi hoàng tộc từng cai trị ở Séc[6543] , và là cháu nội của thánh nữ tử đạo Lyudmila; cha mẹ ngài – Vratislav[6544] , công tước Séc và vợ ngài là Dragomira – ngoài ngài ra còn có hai người

---

[6541] Tiên tri Baruch qua đời tại Ai Cập, có lẽ vào năm thứ 12 sau khi Giê-ru-sa-lem bị Nebuchadnezzar phá hủy, tức là vào năm 595 trước Công nguyên. Trong Kinh Thánh có một cuốn sách đặc biệt mang tên vị tiên tri này. Mục đích của việc viết cuốn sách này, như có thể thấy từ nội dung của nó, là để cho người Do Thái thấy rằng tất cả những tai họa ập xuống họ đều do Chúa giáng xuống vì tội lỗi của tổ tiên họ và chính họ, từ đó khơi dậy trong lòng họ cảm giác đau xót và ăn năn; đồng thời mang lại cho họ sự an ủi giữa những tai họa đang ập đến bằng lời hứa về sự giải phóng sắp tới khỏi cảnh lưu đày và hơn thế nữa là sự đến của thời kỳ ân sủng của Đấng Mê-si-a. Sách Tiên tri Baruch được coi như một phần bổ sung hoặc phần tiếp nối của sách Tiên tri Giê-rê-mi-a và không bao giờ xuất hiện riêng rẽ với nó. Các vị Thánh Cha của Giáo hội thường kết hợp trực tiếp cuốn sách này với sách của Tiên tri Giê-rê-mi-a dưới tên gọi chung của cuốn sau. Ngay cả đoạn Kinh Thánh được đọc từ cuốn sách này vào đêm Giáng sinh (Baruch 3:36–38, 4:1–5) cũng được đọc dưới danh nghĩa lời tiên tri của Giê-rê-mi-a, chứ không phải Baruch.

[6542] Vào đầu thế kỷ IV sau Công nguyên

[6543] Cộng hòa Séc nằm trên cao nguyên Trung Âu, được bao quanh gần như hoàn toàn bởi các dãy núi và được tưới tiêu bởi sông Labe (Elbe) cùng các nhánh của nó. Từ thời cổ đại xa xưa, vùng đất này từng là nơi sinh sống của dân tộc Celtic – người Boii, từ đó nó còn có tên gọi khác là Bohemia. Không lâu trước Công nguyên, người Boii bị người German – cụ thể là bộ tộc Marcomanni – đuổi đi; bộ tộc này

con trai khác là Boleslav và Spytignev cùng một số con gái; trong số tất cả, ngài nổi bật nhờ tài năng và lòng nhân ái. Khi thánh Vyacheslav lớn lên, cha ông, theo phong tục thời bấy giờ, đã thỉnh cầu giám mục cùng các linh mục và toàn thể giáo sĩ cầu xin ân sủng của Thiên Chúa ban xuống cho cậu. Giám mục, sau khi cử hành Thánh lễ tại Nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh và đưa cậu thiếu niên lên bậc thềm nhà thờ, đã ban phước cho cậu bằng những lời sau:

– Lạy Chúa Trời, lạy Chúa Giêsu Kitô, xin ban phước lành cho thiếu niên này, như Ngài đã ban phước lành cho các thánh nhân của Ngài – Áp-ra-ham, I-sa-ác và Gia-cóp – và xin Ngài ban vương miện cho cậu, như Ngài đã ban vương miện cho các vị vua trung thành, các thánh đồng tông đồ Constantine và Helena.

Chính từ thời điểm đặc biệt đó, nhờ ân sủng của Chúa, cậu bé bắt đầu lớn lên và tiến bộ vượt bậc. Bà nội của cậu, Thánh Lyudmila, đã giao phó cho một linh mục, người hướng dẫn tâm linh của bà, dạy cậu chữ viết Slav, và cậu đã nhanh chóng nắm vững hoàn toàn. Thấy những tiến bộ của cậu, cha cậu đã gửi cậu đến thành phố Budech để học tiếng Latinh và các môn học khác; trong tất cả những điều này, cậu đều tiến bộ vượt bậc, khiến các thầy giáo phải ngạc nhiên.

Nhưng theo ý Chúa, Công tước Vratislav đã qua đời không lâu sau đó[6545] và Thánh Vyacheslav, khi đó còn rất trẻ, đã lên ngôi kế vị cha mình. Tại đây, với tư cách là người cai trị, ngài đã thể hiện rõ những tài năng đặc biệt của mình: cùng với mẹ, ngài nỗ lực cải thiện việc quản lý đất nước, chăm lo cho gia đình: gả các chị gái của mình sang các công quốc lân cận, giám sát việc giáo dục các em trai, đồng thời không bỏ lỡ cơ hội để tự mình mở rộng kiến thức, đến nỗi chẳng bao lâu sau, ngài đã thông thạo không chỉ tiếng Slav và tiếng Latinh, mà còn cả tiếng Hy Lạp, vượt trội hơn bất kỳ linh mục hay thậm chí giám mục nào về mặt này. Chúa đã ban phước cho các hoạt động của ngài, ban cho ngài sự khôn ngoan. Ngài cũng hết lòng cố gắng làm đẹp lòng Chúa, chăm lo cho những người nghèo khó, cho họ ăn, tiếp đón những người lữ hành theo lời Phúc Âm: *"Vì Ta đói, các ngươi đã cho Ta ăn; Ta khát, các ngươi đã cho Ta uống; Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp đón Ta"* (Mt 25,35), tôn kính hàng giáo sĩ, xây dựng và trang hoàng các nhà thờ, đối xử với mọi người bằng tình yêu thương, dù là người giàu hay người nghèo, và trong suốt cuộc đời ngắn ngủi của mình, ngài chỉ nghĩ đến điều thiện.

Nhưng ma quỷ, kẻ thù truyền kiếp của loài người, giờ đây lại tìm mọi cách gieo rắc rối loạn: một số quan lại độc ác muốn lợi dụng tuổi trẻ của vị thánh, vì sau khi cha qua đời, ngài mới chỉ mười tám tuổi. Và thế là, trước tiên, họ bắt đầu xúi giục Hoàng tử Vyacheslav chống lại mẹ mình, nói rằng bà đã giết bà nội của ngài, Thánh Lyudmila, và đang ấp ủ mưu đồ xấu xa chống lại ngài. Ban đầu, Vyacheslav tin vào những lời đó và gửi mẹ mình đến thành phố Budets, nhưng chẳng bao lâu sau, ngài nhớ lại lời của Thánh Phaolô: *"Hãy tôn kính cha mẹ ngươi, đó là điều răn đầu tiên có lời hứa"* (Ê-phê-sô 6:2); ngài đưa mẹ trở về nhà và trong những giọt nước mắt đắng cay, ngài ăn năn, nói rằng:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, xin đừng tính điều này là tội lỗi cho con, – và lặp lại lời của tác giả Thi thiên: *"Xin đừng nhớ đến những tội lỗi thời trẻ và những vi phạm của con"* (Thi thiên 24:7).

Từ đó trở đi, ông hết lòng tôn kính mẹ mình, đến nỗi bà vui mừng vì lòng đạo đức và lòng nhân ái của ông: ông nuôi dưỡng những người tàn tật, chăm sóc các góa phụ và trẻ mồ côi, chuộc những người bị bắt làm tù binh, làm điều thiện cho mọi người, và danh tiếng của vị công tước Vyacheslav nhân từ và công chính được ca ngợi khắp nơi.

Các quan đại thần đầy ác ý, khi thấy mưu đồ của họ không thành công do sự khôn ngoan và đức hạnh của vị thánh, đã xúi giục anh trai ông – Boleslav – chống lại ông, người vốn là em út nên phải tuân phục Vyacheslav. Họ gieo rắc vào đầu Boleslav rằng như thể Công tước Vyacheslav cùng các cố vấn và mẹ mình đang âm mưu giết hại

---

đã tham gia vào những cuộc chiến tranh kéo dài với người La Mã và cuối cùng biến mất vào giữa thế kỷ V; ngay sau đó, có lẽ các bộ tộc Slav là người Séc đã định cư tại vùng đất hoang vắng này, và chính từ tên gọi của họ mà đất nước này được gọi là Séc. Khi hai vị thánh anh em Cyril và Methodius truyền giáo tại các vùng đất Slav như Moravia và Pannonia, người Séc cũng được hai vị rửa tội và nghi lễ thờ phượng bằng tiếng Slav được thiết lập tại đây; đạo Kitô đã lan rộng mạnh mẽ trong cộng đồng người Séc và chẳng bao lâu sau, nơi đây đã xuất hiện các vị thánh tu hành; trong Giáo hội Chính thống, người ta biết đến: Thánh nữ Ludmila, Thánh Vyacheslav và Thánh Prokopius, người đã sống vào thế kỷ XI (ngày kỷ niệm của ngài được tổ chức vào ngày 16 tháng 9). Tuy nhiên, ngay cả trước khi người Séc được rửa tội, các nhà truyền giáo người Đức – những vị thánh tiên sư của người Slav – đã xuất hiện tại Séc và bắt đầu phổ biến nghi lễ thờ phượng bằng tiếng Latinh; và do họ được sự bảo trợ của các quốc gia Đức hùng mạnh, láng giềng với người Séc, nên theo thời gian, họ đã thành công trong việc thay thế hoàn toàn nghi lễ thờ phượng theo truyền thống Slav, mà ngay từ thế kỷ XI, Thánh Prokopius đã phải bảo vệ, mặc dù ở một số nơi, nghi lễ này vẫn tiếp tục tồn tại cho đến sau này.

[6544] Vào những năm cuối thế kỷ IX,

[6545] Công tước Vratislav qua đời vào năm 920 sau Công nguyên.

ông, và khuyên ông rằng để cứu lấy mạng sống, hãy giết vị Công tước thánh thiện và tự mình lên ngôi Công tước. Những lời xúi giục độc ác của bọn xúi giục đã làm rối loạn tâm trí Boleslav, và ông bắt đầu ấp ủ ý định giết chết anh trai mình, giống như cách đây gần một thế kỷ[6546] , Svyatopolk "Kẻ Bị Lời Nguyền", với mong muốn trở thành người cai trị duy nhất trên đất Nga, đã nảy sinh ý định giết hại các anh em của mình.

Với mong muốn thực hiện ý định tội ác của mình, Boleslav đã mời anh trai đến dự lễ thánh hiến nhà thờ, dự kiến diễn ra vào ngày Chủ nhật, trùng với ngày kỷ niệm các thánh Cosmas và Damian. Thánh Vyacheslav, sau khi đến và tham dự Thánh lễ, định quay trở lại Praha[6547] , nhưng Boleslav đã giữ ngài lại, nài nỉ đừng làm phật lòng ông bằng cách từ chối bữa tiệc mà ông đã chuẩn bị. Thánh nhân đồng ý ở lại, mặc dù khi ngài bước ra sân nhà Boleslav, các người hầu đã cảnh báo ngài về âm mưu của người anh trai. Thánh nhân không tin điều đó, mà đặt trọn niềm tin vào Thiên Chúa. Cả ngày hôm đó, họ đã cùng nhau vui vẻ bên nhau; còn vào ban đêm, bọn ác nhân tụ tập tại sân nhà của một trong những kẻ âm mưu, tên là Gnevyzy, và cùng với Boleslav bàn bạc cách giết Thánh Vyacheslav, rồi quyết định tấn công ngài ngay khi ngài thức dậy và đi dự thánh lễ sáng, vì chúng biết rằng với lòng đạo đức của mình, vị thánh sẽ không bỏ lỡ thánh lễ. Và những dự đoán của họ đã trở thành sự thật: ngay khi tiếng chuông báo hiệu thánh lễ sáng vang lên, Vyacheslav lập tức đứng dậy và nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa, Thiên Chúa của con, vì Ngài đã ban ánh sáng và cho con được sống đến sáng nay.

Sau đó, ngài mặc quần áo, rửa mặt rồi đi vào nhà thờ; tại cổng nhà, Boleslav đã đuổi kịp ngài. Vị thánh quay lại và nói:

– Chào anh; hôm qua thật tốt…

Nhưng chưa kịp nói hết câu, Boleslav, bị ma quỷ xúi giục, đã rút kiếm ra khỏi vỏ và chém vào đầu anh mình, nói:

– Hôm nay ta muốn đãi ngươi một bữa còn ngon hơn nữa.

Vyacheslav kêu lên:

– Anh ơi, anh định làm gì vậy?

Rồi anh ta túm lấy anh ta, quật ngã xuống đất và hỏi:

– Anh ơi, em đã làm gì sai với anh?

Nhưng ngay lúc đó, một trong những kẻ âm mưu chạy đến và đâm vào tay vị thánh. Lúc đó, ông bỏ lại Boleslav và chạy về phía nhà thờ. Những kẻ âm mưu lao theo ngài và hai trong số họ – Chesta và Tira – đã chém ngài ngay tại cửa nhà thờ, còn người thứ ba – Gnevyza – đâm thêm một nhát kiếm vào sườn ngài. Vị thánh đã trút hơi thở cuối cùng với những lời:

– Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài.

Sau khi giết chết hoàng tử, bọn ác nhân bắt đầu đánh đập đoàn tùy tùng của ngài, cướp bóc và đuổi đi tất cả những người mà Thánh Vyacheslav đã cưu mang trong nhà mình; kẻ âm mưu Tira khuyên Boleslav nên tấn công cả mẹ ngài nữa, để một lần loại bỏ cả anh trai lẫn mẹ, nhưng Boleslav đáp rằng việc đó vẫn còn kịp, vì bà không có nơi nào để trốn.

Còn thi thể của Thánh Vyacheslav thì bọn âm mưu đã chặt thành nhiều mảnh và vứt bỏ mà không chôn cất, chỉ có một vị linh mục nào đó dùng tấm khăn che phủ lên thi thể ngài. Lúc bấy giờ, mẹ của thánh nhân, khi nghe tin con trai bị sát hại, đã vội vã đi tìm con và, khi nhìn thấy thi thể bị chặt nát của con, bà đã khóc nức nở. Bà thu thập tất cả các bộ phận thi thể của con và, không dám mang về nhà, ngay tại sân nhà của vị linh mục thuộc nhà thờ này, bà đã tắm rửa, mặc quần áo cho con, rồi thi thể được mang vào nhà thờ và an táng tại đó. Sau khi thực hiện nghĩa vụ cuối cùng đối với người con trai đã tử đạo của mình, mẹ của Thánh Vyacheslav, để thoát khỏi cái chết, đã lánh nạn sang đất nước của người Croatia[6548] , đến nỗi khi Boleslav nảy ra ý định cử sát thủ đi tìm bà, thì họ đã không thể tìm thấy bà nữa.

Thi hài của vị hoàng tử đáng kính vẫn còn nằm trong nhà thờ một thời gian, chờ đợi lễ an táng, cho đến khi cuối cùng họ được phép mời linh mục đến cử hành lễ cầu hồn cho vị thánh tử đạo và chôn cất ngài. Còn máu của

---

[6546] Năm 1015.

[6547] Thủ đô của Séc nằm trên sông Vltava, một nhánh của sông Labe.

[6548] Một bộ tộc Slav sinh sống dọc theo bờ biển Adriatic và dọc theo các con sông Sava và Drava, các nhánh của sông Danube, ở phía nam Séc.

ngài, đã đổ ra trước cửa nhà thờ, dù họ có cố gắng thế nào cũng không thể rửa sạch được. Sau ba ngày, vết máu ấy tự nhiên biến mất một cách kỳ diệu[6549] .

Chẳng bao lâu sau, Boleslav, kẻ đã giết anh trai mình, nhận ra tội lỗi nặng nề của mình và khóc lóc thảm thiết, ăn năn và nói:

– Con đã phạm tội, và con biết tội lỗi cùng những điều bất chính của mình, lạy Chúa, xin hãy giúp đỡ con, kẻ tội lỗi này.

Ông đã sai các linh mục và những người thân cận của mình chuyển di hài của Thánh Venceslav về thủ đô Praha, và chúng được an táng một cách trang trọng ở phía bên phải bàn thờ trong nhà thờ Thánh Vitus, nơi chính vị thánh này đã xây dựng.

Ngày 12 tháng 10

29 tháng 9 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Kyriakos của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 9

Thánh Kyriakos xuất thân từ thành Corinth[6550] và là con trai của linh mục John tại nhà thờ chính tòa; mẹ ngài tên là Eudoxia. Ngài sinh ra vào những năm cuối triều đại của Hoàng đế Theodosius II[6551] . Một người thân của ngài, Thánh Peter, Giám mục thành Corinth, đã bổ nhiệm ngài làm người đọc kinh tại nhà thờ chính tòa ngay từ khi ngài còn là thiếu niên. Từ sáng đến tối và từ tối đến sáng, Kyriak miệt mài đọc các sách Thánh, nghiên cứu Kinh Thánh, và không ngừng ngạc nhiên trước cách Thiên Chúa từ thuở ban đầu đã sắp đặt mọi sự một cách khôn ngoan để cứu rỗi loài người, cũng như cách Ngài ban cho những ai làm đẹp lòng Ngài vinh dự cao quý trong mọi thế hệ và ban cho họ vinh quang vĩ đại. Vì Ngài đã tôn vinh A-vê-l vì của lễ dâng (Sáng Thế Ký 4:4), còn Ê-nóc thì được Ngài tôn vinh bằng cách đưa lên thiên đàng vì người ấy đã làm đẹp lòng Ngài vô cùng[6552] . Ngài đã cứu Nô-ê khỏi trận lụt nhờ sự công chính của ông, ngọn lửa duy nhất còn sót lại của dòng dõi loài người[6553] (Sáng Thế Ký 7:1–24, 8:1–22), đã xưng Áp-ra-ham là cha của nhiều dân tộc nhờ đức tin của ông[6554] (Sáng Thế Ký 12:4–5), đã cho thấy Ngài hài lòng với chức tư tế tốt lành của Mê-lích-xê-đéc[6555] (Sáng Thế Ký 14:18–20; Hê-bơ-rơ 7:1–28), đã tôn vinh Giô-sép vì sự trong sạch của ông (Sáng Thế Ký 41:39–57), đã ban cho toàn thể nhân loại, qua Gióp, một gương mẫu về sự kiên nhẫn (Gióp; Gia-cơ 5:10–11), đã lập Môi-se làm người lập luật, cho phép Giê-su Na-vin làm cho mặt trời và mặt trăng ngừng chuyển động (Giô-suê 10:12–14), đã tỏ ra trong Đa-vít là một nhà tiên tri, một vị vua và tổ phụ của Đấng Christ Cứu Thế, và đã biến ngọn lửa trong lò nung Ba-by-lôn thành sương mù cho các thiếu niên (Đa-ni-ên 3:50). Hơn hết, Kyriak cảm thấy kinh ngạc khi suy ngẫm về sự thụ thai không qua hạt

---

[6549] Thánh Vyacheslav, Công tước Séc, đã tử đạo vào năm 935, vào ngày 28 tháng 9.

[6550] Corinth – thành phố cổ xưa, nổi tiếng và giàu có nhất của Hy Lạp cổ đại, tọa lạc trên eo đất Corinth, nối bán đảo Peloponnese (miền nam Hy Lạp) với phần còn lại của Hy Lạp, trên một đồng bằng xinh đẹp và trù phú ở góc đông nam của Vịnh Corinth, giữa Biển Ionia và Biển Aegean. Sự khởi đầu của Kitô giáo tại Corinthe được đặt nền móng bởi Thánh Phaolô – Hiện nay, những di tích của Corinthe cổ đại nằm gần thành phố Corinthe ngày nay, được gọi là Koronto và chỉ có khoảng 5.000 cư dân.

[6551] Khoảng năm 448 sau Công nguyên

[6552] Sáng Thế Ký 5:24: *"Hê-nóc đi trước mặt Đức Chúa Trời; rồi ông không còn nữa, vì Đức Chúa Trời đã cất ông đi."* Cụm từ này thường được hiểu là việc Hê-nóc được cất lên trời. "Có lẽ," Đức Tổng Giám mục Filaret nói, "khi Enoch đạt đến độ tuổi ân sủng đã được định sẵn trong con người nội tại của mình, phần phàm trần đã bị sự sống nuốt chửng (2 Cô-rinh-tô 5:4), theo một cách cao quý hơn nhiều so với cái mà chúng ta gọi là cái chết thể xác."

[6553] Nô-ê có thể được gọi là "tia lửa của nhân loại", một mặt vì trong bối cảnh sự suy đồi phổ biến của loài người trước Đại Hồng Thủy, chỉ có một mình ông, như một tia lửa giữa đống tro tàn, vẫn giữ được sự nhận biết chân chính về Đức Chúa Trời và sự công chính; mặt khác, vì sau Đại Hồng Thủy, từ ông đã sinh ra một dòng dõi đông đúc, giống như từ một tia lửa nhỏ có thể bùng lên thành ngọn lửa lớn.

[6554] Chính cái tên "Áp-ra-ham" có nghĩa là: "cha của muôn dân". Đây là danh hiệu mà Đức Chúa Trời đã ban cho Áp-ra-ham, người trước đó được gọi là Áp-ram, trước khi Sa-ra sinh ra Y-sác.

[6555] Melchizedek, vua của Salem, đồng thời cũng là tư tế của Đức Chúa Trời Tối Cao, kết hợp trong một con người cả phẩm giá vua và tư tế, và là hình ảnh tiên tri về chức tư tế và chức vụ vua của Chúa Giê-su Ki-tô. Hê-bơ-rơ 7:1–28.

giống và sự ra đời không thể diễn tả của Đấng Kitô – làm sao Đức Trinh Nữ lại trở thành Mẹ mà vẫn giữ trọn sự trinh khiết của mình, và làm sao Lời Thiên Chúa, mà không hề thay đổi, đã trở thành con người, đã chinh phục địa ngục bằng thập giá, và sau khi đánh bại con rắn xảo quyệt, đã đưa A-đam trở lại vườn Ê-đen. Khi suy ngẫm về điều này và đọc các cuốn tiểu sử các thánh, Kyriak bừng cháy tinh thần, và lòng kính sợ Thiên Chúa thấm sâu vào lòng ông; ông bắt đầu khao khát noi gương các vị thánh và suy nghĩ về cách làm thế nào để đến thành thánh Giêrusalem và ở đó, từ bỏ thế gian, chỉ phụng sự một mình Thiên Chúa. Đang mải mê với những suy tư ấy, một ngày Chủ nhật nọ, trong nhà thờ, ông nghe thấy những lời trong Phúc Âm được đọc vào ngày đó: *"Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo Ta"* (Mt 16,24). Kiriak, nhận ra rằng những lời này dành cho mình, liền bước ra khỏi nhà thờ và, không nói với ai về ý định của mình, đi đến bờ biển nơi có bến cảng; khi tìm thấy ở đó một con tàu đang chuẩn bị khởi hành đến Palestine, với niềm tin vào Đức Chúa Trời, ông lên con tàu đó và ra khơi. Kiriak mới mười tám tuổi khi ngài, như một Gia-cốp mới, rời khỏi nhà cha mình (Sáng Thế Ký 28:7–10), bỏ lại tất cả vì Chúa. Chẳng bao lâu sau, ông đến thành thánh Giê-ru-sa-lem, nơi An-na-ta-si đang làm giám mục; lúc đó là năm thứ tám của nhiệm kỳ giám mục của ông và năm thứ chín dưới triều đại của hoàng đế Lê-ô[6556] .

Sau khi viếng thăm các thánh địa, Kyriakos đến gặp một vị thánh nhân tên là Eustorgios, người đã lập một tu viện gần núi Si-ôn thánh[6557] , và được vị này tiếp nhận, ông đã ở lại đó suốt mùa đông. Chứng kiến những việc làm cao cả của các tu sĩ, Kyriak cũng bắt đầu dấn thân vào đời sống tu hành và, như thể leo lên một cầu thang – từ bậc này sang bậc khác, ông dần vươn tới đỉnh cao của đời sống đạo đức. Trong thời gian sống tại tu viện của Thánh Eustorgius, ông nghe nhiều người kể về Thánh Euphimius, người đã lập tu viện[6558] trong sa mạc, và về cuộc đời hoàn hảo của ngài; vì vậy, ông đã khẩn cầu Thánh Eustorgius cho phép ông đến tu viện của Thánh Euphimius, vì ông yêu mến sa mạc và mong muốn sống ở đó. Sau khi truyền dạy những lời dạy dỗ thích hợp cho Kyriakos, Eustorgios đã cho phép anh ta ra đi với lời cầu nguyện và phước lành đến với Thánh Euphimius. Thánh Euphimius đã đón nhận anh ta với tình yêu thương, vì ngài nhìn thấy trong anh ta những ân sủng của Thiên Chúa sắp được bộc lộ; chẳng bao lâu sau, chính tay ngài đã cạo đầu cho Ki-ri-ác trở thành tu sĩ và gửi anh đến sông Giô-đanh gặp Thánh Gê-ra-xim, người đã kế vị vị thánh vĩ đại Thê-ô-kti-xt, người đã về với Chúa. Thấy Ki-ri-ác còn quá trẻ, Thánh Gê-ra-xim ra lệnh cho anh sống trong khu nội trú của tu viện và làm các công việc phục vụ khác nhau[6559] .

Kiriak tỏ ra sẵn sàng đảm nhận mọi công việc và làm việc tại nhà bếp, chặt củi, gánh nước và nấu nướng; nói chung, ngài thực hiện mọi nhiệm vụ với lòng biết ơn, không cho phép bản thân nghỉ ngơi, và nhờ đó đã rèn luyện thân thể mình. Vì ban ngày, anh làm việc hết lòng vì tu viện, còn ban đêm thì thức trắng để cầu nguyện, chỉ thỉnh thoảng chợp mắt một chút; anh ăn chay nghiêm ngặt đến mức chỉ hai ngày mới được ăn bánh mì và uống nước. Khi theo phong tục được tuân thủ vào các ngày lễ, ngài có dịp nếm một chút rượu, thì trước tiên ngài pha loãng nó với nước, và cũng cho nước ép thì là vào dầu.

Thấy sự tiết chế như vậy ở độ tuổi còn rất trẻ, Thánh Gerasim đã ngạc nhiên và yêu mến Kyriakos. Thánh Gerasim có thói quen vào Mùa Chay Thánh đi vào sa mạc sâu thẳm tên là Ruva, nơi mà đôi khi Thánh Euthymius cũng lui về. Vì yêu mến thánh Kyriakos, thánh Gerasim đã đưa cậu theo mình vào sa mạc, để cậu cũng có cơ hội rèn luyện sự kiêng khem đặc biệt. Tại đó, mỗi tuần Kyriakos đều rước Mình Thánh Chúa từ tay thánh Gerasim; họ sống trong sự tĩnh lặng của sa mạc cho đến tuần lễ Phục Sinh, rồi trở về tu viện với những lợi ích to lớn cho linh hồn mình. Một thời gian sau, vị thánh Euphymius qua đời; Thánh Gerasim biết tin này khi đang ở trong phòng tu của mình, vì ngài đã thấy các Thiên thần của Chúa đang hân hoan đưa linh hồn vị thánh lên trời. Ngay lập tức, ngài

---

[6556] Thánh Lêô I, hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 457 đến năm 474. Thánh Anastasius I làm tổng giám mục tại Giê-ru-sa-lem từ năm 458 đến năm 478. Thánh Kyriakos đã bí mật rời khỏi cha mẹ để đến Giê-ru-sa-lem vào khoảng năm 465.

[6557] Si-ôn – ngọn núi phía tây nam của Giê-ru-sa-lem, nơi thành phố Giê-ru-sa-lem được xây dựng và nơi pháo đài Giê-ru-sa-lem sừng sững. Trong Kinh Thánh, Si-ôn được gọi là ngọn núi thánh, nơi ở và ngôi nhà của Đức Chúa Trời, và rất thường được hiểu là chính thành phố Giê-ru-sa-lem; theo nghĩa đó, tên gọi này cũng được sử dụng trong trường hợp này.

[6558] Tu viện Thánh Euphymius nằm không xa Jerusalem.

[6559] Thánh Euphymius Đại Đế không nhận các tu sĩ quá trẻ vào Tu viện của mình, vì họ chưa sẵn sàng cho cuộc sống khắc nghiệt, ẩn dật tại tu viện và chưa xứng đáng để được thụ phong "giáo phục vĩ đại" — điều bắt buộc đối với các ẩn sĩ trong tu viện, những người đồng thời phải tuân thủ chế độ cách ly nghiêm ngặt trong tu viện; còn tại các tu viện cộng đồng, cuộc sống ở một số khía cạnh thì bớt khắc nghiệt hơn.

dẫn theo Kyriakos đến tu viện của Thánh Euphymius, nơi ngài thấy vị thánh đã an nghỉ trong Chúa; sau khi an táng thi hài tôn kính của ngài, Thánh Gerasimos trở về phòng tu của mình cùng với đệ tử yêu quý.

Vào năm thứ chín kể từ khi Kyriak đến Palestine, vị thánh nhân vĩ đại của Chúa là Gerasim đã rời khỏi cõi trần gian để về với cõi vĩnh hằng. Lúc đó, Kyriak, khi ấy đã hai mươi bảy tuổi, lại trở về tu viện của Thánh Euphymius, nơi trước đây ngài đã nhận được bức chân dung thiên thần "[6560] " từ chính đôi tay thánh thiện của ngài. Vị tu viện trưởng của tu viện lúc bấy giờ là Ilya; sau khi xin ngài một căn phòng riêng, Kyriak bắt đầu sống trong đó trong sự im lặng. Tại tu viện, ngài đã tìm được một người bạn, một tu sĩ tên là Thomas, một người ăn chay nghiêm ngặt và hoàn hảo trong đời sống tu hành, và ngài bắt đầu dành cho người ấy một tình yêu lớn lao về Thánh Thần: cả hai đều được lợi ích từ nhau, vì cả hai đều tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa. Nhưng họ không được an ủi lâu trong thời gian chung sống thân thiết ấy, vì ý muốn của Thiên Chúa đã chia lìa họ. Vậy là thánh Phô-ma được phó tế Phid gửi đến Alexandria để mua một số vật dụng cần thiết cho tu viện. Nhân dịp này, Giám mục Martirius[6561] đã trao cho ngài một bức thư gửi đến Thượng phụ Timôthê, Tổng Giám mục Alexandria[6562] . Tổng Giám mục Timôthê đã giữ Thánh Phêrô lại bên mình, nhận ra ân sủng hiện diện trong ngài, và sau khi phong chức, đã bổ nhiệm ngài làm Giám mục tại xứ Ê-thi-ô-pi[6563] . Khi đến đó, Thánh Phêrô đã chiếu sáng ánh sáng Kitô giáo khắp các vùng đất của xứ sở này và, sau khi thực hiện nhiều dấu lạ và phép lạ, ngài đã trở thành vị mục tử nhân lành của đoàn chiên được giao phó.

Sau khi mất đi người bạn của mình, tu sĩ Phêrô, Thánh Kyriak đã thề giữ sự im lặng sâu sắc và sống ẩn dật trong phòng tu, như thể bị chôn vùi trong quan tài, chỉ trò chuyện với một mình Thiên Chúa. Và ngài đã ở lại tu viện đó, nơi ngài được tấn phong làm phó tế, trong mười năm. Vào thời đó, cả hai tu viện, Euphimius và Theoktistus, đều có chung một khu sinh hoạt tập thể và một ban quản lý, tuân theo hiến chương của vị thánh vĩ đại Euphimius. Nhưng kẻ thù đã gây ra sự hỗn loạn trong các tu viện này và gieo rắc sự chia rẽ và bất hòa giữa chúng. Buồn bã vì sự chia rẽ giữa các tu viện, Thánh Kiriak đã lui về tu viện Sukiy, nơi được vị tu sĩ đáng kính Chariton thành lập và xây dựng, và bắt đầu thực hiện các nhiệm vụ tu hành. Sau bốn năm phục vụ trong các công việc khác nhau, tại lò bánh và bệnh xá, và được sự tán thành của tất cả các vị cha, ngài được phép đảm nhận chức vụ phó tế; ba năm sau đó, khi bước sang tuổi bốn mươi, Kyriak được tấn phong làm linh mục, rồi được bổ nhiệm làm kanonarch[6564] và đảm nhận chức vụ này trong mười tám năm; tổng cộng , ngài đã sống tại tu viện Sukiy hơn ba mươi năm. Chính ông đã chứng thực rằng trong thời gian làm kanonarch, mặt trời chưa từng thấy ông ăn uống hay nổi giận với ai. Ông cũng kể rằng mỗi tối, khi vào phòng tu để cầu nguyện, ông đọc và hát Thánh vịnh cho đến khi tiếng gõ chuông[6565] báo hiệu giờ hát nửa đêm.

Với mong muốn sống một cuộc đời còn khắc khổ hơn nữa, Kyriakos, khi đã bảy mươi tuổi, đã lui về sống trong sa mạc. Ông mang theo một đệ tử và, sau một thời gian dài lang thang trong sa mạc, đã đến được vùng đất được gọi là Natuf, nơi ông định cư. Không có gì để ăn, vì thực vật ở sa mạc đó cực kỳ đắng, ông đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời và, tin tưởng vào lòng thương xót của Ngài, nói với đệ tử:

– Hãy đi đi, con ơi, hái ít thảo dược đắng về rồi nấu lên: ngợi khen Đức Chúa Trời toàn năng, – chính Ngài sẽ dùng loại thảo dược đó để nuôi sống chúng ta!

Đệ tử đã làm theo lời thánh nhân dặn dò; còn Đức Chúa Trời, Đấng nuôi dưỡng tất cả những ai đặt niềm tin nơi Ngài, đã biến vị đắng của loại thảo mộc ấy thành vị ngọt, và nó đã trở thành thức ăn cho họ trong suốt bốn năm. Vào cuối năm thứ tư, trưởng lão của bộ tộc Komit,[6566] từ Fekua, đã nghe nói về Kyriak từ những người chăn cừu

---

[6560] Hình ảnh thiên thần – lễ thụ phong tu sĩ, trong đó con người phải trở nên giống như các Thiên thần vô hình, dành trọn thời gian cho việc suy ngẫm về Thiên Chúa, cầu nguyện và các hành động thiêng liêng cao cả nhằm chiến thắng xác thịt.

[6561] Ở đây, "giám mục" ám chỉ Thượng phụ Martirius của Jerusalem, người đã giữ chức Thượng phụ từ năm 478 đến năm 486.

[6562] Timôthê II Salophakiil – Thượng phụ Alexandria từ năm 460 đến năm 482.

[6563] Ethiopia – tên gọi cổ xưa của một quốc gia rộng lớn nằm ở phía nam Ai Cập. Ở đây chủ yếu đề cập đến Abyssinia, nơi Kitô giáo đã lan rộng từ thế kỷ IV.

[6564] "Canonarch" – có nghĩa là người khởi xướng việc hát theo quy định. Vào thời cổ đại, do các tu viện nghèo khó, không đủ khả năng sở hữu đủ số lượng bản sao sách phụng vụ cần thiết, cũng như do số lượng ca sĩ biết chữ còn ít, nên việc hát các bài thánh ca theo lời đọc đã trở thành một tập quán. Một tu sĩ cầm sách trên tay, đọc to từng câu một, còn các ca viên khác hát theo từng câu đó ngay khi câu đó được đọc lên. "Kanonarchanie" vẫn tồn tại trong các tu viện cho đến ngày nay.

[6565] "Bilo" là một tấm ván bằng kim loại hoặc gỗ, vốn từ thời cổ đại, và ở một số nơi vẫn còn được sử dụng cho đến nay, thay thế cho chuông để triệu tập các tín hữu đến tham dự thánh lễ.

đang chăn cừu trong sa mạc. Ông ta chất một bao bánh mì lên lưng lừa, rồi đến gặp Kyriakos, xin ngài ban phước lành và cầu nguyện cho mình. Sau khi cầu nguyện, Kyriakos trò chuyện với ông ta về những chủ đề có ích cho linh hồn, rồi ban phước lành và tiễn ông ta ra về; từ đó trở đi, họ bắt đầu dùng bánh mì do vị trưởng lão mang đến làm thức ăn. Nhưng một lần nọ, một đệ tử của Thánh Kyriakos đã nấu một loại thảo dược mà không được vị trưởng lão thánh thiện cho phép; khi nếm thử, anh ta cảm thấy vị đắng đến mức không thể thốt ra được một lời nào. Hiểu được nguyên nhân khiến anh ta câm lặng, vị trưởng lão đã cầu nguyện cho anh ta, ban Thánh Thể cho anh ta và nhờ đó chữa lành căn bệnh của anh ta. Nhân dịp này, ngài đã dạy dỗ anh ta như sau:

– Chúa không phải lúc nào cũng làm phép lạ, mà chỉ trong những lúc chúng ta gặp hoạn nạn và khi chúng ta lâm vào cảnh khốn cùng; khi chúng ta không có bánh mì, Chúa đã làm cho loại thảo dược đó trở nên ngọt ngào để chúng ta có thể ăn; còn bây giờ chúng ta đã có bánh mì, vậy thì còn cần gì đến phép lạ để biến loại thảo dược đắng chát thành ngọt ngào nữa?

Nhưng rồi bánh mì đã cạn kiệt, và một lần nữa chúng ta lại thiếu thức ăn; lúc đó, vị tu sĩ già lại nói với đệ tử:

– Ngợi khen Đức Chúa Trời, con yêu quý, – hãy hái và nấu các loại thảo mộc đi.

Đệ tử tuân theo lệnh, nhưng khi đến giờ ăn, cậu không dám nếm thử vì sợ lại phải chịu đau khổ; còn vị tu sĩ già, sau khi làm dấu thánh giá trên món ăn, đã nếm thử trước, và sau đó, nhìn theo vị tu sĩ già, đệ tử cũng dám nếm thử, và cả hai đều không gặp phải bất kỳ tổn hại nào, vì họ thấy món ăn ngọt ngào như trước đây, và từ đó trở đi, họ bắt đầu dùng loại thảo dược đó làm thức ăn.

Vào năm thứ năm kể từ khi Thánh Kyriakos ẩn tu trong sa mạc, có một người đàn ông gốc từ Fekua nghe nói về vị thánh này; ông đã đưa con trai mình – người bị một con quỷ dữ hành hạ mỗi khi trăng non – đến gặp ngài, và khẩn cầu vị thánh hãy thương xót con trai ông và trục xuất con quỷ ác độc đó ra khỏi người con. Sau khi dâng lời cầu nguyện, Thánh Kyriakos xức dầu thánh lên người bệnh nhân, làm dấu thánh giá trên người cậu bé, và nhờ đó đã trừ được con quỷ. Người đàn ông ấy trở về nhà cùng con trai đã khỏi bệnh và kể cho mọi người nghe về phép lạ này.

Tin đồn về vị thánh lan truyền khắp cả vùng đất ấy, và nhiều người bắt đầu đổ xô đến với ngài – người thì xin phước lành, người thì mong được chữa lành, còn người khác thì muốn trò chuyện với ngài để được lợi ích cho linh hồn mình. Để tránh sự vinh quang của loài người, thánh Kyriakos đã lui vào sa mạc nội địa, được gọi là Ruva, và ở lại đó năm năm, sống bằng rễ của một loại cây gọi là melagria và những chồi non tươi của cây sậy[6567] . Nhưng ngay cả ở đó, một số người vẫn tìm thấy ngài, họ đưa những người bệnh tật và những người bị quỷ ám đến với ngài; còn vị thánh thì chữa lành cho tất cả bằng dấu thánh giá và lời cầu nguyện.

Không tìm thấy sự bình an ngay cả ở đây, vị thánh đã rời Ruva và định cư tại một vùng hoang vắng và hẻo lánh, nơi không có một ẩn sĩ nào: nơi này được gọi là Susakim và cách tu viện Sukiy chín mươi poprishch[6568] . Ngày xưa, hai con sông sâu từng chảy qua đây, nhưng sau đó đã cạn khô, chỉ còn lại lòng sông sâu và rộng. Theo một số người, đó chính là các con sông Ifam, mà Đa-vít đã nhắc đến trong các Thi thiên khi cầu khẩn Đức Chúa Trời: *"Ngài đã làm cạn khô những dòng sông mạnh mẽ"*[6569] (Thi thiên 73:15). Và Thánh Ki-ri-ác đã ở lại đó bảy năm, sống một đời thánh thiện ngang hàng với các thiên thần.

Theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, nạn đói và dịch bệnh đã ập đến những vùng đất ấy. Lo sợ trước thảm họa đang rình rập, các vị tu sĩ của Tu viện Sukia đã đến gặp Thánh Kiriak, khẩn cầu ngài đến tu viện của họ; vì họ tin rằng nếu Thánh Kiriak ở cùng họ, thì cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sẽ không giáng xuống họ. Và điều đó đã thực sự xảy ra. Sau khi đến tu viện theo lời thỉnh cầu của các tu sĩ, Thánh Kyriakos bắt đầu sống gần tu viện trong một hang động ẩn tu, nơi trước đây Thánh Chariton từng cư ngụ.

Vào thời điểm đó, tà thuyết của Origen[6570] đang ngày càng lan rộng; Thánh Kyriakos đã nỗ lực rất nhiều để loại trừ nó, đánh bại những giáo lý tà đạo vô thần, dẫn dắt những người bị lừa dối trở lại con đường chân chính

---

[6566] "Komiti" là tên gọi dành cho các vệ sĩ hoàng gia. Sau này, danh hiệu này được áp dụng cho các quan chức chính thức thuộc đoàn tùy tùng của các quan chức cấp cao nhất – như các quan tổng trấn, quan trưởng vùng, thống đốc; nhiệm vụ của các komiti sau này còn bao gồm việc thu thuế nộp vào kho bạc nhà nước.

[6567] Melagria – một loài thực vật hoang dã ít được biết đến ở Palestine, có vị đắng nhẹ. Cụm từ "cây sậy" ở đây ám chỉ loại cây sậy thơm – một loài thực vật có rễ thơm ngát và dễ chịu, nhưng lại có vị đắng.

[6568] 90 poprishch theo cách tính của chúng ta tương đương khoảng 124 verst.

[6569] "Ifam" – khi dịch từ tiếng Do Thái có nghĩa là: không thể vượt qua, sâu thẳm và chảy xiết.

bằng lời cầu nguyện và lời giảng dạy, đồng thời củng cố đức tin cho những người trung thành. Về điều này, tác giả cuốn tiểu sử này, Cyril, đã viết như sau:

– Vào thời điểm đó, sau khi rời Tu viện Euthymius Đại đế, tôi đã đến Tu viện Thánh Savva để gặp Đức Giám mục Thánh thiện Gioan Người Im Lặng. Ngài đã sai tôi mang thư đến cho tu sĩ Kyriakos, để báo cho ngài biết về sự chia rẽ do những kẻ dị giáo gây ra tại thành thánh, và khẩn cầu ngài dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện không ngừng nghỉ để đánh đổ sự kiêu ngạo của các thủ lĩnh dị giáo là Non và Leontios, những kẻ đang lặp lại những lời phỉ báng của Origene đối với Đức Kitô. Khi đến tu viện Sukia, tôi đã đến hang động của Thánh Chariton và, sau khi cúi đầu kính chào Thánh Kyriakos, tôi đã trao lá thư cho ngài, đồng thời tự mình nói lại những điều mà Thánh Gioan Người Im Lặng kỳ diệu đã truyền cho tôi. Vị Thánh ấy đã đáp lại tôi:

– Xin cha đã sai con đi đừng lo lắng, vì chẳng bao lâu nữa, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ chứng kiến sự sụp đổ của tà giáo.

Và ngài đã tiên đoán về cái chết sắp xảy ra của Non và Leontius, những người rao giảng giáo lý của Origene. Tiếp tục cuộc trò chuyện đầy giáo huấn, Kyriak đã chỉ ra cho tôi sự điên rồ và lừa dối của những người theo Origene, và kể lại rằng Ngài đã được Thiên Chúa mặc khải cho thấy sự tai hại của tà giáo này và sự diệt vong của những ai bị nó lừa dối. Khi biết từ cuộc trò chuyện của chúng tôi rằng tôi là một tu sĩ từ tu viện vĩ đại của Thánh Euphymius, vị thánh đã nói:

– Vậy thì, anh em ơi, anh cùng tu viện với tôi.

Và ngài bắt đầu nói với tôi rất nhiều về Thánh Euphymius để mang lại lợi ích cho linh hồn tôi; sau khi nuôi dưỡng linh hồn tôi bằng những câu chuyện bổ ích qua lời nói ngọt ngào của ngài, ngài đã tiễn tôi ra về trong bình an. Chẳng bao lâu sau, lời tiên tri của vị thánh Kiriak đã ứng nghiệm, vì những kẻ cầm đầu tà giáo đột ngột qua đời, cộng đồng tà giáo tan rã và cuộc bách hại đối với những người Chính Thống Giáo cũng chấm dứt. Lúc bấy giờ, Thánh Kyriakos, sau khi thoát khỏi những lo toan, đã rời hang động của Thánh Chariton để trở lại Susakim, vào năm thứ chín mươi chín của cuộc đời ngài, và sống ở đó trong sự tĩnh lặng suốt tám năm.

Một lần nữa, mong muốn được chiêm ngưỡng khuôn mặt thánh thiện của vị thánh và thưởng thức những cuộc trò chuyện ngọt ngào của ngài, tôi lên đường đến tu viện Sukia và, sau khi gặp được môn đệ của ngài là Gioan tại đó, tôi cùng anh ấy đi đến Susakim để gặp Thánh Kyriakos. Khi chúng tôi đến gần nơi đó, một con sư tử khổng lồ và đáng sợ đã chặn đường chúng tôi. Thấy con thú khiến tôi kinh hoàng, đệ tử của vị thánh là Gioan đã nói với tôi:

– Đừng sợ, anh em Cyril: con sư tử này là người phục vụ của Cha chúng ta và không gây hại gì cho các anh em đến với ngài cả.

Quả thực, con sư tử, khi thấy chúng tôi đang đi đến gặp vị tu sĩ cao niên, đã tránh sang một bên đường. Khi nhìn thấy tôi, Abba Kyriakos nói:

– Đây là anh em từ tu viện của tôi, Cyril, đã đến gặp tôi.

Sau khi dâng lời cầu nguyện, chúng tôi ngồi xuống và bắt đầu trò chuyện. Rồi môn đệ của ngài là Gioan nói với ngài:

– Thưa Cha! Anh em Cyril, khi nhìn thấy con sư tử, đã rất sợ hãi.

Vị tu sĩ già bèn nói với tôi:

– Đừng sợ con sư tử đó, con Kirill ạ, vì nó sống cùng ta và canh giữ những loại rau củ ít ỏi này khỏi những con dê hoang.

Sau đó, vị thánh đã kể cho tôi nghe rất nhiều về vị thánh vĩ đại Euphimius và các vị cha sa mạc khác, những người đã sống một cuộc đời đạo đức, rồi ngài bảo mang thức ăn ra cho tôi. Khi chúng tôi đang ăn, con sư tử đến và đứng trước mặt chúng tôi; vị tu sĩ già đứng dậy, đưa cho nó một miếng bánh mì, nói:

– Hãy đi, canh chừng những cây rau đi.

Rồi ngài nói với tôi:

[6570] Origen – vị thầy Kitô giáo nổi tiếng của Giáo hội Alexandria (qua đời năm 254) – là một kỳ tài của thời đại mình nhờ trí tuệ vĩ đại và sự uyên bác sâu sắc. Nhiều vị Giáo phụ vĩ đại nhất đã dành sự kính trọng sâu sắc cho các tác phẩm thần học và công lao của Origen; nhưng sau đó, ngay khi còn sống, ông đã bị kết án là kẻ dị giáo tại hai Công đồng Alexandria địa phương, và sau khi qua đời, tại Công đồng Constantinopolis địa phương năm 543. Mặc dù không đưa ra những quan điểm phi chính thống của mình như những chân lý bất di bất dịch, Origen vẫn có những suy nghĩ sai lầm về nhiều chân lý của Giáo hội Kitô giáo, khiến một số người nghi ngờ sự kiên định của ông đối với các tín điều Kitô giáo quan trọng nhất.

– Con có thấy con sư tử này không, hỡi con? Nó không chỉ canh giữ rau củ, mà còn xua đuổi bọn cướp và bọn man rợ khỏi nơi này: những kẻ ác đã nhiều lần tấn công nơi hẻo lánh này, nhưng con sư tử đã xua đuổi chúng đi.

Nghe vậy, tôi kinh ngạc và ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã khiến các loài thú hoang trở nên hiền lành như chiên trước mặt vị thánh nhân của Ngài. Tôi ở lại với ngài một ngày, nhưng đã học được rất nhiều điều; sáng hôm sau, sau khi dâng lời cầu nguyện, ngài ban phước lành cho tôi và tiễn tôi ra đi trong bình an, đồng thời ra lệnh cho đệ tử của ngài đưa tôi đi. Khi rời khỏi vị thánh, chúng tôi gặp một con sư tử trên đường, nó đang nằm và ăn thịt một con dê hoang; không dám đi qua nó, chúng tôi dừng lại, còn nó, khi thấy chúng tôi đứng đó, đã bỏ con mồi của mình và bước ra khỏi đường, nhường lối cho chúng tôi đi qua.

Nơi vị thánh sống rất khô cằn và thiếu nước, lại không có giếng; vị thánh đã đục một hố sâu trong đá, dùng để tích trữ nước vào mùa đông, và lượng nước đó đủ cho chính ngài cũng như để tưới rau trong suốt mùa hè. Nhưng vào một năm nọ, vào tháng Bảy, nước tích trữ trong hố đá đã cạn khô vì cái nóng gay gắt. Buồn bã vì thiếu nước, vị thánh ngước mắt lên trời và cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Đấng đã cho dân Y-sơ-ra-ên khát nước được uống trong sa mạc (Xuất Ê-díp-tô Ký 17:1–6; Dân Số Ký 20:2–12)! Xin hãy ban cho con một ít nước trong sa mạc này, đủ để đáp ứng nhu cầu của thân xác hèn mọn của con.

Và ngay lập tức, một đám mây nhỏ xuất hiện trên Susakim, mưa rơi xung quanh nơi ở của vị thánh và lấp đầy tất cả các hốc đá nằm giữa những tảng đá. Chúa đã nhanh chóng nghe lời người tôi tớ của Ngài.

"Tôi cho rằng cần thiết," – tác giả của cuốn tiểu sử này, Cyril, nói – "để kể lại ở đây điều mà cha Gioan, môn đệ của thánh Cyriacus, đã kể cho tôi nghe. Khi chúng tôi đi cùng nhau trong sa mạc, ngài chỉ cho tôi một nơi và nói:

– Đây là nơi ở của thánh nữ Maria.

Tôi xin ngài kể cho tôi nghe về bà, và ngài bắt đầu kể:

– Cách đây một thời gian, – ông nói, – khi tôi cùng người bạn của mình, anh Paramon, đi đến gặp Cha Kyriakos, thì từ xa chúng tôi thấy một người đang đứng đó và nghĩ rằng đó là một ẩn sĩ nào đó; chúng tôi vội vã tiến lại gần để chào hỏi, nhưng khi đến gần nơi đó, người ấy lập tức biến mất khỏi tầm mắt chúng tôi. Cho rằng đó là một linh hồn ác, chúng tôi rơi vào nỗi sợ hãi không nhỏ và vì thế đã bắt đầu cầu nguyện. Sau khi hoàn tất lời cầu nguyện, nhìn quanh bốn phía, chúng tôi phát hiện ra một hang động dưới đất và nhận ra rằng đó không phải là linh hồn ác, mà là một tôi tớ của Chúa, người đã trốn tránh chúng tôi. Khi đến gần hang động, chúng tôi cầu nguyện và khẩn cầu người ấy hiện ra trước mặt chúng tôi, đừng từ chối những lời cầu nguyện và cuộc trò chuyện hữu ích của chúng tôi. Và chúng tôi nghe thấy câu trả lời từ trong hang động như sau:

– Các ngươi muốn gì ở ta? Ta chỉ là một người phụ nữ tội lỗi và đơn sơ.

Và bà ấy hỏi chúng tôi:

– Các ngươi đang đi đâu vậy?

Chúng tôi đáp:

– Chúng tôi đang trên đường đến gặp Cha Kyriakos, một ẩn sĩ; nhưng xin hãy cho chúng tôi biết, vì danh Chúa: tên bà là gì, bà sống ra sao, bà đến từ đâu và tại sao bà lại đến đây?

Cô ấy đáp lại:

– Các anh cứ đi nơi nào các anh định đi, và khi các anh trở về, tôi sẽ kể hết cho các anh nghe.

Chúng tôi thì trấn an cô ấy, nói:

– Chúng tôi sẽ không đi cho đến khi biết tên cô là gì và cuộc sống của cô ra sao.

Thấy chúng tôi không chịu đi, cô ấy bắt đầu kể về bản thân, mà không lộ diện ra khỏi hang:

– Tên tôi là Maria, trước đây tôi là một nữ ca viên[6571] tại nhà thờ Phục Sinh của Chúa Kitô, và ma quỷ đã dùng tôi để cám dỗ nhiều người; trong lòng tôi nảy sinh nỗi sợ hãi, e rằng mình sẽ trở thành nguyên nhân khiến ai đó nảy sinh những ý nghĩ xấu xa và sa ngã, và để không vì thế mà tội lỗi của tôi thêm nặng nề, tôi đã siêng năng cầu nguyện với Chúa để Ngài giải thoát tôi khỏi sự cám dỗ ấy. Vậy nên, một ngày nọ, với trái tim tràn đầy xúc động và thấm nhuần sự kính sợ Thiên Chúa, tôi đã đến Siloam, múc nước vào bình, mang theo một giỏ đậu ngâm, và sau khi phó thác bản thân cho sự che chở của Thiên Chúa, tôi đã rời khỏi thành thánh vào ban đêm để đến sa mạc. Chúa

[6571] Nhiệm vụ của người đọc Thánh vịnh là đọc các Thánh vịnh trong các buổi lễ thờ phượng của các tín hữu Kitô giáo.

đã thương xót dẫn dắt tôi đến đây, và đã mười tám năm nay tôi sống ở đây; nhờ ân sủng của Chúa, cho đến nay nước trong bình của tôi chưa bao giờ cạn, và đậu trong giỏ cũng chưa bao giờ vơi đi. Bây giờ, xin các con hãy đến gặp cha Kyriakos và hoàn tất việc của mình; khi trở về, xin hãy ghé thăm tôi, một người nghèo khổ.

Nghe vậy, chúng tôi đến gặp cha Kyriakos và kể lại cho ngài tất cả những gì đã nghe từ thánh nữ Maria. Cha Kyriakos ngạc nhiên và nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Thiên Chúa của chúng con! Ngài có biết bao thánh nhân ẩn dật, không chỉ nam giới mà cả nữ giới, đang thầm lặng phụng sự Ngài! Hãy đi, các con của ta, đến gặp vị thánh nữ của Thiên Chúa và hãy ghi nhớ những gì bà ấy nói với các con.

Trên đường trở về từ nơi Thánh Kyriakos, chúng tôi đến hang động của Thánh nữ Maria và gọi bà, nói rằng:

– Nô tì của Chúa, Maria! Chúng con đã đến theo lệnh của chị.

Nhưng không có lời đáp lại. Bước vào lối vào hang động, chúng tôi dâng lời cầu nguyện, nhưng Maria vẫn không đáp lại; khi chúng tôi đi sâu vào bên trong hang động, thì thấy Maria đã an nghỉ trong Chúa, và từ thi hài thánh thiện của bà toát ra một mùi hương thơm ngát. Chúng tôi không mang theo gì để mặc cho bà và chôn cất bà, nên đã quay về tu viện và mang từ đó tất cả những gì cần thiết. Sau khi mặc áo cho vị thánh nữ, chúng tôi chôn cất bà trong hang động và chặn lối vào bằng đá.

Đó là những gì cha Gioan đã kể cho tôi nghe; còn tôi, vì kinh ngạc trước cuộc đời như vậy của người tôi tớ Chúa ấy, nên đã quyết định ghi chép lại những điều này trong lòng để làm gương cho những ai lắng nghe và để tôn vinh Đức Chúa Trời Yêu Thương Loài Người, Đấng ban sự kiên nhẫn cho những ai yêu mến Ngài."

Vào cuối năm thứ tám của thời gian lưu trú tại Susakima, Thánh Kiriak đã bước vào tuổi già sâu thẳm, vì ngài đã tròn một trăm bảy tuổi. Các vị tu sĩ của tu viện Sukiya, sau khi tụ họp lại, đã bàn bạc với nhau:

– Không thể để một vị cha như vậy – họ nói – qua đời xa tu viện của chúng ta; nếu không, chúng ta sẽ không biết về sự ra đi thanh thản của ngài và sẽ mất đi lời chúc phúc cuối cùng của ngài.

Họ đến gặp vị thánh và nài nỉ ngài trong một thời gian dài, mong ngài chuyển từ Susakima đến hang động của Thánh Hariton, nằm gần tu viện, nơi ngài từng sống trước đây khi chống lại các tín đồ Origene. Cuối cùng, sau khi đồng ý với lời thỉnh cầu của họ, Thánh Kiriak đã định cư tại hang động của Thánh Hariton, hai năm trước khi ngài về với Chúa.

– Còn tôi, một kẻ hèn mọn, – tác giả viết, – thường xuyên đến đó, an ủi ngài và nhận được nhiều ơn ích cho linh hồn mình từ những lời giảng thánh thiện và những việc làm vĩ đại của ngài. Mặc dù đã cao tuổi, thánh Kiriak vẫn nổi bật với sức khỏe dẻo dai, siêng năng và rất năng động. Ngài không bao giờ rảnh rỗi, lúc thì cầu nguyện, lúc thì làm việc. Ngài là người gần gũi với mọi người, sáng suốt, có khả năng dạy dỗ và giữ vững đức tin, đồng thời tràn đầy Thánh Thần và ân sủng của Chúa. Khi Chúa chúng ta thương xót, sau bao nhiêu công lao của vị thánh, đã cho ngài về nơi an nghỉ trên trời, vị thánh đã mắc bệnh thể xác, nhưng chỉ mắc bệnh trong một thời gian ngắn. Ngài đã gọi vị Bề trên của tu viện đó cùng các tu sĩ đến bên mình, rồi giảng dạy về sự cứu rỗi linh hồn; sau đó, ngài hôn lên má mọi người và ban phước lành. Sau đó, ngài ngước mắt lên trời và giang rộng hai tay, cầu nguyện cho tất cả các tu sĩ, rồi phó thác linh hồn cao quý và thánh thiện của mình vào tay Chúa, vào ngày 29 tháng Chín năm[6572] . Ngài đã sống tổng cộng một trăm chín năm.

Các anh em đã khóc thương ngài rất nhiều, rồi an táng thi hài thánh thiện của ngài với những bài thánh vịnh và tiếng hát xứng đáng, ca ngợi Thiên Chúa và tưởng nhớ những công lao lâu năm của vị thánh nhân này.

Xin cho chúng con, những kẻ tội lỗi, cũng dâng lên Thiên Chúa của chúng con vinh quang, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời! Amen.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Như một vị chiến binh dũng mãnh và Đấng bảo trợ, ngôi đền thánh luôn tôn vinh ngài, kỷ niệm ngày lễ mùa hè: "[6573] " nhưng vì có lòng can đảm trước mặt Chúa, xin ngài bảo vệ chúng con khỏi những kẻ thù đang rình rập, để chúng con có thể kêu lên: "Hãy vui mừng, hỡi vị Cha đáng chúc tụng."

[6572] Thánh Kyriak qua đời vào năm 556.

[6573] Tức là hàng năm người ta đều kỷ niệm ngày thánh của ngài.

Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Dada, Gavedday và Kazdoi

Ngày tưởng niệm 29 tháng 9

Vào thời vua Sapor của Ba Tư, cha của thánh tử đạo Gavedday, có một người Kitô hữu tên là Dada sống tại triều đình, là một trong những quan đại thần hàng đầu, được vua rất yêu mến và kính trọng. Vua đã cử ông đi cai trị một trong các vùng của vương quốc Ba Tư, mà không biết rằng ông là người Kitô hữu. Chẳng bao lâu sau, có người tâu lên vua rằng Dada tuyên xưng Đức Kitô. Lúc đó, vua đã cử quan đại thần Andromelich đi điều tra xem điều đó có đúng không. Sau khi xác nhận đó là sự thật, Andromelich đã tâu lại cho Sapor. Sau đó, nhà vua trao cho quan đại thần này toàn quyền đối với các Kitô hữu trong vương quốc của mình, còn bản thân ông cùng với con trai là Gaveddae bắt đầu thẩm vấn Thánh Dada; và qua cuộc trò chuyện với ngài, nhà vua càng thêm chắc chắn rằng ngài tin tưởng vào Chúa Giêsu Kitô bằng cả tâm hồn và sẵn sàng hy sinh mạng sống vì Ngài. Lúc đó, người ta đã đốt một đống lửa lớn và định ném thánh Dada vào đó. Đống lửa lớn đến nỗi tất cả những ai chứng kiến đều kinh hoàng. Khi thánh Dada bước đến gần ngọn lửa đang bùng cháy rực rỡ, ngài làm dấu thánh giá. Bỗng nhiên, mọi người đều thấy ngọn lửa tắt lịm và thay vào đó, nước chảy ra, họ đều kinh ngạc trước phép lạ vĩ đại này. Còn hoàng tử Gavedday thì hỏi vị thánh tử đạo:

– Ai đã dạy ngài những phép thuật như vậy?

Thánh Dada trả lời:

– Nếu ngài cũng muốn theo học giáo lý mà tôi đang tuân theo, thì ngài cũng sẽ được ban ân sủng để thực hiện những phép lạ tương tự.

– Thật vậy sao? – Gavedday hỏi – Nếu ta tin vào Đấng Kitô của ngươi, ta sẽ thực hiện được những dấu lạ kỳ diệu như vậy sao? Thánh Dada đáp lại:

– Không chỉ thực hiện được những phép lạ đó, mà ngươi còn được ngự trị cùng với Đấng Kitô.

Lúc đó, Gavedday ra lệnh đốt một đống lửa lớn, kêu cầu danh Chúa Kitô, và ngọn lửa bỗng tắt ngấm. Chứng kiến phép lạ ấy, hoàng tử quỳ sấp xuống chân Thánh Dada và tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Quan đại thần Andromelich đã tâu lại toàn bộ sự việc này với vua Sapor. Khi biết con trai mình là Gavedday tin vào Chúa Kitô, nhà vua ra lệnh cho bốn người hầu đánh hoàng tử bằng những cây gậy có gai. Khi bốn người này kiệt sức vì đánh quá lâu, nhà vua ra lệnh cho những người khác thay thế họ. Trong lúc bị đánh, thánh Gavedday đã cầu xin Chúa giúp đỡ. Một thiên thần đã hiện ra và củng cố tinh thần cho ngài, nói với ngài rằng:

– Hãy can đảm lên, Ta ở cùng con.

Sau đó, vị thánh tử đạo này bị ném vào ngục tối, nơi ngài ở lại trong năm ngày. Chẳng bao lâu sau, Sapor giao quyền xét xử tất cả các Kitô hữu trong vương quốc của mình cho một người tên là Gargal, người này ra lệnh đánh Thánh Gavedday bằng những sợi dây da bò. Trong khi chịu đựng sự tra tấn đó, vị thánh tử đạo vẫn tuyên xưng đức tin của cha ông. Lúc đó, Gargal ra lệnh lột hai sợi dây da khỏi thân thể ngài, từ chân lên đến đầu, và nói:

– Ta sẽ xem xem Chúa Kitô của ngươi có đến để chữa lành cho ngươi không. Nhưng vị thánh tử đạo bỗng chốc hoàn toàn khỏe mạnh trở lại. Gargal giam ngài vào ngục tối; nhưng nhờ quyền năng của Thiên Chúa, xiềng xích của ngài đã tự động tuột ra. Vị quan tòa phát điên vì cơn giận và đi báo cáo tất cả chuyện này với nhà vua, người đã nói với ông ta:

– Hãy giết tên vô đạo đó đi, vì hắn không còn là con trai ta nữa, mà là một kẻ có lòng gian ác, bởi vì hắn đã tin vào Chúa Kitô.

Gargal đã nung đỏ một thanh sắt và dùng nó đâm xuyên qua đầu vị thánh tử đạo, xuyên qua cả hai tai. Nhưng trong lúc vị thánh tử đạo đang cầu nguyện, một Thiên thần đã hiện ra, rút thanh sắt ra và chữa lành cho vị thánh đang chịu đau khổ. Thấy vậy, Gargal bắt đầu hành hạ thi thể ngài bằng những mũi kim sắt nhọn, vừa làm vừa nói:

– Chúng ta sẽ xem liệu Đấng Kitô của ngươi có đến và chữa lành cho ngươi hay không.

Nhưng thánh Gavedai lại cầu nguyện và được chữa lành. Chứng kiến tất cả những điều này, những người canh gác nhà tù đã kinh hãi và thốt lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại.

Nhưng quan tòa lại càng nổi giận hơn và ra lệnh đâm những cây kim sắt vào vai vị tử đạo rồi treo cổ ngài, để ngài ở tư thế đó từ ba giờ đến chín giờ. Thánh nhân vẫn treo lơ lửng và cầu nguyện. Sau đó, người ta tháo ông xuống và lại đưa về ngục tối. Mẹ và chị gái ông muốn đến thăm ông trong ngục, nhưng lại sợ nhà vua. Còn chính Sapor, khi biết vị tử đạo vẫn còn sống, đã ra lệnh tra tấn ông thêm một lần nữa: ông ra lệnh lột da đầu ông, che mặt ông lại và lại giam ông vào ngục tối. Thánh nhân đã chịu đựng tất cả những điều này trong khi ngợi khen Thiên Chúa. Khi biết vị tử đạo vẫn còn sống, vua ra lệnh nhổ hết móng tay và móng chân của ngài, đồng thời đánh rụng hết răng. Sau khi nhốt ngài trở lại ngục tối, vua cấm không cho ngài uống nước và không cho ai đến thăm ngài.

Chị gái của vị tử đạo lén lút vào ngục và cho ngài uống nước, đồng thời đe dọa người canh ngục rằng nếu tiết lộ chuyện này sẽ bị xử tử. Giữa muôn vàn đau khổ, vị thánh tử đạo vẫn vui mừng và chữa lành mọi bệnh tật cho những ai đến với ngài, khiến mọi người đều kinh ngạc.

Vào thời điểm đó, trong ngục còn có một người tên là Gargal, một thầy phù thủy, đang bị giam giữ vì nhiều tội ác của mình; khi chứng kiến sự kiên nhẫn của thánh Gavedday, cũng như những phép lạ mà ngài thực hiện, thầy phù thủy này đã quỳ xuống dưới chân ngài và nói:

– Tôi xin ngài, tôi tớ của Đức Chúa Trời: xin ngài cầu thay cho tôi trước mặt Đấng Christ của ngài.

Thánh nhân đáp lại:

– Hãy tin vào Ngài, và Ngài sẽ giải thoát ngươi khỏi mọi điều ác của ngươi.

Gargal kêu lên:

– Con tin vào Ngài, lạy Chúa Giêsu Kitô!

Sau đó, anh ta gia nhập cùng với Gavedda. Ngày hôm sau, kẻ tra tấn ra lệnh đưa cả hai đến trước mặt mình để xét xử, rồi lột trần Garagal và đánh anh ta bằng gậy. Trong lúc bị đánh, vị tử đạo ngước mắt lên trời và cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, vì danh Ngài mà con đang chịu đau khổ: xin củng cố con!

Và sau khi nói những lời ấy, ngài đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Còn thánh Gavedday thì bị đặt lên bánh xe quay và da chân ngài bị lột ra. Sau đó, họ bắt đầu dùng những chiếc búa sắt nung đỏ để thiêu đốt các cơ tay ngài, rồi lại ném ngài vào ngục tối.

Các tù nhân trong ngục đã bôi máu chảy ra từ vết thương của ngài lên người mình và được chữa lành các vết thương; và tất cả những người đau ốm đều được chữa lành và ngợi khen Đức Chúa Trời. Khi hoàng tử Gargal nghe tin này, ông không tin. Nhưng ông ta kinh hoàng tột độ khi vị thánh tử đạo, sau 15 ngày được dẫn ra khỏi ngục tối, lại vẫn nguyên vẹn và hoàn toàn khỏe mạnh. Lúc đó, ông ta ra lệnh ném ngài vào một cái nồi nung đỏ, chứa đầy nhựa cây và lưu huỳnh, nhưng ngay cả sau đó, vị thánh tử đạo vẫn không hề hấn gì.

Sau khi tham vấn với các cận thần, tên hành hình ra lệnh đóng đinh vị thánh tử đạo lên thập tự giá, rồi cho người ta bắn tên vào ngài liên tục trong sự chứng kiến của đám đông đông đảo. Lúc đó, một phép lạ vĩ đại khác lại xảy ra: không chỉ vị thánh vẫn nguyên vẹn, mà chính những mũi tên bắn vào thân thể ngài cũng bật ra và làm bị thương những kẻ bắn. Tất cả những điều này khiến dân chúng kinh hoàng. Tin tức này được báo lên vua. Ông đã sai con gái mình là Kazdoya đến an ủi thánh Gavedday. Cazdoia, khi đến gặp Thánh Gavedday và chứng kiến tất cả những gì đã xảy ra với ngài, nhờ được ngài dạy dỗ, đã tin vào Chúa Kitô. Sapor nổi giận dữ dội và ra lệnh trói con gái mình xuống đất rồi đánh cô bằng gậy, sau đó cô cũng bị ném vào ngục tối. Cazdoia, khi nằm trong ngục tối và chịu đựng những vết thương, đã nói với Thánh Gavedday:

– Xin ngài cầu nguyện cho con, để con có thể chịu đựng được những cực hình này.

Vị thánh tử đạo đáp lại:

– Đức tin của con vào Chúa Kitô sẽ giúp con, đừng buồn phiền: tôi tin tưởng vào Chúa rằng, theo ý muốn của Ngài, sự đau khổ sẽ không đụng đến con, và con sẽ không còn phải chịu thêm bất kỳ hình phạt nào nữa.

Vua Sapor ra lệnh dẫn vị thánh tử đạo ra ngoài, trói tay và chân ngài, rồi ném ngài vào giữa đấu trường ngựa, để suốt đêm ngài bị ngựa giẫm đạp. Nhưng nhờ ân sủng của Thiên Chúa, vị thánh tử đạo đã được bảo vệ nguyên vẹn khỏi chúng và ngài đã ngợi khen Thiên Chúa vì điều đó. Ngày hôm sau, khi thấy vị thánh đã được cởi trói và hoàn toàn khỏe mạnh, mọi người đều kinh ngạc trước phép lạ này. Lúc đó, họ bắt đầu thiêu đốt ngài bằng những than hồng đang cháy, nhưng ngài vẫn không ngừng cầu nguyện và không ngừng ngợi khen Chúa với niềm vui. Còn Dadius và Audius, những người là Kitô hữu và đang đứng đó, vì sợ cơn thịnh nộ của nhà vua, đã bí mật ghi chép lại những đau khổ của vị thánh tử đạo. Vị thánh nói với họ:

– Nếu có thể, hãy mang nước và dầu đến cho tôi để tôi có thể chịu phép rửa tội; còn nếu không thể, thì hãy cầu nguyện để Chúa tha thứ tội lỗi cho tôi.

Và bỗng một đám mây nhỏ đổ nước và dầu xuống đầu vị tử đạo. Từ đám mây, có tiếng nói vang lên:

– Hỡi tôi tớ của Chúa, ngươi đã nhận được phép rửa tội thánh rồi!

Và khuôn mặt của vị tử đạo bừng sáng như mặt trời, và một mùi hương ngào ngạt lan tỏa trong không khí. Nghe thấy tiếng nói ấy, thánh Gavedday đã tạ ơn và ngợi khen Thiên Chúa. Lúc đó, Gargal ra lệnh dùng những cây giáo sắc nhọn đâm xuyên qua thân thể ngài. Vị thánh tử đạo đã chịu đựng sự tra tấn này trong vài giờ, và cuối cùng, với lời cầu nguyện trên môi, ngài đã trao linh hồn mình vào tay Chúa. Gargal ra lệnh chặt thi thể ngài thành ba phần và rải rác chúng đi các hướng khác nhau. Dadiy và Avdiy, những người từng là linh mục, cùng với Armazat, một phó tế, đã rước thi hài thánh của ngài với sự tôn kính cao cả, mang về nhà mình, xức hương thơm lên thi hài, rồi an táng với lòng thành kính, ca ngợi Thiên Chúa. Còn thánh nhân vinh hiển Dad, người họ hàng của nhà vua, người trước đó đã phải chịu nhiều cực hình, cuối cùng cũng bị xẻ thành nhiều mảnh, và như vậy, ngài đã an nghỉ trong Chúa. Một số tín hữu yêu mến Thiên Chúa đã lấy thi thể ngài, sau khi tẩm tỏa hương thơm một cách trang trọng, họ đã an táng ngài tại một nơi đặc biệt. Khi những người được nêu tên ở trên (Dadi, Avdi và Armazat) cùng nhau hát thánh ca vào đêm đó, vào giờ nửa đêm, thánh Gavedday đã hiện ra giữa họ và nói với họ:

– Hãy vững lòng nơi Chúa, hỡi các anh em.

Họ vô cùng vui mừng trước cảnh tượng ấy. Thánh nhân lại nói với họ:

– Nguyện Chúa ban thưởng cho các anh vì những gì các anh đã làm!

Và, cúi đầu xuống trước Dadiy, ngài nói với ông:

– Hãy lấy chiếc sừng đựng dầu trên đầu ta, rồi lấy một phần Thánh Thể của Chúa Kitô, vào cung điện hoàng gia và xức dầu cho em gái ta là Kazda, sau đó ban Thánh Thể cho nàng.

Dadius làm theo lời vị thánh tử đạo, rửa tội cho chị và ban Thánh Thể, nói rằng:

– Hãy an nghỉ, chị em ơi, cho đến khi Chúa ngự đến!

Và kìa, Thiên Thần của Chúa đã đón linh hồn nàng, và nàng được đưa lên trời. Khi mẹ nàng đến bên nàng, bà thấy nàng đã qua đời. Lúc đó, bà vào gặp vua và nói với ngài:

– Này, ngài thật vô nhân đạo và tàn nhẫn biết bao – ngay cả con cái ruột thịt của mình ngài cũng không tha! Hãy vui mừng đi, vì con trai ngài, sau bao đau khổ, đã bị giết, và con gái ngài cũng đã bị giết! Khốn khổ cho lòng tàn nhẫn của ngài! Nhưng những đứa con của ngài, đã qua đời quá sớm, giờ đây không còn sợ cơn thịnh nộ của ngài nữa.

Nghe những lời đó từ người vợ, vị vua tàn nhẫn và vô nhân đạo ấy không hề tỏ ra đau buồn chút nào, dù nàng đã nói với ngài tất cả những điều đó trong nước mắt, nhưng ngài vẫn giữ nguyên sự cứng rắn và tàn nhẫn như cũ. Khi chứng kiến sự vô nhân đạo đó của ông, hoàng hậu lấy những loại hương quý, xông hương trầm lên thi thể thiêng liêng của con gái mình, rồi mặc cho nó chiếc áo choàng hoàng gia màu đỏ tía, đặt bên cạnh thi thể con trai mình là Gavedday, vừa khóc thầm vừa than thở:

– Các con yêu quý của mẹ! Hãy nhớ đến mẹ, người mẹ của các con, vào ngày các con được vui mừng, khi các con sẽ hân hoan cùng Đức Kitô, – để mẹ, kẻ tội lỗi này, cũng được tha thứ tội lỗi trong vinh quang của Đức Kitô, Thiên Chúa! [6574]

Lễ kỷ niệm Thánh Theophanes

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 9

Tại thành phố Gaza[6575] có một người giàu có tên là Theophanes, rất nhân từ, người thường tiếp đón và cho những người lữ hành nghỉ ngơi, đồng thời thực hiện nhiều việc thiện khác. Sau một thời gian, toàn bộ tài sản của ông đã được phân phát cho những người nghèo và khốn khó, còn bản thân ông thì hoàn toàn lâm vào cảnh nghèo khó. Nhưng ông không than vãn về điều đó, mà chỉ thở dài vì những tội lỗi của mình. Sau đó, theo ý định của Đức

[6574] Những đau khổ và cái chết của các thánh tử đạo Dada, Gavedday và Kazdoi diễn ra vào khoảng giữa thế kỷ IV.

[6575] Gaza – một thành phố ven biển quan trọng ở Tiểu Á, thuộc miền nam Syria, từng thuộc về người Philistine – là một trong những thành phố cổ xưa nhất trên thế giới.

Chúa Trời, ông mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo, đến nỗi cả tay và chân ông đều sưng phù và bắt đầu thối rữa, khiến mủ chảy ra rất nhiều. Nhưng ông vẫn khiêm nhường chịu đựng tất cả những điều này, tạ ơn Đức Chúa Trời và ngợi khen Ngài. Khi đến lúc ông qua đời, một cơn bão dữ dội ập đến đến nỗi không thể mang thi thể ông ra khỏi nhà để an táng.

Vợ ông khóc lóc thảm thiết và kêu lên:

– Ôi, chồng ơi, tôi phải làm sao đây? Làm sao tôi có thể mang thi thể anh ra chôn cất được?

Ông đáp lại:

– Đừng khóc, vợ ơi: cho đến giờ này, thử thách vẫn còn tiếp diễn, nhưng giờ đây, sự thương xót từ Đức Chúa Trời nhân từ đang đến. Vì vào giờ lâm chung của tôi, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, cơn bão sẽ chấm dứt.

Và điều đó đã xảy ra: ngay lúc ngài phó thác linh hồn mình vào tay Đức Chúa Trời, sự tĩnh lặng hoàn toàn bao trùm mặt đất và bầu trời. Những người hàng xóm của ngài đến, bắt đầu tắm rửa thi thể ngài và thấy rằng trên người ngài không có một vết thương hay vết loét nào, họ đã an táng ngài một cách tôn kính. Sau bốn ngày, ngài hiện ra với một người trong giấc mơ và bảo người ấy dời tảng đá mộ trên ngôi mộ của ngài. Khi việc đó được thực hiện, một mùi hương thơm ngát lan tỏa từ thi thể ngài và, thay vì mủ, một loại dầu thơm đã chảy ra, chữa lành cho tất cả những người bệnh đến và được đưa đến trước di cốt của Thánh Theophanes.

Ngày 13 tháng 10

30 tháng 9 (theo lịch cũ)

Tháng Mười

Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Grigori, Giám mục của Armenia vĩ đại, cùng với 37 trinh nữ

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 9

Thánh Grigori, vị truyền giáo của Armenia vĩ đại[6576] , xuất thân từ một gia đình quý tộc và cao quý, nhưng lại chìm đắm trong bóng tối của sự vô tín. Cha ngài, tên là Anak, thuộc bộ tộc Parthia[6577] , là họ hàng của vua Ba Tư Artaban và anh trai ông, vua Armenia Kursar. Anak di cư đến Armenia trong bối cảnh như sau. Khi vương quốc Ba Tư rơi vào tay người Parthia và vua Artaban, một người Parthia, lên ngôi, người Ba Tư cảm thấy bất mãn vì phải sống dưới ách thống trị của người nước ngoài. Vào thời điểm đó, một trong những quý tộc danh giá nhất của người Ba Tư là Artasir; sau khi đã bàn bạc trước với các bạn bè và những người cùng chí hướng, ông đã khơi mào cuộc nổi dậy chống lại vua Artaban, giết chết ông ta và tự mình lên ngôi vua Ba Tư. Khi vua Kursar của Armenia nghe tin anh trai mình là Artaban bị sát hại, ông đã vô cùng thương tiếc và, sau khi tập hợp toàn bộ quân đội

---

[6576] Armenia – một quốc gia miền núi nằm giữa sông Kura và thượng nguồn các sông Tigris và Euphrates; nơi đây được cư trú bởi người Armenia, được đặt tên theo vua Aram, và được cai trị bởi các vị vua thuộc bộ tộc của họ từ thế kỷ II trước Công nguyên đến thế kỷ V sau Công nguyên; nơi đây được gọi là Đại Armenia để phân biệt với Tiểu Armenia – vùng đất nằm giữa thượng nguồn các sông Euphrates và Galas, vốn từng thuộc về vương quốc của Mithridates Ponticus, và từ năm 70 sau Công nguyên trở thành một phần của Đế chế La Mã. Đất nước này là cái nôi thứ hai của loài người, bởi vì con thuyền của Nô-ê đã dừng lại trên núi A-ra-rát (Sáng Thế Ký 8:4), nằm ở Đại Armenia. Các tên địa danh còn tồn tại đến ngày nay xác nhận câu chuyện trong Kinh Thánh về hoàn cảnh cuộc sống của tổ phụ Nô-ê sau trận đại hồng thủy, ví dụ: Eriwal "sự xuất hiện" – nơi Nô-ê lần đầu tiên nhìn thấy đất liền; Akorri – "vườn nho" (trên núi Ararat), nơi Nô-ê lần đầu tiên trồng nho; Arrnoiton – "dưới chân Nô-ê", tức là nơi an táng Nô-ê, v.v. Đất nước này phần lớn nằm dưới sự thống trị của các dân tộc khác (người Assyria, người Babylon, người Media, người Ba Tư, người Macedonia, người Byzantine, người Thổ Nhĩ Kỳ). Theo truyền thuyết, sự khởi đầu của Kitô giáo tại Armenia gắn liền với thời kỳ Chúa Giêsu Kitô và các Tông đồ: Phaddeus, Bartholomew, Simon Cananite và Judas Levite còn sống trên trần gian. Có thể tìm thấy những dấu vết không thể chối cãi của Kitô giáo tại đây từ thế kỷ II, và đến thế kỷ IV, đất nước này đã trở thành một quốc gia hoàn toàn theo Kitô giáo và là quốc gia Kitô giáo đầu tiên. Grigori Người Khai Sáng chính là vị Tông đồ đầu tiên của Armenia (sinh khoảng năm 257, được tấn phong làm giám mục vào năm 302).

[6577] Người Parthia sinh sống tại Parthia – một quốc gia trong thời cổ đại bao trùm khoảng khu vực tương ứng với tỉnh Khorasan của Iran ngày nay. Ban đầu, dân cư nơi đây thuộc quyền cai trị của người Ba Tư, nhưng từ năm 156 trước Công nguyên đến năm 299 sau Công nguyên, họ đã sống độc lập và thành lập một vương quốc riêng, sau đó lại bị người Ba Tư chinh phục.

Armenia, đã tiến quân chống lại người Ba Tư để trả thù cho máu anh em đã đổ. Trong suốt mười năm, Ba Tư phải hứng chịu các cuộc tấn công của người Armenia và gánh chịu những tổn thất nặng nề từ họ. Trong nỗi buồn sâu sắc và sự bối rối, vua Artasir đã tham vấn các quan đại thần của mình về cách đẩy lùi cuộc tấn công của kẻ thù và thề sẽ phong người nào giết được Kursar làm đồng trị vì cùng mình. Trong cuộc họp do nhà vua tổ chức, cha của Grigori – Anak – cũng có mặt. Ông đã hứa sẽ đánh bại Kursar mà không cần chiến tranh và giết hắn bằng một mưu kế xảo quyệt nào đó. Nghe vậy, Artasir nói với ông:

– Nếu ngươi thực hiện được lời hứa của mình, ta sẽ đội vương miện lên đầu ngươi và ngươi sẽ trở thành đồng trị vì cùng ta, còn vương quốc Parthia sẽ thuộc về ngươi và dòng dõi của ngươi.

Sau khi thỏa thuận và xác nhận các điều kiện với nhau, họ chia tay. Để thực hiện kế hoạch đã vạch ra, Anak đã mời anh trai mình đến giúp đỡ. Họ rời khỏi Ba Tư cùng toàn bộ tài sản, vợ con, và dưới danh nghĩa là những người lưu vong trốn tránh cơn thịnh nộ của Artasir, họ đến Armenia gặp vua Armenia, như một người thân trong gia đình. Vị vua này đã tiếp đón họ nồng hậu, cho phép họ định cư trên đất nước mình và phong họ làm những cố vấn thân cận. Ông đã giao phó tất cả các kế hoạch của mình, thậm chí cả bản thân mình, cho Anak, người mà ông đã bổ nhiệm làm cố vấn trưởng trong hội đồng hoàng gia. Còn Anac thì bằng những lời nịnh hót đã len lỏi vào lòng nhà vua, trong khi trong lòng lại âm mưu tìm cách giết nhà vua và luôn tìm kiếm cơ hội thuận lợi để thực hiện điều đó.

Một lần nọ, khi nhà vua tình cờ có mặt trên núi Ararat, Anak và anh trai của hắn bày tỏ mong muốn được nhà vua nói chuyện riêng với họ.

– Chúng tôi có – hai anh em nói – một lời khuyên bí mật, rất cần thiết và hữu ích muốn trình bày với ngài.

Và thế là họ bước vào gặp vua khi ngài đang ở một mình, giáng một nhát kiếm chí mạng vào ngài, sau đó, khi ra ngoài, họ leo lên những con ngựa đã được chuẩn bị sẵn và phóng đi, định hướng về phía Ba Tư. Một thời gian ngắn sau, những người hầu phòng bước vào phòng ngủ của nhà vua và phát hiện nhà vua đang nằm trên sàn nhà, còn thoi thóp và ngập trong vũng máu. Những người hầu phòng vô cùng kinh hoàng và đã báo cáo mọi chuyện đã xảy ra cùng những gì họ chứng kiến cho tất cả các tướng lĩnh và quan lại. Họ vội vã truy đuổi theo dấu vết của những kẻ sát nhân, đuổi kịp chúng bên bờ một con sông, giết chết và dìm chết chúng xuống nước. Vua Kursar, người bị thương nặng, trước khi trút hơi thở cuối cùng, đã ra lệnh giết hết cả gia đình Anaka và anh trai ông ta, cùng với vợ con của họ, và lệnh này đã được thi hành.

Trong khi dòng họ Anaka đang bị tiêu diệt, một người thân của ông đã kịp thời bắt cóc hai con trai còn đang trong tã lót của Anaka – Thánh Grigori và em trai của ngài – rồi giấu họ tại nhà mình và nuôi nấng họ. Trong khi đó, tại Armenia đã xảy ra một cuộc nổi loạn lớn; khi nghe tin này, vua Ba Tư Artasir đã dẫn quân đến Armenia, chinh phục vương quốc Armenia và đặt nó dưới quyền cai trị của mình. Sau khi vua Kursar của Armenia qua đời, chỉ còn lại một đứa trẻ nhỏ tên là Tiridates; Artasir đã tha mạng cho cậu bé và gửi cậu đến đất nước La Mã, nơi cậu, khi trưởng thành và trở nên rất mạnh mẽ, đã trở thành một chiến binh. Còn những người con trai nhỏ tuổi của Anac, những người đã thoát khỏi cuộc thảm sát, thì một người bị đưa sang Ba Tư, còn người kia, tên là Grigori – người mà chúng ta sắp đề cập đến – thì được gửi đến Đế quốc La Mã. Khi trưởng thành, ông sống tại Cêsarea Cappadocia, tại đây ông đã học được đức tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, và trở thành một tôi tớ tốt lành và trung thành của Chúa. Ông đã kết hôn tại đó và sinh được hai con trai, là Orphan và Arostan, những người mà ngay từ khi mới sinh ra, ông đã dâng hiến cho việc phụng sự Chúa. Khi trưởng thành, Orphan được phong chức linh mục, còn Arostan trở thành một ẩn sĩ.

Không lâu sau khi hai người con trai nói trên chào đời, vợ của Grigori đã qua đời, và kể từ đó, Thánh Grigori càng tận tụy phụng sự Thiên Chúa hơn, sống một cuộc đời trong sạch, tuân giữ mọi điều răn và lời dạy của Chúa. Vào thời điểm đó, Tiridat, đang phục vụ trong quân đội La Mã, đã được trao một chức vụ danh dự nhất định, vì ông xuất thân từ dòng dõi hoàng gia. Nghe tin về Tiridat, Thánh Grigori đã đến gặp ông, như thể hoàn toàn không biết rằng cha của Tiridat là Anak đã giết Kursar – cha của Tiridat. Giữ kín bí mật về vụ giết Kursar, ngài trở thành người hầu trung thành của Tiridat, dùng sự phục vụ trung thành của mình để chuộc tội và bù đắp cho con trai của Kursar về tội lỗi của cha mình. Thấy sự phục vụ tận tụy của Grigori, Tiridat đã yêu mến ông; nhưng sau đó, khi biết Grigori là một Kitô hữu, ông đã nổi giận và sỉ nhục ông. Còn Grigori, bất chấp cơn giận bất công của chủ nhân, vẫn tiếp tục giữ vững đức tin trong sạch vào Đức Kitô, Thiên Chúa.

Vào những ngày đó, người Goth[6578] đã xâm lược các vùng đất thuộc về người La Mã, và hoàng đế La Mã lúc bấy giờ buộc phải ra trận chống lại người Goth. Khi quân đội La Mã và Goth tiến gần nhau và đối đầu trực diện,

vị hoàng tử Goth đã thách đấu hoàng đế La Mã trong một trận đấu tay đôi. Vị vua La Mã, vì sợ phải đích thân đáp lại lời thách đấu của vị hoàng tử Goth, đã tìm kiếm một chiến binh thay thế mình để có thể đối đầu với vị hoàng tử Goth; vị vua đã tìm thấy chiến binh đó chính là Tiridates dũng cảm, người mà ông đã trang bị cho bộ giáp hoàng gia, rồi giả vờ là vua và đưa ra đối đầu với vị hoàng tử Goth. Khi giao đấu tay đôi với vị công tước này, Tiridates đã đánh bại ông ta mà không cần dùng đến kiếm, bắt sống và dẫn về cho hoàng đế La Mã. Nhờ đó, chiến thắng cũng được giành được trước toàn bộ quân đội Goth. Vì chiến công này, hoàng đế La Mã đã đưa Tiridates lên ngai vàng của cha ông, phong ông làm vua Armenia và ký kết hòa ước giữa người Armenia và người Ba Tư cho ông. Cùng với ông, Thánh Grigorius, với tư cách là người hầu trung thành, cũng đã cùng ông trở về Armenia.

Khi vua Tiridates dâng lễ vật cho các thần tượng, đặc biệt là nữ thần Artemis – vị thần mà ông sùng kính nhất – ông thường xuyên và tha thiết xin Grigori cùng ông dâng lễ vật cho các thần tượng. Grigori từ chối và tuyên xưng rằng không có Đức Chúa Trời nào trên trời hay dưới đất ngoài Đức Kitô. Nghe những lời này, Tiridates ra lệnh tra tấn Grigori một cách tàn nhẫn. Trước hết, họ nhét một mảnh gỗ vào giữa răng ông, dùng sức ép mở rộng miệng ông ra, để miệng ông không thể khép lại nhằm thốt ra lời nào. Sau đó, họ buộc một khối muối đá lớn (ở Armenia, những khối đá như vậy được đào lên từ lòng đất) vào cổ ông, rồi treo ông ngược đầu. Vị thánh kiên nhẫn treo lơ lửng trong tư thế đó suốt bảy ngày; đến ngày thứ tám, những kẻ treo cổ ông bắt đầu đánh ông không thương tiếc bằng gậy từ trên cao, rồi trong bảy ngày tiếp theo, họ hành hạ ông – người đang treo ngược đầu – bằng khói từ phân gia súc được đốt dưới chân ông. Trong khi bị treo, ngài vẫn ngợi khen danh Chúa Giêsu Kitô và, sau khi khúc gỗ được rút ra khỏi miệng ngài, ngài đã giảng dạy cho đám đông đang đứng nhìn cảnh ngài chịu đau khổ hãy tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật. Thấy vị thánh vẫn kiên định trong đức tin và dũng cảm chịu đựng đau khổ, họ đã kẹp chân ngài bằng những tấm ván, trói chặt bằng dây thừng, rồi đóng đinh sắt vào gót chân và lòng bàn chân, đồng thời ra lệnh cho ngài phải đi. Vậy là ngài đi, vừa đi vừa ngâm thánh vịnh: *"Theo lời miệng Ngài, con đã tự bảo vệ mình khỏi những con đường của kẻ áp bức"* (Thánh vịnh 16:4). Và còn: *"Ai gieo hạt trong nước mắt sẽ trở về trong niềm vui, mang theo những bó lúa của mình"*[6578] (Thánh vịnh 125:6). Kẻ tra tấn ra lệnh dùng những dụng cụ đặc biệt để uốn cong đầu vị thánh, sau đó, rắc muối trộn lưu huỳnh vào lỗ mũi và đổ giấm vào, rồi buộc đầu ngài vào một cái túi chứa đầy bồ hóng và tro. Vị thánh đã ở trong tư thế đó suốt sáu ngày. Sau đó, họ lại treo ngài ngược đầu và ép đổ vào miệng ngài một lượng nước lớn, đồng thời chế nhạo vị thánh: vì những kẻ đầy dẫy mọi sự ô uế vô liêm sỉ ấy không hề biết xấu hổ. Sau những cực hình đó, nhà vua lại dùng những lời xảo trá để dụ dỗ vị thánh chịu khổ hình thờ lạy thần tượng; nhưng khi vị thánh không chịu khuất phục trước những lời hứa hẹn, những kẻ tra tấn lại treo ngược ngài lên và cào xé xương sườn ngài bằng những móng vuốt sắt. Sau khi làm đầy vết thương khắp thân thể vị thánh, chúng lôi ngài trần truồng trên mặt đất phủ đầy đinh sắt nhọn. Vị tử đạo đã chịu đựng tất cả những đau khổ này và cuối cùng bị ném vào ngục tối, nhưng ở đó, nhờ sức mạnh của Chúa Kitô, ngài vẫn nguyên vẹn.

Ngày hôm sau, Thánh Grigori được dẫn ra khỏi ngục tối và với khuôn mặt rạng rỡ, ngài xuất hiện trước mặt vua, không có một vết thương nào trên người. Nhìn thấy tất cả những điều này, nhà vua rất ngạc nhiên, nhưng vẫn nuôi hy vọng rằng Grigori sẽ tuân theo ý muốn của mình, nên bắt đầu nói chuyện một cách ôn hòa với ngài, nhằm lôi kéo ngài vào con đường tội lỗi của mình. Khi Thánh Grigoriô không tuân theo những lời nịnh hót đó, nhà vua ra lệnh cho người ta mang giày sắt vào chân ngài, rồi xiềng chân ngài vào cùm và canh giữ ngài trong ba ngày. Hết ba ngày, nhà vua gọi Thánh Grigoriô đến và nói với ngài:

– Ngươi đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời của ngươi là vô ích, vì ngươi không nhận được sự giúp đỡ nào từ Ngài cả.

Grigori đáp lại:

– Hỡi vị vua điên rồ, chính ngài đang tự chuốc lấy sự đau khổ cho mình, còn tôi, nhờ đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời của tôi, sẽ không hề suy sụp. Tôi sẽ không nương tay vì Ngài và vì thân xác tôi, bởi vì khi con người bên ngoài mục nát đi, thì con người bên trong lại được đổi mới.

[6578] Theo lời giải thích của Thánh Gioan Kim Khẩu, đoạn Thánh vịnh này đề cập đến dân Do Thái bị bắt làm tù binh ở Babylon. "Như những người gieo hạt sau khi lao động vất vả được hưởng thành quả; vậy các ngươi, như lời tiên tri nói, khi bị bắt làm tù binh, cũng giống như những người gieo hạt, phải chịu đủ thứ thiếu thốn và rơi nước mắt. Như mưa đối với hạt giống, nước mắt cũng là nguồn an ủi cho những người đau khổ. Nhưng này, ngài nói, nhờ những nỗ lực ấy, các ngươi đã nhận được phần thưởng." Khi áp dụng cho Thánh Grêgôriô, đoạn Thánh vịnh này cần được hiểu như sau: vị thánh, trong lúc phải chịu đựng những cực hình đau đớn, đã tự an ủi mình bằng niềm hy vọng vào phần thưởng trong tương lai từ Chúa.

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh nung chảy thiếc trong nồi và đổ lên khắp thân thể vị thánh, nhưng ngài, dù phải chịu đựng tất cả những điều này, vẫn không ngừng xưng nhận Đức Kitô.

Trong khi Tiridates đang tìm cách làm sao để khuất phục trái tim kiên định của Grigori, một người trong đám đông đã nói với ông ta:

– Xin đừng giết người này, thưa hoàng đế – đây chính là con trai của Anak, kẻ đã giết cha ngài và giao nộp vương quốc Armenia cho người Ba Tư.

Nghe những lời ấy, nhà vua bừng lên cơn căm hận mãnh liệt vì máu của cha mình và ra lệnh trói tay chân Grigori rồi ném ông xuống một con hào sâu ở thành phố Artaxat. Con hào này khiến ai nấy cũng khiếp sợ ngay cả khi chỉ nghĩ đến nó. Được đào ra để giam giữ những kẻ bị kết án tử hình bằng cách tra tấn dã man, hố này chứa đầy bùn lầy, rắn, bọ cạp và đủ loại bò sát độc hại. Bị ném xuống hố này, Thánh Grigori đã ở đó suốt mười bốn năm mà vẫn không bị các loài bò sát đó làm hại. Nhờ sự an bài của Thiên Chúa, mỗi ngày có một góa phụ ném cho ngài một miếng bánh mì, nhờ đó ngài duy trì sự sống. Nghĩ rằng Grigori đã chết từ lâu, Tiridates thậm chí còn không còn nhớ đến ngài nữa. Sau đó, vị vua này đã chinh chiến với người Ba Tư, chinh phục các vùng đất của họ cho đến tận Syria và trở về quê hương với chiến thắng rực rỡ và vinh quang.

Vào thời đó, Hoàng đế La Mã Diocletian đã phái các sứ giả đi khắp đế quốc để tìm kiếm cô gái xinh đẹp nhất làm vợ. Người đó chính là Ripsimia, một tín đồ Kitô giáo, người đã dâng trinh tiết của mình cho Chúa Kitô và sống trong sự ăn chay và cầu nguyện tại một tu viện nữ, dưới sự giám sát của nữ tu viện trưởng Gaiaania. Các sứ giả ra lệnh vẽ một bức chân dung của Ripsimia và gửi đến cho nhà vua. Hình ảnh của Ripsimia đã làm nhà vua vô cùng say mê bởi vẻ đẹp của cô; bị cuốn hút bởi cô, ông đã gửi lời cầu hôn để cô trở thành vợ mình. Khi nhận được lời cầu hôn, Ripsimia đã thầm cầu nguyện trong lòng với Chúa Kitô:

– Hôn phu của con, là Chúa Kitô! Con sẽ không rời xa Ngài và cũng không làm ô uế sự trinh khiết thánh thiêng của con.

Cô đã bàn bạc với các chị em trong tu viện và với bà Bề trên Gaiaania của mình, rồi sau khi tập hợp lại, cô cùng tất cả các chị em đã bí mật trốn khỏi tu viện. Sau những gian khổ khôn tả trên đường đi, phải chịu đói khát và vô số khó khăn, họ đã đến Armenia và định cư gần thành phố Ararat[6579] . Tại đây, họ bắt đầu sinh sống trong các vườn nho; những người khỏe mạnh nhất trong số họ đi làm việc ở thành phố, nơi họ kiếm tiền để trang trải nhu cầu sinh hoạt thiết yếu cho bản thân và các nữ tu khác. Tổng cộng có ba mươi bảy trinh nữ đã đồng ý chịu đựng những khổ cực và gian nan trong cuộc hành trình lưu lạc vì muốn giữ gìn sự trinh khiết.

Khi nhận được tin báo rằng Ripsimia cùng các chị em khác trong tu viện đã trốn sang Armenia, Diocletian đã gửi đến vua Tiridates của Armenia, người mà ông có mối quan hệ thân thiết, một thông điệp như sau:

– Một số người Kitô hữu đã dụ dỗ Ripsimia, người mà ta mong muốn lấy làm vợ, và giờ đây nàng thà lang thang trong nhục nhã ở xứ người còn hơn là làm vợ ta. Hãy tìm nàng và đưa nàng về với chúng ta, hoặc nếu ngươi muốn, hãy lấy nàng làm vợ cho chính mình.

Lúc đó, Tiridatus ra lệnh tìm kiếm Ripsimia khắp nơi và, khi biết được nơi cô đang ở, ngài ra lệnh bố trí lính canh xung quanh nơi cô trú ngụ để ngăn chặn việc cô trốn chạy. Khi nhận được tin từ những người đã nhìn thấy Ripsimia rằng nàng có vẻ đẹp kỳ diệu, ông bừng lên khao khát mãnh liệt muốn chiếm hữu nàng và gửi đến nàng tất cả những món trang sức xứng đáng với địa vị hoàng gia, để khi nàng mặc chúng, nàng sẽ được dẫn đến gặp ông. Theo lời khuyên của nữ tu trưởng Gaiaania, người đã nuôi dạy cô từ thuở thiếu thời, Ripsimia đã từ chối tất cả những món trang sức mà Tiridatas gửi đến và không muốn đến gặp ông. Bản thân nữ tu trưởng Gaiaania đã nói với những sứ giả của nhà vua:

– Tất cả các thiếu nữ này đều đã được hứa hôn với Vua Trời, và không thể nào có ai trong số họ kết hôn trên trần gian được.

Sau những lời đó, bỗng nhiên một tiếng sấm chói tai vang lên và một giọng nói từ trời cao cất lên, phán với các thiếu nữ:

– Hãy can đảm và đừng sợ, vì Ta ở cùng các con.

Các chiến binh được cử đi đã hoảng sợ trước những tiếng sấm sét đến nỗi ngã sấp mặt xuống đất, còn một số người ngã khỏi ngựa và chết vì bị chính những con ngựa đó giẫm đạp. Những người được cử đi đã trở về gặp vua trong cơn kinh hoàng tột độ và kể lại cho ông ta tất cả những gì đã xảy ra.

[6579] Có lẽ ở đây cần hiểu là Accori ngày nay – một nơi nổi tiếng với những vườn nho và đã bị phá hủy bởi trận động đất năm 1840.

Tràn ngập cơn thịnh nộ, nhà vua liền sai một trong các hoàng tử dẫn theo một đội quân hùng hậu đến chém chết tất cả các thiếu nữ bằng gươm, và bắt Ripsimia về bằng vũ lực. Khi các chiến binh rút gươm ra tấn công các thiếu nữ, Ripsimia nói với hoàng tử:

– Xin đừng giết các trinh nữ này, hãy dẫn tôi đến gặp vua của các ngài.

Và các binh sĩ đã bắt nàng và dẫn đi, không gây hại gì cho các trinh nữ khác, những người đã trốn thoát sau khi các binh sĩ rời đi.

Trên đường đi, Ripsimia kêu cầu sự giúp đỡ từ Chú Rể của mình là Đức Kitô và thét lên với Ngài: *"Xin cứu linh hồn con khỏi gươm và linh hồn cô đơn của con khỏi bầy chó"*[6580] (Thánh Vịnh 21:21). Khi Ripsimia được dẫn vào phòng ngủ của nhà vua, nàng ngước đôi mắt thể xác và tâm hồn lên trời, và khẩn thiết cầu nguyện với Chúa trong nước mắt, xin Ngài dùng bàn tay toàn năng của Ngài bảo vệ sự trinh khiết của nàng khỏi bị tổn hại. Trong lúc đó, cô nhớ lại sự giúp đỡ kỳ diệu và đầy ân sủng mà Ngài đã ban cho những người lâm vào hoạn nạn từ thuở xưa: cách Ngài đã cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi tay Pha-ra-ôn và khỏi bị chìm trong nước lụt (Xuất Ê-díp-tô Ký 14:1–31, 15:1–27), đã bảo vệ Giô-na an toàn trong bụng cá voi (Giô-na 1:1–16), đã bảo vệ ba thiếu niên khỏi lửa trong lò nung (Đa-ni-ên 3:1–100) và đã giải cứu Susanna thánh thiện khỏi những ông già dâm đãng (Đa-ni-ên 13:1–64), – và nàng đã cầu xin Đức Chúa Trời để chính mình cũng được cứu thoát theo cách tương tự khỏi sự bạo hành của Tiridates.

Lúc đó, nhà vua bước vào phòng Ripsimia và, khi nhìn thấy vẻ đẹp phi thường của nàng, đã bị nàng làm cho say mê mãnh liệt. Được thúc đẩy bởi tinh thần xảo quyệt và dục vọng xác thịt, ông tiến lại gần nàng, ôm lấy nàng và cố gắng cưỡng hiếp nàng; còn nàng, được củng cố bởi sức mạnh của Chúa Kitô, đã kiên quyết chống cự lại ông. Vua đã vật lộn với nàng rất lâu, nhưng không thể gây ra bất kỳ tổn hại nào cho nàng. Bởi vì trinh nữ thánh thiện này, nhờ ơn Chúa, đã tỏ ra mạnh mẽ hơn cả vị tướng lừng lẫy và dũng mãnh Tiridates. Và thế là, người từng đánh bại vị công tước Goth mà không cần đến gươm và từng đánh bại người Ba Tư, giờ đây lại không thể khuất phục được trinh nữ của Chúa Kitô, bởi vì cô, giống như nữ tử đạo đầu tiên Phê-clê ngày xưa, đã được ban cho sức mạnh thể xác từ trên cao.

Không đạt được gì, nhà vua rời khỏi phòng ngủ và ra lệnh cho người đi tìm Gaiaania, vì biết rằng bà là người hướng dẫn của Ripsimia. Họ nhanh chóng tìm thấy bà và dẫn đến trước mặt nhà vua, người bắt đầu nài nỉ Gaiaania thuyết phục Ripsimia tuân theo ý muốn của mình. Còn Gaiania, khi đến gặp cô, đã nói chuyện với cô bằng tiếng Latinh, để những người Armenia có mặt ở đó không thể hiểu được lời nói của họ. Bà nói với Ripsimia không phải những điều mà nhà vua mong muốn, mà là những điều có lợi cho sự trinh khiết của cô. Bà tận tâm dạy dỗ và khuyên nhủ Ripsimia, để cô giữ trọn trinh tiết đã hứa dâng cho Chúa Kitô cho đến cùng, để cô nhớ đến tình yêu của Chàng Rể mình và vương miện đã được chuẩn bị sẵn cho trinh tiết của cô; để cô sợ hãi Ngày Phán Xét Cuối Cùng và địa ngục, nơi sẽ nuốt chửng những ai không giữ lời thề của mình.

– Tốt hơn cho con, trinh nữ của Chúa Kitô, – Gaiania nói, – là chết tạm thời ở đây, hơn là chết vĩnh viễn ở đó. Chẳng lẽ con không biết những gì Chàng Rể tuyệt vời nhất của con – Chúa Giêsu Kitô – đã nói trong Phúc Âm: *'Đừng sợ những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết linh hồn'* (Mt 10,28). Đừng bao giờ đồng ý phạm tội, ngay cả khi vị vua vô đạo quyết định giết ngươi. Điều đó sẽ là lời ca ngợi tuyệt vời nhất dành cho sự trinh khiết của ngươi trước mặt Vị Hôn Phu thanh khiết và bất diệt của ngươi.

Một số người có mặt tại đó, biết tiếng Latinh, đã hiểu những gì Gaiania Ripsimia nói và kể lại cho các quan khác của vua. Nghe vậy, những người này liền dùng đá đập vào miệng Gaiania đến nỗi làm rụng hết răng của bà, đồng thời ép buộc bà phải nói theo lệnh của vua. Khi Gaiania vẫn không ngừng dạy dỗ Ripsimia về sự kính sợ Chúa, bà bị lôi ra khỏi đó. Sau khi đã vất vả đấu tranh với Ripsimia và thấy rằng không thể ép buộc cô ta được gì, nhà vua bắt đầu run rẩy và lăn lộn trên mặt đất như một kẻ bị quỷ ám. Trong khi đó, khi đêm xuống, Ripsimia đã trốn thoát khỏi thành phố mà không ai phát hiện. Khi gặp lại các chị em đã cùng cô chiến đấu, cô kể cho họ nghe về chiến thắng của mình trước kẻ thù và rằng cô vẫn giữ được sự trong sạch. Nghe vậy, tất cả đều ca ngợi và tạ ơn Đức Chúa Trời, Đấng đã không để cô dâu của Ngài phải chịu nhục; và suốt đêm đó, họ hát thánh ca, cầu nguyện với Đấng Hôn Phu của mình là Đức Kitô.

[6580] Theo lời giải thích của Thánh Athanasius, Chúa dùng vũ khí và bàn tay của những con chó để miêu tả sự độc ác và điên rồ của người Do Thái. "Con một" – tức là linh hồn cô độc, bị mọi người bỏ rơi. Khi cầu nguyện bằng những lời này, Thánh Ripsimia đã xin Chúa giải thoát bà khỏi sự sỉ nhục từ phía vua Tiridates.

Sáng hôm sau, bọn vô đạo bắt Ripsimia và hành quyết cô một cách đau đớn. Trước hết, chúng cắt lưỡi cô, sau đó, lột trần cô, trói tay và chân cô vào bốn cột rồi dùng nến thiêu đốt cô. Sau đó, chúng dùng một hòn đá nhọn rạch bụng cô, khiến tất cả nội tạng rơi ra ngoài. Cuối cùng, họ móc mắt cô và xẻ xác cô thành nhiều mảnh. Như vậy, qua cái chết đau đớn ấy, vị trinh nữ thánh thiện đã về với Chàng Rể ngọt ngào của mình – Đức Kitô[6581] .

Sau đó, họ bắt giữ những trinh nữ còn lại, các chị em và các nữ tu đồng hành của Thánh Ripsimia, tổng cộng ba mươi ba người, và giết họ bằng gươm, rồi ném thi thể họ cho thú dữ ăn thịt. Còn Ni sư Gaiaania cùng hai trinh nữ khác đang ở bên cạnh bà đã bị giết bằng cách tàn bạo nhất. Trước hết, họ khoan lỗ vào chân các nữ tu, treo ngược họ xuống và lột da khi họ còn sống; sau đó, họ rạch cổ phía sau, rút lưỡi ra và cắt đứt; tiếp theo, họ dùng đá sắc chém rạch bụng các nữ tu, rút nội tạng ra và chặt đầu các vị tử đạo. Như vậy, họ đã về với Đấng Hứa Hôn của mình – Đức Kitô.

Còn Tiridates, như một kẻ điên loạn, phải đến ngày thứ sáu sau khi các trinh nữ này qua đời mới tỉnh táo lại và đi săn. Nhờ sự quan phòng kỳ diệu và huyền diệu của Thiên Chúa, trong chuyến đi đó, ông đã bị một hình phạt tàn bạo đến nỗi, trong cơn điên loạn, ông không chỉ mất trí mà còn mất cả hình dạng con người, trông giống như một con lợn rừng hoang dã, giống như Nebuchadnezzar, vua Babylon xưa kia (Đan. 4:30). Và không chỉ riêng nhà vua, mà cả các tướng lĩnh, binh lính và tất cả những ai đã đồng tình với việc tra tấn các trinh nữ thánh, đều trở nên điên loạn, chạy nhảy khắp các cánh đồng và rừng sồi, xé rách quần áo trên người và cắn xé chính thân thể mình. Như vậy, cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã không chậm trễ trong việc trừng phạt họ vì máu vô tội, và họ không nhận được sự giúp đỡ từ ai cả: vì ai có thể đứng vững trước cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời?

Nhưng Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, Đấng *"không giận mãi mãi, cũng không phẫn nộ đến đời đời"* (Thi Thiên 102:9), thường trừng phạt con người vì lợi ích của chính họ, để sửa đổi lòng người theo hướng tốt đẹp hơn. Và nhờ lòng thương xót của Ngài, Chúa đã thương xót họ như sau: một người đàn ông đáng sợ đã hiện ra trong giấc mơ với vinh quang lộng lẫy trước em gái của nhà vua, Kusarodukte, và nói với cô ấy:

– Tiridates sẽ không khỏi bệnh nếu Grigory không được đưa ra khỏi hố.

Khi tỉnh dậy, Kusarodukta kể lại giấc mơ cho những người thân cận, và tất cả đều thấy giấc mơ này thật kỳ lạ, vì ai có thể ngờ rằng Grigory, người bị ném xuống đầm lầy đầy rắn rết, lại còn sống sót sau mười bốn năm khổ ải ở đó! Tuy nhiên, họ vẫn đến bên hố và lớn tiếng kêu lên:

– Grigory, ngươi còn sống không?

Và Grigory đáp lại:

– Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời – tôi vẫn còn sống.

Và ông, mặt mày xanh xao, tóc và móng tay mọc dài, gầy gò và da đen xì vì bùn lầy và những thiếu thốn tột cùng, – đã được đưa ra khỏi hố. Vị thánh được tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới, và sau khi được cho ăn uống no nê, họ dẫn ông đến gặp nhà vua, người có dáng vẻ như một con lợn rừng. Mọi người đều bước ra đón Thánh Grigori với sự kính trọng sâu sắc, cúi đầu, quỳ xuống dưới chân ngài và khẩn cầu ngài xin Thiên Chúa của mình chữa lành cho nhà vua, các tướng lĩnh và toàn bộ quân đội của ông ta. Thánh Grigori trước hết đã hỏi họ về thi thể của các trinh nữ thánh đã bị sát hại, vì những thi thể đó đã nằm đó mà chưa được chôn cất suốt mười ngày.

Sau đó, ngài thu thập những thi thể bị vứt rải rác của các trinh nữ thánh và, trong khi than khóc trước sự tàn bạo vô nhân đạo của những kẻ tra tấn vô đạo, ngài đã an táng họ một cách xứng đáng. Sau đó, ngài bắt đầu giảng dạy cho những kẻ tra tấn, kêu gọi họ từ bỏ các thần tượng và tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất cùng Con Ngài là Chúa Giê-su Ki-tô, đặt niềm tin vào lòng thương xót và ân sủng của Ngài. Thánh Grêgôriô đã thông báo với họ rằng Đức Chúa Trời đã giữ cho ngài sống sót trong hố sâu, nơi Thiên Thần của Đức Chúa Trời thường xuyên viếng thăm ngài, để ngài có cơ hội dẫn dắt họ từ bóng tối của sự thờ ngẫu tượng đến ánh sáng của sự đạo đức; như vậy, vị thánh đã hướng dẫn họ tin vào Đấng Kitô, đồng thời kêu gọi họ ăn năn sám hối.

Thấy sự khiêm nhường của họ, vị thánh đã ra lệnh cho họ xây dựng một nhà thờ lớn, và họ đã hoàn thành việc đó trong thời gian ngắn. Tại nhà thờ này, Thánh Grigori đã rước thi hài các nữ tử đạo đáng kính vào với sự tôn kính cao nhất, đặt Thánh Giá tại đó và ra lệnh cho dân chúng tụ họp tại đó để cầu nguyện. Sau đó, ngài dẫn vua Tiridates đến trước thi hài các trinh nữ thánh mà chính ông đã sát hại, để ông cầu xin lời cầu nguyện của các thánh trước Chúa Giêsu Kitô. Và ngay khi vua làm theo điều đó, hình dạng con người của ông đã được phục hồi, còn các tà linh đã bị xua đuổi khỏi các tướng lĩnh và binh lính đang bị quỷ ám. Chẳng bao lâu sau, toàn bộ Armenia đã quy

[6581] Sự kiện được mô tả ở đây diễn ra vào đầu thế kỷ IV.

về Đức Kitô; dân chúng phá hủy các đền thờ thần tượng và thay vào đó, xây dựng các nhà thờ dâng lên Thiên Chúa. Vua cũng công khai xưng thú tội lỗi của mình và sự tàn bạo của mình trước mặt mọi người, loan báo sự trừng phạt của Thiên Chúa và ân sủng đã được tỏ hiện trên ngài. Sau đó, ngài trở thành người lãnh đạo và khởi xướng mọi việc lành. Ngài đã cử Thánh Grigori đến Cêsarea Cappadocia gặp Tổng Giám mục Leontius để ngài này tấn phong ngài làm giám mục. Trên đường trở về từ Cêsarea sau lễ tấn phong, Thánh Grigori đã đưa theo nhiều linh mục mà ngài cho là xứng đáng nhất. Ngài đã rửa tội cho nhà vua, các tướng lĩnh, toàn bộ quân đội và toàn thể dân chúng, từ các quan lại trong triều đình cho đến người dân thường thấp kém nhất. Nhờ đó, Thánh Grigoriô đã dẫn dắt vô số người dân đến với đức tin vào Thiên Chúa chân thật, đồng thời xây dựng các nhà thờ của Chúa và dâng lên đó những của lễ vô huyết.

Khi đi từ thành phố này sang thành phố khác, ngài tấn phong các linh mục, thành lập các trường học và bổ nhiệm giáo viên cho các trường đó – nói tóm lại, ngài làm mọi việc liên quan đến lợi ích và nhu cầu của Giáo hội cũng như cần thiết cho việc phụng sự Thiên Chúa; còn nhà vua thì ban tặng cho các nhà thờ những tài sản phong phú. Thánh Grigori không chỉ dẫn dắt người Armenia đến với Chúa Kitô, mà còn cả cư dân các quốc gia khác, như người Ba Tư, người Assyria và người Media. Ngài đã thành lập rất nhiều tu viện, nơi công việc rao giảng Tin Mừng phát triển thịnh vượng.

Sau khi sắp xếp mọi việc chu toàn, Thánh Grigoriô lui về sa mạc, nơi ngài sống để làm đẹp lòng Chúa và kết thúc cuộc đời trần thế của mình.[6582] Vua Tiridat sống với những hành động cao thượng và tiết độ đến mức ngang hàng với các tu sĩ. Thay thế Thánh Grigori, con trai ngài là Arostan – một người nổi bật bởi đức hạnh cao cả – đã được đưa đến Armenia; từ thuở thiếu thời, ông đã sống đời tu sĩ và tại Cappadocia, ông được phong chức linh mục để xây dựng các nhà thờ của Chúa tại Armenia. Nhà vua đã cử ngài tham dự Công đồng Toàn cầu tại Nicêa, được triệu tập để lên án tà thuyết Arian, nơi ngài có mặt trong số ba trăm mười tám vị Thánh Phụ.

Như vậy, Armenia đã tin vào Chúa Kitô và phụng sự Thiên Chúa trong một thời gian dài, phát triển rực rỡ mọi đức tính và khiêm nhường ca ngợi Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, đồng thời tôn vinh Thiên Chúa, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài bây giờ, hiện tại và muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Hôm nay, chúng ta hãy cùng nhau ca ngợi vị Thánh Cha đáng kính và là người đứng đầu Giáo hội, người đã chịu khổ vì lẽ thật, qua những bài thánh ca và thánh thi, vị Mục tử và Thầy dạy đầy nhiệt huyết Grigori, ngọn đèn soi sáng toàn thế giới và người chiến đấu vì lẽ phải: Xin ngài cầu nguyện cùng Chúa Kitô, để chúng ta được cứu rỗi.

Cuộc đời của vị thánh cha Grigori của chúng ta, vị tu viện trưởng tu viện bên sông Pelshma, vị thánh làm phép lạ ở Vologda

Ngày kỷ niệm: 30 tháng 9

Thánh Grigori xuất thân từ thành phố Galich[6583] , thuộc dòng dõi quý tộc Lopotov tại Galich, những người cao quý và sùng đạo, và được giáo dục kỹ lưỡng về học vấn. Nhận ra sự hư vô của thế gian này, ngài đã từ chối nó và rời khỏi nhà cha mẹ. Trong hành trình tìm kiếm một nơi yên tĩnh để suy ngẫm về Thiên Chúa, ngài đã đến Tu viện Zheltovodsk gặp vị tu viện trưởng thánh Makari[6584] , nhận lễ xuất gia từ ngài và tại tu viện này, ngài đã học hỏi những đức hạnh của đời sống tu sĩ, đặc biệt xuất sắc trong việc giữ chay. Nhờ cuộc sống nghiêm khắc và đạo đức của mình, Thánh Makari đã cho phép ngài nhận chức linh mục. Sau đó, Thánh Grigori được bổ nhiệm làm vị tu viện trưởng của Tu viện Đức Mẹ Sinh Nở, nằm gần Hồ Galich, và nhờ vậy, công việc và trách nhiệm của ngài ngày càng gia tăng. Tin đồn về cuộc sống đạo đức của ngài nhanh chóng lan đến các cung điện của các công tước. Công

[6582] Thánh Grigori qua đời vào năm 335.
[6583] Thành phố cấp huyện thuộc tỉnh Kostroma.
[6584] Tu viện Makariyevsky Zheltovodsky gần hồ Zheltye Vody, trên bờ trái sông Volga, tỉnh Nizhny Novgorod, được thành lập bởi Thánh Makariy, người đã qua đời vào ngày 25 tháng 7 năm 1444.

tước Yuri của Galich[6585] đã nài nỉ vị tu sĩ rửa tội cho hai con trai của mình, còn Đại công tước Vasily Dmitrievich của Moscow[6586] mong muốn phong vị tu sĩ làm tổng tu viện trưởng tại thành phố Rostov. Để tránh danh vọng trần thế, vị tu sĩ đã từ bỏ chức vụ tu viện trưởng tại Tu viện Đức Mẹ Sinh Nở và lui về những nơi hoang vu, không ai biết đến và khó tiếp cận. Khi nghe nói về vị thánh tu sĩ Dionysius Glushitsky[6587] , ngài đã đến tu viện của vị này và sống dưới sự hướng dẫn của ngài trong mười năm. Sau đó, vị thánh tu sĩ Grigory lui về sa mạc ở phía đông tu viện Glushitsky, nơi ngài sống trong lao động không ngừng nghỉ và phụng sự Thiên Chúa. Khi các tu sĩ bắt đầu tụ tập về đây, ngài đã xây dựng một nhà thờ mang tên "Hội đồng Thánh Mẫu", bao quanh tu viện bằng hàng rào và sống trong khuôn viên tu viện với những công việc không ngừng nghỉ cùng những lời cầu nguyện suốt đêm không ngừng nghỉ. Ngài đặc biệt nổi bật với khả năng hòa giải những người đang thù hận và giận dữ. Khi Công tước Vasily Vasilyevich[6588] bị trục xuất khỏi Moscow và Công tước Yuri đã chiếm đoạt ngai vàng Đại công tước một cách bạo lực, Thánh Grigory đã đến Moscow và bằng những lời lẽ dũng cảm và khôn ngoan, ngài khuyên nhủ Công tước Yuri không nên chiếm giữ ngai vàng thừa kế của người khác và hãy trở về quê hương của mình – Galich. Tại đó, nhờ sự can thiệp của vị tu sĩ, hòa bình đã được khôi phục giữa Công tước Yuri và Vasily, và cả hai đều trở về nắm giữ ngai vàng thuộc về mình. Vào thời điểm đó, Công tước Dimitri[6589] đã dẫn một đạo quân hùng hậu đến Vologda và gây ra nhiều tai họa cho cư dân thành phố. Thánh Grigori, vì lo lắng cho sự an lành của những cư dân Kitô hữu trong thành phố, đã đến gặp Công tước Dimitri và lên án ông ta về tất cả những tai họa mà ông ta đã gây ra cho các Kitô hữu. Không chịu đựng được những lời lên án của vị tu sĩ, Công tước ra lệnh ném ông xuống sông từ trên cầu. Vị tu sĩ đã chịu đựng sự sỉ nhục này với niềm vui, tạ ơn Thiên Chúa.

Sau nhiều năm sống hiến dâng cho Chúa, khi cảm nhận được cái chết đang đến gần, vị thánh đã triệu tập các tu sĩ trong tu viện đến bên mình, ban cho họ những lời dạy dỗ và bổ nhiệm một vị tu viện trưởng thay thế mình. Sau đó, vị thánh kiệt sức. Khi giờ lâm chung sắp đến, ngài đã để lại di chúc cuối cùng cho các tu sĩ, nói rằng:

– Khi linh hồn tôi lìa khỏi thân xác, xin đừng dành cho tôi bất kỳ sự tôn vinh nào, mà chỉ cần cầm chân thi thể tôi và thả nó xuống đầm lầy.

Nói xong, ngài nằm xuống giường, làm dấu thánh giá, và phó thác linh hồn thánh thiện của mình[6590] vào tay Đức Kitô, Đấng mà ngài đã yêu mến từ thuở thiếu thời và đã hết lòng phụng sự trong suốt cuộc đời bằng sự chân thật và thánh thiện.

Giờ đây, Thánh Grigori, trong hàng ngũ các thánh và các vị thánh nhân, đứng trước ngai vàng của Thiên Chúa, cầu xin lòng nhân từ của Ngài cho chúng con, những kẻ tội lỗi, những người tin vào Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng được tôn vinh và thờ phượng hiện tại, muôn đời và đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Được soi sáng bởi tình yêu của Đấng Kitô, hỡi vị Thánh khôn ngoan, ngài đã tỏa sáng bởi các đức hạnh, ghét bỏ mọi thú vui xác thịt, và dọn vào sa mạc, nơi ngài đã nỗ lực hết mình trong cuộc đời tạm bợ này, qua việc hát thánh ca, thức đêm cầu nguyện và ăn chay: vì lý do đó, Đức Kitô đã ban cho ngài ân sủng của các phép lạ. Nhưng xin ngài hãy nhớ đến chúng con, những người tôn kính kỷ niệm rực rỡ của ngài, thánh cha Grigori, và xin ngài cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

[6585] Yuri Dmitrievich Galitsky, con trai của Dmitry Donskoy.
[6586] Anh trai của Yuri, con trai của Dimitri Donskoy, qua đời năm 1425.
[6587] Thánh Dionysius Glushitsky, người sáng lập tu viện mang tên ngài ở tỉnh Vologda, đã qua đời vào ngày 1 tháng 6 năm 1437.
[6588] Vasily Vasilyevich Temny, con trai của Vasily Dmitrievich, cai trị từ năm 1425 đến năm 1462, từng bị chú ruột của mình, Công tước Yuri Dmitrievich của Galich, trục xuất khỏi Moscow một lần.
[6589] Dimitri Shemyaka, con trai của Yuri Dmitrievich.
[6590] Thánh Grigori qua đời vào ngày 30 tháng 9 năm 1441.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Thưa vị thánh đáng kính, ngài đã bị tình yêu của Chúa Kitô lay động, và ngài đã theo Ngài với một khát vọng không thể lay chuyển. Ngài đã ghét bỏ mọi thú vui trần tục, và dọn vào sa mạc, nơi Ngài đã tu hành hết sức siêng năng: chính vì thế mà Chúa Kitô đã ban cho ngài ân sủng của các phép lạ. Xin ngài nhớ đến chúng con, những người tôn kính kỷ niệm rực rỡ của ngài, để chúng con có thể kêu lên với ngài: "Hãy vui mừng, thánh Grigori, cha của chúng con."

Lễ kính Thánh Michael, Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga, vị làm phép lạ

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 9

Thánh Michael là Tổng Giám mục Kiev và Toàn Nga đầu tiên, và đã lãnh đạo Giáo hội của chúng ta vào thời Thánh Vladimir, vị Công tước ngang hàng với các Tông đồ.

Sau khi chinh phục thành phố Hy Lạp Korsun[6591] , Hoàng tử Vladimir đã nhận phép rửa tội tại đó và kết hôn với Công chúa Anna, em gái ruột của các hoàng đế Byzantine[6592] . Nhưng với quyết tâm vững chắc là sẽ soi sáng toàn bộ đế quốc vĩ đại của mình bằng ánh sáng đức tin Kitô giáo, Hoàng tử Tương đương các Tông đồ ngay sau đó đã cử một phái đoàn từ Korsun đến Constantinople để gặp các hoàng đế và tổng giám mục, với lời thỉnh cầu gửi các mục tử Giáo hội đến để rửa tội cho vùng đất Nga, nơi đang chìm trong bóng tối của sự thờ thần tượng, và để quản lý Giáo hội Nga. Thánh Nicholas Chrysostom, Tổng Giám mục Constantinople[6593] cùng với Hội đồng các giám mục đã bầu chọn và tấn phong Michael, người có trí tuệ uyên bác, giỏi giảng dạy và có đời sống thánh thiện, làm Tổng Giám mục tại Nga. Không còn thông tin nào về hoàn cảnh cuộc đời của Thánh Michael trước khi ngài được tấn phong làm Tổng Giám mục; ngay cả về nguồn gốc của vị thánh này, các biên niên sử cũng ghi chép khác nhau: một số gọi ngài là người Syria, số khác lại gọi là người Bulgaria. Sau khi nhận được lời dặn dò của Đức Thượng phụ, Thánh Michael lên đường đến gặp Công tước Vladimir, được tháp tùng bởi các vị giáo sĩ được chỉ định để hỗ trợ ngài trong việc quản lý – gồm sáu giám mục cùng đông đảo các linh mục và tu sĩ. Với niềm vui và sự long trọng lớn lao, hoàng tử đã đón tiếp vị thánh, và ngay sau đó, cùng với ngài và vợ mình, công chúa, ông vội vã lên đường đến thủ đô Kiev. Cuộc rước của vị công tước mới được rửa tội và vị tổng giám mục mới được tấn phong đến "mẹ của các thành phố Nga" dường như là một cuộc hành trình thiêng liêng nhằm xóa bỏ đa thần giáo và thờ ngẫu tượng trong vương quốc của Vladimir. Họ mang theo các di vật thánh, thánh giá, các bức tranh thánh và các đồ thờ cúng thiêng liêng. Đi cùng họ là đoàn quân mang thánh giá – các mục sư của Giáo hội, những người đến từ Hy Lạp và được tuyển chọn từ thành Korsun đã bị chinh phục.

Toàn bộ thời gian ngắn ngủi Thánh Michael lãnh đạo Giáo hội Nga đều dành cho các công việc tông đồ: rao giảng Tin Mừng cho những người ngoại đạo, làm phép rửa tội cho họ và củng cố đức tin cho những người mới được khai sáng. Theo lời bài thánh ca "[6594] ", Thánh Michael "đã mang Tin Mừng của Chúa Kitô từ Thành phố Vương quyền đến vùng đất Nga đang chìm trong cảnh nghèo đói của sự vô tín, và ban tặng điều đó cho vùng đất này".

Việc đầu tiên mà vị thánh thực hiện tại nơi ngài đảm nhận chức vụ mục vụ là làm lễ rửa tội cho gia đình hoàng tử – các con trai của ngài; tiếp theo là lễ rửa tội cho các chiến binh và các quý tộc của hoàng tử.

Giáo hội của chúng ta tôn vinh Thánh Michael như là vị rửa tội cho thủ đô Kiev, và ca ngợi: "Thành Kiev vẫn rực rỡ cho đến ngày nay, được khoác lên mình áo rửa tội do Ngài ban tặng, hỡi vị thánh." Công việc quan trọng này đã được thực hiện với nhiều khó khăn, nhưng cũng với thành công rực rỡ. Đức Tổng Giám mục thánh thiện, các giám mục và đông đảo các linh mục đã hướng dẫn dân chúng còn mù mờ về đức tin Kitô giáo, chuẩn bị cho họ

[6591] Korsun – hay còn gọi là Chersonesos Taurica – là một thành phố Hy Lạp cổ đại nằm trên bờ tây nam của bán đảo Taurica hay Crimea, gần thành phố Sevastopol ngày nay. Sau này, nơi đây chỉ còn lại những tàn tích.

[6592] Tất cả những sự kiện này diễn ra vào năm 988. Các hoàng đế Byzantine lúc bấy giờ là Vasili II "Kẻ Chinh Phục Người Bulgaria" và anh trai ông là Konstantin VIII, con trai của hoàng đế Roman II. Hầu như suốt thời gian trị vì, họ đều đồng trị vì: Basil từ năm 975 đến năm 1025, Constantine từ năm 979 đến năm 1028, nhưng người thực sự nắm quyền là Basil – người tài giỏi và năng động nhất.

[6593] Thánh Nicholas II Chrysostomos đã lãnh đạo Giáo hội Constantinopolis từ năm 983 đến năm 996.

[6594] Tại phần này và các phần tiếp theo, trích dẫn các đoạn từ nghi lễ dành cho Thánh Michael.

đón nhận bí tích Rửa tội, phá bỏ những mê tín dị đoan ngoại giáo của họ, "bằng lưỡi gươm của giáo lý Phúc Âm, chặt đứt các tượng thần". Vào thời điểm đó, Công tước Vladimir đã hỗ trợ cho sự thành công của công cuộc rao giảng bằng quyền lực của mình: ngài ra lệnh cho các thuộc hạ đập phá các tượng thần và sỉ nhục chúng, đồng thời ra lệnh cho toàn dân, từ già đến trẻ – nam và nữ, quý tộc và thường dân, nô lệ và người tự do – phải đến sông vào ngày đã định để chịu phép rửa tội. Và cư dân Kiev đã tụ tập bên bờ sông Dnieper để làm lễ rửa tội, do Thánh Michael chủ trì cùng với đông đảo các linh mục, dưới sự chứng kiến của hoàng tử, gia đình ngài và các quý tộc.

Việc rửa tội cho Kiev đã đặt nền móng vững chắc cho việc khai sáng nước Nga bằng ánh sáng của lẽ thật Phúc Âm: đức tin vào Chúa Kitô, mà hoàng tử và các quý tộc đã tuyên xưng, đã trở thành đức tin của thủ đô Nga. Nhưng giờ đây, cần phải biến nó thành đức tin của toàn cõi Rus' từ đầu đến cuối, toàn bộ vùng đất nằm dưới quyền cai trị của Vladimir và được giao cho Thánh Michael quản lý về mặt giáo hội. Chính vị thánh phải tập hợp đàn chiên của Lời Chúa để trở thành mục tử và thầy dạy của họ. Vì vậy, vị tổng giám mục nhiệt thành này, với sự hỗ trợ của vị công tước ngang hàng các tông đồ, đã nỗ lực truyền bá đức tin vào Chúa Kitô khắp các thành phố trên đất Nga. Giáo hội tôn vinh Thánh Michael như một chứng nhân của sự thật và người rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô, người đã nhổ bỏ "cỏ dại của đa thần giáo và gieo rắc hạt giống thiện lành trổ bông trên đất Nga". Các thành phố quan trọng nhất của Rus' sau Kiev vào thời điểm đó là: Novgorod Vĩ Đại, thủ đô của các lãnh địa phía bắc thuộc quyền cai trị của Công tước Vladimir, và Rostov Vĩ Đại, thành phố chính của vùng Zalesye[6595] . Thánh Michael đã thực hiện các chuyến đi đến hai thành phố này để dẫn dắt những người ngoại đạo trở lại đức tin vào Chúa Kitô. Năm 990, cùng với các giám mục, tướng quân của công tước là Dobrynya và Anastas Korsunyanin[6596] , vị thánh đã đến thăm Novgorod; tại đây, ngài đã phá hủy các tượng thần, rửa tội cho nhiều người, xây dựng một số nhà thờ và bổ nhiệm các linh mục cho các nhà thờ đó. Năm sau, Thánh Michael lại thực hiện một chuyến đi tương tự để rao giảng Tin Mừng tại Rostov. Lần này, thành công của việc rao giảng của ngài còn lớn hơn: ngài đã rửa tội cho vô số người, xây dựng nhiều nhà thờ, bổ nhiệm các linh mục và phó tế cho các nhà thờ đó, đồng thời thiết lập nghi thức thờ phượng và hệ thống quản lý giáo hội.

Năm 992, Thánh Tổng Giám mục Michael qua đời. Thánh Vladimir đau buồn tột độ và khóc than, bởi vì với sự ra đi của vị thánh này, ngài không chỉ mất đi một vị mục tử nhân từ và nhiệt thành, mà còn mất đi một cố vấn sáng suốt trong các công việc quản lý nhà nước.

Ngay sau khi Kiev được rửa tội, Thánh Michael đã ban phước cho Công tước Vladimir xây dựng Nhà thờ Desyatinnaya để tôn vinh Đức Mẹ Đồng Trinh. Vị thánh này đã không sống đủ lâu để chứng kiến việc hoàn thành công trình, nhưng chính ngôi thánh đường này đã tiếp nhận thi hài của ngài, trở thành nơi an táng của ngài[6597] .

Vào thế kỷ XII, thi hài của Thánh Michael được phát hiện vẫn còn nguyên vẹn, ngay sau đó đã được chuyển đến Tu viện Kiev-Pechersk, vào hang động của Thánh Anthony, và từ đó vào năm 1730 được chuyển đến Nhà thờ Lớn Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời của tu viện, nơi thi hài của ngài vẫn còn nguyên vẹn cho đến ngày nay[6598]

Ngày 14 tháng 10

Ngày 1 tháng 10 (theo lịch cũ)

[6595] Novgorod tọa lạc bên sông Volkhov, tại nơi con sông này chảy ra từ hồ Ilmen; hiện nay là một thành phố cấp tỉnh. Rostov, nằm bên hồ Nero, hiện là một thị trấn cấp huyện thuộc tỉnh Yaroslavl.

[6596] Dobrynya – chú ruột của Vladimir bên phía mẹ. Anastas Korsunyanin – người Hy Lạp, người đã giao nộp Korsun cho Vladimir. Sau này, ông trở thành linh mục cao cấp nhất tại Nhà thờ Desyatinnaya.

[6597] Nhà thờ Desyatinnaya có tên gọi này xuất phát từ "desyatina" (một phần mười tài sản), khoản tiền được Công tước Vladimir quy định để duy trì nhà thờ; nhà thờ được xây dựng bởi các thợ thủ công được mời từ Hy Lạp, trong vòng bảy năm (từ năm 989 đến năm 996). Trước khi nhà thờ được thánh hiến, di cốt của Thánh Michael có lẽ đã được tạm thời lưu giữ ở một nơi khác; tuy nhiên, cũng có khả năng chúng đã được an táng ngay trong ngôi đền chưa hoàn thành.

[6598] Lễ kỷ niệm Thánh Michael ban đầu được tổ chức vào ngày 15 tháng 6, theo truyền thuyết, là ngày ngài qua đời. Từ năm 1730, ngày lễ này được chuyển sang ngày 30 tháng 9.

Bài giảng nhân lễ Che Chở của Đức Mẹ

Ngày tưởng niệm 1 tháng 10

Trong những thời kỳ khó khăn gần đây, khi tội lỗi của chúng ta ngày càng gia tăng, thì những tai ương của chúng ta cũng ngày càng nhiều hơn – đúng như lời Thánh Tông đồ Phaolô đã nói: *"bị nguy hiểm từ bọn cướp, bị nguy hiểm từ đồng bào, bị nguy hiểm từ dân ngoại, bị nguy hiểm trong thành phố, bị nguy hiểm trong sa mạc, bị nguy hiểm trên biển, bị nguy hiểm giữa những kẻ giả danh anh em"* (2 Cô-rinh-tô 11:26); khi, theo lời chính Chúa, dân tộc này nổi dậy chống lại dân tộc kia, vương quốc này chống lại vương quốc kia, và nạn đói, dịch bệnh cùng động đất xảy ra ở nhiều nơi (Mt 24:7), khi chúng ta bị bao vây bởi các cuộc xâm lược của kẻ ngoại bang, các cuộc nội chiến và những vết thương chết người – Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đáng Chúc Tụng, Mẹ của Chúa, ban cho chúng ta tấm màn che chở của Mẹ để giải thoát chúng ta khỏi mọi tai ương, để bảo vệ chúng ta khỏi nạn đói, dịch bệnh và động đất, cứu chúng ta khỏi chiến tranh và thương tích, và giữ chúng ta được an toàn dưới tấm màn che chở của Mẹ. Dấu hiệu này đã hiện ra tại thành phố hoàng gia Constantinople, dưới triều đại của vị vua đạo đức Lêô Khôn Ngoan[6599] , tại nhà thờ vinh quang của Đức Mẹ Thiên Chúa, tọa lạc tại Vlacherna[6600] . Tại đó, trong lúc cử hành thánh lễ suốt đêm, vào ngày Chủ Nhật, ngày mùng 1 tháng Mười[6601] , vào giờ thứ tư của đêm, trước sự chứng kiến của đông đảo dân chúng, thánh Anrê, người giả điên vì Chúa Kitô, đã ngước mắt lên trời và nhìn thấy Nữ Vương Thiên Đàng, Đấng Bảo Trợ của cả thế giới, Đức Trinh Nữ Maria, đang đứng lơ lửng trên không trung và cầu nguyện, rực rỡ như ánh mặt trời và che chở mọi người bằng tấm áo choàng thánh của Mẹ. Thấy vậy, Thánh Anrê nói với môn đệ của mình, vị thánh phúc Epiphanius[6602] :

– Anh có thấy không, anh em, Nữ Vương và Chủ Tể của muôn loài, đang cầu nguyện cho cả thế giới?

Epiphanius đáp:

– Con thấy rồi, thưa Cha thánh, và con kinh ngạc[6603] .

Cũng như xưa kia Thánh Gioan Thần Học đã nhìn thấy trên trời một điềm báo vĩ đại, một người phụ nữ mặc áo mặt trời, thì Thánh Anrê, tại Nhà thờ Vlacherna, nơi giống như bầu trời, cũng đã nhìn thấy Cô Dâu Vô Song, mặc áo choàng màu tím mặt trời. Dấu hiệu mà Thánh Gioan Thần Học đã nhìn thấy là hình ảnh tiên báo về Đấng Bảo Trợ Rất Nhân Từ của chúng ta, bởi vì dấu hiệu tương tự đã xuất hiện vào thời điểm mà người được mặc khải đã nhìn thấy sự hủy diệt đe dọa toàn thể muôn loài: *"Và có sét, tiếng nói, sấm sét, động đất và mưa đá lớn. Và một điềm báo vĩ đại đã xuất hiện trên trời: một người phụ nữ mặc áo mặt trời"* (Khải Huyền 11:19, 12:1). Vậy tại sao dấu hiệu này, vốn là hình ảnh tiên báo về Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, lại không xuất hiện trước những tia chớp, tiếng sấm, tiếng nói, động đất và mưa đá, khi mà mọi yếu tố tự nhiên vẫn còn yên tĩnh, mà lại xuất hiện vào thời điểm hỗn loạn kinh hoàng nhất trên trời và dưới đất? Để cho thấy rằng Đấng Bảo Trợ Tốt Lành của chúng ta vội vã đến giúp đỡ chúng ta trong thời khắc khó khăn nhất, khi sự diệt vong đang ập đến với chúng ta, và bảo vệ chúng ta khỏi ánh hào quang lừa dối, chỉ lóe lên trong chốc lát, của sự phù phiếm trần gian; khỏi những tiếng nói của sự kiêu ngạo và hão huyền trong đời sống; khỏi tiếng sấm sét của những cuộc tấn công bất ngờ từ kẻ thù; khỏi cơn bão của

---

[6599] Lê VI Người Khôn Ngoan – hoàng đế Byzantine từ năm 886 đến năm 912.

[6600] Vlacherna là một khu vực ở Constantinople, nằm ở góc phía tây của thành phố. Vào thời kỳ hưng thịnh của Đế chế Byzantine, nơi đây nổi tiếng khắp phương Đông nhờ các thánh địa của mình.

[6601] Dấu hiệu này xảy ra vào nửa đầu thế kỷ X, vào những năm cuối đời của Thánh Andrei Yurodivy (qua đời khoảng năm 936). Lễ Đức Mẹ Che Chở chính thức được thiết lập trong Giáo hội Nga không muộn hơn nửa sau thế kỷ XII. Điều đáng chú ý là mặc dù Thánh Andrei – một người gốc Slav – đã nhận được thị kiến này, nhưng lễ hội lại được thiết lập và cử hành tại các vùng đất Slav. Tại chính Constantinople, dù không có lễ hội này, người ta vẫn ghi nhớ thị kiến của Thánh Andrei. Trong Nhà thờ Vlacherna có một bức tượng Đức Mẹ theo hình ảnh mà Người đã hiện ra với Thánh Andrei.

[6602] Epiphanius – một thanh niên quý tộc, theo một số ý kiến là môn đệ của Thánh André – sau này đã xuất gia với tên gọi Polyeuctus và từng là Thượng phụ Constantinopolis.

[6603] Câu chuyện về Lễ Che Chở của Đức Mẹ kết thúc với những chi tiết sau đây. Khi Thánh Anrê cùng Epiphanius chiêm ngưỡng thị kiến kỳ diệu này, Đức Mẹ đã cầu nguyện trong một thời gian dài, nước mắt tuôn trào trên khuôn mặt Thánh Thiện và Vô Nhiễm của Người. Sau khi kết thúc lời cầu nguyện tại đó, Người tiến đến ngai vàng và tiếp tục cầu nguyện cho dân chúng đang quỳ trước mặt. Khi kết thúc lời cầu nguyện, Người cởi bỏ tấm khăn che đầu vĩ đại và uy nghiêm, tỏa sáng như tia chớp, mà Người đã đội trên đầu Vô Nhiễm của mình; rồi với sự trang nghiêm tột bậc, Người dùng đôi tay Vô Nhiễm của mình giương cao tấm khăn ấy lên trên toàn thể dân chúng đang đứng. Những người đàn ông kỳ diệu này đã ngắm nhìn tấm khăn trùm được giang rộng trên dân chúng và vinh quang của Chúa rực rỡ như tia chớp trong một thời gian dài; và chừng nào Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội còn ở đó, tấm khăn trùm ấy vẫn hiện rõ. Khi Người rời đi, tấm khăn trùm cũng trở nên vô hình. Nhưng khi mang nó theo, Người đã để lại ân sủng cho những ai có mặt tại đó.

những đam mê; và khỏi trận mưa đá từ trên cao đe dọa trừng phạt chúng ta vì những tội lỗi. Vì khi tất cả những tai ương này đè nặng lên chúng ta, ngay lập tức, như một dấu hiệu vĩ đại, Đấng Cứu Trợ của dòng dõi Kitô hữu xuất hiện, bảo vệ và che chở chúng ta bằng sự cầu bầu vô hình. Đó chính là *"lá cờ* [mà Chúa đã ban cho những ai kính sợ Ngài], *để họ giương cao vì lẽ thật"* (Thánh Vịnh 59:6); vì trong thế gian này, chúng ta dường như bị đặt làm mục tiêu để bắn. Những mũi tên bay về phía chúng ta từ mọi phía: một số từ vũ khí của những kẻ thù hữu hình, những kẻ vội vã giương cung và khoe khoang trước mặt chúng ta trong sự kiêu ngạo của chúng; một số khác từ cung tên của những kẻ thù vô hình, để chúng ta phải đau đớn thừa nhận rằng mình không thể chịu đựng nổi những mũi tên của ma quỷ; một số khác nữa – từ xác thịt của chính chúng ta, đang chống lại Thánh Linh; một số khác – từ cây cung của cơn thịnh nộ công chính của Thiên Chúa và sự trừng phạt đáng sợ, như Thánh Đavít đã nói: *"Nếu [ai] không ăn năn. Ngài mài sắc gươm của Ngài, giương cung của Ngài và nhắm bắn, chuẩn bị cho kẻ ấy những dụng cụ của cái chết, biến những mũi tên của Ngài thành những mũi tên thiêu đốt"*[6604] (Thánh Vịnh 7:13–14). Để chúng ta không bị những mũi tên ấy đâm thấu đến chết và có thể tránh khỏi nguy hiểm, chúng ta đã được ban cho một dấu hiệu – tấm màn che của Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm Nguyên Tội . Được che chở như tấm khiên bởi tấm màn che của Mẹ, chúng ta vẫn an toàn trước những mũi tên. Vì Đấng Bảo Trợ của chúng ta có một ngàn lá chắn để bảo vệ chúng ta, như Thánh Thần đã phán với Người: *"Cổ của ngươi như cột trụ của Đa-vít, được dựng lên để treo vũ khí; một ngàn lá chắn treo trên đó – tất cả đều là lá chắn của những người hùng mạnh"*[6605] (Ca Vịnh 4:4).

Ngày xưa, Đa-vít đã dựng nên cột trụ của mình, tuyệt đẹp và cao vút, nằm giữa Si-ôn – tọa lạc trên ngọn núi cao – và Giê-ru-sa-lem – nằm ở phía dưới, được gọi là "con gái của Si-ôn"[6606] . Cột trụ ấy nằm giữa hai nơi, giống như cổ nối giữa thân và đầu, vì chiều cao của nó vượt qua Giê-ru-sa-lem và vươn tới Si-ôn. Trên cột trụ ấy treo đầy khiên và mọi loại vũ khí cần thiết cho chiến tranh và việc bảo vệ Giê-ru-sa-lem. Thánh Thần so sánh Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm với cột trụ của Đa-vít này: vì Người, với tư cách là con gái của Đa-vít, là trung gian giữa Đấng Ki-tô, Đầu của Hội Thánh, và các tín hữu, những người hợp thành thân thể của Hội Thánh; Ngài vượt trội hơn Giáo Hội, vì quả thực cao hơn tất cả các thành viên của Giáo Hội, nhưng Ngài cũng vươn tới Chúa Kitô, vì đã ban cho Ngài thân xác. Ngài vẫn là Đấng Trung gian ngay cả bây giờ, khi Ngài đứng giữa trời và đất, giữa Thiên Chúa và loài người, giữa Đấng Khởi xướng – Đức Kitô – và Giáo Hội đang chiến đấu, giống như cột trụ của Đavít giữa Si-ôn và Giê-ru-sa-lem, được treo đầy những tấm khiên vững chắc. Những tấm khiên này tượng trưng cho những lời cầu nguyện toàn năng của Mẹ dành cho chúng ta trước mặt Thiên Chúa, được những người xứng đáng nghe thấy trong lúc chiêm ngưỡng hình ảnh Thánh Mạng cao quý của Mẹ. Mẹ đã cầu nguyện với lòng thành kính, như một người Mẹ đối với Con và Đấng Tạo Hóa của Mẹ, và trong lúc cầu nguyện, Mẹ đã thốt lên những lời sau đây, tràn đầy lòng thương xót và tình yêu của Thiên Chúa:

– Lạy Vua Trời! Xin hãy đón nhận mọi người ca ngợi Ngài và kêu cầu Danh Thánh của Ngài ở mọi nơi, – và nơi nào có người nhớ đến Danh Ta, xin hãy thánh hóa nơi đó; xin ban vinh quang cho những ai tôn vinh Ngài và kính mến Mẹ, Mẹ của Ngài, với tình yêu thương; xin nhận mọi lời cầu nguyện và lời hứa đạo đức từ họ, và giải thoát họ khỏi mọi điều ác và tai ương.

Chẳng phải những lời cầu nguyện ấy của Mẹ chính là những tấm khiên bảo vệ Giáo hội đang chiến đấu sao? Quả thực, chúng là những tấm khiên bất khả xâm phạm, nhờ đó chúng ta có thể dập tắt mọi mũi tên lửa[6607] .

Thánh Ambrôsiô nói về cột của Đa-vít[6608] rằng nó được dựng lên với hai mục đích: để bảo vệ thành phố và để trang trí cho thành phố. "Đa-vít," thánh Ambrôsiô nói, "đã dựng cột để bảo vệ và làm đẹp cho thành phố: nó là

[6604] Dưới hình ảnh người phụ nữ trong sách Khải Huyền, mặc áo mặt trời, đa số hiểu đó là Giáo Hội, còn mặt trời là Chúa Giêsu Kitô. Đồng thời, người phụ nữ này cũng có thể tượng trưng cho Đức Mẹ Rất Thánh, Đấng mặc lấy vinh quang thiêng liêng, thiên thượng.

[6605] Cột Đa-vít, treo đầy các vũ khí chiến tranh và khiên chiến thắng, là hình ảnh tiên báo về Đức Mẹ Đồng Trinh, điều này sẽ được đề cập chi tiết hơn sau đây. Về cột David nổi tiếng này, Kinh Thánh không đề cập thêm thông tin nào khác, ngoài việc nó được dựng lên trên một ngọn núi nào đó, và được xây dựng tại Falpiof – tên gọi này cũng ám chỉ các công sự phòng thủ.

[6606] Si-ôn – ngọn đồi phía tây nam, rộng lớn và cao nhất trong bốn ngọn đồi mà trên đó thành Giê-ru-sa-lem được xây dựng – được người Do Thái tôn kính là nơi thánh và ban đầu đóng vai trò là trung tâm tôn giáo và pháo đài của Giê-ru-sa-lem. Do đó, Kinh Thánh thường gọi Jerusalem là "con gái của Si-ôn", ví dụ xem Thi Thiên 9:15; Ê-sai 1:8, 67:11; Giê-rê-mi 6:23; Ma-thi-ơ 21:5.

[6607] Tức là những hoàn cảnh và cám dỗ khác nhau trên trần gian: đặc biệt là những mũi tên lửa của kẻ xảo quyệt, những cuộc tấn công từ phía ma quỷ – kẻ thù cổ xưa và đáng sợ của loài người, thiêu đốt chúng ta như thể bằng ngọn lửa chết chóc.

[6608] Trong bài giảng về Thi thiên 119, Thánh Ambrose của Milan (ở Ý) – vị cha đáng kính nhất của Giáo hội Tây phương và là nhà văn Kitô giáo thế kỷ IV (qua đời năm 397). Lễ tưởng niệm ngài được cử hành vào ngày 7 tháng 12

sự bảo vệ, bởi vì từ trên cột có thể nhìn thấy kẻ thù từ xa và xua đuổi chúng khỏi thành phố; nó là sự trang trí, bởi vì với chiều cao của mình, nó vượt trội hơn tất cả các tòa nhà cao tầng ở Giê-ru-sa-lem." Chính vì thế, không phải ngẫu nhiên mà Đấng Bảo Trợ của chúng ta được ví như cây cột, Đấng là cây cột vững chắc trước mặt kẻ thù: quả thực, Ngài bảo vệ và làm đẹp cho chúng ta. Ngài bảo vệ chúng ta khi xua đuổi xa khỏi chúng ta những kẻ thù hữu hình và vô hình, khi giải thoát những người bị giam cầm khỏi xiềng xích, khi cứu rỗi những người bị quỷ ám, khi an ủi những người đau buồn, khi trở thành Đấng Bào Chữa cho những người bị áp bức và là bến đỗ bình an cho những ai bị bão táp cuốn trôi, khi nuôi dưỡng những người đói khát và thăm viếng những người bệnh tật. Ngài làm đẹp cho chúng ta, che đậy sự trần truồng đáng xấu hổ của cuộc đời chúng ta trước mặt Thiên Chúa bằng những công đức cao cả nhất của Ngài, như những bộ y phục quý giá nhất, và bằng ân sủng dồi dào, như kho tàng vô tận, bù đắp sự thiếu thốn của chúng ta, khiến chúng ta trở nên đẹp lòng trước mắt Chúa. Ngài làm cho chúng ta trở nên đẹp đẽ khi che phủ chúng ta – những kẻ không có áo cưới – bằng áo choàng của Ngài, và khiến sự trần truồng đáng xấu hổ trong tâm hồn chúng ta trở nên như vô hình trước Con Mắt Toàn Tri, vốn từ thuở ban đầu đã được biểu tượng hóa bằng đất vô hình và hoang vu, được bao phủ bởi nước (Sáng Thế Ký 1:1–2). Vùng đất hoang vu và chưa được định hình là hình ảnh tiên tri của linh hồn tội lỗi, đã mất đi vẻ đẹp thiêng liêng, thiếu vắng những việc lành và xa lạ với ân sủng của Thiên Chúa. Còn những dòng nước bao phủ mặt đất chưa được tạo dựng ấy, đã tượng trưng cho lòng thương xót của Đức Mẹ, vô tận như biển cả, và giống như những dòng sông dồi dào, tuôn tràn và bao phủ tất cả mọi người. Khi Thánh Thần của Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước, Ngài cũng bay lượn trên mặt đất, vốn bị che khuất dưới nước và chưa được trang điểm , như thể không nhìn thấy sự xấu xí của nó. Điều này một cách huyền bí đã tiên báo rằng, linh hồn được che chở bởi tấm màn đầy lòng thương xót của Đức Trinh Nữ Maria, dù có thể chưa được trang điểm bằng các đức tính, cũng sẽ không mất đi ân sủng của Thánh Thần, vì tấm màn che của Đức Mẹ Thiên Chúa sẽ che phủ sự xấu xí của linh hồn ấy, giống như nước đã che phủ mặt đất chưa được định hình, đồng thời sẽ trang điểm cho nó bằng vẻ đẹp của ân sủng Ngài và thu hút Thánh Thần đến với nó. Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm trang điểm cho chúng ta khi biến những kẻ có tội thành người công chính, và những kẻ ô uế thành người thanh khiết, như Thánh Anastasius của Sinai đã nói: "Ngài biến những pháp sư thành các Tông đồ và những người thu thuế thành các nhà truyền giáo, còn những kẻ dâm đãng – thành những người xứng đáng được tôn kính hơn cả các trinh nữ. Chẳng hạn, Maria Ai Cập, người từng là gái điếm, nay đã được Người làm cho trở nên đáng kính hơn nhiều trinh nữ; người trước đây u ám và ô uế, nay tỏa sáng như mặt trời trong vương quốc của Đấng Kitô – nhờ sự chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm, Đấng là tấm màn che chở và sự trang điểm cho tất cả những ai nương tựa vào Người. Ngài cũng làm rạng rỡ cả Giê-ru-sa-lem thiêng liêng, hay là Hội Thánh của Đấng Ki-tô, nơi hôm nay đang ca ngợi như sau: "Ôi, Ngài là sự trang hoàng kỳ diệu cho mọi tín hữu, là sự ứng nghiệm của lời tiên tri, là vinh quang của các Tông đồ và là nguồn an ủi cho các vị tử đạo, là lời khen ngợi cho sự trinh khiết và là tấm màn che tuyệt vời cho cả thế giới"[6609] .

Trên cột của Đa-vít, cùng với những lá chắn là những mũi tên của những người bảo vệ đất nước: và Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, cột trụ đầy sức sống này, cũng có bên mình những mũi tên mạnh mẽ, tức là những lời cầu nguyện của các thánh, những người đang cầu nguyện cùng với Mẹ. Vì không chỉ một mình Mẹ hiện ra trong đền thờ, đứng lơ lửng trên không trung, mà còn cùng với các đạo binh thiên thần và vô số các thánh, những người kính cẩn vây quanh Mẹ trong y phục trắng. Những lời cầu nguyện của tất cả các thánh này cho chúng ta giống như những mũi tên mạnh mẽ, có thể xua đuổi tất cả các đạo quân của kẻ thù chúng ta – ma quỷ. Đức Mẹ Đồng Trinh biết rằng cuộc đời chúng ta trên trần gian là một cuộc chiến: kẻ thù đang chiến đấu chống lại chúng ta bằng tất cả sức mạnh của nó; nó đã dấy lên các đạo quân chống lại chúng ta và bao vây chúng ta bằng các đạo quân của nó, như lời của vị Thi sĩ trong Thánh vịnh: *"Vì chó đã vây quanh tôi, bầy đàn ác quỷ đã bao vây tôi, chúng đâm xuyên tay và chân tôi; chúng há miệng ra với tôi như sư tử đói mồi và gầm rú"* (Thánh Vịnh 21:17, 21:14). Chính vì thế, Nữ Vương Thiên Đàng, với lòng mong muốn giúp đỡ chúng ta, đã huy động tất cả các thế lực trên trời chống lại kẻ thù của chúng ta, kêu gọi các tiên tri và các Tông Đồ, tập hợp các vị tử đạo và các trinh nữ, kết hợp các vị thánh và các người công chính, và cùng với họ hiện ra để giúp đỡ chúng ta, bao vây chúng ta bằng một đạo quân hùng mạnh và ban cho chúng ta chiến thắng trước kẻ thù: "Nhờ Người mà chiến thắng được dựng nên, nhờ Người mà kẻ thù bị đánh bại"[6610] . Mẹ đã đến cùng các đạo binh Thiên thần, vì Mẹ chính là "thang trời" mà Giacóp đã được báo

[6609] Thánh lễ Kính Đức Mẹ Che Chở, 3 bài thánh ca theo điệu "Lạy Chúa, con kêu cầu".
[6610] Bài ca Akathist, Ikos thứ 2.

trước[6611] (Sáng Thế Ký 28:12–15), được bao quanh bởi vô số Thiên thần. Khi nhắc đến thang của Gia-cốp ở đây, có lẽ ai đó sẽ thắc mắc: tại sao các Thiên thần không đứng yên trên đó, mà liên tục lên xuống. Nhưng khi hiểu rằng chiếc thang ấy là hình ảnh tiên báo về Đức Trinh Nữ Maria, theo lời bài thánh ca: "Hãy vui mừng, cây cầu dẫn lên trời, và chiếc thang cao vút mà Gia-cóp đã thấy"[6612] , – người ta sẽ hiểu tại sao các Thiên thần không đứng yên trên chiếc thang ấy. Bởi vì "Đức Mẹ không ngừng cầu nguyện"[6613] ra lệnh cho các Thiên thần cùng với Mẹ không ngừng giúp đỡ loài người: khi lên trời, dâng lời cầu nguyện của loài người lên Thiên Chúa, và khi xuống trần gian – mang đến cho họ sự giúp đỡ và ân huệ từ Thiên Chúa. Chính Bậc Thang ấy ngày nay cũng đã dẫn theo mình vô số Thiên thần từ trời cao, mang đến cho chúng ta sự che chở và bảo vệ từ trên cao. Mẹ đã đến cùng các Thiên thần để truyền lệnh cho họ – hãy gìn giữ chúng ta trên mọi nẻo đường của chúng ta; Ngài đã dẫn theo đoàn thể các thánh, để sau khi cùng nhau dâng lời cầu nguyện thay cho chúng ta, họ sẽ cùng nhau dâng cả những lời cầu nguyện đầy tội lỗi của chúng ta lên Con của Ngài và Thiên Chúa của chúng ta. Trong số tất cả các thánh đã hiện diện trong nhà thờ cùng với Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, có hai vị được chọn lựa nhất: Thánh Gioan Tiền Hô, người mà *"trong những người sinh ra bởi phụ nữ, không ai vĩ đại hơn"* (Mt 11,11), và Thánh Gioan Thần Học, *"người mà Chúa Giêsu yêu mến và trong bữa tiệc, đã tựa đầu vào ngực Ngài"* (Ga 21,20). Cả hai vị, với lòng can đảm lớn lao trước mặt Thiên Chúa, đã được Đức Mẹ cầu nguyện đưa lên cùng với Mẹ, để cùng với họ mau chóng lay động lòng thương xót của Thiên Chúa: *"Lời cầu nguyện mạnh mẽ của người công chính có sức mạnh lớn lao"* (Gc 5,16). Và Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm đã đứng giữa hai người trinh nam, như thể là Hòm Giao Ước giữa hai Thiên Thần Cherubim[6614] , như ngai vàng của Chúa Sabaoth giữa các Thiên Thần Seraphim, như Mô-sê với hai bàn tay giang rộng giữa A-rôn và Hô-rê; khi đó, Amalek từ địa ngục đã sụp đổ cùng với cả vương quốc bóng tối và sức mạnh của hắn[6615] (Xuất Hành 17:11–14).

Vậy là, chúng ta mừng lễ Đức Mẹ Đồng Trinh, tưởng nhớ sự hiện ra vinh quang của Mẹ tại Nhà thờ Vlacherna, mà các thánh Anrê và Epiphanius đã chứng kiến. Chúng ta cử hành lễ này, dâng lời tạ ơn lên Đấng Bảo Trợ của chúng ta vì lòng thương xót vô cùng vĩ đại của Mẹ, đã được tỏ ra cho toàn thể dân Kitô giáo, và chúng ta thành kính cầu xin Mẹ, để Mẹ cũng bây giờ và mãi mãi thương xót che chở chúng ta, những người đang tìm kiếm sự che chở của Mẹ. Chúng ta cầu xin vì nếu không có sự che chở của Mẹ, chúng ta – những kẻ luôn làm phật lòng Thiên Chúa – sẽ không thể nào sống được. Vì phạm tội nhiều lần, chúng ta phải chịu nhiều hình phạt, như lời Thi sĩ đã nói: *"Kẻ gian ác phải chịu nhiều đau khổ"* (Tv 31,10). Chúng con đã phải chết vì những tội ác của mình từ lâu rồi, nếu không có Đức Mẹ đầy lòng thương xót đứng ra cầu thay cho chúng con: "Nếu không có Đấng Cầu Thay này đứng ra cầu nguyện cho chúng con," thì "ai sẽ giải cứu chúng con khỏi bao nhiêu tai ương ấy, ai sẽ giữ cho chúng con được tự do cho đến ngày nay"[6616] . Tiên tri Ê-sai khuyên nhủ dân Do Thái: *"Hãy ẩn náu trong chốc lát,*

[6611] "Lạy Chúa," – Thánh Gioan Damasceno nói về hình ảnh biểu tượng này – "Ngài đã dựng cho chính mình một cái thang có linh hồn, nền móng của nó được đặt vững trên đất, còn đỉnh thì chạm tới chính trời cao, và trên đó Thiên Chúa ngự trị. Cầu thang thiêng liêng, tức là Đức Trinh Nữ, được đặt vững trên đất: bởi vì Mẹ được sinh ra trên đất; đầu Mẹ chạm đến trời: bởi vì đầu Mẹ là Thiên Chúa và Cha."

[6612] Thánh lễ Truyền Tin, bài thánh ca thứ nhất trên "Lạy Chúa, con kêu cầu".

[6613] Câu trong bài ca Kondak về Lễ Lên Trời của Đức Mẹ.

[6614] Đức Mẹ được so sánh một cách chính đáng với Hòm Giao Ước. Trong Cựu Ước, tại Đền Tạm, và sau đó tại Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, có một nơi thánh thiêng liêng nhất, "Nơi Thánh Cực Thánh", chỉ có Thượng Tế mới được phép vào, và chỉ một lần trong năm. Trong thánh điện này lưu giữ Hòm Giao Ước – một chiếc hòm được mạ vàng cả bên trong lẫn bên ngoài, chứa đựng những vật thiêng liêng nhất đối với dân tộc được Thiên Chúa chọn. Hai bên hòm được che chở bởi "Các Thiên Thần Vinh Quang", những hình tượng bằng vàng của các Thần Lực Thiên Đàng cao cả nhất và gần gũi nhất với Thiên Chúa. Chính Hòm Giao Ước này đã tiên báo về Mẹ Thiên Chúa, Đấng đã mang chính Thiên Chúa trong lòng mình, vì thế Giáo Hội ca ngợi Mẹ là "Hòm Giao Ước sống động của Thiên Chúa" (Kinh ca Truyền Tin, bài ca thứ 9). Là Đấng không ngừng cầu nguyện cho nhân loại trước ngai vinh quang, Mẹ là Hòm Giao Ước đối với chúng ta, được bao quanh bởi đoàn thiên thần Cherubim, những vị bảo vệ chúng ta khỏi mọi tai ương và hoàn cảnh khó khăn bằng những lời cầu nguyện của các ngài.

[6615] Trong thời gian lang thang qua sa mạc Ả Rập, dân Israel đã phải giao chiến tại Refidim với một bộ tộc du mục hung hãn – dân Amalec. Mô-sê, A-rôn và Hur đã leo lên đỉnh đồi. Và khi Mô-sê giơ tay lên, dân Y-sơ-ra-ên chiến thắng; còn khi ông hạ tay xuống, dân A-ma-li-cít lại chiến thắng. Khi hai tay Mô-sê trở nên nặng nề, họ bèn đặt ông ngồi trên một tảng đá, còn A-rôn và Ô-rơ thì đỡ tay ông, và hai tay ấy được giơ cao cho đến khi mặt trời lặn. Lúc bấy giờ, dân Y-sơ-ra-ên, dưới sự lãnh đạo của Giê-su Na-vi, đã đánh bại dân A-ma-léc và tiêu diệt họ bằng lưỡi gươm. – Việc Mô-sê giơ tay lên trong hoàn cảnh này đã tượng trưng cho dân Y-sơ-ra-ên về sức mạnh của lời cầu nguyện. Ý nghĩa của sự so sánh này rất rõ ràng: trong những lời cầu nguyện, Đức Mẹ không ngừng cầu nguyện, nhờ sức mạnh của những lời cầu nguyện ấy, như được các thánh Gioan Tẩy Giả và Gioan Thần Học nâng đỡ, đã đánh bại, giống như Mô-sê, kẻ thù vô hình của các Kitô hữu – ma quỷ cùng tất cả các thế lực của nó, đang tấn công chúng ta trong thế giới này, nơi giống như một sa mạc.

[6616] Trích từ bài thánh ca trong nghi thức làm phép nước nhỏ.

cho đến khi cơn giận qua đi" (Ê-sai 26:20). Nhưng làm sao có thể ẩn náu khỏi cơn thịnh nộ của Chúa? Trong những lúc đau khổ, chúng ta không tìm thấy nơi nương náu nào để được bảo vệ, ngoại trừ Đấng Nữ Vương duy nhất của thế gian, Đấng đã tự xưng qua lời Thánh Thần rằng Ngài *"như đám mây che phủ mặt đất"*[6617] (Sir. 24:3). Quả thật, chúng con ẩn náu dưới bóng che chở của Đấng, Đấng như đám mây đã bao phủ mặt đất. Nhưng tại sao, hỡi Đức Trinh Nữ Maria chí thánh, Ngài lại so sánh chính mình với một vật không xứng đáng như đám mây? Chẳng lẽ Nữ Vương không có những hình ảnh cao quý hơn để so sánh, như mặt trời, mặt trăng và các vì sao, nhất là khi Đấng Khôn Ngoan đã thốt lên với sự ngạc nhiên về Nữ Vương: *"Người ấy là ai, rực rỡ như bình minh, xinh đẹp như mặt trăng, sáng chói như mặt trời"*[6618] (Ca Vịnh 6:10)! Vậy thì đám mây có vẻ đẹp gì mà Ngài không ngần ngại so sánh mình với nó? Bí mật này rất rõ ràng: khi đám mây tụ lại trên mặt đất và che phủ nó, thì tất cả các loài thú đều được an toàn khỏi những kẻ săn bắt, vì không ai có thể bắt được chúng. Chính vì thế mà Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm gọi chính mình là đám mây: Ngài che chở chúng ta khỏi những kẻ săn bắt. Còn chúng ta, những kẻ tội lỗi, theo lời giải thích của Thánh Giuse Kim Khẩu, vì sự vô nhân đạo của mình – chúng ta chẳng khác gì súc vật và thú dữ: chúng ta chiều theo dục vọng như gấu, – làm cho thân xác phì nhiêu như lừa, hận thù dai dẳng như lạc đà, chuyên cướp bóc như sói, nổi giận như rắn, chích độc như bọ cạp, xảo quyệt như cáo, mang trong mình nọc độc của sự thù hận như rắn echidna. Những con thú như chúng ta bị nhiều thợ săn truy đuổi: cơn thịnh nộ công chính của Đức Chúa Trời giáng xuống chúng ta, trừng phạt những việc làm xấu xa – như lời Kinh Thánh: *"Lạy Đức Chúa Trời báo thù, lạy Chúa, Đức Chúa Trời báo thù, xin hãy tỏ mình ra!"* (Thi Thiên 93:1). Những tội ác của chúng ta cũng bắt kịp chúng ta, đến nỗi mỗi người trong chúng ta có thể thốt lên: *"Những tội ác của tôi đã bắt kịp tôi, khiến tôi không thể nhìn thấy gì nữa*" (Thi Thiên 39:13). Kẻ thù vô hình cũng đang truy đuổi chúng ta: *" "Ngài đã trở thành đối với tôi như một con gấu rình rập, [như] một con sư tử ẩn nấp trong nơi kín đáo"* (Lời Than Thở của Giê-rê-mi 3:10). Kẻ thù hữu hình cũng đang đe dọa chúng ta. Hắn nói: *"Ta sẽ đuổi theo, bắt kịp, chia chiến lợi phẩm; linh hồn ta sẽ no nê vì chúng, ta sẽ rút gươm ra, tay ta sẽ tiêu diệt chúng"* (Xuất Ê-díp-tô Ký 15:9). Nhưng chúng ta có sự can đảm, chúng ta có đám mây thiêng liêng che chở chúng ta – Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm. Chúng ta đặt niềm tin vào Người, chạy đến nương tựa nơi Người; dưới sự che chở của Người, ngay cả sợi tóc trên đầu chúng ta cũng sẽ không bị hư mất, miễn là chúng ta kêu cầu với lòng thành kính: "Xin che chở chúng con bằng tấm màn che của Người, Đấng Bảo Trợ của chúng con, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm: "Vào ngày tai ương của chúng con, xin che chở chúng con!" (xem Tv 26,5). Nhưng mọi ngày trong cuộc đời chúng con đều đầy tai ương, như Thánh Gia-cô-bê, vị Thượng phụ, đã từng nói: *"Những ngày đời tôi thật ngắn ngủi và khốn khổ"* (St 47,9). Đặc biệt khốn khổ là những ngày chúng con chứng kiến điều ác, và chính chúng con cũng gây ra nhiều điều ác, *"tích lũy cơn giận cho chính mình vào ngày phán xét"*[6619] (Rô-ma 2:5). Tất cả những ngày khốn khổ này của chúng con đều cần đến sự che chở đầy lòng thương xót của Ngài, hỡi Đức Trinh Nữ Thánh Khiết! Xin hãy che chở chúng con trong suốt những ngày đời sống của chúng con, và đặc biệt là vào ngày khủng khiếp, khi linh hồn sẽ lìa xa thân xác. Xin hãy đến giúp đỡ chúng con và che chở chúng con khỏi những thần linh ác độc dưới bầu trời, và vào ngày Phán Xét Đáng Sợ, xin hãy che chở chúng con trong những nơi ẩn náu của Sự Che Chở của Ngài! Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Hôm nay, những người có đức tin chúng con hân hoan mừng lễ, được che chở bởi sự giáng sinh của Mẹ Thiên Chúa, và khi ngước nhìn hình ảnh vô cùng tinh khiết của Mẹ, chúng con thành kính thưa: xin Mẹ che chở chúng con bằng tấm màn che thiêng liêng của Mẹ, và giải thoát chúng con khỏi mọi điều ác, xin Mẹ cầu thay cho Con của Mẹ là Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng con, để Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

[6617] Đức Mẹ, nói chung, cả trong Kinh Thánh lẫn trong các bài thánh ca của Giáo hội, đều được gọi là đám mây (sương mù): từ Mẹ, "mặt trời công chính đã chiếu sáng cho chúng ta"; thứ hai, bởi vì Mẹ "tuôn tràn nước sự tha thứ (cho tội lỗi) cho những ai khát khao" và đã ban cho chúng ta "đám mây bất diệt của Đấng Kitô"; thứ ba, bởi vì Mẹ, bằng tấm màn che thiêng liêng và sự cầu bầu ấm áp của Mẹ, che chở và bảo vệ chúng ta khỏi mọi điều ác và tai ương.

[6618] Hình ảnh tiên tri này không chỉ giới hạn ở ý nghĩa đó. Giống như ánh bình minh xua tan bóng tối ban đêm, đi trước mặt trời rực rỡ và mượn ánh sáng từ Ngài; cũng vậy, Đức Trinh Nữ Rất Thánh đã trực tiếp đi trước "Mặt Trời Công Chính" – Đức Kitô – và từ Ngài, Mẹ đã nhận được vinh quang là Mẹ Thiên Chúa. Với sự ra đời của Đức Kitô, bóng tối của sự thờ ngẫu tượng và đa thần đã tan biến, và một ngày không bao giờ tàn của sự nhận biết Thiên Chúa và lòng đạo đức đã bắt đầu.

[6619] Vào Ngày Phán Xét, tức là Ngày Chúa Kitô tái lâm và Ngày Phán Xét Cuối Cùng.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Hôm nay, Đức Trinh Nữ đứng trong nhà thờ, cùng với các thánh, cầu nguyện thầm lặng cho chúng con trước mặt Thiên Chúa: Các thiên thần cùng các giám mục cùng thờ lạy, các Tông đồ cùng các tiên tri cùng hân hoan: vì chúng con, Đức Mẹ cầu nguyện cùng Thiên Chúa vĩnh cửu.

Ngày tưởng niệm Thánh Tông đồ Ananias

Ngày kỷ niệm: 1 tháng 10

Thánh Tông đồ Ananias, một trong bảy mươi Tông đồ, từng là giám mục tại thành Damascus[6620] . Ngài được biết đến vì đã làm phép rửa tội cho Thánh Phaolô. Một lần nọ, Chúa hiện ra với ngài trong một thị kiến và phán:

– Hãy đứng dậy và đi ra đường gọi là Đường Thẳng, rồi hỏi tại nhà Giu-đa[6621] về một người Tarsus tên là Sa-lô-môn; hiện giờ ông ấy đang cầu nguyện.

Ananias từ chối làm điều đó, vì biết Sa-vơ đã gây ra bao nhiêu điều ác cho các tín hữu tại Giê-ru-sa-lem, và rằng ông ta đến Đa-mách với ý định bắt giam tất cả những ai xưng danh Chúa Giê-su Christ. Nhưng Chúa đã khuyên nhủ Ananias, phán rằng:

– Hãy đi, vì Sa-lô-môn đã được Ta chọn để rao giảng Danh Ta trước các dân tộc, các vua và con cái Y-sơ-ra-ên, và Ta sẽ cho anh ta thấy anh ta phải chịu khổ bao nhiêu vì Danh Ta.

Tuân theo mệnh lệnh thiêng liêng, Ananias đến gặp Sa-lô-môn, đặt tay lên đầu ông và nói:

– Anh em Sa-lô-môn ơi! Chúa Giê-su, Đấng đã hiện ra với anh trên đường đi, đã sai tôi đến để anh được sáng mắt và được đầy dẫy Thánh Linh!

Sa-lô-môn lập tức được sáng mắt, và A-na-ni-a đã làm phép báp-tem cho ông. Một thời gian sau, khi những người Do Thái đồng ý với nhau sẽ giết Phao-lô vì anh ta đã từ một kẻ bắt bớ trở thành người rao giảng Danh Chúa Kitô, Ananias, cùng với các môn đệ khác của Chúa Kitô, đã thả anh ta xuống từ tường thành[6622] (Công vụ 9:10–25) trong một cái giỏ. Còn chính Ananias, khi bước vào các hội thánh của người Do Thái[6623] , đã dũng cảm rao giảng Danh Chúa. Ông không chỉ rao giảng Tin Mừng về Đức Kitô cho người Do Thái, mà còn cho cả những người ngoại giáo. Từ Damascus, ông đi đến Eleutheropolis[6624] và tại đó, bằng cách chỉ dẫn cho dân chúng con đường dẫn đến sự cứu rỗi và chữa lành cho những người bệnh, ông đã dẫn dắt nhiều người đến với đức tin nơi Đức Kitô.

Vào những ngày đó, người cai trị Eleutheropolis là Lucian, kẻ thờ phượng các thụ tạo chứ không phải Đấng Tạo Hóa. Ma quỷ đã xúi giục ông chống lại các Kitô hữu và gieo rắc vào lòng ông ý định ban hành sắc lệnh sau đây trên toàn lãnh địa của mình:

[6620] Damascus – thành phố thương mại chính và giàu có nhất của Syria, một trong những thành phố cổ xưa nhất trên thế giới; nằm về phía đông bắc Palestine, bên sông Barada chảy qua thành phố, trên một đồng bằng xinh đẹp và trù phú, ở chân phía đông dãy núi Anti-Lebanon.

[6621] Tarsus – một thành phố lớn ở Cilicia (tỉnh phía đông nam của Tiểu Á), nằm ở phần phía nam của tỉnh này, trên một đồng bằng màu mỡ bên sông Kidne, không xa nơi con sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải. Và cho đến nay, đây vẫn là một thành phố thương mại khá quan trọng.

[6622] Trong số các di tích cổ đại khác, Damascus cho đến nay vẫn còn lưu giữ nơi Thánh Tông đồ Phaolô được dẫn dắt đến đức tin Kitô giáo, tức là con đường thẳng nổi tiếng, ngôi nhà của Giuđa, nơi ngài được phục hồi thị lực và nhận phép rửa tội, cùng ngôi nhà của Tông đồ Ananias, cũng như nơi ngài được thả xuống từ tường thành và nhờ đó thoát khỏi những kẻ bách hại.

[6623] Các hội đường (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "cuộc tụ họp") – là nơi tổ chức các cuộc tụ họp tôn giáo của người Do Thái, vốn là những công trình kiến trúc mở để cử hành các nghi lễ thờ phượng cộng đồng và giảng dạy, giải quyết các vấn đề tranh cãi trong giáo hội, xét xử các vụ kiện tụng; những công trình này cũng đóng vai trò là nơi tụ họp để tranh luận, trường học cho trẻ em và thư viện. Việc thành lập các hội đường có nguồn gốc từ thời kỳ lưu đày ở Babylon.

[6624] Eleutheropolis – một thành phố ở miền nam Palestine, nằm trên con đường nối giữa Jerusalem và Gaza. Hiện nay, tại đây có một làng nằm ở lối ra khỏi đồng bằng Sefel, dẫn vào vùng cao nguyên Giu-đa. Không xa đó là những tàn tích của thành phố cổ Eleutheropolis.

– Ai bị phát hiện tôn kính Chúa Kitô và thờ phượng Đấng bị đóng đinh, thì sẽ bị trừng phạt bằng những hình phạt tử hình; còn ai từ bỏ Chúa Kitô và dâng lễ vật cho các vị thần bất tử, thì sẽ được chúng ta ban tặng quà tặng và vinh dự.

Khi sắc lệnh độc ác và xảo quyệt đó được ban hành, Thánh Anania đang rao giảng Tin Mừng và chữa lành mọi bệnh tật cho dân chúng trong vùng; Chúa ở cùng ngài và thực hiện nhiều phép lạ qua ngài. Những kẻ thờ thần tượng đã bắt giữ Ananias và dẫn ông đến trước quan tổng trấn Lucian, người đã dùng đủ mọi thủ đoạn để ép buộc ông dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng Ananias không vâng lời ông ta và đáp lại:

– Tôi sẽ không thờ lạy các thần giả dối; tôi chỉ thờ lạy Đấng Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật của tôi, là Đức Giê-su Ki-tô: tôi đã nhìn thấy Ngài bằng chính đôi mắt mình và đã trò chuyện trực tiếp với Ngài – không chỉ khi Ngài còn sống trên đất như một con người, mà cả sau khi Ngài thăng thiên lên trời. Vì khi tôi đang ở Đam-mách, chính Ngài đã hiện ra với tôi và sai tôi đi chữa lành cho Sa-lô-môn, người mà Ngài đã dùng sự khôn ngoan và quyền năng kỳ diệu của Ngài để dẫn dắt đến sự nhận biết lẽ thật. Ngài đã giải thoát tất cả chúng ta khỏi quyền lực của ma quỷ và dẫn dắt chúng ta đến với Cha Ngài. Vì vậy, tôi thờ phượng Ngài, chứ không phải những con quỷ muốn hủy diệt toàn thể nhân loại.

Lúc đó, quan tổng trấn bắt đầu đe dọa Ananias sẽ bị tra tấn nếu ông không tuân theo mệnh lệnh; nhưng ông, như một cột trụ vững chắc, vẫn kiên định trong việc xưng nhận Đức Kitô. Nâng hai tay lên trời, ông nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con của Cha đáng chúc tụng! Xin hãy lắng nghe lời cầu nguyện của con và ban cho con được chia sẻ phần phúc của các Tông đồ trong đời sau. Như Ngài đã cứu Sa-lô-môn bằng ánh sáng của Ngài, xin hãy cứu con khỏi tay kẻ vô đạo này, kẻ chống lại lẽ thật: xin đừng để ý muốn của hắn được thực hiện trên con, xin đừng để hắn bắt con vào lưới mưu mô của hắn; xin đừng tước đoạt Nước Trời của con, Nước Trời đã được chuẩn bị cho tất cả những ai yêu mến con đường chân lý của Ngài, con đường mà Ngài đã chỉ dẫn, và tuân giữ các điều răn của Ngài!

Không thể chịu đựng được những lời của Ananias nữa, quan tổng trấn ra lệnh quật ngã ông xuống đất và đánh đập. Trong khi các quan chức đánh đập vị thánh một cách tàn nhẫn, người truyền lệnh la lên:

– Hãy nghe lời quan tổng trấn, đừng chống lại mệnh lệnh của ngài, hãy dâng lễ vật cho các vị thần mà cả thế gian đang thờ phụng.

Khi họ ngừng đánh vị thánh, quan tổng trấn nói với ông:

– Ít nhất bây giờ hãy thương xót chính mình và, hãy vâng lời ta, từ bỏ Đấng Bị Đóng Đinh, để khỏi phải chịu những cực hình còn nặng nề hơn từ ta.

Trước lời đó, thánh Ananias đáp lại:

– Điều tôi đã nói với ngài từ đầu, giờ đây tôi vẫn không ngừng lặp lại: tôi sẽ không từ bỏ Đức Chúa Trời của tôi và sẽ không quỳ lạy trước hòn đá vô hồn và cây gỗ mà các ngài tôn sùng như các vị thần.

Thấy vị thánh vẫn kiên quyết không lay chuyển, quan tổng trấn ra lệnh dùng móng sắt xé rách thân thể ngài và dùng nến thiêu đốt các vết thương. Nhưng vị thánh, dù phải chịu đựng những cực hình, vẫn ngước mắt lên trời và cầu nguyện hết lòng. Sau cuộc tra tấn đó, kẻ tra tấn nói:

– Ngươi còn cứng đầu đến bao giờ nữa? Ngươi không chịu thương xót chính mình và quỳ lạy các vị thần vĩ đại sao? Ngươi thực sự thích chịu đựng những đau khổ vô ích này vì một Đấng Kitô nào đó, người đã bị người Do Thái đóng đinh, hơn là được an toàn và khỏe mạnh sao? Ta thề rằng sẽ không để ngươi sống sót khi thoát khỏi tay ta, nếu ngươi vẫn tiếp tục cứng đầu như vậy!

Vị thánh đáp lại:

– Ngươi cứ làm gì tùy thích, kẻ thù của Thiên Chúa và bạn của ma quỷ, – vì ngươi đã nghe ta nói nhiều lần rằng ta sẽ không thờ lạy các vị thần của ngươi, mà chỉ thờ lạy Đấng Thiên Chúa Duy Nhất – Cha, Con và Thánh Thần, Đấng Tạo Hóa trời đất và muôn vật trong đó. Ta đã tin vào Ngài, và Ngài đã ban cho ta sức mạnh để suốt cả ngày đứng vững trước mặt ngươi và can đảm chịu đựng những cực hình này. Sao ngươi còn tự gây thêm phiền phức cho mình? Chẳng phải ngươi đã nghe rõ rằng ta không muốn tuân theo ý muốn của ngươi sao? Vậy thì hãy mau làm điều ngươi đã toan tính đi!

Trong cơn thịnh nộ, kẻ hành hình ra lệnh cho dân chúng bắt thánh Ananias, dẫn ông ra khỏi thành và ném đá cho đến chết. Những tên đầy tớ vô luật pháp của kẻ hành hình đã bắt ông, dẫn đến nơi hành hình và ném đá ông, như một Thánh Stêphanô mới[6625] . Còn ông thì lớn tiếng kêu lên:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Con phó thác linh hồn con vào tay Ngài.

Và thế là ngài qua đời, sau mọi cực hình, và được đưa về cõi thiên đàng. Dân chúng thấy ngài đã qua đời, liền bỏ mặc thi thể ngài không chôn cất và tản đi. Lúc đó, tình cờ có một số tín hữu Kitô giáo từ Damascus đi ngang qua; họ đã thu nhặt thi thể thánh của vị Tông đồ Chúa Kitô, rước ngài về Damascus một cách trang trọng và an táng tại thành phố quê hương của ngài[6625] .

Lễ kính Thánh Roman, Người Hát Thánh Ca

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 10

Thánh Roman xuất thân từ Syria, được giáo dục tại thành phố Emesa[6626] và từ thuở thiếu thời đã bắt đầu phụng sự Thiên Chúa, sống một cuộc đời trinh khiết và tiết độ. Ban đầu, ngài là người phụ trách nhà thờ[6627] tại một trong những nhà thờ ở thành phố Berita[6628] , sau đó, dưới triều đại của Hoàng đế Anastasius[6629] , ngài lui về Constantinople và phục vụ tại nhà thờ Kirova[6630] , nơi tôn vinh Đức Mẹ Thiên Chúa, Nữ Vương của chúng ta. Tại đây, ngài sống một cuộc đời ăn chay và cầu nguyện, rèn luyện thân xác bằng vô số việc khổ hạnh và thức trắng đêm cầu nguyện. Vào buổi tối, ngài đi đến Vlacherna và đứng cầu nguyện suốt đêm tại đó, sau đó trở về. Sau đó, ngài được bổ nhiệm làm người phụ trách nhà thờ Thánh Sofia[6631] . Thánh Roman không biết chữ, nhưng lại rất giỏi trong việc làm điều thiện, nhờ đó ngài vượt trội hơn cả những nhà thông thái uyên bác; bằng trí tuệ của mình, ngài hướng về Thiên Chúa, còn hơn cả những ai tìm kiếm sự khôn ngoan của thế gian này. Vì ngài là một trong những người mà vị Tông đồ đã nói: *"Đức Chúa Trời đã chọn những kẻ yếu đuối để làm nhục những kẻ mạnh"* (1 Cô-rinh-tô 1:27)[6632] . Nhờ cuộc sống đạo đức, ông được Thượng phụ Euthymius yêu mến[6633] và, khi thấy ông làm việc chăm chỉ trong nhà thờ và thực hiện nhiệm vụ của mình với sự tận tụy, ngài đã ban cho ông phần chia ngang bằng với các linh mục[6634] . Các linh mục thì than phiền với Thượng phụ, nói rằng:

– Ngươi đã đặt một kẻ dốt nát ngang hàng với chúng ta!

[6625] Sau đó, di cốt của Thánh Tông đồ Ananias đã được chuyển đến Constantinople, nơi chúng vẫn còn được an táng vào đầu thế kỷ XIII; vào khoảng năm 1200, nhà tu hành người Nga Antony đã được chiêm ngưỡng chúng.

[6626] Emesa – một thành phố ở Syria, nằm về phía đông sông Orontes, con sông chảy ra Biển Địa Trung Hải ở phía tây bắc Syria.

[6627] Người phụ trách nhà thờ, hay chính xác hơn là người phụ trách phụ trợ – là người được chỉ định để bảo vệ nhà thờ và các nơi thánh, đồng thời giám sát sự sạch sẽ của chúng; theo quy định của Giáo hội, nhiệm vụ của người này còn bao gồm: rung chuông báo giờ thánh lễ, thắp và tắt các ngọn đèn thánh lễ, chuẩn bị và dâng lư hương.

[6628] Beryt – nay là Beirut – là một thành phố cổ của Phoenicia nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải; vào thế kỷ V, thành phố này từng thịnh vượng và nổi tiếng với trường đại học hàng đầu về hùng biện, thi pháp và luật pháp; ngày nay là thành phố hành chính chính của vùng Syria thuộc Thổ Nhĩ Kỳ và là trung tâm thương mại quan trọng nhất của bờ biển Syria, với dân số lên đến 80.000 người.

[6629] Anastasius I – hoàng đế Byzantine từ năm 491 đến năm 518.

[6630] Kyr – nhà thơ nổi tiếng và là quan tổng trấn thủ đô dưới thời hoàng đế Theodosius II, sau đó trở thành giám mục Smyrna và là nhà soạn thánh ca của Giáo hội Chính thống Đông phương († năm 470) – đã tặng cho thủ đô một kiệt tác thể hiện gu thẩm mỹ và lòng sùng đạo của mình – ngôi đền Đức Mẹ lộng lẫy, nơi được đặt tên theo ông và sau này được gọi là Đền thờ Kir. Sau đó, một tu viện đã được thành lập tại ngôi đền này. Không rõ liệu có tu viện nào thuộc Nhà thờ Kirov vào thời Roman hay không; nhưng bản gốc tiếng Hy Lạp về cuộc đời của ông cho thấy rằng Roman không chỉ phục vụ tại Nhà thờ Kirov, mà còn sống trong các tòa nhà thuộc về nhà thờ này.

[6631] Nhà thờ chính tòa tráng lệ nhất của Constantinopolis, mang tên Thánh Sofia – Sự Khôn Ngoan của Đức Chúa Trời, ban đầu được xây dựng bởi Hoàng đế Constantine Đại Đế. Sau đó, nhà thờ này đã được Hoàng đế Justinian Đại Đế trùng tu và mở rộng một cách hoành tráng vào năm 537; năm 1453, sau khi Constantinopolis bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng, đã bị chuyển đổi thành thánh đường Hồi giáo. Nhà thờ Thánh Sofia thời Justinianus cho đến nay vẫn là một di tích kiến trúc Kitô giáo theo phong cách Byzantine tuyệt vời và uy nghi nhất, đại diện cho thời kỳ rực rỡ nhất trong sự phát triển của nó.

[6632] Xem 1 Cô-rinh-tô 3:18–19. Điều này là bởi vì sự khôn ngoan của con người, khi chỉ dựa vào chính mình, không quen lắng nghe tiếng nói của sự mặc khải và lý trí của Đức Chúa Trời, sẽ sa vào lầm lạc, từ chối những chân lý cao cả và cứu rỗi, và phán xét mọi sự một cách kiêu ngạo và phá hoại. Ngược lại, sự khôn ngoan về Đấng Christ không phán xét điều gì, mà khiêm nhường đón nhận mọi sự bằng đức tin; nó có vẻ như là sự điên rồ trong mắt thế gian này, nhưng chính nó mới là sự khôn ngoan chân chính, mà theo lời vị Tông đồ, trước hết, trong sạch, sau đó là hiền hòa, khiêm nhường, vâng lời, đầy lòng thương xót và những thành quả tốt lành, vô tư và không giả dối (Gia-cơ 3:17). Sự khôn ngoan của những người không biết chữ này khiến họ trở nên khôn ngoan hơn cả những nhà học giả của thế gian này.

[6633] Thánh Euphemius – Tổng Giám mục Constantinopolis từ năm 490 đến năm 496.

[6634] Ở đây, thuật ngữ "giáo sĩ" dùng để chỉ những người phục vụ trong Giáo hội, được phong chức thông qua sự ban phước đặc biệt của giám mục, qua nghi thức "hirotesia" – bao gồm những người đọc kinh và ca viên. Rõ ràng là Thánh Romanus trước đó không thuộc nhóm này.

Họ căm ghét Roman và bắt đầu âm mưu chống lại anh ta. Một lần nọ, vào đêm trước lễ Giáng sinh, khi nhà vua đến nhà thờ, Roman đang thắp đèn trong nhà thờ, các giáo sĩ liền tóm lấy anh ta, lôi lên bục giảng[6635] , và nói: "Ngươi được chia phần ngang hàng với chúng ta – vậy thì hãy hát bài ca ngợi khen Đức Chúa Trời trên bục giảng như chúng ta vậy."

Họ làm vậy vì lòng ghen tị, muốn làm anh ta bẽ mặt, vì biết rằng anh ta không hiểu Kinh Thánh và không thể thực hiện được điều đó. Phải chịu sự sỉ nhục như vậy từ các giáo sĩ trước mặt nhà vua và toàn thể dân chúng có mặt trong nhà thờ, Thánh Roman cảm thấy xấu hổ và khóc lóc. Khi thánh lễ kết thúc, khi mọi người đã ra khỏi nhà thờ, ngài quỳ sấp mặt trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, khóc lóc thảm thiết và cầu nguyện. Sau một thời gian dài khóc lóc và cầu nguyện, Thánh Roman đứng dậy và trở về nhà mình; vì quá buồn bã nên không ăn được gì, ông chìm vào giấc ngủ. Và trong giấc mơ, Đức Mẹ Thiên Chúa, Đấng An Ủi của mọi người đau khổ, đã hiện ra với ông, tay cầm một cuộn sách nhỏ[6636] và nói với Roman bằng giọng nói nhẹ nhàng:

– Hãy mở miệng ra!

Khi Roman mở miệng ra, Đức Mẹ đã đặt cuộn giấy vào đó và ra lệnh cho anh ăn nó.

Roman nuốt cuộn giấy đó và ngay lập tức tỉnh giấc, nhưng không thấy ai trước mặt mình; vì Đấng hiện ra đã trở nên vô hình. Trái tim anh tràn ngập một sự ngọt ngào và niềm vui thiêng liêng không thể diễn tả, và anh bắt đầu suy ngẫm về những gì mình đã thấy. Trong tâm trí mình, anh bỗng cảm nhận được sự hiểu biết về Kinh Thánh, bởi vì Đức Trinh Nữ Maria, giống như Con của Người xưa kia đã làm với các Tông đồ của Người, đã mở lòng trí anh để hiểu các Kinh Thánh (Luca 24:27). Ông tràn đầy sự khôn ngoan vĩ đại và trong nước mắt, ông cảm tạ Đấng Dẫn Dắt của mình vì chỉ trong chớp mắt, Người đã ban cho ông những hiểu biết mà ông không thể đạt được trong suốt nhiều năm.

Đã đến giờ thánh lễ suốt đêm, và Thánh Roman, hân hoan vì ân sủng được Đức Trinh Nữ đầy ân sủng ban cho, đã đến nhà thờ.

Khi đến lúc phải hát bài thánh ca mừng lễ, Thánh Roman bước lên bục giảng và cất tiếng hát bằng giọng ngọt ngào bài Kondak mà ngài đã sáng tác trong tâm trí:

– "Hôm nay, Đức Trinh Nữ sinh ra Đấng Siêu Việt, và đất đai dâng lên Đấng Không Thể Tiếp Cận một máng cỏ. Các thiên thần cùng các mục đồng ca ngợi, còn các nhà chiêm tinh thì theo ngôi sao mà hành trình: vì chúng con, Đấng Thần Linh Vĩnh Cửu đã sinh ra Hài Nhi"[6637] .

Tất cả những ai đã nhìn thấy và nghe thấy điều này đều ngạc nhiên và say mê trước tiếng hát của Roman, đồng thời suy ngẫm về ý nghĩa của bài thánh ca. Khi anh kết thúc bài hát, Đức Thượng phụ đã hỏi anh lấy đâu ra sự khôn ngoan như vậy. Roman không giấu diếm phép lạ của Đức Mẹ, mà xưng tụng ân sủng của Người và ngợi khen Đấng Thầy Dạy trên trời đã soi sáng cho anh. Các giáo sĩ đã xúc phạm anh cảm thấy hổ thẹn, sau khi ăn năn, họ quỳ xuống dưới chân Roman, xin anh tha thứ. Ngài Tổng Giám mục ngay lập tức phong Thánh Roman làm phó tế, và sự khôn ngoan tuôn trào từ miệng ngài như dòng sông; còn những người ban đầu đã chỉ trích ngài vì sự đơn sơ và thiếu hiểu biết, sau đó lại phải tự mình học hỏi từ ngài. Ngài đã sáng tác rất nhiều bài thánh ca[6638] dành cho các lễ kính Chúa và Đức Mẹ, cũng như để tưởng nhớ nhiều vị thánh, đến nỗi số lượng các bài thánh ca của ngài lên tới hơn một nghìn bài[6639] . Ông được mọi người vô cùng yêu mến và kính trọng. Sau khi sống một cuộc đời đẹp lòng

---

[6635] Bục giảng (từ tiếng Hy Lạp – "nơi cao hơn") bắt đầu từ giữa một bục cao khác phía trước bàn thờ – soléa – và nhô ra phía trước vào trong nhà thờ. Trong các nhà thờ cổ, bục giảng nhô cao đáng kể so với soléa, và đôi khi thậm chí còn có cầu thang dẫn lên đó. Ban đầu, bục giảng không chỉ dành cho các bài giảng và lời cầu nguyện của các linh mục, mà còn dành cho các ca sĩ và người đọc kinh đã thụ phong, để họ dễ dàng được những người cầu nguyện nhìn thấy và nghe thấy hơn; sau này, các dàn hợp xướng được xây dựng để phục vụ mục đích này. Tuy nhiên, các chức sắc cấp thấp chưa được thụ phong thậm chí không có quyền bước lên bục giảng.

[6636] Trong tiếng Hy Lạp là "kontakion", tức là một cuộn giấy da mỏng được viết đầy cả hai mặt; tên gọi này đặc biệt được dùng để chỉ những cuộn giấy chứa các bài thánh ca hoặc nghi thức thờ phượng.

[6637] Bài kontakion cho lễ Giáng sinh của Chúa Kitô.

[6638] Như vậy, Roman Sladkopevets là người đầu tiên bắt đầu sáng tác các bài thánh ca "kondak" và được các vị Thánh Phụ của Giáo Hội công nhận một cách xứng đáng là người sáng lập thể loại này. Chính tên gọi "kondak" đã gợi nhớ đến người sáng tạo ra chúng và có nguồn gốc từ tên gọi tiếng Hy Lạp của cuộn da dê mà Đức Mẹ đã truyền cho Roman nuốt vào trong giấc mơ. Kể từ đó, trong Giáo hội, tên gọi này được dùng để chỉ những bài thánh ca ngắn trong thánh lễ, được hát để tôn vinh các ngày lễ của Chúa và Đức Mẹ, cũng như để tôn vinh các thánh và tưởng nhớ những người đã qua đời; những bài thánh ca này trình bày bản chất của các ngày lễ và như thể tạo nên chủ đề cho toàn bộ trình tự nghi lễ thánh lễ.

Chúa và công chính, ông đã về với cõi vĩnh hằng và hiện nay, cùng với các thiên thần, ông mãi mãi ca ngợi Chúa bằng bài ca Ba Thánh[6640] . A-men.

Kondak, giọng 8:

Từ thuở thiếu thời, Thánh Romanê khôn ngoan đã được trang điểm bằng những đức tính thiêng liêng của Thánh Thần; ngài là niềm vinh quang cao quý của Giáo Hội Chúa Kitô, đã tô điểm cho Giáo Hội bằng những bài thánh ca tuyệt vời. Vì vậy, chúng con cầu xin ngài: xin ban ân sủng thiêng liêng của ngài cho những ai khao khát, để chúng con có thể kêu lên với ngài: "Hãy vui mừng, hỡi vị Cha đáng kính, niềm vinh quang của Giáo Hội."

Cuộc đời của Thánh Savva Visher

Ngày kỷ niệm: 1 tháng 10

Thánh Savva xuất thân từ Công quốc Tver, cụ thể là thành phố Kashin[6641] và thuộc một gia tộc quý tộc, được mọi người kính trọng[6642] ; ngài đã lớn lên và được giáo dục tại đó. Ngay từ thuở ấu thơ, ngài đã nổi bật với lối sống đạo đức; dù mặc trang phục thế tục, ngài vẫn noi gương những việc làm cao cả của các tu sĩ, cầu nguyện và ăn chay như một tu sĩ hoàn hảo, đồng thời siêng năng đến nhà thờ của Chúa. Được thúc đẩy bởi tình yêu dành cho Chúa, Savva quyết định nhận lấy đời sống tu sĩ và bắt đầu sống một cuộc đời tu hành khắc khổ tại một số tu viện ở Tver, ngoan ngoãn thực hiện các nhiệm vụ tu viện khác nhau: trong bếp, lò làm bánh mì và các công việc khác. Bên cạnh đó, ngài còn nổi bật bởi lòng khiêm nhường phi thường. Các tu sĩ tại Tu viện Savva ở Tver[6643] , nơi ngài sớm định cư, đã yêu mến Savva đến mức tôn kính ngài vì đời sống tu hành khổ hạnh, đến nỗi họ coi ngài như một Thiên thần của Chúa và bầu ngài làm vị tu viện trưởng của mình. Các quý tộc và toàn thể cư dân vùng đất ấy bắt đầu tôn kính ngài như một vị thánh, và danh tiếng về sự khiêm nhường, tiết độ và cùng những đức tính cao quý khác của ngài đã lan truyền rộng rãi khắp nơi. Tuy nhiên, vị thánh đáng kính lại cảm thấy nặng nề trước sự nổi tiếng của con người, nên ngài đã tránh xa điều đó, rời bỏ quê hương và sống trong sự vô danh hoàn toàn tại một đất nước xa lạ trong một thời gian dài. Với khát khao hướng tới những công đức cao cả của đời tu, Savva đã lên đường đến núi Athos xa xôi, nơi nổi tiếng với đời sống thánh thiện của các tu sĩ, và tại đó, ngài trau dồi đời sống tâm linh[6644] .

[6639] Thánh Roman đã đi vào lịch sử sáng tác thánh ca Kitô giáo với danh hiệu "Người hát ngọt ngào" và là một nhà soạn thánh ca xuất sắc, cả về sự phong phú của tư tưởng chứa đựng trong các bài thánh ca của ngài, lẫn về sự cảm hứng thi ca, sự say mê, chiều sâu cảm xúc và sự cao cả của ngôn ngữ. Giáo hội trong các bài thánh ca của mình ca ngợi ngài như cây đàn gusli với âm thanh ngọt ngào, cây đàn citra có giọng hát êm ái của Thánh Thần, cây sáo nhà thờ, con chim sơn ca của những bài ca thiêng liêng, sợi dây của những lời ca vinh quang của Thánh Thần, v.v. (Các bài Sticheron). Ngoài các bài Kondak, Thánh Roman Sladkopevets còn được coi là tác giả của các bài Ikos, mà theo lời chứng của "Mark Ephesus", cùng với các bài Kondak và Peta, đã được đặt trong những căn phòng tuyệt đẹp ấy (theo tiếng Hy Lạp: oikos – nhà, phòng), nơi vị tu sĩ thường dành những đêm để thức trắng cầu nguyện; chính từ đó mà chúng có tên gọi như vậy". Trong Giáo hội, "Ikos" là tên gọi dành cho những bài thánh ca dài hơn, được hát để tôn vinh và tưởng nhớ các ngày lễ hoặc tưởng nhớ những người đã qua đời. Về nội dung, chúng tương tự như các bài Kondak, được viết theo cùng một thể loại và hát trên cùng một giọng. Ikos luôn được hát sau Kondak, vì nó là sự phát triển tiếp theo của Kondak.

[6640] Cuộc đời và hoạt động của Thánh Roman Sladkopevets thuộc về nửa sau của thế kỷ V. Ngài qua đời vào cuối thế kỷ này.

[6641] Kashin – hiện là một thị trấn huyện thuộc tỉnh Tver, cách Tver 188 verst, nằm bên sông Volga – từng là một phần của Công quốc Tver; trong một thời gian, nơi đây từng là một lãnh địa độc lập, mạnh nhất trong công quốc và là một thành phố rất quan trọng, nhưng sau đó đã mất đi vị thế như xưa.

[6642] Thánh Savva là con trai thứ hai trong số tám người con trai của Boyar Ivan Vasilyevich Borozda ở Kashin, thuộc một dòng họ danh giá, nổi tiếng về những chiến công quân sự trên chiến trường (từ đó mà tên họ của dòng họ này có nguồn gốc: "borozda" – tên gọi cổ xưa của hào chiến đấu, hào phòng thủ).

[6643] Tu viện Savvina (Sretenskaya) ở Tver được thành lập bởi các vị thánh Savva và Varsonofi của Tver, những người cùng thời với Savva Vishersky (ngày kỷ niệm của họ là ngày 2 tháng 3), vào năm 1397 và nằm cách Tver 20 verst, tại nơi hiện nay là làng Savvino.

[6644] Không có thông tin nào về cuộc đời của Thánh Savva tại Athos, cũng như không thể xác định chính xác ông đã ở đó bao lâu, nhưng dựa trên một số manh mối lịch sử từ những sự kiện sớm nhất và muộn nhất trong cuộc đời vị thánh, có thể suy đoán rằng ông đã lên Athos vào khoảng năm 1411 và thời gian lưu lại đó không quá ba năm. Từ cuộc đời sau này của vị thánh, có thể thấy rằng những ấn tượng về núi Athos đã lưu lại lâu dài trong tâm hồn ngài. Người ta cũng biết rằng ngài đã mang theo từ núi Athos về Nga một bản sao của "Sách Hướng Dẫn", mà sau này Vassian, Tổng Giám mục Rostov, đã sử dụng.

Khi trở về từ Athos, vị thánh nhân đã đến Veliky Novgorod, nhưng không tiết lộ danh tính cho ai, mà lang thang dưới vỏ bọc của một người lữ hành nghèo khó và vô danh. Dưới sự dẫn dắt của Thiên Chúa, ngài đã đến sông Vishera[6645] , dựng một cây thánh giá tại đó[6646] và, sau khi dựng một túp lều nhỏ, bắt đầu sống cuộc đời ẩn tu. Ông mang theo một bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, trước đó ông không ngừng cầu nguyện. Tình cờ có một người dân Novgorod đi ngang qua nơi đó. Lúc bấy giờ đang là mùa chay của các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, và thời tiết mùa hè oi bức. Vị thánh chìm đắm trong lời cầu nguyện sâu sắc, dường như không hề nhận ra rằng khuôn mặt ngài đã bị muỗi bao phủ kín mít, đến nỗi không thể nhìn thấy gì cả. Người Novgorod ngạc nhiên ấy đã kể lại cho những người khác về điều mình chứng kiến, và từ đó mọi người đều nhận ra rằng đây chính là một người của Chúa đích thực. Nhận thấy mình đã bị nhận ra, Thánh Savva rời khỏi nơi đó và định cư tại một nơi còn hẻo lánh hơn gần sông Sosnitsa[6647] . Tại đây, ngài tiếp tục tu tập bằng việc ăn chay và cầu nguyện, sống một cuộc đời đầy những thiếu thốn còn khắc nghiệt hơn.

Nhưng *"thành phố nằm trên đỉnh núi thì không thể che giấu được"* (Mt 5:14). Tin đồn về đời sống thánh thiện của Thánh Savva lan rộng khắp vùng lân cận, và những người dân xung quanh bắt đầu đến gặp ngài và mang đến những lễ vật trong khả năng của họ, cần thiết để duy trì cuộc sống. Dần dần, tin đồn về vị thánh nhân được Chúa yêu mến này lan rộng khắp vùng Novgorod và thậm chí đến tai chính Đức Tổng Giám mục Ioann, người lúc bấy giờ đang nắm giữ chức vụ tại Giáo phận Novgorod[6648] . Do đó, Đức Tổng Giám mục Ioann đã cử người đi điều tra về Thánh Savva, xem ngài là ai, tính cách ra sao và cuộc sống của ngài như thế nào. Đức Tổng Giám mục đã ra lệnh cho người được ủy thác được cử đi trong nhiệm vụ này phải chất vấn Thánh Savva và khiển trách ngài vì đã không tôn trọng quyền hành giám mục của ngài và định cư tại vùng đất Novgorod mà không có sự ban phước của ngài.

Sứ giả của tổng giám mục, khi đến gặp vị thánh như thể mang theo lệnh cấm từ tổng giám mục, đã nói:

– Sao ngươi dám định cư tại vùng đất này mà không có sự cho phép của tổng giám mục?

Savva khiêm tốn trả lời bằng câu chuyện ngụ ngôn sau đây.

– Có một thiếu nữ, – ngài nói, – đang ngồi bên cửa sổ gần quảng trường và nhìn chằm chằm vào tất cả những người đi qua một cách vô liêm sỉ; còn một thiếu nữ khác, ngồi bên cửa sổ khác, thì với lòng kính sợ, đã gìn giữ sự trong trắng của tâm hồn mình. Những người đi ngang qua cô gái đầu tiên, chú ý đến sự trơ trẽn của cô, đã nói: "Với tính cách hời hợt và hay xao nhãng như vậy, cô ấy sẽ không giữ được sự trong sạch của mình"; còn về cô gái thứ hai, họ nói rằng với sự khiêm nhường như vậy, cô ấy sẽ giữ được sự trong sạch vô tì vết của tâm hồn mình. Vì thế, chúng ta càng phải đặc biệt chú ý đến bản thân và tự bảo vệ mình trên con đường mà chúng ta đã chọn: chúng ta sống ở đây trong sa mạc, không phải để tránh ngài, vị Tổng Giám mục, mà là để xa lánh thế gian; còn những lời cầu nguyện và lời chúc lành của ngài, chúng ta luôn mong muốn chúng luôn ở cùng chúng ta.

Người được sai đi, khi trở về, đã kể cho tổng giám mục nghe tất cả về Thánh Savva, về cuộc đời, việc ăn chay và sự nghèo khó của ngài. Nghe xong, tổng giám mục nhận ra rằng đây là một vị tu sĩ cao niên trong đời sống thiêng liêng, và vì vậy, được thúc đẩy bởi khao khát mãnh liệt muốn tận mắt gặp ngài, ngài đã lên đường đến sa mạc để gặp ngài.

Thánh Savva, khoác trên mình bộ áo rách rưới thường ngày, đã ra đón ngài ngay trên đường đi. Thấy tổng giám mục, Savva với lòng khiêm nhường sâu sắc đã quỳ xuống trước mặt ngài và cúi đầu chào với sự kính trọng xứng đáng với phẩm trật của một vị thánh. Đức Tổng Giám mục đã ban phước lành cho vị tu sĩ đáng kính, không biết rằng đó chính là Thánh Savva, mà chỉ coi ngài như một người lữ hành bình thường. Ngài ra lệnh cho ngài ngồi cùng mình và đi đến nơi ở của Thánh Savva, và gần như không thể thuyết phục được ngài, bởi vì vị tu sĩ khiêm nhường này không dám tự cho phép mình ngồi cùng với vị thánh. Trong suốt chặng đường, cuộc trò chuyện với vị tu sĩ đã cho tổng giám mục thấy rằng đây không phải là một người bình thường, mà là một người đàn ông giàu kinh nghiệm trong đời sống tâm linh, và ngài càng yêu mến Savva hơn trước khi biết danh tính của ông. Chỉ khi

---

[6645] Vishera – con sông thuộc tỉnh Novgorod, là nhánh phụ bên trái của sông Volkhov. – Như có thể thấy từ vị trí hiện tại của Tu viện Savva-Vishera, vị thánh Savva đã định cư trên bờ trái sông Vishera, cách Novgorod 10 verst về phía đông bắc. Việc Savva định cư tại Vishera diễn ra không muộn hơn năm 1414 hoặc 1415.

[6646] Chiếc thánh giá này hiện vẫn còn đứng trong nhà nguyện của tu viện. Hiện nay, thánh giá chỉ được ốp bằng ván gỗ và mặt trước được trang trí bằng các hình ảnh các thánh được đúc từ đá alabaster.

[6647] Một con sông nhỏ, gần sông Vishera, chảy qua một khu rừng thông, từ đó nó lấy tên.

[6648] Tổng giám mục Ioann đã cai quản Tòa Thánh Novgorod từ năm 1387 đến năm 1415.

đã đến ngay trước nơi ở của mình, Savva mới khiêm nhường cúi đầu chào Đức Tổng Giám mục và tự xưng rằng mình là Savva tội lỗi. Lúc đó, vị thánh đã ngạc nhiên trước sự khiêm nhường của ông và với tình yêu thương, ngài đã ban phước lành cho ông. Sau đó, cả hai cùng bước vào phòng của Savva và ở đó trò chuyện rất lâu.

Trong vài giờ liền, vị Tổng Giám mục đã khuyên nhủ vị tu sĩ đáng kính hãy kiên trì không ngừng trong sự nhẫn nại và những việc tu hành, rồi cùng ông dùng bữa ăn đơn sơ của người ẩn tu. Khi trở về Novgorod, Đức Tổng Giám mục đã ca ngợi cuộc đời thánh thiện và đáng kính của vị tu sĩ cao niên, và từ đó ngài bắt đầu dành cho Thánh Savva sự kính trọng sâu sắc, coi ngài là một bậc vĩ nhân, và từ đó luôn gửi đến ngài mọi thứ cần thiết cho cuộc sống ẩn tu của ngài.

Trong khi đó, Thánh Savva nảy sinh ý định thành lập một tu viện trong sa mạc của mình và bắt đầu tự tay xây dựng các phòng tu cho các tu sĩ đến ở cùng ngài. Kẻ thù xảo quyệt của loài người không thể chịu đựng được điều này, và bị thúc đẩy bởi lòng ghen tị, đã xúi giục bọn cướp gây hại cho vị thánh. Nghĩ rằng ngài có tài sản gì đó, bọn cướp đã đến gặp ngài với ý đồ xấu xa. Lúc đó, Thánh Savva đang xây dựng phòng tu. Với vẻ khiêm nhường giả tạo, bọn cướp bắt đầu xin sự ban phước từ vị tu sĩ cao niên. Nhưng ngài đã nhìn thấu mưu đồ xảo quyệt của chúng và nhận ra rằng chúng chính là bọn cướp. Và thế là ngài quay sang chúng với lời thỉnh cầu sau đây:

– Các con ơi! Hãy thể hiện lòng yêu thương, giúp ta nâng khúc gỗ lên tường đi.

Đồng thời, vị tu sĩ già bảo họ nắm lấy đầu mỏng của khúc gỗ, còn ngài thì nắm lấy đầu dày. Bọn cướp dù cố gắng thế nào cũng không thể cùng nhau nâng được phần của mình lên, còn vị tu sĩ, nhờ ơn Chúa, một mình đã dễ dàng nâng khúc gỗ lên tường. Bị cảnh tượng này làm cho kinh ngạc, bọn cướp liếc nhìn nhau với sự xấu hổ và sợ hãi, vội vã rời khỏi vị tu sĩ, lo sợ rằng vì ông mà chính họ sẽ phải gánh chịu điều gì đó xấu xa[6649] .

Một thời gian sau, một số tu sĩ của tu viện nằm trên ngọn núi được gọi là Núi Cáo bắt đầu phản đối việc vị tu sĩ cao niên tiếp tục sống ở khu vực đó, vì nơi đó nằm cao hơn một chút so với tu viện đã đề cập. Lúc bấy giờ, Thánh Savva, sau khi nghe tin về cuộc tranh chấp liên quan đến đất đai, đã cử một trong những đệ tử của mình tên là Ephrem[6650] đến Novgorod, gặp các quan chức của vùng Slav[6651] , để xin được cấp một khu đất bên sông Vishera làm nơi tu hành ẩn dật. Họ đã sẵn lòng cấp phép cho ngài. Sau đó, Thánh Savva định cư vĩnh viễn tại đó và bằng mọi cách, trong khả năng của mình, ông đã nỗ lực xây dựng tu viện. Sau khi dựng xong các phòng tu cho các tu sĩ, ông quyết tâm xây dựng một nhà thờ để tôn vinh sự Thăng Thiên vinh quang của Chúa Giêsu Kitô[6652] . Nhờ ơn Chúa, nhà thờ nhanh chóng được xây dựng và làm lễ thánh hiến. Kể từ đó, rất nhiều người bắt đầu đổ về với Thánh Savva: một số vì lợi ích thiêng liêng và sự hướng dẫn, số khác để sống đời tu tại tu viện của ngài. Ngài vui vẻ đón nhận tất cả mọi người.

Đồng thời, vị thánh vẫn tiếp tục làm việc không mệt mỏi hơn ai hết để xây dựng và cải tạo tu viện mới, trở thành tấm gương cho mọi người bằng tinh thần cần cù không ngừng nghỉ của mình. Tại tu viện của vị thánh, lúc bấy giờ có một giáo dân làm việc, người này rất lười biếng trong việc thực hiện các nhiệm vụ tu viện. Anh ta thường xuyên tranh cãi với vị trưởng lão về việc ngài đảm nhận quá nhiều công việc. Còn Thánh Savva, khi an ủi anh ta, đã nói:

– Đừng buồn, con ơi, hãy kiên nhẫn chịu đựng những ngày này, là thời gian dành cho con thực hiện các công việc tu viện, và sau đó chúng ta sẽ thưởng cho con nhiều hơn rất nhiều so với những gì đã hứa.

Người giáo dân, cảm động trước những lời dịu dàng của vị tu sĩ cao niên, đã nhận ra rằng đó là sự cám dỗ của kẻ thù, và từ đó anh bắt đầu làm việc và lao động chăm chỉ hơn hẳn những người khác.

Vào thời điểm đó, có một tu sĩ đến tu viện để gặp Thánh Savva; bởi vì ông đã nghe nhiều người kể về cuộc đời tu hành vĩ đại của ngài. Vị tu sĩ già đích thân ra đón ông. Ông có thói quen, mỗi khi có ai từ các tu viện khác

---

[6649] Phép lạ này cũng được nhắc đến trong nghi lễ tưởng niệm vị thánh đáng kính. Canon, bài ca 6, troparion 3.

[6650] Êphrem – đệ tử yêu quý của Thánh Savva; sau khi ngài qua đời, ông lui về bờ hồ Ilmen, nơi ông thành lập Tu viện Perekom (qua đời năm 1492). Lễ tưởng niệm Thánh Êphrem được cử hành vào ngày 16 tháng 5 và 26 tháng 9.

[6651] Novgorod Vĩ đại được chia thành hai khu vực: Khu Thương mại và Khu Sofia, mỗi khu lại được chia thành các "khu vực" (kontsy). Khu Slav nằm ở phía nam của Khu Thương mại. Các khu vực và các "khu vực" này có chính quyền riêng và quản lý các huyện gần Novgorod nhất thuộc tỉnh Novgorod. Các khu vực nơi sông Vishera chảy qua và Tu viện Lisichy tọa lạc thuộc quyền quản lý của khu Slavyansky. Có một con dấu nổi tiếng với hình thánh giá ở giữa và dòng chữ xung quanh: "Con dấu của khu vực Slavyansky", còn mặt sau có hình ảnh một vị thánh đội vương miện cùng dòng chữ: "Pavel, vị tử đạo", từ đó có thể thấy rằng khu vực Slavyansky có cơ quan quản lý riêng.

[6652] Nhà thờ cùng các phòng tu đã được xây dựng tại tu viện của Thánh Savva vào năm 1418 dưới sự ban phước của Đức Tổng Giám mục Novgorod Simeon († 1421). Lễ tưởng niệm ngài được cử hành vào ngày 10 tháng 2 và 15 tháng 6.

đến thăm, ông sẽ ra đón họ, gặp họ từ rất xa tu viện của mình, tại nơi có cây thánh giá được dựng lên; sau khi dâng một lời cầu nguyện ngắn tại đó, ngài mới cùng vị khách đi vào nhà thờ, tại đây lại dâng lời cầu nguyện một lần nữa, rồi mới dẫn vị khách vào phòng tu của mình và bắt đầu trò chuyện với người ấy.

Khi vị tu sĩ nói trên được Thánh Savva đón tiếp theo cách đó, thì vị tu sĩ già, sau một cuộc trò chuyện dài với vị tu sĩ kia, khi trời đã về khuya, đã để anh em mới đến nghỉ ngơi; còn bản thân ông, cầm lấy cối xay, xay lúa mạch đen. Và thế là vị tu sĩ mới đến nghe thấy vị tu sĩ cao niên đang xay lúa mạch suốt đêm, cho đến tận giờ kinh sáng, ngay gần phòng tu của ngài, đồng thời ngài còn đọc các thánh vịnh bằng chính đôi môi của mình. Vị tu sĩ ấy vô cùng kinh ngạc và bắt đầu tự nhủ rằng mình đã chứng kiến nhiều điều hơn hẳn so với những gì từng nghe kể về vị tu sĩ cao niên từ những người khác. Sáng sớm, sau khi nhận lời chúc phúc từ vị tu sĩ già, anh trở về tu viện của mình, kể cho mọi người nghe về cuộc đời tu hành vĩ đại của vị thánh và tự trách mình vì sự lười biếng và thiếu tận tâm.

Sau khi sắp xếp xong tu viện, Thánh Savva dựng cho mình một cột tu hành và, khi leo lên đó, ngài dành cả tuần cho đến ngày thứ Bảy để ăn chay và cầu nguyện trên cột; còn vào ngày thứ Bảy, ngài xuống khỏi cột để đến với các tu sĩ, cùng họ rước Mình Thánh Chúa, tham dự thánh lễ ngày Chúa Nhật, dùng bữa chung với mọi người và, sau khi giảng dạy đầy ý nghĩa cho các tu sĩ, ngài lại leo lên cột và tiếp tục tu hành trên đó theo cách tương tự cho đến ngày thứ Bảy tiếp theo[6653] .

Trong thời gian thực hiện cuộc tu hành vĩ đại này, anh trai ruột của Thánh Savva, người đã lâu không gặp ông, đã từ Tver đến tu viện để gặp ông. Nhưng vị tu sĩ già hoàn toàn không muốn gặp hay trò chuyện với anh ta. Và khi người anh trai đứng bên cột trong một thời gian dài, nài nỉ vị tu sĩ già ít nhất chỉ gặp mặt anh ta một lần, thì cuối cùng vị tu sĩ già cũng xuống khỏi cột và ban phước lành cho người anh trai, nhưng không nói gì với anh ta, rồi ngay lập tức lại leo lên cột. Còn người anh em của vị thánh, khi nhìn thấy ngài, đã vui mừng trở về Tver, ngợi khen Đức Chúa Trời vì những dấu lạ kỳ diệu của ân sủng Ngài, mà anh đã được hân hạnh chứng kiến.

Dù sống trên cột, dường như xa cách tu viện và những lo toan về nó, vị thánh Savva vẫn tiếp tục bảo vệ tu viện bằng những lời cầu nguyện của mình. Một lần nọ, bọn cướp đến gần tu viện với ý định cướp bóc. Vị thánh, đang đứng trên cột cầu nguyện, đã nhìn thấy chúng từ xa và, nhận ra ý đồ xấu xa mà chúng mang theo, liền dùng cây gậy gõ vào tường. Bọn cướp, nghe thấy tiếng gõ, hoảng sợ bỏ chạy: bởi vì lời cầu nguyện của vị thánh đã xua đuổi chúng khỏi tu viện[6654] . Kể từ đó, bọn cướp không còn dám đến gần tu viện nữa.

Trong khi đó, các tu sĩ và giáo dân từ khắp nơi vẫn tiếp tục đổ về với Thánh Savva, vì lợi ích thiêng liêng mà họ nhận được từ ngài; vì ngài, theo lời Thánh Tông Đồ, là tất cả đối với mọi người (1 Cô-rinh-tô 9:22), dạy dỗ mọi người, chia sẻ nỗi buồn với mọi người và chăm sóc họ như thể chính các chi thể của mình, đối xử với các bậc cao niên như anh em và bạn đồng lứa, còn với những người trẻ hơn thì như con cái của mình. Và không có ai trong tu viện của Thánh Savva bị xúc phạm hay xúc phạm người khác, vì tất cả đều được Thánh Savva an ủi và hòa giải.

Trong khi tiếp tục những việc tu hành này và chịu đựng những thiếu thốn khắc nghiệt cùng mọi nỗi đau khổ, Thánh Savva, vào năm thứ bảy mươi kể từ khi sinh ra, đã mắc phải bệnh tật về thể xác. Khi chuẩn bị rời bỏ thân xác và hoàn thành nghĩa vụ cuối cùng với tự nhiên, vị thánh đã triệu tập toàn thể anh em tu sĩ đến bên mình và ban cho họ những lời dạy dỗ hữu ích cho linh hồn trước khi qua đời, đặc biệt là về việc họ phải kiên định và bất biến trong Đức Tin Chính Thống và việc tuân giữ các lời thề tu sĩ, hơn hết là phải tiến bộ trong sự khiêm nhường.

Cuối cùng, vị tu sĩ cao niên nói với họ:

– Những gì các con đã thấy ta tu tập, thì chính các con cũng hãy làm theo.

Sau đó, ngài giao phó tu viện và các tu sĩ cho sự chăm sóc và bảo trợ của Tổng Giám mục Novgorod, đồng thời giao quyền quản lý trực tiếp tu viện và hướng dẫn các tu sĩ cho vị tu sĩ cao niên nhất trong cộng đoàn, cũng là hai đệ tử thân cận nhất của ngài là Ephrem và Andrew[6655] , những người đã thể hiện rõ nhất công lao và những việc làm cao cả tại tu viện đó. Thánh Savva, ngày càng vững vàng về tinh thần, nhưng thân thể lại ngày càng suy yếu. Sau khi rước Mình Thánh Chúa, ngài đã an lành trút hơi thở cuối cùng về với Chúa vào ngày 1 tháng 10 năm 1460.

[6653] Ca ngợi những kỳ công tu hành trên cột của Thánh Savva, nhà thờ so sánh ngài với "Simeon vĩ đại", tức là Thánh Simeon Tu sĩ trên cột. Cột tu hành dường như đã thay thế cho ngài ngọn núi Athos hoang vắng vĩ đại.

[6654] Giáo hội ca ngợi phép lạ này trong nghi lễ dành cho vị thánh. Câu 3 trong bài "Lạy Chúa, con kêu cầu".

[6655] Về Thánh Ephrem, xem trang 282. Về một môn đệ khác của Thánh Savva là Andrei, người ta biết rằng ông đã làm kiệt sức thân thể mình bằng việc ăn chay và thức trắng đến mức chỉ còn da bọc xương. Tuy nhiên, không lâu sau khi Thánh Savva qua đời, vị tu viện trưởng của Tu viện Savva đã là Tu viện trưởng Gelasius.

Trước khi qua đời, vị thánh đã dặn dò các môn đệ của mình: "Khi linh hồn ta rời khỏi thân xác, các con đừng cử hành bất kỳ nghi lễ tang lễ long trọng nào, mà hãy đơn giản, không cần chuẩn bị gì cả, mang thi thể đến mộ và chôn cất xuống đất".

Các đệ tử của vị thánh, khi thấy cha và người hướng dẫn của mình đã qua đời, đã vô cùng đau buồn vì phải chia ly với ngài. Sau đó, để tưởng nhớ ngài như người cha và vị thầy dẫn dắt họ đến sự cứu rỗi, bằng những bài thánh vịnh và những bài ca tang lễ, họ đã chôn cất thi thể cần cù và đầy đau khổ của ngài xuống đất, giữa nhà thờ và cột đá, nơi ngài đã tu hành trong những ngày cuối đời.

Sau khi vị thầy của mình về với Chúa, các đệ tử của Thánh Savva càng quan tâm hơn đến việc quản lý tu viện, để không điều gì trong các quy tắc tu viện và di huấn của vị cha thiêng liêng – Thánh Savva – bị lãng quên. Đặc biệt, họ chú trọng đến đời sống tâm linh nội tại của mình, noi gương những gì họ đã thấy nơi vị thầy và người hướng dẫn của mình, đồng thời cố gắng khắc phục những khuyết điểm của bản thân một cách cẩn trọng. Và họ đã thể hiện những đức hạnh cao đẹp đến mức trở thành tấm gương sáng cho nhiều người.

Sau một thời gian khá dài, khi nhờ ơn Chúa và những lời cầu nguyện của Thánh Savva, tu viện của ngài đã phát triển thịnh vượng, thì một trận hỏa hoạn lớn đã xảy ra, thiêu rụi toàn bộ tu viện. Trong vụ hỏa hoạn này, cùng với các phòng tu và nhà thờ, cả cột đá mà vị thánh đã tu hành trong suốt cuộc đời cũng bị thiêu rụi; nhưng quan tài của Thánh Savva, nằm giữa nhà thờ và cột đá, cùng với nhà nguyện nhỏ phía trên quan tài, lại không hề hấn gì trước ngọn lửa, đến nỗi ngọn lửa thậm chí không thể chạm vào chúng, dù đã bao vây chúng từ mọi phía. Đó là phép lạ đầu tiên sau khi vị thánh qua đời. Kể từ đó, tại quan tài của Thánh Savva đã diễn ra vô số phép lạ, qua đó Chúa đã tỏ cho các tín hữu thấy ngài là vị thánh chân chính và là nhà làm phép lạ đầy ân sủng. Phép lạ tiếp theo đã đặc biệt củng cố niềm tin của mọi người về điều này. Có một người tên là Zacharia, đang chuẩn bị nhận lễ xuất gia tại tu viện của vị thánh, đã nghe rất nhiều từ các tu sĩ ở đó về cuộc đời thánh thiện và những phép lạ sau khi qua đời của vị thánh. Với lòng kính sợ và kinh ngạc trước những điều nghe được, Zacharia đã suy ngẫm về điều đó trong nhiều ngày liền và cầu xin Chúa cho chính mình cũng được chứng kiến một trong những phép lạ như vậy. Và rồi, một lần nọ, khi anh đang đứng cầu nguyện, rồi ngồi xuống nghỉ ngơi, chợp mắt và chìm vào giấc ngủ, bỗng nhiên anh thấy trước mặt mình một vị lão nhân lạ mặt, người ấy nói với anh: "Nếu con muốn gặp Thánh Savva, hãy theo ta – và lúc đó con sẽ được gặp ngài." Zacharia, theo như anh ta cảm nhận, đã đi theo vị lão nhân ấy, đến trước quan tài của Thánh Savva, và thấy ở đó một số vị thánh, trong đó có Thánh Savva, đang đứng trên một vị trí cao. Anh ta cúi đầu kính lễ vị thánh, và ngài đã nói với anh ta vài lời răn dạy, củng cố đức tin của anh ta.

Trong khi đó, những người đau ốm và tất cả những ai với lòng tin thành kính đổ xô đến quan tài của vị thánh vẫn tiếp tục nhận được sự an ủi thiêng liêng trong nỗi đau khổ của mình và được chữa lành kỳ diệu khỏi những căn bệnh nặng nề. Tin đồn về những phép lạ này lan rộng khắp vùng Novgorod, đặc biệt là kể từ khi vị trụ trì tu viện Savva, tu sĩ Gelasius, thông qua những lời cầu nguyện dâng lên vị thánh nhân của Chúa, đã được chữa lành khỏi vụ ngộ độc mà ngài gặp phải; và trong lúc được chữa lành, ngài đã thấy trong giấc mơ vị thánh nhân Savva đang đứng cầu nguyện trong bộ áo tu sĩ sáng chói, ánh mắt hướng về nhà thờ. Khi tỉnh dậy và cảm thấy mình đã được chữa lành, Gelasius đã ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng thực hiện những phép lạ kỳ diệu qua các vị thánh của Ngài, và vội vã đến gặp Tổng Giám mục Novgorod, người mà ông đã kể lại về giấc mơ của mình và sự chữa lành kỳ diệu đó. Sau đó, Thánh Iona của Novgorod đã đến Tu viện Savvin-Vishersky[6656] và, vội vã đến bên quan tài của vị thánh, đã cử hành nghi thức cầu nguyện trước đó. Sau đó, ngài ra lệnh vẽ bức tượng thánh của Thánh Savva[6657] , soạn nghi thức thờ phượng để tôn vinh ngài và ghi chép cuộc đời ngài[6658] để tôn vinh Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng kỳ diệu tôn vinh các thánh của Ngài ngay cả sau khi các ngài qua đời.

[6656] Thánh Tổng Giám mục Iona của Novgorod đã lãnh đạo Giáo hội Novgorod từ năm 1458 cho đến khi ngài qua đời vào năm 1470. Lễ tưởng niệm ngài được cử hành vào ngày 5 tháng 11 tại Tu viện Savvinovishersky, có thể được xác định là vào năm 1461.

[6657] Bức tượng cổ kính của Thánh Savva này vẫn được lưu giữ tại tu viện của ngài cho đến nay. Trước đây, nó được đặt trên quan tài chứa di cốt thánh của ngài; hiện nay, nó được đặt tại Nhà thờ Thăng Thiên của tu viện, trong gian phụ thờ Thánh Savva.

[6658] Việc soạn thảo tiểu sử của Thánh Savva được cho là do nhà viết tiểu sử thánh nổi tiếng trong nửa sau thế kỷ XV, Pachomius Logofet, người cùng thời với Thánh Iona, thực hiện. Tuy nhiên, một số bản sao của cuốn tiểu sử, trong đó ghi tác giả là Pahomii, lại kết thúc bằng một dòng chú thích cho biết: "Cuộc đời của Thánh Savva đã được chép lại và biên soạn bởi tu sĩ Gelasius, người lúc bấy giờ là vị tu viện trưởng của tu viện này, vào năm 6972", – từ đó có thể kết luận rằng cuốn tiểu sử ban đầu được viết vào năm 1464 bởi vị tu viện trưởng Gelasius và sau đó đã được Pakhomius Logofet chỉnh sửa.

Sau đó, di cốt của Thánh Savva đã được chuyển đến nhà thờ mới được xây dựng mang tên Lễ Che Chở của Đức Mẹ Đồng Trinh[6659] , và Giáo hội Chính thống Nga đã thiết lập ngày lễ kính ngài[6660] . Và ngày nay, tại ngôi mộ thiêng liêng của ngài, những phép lạ chữa lành dồi dào được ban cho tất cả những ai với lòng tin thành kính đến cầu xin sự chuyển cầu của vị thánh đáng kính, người không ngừng cầu nguyện trước ngai vàng của Đấng Tối Cao cho tất cả những ai với lòng tin tôn kính kỷ niệm thiêng liêng của ngài.

Bài thánh ca, giọng 4:

Từ thuở thiếu thời, ngài đã hiến dâng trọn vẹn cuộc đời mình cho Thiên Chúa, hỡi vị thánh đáng kính; vì tình yêu ấy, ngài đã từ bỏ quê hương và gia đình, dấn thân vào sa mạc và sống một cuộc đời khắc khổ tại đó: ngài đã nhận được ân sủng làm phép lạ từ Chúa, hỡi Thánh Savvo đáng kính, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Thưa vị thánh đáng kính, ngài đã rời bỏ quê hương, dọn vào sống trong sa mạc, và tại đó ngài đã leo lên cột đá, nơi ngài đã thể hiện một cuộc sống khắc khổ: và đã làm nhiều người kinh ngạc bởi lối sống của ngài, từ đó ngài đã nhận được ân sủng làm phép lạ từ Chúa Kitô. Xin ngài nhớ đến chúng con, những người đang tôn vinh ngày lễ của ngài, để chúng con có thể kêu lên với ngài: “Hãy vui mừng, thánh Savvo, cha của chúng con.”

Lễ kính Thánh Tử đạo Domnin

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 10

Thánh Domnin là người gốc Thessaloniki. Khi hoàng đế Maximian[6661] đang xây dựng cung điện cho mình tại Thessaloniki[6662] , thánh Domnin bị bắt vì là người Kitô hữu và bị dẫn đến trước mặt hoàng đế để xét xử. Hoàng đế giận dữ nói với ngài:

– Tại sao trong thời gian ta ở trong thành, ngươi lại công khai tuyên xưng một vị Thần khác? Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, nếu ngươi muốn được sống.

Vì vị thánh không tuân lệnh, nên nhà vua ra lệnh tra tấn thân thể ngài; rồi sau đó, khi thấy sự kiên nhẫn của vị thánh như một lời quở trách và lên án chính mình, nhà vua ra lệnh đưa ngài ra ngoài thành và chặt đứt hai chân ngài đến đầu gối. Với đôi chân bị chặt đứt, vị thánh tử đạo đã sống trong đau khổ suốt bảy ngày, không ăn uống gì, rồi sau đó, dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, Đấng mà ngài vô cùng yêu mến, và trao phó linh hồn hạnh phúc của mình cho Ngài.

Lễ kỷ niệm Thánh Michael Zoviysky và những người chịu khổ cùng ngài

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 10

[6659] Đó là vào năm 1523.

[6660] Lễ kính Thánh Savva được thiết lập trong Giáo hội Nga theo quyết định của Công đồng năm 1549. Kể từ đó, Thánh Savva được biết đến với danh hiệu “Vị Thánh làm phép lạ của Novgorod”. Năm 1570, dưới triều đại của Sa hoàng Ivan Bạo chúa, trong cuộc tàn sát tại Novgorod, “quân lính của Sa hoàng đã phá hủy quan tài của vị Thánh làm phép lạ”; năm sau đó, di cốt của Thánh Savva được đặt vào một quan tài mới và an táng tại Nhà thờ Pokrovskaya bằng đá mới của tu viện. Hiện nay, di cốt của vị thánh này được an táng dưới nền nhà thờ Pokrovsky thuộc Nhà thờ Thăng Thiên của tu viện. Trong tu viện có hai nhà thờ được đặt tên theo ngài.

[6661] Maximian Galerius, hoàng đế La Mã từ năm 305 đến năm 311.

[6662] Thessaloniki – một thành phố cổ rất quan trọng của Macedonia, nằm sâu trong vịnh Thessaloniki hay vịnh Ferme lớn thuộc Biển Aegean (Quần đảo). Hiện nay, thành phố này được biết đến với tên gọi Thessaloniki ở Hy Lạp.

Thánh Michael cùng các tu sĩ khác đã tu hành, dưới triều đại của Constantine và Irene[6663] tại tu viện có tên là Zovia gần Sebaste[6664] . Emir Alim của Agaria[6665] đã tấn công vùng đất đó và bắt giữ họ. Được củng cố bởi sức mạnh của Đấng Christ, các vị cha thánh không chịu khuất phục trước những lời khuyên nhủ của những kẻ vô tín để từ bỏ Đấng Christ. Đứng giữa các tu sĩ, vị tu viện trưởng thánh Michael đã cất cao giọng, thuyết phục họ hy sinh vì Đấng Christ. Đầu tiên, họ cúi đầu xuống và bị chém bằng gươm, sau đó đến lượt vị tu viện trưởng thánh Michael.

Ngày 15 tháng 10

ngày 2 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Cyprian và Thánh Tử đạo Justina

Ngày tưởng niệm 2 tháng 10

Vào thời trị vì của Decius[6666] , tại Antioch[6667] có một nhà triết học[6668] và một pháp sư nổi tiếng[6669] tên là Cyprian, quê quán ở Carthage[6670] . Xuất thân từ cha mẹ vô đạo, ngay từ khi còn nhỏ, ông đã bị cha mẹ dâng hiến để phụng sự vị thần ngoại đạo Apollo[6671] . Khi mới bảy tuổi, cậu đã được giao cho các pháp sư để học thuật phù thủy và sự khôn ngoan của ma quỷ. Khi tròn mười tuổi, ông được cha mẹ gửi đến núi Olympus[6672] — nơi mà những người ngoại đạo gọi là nơi cư ngụ của các vị thần — để chuẩn bị cho chức vụ tư tế; tại đó có vô số tượng thần, nơi các quỷ dữ ngự trị. Trên ngọn núi này, Cyprian đã học được mọi mưu mô của quỷ dữ: ông đã thấu hiểu các hình thức biến hóa của ma quỷ, học cách thay đổi tính chất của không khí, gây ra gió, tạo ra sấm sét và mưa, khuấy động

---

[6663] Constantine VI Porphyrogenitus – hoàng đế La Mã từ năm 780 đến năm 797. Hoàng hậu Irina, mẹ của ông và là vợ của hoàng đế Leo VI, người bảo vệ nhiệt thành việc thờ phụng các bức tượng thánh, đã cai trị đất nước thay cho con trai trong suốt 10 năm và tiếp tục trị vì sau khi ông qua đời cho đến năm 802.

[6664] Ở đây tất nhiên là Sebaste của Armenia, nằm ở phía đông bắc Tiểu Á.

[6665] Người Agaryan hay còn gọi là Saracens – là những người Bedouin Ả Rập. Tên gọi "Agaryan", ban đầu chỉ một bộ tộc du mục cướp bóc, sau đó được các nhà văn Kitô giáo mở rộng áp dụng cho tất cả người Ả Rập, và cuối cùng trở thành thuật ngữ chỉ chung người Hồi giáo. Người Bedouin Ả Rập được gọi là "Agarian" bởi vì, theo truyền thuyết Do Thái, họ là hậu duệ của Ishmael, con trai của Hagar, nữ nô lệ của Abraham. Các "Emir" (trong tiếng Ả Rập có nghĩa là "hoàng tử") là tên gọi chung dành cho tất cả những người độc lập, những người tự xưng là hậu duệ của Muhammad theo dòng dõi từ con gái ông, những người đứng đầu các bộ lạc riêng lẻ và các băng cướp Ả Rập riêng lẻ.

[6666] Decius – hoàng đế La Mã từ năm 249 đến năm 251.

[6667] Antioch – tên thành phố thường được sử dụng. Ở đây, rất có thể ám chỉ Antioch thuộc Phoenicia, nằm giữa Syria và Palestine, hoặc Antioch thuộc Pisidia, giáp biên giới với Phrygia, ở phần phía tây của Tiểu Á.

[6668] Tức là nhà hiền triết ngoại giáo, theo nghĩa là nhà hiền triết giả mạo.

[6669] Trong thời cổ đại, cái tên "các nhà chiêm tinh" hay "các pháp sư" dùng để chỉ những người thông thái, sở hữu kiến thức cao siêu và rộng lớn, đặc biệt là kiến thức về những sức mạnh bí ẩn của tự nhiên, vốn nằm ngoài tầm với của người thường. Tuy nhiên, cái tên này cũng gắn liền với các khái niệm về phép thuật, phù thủy, bói toán, câu thần chú cùng nhiều hình thức lừa dối và mê tín dị đoan khác. Phép thuật trong các nền văn hóa ngoại giáo đã phát triển mạnh mẽ từ thời cổ đại; Kinh Thánh đã đề cập đến điều này ở nhiều đoạn. Theo quan điểm của nhiều vị thầy trong Giáo hội, các nhà tiên tri ngoại giáo thực hiện những phép thuật của họ – đôi khi rất kỳ diệu – dưới ảnh hưởng và sự trợ giúp của các linh hồn bóng tối.

[6670] Carthage – thuộc địa cổ xưa và nổi tiếng nhất của người Phoenicia, nằm ở miền bắc châu Phi, đã đạt đến đỉnh cao quyền lực trong lịch sử cổ đại và bị phá hủy vào năm 146 trước Công nguyên; trên đống đổ nát của Carthage cổ đại, dưới thời các hoàng đế La Mã đầu tiên, một Carthage mới đã mọc lên và tồn tại rực rỡ trong một thời gian rất dài. Tại Carthage, tín ngưỡng đa thần Hy Lạp-La Mã đã phát triển rất mạnh mẽ, với tất cả những mê tín dị đoan, phép thuật và "nghệ thuật ma thuật" của nó.

[6671] Apollo – một trong những vị thần ngoại giáo Hy Lạp-La Mã được tôn kính nhất. Ngài được tôn kính như vị thần của mặt trời và sự khai sáng trí tuệ, cũng như sự thịnh vượng của xã hội và trật tự, người bảo vệ luật pháp, vị thần tiên tri về tương lai. Một trong những địa điểm thờ phụng chính của ngài, trong số những nơi khác, là thung lũng Tempe, ở miền Bắc Hy Lạp, trải dài dưới chân ngọn núi Olympus nổi tiếng từ thời cổ đại.

[6672] Núi Olympus thực chất là một nhánh (phía đông nam) của dãy núi tạo thành biên giới giữa Macedonia và Thessaly, ở miền Bắc Hy Lạp. Đối với người Hy Lạp cổ đại, núi Olympus được tôn kính là nơi ngự trị của các vị thần ngoại giáo của họ.

sóng biển, gây hại cho vườn cây, vườn nho và đồng ruộng, giáng bệnh tật và vết loét xuống con người, và nói chung đã học được sự khôn ngoan hủy diệt cùng những hoạt động đầy ác độc của ma quỷ. Tại đó, ông đã chứng kiến vô số đạo quân quỷ dữ do chúa tể bóng tối đứng đầu; có kẻ đứng bên cạnh ngài, kẻ khác phục vụ ngài, một số khác reo hò ca ngợi chúa tể của mình, còn một số khác thì được phái xuống trần gian để dụ dỗ con người. Tại đó, cậu cũng nhìn thấy những hình ảnh ảo tưởng của các vị thần và nữ thần ngoại đạo, cũng như đủ loại ma quỷ và hồn ma, mà cậu đã học cách triệu hồi chúng trong thời gian ăn chay nghiêm ngặt kéo dài bốn mươi ngày; cậu chỉ ăn sau khi mặt trời lặn, và không phải bánh mì hay bất kỳ thức ăn nào khác, mà là quả sồi.

Khi tròn mười lăm tuổi, anh ta bắt đầu theo học các bài giảng của bảy vị thầy tế lễ vĩ đại, từ đó anh ta biết được nhiều bí mật của ma quỷ. Sau đó, anh ta đến thành phố Argos[6673] , nơi anh ta đã phụng sự nữ thần Hera[6674] một thời gian, và học được nhiều mưu mẹo lừa dối từ thầy tế lễ của bà. Ông cũng từng sống tại Tavropol[6675] , phụng sự nữ thần Artemis, và từ đó ông đến Lacedaemon[6676] , nơi ông học được nhiều phép thuật và cách thôi miên để gọi những người chết ra khỏi mộ và bắt họ nói chuyện. Khi được hai mươi tuổi, Cyprian đến Ai Cập và tại thành phố Memphis[6677] , ông học thêm những phép thuật và ma thuật cao siêu hơn nữa. Năm ba mươi tuổi, ông đến với những người Chaldean[6678] và, sau khi học được thuật chiêm tinh ở đó, ông hoàn tất quá trình học tập, rồi trở về Antioch, trở thành kẻ thành thạo mọi hành vi ác độc. Như vậy, ông ta đã trở thành một thầy phù thủy, một pháp sư và kẻ sát nhân, người bạn thân thiết và nô lệ trung thành của chúa tể địa ngục[6679] , người mà ông ta đã trò chuyện mặt đối mặt, được ngài ban cho vinh dự lớn lao, như chính ông ta đã công khai làm chứng.

– Hãy tin tôi đi, – hắn nói, – rằng tôi đã tận mắt thấy chính vị chúa tể bóng tối, bởi tôi đã làm hài lòng ngài bằng những lễ vật; tôi đã chào đón ngài và trò chuyện với ngài cùng các trưởng lão của ngài; ngài đã yêu mến tôi, khen ngợi trí tuệ của tôi và trước mặt mọi người đã nói: 'Đây là Zamvri mới[6680] , luôn sẵn sàng vâng lời và xứng đáng giao tiếp với chúng ta!' Và ngài hứa sẽ phong tôi làm hoàng tử sau khi tôi lìa khỏi thân xác này, còn trong suốt cuộc đời trần thế – sẽ giúp đỡ tôi trong mọi việc; cùng với đó, ngài đã giao cho tôi một đạo quân quỷ để phục vụ. Khi tôi chuẩn bị rời khỏi ngài, ngài quay lại nói với tôi: 'Hãy can đảm lên, Cyprian siêng năng, hãy đứng dậy và đi cùng ta: để tất cả các trưởng lão quỷ đều kinh ngạc trước ngươi.' Nhờ đó, tất cả các công tước của ngài đều đối xử với tôi một cách tôn trọng, khi chứng kiến sự vinh dự mà dành cho tôi. Diện mạo của ngài giống như một bông hoa; đầu ngài được đội một vương miện làm bằng (không phải thật, mà là ảo ảnh) vàng và đá quý lấp lánh, nhờ đó cả không gian xung quanh đều được chiếu sáng – còn y phục của ngài thì thật kỳ diệu. Khi ngài quay sang bên này hay bên kia, cả nơi đó đều rung chuyển; vô số linh hồn ác thuộc các cấp bậc khác nhau đều đứng ngoan ngoãn bên ngai vàng của ngài. Lúc đó, tôi đã dâng hiến toàn bộ bản thân mình để phụng sự ngài, tuân theo mọi mệnh lệnh của ngài.

[6673] Argos – thủ đô cổ đại của vùng Argolis ở phía đông bán đảo Peloponnese (miền nam Hy Lạp); gần đó là ngôi đền nổi tiếng thờ nữ thần ngoại giáo Hera.

[6674] Hera (Juno) được người Hy Lạp và La Mã cổ đại tôn kính là em gái và vợ của vị thần tối cao Zeus, là vị nữ thần cao quý và được tôn kính nhất trong số các nữ thần; bà được coi là nữ thần của đất đai và sự màu mỡ, đồng thời là vị thần bảo trợ cho các cuộc hôn nhân.

[6675] Tavropol – thực chất là ngôi đền thờ nữ thần Artemis (Diana – nữ thần Mặt Trăng, cũng được tôn kính như vị thần bảo trợ cho sự sống tươi mới và rực rỡ của thiên nhiên) trên đảo Ikaria, thuộc phần đông nam của Biển Aegean (Quần đảo Aegean). Tên gọi của nơi này bắt nguồn từ việc người Hy Lạp coi nữ thần Orsiloch của người Tauri – cư dân cổ đại trên bán đảo Tauri – ngang hàng với Artemis, nên họ gọi cả hai vị thần này một cách không phân biệt là Tavropol.

[6676] Lacedaemon hay Laconia – là vùng phía đông nam của bán đảo Peloponnese (miền Nam Hy Lạp). Cụ thể hơn, tên gọi này chỉ thành phố chính của Laconia, tức là Sparta, nơi hiện nay chỉ còn lại những tàn tích nhỏ.

[6677] Memphis – thủ đô hùng mạnh cổ đại của toàn Ai Cập – tọa lạc tại Trung Ai Cập bên sông Nile, giữa dòng sông chính và nhánh sông chảy qua phía tây thành phố. Từ thủ đô huy hoàng của Ai Cập cổ đại, ngày nay chỉ còn lại những tàn tích vô cùng khiêm tốn và thưa thớt gần các làng Metrasani và Mogannan.

[6678] Người Chaldeans là tên gọi dành cho các nhà thông thái và học giả Babylon, những người nghiên cứu các ngành khoa học, đặc biệt là thiên văn học và quan sát các thiên thể; họ cũng là các thầy tế và pháp sư, chuyên về các giáo lý bí truyền, bói toán, giải mộng, v.v. Sau này, tên gọi này được dùng, đặc biệt ở phương Đông, để chỉ chung mọi loại pháp sư, phù thủy và người bói toán, dù họ có phải là người Chaldee hay không, tức là dù họ không xuất thân từ Babylon.

[6679] Theo giáo lý của Kinh Thánh, trong vương quốc tối tăm của các linh hồn ác đã sa ngã có một thủ lĩnh tối cao, mà Kinh Thánh thường gọi là "vua của ma quỷ", cũng như Beelzebub, Belial, Satan, v.v., nhằm phân biệt rõ ràng hắn với các ma quỷ khác, những kẻ được miêu tả như thể phải phục tùng dưới quyền hắn. Nói chung, Kinh Thánh phân biệt các linh hồn ác theo cấp bậc và sức mạnh quyền lực của chúng.

[6680] Ý nói đến một pháp sư độc ác mới, một phù thủy và một tay sai trung thành của ma quỷ. Tên Zamvri ở đây rõ ràng ám chỉ vị pháp sư Ai Cập cổ đại nổi tiếng, người được các nhà văn cổ điển nhắc đến, nổi tiếng với những phép thuật phi thường và, theo quan điểm của các vị Thánh Tổ Giáo Hội, có liên hệ với các thế lực ma quỷ tăm tối.

Đó là cách Cyprian tự kể về bản thân sau khi cải đạo.

Từ đó có thể thấy rõ Cyprian là người như thế nào: với tư cách là bạn của ma quỷ, ông ta thực hiện mọi việc của chúng, gây hại cho con người và lừa dối họ. Khi sống ở Antioch, ông ta đã dụ dỗ nhiều người sa vào đủ loại tội ác, hủy diệt nhiều người bằng chất độc và phép thuật, còn các thiếu niên và thiếu nữ thì ông ta hiến tế cho ma quỷ. Ông đã dạy cho nhiều người những phép thuật hủy diệt của mình: một số thì bay lượn trên không trung, một số thì chèo thuyền trên mây, còn một số khác thì đi trên mặt nước. Tất cả những người ngoại đạo đều tôn kính và ca ngợi ông như vị thầy tế cao nhất và người hầu thông thái nhất của những vị thần ghê tởm của họ. Nhiều người tìm đến ông trong lúc khốn khó, và ông giúp đỡ họ bằng sức mạnh ma quỷ mà ông tràn đầy: ông tiếp tay cho một số người trong việc tà dâm, cho những người khác trong cơn giận dữ, thù hận, báo thù và ghen tị. Thực ra, ông đã hoàn toàn chìm sâu trong địa ngục và trong miệng quỷ dữ, là con của địa ngục, là kẻ thừa hưởng di sản của ma quỷ và sự diệt vong vĩnh viễn của chúng. Còn Đức Chúa Trời, Đấng không muốn kẻ có tội phải chết, bằng lòng nhân từ khôn tả và lòng thương xót không thể bị tội lỗi loài người đánh bại, đã thương xót tìm kiếm con người đang lâm vào cảnh diệt vong này, kéo anh ta ra khỏi vực thẳm nơi anh ta đang chìm sâu trong địa ngục và cứu rỗi anh ta, để tỏ lòng thương xót của Ngài cho tất cả mọi người, vì không có tội lỗi nào có thể chiến thắng được lòng yêu thương loài người của Ngài. Ngài đã cứu Cyprian khỏi sự diệt vong như sau.

Vào thời đó, cũng tại Antiôkhia, có một thiếu nữ tên là Justina. Cô xuất thân từ một gia đình ngoại đạo: cha cô là một thầy tế lễ thờ thần tượng tên là Edesius, còn mẹ cô tên là Cleodonia. Một ngày nọ, khi đang ngồi bên cửa sổ trong nhà mình, thiếu nữ này – lúc đó đã đến tuổi trưởng thành – tình cờ nghe được những lời cứu rỗi từ miệng một phó tế tên là Prailius đang đi ngang qua. Ông nói về sự nhập thể của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã sinh ra từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, và sau khi thực hiện nhiều phép lạ, Ngài đã vui lòng chịu khổ nạn vì sự cứu rỗi của chúng ta, sống lại từ cõi chết trong vinh quang, lên trời, ngự bên hữu Chúa Cha và trị vì muôn đời. Bài giảng của vị phó tế này đã gieo vào mảnh đất màu mỡ trong lòng Justina và nhanh chóng bắt đầu sinh hoa kết trái, nhổ tận gốc những gai góc của sự hoài nghi trong lòng cô. Justina mong muốn được học hỏi đức tin một cách sâu sắc và trọn vẹn hơn từ vị phó tế, nhưng lại không dám tìm gặp ngài vì sự e thẹn của một thiếu nữ. Tuy nhiên, cô vẫn lén lút đến nhà thờ của Chúa Kitô và, nhờ thường xuyên lắng nghe Lời Chúa, dưới sự tác động của Thánh Thần vào lòng mình, cô đã tin vào Chúa Kitô. Không lâu sau, cô thuyết phục được cả mẹ mình về điều này, rồi dẫn dắt cả người cha già của mình đến với đức tin. Nhìn thấy sự thông minh của con gái và nghe những lời khôn ngoan của cô, Ê-đê-si tự nhủ với lòng mình: "Các thần tượng được làm bằng tay con người và không có linh hồn, cũng không có hơi thở, vậy thì làm sao chúng có thể là các vị thần được." Trong khi suy ngẫm về điều này, một đêm nọ, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, ông đã thấy một khải tượng kỳ diệu trong giấc mơ: ông thấy một đoàn thiên thần rực rỡ ánh sáng, và giữa họ là Đấng Cứu Thế của thế gian, Chúa Kitô, Đấng đã phán với ông:

– Hãy đến với Ta, và Ta sẽ ban cho các ngươi Nước Trời.

Sáng hôm sau, khi thức dậy, Ê-đê-si-ô cùng vợ và con gái đến gặp vị giám mục Kitô giáo tên là Ôn-ta-tu, xin ngài dạy dỗ họ về đức tin nơi Đấng Christ và cử hành phép rửa thánh cho họ. Khi đó, ông kể lại những lời của con gái mình và thị kiến về các Thiên thần mà chính ông đã chứng kiến. Nghe vậy, vị giám mục vui mừng trước sự hoán cải của họ và, sau khi hướng dẫn họ về đức tin Kitô giáo, đã làm phép rửa tội cho Êđêsiô, vợ ông là Clêôdonia và con gái Justina; rồi sau khi ban Thánh Thể cho họ, ngài tiễn họ ra về trong bình an. Khi Ê-đê-si đã vững vàng trong đức tin nơi Chúa Kitô, vị giám mục, thấy lòng đạo đức của ông, đã phong ông làm linh mục. Sau đó, sau khi sống một cách đạo đức và trong sự kính sợ Thiên Chúa trong một năm sáu tháng, Ê-đê-si đã kết thúc cuộc đời mình trong đức tin thánh thiện. Còn Justina thì đã nỗ lực một cách anh dũng trong việc tuân giữ các điều răn của Chúa, và vì yêu mến Đấng Hôn Phu của mình là Đức Kitô, bà đã phụng sự Ngài bằng những lời cầu nguyện siêng năng, sự trinh khiết và tiết độ, cùng với việc ăn chay và kiêng khem nghiêm ngặt. Nhưng kẻ thù, kẻ thù ghét loài người, khi thấy cuộc sống như vậy của nàng, đã ghen tị với những đức hạnh của nàng và bắt đầu gây hại cho nàng, gây ra đủ loại tai ương và đau khổ.

Vào thời đó, tại Antioch có một chàng trai tên là Aglaides, con trai của một gia đình giàu có và danh giá. Anh ta sống xa hoa, hoàn toàn đắm chìm trong những hư vinh của thế gian này. Một lần nọ, anh ta nhìn thấy Justina khi cô đang trên đường đến nhà thờ và bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của cô. Kẻ ác đã gieo rắc những ý định xấu xa vào lòng anh ta. Bị dục vọng thiêu đốt, Aglaïd đã dùng mọi cách để lấy lòng và giành được tình yêu của Justina, đồng thời, thông qua những lời dụ dỗ, lôi kéo con chiên tinh khiết của Chúa Kitô vào sự ô uế mà hắn đã toan tính. Hắn theo dõi mọi con đường mà cô gái phải đi qua, và mỗi khi gặp cô, hắn lại nói những lời nịnh hót, ca ngợi vẻ đẹp

và tôn vinh cô. Bằng cách thể hiện tình yêu dành cho cô, hắn cố gắng lôi kéo cô vào tội tà dâm bằng một mạng lưới cám dỗ xảo quyệt. Còn cô gái thì quay mặt đi và tránh xa hắn, ghê tởm hắn và thậm chí không muốn nghe những lời nịnh hót và xảo trá của hắn. Không hề nguôi ngoai ham muốn đối với vẻ đẹp của cô, chàng trai đã sai người đến xin cô đồng ý trở thành vợ mình.

Cô đáp lại anh ta:

– Chồng hứa hôn của tôi là Đức Kitô; tôi phụng sự Ngài và vì Ngài mà tôi giữ gìn sự trong trắng của mình. Chính Ngài bảo vệ cả linh hồn lẫn thân xác tôi khỏi mọi sự ô uế.

Nghe câu trả lời của cô gái trinh tiết ấy, Aglaïd, bị ma quỷ xúi giục, lại càng bùng cháy vì dục vọng. Không thể quyến rũ được nàng, hắn nảy sinh ý định bắt cóc nàng bằng vũ lực. Sau khi tập hợp một nhóm thanh niên liều lĩnh giống mình để giúp đỡ, hắn đã mai phục cô gái trên con đường mà cô thường đi đến nhà thờ để cầu nguyện; tại đó, hắn gặp cô, túm lấy và lôi cô về nhà mình bằng vũ lực. Cô liền la hét dữ dội, tát vào mặt hắn và nhổ nước bọt vào hắn. Nghe tiếng la hét của cô, hàng xóm chạy ra khỏi nhà và giải cứu con cừu non trong trắng, thánh Justina, khỏi tay chàng trai vô đạo, như khỏi hàm sói. Bọn côn đồ bỏ chạy tứ tán, còn Aglaïd thì trở về nhà trong sự xấu hổ. Không biết phải làm gì tiếp theo, với dục vọng ô uế ngày càng dâng trào, hắn quyết định thực hiện một hành động độc ác mới: hắn đến gặp Cyprian, một pháp sư và phù thủy vĩ đại – một thầy tế thờ thần tượng – và sau khi kể cho ông ta nghe nỗi đau khổ của mình, hắn cầu xin sự giúp đỡ, hứa sẽ tặng ông ta rất nhiều vàng và bạc. Sau khi nghe Aglaidas nói xong, Cyprian an ủi anh ta, hứa sẽ thực hiện mong muốn của anh.

– Ta, – ông ta nói, – sẽ khiến chính cô gái ấy phải tìm kiếm tình yêu của ngươi và cảm thấy đam mê dành cho ngươi thậm chí còn mãnh liệt hơn cả tình cảm ngươi dành cho nàng.

Sau khi an ủi chàng trai như vậy, Cyprian để anh ta ra về với niềm hy vọng. Sau đó, ông lấy những cuốn sách về nghệ thuật bí mật của mình, rồi triệu hồi một trong những linh hồn tà ác, mà ông tin chắc rằng nó có thể nhanh chóng khơi dậy trong lòng Justina niềm đam mê dành cho chàng trai này. Con quỷ sẵn lòng hứa sẽ thực hiện điều đó và kiêu ngạo nói:

– Đối với ta, việc này chẳng khó khăn gì, bởi ta đã nhiều lần làm rung chuyển các thành phố, phá hủy tường thành, san bằng nhà cửa, gây ra những cuộc tàn sát và những vụ giết cha, gieo rắc hận thù và cơn thịnh nộ dữ dội giữa anh em và vợ chồng, và đã dụ dỗ nhiều người đã thề giữ trinh tiết sa vào tội lỗi; còn những tu sĩ ẩn dật trên núi, quen với việc ăn chay khắt khe, thậm chí chưa bao giờ nghĩ đến xác thịt, tôi đã gieo rắc dục vọng dâm đãng và dạy họ phục vụ những ham muốn xác thịt; những người đã ăn năn và từ bỏ tội lỗi, tôi lại lôi kéo họ trở lại con đường ác; nhiều người sống trong sự trong sạch, tôi đã đẩy họ vào con đường dâm đãng. Chẳng lẽ ta lại không thể khiến cô gái này say mê Aglaida sao? Ta đang nói gì vậy? Chính bằng hành động, ta sẽ sớm chứng tỏ sức mạnh của mình. Này, hãy cầm lấy thứ thuốc này (hắn đưa ra một bình chứa đầy thứ gì đó) và đưa cho chàng trai kia: hãy để hắn rảy thứ đó lên nhà của Justina, và ngươi sẽ thấy những gì ta nói sẽ thành hiện thực.

Nói xong, con quỷ biến mất. Cyprian gọi Aglaida đến và sai anh ta bí mật rảy chất lỏng từ chiếc bình ma quỷ đó lên ngôi nhà của Justina. Khi việc đó được thực hiện xong, con quỷ dâm dục xâm nhập vào đó với những mũi tên dục vọng xác thịt đang bốc cháy, nhằm đâm thấu trái tim cô gái bằng sự dâm đãng và khơi dậy trong thân xác cô những ham muốn ô uế.

Justina có thói quen mỗi đêm dâng lời cầu nguyện lên Chúa. Và khi cô, theo thói quen, thức dậy vào giờ thứ ba của đêm để cầu nguyện với Chúa, cô bỗng cảm thấy trong cơ thể mình một sự xao xuyến, cơn bão dục vọng xác thịt và ngọn lửa địa ngục. Trong cơn xao xuyến và cuộc đấu tranh nội tâm ấy, cô đã ở trong tình trạng đó khá lâu: hình ảnh chàng trai Aglaïd hiện lên trong trí nhớ cô, và những ý nghĩ xấu xa bắt đầu nảy sinh. Cô gái vừa ngạc nhiên vừa xấu hổ với chính mình, cảm thấy máu mình sôi sục như trong nồi; giờ đây cô lại nghĩ đến những điều mà trước đây cô luôn ghê tởm như một thứ ô uế. Nhưng nhờ sự khôn ngoan của mình, Justina nhận ra rằng cuộc đấu tranh này trong lòng cô xuất phát từ ma quỷ; ngay lập tức, cô dùng dấu thánh giá làm vũ khí, chạy đến với Chúa bằng lời cầu nguyện nồng nhiệt và từ tận đáy lòng, cô kêu cầu Chúa Kitô, Chồng của mình:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, lạy Chúa Giêsu Kitô! – Kẻ thù của con đã nổi dậy chống lại con, giăng bẫy để bắt con và làm kiệt quệ linh hồn con. Nhưng con đã nhớ đến danh Ngài trong đêm và được an ủi; và giờ đây, khi chúng đang dồn ép con, con chạy đến cùng Ngài và hy vọng rằng kẻ thù của con sẽ không chiến thắng được con. Vì Ngài biết, lạy Chúa, Thiên Chúa của con, rằng con, tôi tớ của Ngài, đã giữ gìn sự trong sạch của thân xác con cho Ngài và đã phó thác linh hồn con cho Ngài. Xin hãy bảo vệ con chiên của Ngài, hỡi Đấng Chăn Chiên nhân

lành, đừng để con trở thành mồi cho con thú đang tìm cách nuốt chửng con; xin ban cho con chiến thắng trước những ham muốn xấu xa của xác thịt con.

Sau khi cầu nguyện lâu dài và sốt sắng, trinh nữ thánh đã làm cho kẻ thù phải xấu hổ. Bị đánh bại bởi lời cầu nguyện của nàng, nó chạy trốn khỏi nàng trong sự nhục nhã, và sự bình an lại trở lại trong thân xác và trái tim của Justina; ngọn lửa dục vọng đã tắt, cuộc chiến đã chấm dứt, dòng máu sôi sục đã lắng xuống. Justina ngợi khen Thiên Chúa và cất lên bài ca chiến thắng. Còn con quỷ thì quay trở lại gặp Cyprian với tin buồn rằng nó chẳng đạt được gì cả.

Cyprian hỏi nó tại sao lại không thể đánh bại được cô gái.

Con quỷ, dù miễn cưỡng, cũng phải nói ra sự thật:

– Tôi không thể khuất phục cô ấy vì đã nhìn thấy trên người cô ấy một điềm báo nào đó, khiến tôi kinh hãi.

Lúc đó, Cyprian triệu hồi một con quỷ độc ác hơn và sai nó đi cám dỗ Justina. Con quỷ đó đi và làm được nhiều hơn con quỷ đầu tiên rất nhiều, tấn công cô gái với cơn thịnh nộ dữ dội hơn. Nhưng cô đã trang bị cho mình bằng lời cầu nguyện nồng nhiệt và tự đặt lên vai mình một thử thách còn khắc nghiệt hơn nữa: cô mặc áo lông dê và chế ngự xác thịt bằng sự kiêng khem và nhịn ăn, chỉ ăn bánh mì với nước. Bằng cách kiềm chế những dục vọng của xác thịt như vậy, Justina đã đánh bại quỷ dữ và đuổi nó đi trong nhục nhã. Còn hắn, cũng giống như tên đầu tiên, không đạt được gì, đành quay trở lại gặp Cyprian. Lúc đó, Cyprian triệu tập một trong những chúa tể quỷ dữ, kể cho hắn nghe về sự yếu kém của những con quỷ được phái đi, những kẻ không thể đánh bại nổi một cô gái, và xin hắn giúp đỡ. Hắn nghiêm khắc quở trách những con quỷ trước đó vì sự vụng về của chúng trong việc này và vì không biết cách khơi dậy dục vọng trong lòng cô gái. Sau khi trấn an Cyprian và hứa sẽ dùng những cách khác để dụ dỗ cô gái, vị chúa tể quỷ dữ đã hóa thân thành hình dáng một người phụ nữ và bước vào gặp Justina. Hắn bắt đầu trò chuyện với nàng một cách đạo đức, như thể muốn noi gương cuộc sống đạo đức và sự trong trắng của nàng. Trong lúc trò chuyện, hắn hỏi cô gái rằng phần thưởng cho một cuộc sống nghiêm khắc và việc giữ gìn sự trong trắng sẽ là gì.

Justina trả lời rằng phần thưởng dành cho những ai sống trong sự trong sạch là vô cùng lớn lao và không thể diễn tả được, và thật đáng ngạc nhiên là con người lại chẳng hề quan tâm đến kho báu vĩ đại như sự trong sạch của các Thiên thần. Lúc đó, quỷ dữ, bộc lộ sự vô liêm sỉ của mình, bắt đầu dùng những lời lẽ xảo quyệt để cám dỗ nàng:

– Thế thì thế giới làm sao có thể tồn tại được? Con người sẽ sinh ra bằng cách nào? Vì nếu Ê-va giữ được sự trong sạch, thì loài người làm sao có thể sinh sôi nảy nở được? Thật sự, hôn nhân là một việc lành mà chính Đức Chúa Trời đã thiết lập; Kinh Thánh cũng ca ngợi điều đó khi nói: *"Hôn nhân của mọi người [hãy] được giữ trong sự chính trực, và giường ngủ phải trong sạch"* (Hê-bơ-rơ 13:4). Hơn nữa, chẳng phải nhiều thánh nhân của Đức Chúa Trời cũng đã sống trong hôn nhân mà Chúa đã ban cho loài người như một sự an ủi, để họ vui mừng vì con cái mình và ngợi khen Đức Chúa Trời sao?

Khi nghe những lời này, Justina đã nhận ra kẻ dụ dỗ xảo quyệt – ma quỷ – và đã đánh bại hắn một cách khôn ngoan hơn cả Ê-va. Không tiếp tục cuộc trò chuyện, nàng lập tức tìm đến sự che chở của Thánh Giá Chúa và đặt dấu hiệu thánh thiện của Ngài lên khuôn mặt mình, đồng thời hướng trái tim về phía Đấng Christ, Chồng của nàng. Và ma quỷ lập tức biến mất trong sự nhục nhã còn lớn hơn cả hai con quỷ trước đó.

Trong sự bối rối tột độ, vị hoàng tử kiêu ngạo của quỷ dữ quay trở lại gặp Cyprian. Cyprian, khi biết rằng chính mình cũng không làm được gì, đã nói với ma quỷ:

– Chẳng lẽ ngay cả ngươi, vị hoàng tử mạnh mẽ và khéo léo hơn ai hết trong việc này, cũng không thể đánh bại được cô gái sao? Ai trong các ngươi có thể làm gì được với trái tim bất khả chiến bại của cô gái này? Hãy nói cho ta biết, cô ấy dùng vũ khí nào để chiến đấu với các ngươi, và làm thế nào cô ấy khiến sức mạnh vững chắc của các ngươi trở nên yếu ớt.

Bị đánh bại bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, quỷ dữ miễn cưỡng thừa nhận:

– Chúng tôi không thể nhìn vào dấu thánh giá, mà phải chạy trốn khỏi nó, vì nó như ngọn lửa thiêu đốt chúng tôi và xua đuổi chúng tôi đi xa.

Thánh Cyprian nổi giận với ma quỷ vì đã làm ông bẽ mặt, và trong lúc mắng mỏ con quỷ, ông nói:

– Sức mạnh của các ngươi chỉ có thế thôi sao, đến nỗi ngay cả một trinh nữ yếu đuối cũng có thể đánh bại các ngươi!

Lúc đó, ma quỷ, muốn an ủi Cyprian, đã thực hiện một nỗ lực nữa: hắn hóa thân thành Justina và đến gặp Aglaidus với hy vọng rằng, khi nhầm lẫn hắn với Justina thật, chàng trai sẽ thỏa mãn ham muốn của mình, và như vậy, cả sự yếu đuối ma quỷ của hắn sẽ không bị lộ, lẫn Cyprian cũng không bị làm nhục. Và thế là, khi con quỷ bước vào phòng Aglaïd dưới hình dạng của Justine, chàng trai, trong niềm vui khôn tả, đã nhảy cẫng lên, chạy đến bên cô gái tưởng tượng, ôm chầm lấy cô và bắt đầu hôn hít, nói:

– Thật tốt là em đã đến với anh, Justina xinh đẹp!

Nhưng ngay khi chàng trai vừa thốt ra từ "Justina", con quỷ lập tức biến mất, không thể chịu đựng nổi ngay cả cái tên Justina. Chàng trai hoảng sợ tột độ và chạy đến gặp Cyprian, kể lại cho ông nghe chuyện đã xảy ra. Lúc đó, Cyprian dùng phép thuật biến anh ta thành hình dạng một con chim và, sau khi cho anh ta khả năng bay trên không trung, đã gửi anh ta đến nhà Justina, đồng thời khuyên anh ta bay vào phòng cô qua cửa sổ. Được con quỷ mang bay trên không trung, Aglaidas đã bay đến nhà Justina dưới hình dạng một con chim và định đậu trên mái nhà. Đúng lúc đó, Justina tình cờ nhìn ra cửa sổ phòng mình. Thấy cô, con quỷ liền buông Aglaïd ra và bỏ chạy. Cùng lúc đó, hình dáng ma quái của Aglaïd, vốn trông như một con chim, cũng biến mất, và chàng trai suýt nữa thì bị gãy xương khi rơi xuống. Anh ta dùng tay bám vào mép mái nhà và treo lơ lửng ở đó; nếu không nhờ lời cầu nguyện của Thánh Justina giúp anh ta rơi xuống đất an toàn, thì tên vô đạo đó đã rơi xuống và tan xác. Vậy là, không đạt được gì, chàng trai quay trở lại gặp Cyprian và kể cho ông nghe về nỗi đau khổ của mình. Thấy mình bị sỉ nhục, Cyprian vô cùng buồn bã và tự mình nảy ra ý định đến gặp Justina, hy vọng vào sức mạnh phép thuật của mình. Ông ta biến hóa thành cả phụ nữ lẫn chim chóc, nhưng chưa kịp đến cửa nhà Thánh Justina thì hình bóng ma quái của người phụ nữ xinh đẹp, cũng như của con chim, đã biến mất, và ông ta đành quay về trong nỗi buồn bã.

Sau đó, Cyprian bắt đầu trả thù vì sự nhục nhã của mình và dùng phép thuật gây ra đủ loại tai họa cho nhà Justina cũng như nhà của tất cả họ hàng, hàng xóm và bạn bè của cô, giống như ngày xưa ma quỷ đã làm với người công chính Gióp (Gióp 1:15–19, 2:7). Hắn giết gia súc của họ, khiến nô lệ của họ mắc các vết loét, và bằng cách đó đẩy họ vào nỗi buồn tột cùng. Hắn còn khiến chính Justina mắc bệnh, đến nỗi cô phải nằm liệt giường, còn mẹ cô thì khóc than cho cô. Còn Justina thì an ủi mẹ mình bằng những lời của tiên tri Đa-vít: *"Con sẽ không chết, nhưng sẽ sống và rao giảng những việc làm của Chúa"* (Thi Thiên 117:17).

Không chỉ đối với Justina và những người thân của cô, mà còn đối với cả thành phố, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, Cyprian đã gây ra những tai họa, do cơn thịnh nộ không thể kiềm chế và sự sỉ nhục lớn lao của mình. Các vết loét xuất hiện trên động vật và nhiều bệnh tật lan tràn trong dân chúng; và do sự xúi giục của ma quỷ, tin đồn lan truyền rằng vị tư tế vĩ đại Cyprian đang trừng phạt thành phố vì Justina đã chống lại ông ta. Lúc bấy giờ, những công dân có uy tín nhất đã đến gặp Justina và giận dữ thúc giục cô đừng làm Cyprian buồn lòng nữa, mà hãy kết hôn với Aglaidas, để tránh những tai họa còn lớn hơn nữa ập xuống toàn thành phố vì cô. Còn cô thì trấn an mọi người, nói rằng sớm muộn gì những tai họa do Cyprian gây ra với sự trợ giúp của ma quỷ cũng sẽ chấm dứt. Và điều đó đã xảy ra. Khi Thánh Justina thành tâm cầu nguyện với Chúa, ngay lập tức mọi sự ám ảnh của ma quỷ đều chấm dứt; mọi người đều được chữa lành khỏi những vết loét và khỏi bệnh tật. Khi sự thay đổi kỳ diệu ấy xảy ra, mọi người ca ngợi Chúa Kitô, còn Cyprian cùng những mưu mô phù thủy của hắn thì bị chế giễu đến mức hắn xấu hổ không dám xuất hiện trước đám đông và thậm chí tránh gặp cả những người quen biết. Sau khi nhận ra rằng không có gì có thể chiến thắng được sức mạnh của dấu thánh giá và Danh Chúa Kitô, Cyprian đã tỉnh ngộ và nói với ma quỷ:

– Hỡi kẻ hủy diệt và lừa dối muôn loài, nguồn gốc của mọi sự ô uế và dơ bẩn! Nay ta đã nhận ra sự yếu đuối của ngươi. Vì nếu ngươi còn sợ cả bóng của Thánh Giá và run rẩy trước Danh Chúa Kitô, thì ngươi sẽ làm gì khi chính Chúa Kitô đến đối diện với ngươi? Nếu ngươi không thể đánh bại những ai làm dấu thánh giá, thì ngươi sẽ cướp ai khỏi tay Chúa Kitô? Giờ đây ta đã nhận ra ngươi hèn mọn đến mức nào; ngươi thậm chí còn không có sức để trả thù! Vì nghe theo ngươi, ta, kẻ khốn khổ, đã bị lừa dối và tin vào mưu mô của ngươi. Hãy lui ra khỏi ta, hỡi kẻ bị nguyền rủa, hãy lui ra – vì ta phải khẩn cầu các Kitô hữu thương xót ta. Ta phải tìm đến những người đạo đức để họ cứu ta khỏi sự diệt vong và lo liệu cho sự cứu rỗi của ta. Hãy lui đi, hãy lui ra khỏi ta, hỡi kẻ vô luật pháp, kẻ thù của chân lý, kẻ chống đối và ghét bỏ mọi điều thiện.

Nghe vậy, quỷ dữ lao vào Cyprian để giết hắn, và khi tấn công, nó bắt đầu đánh đập và đè bẹp hắn. Không tìm thấy nơi nào để nương tựa và không biết làm sao để tự cứu mình khỏi những bàn tay tàn bạo của quỷ dữ, Cyprian, lúc này đã gần như không còn sức sống, bỗng nhớ đến dấu thánh giá, nhờ sức mạnh của dấu thánh giá này mà Justina đã chống lại mọi thế lực của quỷ dữ, và ông kêu lên:

– Lạy Chúa Giustina, xin giúp con!

Sau đó, ngài giơ tay lên làm dấu Thánh Giá, và con quỷ lập tức bật ra xa khỏi ngài, như một mũi tên được bắn ra từ cây cung. Sau khi lấy lại tinh thần, Cyprian trở nên can đảm hơn và, trong khi kêu cầu danh Chúa Kitô, ngài làm dấu Thánh Giá trên mình và kiên quyết chống lại con quỷ, nguyền rủa và quở trách nó. Còn con quỷ, đứng xa anh ta và không dám lại gần vì sợ dấu thánh giá và Danh Chúa Kitô, đã đe dọa Cyprian bằng mọi cách, nói rằng:

– Chúa Kitô sẽ không cứu ngươi khỏi tay ta đâu!

Sau đó, sau những đợt tấn công kéo dài và dữ dội nhằm vào Cyprian, con quỷ gầm lên như sư tử rồi bỏ đi.

Lúc đó, Cyprian đã lấy tất cả các cuốn sách phù thủy của mình và đến gặp Giám mục Anfim, một vị giám mục Kitô giáo. Anh ta quỳ xuống dưới chân giám mục, van xin ngài thương xót và làm phép rửa tội thánh cho mình. Biết rằng Cyprian là một pháp sư vĩ đại và đáng sợ đối với mọi người, vị giám mục nghĩ rằng anh ta đến gặp mình với một mưu đồ nào đó, nên đã từ chối, nói rằng:

– Ngươi đã gây ra biết bao điều ác giữa những người ngoại đạo; hãy để các Kitô hữu được yên, để ngươi không phải chịu diệt vong trong thời gian ngắn sắp tới.

Lúc đó, Cyprian đã khóc lóc thú nhận tất cả với vị giám mục và giao nộp những cuốn sách của mình để đốt đi. Thấy sự khiêm nhường của ông, vị giám mục đã dạy dỗ và hướng dẫn ông về đức tin thánh thiện, rồi ra lệnh cho ông chuẩn bị để chịu phép rửa tội; còn những cuốn sách của ông thì được đốt trước mặt tất cả các tín hữu.

Rời khỏi vị giám mục với trái tim tan nát, Cyprian khóc lóc vì những tội lỗi của mình, rắc tro lên đầu và thành tâm sám hối, khẩn cầu Thiên Chúa chân thật thanh tẩy những tội lỗi của mình. Ngày hôm sau, khi đến nhà thờ, ông lắng nghe Lời Chúa với lòng vui mừng và xúc động, đứng giữa các tín hữu. Khi vị phó tế ra lệnh cho những người đang được giảng dạy ra ngoài, hô to: "Hỡi những người đang được giảng dạy, hãy ra ngoài"[6681] , – một số người đã ra ngoài, nhưng Cyprian không muốn ra, ông nói với vị phó tế:

– Tôi là tôi tớ của Đấng Kitô; xin đừng đuổi tôi ra khỏi đây.

Vị phó tế bèn nói với anh:

– Vì anh chưa được rửa tội, nên anh phải ra khỏi nhà thờ.

Nghe vậy, Cyprian đáp lại:

– Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, Đấng đã giải thoát tôi khỏi ma quỷ, giữ cho thiếu nữ Justina được trong sạch và đã thương xót tôi, còn sống; ngài sẽ không đuổi tôi ra khỏi nhà thờ cho đến khi tôi trở thành một Kitô hữu trọn vẹn.

Vị phó tế đã tâu lại điều này với giám mục, và vị giám mục, khi thấy lòng nhiệt thành của Cyprian cùng sự trung thành với đức tin nơi Chúa Kitô, đã gọi anh đến và ngay lập tức rửa tội cho anh nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Khi biết tin này, thánh Justina đã tạ ơn Thiên Chúa, phân phát nhiều tiền bố thí cho người nghèo và dâng lễ vật cho nhà thờ. Còn Cyprian, vào ngày thứ tám, giám mục đã phong ông làm người đọc sách; vào ngày thứ hai mươi, làm phó phó tế; vào ngày thứ ba mươi, làm phó tế; và một năm sau, phong chức linh mục cho ông. Cyprian đã hoàn toàn thay đổi cuộc đời mình; ngày qua ngày, ông càng thể hiện nhiều công đức hơn, và trong khi không ngừng ăn năn về những việc làm xấu xa trong quá khứ, ông ngày càng hoàn thiện bản thân và tiến bộ từ đức hạnh này sang đức hạnh khác. Chẳng bao lâu sau, ông được tấn phong làm giám mục, và trong chức vụ này, ông đã sống một cuộc đời thánh thiện đến mức sánh ngang với nhiều vị thánh vĩ đại; đồng thời, ngài tận tụy chăm lo cho đoàn chiên của Chúa Kitô được giao phó. Ngài đã phong Thánh Justina, một trinh nữ, làm nữ phó tế, rồi giao phó cho cô tu viện nữ, phong cô làm bề trên của các trinh nữ Kitô hữu khác. Bằng hành vi và lời dạy dỗ của mình, ngài đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo trở lại và đưa họ vào Hội Thánh của Chúa Kitô. Nhờ đó, việc thờ cúng thần tượng dần chấm dứt ở xứ sở ấy, và vinh quang của Chúa Kitô ngày càng lan rộng.

Thấy cuộc sống nghiêm khắc của Thánh Cyprian, cùng sự quan tâm của ngài đối với đức tin vào Chúa Kitô và sự cứu rỗi các linh hồn con người, ma quỷ đã nghiến răng căm hận ngài và xúi giục những người ngoại đạo vu khống ngài trước mặt vị thống đốc của vùng đất phương Đông, rằng ngài đã làm nhục các vị thần, khiến nhiều

[6681] Trong Giáo hội cổ đại, thuật ngữ "những người dự tòng" dùng để chỉ những người trưởng thành mong muốn nhận phép Rửa tội và đang chuẩn bị cho việc này thông qua việc tìm hiểu giáo lý của Giáo hội. Họ có quyền vào nhà thờ để nghe Lời Chúa và các bài giảng, thậm chí tham dự phần đầu của Thánh lễ (Thánh lễ dành cho những người dự tòng), nhưng trước khi bước vào phần quan trọng và cốt lõi nhất của Thánh Lễ – Thánh Lễ dành cho các tín hữu – họ phải lập tức rời khỏi nhà thờ; điều này được phó tế thông báo to tiếng qua lời xướng, và cho đến nay vẫn được duy trì trong Giáo hội khi cử hành Thánh Lễ.

người quay lưng lại với các vị thần ấy, và tôn vinh Chúa Kitô – Đấng thù địch với các vị thần của họ. Và thế là nhiều kẻ vô đạo đã đến gặp vị vua Eutolmius, người cai trị các vùng đất đó, và vu khống Cyprian và Justina, cáo buộc họ là kẻ thù của cả các vị thần, của nhà vua, và mọi thế lực – rằng họ làm xáo trộn dân chúng, lừa dối họ và lôi kéo họ theo mình, khiến họ hướng lòng tôn thờ Đức Kitô bị đóng đinh. Cùng với đó, họ yêu cầu vị thống đốc phải kết án tử hình Cyprian và Justina vì những điều này. Sau khi nghe lời thỉnh cầu, Eutolmius ra lệnh bắt giữ Cyprian và Justina rồi giam họ vào ngục tối. Sau đó, khi lên đường đến Damascus, ông ta cũng mang theo họ để xét xử. Khi những tù nhân của Chúa Kitô, Cyprian và Justina, được dẫn đến trước tòa, ông ta hỏi Cyprian:

– Tại sao ngươi lại từ bỏ công việc vinh quang trước đây của mình, khi ngươi từng là một tôi tớ nổi tiếng của các vị thần và đã dẫn dắt nhiều người đến với họ?

Thánh Cyprian đã kể cho vị vua nghe về cách ngài nhận ra sự yếu đuối và sự lừa dối của ma quỷ, cũng như hiểu được quyền năng của Chúa Kitô – quyền năng mà ma quỷ phải khiếp sợ và run rẩy, biến mất trước dấu hiệu của Thánh Giá – đồng thời giải thích lý do ngài quay về với Chúa Kitô, Đấng mà ngài sẵn sàng hy sinh mạng sống vì Ngài. Kẻ tra tấn không tiếp nhận những lời của Thánh Cyprian vào lòng, nhưng vì không thể phản bác lại, nên đã ra lệnh treo cổ vị thánh và cạo da thịt ngài, còn Thánh Justina thì bị đánh vào miệng và mắt. Trong suốt thời gian chịu những cực hình kéo dài, họ không ngừng tuyên xưng Đức Kitô và chịu đựng mọi sự với lòng biết ơn. Sau đó, kẻ tra tấn giam họ vào ngục tối và cố gắng dùng những lời khuyên nhủ dịu dàng để lôi kéo họ trở lại thờ ngẫu tượng. Khi thấy mình không thể thuyết phục được họ, hắn ra lệnh ném họ vào nồi nước sôi; nhưng nồi nước sôi sùng sục ấy không gây hại gì cho họ, và họ, như thể đang ở nơi mát mẻ, vẫn ngợi khen Thiên Chúa. Thấy vậy, một thầy tế thần tượng tên là Athanasius đã nói:

– Nhân danh thần Asclepius[6682] , ta cũng sẽ nhảy vào ngọn lửa này và làm bẽ mặt lũ phù thủy đó.

Nhưng ngay khi ngọn lửa vừa chạm vào người ông, ông lập tức chết ngay. Thấy vậy, người tra tấn hoảng sợ và, không muốn xét xử họ nữa, đã gửi các vị tử đạo đến gặp quan tổng trấn Claudius ở Nicomedia[6683] , đồng thời tường trình lại tất cả những gì đã xảy ra với họ. Vị quan tổng trấn này đã kết án họ phải chịu hình chém bằng gươm. Khi họ được dẫn đến nơi hành quyết, Cyprian xin được một chút thời gian để cầu nguyện, với mong muốn Justina được hành quyết trước: ông lo ngại Justina sẽ hoảng sợ khi chứng kiến cái chết của mình. Còn Justina thì vui vẻ cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm và về với Chú Rể của mình, là Chúa Kitô. Chứng kiến cái chết oan ức của các vị tử đạo này, một người tên là Theoktist, đang có mặt tại đó, đã vô cùng thương xót họ; lòng ông bừng cháy hướng về Thiên Chúa, ông quỳ xuống trước thánh Cyprian, hôn lên mặt ngài và tuyên xưng mình là Kitô hữu. Cùng với thánh Cyprian, ông cũng ngay lập tức bị kết án chém đầu. Thế là họ đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa; còn thi thể của họ thì nằm đó sáu ngày mà chưa được chôn cất. Một số người lữ hành có mặt tại đó đã bí mật mang thi thể các ngài đi và đưa về Rôma, nơi họ trao lại cho một người phụ nữ đức hạnh và thánh thiện tên là Rufina, người thân của Hoàng đế Claudius[6684] . Bà đã an táng một cách trang trọng thi thể các vị tử đạo của Chúa Kitô: Cyprian, Justina và Theoktist. Tại các ngôi mộ của các ngài, nhiều phép lạ chữa lành đã xảy ra đối với những người đến đó với lòng tin. Xin Chúa, nhờ lời cầu nguyện của các ngài, chữa lành cả những bệnh tật về thể xác lẫn tâm hồn của chúng con!

Bài ca Kondak, giọng 1:

Từ nghệ thuật huyền diệu, ngài đã hướng về sự khôn ngoan của Thiên Chúa để đạt đến sự hiểu biết thiêng liêng, và ngài đã hiện ra trước thế gian như một vị bác sĩ khôn ngoan nhất, ban ơn chữa lành cho những ai tôn vinh ngài, hỡi Cyprian cùng với Justina: xin ngài cùng với bà cầu nguyện với Đấng Chủ Tể yêu thương loài người, để cứu rỗi linh hồn chúng con.

[6682] Asclepius, hay Aesculapius, là vị thần Hy Lạp-La Mã của nghệ thuật y học.

[6683] Nicomedia – một thành phố ở Tiểu Á. – Từ thời Nicomedia cổ đại hưng thịnh cho đến nay vẫn còn lưu giữ nhiều di tích đổ nát, chứng tỏ quá khứ huy hoàng của thành phố này.

[6684] Hoàng đế La Mã Claudius II trị vì từ năm 268 đến năm 270. – Các thánh Cyprian, Justina và Theoctistus qua đời vào khoảng năm 268.

Cuộc đời Thánh Anrê, người giả điên vì Chúa

Ngày kỷ niệm: 2 tháng 10

Vào thời trị vì của Hoàng đế Hy Lạp Lê-v Đại Đế-Hiền Triết[6685] , con trai của Hoàng đế Vasilios người Macedonia[6686] , có một người đàn ông tên là Theognost sống tại Constantinopolis. Ông đã mua rất nhiều nô lệ, trong số đó có một thiếu niên gốc Slav tên là Andrei[6687] . Cậu thiếu niên này có dung mạo tuấn tú và tính cách hiền lành. Theognost yêu quý cậu hơn những nô lệ khác, bổ nhiệm cậu làm người hầu thân tín nhất của mình và gửi cậu đi học các sách thánh. Sau khi học xong Kinh Thánh, Andrei thường xuyên đến các nhà thờ, cầu nguyện với Chúa và đọc các sách thánh. Một đêm nọ, khi cậu đang đứng cầu nguyện, con quỷ xảo quyệt, thấy vậy, đã ghen tị với việc làm tốt lành này và bắt đầu đập mạnh vào cửa căn phòng nơi cậu thiếu niên đang ở. Andrei hoảng sợ, ngừng cầu nguyện, vội vàng nằm xuống giường và khoác lên mình tấm da dê. Thấy vậy, Satan vui mừng và nói với một con quỷ khác:

– Ngươi có thấy chàng trai này không: mới đây thôi hắn còn đang ăn đậu, mà giờ đây hắn đã chuẩn bị vũ khí chống lại chúng ta rồi!

Nói xong, Satan biến mất. Còn vị thánh thì vì sợ hãi mà chìm vào giấc ngủ sâu và trong giấc mơ, ngài có một thị kiến như sau. Ngài cảm thấy như mình đang ở một quảng trường rộng lớn, một bên là vô số người Ethiopia, còn bên kia là vô số vị thánh mặc áo trắng. Giữa hai bên dường như đang diễn ra một cuộc thi đấu và tranh đấu. Người Ê-ti-ô-pi, có một người khổng lồ da đen đứng về phía mình, đã kiêu ngạo thách thức những người mặc áo trắng, yêu cầu họ cử ra từ trong số họ một võ sĩ có thể đấu với người Ê-ti-ô-pi da đen của họ, người chỉ huy ngàn quân của đạo quân vô số của họ. Những người Ethiopia da đen khoe khoang sức mạnh của mình, nhưng những người mặc áo trắng không đáp lại gì cả. Thánh Anrê đứng đó và quan sát, mong muốn biết ai sẽ dám bước vào cuộc đấu với kẻ thù đáng sợ này. Và rồi ngài nhìn thấy một chàng trai trẻ đẹp đẽ bước xuống từ trên cao, tay cầm ba chiếc vương miện: một trong số đó được trang trí bằng vàng nguyên chất và đá quý, một cái khác bằng những viên ngọc trai to và lấp lánh, còn cái thứ ba – vòng hoa lớn nhất – được đan từ những bông hoa trắng và đỏ không tàn phai cùng những cành cây từ Thiên đàng của Chúa. Những chiếc vương miện này đẹp đến mức kỳ diệu, đến nỗi trí óc con người không thể thấu hiểu, và không thể diễn tả bằng ngôn ngữ trần gian. Thấy vậy, Andrei băn khoăn không biết làm sao để có được ít nhất một trong ba chiếc vương miện đó. Bước đến gần chàng trai vừa xuất hiện, anh nói:

– Vì danh Chúa Kitô, xin hãy cho tôi biết, anh có bán những chiếc vương miện này không? Dù bản thân tôi không thể mua chúng, nhưng xin hãy đợi tôi một lát, tôi sẽ đi nói với chủ nhân của tôi – ngài sẽ trả cho anh bất cứ giá nào anh muốn để có được những chiếc vương miện này.

Chàng trai trẻ, khuôn mặt bừng sáng, nói với ông:

– Hãy tin tôi, người yêu dấu, rằng dù anh có mang đến cho tôi tất cả vàng trên thế gian này, tôi cũng sẽ không bán cho anh, hay bất kỳ ai khác, dù chỉ một bông hoa nào trong những vòng hoa này, bởi vì những vòng hoa này được làm từ kho báu thiên đàng của Chúa Kitô, chứ không phải từ những đồ trang sức của thế gian phù du. Những ai chiến thắng những người Ê-ti-ô-bi da đen kia sẽ được đội những vòng hoa này. Nếu ngươi muốn có được – không chỉ một, mà cả ba vòng hoa – thì hãy giao chiến với người Ê-ti-ô-bi da đen đó, và khi ngươi đánh bại hắn, ngươi sẽ nhận được từ ta tất cả những vòng hoa mà ngươi đang thấy.

Nghe vậy, Andrei tràn đầy quyết tâm và nói với chàng trai trẻ:

– Hãy tin tôi, tôi sẽ làm theo lời ngài nói, chỉ cần ngài chỉ cho tôi những mưu kế để đối phó với hắn.

Chàng trai trẻ nói:

– Chẳng lẽ ngươi không biết sự khéo léo của hắn nằm ở đâu sao? Chẳng phải người Ethiopia trông đáng sợ và hung tợn sao? – nhưng thực ra họ lại yếu ớt. Đừng sợ chiều cao khổng lồ và ánh mắt đáng sợ của hắn: hắn yếu ớt và mục nát như cỏ thối rữa!

[6685] Hoàng đế Byzantine Lêô VI, người Khôn ngoan, trị vì từ năm 886 đến năm 912.

[6686] Vasilios người Macedonia, cha của ông, trị vì từ năm 867 đến năm 886 và là người khai sinh ra cái gọi là Vương triều Macedonia.

[6687] Trong tất cả các danh sách tiểu sử các thánh của người Slav, Thánh Andrei Yurodivy được gọi là người Slav, theo bản gốc tiếng Hy Lạp – người Scythia; nhưng trong một thời gian dài, người Hy Lạp đã nhầm lẫn gọi cả người Slav phương Đông như vậy, khi họ nhầm lẫn họ với một dân tộc du mục hoang dã từng sinh sống ở Đông Âu trước đây – người Scythia.

Sau khi khích lệ Andrei bằng những lời đó, chàng trai trẻ đẹp trai bắt đầu dạy anh cách đấu với người Ethiopia.

Ông đã nói:

– Khi người Ê-ti-ô-pi bắt được ngươi và bắt đầu vật lộn với ngươi, đừng sợ, nhưng hãy ôm lấy hắn theo hình chữ thập, và ngươi sẽ thấy sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời.

Sau đó, vị thánh nhân bước lên phía trước và bằng giọng nói mạnh mẽ, ông hét lên với người Ê-ti-ô-pi:

– Ra đây mà đấu đi!

Với vẻ mặt hung dữ và đe dọa, người Ê-ti-ô-pi tiến lại gần, túm lấy An-rê và trong một khoảng thời gian khá dài, hắn lật An-rê từ bên này sang bên kia. Người Ê-ti-ô-pi bắt đầu vỗ tay, còn những người mặc áo trắng dường như tái mặt, vì họ lo sợ rằng người Ê-ti-ô-pi này sẽ đập thánh An-rê xuống đất. Thánh An-rê lúc đó đã gần như bị người Ê-ti-ô-pi chế ngự, nhưng sau khi lấy lại bình tĩnh, ngài lao vào hắn với tư thế hình thánh giá. Con quỷ ngã xuống như một cây cổ thụ bị chặt ngang, và khi ngã, nó đập trán vào tảng đá rồi thét lên: "Khốn nạn, khốn nạn!" Còn những người mặc áo sáng màu thì tràn ngập niềm vui sướng tột độ. Họ nâng Andrei lên cao trên đôi tay, hôn lên người anh và ăn mừng chiến thắng của anh trước người Ethiopia.

Lúc đó, những chiến binh da đen, trong sự nhục nhã tột độ, đã quay lưng bỏ chạy, còn chàng trai trẻ tuấn tú kia trao vương miện cho Andrei, rồi hôn lên mặt anh và nói:

– Hãy ra đi trong bình an! Từ nay trở đi, ngươi sẽ là bạn và anh em của chúng ta. Hãy đi thực hiện công việc đức hạnh, hãy sống trần truồng và như người điên vì Ta[6688] , và ngươi sẽ được hưởng nhiều ân huệ vào ngày Nước Trời của Ta.

Sau khi nghe những lời ấy từ chàng trai tuyệt đẹp ấy, thánh Andrei tỉnh giấc và ngạc nhiên trước giấc mơ kỳ lạ. Kể từ đó, ngài trở thành người giả điên vì Chúa Kitô.

Ngày hôm sau, khi thức dậy, ngài cầu nguyện, cầm con dao và đi đến giếng; tại đó, ngài cởi bỏ quần áo, rồi giả vờ như mất trí, cắt chúng thành từng mảnh. Sáng sớm, người đầu bếp đến giếng múc nước và, khi thấy Thánh Anrê dường như đang trong cơn cuồng loạn, liền đi báo lại cho chủ nhân của họ. Lo lắng cho Andrei, chủ nhân của họ đến gặp anh và thấy anh dường như mất trí và nói năng vô nghĩa. Nghĩ rằng Andrei bị quỷ ám, ông ta trói anh bằng xiềng xích sắt và ra lệnh dẫn anh đến nhà thờ Thánh Anastasia. Trong ngày, Andrei giả vờ mất trí, còn ban đêm thì cầu nguyện với Chúa và Thánh Anastasia. Trong sâu thẳm lòng mình, anh suy ngẫm xem việc mình đang làm có làm đẹp lòng Chúa hay không, và mong nhận được lời báo đáp về điều đó.

Khi anh đang suy ngẫm như vậy, trong một ảo ảnh, anh thấy năm người phụ nữ và một vị lão nhân rạng rỡ đang đi khắp nơi, chữa bệnh và thăm hỏi những người ốm đau; họ cũng đến chỗ Andrei, và vị lão nhân nói với người phụ nữ lớn tuổi nhất:

– Thưa bà Anastasia! Sao bà không chữa lành cho anh ta?

– Thưa Thầy! – người phụ nữ đáp. – Người đã chữa lành cho anh ấy chính là Đấng đã phán với anh ấy: 'Hãy trở thành người điên vì Ta, và vào ngày Nước Trời của Ta, con sẽ được hưởng nhiều ân huệ.' Anh ấy không cần chữa trị.

Nói xong, họ đi vào nhà thờ, và từ đó không trở lại nữa, dù Andrei vẫn dõi theo họ cho đến khi tiếng chuông báo giờ kinh sáng vang lên. Lúc đó, vị thánh nhân nhận ra rằng việc tu hành của mình được lòng Chúa, nên lòng ông tràn đầy niềm vui và càng siêng năng tu hành hơn – ban đêm trong lời cầu nguyện, ban ngày trong những việc làm của người giả điên.

Một đêm nọ, vị thánh hạnh phúc Andrei, theo thói quen của mình, đang dâng những lời cầu nguyện từ tận đáy lòng lên Thiên Chúa và Thánh Anastasia, vị tử đạo. Và bỗng nhiên, ma quỷ xuất hiện trước mặt ngài dưới hình

---

[6688] "Yurodstvo" – về bản chất có nghĩa là sự điên rồ. – "Yurodstvo" vì Chúa Kitô là một hình thức đặc biệt và cao cả nhất của đời sống tu hành Kitô giáo. Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành nồng nàn và tình yêu mãnh liệt dành cho Thiên Chúa, những người "điên vì Chúa", không chỉ chấp nhận mọi sự thiếu thốn và từ bỏ bản thân, mà còn từ bỏ chính đặc điểm quan trọng nhất của con người trong số các sinh vật trần gian – đó là việc sử dụng lý trí một cách bình thường, tự nguyện mang dáng vẻ của một người điên, không biết đến lễ nghi hay cảm giác xấu hổ, – đôi khi cho phép mình thực hiện những hành động có vẻ cám dỗ. […] – Dù gặp muôn vàn khó khăn, việc thực hành đời sống "người điên vì Chúa" đòi hỏi các vị thánh tu sĩ phải có trí tuệ cao cả, để biến sự ô nhục của mình thành vinh quang của Thiên Chúa và thành bài học cho người lân cận, không để điều gì trong sự lố bịch trở thành tội lỗi, không để điều gì trong những hành vi có vẻ không đứng đắn trở thành cám dỗ, hay gây tổn thương cho người khác. – Những người tu hành đầu tiên theo lối "người điên thánh" về Chúa Kitô đã xuất hiện rất sớm, tại cái nôi của đời tu nguyên thủy – Ai Cập, vào nửa sau thế kỷ IV.

dạng rõ ràng, cùng với vô số quỷ dữ, tay cầm rìu; còn những con quỷ khác thì mang theo dao, cây gỗ, cọc và giáo, dường như có ý định giết vị thánh. Người Ê-thi-ô-pi trước đây cũng xuất hiện, với hình dáng như khi hắn từng đấu tranh với Thánh Anrê, và từ xa đã gầm gừ với ngài. Nó lao vào vị thánh, định chém ngài bằng chiếc rìu đang cầm trên tay. Tất cả các quỷ dữ còn lại cũng lao theo sau nó. Còn vị thánh, giơ hai tay lên trong nước mắt, kêu lên cùng Chúa:

– Xin đừng phó thác linh hồn này, linh hồn đang dâng lên Ngài vinh quang và tôn kính, cho bầy thú dữ!

Rồi ngài lại kêu lên:

– Thánh Tông đồ Gioan Thần học, xin hãy giúp con!

Và bỗng một tiếng sấm vang lên, một đám đông người xuất hiện, và một vị lão nhân có vẻ mặt hiền từ, khuôn mặt sáng hơn cả mặt trời, cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo đã hiện ra. Ông nói với những người đi cùng mình bằng giọng điệu nghiêm khắc và uy nghiêm:

– Hãy đóng cổng lại, để không ai trong số bọn chúng trốn thoát được!

Ngay lập tức, cổng được đóng lại, và tất cả những người Ê-ti-ô-pi đều bị bắt giữ. Và An-rê nghe thấy một con quỷ thì thầm với đồng bọn của nó:

– Nguyền rủa giờ phút mà chúng ta đã sa ngã: vì Gioan không khoan dung và muốn tra tấn chúng ta một cách tàn nhẫn!

Còn Thánh Gioan thì ra lệnh cho những người mặc áo trắng đi cùng ngài tháo xiềng xích sắt khỏi cổ Anrê. Sau đó, ngài đứng trước cổng và nói:

– Hãy dẫn những người Ê-thi-ô-pi đến gặp ta, từng người một.

Họ dẫn tên quỷ đầu tiên đến và quỳ gối xuống đất. Nhận lấy xiềng xích, vị Tông đồ uốn cong nó thành ba đoạn và đánh tên quỷ một trăm roi. Tên quỷ, như một con người, la lên:

– Xin thương xót tôi!

Sau đó, họ quỳ một con quỷ khác xuống, và nó cũng bị đánh; rồi đến con thứ ba – và nó cũng nhận được số đòn tương tự. Những đòn roi mà Chúa giáng xuống lũ quỷ không phải là ảo ảnh, mà là những hình phạt thực sự, gây ra đau khổ cho dòng dõi quỷ dữ. Khi tất cả những người Ê-ti-ô-pi đã bị trừng phạt như vậy, Gioan nói với họ:

– Hãy đi và cho cha các ngươi, Satan, xem những vết thương các ngươi đã chịu – liệu điều này có làm hắn hài lòng không!

Sau khi những người mặc áo trắng ra đi và lũ quỷ biến mất, vị tu sĩ cao quý ấy tiến lại gần người tôi tớ của Đức Chúa Trời là An-rê, rồi đeo xiềng xích vào cổ ông và nói:

– Ngươi thấy ta đã vội vã đến giúp ngươi như thế nào rồi chứ: vì ta rất quan tâm đến ngươi, bởi vì Đức Chúa Trời đã giao phó cho ta nhiệm vụ chăm sóc ngươi. Vậy nên, hãy kiên nhẫn: chẳng bao lâu nữa ngươi sẽ được thả ra và sẽ đi lại theo ý mình, tùy theo ý muốn của ngươi.

– Thưa ngài, – Andrei nói, – ngài là ai?

Vị tu sĩ già đáp:

– Ta là người đã tựa đầu vào lòng Chúa (Ga 13:22, 21:20).

Nói xong, ông bừng sáng như tia chớp và biến mất khỏi tầm mắt của chàng trai trẻ. Còn Thánh An-rê thì ngợi khen Đức Chúa Trời vì Ngài đã sai môn đệ yêu dấu của Ngài đến giúp đỡ ông.

Sau khi Thánh Gioan Thần Học hiện ra, sau cuộc trò chuyện với ngài và những cực hình do ma quỷ gây ra, Thánh Andrei, dù vẫn bị xiềng xích, đã nằm xuống với ý định chìm vào giấc ngủ – và ngay lúc đó, ngài rơi vào trạng thái hân hoan. Ngài thấy mình đang ở trong các cung điện hoàng gia. Trên ngai vàng, trong vinh quang lộng lẫy, Đức Vua ngự trị, Người gọi Thánh Anrê đến bên mình và hỏi:

– Con có mong muốn hết lòng phục vụ Ta không?

Thánh Anrê đáp:

– Con muốn, lạy Chúa!

Vị Vua cho anh nếm một thứ gì đó rất đắng và nói với anh:

– Con đường đầy đau khổ của những ai phục vụ Ta trên thế gian này là như vậy.

Sau đó, Ngài cho Andrei nếm thử một thứ trắng hơn tuyết và ngọt hơn manna. Sau khi nếm thử, Andrei vui mừng và quên đi vị đắng của món ăn đầu tiên. Vị vua nói với anh:

– Đó chính là thức ăn của Ta dành cho những ai phụng sự Ta và kiên cường chịu đựng đến cùng. Ngươi hãy kiên cường hoàn thành sứ mệnh của mình, như đã bắt đầu: vì sau khi chịu đựng một chút đau khổ trong cuộc đời này, ngươi sẽ được sống đời đời trong sự sống vĩnh hằng.

Khi tỉnh giấc, Andrei nhận ra rằng món ăn đầu tiên mà anh thấy – món đắng – tượng trưng cho sự kiên nhẫn trong thế giới trần gian này, còn món cuối cùng – món ngọt – tượng trưng cho cuộc sống vĩnh hằng.

Sau đó, chủ nhân của Andrei giữ anh ở lại bên mình trong bốn tháng, rồi thả anh ra. Giả vờ như mất trí, Andrei bắt đầu lang thang trên các con phố. Anh đi khắp thành phố *"chịu đựng những thiếu thốn, đau khổ, sự thù hận; những người* mà *cả thế gian này không xứng đáng có được"* (Hê-bơ-rơ 11:37–38). Có người sỉ nhục anh như một kẻ điên, có người xua đuổi anh, ghê tởm anh như một con chó hôi thối, còn có người lại cho rằng anh bị quỷ ám, còn những đứa trẻ thì chế nhạo và đánh đập vị thánh. Nhưng anh vẫn chịu đựng tất cả và cầu nguyện cho những kẻ sỉ nhục mình.

Nếu có ai trong số những người nhân từ, yêu thương người nghèo, cho Andrei tiền bố thí, ông nhận lấy, nhưng lại chia cho những người nghèo khác. Tuy nhiên, ngài phân phát sao cho không ai biết rằng ngài đang bố thí; khi giận dữ với những người ăn xin và như muốn đánh họ, ngài, với dáng vẻ của một người điên, ném tiền đang cầm trên tay vào mặt họ, và những người ăn xin nhặt lấy. Đôi khi ông ba ngày liền không ăn bánh mì, đôi khi lại nhịn đói cả tuần, và nếu không có ai cho ông một miếng bánh mì, thì ông lại nhịn ăn cả tuần thứ hai. Quần áo của Andrei chỉ là những mảnh vải rách nát, hầu như không che được sự trần truồng của cơ thể. Học theo Thánh Simeon trong mọi điều – người đã tự nguyện trở thành kẻ điên vì Chúa Kitô – ban ngày ông lang thang trên các con phố, còn ban đêm thì dành trọn thời gian cho việc cầu nguyện. Sống trong một thành phố rộng lớn như vậy, giữa đám đông đông đúc, ông không có "nơi nào để gối đầu". Những người ăn xin xua đuổi ông khỏi lều trại của họ, còn những người giàu có thì không cho ông vào sân nhà mình. Khi cần phải chợp mắt và làm dịu đi phần nào cơ thể kiệt quệ của mình, ông tìm đến những đống rác nơi những con chó nằm và nằm xuống giữa chúng. Nhưng ngay cả những con chó cũng không cho phép người tôi tớ của Chúa đến gần. Một số con cắn để xua đuổi ông, số khác thì tự chạy trốn khỏi ông. Ông chưa bao giờ chợp mắt dưới mái nhà, mà luôn phải chịu rét và nắng gắt, nằm lăn lóc như Lazarus trong bùn lầy và rác rưởi, bị con người và thú vật chà đạp. Vị tử đạo tự nguyện đã chịu khổ như vậy, và vị thánh ngốc nghếch đã cười nhạo cả thế gian như vậy: *"Vì sự dại dột của Đức Chúa Trời còn khôn ngoan hơn sự khôn ngoan của loài người"*[6689] (1 Cô-rinh-tô 1:25). Và ân sủng của Đức Thánh Linh đã ngự vào ông, và ông đã nhận được ân tứ thấu thị, vì ông đã có thể nhìn thấu những ý nghĩ của con người.

Một lần nọ, tại Constantinople, con gái của một quý ông nào đó đã qua đời, người đã sống trọn đời trong sự trinh trắng. Trước khi qua đời, cô đã di chúc rằng mình muốn được chôn cất ngoài thành phố, tại nghĩa trang dành cho người nghèo nằm trong khu vườn của cha cô. Khi cô qua đời, thi thể cô được đưa đến nơi đó và được chôn cất theo phong tục Kitô giáo. Vào thời đó, tại Constantinople có một người đào mộ, người này thường đào bới các ngôi mộ để cướp lấy quần áo của người chết. Đứng bên đường, ông ta quan sát xem cô gái sẽ được chôn cất ở đâu. Khi phát hiện ra nơi an táng của cô, ông ta quyết định rằng, khi đêm xuống, sẽ đào mộ lên và cướp lấy bộ quần áo của người đã khuất.

Tình cờ, Thánh Anrê, trong khi thực hiện những hành động điên rồ vì danh Chúa, cũng đã đến nơi đó. Ngay khi nhìn thấy kẻ đào mộ đó, ngài đã nhìn thấu ý định xấu xa của hắn bằng linh hồn. Muốn ngăn cản tên trộm khỏi việc hắn định làm và đoán trước hình phạt mà hắn sẽ phải gánh chịu, Thánh Anrê nhìn hắn với vẻ mặt nghiêm khắc và, như thể đang rất tức giận, nói:

– Thánh Thần phán như vầy, Đấng phán xét những kẻ cướp đoạt y phục của những người nằm trong quan tài: ngươi sẽ không còn được thấy mặt trời, không còn được thấy ban ngày, cũng như khuôn mặt con người; cánh cửa nhà ngươi sẽ đóng lại và không bao giờ mở ra nữa. Ban ngày sẽ tối tăm đối với ngươi và sẽ không bao giờ sáng trở lại.

Nghe vậy, người đào mộ không hiểu vị thánh đang nói gì, nên bỏ đi mà không để ý gì đến lời ngài. Vị thánh lại nhìn anh ta lần nữa và nói:

[6689] Tuy nhiên, ở đây cần phải nhận thức rõ ràng về cách hiểu của các Tông Đồ về sự điên rồ thánh thiện – rằng thế gian coi sự hy sinh của Chúa Kitô và các môn đệ của Ngài là sự điên rồ, là sự điên rồ thánh thiện. Vì vậy, việc trích dẫn những lời này để giải thích lối sống của những người "điên thánh" không hoàn toàn chính xác, *"vì Thiên Chúa không yêu ai, ngoại trừ người sống với sự khôn ngoan"* (Sách Khôn Ngoan 7, chú thích của Linh mục Naf.).

– Ngươi định đi sao? – Đừng trộm cắp! Nếu ngươi làm điều đó, thì – ta làm chứng nhân danh Chúa Giê-su – ngươi sẽ không bao giờ được nhìn thấy mặt trời nữa.

Hiểu ra rằng vị thánh đang nói với mình, người đào mộ ngạc nhiên không biết làm sao ngài lại biết được ý định của mình, và quay lại nói với vị thánh:

– Chắc chắn ngài bị quỷ ám và đang nói những điều huyền bí, khó hiểu dưới sự xúi giục của ma quỷ! Ta sẽ cố tình đến đó để xem liệu lời ngài nói có thành sự thật hay không!

Sau đó, vị thánh rời đi, tiếp tục giả điên. Khi chiều tối buông xuống, chọn thời điểm thuận lợi, tên trộm lật tảng đá khỏi quan tài, chui vào trong và trước hết lấy áo khoác ngoài của người quá cố cùng tất cả đồ trang sức, vì chúng rất quý giá. Sau khi lấy những thứ đó, hắn định rời đi, nhưng một giọng nói bên trong bỗng thì thầm với hắn: "Hãy cởi cả chiếc áo sơ mi ra nữa: nó đẹp mà." Sau khi cởi chiếc áo sơ mi của cô gái, tên đào mộ định bước ra khỏi ngôi mộ. Còn cô gái đã chết, theo lệnh của Đức Chúa Trời, đã giơ tay phải lên và tát vào mặt người đào mộ, khiến anh ta lập tức mù lòa. Lúc đó, người bất hạnh ấy kinh hoàng và run rẩy đến nỗi vì sợ hãi mà hàm, răng, đầu gối và tất cả xương cốt của anh ta đều run rẩy.

Cô gái đã chết mở miệng ra và nói:

– Hỡi kẻ khốn khổ và bị ruồng bỏ! Ngươi không kính sợ Đức Chúa Trời, cũng không nghĩ rằng chính ngươi cũng là con người! Ngươi lẽ ra phải xấu hổ trước sự trần truồng của một thiếu nữ; những gì ngươi đã lấy đi từ ta là đủ rồi – ít nhất ngươi cũng nên để lại chiếc áo cho thân thể trần truồng của ta. Nhưng ngươi đã không thương xót ta và đối xử tàn nhẫn với ta, âm mưu biến ta thành trò cười trước mặt tất cả các trinh nữ thánh thiện vào ngày Chúa Giê-su tái lâm. Nhưng giờ đây ta sẽ đối xử với ngươi sao cho ngươi sẽ không bao giờ dám trộm cắp nữa, để ngươi biết rằng Đức Chúa Giê-su Christ còn sống, và rằng sau khi chết sẽ có sự phán xét, sự báo ứng và sự trừng phạt.

Nói xong những lời ấy, thiếu nữ đứng dậy, cầm lấy chiếc áo của mình, mặc vào, rồi sau khi khoác lên mình tất cả y phục và trang sức, nàng nằm xuống và nói: *"Chỉ có Ngài, lạy Chúa, mới ban cho con được sống an toàn"* (Thánh Vịnh 4:9).

Với những lời ấy, cô lại an nghỉ trong bình an. Còn người bị ruồng bỏ kia thì hầu như không còn sức để ra khỏi quan tài và tìm đến hàng rào vườn. Bám tay vào từng bức tường rào này rồi lại bức tường kia, anh ta bước ra con đường gần nhất và lê bước về phía cổng thành. Khi bị hỏi về nguyên nhân khiến anh mù, anh kể lại một câu chuyện hoàn toàn khác xa với sự thật. Nhưng sau đó, anh đã kể lại tất cả những gì đã xảy ra với mình cho một người bạn thân. Kể từ đó, anh bắt đầu đi xin bố thí và nhờ đó kiếm sống. Và anh thường tự nhủ:

– Cái cổ họng này thật đáng nguyền rủa, vì chính tại nó mà ta đã bị mù!

Anh ta cũng nhớ đến Thánh Anrê và ngạc nhiên khi thấy mọi chuyện đã diễn ra đúng như những gì vị thánh đã tiên đoán và báo trước.

Một lần nọ, khi đang đi dạo trong thành phố, Thánh Anrê thấy người ta đang khiêng một thi thể đi ngược chiều mình. Người đã khuất là một người rất giàu có, và phía sau quan tài của ông ta là một đám đông rất lớn, tay cầm nến và lư hương. Các linh mục đang hát những bài thánh ca tang lễ thông thường, còn người thân và bạn bè của người quá cố thì khóc lóc thảm thiết. Nhìn thấy bằng đôi mắt thấu suốt của mình những gì đang diễn ra với người chết đó, vị thánh dừng lại và quan sát. Và rồi, sau khi chìm vào trạng thái vô cảm hoàn toàn trong một thời gian dài, ngài đã nhìn thấy bằng đôi mắt tâm linh vô số người Ethiopia đang đi theo quan tài và la hét lớn tiếng:

– Khốn khổ cho hắn, khốn khổ cho hắn!

Một số trong số họ cầm trên tay những chiếc bao, từ đó rải tro lên những người đang vây quanh người chết. Những con quỷ khác thì nhảy múa và cười cợt một cách vô liêm sỉ như những ả điếm vô sỉ, một số khác sủa như chó, còn một số khác lại kêu ụt ịt như lợn. Người chết đối với chúng là đối tượng của niềm vui và sự hân hoan. Một số quỷ, bao vây thi thể người chết, rảy nước hôi thối lên người anh ta; số khác bay lượn trong không trung quanh chiếc giường nơi thi thể nằm. Từ thi thể của kẻ tội nhân đã chết tỏa ra mùi hôi thối ngạt thở. Đi theo sau người chết, lũ quỷ vỗ tay và dậm chân ầm ĩ, chửi rủa những người đang hát và nói:

– Cầu Chúa đừng cho ai trong các ngươi được thấy ánh sáng, hỡi những kẻ Kitô hữu đáng thương, vì các ngươi đang hát cho con chó này rằng: "Xin Chúa cho linh hồn nó được an nghỉ cùng các thánh", trong khi đó các ngươi lại gọi nó, kẻ đã dính líu đến mọi điều ác, là tôi tớ của Chúa.

Nhìn lại lần nữa, Andrei thấy một trong những vị vua quỷ, với ánh mắt rực lửa, đang tiến về phía quan tài của kẻ bị ruồng bỏ, mang theo nhựa thông và lưu huỳnh, để thiêu xác hắn. Khi nghi lễ an táng kết thúc, Thánh Andrei nhìn thấy một Thiên thần đang đi dưới hình dáng của một chàng trai trẻ đẹp đẽ và khóc những giọt nước

mắt đắng cay. Khi đi ngang qua, Thiên thần tiến lại gần Thánh Andrei. Thánh Andrei, nghĩ rằng chàng trai này là một trong những người thân của người đã khuất và vì thế mới khóc như vậy, liền bước đến gần và nói:

– Tôi xin ngài nhân danh Thiên Chúa trên trời và dưới đất: xin hãy nói cho tôi biết lý do tại sao ngài lại khóc như vậy. Vì tôi chưa bao giờ thấy ai khóc thương người đã khuất một cách đau đớn như ngài.

Thiên thần đáp:

– Đây là lý do tại sao tôi rơi lệ: tôi được cử đến để canh giữ người quá cố mà ngài đã thấy khi họ khiêng ông ấy xuống mộ. Nhưng quỷ dữ đã cướp ông ấy đi. – Đó chính là lý do khiến tôi khóc lóc và đau buồn.

Nghe vậy, vị thánh nói với thiên thần:

– Giờ thì tôi đã hiểu ngài là ai rồi; xin ngài, Thánh Thiên Thần, hãy kể cho tôi nghe, người quá cố đã phạm những tội lỗi gì mà quỷ dữ đã bắt ông ấy đi?

– Andrei, người được Chúa chọn! – Thiên thần đáp. – Vì ngươi muốn biết điều này, ta sẽ kể cho ngươi nghe, không giấu diếm điều gì. Ta thấy vẻ đẹp của linh hồn thánh thiện của ngươi, tỏa sáng như vàng ròng; khi nhìn thấy ngươi, ta đã phần nào được an ủi trong nỗi đau buồn của mình. Người đàn ông này từng được vua rất kính trọng. Nhưng hắn là một kẻ tội lỗi ghê gớm và sống một cuộc đời tội ác. Hắn vừa là kẻ dâm đãng, vừa là kẻ ngoại tình, bị nhiễm tội lỗi Sodom, là kẻ nịnh hót, vô nhân từ, tham lam, dối trá và ghét người, hay thù hận, nhận hối lộ và phạm thề. Ông ta hành hạ những người hầu nghèo khổ của mình bằng cách bỏ đói, đánh đập và bắt họ phải sống trong cảnh trần truồng, để họ phải chịu đựng mùa đông mà không có giày dép và quần áo. Hắn thậm chí còn giết nhiều nô lệ và chôn xác họ dưới sàn chuồng ngựa. Bị ám ảnh bởi dục vọng đáng ghét trước mặt Thiên Chúa, hắn đã làm ô uế đến ba trăm linh hồn bằng những tội lỗi dâm dục ghê tởm và đáng kinh tởm. Nhưng rồi thời điểm gặt hái cũng đến với hắn, và cái chết đã bắt gặp hắn khi hắn chưa ăn năn và còn mang trong mình những tội lỗi không thể tả xiết. Linh hồn hắn đã bị quỷ dữ cướp đi, còn thân xác ghê tởm của hắn – chính ngươi cũng đã thấy – thì bị các linh hồn ác quỷ tiễn đưa trong sự sỉ nhục. Đó là lý do tại sao, hỡi linh hồn thánh thiện, ta đang đau buồn; bị nỗi buồn sâu thẳm ám ảnh, ta khóc than, bởi vì người mà ta từng bảo vệ nay đã trở thành trò cười cho lũ quỷ dữ.

Nghe những lời này của Thiên Thần Chúa, vị thánh nói:

– Ta van xin ngươi, hỡi người bạn, – hãy ngừng khóc đi: người đã khuất đã hành động xấu xa, nên đã qua đời mà không ăn năn; hãy để anh ta gặt hái quả báo từ những việc làm của mình. Còn ngươi, người có dung mạo rực lửa, tràn đầy mọi đức hạnh, tôi tớ của Đấng Toàn Năng, Chúa Sabaoth, từ nay về sau mãi mãi sẽ ở dưới ân sủng của Đức Chúa Trời ngươi.

Sau những lời ấy, Thiên thần lặng lẽ rời xa Andrei. Còn những người đi ngang qua thì nghĩ rằng vị thánh đang tự nói chuyện với chính mình, họ nói với nhau:

– Hãy nhìn người điên rồ kia kìa, hắn đang tự vui đùa và nói chuyện vô nghĩa với bức tường.

Trong khi đó, họ xô đẩy và đuổi ông đi, nói:

– Ngươi muốn gì hả, kẻ điên rồ? – Ngươi không xứng đáng nói chuyện với người ta, mà lại đi nói chuyện với bức tường?!

Vị thánh lặng lẽ rời đi và, khi đã ẩn mình ở một nơi kín đáo, ngài khóc nức nở vì số phận bi thảm của người bất hạnh mà ngài đã thấy bị khiêng đến mộ.

Một lần, Thánh Andrei đi giữa đám đông tại chợ, gần cột đá do Hoàng đế Constantine dựng lên[6690] . Một người phụ nữ tên là Varvara, được Thánh Thần soi sáng, đã kinh hoàng khi nhìn thấy trong đám đông, Thánh Andrei rực rỡ như một cột lửa. Trong khi đó, một số người thiếu lý trí thì xô đẩy ngài, số khác thì đánh đập; còn nhiều người khác, khi nhìn ngài, lại nói:

– Người này điên rồi: đã đánh mất lý trí. Xin đừng để điều này xảy ra với những kẻ thù của chúng ta!

Còn các quỷ dữ, đi theo Thánh Anrê dưới hình dạng những người Ê-ti-ô-bi da đen, thì nói:

– Ôi, giá như Đức Chúa Trời không sai xuống trần gian một người nào khác giống như người này; vì chẳng ai làm khô cạn lòng chúng ta như người này, kẻ không muốn làm việc cho chủ mình, lại giả vờ điên dại và chế nhạo cả thế gian.

Và người phụ nữ ấy thấy những người Ê-ti-ô-pi chỉ vào những kẻ đang đánh Thánh nhân và nói với nhau:

[6690] Ở đây rõ ràng là ám chỉ đến cột đá màu tím nổi tiếng của La Mã, được Constantine Đại Đế dựng lên để tưởng nhớ chiến thắng mà ngài đã giành được trước Maxentius nhờ sức mạnh của Thập tự giá Chúa Kitô, và sau đó chính ngài đã cho chuyển cột này đến Constantinopolis.

– Chúng tôi thấy vui vì họ đang đánh ngài một cách điên cuồng, bởi vì vì đã hành hạ vị thánh vô tội của Chúa, họ sẽ bị phán xét vào giờ lâm chung của mình, và không có sự cứu rỗi nào dành cho họ.

Nghe thấy điều đó, vị thánh, theo sự thúc giục của Thánh Thần, lao vào họ như ngọn lửa, dùng sức mạnh kỳ diệu tiêu diệt những dấu hiệu của ma quỷ, và trong cơn giận dữ, ngài nói:

– Các ngươi chớ trừng phạt những kẻ đánh ta, vì ta đang cầu xin Chúa của ta đừng tính việc họ đánh ta là tội lỗi. Họ làm điều này vì vô minh, và vì sự vô minh đó, họ sẽ được tha thứ.

Khi vị thánh đang nói những lời ấy, bỗng nhiên bầu trời mở ra như cánh cổng, và từ đó, vô số con én xinh đẹp nhất bay xuống trên đầu vị thánh, còn ở giữa chúng là một con bồ câu to lớn màu trắng như tuyết, đang ngậm trong mỏ một chiếc lá ô liu vàng. Con bồ câu nói với vị thánh bằng tiếng người:

– Hãy nhận lấy chiếc lá này, Đức Chúa Trời Toàn Năng đã gửi nó cho ngươi từ Thiên Đàng, như một dấu hiệu cho thấy Ngài hài lòng về ngươi, vì ngươi thương xót và tha thứ cho những kẻ đánh đập ngươi, đồng thời cầu nguyện cho họ để điều này không bị tính là tội lỗi của họ.

Nói xong, con bồ câu đáp xuống đầu vị thánh. Chứng kiến tất cả những điều này, người phụ nữ đạo đức không khỏi ngạc nhiên, và khi tỉnh táo lại sau cơn thị kiến, bà nói:

– Chúa có bao nhiêu ngọn đèn trên đất này, mà chẳng ai biết được!

Nhiều lần bà định kể lại thị kiến của mình cho người khác nghe, nhưng quyền năng của Đức Chúa Trời đã ngăn cản bà. Sau đó, Thánh Anrê gặp bà tại một nơi và nói với bà:

– Hãy giữ bí mật của ta, Varvara, và đừng kể cho ai nghe những gì ngươi đã thấy, cho đến khi ta đến *"nơi cư ngụ kỳ diệu, thậm chí đến nhà của Đức Chúa Trời"* (Thánh vịnh 41:5).

– Ngọn đèn trung thực và vị thánh của Chúa, – Varvara đáp lại, – dù tôi có muốn kể lại thị kiến của mình cho ai đó đi chăng nữa thì cũng không thể, vì sức mạnh vô hình của Chúa đang giữ tôi lại.

Một lần, khi đang đi dạo trong thành phố, Thánh Anrê gặp một quan đại thần nào đó và, sau khi nhìn thấu cuộc đời hắn, ngài đã nhổ nước bọt vào hắn, nói:

– Kẻ gian ác, kẻ dâm đãng, kẻ phỉ báng Giáo Hội, ngươi giả vờ như đang đi vào nhà thờ: ngươi nói: "Ta đi dự lễ sáng", nhưng thực ra ngươi lại đi đến với Satan để làm những việc xấu xa. Hỡi kẻ vô luật pháp, kẻ thức dậy vào nửa đêm và làm phật lòng Đức Chúa Trời! Đã đến lúc ngươi phải chịu hậu quả vì những việc làm của mình rồi! Hay ngươi nghĩ rằng mình có thể trốn tránh được con mắt đáng sợ, thấu suốt và thấu hiểu mọi điều của Đức Chúa Trời sao?

Nghe vậy, vị quan ấy quất ngựa và bỏ đi, để khỏi bị sỉ nhục thêm nữa. Vài ngày sau, ông ta lâm bệnh nặng và ngày càng tiều tụy. Những người thân cận đưa ông từ nhà thờ này sang nhà thờ khác, từ bác sĩ này sang bác sĩ khác; nhưng điều đó chẳng mang lại lợi ích gì cho ông. Chẳng bao lâu sau, người đàn ông bị ruồng bỏ này đã ra đi để chịu sự đau khổ vĩnh viễn. Vào một đêm nọ, vị thánh đã nhìn thấy một Thiên thần của Chúa từ phương Tây đến gần ngôi nhà của vị quý tộc đó. Thiên thần trông như ngọn lửa rực rỡ và cầm một cây gậy lớn bốc lửa. Khi Thiên thần đến gần người bệnh, ngài nghe thấy một giọng nói từ trên cao:

– Hãy đánh kẻ phỉ báng này, tên người Sodom ghê tởm kia, và trong khi đánh hắn, hãy nói: "Ngươi còn muốn tiếp tục phạm tội và làm ô uế những người khác nữa chăng? Ngươi có còn đi làm những việc gian ác của ma quỷ, giả vờ như đang đi dự lễ sáng không?"

Thiên thần bắt đầu thi hành mệnh lệnh được giao. Lúc đó, tiếng nói của Thiên thần và những cú đánh của ngài đều có thể nghe thấy, nhưng bản thân Thiên thần thì không ai nhìn thấy. Trong những cực hình như vậy, người đàn ông ấy đã trút hơi thở cuối cùng.

Một lần nọ, khi đến chợ, Thánh Anrê gặp một tu sĩ mà mọi người đều ca ngợi vì lối sống đạo đức. Thật vậy, ông ấy tu hành đúng như một tu sĩ nên làm, nhưng lại có xu hướng tham lam tiền bạc một cách thái quá. Nhiều người dân trong thành phố, khi xưng tội với ông, đã trao cho ông rất nhiều vàng để phân phát cho người nghèo. Nhưng ông, bị ám ảnh bởi lòng tham tiền bạc vô độ, không cho ai cả, mà chỉ cất hết vào túi, và vui mừng khi thấy số tiền ngày càng tăng lên. Khi đang đi trên đường cùng vị tu sĩ đáng thương đó, Thánh Andrei, với đôi mắt thấu thị, đã nhìn thấy một con rắn đáng sợ quấn quanh người tu sĩ tham lam này. Bước lại gần vị tu sĩ, vị thánh bắt đầu quan sát con rắn đó. Còn vị tu sĩ, nhầm tưởng Andrei là một trong những người nghèo đang xin bố thí, đã nói với ông:

– Xin Chúa thương xót anh, anh em ơi; tôi chẳng có gì để cho anh cả.

Rời xa người tu sĩ một khoảng cách ngắn, vị thánh nhận thấy trên không trung, xung quanh con rắn, có dòng chữ màu đen được viết rằng:

– Nguồn gốc của mọi sự bất chính – con rắn tham lam.

Khi ngoái lại, vị thánh thấy hai chàng trai đang tranh cãi với nhau – một người da đen và có đôi mắt sẫm màu, đó là quỷ dữ, còn người kia – Thiên thần của Chúa – trắng như ánh sáng thiên đàng. Người da đen nói:

– Tu sĩ này là của ta, vì anh ta làm theo ý muốn của ta. Anh ta không có lòng thương xót và ham mê tiền bạc – anh ta không có phần với Chúa và làm việc cho ta như một kẻ thờ thần tượng.

– Không, anh ta là của ta, – Thiên thần phản đối, – vì anh ta ăn chay và cầu nguyện, hơn nữa anh ta còn hiền lành và khiêm nhường.

Họ tranh cãi như vậy, và không thể đạt được sự đồng thuận. Rồi có một tiếng nói từ trời vang xuống với Thiên thần mang ánh sáng:

– Ngươi không có phần nào trong nhà tu sĩ ấy, hãy bỏ anh ta đi, vì anh ta không phục vụ Đức Chúa Trời, mà phục vụ Mamon.

Sau đó, Thiên Thần của Chúa rời xa anh ta, và linh hồn bóng tối đã chiếm quyền thống trị anh ta. Thấy điều này, Thánh Anrê ngạc nhiên vì con quỷ thù địch đã chiến thắng Thiên Thần sáng láng trong cuộc tranh cãi. Một lần nọ, khi gặp vị tu sĩ đó trên đường, vị thánh nắm lấy tay phải của anh ta và nói:

– Hỡi tôi tớ của Chúa, xin hãy lắng nghe tôi, tôi tớ của ngài, mà không giận dữ, và xin hãy nhân từ đón nhận những lời khiêm nhường của tôi, vì vì ngài mà tôi đã phải chịu nỗi đau khổ lớn lao, và tôi không thể chịu đựng được nữa khi ngài, vốn là bạn của Chúa, giờ đây lại trở thành tôi tớ và bạn của ma quỷ. Ngươi từng có đôi cánh như các thiên thần Seraphim: vậy tại sao ngươi lại đầu hàng Satan, để hắn cắt đứt chúng tận gốc rễ? Khuôn mặt ngươi từng rực rỡ như tia chớp: vậy tại sao ngươi lại trở nên u ám? Ôi, thật đáng thương cho ta! Ngươi từng có thị lực như thể có nhiều con mắt, nhưng giờ đây con rắn đã làm ngươi mù lòa hoàn toàn. Ngươi từng là mặt trời, nhưng nay đã chìm vào đêm tối tăm và đầy tai ương. Tại sao, hỡi anh em, ngươi lại hủy hoại linh hồn mình, tại sao ngươi lại kết bạn với quỷ tham lam, để nó ở lại bên ngươi? Tại sao ngươi lại tích trữ vàng? Chẳng lẽ ngươi sẽ được chôn cất cùng nó sao? Vì sau khi ngươi chết, nó sẽ thuộc về người khác! Chẳng lẽ ngươi muốn sự keo kiệt hủy hoại chính mình sao? Trong khi những người khác chết vì đói, lạnh và khát, ngươi lại vui vẻ ngắm nhìn đống vàng dồi dào. Đó có phải là con đường dẫn đến sự sám hối không? Đó có phải là luật lệ dành cho các tu sĩ, ra lệnh phải khinh thường cuộc sống phù du không? Có phải ngươi đã từ bỏ thế gian và những gì trong thế gian như vậy không? Có phải ngươi đã tự đóng đinh mình vào thập tự giá trước thế gian và mọi sự hư ảo của nó như vậy không? Chẳng lẽ ngươi chưa nghe Chúa phán: *"Đừng mang theo vàng, bạc, đồng trong thắt lưng, cũng đừng mang theo túi xách khi lên đường, hay hai bộ áo quần"* (Mt 10:9–10)? Vậy tại sao ngươi lại quên những điều răn này? Cuộc đời chúng ta sẽ kết thúc ngay hôm nay hoặc ngày mai, *"thì ai sẽ được hưởng những gì ngươi đã tích trữ?"* (Lc 12,20)? Ngươi chẳng biết sao, rằng Thiên Thần hộ tống ngươi đã khóc lóc mà rời xa ngươi, còn ma quỷ thì đang đứng bên cạnh ngươi, và con rắn tham lam đã quấn quanh cổ ngươi, nhưng ngươi lại không nhận ra. Ta nói thật với ngươi: khi đi ngang qua, ta đã nghe Chúa từ chối ngươi. Ta khẩn cầu ngươi: hãy phân phát tài sản cho những người nghèo, trẻ mồ côi, góa phụ, những người khốn khổ và những người lữ hành không có nơi để gối đầu. Hãy cố gắng để ngươi lại trở thành bạn của Đức Chúa Trời . Nếu ngươi không nghe lời ta – ngươi sẽ chết một cái chết thảm khốc. Nhân danh Chúa Giê-su Christ, ta làm chứng rằng ngươi sẽ ngay lập tức nhìn thấy ma quỷ.

Sau đó, ông nói thêm:

– Ngươi có thấy nó không?

Và đôi mắt tâm linh của vị tu sĩ bỗng mở ra, ông thấy con quỷ đen như người Ê-thi-ô-pi, có hình dáng như thú dữ, với cái miệng đáng sợ; nhưng nó đứng xa xa và khi nhìn thấy An-rê, nó không dám lại gần. Lúc đó, vị tu sĩ nói với vị thánh:

– Tôi tớ của Chúa, con thấy hắn rồi, và nỗi sợ hãi khủng khiếp đang bao trùm lấy con; xin hãy cho con biết: điều gì là cần thiết để cứu rỗi linh hồn con?

Andrei lại nói với ông ta:

– Hãy tin tôi: nếu anh không nghe lời tôi, tôi sẽ sai nó đến với anh, để nó hành hạ anh và để sự nhục nhã của anh không chỉ được những người dân nơi đây nghe thấy, mà cả bốn phương trời đều biết; vậy nên hãy cẩn thận và làm theo những gì tôi nói.

Nghe vậy, vị tu sĩ hoảng sợ và hứa sẽ làm theo mọi điều vị thánh ra lệnh. Ngay lập tức, Andrei thấy một linh hồn hùng mạnh từ phương Đông đến dưới hình dạng tia chớp và chạm vào con rắn đó, tiêu diệt sức mạnh của nó; còn con rắn, không thể chịu đựng nổi điều này, đã biến thành con quạ và biến mất. Người Ê-thi-ô-pi da đen cũng bị tiêu diệt, và Thiên Thần của Đức Chúa Trời lại nắm quyền cai quản vị tu sĩ ấy. Khi chia tay với vị tu sĩ, vị thánh đã dặn dò ông:

– Hãy nhớ, đừng nói gì về ta cả, còn ta sẽ luôn nhớ đến ngươi trong những lời cầu nguyện của ta ngày đêm, để Chúa Giêsu Kitô dẫn dắt ngươi đi trên con đường thiện lành.

Sau đó, vị tu sĩ đi và phân phát hết số vàng của mình cho những người nghèo, và sau này ông càng được Thiên Chúa và mọi người tôn vinh; nhiều người mang vàng đến cho ông để ông phân phát cho người nghèo. Nhưng ông ra lệnh cho những người cúng dường tự tay phân phát, nói rằng:

– Tôi lo lắng cho của cải của người khác thì có ích gì cho tôi?

Vào thời điểm ấy, khi ngài đang sống đúng như một tu sĩ nên sống, Thánh Anrê đã hiện ra với ngài trong một thị kiến với khuôn mặt rạng rỡ, chỉ cho ngài thấy trên cánh đồng một cây sáng chói, mang màu sắc của trái cây ngọt ngào, và nói:

– Hãy tạ ơn Chúa, thưa cha, vì Ngài đã giải cứu cha khỏi nanh vuốt con rắn và khiến linh hồn cha trở nên giống như cây trổ hoa. Hãy cố gắng biến những bông hoa này thành trái ngọt. Cây tuyệt đẹp mà cha đang thấy chính là hình ảnh của linh hồn cha.

Khi tỉnh táo lại, vị tu sĩ càng thêm vững vàng trong đời sống thiêng liêng và luôn dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa cùng vị thánh nhân của Ngài là Thánh Anrê, Đấng đã dẫn dắt ngài trên con đường cứu rỗi.

Thánh Anrê đã làm đẹp lòng Chúa đến nỗi Chúa yêu mến ngài vô cùng, đến nỗi một lần nọ, ngài đã được cất lên đến tầng trời thứ ba (2 Cô-rinh-tô 12:2), giống như Thánh Phaolô, và tại đó, ngài đã nghe những lời không thể diễn tả và chiêm ngưỡng những vẻ đẹp của thiên đàng mà con người phàm trần không thể nhìn thấy. Chính ngài đã kể lại điều này trước khi qua đời cho người bạn trung thành của mình là Nikifor.

Có một mùa đông khắc nghiệt, và tại Constantinople, sương giá dữ dội kéo dài suốt hai tuần liền; tất cả các ngôi nhà đều bị tuyết vùi lấp; bão tố làm gãy đổ cây cối, và chim chóc rơi chết xuống đất vì không tìm được thức ăn. Lúc bấy giờ, tất cả những người nghèo khổ và ăn xin đều chìm trong nỗi đau khổ và khốn cùng tột độ; họ rên rỉ, khóc lóc và run rẩy vì giá rét, rồi lần lượt qua đời vì thiếu thốn, đói khát và giá lạnh. Cũng trong thời gian đó, Thánh Andrei, không có nơi trú ẩn cũng như quần áo, đã phải chịu đựng nỗi đau khổ không nhỏ vì giá rét. Khi ngài, mong muốn được trú ẩn dưới mái nhà dù chỉ một lúc, đến với những người ăn xin khác, họ đã xua đuổi ngài bằng gậy như xua đuổi một con chó, la hét với ngài:

– Cút khỏi đây đi, thằng chó!

Không có nơi ẩn náu khỏi tai họa ập đến và tuyệt vọng về chính mạng sống của mình, ngài tự nhủ:

– Ngợi khen Chúa Trời! Dù tôi có chết vì cái lạnh này đi chăng nữa, thì xin cho tôi chết vì tình yêu dành cho Ngài – nhưng Chúa đủ quyền năng ban cho tôi sự kiên nhẫn để chịu đựng cái lạnh này.

Khi đi vào một ngõ hẻm, vị thánh thấy một con chó đang nằm đó và, muốn sưởi ấm từ nó, ông nằm xuống bên cạnh nó. Nhưng khi nhìn thấy ông, con chó đứng dậy và bỏ đi. Và Andrei tự nhủ:

– Ôi, ngươi thật tội lỗi biết bao, hỡi kẻ khốn nạn. Không chỉ con người, mà cả chó cũng khinh thường ngươi!

Khi ngài nằm như vậy, run rẩy vì cái lạnh buốt giá và gió rét, thân thể ngài đã tê cóng và tím tái, ngài nghĩ rằng đã đến lúc thở hơi cuối cùng, và bắt đầu cầu nguyện để Chúa nhận linh hồn ngài trong sự bình an . Và bỗng nhiên, anh cảm nhận được một hơi ấm từ bên trong, và khi mở mắt ra, anh thấy một chàng trai trẻ tuyệt đẹp, khuôn mặt tỏa sáng như mặt trời. Chàng trai đang cầm trên tay một cành cây phủ đầy hoa đủ màu sắc. Nhìn vào Andrei, chàng trai nói:

– Andrei, cậu đang ở đâu?

Andrei trả lời:

– Hiện tại tôi đang ở *"trong bóng tối, trong vực thẳm"* (Thi thiên 87:7).

Lúc đó, chàng trai vừa xuất hiện nhẹ nhàng chạm vào khuôn mặt Andrei bằng cành cây đầy hoa mà anh ta đang cầm trên tay, rồi nói:

– Hãy để thân thể ngươi được hồi sinh.

Thánh Andrei hít vào hương thơm của những bông hoa ấy, hương thơm thấm vào trái tim ông, sưởi ấm và làm sống lại toàn thân ông. Ngay sau đó, ông nghe thấy một giọng nói cất lên:

– Hãy dẫn anh ta đi, để anh ta tạm thời nghỉ ngơi ở đây, rồi sau đó anh ta sẽ trở lại.

Với những lời ấy, một giấc ngủ ngọt ngào ập đến với ngài, và ngài đã chứng kiến những sự mặc khải không thể diễn tả của Thiên Chúa, mà chính ngài đã kể lại chi tiết cho Nikifor đã được nhắc đến ở trên, bằng những lời như sau:

– Tôi không biết điều gì đã xảy ra với mình. Theo ý muốn của Đức Chúa Trời, tôi đã ở trong một giấc mơ ngọt ngào suốt hai tuần, giống như một người sau khi ngủ ngon lành suốt đêm thì thức dậy vào buổi sáng. Tôi thấy mình đang ở trong một thiên đường tuyệt đẹp và kỳ diệu, và trong lòng đầy ngạc nhiên, tôi tự hỏi: "Điều này có nghĩa là gì? Tôi biết mình đang sống ở Constantinople, nhưng làm sao tôi lại đến được đây – tôi không biết." Và tôi cũng không hiểu, *"liệu tôi có còn trong thân xác hay không – tôi không biết, hay đã ra khỏi thân xác – tôi cũng không biết: chỉ có Chúa mới biết"* (2 Cô-rinh-tô 12:2). Nhưng tôi thấy mình mặc một bộ áo choàng sáng chói, như được dệt từ những tia chớp, trên đầu tôi đội một vòng hoa đan từ nhiều loài hoa; tôi được thắt lưng bằng một chiếc thắt lưng hoàng gia và vô cùng vui mừng khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp ấy; cả tâm trí lẫn trái tim tôi đều kinh ngạc trước vẻ đẹp khôn tả của thiên đàng Chúa và cảm thấy say mê khi dạo bước trong đó. Nơi đó có vô số khu vườn, tràn ngập những cây cao vút, những ngọn cây đung đưa làm vui mắt tôi, và từ cành lá của chúng toát ra hương thơm ngào ngạt. Một số cây trong số đó luôn nở hoa, một số khác được trang trí bằng những tán lá màu vàng óng, còn một số lại mang những quả có vẻ đẹp không thể tả xiết; vẻ đẹp của những cây này không thể so sánh với bất kỳ cây nào trên trần gian, vì chúng không phải do bàn tay con người trồng, mà là do chính Đức Chúa Trời trồng. Trong những khu vườn ấy có vô số loài chim với đôi cánh màu vàng, trắng như tuyết và đủ màu sắc. Chúng đậu trên cành cây thiên đàng và hót hay đến nỗi tôi như mê mẩn trước tiếng hót ngọt ngào ấy: trái tim tôi được an ủi vô cùng, và tôi nghĩ rằng tiếng hót của chúng có thể nghe thấy ngay cả trên đỉnh cao nhất của thiên đàng. Những khu vườn tuyệt đẹp ấy xếp thành hàng, giống như cách một trung đoàn đứng đối diện với trung đoàn khác. Khi tôi đi dạo giữa chúng với niềm vui tràn ngập trong lòng, tôi thấy một con sông lớn chảy qua giữa thiên đàng, tưới mát cho những khu vườn tuyệt đẹp ấy. Dọc hai bên bờ sông, nho mọc um tùm, những cành nho vươn dài, được trang trí bằng lá và những chùm nho vàng óng. Ở đó, từ bốn phía, những cơn gió nhẹ nhàng và thơm ngát thổi qua; dưới làn gió ấy, những khu vườn đung đưa, tạo nên tiếng xào xạc kỳ diệu từ những chiếc lá. Sau đó, một nỗi kinh hoàng ập đến với tôi, và tôi có cảm giác như mình đang đứng trên đỉnh vòm trời, trước mặt tôi là một chàng trai trẻ, với khuôn mặt sáng như mặt trời, mặc áo choàng màu đỏ thẫm. Tôi nghĩ rằng đó chính là người đã đánh vào mặt tôi bằng cành cây đang nở hoa. Khi tôi bước theo dấu chân anh ta, tôi thấy một Thập tự giá to lớn và tuyệt đẹp, trông giống như cầu vồng, và xung quanh nó là những ca sĩ rực rỡ như ngọn lửa, đang cất lên những bài thánh ca ngọt ngào, ca ngợi Chúa, Đấng đã từng bị đóng đinh trên Thập tự giá. Chàng trai đi trước tôi, khi đến gần Thánh Giá, đã hôn lên Thánh Giá, rồi ra hiệu cho tôi cũng hôn lên Thánh Giá. Tôi quỳ xuống trước Thánh Giá với lòng kính sợ và niềm vui vô bờ, rồi hôn lên Thánh Giá một cách thành kính. Trong lúc hôn Thánh Giá, tôi tràn ngập một sự ngọt ngào thiêng liêng không thể tả xiết và ngửi thấy mùi hương thơm ngát hơn cả thiên đàng. Khi đi ngang qua Thánh Giá, tôi nhìn xuống và thấy dưới chân mình như một vực thẳm biển cả. Tôi có cảm giác như đang đi trên không trung; hoảng sợ, tôi kêu lên với người dẫn đường của mình:

– Thưa ngài, tôi sợ mình sẽ rơi xuống vực sâu.

Ông ấy quay lại nhìn tôi và nói:

– Đừng sợ, vì chúng ta cần phải leo lên cao hơn nữa.

Và ông ấy đưa tay ra cho tôi. Khi tôi nắm lấy tay ông ấy, chúng tôi đã ở trên tầng trời thứ hai. Ở đó, tôi thấy những con người kỳ diệu. Sự thanh thản của họ và niềm vui của lễ hội mà ngôn ngữ loài người không thể diễn tả được. Sau đó, chúng tôi bước vào một ngọn lửa kỳ diệu nào đó, ngọn lửa không làm chúng tôi bỏng rát, mà chỉ chiếu sáng chúng tôi. Tôi bắt đầu hoảng sợ, và một lần nữa, người dẫn đường của tôi quay lại, đưa tay ra cho tôi và nói:

– Chúng ta nên bay lên cao hơn nữa.

Và sau những lời đó, chúng tôi leo lên cao hơn cả tầng trời thứ ba, nơi tôi thấy và nghe vô số các thế lực trên trời đang ca ngợi và tôn vinh Đức Chúa Trời. Chúng tôi tiến đến một tấm màn rực rỡ như tia chớp, trước đó có những chàng trai vĩ đại và kỳ lạ, dáng vẻ giống như ngọn lửa; khuôn mặt họ rạng ngời hơn cả mặt trời, và trong tay

họ cầm những vũ khí bằng lửa. Đứng đó với lòng sợ hãi, tôi thấy vô số đạo binh thiên đàng. Và chàng trai dẫn đường cho tôi nói:

– Khi bức màn mở ra, ngươi sẽ thấy Chúa Kitô. Hãy quỳ lạy ngai vinh quang của Ngài.

Nghe vậy, tôi vừa vui mừng vừa run rẩy, vì tôi bị bao trùm bởi nỗi kinh hoàng và niềm vui khôn tả. Tôi đứng đó và nhìn ngắm, chờ đợi lúc bức màn được mở ra. Và bỗng một bàn tay rực lửa mở bức màn ra, và tôi, giống như tiên tri Ê-sai, đã nhìn thấy Chúa của tôi, *"ngồi trên ngai cao… Xung quanh Ngài là các Seraphim"* (Ê-sai 6:1–2). Ngài mặc áo choàng màu đỏ thẫm; khuôn mặt Ngài rực rỡ ánh sáng, và đôi mắt Ngài nhìn tôi với tình yêu thương. Thấy vậy, tôi sấp mình xuống trước mặt Ngài, thờ lạy ngai vinh quang rực rỡ và uy nghiêm của Ngài. Niềm vui tràn ngập trong tôi khi chiêm ngưỡng khuôn mặt Ngài, điều đó không thể diễn tả bằng lời, ngay cả bây giờ, khi nhớ lại khải tượng đó, tôi vẫn tràn ngập niềm vui khôn tả. Trong sự run rẩy, tôi nằm sấp trước Chúa của tôi, kinh ngạc trước lòng thương xót vô biên của Ngài, khi Ngài đã cho phép tôi, một kẻ vô đạo và tội nhân, được đứng trước mặt Ngài và chiêm ngưỡng vẻ đẹp thần thánh của Ngài. Khi suy ngẫm về sự bất xứng của mình và chiêm ngưỡng sự vĩ đại của Chúa tôi, tôi cảm động và lẩm bẩm trong lòng những lời của tiên tri Ê-sai: *"Khốn cho tôi! Tôi đã mất rồi! Vì tôi là người có môi miệng ô uế, và sống giữa dân tộc cũng có môi miệng ô uế, – và mắt tôi đã nhìn thấy Vua, Chúa Sa-va-ô-phát"* (Ê-sai 6:5). Và tôi đã nghe Đấng Tạo Hóa đầy lòng thương xót của tôi, Đấng đã phán với tôi bằng đôi môi ngọt ngào và thanh khiết của Ngài ba lời thiêng liêng, những lời ấy đã làm dịu lòng tôi và thắp lên trong lòng tôi ngọn lửa tình yêu đến nỗi, vì sự ấm áp thiêng liêng ấy, tôi tan chảy như sáp, và lời của Đa-vít đã ứng nghiệm trên tôi: *"Lòng tôi đã trở nên như sáp, tan chảy ngay giữa lòng tôi"* (Thi Thiên 21:15). Sau đó, toàn thể đạo binh thiên đàng đã cất lên một bài ca kỳ diệu và không thể diễn tả, rồi – chính tôi cũng không hiểu làm sao – tôi lại thấy mình đang dạo bước trong vườn địa đàng. Và tôi suy ngẫm về việc mình chưa được chiêm ngưỡng Đức Mẹ Đồng Trinh. Bỗng tôi thấy một người đàn ông, rực rỡ như đám mây, đang vác Thánh Giá và nói:

– Ngươi muốn được thấy Nữ Vương rực rỡ nhất của các thế lực trên trời ở đây sao? Nhưng Ngài không có ở đây. Ngài đã rời khỏi đây để đến thế gian đầy đau khổ – để giúp đỡ con người và an ủi những ai đang đau buồn. Ta muốn chỉ cho ngươi nơi thánh thiêng của Ngài, nhưng giờ không còn thời gian nữa, vì ngươi phải trở về nơi ngươi đã đến: đó là mệnh lệnh của Chúa dành cho ngươi.

Khi ngài nói những lời ấy, tôi cảm thấy như mình đã chìm vào giấc ngủ êm ái; rồi khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang ở chính nơi đó, nơi tôi đã ở trước đó, nằm trong góc phòng. Và tôi ngạc nhiên về nơi mình đã ở trong lúc có thị kiến, cũng như về những điều mình đã được chiêm ngưỡng. Trái tim tôi tràn ngập niềm vui khôn tả, và tôi đã tạ ơn Chúa của tôi, Đấng đã thương ban cho tôi ân sủng ấy.

Thánh Anrê đã kể lại thị kiến này cho người bạn Nikifor của ngài trước khi qua đời, và ngài đã bắt Nikifor thề không được kể lại điều đó cho ai biết cho đến khi ngài lìa khỏi cõi trần. Nikifor thì tha thiết van nài vị thánh, xin ngài cho biết ít nhất một trong ba lời mà Chúa đã phán với ngài; nhưng vị thánh không muốn tiết lộ điều đó. Vậy, Thánh Anrê, được Chúa nâng lên, giống như Thánh Phaolô, đã nhìn thấy những điều mà mắt phàm trần không thể thấy, nghe những điều mà tai phàm trần không thể nghe, và được hưởng thụ trong sự mặc khải những vẻ đẹp thiên đàng mà lòng người không thể tưởng tượng nổi (1 Cr 2,9). Và vì trong lúc được mặc khải những mầu nhiệm trên trời, ngài không nhìn thấy Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, nên ngài đã được ân sủng nhìn thấy Mẹ trên đất trong một thị kiến tại Nhà thờ Vlacherna, khi Mẹ, đến để giúp đỡ loài người, đã hiện ra trên không trung, cùng với các tiên tri, các Tông đồ và các hàng Thiên thần, cầu nguyện cho loài người và che chở họ bằng tấm áo choàng thánh của Mẹ. Khi nhìn thấy Mẹ, vị thánh đã nói với môn đệ của mình là Epiphanius:

– Con có thấy Nữ Vương và Chủ Tể của muôn loài đang cầu nguyện không?

Epiphanius đáp:

– Con thấy rồi, thưa Cha thánh, và con kinh ngạc.

Sống một cuộc đời kỳ diệu, Thánh Anrê đã thực hiện nhiều phép lạ và phải chịu đựng nhiều sự sỉ nhục và đánh đập, như được ghi chép trong cuốn sách riêng về cuộc đời ngài, do Nikifor viết[6691] . Ngài đã tiên tri về tương lai và dẫn dắt nhiều tội nhân trở lại ăn năn. Sau đó, ngài đã về với nơi ở vĩnh cửu[6692] , nơi mà trước đây ngài đã từng

[6691] Trong bản gốc tiếng Hy Lạp của cuốn tiểu sử Thánh Anrê, người thánh thiện, ở phần kết luận, tác giả viết: "Tôi, Nikifor, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời Toàn Năng, được phong làm linh mục của Giáo hội Lớn tại thành phố hoàng gia, được gọi là Sự Khôn Ngoan (Sophia) của Đức Chúa Trời (tức là Nhà thờ Thánh Sophia), đã ghi chép lại cuộc đời kỳ diệu và đáng ca ngợi của vị thánh cha đáng kính An-rê, như những gì tôi đã tận mắt chứng kiến và được nghe kể lại từ vị Giám mục vinh hiển Epiphanius, người kế nhiệm ngài."

[6692] Thánh Anrê, vị thánh giả, đã qua đời ở tuổi 66. Ngài qua đời vào khoảng năm 936.

được đưa lên tạm thời; nay, đã an cư tại đó mãi mãi, ngài hân hoan cùng các Thiên Thần và trong sự hạnh phúc, ngài đứng trước mặt Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần, vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Nghe tiếng Thánh Phaolô, Tông đồ của Ngài, phán rằng: "Chúng tôi là những người điên vì Chúa Kitô", thì tôi tớ của Ngài là thánh Anrê đã trở thành người điên trên trần gian, vì Ngài, lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa. Vì thế, hôm nay khi tôn kính kỷ niệm ngài, chúng con cầu xin Ngài: Lạy Chúa, xin cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã tự nguyện trở thành người điên, hoàn toàn ghét bỏ vẻ đẹp của thế gian này, Ngài đã làm tàn lụi những suy tư trần tục, bằng việc ăn chay, khát nước, nắng nóng, giá rét, mưa tuyết, và những gian khổ khác của thời tiết, Ngài chưa bao giờ lùi bước, Ngài đã thanh tẩy chính mình như vàng trong lò nung, hỡi Thánh Andrei.

Ngày 16 tháng 10

Ngày 3 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Dionysius Areopagita

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 10

Thánh Tử đạo Dionysius Areopagite[6693] xuất thân từ một gia đình quý tộc theo đạo ngoại, và được giáo dục tại thành phố Athens nổi tiếng[6694] . Khi còn trẻ, ngài được gửi đi học triết học Hy Lạp[6695] , và đã đạt được những thành tựu xuất sắc đến nỗi, khi mới 25 tuổi, ngài đã vượt trội hơn tất cả các bạn cùng lứa về kiến thức triết học. Với mong muốn trau dồi kiến thức triết học sâu rộng hơn nữa, ông đã lui về thành phố Heliopolis ở Ai Cập[6696] , nơi từ lâu đã là nơi cư ngụ của những bậc thầy lừng danh. Tại đó, cùng với người bạn Apollophanes, Dionysius đã theo học thiên văn học[6697] . Chính vào ngày mà Chúa Kitô, vì sự cứu rỗi của chúng ta, bị đóng đinh trên thập tự giá, khi mặt trời lặn vào giữa trưa và bóng tối bao trùm trong ba giờ liền, Dionysius đã thốt lên trong sự kinh ngạc:

– Hoặc là Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của cả thế gian đang chịu đau khổ, hoặc là thế giới hữu hình này đang đi đến hồi kết!

Ông đã nói điều này về sự đau khổ của Chúa Kitô theo sự soi dẫn của Thánh Thần, chứ không phải theo giáo lý của sự khôn ngoan trần gian. Sau khi trở về Athens từ Ai Cập, Dionysius kết hôn và, với tư cách là người đứng đầu trong số các công dân về dòng dõi cao quý, trí tuệ và sự chính trực, ông đã trở thành thành viên của Areopagus. Khi Thánh Tông Đồ Phaolô đến Athens và rao giảng tại Areopagus trước các trưởng lão về Đấng Kitô bị đóng đinh và Phục Sinh[6698] , lúc đó Dionysius, trong khi chăm chú lắng nghe những lời của Thánh Tông Đồ, đã

[6693] Areopagite – thành viên của Hội đồng Nhà nước tối cao và Tòa án tối cao Athens – Areopagus.

[6694] Athens – thủ đô của nhà nước Hy Lạp cổ đại; nổi tiếng với các công trình kiến trúc, tượng đài, sự phát triển của thương mại và công nghiệp, và đặc biệt là các trường học. Tại đây, cho đến những thời kỳ muộn nhất (thế kỷ VI trước Công nguyên), vẫn tồn tại những trường phái triết học nổi tiếng, nơi cư dân các quốc gia cổ đại đến học tập.

[6695] Hy Lạp – tiếng Hy Lạp; đôi khi từ này có nghĩa là ngoại giáo; vào thời điểm Chúa Giêsu ra đời, người Hy Lạp là dân tộc có trình độ học vấn cao nhất trong thời cổ đại.

[6696] Iliopol – một thành phố ở châu Phi; nằm trên bờ phải sông Nile, tại một trong những nhánh phía đông của con sông này – ở phía nam vùng Hạ Ai Cập.

[6697] Thiên văn học – khoa học nghiên cứu các quy luật chuyển động của các thiên thể. Các nhà khoa học Ai Cập, cụ thể là các thầy tế lễ, đặc biệt nổi tiếng với việc nghiên cứu khoa học này.

[6698] Trong chuyến hành trình lớn thứ hai của Thánh Phaolô để rao giảng Tin Mừng – vào khoảng năm 54 sau Công nguyên.

ghi khắc chúng vào lòng mình. Các trưởng lão khác của thành phố tỏ ra hoài nghi trước bài giảng của vị Tông đồ và nói với ngài rằng họ sẽ nghe ngài giảng về Chúa Kitô vào một dịp khác. Nhưng Dionysius, vì khôn ngoan hơn những người khác, đã ở lại riêng để trao đổi với Phaolô[6699] . – Thánh Tông đồ Phaolô hỏi ông:

– Ông tôn kính ai là Đức Chúa Trời?

Dionysius chỉ cho ngài thấy ở thành phố Kronos có Aphrodite, Zeus, Hephaestus, Hermes, Dionysus, Artemis và nhiều vị thần khác[6700] . Khi cùng Dionysius xem xét các vị thần này, Thánh Phaolô thấy một đền thờ có dòng chữ: "Thần Vô Danh". – Ngài hỏi Dionysius:

– "Vị 'Thần Vô Danh' này là ai?"

– Đó là Đấng – Dionysius đáp – Đấng chưa xuất hiện giữa các vị thần, nhưng sẽ đến vào thời điểm thích hợp. Đó là Đấng Thần sẽ cai trị trời và đất, và vương quốc của Ngài sẽ không bao giờ chấm dứt.

Nghe vậy, vị Tông đồ bắt đầu gieo hạt giống Lời Chúa một cách hiệu quả trên mảnh đất màu mỡ; dựa trên chính những lời của Dionysius, vị Tông đồ đã báo cho anh ta biết rằng Vị Thần ấy đã đến rồi, rằng Ngài được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và, khi bị đóng đinh trên Thập tự giá, đã chịu đau khổ để cứu rỗi loài người. Vì không thể chứng kiến nỗi đau khổ của Ngài, mặt trời bỗng chìm trong bóng tối, và trong ba giờ liền, nó không tỏa ánh sáng của mình ra khắp vũ trụ. Chính Đức Chúa Trời ấy đã sống lại từ cõi chết và thăng thiên lên trời. – "Vậy thì, Dionysius," Thánh Tông đồ Phaolô kết thúc lời nói của mình, "hãy tin vào Ngài, hãy nhận biết Ngài và hãy phụng sự Đức Chúa Trời chân thật một cách công chính, là Đức Giêsu Kitô."

Dionysius nhớ lại bóng tối bao trùm khắp mặt đất mà Thánh Phaolô đã nhắc đến, và ngay lập tức tin chắc rằng vào thời điểm đó, Đức Chúa Trời đã chịu đau khổ trong thân xác con người. Sau đó, ông mở lòng mình để nhận biết Đức Chúa Trời vốn trước đây chưa từng được biết đến, là Chúa Giêsu Kitô. Được soi sáng bởi ánh sáng của ân sủng Thiên Chúa, Dionysius bắt đầu nài xin Thánh Tông Đồ cầu nguyện cho mình trước mặt Thiên Chúa, để Ngài thương xót ông và nhận ông vào hàng ngũ các tôi tớ của Ngài.

Khi Thánh Tông Đồ Phaolô rời khỏi thành Athens, có một người mù – mà ai cũng biết là anh ta mù bẩm sinh – đã khẩn cầu Thánh Tông Đồ ban cho anh ta khả năng nhìn thấy. Thánh Tông Đồ, sau khi làm dấu thánh giá trên mắt người mù, đã nói:

– Chúa Giêsu Kitô của con, Đấng *đã "nhổ nước bọt xuống đất, lấy nước bọt làm bùn và bôi bùn lên mắt người mù"* (Ga 9,6), và đã ban cho người ấy thị lực, xin Ngài cũng soi sáng cho anh bằng vinh quang của Ngài!

Và ngay sau đó, người mù đã nhìn thấy. Thánh Tông đồ Phaolô truyền cho anh ta đến gặp Dionysius và nói:

– Phao-lô, tôi tớ của Chúa Giê-su Ki-tô, đã sai tôi đến với anh, để anh, theo lời hứa của mình, đến với ngài, chịu phép rửa và được tha tội.

Người mù liền đi và nói những điều mà Thánh Phaolô đã truyền; đồng thời, anh ta rao giảng về ân sủng của Thiên Chúa đã ban cho anh ta qua vị Tông đồ. Khi thấy người mù mà mình quen biết đã được sáng mắt, Dionysius càng thêm vững tin vào Đức Kitô. Cùng với vợ là Damara[6701] , các con trai và cả gia đình, ông lập tức đến gặp Thánh Phaolô và được ngài làm phép rửa. Sau đó, Dionysius rời bỏ nhà cửa, vợ con, gia nhập đoàn của Thánh Tông đồ Phaolô và trong ba năm liền, ông theo ngài đi khắp những nơi mà Thánh Tông đồ Phaolô dừng chân. Những gì Dionysius đã học được từ Thánh Tông đồ Phaolô được ghi lại trong các tác phẩm của ông : "Về các Bí tích Thần thánh"[6702] . Sau đó, Thánh Dionysius được Thánh Phaolô tấn phong làm giám mục, và từ Thessalonica, ngài được cử đến Athens để phục vụ cho sự cứu rỗi của con người. Thánh Dionysius này không chỉ nghe lời rao giảng của Thánh Phaolô mà còn của tất cả các Tông đồ. Ngài đã có mặt trong đoàn thể của các ngài vào thời điểm

---

[6699] Chuyện này được kể chi tiết trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ: 17:15–34.

[6700] Kronos hay Chronos – vị thần của thời gian, con trai của Uranus (Bầu trời). Người Hy Lạp tin rằng ông đã mang lại "Thời đại Vàng" trên trái đất, tồn tại trong giai đoạn đầu của lịch sử loài người. – Aphrodite hay Venus – nữ thần của sắc đẹp và tình yêu. – Zeus (hay Jupiter – theo người La Mã) được người Hy Lạp tôn sùng là vị thần tối cao, cha của các vị thần và loài người, chúa tể của trời và đất, sấm sét, gió và mưa. – Hephaestus – vị thần của những ngọn núi phun lửa và là vị thần bảo trợ cho nghề rèn. – Hermes – vị thần bảo trợ cho thương mại và mọi mối quan hệ giữa con người với các vị thần, – sứ giả truyền đạt ý chí của các vị thần. – Dionysus hay Bacchus – vị thần của rượu vang và niềm vui. – Artemis hay Diana, nữ thần ngoại giáo nổi tiếng của người Hy Lạp, là hiện thân của mặt trăng và được coi là vị thần bảo trợ của rừng rậm và săn bắn.

[6701] Sách Công Vụ Các Sứ Đồ cũng đề cập đến Damara: Công Vụ 17:34.

[6702] "Thần học bí ẩn" – tên gọi khác của tác phẩm này – lập luận rằng mọi quan niệm và định nghĩa của con người về Thiên Chúa đều không thể diễn tả được bản chất của Ngài, và rằng việc nghiên cứu về Thiên Chúa phải nằm ở sự chiêm ngưỡng bí ẩn về Thực thể Thần thánh không thể thấu hiểu.

tất cả đều tụ họp để dự lễ an táng Đức Mẹ Đồng Trinh. Chính ngài đã viết trong các tác phẩm của mình rằng ngài đã có mặt tại Giê-ru-sa-lem bên Mộ Thánh Chúa, nơi ngài đã nhìn thấy và nghe thấy Gia-cô-bê, anh em của Chúa[6703] và Thánh Phê-rô, vị Tông đồ trưởng. Cũng tại đó, Thánh Dionysius đã gặp Thánh Gioan Thần Học cùng các môn đệ của Thánh Phaolô Tông đồ: các thánh Timôthê và Giêrophê, cùng nhiều anh em khác, khi ngài rao giảng tại đó về các Bí tích của đức tin.

Sau khi trở lại với Chúa Kitô, thánh Dionysius đã sống tại Athens trong một thời gian khá dài và đã mở rộng đáng kể Giáo Hội của Thiên Chúa do thánh Tông Đồ Phaolô thành lập tại đó. Sau đó, Thánh Dionysius, giống như các Thánh Tông đồ, mong muốn rao giảng Tin Mừng ở các quốc gia khác và chịu khổ vì danh Chúa Kitô, giống như vị thầy của ngài – Thánh Phaolô, người đã chịu khổ vì Chúa Kitô dưới thời Nero[6704] tại Rôma. Sau khi bổ nhiệm một giám mục thay thế mình cho người dân Athens, Thánh Dionysius đã lên đường đến Rôma, nơi ngài được Thánh Clément, Giám mục Rôma[6705] , đón tiếp nồng nhiệt. Sau một thời gian ngắn sống cùng ngài, Thánh Dionysius được Thánh Clement sai đi – cùng với Giám mục Lucian, Linh mục Rusticus, Phó tế Eleutherius và các anh em khác – đến Gaul[6706] để rao giảng Lời Chúa cho những người ngoại đạo tại đó. Khi đến Gaul cùng với họ, Thánh Dionysius bắt đầu rao giảng Lời Chúa cho cư dân nơi đó, và tại thành phố Paris[6707] , ngài đã dẫn dắt nhiều người từ bỏ việc thờ cúng thần tượng để tin vào Chúa. Tại đó, ngài đã xây dựng một nhà thờ[6708] bằng số tiền quyên góp từ các Kitô hữu mới được rửa tội. Tại nhà thờ này, Thánh Dionysius đã cử hành các lễ tế không đổ máu, cầu xin Thiên Chúa ban cho ngài sức mạnh để thu hút nhiều "chiên trong Lời" về với Giáo Hội. Khi Lời Chúa đang được truyền bá tại đây theo cách đó, cuộc bách hại lần thứ hai sau thời Nero đã bắt đầu, do Domitian khởi xướng[6709] . Vị hoàng đế này đã cử tướng Sisinius đến Gaul để tra tấn các Kitô hữu ở đó. Khi đến thành phố Paris, Sisinius ra lệnh trước hết bắt giữ Dionysius – người nổi tiếng nhờ các phép lạ và sự khôn ngoan của Thiên Chúa – để tra tấn; cùng với ông, Rusticus và Eleutherius cũng bị bắt, còn những người khác trong cộng đoàn thì rời đi để rao giảng ở các vùng đất khác. Thánh Dionysius lúc bấy giờ đã rất cao tuổi và mệt mỏi vì những nỗ lực rao giảng Tin Mừng. Khi ngài, bị trói chặt, cùng với Rusticus và Eleutherius, được dẫn đến trước tướng Sisinius, người này, sau khi nhìn ngài, đã giận dữ nói:

– Ngươi có phải là lão già độc ác Dionysius, kẻ đã phỉ báng các vị thần của chúng ta[6710] , lật đổ mọi sự thờ phụng dành cho họ và chống lại các mệnh lệnh của hoàng đế không?

Thánh nhân đáp:

– Dù thân xác tôi, như chính ngươi cũng thấy, đã già nua, nhưng đức tin của tôi vẫn tươi trẻ như tuổi thanh xuân, và lời tuyên xưng đức tin của tôi luôn sinh ra những con cái mới cho Đấng Kitô.

Trước câu hỏi của Sisinius: "Ông tôn thờ ai là Thiên Chúa?", Thánh Dionysius đã rao giảng cho ông lời chân lý và xưng danh Thánh Ba Ngôi chí thánh – Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Nhưng viên tổng trấn, giống như con rắn câm[6711] và không muốn lắng nghe bài giảng cứu rỗi, đã hỏi cả ba người – Dionysius, Rusticus và Eleutherius – liệu họ có muốn tuân lệnh nhà vua và dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo hay không. Họ, như thể cùng một miệng, đã trả lời:

– Chúng tôi là những người Kitô hữu, tôn kính Thiên Chúa Duy Nhất ngự trên trời, và chúng tôi thờ phượng Ngài; còn lệnh của nhà vua thì chúng tôi sẽ không tuân theo.

Lúc đó, Sisinius ra lệnh lột trần Dionysius và đánh đập ông không thương xót bằng dây thừng. Thánh nhân đã chịu đựng tất cả những điều này, tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã ban ơn cho ông được mang những vết thương của

---

[6703] Thánh Tông đồ Giacôbê (Con) là con trai của Alfeus (Clêôpas) và Maria, em gái của Đức Mẹ (Ga 19:25; Mc 15:40, 47, 16:1; Lc 24:10; Ma-thi-ơ 13:55; Mác 6:3). Ngài đặc biệt quan tâm đến việc tổ chức Giáo hội tại Giê-ru-sa-lem và đã chịu tử đạo vào năm 62 sau Công nguyên. Sau khi ngài qua đời, bản nghi thức Thánh lễ cổ xưa nhất do chính ngài soạn thảo vẫn được lưu truyền.

[6704] Nero – hoàng đế La Mã (54–68 sau Công nguyên) – là kẻ bách hại Kitô hữu tàn bạo đầu tiên. Vào năm 66 hoặc 67, trong thời kỳ bách hại này, Thánh Tông đồ Phaolô đã chịu tử đạo, bị kết án tử hình bằng cách chém đầu.

[6705] Thánh Clêmentê, vị giám mục thứ ba của thành phố Rôma (từ năm 92 đến năm 101). Ngài đã chịu tử đạo dưới triều đại hoàng đế Trajan (năm 101). Thư gửi tín hữu Cô-rinh-tô là di sản ghi dấu những đóng góp của ngài cho Giáo hội.

[6706] Gaul – ngày nay là nước Pháp.

[6707] Paris – hiện là thủ đô của Pháp, nằm bên sông Seine; trong thời cổ đại được gọi là Lutetia.

[6708] Sau này, tại đây có tu viện nổi tiếng "Saint-Denis", nơi an táng các vị vua cổ đại của Pháp.

[6709] Domitian trị vì từ năm 81 đến năm 96.

[6710] Người La Mã thờ những vị thần giống như người Hy Lạp, chỉ khác là tên gọi khác nhau.

[6711] Aspis – một loài rắn độc. Trong các sách phụng vụ, từ này đôi khi được dùng để chỉ ma quỷ.

Ngài trên thân thể mình. Rusticus và Eleutherius cũng bị tra tấn y như vậy, nhưng họ, được củng cố bởi gương sáng của Dionysius và nhất là bởi chính Thiên Chúa, đã tôn vinh Chúa Kitô trong sự kiên nhẫn. Sisinus, nhận thức rằng tay những kẻ hành hình sẽ mỏi mệt trước khi sự kiên nhẫn của các thánh cạn kiệt, nên ngay trong ngày hôm đó đã ra lệnh ném các vị tử đạo vào ngục tối. Sáng hôm sau, các đầy tớ dẫn thánh Dionysius ra khỏi ngục tối và, theo lệnh của kẻ tra tấn, đặt ngài lên thanh sắt nung đỏ. Trong khi đó, vị thánh ngâm bài thánh vịnh: *"Lời Ngài rất tinh khiết* [được nung đỏ], *và tôi tớ Ngài đã yêu mến nó"*[6712] (Thánh vịnh 118:140). Sau đó, họ đưa thánh nhân ra khỏi thanh sắt và ném ngài cho thú dữ xé xác. Nhưng thánh nhân vẫn bình an trước những con thú, vì Thiên Chúa đã bịt miệng chúng lại. Tiếp theo, thánh nhân bị ném vào ngọn lửa dữ dội, nhưng ngay cả ở đó ngài vẫn bình an, vì ngọn lửa không chạm đến thánh nhân và không gây ra bất kỳ tổn thương nào cho ngài; sau đó, ngài lại bị ném vào ngục tối cùng với Rusticus và Eleutherius. Nhiều tín hữu đã đến thăm ngục tối nơi Thánh Dionysius đang bị giam giữ, và vị thánh đã cử hành Thánh Lễ cho họ tại đó, đồng thời ban Thánh Thể và Máu Thánh Chúa Kitô cho họ. Khi ngài cử hành Thánh Lễ, các tín hữu đã nhìn thấy một ánh sáng không thể tả nổi tỏa ra trên đầu Thánh Dionysius: Vua Vinh Quang đã hiện ra cùng với đoàn thiên thần, và vì điều này có thể được mắt thịt của các tín hữu nhìn thấy, nên họ đã chiêm ngưỡng Ngài. Sau một thời gian, Dionysius, Rusticus và Eleutherius được dẫn ra khỏi ngục tối và đưa đến trước vị tướng quân, người lại một lần nữa khuyên răn họ dâng lễ vật cho các thần tượng. Các thánh không tuân theo, mà tuyên xưng Đức Kitô là Thiên Chúa Chân Thật. Lúc đó, kẻ tra tấn trong cơn thịnh nộ đã ra lệnh đánh đập các thánh không thương xót, rồi kết án họ phải chịu chém đầu bằng gươm.

Khi các thánh được dẫn từ thành phố lên ngọn núi được gọi là Areeva[6713] , thì Dionysius đã cầu nguyện, kêu lên:

– Lạy Chúa, lạy Chúa của con, Đấng đã tạo dựng con và dạy dỗ con về sự khôn ngoan vĩnh cửu của Ngài, Đấng đã mặc khải cho con những mầu nhiệm của Ngài, và ở bất cứ nơi nào con có mặt, Ngài đều ở cùng con. Con tạ ơn Ngài vì tất cả những gì Ngài đã thực hiện qua con để tôn vinh danh thánh của Ngài, và vì Ngài đã viếng thăm tuổi già của con – tuổi già mệt mỏi vì lao động và khao khát chiêm ngưỡng Ngài – bằng cách gọi con về với Ngài cùng với những người bạn của con. Vậy, con cầu xin Ngài: xin hãy đón nhận con và các bạn của con; xin hãy thương xót những ai mà Ngài đã chuộc bằng Máu Thánh của Ngài, và xin hãy kể chúng con vào số các tôi tớ của Ngài vì sự phục vụ của chúng con dành cho Ngài; vì quyền năng và uy quyền thuộc về Ngài cùng với Cha và Thánh Thần, đến muôn đời.

Sau đó, sau khi thốt lên lời "A-men", vị thánh đã cúi đầu thánh của mình vì Danh Thánh của Chúa Giê-su Ki-tô, và bị chém đứt đầu bằng một chiếc rìu cùn. Cùng với ngài, các thánh Ê-lê-phê-ri và Ru-stíc cũng đã hiến dâng đầu mình vì Chúa Ki-tô.

Sau khi vị thánh nhân được Chúa ưa chuộng là Dionysius qua đời, Thiên Chúa đã tỏ ra một phép lạ vinh quang. Thi thể của vị thánh, dù đã bị chặt đầu, nhờ quyền năng của Thiên Chúa, đã đứng dậy, cầm lấy đầu mình trên tay và đi qua hai dặm đường[6714] đến nơi mà các Kitô hữu đã xây dựng một nhà thờ. Sau đó, thi thể đã trao đầu của mình cho một người phụ nữ đạo đức tên là Catulla, rồi ngã xuống đất. Nhiều người ngoại đạo, khi chứng kiến phép lạ này, đã tin vào Chúa Kitô. Sau khi nhận đầu của vị thánh, Catulla muốn nhận cả thi thể, nhưng những người ngoại đạo không cho phép bà làm điều đó. Lúc đó, Catulla mời những người canh gác về nhà mình, tiếp đãi họ nồng hậu và tặng quà cho họ, đồng thời ra lệnh cho các tín hữu Kitô giáo mang thi hài thánh Dionysius đi. Các tín hữu Kitô giáo đã mang thi hài thánh Dionysius đi và an táng ngài ngay tại chính nơi mà đầu thánh đã được trao cho Catulla.

Thánh Dionysius đã chịu tử đạo vào năm thứ chín mươi của cuộc đời ngài, tức năm thứ chín mươi sáu sau khi Chúa Giêsu Kitô giáng sinh. Tại ngôi mộ của ngài, nhiều phép lạ đã xảy ra để tôn vinh Chúa Kitô và Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen[6715] .

[6712] Người hát Thánh vịnh nói trong câu Thánh vịnh này về Lời Chúa, các điều răn của Chúa, những điều mà ông yêu mến hơn hết thảy. Khi phải chịu những cực hình trong lửa, Thánh Dionysius dường như quên đi những đau đớn đó, mà trên môi ông chỉ còn Lời Chúa.

[6713] Areeva, tức là của thần Mars. Ares hay Mars – vị thần chiến tranh trong thần thoại ngoại giáo.

[6714] "Poprišče" – đơn vị đo khoảng cách; nó tương đương với 690 saženya của chúng ta. Như vậy, hai poprišče tương đương với 1.380 saženya hoặc 2,75 verst.

[6715] Ngoài những tác phẩm đã nêu trên, Thánh Dionysius Areopagite còn là tác giả của các tác phẩm sau: a) "Về hệ thống cấp bậc trên trời", trong đó trình bày giáo lý về chín cấp bậc của các Thiên thần, kèm theo giải thích về đặc tính và nhiệm vụ của từng cấp; b) "Về hệ thống cấp bậc trong Giáo hội", trong đó trình bày giáo lý về các bậc trong hệ thống cấp bậc của Giáo hội kèm theo lời giải thích tương tự;

Bài thánh ca, giọng 4:

Ngài đã học được lòng nhân từ, sống tỉnh táo trong mọi việc, khoác lên mình sự thánh thiện với lương tâm trong sáng, đã múc lấy từ bình thánh được chọn[6716] những điều không thể diễn tả, và giữ vững đức tin, đã hoàn thành cuộc đời thánh thiện: Thánh Tử Đạo Dionysius, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Kondak, giọng 8:

Ngài đã bước qua cổng trời bằng tinh thần, như môn đệ của vị Tông đồ đã đạt đến tầng trời thứ ba[6717] , hỡi Dionysius, ngài đã được ban cho sự khôn ngoan vô tận, và đã soi sáng những ai đang chìm trong bóng tối của sự vô minh. Vì vậy, chúng con kêu lên: Hỡi Cha của toàn thế giới, xin vui mừng.

Câu chuyện của Thánh Dionysius về Thánh Karpos và hai người tội lỗi

Ngày kỷ niệm: 3 tháng 10

Thánh Dionysius Areopagite, trong bức thư[6718] gửi cho tu sĩ Demophilus, được viết với mục đích dạy dỗ về sự hiền lành và không ác ý, đã kể lại sự kiện này.

– Tôi đã phải, – ngài nói, – khi viếng thăm đảo Crete[6719] , dừng chân tại nhà của vị thánh hạnh phúc Karpos, môn đệ của Thánh Tông đồ Phaolô[6720] . Người đàn ông này nổi tiếng về các đức tính cao quý và sở hữu sự trong sáng cao cả của tâm hồn đến mức có khả năng đặc biệt trong việc chiêm ngưỡng Thiên Chúa: ông thậm chí chưa bao giờ tiến hành cử hành các Bí tích Thánh Thể và Thánh Máu trước khi được ban cho một thị kiến thiêng liêng từ trời. Vị thánh nhân này – như chính ngài đã kể lại với Thánh Dionysius – đã bị một người vô tín làm cho buồn phiền. Nguyên nhân của nỗi buồn là người vô tín đó đã dụ dỗ một tín hữu rời bỏ Giáo hội để sa vào con đường tội lỗi. Vì hoàn cảnh này, Thánh Carp đã vô cùng đau buồn. Đương nhiên, ngài lẽ ra phải giữ lòng kiên nhẫn, không ngừng khuyên răn người đã bỏ đạo bằng những lời hữu ích, và chinh phục kẻ vô tín bằng lòng nhân từ của mình; ông lẽ ra phải siêng năng cầu nguyện cùng Chúa, để Ngài đưa người đã sa ngã vào sự gian ác trở lại với Giáo hội thánh thiện của Ngài, và soi sáng người đang chìm trong bóng tối của sự vô tín bằng ánh sáng của đức tin. Nhưng, dù trước đây chưa bao giờ tỏ ra thiếu kiên nhẫn trong bất cứ việc gì, lần này Carp lại vô cùng đau buồn trong lòng. Vào đêm khuya, khi đã gần đến nửa đêm, ông đứng dậy cầu nguyện. – Ông luôn có thói quen thức dậy và cầu

---

c) "Về các danh xưng của Thiên Chúa"; ở đây, Dionysius giải thích ý nghĩa của các danh xưng Thiên Chúa được sử dụng trong Kinh Thánh và d) "Mười lá thư gửi cho các nhân vật khác nhau".

[6716] "Vật chứa được chọn" ở đây ám chỉ Thánh Tông đồ Phaolô, người đã soi sáng Thánh Dionysius bằng ánh sáng của Kitô giáo.

[6717] Tức là Thánh Tông đồ Phaolô (2 Cr 12,2).

[6718] Thư này, như có thể thấy trong "Các Bài Đọc Lớn", được viết cho Đê-mô-phi-lô liên quan đến việc ông này trục xuất khỏi nhà thờ một linh mục nào đó, người đã cho một anh em – lúc bấy giờ đang bị vạ tuyệt thông – tham dự Thánh Thể.

[6719] Đảo Crete (còn được gọi là Candia – theo tên thành phố chính cùng tên), nằm ở phần phía đông của Biển Địa Trung Hải, phía nam Biển Aegean. Nhờ diện tích rộng lớn và đất đai màu mỡ, đảo này trước đây được mệnh danh là "nữ hoàng của các hòn đảo" ở Biển Địa Trung Hải. Đạo Kitô đã bắt đầu ở đây từ thời các Tông đồ; những nền tảng đầu tiên của nó được đặt bởi những người chứng kiến sự kiện Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các Tông đồ, vì lúc đó cũng có những người Crete hiện diện (Công vụ 2:11). Sau đó, đạo Kitô đã được củng cố và truyền bá tại đây bởi Thánh Phaolô, như có thể thấy trong thư ngài gửi cho Tít, người mà Thánh Phaolô đã bổ nhiệm làm giám mục tại Crete để hoàn tất những gì ngài không thể tự mình hoàn thành, cũng như để phong chức cho các linh mục (Tít 1:5). Vào thế kỷ XVII, đảo Crete rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ, hiện nay thuộc về Hy Lạp.

[6720] Thánh Carp (một trong 70 Tông đồ) là môn đệ và cộng sự của Thánh Tông đồ Phaolô, điều này được thể hiện qua lời nhắc đến ngài của vị Tông đồ Trưởng trong thư gửi cho Timôthê: *"Khi anh đi, hãy mang theo chiếc áo choàng mà tôi đã để lại ở Troas tại nhà Carp, cùng các cuốn sách, đặc biệt là những cuốn bọc da."* (2 Tm 4,13). Thánh Carpus đã chuyển các thư của Thánh Phaolô theo sự chỉ định của ngài; ngài từng là giám mục tại thành phố Bêria thuộc Macedonia và hết lòng lo lắng cho việc truyền bá đức tin vào Chúa Kitô. Lễ kính Thánh Tông đồ Carpus được cử hành vào ngày 26 tháng 5

nguyện vào giờ nửa đêm. – Trong lúc cầu nguyện, ông không thể kìm nén được cảm giác đau buồn sâu sắc mà hai người nói trên đã gây ra cho ông. Ông bắt đầu nghĩ rằng những kẻ vô pháp này, những kẻ làm sai lệch con đường chính trực của Chúa, lại được sống trên đất một cách bất công; và ông bắt đầu cầu xin Đức Chúa Trời, xin cho lửa từ trời giáng xuống trên họ, và thiêu rụi cả hai người. Khi ông đang cầu nguyện về điều này, bỗng nhiên căn phòng nơi ông đang đứng rung chuyển và phần trên tách ra làm hai, khiến ông tưởng như mình đang đứng ngoài sân, và ngọn lửa rực rỡ từ trời đổ xuống phía ông. Ngước mắt lên, ông thấy bầu trời mở ra và Chúa Giê-su Ki-tô đang ngự ở đó, được bao quanh bởi vô số thiên thần mang hình dáng con người. Sau đó, khi nhìn xuống, anh thấy mặt đất nứt ra, và trong đó là một vực thẳm sâu thẳm và tối tăm; còn ở mép vực thẳm ấy là hai người mà trước đó, trong cơn giận dữ, Carp đã cầu xin Đức Chúa Trời giáng họa xuống họ. Họ đứng đó với ánh mắt van xin, đầy sợ hãi và run rẩy, vì sắp rơi xuống vực thẳm; còn trong vực thẳm ấy, một con rắn đang bò lê, nghiến răng ken két. Ở đó còn có những người khác đang đánh đập, xô đẩy và lôi kéo hai kẻ tội nhân kia về phía con rắn đáng sợ. Karp, khi thấy những kẻ đã làm mình đau khổ sắp rơi xuống vực thẳm và bị con rắn nuốt chửng, bỗng tràn ngập niềm vui lớn lao; và Karp không chỉ ngước nhìn lên bầu trời rộng mở và Đức Giêsu Kitô đang ngự trên đó, mà còn nhìn vào cái chết cận kề của hai kẻ tội lỗi ấy. Nhưng vì họ không rơi xuống vực thẳm, nên Karp lại bắt đầu bực bội và đau buồn, và một lần nữa cầu xin Đức Chúa Trời để họ rơi xuống và chết. Khi anh ta ngước mắt lên trời, như trước đây, anh ta thấy Chúa Giê-su Ki-tô, sau khi đứng dậy khỏi Ngai Thiên Đàng, đã tiến lại gần những người đang đứng bên mép vực thẳm và đưa tay ra giúp đỡ họ; còn các Thiên thần thì đỡ lấy những người đó, củng cố tinh thần cho họ và kéo họ ra khỏi vực thẳm. Chúa Giê-su Ki-tô nói với Carp:

– Tại sao ngươi lại mong muốn anh em mình phải chết? – Hãy noi gương Ta và đừng mong muốn cái chết cho kẻ có tội, vì Ta sẵn sàng chịu đau khổ một lần nữa để cứu rỗi loài người, miễn là họ quay lưng lại với những con đường gian ác của mình và ghét bỏ tội lỗi của chính họ.

Khi trích dẫn câu chuyện này trong bức thư gửi cho vị tu sĩ Demophilus đã được nhắc đến, Thánh Dionysius dùng nó để dạy dỗ chúng ta đừng tàn nhẫn với những người phạm tội, và đừng mong muốn cho họ sự trừng phạt, mà là sự ăn năn và trở lại – để chúng ta siêng năng cầu nguyện cho họ cùng Thiên Chúa, Đấng không muốn sự chết của những kẻ có tội, hầu chính Ngài, bằng ân sủng của Ngài, sẽ dẫn dắt và thương xót họ, vì Ngài yêu thương những người công chính, nhưng cũng thương xót cả những kẻ có tội. Vinh quang thuộc về Chúa muôn đời. Amen.

Kỷ niệm Thánh Gioan Hozevit, Giám mục thành Caesarea

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 10

Thánh cha Gioan Hozevit[6721] của chúng ta xuất thân từ thành phố Thebes, thuộc Ai Cập. Ngài được ông nội cắt tóc xuất gia và, theo lời khuyên của vị trưởng lão này, đã hành hương đến các thánh địa ở Giêrusalem. Khi trở về từ đó, ngài đã ở lại với vị trưởng lão vài ngày, rồi rời khỏi ngài để đến một khe núi hẹp, nơi ngài tìm thấy một hang động nhỏ và sống ở đó, chỉ ăn rễ cây và cỏ dại. Khi Đức Chúa Trời muốn tôn vinh vị thánh nhân của Ngài, Ngài đã bày tỏ điều này như sau. Ở những nơi đó có một vị tu sĩ ăn chay nghiêm ngặt tên là Anania. Một lần nọ, người ta dẫn con trai của một người đàn ông, đang bị quỷ ám, đến gặp ông. Anania không nhận người đó, nhưng với lòng khiêm nhường sâu sắc, ông bảo họ hãy vào sâu trong đất nước và tìm John người Ai Cập, người có thể chữa lành cho cậu bé. Khi những người được cử đi tìm thấy John, họ trình bày với ông lý do họ đến. Ban đầu, Gioan từ chối, nhưng sau khi họ nài nỉ mãi, ông đã đồng ý trừ tà và cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Sau đó, ông quay sang quỷ và nói:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, – không phải tôi, mà là Ananias ra lệnh cho ngươi, hỡi linh hồn ô uế, hãy ra khỏi cậu thiếu niên này.

[6721] Thánh Giăng được đặt biệt danh là Hozevita từ Tu viện Huzin, nơi ngài đã dành phần lớn cuộc đời tu hành của mình. Tu viện này tọa lạc tại sa mạc Huziev hay Hozeva, giữa Giê-ru-sa-lem và Giê-ri-cô, bên phải con đường lớn và không xa lối xuống thung lũng Jordan thấp trũng. Tu viện này tọa lạc tại một vùng hoang dã. Các nhà thờ và phòng tu của các tu sĩ nằm sâu trong khe núi, treo lơ lửng ở độ cao 50 sažen, dường như bám chặt vào những vách đá gồ ghề. Tu viện Khuziv được thành lập vào thế kỷ V. Tên của vị sáng lập viên đầu tiên vẫn chưa được biết. Thời kỳ hưng thịnh đặc biệt của Tu viện Khuziv là các thế kỷ VI, VII và VIII, khi nơi đây đặc biệt nổi tiếng nhờ lối sống khắc khổ của các tu sĩ. Tu viện này vẫn còn tồn tại vào thế kỷ XII. Không có thông tin gì về số phận sau này của nó.

Theo lời của vị thánh, tà linh đã rời khỏi cậu bé, và cậu bé này đã được lành bệnh và loan báo cho mọi người về phép lạ vinh quang đã xảy ra trên mình. Sau đó, Thánh Gioan buộc phải, dù không muốn, nhận chức giám mục tại Cêsarê, nhưng vì không thể chấp nhận những vinh dự và mong muốn sống đời tu sĩ, ngài đã rời Cêsarê và trở lại sa mạc, nơi ngài ở lại cho đến cuối đời.

Chúa đã tôn vinh vị thánh tu hành của Ngài bằng những phép lạ vĩ đại. Có một người đàn ông có cậu con trai nhỏ bị quỷ ám. Người cha đặt con vào một cái giỏ, phủ cỏ lên trên, rồi mang đến cho Thánh Gioan và đặt giỏ đó trước hang động của ngài. Khi đứa trẻ khóc lên, vị thánh đứng dậy và ngay lập tức nhận ra rằng trong đứa trẻ đang ẩn náu một linh hồn ô uế; sau khi xua đuổi con quỷ, Thánh Gioan đã chữa lành cho đứa trẻ. Nhưng con quỷ bị xua đuổi không chịu yên và bắt đầu trả thù vị tu sĩ bằng cách hóa thân thành hình dạng con người. Khi gặp vị thánh trong một khe núi ven bờ, con quỷ quỳ xuống dưới chân ngài, như thể đang xin phước lành. Người tôi tớ của Chúa, vô tình nhìn thấy khuôn mặt nó, đã rất ngạc nhiên, còn con quỷ thì túm lấy chân vị thánh và hất ngài xuống bờ sông; vị thánh rơi xuống như lao đầu xuống vực, nhưng nhờ ân sủng của Chúa, ngài vẫn bình an vô sự, khiến tên sát nhân chẳng đạt được gì. Sau đó, ác quỷ giao người tôi tớ của Chúa vào tay một tên cướp, kẻ này đánh đập vị thánh, xé rách quần áo của ngài và thậm chí đốt cháy cả túp lều của ngài. Vị thánh kiên nhẫn chịu đựng tất cả những điều này và chỉ thầm nói với chính mình:

– Lạy Chúa Tối Cao! Con tạ ơn Ngài, nếu điều này làm đẹp lòng Ngài.

Rồi, theo ý muốn của Đấng Tối Cao, tên cướp bị bắt và chết một cái chết nhục nhã, còn người tôi tớ của Chúa thì tìm được sự bình an trong một thời gian. Tuy nhiên, kẻ xảo quyệt vẫn không ngừng cuộc chiến chống lại vị thánh. Một lần nọ, khi vị thánh lên đường đi thăm các anh em tu sĩ, một người phụ nữ đã gặp ngài trên đường và quỳ xuống dưới chân ngài, van nài ngài vào nhà bà để thánh hóa ngôi nhà bằng lời cầu nguyện và lời chúc lành của ngài. Vị thánh cảm động trước lời van nài của bà, nên đã bước vào. Lúc đó, người phụ nữ dâm đãng kia đã khóa cửa lại, cởi bỏ hết y phục và làm đủ mọi điều ghê tởm chỉ để làm ô uế người vô tội. Nhưng vị thánh kiên định đã vững vàng chống lại mưu mô của ma quỷ, đẩy bà ta ra và bước ra ngoài mà không hề hấn gì.

Thánh Gioan, khi nghe nói về một người ăn chay tên là Marcian, người mà danh tiếng đang lan truyền khắp nơi, đã muốn gặp ông; trong khi đó, trước đó Thánh Gioan, để tránh mọi cám dỗ, đã quyết tâm không rời khỏi phòng tu của mình trong bất kỳ trường hợp nào, và vì mục đích này, ngài tự trói mình lại và coi những sợi dây trói này là không thể tháo gỡ. Và thế là, Thiên Thần của Chúa đã đưa Marcian ra khỏi phòng tu của ông và đột ngột đặt ông trước mặt Thánh Gioan. Họ chào hỏi nhau và tận hưởng cuộc trò chuyện thiêng liêng. Sau đó, Marcian lại được Thiên Thần đưa đi và trở nên vô hình.

Thánh Gioan đã trừ quỷ khỏi nhiều người, chữa lành những căn bệnh hiểm nghèo, khiến các suối nước tuôn trào nhờ lời cầu nguyện, gọi mưa từ trời xuống và thực hiện nhiều phép lạ khác nhờ quyền năng của Thiên Chúa; và khi đã cao tuổi, ngài đã an bình trao linh hồn thánh thiện của mình cho Thiên Chúa.

Ngày kỷ niệm Thánh Isichius Choriwit

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 10

Thánh Isichius ban đầu hoàn toàn coi thường sự cứu rỗi linh hồn. Nhưng rồi ngài lâm bệnh, và trong thời gian ốm đau, ngài đã ăn năn. Lúc đó, ngài xin mọi người xung quanh để ngài một mình và sống ẩn dật trong mười hai năm, trong sự im lặng tuyệt đối[6722] , chỉ ăn bánh mì và nước, và dành toàn bộ thời gian cho cầu nguyện và nước mắt.

Khi giờ lâm chung đến, các tu sĩ trong tu viện đã phá cửa xông vào, nhưng dù họ có nói gì với Isichios đi chăng nữa, họ cũng chỉ nghe được một câu duy nhất từ ông:

– Xin tha thứ! Ai luôn ghi nhớ cái chết trong lòng thì sẽ không phạm tội. Các tu sĩ kinh ngạc trước sự biến đổi đã xảy ra với ngài nhờ ân sủng của Thiên Chúa, và sau khi ngài qua đời, họ đã an táng thi hài ngài một cách trang trọng. Sau một thời gian , họ bắt đầu tìm kiếm di cốt thánh của ngài, nhưng không tìm thấy. Qua điều này,

[6722] Sự im lặng là một công đức Kitô giáo quan trọng nhằm hoàn thiện đời sống thiêng liêng. Các vị thánh tu sĩ nhận thức rõ tầm quan trọng của công đức này và yêu mến sự im lặng. Thánh Ambrose của Milan viết: "Biết im lặng còn khó hơn biết nói. Tôi biết rằng nhiều người nói chỉ vì họ không biết cách im lặng. Vì vậy, người khôn ngoan là người biết im lặng. Vậy nên, Kinh Thánh đã nói rất đúng: *'Người khôn ngoan sẽ im lặng cho đến khi thích hợp'* (Sách Sirach 20:7)".

Chúa đã cho mọi người thấy sức mạnh của sự sám hối chân thật dành cho những ai mong muốn sửa đổi, dù có thể đã lơ là việc cứu rỗi trong một thời gian dài[6723] .

Ngày 17 tháng 10

Ngày 4 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cuộc đời các thánh Guri, Tổng giám mục Kazan, và Varsonofi, Giám mục Tver.

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 10

Thánh Guriy, tên thế tục là Grigory, sinh ra tại thành phố Radonezh[6724] trong một gia đình quý tộc Rugotin nghèo khó và ít người biết đến. Khi còn trẻ, Grigory được gửi đến phục vụ tại nhà của Công tước Ivan Penkov. Grigori có tính cách hiền lành và nhường nhịn; ngài thường xuyên đến nhà thờ Chúa để cầu nguyện, và cũng cầu nguyện tại nhà; ngài giữ gìn sự trong sạch một cách cẩn trọng, tuân thủ chế độ ăn chay nghiêm ngặt; ngài cũng thích bố thí cho người nghèo và nổi bật với các đức tính Kitô giáo khác. Nhờ phẩm hạnh và sự trung thực của mình, Grigory đã chiếm được tình cảm của chủ nhân, và ngài đã giao phó toàn bộ việc quản lý gia đình cho anh. Tuy nhiên, điều này đã khơi dậy lòng ghen tị ở những người đồng sự của Grigory, và họ đã vu khống anh trước mặt công tước rằng anh đã ngoại tình với vợ của ngài.

Hoàng tử, tin theo những kẻ vu khống, đã ra lệnh giết Grigory. Nhưng con trai của hoàng tử, người thận trọng và sáng suốt hơn cha mình, đã nài nỉ cha tha mạng cho Grigory và đừng để bản án của mình làm ô danh gia đình; khi biết rằng tất cả chỉ là vu khống, anh đã cứu Grigory khỏi cái chết. Tuy nhiên, vị công tước, bị cơn giận dữ chi phối, đã giam Grigory vô tội vào một hố sâu. Vị thánh đã trải qua hai năm trong đó, chịu đựng cơn đói khát, vì thức ăn được cung cấp cho ông không phù hợp với con người: cứ ba ngày, người ta lại ném cho ông một bó lúa mạch và một ít nước. Hoàn cảnh của người chịu khổ vô tội thật nặng nề, nhưng ngài tự củng cố tinh thần bằng gương sáng của các vị tử đạo xưa và tự an ủi bằng suy nghĩ rằng nhà tù đã giải thoát ngài khỏi những cám dỗ và lo âu trần thế, rằng sự cô lập đã mang lại cho ngài sự tự do trọn vẹn để chuẩn bị cho cuộc sống vĩnh hằng.

Năm thứ hai bị giam cầm trong ngục tù sắp kết thúc, thì một trong những người bạn cũ của Grigori đã nài nỉ người gác ngục cho phép đến gần cửa sổ ngục tù để nói chuyện với Grigori; người gác ngục đã đồng ý. Người bạn đó đến gặp Grigori vào ban đêm và đề nghị mang cho anh ta thức ăn ngon lành. Nhưng Grigori từ chối nhận bất kỳ thức ăn nào khác ngoài những gì được cung cấp cho anh ta, và nói rằng "anh ta được nuôi dưỡng bởi ân sủng dồi dào và vô tận của Đức Chúa Trời". Sau đó, Grigori xin người bạn của mình thay vì thức ăn, hãy mang đến cho anh giấy, mực và bút lông để viết các bảng chữ cái dùng để dạy trẻ em biết chữ. Grigori giao phó cho người bạn bán những bảng chữ cái này, và xin anh ta phân phát số tiền thu được cho những người nghèo.

Hai năm sau, Đức Chúa Trời nhân từ, khi thấy sự kiên nhẫn cao đẹp của tôi tớ Ngài – người đang chịu khổ một cách vô tội – đã thương xót giải thoát ông khỏi xiềng xích, như thể thoát khỏi địa ngục, và bằng bàn tay vô hình của quyền năng Ngài, Ngài đã mở cánh cửa nhà tù cho ông. Bất ngờ, Grigory nhìn thấy ánh sáng ở cửa nhà tù; ông kinh hoàng, nghĩ rằng đó là ảo giác của ma quỷ – vì hai năm qua cánh cửa đó chưa từng được mở ra – và ông đứng dậy, bắt đầu cầu nguyện. Và một lần nữa, ánh sáng lại xuất hiện ở cửa, thậm chí còn mạnh hơn lần đầu. Lúc đó, Grigory tiến lại gần, chạm tay vào cánh cửa, và cánh cửa lập tức mở ra. Nhận ra rằng chính Đức Chúa Trời đang ban cho anh sự giải thoát khỏi ngục tối này, Grigory tạ ơn Chúa và, cầm lấy bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh mà anh mang theo trong ngục, anh bước ra mà không ai nhìn thấy, dù lúc đó đã là ban ngày. Anh rời khỏi ngôi nhà đó và thành phố, rồi đến tu viện Uspensky và tu viện Iosifovsky[6725] . Tại đây, Grigory đã thọ giới tu sĩ với tên gọi Gury

[6723] Câu chuyện về Thánh Isichius được ghi lại bởi Thánh Gioan Thang Bậc, vị tu viện trưởng của Tu viện Sinai (Lời giảng thứ 6), người là đồng thời với Thánh Isichius. Thánh Isichius đã sống vào thế kỷ VI và tu hành trên núi Horeb, từ đó ngài được gọi là Horevita.

[6724] Radonezh – nằm cách Moscow 54 verst theo hướng Rostov và cách Tu viện Troitsk hiện nay 10 verst theo hướng Moscow.

[6725] Tu viện Iosifovsky nằm cách Volokolamsk 18 verst. Được thành lập bởi Thánh Iosif Volokolamsky. Để vinh danh ngài, tu viện đã được đặt tên là Iosifovsky.

và trở thành một tu sĩ tốt bụng và người ăn chay nghiêm ngặt; nhờ cuộc sống tu hành gương mẫu của mình, sau này anh được bầu làm vị trụ trì của tu viện Iosifovsky. Sau khi làm vị trụ trì của tu viện này khoảng chín năm, ông đã rời tu viện vì bệnh tật và sống ẩn dật trong hai năm, dành thời gian cho việc ăn chay và suy ngẫm về Chúa. Sau đó, Guriy được cử làm vị trụ trì tại tu viện Selizharov[6726] , nhưng ông chỉ ở đó không quá một năm.

Khi Đức Chúa Trời giúp Sa hoàng Ioann Vasilievich chinh phục thành phố Kazan[6727] , thì theo lời khuyên của Tổng giám mục Makarii[6728] , Hội đồng các vị thánh của Tổng giáo phận Nga đã bốc thăm và bổ nhiệm Gurii làm Tổng giám mục đầu tiên của thành phố Kazan[6729] . Sa hoàng đã cử ngài đến Kazan với sự vinh dự lớn lao, ban tặng ngài rất nhiều bức tranh thánh, đồ thờ cúng quý giá và nhiều sách vở; ngoài ra, ngài còn ban tặng cho chính Guriy nhiều vật phẩm quý giá khác. Các vị thánh và các tu viện khác cũng đã dâng tặng rất nhiều vật phẩm quý giá để phục vụ cho nhu cầu của vùng đất mới được truyền giáo[6730] . Vào tuần lễ các thánh sau Lễ Phục Sinh, ngày 26 tháng 5 năm 1555, trong tiếng chuông vang dội từ tất cả các tháp chuông của Kremlin, Tổng Giám mục Makari cùng Giám mục Nifont của Krutitsy và tất cả các Archimandrite của Moscow cùng các vị Bề trên tu viện, cũng như Thánh Gurii cùng các Archimandrite và hàng giáo sĩ đã được thánh hiến của ngài, trước sự chứng kiến của Sa hoàng và toàn thể Hội đồng Hoàng gia, đã long trọng cử hành lễ cầu nguyện tiễn đưa tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Khi lễ cầu nguyện kết thúc, Thánh Guriy cùng đoàn rước thánh giá tiến đến sông Moskva, tại đây ngài lên những chiếc thuyền đã được chuẩn bị sẵn và trong tiếng chuông vang lên, ngài lên đường với những lời cầu nguyện. Trên đường đi, tại mỗi thành phố, Thánh Guriy đều được các giáo sĩ đón tiếp cùng đoàn rước Thánh giá và cử hành các nghi lễ cầu nguyện long trọng, đến nỗi toàn bộ hành trình của Thánh Guriy, cho đến tận Kazan, gần như là một chuỗi cầu nguyện liên tục.

Hai tháng sau, Thánh Guriy đến thành phố Kazan và lên ngôi Thánh. Với tư cách là vị Thánh, ngài tiếp tục sống một cuộc đời hiến dâng cho Chúa: nuôi dưỡng những người ăn xin, cung cấp mọi thứ cần thiết cho người nghèo, bênh vực người nghèo, góa phụ và trẻ mồ côi, và giải thoát họ khỏi những tai ương khác nhau. Vừa làm việc không ngừng nghỉ, Thánh Guriy vừa dành cả đêm để cầu nguyện, còn ban ngày thì dạy dỗ những người chưa tin về sự hiểu biết về Thiên Chúa và đức tin vào Chúa Ba Ngôi, và nhờ những lời giảng dạy của mình, ngài đã dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô[6731] . Những công lao vĩ đại của vị thánh, cùng với sức khỏe thể xác suy yếu – vốn đã bị tàn phá từ thuở trẻ do bị giam cầm trong ngục tối khắc nghiệt – đã làm suy sụp hoàn toàn sức khỏe của Thánh Guriy, và ngài lâm bệnh. Bệnh tật thể xác không hề làm suy giảm lòng đạo đức của ngài: dù không thể tự mình cử hành thánh lễ, ngài vẫn tham dự các nghi lễ do người khác cử hành; vì vậy, ngài đã ra lệnh cho người ta đưa mình đến Thánh Lễ tại Nhà thờ Truyền Tin Đức Mẹ, do chính ngài xây dựng; tại đó, ngài ngồi hoặc thậm chí nằm, lắng nghe thánh lễ. Tuy nhiên, ngay cả trong thời gian ốm đau, Thánh Guri vẫn không bỏ qua những việc làm thường ngày và dễ thực hiện đối với ngài[6732] , đồng thời không ngừng khiêm nhường xác thịt bằng việc ăn chay và kiêng

---

[6726] Tu viện Troitsky Selizharov – nằm bên sông Selizharovka, cách thành phố Ostashkov 44 verst, thuộc Giáo phận Tver; được thành lập vào thế kỷ XV.

[6727] Kazan bị người Nga chinh phục vào năm 1552.

[6728] Thánh Makari – Tổng Giám mục Toàn Nga (1542–1564) – chiếm vị trí nổi bật trong lịch sử Giáo hội và văn học Nga. Dưới thời ông đã diễn ra Đại hội 100 đại biểu nổi tiếng (năm 1551); dưới thời ông, nhà in đầu tiên chuyên in các sách thánh đã được khai trương; theo ý nguyện của ông và với sự tham gia trực tiếp của ông, bộ sách được gọi là "Veliie Minei-Chetie" đã được biên soạn.

[6729] Lễ tấn phong Thánh Guri diễn ra vào ngày 7 tháng 2 năm 1555.

[6730] Theo chỉ thị của ngài, hai tu sĩ đáng kính đã được bổ nhiệm để hỗ trợ Thánh Guriy: German, cựu Archimandrite của Tu viện Staritsky (Giáo phận Tver), lúc đó đang an dưỡng tại Tu viện Iosifovsky, và Varsonofy, Bề trên Tu viện Pesnoshsky.

[6731] Ngay từ những ngày đầu tiên điều hành Giáo phận Kazan, Thánh Guri đã quan tâm đến việc thành lập các tu viện ở vùng Kazan với mục đích truyền giáo. Ngài mong muốn các tu sĩ tương lai của các tu viện Kazan sẽ dành toàn bộ thời gian để rao giảng Lời Chúa cho những người chưa tin và dạy dỗ trẻ em. Với những mục đích này, Thánh Guriy cho rằng cần phải cung cấp cho các tu viện những điền trang ("votchiny"); ngài đã bày tỏ ý định của mình trong một bức thư gửi Sa hoàng – nội dung bức thư này được biết đến qua thư trả lời của Ivan Bạo chúa. – "Ngươi đã viết thư cho ta," Sa hoàng viết cho vị thánh, "rằng ngươi đang xây dựng một tu viện ('Zilantov') tại thành phố Kazan, và có ý định xây dựng thêm những tu viện khác. Ngươi đang thực hiện một việc tốt lành: cầu Chúa ban phước cho ngươi vì điều đó… Lời nói của ngươi thật hay, đó là việc dạy dỗ trẻ em cho các vị trưởng lão và dẫn dắt những người ngoại đạo trở về với đức tin. Hãy dạy các em nhỏ không chỉ biết đọc và viết, mà còn hiểu đúng những gì đã đọc, để các em có thể dạy lại cho người khác, kể cả những kẻ ngoại đạo. Ôi Chúa ơi! "Đất nước Nga sẽ hạnh phúc biết bao nếu tất cả các vị giám mục đều là những bậc trưởng lão như Đức Cha Makari và ngài." Những nỗ lực của Thánh Guri không hề vô ích – rất nhiều người ngoại đạo (chủ yếu là người Tatar) đã quy y Kitô giáo.

[6732] "Toàn bộ thời gian hiện tại," Thánh Guri nói, "là thời gian của lao động. Phần thưởng sẽ được nhận trong cuộc sống tương lai. Niềm vui trên trời sẽ chỉ được ban cho những ai nỗ lực trên trần gian, và từ bỏ những điều phù du để nhận được những ân huệ bất diệt. Phải nỗ

khem. Vị thánh đã tu hành như vậy trong ba năm. Cảm nhận được sự ra đi về với Chúa đang đến gần, Thánh Guriy đã gọi Archimandrite Varsonofy – người mà ngài dành cho "tình yêu thiêng liêng sâu sắc" – đến bên mình và mong muốn nhận từ ngài hình ảnh thiên thần cao quý, tức là áo tu sĩ[6733] . Thánh nhân đã an nghỉ trong bình an vào ngày 4 tháng 12 năm 1564. Thi hài của ngài được an táng tại tu viện Spaso-Preobrazhenskaya[6734] , phía sau bàn thờ, gần nhà thờ lớn.

Thánh Varsonofi, tên thế tục là Ioann, quê quán tại Serpukhov[6735] . Ông là con trai của linh mục Vasili, và từ khi còn nhỏ đã được dạy chữ và Kinh Thánh. Chưa đến tuổi trưởng thành, Ioann đã bị bắt làm tù binh bởi người Tatar Crimea[6736] . Tuân theo ý muốn của Chúa, ngài siêng năng thực hiện mọi công việc và nhiệm vụ được giao phó. Trong thời gian bị giam cầm, ngài tìm thấy sự an ủi qua những lời cầu nguyện thường xuyên và nồng nhiệt dâng lên Thiên Chúa, đồng thời ngâm nga thuộc lòng những bài Thánh vịnh mà ngài còn nhớ. Những kẻ ngoại đạo, khi thấy phẩm chất tốt đẹp của Ioann, sự siêng năng trong lao động, lòng khiêm nhường và sự vâng phục tuyệt đối của anh trong công việc, đã giảm bớt gánh nặng lao động cho anh và cho phép anh sống tự do hơn. Trong thời gian bị bắt làm tù binh, Ioann đã học được tiếng Tatar, đến mức không chỉ nói mà còn viết được ngôn ngữ này một cách thành thạo. Ba năm sau, cha anh đã chuộc John khỏi tay người Tatar. Sau đó, anh đến thành phố Moscow, thủ đô của vương quốc, và xuất gia tại tu viện mang tên Andronikov[6737] , đồng thời được đặt tên là Varsonofi. Tại đây, Varsonofi bắt đầu sống một cuộc đời tu hành nghiêm ngặt, đầy đức tin và đức hạnh; nhờ cuộc sống tu hành nghiêm ngặt đó, Varsonofi đã được Tổng Giám mục Makari bổ nhiệm làm Bề trên tu viện Pesnoshsky[6738] . Sau đó, ông trở thành Archimandrite tại thành phố Kazan[6739] ; tại đó, ông đã thành lập một tu viện để tôn vinh sự Biến Hình vinh quang của Chúa và xây dựng các nhà thờ cùng các phòng tu tại đó. Trong chức vụ archimandrite, Varsonofius vẫn duy trì lối sống thánh thiện như trước: ông rèn luyện thân xác bằng sự kiêng khem nghiêm ngặt và thức trắng đêm, đồng thời đeo xiềng xích trên người, dù không ai biết điều này. Như vậy, ông là tấm gương về đức hạnh cho toàn thể anh em tu sĩ. Tại Kazan, Varsonofi đã nhiệt thành giúp đỡ Thánh Gurii trong công cuộc truyền bá Kitô giáo giữa những người Hồi giáo và những người ngoại đạo. Kiến thức về ngôn ngữ và sự am hiểu về đời sống của người Tatar đã mang lại cho ngài lợi ích lớn trong việc này: ngài đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo trở về với Chúa và làm phép rửa tội cho họ. Đối với Thánh Guriy, Varsonofi dành tình yêu chân thành và luôn vâng phục ngài trong mọi việc.

Từ Kazan, Thánh Varsonofi được triệu tập đến ngôi tòa giám mục tại Tver[6740] . Tại đây, với tư cách là vị mục tử nhân từ chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô, ngài đặc biệt dấn thân vào đời sống tu hành và luôn dành thời gian cho việc ăn chay, cầu nguyện, khóc lóc và thức trắng đêm cầu nguyện. Ngài đã chữa lành cho nhiều người bệnh, vì ngài cũng am hiểu về y học; nhưng ngài không bao giờ nhận tiền công từ ai cả, mà chữa trị miễn phí; đặc biệt, ngài nổi tiếng vì đã chữa lành những đam mê trong tâm hồn, mà ngài đã chữa lành nhờ ân sủng của Thánh Thần. Ngài cũng không bỏ qua công việc thủ công, và công việc thường ngày của ngài là may mũ tu sĩ, những chiếc mũ này ngài phân phát cho các tu sĩ trong cộng đoàn, đồng thời xin họ cầu nguyện cho ngài trước mặt Thiên Chúa.

---

lực, bất chấp mọi khó khăn và bất mãn, *'những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì so với vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng* ta' (Rô-ma 9:18).

[6733] Skhima – việc tiếp nhận hình ảnh vĩ đại của các Thiên thần, khima vĩ đại, đời sống khima – là sự tách biệt hoàn hảo khỏi thế gian, là khát khao mãnh liệt được giải thoát khỏi thế gian và ở cùng Chúa Kitô. (Phil. 1:23). (Skhima – từ Hy Lạp, có nghĩa là hình ảnh, dáng vẻ, phẩm trật).

[6734] Được thành lập bởi Thánh Varsonofi vào năm 1556, người cũng chính là vị tu viện trưởng đầu tiên của tu viện này.

[6735] Serpukhov – một thị trấn cấp huyện thuộc tỉnh Moscow.

[6736] Crimea – bán đảo ở phía nam của phần châu Âu thuộc Nga. Nơi đây bị người Tatar chinh phục vào năm 1237, và vào năm 1783 bị người Nga chinh phục.

[6737] Tu viện Andronikov hay còn gọi là "Spaso-Androniev" tọa lạc bên bờ sông Yauza tại Moscow. Tu viện được thành lập vào khoảng năm 1360 nhờ sự bảo trợ của Thánh Tổng Giám mục Alexius và công lao của Thánh Andronik, đệ tử của Thánh Sergius.

[6738] Tu viện Pesenoshsky (hay Peshnoshsky) Nikolaevsky-Methodius nằm cách thành phố Dmitrov, tỉnh Moskva, 26 verst – tại nơi con sông Peshnosh đổ vào sông Yakhroma. Tu viện được thành lập vào năm 1301 bởi vị thánh tử đạo Mefodiy, đệ tử của Thánh Sergius Radonezhsky, người cũng là vị tu viện trưởng đầu tiên tại đây. – Vị thánh tử đạo Varsonofy được bổ nhiệm làm tu viện trưởng tu viện Peshnosh vào năm 1544.

[6739] Năm 1555, Thánh Varsonofi được bổ nhiệm làm Archimandrite tại Kazan, và ngài đã lên đường đến đó cùng với Thánh Guri.

[6740] Thánh Varsonofi được bổ nhiệm làm Giám mục Tver vào năm 1567; ngài được Tổng Giám mục Moskva Philip phong chức.

Khi vị thánh đã bước vào tuổi già, ngài rời bỏ đoàn chiên của mình và lại chuyển về tu viện do chính ngài thành lập, nằm tại thành phố Kazan. Tại đây, ngài đã nhận lễ tu sĩ cao cấp. Mặc dù đã cao tuổi và sức khỏe suy yếu trầm trọng, ngài vẫn không thay đổi các quy tắc của đời sống tu hành; và khi vì tuổi già mà không thể tự mình cử hành Thánh lễ, ngài đã xin các môn đệ đưa ngài đến nhà thờ. Khi ngài hoàn toàn kiệt sức và cảm nhận được sự ra đi của mình khỏi cõi đời này, ngài đã rước Mình Thánh Chúa và an nghỉ trong Chúa vào ngày 11 tháng 4 năm 1576, và được an táng ngay tại tu viện đó, gần Thánh Guri.

32 năm sau khi Thánh Guri qua đời và 20 năm kể từ khi Thánh Varsonofi qua đời, theo lệnh của Sa hoàng Feodor Ioannovich, người ta bắt đầu xây dựng một nhà thờ bằng đá thay thế cho nhà thờ gỗ cũ tại chính nơi đó, để tôn vinh Lễ Biến Hình của Chúa. Khi bắt đầu đào hào và khai quật được mộ của các thánh Guri và Varsonofi – vào ngày 4 tháng 10 năm 1596 – thì họ đã báo tin này cho Tổng Giám mục Hermogenes[6741] , người lúc bấy giờ là Tổng Giám mục Kazan. Đức Tổng Giám mục, sau khi cử hành Thánh lễ và nghi thức cầu hồn, đã đến tu viện cùng toàn thể Hội đồng Thánh chức. Khi mở quan tài của Thánh Guri, họ thấy bên trong tràn ngập dầu thơm; chỉ có phần trên của đôi môi bị phân hủy một chút, ngay cả áo lễ của vị thánh cũng còn nguyên vẹn và trông còn chắc chắn hơn cả áo mới. Tương tự như vậy, họ mở quan tài của Thánh Varsonofi và cũng thấy di cốt của ngài còn nguyên vẹn và không bị hư nát, giống như di cốt của Thánh Guri; sự phân hủy chỉ ảnh hưởng đến đôi chân của vị thánh, nhưng không làm hỏng xương, vốn vẫn rất chắc chắn. Các di cốt thiêng liêng của các vị thánh đã được chuyển từ những quan tài đó sang những hòm thánh mới và, trong tiếng hát của các bài thánh ca tưởng niệm, được đặt trên mặt đất để tất cả những ai đến viếng đều có thể nhìn thấy và kính cẩn chạm vào chúng với lòng tin. Tin này đã được thông báo bằng thư gửi đến Sa hoàng Feodor Ioannovich và Đức Thượng phụ Iov[6742] . Sa hoàng đạo đức và Đức Thượng phụ chí thánh, toàn thể Hội đồng Hoàng gia cùng đông đảo dân chúng, khi biết tin này, đã ngợi khen Thiên Chúa, Đấng tôn vinh các thánh của Ngài. Vị hoàng đế đạo đức đã ra lệnh lưu giữ các di cốt thánh thiêng và có nhiều ân sủng của các vị thánh trong một gian phụ đặc biệt, ở phía nam bàn thờ của nhà thờ chính, nơi này, vì thánh tích này, đã sớm được trang hoàng lộng lẫy. Trong gian thờ phụ này, khi nó được hoàn thành, di cốt của các vị thánh được an nghỉ trong những hòm thánh mới nói trên[6743] , ban phát sự chữa lành cho các tín hữu để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi, bây giờ và mãi mãi. Amen.

Bài thánh ca của các thánh Guri và Varsonofi, giọng 3:

Những vị thầy đầu tiên của thành Kazan, trước đây còn chìm trong bóng tối, nay đã được soi sáng và mới được khai sáng; những người đầu tiên rao giảng con đường cứu rỗi; những người bảo vệ chân chính các truyền thống tông đồ; những cột trụ vững chắc; những bậc thầy về đức tin; và những người hướng dẫn về Chính Thống Giáo, Guri và Varsonofi, xin cầu nguyện cùng Chúa Tể muôn loài, ban bình an cho toàn vũ trụ, và ban ân sủng lớn lao cho linh hồn chúng con.

Bài ca tôn vinh Varsonofi, giọng 6:

Bằng sự kiêng khem, ngài đã khiến thân xác phục tùng Thánh Thần, và đã biến linh hồn thành giống như thiên thần: vì lý do này, ngài được tôn vinh với phẩm trật thánh chức, và đứng trước Đấng Tinh Khiết Nhất với sự

[6741] Năm 1589, Hermogenes được tấn phong làm Tổng giám mục Kazan. Tại Kazan, ngài đã thể hiện sự tận tụy lớn lao trong công cuộc dẫn dắt các dân tộc thiểu số địa phương trở lại đạo Chính thống. Năm 1606, dưới triều đại của Sa hoàng Vasili Shuysky, Hermogenes được phong làm Thượng phụ Toàn Nga. Vì đã chống lại người Ba Lan và các quý tộc nổi loạn, ngài bị giam cầm khắc nghiệt tại Tu viện Chudov và qua đời vì đói tại đó vào ngày 17 tháng 2 năm 1612. – Trong thời gian giữ chức Tổng giám mục Kazan, Hermogenes đã soạn thảo cuốn tiểu sử chi tiết về các thánh Guriy và Varsonofiy.

[6742] Iov – vị Tổng Giám mục Toàn Nga đầu tiên kể từ năm 1589. Theo lệnh của Dê-mi-tri giả, năm 1605, Iov bị tước chức Tổng Giám mục; ngài qua đời vào năm 1607.

[6743] Xác thánh của các Thánh Guri và Varsonofi đã được an táng trong một nhà nguyện nhỏ của nhà thờ mới, được xây dựng để tôn vinh các vị thánh này, cho đến khi Tổng giám mục Matfei chuyển chúng vào năm 1630 từ Tu viện Preobrazhenskaya đến Nhà thờ Chính tòa Truyền Tin. Lễ rước được cử hành long trọng vào ngày 20 tháng Sáu. Sau đó, di cốt thánh được chuyển từ quan tài gỗ sang quan tài bạc. Có một nghi thức thánh lễ dành cho Thánh Guri và Thánh Varsonofi: nghi thức này (xem Sách Lễ Minea ngày 4 tháng Mười) do Thánh Dimitri Rostovski soạn thảo.

tinh khiết tuyệt đối. Hãy cầu xin Đức Kitô, Thiên Chúa, hỡi vị thánh, cứu độ Hoàng đế toàn năng của chúng con, Đấng gìn giữ đức tin, và dân của ngài, hỡi vị thánh, để tất cả chúng con cùng kêu lên với ngài: Hãy vui mừng, hỡi Cha Varsonofi đáng kính, niềm tự hào và sự củng cố của thành Kazan chúng con.

Bài ca Kondak của Thánh Guriy, giọng 4:

Ngài đã chiến thắng những dục vọng trần tục, tỏa sáng như mặt trời bởi sự trong sạch, giữ gìn đời sống thanh khiết cho đến cuối cùng, và đã dẫn dắt nhiều người từ sự vô tín đến đức tin nơi Chúa Kitô; vì thế, Ngài đã được Thiên Chúa tôn vinh bằng sự bất hủ, và chúng con kinh ngạc trước những phép lạ của Ngài. Chúng con cầu xin ngài, Thánh Guriy, xin ngài cầu thay cho chúng con thoát khỏi mọi tai ương, để chúng con có thể kêu lên: "Hãy vui mừng, Cha đáng kính, niềm vinh quang và sự củng cố của thành Kazan."

Lễ kính Thánh Tử đạo Ierophei, Giám mục Athens

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 10

Thánh Ierophê là một trong những thành viên hoặc cố vấn của Areopagus. Ngài đã được Thánh Tông đồ Phaolô dẫn dắt vào đạo Kitô và chính ngài đã được phong làm giám mục thành Athens. Khi cùng các Tông đồ tham dự lễ an táng Đức Mẹ Thiên Chúa, Thánh Ierophei đã hát những bài thánh ca thiêng liêng khi tiễn đưa thi hài tinh khiết của Đức Mẹ Thiên Chúa vào quan tài, đến nỗi tất cả những ai nghe và thấy điều đó đều công nhận ngài là một người công chính và thánh thiện. Sau khi sống một cuộc đời đạo đức, xứng đáng với một vị thánh, và làm đẹp lòng Thiên Chúa bằng lối sống cùng việc chăn dắt đoàn chiên một cách tốt lành, Thánh Hierotheos đã qua đời một cách tử đạo vào thế kỷ I sau Công nguyên.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Chúng con ngợi khen ngài, vị Thượng phụ của Athens, vì ngài đã được dạy dỗ những điều huyền bí và không thể diễn tả: quả thật, ngài là vị ca ngợi Thiên Chúa được ân sủng. Nhưng xin ngài, thánh Hierotheos toàn phúc, cầu thay cho chúng con được giải thoát khỏi mọi sự sa ngã, để chúng con có thể kêu lên: "Vui mừng đi, Cha khôn ngoan của Thiên Chúa."

Cuộc đời của Thánh Ammon

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 10

Thánh Ammon, vị cha đáng kính của chúng ta, là người gốc Ai Cập. Mặc dù còn rất nhỏ đã mồ côi cha mẹ, nhưng ngài được nuôi dưỡng trong sự kính sợ Thiên Chúa và từ thuở thiếu thời đã có lòng yêu mến việc đọc các sách Thánh. Khi Ammon đến tuổi trưởng thành, người chú bắt đầu ép ngài phải kết hôn. Vì coi trọng đời sống độc thân hơn hôn nhân, nhưng đồng thời cũng muốn tuân theo ý muốn của chú, Ammon bắt đầu suy ngẫm làm thế nào để có thể hòa hợp giữa đời sống độc thân và đời sống hôn nhân. Và vào ngày cưới, khi ông cùng cô dâu được dẫn vào phòng tân hôn và mọi người đã ra ngoài, ông đóng cửa lại rồi nói với cô dâu:

– Hãy nghe tôi đây, chị ơi, và hãy đồng ý với những gì tôi sắp nói: cuộc hôn nhân mà chúng ta vừa bước vào chẳng tốt hơn sự trinh tiết chút nào; vì vậy, chúng ta sẽ làm điều đúng đắn nếu ngủ riêng biệt với nhau, để vừa giữ được sự trinh tiết, vừa làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Nói xong, anh lấy cuốn sách mà anh cất giấu dưới áo, ngay trên ngực, ra và bắt đầu đọc cho cô gái – người chưa từng biết Kinh Thánh – nghe những lời cứu rỗi của giáo lý thiêng liêng, như thể thay mặt cho Chúa Kitô và các Tông đồ. Bên cạnh những gì đã đọc, nhờ ân sủng Thiên Chúa ban cho, ngài còn bổ sung những lời dạy dỗ của riêng mình, và khuyên cô sống một cuộc đời trong sạch, giống như các Thiên thần. Cô gái, cảm động, nói:

– Thưa ngài! Tôi đồng ý với tất cả những gì ngài nói, và vì ngài ưa chuộng cuộc sống trinh khiết, nên tôi cũng mong muốn điều đó và sẵn lòng làm theo mọi điều ngài truyền dạy.

Lúc đó, Ammon nói:

– Tôi muốn chúng ta sống tách biệt: cô ở một ngôi nhà, còn tôi ở một ngôi nhà khác.

Nhưng cô gái, không muốn sự chia ly như vậy, đã nói:

– Không, thưa ngài, chúng ta sẽ sống trong cùng một ngôi nhà, nhưng ngủ riêng.

Vậy là họ bắt đầu sống cuộc đời trinh khiết. Cuộc hôn nhân của họ giống như một khu vườn, nở rộ những bông hoa huệ của sự trinh khiết, được bao bọc bởi sự tiết độ và được làm mát bởi sương mai của Thánh Thần. Trong cuộc hôn nhân ấy, họ đã sống nhiều năm, dành thời gian cho những việc làm cao cả – nhịn ăn, kiêng khem, thức đêm cầu nguyện, và lao động chân tay. Cô gái làm việc và lo việc nhà, còn Ammon thì hàng ngày làm kiệt sức thân xác mình, làm việc cả ngày trong khu vườn của mình. Khi về nhà vào buổi tối, ông cùng người vợ – hay đúng hơn là người chị em – của mình dùng chút bánh mì; đến nửa đêm, cả hai cùng thức dậy để cầu nguyện, còn sáng sớm, Ammon lại ra ngoài làm việc và lao động cho đến tối. Vậy là hai người này, trong những năm tháng trẻ trung, dù sống giữa ngọn lửa như thể vậy, vẫn không bị thiêu rụi: bởi vì họ đã vượt qua mọi ham muốn xác thịt trong chính mình. Họ đã sống cuộc đời chung như vậy trong mười tám năm và đạt đến sự trong sạch và thánh thiện hoàn hảo. Và rồi một ngày nọ, cô gái nói với Ammon:

– Thưa ngài! Em muốn nói với ngài một điều, và nếu ngài lắng nghe em, thì em sẽ hiểu rằng ngài thực sự yêu em vì Chúa.

Anh đáp lại:

– Hãy nói đi, chị em, và nếu điều đó có ích, tôi sẽ lắng nghe chị.

Lúc đó, cô gái nói:

– Thưa ngài, sẽ thích hợp hơn nếu chúng ta sống riêng rẽ, vì ngài là người thánh thiện, chính trực và trong sạch, còn tôi, trong khả năng của mình, sẽ noi gương lối sống của ngài; để người khác cũng được hưởng lợi từ chúng ta; chúng ta hãy sống riêng rẽ: sẽ không hay nếu đức hạnh vĩ đại của ngài, vì sống chung với tôi, mà bị che giấu khỏi những người có thể học hỏi và noi gương sự trong sạch của ngài.

Nghe vậy, Ammon ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã hướng lòng cô gái về cuộc sống riêng rẽ, điều mà anh đã mong muốn từ lâu. Rồi anh nói với cô gái:

– Chị em của tôi ơi! Nếu chị thấy điều này phù hợp, thì chúng ta sẽ không ở chung nữa: chị hãy ở lại ngôi nhà này, còn tôi sẽ đi đến một nơi khác.

Sau khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời, họ chia tay nhau: Ammon lên núi Nitria[6744] và trở thành một tu sĩ, còn người vợ giả của ông, sau khi ở lại trong nhà mình, chẳng bao lâu sau đã tập hợp được nhiều thiếu nữ và dâng họ cho Đấng Christ, còn bản thân bà thì trở thành nữ tu viện trưởng của họ.

Sau khi định cư trên núi Nitria, Ammon bắt đầu sống cuộc đời ẩn tu, lao động và tu hành vì Chúa, Đấng mà ông phục vụ ngày đêm với tất cả nhiệt huyết của tâm hồn. Ông đã sống hai mươi hai năm trong sa mạc và đạt đến sự hoàn hảo trong đời sống tu sĩ. Chúa đã tôn vinh vị thánh nhân của Ngài bằng cách ban cho ngài ân sủng chữa lành, và vị thánh đã chữa lành đủ loại bệnh tật cho những người đến với ngài.

Một lần, có một cậu bé bị chó dại cắn được đưa đến gặp ngài. Trong những cơn điên loạn, cậu bé cắn vào chính cơ thể mình. Cha mẹ cậu bé quỳ sấp xuống dưới chân Thánh Ammon, cầu xin ngài chữa lành cho con trai họ. Nhưng vị thánh nói với họ:

– Sao các ngươi lại làm phiền ta, xin ta điều vượt quá khả năng của ta? Cả bệnh tật lẫn sự chữa lành của cậu bé đều nằm trong tay các ngươi, bởi vì các ngươi đã trộm con bò của góa phụ (thánh nhân gọi tên bà ấy) rồi lén giết và ăn thịt nó; vì vậy, hãy trả lại cho bà ấy con bò còn sống, thì con trai các ngươi sẽ được chữa lành.

Cha mẹ của cậu bé bị quỷ ám, khi nghe điều này, đã kinh hoàng vì vị thánh biết được bí mật của họ; họ đã thú nhận tội lỗi của mình và thề sẽ trả lại những gì đã lấy cắp. Lúc đó, vị thánh, sau khi cầu nguyện, đã chữa lành cho cậu thiếu niên và cho họ ra về trong bình an. Còn họ, khi vui mừng trở về nhà, ngay lập tức đã trao cho bà góa một con bò khác, thay thế cho con bò mà họ đã giết.

Một lần khác, có hai người đến gặp vị thánh để xin phước lành. Vị thánh yêu cầu họ mang nước về cho những người đến thăm ngài, vì một trong hai người có lạc đà, còn người kia có lừa. Họ lấy một cái bình lớn rồi lên núi lấy nước. Khi đã đổ đầy nước vào bình, một trong hai người, người có lạc đà, nói:

– Chiếc bình to quá, núi lại cao, nên tôi không muốn làm con lạc đà của mình kiệt sức vì gánh nặng này.

[6744] Núi Nitria nằm ở Hạ Ai Cập, cách thành phố Alexandria 70 dặm.

Và, bỏ lại người bạn đồng hành, anh ta đi theo con đường của mình, không quay lại gặp vị thánh. Người còn lại thì chất nước lên lưng con lừa của mình và với rất nhiều khó khăn, anh ta mới đưa được nước lên núi đến chỗ vị thánh. Thấy anh ta, vị thánh nói:

– Hỡi con ơi! Cầu Chúa ban phước lành cho con vì công lao của con. Hãy biết rằng người bạn đồng hành của con, người đã từ chối mang nước đến để đáp ứng nhu cầu của chúng ta, hiện đang gặp hoạn nạn, vì đã mất con lạc đà của mình.

Sau đó, người này đi tìm người bạn của mình và thấy anh ta đang khóc, vì con lạc đà của anh ta đã bị bầy sói ăn thịt.

Thánh Athanasius thành Alexandria đã nhắc đến vị tu sĩ Ammon này trong cuốn tiểu sử về Thánh Antony, nơi ngài viết về ông như sau.

Một lần nọ, vị thánh Ammon đang đi cùng Theodorus, một môn đệ của Thánh Antony. Khi họ phải băng qua một con sông lớn tên là Lycos[6745] , và để làm điều đó, họ phải cởi bỏ quần áo, thì Ammon đã xin Theodorus lùi lại một chút để họ không nhìn thấy sự trần truồng của nhau. Khi hai người đã tách ra, Ammon bắt đầu suy ngẫm làm thế nào để vượt qua con sông mà không cần cởi bỏ quần áo, bởi ngài là người khiết tịnh và khiêm nhường đến mức thậm chí còn xấu hổ trước sự trần truồng của chính mình, và suốt cả cuộc đời ngài chưa bao giờ để lộ thân thể. Khi anh đang suy nghĩ về điều này, Thiên thần của Chúa đã cất anh lên, đưa anh qua sông và trong chớp mắt đã đặt anh xuống bờ bên kia. Còn Theodor thì phải rất vất vả mới bơi qua được con sông. Thấy Ammon đang đứng bên kia bờ, ông ngạc nhiên vì sao người ấy lại vượt qua con sông chảy xiết như vậy một cách nhanh chóng; khi nhận thấy quần áo của Ammon hoàn toàn khô ráo, ông càng kinh ngạc hơn và quỳ xuống dưới chân vị thánh, xin ông giải thích làm thế nào mà ông có thể vượt qua dòng nước xiết của con sông. Bị bạn mình nài nỉ, Ammon tiết lộ rằng ông đã được một Thiên thần đưa qua. Đồng thời, ông cấm người bạn không được nói chuyện này với ai khác cho đến khi chính ông, Ammon, rời khỏi cõi đời này. Khi đến gặp Thánh Antôn, vị tu sĩ đã nghe ngài nói những lời sau:

– Thiên Chúa đã mặc khải cho tôi ngày ngươi qua đời. Vì thế, ta đã mời ngươi đến để cùng nhau trò chuyện trong niềm vui, trước khi ngươi về với Thiên Chúa: chúng ta hãy cầu nguyện cho nhau.

Sau khi dành thời gian trò chuyện lâu dài với nhau, họ đã nhận được sự an ủi từ Thánh Thần, và Ammon, sau khi nhận lời chúc phúc, đã rời khỏi Thánh Antôn.

Và chỉ vài ngày sau, Thánh Antôn Cả, khi đang ngồi trên ngọn đồi, ngước mắt lên trời và thấy linh hồn của Ammon đang được các Thiên thần rước lên trời trong niềm vui sướng. Thấy điều đó, Thánh Antôn vô cùng vui mừng; lúc đó, các môn đệ hỏi ngài:

– Thưa Cha, lý do gì khiến Cha vui mừng như vậy?

Ngài đáp:

– Hôm nay, Abba Ammon đã qua đời, và con thấy linh hồn thánh thiện của ngài đang được các Thiên thần đưa lên trời.

Các môn đệ đã ghi nhớ ngày mà Thánh Antôn nói với họ về việc Thánh Ammon qua đời. Vài ngày sau, các tu sĩ từ Nitria[6746] đến và báo tin rằng Thánh Ammon đã về với Chúa[6747] . Sau khi tính toán số ngày, các môn đệ của Thánh Antôn nhận ra rằng Ammon đã về với Chúa chính vào ngày mà Thánh Antôn nhìn thấy linh hồn ngài được các Thiên thần đưa lên trời, và họ đã ngợi khen Thiên Chúa.

Cuộc đời của vị thánh cha của chúng ta, Phaolô Preprosty

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 10

Thánh Phaolô này là một nông dân trong một làng nọ. Ông là người ít học, nhưng tâm hồn rất đơn sơ và không hề ác ý. Ông kết hôn với một người phụ nữ có khuôn mặt xinh đẹp, nhưng tâm hồn và hành vi lại xấu xa; trong một thời gian dài, bà ta đã lén lút ngoại tình sau lưng chồng. Một lần, khi trở về nhà sau giờ làm việc, Phaolô bắt gặp vợ mình đang ở cùng người đàn ông khác. Lúc đó, ông mỉm cười nhẹ và nói với người ngoại tình ấy:

[6745] Đây là tên gọi khá phổ biến dành cho các con sông chảy xiết.

[6746] Tức là từ sa mạc Nitria, nơi Thánh Ammon đã tu hành.

[6747] Thánh Ammon đã an nghỉ trong Chúa vào khoảng năm 350. – Thánh Ammon đã viết 19 “chương khuyên răn”, chứa đựng sự khôn ngoan thiêng liêng từ kinh nghiệm thực tiễn.

– Được rồi, được rồi! Tôi hoàn toàn không để ý đến chuyện này. Tôi xin thề trước Chúa Giêsu Kitô rằng tôi không muốn sống với cô ta nữa. Giờ thì anh đã có cô ta, vậy thì hãy lo nuôi con cái đi, còn tôi sẽ ra đi và trở thành tu sĩ.

Và ngay lập tức, bỏ lại tất cả, Pavel rời khỏi nhà; anh không nói gì với ai cả, cũng không trách mắng người vợ bất chính của mình dù chỉ một chút, mà lặng lẽ đi vào sa mạc. Tại đó, anh đến gặp Thánh Antony Đại Đế[6748] , và gõ cửa phòng tu của ngài. Antony hỏi anh:

– Ngươi muốn gì?

Pavel trả lời:

– Tôi muốn trở thành tu sĩ.

Thánh Antôn thấy ông đã cao tuổi, bèn nói với ông:

– Ông già ơi, ông đã gần 60 tuổi rồi, – ông không thể trở thành tu sĩ được; hãy quay trở lại làng và tiếp tục công việc của mình, cảm tạ Chúa; vì ông sẽ không thể chịu đựng được những vất vả của đời sống ẩn tu và những cám dỗ.

Nhưng Pavel đáp lại:

– Thưa Cha! Con sẵn sàng làm tất cả những gì Cha truyền dạy.

Còn Thánh Antôn, không để ý đến lời ông, nói:

– Ta đã nói với ngươi rồi, ngươi đã già và không thể làm tu sĩ được nữa. Hãy rời khỏi đây đi. Còn nếu ngươi muốn làm tu sĩ, thì hãy đến tu viện, nơi có nhiều anh em có thể chịu đựng những yếu đuối của ngươi; còn ta sống một mình ở đây và năm ngày liền không ăn gì cả; vì vậy ngươi không thể sống cùng ta được.

Nói xong, Antôn đóng cửa lại và ba ngày liền không ra khỏi phòng tu của mình. Nhưng vị lão tu vẫn ở lại gần phòng tu suốt thời gian đó, không đi đâu cả. Đến ngày thứ tư, Antôn mở cửa ra và lại thấy Phaolô; để buộc ông ta phải rời đi, ông nói:

– Hãy đi khỏi đây đi, vị tu sĩ già. Sao ông lại làm phiền tôi? Tôi đã nói với ông là ông không thể ở lại đây.

– Tôi thà chết ở đây còn hơn là đi, – vị tu sĩ già đáp lại.

Antonius, thấy vị tu sĩ già không có bánh mì cũng chẳng có nước, và đã bốn ngày liền không ăn gì, bèn thầm nghĩ: "Vị tu sĩ già này, vốn không quen nhịn ăn lâu như vậy, có thể sẽ chết vì đói, và tôi sẽ phải gánh tội lỗi vì ông ấy." Vì thế, ông đồng ý cho ông ấy ở lại và nói:

– Ông có thể được cứu rỗi nếu ông vâng lời và làm theo những gì tôi ra lệnh cho ông.

Phaolô đáp:

– Thưa Cha, con sẵn sàng làm theo mọi điều Cha bảo con.

Còn Antôn, để thử lòng ông, bèn nói:

– Hãy đứng lại và cầu nguyện tại chỗ này cho đến khi ta quay lại và mang đến cho con những gì con cần phải thực hành.

Sau khi để Phaolô lại, Antôn đi vào hang động.

Suốt một tuần liền, ông không ra gặp anh, nhưng lén lút quan sát anh qua cửa sổ và thấy anh đứng bất động ngày đêm tại một chỗ trong suốt thời gian đó.

Lúc đó, sau khi bước ra khỏi phòng tu, Anthony mang đến cho vị tu sĩ già những cành cây chà là, nhúng chúng vào nước rồi nói với ông:

– Thưa vị trưởng lão, xin hãy đan dây thừng giống như cách con đang đan vậy.

Và Phaolô đã đan sợi dây cho đến giờ thứ chín, và với rất nhiều khó khăn, ông đã đan được mười lăm laket[6749] . Còn Antôn, sau khi xem xét thành quả, đã nói:

– Ông đan chưa tốt, hãy tháo ra và đan lại đi.

[6748] Thánh Antôn Cả, người sáng lập đầu tiên của đời sống tu hành, gốc Ai Cập, đã tu hành trên bờ đông sông Nile, gần Thebes. Tại đó, mặc áo lông cừu, chỉ ăn cỏ và rễ cây, ngài đã sống 20 năm trong ẩn dật, không ai biết đến, trong lao động và cầu nguyện không ngừng, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, ngài đã chiến thắng tinh thần cám dỗ, vốn luôn quấy rầy ngài bằng những cám dỗ và nỗi sợ hãi. Cuối cùng, cuộc sống thánh thiện và những phép lạ đã thu hút nhiều người tu hành đến với Thánh Antôn trong sa mạc; họ định cư gần ngài và lấy các quy tắc do Thánh Antôn đề ra làm mẫu mực cho cuộc sống, và đó chính là khởi đầu của đời sống tu hành. Thánh Antôn qua đời ở tuổi 105, vào năm 356. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 17 tháng 1.

[6749] "Lakot" hoặc "lokot" là đơn vị đo chiều dài, tương đương 10,5 vershok (khoảng nửa mét).

Đã là ngày thứ bảy rồi mà ông ta vẫn không cho anh ta ăn gì cả. Tuy nhiên, Antony làm tất cả những điều này nhằm mục đích đẩy Pavel ra xa mình, vì ông ta nghĩ rằng anh ta sẽ bỏ đi, không chịu nổi thử thách. Nhưng Phaolô vẫn tiếp tục, dù rất vất vả, tháo sợi dây ra rồi đan lại; và dù anh có đói đến đâu, anh cũng không hề buồn bã hay than vãn. Lúc đó, Thánh Antôn động lòng thương xót anh – và khi mặt trời đã sắp lặn, ngài nói với Phaolô:

– Thưa cha, cha có muốn ăn một chút bánh mì không?

– Tùy cha muốn, thưa cha, – Pavel đáp.

Antoni cảm động trước những lời của Phaolô, người dù đang chịu đói nhưng không vội vàng tìm cách xoa dịu cơn đói bằng bánh mì, mà hoàn toàn phó thác cho ý muốn của Antoni.

Họ ăn một ít bánh mì với nước, rồi đứng dậy khỏi bàn ăn và tạ ơn Chúa.

Thánh Antôn cũng thử thách Phaolô trong việc cầu nguyện, khi cả đêm không ngủ và hát Thánh vịnh kèm theo nhiều lần cúi đầu, nhưng ngay cả trong việc này, Phaolô vẫn tỏ ra kiên nhẫn và tỉnh táo.

Một lần, khi họ đang dùng bữa, Thánh Antôn bảo Phaolô ăn nhiều hơn phần của chính mình, vì ngài thương xót anh, vì anh vẫn chưa quen với việc ăn chay nghiêm ngặt.

Nhưng Phaolô đáp lại:

– Nếu cha ăn thêm, thì con cũng sẽ ăn.

– Con đã no rồi, – Thánh Antôn nói, – vì con là tu sĩ.

Còn Phaolô đáp lại:

– Con cũng đủ rồi, vì con cũng muốn trở thành tu sĩ.

Và Phaolô luôn tuân theo mọi điều mà Antôn truyền dạy.

Một lần, Antôn ra lệnh cho Phaolô may áo cho mình; khi Phaolô may xong, Antôn nói:

– Cậu may chưa tốt, – hãy tháo chỉ ra và may lại đi.

Và ông lại ra lệnh tháo bộ quần áo mới may ra và may lại từ đầu.

Thánh Antôn làm tất cả những điều này để thử thách lòng kiên nhẫn và sự vâng lời của Phaolô. Còn Phaolô thì không hề phàn nàn gì về điều đó, mà với lòng nhiệt thành và sự siêng năng, anh đã tuân theo mọi mệnh lệnh của Thánh Antôn.

Cuối cùng, Anthony đã tin tưởng vào khả năng sống đời ẩn tu của Paul và nói với anh ta:

– Này, giờ đây ngươi đã trở thành một tu sĩ nhân danh Chúa Giê-su.

Và Antôn ra lệnh cho anh sống một mình, đồng thời dựng cho anh một căn phòng cách phòng của mình bốn lần ném đá[6750] . Và thánh Phaolô đã ở gần thánh Antôn trong căn phòng riêng biệt đó, ngày đêm miệt mài thực hành các việc tu hành; nhờ đó, ngài đã nhận được từ Thiên Chúa quyền năng trên các thần ô uế, để trừ tà và chữa lành các bệnh tật.

Một lần, có một thanh niên bị ám bởi một linh hồn ô uế, rất độc ác và mạnh mẽ, một trong những chúa tể của bóng tối, người đã phỉ báng Thiên Chúa, được đưa đến gặp Thánh Antôn.

Nhưng Thánh Antôn nói:

– Việc này không thuộc về tôi, vì tôi chưa được Thiên Chúa ban cho quyền năng trên những quỷ dữ mạnh nhất, nhưng Phaolô, người rất khiêm nhường, lại có ân sủng này. Rồi ngài dẫn chàng trai đến gặp Phaolô và nói với ông:

– Thưa Abba Phaolô! Xin hãy trừ tà linh ra khỏi chàng trai này, để chàng có thể trở về nhà trong tình trạng khỏe mạnh, ngợi khen Đức Chúa Trời.

Nhưng Phaolô nói:

– Còn cha, tại sao cha lại không trừ nó đi?

Antonius đáp:

– Tôi có một việc khẩn cấp nên mới đưa cậu ấy đến gặp ngài.

Và, để lại chàng trai bị quỷ ám cùng Phaolô, Antôn ra về. Còn Phaolô, sau khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời, đã nói với con quỷ:

– Hỡi ma quỷ! Thầy Antôn ra lệnh cho ngươi phải ra khỏi người này.

Quỷ Satan đáp lại bằng những lời chửi rủa:

[6750] Tức là khoảng cách từ phòng tu của mình đến nơi mà người ta có thể ném một hòn đá qua được bốn lần.

– Ta sẽ không ra đâu, lão già độc ác và dối trá kia. Lúc đó, Phaolô cầm lấy tấm da mà mình đang mặc, bắt đầu đánh nó và nói:

– Hãy ra đi, – đó là mệnh lệnh của Thánh Antôn dành cho ngươi.

Nhưng quỷ dữ không chịu ra. Lúc đó, Pavel nói:

– Hoặc là ngươi ra đi, hoặc là ta sẽ cầu nguyện với Chúa Kitô và ngươi sẽ gặp họa.

Nhưng con quỷ, trong khi phỉ báng Chúa Kitô, nói:

– Ta sẽ không ra.

Lúc đó, Phaolô nổi giận với con quỷ, và vào giữa trưa, khi mặt trời ở Ai Cập thiêu đốt như lò lửa, ông leo lên tảng đá và đứng trên đó như một cột trụ bất động, kêu cầu Chúa Kitô:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng bị đóng đinh dưới thời Pontius Pilate! Ngài biết rằng con sẽ không xuống khỏi tảng đá này, dù có phải chết trên đó đi chăng nữa, và con sẽ không ăn bánh hay uống nước cho đến khi Ngài nghe lời con và đuổi con quỷ ra khỏi chàng trai này.

Khi ngài còn đang nói những lời ấy, con quỷ bắt đầu la hét:

– Ta ra đi, ta ra đi, và ta không biết mình sẽ ở đâu. Rồi khi ra khỏi cậu thiếu niên, con quỷ biến thành một con rắn khổng lồ, dài 70 khuỷu tay, và định cư ở Biển Đen[6751] . Như vậy, Thánh Phaolô đã chiến thắng ma quỷ bằng sự đơn sơ và khiêm nhường của mình; vì những con quỷ yếu nhất bị con người trừ khử bằng sức mạnh của đức tin, còn những chúa tể ma quỷ thì bị con người đánh bại bằng sức mạnh của sự khiêm nhường, như Thánh Phaolô này.

Thánh Phaolô còn có ân sủng của sự thấu thị. Một lần, khi bước vào một tu viện, ngài đứng trước nhà thờ, quan sát xem ai bước vào với tâm tư nào. Lúc đó đang là giờ kinh chiều, và mọi người đều bước vào nhà thờ với khuôn mặt rạng rỡ và tâm hồn thanh thản, và cùng với mỗi người trong số họ, Thiên Thần Bản Mệnh cũng bước vào với niềm vui. Tuy nhiên, có một tu sĩ bước vào nhà thờ với khuôn mặt u ám, tâm hồn đầy oán hận, bị bao vây bởi các quỷ dữ, mỗi con đều kéo anh ta về phía mình; còn Thiên Thần Hộ Mệnh của anh ta thì theo sau từ xa – trong sự chán nản và khóc lóc. Thấy cảnh ấy, vị thánh cảm thấy buồn bã và vô cùng thương xót cho người anh em đã lầm lạc; vì nỗi buồn quá lớn, Thánh Phaolô không vào nhà thờ, mà ngồi khóc bên ngoài. Khi thánh lễ kết thúc, tất cả các anh em đều ra về với vẻ mặt y như khi bước vào, và ánh sáng Thần thánh chiếu rọi trên họ. Thánh Phaolô cũng nhìn thấy người trước đây trông u ám; và kìa, khuôn mặt anh ta tỏa sáng như khuôn mặt của một Thiên Thần, ân sủng của Thánh Thần bao phủ anh ta, và Thiên Thần hộ mệnh vui vẻ nắm lấy tay anh ta; còn con quỷ thì khóc lóc từ xa và không dám đến gần anh ta dù chỉ một chút.

Thấy sự thay đổi nhanh chóng như vậy xảy ra với người anh em, vị thánh vui mừng, liền gọi anh ta lại, kể cho những người xung quanh nghe những gì mình đã thấy, rồi hỏi người anh em về lý do của sự thay đổi đột ngột đó.

Người anh em ấy, thấy mình bị vạch trần bởi sự mặc khải của Đức Chúa Trời trước mặt toàn thể dân chúng, đã kể hết mọi chuyện về bản thân:

– Tôi, – anh ta nói, – là một kẻ đầy tội lỗi: suốt nhiều năm qua cho đến ngày hôm nay, tôi đã sống trong sự vô luật pháp. Hôm nay khi bước vào nhà thờ, tôi nghe thấy người ta đọc sách của tiên tri Ê-sai, hay đúng hơn là chính Đức Chúa Trời, Đấng phán qua miệng tiên tri: *"Hãy tẩy rửa, hãy thanh tẩy; hãy loại bỏ những việc ác của các ngươi khỏi trước mặt Ta; hãy học làm điều thiện: và dù tội lỗi các ngươi có đỏ như son, Ta cũng sẽ làm cho trắng như tuyết"* (Ê-sai 1:16–18)[6752] . Nghe những lời ấy, tâm hồn tôi xúc động, đôi mắt thiêng liêng trong tôi bừng mở, và khi nhận ra sự gian ác và sự bất kính của mình, tôi đã thầm thĩ trong lòng với Đức Chúa Trời: "Lạy Chúa, Ngài đã đến thế gian để cứu rỗi những kẻ có tội, như Ngài đã phán cho con biết qua vị tiên tri của Ngài; xin hãy thực hiện điều này với con, kẻ có tội, trong thực tế. Vì từ nay trở đi, nhờ sự giúp đỡ của Ngài, con không chỉ hứa sẽ không làm điều ác nào cho ai, mà còn từ bỏ mọi sự vi phạm luật pháp và phụng sự Ngài, lạy Chúa, với lương tâm trong sạch; chỉ xin Ngài hãy nhận lấy con, kẻ đang ăn năn, và đừng từ chối con, kẻ đang quỳ gối trước Ngài. Với

---

[6751] Biển Đen, hay còn gọi là Biển Đỏ, là một eo biển dài và hẹp thuộc Ấn Độ Dương, ngăn cách bán đảo Ả Rập với Ai Cập và châu Á với châu Phi. Dưới sự dẫn dắt của Mô-sê, dân Do Thái đã băng qua biển này trên hành trình từ Ai Cập đến Đất Hứa, tức là Pa-lét-tin (Xuất Ê-díp-tô Ký 14:1–31).

[6752] ("Màu đỏ thẫm", tức là màu đỏ sẫm). Tức là Ta sẽ rửa sạch những vết nhơ tội lỗi khỏi các ngươi, thanh tẩy các ngươi hoàn toàn khỏi chúng (xem Thi Thiên 50:9). Đức Chúa Trời, bởi lòng thương xót của Ngài dành cho loài người, tha thứ tội lỗi cho họ, nhưng chỉ với điều kiện là họ phải ăn năn chân thành và sửa đổi lối sống.

những lời hứa ấy, – anh ta tiếp tục, – tôi bước ra khỏi nhà thờ, quyết tâm trong lòng sẽ không còn phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời nữa.

Nghe vậy, mọi người đều cùng cất tiếng ca ngợi Đức Chúa Trời, Đấng đón nhận mọi người quay về với Ngài trong sự ăn năn.

Thánh Phaolô thật sáng suốt, vì nhờ sự đơn sơ và lòng không ác ý của mình, ngài đã được tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa. Và ai lại có thể làm đẹp lòng Thiên Chúa hơn người không ác ý? *"Sự trong sạch và công chính,"* – Chúa phán qua miệng vị Thi sĩ – *"xin hãy bảo vệ con"* (Tv 24:21).

Vị Thánh đã sống trong sự đơn sơ thánh thiện của mình suốt nhiều năm và, sau khi thực hiện nhiều phép lạ, đã về với Chúa[6753] . Người từng là một người đơn sơ và ít học trên trần gian, nay đã trở thành bậc trí tuệ cao nhất trên thiên đàng, vượt trội hơn tất cả các nhà hiền triết của thế gian này, và cùng với các Thiên thần Cherubim đầy trí tuệ, ngài chiêm ngưỡng Đức Kitô, Sức Mạnh của Thiên Chúa và Trí Tuệ của Thiên Chúa. Vì sự khôn ngoan chân chính chính là ở chỗ kính sợ Thiên Chúa, và trong sự trong sạch của tâm hồn cùng lòng không ác ý, phụng sự Ngài và làm đẹp lòng Ngài.

Lạy Chúa, nhờ lời cầu nguyện của vị thánh được Chúa ưa chuộng, Phaolô người đơn sơ, xin ban cho chúng con sự khôn ngoan để tuân giữ các điều răn của Ngài. Xin cho chúng con lấy sự kính sợ Ngài làm khởi đầu của sự khôn ngoan, để nhờ lòng kính sợ Ngài, chúng con tránh xa tội lỗi, có thể làm điều thiện trước mặt Ngài và nhận được ân sủng của Ngài mãi mãi. Amen.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Gaia, Faustus, Eusebius và Herimon.

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 10

Các thánh này là môn đệ của Thánh Dionysius thành Alexandria. Các thánh Gaius và Faustus đã bị bách hại và chịu tử đạo cùng với vị thầy của mình. Còn Eusebius và Herimon, sau khi thánh Dionysius bị lưu đày, nhờ ơn Chúa, đã đến thăm những người bị giam cầm trong ngục tối, chôn cất thi thể các vị tử đạo và sống đến thời trị vì của hoàng đế Decius. Vì làm chứng cho đức tin vào Đức Kitô, các ngài đã phải chịu những cực hình tàn bạo, nhưng vẫn kiên định không lay chuyển. Các ngài đã dẫn dắt vô số người ngoại giáo đến với đức tin Kitô giáo và rửa tội cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần – một số thì bí mật, một số khác thì công khai. Sau đó, các ngài bị bắt, bị chém bằng gươm và đã dâng linh hồn phúc lành của mình lên Chúa[6754] .

Lễ kính Thánh Tử đạo Davikt và con gái ngài là Kallisthenia

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 10

Davikt[6755] này từng là tổng trấn thành Ephesus[6756] dưới triều đại hoàng đế Maximian; vì từ chối gả con gái mình cho vị hoàng đế ngoại đạo vô đạo, Davikt đã bị tước đoạt danh dự và của cải, bị đày đến Melitina[6757] và bị chém chết tại đó. Còn Callisthenia ban đầu ẩn náu tại Nicomedia, sau đó lui về Thrace[6758] và ở lại nhà một người phụ nữ, nhờ lời cầu nguyện của mình, bà đã chữa lành đôi mắt bị bệnh của con gái người phụ nữ ấy. Sau khi Maximian qua đời, Callisthenia trở về quê hương và đến gặp hoàng hậu Constance, vợ của hoàng đế Licinius, người là em gái của Thánh Constantine, Đấng Đồng Tông, và theo đạo Kitô. Tại đó, bà đã kể hết mọi chuyện về bản thân mình cho hoàng hậu nghe. Hoàng hậu đã tiếp đón bà một cách nồng hậu và giúp bà lấy lại tài sản của cha

---

[6753] Thánh Phaolô qua đời vào thế kỷ IV.

[6754] Faust, Eusebius và Herimon, theo lời chứng của chính vị thầy của họ là Thánh Dionysius, là các phó tế. Eusebius (nhà sử học Giáo hội) bổ sung rằng Eusebius, sau khi làm phó tế, đã trở thành giám mục tại Giáo hội Laodicea ở Syria, còn Faustus, một vị tu sĩ cao niên đáng kính, đã qua đời trong thời gian ngài còn sống với tư cách là một vị tử đạo, bị chém đầu. – Họ qua đời vào nửa sau của thế kỷ III.

[6755] Theo các di tích Hy Lạp, Davikt được gọi là Adavkt.

[6756] Ê-phê-sô – thành phố chính của tỉnh Á-si-a thuộc Tiểu Á; nằm bên sông Cai-sơ-trê. Hiện nay, trên địa điểm của thành phố cổ Ê-phê-sô là một ngôi làng Thổ Nhĩ Kỳ nghèo khó, có tên là Aysha Soluk.

[6757] Melitina – một vùng ở phía bắc Tiểu Armenia, gần sông Euphrates. Dưới thời hoàng đế Trajan (98–117), một thị trấn cùng tên với vùng này đã phát triển thành một thành phố lớn.

[6758] Thrace – một vùng thuộc Đế chế Byzantine, nằm ở phía đông bắc bán đảo Balkan.

mình, vốn đã bị Maximian tước đoạt. Sau khi nhận được tài sản này, Callisthenia đã phân phát hết cho người nghèo. Bà đã rước thi hài cha mình từ nơi bị giam cầm về Á Châu và xây dựng một nhà thờ để tưởng nhớ ngài. Bản thân bà, sau khi sống phần đời còn lại theo ý Chúa, đã an nghỉ trong bình an nơi Chúa.

Lễ kính Thánh Tử đạo Phêrô, Linh mục thành Capetolium

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 10

Thánh Phêrô sinh ra và lớn lên tại thành phố Capetolia[6759] ; ngài đã kết hôn và có ba người con, nổi tiếng về sự khôn ngoan và đã dẫn dắt nhiều người trở về con đường chân lý. Sau đó, ngài gia nhập đời tu và, trái với ý muốn của mình, được phong làm linh mục tại Bostria[6760] . Với tư cách là một nhà giảng dạy Kitô giáo, ngài bị người Agary bắt giữ và bị đưa đến Damascus để chịu tra tấn. Tại đó, họ đã cắt lưỡi ngài, nhưng một cách kỳ diệu, sau đó ngài lại nói rõ ràng hơn bao giờ hết. Tiếp theo, họ cắt tay phải và chân phải của ngài, móc mắt ngài, đóng đinh ngài lên thập tự giá và cuối cùng, chặt đầu ngài, rồi thiêu xác ngài[6761] .

Ngày 18 tháng 10

Ngày 5 tháng 10 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Charitina

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 10

Vào thời trị vì của Diocletian, tại Pontus có một người quý tộc giàu có tên là Claudius; bản tính ông hiền lành và nhân từ với những người nghèo khổ. Một lần nọ, Claudius nhìn thấy một cô bé tên là Haritina, người đã mồ côi cha mẹ từ khi còn nhỏ. Claudius thương xót cô bé, nhận cô về nuôi dưỡng và yêu thương như con gái ruột của mình. Quả thực, Haritina hoàn toàn xứng đáng với tình yêu đó. Khi lớn lên, cô không chỉ xinh đẹp về ngoại hình mà còn nổi bật với những phẩm chất đạo đức tuyệt vời: hiền lành, khiêm nhường, vâng lời, trầm lặng, trong sạch và thông minh. Với đức tin nơi Chúa Kitô, cô bừng cháy tình yêu nồng nàn dành cho Ngài và, sau khi hứa hôn với Ngài, cô giữ trinh tiết và vì thế đã dọn đến sống trong một ngôi nhà riêng biệt, tách biệt với thế gian. Claudius, người nuôi dưỡng và chủ nhân của cô, không những không phản đối ý định tốt đẹp đó của cô, mà còn rất vui mừng trước cuộc sống trong sạch và thánh thiện của cô. Ông đã xây dựng cho cô một ngôi nhà riêng, nơi cô sống trong sự tĩnh lặng, ngày đêm học hỏi Lời Chúa. Các tín hữu bắt đầu đến thăm cô, và cô hướng dẫn họ đến sự cứu rỗi, giảng dạy cho họ những bài học bổ ích cho linh hồn. Còn những người chưa tin, bà dẫn dắt họ đến với đức tin chân chính bằng cách rao giảng về Chúa Kitô. Như vậy, Haritina đã trở thành người thầy về đức tin và lối sống đẹp lòng Chúa cho tất cả mọi người.

Vào thời đó, hoàng đế La Mã vô đạo Diocletian[6762] đã phát động một cuộc bách hại dữ dội chống lại các Kitô hữu. Theo lệnh của ông, các Kitô hữu bị truy lùng khắp nơi và phải chịu những hình phạt tàn bạo. Đặc biệt, những kẻ bách hại nhắm vào những người mà tin đồn cho rằng họ là những con người đặc biệt đạo đức và khôn ngoan. Trong số đó, Thánh Charitina cũng bị vu khống trước mặt quan tổng trấn Domitian; bà bị cáo buộc là một Kitô hữu và đã dẫn dắt nhiều người khác đến với đức tin vào Chúa Kitô. Nghe tin này, quan tổng trấn đã viết thư cho Claudius, ra lệnh đưa Charitina đến gặp ông. Claudius, sau khi đọc bức thư của quan tổng trấn, đã vô cùng đau buồn, mặc áo vải thô và than khóc cho bà, vì hiểu rõ rằng không thể chống lại lệnh của quan tổng trấn. Tuy nhiên, khi các binh lính được cử đến bắt nàng, ông, vì không thể nào chia ly với Haritina, đã chống cự họ hết sức có thể, vừa khóc vừa ôm chặt nàng bằng đôi tay mình, và không chịu giao nàng cho những kẻ bắt cóc. Các binh lính kéo cô

[6759] Capetolia – một thành phố trên con đường từ Jerusalem đến Damascus, nằm giữa Gadara và Adra.
[6760] Bosta – một thành phố ở Ả Rập.
[6761] Thời điểm qua đời của Thánh Phêrô được cho là vào thế kỷ III hoặc đầu thế kỷ IV.
[6762] Hoàng đế La Mã Diocletian trị vì từ năm 284 đến năm 305 sau Công nguyên.

về phía họ, còn Claudius thì cản trở họ, không buông cô ra khỏi tay mình. Bị kéo đi tứ phía, thánh Haritina nói với chủ nhân của mình:

– Hãy buông tôi ra, thưa chủ nhân, và đừng buồn rầu, mà hãy vui mừng, vì tôi sẽ là của lễ đẹp lòng Chúa để chuộc tội cho tôi và cho ngài.

Các binh lính, vô cùng tức giận, đã dùng sức mạnh giật Thánh Haritina khỏi tay Claudius, bắt cóc cô như những con sói bắt một con cừu khỏi đàn, và dẫn cô đến gặp quan tổng trấn. Khi tiễn cô đi, Claudius vừa khóc vừa nói:

– Hãy cầu thay cho tôi trước mặt Vua Trời, khi nàng được đứng trước Ngài giữa đoàn các thánh nữ tử đạo!

Thánh Haritina được dẫn đến trước mặt quan tổng trấn và đứng trước mặt ông, hết lòng cầu xin Chúa giúp đỡ mình.

Thống đốc hỏi nàng:

– Có đúng như những gì ta nghe nói về nàng không, thiếu nữ ơi, rằng chính nàng là một tín đồ Kitô giáo và đang dụ dỗ nhiều người khác theo cùng một đức tin vô đạo ấy?

Thánh Charitina đã dũng cảm trả lời ông ta:

– Việc tôi là người Kitô hữu là sự thật, còn việc tôi dụ dỗ người khác thì là lời nói dối; tôi không dụ dỗ ai cả, mà chỉ dẫn dắt họ thoát khỏi sự gian ác và lầm lạc, hướng họ đến con đường chân chính, đưa họ đến với Đức Kitô, Đấng mà đức tin nơi Ngài không phải là gian ác như ngài nghĩ một cách bất công, mà là thánh thiện và công chính. Còn đức tin của ngài thì đầy dẫy mọi sự ô uế, bởi vì ngài tin vào những ác quỷ xấu xa và xảo trá, và làm theo ý muốn của chúng.

Nghe câu trả lời như vậy của thánh Charitina, quan tổng trấn nổi giận dữ dội và ra lệnh đánh đập cô một cách tàn nhẫn. Sau đó, ông ta đeo một vòng sắt vào cổ cô, rồi gửi cô đến trước quan tòa của vùng để xét xử. Vị quan tòa bất công này, sau khi cho Charitina xem tất cả các dụng cụ tra tấn, đã nói với cô:

– Hãy thương xót chính mình, để khỏi phải chết trong những cực hình tàn bạo. Hãy nghe lời khuyên của ta và dâng lễ vật cho các vị thần bất tử, thì ngươi sẽ nhận được ba lợi ích: làm hài lòng các vị thần, được ân sủng của nhà vua và giữ được vẻ đẹp rực rỡ của mình không bị hủy hoại bởi những cực hình tàn bạo.

Đáp lại lời đó, vị nữ tử đạo ngước mắt lên trời, cầu xin sự che chở từ trên cao. Sau đó, bà làm dấu thánh giá và nói với quan tòa:

– Ngài thật xảo trá và bất công, thưa quan tòa! Nhưng ngài sẽ không thể bắt được tôi bằng mưu mô hay nỗi sợ hãi trước những cực hình, cũng không thể lôi kéo tôi vào sự vô đạo của ngài, và càng không thể làm lung lay khát vọng cháy bỏng của tôi là chịu khổ vì Chúa Kitô. Ngài hãy suy nghĩ kỹ xem điều gì sẽ có lợi hơn cho linh hồn ngài, và chính ngài cũng đừng thờ lạy những thần tượng vô hồn, để ngài không phải bị hủy diệt cùng với những quỷ dữ mà ngài tôn sùng như các vị thần.

Nghe những lời ấy, quan tòa bắt đầu lăng mạ vị thánh tử đạo và ra lệnh cắt tóc trên đầu bà. Vị thánh nữ, im lặng như con chiên trước người cắt lông, vẫn giữ im lặng, trong lòng trò chuyện với Đấng Hôn Phu yêu dấu của mình là Chúa Kitô và khẩn cầu Ngài giúp bà hoàn thành công cuộc tử đạo. Khi tóc bà vừa bị cắt xong, ngay lập tức, trước mắt mọi người, trên đầu bà mọc ra những sợi tóc khác, dài hơn và đẹp hơn trước. Thấy vậy, quan tòa nổi cơn thịnh nộ dữ dội và ra lệnh rải than hồng lên đầu vị thánh tử đạo, khiến bà bị bỏng nặng. Sau đó, để tăng thêm sự đau đớn cho vị thánh, cơ thể bị bỏng của bà bị tưới bằng giấm trộn với mật. Nhưng vị thánh kiên nhẫn chịu đựng tất cả, cầu nguyện cùng Chúa và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng trợ giúp vững chắc cho những ai đặt niềm tin nơi Ngài, Đấng đã bảo vệ ba thiếu niên thánh của Ngài khỏi bị tổn hại giữa ngọn lửa đang cháy, xin hãy mau đến giúp con và củng cố con trong những đau khổ mà con phải chịu vì Ngài, để kẻ thù của con không thể nói: "Thần của nàng đâu rồi?"

Sau khi cầu nguyện, bà cảm thấy nỗi đau đớn dịu bớt và tạ ơn Thiên Chúa. Còn kẻ tra tấn thì nghĩ ra những hình phạt ngày càng tàn bạo hơn dành cho bà: sau khi nung đỏ những thanh sắt, hắn ra lệnh dùng chúng đâm xuyên qua núm vú bà và dùng những ngọn nến đang cháy để thiêu đốt xương sườn bà. Còn Thánh Charitina, dường như không cảm nhận được ngọn lửa vật chất, lại bừng cháy trong ngọn lửa thiêng liêng của tình yêu Thiên Chúa và không ngừng xưng nhận Chúa Giêsu Kitô bằng cả trái tim và đôi môi. Thấy sự kiên định như vậy của vị thánh, kẻ tra tấn ra lệnh ném cô xuống biển. Các đầy tớ bế cô đi và dẫn đến bờ biển. Còn vị thánh, trong khi đi, đã kêu cầu Thiên Chúa:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của con, vì danh thánh của Ngài, sau khi chịu hình phạt lửa, con sẽ đi qua nước biển; xin cho con được hiện ra trong sự tinh tuyền vào ngày Phục Sinh; nhưng ngay cả bây giờ, như mọi khi, xin Ngài tỏ ra những phép lạ trên con, để Danh thánh vĩ đại của Ngài được tôn vinh hơn nữa.

Trong khi đó, những người hầu đã dẫn Charitina ra biển và, sau khi buộc một hòn đá lớn vào cổ nàng, họ đã ném nàng xuống đáy biển. Nhưng hòn đá lập tức tuột khỏi cổ cô và biến mất trong biển, còn vị thánh nữ, được sức mạnh của Đức Chúa Trời củng cố một cách vô hình, đã đứng trên những con sóng và đi trên đó như đi trên đá vững chắc. Khi lên bờ, cô trở lại gặp quan tòa và nói với ông:

– Hãy nhìn thấy quyền năng của Đấng Kitô của tôi, và hãy tin vào Ngài!

Vị quan tòa, khi thấy Haritina không bị chìm mà vẫn còn sống, đã hoảng sợ đến mức suýt ngất xỉu và im lặng. Vừa tỉnh táo lại, ông ta nói rằng cô là một phù thủy và đã dùng phép thuật để thoát khỏi cái chết chìm trong biển, rồi ra lệnh bắt cô lại và trói cô trong tình trạng trần truồng vào một cái bánh xe, dưới đó đã được đặt sẵn nhiều dụng cụ sắt sắc nhọn, dao và kiếm, cùng vô số than hồng đang cháy. Thẩm phán ra lệnh cho các đầy tớ quay bánh xe có vị thánh bị trói vào đó, để những dụng cụ sắc nhọn đặt dưới bánh xe xé nát thân thể bà, còn than hồng thì thiêu đốt cơ thể bà, qua đó gây ra thêm đau đớn cho vị thánh. Nhưng các đầy tớ không thể thi hành mệnh lệnh của kẻ tra tấn, vì theo ý Chúa, bánh xe không quay được, tay họ trở nên yếu ớt, còn than hồng thì tắt lịm. Thánh nữ vẫn bình an vô sự, vì Thiên Thần của Chúa đã che chở và bảo vệ vị hôn thê của Đấng Kitô. Thấy vậy, quan tòa lại nổi giận và ra lệnh nhổ móng tay, móng chân của bà và đánh rụng răng – nhưng thánh nữ vẫn can đảm chịu đựng những cực hình này. Lúc đó, vị quan tòa vô pháp đã quyết định làm ô uế trinh tiết của bà , và vì thế đã ra lệnh tập hợp một đám đông những kẻ dâm đãng để giao vị thánh cho chúng làm ô uế. Thánh Charitina, khi nghe lệnh vô thần của vị quan tòa bất chính ấy, đã nói:

– Chúa Kitô của tôi đang ở cùng tôi: Ngài sẽ phá hủy mọi mưu đồ gian ác của các ngươi và sẽ đón nhận tôi về với Ngài mà không bị ô uế.

Nói xong, vị tử đạo giơ hai tay lên và hướng ánh mắt về trời, thành tâm cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài giải thoát nàng khỏi tay bọn vô đạo. Khi bọn dâm tặc được triệu tập đã định làm ô uế nàng, thì đột nhiên nàng đã phó thác linh hồn trong sạch và vô tì vết của mình vào tay Chúa của nàng[6763] , và thân thể trinh nguyên của nàng nằm chết giữa bọn dâm tặc ghê tởm và đầy dâm dục. Thấy vị thánh đã qua đời, quan tòa ra lệnh cho người ta nhét thi thể bà vào một chiếc túi da, rồi đổ cát vào túi và ném cả túi cùng thi thể vị thánh xuống biển. Thế là người phụ nữ, người khi còn sống đã đi trên mặt nước mà không hề hấn gì, lại bị chìm xuống biển trong tình trạng đã chết! Ba ngày sau, sóng biển đã dạt thi thể của vị thánh lên bờ, thi thể ấy không hề hấn gì sau khi ngâm trong nước. Claudius, người đã nuôi nấng thánh Charitina như con gái ruột của mình, đã đón nhận thi thể trong sạch và đầy đau khổ của bà, rồi trong nước mắt và niềm vui, đã an táng bà một cách xứng đáng, ca ngợi Đấng Cứu Thế Kitô, Đấng được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, và xin dâng lên Ngài vinh quang và danh dự muôn đời. Amen.

Kondak, giọng 2:

Với trí tuệ vững vàng, thánh Charitina ơi, ngài đã củng cố linh hồn bằng đức tin, làm bẽ mặt kẻ thù, hiện diện trước mặt Chúa Kitô, người được chúc phúc vô cùng, mang trong mình dòng máu đỏ thẫm của ngài, và luôn hân hoan cùng các Thiên thần: xin cầu bầu cho chúng con, vị thánh chịu khổ vì đức tin.

Cuộc đời của Thánh Damian Pechersky

Ngày kỷ niệm: 5 tháng 10

Khi chúng ta, những người đang bị ám ảnh bởi các bệnh tật về tâm hồn và thể xác, theo lời Kinh Thánh, kêu cầu các linh mục đến giúp đỡ để họ thực hiện nghi thức xức dầu cho chúng ta, thì chúng ta hãy cùng họ trong tâm trí kêu cầu vị linh mục và thầy thuốc được lòng Chúa, vị thánh Damian, người đã tu hành với những việc làm tốt lành tại Tu viện Thánh Pechersk trong thời gian Thánh Phê-ô-đô-xi-ô làm Bề trên.

[6763] Thánh nữ tử đạo Charitina đã chịu tử đạo vào khoảng năm 304 sau Công nguyên tại thành phố Amisias, thuộc Pontus, trên bờ nam Biển Đen.

Vị tu sĩ đáng ngưỡng mộ này đã hết lòng noi gương đời sống thiên thần và mọi đức tính của vị cha thánh và người hướng dẫn của ngài là Thánh Theodosius. Theo lời chứng của nhiều người, ngài có lòng khiêm nhường, vâng lời và phục tùng mọi người; đặc biệt là những người cùng ở chung phòng với ngài đã tận mắt chứng kiến sự hiền lành, việc thức trắng đêm, việc siêng năng đọc các sách thánh và việc thường xuyên thức dậy để cầu nguyện của ngài. Chính những nhân chứng này cũng kể lại nhiều việc làm cao cả khác của vị tu sĩ này, người đã tuân giữ chay tịnh và kiêng khem đến mức, ngoài bánh mì và nước, ngài không dùng bất cứ thứ gì khác làm thức ăn cho đến tận lúc lâm chung. Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, ngài đã được Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ, đặc biệt là ân sủng chữa lành cho những người đau ốm, giống như Thánh Damian – vị thánh không ham tiền và làm phép lạ – người mà ngài mang tên. Dù ai mang một đứa trẻ ốm yếu đến gặp vị thánh hay đưa một người lớn đang mắc bệnh nào đó đến với ngài, Theodosius đều ra lệnh cho Thánh Damian cầu nguyện cho người bệnh. Với lòng khiêm nhường và sự vâng phục không than van, tự nhận mình không xứng đáng với ân sủng chữa lành, Thánh Damian lúc đó đã cầu nguyện cho những người bệnh và xức dầu thánh lên họ; và nhờ ân sủng của Thiên Chúa, tất cả đều được chữa lành và ra về trong tình trạng khỏe mạnh.

Như vậy, Thánh Damian đã tu hành theo ý Chúa trong nhiều năm qua những công việc tu hành, và sau khi thực hiện nhiều việc vì sự cứu rỗi linh hồn mình, ngài đã trở nên xứng đáng với sự sống đời đời. Khi đến cuối cuộc đời tạm bợ này, ngài lâm bệnh và, thấy cái chết đang đến gần, ngài đã khóc lóc cầu nguyện với Chúa:

– Lạy Chúa của con, Đức Giêsu Kitô! Xin cho con được dự phần vào vinh quang của các thánh của Ngài, và cùng với các ngài, xin cho con được gặp lại vị thầy của con là Thánh Thêôđôxiô, nhưng xin hãy đưa con vào cùng với ngài trong ánh sáng của Ngài, mà Ngài đã chuẩn bị cho những người công chính.

Khi ngài đang cầu nguyện như vậy, bỗng nhiên một Thiên thần hiện ra bên giường ngài, dưới hình dạng của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô; ngài cúi xuống gần Đa-mi-an và hôn ngài với tình yêu thương, rồi nói với ngài:

– Hỡi con yêu dấu! Chúa, Đấng mà con đang cầu nguyện, đã sai ta đến để báo cho con biết rằng lời khẩn cầu của con sẽ được đáp ứng: con sẽ được kể vào hàng các thánh của Ngài và cùng với họ ngự trong Nước Trời của Đấng Tối Cao. Khi nào Chúa truyền cho con rời bỏ thế gian này và đến với Ngài, thì lúc đó chúng ta sẽ không bao giờ xa cách nhau, ngay cả trong cõi sáng ấy.

Nói xong, Thiên thần bỗng biến mất. Thánh Damian hiểu rằng đó là một sự hiện ra từ Thiên Chúa, vì ngài không thấy người đang nói chuyện với mình đi vào hay đi ra qua cửa, mà ngay tại chính nơi ngài hiện ra, người ấy đã biến mất. Ngay lập tức, ngài gọi một tu sĩ tập sự và sai người ấy đến gặp Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, xin ngài đến gặp mình. Khi vị thánh ấy đến ngay lập tức, Thánh Damian với khuôn mặt rạng rỡ đã hỏi ngài:

– Liệu điều đó có xảy ra không, thưa Cha thánh, như ngài đã hứa với con hôm nay trong giấc mơ?

Thánh Theodosius, không biết gì cả, đáp:

– Con ơi, cha không biết mình đã hứa gì với con.

Lúc đó, Thánh Damian kể lại cho ngài nghe rằng chính mình đã cầu nguyện như thế nào, và một người nào đó dưới hình dạng của Thánh Theodosius đã hiện ra với ngài và đưa ra lời hứa đó.

Nghe vậy, Thánh Theodosius, được Thánh Thần soi dẫn, đã ngợi khen Thiên Chúa và nói với vị thánh với đôi mắt đẫm lệ:

– Quả thật, con ơi, mọi việc sẽ diễn ra đúng như lời hứa dành cho con, vì Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với con dưới hình dạng của ta; còn ta, bản thân là kẻ tội lỗi, làm sao có thể hứa ban vinh quang ấy, vốn được dành sẵn cho những người công chính?

Thánh Damian, khi nghe những lời này, tràn ngập niềm vui và hy vọng. Trong khi đó, các tu sĩ đã tụ tập tại phòng tu của ngài; ngài đã hôn lên má từng người và, trong sự xưng tội chân thành, đã bình an phó thác linh hồn mình vào tay Chúa khi các Thiên thần đến đón linh hồn ấy, và khuôn mặt ngài rạng ngời, thể hiện sự chia ly đầy hân hoan giữa linh hồn và thân xác[6764] . Lúc bấy giờ, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô ra lệnh gõ chuông để tập hợp toàn thể anh em; trong tiếng hát và với sự tôn kính cao cả, họ đã an táng thi hài thánh thiện của vị thánh nhân này trong hang động, để tôn vinh Thiên Chúa được tôn vinh trong Ba Ngôi.

Nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh chữa lành Damian này, xin Chúa ban cho chúng ta được trở thành những người tham dự Nước Trời của Ngài trong muôn đời, nơi không có bệnh tật. Amen.

[6764] Thánh Damian qua đời vào năm 1070. Xác thánh của ngài được an táng trong hang động Thánh Antony tại Tu viện Kiev-Pechersk.

Cuộc đời của Thánh Giê-rê-mi-a Pechersky

Ngày kỷ niệm: 5 tháng 10

Và đất nước Nga của chúng ta cũng được vinh danh nhờ vị tiên tri Giê-rê-mi-a, không phải vị tiên tri cổ xưa, mà là vị tiên tri mới; chúng ta sẽ kể về ngài ở đây. Vị cha thánh của chúng ta, Giê-rê-mi-a Pechersky, đã sống đến tuổi già cao thọ; ngài thậm chí còn nhớ đến lễ rửa tội của đất nước Nga, diễn ra vào thời đại của Đại công tước Vladimir, vị thánh tín hữu[6765] ; lúc bấy giờ, vị thánh phúc Giê-rê-mi-a cũng đã được soi sáng bởi phép rửa thánh. Nhiều năm sau đó, ngài đến tu viện thánh Pechersk để gặp các vị cha đáng kính của chúng ta là An-tôn và Thê-ô-đô-xi, nhận lấy hình thức tu hành cao cả – áo tu sĩ (skhim), và trong hình thức đó, ngài đã tu hành theo ý Chúa, noi gương cuộc đời của các vị thánh cha. Nhờ đức hạnh cao cả của mình, ngài đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng tiên tri về tương lai và thấu hiểu những ý nghĩ của con người; mỗi khi vị thánh thấy ai có ý nghĩ gian tà, ngài liền riêng tư khiển trách người đó và khuyên nhủ họ phải đề phòng những xúi giục của ma quỷ, đặc biệt là khi có anh em nào có ý định rời khỏi tu viện; lúc đó, Thánh Giê-rê-mi-a, người đã tiên kiến điều này, sẽ đến gặp anh em ấy, vạch trần ý định của anh ta, an ủi và khuyên nhủ hãy kiên nhẫn, kiên cường và không ngừng chiến đấu với kẻ thù ghét điều thiện và là kẻ thù của chúng ta, đồng thời đừng để bị lung lay; và ngài đã củng cố tinh thần anh em ấy bằng những lời dạy dỗ của mình đến mức người đó vĩnh viễn từ bỏ ý định của mình. Và nếu vị thánh nhân tiên tri điều gì cho ai đó, dù là điều tốt hay điều xấu, thì lời của vị trưởng lão luôn trở thành sự thật.

Sau khi sống qua nhiều năm tháng và mang lại lợi ích cho nhiều người nhờ sự sáng suốt của mình, Thánh Giê-rê-mi-a đã qua đời ở tuổi rất cao[6766] và, sau khi để lại thân xác – tấm màn che cho linh hồn – trong hang động, ngài đã về với các vị tiên tri xưa, để chiêm ngưỡng bằng khuôn mặt được soi sáng những mầu nhiệm của Đấng Cổ Xưa Tối Cao, Thiên Chúa Cha, Ngài được vinh quang cùng với Con Một của Ngài và Thánh Thần đồng bản thể, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Cuộc đời của Thánh Matthêu Pechersky

Ngày kỷ niệm: 5 tháng 10

Vị Thánh Cha Matfei Pechersky của chúng ta không chỉ giống vị Tông đồ Truyền giáo đầu tiên qua tên gọi, mà cũng giống như vị ấy đã được ban ơn được chiêm ngưỡng xứ Ethiopia và vạch trần sự vô tín của dân cư nơi đó, thì vị Thánh này, khi tu hành tại Tu viện Pechersk vào thời các vị Thánh Sáng lập[6767] của tu viện này, nhờ những công đức vĩ đại của mình, đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng đặc biệt, nhờ đó ngài có thể nhìn rõ khuôn mặt của những người Ê-thi-ô-pi dưới lòng đất – tức là ma quỷ – vạch trần họ và tiết lộ những mưu đồ bí mật của chúng nhằm mang lại lợi ích cho những ai đang tìm kiếm sự cứu rỗi.

Một lần nọ, vị tu sĩ đáng kính Ma-thi-ơ đang đứng tại chỗ của mình trong nhà thờ; ngước mắt lên, ngài nhìn các tu sĩ đang đứng trên cả hai dãy ghế hát thánh ca; và ngài thấy một con quỷ dưới hình dạng một chiến binh đang đi vòng quanh các tu sĩ; trên tay áo của nó có những bông hoa dính. Khi nhặt một bông hoa, nó ném vào một trong những người đang hát; vị tu sĩ nào bị bông hoa dính vào, sau khi đứng đó một lúc, để tâm trí mình sa vào sự yếu đuối, rồi tự bịa ra một lý do nào đó, rời khỏi nhà thờ, trở về phòng tu và chìm vào giấc ngủ, không quay lại nhà thờ để hát nữa. Còn nếu bông hoa do quỷ dữ ném ra không dính vào áo của tu sĩ, thì tu sĩ đó sẽ đứng vững vàng suốt buổi lễ sáng cho đến khi kết thúc, và chỉ sau đó mới trở về phòng tu của mình. Vị tu sĩ cao niên đã kể cho các tu sĩ khác nghe về thị kiến của mình, và từ đó, tất cả đều cẩn trọng không dám rời khỏi nhà thờ.

Vị tu sĩ đáng kính thường có thói quen, sau khi lễ sáng kết thúc, khi các tu sĩ tản ra về phòng riêng của mình, thì ông là người cuối cùng rời khỏi nhà thờ. Một lần nọ, sau khi ra khỏi nhà thờ như vậy, ông ngồi xuống dưới cột nhà thờ, muốn nghỉ ngơi một chút, vì phòng của ông cách nhà thờ khá xa. Và bỗng ngài thấy như có một đám đông lớn đang tiến về từ cổng tu viện; ngước mắt lên, ngài thấy một con quỷ đang ngạo mạn cưỡi trên lưng một con lợn, và xung quanh nó là vô số con quỷ khác đang tháp tùng. Vị tu sĩ già hỏi chúng:

[6765] Việc rửa tội cho vùng đất Nga diễn ra dưới thời Công tước Vladimir vào năm 988.

[6766] Năm 1074.

[6767] Các Thánh Antôn và Theodosius

– Các ngươi đang đi đâu vậy?

– Đi tìm Mihaïl Tobolkovich, – con quỷ ngồi trên con lợn trả lời.

Sau khi làm dấu thánh giá, vị tu sĩ già trở về phòng của mình. Khi trời bắt đầu sáng, vị thánh, sau khi hiểu được ý nghĩa của thị kiến vừa rồi, nói với đệ tử của mình:

– Hãy đi hỏi xem Mikhail có ở trong phòng tu không?

Người đệ tử đi ngay và được biết rằng hôm nay, sau giờ kinh sáng, Mikhail đã ra ngoài hàng rào tu viện. Lúc đó, vị tu sĩ già kể lại giấc mơ cho vị tu viện trưởng và các tu sĩ cao cấp nghe. Vị tu viện trưởng gọi anh em ấy lại, hỏi han kỹ lưỡng, rồi sau khi khuyên răn và dạy dỗ, đã cho anh ta trở về phòng tu.

Cha Ma-thi-ơ, người có tầm nhìn xa trông rộng, đã dạy dỗ các tu sĩ khác với tình yêu thương và khuyên họ nên ở trong phòng tu, luôn nhớ đến Đức Chúa Trời và cầu nguyện xin sự tha thứ cho các tội lỗi.

Dưới thời Thánh Mát-thêu, vị Bề trên phúc lành Thê-ô-đô-xi-ô đã qua đời; sau ngài, Thánh Stê-phan trở thành Bề trên, và sau Thánh Stê-phan là Thánh Ni-côn. Dưới thời vị tu viện trưởng này, Thánh Mát-thêu đã có một thị kiến như sau: một lần, khi đang đứng dâng lễ sáng, ngài ngước mắt lên, mong được nhìn thấy vị tu viện trưởng, Thánh Ni-côn, nhưng lại thấy một con lừa đang đứng ở chỗ của vị tu viện trưởng; lúc đó, Mát-thêu hiểu rằng Ni-côn đã không đến dự lễ sáng. Vị tu sĩ già kể lại thị kiến của mình; lúc đó vị tu viện trưởng hiểu rằng thị kiến này là để răn dạy ngài, và ngài đã ăn năn sâu sắc. Kể từ đó, không chỉ từ bỏ sự lười biếng mà còn bỏ qua mọi công việc khẩn cấp trong tu viện, ngài cố gắng tạo thành thói quen đến nhà thờ trước tất cả mọi người. Như vậy, thị kiến này đã thúc đẩy ông khao khát sự hạnh phúc thiêng liêng hơn nữa. Ngoài ra, vị tu sĩ đáng kính này còn có nhiều thị kiến khác, và ông kể lại chúng để mang lại lợi ích cho anh em tu sĩ. Khi đã bước vào tuổi già, ông đã an nghỉ trong Chúa với đức tin vững vàng[6768] ; xác thánh của ngài được an táng bất hoại trong hang động[6769] cùng với các vị thánh tổ phụ, còn chính ngài đang cầu nguyện cho chúng ta, đứng trước ngai vàng của Chúa, để chúng ta được giải thoát khỏi những lời vu khống của kẻ thù và nhận được sự sống đời đời trong Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta, Đấng được vinh quang cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Lễ kính Thánh Tử đạo Mamelkha

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 10

Thánh nữ tử đạo Mamelkhfa, quê ở Ba Tư, ban đầu là nữ tư tế của một nữ thần ngoại đạo[6770] . Một lần nọ, trong giấc mơ, nàng thấy một Thiên thần đến và tiết lộ cho nàng những mầu nhiệm của đức tin Kitô giáo. Khi tỉnh dậy trong sự sợ hãi, nàng kể lại giấc mơ của mình cho người chị gái, người vốn là một Kitô hữu. Người chị đã dẫn bà đến gặp vị giám mục. Vị giám mục, sau khi nghe kể về giấc mơ của Mamelkhfa, đã thuyết phục bà chấp nhận Kitô giáo và cử hành lễ rửa tội cho bà, trong đó người chị của bà đóng vai trò là người đỡ đầu tại bể rửa tội. Phẫn nộ trước việc Mamelkhfa quy y đức tin Kitô giáo, những người ngoại đạo đã ném đá cô khi cô vẫn còn mặc áo rửa tội[6771] . Thi thể cô bị ném xuống hào, sau đó được hai tín hữu Kitô giáo nào đó vớt lên và an táng một cách trang trọng. Sau đó, giám mục của thành phố nơi thánh Mamelkha chịu tử đạo đã thỉnh cầu vua Ba Tư cho phép phá hủy đền thờ nữ thần ngoại đạo và xây dựng một nhà thờ mang tên thánh Mamelkha tại chính nơi đó[6772] . Thi hài của vị

[6768] Năm 1088.

[6769] Trong hang động Thánh Antôn.

[6770] Theo một số bản chép tay của Prologue, Mamelkhfa ban đầu là nữ tư tế của nữ thần ngoại giáo Hy Lạp Artemis, người được tôn kính rộng rãi đặc biệt ở phương Đông.

[6771] Vào thời cổ đại, các Kitô hữu mặc áo trắng – bộ áo họ đã mặc khi chịu phép rửa tội – trong vòng 8 ngày sau khi rửa tội. Có lẽ bộ áo trắng này, trong mắt những người ngoại đạo, đã trở thành dấu hiệu rõ ràng cho thấy Mamelkhfa thuộc về cộng đồng Kitô giáo và chính điều này đã dẫn đến cái chết tử đạo sớm của Mamelkhfa. Theo một truyền thuyết chi tiết hơn về sự việc này, ngay sau khi Mamelkha được rửa tội, những người ngoại đạo đã đến tìm bà, yêu cầu bà dâng lễ vật cho Artemis; nhưng bà đã từ chối và dũng cảm tuyên bố mình là người Kitô hữu, vì thế bà đã phải chịu nhiều cực hình, và qua đời trong quá trình đó.

[6772] Thời điểm Thánh Mamelkha chịu tử đạo có thể được ước tính là vào thế kỷ V. Năm 422, Hoàng đế Byzantine Theodosius II Trẻ đã ký hiệp ước hòa bình với người Ba Tư, kéo dài cho đến năm 502; điều này giải thích lý do tại sao vua Ba Tư đã cho phép một giám mục Kitô giáo phá hủy ngôi đền ngoại giáo nói trên, rõ ràng là xuất phát từ mong muốn duy trì mối quan hệ tốt đẹp, hòa bình với Đế quốc Byzantine hùng mạnh.

thánh tử đạo đã được an táng tại nhà thờ này. Khi di chuyển di cốt của Thánh Tử đạo Mamelkhfa, đã xảy ra vô số phép lạ và sự chữa lành từ di cốt của ngài, và nhiều người ngoại đạo đã quay về với Chúa Kitô.

Lễ kính các Thánh Tông đồ Moscow: Phêrô, Alexiô, Ion và Philip

Ngày kỷ niệm: 5 tháng 10

Giống như ba trụ cột vĩ đại của Chính Thống Giáo: Thánh Basil Đại Đế, Thánh Gregory Thần Học và Thánh John Chrysostom đã giữ vững nền tảng của Giáo Hội Đông Phương cổ xưa trong những cuộc bách hại dữ dội từ phía các tà giáo, thì ba vị thánh vĩ đại của Giáo Hội Moscow: Peter, Alexius và Jonah đã bảo vệ nguyên vẹn Chính Thống Giáo trên mảnh đất thánh của nước Nga trong những thời kỳ khó khăn của nội loạn và những tai ương do vô số kẻ thù bên ngoài gây ra. Và cũng như Giáo hội Toàn cầu, ngoài các lễ kỷ niệm dành riêng cho từng vị trong ba vị Thánh Toàn cầu, đã thiết lập một ngày lễ đặc biệt dành cho cả ba vị Thánh cùng nhau, với niềm tin vững chắc rằng họ đều có chung một đức tin, chung một lòng nhiệt thành đối với đức tin ấy, một tình yêu dành cho người lân cận, khiến họ sẵn sàng đặt mạng sống mình vào nguy hiểm vì những người lân cận đó, thì tại Nga, từ thời Sa hoàng Feodor Ioannovich và Thượng phụ Iov (từ năm 1596), người ta đã kết hợp ba danh hiệu thiêng liêng của các vị Thượng phụ đầu tiên của Moscow vào một lễ kỷ niệm chung vào ngày 5 tháng 10.

Tuy nhiên, trên đất Nga, ngoài các vị Thượng phụ đầu tiên của Moscow, còn có một vị bảo vệ khác của Chính Thống giáo, người trừng trị những thói hư tật xấu và là vị tử đạo vì đức tin và lẽ phải, tên của ngài vì những lý do chưa rõ đã lâu nay không được đưa vào lễ kỷ niệm ngày 5 tháng 10. Đó chính là Thánh Tổng Giám mục Philip.

Người đầu tiên chú ý đến điều này là Đức Tổng Giám mục Innokenty, Tổng Giám mục Moscow. Năm 1875, theo đề nghị của ngài, Thánh Hội Đồng đã quyết định tổ chức lễ tưởng niệm Đức Tổng Giám mục Philip của Moscow vào ngày 5 tháng 10, cùng với lễ tưởng niệm ba vị Tổng Giám mục Moscow thuộc " ": Peter, Alexius và Jonah. Cũng trong năm đó, Thánh Hội Đồng đã phê chuẩn nghi thức cử hành chung cho cả bốn vị thánh, do Tổng Giám mục Innokenty soạn thảo. Lễ kỷ niệm này vẫn được cử hành tại Moscow cho đến ngày nay. Vào đêm trước ngày lễ, tức ngày 4 tháng 10, tại Nhà thờ Chính tòa Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, người ta cử hành Thánh lễ Chiều nhỏ với những bài thánh ca cầu nguyện trang trọng dành cho các vị Thánh, như thông lệ thường được thực hiện tại tất cả các nhà thờ và tu viện ở Moscow vào các ngày lễ của nhà thờ. Sau đó, vào thời điểm thích hợp, tại tất cả các nhà thờ trong thủ đô đều cử hành lễ canh thức suốt đêm kèm theo tiếng chuông vang rền. Trong lúc báo hiệu giờ lễ chiều, bức tượng thánh Alexius của địa phương được rước từ Tu viện Chudov trong một đoàn rước thánh giá đến Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, nơi bức tượng sẽ được lưu giữ cho đến giờ lễ chiều ngày hôm sau.

Bài thánh ca, giọng thứ 4:

Các vị Thánh bảo trợ của Nga, những người gìn giữ truyền thống Tông đồ, những cột trụ vững chắc, những vị thầy của Chính Thống giáo, Phêrô, Alexius, Ion và Philip, xin cầu thay cho Chúa Tể muôn loài, ban bình an cho toàn vũ trụ, và ban ân sủng lớn lao cho linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Các ngài đã sống một đời thánh thiện, hướng dẫn dân chúng đến sự hiểu biết về Thiên Chúa, và làm đẹp lòng Thiên Chúa: vì thế, các ngài đã được Ngài ban cho sự bất hoại và những phép lạ, như những môn đệ của ân sủng Thiên Chúa.

Cuộc đời của Thánh Dionysius, Giám mục Alexandria

Ngày kỷ niệm: 5 tháng 10

Thánh Dionysius xuất thân từ Alexandria[6773] , là con của một gia đình giàu có và danh giá – những người ngoại đạo[6774] . Trong thời trẻ, ngài đã nhận được một nền giáo dục ngoại đạo tốt và gắn bó với tôn giáo ngoại đạo. Sau khi hoàn thành việc học, Dionysius ban đầu đảm nhận chức vụ nhà hùng biện[6775] và dạy các thanh niên nghệ thuật hùng biện, theo tinh thần của khoa học ngoại đạo mà ngài đã học. Nhưng trí tuệ sáng suốt và minh mẫn của ông không thể không nhận ra những sai lầm thô thiển và những mê tín dị đoan trong tín ngưỡng ngoại giáo mà ông sinh ra và lớn lên, cũng như những khiếm khuyết của triết học ngoại giáo, vốn là nền tảng giáo dục ban đầu của ông. Tinh thần ham học hỏi của ông, khao khát và thèm khát sự thật, không thể tìm thấy sự thỏa mãn trong kiến thức và tín ngưỡng ngoại giáo; trái tim ông cảm nhận được sự hư vô và dối trá của ngoại giáo, và dù chưa biết đến Đức Chúa Trời chân thật, ông đã hướng về Ngài. Và thế là, Dionysius, với khát vọng tìm hiểu chân lý, đã tìm hiểu các học thuyết và tín ngưỡng khác nhau của loài người và so sánh chúng với nhau. Con đường đúng đắn của việc nghiên cứu một cách khách quan các học thuyết của loài người đã dẫn Dionysius, nhờ khát vọng mãnh liệt của ông trong việc tìm kiếm đức tin chân chính, đến việc nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, cũng như đến việc chấp nhận một cách có ý thức đức tin vào Đức Kitô. Thánh Dionysius sau này đã tự nói về mình rằng ngài "đã trở lại với Chúa Kitô qua con đường nghiên cứu tự do, một cách khách quan kiểm chứng các giáo lý của loài người".

Vào thời điểm đó, tại Alexandria – nơi nổi tiếng với các trường học và học giả ngoại giáo – song song với sự phát triển toàn diện của nền học thuật trong thế giới ngoại giáo lúc bấy giờ, nền giáo dục Kitô giáo cũng đã đạt đến mức độ thịnh vượng đáng kể. Các vị lãnh đạo nổi tiếng của trường Kitô giáo được thành lập tại đó, được gọi là " " (trường giảng dạy)[6776] , nhờ tài năng thiên bẩm của mình, đã kết hợp kiến thức thần học và triết học vào các bài giảng của họ, đồng thời rất am hiểu về học thuật ngoại giáo và các đại diện của nó. Dưới ảnh hưởng của các nhà giáo dục Kitô giáo này, những người ngoại đạo ưu tú thường tìm đến sự hiểu biết về đức tin chân chính của Chúa Kitô và từ bỏ sự vô đạo của mình. Dionysius, người đã làm quen với nhiều tác phẩm Kitô giáo, đã thiết lập mối quan hệ thân thiết với các nhà giảng dạy Kitô giáo tại Alexandria, đứng đầu là Heraclitus[6777] và đặc biệt là Origene nổi tiếng[6778] . Nhiều người ngoại đạo cũng tìm đến Origen, một học giả xuất sắc, để nghe giảng về triết học và toán

---

[6773] Alexandria – thành phố nổi tiếng, được Alexander Đại đế thành lập vào năm 331 trước Công nguyên bên bờ Biển Địa Trung Hải, ở Hạ (Bắc) Ai Cập, tại cửa sông Nile. Sau Rome, Alexandria là thành phố lớn nhất thế giới và từng là trung tâm thương mại, công nghiệp, đặc biệt là trung tâm văn hóa ngoại giáo; đồng thời, trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, nơi đây còn là cái nôi của nền giáo dục Kitô giáo. Theo truyền thuyết, Kitô giáo được truyền bá đến đây bởi thánh Mác-cô vào khoảng năm 59–60. Hiện nay, Alexandria (trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Ả Rập là Iskenderun) là một trong những thành phố cảng được củng cố vững chắc nhất và là một trong những trung tâm thương mại quan trọng nhất ở Địa Trung Hải, với dân số lên tới hơn 230.000 người.

[6774] Thánh Dionysius thành Alexandria sinh vào khoảng năm 195.

[6775] Ngài đã giảng dạy môn nghệ thuật hùng biện, vốn vào thời đó đã đạt đến đỉnh cao của sự phát triển và được đánh giá cao không chỉ trong thế giới ngoại giáo mà còn trong thế giới Kitô giáo, đồng thời có ý nghĩa to lớn về mặt tôn giáo, chính trị và giáo dục.

[6776] Tại Alexandria, trung tâm của nền giáo dục ngoại giáo, nơi từ lâu đã có một bảo tàng nổi tiếng về các môn khoa học ngôn ngữ, toán học và triết học, để đối trọng với ngoại giáo, ngay từ thời các Tông đồ, một trường học Kitô giáo, được gọi là "Trường Giáo lý" hay "Trường Rửa tội", đã ra đời; ảnh hưởng của trường này đối với tương lai của Kitô giáo là đa diện và không thể đo lường được. Truyền thống đã kính cẩn gán việc thành lập trường này cho chính Thánh Tông đồ và Thánh Tông đồ Tin Mừng Mác-cô. Ban đầu, tại đây chỉ giảng dạy những hướng dẫn cơ bản cho những ai mong muốn nhận phép rửa, điều này đã được thể hiện ngay trong chính tên gọi "Trường Giáo lý" của Alexandria, đồng thời các giáo lý viên cũng được đào tạo tại đây. Nhưng sau đó, Trường Giảng dạy Cơ bản Alexandria, nhờ vị trí của mình ở trung tâm của nền giáo dục và học thuật toàn cầu, đã trở thành một cơ sở giáo dục thần học và học thuật. Điều này được thúc đẩy đặc biệt bởi một trong những giáo lý viên (giáo viên) của trường, Pantên nổi tiếng (180–191), và người học trò cũng như người kế nhiệm không kém phần xuất sắc của ông, Clément d'Alexandrie, người đã khuyến khích các học viên của mình xem triết học như một kim chỉ nam dẫn dắt đến đức tin. Trường Giáo lý Alexandria đã đạt đến thời kỳ thịnh vượng hơn nữa dưới thời Origene.

[6777] Heraclius – một giáo sư Kitô giáo nổi tiếng – ban đầu là trợ lý của Origene trong việc giảng dạy tại Trường Giáo lý Alexandria. Năm 231, Heraclius kế nhiệm Origene trong việc điều hành "Trường Giáo lý"; năm 233, ông được tấn phong làm Giám mục Alexandria, qua đời năm 246.

[6778] Origen – môn đệ của Clement thành Alexandria, nhà giảng dạy Kitô giáo lừng lẫy nhất thế kỷ III – ban đầu là một trong những giảng viên xuất sắc nhất tại Trường Giáo lý Alexandria, nhưng sau đó đã phải hứng chịu những cuộc tấn công từ Giám mục Alexandria và các đại diện khác của Giáo hội Alexandria, và, với cáo buộc về một số quan điểm dị giáo mà ông phát triển và việc tự nguyện sống độc thân, ông bị tước chức linh mục và bị trục xuất khỏi Alexandria, đồng thời bị cấm giảng dạy trong Giáo hội; sau đó, ông định cư tại Caesarea Palestine, nơi ông thành lập một trường học mới, thu hút đông đảo người từ khắp nơi đổ về để nghe vị thầy nổi tiếng giảng dạy; sau đó, ông bị giam cầm trong ngục tối một thời gian, rồi nhiệt thành và thành công trong việc chống lại các tà giáo của thời đại mình; sau đó, trong thời kỳ bách hại dưới triều đại Maximian, ông lẩn trốn khỏi những kẻ bách hại; trong thời kỳ bách hại dưới triều đại Decius, ông được vinh danh là vị chứng nhân dũng cảm của Đấng Christ và qua đời tại Tyre vào năm 254, ở tuổi 70. Trong các tác phẩm phong phú

học; Origen đã tận dụng cơ hội này và làm việc thành công vì vinh quang của danh Chúa Kitô, sử dụng các tác phẩm và kiến thức của mình để hướng những thính giả này đến mối quan hệ với Chúa Kitô.

Dionysius nhanh chóng trở thành một môn đệ nhiệt thành của Origene và với tất cả sự nhiệt huyết của một tâm hồn ham học hỏi, ông bắt đầu nghiên cứu những chân lý của giáo lý Kitô giáo, mà ông ngay lập tức nhận ra sự vượt trội của nó so với giáo lý ngoại giáo. Với lòng nhiệt thành và tình yêu sâu sắc, ông đã đọc các thư của các Tông đồ, đặc biệt là các thư của Thánh Phaolô, những thư này đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng ông và mang lại một sự thay đổi quyết liệt trong tất cả các niềm tin và quan điểm của ông, dẫn đến việc ông hoàn toàn tự nguyện quy y Kitô giáo. Sau khi hoàn toàn tin chắc vào chân lý của Kitô giáo, ngài đã không chậm trễ trong việc lãnh nhận Bí tích Rửa tội[6779] — một phần dưới ảnh hưởng của Origène — và gia nhập Trường Giáo lý, trở thành niềm tự hào đích thực của nơi này. Kể từ đó, Thánh Dionysius càng say mê tìm hiểu những chân lý sâu sắc của giáo lý Kitô giáo, bảo vệ sự trong sạch của giáo lý khỏi những kẻ giảng dạy sai lầm và những tư tưởng lệch lạc xâm nhập vào đó. Ngài đặc biệt thân thiết với vị thầy của mình là Origene, dành cho ngài lòng biết ơn kính trọng và tình cảm chân thành, và không ngừng duy trì mối quan hệ với ngài ngay cả khi Origene sau này buộc phải rời khỏi Alexandria và thậm chí khi ngài đang bị giam cầm tại [6780] . Những thành tựu đáng chú ý của Thánh Dionysius trong việc tìm hiểu chân lý Kitô giáo cùng với đời sống đạo đức của ngài đã thu hút sự chú ý của thầy Heraclius tại Trường Alexandria. Sau một thời gian ngắn, Thánh Dionysius được tấn phong làm linh mục. Sau khi Origene bị trục xuất khỏi Alexandria, Ieraklos đã thay thế ông làm hiệu trưởng tại Trường Giáo lý Alexandria. Khi Ieraklos được tấn phong làm Giám mục Alexandria, Thánh Dionysius trở thành hiệu trưởng của Trường Giáo lý; sau khi Ieraklos qua đời, ngài trở thành người kế vị ngài trên Tòa Giám mục Alexandria[6781] .

Kể từ khi Dionysius lên nắm giữ Tòa Giám mục Alexandria, cả cuộc đời ông trở thành một chuỗi liên tục những hành động hy sinh vì Giáo hội trước những kẻ thù đa dạng, cả bên ngoài lẫn đặc biệt là bên trong. Vào thời điểm đó, Giáo hội của Chúa Kitô phải chịu nhiều đau khổ do sự đàn áp từ bên ngoài của chính quyền ngoại giáo, và còn bị xé nát nhiều hơn nữa bởi những mâu thuẫn, những giáo lý sai lầm và sự chia rẽ, đe dọa phá vỡ sự hiệp nhất và hòa bình nội bộ của Giáo hội. Trong thời kỳ khó khăn như vậy, Thánh Dionysius đã được chính Thiên Chúa chọn để trở thành chỗ dựa vững chắc cho các tín hữu. Nhờ ngài, quả thực, sự bình an trong Giáo hội vẫn được duy trì vững chắc bất chấp mọi nguy hiểm và hỗn loạn. Còn cuộc đời thánh thiện và nghiêm khắc của vị Tổng Giám mục, tình yêu hy sinh dành cho đoàn chiên, sự hiền lành, chân thành và khiêm nhường của ngài đã gieo rắc sự kính trọng phổ quát đối với ngài, ngay cả trong lòng những kẻ thù và những kẻ dị giáo. Cả cuộc đời ngài đều được dâng hiến cho việc phục vụ Giáo hội của Đức Chúa Trời một cách nhiệt thành và không mệt mỏi. Với lòng nhiệt thành đặc biệt, ngài quan tâm đến việc dẫn dắt những người chưa tin; với sự hiền lành chân thành và đầy tình cha, ngài đối xử với những người lầm lạc và luôn quan tâm đến việc hàn gắn những người bị chia rẽ. Trong những gian nan, ngài thể hiện lòng dũng cảm cao cả; trong đức tin – sự kiên định bất khuất; và trong suốt cuộc đời, ngài toát lên sự khiêm nhường sâu sắc, đáng kinh ngạc – trong khi cả thế giới Kitô giáo đều kinh ngạc trước sự uyên bác và các đức tính cao quý của ngài.

Kế thừa từ Origène tình yêu đối với mọi loại tri thức, Thánh Dionysius đã tìm cách hòa hợp nó với giáo lý Kitô giáo và vẫn tiếp tục đọc và nghiên cứu một cách cẩn trọng các tác phẩm của những nhà triết học ngoại giáo xuất sắc nhất cũng như các dị giáo khác nhau, những người đã gây xáo trộn cho Giáo hội của Thiên Chúa vào thời

---

của mình, Origen đã trình bày một số quan điểm mang tính phi chính thống và dị giáo, chính vì vậy các tác phẩm đó đã bị lên án là dị giáo, mặc dù Origen không đưa ra các quan điểm phi chính thống của mình như những chân lý bất di bất dịch, và ông cũng không phải là một kẻ dị giáo theo đúng nghĩa đen. Ngay cả những vị Giáo phụ vĩ đại nhất cũng dành sự kính trọng sâu sắc đối với các tác phẩm thần học và những đóng góp của Origen. Trong các trường học của mình, ông đã đào tạo ra nhiều vị Giáo phụ và nhà giảng dạy xuất sắc của Giáo hội, trong số đó có những người đã nhờ ông mà chuyển đổi từ ngoại giáo sang đức tin Kitô giáo, mà ông mong muốn hòa hợp với tri thức và triết học. Đặc biệt nổi bật là các công trình của ông về nghiên cứu Kinh Thánh, về việc giải thích Kinh Thánh và nhất là về việc phục hồi và thanh lọc văn bản chân chính của Kinh Thánh, cũng như các tác phẩm nhằm bảo vệ Kitô giáo trước những kẻ dị giáo và kẻ thù của Kitô giáo. Nói chung, ông đã đóng góp rất nhiều không chỉ cho thời đại của mình mà còn cho các thế hệ sau, và tất cả các vị thầy vĩ đại của Giáo hội thế kỷ IV đều đã tham khảo các tác phẩm của Origene một cách đáng kể.

[6779] Thánh Dionysius đã trở lại đạo Kitô khi đã ở độ tuổi trưởng thành. Ông được chính Giám mục Dimitrios của Alexandria (189–231) làm phép rửa tội.

[6780] Thế là Thánh Dionysius đã viết thư cho Origène khi ông này bị giam cầm dưới thời Đế vương Decius. Có ghi chép cho biết rằng sau khi Origène qua đời, Thánh Dionysius đã viết thư cho Thánh Theotocus, Giám mục thành Caesarea, để ca ngợi ông.

[6781] Thánh Dionysius trở thành người đứng đầu Trường Alexandria nổi tiếng vào năm 233 và giữ chức vụ này trong 14 năm.

của ngài bằng những giáo lý sai lầm của họ. Trong việc bảo vệ sự trong sạch của giáo lý Kitô giáo khỏi những học thuyết sai lầm và những quan điểm trái chiều, Thánh Dionysius đã bác bỏ chúng, nhưng chỉ sau khi ngài tự mình xác minh sự thiếu cơ sở của chúng, và khi đó ngài mới mạnh mẽ và dũng cảm chống lại những kẻ dị giáo vô đạo.

Dù sở hữu trí tuệ và học vấn uyên bác, Thánh Dionysius vẫn luôn hiền lành và khiêm nhường; ngay cả khi đảm nhận chức vụ mục vụ, ngài cũng nổi bật với tinh thần hiền lành và ôn hòa. Trong thời kỳ khó khăn đối với các Kitô hữu, giữa cuộc bách hại tàn bạo của vị hoàng đế La Mã vô đạo Decius[6782] , một số giám mục – không phải vì sợ hãi trước sự bách hại và tra tấn, mà để không bỏ mặc những con chiên thuộc đàn chiên của Chúa Kitô, những người được giao phó cho sự chăm sóc của họ, thiếu sự hướng dẫn, răn dạy và an ủi, – đã rời khỏi các thành phố của mình đến những nơi an toàn hơn, và từ đó tiếp tục chăn dắt đoàn chiên của mình[6783] . Thánh Dionysius cũng đã hành động như vậy trong thời kỳ khó khăn này theo sự thúc giục của Thiên Chúa, không phải vì sợ chết vì danh Chúa Kitô, mà vì sự cần thiết và vì lợi ích của Giáo hội Alexandria, để không để đoàn chiên thiếu người chăn dắt. Thống đốc Sabin đã cử một gián điệp đi tìm Thánh Dionysius. Trong bốn ngày liên tiếp, vị thánh vẫn ở nhà, nhưng tên gián điệp, vì chắc chắn rằng ngài đã trốn chạy, nên đã đi tìm ngài trên các cánh đồng, đường xá và sông ngòi, và hắn ta không hề nghĩ đến việc vào nhà của vị tổng giám mục. Sau đó, tuân theo sự mách bảo từ bên trong, Thánh Dionysius đã trốn chạy cùng một số anh em đồng đạo, nhưng bị bắt và bị đưa đến Taposiris để chịu tra tấn. Tuy nhiên, Thiên Chúa đã bảo vệ vị tôi tớ trung thành của Ngài. Một cách hoàn toàn bất ngờ, ngài đã được giải cứu một cách kỳ diệu khỏi tay các binh lính nhờ một đám đông dân làng Kitô hữu. Sự việc diễn ra như sau.

Một tín hữu Kitô giáo tên là Timôthê không bị bắt cùng với Thánh Dionysius và các tín hữu khác. Khi phát hiện ngôi nhà đang bị canh gác, ông đã chạy trốn trong sự hoảng loạn tột độ và báo tin về việc vị Tổng Giám mục bị bắt giam cho một người dân làng đang trên đường đến dự một lễ hội. Tin tức này đã làm hỏng toàn bộ lễ hội, và tất cả khách mời đều đổ xô đến nơi vị thánh bị bắt giữ với tốc độ chóng mặt đến nỗi lính canh phải bỏ chạy. Thánh Dionysius và các bạn của ngài bị cởi bỏ một nửa quần áo, bị đặt lên những chiếc giường trần, và khi nhầm lẫn những người dân làng là bọn cướp, họ đã van xin đừng để họ phải chết. Nhưng vị thánh đã bị một số người bạn vô danh nắm lấy tay và chân, và dù ngài chống cự, vẫn bị mang đi khỏi đó và đặt lên lưng một con lừa chưa được yên cương. Sau đó, trái với ý muốn của ngài, ngài bị đưa đến một nơi an toàn. Những người bạn đã cứu vị thánh này là ai, cho đến nay vẫn hoàn toàn là một bí ẩn: rõ ràng, Chúa đã bảo vệ Thánh Dionysius một cách kỳ diệu vì lợi ích của Giáo hội, vốn lúc bấy giờ đang bị bách hại, sỉ nhục và chìm trong những xáo trộn và hỗn loạn nội bộ.

Trong thời gian ẩn náu tại nơi bí mật, Thánh Dionysius vẫn tiếp tục lãnh đạo đoàn chiên Alexandria, gửi thư cho họ qua các linh mục đáng tin cậy. Trong thời kỳ đau khổ ấy, Giáo Hội phải chịu đựng những đau khổ và tang thương khủng khiếp từ những kẻ ngoại đạo hung bạo. Không chịu nổi những hình phạt và cực hình, nhiều tín hữu đã chối bỏ Chúa Kitô. Sau đó, với lòng ăn năn sâu sắc và nỗi buồn thảm thiết, họ lại quay về với vị giám mục, khiêm nhường van xin được đón nhận trở lại vào lòng Giáo Hội của Chúa Kitô. Dionysius, một người hiền lành và khiêm nhường, đã khoan dung đón nhận họ trở lại làm con cái của Giáo hội Kitô giáo, đồng thời áp đặt lên họ những lệnh cấm và hình phạt sám hối nhất định, nhờ đó cứu họ khỏi sự tuyệt vọng hoàn toàn[6784] .

[6782] Hoàng đế La Mã Decius trị vì từ năm 249 đến năm 251. Ông là kẻ đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu; dưới triều đại của ông đã xảy ra cuộc đàn áp chung đầu tiên nhắm vào các Kitô hữu.

[6783] Thánh Cyprian thành Carthage cũng đã hành động như vậy, ngài đã can đảm chấp nhận cái chết tử đạo vì Chúa Kitô († năm 268). Tương tự như vậy, trước Thánh Dionysius và Thánh Cyprian, Thánh Polycarp thành Smyrna (qua đời như một vị tử đạo vào năm 167) cũng đã hành động như vậy trong một thời gian, và sau các ngài là Thánh Athanasius thành Alexandria († năm 373). Trong các bức thư gửi cho Domitius và Didymus (năm 251), cũng như gửi cho Fabius, Giám mục Antioch, Thánh Dionysius đã kể lại một câu chuyện rất cảm động về các vị tử đạo tại Alexandria, những người đã hy sinh trong cuộc bách hại đầu tiên dưới thời Decius do bị đánh đập, thiêu sống hoặc chém bằng gươm, và chính ngài cũng tự coi mình là một trong số những người mà cuộc đời dài lâu cũng không đủ để đảm bảo sự đẹp lòng Chúa, dù ngài tin rằng Chúa Kitô đã giữ lại ngài cho một thời điểm thích hợp khác. Có một vị giám mục tên là Germanus, dường như đã trách móc ngài, giống như Thánh Cyprianus của Carthage từng bị trách móc vì sự hèn nhát và việc bỏ rơi đoàn chiên của mình. Để đáp lại điều này (năm 258–259), Dionysius kêu gọi Thiên Chúa làm chứng rằng ngài không chạy trốn theo ý muốn riêng của mình, và (giống như Thánh Cyprian) ngài viện dẫn sự mách bảo của Thiên Chúa để biện minh cho việc này.

[6784] Thánh Cyprian, Giám mục Carthage, một người đương thời nổi tiếng của ngài, cũng đã hành động một cách nhất trí và hoàn toàn phù hợp với Thánh Dionysius đối với những người sa ngã như vậy. Trước khi cho phép những người sa ngã được tham gia vào sự hiệp thông, các ngài đòi hỏi họ phải chứng minh sự ăn năn và không ngần ngại tha thứ cho họ, bất chấp những quan điểm cực đoan của nhiều người đương thời, những người đã phản đối quá quyết liệt những người sa ngã, coi họ như những kẻ đã phạm tội chết. Lời cầu bầu của các vị tử đạo và các vị chứng nhân của Chúa Kitô cho những người sa ngã cũng có ý nghĩa rất lớn trong thực tiễn của Giáo Hội thời bấy giờ.

Để làm trầm trọng thêm những tai họa đang đe dọa Giáo hội của Chúa Kitô, vào thời kỳ khó khăn này, sự ly giáo của Novatian đã xuất hiện, khiến Giáo hội càng bị xé nát bởi những xáo trộn nội bộ. Novatian và các môn đệ của ông đã công khai và quyết liệt phản đối việc tiếp nhận những người đã sa ngã trở lại vòng tay Giáo hội, qua đó làm trầm trọng thêm những tai ương của Giáo hội và đẩy nhiều người vào tuyệt vọng[6785] . Lúc bấy giờ, Thánh Dionysius, người luôn đón nhận những người sa ngã với tình yêu thương, đặc biệt là theo lời thỉnh cầu của các vị chứng nhân của Chúa Kitô, đã đứng lên chống lại phe Novatian và thuyết phục Novatian từ bỏ sự chia rẽ tai hại này đối với Giáo Hội của Thiên Chúa.

– Ngươi lẽ ra phải chịu đựng mọi điều có thể, nhưng tuyệt đối không được chia rẽ Giáo Hội của Đức Chúa Trời, – vị mục tử nhiệt thành đã viết cho tên giáo sư giả mạo này. – Chết để không chia rẽ Giáo Hội cũng vinh quang không kém gì chết để không dâng của lễ cho các thần tượng. Theo quan điểm của tôi, điều đầu tiên thậm chí còn cao quý hơn, bởi vì trong trường hợp sau, người ta chết để cứu rỗi linh hồn mình, còn ở đây là vì lợi ích của toàn thể Giáo Hội.

Và vị mục tử nhân từ đã dốc hết sức lực để sau đó, tại công đồng, khôi phục lại sự bình an mong mỏi trong Giáo Hội, vốn đã bị phá vỡ bởi sự chia rẽ tai hại này, và ngài đã đạt được điều đó nhờ những nỗ lực hy sinh của mình trong tinh thần khiêm nhường và ôn hòa của người Kitô hữu[6786] .

Sau khi Decius, kẻ vô đạo, qua đời, trong thời gian trị vì ngắn ngủi của Hoàng đế Gallus[6787] , cuộc bách hại các Kitô hữu chấm dứt, và hòa bình được thiết lập trong Giáo Hội của Chúa Kitô. Sự bình an này của Giáo hội càng được mong đợi hơn bao giờ hết, bởi nó đã cho phép Thánh Dionysius, với lòng quan tâm mục vụ, xoa dịu những xáo trộn do Giám mục Nepot của Arsina gây ra, người đã rao giảng tà thuyết được gọi là "chiliasm"[6788] . Thánh Cha không chỉ viết một tác phẩm chống lại Nepot[6789] với tinh thần yêu thương, mà còn với tinh thần đó, Ngài đã chủ trì các cuộc họp công đồng với những người ủng hộ tà thuyết này và đã đạt được kết quả là tất cả họ đều quay

---

[6785] Novatian là một linh mục La Mã hùng biện xuất sắc trong thời kỳ bách hại dưới triều Decius, mặc dù theo các quy định của Công đồng, ông không thể được phong chức, vì ông chỉ nhận được phép rửa tội lâm chung (tức là phép rửa tội trên giường bệnh), mà không có phép xức dầu thánh tiếp theo; sau đó, ông đã nỗ lực rất nhiều để giành lấy ngai giám mục tại Rôma, nhưng do tính toán sai lầm, ông đã tách khỏi Giáo Hội, trở thành giám mục Novatian và từ đó đặt nền móng cho sự chia rẽ tai hại trong Giáo Hội, sự chia rẽ mang tên ông và đe dọa Giáo Hội bằng những hỗn loạn và tai ương lớn lao. Phái Novatian đặc biệt phản đối việc tiếp nhận lại những người đã ly khai khỏi Giáo Hội. Theo quan điểm của phái Novatian, Giáo Hội là cộng đồng các thánh; do đó, tất cả những ai sa ngã và phạm tội trọng sau khi rửa tội đều phải bị trục xuất khỏi Giáo Hội và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không thể được tiếp nhận trở lại; Giáo Hội, dường như, không có quyền tha thứ cho những kẻ phạm tội nặng; nếu Giáo Hội tha thứ cho họ, thì chính Giáo Hội cũng trở nên ô uế và không còn là thánh nữa. Cộng đồng của họ, nơi không chấp nhận những kẻ phạm tội nặng, nhưng những người ly khai khỏi Giáo hội Chính thống chỉ được chấp nhận thông qua việc rửa tội lại, nên những người theo phái Novatian gọi cộng đồng đó là "Kafar", tức là cộng đồng của những người tinh khiết. Các cộng đồng Novatian đã lan rộng khắp Carthage, Alexandria, Syria, Tiểu Á, Gaul và Tây Ban Nha.

[6786] Vì vậy, Thánh Dionysius đã viết cho Novatian một bức thư ôn hòa, hiền lành, trong đó có trích dẫn những lời trên của vị Thánh từ Alexandria, rằng sự tử đạo nhằm ngăn chặn sự chia rẽ cũng vinh quang không kém gì sự tử đạo vì từ chối thờ lạy các thần tượng. Đồng thời, ngài đã khuyên nhủ Novatian một cách đầy tình cha con rằng, nếu ông không thể thuyết phục các tín đồ của mình từ bỏ bước đi sai lầm mà họ đã thực hiện, thì ít nhất ông cũng có thể cứu rỗi linh hồn chính mình; còn nếu, như Novatian biện hộ, ông bị tấn phong làm giám mục trái với ý muốn của mình, thì ông phải chứng minh sự chân thành trong tuyên bố của mình bằng cách tự nguyện từ bỏ chức vụ, "để tránh gây ra sự rạn nứt trong Giáo hội của Đức Chúa Trời". Bất chấp thông điệp hòa bình này, Dionysius, theo chính lời ông, đã có thái độ thù địch với Novatian vì "ông ta đã chia rẽ Giáo hội thành nhiều mảnh và lôi kéo một số anh em vào sự vô đạo và phạm thượng, đưa ra giáo lý không mong muốn nhất về Thiên Chúa và miêu tả sai lệch Chúa nhân từ thành kẻ vô tình", v.v. Để chống lại những người theo Novatian, vị thánh đã viết một số thư và đấu tranh quyết liệt chống lại họ. Tuy nhiên, mặc dù nhờ những nỗ lực của ngài và một số đại diện khác của Giáo hội, hòa bình trong Giáo hội đã được khôi phục, những người theo Novatian vẫn có nhiều tín đồ, và các cộng đồng của họ tồn tại cho đến tận thế kỷ VII.

[6787] Gallus trị vì từ năm 251–253, nổi tiếng với tính cách hiền hòa và sự khoan dung đối với các Kitô hữu.

[6788] Nepot là giám mục của thành phố Arsinoe, hay Arsinoi, ở miền trung Ai Cập. – Chủ nghĩa thiên niên kỷ xuất hiện rất sớm và vào cuối thế kỷ II đã có rất nhiều tín đồ. Vào giữa thế kỷ III, Nepot là một đại diện năng động của chủ nghĩa này, có rất nhiều tín đồ, nhất là khi giáo lý của ông dường như là nguồn an ủi gần gũi nhất dành cho các Kitô hữu trong những cuộc bách hại và tra tấn. Nepot dạy rằng, theo lời sách Khải Huyền (Khải Huyền 20:2–6), vương quốc ngàn năm của Chúa Giê-su Ki-tô trên đất sẽ sớm đến, nơi những người tin Chúa và đạo đức sẽ được sống; những người theo chủ nghĩa thiên niên kỷ hình dung vương quốc này theo nghĩa cảm tính, vật chất của một vương quốc trần gian với những thú vui trần thế. Học thuyết dị giáo của Nepot chỉ được biết đến sau khi ông qua đời.

[6789] Tác phẩm đồ sộ "Về các lời hứa", trong đó chỉ còn lưu giữ nguyên vẹn phần thứ hai và một số đoạn ngắn từ phần đầu. Trong tác phẩm của mình, Thánh Dionysius giải thích rằng những lời hứa về Nước Trời của Chúa Kitô không nên được hiểu theo nghĩa cảm tính, mà phải theo nghĩa thiêng liêng, và ngài đã chứng minh điều này một cách xuất sắc cả từ Sách Khải Huyền lẫn qua việc phân tích bản chất con người; tại đó, ngài cũng bàn luận về Sách Khải Huyền nói chung.

trở lại sự hiệp nhất của Giáo hội[6790] . Thánh Dionysius cũng tham gia tích cực vào cuộc tranh luận lúc bấy giờ trong Giáo hội về việc rửa tội cho những người theo tà thuyết[6791] , với mối quan tâm hàng đầu là xoa dịu những xáo trộn do cuộc tranh luận này gây ra trong Giáo hội, điều mà ngài đã thành công nhờ những lời khuyên nhủ của mình. Đồng thời, ngài đã nhiệt thành chống lại tà thuyết độc hại và nguy hiểm của Savelio, vốn đã nảy sinh trong Giáo hội Alexandria. Với nỗ lực chống lại giáo lý tà thuyết độc hại của hắn, thứ đã gây ra sự cám dỗ không nhỏ trong Giáo hội của Chúa Kitô và lôi kéo ngay cả một số giám mục vào " " của hắn, Thánh Dionysius đã triệu tập các công đồng, viết các thư chung chống lại Savelio, nhằm xua tan sự ngang bướng của tâm trí kiêu ngạo, vốn không công nhận Ba Ngôi trong Thiên Chúa: Thiên Chúa Cha, Con Thiên Chúa và Thánh Thần[6792] .

Tuy nhiên, những nỗ lực của Thánh Dionysius nhằm duy trì hòa bình nội bộ và lợi ích của Giáo hội đã đột ngột bị chặn đứng bởi cuộc đàn áp của Hoàng đế La Mã mới Valerian[6793] . Ngay từ những ngày đầu của cuộc bách hại tàn bạo này, vị mục tử vĩ đại của Alexandria đã bị bắt giữ, bất chấp căn bệnh nặng của ngài, và cùng với linh mục Maximus[6794] cùng các phó tế Faustus, Eusebius và Herimon, bị đưa ra trước quan tổng trấn Emilianus[6795] . Cuộc bách hại lúc bấy giờ đã đổ xuống với toàn bộ sức nặng, đặc biệt nhắm vào các giám mục và linh mục, với tư cách là đại diện của Giáo hội. Vì vậy, những kẻ tra tấn đã dùng mọi cách để ép Dionysius từ bỏ Chúa Kitô và dâng lễ vật cho các thần tượng, vì họ tin rằng những người khác sẽ theo gương ông. Nhưng Dionysius đã dũng cảm trả lời như sau:

– Chúng ta phải vâng lời Thiên Chúa hơn là vâng lời loài người.

Sau đó, Ê-mi-li-an, sau khi cấm thánh nhân mọi hình thức giao tiếp với các Kitô hữu, nhất là mọi lời khuyên răn và rao giảng giáo lý Phúc Âm cho họ, đã đày ngài đến ngôi làng hẻo lánh Tsefro, nằm giữa sa mạc

---

[6790] Để làm điều này, Thánh Dionysius đã vội vã đến Arsinoe, nơi ngài yêu cầu một cuộc họp với các môn đệ của Nepos và dành ba ngày để phân tích cuốn sách của ông, đồng thời cố gắng nói về ông với tình yêu và sự kính trọng, gọi ông là cha và anh em của mình, và khen ngợi ông vì đức tin, sự cần cù, sự nghiên cứu siêng năng Kinh Thánh, cũng như những thành tựu vĩ đại của ông trong việc hát Thánh vịnh, điều mà nhiều anh em trong cộng đoàn đã được thưởng thức. "Tôi yêu mến người này sâu sắc," Thánh Dionysius nói, "còn vì ông đã ra đi về nơi an nghỉ trước chúng ta. Tuy nhiên, sự thật phải được trân trọng và tôn kính hơn tất cả." Kết quả của cuộc họp là vị thánh đã thuyết phục được những người theo thuyết thiên niên kỷ và nhận được lời cảm ơn chân thành từ người đứng đầu của họ, linh mục Korakion, vì những lời khuyên răn. Vị linh mục này đã bị thuyết phục đến mức từ bỏ quan điểm của mình và xin đừng chú ý đến nó nữa, đừng bàn luận, đừng nhắc đến và đừng giảng dạy về nó. Các tu sĩ còn lại có mặt tại đó cũng rất hài lòng với cuộc đối thoại này, cũng như với tinh thần hòa giải và sự đồng thuận chung mà tất cả mọi người đều thể hiện. Kể từ thời điểm đó, chủ nghĩa thiên niên kỷ gần như hoàn toàn chìm vào quên lãng trong Giáo hội Đông phương.

[6791] Clément, Tertullian, Thánh Cyprian thành Carthage và một số vị thầy khác của Giáo hội, cũng như một số công đồng địa phương, khi tiếp nhận những người lạc giáo, đã yêu cầu họ phải chịu phép rửa lại; chỉ có tại Rôma, họ mới được tiếp nhận sau một lần xưng tội. Theo quan điểm của mình, Dionysius ủng hộ quan điểm sau cùng này và trong những đoạn còn sót lại của một số thư tín, ngài kiên quyết phản đối việc rửa tội lại những kẻ dị giáo đã được rửa tội nhân danh Chúa Ba Ngôi, quan điểm này sau đó đã được thông qua tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất (năm 325). Tuy nhiên, trước hết, trong vấn đề gây tranh cãi gay gắt này, ngài lại một lần nữa đảm nhận vai trò trung gian xuất sắc. Ngài đã viết không ít thư về chủ đề này gửi cho Giáo hoàng Stefano tại Roma. Trong một trong những lá thư còn lưu giữ, ngài đã nói với ngài về sự hòa hợp chung giữa các Giáo hội; nhưng khi Thánh Stefano từ chối hiệp thông với Giám mục Firmilianus của Cappadocia, người bảo vệ quan điểm trái ngược, ngài đã khuyên nhủ ngài hãy cân nhắc những hậu quả nghiêm trọng của hành động đó. Sau khi Thánh Stefano qua đời, Dionysius đã viết về cùng chủ đề này cho các vị kế nhiệm của ngài là Sixtus II và Dionysius của Rôma, đồng thời phân tích chủ đề này một cách chi tiết hơn trong cuốn sách "Về sự sám hối".

[6792] Savelio, xuất phát từ quan niệm Kitô giáo về sự hiệp nhất của Thiên Chúa, đã sa vào cực đoan, điều này đã dẫn ông đến một giáo lý dị giáo, trái ngược với những nền tảng và tín điều chính yếu nhất của giáo lý Kitô giáo. Ông dạy rằng nếu Thiên Chúa là Một về bản thể, thì không thể có sự hiệp nhất của Ba Ngôi trong Bản Thể Thiên Chúa, và Ba Ngôi chỉ nên được hiểu theo nghĩa là sự mặc khải liên tiếp của cùng một Ngôi Vị trong mối quan hệ của Ngài với thế giới và con người; theo giáo lý của Savellius, không có ba Ngôi Vị của Thiên Chúa: Cha, Con và Thánh Thần chỉ là những hình thức được biết đến mà qua đó Thiên Chúa hiện ra trước loài người: trong Cựu Ước, với tư cách là Đấng ban luật pháp cho họ, Ngài hiện ra là Cha; trong Tân Ước, với tư cách là Đấng cứu rỗi loài người, Ngài hiện ra là Con và tiếp tục hiện ra như Thánh Thần thánh hóa họ. – Chủ nghĩa Savellius, xuất hiện vào giữa thế kỷ III, đã suy yếu vào cuối thế kỷ này, mặc dù vẫn còn những người theo chủ nghĩa này vào thế kỷ IV.

[6793] Hoàng đế La Mã Valerian trị vì từ năm 253 đến năm 259. Cuộc bách hại Kitô hữu do ông phát động nổi bật bởi sự tàn bạo đặc biệt và quá mức.

[6794] Maximus đã được bí mật cử đến Alexandria để an ủi các Kitô hữu đang bị bách hại. Sau đó, ông trở thành người kế vị Dionysius trên ngai giám mục (†282).

[6795] Emilian là tổng trấn Alexandria, tức là người cai trị thành phố này, đại diện và quan tổng trấn của Hoàng đế La Mã. Tuy nhiên, trên thực tế, ông cai trị một cách độc lập và là một trong số những kẻ được gọi là "ba mươi bạo chúa", những người vào thời điểm đó đã chiếm đoạt quyền lực hoàng gia tại Ai Cập.

hoang vu Li-vi[6796] . Nhưng ngay cả ở đó, bất chấp lệnh cấm, vị thánh vẫn tiếp tục giảng dạy Lời Chúa và, như một vị tử đạo dũng cảm của Chúa Kitô, từ chối tuân theo mệnh lệnh của những kẻ hành hạ. Những người ngoại đạo đã nhiều lần ném đá vào ngài vì điều này. Bất chấp tất cả những điều đó, Dionysius vẫn tìm thấy niềm an ủi khi có thể dẫn dắt nhiều người ngoại đạo đến với đức tin thánh thiện của Chúa Kitô ngay cả trong sa mạc. Sự thành công trong việc rao giảng của Dionysius càng làm cho Emilian tức giận hơn, và ông ta đã đày vị giám mục thánh này đến thị trấn Collufo, nằm ở một vùng còn hẻo lánh và hoang dã hơn nữa của sa mạc Libya[6797] . Nhưng ngay cả từ nơi đây, ngài vẫn tìm được niềm an ủi khi liên lạc với các bạn hữu của Chúa Kitô và với đoàn chiên của mình, không chỉ với đoàn chiên của mình mà còn với các giáo hội khác nữa. Thánh Dionysius trước đây cũng luôn hành động như vậy, nhận thức rõ ràng rằng, với tư cách là người đứng đầu một trong những giáo hội chính, tiếng nói của ngài có ảnh hưởng đến các giáo hội và cộng đồng Kitô hữu khác, ngài phải lo lắng không chỉ cho đoàn chiên của mình, mà còn cho toàn thể Giáo hội của Chúa Kitô, đặc biệt là để chống lại mọi nỗ lực phá vỡ hòa bình chung trong Giáo hội.

Thánh Dionysius đã trải qua ba năm trong cuộc lưu đày tàn bạo và khắc nghiệt này – và những nỗi đau khổ và cực hình mà ngài phải chịu đựng ở đó – chỉ có một mình Thiên Chúa mới biết. Sau khi Gallienus lên ngôi[6798] , ngài được trả tự do khỏi nơi lưu đày, mang lại niềm an ủi lớn lao cho đoàn chiên của ngài và toàn thể Giáo Hội của Chúa Kitô.

Tuy nhiên, ngay cả tại Alexandria, vị tử đạo dũng cảm của Chúa Kitô này cũng không được đón nhận bằng sự bình an và thịnh vượng, mà là những cuộc hỗn loạn đẫm máu và những đau khổ tột cùng. Sau những nỗi đau của cuộc nội chiến là nạn đói khốc liệt, và sau nạn đói là dịch hạch hoành hành với sự tàn bạo kinh hoàng. Với tình yêu thương chân thành như người cha, Thánh Dionysius đã chăm sóc những người khốn khổ, bất kể họ là ai – dù là người ngoại đạo hay tín hữu. Khi mô tả những thảm họa mà cư dân vùng Alexandria phải gánh chịu trong thời kỳ đại dịch tàn khốc này, vị thánh đã viết, trong số những điều khác, như sau: "Nhiều anh em của chúng ta, vì tình yêu mãnh liệt, đã gác lại sự lo lắng cho bản thân, mà chỉ quan tâm đến nhau, dũng cảm đến thăm những người bệnh, phục vụ họ không ngừng nghỉ, chữa lành cho họ nhân danh Chúa Kitô; họ tự nguyện chết cùng với họ, gánh lấy những đau khổ của họ, như thể thu hút căn bệnh về phía mình và sẵn lòng lau sạch những vết loét trên người họ. Nhiều người trong số những ai đã tận tâm chăm sóc người bệnh và giúp họ hồi phục sức khỏe, chính họ cũng đã qua đời... Và cái chết này, nhờ lòng đạo đức và sự kiên định trong đức tin, không hề kém gì sự tử đạo. Họ dùng chính đôi tay và đầu gối của mình để đỡ thi thể các thánh nhân, nhắm mắt và bịt miệng cho họ, cõng họ trên vai, đặt họ nằm xuống, ôm ấp họ, tắm rửa và mặc áo cho họ"[6799] .

Thánh Dionysius đã miêu tả một cách cảm động những hành động yêu thương của người Kitô hữu trong thời kỳ khó khăn này đối với Alexandria, đặc biệt là từ phía hàng giáo sĩ; nhưng chính ngài cũng là tấm gương sáng nhất về sự hy sinh đó đối với các tín hữu, vượt xa cả hành động tử đạo: vì *"Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu"* (Ga 15,13). Và Thánh Dionysius, dốc hết sức lực để an ủi và giúp đỡ những người bệnh tật, đã không tiếc cả mạng sống của mình vì họ, luôn ghi nhớ lời của Đấng Cứu Thế: *"Bởi vì các con đã làm điều đó cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta, tức là các con đã làm cho Ta"* (Mt 25,40).

Ngoài những nỗi đau này và những căn bệnh thể xác nặng nề của chính mình, Thánh Dionysius còn phải gánh chịu một nỗi đau mới: vị trụ cột bất khuất của Chính Thống Giáo và chiến binh chống lại sự vô tín và các tà thuyết này đã bị nghi ngờ là có tư tưởng sai lầm, và ngài buộc phải viết một bức thư – không phải để tự bào chữa cho mình, mà chủ yếu để xoa dịu Giáo Hội – trong đó ngài trình bày giáo lý Chính Thống của mình về Ba Ngôi của Thánh Ba Ngôi[6800] . Sự thật đã chiến thắng, và sự kính trọng cao cả của toàn thể Giáo hội dành cho ngài cũng như

[6796] Sa mạc Libya – phần phía đông của sa mạc Sahara rộng lớn ở châu Phi – là một vùng đất khá bằng phẳng và tràn ngập các ốc đảo với các thành phố và làng mạc. Vùng đất mà Thánh Dionysius bị lưu đày không thể được hiểu theo nghĩa đen của sa mạc, mà chỉ theo nghĩa hoang vắng, hẻo lánh và hoang dã của nơi này.

[6797] Tuy nhiên, nơi này lại nằm sát bên đường, nên Thánh Dionysius và các tu sĩ bị lưu đày cùng ngài có thể dễ dàng bị bắt bất cứ lúc nào.

[6798] Gallienus – Hoàng đế La Mã từ năm 260 đến năm 268. Ông đã chấm dứt cuộc đàn áp Kitô hữu do Valerian khởi xướng và ban hành các sắc lệnh cho phép những người bị lưu đày trở về, đồng thời tuyên bố tự do tín ngưỡng.

[6799] Thư của Thánh Dionysius gửi Giáo hội Alexandria để an ủi trong cơn đói kém; bức thư này được trích dẫn trong Lịch sử Giáo hội của Eusebius.

cho tất cả những quan điểm Chính thống nghiêm ngặt của ngài – những quan điểm đã bảo vệ sự trong sạch của đức tin trong thời kỳ đầy biến động này của Giáo hội – vẫn không hề lay chuyển.

Cuối cùng, sức lực thể xác của vị chứng nhân Chúa Kitô đã hoàn toàn suy yếu do tuổi già, những nỗi đau buồn và những công việc quá sức, mặc dù tinh thần của ngài vẫn mạnh mẽ. Khi Giáo hội bắt đầu bị xáo trộn bởi giáo lý dị giáo của Phaolô Samosata[6801] , một công đồng gồm các vị Thánh Phụ và các vị Thầy của Giáo hội đã được triệu tập tại Antiôkhia[6802] , và Thánh Dionysius là một trong những người đầu tiên được mời tham dự, bởi vì mọi người đều trông đợi từ ngài một tiếng nói dứt khoát và sự bình an cho Giáo hội. Tuy nhiên, vị mục tử vĩ đại của Giáo hội Alexandria, vì tuổi già đã làm ông suy yếu, cảm thấy hoàn toàn không đủ sức chịu đựng gánh nặng của một chặng đường xa xôi như vậy và buộc phải từ chối lời mời; tuy nhiên, thay vì trực tiếp phát biểu bằng lời nói, ngài đã gửi cho các vị Thánh Phụ tham dự Công đồng một bức thư dài, trong đó trình bày quan điểm chính thống của ngài về giáo lý của Phaolô Samosata[6803] . Vài ngày sau đó, ngài đã an lành trút hơi thở cuối cùng về với Chúa (năm 265), trong khi các vị lãnh đạo các Giáo hội Kitô giáo đang tụ họp tại Antioch để lên án Phaolô Samosata. Giáo hội đã vô cùng thương tiếc trước sự mất mát to lớn này, vì qua sự ra đi của Thánh Dionysius, Giáo hội đã mất đi một vị thầy vĩ đại, một vị cha của Giáo hội và một trụ cột vững chắc của Chính Thống giáo[6804] .

[6800] Niềm tin Chính thống của Thánh Dionysius bị nghi ngờ chính vì những lá thư mà ngài đã viết cho nhiều người khác nhau để bảo vệ giáo lý Chính thống chống lại Sabellius. Vị Thánh Cha này bắt đầu bị cáo buộc là sai lầm về tín lý, như thể ngài giảng dạy sai về Con Thiên Chúa, bởi vì trong các bức thư của mình, Thánh Dionysius đã sử dụng những cách diễn đạt thiếu thận trọng về Thánh Ba Ngôi, điều mà vị Giáo hoàng Roma cùng thời và cùng tên với ngài đã lên án. Lúc đó, Thánh Dionysius thành Alexandria vội vàng viết thư gửi Thánh Dionysius thành Rôma để tự bào chữa, chỉ ra sự sai lầm trong việc diễn giải lời nói của ngài qua những cách diễn đạt đó, đồng thời phần nào từ bỏ những điều ngài coi là sai lầm và những cách diễn đạt thiếu suy xét, và trình bày một cách nghiêm ngặt giáo lý Chính thống về Con Thiên Chúa. Sau đó, mọi nghi ngờ về tính chính thống của Thánh Dionysius đã tan biến, và ngược lại, ngài còn được coi là trụ cột và chỗ dựa của chính thống giáo hơn bao giờ hết.

[6801] Phaolô Samosata (theo nơi sinh), Giám mục Antiôkhia, đã rao giảng một tà thuyết độc ác về Thánh Ba Ngôi và chủ yếu là về Con Thiên Chúa. Theo giáo lý của ông, trong Thiên Tính không có sự phân biệt giữa các Ngôi Vị: Thiên Chúa – Lời và Thánh Thần hiện diện trong Chúa Cha giống như lý trí và tinh thần trong con người. Ông không công nhận Con Thiên Chúa đã từ trời xuống, và coi Chúa Giêsu chỉ là một con người bình thường, trong đó Thiên Tính ngự trị, giống như trong các tiên tri, chỉ là ở mức độ cao hơn, và chính vì lý do đó mà Ngài được gọi là Con Thiên Chúa. Với những quan điểm dị giáo của mình, Phaolô còn gây ra sự hỗn loạn và cám dỗ lớn hơn nữa trong Giáo hội, bởi ông nổi tiếng với những khuynh hướng đồi bại, sống một cuộc đời xa hoa, đã bãi bỏ các bài thánh ca cổ xưa trong giáo phận của mình, thay thế các bài thánh ca tôn vinh Đấng Cứu Thế bằng các bài thánh ca ca ngợi chính bản thân mình, thực hiện những cử chỉ không xứng đáng với chức vụ giám mục, đòi hỏi mọi người vỗ tay, v.v.

[6802] Công đồng Antioch chống lại Phaolô Samosata được triệu tập vào năm 264 – với sự tham dự của các giám mục từ Syria, Á Châu và Ả Rập. Tuy nhiên, tại công đồng này, Phaolô đã kịp che đậy những sai lầm dị giáo của mình và xoa dịu các thành viên công đồng bằng cách phát biểu với tinh thần hòa giải và hứa sẽ kiềm chế mọi cám dỗ, nhưng ông đã không thực hiện lời hứa đó. Do đó, sau đó tại Antioch đã diễn ra thêm hai công đồng nữa (vào các năm 267 và 269), và tại công đồng cuối cùng, ông đã bị tước chức giám mục; giáo lý của ông bị coi là dị giáo, và phép rửa tội do ông cử hành bị coi là vô hiệu, vì ông đã sử dụng các danh xưng của Ba Ngôi Thiên Chúa không theo ý nghĩa chính thống.

[6803] Trong bức thư của mình – hiện không còn tồn tại – Thánh Dionysius, theo lời chứng của nhà sử học Giáo hội thế kỷ IV Eusebius Pamphilus, đã đưa ra phán quyết nghiêm khắc đối với những quan điểm dị giáo của Paul Samosata và lên án sự lầm lạc của ông với sự rõ ràng và dứt khoát.

[6804] Từ xa xưa, mọi người đã nhất trí phong cho Thánh Dionysius danh hiệu "Vĩ đại"; người đồng thời với ngài, Thánh Athanasius thành Alexandria, đã gọi ngài là "Thầy của Giáo Hội Toàn Cầu", còn Giáo Hội đã phong cho ngài danh hiệu "Thánh Tử Đạo", bởi dù ngài không phải chịu cái chết tử đạo vì Chúa Kitô, nhưng suốt cuộc đời, ngài đã dũng cảm và anh dũng chiến đấu và cống hiến vì Chúa Kitô và Giáo Hội Thánh của Ngài, đồng thời phải chịu đựng những lời chỉ trích, những lời chỉ trích, nguy hiểm, sự bắt bớ, cuộc lưu lạc, khó khăn và mọi loại tai ương cùng biến cố không kém gì các thánh tử đạo. – Các tác phẩm của Thánh Dionysius có ý nghĩa hàng đầu trong lịch sử phát triển tư tưởng Kitô giáo, nhờ ảnh hưởng của chúng đối với các nhà thần học thế kỷ IV. Dionysius nổi bật với trình độ học vấn cao và am hiểu sâu rộng cả về các vấn đề đức tin lẫn các lĩnh vực học thuật chung. Các tác phẩm của ngài – vốn chỉ còn lại những đoạn trích và chưa đầy đủ – chủ yếu xoay quanh các giáo lý, việc giải thích Kinh Thánh và trật tự giáo hội, mà ngài đã nỗ lực củng cố không chỉ trong các giáo hội Ai Cập, mà còn tại Rôma, Armenia và các nơi khác. Ngoài những bức thư đã đề cập ở trên nhằm bảo vệ Chính Thống Giáo chống lại các học thuyết dị giáo của thời đại ông, tác phẩm thần học sâu sắc mang tên "Về bản chất" và những "Thư *Phục* Sinh", được viết theo một tập tục cổ xưa, theo đó Giám mục Alexandria – nơi thiên văn học và toán học phát triển rực rỡ – có trách nhiệm xác định thời điểm cử hành Lễ Phục Sinh hàng năm cho toàn thể Giáo hội; cùng với thông báo về ngày này, Dionysius luôn kèm theo những suy tư về giáo lý và đạo đức về Đấng Cứu Thế Phục Sinh; những thông điệp này bắt buộc phải được đọc trước cộng đồng tín hữu trong các nhà thờ.

Nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh này, xin Chúa Trời cứu Giáo hội của Ngài khỏi mọi sự hiểu biết giả dối và sự chia rẽ, đồng thời xin Ngài gìn giữ sự hiệp nhất và hòa bình trong Giáo hội, trong tinh thần khiêm nhường và tình yêu thương Kitô giáo.

Ngày 19 tháng 10

Ngày 6 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Tôma

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 10

Thánh Tông đồ Tôma, còn được gọi là người anh em sinh đôi[6805] , sinh ra tại thành phố Paneade thuộc xứ Galilê[6806] . Khi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, trong thời gian Ngài ở trần gian cùng loài người, đi qua các thành phố và làng mạc, giảng dạy dân chúng và chữa lành mọi bệnh tật, Thánh Tôma, sau khi nghe lời giảng của Ngài và chứng kiến các phép lạ của Ngài, đã gắn bó với Ngài bằng cả tâm hồn. Được nuôi dưỡng bởi những lời ngọt ngào của Chúa Giêsu Kitô và việc chiêm ngắm Dung nhan chí thánh của Ngài, Thánh Tôma đã theo chân Ngài và được Chúa ban ân sủng để gia nhập vào hàng ngũ Mười Hai Tông Đồ, cùng với các ngài, ngài đã theo Chúa Kitô cho đến tận những đau khổ cứu độ của Ngài. Sau khi Chúa Phục Sinh, thánh Tôma, bởi sự hoài nghi của mình đối với lời kể của các Tông đồ khác về sự kiện này, lại càng củng cố thêm đức tin của Hội Thánh Chúa Kitô; bởi vì trong khi các môn đệ khác của Chúa Kitô nói: *"Chúng tôi đã thấy Chúa"*, thì ông không muốn tin họ cho đến khi chính mắt mình nhìn thấy Chúa Kitô và chạm vào những vết thương của Ngài. Tám ngày sau khi Chúa Phục Sinh, khi tất cả các môn đệ tụ họp lại với nhau và Thánh Tôma cũng có mặt, Chúa đã hiện ra với họ và nói với Thánh Tôma: *"Hãy đưa ngón tay của con lại đây và xem tay Ta; hãy đưa tay con lại và đặt vào sườn Ta; và đừng là kẻ không tin, nhưng hãy là người tin*."

Khi nhìn thấy Chúa Kitô và chạm vào sườn đầy sự sống của Ngài, Thánh Tôma đã thốt lên: *"Lạy Chúa con và Thiên Chúa của con"* (Ga 20,24–29).

Sự kiện liên quan đến Tôma này một cách rõ ràng nhất thuyết phục mọi người về sự thật của sự Phục Sinh của Chúa, bởi vì Chúa Kitô đã hiện ra với các môn đệ không phải dưới hình dạng một bóng ma hay trong một thân xác nào khác, mà chính là trong thân xác mà Ngài đã chịu khổ nạn vì sự cứu rỗi của chúng ta.

Sau khi Chúa Giêsu Kitô lên trời và Thánh Thần ngự xuống, các Tông đồ đã bốc thăm để quyết định mỗi người sẽ đi đâu để rao giảng Lời Chúa. Thánh Tôma đã bốc thăm trúng phần đi đến Ấn Độ, để soi sáng những vùng đất bị che phủ bởi tà giáo và dạy dỗ đức tin chân chính cho các dân tộc khác nhau đang sinh sống ở đó – người Parthia và người Media, người Ba Tư và người Hyrcania, người Bactria và người Bà-la-môn, cùng tất cả những cư dân ở những vùng xa xôi nhất của Ấn Độ[6807] .

[6805] Thôma – dịch từ tiếng Do Thái có nghĩa là: người sinh đôi; ông còn được gọi là Đít-đim – một từ tiếng Hy Lạp có cùng ý nghĩa.

[6806] Galilê – phần phía bắc của Palestine. Paneada – một thành phố ở miền Bắc Palestine, nằm dưới chân núi Hermon, gần nguồn phía đông của sông Jordan, trên biên giới phía bắc của chi phái Nephthali, được đặt tên theo Panion, một thị trấn và hang động nằm dưới chân sườn phía nam của dãy núi Liban. Philip, con trai của Herod, vua Do Thái, đã đổi tên thành phố này thành Caesarea (Caesarea Philippi) để vinh danh Caesar (Hoàng đế La Mã) Tiberius. Ngày nay, thành phố từng phồn thịnh này đã trở thành đống đổ nát, và chỉ còn một ngôi làng nhỏ mọc lên trên nền tảng của nó.

[6807] Ấn Độ, theo nghĩa địa lý hiện đại, là phần phía nam của lục địa Á châu, bao gồm bán đảo giữa trong ba bán đảo phía nam của lục địa này và phần lục địa lân cận cho đến những dãy núi khổng lồ ngăn cách nó với Trung Á. Tuy nhiên, các nhà văn cổ đại thường dùng tên chung "Ấn Độ" để chỉ tất cả các quốc gia giàu có ở phía nam châu Á, mà họ chỉ có những khái niệm mơ hồ về chúng. Người Mede sống láng giềng với Ba Tư, ở phần phía tây của Iran, phía nam Biển Caspi, và sau này bị người Ba Tư chinh phục. Người Parthia cũng sống láng giềng với người Ba Tư, trong một vùng đất rộng lớn trải dài từ sông Euphrates đến sông Oxus và từ Biển Caspi đến Biển Ấn Độ; vào thế kỷ III trước Công nguyên, họ bị người La Mã chinh phục. Người Ba Tư sinh sống ở phần phía nam của Iran. Người Hircania sinh sống dọc theo bờ sông Euphrates và Tigris và đã bị người Ba Tư chinh phục. Người Bactria sinh sống ở phía đông bắc Iran. Người Brahman – cư dân của chính Ấn Độ, chủ yếu là các thầy tu Ấn Độ.

Thánh Phêrô rất buồn bã vì phải được sai đi đến những dân tộc man rợ như vậy; nhưng Chúa đã hiện ra với ngài trong một thị kiến, củng cố lòng tin cho ngài và truyền lệnh phải can đảm, đừng sợ hãi, đồng thời hứa sẽ ở cùng ngài. Ngài cũng sớm chỉ cho ngài cách để thâm nhập vào những vùng đất này.

Vua Ấn Độ Gundafor, mong muốn xây dựng cho mình một cung điện tinh xảo nhất có thể, đã cử thương gia của mình là Avan đến Palestine, để ông ta tìm kiếm ở đó một kiến trúc sư tài ba, người có kinh nghiệm trong việc xây dựng và có thể dựng nên những cung điện tương tự như của các hoàng đế La Mã. Chính qua người thương gia A-van này, Chúa đã truyền lệnh cho Thô-ma đi đến các vùng đất Ấn Độ. Khi A-van đang tìm kiếm những kiến trúc sư tài ba tại Pa-ne-a-đê, Thô-ma đã gặp ông và tự xưng là người có kinh nghiệm trong nghệ thuật xây dựng. A-van đã thuê ông, cùng ông lên tàu, và họ lên đường, nhờ có gió thuận lợi.

Khi họ đến một thành phố, họ nghe thấy tiếng kèn và các nhạc cụ khác vang lên ở đó. Vua của thành phố đó đang tổ chức đám cưới cho con gái mình, và đã cử các sứ giả đi thông báo khắp thành phố, kêu gọi cả người giàu lẫn người nghèo, nô lệ lẫn người ngoại lai đều phải tụ tập đến dự lễ cưới; ai không chịu đến sẽ phải chịu sự xét xử của nhà vua. Nghe tin này, A-van và Phô-ma, vì là người ngoại quốc, sợ làm phật lòng vua nếu không tuân lệnh, nên đã đến dự tiệc cưới tại cung điện. Khi mọi người đã ngồi vào chỗ và bắt đầu vui chơi, vị Tông đồ ngồi ở hàng ghế cuối cùng, không ăn gì, cũng không tham gia vào cuộc vui, mà chỉ chìm đắm trong suy tư. Mọi người đều nhìn ngài như một người lữ hành và người ngoại tộc. Những người nằm bên cạnh ngài[6808] đã nói với ngài:

– Sao ngài lại đến đây mà không ăn uống gì cả?

Vị Tông đồ đáp lại:

– Ta đến đây không phải để ăn uống, mà để thực hiện ý muốn của nhà vua, vì các sứ giả đã công bố lớn tiếng rằng ai không có mặt tại tiệc cưới sẽ phải chịu sự phán xét của nhà vua.

Lúc bấy giờ, trong số những người đang dự tiệc có một phụ nữ Do Thái, người chơi sáo rất hay và vừa thổi vừa hát những lời chào hỏi dành cho từng người đang nằm nghỉ. Thấy Phê-rô không vui vẻ, mà chỉ thường xuyên ngước mắt lên trời, cô nhận ra rằng ông là người Do Thái, và khi thổi sáo trước mặt ông, cô đã hát cho ông nghe bằng tiếng Do Thái một điệp khúc như sau: "Chỉ có một Đức Chúa Trời – Đức Chúa Trời của người Do Thái, Đấng đã tạo dựng trời và đất."

Còn vị Tông đồ, khi nghe điệp khúc này với sự thích thú, đã xin cô lặp lại những lời đó vài lần.

Người rót rượu, thấy vị Tông đồ không vui vẻ, đã tát vào mặt ông và nói:

– Ngươi được mời đến dự tiệc cưới – đừng buồn bã, mà hãy vui vẻ, cùng chung vui với những người đang uống rượu.

Lúc đó, vị Tông đồ nói với người đã tát mình:

– Nguyện Chúa báo ứng cho ngươi vì việc này ngay trong đời này, và xin cho ta được thấy bàn tay đã tát ta bị chó kéo lê trước mặt nhiều người!

Một lúc sau, người rót rượu đã tát vị Tông đồ đi ra giếng, định mang nước về pha loãng rượu cho khách. Tại đó, một con sư tử bất ngờ tấn công anh ta, quật ngã và giết chết anh ta, rồi hút cạn máu khỏi cơ thể anh ta trước khi bỏ đi. Lúc đó, bầy chó chạy đến, xé xác hắn thành từng mảnh, còn một con chó đen, cắn lấy tay phải của hắn, kéo nó đến bữa tiệc và quăng xuống trước mặt mọi người. Tất cả những ai có mặt ở đó, khi chứng kiến cảnh này, đều kinh hoàng và hỏi đó là tay của ai. Người phụ nữ đang thổi sáo liền kêu lên:

– Một điều kỳ lạ và bí ẩn đang diễn ra tại đây: trong số những người đang nằm nghỉ này, hoặc là Đức Chúa Trời, hoặc là sứ giả của Ngài đang ở cùng chúng ta. Vì tôi đã thấy người rót rượu đánh một người đàn ông và nghe người đó nói bằng tiếng Do Thái: "Hãy để tôi thấy bàn tay phải của ngài bị con chó lôi đi trước mặt nhiều người", điều mà như các bạn đều thấy, đã trở thành sự thật.

Sau những lời đó, nỗi sợ hãi ập đến với tất cả mọi người.

Khi tiệc tùng kết thúc, nhà vua, sau khi nghe tin về sự việc đã xảy ra, đã triệu tập Thánh Tông đồ Phêrô đến và nói:

– Hãy vào cung điện và ban phước lành cho con gái ta vừa mới kết hôn.

Vị Tông đồ, sau khi vào phòng ngủ, bắt đầu giảng dạy cho đôi tân hôn về sự trong sạch và việc giữ gìn trinh tiết, rồi sau khi cầu nguyện cho họ, ngài ban phước lành và ra về. Trong giấc mơ, đôi tân hôn đã thấy Chúa Giêsu,

[6808] Trong thời cổ đại, cả người Do Thái lẫn các dân tộc khác đều có phong tục không ngồi mà nằm khi dùng bữa.

Đấng hiện ra với họ dưới hình dạng của Thánh Tông đồ Tôma và ôm họ với tình yêu thương. Người chồng, nghĩ rằng trước mặt mình là Tôma, bèn nói với Ngài:

– Ngươi đã ra đi trước chúng ta nhất – làm sao ngươi lại có mặt ở đây được?

Chúa đáp:

– Ta không phải là Tôma, mà là anh em của ngài, và tất cả những ai từ bỏ thế gian và theo Ta như ngài, không chỉ sẽ là anh em của Ta trong đời sau, mà còn được thừa hưởng Nước Trời của Ta. Vậy nên, các con của Ta ơi, đừng quên những lời khuyên mà anh em Ta đã dặn dò các con; và nếu các con giữ trinh tiết trong sạch theo lời khuyên của anh ấy, thì các con sẽ được ban những vương miện bất diệt trong cung điện thiên đàng của Ta[6809] .

Nói xong những lời ấy, Chúa bỗng biến mất; còn các con, khi tỉnh giấc, đã kể cho nhau nghe những gì mình đã thấy trong giấc mơ, rồi đứng dậy và cầu nguyện sốt sắng với Chúa suốt cả đêm; còn những lời Ngài đã phán với các con, các con giữ trong lòng như những viên ngọc quý.

Sáng hôm sau, nhà vua bước vào phòng ngủ, nơi cặp vợ chồng mới cưới đang ở, và thấy họ ngồi cách xa nhau. Trong sự bối rối, ông hỏi họ lý do tại sao lại xa cách nhau như vậy. Họ đáp lại rằng:

– Chúng con đang cầu nguyện với Đức Chúa Trời, xin Ngài ban cho chúng con sức mạnh để cho đến khi lâm chung, chúng con vẫn giữ được sự trong sạch hoàn hảo trong hôn nhân, như chúng con đang sống hiện nay, để nhờ đó được đội những vương miện bất diệt trong cung điện thiên đàng, như lời hứa của Đức Chúa Trời đã hiện ra với chúng con.

Lúc đó, nhà vua mới hiểu rằng chính người lữ khách đã đến cung điện ngày hôm trước đã thuyết phục họ giữ trinh tiết, nên ông vô cùng tức giận và lập tức sai các tôi tớ đi bắt vị Tông đồ, nhưng họ không tìm thấy ông, vì ông cùng với A-van đã lên thuyền đi Ấn Độ rồi.

Khi đến gặp vua Gundaphor của Ấn Độ, họ trình diện trước mặt ngài, và A-van nói:

– Thưa bệ hạ, tôi đã đưa từ Palestine đến đây một thợ xây tài ba để ngài có thể cho xây dựng những cung điện theo ý muốn của bệ hạ.

Vua rất vui mừng, chỉ cho Thánh Phêrô nơi mà ngài muốn xây dựng các cung điện, và sau khi xác định kích thước của chúng, ngài đã trao cho ông một lượng vàng lớn để xây dựng, còn bản thân thì lên đường đến một quốc gia khác.

Phô-ma, sau khi nhận được vàng, đã phân phát cho những người nghèo khó – những người ăn xin và khốn khổ; còn bản thân ông, bằng việc rao giảng Tin Mừng, đã dẫn dắt nhiều người đến với đức tin nơi Chúa Kitô và làm phép rửa cho họ.

Vào thời điểm đó, chàng trai trẻ, người đã hứa theo lời khuyên của Thánh Phêrô rằng sẽ giữ sự trinh khiết cùng với vợ mình, khi nghe tin vị Tông đồ đang rao giảng về Chúa Kitô tại Ấn Độ, đã cùng vợ đến gặp vị Tông đồ. Được vị Tông đồ thánh thiện hướng dẫn vào đức tin Kitô giáo, họ đã nhận phép rửa thánh từ ngài. Cô gái được đặt tên là Pelagia và sau này đã đổ máu vì Chúa Kitô, còn chàng trai được đặt tên là Dionysius và sau này được phong chức giám mục.

Sau khi trở về quê hương với sự chúc lành của vị Tông đồ, họ đã rao truyền vinh quang Danh Chúa, dẫn dắt những người chưa tin đến với Chúa Kitô và xây dựng các nhà thờ trong các thành phố.

Hai năm trôi qua, nhà vua sai người đến hỏi vị Tông đồ: "Việc xây dựng cung điện có sớm hoàn thành không?" Vị Tông đồ trả lời những người được sai đến rằng chỉ còn việc lợp mái nữa thôi. Vua rất vui mừng, vì ngài cho rằng Thánh Tôma thực sự đang xây dựng cho ngài một cung điện trên đất, nên đã gửi thêm nhiều vàng cho ngài, ra lệnh phải nhanh chóng dựng lên một mái vòm lộng lẫy cho các cung điện.

Thô-ma, sau khi nhận thêm vàng, ngước mắt và giơ tay lên trời, nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa Yêu Thương Loài Người, vì Ngài đã dùng nhiều cách khác nhau để mang lại sự cứu rỗi cho loài người!

[6809] Sự tôn vinh trinh tiết như vậy không hề chứng tỏ rằng ngay cả khi có quan hệ vợ chồng thì sự cứu rỗi của hai vợ chồng cũng không thể đạt được. Tuy nhiên, theo giáo lý của các vị Thánh Tổ thời xưa, những người giữ trinh tiết sẽ nhận được phần thưởng cao quý nhất trong Nước Trời, phù hợp với hình ảnh trong sách Khải Huyền (Khải Huyền 14:1–5). Vì vậy, Chúa, theo sự tiền định thần thánh của Ngài, biết rõ sức mạnh thiêng liêng và khả năng sống trong sự trong sạch của cặp vợ chồng trẻ nói trên – những người đã dâng hiến trọn vẹn cho Chúa – nên đã khuyên nhủ họ giữ gìn sự trinh khiết của mình. Bên cạnh đó, theo bản gốc tiếng Hy Lạp của các bản tường thuật về cuộc tử đạo của Thánh Tông đồ Tôma, Chúa còn chỉ ra cho cặp vợ chồng trẻ rằng những đứa con mà họ có thể sinh ra sẽ bị bệnh tật, xấu xa và bất hạnh.

Và một lần nữa, ông phân phát số vàng mà nhà vua gửi đến cho những ai xin ông giúp đỡ, còn bản thân ông thì tiếp tục rao giảng Lời Chúa một cách nhiệt thành.

Một thời gian sau, nhà vua mới biết rằng Thánh Phêrô thậm chí còn chưa bắt đầu thi hành mệnh lệnh của ngài, rằng toàn bộ số vàng đã được phân phát cho người nghèo, còn người thợ xây thì chẳng hề nghĩ đến việc xây dựng, mà chỉ đi qua các thành phố và làng mạc, rao giảng về một vị Thần mới nào đó và thực hiện những phép lạ kỳ diệu. Vua nổi cơn thịnh nộ và sai các tôi tớ của mình bắt Thánh Tôma. Khi Thánh Tôma được dẫn đến trước mặt vua, nhà vua hỏi ngài:

– Ngươi đã xây xong các cung điện chưa?

Thánh Tôma đáp:

– Đã xây rồi, và đó là những cung điện tráng lệ và tuyệt đẹp.

Lúc đó, nhà vua nói:

– Vậy thì chúng ta hãy đi xem cung điện của ngươi.

Vị Tông đồ đáp:

– Trong cuộc đời này, ngài không thể nhìn thấy cung điện này, nhưng khi ngài rời khỏi cõi đời này, lúc đó ngài sẽ được thấy, và sau khi vui mừng dọn vào ở đó, ngài sẽ sống ở đó mãi mãi.

Vua, nghĩ rằng ông đang chế giễu mình, đã vô cùng tức giận và ra lệnh ném ông vào ngục tối cùng với thương gia A-van – người đã đưa ông đến đây – nơi họ phải chịu đựng trong sự chờ đợi hình phạt tử hình đầy đau đớn: vua định lột da họ khi còn sống và thiêu sống họ trên giàn hỏa.

Khi họ đang ngồi trong ngục tối, A-van bắt đầu trách móc vị Tông đồ:

– Ngươi – ông ta nói – đã lừa dối cả ta lẫn nhà vua, tự xưng là thợ xây giỏi nhất. Và giờ đây, ngươi đã phung phí vô ích vàng của nhà vua, đồng thời hủy hoại cả cuộc đời ta. Vì ngươi mà ta phải chịu khổ và sắp phải chết một cái chết tàn khốc: nhà vua rất tàn nhẫn và sẽ giết cả hai chúng ta.

Còn vị Tông đồ, an ủi anh ta, nói:

– Đừng sợ, giờ chết của chúng ta chưa đến; chúng ta sẽ còn sống và được tự do, và nhà vua sẽ tôn vinh chúng ta vì những cung điện mà ta đã xây dựng cho ngài trong Nước Trời.

Cùng đêm đó, em trai của nhà vua bị ốm và sai người báo với nhà vua rằng:

– Vì nỗi buồn của ngài mà tôi cũng trở nên u sầu, và vì nỗi u sầu ấy mà tôi mắc bệnh, và giờ đây tôi đang hấp hối.

Ngay sau đó, người anh em của nhà vua quả thực đã qua đời. Nhà vua, quên đi nỗi buồn trước đó, lại chìm trong nỗi đau mới và khóc lóc thảm thiết vì cái chết của người anh em mình. Còn Thiên thần của Chúa, sau khi đón linh hồn người đã khuất, đã đưa linh hồn ấy lên các cung điện trên trời và, khi đi qua các khu định cư ở đó, đã chỉ cho linh hồn ấy xem vô số cung điện lộng lẫy và rực rỡ, trong số đó có một cung điện đẹp đẽ và rực rỡ đến mức không thể nào miêu tả hết vẻ đẹp của nó. Và Thiên thần hỏi linh hồn ấy:

– Trong tất cả các cung điện này, ngươi thích sống ở cung điện nào nhất?

Cô ấy, khi ngắm nhìn căn phòng tuyệt đẹp ấy, đã nói:

– Nếu tôi được phép ở lại dù chỉ trong một góc của căn phòng đó, thì tôi sẽ không cần gì hơn nữa.

Thiên thần nói với cô:

– Ngươi không thể sống trong cung điện này, vì nó thuộc về anh trai ngươi, người mà vị khách lạ tên Phô-ma mà ngươi biết đã dùng vàng của anh ấy để xây dựng nó.

Và linh hồn nói:

– Xin ngài, thưa ngài, hãy cho tôi được về với anh trai tôi, và tôi sẽ mua căn phòng này từ anh ấy, vì anh ấy vẫn chưa biết đến vẻ đẹp của nó – và sau khi mua xong, tôi sẽ quay trở lại đây.

Lúc đó, Thiên thần đưa linh hồn trở lại thân xác, và người đã chết lập tức sống lại; như vừa thức dậy sau giấc ngủ, anh ta hỏi những người xung quanh về anh trai mình và cầu xin nhà vua mau chóng đến gặp anh ta. Nhà vua, khi nghe tin anh trai mình đã sống lại, vô cùng vui mừng và vội vã đến gặp anh ta; và khi thấy anh ta còn sống, nhà vua càng vui mừng hơn nữa. Người vừa sống lại bắt đầu nói với nhà vua:

– Bệ hạ ơi, tôi tin chắc rằng ngài yêu thương tôi như anh em ruột của mình; tôi biết ngài đã khóc thương tôi không ngừng, và nếu có thể cứu tôi khỏi cái chết, ngài sẵn sàng hy sinh đến một nửa vương quốc của mình.

Nhà vua đáp:

– Vâng, đó là sự thật hoàn toàn.

– Nếu ngài yêu thương tôi như vậy, – anh trai của nhà vua nói tiếp, – thì tôi xin ngài một ân huệ duy nhất – xin đừng từ chối tôi.

Nhà vua đáp:

– Tất cả những gì ta sở hữu trong vương quốc này – ta đều trao cho ngươi, người anh em yêu quý của ta, – và ngài đã thề để khẳng định lời hứa của mình.

Lúc đó, người anh trai đã hồi sinh nói:

– Hãy cho anh căn phòng của ngài trên thiên đàng, và đổi lấy tất cả của cải của anh.

Vua nghe những lời ấy, bỗng bối rối và im lặng, như thể mất khả năng nói. Rồi ông nói:

– Làm sao ta lại có thể có cung điện trên trời được?

– Quả thật, – người anh em của nhà vua đáp, – trên trời có một cung điện như vậy, mà ngài không biết và chưa từng thấy ở khắp cõi trần gian này. Nó được Thô-ma, người mà ngài đang giam giữ trong ngục, xây dựng cho ngài; tôi đã nhìn thấy nó và kinh ngạc trước vẻ đẹp không thể tả xiết của nó, và đã xin được ở dù chỉ một góc nhỏ trong đó, nhưng điều đó không được phép; vì Thiên thần dẫn đường cho tôi đã nói: "Ngươi không được sống trong đó, bởi vì đó là cung điện của anh trai ngươi, do Foma – người mà ngươi biết – đã xây dựng. Tôi đã xin Thiên thần cho phép tôi trở về gặp ngươi, để mua lại cung điện đó từ ngươi. Vậy nên, nếu ngươi yêu thương ta, hãy trao nó cho ta và nhận lấy toàn bộ tài sản của ta để đổi lại."

Lúc đó, nhà vua vui mừng vì anh trai đã hồi sinh và vì cung điện được xây dựng cho anh ấy trên thiên đàng. Và ông nói với người anh trai đã sống lại:

– Anh em yêu dấu! Ta đã thề sẽ không từ chối anh bất cứ điều gì thuộc quyền của ta trên trần gian, nhưng về căn phòng ở trên trời, ta chưa hứa với anh. Nhưng nếu anh muốn, thì chúng ta có một kiến trúc sư có thể xây dựng một căn phòng giống hệt như vậy cho anh.

Nói xong, nhà vua lập tức sai các tôi tớ đến nhà ngục để đưa Thánh Tôma ra cùng với thương gia A-van, người đã dẫn ngài đến. Khi họ đến trước mặt nhà vua, người này vội vã chạy ra đón vị Tông đồ và quỳ xuống dưới chân ngài, xin ngài tha thứ cho tội lỗi mà ông đã phạm phải đối với ngài do sự thiếu hiểu biết. Còn vị Tông đồ, sau khi tạ ơn Thiên Chúa, đã bắt đầu giảng dạy cho hai anh em về đức tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, và họ, với tâm hồn cảm động, đã đón nhận lời Ngài với lòng yêu mến. Ngay sau đó, Ngài đã rửa tội cho họ và dạy họ sống theo lối sống Kitô giáo, còn hai anh em, nhờ những việc bố thí dồi dào của mình, đã tạo dựng cho mình những nơi ở vĩnh cửu trên trời. Sau khi ở lại với họ một thời gian và củng cố đức tin thánh thiện của họ, vị Tông đồ đã đi đến các thành phố và làng mạc lân cận khác, nỗ lực trong công việc cứu rỗi các linh hồn con người.

Vào thời điểm Thánh Tôma đang truyền bá Tin Mừng tại các vùng đất Ấn Độ, thì đã đến ngày Đức Mẹ Maria an nghỉ trong Chúa[6810] và tất cả các Tông đồ từ các quốc gia khác nhau đều được rước lên trên những đám mây trên trời và được đưa đến Gethsemane[6811] , đến bên linh cữu của Đức Trinh Nữ Rất Thánh. Lúc bấy giờ, Thánh Tông đồ Phêrô cũng được rước lên từ Ấn Độ, nhưng không kịp đến vào chính ngày an táng thi hài được Thiên Chúa tôn vinh của Đức Trinh Nữ Maria. Điều này được sắp đặt theo ý muốn của Thiên Chúa nhằm chứng thực cho các tín hữu rằng Mẹ Thiên Chúa đã được rước lên trời cùng với thân xác. Vì cũng như đối với sự Phục Sinh của Chúa Kitô, chúng ta đã được củng cố đức tin nhờ sự hoài nghi của Thánh Tôma, thì đối với việc Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, được rước lên trời cùng với thân xác, chúng ta cũng đã biết được nhờ sự chậm trễ của Thánh Tôma. Vị Tông đồ này chỉ đến vào ngày thứ ba sau khi an táng và đau buồn vì không thể có mặt tại Ghết-sê-ma-ni vào chính ngày an táng, để cùng các Tông đồ khác đưa thi hài Mẹ của Chúa mình đến nơi an táng. Lúc bấy giờ, theo sự đồng thuận chung của các Thánh Tông đồ, người ta đã mở ngôi mộ của Đức Mẹ Thiên Chúa ra cho Thánh Tôma, để ngài, khi nhìn thấy thi hài tôn kính ấy, có thể thờ lạy và được an ủi trong nỗi buồn của mình. Nhưng khi mở ngôi mộ ra, họ không thấy thi hài, mà chỉ thấy một tấm vải liệm nằm ở đó. Và từ đó, mọi người đều

---

[6810] Lễ Lên Trời của Đức Mẹ diễn ra vào năm thứ 15 sau khi Chúa Thăng Thiên, hay năm 48 sau Công nguyên, theo truyền thống cổ xưa và được chấp nhận rộng rãi.

[6811] Gethsemane – một làng hoặc địa điểm gần Giê-ru-sa-lem, bên kia suối Kedrsky, dưới chân núi Eleon, nơi có một khu vườn mà Chúa đã cầu nguyện trước khi chịu khổ nạn, và nơi Đức Mẹ Vô Nhiễm đã di chúc để an táng thi hài vô nhiễm của Mẹ. Nơi này được đặt tên theo những cây ô liu mọc rất nhiều ở đó, từ đó người ta ép ra rất nhiều dầu ô liu (theo bản dịch từ tiếng Do Thái, Gethsemane có nghĩa là: nơi có cây ô liu, hoặc máy xay, máy ép để vắt nước từ quả ô liu). Vườn Gethsemane ngày nay vẫn được chỉ ra ở chân núi Eleon – phía nam của ngọn núi này, nơi có hang mộ của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, và hiện nay quan tài của Người vẫn được lưu giữ tại đó.

tin chắc rằng Mẹ Thiên Chúa, giống như Con của Mẹ, đã phục sinh vào ngày thứ ba và được rước lên trời cùng với thân xác.

Sau đó, Thánh Tôma lại xuất hiện ở các vùng đất Ấn Độ và rao giảng về Chúa Kitô tại đó, dẫn dắt nhiều người đến với đức tin nhờ các dấu lạ và phép lạ. Khi đến Meliapor[6812] , ngài đã khai sáng cho nhiều người nơi đó bằng việc rao giảng Tin Mừng và củng cố đức tin thánh thiện của họ bằng phép lạ sau đây. Tại một nơi có một cây khổng lồ, không chỉ con người mà ngay cả voi cũng không thể di chuyển được; nhưng Thánh Phêrô đã buộc thắt lưng của mình vào cây đó và dùng chính sợi thắt lưng ấy kéo cây đi mười stadia[6813] rồi dâng nó để xây dựng nhà thờ của Chúa. Thấy điều này, các tín hữu càng thêm vững tin, và nhiều người trước đây không tin đã trở nên tin Chúa. Vị Tông đồ còn thực hiện một phép lạ khác tại đó, còn vĩ đại hơn phép lạ đầu tiên. Một thầy tế ngoại đạo đã giết con trai mình và đổ lỗi cho Thánh Phêrô, nói rằng:

– Thánh Tôma đã giết con trai tôi.

Dân chúng xôn xao, đám đông tụ tập đã bắt Thánh Phêrô như một kẻ giết người, và đòi tòa án phải kết án ông chịu hình phạt. Khi không tìm được ai có thể làm chứng rằng Thánh Phêrô không liên quan đến vụ giết người đó, thì vị Tông đồ của Chúa Kitô đã khẩn cầu quan tòa và dân chúng:

– Hãy thả tôi ra, và tôi, nhân danh Đức Chúa Trời của tôi, sẽ hỏi người bị giết để chính anh ta nói ra ai đã giết anh ta.

Mọi người đều đi theo ngài đến bên thi thể của con trai vị tư tế đã bị giết. Ngước mắt lên trời, Thánh Phêrô cầu nguyện với Đức Chúa Trời, rồi nói với người đã chết:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô của tôi, tôi ra lệnh cho cậu, chàng trai trẻ: hãy nói cho chúng tôi biết ai đã giết cậu?

Và ngay lập tức, người chết nói:

– Cha tôi đã giết tôi.

Lúc đó, mọi người cùng kêu lên:

– Đức Chúa Trời mà Thánh Tôma rao giảng thật vĩ đại.

Vị Tông đồ được giải thoát, còn vị tư tế thì chính mình rơi vào cái hố mà ông ta đã đào cho vị Tông đồ. Sau phép lạ này, một đám đông lớn đã quay về với Đức Chúa Trời và nhận phép rửa tội từ vị Tông đồ.

Sau đó, vị Tông đồ tiếp tục đi xa hơn nữa, đến xứ Kalamis, nơi vua Muzdiy đang cai trị. Khi rao giảng về Chúa Kitô tại đây, vị thánh đã dẫn dắt một người phụ nữ tên là Syndikia, cháu gái của Migdonia – vợ của Karizy, người được vua sủng ái – đến với đức tin. Syndikiya đã thuyết phục Migdonia để bà nhận biết lẽ thật và tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa của cả vũ trụ, Đấng mà Thánh Phêrô đang rao giảng. Lúc đó, Migdonia nói với Syndikiya:

– Tôi muốn tự mình gặp người đang rao giảng về Đức Chúa Trời chân thật, và nghe chính ông ấy giảng dạy.

Sindicia đáp:

– Nếu cô muốn gặp vị Tông đồ của Đức Chúa Trời, hãy mặc quần áo tồi tàn, như thể cô là một người phụ nữ bình thường và nghèo khó, để không ai nhận ra cô, rồi chúng ta sẽ cùng đi.

Migdonia đã làm theo và đi cùng Sindikia. Họ tìm thấy vị Tông đồ đang rao giảng về Đấng Christ, giữa một đám đông lớn gồm những người bình dân và nghèo khó. Hòa vào đám đông, họ bắt đầu lắng nghe lời giảng dạy của Thánh Tôma, người đã nói rất nhiều về Chúa Kitô và dạy về đức tin nơi Ngài, đồng thời cũng nói về cái chết, về ngày phán xét, về địa ngục và về Nước Trời. Khi nghe tất cả những điều này, Migdonia cảm động trong lòng và tin vào Chúa Kitô; khi trở về nhà, cô luôn suy ngẫm về những lời của vị Tông đồ và, khi trò chuyện với cháu gái mình là Syndikia về Chúa Kitô, tình yêu của cô dành cho Ngài ngày càng vững chắc. Từ đó, bà bắt đầu khinh bỉ những kẻ vô tín như kẻ thù của Thiên Chúa, và tránh mọi sự giao tiếp với họ trong các cuộc trò chuyện cũng như tại các bữa tiệc, đồng thời dần xa lánh mọi thú vui trần tục. Bà cũng quyết định chấm dứt cuộc sống chung với chồng mình.

[6812] Meliapore hay Malipur – một thành phố nằm trên bờ đông (bờ Coromandel) của bán đảo Indostan. – Từ xa xưa, các tín đồ Kitô giáo ở khu vực này của châu Á đã lưu truyền một truyền thuyết rằng đức tin vào Chúa Kitô ban đầu được Thánh Tôma Tông đồ hoặc các môn đệ của ngài truyền bá cho họ. Khi người Bồ Đào Nha lần đầu tiên đặt chân đến bờ biển Ấn Độ vào năm 1500, họ đã phát hiện ra một cộng đồng Kitô hữu tại Malipur, những người này khẳng định rằng họ đã nhận đạo từ Thánh Tôma, và vào cuối thế kỷ trước, thành phố này được gọi là Thành phố Thánh Tôma. Nói chung, từ xa xưa, các Kitô hữu Ấn Độ tự gọi mình là Kitô hữu của Thánh Tôma và coi vị Tông đồ này là người khai sinh ra Giáo hội của họ.

[6813] Một "stadia" tương đương khoảng 88 "sazhen", tức là 10 "stadia" tương đương khoảng 1 *14 "versta".*

Điều này khiến ông vô cùng đau buồn, và khi không thể thuyết phục Migdonia thay đổi quyết định, ông đã cầu xin vua Muzdiya cử vợ mình, hoàng hậu Tertiana, đến thuyết phục Migdonia đừng khinh bỉ cuộc sống vợ chồng (hoàng hậu Tertiana và Migdonia, vợ của Karizius, là chị em ruột). Nữ hoàng đến gặp Migdonia và hỏi cô lý do tại sao lại không vâng lời chồng.

Migdonia trả lời:

– Bởi vì ông ấy là kẻ ngoại đạo và kẻ thù của Đức Chúa Trời[6814] , còn tôi là tôi tớ của Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, là Chúa Giê-su Christ, và tôi không muốn bị ô uế bởi một người không tin và ô uế.

Tertiana muốn biết Chúa Giêsu Kitô – Đấng mà Migdonia gọi là Thiên Chúa chân thật – là ai. Lúc đó, Migdonia đã trình bày cho cô nghe bài giảng của Thánh Tôma Tông đồ và dạy cô về đức tin chân chính. Tertiana, mong muốn hiểu rõ hơn về Đấng Kitô và học hỏi đức tin một cách sâu sắc hơn, đã bày tỏ mong muốn được gặp trực tiếp vị Tông đồ và lắng nghe bài giảng của ngài. Sau khi bàn bạc với Migdonia, cô bí mật sai người đi mời Thánh Tông đồ và, khi ngài đến, cả hai cùng khẩn cầu ngài dẫn dắt họ vào con đường chân chính. Ngài, khi rao giảng về Chúa Kitô cho họ, đã soi sáng họ bằng ánh sáng của đức tin, rửa tội cho họ bằng nước thánh và dạy họ tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa cùng mọi đức tính tốt lành. Tertiana và Migdonia, ghi sâu vào lòng mọi điều đã được dạy, đều đồng ý phụng sự Chúa trong sự trong sạch và không giao du với các chồng mình như những kẻ ngoại đạo. Còn vị Tông đồ, nhờ quyền năng của Thiên Chúa, tiếp tục thực hiện vô số phép lạ và chữa lành mọi bệnh tật; và nhiều người, không chỉ trong dân thường mà cả trong hàng ngũ triều đình, khi chứng kiến những dấu lạ do vị Tông đồ thực hiện và lắng nghe giáo huấn của ngài, đã quay về với Chúa Kitô. Một trong những con trai của chính nhà vua, tên là A-zan, đã tin và được Tông đồ làm phép rửa; vì chính Chúa đã hành động qua các Tông đồ, làm cho Hội Thánh của Ngài ngày càng phát triển và lan tỏa vinh quang danh Ngài.

Nữ hoàng Tertiana, sau khi trở về từ Migdonia, đã dành thời gian cho việc cầu nguyện và ăn chay, đồng thời tiếp tục từ chối quan hệ thể xác với chồng mình. Nhà vua, ngạc nhiên trước sự thay đổi này ở vợ mình, đã nói với người bạn của mình là Carisius:

– Muốn trả lại vợ cho ngươi, ta lại mất cả vợ mình, và vợ ta giờ đây đối xử với ta còn tệ hơn cả vợ ngươi đối xử với ngươi.

Sau đó, nhà vua và Karysius đã tiến hành một cuộc điều tra nghiêm ngặt nhất về nguyên nhân của sự thay đổi mà họ nhận thấy ở vợ mình, và phát hiện ra rằng một người ngoại quốc, một người lạ mặt tên là Phô-ma, sau khi dạy họ về đức tin Kitô giáo, đã thuyết phục họ chấm dứt quan hệ vợ chồng với các ông chồng của mình. Họ cũng phát hiện ra rằng hoàng tử A-zan và nhiều quan lại trong hoàng cung, cũng như các quan chức cao cấp và vô số dân thường, nhờ lời rao giảng của Phô-ma, đã tin vào Chúa Kitô. Tất cả những điều này đã khiến họ nổi giận, và họ bắt giữ Phô-ma, tống giam ông vào ngục tối. Sau đó, vị Tông đồ được đưa ra trước mặt vua để xét xử. Vua hỏi ông:

– Ngươi là ai – nô lệ hay người tự do?

Thôma đáp:

– Tôi là tôi tớ của Đấng mà ngài không có quyền lực nào đối với Ngài.

Vua nói:

– Ta thấy ngươi là một nô lệ xảo trá, đã trốn khỏi chủ nhân của mình và đến xứ sở này để làm hư hỏng con người và gây rối loạn cho các bà vợ của chúng ta. Hãy nói đi, chủ nhân của ngươi là ai?

– Chủ nhân của tôi – vị Tông đồ đáp – là Chúa của trời và đất, là Đức Chúa Trời và Đấng Tạo Hóa của muôn loài. Ngài đã sai tôi đến để rao giảng Danh Thánh của Ngài và dẫn dắt mọi người thoát khỏi sự lầm lạc.

Vua nói:

– Hỡi kẻ lừa dối, hãy ngừng ngay những lời xảo trá của ngươi và tuân theo mệnh lệnh của ta: như ngươi đã dùng mưu mô khiến các vợ của chúng ta xa lánh chúng ta, không còn giao tiếp với chúng ta nữa, thì giờ đây hãy khiến họ quay trở lại với chúng ta. Vì nếu ngươi không làm cho các vợ của chúng ta sống lại với chúng ta trong tình yêu và sự gắn bó như xưa, thì chúng ta sẽ xử tử ngươi một cách tàn nhẫn.

Vị Tông đồ đáp lại:

[6814] Theo giáo huấn của Thánh Tông đồ Phaolô (1 Cr 7:12–14), điều này không nên cản trở việc người phụ nữ Kitô hữu tiếp tục chung sống với chồng là người ngoại đạo; nhưng đối với Migdonia và Syndikia, Thánh Tông đồ Thôma đã đưa ra yêu cầu nghiêm ngặt hơn, hay nói đúng hơn, chính họ đã tự giác nghiêm ngặt hơn và không muốn chung sống hôn nhân với những người chồng ngoại đạo. Hoàn cảnh này chắc chắn được giải thích bởi việc chỉ khi tuân thủ yêu cầu này thì sự cải đạo của các ông chồng sang Kitô giáo mới có thể diễn ra, điều này được xác nhận qua chính kết quả của toàn bộ sự việc.

– Không xứng đáng cho các nữ tỳ của Đấng Christ có quan hệ vợ chồng với những người chồng vô đạo, và những người tin Chúa không được để bị ô uế bởi những kẻ gian ác và vô tín.

Nghe vậy, nhà vua ra lệnh mang những tấm sắt nung đỏ đến và đặt Thánh Tôma lên đó bằng đôi chân trần. Khi việc đó được thực hiện, nước bỗng nhiên xuất hiện dưới những tấm sắt và làm nguội chúng. Sau đó, Thánh Tôma bị ném vào lò nung nóng đỏ, nhưng ngày hôm sau, ngài bước ra khỏi đó còn sống và không hề hấn gì.

Sau đó, Carisius đã thưa với nhà vua như sau:

– Hãy bắt ông ta quỳ lạy và dâng lễ vật cho thần Mặt Trời[6815] , để qua đó ông ta làm phật lòng Đức Chúa Trời của mình, Đấng đang gìn giữ ông ta nguyên vẹn trong những cực hình.

Khi vị Tông đồ được dẫn đến trước tượng thần Mặt Trời, thì tượng đó lập tức tan chảy như sáp. Các tín hữu hân hoan trước quyền năng vĩ đại của Đức Chúa Trời trên trời, và vô số người ngoại đạo đã quay về với Chúa. Còn các thầy tế lễ thờ thần tượng thì phẫn nộ với Thánh Tôma vì đã phá hủy thần tượng của họ, và chính nhà vua, vì bị xúc phạm nặng nề, đã suy tính cách nào để tiêu diệt ngài; tuy nhiên, ông lại sợ dân chúng, các tôi tớ của mình và nhiều quan lại đã tin vào Đức Kitô.

Sau khi bắt Thánh Phêrô, nhà vua cùng các binh sĩ của mình ra khỏi thành phố, và mọi người đều nghĩ rằng ông muốn chứng kiến một phép lạ nào đó từ vị Tông đồ. Đi được khoảng một verst, nhà vua giao Thôma cho năm người lính, ra lệnh cho họ cùng ông lên núi và đâm ông bằng giáo tại đó, còn bản thân ông thì đi vào thành phố Aksium. Còn A-zan, con trai nhà vua, cùng một người tên là Si-phô, vội vã đuổi theo vị Tông đồ và khi bắt kịp ông, họ đã khóc thương cho ông. Lúc đó, Thánh Phêrô xin phép các chiến binh để cầu nguyện, rồi ngài cầu nguyện cùng Chúa và phong Sifor làm linh mục, còn Azan làm phó tế, đồng thời truyền dặn họ phải lo lắng cho việc gia tăng số tín hữu và mở rộng Giáo Hội của Chúa Kitô. Sau đó, các chiến binh đã đâm ngài bằng năm cây giáo, khiến ngài qua đời. Siphor và Azan đã khóc thương ngài rất lâu và an táng thi hài thánh của ngài một cách trang trọng[6816] . Sau khi hoàn tất lễ an táng, họ ngồi bên mộ vị Tông đồ và than khóc. Bỗng thánh nhân hiện ra với họ, truyền lệnh cho họ hãy vào thành phố và củng cố đức tin cho anh em tín hữu. Tuân theo mệnh lệnh này của vị Thầy mình, Thánh Tông đồ Tôma, và được sự trợ giúp từ những lời cầu nguyện của ngài, họ đã điều hành Giáo hội của Chúa Kitô một cách thành công. Còn vua Muzdiy và Karyziy thì đã hành hạ các vợ của mình trong một thời gian dài, nhưng không thể ép buộc họ làm theo ý muốn của mình. Nhận ra rằng các bà vợ sẽ không bao giờ tuân theo họ cho đến khi chết, họ buộc phải để các bà sống tự do, theo ý muốn của mình. Sau khi thoát khỏi gánh nặng của ách hôn nhân, các bà đã sống một cuộc đời nghiêm ngặt trong sự kiêng khem và cầu nguyện, phụng sự Chúa ngày đêm, và nhờ cuộc sống đạo đức của mình, họ đã mang lại lợi ích to lớn cho Giáo hội.

Vài năm sau, một trong những con trai của vua Muzdiya bị quỷ ám và không ai có thể chữa lành cho cậu, vì trong người cậu có một con quỷ cực kỳ hung dữ. Vua vô cùng đau buồn trước căn bệnh của con trai mình và nảy ra ý định mở lăng mộ của Thánh Tông đồ, với mục đích lấy một trong những xương của ngài và buộc vào cổ con trai mình, để cậu thoát khỏi sự hành hạ của quỷ dữ, vì ông đã nghe nói rằng Thánh Tôma khi còn sống đã trừ khử vô số quỷ dữ khỏi con người. Khi nhà vua định làm điều đó, Thánh Tôma đã hiện ra với ông trong giấc mơ và nói:

– Ngươi đã không tin khi ngài còn sống, thì sao lại nghĩ rằng ngươi sẽ tìm được sự giúp đỡ từ người đã khuất? Nhưng đừng cứ mãi chìm đắm trong sự hoài nghi của ngươi, thì Chúa Giêsu Kitô của ta sẽ thương xót ngươi.

Giấc mơ này càng làm tăng thêm khao khát trong lòng vị vua muốn mở ngôi mộ của vị Tông đồ. Khi đến nơi an táng của vị thánh, Muzdiy đã mở quan tài ra, nhưng không tìm thấy di cốt của ngài ở đó, vì một tín hữu Kitô giáo đã bí mật lấy di cốt thánh và mang chúng đến Mesopotamia, rồi an táng tại một nơi xứng đáng ở đó. Lấy một ít đất từ nơi đó, nhà vua buộc vào cổ con trai mình và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin nhờ lời cầu nguyện của Thánh Tôma, Tông đồ của Ngài, hãy chữa lành con trai tôi, và tôi sẽ tin vào Ngài.

Và ngay lập tức, tà thần rời khỏi con trai nhà vua, và cậu bé đã khỏi bệnh. Lúc đó, vua Muzdiy đã tin vào Đấng Kitô và cùng với tất cả các quan đại thần của mình, ngài đã nhận phép rửa tội từ linh mục Sifor. Niềm vui lớn

---

[6815] Trong tất cả các tôn giáo ngoại giáo cổ xưa, việc thờ phụng mặt trời đều có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đặc biệt, việc thờ phụng các thiên thể (còn gọi là Sabianism) đã phổ biến rộng rãi trong thời cổ đại chủ yếu ở các dân tộc phương Đông.

[6816] Nơi Thánh Tông đồ Tôma chịu tử đạo được chỉ định tại Kalurmin – trên một vách đá cao, cách Malipur khoảng 6 verst, nơi vị Tông đồ thường đến để cầu nguyện.

lao tràn ngập lòng những người tin Chúa, vì các thần tượng đã bị phá hủy và các đền thờ của chúng bị tàn phá, và thay vào đó, các nhà thờ của Đấng Kitô được xây dựng lên. Lời Chúa được truyền bá và đức tin thánh thiện ngày càng vững mạnh. Sau khi chịu phép rửa tội, nhà vua đã ăn năn về những tội lỗi trước đây của mình và xin mọi người giúp đỡ và cầu nguyện. Còn Linh mục Sifor thì nói với tất cả các tín hữu:

– Hãy cầu nguyện cho Vua Muzdiya, để ngài được Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, thương xót và tha thứ các tội lỗi của mình.

Và toàn thể Giáo hội đã cầu nguyện cho nhà vua. Tại chính nơi thi hài thánh của vị Tông đồ được an táng, nhờ những lời cầu nguyện của ngài, nhiều phép lạ đã xảy ra để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta[6817] . Xin ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần nhận được sự tôn vinh và thờ phượng từ chúng con mãi mãi! Amen.

Bài ca Troparion, giọng 2:

Là môn đệ của Đấng Kitô, người đã tham gia vào Hội đồng Tông đồ Thánh thiêng: đã vạch trần sự hoài nghi về sự Phục sinh của Đấng Kitô, và bằng chính cảm nhận của mình đã xác nhận cuộc Khổ nạn vô cùng thánh khiết của Ngài, Thánh Phêrô đáng ca ngợi, xin Ngài cầu thay cho chúng con được bình an và ân sủng dồi dào.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Đầy tràn ân sủng của sự khôn ngoan, Tông đồ của Chúa Kitô và người phục vụ chân chính, trong sự sám hối, ngài đã kêu lên với Ngài: "Ngài là Thiên Chúa và là Chúa của con."

Ngày 20 tháng 10

Ngày 7 tháng 10 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Sergius và Bacchus

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 10

Các thánh tử đạo Sergius và Bacchus – gốc gác là người La Mã – là những quan chức cao cấp[6818] và là những người đầu tiên trong số các quan đại thần tại triều đình của hoàng đế Maximian. Hoàng đế rất yêu mến và kính trọng họ vì những lời khuyên sáng suốt trong các cuộc họp, vì lòng dũng cảm trên chiến trường và vì lòng trung thành trong công vụ. Hiếm ai có thể trình bày thỉnh cầu với hoàng đế mà không phải thông qua những cố vấn trung thành nhất này của ngài: họ được hoàng đế sủng ái hơn bất kỳ ai khác. Tuy nhiên, Sergius và Bacchus không tìm kiếm ân sủng từ vị vua trần gian, mà là từ Vua trên trời: bởi vì họ tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, cố gắng làm đẹp lòng Ngài bằng cuộc đời mình và tận tụy phụng sự Ngài. Nhưng vì sợ vua, họ đã tạm thời che giấu đức tin vào Đấng Christ, bởi vì Maximian đối xử với các Kitô hữu bằng lòng căm ghét vô bờ bến và cơn thịnh nộ không

---

[6817] Theo lời chứng của các nhà văn giáo hội, di cốt của Thánh Tông đồ Tôma sau đó (năm 385) đã được chuyển từ Ấn Độ đến Mesopotamia, cụ thể là thành phố Edessa (nay là Orfa). Trong các sách liệt thánh cổ đại của phương Tây, ngày 3 tháng 7 được ghi nhận là ngày kỷ niệm việc chuyển di cốt của ngài đến thành phố này. Tuy nhiên, vì người ta biết rằng tại Ấn Độ vẫn còn lưu giữ một phần di cốt của Thánh Tông đồ Tôma, nên tin tức về việc chuyển di cốt ngài đến Edessa cần được hiểu là chỉ có một phần di cốt được chuyển từ Ấn Độ sang. Tại Edessa, một nhà thờ tráng lệ đã được xây dựng trên nơi an nghỉ của Thánh Tông đồ, nơi các tín hữu từ khắp các vùng đất xa xôi đổ về hành hương. Sau đó, một phần di cốt của Thánh Tông đồ Phêrô đã được chuyển đến Constantinopolis, nơi một nhà thờ mang tên ngài được xây dựng dưới thời Hoàng đế Anastasius (490–518) bởi quan đại thần hoàng gia Amantius. Trong cuộc Thập tự chinh thứ tư (năm 1204), các hiệp sĩ Thập tự chinh đã tìm thấy bàn tay phải của Thánh Tông đồ giữa vô số các thánh tích khác; sau cuộc Thập tự chinh thứ năm, Vua Hungary Andrei II đã mang nó về Hungary cùng mình.

[6818] Trong bản gốc cuốn tiểu sử, Sergius được gọi là "primicarus", tức là chỉ huy trưởng đầu tiên của "đoàn quân gentilles" – gồm các đồng minh (được gọi là gentilles) của người La Mã, còn Bacchus được gọi là "secundator", tức là chỉ huy phó của đoàn quân này.

thể kiềm chế. Tuy nhiên, ánh sáng đức tin vào Đấng Christ không bị che giấu trong lòng họ được lâu, và chẳng bao lâu sau đã được bày tỏ rõ ràng trước mặt mọi người.

Một số người, vì ghen tị với địa vị cao quý của họ và tình yêu thương mà nhà vua dành cho họ, đồng thời muốn khiến nhà vua căm ghét và giận dữ với họ, đã tọc mạch báo với nhà vua rằng Sergius và Bacchus là Kitô hữu và họ từ chối thờ lạy các thần tượng. Maximian không muốn tin rằng những người được ngài ưu ái như vậy lại không đồng ý với ngài trong việc tôn kính các vị thần – và ngài cảm thấy xấu hổ khi phải hỏi họ về điều này hoặc vạch trần họ, vì chưa biết chắc chắn điều đó. Tuy nhiên, ngài quyết định thử thách họ theo cách sau đây.

Một lần nọ, ông tổ chức một lễ hội để tôn vinh các vị thần của mình và cùng với tất cả các hoàng tử, quan lại, binh lính và tôi tớ, trong vẻ uy nghi hoàng gia, ông đã đến đền thờ vị thần tối cao Zeus[6819] để dâng lên ngài một lễ vật long trọng. Trong lúc đó, ông quan sát kỹ lưỡng xem liệu hai quan đại thần được ông yêu mến, Sergius và Bacchus, có theo ông vào đền thờ thần tượng hay không. Nhưng khi nhà vua bước vào đền thờ, các tôi tớ của Đấng Christ đã ở lại bên ngoài và không theo nhà vua vào ngôi đền thờ ghê tởm đó; họ dừng lại ở xa và cầu nguyện với Đức Chúa Trời chân thật, xin Ngài soi sáng sự mù quáng của đôi mắt bị che phủ của dân tộc vô đạo đó, và xin Ngài tôn vinh Danh Thánh của Ngài qua họ. Vua, thấy Sergius và Bacchus không vào dự lễ cùng mình, bèn sai các đầy tớ đi bắt họ và dùng vũ lực đưa vào đền thờ.

Khi các thánh được dẫn vào buổi tụ họp chống lại Thiên Chúa này, Maximian ra lệnh cho họ phải cùng ông ta thờ lạy các thần tượng, dâng lễ vật và nếm thử các món ăn từ lễ vật dâng cho thần tượng.

Nhưng Sergius và Bacchus không muốn tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế.

– Chúng tôi có – họ nói – Đức Chúa Trời trên trời, Đức Chúa Trời không giả dối và không vô cảm như các thần tượng vô cảm của các ngài, mà là Đức Chúa Trời Chân Thật và Hằng Sống, Đấng nắm giữ cả thế giới trong quyền năng của Ngài, và chúng tôi thờ lạy Ngài.

Và họ bắt đầu lên án nhà vua vì sự mê tín của ông, rằng ông đã dành sự tôn kính vốn chỉ dành cho Đức Chúa Trời Duy Nhất cho những thần tượng – những thứ mù, điếc và câm.

Lúc đó, nhà vua nổi giận, ra lệnh tước bỏ mọi dấu hiệu của địa vị cao quý của họ: từ đai quân sự, vòng cổ vàng, nhẫn, cho đến toàn bộ trang phục, và để sỉ nhục, bắt họ mặc quần lót phụ nữ, rồi đeo vòng sắt vào cổ họ. Trong bộ dạng đó, các thánh nhân bị dẫn đi khắp thành phố, – nhằm mục đích khiến những quý tộc La Mã danh giá và cao quý như vậy bị toàn thể dân chúng sỉ nhục và chế giễu vì đã tôn kính Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, đồng thời phỉ báng các thần ngoại đạo giả dối, hay nói đúng hơn là chính những con quỷ, mà những tôi tớ của Đức Chúa Trời này – những người đã dâng chính mình làm của lễ cho Đấng Christ – không muốn dâng của lễ cho chúng.

Sau khi kết thúc các nghi lễ dâng tế chống lại Đức Chúa Trời, Maximian trở về cung điện của mình và, vì thương xót Sergius và Bacchus – những người mà ông rất yêu quý – nên đã gọi họ đến và nói:

– Hỡi những người bạn thân yêu và trung thành của ta! Tại sao các ngươi lại nảy sinh ý định làm ô nhục các vị thần của chúng ta, và khiến vị vua của các ngươi – người vốn rất nhân từ và ưu ái các ngươi – phải buồn phiền? Tại sao các ngươi lại tự chuốc lấy sự ô nhục như vậy? Dù ta rất yêu thương các ngươi, nhưng ta không thể dung thứ cho việc xúc phạm các vị thần của ta và sẽ phải giao các ngươi cho những cực hình, dù trái với ý muốn của ta. Vì vậy, tôi xin các bạn, những người bạn của tôi, hãy từ bỏ Con của Tecton[6820] , Đấng mà người Do Thái đã treo trên thập tự giá cùng với những kẻ ác như một tên tội phạm, và đừng sa vào những chuyện hoang đường và những trò phù phép của Kitô giáo; hãy quay trở lại với các vị thần vĩ đại của chúng ta, và ta sẽ ban cho các ngươi vinh dự lớn lao hơn nữa và lòng nhân từ của ta dành cho các ngươi sẽ còn dồi dào hơn nữa, và các ngươi sẽ được hưởng tình yêu của ta và cùng ta tận hưởng trọn vẹn mọi phúc lành của vương quốc ta.

Nhưng Sergius và Bacchus, không muốn vì tình yêu của nhà vua mà từ bỏ tình yêu của Đức Chúa Trời, cũng không muốn vì những phước lành tạm thời mà đánh mất những phước lành vĩnh cửu, nên đã không vâng lời nhà vua. Được tràn đầy ân sủng của Thánh Thần, họ đã dũng cảm và thuyết phục chứng minh cho vua thấy sự bất

---

[6819] Zeus, hay Jupiter – vị thần Hy Lạp-La Mã, được những người theo đạo ngoại giáo tôn kính là chúa tể của trời và đất, cha của tất cả, cả các vị thần lẫn con người.

[6820] Tức là Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà ngay cả những người Do Thái cùng thời với Ngài cũng gọi là "Con của Tekton" (Ma-thi-ơ 13:55), vì họ coi Ngài là con trai của Giô-sép – người đính hôn với Đức Trinh Nữ Ma-ri-a – người làm nghề thợ mộc ("tekton" – từ tiếng Hy Lạp: thợ mộc, thợ xây). Tên gọi này sau đó cũng được những người ngoại đạo La Mã tiếp thu, dùng để chỉ Chúa Kitô với ý nghĩa chế giễu và nhạo báng Vua của các Kitô hữu.

lực của các thần giả dối của ông, can đảm tuyên xưng trước mặt ông quyền năng và Thần tính của Chúa Giêsu Kitô, và khuyên vua hãy tự mình nhận biết lẽ thật thiên đàng này. Vị vua vô đạo, với trái tim đã trở nên cứng cỏi và trí tuệ bị che mờ, đã không chấp nhận lời khuyên tốt lành của họ; ngược lại, ông ta càng bùng lên cơn giận dữ và phẫn nộ dữ dội hơn. Vì tình yêu dành cho họ, không muốn chính tay mình khiến họ phải chịu đau khổ, ông đã gửi họ đến tổng trấn phương Đông[6821] Antiochus. Người này là kẻ bách hại và tra tấn các Kitô hữu một cách tàn nhẫn; ông ta đã đạt được chức vụ tổng trấn nhờ sự can thiệp của Sergius và Bacchus trước mặt nhà vua, và sau đó được cử đi phương Đông. Các thánh nhân giờ đây đã được gửi đến tổng trấn này.

Vua nghĩ rằng họ sẽ khiếp sợ trước sự tàn bạo của hắn, tiếng tăm về điều đó đã lan truyền khắp đế quốc, và đồng thời họ sẽ cảm thấy xấu hổ khi phải nằm dưới quyền cai trị của kẻ trước đây gần như là nô lệ của họ, và do đó, vì sợ hãi và xấu hổ, họ sẽ từ bỏ Đức Kitô. Nhưng ngay cả khi điều đó không xảy ra, thì đối với nhà vua, trong mọi trường hợp, ông vẫn mong muốn họ bị tra tấn đến chết ở một vùng xa xôi hơn là ngay trước mắt ông.

Và thế là các thánh, trong xiềng xích, bị dẫn đi khỏi Rôma. Sau một ngày đường dài, những người lính hộ tống họ dừng lại nghỉ đêm tại một nhà trọ. Tại đây, vào nửa đêm, khi những người lính dẫn đường đang ngủ say, Sergius và Bacchus thức dậy cầu nguyện và bắt đầu xin Chúa ban cho sức mạnh – để can đảm chịu đựng mọi đau khổ đang chờ đợi họ.

Khi họ đang cầu nguyện, Thiên Thần của Chúa hiện ra, chiếu sáng họ bằng ánh sáng thiên đàng và khích lệ họ bằng những lời sau:

– Hãy can đảm lên, các tôi tớ của Đấng Kitô, và như những chiến binh tốt lành, hãy trang bị vũ khí để chống lại ma quỷ: các con sẽ sớm chiến thắng nó.

Sau những lời ấy, Thiên Thần biến mất.

Sergius và Bacchus, tràn ngập niềm vui khôn tả, bắt đầu dâng lời ngợi khen lên Chúa, Đấng đã thương xót viếng thăm các tôi tớ của Ngài qua sự hiện ra của Thiên Thần ấy.

Trong suốt chặng đường dài hướng về phương Đông, các thánh tử đạo dành thời gian để cầu nguyện và hát thánh vịnh, nhờ đó họ càng được trang bị thêm sức mạnh để chống lại những linh hồn ác độc vô hình. Sau khi đi qua nhiều thành phố và làng mạc, cuối cùng họ cũng đến được thành phố Varvalisso ở phương Đông[6822] , nơi lúc bấy giờ có Igemon Antioch đang ngự trị; các binh sĩ đã giao nộp những tù nhân vừa được dẫn đến cho ông ta – kèm theo một sắc lệnh của hoàng đế có nội dung như sau:

– Maximian, vị vua vĩnh cửu, gửi đến Antiochus, thống đốc vùng Đông. – Chúc mừng! Các vị thần của chúng ta không cho phép bất kỳ ai, đặc biệt là những người bảo vệ và tôi tớ của vương quốc chúng ta, trở thành những kẻ bất kính và không tham gia vào các nghi lễ dâng tế cho các vị thần; vì vậy, chúng ta đã kết án Sergius và Bacchus, và coi họ là những kẻ theo đạo Kitô giáo gian ác, xứng đáng với án tử hình. Nhưng vì họ không xứng đáng nhận hình phạt trực tiếp từ chính hoàng đế, nên chúng ta đã gửi họ đến ngài. Nếu họ ăn năn, vâng lời chúng ta và dâng lễ vật cho các vị thần, thì ngài hãy khoan dung với họ và tha cho họ khỏi những hình phạt đã định; đồng thời, hãy hứa rằng chúng ta cũng sẽ khoan dung với họ, và mỗi người trong số họ sẽ được phục hồi địa vị cũ và nhận được sự ưu ái từ chúng ta còn lớn hơn trước đây. Còn nếu họ không tuân theo và vẫn bám giữ đức tin tội lỗi như trước, thì hãy trừng phạt họ bằng những hình phạt xứng đáng và kết án tử hình bằng cách chém đầu. Với lời chúc sống lâu – xin ngài mạnh khỏe.

Sau khi đọc xong sắc lệnh của nhà vua, Antiochus ra lệnh giam giữ Sergius và Bacchus cho đến sáng hôm sau. Sáng hôm sau, khi bước vào tòa án[6823] , ông ngồi vào ghế thẩm phán và, sau khi cho các thánh tử đạo đứng trước mặt, ông nói với họ như sau:

– Các bậc cha ông và ân nhân của ta, những người đã giúp ta đạt được chức vụ này, những người đã mang lại vinh quang hiện tại cho ta – tình thế của các ngươi đã thay đổi biết bao! Giờ đây, ta đang ngồi trước mặt các ngươi với tư cách là quan tòa, còn các ngươi, những tù nhân bị trói buộc, đang đứng trước mặt ta – những người mà trước đây ta từng phục vụ. Ta khẩn cầu các ngươi, đừng tự gây hại cho chính mình, hãy vâng lời nhà vua và dâng lễ vật lên các vị thần – và các ngươi sẽ lấy lại địa vị cũ cùng vinh quang như xưa; còn nếu các ngươi không

---

[6821] Tức là vị thống trị các tỉnh phía đông, thuộc châu Á của Đế quốc La Mã.

[6822] Varvalisso – một thành phố ở Mesopotamia, nằm ở phía tây sông Euphrates.

[6823] Praetoria – tòa án tối cao tại các thành phố trung tâm của các tỉnh La Mã, nơi các vụ án được giải quyết bởi các tổng trấn của các hoàng đế La Mã, tức là các thống đốc hoặc người cai trị của một số tỉnh.

làm điều đó, thì dù trái với ý muốn của chính mình, ta cũng sẽ phải dùng hình phạt để ép buộc các ngươi tuân theo mệnh lệnh của nhà vua: vì chính các ngươi đã nghe thấy những gì nhà vua ra lệnh cho ta trong bức thư của ngài. Vì vậy, thưa các ngài, hãy thương xót chính mình, cũng như thương xót tôi, vì tôi hoàn toàn không muốn trở thành kẻ tra tấn tàn nhẫn đối với các ngài, những ân nhân của tôi.

Các thánh nhân đáp lại:

– Ngươi vô ích khi muốn dụ dỗ chúng ta bằng lời nói của mình: đối với những ai tìm kiếm sự sống trên trời – dù là vinh quang hay nhục nhã, sự sống hay cái chết – đều hoàn toàn không quan trọng: *"Vì đối với tôi, sự sống là Đức Kitô, và cái chết là lợi ích"* (Phil. 1:21).

Sergius và Bacchus còn nói nhiều điều khác nữa, lên án và vạch trần việc thờ thần tượng và sự vô thần của những kẻ bất chính. Sau đó, Antiochus nổi giận, ra lệnh tống Thánh Sergius vào ngục tối, còn Bacchus thì bị lột trần, quăng xuống đất và đánh đập không thương tiếc. Thánh nhân bị đánh khắp thân thể trong một thời gian dài đến nỗi ngay cả những người hầu đánh đập ngài cũng kiệt sức vì mệt mỏi, phải thay phiên nhau. Do những trận đòn này, thân thể vị thánh tử đạo dường như tách rời khỏi xương, và máu chảy ra như nước. Giữa những cực hình đó, thánh Bacchus đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa. Antiochus ra lệnh mang thi thể vị tử đạo của Chúa ra khỏi thành phố và vứt ở một nơi xa xôi nào đó để làm mồi cho thú dữ và chim chóc. Nhưng Chúa đã bảo tồn xương cốt của ngài: một số Kitô hữu, vì sợ những kẻ thờ ngẫu tượng mà phải ẩn náu ngoài thành, trong các hang động và khe núi, đã lén ra khỏi nơi ẩn náu vào ban đêm, mang thi thể vị thánh đi và an táng ngài một cách trang trọng trong một trong những hang động mà chính họ đang ẩn náu.

Sergius, khi đang ngồi trong ngục tối và nghe tin về cái chết của người bạn mình, đã vô cùng đau buồn và thương tiếc sự chia ly với anh ấy trong một thời gian dài.

– Ôi, thật đáng thương cho tôi, anh em Bacchus của tôi, – ngài lặp đi lặp lại nhiều lần, – giờ đây chúng ta không thể cùng nhau ca ngợi nữa: *"Thật tốt lành và thật vui sướng khi anh em sống cùng nhau!"* (Thánh vịnh 132:1): anh đã bỏ tôi lại một mình.

Trong khi Thánh Sergius đang than thở như vậy, ngay đêm hôm sau, Thánh Bacchus đã hiện ra với ngài trong giấc mơ, với dung mạo của một Thiên thần, trong bộ áo choàng rực rỡ ánh sáng thiên đàng. Ngài an ủi ngài, báo trước cho ngài về phần thưởng đã được chuẩn bị sẵn cho họ trên trời, và củng cố lòng ngài trước cuộc tử đạo sắp tới, nhờ đó ngài sẽ nhận được ân sủng và sự can đảm lớn lao từ Chúa Kitô. Sau sự hiện ra đó, Thánh Sergius tràn ngập niềm vui và trong sự hân hoan của lòng, ngài bắt đầu ca ngợi Chúa.

Chẳng bao lâu sau, quan tổng trấn, khi lên đường đến một thành phố khác tên là Sura[6824] , đã ra lệnh cho người ta dẫn cả Sergius theo mình. Tại đó, khi ngồi trên ghế thẩm phán, ông ta nói với vị thánh như sau:

– Kẻ vô đạo tên là Bacchus đã từ chối dâng lễ vật cho các vị thần và thà chấp nhận cái chết bạo lực còn hơn là tôn vinh họ – và thế là hắn đã nhận hình phạt xứng đáng với những việc làm của mình. Nhưng ngươi, Sergius, tại sao lại bị mê hoặc bởi giáo lý vô thần này và tự đẩy mình vào tai họa lớn lao đến vậy? Người ân nhân của tôi ơi, xin đừng tự đẩy mình vào cảnh đau khổ! Tôi cảm thấy xấu hổ vì những ân huệ trước đây ngài đã ban cho tôi và vì địa vị cao quý của ngài: bởi vì ngài đang đứng trước mặt tôi như một kẻ bị kết án, còn tôi, đang ngồi đây, lại là người xét xử ngài: từ một người vô danh tiểu tốt, giờ đây, nhờ sự can thiệp của ngài trước mặt nhà vua, tôi đã được thăng lên địa vị cao quý và giờ đây đã cao hơn ngài; còn ngài, người đã cầu xin nhà vua rất nhiều ân huệ và mang lại điều tốt lành cho biết bao người, giờ đây lại tự chuốc lấy điều xấu cho chính mình. Tôi xin ngài – hãy nghe lời khuyên của tôi – hãy tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, dâng lễ vật lên các vị thần – và ngài sẽ được phục hồi chức tước cũ và được ban tặng vinh quang như xưa.

Thánh Sergius đáp lại:

– Danh dự và vinh quang tạm thời đều là hư vô; còn sau sự nhục nhã tạm thời là vinh quang vĩnh cửu. Đối với tôi, sự nhục nhã trần gian này chẳng là gì cả, và tôi cũng không tìm kiếm vinh quang tạm thời, vì tôi hy vọng sẽ được Đấng Cứu Rỗi của tôi ban cho danh dự chân thật và vĩnh cửu trong vinh quang thiên đàng. Ngươi còn nhớ những ân huệ ta đã ban cho ngươi trước đây – rằng ta đã cầu xin cho ngươi một tước vị cao quý như vậy từ vị vua trần gian; nhưng giờ đây tôi nói với ngài: – Hãy nghe lời tôi, và khi đã nhận biết lẽ thật, hãy từ bỏ các thần giả dối của ngài, cùng tôi thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời và Vua muôn đời; tôi hứa sẽ cầu xin Ngài ban cho ngài những ân huệ còn lớn lao hơn cả những gì ngài đã nhận được từ Maximian.

[6824] Sura – một thành phố nằm ở phía tây sông Euphrates.

Lúc đó, Antiochus, sau khi nhận ra rằng mình không thể khiến ông từ bỏ Đức Kitô và buộc ông phải tuân theo ý muốn của nhà vua, đã nói:

– Ngươi đang buộc ta, Sergius, phải quên hết những ân huệ ngươi đã ban và giao ngươi cho những cực hình tàn khốc.

Sergius đáp lại:

– Hãy làm theo ý ngươi: ta có Đấng Kitô làm Đấng trợ giúp, Đấng đã từng phán: "Đừng sợ những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết linh hồn"; vậy thì giờ đây ngươi có quyền trên thân xác ta để hành hạ nó, nhưng đối với linh hồn ta, thì chẳng phải ngươi, cũng chẳng phải cha ngươi – Satan – có quyền gì cả.

Sau đó, Antiochus nổi giận và nói:

– Ta thấy rằng sự nhẫn nại của ta chỉ khiến ngươi càng trở nên ngang ngược hơn mà thôi – và ra lệnh cho người ta mang cho ngài đôi ủng sắt, có những chiếc đinh nhọn và dài ở đế, đâm xuyên qua đôi chân của vị thánh. Trong đôi giày như vậy, Antiochus ra lệnh cho người ta lôi Sergius đi trước cỗ xe ngựa của mình, còn bản thân ông ta thì đi đến thành phố Tetrapyrgi[6825] , từ đó ông ta dự định sẽ lên đường đến thành phố Rosafa[6826] .

Chịu đựng những đau khổ như vậy, vị thánh đã ngâm nga trên đường đi: *"Tôi đã đặt niềm tin vững chắc nơi Chúa, và Ngài đã nghiêng mình về phía tôi và nghe tiếng kêu của tôi; Ngài đã cứu tôi khỏi hố sâu đáng sợ, khỏi đầm lầy bùn lầy, và đặt chân tôi trên đá, làm vững chắc bước chân tôi"* (Thánh vịnh 39:2–3).

Khi họ đến thành phố Tetrapirgi, cách Sura hai mươi verst, vị tử đạo bị dẫn vào ngục tối. Trên đường đến đó, ngài đã hát lên: *"Ngay cả người bạn thân thiết với tôi, người mà tôi đã tin cậy, người đã ăn bánh của tôi, cũng đã phản bội tôi. Còn Ngài, lạy Chúa, xin thương xót con và nâng con dậy, để con báo đáp lại họ"* (Thi Thiên 40:10–11).

Vào ban đêm trong ngục tối, khi vị tử đạo đang cầu nguyện, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với ngài và chữa lành những vết thương của ngài. Ngày hôm sau, Antiôch ra lệnh dẫn thánh Sergius ra khỏi ngục, nghĩ rằng vì đau đớn nên ngài không thể bước đi nổi. Nhưng khi còn từ xa đã thấy ngài bước đi như một người hoàn toàn khỏe mạnh, không hề khập khiễng chút nào, tên tra tấn kinh hoàng và nói:

– Quả thật, người này là một pháp sư, vì làm sao sau những cực hình như vậy mà lại có thể đi mà không khập khiễng được? Còn ông thì dường như chưa từng bị đau chân bao giờ.

Sau đó, Antiochus ra lệnh cho người ta mang lại đôi ủng cũ cho vị tử đạo và dẫn ông đi trước mặt mình đến Rosafa; quãng đường từ thành phố Sura đến đó là 70 stadia. Tại đây, khi lên bục xét xử, Antiochus bắt đầu ép Thánh Sergius phải thờ lạy các thần tượng; nhưng ông ta không thể khiến ngài từ bỏ việc tuyên xưng Đức Kitô, nên đã kết án tử hình vị tử đạo. Khi vị thánh được dẫn ra ngoài thành, đến nơi hành quyết, ngài xin được dành thời gian để cầu nguyện. Trong lúc cầu nguyện, ngài nghe thấy tiếng nói từ trời kêu gọi ngài về các nơi ở trên trời, và với niềm vui sướng, ngài cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm rồi trút hơi thở cuối cùng. Thi hài của ngài được các Kitô hữu chôn cất ngay tại chỗ đó.

Một thời gian sau, các tín hữu Kitô giáo ở thành Sura đã bí mật thỏa thuận lấy thi hài vị thánh từ Rosa và rước về thành phố của họ. Khi họ đến gần ngôi mộ vào ban đêm, một cột lửa bừng lên từ quan tài, cao vút chạm tới tận trời. Một số binh lính sống tại Rosafa, khi nhìn thấy vào nửa đêm cột lửa chiếu sáng cả thành phố của họ, đã mang vũ khí đến nơi đó và thấy những người dân thành Sur đang hoảng sợ trước hiện tượng lửa kỳ diệu này. Chẳng bao lâu sau, hiện tượng cột lửa kỳ diệu ấy biến mất. Sau đó, người dân Sur nhận ra rằng Thánh Sergius không muốn rời khỏi nơi mà ngài đã đổ máu và hiến dâng linh hồn mình vì Chúa Kitô; để tôn vinh vị tử đạo, họ đã xây dựng một ngôi mộ đá kỳ diệu ngay tại chính nơi đó. Khi Kitô giáo lan rộng, một nhà thờ mang tên Thánh Tử đạo Sergius đã được xây dựng tại thành phố Rosa. Mười lăm vị giám mục từ các thành phố lân cận đã tụ họp lại, long trọng rước thi hài bất hoại và tỏa hương thơm của vị thánh tử đạo vào nhà thờ mới được xây dựng, và quyết định tổ chức lễ kỷ niệm ngài vào ngày 7 tháng 10, ngày ngài qua đời. Cả ở nơi này lẫn nơi kia – cả trong nhà thờ, nơi lưu giữ di cốt của vị tử đạo Sergius, lẫn nơi ngài qua đời và được an táng – nhiều người bị quỷ ám và mắc bệnh đã được chữa lành khỏi các chứng bệnh của mình[6827] .

[6825] Tetrapyrgius – một thành phố nằm giữa Sura và Rosafa, gần sông Euphrates.

[6826] Rozaf hoặc Rezaf, sau này được đổi tên thành Sergiopolis theo tên tu viện nổi tiếng được thành lập tại đây để vinh danh Thánh Tử đạo Sergius – là một thành phố cách Sura 6 verst.

Điều đáng chú ý là hàng năm, vào ngày tưởng niệm vị thánh, các loài thú hoang dã, như thể tuân theo một luật lệ nào đó, đều rời khỏi các sa mạc lân cận và tụ tập tại nơi mà vị thánh tử đạo ban đầu được an táng. Vào thời điểm đó, bản tính hoang dã của chúng biến mất, nhường chỗ cho sự hiền lành như chiên con: chúng không tấn công cả con người lẫn gia súc, mà chỉ lặng lẽ đi vòng quanh thánh địa, rồi lại trở về các sa mạc của mình. Chúa đã tôn vinh vị thánh của Ngài đến nỗi không chỉ con người, mà cả các loài thú dường như cũng được thúc đẩy để kỷ niệm ngày lễ của ngài.

Nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Sergius, xin Chúa hãy xoa dịu cơn thịnh nộ của kẻ thù chúng ta, như xưa kia Ngài đã xoa dịu sự hung dữ của những con thú hoang dã này – vì vinh quang của Ngài đến muôn đời – Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Với trí tuệ dũng cảm chống lại kẻ thù, ngài đã phá tan mọi sự nịnh hót của chúng, và nhận được chiến thắng từ trên cao, các vị tử đạo đáng ca ngợi đã đồng lòng kêu lên: thật tốt lành và tuyệt vời khi được ở cùng Đức Chúa Trời.

Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Iulian và Cesario

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 10

Trong thời trị vì của Hoàng đế La Mã Claudius, người đã giết mẹ mình – một tín hữu Kitô giáo bí mật – và từ đó không ngừng đàn áp các Kitô hữu, có một vị phó tế tên là Cêsarius đã đến thành phố Tarraquinia[6828] thuộc Đế quốc La Mã. Khi chứng kiến những lễ vật dâng lên các thần tượng, ngài đã nhổ nước bọt vào các thần tượng và đập vỡ chúng. Vì hành động này, ngài bị giam vào ngục tối, nơi ngài phải chịu đói khát suốt ba ngày. Sau đó, tay ngài bị trói ra sau lưng, và các binh lính lôi ngài đi trước cỗ xe của quan tổng trấn đến đền thờ thần Apollon. Khi họ đến gần đền thờ, vị thánh đã cầu nguyện, và ngay lập tức đền thờ sụp đổ hoàn toàn, chôn vùi các thầy tế lễ và tất cả những người có mặt trong đó.

Thấy cảnh đó, Ipatik[6829] Leontius quỳ gối trước thánh nhân và tin nhận Chúa Kitô. Linh mục Kitô giáo Iulian đã làm phép rửa tội cho ông trước mặt mọi người và ban Thánh Thể cho ông; ngay lập tức, sau lời cầu nguyện của vị thánh, Leontius trút hơi thở cuối cùng. Thống đốc thành phố Loxoria, khi chứng kiến cảnh này, đã ra lệnh cho người ta nhét các vị thánh vào bao tải và ném xuống biển.

Lúc đó, các thánh nói với ông ta:

– Chúng tôi sẽ bị ném xuống biển, nhưng ngài cũng sẽ bị một con rắn dữ tợn cắn chết và phải chịu một cái chết thảm khốc.

[6827] Từ xa xưa, các thánh tử đạo Sergius và Bacchus đã được tôn kính rộng rãi khắp phương Đông, và nhiều người đã thực hiện những chuyến hành hương đầy lòng sùng kính để viếng thăm di cốt của các ngài. Việc tổ chức lễ kỷ niệm hàng năm dành cho vị tử đạo Sergius đã được biết đến từ đầu thế kỷ V. Cũng trong thế kỷ đó, Giám mục Alexander của Hierapolis đã xây dựng một nhà thờ tráng lệ để tôn vinh các vị tử đạo này. Những chiếc đầu thiêng liêng, không bị hư nát của các ngài đã được lưu giữ một thời gian tại Constantinople, nơi các hành hương viên Nga đã được chiêm ngưỡng: tu sĩ Antony (năm 1200) và Stefan Novgorodets (khoảng năm 1350). Hoàng đế Byzantine Justinian Đại đế (527–565) đã củng cố thành phố Rozafa, nơi Thánh Sergius đã chịu khổ nạn và nơi lưu giữ di cốt của ngài, và ngay từ đầu triều đại của mình, ông đã xây dựng một nhà thờ tráng lệ gần cung điện của mình tại Constantinople để tôn vinh các Thánh Sergius và Bacchus, vì họ đã cứu ông khỏi ngục tối trước khi ông lên ngôi. Khi vua Ba Tư Khosrow (532–579) tiến quân đến Rosafa – lúc này đã được đổi tên thành Sergiopolis – số ít cư dân còn lại trong thành đã giao nộp cho ông tất cả các vật phẩm quý giá, với hy vọng ông sẽ tha cho thành phố, ngoại trừ di cốt của Thánh Tử đạo Sergius, đang được an táng trong một quan tài hình chữ nhật, được bọc bằng bạc; khi biết được điều này, Khosrow đã điều toàn bộ quân đội tiến về thành phố, nhưng trên tường thành xuất hiện vô số chiến binh được trang bị khiên và sẵn sàng phòng thủ; Khosrow nhận ra rằng đây là phép lạ do vị tử đạo tạo ra, và, bị nỗi sợ hãi chi phối, ông đã rút quân khỏi thành phố. Grigorius của Tours, một nhà biên niên sử Frank nổi tiếng thế kỷ VI, viết rằng vào thời ông, vị thánh này được tôn kính rộng rãi ở phương Tây nhờ vô số phép lạ và ân huệ mà ngài ban cho những người đến với ngài bằng lòng tin.

[6828] Tarraquinia – nay là Terracina – là một thành phố ven biển của Ý, nằm phía nam Rome, cách đó 92 verst.

[6829] Tên gọi này dùng để chỉ những người phục vụ dưới quyền các "ipatos" hay các quan tổng trấn hoàng gia. Leontius được nhắc đến ở đây, dường như đã phục vụ dưới quyền vị công tước, hay người cai trị vùng Loxoria, người lúc bấy giờ là tổng trấn của hoàng đế.

Hai ngày sau đó, khi Loxorius đang đi dạo trên bãi cát ven biển, một con rắn khổng lồ quấn lấy ông và nghiền nát toàn bộ cơ thể ông. Loxorius lập tức trút hơi thở cuối cùng và nằm đó với thân thể phình to, trở thành một cảnh tượng kinh hoàng đối với tất cả những ai đi ngang qua.

Trong khi đó, nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời, thi thể các thánh nhân đã được sóng biển đưa vào bờ. Các tín hữu Kitô giáo đã đón nhận thi hài các ngài một cách tôn kính và an táng gần thành phố. Nhưng con trai của Ipatik, là Leontius, đã chặt đứt những cái đầu thiêng liêng của các ngài và ném xuống sông. Lúc đó, , linh mục thành phố Capua[6830] , Quart, được Thiên Thần của Chúa soi dẫn, đã thu nhặt các di vật của các thánh và đặt chúng tại một nơi đặc biệt để tôn vinh Chúa[6831] .

Lễ kính Thánh Tử đạo Polychronius

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 10

Thánh Polychronius, đến từ vùng Gamfanida[6832] , là con trai của người nông dân Vardanias, người đã dạy cậu thiếu niên những chân lý của đức tin Kitô giáo, cũng như cách đọc các sách Thánh và tuân theo những gì được ghi chép trong đó. Trong thời kỳ hạn hán, vì nguồn nước ở xa, nhờ lời cầu nguyện của thiếu niên Polychronius, một suối nước đã tuôn trào tại vùng đất đó: bởi sự tiết độ và lòng đạo đức của mình, ngài đã được ban ân sủng làm phép lạ. Khi đã trưởng thành, cậu bắt đầu trồng nho và, sau khi lên đường đến Constantinopolis, cậu đã làm thuê ở đó và làm việc ngang hàng với những người khác, chỉ ăn uống mỗi hai hoặc ba ngày một lần với một lượng nước rất ít. Chủ nhân của cậu ngạc nhiên trước người tôi tớ của Chúa này, cảm động trước những đức tính của cậu, và sau khi gửi cho cậu nhiều tiền, đã bảo người ta nhắn lại:

– Hãy về nhà và cầu nguyện cho ta.

Polychronius nhận lấy vàng, về đến nhà đã thực hiện nhiều phép lạ, và dùng số vàng đó để xây dựng một nhà thờ. Sau đó, ông tham dự Công đồng Đại kết lần thứ nhất với tư cách là người đọc kinh, và sau đó được phong chức linh mục. Sau khi Hoàng đế Constantine Đại đế qua đời, khi tà thuyết Arian gia tăng, một lần ông bị những kẻ tà giáo bắt gặp tại bàn thờ thánh: chúng lao vào ông, đâm chết ông và chém ông thành nhiều mảnh bằng gươm[6833] .

Cuộc đời của vị thánh cha Sergius của Nurom, vị thánh làm phép lạ tại Vologda và Obnora

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 10

Thánh Sergius đã bắt đầu cuộc đời tu hành của mình trên ngọn núi thiêng Athos[6834] . Từ đó, ngài đến vương quốc Moscow thuộc Đại Nga và định cư tại vùng Radonezh[6835] . Ngài đã đến tu viện của vị thánh vĩ đại của nước

---

[6830] Capua – một thành phố và pháo đài ở miền nam Ý, nằm trên bờ trái sông Volturno, là thủ phủ của vùng Campania cổ đại ở Ý, đồng thời là một trong những thành phố cổ nhất trên toàn nước Ý.

[6831] Xác thánh của Thánh Tử đạo Cesarius được an táng tại Rome, trong Nhà thờ Thánh Giá, còn bàn tay thiêng liêng của ngài được lưu giữ trong Nhà thờ Thánh Thánh.

[6832] Vùng Gamfanide thuộc cùng một giáo phận hoặc khu vực mà Constantinople cũng thuộc về.

[6833] Thánh Polychronius đã chịu tử đạo vào khoảng giữa thế kỷ IV, dưới triều đại của Constance II (337–362), con trai của Constantine Đại đế, người đã bảo trợ cho phái Arian và đàn áp các tín hữu Chính thống.

[6834] Núi Athos – một bán đảo hẹp và đồi núi ở phía nam châu Âu, nhô ra vào Quần đảo Aegean (Biển Aegean). Cuộc sống tu hành tại đây có nguồn gốc cổ xưa, nhưng muộn hơn so với ở Syria và Palestine. Từ lâu đời, trên núi Athos đã có một số tu viện của người Slav (tu viện Hilandar – được thành lập vào thế kỷ XII bởi vua Serbia Simeon và con trai ông là Savva; tu viện Thánh Panteleimon – được thành lập vào thế kỷ XI bởi người Nga, v.v.). Các tu viện trên núi Athos đóng vai trò là trung tâm giáo dục tinh thần cho người Slav; từ đó, các tu sĩ nổi bật về học vấn và đời sống tu hành đã đến với người Slav; tại đó, các cuốn sách được sao chép lại và dịch từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Slav. Mối liên hệ giữa Rus' với Athos bắt đầu rất sớm – từ vị sáng lập truyền thống tu hành Nga là Thánh Antony Pechersky (năm 1073). Các chuyến hành hương đến Athos và thời gian lưu trú tại đó của người Nga đã diễn ra xuyên suốt các thế kỷ; từ thế kỷ XI cho đến nay. Mối quan hệ với Athos đặc biệt được củng cố từ thế kỷ XV, thời kỳ mà những câu chuyện đầu tiên của các hành hương viên Nga về Athos được ghi chép lại. Là một trong những thánh địa được tôn kính nhất của thế giới Chính thống giáo Đông phương, Athos hàng năm đón hàng nghìn tín đồ từ Nga, bán đảo Balkan và các vùng lãnh thổ châu Á của Thổ Nhĩ Kỳ. Hiện nay, trên Athos có 20 tu viện lớn, một số tu viện nhỏ và rất nhiều phòng tu riêng lẻ, với tổng số lên đến 700.

Nga, Thánh Sergius Radonezhsky, vị thánh làm phép lạ[6836] . Lúc bấy giờ, Thánh Sergius vẫn còn tại thế và tỏa sáng như mặt trời khắp vũ trụ, soi sáng thế gian bằng những việc lành và hướng dẫn anh em mình về Đức Chúa Trời. Vị tu sĩ Sergius Nuromsky đã ở lại dưới sự hướng dẫn của vị thánh vĩ đại của nước Nga, Thánh Sergius, trong một thời gian dài, lắng nghe ngài và noi gương đời sống thánh thiện của ngài. Tại đây, ngài đã rèn luyện bản thân qua nhiều thử thách và thực hiện nhiều việc thiện, đến nỗi chính vị Thánh Radonezh, Đấng làm phép lạ, cũng phải ngạc nhiên trước ngài khi chứng kiến lòng nhiệt thành hướng về Thiên Chúa của ngài, và rất thích trò chuyện với ngài về những sự hoàn thiện tâm linh. Còn vị thánh Sergius Nuromsky, khi chứng kiến những nỗ lực và công đức của vị thánh vĩ đại này, cũng cố gắng noi gương ngài và không hề thua kém ngài về đức hạnh. Tất cả những điều này, vị thánh Sergius Nuromsky đều đón nhận vào lòng mình, như đất màu mỡ đón nhận hạt giống và thấm hút nước mưa, và đã dâng lên Chúa thành quả gấp trăm lần. Vì lý do đó, ngài được mọi người yêu mến và kính trọng. Nhưng ngài không ưa danh vọng trần thế, vì thấy trong đó có hại cho linh hồn, nên ngài bắt đầu suy nghĩ làm thế nào để lánh xa con người, nhớ lại lời của Tiên tri Đa-vít: *"Ta sẽ lánh xa, và ở lại trong sa mạc; ta sẽ vội vã ẩn náu khỏi cơn lốc, khỏi cơn bão"* (Thi Thiên 54:8–9). Suy ngẫm như vậy liên tục, ngài đến gặp vị thầy của mình là Thánh Sergius, cúi đầu chào ngài xuống đất, và trong khi nước mắt tuôn trào trên má, ngài đã thú nhận những suy nghĩ của mình và xin ngài ban phước lành để được lui về sa mạc. Thánh Sergius Radonezhsky đã nhìn thấu bằng con mắt sáng suốt rằng anh là một bình chứa đầy Thánh Thần, và sẽ trở thành người hướng dẫn cho các tu sĩ cũng như vị mục tử nhân lành chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô; ngài đã ban phước lành cho anh, dạy dỗ anh cách sống trong sa mạc, và tiễn anh đi trong bình an, nói rằng:

– Hãy đi đi, con yêu; Chúa ở cùng con.

Sau khi nhận được lời chúc phúc từ vị Thánh, Thánh Sergius Nuromsky đã vui mừng và lén lút rời đi vào sa mạc mà không ai hay biết. Ông bay đi bằng tinh thần, như chim về tổ, và tìm kiếm nơi mà Chúa sẽ chỉ dẫn cho ông, không mang theo gì ngoài linh hồn và thân xác. Hướng về các vùng đất phía bắc, ngài đến một khu vực phủ đầy rừng rậm, cây cối, rêu và đầm lầy. Tại đây, ngài đã tìm thấy một nơi, thuộc xã Obnorsk, bên sông Nurme[6837] , nơi sau này ngài đã xây dựng tu viện. Cũng tại vùng đất này, vị thánh vĩ đại Phaolô, vị thánh làm phép lạ ở Obnora[6838] , lúc bấy giờ vẫn đang sống ẩn dật trong sa mạc nội tâm bên bờ sông Nurme: lúc đó ngài vẫn chưa có tu viện hay cộng đoàn anh em trong Chúa Kitô.

Khi đến nơi và xem xét kỹ lưỡng, Thánh Sergius đã vô cùng yêu mến nơi này và dâng lời tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã không bỏ qua lời cầu nguyện của ngài, mà đã dẫn ngài đến nơi này. Và ngài đã nói theo lời của tiên tri Đa-vít: *"Đây là nơi an nghỉ của Ta mãi mãi: Ta sẽ ngự tại đây, vì Ta đã ưa thích nơi này"* (Thi thiên 131:14), và còn nữa: *"Làm sao các nơi ở của Ngài lại đáng khao khát đến thế, lạy Chúa các đạo binh! Linh hồn con khao khát khôn xiết, mong được vào các sân của Chúa; lòng con và thân xác con hân hoan hướng về Đức Chúa Trời hằng sống. Ngay cả chim nhỏ cũng tìm được nơi trú ngụ, và chim én cũng tìm được tổ cho mình, nơi đặt những con non của nó, tại các bàn thờ của Ngài, lạy Chúa các đạo binh, Vua của con và Đức Chúa Trời của con!"*

"Phúc cho những ai ở trong nhà Ngài: họ sẽ không ngừng ngợi khen Ngài. Phúc cho người nào sức mạnh ở nơi Ngài và lòng họ hướng về Ngài. Khi đi qua thung lũng nước mắt, họ tìm thấy suối nước ở đó, và mưa phủ đầy phước lành trên thung lũng ấy... Lạy Chúa các đạo binh! Phúc cho người nào đặt niềm tin nơi Ngài!" (Thánh vịnh 83:2–7, 13).

Và vị thánh nhân bắt đầu cầu nguyện với Đức Chúa Trời Toàn Năng: "Lạy Chúa Toàn Năng, Đức Chúa Trời là Cha của chúng con, Đấng đã giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô lệ và ba thiếu niên khỏi lò lửa (Xuất Ê-díp-tô Ký 13:1–22, Đa-ni-ên 3:1–100), xin Ngài hãy nhìn xuống nơi này và ban phước lành cho nó; xin cho con được phụng sự Ngài tại nơi này suốt cả cuộc đời con; vì con đã đến đây để phụng sự Ngài mãi mãi, để qua con, danh thánh của Ngài được tôn vinh, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men."

[6835] Tại vị trí của Radonezh cổ xưa ngày nay là làng Gorodishche hay Gorodok, nằm giữa Moscow và Tu viện Troitsa-Sergiev, cách nơi này 12 verst. (Ghi chú: đầu thế kỷ).

[6836] Các tu sĩ bắt đầu tụ tập quanh Thánh Sergius Radonezhsky vào khoảng giữa thế kỷ XIV. Thánh Sergius qua đời vào ngày 25 tháng 9 năm 1392.

[6837] Sông Nurma (thuộc huyện Gryazovets, tỉnh Vologda) là một nhánh của sông Obnora, dòng sông này chảy qua các tỉnh Vologda và Yaroslavl rồi đổ vào sông Kostroma.

[6838] Thánh Pavel Obnorsky qua đời vào ngày 10 tháng 1 năm 1429.

Sau khi cầu nguyện, vị thánh đã dựng cây thánh giá tại nơi đó và xây dựng một nhà nguyện cùng một căn phòng nhỏ. Vị thánh hạnh phúc đã ở lại đây nhiều năm, tu tập trong nhiều công việc thánh thiện. Để làm đẹp lòng Thiên Chúa, ngài sống một cuộc đời như thiên thần, chế ngự xác thịt bằng sự tỉnh thức và canh thức suốt đêm, đồng thời chiến thắng kẻ thù bằng lời cầu nguyện, việc ăn chay và đức hạnh. Ngài đã nỗ lực với lòng kiên nhẫn vĩ đại, chịu đựng những đau khổ mà ma quỷ và những người thiếu hiểu biết gây ra cho ngài trong sa mạc. Khi vị thánh sống trong những việc tu hành như vậy, phụng sự Chúa, ma quỷ – kẻ từ thuở khai thiên lập địa đã căm ghét loài người – đã ghen tị với đức hạnh của ngài và bày ra mưu mô chống lại ngài, xúi giục những người thiếu hiểu biết, điên rồ và độc ác chống lại vị thánh, mong muốn qua họ làm ngài khiếp sợ và đuổi ngài khỏi nơi này. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng luôn sẵn sàng giúp đỡ các tôi tớ của Ngài, đã không bỏ rơi vị thánh.

Một lần nọ, vị thánh bị một bọn cướp ác độc và điên cuồng tấn công. Chúng bắt giữ và đánh đập ngài không thương xót đến nỗi ngài suýt mất mạng vì vô số vết thương. Để lại ngài trong tình trạng thoi thóp, bọn cướp ác độc ấy đã bỏ đi. Còn vị thánh, vừa mới hồi phục chút ít sau những vết thương, đã giơ hai tay lên trời và nói trong nước mắt:

– Lạy Chúa và Vua chí thánh, xin hãy nhìn xuống từ trời cao những vết thương mà con đã chịu vì đã vì Ngài mà lui về sa mạc này. Con tạ ơn Ngài vì đã cho con được chia sẻ nỗi đau khổ với những người được Ngài chọn và mang trên thân thể những vết thương vì danh thánh của Ngài. Xin cho con được hưởng phần thưởng của các thánh của Ngài. Xin hãy nhìn xem, kẻ thù của con đã gia tăng biết bao và chúng đã căm ghét con bằng một lòng hận thù bất công. Xin hãy bảo vệ linh hồn con và giải thoát con, để con không phải hổ thẹn, vì con đã đặt niềm tin nơi Ngài.

Sau lời cầu nguyện, vị thánh cảm thấy nhẹ nhõm khỏi những đau khổ và tạ ơn Chúa vì đã được ban ơn, nhờ tình yêu dành cho Đấng Kitô, mà nhận lấy những vết thương trên thân thể mình. Và ngài tự nhủ:

– Ta sẽ không rời khỏi nơi này, dù kẻ thù có giăng bẫy tăm tối nào lên ta đi chăng nữa. Ta mong được chết tại nơi này, vì ta đã đến đây để tìm kiếm Chúa Kitô.

Thánh nhân đã nói như vậy, tự củng cố lòng mình bằng Lời Chúa: *"Đừng sợ những kẻ giết thân xác mà không thể giết linh hồn; nhưng hãy sợ Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác trong hỏa ngục. Chẳng phải hai con chim nhỏ được bán với giá một assarion sao? Và không có con nào trong số chúng rơi xuống đất mà không có [ý muốn] của Cha các con; còn các con, ngay cả sợi tóc trên đầu cũng đã được đếm hết; vậy đừng sợ: các con quý giá hơn nhiều con chim nhỏ. Ai kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu rỗi"* (Mt 10:28–31, 22).

Ghi nhớ tất cả những điều này trong lòng, vị thánh nhân đã vững vàng và trang bị cho mình như một chiến binh tốt lành của Đấng Christ, dùng tinh thần mình chống lại đạo quân các thần linh vô hình; và ngài hướng tới những chiến công vĩ đại, nối tiếp công việc này bằng công việc khác, nhịn ăn này bằng nhịn ăn khác, lời cầu nguyện này bằng lời cầu nguyện khác, trông cậy vào phần thưởng của Vua Trời.

Nhưng ma quỷ, thủ lĩnh của sự ác, lại một lần nữa gầm lên như sư tử trước vị thánh và hành hạ linh hồn ngài bằng vô số tai ương. Nhưng tất cả những tai ương này từ những con quỷ xảo quyệt và những kẻ bất chính, vị thánh đều chịu đựng với niềm vui, tâm hồn ông vững như kim cương[6839] . Thấy mình bị hạ nhục, con quỷ xảo quyệt lại xúi giục những tên cướp xảo quyệt và độc ác chống lại vị thánh, mong muốn thông qua chúng gây ra cho vị thánh một cái chết đau đớn ngay tại nơi này.

Và rồi một đêm nọ, bọn cướp ác độc lại tấn công vị thánh. Lúc đó, vị thánh đang đứng trong phòng tu để cầu nguyện, dâng lên Thiên Chúa những lời khẩn cầu ban đêm của mình. Còn bọn cướp tàn ác và hung dữ, như những con thú hoang, lao vào ngài, muốn lôi ngài ra khỏi phòng tu và, giống như bầy sói, xé xác ngài. Nghe thấy chúng đến, vị thánh ngước mắt lên nhìn Thiên Chúa và cầu nguyện trong nước mắt:

– Xin đừng bỏ rơi con, lạy Chúa là Thiên Chúa của con, xin đừng xa lìa con, nhưng xin hãy lắng nghe, giúp đỡ con và cứu rỗi linh hồn con.

Chúa luôn sẵn sàng giúp đỡ các tôi tớ của Ngài, như lời tiên tri đã nói: *"Này, mắt Chúa luôn dõi theo những ai kính sợ Ngài và trông cậy vào lòng thương xót của Ngài, để Ngài cứu linh hồn họ khỏi cái chết và nuôi dưỡng họ trong thời kỳ đói kém"* (Thánh Vịnh 32:18–19).

[6839] Adamant (kim cương) – loại đá có độ cứng đến mức có thể mài và cắt các loại đá khác mà không bị tổn hại. Trong văn học Giáo hội, danh xưng này được dùng để chỉ nhiều vị Thánh Cha và các vị Thầy của Giáo hội, những người nổi tiếng vì sự kiên định trong đức tin và tính cách.

Khi vị thánh kêu cầu Chúa giúp đỡ trong lời cầu nguyện, ngay lập tức bọn cướp ác độc bị nỗi sợ hãi bao trùm và do dự không dám thực hiện mưu đồ xấu xa của mình. Nỗi sợ Chúa như một cây giáo đâm thấu trái tim họ, và vì sợ sự phán xét của Chúa, chúng bỏ chạy khỏi nơi đó, không bao giờ quay lại nữa và cũng không gây hại gì cho vị thánh. Và những lời của tiên tri Đa-vít đã ứng nghiệm trên họ: *"Kẻ gian ác rút gươm ra và giương cung, để hạ bệ người nghèo và kẻ khốn cùng, để đâm thấu những ai đi trên con đường ngay thẳng: gươm của chúng sẽ đâm vào chính trái tim chúng, và cung của chúng sẽ bị bẻ gãy, chúng sẽ bị thương bất ngờ"* (Thánh vịnh 36:14–15, 63:8).

Tất cả những điều này đều do lời cầu nguyện của vị thánh ấy mang lại. Bởi vì lời cầu nguyện của các thánh thu hút lòng thương xót của Đức Chúa Trời xuống trần gian, sự giúp đỡ của Ngài – ngọn lửa thiêu đốt và sự kinh hoàng, vì Chúa khiến tất cả những ai chống đối Ngài phải khiếp sợ và thiêu đốt họ bằng ngọn lửa vô hình. Chúng ta nên kinh ngạc trước quyền năng và sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, đã được bày tỏ nơi vị thánh cha này, vì Chúa đã cứu người tôi tớ của Ngài không phải bằng vũ khí hay quân đội, mà bằng cánh tay phải và sức mạnh vững chắc của Ngài; bằng vũ khí là niềm tin cậy vào lời cầu nguyện, Ngài đã ban cho chiến thắng vô hình từ trên cao. Được trang bị vũ khí này, tất cả các thánh nhân đều được ban cho sức mạnh của Đức Chúa Trời, đã chiến thắng các vương quốc, bịt miệng sư tử, dập tắt lửa, tránh được lưỡi gươm sắc bén, có thể trở nên mạnh mẽ ngay cả khi yếu đuối, và đẩy lùi các đạo quân thù địch, như lời Tông Đồ đã nói: *"Chúng ta chẳng có gì, nhưng lại sở hữu tất cả"* (2 Cô-rinh-tô 6:10). Cùng với các vị ấy, chúng ta cũng nên ngưỡng mộ vị thánh này, người không dùng vũ khí hay sức mạnh, mà chỉ bằng niềm tin và lời cầu nguyện đã có thể chiến thắng tất cả những kẻ nổi dậy chống lại ngài. Vì những tên cướp hung ác ấy, khi xông vào nơi ở của vị thánh, tay cầm vũ khí chết chóc, mong muốn dùng chúng để đánh bại vị thánh, còn ngài thì không có gì tương tự, mà chỉ cầm trên tay một chuỗi hạt nhỏ – chuỗi kinh, còn trong lòng và trên môi ngài là sự ăn năn đầy nước mắt và lời cầu nguyện. Và ngay lập tức, ngài đã chiến thắng họ cùng vũ khí của họ; lời cầu nguyện của vị thánh đã trở thành chiến thắng và sự chinh phục: *"Lời cầu nguyện mạnh mẽ của người công chính có sức mạnh lớn lao. Linh hồn những người công chính nằm trong tay Thiên Chúa, và sự đau khổ sẽ không chạm đến họ"* (Gia-cơ 5:16; Khôn ngoan 3:1).

Thánh Sergius, khi thấy ân sủng của Đức Chúa Trời ngự trên mình, đã dấn thân vào việc ăn chay và cầu nguyện với lòng nhiệt thành còn lớn hơn nữa, chồng chất công việc lên công việc, lửa lên lửa, khát vọng lên khát vọng, lòng nhiệt thành lên lòng nhiệt thành. Nhớ đến trong lòng sự hạnh phúc tương lai của những người công chính, ngài không ngừng nỗ lực và chế ngự xác thịt bằng việc thức trắng đêm cầu nguyện và ăn chay, còn linh hồn thì luôn hướng về cõi trên.

Đức Chúa Trời, Đấng đầy lòng thương xót và hào phóng, đã nhậm lời cầu nguyện, công lao và đức hạnh của vị thánh phúc. Không phải vì Ngài muốn vị thánh này tiếp tục bị lãng quên và không được mọi người biết đến, như thể bị che khuất khỏi tầm mắt họ, mà vì mong muốn ngài hiện ra như một thành trì vững chắc, sừng sững trên đỉnh cao, nên Chúa đã cho mọi người thấy vị thánh này và tỏ ngài ra, như một ngọn đèn đang cháy sáng, vốn trước đây vẫn ẩn mình trong bóng tối. Và thế là Chúa đã làm cho vị thánh được mọi người biết đến, để những ai đến có thể nhìn thấy thành trì và những ai ngắm nhìn – ánh sáng. Danh tiếng về vị thánh lan truyền khắp các vùng đất Nga; nhiều người bắt đầu đến với ngài để tìm sự cứu rỗi cho linh hồn mình, còn một số người thì mang đến cho ngài những thứ cần thiết cho thân xác. Từ nhiều tu viện, các tu sĩ đã đến với vị thánh và ở lại sống cùng ngài, học hỏi những việc làm cao cả của ngài. Còn Thánh Sergius thì vui mừng đón nhận tất cả mọi người, như thể họ được Thiên Chúa sai đến, và chăm sóc mọi người như một người cha yêu thương con cái, theo lời của Thánh Tông Đồ: *"Tôi đã trở thành mọi sự cho mọi người, để cứu được ít nhất một số người"* (1 Cr 9,22). Nhờ ơn Chúa, số tu sĩ của vị thánh đã tăng lên đến 40 người, nhưng họ không có nhà thờ hay phòng tu. Lúc bấy giờ, vị thánh bắt đầu xây dựng nhà thờ và các phòng tu. Ngài đã dựng nên nhà thờ mang tên Đấng Cứu Thế Toàn Năng, để tưởng nhớ nguồn gốc của Thánh Giá Vinh Quang và Ban Sự Sống; ngài cũng xây dựng các phòng tu và thiết lập tu viện.

Vào thời điểm đó, cũng trên dòng sông Nurme, trong sa mạc nội địa, vị Cha vĩ đại của chúng ta là Thánh Phaolô đang sống một cuộc đời thầm lặng và ẩn dật. Ngài đến đây từ chính Tu viện vinh quang của vị Thánh vĩ đại người Nga là Thánh Sergius, nơi mà Thánh Sergius, vị Thánh làm phép lạ ở Nurme, cũng đã từng đến. Khi còn là môn đệ của Thánh Sergius Radonezhsky, Thánh Phaolô đã chăm chú học hỏi lối sống hướng về Thiên Chúa từ ngài. Nhờ sự ban phước của Thánh Sergius Radonezhsky, vị thánh vĩ đại Phaolô đã lui về sa mạc này, nơi sau này ngài đã thành lập tu viện. Tu viện của Thánh Sergius Nuromsky cách nơi ở của Thánh Phaolô vĩ đại khoảng bốn verst. Các vị thánh làm phép lạ ở Nurom thường xuyên thăm viếng lẫn nhau và trò chuyện với nhau về mọi sự tu

dưỡng tâm linh, khích lệ lẫn nhau trong các công việc thiêng liêng. Ngoài ra, Thánh Phaolô còn rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, từ tay thánh thiện của Thánh Sergius, đồng thời xưng thú mọi ý nghĩ của mình với ngài; còn Thánh Sergius thì là cha thiêng liêng của Thánh Phaolô vĩ đại. Vì vậy, trong mọi việc, họ đều chia sẻ những suy nghĩ của mình với nhau, với tư cách là những tôi tớ và môn đệ của Đấng Chủ Tể Duy Nhất. Khi bàn bạc với nhau về những cám dỗ trong sa mạc và sự đe dọa của ma quỷ, họ chia sẻ những nỗi buồn của mình và được củng cố bằng Thánh Thần và Lời Chúa, được củng cố bởi niềm hy vọng về những ân huệ trong tương lai[6840] .

Một lần nọ, Thánh Phaolô bước ra khỏi phòng tu của mình, với ý định đi dạo trong sa mạc. Khi ngài trở về, ngài thấy phòng tu của mình đã bị xáo trộn từ trên xuống dưới. Thấy cảnh đó, vị Thánh Cha vĩ đại của chúng ta là Phaolô, với tư cách là một con người, đã cảm thấy sợ hãi. Trong tâm trạng buồn bã và hoảng sợ, ngài đến gặp Thánh Sergius và kể lại cho ngài nghe về sự việc đã xảy ra. Còn Thánh Sergius thì cho rằng đó là ảo giác do ma quỷ gây ra và nói:

– Hãy đi đi, anh em Phaolô. Anh sẽ thấy phòng tu của mình vẫn nguyên vẹn.

Và ngài nhắc nhở anh về lời tiên tri: *"Đức Chúa Trời là nơi nương náu và sức mạnh của chúng ta"* (Thi Thiên 45:2).

Quả thực, khi trở về, vị thánh vĩ đại Phaolô đã thấy phòng tu của mình vẫn nguyên vẹn và không hề hấn gì, đúng như lời Thánh Sergius đã nói.

Một lần nọ, Thánh Sergius đến gặp Thánh Phaolô để trò chuyện về đời sống thiêng liêng, và thấy ngài đang đứng gần phòng tu, cho chim ăn từ tay mình. Rất nhiều chú chim nhỏ đậu trên đầu và vai của vị thánh, còn trước mặt ngài là những con thú – gấu, cáo và thỏ. Như vậy, ngay cả những loài không biết nói cũng bị thu hút bởi tình yêu dành cho vị ẩn sĩ.

Sau nhiều công lao và kỳ công, Thánh Sergius đã bước vào tuổi già. Do tuổi già và những vất vả, ngài mắc phải một căn bệnh nặng và trong một thời gian dài rơi vào tình trạng kiệt sức hoàn toàn. Khi biết tin về bệnh tình của Thánh Sergius, Thánh Phaolô vĩ đại đã đến thăm ngài, nghĩ rằng giờ phút ngài rời bỏ cuộc sống trần gian để bước vào cõi vĩnh hằng đã gần kề. Sắp phải chia tay người bạn và người bạn tâm giao của mình, Phaolô khóc nức nở và xin ngài ban phước lành cùng sự tha thứ. Lúc đầu, những giọt nước mắt khiến hai người không thể nói được lời nào. Cuối cùng, sau khi kìm nén được tiếng khóc, Thánh Phaolô kể cho Thánh Sergius nghe rằng tại một nơi trong sa mạc của mình, dưới chân núi, bên sông Nurme, ngài đã nghe thấy tiếng chuông vang dội và nhìn thấy ánh sáng không thể diễn tả, rực rỡ hơn cả ánh nắng mặt trời. Nghe điều này, Thánh Sergius không coi đó là chuyện bình thường, mà nhận ra đó là công việc của Đức Chúa Trời.

– Tại nơi đó, – vị thánh nói, – một tu viện sẽ được xây dựng để tôn vinh Chúa Ba Ngôi, và nhiều người sẽ được cứu rỗi tại nơi đó.

Đó là lời tiên tri của vị thánh phúc lành. Sau đó, các vị thánh làm phép lạ ở Nur đã ôm hôn nhau trong nước mắt, và vị thánh vĩ đại Phaolô đã lui về sa mạc nội tâm của mình. Từ đó, ngài bắt đầu tiếp nhận các tu sĩ và xây dựng tu viện[6841] . Chính tại nơi ngài đã nghe tiếng chuông vang và thấy ánh sáng, Thánh Phaolô đã dựng nên một nhà thờ mang tên Thánh Ba Ngôi Tạo Hóa, theo lời tiên tri của Thánh Sergius, vị thánh làm phép lạ ở Nurom.

Cuối cùng, vì bệnh tật nặng nề và tuổi già, Thánh Sergius đã hoàn toàn kiệt sức. Nhận thấy mình sắp ra đi và hiểu rõ rằng mình sắp về với Chúa, ngài đã gọi tất cả các tu sĩ theo Chúa Kitô đến bên mình. Khi họ đến và thấy cha mình sắp ra đi, họ đã khóc nức nở, quỳ xuống bên ngài và nói:

– Xin cha đừng bỏ chúng con, hỡi vị cha nhân từ, xin hãy ở lại với chúng con thêm một chút nữa.

Vị Thánh nhân ngước mắt lên trời và nói với họ:

– Hỡi anh em, cuộc đời trần thế của ta đã gần kết thúc, và ta phải thực hiện nghĩa vụ chung của thân xác. Đó là ý muốn của Chúa. Ta giao phó các con, hỡi các con cái, cho Thiên Chúa và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Nguyện Thiên Chúa của hòa bình và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội của Ngài ở cùng các con cho đến tận thế, và xin Ngài gìn giữ các con và củng cố các con trong tình yêu của Ngài. Còn các con, đừng buồn rầu vì sự ra đi của ta,

---

[6840] Thánh Phaolô kính trọng Thánh Sergius đến mức đã tiễn ngài sau chuyến viếng thăm hơn hai phần ba quãng đường từ nơi ngài cư ngụ. Nơi mà các thánh thường đi đến đã được đánh dấu bằng việc xây dựng một nhà nguyện.

[6841] Tu viện của Thánh Sergius, cách Vologda 60 verst (đóng cửa năm 1764), nằm cách Tu viện Pavlovskaya 4 verst, ở hạ lưu sông Nurma.

nhưng hãy ở lại trong tình yêu của Thiên Chúa và tuân giữ các điều răn của Ngài, đồng thời ghi nhớ với lòng kính sợ và run rẩy lời của Chúa Kitô: *"Ai có các điều răn của Ta và tuân giữ chúng, thì người ấy yêu mến Ta"* (Ga 14,21). Hãy dùng sự kính sợ Đức Chúa Trời để bảo vệ lòng các con, để Ngài hướng dẫn các con làm mọi việc lành, vì *"sự kính sợ Đức Chúa Trời là khởi đầu của sự khôn ngoan"* (Châm Ngôn 1:7); hãy trang điểm cho nhau bằng sự khiêm nhường, tránh xa những lời dối trá, mỗi người hãy nói sự thật với anh em mình, ghét sự vu khống, tránh xa sự thù hận. Nhưng nếu ai trong các con để cơn giận ngự trị trong lòng mình, hãy khuyên nhủ người ấy với lòng yêu thương, vì có lời chép rằng: *"Đừng để mặt trời lặn khi các con còn giận"* (Ê-phê-sô 4:26). Hãy vâng phục các vị hướng dẫn, vì họ canh giữ linh hồn các con, bởi họ phải trả lời trước mặt Đức Chúa Trời về các con. Hãy tham dự thánh lễ mà không lười biếng. Nếu các con sống như vậy, các con sẽ được phước.

Khi nghe lời dạy dỗ cuối cùng này của cha mình, các anh em đã tuôn trào dòng nước mắt từ đôi mắt. Khi vị thánh nhân đã kiệt sức hoàn toàn và sắp trút hơi thở cuối cùng, ngài đã rước Mình và Máu Thánh của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. Sau khi rước Mình và Máu Thánh, ngài giơ hai tay lên trời và dâng lời cầu nguyện thầm lặng. Sau khi cầu nguyện, Thánh Sergius chắp hai tay thành hình thánh giá trên ngực và trao linh hồn mình cho Chúa. Như vậy, vị thánh đã bước vào cuộc sống vĩnh cửu. Và khuôn mặt ngài, sau khi về với Thiên Chúa, rạng ngời đến nỗi người ta có thể nói rằng ngài không phải đã qua đời, mà đang an nghỉ trong giấc ngủ, vì cuộc đời ngài thật trong sạch. Thấy cha mình, Thánh Sergius, đã về với Chúa, các môn đệ của ngài đã khóc lóc thảm thiết, vì đã mất đi vị mục tử và người thầy dạy về Thiên Chúa của mình. Một số người quỳ sấp xuống bên giường của ngài, vừa khóc vừa hôn lên thi hài thánh thiện của ngài, như thể không muốn rời xa thi hài của vị thánh. Những người khác thì đứng xa xa, nhìn thi hài của vị thánh với lòng xúc động, nước mắt tuôn trào trên má và khóc nức nở. Sau khi rước thi hài thánh của ngài, các tu sĩ đang khóc lóc đã rước thi hài trên đầu vào nhà thờ, kèm theo những bài thánh ca tang lễ và những ngọn nến được thắp sáng, rồi họ an táng thi hài thánh thiện và cần mẫn của vị mục tử gần nhà thờ "Nguồn Gốc Thánh Giá Hằng Sống của Chúa"[6842] do chính vị thánh tu sĩ này xây dựng. Thánh Sergius đã an nghỉ vào ngày 7 tháng 10 năm 1421, vào ngày kỷ niệm các vị tử đạo vinh hiển Sergius và Bacchus. Đó chính là những công lao và sự kiên nhẫn của vị cha thánh Sergius của chúng ta tại nơi này, cũng như những đau khổ và sự rèn luyện của ngài. Khi tôn kính cuộc đời của vị thánh, chúng ta hãy noi gương các đức tính của ngài và ghi khắc trong lòng những công lao cùng lối sống thánh thiện hướng về Thiên Chúa của ngài. Nếu chúng ta làm như vậy, chúng ta sẽ có trong ngài một vị trung gian không ngừng cầu thay cho chúng ta trước Thiên Chúa.

Không thể nào một ngọn tháp đứng trên đỉnh núi lại ẩn mình được, cũng như một ngọn đèn đang cháy sáng lại bị che khuất khỏi mọi người. Cũng không thể nào các đức hạnh của các thánh lại bị chôn vùi dưới đất trong một thời gian dài, như bị che giấu và chìm vào vực thẳm của sự lãng quên trong nhiều năm, vì Chúa muốn công khai bày tỏ chúng cho mọi người.

Thánh Sergius, vị cha thánh của chúng ta, cũng đã được ban ân sủng thiêng liêng này sau khi ngài qua đời.

Nhiều năm sau khi vị thánh qua đời, theo sự an bài của Thiên Chúa, điều sau đây đã xảy ra:

Tại tu viện Nurom có một vị thánh nhân tên là Nikifor đang cư ngụ. Vào một đêm nọ, sau buổi cầu nguyện thâu đêm, ngài chìm vào giấc ngủ nhẹ và thấy Thánh Sergius đến với ngài và nói:

– Hãy nói với vị tu viện trưởng và các tu sĩ rằng hãy dọn dẹp nơi an táng của ta, vì Chúa không muốn nơi đó bị lãng quên và bỏ bê.

Anh em Nikifor liền hỏi:

– Ngài là ai, thưa ngài?

Thánh nhân đáp:

– Ta là Sergius tội lỗi, người từng là người đứng đầu nơi thánh này.

Vị thánh chỉ cho anh ta nơi an táng của mình.

Còn Nikifor thì cho rằng sự hiện ra này chỉ là một giấc mơ nên không nói gì với vị tu viện trưởng. Lúc đó, vị thánh lại hiện ra với anh ta lần thứ hai. Nikifor cũng phớt lờ sự hiện ra này lần thứ hai. Vị thánh hiện ra với anh ta lần thứ ba và nói với giọng trách móc:

– Nếu ngươi không làm theo lời ta, ngươi sẽ bị giao cho Satan để trừng phạt.

Vị tu sĩ già vẫn không nghe theo, lại một lần nữa coi sự hiện ra đó là giấc mơ. Lúc đó, ông bỗng dưng bị liệt. Vị tu viện trưởng và các tu sĩ đã cử hành lễ cầu nguyện để chữa lành cho ông. Sau khi hồi phục phần nào khỏi bệnh

[6842] Hiện nay, di cốt của vị thánh này được an táng trong nhà thờ.

tật, Nikifor đã kể lại tất cả những gì đã xảy ra với mình cho vị tu viện trưởng và các tu sĩ, đồng thời ăn năn trong nước mắt. Ông kể lại cách vị thánh đã hiện ra với ông và ra lệnh cho ông nói với vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ về nơi an táng của ngài, cách ông đã không vâng lời, cho rằng đó chỉ là giấc mơ, cách vị thánh đã hiện ra với ông lần thứ hai và thứ ba, ra lệnh cho ông điều tương tự, và cách ông đã bị trừng phạt vì sự bất tuân đó. Và Nikifor đã chỉ cho họ nơi an nghỉ của thi hài thánh nhân. Vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ đã dẫn Nikifor đến nơi an táng của Thánh Sergius – và tại đó, nhờ những lời cầu nguyện của ngài, Nikifor bỗng nhiên được chữa lành khỏi bệnh tật, và ông đã kết thúc cuộc đời mình tại tu viện của Thánh Sergius, khóc lóc bên quan tài của ngài.

Vị tu viện trưởng và các tu sĩ đã nhanh chóng dọn dẹp khu vực mà, theo chỉ dẫn của Nikifor, là nơi đặt quan tài của vị thánh. Quan tài này nằm ngay dưới hiên nhà thờ. Họ đã đặt một chiếc hòm thánh trên quan tài của vị thánh, xây dựng một lăng mộ và trang trí nó bằng các bức tranh thánh và nến. Kể từ đó, đã có rất nhiều phép lạ và sự chữa lành từ quan tài của vị thánh – những người bị quỷ ám được chữa lành, người mù được sáng mắt, người què có thể đi lại được, và những người mắc đủ loại bệnh tật đều được giảm bớt đau khổ. Các phép lạ của vị thánh này không thể đếm xuể; giống như một nguồn nước vô tận luôn tuôn trào, từ vị thánh này cũng luôn tuôn trào sự chữa lành cho các bệnh tật về tâm hồn và thể xác. Không ai có thể kể hết tất cả các phép lạ của ngài, nhưng ở đây sẽ kể lại một số trong số đó.

Có một người tên là Ivan, biệt danh là Chukholistov, cư ngụ tại vùng Ledamskaya, đã mắc phải một căn bệnh nặng đến nỗi trong một thời gian dài, ông hoàn toàn mất khả năng vận động. Khi anh ta nằm trên giường bệnh và đang chịu đựng những cơn đau dữ dội, một giấc ngủ nhẹ bỗng chốc ập đến. Trong giấc mơ, anh ta thấy một vị tu sĩ rạng ngời ánh sáng đến bên mình và nói:

– Ivan ơi, sao ngươi lại nằm trên giường bệnh và chịu đựng đau đớn suốt bao nhiêu năm qua? Giờ đây đã đến lúc rồi – hãy đến tu viện Đấng Cứu Thế Toàn Lòng Thương Xót ở Obnora, và cầu nguyện trước quan tài của Thánh Sergius – ngài sẽ cầu xin Chúa cho ngươi, và ngươi sẽ được khỏe mạnh. Nhưng để làm được điều đó, ngươi phải luôn giữ sự trong sạch.

Người đàn ông ấy tỉnh dậy, tin vào giấc mơ, liền ra lệnh cho người ta đưa mình đến tu viện Đấng Cứu Thế Toàn Lòng Thương Xót, đến trước quan tài của vị thánh. Sau khi cầu nguyện trước quan tài, nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, anh ta đã khỏi bệnh và trở về nhà, vui mừng và ngợi khen Chúa.

Isidor, một cư dân của Lezhsky Volochok, đang nằm ốm trên giường – hàm của ông bị tê cứng, và ông đã bị câm và liệt suốt nhiều năm. Nghe nói về vị thánh Sergius, rằng Thiên Chúa ban ơn chữa lành cho loài người qua ngài, Isidor đã ra lệnh cho người ta đưa mình đến tu viện của vị thánh làm phép lạ Sergius, thuộc Tu viện Đấng Cứu Thế Nhân Từ, tại Obnora. Khi lời cầu nguyện cho ông được dâng lên trước quan tài của vị thánh, và vị tu viện trưởng bắt đầu đọc Phúc Âm Thánh, ngay lập tức miệng người bệnh mở ra và ông bắt đầu nói, như thể chưa từng bị câm vậy. Sau khi cử hành lễ cầu nguyện, người bệnh được rảy nước thánh, và ngay lập tức mọi chi thể của ông đều được phục hồi sức mạnh, và ông đã khỏi bệnh, như thể chưa từng mắc phải căn bệnh này. Ông ca ngợi Thiên Chúa và tạ ơn vị thánh làm phép lạ Sergius, người đã xin được ân sủng này từ Thiên Chúa cho ông.

Có một người tên là Zinovy, quê ở Belozero, tâm trí anh ta đã trở nên hỗn loạn đến nỗi chỉ cần nhìn thấy anh ta là người ta đã cảm thấy kinh hoàng. Anh ta được đưa đến tu viện của Đấng Cứu Thế Toàn Năng và Thánh Sergius, và mọi người bắt đầu cử hành lễ cầu nguyện cho anh ta. Lúc đó, lò sưởi trong phòng ăn đang được đốt nóng. Và rồi, ngay trong lúc đang hát kinh cầu nguyện, người bị quỷ ám này đã giật mình thoát khỏi tay những người đang trông chừng anh ta, chạy vào phòng ăn và lao vào lò đang cháy. Người ta vừa kịp kéo anh ta ra khỏi đó và đưa vào một căn phòng riêng. Tại đây, người bệnh đã nhìn thấy vô số quỷ dữ. Bỗng nhiên, anh ta thấy một vị tu sĩ đáng kính bước đến gần, tay cầm bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, và tự xưng là Sergius. Khi lũ quỷ thấy Thánh Sergius đang cầm bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm trên tay, chúng lập tức kinh hoàng và biến mất như khói. Một số trốn vào khu rừng hoang dã, một số khác trốn dưới gầm nhà thờ, còn một số khác, theo như người bệnh thấy, biến mất vào các khe nứt. Và kể từ đó, người bị quỷ ám đã được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh.

Có một người phụ nữ tên là Matrona, đến từ làng Ramenskoye, cũng rơi vào tình trạng mất trí. Những người thân của bà đã đưa bà đến tu viện Chúa Cứu Thế Toàn Năng, trước quan tài của Thánh Sergius. Sau nghi thức cầu nguyện, họ trói bà lại gần tháp chuông. Lúc đó, những kẻ thù ghét loài người, tức là các quỷ dữ, đã đến gần bà, hóa thân thành hình dạng chó và mèo, gọi tên bà và nói:

– Hãy đi khỏi đây đi: ngươi đã được tự do rồi.

Khi bà bước ra khỏi tu viện, ngay lập tức lũ quỷ bắt đầu bày mưu tính kế chống lại bà. Chúng hóa thân thành hình dạng con người, gặp bà và chỉ đường cho bà đi vào khu rừng rậm, nơi có một đầm lầy. Nhưng Đức Chúa Trời Toàn Năng, không muốn kẻ có tội phải chết, mà mong muốn dẫn dắt họ đến sự khôn ngoan chân chính, khi thấy tạo vật của Ngài đang bị hủy diệt bởi những con quỷ phản bội, đã động lòng thương xót và muốn tha thứ cho người phụ nữ này, vì như lời tiên tri đã nói: *"Đức Chúa Trời không giận dữ mãi mãi"* (Thi Thiên 102:9).

Và thế là Đức Chúa Trời, mong muốn tôn vinh Thánh Sergius, vị thánh được Ngài yêu mến, nhiều hơn nữa, đã sắp đặt điều sau đây bằng sự chỉ dẫn thiêng liêng của Ngài. Khi người phụ nữ này đi vào khu rừng rậm rạp, nơi mà những con quỷ xảo quyệt đã ra lệnh cho nàng phải đến, bỗng nhiên một vị tu sĩ thánh thiện, với mái tóc bạc tuyệt đẹp, hiện ra trước mặt nàng. Tự xưng là Sergius, ngài gọi tên nàng và nói:

– Nàng đang đi đâu vậy, hỡi người phụ nữ? Hãy quay trở lại, hãy đến bên quan tài của ta và đừng đi tiếp con đường nàng đang đi; những con quỷ đang dẫn dắt nàng đến đó.

Nói xong, vị thánh nhân bỗng biến mất. Người phụ nữ lập tức tỉnh táo lại, nhận ra sự hiện diện của vị thánh và sự lừa dối của lũ quỷ, rồi đi đến quan tài của vị thánh. Tại đó, cô cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh và trở về nhà, vui mừng, ngợi khen Thiên Chúa và tạ ơn vị thánh làm phép lạ Sergius.

Có một vị linh mục sống cách tu viện của Thánh Sergius 40 verst. Vị linh mục này có một người vợ tên là Paraskeva, người đang mắc chứng liệt toàn thân. Bà đã mắc căn bệnh đó trong một thời gian dài. Rồi vào một đêm nọ, sau những cơn đau đớn dữ dội, bà chìm vào giấc ngủ nhẹ. Và bà thấy Thánh Sergius đến với bà, tay cầm cây gậy, và nói với bà:

– Sao ngươi lại phải chịu đau đớn dữ dội như vậy, hỡi người phụ nữ? – Hãy đứng dậy khỏi giường, cầm lấy cây gậy và đi đến Đấng Cứu Thế Nhân Từ, tại Nurma, trong tu viện của Thánh Sergius. Nếu ngươi làm như vậy, ngươi sẽ nhận được ân sủng.

Ngay lập tức, vị thánh đã ban cho nàng sức khỏe, chữa lành bệnh tật và nói:

– Này, giờ cô đã khỏe rồi, hãy đến tu viện của ta và dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót.

Nói xong, ngài bỗng biến mất. Người phụ nữ, khi tỉnh giấc, cảm thấy mình hoàn toàn khỏe mạnh, như thể chưa từng bị bệnh bao giờ. Sau khi được chữa lành khỏi căn bệnh của mình, nàng đã quên mất chuyến viếng thăm và ân sủng của vị thánh, và đã lơ là trước mệnh lệnh của ngài: nàng không đến tu viện để viếng mộ ngài và cũng không thực hiện lễ cầu nguyện . Nhưng vị thánh Sergius cũng không giận dữ với bà, và với tư cách là tôi tớ đầy lòng thương xót của Đấng Chủ Tể nhân từ, ngài đã tha thứ cho bà, giống như Chúa đã tha thứ cho người phụ nữ tội lỗi (Lc 7:37–47). Ngài hiện ra với bà lần thứ hai và trách mắng bà:

– Hỡi người phụ nữ, sao ngươi lại quên lời ta và không tuân theo mệnh lệnh của ta – không đi cầu nguyện với Đấng Cứu Thế Toàn Lòng Thương Xót? Bây giờ hãy đi đi và đừng sợ gì cả. Nhưng nếu ngươi không đi và không nghe lời ta, thì ngươi sẽ phải chịu đựng điều còn cay đắng hơn nữa.

Khi tỉnh dậy, bà nhớ ra rằng mình đã không tuân theo lời của vị thánh và, trong cơn kinh hoàng, ngay lập tức đi đến tu viện của vị thánh và, quỳ sấp xuống trước quan tài thiêng liêng của ngài, trong nước mắt, cô cầu xin vị thánh tha thứ cho sự bất tuân của mình, rồi thề trước quan tài của ngài rằng hàng năm sẽ đến tu viện để cầu nguyện, sau đó trở về nhà, ca ngợi Đức Chúa Trời.

Một người phụ nữ tên là Anastasia, đến từ làng Aleksino, vùng Obnorsk, không thể điều khiển được bàn tay của mình, và bàn tay ấy dường như không phải của cô: cô không thể cử động hay xoay nó được. Những người thân đã đưa Anastasia đến tu viện Đức Chúa Cứu Thế Toàn Năng và Thánh Sergius. Tại đó, theo thông lệ, người ta đã cử hành lễ cầu nguyện cho sức khỏe của cô. Sau khi cầu nguyện xong, họ dẫn cô đến giếng nước do chính vị Thánh Tông đồ đào bằng tay, và rửa mặt cho cô bằng nước từ giếng thánh đó. Ngay lập tức, cánh tay của người phụ nữ được chữa lành và trở nên khỏe mạnh như cánh tay kia. Tạ ơn Chúa và ca ngợi Thánh Sergius, Anastasia trở về nhà mình[6843]

[6843] Cho đến năm 1584, đã có tới 80 phép lạ của vị thánh này được ghi chép lại.

ngày 21 tháng 10

ngày 8 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Mẹ Thánh Pelagia

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 10

Chúng ta phải luôn dâng lên Chúa của chúng ta lời tạ ơn sâu sắc vì Ngài không muốn những kẻ có tội phải chết, mà kiên nhẫn chờ đợi họ quay về với cuộc sống công chính. Một sự kiện kỳ diệu – như Thầy phó tế Giacôbê của Nhà thờ[6844] ở Heliopolis đã viết – đã xảy ra trong thời đại chúng ta; vì vậy, tôi truyền đạt điều này cho các anh em thánh thiện, để khi đọc kỹ, các anh em sẽ thu được lợi ích to lớn.

Đức Tổng Giám mục Thánh thiện của Antioch[6845] đã triệu tập tám vị giám mục từ các thành phố lân cận đến với Ngài để giải quyết các nhu cầu của Giáo hội.

Trong số đó có vị thánh nhân của Đức Chúa Trời, Giám mục Non của tôi, một người đàn ông tuyệt vời, trước đây từng là tu sĩ nghiêm khắc nhất tại Tu viện Tavenne[6846] . Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, ngài đã được chọn từ Tu viện và được tấn phong làm Giám mục[6847] . Non đến từ Heliopolis, và đã đưa tôi theo cùng. Khi các giám mục tụ họp tại nhà thờ Thánh Tử đạo Iulian, họ mong muốn được nghe lời giảng dạy từ Non và tất cả đều ngồi xuống bên cửa nhà thờ. Non lập tức bắt đầu giảng dạy bằng miệng nhằm mang lại lợi ích và sự cứu rỗi cho những người đang lắng nghe. Mọi người đều chăm chú lắng nghe lời giảng dạy thánh thiện của ngài. Lúc bấy giờ, một người phụ nữ – một người ngoại đạo, là một kỹ nữ nổi tiếng khắp thành Antioch – đi ngang qua cửa nhà thờ với vẻ kiêu ngạo tột độ, mặc những bộ trang phục đắt tiền, đeo trang sức bằng vàng, đá quý và ngọc trai, được vây quanh bởi đông đảo các thiếu nữ và thanh niên mặc trang phục lộng lẫy, đeo vòng cổ bằng vàng. Khuôn mặt nàng đẹp đến nỗi những chàng trai thế tục không thể nào ngắm nhìn vẻ đẹp ấy mà chán. Khi đi ngang qua chúng tôi, nàng đã làm tràn ngập không khí bằng hương thơm ngào ngạt. Thấy nàng đi một cách trơ trẽn như vậy, đầu trần và vai trần, các giám mục đã nhắm mắt lại và, thở dài nhẹ nhàng, quay mặt đi như thể trước một tội lỗi lớn lao. Còn Thánh Non thì nhìn cô ấy chăm chú và lâu dài, cho đến khi cô ấy khuất khỏi tầm mắt, rồi quay sang các giám mục và nói: “Các ngài chẳng thấy vẻ đẹp của người phụ nữ ấy sao?”

Họ không trả lời. Non khóc nức nở, cúi đầu xuống và nước mắt của ngài không chỉ thấm ướt chiếc khăn tay đang cầm trên tay, mà còn ướt cả ngực. Thở dài từ tận đáy lòng, ngài lại hỏi các giám mục: “Các ngài chẳng thấy say mê trước vẻ đẹp của nàng sao?”

[6844] Iliopolis Palestine, tọa lạc ở phía bắc Palestine, thuộc Kelesiria, trong khu vực Syria hiện nay của Thổ Nhĩ Kỳ châu Á, từ thời cổ đại xa xưa từng là trung tâm của toàn bộ phương Đông ngoại giáo, nhưng vào thế kỷ IV đã trở thành cái nôi của Kitô giáo và có các giám mục riêng; sau đó, thành phố này dần dần bị phá hủy.

[6845] Antioch của Syria – một trong những thành phố cổ xưa và giàu có nhất của Syria, đồng thời là thủ đô của nước này; nằm bên sông Orontes, cách nơi sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải khoảng 10 verst, giữa các dãy núi Lebanon và Taurus; được thành lập vào năm 300 trước Công nguyên bởi Seleucus Nicator và được đặt tên theo Antiochus, cha của ông. Đối với Giáo hội Kitô giáo, Antioch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là trung tâm lớn thứ hai của Kitô giáo sau Jerusalem, và là “mẹ” của các Giáo hội Kitô giáo được thành lập từ những người ngoại đạo. Giáo hội Antioch nổi tiếng ban đầu được các Thánh Tông đồ Phaolô và Barnaba thành lập, và sau đó còn được Thánh Tông đồ Phêrô củng cố thêm. Tại Antioch đã diễn ra không ít công đồng quan trọng của các vị mục tử Giáo hội trong thời kỳ các cuộc tranh cãi về dị giáo (Arian và Nestorian); Giáo hội Antioch từ xưa đã được hưởng những đặc quyền đặc biệt, ngang hàng với các Giáo hội: Alexandria, Jerusalem, Constantinople và Rome; các vị đứng đầu Giáo hội này được phong tước hiệu và hưởng các đặc quyền của một tổng giám mục, do đó, trong phần này của tiểu sử Thánh Pelagia, cần hiểu rằng ngài không phải là tổng giám mục mà là tổng giám mục. Hiện nay, Antioch nằm dưới sự cai trị của Thổ Nhĩ Kỳ và là một thị trấn nhỏ bé, nghèo nàn, với dân số khoảng 10.000 người.

[6846] Tu viện Tavenne là tu viện cộng đồng đầu tiên. Tu viện tọa lạc tại Tavenna, thuộc Ai Cập Thượng (Nam), phía bắc thủ đô cổ đại của vùng này là Thebes, bên bờ sông Nile; được thành lập vào khoảng năm 340 bởi Thánh Pahomius Đại Đế, ngày kỷ niệm của ngài là 15 tháng 5, với hiến chương đã nhanh chóng lan rộng trong thế giới Kitô giáo. Tu viện Tavenna có ý nghĩa to lớn trong lịch sử đời tu Kitô giáo cổ đại, và thành công của Hiến chương Pahomius lớn đến mức ngay trước khi ngài qua đời, đã có khoảng 7.000 tu sĩ tụ tập tại Tavenna và các vùng lân cận. Và sau này, Tavena – tên gọi ban đầu chỉ một hòn đảo trên sông Nile, sau đó được mở rộng sang các vùng ven sông lân cận, nơi Thánh Pachomius và các môn đệ của ngài đã định cư – đã nổi tiếng với các tu viện của mình.

[6847] Nonnus trước đó đã được bầu làm giám mục tại giáo phận Edessa vào năm 448, thay thế cho Iva, người đã bị phế truất; khi Công đồng Chalcedon vào năm 451 trả lại giáo phận Edessa cho Iva, thì Nonnus đã đảm nhận chức vụ tại giáo phận Heliopolis.

Họ im lặng. Non nói: "Quả thật, tôi đã học được rất nhiều điều từ nàng; vì Chúa sẽ đưa người phụ nữ này ra trước tòa án đáng sợ của Ngài và dùng nàng để kết án chúng ta. Các bạn nghĩ xem, cô ấy đã dành bao nhiêu thời gian trong phòng ngủ của mình để tắm rửa, mặc quần áo, trang điểm bằng đủ mọi cách và ngắm mình trong gương, dồn hết tâm trí và sự quan tâm vào việc xuất hiện đẹp nhất trước mắt những người hâm mộ nhất thời của mình? Còn chúng ta, có Chàng Rể Bất Tử trên trời, Đấng mà các Thiên Thần khao khát ngắm nhìn, lại không lo lắng đến việc trang điểm cho linh hồn khốn khổ của mình – linh hồn đã bị ô uế, trần trụi và đầy nhục nhã – chẳng cố gắng rửa sạch nó bằng những giọt nước mắt sám hối và khoác lên vẻ đẹp của các đức tính, để nó trở nên đẹp lòng trước mắt Thiên Chúa và không bị sỉ nhục và bị ruồng bỏ trong ngày lễ cưới của Chiên Con"[6848] .

Sau khi kết thúc bài giảng dạy đó, Thánh Nonus đã dẫn tôi, người phó tế tội lỗi của ngài, và chúng tôi đi vào căn phòng được cấp cho chúng tôi tại chính nhà thờ Thánh Julian. Khi bước vào phòng ngủ của mình, vị giám mục của tôi quỳ sấp mặt xuống đất và, trong nước mắt, ngài nói: "Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin tha thứ cho con, kẻ tội lỗi và không xứng đáng này. Sự quan tâm của người phụ nữ ấy dành cho việc trang điểm thân xác đã vượt xa mọi sự chăm lo của con dành cho linh hồn khốn khổ của chính mình. Người phụ nữ ấy, để làm hài lòng những kẻ sùng bái phù du của mình, đã tốn bao công sức để trang điểm; còn con thì không cố gắng để làm đẹp lòng Ngài, Thiên Chúa của con, mà lại chìm đắm trong sự lười biếng và sơ suất. Con sẽ ngước nhìn Ngài bằng khuôn mặt nào? Con sẽ biện minh trước mặt Ngài bằng những lời nào? Khốn khổ cho con, kẻ tội lỗi! Đứng trước bàn thờ thánh của Ngài, con không dâng lên Ngài vẻ đẹp tâm hồn mà Ngài mong đợi nơi con. Người phụ nữ ấy, trong sự hão huyền của mình, đã hứa sẽ làm vừa lòng loài người phàm trần, hiện ra trước mặt họ với dáng vẻ lộng lẫy như vậy, và đã làm đúng như lời hứa; còn tôi thì đã hứa sẽ làm vừa lòng Ngài, Đức Chúa Trời của tôi, nhưng lại nói dối vì sự lười biếng của mình. Con trần truồng, vì đã không tuân giữ các điều răn của Ngài; con không trông cậy vào việc làm của mình, mà trông cậy vào lòng thương xót của Ngài, và từ đó con hy vọng được cứu rỗi".

Thánh Non đã khóc lóc và kêu cầu như vậy trong một thời gian dài. Ngài cũng cầu nguyện cho người phụ nữ ấy, nói rằng: "Lạy Chúa, xin đừng hủy diệt tác phẩm do chính tay Ngài tạo ra: xin đừng để vẻ đẹp ấy chìm đắm trong sự đồi trụy, dưới quyền lực của ma quỷ, nhưng xin hãy dẫn dắt nàng trở về với Ngài, để Danh Thánh của Ngài được tôn vinh nơi nàng: vì đối với Ngài, mọi sự đều có thể."

Sau khi ngày và đêm đó trôi qua, sau thánh lễ sáng (đó là ngày Chủ nhật), Thánh Non nói với tôi: "Anh em Giacôbê, hãy nghe xem, tôi đã mơ thấy giấc mơ gì trong đêm qua. Tôi có cảm giác như mình đang đứng ở một góc của bàn thờ thánh. Và rồi, trong lúc cử hành thánh lễ, một con bồ câu đen xuất hiện, phủ đầy chất bẩn và tỏa ra mùi hôi thối; nó bay lượn quanh tôi, và tôi không thể chịu nổi mùi hôi thối của nó. Khi vị phó tế cất tiếng: 'Hỡi những người đã được rửa tội, hãy ra ngoài', con chim bồ câu ấy bay đi, và tôi không còn thấy nó nữa cho đến khi thánh lễ kết thúc. Sau khi thánh lễ kết thúc, khi chúng tôi bước ra khỏi nhà thờ, tôi bỗng nhiên lại thấy con chim bồ câu dơ bẩn ấy đang bay lượn quanh tôi một lần nữa. Tôi đưa tay ra, bắt lấy nó và ném vào chậu nước đặt ở tiền sảnh nhà thờ; trong đó, con chim bồ câu ấy đã được rửa sạch mọi ô uế, bay ra trong trắng và trắng như tuyết, rồi khi bay lên cao, nó biến mất khỏi tầm mắt".

Sau khi kể cho tôi nghe giấc mơ này, Thánh Non, dẫn tôi theo, cùng các giám mục khác đến nhà thờ chính tòa, nơi họ chào hỏi tổng giám mục và cử hành Thánh lễ. Khi Thánh lễ kết thúc, Tổng giám mục Antioch đề nghị Thánh Non giảng dạy cho dân chúng. Thánh Non mở miệng và giảng dạy mọi người bằng sức mạnh của sự khôn ngoan của Thiên Chúa ngự trong ngài. Lời ngài không mang vẻ khôn ngoan trau chuốt của thế gian này, mà rất đơn giản, dễ hiểu đối với mọi người và có sức thuyết phục: vì Thánh Thần đang phán qua miệng ngài. Ngài nói về Ngày Phán Xét Cuối Cùng và về phần thưởng trong tương lai dành cho người công chính và kẻ tội lỗi. Tất cả những người có mặt đều cảm động sâu sắc trước những lời của ông, đến nỗi nước mắt tuôn rơi ướt đẫm mặt đất.

Theo sự quan phòng của Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, người phụ nữ lăng loàn mà chúng ta đang kể đến – người trước đây chưa bao giờ đặt chân vào nhà thờ và cũng chưa từng suy ngẫm về tội lỗi của mình – đã tình cờ bước vào nhà thờ đúng lúc đó. Khi nghe bài giảng của Thánh Nonno, nàng cảm thấy sợ hãi trước Thiên Chúa; khi suy ngẫm về những tội lỗi của mình và nghe Thánh Nonno giảng về sự trừng phạt vĩnh viễn dành cho những tội lỗi đó, nàng rơi vào tuyệt vọng, nước mắt tuôn trào như suối từ đôi mắt và, trong sự đau khổ tột cùng, nàng

[6848] Cụm từ này được mượn từ hình ảnh huyền bí trong Sách Khải Huyền (Kh 19:7), dưới hình thức một đám cưới, tượng trưng cho lễ kỷ niệm của Đấng Chiến Thắng là Đức Kitô và Hội Thánh Thánh của Ngài, sau chiến thắng cuối cùng trước Satan, Antichrist và các tay sai của chúng, vào thời kỳ cuối cùng.

không thể ngừng khóc. Sau đó, bà nói với hai người hầu của mình: "Các con hãy đợi ở đây, và khi vị thánh nhân đã giảng dạy kia bước ra, hãy đi theo ngài, tìm hiểu xem ngài sống ở đâu, rồi trở về báo cho ta biết."

Hai người hầu làm theo lệnh và báo lại với bà chủ rằng vị thánh đó đang sống tại nhà thờ Thánh Tử đạo Iulian. Lúc đó, bà lập tức tự tay viết bức thư này gửi cho Thánh Non: "Từ một kẻ tội lỗi và môn đệ của ma quỷ, gửi đến vị môn đệ thánh thiện của Chúa Kitô. Tôi đã nghe nói về Đức Chúa Trời của ngài, rằng Ngài đã hạ mình xuống trần gian không phải vì những người công chính, mà để cứu rỗi những kẻ tội lỗi. Ngài đã hạ mình đến mức dùng bữa cùng những người thu thuế[6849] . Đấng mà các Thiên thần Cherubim không dám ngước nhìn, đã giao tiếp với những kẻ tội lỗi và trò chuyện với những người phụ nữ lăng loàn (Lc 7:37–50; Ga 8:3–11 và các đoạn khác).

Thưa ngài! Nếu ngài, như tôi nghe các Kitô hữu nói, là tôi tớ chân chính của Đấng Kitô, thì xin đừng từ chối tôi, người đang mong muốn nhờ sự giúp đỡ của ngài để đến với Đấng Cứu Thế của thế gian và chiêm ngưỡng Dung Nhan Thánh Thiêng của Ngài".

Sau khi đọc bức thư này, Thánh Non viết thư trả lời bà như sau: "Dù bà là ai đi chăng nữa, thì cả bà lẫn ý định của bà đều được Thiên Chúa biết rõ. Vì vậy, tôi xin bà: đừng cám dỗ tôi, kẻ không xứng đáng này: tôi là một tôi tớ tội lỗi của Thiên Chúa. Nếu chị thực sự có lòng thành muốn tin vào Đức Chúa Trời của tôi và muốn gặp tôi, thì ở đây còn có các giám mục khác cùng với tôi; vậy hãy đến đây, và chị sẽ được gặp tôi cùng với họ. Còn việc gặp riêng tôi thì chị không nên làm."

Sau khi nhận được và đọc xong lá thư này, người phụ nữ tội lỗi tràn ngập niềm vui lớn lao, vội vã đến nhà thờ Thánh Iulian và báo cho Thánh Nonno biết về sự có mặt của mình. Ngài liền tập hợp bảy vị giám mục khác lại, rồi ra lệnh cho nàng vào. Khi xuất hiện trước hội đồng các vị giám mục thánh thiện, nàng khóc lóc quỳ sấp xuống đất và ôm lấy chân Thánh Non, kêu lên: "Con khẩn cầu ngài, thưa ngài, xin hãy noi gương Thầy của ngài là Chúa Giêsu Kitô, ban ân sủng của ngài cho con và biến con thành một Kitô hữu: tôi là biển tội lỗi, thưa ngài, và vực thẳm của sự gian ác; xin hãy rửa sạch tôi bằng phép rửa tội."

Tất cả các giám mục và giáo sĩ có mặt, khi thấy người phụ nữ lăng loàn đến với lòng sám hối và đức tin như vậy, đều rơi lệ. Vị Thánh Hạnh hầu như không thể khiến nàng đứng dậy khỏi chân ngài.

– "Các quy định của Giáo hội," ngài nói, "ra lệnh không được rửa tội cho người phụ nữ tội lỗi nếu không có người bảo lãnh, vì lo ngại rằng cô ấy sẽ quay trở lại cuộc sống tội lỗi như trước đây."

Nghe câu trả lời đó, nàng lại quỳ sấp xuống dưới chân vị thánh, rửa chân ngài bằng nước mắt và lau khô bằng mái tóc của mình, giống như người phụ nữ tội lỗi trong Phúc Âm xưa kia đã rửa chân cho Chúa Kitô (Lc 7:37–38).

– Ngài sẽ phải trả lời trước mặt Thiên Chúa về linh hồn tôi, nếu ngài không rửa tội cho tôi, – cô nói. – Khi đó, xin Thiên Chúa đòi lại linh hồn tôi từ tay ngài, và ghi chép những việc gian ác của tôi lên đầu ngài. Nếu ngài từ chối tôi mà không rửa tội, thì ngài sẽ phải chịu trách nhiệm về việc tôi tiếp tục sống cuộc đời dâm đãng và ô uế. Nếu ngươi không giải thoát ta khỏi những việc ác của ta ngay lúc này, thì ta sẽ quay lưng lại với Đức Chúa Trời của ngươi và thờ lạy các thần tượng. Nếu ngươi không biến ta thành cô dâu của Đấng Christ ngay hôm nay và không dẫn ta đến với Đức Chúa Trời của ngươi, thì ngươi sẽ không được chia phần với Ngài và các thánh của Ngài."

Tất cả những người có mặt, khi nghe và thấy một người đàn bà dâm đãng như vậy lại bừng cháy khao khát hướng về Đức Chúa Trời đến thế, đã ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng Yêu Thương Loài Người. Thánh Non ngay lập tức sai tôi, Giacôbê khiêm nhường, đến gặp tổng giám mục để kể lại chuyện này. Tổng giám mục, khi nghe tin về sự việc đã xảy ra, rất vui mừng và nói với tôi: "Hãy đi, nói với giám mục của ngươi rằng: Thưa cha đáng kính, việc này đã được dành sẵn cho ngài, vì tôi biết rõ ngài là 'miệng của Đức Chúa Trời', theo lời Ngài phán: *'Nếu ngươi lấy điều quý giá từ điều vô giá trị, thì ngươi sẽ như miệng Ta'* (Giê-rê-mi 15:19).

Và ngài đã gọi bà Romana, người là nữ phó tế đầu tiên của Giáo hội[6850] , rồi sai bà đi cùng tôi.

[6849] "Người thu thuế" là những người được người La Mã chỉ định để thu thuế từ người Do Thái. Họ thường nhận quyền thu các khoản thuế này theo hình thức nhượng quyền và sử dụng mọi thủ đoạn có thể để thu lợi tối đa cho bản thân. Là những tay sai tham lam và ngạo mạn của đế chế ngoại giáo, những người thu thuế bị người Do Thái coi là những kẻ phản bội và phản quốc đối với đất nước và Đức Chúa Trời. Kẻ tội lỗi, người ngoại giáo và người thu thuế – đối với họ, những danh xưng này đều có cùng một ý nghĩa; nói chuyện với họ được coi là tội lỗi, tiếp xúc với họ là sự ô uế, mặc dù trong số họ cũng có những người tốt bụng và kính sợ Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Kitô không khinh bỉ họ, và vì thế Ngài thường xuyên phải hứng chịu những lời chỉ trích (Mt 11,19; Lc 5,30; 7,34; 15,1–2).

Khi chúng tôi đến, chúng tôi thấy Pelagia vẫn đang nằm trên đất, dưới chân vị thánh Nonno, người hầu như không thể khiến cô đứng dậy, và nói: "Hãy đứng dậy, con gái, để nghe lời giảng trước khi chịu phép rửa."

Cô ấy đứng dậy, và vị giám mục nói với cô ấy:

– Trước tiên, hãy xưng tội của con đi.

Cô ấy trả lời trong nước mắt:

– Nếu con bắt đầu tự xét lại lương tâm mình, con sẽ không tìm thấy trong lòng mình một việc lành nào cả; con chỉ biết rằng tội lỗi của con nhiều hơn cát biển, và nước biển cũng không đủ để rửa sạch những việc xấu xa của con. Nhưng con đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời của ngài, rằng Ngài sẽ làm nhẹ gánh nặng tội lỗi của con và thương xót nhìn xuống con.

Vị giám mục hỏi cô:

– Tên con là gì?

Cô đáp:

– Cha mẹ tôi đặt tên tôi là Pelagia, còn người dân thành Antioch đã đổi tên tôi thành Margarita[6851] vì những bộ trang phục đẹp đẽ và quý giá mà những tội lỗi của tôi đã dùng để trang điểm cho tôi.

Rồi vị giám mục công bố tên cô, rửa tội cho cô nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, xức dầu thánh và ban Thánh Thể và Máu Thánh của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Vô Nhiễm và Ban Sự Sống, để xóa bỏ tội lỗi. Người mẹ thiêng liêng của Pelagia là nữ phó tế Romana; sau khi đón cô từ bồn rửa tội, bà dẫn cô từ nhà thờ đến nơi nghỉ ngơi dành cho những người đã được giảng đạo, vì chúng tôi cũng đang ở đó. Thánh Non nói với các giám mục khác: "Hãy cùng dùng bữa, hỡi anh em, và hãy vui mừng cùng các Thiên Thần của Đức Chúa Trời vì đã tìm thấy con chiên lạc: chúng ta hãy dùng bữa với dầu và rượu để được an ủi về mặt thiêng liêng."

Khi mọi người đã đến và bắt đầu dùng bữa cùng với người mới được rửa tội, con quỷ bắt đầu gào thét cho cả nhà thờ nghe thấy. Với giọng nói như con người, nó khóc lóc và nói:

– Khốn khổ, khốn khổ, ta phải chịu đựng tên say rượu hay nói này biết bao! Hỡi lão già độc ác! Chẳng lẽ ba vạn người Saracen mà ngươi đã rửa tội, cướp đi từ tay ta, vẫn chưa đủ sao? Chẳng lẽ thành Ilion, mà ngươi đã cướp khỏi tay ta và dẫn dắt họ đến với Thượng Đế của ngươi – trong khi nó từng thuộc về ta, và tất cả những ai sống trong đó đều thờ phụng ta![6852] Và giờ đây, ngươi còn cướp đi cả niềm hy vọng cuối cùng của ta nữa. Ta phải làm gì đây, lão già cứng đầu, kẻ lừa dối? Ta không thể chịu đựng được những mưu mô của ngươi nữa. Nguyền rủa ngày ngươi chào đời, lão già độc ác! Những dòng nước mắt của ngươi đã tràn ngập nơi ở của ta và biến nó thành nơi hoang vắng[6853] .

Vậy là, vừa khóc vừa gào thét, quỷ dữ đứng trước cửa phòng nơi chúng tôi đang ở, và tất cả những ai có mặt ở đó đều nghe thấy tiếng nó. Rồi một lần nữa, quay sang người mới được rửa tội, con quỷ nói:

– Bà đang làm gì với tôi vậy, thưa bà Pelagia? Bà đang bắt chước Giu-đa. Hắn, người được tôn vinh bởi vinh quang và danh dự của các Tông đồ, đã phản bội Chúa của mình, còn bà cũng đã làm điều tương tự với tôi.

Lúc đó, vị giám mục ra lệnh cho nữ tỳ của Chúa là Pelagia làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình. Bà làm dấu Thánh Giá của Chúa Kitô trên khuôn mặt mình, rồi nói với ma quỷ:

– Nguyện Chúa Giêsu Kitô, Đấng giải thoát tôi khỏi ngươi, xua đuổi ngươi đi!

Khi bà vừa nói xong, ma quỷ lập tức biến mất.

[6850] Diakonia – từ tiếng Hy Lạp: người phục vụ. Đây là tên gọi dành cho một loại chức vụ đặc biệt trong Giáo Hội, có nguồn gốc từ thời các Tông Đồ (Rm 16:1; xem 1 Tm 5:3–10). Những người được bầu vào chức vụ nữ phó tế là những phụ nữ đã có tuổi (không dưới 40 tuổi), còn trinh hoặc góa phụ. Nhiệm vụ của họ là hướng dẫn các phụ nữ và thiếu nữ mới tin Chúa về cách ứng xử trong lễ rửa tội, phụ giúp giám mục trong lễ rửa tội của họ và thay mặt ngài thực hiện việc xức dầu cho các bộ phận cơ thể khác ngoài trán, v.v., giữ trật tự và đạo đức trong hàng ngũ phụ nữ trong các buổi Thánh lễ, thăm viếng người bệnh, người nghèo khó, những người bị giam cầm trong ngục tối, phục vụ các vị xưng tội và các vị tử đạo đang bị giam giữ, giúp đỡ những người nghèo khó, v.v. Về các nữ phó tế, có một số quy định giáo luật, cụ thể là: Điều 15 của Công đồng Đại kết lần thứ IV, Điều 14 của Công đồng Đại kết lần thứ VI và Điều 44 của Thánh Basil Cả.

[6851] Margarita, khi dịch từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là "viên ngọc trai".

[6852] Vào đầu thế kỷ V, đạo ngoại giáo vẫn còn khá phổ biến ở Heliopolis, nhưng nhờ những nỗ lực của Thánh Non, ảnh hưởng của nó tại đây đã bị phá vỡ hoàn toàn. – "Người Saracen" ở đây ám chỉ người Ả Rập, những người mà Thánh Non đã dẫn dắt đến với Chúa Kitô với số lượng lên đến 30.000 người trong thời gian ngài đảm nhiệm chức vụ Giám mục tại Heliopolis.

[6853] "Nơi ở hoang vắng, đã bị ma quỷ mất đi" ở đây chính là Pelagia. Theo quan điểm Kinh Thánh, người công chính là đền thờ của Thánh Thần (1 Cô-rinh-tô 6:19), còn người gian ác là đền thờ của tinh thần ác độc. Vì vậy, ma quỷ gọi Pê-la-gi-a là nơi ở cũ của mình, nơi đã trở nên hoang vắng đối với hắn sau khi bà được dẫn dắt đến với Chúa Kitô.

Hai ngày sau, khi Pelagia đang ngủ cùng bà Romana, người mẹ thiêng liêng của cô, ma quỷ xuất hiện, đánh thức cô dậy và bắt đầu nói với cô:

– Thưa bà yêu quý của tôi, Margarita, tôi đã làm điều ác gì với bà? Chẳng phải tôi đã làm cho bà giàu có bằng vàng và bạc sao? Chẳng phải tôi đã trang điểm cho bà bằng những viên đá quý, những món trang sức và quần áo lộng lẫy sao? Xin bà hãy nói cho tôi biết: tôi đã gây ra nỗi đau nào cho bà? Bà muốn tôi làm gì, tôi sẽ thực hiện ngay lập tức, chỉ xin bà đừng bỏ rơi tôi và đừng biến tôi thành trò cười.

Sau khi làm dấu thánh giá, Pelagia đáp lại:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô của con, Đấng đã giải thoát con khỏi nanh vuốt của ngươi và làm cho con trở thành cô dâu của cung điện thiên đàng, xin Ngài xua đuổi ngươi khỏi con.

Và ngay lập tức, ma quỷ biến mất.

Pelagia lập tức đánh thức Thánh Romana dậy và nói với bà:

– Hãy cầu nguyện cho con, mẹ ơi: kẻ xảo quyệt đang truy đuổi con.

Thánh Romana đáp lại:

– Con gái của mẹ, đừng sợ hắn, vì giờ đây hắn đang sợ hãi và run rẩy trước cả cái bóng của con.

Vào ngày thứ ba sau khi chịu phép rửa tội, Pelagia gọi một trong những người hầu của mình và nói với anh ta: "Hãy vào nhà ta, kiểm kê tất cả những gì có trong các hòm đựng vàng của ta, cùng tất cả trang sức của ta, rồi mang tất cả đến đây."

Người hầu đi và làm theo lời bà dặn. Lúc đó, thánh nữ Pelagia đã gọi thánh giám mục Nonnus đến, rồi trao tất cả vào tay ngài, nói: "Đây là những của cải mà Satan đã ban cho tôi; tôi trao chúng vào tay thánh thiện của ngài: ngài hãy làm gì tùy ý, còn tôi thì phải đi tìm kho tàng của Chúa Giêsu Kitô, Chúa của tôi."

Đức Giám mục Non, người được chúc phúc, đã gọi người quản lý tài chính của nhà thờ đến, và trước sự chứng kiến của mọi người, ngài trao cho ông ta những của cải mà Pelagia đã giao lại, rồi nói với ông ta: "Tôi khẩn thiết xin ngài, nhân danh Thánh Ba Ngôi Hiệp Nhất, đừng mang bất cứ thứ vàng nào trong số này vào dinh giám mục, vào nhà thờ của Chúa, vào nhà riêng của ngài, hay vào nhà của bất kỳ linh mục nào: mà hãy tự tay phân phát tất cả những thứ này cho trẻ mồ côi, người nghèo khó và người yếu đuối, để những gì được thu thập bằng điều ác sẽ được dùng vào việc thiện, và của cải tội lỗi sẽ trở thành của cải công chính. Nếu ngươi vi phạm lời thề này, thì lời nguyền rủa sẽ giáng xuống nhà ngươi, và số phận ngươi sẽ giống như những kẻ đã la lên: *"Hãy bắt, hãy bắt, hãy đóng đinh Ngài!"*[6854] (Lc 23:21).

Nữ tỳ của Chúa là Pelagia không giữ lại bất cứ thứ gì từ tài sản của mình, ngay cả để nuôi sống bản thân, mà sống nhờ sự chu cấp của Romana, một nữ phó tế; vì bà đã thề không sử dụng bất cứ thứ gì từ của cải do tội lỗi mang lại. Sau khi triệu tập tất cả các đầy tớ và nữ tỳ của mình, bà đã phóng thích họ, trao cho mỗi người một số lượng bạc và vàng đủ dùng.

"Ta giải phóng các ngươi khỏi sự nô lệ tạm thời," bà nói với họ, "còn các ngươi hãy cố gắng giải phóng chính mình khỏi sự nô lệ của thế gian hư ảo, đầy dẫy tội lỗi, để chúng ta, những người đã cùng sống trong thế gian này, được xứng đáng ở bên nhau trong cuộc sống hạnh phúc."

Nói xong, Pelagia cho các đầy tớ của mình ra đi.

Vào ngày thứ tám, khi theo phong tục của những người mới chịu phép rửa tội, nàng phải cởi bỏ bộ áo trắng đã nhận khi chịu phép rửa tội (đó là ngày Chủ nhật), Pelagia dậy rất sớm, cởi bỏ bộ áo trắng mà nàng đã mặc khi chịu phép rửa tội và khoác lên mình bộ áo lông cừu. Cô lấy bộ quần áo cũ của Thánh Nonno, rồi lén lút rời khỏi Antioch mà không ai hay biết, và từ đó không ai biết cô đang ở đâu. Nữ phó tế Romana đau buồn và khóc thương cho cô. Nhưng Đức Chúa Trời toàn tri đã mặc khải cho Thánh Nonna biết rằng Pelagia đã đi đến Giê-ru-sa-lem, và Ngài an ủi Nonna qua Romana, phán rằng: *"Đừng khóc, con gái của Ta, mà hãy vui mừng: Pelagia, giống như Đức Mẹ Ma-ri-a, người đã 'chọn phần phước lành, phần mà không ai có thể tước đoạt khỏi nàng'* (Lc 10:42).

Vài ngày sau, chúng tôi được tổng giám mục cho phép ra đi và trở về Heliopolis. Ba năm sau, tôi nảy sinh mong muốn đến Giê-ru-sa-lem – để thờ lạy sự Phục Sinh thánh thiêng của Chúa Giê-su Ki-tô[6855] , và tôi đã xin giám mục của tôi, vị thánh Nonno, cho phép tôi ra đi. Khi tiễn tôi, ngài nói: "Anh em Giacôbê ơi! Khi anh đến các

---

[6854] Tức là những kẻ phản bội Chúa và giết Chúa – những người Do Thái. (Lc 23:21).

[6855] Tức là Đền thờ Phục Sinh của Chúa Kitô, được xây dựng tại nơi Chúa Phục Sinh, Mộ Thánh của Chúa và các thánh tích Kitô giáo vĩ đại khác nằm ở đó.

thánh địa, hãy tìm một tu sĩ tên là Pelagia: ông ấy là một hoạn quan[6856] , rất đức hạnh và đã sống ẩn dật trong vài năm. Khi tìm thấy ông ấy, hãy trò chuyện với ông ấy, và anh sẽ nhận được nhiều lợi ích từ ông ấy, vì ông ấy là tôi tớ chân chính của Đấng Kitô và là một tu sĩ đã đạt đến sự hoàn hảo."

Đó là những lời Nonus nói về người tôi tớ của Đức Chúa Trời là Pelagia, người đã dựng cho mình một căn phòng tu hành trên núi Eleon[6857] gần Giê-ru-sa-lem, nơi mà Chúa chúng ta từng cầu nguyện, và sau khi ẩn dật ở đó, bà đã sống trọn vẹn cho Đức Chúa Trời. Nhưng điều này Nonus không tiết lộ cho tôi.

Sau khi thu xếp xong, tôi lên đường đến các thánh địa, thờ lạy sự Phục Sinh thánh thiêng của Chúa Giêsu Kitô và Thánh Giá cao quý của Ngài; ngày hôm sau, tôi tìm thấy một tu sĩ tên là Pelagius, như Đức Giám mục của tôi đã truyền dạy; tôi tìm thấy căn phòng tu hành của ông trên núi Eleon. Căn phòng tu này được che chắn kín mít từ mọi phía và không có cửa; tôi chỉ thấy một ô cửa sổ nhỏ trên tường, gõ vào đó và khi nó được mở ra, tôi thấy người tôi tớ của Chúa. Cô ấy nhận ra tôi, nhưng không tiết lộ danh tính của mình cho tôi. Còn tôi thì không nhận ra bà. Làm sao tôi có thể nhận ra người phụ nữ ấy, khi vẻ đẹp lộng lẫy của bà đã tàn phai nhanh chóng như bông hoa tàn? Đôi mắt bà trũng sâu, xương và khớp trên khuôn mặt bà lộ rõ do sự kiêng khem quá mức và vô độ. Cả vùng Jerusalem đều cho rằng cô ấy là một hoạn quan; không một ai biết rằng đó là một người phụ nữ, và chính tôi cũng không hay biết điều đó: bởi vì giám mục của tôi đã nói với tôi về một hoạn quan – một tu sĩ, và tôi đã nhận được lời chúc phúc từ cô ấy, như từ một tu sĩ – một người đàn ông. Cô ấy nói với tôi:

– Hãy nói cho tôi biết, anh em ơi, anh có phải là Giacôbê, phó tế của Đức Giám mục Nonno đáng kính không?

Tôi ngạc nhiên vì bà ấy không chỉ gọi tên tôi mà còn nhận ra tôi là phó tế của Đức Giám mục Nonna đáng kính, và tôi đáp:

– Vâng, thưa ngài.

Bà nói với tôi:

– Hãy nói với giám mục của anh rằng ngài hãy cầu nguyện cho tôi, vì quả thật ngài là một người thánh thiện và là Tông đồ của Đấng Christ.

– Và cả anh nữa, anh em của tôi, – bà ấy nói thêm, – xin hãy cầu nguyện cho tôi.

Nói xong, vị thánh nữ đã đóng cửa sổ lại và bắt đầu hát giờ thứ ba. Tôi dâng lời cầu nguyện rồi ra về; việc chiêm ngưỡng vị nữ tu giống như thiên thần ấy cùng cuộc trò chuyện ngọt ngào của bà đã mang lại cho tôi nhiều lợi ích.

Khi trở về Giê-ru-sa-lem, tôi đi thăm các tu viện khác nhau, ghé thăm các tu sĩ, trò chuyện với các vị thánh nhân, nhận lời chúc lành từ họ và thu được nhiều lợi ích cho linh hồn. Danh tiếng tốt đẹp về người hoạn quan Pê-la-gi-a lan truyền khắp các tu viện, và gương sống của ông đã mang lại lợi ích cho mọi người. Vì lý do đó, tôi mong muốn một lần nữa đến gặp ông và được an ủi qua những lời trò chuyện có ích cho linh hồn của ông. Khi đến phòng tu của ông, tôi gõ vào ô cửa sổ với lời cầu nguyện, rồi mạnh dạn gọi tên ông, nói: "Mở cửa đi, thưa Cha Pelagius!"

Nhưng ngài không trả lời tôi gì cả.

Tôi nghĩ rằng ngài đang cầu nguyện hoặc đang nghỉ ngơi, nên sau khi đợi một lát, tôi lại gõ cửa, xin ngài mở cửa, nhưng vẫn không có câu trả lời; tôi lại đợi thêm một lúc, rồi lại gõ cửa. Tôi đã dành ba ngày như vậy, ngồi bên ô cửa nhỏ và gõ cửa theo từng khoảng thời gian nhất định, với khao khát mãnh liệt được nhìn thấy khuôn mặt thánh thiện của Cha Pelagius và nhận được lời chúc lành của ngài: nhưng không có tiếng nói nào, cũng không có ai đáp lại. Lúc đó, tôi tự nhủ: "Hoặc là ngài đã rời khỏi căn phòng này và không còn ai ở đó, hoặc là ngài đã qua đời."

[6856] Hoạn quan – người không có khả năng thỏa mãn dục vọng; theo nghĩa cao cả, thiêng liêng nhất – là người đã tự chết đi, đã chết đối với các dục vọng.

[6857] Núi Eleon hay Núi Ô-liu – là một trong những ngọn núi của người Do Thái, được đặt tên như vậy vì có rất nhiều cây ô-liu mọc trên đó, ngoài ra còn có nhiều loại cây khác. Núi này nằm về phía đông của Giê-ru-sa-lem, được ngăn cách với thành phố này bởi thung lũng Kedron, và cao hơn các ngọn núi lân cận khác; từ đỉnh núi, du khách có thể ngắm nhìn khung cảnh tuyệt đẹp từ bốn phía. Núi Eleon được thánh hóa trong lịch sử Tân Ước bởi nhiều sự kiện trọng đại trong cuộc đời trần thế của Đấng Cứu Thế, đặc biệt là sự thăng thiên của Chúa Phục Sinh từ nơi đây lên trời. Ngày nay, ngọn núi tuyệt vời này, cùng với toàn bộ vùng lân cận, lại mang một khung cảnh u ám và đã mất đi thảm thực vật phong phú như xưa. Hang động của Thánh Pelagia, nằm gần chính nơi Chúa Thăng Thiên (đỉnh giữa của ngọn núi), đã được vị hành hương người Nga, Tu viện trưởng Daniel, chứng kiến vào thế kỷ XII. Năm 1509, nhà hành hương phương Tây Anselm đã viết: "Dưới nơi Chúa Thăng Thiên, đi xuống khoảng 20 bậc thang hoặc hơn một chút, là nơi hoặc căn phòng nhỏ, nơi Thánh Pelagia đã thực hiện việc sám hối".

Tôi liều mình dùng sức mở cánh cửa sổ ra và thấy Pelagius đang nằm chết trên sàn nhà. Tôi kinh hoàng và vô cùng đau xót vì không được nhận lời chúc phúc cuối cùng của ngài. Sau khi đóng cửa sổ lại, tôi lên đường đến Giê-ru-sa-lem và báo tin cho các vị thánh phụ đang sống ở đó rằng Abba Pê-la-giô – người hoạn quan – đã qua đời; và ngay lập tức, tin tức lan truyền khắp Giê-ru-sa-lem rằng thánh Pê-la-giô, vị tu sĩ đầy Thánh Thần, đã an nghỉ trong Chúa. Để an táng thi hài đáng kính của ngài, các tu sĩ từ tất cả các tu viện lân cận, toàn thể cư dân Giê-ru-sa-lem và vô số người từ Giê-ri-cô cùng bên kia sông Giô-đanh đã tụ tập về. Sau khi đập vỡ ô cửa sổ của phòng tu, họ tạo ra một lối vào đủ rộng cho một người; sau khi đi qua lỗ hổng được tạo ra như vậy, những người đàn ông đầy lòng kính trọng đã khiêng thi hài ra ngoài. Đức Thượng phụ Giê-ru-sa-lem cũng đến cùng với rất nhiều vị cha khác. Khi bắt đầu xức hương cho thi hài theo nghi thức, họ mới nhận ra rằng vị tu sĩ đã qua đời vốn là một người phụ nữ.

"Lạy Thiên Chúa kỳ diệu giữa các thánh," những người có mặt lúc đó đã kêu lên trong nước mắt, "vinh quang thuộc về Ngài: vì Ngài có những vị thánh ẩn dật trên đất này, không chỉ là nam giới, mà còn cả nữ giới."

Họ đã định giấu kín bí mật về Pelagia khỏi dân chúng, nhưng không thể: vì Đức Chúa Trời đã muốn không che giấu, mà công bố và tôn vinh tôi tớ của Ngài. Và một đám đông lớn đã tụ tập; các nữ tu sĩ cũng đổ về từ các tu viện của họ với nến và lư hương, cùng các thánh vịnh và thánh ca, rồi họ rước thi hài cao quý và thánh thiện của Pelagia, với sự tôn kính xứng đáng, vào chính căn phòng nơi bà từng tu hành, và chôn cất bà tại đó[6858] .

Đó là cuộc đời của người phụ nữ từng sống trong tội lỗi, đó là sự hoán cải của người tội nhân đã sa ngã, đó là những công lao và việc làm cao cả mà nhờ đó bà đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Xin Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, ban cho bà và cho chúng ta được nhận ân sủng vào Ngày Phán Xét! Vinh quang thuộc về Ngài cùng với Đức Chúa Cha và Đức Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Bằng việc kiêng ăn cho thân xác kiệt sức, và những lời cầu nguyện không ngừng, ngươi đã khẩn cầu Đấng Tạo Hóa về những việc làm của mình, để được Ngài chấp nhận sự từ bỏ hoàn toàn: và ngươi đã trở thành người mẹ thực sự, chỉ cho mọi người con đường sám hối.

Cuộc đời của Thánh nữ Taisia

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 10

Tại đất nước Ai Cập[6859] , xưa kia có một người phụ nữ sống một cuộc đời đồi trụy, vô liêm sỉ và ô uế. Có một cô con gái tên là Taisia, bà đã dạy con gái mình lối sống đáng hổ thẹn giống như chính mình, đưa con gái vào nhà chứa và giao con gái cho Satan phục vụ, hủy hoại nhiều linh hồn con người bằng cách quyến rũ họ bằng vẻ đẹp của con gái; vì Taisia có nhan sắc vô cùng tuyệt mỹ và nổi tiếng khắp nơi nhờ vẻ đẹp trên khuôn mặt. Do ham muốn xác thịt đối với Taisia, nhiều người đã dâng cho nàng rất nhiều vàng bạc, cùng những bộ trang phục lộng lẫy và đắt giá. Bằng cách quyến rũ những người hâm mộ mình, nàng đã đẩy họ đến cảnh khánh kiệt đến mức nhiều người, vì nàng mà mất hết tài sản, rơi vào cảnh nghèo đói, còn những người khác, vì nàng mà gây gổ với nhau, đánh nhau và làm vấy máu lên ngưỡng cửa nhà nàng.

Nghe tin này, vị thánh Paphnutius[6860] , mặc trang phục thế tục và mang theo một đồng tiền vàng, đã bước vào ngôi nhà nơi Taisia đang sống. Thấy nàng, ngài đưa cho nàng đồng tiền đó như một khoản tiền công, như thể muốn ở lại với nàng. Taisia, sau khi nhận tiền, nói với ngài:

[6858] Thánh Pelagia qua đời khi Non, theo cuốn tiểu sử, đang là Giám mục Heliopolis; ông giữ chức vụ này từ năm 451 đến năm 458. Sự hoán cải của Pelagia diễn ra trong cùng thời gian ông quản lý Giáo hội Heliopolis, do đó, sự qua đời của bà phải được xác định vào khoảng cuối thời gian ông tại Heliopolis, vào khoảng năm 457.

[6859] Quê hương và thành phố đã chứng kiến những chiến thắng bi thảm của Taísia trong thời kỳ bà sống sa đọa vẫn chưa được xác định.

[6860] Khi nhắc đến Thánh Paphnutius ở đây, người ta ám chỉ vị tu viện trưởng của Tu viện Heraclea. Đối với người Hy Lạp là Heraclea, đối với người Do Thái là Ganes, đối với người Ả Rập là Anas – một trong những thành phố thuộc tỉnh Heptanisa, nằm giữa Hạ Ai Cập và Thượng Ai Cập, và được coi là thuộc Thượng Ai Cập. Theo lời chứng của Rufinus trong cuốn "Lịch sử đời tu" (chương 16) và Palladius trong cuốn "Lavsaika" (chương 57), Paphnutius là một vị tu sĩ vĩ đại đến nỗi mọi người coi ngài như một Thiên thần của Chúa. Với lòng nhiệt thành vì sự cứu rỗi các linh hồn, ngài đã dẫn dắt nhiều giáo dân lầm lạc trở lại con đường cứu rỗi.

– Hãy vào phòng đi.

Paphnutius đi vào cùng cô và thấy một chiếc giường cao đã được trải sẵn; ngồi xuống đó, ông nói với Taisia:

– Có phòng nào khác, kín đáo hơn không, để chúng ta có thể ở riêng trong đó, để không ai biết về chúng ta?

Taisia trả lời:

– Có; tuy nhiên, nếu anh xấu hổ trước mọi người, thì ngay cả trong phòng này anh cũng có thể ẩn náu khỏi họ, vì cửa đã đóng kín và không ai vào đây được cũng như không ai biết về chúng ta; còn nếu anh kính sợ Đức Chúa Trời, thì không có nơi nào có thể che giấu anh trước mặt Ngài, và dù anh có trốn xuống dưới lòng đất, thì ngay cả ở đó Đức Chúa Trời cũng thấy.

Nghe những lời đó từ cô, Paphnutius nói với cô:

– Chẳng lẽ cô cũng biết về Đức Chúa Trời sao?

Taisia đáp:

– Tôi biết về Đức Chúa Trời, về sự hạnh phúc của những người công chính, và về sự đau khổ của những kẻ tội lỗi.

Lúc đó, vị tu sĩ già nói với nàng:

– Nếu con biết về Đức Chúa Trời, về hạnh phúc trong tương lai và về những cực hình, vậy tại sao con lại làm ô uế con người và đã hủy hoại biết bao linh hồn? Bị kết án xuống địa ngục lửa, con sẽ phải chịu cực hình không chỉ vì tội lỗi của chính mình, mà còn vì những người mà con đã làm ô uế.

Nghe những lời ấy, Taisia khóc lóc quỳ sấp xuống dưới chân vị tu sĩ, kêu lên:

– Con cũng biết rằng những ai phạm tội đều có cơ hội sám hối, và tội lỗi đều có thể được tha thứ; con hy vọng nhờ những lời cầu nguyện của ngài mà con sẽ được giải thoát khỏi tội lỗi và nhận được ân sủng của Chúa. Nhưng con xin ngài hãy chờ con một chút, chỉ ba giờ thôi, rồi sau đó ngài bảo con đi đâu, con sẽ đi, và ngài bảo con làm gì, con sẽ làm.

Vị tu sĩ chỉ cho nàng nơi ngài sẽ đợi nàng, rồi ra đi. Lúc đó, Taisia thu gom tất cả của cải của mình, những thứ kiếm được bằng con đường đồi trụy, trị giá tới bốn trăm lít vàng, mang chúng ra giữa thành phố, châm lửa lên và đặt tất cả lên đó, rồi trước mặt toàn thể dân chúng, nàng đốt cháy chúng, kêu lên: "Hãy đến đây, tất cả những ai đã phạm tội cùng tôi, và hãy nhìn xem tôi đang đốt cháy những gì các người đã cho tôi."

Sau khi thiêu hủy của cải kiếm được bằng cách bất chính, cô đến nơi mà Pafnuti đang chờ đợi cô. Vị tu sĩ già dẫn bà đến tu viện nữ, xin một căn phòng nhỏ, đưa Taísia vào đó và nhốt bà lại; ông bịt kín và đóng chặt cửa phòng, chỉ chừa lại một ô cửa sổ nhỏ để có thể đưa cho bà một ít bánh mì và nước qua đó.

– Thưa cha, cha chỉ dạy con cầu nguyện với Chúa như thế nào? – Taisia hỏi thánh Paphnutius

– Con không xứng đáng – vị tu sĩ già đáp – để thốt lên danh Chúa, cũng không xứng đáng giơ tay lên trời, vì miệng con đầy ô uế và tay con dính đầy dơ bẩn; con chỉ cần nói, thường xuyên hướng về phía đông: "Đấng đã tạo dựng con, xin thương xót con!".

Và Taisia đã ở trong nơi ẩn tu đó ba năm, cầu nguyện với Chúa theo như Paphnutius đã dạy, chỉ ăn một ít bánh mì và nước, và cũng chỉ một lần mỗi ngày.

Sau ba năm, Paphnutius, được lòng thương xót thúc đẩy, đã đến gặp Thánh Antony vĩ đại[6861] , mong muốn biết liệu Thiên Chúa có tha thứ cho cô ấy hay không.

Khi đến gặp vị trưởng lão, ông kể lại cho ngài nghe tất cả về cuộc đời của Taisia. Thánh Antôn triệu tập các môn đệ của mình và ra lệnh cho mỗi người tự giam mình trong phòng riêng và cầu nguyện với Chúa suốt đêm, để Ngài mặc khải cho một trong số họ về Taisia, người đang sám hối về những tội lỗi của mình. Các môn đệ đã tuân theo lệnh của vị cha và khẩn cầu Chúa: Ngài đã mặc khải về cô ấy cho một trong số họ, tên là Phaolô, người được gọi là "Người Rất Đơn Sơ". Trong lúc cầu nguyện ban đêm, anh ta thấy trong một thị kiến rằng các cổng thiên đàng mở ra, và có một chiếc giường được trải rất sang trọng, tỏa sáng vinh quang vĩ đại ; ba thiếu nữ, khuôn mặt rạng rỡ, đang đứng canh giữ chiếc giường đó, và trên giường có đặt một vương miện. Khi nhìn thấy cảnh này, Pavel hỏi:

– Chắc chắn, chiếc giường và vương miện này không dành cho ai khác ngoài cha tôi, thánh Antôn.

Lúc đó, một giọng nói vang lên với ông:

– Điều này không dành cho cha Antôn, mà là dành cho Taísia, người từng là gái điếm.

[6861] Thánh Antôn Vĩ Đại – người khai sinh ra đời sống tu hành.

Khi tỉnh táo lại, Phaolô bắt đầu suy ngẫm về những gì mình đã thấy, và khi trời sáng, ông đến gặp các vị thánh Antôn và Paphnutius, rồi kể cho họ nghe về giấc mơ của mình. Nghe vậy, họ ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đón nhận những ai thật lòng ăn năn. Lúc đó, Paphnutius đi đến tu viện nữ, nơi Taisia đang sống trong sự khép kín, và sau khi phá cửa, ông định đưa cô ra ngoài. Nhưng cô bắt đầu van xin ông:

– Xin cha cho con được ở lại đây cho đến khi chết và ăn năn về những tội lỗi của con: con có quá nhiều tội lỗi.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Đức Chúa Trời, Đấng yêu thương loài người, đã chấp nhận sự ăn năn của con và tha thứ tội lỗi cho con rồi – rồi đưa cô ra khỏi nơi ẩn tu.

Lúc đó, Thánh nữ Taísia nói:

– Xin cha tin con, ngay khi con bước vào phòng giam, con đã hình dung ra tất cả tội lỗi của mình trước mắt tâm hồn và, khi nhìn vào chúng, con đã khóc không ngừng. Tất cả những việc xấu xa của con vẫn chưa biến mất khỏi mắt con cho đến ngày nay, mà vẫn hiện ra trước mặt con và khiến con kinh hoàng, vì con sẽ bị kết án vì chúng.

Sau khi ra khỏi nơi ẩn tu, Thánh nữ Taisia mười lăm ngày sau lâm bệnh, và sau ba ngày đau ốm, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, bà đã an nghỉ trong bình an. Từ giường bệnh, bà được đưa đến chiếc giường mà Thánh Phaolô Đơn Sơ đã thấy trên trời được chuẩn bị sẵn cho bà, nơi bà được ca ngợi cùng các vị thánh trong vinh quang và hân hoan muôn đời. Như vậy, người phụ nữ tội lỗi và từng sa ngã đã đi trước chúng ta vào Nước Trời[6862] .

Lễ kính Thánh Pelagia, trinh nữ

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 10

Thánh Pelagia, sống dưới triều đại của Diocletian tại Antioch thuộc Syria, xuất thân từ một gia đình quý tộc[6863] . Quan tổng trấn thành phố, khi biết cô là người Kitô hữu, đã sai lính đến bắt cô. Các binh lính, tuân theo mệnh lệnh của quan tổng trấn, đã bao vây ngôi nhà nơi Pelagia đang sống. Lúc đó, bà bắt đầu van nài các binh lính hãy chờ đợi, và khi họ đồng ý, thánh nữ đã quay mặt về hướng đông tại nơi bà thường cầu nguyện, rồi giang rộng hai tay và ngước mắt lên trời, tha thiết cầu xin Thiên Chúa đừng để bà rơi vào tay các binh lính, mà được đến với Ngài như một của lễ vô tì vết và trong sạch. Sau đó, bà mặc bộ quần áo đẹp nhất của mình, nhảy xuống từ trên mái nhà và trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[6864] .

Ngày 22 tháng 10

Ngày 9 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, người ta tưởng niệm các thánh tử đạo Evventi và Maksim, những chiến binh. Về họ, xin xem ngày 5 tháng 9, nơi Evventi còn được gọi là Iuventin.

Cuộc đời của Thánh Tông đồ Giacôbê con ông Alphê

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 10

Thánh Tông đồ Giacôbê là con trai của Alphê và là anh em của Tông đồ kiêm Tác giả Tin Mừng Matthêu, người trước đây từng là người thu thuế. Khi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, trong thời gian ngự trần trong thân xác,

---

[6862] Theo lời của Đấng Cứu Thế: *"Quả thật, quả thật, Ta nói cùng các ngươi, những người thu thuế và những người điếm sẽ vào Nước Thiên Chúa trước các ngươi"* (Mt 21:31). – Thánh Taisia qua đời vào khoảng (không muộn hơn) năm 340, vì những công đức và sự ra đi của bà diễn ra dưới thời Thánh Antôn Cả († 356) và Thánh Phaolô Đơn Sơ († 340).

[6863] Thánh Pelagia là môn đệ của vị tử đạo thánh Lucian, linh mục Antioch († năm 312), ngày kỷ niệm của ngài được cử hành vào ngày 15 tháng 10.

[6864] Thánh Pelagia mới chỉ 15 tuổi khi ngài tự nguyện chịu khổ nạn để giữ trọn sự trinh khiết. Điều này xảy ra vào đầu thế kỷ IV. Thánh Ambrose coi Thánh Pelagia là gương mẫu về sự tử đạo, mặc dù ngài chưa kịp chịu những cực hình từ những kẻ bách hại vì Chúa Kitô. Thánh Gioan Kim Khẩu có hai bài giảng về ngài, trong đó ngợi khen vị nữ tử đạo trẻ tuổi và phúc lành này.

đã chọn những người đơn sơ và đạo đức vào chức vụ tông đồ để sai họ đi rao giảng Tin Mừng khắp thế gian, thì Ngài cũng đã chọn vị Giacôbê này và, vì thấy ngài xứng đáng, đã đưa ngài vào hàng ngũ các tông đồ (Mt 10:3; Mc 3:18; Lc 6:15). Và Giacôbê đã trở thành một trong mười hai tông đồ, là người chứng kiến trực tiếp và là tôi tớ của Đấng Kitô, là người rao giảng các mầu nhiệm của Ngài và là môn đệ của Ngài[6865] . Sau khi cùng các tông đồ khác đón nhận Chúa Thánh Thần, Đấng đã ngự xuống trên họ dưới hình thức những lưỡi lửa[6866] , ngài đã lên đường đến với các dân ngoại để rao giảng về Đấng Kitô và dẫn dắt những người lầm lạc trở về con đường cứu rỗi. Được thắp sáng bởi ngọn lửa nhiệt thành thiêng liêng, ngài đã thiêu rụi những gai góc của sự vô thần, đập tan các thần tượng, phá hủy các đền thờ của chúng, chữa lành đủ loại bệnh tật, xua đuổi các linh hồn gian ác khỏi con người và dẫn dắt vô số người đến với Chúa Kitô, nhờ đó ngài đã được ban cho một danh hiệu mới: Hạt Giống Thiêng Liêng. Vì ngài đã gieo Lời Chúa vào lòng người, trồng rễ đức tin và nuôi dưỡng lòng đạo đức: chính vì điều này mà ngài được gọi là "Hạt Giống Thần Thánh".

Trong hành trình đi qua nhiều quốc gia, ngài đã gieo hạt giống thiên đàng, gặt hái mùa màng cứu rỗi loài người và kết thúc cuộc đời trần thế của mình theo bước chân của Đấng Kitô: với tư cách là người noi gương những đau khổ của Đấng Kitô, ngài đã trao linh hồn cho Thiên Chúa khi bị đóng đinh trên thập giá[6867] .

Và hạt giống Thần thánh này, Thánh Giacôbê, cùng với những hoa trái được gặt hái gấp trăm lần, đã được thu hoạch vào kho lúa trên trời; tại đó, ngài được no nê bởi việc chiêm ngưỡng dung nhan Thiên Chúa, và ngài cũng cầu thay cho chúng ta bằng những lời cầu nguyện của mình để chúng ta cũng được no nê như vậy.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã gieo những giáo lý khôn ngoan vững chắc vào tâm hồn những người đạo đức, xin hãy ca ngợi và tôn vinh Thánh Giacôbê, Đấng được Thiên Chúa mặc khải: vì ngài đang đứng trước ngai vinh quang của Chúa, và cùng với tất cả các Thiên thần, ngài hân hoan, không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng ta.

Cuộc đời của các vị thánh Andronikos và Athanasios

Ngày kỷ niệm: 9 tháng 10

Vào thời trị vì của Hoàng đế Byzantine Theodosius Đại đế[6868]

tại Antioch có một người đàn ông, là thợ kim hoàn, tên là Andronikos. Ông lấy con gái của một thợ kim hoàn khác làm vợ – tên là Ioanna, tên gọi là Athanasia, có nghĩa là "sự bất tử"[6869] . Và quả thực, Thánh Athanasia, nhờ cuộc đời thánh thiện của mình – như cái chết của bà đã chứng minh – đã đạt được vinh quang bất tử. Cặp vợ chồng này – Andronik và Afanasia – sống một cuộc đời trung thực và hiếu đạo, luôn tỏa sáng bởi mọi đức tính tốt đẹp. Họ chia tài sản ngày càng gia tăng của mình thành ba phần: một phần dành cho người nghèo, một phần cho việc trang hoàng nhà thờ, và phần còn lại cho nhu cầu gia đình. Nhờ sự khiêm nhường và những việc làm thiện lành, Andronik và Afanasy được tất cả công dân yêu mến và kính trọng. Sau khi sinh ra con trai Ioann và con gái Maria, họ đã chấm dứt đời sống vợ chồng theo xác thịt và sống trong sự trong sạch như anh em ruột. Họ đặc biệt quan tâm và chăm sóc những người nghèo khó. Phục vụ những người này, họ bế những người bệnh trên tay, tắm rửa, cho ăn và mặc quần áo cho họ, đồng thời dùng tiền của mình để mang lại mọi sự an ủi cho những người nghèo

---

[6865] Cùng với các tông đồ khác, Giacôbê con của Alphê đã được Chúa sai đi rao giảng. Mt 10,3.

[6866] Sau khi Chúa lên trời, Thánh Giacôbê con ông Alphê đã ở lại cùng các Tông đồ khác tại Giêrusalem, trong phòng trên núi Si-ôn (Công vụ 1:13), cũng như trong một thời gian sau khi Chúa Thánh Thần ngự xuống (6:2).

[6867] Tông đồ Gia-cô-bê con Al-phê đã thi hành sứ vụ tông đồ trước tiên tại Giu-đê, sau đó đồng hành cùng tông đồ Thánh Anrê Đệ Nhất đến Edessa (Edessa – ngày nay là Orfa – một thành phố cổ nổi tiếng ở Mesopotamia bên sông Euphrates), rao giảng giáo lý của Chúa Kitô tại Gaza (một trong những thành phố cổ nhất của người Philistine, nằm trên biên giới với vương quốc Giu-đê, vào thời các Tông đồ thuộc về Syria) và Eleutheropolis (thành phố ở Nam Palestine trên con đường nối giữa Jerusalem và Gaza) cùng các vùng lân cận; từ đó, ngài lên đường đến Ai Cập và tại thành phố Ostracine (thành phố ven biển giáp ranh với Palestine), ngài đã ghi dấu những công trình tông đồ của mình bằng cái chết tử đạo trên thập tự giá.

[6868] Theodosius Đại Đế – Hoàng đế La Mã từ năm 379 đến năm 395. Trong triều đại của ông, đức tin Kitô giáo đã được củng cố vững chắc trong Đế quốc La Mã

[6869] Từ tiếng Hy Lạp "Athanasias" – sự bất tử.

và khách lữ hành. Bên cạnh đó, mỗi tuần, Andronik và Afanasyia dành ngày thứ Tư và thứ Sáu để ăn chay và cầu nguyện.

Trong khi họ tiếp tục sống một cuộc đời đạo đức như vậy, Thiên Chúa đã thương xót kêu gọi họ đến một cuộc sống hoàn hảo hơn nữa – để, sau khi từ bỏ mọi sự trần thế, họ theo chân Đấng Chúa duy nhất của mình là Đức Giêsu Kitô, Đấng đã để lại cho chúng ta gương mẫu mà chúng ta phải noi theo.

Một ngày nọ, sau hai mươi năm chung sống, khi Afanasia trở về nhà từ thánh lễ sáng, bà thấy các con mình đang mê sảng và, lo lắng, bà ngồi xuống bên cạnh chúng trên giường. Andronik, trở về từ nhà thờ muộn hơn một chút, bắt đầu gọi vợ, tưởng rằng bà đang ngủ. Afanasia đáp lại:

– Xin đừng giận em, thưa ngài, vì các con chúng ta đang sốt cao.

Sau khi xác nhận điều đó, Andronik rời khỏi các con đang ốm, nói:

– Xin ý Chúa được thực hiện!

Sau đó, ông đến nhà thờ Thánh Tử đạo Iulian ở ngoại ô, nơi cha mẹ ông được an táng. Tại đây, ông ở lại cầu nguyện cho đến giờ thứ sáu.

Trong lúc Andronik đang ở trong nhà thờ, cả hai đứa con của ông – con trai Ioann, mười hai tuổi, và con gái Maria, mười tuổi – đã qua đời. Trên đường trở về sau khi cầu nguyện, Andronik nghe thấy tiếng khóc và tiếng la hét trong nhà mình, ông bối rối và vội vã chạy về. Ông thấy một đám đông lớn người dân thành phố đang tụ tập gần nhà mình, và nhìn thấy cả hai đứa con đang nằm bất động. Rồi Andronikos lui vào phòng cầu nguyện, quỳ sấp mặt trước hình ảnh Đấng Cứu Thế của chúng ta, và thốt lên những lời của người công chính Gióp:

– *"Tôi trần truồng ra khỏi lòng mẹ, và trần truồng tôi sẽ trở về. Chúa đã ban, Chúa đã lấy đi; xin danh Chúa được ngợi khen!"* (Gióp 1:21).

Trong nước mắt thương tiếc những đứa con đã qua đời, Afanasy đã kiệt sức vì nỗi đau đớn tột cùng đến nỗi bà thậm chí còn mong muốn cái chết, khi bà lặp đi lặp lại:

– Ôi, giá như tôi cũng được chết cùng các con tôi!

Vào ngày an táng các con của Andronikos và Afanasia, tất cả cư dân trong thành đều tụ tập đến, và chính Đức Thượng phụ cùng toàn thể hàng giáo sĩ của ngài cũng đã đến. Các con được an táng tại nhà thờ Thánh Iulian – nơi các tổ tiên của chúng cũng đang an nghỉ. Sau khi lễ an táng kết thúc, Afanasia không muốn trở về nhà, mà ngồi khóc bên mộ các con mình.

Vào nửa đêm, Thánh Tử đạo Julian đã hiện ra trước mặt bà dưới hình dạng một tu sĩ và nói với bà những lời sau:

– Hỡi người phụ nữ! Sao ngươi không để những người đang an nghỉ ở đây được yên?

Afanasia đáp:

– Thưa ngài, xin đừng giận tôi, vì tôi đang chìm trong nỗi đau đớn tột cùng: tôi có hai đứa con và hôm nay tôi đã chôn cất cả hai cùng một lúc!

Thánh tử đạo Iulian hỏi Afanasia:

– Con cái của chị bao nhiêu tuổi rồi?

Afanasia trả lời:

– Một đứa mười hai tuổi, còn đứa kia mười tuổi.

Lúc đó, vị thánh nói với bà:

– Tại sao chị lại khóc vì chúng? Sẽ có ích hơn cho chị nếu chị khóc vì những tội lỗi của mình. Tôi đảm bảo với chị rằng, cũng giống như bản chất con người cần thức ăn, những đứa trẻ đã qua đời cũng được Chúa Kitô nuôi dưỡng bằng những ân huệ trên trời. Chúng cầu nguyện với Ngài: – Đấng Phán Xét Công Chính! Ngài đã tước đi những ân huệ trần gian của chúng con, xin đừng tước đi cả những ân huệ trên trời nữa!

Nghe những lời này, Afanasy cảm động và thay vì buồn bã, bà lại vui mừng, nói:

– Nếu các con tôi vẫn tiếp tục sống trên trời, thì tại sao tôi phải khóc?

Nói xong, Afanasy quay lại, mong được trò chuyện thêm với người vừa hiện ra trước mặt mình, nhưng không còn thấy người ấy nữa. Afanasy tìm kiếm người vừa hiện ra khắp nhà thờ, nhưng không thấy ai cả. Lúc đó, bà gọi người gác cổng đang canh giữ cửa nhà thờ và hỏi:

– Vị tu sĩ đã nói chuyện với tôi đâu rồi?

Người gác cổng trả lời:

– Chẳng phải cô thấy cửa đã khóa rồi sao, chẳng ai vào đây cả: vậy mà cô lại nói có ai đó đã nói chuyện với cô ư?

Lúc đó, Afanasy, sau khi chắc chắn rằng đó chỉ là ảo ảnh, đã hoảng sợ và, khi trở về nhà, kể lại cho chồng nghe những gì mình đã thấy và nghe, đồng thời cũng tìm được sự an ủi trong nỗi đau buồn của mình.

– Thưa ngài, – Afanasy nói với Andronikos, – khi các con chúng ta còn sống, tôi đã định nói với ngài về một ý định của mình, nhưng lại ngần ngại; còn bây giờ, sau khi các con qua đời, tôi sẽ nói với ngài mà không còn e ngại: xin hãy cho phép tôi vào tu viện, để ở đó tôi có thể sám hối về những tội lỗi của mình. Và khi đó, Chúa, Đấng đã cất các con của chúng ta khỏi chúng ta, có thể khiến chúng ta trở nên sẵn sàng nhất để phụng sự Ngài.

Andronikos đáp:

– Hãy đi, hãy thử thực hiện ý định của chị trong một tuần, và nếu chị không thay đổi ý định đó, thì chúng ta sẽ cùng nhau bàn bạc về việc này.

Athanasia, sau khi vượt qua thử thách, vẫn không thay đổi ý định của mình và sau nhiều ngày trôi qua, ngược lại, cô càng tràn đầy khát khao mãnh liệt về cuộc sống tu hành và lại tiếp tục nài nỉ chồng cho phép cô vào tu viện.

Lúc đó, Andronik gọi cha của Afanasy đến và nói với ông:

– Này, chúng tôi muốn đi hành hương đến các thánh địa, vì vậy chúng tôi giao phó ngôi nhà và toàn bộ tài sản của chúng tôi cho cha, và xin cha: nếu trên đường đi chúng tôi gặp phải bất kỳ tai họa nào, thì xin cha phân phát tài sản của chúng tôi cho những người nghèo khó, còn ngôi nhà của chúng tôi hãy biến thành bệnh viện cho người nghèo và nơi trú ngụ cho những người lữ hành.

Như vậy, Andronik, sau khi giao phó ngôi nhà và tài sản của mình cho cha vợ, cũng đã giải phóng tất cả nô lệ nam và nữ của mình.

Vào một đêm nọ, Andronik và Afanasy đã thu dọn hành lý, mang theo một ít tài sản và lặng lẽ rời khỏi nhà mà không ai hay biết. Giao phó bản thân cho ý muốn của Chúa, họ bắt đầu hành trình lữ hành của mình.

Khi bình minh ngày hôm sau ló rạng ngoài thành, thánh nữ Afanasia ngoái nhìn lại, thấy ngôi nhà của mình ở phía xa, rồi ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa, Đấng đã phán cùng Áp-ra-ham và Sa-ra rằng: *"Hãy rời khỏi xứ sở của ngươi, khỏi họ hàng ngươi và khỏi nhà cha ngươi, để đi đến xứ sở mà Ta sẽ chỉ cho ngươi"* (Sáng Thế Ký 12:1)! Xin Ngài cũng hãy đoái thương chúng con và dẫn dắt chúng con trong sự kính sợ Ngài. Này, vì Ngài mà chúng con đã bỏ lại ngôi nhà trống trải của mình, xin đừng đóng cửa Nước Trời của Ngài trước mặt chúng con.

Sau đó, cả hai tiếp tục hành trình trong nước mắt. Khi đến Giê-ru-sa-lem, Andronikos và Athanasius đã thờ lạy các thánh địa và, sau khi nhận được lời chúc phúc từ nhiều vị cha, đã trò chuyện với các ngài. Sau đó, họ tiếp tục đến Alexandria để thờ lạy di cốt của thánh tử đạo Mina. Trên đường đi, Andronik ngoái lại và thấy một giáo dân đang cãi nhau với một tu sĩ, liền nói với người giáo dân ấy:

– Tại sao anh lại cãi nhau với tu sĩ?

Người giáo dân trả lời:

– Vị tu sĩ đã thuê con lừa của tôi để đi đến Skit, và tôi đã khuyên ngài nên lên đường ngay bây giờ, để chúng ta có thể đi vào ban đêm, khi không có cái nắng gay gắt, và đến Skit vào khoảng sáu giờ sáng. Tuy nhiên, vị tu sĩ không muốn nghe theo lời khuyên của tôi.

Lúc đó, Andronik hỏi người thế tục:

– Anh có con lừa nào khác không?

Người đó trả lời:

– Có.

Andronik nói:

– Hãy đi dắt nó lại đây, – và tôi sẽ thuê nó của anh, vì tôi cũng muốn đi đến Skit[6870] .

[6870] "Skit" – một từ tiếng Ai Cập – có nghĩa là: cân, sự thử thách của trái tim. Một số người khác cho rằng từ này bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp … – da, và nguồn gốc từ vựng này cho thấy rằng những người ẩn tu đầu tiên – những người tu hành – không có những ngôi nhà được xây dựng đúng nghĩa, mà chỉ dùng những tấm che bằng da thú hoang để trú ngụ. Trong trường hợp này, tất nhiên không phải đề cập đến một loại tu viện đặc biệt nào đó, theo nghĩa là những căn phòng riêng biệt dành cho các ẩn sĩ sống cô độc, mà là một địa danh nổi tiếng, cách núi Nitrian một quãng đường đi trong một ngày (25–30 verst), nằm ở phía tây bắc Ai Cập. Đó là một sa mạc đá khô cằn, nơi ưa thích của các ẩn sĩ Ai Cập, nổi tiếng nhờ những hành động khổ hạnh của các tu sĩ tìm đến đây để tu hành. Từ địa danh này, sau này các tu viện sa

Còn với vợ mình là Afanasia, Andronik nói:

– Hãy đợi ở đây cho đến khi tôi đến Skit để nhận lời chúc phúc từ các vị cha ở đó.

– Hãy đưa em đi cùng anh, – Afanasy xin.

– Phụ nữ, – Andronik đáp, – không được phép đến

đến Skit.

Lúc đó, Afanasy khóc lóc nói với chồng:

– Nếu anh bỏ em lại mà không đưa em vào tu viện nữ, thì anh sẽ phải trả lời điều đó trước thánh tử đạo Mina.

Andronik hứa sẽ không bỏ lại vợ cho đến khi thực hiện được mong muốn của cô.

Sau đó, Andronik lên đường đến Skit, nơi tại mỗi tu viện[6871] , ông đều nhận được lời chúc phúc từ các vị tu sĩ Skit.

Nghe nói về vị thánh tu sĩ Đaniel[6872] , Andronik, sau khi vượt qua nhiều khó khăn, đã đến gặp ngài, cúi đầu kính lễ, và sau khi cầu nguyện, kể lại tất cả về bản thân và người vợ của mình là Afanasia. Vị thánh tu sĩ Đaniel nói với Andronik:

– Hãy đi, đưa vợ ngươi đến đây, ta sẽ trao cho hai người một lá thư gửi đến Fivaida[6873] để ngươi có thể tự do đưa nàng đến đó và đưa nàng vào tu viện nữ Tavenniot[6874] .

Trở về với Afanasia, Andronik đã đưa cô ấy đến gặp vị thánh già Daniel vào ban đêm. Vị thánh già Daniel bắt đầu trò chuyện với họ về con đường cứu rỗi và mang lại cho họ sự an ủi tinh thần to lớn. Sau đó, khi trao lá thư cho họ, vị thánh già đã ban phước lành và cho phép họ lên đường đến tu viện Tavenisiotsky.

Khi đến tu viện, thánh Andronik đã đưa người vợ thánh thiện của mình là Afanasia vào tu viện nữ. Tại đây, sau khi tiếp nhận hình ảnh của các Thiên thần, Afanasia bắt đầu sống một cuộc đời giống như các Thiên thần. Còn bản thân ngài thì trở về gặp vị tu viện trưởng đáng kính của tu viện, Thánh Đaniel, người đã cạo đầu cho ngài theo nghi thức tu sĩ, hướng dẫn ngài sống đời đạo đức, và chỉ định cho ngài một phòng tu riêng, để Andronik, khi sống một mình trong đó, có thể tu hành trong sự im lặng.

Và thế là vị thánh hạnh phúc Andronik, tu hành một cách đáng kính, đã duy trì những công đức trong sự im lặng suốt mười hai năm. Sau đó, ông xin cha Daniel cho phép ông đến Jerusalem để thờ lạy các thánh địa. Sau khi dâng lời cầu nguyện, vị tu sĩ Daniel đã ban phước lành và cho phép ông lên đường.

Khi đi qua các vùng đất Ai Cập, Andronikos một lần dừng lại nghỉ ngơi một chút dưới những bụi cây bách xù. Và thế là, theo sự an bài của Thiên Chúa, ngài đã nhìn thấy vợ mình, thánh nữ Afanasia, đang đi trong bộ trang phục nam giới. Họ chào hỏi lẫn nhau. Afanasia nhận ra chồng mình là Andronikos, nhưng ngài lại không nhận ra bà. Và làm sao có thể nhận ra Afanasia được, khi khuôn mặt cô đã gầy gò vì kiêng khem và da cô sạm đen như người Ê-thi-ô-pi? Hơn nữa, Afanasia đã thay đổi diện mạo và mặc trang phục nam giới. Cô hỏi Andronikos:

– Anh có phải là học trò của cha Daniel, tên là Andronikos không?

– Vâng, chính là tôi, – Andronikos trả lời.

Rồi cô lại hỏi anh:

– Thưa Abba Andronik! Anh đang đi đâu vậy?

– Tôi đang đi viếng các thánh địa, – Andronikos trả lời. – Còn cô, – đến lượt anh hỏi Afanasyia, – cô đang đi đâu và tên cô là gì?

---

mạc dành cho tu sĩ đã được đặt tên là "skita", nơi những tu sĩ nhiệt thành nhất định cư để tìm kiếm sự ẩn dật tuyệt đối và sự tĩnh lặng không thể xâm phạm – nhằm sống trọn vẹn trong Thiên Chúa Duy Nhất.

[6871] "Lavra" – từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là "một phần của thành phố", "ngõ hẻm" – thực chất là dãy các phòng tu sĩ, được bố trí xung quanh nơi ở của vị trụ trì theo hình thức các ngõ hẻm trong thành phố, được bao quanh bởi hàng rào hoặc tường thành. Các tu sĩ trong các tu viện Lavra sống cuộc đời ẩn dật và tu hành trong phòng riêng của mình, chỉ tụ họp lại để cử hành Thánh lễ vào ngày đầu tiên và ngày cuối cùng của tuần, còn những ngày còn lại thì duy trì sự im lặng tuyệt đối; cuộc sống trong các tu viện Lavra khó khăn hơn nhiều so với các tu viện khác. Từ thời cổ đại xa xưa, tên gọi "lavra" đã được dùng để chỉ những tu viện đông đúc và có ý nghĩa quan trọng. Tên gọi này lần đầu tiên xuất hiện ở Ai Cập, sau đó là ở Palestine. Hiện nay, tên gọi "Lavra" ở nước ta chỉ được sử dụng với ý nghĩa là một danh hiệu tôn kính.

[6872] Giáo hội cử hành lễ tưởng niệm Thánh Đaniel Skitsky vào Thứ Bảy trước Mùa Chay.

[6873] Phi-vai-đa – vùng đất của thành phố Phi-vai nổi tiếng từ thời cổ đại ở Ai Cập; tên gọi này cũng được dùng để chỉ toàn bộ miền thượng (miền nam) Ai Cập, theo tên của thành phố chính.

[6874] Trong số các tu viện khác ở đây, Tu viện Tavenisiot dành cho nữ tu nổi tiếng với lối tu hành nghiêm ngặt.

Cô trả lời:

– Tôi cũng đang đi đến các thánh địa, và tên tôi là Afanasi (cô đã đổi tên như vậy và thay vì Afanasia, cô bắt đầu tự xưng là Afanasi).

– Chúng ta đi cùng nhau nhé, – Andronik nói. Afanasy trả lời:

– Nếu anh muốn đi cùng tôi, thì hãy "giữ miệng mình" (xem Thi thiên 140:3), để chúng ta có thể đi trong im lặng.

Andronik nói:

– Được rồi, cứ theo ý em.

Afanasia tiếp tục:

– Hãy đi thôi, và cầu mong những lời cầu nguyện của vị thánh trưởng lão của anh sẽ đồng hành cùng chúng ta.

Khi Andronikos và Afanasia đến Jerusalem, họ đã viếng thăm tất cả các thánh địa ở đây. Sau đó, họ đi đến Alexandria để chiêm bái di cốt của thánh tử đạo Mina. Tại đây, sau khi cầu nguyện, Afanasia nói với Andronikos:

– Thưa Cha, Cha có muốn hai chúng ta cùng ở chung trong một căn phòng tu hành không?

Andronikos đáp:

– Chúng ta sẽ ở lại, – nhưng trước tiên con sẽ hỏi vị tu sĩ cao niên xem ngài có cho phép chúng ta ở chung một phòng tu không.

Athanasius tiếp tục:

– Hãy đi hỏi đi, còn tôi sẽ đợi anh tại tu viện có tên là Octodekaton[6875] , và nếu vị tu sĩ cao niên cho phép, thì hãy quay lại đón tôi và chúng ta sẽ sống trong phòng tu trong sự im lặng, giống như cách chúng ta đã lang thang trong im lặng, còn nếu anh không thể giữ im lặng, thì đừng quay lại tìm tôi, vì tôi không muốn sống thiếu đức hạnh im lặng, ngay cả khi vị cha đáng kính ra lệnh như vậy.

Andronikos, khi đến gặp cha Daniel, đã kể cho ngài nghe tất cả về người bạn đồng hành của mình là Athanasius.

Lúc đó, Đaniel nói với Andronik:

– Hãy quay trở lại, hãy yêu mến sự im lặng và ở lại với Afanasii, vì anh ấy là một tu sĩ hoàn hảo.

Sau đó, Andronik đưa Afanasyia theo mình về phòng tu của mình, nơi cô sống trong sự kính sợ Thiên Chúa và sự im lặng thêm mười hai năm nữa. Mặc dù vậy, Andronik vẫn không nhận ra vợ mình, bởi vì cô đã siêng năng cầu nguyện với Thiên Chúa để không bị chồng nhận ra. Thánh Đaniel thường đến thăm họ và giảng dạy cho họ. Một lần nọ, sau khi ở lại với họ và trò chuyện về nhiều chủ đề có ích cho tâm hồn, Đaniel đang trên đường trở về phòng tu của mình, thì trước khi ngài kịp đến nơi, vị thánh Andronik đã đuổi kịp ngài và nói:

– Cha Daniel ơi, Afanasy đang ra đi về với Chúa!

Vị tu sĩ già quay lại và thấy Afanasy đang sốt cao. Khi nhìn thấy vị tu sĩ già, Afanasy bắt đầu khóc, còn vị tu sĩ già thì nói với cô:

– Con nên vui mừng chứ không phải khóc: vì con đang đi ra đón Chúa.

Afanasia đáp:

– Con khóc không phải vì bản thân, mà vì Andronika. Nhưng, thưa Cha, xin Cha hãy tỏ lòng thương xót với con: sau khi con qua đời, Cha sẽ tìm thấy một lá thư ở đầu giường của con, xin Cha hãy đọc nó rồi trao lại cho Andronika.

Sau đó, sau khi cầu nguyện, Afanasy đã rước Thánh Thể và về với Chúa. Các tu sĩ đến an táng thi thể và thấy đó là một người phụ nữ. Abba Daniel, khi tìm thấy lá thư ở đầu giường của Afanasy, đã đọc nó và chuyển cho Andronik. Lúc đó, anh ta mới biết rằng Afanasy chính là vợ mình.

Sau đó, mọi người đều ngợi khen Đức Chúa Trời. Tin tức về sự việc này lan truyền khắp các tu viện, và Abba Daniel đã sai các tu sĩ đi triệu tập tất cả các vị cha ở Ai Cập cùng những ai đang tu hành trong sa mạc nội địa. Các cư dân của tất cả các tu viện ở Alexandria và các ẩn sĩ mặc áo trắng (những ẩn sĩ này có tập tục mặc áo trắng) đã tụ họp lại, và họ đã an táng thi hài thánh thiện của Thánh nữ Athanasia một cách trang trọng, đồng thời ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho bà sự kiên nhẫn như vậy.

[6875] Các tu viện trong sa mạc Skitsky được phân biệt bằng số thứ tự, tương ứng với khoảng cách của chúng so với Alexandria ("Octodekatsky" – thứ mười tám).

Sau khi an táng Athanasia, vị tu sĩ già Daniel đã sống cùng Andronikos bảy ngày, và vào ngày cuối cùng này, sau khi tưởng nhớ người đã qua đời, Daniel muốn đưa Andronikos về phòng tu của mình. Trong khi đó, Andronikos nài nỉ vị tu sĩ già, nói:

– Thưa Cha, xin hãy để con ở lại đây, để con được an táng cùng với người bạn thân của con là Afanasiya.

Sau khi để anh lại, vị tu sĩ già rời đi; nhưng chưa kịp về đến phòng tu của mình, thì một tu sĩ khác lại đuổi kịp ông và nói:

– Cha Andronik đang về với Chúa.

Vị tu sĩ già lập tức sai người đi gọi lại các vị tu sĩ đã ra đi và nói với họ:

– Hãy trở lại cùng tôi đến với Cha Andronik.

Khi họ quay lại, họ thấy Cha Andronik vẫn còn sống và đã nhận được lời chúc phúc từ ngài. Khi Cha Andronik qua đời trong bình an[6876] , một cuộc xung đột lớn đã nổ ra giữa các tu sĩ của Tu viện Octodekaton và tu viện khác, nơi Thánh nữ Afanasy đang tu hành và các tu sĩ ở đó mặc áo trắng.

Những người sau này nói:

– Người đã khuất là anh em của chúng tôi, và chúng tôi muốn rước thi hài ngài về tu viện của chúng tôi, để những lời cầu nguyện của ngài giúp đỡ chúng tôi.

Tương tự như vậy, các vị tu sĩ của tu viện Octodekatsky cũng nói:

– Anh em này là của chúng tôi, vì vậy hãy an táng ngài cùng với chị em thánh thiện của ngài là Athanasia.

Lúc đó, các tu sĩ của tu viện kia nói:

– Chúng tôi sẽ làm theo chỉ thị của vị tu viện trưởng tu viện Octodekatsky.

Vị trưởng lão ra lệnh chôn cất Andronikos cùng với Afanasia. Trong khi đó, các tu sĩ mặc áo trắng không muốn vâng lời ngài, vì họ chiếm đa số, và họ nói:

– Vị trưởng lão đã vượt lên trên mọi dục vọng, và hơn nữa, ngài không sợ sự cạnh tranh; còn chúng tôi, là những người trẻ nhất, muốn giữ vị thánh Andronikos của chúng tôi ở lại đây, để ngài giúp đỡ chúng tôi bằng những lời cầu nguyện của mình: chúng tôi đã nhường cho các vị chị Afanasia rồi, thế là đủ rồi!

Sau đó, các tu sĩ ẩn tu mới dần bình tĩnh lại và an táng Thánh Andronikos cùng với Thánh nữ Afanasia, ca ngợi Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài. Vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của Thánh Áp-ra-ham công chính

Ngày kỷ niệm: 9 tháng 10

Sau khi Thiên Chúa làm rối loạn các ngôn ngữ trong sự kiện Tháp Babel[6877] , loài người, sau khi tản mác khắp mặt đất và chia thành nhiều dân tộc, đã quên mất Thiên Chúa chân thật và bắt đầu thờ lạy các thần tượng do chính họ tạo ra, các loài thú, mặt trời, mặt trăng và các hiện tượng tự nhiên khác. Lúc bấy giờ, để đổi mới Giáo hội Cựu Ước và bảo tồn sự hiểu biết chân chính về Đức Chúa Trời trong Giáo hội ấy, Đức Chúa Trời đã chọn một người đàn ông đạo đức tên là Áp-ra-ham. Áp-ra-ham ban đầu có tên là Áp-ram và là con trai út của Pharrah[6878] , người còn có hai con trai khác là Arran và Nahor; người con đầu tiên qua đời khi còn trẻ, để lại người con trai là Lót, người mà Áp-ram đã nhận nuôi. Phara sống cùng các con trai của mình tại Ur của người Chaldee[6879] ; nhưng Đức Chúa Trời đã thương xót tách Áp-ram, người công chính và là người được Ngài chọn, ra khỏi môi trường sa đọa của những kẻ thờ thần tượng. Và Áp-ram đã nhận được mệnh lệnh từ Đức Chúa Trời:

– Hãy ra khỏi xứ sở của ngươi, khỏi họ hàng ngươi và khỏi nhà cha ngươi, rồi hãy đi đến xứ sở mà Ta sẽ chỉ cho ngươi. Ta sẽ làm cho ngươi trở thành một dân tộc vĩ đại, Ta sẽ ban phước cho ngươi và làm cho danh ngươi

---

[6876] Ông qua đời vào nửa đầu thế kỷ V.

[6877] Sự kiện này được gắn liền với thời điểm Thượng phụ Ever sinh con trai là Falek, người đã được đặt tên để kỷ niệm sự kiện này (Falek – trong tiếng Do Thái – có nghĩa là sự chia cắt, sự phân chia); tức là khoảng gần 2.600 năm trước Công nguyên.

[6878] Phara – vị tổ phụ thứ mười, con cháu của Nô-ê. Áp-ra-ham sinh ra cách đây gần 2.000 năm trước Công nguyên.

[6879] Ur của người Chaldea – một trong những thành phố hoàng gia của Chaldea, thuộc Mesopotamia, nằm gần cửa sông Euphrates; nơi đây từng là trung tâm thương mại chính. Ngày nay, tên Ur được đặt cho những di tích nằm về phía tây của dòng sông Euphrates (cách sáu dặm), tại điểm hợp lưu của nó với Hatch-el-Hie (một nhánh của sông Tigris chảy vào sông Euphrates).

được vinh hiển, và ngươi sẽ là nguồn phước lành và gương mẫu cho nhiều người. Ta sẽ ban phước cho những ai ban phước cho ngươi và rủa sả những ai rủa sả ngươi, và mọi dân tộc trên đất sẽ được ban phước nhờ ngươi[6880] .

Áp-ram đã đón nhận mệnh lệnh của Đức Chúa Trời với lòng tin và sự vâng phục, rồi rời khỏi Ur của người Chaldea cùng với vợ là Sa-ra, cha là Phar-ra và cháu trai là Lót. Sau khi dừng chân một thời gian tại Haran[6881] , nơi cha ông qua đời[6882] , ông tiếp tục hành trình một mình cùng gia đình và Lot. Khi đến xứ Canaan, ông đi qua đó cho đến Si-chem, đến khu rừng sồi Mô-rê[6883] . Tại đây, Đức Chúa Trời hiện ra với ông và hứa sẽ ban xứ sở này cho dòng dõi của ông. Để kỷ niệm sự hiện ra của Đức Chúa Trời và để tạ ơn Ngài về lời hứa đó, Áp-ram đã dựng một bàn thờ tại nơi đó. Sau đó, Áp-ram đi dọc theo chiều dài của cả vùng đất đó, hướng về phía nam, và dựng thêm một bàn thờ khác dâng lên Đức Chúa Trời giữa Bê-tên và Gai[6884] .

Áp-ram cùng gia đình và Lót định cư tại thung lũng Si-chem. Ban đầu, cả hai sống chung và giàu có về gia súc, bạc và vàng; nhưng sau đó, để tránh xung đột giữa các thành viên trong gia đình và người hầu của họ, Áp-ram đã để Lót ra đi, cho phép anh ta tự chọn vùng đất. Lót đã chọn cho mình một đồng bằng trù phú, được tưới mát bởi dòng nước sông Giô-đanh[6885] .

Sau khi Lót tách khỏi Áp-ram, Đức Chúa Trời hiện ra với người được Ngài chọn và phán:

– Hãy ngước mắt lên, từ nơi ngươi đang đứng đây, nhìn về phía bắc, phía nam, phía đông và phía tây: toàn bộ vùng đất mà ngươi nhìn thấy từ trên núi này, Ta sẽ ban cho ngươi và dòng dõi ngươi mãi mãi[6886] . Và Ta sẽ ban cho ngươi dòng dõi đông đúc như cát trên mặt đất. Hãy đứng dậy, đi khắp đất này theo chiều dài và chiều rộng của nó; vì Ta sẽ ban nó cho ngươi và dòng dõi ngươi mãi mãi.

Tuân theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, Áp-ram đi về phía nam và định cư tại rừng sồi Mamre[6887] , dựng một bàn thờ dâng cho Đức Giê-hô-va tại đó.

Trong khi đó, trên đồng bằng sông Jordan, nơi Lót đã chọn làm nơi cư ngụ, có năm thành phố[6888] , do các vua riêng biệt cai trị, nhưng đã bị vua Ê-lam[6889] chinh phục và thống trị suốt 12 năm. Đến năm thứ mười ba, họ nổi

---

[6880] Lời hứa thiêng liêng này mang ý nghĩa Mê-si-a, như Thánh Tông đồ Phao-lô đã chỉ ra rõ ràng khi trích dẫn những lời của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham. "Hãy biết rằng," ngài viết, "những người tin là con cái của Áp-ra-ham, và Kinh Thánh, đã tiên kiến rằng Đức Chúa Trời xưng công chính cho dân ngoại nhờ đức tin, nên đã báo trước cho Áp-ra-ham rằng mọi dân tộc sẽ được chúc phước qua ông. Vì vậy, những người tin sẽ được chúc phước cùng với Áp-ra-ham, người trung tín" (Ga-la-ti 3:9).

[6881] Haran là một thành phố ở phía tây bắc Mesopotamia, nằm giữa sông Havor (một nhánh của sông Euphrates) và sông Euphrates, trên một đồng bằng rộng lớn được bao quanh bởi núi non, về phía đông nam của Edessa; trong thời cổ đại, nơi đây từng là một trung tâm thương mại quan trọng trên con đường thương mại lớn nối liền Biển Địa Trung Hải với phương Đông. Ngày nay, đây là một thị trấn nhỏ và không đáng kể ở Mesopotamia.

[6882] Một số nhà thần học trong Giáo hội giải thích cái chết của Phara tại Harran là do sự an bài khôn ngoan của Thiên Chúa; vì Thiên Chúa không muốn Phara, kẻ có tội thờ thần tượng, truyền bá mầm mống mê tín dị đoan cho thế hệ sau này. Chính vì vậy mà Kinh Thánh ghi chép sự kiện này một cách rất chính xác.

[6883] Khi nói đến "đất Canaan" theo nghĩa hẹp và chính xác nhất, người ta hiểu là vùng đất bên này sông Jordan, Phoenicia (phần phía bắc của Canaan) và đất Philistia; – trong thời hiện đại, "đất Canaan" thường được hiểu là toàn bộ Palestine, toàn bộ "đất hứa" mà sau này dân Y-sơ-ra-ên chiếm giữ, ở cả hai bên sông Giô-đanh. Si-chem – một thành phố cổ của đất Canaan, thuộc Sa-ma-ri, trên núi Ê-phra-im, cách Giê-ru-sa-lem 18 giờ đường đi; Áp-ra-ham đã đi qua đất Ca-na-an, nhưng thực ra không đến Si-chem – nơi lúc đó chưa tồn tại – mà đến nơi mà sau này Si-chem được xây dựng. Biển – là một khu rừng sồi gần Si-chem.

[6884] Bê-tên – thành phố cổ xưa nhất của xứ Ca-na-an, thời Áp-ra-ham được gọi là Lút, nằm về phía bắc Giê-ru-sa-lem trong vùng núi của chi phái Ê-phra-im, gần ngọn núi mang tên Bê-tên theo tên thành phố; nơi này vô cùng hoang dã và hiện nay chẳng khác gì một khu định cư du mục của những người chăn cừu trên những đống đổ nát. Gai – một thành phố cổ của Canaan, nằm ở phần phía bắc của chi phái Ben-gia-min, về phía đông của Bê-tên.

[6885] Thung lũng sông Jordan, nơi Lót đã chọn làm nơi cư ngụ và nơi có dòng chảy của sông Jordan, khá rộng; Biển Chết, như đa số các nhà nghiên cứu khoa học cho rằng, lúc bấy giờ vẫn chưa tồn tại, còn sông Jordan chảy thành nhiều nhánh và có lẽ thông qua thung lũng này đổ ra Vịnh Ả Rập, hay Biển Đỏ.

[6886] Sự ứng nghiệm lời hứa của Đức Chúa Trời không chỉ dành cho dòng dõi Áp-ra-ham theo xác thịt, mà còn theo đức tin; chính vì vậy, lời hứa này được gọi là vĩnh cửu. Sự ứng nghiệm của tất cả những lời hứa này nằm trong Đấng Christ, Đấng đã dùng huyết của Ngài làm cho đất này trở nên thánh khiết và chiếm hữu nó cho tất cả những người tin, biến nó thành quê hương thiêng liêng của linh hồn người Cơ Đốc. Đó là lý do tại sao, bất kể số lượng vô số những người còn lại của dân tộc được chọn và sau đó bị phân tán khắp toàn cầu, – Áp-ra-ham nhờ đức tin vẫn còn có một dòng dõi khác, đối với họ, Pa-lét-tin là đất của sự cứu rỗi, thực sự là đất hứa.

[6887] Mamre – chính là tên của một người Amori, đồng minh của Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 14:24). Rừng sồi Mamre nằm gần Hê-bron, thành phố cổ xưa nhất của Ca-na-an, tọa lạc trên con đường dẫn đến Giê-ru-sa-lem, trong một vùng đất màu mỡ và xinh đẹp.

[6888] Trên thung lũng Jordan trù phú, nơi Lót định cư, có năm thành phố sau đây: Sô-đôm, Gô-mô-ra, A-đa-ma, Sê-vô-im và Bê-la (hay còn gọi là Ba-la-ca).

dậy chống lại vị vua đó, nhưng đã bị ông ta đánh bại; nhiều cư dân của vùng đất ấy, trong đó có Lót, đã bị bắt làm tù binh. Khi biết tin này, Áp-ram đã trang bị vũ khí cho các nô lệ của mình, đánh tan quân địch, giải cứu Lót và tất cả những người bị bắt làm tù binh, đồng thời thu hồi toàn bộ chiến lợi phẩm mà quân địch đã cướp đi, rồi trả lại cho các vua theo đúng chủ sở hữu. Khi Áp-ram trở về sau chiến thắng, các vị vua đã ra đón ông. Mê-lích-xê-đéc, vua Sa-lim, thầy tế lễ của Đức Chúa Trời Tối Cao[6890] , đã dâng bánh và rượu, rồi chúc phước cho Áp-ram, nói rằng:

– Áp-ram được Đức Chúa Trời Tối Cao, Chúa tể trời đất, chúc phước. Và Đức Chúa Trời Tối Cao, Đấng đã phó kẻ thù của ngươi vào tay ngươi, cũng được chúc phước.

Áp-ram dâng cho Mê-lích-xê-đéc một phần mười toàn bộ chiến lợi phẩm; còn bản thân ông, khi vua Sô-đôm đề nghị ông giữ lại tài sản đã thu hồi từ kẻ thù, thì ông đã từ chối nhận bất cứ thứ gì.

Sau đó, Áp-ram trở nên rất nổi tiếng trên đất Ca-na-an. Những thành công của ông đã khơi dậy lòng ghen tị và lo sợ trong lòng những người dân nơi đó. Bấy giờ, vào ban đêm, Đức Chúa Trời đã phán với Áp-ram trong một giấc mơ rằng:

– Đừng sợ, Áp-ram, Ta là lá chắn của ngươi; phần thưởng vĩ đại nhất đang chờ đợi ngươi.

Áp-ram thưa:

– Lạy Chúa! Ngài sẽ ban thưởng cho con bằng gì? Con không có con cái: Ngài chưa ban cho con. Ê-li-ê-zer từ Đa-mách đang trông nom nhà cửa cho con: chính ông ấy sẽ là người thừa kế của con.

– Không phải ông ấy, – Đức Chúa Trời phán, – mà chính con trai ruột của ngươi sẽ là người thừa kế của ngươi.

Sau đó, Đức Chúa Trời dẫn Áp-ra-ham ra sân và phán:

– Hãy ngước nhìn lên trời và đếm các vì sao, nếu ngươi có thể: dòng dõi của ngươi sẽ đông đúc như vậy[6891] .

Áp-ra-ham tin vào lời hứa ấy, và đức tin đó được kể là công chính cho ông[6892] và trở thành nền tảng cho một cuộc sống công chính và đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Vào ngày hôm sau, theo lệnh của Đức Chúa Trời, Áp-ram đã xẻ đôi một con bò cái ba tuổi, một con dê cái và một con cừu đực, rồi đặt từng nửa đối diện nhau; bên cạnh đó còn có một con chim bồ câu và một con chim bồ

[6889] Dân Ê-la-mi là dân tộc có nguồn gốc từ Ê-la-m, con trưởng của Si-mô. Đất nước của họ nằm giáp ranh với xứ Ca-na-an, ở Mesopotamia.

[6890] Melchizedek có lẽ xuất thân từ dân tộc Canaan – người Amori, lúc bấy giờ đang sinh sống tại Palestine, vì ông vừa là vua vừa là thầy tế lễ của họ; vào thời điểm đó, lòng kính sợ Đức Chúa Trời có thể vẫn còn tồn tại giữa các bộ lạc Canaan, và mức độ tội lỗi của người Amori lúc bấy giờ vẫn chưa đến mức tột cùng. Salim được hiểu là tên gọi trước đây của Jebus, và sau này là Jerusalem (Thi Thiên 75:3). Với danh hiệu "linh mục của Đức Chúa Trời Tối Cao", Melchizedek không chỉ khác biệt với những kẻ thờ phượng các thần giả, mà còn khác biệt với các vua khác, và thậm chí cả Áp-ra-ham; chính vì vậy, người ta không thể không nhận ra ở ông một vị tôi tớ đặc biệt của Đức Chúa Trời chân thật, được tôn vinh khắp cả Palestine. Kinh Thánh đã che giấu những chi tiết về ngài và dòng dõi của ngài, để cho thấy ngài là hình bóng của Đấng Cứu Thế Kitô. Ngay từ thời Cựu Ước, vua và tiên tri Đa-vít đã nhìn thấy trong chức tư tế phi thường của Mê-lích-xê-đéc hình bóng của chức tư tế Đấng Mê-si-a, khi ngài nói về Con Thiên Chúa: "Ngài là tư tế đời đời theo chức vụ (tức là theo hình ảnh) của Mê-lích-xê-đéc" (Thánh Vịnh 109:4); đặc biệt, ý nghĩa tiên báo của Melchizedek được Thánh Phaolô trình bày một cách rõ ràng và chi tiết trong Thư gửi người Do Thái (Hê-bơ-rơ 7:1–28). Melchizedek, theo ý nghĩa của tên gọi, là Vua của Công lý; theo tước hiệu – Vua của Salem, tức là Vua của Hòa bình, và đồng thời là tư tế của Đức Chúa Trời Tối Cao; ngài được mô tả là không có cha, không có mẹ, không có dòng dõi; chức tư tế của ngài là vĩnh cửu; vì chúng ta không thấy cả những người tiền nhiệm lẫn những người kế vị của ngài; lời chúc phúc của ngài là cao quý nhất, vì nhân danh Đấng Tối Cao, ngài ban phước lành cho tổ phụ của những người tin, và chính Áp-ra-ham đã đánh giá cao và kính cẩn đón nhận lời chúc phúc này, như người thấp hơn nhận từ Đấng cao hơn. Tất cả những đặc điểm cao quý và ưu thế này chỉ hội tụ nơi Con Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Giê-su Christ.

[6891] Lời hứa này của Đức Chúa Trời dành cho Môi-se không thể bị giới hạn chỉ ở ý nghĩa chữ mặt, tức là sự xuất phát từ Áp-ra-ham của dân tộc Do Thái đông đảo. Lời hứa này mang ý nghĩa Mê-si-a và có mối liên hệ không thể tách rời với những lời hứa khác của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham.

[6892] "Áp-ra-ham đã tin Đức Chúa Trời, và điều đó được kể là sự công bình cho ông," – Sứ đồ nói (Rô-ma 4:3) và chứng minh rằng Áp-ra-ham được xưng công bình chỉ nhờ đức tin của mình (từ "sự thật", "SỰ CÔNG BÌNH" ở đây tất nhiên cũng mang ý nghĩa "sự xưng công bình"). Áp-ra-ham đã tin cậy Đức Chúa Trời, tức là tin chắc vào sự chân thật, sự thánh khiết, sự khôn ngoan, quyền năng và sự vĩnh cửu của Ngài, khi ông với lòng tin đã chấp nhận, bất chấp tuổi thọ đã trăm tuổi, những lời hứa của Đức Chúa Trời về việc ông sẽ sinh ra một người con trai – và đức tin này của Áp-ra-ham đã được tính cho ông như điều mà bản chất của nó không thể là – chính là sự công chính. Sự công chính ở đây có nghĩa là sự vâng phục hoàn hảo theo ý muốn của Đức Chúa Trời, điều mà Áp-ra-ham vào thời điểm đó vẫn chưa đạt được; lúc đó, Đức Chúa Trời đã tính đức tin của ông như có giá trị ngang bằng với sự vâng phục. – Đức Tổng Giám mục Filaret nhận xét rằng việc coi đức tin của Áp-ra-ham là sự công chính đã diễn ra sau một quá trình mặc khải chậm rãi và dần dần. "Đức tin," ngài nói, "là kết quả và đỉnh cao của sự dẫn dắt huyền bí của Đức Chúa Trời: chính nó cũng là khởi đầu và nền tảng của ân sủng của Đức Chúa Trời."

câu non[6893] . Áp-ram canh giữ những xác chết để tránh bị chim săn mồi tấn công[6894] . Khi mặt trời lặn, ông chìm vào giấc ngủ, và nỗi kinh hoàng cùng bóng tối dày đặc bao trùm lấy ông. Lúc đó, Đức Chúa Trời đến gần ông và phán:

– Hãy biết rằng con cháu ngươi trong suốt bốn trăm năm sẽ là những người lưu vong trên đất lạ, và sẽ phải chịu nô lệ và áp bức[6895] . Nhưng Ta sẽ phán xét dân tộc mà họ phải chịu nô lệ, và sau đó họ sẽ trở về đây với của cải dồi dào. Còn ngươi sẽ an nghỉ cùng các tổ phụ của ngươi trong bình an, và sẽ được chôn cất khi đã cao tuổi. Dòng dõi ngươi sẽ không trở về đây cho đến khi đã qua bốn thế hệ[6896] , vì mức độ tội ác của dân Amori vẫn chưa đầy[6897] .

Khi mặt trời lặn và bóng tối buông xuống, khói như từ lò lửa và ngọn lửa bùng lên giữa những con vật đã bị xẻ đôi[6898] . Và vào ngày đó, Đức Giê-hô-va đã lập giao ước của Ngài với Áp-ram như vậy, phán rằng:

– Ta ban cho dòng dõi ngươi vùng đất này, từ sông Ai Cập đến sông Euphrates[6899] .

Đã nhiều năm trôi qua kể từ khi Áp-ram dời đến xứ Ca-na-an. Sau sự mặc khải mà ông nhận được tại Ur của người Ca-đê, Đức Chúa Trời đã ba lần nữa nhắc lại lời hứa về dòng dõi đông đúc sẽ xuất phát từ ông; nhưng Sa-ra, vợ ông, vẫn chưa sinh con, trong khi cả hai đều đã ở tuổi xế chiều. Việc không có con là một thử thách lớn đối với Áp-ra-ham[6900] .

Lúc bấy giờ, Sara, nghĩ rằng trở ngại cho việc thực hiện lời hứa của Đức Chúa Trời nằm ở chính mình, đã đề nghị Áp-ra-ham lấy thêm người tớ gái của mình, là Á-ga, người Ai Cập, làm vợ; và Á-ga đã sinh cho ông một người con trai tên là Ích-ma-ên[6901] .

Khi Áp-ra-ham đã 99 tuổi, Đức Chúa Trời hiện ra với ông và phán:

[6893] Điều này là dấu hiệu hữu hình của Giao Ước giữa Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham, hay là sự cam kết rằng Đức Chúa Trời thực sự sẽ thực hiện lời hứa của Ngài về dòng dõi của Áp-ra-ham và việc họ sẽ thừa hưởng toàn bộ đất Ca-na-an. Ở thời cổ đại, những người tham gia liên minh thường đi qua giữa hai nửa cơ thể của các con vật đã bị xẻ đôi, như một dấu hiệu cho thấy rằng, giống như những phần này trước đây đã từng là một sinh vật sống, thì từ nay trở đi họ cũng sẽ trở thành một linh hồn, một cuộc sống, được dẫn dắt bởi một tinh thần và tạo thành một cộng đồng duy nhất. – Những con vật được đề cập ở đây là những loài từ xưa đến nay theo phong tục thường được dùng trong các lễ tế, bởi vì Áp-ra-ham ở đây đang thực hiện một lễ tế thực sự, và chính là loại lễ tế thường được dùng khi ký kết các hiệp ước long trọng.

[6894] Nhiều người coi các loài chim săn mồi ở đây là hình ảnh tiên tri về những kẻ thù của dòng dõi Áp-ra-ham: chúng tượng trưng cho tất cả các bộ tộc thờ thần tượng, những kẻ đã cố gắng hoặc tiêu diệt dân Y-sơ-ra-ên, hoặc cản trở việc thực hiện giao ước bằng cách lôi kéo họ vào việc thờ thần tượng.

[6895] Ở đây tất nhiên ám chỉ sự nô lệ của người Do Thái tại Ai Cập. Con số tròn 400 năm được đưa ra thay cho 405, bởi vì đó là số năm trôi qua từ khi Isaac ra đời cho đến khi người Do Thái ra khỏi Ai Cập. Isaac, với tư cách là người lữ hành và người ngoại lai đầu tiên trong dòng dõi Áp-ra-ham, sinh năm 1901 trước Công nguyên, còn người Do Thái ra khỏi Ai Cập vào năm 1496.

[6896] Nếu tính sơ bộ, bốn dòng dõi hay thế hệ kế tiếp nhau có thể là Lê-vi, con trai của Gia-cốp, Ca-phát, Am-ram và Môi-se, trong khoảng thời gian 268 năm.

[6897] Dân Amori – dân Canaan – xuất phát từ Amori, con trai của Canaan, con trai của Ham – là những kẻ thù không đội trời chung và ngoan cố của người Do Thái; trước đây họ sống ở phía tây Biển Chết, nhưng sau đó đã lan rộng sang các vùng khác – phía đông Biển Chết và sông Jordan; họ chủ yếu chiếm giữ vùng trung tâm của xứ Canaan và hình thành nên một số vương quốc hùng mạnh. – Trong Kinh Thánh, "khi thước đo sự gian ác được lấp đầy" có nghĩa là sự suy đồi tinh thần cuối cùng và sự diệt vong của các xã hội và dân tộc, việc Đức Chúa Trời từ bỏ họ, sự phán xét đối với họ và sự hủy diệt của họ.

[6898] Áp-ra-ham không đi qua giữa những con vật bị xẻ đôi; chỉ có hình ảnh hữu hình của Đức Giê-hô-va đi qua, tức là đó là giao ước của ân điển, ân huệ đã được hứa ban và xác nhận một cách cụ thể qua nghi lễ giao ước. Khói và ngọn lửa – hai biểu tượng tượng trưng cho dòng dõi Áp-ra-ham, giữa những cám dỗ và gian khổ của chế độ nô lệ, và chính Đức Chúa Trời, sự mặc khải và lời hứa của Ngài là ánh sáng và niềm an ủi trong bóng tối của nỗi đau khổ. Như vậy, khói tượng trưng cho những đau khổ của Y-sơ-ra-ên, còn ngọn lửa tượng trưng cho sự giải cứu.

[6899] Sông Ai Cập, tức là sông Nile. Sông Euphrates – con sông lớn của Mesopotamia, bắt nguồn từ dãy núi Armenia và đổ ra Vịnh Ba Tư. Vùng đất được đề cập ở đây lẽ ra sẽ hoàn toàn thuộc về dân Y-sơ-ra-ên, nếu họ vẫn trung thành với giao ước với Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, mặc dù sự suy đồi của dân tộc đã cản trở việc thực hiện những điều đã được định sẵn, tất cả các vùng đất nằm giữa cửa sông Nile phía đông và sông Euphrates đều từng tạm thời thuộc về dòng dõi Áp-ra-ham.

[6900] Việc vô sinh luôn được coi là sự sỉ nhục trong cộng đồng Do Thái, còn khả năng sinh sản lại là một phước lành đặc biệt từ Đức Chúa Trời. Chính vì vậy mà Sara đã đề nghị cho chồng mình người tớ gái của mình, để lời hứa sớm được ứng nghiệm. Còn Áp-ra-ham, theo luật lệ phương Đông, do không có chỉ dẫn trực tiếp từ Chúa rằng chính từ Sa-ra ông sẽ có con trai, nên ông có thể lấy vợ thứ hai mà không cần ly dị vợ đầu, mặc dù việc ly dị không chỉ được phong tục cho phép mà còn được ghi vào Luật Môi-se.

[6901] Ismael – từ tiếng Do Thái: "người được Đức Chúa Trời lắng nghe" – được đặt tên như vậy vì Đức Chúa Trời đã thương xót nỗi khổ của Hagar khi bà, đang mang thai, chạy trốn vào sa mạc để thoát khỏi sự ngược đãi của Sara, Ngài đã ra lệnh cho bà trở về và ban cho bà một người con trai.

– Ta là Đức Chúa Trời Toàn Năng; hãy bước đi trước mặt Ta và sống một cách vô tội: Ta sẽ lập giao ước của Ta với ngươi và ban cho ngươi dòng dõi đông đúc vô cùng.

Áp-ram, trong lòng tràn đầy sự kính sợ và trung thành, đã sấp mặt xuống đất. Đức Chúa Trời phán với ông:

– Từ nay ngươi sẽ không còn được gọi là Áp-ram nữa, nhưng tên ngươi sẽ là Áp-ra-ham[6902] ; vì Ta sẽ làm cho ngươi trở thành cha của nhiều dân tộc. Các dân tộc và các vua sẽ xuất phát từ ngươi; và Ta sẽ lập giao ước vĩnh cửu của Ta với ngươi và con cháu ngươi[6903] , rằng Ta sẽ là Đức Chúa Trời của ngươi và con cháu ngươi sau ngươi, và Ta sẽ ban cho các ngươi cả xứ Canaan làm cơ nghiệp đời đời[6904] . Dấu hiệu hữu hình của giao ước giữa Ta và các ngươi là tất cả nam giới trong các ngươi phải chịu cắt bì. Vào ngày thứ tám kể từ khi sinh ra, mọi trẻ sơ sinh nam đều phải được cắt bì, không chỉ con cái của các ngươi, mà cả những nô lệ đã mua bằng bạc từ các dân ngoại. Ai không chịu cắt bì, như kẻ vi phạm giao ước của Ta, sẽ bị tách khỏi cộng đồng dân tộc mình[6905] . Đừng gọi Sara, vợ ngươi, là Sara nữa, mà hãy đặt tên nàng là Sarra[6906] . Ta sẽ ban phước cho nàng, và từ nàng sẽ sinh ra các dân tộc, các vua của các dân tộc sẽ xuất phát từ nàng.

Áp-ra-ham vui mừng và cười lớn, nhưng đồng thời trong lòng ông cũng thắc mắc:

– Lẽ nào một người trăm tuổi lại có thể có con? Và lẽ nào Sarra, ở tuổi chín mươi, lại có thể sinh con?

Nhưng Đức Chúa Trời đã lặp lại lời hứa của Ngài và tiên tri tên của con trai tương lai của họ – Y-sác.

Ngay sau đó, Đức Chúa Trời lại hiện ra với Áp-ra-ham tại rừng sồi Mamre – như sau. Một ngày nọ vào giữa trưa, Áp-ra-ham đang ngồi trước lều của mình. Khi ngước mắt lên, ông thấy trước mặt có ba người lữ hành. Ông lập tức vội vã chạy ra đón họ, cúi mình xuống đất và nói với người đứng đầu:

– Thưa ngài! Nếu tôi được ngài ân sủng, xin đừng đi qua trước mặt tôi tớ của ngài. Xin cho phép tôi mang chút nước đến rửa chân cho các ngài[6907] ; sau đó, xin các ngài nghỉ ngơi dưới gốc cây này[6908] . Còn tôi sẽ mang bánh mì đến để các ngài dùng làm thức ăn trên đường đi.

[6902] Tên gọi Áp-ram là một danh hiệu tôn kính, có nghĩa là: "cha của sự cao cả", "cha cao quý". Còn Áp-ra-ham – tên này thể hiện sự ứng nghiệm của lời hứa, có nghĩa là: "cha của sự đông đúc", hay "cha của nhiều dân tộc". Đức Tổng Giám mục Filaret nhận xét rằng việc đổi tên thường được các vị vua ở phương Đông áp dụng khi họ tôn vinh ai đó. Áp dụng điều này vào trường hợp này, Đức Chúa Trời, khi tôn vinh Áp-ra-ham, đã đổi tên cho ông.

[6903] Giao ước vĩnh cửu được thiết lập qua Áp-ra-ham không chỉ với dòng dõi xác thịt của ông, tức dân Y-sơ-ra-ên, mà còn hơn thế nữa với toàn thể nhân loại, hiểu rằng dưới danh xưng này là những ai đã đón nhận lời hứa bằng đức tin; chính vì vậy, nó được gọi là giao ước vĩnh cửu theo ý nghĩa Mê-si-a.

[6904] Di sản vĩnh cửu của xứ Canaan cần được hiểu theo ý nghĩa huyền bí và tiên tri, tức là Nước Trời và Thánh Giáo Hội của Đấng Kitô.

[6905] Việc cắt bì (phần da thịt sâu thẳm nhất) là dấu hiệu của giao ước giữa Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham và dòng dõi của ông, đồng thời là dấu ấn phân biệt những người tin theo Cựu Ước với dân ngoại. Trong ý nghĩa cao cả và huyền bí nhất, việc cắt bì là hình bóng của phép rửa Kitô giáo. Ý nghĩa này của việc cắt bì được Thánh Phaolô giải thích khi ngài gọi việc cắt bì của Áp-ra-ham là "dấu ấn của sự công chính trong đức tin" (Rm 4,11), còn việc cắt bì không do tay người thực hiện của chúng ta thì ngài gọi là "việc cắt bì của Đức Kitô" (Cl 2,11). Trong trường hợp đầu tiên là lời hứa, còn trong trường hợp thứ hai là sự ứng nghiệm; hơn nữa, trong trường hợp sau, con người bên trong được cắt bì, từ chối ma quỷ và mọi việc làm của nó; đây là sự cắt bì mà, theo lời vị Tông đồ, được thực hiện trong lòng, theo Thánh Thần, chứ không phải theo chữ viết. Cũng như qua việc cắt bì, con người gia nhập cộng đồng những người tin Chúa, thì qua phép rửa, con người cũng gia nhập cộng đồng những người tin vào Đấng Christ (Giăng 3:5; 1 Cô-rinh-tô 12:13); và cũng như việc cắt bì có ý nghĩa to lớn, với điều kiện là trung thành với Đức Chúa Trời và tuân giữ chính xác các điều răn của Ngài, thì phép báp-tem cũng cứu rỗi chúng ta không phải bằng cách rửa sạch sự ô uế của xác thịt, mà là bằng cách loại bỏ tội lỗi, hay theo lời Sứ đồ, là cởi bỏ thân xác tội lỗi, hứa ban lương tâm trong sạch, và sự sống lại của Đấng Christ (1 Phi-e-rơ 3:21; Ê-phê-sô 5:26–27; Phi-líp 3:3, 9–11; Cô-lô-se 2:11–13; Rô-ma 6:2–14). Và bởi vì vị Tông đồ đặt phép cắt bì không do tay người làm (phép rửa) vào mối liên hệ mật thiết với sự phục sinh của Đấng Cứu Thế, nên ngay trong chính sự chỉ định của Đức Chúa Trời về thời hạn tám ngày cho phép cắt bì trong Cựu Ước, các vị Giáo phụ đã nhìn thấy một hình bóng, – chỉ về ngày Phục sinh của Đấng Christ, diễn ra vào ngày thứ tám sau ngày thứ bảy, ngày Chủ nhật đã báo trước sự xưng công chính của chúng ta trong Đấng Christ và việc loại bỏ sự ô uế xác thịt qua phép rửa. Vì vậy, trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, phép rửa cho trẻ sơ sinh thường được cử hành vào ngày thứ tám sau khi sinh.

[6906] Tên đầu tiên là Sara có nghĩa là "quyền thống trị", tức là "bà chủ", và là một danh hiệu tôn kính chung. Còn tên Sarra có nghĩa là "công chúa" hoặc "người phụ nữ cao quý"; chính trong cái tên này đã chứa đựng lời tiên tri được nêu ra sau đó, rằng từ bà sẽ sinh ra các vị vua.

[6907] Vào thời cổ đại, những người lữ hành chỉ đi dép (đế gỗ hoặc da, được buộc vào chân bằng dây thắt), và việc rửa chân sau chuyến đi là nghi thức hiếu khách đầu tiên, đặc biệt là ở phương Đông.

[6908] Cây sồi Mamre, dưới tán cây mà Áp-ra-ham đã vinh dự được tiếp đón chính Đức Chúa Trời, theo lời chứng của Thánh Giê-rô-ni-mô, đã tồn tại từ trước thời Hoàng đế Con-stan-ti-ô (tức là khoảng giữa thế kỷ IV) và luôn được chỉ dẫn cho những người hành hương thành kính đến các thánh địa. Hiện nay, địa điểm thiêng liêng này cùng với cây sồi còn sót lại thuộc về Phái bộ Jerusalem của Nga.

Những người lữ hành[6909] đã đồng ý với lời đề nghị của ông. Lúc đó, Áp-ra-ham vội vã chạy vào lều gặp Sa-ra và bảo bà nhanh chóng nhào bột lúa mì để nướng bánh không men; sau đó, ông chạy ra đàn gia súc, chọn một con bê non, mập mạp và ra lệnh cho người đầy tớ của mình chế biến nó. Khi bánh mì không men và con bê đã được chế biến xong, Áp-ra-ham lấy thêm phô mai và sữa, rồi dọn tất cả ra trước mặt các vị khách. Họ bắt đầu ăn, còn Áp-ra-ham lúc đó đứng dưới gốc cây, phục vụ họ. Trong bữa ăn, những người lữ hành hỏi Áp-ra-ham:

– Sara, vợ ông đâu rồi?

– Bà ấy ở đây, trong lều, – Áp-ra-ham trả lời.

Rồi một trong số họ – đó chính là Đức Chúa Trời – nói: – Vào năm sau, khi Ta lại đến với ngươi vào cùng thời điểm này, vợ ngươi là Sara sẽ sinh một con trai.

Sara đang đứng ở cửa lều. Nghe lời tiên tri, bà cười thầm và tự nhủ:

– Lão như tôi mà còn được hưởng niềm an ủi này sao? Chồng tôi cũng đã già rồi.

Nhưng Đức Chúa Trời phán cùng Áp-ra-ham:

– Tại sao Sara lại cười? Chẳng lẽ có điều gì là không thể đối với Đức Chúa Trời sao? Vào thời hạn đã định, Ta sẽ đến với ngươi, và Sara sẽ sinh một con trai.

Lúc đó, Sara cảm thấy sợ hãi. Bà cảm nhận được mình đang đứng trước Quyền Năng Thần Thánh tối cao, Đấng thấu hiểu những cảm xúc thầm kín trong lòng bà, và trong sự bối rối, bà vội vàng khẳng định rằng mình không hề cười. Nhưng Chúa đã vạch trần cô và một lần nữa khẳng định rằng cô đã cười. Bằng cách đó, Ngài đã tỏ ra là Đấng Thấu Hiểu Lòng Người, đồng thời dạy Sara phải chú ý hơn đến những suy nghĩ của chính mình và vâng phục các lời hứa thiêng liêng nhiều hơn.

Sau đó, những người lữ hành đứng dậy và tiếp tục hành trình từ đó đến Sô-đôm. Còn Áp-ra-ham, theo lời của Sứ đồ, *"đã tin với niềm hy vọng vượt trên mọi hy vọng, nhờ đó trở thành cha của nhiều dân tộc, như lời đã phán: 'Dòng dõi ngươi sẽ đông đúc như vậy'". Và, không hề suy sụp trong đức tin, ông không nghĩ rằng thân thể mình, đã gần trăm tuổi, đã trở nên vô sinh, và tử cung của Sarra cũng đã vô sinh; ông không dao động trước lời hứa của Đức Chúa Trời vì sự hoài nghi, nhưng vẫn vững vàng trong đức tin, tôn vinh Đức Chúa Trời và hoàn toàn tin chắc rằng Ngài có quyền năng để thực hiện những điều đã hứa. Vì thế, điều đó đã được tính là công chính cho ông*" (Rô-ma 4:18–22)[6910] . Tin vào lời hứa đầy ân sủng về dòng dõi đông đúc sẽ sinh ra từ ông, Áp-ra-ham đã tiễn đưa các vị khách thiêng liêng của mình với niềm vui, lòng biết ơn và sự kính sợ Chúa tràn đầy.

Trên đường đi, Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho Áp-ra-ham về ý định của Ngài là hủy diệt cư dân của Sô-đôm và Gô-mô-ra vì vô số tội ác của họ. Áp-ra-ham bắt đầu nài xin Đức Chúa Trời tha thứ cho các thành phố gian ác đó, với lý do rằng trong đó sẽ có ít nhất năm mươi người công chính. Nhưng không tìm thấy đủ số người công chính như vậy trong các thành phố đó. Sau đó, Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham, theo lời cầu nguyện của ông, sẽ tha thứ cho các thành phố gian ác, nếu ở đó có ít nhất bốn mươi, rồi ba mươi, hai mươi và cuối cùng là ít nhất mười người công chính. Nhưng ngay cả con số người công chính đó cũng không tìm thấy ở Sô-đôm và Gô-mô-ra. Lúc đó, số phận của các thành phố gian ác đã được định đoạt. Tuy nhiên, lời cầu thay của Áp-ra-ham không phải là vô ích và hoàn toàn vô kết quả; vì cháu trai của ông là Lót đã được cứu khỏi sự diệt vong chung.

Vào buổi tối, hai Thiên thần đã viếng thăm Áp-ra-ham, dưới hình dạng những người lữ hành, đến thành Sô-đôm, khi Lót đang ngồi ở cổng thành. Thấy những người lữ hành, Lót liền cúi mình xuống đất và nói:

– Thưa các ngài! Xin hãy vào nhà tôi tớ của các ngài để nghỉ qua đêm, rửa chân cho sạch, rồi sáng mai các ngài sẽ tiếp tục hành trình.

Khi những người lữ hành bắt đầu từ chối, nhằm thử lòng Lót, và khước từ lòng hiếu khách của ông, thì ông đã nài nỉ họ rất nhiều, và họ đã vào nhà. Lót đã chuẩn bị bánh mì không men và mời họ dùng bữa, và họ đã ăn. Chưa kịp đi ngủ, dân thành Sô-đôm từ khắp các ngõ ngách trong thành đã vây quanh nhà Lót và đòi giao nộp những người lữ hành. Lót ra ngoài để trấn an họ và khuyên can, xin họ đừng làm hại những người lữ hành đang được ông

---

[6909] Một trong những người lữ hành đó, những người mà các Thiên thần đã hiện ra trước Áp-ra-ham, chính là Đức Chúa Trời – Giê-hô-va, Đấng tại đoạn Kinh Thánh Sáng Thế Ký này (Sáng Thế Ký 17:9) được phân biệt rõ ràng với các Thiên thần khác. Trong sự hiện ra của ba Thiên thần, một số người nhìn thấy sự hiện ra của mầu nhiệm vĩ đại về Ba Ngôi Thánh, đó là lý do tại sao để miêu tả mầu nhiệm này, người ta thường sử dụng hình ảnh ba người lữ hành hiện ra trước Áp-ra-ham.

[6910] Rô-ma 4:18–22. Về ý nghĩa của đức tin này của Áp-ra-ham, xem phần trên. "Sự công chính" – sự xưng công chính; "hơn cả sự trông cậy, ông đã tin cậy", tức là, dù không có cơ sở để hy vọng, ông vẫn tin, được thúc đẩy bởi niềm hy vọng dựa trên những điều mắt không thấy và trí óc không hiểu – đó là Đức Chúa Trời và lời hứa của Ngài.

tiếp đãi; nhưng họ sỉ nhục ông và đe dọa sẽ phá cửa. Lúc đó, các Thiên thần, vốn đã hiện thân dưới hình dạng những người lữ hành, đã khiến dân Sodom bị mù lòa, rồi dẫn Lót vào nhà và ra lệnh cho ông đưa người thân của mình ra khỏi thành phố, nơi đã bị kết án diệt vong vì những tội ác; đồng thời, các Thiên thần đã tiết lộ cho Lót biết thân phận của họ, khẳng định rõ ràng rằng họ được Chúa sai đến với ông. Bình minh đã ló rạng, nhưng Lót vẫn còn chần chừ. Lúc đó, các Thiên thần nắm tay ông, vợ ông và các con gái, dẫn họ ra ngoài. Một trong các Thiên thần nói với Lót:

– Hãy cứu lấy mạng sống của ngươi; đừng ngoái lại phía sau, và đừng dừng chân ở bất cứ đâu trên đồng bằng này; hãy chạy lên núi[6911] để ngươi khỏi bị chết.

Nhưng Lót nói:

– Không, lạy Chúa! Nô bộc của Ngài đã được Ngài thương xót, và lòng nhân từ của Ngài dành cho tôi thật lớn lao khi Ngài đã cứu mạng sống tôi; nhưng tôi không thể trốn lên núi, kẻo tai họa ập đến và tôi sẽ chết. Thành phố này gần hơn – dù nó nhỏ bé; xin hãy cho phép tôi chạy trốn vào đó, để mạng sống tôi được bảo toàn tại đó.

Thiên thần đáp:

– Vì ngươi, Ta sẽ làm điều này và sẽ không hủy diệt thành phố này; hãy chạy trốn vào đó, nhưng đừng chậm trễ chút nào: vì Ta không thể hoàn thành công việc của Ta cho đến khi ngươi đến đó.

Lòng thương xót của Đức Chúa Trời dành cho những người công chính thật là lớn lao! Vì Lót, người yếu đuối về ý chí nhưng trong sạch về tâm hồn, và vì mối quan hệ họ hàng của ông với Áp-ra-ham, người được Chúa chọn, nên Chúa không chỉ ban sự cứu rỗi cho thành phố, mà còn vì lòng thương xót của Ngài mà trì hoãn việc thi hành sự trừng phạt công bằng của Ngài đối với các thành phố gian ác, cho đến khi Lót kịp thoát thân.

Khi Lót đến được thành phố này, mặt trời đã lặn. Lúc đó, Chúa đã đổ lưu huỳnh và lửa từ trời xuống trên Sô-đôm, Gô-mô-ra, A-đa-ma và Sê-vô-im dưới hình thức mưa, và hủy diệt các thành phố này cùng toàn bộ vùng đồng bằng với tất cả dân cư của chúng – và cả vùng đất đó đã biến thành một hồ muối[6912] .

Vợ của Lót đã không tuân theo mệnh lệnh của Thiên Thần: trên đường rời khỏi Sô-đôm, bà đã ngoái nhìn lại; nhưng ngay lập tức biến thành cột muối. Còn Lót, vì sợ phải ở lại Si-gôr, đã cùng hai con gái lên núi và sống trong một hang động ở đó.

Trong khi đó, cuối cùng Đức Chúa Trời đã ban ân sủng cho Sara. Khi Áp-ra-ham tròn một trăm tuổi, bà đã sinh cho ông một người con trai, người mà ông, theo lời tiên tri của chính Đức Chúa Trời, đã đặt tên là Y-sác. Vào ngày thứ tám, Áp-ra-ham đã cắt bì cho con trai mình, như Đức Chúa Trời đã truyền dạy. Và Sara, lúc bấy giờ đã chín mươi tuổi, đã nói:

– "Đức Chúa Trời đã ban cho tôi niềm vui '[6913] '; ai nghe tin về tôi cũng sẽ vui mừng. Ai có thể nói với Áp-ra-ham rằng: 'Sa-ra sẽ cho con bú?' Vì khi ông đã cao tuổi, tôi mới sinh được con trai."

Khi đứa trẻ lớn lên và đã cai sữa, Áp-ra-ham đã tổ chức một bữa tiệc lớn nhân dịp này. Sa-ra, thấy Ích-ma-ên – đứa con mà Áp-ra-ham có với Á-ha-rơ, người Ai Cập – đang chế nhạo con trai mình là Y-sác, bèn nói với Áp-ra-ham:

– Hãy đuổi người nữ tỳ này và con trai của cô ta đi; vì con trai của người nữ tỳ này sẽ không được thừa kế cùng với con trai tôi là Y-sác.

Áp-ra-ham rất buồn khi nghe những lời này; với tư cách là người cha, ông yêu thương và thương xót Ích-ma-ên. Nhưng Đức Chúa Trời phán cùng ông rằng:

[6911] "Dưới núi" ở đây ám chỉ dãy núi Moab. Sigor, nơi Lót tìm được nơi ẩn náu để thoát khỏi sự hủy diệt, theo bản văn Do Thái là Zoar – trước đây gọi là Bela – là một trong năm thành phố liên minh nằm trong thung lũng sông Jordan và là thành phố cực nam của vùng đất này, nằm giữa đường đến dãy núi Moab.

[6912] Biển Muối hay Biển Chết nằm ở cực nam của thung lũng sông Jordan, được bao quanh bởi những vách đá nhọn và trơ trọi. Nó được gọi là Biển Muối vì chứa rất nhiều muối; ngoài ra, ở đây còn có rất nhiều nhựa đường hoặc nhựa núi, thứ mà cho đến nay vẫn trồi lên từ đáy hồ, nổi lên bề mặt và tạo ra hơi bốc lên trong không khí. Biển này được gọi là Biển Chết vì không có loài động vật nào có thể tồn tại trong nước của nó. Ngay cả bờ biển của nó, được bao phủ bởi các tinh thể muối, cũng thể hiện một khung cảnh hoàn toàn vắng bóng sự sống; ngay cả những gốc cây, thấm đẫm dung dịch muối kiềm, cũng trở nên hóa đá. Như vậy, Biển Chết là một minh chứng rõ rệt về lời nguyền và sự trừng phạt của Đức Chúa Trời đối với các thành phố vô đạo. Biển Chết có hình dạng thuôn dài và trải dài từ bắc xuống nam khoảng 20 giờ đường đi; độ sâu của nó ở phần phía bắc đạt 1.318 feet hoặc khoảng 190 sải, trong khi phần phía nam thì rất cạn.

[6913] Tên "Isaac" trong tiếng Do Thái có nghĩa là "tiếng cười". Isaac được đặt tên như vậy vì Sarah, mẹ của cậu, đã cười khi nghe lời hứa về sự ra đời của cậu; nhưng cậu còn được đặt tên như vậy vì trong tên này ẩn chứa hình ảnh tiên tri bí ẩn về ngày của Đấng Christ, mà chính Đấng Cứu Thế đã phán: *"Áp-ra-ham, tổ phụ các ngươi, đã vui mừng được thấy ngày của Ta; và ông đã thấy và vui mừng"* (Giăng 8:56).

– Đừng buồn phiền vì đứa trẻ và người nữ tỳ của ngươi; trong mọi điều mà Sara nói với ngươi, hãy vâng theo lời nàng; vì qua Y-sác, dòng dõi ngươi sẽ được gọi tên. Tuy nhiên, Ta cũng sẽ làm cho dòng dõi của con trai người nữ tỳ ấy trở thành một dân tộc, vì nó cũng là dòng dõi của ngươi[6914] .

Lúc bấy giờ, Áp-ra-ham, với lòng vâng phục trọn vẹn ý muốn của Đức Chúa Trời, đã để Hagar cùng con trai cô là Ishmael ra đi. Trong hành trình lang thang, họ bị lạc trong sa mạc và suýt chết vì khát, nhưng Đức Chúa Trời đã cứu họ một cách kỳ diệu và an ủi người mẹ đang đau khổ bằng lời hứa sẽ lập nên một dân tộc vĩ đại từ con trai cô[6915] .

Vào thời điểm đó, Áp-ra-ham được các vua và các chúa tể lân cận ở Ca-na-an kính trọng và nể phục vô cùng. Sự che chở tối cao và phước lành đặc biệt của Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham rõ ràng đến mức Ai-mi-léc, vua Gera, đã tìm cách kết liên minh với ông. Nhưng ngay cả sau đó, Áp-ra-ham vẫn tiếp tục sống như một người lữ hành, không có nơi ở cố định nào cho riêng mình.

Cả cuộc đời Áp-ra-ham trôi qua giữa muôn vàn thử thách, trở thành tấm gương về sự kiên nhẫn, đức tin vững chắc và bất diệt, sự trông cậy vào Đức Chúa Trời, cùng sự tận tụy hoàn hảo đối với ý muốn của Ngài. Nhưng đức tin của ông phải càng thêm vững chắc hơn nữa, sau tất cả những ân huệ mà Chúa đã ban cho ông. Và thế là, sau nhiều năm cuộc đời ông, Chúa đã gửi đến ông thử thách cuối cùng, vượt quá sức chịu đựng của một con người bình thường. Để thử thách đức tin của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời đã phán với ông rằng:

– Hãy đem con trai duy nhất mà ngươi yêu thương, là Y-sác, đi đến xứ Mô-ri-a, và tại đó, hãy dâng nó làm của lễ thiêu trên một trong những ngọn núi mà Ta sẽ chỉ cho ngươi.

Bất chấp sự phi thường của mệnh lệnh ấy và tình yêu thương vô bờ bến dành cho Y-sác, Áp-ra-ham không hề nghi ngờ rằng đó là mệnh lệnh từ Đức Chúa Trời, và rằng ông phải tuân theo mà không hề phản kháng. Lòng trung thành của ông đối với Đức Chúa Trời lớn lao đến mức ông không ngần ngại dâng con trai duy nhất và yêu quý nhất của mình làm của lễ cho Ngài. Đồng thời, ông tin rằng Ít-sa-ác, người giờ đây phải chết mà không có con cái, theo những lời hứa đã được ban trước đó, sẽ trở thành tổ phụ của một dân tộc và là tổ tiên của Đấng Cứu Thế được hứa ban. Ông tin, như lời vị Tông đồ đã nói, rằng Đức Chúa Trời có quyền năng để làm cho con trai của lời hứa sống lại từ cõi chết (Hê-bơ-rơ 11:19). Và thế là, không tiết lộ ý định của mình cho ai, sáng sớm hôm đó, Áp-ra-ham đã thắng lừa, dẫn theo Y-sác và hai người đầy tớ, chất củi để dâng lễ thiêu, rồi lên đường đến vùng núi của dân Giê-vu-sê, nơi mà Đức Chúa Trời đã chỉ cho ông[6916] . Vào ngày thứ ba, nhờ một dấu hiệu đặc biệt từ Đức Chúa Trời, Áp-ra-ham đã nhìn thấy từ xa ngọn núi được chỉ định để dâng của lễ. Lúc đó, ông ra lệnh cho các đầy tớ ở lại đó cùng con lừa, rồi lấy củi để dâng của lễ thiêu, giao cho Y-sác mang, còn chính ông cầm lửa và con dao trong tay – và cả hai cùng nhau lên núi.

[6914] Như Thánh Phaolô đã trình bày chi tiết trong Thư gửi tín hữu Galát, Hagar và Sara là hình ảnh tiên báo của hai Giao Ước: Cựu Ước và Tân Ước, cũng như Ismael và Isaac – các thành viên của Hội Thánh Cựu Ước và Tân Ước (Gal 4:22–31). Hagar – người nữ tớ – là hình ảnh của Hội Thánh Cựu Ước, sống dưới luật pháp, mang tính chất nô lệ. Như vậy, Ismael, con trai của người nữ tớ và Áp-ra-ham theo xác thịt, đã tiên báo về dân Do Thái, những người trước khi Đức Kitô đến được coi là những người duy nhất sở hữu các lời hứa thiêng liêng của Thiên Chúa. Sara tượng trưng cho Tân Ước, cũng như Isaac tượng trưng cho các Kitô hữu, những con cái tự do của Tân Ước, những con cái của lời hứa, giống như Isaac, chứ không phải do dòng dõi xác thịt; vì trong bí tích Rửa tội, khi gia nhập Hội Thánh của Chúa Kitô, chúng ta được sinh ra không phải theo bản tính, mà theo lời hứa của Thiên Chúa. Và cũng như Hagar cùng Ismael đã bị Áp-ra-ham đuổi đi, thì Hội đường Do Thái, với sự xuất hiện của Giao Ước Mới, cũng bị loại bỏ, và ách nô lệ của Luật pháp đã được gỡ bỏ khỏi các con cái của Hội Thánh tự do của Đấng Christ; gia tài của ân sủng và mọi lời hứa về sự sống đời đời trong Đức Kitô sẽ thuộc về những con cái của sự tự do Kitô giáo, còn những người Do Thái – những con cái của sự nô lệ, những kẻ muốn độc chiếm gia tài ấy cho riêng mình – sẽ bị tước đoạt. Cũng như Sara trước đây vô sinh nhưng sau đó đã sinh ra con trai của lời hứa, thì Hội Thánh Tân Ước, vốn vô sinh trước khi Đức Kitô đến, cũng sẽ sinh ra, theo lời tiên tri (Is 64,1), nhiều con cái hơn cả người có chồng, tức là hội đường Do Thái; vì lời hứa của Đức Chúa Trời bao trùm mọi dân tộc, và nhờ ân sủng, tất cả đều được đón nhận vào Hội Thánh Tân Ước của Đấng Christ.

[6915] Thật vậy, từ Ismael đã sinh ra một dòng dõi đông đảo. Mười hai người con trai của ông là tổ tiên của mười hai bộ tộc Ả Rập, những người cho đến nay vẫn sống du mục, giữ vững sự độc lập và bản tính hoang dã của tổ tiên mình. Sống ở Ả Rập, họ sau đó đã hòa nhập với các dân tộc du mục khác dưới tên chung là người Ả Rập hay người Ả Rập.

[6916] Dân Yevus – một dân tộc Canaan, có nguồn gốc từ Yevus, con trai của Ham – thuộc về những cư dân cổ xưa nhất của xứ Canaan. Vùng đất của họ nằm ở cùng khu vực mà sau này thành Giê-ru-sa-lem được xây dựng, tại vị trí thành phố Giê-vu-sê của họ trên núi Si-ôn. Mô-ri-a – trong tiếng Do Thái có nghĩa là "nơi do Đức Chúa Trời chỉ định"; đó là tên gọi của vùng đất của người Giê-vu-sê và ngọn núi trong vùng đất đó, nơi mà Áp-ra-ham, theo chỉ dẫn của Đức Chúa Trời, đã định dâng Y-sác làm của lễ cho Đức Chúa Trời. Ê-phra-im Si-rin truyền lại một truyền thuyết cổ xưa, theo đó việc dâng I-sa-ác làm của lễ đã diễn ra trên đỉnh ngọn núi đó, nơi mà của lễ thập tự thánh thiêng liêng nhất của Đấng Christ – Con Thiên Chúa – đã được thực hiện.

Và Y-sác nói với Áp-ra-ham:

– Thưa cha! Đây là lửa và củi rồi, – còn con chiên để dâng tế lễ toàn thiêu đâu?

Áp-ra-ham đáp:

– Đức Chúa Trời sẽ tự chọn cho Ngài một con chiên để dâng làm của lễ thiêu, hỡi con trai ta. Rồi cả hai cùng tiếp tục đi.

Khi đến nơi mà Đức Chúa Trời đã chỉ định, Áp-ra-ham dựng bàn thờ tại đó, xếp củi lên, rồi trói con trai mình là Y-sác lại và đặt cậu lên bàn thờ, trên đống củi. Áp-ra-ham giơ tay lên, cầm con dao để đâm con trai mình.

Nhưng ngay lúc đó, một tiếng nói thiêng liêng vang lên từ trời:

– Áp-ra-ham! Áp-ra-ham!

Áp-ra-ham dừng lại để lắng nghe mệnh lệnh của Đức Chúa Trời.

– Đừng giơ tay lên chống lại đứa trẻ, – Đức Chúa Trời tiếp lời, – và đừng làm gì với nó cả; vì bây giờ Ta biết rằng ngươi kính sợ Đức Chúa Trời, và đã không tiếc con trai duy nhất của ngươi vì Ta.

Lúc đó, Áp-ra-ham, tràn ngập niềm vui và lòng biết ơn sâu sắc đối với Đức Chúa Trời, ngước mắt lên khỏi mặt đất và thấy phía sau mình có một con cừu đực bị mắc kẹt sừng vào bụi rậm. Rồi ông cởi trói cho Y-sác, lấy con cừu đực đó và dâng nó làm của lễ thiêu thay cho Y-sác, con trai mình[6917] .

Sau đó, Đức Chúa Trời lại phán với Áp-ra-ham từ trên trời:

– Ta thề rằng, vì ngươi đã làm việc này, và không tiếc con trai duy nhất của ngươi cho Ta, nên Ta sẽ ban phước cho ngươi dồi dào, và làm cho dòng dõi ngươi trở nên đông đúc như các vì sao trên trời và cát trên bờ biển, và dòng dõi ngươi sẽ chiếm lấy các thành của kẻ thù mình, và mọi dân tộc trên đất sẽ được chúc phúc nhờ dòng dõi ngươi, vì ngươi đã vâng theo tiếng Ta.

Sau khi nhận được lời hứa vĩ đại và đầy ân sủng này, Áp-ra-ham và Y-sác trong sự kính sợ và vui mừng đã xuống núi và trở về Beersheba[6918] , nơi Áp-ra-ham đang cư ngụ lúc bấy giờ.

Mười hai năm sau đó, Sa-ra, vợ của Áp-ra-ham, qua đời và được chôn cất trong hang Ma-hê-pê-lê[6919] đối diện với Ma-mơ-rê, sau này là Hê-bron thuộc xứ Ca-na-an.

[6917] Theo giáo lý của Giáo Hội, việc Áp-ra-ham dâng Ít-xa-ác làm của lễ cho Thiên Chúa đã tiên báo một cách huyền nhiệm về sự hy sinh trên thập giá của Đấng Cứu Thế, cái chết và sự phục sinh của Ngài. Giống như Áp-ra-ham, người đã hoàn toàn phó thác mình cho ý muốn của Đức Chúa Trời và không tiếc con trai duy nhất của mình để dâng làm của lễ cho Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời cũng *"không tiếc Con Một của Ngài, nhưng đã phó Ngài vì tất cả chúng ta"* (Rô-ma 8:32) để chịu đau khổ và chết trên thập tự giá. Các vị Thánh Phụ và các nhà giảng dạy của Giáo Hội nhận thấy những nét tiên báo về Đấng Mê-si-a ngay trong từng chi tiết của lễ dâng hiến Ít-sa-ác. Ít-sa-ác rời khỏi nhà cha mình để đến nơi được chỉ định cho lễ dâng hiến: Đấng Ki-tô cũng phải ra khỏi Giê-ru-sa-lem và chịu khổ nạn bên ngoài cổng thành (Hê-bơ-rơ 12:11). Khi Isaac đi đến nơi hiến tế, con lừa và các tôi tớ của ông đi theo sau: cũng vậy, khi Đức Kitô phải đi chịu khổ nạn, Ngài đã cưỡi trên con lừa con, biểu lộ ơn gọi dành cho các dân ngoại; các môn đệ của Ngài cũng đi theo sau với những cành cọ. Nhưng Isaac đã tách khỏi các thiếu niên của mình khi đi lên núi để dâng lễ hiến tế: Đức Kitô cũng đã bị tách khỏi các môn đệ của Ngài khi Ngài đi lên Golgotha để chịu chết vì chúng ta (Thánh Cyril thành Alexandria). Việc gỗ tế lễ được đặt lên vai Isaac và việc ông vác chúng trên vai đến nơi dâng tế, các vị Thánh Phụ của Giáo Hội nhìn thấy hình ảnh việc Chúa Kitô vác Thập Giá. Trong toàn bộ câu chuyện về lễ hiến tế Isaac, ta thấy rõ sự vâng phục hoàn hảo của cậu đối với cha mình; trong câu chuyện về những đau khổ của Chúa Giêsu Kitô, chúng ta thấy sự vâng phục vô biên của Ngài đối với Cha Ngài, Đấng mà Ngài đã "vâng phục cho đến chết, và chết trên thập giá" (Phil 2,8). Isaac bị dâng làm của lễ mà không phạm bất kỳ tội lỗi nào: Đức Kitô chịu đau khổ, chịu sỉ nhục, bị trói buộc, bị đóng đinh – Đấng Vô Tội. "Isaac," thánh Ephrem the Syrian nói, "đã leo lên núi, giống như con chiên vô tội, – và Đấng Cứu Thế đã lên Golgotha, để bị giết vì chúng ta, như con chiên. Khi nhìn thấy con dao ở đó, hãy hiểu đó là cây giáo. Khi nhìn lên bàn thờ, hãy hiểu đó là trán. Trong bó củi – hãy nhận ra cây thập tự. Khi thấy ngọn lửa, hãy ôm trọn trong tâm trí tình yêu và lòng nhiệt thành." – Nhưng Isaac chỉ bị hiến tế theo ý định của cha mình, như Thánh Zlatoust đã nhận xét; thay cho cậu, một con cừu đực được dâng làm của lễ. Nhưng ở đây, không còn là hình ảnh của Đấng Kitô chịu đau khổ nữa, Isaac trở thành hình ảnh của Đấng Kitô Phục Sinh, và sự thiếu hụt của hình ảnh đau khổ được bù đắp bởi con cừu, trong đó các vị Thánh Cha của Giáo Hội nhất trí công nhận hình ảnh của Chiên Con bị hiến tế – Đấng Kitô, Đấng đã chịu đau khổ trong xác thịt (con cừu), nhưng không chịu đau khổ trong Thần Tính (được Isaac tiên báo). Và cũng như vào ngày thứ ba, mẹ của Isaac là Sara đã thấy con trai mình còn sống, thì Giáo Hội vào ngày thứ ba sau khi Đấng Cứu Thế chịu chết trên thập giá cũng thấy Ngài đã phục sinh và không hề hấn gì. – Cuối cùng, cũng như sau khi dâng lễ vật là Isaac, Thiên Chúa đã tuôn đổ ân sủng dồi dào xuống trên Áp-ra-ham và toàn thể dòng dõi của ông: thì của lễ hy sinh của Đức Kitô cũng mang lại vô số ân sủng cho toàn thể nhân loại.

[6918] Virsava – từ tiếng Do Thái có nghĩa là "giếng thề" – có tên gọi này vì tại vùng đất đó (ở cực nam Palestine, giáp ranh với đất Philistia) Áp-ra-ham đã đào một cái giếng và ngay tại đây, ông đã lập giao ước bằng lời thề với A-vi-me-léc, vua Phi-li-tin (Sáng Thế Ký 21:32). Tại đây, Áp-ra-ham sau đó đã trồng một khu vườn và cư ngụ trong một thời gian dài. Sau này, một thành phố đã được xây dựng tại đây.

[6919] Tại Machpelah, đối diện với Mamre ở Hebron, Áp-ra-ham đã mua từ Ê-phron, người Hê-tít, để chôn cất Sa-ra tại đó. Ngoài Sara, tại đây còn có Áp-ra-ham, Y-sác cùng Rê-bê-ca, và con trai họ là Gia-cốp cùng vợ là Lê-a được chôn cất. Sau này, tại hang động này đã được dựng lên một đài tưởng niệm, trở thành điểm tham quan chính của Hê-bơ-rôn và thu hút sự chú ý của tất cả du khách.

Ba năm sau, khi Y-sác tròn bốn mươi tuổi, còn Áp-ra-ham đã một trăm bốn mươi tuổi, vị tổ phụ thánh thiện và công chính này đã được an ủi khi gả con trai mình cho Rê-bê-ca, người phụ nữ đức hạnh, cháu gái của Na-hô-rơ, anh trai của Áp-ra-ham. Sau đó, chính Áp-ra-ham cũng kết hôn lần nữa với Hết-tu-ra, người đã sinh cho ông thêm sáu người con trai. Áp-ra-ham sống được một trăm bảy mươi lăm năm, rồi trong bình an, ông trút hơi thở cuối cùng về với Đức Chúa Trời, Đấng mà ông đã trung thành phụng sự và làm đẹp lòng trong suốt cuộc đời mình, trở thành khí cụ và gương mẫu của đức tin nơi Đức Chúa Trời chân thật, người đã gìn giữ đức tin ấy cho các thế hệ con cháu từ đời này sang đời khác. Vì những phẩm chất cao quý và đức hạnh của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời đã yêu thương ông, nên Ngài tự xưng là Đức Chúa Trời của ông một cách đặc biệt (Sáng Thế Ký 17:7, 26:24, 28:13), còn Kinh Thánh gọi ông là bạn của Đức Chúa Trời (2 Sử Ký 20:7; Ê-sai 41:8; Gia-cơ 2:23). Các hậu duệ của ông trong Cựu Ước và thậm chí cả các thánh nhân trước mặt Đức Chúa Trời, như Môi-se và Đa-vít, đều cầu xin Áp-ra-ham làm người cầu thay trước mặt Đức Chúa Trời. Từ tổ phụ của dân Do Thái này, trong dòng dõi của ngài đức tin chân chính đã được bảo tồn trên đất, chính Đức Kitô đã ra đời theo xác thịt, và tất cả những ai thật sự tin vào Đức Kitô đều được gọi là con cái của Áp-ra-ham (Rm 6:7–8; Gl 3:7, 26–29). Và trong số phận tương lai của chúng ta sau khi qua đời – chỉ nhờ vào Áp-ra-ham trung thành, chúng ta mới có thể hy vọng nhận được gia tài là sự sống đời đời và sự cứu rỗi. Chính Chúa trong dụ ngôn về người giàu có và La-xa-rơ đã chỉ ra Áp-ra-ham như là người cư ngụ trong nơi ở hạnh phúc trong Nước Trời (Ma-thi-ơ 8:11; Lu-ca 16:22; Ga-la-ti 3:9, 29), xin Chúa Kitô ban ơn cho chúng ta nhờ những lời cầu nguyện của thánh Áp-ra-ham công chính, tổ phụ theo xác thịt của Ngài. A-men.

Lễ kính Thánh Phêrô

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 10

Thánh Phêrô, tên thế tục là Leontius, sống dưới triều đại của Hoàng đế Theophilus[6920] , và xuất thân từ Galatia[6921] , là con của Theophilus và Eudokia. Ông nổi bật với vẻ ngoài đẹp đẽ và oai phong cùng sức mạnh thể chất phi thường, nhờ đó mà được chọn làm quan cận vệ hoàng gia[6922] và được Hoàng đế ban tặng nhiều danh hiệu quân sự. Tuy nhiên, Leontius không phục vụ lâu trong quân ngũ. Bỏ lại tất cả, ông hướng về đời sống tu hành và nhận lễ xuất gia với tên gọi Phêrô tại một tu viện có tên là Daphneon[6923] . Sau đó, ông lên đường đến Olbia[6924] , viếng thăm nhiều thánh địa khác nhau[6925] , ghé qua Laodicea và Attalia[6926] , dũng cảm vượt qua những khó khăn trên đường đi và những nguy hiểm từ phía người Hồi giáo, rồi lại trở về Olbia. Ông đã dành những năm tháng cuối đời, vào thời trị vì của Vasilios người Macedonia[6927] , tại tu viện Thánh Fokas[6928] , nơi sau nhiều công đức tu hành, ông đã an nhiên trút hơi thở cuối cùng.

Ngày kỷ niệm Thánh Poplia.

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 10

Thánh Poplia, dưới triều đại của Julian, là một nữ phó tế của Giáo hội Antioch, nổi tiếng với cuộc đời đạo đức. Khi còn trẻ, bà đã kết hôn trong một thời gian ngắn và có một người con trai tên là John, người sau này trở

[6920] Theophilus – Hoàng đế Byzantine từ năm 829 đến năm 832, nổi tiếng là người chống lại việc thờ cúng các bức tranh thánh.
[6921] Galatia – một tỉnh nhỏ nhiều núi ở Tiểu Á, nằm giữa Phrygia, Bithynia, Pontus và Cappadocia.
[6922] Ban đầu, "komiti" là tên gọi dành cho những người tháp tùng quan chức cấp cao nhất trong tỉnh, sau này trở thành những người tháp tùng các hoàng đế, tạo thành đoàn tùy tùng thân cận nhất của họ. Kể từ thời Constantine Đại đế, danh xưng này đã trở thành tước hiệu của tất cả các quan lại triều đình và quan chức nhà nước, dù họ có thuộc đoàn tùy tùng hoàng gia hay không.
[6923] Tu viện này tọa lạc gần Antioch thuộc Syria và được đặt tên theo khu ngoại ô thành phố Daphne, nơi nó tọa lạc.
[6924] Olbia – nay là Astak – là một thành phố ở vùng tây bắc Bithynia.
[6925] Ở đây, chủ yếu đề cập đến các địa điểm ở Palestine, được thánh hóa bởi cuộc đời, giáo lý, những đau khổ và cái chết trên thập tự giá của Đấng Cứu Thế.
[6926] Khi nhắc đến Laodicea ở đây, có lẽ người ta đang đề cập đến thành phố chính, từng một thời hưng thịnh của Phrygia, nằm bên sông Lycus. Attalia – nay là Adalia – là một thành phố ven biển thuộc Pamphylia.
[6927] Vasilios người Macedonia – Hoàng đế Byzantine từ năm 867 đến năm 886.
[6928] Tu viện Thánh Tử đạo Phô-ki tọa lạc tại Constantinopolis.

thành một linh mục đạo đức. Sau khi chồng qua đời, bà đã tập hợp một nhóm các trinh nữ[6929] , cùng họ ngợi khen Chúa. Một lần nọ, bà cùng các trinh nữ này hát thánh ca buổi sáng; trong đó, họ đã cất cao tiếng hát bài thánh vịnh: *"Các thần tượng của dân ngoại là bạc và vàng, là tác phẩm của bàn tay con người: chúng có miệng nhưng không nói; chúng có mắt nhưng không thấy; chúng có tai nhưng không nghe, và không có hơi thở trong miệng chúng. Những kẻ làm ra chúng và bất cứ ai đặt niềm tin vào chúng cũng sẽ giống như chúng..."* (Thi thiên 134:15–18). Tình cờ lúc đó, hoàng đế vừa đến Antioch đi ngang qua, và khi nghe tiếng hát này, ngài ra lệnh im lặng. Nhưng Poplia lại hát to hơn nữa. Lúc đó, hoàng đế tức giận ra lệnh đưa người chỉ huy dàn hợp xướng đến trước mặt ngài và ra lệnh cho mỗi người lính đi theo ngài đánh vào mặt bà. Lúc đó, vị thánh nữ vẫn bình thản vạch trần sự vô thần của Julian và nói rằng bà coi lẽ thật của Đức Chúa Trời là cao quý hơn tất cả. Cuối cùng, bà được thả về nhà, nơi bà vẫn tiếp tục ca ngợi Đức Chúa Trời cùng với các trinh nữ của mình. Không lâu sau đó, bà đã an lành trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[6930] .

Ngày 23 tháng 10

Ngày 10 tháng 10 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Evlampius và Evlampia

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 10

Dưới triều đại của Hoàng đế Maximian, một cuộc bách hại dữ dội đã được phát động chống lại các Kitô hữu; nhiều tín hữu, vì sợ sự truy lùng của những kẻ bách hại, đã rời bỏ nhà cửa và ẩn náu trong núi non, hang động và sa mạc. Vào thời điểm đó, có một thanh niên xuất thân quý tộc, quê quán tại thành phố Nicomedia, tên là Evlampius, là một Kitô hữu cả về đức tin lẫn hành động. Trong lúc ẩn náu cùng các Kitô hữu khác, anh được họ cử vào thành phố để mua bánh mì và lén mang về sa mạc. Khi đến Nicomedia, Evlampius nhìn thấy sắc lệnh của hoàng đế được đóng đinh trên cổng thành, viết trên giấy da, ra lệnh đánh đập các Kitô hữu. Khi Evlampiy đọc xong sắc lệnh, ông đã cười nhạo lệnh điên rồ của vị vua này, người không vũ trang để chống lại kẻ thù của tổ quốc, mà lại nhắm vào những người vô tội, và chính tay tàn phá đất nước mình bằng cách giết hại vô số tín hữu Kitô giáo. Ngay lập tức, Evlampiy bị bắt, bị trói và bị đưa ra trước tòa án bất công. Viên quan tòa vô pháp, khi nhìn thấy Evlampiy – một chàng trai trẻ và đẹp trai – trước mặt mình, ban đầu đã dùng những lời lẽ xảo trá để dụ dỗ anh ta thờ lạy các thần tượng, nói rằng:

– Khuôn mặt của ngươi chứng tỏ ngươi không phải là người bình thường, mà thuộc dòng dõi cao quý và chính trực. Hỡi chàng trai xinh đẹp, đừng phung phí nhan sắc của mình một cách vô ích, cũng đừng đánh đổi sự cao quý của mình lấy sự ô nhục, mà ngược lại, hãy cố gắng giành lấy vinh quang và danh dự cho bản thân và cả dòng họ của ngươi: nếu ngươi tuân theo mệnh lệnh của nhà vua và cùng chúng ta thờ phụng các vị thần, thì ngươi sẽ nhận được sự tôn vinh và danh tiếng từ tất cả chúng ta, từ nhà vua – phần thưởng và một tước vị cao quý nào đó, và ngươi sẽ sống những ngày tháng trong hạnh phúc. Hãy nghe lời khuyên tốt lành của ta và đồng lòng với chúng ta; này, tất cả các đền thờ đều mở rộng cửa đón ngài, trong đó có các vị thần khác nhau, các bàn thờ đầy ắp lễ vật, và mọi người đều hân hoan ca ngợi các vị thần của họ và cúi lạy trước các vị. Hãy bước vào và cúi lạy – khi đó ngài sẽ mang lại những phước lành vĩ đại cho chính mình, mang lại niềm vui cho chúng tôi, và các vị thần sẽ luôn ban ân huệ cho ngài.

Thánh Evlampi, tràn đầy ân sủng của Thánh Thần, đã trả lời quan tòa:

[6929] Trong Giáo hội cổ đại, ngay cả trước khi các tu viện nữ ra đời và trong giai đoạn đầu của sự tồn tại của chúng, đã có một tầng lớp đặc biệt gồm những trinh nữ, những người dâng hiến trọn vẹn cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa và thề giữ trinh tiết. Những người này được gọi là các trinh nữ, và họ được Giáo hội kính trọng sâu sắc, được xem là niềm vinh quang của Giáo hội. Họ tụ họp để thực hành sự im lặng, suy niệm về Thiên Chúa và cầu nguyện tại các ngôi nhà riêng dưới sự hướng dẫn của các nữ tu trưởng lão giàu kinh nghiệm trong đời sống thiêng liêng – những người hướng dẫn. Rất thường xuyên, Giáo hội giao phó việc hướng dẫn và giám sát họ cho những nữ phó tế được kính trọng nhất.

[6930] † vào đầu nửa sau thế kỷ IV.

– Lòng ngươi đầy mưu mô và lời nói xảo trá trên môi ngươi, nhưng mọi lời hứa của ngươi đều vô ích và dối trá. Ngươi sẽ không thể dụ dỗ ta bằng bất cứ điều gì và cũng không thể khiến ta xa lìa Chúa Kitô. Ôi, giá như ngươi chịu lắng nghe những lời chân thật và lời khuyên chân thành của ta, và nhận biết được Thiên Chúa Chân Thật, Đấng mà ta tôn kính và cúi đầu thờ lạy! Ta sẽ hứa với ngươi từ Ngài không phải vinh quang và danh dự tạm bợ và hư ảo, mà là vinh quang và danh dự vĩnh cửu và chân thật, cùng những phần thưởng và của cải mà hiện nay chẳng phải ngươi, cũng chẳng phải vua của ngươi, cũng chẳng phải cả thế gian này có được; nhưng vì ngươi điếc như con rắn độc[6931] và không nghe lời ta, người chỉ nói với ngươi những điều có ích, nên ngươi sẽ chia sẻ số phận của các vị thần của ngươi trong hỏa ngục, và vì đã dâng những của lễ ô uế cho các vị thần, chính ngươi sẽ trở thành của lễ cho loài sâu bọ không bao giờ ngủ. Còn tôi thì không *dâng cho* ma quỷ, nhưng *"sẽ dâng lời ngợi khen lên Đức Chúa Trời và thực hiện những lời hứa của tôi với Đấng Tối Cao"* (Thi Thiên 49:14).

Thẩm phán, sau khi nghe điều này, bắt đầu đe dọa vị thánh bằng những hình phạt. Nhưng Eulampius không hề nao núng, tỏ ra sẵn sàng chịu mọi hình phạt vì Chúa Kitô, Chúa của ngài. Lúc đó, thẩm phán ra lệnh lột trần ngài, quăng ngài xuống đất và đánh bằng dây thừng. Vị thánh bị đánh đập lâu dài và không thương xót, nhưng ngài đã kiên cường chịu đựng những cực hình: dù cảm thấy cơn đau dữ dội từ những vết thương, ngài vẫn tỏ ra như thể không cảm thấy đau đớn gì cả – ngài đã thể hiện một tinh thần vĩ đại đến như vậy! Kẻ tra tấn, khi thấy sự kiên nhẫn bền bỉ của ngài, lại càng tràn đầy cơn thịnh nộ và ra lệnh treo ngài lên cây rồi hành hạ thân thể ngài bằng những dụng cụ sắt; những dụng cụ đó đã gây thương tích nặng nề đến mức xương ngài lộ ra qua những vết thương sâu hoắm. Sau một thời gian dài chịu cực hình, ngài nằm trên mặt đất, toàn thân đẫm máu và đầy thương tích; cơ thể ngài như một vết thương liên tục. Nhưng nỗi đau khổ của ngài chưa dừng lại ở đó: quan tòa đã nghĩ ra một hình phạt mới dành cho ngài. Hắn ra lệnh trói các ngón tay và ngón chân của ngài bằng một sợi dây mỏng rồi siết chặt, khiến vị tử đạo phải chịu đựng cơn đau khủng khiếp, bởi các chi bị tách ra khỏi khớp một cách bạo lực. Tuy nhiên, ngay cả sau đó, cơn thịnh nộ của kẻ tra tấn vẫn chưa thỏa mãn; ngoài những đau khổ trước đó của vị tử đạo, hắn còn thêm một cực hình mới: ra lệnh nung đỏ chiếc giường sắt và đặt vị thánh lên đó, để thân thể ngài bị thiêu rụi trên chiếc giường ấy như sáp, bởi sức nóng dữ dội của ngọn lửa. Khi giường sắt đã được nung đỏ rực, Thánh Evlampi, sau khi làm dấu thánh giá, đã bước lên đó và nằm xuống như trên một chiếc giường êm ái. Thân thể vị thánh tử đạo, bị lửa thiêu đốt, bắt đầu tan chảy và tan rã. Có vẻ như trong những cực hình khủng khiếp như vậy, ngài lẽ ra phải chết. Nhưng Đức Chúa Trời Toàn Năng đã duy trì sự sống cho tôi tớ của Ngài và bằng cách siêu nhiên, Ngài đã giữ linh hồn ngài trong thân xác, để qua đó, mọi người đều thấy được cả quyền năng của Đức Chúa Trời được thể hiện trong sự yếu đuối, lẫn sự kiên nhẫn của vị tử đạo. Khi mọi người đều cho rằng Evlampius chắc chắn sẽ chết trên chiếc giường nung đỏ rực đó, vị thánh cảm nhận được một sức mạnh mới trong mình và, đứng dậy khỏi giường, bắt đầu đi lại khỏe mạnh, như thể chưa từng trải qua bất kỳ sự tra tấn nào. Với lòng tin vững chắc nơi Chúa là Thiên Chúa của mình, Evlampi đã giả vờ như thể ông từ bỏ đức tin của mình và đồng ý với sự vô thần của những kẻ ngoại đạo bất kính; vì thế ngài được rước trong vinh quang vào đền thờ thần tượng, và tất cả mọi người cùng với quan tòa đều vui mừng, nghĩ rằng Evlampi đã từ bỏ Đức Kitô và muốn thờ lạy các vị thần của họ; đông đảo dân chúng theo sau ngài tiến về đền thờ. Còn vị thánh, trên đường đến đền thờ, đã sốt sắng cầu nguyện cùng Chúa Giêsu Kitô, xin Ngài tỏ lộ quyền năng của Ngài, soi sáng những người mù quáng và tôn vinh Danh thánh của Ngài. Khi Evlampius bước vào trong đền thờ, ngài nhìn thấy tượng thần Mars[6932] , là tượng lớn nhất và đẹp nhất trong tất cả các tượng thần của đền thờ đó; tiến lại gần nó, ngài nói:

– Nhân danh Chúa của tôi là Chúa Giê-su Ki-tô, tôi ra lệnh cho ngươi, hỡi tượng thần câm lặng và vô hồn, hãy ngã xuống đất và hóa thành tro bụi.

Ngay khi vị thánh vừa dứt lời, tượng thần lập tức đổ sập xuống với tiếng ồn ào lớn và vỡ tan thành từng mảnh nhỏ. Thấy vậy, dân chúng reo hò:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu là Đấng vĩ đại và quyền năng.

Và nhiều người đã tin vào Đấng Christ; còn quan tòa thì nổi cơn thịnh nộ và ra lệnh bắt Eulampia đi tra tấn lần nữa.

[6931] Aspis – một loài rắn đặc biệt, nọc độc của nó rất mạnh và gây tử vong. Theo nghĩa bóng, tên gọi này được dùng để chỉ một người cực kỳ độc ác, gây hại.

[6932] Mars hay Ares – vị thần chiến tranh của Hy Lạp-La Mã.

Em gái của Evlampia, một thiếu nữ cũng tên là Evlampia, khi nghe tin anh trai mình đang chịu khổ vì Chúa Kitô, đã chạy đến nơi tra tấn, đứng giữa đám đông và nói với anh trai:

– Chẳng phải cùng một người mẹ đã sinh ra chúng ta sao? Chẳng phải cùng một bầu sữa đã nuôi dưỡng chúng ta sao? Và chẳng phải chúng ta đã được dạy để tin vào cùng một Thiên Chúa sao! Vậy tại sao, khi chịu khổ vì Chúa Kitô, anh lại tước đi cơ hội đó của em? Tại sao anh không báo cho em biết để ngay từ đầu em có thể cùng anh chịu đựng mọi cực hình? Em cũng muốn chết vì Chúa của em, giống như anh vậy; hãy để tất cả những kẻ tra tấn biết rằng em là một Kitô hữu và sẵn sàng chết vì Chúa Kitô.

Còn với quan tòa, nàng nói:

– Hãy nghe đây, thưa quan tòa, và hãy biết tôi là ai. Tôi là tôi tớ của Đấng Kitô. Đức Kitô là cuộc sống và niềm vui của linh hồn tôi, tôi yêu mến Ngài và muốn trở thành của lễ dâng cho Ngài; hãy chuẩn bị lửa, dẫn thú dữ đến, đặt các bánh xe tra tấn, mài sắc gươm, nghĩ ra đủ loại hình phạt, và dù ngài muốn tra tấn tôi vì Đức Kitô của tôi như thế nào đi chăng nữa, tôi cũng sẵn sàng chịu đựng tất cả, giống như người anh em yêu dấu của tôi là Evlampius!

Khi nghe những lời này, tên tra tấn ngạc nhiên trước sự can đảm của cô và ra lệnh đánh vào mặt cô. Họ đánh vị thánh này rất lâu, đến nỗi khuôn mặt cô bị biến dạng hoàn toàn và máu chảy ra từ mũi và miệng. Còn Thánh Evlampi thì dùng lời nói để động viên em gái mình, rằng:

– Đừng sợ, em gái ơi, *"những kẻ giết được thân xác, nhưng không thể giết được linh hồn"* (Mt 10,28).

Sau đó, theo lệnh của kẻ tra tấn, người ta đã chuẩn bị một cái nồi đang sôi sùng sục để ném cả hai – Evlampius và Evlampia – vào đó. Evlampius vội vàng tự mình bước vào nồi. Còn Evlampia, với tư cách là một thiếu nữ trẻ, bắt đầu do dự, như thể đang sợ hãi. Thấy em mình do dự, anh trai liền gọi em vào nồi nước sôi, như thể đó là một nơi mát mẻ, và nói:

– Đừng sợ, em gái ơi, hãy can đảm lên và đến đây; em thấy đó: anh vẫn bình an và không cảm thấy đau đớn gì cả, còn em, ngay khi chạm vào nồi nước sôi, em sẽ lập tức cảm nhận được sự giúp đỡ của Chúa và sẽ được bình an.

Nghe lời anh trai, vị thánh nữ vội vàng bước vào nồi, và ngay lập tức sức nóng dữ dội giảm bớt, nồi nguội đi, và các vị thánh vẫn bình an vô sự, vừa hát ca vừa ngợi khen Đức Chúa Trời. Mọi người, khi chứng kiến phép lạ ấy, đều kinh ngạc, và có hai trăm người đàn ông đã tin theo, họ xưng mình là Kitô hữu và vì thế đã bị những kẻ thờ ngẫu tượng vô đạo chém chết bằng gươm. Viên quan bất chính ra lệnh móc mắt Evlampius, còn em gái ông thì bị treo lên bằng tóc và bị đánh đập. Trong cơn đau đớn, nàng kêu lên:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Thiên Chúa và Đấng Tạo Hóa của con, vì Ngài đã ban ân sủng cho con, tôi tớ của Ngài, được chịu khổ vì Danh Thánh của Ngài.

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh đốt lò cho thật nóng để ném các vị tử đạo vào đó. Khi lò đã được đốt nóng, Thánh Evlampius, lúc này đã mù lòa, bị dẫn đi bằng tay và, sau khi được đưa đến gần, bị ném vào lò. Còn Thánh Evlampia, không chờ ai dắt tay và ném mình vào, đã tự mình bước đi trong niềm vui sướng và vội vã bước vào lò lửa, như thể bước vào một cung điện tuyệt đẹp. Tuy nhiên, ngay cả ở đây, các thánh vẫn không hề hấn gì: sức nóng đã biến thành cái lạnh. Các thánh tử đạo trong lò lửa đã hát bài ca của ba thiếu niên và ngợi khen Thiên Chúa. Kẻ tra tấn, không biết phải làm gì thêm với họ, đã kết án họ bị chém đầu bằng gươm. Các binh lính bắt họ đi, tay bị trói ra sau lưng. Khi đến nơi hành quyết, thánh Evlampi tự đặt đầu mình dưới lưỡi gươm và bị chém đầu; còn thánh Evlampia thì trước khi bị hành quyết đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa, và các binh lính, thấy nàng đã qua đời, nên không chém đầu nàng[6933] . Vậy là Thánh Evlampi cùng với em gái mình, Thánh Evlampia, sau khi hoàn thành cuộc hành trình chịu khổ nạn, đã cùng nhau về với Đấng Phán Xét các công trình tử đạo là Đức Kitô, để nhận lấy từ Ngài vương miện công chính.

Nhờ những lời cầu nguyện của họ, xin Chúa Kitô, Chúa chúng ta, ban cho chúng ta được vào Nước Trời của Ngài; vinh quang và tôn kính thuộc về Ngài cùng với Cha và Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

[6933] Các thánh tử đạo đã an nghỉ trong Chúa vào năm 303. Thánh Theophanes "Người Được Chọn", sống vào thế kỷ IX, đã soạn một bài thánh ca để tôn vinh các ngài; vào thời của ngài, những phép lạ chữa lành đã xảy ra từ di cốt của các thánh Eulampius và Eulampia.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Hãy tôn vinh các vị tử đạo cao quý, những người anh em cùng huyết thống, là Thánh Evlampia và Evlampia khôn ngoan: vì họ đã làm bẽ mặt những mưu đồ phi pháp bằng sức mạnh của Đấng bị đóng đinh; chính vì điều này mà vinh quang và lời ca ngợi của các vị tử đạo đã được tỏa sáng.

Cuộc đời của Thánh Theophilus

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 10

Thánh Theophilus được sinh ra từ cha mẹ sùng đạo gần thành phố Tiberiopolis của Bulgaria[6934] , và khi mới ba tuổi, ngài đã được rửa tội. Một lần nọ, cha mẹ ngài cùng ngài lên núi Selentius để xin phước lành từ Thánh Phêrô. Thánh Phêrô đã ban phước lành cho họ và cho đứa con của họ, Thánh Phêô-phil, trò chuyện với họ một hồi lâu, rồi sau khi dạy dỗ họ, ngài tiễn họ ra về trong bình an. Từ đó, nhờ sự chúc lành của vị thánh phụ, cậu bé Theophilus ngày càng tiến bộ trong việc đọc và nghiên cứu các sách Thánh, đồng thời luôn giữ tính cách hiền lành và khiêm nhường. Khi cậu tròn mười ba tuổi, Theophilus lại đến gặp vị thánh phụ Stephen. Thánh nhân nhìn thấy cậu, liền nói:

– Con ơi, sao con lại đến gặp ta?

Cậu bé đáp:

– Cha đã gọi con, thưa cha đáng kính, nên con đã rời bỏ cha mẹ để đến với cha.

Vị thánh nói:

– Con ơi, khi nào cha đã gọi con, và cha đã nói gì với con?

Và cậu thiếu niên nói:

– Khi con còn ở thành phố của mình, cha đã hiện ra trước mặt con và, nhìn con, nói với con: "Théophil! Con đã xa rời Chúa, Đấng phán: *'Hãy vác thập giá của con và theo Ta'* (Mt 16,24)." Những lời ấy đã lay động trái tim con, và con đã đi theo cha cho đến tận cổng tu viện; khi đến đây, cha bỗng trở nên vô hình đối với con, còn con thì thấy cổng đã bị khóa, và giờ đây, thưa cha thánh, xin đừng quay mặt đi khỏi con, kẻ đang khao khát được cứu rỗi.

Vị thánh nhân ngạc nhiên trước những lời của Thêôphil, vì biết rằng cậu chưa từng ra khỏi phòng tu của mình; và tạ ơn Chúa vì sự kêu gọi kỳ diệu này dành cho cậu thiếu niên vô tội, ngài đã nhận cậu về bên mình để dạy dỗ về sự kính sợ Chúa, đời sống tu sĩ, việc phụng vụ và việc thực hành chay tịnh. Sau ba năm, khi cậu thiếu niên đã học được tốt mọi việc tu hành từ vị thầy tốt bụng, vị thánh nhân Stephane đã gọi vị tu viện trưởng từ tu viện và giao cậu thiếu niên vâng lời và hiền lành này cho ngài để cạo đầu. Vị tu viện trưởng nhận cậu về, đưa đến tu viện, và tại đó đã cử hành nghi thức cạo đầu cho cậu. Thêôphil, sau khi nhận lễ cạo đầu, đã trở thành một tu sĩ dày dạn kinh nghiệm, được trang bị đủ mọi đức tính tốt đẹp, sống giữa các tu sĩ như một thiên thần và luôn hữu ích cho mọi người.

Cha mẹ, không biết con trai yêu quý của mình đang ở đâu, đã vô cùng đau khổ vì cậu và không ngừng tìm kiếm cậu khắp nơi, mong muốn tìm thấy người đã vì tình yêu dành cho Chúa mà ẩn mình khỏi tất cả những người quen biết và bí mật phụng sự Chúa giữa những tu sĩ đạo đức. Vài năm sau, cha mẹ cuối cùng cũng biết được con trai mình đang ở đâu, họ đến tu viện và khóc lóc van nài vị tu viện trưởng cho họ gặp con trai. Vị tu viện trưởng ban đầu không đồng ý cho họ gặp Theophilus, nhưng trước những lời cầu xin tha thiết, nỗi đau buồn và những giọt nước mắt cay đắng, ngài đã thương xót họ. Khi cha mẹ nhìn thấy con trai mình trong bộ áo tu sĩ, thay vì vui mừng, họ lại khóc nức nở dữ dội hơn. Họ ở lại tu viện vài ngày, quan sát cuộc sống của các vị thánh phụ và lắng nghe những lời giảng dạy hữu ích dành cho họ. Ngay tại đó, họ nảy ra ý định dùng tiền của mình để xây dựng một tu viện, nơi Theophilus có thể tu hành. Vì vậy, họ đã nài nỉ vị tu viện trưởng một cách khẩn thiết, xin ngài cho phép Theophilus cùng các tu sĩ khác về nhà, đồng thời hứa sẽ thực hiện kế hoạch của mình càng sớm càng tốt. Vị tu viện trưởng không đồng ý, nói rằng việc một tu sĩ trẻ sống giữa người thân và bạn bè là không phù hợp. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng sắp đặt mọi sự vì lợi ích của loài người, đã muốn bày tỏ ý muốn của Ngài về Theophilus. Khi cha mẹ vẫn không ngừng nài nỉ vị tu viện trưởng, ngài đã triệu tập các tu sĩ và ra lệnh cho họ ăn chay và cầu nguyện

[6934] Tiveriopol – một thành phố ở Macedonia; ngày nay là Strumica.

suốt đêm cho đến khi chính Đức Chúa Trời phán cho họ biết liệu có thể cho Theophilus về theo lời thỉnh cầu của cha mẹ hay không. Sau những giờ cầu nguyện khẩn thiết, vào ngày thứ ba, một tiếng nói vang lên trong nhà thờ, ra lệnh cho phép Theophilus ra đi. Lúc đó, mọi người đều hiểu rằng chính Đức Chúa Trời đang yêu cầu điều này, và sau khi cầu nguyện cho cậu, họ đã cho phép cậu ra đi với sự chúc phúc, đồng thời cử một số tu sĩ đi cùng để giúp đỡ cậu, nhằm làm rạng rỡ vinh quang của Đức Chúa Trời. Cha mẹ anh, sau khi đón anh về, đã vui mừng trở về nhà và chẳng bao lâu sau đã lập nên một tu viện, nơi họ quy tụ nhiều tu sĩ, cung cấp cho họ mọi thứ cần thiết và mang lại sự bình an trọn vẹn cho các tôi tớ của Đức Chúa Trời. Théophilus, khi ở trong tu viện này, tỏa sáng bởi các đức tính như ánh sáng, và tất cả mọi người, khi chứng kiến những việc lành của ngài và được hưởng lợi từ chúng, đều ngợi khen Cha Trên Trời.

Theophilus đã tu hành được nhiều năm thì kẻ thù của loài người đã phát động cuộc đàn áp nhắm vào các bức tượng thánh chân chính và thánh thiện, đồng thời những ai tôn kính chúng phải chịu cực hình dưới tay vị vua vô pháp luật là Leo Isaurian[6935] . Vị vua này đã căm ghét vẻ trang nghiêm của Nhà Chúa và tước đoạt những vật trang trí trong các thánh đường của Chúa: ông ném các bức tượng thánh xuống đầm lầy, giẫm đạp lên chúng bằng chân, thiêu đốt bằng lửa và tra tấn dã man nhiều tín hữu vì việc thờ phượng các bức tượng thánh. Thánh Theophilus đã mạnh mẽ chống lại điều này và dạy dỗ mọi người cách tôn kính các bức tượng thánh một cách xứng đáng, cũng như thờ phượng Đấng được khắc họa trên đó. Vị vua vi phạm luật pháp, khi biết được điều này, đã sai quân lính bắt Thánh Theophilus, rồi đưa ngài ra trước mặt mình và ra lệnh cho ngài từ bỏ việc tôn kính các bức tượng thánh đáng kính. Khi Thánh Theophilus từ chối tuân theo, vị vua đã ra lệnh dùng dây da bò đánh đập ngài, rồi trói tay ngài ra sau lưng, dẫn ngài đi khắp thành phố như một tên tội phạm, kèm theo những lời chế nhạo và lăng mạ. Một chiến binh tên là Longin đã đứng về phía Thánh Theophilus, người đã vạch trần sự điên rồ của kẻ tra tấn và dạy mọi người phải tôn kính các bức tượng thánh; vì điều này, kẻ tra tấn đã ép anh ta nằm sấp xuống đất và đốt nhiều bức tượng thánh trên đầu anh ta. Thánh Theophilus, sau khi đi qua toàn bộ thành phố Nicaea, lại xuất hiện trước tòa án của vị vua vô pháp, và dũng cảm nói với ông ta, bảo vệ các bức tượng thánh và vạch trần sự lầm lạc của ông ta. Vua không chịu nổi những lời vạch trần của vị thánh, nên ra lệnh đóng đinh thánh nhân trần truồng theo hình chữ thập trên hai cột và đánh vào trước và sau bằng những sợi dây thừng khô. Khi nhìn thấy máu chảy ra từ thân thể đầy vết thương của vị thánh trong lúc bị tra tấn, vị vua trở nên hung dữ như một con thú dữ. Cũng như những con thú hoang dã khi nhìn thấy máu lại càng trở nên hung dữ hơn, kẻ tra tấn, khi nhìn thấy máu của vị tử đạo, cũng càng trở nên phẫn nộ hơn: ông ta đứng dậy khỏi ngai vàng và tự tay đánh đập vị thánh trong một thời gian dài. Sau đó, ông ra lệnh nung đỏ những đôi ủng sắt, buộc vị thánh phải mang chúng vào và lùa đi dọc đường. Vị thánh chịu khổ này đã dũng cảm chịu đựng tất cả những cực hình đó. Một trong những quan đại thần của vua, khi chứng kiến cảnh đó và ngạc nhiên trước sự kiên nhẫn dũng cảm của ngài, đã đưa ngài ra khỏi tay những kẻ tra tấn, dẫn ngài về chỗ mình và nói:

– Phải chăng chỉ có một mình ngươi, Theophilus, là người cúi lạy các bức tượng thánh – kẻ điên rồ, hay là tất cả chúng ta, những người không thờ lạy chúng? Chẳng lẽ nhà vua và toàn thể hội đồng[6936] lại không có đủ sự khôn ngoan để phân biệt xem có nên cúi lạy hình ảnh của Đức Chúa Trời được vẽ ra hay không? Nếu phải cúi lạy các bức tượng thánh, thì Đức Chúa Trời đã không ra lệnh trong luật pháp: *"Chớ làm cho mình hình tượng nào, cũng chớ làm bất cứ hình ảnh nào"* (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:4).

Thánh nhân đáp:

– Tôi thấy ngài, thưa hoàng tử, am hiểu Kinh Thánh, vậy hãy trò chuyện với tôi.

Thánh Theophilus bắt đầu nói với ông ta về việc tôn kính các thánh tượng, giải thích dựa trên Kinh Thánh rằng ngay từ Cựu Ước đã có lệnh phải tôn kính các thánh tượng, như con rắn đồng mà Mô-sê đã giương lên trong sa mạc, và các thiên thần Cherubim bằng vàng được đặt trên Hòm Giao Ước. Còn trong Tân Ước, chính Chúa đã hiện ra hình ảnh của Ngài trên tấm vải cho Avgarus của Edessa. Thánh Theophilus đã nói rất nhiều và lên án vị quan cao cấp ấy, đến nỗi người này nói với ngài:

– Lời ngài nói là đúng, hỡi vị tu sĩ đáng kính. Ta sẽ cố gắng hết sức mình để thuyết phục nhà vua về điều này. Còn ngài, hãy nhận lời tha thứ từ ta và trở về phòng tu của ngài.

[6935] Lê Isavrian – Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 714 đến năm 741.

[6936] Synklitos – cơ quan chính quyền quân sự và dân sự gồm những cố vấn và quan chức hoàng gia quan trọng nhất.

Nhưng vị thánh cảm thấy buồn bã vì chưa được giải thoát khỏi sự đau khổ, dù mang trên mình những vết thương, ngài vẫn vui mừng và nói theo lời của Thánh Tông Đồ: *"Tôi vui mừng trong những đau khổ của tôi vì anh em, và tôi bù đắp những gì còn thiếu trong thân xác tôi về những đau khổ của Đức Kitô, vì thân thể Ngài, tức là Hội Thánh"* (Col 1:24).

Sau đó, ngài trở về tu viện của mình, khiến toàn thể cộng đoàn tu sĩ đều hân hoan. Trước khi qua đời – điều mà ngài đã được báo trước – Thánh Theophilus đã soạn những bài giảng dành cho đoàn chiên của mình và an nhiên về với Chúa.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Theoktinos

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 10

Vị vua vô đạo Maximian, một lần nọ khi đến Antioch, đã tổ chức một lễ hội để tôn vinh các thần tà ác của mình và ra lệnh rằng trước tiên các binh sĩ phải dâng lễ vật cho các thần tượng, sau đó đến lượt toàn thể dân chúng. Trong số các binh sĩ có nhiều Kitô hữu, những người không muốn tuân theo mệnh lệnh của vua, đã cởi bỏ thắt lưng quân sự và sẵn sàng chịu khổ hình vì Chúa Kitô. Trong số họ có một người đàn ông nổi tiếng khắp Antioch, tên là Theoktinos. Maximian đã nói với ông như sau:

– Còn ngươi, Theotekn, cũng không tin vào các vị thần Diya và Apollon; trong khi ta muốn phong ngươi làm đại tư tế của họ.

Nghe vậy, Theoktinos đáp:

– Tôi tin vào Chúa Kitô, Thiên Chúa, và tôi muốn dâng chính mình làm của lễ cho Ngài.

Lúc đó, Maximian ra lệnh cởi bỏ bộ quân phục của ông và mặc cho ông bộ quần áo phụ nữ, rồi bắt ông phải dệt vải cùng với các phụ nữ. Ba tuần sau, Maximian lại triệu tập ông và nói:

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, nếu không ngươi sẽ chết trong những cực hình khủng khiếp.

Thánh Phêô-tê-côn không nói một lời nào đáp lại. Lúc đó, hoàng đế ra lệnh trói ông vào cây, đặt sắt nung đỏ dưới chân ông và dùng những thanh sắt rạch đứt tất cả các gân của ông. Thấy ông vẫn kiên định không lay chuyển, hoàng đế ra lệnh chuẩn bị một cái nồi chứa lưu huỳnh và nhựa cây đang sôi sục, rồi ném vị thánh vào đó. Khi ngài bị ném vào, ngay lập tức nhờ quyền năng của Chúa Kitô, ngọn lửa tắt lịm, nồi nguội lạnh, và vị tử đạo vẫn nguyên vẹn. Maximian hoảng sợ và ra lệnh dẫn vị thánh tử đạo vào ngục tối, nơi ngài bị giao cho một viên trung úy tên là Zegnata, để người này tra tấn ngài theo ý muốn.

Lúc bấy giờ, trong ngục có một thiếu nữ tên là Alexandra đang bị giam giữ vì tuyên xưng Đức Kitô; Zegnatus đã ném Theoteknos vào cùng với cô ấy, rồi nói với cả hai:

– Này, ta cho các ngươi ba ngày để suy nghĩ. Nếu các ngươi đồng ý tuân theo mệnh lệnh của vua, thì sẽ được vinh dự lớn lao; còn nếu không, ta sẽ giết các ngươi trong những cực hình khủng khiếp.

Sau ba ngày, Zegnat dẫn họ ra khỏi ngục tối và hỏi: liệu họ có định tuân theo mệnh lệnh của vua và thờ lạy các thần tượng không? Nhưng họ vẫn trung thành với Chúa Kitô. Lúc đó, Zegnat ra lệnh cho hai chiến binh làm nhục cô trinh nữ thánh thiện.

Feotekn, muốn cứu Alexandra khỏi sự ô nhục, đã đến gặp nàng trước khi những người lính đó đến, cởi áo của mình ra và đưa cho nàng, nói rằng:

– Hãy chạy đi, chạy đi, để bọn vô đạo không làm ô uế sự trong sạch của nàng.

Còn bản thân ông thì mặc quần áo của nàng và ngồi chờ các binh lính. Các binh lính, khi bước vào ngục tối, thay vì thấy thiếu nữ thì lại thấy Feotekn đang ngồi trong bộ quần áo phụ nữ, liền bắt ông và dẫn đến trước mặt Zegnat. Zegnat nổi giận dữ dội và ra lệnh trước tiên phải cắt lưỡi ông, sau đó đánh đập ông một hồi lâu. Sau đó, ông ra lệnh buộc một cối đá vào cổ vị tử đạo và ném xuống sông. Như vậy, vị tử đạo của Chúa Kitô đã kết thúc cuộc đời mình[6937] . Xác thánh của vị tử đạo đã được tìm thấy gần thành phố Rosa ở Cilicia; các Kitô hữu đã mang xác thánh về và an táng một cách trang trọng tại quê hương của ngài, ca ngợi Thiên Chúa Ba Ngôi Duy Nhất. Vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

[6937] Thánh tử đạo qua đời vào cuối thế kỷ III hoặc đầu thế kỷ IV.

Lễ kỷ niệm Thánh Vassian.

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 10

Thánh Vassian xuất thân từ miền đông Syria. Vào thời trị vì của vị vua đạo đức Marcian[6938] , ngài đã đến Constantinople. Hai vị quý tộc nổi tiếng là Sever và John đã tài trợ cho ngài để xây dựng một tu viện tại Constantinople. Ngay khi còn sống, vị thánh này đã nổi tiếng nhờ những đức hạnh và phép lạ của mình. Nhiều người, sau khi lắng nghe lời ngài, đã từ bỏ đời sống trần tục và gia nhập đời tu. Số môn đệ của Thánh Vassian lên tới 300 người. Ngài đã giải thoát nhiều người khỏi ách thống trị của ma quỷ và dẫn dắt họ đến với Thiên Chúa, trừ tà, chữa lành bệnh tật và thực hiện vô số phép lạ khác. Thánh nhân đã an nghỉ trong tuổi già[6939] .

Ngày 24 tháng 10

Ngày 11 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Tông đồ Philip

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 10

Thánh Tông đồ Philipphê xuất thân từ Cêsarêa thuộc Palestine[6940] . Sau khi kết hôn, ngài có bốn người con gái, những người đã tiên tri (Công vụ 2:19). Sau đó, ngài được các Thánh Tông đồ bầu chọn làm phó tế và, sau khi được phong chức cùng lúc với Thánh Tông đồ đầu tiên, Phó tế trưởng Stephano, ngài đã tận tâm phục vụ các tín hữu, chăm lo cho người nghèo và các góa phụ[6941] . Sau khi trong thời kỳ bách hại nhắm vào Hội Thánh Giê-ru-sa-lem, Thánh Stê-pha-nô bị giết, và tất cả các Kitô hữu, ngoại trừ mười hai Tông đồ, đã tản mác khắp các vùng đất Do Thái và Sa-ma-ri, thì Thánh Phi-líp cũng đã đến Sa-ma-ri[6942] vào cùng thời điểm đó. Tại đây, ngài rao giảng về Đấng Kitô, và tất cả cư dân Samari đều đồng lòng lắng nghe lời giảng của ngài. Thánh Philip đã củng cố lời giảng của mình bằng nhiều phép lạ, chữa lành mọi bệnh tật và trừ tà ma, những linh hồn xấu xa khi rời khỏi con người đã la hét bằng giọng nói vang dội. Và lúc bấy giờ, thành phố ấy tràn ngập niềm vui lớn lao, bởi những ai tiếp nhận lời giảng của Philip và tin vào Đấng Mê-si-a chân chính không chỉ được chữa lành khỏi các bệnh tật về thể xác, mà còn khỏi cả những bệnh tật về tâm hồn. Tại đó còn có một thầy phù thủy rất nổi tiếng và được ca ngợi, tên là Simon, người đã làm kinh ngạc cả xứ Samari bằng những phép thuật của mình, và mọi người đều coi ông ta là một nhân vật vô cùng vĩ đại. Khi chứng kiến những dấu lạ và phép lạ vĩ đại do tay Phi-líp thực hiện, và nghe Thánh Tông đồ rao giảng Tin Mừng về Nước Trời và danh Chúa Giê-su Ki-tô, Si-môn đã tin và chịu phép rửa cùng với những người khác (Công vụ 8:5–13).

Một lần nọ, Thiên Thần của Chúa hiện ra với Thánh Tông Đồ Philip, truyền cho ngài đi về phía nam, trên con đường dẫn từ Giê-ru-sa-lem đến Ga-xa[6943] . Trên con đường ấy, Thánh Phi-líp gặp một người Ê-thi-ô-pi, là

[6938] Marcian – Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 450 đến năm 467.

[6939] † vào cuối thế kỷ V.

[6940] Césaria – một thành phố ở Palestine, nằm trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải, được vua Do Thái Hê-rốt xây dựng trên nền tảng của thành phố cổ Straton và được đặt tên để vinh danh César Augustus (Hoàng đế La Mã Octavius Augustus). Thành phố này đã nhiều lần bị tàn phá và hiện nay tại vị trí đó chỉ còn lại những đống đổ nát, phủ đầy cây cỏ hoang dã.

[6941] Thánh Tông đồ Philip là một trong bảy phó tế được các Tông đồ giao phó nhiệm vụ chăm sóc các góa phụ và trẻ mồ côi, cũng như phục vụ trong các bữa ăn chung của cộng đồng Kitô hữu. Công vụ 6:1–5.

[6942] Samaria, với tư cách là một vùng đất hoặc khu vực của Palestine, nằm ở trung tâm Palestine, phía tây sông Jordan. Phía bắc giáp Galilê, phía nam giáp Giu-đê, phía đông giáp sông Jordan, phía tây giáp Biển Địa Trung Hải. Samaria, thành phố chính của xứ Samaria và từng là thủ đô của vương quốc Israel, nằm cách Jerusalem gần ba verst về phía bắc. Hiện nay, không còn viên đá nào còn nguyên vẹn từ thành phố cổ kính và huy hoàng này; trên nền đất của nó chỉ còn lại một ngôi làng nghèo nàn tên là Sabustie (trước đây là thành phố Sebastia).

[6943] Gaza – một trong những thành phố cổ xưa nhất của người Philistine, từng là ranh giới phía nam của người Canaan ở Palestine. Sau này, thành phố từng phồn thịnh này đã mất hết tầm quan trọng, và giờ đây chỉ còn những ngọn đồi cát và những tàn tích thê thảm làm chứng rằng nơi đây từng tồn tại một thành phố vĩ đại. Cách đó không xa là một thành phố mới có cùng tên, được xây dựng muộn hơn.

hoạn quan của Nữ hoàng Ê-thi-ô-pi[6944] , đang trên đường trở về Ga-xa – nơi ông cai quản – sau khi từ Giê-ru-sa-lem, nơi ông đã đến để thờ phượng, trở về. Ngồi trên cỗ xe, hoạn quan ấy đang đọc các sách tiên tri. Sứ đồ đã dạy ông về đức tin vào Chúa Giê-su Christ của chúng ta và, trong khi tiếp tục đồng hành cùng ông, đã làm phép rửa cho ông ngay trên đường đi[6945] .

Sau khi làm phép rửa cho người hoạn quan, Thánh Tông đồ Philip đã được một Thiên thần rước lên và đưa đến Azot[6946] ; trên đường đi, ngài rao giảng Lời Chúa khắp các thành phố cho đến khi đến Cêsarea. Tại đây, ngài có một ngôi nhà riêng, nơi ngài đã sống một thời gian cùng với bốn người con gái của mình, những trinh nữ – các nữ tiên tri. Sau đó, ngài lại trở về Giê-ru-sa-lem. Tại đây, ngài được các Thánh Tông Đồ tấn phong làm giám mục, rồi được sai đi rao giảng tại thành phố Trallia thuộc Tiểu Á[6947] . Sau khi dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô và thực hiện những phép lạ vĩ đại tại đó, Thánh Tông Đồ Phi-líp đã về với Chúa khi đã cao tuổi.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Người thu phục các dân tộc kỳ diệu, bạn đồng hành của các môn đệ Chúa Kitô, Thánh Philip, người được các Tông đồ chọn trước, hôm nay ban cho thế gian sự phong phú của những phép chữa lành, che chở những ai ca ngợi Ngài khỏi những hoàn cảnh khó khăn. Vì thế, chúng con cùng kêu cầu Ngài: Xin cứu độ mọi người bằng những lời cầu nguyện của Ngài, hỡi Thánh Tông đồ.

Cuộc đời của Thánh Theophanes, vị Tuyên xưng đức tin và tác giả các kinh cầu

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 10

Thánh Theophanes sinh ra trong một gia đình sùng đạo sống tại Palestine. Cha mẹ ngài là những người kính sợ Thiên Chúa và đặc biệt nhiệt thành trong việc tiếp đón khách lạ. Theophanes có một người anh em tên là " ", sau này được gọi là "Người Được Ghi Dấu"[6948] vì những đau khổ mà ngài phải chịu từ những kẻ chống thánh tượng. Dưới sự chăm sóc của cha mẹ, Theophanes cùng người anh em Theodoros đã được học hỏi mọi kiến thức sách vở và trở thành những nhà triết học tài ba[6949] . Nhận ra sự hư vô và vô thường của thế gian này, *"vì hình ảnh của thế gian này đang qua đi"* (1 Cô-rinh-tô 7:31), hai anh em đã từ bỏ mọi thứ, đến Tu viện Thánh Savva và dâng hiến bản thân cho đời sống tu hành, nơi họ siêng năng tu tập, tiến bộ trong cầu nguyện và mọi đức hạnh. Nhờ đời sống đạo đức của mình, Thánh Theophanes đã được phong chức linh mục.

Vào thời điểm đó, cuộc đàn áp tàn bạo đối với các bức tượng thánh[6950] đã bùng nổ, khiến toàn thể Giáo hội của Đức Chúa Trời xôn xao, và nhiều tín hữu Kitô giáo đã phải chịu sự đàn áp và tra tấn vì việc tôn kính các bức

---

[6944] Kandakia – nữ hoàng của Ethiopia hay Meroe, một vương quốc từng tồn tại ở Ethiopia cổ đại, thuộc châu Phi, phía nam Ai Cập. Tên Kandakia là danh xưng chung dành cho các nữ hoàng Ethiopia. Eunuch – người canh gác hậu cung hoàng gia ở phương Đông; sau này, danh xưng này trở thành tước hiệu chung của các quan lại trong triều đình. Người hoạn quan được Thánh Philipho cải đạo là một người theo đạo Do Thái, tức là người đã từ bỏ đạo ngoại giáo để theo đạo Do Thái; với tư cách là một tín đồ sùng đạo, ông đã đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng.

[6945] Xem câu chuyện về điều này trong Công vụ các Sứ đồ 8:26–39.

[6946] Azot – một thành phố cổ nổi tiếng của người Philistine, nằm trên bờ đông Địa Trung Hải, gần Gaza. Ngày nay, nơi đây là một làng nhỏ tên là Ezud.

[6947] Trallia – một thành phố thuộc Lydia ở phía tây bắc Tiểu Á.

[6948] Ngày tưởng niệm vị thánh tử đạo Theodorus, anh trai của Thánh Theophanes, được Giáo hội cử hành vào ngày 27 tháng 12, bởi vì trên khuôn mặt của họ, sau những cuộc tra tấn dã man mà họ phải chịu đựng với tư cách là những người bảo vệ việc thờ phượng các hình ảnh thánh, Hoàng đế Theophilus của Byzantium đã ra lệnh khắc những dòng chữ nhục mạ; việc khắc những dòng chữ đau đớn này, bằng những cây kim nung đỏ, đã thiêu đốt khuôn mặt các vị chứng nhân cho đến tận lông mày.

[6949] Nhà triết học – trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là: người yêu thích sự khôn ngoan, tức là nhà khoa học đã cống hiến bản thân cho việc nghiên cứu những vấn đề cao siêu nhất của sự tồn tại: về Thiên Chúa, về nguồn gốc và các quy luật của thế giới và con người, về sứ mệnh của con người và mục đích cuối cùng của sự tồn tại của thế giới, v.v.

[6950] Tà thuyết chống thánh tượng và cuộc đàn áp những người tôn kính thánh tượng đã bùng phát tại Đế quốc Byzantine trong nửa đầu thế kỷ VIII và kéo dài gần như đến giữa thế kỷ IX, từ triều đại của Hoàng đế Lêô Isaurian (714–741) cho đến thời Hoàng đế Michael III và mẹ ông là Hoàng hậu Theodora.

tượng thánh. Lúc bấy giờ, các vị thầy thông thái và những người bảo vệ Chính Thống Giáo này đã được Đức Thượng Phụ Giêrusalem[6951] cử đi, như những con chiên đến trước mặt con sói, đến gặp Hoàng đế Lêô người Armenia[6952] để vạch trần sự vô đạo đức của ông ta. Khi đến Constantinople và trình diện trước kẻ chống lại Thiên Chúa này, họ đã dũng cảm vạch trần sự gian ác của ông ta. Kết quả là các anh em triết gia đã phải chịu nhiều đau khổ, không chỉ từ Hoàng đế Lê Armenia mà còn từ những vị hoàng đế kế vị ông ta, là Hoàng đế Michael Balba và Hoàng đế Theophilus[6953] . Họ phải chịu đựng đủ loại cực hình, vết thương và xiềng xích, đói khát, lưu đày và bị đóng dấu lên mặt, bị giam cầm cùng vô số tai ương khác. Trong hơn hai mươi năm, từ năm 817 đến năm 842, họ bị những kẻ chống thánh tượng hành hạ và bức hại. Giữa những tai ương đó, Thánh Theodor đã qua đời[6954] , còn Theophanes thì sống sót cho đến khi hòa bình được lập lại trong Giáo hội. Con trai của Hoàng đế Byzantine Theophilus, Michael[6955] , cùng với mẹ mình là Theodora, đã tiếp nhận ngai vàng của các Hoàng đế Byzantine, khôi phục việc tôn kính các thánh tượng, đưa chúng trở lại các nhà thờ của Chúa và giải thoát tất cả các vị thánh nam đã chịu khổ vì việc tôn kính thánh tượng khỏi cảnh lưu đày, đồng thời ban tặng cho họ những vinh dự lớn lao. Cũng vào thời điểm đó, Thánh Theophanes được trả tự do khỏi nơi lưu đày và, sau khi được Thượng phụ Methodius[6956] – người đã tiêu diệt tà thuyết chống thánh tượng – phong chức, ngài được bổ nhiệm vào chức vụ Tổng giám mục của Giáo hội Nicaea[6957] .

Thánh Theophanes đã soạn thảo một bài thánh ca long trọng về việc tôn kính các thánh tượng và để lại cho Giáo hội của Chúa Kitô nhiều tác phẩm hữu ích khác[6958] . Từ cuộc sống trần thế này, ngài đã về với Chúa[6959] và, sau những cuộc đấu tranh đầy gian khổ, hiện đang hưởng phúc lành trong các nơi ở trên trời.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã làm rạng ngời sự Nhập Thể Thần Thánh của Chúa Kitô và vạch trần những kẻ thù vô hình cho đến cùng, hỡi Thánh Theophanes kỳ diệu. Vì lý do đó, tất cả chúng con thành kính và trung thành kêu cầu Ngài: xin hãy không ngừng cầu thay cho tất cả chúng con.

Lễ kỷ niệm các thánh nữ tử đạo Zinaida và Philonilla

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 10

Hai chị em thánh Zinaida và Philonilla xuất thân từ Tarsus thuộc Cilicia và là họ hàng của Thánh Tông đồ Phaolô.

Sau khi rời xa mẹ và từ bỏ tài sản của mình, hai chị em đã học nghề y và thực hiện công việc tông đồ đích thực. Họ đến thành phố Demetriada[6960] , và định cư trong một hang động ở vùng lân cận. Tại đây, Zinaida chữa trị đủ loại bệnh tật, còn Philonilla, bằng việc ăn chay và thức trắng đêm cầu nguyện, đã thực hiện những phép lạ vĩ đại.

[6951] Thánh Nikiforos là Tổng Giám mục, sau đó bị lưu đày vì đã bảo vệ việc tôn kính hình ảnh theo Chính Thống Giáo. Lễ kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 13 tháng 3.

[6952] Lê V người Armenia – Hoàng đế Byzantine – người chống thờ tượng, trị vì từ năm 813 đến 820.

[6953] Michael II Balba, hay còn gọi là Người Lưỡi Cứng, trị vì từ năm 820 đến 829. Theophilus trị vì từ năm 829 đến 842.

[6954] Khoảng năm 840.

[6955] Trong thời gian đầu sau khi lên ngôi (năm 842), nhà nước được điều hành bởi mẹ của Michael III, Thánh Theodora. Việc khôi phục việc thờ phượng các bức tượng thánh đã diễn ra tại Công đồng Constantinopolis năm 842, và để kỷ niệm sự kiện này, ngay lúc đó, Giáo hội đã thiết lập một "Nghi thức Chính thống" đặc biệt, vẫn được cử hành cho đến ngày nay vào ngày Chủ nhật đầu tiên của Mùa Chay.

[6956] Thánh Mê-phô-đi-ô I – Tổng Giám mục Constantinopolis từ năm 842 đến năm 846.

[6957] Nicaea (nay là İznik) – nằm ở Tiểu Á, là một thành phố giàu có và thịnh vượng trong thời cổ đại và thời Trung cổ, nhưng hiện nay thì nghèo nàn và thưa thớt dân cư. Nicaea từng được các hoàng đế La Mã, và sau đó là các hoàng đế Byzantine, đặc biệt quan tâm, và Tòa Tổng Giám mục Nicaea được coi là một trong những tòa tổng giám mục nổi tiếng nhất. Thành phố này là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ I và lần thứ VII.

[6958] Thánh Theophanes đã để lại nhiều tác phẩm bảo vệ Chính Thống Giáo và đặc biệt nổi tiếng với tư cách là tác giả của các kinh cầu, số lượng lên tới 148 bài. Những kinh cầu xuất sắc nhất của ngài bao gồm kinh cầu trong Tuần Lễ Chính Thống Giáo, tất cả các kinh cầu dành cho các Tông Đồ và các kinh cầu cầu nguyện cho những người đã qua đời. Ngoài ra, Thánh Theophanes còn sáng tác các bài thánh ca cho một số ngày lễ.

[6959] Khoảng năm 850

Những người ngoại đạo đã đến tìm họ vào ban đêm và ném đá cả hai người. Như vậy, họ đã an nghỉ trong Chúa một cách bình an và trong giấc ngủ hạnh phúc, họ đã được đưa về các nơi ở trên trời.

Kỷ niệm phép lạ xảy ra từ bức tượng Chúa Giêsu Kitô

Ngày kỷ niệm: 11 tháng 10

Tại thành phố Berite[6961] , gần hội đường Do Thái, có một tín hữu Kitô giáo sở hữu bức tượng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Sau một thời gian, người Kitô hữu này mua một ngôi nhà khác và chuyển đến đó, mang theo tất cả đồ đạc từ ngôi nhà cũ, ngoại trừ bức tượng Chúa, mà ông đã để lại theo sự quan phòng đặc biệt của Thiên Chúa. Sau khi người Kitô hữu rời đi, một người Do Thái đã dọn vào ngôi nhà nơi có bức tượng Chúa và bắt đầu sống ở đó mà không để ý đến bức tượng thánh.

Một lần nọ, anh ta mời một người bạn, cũng là người Do Thái, đến nhà dùng bữa trưa. Trong bữa ăn, vị khách liếc nhìn lên tường nhà, phát hiện ra bức tượng thánh đang treo ở đó và nói với chủ nhà:

– Sao anh, là người Do Thái, lại treo bức tượng này trong nhà mình?

Chủ nhà liền thề thốt rằng cho đến lúc đó anh ta vẫn chưa để ý đến nó. Còn vị khách, sau khi ra về, đã vu khống bạn mình tại hội đường.

– Người này, – anh ta nói, – dù là người Do Thái, nhưng lại có bức tượng Chúa Giê-su thành Na-xa-rét trong nhà.

Lúc đó, tất cả những người có mặt trong hội đường đều vô cùng phẫn nộ trước sự việc này, nhưng không thể làm gì được vào ngày hôm đó, vì trời đã tối. Sáng hôm sau, dân Do Thái, các thầy tế lễ và các trưởng lão tập hợp lại, rồi đi đến ngôi nhà nơi có bức tượng thánh đó. Họ ồn ào xông vào nhà, giật lấy bức tượng và mang nó ra khỏi nhà. Tại đó, họ vây quanh bức tượng và quyết định sỉ nhục nó, giống như cha ông họ đã sỉ nhục Đấng được khắc họa trên đó. Họ bắt đầu nhổ nước bọt vào bức tượng và đấm vào hình ảnh khuôn mặt của Chúa Giê-su Ki-tô, rồi nói:

– Chúng ta đã nghe nói rằng cha ông chúng ta đã đóng đinh Ngài vào cây thập tự: chúng ta cũng sẽ làm như vậy với bức thánh tượng này.

Lấy đinh ra, chúng đóng bức tượng thánh vào cây ở những chỗ vẽ tay và chân. Sau đó, chúng nhúng miếng bọt biển tẩm giấm[6962] vào cây gậy, áp vào môi Chúa, và cuối cùng, mang giáo đến và ra lệnh cho một trong số chúng đâm vào sườn Chúa. Và ngay khi người đó đâm cây giáo vào bức tượng, máu và nước lập tức chảy ra[6963] từ đó. Khi chứng kiến phép lạ vĩ đại như vậy, tất cả những người có mặt đều cảm thấy kinh hoàng. Sau khi hứng máu và nước vào các bình, họ quyết định đưa những người mù, què, bị quỷ ám đến và xức máu này lên họ.

– Nếu những người được đưa đến được chữa lành, – họ nói, – thì tất cả chúng ta sẽ tin vào Đấng bị đóng đinh.

Lúc đó, có một người què bẩm sinh được đưa đến – và sau khi được xức máu chảy ra từ bức thánh tượng, người ấy lập tức được chữa lành. Tiếp theo, những người mù và rất nhiều người bị quỷ ám được đưa đến, và họ đã được giải thoát khỏi bệnh tật sau khi được xức máu đó.

Khi biết tin này, dân thành vội vã đến xem phép lạ kỳ diệu ấy. Họ mang theo tất cả những người bệnh tật, liệt, và người phong cùi, và tất cả đều được chữa lành. Lúc bấy giờ, toàn thể dân Do Thái sống trong thành phố ấy đều tin vào Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta. Những người Do Thái quỳ xuống trước hình ảnh của Chúa, với lòng ăn năn, họ thốt lên:

[6960] Demetriada – một thành phố thuộc xứ Kilikia, nằm ở phía bắc Tarsus, được đặt tên theo nữ thần ngoại giáo Hy Lạp Demeter, người được coi là vị thần bảo trợ cho thế giới thực vật, lúa mì, nông nghiệp và sự màu mỡ.

[6961] Berit – nay là Beirut – là một thành phố ven biển rất cổ xưa trên bờ biển Phoenicia, tại nguồn sông Magara. Hiện nay, đây là thành phố chính của khu vực Syria thuộc Thổ Nhĩ Kỳ và là trung tâm thương mại quan trọng nhất của bờ biển Syria.

[6962] Giấm trộn với mật. Loại đồ uống gây mê này, làm tê liệt cảm giác, được cho những người bị kết án tử hình uống để giảm bớt phần nào sự đau đớn.

[6963] Phép lạ này đã xảy ra vào khoảng năm 765.

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng Christ, Con Thiên Chúa, Đấng thực hiện những phép lạ như thế này! Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng Christ, Đấng mà tổ tiên chúng con đã đóng đinh, nhưng là Đấng mà giờ đây chúng con tin tưởng; xin hãy đón nhận chúng con, những kẻ đang quỳ lạy trước Ngài, lạy Chúa!

Sau đó, tất cả người Do Thái trong thành phố ấy, nam, nữ và trẻ em, đều đến gặp vị giám mục và khẩn cầu ngài ban cho họ phép rửa tội thánh. Họ chỉ cho ngài xem bức tượng thánh mà từ đó đã chảy ra máu và nước, và kể lại tất cả những sự xúc phạm mà họ đã gây ra cho bức tượng thánh ấy. Vị giám mục, khi thấy sự sám hối chân thành của họ, đã vui mừng đón nhận họ; sau khi dạy dỗ họ về đức tin thánh thiện, ngài đã rửa tội cho họ cùng với vợ con, và biến hội đường của họ thành nhà thờ của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Và tất cả cư dân thành phố đều tràn ngập niềm vui lớn lao, không chỉ vì nhiều người bệnh đã được chữa lành, mà còn vì những người Do Thái ngoại đạo đã chịu phép rửa tội và thừa nhận đức tin thánh thiện, nhờ phép lạ phát xuất từ bức tượng thánh của Chúa.

Vì vậy, mỗi người phải với lòng tin và tình yêu thực hiện việc thờ phượng trước các thánh tượng, và đặc biệt là trước thánh tượng – để tôn vinh và ca ngợi Ngôi Lời Thiên Chúa, Đấng đã trở thành Thiên Chúa-Người, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng cùng với Thiên Chúa Cha và Chúa Thánh Thần phải được thờ phượng muôn đời. Amen.

Kỷ niệm Công đồng Toàn cầu Thứ Bảy

Ngày kỷ niệm 11 tháng 10

Vào ngày 11 tháng 10, Giáo Hội Chính Thống Thánh kính tưởng nhớ các vị Thánh Cha của Công Đồng Toàn Cầu Thứ Bảy. Lý do khiến Nữ hoàng Irina, người có đức tin sâu sắc, và Thượng phụ Tarasius của Constantinople triệu tập Công Đồng này là do cái gọi là tà thuyết của những kẻ chống thánh tượng.

Nguồn gốc của tà thuyết này bắt nguồn từ thời Hoàng đế Lêô Isaurianus, người đã ban hành sắc lệnh yêu cầu mang các thánh tượng ra khỏi nhà thờ và nhà dân để đốt trên các quảng trường, cũng như phá hủy các hình ảnh của Đấng Cứu Thế, Đức Mẹ và các thánh nhân, được đặt ở những nơi công cộng trong thành phố hoặc trên các bức tường của nhà thờ. Khi dân chúng bắt đầu cản trở việc thi hành sắc lệnh này, thì Lê-ô đã coi cả những người sùng kính các thánh vật này cũng là đối tượng bị đàn áp. Ngay lập tức, một mệnh lệnh được ban ra, ra lệnh giết tất cả những ai tham gia vào đám đông đó. Và rất nhiều người – đặc biệt là phụ nữ – đã ngã xuống trong ngày hôm đó dưới lưỡi gươm của những kẻ chống thánh tượng vì tình yêu và lòng sùng kính của họ dành cho các thánh tượng. Sau đó, hoàng đế ra lệnh đóng cửa trường thần học cao cấp nhất ở Constantinople, qua đó tước đi của những người Chính thống giáo vũ khí chiến thắng trong cuộc đấu tranh chống lại những kẻ bài tượng – vũ khí mà họ biết cách khai thác từ nền giáo dục thần học vững chắc. Một số sử gia Byzantine thậm chí còn cho rằng, với cùng mục đích đó, ông đã đốt cháy cả thư viện phong phú vốn thuộc về trường này. Nhưng kẻ đàn áp đã vấp phải sự phản đối kịch liệt từ mọi phía đối với các sắc lệnh của mình. Từ Syria, từ Damascus, Thánh Gioan Damascene đã viết bài phản đối các sắc lệnh đó. Từ Roma, sau khi Giáo hoàng Grêgôriô II qua đời[6964] , người kế nhiệm ngài là Giáo hoàng Grêgôriô III tiếp tục viết bài phản đối. Còn ở những nơi khác, người ta thậm chí còn đáp trả bằng những cuộc nổi dậy công khai.

Con trai và người kế vị của Lê, Konstantin Kopronym[6965] , không đi chệch khỏi đường lối mà cha ông đã vạch ra liên quan đến vấn đề tôn kính các thánh tượng, đã quyết định tác động chủ yếu vào giới tu sĩ, bởi vì những người chống đối tích cực nhất đối với phe chống thánh tượng ở khắp mọi nơi chủ yếu là các giám mục và tu sĩ.

[6964] Đức Giáo hoàng Grêgôriô II đã gửi hai bức thư cho hoàng đế. Trong bức thư đầu tiên, Grêgôriô đã giải thích tất cả các đoạn Kinh Thánh, một mặt ra lệnh, mặt khác dường như lại cấm việc tạo ra các hình ảnh thiêng liêng, và sau đó dẫn chứng các bằng chứng từ thời cổ đại. "Khi Chúa Kitô còn ở Giêrusalem," ngài viết, "Avgar, vị công tước và lãnh chúa của Edessa lúc bấy giờ, sau khi nghe tin về các phép lạ của Chúa Kitô, đã gửi thư cho Ngài; và Chúa Kitô đã gửi cho ông một bức thư do chính tay Ngài viết cùng với hình ảnh thánh thiêng và vinh quang của Dung Nhan Ngài. Hãy đến xem bức tượng không do tay người tạo ra này. Người dân từ khắp các vùng đất phương Đông đổ về đó rất đông và dâng lên những lời cầu nguyện." Sau khi trình bày những bằng chứng như vậy cho hoàng đế, Đức Giáo hoàng đã mô tả một cách sinh động tất cả sự căm ghét mà các sắc lệnh hoàng gia gây ra trong cộng đồng Chính Thống giáo phương Tây: "Người ta bắt đầu ném các bức chân dung của ngài xuống đất khắp nơi," ngài viết, "dẫm đạp lên chúng bằng chân và làm biến dạng khuôn mặt của ngài," v.v. Ngài kết thúc bức thư bằng một lời cầu nguyện nồng nhiệt, mong rằng "Chúa, Đấng đã ngự xuống từ trời cao, ban bình an cho tất cả các Giáo hội Kitô giáo đến muôn đời". Hoàng đế đã gửi lại một bức thư đáp trả mang tính đe dọa, trước điều đó, Đức Giáo hoàng Grêgôriô II đã viết bức thư thứ hai, với sự kiên định như trước, thuyết phục hoàng đế từ bỏ kế hoạch mà ngài đã vạch ra.

Với mục đích này, ông đã cố gắng triệu tập một công đồng[6966] , tại đó việc tôn kính các bức tượng thánh đã bị lên án. Hậu quả trực tiếp của công đồng giả mạo này là các bức tượng thánh bị vứt ra khỏi các nhà thờ và phần lớn bị đốt cháy, còn các hình ảnh thiêng liêng được vẽ bằng sơn dầu và khảm trên tường các nhà thờ thì bị quét vôi phủ lấp. Ngay cả Nhà thờ Đức Mẹ Vlacherna tráng lệ cũng không thoát khỏi số phận đó, nơi mà trên các bức tường, những họa sĩ tài ba nhất đã khắc họa toàn bộ cuộc đời trần thế của Đấng Thiên Chúa-Người, tất cả các phép lạ của Ngài, tất cả các sự kiện trong lịch sử Phúc Âm, kết thúc bằng sự giáng lâm của Thánh Thần xuống các Tông đồ. Từ việc đàn áp các bức tượng thánh, Copronymus chuyển sang đàn áp các di cốt thánh; người ta được lệnh vứt bỏ chúng. Chẳng hạn, vào ngày 16 tháng 9, di cốt của Thánh Nữ Tử Đạo Euphemia đã bị lấy ra khỏi nhà thờ và ném xuống biển, còn nhà thờ Chalcedon tráng lệ, được dâng hiến cho tên của bà, đã bị biến thành doanh trại. Co-pro-nim coi các tu sĩ là những người ủng hộ chính của việc tôn kính các bức tranh thánh, nên đã quyết định đóng cửa tất cả các tu viện. Nhiều tu viện ở Constantinople, bắt đầu từ tu viện Dalmatia nổi tiếng, đã bị biến thành doanh trại hoặc bị phá hủy. Nhiều tu sĩ đã bị tra tấn đến chết. Trong những trường hợp này, người ta thường đập vỡ đầu các tu sĩ ngay trên chính những bức thánh tượng mà họ đã đứng ra bảo vệ.

Trong triều đại của người kế vị Copronymus, Lêô IV[6967] , những người sùng kính hình thánh có thể thở phào nhẹ nhõm hơn một chút. Nhưng sự chiến thắng hoàn toàn của phong trào sùng kính hình thánh chỉ thực sự diễn ra dưới thời Hoàng hậu Irina[6968] , người đã lên ngôi thay cho chồng mình là Lêô IV sau khi ông qua đời, do con trai bà là Constantine còn quá nhỏ. Sau khi lên ngôi, trước hết bà đã triệu hồi tất cả các tu sĩ bị lưu đày vì việc tôn kính các bức tranh thánh, đồng thời trao phần lớn các chức vụ giám mục cho những người nhiệt thành tôn kính các bức tranh thánh. Sau đó, bà đã khôi phục lại tất cả các vinh dự cho các di vật thánh, vốn đã bị những người chống tranh thánh tước đoạt. Tuy nhiên, Hoàng hậu nhận thức rõ rằng tất cả những điều này vẫn chưa đủ để phục hồi hoàn toàn việc tôn kính các thánh tượng. Cần phải triệu tập một Công đồng Toàn cầu, để công đồng này, sau khi lên án công đồng gần đây do Copronymus triệu tập, sẽ khôi phục lại chân lý về việc tôn kính các thánh tượng. Điều này được Tarasius đặc biệt nhấn mạnh khi ông được bầu lên ngôi Thượng phụ[6969] .

– Nếu Hoàng hậu thực sự mong muốn – ngài tuyên bố – rằng Tarasius nhận lấy gánh nặng cai trị với tư cách Thượng phụ, thì ngài đồng ý, nhưng chỉ với điều kiện phải triệu tập Công đồng Toàn cầu.

Sau khi nghe lời giải thích của Tarasius, Hoàng hậu đã dẫn ông đến gặp các thượng nghị sĩ và giới chức giáo hội, những người đang tụ tập tại Cung điện Matavr để bầu chọn tổng giám mục. Trong bài phát biểu mạnh mẽ và đầy sức thuyết phục trước hội nghị này, Tarasius tuyên bố rằng nếu họ muốn ông đảm nhận chức vụ tổng giám mục, thì hãy triệu tập Công đồng Đại kết để xác nhận việc tôn kính các bức tượng thánh. Đa số những người có mặt đều công nhận yêu cầu của Tarasius là chính đáng, và Tarasius đã được tấn phong làm tổng giám mục vào ngày lễ Giáng sinh năm 784. Ngay sau đó, thay mặt cho Hoàng hậu Irina và con trai bà là Constantine – người mà bà đang nhiếp chính do còn nhỏ tuổi – một bức thư đã được gửi đến Giáo hoàng Adrian tại Roma với lời mời tham dự Công đồng. Thượng phụ Tarasius cũng đã đính kèm lời mời cá nhân của mình vào bức thư này. Đức Giáo hoàng đã từ chối vinh dự được đích thân tham dự Đại hội tại . Ngài đã cử hai sứ giả đại diện cho mình: Phêrô, tổng linh mục của Nhà thờ Thánh Tông đồ Phêrô tại Roma, và Phêrô, vị tu viện trưởng của Tu viện Thánh Savva cũng tại Roma. Các đại diện từ các tổng giám mục Alexandria và Antioch cũng đã đến Constantinople. Đó là các synkellos cao cấp[6970] của họ: các linh mục Gioan và Phêrô. Ngoài quyền hạn từ các tổng giám mục của mình, họ còn mang theo một bức thư từ tổng giám mục Giêrusalem, trong đó vị này bày tỏ sự đồng ý đối với việc công nhận việc tôn kính

---

[6965] Constantine Copronymus trị vì từ năm 741 đến năm 775.

[6966] Công đồng diễn ra vào năm 754. Địa điểm họp đã thay đổi vài lần: lúc thì diễn ra tại cung điện hoàng gia, được gọi là Hieria, trên bờ châu Á của eo biển Bosphorus, lúc thì tại Nhà thờ Đức Mẹ Vlacherna ngay tại Constantinopolis. Tất cả những người bảo vệ Chính Thống giáo thời bấy giờ đã phải hứng chịu không ít lời nguyền rủa từ hội đồng này. Họ cũng phải đối mặt với không ít cáo buộc sai trái. Hội đồng đã lấy những truyền thuyết bịa đặt và những lời dạy giả mạo của các Thánh Tổ làm nền tảng cho những luận điệu chống thánh tượng sai lầm của mình.

[6967] Lê IV trị vì từ năm 775 đến năm 780.

[6968] Hoàng hậu Irina được nuôi dưỡng trong một gia đình sùng đạo và tôn kính các bức tượng thánh; lòng sùng kính của bà đối với các bức tượng thánh đã bộc lộ ngay từ thời chồng bà, Lê IV, vì điều này mà bà bị thất sủng và thậm chí bị đuổi khỏi cung điện.

[6969] Thánh Tarasius giữ chức Tổng Giám mục tại Constantinople từ năm 784 đến năm 806. Lễ kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 25 tháng 2.

[6970] "Synkellos" là tên gọi của các giáo sĩ sống chung trong cùng một phòng tu với giám mục. Thông thường, các giám mục chọn những người có học thức cao hơn làm synkellos, những người có thể hỗ trợ họ trong việc giải quyết các vấn đề quan trọng nhất.

các hình ảnh thánh. Các giám mục thuộc tổng giáo phận Constantinopolis cũng được triệu tập đến thủ đô. Ban đầu, dự kiến Đại hội sẽ khai mạc vào mùa hè năm 786 tại Nhà thờ Các Thánh Tông đồ ở Constantinople. Mọi thứ đã được chuẩn bị sẵn sàng cho việc khai mạc các phiên họp của Đại hội, thì đột nhiên, ngay trước thềm khai mạc tại Constantinople, một cuộc nổi loạn bùng phát trong quân đội, khiến Đại hội không thể diễn ra. Công đồng chỉ được khai mạc vào mùa thu năm sau (ngày 24 tháng 9) và không còn tại Constantinopolis nữa, mà tại thành phố Nicaea gần đó – nơi đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ nhất – tại Nhà thờ Thánh Sophia. Số lượng thành viên tham dự công đồng không được xác định chính xác. Dù sao đi nữa, con số này cũng vượt quá ba trăm, bởi vì dưới các văn kiện của công đồng có chữ ký của 307 giám mục. Công đồng bắt đầu bằng bài phát biểu của Thượng phụ Tarasius, sau đó là việc đọc sắc lệnh của hoàng đế gửi đến công đồng. Sau khi đọc xong, công đồng tiến hành xem xét tội lỗi của các giám mục liên quan đến phong trào chống thánh tượng.

Sau đó, Thư ký Hoàng gia Leontius đã nhắc nhở Công đồng về sự cần thiết phải lắng nghe thông điệp của Đức Giáo hoàng Adrian gửi cho Hoàng đế và Đức Thượng phụ về các thánh tượng. Những bức thư này vén lên cho chúng ta bức màn của thời cổ xưa tông đồ sâu thẳm nhất và làm sáng tỏ cách Giáo Hội Thánh nhìn nhận các thánh tượng vào thời điểm đó[6971] . Sau khi đọc xong cả hai bức thư này, các đại diện của Đức Giáo Hoàng đã muốn biết: liệu Đức Thượng Phụ và tất cả các thành viên của hội đồng có đồng ý với những nội dung đó hay không?

Thánh Tarasius trả lời rằng ngài chấp nhận tất cả những gì Đức Giáo hoàng đã viết.

– Điều này cần phải tuân theo, – ngài nói, – phản đối điều đó có nghĩa là hành động thiếu khôn ngoan. Và chính chúng ta, dựa trên Kinh Thánh, các suy luận và bằng chứng, sau khi đã nghiên cứu sự thật và nhận biết nó dựa trên giáo huấn của các vị Thánh Tổ, đã tuyên xưng một cách vững chắc và bất di bất dịch, và sẽ tiếp tục tuyên xưng, theo truyền thống cổ xưa của các vị Thánh Tổ, các bức tranh thánh, và tôn kính chúng với tình yêu nồng nhiệt, vì chúng được thực hiện nhân danh Chúa Trời và Đức Mẹ Đồng Trinh của chúng ta, các Thánh Tông Đồ và tất cả các thánh, nhưng sự tôn kính và đức tin của chúng ta sẽ chỉ dành cho Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật.

– Toàn thể Thánh Công đồng cũng dạy rằng, – tiếng đáp lại vang lên từ tất cả các thành viên của Thánh Công đồng.

Sau đó, bức thư chung của Đức Thượng phụ Tarasius, do ngài viết gửi các giám mục và linh mục tại Antioch, Alexandria và Jerusalem nhân dịp ngài lên ngôi Thượng phụ, cùng với bức thư trả lời của các Đức Thượng phụ phương Đông đã được đọc lên. Sau khi đọc xong các thư này, các vị cha trong Công đồng đã nhất trí tuyên bố: "Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với những nội dung đó, với lòng yêu mến, chúng tôi đón nhận và tôn kính các bức tượng thánh thiêng liêng và đáng kính, đồng thời thờ lạy chúng."

Vào đầu phiên họp tiếp theo, theo lời khuyên của Thượng phụ Tarasius, người ta đã quyết định rà soát lại tất cả các đoạn trong Kinh Thánh, trong các tác phẩm của các Thánh Phụ và trong các bản tường thuật về cuộc đời các thánh, có thể làm cơ sở để xác lập tín điều tôn kính các bức tượng thánh. Trong số những tài liệu này có rất nhiều câu chuyện kể về các phép lạ phát xuất từ các thánh tượng và di cốt. Dưới đây là một số trong số đó:

Trong bản tường thuật về cuộc tử đạo của Thánh Anastasius người Ba Tư (qua đời năm 628), ngày kỷ niệm ngài là ngày 22 tháng 1, khi di hài của ngài được rước về Cæsarea ở Palestine, khi dân chúng từ khắp nơi đổ xô ra đón rước, có một người phụ nữ tên là Areta đã nảy sinh nghi ngờ và nói:

– Tôi sẽ không thờ lạy các di cốt được mang từ Ba Tư về. Vài ngày sau, vị thánh tử đạo hiện ra với Areta trong giấc mơ và hỏi:

[6971] Ngoài những bằng chứng từ thời cổ đại xa xưa về việc tôn kính các thánh tượng, trong các bức thư này còn có những trích đoạn từ các tác phẩm của các Thánh Tông Đồ. Ví dụ, ở đó có những trích đoạn sau: 1) Lời của Thánh Basil Cả gửi cho Julianus Apostata: "Tôi cũng tôn kính các Thánh Tông đồ, các tiên tri và các vị tử đạo, những người dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa. Vì vậy, tôi tôn kính cả hình ảnh của các ngài trên các bức thánh tượng và công khai thờ lạy các ngài. Điều này đã được các Thánh Tông đồ truyền lại và không nên bị cấm đoán, vì thế trong tất cả các nhà thờ của chúng tôi, chúng tôi đều khắc họa lịch sử của các ngài." 2) Lời của Thánh Stephano, Giám mục Bostria: "Về các bức tranh thánh, chúng tôi tuyên xưng rằng chúng, cũng như mọi việc làm nhân danh Thiên Chúa, là việc lành và thánh thiện, bởi vì bức tranh thánh là một chuyện, còn tượng thần hay tượng đá lại là chuyện khác. Mọi hình ảnh được tạo ra nhân danh Chúa hay các Thiên thần, các Tiên tri hay các Tông đồ, các vị Tử đạo hay các vị Công chính, đều là thánh thiêng, bởi vì sự thờ phượng không dành cho gỗ, mà dành cho điều được chiêm ngưỡng trên gỗ và điều được cảm nhận. Tất cả chúng ta đều tôn kính các vị lãnh đạo và đón nhận họ với tình yêu thương, dù họ có là những kẻ có tội, vậy tại sao chúng ta lại không nên tôn kính các tôi tớ của Chúa? Tại sao chúng ta không dựng lên những hình ảnh để tưởng nhớ họ, để họ không bị lãng quên?.. Chúng ta vẽ các bức tranh thánh để tưởng nhớ các thánh, để ai nhìn thấy họ trên bức tranh cũng nhớ đến họ và tôn vinh Chúa, Đấng đã tôn vinh họ".

– Cô có bị đau ở hông không?

Chưa kịp trả lời rằng mình khỏe mạnh, Aretê bỗng cảm thấy mình thực sự bị bệnh. Cô phải chịu đựng cơn bệnh đó trong một thời gian dài, sau đó, khi cảm thấy cơn đau tạm thời thuyên giảm, cô bắt đầu suy ngẫm về lý do tại sao mình lại mắc phải căn bệnh này. Cô đã dành bốn ngày để suy ngẫm như vậy. Vào lúc bình minh của ngày thứ năm, vị thánh tử đạo lại hiện ra với cô và nói:

– Hãy đến Tetrapil[6972] . Hãy cầu nguyện với Thánh Anastasia và cô sẽ khỏi bệnh.

Khi được đưa đến nơi chỉ định, vừa nhìn thấy bức tượng thánh tử đạo, cô liền thốt lên lớn tiếng:

– Đây quả thực chính là người mà tôi đã thấy trong giấc mơ. Cô ngã quỵ xuống bục, khóc lóc trong sự hối hận suốt một thời gian dài, rồi đứng dậy với sức khỏe hoàn toàn bình phục.

Sau khi câu chuyện về phép lạ này được đọc tại công đồng, các đại diện của Đức Giáo hoàng tuyên bố rằng bức tượng thánh Anastasia với đầu được tôn kính này hiện đang được lưu giữ tại một trong những tu viện ở Rome, còn Giám mục Gioan của Tavromene đã bổ sung vào tuyên bố của họ rằng ngài biết một người phụ nữ đến từ Sicily, người này khi ở Rome đã được bức tượng thánh tử đạo chữa lành.

Sau đó, Phêrô, Giám mục Nicomedia, đã thông báo về phép lạ xảy ra từ bức tượng Chúa tại Berytus và trích dẫn từ tác phẩm của Evagrius[6973] câu chuyện về phép lạ tại Edessa từ bức tượng Chúa Cứu Thế không do tay người tạo ra. Phép lạ diễn ra như sau:

"Một lần nọ, thành Edessa bị vua Khosrow của Ba Tư bao vây. Từ những đống đất khổng lồ được đắp theo lệnh của ông, binh lính bắn qua tường thành vào cư dân trong thành. Người dân bị vây hãm quyết định đào hầm dưới các đống đất rồi đốt chúng. Nhưng ngọn lửa mà họ thắp lên trong các hầm đào, do thiếu luồng không khí tươi vào đó, cứ lần nào cũng tắt lịm. Lúc đó, người dân Edessa lấy bức tượng không do tay người tạo ra và mang nó đến các hào đã đào.

Sau khi rảy nước lên bức tượng, họ dùng những giọt nước chảy xuống từ đó để tưới vào ngọn lửa đang cháy yếu ớt trên đống củi, và ngay lập tức toàn bộ đống củi bùng lên ngọn lửa dữ dội. Ngọn lửa đã thiêu rụi đống củi thành than, rồi lan sang những cây phía trên và nhanh chóng phá hủy toàn bộ công sự của Hozeroy"[6974] .

Khi đọc câu chuyện này, người đọc kinh tại Nhà thờ vĩ đại ở Constantinople đã nói:

– Bản thân tôi – một tôi tớ không xứng đáng, khi đi đến Syria cùng các sứ giả hoàng gia[6975] , đã đến Edessa và tận mắt chứng kiến bức tượng không do tay người tạo ra này; các tín hữu tôn kính và thờ lạy nó.

Còn rất nhiều trích đoạn khác, tương tự như những trích đoạn đã nêu, được trích từ các tác phẩm của các Thánh Tông Đồ đã được đọc trong các phiên họp tiếp theo của Công đồng. Khi các vị cha trong Công đồng, như Đức Thượng phụ Tarasius đã diễn đạt, "đã thỏa mãn với những chứng từ của các Thánh Phụ", một bức tượng thánh đáng kính đã được mang ra giữa hội trường; trước bức tượng đó, tất cả các vị cha tham dự Công đồng, vừa hôn lên bức tượng, vừa đọc lên hai mươi hai câu nói ngắn gọn, lặp lại mỗi câu ba lần. Tất cả các quan điểm chính của phe chống thánh tượng đều bị lên án và bị nguyền rủa trong những câu nói đó.

Các phiên họp tiếp theo được dành để phân tích các quyết định của Công đồng Copronymus giả mạo. Việc phân tích này được tiến hành với sự cẩn trọng tối đa. Quá trình này luôn diễn ra thông qua sự tham gia của hai người, như thể đại diện cho hai phe: một người đọc những gì đã được công đồng giả mạo đó thông qua, người kia đọc phần bác bỏ những nội dung sai lầm trong các quyết định đó. Các đoạn Kinh Thánh bị Công đồng Kopronimô giải thích sai lệch nay đã được giải thích lại. Ví dụ: từ Kinh Thánh Cựu Ước, để bảo vệ quan điểm của mình , những người chống thánh tượng đã viện dẫn điều răn thứ mười: *"Chớ làm cho mình hình tượng nào"* (Xuất Hành 20:4). Các vị Cha trong Công đồng đã trả lời như sau:

– Những lời phán truyền dành cho dân Y-sơ-ra-ên, những người đã thờ con bò vàng và không xa lạ gì với những lầm lạc của Ai Cập, không thể áp dụng cho cộng đồng Kitô hữu thánh thiện. Đức Chúa Trời, với ý định dẫn dắt dân Do Thái vào Đất Hứa, nên đã ban cho họ điều răn: "Chớ làm cho mình hình tượng nào", bởi vì nơi đó có những kẻ thờ hình tượng, những kẻ thờ cả ma quỷ, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, và các loài thụ tạo khác, thậm

---

[6972] Tetrapil – một địa điểm ở Constantinople, nơi lưu giữ di cốt và bức tranh thánh của vị thánh, và nơi vào thời điểm đó đang được xây dựng một nhà thờ mang tên ngài.

[6973] Evagrius – nhà sử học Giáo hội thế kỷ VI.

[6974] Cuộc tấn công vào Edessa của Vua Ba Tư Khosrow I diễn ra vào năm 545.

[6975] Các "Apokrisiaris" là những đại diện tạm thời hoặc thường trực của các giám mục thuộc các giáo hội quan trọng nhất tại triều đình nhà vua, những người phụ trách mọi mối quan hệ giữa giáo hội của họ và các vị đứng đầu giáo hội với chính quyền tối cao.

chí cả chim chóc, thú bốn chân, và các loài bò sát, mà không thờ phượng duy nhất Đức Chúa Trời Hằng Sống và Chân Thật. Khi Mô-sê, theo lệnh của Chúa, dựng nên Đền Tạm, ông đã chế tác những hình tượng Cherubim bằng vàng có hình dáng con người, tượng trưng cho hình ảnh của những Cherubim có trí tuệ, nhằm minh chứng rằng mọi sự đều phục vụ Đức Chúa Trời.

Ngoài ra, một số đoạn trong các tác phẩm của các Thánh Tông Đồ cũng đã bị Hội đồng giả mạo toàn cầu giải thích sai lệch. Để tự bào chữa, những người chống thánh tượng đã dẫn chứng, ví dụ, đoạn văn sau đây từ tác phẩm của Thánh Athanasius thành Alexandria:

– Làm sao không thương xót những ai tôn kính các thụ tạo, vì những người sáng mắt lại cúi lạy những kẻ mù, và những người có thính giác lại tôn vinh những kẻ điếc? – Thụ tạo không bao giờ có thể cứu rỗi thụ tạo.

Tuy nhiên, Công đồng đã làm rõ rằng tại đoạn văn này, Thánh Athanasius đang đề cập đến những người ngoại đạo và hướng lời nói của mình chống lại họ; các Kitô hữu chưa bao giờ thờ phượng thụ tạo thay vì Thiên Chúa Duy Nhất của muôn loài, như những người chống thánh tượng đã cáo buộc họ. Hơn nữa, hóa ra những người chống thánh tượng thường trích dẫn lời các Thánh Tổ một cách rời rạc – không liên hệ chúng với phần lời nói trước và sau đó – do đó những lời này có thể mang ý nghĩa mà họ mong muốn.

Cuối cùng, một số phát ngôn được Hội đồng chống thánh tượng trích dẫn hóa ra hoàn toàn là giả mạo.

Ngay khi người ta nhận ra rằng những căn cứ mà "Hội đồng giả mạo toàn cầu" đưa ra để biện minh cho các tuyên bố tín lý của mình là sai lầm và không đủ cơ sở, thì đối với tất cả mọi người, điều hiển nhiên là chính những tuyên bố tín lý đó, được thông qua trên những căn cứ như vậy, cũng là sai lầm; do đó, các vị cha trong hội đồng đã nhanh chóng chuyển sang việc soạn thảo cuối cùng tuyên bố tín lý của chính hội đồng mình. Trong tuyên bố tín lý cuối cùng này, các vị cha của Công đồng đã thấy cần thiết trước tiên phải đề cập đến lý do triệu tập Công đồng và những công việc đã được thực hiện, sau đó – trích dẫn nguyên văn toàn bộ Kinh Tin Kính và bác bỏ tất cả những tà thuyết đã bị sáu Công đồng Toàn cầu trước đó bác bỏ, và cuối cùng, xác lập vĩnh viễn giáo lý về việc tôn kính các hình ảnh thánh:

– Chúng tôi quyết định rằng các thánh tượng và hình ảnh thánh thiện sẽ được dâng lên để thờ phượng giống hệt như hình ảnh Thánh Giá Thánh Thiện và Ban Sự Sống, dù chúng được làm bằng sơn, gạch mosaic hay bất kỳ chất liệu nào khác, miễn là được thực hiện một cách trang nghiêm, và dù chúng được đặt trong các thánh đường của Đức Chúa Trời, trên các đồ thánh và áo lễ, trên tường và các tấm bảng, hoặc trong nhà và ven đường; cũng như dù đó là các bức tượng của Chúa và Thiên Chúa, Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô của chúng ta, hay Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, hay các Thiên Thần thánh thiện và tất cả các thánh nhân cùng các vị thánh nhân công chính. Càng thường xuyên, nhờ các bức tượng, chúng càng trở thành đối tượng chiêm ngưỡng của chúng ta, thì những ai chiêm ngưỡng các bức tượng thánh này càng được khơi dậy để nhớ đến chính các nguyên mẫu[6976] , càng có thêm tình yêu dành cho các Ngài và càng có thêm động lực để dâng lên các Ngài những nụ hôn, sự tôn kính và sự thờ phượng, nhưng tuyệt đối không phải là sự phụng sự chân chính, vốn theo đức tin của chúng ta chỉ xứng đáng dành cho bản tính Thần thánh duy nhất. Những ai chiêm ngưỡng các bức tượng thánh này sẽ được khích lệ dâng hương và thắp nến để tôn vinh chúng, như đã được thực hiện từ thời cổ đại, bởi vì sự tôn vinh dành cho bức tượng thánh thực chất là dành cho nguyên mẫu của nó, và người thờ phượng bức tượng thánh cũng chính là thờ phượng bản thể[6977] của Đấng được khắc họa trên đó. Còn những ai dám suy nghĩ hoặc giảng dạy khác đi, nếu là các giám mục hay giáo sĩ, thì phải bị phế truất; còn nếu là các tu sĩ hay giáo dân, thì phải bị khai trừ.

Hội đồng kết thúc bằng việc tất cả các giám mục, các quan chức, các sĩ quan quân đội và các công dân khác của Constantinople, với số lượng không thể đếm xuể, đã lấp đầy các đại sảnh của cung điện, cùng nhau tôn vinh Chúa. Các bản danh sách về các quyết định của Công đồng đã được gửi đến Đức Giáo hoàng, các Thượng phụ phương Đông, Hoàng hậu cùng Hoàng đế, và tất cả các giáo hội thuộc Thượng phụ giáo phận Constantinopolis.

Như vậy, Công đồng Đại kết Thứ Bảy[6978] , sự kiện đã khôi phục chân lý về việc tôn kính các bức tượng thánh và cho đến nay vẫn được toàn thể Giáo hội Chính thống Đông phương kỷ niệm hàng năm vào ngày 11 tháng 10, đã kết thúc một cách long trọng.

[6976] Các hình ảnh nguyên mẫu, tức là những người được khắc họa trên các bức tranh thánh.

[6977] "Ipostasis", theo bản dịch từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là bản chất, thực thể; khi nói đến bức tranh thánh, thuật ngữ này chỉ người mà bức tranh thánh được dành riêng để tôn vinh.

[6978] Nếu ngày 11 tháng 10 rơi vào một ngày trong tuần, thì thánh lễ tưởng niệm các vị cha của Công đồng Đại kết lần thứ VII sẽ được cử hành vào Chủ nhật gần nhất.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Đấng Con, từ Cha tỏa sáng một cách không thể diễn tả, từ Mẹ sinh ra với bản tính kép; khi chiêm ngưỡng Ngài, chúng con không từ chối hình ảnh của Ngài: nhưng bằng cách vẽ lại một cách tôn kính, chúng con tôn kính một cách trung thành, và vì lý do này, Giáo hội giữ vững đức tin chân chính, hôn lên bức tượng của sự nhập thể của Chúa Kitô.

Ngày 25 tháng 10

Ngày 12 tháng 10 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Tarach, Prova và Andronikos

Ngày tưởng niệm 12 tháng 10

Vào thời trị vì của Diocletian và Maximian, khi Proconsul Numerus Maximus đang cai trị tại Tarsus thuộc Cilicia, ba tín hữu Kitô giáo – Tarach, Prov và Andronicus – đã bị bắt tại thành phố Pompeopolis[6979] và bị dẫn về Tarsus để ra trước Proconsul Maximus xét xử[6980] . Nhìn họ, quan tổng trấn thấy Tarach là một người đáng kính và đã cao tuổi, liền nói với ông:

– Tên ngươi là gì? Vì ngươi là người cao tuổi nhất nên phải được thẩm vấn trước những người khác.

– Tôi là một Kitô hữu, – Tarach đáp.

Thống đốc nói:

– Đừng nói với tôi về đức tin vô đạo của ông, mà hãy nói tên ông đi.

– Tôi là một Kitô hữu, – Tarah lại nói.

Lúc đó, Maxim ra lệnh cho các đầy tớ:

– Hãy đánh vào miệng hắn và bảo: "Đừng trả lời quan tòa như thế."

Còn Tarah, khi bị đánh, vẫn nói:

– Tên tôi là gì? Tôi sẽ nói: tôi là một Kitô hữu; cái tên này quý giá hơn cái tên mà cha mẹ tôi đã đặt cho tôi; còn nếu các ngươi muốn biết cả cái tên đó nữa, thì cha mẹ tôi đã đặt tên tôi là Tarah, còn khi tôi còn là một chiến binh, người ta gọi tôi là Victor[6981] .

Tổng trấn hỏi anh ta:

– Ngươi thuộc dòng dõi nào, Tarach?

– Tôi xuất thân – Tarach trả lời – từ một gia đình quân nhân La Mã ở thành phố Claudiopolis thuộc Syria[6982] và sau khi trở thành Kitô hữu, tôi đã từ bỏ quân hàm.

Thống đốc nói:

– Ngươi không xứng đáng làm lính, nhưng hãy nói xem, ngươi đã từ bỏ quân hàm như thế nào?

– Tôi đã xin phép chỉ huy Publion, – Tarach nói, – và ông ấy đã cho tôi ra đi.

Thống đốc nói:

– Hãy thương xót tuổi già của ngươi và tuân theo mệnh lệnh của các vị vua chúng ta, để ta có thể tôn trọng ngươi; hãy đến đây và dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, vì chính các vị vua, những người cai trị cả vũ trụ, cũng thờ phụng các vị thần ấy.

Tarach đáp:

[6979] Pompeopolis – hay còn gọi là Soly – là một thành phố cổ quan trọng ở Cilicia; hiện nay chỉ còn lại những tàn tích.

[6980] Các câu chuyện dưới đây về cuộc tử đạo của các thánh tử đạo – là các biên bản tử đạo chính thức, mà như có thể thấy trong bức thư của các Kitô hữu thành phố Anazarva (ở Cilicia), nơi các thánh tử đạo đã chịu tử đạo, gửi cho các Kitô hữu thành phố Iconium, đã được các Kitô hữu Anazarva mua lại thông qua một trung gian với giá 200 dinar.

[6981] Victor trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "người chiến thắng".

[6982] Claudiopolis – một thành phố thuộc Isauria, vốn là một phần của Cilicia.

– Họ đã sa vào lầm lạc, bị Satan dụ dỗ.

Sau câu trả lời đó của Tarach, quan tổng trấn ra lệnh cho các đầy tớ:

– Hãy đập vỡ hàm hắn, vì hắn dám nói rằng các vị vua đã bị lừa dối và sa vào lầm lạc.

Khi bị đánh, Tarach nói:

– Tôi đã khẳng định và vẫn tiếp tục khẳng định rằng họ đã lầm lạc như những con người bình thường.

Thống đốc nói:

– Hãy từ bỏ sự liều lĩnh của ngươi và dâng lễ vật lên các vị thần của chúng ta.

– Ta chỉ phụng sự Đấng Thần Duy Nhất của ta, – Tarach đáp, – và ta dâng lên Ngài không phải máu, mà là một trái tim trong sạch.

Tổng trấn nói:

– Vì thương xót tuổi già của ngươi và tỏ lòng khoan dung, ta khuyên ngươi hãy từ bỏ đức tin điên rồ của Kitô giáo và dâng lễ vật cho các vị thần.

– Tôi sẽ không phạm tội vô luật pháp như vậy, – Tarah đáp, – vì tôi yêu mến luật pháp của Đức Chúa Trời tôi, và sẽ không vi phạm luật pháp ấy.

Tổng trấn nói:

– Còn có một luật khác cần phải tuân theo, hỡi kẻ đầu óc xấu xa.

Tarach đáp:

– Luật pháp của các ngươi thật tai hại, khi ra lệnh cho các ngươi, những kẻ vô đạo, phải tôn kính đá và cây cối, những tác phẩm do tay người tạo ra, và phải thờ lạy chúng.

Tổng trấn ra lệnh cho những người đứng xung quanh đánh vào cổ Tarach. Vị tử đạo, kiên nhẫn chịu đựng những cú đánh, nói:

– Tôi sẽ không từ bỏ lời tuyên xưng này, chính nó đang cứu rỗi tôi.

– Ta sẽ buộc ngươi, – quan tổng trấn nói, – phải từ bỏ sự điên rồ này và khiến ngươi trở nên khôn ngoan.

– Hãy làm gì tùy ý, – vị tử đạo đáp lại, – ngài có quyền trên thân thể tôi.

Tổng trấn Maxim nói:

– Cởi quần áo của hắn ra và đánh hắn bằng gậy.

Còn Tarach, khi bị đánh, đã nói:

– Giờ đây ngài đã thực sự khiến tôi trở nên khôn ngoan và sáng suốt, vì trong những cực hình này, tôi càng đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời và Đấng Christ của Ngài.

– Kẻ vô đạo và tội lỗi, – quan tổng trấn nói, – ban đầu ngươi nói rằng ngươi chỉ thờ phụng một Đức Chúa Trời duy nhất, nhưng giờ đây ngươi lại xưng nhận hai Đấng: Đức Chúa Trời và Đấng Christ của Ngài; vậy sao ngươi lại thờ phụng hai Đấng, mà lại từ chối nhiều vị thần của chúng ta?

– Tôi tuyên xưng, – Tarah đáp, – Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật.

Thống đốc nói:

– Ngươi vừa nhắc đến Đức Chúa Trời và Đấng Christ của Ngài phải không?

Tarach đáp:

– Đấng Christ là Con Thiên Chúa (Đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần), là niềm hy vọng của tất cả các Kitô hữu, và chúng ta sẽ được cứu rỗi khi chịu đau khổ vì Ngài.

Proconsul Maxim nói:

– Đừng nói dài dòng nữa, hãy dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta.

– Tôi không nói suông, – Tarach nói, – mà tôi đang nói sự thật. Tôi đã sống như vậy suốt sáu mươi lăm năm qua, và giờ đây tôi sẽ không từ bỏ sự thật.

Một trung úy tên là Dimitri đang đứng đó nói:

– Hãy thương xót chính mình đi, ông già, và hãy thờ lạy các vị thần, hãy nghe theo lời khuyên của tôi.

– Hãy tránh xa ta, – Tarach đáp lại, – cùng với lời khuyên của ngươi, hỡi đầy tớ của Satan.

Sau đó, tổng trấn Maxim ra lệnh trói người chịu khổ vì Chúa Kitô bằng xiềng xích sắt và ném vào ngục tối, rồi nói với các đầy tớ:

– Đưa người khác đến đây.

Nghe vậy, trung úy Dimitri nói:

– Thưa ngài, người ấy đang đứng trước mặt ngài đây.

Thống đốc Numerius Maxim, khi thấy một tín đồ Kitô giáo khác đang đứng trước mặt mình, bèn nói với người ấy:

– Trước hết, hãy cho ta biết tên ngươi. Người đang đứng trước mặt đáp:

– Tên quan trọng và cao quý nhất của tôi là Kitô hữu, còn tên khác do người đời đặt cho là Prov.

Thống đốc hỏi:

– Ngươi thuộc dòng dõi nào, Prov?

– Cha tôi – Prov đáp – là người gốc Thrace, còn tôi sinh ra ở Perga thuộc Pamphylia[6983] , và tôi là một Kitô hữu.

Proconsul Maxim nói:

– Tên đó chẳng mang lại lợi ích gì cho ngươi cả; hãy nghe lời ta, dâng lễ vật lên các vị thần, thì ngươi sẽ được các vị vua tôn vinh và trở thành bạn của chúng ta.

Prov trả lời:

– Tôi không muốn vinh dự từ các vị vua, cũng không mong muốn tình bạn của ngài, vì tôi đã từng có một gia tài không nhỏ, mà tôi đã từ bỏ để phụng sự Đức Chúa Trời Hằng Sống.

Tổng trấn nói:

– Hãy lột quần áo hắn ra, trói hắn lại, rồi đánh hắn bằng những sợi dây thừng cứng. Khi vị thánh bị đánh, Dimitri, viên chỉ huy trăm lính, nói với ông:

– Hãy thương xót chính mình đi; ngươi không thấy máu của ngươi đang chảy trên mặt đất sao?

– Thân xác tôi, – Prov đáp, – nằm trong tay các ngươi, hãy hành hạ nó đi, còn những đau khổ này đối với tôi như dầu thánh vậy.

Thống đốc Maxim nói:

– Ngươi sẽ từ bỏ sự điên rồ của mình hay sẽ cứng đầu đến mức hóa đá?

– Tôi không hão huyền, – Prov nói, – nhưng tôi dũng cảm hơn các ngài rất nhiều, vì tôi có nền tảng dũng cảm nơi Chúa.

Rồi quan tổng trấn ra lệnh cho các đầy tớ:

– Hãy lật anh ta lại và đánh vào bụng.

Trong lúc bị tra tấn dã man đó, Prov kêu lên:

– Xin Chúa giúp con, tôi tớ của Ngài! Quan tổng trấn nói với các đầy tớ:

– Khi đánh hắn, hãy hỏi: 'Người giúp đỡ ngươi đâu?' Và khi các đầy tớ hỏi hắn, Prov đáp:

– Chúa đang giúp đỡ tôi và sẽ tiếp tục giúp đỡ, và tôi khinh bỉ những hình phạt của ngươi đến mức sẽ không khuất phục trước ý muốn của ngươi.

Proconsul Maxim nói:

– Hãy nhìn thân thể ngươi đi, hỡi kẻ bất hạnh, vì máu ngươi đã nhuộm đỏ mặt đất rồi.

– Hãy biết rằng, – Prov đáp lại, – khi thân xác ta chịu đau khổ vì Chúa Kitô, thì linh hồn ta được chữa lành và hồi sinh.

Sau khi ra lệnh ngừng đánh vị thánh, quan tòa nói: – Hãy trói tay và chân ông ta bằng xiềng xích rồi ném ông ta vào ngục tối, và không cho ai đến gần ông ta, để không ai chăm sóc ông ta.

Sau đó, theo lệnh của quan tổng trấn, một Kitô hữu thứ ba được đưa ra xét xử. Khi được hỏi tên, ông trả lời:

– Tôi là người Kitô hữu.

Thống đốc nói:

– Những người trước ngươi chẳng được lợi lộc gì từ cái tên đó cả, và ngươi nên trả lời khác đi.

Anh ta nói:

– Tên thường gọi của tôi là Andronik. Tổng trấn Maxim nói:

– Ngươi thuộc dòng dõi nào, Andronikos?

– Tôi xuất thân từ một gia tộc danh giá, – Andronik trả lời, – là con trai của một trong những công dân ưu tú nhất của Ephesus.

Thống đốc Maxim nói:

[6983] Pergia – một thành phố ở Tiểu Á.

– Hãy tự cứu lấy mình và nghe lời ta như nghe lời cha; vì những người trước đây đã đến đây và nói những điều vô lý, chẳng thu được gì cho bản thân, còn ngươi hãy dâng lễ vật lên các vị thần, những vị là chúa tể và cha của chúng ta.

– Ngài đã gọi họ là cha một cách chính xác, – Andronikos nói, – vì cha của các ngài là Satan, còn các ngài là con cái của quỷ dữ, làm theo những việc của nó.

Tổng trấn Maxim nói:

– Ngươi là một thanh niên, mà lại xúc phạm ta! Ngươi không biết rằng những cực hình khủng khiếp đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi sao?

– Ngươi, tên bạo chúa, – Andronikos đáp lại, – lại cho rằng ta điên rồ đến mức không xứng đáng với những vị tử đạo trước đây: ta sẵn sàng chịu mọi hình phạt.

Kẻ tra tấn nói:

– Cởi quần áo hắn ra, trói lại rồi treo cổ hắn lên.

Trung úy Dimitri nói với Andronikos điều tương tự như đã nói với hai người trước:

– Hỡi kẻ bất hạnh, hãy nghe theo mệnh lệnh trước khi xác thịt ngươi rụng khỏi xương cốt.

– Thà để thân xác ta hư mất còn hơn, – Andronik đáp, – miễn là các ngươi đừng làm điều các ngươi muốn với linh hồn ta.

Tổng trấn Maxim nói:

– Hãy nhượng bộ chúng ta và dâng lễ vật lên các vị thần, trước khi ngươi phải chết.

– Từ thuở thiếu thời, – Andronikos đáp, – tôi chưa bao giờ thờ phụng các thần tượng, và bây giờ tôi cũng sẽ không dâng lễ vật cho chúng.

Thống đốc Maxim nói:

– Hãy tra tấn thân thể hắn đi.

Anxius, chỉ huy một trung đội khác đang đứng đó, nói với Andronicus:

– Hãy nghe lời quan tổng trấn; tôi hơn ông về tuổi tác và đang cho ông một lời khuyên tốt.

– Ông già rồi, – Andronikos đáp lại, – nhưng lại không có trí tuệ, – Ông lại đưa ra lời khuyên như thế này, bảo tôi phải quỳ lạy hòn đá và dâng lễ vật cho ma quỷ.

Trong lúc vị thánh tử đạo bị tra tấn, quan tổng trấn nói:

– Hỡi kẻ bất hạnh, ngươi chẳng cảm thấy đau khổ trước những cực hình này sao? Sao ngươi không thương xót chính mình và từ bỏ đức tin hão huyền đó, thứ không thể cứu rỗi ngươi?

– Điều mà ngươi gọi là đức tin điên rồ ấy, – Andronikos đáp, – đối với những ai đặt hy vọng nơi Chúa, lại là lời tuyên xưng quý giá nhất; còn sự khôn ngoan nhất thời của ngươi lại đang dẫn đến cái chết vĩnh cửu.

Tổng trấn hỏi:

– Ai đã dạy ngươi sự điên rồ như vậy?

– Lời Chúa, – Andronik nói, – Lời ban sự sống và nhờ đó chúng ta được hồi sinh, vì chúng ta có Chúa trên trời, là niềm hy vọng về sự phục sinh của chúng ta.

Tổng trấn Maxim nói:

– Hãy từ bỏ sự điên rồ của ngươi đi, trước khi ta bắt ngươi phải chịu những hình phạt tàn bạo đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi.

– Thân xác tôi, – Andronik đáp, – đang nằm trước mặt ngài; quyền lực thuộc về ngài: hãy làm theo ý ngài.

Thống đốc nói:

– Hãy đánh mạnh vào miệng hắn hết sức có thể.

– Xin Chúa chứng kiến, – Andronikos đáp lại, – và xin Ngài phán xét ngài, vì ngài đang hành hạ tôi như một kẻ giết người.

Tổng trấn nói:

– Ngươi không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và coi thường phán quyết của ta.

– Ta chịu đựng những đau khổ này – Andronikos đáp – vì ta tin cậy vào Đức Chúa Trời và trông cậy vào lòng thương xót và sự công bình của Ngài.

Thẩm phán phản bác:

– Vậy thì các vị vua có phải đã phạm tội không? Ngươi xứng đáng phải chết.

– Thật vậy, họ đã phạm tội, – Andronikos đáp, – vì nếu ngươi suy xét bằng lý trí sáng suốt, ngươi sẽ nhận ra rằng dâng lễ vật cho các vị thần là một tội lỗi lớn và là sự vi phạm luật pháp.

Lúc đó, người tra tấn ra lệnh cho những kẻ đánh đập:

– Hãy xoay vũ khí lại, đâm vào hai bên sườn hắn.

Còn Andronikos thì lặp đi lặp lại:

– Này, tôi đang ở trước mặt ngài đây: hãy tra tấn thân thể tôi theo bất cứ cách nào ngài muốn.

Trong lúc bị tra tấn, Andronik thốt lên:

– Thân xác ta đã được tôi luyện qua những vết thương.

– Bằng những đau đớn kéo dài, – kẻ tra tấn nói, – ta sẽ tiêu diệt ngươi.

– Ta không sợ lời đe dọa của ngươi, – Andronikos đáp lại, – trí tuệ của ta cao hơn những mưu đồ độc ác của ngươi; vì thế ta coi thường những cực hình này.

Rồi kẻ tra tấn ra lệnh cho các đầy tớ:

– Hãy đeo xiềng xích vào người hắn, rồi xiềng chân hắn lại và giam giữ hắn.

Sau một thời gian, tổng trấn Numerius Maximus lại ngồi trên ghế xét xử, và các Kitô hữu bị đưa ra thẩm vấn[6984] . Lúc đầu, vì Tarach là người cao tuổi nhất, quan tòa ép ông phải dâng lễ vật theo đạo ngoại giáo, hứa hẹn sẽ ban cho ông những vinh dự. Khi Tarach không những không tuân lệnh mà còn trả lời thẩm phán một cách gay gắt, thì thẩm phán ra lệnh dùng đá đập vỡ miệng ông và đánh rụng răng ông; sau đó, ông nói với các đầy tớ:

– Hãy mang lửa đến và, khi giơ hai tay Taraha ra, hãy đặt lửa lên đó.

Còn Tarah thì nói:

– Ta không sợ ngọn lửa tạm thời của ngươi, mà ta sợ rằng, nếu nhượng bộ ngươi, kẻ vô đạo, ta sẽ rơi vào ngọn lửa không bao giờ tắt.

Và khi ngọn lửa được đặt lên hai tay ông, quan tổng trấn nói:

– Này, hai bàn tay ngươi đang bị lửa thiêu đốt; sao ngươi không từ bỏ sự liều lĩnh của mình và dâng lễ vật cho các vị thần đi?

– Ngươi muốn – Tarah đáp – dùng sự tàn nhẫn của ngươi để đẩy ta vào sự liều lĩnh ấy, khiến ta phải khuất phục trước ý muốn của ngươi; nhưng hãy biết rằng, nhờ ơn Đức Chúa Trời của ta, ta sẵn sàng kiên cường chịu đựng mọi cực hình mà ngươi chuẩn bị cho ta.

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh treo ngược ông ta đầu xuống và đốt lửa dưới chân, rồi nhỏ vào lỗ mũi ông ta giấm đặc pha với muối và mù tạt. Ông ta cũng tra tấn Prova và Andronika bằng nhiều cách khác nhau – đánh đập, thiêu đốt, cạo da bằng các dụng cụ sắt sắc nhọn và rắc muối lên vết thương; nhưng không đạt được kết quả gì, ông ta ra lệnh giam giữ họ trong xiềng xích cho đến sáng.

Sáng hôm sau, quan tổng trấn nói với trung úy Dimitri:

– Hãy gọi những kẻ Kitô hữu vô đạo đó đến gặp ta.

Trung úy đáp:

– Họ đang đứng trước mặt ngài đây, thưa ngài.

– Chẳng lẽ những cực hình, vết thương và xiềng xích vẫn chưa làm ngươi tan nát sao? – quan tổng trấn nói với Tarach – Hãy nghe ta, Tarach, và từ bỏ đức tin vô ích của ngươi; hãy dâng lễ vật lên các vị thần, những vị đã khiến mọi chuyện xảy ra.

– Làm sao những kẻ – Tarah đáp – vốn đã bị định sẵn phải chịu lửa và cực hình vĩnh viễn – lại có thể mang lại hòa bình được, – và không chỉ họ, mà cả những ai tuân theo ý muốn của họ nữa.

Tổng trấn tiếp tục:

– Ngươi có ngừng nói những lời tục tĩu không, tên vô đạo? Ngươi không biết rằng vì những lời vô liêm sỉ của ngươi, ta sẽ lập tức chặt đầu ngươi, và như vậy ngươi sẽ sớm chấm dứt những đau khổ sao?

Tarach đáp lại:

– Ban đầu, tôi từng mong muốn cái chết nhanh chóng sẽ chấm dứt những đau khổ của tôi; nhưng giờ đây, xin hãy kéo dài sự đau khổ của tôi, để đức tin của tôi vào Chúa được tăng trưởng.

– Cùng với ngươi, – quan tổng trấn nói, – những người bạn của ngươi cũng phải chịu đau khổ và chết, theo luật pháp.

[6984] Cuộc thẩm vấn thứ hai các thánh tử đạo diễn ra tại Mopsuestia – một thành phố thuộc vùng Cilicia ở Tiểu Á.

Tarach đáp:

– Ngươi nói điên rồ khi hứa hẹn cái chết cho chúng ta, vì chỉ những kẻ làm điều ác mới phải chết, còn chúng ta, những người không biết đến điều ác, nhưng chịu đau khổ vì Chúa của chúng ta, đang mong đợi được Ngài ban thưởng.

– Kẻ phạm tội và vô dụng, – quan tổng trấn nói, – các ngươi mong đợi phần thưởng nào khi sống tồi tệ và vô luật pháp như vậy?

– Ngươi, kẻ ngoại đạo, không nên biết, – Tarach đáp lại, – phần thưởng mà Chúa đã chuẩn bị cho chúng ta trên thiên đàng là gì, chính vì điều đó mà chúng ta chịu đựng cơn thịnh nộ dữ dội của ngươi.

– Ngươi có quyền gì – Maxim nói – mà dám nói chuyện với ta một cách táo bạo như thể ngươi là bạn của ta vậy?

Tarach đáp:

– Ta không phải là bạn của ngươi, nhưng ta có quyền nói, và không ai có thể cấm ta điều này khi Đức Chúa Trời ban cho ta sức mạnh.

– Quyền của ngươi, – Maxim nói, – quyền mà ngươi đang có, ta sẽ tiêu diệt, tên vô đạo!

Tarach đáp lại:

– Không ai có thể tước đoạt quyền này khỏi tay tôi, dù là anh, các vị vua của anh, hay cha của các anh – Satan.

Tổng trấn Maxim nói:

– Trói hắn lại, vì hắn điên rồi.

– Nếu tôi là kẻ điên, – Tarach đáp lại, – thì tôi đã khuất phục trước sự vô đạo của ngươi rồi.

Khi vị thánh đã bị trói, quan tổng trấn nói:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, trước khi ta trừng phạt ngươi vì những việc ngươi đã làm.

– Cứ làm gì tùy ý, – Tarah đáp, – dù ngươi không nên tra tấn ta theo cách thông thường, vì ta từng là một chiến binh; tuy nhiên, để ngươi đừng lầm tưởng rằng ta sợ đau đớn và muốn khuất phục trước ý muốn của ngươi, hãy trút hết mọi mưu mô độc ác của ngươi lên ta.

Tổng trấn nói:

– Các chiến binh luôn dâng lễ vật lên các vị thần để cầu mong sức khỏe cho các vị vua của họ và được hưởng vinh dự xứng đáng, còn ngươi là kẻ tệ hại nhất trong số tất cả, vì đã trốn tránh quân ngũ và không muốn dâng lễ vật; vì thế, những hình phạt tàn bạo nhất đang chờ đợi ngươi.

Tarach nói:

– Sao ngươi lại giận dữ? Ta nói cho ngươi biết, – cứ làm gì ngươi muốn đi, tên vô đạo!

– Đừng nghĩ – Maxim nói – rằng ta sẽ tiêu diệt ngươi chỉ trong một lần, ta sẽ không ngừng tra tấn và làm ngươi kiệt quệ, còn thi thể của ngươi ta sẽ ném cho thú dữ xé xác.

– Đừng chỉ hứa suông, – Tarach nói, – mà hãy mau chóng thực hiện những gì ngươi muốn làm đi.

Maxim nói:

– Ngươi nghĩ rằng sau khi ngươi chết, sẽ có mấy người phụ nữ mang hương liệu đến chôn cất thi thể ngươi; nhưng ta sẽ cố gắng tiêu diệt hoàn toàn những gì còn lại của ngươi.

– Cả bây giờ, – Tarah đáp, – lẫn sau khi ta chết, ngươi cứ làm gì tùy ý với thi thể ta.

– Trước tiên, hãy dâng lễ vật đi, – Maxim nói.

– Kẻ điên rồ, – Tarah nói, – ta đã nói nhiều lần rồi, ta sẽ không dâng lễ vật.

Rồi kẻ tra tấn Maxim ra lệnh cho các đầy tớ:

– Hãy đánh vào mặt và miệng hắn.

Khi các đầy tớ đánh Tarah, anh ta nói:

– Ngươi đã làm biến dạng khuôn mặt ta, nhưng bù lại, ngươi đã làm sống lại linh hồn ta.

– Thằng khốn nạn, – tên tra tấn nói, – hãy từ bỏ những ý nghĩ điên rồ của mày và dâng lễ vật lên các vị thần để thoát khỏi những cực hình này.

Tarah đáp lại:

– Ngươi cho ta là điên rồ vì ta, nhờ đặt niềm tin vào Chúa, tin chắc rằng ta sẽ được sống trên thiên đàng; còn ngươi, vì chiều theo xác thịt, chỉ sống tạm bợ, và sẽ hủy hoại linh hồn mình mãi mãi.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh cho các đầy tớ:

– Hãy nung nóng sắt và áp vào hàm của hắn. Chịu đựng sự tra tấn đó, Tarach nói:

– Dù ngươi có làm gì hơn thế nữa, ngươi cũng không thể ép buộc tôi tớ của Đức Chúa Trời dâng lễ vật cho các thần.

Sau đó, quan tòa ra lệnh mang dao cạo đến, cắt tai vị tử đạo và lột da đầu ông, rồi đặt than hồng lên đầu. Còn Tarach thì nói:

– Dù ngài có ra lệnh lột da toàn thân tôi đi chăng nữa, tôi cũng sẽ không từ bỏ Đức Chúa Trời của tôi, Đấng ban cho tôi sức mạnh để chịu đựng những hình phạt tàn ác của ngài.

Khi tất cả những điều này đang diễn ra, quan tổng trấn nói:

– Hãy thu gom các dụng cụ sắt lại, nung chúng cho nóng hơn nữa, rồi đặt dưới nách hắn!

Còn Tarach, trong khi chịu đựng điều đó, đã nói:

– Nguyện Chúa trên trời chứng kiến điều này và phán xét ngươi!

Tổng trấn hỏi:

– Ngươi đang kêu cầu Chúa nào vậy, tên tội phạm?

– Chính Đấng mà ngươi không biết, – Tarach đáp, – Đấng sẽ báo đáp mỗi người tùy theo việc làm của họ.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh bắt Tarah giam giữ, và đưa một người khác đến để thẩm vấn. Khi đưa Prova đến trước mặt quan tổng trấn, thì trung úy Dimitri nói:

– Thưa ngài, đây là Prova đang đứng trước mặt ngài.

– Ta khuyên ngươi, Prov, – quan tổng trấn nói, – đừng tự chuốc lấy những cực hình như trước, vì những kẻ trước đây cứng đầu như ngươi đã hối cải; còn ngươi, hãy dâng lễ vật ngay bây giờ, thì ngươi sẽ được chúng ta và các vị thần tôn kính.

Prov trả lời:

– Chúng tôi đồng lòng và cùng một trái tim phụng sự Đức Chúa Trời; đừng hy vọng nghe được từ chúng tôi điều gì khác, vì ngài đã nghe và thấy rằng ngài không thể khiến chúng tôi xa lìa Đức Chúa Trời. Này, giờ đây tôi đang đứng trước mặt ngài và không sợ những lời đe dọa của ngài; ngài còn chờ đợi điều gì nữa?

– Các ngươi đã đồng ý – quan tổng trấn nói – trong cơn giận dữ của mình, từ chối các vị thần.

Sau đó, ra lệnh trói anh ta lại và treo ngược đầu xuống, ông ta tiếp tục:

– Hãy thương xót thân xác mình, trước khi nó phải chịu đau khổ; vì ngươi thấy rồi, những cực hình nào đang chờ đợi ngươi.

– Cứ làm đi, – Prov đáp, – bất cứ điều gì ngươi muốn; tất cả những điều ác mà ngươi đã chuẩn bị cho ta sẽ trở thành sự an ủi cho linh hồn ta.

Tổng trấn nói với các đầy tớ:

– Hãy nung nóng những cây gậy và thiêu đốt hai bên sườn hắn, để hắn không phát điên.

Còn Prov thì nói:

– Ngươi càng cho rằng ta điên rồ, thì ta lại càng thông thái trong luật pháp của Chúa.

Quân tổng trấn lại ra lệnh cho các đầy tớ:

– Hãy đâm những thanh gỗ nung đỏ vào lưng hắn.

Còn Prov, trong khi chịu đựng điều này, đã nói:

– Xin Chúa trên trời hãy nhìn thấy sự khiêm nhường và lòng kiên nhẫn của tôi! Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh mang thịt tế lễ và rượu đến, rồi nói:

– Hãy rót rượu và nhét thịt vào miệng hắn.

Khi các đầy tớ làm như vậy, Prov nói:

– Xin Chúa từ trên ngai cao của Ngài hãy nhìn thấy sự tra tấn này và phán quyết về tòa án của ngươi!

– Ngươi đã phải chịu nhiều đau khổ, hỡi kẻ bất hạnh, – vị thẩm phán nói, – nhưng ngươi vẫn chấp nhận thức ăn dâng cho thần tượng.

– Không có gì quan trọng cả, – Prov đáp lại, – ngươi đã không làm gì sai khi hành hạ ta; Chúa biết ý chí của ta.

– Ngươi, – thẩm phán Maxim nói, – đã vừa ăn vừa uống những thứ dâng cúng.

– Chúa biết, – Prov đáp lại, – và Ngài cũng thấy sự cưỡng ép mà tôi đang phải chịu đựng.

Thống đốc Maxim nói:

– Hãy dùng những thanh gỗ nung đỏ đâm vào ống chân hắn.

Còn Prov thì lặp lại:

– Không lửa, không cực hình, cũng không phải cha ngươi – Satan – có thể khiến tôi tớ của Chúa từ bỏ việc xưng nhận Ngài.

– Hãy nung đỏ – quan tổng trấn ra lệnh – những chiếc đinh nhọn và đóng chúng vào tay anh ta.

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, – Prov nói, – vì Ngài đã cho cả đôi tay con được chịu đau khổ vì Danh Ngài.

Thống đốc nói:

– Ngươi đã mất trí vì những cực hình chồng chất.

– Quyền lực to lớn của ngươi, – Prov đáp lại, – không chỉ khiến ngươi điên loạn, mà còn làm ngươi mù quáng, vì chính ngươi cũng không biết mình đang làm gì.

Tổng trấn nói:

– Hỡi kẻ tàn tật, ngươi dám nói những lời như vậy với ta sao? Vì ta đã để đôi mắt hắn nguyên vẹn, nên – hãy móc mắt hắn ra.

Khi lệnh đó được thi hành, Prov nói:

– Dù ngươi đã cướp đi đôi mắt thể xác của ta, nhưng ngươi sẽ không bao giờ có thể cướp đi đôi mắt sống của đức tin.

Tổng trấn nói:

– Sau những cực hình như vậy, ngươi còn hy vọng sống sót sao? Hay ngươi nghĩ rằng chúng ta sẽ để ngươi chết trong yên bình?

– Chính vì thế mà tôi đang nỗ lực, – Prov đáp, – để làm chứng cho đức tin một cách trọn vẹn và tốt lành, và để bị ngươi giết chết mà không có lòng thương xót.

Lúc đó, quan tổng trấn nói với các đầy tớ:

– Hãy đưa hắn ra khỏi đây, trói lại và canh giữ cẩn thận, để không ai trong số những người quen biết hắn đến gặp hắn và tôn vinh hắn vì sự bất tuân vô thần đó.

Sau đó, ông nói:

– Hãy dẫn Andronikos đến gặp tôi.

– Đây rồi, – viên chỉ huy trăm người đáp, – anh ta đang đứng trước mặt ngài, thưa ngài.

Và quan tổng trấn nói với Andronikos:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, và ngươi sẽ được giải thoát khỏi xiềng xích.

– Điều đó sẽ không bao giờ xảy ra, hỡi kẻ hành hạ, – Andronikos đáp, – tôi sẽ không bao giờ làm điều gì trái với luật pháp của Đức Chúa Trời tôi.

Thống đốc nói:

– Ngươi đang điên loạn, Andronikos.

– Nếu tôi điên rồ, – Andronikos đáp lại, – thì tôi đã nghe lời ngài rồi; nhưng vì tôi tuyên xưng Chúa của tôi, nên tôi không điên rồ – còn chính ngài mới là kẻ điên rồ và mù quáng, vì ngài đang làm những việc của ma quỷ.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh cho các đầy tớ:

– Hãy làm những bó rơm, tẩm dầu vào rồi đốt trên bụng hắn.

Ngay lập tức, các đầy tớ lột trần Andronikos, đặt anh ta nằm xuống đất, rồi đốt rất nhiều bó rơm thấm dầu trên bụng anh ta. Còn anh ta thì nói:

– Dù ngươi có thiêu đốt tất cả đi chăng nữa, ngươi cũng không thể đánh bại ta, hỡi kẻ vô đạo, vì Đấng Chúa Trời, Đấng ban sức mạnh cho ta, Đấng mà ta phụng sự, đang đứng trước mặt ta.

Tổng trấn nói:

– Hãy nung nóng những cành cây và kẹp vào giữa các ngón tay của hắn.

Còn Andronikos thì nói:

– Kẻ thù điên rồ của Đức Chúa Trời, ngươi đầy dẫy những mưu đồ của ma quỷ; ngươi thấy thân thể ta đang kiệt quệ vì sự tra tấn của ngươi, và ngươi nghĩ rằng ta sợ ngươi; ta có Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời, ở cùng ta và ta khinh thường ngươi.

– Kẻ vô pháp, – quan tổng trấn nói, – ngươi không biết mình đang gọi ai – Đấng đã bị Pontius Pilate xử tử và những tài liệu ghi chép về sự tra tấn của Ngài vẫn còn tồn tại.

– Im đi, kẻ vô đạo, – Andronikos đáp lại, – vì ngươi không nên nói xấu về Ngài.

Thống đốc nói:

– Ngươi hy vọng vào Người mà ngươi gọi là Đấng Christ thì có ích gì cho ngươi?

– Thật sự là lợi ích lớn lao, – Andronikos đáp, – và là phần thưởng vĩ đại, chính vì thế mà tôi chịu đựng tất cả những điều này với lòng kiên nhẫn.

Rồi quan tổng trấn ra lệnh cho các đầy tớ:

– Hãy mở miệng anh ta ra, nhét thịt tế lễ vào đó và rót rượu vào.

Khi họ làm như vậy, Andronikos nói:

– Lạy Chúa, lạy Chúa! Xin hãy nhìn xem sự ngược đãi mà con đang phải chịu đựng.

Thống đốc nói:

– Ngươi còn phải chịu đau khổ, chịu tra tấn đến bao giờ nữa? Chẳng phải ngươi đã nếm thử lễ vật dâng lên các vị thần của chúng ta rồi sao?

Andronikos nói:

– Cầu cho những kẻ thờ lạy thần tượng, ngươi và các vua của ngươi đều bị diệt vong!

– Ngươi đang phỉ báng các vị vua, hỡi kẻ độc ác, – quan tổng trấn nói, – những người đã mang lại hòa bình lâu dài cho thế giới.

– Ta đã nguyền rủa những kẻ hủy diệt và những kẻ hút máu, – Andronikos đáp lại, – những kẻ phá hoại hòa bình, những kẻ mà Chúa sẽ lật đổ và tiêu diệt bằng bàn tay mạnh mẽ của Ngài.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh cho các đầy tớ:

– Hãy nhét sắt vào miệng hắn, đánh rụng răng hắn, cắt lưỡi báng bổ của hắn để hắn không còn phỉ báng các vị vua nữa, và thiêu đốt lưỡi hắn đi. Các đầy tớ đã làm theo mọi điều mà kẻ tra tấn ra lệnh. Sau đó, Andronikos bị dẫn đi giam giữ.

Đây là kết thúc câu chuyện về cuộc chịu khổ của các thánh tử đạo, được trích từ các biên bản tòa án do các thư ký ghi chép vào chính thời điểm các thánh bị tra tấn và hành hạ; còn về những cuộc chịu khổ và cái chết khác của các thánh, ba vị thánh nhân: Macarius, Felix và Berius, những người đã chứng kiến sự ra đi của các thánh tử đạo, đã viết trong thư gửi các tín hữu như sau[6985] :

"Numerius Maxim, tổng trấn xứ Cilicia, đã triệu tập Terentian, một linh mục xứ Cilicia, và ra lệnh vào sáng hôm sau phải chuẩn bị một đấu trường cách thành phố một nghìn bước[6986] , nơi dự định sẽ ném các vị tử đạo cho thú dữ xé xác. Khi đấu trường đã chật kín người đến xem cảnh hành hình, Maxim cũng đến để chứng kiến cảnh tượng đó, còn chúng tôi[6987] thì đứng ở một nơi khuất nẻo và theo dõi với sự sợ hãi tột độ. Và thế là trước tiên, những người bị kết án khác – số lượng rất đông – đã bị ném cho thú dữ ăn thịt; sau đó, Maxim ra lệnh cho binh lính dẫn các vị tử đạo Kitô giáo – Tarach, Prova và Andronikos – vào.

Các binh lính buộc mọi người phải cõng các vị tử đạo trên vai, vì do nhiều vết thương nên họ không thể đi lại được. Còn chúng tôi, khi thấy họ bị khiêng ra sân đấu, đã quay mặt đi và khóc nức nở. Và các thánh nhân bị ném xuống giữa đấu trường. Lúc đó, nỗi sợ hãi ập đến với tất cả mọi người, và họ bắt đầu phàn nàn về Maxim vì bản án tàn nhẫn đó; nhiều người đã rời khỏi nơi diễn ra cuộc đấu thú, lên án Maxim và sự tàn bạo dã man của ông ta. Thấy vậy, Maxim ra lệnh cho các binh lính đứng gần đó ghi nhận danh tính những người đã bỏ đi, để sau này ông ta điều tra xem họ có tội hay không.

Rồi ông ra lệnh thả thú dữ vào các vị tử đạo, và khi chúng không đụng đến họ, ông ra lệnh đánh đập những người tổ chức buổi biểu diễn, yêu cầu họ thả những con thú dữ tợn nhất. Một con gấu được thả ra, và ngày hôm đó nó đã giết chết ba người; khi nó tiến đến gần Andronikos, nó ngồi xuống và bắt đầu liếm vết thương của ông. Còn Andronikos thì cố chọc tức nó để nó ăn thịt mình, nhưng con gấu vẫn hiền lành. Viên tổng trấn tức giận ra lệnh cho những người cầm giáo giết con gấu. Lúc đó, Terentian, vì sợ viên tổng trấn, vội vàng thả con sư tử cái – vốn được gửi đến từ Antioch – vào các vị tử đạo. Khi được thả vào đấu trường, con sư tử cái chạy vòng quanh, khiến đám đông khán giả kinh hoàng, nhưng khi đến gần các vị tử đạo, nó cúi đầu và nằm xuống trước mặt Tarach. Anh ta dùng tay kéo nó lại, hy vọng rằng khi bị kích động, nó sẽ ăn thịt anh; nhưng con sư tử cái vẫn ở bên Tarach, hiền lành như một con cừu.

[6985] Thông tin về sự ra đi của các thánh tử đạo cũng được đề cập trong Thư của các tín hữu Anazarva.

[6986] Đấu trường – là một công trình kiến trúc hình bầu dục, mở, được dùng để tổ chức các trận đấu giữa thú vật và con người. Ngay chính giữa là đấu trường (nơi diễn ra các trận đấu), được rải đầy cát. Xung quanh đấu trường có một hàng rào. Phía sau hàng rào này là các hàng ghế dành cho khán giả, được bố trí theo bậc thang.

[6987] Bài phát biểu này được trình bày từ góc nhìn của các tín hữu Kitô giáo.

Thấy phép lạ này, dân chúng đã la hét ầm ĩ. Bị sỉ nhục và tức giận vì phép lạ này, quan tổng trấn ra lệnh cho các đầy tớ khiêu khích con sư tử cái, nhưng nó, gầm rú dữ dội, đi đến các cánh cửa và bắt đầu cắn xé chúng bằng răng. Toàn thể dân chúng, trong sợ hãi, la lên:

– Hãy mở cửa cho con sư tử cái, vì cánh cửa đã bị phá vỡ rồi.

Lúc đó, Maxim, trong cơn thịnh nộ, đã gọi Terentianus đến và ra lệnh giết các thánh tử đạo. Tarach, Prov và Andronicus bị đâm chết bằng gươm và bị xẻ thành nhiều mảnh, và thế là họ đã qua đời[6988] . Khi rời khỏi nơi diễn ra cuộc hành hình, Maxim để lại mười chiến binh canh giữ thi thể các vị tử đạo, ra lệnh đặt chúng cùng với xác chết của những kẻ vô đạo, để họ không bị nhận ra và mang đi bởi các Kitô hữu. Còn chúng tôi, khi thấy điều này, đã cầu xin Chúa ban cho chúng tôi thời cơ thuận lợi, để có thể bí mật mang thi thể các ngài đi. Sau đó, khi tiến lại gần hơn, chúng tôi thấy những người canh gác đang dùng bữa tối và ngọn lửa được thắp lên để canh gác ban đêm; lúc đó, chúng tôi quỳ gối cầu xin Chúa và Đấng Kitô của Ngài, để Ngài thực hiện mong muốn của chúng tôi – ban sự trợ giúp từ trời cao và trao cho chúng tôi thi hài các thánh. Bất ngờ, một trận động đất xảy ra, kèm theo sấm sét, chớp nhoáng và cơn mưa giông. Chúng tôi lại cầu nguyện và, khi tiến gần đến thi hài, thấy ngọn lửa đã tắt, và không còn một người lính nào, vì họ đã chạy trốn khỏi mưa và bão. Lúc đó, chúng tôi giơ tay lên trời, khẩn cầu Chúa ban cho một dấu hiệu đặc biệt để chỉ ra thi hài các thánh tử đạo, để chúng tôi có thể nhận ra họ giữa vô số thi thể khác. Đêm đó rất tối tăm. Bỗng nhiên, ba ngọn nến, giống như những vì sao, xuất hiện trên di cốt của các thánh. Sau khi bí mật lấy di cốt của các thánh tử đạo, chúng tôi ra đi, được dẫn đường bởi những ngọn nến thiên đàng ấy. Theo sau chúng, chúng tôi đi sang phía bên kia ngọn núi – và những ngọn nến thiên đàng bỗng biến mất khỏi tầm mắt. Tìm thấy một hang động được đào trong vách đá ở đó, chúng tôi đặt thi hài các thánh vào đó, rồi bịt kín lối vào thật chắc chắn để chúng không bị bất kỳ kẻ ngoại đạo nào phát hiện[6989] . Sau đó, chúng tôi vào thành phố để tìm hiểu tình hình và nghe tin rằng các lính canh đã bị Maxim giết chết. Chúng tôi đã tạ ơn Chúa Giêsu Kitô, Đấng hằng sống muôn đời.

Tôi – Macarius, Felix và Berius – muốn dành phần đời còn lại của mình tại đây, để thi hài của chúng tôi được an táng tại đây cùng với các thánh tử đạo. Còn linh hồn chúng tôi, xin được xứng đáng hưởng sự sống đời đời trên trời cùng với các thánh tử đạo. Còn những người mà chúng tôi gửi đến quý vị cùng với bức thư này, xin hãy tiếp đón họ với lòng kính trọng, vì họ là tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Chúng tôi khẩn khoản xin quý vị nhớ đến chúng tôi trong lời cầu nguyện. Nguyện ân sủng của Thiên Chúa ở cùng quý vị. Amen.”

Bài ca Troparion, giọng 5:

Các thánh tử đạo đã khiến các thế lực trên trời kinh ngạc, vì trong thân xác phàm trần, họ đã chiến thắng kẻ thù vô hình bằng sức mạnh của Thập tự giá, sau khi đã chiến đấu một cách xuất sắc; và họ đang cầu nguyện cùng Chúa, xin Ngài thương xót các linh hồn chúng ta.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Các vị là những chiến binh và tử đạo viên dũng cảm của Đức Kitô, cùng với Tarach, Prov và Andronik, đã tỏ ra vinh quang của Ba Ngôi cho chúng ta: vì các ngài đã vạch trần sự vô thần của tất cả những kẻ hành hạ, và đã chịu đau khổ một cách anh dũng nhờ đức tin.

Thánh Cosmas của Maium, tác giả các kinh thánh

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 10

Cha mẹ của Thánh Gioan Damasceno[6990] , khi đang sinh sống tại thành phố Damascus, đã nhận nuôi một đứa trẻ mồ côi theo đạo Kitô tên là Cosmas, gốc gác từ Jerusalem và mồ côi từ khi còn rất nhỏ. Vì là những người

[6988] Các thánh tử đạo qua đời vào năm 304.

[6989] Vinh quang của các vị tử đạo trong thời cổ đại thật vĩ đại. Vào giữa thế kỷ V, Giám mục Auxentius II của Mopsuestia đã xây dựng một nhà thờ tại thành phố này để tôn vinh các vị thánh tử đạo này, và sau khi nhận được một phần di cốt của các ngài từ Anazarbus, ngài đã an táng chúng tại nhà thờ này.

rất sùng đạo và nhân ái, cha mẹ của Thánh Gioan Damascene đã nhận cậu bé làm con thay cho con trai mình và nuôi dạy cả hai, Gioan và Cosmas, cùng nhau và bình đẳng như con ruột. Sau khi mua từ người Hagar[6991] một tu sĩ làm nô lệ, người cũng tên là Cosmas, họ đã giao cả hai thiếu niên Gioan và Cosmas cho ông ta dạy dỗ. Cosmas, sau khi được vị tu sĩ có học thức này dạy dỗ trọn vẹn mọi sự khôn ngoan của giáo lý Kitô giáo và đạt đến sự hoàn thiện về trí tuệ lẫn tuổi tác, đã từ bỏ thế gian phù du, lui về một tu viện[6992] , , tại đó ngài đã nhận lấy gánh nặng của lễ cắt tóc tu sĩ và tận tâm tu hành; giống như một ngôi sao trên vòm trời, – ngài cũng tỏa sáng trong Giáo hội của Đấng Kitô nhờ đời sống và sự khai sáng của Thiên Chúa. Khi phong trào chống thánh tượng bùng phát trong Giáo hội, Thánh Kosmas đã khuyến khích Thánh Gioan Damascene đứng ra bảo vệ các thánh tượng và viết một công trình nghiên cứu về việc thờ phượng thánh tượng dành cho các tín hữu Chính Thống, đồng thời cùng Thánh Gioan Damascene chia sẻ công việc soạn thảo các tác phẩm chống lại những người chống thánh tượng. Ngài cũng đã làm phong phú thêm các nghi lễ thờ phượng trong Giáo hội bằng những bài thánh ca và kinh ca tuyệt đẹp, đầy cảm hứng. Ngài đã tôn vinh sự Phục sinh của Thánh La-xa-rơ, những đau khổ tự nguyện của Chúa Kitô và một số lễ trọng của Chúa qua các bài thánh ca[6993] . Sau đó, Thánh Cosmas được Thượng phụ Giêrusalem tấn phong làm Giám mục Maium[6994] ; trong chức vụ này, ngài đã làm việc nhiều và theo ý Chúa, dẫn dắt đoàn chiên của mình trên đồng cỏ cứu rỗi của Chúa Kitô, rồi an nghỉ trong Chúa một cách bình an, sau khi đã sống đến tuổi thọ cao[6995] .

[6990] Thánh Gioan Damasceno – một nhà soạn thánh ca và thần học gia Kitô giáo xuất sắc – đã qua đời vào năm 776. Giáo hội cử hành lễ tưởng niệm ngài vào ngày 4 tháng 12.

[6991] Tức là ở những người Ả Rập, theo truyền thuyết, có nguồn gốc từ Ismael, con trai của Áp-ra-ham với Hagar.

[6992] Nơi ẩn tu này chính là tu viện nổi tiếng của Thánh Savva Thánh Hóa. Trong sa mạc, Thánh Cosmas đã nghiên cứu các tác phẩm học thuật của Damaskin và, như Thánh Gioan Giêrusalem đã nói, ông đã nhiệt thành noi gương Damaskin trong tình yêu dành cho các bài thánh ca, sáng tác cho Giáo hội những bài hát ngọt ngào và hài hòa, qua những nỗ lực không mệt mỏi, ông đã trở thành chính cuốn Thánh Vịnh hài hòa nhất dâng lên Chúa. Điều đáng chú ý là trong ấn bản cổ nhất các bài thánh ca của các Thánh Cosmas và Gioan, cũng như trong các bản thảo cổ xưa, các bài thánh ca của Thánh Cosmas luôn được gọi là các bài thánh ca của Cosmas Giêrusalem – điều này xác nhận quan điểm của chính Gioan Giêrusalem rằng Thánh Cosmas đã sáng tác các bài thánh ca của mình tại tu viện Thánh Savva.

[6993] Ngoài các bài thánh ca dành cho Tuần lễ Vai, sự Phục sinh của Lazarus và những đau khổ của Chúa Kitô – vốn được công nhận một cách xứng đáng là những tác phẩm xuất sắc và trang nghiêm nhất của vị tác giả thánh ca vĩ đại nhất trong Giáo hội Chính thống Kitô giáo – từ Thánh Kosmas còn lưu truyền lại những bài thánh ca đầy cảm hứng dành cho Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, Lễ Giáng sinh, Lễ Nâng Thánh Giá, Lễ Dâng Chúa (kèm các bài thánh ca), Lễ Rửa Tội của Đấng Cứu Thế, Lễ Biến Hình của Chúa (kèm các bài thánh ca), Lễ Ngũ Tuần, cùng các bộ ba bài thánh ca dành cho thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư và thứ Sáu của Tuần Thánh. Về vấn đề này, nhà sử học Giáo hội nổi tiếng thế kỷ XIV, Nikifor Kallist, viết rằng Thánh Kosmas là người đầu tiên bắt đầu sáng tác các bài thánh ca ba bài "theo hình ảnh của Chúa Ba Ngôi". Còn Thánh Kosmas Maiumsky là tác giả của bài thánh ca đầy cảm hứng để tôn vinh Đức Mẹ: "Cherubim Tôn Kính Nhất", bài ca cho Thứ Năm Tuần Thánh, bốn bài ca cho Thứ Năm Tuần Thánh, bài ikos và 14 bài kondak cho Lễ Lên Trời của Đức Mẹ, các bài ca dành cho Thánh Giuse, vị hôn phu của Đức Mẹ, Vua Đa-vít, Thánh Giô-rê, vị tử đạo vĩ đại, Thánh Grêgôriô, nhà thần học, cùng một số bài thánh ca khác. Về bài thánh ca nổi tiếng nhất dành cho Đức Mẹ: "Cherubim Tôn Kính Nhất"; có một truyền thuyết trong Giáo hội còn lưu truyền rằng Đức Mẹ Rất Thánh rất hài lòng với bài thánh ca này, và Ngài, khi hiện ra trước vị thánh, với khuôn mặt rạng rỡ, đã nói: "Ta thích những bài thánh ca của con, nhưng bài này khiến Ta vui lòng hơn tất cả những bài khác; Ta thích những ai hát các bài thánh ca thiêng liêng, nhưng Ta chưa bao giờ cảm thấy gần gũi với họ đến thế, như khi họ hát bài thánh ca mới này của con." Nhân đây, Nikifor Kallist lưu ý rằng những người có khả năng chiêm ngưỡng các đối tượng thiêng liêng đã nhiều lần chứng kiến Đức Mẹ Rất Thánh ban phước lành cho những người hát bài thánh ca này. Truyền thuyết này còn được chứng thực bởi việc sử dụng hàng ngày, như được quy định trong các lời cầu nguyện liên quan đến bài ca này. Trong tất cả các bài thánh ca của Thánh Cosmas Maiumsky, lời ca luôn tràn đầy ý nghĩa, đồng thời súc tích, du dương, tràn ngập sự trang nghiêm, lòng kính sợ và nguồn cảm hứng Kitô giáo mang tính nghệ thuật cao. Trong nghi lễ Hy Lạp dành cho Thánh Cosmas, chúng ta đọc: "Này là cây đàn tơ tâm linh, cây đàn ly thiêng liêng, kêu gọi mọi người đến bữa tiệc bí mật: Thánh Cosmas thiêng liêng và vinh quang dâng lên những bài thánh ca ngọt ngào như mật ong, vang lên những âm thanh thiêng liêng... Người đứng đầu các ca sĩ, ngang hàng với các bậc thầy, hình mẫu chính đáng của những bài thánh ca hài hòa, chiếc kèn có âm thanh du dương, nguồn suối tuyệt vời của những bài hát du dương, người nhiệt thành với thánh ca của các Thiên thần, tôi muốn tôn vinh Thánh Cosmas bằng những bài thánh ca". Các bài thánh ca của Thánh Kosmas Maiyum từ xưa đến nay luôn được Giáo hội tôn kính sâu sắc và cao quý nhất.

[6994] Maiyum là một thành phố cảng của Palestine, từng là bến cảng cho Gaza, một thành phố cổ kính và quan trọng của đất nước này, nằm không xa Jerusalem. – Thánh Cosmas đã được Hội đồng Giám mục bầu chọn làm Giám mục Maiyum, trái với ý muốn của ngài, và được Đức Thượng phụ Giăng V của Giêrusalem tấn phong vào khoảng năm 735. Và sau khi được tấn phong làm Giám mục, ngài vẫn duy trì mối quan hệ thân thiết với Thánh Giăng Damascene.

[6995] Thánh Cosmas của Maium qua đời vào khoảng năm 787.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Được trang điểm bằng những đức hạnh do Thánh Thần soi dẫn, ngài là niềm vinh quang của Giáo hội Chúa Kitô: vì ngài đã làm rạng rỡ Giáo hội này bằng những bài thánh ca. Xin ngài cầu nguyện cùng Chúa, để chúng con được giải thoát khỏi mọi mưu mô của kẻ thù, chúng con kêu cầu ngài: Hỡi Cha nhân từ, xin vui mừng.

Cuộc đời của Thánh Martin Nhân từ, Giám mục Tura

Ngày kỷ niệm: 12 tháng 10

Thánh Martin xuất thân từ Pannonia, thành phố Sabaria[6996] ; cha mẹ ngài là những người ngoại đạo. Cha ngài ban đầu phục vụ với tư cách là một binh sĩ bình thường, nhưng nhờ sự phục vụ tận tụy, ngài đã thăng tiến lên chức vụ quan tòa quân sự[6997] và nắm giữ một vị trí cao. Những năm thơ ấu của Thánh Martin trôi qua tại Ticino[6998] , nơi mà khi ông còn là một đứa trẻ, cha ông đã phải chuyển đến sinh sống do hoàn cảnh công vụ. Ngay từ khi còn rất nhỏ, vị thánh đã làm đẹp lòng Thiên Chúa nhờ sự hiền lành, lòng thương xót và tâm hồn trong sạch, thể hiện những dấu hiệu của ơn gọi từ trên cao. Vào thời điểm đó, đức tin Kitô giáo đang lan rộng nhanh chóng và công khai khắp nơi trong Đế quốc La Mã; và Martin, sau khi làm quen với các tín hữu, đã nghe họ giảng về những chân lý của đức tin Kitô giáo và bắt đầu hướng về đức tin ấy bằng cả tâm hồn, thấu hiểu chân lý bằng trái tim trong sáng, chưa bị ô uế của mình. Được thắp sáng bởi tình yêu dành cho các đức tính và đời sống thánh thiện của các Kitô hữu, cậu bé, khi mới mười tuổi, đã trở thành người dự tòng bất chấp ý muốn của cha mẹ. Cậu không theo học các môn khoa học, mà chỉ hài lòng với duy nhất giáo lý của Chúa Kitô. Khi lên mười hai tuổi, cậu nảy sinh khát vọng đạo đức muốn trở thành một ẩn sĩ, noi gương cuộc sống tu hành ẩn dật của Thánh Antôn. Nhưng Thiên Chúa đã định đoạt khác đi, để lòng đạo đức của cậu được tỏ lộ rõ ràng hơn ngay cả trước khi được rửa tội. Cha của Martin vô cùng bất mãn trước mối quan hệ thân thiết của con trai mình với các Kitô hữu và những khuynh hướng đạo đức của cậu, nhất là khi, bị chi phối bởi tham vọng, ông muốn biến cậu bé mạnh mẽ và năng động này thành một chiến binh nổi tiếng, người sẽ làm rạng danh tên tuổi ông trên chiến trường. Và khi Martin tròn mười lăm tuổi, theo sắc lệnh hoàng gia quy định rằng con trai của các cựu chiến binh[6999] phải gia nhập quân đội, cha cậu đã bắt giữ cậu, xiềng xích lại và ép buộc cậu phải tuyên thệ gia nhập quân đội. Với tư cách là con trai của một quan tribune và là một thanh niên nổi bật, vạm vỡ, Martin đã trở thành sĩ quan kỵ binh và giành được sự tin tưởng lớn từ các cấp trên.

Vị trí mới đầy uy tín của Martin không làm thay đổi lối sống khiêm tốn và đạo đức của anh. Tài sản của anh đủ để anh có thể có hai hoặc nhiều người hầu là lính; nhưng anh chỉ hài lòng với một người, người mà anh đối xử không như nô lệ, mà như bạn bè và anh em, và chính anh phục vụ người đó nhiều hơn là nhận sự phục vụ từ người đó. Ông dành tình yêu thương sâu sắc cho các đồng đội và khơi dậy trong họ không chỉ sự quý mến chân thành mà còn cả sự ngưỡng mộ kính trọng đối với lối sống nghiêm khắc và đạo đức của mình giữa vô vàn cám dỗ thường trực. Ngay cả khi còn là một người lính, Martin đã cống hiến trọn vẹn cho các công việc bác ái theo tinh thần Kitô giáo. Ông chỉ giữ lại từ tiền lương của mình vừa đủ để sinh hoạt, từ chối mọi thứ cho bản thân, và dùng số tiền còn lại để giúp đỡ những người khốn khổ, cho người không có quần áo mặc, nuôi dưỡng người nghèo và thực hiện những việc bác ái khác.

Martin thực hiện nhiệm vụ của mình tại Gaul[7000] . Cùng với quân đội, ông phải đóng quân tại các doanh trại mùa đông ở Amiens[7001] . Mùa đông năm đó cực kỳ khắc nghiệt, và Martin, người luôn nổi tiếng vì lòng bác ái, đã càng hào phóng hơn trong thời gian này khi trích từ tài sản của mình để nuôi dưỡng và chăm sóc người nghèo. Một lần, khi đi qua cổng thành, ngài gặp một người ăn xin gần như trần truồng, cơ thể gần như cứng đờ vì cái lạnh khắc nghiệt. Những người đi ngang qua không thèm để ý đến ông ta và bỏ mặc ông ta mà không giúp đỡ gì cả, có lẽ vì

[6996] Pannonia – một trong những vùng quan trọng ven sông Danube của Đế quốc La Mã; hiện nay thuộc Hungary. Sabaria – hiện nay là Stein an der Anger. Thánh Martin sinh ra vào nửa đầu thế kỷ IV.

[6997] Tức là trước khi được thăng chức chỉ huy một trung đoàn độc lập nổi tiếng trong quân đội.

[6998] Ticin – nay là Pavia, một thành phố quan trọng ở miền bắc Ý bên sông Ticino, không xa nơi sông này hợp lưu với sông Po.

[6999] Đó là cách người La Mã thời Đế chế gọi những binh lính già chưa được giải ngũ; họ được miễn mọi công việc và chỉ được triệu tập vào quân ngũ để bảo vệ tổ quốc khỏi kẻ thù bên ngoài.

[7000] Gaul – nay là Pháp.

[7001] Amiens – hiện là thủ phủ của tỉnh Soime, Pháp, nằm bên bờ sông cùng tên, cách Paris 124 verst về phía bắc.

chính họ cũng đang thiếu thốn và không có gì dư thừa. Martin cũng chẳng có gì; ông không thể cho người ăn xin chút tiền bố thí nào, vì trước đó ông đã phát hết số tiền mình có. Nhưng trái tim ông thắt lại vì đau xót và thương cảm khi nhìn thấy người nghèo khốn khổ này. Lúc đó, Martin, không do dự lâu và chỉ mong giúp đỡ người bất hạnh càng sớm càng tốt, đã nhanh chóng tháo dây thắt lưng quân đội, cởi áo choàng ra, chia nó làm hai phần, đưa một phần cho người nghèo đang run rẩy vì lạnh, còn bản thân thì quấn phần còn lại quanh người. Một số người đi đường đã chứng kiến hành động này và bắt đầu chế giễu anh, khi nhìn thấy bộ trang phục kỳ lạ của anh. Nhưng trái tim người chiến binh nhân từ tràn ngập niềm vui; anh không hề bối rối trước những lời chế giễu, *vì luôn* ghi nhớ lời của Đấng Cứu Thế: *"Ta trần truồng, các ngươi đã cho Ta mặc… vì các ngươi đã làm điều đó cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta, tức là đã làm cho Ta"* (Mt 25,36).

Và Chúa đã củng cố đức tin này của Martin và an ủi anh vì lòng thương xót vĩ đại của anh bằng một thị kiến thiên đàng. Vào ban đêm, trong giấc ngủ, Martin đã thấy Chúa Giêsu Kitô, Đấng hiện ra trước mặt anh trong bộ áo choàng một nửa chiếc áo choàng, và bảo anh nhìn xem liệu đó có phải chính là nửa chiếc áo mà anh đã trao cho người ăn xin ở cổng thành hay không. Martin đứng đó trong sự im lặng đầy kính sợ; còn Chúa Kitô thì quay lưng lại với anh, hướng về đoàn thiên thần đang đứng xung quanh và nói lớn tiếng:

– Chính Martin đã mặc cho Ta chiếc áo choàng này, dù anh ta mới chỉ là người mới được rửa tội.

Vui mừng trước hình ảnh kỳ diệu và an ủi ấy, chàng trai bừng tỉnh. Điều đó xảy ra ba năm sau khi anh nhập ngũ. Sau đó, Martin không còn do dự nữa và ngay lập tức nhận phép rửa tội, khi mới mười tám tuổi. Sau khi rửa tội, anh càng khao khát rời bỏ quân ngũ, nơi hoàn toàn trái ngược với khuynh hướng sùng đạo của anh và không phù hợp với khát vọng thầm kín về một cuộc sống ẩn dật, tu hành. Tuy nhiên, anh buộc phải từ bỏ việc thực hiện ngay lập tức mong muốn của mình. Vị tribune của ông, vốn là một tín đồ Kitô giáo, vô cùng không muốn chia tay với ông. Khi Martin thông báo với ông về ý định từ bỏ quân ngũ và trở thành tu sĩ, vị tribune hứa rằng nếu ông chờ đến khi kết thúc nhiệm kỳ phục vụ, thì ông ấy cũng sẽ cùng ông rời khỏi quân ngũ và từ bỏ đời sống thế tục. Martin buộc phải nhượng bộ trước mong muốn của vị tribune và tiếp tục ở lại quân đội thêm hai năm nữa, tham gia vào các cuộc hành quân gian khổ của hoàng đế Constantius chống lại bộ tộc Alemanni man rợ[7002] .

Trong các cuộc hành quân này, được tiến hành nhằm đẩy lùi những cuộc tấn công liên miên của đông đảo các bộ tộc man rợ vào các vùng biên giới của Đế chế La Mã, quyền chỉ huy đơn vị quân đội mà Martin đang phục vụ đã được hoàng đế giao cho người anh em họ của ông là Julian, người được phong làm Caesar[7003] . Đội quân này không đủ đông, và để khích lệ binh lính, Julianus quyết định phân phát cho họ những món quà từ chiến lợi phẩm thu được từ người Alemanni. Để tiếp thêm tinh thần cho các chiến binh trước trận chiến sắp tới, Julianus ra lệnh gọi tên từng người một và đích thân trao quà cho họ. Khi Martin được gọi tên, anh bước lên phía trước và dũng cảm nói với vị tướng của mình:

– Thưa Hoàng đế! Cho đến nay, tôi đã phục vụ ngài trong đội kỵ binh, nhưng giờ xin hãy cho phép tôi dâng mình phụng sự Đức Chúa Trời. Hãy để người khác, người sẽ tiếp tục phục vụ ngài, nhận lấy món quà này! Còn tôi – là chiến binh của Đấng Christ – nên không còn phải chiến đấu vì ngài nữa.

– Ngươi là kẻ hèn nhát, Martin, – Julian tức giận đáp lại với giọng trách móc. – Ngày mai sẽ có trận chiến. Và chính nỗi sợ chiến trận, chứ không phải nỗi sợ Đức Chúa Trời, đang khiến ngươi trốn tránh nhiệm vụ.

Nhưng Martin vẫn dũng cảm tiếp lời:

– Nếu ngươi coi việc từ chối của ta là hèn nhát chứ không phải là lòng trung thành, thì hãy đặt ta một mình vào ngày mai, không mang theo bất kỳ vũ khí nào, tại nơi nguy hiểm nhất trên chiến trường. Khi đó ngươi sẽ thấy rằng, không có vũ khí nào, chỉ với danh Chúa Kitô và dấu thánh giá của Ngài, ta sẽ dũng cảm tiến vào hàng ngũ kẻ thù.

– Được rồi, – Julian nói, và ra lệnh giam giữ Martin cho đến ngày hôm sau.

Nhưng vào ngày hôm sau, khi nhìn thấy đội quân được tổ chức hoàn hảo của Julian, người Alemanni đã cử các sứ giả đến gặp ông để đàm phán hòa bình, kèm theo đề nghị đầu hàng hoàn toàn. Hòa ước đã được ký kết. Sau đó, Martin được miễn khỏi lời thề quân sự và vội vã rời khỏi quân đội ngay lập tức. Anh đến gặp Đức Giám mục

---

[7002] Người Alemanni – một bộ tộc man rợ thuộc dòng dõi German, sinh sống giữa các con sông Danube, Main và thượng nguồn sông Rhine, gần các tỉnh biên giới của Đế chế La Mã, nơi họ thường xuyên tiến hành các cuộc cướp bóc tàn phá. Các cuộc chinh phạt của Hoàng đế Constantius chống lại người Alemanni diễn ra vào các năm 354–355.

[7003] Tức là người phụ tá và đồng trị vì của hoàng đế, người có thể hy vọng sẽ trở thành người kế vị ông trong tương lai. Julian ở đây chính là anh em họ và người kế vị của Constantius, người được lịch sử ghi nhận với tên gọi Julian the Apostate.

Hilarion của thành phố Poitiers[7004] , người nổi tiếng về đời sống thánh thiện và sự uyên bác theo truyền thống Kitô giáo chính thống, để đặt mình dưới sự hướng dẫn tinh thần của vị thánh nhân này. Hilarion đã đón nhận chàng trai trẻ với tình yêu thương chân thành và, sau một thời gian ngắn thử thách tính cách của anh, ngài muốn phong anh làm phó tế; nhưng Martin, với lòng khiêm nhường sâu sắc, đã từ chối chức vụ này, và người ta chỉ có thể thuyết phục anh nhận một chức vụ khiêm tốn hơn, dù vất vả hơn, là người cầu nguyện[7005] . Sau một thời gian ngắn đảm nhận chức vụ mới, Martin bắt đầu lo lắng khi nghĩ rằng cha mẹ mình vẫn còn là những người ngoại đạo, và do một giấc mơ, không lâu sau đó, anh đã trở về quê hương để dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô. Anh phải băng qua dãy Alps[7006] , thường xuyên lạc đường trong những vùng núi hoang vu không có lối đi và phải đối mặt với nguy hiểm từ bọn cướp. Một lần, anh rơi vào tay chúng. Một trong số bọn cướp giơ kiếm lên định chém đầu Martin, nhưng đồng bọn của hắn, thương xót chàng trai trẻ, đã ngăn cản kẻ tấn công. Martin bị trói lại và giao cho tên cướp đã cứu mạng anh canh giữ:

– Cậu là ai? – tên cướp hỏi.

– Tôi là một người Kitô hữu, – chàng trai trẻ đáp lại một cách hiền lành.

Sau đó, giữa hai người bắt đầu một cuộc trò chuyện kéo dài, trong suốt thời gian đó, Martin đã gây ấn tượng sâu sắc đến mức tên cướp cảm thấy hổ thẹn vì cuộc đời tội lỗi và ô nhục của mình. Hắn lập tức thả Martin ra và trong nước mắt, van xin chàng cầu nguyện cho mình. Sau đó, tên cướp ngày xưa bắt đầu sống một cuộc đời đạo đức và sau này tu hành trong tu viện Thánh Martin ở Gaul.

Cuối cùng, khi đặt chân vào lãnh thổ Ý và tiếp tục hành trình của mình giữa vô vàn thử thách và khó khăn, Martin gặp một người trông cực kỳ ghê tởm và đáng sợ, người này lao vào anh với vô số câu hỏi tò mò, đồng thời đặc biệt cố gắng ép anh phải trả lời câu hỏi rằng anh đang đi đâu.

– Tôi định đi – Thánh Martin trả lời – đến nơi mà Chúa kêu gọi tôi.

– Được thôi, – người hỏi anh ta nói với giọng giận dữ, – nhưng hãy nhớ rằng, dù anh đi đâu hay làm gì đi chăng nữa, tôi sẽ luôn là kẻ thù của anh.

Cuộc gặp gỡ và cuộc trò chuyện này đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng Martin, tuy nhiên, anh không hề nao núng, mà chỉ nhẹ nhàng và với niềm tin vững chắc vào sự an bài toàn năng của Chúa, anh nói:

– Chúa ở cùng tôi; tôi không sợ những gì con người có thể làm với tôi.

Ngay khi những lời đó vừa dứt, người đối thoại lập tức biến mất. Lúc đó, Martin mới nhận ra rằng đó chính là kẻ thù truyền kiếp của loài người – ma quỷ, đã hóa thân thành hình dạng con người.

Khi về đến nhà, Martin thấy cha mẹ mình vẫn còn sống. Cha ông đối xử với ông rất lạnh nhạt và vẫn cứng rắn trước lời rao giảng của ông. Nhưng mẹ ông đã bị thuyết phục bởi những lời của ông và được soi sáng bởi ánh sáng của Phúc Âm, cũng như nhiều cư dân khác trong thành phố quê hương ông. Tuy nhiên, thành công của việc rao giảng Phúc Âm của vị thánh tại Sabaria không kéo dài. Vào thời điểm đó, do sự bảo trợ của vị vua vô đạo Constantius dành cho những người Arian, tà thuyết của họ đã lan rộng khắp Pannonia; Martin đã đứng lên chống lại giáo lý độc ác này và vì thế phải chịu sự đàn áp, sau khi bị tra tấn thể xác, ông bị trục xuất khỏi thành phố. Ngài lên đường đến Ý và, sau khi dừng chân tại Mediolanum[7007] , đã xây dựng cho mình một căn phòng ẩn tu tại đó; nhưng ngay cả từ nơi này, sau khi phải chịu đủ mọi hình thức bức hại và sỉ nhục, ngài lại bị giám mục Arian là Auxentius trục xuất. Lúc đó, vị thánh quyết định trở thành một ẩn sĩ trên hòn đảo đá hẻo lánh Gallinaria, từ đó ngài chuyển đến đảo Capraria[7008] , nơi hoàn toàn vắng bóng người vì đầy rẫy rắn độc. Tại đó, ngài sống trong những hành động suy ngẫm về Thiên Chúa và cầu nguyện cùng với một người bạn đồng hành duy nhất, chỉ ăn những loại

---

[7004] Thánh Hilarius, Giám mục Poitiers, vị Giáo phụ nổi tiếng và người bảo vệ Chính Thống giáo, qua đời năm 368. Lễ tưởng niệm ngài trong Giáo hội Rôma được cử hành vào ngày 14 tháng 1. Trong các lịch thánh hiện nay của Giáo hội Hy Lạp không có tên ngài, mặc dù sự thánh thiện trong cuộc đời ngài là không thể nghi ngờ và được chứng minh bằng các phép lạ. Poitiers là thành phố chính của tỉnh Vienne, Pháp, cách Paris 340 verst về phía tây nam.

[7005] Đây là một chức vụ đặc biệt trong hàng giáo sĩ của Giáo hội Cơ đốc giáo cổ đại, có nhiệm vụ đọc những lời cầu nguyện đặc biệt cho những người bị ma quỷ ám, những người bị quỷ ám, những người mắc bệnh động kinh và những bệnh nhân tương tự. Hiện nay, chức vụ đặc biệt như vậy không còn tồn tại trong Giáo hội.

[7006] Dãy Alps – dãy núi cao nhất châu Âu, trải dài theo hình vòng cung bao quanh toàn bộ miền Bắc Ý, tách bán đảo Apennine khỏi lục địa từ mọi phía.

[7007] Mediolan – nay là Milan – là thành phố quan trọng nhất của miền Bắc Ý, thuộc vùng Lombardia; được thành lập từ thời cổ đại xa xưa và luôn có vai trò quan trọng.

[7008] Gallinaria – một hòn đảo trên Biển Tyrrhenian, thuộc vùng Liguria ở miền Bắc Ý. Capraria – một hòn đảo nhỏ trên cùng vùng biển đó.

cây cỏ hoang dã. Sự quan phòng của Thiên Chúa đã bảo vệ vị thánh tu hành này một cách kỳ diệu, và ngài không hề bị rắn gây hại.

Khi nghe tin vị thầy của mình, Hilarius, người từng bị những người Arian trục xuất khỏi Poitiers, đã được phép trở về, Martin liền lên đường đến Poitiers gặp ngài, và sau năm năm xa cách, họ đã vui mừng ôm chầm lấy nhau . Hilarion lại thuyết phục ông nhận chức linh mục hoặc ít nhất là chức phó tế, nhưng Martin kiên quyết từ chối, mong muốn được sống như một tu sĩ bình thường cho đến cuối đời. Hilarion cho phép ông thành lập một tu viện và chỉ định một địa điểm gần Poitiers, tại làng Locociag, hay Ligouze[7009] . Những người bạn và môn đệ nhanh chóng tụ tập quanh chàng thanh niên đạo đức này để học hỏi từ ông lối sống tu hành hoàn hảo. Martin đón nhận tất cả mọi người với tình yêu thương và trở thành tấm gương sáng nhất về đời sống tu hành thánh thiện, làm đẹp lòng Chúa. Dù hầu như không được học hành gì, nhưng nhờ ân sủng của Chúa Kitô ngự trong lòng, được soi sáng bởi sự suy niệm về Thiên Chúa và những việc làm cao đẹp của đời sống tu hành, đã khuyên răn và hướng dẫn cả những người có học thức sâu rộng và được khai sáng sâu sắc bước vào con đường đời sống Kitô hữu chân chính; trong số đó, có những người, dưới ảnh hưởng của ngài, đã từ bỏ thế gian phù du, dâng hiến trọn vẹn bản thân cho việc phụng sự Thiên Chúa và những công việc tu hành trong sa mạc. Tu viện Thánh Martin trong thời gian ngắn đã phát triển thịnh vượng và nổi tiếng, trở thành tu viện đầu tiên ở Gaul và trở thành cái nôi nổi tiếng của đời sống tu hành tại đất nước này.

Vào thời điểm đó, một người đang trong giai đoạn dự tòng, đã vào tu viện Thánh Martin để nhận những lời dạy có ích cho linh hồn về đức tin thánh thiện và đời sống đạo đức, nhưng chưa kịp chịu phép rửa tội, bỗng dưng mắc bệnh sốt và qua đời. Lúc đó, vị Thánh không có mặt tại tu viện. Khi trở về, ngài thấy thi thể không còn hơi thở của người dự tòng nằm giữa các tu sĩ đang khóc than. Vị thánh đã đuổi tất cả ra khỏi phòng tu, rồi quỳ xuống cầu nguyện; hai giờ sau, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, ngài đã khiến người đã khuất sống lại. Người được hồi sinh ngay lập tức nhận phép rửa tội và sau đó sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa trong một thời gian dài. Sau này, ông kể lại rằng khi linh hồn ông lìa khỏi thân xác, ông đã bị đưa ra trước một vị Thẩm phán đáng sợ, người đã tuyên án kết tội ông; nhưng hai Thiên thần đã nói với vị Thẩm phán rằng ông chính là người mà Thánh Martin đang cầu nguyện cho, sau đó vị Thẩm phán ra lệnh đưa ông trở lại với Thánh Martin.

Kể từ đó, danh tiếng của Thánh Martin lan rộng như một vị thánh và một vị tông đồ kỳ diệu, được ban cho sức mạnh từ trên cao.

Thu hút được đông đảo môn đệ[7010] từ các tầng lớp và địa vị xã hội khác nhau, đồng thời tác động đến họ bằng gương sống đạo đức và đời sống tu hành nghiêm khắc của mình, Thánh Martin còn có ảnh hưởng lớn đối với họ qua giáo lý của ngài. Chính ngài đã nhìn thấy rõ lẽ thật của Đức Kitô và tin tưởng vững chắc vào điều đó; với cùng sự rõ ràng, sinh động, đơn sơ và thuyết phục ấy, ngài biết cách truyền đạt và giải thích lẽ thật đó cho cả những người có đức tin lẫn những người chưa có đức tin. Ngài thích giảng dạy bằng những câu chuyện ngụ ngôn, những câu chuyện này đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng thính giả.

Khi chứng kiến những kỳ công vĩ đại của Thánh Martin và không thể chịu đựng được cuộc sống thánh thiện, đẹp lòng Chúa của ngài, kẻ thù truyền kiếp của loài người – ma quỷ – đã phát động một cuộc tấn công xảo quyệt nhằm vào ngài, hiện ra trước mặt ngài và cám dỗ ngài bằng mọi cách. Tuy nhiên, dù thánh nhân luôn nhìn thấy quỷ dữ và chính chúa tể quỷ dữ xung quanh mình, ngài vẫn không bao giờ tỏ ra sợ hãi dù chỉ một chút trước chúng. Ngài thậm chí còn công khai thách thức ma quỷ chiến đấu.

– Nếu ngươi có bất kỳ phần nào trong ta, – ngài nói, – thì hãy chứng tỏ điều đó bằng hành động.

Lúc đó, Satan đã cố gắng lừa dối và dụ dỗ vị thánh bằng cách hóa thân thành hình dạng của một Thiên thần sáng láng, vì như Thánh Tông đồ đã nói, đôi khi *"chính Satan* cũng *hóa thân thành hình dạng của Thiên thần sáng láng"* (2 Cô-rinh-tô 11:14). Và rồi vào một ngày nọ, hắn hiện ra trước mặt Martin khi ông đang cầu nguyện, được ánh sáng màu tím dẫn đường và bao quanh, mặc áo hoàng gia, đội vương miện bằng ngọc trai và vàng, đi dép bọc vàng, với khuôn mặt vui vẻ và hân hoan. Khi chứng kiến hiện tượng kỳ lạ và diệu kỳ này, Martin ban đầu cảm thấy vô cùng bối rối, và cả hai đều im lặng trong một thời gian dài. Cuối cùng, ma quỷ nói:

[7009] Tu viện Thánh Martin nằm cách Poitiers khoảng 8 verst. Đây là tu viện đầu tiên được tổ chức một cách bài bản ở phương Tây, và Thánh Martin là một trong những người sáng lập chính của các tu viện ở phương Tây.

[7010] Trong số họ có một người giàu có tên là Sulpicius Severus, một trong những nhà văn cổ đại có học thức nhất của Giáo hội phương Tây, sau này trở thành người viết tiểu sử của Thánh Martin, và một trong những môn đệ thân cận và xuất sắc nhất của vị thánh – Gallus, người mà từ lời kể của ông, Sulpicius đã ghi chép lại nhiều điều về cuộc đời của Thánh Martin.

– Martin ơi, con có biết người mà con đang nhìn thấy là ai không? Ta chính là Chúa Kitô. Trước khi tái lâm trong Ngày Phục Sinh Thứ Hai, Ta muốn tỏ mình ra cho con.

Vị thánh ngập ngừng một lát và không trả lời gì cả.

– Tại sao ngươi lại nghi ngờ không tin vào thị kiến này? – tên quỷ xảo quyệt nói. – Ta là Chúa Kitô.

Lúc đó, nhờ sự soi dẫn của Thánh Thần, Martin nhận ra đó là ma quỷ, và nói:

– Chúa Giêsu Kitô của con không hứa rằng Ngài sẽ hiện ra trong áo tím và vương miện lộng lẫy. Con không muốn tin rằng con đang chứng kiến sự trở lại của Chúa Kitô, cho đến khi Ngài đến trong chính hình dạng mà Ngài đã chịu khổ nạn, và trên hết – cho con thấy rõ những vết thương mà Ngài đã chịu trên thập giá.

Lúc đó, ma quỷ biến mất như làn khói, và tràn ngập căn phòng bằng một mùi hôi thối kinh hoàng đến nỗi không còn chút nghi ngờ nào rằng đó chính là ma quỷ.

Tuy nhiên, cùng với những ảo ảnh lừa dối này, vị thánh còn được chứng kiến những hiện tượng an ủi và đầy ân sủng của các Thiên thần và các thánh của Đức Chúa Trời từ thế giới bên kia; chẳng hạn, các thánh tông đồ Phêrô và Phaolô đã nhiều lần hiện ra với ngài và an ủi ngài bằng những lời trò chuyện được Đức Chúa Trời soi dẫn. Ân sủng của Thiên Chúa rõ ràng ngự trên Thánh Martin, thể hiện sự hiện diện của Ngài một cách rõ ràng trước mắt tất cả các môn đệ của ngài, đặc biệt là khi ngài cử hành Thánh lễ một cách cảm động và vào lúc ngài ban phép lành cho dân chúng. Chẳng hạn, có lần họ thấy rằng khi ngài giơ tay phải lên để ban phước, từ bàn tay ấy tỏa ra một ánh sáng kỳ diệu. Lần khác, họ thấy một vầng hào quang xuất hiện quanh trán ngài.

"Thành phố nằm trên đỉnh núi không thể giấu được. Người ta thắp nến lên, không đặt dưới cái chậu, mà đặt trên giá nến, để chiếu sáng cho mọi người trong nhà" (Mt 5,15). Như vậy, đối với Thánh Martin, mọi người đều nhận ra rõ ràng rằng Thiên Chúa đã tiền định ngài không chỉ để thực hiện những việc thánh thiện thầm lặng trong sự cô độc và tĩnh lặng của phòng tu viện, mà còn để đặt ngài lên cao trên giá nến của Giáo Hội, để ngài, bằng những ân sủng của mình, những việc lành và đời sống thánh thiện, chiếu sáng cho các tín hữu, như một vị mục tử chăn dắt đàn chiên đông đảo của Đức Kitô. Danh tiếng vĩ đại và ngày càng lan rộng của ngài đã khiến không ai nghi ngờ rằng, sớm muộn gì thì giáo dân của một giáo phận nào đó cũng sẽ kêu gọi ngài đảm nhận chức vụ giám mục. Và thế là, khi ghế giám mục tại thành phố Tours[7011] trở nên trống, dân chúng mong muốn có Thánh Martin làm vị thánh bảo trợ của họ. Nhưng đồng thời, ai cũng biết sự khiêm nhường sâu sắc của Martin, điều trước đây đã khiến ngài kiên quyết từ chối nhận chức linh mục hay thậm chí là chức phó tế. Lúc đó, họ quyết định dùng đến mưu mẹo và sức mạnh. Một công dân tên là Ruricius đã đến gặp vị thánh tại tu viện của ngài, quỳ xuống dưới chân ngài và xin ngài đến cầu nguyện cho người vợ đang ốm của mình. Vị thánh đã đi; nhưng ngay lúc đó, ngài bị một đám đông vây quanh, họ dùng sức mạnh đưa ngài về thành phố và đồng thanh tuyên xưng ngài làm giám mục.

Sau khi được tấn phong lên ngôi giám mục, Thánh Martin không hề thay đổi chút nào, vẫn là tấm gương về sự khiêm nhường sâu sắc đối với mọi người, chỉ mặc những bộ quần áo đơn sơ và ăn những bữa ăn đạm bạc nhất, đồng thời dành phần lớn thời gian cho các việc tu hành, lánh xa thế gian và tìm kiếm sự tĩnh lặng. Không xa thành phố, ngài đã chọn cho mình một nơi hoang dã, hẻo lánh để thực hành đời sống tu hành; nơi này được bao bọc bởi những vách đá và một bên là sông Loire, và chỉ có thể tiếp cận qua một con đường mòn duy nhất. Tại đây, Thánh Martin đã xây dựng một căn phòng gỗ. Các tu sĩ khác, những người tìm kiếm cuộc sống ẩn dật, cũng bắt đầu định cư xung quanh ngài. Một số người tự xây những túp lều tương tự, số khác thì đục khoét hang động trong vách đá núi. Và như vậy, khoảng 80 tu sĩ đã tụ họp quanh Thánh Martin, hình thành nên một tu viện mới. Nơi này được gọi là Tu viện Thánh Martin, hay còn gọi là Tu viện Lớn, và sau này là Marmoutier[7012] . Các tu sĩ của tu viện này đã tuân theo hiến chương của Thánh Martin và miệt mài thực hành việc ăn chay và cầu nguyện dưới sự hướng dẫn giàu kinh nghiệm của ngài, nhờ vào những lời dạy bổ ích cho tâm hồn nhưng đồng thời cũng dễ hiểu, đơn giản, cùng với gương sáng từ chính cuộc đời tu hành cao cả của ngài. Các tu sĩ không sở hữu gì riêng; mọi thứ đều thuộc về chung. Họ không được phép mua bán bất cứ thứ gì, và trong các công việc thủ công, chỉ có các tu sĩ trẻ mới được phép sao chép các bản thảo của những cuốn sách thánh và những cuốn sách có ích cho tâm hồn; còn các tu sĩ lớn tuổi thì chỉ chuyên tâm vào việc cầu nguyện. Họ hiếm khi ra khỏi phòng tu, trừ khi để tham gia các nghi lễ chung; không ai uống rượu, trừ những người ốm; thức ăn của họ, mà họ chỉ dùng một lần mỗi ngày, chỉ gồm bánh mì, rau

[7011] Tours là một thành phố ở Gaul, nằm trên bờ trái sông Loire, cách Paris 238 verst về phía tây nam.

[7012] Tu viện Marmoutier sau này đã trở nên nổi tiếng và có ý nghĩa to lớn trong lịch sử đời tu không chỉ ở Gaul mà còn trên toàn phương Tây.

củ và ô liu; quần áo của họ làm từ lông lạc đà thô, mặc dù nhiều tu sĩ trong số họ có xuất thân quý tộc. Các tu sĩ sống trong sự vâng phục tuyệt đối và phần lớn thời gian trong im lặng. Từ tu viện này đã có không ít giám mục ra đời, những người đã cống hiến hết mình cho việc truyền bá giáo lý Kitô giáo giữa những người ngoại đạo.

Chính Thánh Martin đã tận tụy lao động để cải đạo những người ngoại đạo và lật đổ sự thờ cúng thần tượng ở phần lớn vùng Gaul. Trong sứ vụ tông đồ này, ngài là một nhà rao giảng chân lý của Chúa Kitô đầy dũng cảm, không nao núng và hy sinh. Vì mục đích này, Thánh Martin thường rời khỏi tu viện yêu quý của mình để đi khắp các vùng lân cận, phá hủy các đền thờ ngoại đạo và chặt bỏ những cây thiêng liêng của những kẻ thờ ngẫu tượng, đồng thời xây dựng các nhà thờ và hướng dẫn những người ngoại đạo đến với đức tin Kitô giáo. Việc rao giảng Tin Mừng của Thánh Martin càng thành công hơn nữa vì thường đi kèm với những dấu lạ và phép lạ, mà vị thánh này thực hiện nhờ quyền năng của Chúa Kitô trước sự chứng kiến của tất cả những người chưa tin. Nơi đầu tiên mà những người ngoại đạo được cải đạo là Amboise[7013] . Sau khi thành lập một nhà thờ tại đây nhờ lời rao giảng của mình, ngài đã giao phó việc quản lý và chăm sóc nhà thờ đó cho một số môn đệ của mình. Tuy nhiên, đạo ngoại ở đó vẫn còn rất mạnh, và các Kitô hữu phải đối mặt với nguy hiểm lớn từ phía những người ngoại đạo; bởi vì tại đó vẫn còn một đền thờ ngoại đạo với một tượng thần lớn, được dân chúng tôn kính. Các môn đệ của Thánh Martin không dám phá hủy nơi ẩn náu của sự thờ phượng thần tượng này, bất chấp mệnh lệnh của ngài. Chính Thánh Martin lại trở về Amboise, nhưng ngài nhận ra rằng quả thực rất khó để phá hủy ngôi đền đó. Lúc đó, ngài chọn cho mình một nơi vắng vẻ và dành cả đêm để cầu nguyện nồng nhiệt với Thiên Chúa. Và Chúa đã nghe lời cầu nguyện của vị thánh trung thành của Ngài: vào buổi sáng, một cơn bão khủng khiếp ập đến, phá hủy ngôi đền ngoại giáo đến tận nền móng và nghiền nát tượng thần bên trong.

Trong hành trình truyền bá Tin Mừng qua xứ Edouan[7014] , Thánh Martin đã đến thành phố Augustodona[7015] và dừng chân tại đây để cầu nguyện trước mộ Thánh Tử đạo Symphorian và giúp Giám mục Simplicius tiêu diệt tà giáo. Gần nhà nguyện nơi lưu giữ di cốt của Thánh Symphorian[7016] , có một đền thờ ngoại đạo được xây dựng để tôn vinh Saron[7017] , nơi cư ngụ của những thầy tế được kính trọng nhất trong giới ngoại đạo – những người được gọi là các Druid của Saron[7018] . Thánh Martin đã dũng cảm bước vào đền thờ ngoại đạo này và lật đổ bức tượng cùng bàn thờ của Saron. Lúc đó, một đám đông những người ngoại đạo vũ trang, đầy phẫn nộ vì sự việc này, đã xông vào tấn công ngài. Một người trong số họ, táo bạo hơn cả, đã giơ kiếm lên định chém ngài, nhưng một sức mạnh vô hình đã quật ngã hắn xuống ngay dưới chân vị thánh; và, bị nỗi sợ hãi bao trùm, kẻ ngoại đạo ngang tàng ấy đã khiêm nhường, nước mắt lưng tròng, cầu xin vị thánh tha thứ và thương xót. Khi chứng kiến phép lạ này, tất cả những người ngoại đạo khác có mặt tại đó đều tin vào Chúa Kitô, và đền thờ ngoại đạo đã được biến thành thánh đường của Thiên Chúa chân thật.

Một phép lạ không kém phần kỳ diệu đã xảy ra nhờ lời cầu nguyện của vị thánh tại làng Leproze[7019] . Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành tông đồ, ngài cũng muốn phá hủy ngôi đền được những người ngoại đạo sùng kính tại đây; nhưng dân làng đã đuổi ngài đi. Sau đó, ngài lui về một nơi an toàn gần làng nhất, ở đó ngài ăn chay và cầu nguyện suốt ba ngày đêm, khẩn cầu Thiên Chúa hủy diệt đền thờ ngoại giáo. Đáp lại lời cầu nguyện nồng nhiệt của ngài, hai Thiên thần rực rỡ, dường như đang mang vũ khí, đã hiện ra và tuyên bố rằng họ được Thiên Chúa sai đến để giúp ngài chống lại những người ngoại giáo.

Nghe vậy, Thánh Martin vội vã quay trở lại làng ngay lập tức và, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, đã biến các bàn thờ và tượng thần thành tro bụi một cách kỳ diệu trước sự chứng kiến của dân chúng, những người được kết nối bởi sức mạnh thiêng liêng vô hình. Chứng kiến phép lạ này và sự tàn phá kỳ diệu của ngôi đền, dân làng đã nhận ra sự hư vô của các thần tượng và quay về với Chúa Kitô.

Một lần nọ, Thánh Martin cùng một số môn đệ của ngài, trên đường đến thành phố Carnot[7020] , đi ngang qua một ngôi làng đông đúc. Một đám đông khổng lồ đã ra đón họ, toàn bộ đều là những người ngoại đạo, vì không

---

[7013] Amboise – một thành phố cách Tours 22 verst.

[7014] Vùng đất Éduan nằm ở phía đông nam Paris, giữa hai con sông Loire và Saône.

[7015] Augustodon – thành phố chính của người Edui, những người sinh sống tại vùng đất Eduan; ngày nay là Autun thuộc tỉnh Loire-et-Saône, với rất nhiều di tích đổ nát.

[7016] Thánh tử đạo Symphorian, được Giáo hội La Mã tôn vinh, † dưới triều đại hoàng đế Marcus Aurelius vào năm 178.

[7017] Saron – vị vua huyền thoại của Gaul, người được người Edui tôn vinh như một vị thần – vị thần bảo hộ của đất nước họ.

[7018] Các Druid – tầng lớp tư tế cao nhất, từ thời xa xưa đã thống trị ở Gaul và được người Gaul kính trọng và ảnh hưởng rất lớn.

[7019] Léproz – nay là Levru, một thị trấn nhỏ cách Paris khoảng 250 verst về phía nam.

ai trong vùng đó biết đến Chúa Kitô và chưa từng nghe về những chân lý của đức tin Kitô giáo. Danh tiếng của vị thánh nhân này lớn lao đến nỗi đã thu hút được vô số người ngoại đạo, những người đã phủ kín cánh đồng trên một khoảng cách rất xa. Thánh Martin nhận ra rằng cần phải hành động và tận dụng cơ hội này để dẫn dắt những người chưa tin đến với Chúa Kitô. Và thế là, theo sự thúc giục của Thánh Thần, ngài bắt đầu bài giảng đầy nhiệt huyết của mình bằng giọng nói vang dội, rao giảng Lời Chúa cho những người ngoại đạo và thường thở dài từ tận đáy lòng vì thấy rằng đám đông người ấy lại không biết Chúa Cứu Thế.

Lúc đó, một người phụ nữ, người vừa mới mất con trai, đã mang thi thể không còn sự sống của con trai mình đến, đặt dưới chân vị thánh, giơ tay về phía ngài và nói:

– Chúng tôi biết ngài là bạn của Đức Chúa Trời. Xin hãy trả lại con trai cho tôi, vì nó là con duy nhất của tôi.

Đám đông đã đồng cảm với người mẹ bất hạnh và cùng hô vang những lời cầu xin của bà.

Thánh Martin cầm thi thể người đã khuất trên tay, quỳ gối cùng với toàn thể dân chúng, và sau khi dâng lời cầu nguyện, ngài đứng dậy và trao trả cậu bé cho người mẹ khi cậu đã sống lại. Khi chứng kiến cảnh này, tất cả những người có mặt tại đó đều đồng lòng xưng nhận Chúa Kitô là Thiên Chúa, và quỳ sấp xuống dưới chân vị thánh, tha thiết xin ngài làm cho họ trở thành Kitô hữu. Ngay lập tức, ngay tại cánh đồng đó, vị Thánh đã đặt tay lên họ và rao giảng Lời Chân Lý cho họ. Tin tức về phép lạ này nhanh chóng lan truyền khắp cả nước[7021] . Với thành công tương tự, Thánh Martin đã truyền bá ánh sáng Phúc Âm đến các vùng khác của Gaul.

Một lần nọ, một giáo dân tên là Evanfi, đang bị một căn bệnh hiểm nghèo hành hạ và đã cận kề cái chết, đã mời Thánh Martin đến thăm. Thánh nhân lập tức lên đường đến gặp ông; nhưng chưa đi được nửa chặng đường, người bệnh, cảm nhận được sức mạnh của vị thánh đang đến và đột nhiên được chữa lành, đã tự mình bước ra đón Thánh Martin cùng các môn đệ đi theo ngài. Ngày hôm sau, Thánh Martin định lên đường trở về, nhưng đã ở lại do những lời khẩn cầu tha thiết của người được chữa lành. Trong khi đó, một con rắn đã cắn chết một thiếu niên trong gia đình Evafia. Người này đã cõng thiếu niên đang hấp hối trên vai đến chân vị thánh nhân, tin tưởng vào sức mạnh làm phép lạ vĩ đại của ngài và tin chắc rằng không có gì là không thể đối với ngài. Nọc rắn đã lan tỏa khắp cơ thể cậu thiếu niên, các gân nổi lên, nội tạng phình to như túi da. Thánh Martin giơ tay ra, vuốt dọc theo toàn bộ cơ thể cậu thiếu niên, rồi ấn ngón tay vào ngay vết thương do nọc rắn gây ra. Và lúc đó, tất cả những người có mặt đều kinh ngạc khi thấy nọc độc từ khắp cơ thể cậu bé bắt đầu chảy về phía ngón tay của Thánh Martin và thoát ra cùng với máu qua vết thương. Sau đó, cậu bé đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh, và tất cả những người chứng kiến phép lạ đều ngợi khen Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu nơi các thánh của Ngài.

Thánh Martin đã thực hiện một phép lạ không kém phần kỳ diệu tại thành phố Carnot đối với một thiếu nữ câm. Một thiếu nữ mười hai tuổi, câm bẩm sinh, đã được đưa đến gặp Thánh Martin. Cha cô đã khẩn cầu ngài dùng lời cầu nguyện của mình để giải thoát lưỡi cô. Thánh nhân đã giao việc này cho hai vị giám mục Valentinus và Victorius đang ở cùng ngài, khẳng định rằng điều này vượt quá khả năng của ngài, và rằng đối với họ – những người hoàn thiện hơn về đức hạnh – thì mọi điều đều có thể. Nhưng hai vị ấy, kết hợp lời thỉnh cầu của mình với những lời khẩn cầu của người cha bất hạnh, đã thuyết phục Thánh Martin thực hiện điều mà mọi người mong đợi từ ngài. Lúc đó, Thánh Martin ra lệnh cho đám đông đang đứng xung quanh lui ra, và chỉ còn lại các giám mục cùng người cha của thiếu nữ, ngài quỳ sấp xuống với lời cầu nguyện tha thiết, sau đó ban phép lành cho một ít dầu thánh và nhỏ vào miệng thiếu nữ, đồng thời dùng ngón tay giữ lưỡi cô lại. Và phép lạ kỳ diệu đã chứng minh đức tin của vị thánh. Khi vị thánh hỏi cô gái tên cha cô là gì, cô lập tức trả lời rõ ràng – và người cha, ôm lấy đầu gối vị thánh, trong niềm vui và nước mắt, đã reo lên và làm chứng trước tất cả những người có mặt rằng đó là lời nói đầu tiên của con gái ông.

Một lần nọ, khi Thánh Martin tiến vào Paris, được đông đảo dân chúng tháp tùng, ngài gặp một người bị bệnh hủi trong tình trạng thảm thương nhất, người mà ai nấy đều ghê tởm. Nhưng vị thánh, với lòng thương xót, đã hôn lên người anh ta và ban phước lành – và ngay lập tức, người bệnh được chữa lành khỏi bệnh hủi, và ngày hôm sau, anh ta đến nhà thờ để tạ ơn vì sự chữa lành của mình.

[7020] Carnot – nay là Chartres, một thành phố cách Paris 84 verst về phía tây nam.

[7021] Để tưởng nhớ phép lạ này, sau đó tại Chartres đã được xây dựng một nhà thờ mang tên "Thánh Martin Nhân từ, Đấng ban sự sống".

Paulin, một quan chức nhà nước sùng đạo, người sau này được tôn vinh nhờ cuộc đời thánh thiện của mình, đã phải chịu đựng cơn đau dữ dội do bệnh về mắt, và bóng tối đã bao trùm tròng mắt ông; nhưng Thánh Martin đã chạm vào mắt ông bằng một mảnh vải, và cơn đau lập tức biến mất.

Những hành động từ bi và tình yêu thương Kitô giáo dành cho những người khốn khổ và nghèo khó của Thánh Martin là vô số kể, chính vì thế mà ngài được mệnh danh là "Người Nhân Từ". Một lần nọ vào mùa đông, trên đường đến nhà thờ, ngài gặp một người ăn xin bán khỏa thân, người này đã xin ngài cho mình ít quần áo. Thánh nhân liền gọi phó tế trưởng và ra lệnh cho ông ta mặc quần áo cho người đang run rẩy vì lạnh; sau đó, ngài bước vào phòng làm việc[7022] , ngồi đó một mình như thường lệ ; nhưng vì phó tế không đưa quần áo cho người ăn xin, nên người này đã xông vào gặp vị thánh nhân và than phiền về vị phó tế cũng như về cái lạnh. Lúc đó, vị thánh bí mật cởi chiếc áo chẽn[7023] ra khỏi lớp áo ngoài, rồi bảo người nghèo mặc vào và ra về. Chẳng bao lâu sau, vị phó tế bước vào và báo cho vị giám mục thánh rằng đã đến giờ cử hành thánh lễ long trọng, vì dân chúng đang chờ đợi trong nhà thờ. Nghe vậy, vị thánh đáp lại, tự nhủ trong lòng:

– Trước tiên phải cho người nghèo mặc áo: tôi không thể vào nhà thờ nếu người nghèo chưa được nhận áo.

Vị phó tế, không hiểu gì cả, vì không để ý rằng vị thánh bên trong đang trần truồng, liền xin lỗi rằng không tìm thấy người nghèo.

Nhưng Thánh Martin kiên quyết lặp lại:

– Hãy mang bộ quần áo đã chuẩn bị sẵn đến cho tôi: người nghèo sẽ không phải ở trần.

Bị ép buộc bởi hoàn cảnh, vị phó tế, trong cơn giận dữ, đã lấy từ các quầy hàng lân cận một bộ quần áo ngắn và thô sơ với giá năm đồng tiền, rồi ném nó xuống chân Martin một cách tức giận, nói:

– Đây là quần áo, còn người nghèo thì không có.

Còn vị thánh thì bình tĩnh ra lệnh cho ông ta đứng chờ một lát bên ngoài cửa, rồi bí mật mặc bộ quần áo đó vào, sau đó bước vào nhà thờ để cử hành thánh lễ. Và Chúa đã không chậm trễ trong việc ban thưởng cho Thánh Martin vì việc làm từ thiện bí mật này của người Kitô hữu. Vào ngày đó, khi ngài đang ban phép lành cho bàn thờ, trong lúc cử hành Thánh lễ, một quả cầu lửa rực rỡ tỏa sáng từ đầu ngài, khiến ngọn lửa bốc lên cao tạo thành một tia sáng dài. Hiện tượng vinh quang này vào ngày hôm đó, trước sự chứng kiến của đông đảo dân chúng, chỉ có một số ít người được chọn mới nhìn thấy, đó là: một môn đệ đạo đức của Thánh Martin tên là Gall, một trinh nữ, một linh mục và ba tu sĩ.

Sự hiền lành mà Thánh Martin nổi bật khiến ngay cả những người ngoại đạo cũng yêu mến ngài. Ngài hầu như không có kẻ thù nào cả, nhưng nếu có, thì họ ghét ngài vì những đức tính mà chính họ không có và không thể noi gương được. Trong khi đó, Thánh Martin không bao giờ lên án ai, cũng không trả thù ác bằng ác. Dù phải chịu mọi sự sỉ nhục, ngài vẫn kiên nhẫn đến mức đôi khi bị những thành viên cấp thấp trong hàng giáo sĩ xúc phạm mà không bị trừng phạt: ngài chưa bao giờ cách chức họ vì những nỗi đau mà họ gây ra cho ngài và, trong phạm vi khả năng của mình, ngài không bao giờ tước đi tình yêu thương dành cho họ. Chưa ai từng thấy ngài nổi giận, buồn bã hay cười đùa. Ngài luôn giữ nguyên một phong thái, trên khuôn mặt toát lên một niềm vui như từ trời cao. Trên môi ngài không bao giờ có điều gì khác ngoài danh Chúa Kitô. Trong lòng ngài không bao giờ có điều gì khác ngoài lòng đạo đức, sự bình an và lòng thương xót. Ngài thường khóc thương cho những tội lỗi của ngay cả những kẻ phỉ báng ngài, những người dù có mặt hay vắng mặt ngài, đều tấn công ngài bằng những lời nói độc địa và lưỡi rắn.

Sự kiên nhẫn và hiền lành của Thánh Martin đối với những kẻ xúc phạm mình được thể hiện rõ qua ví dụ sau đây. Trong số các tu sĩ tại tu viện có một thanh niên tên là Brikcius, xuất thân từ tầng lớp thấp nhất, nhưng Martin đã cưu mang, nuôi dưỡng và sau đó phong cho anh ta chức phó tế. Bị các linh hồn xấu xa xúi giục, Brikcius bắt đầu lăng mạ thầy mình – người vốn không hề oán hận – một cách khủng khiếp, cả trước mặt lẫn sau lưng. Vị thánh cố gắng khuyên răn anh ta bằng những lời dạy dỗ hiền lành; nhưng điều đó không có tác dụng với kẻ điên loạn, và anh ta tiếp tục tuôn ra những lời lăng mạ còn nặng nề hơn, rồi bỏ trốn. Khi gặp một người bệnh trên đường, người này hỏi anh ta nơi nào có thể tìm thấy Thánh Martin, Brikcius đã gọi vị thánh là "kẻ lừa đảo già" và những biệt danh nhục mạ khác. Khi, không lâu sau đó, sau khi người bệnh này được chữa lành, Martin gặp lại Brikcius, ngài chỉ nhẹ nhàng hỏi anh ta:

– Tại sao ngươi lại gọi ta là kẻ lừa đảo?

[7022] Thư ký – một bộ phận đặc biệt thuộc nhà thờ.

[7023] Áo tunic – trang phục lót thông thường của công dân La Mã – có dạng giống như áo sơ mi và chủ yếu được làm từ len.

– Tôi chưa bao giờ gọi ngài như vậy cả, – vị phó tế đáp.

– Tai ta chẳng phải đã nghe rõ những lời từ miệng ngươi sao, dù ngươi nói sau lưng ta? – vị thánh nhận xét. – Ngươi cũng vậy, khi ta qua đời, ngươi sẽ trở thành giám mục, và ngươi sẽ phải chịu nhiều đau khổ.

Sau đó, Briktius bắt đầu có những cơn điên loạn, và một lần, khi Martin đang ngồi trên ghế trước phòng tu của mình, Briktius lao vào ông với những lời chửi rủa dữ dội, trong khi trên những tảng đá lân cận, ông ta thấy hai con quỷ đang xúi giục ông ta điên loạn.

– Ta thánh thiện hơn ngươi, – vị phó tế nói, – ta được nuôi dưỡng trong tu viện, còn ngươi từng là lính.

Các tu sĩ đòi hỏi Brikcius phải chịu hình phạt răn đe và bị tước chức thánh; nhưng Martin đã bình tĩnh chịu đựng những lời chửi rủa của anh ta. Khi không lâu sau đó, Brikcius, cảm động trước sự hiền lành của vị thánh, bừng tỉnh và lao đến quỳ dưới chân ngài, bị dằn vặt bởi lương tâm cắn rứt, Martin chỉ nói:

– Brikcius chỉ làm hại chính mình, chứ không phải tôi. Chúa Giêsu Kitô còn chịu đựng cả Giu-đa bên cạnh Ngài: vậy thì tôi chẳng lẽ không nên chịu đựng chàng trai này bên cạnh mình sao?

Lời tiên đoán của Thánh Martin đã thành hiện thực. Brikcius sau đó đã thay đổi đến mức, sau khi vị thánh qua đời, ông được bổ nhiệm làm người kế vị, rồi phải chịu đựng nhiều đau khổ và sỉ nhục, và cuối cùng qua đời trong bình an[7024] .

Những ví dụ sau đây cho thấy ảnh hưởng của Thánh Martin đối với những con người kiêu ngạo và tàn nhẫn nhất, thậm chí cả những kẻ quyền thế trên thế gian, mạnh mẽ và không thể cưỡng lại đến mức nào. Ngay từ những ngày đầu của cuộc đời thánh thiện, thành Tours đã rơi vào kinh hoàng trước chuyến viếng thăm của viên tổng trấn tàn bạo Avicianus, cơn thịnh nộ của hắn không kém gì cơn thịnh nộ của những con thú hoang dã. Đi theo đoàn tùy tùng của hắn là những hàng dài tù nhân, những người mà vị quan tàn bạo này định xử tử để gieo rắc nỗi kinh hoàng cho thành phố. Thánh Martin, người nhân ái, không hề e ngại cơn thịnh nộ của vị quan, đã quyết định đứng ra bảo vệ cả những tù nhân lẫn thành phố giám mục của mình, và vào nửa đêm, ngài đã đến trước cổng cung điện của Avician. Đêm đó, giấc ngủ chập chờn của quan tổng trấn bỗng bị gián đoạn bởi một cú va chạm mạnh, theo cảm nhận của ông, và một giọng nói lạ lùng cất lên:

– Ngươi đang ngủ ở đây, trong khi người tôi tớ của Chúa đang nằm bên ngoài cửa, ngay trước ngưỡng cửa của ngươi.

Avitian ra lệnh cho các đầy tớ đi kiểm tra bên ngoài cánh cửa, nhưng họ, sau khi kiểm tra qua loa, đã trấn an ông rằng đó chỉ là ảo giác, và ông, sau khi bình tĩnh lại, lại chìm vào giấc ngủ, nhưng chẳng bao lâu sau lại bị đánh thức lần thứ hai bởi một giọng nói vang dội: "Martin đang đứng trước cửa." Lúc đó, các đầy tớ mới phát hiện ra rằng điều đó quả thực là sự thật. Thống đốc ra lệnh dẫn vị thánh đến gặp mình và hỏi ông:

– Tại sao ngươi lại làm như vậy?

– Ta biết ý định của ngươi, – Thánh Martin đáp lại một cách dũng cảm, – trước khi ngươi nói ra. Hãy đi đi và đừng để cơn thịnh nộ của trời cao hủy diệt ngươi.

Bị kinh hãi bởi giọng nói đầy cảm hứng và tiên tri của vị thánh, đồng thời bị lương tâm cắn rứt, Avitian vội vàng tuân theo mệnh lệnh của ngài: ông thả các tù nhân ra và rời khỏi thành phố. Những lời quở trách của Thánh Martin sau này đã có ảnh hưởng tốt đến tính cách của vị quan tỉnh tàn bạo này. Một lần nọ, khi Avitian lại ghé thăm thành phố Tours, vị thánh bước vào phòng ông và im lặng, nhìn chằm chằm vào ông.

– Tại sao ngài lại nhìn tôi chăm chú như vậy, thưa vị thánh? – Avitian hỏi.

– Tôi không nhìn ngài, – Thánh Martin đáp, – mà là nhìn con quỷ ghê tởm đang bám trên cổ ngài.

Và lời nói của vị thánh một lần nữa đã phát huy tác dụng tốt lành và ngăn cản viên quan tỉnh tàn bạo thực hiện những ý định xấu xa của mình.

Hoàng đế Valentinian I[7025] , nghe danh tiếng của Thánh Martin lan truyền khắp nơi, đã bày tỏ mong muốn thiết lập quan hệ thân thiện với ngài; nhưng vợ ông, Justina, một tín đồ Arian cuồng nhiệt, đã ngăn cản ông làm điều đó. Vì vậy, khi một lần Thánh Martin, vì những việc quan trọng, đến Trier[7026] , nơi lúc đó triều đình hoàng đế

[7024] Bricius được bầu làm Giám mục Tours kế nhiệm Martin, nhưng 33 năm sau, ông bị dân chúng trục xuất trong sự nhục nhã chỉ vì một cáo buộc sai trái; và chỉ sau 7 năm lưu đày đầy gian khổ, ông mới được trở lại ngôi giám mục của mình, nơi ông cuối cùng qua đời trong bình an. Briktius đã thay đổi về mặt đạo đức đến mức đáng kinh ngạc và nổi tiếng nhờ cuộc đời đạo đức của mình, đến nỗi sau này Giáo hội La Mã đã phong thánh cho ngài (ngày kỷ niệm của ngài được cử hành vào ngày 13 tháng 11).

[7025] Valentinian I – hoàng đế của Đế chế La Mã phương Tây – trị vì từ năm 364 đến năm 375.

[7026] Trier hay Trevi – thành phố sầm uất, thịnh vượng, là thủ phủ của vùng phía bắc Gaul cổ đại (còn gọi là Belgica).

đang tọa lạc, hoàng đế – do bị vợ gây thành định kiến – đã không cho phép ngài được yết kiến. Sau những nỗ lực vô ích để được diện kiến bệ hạ, vị thánh đã dốc lòng cầu nguyện và ăn chay. Vào ngày thứ bảy, một Thiên thần hiện ra với ngài và truyền lệnh cho ngài đến cung điện gặp hoàng đế. Nhận được sự mách bảo thiêng liêng này, Thánh Martin vội vã đến cung điện và, khi thấy cửa mở rộng, ngài đã bước vào trước mặt hoàng đế mà không cần báo trước. Valentinian nổi cơn thịnh nộ dữ dội, nhưng đột nhiên cảm thấy như chiếc ngai dưới chân ngài bị lửa bao trùm từ phía dưới. Bị buộc phải đứng dậy, ông bỗng thay đổi thái độ và đón nhận vị thánh bằng cái ôm nồng nhiệt, trò chuyện với ngài rất lâu, giữ ngài lại như một vị khách quý thêm vài ngày nữa, hứa sẽ thực hiện mọi điều mà ngài yêu cầu, và khi chia tay, ông đã tặng ngài những món quà quý giá, nhưng vị thánh, tuy nhiên, đã từ chối, điều này càng khiến ngài được kính trọng hơn nữa.

Năm 383, quân đội La Mã đã tôn Maximus làm hoàng đế, còn con trai và người kế vị của Valentinian I – Gratian[7027] – do bị binh lính phản bội, đã thất bại và bị giết; còn anh trai ông là Valentinian II buộc phải chạy trốn và bị tước ngôi báu, chỉ giữ lại được một phần lãnh thổ của mình. Lúc bấy giờ, Thánh Martin đã lên đường đến Trier để gặp Hoàng đế Maximus, nhằm can thiệp cho những người từng đứng về phía Gratian và đang đối mặt với án tử hình. Đối với Hoàng đế Maximus, việc đảm bảo lòng trung thành của giới giáo sĩ là vô cùng quan trọng, và trên hết, nếu có thể, là của một vị giám mục được yêu mến và nổi tiếng như Thánh Martin. Vì vậy, ông đã đón tiếp Thánh Martin một cách hết sức nồng hậu và mời ngài đến cung điện dự tiệc hoàng gia. Nhưng Thánh Martin đã từ chối và với sự dũng cảm phi thường, ngài đáp lại:

– Tôi không thể ngồi cùng bàn với một người đã cướp đi mạng sống của một hoàng đế và tước đoạt ngai vàng của một hoàng đế khác.

Tuy nhiên, Martin đã cảnh báo hoàng đế rằng, dù ban đầu ông có thành công trong các việc làm của mình, nhưng triều đại của ông sẽ không kéo dài, và cái chết sắp ập đến với ông[7028] . Maximus đã kìm nén cơn giận và thuyết phục vị thánh rằng ông không tự ý đội vương miện lên đầu, mà chính các chiến binh đã đội vương miện đó lên đầu ông để bảo vệ vương quốc khỏi kẻ thù. Cuối cùng, trước những lời thuyết phục của hoàng đế, Thánh Martin đã đồng ý tham dự bữa tiệc hoàng gia, nơi quy tụ các quan chức cao cấp và những nhân vật danh giá nhất; tại đó, Martin được sắp xếp ngồi ở vị trí danh dự nhất, còn vị linh mục tháp tùng ngài được sắp xếp ngồi giữa anh trai và chú của hoàng đế. Trong bữa tiệc, hoàng đế được dâng một chén rượu, và ngài ra lệnh đưa chén đó cho Thánh Martin trước, để sau đó nhận lại từ tay vị thánh. Nhưng Thánh Martin, sau khi nếm một ngụm, lại trao chén đó không phải cho hoàng đế, mà cho một trong những người có mặt, như thể người này có địa vị cao hơn cả hoàng đế. Điều này khiến hoàng đế và tất cả những người có mặt đều ngạc nhiên. Tuy nhiên, Maxim không những không tức giận, mà từ đó trở đi còn tỏ ra kính trọng Thánh Martin nhiều hơn nữa. Hoàng đế thường mời và tiếp đón Martin một cách tôn kính tại cung điện của mình, trò chuyện với ngài về cả những vấn đề thời sự lẫn cuộc sống tương lai, vinh quang vĩnh cửu của các thánh và những chủ đề có ích cho tâm hồn khác. Còn hoàng hậu đạo đức thì với lòng cảm động và nước mắt, đã lắng nghe những cuộc trò chuyện và lời dạy thánh thiện của Thánh Martin; cuối cùng, với sự đồng ý của chồng, bà đã tổ chức một bữa tiệc tại nhà dành riêng cho Thánh Martin, do chính tay bà chuẩn bị, tự mình phục vụ, ngồi dưới chân ngài, dọn thức ăn và đồ uống; sau đó, khi bữa ăn kết thúc, bà thu gom tất cả những mẩu vụn và thức ăn thừa để làm bữa ăn cho chính mình. Nhưng Thánh Martin đã đối xử với tất cả những điều này với lòng khiêm nhường tột bậc, và cả tâm hồn lẫn suy nghĩ của ngài đều hướng về căn phòng tu viện, giữa những tu sĩ giản dị mà ngài đã quy tụ xung quanh mình.

Vào những ngày cuối đời, khi nghe tin giữa các giáo sĩ trong vùng Kanda[7029] đã nảy sinh một cuộc xung đột gay gắt, Thánh Martin vội vã đến đó để hàn gắn mối quan hệ giữa các giáo sĩ đang tranh cãi. Sau khi triệu tập các tu sĩ của mình, ngài báo trước cho họ về sự ra đi sắp tới của mình, rồi lên đường, trong tiếng khóc và tiếng kêu than của họ. Sau khi khôi phục hòa bình tại Kanda, vị thánh bị sốt cao dữ dội và, cảm nhận được cái chết đang đến gần, ngài ra lệnh cho các môn đệ đặt ngài nằm trên sàn nhà, phủ bằng vải liệm và tro tàn, bởi vì, theo chính lời ngài, đó là cách mà các Kitô hữu phải ra đi. Lúc đó, ngài dường như nhìn thấy ma quỷ đang ở gần mình.

[7027] Gracian – hoàng đế của Đế chế La Mã phương Tây từ năm 375 đến năm 383.

[7028] Lời tiên tri của Thánh Martin đã ứng nghiệm một cách chính xác: ban đầu, vào năm 387, Maxim thực sự đã đánh đuổi Valentinian II khỏi Ý. Tuy nhiên, Hoàng đế Đế chế La Mã Phương Đông Theodosius II Trẻ, người trước đó đã nhận Valentinian II dưới sự bảo trợ của mình khi vị này còn nhỏ, đã chiến thắng và khôi phục lại quyền lực cho Valentinian II ngay trong năm tiếp theo. Maxim bị đánh bại, bị dẫn đến trước Theodosius và bị hành quyết.

[7029] Thành phố nằm ở nơi hợp lưu của sông Loire và sông Vienne.

– Sao ngươi lại đứng ở đây, con thú kinh hoàng kia? – vị thánh nói. – Ngươi không có phần nào trong ta: lòng Abraham sẽ đón nhận ta.

Đó là những lời cuối cùng của ngài, và các tu sĩ xung quanh đã kinh ngạc trước vẻ rạng ngời và vẻ đẹp trên khuôn mặt ngài, khi ngài đã nằm đó trong cõi chết[7030] . Hai nghìn tu sĩ và đoàn nữ tu trinh khiết đã hộ tống thi hài ngài đến thành Tur, nơi ngài, trước sự tụ tập đông đảo của dân chúng, đã được an táng trong một lễ tang long trọng. Sau khi vị thánh vĩ đại và nhà làm phép lạ của Ngài qua đời trong bình an , Thiên Chúa đã ban cho ngài ân sủng để thi hài không bị hư nát, và tại quan tài của ngài đã xảy ra vô số phép lạ vĩ đại[7031] , để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Nữ Tử Đạo Domnika

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 10

Thánh Domnika đã sống đời thánh thiện dưới thời hoàng đế Diocletian. Bà bị đưa ra trước Lysius, quan tổng trấn Anazarva của Cilicia, để xét xử vì đã tuyên xưng Đức Kitô; ban đầu, bà bị đánh bằng dây da bò, còn hai chân bà bị thiêu đốt bằng sắt nung đỏ; sau đó, bà bị đánh bằng gậy một cách tàn nhẫn đến nỗi các khớp xương của bà bị nghiền nát. Cuối cùng, bà bị ném vào ngục tối, và tại đó, trong khi dâng lời tạ ơn vì những vết thương tử đạo, bà đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa (năm 286).

Lễ kỷ niệm việc chuyển di các thánh tích Malta

Ngày kỷ niệm 12 tháng 10

Trong Giáo hội Nga, ngày 12 tháng 10 là ngày kỷ niệm việc chuyển ba thánh tích vĩ đại từ đảo Malta đến Gatchina: một mảnh Thánh Giá ban sự sống của Chúa, bức tranh thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Filerma do Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, vẽ, và bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả. Chúng ta hãy điểm qua ngắn gọn lịch sử nguồn gốc của từng thánh tích này cũng như việc thiết lập ngày lễ để tôn vinh chúng.

I.

Năm 326, Nữ hoàng Thánh Helena đã thực hiện cuộc tìm thấy kỳ diệu Thánh Giá của Chúa tại Golgotha. Ngay sau đó, theo sắc lệnh của hoàng gia, một nhà thờ mới mang tên Phục Sinh của Chúa Kitô đã được khởi công xây dựng tại đây, và nhà thờ này đã trở thành nơi lưu giữ báu vật thiêng liêng vĩ đại này của toàn thể thế giới Kitô giáo trong suốt nhiều năm dài. Ngôi thánh đường này vẫn tiếp tục bảo quản thánh tích này cho đến ngày nay. Tuy nhiên, không thể trình bày thánh tích này một cách trọn vẹn như khi Nữ hoàng Thánh Helena tìm thấy nó. Truyền thuyết kể lại rằng có nhiều mảnh của Thánh Giá Chúa, từ thời cổ đại xa xưa đã bị tách ra khỏi Thánh Giá và được mang đi khắp bốn phương trời để thánh hóa nó[7032] . Những mảnh Thánh Giá này được lưu giữ ở phương Đông, cũng như ở phương Tây Kitô giáo.

Tương tự như vậy, trong suốt một thiên niên kỷ của cuộc sống Kitô giáo, nước Nga thánh thiện đã nhiều lần nhận được từ phương Đông những mảnh Thánh Giá ban sự sống của Chúa, và những mảnh này vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay tại các nhà thờ chính tòa, các tu viện cổ kính, các nhà thờ giáo xứ, các cung điện hoàng gia và

[7030] Thánh Martin qua đời vào ngày 11 tháng 11 năm khoảng 400, khi ngài khoảng 80 tuổi.

[7031] Giám mục Perpetuus đã xây dựng một nhà thờ tráng lệ trên mộ Thánh Martin. Một phần di cốt của ngài sau đó được phân tán đến các nhà thờ khác nhau. Năm 1562, những người Tin Lành đã cướp phá mộ ngài và đốt cháy di cốt của ngài tại Tours. Những phần còn lại của di cốt đã được an táng và cho đến nay vẫn được lưu giữ tại Nhà thờ Chính tòa Tours. Nhiều phép lạ sau khi qua đời của Thánh Martin ban đầu được mô tả vào thế kỷ VI bởi Grigorius của Tours, người đã được phong thánh ở phương Tây, và chính ông cũng đã trải nghiệm trên chính mình sức mạnh kỳ diệu của vị thánh này.

[7032] Điều này còn được Thánh Cyril thành Jerusalem, người sống vào thế kỷ IV (cũng chính là thế kỷ mà Thánh Giá của Chúa được tìm thấy), làm chứng. Trong một trong những "Lời giảng" của mình, ngài nói rằng ngay từ thời của ngài, toàn bộ vũ trụ đã có những mảnh gỗ của Thánh Giá. Và ngay cả trong chính truyền thuyết về việc tìm thấy Thánh Giá của Chúa cũng có đề cập đến việc Nữ hoàng Thánh Helena đã tách một phần từ Thánh Giá vừa tìm thấy và gửi nó cho con trai mình là Constantine để ban phước lành cho vương quốc của ông. Vào thế kỷ V, các mảnh Thánh Giá của Chúa không chỉ là tài sản của nhiều nhà thờ ở phương Đông, mà như Thánh Gioan Kim Khẩu chứng thực, ngay cả những cá nhân "cũng có nhiều người đã mạ vàng một mảnh Thánh Giá và đeo nó trên cổ".

thậm chí cả trong các ngôi nhà tư nhân. Tuy nhiên, một trong những mảnh Thánh Giá này lại được nhận từ phương Tây, từ các hiệp sĩ Dòng Malta. Số phận của Dòng này luôn gắn bó mật thiết với số phận của phương Đông Chính Thống Giáo, và thậm chí với số phận của Cây Thánh ấy – vốn luôn là pháo đài bất di bất dịch và vũ khí chiến thắng trước mọi tai ương cùng mưu mô từ thế giới Hồi giáo và ngoại đạo.

Trong khi một số Kitô hữu phương Tây, với cây gậy của người lữ hành, thực hiện những chuyến hành hương đầy đức tin đến phương Đông để thờ lạy các thánh tích nơi đây – trong đó vị trí hàng đầu, không thể chối cãi, luôn thuộc về Cây Thánh Giá ban sự sống, thì những người khác, khoác lên mình bộ giáp chiến, lại lao thẳng đến đó để đổ máu, bảo vệ cả những người hành hương lẫn chính các thánh địa đã thu hút họ[7033] , – còn những người thứ ba thì tự đặt ra nhiệm vụ, bằng cách kết hợp thành các hội đoàn, là cung cấp nơi trú ẩn cho những người đầu tiên và chữa lành vết thương cho những người thứ hai. Một trong những hội đoàn lâu đời nhất thuộc loại này là Dòng Hiệp sĩ Thánh Gioan[7034] , được gọi như vậy vì nhà thờ của bệnh viện thuộc dòng này được dâng hiến cho Thánh Gioan Tẩy Giả. Ban đầu chỉ là một tổ chức hoạt động thuần túy vì mục đích từ thiện, nhưng sau đó, khi quyền lãnh đạo được trao cho vị lãnh đạo người Pháp năng động Raimund de Puy[7035] , Dòng đã nhận được hiến chương mới, theo đó mục tiêu hoạt động của Dòng còn bao gồm cả việc bảo vệ có vũ trang cho các tín đồ hành hương trên hành trình đến Jerusalem. Sự mở rộng hoạt động này tại châu Âu đã được đón nhận với sự đồng cảm sâu sắc: các hiệp sĩ sùng đạo từ nhiều quốc gia khác nhau đã vội vã gia nhập Dòng mới. Cuộc chiến kéo dài bảy trăm năm chống lại những kẻ ngoại đạo để bảo vệ Kitô giáo đã mang lại vinh quang vĩnh cửu cho các hiệp sĩ Dòng Thánh Gioan. Sau này, các hiệp sĩ Dòng Thánh Gioan buộc phải rời khỏi Palestine, nhưng họ đã thể hiện lòng dũng cảm và sự hy sinh phi thường ngay từ thời gian còn đóng quân tại Jerusalem (1118–1187) trong các trận chiến với quân đội của các caliph Ai Cập và Baghdad[7036] . Để tưởng thưởng cho những chiến công của mình, họ đã nhận được một mảnh Thánh Giá Cứu Thế của Chúa, mà họ đã cất giữ một cách tôn kính tại Ptolemais, cũng như trên các hòn đảo: Síp, Rhodes và cuối cùng là Malta[7037] , từ đó họ đã mang nó đến Nga dưới thời Hoàng đế Pavel.

II.

Cùng thời điểm với mảnh Thánh Giá Cứu Thế của Chúa từ đảo Malta được các tu sĩ Dòng Thánh Gioan chuyển về Nga, một thánh tích khác cũng được họ tôn kính và lưu giữ trong thời gian dài cũng đã được mang về: bức tượng Đức Mẹ Filerma – Odigitria[7038] .

Theo truyền thuyết từ thời cổ xưa, bức tranh này được vẽ bởi Thánh Luca, tác giả Phúc Âm, và được thánh hóa bằng lời chúc lành của chính Đức Trinh Nữ Vĩnh Cửu, người mà vị Thánh Luca – họa sĩ – thường dâng lên những tác phẩm do chính tay mình tạo ra để nhận được sự chúc lành. Khoảng năm 46, bức tranh được mang về quê hương của Thánh Luca, thành Antioch, nơi nó được lưu giữ cho đến thời kỳ trị vì của Hoàng đế Constantine Đại đế, khi đó cùng với các di vật vật chất khác liên quan đến cuộc đời trần thế của Chúa Giêsu Kitô và các Tông đồ, bức tranh đã được chuyển đến Jerusalem – thành phố được Constantine Đại đế khôi phục. Vào khoảng năm 480, Hoàng hậu Eudokia đã gửi bức tranh này như một lời chúc phúc đến Constantinopolis cho Thánh Pulcheria, em gái của Hoàng đế Theodosius II. Tại đây, Thánh Pulcheria đã cho xây dựng nhà thờ Vlacherna mới, nơi bức thánh tượng Đức Mẹ này được an vị, và trong nhiều thế kỷ, bức thánh tượng đã trở thành vị bảo hộ của Constantinopolis.

Ngay từ thời Thánh Pulcheria, tại nhà thờ Vlacherna, theo ý nguyện của người xây dựng, người ta đã thực hiện nghi thức cầu nguyện trước hình ảnh Đức Mẹ vào các ngày thứ Ba; và từ năm 626, kể từ khi Đức Mẹ được tôn

---

[7033] Đặc biệt đáng chú ý trong bối cảnh này là các đạo quân của Tây Âu vào cuối thế kỷ XI, được biết đến với tên gọi các cuộc Thập tự chinh. Tên gọi dành cho các cuộc hành quân này minh chứng rõ ràng điều gì đã thúc đẩy các Kitô hữu phương Tây với vô số đạo quân vượt qua những vùng đất, biển cả và sa mạc xa lạ: đó chính là khát vọng được chứng kiến Cây Thánh Giá không bị xúc phạm. Có tám cuộc Thập tự chinh quan trọng nhất: lần thứ nhất vào năm 1096, lần thứ hai vào năm 1147, lần thứ ba vào năm 1190, lần thứ tư vào năm 1202, lần thứ năm vào năm 1217, lần thứ sáu vào năm 1228, lần thứ bảy vào năm 1248, lần thứ tám vào năm 1270.

[7034] Dòng Tu Thánh Gioan ra đời vào năm 1047. Người sáng lập được coi là một thương gia giàu có người Moor, đến từ Amalfi, người cùng với một số người khác đã xin được sự cho phép của caliph Ai Cập để xây dựng một nơi trú ẩn và một nhà thờ cho các tín đồ hành hương tại Jerusalem.

[7035] Raymond de Puy được bầu làm thủ lĩnh của Dòng Hiệp sĩ Thánh Gioan vào năm 1118.

[7036] Caliph (hay Khalif) – danh hiệu của những người kế vị Muhammad, nắm giữ quyền lực tối cao về mặt tôn giáo và thế tục trong cộng đồng Hồi giáo.

[7037] Ptolemais – thành phố thuộc Phoenicia, nằm về phía nam của Tyre; Síp – hòn đảo ở phía đông bắc Địa Trung Hải, gần bờ biển Tiểu Á; Rhodes – hòn đảo cực đông của Biển Aegean; Malta – hòn đảo trên Địa Trung Hải, nằm giữa Sicily và bờ biển phía bắc châu Phi.

[7038] Đức Mẹ được gọi là Odigitria – Đấng Dẫn Đường – vì Người dẫn dắt con người trên con đường cứu rỗi.

vinh một cách kỳ diệu, việc đọc bài ca Akathist[7039] đã được thêm vào nghi thức cầu nguyện này. Và những lời ca ngợi không ngừng nghỉ để tôn vinh Đức Mẹ đã vang lên trong nhà thờ này, cho đến khi thời kỳ khó khăn của phong trào chống thánh tượng ập đến, khi bức tượng, theo lời một người đương thời, bị tước đoạt, "như một nữ hoàng bị tước bỏ áo choàng tím".

Sau khi việc tôn kính các bức tượng thánh được khôi phục, bức tượng Đức Mẹ lại chiếm vị trí xứng đáng trong nhà thờ được xây dựng để tôn vinh Ngài, nơi một lần nữa trở nên nổi tiếng nhờ sự hiện ra kỳ diệu của Lễ Che Chở Đức Mẹ và sự can thiệp mới của Ngài trước những kẻ thù lâu đời của Constantinople – những người Saracen[7040] . Tuy nhiên, đức tin của người dân Constantinople đã suy yếu, và họ đã mất đi Đấng Bảo Trợ của mình. Bên cạnh những kẻ thù Hồi giáo, những kẻ thù mới đã xuất hiện: các Kitô hữu phương Tây – những người Thập tự chinh. Trong cuộc Thập tự chinh thứ tư, bức tượng Odigitria cùng với nhiều thánh tích khác của Constantinople đã bị các hiệp sĩ Thập tự chinh lấy đi từ Nhà thờ Vlacherna và chuyển sang phương Tây. Sau đó, bức tượng được chuyển trở lại Palestine và rơi vào tay các hiệp sĩ Dòng Thánh Gioan. Khi các cuộc Thập tự chinh kết thúc, các Hiệp sĩ Dòng Thánh Gioan phải rời Ptolemais – nơi họ đã sinh sống cho đến lúc đó – để chuyển đến đảo Rhodes, và họ cũng mang theo bức tượng thánh này đến đó. Bức tượng đã trở thành tài sản không thể tách rời của họ trong suốt các cuộc di cư tiếp theo, cho đến khi họ dâng tặng nó cho Hoàng đế Paul.

III.

Bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả là vật thánh thứ ba, được tôn vinh bằng lễ kỷ niệm vào ngày 12 tháng 10 tại Nga. Thánh Matthêu, khi thuật lại hoàn cảnh cái chết tử đạo của Thánh Gioan Tẩy Giả, đã ghi nhận rằng các môn đệ của ngài, khi đến nơi, đã mang thi thể (trừ phần đầu) đi và chôn cất ngài[7041] . Tại nơi an táng Thánh Tiền Hô ở thành phố Sebaste thuộc Samaria[7042] , ngay từ thế kỷ thứ III đã có một nhà thờ được xây dựng để tôn vinh ngài. Việc tôn vinh ký ức của ngài và việc thờ lạy các di cốt thiêng liêng của ngài đã được thực hiện ngay từ thời các Tông đồ.

Theo truyền thuyết từ thời cổ xưa, Thánh Luca, nhà truyền giáo Tin Mừng, khi rao giảng về Chúa Kitô tại Sebaste, đã tôn kính di cốt của Đấng Rửa Tội và xin người dân Sebaste cho phép ngài chuyển chúng đến Antioch, nơi chúng có thể được bảo vệ khỏi sự xúc phạm và hủy diệt bởi những kẻ ngoại đạo. Tuy nhiên, người dân Sebaste chỉ cho phép ngài mang theo bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả, và ngài đã rước nó về Antioch với lòng tôn kính. Từ thời kỳ thánh tích này được lưu giữ tại Antioch, đã lưu truyền một truyền thuyết về một phép lạ kỳ diệu phát xuất từ nó.

Trong vùng Antioch có một con quái vật, theo mê tín của những người ngoại đạo nơi đó, hàng năm người ta phải dâng hiến một trong những thiếu nữ trinh trắng của thành phố làm của lễ cho nó, được chọn bằng cách bốc thăm. Một lần nọ, lá thăm định mệnh rơi vào một thiếu nữ trẻ người Antioch, con gái của một tín hữu Kitô giáo. Người cha đau khổ tột cùng, không muốn để dòng máu Kitô hữu bị nhục mạ bởi sự mê tín dị đoan của những người ngoại đạo, đã cầu xin sự giúp đỡ từ trên cao. Sau khi dâng lời cầu nguyện nồng nhiệt tại nhà thờ dành cho Thánh Tiền Hô, ông hôn lên thi hài bất hoại của ngài đang được lưu giữ tại đó, dùng răng cắn lấy một mảnh ngón tay từ thi hài và giấu nó đi. Khi thời khắc của lễ hiến tế kinh hoàng đến gần và con quái vật đang tiến lại đã há miệng ra để tóm lấy cô gái vô tội, người cha của cô, lúc đó đã có mặt tại đó, đã ném vào miệng nó phần ngón tay từ bàn tay phải của Thánh Giăng Tẩy Giả mà ông đang giữ, và con quái vật lập tức ngã xuống, không còn hơi thở. Những người ngoại đạo chứng kiến cảnh tượng này đã vô cùng kinh ngạc. Khi biết được nguyên nhân thực sự dẫn đến cái chết đột ngột của con quái vật, nhiều người trong số họ đã từ bỏ những mê tín dị đoan trước đây và quay về với Chúa Kitô. Tại chính nơi từng diễn ra những cuộc hành hình mê tín, họ đã xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Thánh

---

[7039] Năm 626, dưới triều đại của Hoàng đế Byzantine Heraclius, Siwar, tướng quân của Vua Khosrow nước Ba Tư, đã bao vây Constantinople – thành phố hoàn toàn không có khả năng tự vệ – từ cả biển lẫn đất liền (lúc đó Hoàng đế cùng quân đội đang tham gia một cuộc chinh phạt xa xôi). Và khi Đức Thượng phụ Sergius thả áo choàng của Đức Mẹ xuống nước vịnh, – cơn bão nổi lên đã làm dậy sóng vịnh và đánh chìm các tàu địch đang neo đậu ở đó. Để tưởng nhớ sự kiện này, một bài ca tạ ơn Đức Mẹ đã được sáng tác, mà những người cầu nguyện phải đứng nghe, đó là lý do tại sao bài ca này được gọi là "bài ca không ngồi" hay akathist.

[7040] Người Saracen hay còn gọi là người Ả Rập.

[7041] Mt 14:12. Theo lời chứng của một số tác giả, vào thời Julianus, kẻ bội đạo, thi hài của Thánh Gioan Tẩy Giả, vốn được an táng tại Sebaste, đã bị thiêu thành tro và tro bụi bay theo gió.

[7042] Sebaste – thành phố chính của Samaria. Thành phố này được đặt tên như vậy sau khi được Augustus tặng cho Hê-rốt Đại đế, người đã hoàn toàn khôi phục và trang hoàng lại nó, và để tỏ lòng biết ơn Augustus, ông đã đặt tên nó là Sebaste, hay Sebaste, có nghĩa là "thành phố của Augustus".

Gioan Tẩy Giả. Truyền thuyết về sự kiện kỳ diệu này giải thích cho hình dáng hiện tại của bàn tay phải Thánh Gioan Tẩy Giả, nơi thiếu đi một phần ngón út. Và lòng tin của người dân Antiôkhia vào thánh tích quý giá được lưu giữ trong thành phố của họ thật lớn lao. Julianus Bội Đạo biết về thánh tích này, cũng biết về tình yêu của người Antiôkhia dành cho nó, bởi chính ông đã từng sống ở Antiôkhia khi còn trẻ. Khi ra lệnh thiêu hủy mọi thứ gợi nhớ đến Kitô giáo, ông không thể bỏ qua thánh tích này khi, trong chuyến chinh phạt người Ba Tư (năm 362), ông đến Antioch. Thêm vào đó, đúng vào thời điểm đó, đền thờ thần Apollon ở Daphne mà ông yêu quý đã bị thiêu rụi[7043] . Nghi ngờ rằng chính các Kitô hữu đã phóng hỏa, vị hoàng đế đầy phẫn nộ đã ra lệnh, để trả thù họ, phải thiêu rụi công khai thánh tích chính của Antioch – bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả. Tuy nhiên, hóa ra các tín hữu Antioch đã giấu báu vật của mình trong một tháp thành phố ngay trước khi Julian đến, và mọi nỗ lực tìm kiếm của những người thi hành mệnh lệnh hoàng gia đều vô ích. Sau khi Julian qua đời, vật thánh này lại được họ đặt trở lại trong nhà thờ chính của thành phố, nơi nó vẫn được lưu giữ trong khoảng sáu trăm năm, cho đến khi Syria bị người Hồi giáo chinh phục. Năm 639, Antioch thất thủ, và cùng với đó, bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả cũng rơi vào tay người Hồi giáo. Các hoàng đế Byzantine đã nhiều lần cố gắng lấy lại nó từ Antioch, nhưng mọi nỗ lực của họ đều không đạt được mục tiêu mong muốn. Cuối cùng, Chúa đã định rằng thánh tích Kitô giáo này phải được chuyển từ thành phố bị dân ngoại đạo chinh phục về thủ đô của vương quốc Kitô giáo. Năm 959, Iov, một phó tế đạo đức của Giáo hội Antioch – người đã nhiều lần cố gắng thuyết phục người giữ các thánh vật của Nhà thờ Thánh Phêrô, nơi bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả cùng với các thánh vật và những vật quý giá khác được cất giữ trong một phòng riêng, trao lại thánh tích này cho ông, nhưng luôn vô ích, – cuối cùng đã quyết định lợi dụng lúc người trông coi kho báu đang say ngủ vì uống quá nhiều rượu; Job lấy chìa khóa nhà thờ và vào ban đêm đã đánh cắp vật thánh đó. Với báu vật quý giá trên tay, ông thẳng tiến đến Constantinopolis. Khi đến Chalcedon[7044] , ông gửi tin về Constantinopolis báo rằng mình đã mang theo kho báu từ Antioch. Ngay sau đó, một con tàu hoàng gia chở theo tổng giám mục và các quan chức hoàng gia cũng đến Chalcedon. Một thời gian ngắn sau, nhà vua và toàn thể dân chúng đã đón nhận báu vật thiêng liêng này – vốn được mang về với bao gian nan vất vả – tại eo biển Bosphorus trong không khí long trọng, xúc động và hân hoan, "như thể chính Thánh Gioan Tẩy Giả đã từ trời cao giáng lâm". Báu vật ấy đã được rước vào nhà thờ trong cung điện. Điều đáng chú ý là bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả, từng chạm vào đầu Chúa, đã được rước vào nhà thờ này đúng vào đêm trước Lễ Hiển Linh và ngay trước khi tiến hành nghi thức thánh hóa nước. Sự trùng hợp này đã làm tăng thêm không khí long trọng của lễ rước cũng như niềm vui kính sợ của nhà vua và dân chúng. Không kết hợp lễ rước bàn tay phải của Thánh Giăng Tẩy Giả với lễ Hiển Linh, Giáo Hội Hy Lạp đã quyết định kỷ niệm sự kiện này vào ngày lễ Thánh Giăng Tẩy Giả, ngày 7 tháng 1. Cũng như tại Antioch, tại Constantinople cũng đã thiết lập nghi thức giương cao bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả trước dân chúng, nhưng nghi lễ này không được cử hành vào ngày Lễ Nâng Thánh Giá (như tại Antioch), mà vào ngày Lễ Giáng Sinh của Thánh Gioan Tẩy Giả – ngày 24 tháng 6. Khi Constantinople thất thủ[7045] trước sức ép của người Thổ Nhĩ Kỳ, Sultan Mahomet II, người đã tiến vào thành phố, đã ra lệnh đưa bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả cùng với các thánh tích Kitô giáo khác vào kho báu hoàng gia và niêm phong bằng con dấu của ông. Tuy nhiên, để bảo vệ thành phố bị xâm phạm và các thánh tích bị xúc phạm, Dòng Tu Thánh Gioan – vốn có trụ sở tại đảo Rhodes vào thời điểm đó – đã đứng lên chống lại. Các tu sĩ Dòng Thánh Gioan không chỉ dũng cảm đẩy lùi mọi cuộc tấn công của người Thổ Nhĩ Kỳ vào đảo Rhodes, mà còn đe dọa trực tiếp đến các lãnh địa của họ. Lúc bấy giờ, người kế vị của Mahomet II, Bayezid II, mong muốn giành được sự ủng hộ của họ, đã gửi "[7046] " làm quà tặng cho Đại sư của Dòng, Peter Obuson, đó chính là bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả. Một kho báu vô giá đối với kho báu Hồi giáo lại là một kho báu quý giá đối với các hiệp sĩ Kitô giáo, dòng tu của họ ngay từ khi thành lập đã được đặt dưới sự bảo trợ thiêng liêng của Thánh Gioan Tẩy Giả. Bất cứ nơi nào các hiệp sĩ Dòng Thánh Gioan định cư, họ đều xây dựng các nhà thờ để tôn vinh Thánh Gioan Tẩy Giả, và kể từ đó, mỗi lần di dời, bàn tay phải của ngài cũng được chuyển đến các nhà thờ mới. Một nhà thờ như vậy đã được Obuson xây dựng trên đảo Rhodes, và sau đó, một nhà thờ tương tự cũng được Đại Tư lệnh của Dòng Tu La Valette xây dựng trên đảo Malta.

[7043] Daphne là một vùng ngoại ô của Antioch.
[7044] Chalkidon – một thành phố gần Constantinopolis.
[7045] Thành Constantinopolis thất thủ vào năm 1453.
[7046] Đó là vào năm 1484.

IV.

Khi đảo Malta bị Napoleon chiếm đóng, và vương miện của Đại Tư lệnh Dòng Hiệp sĩ được trao lại cho Hoàng đế Nga Pavel Petrovich[7047] , người từ thuở nhỏ đã say mê lịch sử huy hoàng của các Hiệp sĩ Malta, các Hiệp sĩ Dòng Thánh Gioan, với lòng biết ơn vì sự bảo trợ của ông, đã quyết định trao cho ông quyền sở hữu cả ba báu vật vĩ đại, mà họ chưa từng chia tay bất kỳ món nào kể từ khi nhận được từng món.

Bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả là vật thánh đầu tiên được họ chuyển đến Nga. Năm 1798, nó tạm thời được đặt trong nhà nguyện của Dòng, tọa lạc tại Saint Petersburg. Ngay năm sau đó, vào ngày 12 tháng 10 năm 1799, hai báu vật còn lại là mảnh Thánh Giá của Chúa và bức tượng Đức Mẹ Filerma đã được chuyển đến Gatchina cùng với bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả ([7048]).

Hoàng cung đã đón nhận những thánh vật được dâng tặng với một lễ nghi long trọng. Vào lúc 10 giờ sáng ngày hôm đó, từ Cung điện Gatchina, một đoàn xe do Hoàng đế dẫn đầu, cùng các thành viên hoàng gia và đoàn tùy tùng đông đảo, đã khởi hành hướng về Ingeburg, nơi dự kiến diễn ra lễ đón nhận các thánh vật. Buổi đón tiếp diễn ra tại Cổng Spassky, từ đó đoàn rước long trọng bắt đầu diễu hành trở về cung điện. Đi đầu trong đoàn rước là các vị linh mục. Phía sau họ, trong cỗ xe ngựa vàng của triều đình, người ta rước bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả trong một hòm vàng đặt trên gối nhung màu đỏ thẫm. Tiếp theo, bức tượng Đức Mẹ và một mảnh Thánh Giá ban sự sống của Chúa cũng được rước theo cách tương tự. Bản thân Hoàng đế, trong bộ lễ phục đầy đủ của Đại Tư lệnh Dòng Malta, đi ngay sau chiếc xe ngựa đầu tiên. Khi đoàn rước đến gần cung điện, chính Hoàng đế đã cầm lấy bàn tay phải của Thánh Gioan Tẩy Giả và, trong tiếng hát của bài thánh ca dành riêng cho ngài, mang nó vào nhà thờ trong cung điện đã được trang hoàng lại, rồi đặt vào vị trí đã chuẩn bị sẵn. Tại đây, bức tượng Đức Mẹ và mảnh Thánh Giá Cứu Thế cũng được đặt vào vị trí tương ứng. Tất cả các chi tiết của sự kiện long trọng này sau đó đã được đưa vào nghi thức thánh lễ, được soạn thảo theo chỉ thị của Thánh Hội Đồng cho ngày 12 tháng 10. Trong đó có đoạn: "Vị vua được Thiên Chúa chọn được so sánh với Đa-vít hiền lành và đạo đức, người vui mừng rước vào nhà mình, như xưa kia tại Si-ôn, chiếc hòm giao ước mới của Đấng Cổ Xưa vô cùng tôn kính. Ở đó là Hòm Giao Ước chứa manna; còn ở đây là hình ảnh Đấng đã mang Chúa Kitô trong lòng. Ở đó là các Bảng Luật Cựu Ước; còn ở đây là bàn tay đã vạch ra Tân Ước, loan báo ơn cứu độ và lòng thương xót vĩ đại cho thế gian. Ở đó là cây gậy; còn ở đây là Thập Tự Giá của Chúa Kitô, Đấng bảo vệ vũ trụ"[7049] .

Niềm vui chân thành của Phaolô đã mang đến làm quà tặng cho các thánh đường những hòm thánh bằng vàng, được trang trí bằng kim cương và các loại đá quý khác, cùng với một chiếc áo mới quý giá không kém dành cho bức tượng Đức Mẹ.

Ngày 12 tháng 10 đã được Thánh Hội Đồng đưa vào danh sách các ngày lễ trong Lịch Thánh Nga.

Tuy nhiên, Gatchina không phải là nơi lưu giữ các thánh tích Malta trong thời gian dài. Gia đình hoàng gia, khi lên đường về Saint Petersburg vào mùa thu, đã mang theo các thánh tích này, do đó vào năm 1800, lễ kỷ niệm việc chuyển các thánh tích đã được cử hành tại Nhà thờ Cung điện Mùa Đông. Trong hơn năm mươi năm, chính lễ kỷ niệm được thiết lập để vinh danh việc chuyển các thánh tích này đến Nga cũng được cử hành tại đây vào ngày 7 tháng 1 thay vì ngày 12 tháng 10. Hoàng đế Nikolai Pavlovich một lần nữa chú ý đến Gatchina vốn đã bị lãng quên. Để tưởng nhớ cha mình, người sáng lập Gatchina, ngài đã cho xây dựng tại đây một nhà thờ chính tòa mang tên Thánh Phaolô Tông đồ. Nhân lễ thánh hiến nhà thờ này[7050] , các thánh tích Malta lại được đưa từ Cung điện Mùa Đông về Gatchina. Vào mùa thu cùng năm đó, Hoàng đế đã đến thăm nơi này. Các giáo dân tụ tập tại đó, nhờ ân huệ của vị Sa hoàng – người đã xây dựng nhà thờ, đã kết hợp lời cảm tạ của mình với lời thỉnh cầu rằng nhà thờ mới được xây dựng này sẽ trở thành nơi lưu giữ vĩnh viễn các thánh tích Malta, vốn trước đây đã được mang đến Gatchina lần đầu tiên.

Trả lời lời thỉnh cầu này, Nhà Vua nói với họ rằng Ngài không thể chuyển giao tài sản của Hoàng gia cho một nhà thờ tư nhân sở hữu, mà chỉ đồng ý cho phép mang các thánh tích này từ Saint Petersburg đến đó tạm thời hàng năm. Nhờ đó, lễ kỷ niệm ngày 12 tháng 10 đã được khôi phục, hiện nay được cử hành cả tại nhà thờ hoàng gia lẫn tại Nhà thờ Chính tòa Pavlovsk. Các thánh tích được đưa từ Saint Petersburg đến ngay từ ngày trước lễ. Lễ

[7047] Vào ngày 29 tháng 11 năm 1798.

[7048] Gatchina – một thành phố thuộc huyện Tsarskoye Selo, tỉnh Saint Petersburg.

[7049] Bài thánh ca trên bục thánh ca.

[7050] Lễ thánh hiến nhà thờ diễn ra vào năm 1852.

tôn vinh các thánh tích vào ngày này diễn ra tại nhà thờ hoàng gia trong buổi cầu nguyện suốt đêm. Ngày hôm sau, sau thánh lễ sáng tại nhà thờ hoàng gia, các thánh tích được rước đến nhà thờ chính tòa, nơi chúng được lưu giữ trong mười ngày cho đến ngày lễ Đức Mẹ Kazan, khi đó, sau cuộc rước thánh giá quanh thành phố, các thánh tích sẽ được đưa trở lại Saint Petersburg.

Ngày 12 tháng 10 không chỉ là ngày lễ chính và chung của người dân Gatchina, mà còn là ngày nhiều tín đồ từ thủ đô, các làng mạc và thị trấn lân cận, thậm chí từ các tỉnh khác của Nga, đến Gatchina để chiêm bái các thánh tích Malta. Cả nước Nga đều dâng lời ngợi khen Thiên Chúa vào ngày này, "vì Ngài đã làm rạng danh đất nước này từ trước đến nay bằng vô số thánh tích, và vẫn tiếp tục ban cho sự vinh quang cho đến ngày nay: bởi vì kho báu quý giá này, vốn được giấu kín ở nhiều vùng đất khác nhau cho đến nay, Ngài đã thương ban cho đất nước này"[7051] .

Ngày 26 tháng 10

Ngày 13 tháng 10 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Karpa, Papila, Agathodoros và Agathonika

Ngày tưởng niệm 13 tháng 10

Việc tưởng nhớ những người đã chịu khổ vì Chúa Kitô là điều rất hữu ích, bởi chính việc tưởng nhớ những đau khổ của họ có thể khơi dậy trong tâm hồn chúng ta tình yêu đối với Thiên Chúa và như thể ban cho khát vọng hướng tới đức hạnh của chúng ta một đôi cánh, – để chúng ta, vì phần thưởng trong tương lai, có thể trong tâm trí trải qua chính những đau khổ mà các vị tử đạo đã phải chịu đựng bằng thân xác. Trong số các vị tử đạo đã thực hiện những hành động anh hùng trong cuộc đời này, có Carp và Papila – những cột trụ vĩ đại và nền tảng của Giáo hội[7052] .

Cả hai đều sinh ra tại thành phố vinh quang Pergamum[7053] từ những bậc cha mẹ đạo đức, và bằng cuộc sống đạo đức của mình, họ đã thể hiện đức hạnh của cha mẹ mình: vì cành thánh mọc lên từ gốc thánh, trái tốt chứng tỏ cây tốt, và dòng suối trong lành mang lại vinh quang cho nguồn suối. Cả hai đều chỉ hài lòng với những thứ cần thiết nhất trong ăn uống, từ chối mọi thứ mang tính đa dạng và xa hoa; thậm chí những thứ cần thiết họ cũng dùng rất ít, đến nỗi chỉ khác các Thiên thần ở thân xác mà thôi, đến mức nhờ sự tiết chế vĩ đại của mình, họ dường như gần như vô hình. Khi họ đạt đến sự hoàn hảo trong đức hạnh nhờ lối sống như vậy, họ được xem là xứng đáng để được giao phó việc quản lý Giáo hội: Carpus được tấn phong làm giám mục và rao giảng Lời Chúa cho dân chúng thành Thyatira[7054] , còn Papylus, người được Carpus phong chức phó tế, đã thể hiện lòng nhiệt thành, phù hợp với chức vụ của mình, trong những công việc tương tự.

[7051] Bài thánh ca của ngày lễ.

[7052] Tên gọi các thánh tử đạo là "cột trụ và nền móng của Giáo hội" thể hiện ý tưởng rằng họ đã đóng góp rất nhiều vào việc củng cố Giáo hội của Đấng Christ – cả bằng gương sống cao thượng của mình lẫn ân sủng của Đức Chúa Trời, được ban cho các tín hữu qua họ. Trong Kinh Thánh, Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, Chúa Giêsu Kitô, được gọi là hòn đá góc và nền tảng của Giáo Hội (Thánh Vịnh 117, 22; Isa. 28:16; Mt. 21, 42; 1 Phêrô 2, 4; 1 Cô-rinh-tô 3,11 và các đoạn khác). Các vị tử đạo của Đấng Christ, cũng như các tiên tri và các sứ đồ, chỉ có thể được gọi là nền tảng của Hội Thánh theo nghĩa tương đối – tức là những người tự mình được xây dựng trên Đấng Christ. Đây như là hàng đá đầu tiên trong công trình Hội Thánh của Đấng Christ, được đặt trên nền tảng vĩ đại và vĩnh cửu của Hội Thánh – chính là Đấng Christ. Các hàng đá tiếp theo trong tòa nhà này chính là chúng ta, những người tin vào Đấng Christ, về Đấng mà vị Tông đồ đã viết: *"được xây dựng trên nền tảng của các Tông đồ và các nhà tiên tri, với chính Đức Giêsu Kitô là hòn đá góc"* (Ê-phê-sô 2:20).

[7053] Pergam – một thành phố ở Mi-xi-a vĩ đại (phía tây bắc Tiểu Á), từng là thủ đô của vương quốc Pergam. Trong thời cổ đại, thành phố này nổi tiếng về sự giàu có, sự xa hoa và thư viện rộng lớn, cũng như việc phát minh ra, hay đúng hơn là cải tiến kỹ thuật chế tác da cừu (thay thế cho giấy viết ngày nay). Sau này, thành phố này đã được sáp nhập vào Đế chế La Mã. Nó được đề cập đến trong Sách Khải Huyền (Khải Huyền 2:12). Trong Các Quy định của các Tông đồ (7, 46) có đề cập đến vị giám mục đầu tiên của Pergamum là Gaius, người được Tông đồ Gioan tấn phong. Đây chính là Gaius mà Tông đồ Gioan đã viết Thư thứ ba gửi các tín hữu (3Ga 1:1).

Danh tiếng về các thánh Carp và Papila lan rộng khắp các vùng lân cận – bởi lẽ đức hạnh vốn không thể che giấu, mà luôn được bộc lộ rõ ràng. Vì thế, một đám đông lớn đã đổ về với các vị thánh này; họ chăm chú lắng nghe giáo lý của các ngài và lần lượt quy y Kitô giáo. Kẻ thù ghét mọi điều thiện lành, ma quỷ (xem Ga 8:44), khi thấy điều này, không thể nào bình tĩnh được; tìm được những kẻ phục vụ nhiệt thành cho sự độc ác của mình, hắn xúi giục họ tố cáo các thánh với vị vua vô đạo Decius[7055] . Và thế là, người ta đã tố cáo với vua Decius rằng Carpus và Papylus không những không thờ phượng các vị thần, mà ngược lại, họ còn nguyền rủa các vị thần ấy và tuân theo giáo lý Kitô giáo. Khi nghe tin này, Decius nổi giận dữ dội và cử cố vấn của mình là Valerius – một người ngoại đạo cuồng tín và tàn bạo – đến Á Châu; đồng thời, vị vua này đã thông báo cho ông ta tất cả những gì mình biết về các thánh và trao cho ông ta toàn quyền đối với họ. Valerius, sau khi nhận lệnh, vội vã lên đường và khi đến nơi các thánh đang sinh sống, ông ta muốn dâng lễ vật cho các vị thần của mình. Ngay lập tức, ông ta ra lệnh khắp mọi ngõ ngách của xứ Phiatira, yêu cầu tất cả cư dân phải lập tức tập trung tại nơi dâng lễ để thờ phụng các vị thần. Như vậy, tên vô đạo này không chỉ tự mình là một tín đồ cuồng nhiệt của các vị thần ngoại đạo mà còn muốn lôi kéo người khác theo con đường đó. Khi mọi người đã tập trung tại nơi dâng lễ vật, thì trong số họ lại thiếu vắng hai tín hữu Kitô giáo là Karpa và Papila, bởi vì họ đang ở một nơi khác để dâng lên Thiên Chúa Chân Thật lễ vật chân chính, tức là lời cầu nguyện. Không thấy họ trong số những người có mặt, tên tra tấn ra lệnh tìm kiếm họ; khi họ được tìm thấy và dẫn đến trước mặt hắn, hắn kiêu ngạo hỏi họ:

– Tại sao các ngươi không đến cùng với những người khác để dâng lễ vật cho các vị thần? – rồi ông ta nói thêm: – Hãy nhanh chóng sửa chữa lỗi lầm của các ngươi trước mặt ta, để sự thù hận của những kẻ vu khống các ngươi quay trở lại chính đầu họ, còn danh tiếng của các ngươi nhờ đó sẽ càng thêm rạng rỡ hơn trước.

Còn các thánh nhân, không sợ hãi và không tìm kiếm danh vọng trần thế, đã dũng cảm đáp lại như sau:

– Thưa quan tòa, chúng tôi không nên làm phật lòng Đức Chúa Trời của chúng tôi và tỏ ra vô ơn trước những ân huệ Ngài ban cho chúng tôi! Vì ngay cả loài súc vật cũng sẽ lên án sự vô ơn của chúng tôi – bởi chúng cũng biết chủ của mình; còn chúng tôi sẽ trở thành những kẻ không biết Đấng Tạo Hóa của mình, nếu chúng tôi tôn kính các thần giả dối mà bỏ rơi Chúa Thật của chúng tôi.

Khi họ nói như vậy, Đức Chúa Trời đã xác nhận lời họ bằng một dấu hiệu sau đây: đột nhiên xảy ra một trận động đất mạnh, và tất cả các tượng thần đều bị lật đổ và vỡ vụn thành tro bụi. Nhưng lòng thù hận của Valerius rất mãnh liệt và cứng đầu: thay vì kinh ngạc trước quyền năng vô biên của Đức Chúa Trời và chế giễu sự hư vô tột cùng của các thần giả, ông ta lại càng trở nên điên rồ và vô lý hơn. Bị làm cho xấu hổ bởi sự cao thượng và hiền lành của những người đàn ông ấy, hắn đã kiềm chế không gây ra những cực hình tàn khốc nhất cho họ ngay lúc đó, mà ra lệnh đeo xiềng xích sắt vào cổ họ và dẫn họ đi trần truồng khắp thành phố. Vậy là những vị tu sĩ dũng cảm, xứng đáng với vinh dự cao quý, lại bị dẫn đi trên các con phố trong sự nhục nhã; những người đáng được vô số lời ca ngợi lại bị chế giễu và sỉ nhục. Còn vị quan tòa, nghĩ rằng sau khi bị trừng phạt bằng sự sỉ nhục như vậy, họ sẽ thay đổi sự kiên định trong đức tin của mình, nên đã toan tính lôi kéo họ về phía mình bằng những lời nịnh hót và bắt đầu nói:

– Nếu tôi không coi các vị là những người sáng suốt, thì tôi sẽ không bao giờ đưa ra lời khuyên tốt lành cho các vị, mà sẽ ép buộc các vị theo đạo của chúng tôi bằng những hình phạt, trái với ý muốn của các vị. Nhưng vì sự sáng suốt và phẩm hạnh của các vị cho thấy khả năng phán đoán sáng suốt về sự việc, vốn là đặc trưng của những bậc vĩ nhân, nên tôi đã quyết định trở thành người cố vấn tốt cho các vị. Chắc hẳn các ngài cũng biết rằng, từ thời xa xưa, vinh quang và danh dự đã được dâng lên các vị thần bất tử, và điều này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, không chỉ ở chúng ta – những người thông thạo tiếng Hy Lạp và La Mã[7056] – mà còn ở cả các dân tộc man rợ; bởi nhờ lòng thành kính đối với các vị thần mà các thành phố được cai trị bằng những luật lệ tốt đẹp, giành được chiến thắng trước kẻ thù và củng cố hòa bình. Vậy tại sao các hoàng đế và công tước La Mã lại đạt được vinh quang đến mức lật đổ các thành phố và dân tộc, đồng thời khuất phục mọi kẻ thù dưới quyền lực của mình? – Chẳng phải là vì họ tôn kính và thờ phụng các vị thần sao? – Vậy thì các bạn cũng hãy tôn kính các vị thần ấy đi. Và nếu, do những

---

[7054] Thyatira là một thành phố ở Lydia, giáp ranh với Mysia, nằm về phía đông nam của Pergamum; ban đầu thuộc về Vương quốc Syria, sau đó rơi vào sự cai trị của người La Mã. Đạo Kitô đã bắt đầu lan rộng tại đây ngay từ thời các Tông đồ. Thyatira được đề cập trong Sách Công Vụ 16:14; Khải Huyền 1:11, 2:18, 24.

[7055] Decius trị vì từ năm 249 đến năm 251 sau Công nguyên.

[7056] Tức là những người có học thức. Người Hy Lạp và La Mã coi tất cả những người khác, những người không cùng dòng dõi với họ và không biết ngôn ngữ của họ, là những người thô lỗ và thiếu học thức, và gọi họ là "man rợ".

lời của những kẻ vô minh, các ngươi đã bị lôi cuốn bởi đức tin Kitô giáo phi lý và mới xuất hiện gần đây, thì hãy tỉnh ngộ ngay bây giờ và quay trở lại với điều tốt đẹp hơn. Khi đó, các vị thần sẽ thương xót các ngươi, và các ngươi sẽ được hưởng nhiều ân huệ mà chúng ta đang có; còn từ nhà vua, các ngươi sẽ nhận được những ân huệ vĩ đại. Nhưng nếu các ngươi vẫn tiếp tục bướng bỉnh như trước, thì các ngươi sẽ mất đi những ân huệ ấy và buộc chúng ta phải đối xử với các ngươi một cách cực kỳ tàn nhẫn.

Khi các thánh nhân nghe điều này, họ ngước mắt lên trời, làm dấu thánh giá và đáp lại Valerius:

– Ngươi hy vọng sẽ ngay lập tức lôi kéo chúng ta vào con đường tội lỗi của ngươi, như thể chúng ta là những kẻ dốt nát, nhưng hãy biết rằng trước mặt ngươi không phải là những kẻ hèn nhát hay ngu dốt. Chúng tôi không coi tôn giáo của ngài là đáng kính chỉ vì nó là tôn giáo cổ xưa, bởi không phải mọi thứ cổ xưa đều nhất thiết là chính đáng: chẳng hạn, sự độc ác cũng cổ xưa, nhưng nó vẫn không xứng đáng được kính trọng chỉ vì sự cổ xưa của nó. Điều cần bàn luận không phải là tôn giáo của ngài có cổ xưa hay không, mà là liệu có nên chấp nhận nó hay không. Chúng tôi đã quyết định từ chối nó và loại bỏ nó khỏi cộng đồng của mình càng nhiều càng tốt, vì nó là thứ chuẩn bị ngọn lửa địa ngục khủng khiếp cho những ai yêu mến nó. Nếu bạn muốn nhận biết sự thật, hãy suy ngẫm, và bạn sẽ thấy rằng các vị thần của các bạn chẳng là gì khác ngoài tác phẩm của bàn tay con người: họ câm và điếc, và không thể mang lại lợi ích nào, không chỉ cho người khác, mà ngay cả cho chính họ. Đức Chúa Trời chân thật không thể miêu tả được về bản thể của Ngài, không thể thấu hiểu được đối với lý trí chúng ta, không thể đo lường được theo thời gian, vì Ngài không có khởi đầu cho sự hiện hữu của Ngài; Ngài đã tạo ra mọi thứ hữu hình và có thể thấu hiểu được đối với lý trí chúng ta; Ngài đã tạo dựng con người, đưa con người vào vườn Địa Đàng và ban cho con người điều răn, để con người quen với việc vâng lời Đấng Tạo Hóa. Vì lòng ghen tị của ma quỷ, con người đã sa ngã vào sự bất tuân và trở thành kẻ phải chịu sự chết. Nhưng ma quỷ không bằng lòng với sự sa ngã đó của con người và vội vã lôi kéo con cháu của con người xa lìa Thiên Chúa, để loài người không chỉ chết về thể xác mà còn chết về tinh thần: như vậy, loài người, khi bỏ Thiên Chúa và quay lưng lại với ánh sáng của lẽ thật, đã sa vào bóng tối của sự thờ ngẫu tượng. Vì thế, Đấng Tạo Hóa nhân từ và đầy lòng thương xót, để giải thoát loài người khỏi quyền lực của ma quỷ, đã ngự xuống trần gian, đồng thời vẫn ngự trong lòng Chúa Cha, và trở nên giống như chúng ta, ngoại trừ tội lỗi; khi bị đóng đinh trên Thập tự giá, Ngài đã chết, để cứu chuộc chúng ta khỏi sự sa ngã tội lỗi. Sau khi chiến thắng kẻ thù của chúng ta là ma quỷ bằng cái chết của Ngài, Ngài đã lên trời và kêu gọi chúng ta đến đó, làm cho việc lên với Ngài trở nên dễ dàng cho chúng ta.

– Hỡi vị quan tòa, ngài có thể nói điều gì tương tự về các vị thần của ngài không? Và ngài có thấy xấu hổ khi gọi họ là các vị thần không?

– Còn những của cải và vinh dự của các ngài trước mặt nhà vua – những điều các ngài coi trọng đến thế – thì chúng tôi khinh thường, vì chúng tôi trông đợi phần thưởng từ Đức Chúa Trời, Đấng mà chúng tôi đã quyết tâm chịu khổ và chết vì Ngài.

Nghe những lời này, Valerius nổi giận dữ dội. Ông vứt bỏ vẻ hiền lành giả tạo và, không che giấu sự tàn bạo của mình nữa, trước hết, ông giao tài sản của các thánh cho bọn vu khống cướp bóc, còn bản thân họ, sau khi bị trói vào lưng ngựa, ông ra lệnh đuổi đến Sardis[7057] . Và họ thúc ngựa, với các vị thánh bị trói vào, rất nhanh và không nghỉ ngơi, để trong một ngày có thể đi từ Phiatira đến Sardis[7058] . Chặng đường ấy thật gian nan đối với những vị tử đạo dũng cảm, bởi vì, không kịp chạy theo tốc độ của ngựa, họ bị kéo lê một cách bạo lực và, va đập xuống đất, phải chịu đựng nhiều đau khổ. Theo sau họ là người hầu của các thánh tử đạo, vị thánh hạnh phúc Agathodorus, với lòng trắc ẩn và chia buồn cùng các chủ nhân của mình. Khi đến Sardis, họ không nghỉ ngơi sau chặng đường gian nan, mà dành phần lớn đêm đó để cầu nguyện và hát thánh ca. Khi họ chợp mắt một chút, các Thiên thần của Đức Chúa Trời đã an ủi họ trong giấc mơ và củng cố lòng kiên nhẫn của họ trước những cực hình. Khi tỉnh giấc, họ kể lại cho nhau những điều đã thấy và vô cùng vui mừng, tạ ơn Thiên Chúa vì sự an ủi trong nỗi buồn và lời hứa giúp đỡ trong những đau khổ, đồng thời khao khát mãnh liệt được chịu khổ vì Chúa Kitô.

Valerius đến Sardis với hy vọng rằng, sau những cực hình mà họ phải chịu đựng trên đường đi, sẽ dễ dàng hơn để lôi kéo những người chịu khổ này vào con đường vô thần: tên vô đạo ấy không biết rằng các thánh nhân đã

[7057] Sardis hay Sardes – một thành phố ở Lydia (phía tây Tiểu Á), nằm phía nam Pergamum và Thyatira – là thủ đô của vương quốc Lydia và nổi tiếng về sự giàu có. Vào thời các tông đồ, nơi đây có rất nhiều tín hữu Kitô giáo. Hội thánh Sardis được đề cập trong Khải Huyền 1:11, 3:1–4.

[7058] Khoảng cách giữa hai thành phố này là khoảng 33 dặm.

càng thêm vững vàng trong việc thực hành đức tin nhờ ân sủng của Thiên Chúa, được tỏ hiện cho họ qua những thị kiến. Khi Valerius thấy khuôn mặt họ rạng rỡ hơn trước, tinh thần họ vững vàng và lòng họ không hề nao núng, hắn đã mất hy vọng đánh bại họ bằng những hình phạt tàn bạo và lại quay sang dùng mưu mô, mong muốn lừa dối và lay chuyển đức tin vững chắc nơi Đức Kitô của các thánh nhân bằng những lời lẽ ngọt ngào và đủ loại sự nịnh hót. Và dường như con cáo đang đấu tranh với những con sư tử, vì những lời dụ dỗ của hắn chẳng dẫn đến đâu và không thể khuất phục được những người được sự trợ giúp của Đấng Tối Cao củng cố. Khi Valerius thấy rằng mình sẽ không đạt được gì, hắn đã nảy ra ý định đối xử với họ theo cách khác: Karpa và Papila, những người đàn ông kiên định và được chọn, bị đưa vào giam giữ; còn Agathodorus vinh quang, người hầu của các vị tử đạo – người vốn cũng là một vị tử đạo hoàn hảo và, vì tình yêu dành cho họ, đã trở thành bạn của họ và cùng chia sẻ những đau khổ với họ – Agathodorus này, sau khi bị quật ngã xuống đất, đã bị ra lệnh đánh đập không thương tiếc bằng dây da bò. Và vị quan tòa cùng vị tử đạo đã so tài với nhau: vị quan tòa muốn đánh bại vị tử đạo bằng vô số vết thương gây ra, còn vị tử đạo lại đón nhận những vết thương với niềm vui sướng đến nỗi dường như ngài lo ngại rằng những kẻ đánh đập sẽ mệt mỏi và chấm dứt sự tra tấn quá sớm. Trong suốt những trận đòn tàn bạo và kéo dài như vậy, từ thân thể vị tử đạo, như thể từ một nguồn suối nào đó, máu tuôn trào thành dòng, thịt da bong tróc, nội tạng lộ ra, các chi rụng khỏi khớp xương, và quả thực, người đàn ông dũng cảm ấy phải chịu đựng nỗi đau khổ vô cùng lớn lao. Nhưng ngài chịu đựng những cực hình với sự kiên định đến mức dường như không hề cảm thấy đau đớn; ngài im lặng chịu đựng những vết thương nặng nề, và ý nghĩ rằng ngài đang chịu đau khổ vì Chúa Kitô đã trở thành nguồn an ủi đủ đầy cho ngài giữa những cực hình tàn bạo. Khi Valerius mệt mỏi, những kẻ đánh đập cũng mệt mỏi theo – còn đối với Agathodorus, những cực hình ấy chỉ càng làm tăng thêm niềm vui. Chúa Kitô, từ trên trời nhìn xuống hành động anh hùng của ông và chuẩn bị phần thưởng, khi chứng kiến sự kiên nhẫn dũng cảm của tôi tớ Ngài, đã gọi ông về với Ngài, để ông được an nghỉ sau bao nhiêu gian khổ. Ngài lập tức phó thác linh hồn vào tay Chúa của mình, để lại thi thể đã tắt thở cho những kẻ hành hình. Theo lệnh của Valerius, thi thể ấy bị bỏ lại mà không được chôn cất – làm mồi cho thú dữ và chim chóc; nhưng khi đêm xuống, một số tín hữu đã mang thi thể của vị thánh tử đạo đi và bí mật chôn cất.

Sau đó, Valerius triệu tập các vị thánh tử đạo Karpa và Papila, rồi nói với họ:

– Tên đầy tớ điên rồ của các ngươi đã nhận lấy cái chết xứng đáng với những việc làm của mình, vì không chịu dâng lễ vật cho các vị thần bất tử. Vậy tại sao các ngươi, với tư cách là những người khôn ngoan, lại không chọn điều có lợi cho mình, mà lại muốn trở nên giống như một con người thực sự bất hạnh, người đã điên rồ chọn cái chết đau đớn thay vì cuộc sống và niềm vui?

Nghe vậy, các thánh đã vạch trần Valerius và gọi ông ta là kẻ điên rồ; sau khi ca ngợi thánh Agathodorus vì lòng dũng cảm mà ngài đã đối mặt với cái chết, họ nói rằng họ cũng mong muốn một cái chết như vậy vì Chúa Kitô.

Lúc đó, tên tra tấn, bừng bừng cơn thịnh nộ, lại ra lệnh trói Karpa và Papila vào lưng ngựa và thúc ngựa phi nhanh đi trước hắn từ Sardis đến Pergamum. Và một lần nữa, các thánh lại bị truy đuổi và lê lết trên đường đi, phải chịu đựng những cực hình và đau khổ tột cùng, và mỗi người trong số họ đều cùng với Đa-vít thốt lên: "Theo lời miệng Ngài, con đã giữ mình khỏi những con đường của kẻ áp bức" (Thi Thiên 16:4). Vào ban đêm, ngoài những đau đớn do vết thương gây ra, họ còn phải chịu xiềng xích chật chội và sự giam cầm khắc nghiệt trong ngục tối. Còn các thánh nhân, sau chặng đường gian nan, vẫn thức trắng, dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa suốt cả đêm. Và Chúa lại thương xót viếng thăm họ: Thiên Thần của Chúa hiện ra với họ, chữa lành những vết thương và làm tràn ngập lòng họ bằng niềm vui thiêng liêng, củng cố họ để thực hiện những kỳ công vĩ đại hơn. Khi bình minh ló rạng, kẻ tra tấn nghĩ rằng các thánh nhân chắc hẳn không thể bước đi nổi sau chặng đường hôm qua, nên ra lệnh dẫn họ đến trước mặt mình để chứng kiến nỗi đau khổ của họ. Nhưng khi thấy họ khỏe mạnh và cường tráng, đôi chân không hề hấn gì, khuôn mặt rạng rỡ và vui tươi, hắn quy điều đó cho sức mạnh phép thuật của họ, và vì thế càng gia tăng nỗi đau khổ của họ hơn nữa. Sau khi trói chặt thân thể các thánh nhân bằng những xiềng xích sắt nặng nề, hắn đuổi họ đi trên một chặng đường còn xa hơn nữa. Trên đường đi, tại một nơi nào đó, hắn dâng lễ vật cho các thần tượng rồi ngồi lên ghế xét xử. Gọi Karpa lại, hắn bắt đầu nói chuyện với anh ta một cách thân thiện, như thể thực sự thương xót anh ta:

– Này, các vị thần, vì lòng thương xót tuổi già của ngươi, đã giúp ngươi đi qua chặng đường này mà không gặp khó khăn. Vậy tại sao ngươi lại tỏ ra vô ơn với những ân nhân của mình, khiến danh dự của họ bị sỉ nhục? Hãy nghe lời khuyên tốt lành của ta, và hãy cùng ta đến với các vị thần, vì ta tôn trọng tuổi già của ngươi, thương xót ngươi và khóc than cho nỗi bất hạnh của ngươi – không phải như của người khác, mà thực sự như của chính ta.

Nhưng biết làm sao đây? Ngươi biết rằng ngươi đã xúc phạm ta rất nặng nề, và ta không thể chịu đựng được nữa: và nếu bây giờ ngươi không nghe theo lời khuyên tốt lành của ta, thì ta sẽ không dung thứ cho sự bất tuân của ngươi, nếu không phải vì danh dự của chính ta, thì cũng vì các vị thần.

Thánh Carp đã trả lời như sau:

– Lời khuyên của ngươi, thứ dẫn từ ánh sáng vào bóng tối và từ sự sống đến cái chết, không ai có thể gọi là tốt lành, mà sẽ gọi là sự lừa dối và cái bẫy. Nếu ngươi tôn trọng tuổi già của ta, thì tại sao lại không tin ta, khi ta đang đưa ra lời khuyên với tư cách một người cha? Vì ta thương xót cho sự diệt vong của ngươi còn hơn cả ngươi thương xót cho những đau khổ của ta, và ta vô cùng buồn bã trước tai họa của ngươi – rằng ngươi đã đặt niềm tin vào những điều hư ảo[7059] và tôn thờ những vị thần như vậy, những vị sẽ không giải thoát ngươi khỏi những cực hình vĩnh cửu: vì chúng vô hồn, do bàn tay con người tạo ra và thực sự không thể được gọi là thần thánh, mà chỉ là những tượng thần hư ảo và vô dụng.

Valerius không thể chịu đựng thêm sự ô nhục mà các vị thần của mình gây ra, nên đã ra lệnh cho các đao phủ bắt thánh Carpus lại, trói ông lại và đánh đập tàn nhẫn bằng roi gai. Khi thánh nhân bị đánh, toàn thân ông đầy vết thương, và những mảnh thịt, bị đánh rơi ra, văng xuống đất. Nhưng điều đó vẫn chưa đủ với kẻ hành hạ, – hắn đã gọi thêm các đao phủ khác. Một số người trong số họ dùng nến thiêu đốt xương sườn của Thánh Karpa, những người khác rắc muối lên vết thương của ngài, đến nỗi mặt đất ướt đẫm máu của vị thánh; các gân bị rách toạc và gây ra cho ngài nỗi đau đớn vô cùng; còn vị tử đạo, càng bị hành hạ dữ dội, lòng yêu mến Thiên Chúa và sự kiên nhẫn của ngài càng thêm vững chắc. Đứng đó trong tình trạng bị trói, ngài mỉm cười giữa những đau đớn, và vị công tước hỏi ngài:

– Tại sao ngươi, Carp, lại cười?

Ngài đáp:

– Tôi đã thấy ân sủng mà Chúa Kitô của tôi dành cho tôi, và vì thế tôi đã vui mừng. Bởi vì vào lúc đó, vị thánh đã thấy các tầng trời mở ra, Chúa ngự trên ngai vàng, cùng các Thiên thần Cherubim và Seraphim vây quanh Ngài.

Chúa đã an ủi tôi tớ của Ngài giữa những cực hình như vậy, và ân sủng của Thiên Chúa đã chiến thắng mọi đau khổ, đến nỗi vị thánh đã quên đi những vết thương đau đớn và những cực hình nặng nề mà ngài đã dũng cảm chịu đựng. Ngài bị tra tấn cho đến khi những kẻ tra tấn mệt mỏi, và sau khi bị giam vào ngục tối sau những cực hình, ngài đã tạ ơn Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho ngài ân sủng được chịu khổ vì Ngài.

Sau đó, khi triệu tập thánh Papylus ra tòa, Valerius bắt đầu hỏi ngài, như thể lần đầu tiên gặp ngài vậy:

– Ngươi thuộc dòng dõi nào, quê quán ở đâu, và nghề nghiệp của ngươi là gì?

– Ngài đã biết về tôi rồi, – vị thánh đáp, – rằng tôi sinh ra từ cha mẹ quý tộc tại thành phố Pergamum, tôi thông thạo nghệ thuật chữa bệnh – không phải loại dựa vào các loại thảo dược mọc trên đất, mà là loại được ban xuống từ trên cao bởi Thiên Chúa; phương pháp chữa bệnh này không chỉ mang lại lợi ích cho thân thể, mà còn chữa lành cả những bệnh tật của tâm hồn.

Lúc đó, vị thẩm phán nói:

– Không thể có nghệ thuật chữa bệnh tinh thông nào nếu không nghiên cứu những gì được ghi chép bởi Galen[7060] và Hippocrates[7061] , những người đã được các vị thần ban tặng nghệ thuật chữa bệnh.

Papila đáp lại:

– Galin, Hippocrates và các môn đệ của họ chỉ có thể chữa lành cho người bệnh nếu Đấng Christ của tôi, nhờ lòng thương xót vô biên, vui lòng ban cho họ ân sủng chữa lành của Ngài. Nếu không, nghệ thuật của họ sẽ trở nên vô ích và kinh nghiệm của họ trong nghề y cũng trở nên vô dụng; còn những vị mà ngươi gọi là các vị thần, làm sao họ có thể chăm lo cho sức khỏe của ai đó, nếu chính họ cũng không thể tự giúp mình được điều gì! Và nếu ngươi muốn biết sự thật, hãy thử nghiệm trong thực tế: ngươi thấy người đang ngồi bên cạnh ngươi bị mù một mắt: hãy để các vị thần của ngươi ban cho anh ta khả năng nhìn thấy, và sau đó ta sẽ không nói gì nữa.

[7059] Tức là – những vị thần hư ảo và giả dối, những vị thực ra không phải là thần.

[7060] Galin, hay còn gọi là Galen, là một nhà khoa học y học nổi tiếng. Ông sinh năm 131 sau Công nguyên tại Pergamum; đã học tập và du hành rất nhiều; từng là bác sĩ riêng cho các hoàng đế La Mã cùng thời với ông, và qua đời vào đầu thế kỷ III. Ông có ảnh hưởng to lớn đối với các bác sĩ trên toàn thế giới, và uy tín của ông vẫn không thể lay chuyển trong mắt họ cho đến tận thế kỷ XVI.

[7061] Hippocrates – một bác sĩ Hy Lạp nổi tiếng khác đến từ đảo Kos, sống trước Galen rất lâu (từ năm 460 đến năm 356 trước Công nguyên). Ông để lại một số tác phẩm, và chính Galen cũng đã được giáo dục dựa trên những tác phẩm đó.

– Liệu có ai có thể chữa lành cho anh ta không? – Valerius hỏi lại.

– Không chỉ điều này thôi, – vị thánh đáp, – mà bất kỳ căn bệnh nan y nào khác cũng sẽ được chữa lành bởi người kêu cầu Chúa Kitô, Đấng Chữa Lành mọi bệnh tật.

– Vậy thì hãy để chúng ta chứng kiến ngay bây giờ những gì ngươi nói, – Valerius nói, – và nếu ngươi có khả năng, hãy chữa lành cho anh ta trước mặt chúng ta, để anh ta được sáng mắt.

– Tôi không muốn làm điều đó ngay lập tức, – Papila đáp, – để ngài đừng gán phép lạ này cho các quỷ của ngài; nhưng trước tiên, hãy để các thầy thuốc của các ngài kêu cầu một trong các vị thần của họ, rồi sau đó tôi sẽ cho thấy quyền năng của Đấng Kitô của tôi.

Lúc đó, Valerius triệu tập các thầy tế của mình và ra lệnh cho họ cầu khẩn các vị thần, để các vị ấy chữa lành cho vị cố vấn mù của ông. Họ kêu cầu các vị thần hư ảo của mình, mỗi người cầu khẩn một vị thần riêng: người thì cầu khẩn Apollon, người khác cầu khẩn Asclepius, người thì cầu khẩn Zeus, người khác lại cầu khẩn Hermes. Và đó quả là một cảnh tượng đáng cười: cả ngày họ cầu nguyện với những vị thần không thể giúp đỡ gì, kêu cầu những vị thần điếc, dâng lễ vật cho những vị thần vô hồn, và chính họ, với tâm hồn mù quáng, lại không thể làm sáng lên được một con mắt thể xác.

Vậy thì người tôi tớ của Đấng Christ làm gì? – Ông ngước đôi mắt thể xác và tâm hồn lên trời, và kêu cầu Chúa đầy lòng thương xót; sau đó, ông đặt tay lên con mắt mù, làm dấu thánh giá trên đó, và người bệnh lập tức nhìn thấy. Khi đó, người ấy không chỉ nhìn thấy bằng mắt thể xác, mà còn được soi sáng bằng đôi mắt tâm hồn: vì Ánh Sáng Thần Thánh đã chạm đến trái tim người ấy, và người ấy, như vừa thức dậy khỏi giấc ngủ, đã nhận ra sự yếu đuối của các vị thần hư ảo và thấu hiểu quyền năng của Đức Chúa Trời Duy Nhất, là Đức Giê-su Ki-tô, Ánh Sáng chân thật, soi sáng mọi người đến thế gian (Giăng 1:9) và đã tin vào Ngài. Không chỉ người đàn ông ấy, mà còn rất nhiều người khác cũng nhờ phép lạ này mà đến với sự nhận biết lẽ thật; vì ai mà phép lạ vinh quang này lại không khiến họ kinh ngạc và tin tưởng? – và ai nấy, khi thấy và nghe điều này, đều nói: "Quả thật, quyền năng của Đấng Christ thật vĩ đại, và Ngài là Đức Chúa Trời chân thật!" Nhưng mặc dù mọi người đều tôn vinh Đức Chúa Trời chân thật, Valerius, kẻ vô luật pháp, lại không muốn nhận biết Ngài và càng nổi giận dữ hơn với thánh Papylus; thay vì biết ơn vì ân huệ này, hắn ra lệnh trói ông vào cây và đánh đập không thương tiếc.

Trong lúc bị đánh đập, Thánh Papila không đau khổ vì bị đánh, mà vì không được chịu những cực hình còn nặng nề hơn. Ngược lại, Valerius, khi thấy lòng dũng cảm của vị tử đạo chiến thắng những cực hình, càng trở nên tức giận hơn và càng thêm những đau khổ vào những đau khổ đó: ông ta dùng lửa thiêu đốt hai bên sườn của Papila và ra lệnh ném đá vào ông. Nhưng vị tử đạo vẫn kiên nhẫn chịu đựng cả lửa lẫn đá, còn những hòn đá lại rơi xuống những chỗ khác, như thể tôn kính thân thể vị tử đạo đang chịu đau khổ vì Chúa Kitô; không gây ra bất kỳ tổn thương nào cho vị thánh, những hòn đá lại làm bị thương chính những kẻ ném chúng. Khi Valerius mệt mỏi và không biết còn có thể gây ra hình phạt nào nữa cho các thánh, ông quyết định trì hoãn một chút, nghĩ rằng nếu thả các thánh ra tạm thời, vết thương của họ sẽ sưng tấy và, bằng cách gia tăng đau đớn, sẽ làm họ yếu đi trước thử thách sắp tới. Nhưng các vị tử đạo, những người có Chúa Kitô làm bác sĩ của mình, Đấng mà vì Ngài họ đã tự nguyện chấp nhận những vết thương, đã được chữa lành không chỉ khỏi nỗi đau khổ, mà còn khỏi cả những vết thương và vết loét, đến nỗi không còn thấy dấu vết nào của những vết thương đó nữa, điều này khiến tên tra tấn điên cuồng vô cùng tức giận: càng nhẹ bớt nỗi đau khổ của họ, trái tim Valerius càng đau đớn và bùng cháy trong cơn thịnh nộ như ngọn lửa.

Chẳng bao lâu sau, tên hành hình lại ngồi lên ghế xét xử, toát lên sự tàn nhẫn và nhìn chằm chằm bằng ánh mắt giận dữ. Còn các thánh tử đạo thì đứng trước mặt hắn với ánh mắt rạng rỡ và khuôn mặt hân hoan, như thể vừa được mời đến dự tiệc. Kẻ vô pháp muốn dọa nạt họ bằng chính cơn thịnh nộ của mình; nhưng từ trái tim không sợ hãi và từ đôi môi can đảm của họ, hắn nghe thấy những lời như thế này:

– Tại sao, hỡi kẻ tra tấn, ngươi lại làm mệt mỏi chính mình và các thuộc hạ của ngươi, thường xuyên đưa chúng tôi đến rồi lại đưa đi, hành hạ mà không tuyên án cuối cùng cho chúng tôi? Ngươi có hy vọng khiến chúng tôi từ bỏ Chúa Kitô và lẽ thật chăng? – Nhưng ngươi sẽ thấy chúng tôi chết trước, chứ chúng tôi sẽ không bao giờ tuân theo mệnh lệnh vô thần của ngươi.

Sau đó, theo lệnh của kẻ hành hình, những mảnh gốm vỡ và đinh sắt được rải khắp mặt đất; các vị tử đạo trần truồng bị ép nằm sấp lên đó, rồi họ bắt đầu lôi kéo các ngài đi, đồng thời giáng những đòn đánh tàn bạo. Nhưng ngay cả giữa những cực hình này, Chúa cũng không bỏ rơi các tôi tớ của Ngài. Ngài vội vã đến với họ bằng sự giúp đỡ của Ngài, *"thổi hơi vào mặt họ và cất đi sự sỉ nhục của họ"* (Na-hum 2:1): – đột nhiên những mảnh gốm và đinh

sắt ấy biến mất không để lại dấu vết, còn các thánh nhân thì vẫn nguyên vẹn. Điều này càng khơi dậy cơn thịnh nộ lớn hơn nữa nơi vị quan tòa, và ông ra lệnh dùng dao cạo rạch vào hai bên sườn họ; nhưng các thánh nhân, trong khi ngợi khen Đức Chúa Trời, đã dũng cảm chịu đựng tất cả những điều đó.

Sau đó, ông ta tập hợp những con thú dữ và dàn dựng một màn trình diễn: các vị tử đạo được dẫn ra, và một con gấu cái được thả vào. Mọi người đều nghĩ rằng nó sẽ ngay lập tức giết chết và xé xác họ, nhưng con gấu không tỏ ra chút khát máu nào và, như thể tôn kính các thánh nhân, nó nằm xuống dưới chân họ và ôm lấy họ. Sau đó, một con sư tử được thả ra, không chỉ hiền lành như con gấu cái, mà quyền năng của Đức Chúa Trời còn được thể hiện qua nó một cách kỳ diệu hơn nữa – bởi vì, khi gầm lên, nó đã nói bằng giọng người, lên án những kẻ bắt bớ và sự ngoan cố tàn bạo của họ. Còn họ thì bịt tai lại, cho rằng tất cả những điều này là phù phép, và quan tòa ra lệnh ném các thánh tử đạo xuống hố đầy vôi. Nhưng kẻ điên rồ ấy đã vất vả vô ích khi chống lại Thiên Chúa, Đấng đã gìn giữ các tôi tớ của Ngài được an toàn khắp mọi nơi; bởi vì sau ba ngày ở trong vôi đó, họ bước ra vẫn khỏe mạnh và không hề hấn gì.

Càng nhận ra rằng mình không thể khuất phục các thánh, Valerius càng bùng lên cơn thịnh nộ; ông bắt họ mang những đôi ủng sắt đầy đinh nhọn và buộc họ phải chạy trong đó; nhưng ngay cả như vậy, ông cũng không thể đánh bại những chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô. Sau đó, hắn đốt lò lửa thật mạnh rồi ném các thánh vào đó – cùng với họ, thánh nữ Agafonika, em gái của thánh Papila, cũng bước vào ngọn lửa, mong muốn được tham gia vào những chiến công đó và chết vì Chúa Kitô. Nhưng lò lửa không những không thiêu đốt họ, mà nhờ quyền năng của Chúa Kitô, nó đã biến thành nơi mát mẻ, vì một cơn mưa lớn đổ xuống, dập tắt ngọn lửa và làm nguội lò. Khi các thánh bước ra khỏi lò mà không hề hấn gì, họ lại bị giam vào ngục tối, nơi họ hát ngợi khen Thiên Chúa như trong nhà thờ. Kẻ tra tấn, không biết phải làm gì nữa, xấu hổ vì đã bị họ đánh bại, đã tuyên án tử hình cuối cùng đối với các vị tử đạo – ra lệnh chém đầu họ bằng gươm. Các thánh, khi bị dẫn đi cùng với Agathonica đến nơi hành quyết, vẫn vui mừng; họ ngước mắt và giơ tay lên trời, cầu nguyện không chỉ cho chính mình mà còn cho những kẻ đang giết họ, và như vậy, họ đã hoàn tất cuộc tử đạo của mình khi bị chém đầu bằng gươm. Thi hài các thánh bị vứt bỏ một cách nhục nhã và không được ai canh giữ; các tín hữu đã bí mật thu nhặt và an táng một cách trang trọng, ngợi khen Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được vinh quang và sự thờ phượng muôn đời. Amen[7062] .

Bài ca Kondak, giọng 2:

Như một kho tàng vô giá, lạy Chúa, và như suối nguồn tuôn trào những dòng chữa lành, Ngài đã ban cho thế gian những di vật thiêng liêng của các ngài, những di vật xua tan mọi bệnh tật và những đam mê khác nhau, đồng thời không ngừng ban ân sủng cho các linh hồn. Vì vậy, theo tình yêu của các vị tử đạo thiêng liêng, chúng con cử hành lễ kỷ niệm này.

Lễ kính Thánh Tử đạo Florentius

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 10

Thánh Tử đạo Florentius sinh ra tại thành phố Thessaloniki. Là một Kitô hữu và người nhiệt thành bảo vệ đức tin chân chính[7063] , ngài đã lên án và vạch trần sự sùng bái các thần ngoại đạo giả dối, đồng thời nguyền rủa việc thờ phượng chúng. Đồng thời, khi hướng dẫn mọi người về đức tin chân chính nơi Đức Kitô, ngài đã củng cố đức tin cho các Kitô hữu và thuyết phục họ tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa. Vì lý do này, Florentius đã bị đưa ra xét xử trước quan chức cao nhất của đất nước đó, nhưng trong phiên thẩm vấn, ngài đã công khai tuyên xưng đức tin vào Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, và gọi các vị thần ngoại giáo là những cây cối, đá, vàng, bạc, đồng và sắt – những hình tượng vô hồn và vô cảm. Hành động này đã khiến vị vua của đất nước ấy nổi giận và ông

---

[7062] Thánh Nữ hoàng Helena, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, đã xây dựng một tu viện tại Constantinople để tôn vinh Thánh Carp và Thánh Papila, theo mô hình Mộ Thánh Chúa. Năm 1200, người hành hương Antony đã nói: "Các thánh Carp và Papila được an táng trong cùng một ngôi mộ tại tu viện nữ; còn ở đó (tức là tại Tsargrad), hoàng đế Constantine đã xây dựng một nhà thờ".
[7063] Thánh Florentius là môn đệ của các Tông đồ

bị kết án phải chịu cực hình. Ông bị đánh đập dã man, thân thể bị cạo bằng những dụng cụ sắc nhọn, sau đó ông bị ném vào một đống lửa lớn đang bùng cháy dưới chân, nơi ông đã qua đời trong niềm vui sướng, vừa cầu nguyện vừa tạ ơn Đức Chúa Trời[7064] .

Ngày tưởng niệm Thánh Nikita, Vị Chứng Nhân[7065]

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 10

Thánh Nikita sinh ra tại Paphlagonia[7066] trong một gia đình sùng đạo. Ngài là họ hàng xa của Hoàng hậu Theodora, vợ của Hoàng đế Theophilus, người chống lại việc thờ hình tượng. Sau khi hoàn thành việc học, khi mới 17 tuổi, Nikita đã đến Constantinople. Vào thời điểm đó, ngai vàng hoàng gia do Hoàng hậu Irina, vợ của Hoàng đế Lêô IV đã qua đời, nắm giữ do con trai bà là Constantine[7067] còn quá nhỏ. Được nhận vào phục vụ triều đình, Nikita nhanh chóng thăng tiến, được phong tước quý tộc và được bổ nhiệm làm người trông coi toàn bộ cung điện hoàng gia, sau đó được bổ nhiệm làm tổng chỉ huy quân đội tại Sicily[7068] . Khi đã đạt đến địa vị cao, Nikita nhận ra sự hư vô và phù du của các danh hiệu và của cải trần thế, và nảy sinh mong muốn thành tâm gia nhập tu viện. Tuy nhiên, Hoàng đế Nikifor và con trai ông là Stavrakios[7069] , vì đánh giá cao những đóng góp của Nikita cho đất nước, không muốn cách chức ông khỏi vị trí hiện tại và cho phép ông vào tu viện. Khi Michael Rangav[7070] lên ngôi sau họ, Nikita đã xin phép ông được từ bỏ chức vụ và xuất gia[7071] . Tuy nhiên, ông không được phép rời khỏi thủ đô; thay vào đó, hoàng đế ra lệnh cấp cho ông một nơi ở tại Cổng Vàng, tại nơi được gọi là Chrysonia[7072] , nơi ông phải thường trú. Tại tu viện này, Thánh Nikita bị giam giữ không lối thoát cho đến triều đại của Hoàng đế chống thánh tượng Lê-ô người Armenia[7073] . Khi Thánh Nikita chứng kiến những hành vi xúc phạm mà các thánh tượng phải chịu từ vị hoàng đế vô pháp này, ngài đã rời Constantinople và gia nhập hàng ngũ các tu sĩ cấp thấp tại một tu viện ngoại ô, nơi ngài dành thời gian cho việc ăn chay và lao động. Trong khi đó, những kẻ chống thánh tượng, sau khi biết rằng ngài có một bức thánh tượng Chúa Cứu Thế mà ngài đã mua từ Roma, đã báo cáo việc này lên hoàng đế. Các quan chức được cử đến gặp Thánh Nikita, họ dùng lời đe dọa để ép ngài giao nộp bức thánh tượng đó. Nhưng vì Thánh Nikita kiên quyết từ chối giao nộp, nên những người được cử đi đã tìm ra một tu sĩ, người này chỉ cho họ biết nơi cất giữ bức tượng thánh đó. Sau đó, họ xông vào nhà thờ, lấy bức tượng thánh và xúc phạm nó bằng mọi cách. Hành vi phạm thánh này đã khiến Thánh Nikita vô cùng đau buồn. Không chỉ dừng lại ở đó, khi rời khỏi tu viện, các sứ giả của hoàng đế còn cấm ngài rời khỏi đó dưới bất kỳ lý do nào. Sau đó, khi một vị vua chống thánh tượng khác – Theophilus[7074] – lên ngôi, một quan triều đình tên là Theodosius được cử đến gặp vị thánh. Trước mặt tất cả những người có mặt, dưới sự đe dọa trục xuất, người này yêu cầu ngài phải công nhận Thượng phụ chống thánh tượng Anthony[7075] và từ bỏ việc tôn kính thánh tượng. Nhưng vị thánh đã đáp lại:

– Ta sẽ không bao giờ ngừng thờ phượng hình ảnh của Đấng Kitô và Thiên Chúa của ta, còn Antôn thì ta sẽ không gọi là tổng giám mục, mà là kẻ ngoại tình và tội phạm... Còn ngươi thì cứ làm theo ý ngươi.

[7064] Vào đầu thế kỷ III.

[7065] Trong Giáo hội Kitô giáo cổ đại, những người được gọi là "những người làm chứng" là những người, trong thời kỳ bách hại Kitô giáo, đã công khai tuyên xưng mình là Kitô hữu và chịu đựng những cực hình, nhưng được những kẻ hành hạ tha mạng và vẫn còn sống sót. Những người này được xã hội Kitô giáo đặc biệt kính trọng: họ được trao quyền tái hợp với những người đã sa ngã trong Giáo hội.

[7066] Thánh Nikita sinh khoảng năm 763. – Paphlagonia – một vùng núi hiểm trở ở phía bắc Tiểu Á, giáp ranh với Pontus và Bithynia.

[7067] Lêô IV Khazar trị vì từ năm 775 đến năm 780. Vợ ông, Irina, đã điều hành nhà nước trong thời gian con trai còn nhỏ của họ là Constantine VI Porphyrogenitus trị vì, và sau đó bà tiếp tục trị vì từ năm 797 đến năm 802.

[7068] Đảo Sicily vào thời điểm đó nằm dưới sự thống trị của Đế chế Byzantine, kéo dài từ giữa thế kỷ VI cho đến năm 827, khi hòn đảo này bị người Ả Rập chinh phục.

[7069] Hoàng đế Byzantine Nikiforos I trị vì từ năm 802 đến năm 811. Con trai ông, Stavrakios, trị vì sau ông chỉ vỏn vẹn 2 tháng và 6 ngày.

[7070] Hoàng đế Michael I Rangab trị vì từ năm 811 đến năm 813.

[7071] Người ta cho rằng Thánh Nikita xuất gia vào khoảng năm 813. Lúc đó, ông đã 50 tuổi.

[7072] Tại phần châu Á của Constantinopolis, trên địa điểm của thành phố cổ Chrysopolis thuộc Bithynia, vốn được coi như một vùng ngoại ô của Constantinopolis.

[7073] Tức là trước năm 820.

[7074] Năm 829.

[7075] Antonius I, người chống lại việc thờ cúng hình tượng, là tổng giám mục từ năm 821 đến năm 832.

Vì hành động dũng cảm thể hiện đức tin này, Thánh Nikita ngay lập tức bị trục xuất khỏi tu viện. Sau khi tạ ơn Thiên Chúa và dẫn theo ba tu sĩ đồng đạo, ngài lên đường đến một tu viện khác, nơi ngài đã trải qua Mùa Chay và thời gian cho đến Lễ Ngũ Tuần, rồi sau đó cũng rời bỏ tu viện này. Sau nhiều năm lang thang và gặp phải biết bao gian truân, cuối cùng ngài đã định cư tại một tu viện ven biển, nơi ngài qua đời ở tuổi 76[7076] . Cả khi còn sống lẫn sau khi qua đời, ngài đều thực hiện nhiều phép lạ.

Lễ kính Thánh Tử đạo Beniamin, Phó tế

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 10

Thánh phó tế Benjamin sống dưới triều đại của vua Ba Tư Izdigerd[7077] . Sau khi dẫn dắt nhiều người Ba Tư – những người ngoại đạo – trở lại đạo Kitô, ngài bị vu khống, bắt giữ, bị đánh đập dã man và bị giam vào ngục tối, nơi ngài đã trải qua hai năm. Một người Hy Lạp được cử đến triều đình Ba Tư, khi biết được số phận bi thảm của Veniamin, đã xin vua thả ông ra. Vua đồng ý đáp ứng lời thỉnh cầu này, với điều kiện Veniamin phải hứa sẽ không dẫn dắt người Ba Tư theo đạo Kitô. Người cầu xin đã thay mặt Benjamin đưa ra lời hứa đó. Nhưng khi nghe tin này, Benjamin đã nói:

– Tôi không thể từ bỏ ánh sáng mà tôi đã nhận được trong bồn rửa tội. Ôi, người che giấu tài năng được ban cho mình, hay người cố ý che giấu giáo lý Phúc Âm, sẽ phải chịu những cực hình lớn lao biết bao!

Không chịu nổi những lời này, nhà vua ra lệnh mài nhọn hai mươi cây kim và đâm chúng vào dưới móng tay và móng chân của thánh Beniamin. Sau đó, thấy vị thánh coi những đau khổ này như một niềm vui nào đó, nhà vua đã khiến ngài phải chịu những cực hình còn khủng khiếp và không thể chịu đựng hơn nữa, và cuối cùng, ra lệnh đâm ngài bằng một cây cọc dày và gồ ghề; sau đó, vị tu sĩ dũng cảm này đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[7078] .

Ngày 27 tháng 10

Ngày 14 tháng 10 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Nazarius, Gervasius, Protasius và Celsius

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 10

Thánh Nazarius sinh ra tại Rôma; cha ngài là người Do Thái, còn mẹ ngài, tên là Perpetua, là một Kitô hữu: bà đã nhận phép rửa thánh từ chính Thánh Phêrô. Khi đến tuổi thiếu niên, Nazarius đã suy ngẫm rất lâu để quyết định nên theo đức tin nào – của cha hay của mẹ. Cuối cùng, ngài quyết định noi gương người mẹ thánh thiện của mình, những lời cầu nguyện của bà đã góp phần không nhỏ vào sự giác ngộ của ngài, và ngài đã được Giám mục Linus rửa tội[7079] .

Khi Thánh Nazarius đạt đến tuổi trưởng thành, ngài cũng trở nên hoàn hảo về mặt đức hạnh: trong khi tận tụy phụng sự Chúa, ngài không chỉ lo cho sự cứu rỗi của chính mình, mà còn lo cho sự cứu rỗi của người khác, vì ngài đã dẫn dắt nhiều người không tin đến với Chúa Kitô. Nhưng chẳng bao lâu sau, Nazarius rời khỏi Roma; ngài nhận phần tài sản thuộc về mình từ cha mẹ, và bắt đầu làm việc thiện cho những người nghèo khó tại đó; khi đến

---

[7076] Khoảng năm 838.

[7077] Vua Ba Tư Izdigerd I trị vì từ năm 399–420. Dưới triều đại của ông, thầy và giám mục của Thánh Beniamin, Thánh Avda, đã chịu tử đạo (năm 418). Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 3 (16) tháng 3.

[7078] Thánh Beniamin, phó tế, đã chịu tử đạo ba năm sau khi Thánh Avda qua đời, dưới triều đại của người kế vị Izdigerd, tức con trai ông là Varakhran V, vào năm 421.

[7079] Thánh Giám mục Lin là vị giám mục đầu tiên của Giáo hội Rôma ngay sau Thánh Tông đồ Phêrô; ngài thuộc hàng ngũ 70 Tông đồ. Ngày kỷ niệm của ngài được cử hành vào ngày 5 tháng 11 và ngày 1 tháng 1 cùng với các Tông đồ khác.

Mediolan, ngài đã phân phát tất cả những gì mình có, thực hiện việc bố thí cho người nghèo và dùng tài sản của mình để phục vụ những tù nhân đang chịu khổ vì Chúa Kitô.

Lúc bấy giờ, dưới triều đại của Nero độc ác[7080] , đã xảy ra cuộc bách hại lớn đối với các Kitô hữu, và nhiều vị chứng nhân của Chúa Kitô bị giam cầm trong xiềng xích và bị tra tấn; Thánh Nazarius, khi phục vụ họ, đã củng cố đức tin của họ và khích lệ họ sẵn sàng chịu tử đạo. Vào thời điểm đó, các vị thánh tử đạo Gervasius và Protasius đã bị quan Anulin bắt giữ và giam cầm trong ngục tối. Thánh Nazariô thường xuyên đến thăm họ và an ủi họ bằng những lời nói đầy đức tin: ngài rất yêu mến họ, vì ngài thấy họ tràn đầy tình yêu Thiên Chúa và khao khát mãnh liệt dâng hiến linh hồn mình vì Chúa, Đấng đã hiến dâng linh hồn Ngài trên thập giá vì chúng ta. Nazarius yêu mến họ đến nỗi không muốn xa cách họ, và đã chọn cùng chịu khổ và chết với họ. Thống đốc vùng đó sớm biết được về Nazarius, rằng ông, khi đến thăm các tù nhân bị giam trong ngục tối, mang đến cho họ mọi thứ cần thiết và củng cố đức tin Kitô giáo của họ. Vì vậy, ông ra lệnh bắt Nazari và đưa đến trước mặt mình; tại phiên tòa, trước hết ông hỏi ông là ai và đến từ đâu. Khi biết rằng Nazari gốc là người La Mã, còn về đức tin thì là Kitô hữu, Anulin đã thuyết phục ông đừng từ bỏ các vị thần tổ tiên, những vị mà người La Mã từ xưa đến nay vẫn tôn kính bằng các lễ vật và sự thờ phượng. Tuy nhiên, vị thánh không những không chịu nghe theo lời khuyên của ông ta, mà còn nói ngược lại hoàn toàn, lên án các vị thần giả dối của ông ta và tuyên xưng Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, là Đức Giê-su Ki-tô. Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh đánh vào miệng ngài. Nhưng vị thánh vẫn không ngừng can đảm lên tiếng và vạch trần sự bất chính của ông ta. Sau đó, quan tổng trấn càng tức giận hơn và ra lệnh đánh vị tử đạo bằng gậy, rồi đuổi ngài ra khỏi thành phố một cách nhục nhã. Thánh Nazarius, khi bị trục xuất, đã vui mừng vì được ân sủng chịu những vết thương vì Chúa Kitô và, với tư cách là người bị trục xuất vì lẽ công chính, ngài nhớ lại lời Chúa Kitô: *"Phúc cho các con khi người ta sỉ nhục, bắt bớ và vu khống các con một cách bất công vì Ta"* (Mt 5,11). Ngài chỉ buồn vì phải xa cách những người bạn thân yêu của mình là Gervasius và Protasius, những người mà ngài mong muốn được chết cùng. Lời cầu nguyện này sau này đã được Chúa đáp ứng, nhưng vào thời điểm đó, ngài vẫn còn phải phục vụ cho sự cứu rỗi của con người và dẫn dắt nhiều người thoát khỏi sự lầm lạc ở một đất nước khác. Ngay đêm hôm sau, Mẹ Thiên Chúa hiện ra với ngài trong một giấc mơ, truyền cho ngài hãy đến Gaul và làm việc tại đó để rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô. Ngài thức dậy và, theo chỉ dẫn của Mẹ, lên đường đến xứ sở ấy; khi rao giảng về Chúa Kitô, ngài đã soi sáng bằng ánh sáng đức tin cho những người đang chìm trong bóng tối và bóng chết[7081] . Khi Thánh Nazarius ở thành phố tên là Melia[7082] , ngài đã nhận từ một người phụ nữ quý tộc và có đức tin một cậu bé ba tuổi tên là Kelsia, rửa tội cho cậu và nuôi dạy cậu trong sự sùng đạo. Cậu bé lớn lên cả về tuổi tác lẫn trí tuệ, được tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa; khi đã đến tuổi trưởng thành, cậu theo chân vị thầy của mình, Thánh Nazarius, học hỏi từ ngài sự khôn ngoan cao cả và ghi nhớ trong lòng những lời được Thiên Chúa soi dẫn cùng những lời dạy dỗ như cha của ngài. Cậu thiếu niên thông thái về Đức Kitô đến mức sánh ngang với vị thầy của mình, và cùng với ngài phục vụ cho sự cứu rỗi của loài người; khi rao giảng về Đức Kitô, cậu cùng với Thánh Nazariô đã chịu đựng sự bắt bớ và tra tấn, và sau đó cũng được ban cho vương miện tử đạo giống như ngài.

Dinovius, quan tổng trấn của vùng đất ấy, khi biết rằng Nazarius đang truyền bá Kitô giáo khắp nhiều thành phố, liền bắt ông cùng với Kelsius và sau khi tra tấn, giam cả hai vào ngục tối, với ý định vào sáng hôm sau sẽ tra tấn họ bằng mọi hình thức. Khi bình minh ló rạng, vợ của vị thống đốc, nhìn thấy Kelcius, một thiếu niên đẹp trai, bị dẫn đi hành quyết, đã thương xót cậu và, quỳ xuống trước chồng, nài nỉ ông tha thứ cho thiếu niên và thả cậu ra, cùng với thầy của cậu là Nazarius; bằng lời van nài không ngừng nghỉ, bà không rời khỏi quan tổng trấn cho đến khi thuyết phục được ông thả cả hai người ra. Khi thả họ, quan tổng trấn nói:

– Lời thỉnh cầu của vợ ta đã giải thoát các ngươi khỏi mọi cực hình.

Nhưng các thánh tử đạo lại buồn rầu vì chưa đạt được vương miện tử đạo mà họ hằng mong ước, cũng chưa hoàn thành chặng đường trần thế để được giải thoát khỏi thân xác và sống cùng Chúa Kitô[7083] . Trên đường trở về từ đó, họ đến thành phố Timir[7084] và, như thường lệ, rao giảng giáo lý Phúc Âm tại đó, đã dẫn dắt nhiều linh hồn về với Chúa Kitô.

[7080] Nero (54–68 sau Công nguyên) – một trong những hoàng đế La Mã tàn bạo, kiêu ngạo và đồi trụy nhất. Chính ông đã phát động cuộc bách hại Kitô hữu đầu tiên tại Rôma, trong đó các Tông đồ Phêrô và Phaolô đã phải chịu đau khổ.

[7081] Tức là – những người không biết Đức Chúa Trời Chân Thật và đang lâm vào cảnh hư mất về mặt tâm linh. Cách diễn đạt này được mượn từ sách Xuất Ê-díp-tô Ký 9:2; so sánh với Ma-thi-ơ 4:16.

[7082] Melia hay Kimella – một trong những thành phố của người Gaul, gần thành phố Nice ngày nay, ở miền nam nước Pháp.

[7083] Cụm từ này được mượn từ Phi-líp 1:23.

Nhưng ma quỷ, không thể chịu đựng được điều đó, đã kích động cơn thịnh nộ của những kẻ thờ ngẫu tượng; nổi dậy chống lại Thánh Nazarius và Thánh Celsus, bọn vô đạo đã bắt giữ họ và gửi họ đến vị vua tàn bạo của chúng là Nero. Khi đứng trước mặt vua, các thánh đã tuyên xưng Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa và là Đấng Christ; vì điều đó, Nazarius bị quật ngã xuống đất và bị chà đạp bằng chân, còn Kelsius thì bị đánh bằng roi. Bị ép buộc phải dâng lễ vật cho các thần tượng, họ đã dùng lời nói của mình lật đổ các thần tượng đó xuống đất, và vì thế bị ném cho thú dữ ăn thịt; nhưng các con thú không gây hại gì cho họ. Sau đó, họ bị ném xuống biển, nhưng lại đi trên mặt nước như đi trên cánh đồng bằng phẳng. Thấy điều này, các tôi tớ của vua đã tin vào Chúa Kitô; sau khi nhận phép rửa từ Thánh Nazarius, họ rời khỏi hoàng cung và, xa lánh sự hỗn loạn trần thế, bắt đầu phụng sự Chúa Kitô.

Còn Thánh Nazariô thì cùng với môn đệ của ngài, Thánh Kelsius, trở lại Mediolan và thấy các thánh tử đạo Gervasius và Protasius vẫn còn sống, nhưng đang chịu khổ trong ngục tối.

Khi ngài bắt đầu rao giảng Tin Mừng tại Mediolan, ngài lại bị quan Anulin bắt giữ. Anulin hỏi ngài rằng trước đó ngài đã ở đâu. Khi biết rằng ngài đã từng rơi vào tay chính Nero, quan tổng trấn ngạc nhiên không hiểu làm sao ngài lại thoát khỏi tay hắn mà vẫn còn sống và khỏe mạnh, vì ông biết rằng Nero là một vị vua tàn bạo và vô nhân đạo, người không chỉ giết những kẻ có tội mà còn cả những người vô tội một cách không thương xót. Vị quan cai trị ép buộc Nazarius phải tiến lên và thờ lạy các vị thần của họ; nhưng ông không những không chịu làm điều đó, mà còn bắt đầu phỉ báng các vị thần ấy. Lúc đó, Anulin ra lệnh đánh vào miệng ông, và vị thánh, cùng với môn đệ của mình là Kelsius, sau khi chịu nhiều trận đòn, đã bị tống vào ngục tối – nơi có các thánh Gervasius và Protasius. Nazarius rất vui mừng vì được gặp lại những người bạn thân yêu của mình và cùng chịu cảnh tù đày vì Chúa Kitô với họ trong cùng một ngục tối.

Vào thời điểm đó, quan tổng trấn Anulin đã gửi thư báo cho hoàng đế Nê-rôn về Nazari. Hoàng đế, khi nghe tin Nazari còn sống, đã vô cùng tức giận với những thuộc hạ vốn được lệnh phải ném ông xuống đáy biển. Ông đã tìm kiếm họ trong một thời gian dài để trừng phạt – vì cho rằng họ đã thả Nazari – nhưng không tìm thấy; vì họ đã rời bỏ thế gian và tự nguyện dâng mình cho sự phụng sự thánh thiện của Chúa Kitô. Hoàng đế đã viết thư cho quan tổng trấn Anulin, ra lệnh cho ông ta phải giết Nazarius ngay lập tức. Anulin, sau khi nhận được thư của hoàng đế, đã dẫn thánh Nazarius cùng môn đệ của ngài, thánh Kelsius, ra khỏi ngục tối và chém đứt những cái đầu cao quý của họ bằng gươm.

Một tín hữu sống ở ngoại ô thành phố đã lén lấy thi hài thánh của các ngài và mang về nhà mình. Lúc bấy giờ, con gái ông đang nằm trên giường vì bị liệt; nhưng khi thi hài các thánh tử đạo được mang vào nhà, cô lập tức đứng dậy khỏi giường, khỏe mạnh như thể chưa từng bị bệnh bao giờ. Chủ nhà, cùng với những người trong gia đình, đã vô cùng vui mừng trước điều này, và đã an táng thi hài các vị tử đạo một cách trang trọng trong khu vườn của mình.

Không lâu sau khi các thánh tử đạo Nazarius và Celsus bị chặt đầu, tướng quân Astasius đã đến thành phố, người đang trên đường ra trận chống lại người Moravia[7085] . Các thầy tế lễ thờ thần tượng đã xúi giục ông ta giết chết các thánh tử đạo Gervasius và Protasius, những người còn lại trong ngục tối; Gervasius bị đánh bằng những cây gậy thiếc và nhanh chóng qua đời; còn Protasius thì hoàn tất cuộc tử đạo bằng cách bị chém đầu bằng gươm. Người Kitô hữu Philip, cùng với con trai mình, đã mang thi hài của các ngài về và an táng tại nhà mình.

Xác thánh của cả bốn vị tử đạo, Nazarius và Celsius, Gervasius và Protasius, vẫn được chôn giấu dưới lòng đất, trong bí mật[7086] , và không ai biết về điều này cho đến thời thánh Ambrose, Giám mục Mediolanus. Ngài đã tìm thấy thi hài của Gervasius và Protasius nhờ sự mặc khải của Thiên Chúa, vào thời trị vì của Hoàng đế Theodosius Đại đế, còn thi hài của Nazarius và Celsius thì vào thời trị vì của các Hoàng đế Arcadius và Honorius[7087] .

Về việc tìm thấy di cốt của Nazarius và Celsius, linh mục Pavlin đã ghi lại trong cuốn tiểu sử về Thánh Ambrose như sau:

[7084] Timir – hay còn gọi là Trier, là một thành phố đông đúc và thịnh vượng ở miền bắc Gaul.

[7085] Moravia – một bộ tộc Slav, hiện nay sinh sống trong lãnh thổ Áo-Hung.

[7086] Tức là – trong sự che giấu, ở nơi kín đáo.

[7087] Arcadius – con trai và người kế vị của Theodosius Đại đế, người cai trị nửa phía đông của đế chế (395–408). Honorius cũng là con trai và người kế vị của Theodosius Đại đế, người cai trị nửa phía tây của đế chế (395–422).

– Xác thánh của vị thánh tử đạo Nazarius, được tìm thấy ngoài thành phố trong một khu vườn, Ambrose đã lập tức mang về nhà thờ Các Thánh Tông Đồ. Chúng tôi đã thấy trong quan tài, nơi đặt xác thánh của vị tử đạo, máu dường như mới chảy ra; đầu với mái tóc và râu vẫn được bảo tồn nguyên vẹn, như thể vừa mới được đặt vào quan tài, còn khuôn mặt thì sáng ngời đến mức dường như vừa mới được rửa sạch. Và điều kỳ diệu ở đây là gì – nếu chính Chúa đã hứa trước đó trong Phúc Âm rằng *"không một sợi tóc nào trên đầu các con sẽ bị mất"* (Lc 21:18)[7088] ? Lúc đó, chúng tôi cảm nhận được một mùi hương thơm ngát, vượt trội hơn mọi hương thơm khác. Sau khi nâng thi hài vị tử đạo lên và đặt lên xe ngựa, chúng tôi cùng Thánh Ambrose lập tức bắt đầu tìm kiếm thi hài của vị tử đạo Kelios. Từ những người chủ khu vườn đó, chúng tôi được biết rằng tổ tiên của họ đã truyền lại di chúc rằng tuyệt đối không được rời khỏi nơi này, vì ở đó ẩn chứa những kho báu vĩ đại. Và quả thực, ở đó có những kho báu như vậy, mà *"không bị sâu mọt hay gỉ sét phá hủy, cũng không bị kẻ trộm đào bới hay đánh cắp"*[7089] (Mt 6:19).

Đó là lời của Linh mục Pavlin về các di cốt của Nazarius và Celsus. Về các di cốt của Gervasius và Protasius, có một ghi chép như sau của Thánh Ambrose.

"Ambrose, tôi tớ của Đấng Christ, gửi đến các anh em trên khắp nước Ý – tôi cầu chúc các anh em được sự cứu rỗi vĩnh cửu trong Chúa.

Kinh Thánh gọi người nào nhận được điều gì đó từ Chúa một cách miễn phí[7090] mà không chia sẻ với người khác là kẻ mắc nợ; vì khi giấu đi điều có thể hữu ích cho người khác, người đó như thể đang ăn cắp một thứ gì đó từ Giáo hội. Vì thế, Đa-vít đã nói: "Con không giấu sự công chính của Ngài trong lòng, con rao giảng lòng trung thành và sự cứu rỗi của Ngài, con không giấu lòng thương xót và lẽ thật của Ngài trước hội chúng đông đảo." Và như thể mong muốn được đền đáp cho việc làm này, ông đã thêm vào: *"Lạy Chúa, xin đừng giữ lại sự hào phóng của Ngài khỏi con"* (Thi Thiên 39:11–12). Ông dường như đã nói như thế này: như con đã tạo cơ hội cho người khác tìm thấy lòng thương xót, thì xin Ngài cũng đừng rút lòng thương xót của Ngài khỏi con.

Nhưng tại sao chúng ta lại cần lời mở đầu này? Tôi xin loan báo cho các bạn, những người kính sợ Chúa và có đức tin, và kêu gọi các bạn cùng vui mừng vì việc tìm thấy thánh tích.

Trong Mùa Chay vừa qua, khi nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, tôi nằm trong số những người ăn chay và cầu nguyện, có một đêm tôi đứng cầu nguyện.

Và bỗng tôi rơi vào một trạng thái kỳ lạ: dù không ngủ, nhưng cũng không cảm nhận được gì. Tôi thấy hai thiếu niên mặc áo trắng, giơ tay lên cao và đang cầu nguyện; vì bị cơn buồn ngủ chi phối, tôi không thể nói chuyện với họ. Khi tôi tỉnh táo lại, họ đã biến mất.

Và tôi đã cầu xin Chúa đầy lòng thương xót rằng, nếu đây là sự lừa dối của ma quỷ, xin Ngài hãy xua đuổi nó khỏi tôi; còn nếu ở đây ẩn chứa một sự thật nào đó, thì xin Ngài hãy chỉ cho tôi thấy rõ hơn.

Để được Chúa ban điều mình cầu xin, tôi đã tăng cường việc ăn chay, và vào đêm thứ hai, khi gà gáy, tôi lại thấy cảnh tượng giống như lần đầu tiên: những chàng trai trẻ ấy đang cầu nguyện cùng tôi.

Đêm thứ ba, khi thân xác tôi, đã suy yếu vì nhịn ăn, không thể chìm vào giấc ngủ được nữa, những chàng trai trẻ lại hiện ra trước mặt tôi; lúc đó tôi không ngủ và chỉ biết ngạc nhiên trước tất cả những điều này. Cùng với họ còn có một người đàn ông thứ ba rất oai phong, trông giống như Thánh Tông đồ Phaolô – như cách ngài được miêu tả trên bức tranh thánh; chỉ có mình ngài nói chuyện với tôi, còn những người kia thì im lặng.

Ông ấy nói như sau:

– Đây là những người, sau khi nghe lời ta, đã khinh bỏ thế gian và của cải, rồi theo Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, không tìm kiếm bất cứ điều gì trần thế hay thuộc về xác thịt; sau mười năm ở đây tại Mediolan để phụng sự Thiên Chúa, họ đã được ơn trở thành các vị tử đạo của Chúa Kitô; ngươi sẽ thấy thi thể họ nằm trong quan tài dưới lòng đất, ngay tại nơi ngươi đang đứng và cầu nguyện; hãy đào thi thể họ lên khỏi đất và xây dựng một ngôi đền thờ để tưởng nhớ họ.

Tôi hỏi về tên của họ, và ông ấy trả lời tôi:

– Ngươi sẽ tìm thấy gần đầu các ngài một cuốn sách, trong đó ghi chép về ngày sinh và ngày qua đời của các ngài.

[7088] Lc 21:18. Trong những lời này, Chúa Giê-su Ki-tô đã ban cho các tông đồ và tất cả những ai tuyên xưng đức tin Ki-tô giáo lời hứa về sự chăm sóc đặc biệt của Thiên Chúa dành cho họ.

[7089] Những lời này được Chúa Giê-su Ki-tô phán về những ân huệ thiên đàng vĩnh cửu và bất diệt (Mt 6:19), mà người Ki-tô hữu phải chuẩn bị cho mình bằng một cuộc sống đạo đức.

[7090] "Miễn phí" – không tốn kém, không phải trả tiền, không cần công lao đặc biệt (xem Mt 10:8).

Sau khi triệu tập các anh em và các giám mục, và kể lại cho họ những gì mình đã thấy, trước hết chính tôi đã bắt tay vào đào, còn các giám mục thì giúp đỡ tôi. Và chúng tôi đã tìm thấy, như thánh Phaolô đã kể, một ngôi mộ, trong đó chúng tôi nhìn thấy thi hài các thánh, dường như mới được chôn cất và toát ra một mùi hương tuyệt vời.

Bên cạnh đầu của các ngài, chúng tôi tìm thấy một cuốn sách, trong đó mọi điều được ghi chép theo thứ tự như sau: – Tôi, Philip, tôi tớ của Chúa Kitô, đã mang thi hài của các thánh này về nhà mình và an táng họ. Mẹ của các ngài là Valeria, cha là Vitalius; họ sinh ra hai con trai sinh đôi này và đặt tên cho một người là Protasius, người kia là Gervasius. Vitalius là một chiến binh và sống tại Mediolanum, cùng với vợ mình thầm lặng phụng sự Thiên Chúa. Khi ông cùng quan tòa Pavlin ở thành phố Ravenna[7091] , người ta đã phát hiện ra rằng ông là một Kitô hữu. Dù bị tra tấn dã man, ông vẫn không chối bỏ Chúa Kitô; ông bị ném xuống một hố sâu, bị ném đá từ trên cao xuống, và bị chôn sống, cuối cùng đã qua đời.

Vợ ngài, khi biết tin chồng qua đời, đã đi tìm thi thể ngài để an táng tại nhà mình, nhằm tìm sự an ủi trong cảnh góa bụa.

Nhưng những công dân Ravenna, những người theo đạo Kitô, đã ngăn cản bà mang thi thể chồng về: họ vui mừng vì có được báu vật như vậy và để lại thi thể vị thánh, để ngài trở thành người cầu bầu cho họ.

Không đạt được điều mình mong muốn, Valeria quay trở về Mediolan và trên đường đi, tại một ngôi làng, bà vô tình gặp phải lễ hội ghê tởm của những kẻ vô đạo, những người đang dâng lễ vật cho vị thần xấu xa của họ là Silvanus[7092] . Những kẻ thờ thần tượng, theo thói quen, đã chiêu đãi những người lữ hành bằng thịt hiến tế cho thần tượng, và cũng mời Valeria – người đang trên đường đi – nếm thử thịt đó. Nhưng cô cảm thấy ghê tởm trước thứ thịt ô uế ấy, và không muốn nếm thử lễ vật của quỷ dữ, cô đã tuyên xưng mình là một Kitô hữu. Những kẻ vô đạo, nổi cơn thịnh nộ, đã đánh cô không thương tiếc bằng gậy, đến nỗi cô được những người đồng hành đưa về Mediolan trong tình trạng gần như đã chết.

Khi về đến nhà và dạy dỗ các con trai của mình là Gervasius và Protasius về đức tin chân chính, vào ngày thứ ba, bà đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa. Khi Gervasius và Protasius trở thành trẻ mồ côi sau khi cha mẹ họ được ban vương miện tử đạo, hai anh em đã bán ngôi nhà và tài sản của mình, phân phát tất cả cho người nghèo và giải phóng nô lệ; còn bản thân họ, sau khi tự giam mình trong một túp lều, đã miệt mài dành mười năm để cầu nguyện, ăn chay và đọc các sách Thánh. Đến năm thứ mười một, họ bị quan Anulin giam vào ngục tối và chịu khổ vì Chúa Kitô. Khi tướng quân Astasius từ Mediolan đi ra trận chống lại người Moravia, các thầy tế lễ thờ thần tượng đã đi trước, đón ông trên đường và nói:

– Nếu ngài muốn trở về gặp vua với chiến thắng, thì hãy bắt Gervasius và Protasius dâng lễ vật cho các vị thần, vì các vị thần đã nổi giận vì hai người này khinh thường họ, và không còn muốn trả lời những câu hỏi của chúng tôi nữa.

Nghe vậy, Astasius đã dẫn các thánh ra khỏi ngục, đặt họ trước mặt mình và nói:

– Ta ra lệnh cho các ngươi đừng xúc phạm các vị thần của chúng ta, mà hãy dâng lễ vật cho các vị một cách trang trọng, để hành trình của chúng ta được bình an.

Gervasius nói:

– Ngươi phải cầu xin chiến thắng trước kẻ thù từ chính Đức Chúa Trời Toàn Năng, chứ không phải từ những thần tượng ấy, những kẻ không thấy, không nghe, không nói và không có hơi thở.

Lúc đó, Astasius ra lệnh đánh thánh Gervasius bằng những cây gậy thiếc cho đến khi ngài qua đời, và thánh Gervasius đã qua đời vì những trận đòn đó.

Sau khi ra lệnh mang thi thể ngài đi, Astasius nói với Protasius:

– Hỡi kẻ khốn khổ! Hãy tha cho mạng sống của ngươi, đừng điên rồ như anh trai ngươi.

Protasio đáp lại:

– Ta không biết ai trong chúng ta mới là kẻ bất hạnh: là ta, người không sợ ngươi, hay là ngươi, người lại sợ ta.

[7091] Thành phố có cảng nằm bên Biển Adriatic, tọa lạc trên bờ biển phía đông bắc của bán đảo Apennine. Hoàng đế Augustus đã củng cố thành phố này rất vững chắc, và nó được coi là pháo đài của Ý. Các hoàng đế, bắt đầu từ Honorius, đều có nơi cư ngụ tại đây. Ravenna vẫn tồn tại cho đến ngày nay và là thành phố sầm uất nhất của vùng Ravenna thuộc Ý.

[7092] Sylvanus được người La Mã tôn kính như vị thần của rừng rậm – từ đó mà tên gọi của ngài bắt nguồn – đồng ruộng và đàn gia súc. Ba bức tượng đã được dựng lên để thờ phụng vị thần này: một bức trước nhà, một bức giữa đồng ruộng và bức thứ ba tại khu đất sở hữu; chính vì lý do này, có thể suy đoán rằng Valeria không thể bỏ qua lễ hội tụ họp để tôn vinh vị thần này.

Astasius nói:

– Sao lại thế! Ta lại sợ ngươi ư, tên khốn khổ kia?

Vị thánh nói:

– Ngươi sợ rằng ta sẽ xúc phạm ngươi bằng cách không dâng lễ vật cho các thần tượng; nếu ngươi không sợ, thì cũng chẳng ép buộc ta phải dâng lễ vật. Còn ta thì không sợ ngươi và khinh bỉ những lời đe dọa của ngươi; ta coi các thần tượng của ngươi chẳng là gì cả, và chỉ thờ phượng Đấng Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng ngự trị trên trời.

Lúc đó, Astasius ra lệnh đánh ngài bằng gậy, và người ta đã đánh vị thánh tử đạo này rất lâu tại đó; khi ngài được nâng dậy khỏi mặt đất, Astasius nói: – Kẻ khốn khổ! Sao ngươi lại kiêu ngạo và bất khuất đến thế? Chẳng lẽ ngươi muốn chết giống như anh trai ngươi sao?

Protasio đáp lại:

– Ta không giận ngươi, Astasius, vì ta thấy sự mù quáng trong đôi mắt ngươi: sự vô tín của ngươi không cho phép ngươi nhìn thấy điều thuộc về Thiên Chúa. Chúa của ta không sỉ nhục những kẻ đóng đinh Ngài, mà còn cầu nguyện cho họ, nói rằng chính họ cũng không biết mình đang làm gì. Và ngươi cũng không biết mình đang làm gì, vì thế ta thương xót ngươi. Tuy nhiên, hãy làm điều ngươi đã bắt đầu, để giờ đây ta có thể được chiêm ngưỡng Đấng Cứu Thế của mình, cùng với người anh em yêu dấu của ta.

Khi đó, Astasius ra lệnh chém chết ông bằng gươm. Khi điều đó xảy ra, tôi, Philip, tôi tớ của Đấng Christ, cùng với con trai mình, đã bí mật mang thi thể của họ về nhà vào ban đêm – điều mà chỉ có Chúa mới biết – và an táng họ trong quan tài bằng đá cẩm thạch này. Tôi tin rằng, nhờ những lời cầu nguyện của họ, tôi cũng sẽ nhận được ân sủng từ Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần hằng sống và ngự trị muôn đời.

Khi những di cốt thánh này được đưa lên khỏi lòng đất, những người bệnh bắt đầu được chữa lành, ma quỷ bị trục xuất khỏi con người, những người mù được sáng mắt. Chính Thánh Ambrose cũng kể lại rằng, tại thành phố của họ có một người mù nổi tiếng tên là Sevir; chỉ cần ông chạm vào mép áo từng phủ trên di cốt các thánh, thì ngay lập tức ông đã nhìn thấy lại[7093] .

Nhờ lời cầu nguyện của các thánh của Ngài, lạy Chúa, xin soi sáng đôi mắt tâm hồn chúng con, để chúng con có thể bước đi trong ánh sáng của Dung Nhan Ngài và hân hoan vì Danh Ngài đến muôn đời[7094] . Amen.

Kondak, giọng 2:

Hỡi các vị tử đạo thiêng liêng, những ngọn đèn sáng chói, các ngài chiếu rọi thế gian bằng ánh sáng của các phép lạ, xua tan mọi bệnh tật trong đêm tối sâu thẳm, và không ngừng cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa duy nhất, cho tất cả chúng con.

Cuộc đời của Thánh Paraskeva.

Ngày kỷ niệm: 14 tháng 10

Thánh Paraskeva[7095] sinh ra tại Serbia, gần thành phố Kalliokratia, trong làng Epivat[7096] . Cha mẹ cô là những người sùng đạo: họ luôn tuân giữ mọi điều răn của Chúa và được mọi người ca ngợi nhờ những việc thiện và lòng bác ái. Ngoài con gái Paraskeva, họ còn có một người con trai. Họ gửi con trai đi học, còn con gái thì được nuôi dưỡng tại nhà của ông bà ngoại sùng đạo. Anh trai của Paraskeva, khi đã học đủ Kinh Thánh, với sự đồng ý

[7093] Việc tìm thấy di cốt của các thánh tử đạo diễn ra vào tháng 6 năm 395 hoặc 396.

[7094] Xem Thánh vịnh 88:16.

[7095] Tên trần thế của Paraskeva là Petka. Ngay từ khi còn là Petka-Paraskeva, cô đã bộc lộ khát khao mãnh liệt được sống cho Chúa. Lời trong Phúc Âm: *"Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ chính mình"* (Mc 8:34), mà Paraskeva nghe được trong nhà thờ, đã xuyên thấu trái tim cô như một mũi tên, và khi ra khỏi nhà thờ, cô đã trao chiếc áo sang trọng của mình cho một người nghèo gặp trên đường, đổi lấy bộ quần áo rách rưới của người ấy. Một thời gian sau, Paraskeva lại tặng bộ quần áo của mình cho một người phụ nữ ăn xin, và sau đó cô đã lặp lại hành động này không chỉ một lần. Mọi người chỉ trích cô vì điều này, nhưng cô đáp lại rằng cô không thể sống theo cách khác.

[7096] Epivat (Pivat, Bayados của Thổ Nhĩ Kỳ) – một thị trấn ven biển, nằm giữa Selimvri và Constantinople.

của cha mẹ, đã xuất gia với tên là Euthymius. Euthymius sau này trở thành giám mục tại Madite[7097] , nơi ông nổi tiếng nhờ cuộc sống đạo đức và đã thực hiện vô số phép lạ vĩ đại cả khi còn sống lẫn sau khi qua đời.

Sau khi cha mẹ qua đời, Paraskeva bắt đầu sống một cuộc đời đầy đau khổ và thiếu thốn. Học theo gương sống của các thánh một cách tận tụy, cô đã rèn luyện thân xác bằng việc ăn chay và thức đêm, đồng thời khuất phục thân xác dưới sự chi phối của tinh thần. Được thắp sáng bởi khát vọng thiêng liêng là sống vì Chúa, Paraskeva không muốn sống lâu trong thế giới đầy xáo trộn này, mà đã từ bỏ mọi thứ trần tục, ẩn mình khỏi thế gian và, khi đến sa mạc Jordan[7098] , cô bắt đầu sống một cuộc đời thánh thiện như các thiên thần tại đó. Học theo gương của các vị tiên tri giống như Thiên Chúa là Ê-li và Gioan Tẩy Giả, bà chỉ ăn các loại ngũ cốc hoang dã trong sa mạc, và chỉ dùng chúng với số lượng rất ít, lại chỉ sau khi mặt trời lặn. Dần dần tiều tụy đi, lúc thì vì nắng nóng, lúc thì vì giá lạnh, bà chỉ hướng ánh mắt về Đấng Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng có quyền năng cứu những ai khiêm nhường trong lòng *"khỏi cơn lốc, khỏi cơn bão"* (Thánh Vịnh 54:9). Ai có thể kể được bà đã rơi bao nhiêu giọt nước mắt? Ai sẽ kể về những tiếng rên rỉ thường xuyên và không ngừng nghỉ của bà? Ai sẽ thuật lại chi tiết về những lần quỳ gối không ngừng nghỉ và những hành động khổ hạnh đa dạng của bà? Chỉ có Đức Chúa Trời Toàn Tri mới chứng kiến những công đức của vị thánh nữ. Bà không bận tâm đến những lo toan trần thế: bà chỉ quan tâm đến việc thanh tẩy linh hồn, đến việc trả lời trước tòa phán xét tương lai và cuộc gặp gỡ với Chú Rể Thiên Đàng. "Con đang tìm kiếm Ngài, Chàng Rể của con" – vị thánh nữ Paraskeva đã nói như vậy và luôn ghi nhớ câu nói trong sách Nhã Ca: *"Hãy nói cho con biết, hỡi người mà linh hồn con yêu mến"* (Nhã Ca 1:6).Bà quan tâm nhất đến việc làm sao để trang hoàng ngọn đèn của mình và cùng với các trinh nữ khôn ngoan ra đón Chàng Rể Thiên Đàng, lắng nghe giọng nói ngọt ngào của Ngài và tận hưởng vẻ đẹp của Ngài. *"Khi nào con đến và hiện diện trước mặt Đức Chúa Trời!"* (Thi Thiên 41:3) – vị thánh không ngừng thốt lên như vậy.

Khi Thánh nữ Paraskeva đang ẩn tu trong sa mạc như vậy, kẻ thù xảo quyệt đã ghen tị với các đức hạnh của bà và cố gắng dọa nạt bà bằng những ảo tưởng và bóng ma. Hắn nhiều lần biến hình thành các loài thú khác nhau, lao vào vị thánh nữ nhằm tạo ra chướng ngại vật trên con đường tu hành của bà. Nhưng Paraskeva, cô dâu tốt lành của Chúa Kitô, vẫn lặp đi lặp lại: *"Ngài đã chọn Đấng Tối Cao làm nơi nương náu của mình"* (Thánh vịnh 90:9) và nhờ sự trợ giúp của Ngài – bằng dấu thánh giá của Ngài – bà đã xua đuổi kẻ thù và xé tan, như xé tan mạng nhện, mọi mưu mô của ma quỷ, và hoàn toàn đánh bại hắn. Thánh nữ, dù mang bản chất nữ tính, lại sở hữu trí tuệ thực sự nam tính và đã đánh bại ma quỷ, giống như Đa-vít đã đánh bại Gô-li-át. Bằng cách trang hoàng tâm hồn mình bằng những chiến công và đức hạnh ấy, Paraskeva đã trở thành vị hôn thê yêu dấu của Chúa Kitô, đến nỗi lời tiên tri đã ứng nghiệm nơi bà: *"Và Vua sẽ say mê vẻ đẹp của ngươi"* (Thánh Vịnh 44:12). Vậy nên, Vị Vua ấy đã ngự vào trong bà cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, và ngự trong bà cũng như trong Hội Thánh thánh thiện của Ngài, vì thánh Paraskeva, sau khi giữ gìn linh hồn mình khỏi tội lỗi và sự ô uế, đã trở thành Hội Thánh của Đức Chúa Trời Hằng Sống.

Một đêm nọ, sau một thời gian dài sống trong sa mạc, Thánh Paraskeva, theo thói quen của mình, đứng cầu nguyện với đôi tay giơ lên trời đầy cảm xúc. Bất ngờ, dưới hình dạng một thiếu niên rạng ngời, bà nhìn thấy Thiên Thần của Đức Chúa Trời, Người tiến lại gần bà và nói:

– Hãy rời sa mạc và trở về quê hương của con, vì ở đó con sẽ được an nghỉ thân xác trên đất, còn linh hồn sẽ về với Chúa.

Vị Thánh Nữ, thấu hiểu ý nghĩa của thị kiến, nhận ra rằng đó là mệnh lệnh của Đức Chúa Trời; bà vui mừng vì thời điểm được giải thoát khỏi thân xác đã gần kề, nhưng bà lại tiếc nuối khi phải rời xa sự cô độc trong sa mạc – bởi chẳng có gì thanh tẩy tâm hồn và đưa nó đến gần Hình Tượng Nguyên Thủy hơn là sa mạc và sự tĩnh lặng. Tuy nhiên, tuân theo ý muốn của Thiên Chúa, vị thánh nữ đã rời bỏ sa mạc và lên đường về quê hương.

Khi đến thành phố hoàng gia Constantinople, bà đã vào ngôi thánh đường tuyệt đẹp của Đức Khôn Ngoan Thiên Chúa, cũng như ghé thăm nhà thờ Vlacherna, và sau khi cúi đầu thờ lạy trước bức tượng thánh Mẹ Maria làm phép lạ, bà đã trở về quê hương của mình ở Epivat, nơi bà sống một thời gian mà không thay đổi lối sống tu hành sa

---

[7097] Madit – một cảng biển ở Chersonesos của Thrace.

[7098] Theo những thông tin do tu sĩ Nikodim ở Mount Athos thu thập được, trước khi lui về sa mạc Jordan ở Palestine, Paraskeva đã đến thăm Tsargrad và viếng các thánh địa ở đó; tại đây, bà đã lắng nghe những lời dạy dỗ của các tu sĩ nhiệt thành. Theo lời khuyên của họ, bà đã định cư tại vùng ngoại ô Heraclea, gần ngôi đền hẻo lánh Đức Mẹ Che Chở, nơi bà đã dành năm năm trong cầu nguyện, ăn chay và nước mắt. Sau đó, thực hiện ước nguyện từ lâu của mình, bà lên đường đến Palestine và, sau khi chiêm bái các thánh địa được thánh hóa bởi cuộc đời của Đấng Cứu Thế, bà đã ở lại sinh sống tại sa mạc Jordan.

mạc thường lệ của mình – đó là ăn chay và cầu nguyện. Khi thời khắc bà về với Chúa đến, Paraskeva đã cầu nguyện hết lòng cho chính mình và cho cả thế giới, và trong lúc cầu nguyện, bà đã dâng linh hồn hạnh phúc của mình lên Chúa. Thi thể của bà được các tín hữu an táng theo phong tục Kitô giáo, nhưng không phải tại nghĩa trang chung – như thi thể của một người lữ hành, người không nói cho ai biết về bản thân mình, cũng như không cho biết mình đến từ đâu[7099] .

Chúa, Đấng muốn tôn vinh người nữ tu trung thành của Ngài, sau nhiều năm, đã cho lộ ra thi hài của bà trong hoàn cảnh như sau.

Gần nơi vị thánh nữ được chôn cất, có một vị tu sĩ sống trên cột đang tu hành trong sự im lặng. Tình cờ, thi thể của một thủy thủ nào đó, người đã mắc bệnh nặng trong chuyến đi biển và qua đời, bị sóng đánh dạt vào chính nơi đó. Từ thi thể này bắt đầu tỏa ra mùi hôi thối nồng nặc, đến nỗi không ai có thể đi qua con đường đó được; ngay cả vị tu sĩ sống trên cột gần đó cũng không thể chịu đựng nổi mùi hôi thối này, và ông buộc phải xuống khỏi cột. Vì vậy, ông ra lệnh đào một cái hố sâu và chôn thi thể bốc mùi đó vào đó. Khi những người thợ đang đào hố, nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa, họ đã phát hiện ra một thi thể không bị phân hủy nằm dưới đất và vô cùng ngạc nhiên trước điều này. Nhưng vì những người thợ là những người thiếu kinh nghiệm và thiếu hiểu biết, nên họ đã không để ý gì đến sự việc này, coi đó là chuyện nhỏ nhặt và vô nghĩa. Họ bàn luận với nhau như sau:

– Nếu thi thể này là thi thể thánh, thì Đức Chúa Trời đã bày tỏ điều đó qua những phép lạ nào đó.

Với những suy nghĩ ấy, họ lại lấp đất lên thi thể không bị phân hủy, đồng thời vứt xác thối rữa xuống đó, rồi trở về nhà. Khi đêm xuống, một trong số họ, một người tên là George, một người sùng đạo, đã cầu nguyện với Chúa trong nhà mình. Khi chìm vào giấc ngủ vào lúc rạng sáng, anh ta thấy trong giấc mơ một nữ hoàng đang ngồi trên ngai vàng rực rỡ, xung quanh bà là vô số chiến binh sáng chói. Bị nỗi sợ hãi bao trùm và không thể nào ngước nhìn lên sự vĩ đại và vinh quang hoàng gia ấy, Georgy ngã sấp xuống đất. Lúc đó, một trong những chiến binh rực rỡ nắm lấy tay Georgy, đỡ anh ta dậy và nói:

– George! Tại sao ngài lại coi thường thi thể của Thánh Paraskeva đến thế và chôn cất nó cùng với một xác chết bốc mùi hôi thối? Hãy lập tức lấy thi thể của Thánh nữ và an táng nó ở một nơi xứng đáng, vì Đức Chúa Trời đã muốn tôn vinh tôi tớ của Ngài trên đất này.

Nữ hoàng rực rỡ ấy cũng nói với anh ta:

– Hãy nhanh chóng lấy thi hài của ta ra và an táng ở một nơi xứng đáng, vì ta không thể chịu đựng mùi hôi thối từ cái xác đó được nữa. Vì ta là con người, và quê hương của ta là Epivat, nơi mà hiện nay các ngươi cũng đang sinh sống.

Cùng đêm đó, một người phụ nữ đạo đức tên là Euphemia cũng có một thị kiến tương tự. Sáng hôm sau, cả hai đều kể lại cho mọi người nghe những gì họ đã thấy. Nghe tin này, dân chúng sùng đạo đã mang theo những ngọn nến đang cháy đến nơi an nghỉ của Thánh Paraskeva, và với lòng kính cẩn, họ đã lấy thi hài của ngài ra khỏi đất, vui mừng như thể đã tìm thấy một kho báu vô giá. Xác thánh đã được long trọng an táng tại nhà thờ các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, ở làng Epivat, nơi nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Paraskeva, từ di cốt của ngài đã ban phát nhiều phép lạ chữa lành cho những người đau ốm: người mù được sáng mắt, người què bắt đầu đi lại được, và tất cả những người bệnh tật cùng những người bị quỷ ám đều được bình phục.

Năm 1238, trong thời kỳ các hiệp sĩ Thập tự chinh (Công giáo) thống trị tại Constantinople, Đức vua John Asen[7100] , Vua của Bulgaria và Serbia, đã nhận được tin về nơi an nghỉ của thánh tích của Thánh Paraskeva. Lúc bấy giờ, ngài đã giao phó cho Thánh Mark – lúc đó là Tổng Giám mục Pereyaslav của Bulgaria – cùng với nhiều giám mục và linh mục, việc rước những di cốt thiêng liêng ấy về thành phố thủ đô của đất nước Bulgaria – Ternov[7101] . Tại đó, các thánh tích đã được an táng một cách trang trọng trong nhà thờ hoàng gia, nơi chúng, trong tình trạng bất hoại, đã ban phát nhiều phép lạ chữa lành cho tất cả những ai với lòng tin thành kính đến cầu nguyện.

Sau một thời gian dài, theo sự cho phép của Thiên Chúa, người Hồi giáo dần dần chinh phục toàn bộ Đế quốc Hy Lạp, và cùng với đó, họ cũng chinh phục cả vương quốc Bulgaria và Serbia. Cuộc chinh phục này diễn

---

[7099] Đó là vào nửa đầu thế kỷ XI.

[7100] Giăng Asan hay Asen II, con trai của Asen I (trị vì từ năm 1221 đến năm 1241) – là vị vua lừng lẫy nhất của Vương quốc Bulgaria; ông đã làm rạng danh và khai sáng Vương quốc Bulgaria hơn tất cả các vị vua tiền nhiệm; ông đã xây dựng nhiều tu viện và trang trí chúng bằng vàng và đá quý; ông đã ban tặng nhiều quà tặng cho tất cả các nhà thờ, đồng thời trao tặng các chức sắc tôn giáo những vinh dự to lớn; Ioann Asen không chỉ được người dân Bulgaria yêu mến mà còn được cả người Hy Lạp kính trọng.

[7101] Ternov – thành phố chính của Bulgaria, nằm bên sông Etre hoặc Yantra, chảy vào sông Danube – ngày nay là Tarnovo.

ra vào thế kỷ XIV, dưới thời Sultan Bayezid của Thổ Nhĩ Kỳ[7102] . Khi Sultan Bayezid chiếm được thành phố Tarnovo của Bulgaria, tất cả các báu vật của nhà thờ và đồ trang sức hoàng gia đều bị cướp bóc. Lúc bấy giờ, di cốt thánh Paraskeva, được bọc trong một mảnh vải rách, đã được chuyển đến Valahia[7103] . Sau khi người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục Valahia vào năm 1396, nhờ sự can thiệp của Nữ hoàng Serbia Milica trước mặt vị sultan, di cốt thánh đã được chuyển đến Serbia, cụ thể là Belgrade[7104] .

Năm 1521, Sultan Suleiman II[7105] , sau khi chiếm được Belgrade, đã cướp đi từ đó cả di cốt thiêng liêng của Thánh Paraskeva; sau đó, ông mang chúng về Constantinople và đặt tại các cung điện của mình. Tuy nhiên, kho báu vô giá này cũng không bị lãng quên tại đây, bởi vì vô số phép lạ từ di cốt của vị thánh đã góp phần làm rạng danh bà không chỉ trong giới Kitô hữu, mà ngay cả trong cộng đồng Hồi giáo. Những người Hồi giáo, bối rối trước tình huống này và lo sợ rằng niềm tin vào sức mạnh kỳ diệu của di cốt Thánh Paraskeva sẽ lan rộng hơn nữa – nhất là nhờ sự nhiệt thành và chu đáo của các tín hữu Kitô giáo – đã trao lại những di cốt thánh này cho các tín hữu Kitô giáo tại Constantinople, và họ đã an táng chúng một cách trang trọng trong nhà thờ của Thượng phụ.

Năm 1641, Vasili-Lupul[7106] , một người sùng đạo, đồng thời là thống đốc và chúa tể Moldavia, sau khi nhận được tin rằng thi hài của Thánh Paraskeva đang được lưu giữ tại Nhà thờ Thượng phụ Constantinople, đã hết lòng mong muốn rằng thi hài đó được rước về từ đó một cách trang trọng đến lãnh địa vinh quang của ngài. Lòng mong ước của ngài đã được Chúa, Đấng tôn vinh các thánh của Ngài, hỗ trợ, vì Ngài cũng mong muốn tôn vinh Thánh Paraskeva tại Moldavia. Khi đó, Thượng phụ Parthenius của Constantinople[7107] , với sự đồng thuận của toàn thể Hội đồng Thánh và sự chấp thuận của các vị Thượng phụ đáng kính khác, đã gửi di thể thiêng liêng của Thánh Paraskeva đến vị quân vương đạo đức, Tướng quân Vasilii, tại thành phố thủ đô của ngài là Iasi[7108] . Tại đây, trong nhà thờ Ba Thánh, với những nghi lễ long trọng, trong không khí hân hoan và vui mừng của toàn thể cư dân Moldavia, di cốt thánh đã được an táng vào năm 1641 sau Giáng sinh, ngày 14 tháng 10[7109] .

Bài thánh ca, giọng 4:

Ngài đã yêu mến cuộc sống ẩn dật và thinh lặng, và hăng hái theo bước chân của Đấng Christ, Chồng của Ngài, và đã mang lấy ách tốt lành của Ngài ngay từ thuở thiếu thời, trang bị cho mình bằng dấu thánh giá để dũng cảm chống lại những kẻ thù trong tâm trí, bằng những công đức ăn chay, bằng việc ăn chay, cầu nguyện và những giọt nước mắt, ngài đã dập tắt than hồng của những đam mê, thánh Paraskeva đáng kính: và giờ đây, trong tu viện trên trời, cùng với các trinh nữ khôn ngoan đứng trước mặt Chúa Kitô, xin cầu nguyện cho chúng con, những người tôn kính kỷ niệm cao quý của ngài.

Bài ca Kondak, giọng 6:

Chúng ta hãy thành kính ca ngợi Thánh Paraskeva, Đấng Bảo Trợ của mọi người trong hoạn nạn: vì Người đã từ bỏ cuộc đời phù du, để đón nhận sự sống bất diệt mãi mãi. Nhờ đó, Người đã được vinh quang, ân sủng của các phép lạ, theo ý muốn của Thiên Chúa.

[7102] Bayezid I, vị sultan Thổ Nhĩ Kỳ, lên ngôi vào năm 1389. Lợi dụng mâu thuẫn giữa Hoàng đế Byzantine John và con trai ông là Andronikos, Bayezid đã khiến Đế chế Byzantine hoàn toàn phụ thuộc vào mình; ông đã chinh phục Bulgaria, Macedonia, Thessaly và nhiều vùng đất khác. Năm 1402, Bayezid bị nhà chinh phục người Mông Cổ Tamerlan bắt làm tù binh và qua đời tại đó vào năm 1403.
[7103] Valaquia – phần phía tây nam của Vương quốc Romania ngày nay.
[7104] Belgrade, thủ đô của Vương quốc Serbia, nằm tại điểm hợp lưu của sông Danube và sông Sava.
[7105] Thời kỳ trị vì của Suleiman II đánh dấu thời kỳ hưng thịnh của quyền lực Thổ Nhĩ Kỳ. Người Thổ Nhĩ Kỳ tôn vinh ông là vị vua vĩ đại nhất trong số các vị vua của họ.
[7106] Vasili-Lupul – chủ nhân (tức là quốc vương) của Moldavia, từ năm 1634 đến năm 1654.
[7107] Parfeni I – tổng giám mục Constantinople, từ năm 1639 đến năm 1644.
[7108] Iasi – thành phố chính của Moldova, một trong những công quốc ven sông Danube, hiện nay cùng với Wallachia tạo thành Vương quốc Romania.
[7109] Hiện nay, các thánh tích vẫn được lưu giữ tại đó.

Cuộc đời của Thánh Nicola Sviatoshi

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 10

"Hình ảnh thế gian này đang qua đi… Quyền cai trị chuyển từ dân tộc này sang dân tộc khác… Chúa lật đổ ngai vàng của các vị vua và đặt những người hiền lành lên thay thế họ" (1 Cô-rinh-tô 7:31; Sách Sirach 10:8, 17). Hoàng tử đạo đức Nicola[7110] ngay từ thuở thiếu thời đã thấu hiểu sự bấp bênh của quyền lực chóng qua trên đất. Ngài thấy rõ rằng chỉ trên trời mới có vương quốc bất diệt, tồn tại vĩnh cửu, tràn đầy những ân huệ vĩnh cửu không thể diễn tả, mà Chúa đã chuẩn bị cho những ai yêu mến Ngài. Vì vậy, ngài – giống như Hoàng tử Joasaph của Ấn Độ xưa kia – đã từ bỏ vinh quang và của cải, danh dự và quyền lực của vương quyền trần thế tạm bợ để hướng tới Vương quốc Thiên đàng vĩnh cửu, và khi đến Tu viện Pechersk, ngài đã khoác lên mình áo tu sĩ thánh thiện[7111] . Trong đời tu, Thánh Nicola đã tỏa sáng rực rỡ bởi sự thánh thiện trong cuộc sống đến nỗi tất cả mọi người, khi chứng kiến những việc lành của ngài, đều nhiệt thành ngợi khen Chúa vì ngài. Và trên hết, ngài đã xuất sắc trong việc vâng lời. Ban đầu, Thánh Nikola làm việc trong nhà bếp để phục vụ các tu sĩ; tại đây, ngài tự tay chặt củi và khiêm nhường vác chúng từ bờ sông trên vai, không hề lười biếng trong việc thực hiện mọi công việc khác cần thiết để chuẩn bị bữa ăn. Ngài đã làm việc vất vả như vậy được một thời gian thì hai anh em của ngài là Izyaslav và Vladimir mới biết đến những việc làm cao cả của ngài; họ bắt đầu can ngăn ngài không làm công việc đó nữa. Nhưng vị tu sĩ vâng lời chân chính này đã nài nỉ họ trong nước mắt, xin cho phép ngài được làm việc thêm một năm nữa tại nhà bếp để phục vụ các tu sĩ. Và thế là, với sự tận tâm và siêng năng trọn vẹn, anh đã phục vụ các tu sĩ suốt ba năm liền. Sau đó, với tư cách là một người đã được thử thách và có khả năng làm mọi việc, anh được giao nhiệm vụ canh gác cổng tu viện; và trong nhiệm vụ này, không bao giờ rời khỏi nhà thờ, anh cũng đã ở đó suốt ba năm. Từ đó, anh được giao nhiệm vụ phục vụ trong bữa ăn chung của các tu sĩ; và anh đã thực hiện nhiệm vụ này với sự tận tâm và nỗ lực đến mức được toàn thể cộng đoàn yêu mến.

Sau khi hoàn thành một cách mẫu mực tất cả các giai đoạn tu hành này, với sự cho phép của vị tu viện trưởng và toàn thể cộng đoàn, ngài đã tự nguyện thực hành việc giữ im lặng, để trong sự tĩnh lặng, lo lắng cho sự cứu rỗi của chính mình. Trong khi thực hiện nhiệm vụ này, ngài đã tự tay trồng một khu vườn bên cạnh phòng tu của mình, và trong suốt những năm tháng tu hành, người ta chưa bao giờ thấy ngài rảnh rỗi; ông luôn cầm trên tay một công việc nào đó, còn trên môi thì không ngừng lặp lại lời cầu nguyện của Chúa Giêsu: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin thương xót con!" Ông không bao giờ ăn gì ngoài bữa ăn chung của tu viện trong giờ ăn, và đó cũng chỉ là một lượng nhỏ. Nếu ông, trái với ý muốn của mình với tư cách là một hoàng tử, phải nhận bất cứ thứ gì từ những người thân cận, thì ông lập tức phân phát tất cả những thứ đó cho những người lữ hành, người ăn xin và cho việc xây dựng nhà thờ, đến nỗi nhờ nguồn tài chính của ông mà nhà thờ đã mua được rất nhiều sách.

Vị hoàng tử thánh thiện này, ngay từ khi còn cai trị vương quốc của mình, đã có bên cạnh một vị bác sĩ rất tài giỏi tên là Phêrô, người gốc Syria, người đã theo ngài vào tu viện. Vị bác sĩ này, khi thấy sự sống trong cảnh nghèo khó tự nguyện của chủ nhân mình, đã rời bỏ ngài và ở lại Kiev, chữa bệnh cho nhiều người ở đó. Tuy nhiên, ông đã nhiều lần đến thăm vị thánh này và, khi thấy ngài phải chịu những thiếu thốn lớn lao cùng việc ăn chay vô độ, phải làm việc trong bếp và canh gác cổng tu viện, ông đã khuyên ngài từ bỏ lối sống này như sau:

– Thưa Công tước, ngài nên quan tâm đến sức khỏe của mình, để không làm suy yếu hoàn toàn thân xác vì lao động quá sức và sự kiêng khem, bởi vì nếu ngài kiệt sức, gánh nặng mà ngài đã tự nguyện gánh vác vì Chúa Kitô sẽ trở nên không thể chịu đựng nổi đối với ngài. Thật vậy, Thiên Chúa không đòi hỏi sự kiêng ăn hay những việc làm vượt quá sức lực, mà chỉ đòi hỏi một trái tim trong sạch và khiêm nhường. Ngài đang làm việc cho các tu sĩ như một nô lệ bị mua bán; bởi vì ngài không quen với cảnh khốn khó như vậy, và điều đó cũng không xứng đáng với ngài, vì ngài là hoàng tử. Đối với các anh em cao quý của ngài là Vladimir và Izyaslav, sự nghèo khó của ngài là nỗi buồn và sự sỉ nhục lớn lao, bởi từ vinh quang và danh dự to lớn như vậy, ngài đã rơi vào cảnh thiếu thốn đến mức phải hành xác và vì thiếu thức ăn mà mắc bệnh. Trước đây ngài từng thưởng thức những trái cây ngon lành, nhưng giờ đây ngài lại tự ép mình vào cảnh thiếu thốn khắc nghiệt, chỉ ăn rau sống và bánh mì khô. Nhưng hãy cẩn thận, đừng để ngài bị ốm nặng, vì nếu không, khi không còn sức lực, ngài sẽ mất mạng, và ta sẽ không thể giúp

---

[7110] Sviatoslav Sviatosha (được đặt tên như vậy vì lòng sùng đạo của mình) khi chịu phép rửa tội được đặt tên là Pankratiy, và khi xuất gia là Nikolay. Ông là con trai của Công tước David Sviatoslavich của Chernihiv và là cháu nội của Công tước Sviatoslav Yaroslavich của Kiev và Chernihiv, người đã sáng lập Nhà thờ Pechersk thánh thiêng, do chính Thiên Chúa tạo dựng.

[7111] Đó là vào năm 1107.

được ngài; như vậy, ngài đang khiến các anh em của mình phải khóc than không nguôi. Kìa, những vị quý tộc từng phụng sự ngài và nhờ ngài mà trước đây được tôn vinh – giờ đây, khi đã mất hết hy vọng, họ thương xót ngài và chìm trong nỗi u sầu tột độ. Nhưng họ đã xây dựng cho mình những dinh thự hoành tráng và giờ đây sống trong đó, còn ngài thì không có nơi nào để gối đầu, phải ngồi lúc thì bên đống rác, lúc thì trong nhà bếp, lúc thì bên cổng thành. Có vị công tước Nga nào lại hành động như vậy? Chẳng phải cha ngài là David, người đã được phong thánh, hay ông nội ngài là Sviatoslav, người được đời đời tưởng nhớ, sao? Và trong số các quý tộc, chẳng ai muốn một cuộc sống nhục nhã như vậy, ngoại trừ Varlaam, người từng là tu viện trưởng ở đây.

Vậy nên, nếu con không nghe theo lời khuyên của ta, con sẽ chết sớm.

Những lời như thế, bác sĩ Phêrô – người được các tu sĩ của Thánh Nicola dạy dỗ – thường nói với ngài khi ngồi cùng ngài lúc thì trong nhà bếp, lúc thì bên cổng.

Người được chúc phúc luôn trả lời ông như sau:

– Anh Petrô ơi! Thường xuyên suy ngẫm về sự cứu rỗi linh hồn mình, tôi đã quyết định rằng không nên nương tay với xác thịt, để nó không đối đầu với tinh thần và không khơi dậy cuộc chiến trong tâm hồn tôi. Khi được rèn luyện bởi việc kiêng khem, xác thịt sẽ khiêm nhường, nhưng không kiệt sức; và nếu có kiệt sức đi chăng nữa, thì chính vị Tông đồ đã nói: *'Sức mạnh của tôi được thể hiện trong sự yếu đuối'* (2 Cô-rinh-tô 12:9). Và còn nữa: *'Những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì so với vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng ta'* (Rô-ma 8:12). Đức Chúa Trời mong muốn một tấm lòng khiêm nhường và trong sạch, nhưng điều đó không thể có được nếu thiếu sự kiêng ăn và sự nỗ lực, bởi vì sự kiêng ăn là mẹ của sự tiết độ và sự trong sạch. Và còn có lời chép rằng: *"Ngài đã khiêm nhường lòng họ bằng những công việc"* (Thi Thiên 106:12). Tôi tạ ơn Đức Chúa Trời vì Ngài đã giải thoát tôi khỏi những lo toan trần thế và biến tôi thành tôi tớ cho các tôi tớ của Ngài – những tu sĩ mặc áo đen hạnh phúc ấy; bởi vì tôi, với tư cách là một hoàng tử, dưới danh nghĩa làm việc cho họ, thực ra đang làm việc cho Vua của các vua. Còn các anh em của tôi, hãy tự lo cho chính mình: *"Mỗi người sẽ mang gánh nặng của mình"* (Ga-la-ti 6:5). Phần gia tài của tôi dành cho họ đã đủ rồi, thứ mà tôi đã từ bỏ cùng với tước vị trần gian để nhận được gia tài trong Nước Trời: *"Vì Ngài, tôi đã từ bỏ mọi sự, và coi mọi sự như rác rưởi, để được Đấng Christ"* (Phi-líp 3:8). Vậy tại sao ngươi lại đe dọa ta bằng cái chết, trách móc ta vì sự nghèo khó và việc kiêng khem những món ăn dư thừa? Chẳng phải chính ngươi, khi chữa trị bệnh tật thể xác, cũng ra lệnh cho người bệnh phải kiêng khem, và thậm chí tránh hẳn một số món ăn sao? Và tôi cũng cần chữa lành những bệnh tật của tâm hồn theo cách tương tự. Dù tôi có chết về thể xác đi chăng nữa, thì đối với tôi, *"cái chết"* vì Đấng Christ cũng là *"lợi ích"* (Phi-líp 1:21). Còn nếu tôi ngồi giữa những đống rác rưởi, – thì tại sao ngài lại coi tôi kém hơn các quý tộc? Chẳng phải tôi đáng được cai trị cùng với Giốp, người mà Kinh Thánh chép rằng ông nổi tiếng hơn tất cả các con trai phương Đông sao (Giốp 1:3)?

Nếu trước đây chưa có vị công tước Nga nào làm điều này trước tôi, thì tôi, theo gương Vua Trời, sẽ là người tiên phong; có lẽ từ nay trở đi, sẽ có ai đó noi gương tôi, học theo tấm gương của tôi. Cuối cùng, cùng với những người đang dạy dỗ anh, tôi khuyên anh hãy quan tâm nhiều hơn đến chính bản thân mình!

Điều sau đây cũng đã xảy ra nhiều lần. Khi vị công tước thánh thiện này, vì mệt mỏi trong việc tuân phục, mà lâm bệnh, thì bác sĩ Phêrô, khi biết tin, liền chuẩn bị ngay thuốc men cần thiết cho từng loại bệnh. Nhưng vị công tước, nhờ ơn Chúa, luôn khỏi bệnh trước khi bác sĩ mang thuốc đến và không bao giờ cho phép ai chữa trị cho mình.

Một lần, chính vị bác sĩ ấy cũng bị ốm. Vị hoàng tử thánh thiện đã sai người đến nói với ông:

– Nếu ngươi không uống thuốc, thì sẽ sớm khỏi bệnh; còn nếu ngươi không vâng lời ta, thì sẽ phải chịu đau khổ lâu dài.

Nhưng vị bác sĩ không nghe lời và đã uống thuốc của mình; vì mong muốn khỏi bệnh, ông suýt mất mạng, dù sau đó đã được chữa lành nhờ lời cầu nguyện của vị thánh. Khi vị bác sĩ ấy lại mắc bệnh không lâu sau đó, vị thánh đã sai người truyền lại cho ông lời nhắn tương tự:

– Nếu không chịu điều trị, – thì đến ngày thứ ba sẽ khỏi bệnh.

Sau khi bị trừng phạt vì lần bất tuân đầu tiên, lần này vị bác sĩ đã nghe theo lời vị thánh và, đúng như lời ngài, đã khỏi bệnh vào ngày thứ ba. Vị thánh Nicola lúc đó cũng đang hoàn thành nhiệm vụ làm người gác cổng tu viện; ngài gọi vị bác sĩ đã khỏi bệnh lại và nói với ông ta:

– Phêrô! Ngươi nên cạo đầu làm tu sĩ và, thay cho ta, tận tụy phục vụ tại tu viện này vì Chúa và Mẹ Thiên Chúa, bởi vì sau ba tháng nữa, ta sẽ ra đi khỏi cõi đời này.

Nghe vậy, bác sĩ Peter quỳ xuống dưới chân ông và khóc nức nở:

– Ôi, thật đáng thương cho tôi, thưa ngài, ân nhân của tôi, cuộc đời quý giá của tôi! Ai sẽ đón nhận tôi khi tôi đến đây? Ai sẽ nuôi dưỡng những đứa trẻ mồ côi và những người nghèo khổ, ai sẽ bênh vực những người bị áp bức, ai sẽ ban ân huệ cho nhiều người đang cần sự giúp đỡ? Chẳng phải tôi đã nói với ngài, thưa Công tước, rằng ngài sẽ sớm mang đến tiếng khóc đau đớn cho các anh em của mình sao? Chẳng phải tôi đã nói với ngài: thưa Công tước, hãy giữ lấy mạng sống của ngài, vì ngài có thể hữu ích cho nhiều người, và cuộc đời ngài chính là cuộc đời của nhiều người. Chẳng phải chính ngài đã chữa lành cho tôi bằng quyền năng của Đức Chúa Trời và lời cầu nguyện của ngài sao? Vậy thì ngài, vị mục tử nhân lành, đang đi đâu vậy? Nếu chính ngài, người đã chữa lành cho tôi, lại bị bệnh, thì hãy kể cho tôi, tôi tớ của ngài, nghe về căn bệnh của ngài; và nếu tôi không chữa lành được cho ngài, thì hãy để mạng sống và linh hồn của tôi thay thế cho mạng sống và linh hồn của ngài. Xin đừng lặng lẽ rời xa con, thưa ngài, nhưng hãy nói cho con biết, tin tức ấy đến với ngài từ đâu? Nếu là từ loài người, thì con sẽ hiến dâng mạng sống mình vì ngài; còn nếu chính Chúa phán bảo ngài điều này, thì xin ngài cầu nguyện cùng Ngài để con được chết thay cho ngài. Nếu ngài bỏ tôi lại, thì tôi sẽ ngồi đâu và khóc than cho sự mất mát của mình? Phải chăng là bên đống rác này, nơi ngài thường hay ngồi – nhưng ngay cả nơi đây họ cũng không cho tôi vào. Và liệu tôi có cơ hội nhận được gì từ tài sản của ngài làm di sản, khi chính ngài cũng đang rách rưới? Chẳng lẽ chỉ là những mảnh áo vá chằng vá đụp mà ngài đang mặc sao? Nhưng ngay cả trong những bộ quần áo đó, khi rời xa cõi đời, anh cũng sẽ được an táng. Xin hãy ban cho em – ít nhất là như cách xưa kia Ê-li đã ban ân huệ cho Ê-li-sê – lời cầu nguyện của anh, để em có thể chia sẻ cùng anh sự sâu thẳm trong lòng và dòng nước cuộc đời em[7112] và đi đến nơi trú ẩn xa xôi, vào nhà của Đức Chúa Trời, nơi mà giờ đây anh mong muốn được về. Thậm chí loài thú khi mặt trời lặn cũng hiểu rằng nó cần phải đi và nằm trong hang ổ của mình, nhưng con không biết mình sẽ đi đâu sau khi ngài ra đi. Và loài chim *"Con chim tìm được nơi trú ngụ, và con én tìm được tổ cho mình, nơi để đặt những con non của nó"* (Thánh Vịnh 83:4), còn ngươi đã sống sáu năm trong tu viện mà vẫn chưa tìm được chỗ cho mình: vậy ngươi sẽ bỏ ta lại ở đâu? Nâng người thầy thuốc đang khóc lên, vị thánh nhân nói với ông: – Phêrô! Đừng than vãn: *"Tốt hơn là trông cậy vào Chúa, hơn là hy vọng vào các vua chúa"* (Thánh Vịnh 117:9). Chúa biết cách gìn giữ loài thụ tạo mà chính Ngài đã tạo dựng. Ngài sẽ lo nuôi dưỡng những kẻ đói khát, bênh vực người nghèo khó và cứu rỗi những ai lâm vào hoạn nạn, và Ngài sẽ là nơi nương tựa cho ngươi. Còn các anh em cùng huyết thống của tôi, xin đừng khóc vì tôi, mà hãy khóc vì chính mình và những việc làm của mình, trong thung lũng đầy đau khổ của thế gian này, để được an ủi và hạnh phúc trong tương lai. Tôi không cần sự chữa trị vì cuộc sống tạm bợ này, bởi vì tôi đã chết từ lâu đối với mọi sự tạm bợ: *"Người chết sẽ không sống lại"* (Ê-sai 26:14) (theo bản chất), như Ê-sai đã nói.

Nói xong, vị thánh Nikola Sviatosha cùng với vị bác sĩ đi đến hang động và chuẩn bị cho mình một chỗ làm mộ tại đó. Lúc đó, ngài nói với vị bác sĩ:

– Ai trong chúng ta yêu mến nơi này hơn?

Petrô khóc lóc đáp lại:

– Tôi biết rằng nếu ngài muốn, ngài sẽ cầu xin Chúa cho ngài được sống thêm, còn tôi thì hãy chôn tôi ở đây.

Vị thánh nói với ông:

– Hãy để mọi việc diễn ra theo ý anh, nếu điều đó phù hợp với ý Chúa. Vậy thì, cả hai chúng ta hãy cùng cầu nguyện với Ngài, nhưng chỉ khi đã mặc áo tu sĩ.

Sau đó, theo lời khuyên của vị thánh, vị bác sĩ đã xuất gia và dành ba tháng để cầu nguyện không ngừng, ngày đêm, trong nước mắt.

Một lần nọ, vị thánh nhân Nicola nói với anh ta:

– Anh em Phêrô, anh có muốn tôi đưa anh đi cùng không? Anh ta, như trước đây, vừa khóc vừa trả lời:

– Tôi mong ngài cho phép tôi chết thay cho ngài, còn ngài hãy ở lại đây và cầu nguyện cho tôi.

Vị thánh nói với anh:

– Anh em ơi, hãy can đảm và sẵn sàng, vì theo ý nguyện của anh, vào ngày thứ ba anh sẽ ra đi khỏi cõi đời này.

[7112] Tức là xua tan nỗi u sầu trong lòng và nỗi buồn trong cuộc sống. Cụm từ này được lấy để tương ứng với câu chuyện nổi tiếng trong cuộc đời của nhà tiên tri Ê-li-sê.

Khi thời điểm đã định đến, Phêrô, sau khi rước Mình Thánh Chúa Kitô, nằm xuống giường và trao linh hồn mình vào tay Chúa. Sau khi vị bác sĩ qua đời, vị hoàng tử thánh thiện Nikola Sviatosha tiếp tục sống đời tu hành thêm ba mươi năm nữa, không rời khỏi tu viện, và sau khi đạt đến sự hoàn hảo trong đời sống thánh thiện – đúng như biệt danh của ngài – ngài đã về với cuộc sống vĩnh cửu bên cạnh Vị Vua khiêm nhường, Đấng Thánh nhất trong các thánh – Chúa Giêsu[7113] . Vào ngày vị hoàng tử thánh này qua đời, gần như toàn bộ thành phố Kiev đã tụ tập lại, dành cho ngài nụ hôn vĩnh biệt cuối cùng và với những giọt nước mắt tuôn trào, họ cầu xin những lời cầu nguyện của ngài.

Đặc biệt, hai người anh em của vị thánh này, Izyaslav và Vladimir, đã khóc rất nhiều. Izyaslav đã xin vị tu viện trưởng trao cho mình cây thánh giá, chiếc gối và chiếc ghế mà người quá cố thường quỳ gối cầu nguyện, để làm vật ban phước và an ủi. Vị tu viện trưởng, khi trao những vật đó cho ông, đã nói:

– Nhờ đức tin của con, mong con sẽ nhận được sự giúp đỡ từ những vật này trong điều con mong muốn.

Izyaslav, sau khi nhận những vật phẩm này với lòng kính cẩn sâu sắc, đã gửi rất nhiều vàng đến tu viện để đền đáp xứng đáng cho những vật phẩm mà người anh em đã trao tặng.

Chính Izyaslav này một lần lâm bệnh nặng đến mức không còn hy vọng có thể rời khỏi giường bệnh. Lúc đó, bên cạnh ông có vợ, con cái và tất cả các quý tộc. Thời gian trôi qua một lúc; sau đó, người bệnh, sau khi hồi phục phần nào, đã đứng dậy và xin uống nước từ giếng Pechersk. Nhưng chẳng bao lâu sau, ông lại mất khả năng nói và từ đó không thể thốt ra lời nào nữa. Họ liền cử người đến Tu viện Pechersk và lấy ở đó một bình nước, vốn trước đó đã được dùng để rửa quan tài của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Vị tu viện trưởng còn trao cả chiếc áo lông cừu của Thánh Ni-cô-la Sviatoshi để dùng làm áo liệm cho thi thể ngài. Vừa khi người được cử đi lấy nước và áo lông cừu chưa kịp trở về, Công tước Izyaslav bỗng cất tiếng nói:

– Hãy mau ra ngoài thành để đón các vị tu sĩ thánh thiện Theodosius và Nikola.

Khi người được cử đi mang theo áo lông cừu và nước bước vào, hoàng tử lại kêu lên:

– Nikola, Nikola Svyatosha!

Người ta cho ông uống nước đó, mặc áo lông cừu cho ông, và chẳng bao lâu sau ông đã khỏe lại; mọi người đều ngợi khen Đức Chúa Trời và các vị thánh của Ngài.

Từ đó trở đi, mỗi khi bị ốm, Izyaslav luôn mặc chiếc áo lông cừu này và lập tức khỏe lại. Ngoài ra, ông luôn mặc chiếc áo lông cừu này khi ra trận, và nhờ đó mà ông luôn được an toàn. Có một lần, vì đã phạm tội, ông không dám mặc chiếc áo lông cừu đó và lần đó ông đã bị giết trong chiến tranh; tuy nhiên, trước đó ông đã ra lệnh chôn cất mình trong chiếc áo lông cừu đó.

Cũng vậy, chúng ta, nhờ cậy vào những lời cầu nguyện của vị hoàng tử thánh thiện này, người mà chúng ta có tin chắc chắn về sự cứu rỗi của ngài, xin được nhờ sức mạnh lời cầu nguyện của ngài mà được chữa lành mọi bệnh tật và vết thương, cả tạm thời lẫn vĩnh viễn, – nhờ ân sủng của Vua Khiêm Nhường, đồng thời là Vua Vinh Quang, Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Đức Giêsu Kitô, Đấng được vinh quang cùng với Thiên Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Lễ kính Thánh Tử đạo Silvanus

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 10

Thánh Tử đạo Silvanus gốc gác từ Gaza, nơi ngài từng là linh mục. Vì lòng nhiệt thành trong việc truyền bá đức tin Kitô giáo, ngài đã bị đày đi làm việc trong các mỏ quặng tại Fena[7114] ; sau đó, ngài đã bị chém đầu cùng với 40 chiến binh Kitô hữu[7115] .

[7113] Đó là ngày 14 tháng 10 năm 1143. Xác thánh của Thánh Nikola Svyatosha được an nghỉ bất hoại trong hang động của Thánh Antony.
[7114] Một thành phố ở Palestine, gần đó có một mỏ quặng.
[7115] Ngài qua đời vào năm 311. Lễ tưởng niệm ngài được cử hành vào ngày 4 tháng 5, ngài còn được gọi là Giám mục Caesarea.

Ngày 28 tháng 10

15 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Euphymius Mới

Ngày tưởng niệm 15 tháng 10

Thánh Euphimius, tên thế tục là Nikita, sinh năm 824 tại làng Opsos, gần thành phố Ankara, thuộc Galatia[7116] . Cha mẹ của Nikita, Epiphanius và Anna, là những người giàu có nhưng đồng thời cũng rất sùng đạo, đến nỗi họ trở thành tấm gương sống không chỉ cho đồng bào mà còn cho tất cả cư dân các vùng lân cận. Họ giàu lòng trắc ẩn, hiền lành, hiếu khách và nhân từ với người nghèo, và nói chung, họ sở hữu tất cả các đức tính Kitô giáo. Được sinh ra từ những bậc cha mẹ sùng đạo như vậy, Nikita ngay từ khi mới chào đời đã được tràn đầy ân sủng của Thánh Thần, và vì thế ngay từ thuở ấu thơ, cậu đã hiền lành, trung thực, vâng lời và kính trọng cha mẹ; cậu cũng tránh xa những trò chơi thông thường và thường xuyên đến tham dự thánh lễ tại nhà thờ. Khi Nikita mới chỉ tròn bảy tuổi, cha cậu qua đời. Dưới sự chăm sóc của mẹ, ngoài Nikita còn có hai cô con gái nữa là Maria và Epiphania. Không lâu sau, Nikita – người từ thuở ấu thơ đã bộc lộ trí tuệ vượt xa lứa tuổi – trở thành người trợ giúp tận tụy của mẹ trong mọi công việc nhà và chăm lo cho gia đình. Tuân theo các quy định về nghĩa vụ quân sự, mẹ của Nikita buộc phải đăng ký cho anh vào danh sách quân nhân. Tuy nhiên, dù đang phục vụ trong quân ngũ, Nikita vẫn là chỗ dựa vững chắc cho mẹ trong mọi khía cạnh: vừa là con trai, vừa là người trợ giúp, vừa là người bảo vệ trong mọi công việc gia đình và sinh hoạt hàng ngày của bà. Mẹ già của Nikita, mong muốn giảm bớt gánh nặng công việc nhà đang đè nặng lên mình, đã vội vàng chọn cho anh một cô dâu xứng đáng. Nhờ ơn Chúa, bà sớm tìm được một thiếu nữ thông minh và khiêm tốn tên là Euphrosyne, xuất thân từ một gia đình giàu có và danh giá; chính cô gái này đã trở thành vợ của Nikita. Một thời gian sau, Chúa đã ban phước cho cuộc hôn nhân của họ bằng sự ra đời của một cô con gái, được đặt tên là Anastasia trong lễ rửa tội. Sau đó, Nikita, cho rằng đứa trẻ mới sinh đã là nguồn an ủi đủ đầy cho cả mẹ và vợ mình, đã quyết định rời bỏ gia đình để dâng hiến trọn vẹn cuộc đời mình cho việc phụng sự Chúa trên con đường tu hành. Một lý do khác khiến anh rời bỏ gia đình là vì chị gái đã kết hôn của anh, Maria, đang sống trong chính ngôi nhà của cha mẹ họ và do đó phải ở lại để giúp đỡ mẹ.

Ngày 14 tháng 9 – lễ Nâng Thánh Giá – là ngày cuối cùng Nikita được ở bên gia đình thân yêu. Ngày hôm sau – vào ngày tưởng niệm vị thánh tử đạo Nikita, người cùng tên với anh – anh đã rời xa gia đình mãi mãi, nói rằng mình đi xem con ngựa đang gặm cỏ trong thung lũng. Và gia đình mồ côi từ lâu ấy không hề biết lý do thực sự khiến Nikita rời bỏ tổ ấm gia đình.

Trong khi đó, Nikita, sau khi đi qua nhiều nơi và viếng thăm nhiều vị tu sĩ, cuối cùng đã đến được những đỉnh núi cao chót vót của Olympus[7117] , nơi vào thời điểm đó, vị thánh Ioannikios Đại Đế đang nổi tiếng với những công đức của mình.

Một ngày nọ, một đám đông lớn tụ tập quanh vị tu sĩ vĩ đại này, khao khát được nghe những lời răn dạy từ ngài. Trong đám đông ấy, lẫn lộn giữa họ, có cả chàng trai trẻ Nikita. Vị Thánh Cha Ioannikios, người mang ơn Chúa, đã nhận ra khát khao mãnh liệt của Nikita đối với đời sống tu hành, cũng như vinh quang và sự thành công trong đức hạnh mà chàng sẽ đạt được trong tương lai, và ngài mong muốn bày tỏ trước mọi người đức hạnh vốn ẩn giấu trong chàng từ trước đến nay.

– Ai là người, trong hình hài thế tục, lại dám cư xử táo bạo như vậy với người khác? – Thánh Ioannikios giả vờ hỏi các tu sĩ đang tụ tập xung quanh ngài.

– Chúng con không biết, – họ trả lời.

– Chàng trai này là kẻ xấu xa: hắn là kẻ giết người, – Ioannikiy thốt lên với vẻ giận dữ giả vờ, – hãy bắt hắn lại và trói hắn lại.

[7116] Galatia – một tỉnh nhỏ, nhiều núi nhưng màu mỡ ở Tiểu Á, nằm giữa Phrygia, Bithynia, Pontus và Cappadocia. Tên gọi này bắt nguồn từ người Galati – những bộ tộc hiếu chiến có nguồn gốc từ người Gaul hoặc người Celtic. – Ancyra là một trong những thành phố nổi bật nhất của Galatia.

[7117] Olympus – ngọn núi ở Tiểu Á, nằm trên biên giới giữa Phrygia và Bithynia.

Các tu sĩ nhìn chàng trai với vẻ ngạc nhiên và tranh nhau hỏi: liệu hắn có thực sự là kẻ giết người không? Còn chàng trai, người đã rèn luyện đức vâng lời và khiêm nhường ngay từ trước khi xuất gia, đã công khai thừa nhận mình là kẻ giết người thực sự, xứng đáng nhận hình phạt nặng nề, và sẵn sàng chấp nhận những xiềng xích được đặt lên người mình.

– Thôi đi, – vị tu sĩ cao niên ngăn các tu sĩ lại, – ta đã buộc tội cậu ta trước mặt các ngươi là kẻ giết người, chỉ để thử thách mà thôi. Nếu ngay từ khi còn trẻ, khi còn ở thế gian, chưa từng trải qua đời sống tu hành của chúng ta, cậu ta đã vì lòng vâng lời mà tự nhận mình có tội trong tội ác như vậy, thì khi trở thành tu sĩ, cậu ta sẽ thực hành được bao nhiêu đức hạnh nữa!

Nghe xong những lời ấy, Nikita khiêm nhường rời khỏi Thánh Ioannikios. Anh hiểu rằng nếu ở lại gần Ioannikios, giữa các tu sĩ của ngài, anh sẽ không thể tránh khỏi sự nổi tiếng mà anh đã ghét cay ghét đắng ngay từ thuở ấu thơ, và chính để trốn tránh điều đó, anh đã bỏ chạy khỏi làng quê của mình. Một vị tu sĩ già khác tên là Gioan, sống cách xa Thánh Ioannikios, đã vui mừng đón nhận Nikita khi anh đến với ngài. Sau khi dạy anh những bài học về những công đức của đời sống tu sĩ, ngài đã sớm ban cho anh hình ảnh thiên thần, và đặt tên cho anh là Evfimii trong lễ cắt tóc.

Sau khi ở lại với Thánh Gioan một thời gian khá dài và học được từ ngài sự im lặng và đời sống khổ hạnh của người ẩn tu, Evfimii, theo lệnh của vị thầy mình, đã đến tu viện[7118] Pissadinon để học hỏi từ các vị tu sĩ cao niên về những đức hạnh của đời sống tu viện. Vị Bề trên của tu viện đó, Thánh Nicholas, người đã điều hành tu viện với sự khôn ngoan lớn lao, sau khi nhận đệ tử mới, đã giao cho anh những nhiệm vụ khiêm tốn nhất ngay từ đầu. Evfimiy không phàn nàn về điều này, dù những nhiệm vụ đó đi kèm với những vất vả lớn lao: anh coi chúng như liều thuốc chữa lành thực sự cho thân thể còn non nớt của mình. Những suy nghĩ về những người anh đã bỏ lại phía sau – vợ, người thân và của cải – đã không ít lần làm xao xuyến tâm hồn anh, nhưng khi thực hiện những nhiệm vụ này, Evfimiy có thể tự an ủi mình bằng những lời của Đấng Cứu Thế: *"Ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha, mẹ, vợ, con cái, hoặc ruộng đất vì danh Ta, thì sẽ được gấp trăm lần và được hưởng sự sống đời đời. Ai yêu cha hay mẹ hơn Ta, thì không xứng đáng với Ta"* (Mt 19:29, 10:37). Khi Euphimius phải chịu những lời sỉ nhục và chế giễu – điều không thể tách rời khỏi việc thực hiện những nhiệm vụ khiêm nhường – thì ông đã chịu đựng chúng một cách cam chịu và vui vẻ. Nhờ sự vâng phục, khiêm nhường và lao động như vậy, Euphimius cuối cùng đã đạt đến mức mọi dục vọng xấu xa trong ông đều im lặng.

Sau khi củng cố các đức tính trong đời sống tu viện, Evfimiy quyết định lên đường đến sa mạc, để tại đó, trong sự im lặng, đạt được sự gần gũi hơn nữa với Thiên Chúa. Con đường của sự im lặng tuyệt đối vẫn còn là một chặng đường chưa được bước qua. Vào thời điểm đó, danh tiếng về các vị tu sĩ khổ hạnh trên núi Athos đã lan rộng khắp nơi, và Euphimius quyết định lên đường đến với họ. Ông đã bày tỏ ý định của mình với một trong những vị tu sĩ vĩ đại trên núi Olympus, đó là vị trưởng lão Theodoros. Vị tu sĩ cao niên thánh thiện đã ban phước lành cho vị tu sĩ nhiệt thành trên con đường mới này, và biết rằng vị tu sĩ cao niên Gioan – người đã ban phép cắt tóc tu sĩ lần đầu tiên cho Evfimii – đã qua đời, nên ngài đã mặc cho anh hình ảnh thiên thần vĩ đại[7119] . Tám ngày sau đó, Evfimii đã sẵn sàng lên đường, rời khỏi Olympus sau mười lăm năm sinh sống tại đó. Anh cũng tìm được một người đồng hành – tu sĩ Theostirikt, người cũng khao khát những công đức cao cả của đời tu như anh.

Con đường từ Olympus đến Athos đi qua Nicomedia. Khi đến Nicomedia, Euthymius được an ủi bởi tin vui rằng tất cả những người thân yêu của ông, những người mà ông từng để lại ở nhà cha mẹ, đều còn sống. Với mong muốn xoa dịu nỗi buồn của họ vì phải xa cách mình, ngài đã gửi cho họ một cây thánh giá và dặn người được cử đi truyền đạt rằng: giờ đây họ không còn người thân là Nikita nữa, mà là tu sĩ Evfimii, người khuyên họ cũng nên noi gương ngài. Ban đầu, những người thân nữ khóc lóc khi nhận được tin này từ ông, nhưng vì tình yêu dành cho ông quá lớn, nên sau đó, được củng cố bởi sự trợ giúp từ trên cao, họ đã quyết tâm tự mình noi gương Evfimiy. Ngoại trừ con gái của vị tu sĩ đáng kính, người vào thời điểm đó đã kết hôn, tất cả họ đều trở thành các nữ tu.

Khi đến Athos, Thánh Euphimius đã siêng năng tuân giữ các quy tắc của đời sống tu viện nơi đây. Vì Theostirikt, không chịu nổi những gian khổ và đau khổ của cuộc sống im lặng nghiêm ngặt, đã quay trở lại

---

[7118] Kinoviya – (từ tiếng Hy Lạp: "kinos" có nghĩa là "chung" và "vios" có nghĩa là "cuộc sống") – là tên gọi của các tu viện cộng đồng, nơi các tu sĩ không chỉ được cung cấp thức ăn mà còn cả quần áo và các nhu yếu phẩm khác từ tu viện theo sự chỉ định của vị trụ trì; đổi lại, họ bắt buộc phải dâng hiến toàn bộ công sức và thành quả lao động của mình cho nhu cầu chung của tu viện.

[7119] Tức là hình thức tu hành cao nhất.

Olympus, nên Thánh Euphimius trên con đường tu hành của mình đã kết hợp với một tu sĩ tên là Joseph, người đã tu hành tại Athos trước ông. Nhưng chẳng bao lâu sau, người trẻ tuổi lại trở thành thầy của người lớn tuổi.

– Anh em ơi! Vì chúng ta, khi còn được tôn vinh, theo lời Đa-vít "[7120] ", đã vi phạm các điều răn nên trở nên giống như loài súc vật vô tri và mất đi sự cao quý của mình, vậy hãy coi chính mình như loài súc vật và trong vòng bốn mươi ngày, chúng ta sẽ chỉ ăn cỏ, cúi đầu xuống đất như loài vật. Có lẽ, sau khi được thanh tẩy qua việc này, chúng ta sẽ lại lấy lại được vẻ đẹp theo hình ảnh và sự giống như của Đức Chúa Trời.

Đó là những gì Giuse nghe được từ Euphymius.

Giuse đồng ý với đề nghị này, và cả hai đã trải qua bốn mươi ngày, chịu đựng khát, lạnh, đói và nóng. Vừa mới vượt qua bậc thang mới này trên con đường đức hạnh Kitô giáo, thánh Euphimius lại đề nghị với người bạn đồng hành của mình như sau:

– Giờ đây, hỡi Giuse tốt lành, chúng ta hãy từ bỏ những khổ đau của cuộc sống không có nơi nương tựa, – hãy ẩn mình trong một hang động nào đó và ở lại đó mà không ai trong số các tu sĩ khác ở đây biết đến; chúng ta hãy tự đặt ra luật lệ cho chính mình – như thể luật ấy được ban xuống từ Thiên Chúa – rằng không ai trong hai chúng ta được ra khỏi hang động trước khi hết ba năm. Nếu trong ba năm đó, một trong hai chúng ta qua đời, thì người ấy sẽ thực sự được hạnh phúc, như người đã giữ vững suy tư về cái chết cho đến cuối đời, và chính hang động này sẽ là quan tài cho người ấy. Và khi, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, cả hai chúng ta đều còn sống, – thì những đam mê và ham muốn xác thịt của chúng ta sẽ chết đi, ít nhất là trong chừng mực có thể, và chúng ta sẽ trở nên tốt đẹp hơn.

Giuse cũng chấp nhận đề nghị này. Các vị tu sĩ tìm được một hang động, ẩn mình trong đó, và chỉ vừa đủ duy trì sự sống bằng thức ăn thực vật ít ỏi, gồm những quả sồi và quả dẻ mọc gần hang động. Toàn bộ cuộc đời họ tràn ngập những hành động vĩ đại, như: thức trắng đêm cầu nguyện, ăn chay liên tục, quỳ gối không ngừng, ngủ trên mặt đất trần, và sống trong hang động mà không đốt lửa. Họ nghiêm ngặt giữ im lặng với nhau; nếu thỉnh thoảng có phá vỡ sự im lặng đó, thì cũng chỉ là để trò chuyện về cầu nguyện và những chủ đề có ích cho tâm hồn mà thôi. Sau một năm, các vị tu sĩ thậm chí không còn cả một mảnh áo rách nát nào để che chở họ khỏi vô số loài côn trùng khác nhau, gây ra sự khó chịu không thể chịu đựng được cho cơ thể họ. Họ là những vị tử đạo theo đúng nghĩa đen, dù không phải chịu sự bách hại. Tuy nhiên, sau một năm, người đồng hành của Evfimii đã không còn đủ sức để tiếp tục gánh vác thập giá đau khổ mà anh ta đã tự nguyện nhận lấy. Khi sức lực suy yếu, anh ta đã rời bỏ Evfimiy. Đây đã là tu sĩ thứ hai không đủ sức để sánh ngang với những kỳ công của Evfimiy. Nhưng chính Evfimiy sau đó lại càng nỗ lực hơn nữa. Anh đã phải chịu đựng rất nhiều cám dỗ từ ác quỷ tại nơi này. Dưới tác động của những cám dỗ đó, ban đầu Evfimii bị bao trùm bởi nỗi buồn và đau khổ vì người anh em đã rời đi, sau đó là nỗi sợ hãi sự cô độc, và cuối cùng, ông thường xuyên bị xao động bởi những suy nghĩ kiêu ngạo về chặng đường tu hành cao cả mà mình đã đi qua. Nhưng tất cả những cám dỗ này, cũng như nhiều cám dỗ khác, đều đã bị Evfimii chiến thắng.

Sau khi hoàn thành lời thề ở lại hang động trong ba năm, Evfimiy rời khỏi đó. Và ngay bên ngoài hang động, đã có nhiều người tu hành chờ đợi anh từ lâu, những người đã nghe nói về anh từ Joseph và mong muốn noi gương anh. Sau khi truyền dạy cho họ những lời khuyên răn, Evfimiy lại lên núi Olympus, nơi vị trưởng lão Theodoros – người đã ban cho ông bộ áo tu sĩ cao quý – đang kêu gọi ông đến để cùng ông lên núi Athos. Lời thỉnh cầu của vị tu sĩ già đã được đáp ứng, và tại Athos, bên giường bệnh của Thêôđôr – vì ngài đã yếu ớt và kiệt sức do cuộc đời tu hành lâu dài – Evfimii được định sẵn phải thực hiện một công việc cao cả mới: công việc phục vụ những người bệnh tật và yếu đuối, theo lời dạy của Đấng Cứu Thế. Chính ông đã tự tay xây dựng một căn phòng mới cho Thánh Theodor và với lòng tận tụy sâu sắc, ông đã phục vụ ngài tại đó. Điều này tiếp diễn cho đến khi vị tu sĩ già ốm yếu, phải chịu đựng những cơn đau đớn tột cùng do bệnh tật hành hạ, phải lên đường đến Thessaloniki để tìm kiếm sự chăm sóc y tế. Tại đó, ngài đã an nghỉ vĩnh hằng.

Tình yêu dành cho người đã khuất đã thúc đẩy Euphymius đến Thessaloniki để thờ lạy quan tài của ngài. Hầu như toàn thể dân chúng Thessaloniki, vốn đã nghe nói từ lâu về những đức hạnh của Euphymius và nay biết tin về sự đến của ngài, đã ra đón ngài để chào mừng và nhận lời chúc lành từ ngài. Nhưng Euphymius không ở lại Thessaloniki lâu. Cuộc sống trong thành phố đã khiến ngài xao lãng khỏi sự im lặng. Ngài rời Thessaloniki và, giống như Thánh Simeon Cột, leo lên một cột đá nằm không xa thành phố. Từ cột đá đó, Thánh Euphymius giảng

[7120] *"Nhưng con người sẽ không được vinh hiển mãi; họ sẽ giống như loài thú, sẽ chết đi"* (Thánh Vịnh 48:13).

dạy cho tất cả những ai đến với ngài. Ông đã ở trên cột trong một thời gian khá dài, hướng dẫn mọi người sống đạo đức và chữa lành những căn bệnh nan y. Nhưng sau đó, ông lại mong muốn trở về sống trong sự im lặng như trước đây trên núi Athos, vì việc đông đảo những người sùng đạo đổ xô đến gặp ông đã khiến vị tu sĩ khiêm nhường này cảm thấy rất nặng nề. Khi rời Thessaloniki, theo lời khuyên của Tổng Giám mục Theodoros của Thessaloniki, Euthymius đã nhận chức phó tế để có thể tự mình – thông qua "Các Bí tích Dự phòng" – rước Mình Thánh Chúa trong sa mạc[7121] .

Tuy nhiên, Evfimii không ở lại Athos lâu, vì ông không tìm thấy sự tĩnh lặng mong muốn tại đây. Những người tu hành mới đã đông đúc chiếm lĩnh sa mạc vốn từng vắng vẻ. Khi biết tin có một tu sĩ "được thánh hiến" xuất hiện giữa họ và tôn kính ông như người đứng đầu trong số họ, họ bắt đầu thường xuyên đến thăm ông. Lúc đó, Evfimii đã chọn cho mình một nơi ẩn náu mới – một hòn đảo hoang vắng được gọi là "Novi", nơi ông lui về cùng với hai tu sĩ khác có cùng chí hướng là Simeon và Ioann Kolov. Theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, bọn Saracen đã tấn công hòn đảo này. Đến nơi trên hai con tàu, chúng bắt giữ các tu sĩ và định đưa họ đi cùng. Lợi dụng gió thuận, bọn man rợ hân hoan giương buồm và tiếp tục hành trình. Nhưng niềm vui của chúng chẳng kéo dài được bao lâu. Con tàu chở các tù nhân bỗng dưng dừng lại giữa biển khơi và không thể di chuyển được nữa, trong khi con tàu kia vẫn lướt đi một cách tự do. Một trong những kẻ man rợ đã nhận ra nguyên nhân thực sự khiến con tàu dừng lại và nói với các đồng bọn:

– Chẳng lẽ chúng ta lại ngu ngốc đến mức không thể hiểu rằng điều này xảy ra với chúng ta là do chúng ta đã hành hạ các tôi tớ của Chúa sao? Nếu không muốn chìm xuống biển, thì hãy nhanh chóng thả họ ra!

Các bạn đồng hành của ông lập tức đồng ý: tất cả đều quỳ xuống dưới chân các vị thánh tù nhân và xin họ tha thứ, và ngay lập tức được tha thứ. Sau đó, con tàu vốn bất động bấy lâu tự động rời bến, và chẳng bao lâu sau đã đến hòn đảo vừa bị tàn phá. Ba cư dân trên đảo lại được tự do. Họ xin bọn man rợ trả lại cho họ những vật dụng dù nhỏ nhoi, nhưng đối với họ – những người sống ẩn dật – lại vô cùng cần thiết. Bọn man rợ tàn bạo, vốn vừa mới bị trừng phạt bởi bàn tay của Đức Chúa Trời, đã không nghe theo lời thỉnh cầu của họ. Và một lần nữa, họ lại phải hứng chịu toàn bộ sức mạnh của bàn tay trừng phạt của Chúa vì điều này. Khi họ đã ra giữa biển, bỗng nhiên một cơn gió ngược thổi lên và lại đẩy những con thuyền của họ trở lại hòn đảo vừa mới rời khỏi. Lúc này, họ không thể từ chối những lời thỉnh cầu của các vị tu sĩ được nữa. Chỉ có một tên man rợ, tức giận vì phải trả lại những gì đã cướp được, đã túm lấy Ioann Kolov và đánh anh ta không thương tiếc, cho đến khi bị đồng bọn ngăn cản. Thánh Euphimius, người có mặt tại đó, chỉ nhẹ nhàng nhận xét:

– Hỡi những người Ả Rập! Nếu các ngươi thả chúng ta ra mà không gây tổn thương, thì chúng ta đã có thể trở về quê hương một cách bình an; nhưng giờ đây, khi đã làm tổn thương anh em mình, các ngươi đã xúc phạm đến Đức Chúa Trời, và sớm muộn gì các ngươi cũng sẽ biết được tội ác này lớn đến mức nào.

Những kẻ man rợ không phải chờ lâu để lời tiên tri này ứng nghiệm. Trên biển, một tai họa mới đang chờ đợi họ: họ bị các tàu chiến La Mã tấn công và chính con tàu chở kẻ đã xúc phạm các vị thánh nhân đã bị bắt làm tù binh, còn con tàu kia, ngoài mọi dự đoán, lại thoát nạn. Như vậy, ba vị thánh nhân vĩ đại, những người đã dành cả cuộc đời để tôn vinh Thiên Chúa, đã được ca ngợi ngay cả giữa những kẻ man rợ vô đạo.

Những người này nhớ đến điều răn của Chúa, cấm không được thử thách Đức Chúa Trời và truyền phải tránh những nơi nguy hiểm (Mt 10:23), và vì vậy, sau khi gặp nguy hiểm một lần tại nơi cư trú mới, họ quyết định rời bỏ nơi đó. Nhưng ngay cả Athos, nơi họ chuyển đến lần nữa, giờ đây cũng không còn là nơi an toàn nữa. Những kẻ man rợ đã biết về những người đang sinh sống ở đó và vì thế thường xuyên tấn công nơi này. Đã có rất nhiều tu sĩ Athos bị chúng bắt làm tù binh. Vì lý do này, ba người mới định cư tại Athos đã quyết định tản ra các nơi khác, an toàn hơn. Thánh Giăng định cư tại nơi được gọi là Sidirokavsia, Thánh Simeon lui về Hellas[7122] , còn Thánh Euphimius thì chuyển đến Vrastama. Tại đây, ngài lại có duyên gặp lại người bạn đồng hành cũ của mình – Thánh Giuse. Ngoài ra, còn có nhiều anh em khác trong Chúa cũng tụ tập lại, mong muốn định cư gần Thánh Euphimius. Thánh Euphimius đã xây dựng các phòng tu cho họ, còn bản thân ngài thì sống một mình trong hào. Thánh Euphimius thỉnh thoảng rời khỏi hào của mình để thăm các anh em, còn đôi khi, vì khao khát sự tĩnh lặng, ngài leo lên những đỉnh núi cao của Athos và ở đó, trong khi trò chuyện với Thiên Chúa qua lời cầu nguyện, ngài đã thanh

---

[7121] Tức là, vì những người chưa được thụ phong không được phép tự tay rước các Bí tích của Chúa Kitô, nên Thánh Euphymius đã nhận chức phó tế để chính ngài có thể rước các Bí tích Dự trữ trong sa mạc.

[7122] Tức là – Hy Lạp.

tẩy tâm trí và trái tim mình đến mức được ban cho những thị kiến và mặc khải thiêng liêng. Và một lần nọ, ngài nghe thấy một tiếng nói ở đó, phán với ngài:

– Euphimius! Hãy đến Thessaloniki: ở đó, trên những ngọn núi phía đông thành phố, ngươi sẽ tìm thấy một đỉnh núi tên là Peristera, có suối nước, và ngươi sẽ thấy ở đó ngôi đền thờ Thánh Tông đồ Anrê Đầu tiên – nơi trước đây vốn lộng lẫy nay đã biến thành chuồng cừu – hãy thanh tẩy nơi này và xây dựng một tu viện tại đó: tại đây, nhiều người sẽ tìm thấy sự cứu rỗi cho mình. Ta sẽ giúp con trong mọi việc. Con không nên ở lại sa mạc lâu hơn nữa để chiến đấu với các quỷ dữ, vì chúng đã rời xa con, từ lâu đã bị đánh bại bởi đức hạnh của con.

Thực hiện mệnh lệnh thiêng liêng, vị thánh nhân rời khỏi các đỉnh núi Athos, và cùng với hai tu sĩ – Ignatius và Ephrem – lên đường từ Athos đến Thessaloniki. Lần này, Thessaloniki đã đón tiếp ngài "như một thiên thần từ trời xuống". Sau khi tìm hiểu về một nơi tên là Peristera, Thánh Euphimius đã thuê những người dẫn đường và cùng họ lên ngọn núi được chỉ dẫn, nơi ngài thực sự tìm thấy một chuồng cừu. Những dấu hiệu được ban cho từ trên cao cho thấy chính tại đây cần phải tìm kiếm tàn tích của ngôi đền xưa, nhưng không một người dân địa phương nào biết gì về ngôi đền đó. Các tín hữu Kitô giáo địa phương đã lâu nay vẫn duy trì chuồng cừu tại đây, mà hoàn toàn không hề nghĩ rằng họ đang xúc phạm đến thánh địa của vùng. Vị tu sĩ đã khóc nức nở khi chứng kiến sự chà đạp thánh địa như vậy. Các cuộc khai quật do ngài khởi xướng đã nhanh chóng phát hiện ra toàn bộ nền móng của ngôi đền. Lúc đó, người dân địa phương, kinh ngạc trước ân sủng phi thường về sự sáng suốt của vị tu sĩ già đã đến với họ, đã sẵn lòng gánh vác chi phí để trùng tu ngôi đền bị lãng quên. Bằng cách này, họ như muốn chuộc lại tội lỗi của sự thờ ơ trước đây đối với ngôi đền. Như vậy, nhà thờ Thánh Tông đồ An-rê đã được xây dựng, với hai nhà nguyện phụ: bên phải dành để tôn vinh Thánh Gioan Tiền Hô, còn bên trái dành để tôn vinh Thánh Euphymius Đại Đế. Tuy nhiên, trước khi công trình xây dựng nhà thờ hoàn tất, chính vị tu sĩ đáng kính này đã phải chịu đựng biết bao gian nan và đau khổ. Do mưu mô của ma quỷ, lúc thì giàn giáo bao quanh công trình bị đổ sập, lúc thì phần bên trái vừa mới hoàn thành lại sụp đổ. Trước những tai họa như vậy, vị tu sĩ phải rất vất vả mới thuyết phục được các thợ xây tiếp tục công trình đã khởi công. Ông dành cả đêm để cầu nguyện, ban ngày thì không rời xa các công nhân, làm gương cho họ bằng chính công việc của mình. Cuối cùng, vào năm 863, nhà thờ đã được hoàn thành. Dưới sự chủ trì của ngài, theo nguyện vọng của người dân địa phương, một tu viện cũng sớm được thành lập, sau này trở nên nổi tiếng nhờ rất nhiều tu sĩ từng tu tập tại đó. Vị thánh nhân biết rằng nhiều người bị thu hút đến đây bởi tin đồn lan rộng về phép lạ đã xảy ra tại đây, và vì vậy ngài rất lo ngại rằng các tu sĩ mới khấn, những người chỉ bị thu hút bởi tin đồn này và chưa thử thách sức lực của mình, sẽ không đủ khả năng để trải qua cuộc sống tu hành đầy gian khổ. Do đó, ngài đã giảng dạy rất nhiều bài học cho các tu sĩ mới nhập môn này, nói với họ về những nguy hiểm từ ma quỷ, chỉ ra những phương cách để tránh những nguy hiểm đó, ca ngợi sự thánh thiện của lao động, lên án những thói hư tật xấu và kêu gọi thực hành các đức tính tốt.

– Hỡi anh em! – Thánh Evfimii giảng dạy các tu sĩ – Kẻ thù của chúng ta là ma quỷ, theo Kinh Thánh, giống như con sư tử gầm rú đi lang thang, nhằm nuốt chửng bất cứ ai không quan tâm đến sự cứu rỗi của mình: vì vậy, chúng ta hãy tỉnh táo và cảnh giác (xem 1 Phê-rô 5:8). Nếu chúng ta đã từ bỏ thế gian, thì hãy cắt đứt những ham muốn của xác thịt; nếu chúng ta đã đóng đinh xác thịt mình và mặc lấy sự chết của Chúa, thì đừng để bị cuốn theo những thú vui xác thịt và hãy sống theo Thánh Linh; nếu vì Nước Trời mà chúng ta đã mặc lấy hình ảnh của các thiên thần, thì chúng ta cũng phải sống như các thiên thần; nếu chúng ta thực sự yêu mến Chúa, thì phải tuân giữ các điều răn của Ngài. Hãy làm việc bằng chính đôi tay mình, vì sự nhàn rỗi và lười biếng khiến chúng ta kiệt sức và yếu đuối trong việc làm lành – và khi đó, sự vô sinh và thiếu thốn sẽ trở thành phần thưởng tất yếu của chúng ta: *"Ai phá hoại nhà mình sẽ nhận được gió làm phần thưởng"* (Châm Ngôn 11:29), Đấng Khôn Ngoan phán; còn Thánh Phaolô thì nói: *"Ai không muốn làm việc, thì cũng đừng ăn"* (2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:10). Hãy giữ lòng khiêm nhường, tình yêu thương, sự vâng lời đối với vị chủ chăn, hãy đặt niềm tin nơi ngài và đừng giấu giếm điều gì với ngài: hãy xưng thú những suy nghĩ của mình với ngài, và như vậy hãy thanh tẩy trái tim và tâm trí của mình, vì đây chính là con đường cứu rỗi.

Khi lắng nghe Thánh Euphymius, các tu sĩ trong tu viện của ngài đã nói rằng chính Thánh Thần đã ban ân sủng thiêng liêng vào ngài, giống như Ngài đã ban cho các thánh tông đồ. Trong số các tu sĩ mới nhập môn đó có cả Basil, người sau này trở thành Tổng Giám mục Thessalonica, nhờ những công lao của ngài mà ký ức về những công đức của Thánh Euphymius vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay. Ông kể lại về lòng nhiệt thành thiêng liêng mà các tu sĩ của tu viện mới, được vị mục tử thánh thiện khích lệ, đã tràn đầy. Chẳng hạn, khi một cuốn sách dị giáo vô tình lọt vào tu viện của họ, họ đã lập tức đốt nó đi.

Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, Thánh Euphymius đã được ban cho ân sủng tiên tri về tương lai và ân sủng làm phép lạ. Chẳng hạn, Basil đã kể lại rằng chính Thánh Euphymius đã tiên tri cho ông về chức vụ giám mục mà ông sẽ đảm nhận. Vào ngày thứ ba sau khi ông xuất gia, vị thánh đáng kính đã đến gặp ông tại nhà thờ, nơi ông phải ở lại bảy ngày với tư cách là một tu sĩ mới xuất gia, và nói:

– Vasili! Dù tôi không xứng đáng với ánh sáng thánh hay ân sủng tiên tri, nhưng vì anh và những người khác đã đến dưới sự hướng dẫn của kẻ bất xứng như tôi vì lợi ích của linh hồn, nên Thiên Chúa Toàn Năng đã thương ban cho tôi một chút ân sủng, để khi nhìn thấy những điều sắp xảy ra với các anh, tôi có thể nói với các anh những điều hữu ích cho sự cứu rỗi. Vậy nên, hãy biết rằng, vì lòng yêu mến học thuật, anh sẽ sớm rời khỏi tu viện và trở thành giám mục; nhưng ngay cả khi đó, hãy nhớ đến tôi như cha của anh, cũng như tu viện của chúng ta và các anh em tu sĩ.

Từ cuốn tiểu sử về vị thánh, do Tổng giám mục Vasilios biên soạn, có thể thấy rõ ông đã yêu mến và kính trọng như thế nào trước ký ức về người mà ông đã chứng kiến những chiến công và phép lạ, và ông đã mô tả lại những điều đó. Dưới đây là một số phép lạ mà vị thánh Euthymius đã thực hiện, được ông chứng kiến và truyền lại. Một lần nọ, khi Vasili cùng với một tu sĩ khác là Gioan, người được gọi là "người im lặng", đang ở một nơi hoang vắng, và họ đang đối mặt với nguy cơ tử vong vì đói khát và kiệt sức, thì vị thánh đáng kính bỗng nhiên xuất hiện trước mặt họ và dùng thức ăn mang theo để tiếp thêm sức lực cho họ đến mức họ có thể tiếp tục hành trình của mình. Một lần khác, chính Vasili cùng với vị thánh nhân đang ở xa tu viện, và vị thánh nhân bỗng nhiên báo cho anh biết rằng lúc này có hai anh em, Ioann và Antoni, đang rời khỏi tu viện do một cuộc cãi vã xảy ra giữa họ và các tu sĩ khác. Tại Thessaloniki, khi Thánh Euphimius đang tu hành trên cột, ngài đã trừ quỷ ác ra khỏi một người. Thánh Euphimius còn thực hiện nhiều phép lạ khác nữa; một số trong số đó được chính người ghi chép tiểu sử của ngài, Vasilii, tận mắt chứng kiến, còn những phép lạ khác thì ông nghe kể lại từ những người ngoài.

Nhiều tu sĩ đã được ngài cắt tóc xuất gia. Ngài cũng đã thu hút nhiều người thế tục bước vào con đường tu hành nhờ những việc làm và phép lạ của mình. Nhờ sự nỗ lực và chăm lo của ngài, nhiều tu viện mới đã được thành lập trên núi Olympus, núi Athos và tại Thessaloniki.

Cuối cùng, bốn mươi hai năm sau khi rời khỏi nhà cha mẹ, Evfimii đã có cơ hội, với niềm an ủi lớn lao, cạo đầu cho chính những người thân của mình gia nhập đời tu, điều mà ngài đã kêu gọi họ ngay từ khi còn ở Nicomedia, khi lần đầu tiên ngài lên Athos từ Olympus. Ông như thể là một Giô-sép thứ hai – cũng trong sạch không kém trong đời sống tu hành, cũng được tôn vinh không kém sau những gian khổ và hoạn nạn đã trải qua, và chỉ sau bốn mươi hai năm mới được những người thân ruột thịt nhận ra, những người cuối cùng đã nhận thức được sự hư vô của thế gian này và quyết tâm theo đuổi đời sống tu hành. Ngài đưa những người thân nam giới của mình vào tu viện của mình, còn đối với những người thân nữ giới, ngài đã xây dựng một tu viện nữ mới trên mảnh đất mà ngài đã mua riêng cho mục đích đó. Chị gái của vị thánh, người được đặt tên là Euphemia khi mặc áo tu sĩ, đã được bổ nhiệm làm nữ tu viện trưởng của tu viện này. Sau khi giao phó việc chăm sóc cả hai tu viện này cho Đức Tổng Giám mục Methodius của Thessaloniki và truyền đạt những lời dạy dỗ cho họ, vị thánh lại trở về cột tu hành cũ của mình gần Thessaloniki để sống trong sự tĩnh lặng. Để tìm được sự an nghỉ vĩnh cửu khỏi cuộc sống trần thế, Chúa đã dẫn vị thánh trở về gần chính những ngọn núi Athos, nơi ngài đã thực hiện hầu hết các công đức của mình.

Biết trước ngày mình qua đời, vào ngày 7 tháng 5 – ngày kỷ niệm việc rước di cốt của Thánh Euphymius Vĩ Đại – Thánh Euphymius đã mời các tu sĩ từ các tu viện trên núi Athos gần gũi nhất với ngài đến dùng bữa cùng ngài; sau khi cùng họ mừng lễ ngày này, ngài đã từ biệt họ; ngày hôm sau, không nói gì với ai, ngài chỉ chọn một tu sĩ tên là Georgios để phục vụ mình và cùng anh ta rời Athos đến một nơi hẻo lánh, được gọi là "Hòn đảo Thánh". Tại hòn đảo này, ngài tu hành khoảng 4 tháng trong một hang động mà ngài tự tìm thấy, và cuối cùng, ngài đã an nghỉ một cách thanh thản – vào ngày 15 tháng 10 năm 889. Chúa đã cho ngài được ra đi thanh thản khỏi cõi trần gian này, như một sự bù đắp cho tất cả những đau khổ mà trái tim trẻ trung của ngài đã phải trải qua khi rời khỏi ngôi nhà cha mẹ, nơi ngài sống trong tình yêu thương dành cho mọi người và cũng được mọi người yêu mến.

Hai năm sau, các tu sĩ ở Peristera mong muốn rước thi hài của vị thánh nhân đã qua đời về tu viện của mình, để ngài tiếp tục là vị bảo trợ cho tu viện ngay cả sau khi qua đời. Với mục đích đó, họ đã cử tu sĩ Vlasiy và tu sĩ Pavl đến Đảo Thánh. Những người được cử đi, khi đến nơi, đã tìm thấy thi hài của Thánh Euphymius nằm trong chính hang động mà ngài đã an nghỉ. Thi hài của ngài hoàn toàn không bị phân hủy, mặc dù đã nằm ở đó rất lâu. Vào ngày 13 tháng 1 năm sau, thi hài thánh của vị tu sĩ đáng kính đã được rước về thành phố Solun hay Thessaloniki, nơi thi hài ngài vẫn an nghỉ cho đến ngày nay[7123] .

Nhờ những lời cầu nguyện của vị Thánh đáng kính và là Cha Thánh của chúng ta, Thánh Euphymius, xin cho tất cả chúng ta được giải thoát khỏi những bệnh tật về tâm hồn và thể xác, và xin cho chúng ta được xứng đáng với Nước Trời nhờ Đức Kitô Giêsu, Chúa của chúng ta, Đấng mà xứng đáng nhận mọi vinh quang, danh dự và sự thờ phượng cùng với Cha Ngài là Đấng Vô Thỉ và Thánh Thần, đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Bằng những giọt nước mắt của ngài, ngài đã dìm chìm những kẻ thù vô hình, những cơn sóng xao động của đám đông đã qua đi như sương mù, hỡi Thánh Euphymius, vị tu sĩ khôn ngoan của Chúa, và nhờ ân sủng của những phép lạ, ngài đã chữa lành mọi đam mê: xin ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Cuộc đời và sự chịu khổ của vị thánh tử đạo Lucian, linh mục thành Antioch

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 10

Thánh Lucian xuất thân từ một gia đình sùng đạo ở thành phố Samosata[7123] , thuộc Syria. Khi mới mười hai tuổi, Lucian mồ côi cha mẹ và đã phân phát toàn bộ tài sản thừa kế từ cha mẹ cho người nghèo; còn bản thân ngài thì lên đường đến thành phố Edessa để gặp vị chứng nhân đức tin Macarius và, dưới sự hướng dẫn của ngài, đã say mê nghiên cứu Kinh Thánh. Bên cạnh đó, Lucian sống một cuộc đời tu hành nghiêm ngặt. Ông không bao giờ uống rượu, chỉ uống nước; thức ăn của ông chỉ gồm bánh mì khô với nước, nhưng ông chỉ ăn một lần mỗi ngày, và đôi khi cả tuần liền không ăn gì cả[7124] . Nhờ lối sống đạo đức nghiêm ngặt, cũng như nhờ việc nhiệt thành truyền bá Lời Chúa giữa người Do Thái và dân ngoại, Lucian đã được tấn phong làm linh mục tại Antioch. Tại đây, Lucian đã thành lập một trường học, thu hút đông đảo học trò và trở thành người hướng dẫn về sự khôn ngoan trong học thuật lẫn tâm linh: ông dạy cách hiểu Kinh Thánh và đồng thời hướng dẫn họ sống một cuộc đời đạo đức[7125] . Vào thời gian này, Lucian đã kết hợp vào công việc giảng dạy của mình việc hiệu đính văn bản Kinh Thánh, vốn đã bị các kẻ dị giáo làm sai lệch nghiêm trọng với mục đích xấu xa. Để thực hiện công việc hữu ích này, Lucian đã học tiếng Do Thái trước đó[7126] .

Khi danh tiếng về những đức hạnh của Lucian lan rộng khắp nơi, thì vị vua độc ác Maximian Galerius đã biết đến ông. Với mong muốn nhổ tận gốc và tiêu diệt đức tin thánh thiện ở các nước phương Đông, Maximian đã tra tấn và giết hại rất nhiều Kitô hữu, đặc biệt là những vị thầy Kitô giáo uyên bác và nổi tiếng. Kẻ vô pháp này cho rằng nếu ông ta lật đổ được những trụ cột của Giáo hội này, thì Giáo hội của Chúa Kitô cũng sẽ sớm sụp đổ. Vào thời điểm đó, ông ta đã giết chết Thánh Anphim của Nicomedia và Thánh Phêrô của Alexandria[7127] . Khi nghe tin về Thánh Lucian, ông ta ra lệnh tìm kiếm và đưa ông đến để tra tấn. Lúc bấy giờ, có một linh mục tên là Pancratius – người theo tà thuyết Sabellius – đang sống tại Antioch, đã chỉ cho những người được vua phái đi biết nơi Thánh Lucian đang ở. Pancratius từ lâu đã ghen tị với danh tiếng tốt đẹp của Lucian và, giống như Giu-đa, đã phản bội

---

[7123] Samosata – thành phố chính của tỉnh Commagene thuộc Syria, nằm trên bờ tây sông Euphrates; hiện nay được gọi là Samsat.

[7124] Nhờ cuộc đời đạo đức của mình, Lucian, như cuốn tiểu sử của ngài kể lại, đã được ban cho ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa, đến nỗi khi ngài đi dạo trong thành phố, có người nhìn thấy ngài, nhưng những người khác lại không thấy (Lời mở đầu ngày 15 tháng 10).

[7125] Tại đây, ông cũng chuyên sao chép các sách Thánh Kinh và đã đạt đến trình độ điêu luyện trong công việc này; nhờ công việc này, Lucian đã nuôi sống bản thân và cả những người nghèo khó.

[7126] Công trình học thuật nổi tiếng nhất của Lucian là việc rà soát và hiệu đính bản văn tiếng Hy Lạp của Kinh Thánh. Thánh Giê-rô-ni-mô, linh mục của Giáo hội An-ti-ô-khia, đã dành nhiều công sức cho Kinh Thánh đến nỗi cho đến nay, một số bản sao vẫn được gọi là "bản của Lucian". Thánh Lucian đã phát hiện ra trong bản văn thánh những sai sót, không chỉ do thời gian gây ra mà còn do những kẻ có ý đồ xấu, và vì thế ngài đã quyết định sử dụng công sức và kiến thức của mình để truyền lại cho Giáo hội bản văn chính xác nhất. Thánh Athanasius đã nói như sau về các công trình của Thánh Lucian: "Lucian đã xem xét các bản dịch trước đây và các sách Do Thái, đồng thời chú ý kỹ lưỡng đến những gì còn thiếu hoặc thừa, và đã sửa chữa mọi thứ đúng chỗ của nó". Để bảo vệ khỏi những kẻ thù của đức tin, trong thời gian Thánh Lucian chịu tử đạo, tác phẩm của ngài đã được cất giấu trong tường, nơi chiếc hộp đựng bản thảo được trát vôi kín; và tại đây, dưới thời Hoàng đế Constantine Đại đế, bản văn đã được Thánh Lucian hiệu đính lại đã được tìm thấy và bắt đầu được sử dụng rộng rãi.

[7127] Ngày kỷ niệm Thánh Anphim là ngày 3 tháng 9, còn Thánh Phêrô thành Alexandria là ngày 26 tháng 11.

người vô tội đến chết. Sau đó, Thánh Lucian bị những kẻ vô đạo bắt giữ và đưa đi chịu hình phạt tại Nicomedia[7128]
.

Vào thời điểm đó, tên tra tấn tàn bạo này đã nổi cơn thịnh nộ với các Kitô hữu đến mức, giống như Hê-rốt thứ hai, hắn còn giết cả những đứa trẻ Kitô hữu. Muốn làm ô uế các em bằng những thức ăn dâng cúng thần tượng, hắn ra lệnh ép buộc nhét những món ăn đó vào miệng các em; nhưng các em, được Thánh Thần soi sáng, đã từ chối nhận chúng, và vì thế mà bị giết.

Tại đó, có hai thiếu niên quý tộc – là anh em ruột – đang có mặt; họ, được cha mẹ dạy dỗ, nhưng hơn hết là được Thiên Chúa soi sáng, đã cực kỳ ghê tởm việc thờ lạy thần tượng. Kẻ tra tấn gọi hai thiếu niên đến, bắt đầu dụ dỗ họ bằng những lời ngọt ngào và cám dỗ bằng những món ăn ngọt ngào từ lễ vật dâng cho thần tượng, mong muốn qua đó khiến họ trở thành đồng phạm trong những điều ô uế của ma quỷ. Còn hai thiếu niên, đẩy những món ăn đó ra, nói:

– Cha mẹ đã dặn dò chúng con không được nếm những thức ăn này, vì ai nếm chúng thì sẽ làm Chúa Kitô phật lòng.

Vì điều này, tên tra tấn đã ra lệnh đánh họ không thương xót bằng roi; còn các thiếu niên, giống như những người đàn ông trưởng thành, đã chịu đựng những cực hình với lòng kiên nhẫn phi thường. Lúc đó, một trong những cận thần của hoàng đế nói:

– Thật là một sự nhục nhã lớn lao, nếu những đứa trẻ nhỏ, mới vừa thoát khỏi tã lót, lại chiến thắng vị vua La Mã bằng sự kiên nhẫn của chúng. Xin ngài, vị vua vĩ đại, hãy giao những đứa trẻ này cho tôi, và tôi sẽ dạy chúng tôn kính các vị thần.

Vua đã giao những đứa trẻ đó cho ông ta. Ông ta lập tức cạo trọc đầu chúng, bôi mù tạt cay nồng lên người rồi nhốt chúng vào phòng xông hơi nóng; vì thế, đầu các em bốc cháy như ngọn lửa, như thể bị sét đánh trúng; cả hai anh em đều qua đời trong cực hình đó. Đầu tiên, người em út ngã xuống chết, còn người anh cả, khi nhìn thấy em trai mình đã chết, liền kêu lên:

– Anh đã chiến thắng rồi, anh em ơi, anh đã chiến thắng; Chúa sẽ giúp đỡ anh! Sau đó, trong khi hôn thi thể người em đã chết, anh cũng trút hơi thở cuối cùng. – Sự việc này xảy ra tại Nicomedia, nơi Thánh Lucian bị dẫn đi chịu hình phạt.

Tại Cappadocia, nơi nằm trên đường đến Nicomedia, Lucian đã nhìn thấy những người lính, những người vì sợ hãi sự tra tấn mà đã chối bỏ Chúa Kitô. Lucian bắt đầu khuyên nhủ họ hãy kiên nhẫn chịu đựng sự tra tấn và nói:

– Thật là nhục nhã và hổ thẹn cho các ngươi! Các ngươi, với tư cách là những người lính, luôn hy sinh sức khỏe của mình trên chiến trường vì vị vua trần gian và tạm thời, và sẵn sàng hiến dâng linh hồn mình vì ngài, nhưng lại không muốn dũng cảm đứng lên vì Đấng Vua Thiên Đàng Vĩnh Cửu là Chúa Kitô, và không chỉ tự thương xót bản thân mà còn từ chối Ngài! Hãy suy xét: việc vâng lời vị vua trần gian mang lại lợi ích gì cho các ngươi? Và đồng thời, hãy suy ngẫm xem các ngươi đang từ bỏ điều gì khi không tuân theo mệnh lệnh của Vua Thiên Đàng? Vì danh vọng và vinh quang hão huyền, các ngươi tự đẩy mình vào cảnh diệt vong như vậy; còn vì Chúa của các ngươi, Đấng đã đổ máu vì chúng ta và chuẩn bị những ân huệ khôn tả cho các tôi tớ của Ngài, các ngươi lại không muốn chịu đựng những đau khổ tạm thời để được trị vì cùng Ngài mãi mãi. Hãy hổ thẹn trước những đứa trẻ nhỏ và những người phụ nữ yếu đuối, những người đã tỏ ra dũng cảm hơn các ngươi: vì họ đã dũng cảm đứng lên vì Chúa của mình, trở nên như những người đàn ông mạnh mẽ, còn các ngươi, vì sợ hãi những đau khổ, đã trở nên như những người phụ nữ và những đứa trẻ nhỏ. Điều gì sẽ xảy ra với các ngươi khi Đức Kitô gọi các ngươi đến trước tòa án của Ngài?

Nghe những lời này, các chiến binh lại quay về với Chúa Kitô trong sự sám hối và đi chịu cực hình, xưng danh thánh Chúa Giêsu Kitô bằng cả trái tim và đôi môi. Và lúc bấy giờ, có khoảng bốn mươi chiến binh đã bị hành hình vì Chúa Kitô. Như vậy, Thánh Lucian, bằng lời nói ngọt ngào và tràn đầy ân sủng Thiên Chúa, đã một lần nữa dẫn dắt những người đã xa rời Chúa Kitô trở lại với Ngài và củng cố họ để thực hiện việc chịu tử đạo.

[7128] Năm 308, dưới triều đại Hoàng đế Diocletian, Thánh Lucian nằm trong số những người làm chứng cho đức tin tại Nicomedia, nơi lúc bấy giờ đang diễn ra cuộc bách hại dữ dội đối với các Kitô hữu; từ đó, ngài đã thông báo cho Giáo hội Antiôkhia về cái chết tử đạo của Thánh Anphim thành Nicomedia; nhưng lần này, ngài đã được thả tự do một cách bất ngờ và trở về Antiôkhia, nơi ngài tiếp tục các hoạt động Kitô giáo như trước đây.

Khi Thánh Lucian được đưa đến Nicomedia, ngài gặp lại nhiều Kitô hữu mà ngài quen biết cùng các môn đệ của mình, những người đang sống trong nỗi sợ hãi tột độ vì lo ngại cuộc bách hại. Một số trong họ đang lẩn trốn, còn những người khác lại muốn từ bỏ đạo Kitô vì sợ hãi những cực hình tàn bạo và cái chết. Thánh Lucian, bằng sức mạnh của lời nói, đã khơi dậy lòng dũng cảm nơi họ và làm cho họ vững vàng trong đức tin, để họ không sợ những kẻ giết thân xác chứ không giết linh hồn (Mt 10,28).

Người ta kể lại rằng có một thiếu nữ tên là Pelagia, là môn đệ của Lucian, đã bị truy lùng để tra tấn vì đức tin vào Chúa Kitô; vì lo sợ sự trinh khiết của mình sẽ bị hủy hoại, thiếu nữ ấy đã nhảy xuống từ một cửa sổ cao và, khi rơi xuống, đã bị gãy xương và qua đời; các tín hữu đã tôn vinh cô như một vị tử đạo[7129] .

Vì Maximian đã nghe nói rằng Lucian có khuôn mặt rất dễ mến và cách trò chuyện của ông hấp dẫn đến mức bất cứ ai nhìn thấy và lắng nghe ông đều chắc chắn trở thành Kitô hữu, nên hoàng đế lo sợ rằng chính mình cũng sẽ trở thành Kitô hữu nếu trực tiếp trò chuyện với Lucian. Vì vậy, khi Lucian được dẫn đến trước mặt hoàng đế, ông đã trò chuyện với ông ta từ một khoảng cách nhất định, qua tấm màn[7130] . Ban đầu, ông hứa hẹn với Lucian nhiều quà tặng và vinh dự; nhưng khi vị thánh cười nhạo những lời nịnh hót và xảo trá của ông, Maximian bắt đầu đe dọa ông bằng những hình phạt mới. Lucian không hề nao núng trước những lời đe dọa đó; ông bị tống vào ngục tối, nơi ông phải chịu đựng vô số hình phạt khác nhau. Tại đó, ông bị trói bằng dây thừng, bị đánh bằng những hòn đá nhọn và bị bỏ đói, bỏ khát trong thời gian dài. Trong số nhiều hình phạt, có một hình phạt như sau: các chi thể của ngài bị bẻ gãy khỏi khớp xương và ngài bị đặt nằm ngửa trên những mảnh gốm sắc nhọn, nơi ngài phải nằm suốt 14 ngày. Khi lễ Hiển Linh của Chúa đến, vị thánh đã cầu xin cho ngài và tất cả các Kitô hữu đang ở cùng ngài được phép rước Mình Thánh Chúa. Ngài đã cầu nguyện với Thiên Chúa để được toại nguyện, và Thiên Chúa đã sắp đặt sao cho, nhờ sự lơ là của lính canh, một số tín hữu đã tụ tập tại nhà tù nơi Lucian đang bị giam giữ và mang theo bánh và rượu. Lúc đó, Thánh Lucian đã nói với các môn đệ của mình và tất cả các Kitô hữu đang ở trong nhà tù:

– Hãy đứng xung quanh tôi và trở thành Hội Thánh, vì tôi tin rằng Hội Thánh sống động tốt đẹp và được Chúa ưa chuộng hơn là Hội Thánh được xây dựng bằng gỗ hay đá.

Khi tất cả đã vây quanh Thánh Lucian, ngài nói:

– Chúng ta hãy cử hành Thánh lễ và rước Mình Thánh Chúa. Lúc đó, các môn đệ hỏi ngài:

– Thưa Cha, chúng con sẽ đặt bánh ở đâu để cử hành các Bí tích thánh? – Ở đây chúng ta không có bàn.

Ngài, đang nằm ngửa với tay chân bị trói, nói:

– Hãy đặt lên ngực con, và đó sẽ là ngai vàng sống động dành cho Thiên Chúa Hằng Sống.

Vậy là, ngay trong ngục tối, trên ngực vị thánh, Thánh lễ đã được cử hành, với tất cả các lời cầu nguyện thích hợp – theo nghi thức, như lẽ ra phải thế – và tất cả đều được rước Mình Thánh Chúa.

Sáng hôm sau, nhà vua sai các tôi tớ đến xem Lucian còn sống hay không. Khi các tôi tớ bước vào cửa ngục, thánh Lucian, vừa thấy họ, liền kêu lên ba lần:

– Ta là người Kitô hữu!

Và với những lời ấy, ngài đã trút hơi thở cuối cùng vào tay Chúa Kitô, Thiên Chúa của ngài[7131] .

Các tôi tớ trở về báo với Maximian rằng Lucian đã qua đời. Lúc đó, hoàng đế ra lệnh ném thi thể vị tử đạo xuống biển; các tôi tớ đã làm theo: họ buộc một hòn đá vào thi thể đầy thương tích của Thánh Lucian, rồi ném xuống vực thẳm biển cả, và thi thể ấy nằm dưới biển suốt ba mươi ngày.

[7129] Ngày kỷ niệm là ngày 8 tháng 10.

[7130] Nhà sử học Giáo hội Eusebius đã viết rằng Thánh Lucian, người bị đưa ra trước Hoàng đế Maximian vì đức tin, đã rao giảng Nước Trời của Chúa Kitô trước hết bằng lời qua tác phẩm "Bản Bào chữa", sau đó bằng hành động. Khi nói về sự Phục sinh của Chúa Kitô trong "Bản Bào chữa" của mình, Lucian viết: "Tôi sẽ dựa vào lời chứng của chính nơi mà sự việc này đã xảy ra: chính nơi đó cũng đồng ý với tôi. Núi Golgotha, rực rỡ dưới vinh quang của Thập tự giá, hang động ấy, nơi có lối vào dẫn xuống địa ngục, đã đón nhận lại Thân thể đã sống lại, để Ngài được nâng lên trời một cách rực rỡ hơn… Tôi xin đưa chính bầu trời làm chứng cho các bạn, bầu trời ấy, khi chứng kiến những việc làm của những kẻ vô đạo trên đất, đã che khuất ánh sáng của mình vào giữa trưa. Hãy tra cứu trong các biên niên sử của các bạn, các bạn sẽ thấy rằng dưới thời Pilate, khi Chúa Kitô chịu khổ nạn, ngày đã bị gián đoạn bởi một trận nhật thực." – Ngoài những tác phẩm này, Thánh Lucian còn để lại "Tuyên xưng đức tin về Chúa Ba Ngôi".

[7131] Thánh Lucian qua đời vào năm 312 sau Công nguyên, ngày 7 tháng 1, như được thấy trong lời của Thánh Gioan Kim Khẩu nhân ngày kỷ niệm ngài: "Vậy thì, hôm qua Chúa chúng ta đã chịu phép rửa bằng nước, còn hôm nay, tôi tớ của Ngài chịu phép rửa bằng máu." Trong Giáo hội Hy Lạp, ngày tưởng niệm Thánh Lucian sau này đã được chuyển sang ngày 15 tháng 10, dành riêng ngày 7 tháng 1 để cử hành Lễ Thánh Gioan Tiền Hô

Sau đó, vị tử đạo hiện ra với một trong những môn đệ của ngài, tên là Glycerius, và truyền cho anh ta ra bờ biển, vớt thi thể ngài lên và an táng. Glicerius cùng với các Kitô hữu khác ra bờ biển để tìm thi hài của vị thánh; và họ thấy trên biển có những con cá heo đang mang theo thi hài bất hoại của vị tử đạo; khi bơi vào gần bờ, chúng đặt thi hài ấy lên một nơi khô ráo. Lúc đó, các tín hữu vui mừng đón nhận thi hài của vị thánh tử đạo và an táng ngài một cách trang trọng.

Nhiều năm sau, Nữ hoàng Thánh Hê-lê-na, người ngang hàng với các Tông đồ, mẹ của Hoàng đế Constantine Đại đế, đã xây dựng một nhà thờ trên ngôi mộ của vị thánh tử đạo Lucian[7132] để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi; và Ngài cũng là Đấng mà chúng ta dâng lên vinh quang, danh dự và sự thờ phượng cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Người đầu tiên tỏa sáng trong sự sùng kính, và người thứ hai tỏa sáng trong sự đau khổ, tất cả chúng ta, như một ngôi sao sáng chói nhất, hãy tôn vinh Luciana bằng những bài ca, người không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng ta.

Lễ kỷ niệm các thánh tử đạo Sarvil và Vevê

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 10

Thánh Sarvil, sống dưới triều đại của Hoàng đế Trajan[7133] , ban đầu là một thầy tế lễ thần tượng tại Edessa[7134] , sau đó, được một vị giám mục Kitô giáo đạo đức dạy dỗ, ngài đã chịu phép rửa tội cùng với em gái mình là Vevea. Bị cáo buộc trước công tước Edessa vì tuyên xưng đức tin Kitô giáo, ngài đã phải ra tòa và bị đánh bằng gậy. Vì vị thánh đã vạch trần vị công tước với sức mạnh phi thường và chứng minh sự hư vô của các vị thần ngoại đạo, nên vị công tước tức giận đã ra lệnh bảy lần đưa ngài lên giá tra tấn, và mỗi lần như vậy, ngài đều bị đánh bằng gân bò, cạo bằng lược sắt và thiêu đốt bằng nến. Nhưng vị thánh đã hướng về Thiên Chúa và cầu nguyện, và Chúa Toàn Năng đã làm dịu bớt những đau đớn của ngài. Kẻ tra tấn, khi thấy sự kiên nhẫn cao cả của vị thánh, đã ra lệnh đóng đinh vào đầu ngài, khiến mọi người kinh hoàng. Lúc đó, Vevêya, em gái của vị thánh, đã thú nhận rằng mình cũng là một Kitô hữu, và bà cũng bị tra tấn rồi bị giam vào ngục tối. Da của thánh Sarvil bị lột sạch, nhưng ngài vẫn còn thở. Sau đó, cả hai đều bị chém đầu[7135] . Các tín hữu đã mang thi thể của họ đi chôn cất.

Lễ kính Thánh Savin, Giám mục Catania

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 10

Thánh Savin, nhờ những đức hạnh cao cả và sự khôn ngoan của mình, đã được bầu làm giám mục tại Catania[7136] ; nhưng sau đó, ngài đã từ bỏ những lo toan trần thế để theo đuổi đức hạnh im lặng, và nỗ lực hết mình trên con đường hướng tới sự hoàn hảo, dành trọn thời gian cho việc cầu nguyện và ăn chay, đến nỗi ngay khi còn sống, ngài đã được ban ân sủng làm phép lạ và tiên tri. Ngài đã thuyết phục nhiều người từ bỏ thế gian và chỉ phụng sự Chúa Kitô. Ngài qua đời trong bình an[7137] , trao linh hồn cho Chúa, còn thân xác thánh thiện thì an nghỉ trên mảnh đất quê hương.

[7132] Ngôi thánh đường tráng lệ này được xây dựng bởi Thánh Nữ hoàng Helena, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, vào năm 326 (tại Bithynia, trong thành phố Drepanum, được đặt tên là Helenopolis để vinh danh Thánh Nữ hoàng Helena). Dưới thời Hoàng đế La Mã Charlemagne, di cốt của Thánh Lucian đã được chuyển từ Helenopolis đến thành phố Arles, Pháp.

[7133] Hoàng đế La Mã Trajan trị vì từ năm 98 đến năm 117.

[7134] Edes là một thành phố ở Cilicia – vùng phía đông nam của Tiểu Á.

[7135] Ngài qua đời vào đầu thế kỷ II.

[7136] Catania – một thành phố cổ trên bờ đông của Sicily; hiện nay là một thành phố sầm uất về giáo dục và thương mại, với dân số hơn 100.000 người.

[7137] Ông qua đời vào khoảng năm 760.

Cuộc đời của Thánh Gioan, Giám mục Suzdal[7138]

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 10

Đối với vị Cha đáng kính của chúng ta, vị Thầy vinh quang và kiên định, Giám mục Gioan, Giêrusalem trên trời dường như là quê hương và tổ quốc của ngài, bởi vì, qua cuộc đời của mình, vị thánh có thể được gọi là Thiên thần trần gian và con người thiên đàng.

Về nơi sinh của vị thánh – dù là một thành phố hay cả một vùng đất – về cha mẹ ngài, việc học chữ và thời điểm ngài nhận tu, thì không còn thông tin nào được lưu giữ. Chỉ biết rằng Thánh Gioan đã sống tại một tu viện nào đó, nơi ngài, trong khi thi hành các nhiệm vụ được giao phó, nổi bật bởi sự vâng phục đối với vị tu viện trưởng và các tu sĩ, tự rèn luyện thân xác bằng sự kiêng khem nghiêm ngặt, chiến thắng các dục vọng và những lời vu khống của ma quỷ. Ngài được các tu sĩ trong tu viện và vị tu viện trưởng yêu mến và ca ngợi , vì ngài là hiện thân của mọi đức tính, theo lời Thánh Phaolô: *"Quả của Thánh Thần là tình yêu, niềm vui, bình an, kiên nhẫn, nhân từ, lòng thương xót, đức tin, hiền lành và tiết độ: những điều này không bị luật pháp ràng buộc"* (Ga-la-ti 5:22–23), và theo lời Thi sĩ: *"Phúc cho những ai vô tội trên đường lối, những ai bước đi theo luật pháp của Chúa. Phúc cho những ai tuân giữ những lời mặc khải của Ngài, những ai tìm kiếm Ngài bằng cả trái tim. Phúc cho người nam kính sợ Chúa và hết lòng yêu mến các điều răn của Ngài. Dòng dõi của người sẽ mạnh mẽ trên đất"* (Thi Thiên 118:1–2, 111:1–2).

Vị Bề trên của tu viện ấy, một người có kinh nghiệm sâu sắc trong đời sống tu hành, đã hướng dẫn Thánh Gioan và dạy ngài về luật lệ tu viện, khuyên ngài hãy luôn giữ lòng kính sợ Chúa trước mắt mình, đừng coi thường những người nghèo khó, đừng tự cao vì những thị kiến, nhưng luôn sống trong sự khiêm nhường, đừng nản lòng trước những nỗi buồn; mà hãy can đảm chịu đựng chúng và không than vãn về những tai ương xảy ra. Bởi vì, theo sự soi dẫn của Thánh Thần, vị Bề trên đã tiên kiến rằng Thánh Gioan sẽ được nhận ngôi giám mục và chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô một cách trung thành.

Tiếp nhận những lời dạy dỗ thiêng liêng của vị tu viện trưởng, vị thánh đã thực hành chúng một cách cẩn trọng hơn nữa, giống như mảnh đất màu mỡ, làm cho những hạt giống được gieo xuống sinh sôi gấp trăm lần. Ngài ăn chay đến mức chỉ dùng bữa mỗi hai ngày một lần, và đôi khi cả tuần không ăn gì, ngoài nước thì không uống gì cả. Ngài miệt mài nghiên cứu các sách thánh, đọc chúng mà không hề nghi ngờ, và với lòng cảm động, ngài tự giải thích những điều được ghi chép trong đó, làm ướt chiếc áo choàng lông cừu của mình bằng những giọt nước mắt. Và chính Chúa đã ban cho ngài những giọt nước mắt ấy, đến nỗi nếu không có chúng, ngài không thể nếm miếng bánh nào, cũng không thể thốt ra lời nào, luôn hướng tâm trí về sự khiêm nhường, theo lời của vị Tông đồ: *"Chúa chống lại những kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ân sủng cho những người khiêm nhường"* (Gia-cơ 4:6; xem 1 Phi-e-rơ 5:5).

Vào thời đó, Đại công tước Suzdal là Boris Konstantinovich[7139] . Theo sự an bài của Đức Chúa Trời, vị thánh phúc lành Gioan, nhờ đức hạnh cao cả, lòng khiêm nhường và cuộc đời tu hành thành công, đã được Thượng phụ Constantinople bổ nhiệm làm giám mục các thành phố Suzdal, Nizhny Novgorod và Gorodets. Sau khi trao quyền chăn dắt đoàn chiên cho Thánh Gioan, Đức Thượng phụ đã tiễn ngài lên đường bình an đến thành Suzdal.

Khi giám mục đến gần thành phố, Đại công tước Boris Konstantinovich, người có đức tin vững vàng, đã ra đón ngài cùng với các quan chức cao cấp. Hội đồng linh mục, các tu sĩ, toàn thể giáo sĩ cầm thánh giá và đông đảo dân chúng, gồm nam nữ, người già, thanh niên và trẻ em, cũng ra đón giám mục. Khi vị giám mục đến gần cổng thành, toàn thể dân chúng đã vây quanh ngài; trong khi cúi đầu kính cẩn trước ngài, các tín hữu nhận lời chúc lành từ vị thánh và hôn chân ngài, đồng thời cất tiếng hát những bài thánh ca cầu nguyện với những giọt nước mắt vui sướng. Thánh Gioan ra lệnh cho dân chúng thường xuyên kêu lên: "Lạy Chúa, xin thương xót" và, giơ hai tay lên trời, ngài bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa, lạy Đức Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng con, Vua của các vua và Chúa của các chúa, Đấng Tạo Hóa của muôn loài hữu hình và vô hình, Con Một đồng bản thể và đồng nguyên thủy với Cha Vô Thể! Là kẻ

[7138] Nội dung được trình bày dựa trên cuốn tiểu sử do tu sĩ Grigori của Tu viện Spassky Evfimiev biên soạn vào quý thứ hai của thế kỷ XVII, người đã tham khảo các truyền thuyết địa phương và các nguồn tài liệu viết.

[7139] Boris – chắt của Andrei, con trai của Thánh Alexander Nevsky

nghèo hèn và khốn khổ, con dám kêu cầu danh thánh kỳ diệu, đáng kính và thánh thiêng của Ngài. Con kêu cầu Ngài, Ánh Sáng không thể diễn tả, Đấng đã mặc lấy thân xác yếu đuối mà Ngài đã nhận lấy vì sự cứu rỗi của chúng con. Xin đừng từ chối lời cầu nguyện khốn khổ của con, xin cứu lấy thành phố này, nơi ân sủng của Ngài đã định cho sự khiêm nhường của con ngự trị. Xin cứu mọi thành phố và mọi quốc gia khỏi nạn đói tàn khốc, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn và gươm đao, khỏi sự xâm lược của các dân tộc ngoại bang và nội chiến, vì Ngài là Đấng nhân từ, và chúng con dâng vinh quang lên Ngài đến muôn đời.

Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, vị thánh nói:

– Bình an cho mọi người.

Dân chúng đáp: "A-men."

Sau đó, mọi người cùng nhau trở về thành phố, ngợi khen Thiên Chúa. Sau khi kết thúc các bài thánh ca cầu nguyện, Đức Giám mục Gioan bước vào nhà thờ Đức Mẹ Thiên Chúa, Nữ Vương Thánh Thiện và Đáng Chúc Tụng, Đức Trinh Nữ Maria, để cử hành lễ Giáng Sinh vinh hiển và đáng kính của Mẹ[7140] . Một phần dân chúng đi cùng giám mục vào nhà thờ để tham dự Thánh lễ, còn những người khác, do nhà thờ không đủ chỗ, đứng xung quanh nhà thờ, dâng lời tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã ban cho họ một vị giám mục kỳ diệu và thánh thiện đến vậy. Khi Thánh lễ được cử hành xong, Hoàng tử Boris Konstantinovich và những người đi cùng ngài đã được chứng kiến một cảnh tượng kỳ diệu. Họ thấy ân sủng thiêng liêng của Thiên Chúa đã ngự xuống trên vị thánh, dưới hình dạng một ánh sáng rực rỡ, và bao trùm lấy ngài. Sau khi nhận bánh thánh từ tay vị giám mục, Hoàng tử Boris Konstantinovich và các công dân đã ngợi khen Chúa Kitô, hôn lên mặt Thánh Gioan và mỗi người trở về nhà mình.

Sáng hôm sau, vào ngày Chủ nhật, Thánh Gioan, sau khi cử hành thánh lễ, đã được tấn phong lên ngai giám mục. Ngài ban bình an cho đoàn chiên trung thành và làm tràn ngập lòng mọi người bằng niềm vui thiêng liêng. Vị Giám mục đã tiếp đón tất cả những người có mặt bằng những lời an ủi; và lời của ngài, theo lời Thánh Tông đồ, *"được nêm muối"* (Col 4:6), đã tưới mát lòng người như dòng sông chảy ra mật ong. Vào một ngày Chúa Nhật, sau khi tập hợp tất cả các công dân lại, vị Giám mục đã hướng đến họ với bài giảng thiêng liêng sau đây:

– Anh em ơi, tôi thật sự lo sợ, vì chức vụ giám mục vượt quá khả năng của tôi; tôi kinh hoàng khi nghĩ đến cái chết của mình và suy ngẫm về sự vĩ đại của công việc được giao phó cho tôi, vì tôi thấy mình không xứng đáng với chức vụ giám mục. Nhưng Chúa đã đặt tôi làm mục tử chăn dắt đoàn chiên Lời của Ngài và dẫn dắt tôi đến chức vụ này qua những định mệnh chỉ Ngài mới biết, những định mệnh ấy – *"vực thẳm sâu thẳm"* (Thánh Vịnh 35:7). Vì vậy, im lặng đối với tôi sẽ là một tội lỗi, và tôi phải xem mình không phải là kẻ làm thuê, mà là mục tử. Tôi khẩn khoản xin anh em, hãy đứng vững và bám chặt vào đức tin chân chính, tránh xa mọi sự ô uế, dâm dục, dối trá, trộm cắp, ghen tị, vu khống và thờ ngẫu tượng; hãy xa lánh mọi tà giáo và mọi điều ác; thường xuyên đến các thánh đường của Đức Chúa Trời và tuân giữ công lý. Vì sứ đồ đã nói: *"Không ai có thể đặt nền tảng nào khác ngoài nền tảng đã được đặt sẵn, đó là Đức Giêsu Kitô"* (1 Cr 3,11). Nền tảng này đã được đặt qua các thánh Tông đồ và các thánh Tổ phụ mang Thiên Chúa; đó chính là đức tin Chính Thống, được rao giảng, xác nhận và giải thích bởi các Công đồng Toàn cầu thánh thiện. Trên nền tảng đức tin này, theo lời Thánh Tông đồ, chúng ta phải đặt vàng, bạc và đá quý[7141] – nói một cách đơn giản: thực hiện những việc lành trên nền tảng này. Bởi vì cuộc sống ngoài đức tin chân chính hướng về Thiên Chúa là cuộc sống thiếu ánh sáng, và đức tin mà không có việc lành thì không thể dẫn chúng ta đến với Thiên Chúa. Chúng ta cần tuân giữ cả hai điều này để trở thành con người trọn vẹn của Đức Chúa Trời và để cuộc sống của chúng ta không bị thiếu sót, vì vị Tông đồ đã nói rằng chỉ có *"đức tin thể hiện qua tình yêu thương"* mới cứu rỗi (Ga-la-ti 5:6).

Ngay sau khi nhậm chức, theo lệnh của Đại công tước Boris, thánh Ioann đã lên đường đi thị sát thành phố, đi vòng quanh bên trong và vùng lân cận cùng với Hội đồng Thánh và các giáo sĩ, mang theo thánh giá và các bức tượng thánh, vừa đi vừa hát những bài thánh ca cầu nguyện dâng lên Chúa. Đại công tước Boris Konstantinovich,

---

[7140] Nhà thờ này được xây dựng vào những năm đầu của Kitô giáo tại Suzdal và đã được tu sửa nhiều lần. Nhà thờ bằng đá này được Đại công tước Georgy Vsevolodovich khởi công xây dựng vào năm 1221, và được trùng tu vào năm 1528. Trong nhà thờ có các hòm đựng di cốt bất hoại của các thánh và các vị làm phép lạ Gioan và Phê-ô-đô-rô, các giám mục Suzdal. Tại bàn thờ của nhà thờ, phía sau bàn dâng lễ, có một cây thánh giá, dưới chân thánh giá này, trong một hòm bạc, có một mảnh của Thánh Giá Cứu Thế. Trong nhà thờ còn có bức tranh thánh kỳ diệu của Đức Mẹ Odigitria, được gọi là Smolenskaya. Bức tranh này đã được chuyển đến đây vào thời kỳ Thánh Gioan từ Gorodets làm giám mục.

[7141] 1 Cô-rinh-tô 3:12.

cùng các quan đại thần, các công tước và các quý tộc khác, đã đến gặp ngài để xin sự ban phước. Đức Giám mục đã ban phước cho họ. Sau đó, Đại công tước trao cho ngài năm trăm đồng vàng và nói:

– Thưa Đức Cha, với tư cách là người mới được tấn phong và mới đến đây, ngài hiện nay sẽ phải phân phát rất nhiều cho các con chiên nghèo khó của Giáo hội. Xin hãy nhận lễ vật này của chúng tôi.

Nhưng Thánh Gioan không đồng ý nhận. Lúc đó, Đại công tước lại nói với ngài:

– Xin hãy nhận lấy, hỡi vị Cha đáng kính, món quà nhỏ này từ con trai của ngài.

Thấy lòng nhiệt thành của ngài, vị thánh nhân đã nhận món quà và giao vàng cho các tôi tớ để phân phát, còn với vị đại công tước trung thành, ngài nói theo lời của người hát Thánh vịnh:

– *"Xin Ngài ban cho ngài theo lòng ngài và thực hiện mọi ý định của ngài. Xin Ngài ghi nhớ mọi của lễ của ngài và làm cho của lễ toàn thiêu của ngài trở nên dồi dào"* (Thánh vịnh 19:5, 4).

Sau khi đi vòng quanh thành phố, vị giám mục cùng với hội đồng thánh, các linh mục, các hoàng tử, các quý tộc và dân chúng đã bước vào nhà thờ thánh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và cử hành Thánh lễ và nghi thức cầu nguyện tại đây. Sau khi kết thúc thánh lễ, hoàng tử dùng bữa trưa tại phòng ăn của giám mục và ra lệnh phân phát bánh mì cho toàn thể dân chúng. Sau khi no nê, mọi người tản ra, mỗi người về nhà mình.

Giám mục Gioan tận tụy với các công việc thiêng liêng, vừa dạy dỗ vừa răn đe, vừa củng cố đức tin vừa an ủi; ngài hào phóng giúp đỡ người nghèo, và bằng hành động, ngài đã thể hiện cho mọi người thấy hình mẫu và khuôn mẫu của một đời sống đạo đức. Thấy thu nhập của giáo phận quá dồi dào, Gioan đã ra lệnh dành một phần cho bệnh viện mà ngài đã cải tạo, giao cho hai linh mục đạo đức quản lý, để họ lo liệu cung cấp mọi thứ cần thiết cho nơi này. Đức Giám mục thường xuyên thăm viếng những người bệnh và mang đến cho họ mọi thứ cần thiết, quan tâm đến việc chữa lành cho họ. Khi giảng dạy họ bằng những lời thiêng liêng, ngài đã củng cố tinh thần họ, vì khi lắng nghe những lời nói có ích cho tâm hồn của ngài, họ đã quên đi những đau khổ của mình. Trong thời gian tại chức giám mục, ngài đã, theo lời Phúc Âm, hy sinh linh hồn mình vì đàn chiên của mình (Ga 10:11) và với tình yêu thương, ngài đã lo lắng cho sự cứu rỗi của tất cả mọi người. Không thể nào kể hết một cách xứng đáng về những công lao mà người tôi tớ trung thành của Đức Chúa Trời này đã thực hiện. Ngài dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời; khi cầu nguyện, ngài đứng vững vàng như một bức tượng đồng không lay chuyển. Ngài là người trầm lặng và hiền lành, không bao giờ nổi giận, nuôi dưỡng tình yêu vô bờ bến – đối với cả những người quý tộc lẫn dân thường, và luôn tránh xa sự kiêu ngạo và gian dối. Ngoài những đức tính này, ngài còn sở hữu ân tứ giảng dạy và lời nói, đến nỗi nhiều người đã tìm đến ngài để xin lời dạy dỗ, không chỉ từ Suzdal mà còn từ các thành phố lân cận khác[7142] . Thánh nhân không nói những lời hoa mỹ, mà nói một cách răn dạy, kêu gọi mọi người ăn năn. Ngài dạy những người giàu có đừng tự hào về của cải và đừng trông cậy vào sự giàu có phù du; còn những góa phụ thì phải siêng năng ăn chay và kiêng khem, đồng thời tránh trang điểm lộng lẫy trong trang phục.

Sau khi nhận được những ân sủng thiêng liêng và lợi ích cho linh hồn từ vị thánh, những người được ngài dạy dỗ trở về nhà mình, tạ ơn Thiên Chúa vì đã ban cho họ một vị mục tử như vậy. Nhiều người trong số họ từ bỏ đời sống thế tục và nhận lấy đời sống tu sĩ.

Một lần nọ, Thánh Gioan, theo thói quen thường lệ, đang đứng cầu nguyện trước bức tranh Đức Mẹ của Chúa Giêsu Kitô và, thường xuyên ngước nhìn bức tranh, ngài đã cầu nguyện như sau:

– Lạy Đức Mẹ Thiên Chúa chí thánh, Đấng Bào Chữa vững chắc và Đấng Cứu Giúp loài người, xin hãy làm Đấng Cầu Thay cho chúng con trước Con của Mẹ, để Ngài từ trên cao nhìn xuống thành phố này và tu viện này.

Sau khi hát xong bài thánh ca tạ ơn Đức Mẹ và hoàn thành nghi thức cầu nguyện, Thánh Gioan ngồi xuống để nghỉ ngơi. Nhưng lúc đó, Hoàng tử Boris Konstantinovich, một người sùng đạo, đã đến gặp ngài. Sau khi nhận lời chúc lành từ vị thánh và cầu nguyện, ngài bắt đầu trò chuyện riêng với ngài về những điều có ích cho tâm hồn. Đầy ắp những suy nghĩ đạo đức, hoàng tử đã bày tỏ với ngài ý định tốt lành của mình như sau:

– Xin cha thánh ban phước lành cho con, và hãy thành tâm cầu nguyện cùng Chúa Trời, để nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của cha, Ngài ban cho con được toại nguyện. Trong vương quốc của chúng ta, tại thành phố Suzdal, hiện không có tu viện nào dành cho các tu sĩ sống chung. Nếu Chúa giúp con, nhờ lời cầu nguyện của cha, xây dựng một nhà thờ bằng đá nhân danh Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giê-su Ki-tô,

[7142] Có tin cho biết Thánh Gioan đã siêng năng gieo hạt giống Lời Chúa giữa dân Mordva, một phần trong số họ đã được chinh phục bởi Konstantin, cha của Đại công tước Boris.

nhân danh sự Biến Hình vinh hiển của Ngài, và dựng lên một tu viện bên cạnh đó. Đó là mong ước chân thành từ đáy lòng con. Xin cha ban phước lành cho con và khẩn cầu Chúa về điều này. Còn tôi, nhờ những lời cầu nguyện của ngài, sẽ lên đường đến Nizhny Novgorod, đến tu viện Pechersk của vị Thánh Cha vĩ đại Dionysius[7143] . Tại đó, tôi sẽ xin ngài cho tôi một trong những đệ tử của ngài, người có kinh nghiệm trong việc xây dựng nhà thờ của Chúa và tổ chức tu viện. Thánh Gioan đã nói:

– Hỡi vị công tước vĩ đại, ngài đang mong muốn làm một việc thiện – xin Chúa Trời sẽ là Đấng trợ giúp ngài và là Đấng cai quản công việc có ích cho linh hồn của ngài, đồng thời xin Ngài bảo vệ con đường của ngài.

Sau khi dâng lời cầu nguyện cho vị công tước, vị giám mục đã ban phước lành cho ngài, trao cho ngài nụ hôn thiêng liêng của Chúa Kitô và tiễn ngài ra về trong bình an. Còn vị hoàng tử đạo đức Boris thì tràn ngập niềm vui lớn lao và lên đường đến Nizhny Novgorod, đến tu viện thánh thiện của Lễ Thăng Thiên Chúa Giêsu Kitô, gặp vị tu sĩ đáng kính Dionysius, người mà ngài đã từng viếng thăm trước đây để xin lời cầu nguyện và sự ban phước của ngài. Vì yêu mến tu viện Pechersk này, hoàng tử đã cung cấp cho tu viện mọi thứ cần thiết. Lúc bấy giờ, tu viện có 780 tu sĩ.

Khi đến tu viện, Hoàng tử Boris đã lui vào phòng riêng cùng với vị tu sĩ đáng kính Dionysius, trò chuyện với ngài rất lâu về những điều có ích cho tâm hồn và kể cho ngài nghe về Đức Giám mục thánh Gioan cùng cuộc đời của ngài, cách ngài chăm sóc những người nghèo khổ, thăm viếng người bệnh và giúp đỡ các góa phụ, cũng như cách ngài đã ban phước lành cho hoàng tử xây dựng một tu viện chung để tập hợp các tu sĩ. Sau khi cúi đầu chào Thánh Dionysius đến tận đất, hoàng tử nói:

– Xin cha ban phước lành cho con, và xin cha cho con một trong những môn đệ của cha từ tu viện này, người có kinh nghiệm trong việc xây dựng tu viện, để con không phải trở về Suzdal mà không thực hiện được mong muốn của mình.

Còn Thánh Dionysius thì tạ ơn Chúa về mọi sự, ngợi khen Ngài vì lòng thương xót vô biên của Ngài và nói:

– Hỡi hoàng tử, ngài đang thực hiện một việc thiện lành. Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô, xin giúp đỡ công việc có ích cho linh hồn của ngài và xin hướng dẫn ngài trong khát vọng hướng tới sự đạo đức, vì *"mọi ân huệ hoàn hảo đều đến từ trên cao, từ Cha của các thế giới"* (Gia-cơ 1:17).

Sau khi dâng lời cầu nguyện, Thánh Dionysius ban phước lành cho hoàng tử và, hứa sẽ đáp ứng mọi điều ngài xin, đã tiễn ngài ra về trong bình an. Hoàng tử Boris Konstantinovich, một người sùng đạo, tràn ngập niềm vui và hân hoan, vì Chúa đã ban cho ngài điều ngài mong muốn, và ngài lên đường trở về thành phố Suzdal. Đồng thời, ngài ra lệnh vận chuyển đá và vôi để xây dựng tu viện.

Còn Thánh Dionysius, theo lời thỉnh cầu của hoàng tử, đã chọn từ hàng tu sĩ trong tu viện của mình một đệ tử vâng lời, tên là Evfimiy.

– Hỡi con yêu quý, – vị thánh nói với Evfimii, – đừng nản lòng trước những nỗi buồn, Chúa là Đấng trợ giúp và dẫn dắt con trong mọi việc lành; hãy đến thành phố Suzdal được Chúa cứu rỗi. Ở đó, trong ngôi đền vinh quang của Đức Mẹ Đồng Trinh, con sẽ gặp Đức Giám mục thánh Gioan.

Lúc bấy giờ, Thánh Evfimii còn trẻ về tuổi tác, nhưng về sự khôn ngoan thiêng liêng, ngài vượt trội hơn cả những vị trưởng lão đã bạc tóc vì tuổi tác. Ngài mới chỉ 36 tuổi. Sau khi nhận lời cầu nguyện từ Thánh Dionysius như một thanh gươm sắc bén chống lại những kẻ thù hữu hình và vô hình, Evfimii lên đường về phía tây từ tu viện.

Và Chúa đã ban cho ngài sức mạnh để hoàn thành hành trình một cách dễ dàng và không chậm trễ, và chẳng bao lâu sau, ngài đã đến thành phố Suzdal. Khi nhìn thấy ngôi thánh đường tuyệt đẹp và lộng lẫy được dâng kính Đức Mẹ, Thánh Euphymius bước vào và cúi đầu thờ lạy trước các thánh tượng của Chúa Giêsu Kitô, Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ Maria và tất cả các thánh. Sau khi quỳ lạy trước Giám mục Gioan, ngài xin ngài ban phước lành và cầu nguyện cho mình. Gioan đã ban phước lành cho Evfimiy, trao cho ngài nụ hôn thánh danh Chúa Kitô và dẫn ngài vào các phòng của giám mục.

Tại đây, ngài đã trò chuyện nhiều với Euphimius về những điều có ích cho tâm hồn; sau cuộc trò chuyện, họ cùng dâng lên Chúa lời cầu nguyện suốt đêm, xin Ngài sai một Thiên thần, vị hướng dẫn trung thành, đến giúp

---

[7143] Thánh Dionysius của Suzdal – người sáng lập Tu viện Pechersk, cách Nizhny Novgorod 5 verst. Thánh Alexius, tổng giám mục, đã tấn phong ngài làm giám mục Suzdal (giám mục đầu tiên hoặc thứ hai sau Thánh Gioan). Thánh Dionysius được Đức Thượng phụ Constantinopolis tấn phong làm tổng giám mục, và hai năm sau đó được tấn phong làm tổng giám mục Kiev. Ngài qua đời vào năm 1384; ngày kỷ niệm của ngài được cử hành vào ngày 26 tháng 6.

đỡ họ. Khi bình minh ló rạng, Thánh Gioan, sau khi cử hành các bài thánh ca buổi sáng theo thông lệ và ban phép bình an, đã hôn lên má Euphimius rồi cho anh ra về.

Ngày hôm sau, vào Chủ nhật, sau khi kết thúc Thánh lễ Sáng và Thánh lễ Thánh Thể, Giám mục Gioan lại gọi Evfimii đến để trò chuyện về đời sống tâm linh.

Khi biết tin Đại công tước Boris Konstantinovich đã đến Suzdal, Evfimiy liền đến gặp ngài. Công tước rất vui mừng trước chuyến viếng thăm của anh, tiếp đón anh với sự tôn kính cao độ và nói rằng ngài mong chờ sự hiện diện của anh *"như con nai khát khao suối nước"* (Thánh vịnh 41:2).

Sau cuộc trò chuyện dài, họ cùng đến gặp Đức Giám mục Gioan và dùng bữa tại bàn ăn của ngài. Đại công tước Boris Konstantinovich đã kể cho Đức Gioan nghe từng chi tiết về Thánh Dionysius Pechersky, về cuộc đời, những công trình vĩ đại và những chiến công của ngài.

Thánh Gioan đáp lại:

– Hỡi Hoàng tử, xin hãy thực hiện những gì ngài đã bắt đầu mà không do dự hay nghi ngờ, theo lời của vị Tông đồ: *"Ai không biết quản lý chính gia đình mình, thì làm sao có thể lo lắng cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời được?"* (1 Ti-mô-thê 3:5). Một khởi đầu tốt lành thì phải trông đợi nơi Đức Chúa Trời một kết thúc tốt đẹp. Chẳng phải ngài đã nhận được lời chúc lành và lời cầu nguyện từ vị trưởng lão đáng kính và thánh thiện, Thánh Dionysius, hay sao? Và giờ đây, ngài đã sai đến với ngài một môn đệ vâng lời, siêng năng và ăn chay, chính là Euphimius này, người mà nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, có thể bắt đầu và hoàn thành công việc của ngài, đồng thời trở thành gương mẫu cho những người khác trong những việc làm vì Đấng Christ.

Lúc đó, hoàng tử đứng dậy khỏi chỗ ngồi và cúi đầu chào giám mục xuống đất, xin ngài đi cùng ngài và Euphimius đến nơi sẽ xây dựng tu viện, nơi mà Chúa sẽ chỉ dẫn cho họ: Và họ lên đường đi tìm kiếm nơi này, cùng với toàn thể hội đồng thánh và hàng giáo sĩ, mang theo thánh giá và các bức tượng thánh, vừa đi vừa hát những bài thánh ca cầu nguyện. Cùng đi với họ có các quan chức, các hoàng tử và các quý tộc, cùng đông đảo dân chúng, gồm đàn ông, phụ nữ và trẻ em. Trên đường đi, người ta đặt những người bị liệt trước mặt Thánh Gioan, xin ngài chữa lành. Thánh nhân dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện thầm lặng xin chữa lành cho họ, đặt thánh giá và đôi tay lên họ, rồi rảy nước thánh lên họ – và ngay từ lúc đó, bệnh tật của họ chấm dứt, và họ hôn chân thánh nhân, tạ ơn Thiên Chúa. Toàn thể dân chúng tràn ngập niềm vui lớn lao, ai nấy đều kinh ngạc và nói rằng vị thánh này giống như Thánh Grigori, Giám mục Giáo hội Akraganti[7144] .

Vậy là, được bao quanh bởi đám đông, Đại công tước, Thánh Gioan và Thánh Euphimius tiến bước, vừa đi vừa cất tiếng hát những bài thánh ca cầu nguyện. Dưới sự hướng dẫn của Thiên Chúa, họ ra khỏi thành phố, quan sát xung quanh thành phố về bốn phương, rồi đi về phía bắc, ngược dòng sông Kamenka, nơi thành phố của họ được xây dựng. Tại đây, gần thành phố, trên bờ sông, trên một ngọn núi cao, họ tìm thấy một địa điểm có phong cảnh tuyệt đẹp và thuận lợi để xây dựng tu viện, và đã chọn nơi này cho mục đích đó. Thánh Gioan cùng toàn thể hội đồng đã ban phước và thánh hiến nơi này, đồng thời dâng lời cầu nguyện lên Chúa:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của chúng con, Ngài đã đổ máu Ngài để canh tân Hội Thánh thánh thiện của Ngài; giờ đây chúng con khiêm nhường cầu xin Ngài, xin ban ân sủng của Thánh Thần làm nền móng cho ngôi đền thờ sẽ được dựng lên cho Ngài tại nơi này. Xin cho nó trở thành nơi ngự của vinh quang Ngài, xin cho sự vĩ đại của Ngài được tôn vinh qua các thánh vịnh và thánh ca tại đó, và xin cho những ai cầu nguyện trong đó được nhận từ Ngài những ân huệ mà trời đất tràn đầy. Xin cứu rỗi họ, bảo vệ họ khỏi những tai ương trong tương lai và ban cho họ được hưởng vinh quang của Ngài.

Sau lời cầu nguyện, Thánh Gioan đã dựng cây thánh giá thiêng liêng lên vị trí đặt ngai thánh. Còn vị Đại công tước đạo đức đã tự tay cầm xẻng và bắt đầu đào hào để làm nền móng cho nhà thờ. Sự việc này xảy ra vào năm 1352.

Nhờ ơn Chúa, một nhà thờ bằng đá tuyệt đẹp đã được xây dựng, nhân danh Chúa Trời và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Đức Giêsu Kitô, cùng sự Biến Hình cao quý và thánh thiện của Ngài. Vị Đại công tước đạo đức đã trang hoàng nhà thờ này bằng mọi cách, còn Thánh Gioan đã bổ nhiệm Thánh Euphymius làm Tổng tu viện trưởng và ra lệnh cho ngài cử hành thánh lễ trong mũ miện, cầm gậy và mang áo choàng lễ. Hoàng tử Boris

[7144] Thánh Grigori, giám mục thành phố Agrigento ở Sicily, nổi tiếng với những ân sủng thiêng liêng dồi dào đến mức chỉ cần chạm tay là có thể chữa lành bệnh tật. Ngày kỷ niệm ngài được cử hành vào ngày 23 tháng 11

Konstantinovich đã ban tặng cho Thánh Euphymius tất cả những gì cần thiết để xây dựng tu viện. Như vậy, tu viện cộng đồng bắt đầu được hình thành. Không lâu sau, số tu sĩ trong tu viện đã lên tới 300 người.

Vào ngày lễ trọng thể Biến Hình của Chúa Giêsu Kitô, Thánh Archimandrite Evfimii cùng với các tu sĩ ăn chay và các tu sĩ tài giỏi khác đã từ tu viện đến nhà Giám mục, gặp Thánh Gioan. Họ xin ngài cử hành Thánh Lễ tại tu viện của họ. Sau khi nhận được sự đồng ý, Đại tu sĩ Evfimii lập tức trở về tu viện và cùng toàn thể anh em tu sĩ ra đón Đức Giám mục. Sau khi hôn lên má Thánh Euphimius, Thánh Gioan vĩ đại đã cùng ngài và các tu sĩ khác – những cành nho của Đức Kitô và những con chiên thiêng liêng – bước vào nhà thờ, vừa đi vừa hát những bài thánh ca cầu nguyện. Trong lúc cử hành Thánh lễ tại Nhà thờ Biến Hình của Chúa Giêsu Kitô, Đại công tước Boris Konstantinovich, người có đức tin vững vàng, đã đến và chứng kiến một cảnh tượng kỳ diệu tại đây. Ông có cảm giác rằng cùng với Đức Giám mục, có một người đàn ông mặc áo lễ màu sáng đang cử hành Thánh lễ, dung mạo rực rỡ của người ấy vừa đáng sợ vừa không thể diễn tả bằng lời. Khi Thánh lễ kết thúc, nhân lúc thích hợp, Đại công tước tiến đến gần Thánh Gioan và, sau khi cúi đầu chào ngài xuống đất, đã xin vị giám mục giải thích về điều mình vừa chứng kiến. Vị giám mục, không muốn tiết lộ bí mật này, đã nói với Đại công tước:

– Hỡi hoàng tử, ngài thấy điều kỳ diệu gì trong việc tôi cử hành Thánh lễ cùng với vị mục tử nhân lành của đàn chiên tinh thần trong cung đình này? Ở đây chỉ có các tu sĩ mà bệ hạ đã biết; ngoài ra không có linh mục nào khác cùng chúng tôi.

Nhưng hoàng tử vẫn tiếp tục nài nỉ Thánh Gioan giải thích cho ngài về thị kiến đó. Lúc đó, vị thánh nói với ngài:

– Nếu Thiên Chúa đã ban cho ngài một thị kiến, thì làm sao tôi có thể giấu diếm điều này được? – Đó là Thiên Thần của Chúa, Đấng không chỉ hôm nay mà còn mãi mãi, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, đã đồng tế với tôi, kẻ không xứng đáng này. Nhưng xin đừng kể cho ai nghe về những gì ngài đã thấy, chừng nào tôi còn sống.

Thánh nhân đã nói như vậy, vì ngài là người khiêm nhường, không muốn những việc lành của mình và phần thưởng ngài nhận được từ Thiên Chúa được người khác biết đến. Và khi được hỏi đức tính nào là cao quý nhất, ngài đáp: "Đức tính được thực hành trong thầm lặng."

Thánh Euphimius cùng các tu sĩ đã khẩn cầu vị công tước đạo đức và Đức Giám mục thánh Gioan, xin ngài vinh dự tham dự bữa ăn. Khi bữa ăn đã được dọn sẵn, tất cả đều dâng lời tạ ơn lên Chúa, và sau khi no nê, họ bắt đầu trò chuyện về những vấn đề thiêng liêng. Lúc đó, theo ý muốn của Đại Công tước và lời thỉnh cầu của Thượng phụ Euphimius cùng các tu sĩ đi cùng ngài, Thánh Gioan đã giảng một bài giảng: – Các cha và anh em thân mến, tôi, một kẻ không xứng đáng và yếu đuối, không nên dạy dỗ các anh em về lợi ích thiêng liêng. Ai cũng biết rằng, ai muốn được cứu rỗi thì trước hết phải giữ vững đức tin và sống theo đức tin ấy. Bởi vì một cuộc sống tiết độ nhưng thiếu đức tin chân chính sẽ không mang lại lợi ích gì; cũng như đức tin mà không có việc lành thì không thể đưa chúng ta đến gần Chúa được. Nhưng để đạt đến sự hoàn hảo, cần phải có cả hai điều đó. Đức tin phải là *"đức tin thể hiện qua tình yêu thương"* (Ga-la-ti 5:6). Tình yêu thương là khởi nguồn của mọi đức tính, tất cả đều phát xuất từ đó. Chúng ta cần tránh xa những việc xấu và bám chặt vào những việc lành, chỉ suy nghĩ về những điều xứng đáng với thiên đàng. Theo Phúc Âm của Đấng Christ, chúng ta phải sống trong sự khiêm nhường, vâng lời, trong sự trong sạch, kiêng khem những thú vui xác thịt, trong tình yêu thương, lòng thương xót, lòng nhân ái và sự kính sợ Đức Chúa Trời, như lời Kinh Thánh: *"Thân xác tôi run rẩy vì sự kính sợ Ngài, và tôi sợ những sự phán xét của Ngài"* (Thánh Vịnh 118:120). Chúng ta không nên bỏ lỡ thời gian để sửa đổi bản thân; chúng ta không biết ngày mai sẽ mang lại điều gì, vì dù có dự định nhiều điều, nhưng thường thì đến ngày hôm sau, chúng ta lại không đạt được điều gì trong số những điều đã định. Vậy nên, nếu chúng ta tránh xa điều ác và khao khát những đức tính đã được chỉ ra, thì chúng ta sẽ được cứu rỗi và, khi bước đi trên con đường hẹp và đầy gian nan, sẽ đạt đến Nước Trời.

Khi kết thúc cuộc trò chuyện này, Thánh Gioan trở về dinh thự giám mục của ngài. Nhìn thấy cuộc sống trong sạch của ngài, ma quỷ – kẻ từ thuở xa xưa đã gây hại cho loài người – đã phát động cuộc tấn công chống lại vị thánh công chính. Một phó tế của ngài, tên là Eleutherius, cùng với một số giáo sĩ đã dụ dỗ một người phụ nữ lăng loàn, hứa hẹn cho cô ta nhiều bạc, và họ bắt đầu tìm kiếm cơ hội thuận lợi để vu khống giám mục trước mặt vị công tước. Họ kích động dân chúng và, khi đến dinh giám mục, đã đuổi Thánh Gioan ra khỏi thành phố trong sự sỉ nhục và khinh miệt. Còn ngài, nhớ đến lòng nhân từ của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Thượng Tế của mình, đã không nói lời nào chống lại cuộc tấn công dữ dội của họ, nhưng khi ra khỏi thành phố, ngài quay mặt về hướng đông, giơ hai tay lên trời và cầu nguyện với Thiên Chúa cho những kẻ ghét ngài, nói rằng:

– Lạy Chúa! Xin đừng tính điều này là tội lỗi cho họ.

Và ngay lập tức, khi lời cầu nguyện còn đang trên môi Ngài, cơn thịnh nộ của Chúa đã giáng xuống những người trong giáo hội, khiến họ chìm trong sợ hãi và run rẩy, bóng tối bao trùm lấy họ; họ hoàn toàn mù lòa và cần được dẫn dắt. Thấy điều này, dân chúng quỳ xuống dưới chân vị thánh và với tiếng khóc lóc cùng nước mắt, họ xin được tha thứ. Vị thánh đã tha thứ và ban phước lành cho họ. Hối hận về tội lỗi của mình, Eleutherius đã quỳ xuống dưới chân Thánh Gioan trong nước mắt, nói:

– Xin thương xót con, tôi tớ của Chúa, và xin tha thứ cho con, kẻ khiêm nhường này, vì mưu đồ bất chính và tội lỗi của con chống lại ngài. Chúa là Đức Chúa Trời của con còn sống, con sẽ không rời khỏi chân thánh của ngài cho đến khi ngài hứa tha thứ cho mưu đồ bất chính của con. Xin đừng nhớ đến điều ác mà con đã làm, thưa cha đáng kính.

Và trong một thời gian dài, ông Eleutherius đã lặp đi lặp lại điều này với vị thánh. Còn Thánh Gioan thì đáp lại:

– Hỡi người ơi, không phải chúng ta là những người phải hứa tha thứ, như ngươi nghĩ, mà chỉ có một mình Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót mới có thể tha thứ. Đấng đã chịu đau khổ vì chúng ta là Đấng chữa lành những vết thương trong tâm hồn chúng ta. Ngài ban cho chúng ta sự tha thứ cho những lỗi lầm của chúng ta và thanh tẩy chúng ta, vì Ngài đã gánh lấy tội lỗi của thế gian.

Sau khi đỡ Eleutherius dậy khỏi mặt đất, Thánh Gioan nói với anh ta:

– Lạy Chúa, con ơi, Ngài sẽ tha thứ cho con.

Thánh nhân đã cầu nguyện trước mặt toàn thể dân chúng cho Eleftherios, người đã phạm tội, và cho các giáo sĩ đã bị hắn lôi kéo, rồi làm dấu thánh giá trên họ. Ngay lập tức, họ được sáng mắt. Mọi người đều kinh ngạc và ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng thực hiện những phép lạ kỳ diệu qua các thánh nhân của Ngài.

Tại nơi xảy ra phép lạ do Thánh Gioan thực hiện, cư dân Suzdal đã nảy ra ý định xây dựng một nhà thờ mang tên phép lạ của Thánh Tổng lãnh thiên thần Micae tại Khonekh, vì phép lạ này được vị giám mục thực hiện vào ngày kỷ niệm phép lạ của Tổng lãnh thiên thần Micae. Với sự ban phước của Thánh Gioan, nhà thờ này nhanh chóng được xây dựng; người dân đã dành một phần đất đai của mình cho nhà thờ và đặt tên cho nơi đó theo tên vị thánh là làng Ivanovskoye[7145] .

Một lần nọ, Hoàng tử Andrei, người anh em của Đại công tước Boris Konstantinovich, đã đến gặp Thánh Gioan. Sau khi nhận lời chúc lành và cầu nguyện như thường lệ, Hoàng tử nói với vị giám mục:

– Hỡi vị thánh được Chúa yêu mến, con muốn xin ngài một ân huệ.

Vị mục tử nhân từ ấy đáp lại:

– Không có gì là không thể đối với ngài cả.

– Tôi mong ngài ban phước lành cho tôi để thành lập một tu viện dành cho các nữ tu, – vì một phép lạ đã xảy ra với tôi. Một lần nọ, chúng tôi đang đi thuyền trên sông Volga từ Nizhny Novgorod, bỗng trên sông nổi lên một cơn gió mạnh đến nỗi những con thuyền bắt đầu bị nghiền nát bởi vô số con sóng lớn, và tất cả đều đối mặt với nguy cơ tử vong. Lúc đó những người chèo thuyền bắt đầu cầu nguyện với Chúa; tôi cũng cùng họ cầu nguyện, xin Chúa cứu chúng tôi khỏi tai họa đang rình rập. Và tôi đã thề hứa với Chúa sẽ xây dựng một nhà thờ mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh, để tôn vinh và ca ngợi Lễ Che Chở của Mẹ, đồng thời lập một tu viện làm nơi cư ngụ và an nghỉ cho các nữ tu. Ngay lập tức, sóng gió trên sông ngừng lại và sự yên tĩnh trở lại. Giờ đây đã đến lúc thực hiện lời thề hứa của tôi.

Vị Giám mục đáp lại:

– Ta không cản trở ý nguyện của ngươi.

Hoàng tử sùng đạo nói:

– Chúng ta hãy sai người đi tìm vị tu sĩ đáng kính, Archimandrite Evfimii, và xin ngài chỉ cho một địa điểm bên bờ sông, nơi thuận tiện để xây dựng tu viện.

Sau khi bàn bạc, họ sai người đi mời vị tu sĩ trưởng. Vị ấy đến, cúi chào họ và hỏi:

– Các ngài gọi tôi đến đây để làm gì, thưa các ngài? Tại sao tôi phải đến đây?

Họ đáp:

[7145] Trên tấm vải phủ quan tài của Thánh Gioan, vào năm 1578, Công nương Evpraxia, vợ của Công tước Vladimir Andreevich, đã thêu một bài thánh ca, trong đó có đoạn: "Xin hãy mau chóng ban cho vị giáo sĩ có ý đồ xấu được sáng mắt nhờ lời cầu nguyện, và dạy dỗ ngài, cũng như trước đây Thánh Leontius đã làm – hãy trói buộc và một lần nữa ban phước lành."

– Xin hãy cho chúng tôi một mảnh đất dài và rộng 7 sajeen; vì, với sự giúp đỡ của Chúa, chúng tôi muốn xây dựng một tu viện bên dòng sông mà ngài đang ở đó, vị mục tử tốt lành và người làm vườn nho của Chúa Kitô.

Vị công tước kể cho ngài nghe về những gì đã xảy ra với mình trên sông Volga và lời thề của mình – rằng ngài đã hứa sẽ xây dựng một tu viện làm nơi cư ngụ cho các nữ tu. Còn Thánh Evfimii thì nói:

– Hỡi Hoàng tử! Đất đai của Chúa và mọi nơi tận cùng của nó. Nếu điều này đẹp lòng Chúa – thì xin nơi mà ngài mong muốn để xây dựng tu viện sẽ được chúc phúc.

Hoàng tử cúi đầu chào Thánh Euphimius và ban cho tu viện của ngài một khoản bố thí hào phóng. Sau đó, ngài chọn một địa điểm bên sông Kamenka, đối diện với tu viện của Thánh Euphimius. Tại đây, nhờ ơn Chúa, một nhà thờ bằng gỗ đã được xây dựng, mang tên Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, để tưởng nhớ Lễ Che Chở vinh quang của Mẹ, và một tu viện đã được thành lập[7146] . Điều này diễn ra vào năm 1364. Giám mục Ioann đã trao quyền quản lý tu viện cho cháu gái của Thánh Euphymius, người mà ngài đã chuyển đến đây từ Tu viện Thánh Alexander Đại Tử Đạo, tọa lạc tại cùng thành phố Suzdal, trên ngọn núi[7147] . Một thời gian sau, Giám mục Ioann đã đến thăm tu viện, khen ngợi và ban phước lành cho nơi này, đồng thời giảng dạy về lợi ích thiêng liêng, rồi trở về nhà mình.

Thánh Gioan đã chăm lo cho đoàn chiên thiêng liêng của mình như vậy, dẫn dắt họ đến đồng cỏ thiêng liêng. Và vị thánh này đã tỏa sáng như một vì sao không chỉ ở Suzdal, mà còn ở những vùng đất xa xôi. Trong khi chăn dắt đoàn chiên của mình theo ý Chúa về Đức Kitô, ngài đã sống đến tuổi già thánh thiện.

Sau khi từ bỏ ngai giám mục[7148] , ngài lui về tu viện Bogolyubskaya của Đức Mẹ Đồng Trinh[7149] , nơi ngài thọ giới tu sĩ và sống trong sự im lặng không ngừng.

Khi thời khắc an nghỉ trong Chúa sắp đến, Thánh Gioan bị ốm, nhưng không lâu. Vào giờ phút lìa xa thân xác, ngài đã rước Mình và Máu Thánh tinh tuyền của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, và an nghỉ trong Chúa vào ngày 15 tháng 10 năm 1373. Xác thánh của ngài đã được rước về thành phố Suzdal trong tiếng hát thánh ca.

Khi người dân Suzdal nghe tin Thánh Gioan đã qua đời, Giám mục Dionysius cùng các vị thuộc hàng giáo sĩ và thế tục đã ra khỏi thành phố với nến và lư hương để đón rước di hài của ngài. Sau khi đón nhận di hài một cách tôn kính, họ đã an táng di hài tại Nhà thờ Chính tòa Đức Mẹ Sinh Nhật, ở phía bên phải, nơi di hài vẫn an nghỉ bất hoại cho đến ngày nay, giúp đỡ và chữa lành những ai đến với lòng tin, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, vinh quang thuộc về Ngài muôn đời.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 1743, vào ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Nestor, một phép lạ đã xảy ra bên quan tài của Thánh Gioan.

Sau tiếng chuông báo hiệu Thánh Lễ Sáng như thường lệ, ba giờ trước bình minh, ngay trước khi Thánh Lễ Nửa Đêm kết thúc, khi người gác nhà thờ bước ra khỏi Nhà thờ Chính tòa Giáng Sinh Đức Mẹ để ra hiệu cho tiếng chuông, một người đàn ông đi chân trần, chỉ mặc một chiếc áo choàng rộng thùng thình đã bước vào nhà thờ. Ngay lập tức, ông ta lao đến cột bên phải, nơi đặt các di hài của các thánh làm phép lạ Gioan và Phê-ô-đô-rô, các giám mục Suzdal, và kêu lên:

– Thánh nhân ơi, Cha Gioan ơi, người được Chúa Kitô yêu mến, xin thương xót con. Rồi anh ta, vừa khóc nức nở, vừa quỳ sấp xuống.

Nghe tiếng kêu lạ lùng của người lạ mặt, các linh mục đang có mặt trong nhà thờ liền tiến lại gần, đỡ anh ta dậy và hỏi anh ta là ai, và lý do tại sao lại kêu la như vậy. Anh ta, trong nước mắt, kể lại như sau:

– Tên tôi là Ivan Vasilyevich Zinkin, tôi đến từ khu định cư của thành phố này; từ tháng Ba, tôi bị mắc một căn bệnh nặng – tay phải và chân trái của tôi đã tê liệt, và lưỡi tôi không còn cử động được; lúc đó tôi không thể nói rõ ràng điều gì; bằng cách phát ra những âm thanh khàn khàn và mơ hồ, tôi ra hiệu bằng tay trái. Vào buổi tối hôm đó, khi đang nằm trên giường bệnh, tôi bắt đầu khóc, sám hối về những tội lỗi của mình, những điều đã làm

---

[7146] Thánh Euphimius đã tiên đoán vinh quang của tu viện này. Sau này, tại đây, vợ của Đại Công tước toàn Nga Vasili Ioannovich, bà Solomonia, đã xuất gia và được đặt tên tu là Sofia. Sau 17 năm sống trong tu viện, bà qua đời vào ngày 16 tháng 12 năm 1542. Xác thánh của bà được an táng trong một quan tài đặt dưới nền, dưới bậc thềm của Nhà thờ Pokrovskaya.

[7147] Tu viện nữ Thánh Tử đạo Alexander, theo truyền thuyết được Thánh Alexander Nevsky thành lập, để tôn vinh vị thánh cùng tên với ngài.

[7148] Sau khi Công tước Andrei Konstantinovich qua đời vào năm 1365, đã nổ ra những tranh cãi gay gắt giữa các anh em của ông, Công tước Boris và Dmitri. Lúc đó, Suzdal, Nizhny Novgorod và Gorodets được sáp nhập vào giáo phận tổng giám mục.

[7149] Gần thành phố Vladimir.

phật lòng Đức Chúa Trời. Và trong tâm trí, tôi bắt đầu cầu xin sự giúp đỡ của Đức Mẹ Thiên Chúa, bức thánh tượng của Người đang ở gần giường tôi, cùng với các vị thánh, các vị thánh giám mục và các vị làm phép lạ là Gioan và Theôdorô, các giám mục Suzdal, và vị thánh làm phép lạ Sergius, vị tu viện trưởng Radonezh. Tất cả những người trong nhà tôi lúc đó đều đang ngủ, vì đã là nửa đêm. Trong lúc tôi khóc lóc, tôi thấy một luồng ánh sáng rực rỡ chiếu sáng căn phòng nơi tôi đang nằm. Và bỗng nhiên, một người đàn ông mặc áo trắng xuất hiện. Ông đứng gần giường bệnh của tôi, giơ hai tay lên trời và cầu nguyện:

– Lạy Chúa nhân từ, xin thương xót tạo vật của Ngài.

Nghe vậy, tôi không còn cảm thấy bệnh tật trong người nữa, và tôi dám hỏi người vừa xuất hiện:

– Ngài là ai, thánh nhân của Chúa?

Người ấy đáp:

– Ta là Gioan, Giám mục Suzdal; hãy đến nhà thờ chính tòa, nơi lưu giữ thi hài của ta, và ở đó ngươi sẽ được chữa lành hoàn toàn khỏi bệnh tật của mình.

Tôi muốn quỳ xuống trước đôi chân thánh thiện và đáng kính của ngài, nhưng ngài lập tức trở nên vô hình, biến mất, và ánh sáng chiếu rọi trong căn nhà cũng tắt lịm. Khi đứng dậy khỏi chiếc giường mà tôi đã nằm suốt tám tháng, tôi cảm thấy mình đã khỏe mạnh và lập tức đi đến nhà thờ chính tòa, dâng lời tạ ơn lên vị thánh được Chúa yêu mến.

Sau khi nghe lời kể của người được chữa lành, các linh mục đầy ngạc nhiên đã cử người gác nhà thờ đến nhà anh ta, nằm gần Tu viện Vasilyevsky, để báo tin cho gia đình anh ta biết về sự việc đã xảy ra. Người nhà của người được chữa lành đã vô cùng ngạc nhiên khi không thấy anh ta ở nhà. Chẳng bao lâu sau, mẹ và vợ anh ta đã đến nhà thờ chính tòa, mang theo quần áo thường ngày của anh ta và thông báo với những người có mặt ở đó rằng Ivan này thực sự đã mắc phải một căn bệnh nặng, và họ không biết anh ta đã được chữa lành như thế nào. Họ quỳ xuống trước di cốt thánh của vị thánh nhân, với những giọt nước mắt ấm áp, họ dâng lên lời tạ ơn sâu sắc đến Thánh John, vị thánh làm phép lạ, và sau khi cử hành lễ cầu nguyện, họ trở về nhà.

Còn người được chữa lành thì không đi cùng họ, mà ở lại nhà thờ chính tòa ba ngày, vừa nghe tiếng hát thánh ca vừa rơi lệ. Ba ngày sau, anh ta đã thanh tẩy tâm hồn mình qua bí tích sám hối trước cha linh hướng của mình, vị linh mục của Tu viện Vasilyevsky, và sau khi rước Mình và Máu Thánh Chúa tại tu viện, anh ta trở về nhà, vui mừng, ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa, đồng thời tôn vinh sự che chở và giúp đỡ của vị thánh vĩ đại và nhà làm phép lạ Gioan, Giám mục Suzdal. Ivan đã chứng thực bản ghi chép về phép lạ này bằng chữ ký của bàn tay phải đã được chữa lành của mình; các linh mục có mặt tại nhà thờ lúc đó cũng đã cùng chứng thực phép lạ này.

Bài thánh ca dành cho Thánh Gioan, Giám mục Suzdal:

Ngài đã lãnh đạo Giáo hội Công giáo và Tông đồ của Chúa, tuân giữ các điều răn của Chúa, và chăn dắt đàn chiên của Lời Chúa một cách xuất sắc; Ngài đã dùng lời cầu nguyện của mình để khiến vị giáo sĩ gian ác tỉnh ngộ, và dạy dỗ, giống như Thánh Leontius trước đây, Đấng hỗ trợ cho sự cứu rỗi của đất nước Nga, vị Thầy của Rostov, trước đã trói buộc rồi lại ban phước; cũng như Thánh Giám mục Suzdal, trước những tai ương đang ập đến với ngài, hỡi Đấng Cứu Rỗi, Đấng Làm Phép Lạ Gioan, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài thánh ca dành cho Thánh Gioan và Thánh Phê-ô-đô-rô, các giám mục Suzdal:

Như các vị Thầy đồng bậc với các Tông đồ của xứ Suzdal, những vị chữa lành linh hồn và thân xác đầy khôn ngoan, và những tôi tớ được Thiên Chúa ưu ái, khi chạy đến trước các di cốt thánh thiêng liêng của các ngài, chúng con tôn vinh các ngài, các vị Giám mục được Thiên Chúa ban phúc, Théodore và Gioan, qua những bài ca và tiếng hát, chúng con hân hoan ngợi khen Chúa Kitô, Đấng đã ban cho các ngài ân sủng chữa lành và mang lại cho thành Suzdal của chúng con sự củng cố vĩ đại nhờ các ngài.

Ngày 29 tháng 10

Ngày 16 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Longin, viên trung úy

Ngày tưởng niệm 16 tháng 10

Khi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, nhờ lòng thương xót vô biên của Ngài, đã thương xót cứu chúng ta khỏi sự diệt vong bằng sự chịu khổ tự nguyện, thập giá, cái chết và sự phục sinh của Ngài, thì có một viên trung úy tên là Longin, quê ở Cappadocia, đang dưới quyền cai trị của Pilate, đã được cử cùng với các binh lính của mình để phục vụ trong cuộc khổ nạn và sự đóng đinh của Chúa Giêsu Kitô. Khi chứng kiến những phép lạ xảy ra dưới thập tự giá của Đấng Christ: động đất, nhật thực, các quan tài mở ra và những người chết sống lại từ trong đó, cùng với việc các tảng đá vỡ ra, viên trung úy Longin đã xưng nhận rằng Đấng Christ là Con Thiên Chúa. Về sự kiện này, Thánh Matthêu, nhà truyền giáo của Thiên Chúa, đã ghi chép như sau: *"Viên trung úy và những người cùng canh giữ Chúa Giêsu, khi thấy trận động đất và mọi sự đã xảy ra, đều kinh hãi vô cùng và nói: 'Quả thật, Ngài là Con Thiên Chúa'"* (Mt 27,54. Xem Mc 15 và Lc 23,47). Tin Mừng Thánh đã làm chứng như vậy về viên sĩ quan Longin, người đã tin vào Đấng Kitô. Còn truyền thống Giáo hội thì bổ sung thêm vào những gì đã được chứng thực trong Tin Mừng rằng Longin chính là người lính đã đâm vào sườn Chúa Giêsu Kitô bị đóng đinh trên thập giá, và nhờ máu và nước chảy ra từ đó mà đôi mắt bị bệnh của ông đã được chữa lành. Chính Longin ấy cũng nằm trong số những lính canh mà Philatô đã cử đến canh giữ Thân Thể ban sự sống của Chúa Giêsu Kitô, đang nằm trong quan tài. Khi Chúa vinh quang sống lại từ quan tài và bằng sự sống lại kỳ diệu của Ngài đã khiến các lính canh kinh hoàng[7150] , lúc đó Longin cùng hai người lính khác đã hoàn toàn tin vào Đấng Christ, và trở thành những người rao giảng về sự Phục sinh của Đấng Christ – vì họ đã báo cáo cho Phi-lát và các thượng tế về tất cả những gì đã xảy ra. Các thượng tế và các trưởng lão, sau khi tổ chức một cuộc họp, đã đưa cho các lính một số tiền khá lớn để họ che giấu sự kiện Chúa Kitô sống lại và nói rằng các môn đệ của Chúa Kitô đã đến vào ban đêm và đánh cắp thi thể Ngài khi họ đang ngủ (Mt 28:11–13). Tuy nhiên, Longin không nhận tiền và không muốn che giấu phép lạ ấy, mà còn rao giảng về Ngài một cách nhiệt thành hơn nữa, và lời chứng của ông là chân thật. Vì vậy, Phi-lát và toàn thể đám đông người Do Thái đã căm ghét Longin, và tất cả cơn giận dữ mà trước đây họ dành cho Đấng Christ, giờ đây họ đổ dồn lên Longin. Longin công khai rao giảng về Đấng Christ, rằng Ngài là Đức Chúa Trời Thật, và rằng chính ông, Longin, là người tận mắt chứng kiến cái chết ban sự sống và sự phục sinh của Ngài. Vì lời chứng này, Longin đã phải hứng chịu sự căm ghét và sự bắt bớ từ phía những kẻ thù của Chúa Giêsu Kitô, những người bắt đầu tìm kiếm lý do để tiêu diệt ông; nhưng vì không tìm thấy tội lỗi nào ở ông, họ không dám ra tay, bởi vì Longin là người lính cao cấp nhất, một người trung thực và được chính Hoàng đế La Mã biết đến. Khi Longin biết được ý đồ xấu xa của họ, ông thà bị họ ruồng bỏ và ở lại với Đấng Christ còn hơn là sống trong các làng mạc của người Do Thái. Ông từ bỏ chức vụ quân sự, áo giáp và thắt lưng, rồi cùng hai người bạn cũng có lòng nhiệt thành như ông đối với Chúa Kitô, ông tránh xa đời sống cộng đồng và dâng hiến bản thân để phụng sự Thiên Chúa Duy Nhất. Sau khi được các thánh tông đồ rửa tội, Longin chẳng bao lâu sau đã rời Jerusalem và cùng các bạn mình đến Cappadocia; tại đó, ông trở thành nhà truyền giáo và tông đồ của Chúa Kitô, và đã dẫn dắt nhiều người từ bỏ sự lầm lạc để trở về với Thiên Chúa. Sau đó, rời khỏi thành phố, Longin về sống tại làng quê của cha mình, sống một cuộc đời thầm lặng – trong sự ăn chay và cầu nguyện.

Chẳng bao lâu sau, cả cộng đồng Do Thái tại Giê-ru-sa-lem đều biết rằng Longin đang truyền bá giáo lý của mình khắp xứ Ca-pa-đô-ki-a và rao giảng về sự phục sinh của Đấng Christ. Lúc bấy giờ, các thượng tế và các trưởng lão Do Thái, tràn đầy lòng ghen tị và cơn giận, đã đến gặp Phi-lát với nhiều lễ vật và nài nỉ ông gửi thư đến hoàng đế tại Rô-ma, thông báo rằng Longin đã từ bỏ chức vụ quân sự, không chịu phục tùng chính quyền La Mã và đang kích động dân chúng ở Cappadocia bằng cách rao giảng về một vị vua khác. Pilate, sau khi nhận quà tặng, đã đồng ý với yêu cầu của người Do Thái và gửi đến Hoàng đế Tiberius[7151] một bức thư chứa đựng những lời vu

[7150] Về sự kiện này, tác giả Tin Mừng đã ghi lại như sau: *"Thiên thần của Chúa từ trời xuống, tiến lại gần, lăn tảng đá khỏi cửa mộ và ngồi trên đó… vì sợ hãi trước thiên thần ấy, những người canh gác run rẩy và đứng im như người chết"* (Mt 28:2, 4).

khống nặng nề nhắm vào Longin. Cùng với bức thư của Pilate, người Do Thái đã tự mình gửi rất nhiều vàng cho hoàng đế, và bằng cách đó đã mua lấy cái chết cho thánh Longin: vì chẳng bao lâu sau, hoàng đế Tiberius đã ra lệnh xử tử Longin với tội danh là kẻ chống đối hoàng đế. Pilate lập tức cử binh lính đến Cappadocia để chém đầu Longinus và mang đầu ông về Jerusalem nhằm chứng minh cho đám đông người Do Thái thấy rằng Longinus đã chết. Theo yêu cầu của người Do Thái, Philatô cũng ra lệnh giết hai người lính kia, những người đã cùng với Longin từ bỏ quân ngũ và cũng tại Cappadocia, họ đã cùng ông rao giảng về Đấng Kitô.

Khi những người được cử đi đến xứ Cappadocia, họ bắt đầu hỏi han kỹ lưỡng về Longin, xem ông đang sống ở đâu; khi biết rằng ông đang ở làng của cha mình, họ vội vã đến đó, cố gắng tỏ ra rằng họ tìm Longin không phải để giết, mà như thể để bày tỏ một sự kính trọng nào đó đối với ông. Họ lo sợ Longin sẽ trốn thoát khỏi tay họ và họ sẽ phải trở về tay những người đã cử họ đi mà không mang theo gì cả; chính vì thế mà họ muốn bắt giữ ông một cách bí mật.

Trong khi đó, thánh Longin, nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời, đã biết trước về vương miện tử đạo đang chờ đợi mình. Ông tự mình ra đón những người được Pilate cử đến và thân thiện chào đón họ. Những người đó, không nhận ra ông, liền hỏi:

– Longin, người từng là đội trưởng, ở đâu?

– Các ngươi cần ông ấy làm gì? – Longin hỏi lại họ.

– Chúng tôi nghe nói – các binh lính đáp – rằng ông ấy là người tốt, và chúng tôi muốn đến thăm ông ấy; chúng tôi là binh lính, còn ông ấy từng là chỉ huy một trăm binh lính – vì thế chúng tôi muốn gặp ông ấy.

Lúc đó, Longin nói:

– Xin các ngài, hãy vào nhà tôi nghỉ ngơi một chút sau chuyến đi, còn tôi sẽ báo cho Longin biết về các ngài, vì tôi biết ông ấy sống ở đâu, và rồi chính ông ấy sẽ đến gặp các ngài, vì ông ấy sống không xa đây lắm.

Các chiến binh bước vào nhà Longin, và ông đã chiêu đãi họ rất thịnh soạn. Khi trời tối và các chiến binh đã say sưa vì rượu, họ kể cho Longin nghe lý do họ được cử đến. Nhưng trước đó, họ đã yêu cầu và bắt anh ta thề rằng sẽ không tiết lộ bí mật này cho ai cả; các chiến binh lo sợ rằng ai đó sẽ nói cho Longin biết và anh ta sẽ trốn thoát khỏi họ; đồng thời, họ nói với anh ta:

– Chúng tôi được cử đến để chém đầu Longin và hai người bạn của ông ấy, vì đó là mệnh lệnh mà Hoàng đế đã ban cho Pilat.

Longin, khi nghe tin rằng họ cũng đang tìm cách giết cả những người bạn của mình, liền vội vàng sai người đi tìm họ, mời họ đến chỗ mình; còn bản thân ông thì không muốn tiết lộ cho các binh lính biết – cho đến khi những người bạn của ông đến – rằng chính ông mới là Longin. Khi các binh lính đã chìm vào giấc ngủ, Longin bắt đầu cầu nguyện, và suốt cả đêm đó, ông đã cầu nguyện hết lòng với Chúa, chuẩn bị cho cái chết. Khi bình minh ló rạng, các binh lính, vội vã lên đường, đã yêu cầu Longin chỉ cho họ người mà họ đang tìm kiếm. Lúc đó, Longin nói với họ:

– Xin các ngài hãy chờ một lát, thưa các ngài, – tôi đã sai người đi tìm anh ta, và anh ta sẽ đến gặp các ngài ngay lập tức: hãy tin tôi, người mà các ngài đang tìm kiếm sẽ tự mình giao nộp mình vào tay các ngài, – chỉ cần chờ thêm một chút nữa thôi.

Sau đó, Longin biết tin những người bạn của mình đang đến: ông lập tức ra đón họ, hôn và ôm họ, rồi nói:

– Hãy vui mừng, hỡi các tôi tớ của Đấng Kitô, những người đồng hành của tôi, hãy cùng tôi vui mừng, vì niềm vui của chúng ta đã gần kề – đã đến lúc chúng ta được giải thoát khỏi những xiềng xích trần tục; giờ đây, chúng ta sẽ cùng nhau hiện diện trước mặt Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta. Chúng ta đã thấy Ngài chịu đau khổ, bị đóng đinh, được chôn cất và sống lại trong vinh quang; giờ đây chúng ta sẽ thấy Ngài ngự bên hữu Đức Chúa Trời, và được no nê khi chiêm ngưỡng vinh quang của Ngài.

Sau khi nói những lời này với các bạn mình, Longin kể cho họ nghe rằng các binh lính từ Phi-lát và Hội đồng Công nghị Do Thái đã đến để giết họ vì đã làm chứng về sự phục sinh của Đấng Christ. Nghe vậy, họ vui mừng, vì được dự phần vào vương miện tử đạo và sớm được diện kiến Chúa của mình, Đấng mà họ đã yêu mến bằng cả tâm hồn. Sau đó, Longin dẫn các bạn mình đến trước mặt các binh lính và nói:

[7151] Tiberius trị vì từ năm 14 đến năm 37. Dưới triều đại của ông, Chúa Giê-su Ki-tô đã bị đóng đinh.

– Đây là Longin và hai người bạn của ông! Tôi là Longin, người mà các anh đang tìm kiếm; còn đây là hai người bạn của tôi, những người đã cùng tôi chứng kiến sự Phục sinh của Chúa Kitô và đã tin nhận; hãy làm với chúng tôi theo lệnh của những người đã sai các anh đến.

Nghe vậy, các binh lính kinh ngạc và ban đầu không tin rằng người đứng trước mặt họ chính là Longin; sau đó, khi đã xác nhận sự thật này, họ cảm thấy hổ thẹn và không muốn giết người đã cứu giúp mình. Nhưng Longin thúc giục họ phải thi hành mệnh lệnh, đồng thời nói:

– Các ngươi không thể báo đáp tình yêu thương của ta dành cho các ngươi bằng cách nào tốt hơn là đưa ta về với Chúa của ta, Đấng mà ta đã mong mỏi được gặp từ lâu.

Sau đó, mặc lên mình bộ áo tang màu trắng và chỉ tay về phía ngọn đồi gần đó, Longin ra lệnh cho những người trong nhà chôn cất thi thể của ông và hai người bạn của ông tại đó. Sau đó, sau khi cầu nguyện và trao nụ hôn vĩnh biệt cho mọi người, Longin cùng hai người bạn của ông[7152] đã cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm. Các binh lính, sau khi chặt đầu họ, đã mang theo đầu của Thánh Longin và rời đi; còn thi thể các thánh thì được an táng một cách trang trọng tại chính nơi mà Thánh Longin đã chỉ định.

Khi đến Giê-ru-sa-lem, các binh lính mang theo đầu thiêng liêng của Thánh Longin và trao nó cho Phi-lát để chứng minh rằng ông ta cùng toàn thể dân Do Thái đã giết Longin. Pilát và người Do Thái, khi nhìn thấy đầu của vị thánh, đã ra lệnh ném nó ra ngoài thành, và nó nằm ở đó rất lâu cùng với rác rưởi, cho đến khi bị bụi phủ lấp.

Còn Chúa *thì "bảo vệ mọi xương"* (Thánh Vịnh 33:21) của các tôi tớ Ngài, đã giữ nguyên vẹn cả đầu của Thánh Longin, vốn đang nằm trong đống rác.

Và khi Chúa muốn tôn vinh tôi tớ của Ngài trên đất trước mặt loài người – Đấng mà Ngài đã tôn vinh trên trời trước mặt các Thiên thần – thì Ngài đã bày tỏ đầu của vị thánh ấy theo cách như vậy. Có một người phụ nữ, một tín hữu Kitô giáo, góa phụ đến từ Cappadocia, bị mù cả hai mắt và đã tìm kiếm sự giúp đỡ từ các bác sĩ trong một thời gian dài, nhưng không nhận được. Sau đó, bà quyết định đi đến Giê-ru-sa-lem – để thờ lạy các thánh địa và tìm kiếm sự giúp đỡ của Thiên Chúa cho đôi mắt mù lòa của mình. Bà đưa con trai duy nhất của mình đi cùng và lên đường. Nhưng khi đến các thánh địa, con trai bà lâm bệnh và qua đời sau vài ngày; người góa phụ ấy vô cùng đau đớn vì cái chết của con trai: bà khóc than vì mất mát kép, bởi bà đã mất cả đôi mắt lẫn con trai, người vốn như ánh sáng cho đôi mắt bà và là người dẫn đường cho bà. Và khi người góa phụ ấy đang khóc lóc thảm thiết và không thể nguôi ngoai, Thánh Longin đã hiện ra với bà trong một giấc mơ và an ủi bà, hứa với bà rằng bà sẽ được gặp lại con trai mình trong vinh quang thiên đàng và đôi mắt bà sẽ được sáng lại. Ngài kể cho bà nghe tất cả về bản thân mình: cách ngài đã hiện diện trong cuộc khổ nạn, sự đóng đinh, lễ an táng và sự phục sinh của Chúa Kitô, cũng như sau đó, ngài đã rao giảng về Chúa Kitô tại Cappadocia và chịu khổ vì Ngài cùng với các bạn hữu của mình. Đồng thời, ngài truyền cho bà ra ngoài thành phố và tìm thấy đầu của ngài ở đó, đang nằm trong một đống rác và phủ đầy bụi.

– Ngươi được định sẵn – Thánh Longin nói – để tìm thấy nó nhằm chữa lành cho ngươi.

Được an ủi khỏi nỗi buồn, người góa phụ đứng dậy và xin được dẫn ra ngoài thành; khi được dẫn đi, bà nói với những người tiễn đưa:

– Nơi nào các anh thấy một đống rác lớn đã được quét gom lại, thì hãy để tôi ở đó.

Họ đã làm đúng như vậy. Tìm thấy một đống rác lớn đã được quét gom, họ dẫn bà đến đó, và bà bắt đầu dùng tay mình xới rác và đào bới bụi bẩn: dù mắt bà không nhìn thấy gì, nhưng bà có đức tin mãnh liệt vào những lời Thánh Longin đã nói với bà trong giấc mơ. Và ngay lập tức, theo ý định của Thiên Chúa, bà đã nhận được điều mình tìm kiếm và bỗng nhiên nhìn thấy ánh sáng mặt trời; vì đôi mắt bà đã mở ra và bà nhìn thấy đầu của vị thánh đang nằm trong bụi đất. Người góa phụ ấy vui mừng không phải vì đã nhìn thấy ánh sáng mặt trời, mà vì đã tìm thấy đầu của vị thánh, nhờ đó mà bà được sáng mắt. Và bà ngợi khen Thiên Chúa và tôn vinh tôi tớ của Ngài – Thánh Longin.

Sau khi cầm lấy và hôn lên đầu của vị thánh, người phụ nữ vui mừng mang nó về nhà; bà rửa sạch nó, xức lên những loại dầu thơm, và vui mừng đến nỗi quên đi nỗi buồn về người con trai đã qua đời. Đêm hôm sau, Thánh Longin lại hiện ra trước mặt bà trong ánh sáng rực rỡ, dẫn con trai bà đến bên bà, trong bộ trang phục cưới lộng lẫy, rồi ôm cậu bé một cách ân cần và đầy tình cha con, rồi nói với người góa phụ:

– Hãy nhìn đây, hỡi người vợ, con trai mà chị đang thương tiếc và khóc than: này, vinh quang và danh dự mà con được hưởng là như thế này – hãy nhìn con và hãy an ủi lòng mình. Đức Chúa Trời đã đưa con vào hàng ngũ

[7152] Theo các ghi chép cổ xưa, đó là Isavr và Aphrodisius; ngày kỷ niệm của họ là ngày 19 tháng 4.

các thiên thần trên trời, những vị đang ở trong Nước Ngài. Còn tôi, giờ đây tôi đã đón con từ Đấng Cứu Thế, và con sẽ không bao giờ xa cách tôi nữa. Này, hãy nhận lấy đầu và thi thể con trai của chị, rồi chôn cất chúng trong cùng một quan tài, và đừng khóc than cho đứa con trai duy nhất của chị nữa, cũng đừng để lòng chị bối rối, vì vinh quang lớn lao, niềm vui và sự hân hoan vô tận đã được Đức Chúa Trời ban cho nó[7153] .

Khi người phụ nữ nghe những lời này, bà vội vàng đứng dậy, đặt đầu vị tử đạo vào cùng một quan tài với thi thể con trai đã qua đời của mình, rồi trở về nhà, ngợi khen và tôn vinh Đức Chúa Trời. Khi về đến quê hương, bà chôn cất thi thể con trai và đầu vị tử đạo tại một nơi trang nghiêm, đồng thời suy ngẫm như sau:

– Giờ đây tôi biết rằng *"mọi sự đều hiệp lại làm ích cho những ai yêu mến Đức Chúa Trời, tức là những người được kêu gọi theo ý muốn của Ngài"* (Rô-ma 8:28): tôi đã tìm kiếm sự chữa lành cho đôi mắt thể xác, nhưng đồng thời cũng tìm thấy sự chữa lành cho đôi mắt tâm hồn. Tôi từng bị nỗi đau buồn vì cái chết của con trai mình ám ảnh, nhưng giờ đây tôi có con ở trên trời, đứng trước mặt Đức Chúa Trời trong vinh quang, cùng với các tiên tri và các vị tử đạo; cùng với họ, con luôn vui mừng và cùng với Longin trong Nước Trời của Đấng Christ, con vác thập tự giá – dấu hiệu của chiến thắng, giữa các Thiên thần, và như một môn đệ của Longin, con hân hoan ca ngợi: "Quả thật, Con Thiên Chúa này đã là, đang là và sẽ mãi mãi là." Nước Trời của Ngài là Nước Trời muôn đời, và quyền thống trị của Ngài trải khắp mọi dòng dõi và thế hệ. Vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen[7154] .

Bài ca Kondak, giọng 4:

Giáo hội hân hoan vui mừng, hôm nay tưởng nhớ vị tử đạo Longin, người được tưởng nhớ muôn đời, và kêu lên: Ngài là sức mạnh và sự vững chắc của con, lạy Chúa Kitô.

Ngày 30 tháng 10

Ngày 17 tháng 10 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Andrei người Crete

Ngày tưởng niệm 17 tháng 10

Đã rất lâu rồi kể từ khi những cuộc bách hại tàn bạo nhắm vào Giáo Hội của Chúa Kitô, do các vị vua và hoàng tử vô đạo gây ra, chấm dứt. Sau đó, Giáo Hội của Chúa, như được trồng trên mảnh đất màu mỡ và được tưới bằng máu thánh của các tôi tớ Chúa, đã lan rộng khắp bốn phương trời. Trong Nhà Chúa, hòa bình và sự hiệp nhất trong đức tin đã ngự trị, lòng đạo đức nở rộ, những phẩm chất tốt đẹp được củng cố trong lòng người, các điều răn của Chúa được tuân giữ, và các tín hữu phát triển mạnh mẽ trong mọi đức tính. Lúc bấy giờ, ma quỷ, vì ghen tị với điều này, đã bắt đầu lôi kéo các tín hữu xa rời Chúa Kitô. Tuy nhiên, hắn không còn hành động công khai như trước nữa, mà là một cách bí mật – với sự xảo trá vốn có của hắn. Với mục đích này, hắn đã khơi dậy phong trào chống thánh tượng ngay trong chính hàng ngũ các Kitô hữu. Dưới sự xúi giục của ma quỷ, trong số các Kitô hữu đã xuất hiện những người, dưới vỏ bọc của lòng nhiệt thành vì Thiên Chúa, bắt đầu từ chối việc tôn kính các thánh tượng. Ma quỷ đã gieo rắc ý tưởng này vào lòng người ta để họ, khi từ chối hình ảnh Chúa Kitô, cũng từ chối chính Chúa Kitô – bởi vì mọi điều được thể hiện trên hình ảnh đều liên quan đến Đấng mà hình ảnh đó miêu tả. Và thế là kẻ thù ghét sự cứu rỗi loài người, ma quỷ, đã xúi giục vua Constantine, – không phải vị thánh đồng tông đồ đã soi sáng thế giới bằng đức tin vào Chúa Kitô, mà là một người khác cùng tên, được gọi là Kopronymos, tức là "tên mủ"[7155] , bởi vì trước tiên hắn đã làm ô uế bể rửa tội của mình bằng mủ, rồi sau đó là Giáo Hội của Chúa Kitô – bằng tà

[7153] Về các phép lạ từ di cốt của Thánh Longinô, Thánh Phêôphan đã đề cập trong nghi lễ tưởng niệm vị tử đạo này (xem Sách Lễ tháng 10, ngày 16). – Bàn tay thánh của Thánh Longinô, viên đội trưởng, hiện được lưu giữ tại Roma, trong Nhà thờ Thánh Phêrô ở Vatican.

[7154] Người viết tiểu sử của Thánh Longin là Thánh Isichius, linh mục tại Giêrusalem († năm 434), người đã tìm thấy các tài liệu về vị tử đạo trong thư viện Thánh Phục Sinh và dựa vào đó để soạn thảo bản tường thuật của mình, từ đó cho thấy vị tử đạo đã bị chặt đầu vào ngày 16 tháng 10.

[7155] Tên gọi "Constantine Copronymus" bắt nguồn từ từ tiếng Hy Lạp "kopros" – phân, chất thải.

thuyết vô thần của hắn. Vị vua điên rồ bắt đầu tuyên bố rằng người Kitô hữu không nên thờ phượng và tôn kính các bức tượng thánh, vì đó là sự thờ phượng thần tượng theo phong tục ngoại giáo. Ông ta không hiểu rằng nếu một vật thể bản thân nó có hại cho linh hồn, thì hình ảnh của nó cũng có hại cho linh hồn và không được phép tồn tại. Còn nếu một vật bản chất chứa đựng điều thiện và có ích cho linh hồn, thì hình ảnh của vật đó cũng là điều thiện và có ích cho linh hồn. Các vị thần ngoại đạo là điều ác và hủy hoại linh hồn, vì vậy việc tôn kính họ bị cấm. Tương tự như vậy, hình ảnh của họ cũng là điều ác, hủy hoại linh hồn, và Luật của Đức Chúa Trời đã cấm việc tôn kính chúng. Chúa Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa của chúng ta, là Đấng Thánh; các tôi tớ của Ngài cũng thánh thiêng, và họ mang lại rất nhiều lợi ích cho linh hồn chúng ta, như Đa-vít đã nói: *"Các bạn của Ngài, lạy Thiên Chúa, đã rất quý báu đối với con"* (Thánh Vịnh 138:17). Vì thế, các hình ảnh của Chúa và các bạn hữu đáng kính của Ngài – những người mà Chúa đã phán: *"Các con là bạn hữu của Ta"* (Ga 15:14) – là thánh thiêng, có ích cho linh hồn, và chúng ta phải tôn kính chúng, biết rằng sự tôn kính dành cho các thánh tượng sẽ chuyển sang chính người được khắc họa trên đó. Vua Copronymus, kẻ vô đạo, không hiểu điều này, đã ra lệnh khắp các vùng đất trong vương quốc của mình rằng tất cả các bức tượng thánh phải bị vứt bỏ khỏi các nhà thờ của Chúa và không ai được phép dám giữ chúng trong nhà mình. Đồng thời, ông đe dọa sẽ trừng phạt bằng những hình phạt khủng khiếp và tử hình đối với tất cả những ai không tuân theo mệnh lệnh của ông; và lúc bấy giờ, trong Giáo hội của Đức Chúa Trời đã xảy ra nỗi đau buồn, sự u sầu và than khóc vô cùng[7156] . Nhiều tín hữu, vì sợ hãi trước lời đe dọa khủng khiếp của vị vua, đã bỏ trốn và ẩn náu: các thành phố trở nên hoang vắng, người dân tản mác khắp các sa mạc; còn những người ở lại – một số tuân theo mệnh lệnh của nhà vua và ngừng thờ phượng các bức tượng thánh, trong khi những người khác, kiên định bám giữ truyền thống của các vị thánh tổ, đã dũng cảm chống lại những kẻ bài tượng và vì thế phải chịu đủ loại cực hình. Tất cả các nhà tù, ngục tối và những hào sâu lúc bấy giờ không phải chứa đầy những tên cướp, kẻ trộm hay bất kỳ kẻ ác nào, mà là các giám mục, linh mục, tu sĩ và những người đạo đức khác.

Vào thời đó, trên đảo Crete có một người đạo đức và kính sợ Thiên Chúa tên là Andrei; ông đã từ bỏ thế gian và vinh quang của nó, khinh thường mọi niềm vui trần tục: mang lấy thập giá của mình, ông đi trên con đường hẹp dẫn lên thiên đàng, và dẫn dắt nhiều người cùng mình đến cuộc sống thánh thiện như vậy. Khi nghe tin rằng tại Constantinople, tên vô pháp Copronymus, vì một giáo lý mới đầy dị giáo, báng bổ và chống thánh tượng, đang giam cầm nhiều vị thánh, Andrei bừng cháy lòng nhiệt thành trong đức tin và tình yêu dành cho Chúa Kitô, và đã lên đường đến Constantinople. Tại đó, ngài không hề sợ hãi, mà với lòng can đảm phi thường, đã công khai giảng dạy dân chúng đừng để bị lừa dối bởi những lời của hoàng đế và giáo lý dị giáo; còn những ai vững vàng trong đức tin, Thánh Andrei lại củng cố và khích lệ họ sống đúng với đức tin chân chính và kiên nhẫn chịu đựng những cực hình.

Khi Andrei thấy rằng những kẻ chống thánh tượng, theo lệnh của hoàng đế, vì việc tôn kính các thánh tượng – có người bị đánh đập dã man bằng roi da, có người bị thiêu đốt bằng lửa, có người bị móc mắt hoặc cắt lưỡi, còn những người khác thì bị chặt tay chân – thì lúc đó ông không thể chịu đựng được nữa. Ngay lập tức, Andrei đi đến nhà thờ Thánh Tử đạo Mamant, nơi lúc đó nhà vua đang có mặt cùng đông đảo các quan lại của mình. Anh chen lấn qua đám đông tụ tập ở đó, dũng cảm đứng trước mặt nhà vua và cất tiếng hô lớn:

– Tại sao ngài, thưa hoàng đế, lại tự xưng là Kitô hữu và là tôi tớ của Chúa Kitô, trong khi lại chà đạp các bức tượng thánh của Ngài và gây ra biết bao đau khổ cho các tôi tớ của Ngài?

Andrei định tiếp tục bài diễn thuyết của mình, nhưng nhà vua ra lệnh bắt giữ ông. Ngay lập tức, các thị vệ ùa vào Andrei: một số nắm lấy đầu ông, một số khác nắm lấy tay, còn một số thì nắm lấy vai và áo quần; sau khi

---

[7156] Thời kỳ trị vì kéo dài của Hoàng đế Constantine Copronymus (741–775) là giai đoạn mà phong trào chống thánh tượng đạt đến đỉnh cao phát triển và sức mạnh trong Giáo hội Hy Lạp. Bản thân Hoàng đế Constantine Copronymus là một người chống thánh tượng cuồng nhiệt nhất. Gương mẫu của cha ông, Hoàng đế Lêô Isaurian (716–741), cùng với việc được giáo dục theo những nguyên tắc chống thánh tượng nghiêm ngặt đã biến ông thành kẻ thù không đội trời chung của việc tôn kính thánh tượng. Những người sùng kính thánh tượng nhiệt thành buộc phải chạy trốn ra nước ngoài – đặc biệt là đến Roma – hoặc ẩn náu ở những nơi hẻo lánh. Những người phản đối các biện pháp và sắc lệnh của hoàng đế một cách dũng cảm, quyết liệt và can đảm nhất chính là các tu sĩ, những người đã chứng tỏ mình là những người bảo vệ không sợ hãi của Chính Thống giáo. Lòng nhiệt thành của các tu sĩ vào thời điểm đó đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng của xã hội Kitô giáo. Mức độ tàn bạo trong việc đàn áp các tu sĩ thể hiện rõ qua những hình thức xử tử mà họ phải chịu. Theo lời của nhà sử học Giáo hội thời bấy giờ – Nikiforos – đã có trường hợp các tu sĩ bị đập vỡ đầu ngay trên chính những bức tượng thánh mà họ đã đứng ra bảo vệ. Còn trong số những người thế tục, những ai dũng cảm hơn trong việc tuyên xưng đạo Chính Thống cũng phải chịu không ít sự đàn áp dưới triều đại của Copronymus. Nói chung, cuộc đàn áp đối với các tín hữu Chính Thống dưới thời Copronymus dữ dội đến mức nó gợi nhớ đến cuộc đàn áp tàn bạo nhất mà các hoàng đế ngoại giáo từng gây ra đối với Kitô hữu – đó là cuộc đàn áp dưới thời Diocletian.

quật ngã Andrei xuống đất, họ bắt đầu đánh đập, lôi lê trên mặt đất và giẫm đạp lên người ông. Muốn thể hiện lòng nhân từ bề ngoài, nhà vua ra lệnh ngừng đánh Andrei, rồi bước ra khỏi nhà thờ, gọi anh ta lại gần và tự mình bắt đầu nói chuyện với anh ta:

– Từ đâu – ông ta nói – mà ngươi lại có đủ can đảm đến mức dám đến đây và nói xấu ta ngay trước mặt? Phải chăng vì điên rồ, hay vì một mưu đồ nào đó? Hay chỉ để được ta biết đến?

Andrei đáp:

– Tôi làm điều này không phải vì điên rồ, cũng không phải vì bất kỳ mưu đồ nào, và cũng không phải để tìm kiếm danh vọng hão huyền từ ngài, vì tôi coi tất cả những gì ngài có trên đời này như giấc mơ và xem như khói mây. Nhưng tôi đã nghe nói về giáo lý xấu xa của ngài, theo đó ngài làm ô uế các thánh tượng và đàn áp Giáo hội thánh của Đức Chúa Trời. Vì thế, *"lòng ghen tuông vì nhà Ngài đang thiêu đốt tôi"* (Thánh Vịnh 68:10), và tôi đã đến đây từ xa xôi, để hoặc là thuyết phục ngài, hoặc là chính tôi sẽ chết vì Đấng Kitô của tôi. Nếu Ngài – Chúa của tôi – đã chết vì tôi, thì tôi, với tư cách là hình ảnh của Ngài, chẳng phải cũng phải chết vì hình ảnh của Ngài sao?

Nhà vua nói với An-rê về điều này:

– Thật là điên rồ và mất trí khi dâng vinh quang của Đức Chúa Trời bất diệt cho gỗ, màu sơn, đá, mà lại không nghe theo điều Đức Chúa Trời đã truyền cho Môi-se là không được làm bất kỳ hình tượng nào? Sự điên rồ này từ đâu mà nảy sinh trong các ngươi, khiến các ngươi chống lại lẽ thật hiển nhiên như vậy và tự đưa mình vào chỗ diệt vong? Hãy tin ta, ta sẽ tra tấn ngươi không phải vì lẽ thật, không phải vì Đấng Christ, mà vì sự táo bạo và sự chống đối vô liêm sỉ của ngươi.

Andrei không thể chịu đựng được sự phỉ báng như vậy và nói:

– Kẻ vô đạo! Chẳng phải ai chịu đau khổ vì các bức tượng của Ngài thì cũng đang chịu đau khổ vì Chúa Kitô sao? Chẳng phải sự sỉ nhục mà ngươi gây ra cho bức tượng sẽ chuyển sang Đấng được khắc họa trên đó sao? Vậy tại sao các ngươi lại tàn nhẫn xử tử những kẻ sỉ nhục và lật đổ các hình ảnh và tượng của các ngươi? Các ngươi, như bụi đất, hôm nay còn tồn tại, ngày mai sẽ biến mất, thế mà lại muốn được tôn kính qua những hình ảnh của mình; vậy thì tội lỗi khi xâm phạm Hình ảnh của Chúa Kitô còn lớn lao biết bao, vì sự xúc phạm gây ra cho bức tượng Chúa Kitô chính là sự xúc phạm đối với chính Chúa Kitô, Đấng mà dung nhan của Ngài được khắc họa trên bức tượng ấy.

Sau đó, Thánh Anrê định giải thích rằng Thiên Chúa đã truyền qua Môsê cho phép có các hình ảnh thay cho các thần, nhưng nhà vua không cho ngài tiếp tục và nói:

– Nếu các vị vua đã nổi giận chỉ vì những hình tượng của chính họ, thì họ sẽ càng giận dữ hơn nhiều khi bị xúc phạm ngay trước mặt.

Và ngay lập tức, ông ra lệnh lột trần Thánh nhân và đánh đập ngài không thương xót. Nhưng Thánh nhân đã dũng cảm chịu đựng mọi hình phạt; lúc đó, nhà vua bắt đầu dùng lời ngọt ngào để dụ dỗ Thánh Anrê tuân theo mệnh lệnh độc ác của mình. Thánh Anrê, ngước mắt lên trời, nói:

– Xin Chúa bảo vệ, để tôi không bao giờ chối bỏ Đấng Kitô của tôi trong hình ảnh thánh thiêng của Ngài; còn ngài, hỡi hoàng đế, thà lo việc quân sự và cai trị dân chúng còn hơn là bách hại Đấng Kitô và truy đuổi các tôi tớ của Ngài.

Lúc đó, nhà vua ra lệnh đánh đập Thánh Anrê một cách tàn bạo đến nỗi đất đai cũng nhuốm đỏ bởi máu của ngài. Một số người xung quanh, để lấy lòng nhà vua, bắt đầu ném đá vào Thánh Anrê, làm vỡ môi và gãy xương sườn của ngài. Cuối cùng, sau nhiều cực hình, vị thánh bị giam vào ngục tối; trong thời gian ở đó, ngài vẫn tiếp tục củng cố đức tin cho những tín hữu đến thăm ngài. Sau đó, nhà vua lại ra lệnh đưa thánh Anrê ra khỏi ngục tối và tra tấn ngài lần nữa, làm tái phát những vết thương cũ; trong những cực hình này, thân thể vị thánh dần tan rã và vỡ vụn. Cuối cùng, sau khi trói chân vị thánh, họ lôi ngài lê lết trên mặt đất qua thành phố đến nơi thường dùng để hành quyết những kẻ ác, và tại đó, kẻ tra tấn đã ra lệnh giết chết thánh Anrê. Khi đang lôi ngài qua quảng trường chợ, một trong những kẻ dị giáo – một người buôn cá – sau khi biết lý do tại sao vị thánh phải chịu đau khổ và bị quỷ xúi giục, đã vớ lấy con dao và chém đứt chân vị tử đạo: hành động này đã chấm dứt con đường đầy đau khổ của Thánh Andrei, vì vị tử đạo đã qua đời ngay lập tức vì vết thương đó[7157] .

[7157] Thánh Anrê qua đời vào năm 767; 100 năm sau, Thánh Giuse, nhà soạn thánh ca, đã sáng tác một bài thánh ca dành cho ngài (xem Sách Lễ Tháng Mười, ngày 17).

Thi thể Thánh Andrei bị ném xuống vực thẳm cùng với thi thể của những kẻ ác và nằm ở đó hơn 12 tuần. Theo ý muốn của Thiên Chúa, những người bị quỷ ám từ các quốc gia khác nhau bắt đầu đổ về nơi đó: họ đã vớt thi thể Thánh Anrê ra khỏi vực thẳm và khỏi những xác chết, rồi an táng ngài tại một nơi thánh thiêng; ngay lập tức, như phần thưởng xứng đáng cho việc này, họ đã được chữa lành. Nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, bên quan tài của ngài, nhiều người bệnh đã được chữa lành, vì Thánh Anrê có sự can đảm trước mặt Thiên Chúa và cầu nguyện cho tất cả chúng ta, cùng với các thánh đứng trước ngai tòa Chúa mãi mãi. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài đã tu hành khổ hạnh trên núi[7158] , và bằng vũ khí Thập tự giá, Ngài đã tiêu diệt đội quân kẻ thù, hỡi vị thánh đáng kính. Ngài lại dũng cảm chấp nhận sự đau khổ, giết chết Copronymus bằng thanh gươm đức tin; và vì cả hai lý do đó, Ngài đã được Thiên Chúa ban vương miện, hỡi vị thánh tử đạo đáng kính Anrê, người mãi mãi được tưởng nhớ.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Chúng con tạ ơn vị thánh cùng tên với lòng dũng cảm[7159] , và một lần nữa, vì tình yêu dành cho ngài, chúng con ca ngợi vị thánh nói lời bí ẩn đầy đức tin, hỡi vị thánh được Thiên Chúa chúc phúc; nhưng một lần nữa, với lòng can đảm hướng về Chúa, xin ngài cứu chúng con khỏi mọi sự dữ, để chúng con có thể hát: Hỡi Cha đáng kính muôn đời, xin vui mừng.

Kỷ niệm Thánh Tiên tri Ô-si-a

Ngày tưởng niệm 17 tháng 10

Thánh tiên tri Ô-si-a, con trai của Bê-ri-in, xuất thân từ chi phái Y-sa-ca[7160] . Vào thời đó, nhiều người trong dân Y-sơ-ra-ên đã xa rời Đức Chúa Trời chân thật và, quên đi những ân huệ và phép lạ của Ngài, đã thờ lạy các thần tượng. Nhưng Ô-si-a, là người kính sợ Đức Chúa Trời, đã phụng sự Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng đã tạo dựng trời đất và dùng tay quyền năng giải cứu dân Do Thái khỏi Ai Cập. Ô-si-a đã dạy dỗ những người đã xa rời lẽ thật, và bằng những lời khuyên nhủ khôn ngoan, ông đã dẫn dắt họ trở lại với đức tin của tổ tiên.

Dưới sự soi dẫn của Thánh Thần, Ô-si-a đã tiên tri nhiều điều về dân Y-sơ-ra-ên. Khi vạch trần những kẻ vô luật pháp trong vương quốc Y-sơ-ra-ên, ông đã tiên tri về những tai họa lớn lao từ kẻ thù, việc họ bị lưu đày sang A-si-ri, và sau đó là sự trở lại với Đức Chúa Trời ([7161]). Ông đã tiên tri về sự lan rộng của sự hiểu biết chân chính về Đức Chúa Trời trên khắp mặt đất (Hô-sê 2:20. Xem Giê-rê-mi 31:34), sự chấm dứt chức tư tế của A-rôn và các lễ tế theo Cựu Ước (Ô-sê 3:5), cũng như về việc Hài Nhi Giê-su trở về từ Ai Cập[7162] và sự phục sinh sau ba ngày của Ngài[7163] , cùng với chiến thắng trước cái chết[7164] . Tất cả những lời tiên tri này được Ô-sê ghi lại trong sách của

---

[7158] Ở đây tất nhiên là nói đến đảo Crete, nơi có vô số ngọn núi và nổi bật với những bờ biển dốc đứng, thậm chí có nơi còn không thể tiếp cận được.

[7159] Tức là đồng nghĩa hoặc tương đương với sự dũng cảm. Tên Andrei khi dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "dũng cảm".

[7160] Tiên tri Ô-si-a sống trong vương quốc Y-sơ-ra-ên và rao giảng lời tiên tri vào thời các vua Giu-đa là Ô-si-a, Giô-a-pham, A-cha và Ê-xê-ki-a, cũng như vào thời vua Y-rô-bô-am II của Y-sơ-ra-ên (Ô-si-a 1:1). Trong số các "tiên tri nhỏ", những người cùng thời với ông là Mi-chê và A-mốt; trong số các "tiên tri lớn" là Ê-sai. Theo các thánh Ê-phra-im Si-rin, Đô-rô-phê và Ê-pi-pha-ni, tiên tri Ô-si-a xuất thân từ thành Vê-ên-mô-phơ, thuộc chi phái Y-sa-ca.

[7161] Trong các lời tiên tri của Ô-sê có: 1) sự lên án sự gian ác, sự thờ thần tượng và sự suy đồi đạo đức thời bấy giờ, cũng như sự lên án các liên minh của người Do Thái với các dân ngoại nhằm trông cậy vào sức mạnh của họ, và lời kêu gọi ăn năn và sửa đổi; 2) những lời đe dọa về sự bị bắt làm tù binh ở A-si-ri; 3) sự an ủi qua lời tiên tri về việc được giải phóng khỏi cảnh lưu đày và sự đến của Vương quốc Đấng Mê-si, vốn được miêu tả dưới hình ảnh vinh quang trần gian, phù hợp với tình trạng non nớt của dân tộc.

[7162] Lời tiên tri về sự trở về của Đấng Mê-si-a từ Ai Cập được ghi trong chương 11 của sách tiên tri Ô-sê. Khi liệt kê những ân huệ của Ngài dành cho dân Do Thái, Chúa phán: *"Ta đã gọi Con Ta ra khỏi Ai Cập"* (Ô-sê 11:1). Chính đoạn Kinh Thánh này được Thánh Mát-thêu trích dẫn khi ngài nói: *"Để ứng nghiệm lời Chúa đã phán qua vị tiên tri rằng: 'Ta đã gọi Con Ta ra khỏi Ai Cập'"* (Mt 2:16). Cũng như dân tộc Do Thái nói chung là hình bóng của Đấng Mê-si-a, thì những sự kiện cụ thể trong cuộc sống của dân tộc này cũng mang ý

ông, gồm 14 chương. Vì được phán ra qua Đức Thánh Linh, tất cả những lời tiên tri này đều nằm trong số các sách được Đức Thánh Linh soi dẫn của Kinh Thánh.

Tiên tri Ô-sê đã sống rất lâu[7165] và qua đời ở tuổi rất cao, 820 năm trước Công nguyên, và được an táng bình an trên mảnh đất quê hương mình.

Lễ kính các thánh Cosmas và Damian, những vị thánh không ham tiền

Ngày kỷ niệm: 17 tháng 10

Có ba cặp thánh bác sĩ từ thiện mang tên Cosmas và Damian. Một trong số họ sinh ra từ người cha theo đạo ngoại và người mẹ là Theodota, một nữ tín hữu Kitô giáo đạo đức; họ đã qua đời trong bình an[7166] và được an táng tại một nơi gọi là Fereman[7167] . Những người khác sống tại Roma và qua đời dưới tay người thầy ghen tị của họ, người đã lừa họ lên núi, như thể để hái thảo dược, rồi tại đó đã ném đá giết chết họ[7168] . Còn những người thứ ba, những vị mà ngày nay chúng ta tưởng niệm, là người gốc từ xứ Ả Rập. Sau khi tin nhận Chúa Kitô, họ đã chữa lành miễn phí cho vô số người bệnh, không phải bằng thảo dược hay các phương pháp y học thế gian nào khác như những bác sĩ tài giỏi, mà là nhờ quyền năng của Chúa Kitô; bởi khi đi qua các thành phố và làng mạc, họ rao giảng về Chúa Kitô và nhân danh Ngài, ban sự chữa lành cho tất cả những người đau ốm.

Khi họ trở nên nổi tiếng khắp nơi nhờ giáo lý và các phép lạ của mình, họ đã bị quan tổng trấn bắt giữ; sự việc này xảy ra dưới triều đại của các vị vua độc ác Diocletian và Maximian, những kẻ bách hại và tra tấn các Kitô hữu. Sau khi bị dẫn đến thành phố Cilicia, hai vị thánh y sĩ Cosmas và Damian đã ra trình diện trước quan tổng trấn Lysius. Ông ta bắt đầu hỏi họ về tên tuổi, quê quán và đức tin; sau đó, ông ta ép buộc họ dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng vì các thánh không muốn tuân theo điều này và can đảm rao giảng về Chúa Kitô, nên quan tổng trấn ban đầu ra lệnh đánh đập họ một cách tàn nhẫn và vô nhân đạo, rồi sau đó ném họ, khi đang bị trói, xuống đáy biển; nhưng các thánh nhân, nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời, đã thoát khỏi bị chìm, vì Thiên Thần của Chúa đã cởi trói cho họ và đưa họ lên bờ an toàn. Thống đốc, khi thấy điều này, đã ra lệnh đưa họ đến trước mặt mình và hỏi:

– Hãy nói cho ta biết, các ngươi đã dùng phép thuật nào để thoát khỏi biển? Vì ta cũng muốn theo giáo lý của các ngươi.

Họ đáp:

– Chúng tôi, những người Kitô hữu, không biết bất kỳ phép thuật nào và cũng không cần đến chúng: chúng tôi có sức mạnh của Chúa Kitô, Đấng giải thoát chúng tôi khỏi mọi tai ương và cứu rỗi mọi người kêu cầu Danh Thánh của Chúa Kitô.

Sau đó, các thánh nhân bị dẫn vào ngục tối. Ngày hôm sau, họ được dẫn ra khỏi đó, và kẻ tra tấn ra lệnh ném họ vào lửa, nhưng ngay cả trong lửa, họ vẫn không hề hấn gì, vì ngọn lửa đã mất đi sức mạnh tự nhiên của nó,

---

nghĩa "Mê-si-a" mang tính tiên báo. Dân Do Thái đã định cư tại Ai Cập để lánh nạn đói dưới thời Gia-cốp. Khi nguy cơ đó qua đi, dân Do Thái đã được Đức Chúa Trời dẫn dắt ra khỏi đó để thực hiện sứ mệnh của mình tại Pa-lét-tin. Cũng vậy, Đấng Mê-si-a là Đấng Christ, theo định mệnh của Đức Chúa Trời, đã lánh sang Ai Cập để thoát khỏi sự ác độc của Hê-rốt. Khi nguy hiểm qua đi, sau khi Hê-rốt qua đời, Đấng Mê-si-a đã được Đức Chúa Trời gọi từ Ai Cập về Pa-lét-tin, để thực hiện sứ mệnh của Ngài tại đó.

[7163] Lời tiên tri về sự phục sinh sau ba ngày của Đấng Mê-si-a được ghi trong Ô-sê 6:2. Trong Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô, Sứ đồ Phao-lô áp dụng lời tiên tri này cho Đấng Christ đã phục sinh, khi ngài nói rằng Đấng Christ *"đã sống lại vào ngày thứ ba, theo Kinh Thánh"* (1 Cô-rinh-tô 15:4).

[7164] Trong câu 14 của chương 13, tiên tri Ô-sê nêu lên ý tưởng (dưới dạng câu hỏi) về sự bất lực của địa ngục trước mặt Đức Chúa Trời: *"Ta sẽ cứu chuộc họ khỏi quyền lực của địa ngục, giải cứu họ khỏi sự chết. Hỡi sự chết! Nọc độc của ngươi ở đâu, hỏa ngục ơi? Chiến thắng của ngươi ở đâu?"* Sứ đồ Phao-lô nói: *"Khi cái thân thể hư nát này được mặc lấy sự bất hủ, và cái thân thể chết này được mặc lấy sự bất tử, thì lời đã chép sẽ được ứng nghiệm: 'Cái chết đã bị nuốt chửng bởi chiến thắng.' Cái chết ơi! Nọc độc của ngươi ở đâu? Âm phủ! Chiến thắng của ngươi ở đâu?"* (1 Cô-rinh-tô 15:54–55). Như vậy, Sứ đồ liên hệ việc ứng nghiệm lời tiên tri này với chiến thắng cuối cùng trước cái chết vào ngày mọi người chết sống lại.

[7165] Sứ vụ tiên tri của Ô-sê kéo dài hơn 60 năm.

[7166] Lễ tưởng niệm họ được cử hành vào ngày 1 tháng 11

[7167] Fereman nằm ở châu Á, cách Amida (tiếng Thổ Nhĩ Kỳ là Diyarbakir) hai ngày đường và đã bị người Thổ Nhĩ Kỳ phá hủy trong những cuộc chinh phục đầu tiên của họ.

[7168] Họ đã chịu tử đạo dưới thời Hoàng đế Carinus vào năm 284; ngày tưởng niệm của họ được cử hành vào ngày 1 tháng 7

không chạm vào họ và không gây tổn thương cho họ. Hê-gê-môn, vô cùng ngạc nhiên trước điều này, ra lệnh treo cổ các vị thánh bác sĩ và tra tấn họ một cách tàn nhẫn. Sau đó, theo lệnh của kẻ tra tấn, các đầy tớ bắt đầu ném đá vào các thánh nhân để giết họ, nhưng những hòn đá bật ra khỏi thân thể họ như bật khỏi tường, rồi rơi trúng chính những kẻ ném và giết chết chính họ.

Sau đó, họ bắt đầu bắn tên vào các vị thánh, nhưng những mũi tên, cũng giống như những hòn đá, không làm tổn thương thân thể các ngài mà lại làm bị thương chính những kẻ bắn. Cuối cùng, quan tổng trấn, thấy các vị tử đạo không thể bị đánh bại, đã kết án họ phải bị chém đầu bằng gươm. Và các thánh Kosmas và Damian, những vị bác sĩ từ thiện vì Chúa Kitô, cùng với ba anh em khác là Leontius, Anphimus và Eutropius[7169] , đã bị chém đầu; tất cả đều được chôn cất chung với nhau. Họ không chỉ khi còn sống, mà cả sau khi qua đời cũng được ban ân sủng thực hiện nhiều phép lạ, hiện ra trước những người đau ốm và ban cho họ sự chữa lành. Nhờ lời cầu nguyện của các ngài, xin cho chúng ta cũng được Chúa Kitô chữa lành những bệnh tật về tâm hồn và thể xác. Amen.

Lễ kính Thánh Lazarus Công Chính, Người Được Chôn Cất Bốn Ngày

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 10

Thánh Lazarus công chính, anh trai của Martha và Maria, sống cùng các chị em mình gần Giêrusalem, tại làng Bê-tha-ni. Lazarus và các chị em của ngài đã được Chúa Giêsu Kitô ban cho ân sủng đặc biệt (Ga 11,3). Trong thời gian sống trên trần gian, Chúa thường ghé thăm nhà họ ở Bê-tha-ni, gọi La-xa-rơ là bạn của Ngài (Giăng 11:11.), và không lâu trước khi chịu khổ nạn, Ngài đã làm cho La-xa-rơ sống lại từ cõi chết, sau khi anh đã nằm trong quan tài được bốn ngày[7170] . Sau sự kiện này, La-xa-rơ chỉ được nhắc đến một lần nữa trong Kinh Thánh, đó là khi Chúa trở lại Bê-tha-ni sáu ngày trước Lễ Vượt Qua, và La-xa-rơ đã được sống lại cũng có mặt tại đó (Giăng 12:1–2). Trong thời gian Chúa ở Bê-tha-ni, nhiều người Do Thái biết Ngài đang ở đó, và họ đến không chỉ vì Chúa Giê-su Christ, mà còn để gặp La-xa-rơ, người mà Ngài đã làm sống lại từ cõi chết. Nhiều người trong số họ đã tin chắc vào sự thật của phép lạ mà Chúa đã thực hiện, quay về tin Ngài và trở thành môn đệ của Ngài. Thấy điều đó, các thượng tế liền quyết định giết cả La-xa-rơ nữa (Giăng 12:9–11). Chúng ta không biết thêm gì về La-xa-rơ trong Phúc Âm.

Truyền thuyết kể rằng, sau khi được phục sinh, La-za-rô còn sống thêm 30 năm nữa, trở thành giám mục trên đảo Síp[7171] , nơi ông đã nỗ lực không ngừng trong việc truyền bá Kitô giáo, giống như các tông đồ, và cũng tại đó, ông đã an nghỉ trong bình an. Vào thế kỷ IX sau Công nguyên, di cốt của thánh Lazarus công chính đã được tìm thấy tại thành phố Kiti[7172] , nơi chúng được chôn cất dưới lòng đất, trong một quan tài bằng đá cẩm thạch, trên đó có khắc dòng chữ: “Lazarus, người đã chết bốn ngày, bạn của Chúa Kitô”. Kho báu thiêng liêng này đã được đào lên khỏi lòng đất và đặt vào một quan tài bằng bạc, rồi dưới triều đại của Hoàng đế Byzantine Lêo Khôn Ngoan, được chuyển đến Constantinopolis và an táng tại nhà thờ mang tên Thánh Lazarus Công Chính, vốn được xây dựng từ thời Hoàng đế Basil người Macedonia.

[7169] Ngày tưởng niệm của họ được cử hành vào cùng ngày, 17 tháng 10.

[7170] Giăng 11:17–44. Giáo Hội tưởng niệm sự phục sinh của La-xa-rô vào Thứ Bảy của tuần thứ 6 (Thứ Bảy La-xa-rô) trong Mùa Chay. Phép lạ này là một trong những phép lạ vĩ đại nhất của Chúa Giêsu Kitô: nó đã chứng tỏ một cách rõ ràng nhất quyền năng thần thánh và quyền thống trị của Ngài trên cái chết, đồng thời cũng là dấu chỉ sống động về sự phục sinh chung của chúng ta và là hình ảnh tiên báo về sự phục sinh của chính Chúa.

[7171] Theo truyền thuyết, khi còn là giám mục, thánh Lazarus đã vinh dự được Đức Mẹ viếng thăm và nhận từ Mẹ chiếc áo choàng do chính đôi tay Vô Nhiễm của Mẹ dệt nên.

[7172] Kiti – một thành phố nằm trên bờ biển phía nam đảo Síp, gần thị trấn Larnaca ngày nay. Đây là một trong chín thành phố cổ của người Phoenicia. Chính từ tên thành phố này mà người Do Thái gọi toàn bộ hòn đảo là Hetim. Sau này, giống như các thành phố khác trên đảo Síp, nó đã bị người Hy Lạp chiếm đóng.

Bài thánh ca dành cho Thánh Lazarus, người đã chết bốn ngày, Giám mục thành Kiti:

Như một kho báu vĩ đại và sự giàu có không thể đánh cắp đã đến với chúng con từ Síp, hỡi Lazarus, nhờ sự an bài của Thiên Chúa, theo lệnh của vị vua đạo đức, ban cho những ai tôn kính ngài ân sủng chữa lành, giải thoát khỏi tai ương và mọi tai họa, những ai kêu cầu ngài bằng đức tin: xin cứu rỗi tất cả mọi người bằng những lời cầu nguyện của ngài, hỡi Lazarus, Cha của chúng con.

Ngày 31 tháng 10

Ngày 18 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, kỷ niệm cuộc tử đạo của vị thánh tử đạo Marina, vị tu sĩ cao niên, người đã chịu tử đạo dưới thời Diocletian tại thành phố Tarsus.

Cuộc đời của Thánh Tông đồ và Thánh Sử Luca

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 10

Thánh Luca, nhà truyền giáo, sinh ra tại thành phố Antioch thuộc Syria. Cha mẹ ngài không thuộc dòng dõi Do Thái: điều này được chứng minh phần nào qua chính tên gọi Luca, là tên viết tắt từ từ tiếng Latinh " " (người Lucan)[7173] , và đặc biệt là qua một đoạn trong Thư của Thánh Phaolô gửi tín hữu Cô-lô-se, nơi Thánh Phaolô rõ ràng phân biệt Luca với *"những người thuộc dòng dõi cắt bì"*, tức là người Do Thái (Col. 4:10–15). Tuy nhiên, trong các tác phẩm của mình, Luca thể hiện sự am hiểu sâu sắc về Luật Mô-sê và các phong tục Do Thái; do đó, có thể suy luận rằng Luca, ngay trước khi quy y Chúa Kitô, đã chấp nhận đức tin Do Thái[7174] . Ngoài ra, tại quê hương mình, nơi nổi tiếng với sự phát triển rực rỡ của khoa học và nghệ thuật, Luca đã trau dồi trí tuệ bằng nhiều kiến thức khoa học khác nhau. Từ thư của Thánh Phaolô gửi cho các tín hữu ở Cô-lô-se, chúng ta thấy rằng Luca đã học nghệ thuật y khoa[7175] ; còn truyền thuyết thì khẳng định rằng ông cũng là một họa sĩ. Không còn nghi ngờ gì nữa, ông đã nhận được một nền giáo dục toàn diện tốt, bởi vì ngôn ngữ Hy Lạp trong các tác phẩm của ông trong sáng và chính xác hơn nhiều so với ngôn ngữ của các tác giả Tân Ước khác.

Khi tin đồn về những phép lạ và giáo lý của Chúa Giê-su Ki-tô lan truyền từ Ga-li-lê ra khắp xứ Sy-ri và các vùng lân cận, thì Lu-ca cũng từ An-ti-ô-ki-a đến Ga-li-lê, nơi Chúa Giê-su Ki-tô đã bắt đầu gieo những hạt giống của giáo lý cứu rỗi (Mt 4:24–26; Lc 4:37). Những hạt giống ấy đã tìm thấy mảnh đất màu mỡ trong lòng Luca và sinh ra hoa trái gấp trăm lần. Chẳng bao lâu sau, thánh Luca được vinh dự gia nhập vào hàng ngũ 70 tông đồ của Đấng Christ và, sau khi nhận được những lời dạy dỗ và quyền năng làm phép lạ từ Chúa, ngài đã đi "trước mặt" Chúa Giêsu Kitô, rao giảng về sự đến của Nước Trời và dọn đường cho Đấng Cứu Thế Kitô[7176] .

Trong những ngày cuối cùng của cuộc đời trần thế của Đấng Cứu Thế, khi bầy chiên của Ngài tan tác sau khi Mục Tử bị đánh bại, Thánh Luca đang ở Giê-ru-sa-lem, than khóc và khóc lóc vì Chúa của mình, Đấng đã tự nguyện chịu đau khổ. Có lẽ, trong lúc Ngài bị đóng đinh, cùng với những người khác từng biết Chúa Giêsu, Luca cũng đứng *"từ xa"* và nhìn Đấng bị đóng đinh với lòng đau buồn (Lc 23,49). Nhưng chẳng bao lâu sau, nỗi buồn

---

[7173] Tên "Lukan" này xuất hiện trong một số bản thảo cổ của bản dịch tiếng Latinh Phúc Âm theo thánh Luca. Một ví dụ về cách rút gọn tên tương tự có thể thấy trong tên Sila, được rút gọn từ Siluan. (Công vụ 15:22; 2 Cô-rinh-tô 1, v.v.).

[7174] Những người ngoại đạo chấp nhận đức tin Do Thái được gọi là "người ngoại đến từ cửa", còn những ai trong số họ, ngoài đức tin Do Thái, còn chấp nhận lễ cắt bì, thì được gọi là "người ngoại đến từ sự công chính". Trong Hội Thánh sơ khai có những người như vậy: quan đại thần của nữ hoàng Ê-thi-ô-pi-a là Kanda-ki-a, người đã được sứ đồ Phi-líp làm phép báp-tem (Công vụ 8:27–40); đó là Cornelius, một sĩ quan La Mã (Công vụ 10:1–3); đó là một trong bảy phó tế – Nicôlaô, người gốc Antiôkhia, giống như Luca (Công vụ 6:6) và nhiều người khác (Ma-thi-ơ 23:15; Công vụ 2:10).

[7175] Thánh Phaolô gọi Luca một cách trực tiếp là "bác sĩ yêu dấu": *"Luca, bác sĩ yêu dấu, gửi lời chào các anh chị em,"* – ngài nói (Col 4:14).

[7176] Lc 10:1–24. – Truyền thống này không mâu thuẫn với chính những lời của Luca, trong đó ông dường như loại trừ chính mình khỏi số các Tông đồ – những người đã tận mắt chứng kiến Lời (Lc 1:2). Bằng những lời này, Thánh Luca chỉ muốn nói rằng ông không thuộc về nhóm 12 Tông đồ, những người tất nhiên đã chứng kiến nhiều sự kiện Phúc Âm hơn so với 70 môn đệ của Chúa, những người đã đi trước Ngài trong thời gian Chúa Giêsu rao giảng.

của ngài đã biến thành niềm vui, vì Chúa Phục Sinh, ngay trong chính ngày Ngài sống lại, đã an ủi Luca bằng cách cho ngài được chứng kiến sự hiện ra và trò chuyện với Ngài; chính Luca đã thuật lại điều này một cách chi tiết và sinh động trong Phúc Âm của ngài[7177] . Trong nỗi buồn vì cái chết của Thầy mình và còn bối rối về sự Phục sinh của Ngài – điều mà các bà mang hương đã báo cho ông biết – Luca cùng với một môn đệ khác của Chúa là Clêôpa, đã đi từ Giêrusalem đến Emmaus[7178] , và trên đường đến làng này, ông đã được vinh dự trở thành người đồng hành với Đấng là *"con đường, sự thật và sự sống"*[7179] . Cả hai môn đệ đang đi và trò chuyện với nhau thì chính Chúa Giê-su đến gần và đi cùng họ. Theo lời tường thuật của thánh sử Mác, Chúa đã hiện ra với họ *"dưới* một hình dạng *khác"* (Mác 16:12), chứ không phải dưới hình dạng mà họ từng biết trước đây. Hơn nữa, theo sự an bài đặc biệt của Đức Chúa Trời, *"mắt họ bị che khuất"* (Lc 24:16), nên họ không thể nhận ra Chúa đã hiện ra. Họ nghĩ rằng người đang đi cùng họ là một trong những tín hữu đang trên đường đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua.

– Các anh đang bàn luận điều gì với nhau khi đi đường, và tại sao các anh lại buồn bã vậy? – Chúa hỏi họ.

Nghe vậy, Clêôpas đáp:

– Chẳng lẽ Ngài là một trong những người đã đến Giê-ru-sa-lem mà lại không biết những gì đã xảy ra ở đó trong những ngày này sao?

– Chuyện gì vậy? – Chúa Giê-su lại hỏi.

– Chuyện về Đức Giê-su người Na-xa-rét – họ đáp lại – Đấng là vị tiên tri, mạnh mẽ trong việc làm và lời nói trước mặt Đức Chúa Trời và toàn dân; các thượng tế và các nhà lãnh đạo của chúng tôi đã phản bội Ngài để kết án tử hình, và đã đóng đinh Ngài. Còn chúng tôi thì đã từng hy vọng – các môn đệ tiếp tục lời nói – rằng Ngài chính là Đấng phải giải cứu dân Y-sơ-ra-ên; nhưng dù sao đi nữa, đến nay đã là ngày thứ ba kể từ khi sự việc đó xảy ra. Nhưng có một số phụ nữ trong số chúng tôi đã làm chúng tôi kinh ngạc: họ đến mộ từ sớm mà không thấy thi thể Ngài, và khi trở về, họ kể rằng họ đã thấy các thiên thần hiện ra, những thiên thần ấy nói rằng Ngài còn sống. Một số người trong chúng tôi đã đến mộ và thấy đúng như những gì các phụ nữ đã kể, nhưng họ không thấy Ngài. Bấy giờ Chúa phán với họ:

– Hỡi những kẻ thiếu hiểu biết và chậm chạp trong lòng, sao các ngươi không tin tất cả những gì các tiên tri đã tiên báo! Chẳng phải Đấng Christ phải chịu khổ như vậy, rồi mới bước vào vinh quang của Ngài sao?

Và, bắt đầu từ Mô-sê, Chúa Kitô đã giải thích cho họ những điều các tiên tri đã nói về Ngài trong toàn bộ Kinh Thánh.

Trong khi trò chuyện với Chúa, các môn đệ đã vô tình đến gần Emmaus; và vì họ thấy cuộc trò chuyện thật thú vị, còn Người đồng hành dường như có ý định đi tiếp, nên họ bắt đầu nài xin Người ở lại với họ.

– Xin ở lại với chúng con, vì trời đã gần tối rồi, – họ thưa với Ngài.

Và Ngài vào làng và ở lại với họ trong một ngôi nhà. Khi Ngài ngồi xuống[7180] cùng họ trong bữa tối, Ngài lấy bánh từ bàn, tạ ơn, bẻ ra và trao cho họ. Ngay khi Chúa làm điều đó, các môn đệ lập tức nhận ra Ngài. Rất có thể, trước đó Chúa đã từng làm điều này trước mặt các môn đệ, và hơn nữa, họ có thể nhận ra Ngài qua những vết thương do đinh gây ra mà họ thấy trên tay Ngài. Nhưng lúc đó, Chúa trở nên vô hình đối với họ, và họ nói với nhau:

– Lòng chúng ta chẳng phải đã bừng cháy lên khi Ngài nói chuyện với chúng ta trên đường, và khi Ngài giải thích Kinh Thánh cho chúng ta sao? (Lc 24:17–32)

Với mong muốn chia sẻ niềm vui của mình với các môn đệ khác của Chúa, Luca và Clêôpa lập tức đứng dậy khỏi bữa tối và lên đường về Giêrusalem. Tại đó, họ thấy các Tông đồ và các môn đệ khác đang tụ họp trong một ngôi nhà, và tất nhiên, họ ngay lập tức loan báo cho họ rằng Đấng Kitô đã sống lại, và rằng họ đã thấy Ngài và trò chuyện với Ngài. Phía các Tông đồ thì an ủi họ, nói rằng Chúa quả thực đã sống lại và đã hiện ra với Simon. Sau đó, Luca và Clêôpa kể lại chi tiết cho các Tông đồ về tất cả những gì đã xảy ra với họ trên đường đi và về cách họ nhận ra Chúa Kitô khi Ngài bẻ bánh. Trong lúc trò chuyện, bỗng nhiên chính Chúa Phục Sinh hiện ra giữa các Tông đồ, ban bình an cho họ và xoa dịu những trái tim bối rối của họ. Để trấn an những ai nghĩ rằng họ chỉ đang

---

[7177] Lc 24:13–32. Mặc dù chính Luca trong Phúc Âm của mình không nêu tên mình, nhưng chính sự chi tiết trong lời kể của ngài cho thấy chính ngài là môn đệ kia, người mà ngài không đề cập đến tên. Truyền thống Giáo hội cũng nói về điều này. Và trong lời cầu nguyện của Giáo hội dành cho những ai chuẩn bị lên đường, chúng ta đọc: "Xin Đấng Cứu Thế, Đấng đã đồng hành cùng Luca và Clêôpa trên đường đến Emmaus, hãy ngự xuống và đồng hành cùng các tôi tớ của Ngài đang muốn lên đường."

[7178] Ê-ma-u là một làng nằm cách Giê-ru-sa-lem 60 stade (khoảng 12 verst) về phía tây.

[7179] Lời của chính Đấng Cứu Thế Kitô, Gioan 14

[7180] Người Do Thái cổ đại không ngồi mà nằm khi dùng bữa

nhìn thấy bóng ma của Thầy mình đã qua đời, Chúa đã cho họ xem những vết thương do đinh đóng trên tay và chân Ngài, rồi Ngài đã nếm thức ăn. Tại đây, Thánh Luca, tác giả Tin Mừng, một lần nữa được Chúa giải thích tất cả những gì đã được nói về Ngài trong Kinh Thánh Cựu Ước, và nhận được ân sủng để hiểu Kinh Thánh (Lc 24:18–49).

Sau khi Chúa thăng thiên, thánh Luca đã ở lại Giê-ru-sa-lem một thời gian cùng với các Tông đồ khác, nhưng sau đó, theo lời truyền lại, ngài đã trở về quê hương của mình là An-ti-ô-ki-a, nơi đã có rất nhiều Kitô hữu. Trên đường đi, ngài đã ghé qua thành Sebaste[7181] để rao giảng, nơi lưu giữ thi hài bất hoại của Thánh Gioan Tiền Hô. Khi rời Sebaste, Thánh Luca định mang thi hài đó về quê hương, nhưng các Kitô hữu nơi đây, vì hết lòng tôn kính Thánh Gioan Tiền Hô, đã không cho phép ngài mang thi hài thánh của ngài đi. Lúc đó, Thánh Luca đã nhận từ họ bàn tay phải, bàn tay mà xưa kia Chúa Kitô đã tựa đầu vào khi nhận phép rửa từ Thánh Gioan. Với kho báu vô giá này, Thánh Luca đã trở về quê hương, mang lại niềm vui lớn lao cho các Kitô hữu tại Antioch. Ngài chỉ rời khỏi đó khi trở thành người đồng hành và cộng sự của Thánh Tông đồ Phaolô, người mà theo lời kể của một số tác giả cổ đại, thậm chí còn là họ hàng của ngài. Tuy nhiên, điều này đã xảy ra vào thời điểm chuyến truyền giáo thứ hai của Thánh Phaolô[7182] . Vào thời điểm đó, Thánh Luca cùng với Thánh Phaolô lên đường rao giảng tại Hy Lạp và được ngài để lại để củng cố và tổ chức Giáo hội tại thành phố Philippi thuộc Macedonia; từ thời điểm đó, trong vài năm, Thánh Luca đã cống hiến cho công cuộc truyền bá Kitô giáo tại Macedonia[7183] .

Khi Tông đồ Phaolô, vào cuối chuyến hành trình tông đồ thứ ba của mình, lại ghé thăm Philippi, Luca, theo sự ủy thác của ngài và sự bầu chọn của toàn thể các tín hữu, đã đến Cô-rinh-tô để quyên góp tiền bố thí nhằm giúp đỡ các Kitô hữu nghèo ở Palestine[7184] . Sau khi quyên góp được tiền bố thí, Thánh Luca cùng với Thánh Phaolô lên đường đến Palestine, trên đường đi ghé thăm các hội thánh nằm trên các hòn đảo thuộc Quần đảo Aegean, dọc theo bờ biển Tiểu Á, tại Phoenicia và Giu-đê. Khi Thánh Phaolô bị giam giữ tại thành Cesarea thuộc Palestine, Thánh Luca vẫn ở bên cạnh ngài. Ngài cũng không rời bỏ Thánh Phaolô ngay cả khi ngài bị đưa đến Rôma để ra trước tòa của César. Cùng với Thánh Phaolô, ngài đã chịu đựng mọi gian nan của chuyến hành trình trên biển, thậm chí đối mặt với nguy cơ mất mạng[7185] .

Khi đến Rôma, Thánh Luca cũng ở bên cạnh Thánh Phaolô và cùng với Thánh Marcô, Thánh Aristarchô và một số người đồng hành khác của vị Tông đồ, ngài đã rao giảng về Chúa Kitô tại thủ đô của thế giới cổ đại này[7186] . Cũng tại Rôma, Thánh Luca đã viết Phúc Âm của ngài và sách Công Vụ Các Tông Đồ[7187] . Trong Phúc Âm, ngài đã miêu tả cuộc đời trần thế của Chúa Giêsu Kitô, không chỉ dựa trên những gì chính ngài đã thấy và nghe, mà còn dựa trên tất cả những gì được truyền lại *bởi "những người từ thuở ban đầu đã là nhân chứng và những người phục vụ Lời* Chúa*"*[7188] . Thánh Tông đồ Phaolô đã hướng dẫn ngài trong công việc này và sau đó đã

[7181] Sebaste – thành phố chính của Samaria.

[7182] Chuyến hành trình truyền giáo này kéo dài từ năm 52 đến năm 55 sau Công nguyên.

[7183] Công vụ 20:6. – Macedonia nằm ở phía bắc Hy Lạp, giữa Illyria, Thrace, Biển Aegean và Getae hay Balkan. Trong một thời gian, nó là một quốc gia độc lập, đã đặc biệt hưng thịnh và nổi tiếng dưới thời vua Alexander Đại đế; tuy nhiên, nó cũng sụp đổ nhanh chóng như khi nó trỗi dậy. Vào thời các sứ đồ, Macedonia thuộc về Đế quốc La Mã. Hiện nay, vùng đất này nằm dưới sự cai trị của người Thổ Nhĩ Kỳ. – Philippi – một thành phố biên giới của Macedonia, được đặt tên để vinh danh vua Philip của Macedonia, người đã khôi phục và củng cố thành phố này.

[7184] "Chúng tôi cũng đã sai anh em (Tông đồ Tít) đi cùng ngài, người được các Hội Thánh ca ngợi vì công việc rao giảng Tin Mừng, và hơn nữa, được các Hội Thánh chọn để đồng hành cùng chúng tôi trong công việc từ thiện này, mà chúng tôi phục vụ để tôn vinh chính Chúa và phù hợp với lòng nhiệt thành của anh em" (2 Cô-rinh-tô 8:18–19). Các nhà giải thích cổ đại hiểu "người anh em" ở đây là Tông đồ Luca. Thánh Gioan Kim Khẩu thấy ở đây một dấu chỉ về việc phong chức giám mục cho Thánh Luca (trong tiếng Hy Lạp là "chirotonis" – "được thánh hiến").

[7185] Thánh Tông đồ Luca đã mô tả những gian nan của chuyến hành trình dài này trong các chương 27 và 28 của sách Công Vụ Tông Đồ.

[7186] Điều này thể hiện rõ qua các thư của Thánh Phaolô gửi cho người Cô-lô-se và Phi-lê-môn, được viết vào thời điểm đó.

[7187] Dựa trên mối liên hệ chặt chẽ giữa Phúc Âm này và sách Công Vụ Các Sứ Đồ (Lc 1:1–4; Công vụ 1:1), được viết sau Phúc Âm và xuất hiện tại Rôma vào khoảng năm 63, chúng ta phải thừa nhận rằng khoảng thời gian giữa việc viết hai cuốn sách này rất ngắn, và Phúc Âm cũng đã xuất hiện tại Rôma vào khoảng năm 61 hoặc 62. Điều này cũng được xác nhận bởi các dòng chữ ký có trên một số bản chép tay. – Cả Phúc Âm của mình lẫn sách Công Vụ Các Sứ Đồ, Thánh Luca đều viết cho một vị "quan cao" tên là Thêôphil (Lc 1:3; Cv 1:1). Truyền thuyết cổ xưa đề cập đến một Kitô hữu quý tộc – Thêôphilê người Antiôkhia, người mà người ta cho là chính là người mà Thánh Luca đã viết Phúc Âm và Sách Công Vụ Tông Đồ dành cho.

[7188] Lc 1,2. – "So với các tác giả Tin Mừng khác, thánh Luca nổi bật – như thánh Gioan Kim Khẩu đã nói – bởi sự toàn vẹn hơn trong cách ngài bao quát các sự kiện Tân Ước, bắt đầu từ sự ra đời của thánh Gioan Tẩy Giả, người mà chỉ có ngài là đề cập đến. Tương tự như vậy,

phê chuẩn Phúc Âm do Thánh Luca viết. Tương tự như vậy, sách Công Vụ Tông Đồ cũng được viết, như truyền thống Giáo hội cho biết, theo lệnh của Thánh Tông đồ Phaolô[7189] .

Sau hai năm bị giam cầm trong xiềng xích La Mã, Thánh Phaolô được trả tự do và, sau khi rời Rôma, ngài đã viếng thăm một số Hội Thánh mà ngài đã thành lập trước đó. Thánh Luca cũng đồng hành cùng ngài trong thời gian này. Không lâu sau, Hoàng đế Nê-rôn đã phát động một cuộc bách hại dữ dội chống lại các Kitô hữu tại Rôma. Vào thời điểm đó, Thánh Phaolô lại một lần nữa đến Rôma, nhằm bằng lời nói và gương sáng của mình khích lệ và nâng đỡ Hội Thánh đang bị bách hại, và nếu Chúa muốn, sẽ cùng các tín hữu chia sẻ vương miện tử đạo. Ngài bị những người ngoại đạo bắt giữ và xiềng xích. Thánh Luca vẫn không rời bỏ thầy mình, và là người duy nhất trong số các cộng sự của vị Tông đồ ở bên cạnh ngài vào thời điểm khó khăn đến nỗi vị Tông đồ đã so sánh mình với một con vật hiến tế bị định sẵn để bị giết.

– Tôi đã trở thành của lễ hiến tế rồi, – Thánh Phaolô viết cho môn đệ Timôthê của mình, – và giờ ra đi của tôi đã đến: hãy cố gắng đến với tôi càng sớm càng tốt. Vì Dimas đã bỏ tôi, vì yêu mến thế gian này, và đã đi đến Thessalônica; Criscens – đến Galatia; Tít – đến Dalmatia. Chỉ còn Luca ở cùng tôi[7190] .

Rất có thể Luca đã chứng kiến cái chết tử đạo của Thánh Phaolô tại Rôma. Sau khi Thánh Phaolô qua đời, theo truyền thống Giáo hội, Thánh Luca đã rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô tại Ý, Dalmatia, Gaul, và đặc biệt là tại Macedonia – nơi ngài đã từng phục vụ trong vài năm trước đó, cũng như tại Achaia, vùng lân cận Macedonia[7191] .

Khi đã ở tuổi già, Thánh Luca đã thực hiện một chuyến hành trình đến Ai Cập xa xôi và phải chịu đựng nhiều gian khổ và đau buồn tại đây vì vinh quang của danh thánh Chúa Giêsu. Ngài đến Ai Cập sau khi đã đi qua toàn bộ Livia[7192] , và tại Ai Cập – cụ thể là ở Thebes – ngài đã dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô. Tại thành phố Alexandria, ngài đã tấn phong một người tên là Avilius làm giám mục, thay thế cho Annianus, người đã được nhà truyền giáo Mác tấn phong và đã phục vụ trong 22 năm. Khi trở về Hy Lạp, ngài lại tiếp tục thành lập các hội thánh tại đây – chủ yếu ở vùng Bê-ô-ti-a[7193] – phong chức cho các linh mục và phó tế, đồng thời chữa lành cho những người đau khổ về thể xác lẫn tâm hồn. Giống như người bạn và vị lãnh đạo của mình – Thánh Phaolô – Thánh Luca *"đã chiến đấu trong cuộc chiến tốt lành, đã hoàn thành cuộc đua của mình và giữ vững đức tin*". Ngài qua đời ở tuổi 84 tại Achaia, chịu cái chết tử đạo, cụ thể là bị treo cổ trên một cây ô liu[7194] do không có thập tự giá. Thi hài của ngài được an táng tại Thebes – thành phố chính của Boeotia – nơi các di cốt thánh của ngài, vốn đã ban phát vô số phép lạ chữa lành, được lưu giữ cho đến nửa sau của thế kỷ thứ tư, sau đó được chuyển đến thủ đô của Đế quốc Đông La Mã – Constantinople.

Vị trí của di cốt Thánh Tông đồ Luca được biết đến vào thế kỷ thứ tư nhờ những phép lạ chữa lành đã diễn ra tại đây. Đặc biệt, có rất nhiều phép lạ chữa lành dành cho những người mắc bệnh về mắt đã xảy ra tại đây[7195] .

---

sự kiện cuối cùng trong Phúc Âm – việc Chúa Giêsu Kitô lên trời – không được đề cập đến trong Phúc Âm theo thánh Matthêu và thánh Gioan, còn trong Phúc Âm theo thánh Marcô thì chỉ được đề cập một cách sơ sài, – chỉ có thánh Luca là người duy nhất kể lại một cách chi tiết." – Theo quy định của Giáo hội Chính thống, Phúc âm thánh Luca – trừ những trường hợp đặc biệt – được đọc trong Thánh lễ vào tất cả các ngày từ tuần thứ 17 đến tuần thứ 29 sau Lễ Ngũ Tuần; từ tuần thứ 29 đến tuần Chay – chỉ vào các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật, cũng như vào các ngày Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Năm của tuần Chay.

[7189] Trong sách Công vụ các Thánh Tông đồ, Thánh Luca đã mô tả chi tiết sự giáng lâm của Chúa Thánh Thần trên các Tông đồ và những việc làm vĩ đại của họ, được thực hiện sau khi Chúa Thăng Thiên nhằm truyền bá và củng cố đức tin Kitô giáo tại Giu-đê và các quốc gia khác trên thế giới. "Đặc biệt, Thánh Luca – như Thánh Gioan Kim Khẩu đã nói – đã mô tả ở đây các việc làm của Thánh Tông đồ Phaolô, người mà ngài là môn đệ yêu quý và cộng sự thân cận nhất."

[7190] 2 Tm 4:6, 10. – Có lẽ Thánh Luca, cả trước đây lẫn lúc bấy giờ, đã dùng tài y thuật của mình để giảm bớt bệnh tật cho vị Tông đồ – người đang bị giam cầm, người mà theo truyền thống Giáo hội, đã phải chịu đau đầu và các bệnh tật thể xác khác, và nhờ đó mà ngài được vị Tông đồ đặt cho danh hiệu *"bác sĩ yêu dấu*".

[7191] Dalmatia – phần phía nam của tỉnh Illyria, giáp Pannonia ở phía bắc, giáp Ý và Biển Adriatic ở phía tây. – Gaul bao gồm các vùng đất nằm giữa Đại Tây Dương, dãy Pyrenees, Biển Địa Trung Hải, dãy Alps và sông Rhine. Achaia – một vùng ở miền nam Hy Lạp, chiếm phần phía bắc của bán đảo Morea.

[7192] Livia – một tỉnh ở Bắc Phi. Nơi đây có không ít thuộc địa Hy Lạp (tuy nhiên, đối với người Hy Lạp, toàn bộ châu Phi đôi khi được gọi là Livia).

[7193] Boeotia – một vùng ở miền trung Hy Lạp.

[7194] Như Thánh Grêgôriô Thần Học đã chứng thực trong bài giảng đầu tiên về Hoàng đế Julian.

[7195] Như để tôn vinh nghệ thuật y học của Thánh Luca Tông đồ, Chúa đã ban xuống nơi an táng vị thánh tông đồ này một cơn mưa "kallourion" chữa bệnh, tức là loại thuốc nhỏ mắt dùng để chữa bệnh về mắt.

Hoàng đế Constantius, con trai của Thánh Constantine Đại đế, sau khi được một vị giám mục vùng Achaea cho biết thi hài Thánh Luca đang an nghỉ tại Thebes, đã cử quan tổng trấn Ai Cập Artemius đi rước thi hài Thánh Luca về kinh đô; và ông đã thực hiện việc rước này trong một lễ nghi long trọng[7196] .

Trong quá trình rước di thể thánh Luca từ bờ biển vào nhà thờ, một phép lạ đã xảy ra. Có một người tên là Anatoli, một hoạn quan (thuộc đội hầu phòng hoàng gia), đang mắc một căn bệnh nan y. Ông đã tiêu tốn rất nhiều tiền cho các bác sĩ, nhưng vẫn không thể được chữa lành, và giờ đây, với niềm tin vào sức mạnh kỳ diệu của di thể thiêng liêng của Thánh Luca, ông bắt đầu cầu xin vị thánh này chữa lành cho mình. Lúc đó, ông tiến đến chiếc quan tài thánh và, bằng tất cả sức lực còn lại, giúp đỡ việc khiêng nó. Và điều gì đã xảy ra? Căn bệnh đã rời bỏ ông ngay khi ông đi được vài bước. Sau đó, ông hân hoan khiêng hòm thánh tích đến nhà thờ các Thánh Tông đồ, nơi thánh tích của Thánh Luca được đặt dưới bàn thờ, cùng với thánh tích của các Thánh Tông đồ An-rê và Ti-mô-thê. Tại đây, các thánh tích đã trở thành nguồn gốc của những phép lạ và được các tín hữu Chính Thống giáo tôn kính với tình yêu đặc biệt.

Các nhà văn giáo hội cổ đại cho biết, Thánh Luca, để đáp ứng mong muốn đạo đức của các Kitô hữu thế hệ đầu tiên, là người đầu tiên vẽ bức tranh thánh về Đức Mẹ Rất Thánh đang bế trên tay Hài Nhi Vĩnh Cửu, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, và sau đó ngài còn vẽ thêm hai bức tranh thánh khác về Đức Mẹ và dâng lên Đức Mẹ để xin ý kiến. Đức Mẹ, sau khi xem xét các bức tranh thánh này, đã phán:

– Nguyện ân sủng của Đấng sinh ra từ Ta và lòng thương xót của Ta ở cùng những bức tranh thánh này[7197] .

Thánh Luca cũng đã vẽ trên các tấm ván những hình ảnh của các Thánh Tông Đồ Trưởng Phêrô và Phaolô, và qua đó đã đặt nền móng cho công việc tốt lành và cao quý – việc vẽ các bức thánh tượng để tôn vinh Thiên Chúa, Đức Mẹ và tất cả các Thánh, để trang hoàng các thánh đường và để cứu rỗi những người tín hữu, những ai thành kính tôn kính các bức thánh tượng này. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 5:

Luca, người thuật lại các việc làm của các Tông đồ và là người chép lại Tin Mừng của Chúa Kitô một cách sáng ngời, là vinh quang của Giáo Hội Chúa Kitô, chúng ta hãy ca ngợi vị Tông đồ thánh này bằng những bài thánh ca, vì ngài là vị bác sĩ chữa lành những yếu đuối của con người, những bệnh tật của bản tính và những vết thương của linh hồn, đồng thời không ngừng cầu nguyện cho các linh hồn chúng ta.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Chúng ta hãy ca ngợi Luca, vị Thánh Thần, người rao giảng đức tin chân chính, nhà hùng biện của những mầu nhiệm không thể diễn tả, ngôi sao của Giáo Hội: Vì Lời Chúa đã chọn ngài, cùng với Phaolô, vị thầy khôn ngoan về các ngôn ngữ, Đấng duy nhất thấu hiểu lòng người.

Cuộc đời của Thánh Iulian.

Ngày kỷ niệm: 18 tháng 10

Thánh Julian sinh ra trong một gia đình bình dân và không giàu có. Trong thời trẻ, ngài không được học hành chính quy, nhưng đã đạt được sự hiểu biết chân chính về đức tin Kitô giáo không chỉ qua lời nói mà còn qua hành động.

[7196] Giáo hội kỷ niệm việc rước di hài Thánh Luca vào ngày 22 tháng 4.

[7197] Giáo Hội Chính Thống, khi tôn vinh các thánh tượng Đức Mẹ, đã kêu cầu Ngài như sau trong các bài thánh ca: "Lạy thánh tượng đầu tiên của Ngài, người rao giảng các mầu nhiệm Phúc Âm, và lạy Ngài; Được dâng lên cho Nữ Vương, xin Ngài tiếp nhận và ban sức mạnh cứu rỗi cho những ai tôn vinh Ngài, và xin Ngài vui mừng, một lần nữa tỏ lòng nhân từ, là Đấng đồng công trong sự cứu rỗi của chúng con". (Bài thánh ca trong nghi lễ kính Tượng Đức Mẹ Kazan, ngày 22 tháng 10). – Tại Moscow, trong Nhà thờ Chính tòa Uspensky, lưu giữ bức tượng Đức Mẹ (Vladimir), mà theo truyền thống Giáo hội, cũng do Thánh Luca vẽ.

Khi đến tuổi trưởng thành, Thánh Iulian đã từ bỏ đời sống thế tục và định cư trong một hang động nằm ở sa mạc Parthia[7198] . Tại đây, ngài cố gắng kiềm chế mọi ham muốn trần tục và vượt lên trên mọi điều phù du và hư nát; vì thế, ngài chỉ ăn bánh mì với muối và nước một lần mỗi tuần. Niềm an ủi và nguồn nuôi dưỡng tinh thần cho ngài chính là các Thánh vịnh của vị tiên tri và vua Đa-vít, cùng với sự suy ngẫm không ngừng và những cuộc trò chuyện cầu nguyện với Thiên Chúa.

Giống như ngọn đèn được đặt trên đỉnh núi không thể bị che khuất, cuộc sống công chính của vị thánh cũng không thể ẩn mình khỏi con người. Tin đồn về vị tu sĩ thánh thiện nhanh chóng lan truyền đến tai mọi người, và chẳng bao lâu sau, nhiều người đã tụ tập quanh Iulian, mong muốn sống cuộc đời mình dưới sự hướng dẫn và noi gương cuộc sống của vị thánh. Sau khi xin phép vị thánh cha, họ dựng lều do chính tay họ làm gần hang động của ngài và bắt đầu tu hành dưới sự hướng dẫn của vị thầy khôn ngoan.

Thánh Iulian không sống cùng những người đến với ngài được bao lâu. Mong muốn sống một cuộc đời hoàn toàn ẩn dật và cầu nguyện, ngài đã rời bỏ cộng đoàn và lui sâu vào sa mạc cách đó 50 verst, nơi ngài bắt đầu sống một cuộc đời hoàn toàn ẩn dật, và chỉ thỉnh thoảng, vì mục đích giảng dạy, ngài mới trở lại với cộng đoàn mà ngài đã để lại.

Một lần nọ, khi vị thánh vừa giảng dạy cho cộng đoàn và định lên đường trở về sa mạc, một thanh niên tên là Asterius – người được nuôi dưỡng trong nhung lụa nhưng lại có lòng nhiệt thành hướng về đức tin vượt xa cả sức lực của mình – đã nài nỉ ông mang mình theo. Ban đầu, Julian cố gắng khuyên can chàng trai trẻ này đừng thực hiện chuyến hành trình gian khổ vào sa mạc, nơi thậm chí còn không có nước, nhưng trước sự khao khát mãnh liệt của cậu, ngài đã đồng ý với lời thỉnh cầu và đưa cậu theo cùng. Asterius hân hoan đi theo vị thánh già; nhưng sau ba ngày, cậu bắt đầu suy yếu và kiệt sức. Cuối cùng, kiệt sức, cậu bắt đầu van nài vị thánh nhân hãy thương xót và giúp cậu thoát khỏi tình cảnh này. Vị thánh cho phép cậu quay trở lại, nhưng Asterius đã kiệt sức đến mức không thể đi tiếp được nữa; hơn nữa, cậu cũng không biết làm thế nào để trở về hang động. Lúc đó, vị thánh nhân, cảm động trước nỗi khổ của người bạn đồng hành, đã thông cảm với sự yếu đuối của anh ta, quỳ gối xuống và cầu nguyện với Chúa hết lòng để cứu rỗi chàng trai trẻ, đến nỗi nước mắt của ngài đã tưới ướt mặt đất. Lời cầu nguyện của vị thánh đã được đáp lại; những giọt nước mắt của ngài rơi xuống đất đã làm trào lên một suối nước.

Khi nói về phẩm giá cao quý của lời cầu nguyện của Thánh Iulian, không thể không nhắc đến sự hiền lành của ngài, được minh chứng qua một sự việc như sau. Một lần nọ, Asterius, môn đệ của Thánh Iulian đã được nhắc đến ở trên, người lúc này đã trở thành một tu sĩ và là người hướng dẫn cho những người khác, thường xuyên đến thăm vị thầy yêu quý của mình. Để thể hiện lòng thành kính đối với ngài, anh đã vác trên vai một bao lớn quả sung làm quà tặng; anh đã mang gánh nặng này suốt bảy ngày đường. Cảm thấy bối rối và xót xa vì người khác đã vất vả như vậy vì mình, Thánh Iulian không muốn nhận thành quả lao động của anh và từ chối nhận món quà. Khi Asterius khẳng định với vị tu sĩ già rằng anh sẽ không đặt gánh nặng xuống khỏi vai cho đến khi ngài đồng ý nhận món quà, thì vị thánh, dù cảm thấy áy náy khi nhận thức ăn do công sức của người khác mang lại, nhưng khi thấy lòng thành thật muốn phụng sự ngài, đã chấp nhận sự giúp đỡ đó.

– Ta sẽ đáp ứng yêu cầu của ngươi, – vị thánh nói lúc đó, – chỉ cần ngươi mau chóng đặt gánh nặng này xuống khỏi người.

Trong thời gian diễn ra cuộc chiến giữa Hoàng đế Julianus Apostata với người Ba Tư, nhiều tín hữu, biết vị tu sĩ là tôi tớ trung thành của Chúa, đã xin ngài cầu nguyện để đánh bại kẻ thù của các Kitô hữu này. Vị tu sĩ đã cầu nguyện trong mười ngày để được giải thoát khỏi kẻ hành hạ độc ác ấy, và cuối cùng, ngài nghe thấy một giọng nói:

– Con thú ô uế và ghê tởm đó đã chết rồi.

Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, vị thánh vui mừng trở về với các anh em. Khi họ hỏi lý do tại sao ngài lại vui mừng, Julian đã trả lời:

– Hỡi các anh em, giờ đây là lúc để vui mừng và hân hoan: kẻ vô đạo đã không còn nữa; kẻ nổi loạn chống lại Chúa đã nhận được sự thất bại xứng đáng từ bàn tay truy đuổi hắn. Chính vì thế mà tôi vui mừng khi thấy các hội thánh từng bị hắn bắt bớ đang hân hoan, và kẻ bội đạo không nhận được bất kỳ sự giúp đỡ nào từ những con quỷ mà hắn đã tôn thờ[7199] .

[7198] Sa mạc này trải dài từ xứ Parthia đến bờ sông Euphrates.

[7199] Julian qua đời vào năm 363.

Thánh Julian đã dốc nhiều công sức để chống lại tà thuyết Arian đang lan rộng vào thời bấy giờ. Với mục đích đó, ngài – người yêu mến sự tĩnh lặng của sa mạc – đã rời bỏ nơi ấy để không im lặng trước sự thật.

Những người Arian, nhằm lan truyền giáo lý sai lầm của mình, đã tung tin đồn ở Antioch rằng Thánh Julian tuân theo các giáo lý mà họ rao giảng. Lúc bấy giờ, Akakios và Asterios, hai môn đệ của vị thánh, được hai vị thánh nhân Flavian và Diodorus khích lệ, đã lên đường đến gặp Thánh Julian để ngài đến giúp đỡ những tín hữu Chính Thống đang lâm vào nguy cơ sa ngã vì sự lừa dối. Khi đến gặp vị thánh, họ kể lại cho ngài nghe những khổ nạn mà các Kitô hữu đang phải chịu đựng dưới tay những người Arian[7200] . Nghe vậy, vị thánh già lập tức lên đường đến Antiôkhia. Đến tối, khi đi qua một ngôi làng, ngài dừng chân nghỉ ngơi tại nhà một người phụ nữ đạo đức, người có một cậu con trai bảy tuổi. Vào lúc vị thánh đang dùng bữa tối, cậu con trai của bà, lén lút rời khỏi bàn ăn, đã rơi xuống giếng. Người phụ nữ sùng đạo, khi biết chuyện này, không tỏ ra bối rối chút nào và, sau khi ra lệnh bịt giếng lại, tiếp tục phục vụ vị thánh. Đức tin của bà lớn lao đến nỗi, trước sự hiện diện của vị thánh nổi tiếng với ân sủng làm phép lạ, không thể có tai họa nào xảy ra trong nhà bà. Và Chúa đã thực hiện điều đó nhờ đức tin của bà.

Khi vị thánh hỏi về cậu bé trước bữa ăn, bà chủ nhà đã trả lời:

– Cậu bé bị một căn bệnh nào đó tấn công và đang nằm liệt giường. Vị thánh liền yêu cầu cậu bé ra gặp ngài để nhận lời chúc phúc. Lúc đó, người chủ nhà đành phải kể lại chuyện bất hạnh đã xảy ra. Vị thánh lập tức bước ra, tháo nắp giếng lên và thấy cậu bé đang bị dòng nước cuốn trôi, nhưng hoàn toàn khỏe mạnh. Ông đưa tay ra và kéo cậu bé lên khỏi giếng. Khi mọi người hỏi cậu bé về những gì đã xảy ra với mình, cậu nói:

– Tôi không gặp phải điều gì xấu cả, vì vị thánh già đã cõng tôi trên mặt nước, không để tôi bị chìm.

Từ đó, vị thánh nhân lên đường đến Antioch và định cư trong hang động mà trước đây Thánh Tông đồ Phaolô từng ẩn náu. Một đám đông lớn tụ tập quanh hang động để nhận sự an ủi và phước lành từ vị thánh, nhưng ngài, đang bị cơn sốt dữ dội hành hạ, nằm bất tỉnh. Cuối cùng, ngài đã tỉnh lại, tự cầu nguyện cho chính mình – và ngay lập tức căn bệnh đã rời bỏ ngài. Sau đó, khi bước ra gặp những người đang chờ đợi, ngài khiêm nhường nói:

– Nếu lời chúc phúc của tôi có ích cho các bạn, xin Chúa ban cho các bạn.

Tại đây, vị thánh tu hành không chỉ chữa lành thể xác mà còn chữa lành tâm hồn bằng lời nói của mình, và chẳng bao lâu sau, những kẻ vu khống đã bị vạch trần và bẽ mặt, còn những người trung thành với lẽ thật thì được an ủi và vui mừng.

Một lần nọ, trên đường đi, ngài gặp một người bệnh đang nằm bên lề đường; người ấy chỉ cần chạm vào gấu áo của ngài là lập tức đứng dậy và đi theo ngài, giống như người què đã đi theo Phê-rô và Gio-an (Công vụ 3:1–11). Vị thánh tu sĩ không chỉ ban lại sức khỏe thể xác cho người bệnh, mà còn củng cố đức tin Chính Thống Giáo cho người ấy.

Sau đó, ngài trở về sa mạc của mình và, sau khi ở đó cho đến khi già nua, đã an lành về với Chúa[7201] .

Tháng 11

1 tháng 11

19 tháng 10 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Tiên tri Giô-ên

Ngày tưởng niệm 19 tháng 10

[7200] Tình hình của các tín hữu Chính Thống Giáo rất khó khăn, chủ yếu là do trên ngai vàng hoàng đế lúc bấy giờ là Valent, một người theo phái Arian (364–378), người đã cố gắng lan truyền chủ nghĩa Arian bằng nhiều biện pháp hạn chế khác nhau.

[7201] Thánh Julian qua đời vào cuối thế kỷ IV

Tiên tri Giô-ên – một trong mười hai vị tiên tri nhỏ – là con trai của Ba-phu-ên[7202] . Theo truyền thuyết cổ xưa được ghi lại bởi Thánh Ê-phra-im Si-rin, cũng như Ê-pi-pha-ni-a và Đô-rô-phê, tiên tri Giô-ên xuất thân từ vùng Za-i-ô-dan[7203] , và sống tại thành phố Bê-phô-rôn hoặc Bê-pha-rê[7204] .

Điều khiến Giô-ên phải đưa ra những lời tiên tri là thảm họa lớn đã ập xuống vương quốc Giu-đa[7205] . Hạn hán kéo dài và đàn châu chấu ồ ạt đổ bộ đã tàn phá hoàn toàn đất nước Giu-đa. Trước thảm họa như vậy, ngay cả những người có đức tin vững vàng cũng nản lòng, huống chi là những người yếu đuối. Và thế là, tiên tri Giô-ên kêu gọi dân chúng quay về với Đức Giê-hô-va[7206] với lời cầu nguyện xin sự giúp đỡ, vì *"ngày của Đức Giê-hô-va đã gần kề"* (Giô-ên 2:1). Ngày đó sẽ là ngày của những thảm họa kinh hoàng. Những tai họa đã ập xuống Giu-đa (bầy châu chấu và hạn hán) chính là hình ảnh và điềm báo cho ngày đó. Trước khi ngày ấy đến, trời đất sẽ rung chuyển, mọi vì sao trên trời sẽ tắt lịm, và khi đó Đức Giê-hô-va sẽ hiện ra cùng đạo quân vĩ đại của Ngài. Nhưng ngay cả bây giờ, – tiên tri Giô-ên khuyên nhủ, – vẫn còn cách để thoát khỏi những thảm họa lớn lao như vậy: cả những thảm họa hiện tại (bọ cánh cứng và hạn hán), lẫn những thảm họa đang rình rập trong tương lai (Ngày của Đức Giê-hô-va). Cần phải quay về với Đức Giê-hô-va bằng cả trái tim, và khi đó Đức Chúa Trời sẽ giải cứu dân Ngài khỏi những tai họa lớn lao. Vậy thì hãy công bố, – nhà tiên tri nói, – một ngày ăn chay chung cho toàn dân, và tất cả, không trừ ai, hãy tụ họp tại đền thờ. Hãy để các thầy tế lễ kêu cầu Đức Giê-hô-va thay mặt cho toàn dân: *"Xin Chúa thương xót dân Ngài, chớ để cơ nghiệp Ngài bị sỉ nhục, để các dân tộc không chế nhạo họ; vì thế mà các dân tộc sẽ nói với nhau: 'Thần của họ ở đâu?'"* (Giô-ên 2:17)

Dân Do Thái đã lắng nghe tiếng nói của vị tiên tri và hướng về Giê-hô-va với lời cầu xin sự giúp đỡ, và Chúa đã thương xót dân Ngài. Qua miệng vị tiên tri của Ngài là Giô-ên, Đức Chúa Trời hứa với dân Ngài, vì sự ăn năn của họ, sự thịnh vượng và dồi dào các phước lành trần gian. Đức Chúa Trời sẽ ban mưa đúng mùa, cỏ sẽ mọc trên đồng cỏ, cây cối sẽ trổ quả dồi dào, kho lúa sẽ đầy ắp bánh mì, còn thùng ép nho sẽ tràn ngập nước nho. Khi đó, con cái Y-sơ-ra-ên sẽ biết rằng Đức Giê-hô-va sẽ không bỏ rơi dân Ngài và sẽ không để dân Ngài phải chịu sỉ nhục (Giô-ên 2:19–27).

Lòng thương xót của Đức Chúa Trời dành cho dân Do Thái đã quay về với Ngài sẽ không chỉ giới hạn, theo lời tiên tri của Giô-ên, ở việc ban cho những phước lành trần gian: dân sự của Đức Chúa Trời còn được ban cho lời hứa thuộc linh. Nhà tiên tri nhìn thấy những thời kỳ xa xôi và đầy ân sủng của Đấng Mê-si. Sẽ đến lúc Thánh Linh được đổ xuống trên mọi xác thịt, không phân biệt giới tính, tuổi tác hay địa vị. *"Ta sẽ đổ,"* – Đức Chúa Trời phán qua miệng vị tiên tri – *"Thánh Linh của Ta trên mọi xác thịt; con trai và con gái các ngươi sẽ nói tiên tri; các bậc trưởng lão của các ngươi sẽ có những giấc mơ, và các thanh niên của các ngươi sẽ thấy những khải tượng. Và trong những ngày ấy, Ta cũng sẽ đổ Thánh Linh của Ta trên cả những người nam và người nữ làm nô lệ"*[7207] (Giô-ên 2:28–29).

Tiên tri Giô-ên cũng đã tiên tri về sự đến của ngày phán xét chung (*"ngày của Đức Giê-hô-va"*), sẽ được báo trước bằng những hiện tượng kinh hoàng trên trời và dưới đất, và chỉ những ai kêu cầu danh Đức Giê-hô-va

---

[7202] Đó là cách mà chính nhà tiên tri Giô-ên tự xưng (Giô-ên 1:1).

[7203] Từ chi phái Gado hoặc Ru-bim.

[7204] Vephoron (Bef-Oron) – một thành phố nằm ở ranh giới giữa chi phái Ephraim và chi phái Benjamin

[7205] Joel đã thực hiện sứ mệnh tiên tri của mình tại vương quốc Giu-đa, và toàn bộ hoạt động của ông diễn ra trong 25 năm đầu tiên của triều đại vua Joas, tức là từ năm 868 đến năm 843 trước Công nguyên.

[7206] Giê-hô-va (theo tiếng Slav: Đấng Hữu Hình) – là một trong những danh xưng của Đức Chúa Trời. Danh xưng này biểu thị bản thể độc nhất, sự vĩnh cửu và bất biến của Đấng Tối Cao, và luôn được sử dụng trong Kinh Thánh để chỉ về Đức Chúa Trời chân thật duy nhất.

[7207] Như một điểm cốt lõi và quan trọng nhất trong việc ứng nghiệm lời tiên tri này, Thánh Phêrô chỉ ra sự giáng lâm của Thánh Thần trên các Tông đồ vào ngày Lễ Ngũ Tuần (Công vụ 2:14). Khi dân chúng – vào ngày Thánh Thần giáng lâm – nghe các Tông đồ nói bằng những ngôn ngữ khác nhau, họ đã ngạc nhiên hỏi: "Điều này có nghĩa là gì?" – Thánh Tông đồ Phê-rô đã hướng về những người xung quanh và phát biểu rằng hiện tượng kỳ diệu này đã được Giô-ên tiên tri từ trước, đồng thời trích dẫn nguyên văn toàn bộ lời tiên tri của ông. Sau khi chỉ ra sự ứng nghiệm của lời tiên tri của Giô-ên, Thánh Phê-rô tiếp tục: (sau khi đám đông đang lắng nghe ngài quay sang hỏi các tông đồ: "Vậy thì chúng tôi phải làm gì, hỡi các anh em?") – *"Hãy ăn năn và mỗi người trong các anh em hãy chịu phép rửa nhân danh Đức Giê-su Ki-tô để được tha tội, và các anh em sẽ nhận được ân sủng của Thánh Thần, vì lời hứa này dành cho các anh em, cho con cái các anh em, và cho tất cả những người ở xa, bất cứ ai mà Chúa, Thiên Chúa của chúng ta, kêu gọi"* (tức là cả những người ngoại đạo) (Công vụ 2:37–39). Vậy, sự ứng nghiệm lời tiên tri về việc Thánh Thần đổ xuống, tức là về sự ban phát dồi dào các ân sủng của Ngài, đã bắt đầu từ ngày Lễ Ngũ Tuần đầu tiên của Kitô giáo và sẽ tiếp tục mãi mãi, cho đến khi số người ngoại giáo trọn vẹn được đưa vào Nước Trời của Đức Kitô (*"sự hoàn thành các dân tộc"* – Rô-ma 11:25). – Chương 2 của sách tiên tri Giô-ên được đọc trong nhà thờ như bài đọc trong ngày Lễ Ngũ Tuần.

mới được cứu rỗi[7208] . Khi Ngày của Đức Giê-hô-va đến, Đức Giê-hô-va sẽ xét xử các dân ngoại tại Thung lũng Giô-sa-phát, và hình phạt khủng khiếp sẽ giáng xuống họ (Giô-ên 3:19). Tuy nhiên, dù là ngày khủng khiếp đối với các dân ngoại, Ngày của Đức Giê-hô-va sẽ không phải như vậy đối với Y-sơ-ra-ên. Đối với dân Y-sơ-ra-ên, đó sẽ là ngày cứu rỗi, vì Đức Giê-hô-va sẽ là nơi nương tựa và sự che chở của họ. Khi đó, Y-sơ-ra-ên sẽ được hạnh phúc, còn tất cả kẻ thù của Y-sơ-ra-ên sẽ bị diệt vong: *"Giu-đa sẽ sống đời đời, và Giê-ru-sa-lem sẽ tồn tại qua muôn đời. Ta sẽ rửa sạch máu của họ, thứ mà Ta chưa rửa sạch, và Đức Giê-hô-va sẽ ngự tại Si-ôn"* (Giô-ên 3:20–21). Lời tiên tri của Giô-ên kết thúc một cách an ủi như vậy. Dù phải đối mặt với bao tai ương ập xuống quê hương mình, dân Y-sơ-ra-ên vẫn phải tìm thấy niềm an ủi và sự an ủi trong lời hứa này. Họ có thể hy vọng rằng Đức Giê-hô-va, Đấng đầy lòng thương xót và nhẫn nại, sẽ không quên dân Ngài và sẽ giải cứu họ, dù họ đang lâm vào bất kỳ tai ương nào.

Bài thánh ca dành cho Giô-ên:

Ngài đã tiên báo về sự giáng thế của Đức Chúa Trời trong xác thịt, sự giáng lâm của Thánh Thần và Ngày Phán Xét sắp đến, hỡi tiên tri Giô-ên: xin cứu rỗi những ai tôn kính ngài khỏi mọi nỗi đau buồn nhờ những lời cầu nguyện của ngài.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Uar cùng bảy vị giáo sư Kitô giáo đi cùng ngài, và ngày tưởng niệm Thánh nữ Cleopatra cùng con trai ngài là Gioan

Ngày tưởng niệm 19 tháng 10

Trong thời trị vì của hoàng đế La Mã vô đạo Maximian, tại thủ đô Ai Cập, Alexandria, có một chiến binh tên là Uar, người đã bí mật phụng sự Đức Vua Trên Trời: vì sợ hãi những kẻ vô luật pháp và những kẻ thờ thần tượng, ông đã giấu kín đức tin của mình vào Đức Chúa Trời chân thật cho đến một thời điểm nhất định, nhưng sau đó đã công khai đức tin ấy cho cả vũ trụ, khi vì Chúa Kitô mà ông *"trở thành trò cười cho các thiên thần và loài người"* (1 Cô-rinh-tô 4:9)[7209] .

Vào thời điểm đó, Maximian đã phát động cuộc đàn áp chống lại các Kitô hữu và ban hành sắc lệnh đến tất cả các vùng đất thuộc quyền cai trị của ông, yêu cầu giết chết tất cả những Kitô hữu nào từ chối dâng lễ vật cho các vị thần. Lệnh này cũng lan đến các vùng đất Ai Cập, và tại đây, máu của các Kitô hữu bắt đầu đổ ra không thương tiếc, vì tất cả những ai thờ phượng Đấng Tạo Hóa chứ không phải các thụ tạo đều phải chịu đủ loại hình tra tấn.

Vào thời điểm đó, Uar thường đi thăm các ngục tối vào ban đêm, nơi những người có đức tin bị giam giữ vì đã tuyên xưng Đức Kitô, và bằng cách dùng vàng để mua chuộc lính canh để được vào gặp họ, ông hôn lên những sợi dây trói của các thánh tử đạo, rửa sạch máu của họ, băng bó vết thương cho họ, mang thức ăn đến cho họ và khẩn cầu họ cầu xin Chúa ban ân sủng cho ông.

Một lần nọ, bảy vị thầy Kitô giáo[7210] , đang ẩn náu trong sa mạc, bị bắt và bị dẫn đến trước quan tổng trấn Ai Cập. Sau khi thẩm vấn và biết rằng họ kiên định trong đức tin, quan tổng trấn đã tra tấn họ không ít, rồi trói lại và ném họ vào ngục tối. Biết được chuyện này, Uar, theo thói quen của mình, đã vội vã đến ngục tối nơi các thánh nhân bị giam giữ vào ban đêm, và sau khi đưa vàng cho lính canh, ông đã vào gặp các thánh nhân. Ông tháo dây trói trên tay họ và giải phóng chân họ khỏi xiềng xích[7211] , rồi dâng thức ăn cho họ và nài nỉ họ hãy dùng bữa, vì họ đã tám ngày liền không ăn gì. Đồng thời, ông quỳ xuống dưới chân họ, hôn lên chân họ và ca ngợi những đau khổ của họ, nói rằng:

[7208] *"Ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu"* (Giô-ên 2:32). Sứ đồ Phao-lô áp dụng những lời tiên tri Giô-ên này cho dân ngoại. "Ở đây (tức là trong Kitô giáo)," ngài nói, "không có sự phân biệt giữa người Do Thái và người ngoại giáo, vì chỉ có một Chúa duy nhất, Đấng giàu có đối với tất cả những ai kêu cầu Ngài; vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu rỗi" (Rô-ma 10:12–13).

[7209] Sự ô nhục là khi người ta trở thành tâm điểm chú ý.

[7210] Tức là những người ẩn dật, những người mà các tín hữu Kitô giáo giáo dân đến tìm để xin lời dạy dỗ.

[7211] Một tấm ván gỗ có khoét lỗ cho tay, chân và thậm chí cả đầu, được đeo lên người các tù nhân trong ngục để ngăn cản họ trốn thoát.

– Phúc cho các ngươi, hỡi những tôi tớ tốt lành và trung thành của Chúa, những người sẽ được vào hưởng niềm vui của Chúa mình, vì các ngươi đã đứng vững vì Ngài cho đến đổ máu (Hê-bơ-rơ 12:4)[7212] . Phúc cho các ngươi, hỡi những người tu hành tốt lành, những người sẽ được Đấng Tối Cao đích thân dệt vương miện trên trời, vì *"hãy bằng sự kiên nhẫn chạy hết chặng đường đang chờ đợi chúng ta"* (Hê-bơ-rơ 12:1), và vào ngày mai, như tôi chắc chắn biết, các bạn sẽ kết thúc những đau khổ của mình. Phúc cho các bạn, những người chịu khổ vì Đấng Christ, những người mà Nước Trời đã được mở ra, vì các bạn đang chịu khổ cùng với Đấng Christ, Đấng đã chịu khổ vì chúng ta; *"chúng ta cùng chịu khổ với Ngài, để cũng được vinh hiển cùng Ngài"* (Rô-ma 8:17). Tôi xin các vị, những vị thánh được lòng Chúa, hãy cầu nguyện cho tôi cùng Chúa Kitô, để Ngài ban ơn thương xót cho tôi; vì tôi cũng muốn chịu khổ vì Ngài, nhưng tôi không có đủ sự kiên định để làm điều đó: tôi sợ những cực hình mà tôi thấy các vị đang phải chịu đựng.

Các thánh đáp lại:

– Hỡi người yêu dấu, không ai có thể đạt đến sự hoàn hảo khi lòng còn sợ hãi, không ai gặt hái được nếu không gieo trồng, không ai được vinh quang nếu không chịu đau khổ. Hãy nhớ lời trong Phúc Âm: *"Ai chối bỏ Ta trước mặt người đời, thì Ta cũng sẽ chối bỏ người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời"* (Mt 10,33); nếu anh sợ đau khổ tạm thời, thì sẽ không tránh khỏi đau khổ vĩnh cửu; nếu anh sợ xưng nhận Chúa Kitô trên trần gian, thì sẽ không được no nê khi chiêm ngưỡng dung nhan Ngài trên trời. Hãy đi đi, anh em, và cùng chúng tôi bước trên con đường tử đạo đến với Chúa, Đấng đang dõi theo những công việc của chúng ta; hãy chịu đau khổ cùng chúng tôi, vì anh sẽ khó mà tìm được một nhóm bạn đồng hành nào như thế này trong thời gian ngắn.

Nghe những lời ấy, Uar bừng cháy tình yêu đối với Thiên Chúa và cảm nhận trong lòng sức mạnh để chịu đựng mọi đau khổ vì danh Chúa Kitô. Cả đêm đó, anh ở trong ngục cùng các thánh tử đạo, say sưa lắng nghe những lời dạy dỗ của họ.

Khi bình minh ló rạng, các đầy tớ của quan tổng trấn đến nhà ngục để dẫn các thánh tử đạo ra tòa; tại đó, họ thấy Uar đang ngồi cùng các tù nhân và lắng nghe những lời của họ với lòng cảm động. Họ ngạc nhiên nói với anh:

– Ngươi đang làm gì ở đây, Uar? Ngươi còn tỉnh táo chăng, mà lại để mình bị lừa dối bởi những câu chuyện hoang đường của lũ người xảo trá này? Ngươi không sợ rằng, nếu có ai báo cho quan tổng trấn và các quan đại thần biết chuyện này, ngươi sẽ không chỉ mất quân hàm mà còn mất cả mạng sống sao?

Uar đáp lại:

– Ai trong các ngươi sẽ đi tố cáo ta với quan tổng trấn? Chẳng phải các ngươi là bạn ta sao? Và dù các ngươi có tố cáo ta đi chăng nữa, ta cũng sẵn sàng chết vì Chúa Kitô cùng với các Kitô hữu.

Lúc đó, các đầy tớ im lặng và dẫn sáu vị tử đạo đi; còn vị thứ bảy, kiệt sức vì vết thương, ở lại trong ngục tối và, sau khi qua đời, đã về với Chúa Kitô, nhường chỗ cho Uar để anh ta, khi thay thế vị trí của mình, có thể kết thúc những đau khổ của mình.

Khi các thánh nhân bị trói được dẫn đến trước quan tổng trấn, người đang ngự trên ghế thẩm phán với vẻ uy nghiêm, họ bị ép buộc phải dâng lễ vật cho các thần tượng; và vì họ không tuân lệnh, nên bị lột trần và đánh đập không thương xót vào những chỗ đã bị thương trước đó. Những vết thương mới chồng lên những vết thương cũ càng làm tăng thêm nỗi đau khổ của họ, nhưng họ vẫn kiên nhẫn chịu đựng, chỉ nói rằng:

– Chúng tôi là Kitô hữu.

Sau đó, quan tổng trấn nhìn họ và nói:

– Chẳng phải ban đầu có bảy người sao? Giờ chỉ còn sáu người; người thứ bảy đâu rồi?

Vừa dứt lời, Thánh Uar, người vừa đến nơi đó, tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng, bước ra đứng giữa và nói:

– Người thứ bảy chính là tôi; vì một người đã hoàn tất cuộc đời – đã về với Chúa Kitô, còn để lại tôi làm người kế thừa những đau khổ của ngài. Vì vậy, những gì ngài còn nợ ngài, tôi sẵn sàng trả thay cho ngài; tôi muốn thay ngài chịu đau khổ cùng với những người chịu khổ vì Chúa Kitô này, vì tôi là người Kitô hữu.

Vị quan tổng trấn, nghe những lời ấy, liền hỏi những người đang đứng trước mặt mình:

– Người này là ai? Họ đáp:

– Chiến binh Uar, chỉ huy đội quân Chi-a-ni[7213] .

[7212] Tức là đã đổ máu mình vì Chúa Kitô.

Thống đốc ngạc nhiên và nói với Uar:

– Con quỷ nào đã xúi giục ngươi tự đưa mình vào chỗ chết chắc chắn? Chẳng phải ngươi sẽ mất danh dự quân nhân, bị tước bỏ những đặc quyền vốn có và khiến cuộc đời mình phải chịu những tai họa lớn lao sao?

Thánh Uar đáp:

– Tôi thà chọn bánh từ trời rơi xuống và chén Thánh chứa Máu quý giá của Chúa tôi hơn là những vinh dự và thu nhập của ngài; đối với tôi, không có gì đáng quý hơn Chúa Kitô của tôi. Không có Ngài, tôi không coi trọng: chẳng phải danh dự của ngài, cũng chẳng phải chức tước của tôi, chẳng phải những khoản thu nhập lớn, thậm chí cả chính cuộc sống này. Bởi vì tôi xem danh dự của mình là chịu đau khổ vì Chúa Kitô; thành quả của tôi là từ bỏ tất cả vì Chúa Kitô; và tôi tìm thấy sự sống trong việc chết vì Chúa Kitô.

Còn quan tổng trấn, sau khi ném một cái nhìn giận dữ về phía sáu vị tử đạo, đã nói:

– Đó là việc của các ngươi, lũ kẻ gian ác và lừa dối. Chính các ngươi đã mê hoặc vị chiến binh hoàng gia này, các ngươi đã làm cho ngài mất trí bằng phép thuật của mình. Vì vậy – ta thề bằng các vị thần vĩ đại của ta! – ta sẽ tiêu diệt các ngươi trước khi tiêu diệt hắn, và sẽ trừng phạt các ngươi vì sự sỉ nhục mà các ngươi đã gây ra cho các vị thần của chúng ta; các ngươi không xứng đáng được sống, vì các ngươi đã phỉ báng các vị thần bất tử và lừa gạt những người khác để họ làm việc ác này.

Các vị thánh đáp lại:

– Chúng tôi không dụ dỗ Uara, mà đã giải thoát anh ta khỏi sự cám dỗ; chúng tôi không làm anh ta mất trí, mà ngược lại, đã giúp anh ta tỉnh ngộ. Chính Đức Chúa Trời đã ban cho anh ta sức mạnh và lòng dũng cảm để thực hiện kỳ công, nhằm cùng với chúng tôi đánh bại sức mạnh hèn mọn của các ngươi và các vị thần của các ngươi; hãy chờ một chút, ngươi sẽ thấy lòng dũng cảm của anh ta trong việc phụng sự Đấng Christ, vì chúng tôi đã đưa anh ta vào hàng ngũ các Thiên thần. Ngươi khoe khoang rằng ngươi có thể tiêu diệt chúng tôi ư? Nhưng chính điều đó là điều chúng tôi mong muốn, để hiến dâng mạng sống mình vì Chúa của muôn người.

Thống đốc bèn nói:

– Ta sẽ lập tức xé xác các ngươi ra từng mảnh nếu các ngươi không thờ lạy các vị thần Ai Cập!

Các thánh nhân đáp lại:

– Chúng tôi từ chối các vị thần, những Đấng không tạo dựng trời và đất (Giê-rê-mi 10:11).

Còn Thánh Uar, muốn làm cho quan tổng trấn tức giận hơn nữa, đã nói với ông ta:

– *"Kẻ ngu dốt nói điều dại dột,"* – như lời tiên tri Ê-sai đã nói (Ê-sai 32:6)[7214] . Này, thân thể họ đang nằm ngửa trước mặt ngài – hãy làm với họ bất cứ điều gì ngài muốn!

Thống đốc, vì tức giận, ra lệnh lột trần Uar và treo lên cây để bắt đầu tra tấn ông, còn với các thánh nhân thì nói:

– Chúng ta sẽ xem ai sẽ chiến thắng ai – các ngươi chiến thắng chúng ta bằng cách chịu đựng sự tra tấn, hay chúng ta chiến thắng các ngươi bằng cách gây ra sự tra tấn cho các ngươi. Ta thề rằng, nếu các ngươi chiến thắng chúng ta bằng sự kiên nhẫn của mình, thì ta sẽ từ bỏ các vị thần của ta và tin vào Đấng Christ của các ngươi.

Các thánh nhân đáp lại:

– Hãy thử sức mạnh của ngươi trên một trong số chúng ta: nếu ngươi chiến thắng một người, thì đối với những người còn lại, ngươi cũng có thể hy vọng như vậy.

Còn Uar, người đã bắt đầu bị tra tấn, thì nói với các thánh tử đạo:

– Hỡi các thánh tử đạo! Xin ban phước lành cho tôi, tôi tớ của các ngài, để tôi được xứng đáng với số phận của các ngài. Xin cầu nguyện cho tôi cùng Chúa Kitô, để Ngài ban cho tôi sự kiên nhẫn, vì Ngài biết rõ bản tính của chúng ta: tinh thần chúng ta thì tỉnh táo, nhưng xác thịt thì yếu đuối (Mt 26,41).

Các thánh ngước mắt lên trời, nhiệt thành cầu nguyện cho ông, còn lúc đó, các đầy tớ bắt đầu dùng gậy đánh khắp người Uar. Khi Uar đang chịu những trận đòn này, quan tổng trấn nói:

– Nói đi, Uar, Chúa Kitô của ngươi có ích gì cho ngươi?

Uar dũng cảm đáp lại:

[7213] Chính xác hơn (theo tiếng Hy Lạp): thuộc đại đội Tiana (một đơn vị của trung đoàn). Tiana là một thành phố ở Ai Cập (Tyanis). Các đại đội La Mã thường mang tên các thành phố mà họ được tuyển mộ từ dân cư ở đó.

[7214] Tức là từ kẻ ngu dốt thì chỉ nghe được những lời ngu dốt.

– Lớn lao hơn gấp bội so với những gì ngươi nhận được từ lũ quỷ của ngươi. Trong khi đó, các thánh nhân động viên Uar, kêu gọi ngài: – Hãy can đảm lên, Uar, và hãy vững vàng, vì Đấng Kitô đang đứng trước mặt ngươi, thầm lặng củng cố ngươi. Uar đáp lại:

– Quả thật, tôi đã cảm nhận được sự giúp đỡ của Chúa tôi, vì tôi coi những cực hình này chẳng là gì cả.

Lúc đó, những kẻ tra tấn bắt đầu cạo da thịt anh ta bằng dao sắt và dụng cụ cạo, rồi đóng đinh anh ta vào cây với đầu hướng xuống dưới, lột da lưng anh ta, đồng thời dùng cây gậy có gai đập vào bụng anh ta cho đến khi bụng anh ta vỡ tung và tất cả nội tạng rơi xuống đất. Các thánh tử đạo, khi thấy nội tạng của Ngài rơi ra, đã khóc nức nở; còn tên tra tấn, khi nhìn thấy các thánh tử đạo đang khóc, đã hét lên lớn tiếng:

– Này, các ngươi đã bị đánh bại, các ngươi đã kiệt sức; các ngươi khóc vì sợ đau đớn. Các ngươi còn cần gì nữa để nhận ra rằng Chúa Kitô không thể cứu các ngươi khỏi tay chúng ta? Giờ đây, các ngươi chỉ còn cách quỳ lạy các vị thần của chúng ta mà thôi.

Các thánh đáp lại:

– Ngươi là con thú, chứ không phải con người! Chúng tôi không bị đánh bại, mà ngược lại, chính chúng tôi đang chiến thắng nhờ Chúa Giêsu, Đấng ban sức mạnh cho chúng tôi; còn nếu chúng tôi khóc, thì không phải vì sợ những cực hình, mà vì tình yêu tự nhiên dành cho anh em chúng tôi, người mà ngươi đang tra tấn một cách vô nhân đạo; trong lòng, chúng tôi vui mừng khi thấy rằng vương miện vinh quang đã được chuẩn bị sẵn cho vị tử đạo nhân lành ấy.

Thống đốc bấy giờ ra lệnh dẫn họ vào ngục tối, và khi Uar, người đang bị treo trên cây và chịu đau đớn, thấy các thánh nhân bị xích lại và bị lôi vào ngục tối, liền kêu lên:

– Các Thầy của con! Xin hãy cầu nguyện cho con lần cuối cùng trước Chúa Kitô, vì con sắp lìa khỏi thân xác này; con xin cảm tạ các Thầy vì đã dẫn dắt con đến cuộc sống vĩnh cửu.

Sau khi chịu cực hình khoảng năm giờ, thánh Uar đã phó thác linh hồn trung thực và thánh thiện của mình vào tay Chúa[7215] . Còn những kẻ tra tấn, tưởng rằng ngài vẫn còn sống, đã đánh đập và hành hạ thi thể đã lạnh ngắt của ngài; sau đó, khi nhận ra ngài đã qua đời, họ hạ thi thể ngài xuống khỏi cây thập tự, rồi theo lệnh của kẻ tra tấn, kéo thi thể ngài ra khỏi thành phố và ném cho chó ăn tại nơi thường dùng để vứt xác động vật.

Một góa phụ đạo đức tên là Cleopatra, quê ở Palestine – chồng bà từng là tướng quân ở Ai Cập, và bà có một con trai còn nhỏ tên là Gioan – đã đau đớn nhìn từ xa những đau khổ của Uar. Khi thi thể vị thánh bị vứt ra ngoài thành, vào ban đêm, bà đã dẫn theo vài nô lệ của mình và lén lút mang thi thể đầy thương tích của thánh Uar về; sau khi đưa thi thể về nhà, bà đã đào một ngôi mộ cho ngài trong phòng ngủ của mình, ngay trước giường ngủ, và an táng ngài tại đó.

Sáng hôm sau, quan tổng trấn dẫn những người chịu khổ khác ra khỏi ngục tối, sau khi tra tấn họ một hồi lâu, ông ta chém họ bằng gươm và vứt xác họ ngoài thành mà không chôn cất; những thi thể đó, cũng vào ban đêm, đã được một số tín hữu bí mật của Đức Kitô an táng. Còn Cleopatra thì suốt thời gian đó luôn thắp nến và dâng hương trước quan tài của Thánh Uar, tôn kính ngài như vị bảo trợ vĩ đại và người cầu thay cho mình trước mặt Thiên Chúa.

Khi đã trôi qua vài năm và cuộc bách hại lắng xuống, Cleopatra mong muốn trở về quê hương và suy nghĩ rất lâu về cách mang theo di cốt của Thánh Uar. Cuối cùng, sau khi chuẩn bị một món quà quý giá, bà đã nhờ một người trung gian chuyển lời thỉnh cầu này đến tổng trấn:

– Chồng tôi từng là một vị tướng quân và đã qua đời tại đây khi đang phục vụ hoàng gia; thi hài của ngài vẫn chưa được an táng chính thức, bởi ở xứ người không thể chôn cất ngài theo nghi thức xứng đáng dành cho một vị tướng quân quan trọng; còn tôi, với tư cách là góa phụ ở xứ người, mong muốn trở về quê hương để sum họp với người thân. Vì vậy, xin ngài cho phép tôi mang theo thi hài người chồng yêu quý của mình và an táng ông ấy một cách trang trọng tại quê hương, trong lăng mộ của tổ tiên tôi, vì tôi không muốn phải xa cách họ ngay cả sau khi chết.

Người phụ nữ ấy đã hành động như vậy vì lo ngại rằng, nếu những người Kitô hữu biết được bà đang mang di cốt của vị thánh tử đạo ra khỏi thành phố của họ, họ có thể cản trở bà và tước đoạt kho báu quý giá này khỏi tay bà. Còn quan tổng trấn, sau khi nhận món quà, đã cho phép bà mang thi thể chồng mình đi, và bà, thay vì mang thi thể chồng, đã mang theo di vật của Thánh Uar, mang chúng như một báu vật từ Ai Cập về Palestine, và tại làng của

[7215] Thánh Uar qua đời vào năm 307.

bà, tên là Edra, nằm gần núi Phavar, bà đã an táng chúng cùng với tổ tiên của mình. Hàng ngày, bà đều đến mộ thánh, dâng hương và thắp nến tại đó; và theo gương bà, những Kitô hữu khác sống ở đó cũng bắt đầu cùng bà đến mộ thánh và đưa những người ốm đau của họ đến đó, những người này, nhờ lời cầu nguyện của Thánh Uar, đã được chữa lành ngay tại mộ ngài. Và danh tiếng về Thánh Uar lan rộng khắp các vùng lân cận, và mọi người đều với lòng tin đổ xô đến mộ ngài.

Cleopatra, khi thấy các tín hữu Kitô giáo tụ tập để cầu nguyện trước mộ thánh, đã quyết định xây dựng một nhà thờ mang tên ngài và bắt đầu thực hiện quyết định của mình. Vào thời điểm đó, con trai bà, John, đã tròn 17 tuổi, và Cleopatra đã cố gắng tìm cho cậu một vị trí trong quân đội hoàng gia[7216] ; với sự giúp đỡ của một số người can thiệp, bà đã xin nhà vua một chức vụ danh dự trong quân đội cho con trai mình; cậu được nhập ngũ và nhận được các huy hiệu danh dự ngay vào thời điểm công trình xây dựng nhà thờ mang tên Thánh Uar được khởi công. Cleopatra lúc đó đã nói:

– Con trai tôi sẽ không phục vụ trong quân đội hoàng gia cho đến khi việc xây dựng ngôi nhà của Chúa hoàn tất; vì tôi muốn con ấy cùng tôi rước linh cữu của vị thánh tử đạo, rồi sau đó mới thi hành mệnh lệnh của nhà vua.

Khi việc xây dựng nhà thờ hoàn tất, Cleopatra đã triệu tập các giám mục, linh mục và tu sĩ; bà lấy các thánh tích thiêng liêng của vị thánh tử đạo ra khỏi quan tài, đặt chúng lên một chiếc giường quý giá, và trên cùng các thánh tích là chiếc thắt lưng cùng bộ quân phục mà con trai bà lẽ ra phải mặc, để chúng được thánh hóa nhờ sự tiếp xúc với thánh tích của vị thánh; đồng thời, bà thành kính cầu nguyện với vị thánh, xin ngài trở thành người trợ giúp cho con trai bà, người đã được tất cả các vị giám mục và linh mục có mặt ban phước lành. Một đám đông vô số tín hữu Kitô giáo cũng tụ tập tại đó, và chiếc giường đựng di cốt được rước vào nhà thờ – Cleopatra cùng con trai bà cũng cùng rước di cốt. Sau khi nhà thờ được thánh hiến, di cốt của vị thánh được đặt dưới bàn thờ, nơi sau này sẽ cử hành Thánh lễ[7217] . Còn Cleopatra, khi quỳ sấp trước di cốt của Thánh Uar, đã cầu nguyện như sau:

– Con cầu xin ngài, vị Tử đạo của Chúa Kitô, hãy khẩn cầu cùng Thiên Chúa cho con điều gì làm đẹp lòng Ngài và có ích cho con, cũng như cho con trai duy nhất của con; con không dám xin gì hơn ngoài ý muốn của chính Chúa; chính Ngài biết điều gì có ích cho chúng con, và xin cho ý muốn tốt lành và hoàn hảo của Ngài được thực hiện trên chúng con!

Khi thánh lễ kết thúc, Cleopatra đã tổ chức một bữa tiệc thịnh soạn cho tất cả những người có mặt, và chính bà cùng con trai đã phục vụ các vị khách. Lúc đó, con trai bà, trong lúc đang phục vụ khách, bỗng dưng bị ốm và phải về nằm trên giường của mình. Khi tất cả khách đã đứng dậy sau bữa ăn, Cleopatra gọi con trai mình để cậu nếm thử phần thức ăn còn lại, nhưng John không thể thốt lên lời nào, vì đang bị cơn sốt thiêu đốt. Thấy con trai mình bị ốm, người mẹ nói:

– Ta thề trước Chúa rằng ta sẽ không đưa miếng bánh mì nào vào miệng cho đến khi ta biết được bệnh tình của con trai ta sẽ kết thúc ra sao!

Bà ngồi bên cạnh con, cố gắng làm dịu cơn sốt đang thiêu đốt cơ thể cậu bé bằng mọi cách có thể, đồng thời đau đớn thương xót cho đứa con trai duy nhất của mình. Vào nửa đêm, cậu bé qua đời, để lại người mẹ trong nỗi đau đớn tột cùng. Trong tiếng khóc nức nở, bà vội vã chạy đến đền thờ Thánh Uar và, quỳ sụp xuống trước mộ ngài, bà thét lên:

– Vậy là ngươi đã đền ơn ta như thế này sao, vị thánh được Chúa yêu mến, sau khi ta đã vất vả vì ngươi đến thế? Ngươi đã giúp đỡ ta như thế này sao, khi ta đã khinh thường chồng mình vì ngươi và đặt hết hy vọng vào ngươi? Ngươi đã để con trai duy nhất của ta chết, hủy hoại hy vọng của ta, cướp đi ánh sáng của đôi mắt ta. Giờ đây ai sẽ nuôi nấng ta khi ta về già? Ai sẽ nhắm mắt cho ta khi ta qua đời? Ai sẽ chôn cất thi thể ta? Thà tôi tự chết còn hơn phải chứng kiến con trai mình chết đi, như một bông hoa tàn lụi trước thời. Hãy trả lại con trai cho tôi, như xưa kia Ê-li-sê đã làm cho người phụ nữ Sa-ma-ri (2 Vua 4), hoặc hãy đưa tôi ra khỏi đây ngay lập tức, vì cuộc sống đã trở nên gánh nặng đối với tôi vì nỗi buồn cay đắng này.

Trong khi khóc lóc bên quan tài của vị thánh, vì kiệt sức tột độ và nỗi đau thương quá lớn, bà chìm vào giấc ngủ trong chốc lát. Trong giấc mơ, thánh Uar hiện ra trước mặt bà, tay nắm tay con trai bà; cả hai đều rực rỡ như

[7216] Ở độ tuổi này, các thanh niên thường được nhập ngũ.

[7217] Và hiện nay, khi xây dựng các nhà thờ Chính thống giáo, người ta vẫn tuân thủ phong tục cổ xưa này – dựng bàn thờ trên xương của các vị tử đạo.

mặt trời và y phục của họ trắng hơn cả tuyết; họ đeo thắt lưng vàng và đội vương miện trên đầu, vẻ đẹp không thể tả xiết. Thấy họ, bà Cleopatra hạnh phúc liền lao đến quỳ dưới chân họ, nhưng thánh Uar nâng bà dậy và nói:

– Hỡi người phụ nữ, sao ngươi lại than phiền về ta? Chẳng lẽ ta đã quên những ân huệ mà ngươi đã ban cho ta ở Ai Cập và trong suốt cuộc hành trình sao? Hay ngươi nghĩ rằng ta không cảm nhận được gì khi ngươi đã lấy thi thể ta ra khỏi đống xác gia súc và đặt ta vào phòng của ngươi? Chẳng phải ta luôn lắng nghe những lời cầu nguyện của nàng và cầu nguyện cho nàng trước mặt Đức Chúa Trời sao? Và trước hết, ta đã khẩn cầu Đức Chúa Trời cho những người thân của nàng – những người mà nàng đã chôn cất cùng ta trong lăng mộ – để tội lỗi của họ được tha thứ. Sau đó, ta đã nhận con trai nàng vào phục vụ Đức Vua trên trời. Chính bà chẳng phải đã xin tôi ở đây, để tôi cầu xin Đức Chúa Trời ban cho bà điều gì Ngài ưng ý và có ích cho bà cùng con trai bà sao? Vậy nên, tôi đã cầu xin Đức Chúa Trời Toàn Thiện, và Ngài đã thương xót, nhờ lòng nhân từ vô biên của Ngài, cho con trai chị được nhận vào đạo binh thiên đàng của Ngài; và đây, con trai chị, như chị thấy, giờ đây đã trở thành một trong những người đứng trước ngai vàng của Đức Chúa Trời. Nếu ngươi muốn, hãy đưa con trai ngươi về và gửi nó đi phục vụ vị vua trần gian và tạm thời; ta thấy rằng ngươi không muốn con trai ngươi phục vụ Vua Thiên Đàng và Vĩnh Cửu.

Còn cậu thiếu niên đang ngồi trên tay Uar thì ôm lấy ông và nói:

– Không, thưa ngài! Xin đừng nghe lời mẹ con – xin đừng giao con cho thế gian đầy dẫy sự bất công và mọi sự vô luật pháp, nơi mà con đã được cứu thoát nhờ sự can thiệp của ngài; xin đừng tước đoạt khỏi con, thưa cha, sự hiệp thông với ngài và các thánh.

Sau đó, cậu quay sang mẹ mình và nói:

– Tại sao mẹ lại khóc nhiều như vậy, hỡi mẹ? Con đã được gia nhập vào đạo binh của Đức Vua – Đấng Kitô, và con đã được ban quyền đứng trước Ngài trên trời cùng với các Thiên Thần, vậy mà giờ đây mẹ lại xin đưa con ra khỏi vương quốc ấy để phải chịu sự sỉ nhục.

Thánh nữ Cleopatra, khi thấy con trai mình được mặc phẩm trật của các Thiên thần, đã nói:

– Vậy thì hãy đưa cả con đi cùng, để con cũng được ở bên các con.

Nhưng Thánh Uar đáp lại:

– Ngay cả khi ở lại đây, trên trần gian, con vẫn luôn ở cùng chúng tôi; hãy ra đi trong bình an, và sau này, khi Chúa phán truyền, chúng tôi sẽ đến đón con.

Sau những lời ấy, cả hai đều biến mất khỏi tầm mắt. Còn bà, khi tỉnh táo lại, cảm nhận trong lòng niềm vui và sự hân hoan khôn tả, và đã kể lại thị kiến của mình cho các linh mục; cùng với họ, bà đã tổ chức lễ an táng trang trọng bên mộ Thánh Uar và con trai mình, không còn khóc lóc nữa, mà hân hoan vì Chúa. Sau đó, bà phân phát tài sản của mình cho những người nghèo khó, còn bản thân bà, từ bỏ đời sống trần tục, sống tại nhà thờ Thánh Uar, phụng sự Chúa ngày đêm bằng việc ăn chay và cầu nguyện. Mỗi tuần vào ngày Chủ nhật, trong lúc cầu nguyện, Thánh Uar cùng con trai bà hiện ra trước mặt bà trong ánh sáng rực rỡ. Sau bảy năm sống trong những việc đạo đức như vậy, Thánh nữ Cleopatra đã qua đời, được Chúa hài lòng. Thi hài của bà được an táng tại nhà thờ Thánh Uar, bên cạnh thi hài của con trai bà là Gioan; còn linh hồn thánh thiện của bà, cùng với Thánh Uar và Gioan, đang hân hoan đứng trước mặt Thiên Chúa trên trời; vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

Bài ca ngợi Thánh Uar và bảy vị thầy Kitô giáo cùng ngài:

Trong hàng ngũ các thánh, ngài là vị tử đạo chịu khổ một cách chính đáng, dù bị đối xử bất công, ngài đã thể hiện sức mạnh dũng cảm của mình. Ngài đã tự nguyện lao vào cuộc khổ nạn và khao khát chết vì Chúa Kitô, Đấng đã ban cho ngài vinh quang chiến thắng từ sự chịu khổ của ngài, thánh Uar, xin cầu bầu cho linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hỡi vị tử đạo Uare, người đã theo chân Chúa Kitô, uống cạn chén khổ nạn, đội vương miện đau khổ, và đang hân hoan cùng các Thiên thần: xin cầu nguyện không ngừng cho linh hồn chúng con.

Lễ kỷ niệm Thánh Cha Gioan Rylsky

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 10

Thánh phụ Gioan Rylsky của chúng ta, một vị tu sĩ ăn chay vĩ đại, xuất thân từ làng Skrina của Bulgaria, nằm gần thành phố Sredets lừng lẫy[7218] . Ngài sống dưới triều đại của Vua Peter, vị vua yêu mến Chúa Kitô của Bulgaria, và dưới thời Hoàng đế Hy Lạp Constantine Porphyrogenitus[7219] . Sau khi cha mẹ đạo đức của mình qua đời, Gioan đã phân phát toàn bộ tài sản còn lại cho những người nghèo – vì từ thuở thiếu thời, ngài đã yêu mến Thiên Chúa hơn tất cả – còn bản thân ngài thì gia nhập đời tu và rời khỏi làng quê, trên người chỉ mang theo một bộ áo da. Sau khi leo lên một ngọn núi cao và hoang vắng, ngài bắt đầu sống đời tu hành khổ hạnh tại đó, chỉ ăn những loại cây dại. Một thời gian sau, do sự xúi giục của ma quỷ, vào ban đêm, những tên cướp đã tấn công Thánh Gioan, đánh đập ngài và đuổi ngài khỏi nơi đó. Sau đó, Thánh Gioan rời ngọn núi ấy đến sa mạc Rylsk[7220] , nơi ngài tiếp tục cuộc sống tu hành khắc khổ; tại đó, ngài định cư trong một hốc cây lớn, dành thời gian để ăn chay, khóc lóc và không ngừng cầu nguyện trước mặt Thiên Chúa. Ông đã sống trong sa mạc suốt sáu mươi năm; ở đó, ông chỉ ăn thực vật, chưa bao giờ nhìn thấy khuôn mặt con người và chỉ được bao quanh bởi những con thú hoang dã. Để tưởng thưởng cho sự kiên nhẫn của Thánh Gioan, Đức Chúa Trời đã khiến đậu mọc lên tại chính nơi đó, và vị thánh đã sống nhờ những hạt đậu ấy trong nhiều năm.

Một lần nọ, những người chăn cừu đã phát hiện ra nơi ẩn dật của Thánh Gioan và kể về ngài khắp nơi[7221] . Nhiều người bắt đầu tìm đến Thánh Gioan và đưa những người bệnh tật đến với ngài; nhờ những lời cầu nguyện của ngài, họ đã được chữa lành. Danh tiếng về vị thánh này lan rộng khắp vùng đất đó, và nhiều người, ngưỡng mộ lối sống tu hành của Thánh Gioan, đã muốn sống gần ngài. Trong một hang động lân cận, họ đã xây dựng một nhà thờ và lập nên một tu viện, nơi Thánh Gioan là người đứng đầu và là mục tử. Với tư cách là một mục tử nhân từ đối với đoàn chiên của mình, Thánh Gioan đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo đến với Chúa và thực hiện những phép lạ vĩ đại và huy hoàng nhân danh Ngài[7222] .

Khi đã cao tuổi, Thánh Gioan đã an lành qua đời[7223] , được hưởng phúc lành vĩnh cửu trên trời, và được các môn đệ an táng.

Một thời gian dài sau đó, Thánh Gioan hiện ra với các môn đệ, truyền lệnh cho họ chuyển di hài cốt của ngài đến thành phố Sredets. Khi mở quan tài ra, họ thấy thi thể Thánh Gioan vẫn nguyên vẹn và không bị hư nát, toát ra hương thơm, và họ đã ngợi khen Thiên Chúa về điều này. Họ đã rước thi hài ngài về thành phố Sredets một cách trang trọng và an táng tại nhà thờ Thánh Luca, nhà truyền giáo. Sau đó, tại nơi đó, một nhà thờ tuyệt đẹp mang tên Thánh Gioan đã được xây dựng, và thi hài thiêng liêng của ngài được an táng tại đó, từ đó phát ra những phép lạ chữa lành kỳ diệu và vinh quang.

Nhiều năm sau, Vua Hungary dẫn theo một đạo quân hùng hậu tiến vào lãnh thổ Hy Lạp và chiếm đóng vùng đất này. Khi đến thành phố Sredets, ông đã lấy chiếc hòm đựng di cốt của vị thánh. – bởi vì ông đã nghe nói nhiều về những phép lạ của vị thánh này – và ra lệnh mang nó về nước mình một cách trang trọng, rồi an táng tại

---

[7218] Sredets – trong thời cổ đại là Sardica. Ngày nay, thành phố này có tên là Sofia và là thủ đô của Công quốc Bulgaria.

[7219] Peter trị vì Bulgaria từ năm 927 đến năm 968 – Constantine VII Porphyrogenitus trị vì Byzantium từ năm 912 đến năm 959.

[7220] Tên gọi này bắt nguồn từ sông Rilo, thuộc khu vực thành phố Raslog

[7221] Chuyện xảy ra như thế này: bầy cừu bỗng nhiên vì một nỗi sợ hãi nào đó mà chạy dọc theo những con suối xiết cho đến khi chạy đến nơi một vị ẩn sĩ đang sống. Những người chăn cừu chạy theo chúng đã ngạc nhiên khi nhìn thấy vị ẩn sĩ. “Các con đến đây trong cơn đói: – hãy hái đậu của ta và ăn đi,” – vị ẩn sĩ nói. Họ ăn và no nê; chỉ có một người lén hái nhiều quả đậu để dự trữ mà không xin phép vị ẩn sĩ, và khi chia cho các bạn đồng hành trên đường, thì trong những quả đậu bị lấy trộm đó không còn hạt nào cả. Họ quay trở lại gặp vị ẩn sĩ tốt bụng với lòng hối hận. Vị tu sĩ già đã tha thứ cho họ và mỉm cười nói: “Các con thấy chưa, những quả này là do Chúa ban cho để nuôi sống những người sống ẩn dật.”

[7222] Nhiều người đã đến gặp Thánh Gioan và đưa những người bệnh của họ đến, những người này đã được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh. Một người đàn ông, bị quỷ ám trong vài năm, khi thấy những người đang đi vào sa mạc của Thánh Gioan, đã đi theo họ. Chưa đi được một verst đến sa mạc Rylsk, anh ta đã ngã xuống đất và la lên: “Tôi không thể đi tiếp được nữa: lửa đang thiêu đốt tôi.” Những người đồng hành trói người bị quỷ ám lại, mang anh ta đến gặp vị thánh và xin ngài chữa lành cho anh ta. “Hỡi các con của ta,” ngài nói, “việc này vượt quá khả năng của ta, ta cũng chỉ là một con người yếu đuối như các con; chỉ có một mình Đức Chúa Trời mới có thể chữa lành cho anh ta.” Họ không ngừng nài xin ngài, và vị ẩn sĩ đã cầu nguyện cho anh ta: đột nhiên người bệnh trở nên khỏe mạnh, và mọi người đều ngợi khen Đức Chúa Trời.

[7223] Thánh Gioan qua đời vào ngày 18 tháng 8 năm 946, ở tuổi 70.

thành phố Ostrigom[7224] . Tuy nhiên, Tổng Giám mục Ostrigom, khi nghe nói rằng Thánh Gioan Rylsky được Thiên Chúa tôn vinh và nổi tiếng với những phép lạ của ngài trên khắp các quốc gia, đã không muốn tin điều đó.

– Các sách cổ không đề cập đến vị thánh làm phép lạ nào như vậy, – ngài nói, – và không muốn đi thờ lạy vị thánh. Lúc đó, đột nhiên lưỡi ngài bị câm. Nhận ra rằng nguyên nhân khiến mình câm là do đã phỉ báng vị thánh, tổng giám mục vội vã chạy đến hòm thánh tích và, quỳ sấp xuống trước đó, hôn lên các thánh tích thiêng liêng của ngài, xin tha thứ cho lỗi lầm của mình. Vị thánh được Chúa yêu mến, Thánh Gioan, đã nhanh chóng nghe thấy lời cầu nguyện của tổng giám mục: Ngài lập tức giải thoát lưỡi ông và ban lại cho ông khả năng nói rõ ràng. Sau khi được chữa lành, tổng giám mục đã khóc lóc thú nhận tội lỗi của mình trước thánh nhân trước mặt mọi người, đồng thời ngợi khen Thiên Chúa và tôn vinh vị thánh được Ngài yêu mến, Thánh Gioan.

Thánh nhân còn thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại khác trên đất Hungary. Bị những phép lạ của Thánh Gioan làm cho kinh ngạc, vua Hungary đã trang hoàng hòm thánh tích của ngài bằng bạc và vàng, rồi sau khi hôn lên các thánh tích của ngài, đã tiễn ngài trở về thành phố Sredets với vinh dự lớn lao. Như vậy, sau một thời gian, theo ý muốn của Thiên Chúa, sự độc lập của Nhà nước Bulgaria – vốn đã kiệt quệ vì sự tàn bạo của người Hy Lạp – đã được khôi phục, và sự phục hưng của Vương quốc Bulgaria diễn ra dưới triều đại của Vua Gioan Asen, người yêu mến Chúa Kitô. Vị vua này, ngay từ những ngày đầu trị vì, đã khôi phục và củng cố các thành phố Bulgaria bị tàn phá, đồng thời tiến quân chinh phạt các vùng lân cận, sáp nhập các thành phố mới vào vương quốc của mình. Khi đến thành phố Sredets và chinh phục được nó, ngài đã nhìn thấy tại đó di cốt của Thánh Gioan Rylski, và sau khi nghe kể về những phép lạ xảy ra tại nơi an nghỉ của ngài, ngài đã cúi đầu tôn kính trước hòm thánh cốt. Sau khi hôn lên di cốt thiêng liêng của ngài, ngài ra lệnh cho Thượng phụ Vasilij và các linh mục mang hòm thánh di cốt vinh quang của vị thánh ấy và rước nó về thủ đô Tarnovo của Bulgaria với sự tôn kính cao nhất; trong đoàn rước, theo lệnh của hoàng đế, có 300 chiến binh tinh nhuệ tham gia.

Tổng Giám mục Vasili đã đặt hòm thánh thiêng liêng lên xe ngựa, và tất cả đều hân hoan lên đường, ngợi khen Thiên Chúa và được sự che chở bởi những lời cầu nguyện của vị thánh; trong số đó, còn có các tu sĩ của tu viện do vị thánh thành lập, cùng với vị Bề trên Ioannikios của họ. Còn vị vua sùng đạo Ioann-Asen thì đi trước đoàn rước, và khi vội vã đến thủ đô, ngài đã ra lệnh xây dựng một nhà thờ và một nơi để đặt hòm thánh tích tại đó.

Khi nhà vua biết rằng đoàn rước mang theo di cốt của vị thánh đã đến gần, chính ngài đã ra đón tại "hào"[7225] cùng với các quan đại thần, các quan chức và đông đảo dân chúng, và tất cả đều vui mừng và hân hoan[7226] . Khi nhìn thấy di cốt của vị thánh, mọi người đều cúi đầu thờ lạy. Xác thánh của vị thánh được lưu giữ tại hố đào này trong bảy ngày, cho đến khi nhà thờ được xây dựng xong. Khi nhà thờ đã hoàn thành, thánh tích được rước về đó và an táng trong nhà thờ với sự tôn kính cao nhất, còn chính nhà thờ cũng được làm phép. Cho đến nay, di thể làm phép lạ của vị thánh vẫn còn nằm ở đó, tuôn trào nguồn chữa lành bất tận: những ai đến với lòng tin – người mù được sáng mắt, người câm bắt đầu nói được, người bệnh được lành mạnh, người bị quỷ ám được chữa lành.

Bài thánh ca dành cho Thánh Gioan Rylsky, giọng 1:

Nền tảng của sự sám hối, mẫu mực của lòng khiêm nhường, hình ảnh của sự an ủi, cuộc đời thánh thiện ngang hàng với các thiên thần của ngài, hỡi vị thánh đáng kính. Ngài đã sống trong cầu nguyện, ăn chay và nước mắt, hỡi Cha Gioan, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, cho các linh hồn chúng con.

[7224] Ostrigom – một thành phố ở Hungary, nằm trên bờ phải sông Danube, đối diện với cửa sông Grana. Thành phố này rất cổ kính và là cái nôi của Kitô giáo tại Hungary. Người dân nơi đây theo đạo Công giáo La Mã. Tổng giám mục Ostrigom đồng thời là Công tước-Primas của toàn Hungary. (Primas – danh hiệu của tổng giám mục Công giáo, tương đương với chức vụ Thượng phụ ở phương Đông). Vị thánh này lại được an táng trong nhà thờ thánh của ngài vào năm 1097 sau Công nguyên.

[7225] Okop – là tên gọi của một công sự thành phố.

[7226] Việc rước di cốt của Thánh Gioan diễn ra vào năm 1238. Sự kiện này được Giáo hội tưởng niệm vào ngày 19 tháng 10.

Bài thánh ca nhân dịp rước di cốt từ Ternovo về Tu viện Rylsk:

Với sự trở về của di cốt ngài, tu viện của ngài được làm giàu; còn nhà thờ của ngài, khi đón nhận ngài, đã được soi sáng và, trong vẻ đẹp rạng ngời, kêu gọi các tín hữu với niềm vui để cùng mừng lễ ngày sáng ngời của ngài. Hãy đến, tôi kêu gọi, và hãy nhận lấy những ân sủng ban tặng.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Hỡi vị thánh đáng kính, ngài đã noi gương đời sống của các thiên thần, từ bỏ mọi sự trần gian, và chạy đến với Chúa Kitô: và được che chở bởi các điều răn của Ngài, ngài đã trở thành một cột trụ vững chắc trước những cuộc tấn công của kẻ thù.

- Cũng trong ngày này, ngày tử đạo của Thánh Tử đạo Sa-đốc, Giám mục xứ Ba Tư, cùng với 128 vị tử đạo khác. Lễ tưởng niệm các ngài còn được cử hành vào ngày 20 tháng 2

ngày 2 tháng 11

ngày 20 tháng 10 (theo lịch cũ)

Thánh Tử đạo Artemius

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 10

Về Thánh Tử đạo Artemius, các truyền thuyết cổ xưa kể lại rằng ngài xuất thân từ một gia đình quý tộc La Mã, mang tước hiệu Thượng nghị sĩ và dưới triều đại Hoàng đế Constantius, ngài phụ trách quản lý toàn bộ tài sản hoàng gia.

Artemius bắt đầu phục vụ dưới thời Constantine Đại đế, trong quân đội của vị hoàng đế sùng đạo này. Khi ngài cùng với Constantine được chứng kiến dấu hiệu kỳ diệu của Thánh Giá trên bầu trời, ngài đã củng cố đức tin Kitô giáo và trở thành người hầu trung thành của Hoàng đế Constantine cùng gia đình ngài[7227] . Sau khi Constantine qua đời, ngài luôn ở bên cạnh con trai ông, Constantine[7228] , với tư cách là người bạn thân thiết nhất, và hoàng đế đã giao cho ngài những nhiệm vụ danh dự nhất. Chẳng hạn, khi Constantius được một vị giám mục cho biết rằng thi hài của các Tông đồ Chúa Kitô là Anrê và Luca được an táng tại Achaea[7229] , ngài đã giao phó cho Artemius nhiệm vụ chuyển những báu vật quý giá này về Constantinopolis. Artemius, tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, đã rước các di cốt của các thánh tông đồ về kinh đô với những nghi lễ long trọng, và nhờ đó, ông đã được hoàng đế thăng chức, một vinh dự mà ông hoàn toàn xứng đáng: chính hoàng đế đã phong ông làm công tước và Augustalius[7230] của Ai Cập, và Artemius đã sống tại đó, làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Trong khi truyền bá vinh quang và danh tiếng của danh hiệu Chúa Giêsu Kitô, ngài đã lật đổ và phá hủy nhiều thần tượng tại Ai Cập.

Khi hoàng đế Constantius, con trai của Constantine Đại đế, qua đời, quyền lực trên toàn Đế quốc La Mã đã rơi vào tay Julian, một kẻ vô đạo và bội giáo[7231] , người trước đây đã bí mật, còn giờ đây công khai từ bỏ Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và bắt đầu thờ lạy các thần tượng một cách công khai. Ông đã ban hành sắc lệnh đến khắp các vùng đất trong vương quốc của mình, cả phương Đông lẫn phương Tây, yêu cầu những ngôi đền mà dưới triều

---

[7227] Constantine đã đứng lên chống lại đối thủ mạnh mẽ của mình là Maxentius. Ông không biết nên cầu xin ai giúp đỡ, và khi mặt trời bắt đầu lặn về phía tây, Constantine đã nhìn thấy trên bầu trời một cây thánh giá rực rỡ cùng dòng chữ dưới đó: "Hãy chiến thắng bằng điều này"; quân đội của ông cũng đã chứng kiến điềm báo này. Trong giấc mơ đêm đó, chính Chúa Kitô đã hiện ra với Constantine và ra lệnh cho ông làm một lá cờ hình thánh giá, đồng thời vẽ hình thánh giá lên khiên và mũ sắt của các chiến binh. Constantine đã tuân theo – và chẳng bao lâu sau, ông đã đánh tan hoàn toàn quân đội của Maxentius. Sau đó, ông công khai bày tỏ sự ủng hộ đối với Kitô giáo.

[7228] Trị vì từ năm 337 đến năm 361.

[7229] Một tỉnh ở Hy Lạp.

[7230] Dux – tướng quân. Augustus – tước hiệu tương đương với tước hiệu "Hoàng thân" ngày nay.

[7231] Julian, cháu trai của Constantine Đại đế, ngay từ khi Constantius còn sống, đã là đồng trị vì của vị hoàng đế này, cai quản các tỉnh phía tây của Đế chế La Mã.

đại của Constantine Đại Đế đã bị các Kitô hữu chiếm lại từ tay những người ngoại đạo, nay phải được trả lại cho họ; đồng thời, ông ra lệnh phải đặt lại các tượng thần trong những ngôi đền đó và tiến hành các lễ tế dâng cho các vị thần.

Như vậy, vị vua vô đạo này đã khôi phục lại chế độ đa thần khắp nơi – thứ đã sụp đổ dưới triều đại của vị vua thánh Constantine – đồng thời gây ra những cuộc đàn áp dữ dội đối với các Kitô hữu, tra tấn và giết hại họ, cướp bóc tài sản của họ, và phỉ báng danh thánh của Chúa Giêsu Kitô.

Để làm nhục Kitô giáo, Julian vô đạo đã lấy từ hòm thánh tích xương của Thánh Tiên tri Ê-li-sê và thánh tích của Thánh Gioan Tẩy Giả – ngoại trừ đầu và tay phải thiêng liêng của ngài, vốn được an táng tại Sebaste – rồi trộn lẫn chúng với xương động vật và xác người vô đạo, sau đó đốt cháy và rải tro tàn vào không trung; các Kitô hữu đã thu thập tro tàn đó cùng những mảnh xương còn sót lại sau vụ thiêu hủy và cất giữ chúng tại một nơi trang nghiêm.

Sau đó, ông được biết rằng tại thành phố Paneade[7232] có một bức tượng Chúa Cứu Thế, do người phụ nữ bị chảy máu – người đã được chữa lành nhờ chạm vào tà áo của Chúa (Mt 9:20) – dựng lên. Vị vua đã lật đổ bức tượng này và ra lệnh kéo nó lê khắp quảng trường cho đến khi nó vỡ tan tành; chỉ có phần đầu của bức tượng này được một tín đồ Kitô giáo lấy trộm và cất giữ. Tại chính nơi từng đặt bức tượng đó, vị vua ra lệnh dựng tượng của chính mình, nhưng bức tượng này lại bị sét đánh vỡ tan.

Sau khi tập hợp một đạo quân hùng mạnh, tên vô đạo Julian quyết định tiến đánh người Ba Tư, và trong chuyến hành quân này, khi đến Antioch, ông đã phát động cuộc đàn áp Giáo Hội của Chúa Kitô tại đây theo thói quen của mình, giết hại các tín hữu.

Vào thời điểm đó, hai vị trưởng lão Antioch là Eugenius và Macarius – những người uyên bác – đã bị dẫn đến trước mặt ông. Julian đã tranh luận với họ trong một thời gian dài về các vị thần, dẫn chứng những lời viết của các nhà văn Hy Lạp ngoại đạo để chứng minh cho những tư tưởng vô đạo của mình, nhưng không thể buộc những đôi môi thánh thiện của các vị trưởng lão khôn ngoan phải im lặng; ngược lại, chính ông mới bị họ làm cho kinh ngạc, bẽ mặt và bị vạch trần sự vô đạo của mình. Không chịu nổi sự bẽ mặt đó, Julian ra lệnh đánh đập các thánh một cách tàn nhẫn, sau khi đã lột trần họ trước đó; Eugenius phải chịu năm trăm roi, còn Macarius thì không đếm xuể.

Khi các thánh này phải chịu những cực hình nặng nề, lúc đó vị đại tướng Artemius tình cờ có mặt tại nơi hành hình. Nghe tin Julian đã lên ngôi và đang chuẩn bị tiến quân chống lại người Ba Tư – chính vì lý do này mà ông cũng nhận được chiếu chỉ yêu cầu phải dẫn toàn bộ quân đội của mình đến Antioch, – Artemius đã đến đây cùng quân đội của mình, bày tỏ sự kính trọng xứng đáng với một vị vua đối với Julian, đồng thời dâng tặng ông những món quà, và đứng bên cạnh nhà vua vào lúc các vị thánh tuyên xưng đức tin, Eugenius và Macarius, đang phải chịu cực hình. Nghe thấy Julian vô đạo dùng miệng dơ bẩn của mình phỉ báng Chúa Giêsu Kitô, Artemius tràn đầy lòng nhiệt thành và tiến đến gần hoàng đế, nói:

– Tại sao bệ hạ lại hành hạ những người vô tội và những người đã hiến dâng mình cho Đức Chúa Trời một cách vô nhân đạo như vậy, và ép buộc họ từ bỏ đức tin Chính Thống? Hãy biết rằng chính bệ hạ cũng là một con người yếu đuối; dù Đức Chúa Trời đã lập bệ hạ làm vua, nhưng bệ hạ vẫn có thể bị ma quỷ cám dỗ; tôi nghĩ rằng thủ phạm chính của mọi điều ác chính là ma quỷ xảo quyệt. Cũng như xưa kia nó đã xin Chúa cho phép cám dỗ Giốp và được chấp thuận, thì nay nó cũng đã xúi giục ngài chống lại chúng tôi và dẫn dắt ngài đến với chúng tôi, để qua tay ngài tiêu diệt lúa mì của Đấng Christ và gieo rắc cỏ dại của nó. Nhưng những nỗ lực của nó đều vô ích và sức mạnh của nó thật hèn mọn; vì kể từ khi Chúa đến và Thập tự giá – nơi Đức Kitô được tôn vinh – được dựng lên, sự kiêu ngạo của ma quỷ đã sụp đổ và sức mạnh của ma quỷ đã bị đập tan. Vậy nên, hỡi hoàng đế, đừng tự lừa dối mình, và đừng truy đuổi dân Kitô giáo được Thiên Chúa bảo vệ để làm vừa lòng ma quỷ. Hãy biết rằng sự kiên cố và sức mạnh của Chúa Kitô là bất khả chiến bại và không thể vượt qua.

Nghe vậy, Julian bừng bừng giận dữ và hét lên bằng giọng vang dội:

– Kẻ vô đạo này là ai, từ đâu đến, mà dám nói chuyện với chúng ta một cách ngang ngược như vậy và dám xúc phạm chúng ta ngay trước mặt?

Những người đứng trước nhà vua đáp:

– Thưa Hoàng đế! Đó là Dux và Augustus của Alexandria.

[7232] Một thành phố ở phía bắc Palestine (còn gọi là Caesarea Philippi).

– Sao cơ? – nhà vua nói, – đó là tên Artemius khốn kiếp, kẻ đã tham gia vào việc giết chết anh trai ta là Gallus[7233] ?

– Vâng, thưa bệ hạ, chính là hắn, – những người đứng trước mặt trả lời.

Vua liền nói:

– Ta phải tạ ơn các vị thần bất tử, và hơn hết là thần Apollon của Daphni[7234] vì đã giao kẻ thù này vào tay ta, kẻ đã tự mình đến đây. Vậy thì, hãy tước bỏ chức tước của tên vô lại này; hãy tháo đai[7235] khỏi người hắn và ngay lập tức trừng phạt hắn; còn ngày mai, nếu các vị thần cho phép, ta sẽ tuyên án hắn về tội giết anh trai ta. Ta sẽ báo thù cho dòng máu vô tội và tiêu diệt hắn không chỉ bằng một hình phạt, mà bằng vô số hình phạt, vì hắn đã làm đổ máu không phải của một người thường, mà là của hoàng tộc.

Khi nhà vua nói xong, các cận vệ lập tức bắt Artemios, tháo đai chỉ huy và các biểu tượng phẩm tước khác khỏi người hắn, rồi để hắn trần truồng. Vị thánh được giao vào tay các đao phủ; họ trói tay chân ngài lại, rồi kéo ngài ra bốn phía[7236] , và đánh vào lưng và bụng ngài bằng gân bò đến mức bốn cặp đao phủ đã phải thay nhau vì kiệt sức. Nhưng vị thánh đã thể hiện sự kiên nhẫn thực sự siêu phàm, và trong mắt mọi người, ngài dường như hoàn toàn vô cảm: ngài không thốt ra một tiếng nào, không rên rỉ, không cử động chút nào và không biểu lộ bất kỳ dấu hiệu đau khổ nào, như những người đang chịu cực hình thường thể hiện. Đất đai thấm đẫm máu ngài, nhưng ngài vẫn kiên định bất khuất, đến nỗi tất cả mọi người đều kinh ngạc trước ngài, ngay cả chính Julian, kẻ vô đạo. Sau đó, hoàng đế ra lệnh ngừng đánh ngài, và vị thánh được dẫn vào ngục cùng với các thánh tử đạo Eugenius và Macarius. Các vị tử đạo lúc bấy giờ đã hát: *"Lạy Chúa, Ngài đã thử thách chúng con, đã rèn luyện chúng con như người ta rèn luyện bạc. Ngài đã dẫn chúng con vào lưới, đặt xiềng xích lên hông chúng con, đặt con người lên đầu chúng con. Chúng con đã đi qua lửa và nước, và Ngài đã dẫn chúng con ra khỏi đó"* (Thánh vịnh 65:10–12)[7237] .

Khi kết thúc bài hát, Artemy tự nhủ:

– Artemius ơi, đây là những vết thương của Đấng Kitô đã được khắc trên thân thể ngươi – giờ đây ngươi chỉ còn phải dâng hiến chính linh hồn mình vì Đấng Kitô cùng với dòng máu còn lại trong ngươi; và ông nhớ lại lời tiên tri: *"Ta đã phó thác cột sống Ta cho những kẻ đánh đập, và má Ta cho những kẻ tát vào"* (Is 50:6)[7238] . Nhưng làm sao tôi, kẻ không xứng đáng này, – ông nói – lại phải chịu đựng nhiều hơn Chúa của tôi? Toàn thân Ngài đầy vết thương: từ chân đến đầu, không có chỗ nào trên thân thể Ngài còn lành lặn; đầu Ngài bị gai đâm xuyên, tay và chân Ngài bị đóng đinh vào thập giá vì tội lỗi của tôi, trong khi chính Ngài không hề biết tội lỗi và thậm chí không thốt ra một lời bất chính nào. Ôi, so với những đau khổ của tôi, những đau khổ của Chúa tôi thật vĩ đại biết bao, và tôi, một con người hèn mọn, cách xa sự kiên nhẫn và lòng nhân từ của Ngài biết bao! Tôi vui mừng và hân hoan, vì tôi được trang điểm bằng những đau khổ của Chúa tôi: điều này làm dịu bớt những đau khổ của tôi. Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì đã ban cho con được đội vương miện bằng những đau khổ của Ngài! Con khẩn cầu Ngài, xin dẫn dắt con đi đến cùng trên con đường làm chứng; xin đừng để con trở nên không xứng đáng với công việc cao cả mà Ngài đã định sẵn cho con; vì con đã đặt niềm tin vào lòng nhân từ của Ngài, lạy Chúa Tốt Lành, Đấng Yêu Thương Loài Người!

Sau khi thầm cầu nguyện như vậy, vị thánh đã đến nhà tù và suốt cả đêm ở đó cùng với các thánh Eugenius và Macarius, ngợi khen Thiên Chúa.

[7233] Gallus, anh trai của Julian, đã được Hoàng đế Constantius – người không có con cái – chỉ định làm người kế vị ngai vàng, nhưng sau đó đã chọc giận Constantius khi công khai tìm cách lật đổ ngài khỏi ngai vàng. Con người này đã cử những người thân tín của mình đi để tước quyền cai trị các tỉnh phía đông khỏi tay Gallus, và những người được cử đi này, vì mong muốn làm vừa lòng chủ nhân, đã giết chết Gallus.

[7234] Daphne – một vùng ngoại ô của Antioch. Đó là một vùng đất vô cùng xinh đẹp, nơi mọc đầy đủ các loại cây cối, suối nước trong vắt chảy khắp nơi, và nơi có tượng thần Mặt Trời, Apollo, vị thần mà Julian tôn kính hơn tất cả các vị thần khác.

[7235] Dây thắt lưng – là dấu hiệu đặc biệt của một vị tướng.

[7236] Tay và chân của những người bị tra tấn được trói vào bốn cọc cắm xuống đất, để những người bị trừng phạt không thể cản trở việc thi hành hình phạt.

[7237] Ở đây đề cập đến người Do Thái, đối với họ, thời gian bị lưu đày tại Babylon cũng giống như việc bạc bị nung trong lò lửa đỏ rực hay chim bị mắc kẹt trong lưới. "Nỗi đau trên lưng" – những trận đòn roi vào lưng. "Những kẻ đứng trên đầu" – những kẻ hành hạ, những kẻ nắm quyền sinh sát đối với chúng ta.

[7238] Thực ra, vị tiên tri đang nói về những đau khổ trong tương lai của Đấng Cứu Thế, nhưng những lời của ngài cũng có thể áp dụng cho các tín hữu, những người gánh lấy ách đau khổ của Đức Kitô.

Khi bình minh ló rạng, Julianus, kẻ bội đạo, lại ra lệnh cho các vị tử đạo phải ra trước tòa án, và tại đó, không cần tra hỏi, ông ta đã chia rẽ họ: Artemius được giữ lại bên mình, còn Evgenius và Makarios thì bị đày đến Oasis Ả Rập[7239] . Vùng đất ấy vô cùng khắc nghiệt: ở đó thổi những cơn gió chết chóc và không ai đến đó có thể sống sót quá một năm, vì chắc chắn sẽ mắc phải căn bệnh hiểm nghèo, dẫn đến cái chết. Vậy nên, các thánh Evgeni và Makari, sau khi bị đày đến đó, sau một thời gian đã an nghỉ trong Chúa[7240] , còn thánh Artemi thì phải chịu đựng vô vàn đau khổ. Nhưng trước tiên, Julian, như một con sói khoác lên mình bộ da cừu, với vẻ hiền lành, như thể chia buồn và thương xót Artemi, đã bắt đầu nói như sau:

– Bằng sự ngang ngược liều lĩnh của mình, ngươi đã buộc ta, Artemius, phải làm ô danh tuổi già của ngươi và làm tổn hại sức khỏe của ngươi, điều mà ta thực sự lấy làm tiếc. Giờ đây, ta xin ngươi, hãy đến đây và dâng lễ vật lên các vị thần, trước hết là vị thần Daphni, thần Apollon, người mà ta đặc biệt tôn kính. Nếu ngươi làm được điều này, ta sẽ tha thứ cho ngươi về tội ác đối với anh trai ta và ban cho ngươi một chức tước còn vinh quang và danh dự hơn nữa: ta sẽ phong ngươi làm Thượng tế tối cao[7241] của các vị thần vĩ đại và làm người đứng đầu các thầy tế lễ trên toàn vũ trụ; ta sẽ gọi ngươi là cha của ta, và ngươi sẽ là người đứng thứ hai sau ta trong vương quốc này. Ngươi, Artemius, cũng biết rõ rằng anh trai ta, Gallus, đã bị Constantius giết hại một cách oan uổng, chỉ vì lòng ghen tị. Dòng họ chúng ta có quyền thừa kế ngai vàng hơn dòng họ Constantine, bởi vì cha ta, Constantius, là con trai của ông nội ta, Constantius, với con gái của Maximianus, còn Constantine lại là con của Helena, một phụ nữ xuất thân bình dân[7242] . Hơn nữa, ông nội ta lúc đó vẫn chưa phải là Caesar khi ông có con trai với Helena, còn cha ta được sinh ra khi ông đã lên ngôi. Nhưng Constantine đã ngang nhiên cướp lấy quyền lực hoàng gia. Con trai ông ta, Constantius, đã giết cha tôi và các anh em của ông ấy, gần đây còn giết cả anh trai tôi, Gallus. Ông ta cũng định giết tôi, nhưng các vị thần đã cứu tôi khỏi tay ông ta. Với niềm tin vào các vị thần, tôi đã từ bỏ Kitô giáo và quay về với tôn giáo Hy Lạp; tôi biết rõ rằng tôn giáo Hy Lạp và La Mã là tôn giáo cổ xưa nhất, còn Kitô giáo mới xuất hiện gần đây, và Constantine đã chấp nhận nó, từ bỏ những quy tắc sống cổ xưa và tốt đẹp của La Mã, chỉ vì sự ngu dốt và thiếu sáng suốt của mình. Và các vị thần đã ghét bỏ ông ta, như một kẻ vô đạo và không xứng đáng với sự tin cậy của họ. Các vị thần đã ghét bỏ và từ chối ông ta, còn dòng dõi vô đạo của ông ta đã bị tiêu diệt khỏi cõi đời[7243] . Lời tôi nói có phải là sự thật không, Artemios? Ngươi là người già dặn và khôn ngoan – hãy suy xét xem, lời ta nói có đúng không? Vậy thì, hãy thừa nhận sự thật và gia nhập phe chúng ta, vì ta muốn ngươi trở thành bạn và trợ thủ của ta trong việc cai trị vương quốc.

Nghe xong những lời này và suy ngẫm một lát, Thánh Artemios bắt đầu nói như sau:

– Trước hết, về chuyện anh trai ngài, thưa Bệ hạ, tôi xin khẳng định rằng tôi không có lỗi trong cái chết của anh ấy – và nói chung, tôi chưa bao giờ gây hại cho anh ấy, dù bằng hành động hay lời nói; dù ngài có điều tra kỹ đến đâu, ngài cũng không thể chứng minh được rằng tôi có lỗi trong cái chết của anh ấy. Tôi biết rằng anh ấy là một Kitô hữu chân chính, đạo đức và tuân theo luật của Chúa Kitô. Trời đất, toàn thể các Thánh Thiên Thần và Chúa Giêsu Kitô của tôi, Đấng mà tôi phụng sự, đều chứng giám rằng tôi vô tội trong vụ sát hại anh trai của ngài và không hề tiếp tay cho những kẻ giết anh ấy. Lúc đó, tôi thậm chí còn không có mặt cùng vua Constantius khi cuộc thảo luận về anh trai ngươi diễn ra: suốt thời gian cho đến năm nay, tôi vẫn ở Ai Cập. Còn về đề nghị của ngài rằng tôi phải từ bỏ Đấng Christ, Đấng Cứu Rỗi của tôi, – tôi sẽ trả lời ngài bằng lời của ba thiếu niên đã từng ở cùng Nê-bu-cát-nê-xa (Đa-ni-ên 3:18): xin ngài, hỡi vua, hãy biết rằng tôi không phụng sự các thần của ngài và sẽ không bao giờ thờ lạy tượng vàng của thần A-pô-lôn mà ngài yêu mến. Ngài đã sỉ nhục Thánh Constantine và dòng dõi

---

[7239] Oasim – một trong những ốc đảo ở Ả Rập. Các ốc đảo trong sa mạc Ả Rập là những nơi có thảm thực vật và nguồn nước.

[7240] Ngày tưởng niệm: 19 tháng 2

[7241] Vị trí của Thượng tế quan trọng đến mức nào – điều này thể hiện qua việc danh hiệu "Thượng tế" là một trong những tước hiệu của hoàng đế La Mã. Vị Thượng tế này có quyền kết án tử hình những vị tế sư cấp thấp nào không tuân lệnh ông. Ông sống trong cung điện hoàng gia cổ kính của Numa.

[7242] Hoàng đế của Đế chế Tây La Mã, Maximian Hercule, trị vì từ năm 284 đến năm 305 sau Công nguyên. – Constantius, còn được gọi là Chlorus, người kế vị ông, ban đầu kết hôn với Helena (Thánh Helena, người được tôn vinh ngang hàng các Tông đồ), sau đó, theo yêu cầu của Hoàng đế Diocletian, ông ly dị bà và kết hôn với Theodora, con gái của Maximian Hercule. Tuy nhiên, Constantine Đại Đế, với tư cách là con trai cả, đã được chỉ định làm người kế vị ngai vàng.

[7243] Constantine Đại Đế có ba người con trai: Constantine, Constantius và Constans. Người con cả nắm quyền cai trị Gaul phía Bắc, Britannia, Germania và Tây Ban Nha; người con út – Gaul phía Nam, Ý, Illyria và châu Phi; còn người con thứ – các vùng đất phía Đông và Ai Cập. Không lâu sau, Constantine bị giết trong chiến tranh, còn Constans bị chính người thân cận của mình là Magnentius sát hại trong một chuyến đi săn.

của ngài, gọi ngài là kẻ thù của các vị thần và là kẻ điên rồ. Nhưng ngài đã được dẫn dắt đến với Chúa Kitô từ các vị thần của các ngài, nhờ một ơn gọi đặc biệt từ trên cao. Về điều này, xin hãy nghe tôi, người làm chứng cho sự kiện ấy. Khi chúng ta ra trận chống lại Maxentius, kẻ hành hạ tàn bạo và khát máu[7244] , vào khoảng giữa trưa, một cây thánh giá xuất hiện trên bầu trời, tỏa sáng rực rỡ hơn cả mặt trời, và trên cây thánh giá đó, những ngôi sao đã hiện lên thành những từ tiếng Latinh, hứa hẹn chiến thắng cho Constantine. Tất cả chúng tôi đều đã nhìn thấy cây thánh giá hiện ra trên bầu trời ấy và đọc được những dòng chữ trên đó. Và hiện nay trong quân đội vẫn còn nhiều chiến binh lão thành, những người vẫn nhớ rất rõ những gì họ đã tận mắt chứng kiến. Hãy tìm hiểu nếu ngươi muốn, và ngươi sẽ thấy rằng ta đang nói sự thật. Nhưng tại sao ta lại nói về điều này? Các nhà tiên tri đã báo trước về Đấng Christ từ rất lâu trước khi Ngài giáng thế, như chính ngài cũng biết rõ. Có rất nhiều bằng chứng cho thấy Ngài thực sự đã đến trần gian, và ngay cả các vị thần của các ngài cũng không ít lần tiên tri về sự giáng thế của Đấng Christ – các cuốn sách của Sybil và Vergil cũng đã nói về điều đó[7245] .

Và vị thánh tiếp tục nói về việc những ác quỷ thường trú ngụ trong các thần tượng, khi bị sức mạnh của Đức Chúa Trời ép buộc, đã phải xưng nhận Đức Kitô là Đức Chúa Trời chân thật, dù trái với ý muốn của chúng. Còn Julian, không chịu nổi những lời chân thật của Artemius, đã ra lệnh lột trần vị tử đạo và dùng những cây kim nung đỏ đâm xuyên qua sườn ngài, đồng thời đâm những cây đinh ba sắc nhọn vào lưng ngài. Còn Artemius, cũng như trước đây, dường như không cảm thấy đau đớn gì, không la hét, cũng không rên rỉ, tỏ ra kiên nhẫn một cách kỳ diệu trong đau khổ. Sau những cuộc tra tấn này, Julian lại tống ông vào ngục tối, ra lệnh để vị thánh chết vì đói khát, còn bản thân ông thì đến một nơi gọi là Daphne để dâng lễ vật cho vị thần Apollo của mình và cầu hỏi ngài về kết quả cuộc chiến chống lại người Ba Tư[7246] . Ông ở đó khá lâu, mỗi ngày đều dâng lên thần Apollo tà ác một số lượng lớn động vật làm lễ vật, nhưng vẫn không nhận được câu trả lời như mong muốn. Bởi vì con quỷ trú ngụ trong tượng thần Apollon và thường trả lời cho con người đã im lặng kể từ khi thi hài của Thánh Vavila (Giám mục và vị tử đạo tại Antioch) cùng với thi hài của ba đứa trẻ sơ sinh, những người đã chịu khổ cùng với Thánh Vavila, được chuyển đến nơi đó[7247] . Vì vậy, thần Apollon không trả lời gì cho Julian. Khi hoàng đế biết được, sau một cuộc điều tra kéo dài, rằng thần Apollon đã câm lặng vì di cốt của Thánh Vavila được an táng không xa nơi đó, ông lập tức ra lệnh cho các Kitô hữu mang di cốt đó đi; nhưng ngay khi các thánh tích được mang đi khỏi chỗ cũ, lửa từ trời đổ xuống đền thờ Apollon và thiêu rụi nó cùng với tượng thần bên trong.

Còn Artemius, khi đang ở trong ngục tối, đã được chính Chúa và các Thiên thần thánh của Ngài viếng thăm. Khi Artemius đang cầu nguyện, Chúa Kitô hiện ra với anh và nói:

– Hãy vững lòng, Artemius! Ta ở cùng ngươi và sẽ giải thoát ngươi khỏi mọi đau đớn mà những kẻ tra tấn đã gây ra cho ngươi, và Ta đang chuẩn bị cho ngươi vương miện vinh quang. Vì như ngươi đã xưng nhận Ta trước mặt mọi người trên đất, thì Ta cũng sẽ xưng nhận ngươi trước mặt Cha Ta trên trời. Vậy, hãy can đảm và vui mừng: con sẽ ở cùng Ta trong Nước Ta.

Nghe những lời này từ Chúa, vị tử đạo lập tức ngợi khen Ngài; không còn vết thương hay vết loét nào trên thân thể thánh thiện của ngài, linh hồn ngài tràn ngập sự an ủi thiêng liêng, và ngài hát ca và chúc tụng Thiên Chúa. Trong khi đó, kể từ khi bị ném vào ngục tối, anh ta không ăn uống gì cả, và tình trạng này kéo dài cho đến tận lúc anh ta qua đời. Artemius được nuôi dưỡng từ trên cao – nhờ ân sủng của Thánh Thần.

Trở về trong sự xấu hổ sau các lễ tế của mình, Julian đổ lỗi cho các Kitô hữu về vụ đốt cháy đền thờ Apollo – nói rằng chính họ đã đốt nó vào ban đêm – và, sau khi tước đoạt các nhà thờ thánh của các Kitô hữu, ông biến chúng thành các đền thờ thần tượng và bắt đầu gây ra những cuộc đàn áp lớn đối với các Kitô hữu. Sau đó, ông ra lệnh đưa Artemius từ ngục ra gặp mình và nói với anh ta:

[7244] Cuộc chinh phạt chống lại Hoàng đế La Mã Maxentius này được Constantine phát động vào năm 312.

[7245] Trong thời cổ đại La Mã, những nữ tiên tri được gọi là "Sibyl". Những lời tiên tri của họ được tập hợp thành ba cuốn sách, được lưu giữ tại đền thờ Jupiter Capitolinus, và sau đó tại đền thờ Apollo trên đồi Palatine. Các nhà văn Kitô giáo cũng chú ý đến những lời tiên tri này, và tìm thấy trong đó một số gợi ý về sự xuất hiện của Nước Trời. – Vergilius Maro – nhà thơ La Mã nổi tiếng (sinh năm 70 trước Công nguyên). – Artemius ở đây rõ ràng đang đề cập đến tập thơ "Bucolics" của ông.

[7246] Những người theo đa thần giáo tin rằng các vị thần, vì lòng quan tâm đến con người, mong muốn bày tỏ ý muốn của mình cho họ. Vì vậy, họ tin vào những giấc mơ mà dường như các vị thần đã gửi đến cho họ. Ngoài ra, người ngoại đạo còn có những đền thờ tiên tri đặc biệt – những nơi và đền thờ mà tại đó các thầy tế lễ hoặc những người có khả năng rơi vào trạng thái xuất thần đặc biệt sẽ nói thay mặt các vị thần, sau đó thốt ra những lời khác nhau, từ đó các thầy tế lễ sẽ sắp xếp thành những câu nói có ý nghĩa nhất định. Thần Apollon chủ yếu được coi là người đứng đầu các đền thờ tiên tri này.

[7247] Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Vavila được cử hành vào ngày 4 tháng 9

– Chắc hẳn ngươi đã nghe nói về những gì đã xảy ra ở Daphne – rằng những người Kitô hữu vô đạo đã đốt cháy đền thờ của vị thần vĩ đại Apollon và phá hủy bức tượng tuyệt đẹp của ngài. Nhưng đừng để bọn vô pháp đó vui mừng vì điều này, đừng để chúng chế nhạo chúng ta, vì ta sẽ trả thù gấp bảy mươi lần bảy, như các ngươi thường nói: "[7248] ".

Thánh Artemius đáp lại:

– Ta đã nghe nói rằng, do sự cho phép của Đức Chúa Trời đang phẫn nộ, ngọn lửa từ trời giáng xuống đã tiêu diệt vị thần của ngươi và thiêu rụi đền thờ của ngài. Nhưng nếu Apollon của ngươi là thần, thì tại sao ngài lại không tự cứu mình khỏi ngọn lửa?

Vua liền nói:

– Còn ngươi, kẻ khốn khổ, lại dám cười và vui mừng trước việc thần Apollon bị thiêu rụi sao?

– Ta cười nhạo sự điên rồ của các ngươi, – Artemius đáp, – vì các ngươi thờ phụng một vị thần không thể tự cứu mình khỏi ngọn lửa. Vậy làm sao ngài ấy có thể cứu các ngươi khỏi ngọn lửa vĩnh hằng? Ta an ủi chính mình trước sự sụp đổ của ngài ấy và vui mừng trước mọi điều kỳ diệu mà Đấng Kitô của ta thực hiện. Và nếu ngươi khoe khoang sẽ trả thù gấp bảy mươi lần bảy đối với những Kitô hữu vô tội, những người chưa từng làm điều ác nào với ngươi, thì ngươi sẽ nhận lấy sự trừng phạt đó khi bị ném vào ngọn lửa không thể dập tắt và những cực hình vĩnh cửu, những điều sẽ ập đến với ngươi rất sớm. Vì sự diệt vong của ngươi đã gần kề, và chẳng bao lâu nữa, ký ức về ngươi sẽ tan biến trong tiếng ồn ào[7249] .

Kẻ hành hình, trong cơn thịnh nộ, đã ra lệnh cho những người thợ đá chẻ một tảng đá lớn rồi đẩy nó từ trên cao xuống đè lên Artemius, người đang bị trói và đặt nằm trên một phiến đá dưới tảng đá đó. Khi việc này được thực hiện, toàn bộ thân thể vị tử đạo bị tảng đá rơi xuống đè lên, ép chặt đến mức gãy nát hết xương; các cơ quan nội tạng của ngài tuôn ra, các bộ phận cơ thể bị gãy nát và nhãn cầu lồi ra khỏi hốc mắt. Và thật là một phép lạ vĩ đại! Dù bị nghiền nát giữa những tảng đá, vị thánh vẫn còn sống và kêu cầu Thiên Chúa, Đấng Cứu Giúp của ngài, và nói theo lời của Đavít:

– *"Ngài đã đưa con lên tảng đá, nơi con không thể với tới, vì Ngài là nơi nương náu của con, là nơi che chở vững chắc trước kẻ thù"* (Thánh vịnh 60:3–4)[7250] .*"Ngài đã đặt chân con trên tảng đá và làm vững chắc bước chân con"* (Thánh vịnh 39:3)[7251] . Vậy bây giờ, Đấng Con Một, xin hãy nhận lấy linh hồn con, vì Ngài biết hoàn cảnh khốn khó của con, và xin đừng bỏ con trong tay kẻ thù.

Vậy là, bị tảng đá đè lên, vị thánh đã trải qua cả một ngày đêm. Sau đó, Julian ra lệnh dỡ tảng đá ra, vì cho rằng vị thánh đã chết, nhưng vị thánh, trước sự ngạc nhiên của mọi người, hóa ra vẫn còn sống và đứng dậy đi lại được. Và mọi người đều kinh hoàng khi nhìn ngài: trước mặt họ là một con người trần truồng, bị ép dẹp như tấm ván, xương gãy nát, nội tạng lòi ra; khuôn mặt ngài bị dập nát, mắt lồi ra khỏi hốc mắt, nhưng sự sống vẫn còn trong ngài, đôi chân vẫn có thể di chuyển và lưỡi vẫn có thể nói rõ ràng. Chính tên tra tấn, khi chứng kiến phép màu này, đã kinh hoàng và nói với những người cận thần của mình:

– Đây là con người hay là hồn ma? Phải chăng tên phù thủy kia đã đánh lừa mắt chúng ta? Bởi vì trước mắt chúng ta là một cảnh tượng kinh hoàng và vượt ra ngoài giới hạn của tự nhiên. Ai ngờ rằng hắn vẫn còn sống? Và giờ đây, khi nội tạng của hắn đã tuôn ra, mọi khớp xương đều bị gãy nát và mềm nhũn, hắn vẫn cử động, đi lại và nói chuyện. Nhưng có vẻ như các vị thần của chúng ta đã giữ hắn sống sót để răn đe những người khác, để kẻ nào không chịu thừa nhận quyền uy của các vị thần sẽ trở thành một hình ảnh kinh hoàng đối với những ai nhìn thấy hắn.

Và Julian nói với vị tử đạo:

– Này, kẻ khốn khổ kia, ngươi đã mất đôi mắt và mọi bộ phận trên cơ thể ngươi đều đã bị hủy hoại hoàn toàn – làm sao ngươi còn có thể nuôi hy vọng vào Đấng mà cho đến nay ngươi vẫn đặt niềm tin một cách vô ích? Hãy cầu xin lòng thương xót từ các vị thần nhân từ, để họ tha thứ cho ngươi và không để ngươi phải chịu những cực hình địa ngục.

[7248] Julian đã xuyên tạc ý nghĩa của đoạn văn trong Mt 18:22. Ở đây không nói về sự trừng phạt hay hình phạt, mà là về việc tha thứ cho người anh em đã phạm tội đến bảy mươi lần bảy.

[7249] Tức là sự diệt vong của ngươi sẽ vô cùng khủng khiếp và gây ra những dư luận lớn trong dân chúng.

[7250] Tức là: "Lạy Chúa, Ngài đã đặt con trên tảng đá, như một nơi an toàn; Ngài đã trở thành cột trụ vững chắc hay tháp canh cho con, nơi con có thể tìm thấy sự cứu rỗi.

[7251] Điều chỉnh bước chân – đặt lên con đường chân chính, thẳng tắp.

Vị tử đạo của Chúa Kitô, khi nghe nói về những cực hình, mỉm cười và nói với nhà vua:

– Phải chăng chính các vị thần của ngài sẽ giao tôi cho những cực hình ấy? Chính họ cũng không thể thoát khỏi những cực hình đã được dành sẵn cho họ, và cùng với họ, ngươi, khi bị ném vào lửa đời đời, cũng sẽ phải chịu đau khổ mãi mãi, vì ngươi đã chối bỏ Con Thiên Chúa và chà đạp lên máu thánh của Ngài, đã đổ ra vì chúng ta, và đã phỉ báng ân sủng của Thánh Thần, khi tuân theo những ác quỷ hủy diệt. Còn tôi, vì nỗi đau nhỏ nhoi mà ngươi gây ra cho tôi, tôi hy vọng nơi Chúa của tôi, Đấng mà tôi đang chịu khổ vì Ngài, sẽ được hưởng sự bình an vĩnh cửu trong cung điện thiên đàng của Ngài.

Julian, khi nghe những lời này, đã tuyên án như sau đối với vị tử đạo:

– Artemius, kẻ đã phỉ báng các vị thần, vi phạm luật pháp La Mã và luật pháp của chúng ta, tự xưng mình không phải là người La Mã mà là Kitô hữu, và tự gọi mình là người Galilê thay vì "dux" và "augustalis" – chúng ta kết án tử hình và ra lệnh chém đầu hắn bằng gươm.

Sau bản án đó, vị thánh được dẫn đến nơi hành quyết và bước đi với niềm vui khôn tả, mong muốn *"được giải thoát và ở cùng Chúa Kitô"*[7252] . Khi đến nơi sẽ diễn ra cuộc hành quyết, ngài xin được thời gian để cầu nguyện, rồi quay mặt về hướng đông, quỳ gối ba lần và cầu nguyện rất lâu. Sau đó, ngài nghe thấy một tiếng nói từ trời phán rằng:

– Hãy vào cùng các thánh để nhận phần thưởng đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi.

Và ngay lập tức, vị thánh nhân cúi đầu xuống và bị một người lính chém đầu, vào ngày 20 tháng 10; ngày mà ngài thực hiện hành động tử đạo là thứ Sáu. Một người phụ nữ tên là Arista, nữ phó tế của Giáo hội Antioch, đã xin được thi hài thánh thiện và tôn kính của ngài từ tay kẻ hành hình; sau khi xức lên thi hài những hương liệu quý giá, bà đặt thi hài vào quan tài và gửi đến Constantinople, nơi thi hài được an táng trong sự tôn kính. Từ thi hài của ngài đã xảy ra nhiều phép lạ kỳ diệu và những người đau ốm đã được chữa lành theo nhiều cách khác nhau; và cho đến nay, Thánh Artemius vẫn tiếp tục ban những ân sủng này cho tất cả những ai với lòng tin thành kính đến với ngài.

Sau khi Artemius qua đời, lời tiên tri mà ông đã nói thẳng vào mặt Julian về cái chết của ông ta đã sớm trở thành hiện thực: "Ngươi sẽ sớm phải đối mặt với sự diệt vong, và không còn bao lâu nữa, ký ức về ngươi sẽ tan biến trong tiếng ồn ào". Bởi vì Julian, sau khi giết chết Thánh Artemius, đã dẫn quân rời Antioch và tiến đánh người Ba Tư. Khi ông đến thành phố Ctesiphon[7253] , ông gặp một người Ba Tư, một ông lão đáng kính và rất sáng suốt. Ông ta hứa với Julian sẽ phản bội vương quốc Ba Tư và tự nguyện làm người dẫn đường vào Ba Tư cho vị vua tàn bạo cùng toàn bộ quân đội của hắn. Nhưng điều này không mang lại lợi ích gì cho tên ác nhân khát máu ấy, bởi người Ba Tư đó đã lừa dối hắn; giả vờ dẫn hắn đi theo con đường thẳng và chính xác, hắn đã dụ tên ác nhân vào sa mạc Karmanit[7254] , vào những vùng đất không thể đi qua, nơi liên tục xuất hiện những vực thẳm, không có chút nước hay thức ăn nào, đến nỗi tất cả binh lính đều kiệt sức vì đói khát, còn ngựa và lạc đà thì đều gục ngã. Sau đó, người dẫn đường thú nhận rằng hắn đã cố ý dẫn người La Mã vào những nơi hoang vắng và đáng sợ như vậy để làm suy yếu sức mạnh của họ. "Tôi làm điều này," anh ta nói, "để không phải chứng kiến quê hương mình bị kẻ thù chiếm đóng, và thà rằng chỉ có một mình tôi ở đây phải chết dưới tay các ngài còn hơn là cả quê hương tôi phải chịu chung số phận." Ngay sau lời thú nhận đó, người Ba Tư này đã bị các chiến binh xẻ thành nhiều mảnh. Trong lúc lang thang trong sa mạc, người Hy Lạp và La Mã, bất chấp ý muốn của mình, đã đụng độ với quân đội Ba Tư, và trong trận chiến diễn ra tại đây, nhiều chiến binh của Julian đã ngã xuống. Sự trừng phạt của Thượng Đế cũng ập xuống chính Julian tại đây, vì ông bị đâm xuyên qua sườn bởi một bàn tay vô hình từ trên cao và một vũ khí vô hình, xuyên thẳng xuống bụng ông. Ông rên rỉ thảm thiết, nắm lấy một nắm máu bằng tay, ném nó lên không trung và thốt lên:

– Ngài đã chiến thắng, hỡi Đấng Kitô! Hãy no nê đi, hỡi người Galilê!

Và ngay lúc đó, trong cơn đau đớn tột cùng khi lâm chung, hắn đã trút bỏ linh hồn độc ác và đồi bại của mình, rồi chết trong tiếng ồn ào, đúng như lời tiên tri của Thánh Artemius[7255] . Còn quân đội La Mã, sau khi Julian

---

[7252] Phi-líp 1:23. Được giải thoát – rời khỏi cuộc sống trần gian.

[7253] Một thành phố Ba Tư nằm trên bờ trái sông Tigris; vào thời kỳ thống trị của La Mã, đây là một pháo đài kiên cố, tuy nhiên, nó đã nhiều lần rơi vào tay người La Mã.

[7254] Karmania – vùng Kerman của Ba Tư ngày nay. Phần phía bắc của nó (Karmania thảo nguyên) gần như toàn bộ là sa mạc cằn cỗi, còn phần phía nam thì rất nhiều cát, mặc dù ở phần này cũng có một số con sông chảy qua.

[7255] Julian qua đời vào năm 363 sau Công nguyên.

qua đời, đã lập Iovian làm hoàng đế; ông là một Kitô hữu, và sau khi ký hiệp ước hòa bình với người Ba Tư, ông đã quay trở về. Vậy nên, Julian đang chịu cực hình trong địa ngục cùng với Giu-đa[7256] , còn Artemius thì đang hân hoan trên thiên đàng cùng các thánh[7257] , đứng trước mặt Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. A-men.

Kondak, giọng 2:

Hãy cùng nhau ca ngợi Artemios, vị tử đạo đạo đức và được đội vương miện, Đấng đã chiến thắng kẻ thù một cách xứng đáng, Đấng vĩ đại nhất trong các vị tử đạo, Đấng ban phát vô số phép lạ: vì Ngài đang cầu nguyện cùng Chúa cho tất cả chúng ta.

Lễ kỷ niệm Thánh Artemios, vị thánh làm phép lạ ở Verkol [7258]

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 10

Thánh Artemios công chính, vị làm phép lạ ở Verkol, sinh năm 1532 tại làng Verkol, thuộc vùng Dvina, bên sông Pinega, cách Kevrola hai verst ngược dòng[7259] . Cha mẹ ngài – cha là Kosma, biệt danh là Maly, và mẹ là Apollinaria – là những người nông dân trong làng đó. Họ đã nuôi dạy con trai mình trong sự kính sợ Thiên Chúa và lòng đạo đức Kitô giáo. Từ năm tuổi, cậu đã bắt đầu tránh xa những thói quen thường thấy ở trẻ em, không thích các trò chơi trẻ con, tính cách trầm lặng, hiền lành, kính sợ Chúa, vâng lời cha mẹ, và siêng năng giúp cha trong các công việc đồng áng, hết sức mình theo khả năng của lứa tuổi.

Một lần, khi mới 12 tuổi, cậu đang làm việc cùng cha trên đồng ruộng, đang xới đất. Bất ngờ, một đám mây đen kịt ập đến, trời tối như ban đêm, một cơn bão kèm theo mưa xối xả nổi lên, và ngay trên đầu Artemy đang hoảng sợ, một tiếng sét kinh hoàng vang lên – và cậu thiếu niên thánh thiện đã ngã xuống và qua đời[7260] .

Như vậy, Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót và khôn ngoan đã vui lòng đón nhận linh hồn của người tôi tớ công chính của Ngài vào các nơi ở trên trời của Ngài.

Những người cùng làng với Artemios, vì sự thiếu hiểu biết của mình, đã không nhận ra sự viếng thăm của Đức Chúa Trời này và, do mê tín, đã coi cái chết bất ngờ của cậu thiếu niên thánh thiện là sự phán xét công bằng của Đức Chúa Trời, trừng phạt Artemios vì những tội lỗi bí mật nào đó của cậu. Thi thể của thánh Artemios, vì được coi là chết đột ngột, đã không được cử hành lễ an táng và cũng không được chôn cất; người ta đặt thi thể ấy tại một nơi hoang vắng trong rừng thông, ngay trên mặt đất, phủ lên bằng cành cây và vỏ cây bạch dương, rồi rào lại bằng hàng rào gỗ. Thi thể ấy nằm đó suốt 32 năm, bị mọi người lãng quên.

Một ngày mùa hè nọ, Agafonik, người phụ trách nhà thờ Thánh Nicholas, vị Thánh làm phép lạ, ở làng Verkole, đang đi trong khu rừng đó để hái nấm, bỗng thấy ánh sáng tỏa ra từ nơi thi hài của vị thiếu niên thánh thiện đang an nghỉ; ông tiến lại gần và phát hiện ra thi hài không bị phân hủy của ngài. Ông lập tức kể lại chuyện này cho dân làng Verkole. Nhưng vì thiếu hiểu biết, họ chỉ đơn thuần mang thi thể của Artemius về, không có bất kỳ nghi thức tôn kính nào, đưa đến nhà thờ giáo xứ của họ và đặt trên bậc thềm, che quan tài bằng vỏ cây bạch dương – thứ đã che phủ thi thể vị thiếu niên công chính trong rừng[7261] .

Nhưng Chúa đã thương xót và tôn vinh vị thánh nhân của Ngài tại xứ Kevrol: từ thi hài của ngài bắt đầu tuôn trào những phép lạ chữa lành dồi dào cho những người đau ốm. Trong năm đó, theo ý định của Chúa, một cơn

---

[7256] Sau khi qua đời, Julian được an táng tại một đền thờ ngoại giáo; sau đó, thi hài của ông được chuyển đến Constantinopolis và an táng tại Nhà thờ Các Thánh Tông đồ bên cạnh thi hài của vợ ông, nhưng không có lễ an táng, vì ông được coi là kẻ bội đạo.

[7257] Thánh Artemius qua đời vào ngày 20 tháng 10 năm 363. Xác thánh của ngài sau đó được an táng tại Nhà thờ Thánh Gioan Tiền Hô, do Hoàng đế Anastasius xây dựng, và nơi này sau đó được gọi là Nhà thờ Thánh Artemius.

[7258] Tổng hợp từ các bản chép tay khác nhau của cuốn tiểu sử cổ xưa.

[7259] Pinega – con sông thuộc các tỉnh Vologda và Arkhangelsk, các huyện Solvychegodsk và Pinezhsk, là nhánh phải (có thể đi thuyền) của sông Dvina Bắc. Kevrola hoặc Kevrol – làng chính của xã mang tên này, nay là làng Voskresenskoe, từ đó sau này cơ quan hành chính huyện được chuyển đến khu vực Volok-Pinezhsky, sau này được đổi tên thành thành phố Pinega.

[7260] Thánh Artemy qua đời vào ngày 23 tháng 6 năm 1545.

[7261] Xác thánh của Thánh Artemy đã được tìm thấy vào năm 1577.

sốt ác tính đã lan rộng khắp vùng Dvina. Nhiều người đã qua đời vì căn bệnh hiểm nghèo này, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Con trai của Kallinik, một nông dân ở Verkolsk, cũng mắc phải căn bệnh này. Trong nỗi đau đớn tột cùng, Kallinik cầu nguyện xin Chúa chữa lành cho con trai mình, sau đó ông đến nhà thờ, chạm tay vào quan tài của vị thánh Artemios, rồi lấy miếng vỏ cây bạch dương đang phủ lên thi hài bất hoại của ngài, và với lòng tin, ông buộc nó vào cây thánh giá trên ngực đứa con trai đang hấp hối. Người bệnh đã bình phục. Vui mừng khôn xiết, Kallinik kể lại chuyện này cho tất cả những người cùng làng, những người đã hân hoan tụ tập tại nhà thờ Thánh Nicholas và bắt đầu hát những bài thánh ca cầu nguyện cũng như cử hành lễ tưởng niệm vị thiếu niên công chính Artemios. Và Chúa đã thương xót các tôi tớ của Ngài: cơn sốt ở vùng đất ấy nhanh chóng chấm dứt.

Kể từ đó, những phép lạ của Thánh Artemios ngày càng nhiều hơn. Có một người tên là Pavla, vì mắc bệnh nặng nên cổ bị vẹo đến nỗi đầu quay ngược ra sau và mắt nhắm lại. Trong cơn hoạn nạn ấy, Pavla đã dâng lời cầu nguyện tha thiết lên Thiên Chúa và Thánh Artemios công chính – và đầu người bệnh đã thẳng lại, mắt mở ra. Người được chữa lành vội vã kể lại sự việc cho mọi người trong làng. Sau đó , tại nhà thờ Thánh Nicholas, người dân Verkol đã dựng một gian thờ riêng, nơi họ chuyển di cốt của Thánh Artemius từ hiên nhà thờ vào, đặt chúng vào một quan tài mới. Đó là vào năm 1584.

Khi di hài của vị thiếu niên được phong chân phước được rước vào gian thờ phụ, có một người phụ nữ dẫn theo đứa con sơ sinh bị liệt tay đến đó, xin cử hành lễ cầu nguyện, rồi đặt đứa con của mình lên quan tài của Thánh Artemy – và cánh tay bị bệnh của đứa trẻ đã được chữa lành. Cũng vào khoảng thời gian đó, một nông dân tên Andrei và một phụ nữ nông dân tên Irina, vốn bị bệnh về mắt, đã được chữa lành và lấy lại thị lực rõ ràng nhờ chạm vào quan tài thiêng liêng của vị thánh mới được tôn vinh. Một người phụ nữ tên là Maria, đã mắc bệnh dạ dày suốt bốn mươi năm, bệnh tình nặng đến mức vì đau đớn quá mức mà bà thường ngất đi hai hoặc ba giờ, khi nghe tin về những phép lạ phát ra từ di cốt của Thánh Artemios, đã cầu nguyện với ngài và được chữa lành nhanh chóng.

Thấy những phép lạ chữa lành ngày càng nhiều từ di cốt, hai linh mục là Gioan và Tôma đã ra lệnh vẽ một số bức tượng thánh của vị thánh công chính Artemius lên những tấm ván của ngôi mộ cũ. Từ những tấm ván đó còn lại những mảnh vụn. Linh mục Gioan đã cẩn thận thu thập những mảnh vụn này và cất giữ tại nhà thờ. Những tín hữu sùng kính Thánh Artemius, khi lấy những mảnh vụn đó với lòng tin, đã được chữa lành khỏi các bệnh tật của mình.

Một người đàn ông tên là Pankraty, đến từ Pinega, khi đi ngang qua Verkola vào năm 1601, đã mang một trong những bức tượng thánh Artemy đó đến Veliky Ustyug, và nhờ bức tượng đó, nhiều người đã được chữa lành vào thời điểm đó.

Năm 1619, Đức Tổng Giám mục Makari của Novgorod đã chứng thực các di vật của vị thánh công chính và ban phước cho việc chuyển chúng vào chính nhà thờ vào ngày kỷ niệm Thánh Nicholas, vị thánh làm phép lạ, ngày 6 tháng 12 năm[7262] . Một thời gian sau, Ilarion Artemiev, một cư dân của thành phố Kholmogory, đã đến Verkol và kể lại rằng ông đã bị bệnh mắt trong một thời gian dài, không nhìn thấy gì và phải chịu đựng những cơn đau đớn tột cùng, đến nỗi trong cơn tuyệt vọng, ông đã cố gắng treo cổ tự tử, và chỉ nhờ những người hàng xóm kịp thời can thiệp mới ngăn chặn được điều đó. Nghe nói về những phép lạ phát ra từ di cốt của vị thánh Artemy, ông đã hướng về ngài với lời cầu nguyện tha thiết xin được chữa lành.

"Ngay lúc đó," người được chữa lành kể lại, "tôi bỗng nhìn thấy, và trong một thị kiến, tôi thấy Thánh Artemios mặc áo trắng, tay trái cầm một cây gậy nhỏ, tay phải cầm thánh giá. Ngài làm dấu thánh giá trên đầu tôi và nói:

– Hỡi người! Sao ngươi lại đau khổ? Hãy đứng dậy: Chúa Kitô, qua ta, tôi tớ của Ngài, đang chữa lành cho ngươi. Hãy đến Verkol, áp mặt vào quan tài của ta và kể lại điều này cho linh mục và tất cả các nông dân.

Khi nói những lời ấy, cậu thiếu niên công chính đã nắm lấy tay tôi, như thể thúc giục tôi làm điều đó, rồi bỗng chốc biến mất. Còn tôi, khi tỉnh dậy, cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh, như thể chưa từng bị bệnh bao giờ. Và thế là tôi đã đến đây để chiêm bái thánh tích của ngài."

Đặc biệt đáng chú ý là phép lạ xảy ra với một nông dân tên là Patrikiy Ignatyev, đến từ làng Kivokurya, huyện Ustyuzh. Từ thuở nhỏ, ông đã phải chịu đựng căn bệnh thoát vị rất nặng. Khi nghe tin về những phép lạ của

[7262] Thánh Makari là Tổng giám mục Novgorod từ năm 1619 đến năm 1626. Dưới sự ban phước và chỉ thị của ngài, cuốn tiểu sử về Thánh Artemy đã được biên soạn, trong đó kể lại những phép lạ sau khi ngài qua đời, những sự kiện này đã được ghi chép từ năm 1605 dựa trên lời kể của chính những người được chữa lành.

vị thánh Artemius, ông đã thành kính cầu nguyện với ngài, hứa sẽ đến chạm vào quan tài của ngài và đã được chữa lành, nhưng sau đó lại quên mất lời hứa đó. Vài năm sau, ông lại cảm thấy những cơn đau do thoát vị, và lần này cơn đau còn dữ dội hơn trước. Patricius lại cầu nguyện với Thánh Artemius và nhớ ra lời hứa chưa thực hiện của mình. Lời cầu nguyện của người bệnh đã được lắng nghe, nhưng Patricius lại một lần nữa quên mất lời hứa của mình. Lúc đó, nỗi u sầu ập đến và bóng tối dày đặc che phủ đôi mắt ông. Người bất hạnh này lại nhớ đến lời hứa chưa thực hiện của mình, hối hận sâu sắc và hứa sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình ngay lập tức. Thánh Artemius một lần nữa đã giải thoát Patrikii khỏi căn bệnh, và người được chữa lành đã hân hoan vội vã đến Verkola bên quan tài của Thánh Artemius, yêu cầu cử hành lễ cầu nguyện cho ngài, trong nước mắt hôn lên quan tài đầy ân sủng của ngài và thú nhận trước mọi người về phép lạ đã xảy ra cũng như sự lãng quên tội lỗi của mình.

Vào tháng 3 năm 1636, Afanasy Pashkov, người được bổ nhiệm làm tổng trấn tại Kevrola và Mezen, đang trên đường đến đó. Trên đường đi, ông dừng chân tại Verkol, nhưng không đến viếng hòm thánh tích của vị thánh Artemy và cũng không cử hành lễ cầu nguyện tạ ơn cho ngài. Tại Kevrol, con trai ông, cậu bé Ieremiya, bị sốt nặng và đã chuẩn bị đón nhận cái chết. Lúc đó, người cha chợt nhớ ra rằng mình chưa cử hành lễ tạ ơn dành cho vị thánh Artemy, nên đã thề sẽ lên đường hành hương đến Verkol. Và bỗng nhiên, cậu con trai của Pashkov, người đang nằm trong cơn mê man sâu, tự mình ngồi dậy khỏi giường, bám vào khung cửa sổ và bắt đầu hỏi cha mình nên đi theo con đường nào để đến với Thánh Artemius. Ngạc nhiên trước điều đó, người cha đã đưa con trai đến Verkol. Tại đây, họ đã cử hành lễ cầu nguyện theo lời thề, lấy những mảnh vỏ cây bạch dương từ quan tài của vị Thánh Tạo Phép Lạ để người bệnh đeo trên ngực cùng với cây thánh giá, và cậu thiếu niên đã khỏi bệnh. Với lòng biết ơn, người cha đã xây dựng tại Verkol, tại nơi tìm thấy di cốt của Thánh Artemius, một nhà thờ để tôn vinh vị tử đạo Artemius, người mang cùng tên với cậu thiếu niên công chính.

Một thời gian sau, nhà thờ ở Verkol bị cháy rụi – cả di cốt của Thánh Artemy cũng bị thiêu rụi. Linh mục địa phương Lavrenty cùng các giáo dân làng Verkol, nhằm bảo vệ di cốt của Thánh Artemy khỏi những tai nạn tương tự, đã xây dựng một nhà nguyện đặc biệt phía trên, đặt di cốt vào một chiếc hòm mới và phủ lên bằng một tấm vải mới.

Kể từ đó, những phép lạ mới bắt đầu xảy ra từ quan tài của vị thánh làm phép lạ. Chẳng hạn, vị thánh Artemiy đã cứu một người tên là Simeon Kazarinov khỏi bị chìm. Sau ngày Thánh Ilya, ông cùng các bạn đồng hành đi thuyền trên Bắc Băng Dương từ Mangazeya[7263] đến Arkhangelsk. Bất ngờ, một cơn bão dữ dội ập đến, và con tàu đứng trước nguy cơ đắm chìm. Những người trên tàu rơi vào kinh hoàng và tuyệt vọng. Không thấy bất kỳ tia hy vọng nào về sự cứu rỗi, họ bắt đầu chuẩn bị cho cái chết và, trong lúc chờ đợi, chia tay nhau. Sau đó, họ bừng tỉnh và trong nước mắt, họ cầu nguyện với Chúa Trời và vị thánh Artemius về sự cứu rỗi của mình, hứa sẽ cử hành một thánh lễ tạ ơn dành cho vị thánh của Chúa. Và nhờ lời cầu nguyện của họ, biển đã lặng sóng, và những người đang chìm đắm đã thoát khỏi cái chết không thể tránh khỏi.

Danh tiếng về những phép lạ chữa lành từ di cốt của vị thánh Artemius đã lan rộng khắp nơi. Tổng giám mục Novgorod, Cyprian, đã cử người đến kiểm tra lại di cốt bất hoại của ngài, xác nhận bằng chữ ký của mình danh sách các trường hợp được chữa lành đã được gửi đến, và gửi đến nhà thờ làng Verkoly nghi thức thờ phượng mới được soạn thảo dành cho vị thánh làm phép lạ.

Năm 1648, một sắc lệnh của Sa hoàng Alexei Mikhailovich đã được gửi đến Kevrolu, gửi đến tên của Tướng quân Anichkov tại đó: ra lệnh phải đặt thi hài của vị thánh Artemius vào một hòm thánh mới và cho phép xây dựng một tu viện tại chính nơi thi hài của ngài được tìm thấy; theo sắc lệnh của Sa hoàng, thi hài đã được chuyển đến đó vào năm sau và được an táng trong nhà thờ Thánh Tử đạo Artemius, vốn đã được Tỉnh trưởng Pashkov xây dựng từ trước. Từ những di cốt thánh này, vô số phép lạ chữa lành đã tuôn trào cho tất cả những ai với lòng tin thành kính đến cầu nguyện. Đám đông tụ tập đã dâng lên những lời cầu nguyện nồng nhiệt đến Đức Chúa Kitô và vị thánh trung thành công chính Artemios, vị thánh làm phép lạ ở Verkolsk, ca ngợi ân sủng của Đức Chúa Trời, được thể hiện qua ngài để an ủi tất cả các Kitô hữu Chính Thống. Sau đó, do các vụ hỏa hoạn, di cốt của Thánh Artemios đã ba lần được đưa ra khỏi nhà thờ của tu viện, cho đến khi cuối cùng, vào năm 1793, một nhà thờ

[7263] Mangazeya – một khu vực thuộc tỉnh Yenisei ở vùng Turukhansk, nằm trên bờ phải sông Taza, nơi hiện nay có nhà nguyện Thánh Tử đạo Vasili Mangazeysky. Mangazeya – thành phố Nga đầu tiên ở miền Đông Siberia, được thành lập vào năm 1601, nhưng sau 60 năm đã hoàn toàn hoang vắng; hiện nay chỉ còn lại những dấu vết của nó.

bằng đá được xây dựng trong tu viện, được thánh hiến để tôn vinh Thánh Artemios, và di cốt của ngài đã được an táng tại đó[7264] .

Bài thánh ca, giọng 2:

Theo lệnh của Đấng Tối Cao, khi đám mây mang sấm sét che phủ bầu trời, tia chớp lóe sáng, và tiếng sấm rền vang cùng lời răn đe, ngài đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa, hỡi Thánh Artemios đầy khôn ngoan, và giờ đây ngài đang đứng trước Ngai Vàng của Đấng Tối Cao, Đấng ban sự chữa lành ngay lập tức cho tất cả những ai đến với ngài bằng đức tin và tình yêu, ban sự chữa lành cho tất cả mọi người ngay lập tức, và cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Lời ca ngợi:

Chúng con tôn vinh ngài, vị tử đạo của Đấng Kitô, Artemius, và tôn kính kỷ niệm thánh của ngài, vì ngài đã cầu nguyện cho chúng con trước mặt Đấng Kitô, Thiên Chúa của chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Hôm nay, kỷ niệm rực rỡ của thánh Artemios đầy khôn ngoan lại tỏa sáng: ân sủng do Thiên Chúa ban tràn ra như dòng sông, từ hòm thánh tích chữa lành của ngài, mang lại những phép chữa lành kỳ diệu, nhờ đó chúng con được giải thoát khỏi muôn vàn bệnh tật, chúng con đón nhận với lòng tin và kêu lên: Hỡi Artemios, người khôn ngoan của Thiên Chúa, xin vui mừng.

Ngày 3 tháng 11

Ngày 21 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị Thánh Cha Ilarion Vĩ Đại

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 10

Thánh Hilarion sinh năm 291 tại làng Favafe ở Palestine, gần thành phố Gaza. Cha mẹ ngài là người Hy Lạp[7265] . Giống như bông hồng giữa những gai nhọn, sự ra đời của ngài từ cha mẹ đã mang đến cho thế gian hương thơm của Đức Kitô. Được gửi đến Alexandria để học tập các môn khoa học, ngài không chỉ nhanh chóng nắm vững toàn bộ kiến thức mà người Hy Lạp hằng khao khát, mà còn thấu hiểu sâu sắc sự khôn ngoan thiêng liêng. Sau khi tin nhận Chúa Giêsu Kitô, ngài đã lãnh nhận phép rửa thánh[7266] và trong những lần thường xuyên đến nhà thờ, ngài chăm chú lắng nghe những lời của Thánh Lễ. Khi đã rèn luyện được những đức tính tốt đẹp và lòng tràn đầy tình yêu dành cho Thiên Chúa, ngài bắt đầu suy ngẫm về cách làm sao để làm đẹp lòng Ngài. Nghe nói về Thánh Antôn Vĩ Đại, người mà danh tiếng về đời sống đạo đức vào thời đó đã lan rộng khắp nơi, Hilarion vội vã lên đường đến gặp vị thánh, tràn đầy khát khao mãnh liệt được gặp ngài. Khi đến nơi ngài đang ẩn tu trong sa mạc, Hilarion đã chiêm ngưỡng khuôn mặt thánh thiện của ngài và lắng nghe những lời dạy ngọt ngào, chỉ dẫn cho anh

---

[7264] Ngày tưởng niệm Thánh Artemy, vị thánh làm phép lạ ở Verkol, được cử hành vào ngày 23 tháng 6 và 20 tháng 10. Trong bản gốc "Ikonopisny", dưới ngày 20 tháng 10 có ghi: "Người cùng cha mình là Kozma, một nông dân, ra đồng thì bị sét đánh chết; đó là một thiếu niên 12 tuổi, mặc áo sơ mi, tay cầm cành nho, đầu gối trần." – Hiện nay, di cốt của Thánh Artemius được an táng dưới lòng đất tại Tu viện Verkolsky đã bị giải thể.

[7265] Tên gọi "người Hy Lạp" dùng để chỉ cha mẹ của Thánh Ilarion Vĩ đại ở đây chủ yếu mang ý nghĩa là những người ngoại đạo có học thức, trung thành với tôn giáo Hy Lạp-La Mã. Từ đó, việc so sánh họ với những chiếc gai mới có ý nghĩa.

[7266] Thánh Ilarion đã được Thánh Phêrô, Giám mục Alexandria (qua đời năm 311), làm phép rửa tội.

con đường dẫn đến sự hoàn hảo. Ông đã ở lại một thời gian bên cạnh Thánh Antôn, quan sát cuộc sống thánh thiện như thiên thần của ngài, những lời cầu nguyện siêng năng và thường xuyên, việc làm thủ công và lao động không ngừng nghỉ, việc ăn chay và kiêng khem, tình yêu thương đối với người lân cận, lòng không tham lam và những việc làm cao cả khác của đời sống tu hành[7267] .

Rất nhiều người đổ về với Thánh Antôn: có người để được chữa lành bệnh tật, có người để nhận lời chúc lành từ ngài, có người để lắng nghe những bài giảng đầy cảm hứng thiêng liêng và bổ ích cho tâm hồn. Không tìm thấy sự tĩnh lặng và cô độc trọn vẹn tại đây, Thánh Hilarion không muốn ở lại, mà quyết định tìm kiếm một nơi mà ngài có thể ở một mình với Chúa, xa lánh mọi ồn ào và xô bồ. Sau khi nhận lời chúc phúc từ Thánh Antôn, ngài trở về quê hương, và khi không còn cha mẹ trên đời, ngài chia tài sản của mình thành hai phần: một phần ngài trao cho họ hàng, phần còn lại cho người nghèo, còn bản thân thì không giữ lại gì cả, *"tôi coi tất cả đều là rác rưởi"* (Pl 3:8), từ bỏ cả thế gian lẫn chính bản thân mình, để có cơ hội trở thành môn đệ của Đấng Christ và noi gương sự nghèo khó của Ngài.

Sau khi giải thoát bản thân khỏi những lo toan phù phiếm như vậy, Thánh Hilarion đã đi vào sa mạc, nằm cách Maiyuma ở Gaza bảy verst, và định cư ở đó giữa biển và hồ. Trong sa mạc đó có bọn cướp sinh sống, và một số người quen đã khuyên ngài rời khỏi đó để không rơi vào tay bọn cướp và bị giết. Nhưng vị thánh không sợ cái chết thể xác, mà chỉ mong thoát khỏi cái chết thuộc linh.

– Phải tránh những tên cướp giết chết linh hồn, còn những kẻ giết chết thân xác thì tôi không sợ, – ngài nói: *"Chúa là ánh sáng và sự cứu rỗi của tôi: tôi còn sợ ai nữa? Chúa là pháo đài của đời sống tôi: tôi còn sợ ai nữa?"* (Thánh vịnh 26:1).

Và vị tu sĩ bắt đầu sống ở đó trong sự cầu nguyện và ăn chay không ngừng. Mỗi ngày, ngài chỉ ăn không quá mười lăm quả sung[7268] – và chỉ sau khi mặt trời lặn, còn trang phục của ngài gồm một chiếc áo lông dê[7269] và một chiếc áo choàng da ngắn do vị tu sĩ Antôn tặng.

Kẻ thù ghét mọi điều thiện – ma quỷ, khi thấy vị tu sĩ trẻ tuổi này đang chiến thắng mình, đã phát động cuộc tấn công[7270] chống lại anh. Muốn đánh bại chiến binh thiêng liêng bằng dục vọng xác thịt, nó bắt đầu kích thích cơ thể trẻ trung của anh và làm xao động tâm trí anh bằng những ý nghĩ ô uế. Cảm nhận được con rắn ô uế đang tìm cách đâm anh bằng nọc độc của tội lỗi, Ilarion đã làm nó bẽ mặt bằng cách kiềm chế thân xác còn nghiêm ngặt hơn nữa và đánh bại kẻ thù, nhờ vũ khí là những lời cầu nguyện siêng năng dâng lên Thiên Chúa. Ngài kết hợp việc ăn chay với việc ăn chay, lao động với lao động, không ăn uống trong ba, thậm chí có khi bốn ngày, làm kiệt sức thân xác bằng công việc, lúc thì đào đất, lúc thì đan giỏ, và lặp đi lặp lại trong lòng lời của vị Tông đồ: *"Ai không muốn làm việc thì cũng đừng ăn"* (2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:10). Còn những ý nghĩ ô uế, ngài xua đuổi khỏi lòng, vừa đập ngực như người thu thuế, vừa thở dài từ tận đáy lòng. Thánh Ilarion gọi thân xác mình là con lừa và nói chuyện với nó như sau:

– Ta sẽ khuất phục ngươi, hỡi con lừa: ta sẽ không cho ngươi ăn lúa mạch, mà chỉ cho ngươi ăn trấu, ta sẽ làm ngươi chết đói và khát, ta sẽ gánh lên ngươi gánh nặng, để ngươi nghĩ nhiều hơn về thức ăn hơn là về sự ô uế.

Những lời này, dành cho thân xác mình, ngài đã thực hiện đến mức làm kiệt quệ thân xác đến nỗi chỉ còn lại xương bọc da.

Còn ma quỷ, khi thấy rằng những lời lăng mạ đó chẳng mang lại kết quả gì, và không những không đánh bại được vị thánh mà chính nó còn bị thất bại, nên đã nảy ra ý định dọa nạt ngài bằng những bóng ma và hồn ma. Một đêm nọ, khi đang cầu nguyện, Thánh Hilarion nghe thấy tiếng khóc của trẻ em, tiếng nức nở của phụ nữ, tiếng gầm của sư tử và tiếng kêu của các loài thú hoang dã khác, cùng với tiếng ồn ào và hỗn loạn, như thể đang diễn ra một trận chiến lớn. Con quỷ cố tình dẫn theo một đoàn bạn bè của mình, chúng gào thét bằng đủ loại giọng nói, nhằm khiến Thánh Hilarion khiếp sợ trước tiếng gầm rú của chúng và bỏ chạy, rời khỏi sa mạc. Nhưng khi nhận ra rằng tất cả những điều này chỉ là những ảo giác do quỷ dữ gây ra, vị thánh đã làm dấu thánh giá, trang bị cho

---

[7267] Thánh Hilarion đến với Thánh Antôn Vĩ đại vào năm 306, khi mới 15 tuổi, và trở thành một trong những môn đệ đầu tiên của ngài cả về thời gian lẫn tinh thần, mặc dù ngài chỉ ở lại với ngài khoảng hai tháng.

[7268] Quả sung ở nước ta được gọi là "quả nho"; mọc trên cây sung, thuộc họ Moraceae và thích hợp với khí hậu nhiệt đới. Quả sung là thực phẩm thông thường ở phương Đông, đặc biệt là đối với các tu sĩ Kitô giáo.

[7269] Áo lông ngựa – là loại áo cứng làm từ lông ngựa, mà các tu sĩ khổ hạnh mặc trực tiếp trên người.

[7270] "Cuộc chiến" – một thuật ngữ tu hành khổ hạnh, chỉ sự cám dỗ dai dẳng và kéo dài mà ma quỷ giáng xuống các tu sĩ chống lại nó. Do cuộc chiến này với ma quỷ, các tu sĩ thường được gọi là "chiến binh thiêng liêng" trong ngôn ngữ của các nhà tu khổ hạnh.

mình lá chắn của đức tin, rồi quỳ gối xuống và dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện khẩn thiết, xin Ngài ban cho ngài sự trợ giúp từ trên cao. Như vậy, khi quỳ sắp xuống đất cầu nguyện[7271] , Ilarion đã làm suy yếu kẻ thù đang tấn công mình. Nhưng ngay khi ngài vừa ngẩng đầu lên một chút, mong được tận mắt chứng kiến những gì tai mình đã nghe (và đêm đó trăng sáng, rất rực rỡ), thì một cỗ xe khổng lồ với những con ngựa kinh hoàng và hung dữ đã lao tới ngài với tiếng ồn ào khủng khiếp.

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin giúp con! – vị thánh kêu lên – và ngay lập tức mặt đất nứt ra và nuốt chửng toàn bộ sức mạnh của ma quỷ. Còn Ilarion thì cất tiếng hát, như thể đang ăn mừng chiến thắng trước Pharaoh[7272] :

– *"Ngài đã ném ngựa và kỵ sĩ xuống biển. Ngài đã giơ tay phải của Ngài ra: đất đã nuốt chửng chúng… Có kẻ bằng xe ngựa, có kẻ bằng ngựa, còn chúng ta thì tự hào về danh Chúa, Thiên Chúa của chúng ta: chúng đã chao đảo và ngã xuống, còn chúng ta thì đứng dậy và đứng vững"* (Thánh vịnh 19:8–9).

Tuy nhiên, kẻ thù đã bị đánh bại vẫn không ngừng nổi loạn và chống đối vị thánh, cám dỗ ngài bằng nhiều cách khác nhau: khi Ilarion đang nghỉ ngơi, dường như có những người phụ nữ khỏa thân nằm bên cạnh ngài và chế nhạo một cách trơ trẽn; khi ngài đói hoặc khát, lũ quỷ lại cho ngài thấy đủ loại thức ăn và đồ uống ngọt ngào; khi ngài cầu nguyện, thỉnh thoảng có con sói xuất hiện và tru lên, đứng trước mặt ngài; thỉnh thoảng lại có con cáo nhảy nhót, hoặc những chiến binh đang giao chiến, và một trong số họ, bị thương nặng đến chết, ngã xuống dưới chân vị thánh và van xin ngài chôn cất mình.

Một lần nọ, khi đang cầu nguyện, Ilarion lơ đãng, và tâm trí ngài, bị sự yếu đuối tự nhiên đánh bại, đã nghĩ đến điều gì đó không liên quan. Ác quỷ lập tức nhảy lên vai ngài, giống như một chiến binh, và vừa đá vào sườn ngài, vừa quất roi vào vai và cổ ngài, rồi nói:

– Chạy đi, chạy đi, sao ngươi lại ngủ! – rồi vừa cười vừa hỏi: – Ngươi có muốn lúa mạch không?[7273]

Còn vị thánh thì không để ý đến tất cả những mưu mô quỷ quyệt đó và xua đuổi chúng khỏi mình, bằng cách làm dấu thánh giá.

Ngài đã dựng cho mình một căn phòng nhỏ, giống như một chiếc quan tài, đến nỗi nó chỉ vừa đủ chứa thân hình ngài, và ngài sống trong đó, miệt mài chiến đấu với những linh hồn vô hình. Một đêm nọ, bọn cướp định tấn công ngài, hy vọng tìm được thứ gì đó ở ngài, và đã lùng sục ngài suốt đêm mà không thành công. Sáng hôm sau, khi tìm thấy ngài và thấy ngài chẳng có gì, chúng hỏi vị thánh:

– Ngươi sẽ làm gì nếu bị bọn cướp tấn công?

– Người trần truồng không sợ cướp, – ngài đáp lại.

– Nhưng họ có thể giết ngài mà, – bọn chúng lại nói.

– Tôi không sợ bọn cướp, vì tôi luôn sẵn sàng đón nhận cái chết, – Thánh Hilarion đáp.

Bị ấn tượng bởi lòng dũng cảm và đức tin ấy, bọn cướp thú nhận với ngài rằng họ đã tìm kiếm ngài suốt đêm nhưng không thể tìm thấy. Sau đó, họ ra đi, hứa sẽ sửa đổi cuộc đời mình.

Khi Thánh Ilarion đã sống nhiều năm trong sa mạc đó, tin đồn về sự thánh thiện trong cuộc đời ngài lan truyền khắp Palestine, và mọi người bắt đầu đổ xô đến với ngài, tìm kiếm sự giúp đỡ qua những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài[7274] . Người đầu tiên đến là một phụ nữ đến từ Eleutheropolis[7275] , người đã kết hôn được mười lăm năm nhưng vẫn chưa có con. Phải chịu đựng những lời trách móc và sỉ nhục liên tục từ chồng vì vô sinh, bà đã can đảm tìm đến vị thánh và quỳ xuống dưới chân ngài. Khi nhìn thấy bà, Ilarion đã quay mặt đi. Lúc đó, bà bắt đầu khóc lóc van xin ngài:

– Tại sao ngài lại quay lưng lại với tôi, tôi tớ của Chúa, khi tôi đang chìm trong nỗi buồn? Tại sao ngài lại chạy trốn khỏi tôi, khi tôi đang khóc lóc van xin ngài? Xin đừng nhìn vào người phụ nữ này, mà hãy nhìn vào nỗi đau trong trái tim cô ấy và những giọt nước mắt của cô ấy! Xin hãy thương xót tôi, vị thánh được Chúa Kitô yêu

---

[7271] Các Kitô hữu thời xưa quỳ xuống đất để cầu nguyện, dang rộng hai tay và tạo thành hình thánh giá bằng tư thế của mình.

[7272] Xuất Hành 16:1–2. Bài ca này được Mô-sê và dân Y-sơ-ra-ên hát lên sau khi vượt qua Biển Đỏ, khi Đức Chúa Trời giải cứu họ khỏi sự truy đuổi của Pha-ra-ôn: "Ngài đã ném ngựa và kỵ sĩ xuống biển. Ngài đã giơ tay phải của Ngài ra: đất đã nuốt chửng chúng." Trong các tác phẩm của các vị Tổ phụ Giáo hội và các nhà văn Kitô giáo cổ đại, Pharaoh được dùng như một hình ảnh ẩn dụ để chỉ ma quỷ, kẻ bám đuổi các tín hữu trong cuộc sống trần gian, vốn thường được các nhà văn này gọi là "sa mạc".

[7273] Con quỷ này rõ ràng ám chỉ biệt danh mà Thánh Hilarion đã đặt cho thân xác của mình. Xem phần trên.

[7274] Điều này xảy ra sau 22 năm tu hành trong sa mạc của ngài, bắt đầu từ năm 328.

[7275] Eleutheropolis – một thành phố ở miền nam Palestine, nằm trên con đường giữa Jerusalem và Gaza. Hiện nay, tại đây có một làng mạc, gần đó là những tàn tích của thành phố cổ

mến! Hãy nhớ rằng Đấng Cứu Thế đã tôn vinh phái nữ chúng ta bằng cách mặc lấy xác phàm từ phái nữ, và chính ngài cũng được sinh ra từ một người phụ nữ. Vì vậy, xin đừng từ chối giúp đỡ tôi, người đã chạy đến với ngài và đang trông chờ lời cầu nguyện của ngài để giải quyết vấn đề vô sinh của tôi, điều mà chồng tôi luôn trách mắng và sỉ nhục tôi.

Những lời này đã lay động lòng thương xót của Thánh Hilarion: ngài ngước mắt lên trời và cầu nguyện cho nàng. Sau đó, ngài bảo nàng trở về nhà và nói:

– Hãy ra về với niềm hy vọng không hổ thẹn, và Chúa sẽ đáp ứng lời cầu xin của chị.

Người phụ nữ trở về nhà với niềm vui và lòng tin vào lời của vị thánh. Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài, và chẳng bao lâu sau, người phụ nữ, đúng như lời tiên tri của Thánh Hilarion, đã thụ thai và sinh ra một cậu con trai. Năm sau, cô đến gặp ngài với đứa trẻ trên tay và nói:

– Đây là thành quả của những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, vị thánh nhân của Chúa; xin ngài ban phước lành cho đứa con trai mà ngài đã cầu xin Chúa ban cho tôi.

Vị thánh đã ban phước cho đứa trẻ và người mẹ, rồi tiễn họ ra về trong bình an. Người phụ nữ ra về, ngợi khen Chúa và tôn vinh vị thánh của Ngài khắp cả vùng đất ấy.

Sau đó, một người phụ nữ khác tên là Aristeneta, một tín hữu Kitô giáo, vợ của một quan đại thần tên là Elpidios, đã đến gặp ngài. Ba người con trai của bà, sau khi hít phải không khí độc hại, trong cùng một ngày đã mắc phải căn bệnh hiểm nghèo, mà không một bác sĩ nào có thể chữa khỏi cho họ, và họ đang cận kề cái chết. Nghe nói về Thánh Hilarion, vị ẩn sĩ, người phụ nữ này đã đến gặp ngài cùng với các nô tì và hoạn quan của mình, rồi khóc lóc quỳ xuống dưới chân ngài.

– Tôi khẩn cầu ngài nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và Thánh Giá cao quý của Ngài, – bà nói, – xin hãy đến Gaza và chữa lành bệnh tật cho ba người con trai đang hấp hối của tôi, để danh Chúa được tôn vinh ngay cả trong thành phố ngoại đạo này, và thần giả Marnas của Gaza[7276] , được những kẻ ngoại đạo tôn sùng, phải bị bẽ mặt.

Vị thánh từ chối, nói rằng ngài không bao giờ rời khỏi sa mạc và không chỉ không đến gần thành phố, mà thậm chí cả các làng mạc cũng không. Nhưng người phụ nữ cứ nài nỉ ngài bằng những lời van xin đầy nước mắt cho đến khi ngài hứa sẽ đến gặp bà sau khi mặt trời lặn. Vào buổi tối muộn, vị thánh đã đến Gaza. Vừa mới chạm tay vào những thiếu niên ốm yếu, đồng thời cầu khẩn danh Chúa Giêsu Kitô trên họ, thì mồ hôi tuôn ra ồ ạt trên người họ, như một dòng suối tuôn trào từ nguồn. Họ lập tức đứng dậy khỏe mạnh, sau khi dùng bữa, bắt đầu tạ ơn Thiên Chúa và hôn lên đôi tay thánh thiện của vị bác sĩ của mình. Tin đồn lan truyền khắp Gaza, và từ đó, những người mắc các bệnh tật khác nhau bắt đầu đến sa mạc tìm gặp Thánh Hilarion, và nhờ những lời cầu nguyện của ngài, họ được chữa lành – nhờ đó, rất nhiều người ngoại đạo đã quay về với đức tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Nhiều người mong muốn noi gương đời sống đạo đức của ngài và, từ bỏ đời sống trần tục, bắt đầu định cư bên cạnh ngài trong sa mạc. Chẳng bao lâu, số môn đệ của Thánh Hilarion tăng lên gấp bội và ngài trở thành vị thầy đầu tiên của các tu sĩ tại Gaza và Palestine, giống như Thánh Antôn tại Ai Cập.

Một lần nọ, người ta dẫn đến cho vị thánh một người phụ nữ bị mù từ khi mười tuổi và đã tiêu hết toàn bộ tài sản vào việc chữa trị mà không thu được kết quả gì. Vị thánh đã chữa lành cho bà bằng cách nhổ nước bọt, noi gương Chúa (Giăng 9:6): ngài nhổ nước bọt vào mặt bà, và bà lập tức sáng mắt lại, và mọi người đều ngợi khen Đức Chúa Trời.

Một nô lệ kiêm người đánh xe của một quan đại thần ở Gaza, bị quỷ ám khi đang điều khiển cỗ xe, đã cứng đờ toàn thân, đến nỗi không thể cử động được một khớp xương nào, chỉ còn lưỡi là vẫn cử động được. Người nô lệ này được đưa vào sa mạc đến gặp Thánh Hilarion. Khi nhìn thấy anh ta, vị thánh nói:

– Ngươi sẽ không thể khỏi bệnh cho đến khi ngươi tin vào Chúa Kitô, Đấng có quyền năng chữa lành cho ngươi.

– Con tin vào Ngài, chỉ xin Ngài chữa lành cho con thôi, – người bệnh đáp lại với lòng thành kính.

[7276] Marnas được những người ngoại đạo tôn sùng là vị thần của thành phố Gaza và là chúa tể của những cơn mưa; trong thời kỳ hạn hán, người ta tổ chức những cuộc rước lễ trang trọng để cầu xin sự tha thứ của ngài. Đền thờ Marnas ở Gaza chỉ bị phá hủy vào năm 401 theo lịch R. X.

Sau khi dâng lời cầu nguyện, vị thánh đã chữa lành cho anh ta bằng quyền năng của Chúa Kitô, và sau khi dạy anh ta về đức tin thánh thiện, ngài đã truyền cho anh ta chịu phép rửa tội. Nhờ vậy, người nô lệ này đã trở về nhà, thoát khỏi sự nô lệ của ma quỷ, với thân thể và tâm hồn lành mạnh.

Một thanh niên khác ở vùng lân cận Giê-ru-sa-lem, tên là Marcit, sở hữu sức mạnh phi thường đến nỗi có thể nhấc bổng và mang vác mười lăm mè lúa mì, và anh ta không cần phải dùng lừa để vận chuyển hàng hóa nặng. Với sức mạnh như vậy, một con quỷ đã nhập vào anh ta và bắt đầu hành hạ, đuổi anh ta lang thang khắp các sa mạc và cánh đồng. Sau khi bắt được anh ta, dân làng đã trói tay chân anh ta bằng xiềng xích sắt và giữ anh ta trong một nơi bị khóa chặt, đồng thời canh chừng anh ta rất cẩn thận. Nhưng hắn vẫn trốn thoát, dễ dàng bẻ gãy xiềng xích và khóa cửa nhờ sức mạnh gấp đôi – vừa từ quỷ dữ vừa từ chính bản thân hắn – và đánh đập tất cả những người hắn gặp trên đường: với một số người, hắn cắn đứt mũi, tai và môi; với những người khác, hắn bẻ gãy tay chân; với những người thứ ba, hắn móc mắt; còn những người thứ tư, cuối cùng, giết chết bằng cách cắn đứt cổ họng. Hắn đã gây ra nhiều hành vi tàn bạo khác ở những nơi đó, và không ai có thể chế ngự được hắn. Tập hợp lại với số lượng đông đảo, dân chúng cuối cùng đã bắt được hắn, trói toàn thân hắn bằng xiềng xích sắt và lôi đến trước mặt vị thánh, như một con bò hoang. Khi nhìn thấy người bị quỷ ám, Thánh Hilarion ra lệnh tháo xiềng xích cho hắn, và hắn trở nên hiền lành như con cừu non. Sau khi cầu nguyện nhiệt thành cho hắn, vị thánh nói với con quỷ đang ám trong người hắn:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, ta ra lệnh cho ngươi, hỡi linh hồn ô uế, hãy ra khỏi người này và lui về những nơi khô cằn.

Tà linh ra khỏi người bệnh, làm anh ta choáng váng và ngã xuống đất; và anh ta lập tức được chữa lành nhờ ân sủng của Chúa và những lời cầu nguyện của vị thánh, rồi bắt đầu hết lòng ca ngợi Thánh Hilarion. Còn vị thánh thì cấm anh ta và tất cả những người có mặt, nói rằng:

– Điều này không phải do sức mạnh của chúng ta mà là nhờ lòng nhân ái và ân sủng của Đấng Cứu Thế, Đấng đã gánh chịu những đau khổ của chúng ta bởi lòng thương xót vô biên của Ngài dành cho chúng ta, những tôi tớ của Ngài. Chúng ta phải không ngừng ngợi khen, tạ ơn và tôn vinh Ngài.

Khi ngài đang nói những lời ấy, người ta dẫn đến trước mặt ngài một người đàn ông khác tên là Orion, một trong những công dân giàu có và danh giá của thành phố Ayla[7277] . Trong người ông ta có một đạo quân quỷ dữ, và ông ta bị trói bằng xiềng xích sắt. Khi đến gần vị thánh, hắn giật mình thoát khỏi tay những người dẫn hắn đến, rồi từ phía sau lao tới, túm lấy vị thánh và nhấc ngài lên không trung cao hơn cả chiều cao của chính hắn. Mọi người đều la hét vì sợ hãi, lo rằng hắn sẽ đập ngài xuống đất và nghiền nát những xương khô héo của ngài do nhịn ăn lâu ngày. Còn vị thánh thì mỉm cười và nói:

– Hãy để kẻ thù của ta đấu với ta. Ông vươn tay ra sau, túm lấy tóc người bị quỷ ám, đặt anh ta trước chân mình, trói tay anh ta lại, rồi dẫm lên chân anh ta và nói:

– Hãy chịu đau khổ đi, đoàn quân quỷ dữ, hãy chịu đau khổ đi!

Các quỷ đang ở trong người đó liền la hét bằng nhiều giọng khác nhau, tạo ra tiếng ồn như thể từ một đám đông đông đúc. Lúc đó, vị thánh bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin giải thoát người khốn khổ này khỏi đoàn quỷ, vì nếu Ngài có thể đánh bại một con quỷ, thì việc đánh bại nhiều con cũng dễ dàng không kém.

Những con quỷ với tiếng thét chói tai lập tức rời khỏi người đàn ông ấy, và anh ta đã khỏi bệnh, thoát khỏi những đau khổ của mình và dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa và vị thánh được Ngài yêu mến, Thánh Hilarion, vì sự chữa lành của mình. Một thời gian sau, anh ta lại cùng vợ và bạn bè trở lại gặp Thánh Hilarion với những món quà quý giá, để bày tỏ lòng biết ơn vì đã được chữa lành. Nhưng vị thánh không nhận chúng và nói:

– Chẳng lẽ ngươi không nghe chuyện Giê-xi[7278] đã phải chịu hậu quả ra sao khi nhận tiền từ người được chữa lành bệnh phong hủi sao? Ân sủng của Chúa không thể mua bán được. Hãy đi, phân phát những thứ này cho những người nghèo trong thành phố của ngươi; còn đối với chúng ta, những người sống trong sa mạc, của cải chẳng mang lại lợi ích gì cả.

Như vậy, ngài đã cho người ấy mang những món quà đó trở về.

[7277] Aila – thành phố cực nam của Palestine, nằm sâu trong vịnh Biển Đỏ.

[7278] 4 Vua 5:20–27. Giê-xi, môn đệ của tiên tri Ê-li-sê, đã nhận tiền thưởng từ Nê-ê-man, người Sy-ri, người đã được tiên tri chữa lành khỏi bệnh hủi; vì điều đó, tiên tri đã giáng bệnh hủi của Nê-ê-man xuống trên ông và dòng dõi của ông.

Sau đó, người ta đưa một thợ đục đá đang bị liệt từ thành phố Maiyuma, tên là Zanana, đến gặp vị thánh; người này lập tức được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh.

Sau đó, một thiếu nữ bị quỷ ám từ vùng Gaza được đưa đến. Quỷ đã nhập vào cô vì lý do sau đây. Một chàng trai đã yêu cô và mong muốn có quan hệ xác thịt với cô; nhưng cô đã chống cự lại anh ta và không đồng ý với những ham muốn bất chính của anh ta. Thấy rằng mình không thể đạt được mục đích bằng những lời nịnh hót hay những món quà đắt tiền, chàng trai đã đến thành phố Memphis của Ai Cập[7279] gặp các pháp sư của Asclepius[7280] và kể cho họ nghe về căn bệnh đã làm trái tim anh tan nát vì tình yêu dành cho cô gái này. Sau khi nhận được từ họ những lời thần chú nào đó được khắc trên một tấm bảng đồng, chàng trở về nhà và chôn tấm bảng đó dưới ngưỡng cửa ngôi nhà nơi cô gái ấy đang sống: đó là cách các nhà tiên tri đã dạy chàng làm. Và ngay lập tức, ác quỷ nhập vào cô gái và khơi dậy trong cô cơn dục vọng dâm đãng đến mức cô bắt đầu la hét một cách vô liêm sỉ, gọi tên chàng trai để thỏa mãn dục vọng, cởi bỏ quần áo, phơi bày thân thể, và quằn quại đủ mọi cách, bốc cháy trong ngọn lửa dâm dục. Thấy vậy, cha mẹ cô nhận ra rằng căn bệnh này do quỷ dữ gây ra, nên đã đưa cô đến tu viện gặp vị thánh nhân (lúc bấy giờ, vị thánh nhân đã quy tụ được rất nhiều tu sĩ và xây dựng một tu viện lớn). Khi họ dẫn cô đến gặp ngài, con quỷ trong người cô gào thét và khóc lóc.

– Tôi đã cảm thấy tốt hơn – nó nói – khi tôi ở Memphis, lừa dối mọi người bằng những ảo ảnh trong giấc ngủ, hơn là bây giờ, khi tôi bị gửi đến đây.

Khi cô được dẫn đến trước vị thánh, con quỷ lại gào thét:

– Ta đã bị ép buộc nhập vào cô gái này, và bị chủ nhân của ta cưỡng ép gửi vào trong cô ấy. Giờ đây ta đang phải chịu đựng cực hình và không thể thoát ra, vì bị trói vào tấm đồng và chôn dưới ngưỡng cửa. Ta sẽ không ra khỏi đây cho đến khi chàng trai đã trói ta cho phép!

Vị thánh mỉm cười nhẹ nhàng và nói:

– Vậy ra sức mạnh của ngươi lớn đến thế sao, quỷ dữ, mà chỉ cần một sợi chỉ đã trói ngươi lại và một tấm đồng đã giữ ngươi lại bằng vũ lực? Tại sao ngươi không nhập vào chàng trai đã trói ngươi?

– Trong người cậu ấy đã có bạn ta rồi, một con quỷ dâm dục, – hắn đáp.

Sau khi cầu nguyện, vị thánh đã trừ tà khỏi cô gái và khuyên nhủ cô phải cảnh giác trước những cạm bẫy của kẻ thù và tránh trò chuyện với những chàng trai vô liêm sỉ.

Một vị hoàng tử nào đó, bị linh hồn ô uế ám ảnh, đã đến gặp vị thánh và được chữa lành. Để tỏ lòng biết ơn, ông mang đến cho vị bác sĩ không nhận thù lao của mình, thánh Ilarion, mười pound vàng và nài nỉ ngài nhận món quà. Lúc đó, vị thánh chỉ cho ông thấy ổ bánh mì lúa mạch của mình.

– Những ai ăn loại bánh này coi vàng chẳng khác gì bùn lầy, – ngài nói, rồi từ chối nhận vàng và cho vị hoàng tử ra về trong tình trạng khỏe mạnh.

Thánh Antôn, khi nghe tin về Thánh Hilarion và những phép lạ của ngài, đã vui mừng trong lòng và thường xuyên viết thư cho ngài. Còn với những người từ Syria đến tìm ngài để được chữa lành, ngài nói:

– Tại sao các ngươi lại vất vả như vậy, phải thực hiện một chuyến đi dài đến gặp ta, trong khi ngay gần các ngươi đã có con trai ta, vì danh Chúa Kitô, là Ilarion, người đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng chữa lành mọi bệnh tật.

Trên khắp Palestine, các tu viện bắt đầu mọc lên nhờ sự ban phước của Thánh Ilarion, và tất cả các tu sĩ đều đến với ngài để lắng nghe những lời dạy dỗ của ngài. Và ngài đã hướng dẫn tất cả mọi người trên con đường cứu rỗi.

Một lần nọ, các tu sĩ đã nài nỉ ngài đi thăm các tu viện đã mọc lên nhờ những lời cầu nguyện và sự ban phước của ngài, để củng cố các tu viện đó và ban cho họ quy tắc sống tu hành. Khi ngài chuẩn bị lên đường, rất nhiều tu sĩ, khoảng ba nghìn người, đã tụ tập lại, đi theo ngài, say sưa lắng nghe những lời giảng dạy ngọt ngào nhất của ngài. Trong khi đi thăm các tu viện và gặp gỡ các tu sĩ, vị thánh đã thực hiện vô số phép lạ. Một tu sĩ nổi tiếng vì lòng hiếu khách có một vườn nho riêng, từ đó mỗi năm ông thu hoạch được khoảng một trăm mét nho. Ông đã tiếp đón Thánh Hilarion với tình yêu thương và nài nỉ các tu sĩ ghé vào vườn nho của mình để hái những chùm nho tùy

---

[7279] Memphis – thủ đô hùng mạnh thời cổ đại của Ai Cập – tọa lạc tại Trung Ai Cập bên bờ sông Nile, nằm giữa dòng sông chính và một nhánh sông chảy qua phía tây thành phố. Ngày nay, từ thủ đô huy hoàng của Ai Cập cổ đại, chỉ còn lại những tàn tích vô cùng khiêm tốn gần các làng Metrasani và Mogannan.

[7280] Asclepius hay Aesculapius – vị thần Hy Lạp-La Mã của y học và việc chữa lành mọi loại bệnh tật. Sự tôn kính dành cho ngài sau này cũng lan sang Ai Cập. Người Kitô giáo coi tên gọi này là tên của một trong những ác quỷ.

ý, vì nho đã chín muồi. Mỗi người đều hái bao nhiêu tùy thích; còn các tu sĩ, như đã nói ở trên, có khoảng ba nghìn người. Thấy lòng hiếu khách của vị tu sĩ ấy, vị thánh đã ban phước cho vườn nho của ông, và năm đó, vị tu sĩ đã thu hoạch được hơn ba trăm mét nho từ vườn nho của mình. Như vậy, lời ban phước của vị thánh đã làm tăng năng suất của vườn nho nhờ lòng hiếu khách của vị tu sĩ. Còn một tu sĩ khác, keo kiệt và tàn nhẫn, khi thấy vị thánh cùng đoàn tu sĩ của ngài đi ngang qua, đã cử người canh gác vườn nho của mình để không ai hái được dù chỉ một chùm nho; người canh gác ném đá vào các tu sĩ, nói rằng không ai được đến gần vườn nho, vì đó là đất của người khác. Người anh em này đã mất đi phước lành của vị thánh và thu hoạch được rất ít nho, mà nho đó lại chua.

Một lần nọ, vị thánh đi vào sa mạc Cádiz[7281] để thăm một đệ tử. Trên đường đi, Thánh Hilarion tình cờ đi qua thành phố ngoại đạo Elus[7282] . Tại đây, ngài bắt gặp một lễ hội ma quỷ, nơi đông đảo dân ngoại đạo từ các làng xung quanh tụ tập, hân hoan và dâng những lễ vật bất kính lên nữ thần Aphrodite của họ tại đền thờ[7283] . Khi nghe tin Thánh Hilarion đang đến gần, họ đã ra đón ngài cùng với vợ con, vì từ lâu họ đã nghe đồn rằng ngài là một vị thánh làm phép lạ vĩ đại. Khi nhìn thấy ngài, họ cúi đầu và hô to bằng tiếng Syria: "Varach! Varach!" – có nghĩa là: xin ban phước, xin ban phước! Sau đó, họ dẫn đến cho ngài rất nhiều người bệnh và người bị quỷ ám, và vị thánh nhân đã chữa lành cho họ bằng quyền năng của Chúa Kitô. Sau khi dạy dỗ những người ngoại đạo về Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật, ngài đã dẫn dắt tất cả họ đến với đức tin vào Chúa Kitô và không rời khỏi thành phố cho đến khi họ phá hủy đền thờ thần tượng, đập tan các tượng thần, xây dựng một nhà thờ thánh và chịu phép rửa tội nhân danh Chúa. Sau khi củng cố đức tin cho họ và ban phước lành, vị thánh tiếp tục lên đường.

Thánh Hilarion đã nhận được ân sủng từ Thiên Chúa đến nỗi, nhờ khứu giác và xúc giác, ngài có thể nhận ra ai đang bị ám ảnh bởi đam mê nào. Một lần nọ, một tu sĩ keo kiệt và ham tiền đã gửi cho vị thánh những trái cây từ vườn nhà mình. Khi chiều tối buông xuống, vị thánh ngồi vào bàn ăn, các môn đệ dâng lên ngài những trái cây do tu sĩ keo kiệt kia gửi đến. Thấy chúng, Ilarion liền quay mặt đi.

– Hãy mang chúng đi khỏi đây, – ngài nói, – tôi không thể chịu nổi mùi hôi thối bốc ra từ những trái cây này.

Một đệ tử của ngài, Thánh Isichius, đã khăng khăng yêu cầu ngài nếm thử và ban phước cho tình yêu của người anh em.

– Xin cha đừng khinh thường – anh nói – món quà của người anh, vì anh ấy đã mang đến cho cha những quả nho đầu tiên từ vườn nho của mình với lòng tin tưởng.

– Con không cảm thấy sao, – vị thánh đáp lại, – rằng từ những quả nho này toát ra mùi hôi thối của sự keo kiệt?

– Làm sao những quả nho, ngoài mùi tự nhiên của chúng, lại có thể toát ra mùi hôi thối của một đam mê nào đó được chứ? – Isichios hỏi.

– Nếu con không tin ta, thì hãy đưa những quả nho này cho bò ăn, và xem chúng có chịu ăn không?

Isichios mang những quả nho đó đặt vào máng cỏ trước mặt những con bò, nhưng chúng vừa ngửi thấy mùi đã bắt đầu rống lên điên cuồng và, vì không thể chịu đựng được mùi hôi thối bốc ra từ những quả nho đó, chúng đã lao ra khỏi máng cỏ và bỏ chạy.

Lúc bấy giờ, vị thánh đã 63 tuổi. Rất nhiều tu sĩ đã tụ tập xung quanh ngài, đến nỗi tu viện phải được mở rộng. Những lo toan chồng chất đã cản trở sự tĩnh lặng của vị thánh. Hơn nữa, rất nhiều người tìm đến ngài, có người mong được chữa lành, có người mong nhận được lời chúc lành. Các giám mục, linh mục cùng các chức sắc khác của Giáo hội cũng đến; các hoàng tử và quý tộc từ nhiều thành phố và vùng miền cũng đến để nghe Lời Chúa từ Ilarion và nhận được sự ban phước của ngài. Thánh nhân rất buồn bã vì những người đến thăm không cho ngài được sống trong sự im lặng, và ngài khóc khi nhớ lại sự tĩnh lặng của những ngày đầu tiên, khi ngài còn một mình trong sa mạc. Thấy ngài luôn buồn bã và khóc lóc, các tu sĩ hỏi ngài:

– Tại sao cha lại buồn bã và khóc lóc như vậy, thưa cha?

Ngài đáp:

[7281] Cádiz – hay còn gọi là Kadesh – là sa mạc nằm ở cực nam của Palestine.

[7282] Elusa – nay là El-Kulasa – là một thành phố ở phía nam Palestine, phía bắc sa mạc Cadis, gần biên giới Ả Rập, phía tây nam Biển Chết.

[7283] Aphrodite – nữ thần tình yêu và sắc đẹp của Hy Lạp. Các lễ hội tôn vinh nữ thần này thường đi kèm với những hành vi vô độ và trụy lạc cực độ.

– Tôi buồn bã và khóc lóc như vậy là vì tôi đã trở lại thế gian và nhận được phần thưởng của mình trên trần gian, bởi vì tất cả các thành phố ở Palestine và các vùng lân cận đều tôn vinh tôi, các con cũng tôn kính tôi như một vị lãnh chúa, và gọi tôi là chủ nhân của tất cả những người sống trong tu viện.

Nghe những lời ấy từ vị thánh nhân, các tu sĩ đoán ra rằng ngài muốn lặng lẽ rời xa họ, nên đã theo dõi ngài cẩn thận để ngài không bỏ đi. Vị thánh nhân đã buồn bã như vậy trong suốt hai năm.

Một ngày nọ, Arisnetena, vợ của tổng giám mục[7284] Elpidia, người mà trước đây vị thánh đã chữa lành cho ba người con trai đang hấp hối của bà, đã đến gặp ngài. Bà xin ngài ban phước lành và cầu nguyện cho chuyến đi của mình, vì bà dự định sẽ đến Ai Cập để chiêm bái vị thánh Antony. Khi nghe nhắc đến Thánh Antôn, vị thánh thở dài và nói:

– Ôi, giá như tôi cũng có thể đến đó và được gặp mặt vị thánh và người cha yêu quý của tôi là Thánh Antôn. Nhưng các anh em đang giữ tôi lại ở đây bằng mọi cách, và tôi không thể đến với ngài.

Sau một lúc im lặng, ngài khóc nức nở.

– Đã hai tháng rồi, – ngài nói, – cả thế giới đang thương tiếc sự ra đi của ngọn đèn sáng vĩ đại, vì Thánh Antôn đã lìa bỏ thân xác này rồi.

Nghe vậy, người phụ nữ và tất cả những người có mặt đều hiểu rằng ngài đã được Thiên Chúa ban cho sự mặc khải về sự ra đi của Thánh Antôn. Aristheneta trở về nhà, và vài ngày sau, tin tức về sự ra đi của Thánh Antôn được loan báo.

Không chịu nổi những lời đồn đại và sự tôn vinh của mọi người, hơn nữa lại biết, nhờ sự mặc khải từ Thiên Chúa, rằng Ngài đã cho phép ngài rời khỏi nơi đó, Thánh Hilarion đã gọi một số môn đệ của mình và bảo họ đi cùng ngài. Họ dắt một con lừa đến, rồi đỡ vị thánh cha lên lưng lừa, vì do tuổi già, ngài không còn đi bộ được nữa, và vừa đỡ ngài vừa đi cùng ngài. Khi các tu sĩ còn lại, cũng như cư dân các làng mạc và thị trấn lân cận biết tin vị thánh đã rời bỏ họ, họ tập hợp thành một đoàn đông đến mười nghìn người, đuổi theo ngài và bắt kịp ngài. Họ quỳ xuống trước vị thánh với nước mắt lưng tròng và nài nỉ ngài đừng bỏ rơi họ.

– Sau Thiên Chúa, chúng con đã coi ngài như người cha tại Palestine, người đã củng cố và giúp đỡ chúng con. Xin đừng bỏ rơi chúng con một mình, như những con chiên không có người chăn dắt.

– Tại sao các con, những đứa con yêu dấu của ta, lại làm tan nát trái tim ta như vậy? – vị thánh khuyên nhủ họ. – Các con hãy biết rằng ta ra đi không phải là không có ý muốn của Chúa: ta đã cầu nguyện với Chúa, và Ngài đã truyền cho ta rời khỏi đây, để không phải chứng kiến nỗi đau khổ sắp ập xuống Giáo Hội của Chúa, không phải nhìn thấy sự tàn phá các thánh đường, sự chà đạp các bàn thờ và sự đổ máu của các con ta. Vậy nên, các con của ta ơi, đừng giữ ta lại.

Khi nghe rằng ngài đã được mặc khải về tai họa đang rình rập họ, họ lại càng khẩn thiết van nài ngài – càng không nên bỏ rơi họ, mà hãy giúp đỡ họ trong nỗi đau khổ bằng những lời cầu nguyện của ngài. Với lòng buồn bã, vị thánh đã dùng cây gậy đập mạnh xuống đất và nói: – Ta sẽ không ăn, không uống cho đến khi các con thả ta ra; còn nếu các con muốn thấy ta chết, thì cứ giữ ta lại.

Trong bảy ngày, họ giữ vị thánh lại bằng những lời van nài, và cuối cùng, khi đã tin chắc vào sự kiên định của ý định ngài, họ đã thả ngài ra trong hòa bình. Đám đông dân chúng đã tiễn ngài đi xa trong tiếng khóc than. Khi đến gần thành phố Vephilia[7285] , vị thánh quỳ gối, cầu nguyện cùng mọi người và, sau khi phó thác họ cho Chúa, ngài cho họ về nhà. Ngài chọn ra 40 tu sĩ mà ngài biết là có thể chịu đựng được gian nan của cuộc hành trình; sau khi ăn chay và chỉ dùng một ít thức ăn khi mặt trời lặn, ngài dẫn họ theo mình. Sau năm ngày đường, vị thánh đến Pilusia[7286] . Sau khi viếng thăm các tu sĩ đang sống trong sa mạc lân cận tại vùng đất được gọi là Lichnos, ngài rời khỏi đó và ba ngày sau đến thành phố Favast. Tại đây, ngài gặp gỡ Giám mục Dracontius, vị chứng nhân đang bị giam cầm, và cả hai đã an ủi lẫn nhau qua cuộc trò chuyện được Thánh Thần soi dẫn[7287] . Sau một chặng đường mới kéo dài vài ngày, vị tu sĩ già đã phải vất vả lắm mới đến được Babylon để thăm Giám mục Philon[7288] , một vị chứng nhân đức tin. Hai vị này đã bị vua Constantius trục xuất đến những vùng đất đó, khi ông ta ủng hộ những

[7284] Eparch – quan cai trị thành phố hoặc vùng.

[7285] Vephilia – hay còn gọi là Vetulia – là một thành phố ở Palestine, nằm ở phía nam Gaza.

[7286] Pilusia, hay Pelusa, cũng như các địa danh được đề cập sau đây: Lichnos, Favast, Babylon (của Ai Cập; nay là một phần của Cairo), Aphroditopolis và Bruchia – là các thành phố và thị trấn thuộc miền hạ (miền bắc) Ai Cập.

[7287] Dracontius – giám mục Hermopolis (ở Ai Cập), môn đệ của Thánh Pamvas.

[7288] Philo – giám mục thành Cyrene (Cyrene – một vùng thuộc Livia Thượng, nằm dọc theo bờ biển phía bắc châu Phi, phía tây Ai Cập)

kẻ Arian gian ác. Sau khi gặp gỡ và trò chuyện với vị thánh Philon, vị tu sĩ tiếp tục hành trình và đến thành phố Aphroditopolis, rồi sau ba ngày lặn lội qua sa mạc khủng khiếp và khắc nghiệt, ngài đã đến được ngọn núi cao, nơi vị thánh Antony đang ẩn tu.

Tại đây, vị thánh Ilarion gặp lại hai môn đệ của mình là Isaac và Pelusian, những người đã vô cùng vui mừng khi nhìn thấy ngài. Khung cảnh nơi đó rất đẹp, và vị thánh đã đi dạo quanh vùng đất ấy với lòng nhiệt thành sâu sắc. Còn Isaac và Pelusian thì chỉ cho Ilarion xem tất cả những nơi đã được thánh Anthony thánh hóa qua những công việc tu hành của ngài.

– Tại nơi này, Thánh Cha Antôn của chúng ta đã hát kinh, – họ kể lại, – còn tại nơi kia, ngài đã thực hành sự im lặng; ở đây ngài cầu nguyện, còn ở kia ngài ngồi đan giỏ; ở đây ngài thường nghỉ ngơi sau những công việc vất vả, còn ở kia thì ngủ; những cây nho và những cây cối này chính ngài đã tự tay trồng, còn kho thóc này ngài cũng tự tay xây dựng; cái ao để tưới vườn này ngài đã tự tay đào, với bao vất vả và mồ hôi nhễ nhại; đây là cái xẻng mà vị thánh đã dùng trong một thời gian dài để đào đất.

Họ đã chỉ cho Thánh Hilarion những điều này và nhiều điều khác nữa. Còn ngài, khi đến nơi mà Thánh Antôn thường nghỉ ngơi, với lòng kính sợ và vui mừng, ngài đã hôn lên giường của ngài và nằm xuống đó. Trên đỉnh núi có hai căn phòng đá, nơi Thánh Antôn thường lui về để tìm sự tĩnh lặng, tránh xa sự quấy rầy của những vị khách đến thăm ngài. Dẫn Thánh Hilarion lên đó qua những bậc thang, các môn đệ chỉ cho ngài những giàn nho và các loại cây ăn quả trĩu quả, và cho biết rằng Thánh Antôn đã trồng chúng chỉ ba năm trước.

Sau khi nghỉ ngơi tại đây cùng các tu sĩ, Thánh Hilarion lại trở về Aphroditopolis và cho các tu sĩ về, ra lệnh cho họ trở về Palestine, về tu viện của mình, còn bản thân ngài chỉ giữ lại hai người. Cùng với hai người đó, ngài lên đường đến sa mạc nằm gần thành phố ấy, nơi ngài định cư, sống trong sự im lặng, ăn chay, cầu nguyện và thực hành những việc đạo đức vĩ đại đến nỗi – dường như ngài mới chỉ vừa bắt đầu cuộc đời tu hành vì Chúa Kitô.

Sau khi Thánh Antôn qua đời, trong ba năm liền, vùng đất này không có mưa, và nạn đói hoành hành khắp cả nước, bởi vì đất đai đã bị thiêu khô bởi cái nóng như lửa. Người ta nói rằng không chỉ con người than khóc trước cái chết của vị thánh, mà cả đất đai cũng than khóc, còn trời thì không ban mưa. Người dân và gia súc đều chết vì đói khát. Nghe tin Thánh Hilarion, môn đệ của Thánh Antôn, đang sống ở vùng đất ấy, đông đảo dân chúng cùng vợ con đã tụ tập và lên đường đến gặp ngài trong sa mạc. Khi đến nơi, họ bắt đầu khẩn thiết cầu xin ngài:

– Chúa đã sai ngài đến với chúng tôi thay cho Thánh Antôn: xin ngài thương xót và cầu nguyện cùng Chúa, để Ngài, nhờ lòng thương xót vô biên của Ngài, ban mưa xuống vùng đất khô cằn vì hạn hán của chúng tôi.

Thấy cảnh khốn khổ của những người này, đang chết dần vì đói khát, Thánh Hilarion ngước mắt và giơ tay lên trời, rồi bắt đầu cầu nguyện trong nước mắt. Ngay lập tức, một cơn mưa lớn trút xuống và tưới đẫm cả vùng đất[7289] . Từ thời điểm đó, dân chúng bắt đầu tìm đến vị thánh, mang theo những người bệnh của họ. Thấy rằng ngay cả ở đây người ta cũng quấy rầy ngài và không cho ngài được yên tĩnh, vị thánh quyết định lui về sa mạc Oasis[7290] và, sau khi thu dọn hành lý, ngài lên đường cùng hai đệ tử của mình. Sau khi đi qua Alexandria, ngài đến Bruchia, nơi ngài gặp lại những anh em quen biết, những người đã vui mừng đón tiếp ngài. Sau khi ở lại với họ một thời gian ngắn, ngài định ra đi, nhưng các anh em không muốn để ngài đi và nài nỉ ngài ở lại với họ. Lúc đó, ngài quyết định lén rời khỏi họ vào ban đêm, nhưng khi các đệ tử đang chuẩn bị lừa cho ngài, các anh em đã biết được chuyện này và đến nằm canh gác trước cửa.

– Thà chúng con chết khi nằm dưới chân ngài – họ nói – còn hơn là phải xa ngài quá sớm như vậy!

– Hãy đứng dậy đi, các con của ta, – vị thánh nhân khẩn khoản nài nỉ – việc các con sớm để ta ra đi sẽ có lợi hơn cho chính các con cũng như cho ta, bởi vì ta đã nhận được sự mặc khải của Đức Chúa Trời, truyền lệnh phải rời khỏi nơi này. Chính vì thế mà ta đang cố gắng rời xa các con càng sớm càng tốt, để các con không phải chịu nỗi buồn vì ta. Quả thật, sau này các con sẽ hiểu rằng ta vội vã và từ chối ở lại với các con không phải là vô cớ.

Nghe những lời ấy, các anh em đứng dậy, còn vị thánh thì dâng lời cầu nguyện, ôm lấy họ rồi ra đi. Ân sủng của Đức Chúa Trời đã che chở ngài trên hành trình băng qua sa mạc hiểm trở.

Ngày hôm sau, sau khi ngài rời khỏi Brukhia, những kẻ ngoại đạo từ Gaza cùng với các đao phủ đã đến đây và hỏi xem Ilarion ở đâu. Khi biết ngài đã đi rồi, họ nói với nhau:

[7289] Đó là vào năm 359.

[7290] Oasis – hay còn gọi là Oasis Lớn của Libya, nằm ở phía tây sa mạc Thebaid; – một thuộc địa Hy Lạp cổ đại, đồng thời cũng là nơi lưu đày: chẳng hạn như kẻ dị giáo Nestorius đã bị lưu đày đến đây.

– Hãy nhìn tên phù thủy này xem: hắn đã biết điều gì đang chờ đợi hắn từ chúng ta, nên đã bỏ trốn.

Những kẻ vô đạo ở Gaza ngay từ đầu đã ghen tị với vị thánh, vì dân chúng đổ xô đến với ngài và ngừng thờ phụng thần Marnas của họ. Đặc biệt vì lý do này, các thầy tế lễ của thần Marnas càng thêm căm phẫn vị thánh; họ đã tìm mọi cách để tiêu diệt ngài, nhưng không thể, vì tất cả các thành phố và làng mạc lân cận đều rất kính trọng vị thánh. Khi vua Constantius qua đời và tên đầy tớ của ma quỷ, Julianus Apostata, lên ngôi, bọn vô đạo đã coi đây là thời cơ thuận lợi để thực hiện âm mưu độc ác mà chúng đã ấp ủ từ lâu. Những kẻ ngoại đạo ở thành phố Gaza đã đến gặp vị vua vô đạo, vu khống Thánh Hilarion và các môn đệ của ngài trước mặt ông ta, và xin được một sắc lệnh bằng văn bản, ra lệnh phá hủy các tu viện của ngài gần Gaza, trục xuất các môn đệ của ngài khỏi lãnh thổ vùng đó sau khi đã đánh đập họ trước đó, còn chính Thánh Hilarion cũng như trợ lý của ngài là Isichius thì phải bị giết. Những kẻ vô đạo đã làm đúng như vậy: tàn phá các tu viện và xua đuổi đoàn chiên của Chúa Kitô. Còn Isichius, người được Thánh Hilarion yêu quý nhất vì lòng vâng phục tận tụy – điều khiến ông vượt trội hơn các môn đệ khác – đã ẩn náu trong các sa mạc, trốn chạy khỏi bàn tay của những kẻ vô đạo.

Trong khi đó, Thánh Hilarion, được Thiên Chúa che chở, sống tại sa mạc Oasis. Khi ngài đã ở đó được khoảng một năm, môn đệ Adrian của ngài đến báo tin rằng hoàng đế Julian đã bị giết – và mời ngài trở về Palestine, đến nơi cũ, vì hòa bình đã được lập lại trong Giáo hội. Yêu thích sự tĩnh lặng, vị thánh không muốn trở về Palestine, nhưng khi thấy rằng ngay cả trong sa mạc Oasis cũng không thể ẩn náu khỏi con người, ngài đã cùng một môn đệ tên là Zinon đi qua sa mạc đến vùng đất Libya; còn Adrian cùng một môn đệ khác thì trở về Palestine.

Khi đến thành phố ven biển Pareton[7291] , Hilarion lên tàu và ra khơi đến Sicily để tránh sự vinh quang của loài người. Chủ tàu có một người con trai bị quỷ ám, và nó đã gào thét lên trong người cha:

– Hilarion, tôi tớ của Chúa! Tại sao ngay cả trên biển ngài cũng không để chúng tôi được yên? Xin hãy kiên nhẫn cho đến khi chúng ta cập bến, để tôi không phải rơi xuống vực thẳm từ đây.

Thánh nhân đáp lại:

– Nếu Đức Chúa Trời truyền cho ngươi ở lại trong tạo vật của Ngài, thì hãy ở lại; còn nếu Ngài đuổi ngươi đi, thì điều đó có liên quan gì đến chúng ta: ta là một con người tội lỗi.

Nghe vậy, cha của cậu bé bị bệnh cùng với tất cả những người có mặt trên tàu đã quỳ xuống trước vị thánh, cầu xin ngài thương xót con trai mình và trừ tà khỏi cậu bé. Nhưng vị thánh không đồng ý, tự xưng mình là kẻ tội lỗi.

– Nếu các ngươi hứa với ta – cuối cùng ngài nói – rằng sẽ không nói với ai về ta ở đất nước mà chúng ta đang hướng tới, thì ta sẽ cầu nguyện với Chúa của ta để Ngài đuổi con quỷ đó ra.

Họ đã thề hứa chắc chắn. Sau đó, sau khi dâng lời cầu nguyện, vị thánh đã trừ tà khỏi cậu thiếu niên, và mọi người đều ngợi khen Đức Chúa Trời.

Khi con tàu cập bến núi Pichon ở Sicily[7292] , vị thánh đã trao cho thuyền trưởng cuốn Phúc Âm mà ngài tự tay chép lại từ thuở thiếu thời để trả công vận chuyển: ngài chẳng có gì khác để tặng, vì ngài nghèo nàn về của cải cũng như về tinh thần. Nhưng chủ tàu đã không nhận tiền công từ ngài, dù vị thánh đã rất khăng khăng đòi ông phải nhận.

– Tôi sẽ không nhận bất cứ thứ gì từ ngài, vì chính ngài cũng nghèo khó và chẳng có gì cả – chủ tàu đáp lại.

Còn vị thánh thì lòng tràn đầy niềm vui, khi thấy mình hoàn toàn nghèo khó và không có gì thuộc về thế gian. Rời xa bờ biển khoảng hai mươi po, ông định cư tại đây cùng với đệ tử của mình. Hàng ngày, đệ tử thu gom một bó củi, mang đến làng gần đó và dùng số tiền kiếm được để mua một miếng bánh mì, nhờ ơn Chúa, cả hai đều sống nhờ vào đó.

Nhưng *"thành phố nằm trên đỉnh núi thì không thể giấu được"* (Mt 5,14). Một người bị quỷ ám trong nhà thờ Thánh Phêrô ở Rôma đã kêu lên:

– Gần đây, người tôi tớ của Chúa là Hilarion đã đến Sicily; không ai biết ông ta, và ông ta nghĩ rằng mình có thể ẩn náu được: nhưng tôi sẽ đến đó và chỉ ra ông ta.

Và điều đó đã xảy ra. Người đàn ông này được đưa đến Sicily; tại Pichon, ông gặp Thánh Hilarion, quỳ xuống trước phòng tu của ngài và nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, ông đã được chữa lành. Kể từ đó, người dân vùng đất ấy bắt đầu biết đến ông. Rất nhiều người bắt đầu tìm đến ngài, mong được chữa lành các bệnh tật của

[7291] Pareton – một thành phố ven biển ở hạ Ai Cập.
[7292] Pihon – một mũi đất ở phía nam đảo Sicily.

mình, và không ai trong số họ trở về mà không nhận được điều mình mong muốn. Còn người đàn ông nói trên, người đến từ Rôma và đã được chữa lành khỏi chứng quỷ ám, đã dâng lên thánh nhân những món quà quý giá để tạ ơn vì sự chữa lành; nhưng thánh nhân đã không nhận, mà nói:

– Có chép rằng: "Các con *đã nhận được miễn phí, hãy cho đi miễn phí"*[7293] (Mt 10,8).

Trong thời gian vị thánh ở Sicily, môn đệ yêu quý của ngài, vị thánh Isichius, đã dành ba năm rong ruổi khắp thế giới để tìm kiếm vị cha thiêng liêng yêu quý của mình, vị thánh Hilarion: ngài đã cẩn thận đi qua nhiều quốc gia, núi non và sa mạc, nhưng không tìm thấy ngài ở đâu cả. Sau đó, khi đang ở Peloponnese[7294] , tại thành phố ven biển Methone, anh nghe một thương gia Do Thái kể rằng ở Sicily đã xuất hiện một vị tiên tri Kitô giáo nào đó, người thực hiện nhiều phép lạ.

– Tên ông ta là gì, và trông ông ta ra sao? – Isichius hỏi.

– Tôi chưa từng gặp ông ấy và cũng không biết tên, – người Do Thái trả lời, – tôi chỉ nghe nói về ông ấy thôi.

Nhận ra rằng vị tiên tri này chính là người mà mình đang tìm kiếm, Isichius lên thuyền và ra khơi đến Sicily. Anh ta đã rất vất vả mới tìm hiểu được một vài điều về vị thánh từ những người đồng hành, những người đều nhất trí khẳng định rằng ngài đã thực hiện nhiều phép lạ và không nhận lấy từ ai trong số họ dù chỉ một miếng bánh mì. Khi tìm thấy vị thánh tại Pichon, Isichios quỳ xuống dưới chân ngài, hôn lên đôi chân ấy và rửa sạch bằng nước mắt. Vị tu sĩ già phải rất vất vả mới có thể nâng người môn đệ đang khóc vì vui sướng lên khỏi mặt đất và an ủi anh bằng những lời dạy cứu rỗi linh hồn.

Một thời gian sau, khi thấy rất nhiều người đến với ngài và ca ngợi ngài, vị thánh nhân nói với các đệ tử của mình, Zinon và Isichios:

– Chúng ta không thể ở lại đây được nữa, các con ơi; hãy cùng đi đến một vùng đất khác, nơi không ai biết đến chúng ta.

Sau khi thu xếp xong, ngài bí mật cùng các đệ tử rời đi đến thành phố Epidaurus thuộc Dalmatia[7295] , nơi Thiên Chúa đã dẫn dắt ngài đến để ban ơn lành cho nhiều người. Chưa đầy vài ngày sau khi ngài ở lại một nơi yên tĩnh gần Epidaurus, người dân trong vùng đã biết tin về sự hiện diện của vị thánh nhân của Thiên Chúa, người trước đây từng ở Sicily. Chúa đã tỏ lộ tôi tớ của Ngài cho mọi người và tôn vinh ngài. Nghe tin về ngài từ người này sang người khác, dân chúng đã tụ tập và đến gặp ngài; sau khi cúi đầu kính lạy, họ bắt đầu khẩn cầu ngài giúp đỡ họ trong cơn hoạn nạn lớn lao: ở những vùng đất đó có một con rắn khủng khiếp, to lớn đến mức nó nuốt chửng những con bò đực to lớn và nuốt chửng cả con người. Như vậy, nó đã cướp đi sinh mạng của vô số người và gia súc. Nghe tin về con rắn đó, vị thánh ra lệnh chất thật nhiều củi và đốt lên ngọn lửa lớn, còn bản thân ngài thì quỳ gối cầu nguyện với Thiên Chúa, xin Ngài thương xót dân Ngài và vì vinh quang Danh Thánh của Ngài mà giải thoát họ khỏi con rắn độc ác đó. Sau đó, ngài bắt đầu gọi con rắn: " ". Và con rắn xuất hiện, như thể bị một sức mạnh nào đó lôi kéo đến để bị hiến tế. Mọi người đều nhìn và kinh hoàng. Vị thánh ra lệnh cho nó bước vào ngọn lửa, và ngay lập tức, tuân theo lời ngài, con rắn bước vào lửa và bị thiêu rụi. Lúc đó, mọi người ca ngợi Thiên Chúa và dâng lời tạ ơn lên thánh Hilarion.

Từ ngày đó, nhiều người bắt đầu tìm đến ngài để cầu xin sự giúp đỡ. Còn vị tu sĩ già thì buồn bã và suy ngẫm xem phải tìm nơi nào để ẩn mình khỏi mọi người và sống trong sự tĩnh lặng. Vào thời điểm đó, một trận động đất lớn đã xảy ra, khiến biển dậy sóng dữ dội và tràn ra khỏi bờ. Những con sóng dâng cao đến mức che phủ cả những ngọn núi lớn, và những con tàu bị nước cuốn trôi thì mắc kẹt trên những nơi cao. Người dân thành Epidaurus, nằm ven biển, khi chứng kiến những thảm họa này, đã nghĩ rằng một trận Đại Hồng Thủy thứ hai đang bắt đầu, và trong sự kinh hoàng, khi lo sợ cả trái đất sẽ bị hủy diệt và cái chết không thể tránh khỏi đang chờ đợi họ, họ đã khóc lóc thảm thiết. Nhớ đến Thánh Hilarion, tất cả đều vội vã chạy đến với ngài, từ già đến trẻ, phụ nữ và trẻ em, và trong nước mắt, họ khẩn cầu ngài cầu nguyện với Chúa cho họ, để Ngài xua tan cơn thịnh nộ công chính của Ngài khỏi họ. Thánh nhân đứng dậy và đi cùng họ về phía thành phố. Khi đến nơi, ngài đứng giữa thành phố và biển; còn biển thì dâng cao vút lên trên không trung phía trên Epidaurus, đến nỗi dường như nó chạm tới những

---

[7293] Mt 10:8. "Các con đã nhận được miễn phí, hãy cho đi miễn phí." Bằng những lời này, Đấng Cứu Thế đã cấm việc bán ân sủng nhận được từ Thánh Thần.

[7294] Peloponnese – phần phía nam của Hy Lạp trên bán đảo Balkan.

[7295] Epidaurus – một thành phố bên bờ Biển Adriatic, bị phá hủy vào thế kỷ VI. Ngày nay là Ragua.

đám mây, và đã sẵn sàng nhấn chìm thành phố. Vị thánh vẽ ba dấu thánh giá trên cát, rồi giơ tay lên trời, thành kính khẩn cầu Đức Chúa Trời, Đấng Yêu Thương Loài Người, xin Ngài thương xót các tạo vật của Ngài. Khi ngài cầu nguyện như vậy, Đức Chúa Trời đã tỏ lòng nhân từ của Ngài: theo lệnh của Chúa, biển dần dần dịu xuống và rút về bờ, trận động đất chấm dứt và gió cũng lắng xuống. Về quyền năng vĩ đại của Chúa và sự cầu thay của Thánh Hilarion tại thành phố Epidaurus, các bậc cha ông đã truyền lại cho con cháu qua nhiều thế hệ.

Trong khi đó, Thánh Hilarion, để tránh sự vinh quang của loài người, đã rời khỏi đó vào ban đêm và, sau khi tìm thấy một con tàu đang chuẩn bị khởi hành đến Síp, ngài đã lên tàu cùng các môn đệ của mình. Trong chuyến đi, bọn cướp đã tấn công họ, và tất cả những người trên tàu đều rất hoảng sợ; còn Thánh Hilarion thì an ủi họ.

– Lũ cướp biển này có đông hơn quân đội của Pharaoh không? – ngài nói, – nhưng chính Thiên Chúa đã nhấn chìm quân đội ấy xuống biển.

Khi bọn cướp biển tiến đến gần con tàu ở khoảng cách chỉ cần ném một hòn đá là tới, vị thánh từ trên tàu giơ tay đe dọa chúng và nói:

– Các ngươi đã đến đây là đủ rồi.

Các con tàu cướp biển lập tức dừng lại, không thể tiếp tục tiến lên và tiếp cận con tàu mà vị thánh đang ở trên đó. Bọn cướp biển đã tốn rất nhiều công sức chèo thuyền vô ích, và phải quay trở lại trong sự xấu hổ, bị sức mạnh của Đức Chúa Trời đẩy lùi khỏi con tàu.

Khi đến đảo Síp[7296] , thánh Hilarion định cư tại một nơi hoang vắng cách thành phố Paphos[7297] hai verst. Nhưng ngay cả ở đây, ngài cũng không thể ẩn náu được: chính những con quỷ đang ngự trong thân xác con người đã báo cho dân chúng biết về sự xuất hiện của ngài. Theo lệnh của Đức Chúa Trời, những người bị quỷ ám từ khắp đất nước, lên đến 200 người, cả nam lẫn nữ, đã tụ tập lại và đến gặp vị thánh; nhờ những lời cầu nguyện của ngài, tất cả đều được giải thoát khỏi sự ám ảnh của quỷ. Sau hai năm ở đây, vị thánh quyết định rời khỏi nơi này để tìm một nơi hoang vắng, nơi ngài có thể kết thúc cuộc đời trong sự tĩnh lặng. Sau khi đi xa biển mười hai verst, ngài tìm thấy một nơi hẻo lánh, hoang dã giữa những ngọn núi cao. Xung quanh có nhiều cây ăn quả mọc um tùm (nhưng ngài chưa bao giờ nếm thử trái cây nào), nước uống được chảy xuống từ núi; ở đó còn có một khu vườn đầy hoa và một ngôi đền thờ thần tượng bị bỏ hoang, nơi cư ngụ của vô số quỷ dữ. Vị thánh rất ưng ý nơi này vì sự hoang vắng tột độ của nó, và ngài đã sống ở đó suốt năm năm. Các quỷ dữ ngày đêm gào thét ầm ĩ, muốn dọa nạt vị thánh và đuổi ngài khỏi nơi đó; còn ngài thì chiến đấu với chúng bằng những lời cầu nguyện không ngừng và nghỉ ngơi trong sự tĩnh lặng, bởi vì do đường đi đến nơi này rất khó khăn và có rất nhiều quỷ dữ cư ngụ ở đó, nên không ai dám đến gặp ngài.

Một lần, khi bước ra khỏi túp lều của mình, vị tu sĩ già thấy một người bị liệt đang nằm trước cửa và hỏi Isichius:

– Người này là ai và ai đã mang anh ta đến đây?

– Đó là chủ nhân của nơi chúng ta đang sống, – Isichius trả lời.

Vị thánh rưng rưng nước mắt, giơ tay lên trên người anh ta và nói:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, hãy đứng dậy và đi đi!

Và người bị liệt lập tức đứng dậy, hoàn toàn khỏe mạnh, và bắt đầu đi lại, ngợi khen Thiên Chúa. Sau phép lạ này, tất cả cư dân trong vùng bắt đầu đến với vị thánh, không còn sợ hãi trước những linh hồn thù địch, cũng như con đường gian nan và nguy hiểm nữa.

Nhớ đến các anh em ở Palestine, vị thánh đã sai thánh Isichius đến thăm họ và gửi lời chào từ phía mình. Còn bản thân ngài thì bắt đầu suy nghĩ về việc ra đi, khi thấy mình ở đây được mọi người kính trọng nhưng cũng bị làm phiền bởi những người đến thăm, nhưng ngài vẫn chờ đợi sự trở về của Isichius. Vào thời điểm đó, đệ tử của ngài là Thánh Zinon đã qua đời, và đối với chính ngài, đã đến lúc kết thúc cuộc hành trình trần thế đầy gian nan của mình (lúc đó ngài đã 80 tuổi).

[7296] Khoảng tháng 9 năm 365.

[7297] Paphos – thành phố ven biển ở Síp, nổi tiếng với bài giảng của Thánh Phaolô. Tại đây, ngài đã làm cho thầy phù thủy Elymas, người chống đối ngài, bị mù. Sách Công Vụ Tông Đồ, chương 13.

Biết trước về việc mình sắp về với Chúa, vị thánh nhân đã tự tay viết di chúc gửi cho các tu sĩ, đồng thời để lại cho Isichius cuốn Phúc Âm Thánh do chính tay ngài chép, một chiếc áo lông cừu và một chiếc mũ trùm đầu[7298] . Sau đó, thân thể ngài bắt đầu suy yếu.

Khi tin tức về bệnh tình của Thánh Hilarion lan đến cư dân Paphos, tất cả những người đàn ông sùng đạo đều lập tức đến thăm ngài, và cùng với họ là một phụ nữ đạo đức tên là Constance, người có con gái bị bệnh đã được vị thánh chữa lành bằng cách xức dầu thánh.

Thấy rằng Chúa đang gọi ngài về với Ngài, vị thánh đã xin những người đến thăm rằng sau khi ngài qua đời, họ hãy chôn cất thi thể ngài ngay lập tức trong khu vườn nơi ngài đã sống. Khi sắp trút hơi thở cuối cùng, Hilarion đã nói, trong khi bằng tâm trí thanh tịnh, ngài chiêm ngưỡng sự tách rời của linh hồn khỏi thân xác:

– Hãy ra đi, hồn ta ơi, sao ngươi lại sợ hãi! Hãy ra đi, sao ngươi lại bối rối! Ngươi đã phụng sự Chúa Kitô suốt tám mươi năm, – vậy mà lại sợ cái chết sao?

Với những lời ấy, ngài đã trao linh hồn mình cho Thiên Chúa[7299] . Trong tiếng khóc thương ngài như thương cha và thầy, những người có mặt đã chôn cất ngài tại chính nơi ngài đã chỉ định.

Khi trở về từ Palestine mà không tìm thấy vị thầy của mình, thánh Isichius đã khóc lóc bên quan tài của ngài suốt nhiều ngày. Ông định đưa thi hài về Palestine để an táng cùng các tu sĩ, nhưng không thể làm được, vì tất cả cư dân xung quanh đều canh giữ thi hài, để không ai có thể mang báu vật quý giá này ra khỏi đất nước họ.

Lúc đó, Isichius giả vờ rằng mình muốn định cư tại nơi này và nói:

– Xin cho tôi được chết và được chôn cất tại đây cùng với cha tôi.

Tin lời ông, mọi người để ông ở lại nơi Thánh Hilarion được an táng. Còn Isichius, sau 10 tháng, đã mở quan tài của vị thánh và thấy thi hài thánh thiện của ngài, trông như mới qua đời, khuôn mặt rạng rỡ và toát ra hương thơm. Ông mang thi hài đi và bí mật trở về Palestine. Các tu sĩ và giáo dân Palestine nghe tin Isichius mang thi hài Thánh Hilarion đến, liền tụ tập từ mọi tu viện và thành phố, mang theo nến và lư hương; họ tiễn đưa thi hài với sự tôn kính, rồi an táng tại Maiuma, trong tu viện đầu tiên của ngài.

Cũng không thể không nhắc đến những việc mà bà Constance đã làm, như đã đề cập ở trên. Là một người đức hạnh và có lòng sùng kính sâu sắc đối với Thánh Hilarion, sau khi ngài qua đời, bà thường xuyên đến viếng quan tài của ngài, cầu nguyện suốt cả đêm và trò chuyện với ngài như thể ngài còn sống, xin ngài cầu nguyện cho mình. Khi bà biết tin thi hài của vị thánh đã bị đánh cắp, vì quá đau buồn, bà ngã quỵ và qua đời; và bằng cái chết của mình, bà đã chứng tỏ đức tin và tình yêu mà bà dành cho vị thánh ấy.

Người dân Síp và Palestine đã tranh cãi với nhau, mỗi bên đều ca ngợi Thánh Hilarion. Người dân Palestine nói:

– Chúng tôi có thi hài của Thánh Hilarion.

– Còn chúng tôi thì có linh hồn của ngài, – người Síp đáp lại.

Tại cả hai nơi, cả ở Síp, nơi ngài được an táng, lẫn ở Palestine, nơi thi hài ngài được chuyển đến, đã xảy ra nhiều phép lạ nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, và vô số trường hợp được chữa lành đã diễn ra để tôn vinh Đức Chúa Trời, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, Ngài sẽ nhận được sự tôn vinh, tạ ơn và sự thờ phượng từ chúng ta mãi mãi. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Bằng dòng nước mắt của ngài, ngài đã biến sa mạc cằn cỗi thành đất màu mỡ, và từ những tiếng thở dài sâu thẳm, ngài đã làm cho trăm công việc sinh hoa kết trái; ngài là ngọn đèn soi sáng vũ trụ, tỏa sáng những phép lạ, hỡi Ilarion, cha của chúng con: xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Như ngọn đèn không bao giờ tắt, như mặt trời sáng suốt, hôm nay chúng con tụ họp để ca ngợi Ngài trong những bài thánh ca: vì Ngài đã chiếu sáng trong bóng tối của sự vô minh, dẫn dắt mọi người lên đỉnh cao Thần

---

[7298] Kukol – mũ tu sĩ, là biểu tượng của sự trong sạch và lòng nhân ái. Đôi khi người ta may một cây thánh giá lên mũ kukol.

[7299] Ngài qua đời vào ngày 21 tháng 10 năm 371 hoặc 372.

thánh, hỡi Thánh Hilarion. Vì thế, chúng con kêu lên: Xin vui mừng, hỡi Cha, nền tảng của tất cả những người ăn chay.

Lễ kính Thánh Hilarion Meglinsky

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 10

Vua Kaloyan của Bulgaria[7300] , anh trai của vua Asen, đã chinh phục các vùng đất Hy Lạp – Thrace, Macedonia, Neada và Hellas – và chiếm được thành phố Meglin[7301] . Tại đây, ông đã tìm thấy hòm thánh tích của Thánh Ilarion[7302] , Giám mục Meglin, và được thúc đẩy bởi lòng sùng kính, ông mong muốn chuyển di hài cốt của vị thánh này về thủ đô Tarnov[7303] của mình và đã mang chúng theo. Khi tổng giám mục Bulgaria biết tin vị thánh đang đến gần, ngài đã ra đón di cốt thánh với nến và hương trầm, cùng với các giám mục, toàn thể hàng giáo sĩ, các quý tộc và toàn thể dân chúng. Di cốt của vị thánh đã được rước vào và an táng tại thành phố Ternov, nơi được Chúa bảo vệ, vào ngày 21 tháng 10.

Khi Vua Ioan Asen II lên ngôi, người đã mở rộng biên giới vương quốc của mình ra rất xa, theo ý muốn của nhà vua, một nhà thờ mang tên 40 vị tử đạo đã được xây dựng tại Ternovo, và di cốt của Thánh Hilarion được an táng tại đó.

Bài ca Troparion, giọng 3:

Phép lạ đã hiện ra như một lời báo trước, ngài đã làm rạng ngời các đức tính của Thiên Chúa, ngài đã chăn dắt các tu sĩ, ngài đã thanh tẩy các tòa giám mục, không nao núng trước sự tấn công của tà giáo, ngài đã xây dựng Hội Thánh của Đấng Kitô, thánh Hilarion kính yêu, ngài đã qua đời như đang ngủ, thi thể ngài được bảo tồn nguyên vẹn và bất hoại, và mang lại sự chữa lành cho những người đau khổ vì các bệnh tật khác nhau, đồng thời xua đuổi các quỷ dữ; vì lý do này, chúng con cầu xin ngài: xin cầu thay cho linh hồn chúng con được cứu rỗi.

[7300] Kaloian là người kế vị thứ hai của Ioann Asen (1186–1196). Ông bị chính cháu trai mình là Boril sát hại vào năm 1207; sau đó, con trai của Asen là Ioann II (1218–1241) lên ngôi, người lúc đó đang ở Nga khi vụ thảm sát do Boril gây ra diễn ra.

[7301] Theo một số ý kiến, đây cũng chính là thành phố Edessa cổ đại; trong khi đó, một số người khác lại cho rằng Edessa chính là thành phố Voden của người Slav, cách Meglina 30 ver về phía đông bắc. Hiện nay, thành phố này không còn tồn tại.

[7302] Thánh Ilarion xuất thân từ một gia đình giàu có và danh giá. Được nuôi dưỡng theo đạo Kitô, năm 18 tuổi, ngài từ bỏ đời sống thế tục và lui về tu viện, nơi ngài sớm được bổ nhiệm làm viện trưởng nhờ lối sống nghiêm khắc của mình. Với lòng quan tâm sâu sắc đến sự cứu rỗi của những linh hồn được giao phó, ngài khuyến khích họ đừng lãng phí thời gian quý báu dành cho sự cứu rỗi. Đặc biệt, ngài không dung thứ cho việc say xỉn. Năm 1134, ngài được Đức Tổng Giám mục Eustathius của Bulgaria tấn phong làm Giám mục Meglin. Vào thời điểm đó, tà giáo Bogomil đang lan rộng mạnh mẽ ở Bulgaria, tà giáo này chủ trương học thuyết nhị nguyên, theo đó thiện và ác là hai nguyên lý độc lập, luôn xung đột với nhau. Thánh Hilarion đã trang bị cho mình lòng nhiệt thành tông đồ và những lời cầu nguyện sốt sắng để dẫn dắt dân chúng tránh xa tà thuyết này. Ngài không ngừng vạch trần sự vô đạo đức của những người Bogomil, lột bỏ lớp mặt nạ của sự nhân từ giả dối mà họ dùng để lừa dối người khác. Các thủ lĩnh của tà giáo đã dám công khai tranh luận với Thánh Hilarion. Sau khi bác bỏ các phản biện của những người Bogomil, vị thánh đã kết thúc bài diễn thuyết của mình bằng những lời sau: “Tại sao các ngươi, những người Bogomil, lại tự lừa dối bản thân và người khác, tự xưng là Kitô hữu, trong khi thực chất các ngươi chẳng phải là Kitô hữu – các ngươi chống lại Thập tự giá của Đấng Cứu Thế Kitô, không công nhận Thiên Chúa duy nhất như các Kitô hữu tin tưởng, và phỉ báng sự mặc khải cổ xưa mà các Kitô hữu tôn kính theo Lời Chúa? Các ngươi lừa dối những người dân thường bằng sự hiền lành giả dối, trong khi lòng đầy kiêu ngạo. Không thể có sự sùng đạo chân chính ở những ai không nhận ra sự hư hỏng trong lòng mình và không cầu xin ân sủng của Đức Chúa Trời bằng lời cầu nguyện và sự khiêm nhường! Những ngày ăn chay của các ngươi có ích gì? Hãy tự kiểm điểm mình một cách chân thành – và các ngươi sẽ thấy rằng những ý nghĩ xấu xa, sự ghen tị, sự kiêu ngạo, sự phù phiếm, sự xảo trá, dối trá, lừa dối – không phải là do bản chất xấu xa trong chúng ta và không thể bị đánh bại bằng việc ăn chay, mà chúng là kết quả của lòng tự ái bị hư hỏng và vì thế đòi hỏi những nỗ lực thiêng liêng để khắc phục.” Lắng nghe lời khuyên nhủ của vị mục tử, nhiều người trong số những người sùng bái Thần đã cảm động trong lòng và, sau khi lên án sự bất kính trước đây của mình, đã gia nhập Giáo Hội của Đấng Kitô. Với tinh thần tương tự, Thánh Hilarion cũng đã đấu tranh với những người Armenia theo chủ nghĩa Monophysite, những người chỉ công nhận một bản tính – bản tính Thần thánh – trong Đức Kitô. Thánh Hilarion đã an nghỉ trong bình an vào năm 1164.

[7303] Ternov là một trong những thành phố quan trọng của Bulgaria, trong thời cổ đại thậm chí từng là thủ đô.

Kondak, giọng 3:

Hỡi vị Giám mục, kỷ niệm về ngài tỏa sáng như ánh sáng, xua tan bóng tối của sự chán nản, và ánh sáng của các ân sủng trên trời chiếu rọi, mang lại niềm vui cho tất cả mọi người: vì từ Thiên Chúa, hỡi Thánh Hilarion, ngài đã nhận được ân sủng, và ngài đã trở thành một tu sĩ.

Lễ kính các thánh tử đạo Dasius, Gaius và Zoticus

Ngày tưởng niệm: 21 tháng 10

Các thánh Dasios, Gaius và Zotikos, khi đang ở Nicomedia, đã từng bước vào một đền thờ thần tượng và phá hủy các bàn thờ. Vì thế, các ngài đã phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn và hành hạ. Các ngài bị treo lên cây, đồng thời bị cạo da bằng cái cào ngựa và cơ thể bị chà xát bằng những tấm vải làm từ lông thú. Thấy các ngài coi thường mọi cực hình, đồng thời vạch trần sự hư vô của các thần tượng và công khai rao giảng về Đức Kitô, Thiên Chúa, đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, những kẻ tra tấn đã buộc đá vào cổ các ngài và ném xuống biển, nơi các thánh đã an nghỉ[7304] .

Ngày 4 tháng 11

Ngày 22 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, người ta tưởng niệm bảy vị thánh thiếu niên Ê-phê-sô: Maximinian, Iamblichus, Martinian, Dionysius, Antoninus, Constantine (Exacustodian) và John. Lễ tưởng niệm các ngài còn được cử hành vào ngày 4 tháng 8. Sách Miine năm 1870 ghi rằng các thánh thiếu niên đã qua đời vào ngày 4 tháng 8, và được hồi sinh dưới triều vua Theodosius II vào ngày 22 tháng 10.

Lễ kính Thánh Averkius, Giám mục Hierapolis, được tôn vinh ngang hàng với các Tông đồ

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 10

Trong thời trị vì của Marcus Aurelius[7305] , con trai của Antoninus, tại thành phố Hierapolis[7306] , nơi phần lớn dân cư là những người ngoại đạo, Thánh Averky đã làm giám mục. Một lần nọ, tại đó diễn ra một lễ hội long trọng để tôn vinh các thần tượng, và tất cả những người không tin Chúa, tụ tập tại đền thờ của họ, hân hoan và thờ lạy các vị thần vô hồn – những thần tượng – đồng thời dâng lễ vật lên chúng. Thánh Averky, khi chứng kiến cảnh tượng đó, đã rơi lệ, đau buồn vì thấy con người, bị mù quáng bởi sự điên rồ, đã bỏ Chúa để thờ lạy ma quỷ, và quên mất Đấng Tạo Hóa, lại tôn vinh những tác phẩm do tay người tạo ra. Rút lui vào nhà riêng, vị giám mục cầu nguyện và nói:

– Lạy Thiên Chúa muôn đời và Chúa đầy lòng thương xót, Ngài đã tạo dựng cả vũ trụ và cai quản nó, Ngài đã sai Con Một của Ngài xuống trần gian để Ngài nhập thể vì loài người, – xin Ngài hãy nhìn xuống cả thế giới từ trời cao bằng ánh mắt thương xót; xin đừng bỏ rơi thành phố này, nơi Ngài đã đặt con làm mục tử cho đàn chiên Lời của Ngài; xin hãy nhìn xuống những con người đang chìm trong bóng tối: họ không dâng lên Ngài sự tôn vinh xứng đáng, mà lại dâng cho những ác quỷ và các thần tượng mà chính họ đã tự tạo ra; Lạy Chúa, xin cứu những con người lầm lạc này khỏi sự diệt vong, xin dẫn họ ra khỏi bóng tối đến với ánh sáng chân thật của Ngài, và xin cho họ được gia nhập vào đàn chiên được chọn của Ngài!

Sau lời cầu nguyện nhiệt thành này, vị thánh chìm vào giấc ngủ, vì đêm đã xuống, và kìa, trong giấc mơ, một thiếu niên có vẻ đẹp phi thường hiện ra trước mặt ngài; người ấy trao cây gậy vào tay Averky và nói:

[7304] Các thánh đã chịu tử đạo dưới triều đại của Diocletian vào năm 303.
[7305] Ngài trị vì từ năm 161 đến năm 180.
[7306] Ierapol – một thành phố giàu có ở Phrygia, thuộc vùng Tiểu Á

– Hãy đi, Averky, nhân danh Ta và dùng cây gậy này để đánh tan các thủ lĩnh của sự lầm lạc!

Khi tỉnh giấc, Averky nhận ra rằng chính Chúa đã hiện ra với ngài trong giấc mơ và ngài cảm thấy trong lòng một niềm vui khôn tả. Tràn đầy nhiệt huyết, anh lập tức đứng dậy, cầm lấy một cây cọc tình cờ tìm thấy, và ngay trong đêm đó, vào giờ thứ chín[7307] , anh lên đường đến đền thờ Apollon, nơi ngày hôm trước vừa diễn ra lễ hội ngoại giáo và rất nhiều lễ vật đã được dâng lên. Trong đền thờ này có rất nhiều tượng thần quý giá, được trang trí lộng lẫy. Khi đến gần đền thờ, Averky thấy cửa bị khóa; ông gõ vào cửa, và chúng lập tức mở ra trước mặt ông. Bước vào đền thờ, vị giám mục thánh thiện trước tiên đập vỡ tượng thần Apollon chính, rồi đến các tượng khác. Ngài đã đập vỡ tất cả chúng thành từng mảnh nhỏ. Những tượng thần câm điếc, vốn vô hồn và không có sức mạnh, không thể tự vệ khi vị thánh đập vỡ chúng. Chỉ nghe thấy tiếng va đập khi chúng rơi xuống.

Các thầy tế thần tượng, sống gần đền thờ, thức giấc và nghe thấy tiếng động lớn từ trong đền thờ, nhưng không hiểu điều đó có ý nghĩa gì. Chạy đến đền thờ, họ thấy các tượng thần của họ nằm trên mặt đất trong đống bụi, còn thánh Averky đang giẫm đạp lên những mảnh vỡ của các tượng thần bằng đôi chân của mình và đập nát chúng bằng cây gậy. Khi chứng kiến cảnh này, các thầy tế lễ hoảng sợ, còn vị thánh, quay sang họ, nói với giọng giận dữ:

– Hãy đi gặp các quan chức thành phố và toàn thể dân chúng, nói rằng các vị thần của các ngươi, sau khi say sưa trong lễ hội hôm qua mà các ngươi đã tổ chức cho họ, đã cãi vã với nhau và, khi ngã xuống đất, đã vỡ tan tành.

Nói xong, vị thánh trở về nhà mình, như một người hùng đã đánh bại kẻ thù; và những thần tượng đó quả thực chính là những kẻ đã dẫn dắt nhiều linh hồn con người đến chỗ diệt vong.

Các thầy tế thần tượng đã đến gặp các quan chức thành phố và kể cho họ nghe tất cả những gì Averky đã làm. Khi trời sáng, tin tức về sự việc nhanh chóng lan truyền khắp thành phố, và thế là tất cả mọi người, từ già đến trẻ, dân thường lẫn quan chức, đều tụ tập trước đền thờ. Thấy các thần tượng của mình bị vỡ thành từng mảnh nhỏ và vương vãi trên mặt đất, ban đầu ai nấy đều kinh ngạc. Sau đó, tràn đầy cơn thịnh nộ, tất cả bắt đầu la hét:

– Hãy giết Averky!

Một số người khác còn nói thêm:

– Hãy gửi hắn đến gặp vua, ở đó hắn sẽ phải chịu những cực hình xứng đáng với tội ác của hắn!

– Không, tốt hơn là chúng ta hãy đi ngay bây giờ và thiêu rụi hắn cùng cả ngôi nhà của hắn, – những người khác đề nghị.

Các quan chức đã ngăn cản đám đông:

– Đừng dám đốt nhà Averki; chúng tôi lo ngại rằng cả thành phố sẽ bị hỏa hoạn nếu các bạn đốt nhà Averki; tốt hơn là chúng ta nên bắt hắn và tự đưa ra xét xử, hoặc gửi hắn đến nhà vua để xét xử.

Khi dân chúng đang trong cơn phẫn nộ và đã định tấn công ngôi nhà của Averky, những người hàng xóm của vị giám mục, nghe tin này, liền đến nhà ông; họ bắt gặp ông đang giảng dạy cho những tín hữu tụ tập tại đó và kể lại cho ông nghe tất cả những gì họ nghe được từ dân chúng, rằng họ muốn đến nhà ông và bắt ông như một tên ác nhân.

Nghe vậy, các tín hữu hoảng sợ và nài nỉ vị mục tử của mình ra khỏi nhà và lánh nạn ở đâu đó một thời gian, cho đến khi sự xôn xao của dân chúng lắng xuống. Còn vị Thánh thì không hề sợ hãi, đáp lại họ rằng:

– Chúa đã truyền cho các Tông đồ của Ngài phải can đảm và không sợ hãi rao giảng Lời cứu rỗi cho muôn dân: vậy thì sao tôi lại phải sợ những người nổi dậy chống lại tôi và tìm cách cướp đi linh hồn tôi vì lòng nhiệt thành của tôi đối với Thiên Chúa của tôi? Dù tôi có thể trốn khỏi tay con người, thì làm sao tôi có thể thoát khỏi tay Thiên Chúa? Nơi nào có thể che chở tôi khỏi Ngài? Thật vậy, tôi nói với anh em rằng, chúng ta không nên sợ hãi hay trốn tránh khi chính Chúa, Đấng bảo vệ sự sống của chúng ta, đang giúp đỡ chúng ta; chịu khổ vì Ngài là điều phúc lành, và cái chết vì Ngài ngọt ngào hơn bất kỳ cuộc sống sung túc nào.

Nói xong những lời ấy, vị thánh bước ra khỏi nhà và đi thẳng vào giữa thành phố, còn các tín hữu thì theo sau ngài. Khi đến nơi mà người dân thường tụ tập, ngài ngồi lên một chỗ cao và bắt đầu giảng dạy cho những người có mặt ở đó, để họ nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, hiểu được sự lừa dối của ma quỷ và sự giả dối của các thần của họ, và từ bỏ việc thờ lạy thần tượng; ông khẩn khoản cầu xin họ trung thành phụng sự Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng ngự trên cao, Đấng Tạo Hóa của cả thế giới. Lúc đó, một số người ngoại đạo đã đến gặp các quan chức

[7307] Thời gian được tính từ lúc mặt trời mọc, do đó giờ thứ 9 tương ứng với 3 giờ sáng theo cách tính của chúng ta.

thành phố và đám đông đang tụ tập tại đền thờ Apollon – những người đang phẫn nộ vì việc lật đổ các tượng thần – và báo tin rằng Averky đang giảng dạy cho mọi người về đức tin Kitô giáo ngay giữa lòng thành phố. Nghe tin này, mọi người càng thêm phẫn nộ với Averky, người không chỉ phá hủy các thần tượng của họ, mà còn dám công khai rao giảng đức tin Kitô giáo trước mặt mọi người. Họ rời khỏi đền thờ, với cơn thịnh nộ khủng khiếp, tiến đến nơi vị thánh đang ở để giết ngài ngay lập tức. Trong đám đông có ba thiếu niên từ lâu đã bị quỷ ám. Khi đám đông tiến gần đến vị thánh, dưới sự xúi giục của quỷ, các thiếu niên bỗng dưng rơi vào cơn điên loạn và, với tiếng thét kinh hoàng, khiến mọi người kinh hãi.

Họ xé rách quần áo trên người, dùng răng cắn xé chính cơ thể mình và gặm nhấm đôi tay. Ngã xuống đất, họ lăn lộn, phun bọt mép và không ngừng la hét bằng giọng nói kinh hoàng:

– Averky, chúng tôi khẩn cầu ngài nhân danh Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, Đấng mà ngài rao giảng, xin đừng hành hạ chúng tôi trước thời hạn.

Khi chứng kiến cảnh tượng kinh hoàng như vậy, dân chúng run rẩy, nhìn thấy những chàng trai trẻ phải chịu cực hình tàn bạo và nghe thấy tiếng thét thảm thiết của họ. Quên mất lý do mình đến đây, họ ngơ ngác chờ đợi xem điều gì sẽ xảy ra tiếp theo và Averky – người mà lũ quỷ đang van xin hãy để chúng được yên – sẽ làm gì với những chàng trai trẻ đó. Còn vị Thánh thì bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Cha của Con Yêu Dấu là Chúa Giê-su, Ngài tha thứ tội lỗi cho chúng con, dù chúng con có vô số tội lỗi, Ngài ban cho chúng con mọi điều chúng con xin Ngài vì lợi ích chung, – giờ đây con xin và cầu khẩn Ngài, – xin bảo vệ những chàng trai này khỏi sự tấn công của ma quỷ, để sau này họ đi theo con đường các điều răn của Ngài, tuân theo thánh ý của Ngài. Khi chứng kiến dấu lạ kỳ diệu mà Ngài sẽ thực hiện trên họ, nhiều người sẽ tin vào Ngài, Thiên Chúa Duy Nhất Toàn Năng, – và nhận ra rằng không có ai khác ngoài Ngài.

Sau khi cầu nguyện như vậy, vị thánh quay sang các thiếu niên đang bị ma quỷ hành hạ, và vừa gõ nhẹ vào đầu họ bằng cây gậy đang cầm trên tay, vừa nói:

– Nhân danh Đấng Kitô của ta, ta ra lệnh cho các ngươi, hỡi các quỷ dữ, – hãy ra khỏi các thiếu niên này, mà không gây cho họ dù chỉ một chút tổn hại nào.

Với tiếng thét kinh hoàng, lũ quỷ rời khỏi các chàng trai, những người đang nằm trên mặt đất như những người chết.

Nắm lấy tay từng người, Thánh Averky đã đỡ họ dậy khỏi mặt đất. Ngay lập tức, họ trở nên hoàn toàn khỏe mạnh và, quỳ xuống trước Thánh nhân, họ hôn lên đôi chân thánh thiện của ngài.

Khi dân chúng chứng kiến cảnh này, họ đã quên đi cơn giận dữ và đồng thanh kêu lên:

– Chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật, Đấng mà Averky rao giảng! Sau đó, họ bắt đầu hỏi chính vị thánh:

– Xin hãy nói cho chúng tôi biết, hỡi người của Đức Chúa Trời, liệu Đức Chúa Trời của ngài có chấp nhận chúng tôi không, nếu chúng tôi quay về với Ngài, liệu Ngài có tha thứ vô số tội lỗi của chúng tôi không? Xin hãy dạy chúng tôi cách tin vào Ngài!

Thánh Averky mở miệng ra, bắt đầu dạy dỗ mọi người về sự hiểu biết Thiên Chúa và tiếp tục giảng dạy cho đến tận chín giờ sáng; ngài cũng ra lệnh mang tất cả những người bệnh tật đến với ngài và chữa lành cho họ, đồng thời kêu cầu danh Chúa Giêsu Kitô và đặt tay lên họ. Nghe lời giảng dạy của ngài và chứng kiến những phép lạ, tất cả mọi người đều tin vào Chúa Giêsu Kitô và xin Thánh Averky ban cho họ phép Rửa tội thánh. Vì lúc đó đã là buổi tối, nên vị thánh đã hoãn việc rửa tội cho họ đến sáng hôm sau, đồng thời ra lệnh cho mọi người chuẩn bị để lãnh nhận bí tích thánh. Sáng hôm sau, khi dân chúng tụ tập, ngài dẫn mọi người đến nhà thờ và lại giảng dạy cho họ; sau đó, sau khi dâng các lời cầu nguyện thông thường, ngài đã rửa tội cho 500 người đàn ông vào ngày hôm đó. Và trong vòng vài ngày, không chỉ Hierapolis mà cả các thành phố và làng mạc lân cận khác, ngài cũng đã dẫn dắt họ đến với đức tin nơi Chúa Kitô và kết hợp họ với Thiên Chúa qua phép rửa tội. Và danh tiếng của ngài lan truyền khắp nơi. Nhiều người bệnh từ các vùng đất khác nhau và xa xôi đã đến với ngài và họ được chữa lành trọn vẹn – cả thân xác lẫn linh hồn.

Một quý bà tên là Friella, mẹ của Evxenián Poplión, tổng trấn miền Đông, vốn bị mù, khi nghe tin rằng Averkius chữa lành nhiều loại bệnh tật khác nhau, đã ra lệnh cho người ta dẫn mình đến gặp vị thánh nhân. Bà bắt gặp Averky đang giảng dạy cho dân chúng, liền quỳ xuống dưới chân ngài và cầu xin vị thánh mở lại đôi mắt đã mất thị lực của mình. Với mong muốn trước hết là soi sáng đôi mắt tâm hồn của Friella, vị thánh đã hỏi bà liệu bà có tin vào Đấng Christ, Đấng đã mở mắt cho người mù bẩm sinh hay không? Khi Friella thề hứa sẽ tin và khóc nức nở trước chân Averky, vị thánh, sau khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời, đã chạm vào đôi mắt bà và nói:

– Ánh sáng chân thật, Chúa Giêsu Kitô, xin hãy đến và mở mắt cho tôi tớ của Ngài!

Ngay lập tức, Frielle đã lấy lại thị lực, và cô đã nhận phép rửa tội từ vị thánh.

Sau khi được rửa tội, cô trao cho vị thánh một nửa tài sản của mình để ngài phân phát cho những người nghèo, và sau khi nhận được lời dạy dỗ từ ngài, cô trở về nhà. Con trai bà, quan tổng trấn Evksenian Poplion, khi thấy mẹ mình đã sáng mắt và biết rằng chính thánh Averky đã mở mắt cho bà nhờ những lời cầu nguyện của ngài, đã muốn gặp ngài để bày tỏ lòng biết ơn vì đã chữa lành cho mẹ mình. Vị thánh đã dạy Evksenian về đức tin và dẫn dắt anh đến với Chúa Kitô.

Sau đó, ba người phụ nữ khác, cũng bị mù, đã đến gặp vị thánh và, sau khi cúi đầu kính lạy ngài, họ nói:

– Chúng tôi cũng tin vào Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà ngài rao giảng; vì vậy, chúng tôi xin ngài, hãy mở mắt cho chúng tôi, giống như ngài đã mở mắt cho Frielle.

Vị thánh đáp lại rằng:

– Nếu các chị thực sự tin vào Thiên Chúa chân thật, như các chị đã khẳng định, thì các chị sẽ được thấy ánh sáng của Ngài.

Nói xong, vị thánh ngước mắt lên trời và bắt đầu cầu nguyện. Trong lúc vị thánh đang cầu nguyện, một tia sáng vô cùng rực rỡ, vượt xa ánh sáng mặt trời, từ trời cao chiếu xuống và soi rọi nơi vị thánh Averky đang đứng cầu nguyện. Tất cả những người có mặt tại đó đều không thể chịu đựng được ánh sáng không thể diễn tả này, họ ngã xuống đất và chỉ có ba người phụ nữ mù là vẫn đứng bất động. Khi tia sáng chạm vào mắt những người phụ nữ mù, họ bỗng nhiên nhìn thấy được và ánh sáng rực rỡ từ trời cao cũng ngừng lại.

Thánh nhân hỏi những người vừa được sáng mắt:

– Điều đầu tiên các chị nhìn thấy là gì khi thị lực trở lại?

Lúc đó, người đầu tiên nói:

– Tôi đã thấy Đấng Cổ Xưa[7308] , Đấng đã chạm vào đôi mắt tôi.

Người kia nói:

– Tôi đã thấy một Chàng Trai tuyệt đẹp, Đấng đã chạm vào mắt tôi.

– Còn tôi thì thấy – người thứ ba reo lên – rằng một Đấng Thiếu Niên rực rỡ đã chạm vào mắt tôi.

Nghe vậy, vị thánh và tất cả những người đi cùng ngài đã ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng thực hiện những phép lạ kỳ diệu và vinh quang.

Sau đó, Averky, khi biết rằng ở các thành phố và làng mạc lân cận cũng có nhiều người đang chịu đựng các bệnh tật khác nhau, đã lên đường đến đó cùng các môn đệ của mình và, noi gương Chúa của mình, đi khắp các thành phố và làng mạc, giảng dạy mọi người về Nước Trời và chữa lành cho những người bệnh. Khi đến một vùng đất nằm bên bờ sông, được gọi là Selishche, ngài quỳ gối xuống và cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa nhân từ, xin hãy nghe lời con, tôi tớ của Ngài, xin ban ân sủng xuống nơi này, để một suối nước ấm tuôn trào tại đây, hầu cho những ai tắm rửa trong đó được chữa lành mọi bệnh tật và vết loét.

Khi ngài kết thúc lời cầu nguyện, bỗng nhiên, dưới bầu trời trong xanh, tiếng sấm rền vang; tất cả những người có mặt tại đó đều kinh hoàng khi, ngay sau tiếng sấm, một suối nước ấm phun trào chính tại nơi mà Averky đang quỳ gối cầu nguyện. Lúc đó, vị thánh ra lệnh cho những người đi cùng ông đào những hố sâu để nước ấm có thể tụ lại, và ông truyền cho tất cả những người bệnh tắm rửa trong đó – và bất cứ ai ngâm mình trong dòng nước ấy đều được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh.

Một lần nọ, ma quỷ, muốn cám dỗ Averky, đã hóa thân thành hình dáng một người phụ nữ và tiến đến gần vị thánh, xin ngài ban phước lành. Nhìn vào khuôn mặt của con quỷ, vị thánh định quay mặt đi, nhưng lúc đó chân phải của ngài vấp phải một hòn đá và bị thương nặng đến nỗi trên cẳng chân xuất hiện một vết loét. Dù phải chịu cơn đau dữ dội, vị thánh vẫn đứng đó, không thốt ra một tiếng rên rỉ nào, chỉ dùng tay ôm lấy chỗ có vết loét. Ác quỷ cười lớn và, trở lại hình dạng bình thường, nói với vị thánh:

– Đừng coi ta là một trong những con quỷ hèn mọn và tầm thường mà ngươi đã trừ tà; ta là trưởng lão của chúng; và giờ đây ngươi đã nhận vết loét từ ta: khi chữa lành bệnh tật cho người khác, chính ngươi giờ đây lại đang bị bệnh.

[7308] Đấng Cổ Xưa từ muôn đời – đó là danh xưng của Ngôi Thứ Nhất trong Thánh Ba Ngôi. Danh xưng này được tiên tri Đa-ni-ên sử dụng khi mô tả một trong những thị kiến huyền bí của ngài tại Ba-by-lôn: "Cuối cùng, tôi thấy – vị thánh tiên tri nói – rằng các ngai vàng đã được dựng lên và Đấng Cổ Xưa từ muôn đời đã ngự trên đó".

Nói xong, quỷ dữ nhập vào một chàng trai trẻ đang đứng gần vị thánh và bắt đầu hành hạ anh ta. Còn Thánh Averky, sau khi cầu nguyện với Chúa, đã ra lệnh cấm quỷ dữ và trục xuất nó khỏi chàng trai trẻ. Khi rời khỏi chàng trai, con quỷ la lên:

– Ngươi gây ra nhiều điều ác cho ta, Averky, và không cho ta sống yên ổn ở đây; ta sẽ tìm cách trả thù ngươi và buộc ngươi phải đến Rôma khi về già.

Khi trở về nhà, vị thánh đã không ăn uống gì trong bảy ngày, mà chỉ kiêng ăn và cầu nguyện suốt đêm. Averky cầu xin Chúa đừng để kẻ thù ép buộc ngài phải đi đến bất cứ nơi nào con quỷ muốn. Vào đêm thứ bảy, Chúa đã hiện ra với vị thánh trong một giấc mơ và phán:

– Theo sự an bài của Ta, Averky, ngươi sẽ đến Rôma, để tại đó người ta cũng biết đến danh Ta. Vậy nên, đừng sợ, vì ân sủng của Ta sẽ ở cùng ngươi.

Giấc mơ này đã củng cố lòng tin của Averky, và ông kể lại cho các tu sĩ những điều đã nghe từ Chúa hiện ra với ông. Ngay sau đó, con quỷ, vốn từng khoe khoang sẽ ép Averky phải đến Roma, bắt đầu thực hiện mưu đồ của mình một cách xảo quyệt.

Vào thời điểm đó, Hoàng đế La Mã Marcus Aurelius đã phong Lucius Verus làm đồng trị vì và hứa gả con gái mình là Lucilla cho ông ta. Nhưng chưa kịp tổ chức lễ cưới, con quỷ đã nhập vào cô gái và bắt đầu hành hạ cô. Buồn bã vì căn bệnh của cô gái, cha cô và vị hôn phu đã tập hợp các bác sĩ, pháp sư và thầy tế có kinh nghiệm từ khắp vương quốc, cố gắng bằng mọi cách để chữa lành cho Lucilla. Những nỗ lực của họ không những không mang lại kết quả, mà tình trạng của cô gái còn ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Còn con quỷ thì bắt đầu gào thét trong cô:

– Không ai có thể đuổi ta ra khỏi đây, ngoại trừ Averkius, giám mục thành Hierapolis.

Ngay khi nghe tin này, cha của cô gái, Hoàng đế Marcus Aurelius, lập tức gửi đến Euxeniana Poplion, tổng trấn phương Đông của ngài[7309] , một bức thư với nội dung như sau:

– Bệ hạ đã được biết rằng trong khu vực thuộc quyền cai quản của ngươi có một người tên là Averky, Giám mục thành Hierapolis; một người có đức tin Kitô giáo vững mạnh đến mức có thể trừ tà và chữa lành các bệnh tật khác nhau. Vì chúng ta cần ông ta, nên chúng ta cử hai quan chức của chúng ta là Valerius và Vassianus đi để họ đưa ông ta về gặp chúng ta với sự tôn trọng xứng đáng; còn ngươi, chúng ta ra lệnh phải thuyết phục ông ta đến gặp chúng ta, và ngươi sẽ nhận được phần thưởng không nhỏ từ chúng ta.

Sau khi nhận được thông điệp này từ hoàng đế, tổng trấn đã đến gặp Averkius và bắt đầu thuyết phục ông đi cùng các sứ giả hoàng gia đến Rome. Averkius, nhớ lại rằng con quỷ đã khoe khoang sẽ ép ông phải thực hiện một chuyến đi gian nan đến Rome khi đã về già, bèn thầm nghĩ:

– Dù ngươi, kẻ thù của loài người, đã cố gắng thực hiện điều mà trong sự kiêu ngạo của mình, ngươi đã hứa sẽ làm với ta, nhưng ngươi sẽ không được vui mừng đâu; tôi vững tin nơi Đức Chúa Trời và hy vọng rằng những vất vả của tôi trong tuổi già sẽ không uổng phí, mà tại đó tôi sẽ tiêu diệt sự kiêu ngạo của ngươi bằng quyền năng của Đấng Christ của tôi, Đấng đã hứa ban ân sủng của Ngài cho tôi trong một khải tượng.

Sau khi chuẩn bị xong mọi thứ cần thiết cho chuyến đi, vị thánh lên đường, cầu xin sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời Toàn Năng. Việc chuẩn bị của ngài cho chuyến đi như sau: Ngài mang theo một ít bánh mì và đổ rượu, dầu, giấm và nước vào cùng một túi da, đồng thời sắp xếp sao cho các chất lỏng này không trộn lẫn vào nhau. Khi trên đường đi, ngài cần rượu vang thì chỉ có rượu vang chảy ra từ túi da; khi ngài cần giấm thì chỉ có giấm chảy ra; nếu ngài cần nước thì chỉ có nước chảy ra; như vậy, mỗi chất lỏng đều chảy ra riêng biệt, mặc dù tất cả đều được đựng chung trong cùng một túi da. Một lần nọ, một đệ tử của vị thánh, không xin phép ngài, đã định rót cho mình một chén rượu, và thế là tất cả các chất lỏng đều chảy ra cùng lúc: rượu, dầu, giấm và nước, đến nỗi anh ta không thể nếm được hỗn hợp đó; trong sự kinh hoàng, anh ta thú nhận tội lỗi của mình với vị thánh, xin ngài tha thứ, và khi đó, nhờ sự ban phước của vị thánh, mỗi chất lỏng lại bắt đầu chảy ra riêng biệt.

Khi Thánh Averky đến Rome, hoàng đế cùng với vợ là Faustina đã tiếp đón ngài một cách long trọng và dẫn ngài đến gặp con gái mình, người đang bị quỷ ám. Con quỷ, khi thấy Thánh Averky đến, đã cười lớn và nói:

– Chẳng phải ta đã nói với ngươi rồi sao, Averky, rằng ta sẽ trả thù ngươi vì đã sỉ nhục ta và sẽ bắt ngươi phải đến Rome khi ta đã già yếu?

[7309] Các Proconsul – những người cai trị các tỉnh của Đế quốc La Mã.

– Đúng vậy, quả thực là như thế, – vị thánh đáp, – nhưng điều này sẽ không mang lại niềm vui cho ngươi đâu, con quỷ bị nguyền rủa.

Và vị thánh ra lệnh đưa cô gái ra khỏi phòng. Khi họ dẫn cô đi, con quỷ cản trở, không muốn đi, nhưng cô gái vẫn bị lôi đi bằng vũ lực; lúc đó, con quỷ bắt đầu quăng cô xuống đất và đánh đập, còn Thánh Averky, hướng ánh mắt lên trời, đã thành tâm cầu nguyện với Chúa để chữa lành cho cô thiếu nữ đang chịu đau khổ. Lúc đó, con quỷ bắt đầu la hét:

– Ta thề nhân danh Đấng Kitô của ngươi, xin đừng gửi ta xuống vực thẳm hay bất kỳ nơi nào khác, mà hãy cho ta trở về nơi ta đã ở cho đến nay.

Thánh nhân đáp lại:

– Ngươi, hồn ma độc ác, sẽ phải về với cha ngươi, Satan, nhưng vì ngươi đã quấy rầy ta, một vị lão niên, và buộc ta phải đến đây, nên ngươi cũng sẽ không thoát khỏi sự trừng phạt và sẽ không ra về tay không; kìa, tảng đá kia – (trước cung điện có một tảng đá khổng lồ đến nỗi cả đám đông cũng chỉ có thể di chuyển nó một quãng ngắn với rất nhiều khó khăn; chính tảng đá này là thứ mà vị thánh đã chỉ vào), ta ra lệnh cho ngươi nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô của ta, hãy mang tảng đá này về quê hương ta, thành Ierapol, và đặt nó gần cổng phía nam.

Và thế là ma quỷ, như một nô lệ và tù nhân, bị ràng buộc bởi lời thề, đã rời khỏi người con gái của nhà vua, nhấc tảng đá đó lên và với tiếng rên rỉ nặng nề, mang nó bay qua không trung qua trường đua ngựa[7310] . Tất cả những người có mặt ở đó đều ngạc nhiên khi thấy tảng đá di chuyển trên không trung và nghe thấy tiếng rên rỉ khủng khiếp của ma quỷ, nhưng họ không thể nhìn thấy chính hắn. Sau khi mang hòn đá đến Hierapolis, quỷ dữ đặt nó xuống đúng nơi mà Thánh Averky đã ra lệnh; còn người dân Hierapolis, khi nhìn thấy hòn đá khổng lồ đột ngột rơi xuống từ trên không, đã vô cùng kinh ngạc, và chỉ hiểu được bí mật này khi Thánh Averky trở về với họ.

Dù đã thoát khỏi kẻ hành hạ độc ác, công chúa vẫn không thể đứng dậy khỏi mặt đất và nằm im lặng, không phát ra một tiếng động nào, dưới chân Thánh Averky. Thấy vậy, mẹ cô, hoàng hậu Favstina, tưởng rằng con gái mình đã qua đời và bắt đầu khóc lóc, nhưng vị thánh đã giơ tay ra và nâng cô gái dậy, lúc đó cô vẫn còn sống, khỏe mạnh và hoàn toàn tỉnh táo. Lúc đó, cha mẹ cô gái tràn ngập niềm vui lớn lao, và hoàng cung rộn ràng hân hoan vì sự chữa lành của công chúa. Cha mẹ cô đã gửi tin vui này đến con rể của họ là Lucius Verus, người lúc đó đang tham gia chiến dịch chống lại người Parthia[7311] , để báo cho ông biết về việc cô dâu đã bình phục. Còn đối với vị thánh, họ đã dâng tặng những món quà quý giá và hứa sẽ ban cho ngài bất cứ điều gì ngài yêu cầu. Nhưng Averky không nhận vàng, bạc hay bất kỳ tài sản nào, và nói:

– Người mà đối với người ấy, bánh mì và nước cũng giống như bữa tiệc hoàng gia và đại yến, thì không cần đến của cải.

Ngài chỉ xin hai điều: thứ nhất, hàng năm tại Ierapol, từ các khoản thuế thu cho vua, phải phân phát cho người nghèo ba nghìn mè lúa mì; và thứ hai, vua phải ra lệnh dùng ngân khố của mình để xây dựng các nhà tắm tại suối nước ấm, mà vị thánh đã dùng lời cầu nguyện khai thông từ lòng đất để chữa lành cho người bệnh. Nhà vua vui vẻ hứa sẽ thực hiện những lời thỉnh cầu này của vị thánh và đã trao cho ngài một văn bản xác nhận bằng văn bản.

Khi vị thánh còn ở lại Rome một thời gian nữa sau đó, củng cố đức tin cho Hội Thánh của Chúa Kitô, thì Chúa Kitô đã hiện ra với ngài trong một thị kiến và phán:

– Averky, ngươi nên đến Syria để rao giảng danh Ta, củng cố các Hội Thánh của Ta và chữa lành cho nhiều người đau ốm.

Sau giấc mộng ấy, Averky đã xin nhà vua cho phép ngài ra đi; nhưng nhà vua không đồng ý với lời thỉnh cầu của ngài, vì lo sợ rằng khi vị thánh vắng mặt, ác quỷ có thể lại nhập vào con gái mình. Vị thánh đã khuyên nhủ nhà vua hãy gạt bỏ nỗi sợ hãi đó, khẳng định rằng ác quỷ không thể quay trở lại; chỉ đến lúc đó, và cũng với sự miễn cưỡng, nhà vua mới cho phép vị thánh ra đi.

[7310] Đấu trường ngựa – nơi tổ chức các cuộc đua ngựa và thi đấu xe ngựa.

[7311] Người Parthia – chiếm giữ các vùng đất ở châu Á, nằm giữa sông Euphrates và các vùng núi dọc sông Indus. Người Parthia là những bộ lạc du mục và cho đến thời kỳ sau này vẫn không mất đi bản chất đó, nổi bật trong mọi cuộc chiến tranh như những kỵ sĩ xuất sắc và dũng cảm, thành thạo trong việc sử dụng cung tên và giáo. Cuộc chiến chống người Parthia đã kết thúc thành công vào năm 165 dưới sự chỉ huy của Lucius Verus.

Lên thuyền, Averky đã ra khơi đến vùng Syria; trước tiên ngài ghé thăm Antioch, sau đó đến Apamea[7312] và các thành phố lân cận khác, khôi phục hòa bình trong các nhà thờ đã bị lung lay bởi tà thuyết của phái Marcion[7313] . Sau khi vượt qua sông Euphrates, vị thánh đã viếng thăm các giáo hội tại Nizibis[7314] và khắp Mesopotamia; từ đó, ngài tiếp tục hành trình đến Cilicia[7315] và Pisidia[7316] , đồng thời cũng ghé thăm Sinad[7317] , tổng giáo phận Phrygia. Tại tất cả các vùng và thành phố đó, ngài đã mang lại lợi ích to lớn cho Giáo hội, dẫn dắt nhiều người ngoại đạo trở lại đức tin nơi Chúa Kitô, làm bẽ mặt và buộc những kẻ dị giáo phải rút lui, củng cố đức tin cho các tín hữu, hướng dẫn những người lầm lạc trở lại con đường chân lý, trừ tà cho nhiều người, và chữa lành cho rất nhiều người mắc các bệnh tật khác nhau. Mọi người đều gọi ngài là "ngang hàng với các Tông đồ", vì không ai, ngoài các Tông đồ, đã đi qua nhiều quốc gia và thành phố đến thế. Như vậy, vị Thánh đã lan tỏa vinh quang của Đức Kitô Thiên Chúa và phục vụ con người rất nhiều cho sự cứu rỗi và khai sáng của họ. Sau đó, ngài trở về Hierapolis.

Người dân Hierapolis, khi nghe tin vị thánh của họ đang trở về và đã ở rất gần thành phố, tất cả, từ già đến trẻ, cùng vợ con, đều đổ xô ra đón ngài; với niềm vui tột độ, họ ôm chầm lấy ngài như những đứa trẻ ôm cha, và nhận lấy lời chúc lành từ ngài – điều mà họ đã mong mỏi từ lâu.

Khi vào thành, Averky đã đến nhà thờ, ngồi lên ngai của mình, ban bình an cho mọi người và bắt đầu giảng dạy dân chúng.

Mọi người đều vui mừng trước sự trở về của vị thánh nhân, đặc biệt là những người nghèo khó và khốn khổ, bởi vì Averky mang theo sắc lệnh của hoàng đế, ra lệnh mỗi năm phải cấp cho họ ba nghìn mēr lúa mì từ thuế của hoàng gia. Và số lúa mì này được cấp phát cho đến thời Julianus Apostata, người đã bãi bỏ sắc lệnh và thu hồi văn bản đó. Nhờ sự quan tâm của vị thánh, theo sắc lệnh của hoàng đế, những nhà tắm cũng đã được xây dựng bên suối nước ấm.

Thánh Averky đã dành những năm còn lại của cuộc đời mình trong sự thánh thiện và công chính, khôn ngoan quản lý đoàn chiên của mình. Ngài đã được báo trước về cái chết của mình: Chúa đã hiện ra với ngài trong một giấc mơ và phán:

– Averky, đã đến lúc ngươi được nghỉ ngơi sau những công lao của mình rồi.

Sau đó, Averky tập hợp toàn thể đoàn chiên của mình lại và, sau khi thông báo rằng cuộc đời ngài sắp kết thúc, ngài bắt đầu giảng dạy mọi người theo thông lệ, khẩn khoản cầu xin những người nghe rằng họ hãy luôn vững vàng trong đức tin, đừng tuyệt vọng trong niềm hy vọng và hãy yêu thương lẫn nhau một cách chân thành. Sau đó, ngài chuẩn bị quan tài cho mình và ban phước lành mục vụ lần cuối cùng cho mọi người, rồi ngài dâng linh hồn thánh thiện của mình lên Chúa. Như vậy, Thánh Averky, người ngang hàng với các Tông đồ, đã kết thúc cuộc đời trần thế của mình ở tuổi 73[7318] . Sau khi khóc thương ngài, cư dân Ierapol đã an táng thi hài cao quý của ngài một cách tôn kính và với nhiều khó khăn, họ đã đặt lên mộ thánh viên đá mà trước đây, theo lệnh của ngài, đã được mang từ Roma về. Và nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, đã có nhiều phép lạ chữa lành xảy ra, cả từ quan tài của ngài lẫn từ suối nước ấm được hình thành nhờ những lời cầu nguyện của ngài; xin Chúa cũng ban cho chúng ta lòng thương xót của Ngài mãi mãi. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Như một vị linh mục vĩ đại và đồng hành cùng các Tông đồ, toàn thể các tín hữu trong Giáo hội tôn kính ngài, hỡi Averki: xin nhờ những lời cầu nguyện của ngài, hãy gìn giữ chúng con được hạnh phúc, bất khả chiến bại và không bị lay chuyển bởi bất kỳ tà thuyết nào, và không bị ô uế, như một vị thánh được tưởng nhớ mãi mãi.

[7312] Apamea – một trong những thành phố của Syria.

[7313] Những người Marcionite – những kẻ dị giáo của thế kỷ II, tin vào hai nguồn gốc: Thượng Đế thiện lành và vật chất nằm dưới sự thống trị của ma quỷ, hay một thực thể xảo quyệt, vĩnh cửu và độc ác.

[7314] Nisibis, hay Nisibida – một thành phố lớn và đông dân thuộc tỉnh Migdonia, ở Mesopotamia.

[7315] Cilicia – vùng ven biển phía đông nam của Tiểu Á.

[7316] Pisidia – một vùng thuộc Tiểu Á.

[7317] Sinad hay Sinnad, một thành phố ở phía bắc Phrygia, gần dãy núi nơi có các mỏ đá cẩm thạch Sinnad nổi tiếng. Ngày nay, những tàn tích này nằm gần Eskikari – Gassaf.

[7318] Ngài qua đời vào khoảng năm 167.

Kỷ niệm các thánh tử đạo: Giám mục Alexander, chiến binh Heraclius và bốn người phụ nữ: Anna, Elizabeth, Theodota và Glyceria

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 10

Thánh Alexander đã dẫn dắt và rửa tội cho nhiều người vào đức tin nơi Chúa Kitô. Ngài bị quan tổng trấn bắt giữ và, khi bị ép buộc dâng lễ vật cho các thần tượng, đã phải chịu nhiều cực hình, nhưng vẫn không khuất phục. Nhìn thấy sự kiên nhẫn của ngài, chiến binh Heraclius đã tin vào Chúa Kitô và, sau những cực hình tàn bạo, đã bị chém đầu bằng gươm. Còn Thánh Alexander, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, đã được chữa lành các vết thương một cách đột ngột. Sau đó, ngài đã dẫn dắt bốn người phụ nữ đến với Chúa Kitô: Anna, Elisaveta, Theodotia và Glykeria, những người cũng đã phải ra trước quan tổng trấn và vì đã vạch trần sự hư vô của các thần tượng mà bị chém đầu bằng gươm. Sau tất cả, Thánh Alexander cũng qua đời vì bị chém bằng gươm và đã dâng linh hồn thánh thiện và hạnh phúc của mình lên Chúa[7319] .

Lễ kỷ niệm các vị thánh Theodor và Paul của Rostov[7320] , những người sáng lập Tu viện Borisoglebsky

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 10

Trong thời kỳ trị vì của Đại công tước Dimitri Donskoy, dưới thời Công tước Rostov Konstantin Vasilyevich[7321] , tu sĩ Feodor đã từ vùng Novgorod đến thành phố cổ Rostov Veliky; không rõ ngài sinh ra ở đâu và đã thọ giới tu sĩ ở đâu.

Trên con đường dẫn từ Kargopol và từ hồ Bela đến Rostov và Moscow, ông dừng chân trong một khu rừng rậm rạp bên bờ sông Ustye, cách Rostov khoảng mười tám verst. Sau khi dựng cho mình một túp lều bằng cành cây trong rừng, ông ở lại đây sinh sống. Bên đường đi qua, trên một cái cây, ông treo một cái thùng làm từ vỏ cây, và những người đi bộ cũng như người đi đường, đoán được rằng ở đây có một ẩn sĩ đang sống, bắt đầu bỏ vào đó bánh mì, rau củ và các vật phẩm bố thí khác. Vị ẩn sĩ, không ai nhìn thấy, đã lén lấy những món bố thí đó ra và chia sẻ với những người anh em nghèo khó; khi biết được điều này, người dân từ nhiều làng mạc bắt đầu tìm đến vị ẩn sĩ để xin bố thí, và ông chia sẻ tất cả những gì tìm thấy trong chiếc giỏ treo trên cây.

Một thời gian sau, một tu sĩ đồng đạo tên là Pavel đến gặp ông; được Theodore đón tiếp nồng nhiệt, người này đã cùng ông định cư trong sa mạc.

Vào những năm đầu triều đại của Đại công tước Dimitri Ioannovich, dưới thời Tổng giám mục toàn nước Nga Alexei, cùng với Công tước Rostov Konstantin và Giám mục Rostov Ignatius[7322] , vị thánh Sergius Radonezhsky đã đến Rostov để thờ phượng Đức Mẹ Đồng Trinh tại nhà thờ chính tòa và các vị thánh làm phép lạ của Rostov[7323] . Khi biết tin này, hai vị ẩn sĩ Feodor và Pavel đã lên đường đến Rostov, xin Công tước và Giám mục cho phép xây dựng một nhà thờ trong sa mạc của họ và thành lập một tu viện, đồng thời khẩn cầu Thánh Sergius xem xét địa điểm để xây dựng nhà thờ và ban phước lành cho nơi đó.

[7319] Các thánh tử đạo tại Adrianople vào thế kỷ III.

[7320] Nội dung trình bày ở đây dựa trên "Câu chuyện về Tu viện Borisoglebsky từ bao nhiêu năm trước và nguồn gốc của nó ra sao, những gì chúng tôi nghe được từ các vị tu sĩ cao niên xưa kia và những ghi chép ít ỏi mà chúng tôi tìm thấy", được viết vào thế kỷ XVI ngay tại Tu viện Boris-Gleb và được lưu giữ dưới dạng bản thảo thế kỷ XVI tại thư viện Tu viện Troitsa-Sergiev, trong tập sưu tập số 782. – Tu viện Borisoglebsky hạng hai vẫn còn tồn tại cho đến nay và tọa lạc tại tỉnh Yaroslavl, huyện Rostov, cách Rostov 18 verst theo con đường (nay là đường cao tốc) từ Rostov đến Uglich, bên sông Ustye, con sông này, sau khi hợp lưu với sông Versa – chảy ra từ Hồ Rostov – cách Rostov chín verst, tạo thành sông Kotrost, đổ vào sông Volga tại thành phố Yaroslavl.

[7321] Dimitri Ioannovich Donskoy trị vì từ năm 1363 đến năm 1389 – Công tước Rostov Konstantin III Vasilievich trị vì tại Rostov sau khi anh trai ông là Feodor Vasilievich qua đời, từ năm 1331 đến năm 1365.

[7322] Giám mục Ignatii II đảm nhiệm chức vụ Giám mục Rostov từ năm 1356 đến năm 1364.

[7323] Đó là vào năm 1363 – Cha mẹ của Thánh Sergius đều xuất thân từ thành phố Rostov.

Thánh Sergius đã đáp ứng lời thỉnh cầu của họ và cùng họ lên đường đến sa mạc của họ. Họ đã đi bộ rất lâu trong sa mạc. Feodor và Pavel chỉ vào chỗ này rồi lại chỗ kia; Thánh Sergius đã xem xét kỹ lưỡng mọi nơi, cuối cùng, ngài dừng lại tại chính nơi mà tu viện hiện nay tọa lạc, và ban phước cho việc xây dựng nhà thờ tại đây để tôn vinh các vị Tử đạo vĩ đại Boris và Gleb, đồng thời nói với các ẩn sĩ:

– Nguyện Chúa Trời và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội ngự nhìn nơi này, và các vị Tử đạo vĩ đại của Chúa Kitô sẽ giúp đỡ các con. Nơi này sẽ được xây dựng rực rỡ và trong tương lai sẽ được tôn vinh ngang hàng với các tu viện lớn.

Sau khi ban bình an và lời chúc lành cho các ẩn sĩ, Thánh Sergius lên đường trở về.

Các vị ẩn sĩ thánh thiện bắt đầu chặt cây và dọn dẹp khu đất mà Thánh Sergius đã ban phước để xây dựng nhà thờ. Một lần nọ, trong lúc nghỉ ngơi sau những giờ lao động vất vả, trong giấc mơ mờ ảo, hai vị chiến binh rực rỡ, được trang bị vũ khí và khoác trên mình những bộ áo choàng hoàng gia màu đỏ thẫm, đã hiện ra trước mặt Theodor và Paul và nói:

– Hãy tiếp tục lao động tại nơi này: Đức Chúa Trời và Đức Mẹ Đồng Trinh sẽ không bỏ rơi nơi này, và chúng tôi sẽ luôn ở đây để giúp đỡ các ngươi và những ai sau các ngươi sẽ tiếp tục xây dựng nơi này.

Các vị thánh nhân quỳ xuống dưới chân họ và thưa:

– Các ngài là ai, thưa các vị?

Nhưng các chiến binh bỗng chốc biến mất, chỉ còn nghe thấy một giọng nói gọi người này là Roman, người kia là David[7324] .

Sau khi bình tĩnh lại sau cơn sợ hãi và kinh hoàng tột độ, hai vị ẩn sĩ bắt đầu động viên lẫn nhau và kể lại bằng những lời giống hệt nhau những gì họ đã thấy và nghe trong giấc mơ.

Sau đó, họ bắt đầu làm việc và nỗ lực với một nhiệt huyết mới để xây dựng nơi này.

Và các tu sĩ cùng những người thế tục – những thợ mộc – bắt đầu tụ tập về để giúp đỡ công việc.

Chẳng bao lâu, số tu sĩ ngày càng đông và tất cả đều nài nỉ Thánh Theodor trở thành vị Bề trên của họ. Và điều đó đã thành hiện thực.

Với sự giúp đỡ của Chúa, tu viện tiếp tục được xây dựng, và nhiều người yêu mến Chúa Kitô, từ bỏ mọi của cải trần thế, đã tìm đến đây để sống đời tu sĩ. Thánh Theodorus đón nhận họ với niềm vui và kết nạp họ vào cộng đoàn.

Nhiều quý tộc từ vùng Rostov đã để lại di chúc mong được an táng tại tu viện Borisoglebsk, đồng thời hiến tặng cho tu viện những điền trang, làng mạc và mùa màng của mình để cầu nguyện cho linh hồn họ.

Nhờ đó, nguồn lực của tu viện được củng cố, và Thánh Phê-đô-rô càng nỗ lực hơn nữa trong việc xây dựng tu viện và quy tụ các tu sĩ. Ngài đã xây dựng một nhà thờ ấm áp dành cho các buổi cầu nguyện chung mang tên Lễ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh.

Trong nhiều năm, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, sự che chở của Đức Mẹ và sự giúp đỡ của các vị Tử đạo Boris và Gleb, Thánh Phê-đô-rơ đã nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng tu viện: ngài đã xây dựng các nhà thờ, dựng các phòng tu, tất cả đều được sắp xếp theo nghi thức tu viện, mua ruộng và đất canh tác cho tu viện, tuyển dụng nhiều người phục vụ cho tu viện và mua được một số lượng gia súc đáng kể.

Bất chấp tuổi già, ngài vẫn tiếp tục làm việc và lo lắng cho lợi ích của tu viện: không ngừng nghỉ, ngài đã nảy ra ý định đi tìm một nơi thuận lợi để đánh cá nhằm đáp ứng nhu cầu của tu viện.

Sau khi phó thác tu viện cho Đức Chúa Trời và Đức Mẹ Đồng Trinh, với sự bảo trợ của các vị thánh tử đạo vĩ đại của Chúa Kitô là Boris và Gleb, và giao quyền quản lý tu viện cùng cộng đoàn tu sĩ cho người bạn đồng tu và anh em trong Chúa Kitô là Pavl, Thánh Feodor đã lên đường đến vùng Vologda, mang theo hai tu sĩ trong số các môn đệ của mình.

Tại đó, ngài tìm thấy một nơi được gọi là Thánh Luca. Sau khi đi thăm dò khu vực này và xác nhận rằng nơi đây thích hợp để xây dựng tu viện, ngài đã quyết định định cư tại đó và dựng lên một nhà thờ nhỏ.

Người dân xung quanh, những người thuộc bộ tộc Chud lúc bấy giờ vẫn chưa được khai sáng, đã biết chuyện này và đuổi vị tu sĩ thánh thiện ra khỏi đó.

Vị tu sĩ bị trục xuất tiếp tục đi, vừa cầu nguyện cho những kẻ gây hại cho mình, vừa an ủi các môn đệ: "Đừng buồn rầu, hỡi anh em: *'Chúa là nơi nương tựa và sức mạnh của chúng ta, là Đấng cứu giúp nhanh chóng*

[7324] Roman và David – là tên của Boris và Gleb, được đặt cho họ khi làm lễ rửa tội.

trong hoạn nạn' (Thánh Vịnh 45:2): Chúa đã phán với các môn đệ của Ngài: *'Khi người ta đuổi các con khỏi một thành phố, hãy chạy sang thành phố* khác*'* (Mt 10,23)".

Sau khi đi qua nhiều vùng hoang vu, như một thợ săn lão luyện mong muốn tìm được thứ mình cần, Thánh Theodor đã lên đường đến vùng Belozersk và, sau khi đi vòng quanh các vùng hoang mạc bao quanh toàn bộ Hồ Beloye, ngài đã tìm thấy một nơi tuyệt đẹp, thích hợp để xây dựng tu viện, ở phía bên kia Hồ Beloye: những vùng đất mới được khai hoang, những khu đất đã được cải tạo ở cửa sông Kovzha[7325] .

Lúc bấy giờ, Hồ Bêlozer thuộc sở hữu của Công tước Andrei Dimitrievich, con trai của Dimitrij Ioannovich Donskoy. Sau khi tìm thấy địa điểm thuận lợi như vậy, Thánh Phêrô, đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời Toàn Năng và có Đức Mẹ Đồng Trinh làm người trợ giúp, đã lên đường đến thành phố Moscow, thủ đô của vương quốc, quỳ lạy và khẩn cầu Công tước lãnh địa Andrei Dimitrievich Mozhaisky và Beloozersky, xin ngài ban ân huệ, cho ngài mảnh đất đã chọn để xây dựng nhà thờ mang tên Thánh Nicholas, vị Thánh làm phép lạ, và một tu viện. Và, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, lời thỉnh cầu của ngài đã được đáp ứng: Công tước Andrei Dimitrievich đã ban cho vị tu sĩ một sắc lệnh cho phép thu thuế từ các hoạt động sửa chữa, thu hoạch mùa màng và đánh bắt cá.

Sau khi nhận được các văn bản ban tặng, vị tu sĩ Theodor đã trở về tu viện Borisoglebsky của mình.

Tại đây, ngài giao trọng trách làm vị trụ trì cho người đồng tu của mình là Pavl. Sau khi phó thác tu viện cùng vị trụ trì và các tu sĩ dưới sự che chở của Đức Mẹ Đồng Trinh và sự cầu bầu của các Thánh Tử Đạo Boris và Gleb, vị tu sĩ thánh thiện Feodor lại lên đường đến Beloezero để xây dựng một tu viện mới tại đây.

Khi đến địa điểm đã được chọn trước đó, vị thánh đáng kính đã miệt mài làm việc, trước tiên là xây dựng nhà thờ mang tên Thánh Nicholas, Người Làm Phép Lạ, sau đó mới tiến hành xây dựng các công trình khác của tu viện.

Khi biết về những công lao của vị thánh, các tín hữu Chính Thống giáo trong vùng bắt đầu đổ về gặp vị trưởng lão để xin phước lành, còn một số người thì đến để nhận lễ xuất gia. Vị trưởng lão Feodor đón tiếp tất cả với niềm vui.

Vị tu sĩ đáng kính đã sống ở đây không ít năm, xây dựng nhà thờ, thành lập tu viện, tập hợp các tu sĩ, bổ nhiệm vị tu viện trưởng cho họ và, khi đã ở tuổi già nua, nhận ra sự cận kề của cái chết, ngài đã lên đường trở về tu viện đầu tiên của mình – Tu viện Borisoglebsky.

Tại đây, vị tu sĩ cao niên Theodor đã được vị tu viện trưởng Pavel và các tu sĩ đón tiếp với niềm vui lớn lao; tất cả đều hân hoan cả về tinh thần lẫn thể xác, và tạ ơn Thiên Chúa cùng Đức Mẹ Rất Thánh vì thành quả lao động của vị tu sĩ cao niên.

Thánh Phê-ô-đô-r đã ra lệnh sáp nhập Tu viện Nikolsk vào Tu viện Borisoglebsky, và giao cho người anh em thân yêu của ngài, vị tu viện trưởng Borisoglebsky là Pa-vê, đảm nhận vai trò lãnh đạo tu viện trưởng, các tu sĩ và việc xây dựng tu viện mới được thành lập[7326] .

Sau tất cả những công lao và chỉ thị này, không lâu sau đó, vị thánh sáng lập Tu viện Borisoglebsky đã an nghỉ trong bình an vào ngày 22 tháng 10 năm 1409. Vị tu viện trưởng thánh Phaolô cùng các tu sĩ đã thương tiếc người quá cố và an táng thi hài ngài một cách trang trọng.

Sau khi Thánh Feodor qua đời, vị cộng sự còn sống sót của ngài là Thánh Pavel đã càng nỗ lực hơn nữa trong việc chăm lo cho cả hai tu viện, và sau khi sống đến tuổi thọ cao, ngài đã về với Chúa trong đức tin vững vàng.

Những lời tiên tri của Thánh Sergius, người đã ban phước cho việc thành lập Tu viện Borisoglebsky và tiên đoán sự mở rộng của nó, đã trở thành hiện thực một cách chính xác. Sau khi các vị sáng lập, Thánh Theodor và Thánh Pavel, qua đời, những người kế vị họ – các vị tu viện trưởng của Tu viện Borisoglebsky – tiếp tục tận tâm chăm lo cho sự thịnh vượng của tu viện, nơi dần dần trở nên nổi tiếng rộng rãi. Dưới thời vị kế nhiệm thứ ba của Thánh Phaolô, vị tu viện trưởng Iona, và vị thứ tư – Pitirim, Đại công tước Vasili Vasiliêvich Temny[7327] – một người sùng đạo và yêu mến Chúa Kitô – cùng với người mẹ đạo đức của ngài, Công nương Sofia, đã thể hiện sự tận tâm đặc biệt đối với tu viện; họ đã ban hành một số sắc lệnh ân sủng[7328] nhằm hỗ trợ tu viện, và Đại công tước

---

[7325] Cửa sông Kovzha nằm cách Beloozero 40 verst.

[7326] Tu viện Nikolsky ở Kovzha, trực thuộc Tu viện Borisoglebsky, có các công trình bằng gỗ; do xuống cấp và thiếu thốn, tu viện này đã bị giải thể trước khi hệ thống tổ chức tu viện được thiết lập vào năm 1764.

[7327] Vasily Vasilyevich Temny là Đại công tước từ năm 1425 đến năm 1462, với một số khoảng thời gian gián đoạn.

Vasily Vasilyevich bắt đầu gọi tu viện này là tu viện của riêng mình. Vị tu viện trưởng Pitirim này đã làm lễ rửa tội cho con trai của Đại công tước Vasily Vasilyevich là Ivan[7329] .

Người kế vị thứ mười của Pavlo, vị tu viện trưởng Theophilus, đã đặc biệt nổi tiếng nhờ những chiến công và công lao cống hiến cho tu viện; ông đã điều hành tu viện với tư cách là tu viện trưởng kiêm kiến trúc sư trong suốt ba mươi năm.

Theo lệnh của Đại công tước Vasily Ivanovich[7330] và với sự ban phước của Tổng giám mục Rostov Ioann[7331] , thay vì các nhà thờ bằng gỗ và các công trình khác của tu viện, ngài đã bắt đầu xây dựng các công trình bằng đá. Vào ngày 18 tháng 6 năm 1522, nhà thờ bằng đá thánh Boris và Gleb được khởi công và được chính Tổng giám mục Ioann làm lễ thánh hiến vào ngày 22 tháng 9 năm 1524; cùng vị Tổng giám mục này, vào ngày 8 tháng 6 cùng năm, đã ban phước cho lễ khởi công nhà thờ ấm áp mang tên Lễ Truyền Tin của Đức Mẹ Đồng Trinh. Nhà thờ này được Đức Tổng Giám mục Kirill của Rostov và Yaroslavl[7332] làm lễ thánh hiến vào ngày 7 tháng 10 năm 1527.

Trong quá trình xây dựng đầy gian nan và vất vả này, nhà xây dựng nhiệt thành Theophilus đã gặp không ít khó khăn, nhưng nhờ ơn Chúa và sự che chở của Đức Mẹ Đồng Trinh cùng các thánh bảo trợ của tu viện là các thánh Tử đạo Boris và Gleb, ngài đã vượt qua tất cả những trở ngại đó một cách an toàn. Một nhà sử học cổ đại kể lại câu chuyện về sự thành lập và số phận sau này của Tu viện Boris-Gleb đã thuật lại phép lạ sau đây.

Trong quá trình xây dựng các công trình bằng đá, vị tu viện trưởng Theophilus bắt đầu cảm thấy thiếu hụt trầm trọng vôi: người ta phải vận chuyển vôi từ rất xa và qua những con đường gian nan, cụ thể là phải cho thuyền chở vôi đi dọc theo các con sông Usty, Kotorost và Volga đến Pleso (gần thành phố Kostroma), từ đó việc ngược dòng các con sông này rất gian nan và quãng đường không hề ngắn. Trong hoàn cảnh khốn khó như vậy, Thượng phụ Feofil đã quỳ lạy Đại công tước Vasili Ivanovich để xin phép được tự do, miễn thuế, tìm kiếm các mỏ vôi trên các vùng đất lân cận, bao gồm cả đất của tu viện, của công tước và của các quý tộc. Đại công tước đã ban chiếu chỉ cho phép khai thác vôi tự do trên khắp các huyện Rostov và Pereyaslav. Vị tu viện trưởng Theophilus đã cử các thám tử đi khắp nơi, nhưng không đạt được kết quả nào. Với lòng buồn bã, ngài dâng lên những lời cầu nguyện tha thiết lên Đức Chúa Trời, Đức Mẹ Đồng Trinh và các thánh trợ giúp Boris và Gleb.

Và rồi một ngày nọ, khi Thượng phụ Theophilus đang đứng trong phòng tu của mình và thực hiện nghi thức cầu nguyện buổi tối như thường lệ, ông vô tình lơ đãng và chợp mắt một lát, thì hai vị chiến binh sáng ngời của Chúa Kitô, các vị tử đạo Boris và Gleb, hiện ra trước mặt ông và nói:

– Đừng buồn phiền vì tin tức này: Đức Mẹ Vô Nhiễm sẽ cho ngươi biết tin tại lãnh địa của chúng ta, gần tu viện, và việc xây dựng các công trình bằng đá tại tu viện Đức Mẹ Vô Nhiễm và của chúng ta sẽ không ngừng lại, dù là dưới thời ngươi hay sau ngươi, và chúng ta sẽ giúp đỡ việc xây dựng tu viện.

Và cùng với những lời đó, họ bỗng biến mất.

Ba ngày sau, một nông dân từ làng Kocharki thuộc khu vực tu viện mang đến cho vị tu viện trưởng một túi đá[7333] và kể rằng anh ta đã tìm thấy chúng trên mặt đất trong cánh đồng. Vị tu viện trưởng cho đưa những viên đá đó vào lò nung trong nhà lò bánh. Khi những viên đá được nung chín và mang đến cho vị tu viện trưởng xem, hóa ra đó là vôi, trắng như tuyết.

Vị tu viện trưởng đã cử người đi thám sát, và tại địa điểm được chỉ định, người ta đã tìm thấy một lượng vôi đủ dùng cho cả các công trình xây dựng lúc bấy giờ lẫn các công trình sau này, đúng như lời tiên đoán của[7334] .

[7328] Theo các sổ sách đóng góp và sổ chi tiêu của tu viện, có thể thấy rằng Vasily Vasilyevich đã ban tặng cho tu viện làng Shulets (cách tu viện sáu verst), cùng các thôn làng thuộc làng này, để tưởng nhớ cha mẹ và tổ tiên của mình, những Đại công tước.

[7329] Đại công tước Ivan Vasilyevich III, người sau này trở nên nổi tiếng.

[7330] Ngài trị vì từ năm 1505 đến năm 1533.

[7331] Ông đảm nhiệm chức vụ từ năm 1520 đến năm 1526.

[7332] Kirill III giữ chức vụ từ năm 1526 đến năm 1529.

[7333] Nơi từng có ngôi làng này, đến nay vẫn được gọi là Kocharka, cách tu viện bảy verst; và cho đến nay vẫn còn thấy những hố nơi người ta từng đào vôi. – Zobenka – là đơn vị đo lường cổ xưa dành cho các vật liệu rời. Có truyền thuyết kể rằng vôi sẽ mất tác dụng nếu ai đó lén lấy nó để phục vụ nhu cầu cá nhân. Khi các công trình kiến trúc bằng đá của tu viện được hoàn thành dưới thời các vị kế nhiệm của Thánh Theophilus, kho dự trữ vôi đã cạn kiệt.

[7334] Kỳ tích về việc tìm lại vôi đã được kể lại cho tác giả của câu chuyện cổ về Tu viện Boris-Gleb – kiến trúc sư của các nhà thờ Boris-Gleb, "Người Rostov, thợ xây nhà thờ, thợ xây bằng đá" Grigory Borisov, người đã được chính vị tu viện trưởng Theophilus kể lại về thị kiến của Thánh Boris và Gleb, và vị tu viện trưởng này đã ra lệnh không được tiết lộ điều này cho ai cho đến khi ông qua đời. – Kiến trúc

Ngoài những nhà thờ này, dưới thời Thánh Phêô-phil và các vị kế nhiệm trực tiếp của ngài, xung quanh tu viện đã được xây dựng những bức tường đá cao và vững chắc với nhiều tháp canh cùng hai cổng ở phía Rostov và Uglich; trên hai cổng này còn có hai nhà thờ bằng đá được xây dựng để tôn vinh Thánh Sergius và Lễ Hiển Linh của Chúa. Tất cả những công trình tráng lệ và đẹp đẽ này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Trong nhà thờ chính thánh hiến cho các vị công tước thánh Boris và Gleb, ở góc tây bắc, di cốt của các vị sáng lập tu viện, các vị thánh Theodor và Paul, được an táng dưới nền nhà thờ.

Theo gương cha mình, Đại công tước Vasili Ioannovich, con trai ông là Sa hoàng Ioann Vasilyevich cũng đã thể hiện lòng nhiệt thành sâu sắc đối với tu viện này; chính ông đã đích thân đến thăm và đóng góp hào phóng bằng các làng mạc, tiền bạc cùng những vật phẩm quý giá để tưởng nhớ các vị thánh[7335] .

Vào cuối thế kỷ XVI và đầu thế kỷ XVII, vị tu sĩ thánh thiện Irinarkh đã làm rạng danh tu viện này bằng những chiến công của mình, đặc biệt là trong thời kỳ loạn lạc, khi tu viện này, cũng như các tu viện khác trong vùng, phải đối mặt với nguy cơ bị tàn phá bởi các đội quân cướp bóc của Ba Lan-Litva. Xác thánh của vị thánh này được an táng dưới nền nhà thờ phụ phía tây nam của nhà thờ chính tòa[7336] .

Ngày 5 tháng 11

23 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ Giacôbê, anh em ruột của Chúa

Ngày tưởng niệm 23 tháng 10

Thánh Giacôbê là con trai của Thánh Giuse công chính, người đã được hứa hôn với Đức Trinh Nữ Maria[7337] . Từ thuở thiếu thời, ngài đã yêu mến lối sống khắc khổ: ngài không bao giờ ăn các loại thịt, không dùng dầu mỡ, mà chỉ lấy bánh mì làm thức ăn; ông cũng không bao giờ uống rượu vang hay bất kỳ loại đồ uống có cồn nào khác, mà chỉ dùng nước để giải khát; ông cũng không bao giờ đến nhà tắm – nói tóm lại, ông từ chối mọi thứ mang lại khoái lạc cho thân xác; trên người, ông luôn mặc một chiếc áo lông cừu thô ráp; ông dành trọn những đêm dài để cầu nguyện, chỉ chợp mắt trong chốc lát; do thường xuyên quỳ lạy xuống đất, da đầu gối của ông trở nên sần sùi như da lạc đà. Gia-cốp đã giữ gìn sự trong trắng của mình cho đến cuối đời[7338] .

Về lý do tại sao ông được gọi là "Anh em của Đức Chúa Trời", có một truyền thuyết như sau được truyền lại cho chúng ta. Khi cha ông là Giuse chia đất đai cho các con trai từ người vợ đầu tiên, ông muốn dành một phần đất cho Chúa Giêsu Kitô, Đấng được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria, người đã đính hôn với Giuse; tất cả các con trai của Giuse đều phản đối ý muốn này của cha mình; chỉ có mình Giacôbê chấp nhận Chúa Giêsu Kitô (lúc đó vẫn

---

sư nổi tiếng người Rostov này, Grigory Borisov, đã hoàn thành việc xây dựng Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời tại Tu viện Spasokamennoye (trên Hồ Kubenskoye, tỉnh Vologda) vào năm 1543, công trình này được khởi công bởi chính một người Rostov khác, kiến trúc sư Pakhomius Goryainov.

[7335] Những khoản đóng góp của Sa hoàng Ivan Vasilyevich được ghi chép chi tiết trong các sổ sách đóng góp và sổ chi tiêu cổ xưa của Tu viện Borisoglebsky.

[7336] Ngày kỷ niệm Thánh Irinarkh được tổ chức vào ngày 13 tháng 1.

[7337] Lễ kính Thánh Giuse Công Chính, vị hôn phu của Đức Trinh Nữ Maria, được cử hành vào ngày 26 tháng 12 (Mt 13,55; Mc 6,3; Ga-la-ti 1:17). Giáo Hội, trái với quan điểm của một số nhà chú giải, rõ ràng phân biệt Thánh Tông Đồ Gia-cô-bê, anh em ruột của Chúa, với hai vị thuộc hàng ngũ 12 Tông Đồ là Gia-cô-bê con ông Xê-đê-bê, ngày kỷ niệm được cử hành vào ngày 30 tháng 4, và Gia-cô-bê con ông An-phê, ngày kỷ niệm được cử hành vào ngày 9 tháng 10. Gia-cô-bê, anh em ruột của Chúa, được gọi như vậy vì là con trai của Giô-sép với người vợ đầu tiên. Ngài là anh em ruột của Thánh Tông đồ Giu-đa, người được gọi là Giu-đa con của Gia-cô-bê, và của Giô-si-a thuộc nhóm 70 Tông đồ, và cũng được biết đến với tên gọi Gia-cô-bê "nhỏ" hay "thứ hai" (Mc 15,40).

[7338] Thánh Tông đồ Giacôbê ngay từ khi mới sinh đã là một người Nazirê, tức là người hiến dâng mình cho Thiên Chúa, tự nguyện khấn giữ sự kiêng khem nghiêm ngặt đối với mọi loại rượu nho và các loại đồ uống có cồn nói chung, không cắt tóc, v.v. Những lời thề của người Nazirite là biểu hiện của sự trong sạch và thánh thiện trong đời sống, vốn phải thuộc về toàn thể dân Israel, với tư cách là dân được Thiên Chúa chọn và do đó là dân thánh.

còn là một cậu bé) vào phần đất chung của mình, vì thế ông được gọi là "anh em của Chúa". Danh hiệu này cũng được trao cho Giacôbê nhân dịp sau đây. Khi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta nhập thể, và Đức Trinh Nữ Maria đã cùng Ngài chạy trốn sang Ai Cập, thì Giacôbê cũng chạy trốn cùng với họ, đồng hành cùng Đức Trinh Nữ Maria và thánh Giuse, cha của mình.

Khi Chúa Giêsu Kitô đến tuổi trưởng thành và giảng dạy dân chúng về Nước Trời, tỏ mình là Đấng Mêsia đích thực, Thánh Giacôbê đã tin vào Ngài và, khi lắng nghe giáo huấn thần thánh của Ngài, lòng yêu mến Thiên Chúa trong ông càng bùng cháy mãnh liệt hơn, và ông bắt đầu sống một cuộc đời còn nghiêm khắc và đạo đức hơn nữa. Và Chúa đã đặc biệt yêu mến Thánh Giacôbê. Vì vậy, sau khi tự nguyện chịu khổ nạn và sống lại từ cõi chết, Đức Kitô đã hiện ra riêng với Giacôbê, anh em ruột của Ngài, trước các Tông đồ khác, như Thánh Phaolô đã đề cập khi nói:

– Sau đó, Ngài hiện ra với Thánh Giacôbê, rồi với tất cả các tông đồ (1 Cr 15,7)[7339] .

Thấy cuộc đời công chính và đẹp lòng Chúa của Giacôbê, mọi người đều gọi ông là người công chính, – và ông được kể vào số bảy mươi tông đồ. Ngài được giao phó trách nhiệm chăm sóc Giáo hội Giê-ru-sa-lem mới được khai sáng[7340] . Dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần, Gia-cô-bê là người đầu tiên soạn thảo và ghi chép nghi thức Thánh lễ, – sau đó, vì sự yếu đuối của con người, nghi thức này đã được rút gọn, trước tiên là bởi Thánh Ba-si-liô Đại Đế, rồi đến Thánh Gio-an Vàng Miệng[7341] . Trong khi chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô tại Giêrusalem, vị thánh này đã dùng giáo lý của mình để dẫn dắt nhiều người Do Thái và Hy Lạp trở về với Thiên Chúa và hướng họ vào con đường chính trực. Ngài cũng để lại Thư chung gửi mười hai chi tộc Israel – nguồn mạch của giáo lý thực sự được Thánh Thần soi dẫn và mang lại lợi ích cho tâm hồn, nhờ đó toàn thể Giáo Hội của Chúa Kitô được trang hoàng, khi học hỏi về đức tin và những việc lành[7342] . Không chỉ các tín hữu[7343] , mà ngay cả những người không tin cũng dành cho Thánh Giacôbê sự kính trọng và tôn vinh sâu sắc vì cuộc đời đạo đức của ngài: các thượng tế, những người chỉ được phép vào Nơi Thánh Thánh[7344] một lần mỗi năm để cử hành thánh lễ, đã không cản trở vị

[7339] Truyền thuyết còn kể thêm rằng, trong thời gian Chúa Kitô chịu khổ nạn, Thánh Tông đồ Giacôbê đã ẩn náu trong một hang động, ở thung lũng Giô-sa-phát, và đã thề không ăn uống gì cho đến khi Chúa Phục Sinh từ cõi chết; và rằng sau khi Phục Sinh, Chúa đã ban cho ngài ân sủng được Ngài hiện ra một cách đặc biệt ngay tại hang động này. Vì vậy, sau này, trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, hang động này đã được biến thành nhà thờ, và cho đến nay vẫn được dẫn các tín hữu sùng kính đến tham quan.

[7340] Theo các tác giả cổ đại, những người sống gần thời các Tông đồ nhất (Clément của Alexandria, Eusebius của Caesarea, v.v.), sau khi Đấng Cứu Thế thăng thiên, các Tông đồ Phêrô, Gia-cô-bê, con của Xê-đê-vê, và Gio-an, dù được Chúa ưu ái, đã không tranh cãi về vinh dự, mà đã bầu Thánh Gia-cô-bê làm giám mục và người đứng đầu Giáo hội Giê-ru-sa-lem – mẹ của các Giáo hội Kitô giáo – khi ngài 34 tuổi, theo sự tiền định và sự bổ nhiệm của chính Chúa Kitô cho chức vụ này.

[7341] Thánh lễ do Thánh Tông đồ Giacôbê, anh em của Chúa, soạn thảo, cho đến nay vẫn được cử hành tại Giêrusalem vào ngày kỷ niệm vị Tông đồ này.

[7342] Thư chung do Thánh Giacôbê viết vào khoảng năm 59 sau Công nguyên, gửi cho các Kitô hữu gốc Do Thái đang sống lưu vong, trong thời kỳ bách hại Kitô hữu đã buộc họ phải rời khỏi Giêrusalem. Thư này chứa đựng những giáo lý cao cả và tinh thần Phúc Âm. Nó bao gồm nhiều loại lời dạy đạo đức khác nhau và, xét về nội dung chung, có thể được gọi là lời khuyên nhủ về việc kiên nhẫn chịu đựng những đau khổ. Trong các nghi lễ thờ phượng của Giáo hội Chính thống, Thư chung của Thánh Tông đồ Giacôbê được đọc toàn văn, không chỉ như một bài đọc tông đồ thông thường trong Thánh lễ, mà còn trong các nghi thức cầu nguyện khác (ví dụ như trong nghi thức xức dầu thánh, trong lễ cầu nguyện khi hạn hán và thậm chí trong Thánh lễ Thức đêm, với tư cách là bài đọc Kinh Thánh).

[7343] Sự kính trọng sâu sắc của các tín hữu dành cho Thánh Tông đồ Giacôbê, đứng đầu là chính các Tông đồ, đã được thể hiện một cách đặc biệt mạnh mẽ tại Công đồng Tông đồ diễn ra tại Giêrusalem vào khoảng năm 60 sau Công nguyên để giải quyết vấn đề: liệu những người ngoại giáo gia nhập Giáo hội có nên bị buộc phải cắt bì và tuân thủ các nghi lễ theo Luật Cựu Ước hay không. Tông đồ Giacôbê chủ tọa hội đồng này và, sau những tranh luận và bàn bạc kéo dài, sau bài phát biểu của Tông đồ Phêrô cùng lời tường thuật của các Tông đồ Phaolô và Barnaba về những thành công trong việc rao giảng của họ giữa các dân ngoại, ngài đã kết thúc các cuộc thảo luận của hội đồng bằng bài phát biểu của mình, trong đó ngài đã nêu lên quan điểm của mình về vấn đề được đặt ra theo những đường lối nhất định, cho rằng "không nên gây khó khăn cho những người ngoại giáo đang quay về với Thiên Chúa", mà hãy viết thư cho họ, khuyên họ phải kiêng những thứ bị ô uế bởi các thần tượng, kiêng dâm dục, thịt thú bị siết chết và máu, và đừng làm cho người khác điều mà chính họ không muốn cho mình" (Công vụ 15:13–20). Quan điểm này của Thánh Giacôbê, người công chính được mọi người kính trọng, đã được toàn thể Công đồng chấp nhận và được xác nhận bởi sự hướng dẫn rõ ràng của Thánh Thần (câu 28). Cũng vào khoảng thời gian đó, Thánh Phaolô, mong muốn kiểm chứng sự trong sạch của giáo lý mình, đã thỉnh cầu các Tông đồ: Phêrô, Gioan và Giacôbê, những người mà ngài coi là những cột trụ của Hội Thánh Chúa Kitô, trong đó ngài đặt Giacôbê lên hàng đầu (Ga-la-ti 2:10), – và họ đã công nhận ở ngài phẩm giá cao quý của một vị thầy dạy các dân ngoại. Sứ đồ Phaolô vẫn luôn dành sự kính trọng sâu sắc như vậy cho Thánh Giacôbê ngay cả sau này. Khi ngài đến Giê-ru-sa-lem trong chuyến hành trình đầu tiên của mình, ngài coi việc đến gặp Thánh Gia-cô-bê là nghĩa vụ hàng đầu, và đã kể cho ngài – với tư cách là trụ cột của Giáo Hội Chúa Kitô và người đứng đầu Giáo Hội Giê-ru-sa-lem cổ xưa nhất – về những điều Thiên Chúa đã thực hiện nơi các dân ngoại nhờ sứ vụ của ngài (Công Vụ Tông Đồ 21:18–19).

thánh nhân này vào đó và cầu nguyện. Thấy sự trong sạch của cuộc đời vô tì vết của ngài, họ thậm chí còn đổi tên ngài, cụ thể là: họ bắt đầu gọi ngài là Oblí hoặc Ofli[7345] , có nghĩa là: "bức tường thành, chỗ dựa cho mọi người", hoặc gọi ngài là người công chính nhất trong tất cả. Thường xuyên, không chỉ ban ngày mà cả ban đêm, Gia-cốp cũng vào Nơi Thánh Thánh nhất và tại đó, quỳ sấp mặt xuống, ông dâng lên Chúa những lời cầu nguyện đầy nước mắt cho cả thế giới. Toàn thể dân chúng đều yêu mến Gia-cơ vì sự thánh thiện của ông; nhiều vị trưởng lão Do Thái đã tin vào giáo lý mà ông rao giảng, và mọi người đều hân hoan khi lắng nghe ông; đông đảo dân chúng tụ tập quanh ông: có người muốn nghe lời giảng dạy của ông, có người muốn chạm vào gấu áo của ông. Vào thời điểm đó, Ananias[7346] trở thành Thượng tế của người Do Thái. Thấy rằng toàn thể dân chúng đang chăm chú lắng nghe giáo lý của Giacôbê, và nhiều người đang quay về với Chúa Kitô, Ananias cùng với các kinh sư và người Pharisêu, vì ghen tị với vị thánh, đã nổi giận với ông và, ấp ủ sự thù hận trong lòng, bắt đầu toan tính cách giết ông. Họ đã bàn bạc với nhau để yêu cầu vị thánh dùng lời giảng dạy của mình làm cho mọi người quay lưng lại với Chúa Kitô; đồng thời, họ quyết định rằng nếu ông không đồng ý làm điều đó, họ sẽ giết ông.

Trong khi đó, lễ Phục Sinh đang đến gần, và đông đảo dân chúng từ khắp nơi đổ về Giê-ru-sa-lem để đón lễ tại đó.

Festus, tổng trấn đã cứu Thánh Phaolô khỏi tay người Do Thái[7347] và gửi ngài đến Rôma, lúc đó đã qua đời, còn người kế nhiệm thì Rôma vẫn chưa cử đến. Lợi dụng tình hình này, các kinh sư và người Pha-ri-si đã đến đền thờ và thỉnh cầu Gia-cô-bê như sau:

– Chúng tôi khẩn cầu ngài, người công chính, vào ngày lễ Phục Sinh, khi đông đảo dân chúng từ khắp nơi tụ tập về đây, xin ngài hãy giảng dạy cho họ; hãy thuyết phục họ rằng họ đang lầm lạc khi coi Chúa Giê-su là Con Thiên Chúa, và khuyên họ từ bỏ quan điểm sai lầm của mình. Tất cả chúng tôi đều kính trọng ngài, lắng nghe ngài – cũng như toàn thể dân chúng; tất cả chúng tôi đều tin chắc rằng ngài chỉ nói sự thật và không thiên vị ai cả; vậy xin hãy thuyết phục dân chúng đừng bị lừa dối bởi Chúa Giê-su bị đóng đinh; chúng tôi xin ngài – hãy lên mái nhà cao của đền thờ, để mọi người đều có thể nhìn thấy và nghe thấy ngài, vì vào ngày lễ này – chính ngài cũng thấy – có rất nhiều người tụ tập, cả người Do Thái lẫn các dân tộc khác.

Sau những lời đó, họ đưa ông lên mái đền thờ và lớn tiếng kêu lên:

– Hỡi người công chính! Tất cả chúng tôi đều phải tin ngài. Dân chúng này đang lầm lạc khi theo Chúa Giê-su bị đóng đinh; vì vậy, xin hãy nói cho chúng tôi biết sự thật, chính ngài nghĩ gì về Đấng Christ?

Nghe vậy, vị thánh đáp lại bằng giọng lớn:

– Sao các ngươi lại hỏi ta về Con Người, Đấng đã tự nguyện chịu đau khổ, bị đóng đinh, chôn cất và vào ngày thứ ba đã sống lại từ cõi chết? Ngài hiện đang ngự bên hữu Đấng Tối Cao trên trời và sẽ trở lại trên những đám mây trời để phán xét kẻ sống và kẻ chết.

Nghe lời chứng của Gia-cơ về Chúa Giê-su Christ, dân chúng vô cùng vui mừng, và tất cả cùng đồng thanh reo lên:

– Vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời! Ô-sa-na Con của Đa-vít!

Còn những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo thì nói:

[7344] "Nơi Thánh Thánh" là phần bên trong, thiêng liêng nhất của Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, nơi chỉ có Thượng tế mới được vào, và chỉ một lần trong năm, vào ngày thanh tẩy, ngài dâng lư hương với hương trầm và rảy máu tế lễ trên nơi thanh tẩy để tẩy sạch tội lỗi của dân chúng. Tuy nhiên, Hòm Giao Ước cùng các vật thánh bên trong (cây gậy của A-rôn vẫn còn tươi, bình vàng đựng manna, các bảng luật pháp do Đức Chúa Trời ban cho qua Môi-se) lúc đó đã không còn trong đền thờ nữa. Tại đây chỉ còn lại một hòn đá từ Đền Thờ đầu tiên của Sa-lô-môn, còn bức màn ngăn cách Nơi Thánh Thánh với khu vực tiếp theo của đền thờ – Nơi Thánh – đã bị xé làm đôi, từ trên xuống dưới, vào lúc Chúa Giê-su Ki-tô chịu chết trên thập tự giá.

[7345] Trong tiếng Hy Lạp: "ovlias" – sự bảo vệ hoặc pháo đài của dân tộc và lẽ phải.

[7346] Anania – Thượng tế Do Thái, con trai của Neve-day, được Hê-rốt Agrippa II phong chức Thượng tế; ông là kẻ thù không đội trời chung của các Kitô hữu và nói chung là một con người ngạo mạn, tàn nhẫn và bất công, thuộc phái Sa-đu-kê, những người bác bỏ các truyền thống, sự an bài của Đức Chúa Trời, đời sống tâm linh và sự bất tử của linh hồn, sự tồn tại của các Thiên thần, – và chìm đắm trong những thú vui xác thịt, thói hư tật xấu cùng những lợi ích trần tục. Là kẻ gây ra cái chết của sứ đồ Gia-cơ, Ananias sau đó cũng đã xét xử bất công sứ đồ Phao-lô và muốn tiêu diệt ông (Công vụ 23:2, 14–15, 24:1–9), nhưng vì những điều bất chính của mình, chính ông đã phải chịu số phận cay đắng nhất: bị chính vua Agrippa tước bỏ chức Thượng tế và cuối cùng bị giết trong cuộc nổi dậy của người Do Thái chống lại người La Mã.

[7347] Festus, biệt danh là Porcius, là tổng trấn La Mã cai trị xứ Giu-đê, người đã nắm quyền không quá ba năm và qua đời vào khoảng năm 62 sau Công nguyên; ông đã nỗ lực khôi phục trật tự ở Pa-lét-tin, vừa áp dụng sự nghiêm khắc vừa thực thi công lý.

– Chúng ta đã hành động thiếu thận trọng khi để Gia-cơ nói về Đức Giê-su, vì dân chúng đã càng thêm hoang mang.

Và thế là, trong cơn giận dữ và phẫn nộ, họ đã đẩy Gia-cơ xuống từ mái đền thờ để dọa nạt mọi người, nhằm ngăn dân chúng tin vào lời của vị thánh.

– "Vị thánh nhân đã sa ngã rồi," họ la lên.

Sau khi rơi xuống từ mái đền thờ, Gia-cơ bị thương rất nặng; dù chỉ còn thoi thóp, vị thánh nhân vẫn quỳ gối xuống và giơ hai tay lên trời, cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa! Xin tha thứ tội lỗi này cho họ, vì họ không biết mình đang làm gì.

Còn những người Pha-ri-si thì bắt đầu ném đá vào vị thánh, khiến ngài bị thương. Một người thuộc dòng dõi Ri-ha-vô kêu lên:

– Dừng lại đi, các ngươi đang làm gì vậy? Người công chính đang cầu nguyện cho các ngươi, mà các ngươi lại ném đá vào ông ấy.

Lúc đó, một người cầm cây lăn tẩy trắng trong tay lao vào vị thánh và đánh mạnh vào đầu ngài đến nỗi toàn bộ não bộ chảy ra đất, và trong cơn đau đớn ấy, Giacôbê đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa.

Thi hài thánh của ngài được an táng ngay tại đó, gần nhà thờ, trong khi các tín hữu than khóc thảm thiết cho vị thánh nhân. Trong suốt 30 năm, vị thánh này đã là giám mục của Giáo hội Giê-ru-sa-lem và vào năm 66 tuổi, ngài đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần – được vinh quang và tôn kính muôn đời muôn kiếp[7348] . A-men.

Bài thánh ca, giọng 2:

Hỡi người công chính, ngài đã đón nhận Tin Mừng như một môn đệ của Chúa, ngài đã chịu tử đạo với lòng can đảm không thể tả xiết, ngài đã cầu nguyện như một vị giám mục với tư cách là anh em của Thiên Chúa: xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để các linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Lời Chúa, Con Một của Cha, Đấng đã đến với chúng con trong những ngày cuối cùng, Thánh Giacôbê Thần Thánh: Ngài đã được chỉ định làm mục tử và thầy dạy đầu tiên của dân Giêrusalem, và là người xây dựng trung thành các bí tích thiêng liêng. Vì thế, tất cả chúng con tôn kính Ngài, hỡi Thánh Tông Đồ.

Lễ kính Thánh Giacôbê Borovitsky

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 10

Chúng ta hoàn toàn không biết nơi sinh của vị thánh phúc lành và công chính Giacôbê này, cũng như tên của cha mẹ ngài[7349] , – tất cả những điều này đều được che giấu khỏi chúng ta theo ý muốn của Thiên Chúa, để chúng ta biết rằng các thánh của Thiên Chúa không tìm kiếm quê hương trần gian, mà là quê hương trên trời; họ không tự hào về dòng dõi trần gian của mình, mà tự hào về sự hiệp thông với các thánh trên trời; – họ không tự hào

---

[7348] Sự tử đạo của Thánh Tông đồ Giacôbê diễn ra vào khoảng năm 63 sau Công nguyên. Ông qua đời ở tuổi già. Ông được chôn cất ngay tại nơi qua đời; cho đến nay, vẫn còn một tượng đài đứng trên mộ ông, gần đền thờ. Theo lời chứng của Origene, một nhà văn Giáo hội thế kỷ III, cái chết của Thánh Giacôbê Công chính, xảy ra không lâu trước cuộc chiến tranh Do Thái, đã gây ấn tượng sâu sắc đến mức những thảm họa chiến tranh và sự tàn phá Giêrusalem xảy ra sau đó được người Do Thái coi là sự trừng phạt của Thiên Chúa vì đã giết chết vị thánh công chính này. – Vào thế kỷ XI, Thánh Theophanes, nhà soạn thánh ca, Tổng Giám mục Nicaea, Thánh George Nicomedia và sau này là Byzantium đã sáng tác nhiều bài thánh ca để tôn vinh Thánh Tông đồ Giacôbê, hiện nay được hát vào ngày kỷ niệm ngài. Xác thánh của Thánh Tông đồ Giacôbê từng được lưu giữ tại Constantinopolis vào năm 1200, dưới sự chứng kiến của người hành hương Nga Antôn, trong nhà nguyện phụ của Nhà thờ Chalcopratius, còn đầu thánh thì được đặt tại Nhà thờ Các Thánh Tông đồ. Hiện nay, theo lời chứng của một số người, xác thánh của ngài đang được lưu giữ tại Rome, trong Nhà thờ 12 Tông đồ. Tại Moscow, trong khuôn viên Tu viện Cựu Giê-ru-sa-lem, vẫn còn lưu giữ một phần di cốt của ngài, được Thượng phụ Giê-rô-phê của Alexandria gửi đến vào năm 1853.

[7349] Chỉ có thông tin cho biết rằng Thánh nhân Giacôbê là một thẩm phán giản dị nhưng tận tụy với công việc, và đã tự nguyện sống cuộc đời khổ hạnh; ngài qua đời do bị sét đánh, vào khoảng năm 1540.

về Cha xác thịt, mà tự hào về Cha thiêng liêng của mình, Thiên Chúa Hằng Hữu. Chúng ta biết rằng vị thánh nhân làm phép lạ đáng kính này, dù đã được sinh ra trong thân xác phàm trần, nhưng lại sống một cuộc đời thiêng liêng, với trái tim rực cháy hướng về Thiên Chúa và siêng năng phục vụ Chúa; dù ngài ở trong thân xác hữu hình, nhưng bằng trí tuệ vô hình của mình, ngài đã trò chuyện và sống cùng các Thiên Thần thánh thiện; thân xác ngài cư ngụ trên đất, nhưng bằng trí tuệ được soi sáng bởi sự hiểu biết về Thiên Chúa, ngài hiện diện trước mặt Thiên Chúa, Đấng ngự trên trời; trong mọi sự, ngài luôn tỏ ra là tôi tớ trung thành của Thiên Chúa, làm gương về sự kiên nhẫn, khiêm nhường chịu đựng những thiếu thốn và vất vả, không ngừng tu tập trong việc thức đêm cầu nguyện và ăn chay. Khi cuộc hành trình của vị thánh trên cõi đời tạm bợ đầy đau khổ này kết thúc, linh hồn công chính của ngài, được trang điểm như một cô dâu bằng các đức tính, đã được các Thiên thần của Đức Chúa Trời dẫn vào cung điện của Đấng Cứu Thế, còn thân xác thánh thiện của ngài đã được an táng trong quan tài theo nghi thức Kitô giáo.

Tại vùng đất của thành phố vĩ đại Novgorod có dòng sông Msta chảy qua[7350] , nơi từng có làng Borovichi[7351] . Khi đến lúc vị thánh được tôn vinh, chiếc hòm thánh chứa di cốt của vị thánh nhân này, theo lệnh của Đức Chúa Trời, đã trôi trên một tảng băng ngược dòng sông nói trên – đó là vào thứ Ba của Tuần Thánh – và dừng lại gần thác Borovichi[7352] đầy sóng gió và ồn ào, sát bờ sông không xa làng Borovichi. Người dân làng này, vì nghi ngờ, đã không chấp nhận thi hài thánh của vị thánh nhân vĩ đại của Chúa, và dùng những chiếc móc gắn vào dây thừng để kéo nó ra giữa dòng sông. Nhưng thi hài kỳ diệu ấy không bỏ rơi những người đã bỏ rơi nó: một lần nữa, nó quay trở lại với họ và một lần nữa neo đậu tại chính nơi mà họ đã đẩy nó ra; nhưng ngay cả lúc đó, những người sống ở đó cũng không nhận ra phép lạ kỳ diệu rằng chiếc thuyền chở di vật đang trôi ngược dòng: họ lại đuổi nó đi lần thứ hai, và một lần nữa tự tước đoạt kho báu do Chúa ban tặng, khi đưa di vật trở lại; họ làm vậy không phải vì ác ý, mà vì sự thiếu hiểu biết, bởi họ thô lỗ và chưa được khai sáng bởi giáo lý, vì thế hành động này đã được tha thứ cho họ. Xác thánh lần thứ ba trôi dạt vào bờ tại chính nơi đó. Lúc bấy giờ, chính vị thánh làm phép lạ đã hiện ra trong giấc mơ với những người đàn ông trung thực và kính sợ Chúa, và nói:

– Tại sao các ngươi, những tôi tớ trung thành của Đấng Kitô, lại không đón nhận ta? Thật ra, ta cũng là một Kitô hữu như các ngươi; giống như các ngươi, ta cũng đã tin kính vào Đấng Kitô trong suốt cuộc đời trần thế của ta. Nếu các ngươi làm vậy chỉ vì không biết tên ta, thì ta sẽ tiết lộ cho các ngươi: ta là Giacôbê, được đặt tên này để vinh danh Giacôbê, anh em của Chúa.

Những người đàn ông này, khi tỉnh giấc, cảm thấy trong lòng một niềm vui lạ thường từ những lời của vị thánh và kể lại cho mọi người nghe về giấc mơ ấy. Và thế là tất cả cư dân trong làng vội vã đến nơi mà trước đó họ đã táo bạo đẩy thi hài thánh của vị thánh công chính Giacôbê ra khỏi đó, và cố gắng tìm kiếm; khi tìm thấy, họ vô cùng hân hoan, kính cẩn vớt thi hài ra khỏi nước, trang trọng đặt trên bờ trong chính chiếc quan tài đó, và dựng một ngôi nhà gỗ bao quanh.

Đức Chúa Trời toàn năng, để tôn vinh vị thánh nhân của Ngài, đã ban cho di cốt thánh của ngài sức mạnh để thực hiện những phép lạ kỳ diệu và chữa lành mọi bệnh tật; khi chứng kiến điều này, mọi người đã dâng lên lời tạ ơn sâu sắc đến Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, Đấng đã ban cho họ một vị bác sĩ vô tư như vậy; họ cũng tôn vinh vị thánh làm phép lạ, Đấng chữa lành mọi bệnh tật. Mong muốn an táng di cốt của ngài tại một nơi xứng đáng hơn, họ đã đến gặp Tổng Giám mục thành Veliky Novgorod, Đức Cha Theodosius, và với lòng kính mến, họ đã kể cho ngài nghe về tất cả những phép lạ đã xảy ra từ ngôi mộ của vị thánh; Thánh Feodosiy, trong bức thư gửi đến vị Giám mục đứng đầu Giáo hội toàn Nga, Đức Tổng Giám mục Makariy, đã mô tả tất cả những phép lạ mà ngài đã nghe nói; sau khi nhận được lời khuyên răn tốt lành từ ngài trong thời gian ngắn, Thánh Feodosiy đã cẩn thận hỏi han về những phép lạ của vị thánh từ những người đã được chữa lành khỏi bệnh tật của mình. Sau khi xác nhận rằng tất cả những gì được báo cáo đều hoàn toàn chân thực và không sai lệch, Tổng Giám mục Theodosius đã cử Constantine, vị Bề trên của Tu viện Kính mừng Đức Mẹ Sinh Nở, cùng với các linh mục và phó tế đến làng Borovitskoye. Từ đó, di cốt thánh thiện và làm phép lạ của Thánh Giacôbê Công chính đã được rước về một cách trang trọng đến nhà thờ mới "Sự Xuống Thế của Thánh Thần Hằng Sống"; tại đây, di cốt được an táng tại cổng phía nam của nhà thờ vào ngày 23 tháng 10 năm 1545. Vào ngày này, người ta đã quyết định hàng năm tổ chức lễ

[7350] Msta – một con sông, bắt nguồn từ hồ Mstina, thuộc tỉnh Tver; chảy vào hồ Ilmen, thuộc tỉnh Novgorod; chiều dài của nó là 412 verst.
[7351] Năm 1770, làng Borovichi được đổi tên thành thành phố.
[7352] "Porogi" là tên gọi của một nhóm vách đá chắn dòng chảy của sông và tạo thành một chuỗi thác nước hoặc xoáy nước không cao.

kỷ niệm vị thánh làm phép lạ đáng kính này, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa được tôn vinh trong các Thánh, muôn đời. Amen.

Bài thánh ca, giọng 1:

Được soi sáng bởi ân sủng thiêng liêng, và sau khi qua đời, ngài ban sự chữa lành cho những ai chạy đến với ngài, hỡi Thánh Giacóp đầy khôn ngoan: vì thế, hôm nay chúng con cũng tôn vinh việc rước di thể thánh của ngài, làm cho linh hồn và thân xác cùng vui mừng. Vì thế, tất cả chúng con cùng kêu lên: vinh quang thuộc về Đấng đã ban cho ngài sức mạnh! Vinh quang thuộc về Đấng đã phong vương cho ngài! Vinh quang thuộc về Đấng thực hiện mọi sự chữa lành qua ngài!

Bài ca Kondak, giọng 8:

Bằng đức tin và tình yêu, xin ngài, hỡi vị thánh phúc lành, hãy bảo vệ và che chở những ai đang mừng lễ rước di hài tôn kính của ngài khỏi mọi sự ác và cám dỗ của con rắn: vì ngài có sự can đảm trước Đấng Tối Cao, Đức Kitô, Thiên Chúa của muôn loài. Xin Ngài cầu thay để cứu rỗi Hoàng đế Chính thống giáo, và những người đang cầu nguyện cùng Ngài, để tất cả chúng con cùng kêu lên với Ngài: Hỡi Cha Giacóp, niềm an ủi của toàn cõi Nga, xin vui mừng!

Lễ kính Thánh Ignatius, Tổng Giám mục Constantinople

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 10

Thánh Ignatius là con trai của Hoàng đế Michael Rangawa[7353] và Hoàng hậu Procopia, anh trai của Theophilus[7354] và cháu nội của Hoàng đế Nikephoros. Khi mới 15 tuổi, ngài đã được đưa vào tu viện[7355] và sau này trở thành vị tu viện trưởng của Tu viện Tổng lãnh thiên thần, vốn ban đầu được gọi là Tu viện Phương Đông, sau đó là Tu viện Satira. Sau đó, ông được tấn phong làm Thượng phụ Constantinopolis[7356] và giữ chức vụ này trong 11 năm 5 tháng, cho đến khi bị Hoàng đế Michael[7357] truất phế. Thay thế ông là Photius[7358] , người từng là Protospatharios và Protosynkritos[7359] của Giáo hội Constantinopolis, trước đây chỉ là một tu sĩ bình thường. Sau khi Photius bị Hoàng đế Basil[7360] truất phế, Ignatius lại đảm nhận chức vụ tổng giám mục – lần này kéo dài 10 năm, và một lần nữa bị Hoàng đế Nikephoros[7361] truất phế; vị hoàng đế này sau đó bị người Bulgaria sát hại. Vị trí của ngài được thay thế bởi Thánh Stephanos[7362] , con trai của Hoàng đế Basil, còn Thánh Ignatius thì lui về tu viện Satira, nơi ngài qua đời trong bình an ở tuổi 89.

[7353] Mikhail Rangav trị vì từ năm 811 đến năm 813.
[7354] Feofil – trị vì từ năm 829 đến năm 842.
[7355] Điều này được thực hiện theo lệnh của Hoàng đế Lêo người Armenia (813–820), người đã lật đổ cha của Ignatius – Mikhail – khỏi ngai vàng.
[7356] Đó là vào năm 846.
[7357] Năm 867, Ignatius bị lật đổ khỏi ngai vàng vì đã từ chối thực hiện mong muốn của Varda – người đã cai trị đế quốc thay cho Michael khi ông còn nhỏ – là cho Theodora, mẹ của Michael, người đã cản trở nhiều hành động của Varda, xuất gia làm tu sĩ. Ignatius không chỉ từ chối thực hiện điều này, mà thậm chí còn tước quyền rước Thánh Thể của chính Varda.
[7358] Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 6 tháng 2.
[7359] Proto-spatharios – một chức tước cao quý và uy quyền, từng phục vụ tại triều đình của vua Hy Lạp. Proto-synkritos – người đứng đầu các quan lại triều đình, có quyền vào phòng ngủ của nhà vua.
[7360] Việc trục xuất Photius diễn ra vào năm 867.
[7361] Lần phế truất thứ hai của Ignatius diễn ra vào năm 877; cùng năm đó, ngài qua đời.
[7362] Ngày tưởng niệm ngài là ngày 17 tháng 5.

Ngày 6 tháng 11

ngày 24 tháng 10 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Arefa

Ngày tưởng niệm 24 tháng 10

Khi vua Justin[7363] trị vì ở Hy Lạp, và vua Elezvoy[7364] – những vị vua chính thống và đạo đức – trị vì ở Ethiopia, thì tại xứ Omirit[7365] , một vị vua vô đạo tên là Dunan, người Do Thái cả về dòng dõi lẫn tín ngưỡng, kẻ phỉ báng danh Chúa Kitô và là kẻ bách hại Kitô hữu tàn bạo, đã lên ngôi. Tất cả các cố vấn, quan lại và binh lính của ông đều là người Do Thái hoặc những kẻ ngoại đạo thờ phượng mặt trời, mặt trăng và các thần tượng. Ông cố gắng trục xuất tất cả các Kitô hữu khỏi lãnh địa của mình và xóa sổ ngay cả ký ức về danh thánh vĩ đại của Chúa Kitô khỏi xứ Omirit. Với lòng nhiệt thành trong việc đàn áp Giáo Hội của Đức Chúa Trời, ông đã tra tấn và giết hại những tín hữu không tuân theo mệnh lệnh của ông và không muốn sống theo luật Do Thái.

Khi nghe tin Dunaan đã phát động cuộc đàn áp Kitô hữu tại vương quốc của mình, vua Ê-thi-ô-pi Ê-lê-zvoi vô cùng phẫn nộ; ông tập hợp quân đội và tiến quân chống lại Dunaan[7366] ; sau nhiều trận chiến, Ê-lê-zvoi đã đánh bại Dunaan, bắt ông ta làm chư hầu, rồi trở về vương quốc của mình. Một thời gian ngắn sau, Dunaan lại nổi dậy chống lại Elezwoy, vi phạm hiệp ước với ông ta và, sau khi tập hợp quân đội, đã tiêu diệt toàn bộ các đơn vị quân của Elezwoy mà ông ta để lại để bảo vệ các thành phố; sau đó, ông ta còn tăng cường vũ trang mạnh mẽ hơn nữa để chống lại các Kitô hữu. Ông ra lệnh khắp nơi rằng các Kitô hữu phải hoặc chấp nhận đạo Do Thái, hoặc sẽ bị đánh đập không thương xót. Trong vương quốc của ông, không còn ai dám tuyên xưng Đức Kitô nữa, và chỉ có tại một thành phố rộng lớn và đông dân là Nagran[7367] , danh hiệu Đức Kitô mới được tôn vinh. Đức tin thánh thiện đã tỏa sáng tại đó từ thời Constantine, con trai của Constantine Đại đế, cử các sứ giả của mình đến với người Sabeans, ngày nay được gọi là người Omirit[7368] , những người có nguồn gốc từ Hettura, nữ nô lệ của Áp-ra-ham. Khi đến nơi, các sứ giả thông thái và đạo đức đã thuyết phục được vua của đất nước này ủng hộ Constantius, dạy dỗ dân chúng nơi đây tin vào Chúa Giêsu Kitô và xây dựng các nhà thờ. Từ thời điểm đó, lòng sùng đạo nở rộ tại Nagrana, giáo lý Kitô giáo ngày càng lan rộng, số lượng tu sĩ gia tăng, các tu viện được thành lập, sự trong sạch được duy trì trong mọi tầng lớp xã hội, còn các tín hữu thì phát triển và hoàn thiện các đức tính. Họ không cho phép bất kỳ người theo tôn giáo nào khác sống giữa họ: không phải người Hy Lạp[7369] , không phải người Do Thái, cũng không phải kẻ dị giáo[7370] ; còn bản thân họ, như những đứa con của cùng một người mẹ, là Giáo Hội Công Giáo Tông Đồ, thì luôn sống trong sự sùng đạo và trong sạch.

[7363] Justus – chú của Justinian, trị vì từ năm 518 đến năm 537.

[7364] Ethiopia – nằm ở châu Phi, tương ứng với Abyssinia ngày nay. Nước này tọa lạc ở thượng nguồn sông Nile và giáp với vùng Thebaid của Ai Cập ở phía bắc, với Libya ở phía tây, với miền nam Ethiopia ở phía nam và với Vịnh Ả Rập cùng Biển Đỏ ở phía đông. Thủ đô của nước này là Aksum. Trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, Ethiopia là một đế chế hùng mạnh; một phần của Ả Rập cũng thuộc về nước này. Nước này được truyền bá đạo Kitô vào thế kỷ VI bởi Edesius và Frumentius. Vào thế kỷ VII, người Ethiopia bị người Ả Rập chinh phục. Từ năm 727, hệ thống giáo phẩm Coptic bắt đầu hình thành tại đây.

[7365] Người Omiri là cư dân miền nam Ả Rập, sinh sống gần Vịnh Ả Rập. Trong những thế kỷ đầu của Kitô giáo, Ả Rập có 11 bộ tộc sinh sống. Trong số đó, chỉ có người Omiri và người Sabe là Kitô hữu; các bộ tộc còn lại, do có quan hệ thường xuyên với người Do Thái, phần lớn vẫn theo đạo Do Thái. Người Omirite được truyền bá Kitô giáo bởi Thêôphilô người Ấn Độ, vị giám mục thứ hai của thủ đô Aksum thuộc Ethiopia. Vào thế kỷ VI, họ có ba vị giám mục nổi tiếng: Phaolô, người bị vua Dunaan sát hại; Gioan, người được bổ nhiệm dưới thời Justinian; và Thánh Grêgôriô, người bảo vệ chính thống giáo.

[7366] Vua Ethiopia đã đứng ra bảo vệ những người Kitô hữu – dân Omiri – bởi vì chính họ đã tiếp nhận đạo Kitô từ Ethiopia và, rất có thể, thuộc quyền quản lý của Tổng giáo phận Aksum.

[7367] Nagrán, hay Anagrán, là một thành phố nằm bên Vịnh Ả Rập, giáp ranh với các lãnh địa của Dunaan. Thành phố này, sau khi bị Elius Gallus – tướng quân của Hoàng đế Augustus – chinh phục vào năm 25 sau Công nguyên, đã nằm dưới sự bảo hộ của các hoàng đế La Mã. Có lẽ chính vì vậy mà thành phố này có sự độc lập hơn về mặt tôn giáo so với các thành phố của người Omirit.

[7368] Người Sabe và người Omiri, sống gần nhau dọc theo bờ biển Ả Rập và có quan hệ họ hàng với nhau về nguồn gốc, ngôn ngữ và tôn giáo, vào thế kỷ VI đã hợp nhất thành một bộ tộc duy nhất và thường được gọi một cách không phân biệt bằng cái tên này hay cái tên kia.

[7369] Trước Công nguyên, người Hy Lạp được gọi là "Ellin", còn trong Kinh Thánh, tên gọi này được dùng để chỉ những người ngoại đạo nói chung, bao gồm cả người Hy Lạp lẫn các dân tộc khác, bởi vì nhiều người trong số họ nói tiếng Hy Lạp (xem Công vụ 11:20, 16:1–3).

Ghen tị với sự đạo đức vĩ đại như vậy của thành phố này, ma quỷ đã xúi giục Dunaan, một người theo đạo Do Thái, chống lại thành phố. Khi nghe tin cư dân thành Nagran không tuân theo mệnh lệnh của mình và không muốn sống theo luật Do Thái, Dunaan đã dẫn toàn bộ quân đội của mình tiến đánh họ, với âm mưu tiêu diệt các Kitô hữu trong vùng lãnh thổ của mình và qua việc tiêu diệt đó để làm phiền Eleseva, vua Ethiopia. Khi tiến đến gần thành phố, hắn bao vây nó bằng một lực lượng hùng hậu, dựng hào xung quanh và khoe khoang rằng sẽ sớm chiếm được thành phố, đồng thời tàn sát dân cư một cách không thương xót. Hắn nói với cư dân:

– Nếu các ngươi muốn được ta khoan dung và được sống sót, thì hãy hạ xuống những biểu tượng bị nguyền rủa (đó là cách tên khốn kiếp này gọi những cây thánh giá) mà các ngươi đã treo trên đỉnh các nhà thờ cao chót vót, đồng thời từ bỏ Đấng Bị Đóng Đinh[7371] , được khắc họa trên những biểu tượng đó.

Cùng lúc đó, các lính cận vệ của nhà vua đi vòng quanh thành phố và hô to:

– Hãy tuân phục nhà vua: khi đó các ngươi sẽ được sống sót và nhận được ân huệ từ ngài, còn nếu không – các ngươi sẽ bị thiêu rụi trong lửa và gươm đao.

Chính Dunan đã nói những lời phỉ báng Chúa Kitô và các Kitô hữu bằng ngôn ngữ báng bổ như sau:

– Ta đã tiêu diệt bao nhiêu Kitô hữu! Ta đã giết bao nhiêu linh mục và tu sĩ của họ bằng gươm! Tôi đã thiêu sống bao nhiêu người! Và Chúa Kitô không cứu được một ai trong số họ khỏi tay tôi. Thậm chí chính Ngài cũng không thể thoát khỏi tay những kẻ đã đóng đinh Ngài[7372] . Và giờ đây, tôi đã đến với các bạn, những cư dân Nagran, để hoặc tách các bạn khỏi Chúa Kitô, hoặc tiêu diệt các bạn một cách triệt để.

Người dân đáp lại:

– Bệ hạ! Ngài nói về Đức Chúa Trời toàn năng một cách quá ngạo mạn. Ngài đã trở nên giống như Rapsak, tướng quân của Sennacherib, người đã kiêu ngạo nói với Ê-xê-chi-ên: "Chớ để Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng mà ngươi đặt niềm tin vào, làm cho ngươi tự cao tự đại!" Nhưng lời phỉ báng như vậy không thể thoát khỏi sự trừng phạt. Bệ hạ có biết bao nhiêu ngàn quân đã bị tiêu diệt chỉ trong một giờ vì lời phỉ báng đó[7373] không? Hãy cẩn thận kẻo điều này cũng xảy ra với bệ hạ, kẻ phỉ báng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Con Thiên Chúa, Đấng toàn năng và toàn quyền, Đấng đáng sợ và làm cho các vị vua mất hết can đảm! Chúa cũng có thể nghiền nát ngươi và biến sự kiêu ngạo ngạo mạn và phạm thượng của ngươi thành hư vô. Ngươi khoe khoang rằng hoặc sẽ khiến chúng ta xa lìa Chúa Kitô, hoặc sẽ tiêu diệt chúng ta hoàn toàn. Thật vậy, ngươi có thể tiêu diệt chúng ta dễ dàng hơn là khiến chúng ta xa lìa Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đấng mà vì Ngài, tất cả chúng ta đều sẵn sàng hy sinh mạng sống.

Không thể chịu đựng được những lời nói như vậy, nhà vua càng nổi giận hơn và dùng hết sức lực để bao vây thành phố, với ý định rằng nếu không chiếm được thành phố bằng cách tấn công trực diện, thì sẽ làm kiệt sức nó bằng cách để đói qua một cuộc vây hãm kéo dài. Ở vùng ngoại ô thành phố, trong các làng mạc và sa mạc, ông ta đã bắt được không ít Kitô hữu; sau khi bắt giữ họ, ông ta đã giết hại họ bằng nhiều cách khác nhau, còn một số khác thì bán làm nô lệ. Những nỗ lực tấn công trực diện để chiếm thành của ông đều thất bại: người dân đã dũng cảm phòng thủ trên tường thành và đánh bại bọn vô đạo. Vua đã tốn không ít công sức cùng quân đội của mình, nhưng không thể chiếm được thành cũng như không thể làm cho thành kiệt quệ vì đói, bởi người dân đã dự trữ lương thực đủ dùng trong nhiều năm. Mất hết hy vọng, vị vua vô đạo đã nghĩ ra một mưu kế tinh vi như lưỡi dao cạo sắc bén, và cử các sứ giả vào thành với những lời nói được củng cố bằng lời thề như sau:

– Ta không muốn làm hại các ngươi, cũng không muốn khiến các ngươi từ bỏ đức tin của mình; ta chỉ đòi hỏi khoản cống nạp thông thường mà các ngươi phải nộp cho ta, với tư cách là vua của các ngươi. Vậy hãy mở cổng thành cho ta, để ta vào trong và xem xét. Ta sẽ thu của các ngươi khoản cống nạp thông thường, và ta thề trước Thượng Đế và luật pháp rằng ta sẽ không gây ra cho các ngươi bất kỳ điều ác nào, dù lớn hay nhỏ, mà sẽ để các ngươi sống bình an – theo tín ngưỡng của các ngươi.

[7370] Kẻ dị giáo là người lầm lạc về các tín điều của Giáo hội, tùy tiện bóp méo lẽ thật Kitô giáo (2 Phê-rô 2:1; Tít 3:10).

[7371] Đó là cách những kẻ bắt bớ Kitô hữu gọi Chúa Giêsu Kitô – với mục đích sỉ nhục – nhất là khi cái chết trên thập giá được người La Mã coi là hình phạt nhục nhã nhất.

[7372] Đunaan lặp lại những lời phỉ báng Chúa, vốn đã được các thượng tế, các kinh sư, các người Pha-ri-si và các trưởng lão Do Thái, cũng như một trong hai tên cướp bị treo trên thập tự giá, thốt ra (Ma-thi-ơ 27:41–43; Lu-ca 23:39).

[7373] Rapsak, tướng quân của Sennacherib, vua Assyria, đã được cử đi cùng một đạo quân hùng hậu để chinh phục Giu-đê dưới triều vua Ê-xê-ki-a. Nhưng chỉ trong một đêm, quân đội Assyria đã bị Thiên thần tiêu diệt (185.000 người), và những người còn sống sót phải trở về đất nước của họ trong sự nhục nhã (2 Vua 18:13–37; Ê-sai 36,37).

Các công dân đáp lại:

– Chúng tôi, những người Kitô hữu, đã học được từ Kinh Thánh rằng phải vâng phục vua và tuân theo các quyền lực (Rm 13,1–2). Nếu ngài làm đúng như lời hứa và lời thề của ngài – không khiến chúng tôi xa lìa Chúa Giêsu Kitô của chúng tôi – thì chúng tôi sẽ mở cổng thành cho ngài. Hãy vào thành như một vị vua và thu của chúng tôi khoản thuế thông thường. Còn nếu ngài gây ra bất kỳ điều ác nào cho chúng tôi, thì Đức Chúa Trời, Đấng nghe thấy lời thề của ngài, sẽ trừng phạt ngài ngay lập tức. Còn chúng tôi sẽ không từ bỏ Đấng Christ, Đấng Cứu Rỗi của chúng tôi, dù phải mất hết tài sản, thậm chí cả mạng sống.

Vua lại một lần nữa thề thốt chắc chắn rằng sẽ không gây ra cho họ dù chỉ một chút tổn hại nào. Họ tin lời ông, nên đã mở cổng thành và cúi đầu trước tên vô đạo, dâng lên ông những món quà. Vị vua dẫn toàn bộ quân đội của mình vào thành, như con sói mặc áo cừu xâm nhập vào đàn cừu, chiếm giữ các bức tường và cổng thành, rồi bố trí các đơn vị quân đội của mình tại đó. Nhìn thấy vẻ đẹp của thành phố và đông đảo người dân trong đó, ông ta đối xử với họ một cách ân cần, bởi vì lúc đó ông ta vẫn đang che giấu nọc độc ẩn sâu trong lòng. Sau khi nghỉ ngơi một chút trong thành, ông lại đứng đầu các đạo quân của mình và, với ý định bắt đầu việc làm vô đạo mà ông đã ấp ủ, ra lệnh cho các bậc trưởng lão và các quan chỉ huy thành phố đến gặp ông. Theo lệnh của ông, tất cả những ai có mặt trong thành, từ các bậc trưởng lão đáng kính, các quan chức, đến những người đàn ông được kính trọng và giàu có, đều ra gặp ông. Trong số họ có vị thánh Arefa, người cao tuổi nhất và uyên bác nhất, có tước vị và danh dự cao nhất. Ở tuổi chín mươi lăm, ông là một hoàng tử kiêm quan chỉ huy, người được giao phó toàn bộ công tác xây dựng và phát triển thành phố. Nhờ những lời khuyên sáng suốt và sự quản lý khôn ngoan của ông, người dân đã dũng cảm chống lại kẻ thù trong một thời gian dài. Khi đến gặp vị vua vô pháp luật với Arefa dẫn đầu, người dân đã bày tỏ sự kính trọng xứng đáng đối với ông và cảm ơn ông vì những ý định của ông, bởi ông đã thề rằng sẽ không gây hại gì cho họ. Họ vẫn chưa biết được mưu mô của ông. Tuy nhiên, hắn không thể giấu diếm sự độc ác trong lòng lâu được và ngay lập tức bộc lộ sự thù hận mà hắn đã âm thầm ấp ủ: hắn gọi lời thề đã hứa với các công dân là trò trẻ con và ra lệnh xiềng xích tất cả các công dân, cùng với Thánh Arefo, rồi giam giữ họ. Sau đó, hắn sai người đến lục soát nhà cửa của họ và cướp bóc tài sản. Hắn còn hỏi: "Phaolô, giám mục của các ngươi, đang ở đâu?"[7374] Khi biết rằng vị giám mục đã qua đời cách đây hai năm, hắn ra lệnh đào mộ lên, lấy thi thể người đã khuất ra, thiêu rụi bằng lửa và rải tro tàn vào không trung. Sau đó, ông ta đốt một đống lửa khổng lồ, tập hợp rất nhiều linh mục, giáo sĩ[7375] , tu sĩ nam, tu sĩ nữ và các trinh nữ dâng hiến cho Chúa, tổng cộng bốn trăm hai mươi bảy người, rồi ném họ vào lửa và thiêu sống họ, đồng thời nói:

– Họ là những kẻ gây ra sự diệt vong cho người khác, vì đã khuyên mọi người tôn kính Đấng Bị Đóng Đinh như Đức Chúa Trời.

Ngoài ra, ông ra lệnh cho các sứ giả đi khắp thành phố và rao truyền rằng tất cả phải từ bỏ Đấng Kitô và sống theo luật Do Thái giống như nhà vua.

Sau đó, ông triệu tập những công dân hàng đầu của thành phố đang bị giam giữ trong ngục tối và bắt đầu nói với họ, đặc biệt là với Arefe:

– Thật là điên rồ khi các ngươi tin vào Đấng Bị Đóng Đinh như là Đức Chúa Trời! Làm sao Đức Chúa Trời, Đấng không có thân xác, lại có thể chịu đau khổ được? Hay là – Đấng bất tử có thể chết được sao? Chẳng phải trong số các ngươi cũng có những người, theo gương của Nestorius[7376] , tôn kính Đấng Christ không phải như Đức Chúa Trời, mà như một vị tiên tri sao? Tôi không ép buộc các bạn phải thờ lạy mặt trời, mặt trăng hay bất kỳ loài thụ tạo nào; tôi chỉ khuyên các bạn dâng lễ vật không phải cho các vị thần ngoại đạo, mà chỉ cho Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của muôn loài.

Trước những lời này, Thánh Arefa, thay mặt cho tất cả mọi người, đã trả lời:

– Chúng tôi biết rằng Thiên Chúa không thể chịu đau khổ, nhưng chính nhân loại – được Chúa Giêsu Kitô nhận từ Đức Trinh Nữ Maria – đã chịu đau khổ thay cho chúng ta, như các vị tiên tri mà chính anh cũng biết đã làm

---

[7374] Theo một số ý kiến, Giám mục Phaolô đã bị giết theo lệnh của Dunaan. Khi hỏi về ông, vua tỏ ra do dự: liệu lệnh của mình có thực sự được thi hành hay không?

[7375] Các giáo sĩ – là các thành viên của hàng giáo sĩ.

[7376] Nestorius – từ năm 429 là giám mục Constantinopolis. Theo giáo lý của Thêôđôrô, Giám mục Mopsuestia, ông khẳng định rằng Chúa Giêsu Kitô không phải là Thiên Chúa thật, mà là con người, con của Giuse và Maria, được ban ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa nhờ đời sống thánh thiện, và cứu độ chúng ta không phải bằng cái chết chuộc tội, mà bằng những lời dạy dỗ và gương sáng trong đời sống. Vì tà thuyết này, Nestorius đã bị khai trừ khỏi Giáo hội tại Công đồng Đại kết lần thứ 3 và qua đời tại Phivaide vào năm 436.

chứng; còn Thiên tính của Ngài, Chúa Kitô đã tỏ lộ qua những phép lạ không thể diễn tả. Nhưng tại sao lại cần những cuộc tranh luận dài dòng? Chúng tôi tuyên xưng rằng Ngài là Thiên Chúa và là Con Thiên Chúa, và thay mặt tất cả cư dân thành phố, chúng tôi khẳng định rằng không có nỗi đau khổ nào mà chúng tôi không sẵn sàng chịu đựng vì Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng tôi. Chúng tôi không quan tâm đến Nestorius, kẻ đã bị các Thánh Phụ lên án: chúng tôi không phân chia các Ngôi trong Đức Kitô[7377] , nhưng tin rằng nhân tính của Ngài được hiệp nhất với Thần tính thành một Ngôi Vị Thần Linh duy nhất. Còn ngươi, kẻ đang nói những lời phỉ báng Chúa chúng ta, vì sự phỉ báng này và tội vi phạm lời thề, sẽ sớm phải hứng chịu sự trừng phạt của Thiên Chúa.

Người tra tấn đã lắng nghe những lời này với thái độ khoan dung (vì ông ta xấu hổ trước sự khôn ngoan của Arefa và sự cao thượng của những công dân khác), và bắt đầu dùng những lời lẽ êm ái để lấy lòng họ, hứa hẹn với họ những món quà và vinh dự; bằng cách này, ông ta muốn lôi kéo lòng đạo đức và lòng nhiệt thành của họ đối với Chúa Kitô sang phía sự bất chính của mình. Nhưng họ, ngước mắt lên trời, cùng cất tiếng kêu lên như thể bằng một miệng:

– Chúng con không chối bỏ Ngài, Lời Duy Nhất của Thiên Chúa, Đức Giêsu Kitô, – chúng con không bị cám dỗ bởi sự sinh ra thánh thiêng của Ngài từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, và cũng không chế nhạo Thập Giá vinh hiển của Ngài.

Thấy sự kiên định trong đức tin của các vị thánh nam, nhà vua tạm hoãn việc tra tấn họ một thời gian và quay sang đàn áp dân chúng, đánh đập nhiều người không thương xót. Ông ra lệnh dẫn đến vợ con của các vị thánh tử đạo, những người đang bị giam giữ cùng với Arephas trong xiềng xích. Cùng với những người vợ trung thành này, còn có rất nhiều phụ nữ khác, gồm các góa phụ, trinh nữ và các nữ tu. Ban đầu, nhà vua dụ dỗ họ bằng những lời ngọt ngào, nhưng sau đó lại đe dọa họ bằng những hình phạt, cố gắng thuyết phục họ từ bỏ Đức Kitô. Tuy nhiên, họ không những không đồng ý, mà còn đáp lại bằng những lời lẽ khiến nhà vua tức giận. Đặc biệt, các trinh nữ tu hành đã vạch trần nhà vua, lên án ông vì sự vô thần. Không chịu nổi sự kiên định của họ, nhà vua ra lệnh cho binh lính chém chết tất cả bằng gươm. Họ bước vào cái chết như một lễ hội. Lúc đó, giữa họ nảy sinh một cuộc tranh luận: các trinh nữ tu hành, mong muốn được chết trước, đã nói với những người phụ nữ khác:

– Các chị em biết rằng trong Hội Thánh của Đức Kitô, chúng ta được đặt cao hơn những người khác. Hãy nhớ lại rằng chúng ta luôn chiếm vị trí đầu tiên ở mọi nơi: chúng ta là những người đầu tiên bước vào nhà thờ của Chúa, là những người đầu tiên rước Mình Thánh Chúa, và chúng ta cũng đứng và ngồi ở vị trí đầu tiên trong nhà thờ. Vì vậy, ở đây chúng ta cũng phải là những người đầu tiên nhận lấy vinh dự làm chứng nhân; chúng ta là những người đầu tiên mong muốn chết và đi trước các chị em cùng các chồng của các chị em đến với Chàng Rể của chúng ta, là Đức Giêsu Kitô.

Các bà vợ khác tranh nhau nhau, cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm. Cũng giống như vậy, những đứa trẻ nhỏ chen chúc giữa các bà mẹ của chúng, vội vã muốn chết, và mỗi đứa trẻ đều la lên thật to:

– Hãy chém đầu con đi, hãy hành quyết con đi!

Sự nhiệt thành của họ trong việc chết vì Đấng Christ – lớn lao đến nỗi khiến tên Do Thái vô đạo Dunaan và tất cả các quan đại thần của hắn phải kinh ngạc. Và vị vua vô luật pháp ấy nói:

– Ôi, làm sao người Galilê[7378] lại có thể mê hoặc dân chúng đến mức họ coi thường cái chết, và vì Ngài mà hy sinh cả linh hồn lẫn thân xác!

Cũng tại thành phố Nagran đó, có một góa phụ tên là Sinklitikia, quý phái và đức hạnh, khuôn mặt xinh đẹp nhưng tâm hồn còn tuyệt vời hơn – giàu có về tài sản nhưng lại càng giàu có hơn về đức hạnh. Sau khi chồng qua đời khi còn trẻ, bà cùng hai con gái dành thời gian ở nhà để ăn chay và cầu nguyện. Bà không muốn tái hôn, mà đã hiến dâng mình cho Chúa Kitô và phụng sự Ngài ngày đêm. Dù còn trẻ về tuổi tác, nhưng bà lại già dặn về trí tuệ – thậm chí còn khôn ngoan hơn cả những vị trưởng lão – trong việc tuân giữ các điều răn của Chúa. Khi nghe tin về bà, Dunaan, một người Do Thái vô đạo, đã ra lệnh đưa Syncletica và các con gái của bà đến gặp mình với sự tôn kính. Khi bà đến, nhà vua nhìn bà với ánh mắt ân cần và bằng giọng nói ngọt ngào, ông bắt đầu nói với bà:

[7377] Theo quyết định của Công đồng Đại kết lần thứ tư (năm 451), trong Đức Giêsu Kitô, hai bản tính được kết hợp "không hòa trộn, không thay đổi, không tách rời, không phân ly".

[7378] Chúa đã rao giảng Tin Mừng ở Galilê nhiều hơn so với các vùng khác của Palestine. Từ Galilê, Ngài đã thực hiện các chuyến đi đến Giê-ru-sa-lem; từ những người Galilê, Ngài đã chọn các Tông đồ của mình; và Ngài cũng đã hiện ra ở Galilê sau khi sống lại từ cõi chết. Những người Do Thái khác không ưa người Ga-li-lê, và chính cái tên "người Ga-li-lê" cũng mang ý miệt thị (Mt 13:64–67; Ga 7:41–62). Trong trường hợp này, Du-na-an noi gương người Do Thái và Julianus Apostata, người đã gọi Chúa Giê-su Ki-tô là "người Ga-li-lê"

– Chúng ta đã nghe nói về ngươi, hỡi người phụ nữ đáng kính, rằng ngươi cao quý, trong sạch và khôn ngoan. Khuôn mặt và dáng vẻ của ngươi đều chứng tỏ rằng mọi điều người ta nói về ngươi đều đúng. Vậy nên, đừng cố bắt chước những người phụ nữ điên rồ mà ta đã tiêu diệt vì sự điên rồ của họ; đừng gọi Đấng đã bị đóng đinh trên thập tự giá là Đức Chúa Trời, vì Ngài là kẻ ham ăn, bạn của những người thu thuế và tội nhân (Mt 11:19), kẻ chống lại luật pháp của tổ tiên. Hãy hành động sao cho xứng đáng với dòng dõi cao quý của ngươi, từ bỏ Người Nazareth[7379] và đồng lòng với chúng ta. Ngươi sẽ được ở cùng hoàng hậu trong cung điện hoàng gia, được mọi người kính trọng và sống trong sung túc, thoát khỏi mọi tai ương liên quan đến cuộc sống góa bụa. Chúng tôi đã nghe danh tiếng tốt đẹp về ngài và chính thực tế đã chứng minh điều đó. Quả thực, ngài sở hữu của cải khổng lồ, nhiều tài sản đủ loại, nô lệ nam và nữ, được mọi người kính trọng, trẻ trung và xinh đẹp, nhưng dù có mọi sự sung túc, ngài vẫn không muốn tái hôn. Người ta còn nói về ngài rằng ngài là người đức hạnh và khôn ngoan. Bây giờ, xin ngài hãy hành động đúng đắn: hãy giữ sự khôn ngoan đến cùng, hãy nghe theo lời khuyên sáng suốt của ta và đừng bao giờ nghĩ đến việc giao phó vẻ đẹp và tuổi trẻ của ngài, cũng như sự trong trắng của các con ngài, vào tay những kẻ hành hạ, những kẻ sẽ mang lại sự nhục nhã và ô nhục còn hơn cả những cực hình. Hãy ngừng ca ngợi Đấng bị đóng đinh và, tuân theo luật pháp của chúng ta, hãy chọn điều có lợi cho bản thân và cho các con của con.

Người phụ nữ đáng kính và đáng ngưỡng mộ đã trả lời nhà vua như sau:

– Thưa bệ hạ, ngài lẽ ra phải tôn kính Đấng đã ban cho ngài quyền lực, chiếc áo choàng tím này, và vương miện này[7380] , – thậm chí hơn thế nữa: Đấng đã ban cho ngài chính sự tồn tại và sự sống. Đó là Con Thiên Chúa và chính Thiên Chúa. Thế mà ngài lại tỏ ra vô ơn trước ân huệ vĩ đại của Ngài, và bằng lời lẽ ngạo mạn, ngài đã phỉ báng Đấng ân nhân của mình. Ngươi chẳng sợ rằng sấm sét từ trên cao sẽ giáng xuống đánh ngươi sao? Ngươi muốn ban cho ta những vinh dự lớn lao, nhưng ta coi những vinh dự đó là sự ô nhục đối với bản thân, và ta không muốn được ca ngợi bởi cái lưỡi đã phỉ báng Đức Chúa Trời của ta. Ta cũng sẽ không điên rồ đến mức phải sống cùng những kẻ thù của Đức Chúa Trời trong những ngôi nhà của những kẻ tội lỗi.

Nghe vậy, nhà vua nổi giận và quay sang các quan đại thần của mình, nói:

– Các ngươi thấy chưa, người phụ nữ đồi bại này đang vu khống chúng ta một cách trơ trẽn đến mức nào!

Sau đó, ông ra lệnh gỡ khăn trùm đầu của Synklitiki và các con gái bà ra, rồi bắt bà phải đi khắp thành phố với đầu trần và tóc xõa, để chịu sự chế nhạo và nhạo báng. Khi bà bị dẫn đi một cách nhục nhã trên các con phố trong thành, bà thấy nhiều phụ nữ đang khóc vì sự chế nhạo và sự sỉ nhục mà bà phải chịu. Bà quay sang họ và nói:

– Các chị em thân mến, tôi biết các chị đang đau buồn vì tôi, vì tôi và các con gái tôi đang bị sỉ nhục! Nhưng xin đừng buồn khi tôi đang vui mừng, và đừng khóc khi tôi đang hân hoan. Ngày hôm nay còn vui mừng hơn cả ngày cưới đối với tôi, vì tôi đang chịu đau khổ vì Chàng Rể[7381] của tôi, Đấng mà tôi đã giữ gìn cuộc sống góa bụa của mình một cách trong sạch. Vì Ngài, tôi đã giữ gìn cả sự trinh khiết vô tì vết của các con gái yêu dấu của tôi. Giờ đây tôi vui mừng vì Chúa của tôi thấy sự sỉ nhục của tôi, nghe lời xưng tội của tôi và biết lòng nhiệt thành của tôi; tôi không mong muốn danh vọng hay của cải, và thậm chí không muốn cuộc sống tạm bợ này. Mong muốn duy nhất của tôi là được gặp Chúa Kitô, được đến với Ngài trong đoàn thể các thánh nữ tử đạo và dâng lên Ngài thành quả của lòng tôi – đó là các con gái của tôi. Vì vậy, tôi xin các chị em, đừng khóc thương cho tôi, mà hãy cùng tôi vui mừng vì tôi sắp được hiệp nhất với Chàng Rể Thiên Đàng bất diệt của tôi.

Sau đó, họ lại dẫn chị đến trước mặt vua. Vua nói với chị:

– Hãy từ bỏ đức tin vào Đấng Kitô, thì ngươi sẽ được sống.

Thánh nữ đáp lại:

– Nếu tôi từ chối Chúa Kitô vì cuộc sống tạm bợ này, thì ai sẽ cứu tôi khỏi cái chết vĩnh cửu và ngọn lửa không bao giờ tắt?

Rồi, ngước mắt lên trời, bà nói:

[7379] Người Do Thái cũng gọi Chúa Giê-su Christ như vậy, bởi vì Ngài đã dành phần lớn cuộc đời trần thế của mình tại thị trấn nhỏ bé và nghèo nàn này (Ma-thi-ơ 2:23).

[7380] Porphyra – là loại áo choàng màu tím đắt tiền, có dạng áo choàng dài, được các vị vua mặc trong những dịp long trọng. Diadema – là vương miện hoàng gia.

[7381] Từ này ám chỉ Chúa Giê-su Christ, Chú Rể của Hội Thánh Ngài và của mọi linh hồn Cơ Đốc (Ca Vịnh 4:9; Giăng 3:29; Ma-thi-ơ 25:13).

– Xin đừng để điều đó xảy ra với con, hỡi Đức Vua bất tử, rằng con lại từ chối Ngài, Con Một của Đức Chúa Trời, và nghe theo kẻ phỉ báng và kẻ phạm thề, kẻ đã dùng mưu mô chiếm lấy thành phố và đang đàn áp Giáo Hội thánh thiện của Ngài.

Vị Vua bừng lên cơn thịnh nộ dữ dội và hét lên:

– Hỡi người đàn bà đồi bại! Ngay lập tức ta sẽ nghiền nát thân thể ngươi, xé nát bụng ngươi, ném ngươi cho chó ăn, và ta sẽ xem: liệu Người Nazareth, Đấng mà ngươi đặt niềm tin, có cứu ngươi khỏi tay ta hay không?

Không chịu nổi những lời hành hạ đó, cô con gái lớn của Synklitiki, lúc đó mười hai tuổi, đã nhổ nước bọt vào mặt ông ta. Ngay lập tức, những người hầu đứng đó đã chém đầu cô, và cùng lúc đó, họ cũng dùng gươm giết chết em gái út của cô.

Vậy là cả hai cô con gái đều ngã xuống chết ngay trước mắt người mẹ đáng kính của mình. Lúc đó, nhà vua ra lệnh thu thập máu của hai cô và đưa đến miệng người mẹ để bà uống. Sau khi nếm máu, bà nói:

– Con ngợi khen Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của con, vì đã cho con được nếm thử của lễ tinh tuyền từ hai con gái nghèo khó của con. Lạy Chúa Kitô, con dâng lên Ngài của lễ này. Con dâng lên Ngài những vị tử đạo này, những trinh nữ trong sạch, đã ra đời từ lòng con. Xin hãy kết hợp con với các con gái con, và dẫn chúng con vào cung điện của Ngài, và như Thánh Đa-vít đã nói: xin cho con trở thành *"người mẹ vui mừng vì các con cái"* (Thánh Vịnh 112:9).

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh chém đầu bà bằng gươm. Thế là người mẹ cùng các con gái của mình đã được đưa vào nơi hạnh phúc vĩnh cửu. Còn kẻ tra tấn thì thề rằng:

– Trong đời mình, ta chưa từng thấy người phụ nữ nào xinh đẹp đến thế và những thiếu nữ tuyệt vời như họ, những người đã không tiếc cả nhan sắc lẫn mạng sống của mình.

Ngày hôm sau, ngự trên một nơi cao, nhà vua triệu tập Arefa cùng các đồng minh của ông, tổng cộng ba trăm bốn mươi người. Khi họ có mặt, nhà vua quay sang Arefa, với tư cách là người lớn tuổi nhất, và nói:

– Ngươi, tên khốn kiếp, đã nổi loạn chống lại quyền lực của chúng ta, xúi giục cả thành phố chống lại chúng ta và ra lệnh cho họ chống đối chúng ta. Ngươi đã ép buộc dân chúng phải tuân theo lời ngươi như luật pháp, trong khi ngươi lại bác bỏ luật pháp và mệnh lệnh của chúng ta. Ngươi đã dạy dân chúng tôn kính Đấng Bị Đóng Đinh như Thượng Đế, và coi Người là Đấng Cứu Trợ, trong khi chính Người đã không tự cứu mình khi bị đóng đinh. Tại sao ngươi không noi gương cha ngươi, người khi cai trị Nagran đã tuân phục các vị vua tiền nhiệm của chúng ta? Quả thật, ngươi và tất cả những kẻ theo ngươi đều xứng đáng chịu cực hình, giống như những người đàn ông và phụ nữ đã bị chúng ta xử tử, những người mà Con của Đức Mẹ Maria và thợ mộc[7382] không thể giúp đỡ được gì.

Lúc đó, vị trưởng lão đứng đó trầm ngâm, đau khổ tột cùng trước những lời nói kiêu ngạo của vị vua đáng ghê tởm. Rồi ông thở dài từ tận đáy lòng và nói:

– Không phải ngài, bệ hạ, là người có lỗi trong tất cả những gì đã xảy ra, mà chính những công dân của chúng ta, những người đã không nghe theo lời khuyên của tôi. Ta đã khuyên họ đừng mở cổng thành cho ngươi – kẻ xảo quyệt và gian trá – mà hãy dũng cảm chống lại ngươi. Thế nhưng họ đã không nghe theo lời ta. Ta đã định dẫn một đội quân nhỏ ra đối đầu với toàn bộ quân đội của ngươi, giống như Gideon xưa kia đã đối đầu với dân Midian[7383] , vì ta đặt niềm tin vào Đấng Kitô của ta, Đấng mà giờ đây ngươi đang phỉ báng. Ngài sẽ giúp tôi đánh bại, chiến thắng và hạ nhục ngươi, kẻ vô thần, kẻ phạm thề, đã quên đi hiệp ước mà chúng ta đã thiết lập, theo đó ngươi đã thề hứa sẽ bảo vệ thành phố và các công dân.

Một trong những người ngồi cùng vua nói với vị thánh:

– Luật Mô-sê có dạy các ngươi như vậy chăng? Luật ấy truyền rằng: *"Chớ phỉ báng người lãnh đạo trong dân ngươi"* (Xuất Hành 22:28). Hơn nữa, chính Kinh Thánh của các ngươi cũng dạy phải tôn kính vua, không chỉ vua nhân từ và hiền lành, mà cả vua ngang bướng nữa (1 Phi-e-rơ 2:17–18).

Vị thánh đáp lại:

– Chẳng lẽ ngài chưa nghe lời tiên tri Ê-li nói với A-háp sao? Khi A-háp quay sang Ê-li và nói: "Chẳng phải chính ngươi đang làm cho dân Y-sơ-ra-ên sa ngã sao?" – thì Ê-li đã đáp lại: "Không phải ta làm cho dân Y-sơ-ra-ên

---

[7382] Dunan coi Chúa Giê-su Christ chỉ là một con người bình thường, con trai của Ma-ri và Giô-sép.

[7383] Gideon – quan xét của Y-sơ-ra-ên (năm 1245 trước Công nguyên). Được Đức Chúa Trời kêu gọi để giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi dân Ma-đi-an, ông cùng với 300 chiến binh không vũ trang đã bao vây trại quân địch vào ban đêm và gây ra sự hỗn loạn đến nỗi họ tự giết lẫn nhau, rồi bỏ chạy và sau đó bị tiêu diệt (Các Quan Xét 7:1–25). Dân Ma-đi-an sống ở Ả Rập. Xuất thân từ Ma-đi-am, con trai của Áp-ra-ham với Hết-tu-ra, họ có quan hệ họ hàng với dân O-mi-ri. Chính vì vậy mà Thánh A-rê-pha đã đề cập đến họ.

sa ngã, mà chính ngươi và cả nhà cha ngươi mới là những kẻ làm điều đó" ([7384]). Hãy xem: ông không chỉ quở trách và vạch trần A-háp mà còn cả cả gia tộc của ông ta, nhưng ông không vi phạm luật pháp. Và bất cứ ai kính sợ Đức Chúa Trời một cách thành kính đều không vi phạm luật pháp khi vạch trần sự gian ác của một vị vua bất chính – một vị vua không ngần ngại phỉ báng Đức Chúa Trời và nói xấu Đấng Tạo Hóa. Tuy nhiên, tôi thấy rằng các ngài coi thường lòng nhẫn nại của Đức Chúa Trời và muốn chúng tôi cũng hành động giống như các ngài. Hỡi vị vua bất công, vô thần và vô nhân đạo! Ngài đã đối xử với chúng tôi như đã hứa sao? Lẽ phải như vậy có xứng đáng với một vị vua không? Các vị vua cai trị trước ngài có như vậy không? Thật vậy – họ không như vậy, mà là những vị vua nhân từ và hiền lành, thương xót và công chính, giữ vững lời hứa của mình và ban ân huệ cho dân chúng. Còn ngươi, kẻ phản bội lời thề, không bao giờ thỏa mãn với máu người! Hãy biết rằng Đức Chúa Trời toàn tri sẽ sớm lật đổ ngài khỏi ngai vàng và trao nó cho một người có đức tin và nhân từ, đồng thời củng cố và nâng cao dòng dõi Kitô giáo, và xây dựng lại nhà thờ mà ngài đã thiêu rụi và san bằng với mặt đất. Còn về phần tôi, tôi coi mình là người hạnh phúc, vì ở tuổi già nua, đã chín mươi lăm tuổi và được nhìn thấy con cháu của con trai và con gái mình, tôi đón nhận cái chết tử đạo và dâng thành phố quê hương của mình làm của lễ dâng lên Đức Chúa Trời.

Sau đó, ông quay sang dân chúng và những người bạn đồng hành trong cuộc tử đạo, rồi bắt đầu nói như sau:

– Hỡi các công dân, các bạn bè và những người thân yêu của tôi! Chúng ta đã lầm lẫn khi tin vào lời thề và những lời dối trá xảo quyệt của vị vua vô thần này; nhưng giờ đây, chúng ta đã thấy sự dối trá của hắn và nghe thấy những lời báng bổ Thượng Đế từ miệng hắn. Đáng lẽ ra chúng ta nên chống lại hắn trong chiến tranh và kiên cường bám trụ đến cùng! Thượng Đế sẽ giúp chúng ta đánh bại hắn. Nhưng vì sự việc đã diễn ra khác đi, và giờ đây chúng ta phải đối mặt với hai lựa chọn: hoặc là tuân phục kẻ thù để sống một cuộc đời khốn khổ trong cõi đời tạm bợ này, hoặc là không tuân phục để đón nhận cái chết hạnh phúc – vậy thì chúng ta hãy cố gắng đạt được vinh quang bất tử qua sự đau khổ. Còn gì vinh quang hơn sự tử đạo và còn gì cao quý hơn những đau khổ vì Chúa Kitô! Từ lâu, tôi đã ấp ủ ý nghĩ và khao khát được chịu đau khổ vì Chúa Kitô. Nay, khi đã đạt được điều mong ước và tìm thấy điều mình tìm kiếm, tôi vui mừng và sẵn sàng chết ngay lập tức. Còn các anh em, đừng sợ hãi và đừng nhút nhát; đừng bám víu vào cuộc sống tạm bợ này, để rồi vì nó mà mất đi sự sống đời đời. Cũng vậy, kẻ hành hạ chúng ta sẽ tự hào nếu, bằng những lời đe dọa, hắn khiến ai trong chúng ta từ bỏ đức tin thánh thiện; hắn sẽ tự cao tự đại trong sự kiêu ngạo của mình, như thể hắn đã chiến thắng tất cả, và sẽ càng gia tăng những lời phỉ báng đối với Con Thiên Chúa. Nếu có ai trong chúng ta sợ chết và toan từ bỏ Đấng Kitô – Sự Sống Vĩnh Cửu – thì người ấy hãy lập tức rời khỏi cộng đoàn chúng ta, hãy tách khỏi đoàn thể chúng ta, những người đồng lòng và đồng ý, và đừng mang danh Kitô hữu một cách vô ích. Ai chối bỏ Ngài, hỡi Đấng Christ, Lời của Đức Chúa Trời, vì cuộc sống tạm bợ này, thì hãy để người ấy mất đi cuộc sống ấy! Nếu có ai trong số họ hàng hay người thân của tôi, bị cám dỗ bởi ham muốn những của cải tạm bợ, mà bỏ Ngài, Đấng Tạo Hóa, để theo chân vị vua gian ác, thì xin Ngài, hỡi Đức Vua Kitô, đừng cho người ấy được hưởng những gì mà người ấy cho là phúc lành và an ủi, nhưng xin để mọi tai ương và khốn khó ập xuống trên người ấy!

Khi vị thánh nói những lời này, tất cả các Kitô hữu, không trừ một ai, vừa rơi những giọt nước mắt ấm áp, vừa cất tiếng:

– Hãy yên lòng, vị thủ lĩnh và thầy dạy của chúng con! Không ai sẽ bỏ rơi ngài, không ai sẽ tách khỏi đoàn thể chúng con. Tất cả chúng con đều sẵn sàng chết vì Chúa Kitô trước ngài và đón nhận cái chết hạnh phúc.

Vị thánh đáp lại:

– Ta sẽ đi trước các con; ta sẽ chết trước và sẽ là người dẫn đầu các con. Giống như các con đã trao quyền lãnh đạo cho ta trong thành phố, hãy để ta là người đầu tiên đến với Chúa Kitô ở đây.

Sau đó, vị thánh nói thêm:

– Nếu ai trong số các con trai của ta còn sống và giữ vững đức tin thánh thiện, thì người ấy sẽ là người thừa kế tài sản của ta. Trong số đó, ta sẽ dâng ba làng cho Giáo Hội thánh thiện, vốn sẽ sớm được phục hưng. Vì tên bạo chúa vô pháp này sẽ sớm bị diệt vong, còn Giáo Hội của Chúa Kitô tại thành phố này sẽ được củng cố và hưng thịnh, như bông hoa màu đỏ thẫm, được rửa sạch bằng máu của biết bao tôi tớ Chúa Kitô.

Nói xong, vị thánh ban phước lành cho dân chúng, rồi giơ hai tay lên và ngước mắt lên trời, kêu lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa, vì mọi điều đã xảy ra! Quay sang nhà vua, ngài nói:

[7384] (3 Vua 18:17–18). A-háp, con trai của A-mri, vua Y-sơ-ra-ên (924–903 trước Công nguyên). Ông đã đưa việc thờ phượng Ba-anh và A-shtarte vào Y-sơ-ra-ên. Tiên tri Ê-li, người Tê-sê-vi, đã nghiêm khắc lên án vị vua bất chính này (3 Vua 17–19).

– Tôi cảm ơn ngài, thưa vua, vì ngài đã kiên nhẫn và không ngắt lời tôi, mà đã cho tôi thời gian để trò chuyện với các bạn của tôi. Giờ đây, xin đừng chần chừ nữa, mà hãy làm điều ngài muốn, vì ngài đã thấy quyết tâm của chúng tôi; ngài đã hiểu rõ suy nghĩ của chúng tôi và thấy rằng không thể nào chúng tôi từ bỏ Đấng Christ để theo sự vô thần của ngài được.

Thấy sự kiên định của họ, nhà vua đã kết án tử hình tất cả; các thánh nhân được dẫn đến một con suối tên là Odias để bị hành quyết bằng cách chặt đầu tại đó. Khi đến nơi đã định, các thánh nhân đã dâng lên những lời cầu nguyện sốt sắng. Họ cầu nguyện: – Lạy Chúa, lạy Chúa! Niềm hy vọng cứu rỗi của chúng con! Ngài đã che chở đầu chúng con trong ngày chiến đấu. Giờ đây, xin dẫn dắt chúng con vào cuộc sống vĩnh cửu, vì chúng con không yêu mến gì hơn Ngài: không quê hương, không người thân, không của cải, mà đã từ bỏ tất cả những điều đó vì Ngài. Thậm chí chính mạng sống của chúng con, chúng con cũng khinh thường và trở nên giống như những con chiên bị dẫn đi giết mổ. Chúng con khiêm nhường cầu xin Ngài: xin báo thù cho máu của các tôi tớ Ngài, xin giơ tay trừng phạt sự kiêu ngạo của vị vua vô đạo, xin nhận các con cái của những người đã chết vì Ngài vào sự che chở của Ngài, xin củng cố thành phố đang tự hào về máu thánh, thập giá và sự đau khổ của Ngài. Ngài thấy những kẻ thù của Ngài đã làm gì với thành phố ấy: chúng đã phá hủy vẻ đẹp lộng lẫy của nó, làm ô uế thánh địa của Ngài, thiêu rụi đền thờ thánh của Ngài. Xin hãy dựng lại thành phố ấy và ban quyền trượng[7385] cho các vị vua Kitô hữu!

Trong lúc các thánh đang cầu nguyện, binh lính bắt đầu hành quyết họ. Đầu tiên, họ chém đầu thánh Arefe vĩ đại, người đứng đầu các Kitô hữu, rồi đến tất cả các thánh tử đạo còn lại. Như vậy, ba trăm bốn mươi người đàn ông đã đón nhận cái chết phúc lành.

Tại đó có một người phụ nữ có đức tin, là công dân của thành phố này. Bên cạnh bà là con trai, một đứa trẻ nhỏ, chưa đầy năm tuổi. Thấy các thánh tử đạo bị chém đầu bằng gươm, bà chạy đến bên họ, lấy một ít máu của các ngài, rồi xức lên người mình và con trai. Sau đó, tràn đầy lòng nhiệt thành, bà nguyền rủa nhà vua và lớn tiếng tuyên bố:

– Kẻ Do Thái này cũng sẽ chịu chung số phận như Pharaoh[7386] .

Các binh lính bắt bà lại, dẫn đến trước mặt vua và thuật lại những lời bà nói. Không cho bà cơ hội lên tiếng và cũng không hỏi gì thêm, nhà vua ra lệnh thiêu sống bà ngay lập tức trên giàn hỏa thiêu.

Khi ngọn lửa lớn đã được đốt lên và những kẻ tra tấn bắt đầu trói người phụ nữ hạnh phúc này để ném cô vào đống lửa, cậu con trai nhỏ của cô bắt đầu khóc. Thấy nhà vua đang ngồi đó, cậu bé chạy đến bên ngài, ôm lấy chân ngài và, với đôi mắt ngập tràn nước mắt, van xin bằng tất cả khả năng của mình để cứu mẹ.

Nhà vua bế cậu bé xinh xắn và hùng hồn này lên đùi mình rồi hỏi:

– Con yêu ai hơn: ta hay mẹ con?

Cậu bé trả lời:

– Con yêu mẹ, đó là lý do con đến gặp ngài. Con van xin ngài, hãy ra lệnh thả mẹ con ra: để mẹ đưa cả con đi cùng chịu cực hình mà mẹ thường dạy con.

Vua hỏi cậu:

– Sự đau khổ mà con nói đến là gì? Cậu bé, tràn đầy ân sủng của Đức Chúa Trời đang hoạt động trong lòng, trả lời:

– Sự đau khổ ấy chính là chết vì Chúa Kitô để được sống lại với Ngài.

Vua hỏi:

– Vậy Đấng Kitô là ai?

Cậu bé đáp:

– Hãy đi với con đến nhà thờ, con sẽ chỉ cho ngài thấy Ngài. Rồi, lại nhìn mẹ một lần nữa, đứa trẻ khóc lóc nói:

– Hãy thả con ra; con sẽ về với mẹ.

– Vậy tại sao con lại đến gặp ta mà bỏ mẹ lại? – nhà vua phản đối. – Đừng về với mẹ, hãy ở lại với chúng ta. Ta sẽ cho con táo, hạt dẻ và đủ loại trái cây đẹp mắt.

[7385] Quyền trượng – một cây gậy ngắn, biểu tượng của quyền lực tối cao. Trong lễ đăng quang, các vị vua cầm nó bằng tay phải.

[7386] Pharaoh – tên gọi chung của các vị vua Ai Cập cổ đại. Trong Kinh Thánh, tên "Pharaoh" thường xuất hiện một mình, không kèm theo tên riêng. Ở đây, tất nhiên, đề cập đến Pharaoh tên là Tutmosis hoặc Amenhotep, người trị vì vào thời điểm dân Do Thái ra khỏi Ai Cập (Xuất Hành 5–14). Ông đã bị chết cùng toàn bộ quân đội của mình tại Biển Đỏ (Xuất Hành 14,15:1–21).

Vua nói chuyện với cậu bé như với một đứa trẻ bình thường, cho rằng cậu bé chỉ có trí tuệ của trẻ con. Nhưng cậu bé lại có trí tuệ vượt xa lứa tuổi và trả lời một cách nghiêm túc:

– Ta sẽ không ở lại với các ngươi, mà muốn đi tìm mẹ. Ta tưởng ngươi là người Kitô giáo nên mới đến cầu xin ngươi vì mẹ ta. Nhưng ngươi lại là người Do Thái; vì thế ta không muốn ở lại với ngươi, và cũng sẽ không nhận bất cứ thứ gì từ tay ngươi. Ta chỉ muốn ngươi thả ta về với mẹ.

Vua rất ngạc nhiên trước sự thông minh của đứa trẻ nhỏ bé. Còn đứa trẻ, khi thấy mẹ mình bị ném vào lửa, đã cắn mạnh vào vua. Cảm thấy đau đớn, vua đẩy nó ra xa, rồi ra lệnh cho một trong những quan đại thần đang đứng đó mang nó đi và nuôi dạy theo luật Do Thái, với lòng căm ghét Kitô giáo. Vị quan đó bế đứa trẻ lên, vừa ngạc nhiên trước sự thông minh của nó, vừa dẫn nó về lều của mình. Trên đường đi, ông gặp một người bạn, liền dừng lại và bắt đầu kể về đứa trẻ này. Họ đứng không xa đống lửa, nơi người mẹ thánh thiện của đứa trẻ đã bị ném vào. Khi họ đang trò chuyện, cậu bé giật mình thoát khỏi tay người đang dắt mình, chạy nhanh và nhảy vào ngọn lửa; ở đó, ôm chặt mẹ mình, cậu bé đã cháy rụi cùng với bà. Như vậy, người mẹ và con trai đã trở thành của lễ toàn thiêu thơm ngát dâng lên trước mặt Thiên Chúa.

Tạ ơn Chúa, Đấng đã ban ân sủng cho đứa trẻ nhỏ bé ấy, khiến lời tiên tri được ứng nghiệm trên nó: *"Từ miệng trẻ thơ và trẻ bú, Ngài đã dựng nên lời ngợi khen, vì cớ những kẻ thù của Ngài, để làm cho kẻ thù và kẻ báo thù phải im lặng*"[7387] .

Khi tất cả những điều này đang diễn ra, các hoàng tử và tướng lĩnh của vị vua vô luật pháp đã cảm thấy hối hận vì sự đổ máu quá lớn của các Kitô hữu. Họ đã đến gặp nhà vua và xin ngài chấm dứt cuộc tàn sát và đừng hủy diệt thành phố, nơi hàng năm nộp rất nhiều cống phẩm. Kẻ vô pháp đã làm theo lời thỉnh cầu của họ và ngừng đổ máu những người vô tội. Tuy nhiên, ông ta đã chọn ra hàng ngàn trẻ sơ sinh và thiếu nữ, cả từ thành phố này lẫn khắp vùng Nagran, rồi bắt một số làm nô lệ cho mình, còn số khác thì phân phát tùy ý cho các quan đại thần và binh lính. Toàn bộ thành phố, vốn trước đây được tự do thờ phượng Đức Thánh Ba Ngôi, đã bị hắn đặt dưới ách nô lệ nặng nề, sau đó hắn lên đường trở về kinh đô của mình.

Khi tên Do Thái ghét Chúa này trở về nhà, một ngọn lửa xuất hiện trên bầu trời và chiếu sáng cả bầu trời suốt đêm. Do hiện tượng ngọn lửa này, Dunaan và toàn bộ quân đội của hắn đều hoảng sợ tột độ. Rồi ngọn lửa bắt đầu rơi xuống đất như mưa và gây ra nhiều thiệt hại. Đó là điềm báo về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời và là khởi đầu cho sự báo thù vì máu đã đổ. Tuy nhiên, vị pharaoh mới không chịu ăn năn và không khuất phục trước bàn tay mạnh mẽ của Đức Chúa Trời. Ông bùng lên cơn thịnh nộ điên cuồng chống lại các Kitô hữu, đến nỗi nảy sinh ý định tiêu diệt họ không chỉ trong nước mình, mà còn ở các vùng đất và vương quốc khác. Thật vậy, ông đã cử các sứ giả đến gặp vua Ba Tư[7388] , thuyết phục ông ta làm điều tương tự và tàn sát tất cả các Kitô hữu trong vương quốc của mình, nếu ông ta mong muốn "để mặt trời và Cha của mặt trời, Đức Chúa Trời của người Do Thái, ban ân sủng cho ông ta". Người Ba Tư tôn thờ mặt trời như một vị thần. Chính vì vậy, Dunan, với mong muốn xúi giục vua Ba Tư chống lại các Kitô hữu, đã gọi Đức Chúa Trời của người Do Thái là "cha của mặt trời". Ông cũng viết thư cho vua Alamundar của người Saracen[7389] , hứa hẹn sẽ ban cho ông ta nhiều vàng nếu ông ta tiêu diệt các Kitô hữu dưới quyền cai trị của mình.

Khi nghe tin về tất cả những điều này, vị vua Hy Lạp sùng đạo Justin đã vô cùng đau buồn và, với trái tim đầy xót xa trước sự đàn áp đối với các Kitô hữu, đã gửi thư đến Tổng Giám mục Alexandria Asterius, xin ngài thuyết phục vua Ethiopia Elezvoy tham gia chiến tranh chống lại tên Do Thái vô đạo để báo thù cho máu của các Kitô hữu. Ngoài ra, chính ông cũng đã viết thư cho vua Elezvoy về tất cả những gì Dunaan đã làm với các Kitô hữu ở xứ Omirit, đặc biệt là tại thành phố Nagrane, cũng như việc hắn đã cử sứ giả đến gặp vua Ba Tư và công tước Saracen, dùng lời cầu xin và hối lộ để xúi giục họ chống lại các Kitô hữu. Trong thư, Justin đã khẩn cầu Elezvoy, với tư cách là người có biên giới giáp ranh với Dunaan, hãy dẫn quân ra trận chống lại tên báng bổ này, kẻ khát máu các tín hữu Kitô giáo. Tổng giám mục Asterius đã khích lệ Elezvoy tham gia chiến tranh, còn bản thân ông thì siêng năng cầu nguyện với Chúa để xin sự giúp đỡ cho các Kitô hữu và để đánh tan kẻ thù của họ. Ông cũng gửi

---

[7387] (Thi Thiên 8:3). Thi thiên này tiên báo lời ngợi khen phát ra từ miệng các trẻ thơ khi Chúa vào Giê-ru-sa-lem (Ma-thi-ơ 21:16).

[7388] Ba Tư giáp ranh với Ả Rập ở phía đông bắc. Vị vua được đề cập ở đây chính là Khosrow Nughirvan, người cùng thời với Justinus người Hy Lạp.

[7389] Người Saracens – một bộ tộc Ả Rập, sinh sống ở phía nam Biển Caspi và dãy Caucasus, và mở rộng đến Syria và Palestine. Tên gọi của họ có nguồn gốc từ Sarra, vợ của Áp-ra-ham, hoặc từ từ tiếng Thổ Nhĩ Kỳ "Sharakyun", tức là "phía đông".

thư đến tất cả các tu sĩ đang ở Nitria và các tu viện ẩn dật[7390] , xin họ cầu nguyện. Vua Ê-lê-zô-vay của Ê-ti-ô-pi đã biết rõ mọi chuyện xảy ra ở xứ Ô-mi-rít, không chỉ qua vua Gius-tin và Tổng Giám mục Asterius – mà chính ông cũng đã biết từ trước, vì quân đội của ông, được để lại canh gác các thành phố lân cận, đã bị tiêu diệt. Bừng cháy lòng nhiệt thành vì Đức Chúa Trời và xót thương các tín hữu Kitô, ông muốn lập tức dẫn quân đi chinh phạt Dunaan, nhưng không thể vì đang là mùa đông; nên ông chờ đến mùa hè, chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho cuộc chiến. Khi mùa đông qua đi, ông tập hợp được một đạo quân gồm 120.000 người từ chính quân đội của mình và các chiến binh thuộc các dân tộc khác đã đến giúp đỡ ông. Trong mùa đông, ông đã trang bị vũ khí cho bảy mươi con tàu Ấn Độ, đồng thời thu giữ sáu mươi con tàu từ các thương nhân Ba Tư và Ethiopia đến để buôn bán, và sửa chữa nhiều con tàu cũ nát. Khi mùa xuân đến, Elezwo dẫn các đạo quân của mình ra trận. Từ miền nam Ethiopia[7391] , ông cử một phần quân đội đi bộ qua đường bộ đến các vùng đất của Omirit, còn bản thân ông cùng các đạo quân còn lại lên tàu và ra khơi. Ông muốn tiến vào đất nước Omirit cả từ đường bộ lẫn đường biển, nhằm bao vây vua Do Thái từ mọi phía. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng sắp đặt mọi sự một cách khôn ngoan và hành động không theo ý muốn con người, mà theo những định mệnh không thể thấu hiểu của Ngài, – biết rằng điều đó có thể mang lại lợi ích, đã phá hủy những ý định của vị vua thánh thiện Elezvoy. Quân đội của ông, được cử đi qua đường bộ đến vương quốc Omirit, đã lạc lối trong sa mạc và núi non, ở những vùng đất hiểm trở và khô cằn, không thể đến được vùng đất Omirit cũng như không thể quay trở lại. Sau nhiều ngày lang thang, họ kiệt sức vì khát và lần lượt gục ngã chết. Chỉ có rất ít người còn sống sót và, khi trở về quê hương, họ mang theo những tin tức đáng buồn. Tương tự như vậy, vị vua đang đi thuyền trên biển cũng không gặp may mắn. Khi cập bến một thành phố tên là Dakelu[7392] , nhà vua bước xuống tàu và đi đến nhà thờ nằm bên bờ biển. Tại đó, ngài cởi bỏ vương miện và áo choàng màu tím, trang phục hoàng gia cùng các biểu tượng quyền uy, rồi để chúng lại trước cửa nhà thờ, bước vào trong với bộ quần áo của một người ăn xin và cầu nguyện lâu dài với lòng thành kính trước bàn thờ.

Trong lời cầu nguyện, khi nhớ lại những phép lạ mà Đức Chúa Trời đã thực hiện tại Ai Cập và trong sa mạc cho dân Do Thái vô ơn, nhà vua đã nói:

– Dân Do Thái đã vô ơn với Ngài, Đấng Cứu Rỗi của họ, – không chỉ những người mà Ngài đã giải cứu khỏi Ai Cập, mà cả con cái họ, và toàn thể dân tộc, cho đến tận ngày nay. Ngài biết, lạy Chúa, họ đã gây ra bao điều ác cho thành phố Nagran của Ngài, nơi họ đã dùng mưu mô bắt giữ dân Ngài. Họ đã lập ra một hội đồng bất chính chống lại các thánh của Ngài và đang tìm cách tiêu diệt những Kitô hữu còn lại trên mặt đất. Nếu tất cả những điều này xảy ra vì tội lỗi của chúng con, thì chúng con khẩn cầu lòng nhân từ của Ngài; xin đừng phó thác chúng con vào tay chúng, nhưng chính Ngài hãy trừng phạt chúng con theo ý Ngài, vì cả sự vĩ đại lẫn lòng thương xót đều thuộc về Ngài! Xin đừng phó thác chúng con cho kẻ thù của chúng con, để chúng không nói rằng:

– Đấng Kitô mà họ trông cậy ở đâu, và Thập giá mà họ tự hào ở đâu?

Sau khi cầu nguyện trong nước mắt như vậy, nhà vua bước ra khỏi nhà thờ và rời khỏi thành phố. Lúc đó, ông nghe nói rằng có một tu sĩ thánh thiện tên là Zinon, đang sống ẩn dật trong một căn phòng tu hành hẻo lánh gần thành phố suốt bốn mươi lăm năm, và nhờ cuộc đời đạo đức của mình, ông đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng tiên tri và khả năng biết trước tương lai. Vua đã đến gặp vị tu sĩ này trong hình dáng của một chiến binh bình thường; ông mang theo một bình nhang[7393] , và giấu vàng bên dưới, với hy vọng rằng vị tu sĩ già, do vô tình, sẽ nhận cả vàng lẫn nhang. Khi bước vào gặp vị tu sĩ, nhà vua cúi đầu chào ông và, khi trao tặng phẩm mang theo, đã xin ông cầu nguyện cho mình, đồng thời hỏi: liệu Chúa có giúp họ trong cuộc chiến chống lại người Do Thái Dunaan, kẻ mà họ đang tiến quân để trả thù cho máu của các tín hữu Kitô giáo hay không?

[7390] Phía nam Alexandria là sa mạc Nitria, nơi các tu sĩ khổ hạnh của Ai Cập – những người "feraphtes" – sống đời tu hành. Nền tảng cho đời sống tu hành tại đây được đặt ra bởi Thánh Ammon, người cùng thời với Thánh Antôn (thế kỷ III). Chính tại Nitria, Thánh Ammon đã thành lập một tu viện, còn Thánh Antôn là người khởi xướng việc xây dựng các tu viện nhỏ (skete). Vào cuối thế kỷ IV, nơi đây có tới 60 tu viện, được tổ chức theo hiến chương của Thánh Pachomius. Phía nam Nitria là sa mạc Skete, nơi có nhiều tu sĩ sinh sống.

[7391] Khi nói đến "miền hạ" Ethiopia, người ta ám chỉ vùng đồng bằng phía bắc. Lực lượng bộ binh do Elezwo chỉ huy đã được điều động qua vùng Thebaid và Ai Cập, tiến về phía bắc bán đảo Sinai và bán đảo Ả Rập. Ở phần phía bắc của một trong hai bán đảo đó (chưa rõ chính xác là bán đảo nào), quân đội đã lạc đường trong sa mạc và núi non, và phần lớn đã thiệt mạng.

[7392] Ở đây, tất nhiên là thành phố Skilis ở lối vào Vịnh Ả Rập, từng là cảng thương mại với Ấn Độ.

[7393] Nhũ hương là sản phẩm tự nhiên của vùng ven biển Ê-thi-ô-pi, cùng với myrrh và quế, người dân nước này đã tiến hành thương mại rộng rãi.

Với khả năng thấu thị, vị tu sĩ già đã nhận ra ông ta chính là vị vua, cũng như biết rằng vàng được giấu trong hương trầm. Ông không nhận món quà và nói:

– Chẳng phải ngươi đã nghe Chúa phán rằng: *"Sự báo thù thuộc về Ta, chính Ta sẽ báo ứng"*[7394] sao? Ngươi đã phát động cuộc chiến này để tự chuốc lấy diệt vong. Vương quốc của ngươi sẽ bị tước đoạt, và nhiều người cùng với ngươi sẽ mất mạng.

Nghe vậy, nhà vua vô cùng kinh hãi và trong tiếng khóc lóc, than thở, ông rời khỏi vị thánh. Chìm trong nỗi đau khổ và buồn bã tột cùng, ông suy ngẫm suốt cả đêm, không biết phải làm gì. Cuối cùng, ông quyết định bỏ trốn. Tuy nhiên, khi bình minh ló rạng, ông lại đến gặp vị tu sĩ. Vị tu sĩ nói với ông:

– Trên đời này không có thành phố nào mà ngươi có thể thoát khỏi cái chết. Nhưng nếu ngươi muốn sống sót và đánh bại vị vua bất chính ấy, thì hãy hứa rằng sau này ngươi sẽ theo đời sống tu hành.

Yelezvoy đã thề hứa, nói rằng:

– Nếu Chúa ban cho tôi chiến thắng trước Dunaan, tôi sẽ lập tức từ bỏ vương quốc và trở thành tu sĩ.

Nghe những lời ấy của nhà vua và thấy những giọt nước mắt của ngài, vị tu sĩ già đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho ngài và ban phước lành cho ngài, giống như xưa kia Sa-un đã làm cho Đa-vít khi đối đầu với Gô-li-át (1 Sa-mu-ên 17:37), rồi nói:

– Nguyện Chúa ở cùng ngươi! Hãy đi, được sự trợ giúp từ những của lễ của các vị tử đạo, những lời cầu nguyện của Tổng Giám mục Asterius và các vị thánh cha ẩn sĩ đang cầu nguyện cho ngươi, cũng như những giọt nước mắt của vị vua phúc lành Justin. Ngươi sẽ đánh bại Dunaan và báo thù cho máu của những người vô tội.

Vua được an ủi trong nỗi buồn, nhận lời chúc phúc và đi đến quân đội của mình, vui mừng và ngợi khen Đức Chúa Trời.

Lúc bấy giờ, vua Dunaan của Omirit, nghe tin vua Elezvoy của Ethiopia đang tiến đánh mình cả trên biển lẫn trên đất liền, cũng đã tập hợp một đạo quân hùng hậu và, được trang bị vũ khí đầy đủ, đứng canh gác tại biên giới đất nước mình, chờ đợi cuộc xâm lược của Elezvoy. Khi nghe tin quân đội của Yelzvoy, những người tiến quân trên đất liền, đã perish trong sa mạc, ông rất vui mừng và không còn lo ngại về phía đất liền nữa, mà chỉ đề phòng từ phía biển. Nhưng ngay cả ở đó cũng không có nguy hiểm. Giữa Ethiopia và xứ Omirit có một bãi cạn và một eo biển hẹp, rộng chưa đầy hai stadia[7395] . Trên đó rải rác vô số tảng đá lớn và nhọn, chỉ vừa được nước che phủ. Vì vậy, nơi này rất khó khăn cho việc đi lại của tàu thuyền. Ngoài ra, Du-na-an còn tạo thêm một chướng ngại vật lớn nữa. Hắn giăng một sợi xích sắt dày và khổng lồ, dùng nó để chặn bãi cạn, nhằm không chỉ những tảng đá rải rác mà cả sợi xích sắt cũng chặn đường của Ê-lê-zê-va và không cho các tàu của ông ta sang bên kia.

Nhưng Đức Chúa Trời, *"sự khôn ngoan của Ngài không thể đo lường được"* (Thi Thiên 146:5), đã làm thất bại sự khôn ngoan của người Do Thái xảo quyệt. Bằng quyền năng kỳ diệu của Ngài, Ngài đã mở ra một con đường thuận tiện cho các tín hữu tại nơi không thể đi qua này.

Khi Ê-lê-zô-vay rời thành phố Da-kê-la với niềm hy vọng tốt lành, gió thuận đã thổi lên. Sau khi giương buồm, họ lướt đi rất nhanh và chỉ sau vài ngày đã đến biên giới xứ Omirit. Khi đến gần vùng nước cạn hẹp trên biển mà vẫn chưa biết gì, nhà vua ra lệnh cho mười con tàu vượt qua trước tiên, rồi sau đó chỉ định thêm hai mươi con tàu nữa để vượt qua, trong đó có chính ông, đang quan sát cuộc vượt biển từ trên cao. Còn lại rất nhiều tàu khác vẫn ở lại phía sau rất xa, chờ đợi cho đến khi những chiếc đi đầu vượt qua. Nhưng ngay khi mười chiếc tàu đầu tiên vừa khởi hành, Đức Chúa Trời, Đấng làm chủ các con đường biển, đã lập tức đến giúp đỡ những người trung thành của Ngài, và tại nơi lẽ ra các con tàu phải bị chìm, Đức Chúa Trời đã ban sự cứu rỗi vượt ngoài sự mong đợi. Bất ngờ, một cơn bão lớn nổi lên trên biển, và những con sóng dâng cao như núi. Chúng cuốn lấy các con tàu và đưa chúng vượt qua nơi nguy hiểm đó. Chỉ có một con tàu bị mắc kẹt vào rào chắn bằng sắt và dường như đang đứng trên tảng đá – nhưng nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời, nước dâng cao và đã đưa nó qua. Như vậy, lời tiên tri của vua Đa-vít đã được ứng nghiệm: *"Những ai ra khơi trên thuyền, làm việc trên biển cả, sẽ thấy những việc làm của Chúa và những phép lạ của Ngài trong vực thẳm"* (Thi Thiên 106:23–24)[7396] .

[7394] (Rô-ma 12:19). Ý nghĩa của đoạn văn: chỉ có một mình Chúa mới có quyền trừng phạt con người vì những việc làm của họ.

[7395] Một "stadia" tương đương với 87,5 sazen. Lối đi hẹp được đề cập đến ở đây do đó ngắn hơn nhiều so với 1/2 verst.

[7396] (Thi Thiên 106:23–24). Những lời này có ý nghĩa như sau: Trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời, Đức Chúa Trời dẫn dắt số phận con người và chỉ đường cho họ, loại bỏ những chướng ngại và nguy hiểm.

Phép lạ này do bàn tay hùng mạnh của Đức Chúa Trời thực hiện. Ngài không chỉ dùng sóng biển đưa những con tàu đi đầu vượt qua đoạn đường hiểm trở, bị chặn bởi đá và xích sắt, mà còn dùng bão tố và sóng biển phá vỡ chính rào cản bằng sắt đó, mở ra lối đi thuận lợi cho các con tàu còn lại.

Sau khi đưa mười con tàu đầu tiên qua khu vực nguy hiểm, sóng biển đã đẩy chúng vào bờ, cách nơi vua Dunaan cùng toàn bộ quân đội Omirit đang đóng quân hai trăm stadia. Còn hai mươi con tàu khác, trong đó có vua Yelezvoy, dù đã vượt qua eo biển hẹp, nhưng do bị gió thổi dạt, không theo kịp đoàn tàu đi trước, mà bị sóng biển đánh dạt tứ tung trên mặt biển. Khi biết tin về những con tàu đã cập bến, Dunaan lập tức cử ba mươi nghìn chiến binh vũ trang cưỡi ngựa đi ngăn cản các tín đồ Kitô giáo lên bờ. Còn những con tàu bị sóng đánh dạt khắp biển chỉ có thể tiến lại gần mười con tàu đi đầu sau khi cơn bão tan; nhưng chúng đã dừng lại, và mọi người không thể lên bờ vì bị binh lính của Dunaan từ bờ biển tấn công dữ dội. Số tàu còn lại, rất đông đảo, phải đến ngày thứ ba mới vượt qua được vùng biển nguy hiểm và dừng lại gần bờ. Tuy nhiên, chúng không thể hợp nhất với các tàu đi đầu và, do cách xa nhau, không biết gì về nhau.

Nghĩ rằng vua Ethiopia đang ở nơi có nhiều con tàu rải rác, Dunaan dẫn quân đến đó và đóng quân gần bờ biển, ngăn cản kẻ thù đổ bộ từ tàu lên đất liền. Họ ở trong tình trạng đó suốt một thời gian dài, và cả hai bên bắt đầu phải chịu cảnh thiếu thốn trầm trọng. Người Ethiopia trên tàu thiếu lương thực và nước uống, còn người Omiri đứng trên bờ thì phải chịu đựng cái nắng gay gắt. Lúc đó, Dunaan đã cử một vị công tước trong số những người thân cận của mình, dẫn theo hai mươi nghìn kỵ binh, đến hỗ trợ ba mươi nghìn chiến binh đang canh gác các con tàu ở tuyến đầu, ngăn không cho các tín đồ Kitô giáo lên bờ. Đi cùng vị công tước đó còn có một hoạn quan hoàng gia, người mang theo năm cây giáo bằng vàng[7397] . Họ đã giao chiến với những người Kitô hữu trong nhiều ngày, những người này lần lượt đổ bộ lên bờ và dựng trại dọc theo bờ biển. Một lần nọ, vị công tước do Dunaan phái đi, cùng với hoạn quan mang theo những cây giáo vàng và một số người hầu, đã rời khỏi trại của mình để đi săn và qua đêm tại đó. Cùng đêm đó, một số chiến binh của Elezvoy đang ở trên bờ, vì đói khát, đã bàn bạc với nhau để trốn thoát. Họ cướp lấy ngựa, cưỡi lên và trốn khỏi trại. Tình cờ, hay đúng hơn là theo sự an bài của Đức Chúa Trời, họ đụng độ với vị hoàng tử Omirit và hoạn quan của nhà vua, những người đang mai phục để săn thú, và đã giao chiến với họ. Sau khi đánh bại họ, họ bắt giữ vị công tước – người thân của nhà vua – và hoạn quan cùng với những cây giáo vàng, còn những người còn lại thì bị chém chết bằng gươm; sau đó, họ trở về tàu của mình, dẫn theo những tù binh còn sống về trình diện nhà vua và mang theo những cây giáo vàng. Vua vô cùng vui mừng và tạ ơn Đức Chúa Trời, Đấng đã bắt đầu giao những kẻ thù của Thánh Giá vào tay ngài, đồng thời hứa sẽ dâng những cây giáo vàng đó cho nhà thờ của Đức Chúa Trời để trang hoàng bàn thờ. Sáng sớm, sau khi chuẩn bị cho binh lính sẵn sàng chiến đấu, vị vua cho họ lên những con thuyền nhỏ. Khi lên bờ, họ cầu xin Chúa giúp đỡ và bắt đầu một trận chiến khốc liệt với người Omirit. Những kẻ này, sau khi mất đi thủ lĩnh, bắt đầu hoảng loạn và, để lộ hậu phương, đã quay đầu bỏ chạy. Các Kitô hữu truy đuổi và chém giết họ như chém cỏ. Thiên Chúa đã giúp đỡ họ, và không một kẻ thù nào trốn thoát được, mà tất cả đều ngã xuống dưới lưỡi gươm của các Kitô hữu, đến nỗi không còn ai sống sót để báo tin cho vị vua theo đạo Do Thái về sự diệt vong của quân đội ông ta. Nhân dịp chiến thắng được ban tặng, các Kitô hữu đã dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện tạ ơn.

Nhưng thời điểm để các Kitô hữu hoàn toàn chiến thắng vẫn chưa đến. Phần lớn quân đội của Elezvoy, đang ở trên các con tàu phía sau, lâm vào tình trạng cực kỳ khó khăn vì hai lý do: lương thực và nước uống của họ đang cạn kiệt; hơn nữa, họ không biết vị vua của mình cùng các con tàu phía trước đang ở đâu. Còn Elezvoy, sau khi bắt giữ được một người thân của nhà vua và một hoạn quan làm tù binh, đã tiến về thủ đô của vương quốc Omirit, có tên là Far, nơi tọa lạc cung điện của vua Dunaan. Không thấy có lính canh ở thành phố, Elezvoy đã chiếm được thành phố một cách dễ dàng. Sau đó, ông tiến vào các điện thờ hoàng gia và ngồi lên ngai vàng của Dunaan; chiếm đoạt toàn bộ của cải của ông, đồng thời bắt hoàng hậu cùng triều đình làm tù binh. Một số người trốn thoát khỏi thành phố đã đến gặp vua Dunaan của họ, người vẫn đang tiếp tục cuộc chiến chống lại hạm đội của Elezvoy, và kể lại cho ông nghe mọi chuyện về cách Elezvoy đã đánh bại quân đội, chiếm đóng thủ đô và bắt giữ hoàng hậu.

Nghe tin này, Dunaan vô cùng hoảng sợ. Dưới sự chi phối của nỗi sợ hãi, lòng dũng cảm đã rời bỏ ông, và ông không biết phải làm gì. Chúa đã tước đi lý trí của ông và bắt đầu trả thù cho máu vô tội của các Kitô hữu. Dunaan, kẻ vô pháp, bắt đầu sợ hãi không chỉ Elezvoy, mà cả các quan đại thần và họ hàng của chính mình. Không

[7397] Những cây giáo bằng vàng là biểu tượng của địa vị người mang vũ khí đầu tiên của vua.

tin tưởng họ và lo sợ họ sẽ phản bội mình và đầu hàng Ê-lê-zô, ông đã xiềng xích tất cả bọn họ và chính mình bằng những sợi xích vàng, rồi ẩn náu trong trại của mình, chờ đợi án tử hình cuối cùng. Vị vua khốn khổ ấy đã trở nên điên loạn như vậy, bởi vì nỗi sợ hãi đã ập đến với hắn, giống như xưa kia đã ập đến với các vị vua của Ê-đôm, Mô-áp và Ca-na-an, những người được nhắc đến trong Kinh Thánh: *"Lúc bấy giờ, các quan trưởng Ê-đôm hoảng loạn, các thủ lĩnh Mô-áp run rẩy, và tất cả dân cư Ca-na-an đều chán nản"*[7398] .

Lúc bấy giờ, các Kitô hữu còn lại trên nhiều con tàu đang neo đậu phía sau, không hay biết gì cả; trong tình trạng hoang mang và đau buồn tột độ, xa cách vị vua của mình, họ đã dâng lên những lời cầu nguyện khẩn thiết. Sau khi cử hành Thánh lễ trên các con tàu và rước Mình Thánh Chúa, họ đồng thanh kêu cầu Thiên Chúa, xin Ngài giúp đỡ. Và ngay lập tức, một tiếng nói từ trời vang lên, kêu gọi:

– Gabriel, Gabriel, Gabriel!

Nghe thấy tiếng nói ấy, các tín hữu được củng cố tinh thần, và sau khi trang bị vũ khí để chiến đấu, họ lên những chiếc thuyền nhỏ tiến về bờ. Và bỗng nhiên, giữa họ xuất hiện một chiến binh, tay cầm một cây gậy sắt, trên đỉnh có gắn cây thánh giá; còn đầu kia của cây gậy thì nhọn như một cây giáo. Với vũ khí này, chiến binh ấy đã lao lên bờ trước hết, ngay lập tức giao chiến với một chiến binh vũ trang đang cưỡi ngựa, và đâm xuyên qua cả người lẫn ngựa. Khi ngựa và kỵ sĩ ngã xuống, ngay lập tức tất cả kẻ thù đều hoảng sợ và bỏ chạy khỏi bờ biển. Còn các Kitô hữu, sau khi chiếm được bờ biển, đã tiến lên thành những hàng ngũ chỉnh tề chống lại bọn vô đạo. Một trận chiến khốc liệt đã diễn ra. Chúa đã làm cho người Do Thái và dân ngoại hoang mang, khiến họ không thể chống cự lại các Kitô hữu. Và toàn bộ quân đội của vị vua ghê tởm trước mặt Chúa là Dunaan đã ngã xuống như cỏ bị liềm cắt.

Khi các tín hữu Kitô giáo tiến đến lều vua, họ thấy nhà vua đang bị xiềng xích bằng dây xích vàng, cùng với các hoàng tử và thân nhân, đang ngồi trong trạng thái điên loạn. Tất cả đều kinh ngạc trước hiện tượng kỳ lạ này. Không làm gì với họ, các chiến binh Kitô hữu canh giữ những tù binh đó cho đến khi biết tin vị vua của họ, thánh Yelzev, đã chiếm được thủ đô của kẻ thù. Lúc đó, họ gửi tin cho ngài về chiến thắng do Thiên Chúa ban tặng trước tên Do Thái đáng ghê tởm. Sau khi để lại một phần quân đội trong thành để canh gác, vua Elezvoy tự mình vội vã trở về với các tín hữu Kitô giáo của mình. Khi thấy Dunaan cùng đoàn tùy tùng đang bị xiềng xích bằng vàng, Elezvoy đã đích thân ra tay xử tử hắn và tất cả những ai đi cùng hắn. Niềm hân hoan của các tín hữu Kitô giáo thật lớn lao và niềm vui không thể tả xiết trước lời châm ngôn: *"Người công chính sẽ vui mừng khi thấy sự báo thù"* (Thánh Vịnh 57:11).

Khi trở về thành phố, Elezvoy đã xử tử tất cả những kẻ ngoại đạo đang ở trong cung điện hoàng gia cùng với hoàng hậu, và tiêu diệt hoàn toàn tất cả kẻ thù của Chúa Kitô. Sau đó, ngài gửi tin báo đến vua Justin và Tổng Giám mục Alexandria, thông báo rằng Chúa đã ban ân sủng cao cả cho họ, đã đặt kẻ thù của họ dưới chân họ và đã báo thù cho máu của các Kitô hữu. Mọi người đều tạ ơn Thiên Chúa. Tổng Giám mục lập tức cử các giám mục và linh mục đến với người Omirit để giảng dạy đức tin và rửa tội cho những người còn lại. Còn Elezvoy thì bắt đầu xây dựng các nhà thờ tại các thành phố và truyền bá vinh quang danh Chúa Giêsu Kitô. Khi đến thành phố Nagran, nơi các thánh tử đạo, ngài đã trùng tu nhà thờ từng bị tên vô đạo Dunaan đốt cháy – trang hoàng lộng lẫy các quan tài của các thánh tử đạo, đồng thời khích lệ tất cả các Kitô hữu và tuyên bố họ được tự do. Ngài đã bổ nhiệm con trai còn sống sót của Thánh Arefa làm chỉ huy quân sự tại thành phố đó, và trong thời gian ngắn đã thanh tẩy toàn bộ vùng đất Omirit khỏi sự vô thần và tà ác, đồng thời truyền bá đức tin thánh thiện. Sau đó, ngài đã lập một người đạo đức và có đức hạnh tên là Avraamia làm vua, thiết lập các luật lệ Kitô giáo về giáo hội và dân sự, và sau khi củng cố sự ổn định, ngài đã trở về quê hương cùng quân đội của mình, ca ngợi Thiên Chúa. Ngài trở về với vô vàn của cải, vì quân đội của ngài đã thu được rất nhiều chiến lợi phẩm.

Khi trở về quê hương, Yelzevoy đã dâng lời tạ ơn Chúa vì mọi ân huệ và gửi vương miện của mình đến Jerusalem; còn bản thân ông, vài ngày sau đó, đã phó thác vương quốc Ethiopia và chính bản thân mình cho ý muốn của Chúa, rồi từ bỏ tất cả. Vào ban đêm, ngài lén rời khỏi cung điện hoàng gia và thành phố, trong bộ quần áo giản dị, không phải với tư cách một vị vua, mà như một người ăn xin nào đó, và lui về một tu viện gần đó, sống trong một căn phòng nhỏ, nơi ngài không bước ra cho đến khi qua đời, ngày đêm miệt mài phụng sự Chúa. Thức ăn

[7398] (Xuất Ê-díp-tô Ký 15:15) Việc dân Do Thái vượt qua Biển Đỏ và sự diệt vong của Pha-ra-ôn cùng quân đội của ông đã gieo rắc nỗi sợ hãi cho tất cả các dân tộc Ca-na-an, những người đã nhìn thấy trong sự kiện này sự giúp đỡ và sự che chở của Đức Chúa Trời dành cho dân được chọn.

của ngài chỉ là một chiếc bánh mì mỏng cho ba ngày, thỉnh thoảng ngài ăn quả sung và quả chà là. Trong căn phòng của mình, ngài không có gì khác ngoài một tấm vải len, một cái xô gỗ và một chiếc giỏ nhỏ. Ngài chưa bao giờ nếm rượu vang hay dầu ô liu. Như vậy, ngài đã từ bỏ cả thế gian và vinh quang của nó, dồn hết tâm trí về phía Chúa và chỉ phụng sự một mình Ngài, sống mười lăm năm trong đời tu hành. Ngài đã được hưởng cái chết an lành và ra đi trong bình an. Vì tất cả những điều này, vinh quang thuộc về Chúa chúng ta mãi mãi, bây giờ và luôn luôn, cho đến muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hôm nay, lễ kính vị Tử đạo mang ánh sáng rạng ngời đã mang đến cho chúng ta niềm vui, khi cử hành lễ này, chúng ta ngợi khen Chúa Hằng Hữu trên các tầng trời.

Cuộc đời của Thánh Arefa Pechersky

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 10

Quả thật là xứng đáng và công chính – luôn tạ ơn Thiên Chúa không chỉ vì những ân huệ Ngài ban xuống, mà còn vì những hoạn nạn; vì những hoạn nạn ấy không chỉ làm gia tăng ân sủng cho những người công chính, như trường hợp của Gióp, mà còn biến đổi một tội nhân lớn thành một thánh nhân hoàn hảo. Một ví dụ về điều này là Thánh Arefa, người mà chính vị chứng nhân của ngài, Đức Giám mục Thánh Simon, đã làm chứng như sau.

Tại Tu viện Pechersk có một tu sĩ tên là Arefa, quê ở thành phố Polotsk[7399] . Trong phòng tu của mình, ngài bí mật cất giữ một khối tài sản khổng lồ, nhưng lại bị tính keo kiệt chi phối đến mức chưa bao giờ cho người nghèo một đồng xu nào làm từ thiện, và thậm chí không chi tiêu gì cho nhu cầu cá nhân của mình. Một đêm nọ, bọn trộm đến và cướp đi toàn bộ của cải của ông. Lúc đó, vì quá đau khổ và buồn bã, ông suýt nữa thì mất mạng. Trong quá trình tìm kiếm những thứ bị đánh cắp, ông bắt đầu tấn công những người vô tội và đàn áp nhiều người một cách bất công. Toàn thể các tu sĩ đã khẩn cầu ông ngừng việc truy tìm đó và an ủi ông bằng những lời:

– Anh ơi, *"Hãy phó thác những lo âu của anh cho Chúa, và Ngài sẽ nâng đỡ anh"* (Thi Thiên 54:23).

Nhưng ông không nghe theo họ và dùng những lời lẽ gay gắt để làm phiền mọi người.

Vài ngày sau, anh ta mắc phải một căn bệnh nặng; nhưng ngay cả lúc đó, anh ta vẫn không ngừng than vãn và phỉ báng. Chúa đầy lòng nhân ái, *"Đấng muốn cho mọi người được cứu rỗi và đạt đến sự hiểu biết lẽ thật"* (1 Ti-mô-thê 2:4), đã bày tỏ ân sủng kỳ diệu của Ngài trên người anh ta. Một lần, khi đang nằm trên giường như người chết, sau nhiều ngày im lặng, Arefa bất ngờ khiến mọi người ngạc nhiên khi bắt đầu kêu lên lớn tiếng:

– Lạy Chúa, xin thương xót! Lạy Chúa, xin tha thứ! Lạy Chúa, con đã phạm tội. Mọi sự đều thuộc về Ngài, – và con không hối tiếc về những gì đã mất.

Sau đó, ngay lập tức đứng dậy khỏi giường bệnh, ông giải thích cho các anh em lý do những tiếng kêu của mình và kể lại hiện tượng này

– Tôi đã thấy, – ông nói, – rằng các Thiên thần đã đến với tôi, cũng như một đám quỷ dữ, và bắt đầu tranh cãi về số của cải bị đánh cắp của tôi. Bọn quỷ nói: "Hắn không ngợi khen Đức Chúa Trời vì điều này, mà lại phỉ báng: vì thế – hắn là của chúng ta và phải bị giao nộp cho chúng ta". Còn các Thiên thần thì nói với tôi: "Ôi, người khốn khổ ơi, nếu ngươi biết tạ ơn Thiên Chúa vì tài sản bị cướp mất, điều đó sẽ được tính là việc bố thí cho ngươi, như trường hợp của Gióp – vì ai thực hành việc bố thí thì có công đức lớn trước mặt Thiên Chúa, bởi họ làm điều đó theo ý muốn tốt lành của mình. Còn ai phải chịu sự cướp đoạt một cách bạo lực mà lại tạ ơn, coi sự tạ ơn đó thay thế cho ý chí tốt lành, thì người ấy đang bị ma quỷ cám dỗ. Vì ma quỷ gây ra sự mất mát cho con người, mong muốn khơi dậy sự phỉ báng trong lòng họ. Nhưng người biết ơn sẽ phó thác mọi sự cho ý muốn của Đức Chúa Trời, và sự mất mát trong trường hợp đó – cũng tương đương với việc bố thí. Khi các Thiên thần nói với tôi điều này, tôi đã kêu lên: "Lạy Chúa, xin tha thứ! Lạy Chúa, con đã phạm tội! Mọi sự đều thuộc về Ngài – và con không hối tiếc về những gì đã bị cướp mất." Lúc đó, các quỷ dữ bất ngờ biến mất. Còn các Thiên thần thì vui mừng, và sau khi coi số bạc đã mất của tôi như một khoản bố thí, họ đã ra đi.

[7399] Polozk – hiện là một thị trấn thuộc tỉnh Vitebsk, từng là thủ đô của Công quốc Polozk.

Nghe điều này, các anh em đã ngợi khen Thiên Chúa, Đấng dẫn dắt những kẻ có tội vào con đường sám hối và đã cho họ biết về sức mạnh vĩ đại của lòng biết ơn. Còn Thánh Arefa, được Thiên Chúa khai sáng, từ đó đã hoàn toàn thay đổi theo hướng tốt đẹp hơn, cả về trí tuệ lẫn tính cách, đến nỗi mọi người đều ngạc nhiên và nói về ngài bằng lời của Thánh Tông Đồ: *"Khi tội lỗi gia tăng, ân sủng lại càng dồi dào hơn"* (Rm 5,20).

Người mà trước đây không ai có thể ngăn cản khỏi việc phỉ báng, thì sau đó chính ông không ngừng ca ngợi, ngày nào cũng tôn vinh và tạ ơn Thiên Chúa bằng những lời của Giób*: "Chúa đã ban, Chúa đã lấy đi; xin danh Chúa được chúc tụng!"* (Giób 1:21). Cũng vậy, trong những lỗi lầm khác của mình, ông đã ăn năn một cách sốt sắng, thể hiện lòng nhiệt thành trong sự nghèo khó chân thành, trong sự vâng phục – không chỉ trước mắt người đời, mà còn trong sự trong sạch cả bên ngoài lẫn bên trong. Ông siêng năng cầu nguyện không ngừng, ăn chay nghiêm ngặt và thực hành nhiều đức tính khác, cả về thể xác lẫn tâm hồn, được thúc đẩy bởi đức tính biết ơn. Giàu có về đức hạnh và lòng trung thành với Thiên Chúa hơn cả vàng bạc trước đây, sau nhiều gian khổ, ngài đã an nghỉ trong sự bình an vĩnh cửu[7400] . Thi hài ngài được an táng với sự tôn kính trong một hang động, và sự bất hoại kỳ diệu của thi hài ngài làm chứng cho sự hạnh phúc của ngài, ngang bằng với sự hạnh phúc của những người nhân từ, những người, theo lời Chúa, được thương xót (Mt 5,7). Nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, xin cho chúng ta, những người đang sống trong lòng biết ơn, cũng được thương xót, và xin cho chúng ta cùng với ngài được xứng đáng trong Nước Trời để ngợi khen Thiên Chúa trong Ba Ngôi Thánh, cho đến muôn đời. Amen.

Ngày 7 tháng 11

Ngày 25 tháng 10 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Marcian và Martirius

Ngày tưởng niệm 25 tháng 10

Khi tà thuyết Arius lan rộng và gây ra những chia rẽ lớn trong Giáo Hội của Chúa Kitô, thì những cuộc bách hại tàn bạo đối với các tín hữu Kitô giáo đã bắt đầu, cả từ phía những người theo tà thuyết Arius lẫn từ phía những kẻ thờ ngẫu tượng. Vào thời điểm đó, tất cả những ai công nhận Chúa Kitô là Đấng Tạo Hóa chứ không phải là thụ tạo – là Thiên Chúa nhập thể chứ không phải là một con người bình thường – đều bị truy đuổi, tra tấn, trục xuất và sát hại. Đặc biệt, phe Arian đã gia tăng sức mạnh kể từ khi chính Hoàng đế Constantius, con trai của Constantine Đại đế, sa vào cùng một tà thuyết và đưa hai quan đại thần lớn là Eusebius và Philip – những người theo Arian – vào triều đình; họ đã nhiệt tình bức hại các tín hữu Chính thống và gây hại cho Giáo hội của Chúa Kitô. Như vậy, họ chính là những kẻ gây ra việc lưu đày và cái chết của Thánh Phêrô, vị Thánh Cha của chúng ta, người đã làm chứng cho đức tin; họ đã xúi giục những kẻ đồng chí hướng siết cổ ngài, và những kẻ đó đã thực hiện điều đó. Thay thế ngài, họ đã đưa Macedonia lên ngai Thượng phụ[7401] . Họ cũng đã tiêu diệt nhiều vị chứng nhân và các nhà giảng dạy đức tin khác bằng nhiều cách khác nhau. Trong số những người nhiệt thành bảo vệ đức tin Kitô giáo này có hai vị, là Marcian và Martirius, những người đã làm rạng rỡ Giáo Hội của Thiên Chúa bằng giáo lý và các tác phẩm của mình, và "như hai bầu sữa của Giáo Hội, tuôn tràn sữa giáo lý, nuôi dưỡng các con cái thiêng liêng"[7402] . Trước đó, họ từng phục vụ dưới quyền vị thánh chứng nhân Phaolô đã được nhắc đến: Marcian là người đọc kinh, còn Martirius là phó tế. Họ cũng là những thư ký[7403] , ghi chép các giáo huấn của tổng giám mục và trình bày các

---

[7400] Thánh Arefa qua đời không muộn hơn năm 1190.

[7401] Macedonius là người sáng lập ra một tà thuyết mới. Ông không công nhận Đức Thánh Thần là Thiên Chúa, mà coi Ngài là một thụ tạo, không có phần trong Thần Tính và vinh quang của Chúa Cha và Chúa Con. Tà thuyết Macedonius đã bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ 2 dưới thời Thánh Theodosius Đại đế, vào năm 381.

[7402] Sách Lễ, tháng 10, ngày 25, bài ca 4.

[7403] Notary – về bản chất có nghĩa là người viết nhanh. Trong những thế kỷ đầu sau Công nguyên, đây là tên gọi dành cho các thư ký hoàng gia, những người chứng thực các văn bản. Dưới thời Constantine Đại đế, một văn phòng bí mật của các notary đã được thành lập, những người này ghi chép biên bản các cuộc họp nhà nước quan trọng nhất. Cùng thời gian đó, các thư ký của Thượng phụ Constantinopolis cũng được gọi là notary.

hành động nhằm củng cố đức tin. Đồng thời, chính họ cũng là những nhà rao giảng vĩ đại Lời Chúa và những người bảo vệ Giáo hội, mà họ, giống như hai tấm khiên, đã che chở khỏi những mũi tên dị giáo. Chúa đã ban cho họ, với tư cách là những môn đệ trung thành của Ngài, lời nói và sự khôn ngoan, mà tất cả những ai chống đối họ đều không thể phản bác hay chống lại được (xem Lc 21:15) – những người Arian. Sau khi Thánh Phaolô bị lưu đày và qua đời, các thủ lĩnh tà giáo đã hướng sự độc ác của mình vào các môn đệ của ngài là Marcian và Martirius. Trước hết, họ che giấu sự thù hận trong sự xảo trá, như tia lửa ẩn trong tro tàn, và cố gắng dùng những lời nịnh hót xảo quyệt để lôi kéo họ rời bỏ Chính Thống Giáo và theo sự bất chính của họ. Họ đề nghị các vị thánh nhân của Chúa rất nhiều vàng, hứa sẽ can thiệp với nhà vua để xin cho họ những ân huệ lớn lao, đưa họ lên các ghế giám mục và trao cho họ những điền trang rộng lớn, miễn là họ đồng ý với tà giáo mà họ đang truyền bá. Nhưng các vị thánh nhân của Chúa đã khinh bỉ tất cả những điều đó: họ không nhận vàng, từ chối những vinh dự được hứa hẹn và chế nhạo sự xảo trá của bọn vô đạo, thà chấp nhận, vì lòng đạo đức, sự sỉ nhục, ô nhục, cực hình và thậm chí là cái chết, hơn là sống trong tà giáo để hưởng thụ của cải, danh vọng và vinh dự. Khi đó, những kẻ dị giáo, thấy rằng không thể dùng bất cứ điều gì để lôi kéo các thánh chứng nhân theo tà giáo của mình, đã kết án họ tử hình – một cái chết mà các thánh, vì Chúa Kitô, khao khát hơn cả chính cuộc sống. Khi họ bị bắt và dẫn đến nơi hành quyết, họ đã xin một chút thời gian để cầu nguyện. Ngước mắt lên trời và giơ tay lên, họ cầu nguyện:

– Lạy Chúa là Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng tâm hồn chúng con cách vô hình, Đấng sắp đặt mọi việc của chúng con, xin hãy đón nhận linh hồn các tôi tớ của Ngài trong bình an, vì chúng con chịu chết vì Ngài và đã tự hiến mình như những con chiên bị giết (Tv 32,15; 43,23). Chúng con vui mừng vì được ra đi khỏi cuộc đời này bằng cái chết như vậy vì danh Ngài. Xin cho chúng con được dự phần vào sự sống đời đời cùng Ngài, Nguồn Suối Sự Sống.

Sau khi cầu nguyện như vậy, họ đã cúi đầu thánh thiện của mình xuống dưới lưỡi gươm và bị những kẻ Arius tàn ác hành quyết vì đã tuyên xưng Thần tính của Đức Giêsu Kitô. Một số tín hữu đã thu thập thi hài thánh thiện của các ngài và an táng tại cổng Melandia, ngay trong thành phố Constantinople. Sau đó, Thánh Cha Gioan Vàng Miệng của chúng ta đã xây dựng một nhà thờ để tưởng nhớ các ngài, nơi những người đau ốm được chữa lành nhờ lời cầu nguyện của các thánh tử đạo, để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Từ thuở ấu thơ, các ngài đã sống đời thánh thiện cùng với Thánh Martirius khôn ngoan, đã lật đổ kẻ bội đạo Arius, bảo vệ nguyên vẹn đức tin Chính Thống, và noi gương Thánh Phaolô, vị Thầy khôn ngoan. Nhờ đó, các ngài đã được sống đời đời cùng Ngài, như những chiến binh trung thành nhất của Ba Ngôi.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Anastasius

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 10

Thánh Anastasius[7404] đã tự nguyện ra trình diện trước những kẻ tra tấn và dũng cảm tuyên xưng Đức Kitô là Thiên Chúa Chân Thật và Đấng Tạo Hóa của vạn vật. Vì sự kiên định trong đức tin chân chính ấy, ngài đã bị chém bằng gươm, và thi thể ngài bị ném xuống biển. Một người phụ nữ sùng đạo, sau nhiều nỗ lực, đã cố gắng vớt thi hài thánh ra khỏi biển, rồi xức hương và mặc áo tang cho ngài, sau đó an táng thi hài ngài trong nhà thờ riêng của mình[7405] . Nhiều phép lạ chữa lành đã xảy ra tại nơi an táng của vị thánh.

[7404] Thánh Anastasius là một người giặt vải len. Sau khi từ Aquileia (một thành phố ở miền bắc Ý) đến Salona, một thành phố ven biển ở Dalmatia, ngài đã tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, và vì thế đã chịu tử đạo dưới triều đại của Hoàng đế Diocletian (284–305).

[7405] Người phụ nữ đạo đức này – bà Asklepsia, một quý bà giàu có – đã hứa sẽ thưởng cho ai tìm được các thánh tích. Khi các di vật thánh được người châu Phi tìm thấy, những người hầu của bà đã ép buộc họ chỉ giao lại những gì mà họ muốn mang về báo cáo cho cấp trên. Trong khi đó, người châu Phi đã lấy một phần di vật, được cho là phần đầu, và gửi nó về châu Phi.

Ngày 8 tháng 11

26 tháng 10 (theo lịch cũ)

Sự tử đạo và các phép lạ của Thánh Dimitri, vị Đại Tử đạo vinh quang

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 10

Thánh Đại Tử Đạo Dimitri, con trai của những bậc cha mẹ quý tộc và đạo đức, xuất thân từ thành phố Thessaloniki, nơi cha ngài là một tướng quân. Vào thời đó, các vị vua vô đạo đã phát động cuộc đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu; vì vậy, cha của Thánh Dimitri, người bí mật tin vào Chúa Giêsu Kitô và tuân giữ các điều răn của Ngài, không dám công khai xưng danh thánh của Ngài, vì sợ những lời đe dọa khủng khiếp của những người ngoại đạo. Trong cung điện của mình, tại một căn phòng kín đáo, ngài có hai bức thánh tượng được trang trí bằng vàng và đá quý; trên một bức là hình ảnh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, còn trên bức kia là Đức Mẹ Vô Nhiễm; trước những bức thánh tượng này, ngài thắp nến và đốt hương. Trong ngôi đền thờ riêng tư này, ngài cùng với phu nhân thường xuyên dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa Chân Thật, Đấng ngự trên trời cao, Con Một của Ngài và Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Cặp vợ chồng đạo đức này hào phóng ban phát tiền bố thí cho những người nghèo và không bao giờ từ chối những người đang gặp khó khăn. Chỉ có một điều khiến họ vô cùng buồn bã: họ không có con. Họ tha thiết cầu xin Chúa ban cho họ một người thừa kế, và sau một thời gian, ước nguyện của họ đã thành hiện thực.

Đấng Tối Cao đã nhậm lời cầu nguyện của họ và ban cho họ một người con trai, Thánh Dimitri. Niềm vui của cha mẹ thật lớn lao, họ đã tạ ơn Chúa hết lòng. Cả thành Thessaloniki đều chia sẻ niềm vui của vị tổng trấn, người đã tổ chức một bữa tiệc cho toàn thành phố, đặc biệt là dành cho những người nghèo khó.

Khi cậu bé lớn lên và đã có thể hiểu được lẽ thật, cha mẹ đưa cậu vào nhà thờ, nơi có các bức thánh tượng, và chỉ vào chúng, họ nói:

– Đây là hình ảnh của Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng đã tạo dựng trời và đất, còn đây là hình ảnh của Đức Mẹ Đồng Trinh.

Họ dạy cậu những điều răn thánh của Đức Kitô, giải thích cho cậu mọi điều qua đó con người có thể nhận biết Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, và cho cậu thấy niềm tin vào các vị thần ngoại đạo xấu xa là hư ảo và tai hại đến mức nào.

Từ lúc đó, Dimitri, được cha mẹ khuyên nhủ và đặc biệt được Thánh Thần từ trên cao soi dẫn, đã nhận ra lẽ thật: ân sủng của Thiên Chúa đã ngự trên cậu; cậu đã tin tưởng vào Chúa bằng cả tâm hồn và, khi thờ lạy các thánh tượng, cậu đã hôn chúng với lòng kính sợ.

Sau đó, cha mẹ của Dimitri đã mời một linh mục và một số tín hữu Kitô giáo mà họ quen biết, rồi trong nhà thờ bí mật của mình, họ đã làm phép rửa tội cho cậu bé nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Sau khi nhận phép rửa thánh, Dimitri được dạy dỗ về đức tin chân chính, lớn lên cả về tuổi tác lẫn trí tuệ, ngày càng vươn cao trên nấc thang đức hạnh – và ân sủng của Đức Chúa Trời càng soi sáng và khai sáng tâm hồn cậu.

Khi Dimitri đạt đến tuổi trưởng thành, cha mẹ anh đã qua đời, để lại cho con trai mình gương mẫu về một cuộc sống đẹp lòng Chúa và để lại toàn bộ tài sản cho anh làm người thừa kế.

Trong khi đó, hoàng đế Maximian, khi biết tin về cái chết của tổng trấn Thessalonica, đã triệu tập con trai ông, thánh Dimitri, đến trước mặt mình. Nhận thấy anh thông minh và dũng cảm trong chiến trận, hoàng đế đã bổ nhiệm anh làm thống đốc toàn vùng Thessalonica; khi giao phó chức vụ này, hoàng đế nói:

– Hãy bảo vệ thành phố quê hương của con và thanh trừng những Kitô hữu vô đạo khỏi nơi đây, xử tử bất cứ ai dám kêu cầu danh Đấng Bị Đóng Đinh.

Sau khi nhận nhiệm vụ từ nhà vua, Dimitri trở về quê hương và được người dân thành phố chào đón nồng nhiệt. Từ lâu, ông đã mong muốn củng cố ánh sáng của đức tin chân chính tại thành phố quê hương và luôn đau buồn khi thấy người dân Thessaloniki thờ lạy những thần tượng vô hồn. Giờ đây, ngay khi đặt chân đến thành phố, trước mặt mọi người, ông lập tức bắt đầu xưng đạo và tôn vinh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta; ông giảng dạy mọi

người về các điều răn của Chúa Kitô, dẫn dắt những người ngoại đạo đến với đức tin thánh thiện và nhổ tận gốc tà giáo đa thần; nói tóm lại, đối với người dân Thessalonica, ông chính là vị Tông đồ Phaolô thứ hai. Tin đồn về điều này nhanh chóng lan đến tai chính Hoàng đế Maximian. Khi biết rằng Dimitrius – quan tổng trấn do chính mình bổ nhiệm – là một Kitô hữu và đã dẫn dắt nhiều người theo đức tin của mình, hoàng đế đã vô cùng tức giận. Đúng vào thời điểm đó, trên đường trở về từ cuộc chiến với người Sarmatia[7406] , hoàng đế đã dừng chân tại Thessalonica. Trước khi Hoàng đế Maximian đến thành phố, Dimitri đã giao phó cho người đầy tớ trung thành của mình tên là Lupp toàn bộ tài sản mà ông thừa kế từ cha mẹ, bao gồm vàng, bạc, đá quý và quần áo, và ra lệnh phân phát tất cả những thứ này cho người nghèo và những người khốn khó.

– Hãy chia sẻ của cải trần gian này cho họ, – vị thánh nói thêm, – còn chúng ta sẽ tìm kiếm của cải trên trời.

Còn bản thân ngài thì bắt đầu cầu nguyện và ăn chay, chuẩn bị như vậy để đón nhận vương miện tử đạo. Nhà vua lập tức bắt đầu điều tra xem những điều ngài nghe về Dimitri có đúng sự thật hay không? Dimitri đã dũng cảm bước ra trước mặt nhà vua, xưng mình là Kitô hữu và lên án sự thờ đa thần ngoại đạo. Kẻ tra tấn độc ác ngay lập tức ra lệnh giam người tuyên xưng đức tin chân chính vào ngục tối. Khi vào đó, vị thánh cầu nguyện bằng những lời của tiên tri Đa-vít: *"Hãy mau cứu con, lạy Chúa, [hãy mau], lạy Chúa, hãy đến giúp con"* (Thánh vịnh 69:2). *"Vì Ngài là niềm hy vọng của con, lạy Chúa là Đức Chúa Trời, là nơi con nương tựa từ thuở thiếu thời. Con đã nương tựa vào Ngài từ khi còn trong lòng mẹ; Ngài đã đưa con ra khỏi lòng mẹ; lời ngợi khen của con dành cho Ngài sẽ không bao giờ ngừng. Môi miệng con hân hoan khi con hát ngợi khen Ngài, và linh hồn con, mà Ngài đã giải cứu; và lưỡi con mỗi ngày sẽ rao truyền lẽ công chính của Ngài"* (Thi Thiên 70:5, 6, 23, 24).

Dimitri ngồi trong ngục tối như trong một cung điện rực rỡ, ngợi khen và tôn vinh Đức Chúa Trời. Ma quỷ, muốn dọa nạt ngài, đã biến thành một con bọ cạp và định cắn vào chân vị thánh. Sau khi làm dấu thánh giá, vị thánh đã dũng cảm giẫm lên con bọ cạp, đồng thời đọc lời của Đa-vít: *"Ngươi sẽ giẫm lên con rắn độc và con rắn hổ mang; ngươi sẽ chà đạp sư tử và rồng"* (Thánh vịnh 90:13).

Trong thời gian ở trong ngục như vậy, vị thánh đã được Thiên Thần của Chúa viếng thăm; trong ánh sáng chói lọi, sứ giả thiên đàng xuất hiện trước mặt ngài với vương miện thiên đàng tuyệt đẹp và nói:

– Bình an cho ngươi, người chịu khổ vì Chúa Kitô, hãy can đảm và vững lòng! Vị thánh đáp lại:

– Con vui mừng vì Chúa và hân hoan vì Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Rỗi của con! Sự hiện ra của Thiên Thần đã an ủi và khích lệ vị thánh chịu khổ này; ngài càng khao khát hơn nữa được dùng chính máu mình để chứng thực đức tin chân chính vào Đức Kitô.

Trong khi đó, hoàng đế đã tổ chức các cuộc thi đấu và bắt đầu giải trí với các màn trình diễn. Ông có một võ sĩ xuất sắc, gốc Vandal[7407] , tên là Liy. Sau khi ra lệnh dựng những bục cao dành cho anh ta, Maximian hân hoan theo dõi cảnh Li đấu với các đối thủ và, bằng cách hất họ từ trên cao xuống những ngọn giáo, khiến họ phải chịu cái chết đau đớn. Trong số khán giả có một thanh niên – một Kitô hữu – tên là Nestor; mối dây tình bạn thiêng liêng gắn kết anh với Thánh Dimitri, người đã là người hướng dẫn anh trong đức tin. Thấy rằng Li đang giết chết nhiều người và đặc biệt tàn sát các tín hữu Kitô giáo – những người này bị ép buộc phải tham gia chiến đấu với Li – chàng trai trẻ này, với tinh thần hăng hái, đã quyết tâm đối đầu với võ sĩ của hoàng đế. Nhưng trước khi lao vào trận chiến, anh đã đến nhà tù thăm Thánh Dimitri. Tại đây, Nestor kể cho ngài nghe tất cả những việc Li đang làm, thông báo rằng anh muốn đối đầu với kẻ hủy diệt tàn nhẫn những người Kitô hữu này và xin ngài ban phước lành cùng lời cầu nguyện. Sau khi làm dấu thánh giá cho anh, Dimitri đã tiên tri với anh:

– Ngươi sẽ chiến thắng Li và sẽ chịu đau khổ vì Chúa Kitô!

Khi đến nơi diễn ra cuộc đấu, Nestor đã lớn tiếng kêu lên trước mọi người:

– Lạy Thánh Dimitri, xin hãy giúp con trong cuộc chiến chống lại kẻ thù của con!

Sau đó, khi giao chiến với Liev, ông đã đánh bại võ sĩ của nhà vua và hất anh ta xuống khỏi bục đấu, rơi xuống những ngọn giáo nhọn. Cái chết của Liev khiến nhà vua vô cùng đau buồn; ông lập tức ra lệnh xử tử thánh Nestor. Nhưng điều đó không thể an ủi được Maximian; cả ngày lẫn đêm, ông đều thương tiếc cho cái chết của Li. Khi biết rằng Nestor đã tham gia trận đấu tay đôi với Li theo lời khuyên và sự ban phước của Dimitri, nhà vua ra lệnh đâm vị thánh đại tử đạo bằng những cây giáo.

[7406] Dưới tên gọi "Sarmatians", người ta biết đến các bộ tộc khác nhau từng sinh sống ở miền nam nước Nga ngày nay, một phần ở Đức và Áo

[7407] Người Vandal là một dân tộc có nguồn gốc German, chủ yếu sinh sống dọc theo bờ biển Biển Baltic.

– Liê, – tên tra tấn vô pháp nghĩ thầm, – đã bị Nestor đẩy xuống mũi giáo; cái chết mà hắn phải chịu, Thánh Dimitri cũng phải chịu như vậy, hãy để ngài chết cùng cái chết đã cướp đi võ sĩ yêu quý của chúng ta là Liê.

Nhưng tên tra tấn điên rồ đã tự lừa dối mình, cho rằng cái chết của người công chính và kẻ tội lỗi là như nhau; hắn đã lầm lẫn về điều này, vì cái chết của kẻ tội lỗi là tàn khốc, còn sự ra đi của các thánh thì cao quý trước mặt Chúa.

Ngay khi bình minh ló rạng vào ngày 26 tháng 10, các binh lính đã xông vào ngục giam nơi Thánh Dimitri đang ở; họ bắt gặp vị thánh đang đứng cầu nguyện, và ngay lập tức lao vào ông và đâm xuyên qua người ông bằng những cây giáo. Như vậy, vị chứng nhân của Chúa Kitô đã phó thác linh hồn cao quý và thánh thiện của mình vào tay Đấng Tạo Hóa[7408] .

Vào ban đêm, các tín hữu Kitô giáo đã bí mật mang thi thể vị thánh – vốn bị vứt bỏ một cách nhục nhã trong bụi đất – và an táng ngài một cách tôn kính.

Tại nơi vị thánh đại tử đạo qua đời một cách phúc lành, có người đầy tớ trung thành của ngài, chính là Lupp đã được nhắc đến ở trên; ông đã kính cẩn lấy chiếc áo choàng của chủ nhân, thấm đẫm máu thánh của ngài, và nhúng chiếc nhẫn vào đó. Bằng chiếc áo choàng và chiếc nhẫn này, ông đã thực hiện nhiều phép lạ, chữa lành mọi bệnh tật và xua đuổi các linh hồn gian ác.

Tin đồn về những phép lạ ấy lan truyền khắp thành Thessaloniki, đến nỗi tất cả những người bệnh đều đổ xô đến với Luppus. Khi biết được điều này, Maximian đã ra lệnh bắt vị thánh Luppus và chém đầu ngài. Và thế là người tôi tớ nhân lành ấy đã theo chân chủ nhân của mình, Thánh Dimitrios, về với thiên đàng.

Khi đã qua một thời gian dài và cuộc bách hại đối với các Kitô hữu chấm dứt, người ta đã xây dựng một nhà thờ nhỏ trên ngôi mộ của Thánh Dimitri; tại đây đã xảy ra nhiều phép lạ, và nhiều người bệnh đã được chữa lành khỏi các căn bệnh của mình. Một quý tộc Illyria tên là Leontius[7409] đã mắc phải một căn bệnh nặng nề, không thể chữa khỏi. Nghe tin về những phép lạ của vị thánh chịu khổ nạn, ông đã với lòng tin thành kính cầu khẩn Thánh Đại Tử Đạo Dimitri. Khi ông được đưa vào nhà thờ và đặt tại chính nơi an táng di cốt của vị Thánh Đại Tử Đạo, ông lập tức được chữa lành và đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh, tạ ơn Thiên Chúa và tôn vinh vị thánh được Ngài yêu mến là Thánh Dimitri.

Với lòng biết ơn dành cho vị thánh, Leontius muốn xây dựng một nhà thờ vĩ đại và tuyệt đẹp để tôn vinh vị Thánh Tử Đạo vĩ đại này. Ngôi thánh đường nhỏ trước đây đã bị tháo dỡ, và khi người ta bắt đầu đào hào để làm móng, người ta đã tìm thấy di cốt của Thánh Đại Tử Đạo Dimitri, vẫn còn nguyên vẹn và không hề bị phân hủy; từ đó tỏa ra một loại dầu thơm ngát, khiến cả thành phố tràn ngập hương thơm.

Rất đông người dân đã tụ tập để tham dự lễ hội thiêng liêng này. Với lòng tôn kính sâu sắc, di cốt thánh đã được lấy lên khỏi mặt đất, và vô số người bệnh đã được chữa lành nhờ được xức dầu thánh đang chảy ra[7410] . Leontius vui mừng không phải vì sự chữa lành của bản thân, mà vì việc phát hiện ra di cốt thánh. Chẳng bao lâu sau, ông hoàn thành công việc đã bắt đầu và xây dựng tại chính nơi đó một ngôi thánh đường tuyệt đẹp mang tên Thánh Dimitri. Tại đây, trong một hòm thánh được đúc bằng vàng và bạc, trang trí bằng đá quý, di cốt thiêng liêng của vị Đại Tử Đạo đã được an táng. Nhưng sự quan tâm của Leontius còn vươn xa hơn nữa: ông đã mua những ngôi làng và vườn nho, rồi trao chúng để nuôi sống các giáo sĩ phục vụ tại nhà thờ này. Khi đến lúc phải trở về quê hương, ông dự định mang theo một phần di cốt của vị thánh để xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Dimitri tại thành phố của mình. Nhưng vị thánh đã hiện ra và cấm ông tách ra bất kỳ phần nào của di vật. Lúc đó, Leontius chỉ

[7408] Thánh nhân qua đời vào khoảng năm 306.

[7409] Leontius từng giữ một chức vụ quan trọng tại Illyricum, nơi mà vùng Thessaloniki lúc bấy giờ thuộc về.

[7410] Một trong những phép lạ kỳ diệu nhất mà Thiên Chúa đã ban để tôn vinh vị thánh vĩ đại của Ngài là việc dầu thánh chảy ra từ thi hài thánh thiện của ngài. Hiện tượng này là một dấu hiệu kỳ diệu của ân sủng Thiên Chúa. Việc dầu thánh chảy ra bắt đầu từ thế kỷ VII. Rất nhiều nhà văn và sử gia đã làm chứng về hiện tượng khó hiểu này. Chúng ta hãy trích dẫn lời chứng của một trong những nhà văn, cụ thể là Dimitrios Chrysologos, người sống vào nửa sau thế kỷ XIV: "Nó (tức là dầu thánh) về bản chất không phải là nước, nhưng đặc hơn nước và không giống bất kỳ chất nào trên trái đất, dù là chất lỏng hay chất rắn, cũng như không giống bất kỳ chất nào được chế tạo nhân tạo... Nó kỳ diệu hơn tất cả các loại hương liệu, không chỉ những loại được chế tạo bằng nghệ thuật, mà cả những loại do chính Thiên Chúa tạo ra từ tự nhiên." Nhiều phép chữa lành đã xảy ra nhờ việc xức dầu bằng loại dầu thánh này; ngay cả những dân tộc không tin vào Chúa Kitô cũng rất coi trọng dòng dầu kỳ diệu này. Chẳng hạn, khi thành Thessaloniki bị người Thổ Nhĩ Kỳ tàn phá vào năm 1429, những kẻ thù khôn ngoan đã có ý định mang theo một lượng dầu thánh này, vì họ đã nghe nói rất nhiều về sức mạnh chữa lành của nó. Giáo Hội Thánh, khi gọi Thánh Dimitri là "người chảy dầu thánh", đã ca ngợi vị tu sĩ của Chúa Kitô như sau: "Dầu thơm ngát và cao quý, hỡi Dimitri, suối nguồn tuôn trào (Kinh Thánh, bài ca thứ nhất). Những suối nguồn dầu thánh của ngài tuôn trào mãi mãi."

lấy tấm vải liệm nhuốm máu của vị thánh, đặt nó vào một hòm vàng, rồi lên đường trở về Illyria. Trong suốt hành trình, nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, đã xảy ra nhiều phép lạ từ tấm áo choàng đó. Có lần, trên đường trở về, Leontius phải băng qua một con sông đang dâng cao và cuồn cuộn dữ dội[7411] ; nỗi sợ hãi và kinh hoàng bao trùm lấy ông, nhưng bỗng nhiên Thánh Dimitri hiện ra trước mặt ông và nói:

– Hãy cầm chiếc hòm đựng tấm áo liệm lên và đừng sợ nữa.

Leontius đã làm theo lời khuyên của vị thánh: cả ông lẫn những người đi cùng đều vượt sông an toàn. Khi trở về quê hương, điều đầu tiên ông làm là xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp để tôn vinh Thánh Đại Tử Đạo Dimitri. Với lòng tin tưởng, Leontius đã kêu cầu danh thánh của vị thánh vĩ đại này, và nhờ những lời cầu nguyện của ngài, ông đã thực hiện được những phép lạ. Vị thống đốc Illyria đang mắc bệnh nặng đến nỗi mủ và vảy loét phủ kín toàn thân ông, từ đầu đến chân. Nhưng Leontius đã giải thoát người bệnh khỏi căn bệnh nặng nề đó bằng cách cầu nguyện với Thánh Dimitri; ngài cũng đã chữa lành một cách kỳ diệu cho một người bị chảy máu, và chữa lành cho một người khác bị quỷ ám; còn nhiều phép lạ khác đã xảy ra ở đó nhờ lời cầu nguyện của vị thánh. Nhưng đặc biệt có rất nhiều phép lạ xảy ra tại Thessaloniki, nơi lưu giữ di cốt của vị đại tử đạo này.

Một lần nọ, tại nhà thờ thánh hiến cho vị Thánh Tử Đạo Vĩ Đại này, đã xảy ra một vụ hỏa hoạn. Phần mái vòm bằng bạc che phủ thi hài của vị thánh được Thiên Chúa yêu mến đã bị hư hại đặc biệt nghiêm trọng: nó đã bị lửa làm chảy ra. Đức Tổng Giám mục Eusebius, người đương nhiệm lúc bấy giờ, rất quan tâm đến việc làm lại mái vòm. Nhưng ngài lại thiếu bạc trầm trọng. Trong nhà thờ này có một ngai vàng bằng bạc, vẫn còn nguyên vẹn sau trận hỏa hoạn. Đức Tổng Giám mục đã nảy ra ý định nung chảy ngai vàng này để đúc lại mái vòm che quan tài của vị thánh, nhưng cho đến lúc đó ngài vẫn chưa tiết lộ ý định của mình cho ai biết. Cùng lúc đó, tại nhà thờ này có một linh mục đạo đức tên là Dimitri. Vị Thánh Tử Đạo vĩ đại đã hiện ra với ông và nói:

– Hãy đi và nói với giám mục thành phố: đừng dám đúc lại chiếc ngai đang đặt trong nhà thờ của ta.

Dimitri lập tức đến gặp Eusebius và khuyên ngài từ bỏ ý định đó. Ban đầu, tổng giám mục rất ngạc nhiên trước lời nói của vị linh mục, nhưng sau đó, cho rằng Dimitri có thể đã biết được ý định của mình bằng cách nào đó, ngài không còn ngạc nhiên nữa và thậm chí còn khiển trách vị linh mục. Vài ngày sau, tổng giám mục đã ra lệnh cho các thợ thủ công đến gặp mình. Chính vào lúc đó, linh mục Dimitri lại đến gặp Eusebius lần thứ hai và nói:

– Thánh Đại Tử Đạo lại hiện ra với tôi, kẻ tội lỗi này, trong một giấc mơ và truyền cho tôi nói với ngài rằng: vì tình yêu dành cho tôi, xin đừng đổ lại ngai vàng.

Tổng giám mục cũng đã đuổi vị linh mục đi một cách nghiêm khắc, nhưng vẫn chưa ra lệnh đổ đầy lại ngai vàng. Một thời gian sau, ngài lại định trao lại ngai vàng, nhưng Thánh Dimitri, khi hiện ra với cùng vị linh mục đó, đã nói:

– Đừng nản lòng, chính tôi sẽ lo liệu cho nhà thờ và thành phố của tôi, hãy để tôi tự lo liệu việc đó.

Lúc đó, Đức Tổng Giám mục không thể kìm được nước mắt và nói với tất cả những người xung quanh:

– Hãy chờ thêm một chút, các anh em, vì chính vị thánh được Chúa Kitô yêu mến đã hứa sẽ giúp đỡ chúng ta.

Chưa kịp dứt lời, một công dân thành Thessaloniki tên là Mina đã đến và mang theo 75 pound bạc.

– Thánh Dimitri – Mina nói – đã nhiều lần giải cứu tôi khỏi nguy hiểm và thậm chí cứu tôi khỏi cái chết. Từ lâu tôi đã muốn dâng cúng cho nhà thờ của vị thánh bảo trợ nhân từ và vị trung gian kỳ diệu của tôi. Hôm nay, ngay từ sáng sớm, có một giọng nói nào đó thúc giục tôi:

– Hãy đi và làm điều mà ngươi đã định làm từ lâu. Khi trao số bạc, Mina mong muốn số bạc này được dùng để làm mái che cho quan tài của vị Đại Tử Đạo. Sau đó, những công dân khác của Thessaloniki cũng đến và mang theo bạc. Từ những khoản cúng dường này, một mái che tuyệt đẹp đã được dựng lên cho lăng mộ của Thánh Đại Tử Đạo Dimitrios.

Trong triều đại của Hoàng đế Mauricius[7412] , người Avar[7413] đã đòi một khoản cống nạp lớn từ cư dân Byzantium, nhưng Mauricius từ chối đáp ứng yêu cầu của họ. Lúc đó, họ tập hợp một đạo quân khổng lồ, chủ yếu

---

[7411] Đó chính là sông Danube.

[7412] Mauricius trị vì từ năm 582 đến năm 603.

[7413] Người Avar, những người mà người Slav – lúc bấy giờ vẫn chưa được soi sáng bởi ánh sáng đức tin Kitô giáo – là chư hầu của họ, sống dọc sông Don, gần Biển Caspi.

gồm người Slav, và quyết định chiếm Thessaloniki, thành phố nổi tiếng với thương mại sầm uất và của cải dồi dào. Mặc dù Hoàng đế Mauritius đã điều quân đến thành phố này, nhưng dịch bệnh hoành hành không lâu trước đó đã làm giảm đáng kể số lượng cư dân Thessaloniki, trong khi quân địch lại vô cùng đông đảo: lên tới 100.000 người. Khoảng 10 ngày trước khi quân địch đến, Thánh Dimitri đã hiện ra trước Tổng Giám mục Eusebius và báo trước rằng thành phố đang đối mặt với mối nguy hiểm khủng khiếp. Tuy nhiên, người dân Thessaloniki lại cho rằng quân địch sẽ chưa sớm tiến gần đến thành phố. Bất ngờ, trái với dự đoán, quân địch đã xuất hiện ngay gần tường thành. Chúng thậm chí có thể dễ dàng xâm nhập vào thành phố vào ban đêm, nhưng bàn tay quyền năng của Đấng Tối Cao, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Dimitri, đã ngăn chặn những kẻ thù đáng sợ đó một cách kỳ diệu ngay gần thành phố. Kẻ thù đã nhầm lẫn một trong những tu viện được củng cố nằm bên ngoài thành phố với chính thành Thessaloniki và đã đứng chờ dưới chân tu viện đó suốt cả đêm; sáng hôm sau, chúng mới nhận ra sai lầm và lao thẳng vào thành phố. Các đội quân địch tiến thẳng vào tấn công, nhưng ngay lúc đó, trước mắt mọi người, Thánh Dimitri đã xuất hiện trên tường thành dưới hình dạng một chiến binh vũ trang, và ngài đã đâm ngã kẻ địch đầu tiên leo lên tường bằng cây giáo và hất hắn xuống. Kẻ cuối cùng, khi ngã xuống, đã kéo theo những kẻ đang tấn công khác – lúc đó, nỗi kinh hoàng bỗng chốc bao trùm lấy quân địch – chúng lập tức rút lui. Nhưng cuộc vây hãm chưa kết thúc, nó mới chỉ bắt đầu. Trước cảnh tượng vô số kẻ thù, ngay cả những người dũng cảm nhất cũng chìm trong tuyệt vọng. Ban đầu, ai nấy đều nghĩ rằng sự diệt vong của thành phố là không thể tránh khỏi. Nhưng sau đó, khi chứng kiến sự tháo chạy của kẻ thù và sự che chở của vị thánh bảo trợ kỳ diệu, người dân đã lấy lại tinh thần và bắt đầu hy vọng rằng vị thánh bảo hộ của Thessaloniki, Thánh Dimitrios, sẽ không bỏ rơi thành phố quê hương của mình và sẽ không để nó rơi vào tay kẻ thù. Trong khi đó, quân thù bắt đầu vây hãm thành phố, đưa pháo đến gần và bắt đầu làm rung chuyển nền móng của các bức tường thành; những đám mây tên và đá được bắn ra từ các máy bắn đá che khuất ánh sáng ban ngày – mọi hy vọng chỉ còn đặt vào sự giúp đỡ từ trên cao, và đám đông người dân đổ về nhà thờ Thánh Dimitri. Lúc bấy giờ, trong thành có một người kính sợ Chúa và rất đạo đức, tên là Illustriy. Đêm nọ, khi đến nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Dimitri, ông đã thành kính cầu nguyện với Chúa và vị thánh đáng kính của Ngài tại tiền sảnh nhà thờ, xin cứu thành phố khỏi tay kẻ thù, thì bỗng nhiên được chiêm ngưỡng một cảnh tượng kỳ diệu: trước mặt ông xuất hiện hai thiếu niên rạng rỡ, trông giống như những vệ sĩ hoàng gia – đó chính là các Thiên thần của Chúa. Cánh cửa nhà thờ tự động mở rộng trước mặt họ, và họ bước vào bên trong nhà thờ. Illustrius đi theo sau họ, mong muốn xem điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Khi bước vào, họ cất tiếng nói vang dội:

– Người chủ nhà ở đây đang ở đâu?

Lúc đó, một chàng trai khác xuất hiện, trông giống như một người hầu, và hỏi họ:

– Các ngài cần ngài ấy để làm gì?

– Chúa đã sai chúng tôi đến gặp ngài, – họ đáp, – để nói với ngài một điều.

Chỉ tay vào quan tài của vị thánh, chàng trai người hầu nói:

– Ông ấy đây rồi!

– Hãy báo cho ngài biết về chúng tôi, – họ nói.

Rồi chàng trai trẻ vén tấm màn lên, và từ trong đó, Thánh Dimitri bước ra đón những người đến; dáng vẻ của ngài giống hệt như những gì được khắc họa trên các bức tranh thánh; từ ngài tỏa ra một ánh sáng chói lọi, giống như ánh mặt trời. Vì sợ hãi và bị ánh sáng chói lòa làm lóa mắt, Illustrius không thể nhìn thẳng vào vị thánh. Những chàng trai trẻ đến thăm đã chào hỏi Dimitri.

– Nguyện ân sủng ở cùng các con, – vị thánh đáp lại, – điều gì đã thúc đẩy các con đến thăm ta?

Họ đáp lại:

– Đức Chúa đã sai chúng tôi đến, truyền lệnh cho ngài rời khỏi thành phố và đến với Ngài, vì Ngài muốn giao thành phố này vào tay kẻ thù.

Nghe vậy, vị thánh cúi đầu im lặng, rơi những giọt nước mắt đắng cay. Còn chàng trai hầu cận thì nói với những người đến:

– Nếu tôi biết rằng sự đến đây của các ngài sẽ không mang lại niềm vui cho chủ tôi, tôi đã không nói với ngài về các ngài.

Lúc đó, vị thánh mới cất tiếng nói:

– Có phải Chúa của tôi đã định như vậy chăng? Có phải đó là ý muốn của Đấng Tối Cao, để thành phố đã được chuộc bằng máu thánh, lại bị giao vào tay những kẻ thù, những kẻ không biết Ngài, không tin Ngài và không tôn kính danh thánh của Ngài?

Nghe vậy, những người đến đó đáp lại:

– Nếu Đức Chúa của chúng ta không muốn như vậy, Ngài đã không sai chúng tôi đến gặp ngài!

Lúc đó, Dimitri nói:

– Hãy đi đi, các anh em, hãy nói với Chúa của tôi rằng, tôi tớ của Ngài là Dimitri nói như thế này:

– Con biết lòng nhân từ của Ngài, lạy Chúa, Đấng yêu thương loài người; ngay cả những tội ác của cả thế gian cũng không thể vượt qua lòng thương xót của Ngài; vì những kẻ tội lỗi, Ngài đã đổ máu thánh của Ngài, Ngài đã hiến dâng linh hồn Ngài vì chúng con; vậy xin Ngài hãy tỏ lòng thương xót đối với thành phố này và đừng ra lệnh cho con rời bỏ nó. Chính Ngài đã đặt con làm người canh gác thành phố này; xin cho con được noi gương Ngài, Chúa của con: xin cho con được hiến dâng linh hồn mình vì những cư dân của thành phố này, và nếu họ phải chết, thì con cũng sẽ chết cùng với họ; xin đừng hủy diệt, lạy Chúa, thành phố nơi mọi người đều kêu cầu danh thánh của Ngài; dù những người này có phạm tội, họ vẫn không lìa xa Ngài: vì Ngài là Đức Chúa Trời của những kẻ ăn năn.

Những chàng trai trẻ vừa đến hỏi Dimitri:

– Chúng con có nên trả lời như vậy với Đức Chúa đã sai chúng con đến không?

– Vâng, hãy trả lời như vậy, – ông nói, – vì tôi biết rằng Chúa *"không giận mãi mãi, cũng không phẫn nộ đến đời đời"* (Thánh vịnh 102:9).

Nói xong, vị thánh bước vào lăng mộ, và hòm thánh được đóng lại; còn các Thiên thần đang trò chuyện với ngài thì bỗng trở nên vô hình. Đó là những gì Illustrius đã được chứng kiến trong một khải tượng kỳ diệu và đáng sợ. Cuối cùng, khi tỉnh táo lại, ông ngã xuống đất, tạ ơn vị thánh vì đã che chở cho thành phố, và ca ngợi ngài vì đã cầu xin Chúa đừng phó thác dân cư Thessaloniki vào tay kẻ thù. Sáng hôm sau, Illustrius kể lại tất cả những gì mình đã thấy cho các công dân và khích lệ họ dũng cảm chiến đấu chống lại kẻ thù. Nghe câu chuyện của Illustrius, mọi người đều rơi nước mắt cầu xin Chúa ban ơn lành cho họ, và kêu cầu sự trợ giúp của Thánh Dimitri. Nhờ sự cầu bầu của vị thánh, thành phố vẫn nguyên vẹn: chẳng bao lâu sau, kẻ thù phải rút lui khỏi tường thành trong sự nhục nhã tột độ, không đủ sức chiếm được thành phố được bảo vệ bởi vị thánh đáng kính của Chúa. Vào ngày thứ bảy của cuộc vây hãm, quân địch bỗng dưng bỏ chạy hỗn loạn mà không có lý do rõ ràng, bỏ lại lều trại và các loại vũ khí phóng xa. Ngày hôm sau, một số kẻ địch quay trở lại và kể lại như sau:

– Ngay từ ngày đầu tiên bị vây hãm, chúng tôi đã thấy ở phía các bạn có rất nhiều người bảo vệ, số lượng vượt xa quân đội của chúng tôi. Chúng tôi tưởng rằng quân đội của các bạn đang ẩn náu phía sau các bức tường. Hôm qua, họ bất ngờ lao vào chúng tôi, và chúng tôi đã bỏ chạy.

Lúc đó, những người dân kinh ngạc hỏi: "Ai là người chỉ huy quân đội?"

– Chúng tôi đã thấy – những kẻ thù trở về trả lời – một người đàn ông rực rỡ như lửa, cưỡi con ngựa trắng, mặc áo choàng trắng tinh.

Người dân Thessaloniki, khi nghe điều này, đã hiểu ai là người đã khiến quân địch phải tháo chạy. Như vậy, Thánh Dimitrios đã bảo vệ thành phố của mình.

Ngay sau khi quân địch rút lui khỏi Thessaloniki, một thảm họa khác lại ập xuống thành phố này. Trong thời gian vây hãm, quân địch với số lượng đông đảo đã cướp phá hết mọi kho dự trữ lương thực, khiến thành phố rơi vào nạn đói khủng khiếp: rất nhiều người bắt đầu chết vì thiếu thức ăn. Thấy thành phố quê hương mình đang lâm vào cảnh đói khát, vị thánh đã nhiều lần hiện ra trên những con tàu đang lênh đênh trên biển, đi vòng quanh các bến cảng và nhiều hòn đảo, ra lệnh cho các tàu chở lúa mì ở khắp nơi phải hướng về Thessaloniki, và nhờ đó đã cứu thành phố của mình khỏi nạn đói[7414] .

Khi vị hoàng đế đạo đức Justinian[7415] xây dựng một ngôi đền tuyệt đẹp và tráng lệ tại Constantinople để tôn vinh Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa, ngài đã cử những người đáng kính đến Thessaloniki để mang về một phần di cốt của vị thánh nhằm trang hoàng và thánh hiến ngôi đền mới được xây dựng. Khi đến Thessaloniki, những người được cử đi đã tiến lại gần chiếc hòm thiêng liêng, nơi lưu giữ di cốt của vị đại tử đạo, để thi hành mệnh lệnh của hoàng đế; bỗng nhiên, một cột lửa bùng lên từ chiếc hòm, rải xuống mọi người một trận mưa tia lửa, và từ trong ngọn lửa vang lên một giọng nói:

– Dừng lại và đừng dám làm gì cả.

[7414] Phép lạ này xảy ra vào năm 547.

[7415] Justinian trị vì từ năm 527 đến năm 566

Bị nỗi sợ hãi bao trùm, những người có mặt đều ngã quỵ xuống đất; sau đó, các sứ giả chỉ lấy một ít đất từ nơi đó rồi trở về báo cáo với nhà vua và kể lại tất cả những gì đã xảy ra với họ. Tất cả những ai nghe câu chuyện của họ đều kinh ngạc. Các sứ giả dâng một nửa số đất đã lấy được cho nhà vua, còn nửa kia thì đặt vào hòm thánh vật của nhà thờ.

Một thanh niên tên Onisifor có nhiệm vụ thắp nến và chăm sóc các ngọn đèn trong nhà thờ Thánh Dimitri. Bị ma quỷ xúi giục, thanh niên này bắt đầu ăn cắp nến và bí mật bán chúng, rồi chiếm đoạt số tiền thu được từ việc bán đó. Thánh Dimitri không thể dung thứ cho hành vi xấu xa này được thực hiện trong ngôi đền thờ dành riêng cho ngài: ngài đã hiện ra trong giấc mơ của Onisifor và với lòng khoan dung vô cùng, ngài đã khiển trách anh ta:

– Anh Onisifor ơi, tôi không hài lòng khi thấy anh ăn cắp nến; qua việc này, anh đang gây thiệt hại cho những người dâng cúng chúng; hơn nữa, anh còn tự hại chính mình; hãy nhớ rằng những người hành động như anh sẽ phải chịu sự phán xét; hãy từ bỏ việc làm xấu xa này và ăn năn hối cải.

Onisifor, khi tỉnh dậy, cảm thấy xấu hổ và sợ hãi; nhưng sau một thời gian, anh ta quên lời răn dạy của vị thánh và lại tiếp tục ăn cắp nến như trước đây – hình phạt nhanh chóng ập đến với anh ta. Một ngày nọ, có một người đạo đức, dậy sớm vào buổi sáng, đến nhà thờ Thánh Dimitri và mang theo vài cây nến lớn. Ông thắp chúng lên, đặt bên quan tài của vị Đại Tử Đạo và, sau khi cầu nguyện, rời khỏi nhà thờ. Khi đến gần những cây nến, Onisifor đưa tay ra để lấy chúng, thì bỗng nhiên có tiếng nói vang lên từ quan tài của vị thánh:

– Lại làm thế nữa sao!

Bị tiếng nói ấy làm cho kinh hãi như sấm sét, Onisifor lập tức ngã quỵ xuống đất và nằm bất động như người chết, cho đến khi một vị linh mục bước vào. Người này đã đỡ chàng trai đang hoảng sợ dậy. Ngay khi Onisifor tỉnh táo lại, anh kể lại tất cả: cả niềm đam mê tội lỗi của mình, cả lần hiện ra đầu tiên của vị thánh trong giấc mơ, lẫn lời quở trách lần thứ hai của Thánh Dimitri. Lúc đó, tất cả mọi người, khi nghe câu chuyện ấy, đều kinh hoàng tột độ.

Rất nhiều tù nhân đã được Thánh Đại Tử Đạo Dimitri giải thoát khỏi ách nô lệ của những kẻ ngoại đạo. – Có một vị giám mục bị bọn man rợ bắt giữ và xiềng xích, nhưng vị thánh đã hiện ra với ngài, giải thoát ngài khỏi xiềng xích, và được vị thánh che chở, vị giám mục đã an toàn trở về Thessaloniki. Một lần khác, bọn man rợ tràn vào thành phố này và bắt đi nhiều cư dân. Trong số những người bị bắt có hai thiếu nữ xinh đẹp; họ rất giỏi thêu trên khung thêu và vẽ trên vải đủ loại hoa, cây cối, chim chóc, thú vật và khuôn mặt con người. Bọn man di đã đưa họ về đất nước của chúng và dâng tặng cho vị thủ lĩnh của chúng. Khi biết được tài nghệ của họ, vị thủ lĩnh nói với họ:

– Ta biết rằng ở xứ sở các ngươi có vị thần vĩ đại Dimitri, người tạo ra những phép màu kỳ diệu; hãy thêu hình ảnh của ngài lên tấm vải, và ta sẽ thờ phụng ngài.

Các thiếu nữ đáp lại:

– Không, thưa hoàng tử, Dimitri không phải là Thượng Đế, mà chỉ là một tôi tớ vĩ đại của Thượng Đế và là người trợ giúp của các tín đồ Kitô giáo. Chúng tôi sẽ không tuân theo yêu cầu của ngài, vì chúng tôi biết rằng ngài không muốn thờ phụng ngài ấy, mà chỉ muốn xúc phạm hình ảnh của ngài ấy mà thôi.

– Trong tay ta, – hoàng tử đáp lại, – là sự sống và cái chết của các ngươi; hãy chọn điều các ngươi muốn: hoặc làm theo điều ta yêu cầu, thì các ngươi sẽ được sống; còn nếu không tuân lệnh ta, các ngươi sẽ bị xử tử ngay lập tức.

Sợ bị giết, các tù nhân bắt đầu thêu hình ảnh Thánh Dimitri. Vào đúng ngày kỷ niệm Thánh Dimitri, các thiếu nữ đã hoàn thành tác phẩm của mình và vào đêm ngày 26 tháng 10, khi đang ngồi bên khung thêu, họ cúi đầu xuống bức tranh thêu do chính tay mình làm và bắt đầu khóc:

– Xin đừng giận chúng con, vị tử đạo của Chúa Kitô, – họ nói, – chúng con biết rằng vị công tước vô đạo muốn chế nhạo hình ảnh của ngài; chúng con xin ngài làm chứng rằng chúng con không muốn thêu hình ảnh của ngài, chúng con bị ép buộc phải làm điều này dưới sự đe dọa của cái chết tàn bạo.

Trong khi khóc lóc như vậy trước bức tranh thánh, họ đã chìm vào giấc ngủ.

Trong lúc họ đang ngủ, Thánh Dimitri, một cách kỳ diệu, giống như Thiên thần Avvakum ngày xưa, đã đưa những thiếu nữ ấy cùng với tác phẩm của họ trong chính đêm đó đến Thessaloniki vào ngày lễ của ngài, và đặt họ trong nhà thờ bên cạnh di cốt của ngài trong buổi canh thức suốt đêm. Thấy phép lạ ấy, mọi người đều kinh ngạc, còn các thiếu nữ, khi tỉnh dậy, đã cất tiếng reo lên:

– Vinh danh Thiên Chúa. Chúng con đang ở đâu vậy?

Vì quá ngạc nhiên, họ không thể bình tĩnh lại và nghĩ rằng tất cả những điều này đang diễn ra trong giấc mơ.

Cuối cùng, họ hoàn toàn tin chắc rằng mình thực sự đang ở Thessaloniki, nhìn thấy trước mặt ngôi mộ của vị thánh, đang đứng trong nhà thờ của ngài, nơi có rất nhiều người đang cầu nguyện. Lúc đó, họ đã công khai tạ ơn vị thánh bảo trợ của mình, Thánh Dimitrios, và kể lại tất cả những gì đã xảy ra với họ. Người dân Thessaloniki, vui mừng trước phép lạ kỳ diệu này, đã long trọng kỷ niệm ngày lễ Thánh Dimitrios với niềm hân hoan tột độ; họ đặt bức tranh thêu lên trên bàn thờ, và từ đó đã xảy ra nhiều phép lạ để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi. Vinh quang, vinh dự và sự thờ phượng từ mọi loài thọ tạo xin dâng lên Ngài muôn đời, amen.

Bài thánh ca, giọng 3:

Thế gian đã tìm thấy nơi Ngài một vị cứu tinh vĩ đại trong hoạn nạn, hỡi vị tử đạo, Đấng chiến thắng các dân ngoại. Vì Ngài đã hạ bệ sự kiêu ngạo của Lievu, và đã khiến Nestor thực hiện một hành động dũng cảm, nên, hỡi Thánh Dimitri, xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, ban cho chúng con ân sủng vĩ đại.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Hỡi Thánh Dimitri, bằng những dòng máu của ngài, xin Chúa nhuộm đỏ Hội Thánh, ban cho ngài sức mạnh bất khả chiến bại, và gìn giữ thành phố của ngài được an toàn: vì ngài chính là sự củng cố của thành phố ấy.

- Cùng ngày này, chúng ta tưởng nhớ Thánh Athanasius, người đã tu hành tại Tu viện Midiki ở Bithynia; ngài qua đời vào khoảng năm 814. Cuộc đời ngài được kể lại trong cuốn tiểu sử của Thánh Nikita Midiki (ngày 3 tháng 4)

9 tháng 11

27 tháng 10 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng nhớ Thánh Tử đạo Mác-cô và những người cùng ngài bị giết sau khi chịu nhiều cực hình vì rao giảng về Chúa Kitô tại Á Châu.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Nestor

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 10

Vua vô đạo Maximian, được gọi là Hercules, bạn của Diocletian, khi đến thành phố Thessaloniki, đã tống Thánh Dimitrios vào ngục vì đã tuyên xưng Đức Kitô, còn bản thân ông thì đắm chìm trong các trò giải trí và tham dự các cuộc thi đấu.

Trong khi đó, ông ta khoe khoang về một võ sĩ của mình tên là Liê, xuất thân từ bộ tộc Vandal, và nói rằng không ai có thể đánh bại được anh ta.

Liem này chính là Goliath thứ hai[7416] : chiều cao của hắn vượt trội hơn tất cả mọi người, ngoại hình và tính cách giống như một con thú, còn giọng nói của hắn giống như tiếng gầm của sư tử. Chỉ cần một cái nhìn và giọng nói của hắn cũng đủ khiến tất cả những ai nhìn thấy hắn phải run rẩy; thân thể hắn vô cùng rắn chắc, sức mạnh thì không thể đánh bại, bởi vì những linh hồn ô uế đang ngự trị trong người hắn, và do đó không ai có thể chống lại hắn. Hắn đã giết chết vô số người dũng cảm và mạnh mẽ, và được nhà vua vô cùng yêu mến vì sức mạnh đó. Vì chính nhà vua cũng không bao giờ thỏa mãn với máu người, nên ông ta yêu mến kẻ đã dốc hết sức mạnh thể chất của mình vào việc đổ máu người.

Để phục vụ tên Li-ê vô đạo này, nhà vua đã cho dựng giữa thành phố một bục cao và rộng lớn trên những cột trụ, nơi Li-ê có thể tổ chức các cuộc thi sức mạnh trước sự chứng kiến của mọi người. Dưới sàn đấu đó, người ta

[7416] Goliath – người khổng lồ Philistine – có vóc dáng phi thường, đã bị Đa-vít giết bằng súng cao su (1 Sa-mu-ên 17).

cắm đầy những cây giáo và các loại vũ khí khác, mũi nhọn hướng lên trên – để Li có thể quăng những kẻ bị hắn đánh bại xuống những vũ khí sắc nhọn này, và khi rơi xuống, họ bị đâm xuyên qua người rồi chết. Quả thực, Li, khi giao chiến với mọi người, đã quăng họ xuống dưới sàn đấu lên những cây giáo và giết chết họ. Còn nhà vua, cùng với cả đoàn quân đông đảo của mình, nhìn cảnh đó với sự thích thú và ngưỡng mộ võ sĩ của mình. Người dân Thessalonica cũng chứng kiến cảnh tượng này, trong số họ có rất nhiều tín hữu. Nhìn thấy máu người bị con thú vô nhân đạo này làm đổ, họ thở dài đau đớn: vì Li đã giết chết rất nhiều Kitô hữu, những người bị bọn vô đạo lôi kéo lên sàn đấu một cách bạo lực và ép buộc phải đấu với Li.

Trong thành phố đó có một chàng trai tên là Nestor, thân hình vạm vỡ, khuôn mặt đẹp trai, với bộ râu mới nhú. Anh ta thân thiết với vị đại tử đạo Dimitri, người đã dạy anh ta đức tin thánh thiện. Khi chứng kiến những người Kitô hữu bị giết oan uổng, lòng anh bừng cháy nhiệt huyết và quyết tâm đối đầu với kẻ mạnh mẽ Li. Khi đến gặp Thánh Dimitri, người đang bị giam trong ngục tối, anh kể cho ngài nghe về số lượng lớn các Kitô hữu đã bị Li giết hại trong ngày hôm đó.

– Xin ngài cầu nguyện cho con, vị thánh được Chúa yêu mến, – ông nói, – để nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, Chúa sẽ giúp đỡ con. Con sẽ đi và chiến đấu với tên kẻ thù đó, đánh bại hắn và xóa bỏ sự sỉ nhục đối với các Kitô hữu.

Thánh Dimitri làm dấu thánh giá trên trán và ngực ông, ban phước lành cho ông và tiên đoán:

– Ngươi sẽ đánh bại Li và sẽ chịu khổ vì Chúa Kitô. Sau khi nhận lời chúc phúc, Thánh Nestor lập tức đi đến nơi thi đấu, cởi bỏ áo ngoài trước mặt mọi người và lớn tiếng tuyên bố:

– Ta muốn đấu với Liê!

Thấy sự dũng cảm của chàng trai trẻ, nhà vua kinh ngạc và, tiếc nuối cho vẻ đẹp và tuổi trẻ của anh, nói với anh:

– Chẳng lẽ ngươi không thấy Li đã đánh bại bao nhiêu người dũng cảm và mạnh mẽ hơn ngươi sao? Còn ngươi, người thấp bé và còn trẻ tuổi, lại dám đối đầu với kẻ không ai sánh kịp dưới ánh mặt trời này.

Nestor đáp lại:

– Dù tôi nhỏ bé và yếu đuối, nhưng sức mạnh của Chúa Kitô, Đấng mà tôi đặt niềm tin và nhân danh Ngài, là vĩ đại và bất khả chiến bại; chính nhờ sức mạnh ấy mà tôi muốn chiến đấu với tên khổng lồ này.

Nghe thấy danh Chúa Kitô và nhận ra rằng Nestor là một Kitô hữu, nhà vua nổi giận và ra lệnh cho anh ta lập tức lên sàn đấu, nghĩ rằng Nestor sẽ gặp phải số phận giống như những người khác. Thánh Nestor cẩn trọng bước lên nơi thi đấu; còn Liy, vừa đùa cợt vừa cười, bắt đầu tiến về phía vị thánh. Thấy Liy đang tiến lại gần, Nestor làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình và cất tiếng kêu lớn:

– Lạy Chúa Dimitri, xin giúp con!

Sau đó, ngài lao vào đối thủ và bắt đầu giao chiến. Đức Chúa Trời, Đấng đã từng ban sức mạnh cho Đa-vít trong cuộc chiến với Gô-li-át, cũng đã ban sức mạnh cho tôi tớ của Ngài là Nestor để chống lại Li-ê gian ác – nhằm làm nhục vị vua gian ác ấy, và mang lại niềm vui cho những người trung thành với Ngài. Quả thực, dù vóc dáng nhỏ bé, Nestor lại tỏ ra dũng cảm hơn cả Li-ê khổng lồ. Nắm lấy hắn như nắm lấy một con chim, ông đã quăng gã khổng lồ từ trên bục cao xuống những ngọn giáo nhọn hoắt. Rơi xuống đó như một cây sồi vững chãi, Li-a đã thổi hồn ra trong nhục nhã, và như vậy, danh tiếng của hắn đã tan biến trong tiếng ồn ào, sức mạnh kiêu ngạo của hắn đã biến mất, và những lời khoe khoang hão huyền của Maximián về võ sĩ của mình cũng chấm dứt. Toàn thể dân chúng Thessaloniki – đặc biệt là các tín hữu Kitô giáo, khi chứng kiến chiến thắng bất ngờ và vinh quang này, đã đồng thanh reo lên:

– Thánh Dimitri vĩ đại!

Nhà vua, đứng dậy trong sự xấu hổ, trở về cung điện của mình, đau buồn và thương tiếc cho người con cưng của mình là Lía. Ông vô cùng tức giận với Thánh Nestor và ra lệnh bắt giữ ông. Khi biết rằng Dimitri cũng có phần trách nhiệm trong cái chết của Lie, vì ngài đã khích lệ Thánh Nestor thực hiện chiến công bằng cách tiên đoán chiến thắng cho ông, nhà vua ra lệnh xử tử cả hai. Thánh Dimitri bị đâm chết bằng giáo, còn thánh Nestor bị chém chết bằng gươm. Nay cả hai đều nhận được từ Đấng Khởi Xướng Công Đức là Chúa Kitô những vương miện chiến thắng trong Nước Trời, và xin cho chúng ta cũng được hưởng ân sủng ấy nhờ lời cầu nguyện của các thánh tử đạo.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Sau khi chịu khổ nạn một cách cao thượng, ngài đã được hưởng vinh quang bất diệt, vì ngài là chiến binh trung thành của Chúa; nhờ lời cầu nguyện của Thánh Dimitri, vị tử đạo: cùng với ngài, hỡi Nestor khôn ngoan, xin đừng ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Cuộc đời của Thánh Nestor, nhà biên niên sử

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 10

Bất kỳ sự kiện nào, nếu không được ghi chép lại, sẽ bị lãng quên và mất đi khỏi tri thức. Ví dụ, nếu Mô-sê, người được Thiên Chúa dạy dỗ, không để lại cho chúng ta trong các sách của ngài những thông tin về khởi đầu và sự hình thành ban đầu của thế giới, cũng như về tổ phụ A-đam của chúng ta, thì tất cả những điều này sẽ bị thời gian che phủ như bóng tối và dẫn đến sự lãng quên. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng gìn giữ ký ức về những phép lạ của Ngài trong lòng loài người, vào thời điểm Ngài muốn, sẽ dấy lên những người ghi chép, để các thế hệ sau này, khi đọc những gì họ đã ghi chép, có thể tận dụng những điều đó. Cũng như vậy, Chúa đã ban cho đất nước Nga của chúng ta, tại Tu viện Thánh Kiev-Pechersk, một nhà văn được tưởng nhớ mãi mãi, vị Thánh Cha Nestor của chúng ta, người đã khai sáng đôi mắt chúng ta bằng cách trình bày những điều hữu ích cho chúng ta, và nhờ đó khơi dậy lòng biết ơn của chúng ta đối với Chúa[7417] . Ngài đã viết cho chúng ta về nguồn gốc và sự hình thành ban đầu của thế giới Nga, không chỉ về mặt bên ngoài, mà đặc biệt là về mặt bên trong, thuộc linh – tức là về sự thành lập và phát triển đời sống tu hành tại Nga, được gieo trồng như trong vườn địa đàng tại Tu viện Pechersk thánh thiện, cũng như về tổ phụ thuộc linh của chúng ta, Thánh Antôn, cũng như về các vị thánh Pechersk khác đã noi gương ngài và được tinh thần ngài truyền cảm hứng. Một trong số họ chính là vị tác giả đáng kính này, người đã ghi chép lại cuộc đời hoàn hảo của các ngài không chỉ bằng ngòi bút trên giấy, mà còn bằng những hành động tu hành tương tự trên tâm hồn trong sạch của chính mình. Nhờ công trình này, chính ông cũng đã ghi tên mình vào Sách Sự Sống Vĩnh Cửu, đến nỗi chính ông cũng xứng đáng được nghe lời này về bản thân: *"Hãy vui mừng vì tên các con đã được ghi trên trời"* (Lc 10,20).

Vào thời điểm Thánh Antôn dành trọn đời cho sự im lặng trong hang động, còn Thánh Theodosius đang xây dựng tu viện, vị cha thánh Nestor của chúng ta – khi đó mới chỉ mười bảy tuổi – đã đến với họ, mong muốn theo đuổi đời sống tu sĩ thánh thiện. Dù chưa phải là tu sĩ, ngài đã bộc lộ tài năng trong mọi đức tính tu hành, chẳng hạn như: sự quan tâm đến sự thanh tịnh về thể xác và tâm hồn, sự nghèo khó tự nguyện, lòng khiêm nhường sâu sắc, sự vâng lời không do dự, việc ăn chay nghiêm ngặt, cầu nguyện không ngừng, sự tỉnh thức không ngơi nghỉ và những việc làm cao cả khác xứng đáng với các thiên thần, trong đó ngài là người noi gương nhiệt thành cuộc đời của các thánh đầu tiên ở Pechersk – Antony và Theodosius. Từ đôi thánh này, trong thời thanh xuân rực rỡ của mình, ngài đã tiếp nhận mọi điều răn với tình yêu thương y như đứa trẻ bú sữa từ vú mẹ, và như con nai khát khao uống nước từ hai suối chảy giữa núi non, trong các hang động. Và quả thực, qua các tác phẩm của mình, ngài đã bộc lộ tình yêu vĩ đại mà ngài dành cho các vị sáng lập tu viện đáng kính này – một tình yêu được thể hiện *"không phải bằng lời nói hay bằng miệng, mà bằng việc làm và sự thật"* (1 Ga 3:18). Khi chứng kiến những việc lành rực rỡ của hai vì sao vĩ đại trên bầu trời Nga này, ngài đã hết lòng tôn vinh Thiên Chúa *"bằng thân xác và linh hồn mình"* (xem 1 Cr 6,20). Sau khi các vị cha đáng kính, Antôn và Theodosius, qua đời một cách thanh thản trước mặt Chúa, vị cha đáng kính Nestor của chúng ta cũng đã từ bỏ thế gian không chỉ bằng những việc làm trần tục – điều mà ngài đã làm từ trước đó, khi không sa vào cám dỗ – mà còn bằng chính lối sống trần tục, khi ngài nhận lấy hình ảnh thánh thiện như thiên thần của một tu sĩ từ vị tu viện trưởng đáng kính Stephanos của Tu viện Pechersk. Sau đó, chính ngài đã được phong lên chức phó tế. Lúc bấy giờ, khi mang trên mình hai chức vụ thiên thần: tu sĩ và phó tế, ngài ngày càng trau dồi các đức tính của mình, chế ngự mọi dục vọng xác thịt và tuân giữ mọi lẽ thật, để hoàn toàn giải thoát khỏi sự chi phối của xác thịt và trở thành một con người hoàn toàn thuộc linh, cũng như một tôi tớ và

[7417] Thánh Nestor, khi mới 17 tuổi, đã xuất gia tại Tu viện Kiev-Pechersk; vào năm 1091, ngài tham gia lễ khai quật di cốt của Thánh Theodosius Pechersky, và đã cống hiến công sức vào việc biên soạn "Biên niên sử Nga" cùng các tiểu sử về các vị thánh tại Kiev và Pechersk. Trong số các tác phẩm của ngài, ngoài Sử ký, còn lưu truyền đến ngày nay: tiểu sử của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô Pechersky và tiểu sử của các thánh Bô-ri-xơ và Gleb. Ngài qua đời vào khoảng năm 1114, ngày 27 tháng 10.

người thờ phượng chân chính của Đức Chúa Trời. Vì ngài biết rõ lời chính Chúa đã phán: *"Thiên Chúa là Thần Khí, và những ai thờ phượng Ngài phải thờ phượng trong Thần Khí và Chân Lý"* (Ga 4,24). Và quả thực: Nestor đã chỉ ra một cách rõ ràng trong tác phẩm của mình cách ông chiến thắng tinh thần của kẻ ác, kẻ xa lạ với mọi lẽ thật: ông luôn thể hiện sự khiêm nhường tột bậc và không ngừng hạ mình, tự gọi mình là "người không xứng đáng, thô lỗ, dốt nát và đầy dẫy tội lỗi".

Khi các tu sĩ, dưới sự soi dẫn của Đức Chúa Trời, quyết định trong cuộc họp rằng sẽ khai quật di cốt thiêng liêng của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô và chuyển chúng từ hang động đến Nhà thờ Pechersk thánh thiêng, do chính Đức Chúa Trời tạo dựng, thì Thánh Nestor là người đầu tiên nhận lãnh nhiệm vụ này. Với đức tin và lời cầu nguyện sâu sắc, ngài đã làm việc suốt đêm và khai quật được "viên ngọc quý giá" cho Tu viện Pechersk – đó chính là di cốt của Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Ngài mang chúng ra khỏi hang động và tận mắt chứng kiến những phép lạ vĩ đại diễn ra trong dịp này, điều mà chính ngài đã làm chứng.

Và ngài đã sống nhiều năm, miệt mài biên soạn biên niên sử. Luôn hướng về cõi vĩnh hằng, ngài đã làm đẹp lòng Đấng Tạo Hóa, Đấng mà ngài đã về với cõi vĩnh hằng sau khi kết thúc cuộc đời trần thế. Ngài được an táng trong hang động, nơi thi thể thánh thiện bất hoại của ngài vẫn còn an nghỉ cho đến ngày nay, tiếp tục tỏa ra những phép lạ và qua đó chứng tỏ rằng vị thánh tu sĩ này – người biên soạn các tiểu sử các thánh và biên niên sử – đã giành được cho mình một nơi ở bất hoại trên trời và được ban tặng vương miện bất hoại trong vương quốc của Đức Chúa Trời. Nhờ những lời cầu nguyện của vị tu sĩ-nhà văn đáng kính này, xin cho chúng ta cũng được ghi tên vào Sách Sự Sống của Chiên Con Thiên Chúa, Đấng mà những năm tháng của Ngài sẽ không bao giờ cạn kiệt. Ngài, cùng với Thiên Chúa Cha và Thánh Thần Hằng Sống, xứng đáng nhận mọi vinh quang, tôn kính và sự thờ phượng từ chúng ta, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Lễ kính các thánh nữ tử đạo Capetolina và Erotiida

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 10

Các thánh này sống dưới thời hoàng đế Diocletian và vị thống trị Cappadocia là[7418] Zelikintia. Thánh Kapetolina, xuất thân từ một gia đình giàu có và quý tộc[7419] , đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo và giải phóng nô lệ. Với tư cách là một tín đồ Kitô giáo, bà bị bắt và giam vào ngục tối; sau đó, vì từ chối dâng lễ vật cho các thần tượng, bà đã bị chém đầu bằng gươm. Nô tỳ của bà là Erotiida đã bị tra tấn bằng gậy vì đã ném một hòn đá vào quan tổng trấn để bảo vệ chủ nhân. Sau khi trải qua cuộc tra tấn mà vẫn không bị thương, cô cũng bị chém đầu bằng gươm.

Ngày 10 tháng 11

28 tháng 10 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử đạo Paraskeva

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 10

Vào thời điểm hoàng đế vô đạo Diocletian phát động cuộc đàn áp các Kitô hữu, tại thành phố Iconium có một thiếu nữ quý phái và xinh đẹp tên là Paraskeva. Cha mẹ cô là những người Kitô hữu, sau khi nuôi dạy và truyền dạy cho con gái mình cách giữ gìn đức tin thánh thiện và các điều răn của Chúa, đã về với Chúa. Họ để lại cho cô con gái hạnh phúc của mình một gia tài lớn.

Khi đến tuổi trưởng thành, thiếu nữ Paraskeva đã noi gương đức tin và việc làm của cha mẹ mình. Cô bắt đầu dùng tài sản của mình không phải để trang điểm cho vẻ đẹp và tuổi trẻ của mình, cũng không phải để sống cuộc

[7418] Cappadocia – phần phía đông của Tiểu Á.

[7419] Khi được hỏi về dòng dõi của mình, Thánh Capetolina tự xưng là cùng dòng dõi với Firmilian, Tổng Giám mục Cappadocia (sống vào giữa thế kỷ III). Theo những truyền thuyết khác, bà chỉ coi mình là con gái tinh thần của ngài. Bà qua đời vào năm 304.

sống xa hoa, mà để cung cấp quần áo cho những người không có áo mặc, thức ăn cho những người đói khát, và tiếp đãi những người lữ hành. Paraskeva hoàn toàn không để ý đến những người cầu hôn đang tìm cách chung sống với cô: cô sớm trở thành vị hôn thê của Đấng Hôn Phu Duy Nhất bất tử, Con Một của Thiên Chúa, và vì Ngài mà cô sống trong sự thánh thiện và công chính. Cô không ngừng xưng danh Thánh Danh Ngài trước mặt mọi người, mỗi ngày, qua đó dẫn dắt họ đến sự nhận biết chân lý.

Một số người đã tin vào Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, còn những người khác, những kẻ vô tín, thì nói xấu vị thánh. Còn Paraskeva thì can đảm rao giảng Lời Chúa trước mặt họ và vạch trần sự hư vô của những thần tượng vô hồn. Không muốn nghe những lời vạch trần đó từ bà, những công dân vô tín đã bắt giữ bà, đánh đập bà, rồi tống bà vào ngục tối.

Vào thời điểm đó, có một vị tướng quân đến Iconium, được Hoàng đế Diocletian cử đến vùng đất này với mục đích tiêu diệt tất cả các Kitô hữu ở đó. Những người dân tiến đến gặp ông và nói:

– Thưa vị tướng quân cao quý, trong thành phố này có một thiếu nữ tin vào Đức Kitô bị đóng đinh và rao giảng về Ngài; cô ta hành nghề phù thủy và đã khiến không ít người từ bỏ việc dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta nhờ phép thuật của mình. Cô ta không ngừng phỉ báng các hình tượng của các vị thần chúng ta và cả hoàng đế. Khi nghe lệnh của hoàng đế rằng tất cả những ai không thờ phụng các vị thần đều phải bị xử tử, chúng tôi đã bắt giữ thiếu nữ này và giam giữ nàng trong ngục tối.

Nghe xong những lời này, vị tướng quân ra lệnh đưa cô gái thánh thiện đến trước mặt ngài để xét xử; khi vị thánh tử đạo đang trên đường đến nơi xét xử, Thánh Thần ngự xuống trên nàng, và khuôn mặt nàng bừng sáng, đến nỗi tất cả những ai nhìn thấy nàng đều ngạc nhiên và thốt lên:

– Hãy nhìn kìa! Cô ấy chẳng hề u sầu chút nào, khuôn mặt cô ấy thậm chí còn như đang tỏa sáng.

Khi nàng đứng trước các quan tòa, vị tướng quân nhìn nàng và, ngạc nhiên trước vẻ đẹp và sự cao quý trên khuôn mặt nàng, đã nói với những người có mặt:

– Các ngươi đã vu khống cô gái xinh đẹp này một cách vô cớ: làm sao có thể hủy hoại một vẻ đẹp rực rỡ như mặt trời như thế này được.

Và ông nói với cô:

– Nàng ơi, hãy cho chúng tôi biết tên của nàng!

Thánh Paraskeva đáp:

– Tôi là một tín đồ Kitô giáo, tôi tớ của Chúa Kitô.

Tướng quân nói:

– Nhìn vẻ đẹp trên khuôn mặt nàng khiến ta cảm thấy hiền lành, nhưng những lời thốt ra từ miệng nàng lại làm ta phẫn nộ tận đáy lòng: ta không muốn nghe những lời như thế!

Thánh nữ đáp:

– Bất kỳ vị vua nào xét xử công bằng, khi nghe sự thật đều vui mừng, còn ngài, sau khi nghe sự thật do tôi nói ra, lại nổi giận.

Kẻ tra tấn đáp lại:

– Ta giận vì không nhận được câu trả lời từ ngươi; vì ta đã hỏi tên ngươi, nhưng ngươi lại không nói cho ta biết.

Thánh nữ đáp:

– Trước hết, tôi phải nói tên của mình trong cuộc sống vĩnh cửu, rồi sau đó mới công bố tên trong cuộc sống tạm bợ. Vậy nên, tôi đã nói tên của mình trong cuộc sống vĩnh cửu, rằng tôi là một Kitô hữu, tôi tớ của Chúa Kitô, còn trong cuộc sống tạm bợ, cha mẹ tôi đã đặt tên tôi là Paraskeva, vì tôi sinh ra vào ngày Paraskeva (Paraskeva trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "thứ Sáu").

– Cha mẹ tôi, – vị thánh tiếp tục, – luôn tôn kính ngày thứ sáu – ngày của những đau khổ tự do và ban sự sống của Chúa Giêsu Kitô – bằng việc ăn chay, cầu nguyện và bố thí. Họ làm như vậy để tôn vinh Chúa Kitô, tin rằng vì tình yêu dành cho loài người, vào ngày đó Ngài đã đổ máu và hiến dâng mạng sống của Ngài trên thập giá vì chúng ta. Thiên Chúa đã ban cho họ thành quả của cuộc hôn nhân trong sạch – chính là tôi, người tôi tớ bất xứng của Ngài, vào chính ngày mà họ đã tôn kính một cách đạo đức, để tưởng nhớ những cuộc khổ nạn của Chúa. Họ đã quyết định đặt cho tôi cái tên mà ngày này được gọi, và từ ngày Thánh Paraskeva, tôi cũng được gọi là Paraskeva – tôi là người đồng hành cùng những đau khổ của Chúa Kitô.

Tướng quân nói:

– Đừng nói những lời điên rồ đó nữa và hãy dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta; khi đó ta sẽ lấy ngươi làm vợ, và ngươi sẽ trở thành chủ nhân của một gia tài khổng lồ, và nhiều người trên đất này sẽ tôn vinh ngươi.

Trước lời đó, Thánh Paraskeva đáp lại:

– Tôi đã có Chàng Rể trên trời, là Chúa Giêsu Kitô, và tôi không cần người chồng nào khác.

Lúc đó, vị tướng quân nói:

– Ta sẽ thương xót nhan sắc của nàng và tha thứ cho tuổi trẻ của nàng.

– Đừng thương xót vẻ đẹp tạm thời: – thánh nữ nói, – hôm nay nó nở rộ, nhưng ngày mai sẽ tàn lụi; thà ngài hãy thương xót chính mình đi, vì ngài đang phải đối mặt với sự đau khổ vĩnh viễn.

Sau đó, vị tướng quân nổi giận và ra lệnh xé rách áo quần của nàng và đánh nàng bằng những sợi dây thừng thô ráp. Trong lúc vị thánh bị đánh, nàng không thốt ra một tiếng nào, nhưng bằng đôi môi im lặng, bằng trái tim , nàng kêu cầu Chúa Kitô, xin Ngài giúp đỡ trong cơn đau khổ. Còn vị tướng quân, vẫn còn thương xót vẻ đẹp của nàng (vì ông ta bị mê hoặc và quyến rũ bởi vẻ đẹp ấy), đã ra lệnh ngừng đánh nàng và bắt đầu nói với nàng một cách dịu dàng:

– Nàng ơi! Hãy thương xót tuổi trẻ của mình, đừng hủy hoại tuổi thanh xuân tuyệt đẹp của nàng! Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, nàng sẽ được sống và còn được chúng ta tôn vinh hơn nữa.

Cô không trả lời gì cả. Lúc đó, vị tướng quân nổi giận và nói:

– Ngươi dám không trả lời ta sao, con quỷ Kitô giáo độc ác? Nữ thánh đáp lại bằng cách nhổ nước bọt vào mặt hắn. Sau đó, tên tra tấn, trong cơn thịnh nộ tột độ, ra lệnh treo cô lên cây và dùng móng sắt xé rách xương sườn cô một cách tàn nhẫn, rồi dùng lông thú chà xát lên vết thương; da thịt cô bị xé rách đến tận xương. Vị quan, nghĩ rằng vị thánh nữ sắp chết vì bà hầu như không còn thở được nữa, đã tháo bà xuống khỏi cây và ném bà vào ngục tối. Khi nàng nằm đó, gần như đã chết và không còn cất tiếng được nữa vì những vết thương tàn khốc, thì vào nửa đêm, một Thiên thần hiện ra trước mặt nàng; vai và ngực ngài được thắt bằng một dải lụa vàng hình thánh giá, còn trong tay ngài cầm các dụng cụ của cuộc khổ nạn Chúa Kitô: thập giá, vương miện gai, cây giáo, cây gậy và miếng bọt biển. Thiên thần nói với nàng:

– Hỡi thiếu nữ, người đồng hành cùng những nỗi đau khổ của Chúa Kitô, hãy đứng dậy! Ta được sai đến để thăm viếng nàng; để an ủi nàng trong những đau khổ, ta đã mang theo những dụng cụ của cuộc khổ nạn của Chúa chúng ta. Hãy nhìn những dụng cụ cao quý này: cây thập tự và vương miện gai của Chàng Rể bất diệt; hãy nhìn cây giáo đã đâm xuyên qua những xương sườn ban sự sống, cây gậy đã ghi lại sự tha thứ tội lỗi cho cả thế gian, và miếng vải đã lau sạch tội lỗi của A-đam. Vậy thì, hãy đứng dậy đi! Chúa Kitô đang chữa lành cho con!

Và thế là vị nữ tử đạo thức dậy như vừa thức giấc, còn Thiên Thần hiện ra đã tiến lại gần và dùng môi lau sạch mọi vết thương trên thân thể vị thánh tử đạo, và toàn thân nàng trở nên mạnh mẽ và khỏe mạnh, còn vẻ đẹp trên khuôn mặt nàng càng trở nên lộng lẫy hơn bao giờ hết. Nàng đã kính cẩn hôn lên các dụng cụ của cuộc khổ nạn Chúa Kitô và ngợi khen Thiên Chúa. Sau đó, vị Thiên Thần ấy trở nên vô hình.

Khi bình minh ló rạng, các lính canh nhà tù đến và thấy Paraskeva khỏe mạnh, đang đứng cầu nguyện; trên thân thể nàng không còn vết thương nào. Họ hoảng sợ và báo tin này cho chỉ huy quân đội. Người này ra lệnh đưa cô đến trước mặt mình và khi thấy cô khỏe mạnh, ông ta rất ngạc nhiên: ông ta không ngờ cô lại còn sống sót sau những vết thương khủng khiếp như vậy. Lại một lần nữa ngạc nhiên trước vẻ đẹp phi thường của cô, ông ta nói với cô:

– Paraskeva, ngươi thấy đó, các vị thần của chúng ta đã thương xót vẻ đẹp của ngươi và bảo vệ ngươi, ban cho ngươi sự sống.

Thánh nữ đáp lại:

– Hỡi vị tướng quân, xin hãy chỉ cho tôi những vị đã ban tặng sự sống cho tôi! Vị tướng quân đã đưa nàng đến đền thờ các vị thần của mình để nàng chiêm ngưỡng các tượng thần của họ. Cùng đi với nàng còn có các thầy tế thần và đông đảo dân chúng; tất cả đều nghĩ rằng Paraskeva muốn thờ lạy các vị thần của họ. Khi họ bước vào đền thờ, nơi có vô số tượng thần, Paraskeva thầm cầu nguyện với Đấng Duy Nhất và Chân Thật, Đấng ngự trên các tầng trời, rồi nắm lấy chân tượng thần Apollo và nói:

– Ta nói với ngươi, kẻ vô hồn, và tất cả những thần tượng phù du đang ở cùng ngươi: Chúa của ta là Đức Giê-su Ki-tô ra lệnh cho các ngươi như thế này – tất cả các ngươi hãy ngã xuống đất và hóa thành tro bụi.

Và ngay lập tức, theo lời vị thánh, tất cả các tượng thần đều ngã xuống và vỡ tan thành từng mảnh. Lúc đó, mọi người đều chạy ra khỏi đền thờ thần tượng và đồng thanh kêu lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Các thầy tế lễ vô đạo, khi thấy sự hủy diệt và sự diệt vong của các thần tượng của mình, đã đến gặp vị tướng quân và, trong nước mắt, nói với ông:

– Tướng quân! Chúng tôi đã nói với ngài rồi – hãy giết nữ phù thủy này đi, vì nàng đang mê hoặc thành phố của chúng ta, nhưng ngài đã không nghe lời chúng tôi, và giờ đây, bằng phép thuật của mình, nàng đã đánh tan tất cả các vị thần của chúng ta.

Tràn ngập cơn thịnh nộ, vị tướng quân giận dữ tra hỏi Thánh Paraskeva như sau:

– Bằng những phép thuật nào mà ngươi đã làm được điều này?

Thánh nữ đáp:

– Với danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta trên môi, tôi đã bước vào đền thờ các vị thần của các ngươi và cầu nguyện với Chúa của tôi như thế này: "Xin hãy hiện ra với con, Đấng Cứu Thế của con – Đấng đã ban sự sống cho con." Và chính Chúa của con và Đức Chúa Trời của con đã hiện ra với con, còn các vị thần của các ngươi, ngay khi nhìn thấy Ngài, đã run rẩy vì sợ hãi và, ngã xuống đất, vỡ tan, chứng tỏ rằng nếu họ không thể tự cứu mình, thì làm sao họ có thể cứu người khác!

Lúc đó, vị tướng quân ra lệnh treo Paraskeva lên cây một lần nữa và dùng nến thiêu đốt xương sườn của thánh nữ. Trong lúc bị treo cổ và thiêu đốt, thánh nữ thở dài hướng về Thiên Chúa và nói:

– Lạy Chúa và Thiên Chúa của con, Đấng Tạo Hóa và Đấng Quan Phòng của muôn loài! Ngài đã làm nguội lò lửa đang cháy rực cho ba thiếu niên, Ngài đã giải cứu nữ tử đạo đầu tiên là Thánh Thekla khỏi ngọn lửa, xin hãy cứu con, kẻ không xứng đáng này, khỏi tay những kẻ hành hạ.

Và bỗng chốc, một Thiên thần hiện ra, chạm vào những ngọn nến, và một ngọn lửa rất mạnh bùng lên, tiêu diệt vô số kẻ vô đạo. Còn dân chúng thì kêu lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Và lúc đó, rất nhiều người đã tin vào Đấng Kitô; còn vị tướng quân, khi nhận thấy sự xôn xao trong dân chúng, lo sợ rằng dân chúng sẽ nổi dậy chống lại mình, nên vội vàng ra lệnh chém đầu vị thánh bằng gươm. Vào lúc đầu của bà bị chém rơi, một số người nghe thấy một tiếng nói từ trên trời cất lên:

– Hỡi những người công chính, hãy vui mừng, vì nữ tử đạo Paraskeva đang được đội vương miện!

Các tín hữu Kitô giáo đã an táng thi hài vị thánh tại chính ngôi nhà của bà với lòng kính trọng. – Như vậy, sau khi hoàn thành cuộc hành hương chịu khổ, thiếu nữ xinh đẹp nhất đã về với Chàng Rể của mình, mang theo máu thay vì dầu thánh: giờ đây, bà đã được ở cùng các trinh nữ khôn ngoan trong cung điện của Chúa Kitô.

Sáng hôm sau, vị tướng quân vô đạo đã ra ngoài đi săn, nhưng con ngựa của ông ta bỗng dưng nổi điên và hất ông ta xuống khe núi: khi ngã xuống, vị tướng quân đã bị gãy xương và như vậy đã thảm thương trút linh hồn tội lỗi của mình.

Còn linh hồn thánh thiện và tinh khiết của vị Đại Tử Đạo Paraskeva đã về với Chúa, và từ các thánh tích cao quý của bà, nhiều người đau ốm đã được chữa lành, để tôn vinh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, xin được vinh quang và sự thờ phượng muôn đời, amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Thánh nữ Paraskeva, vị tử đạo khôn ngoan và đáng ca ngợi của Đức Kitô, đã nhận lấy sức mạnh của người nam, từ chối sự yếu đuối của người nữ, đã chiến thắng ma quỷ và làm nhục kẻ hành hạ, kêu lên và nói rằng: "Hãy đến đây, hãy chém thân thể tôi bằng gươm và thiêu đốt bằng lửa, vì tôi, trong niềm vui sướng, đang đi đến với Chúa Kitô, Chàng Rể của tôi. Nhờ những lời cầu nguyện của Người, lạy Chúa Kitô, xin cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Bằng việc dâng lên sự tử đạo thánh thiện và vô tì vết, như của hồi môn cao quý dâng lên Đấng Hôn Phu bất tử là Chúa Kitô, ngài đã làm vui mừng đoàn thiên thần và đã chiến thắng những mưu mô của ma quỷ: vì lý do đó, chúng con tôn kính ngài một cách trang trọng bằng đức tin, thánh nữ tử đạo Paraskeva, người đã chịu nhiều đau khổ.

Lễ kính Thánh Tử đạo Ki-ri-a-cô, Tổng Giám mục Giê-ru-sa-lem

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 10

Thánh Kyriakos, người đã tin vào Chúa Kitô và chịu phép rửa sau khi tìm thấy Thánh Giá vinh hiển và ban sự sống, là Giám mục Giêrusalem. Ngài đã sống cho đến thời trị vì của Hoàng đế Julianus, kẻ bội đạo. Vị hoàng đế này, trong chuyến chinh phạt người Ba Tư, đã đến Giêrusalem và tại đây, ông đã triệu tập Thánh Kyriakô ra tòa, đồng thời ép buộc ngài dâng lễ vật cho các thần tượng; nhưng vị thánh đã kiên quyết từ chối làm điều đó. Lúc đó, hoàng đế ra lệnh chặt đứt tay phải của ngài:

– Ngươi đã viết rất nhiều thư bằng bàn tay này, – ông ta nói, – và đã khiến nhiều người từ bỏ việc thờ phụng các vị thần.

Sau đó, ông ra lệnh đổ chì nóng chảy vào miệng vị thánh và đặt ngài lên một chiếc giường đồng nung đỏ. Mẹ của vị thánh, bà Anna, khi đến nơi hành hình, đã bị bắt giữ, bị treo lên bằng tóc và bị cạo da bằng sắt . Sau khi bà qua đời trong sự tử đạo, thánh Cyriacus cũng qua đời, bị ném vào nồi nước sôi và bị đâm bằng giáo[7420] .

Lễ kính các thánh tử đạo Terentius và Neonilla

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 10

Thánh Tê-rê-n-ti-ô, một Kitô hữu đạo đức, đã kết hôn hợp pháp với Neonilla, người cùng đức tin, và từ cuộc hôn nhân này, họ sinh được bảy người con: Sarvil, Fot, Theodul, Ierax, Nit, Vil và Evnikia, những người mà họ đã nuôi dạy trong sự đạo đức. Khi các con cùng cha mẹ bị bọn vô đạo bắt giữ và đưa ra trước tòa án bất chính, họ đã công khai tuyên xưng Đức Kitô và phỉ báng các thần tượng. Vì thế, họ bị treo cổ và tra tấn bằng cách cạo da, đồng thời vết thương của họ bị rưới giấm đặc và đốt bằng lửa. Các thánh vẫn siêng năng cầu nguyện và an ủi lẫn nhau. Đức Chúa Trời không phớt lờ lời cầu nguyện của họ và đã sai các Thiên Thần Thánh của Ngài đến, giải thoát họ khỏi xiềng xích và chữa lành các vết thương của họ. Khi thấy các thánh nhân đột nhiên được giải thoát khỏi xiềng xích và các vết thương được chữa lành, những kẻ vô đạo đã kinh hoàng. Sau đó, các thánh bị ném cho thú dữ ăn thịt, nhưng không hề bị tổn hại gì, vì theo lệnh của Đức Chúa Trời, các con thú trở nên hiền lành như chiên con. Sau đó, họ bị ném vào nồi nhựa thông đang sôi sục, nhưng ngay lập tức ngọn lửa tắt lịm, nồi nguội lạnh, còn nhựa thông trở nên giống như nước lạnh. Thấy rằng những cực hình đó hoàn toàn không gây hại gì cho các thánh, những kẻ tra tấn độc ác đã dùng gươm chém đứt đầu các ngài[7421] .

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hôm nay là ngày tưởng niệm các vị tử đạo cao quý, mang lại niềm vui cho muôn loài, Thánh Terentius đầy khôn ngoan và các bạn đồng hành của ngài. Hãy đến gần ngài với lòng ấm áp, để chúng ta được chữa lành: vì các ngài đã nhận được ân sủng từ Chúa Thánh Thần, để chữa lành những bệnh tật và đau khổ của tâm hồn chúng ta.

Ngày 11 tháng 11

Ngày 29 tháng 10 (theo lịch cũ)

[7420] Thánh Kyriak, trước khi rửa tội có tên là Giu-đa, đã chỉ cho Nữ hoàng Thánh Helena. Nữ hoàng Thánh Helena, mong muốn tìm thấy Thánh Giá thánh thiêng và ban sự sống, đã triệu tập người Do Thái và nài nỉ họ chỉ cho bà nơi mà họ đã giấu Thánh Giá. Chỉ sau khi bị đe dọa, họ mới chỉ ra một người Do Thái già tên là Giu-đa, người có thể chỉ ra nơi cất giấu Thánh Giá, nhưng ngay cả Giu-đa cũng từ chối thực hiện mong muốn của nữ hoàng, vì thế ông đã bị ném xuống hào. Sau khi ở trong đó một thời gian, ông hứa sẽ nói ra. Sau đó, theo chỉ dẫn của Giu-đa, họ đã đến nơi mà Hoàng đế La Mã Hadrian dự định xây dựng đền thờ nữ thần Venus; chính tại đây, Thánh Giá đã được tìm thấy (Xem chi tiết ngày 14 tháng 9

[7421] Các thánh đã chịu tử đạo dưới triều đại của hoàng đế Decius (249–251).

Lễ tưởng niệm Thánh Nữ Tử đạo Anastasia, người La Mã

Ngày tưởng niệm 29 tháng 10

Vào thời vua Decius và đồng trị vì Valerian, dưới sự chỉ huy của tướng Probus, không xa thành Rome, tại một nơi hẻo lánh và ít người biết đến, có một tu viện nữ nhỏ. Tại đó, có một số nữ tu đức hạnh đang tu hành, trong số đó có Mẹ Bề trên Sofia, người đã cao tuổi và hoàn hảo về đức hạnh. Trong tu viện đó còn có Thánh nữ Anastasia, người gốc Roma, mồ côi từ khi mới ba tuổi sau khi cha mẹ qua đời. Bà Sofia đã nuôi dưỡng cô trong tu viện của mình và dạy dỗ cô mọi đức hạnh, đến nỗi trong việc ăn chay, các việc làm cao cả và mọi công việc vất vả, cô đều vượt trội hơn tất cả những người khác. Khi bước sang tuổi hai mươi, Anastasia trở nên vô cùng xinh đẹp, đến nỗi một số công dân quý tộc La Mã, nghe danh về nhan sắc của cô, đã khao khát lấy cô làm vợ. Nhưng vị trinh nữ thánh thiện, coi mọi thứ như hư vô , đã trở thành cô dâu của Chúa Kitô và, để giữ trinh tiết cho Ngài, ngày đêm dành trọn cho việc cầu nguyện. Ma quỷ đã không ít lần tìm cách lôi kéo vị hôn thê của Chúa Kitô rời xa cuộc sống thánh thiện như các thiên thần và dụ dỗ cô sống theo đời thường, mong làm xao động tâm hồn cô bằng những ý nghĩ bất chính, những cám dỗ từ những lời nói xảo trá và đủ mọi mưu mô khác của hắn. Nhưng hắn hoàn toàn thất bại trong cuộc chiến chống lại nàng, bởi trong bản tính yếu đuối của nàng đã ngự trị sức mạnh của Chúa Kitô, đạp nát đầu con rắn bị nguyền rủa bằng đôi chân trinh nữ. Không thể chiến thắng được vị hôn thê bất khả chiến bại của Chúa Kitô bằng cách này, ma quỷ đã công khai nổi dậy chống lại nàng, xúi giục những kẻ tra tấn tàn bạo. Vào thời điểm đó, cuộc bách hại đối với các Kitô hữu diễn ra dữ dội, và ma quỷ đã xúi giục một số người vô tín, những kẻ thù địch với Kitô hữu, để họ vu khống Anastasia trước mặt tướng quân Prov. Khi đến gặp người vô đạo này, những kẻ ngoại đạo bắt đầu nói với hắn rằng, tại một nơi hẻo lánh giữa những người nghèo và những phụ nữ sống không chồng, có một thiếu nữ tên là Anastasia, người mà về nhan sắc thì không ai sánh kịp trên khắp thành Rôma.

– Cô gái này – họ nói – không chỉ không muốn lấy chồng, mà còn xúc phạm lối sống của chúng ta, chế giễu các vị thần của chúng ta và tin vào Đấng Bị Đóng Đinh.

Nghe nói về nhan sắc của Anastasia, vị tướng quân lập tức sai các đầy tớ đi đưa cô ta về. Khi đến nơi, các đầy tớ mãi không mở được cổng tu viện, nên buộc phải lấy rìu phá cửa. Các nữ tu, khi chứng kiến cảnh đó, đã vô cùng hoảng sợ, và sau khi mở một cánh cửa khác ở phía đối diện, họ đã chạy trốn khỏi tu viện. Còn Mẹ Bề trên Sofia thì không cho Anastasia ra ngoài, bà nói:

– Con yêu quý của ta, Anastasia! Đừng sợ, vì đã đến lúc thực hiện công việc anh hùng, nhờ đó Chú Rể của con là Chúa Giêsu Kitô muốn trao vương miện cho con. Ta không muốn con chạy trốn khỏi tu viện, ta không muốn tước đi vương miện tử đạo của con, viên ngọc quý của ta, người mà ta đã nhận nuôi từ khi con mới ba tuổi và cho đến nay vẫn bảo vệ con như con ngươi trong mắt.

Khi những người lính xông vào tu viện, Sofia đã bước ra gặp họ và nói:

– Các ngươi đang tìm ai và đòi hỏi điều gì?

Họ trả lời:

– Bà già kia! Hãy giao cô gái Anastasia mà bà đang giữ cho chúng tôi, vì tướng quân Prov đang đòi cô ấy.

– Vâng, tôi sẽ vui lòng giao cô ấy cho các ngài, – Sofia đáp, – chỉ xin các ngài, thưa các vị, hãy đợi khoảng hai giờ, để tôi trang điểm cho cô ấy, để cô ấy trở nên đẹp mắt trước mặt ngài chủ của các ngài.

Các người hầu, cho rằng Sofia muốn trang điểm cho cô bằng những bộ quần áo và trang sức trần tục thông thường, đã đồng ý chờ đợi. Còn người mẹ thiêng liêng, Sofia, mong muốn trang điểm cho con gái mình bằng những vẻ đẹp tâm hồn, để cô trở nên xứng đáng với Chú Rể Trên Trời, liền dẫn cô vào nhà thờ. Đặt cô trước bàn thờ, Sofia vừa khóc vừa nói với cô:

– Con yêu quý của mẹ, Anastasia, giờ đây con phải chứng tỏ bằng chính hành động của mình tình yêu nhiệt thành dành cho Chúa. Lúc này, con phải đứng về phía Chàng Rể yêu dấu của con – Đấng Kitô – cho đến khi đổ máu, và chứng minh rằng con là cô dâu đích thực của Ngài. Con gái yêu dấu của mẹ! Mẹ van xin con: đừng để lời nói sắc bén như lưỡi dao cạo lừa dối con, đừng để danh vọng và những món quà của thế gian phù du làm con mê hoặc, và đừng sợ những đau khổ tạm thời, vì chính những đau khổ ấy sẽ mang lại cho con sự sống đời đời. Này, cung điện của Chàng Rể đã mở ra trước mặt con; này, giường ngủ của sự an nghỉ vĩnh cửu đã được chuẩn bị sẵn cho con; này, vương miện đã được đan dệt cho con; này, Chàng Rể đang kêu gọi con đến dự tiệc cưới: hãy đến với

Ngài trong niềm vui, hãy đến với thân thể nhuốm máu, như thể đang mặc áo cưới vậy. Mẹ khẩn khoản xin con, con yêu dấu của mẹ, hãy lắng nghe lời mẹ và nhớ lại những công lao và vất vả của mẹ dành cho con, cách mẹ đã nuôi dạy con, từ khi con còn nhỏ, và đã dốc hết tâm huyết để dâng con lên làm cô dâu tinh khiết cho Vua vinh quang. Ta đã lo lắng về điều này, đã cầu nguyện về điều này, và đã dạy dỗ con ngày đêm, chính là để con được kết hợp mãi mãi với Chúa bằng cả trái tim và linh hồn. Vậy nên, con gái của ta, đừng làm ta – mẹ con – phải xấu hổ trước mặt Chúa lúc này, và đừng khiến tuổi già của ta phải xuống mồ quá sớm. Nếu mẹ nghe thấy điều gì về con trái với tình yêu của Đấng Christ, thì mẹ sẽ chết ngay lập tức. Còn nếu mẹ nghe thấy rằng con đứng vững vì tình yêu dành cho Đấng Christ và không tiếc mạng sống mình vì Ngài, thì mẹ sẽ là người mẹ vui mừng vì con gái mình[7422] ; *"Ngài làm cho sừng con vươn cao như sừng con kỳ lân, và con được xức dầu bằng dầu tươi mới"* (Thánh Vịnh 91:11). Vậy nên, con gái của mẹ, đừng tiếc nuối vẻ đẹp thể xác của con và đừng say mê cuộc sống tạm bợ. Khi người ta dụ dỗ con bằng những lời xảo trá, con *hãy "đừng để lòng con nghiêng theo những lời gian dối"* (Thi Thiên 140:4); khi họ dọa nạt con bằng những cực hình – con hãy nói: *"Ta sẽ không sợ sự đe dọa của các ngươi, cũng không nao núng, vì Đức Chúa Trời của ta ở cùng ta"* (xem Ê-sai 8:12); khi họ đánh đập con một cách tàn nhẫn, con *"đừng sợ những kẻ giết thân thể, nhưng không thể giết linh hồn"* (Mt 10:28). Nếu họ hành hạ và tra tấn thân xác ngươi, thì trong những đau khổ ấy, ngươi hãy vui mừng, vì qua thân xác mình, ngươi đang bù đắp những nỗi đau khổ còn thiếu của Đức Kitô (Cl 1:24). Dù họ có xẻ ngươi ra thành từng mảnh, hãy nhớ rằng ngay cả sợi tóc trên đầu ngươi cũng đã được Chúa đếm (Mt 10,30), Đấng sẽ gìn giữ mọi xương cốt của ngươi và không một xương nào sẽ bị mất (Tv 33,21). Dù họ có muốn chặt đầu con đi chăng nữa, hãy nhìn lên Đầu của cả Hội Thánh – Đấng Christ, Đấng là vinh quang của con và sẽ nâng cao đầu con (Thi Thiên 3:4). Đừng sợ, con yêu dấu của ta, những đau khổ tàn nhẫn. Chồng hứa hôn của con sẽ hiện ra trước mặt con một cách vô hình, xoa dịu những bệnh tật của con và giải thoát con khỏi những cực hình nặng nề. Và khi con rên rỉ, Ngài sẽ ban cho con sự an ủi; khi con kiệt sức, Ngài sẽ củng cố con; khi con ngã xuống vì vết thương, Ngài sẽ nâng con dậy; khi con tràn ngập nỗi buồn vì những vết thương dữ dội, Ngài sẽ làm dịu lòng con, làm mát mẻ linh hồn con và sẽ không rời xa con cho đến khi, Ngài giải cứu ngươi khỏi tay những kẻ hành hạ, đưa ngươi vào cung điện thiên đàng của Ngài, và sau khi triệu tập tất cả các thiên thần cùng các thánh nhân, Ngài sẽ ban cho ngươi sự hạnh phúc và trao cho ngươi, như cô dâu của Ngài, một vương miện bất diệt, và ngươi sẽ cùng Ngài trị vì trong vinh quang vĩnh cửu.

Anastasia đáp lại:

– Trái tim con đã sẵn sàng chịu đau khổ vì Chúa Kitô, linh hồn con đã sẵn sàng chết vì Chúa Giêsu, Đấng ngọt ngào nhất đối với con, bởi vì mọi khát vọng và khao khát của con đều hướng đến việc được dâng hiến linh hồn mình vì Ngài, như một bằng chứng cho tình yêu của con dành cho Chúa, Đấng thân yêu của con. Giờ đây, vì đã đến lúc ước nguyện của con được thực hiện, nên con sẽ vui mừng bước ra trước mặt kẻ hành hạ con và xưng danh thánh thiêng liêng của Đức Chúa Trời con. Mẹ ơi, người mẹ và nữ chủ của con, xin đừng lo sợ cho con, đừng nghi ngờ về tuổi trẻ của con: con tin tưởng vào Chúa Giê-su Ki-tô của con, và Ngài sẽ củng cố con, người tôi tớ của Ngài. Mẹ yêu dấu của con, xin mẹ cũng cầu nguyện cùng Ngài, để Ngài đừng bỏ rơi con và đừng rời xa con cho đến khi con hoàn thành cuộc chịu khổ vì danh Ngài và làm cho kẻ thù đang nổi dậy chống lại chúng ta phải hổ thẹn.

Cuộc trò chuyện của họ kéo dài hơn hai giờ, đến nỗi những người hầu do vị tướng quân sai đi, không đợi được họ, đã tự mình đến nhà thờ tìm họ. Tại đó, họ bắt gặp các thánh nữ, những người không bận tâm đến việc trang điểm ngoại hình, mà đang trò chuyện đầy cảm động, an ủi lẫn nhau và củng cố đức tin nơi Chúa. Trong cơn thịnh nộ, họ bắt Anastasia như những con sói bắt con cừu, đeo xiềng xích sắt vào cổ cô và lôi cô về thành phố, nơi họ dẫn cô đến gặp vị tướng quân. Còn cô, khi đứng trước mặt ông, đã hướng đôi mắt thiêng liêng của mình về phía Chàng Rể của mình, là Đức Kitô. Tất cả những ai nhìn thấy Anastasia đều ngạc nhiên trước vẻ đẹp, ánh mắt khiêm nhường và khuôn mặt hiền lành của cô. Tướng quân quay sang cô và hỏi:

– Ngươi thuộc dòng dõi nào, theo đạo gì và tên ngươi là gì?

Hạ ánh mắt xuống, vị thánh nữ trả lời bằng giọng nói nhẹ nhàng:

– Con là con gái của một công dân thành Rôma, được nuôi dạy trong đức tin Kitô giáo, và tên con là Anastasia.

Tướng quân nói:

– Tên này khá lạ lẫm đối với người La Mã, và tôi không biết Anastasia có nghĩa là gì?

[7422] Cụm từ này được trích từ Thi thiên 112:9.

– Anastasia – vị thánh nữ đáp – có nghĩa là "sự nổi dậy", bởi vì Chúa đã ban cho tôi sức mạnh để chống lại ngài cho đến khi tôi đánh bại cha của ngài – Satan.

Tướng quân tiếp tục:

– Nàng thiếu nữ ơi, hãy trả lời ta một cách ôn hòa, đừng làm ta nổi giận: vì ta thương xót tuổi trẻ của nàng và không muốn hủy hoại vẻ đẹp của nàng; hãy nghe lời ta như nghe lời một người cha, người muốn khuyên nhủ nàng một cách khôn ngoan. Tại sao con lại bị mê hoặc bởi giáo lý độc hại của Kitô giáo và vô ích mà phung phí những năm tháng của mình, tự tước đoạt cuộc sống tốt đẹp và những niềm vui mà các vị thần đã ban cho loài người để tận hưởng? Tránh xa xã hội loài người và sống trong cô độc thì có gì an ủi? Lợi ích gì khi tự nguyện dâng mình cho sự đau khổ và cái chết vì Đấng Bị Đóng Đinh? Chẳng phải tốt hơn là thờ phụng các vị thần bất tử của chúng ta, lấy một người chồng trung thực và cao thượng, vui chơi giữa những thú vui, hạnh phúc bên con cái, sống giữa những người tốt trong vinh quang và sự kính trọng, sở hữu nhiều tài sản, vàng và bạc, và không để cuộc đời mình – vốn được các vị thần ban tặng để sống an lành – bị hủy hoại trong cảnh nghèo khó và khốn cùng tột cùng? Vậy nên, ta khuyên nàng hãy đến và thờ phụng các vị thần, và ngay lập tức nàng sẽ có được một người chồng cao quý, đáng kính, vinh quang và giàu có, gần gũi với ngai vàng hoàng gia và sở hữu quyền lực to lớn. Cùng với ông ấy, nàng cũng sẽ được hưởng sự tôn kính lớn lao và trong suốt những ngày còn lại của cuộc đời, nàng sẽ tận hưởng mọi điều tốt lành.

Thánh Anastasia, ngước đôi mắt đang cúi xuống và nhìn vị tướng quân, đã đáp lại những lời ấy như sau:

– Chồng tôi, của cải của tôi, cuộc sống và niềm vui của tôi – chính là Chúa Giêsu Kitô của tôi, Người mà ngài không thể khiến tôi xa lìa bằng những lời dụ dỗ của ngài, không thể lừa gạt tôi như con rắn đã lừa gạt Ê-va, không thể làm ngọt ngào sự diệt vong cay đắng của các ngài đối với tôi, và cũng không thể dùng nỗi sợ hãi về những cực hình để tách tôi khỏi Chúa của tôi, Đấng mà vì Người, nếu có thể, tôi sẵn sàng chịu đựng sự tra tấn một trăm lần.

Tướng quân ra lệnh cho những người đứng xung quanh tát vào mặt nàng, đồng thời quát lên: "Đây có phải là cách ngươi nên trả lời vị chúa tể vĩ đại không?" Sau đó, với ý định làm nhục nàng, ông ra lệnh xé rách quần áo trên người nàng, phơi bày thân thể trần truồng của nàng trước mặt mọi người và hỏi nàng:

– Nàng có thấy thoải mái không, thiếu nữ, khi phải đứng trần truồng trước mắt mọi người?

– Hỡi kẻ điên rồ, vô liêm sỉ và đầy dẫy mọi thứ ô uế, – vị thánh nữ đáp lại. – Đây không phải là sự xấu hổ của ta, mà là của ngươi, vì Chúa của ta biết rằng mặt trời chưa bao giờ nhìn thấy sự trần truồng của ta, còn ngươi lại phơi bày ta trần truồng trước mắt biết bao người; hãy biết rằng ngươi đã làm nhục chính mình nhiều hơn là làm nhục ta. Vì sự xấu hổ này, Chàng Rể của tôi sẽ che phủ tôi bằng áo choàng vinh quang, còn anh sẽ mãi mãi bị che phủ bởi sự xấu hổ trên khuôn mặt mình, và bất kỳ người có lý trí nào giờ đây cũng sẽ nói: nếu vị tướng quân ấy không vô liêm sỉ và đầy dẫy dục vọng ô uế, ông ta đã không phơi bày thân thể trinh nữ trước mắt mọi người như vậy.

Và, quay sang những kẻ đã lột trần cô, cô nói:

– Nếu các ngươi đã phơi bày thân thể ta, nếu đã chuẩn bị sẵn cho ta đủ loại dụng cụ tra tấn, thì tại sao các ngươi còn chần chừ? Hãy đánh, hãy chém, hãy hành hạ, hãy phủ đầy vết thương lên thân thể trần trụi này, hãy phủ đầy máu lên sự nhục nhã đang phơi bày; này, các ngươi thấy ta đã sẵn sàng chịu cực hình rồi, đừng hy vọng nghe được điều gì khác từ ta, ngoài việc ta mong muốn chết vì Đấng Kitô của ta.

Sau đó, theo lệnh của tướng quân, nàng bị kéo căng và trói vào bốn cột, mặt úp xuống; dưới chân nàng, người ta đốt lửa trộn với lưu huỳnh và nhựa cây, tra tấn nàng từ dưới lên bằng lửa và khói hôi thối, còn trên lưng, họ đánh nàng bằng gậy không thương xót. Còn Thánh Anastasia, dù phải chịu những cú đánh, ngạt thở trong khói và bị lửa thiêu đốt, vẫn kiên nhẫn chịu đựng và thay vì rên rỉ, bà đã đọc trọn vẹn Thánh vịnh của Đa-vít cho đến phút cuối cùng: "Xin Chúa thương xót con..." Cô bị đánh cho đến khi những kẻ hành hình kiệt sức. Sau đó, họ tháo dây trói cô khỏi cột và kéo cô ra khỏi đống lửa, rồi trói cô vào bánh xe; khi quay bánh xe, họ đã làm gãy hết xương và xé rách các gân của cô. Còn cô thì cầu nguyện cùng Chúa:

– Nơi nương tựa và Đấng Bảo vệ của con, xin đừng lìa xa con, vì linh hồn con đang kiệt sức vì bệnh tật và xương cốt con đã bị nghiền nát.

Sau lời cầu nguyện ấy, bánh xe bỗng dưng dừng lại, và vị thánh tử đạo, được giải thoát bởi một sức mạnh vô hình, hóa ra hoàn toàn vô sự và khỏe mạnh. Tất cả những ai có mặt tại đó đều kinh ngạc tột độ trước phép lạ kỳ diệu ấy. Còn vị tướng quân không những không tỉnh ngộ – vì lòng thù hận đã làm mù quáng ông ta – mà còn với sự

tàn bạo gấp bội, lại tiếp tục tra tấn vị thánh nữ bằng những hình phạt khác: ông ta ra lệnh treo cô lên, cạo xương sườn và hành hạ thân thể cô. Còn cô thì chịu đựng tất cả những điều này một cách dũng cảm và chỉ ngước mắt lên hướng về một mình Thiên Chúa, nói rằng:

– Hôn phu của con, xin hãy nhìn nỗi đau khổ mà con đang chịu đựng vì Ngài, và xin thương xót con, người tôi tớ hèn mọn của Ngài, để việc đổ máu của con trở nên đẹp lòng Ngài, và để con không bị loại khỏi hàng ngũ các thánh nữ tử đạo.

Sau đó, cô được đưa xuống khỏi cây, và vị tướng quân hỏi cô:

– Anastasia! Bây giờ con có thấy thoải mái không?

– Rất tốt, – vị thánh nữ đáp, – bởi vì, có sự đau khổ nào vì Đấng mà con yêu mến hơn cả cuộc đời mình, lại không trở nên tốt đẹp và đáng vui mừng đối với con chứ?

Vị tướng quân tiếp tục:

– Nếu việc hành hạ vì Đấng Bị Đóng Đinh mang lại niềm vui cho ngươi, thì ta sẽ gia tăng sự đau đớn đó. Ông ra lệnh dùng dao cạo cắt bỏ núm vú của bà. Trong lúc máu chảy ròng ròng, vị thánh bắt đầu kiệt sức và xin được uống nước. Một người đứng gần đó, tên là Cyril, đã mang nước đến và dâng cho bà. Bà uống một ít rồi nói với người đưa nước:

– Ngươi sẽ không mất phần thưởng từ Chúa, vì Ngài đã phán: *"Ai cho các ngươi uống một chén nước nhân danh Ta, vì các ngươi thuộc về Đấng Christ, thì Ta nói thật với các ngươi, người ấy sẽ không mất phần thưởng của mình"* (Mác 9:41).

Vị tướng nói với cô:

– Những đau khổ này đã đủ với ngươi chưa, hay ngươi còn muốn chịu thêm đau khổ nữa?

– Hãy làm gì tùy ý ngươi, – vị thánh nữ đáp, – Thiên Chúa của ta hùng mạnh và sẽ củng cố sức lực đang cạn kiệt của ta để chịu những cực hình lớn lao, và sẽ đánh đổ sự kiêu ngạo của ngươi.

Kẻ tra tấn ra lệnh nhổ móng tay của bà, sau đó chặt đứt tay và chân bà, cũng như đánh rụng hết răng của bà.

Vị thánh lại kiệt sức và xin nước uống, trong khi dòng máu tuôn trào từ miệng bà. Cyril lại cho bà uống một ít nước. Kẻ tra tấn, khi thấy Cyril cho vị nữ tử đạo uống nước và nghĩ rằng ông là người Kitô hữu (điều đó quả thực đúng), đã ra lệnh giết ông ngay lập tức bằng gươm. Sau khi bị chém đầu, thánh Kirill đã về với Chúa để nhận phần thưởng cho chén nước lạnh mà ngài, nhân danh Chúa Kitô, đã cho vị nữ tử đạo của Chúa uống. Sau khi được làm dịu cơn khát bằng nước, vị thánh nghỉ ngơi một chút và cầu nguyện, nói rằng:

– Lạy Chúa, Đấng Cứu Rỗi của con, xin đừng bỏ rơi con!

Khi vị tướng quân ra lệnh cắt lưỡi bà, vị thánh đã nói:

– Kẻ vô pháp, kẻ hút máu! Nếu ngươi cắt cả lưỡi của con, thì trái tim con vẫn sẽ không ngừng kêu cầu Chúa. Chúa sẽ lắng nghe những ai cầu nguyện với Ngài, dù trong im lặng.

Một tên đầy tớ cầm kìm, nhét vào miệng vị thánh nữ, dùng kìm kéo lưỡi bà ra thật mạnh rồi cắt đứt. Dân chúng bắt đầu phẫn nộ, trách móc và chửi rủa vị tướng quân vì hình phạt tàn bạo và vô nhân đạo như vậy. Vị tướng quân, vì tức giận dân chúng, đã ra lệnh dẫn thánh nữ ra ngoài thành và chém đứt đầu thánh thiện của bà bằng gươm. Như vậy, thánh nữ và vị đại tử đạo đáng kính của Chúa Kitô là Anastasia đã hoàn thành cuộc tử đạo anh hùng. Thi thể thánh của bà bị vứt bỏ mà không được chôn cất, để cho chim chóc và thú dữ ăn thịt, nhưng nhờ sự che chở của Thiên Chúa, thi thể ấy vẫn được bảo toàn nguyên vẹn. Khi đêm xuống, một Thiên thần hiện ra với bà lão thánh thiện Sofia và ra lệnh cho bà mang thi thể của thánh Anastasia đang nằm trên cánh đồng ngoài thành về. Sophia lấy một tấm vải sạch, bước ra khỏi tu viện mà không biết phải đi đâu. Sau khi thành tâm cầu nguyện với Chúa, bà lên đường và, được chính Chúa dẫn dắt, đã đến nơi có thi hài thánh thiện của con gái thiêng liêng của mình. Bà bắt đầu hôn lên thi hài và rửa sạch nó, như thể bằng nước, bằng những giọt nước mắt tuôn trào, cùng những lời như sau:

– Con gái yêu dấu của mẹ, người mà mẹ đã nuôi dưỡng trong lao động và sự im lặng, trong việc ăn chay và cầu nguyện, đã giữ gìn sự trinh khiết và tiết độ cho con, đã dạy con về sự kính sợ Thiên Chúa và tình yêu thánh thiêng của Ngài, con gái ngọt ngào nhất của mẹ, người mà mẹ luôn thương xót, cho đến khi con trung thành với Chúa Kitô cho đến cùng! Mẹ cảm ơn con vì đã vâng lời mẹ, người mẹ hèn mọn này, và thực hiện mong muốn của mẹ. Mẹ đã không làm việc vất vả vì con một cách vô ích, bởi vì con đã đứng trước Chàng Rể của con trong bộ áo cưới của sự trinh khiết vô tì vết, được tô điểm bằng chính máu của con. Vậy nên, giờ đây con khẩn cầu con không phải với tư cách là con gái, mà là với tư cách người mẹ và chủ nhân của con: xin hãy dùng những lời cầu nguyện của con dâng lên Thiên Chúa để làm chỗ dựa cho tuổi già của con, và khi được hưởng phúc với Chúa, xin hãy nhớ

đến con. Khi Ngài truyền cho con rời bỏ thân xác phù du này, xin hãy nài xin lòng nhân từ của Ngài, để Ngài thương xót những tội lỗi của con.

Trong khi khóc lóc như vậy, bà suy nghĩ xem mình sẽ làm gì tiếp theo: bà chỉ có một mình, lại còn rất yếu ớt; bà chỉ vừa đủ sức đi lại bằng cây gậy và không có khả năng vừa mang thi thể thánh thiêng ấy đi, vừa chôn cất nó ngay tại chỗ, nên bà đau buồn, bối rối không biết phải làm sao. Và rồi, theo sự an bài của Đức Chúa Trời, có hai người đàn ông lạ mặt, trông rất đáng kính, lời nói tử tế, là những tín hữu Kitô giáo, khi thấy bà lão đang khóc lóc bên thi thể, đã giúp đỡ bà. Họ thu nhặt những bộ phận thi thể bị chặt đứt, tay và chân (vì chúng đã bị vứt ra khỏi thành phố ngay tại đó) cùng với thi đầu thánh, họ đã ghép tất cả những phần đó vào thi thể, mỗi bộ phận về đúng vị trí của nó, rồi quấn trong vải liệm và mang đến một nơi trang nghiêm, nơi đó, trong tiếng hát các bài thánh ca tang lễ, ca ngợi Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, họ đã an táng kho báu vô giá này.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Nữ tu được thanh tẩy bằng nước trinh khiết, được vinh danh bằng máu tử đạo của Thánh Anastasia, Ngài ban cho những ai đang gặp khó khăn sự chữa lành bệnh tật và sự cứu rỗi, cho những ai đến với Ngài bằng cả trái tim: vì Chúa Kitô ban cho Ngài sức mạnh, tuôn tràn ân sủng bất tận.

Cuộc đời của Thánh Avramius Ẩn sĩ và Thánh Maria

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 10

Thánh Avram là con trai của một cặp vợ chồng sùng đạo; ngay từ thuở thiếu thời, ngài đã thích đến các thánh đường, lắng nghe Lời Chúa với lòng kính mến và học hỏi từ đó.

Với tình yêu thương nồng nàn dành cho con trai, cha mẹ đã ép buộc ngài kết hôn. Ban đầu ngài từ chối, nhưng sau đó, trước những lời nài nỉ liên tục và khẩn thiết, dù trái với ý muốn của mình, ngài vẫn vâng lời cha mẹ.

Vào ngày thứ bảy sau đám cưới, khi Avrami một lần đang ngồi trong phòng ngủ cùng vợ, ân sủng của Chúa bỗng chốc chiếu sáng trong lòng anh như ánh sáng, và không nói với ai lời nào, anh lặng lẽ rời khỏi nhà. Theo sự mách bảo của Thiên Chúa, anh rời khỏi thành phố[7423] và, cách đó hai nghìn bước chân, tìm thấy một túp lều hoang vắng; anh đã định cư ở đó với trái tim tràn đầy niềm vui, ngợi khen Thiên Chúa. Cha mẹ cùng họ hàng, lo lắng vì sự biến mất của ngài, đã đi khắp nơi tìm kiếm vị thánh phúc này. Sau bảy mươi ngày, họ tìm thấy ngài trong căn phòng nhỏ đang cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và vô cùng ngạc nhiên. Vị thánh phúc bèn nói với họ:

– Đừng ngạc nhiên, nhưng hãy ngợi khen Thiên Chúa, Đấng Yêu Thương Loài Người, Đấng đã giải thoát con khỏi thế gian hư ảo này, và hãy cầu nguyện cho con trước mặt Chúa, để Ngài ban cho con ân sủng mang gánh nặng thánh thiện mà Ngài đã ban cho con đến cùng, và hãy để con sống ở đây vì tình yêu dành cho Thiên Chúa trong sự thinh lặng, để con có thể thực hiện thánh ý của Ngài.

Cha mẹ của vị Thánh, khi thấy quyết tâm bất di bất dịch của ngài, đã thốt lên: "A-men".

Thánh Avramius bắt đầu nài nỉ họ đừng làm phiền ngài bằng những lần viếng thăm, rồi đóng cửa lại, chỉ chừa lại một ô cửa sổ nhỏ để nhận thức ăn qua đó. Sau đó, tâm hồn vị thánh nhân càng được soi sáng bởi ân sủng, và ngài ngày càng tiến bộ trong đời sống đạo đức, trong sự tiết độ cao cả, khiêm nhường, tình yêu thương và sự trong sạch. Danh tiếng về ngài lan rộng khắp nơi, và tất cả những ai nghe tin đều đến để gặp gỡ và lắng nghe ngài, bởi vì ngài được ban cho lời nói đầy khôn ngoan, lý trí và an ủi. – Mười năm trôi qua kể từ khi vị thánh rời khỏi nhà cha mẹ, cha mẹ ngài qua đời và để lại cho ngài một gia tài khổng lồ. Avraam, không muốn từ bỏ việc cầu nguyện và sự im lặng của mình, đã nhờ một người bạn thân thiết phân phát toàn bộ tài sản mà ngài nhận được cho những người nghèo; sau khi làm như vậy, ngài vẫn sống vô lo vô nghĩ; vì mối quan tâm chính của vị thánh là không để tâm trí mình bám víu vào những vật chất trần gian, và vì thế ngài không sở hữu gì trên đời này ngoài một chiếc áo choàng, một chiếc áo lông cừu, một cái bình mà ngài dùng để ăn uống, và một tấm chiếu để ngủ. Trong suốt những năm tháng tu hành, ngài không bao giờ thay đổi nguyên tắc của mình, và trong đời tu, với lòng yêu mến và sự tận tụy sâu sắc dành cho Thiên Chúa, ngài đã sống suốt năm mươi năm.

[7423] Têni, gần Lampsacus, một thành phố quan trọng của Mizia (vùng tây bắc Tiểu Á).

Trong số các làng mạc bao quanh thành phố có một ngôi làng rất lớn tên là[7424] , nơi mà tất cả mọi người, từ già đến trẻ, đều là những người ngoại đạo, và không có ai có thể dẫn dắt họ đến với Đức Chúa Trời. Nhiều linh mục và phó tế, khi được giám mục của vùng đó sai đi, đã không thể khiến họ từ bỏ sự mê hoặc của thần tượng, bởi vì họ không thể chịu đựng được tất cả những khó khăn và sự sỉ nhục mà họ phải gánh chịu. Nhiều tu sĩ cũng đã nhiều lần cố gắng cải đạo những người ngoại đạo, nhưng vì không đạt được kết quả gì nên đành phải bỏ họ lại. Một lần nọ, vị giám mục, trong lúc trò chuyện với các linh mục của mình, đã nhớ đến Thánh Avramius và nói:

– Trong suốt cuộc đời mình, tôi chưa từng gặp một người nào như Avramius – người đàn ông đã đạt đến sự hoàn hảo trong mọi việc thiện lành và mọi việc làm đẹp lòng Chúa.

Các linh mục đáp lại:

– Vâng, thưa Đức Cha, ngài là tôi tớ của Chúa và là một tu sĩ hoàn hảo nhất.

Nghe vậy, vị giám mục nói với họ:

– Ta muốn phong ngài làm linh mục cho ngôi làng này: với lòng kiên nhẫn và tình yêu thương, ngài sẽ có thể chinh phục trái tim họ và dẫn dắt họ trở về với Chúa.

Và ngay lập tức, cùng với các linh mục, ngài lên đường đến gặp vị thánh. Khi họ đến nơi và chào hỏi nhau, vị giám mục bắt đầu nói với Avrami về ngôi làng đó và nài nỉ ông hãy đến đó. Nghe vậy, Avrami vô cùng buồn bã và nói với vị giám mục:

– Thưa Cha thánh thiện! Xin tha thứ cho con: xin hãy để con chỉ khóc than về những tội lỗi của mình; con yếu đuối và không xứng đáng với việc này.

– Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, – vị giám mục đáp lại, – con sẽ có thể thực hiện điều này: đừng lưỡi biếng trong việc vâng lời làm điều thiện.

Rồi vị thánh nói:

– Con khẩn cầu sự thánh thiện của ngài, xin hãy bỏ qua sự hèn mọn của con, để con được khóc than cho những tội lỗi của mình.

Vị giám mục đáp lại:

– Ngươi đã từ bỏ thế gian và ghét bỏ mọi sự trong thế gian, đã đồng chịu đóng đinh với Đấng Christ và tuân giữ mọi điều răn của Ngài, nhưng ngươi lại thiếu lòng vâng phục.

Nghe vậy, Avramius khóc nức nở và nói:

– Tôi là ai chứ? Chỉ là một con chó hôi thối, và cuộc đời tôi có nghĩa lý gì, nếu ngài nghĩ về tôi như vậy?

– Khi ở đây, – vị giám mục đáp, – ngươi chỉ cứu được chính mình, còn ở đó, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, ngươi sẽ cứu rỗi và dẫn dắt nhiều người trở về với Chúa.

Lúc đó, vị thánh nhân, vừa khóc vừa nói:

– Xin ý Chúa được thực hiện! Tôi sẽ đi vì lòng vâng phục.

Vị giám mục dẫn anh ta ra khỏi phòng tu, đưa vào thành phố, rồi sau khi phong chức cho anh ta, với niềm vui lớn lao, đã cử anh ta cùng với các linh mục đến ngôi làng đó.

Trên đường đi, vị thánh nhân đã cầu nguyện với Thiên Chúa như sau:

– Lạy Đấng Nhân từ và Yêu thương loài người! Ngài thấy sự yếu đuối của con. Xin hãy ban ân sủng của Ngài đến giúp đỡ con, để Danh Thánh của Ngài được tôn vinh.

Khi đến làng và thấy những người bị ma quỷ mê hoặc, đang thờ lạy các thần tượng, Avraam đã khóc nức nở. Ngước mắt lên trời, ngài nói:

– Lạy Chúa, Đấng Duy Nhất Vô Tội! Xin đừng khinh dể công trình do chính tay Ngài tạo nên.

Sau đó, ngài sai người đến thành phố gặp người bạn thân của mình, người mà ngài đã giao phó việc phân phát tài sản còn lại của cha mẹ cho những người nghèo, để người ấy gửi cho ngài một phần số tiền đó nhằm xây dựng nhà thờ. Người bạn ấy đã nhanh chóng gửi cho ông số tiền cần thiết. Lúc đó, vị thánh bắt đầu xây dựng đền thờ của Chúa và trong thời gian ngắn đã hoàn thành một nhà thờ tráng lệ, trang hoàng nó như một cô dâu xinh đẹp nhất. Trong thời gian nhà thờ đang được xây dựng, vị thánh nhân thường đến và cầu nguyện với Chúa giữa những tượng thần, không nói một lời nào với ai. Sau khi nhà thờ hoàn thành, ngài đã dâng lên Chúa lời cầu nguyện sau đây với những giọt nước mắt nồng nàn:

[7424] Ngôi làng này nằm bên bờ Hellespont (eo biển Dardanelles giữa Biển Đá Cẩm Thạch và Quần đảo).

– Lạy Chúa! Xin hãy quy tụ những con người đang lạc lối này và dẫn dắt họ vào nhà thờ này, xin soi sáng đôi mắt tâm linh của họ, để họ nhận biết Ngài, Đấng Thiên Chúa Duy Nhất, Tốt Lành và Yêu Thương Loài Người.

Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, ngài bước ra khỏi nhà thờ, đập tan bàn thờ ngoại đạo và lật đổ tất cả các tượng thần. Thấy điều đó xảy ra, những người ngoại đạo lao vào vị thánh như những con thú hoang dã, đánh đập và đuổi ngài ra khỏi làng. Đêm đến, ngài quay lại, lẻn vào làng một lần nữa, rồi bước vào nhà thờ, vừa khóc lóc vừa kêu gào cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, xin Ngài cứu rỗi những con người đang lâm vào cảnh diệt vong. Khi bình minh ló rạng, những người ngoại đạo bắt gặp ngài đang cầu nguyện trong nhà thờ và liền kinh hãi. (Họ đến nhà thờ mỗi ngày – không phải để cầu nguyện, mà để chiêm ngưỡng sự tráng lệ và vẻ đẹp của tòa nhà). Vị Thánh thì bắt đầu khẩn cầu họ hãy nhận biết Thiên Chúa, nhưng họ đánh ông bằng những cây gậy như thể ông là một tảng đá vô tri, rồi quật ngã ông xuống đất, thắt dây thòng lọng vào cổ và lôi ông ra khỏi làng. Nghĩ rằng ngài đã chết, họ đặt một tảng đá lên người ngài rồi bỏ đi. Còn ngài, dù chỉ còn thoi thóp, đến nửa đêm đã tỉnh lại, đứng dậy, khóc lóc thảm thiết và cầu nguyện với Chúa như sau:

– Lạy Chúa! Tại sao Ngài lại khinh thường những giọt nước mắt và sự khiêm nhường của con? Tại sao Ngài lại quay mặt đi khỏi con và khinh thường công việc do tay con làm? Xin Ngài hãy nhìn xuống tôi tớ của Ngài lúc này, xin nghe lời cầu nguyện của con, xin củng cố con và giải thoát các tôi tớ của Ngài khỏi xiềng xích của ma quỷ, và ban cho họ được nhận biết Ngài, Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, vì không có Chúa nào khác ngoài Ngài.

Sau đó, Avraam đến làng và, khi bước vào nhà thờ, ngài đứng đó, hát thánh ca và dâng lời cầu nguyện. Lần thứ hai, khi bình minh ló rạng, những kẻ ngoại đạo lại đến; khi thấy ngài còn sống, ban đầu họ kinh ngạc, nhưng sau đó lại tiếp tục hành hạ vị thánh: họ quật ngài xuống đất, quấn dây thừng quanh cổ ngài và lôi ngài đi khắp làng. Vị thánh đã chịu khổ như vậy trong ba năm, trải qua mọi cực hình như một tảng đá vững chắc của đức tin, dù bị đánh đập hay bị truy đuổi. Trước mọi sự hành hạ ấy, ngài không giận dữ với họ, không than vãn, không nao núng, và dù phải chịu đựng cũng không nản lòng, mà trái lại, ngọn lửa tình yêu dành cho Thiên Chúa và lòng thương xót dành cho những kẻ lầm lạc trong ngài càng bùng cháy mãnh liệt hơn; ông khẩn cầu và dạy dỗ – những người già như cha, những người trẻ như anh em, còn trẻ em thì như con cái ruột thịt của mình, trong khi chính ông phải chịu đựng những sự xúc phạm và sỉ nhục.

Một lần nọ, tất cả những người sống trong làng đó, từ già đến trẻ, đều tụ tập lại với nhau và, ngạc nhiên trước cuộc đời của Avramiy, họ bắt đầu nói với nhau như sau:

– Các bạn có thấy sự kiên nhẫn vĩ đại của người đàn ông này không? Các bạn có thấy tình yêu vô bờ bến của ông dành cho chúng ta không? Dù bị chúng ta đối xử tàn nhẫn, ông vẫn không rời khỏi đây, không nói lời nào cay độc với ai, thậm chí không quay lưng lại với chúng ta, mà chịu đựng tất cả những điều này với niềm vui lớn lao. Quả thật, ông được Thiên Chúa – Đấng mà ông luôn nói đến – sai đến với chúng ta vì sự sống của chúng ta; ông nói rằng Nước Trời, Thiên Đàng, sự sống đời đời sẽ đến, và những lời của ông là chân thật; bởi vì nếu không phải như ông nói, ông đã không phải chịu đựng nhiều điều ác từ chúng ta đến thế. Ngài đã vạch trần sự bất lực của các vị thần của chúng ta, vì họ không thể trừng phạt Ngài khi Ngài đánh bại họ. Quả thật, Ngài là tôi tớ của Đức Chúa Trời Hằng Sống, và mọi điều Ngài nói đều là sự thật. Vậy, hãy đến để tin vào Đức Chúa Trời mà Ngài rao giảng.

Như vậy, tất cả mọi người, hăng hái và đồng lòng, đã đến nhà thờ, đồng thanh kêu lên:

– Vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời trên trời, Đấng đã sai người tôi tớ của Ngài đến để cứu chúng ta khỏi sự lừa dối của ma quỷ!

Thấy những người ngoại đạo đến, vị thánh nhân vui mừng khôn xiết, và khuôn mặt ngài rạng ngời như ánh sáng ban mai. Ngài mở miệng và nói với họ:

– Hỡi các bậc cha ông, anh em và con cái của ta! Hãy đến đây và cùng tôn vinh Đức Chúa Trời, Đấng đã soi sáng đôi mắt tâm hồn các ngươi, để các ngươi nhận biết Ngài và được thanh tẩy khỏi sự ô uế của sự thờ thần tượng. Vậy, hãy tin tưởng từ tận đáy lòng vào Đức Chúa Trời Hằng Sống, vì Ngài là Đấng Tạo Hóa của trời và đất cùng mọi sự trong đó – Đấng Vô Thỉ, Vô Ngôn, Vô Biên, Đấng Ban Ánh Sáng, Đấng Yêu Thương Loài Người, Đấng uy nghiêm và công chính. Hãy tin vào Con Một của Ngài, Đấng là sự khôn ngoan, quyền năng và ý chí của Ngài, cũng như vào Thánh Thần chí thánh của Ngài, Đấng ban sự sống cho muôn loài – và khi đã tin, các ngươi sẽ nhận được sự sống trên trời.

Mọi người đều đáp lại:

– Cha chúng con và Đấng hướng dẫn cuộc đời chúng con! Chúng con tin theo những gì ngài nói và dạy dỗ, và sẵn sàng làm theo những gì ngài truyền dạy.

Sau đó, vị thánh nhân tập hợp mọi người lại, làm phép rửa tội cho họ, từ trẻ đến già, khoảng một ngàn người, nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, – và mỗi ngày Ngài đọc Kinh Thánh cho họ nghe, giảng dạy và truyền đạt cho họ những điều liên quan đến Nước Trời, thiên đàng, địa ngục lửa, công lý, đức tin và tình yêu. Họ trở nên như mảnh đất màu mỡ, đón nhận những hạt giống tốt và sinh hoa kết trái – lúc thì gấp trăm, lúc thì gấp sáu mươi, lúc thì gấp ba mươi (Mt 13,23). Như vậy, họ đã lắng nghe giáo huấn của ngài với lòng nhiệt thành, sự siêng năng và niềm vui sướng, đồng thời tuân theo lời ngài. Khi được chiêm ngưỡng vị Thánh như một Thiên Thần của Chúa và gắn bó với ngài bằng sợi dây tình yêu, họ đã chú tâm lắng nghe giáo huấn thánh thiện của ngài.

Sau khi họ tin nhận, vị thánh đã sống giữa họ một năm, ngày đêm dạy dỗ họ Lời Chúa. Rồi, sau khi chắc chắn về tình yêu của họ dành cho Thiên Chúa và đức tin vững chắc của họ, ngài muốn rời xa họ, vì ngài thấy họ yêu mến ngài nồng nhiệt và kính trọng ngài vô cùng, và ngài lo sợ rằng tâm trí ngài có thể bị ràng buộc bởi những ham muốn trần thế nào đó, hoặc ngài có thể dao động trong các việc tu hành của mình. Vậy nên, một đêm nọ, ngài thức dậy và cầu nguyện với Chúa như sau:

– Đấng Duy Nhất Vô Tội, Đấng Duy Nhất Thánh Khiết, Đấng ngự giữa các thánh, Đấng Duy Nhất Yêu Thương Loài Người và Đấng Chủ Tể Nhân Từ, Đấng đã soi sáng đôi mắt những con người này và giải thoát họ khỏi sự mê hoặc của tà thần, Đấng đã ban cho họ ân sủng để hiểu biết Ngài, xin hãy gìn giữ và bảo vệ họ, Lạy Chúa, cho đến cùng và hãy bảo vệ đàn chiên tốt lành này của Ngài, mà Ngài đã thu nhận nhờ lòng nhân ái vô biên của Ngài; hãy che chở họ bằng bức tường thành của ân sủng Ngài, luôn luôn soi sáng tâm hồn họ, để họ, khi làm đẹp lòng Ngài, được xứng đáng với Nước Trời của Ngài: Xin hãy bảo vệ cả con, kẻ yếu đuối và không xứng đáng này, và xin đừng coi điều này là tội lỗi, vì Ngài, Đấng Toàn Tri, biết rằng con yêu mến Ngài và khao khát hướng về Ngài.

Khi kết thúc lời cầu nguyện, vị thánh làm dấu thánh giá và lặng lẽ rời khỏi đó đến một nơi khác, ẩn mình khỏi họ. Khi bình minh ló rạng, những người mới được rửa tội, như thường lệ, đến nhà thờ và tìm kiếm vị thánh nhưng không thấy ngài; họ ngạc nhiên, lang thang như những con chiên lạc, và trong nước mắt, họ gọi tên vị mục tử của mình để tìm kiếm ngài. Sau khi tìm kiếm khắp nơi mà không thấy ngài, họ vô cùng buồn bã và lập tức đến gặp giám mục để kể lại sự việc đã xảy ra. Ngài, khi nghe điều này, cũng rất buồn bã và vội vàng sai nhiều người đi tìm vị thánh, nhất là trước những giọt nước mắt và lời khẩn cầu của đoàn chiên – và những người được sai đi đã tìm kiếm ngài như tìm một viên ngọc quý, nhưng vẫn không tìm thấy. Vị giám mục, cùng với các linh mục, đến làng và khi thấy tất cả mọi người đều vững vàng trong đức tin và tình yêu của Chúa Kitô, đã chọn ra những người xứng đáng trong số họ, phong họ làm linh mục và phó tế, rồi sau khi ban phước lành cho họ, ngài đã ra về.

Nghe xong tất cả những điều này, vị thánh hạnh phúc đã vui mừng từ tận đáy lòng, ngợi khen Thiên Chúa và nói:

– Con sẽ đền đáp Ngài thế nào, hỡi Chúa tốt lành của con, cho tất cả những gì Ngài đã ban cho con? Con thờ lạy và ngợi khen sự quan phòng của Ngài!

Sau khi cầu nguyện như vậy, ngài trở về phòng tu của mình, nơi ngài đã ở trước đây. Ngài sắp xếp cho mình một phòng tu nhỏ khác, tách biệt với phòng đầu tiên, và trong niềm vui mừng vì Đức Chúa Trời Cứu Chuộc của mình, ngài tự giam mình trong đó. Còn ma quỷ, khi chứng kiến tất cả những việc làm cao cả của Avramius, lại càng bùng lên căm thù và tìm mọi cách để lật đổ vị chiến binh tốt lành của Chúa Kitô. Cố gắng gieo rắc vào lòng ông ý nghĩ kiêu ngạo, một lần nọ, nó đến gặp ông với những lời khen ngợi. Một lần, khi vị thánh đang đứng cầu nguyện vào nửa đêm, bỗng nhiên ánh sáng rực rỡ chiếu sáng trong phòng tu của ngài và những lời như thể từ Thiên Chúa vang lên:

– Avramius! Ngươi thật hạnh phúc, thật hạnh phúc, vì không ai trong loài người đã thực hiện ý muốn của Ta như ngươi.

Nhưng vị thánh ngay lập tức nhận ra đó là sự cám dỗ đầy ác ý và, cất cao giọng, nói:

– Kẻ đầy dẫy sự nịnh hót và sự diệt vong! Nguyện sự ác độc của ngươi cùng ngươi đi vào sự diệt vong! Ta là kẻ có tội, nhưng ta đặt niềm tin vào ân sủng và sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời ta, và ta không sợ ngươi, cũng như những lần ngươi hiện ra không làm ta khiếp sợ. Đối với ta, bức tường bất khả xâm phạm chính là danh hiệu của Đấng Cứu Thế của ta, Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà ta đã yêu mến, và nhân danh Ngài, ta cấm ngươi, con chó ô uế, làm điều này.

Và đột nhiên, ma quỷ biến mất như làn khói.

Một lần khác, sau vài ngày, khi vị thánh đang cầu nguyện vào ban đêm, Satan xuất hiện, tay cầm một chiếc rìu, và dùng nó chém phá mọi thứ, bắt đầu tàn phá cả phòng tu của ngài. Và khi phòng tu sắp bị phá hủy, con quỷ đó đã hét lên với những con quỷ khác bằng giọng nói vang dội:

– Các bạn của ta, hãy nhanh lên, nhanh lên đi, để chúng ta vào trong và siết cổ hắn.

Còn vị thánh thì nói:

– *"Mọi dân tộc đã vây quanh tôi, nhưng nhờ danh Chúa, tôi đã đánh bại chúng"* (Thánh vịnh 117:10).

Và Satan lập tức biến mất, còn căn phòng tu hành vẫn nguyên vẹn. Vài ngày sau đó, khi đang cầu nguyện vào nửa đêm, ngài thấy tấm chiếu mà ngài đang đứng bốc cháy với ngọn lửa dữ dội. Bước lên ngọn lửa, ngài nói:

– *"Ta sẽ giẫm lên rắn độc và rắn hổ mang, chà đạp sư tử và rắn rết"* (Thi Thiên 90:13) và mọi thế lực của kẻ thù, nhân danh Chúa của ta, là Đức Giê-su Ki-tô, Đấng giúp đỡ ta.

Sa-tan bỏ chạy và la lên bằng giọng lớn:

– Ta sẽ đánh bại ngươi, kẻ xấu xa, vì ta đã nghĩ ra một mưu kế mới chống lại ngươi.

Một lần nọ, khi vị thánh đang dùng bữa, ma quỷ lại xâm nhập vào phòng tu của ngài dưới hình dạng một thiếu niên, rồi tiến lại gần, định lật đổ chiếc bát mà ngài đang dùng xuống đất. Nhận thấy điều đó, vị thánh vẫn tiếp tục cầm chiếc bát và dùng bữa, không hề sợ hãi chút nào, trong khi ma quỷ đứng trước mặt ngài. Sau đó, quỷ dữ đặt một chiếc đèn và thắp nến lên đó, rồi cất tiếng hát lớn:

– *"Phúc cho những ai sống ngay thẳng trên đường lối, tuân giữ luật pháp của Chúa"* (Thánh vịnh 118:1), – và ngài đã hát trọn bài thánh vịnh đó.

Vị thánh không trả lời hắn cho đến khi kết thúc bữa ăn. Sau đó, ngài làm dấu thánh giá và nói, hướng về phía ma quỷ:

– Con chó ô uế, ba lần tội lỗi, yếu đuối và hèn nhát! Nếu ngươi biết rằng những người trong sạch là phước lành, thì tại sao ngươi lại quấy rầy họ? Vì tất cả những ai đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời và yêu mến Ngài bằng cả trái tim đều là những người phước lành và ba lần phước lành.

Quỷ đáp lại:

– Ta quấy rối họ để đánh bại họ: ta sẽ cám dỗ họ và khiến họ xa lánh mọi việc lành.

Vị Thánh thì nói với nó:

– Kẻ bị nguyền rủa! Ngươi sẽ chẳng bao giờ thành công, để ngươi không thể đánh bại hay cám dỗ bất kỳ ai trong số những người kính sợ Đức Chúa Trời. Ngươi chiến thắng những kẻ giống như ngươi, những kẻ đã tự ý xa lìa Thiên Chúa; ngươi quyến rũ và đánh bại họ, vì trong họ không có Thiên Chúa; còn đối với những ai yêu mến Thiên Chúa, ngươi tan biến như khói trước gió: chỉ một lời cầu nguyện của họ cũng đủ xua đuổi ngươi, như gió thổi bay bụi đất. Chúa của con hằng sống, Đấng được chúc tụng muôn đời, vinh quang và lời ngợi khen của con, và con không sợ ngươi, dù ngươi có đứng đây cả năm hay thậm chí lâu hơn, và con sẽ không làm gì theo ý muốn của ngươi, con chó vô đạo. Con khinh thường ngươi, như người ta khinh thường một con chó chết.

Khi vị thánh nhân nói xong những lời này, quỷ dữ lập tức biến mất. Năm ngày sau, khi vị thánh nhân đang kết thúc bài thánh ca trong giờ kinh nửa đêm, kẻ thù lại đến gặp ngài, đi cùng với một đám đông dường như rất đông; chúng quăng dây thừng vào phòng ngài và kéo nó đi, rồi chúng la hét với nhau:

– Hãy ném nó xuống hào.

Vị thánh, khi nhìn thấy họ, đã nói:

– *"Chúng đã vây quanh tôi như đàn ong [trong tổ], nhưng đã tắt lịm như ngọn lửa trong bụi gai: nhân danh Chúa, tôi đã đánh bại chúng"* (Thánh vịnh 117:12).

Satan liền thét lên:

– Cuối cùng thì ta cũng không biết phải làm gì nữa. Ngươi đã đánh bại ta bằng mọi cách và, coi thường ta, đã đánh đổ sức mạnh của ta, nhưng ta sẽ không buông tha ngươi cho đến khi ta chế ngự và khuất phục ngươi.

Vị Thánh đáp lại:

– Ngươi hãy bị nguyền rủa, hỡi kẻ vô đạo, cùng mọi việc làm của ngươi! Còn Đức Chúa Trời của chúng ta, Đấng Thánh Duy Nhất, Đấng làm cho những điều ngươi chà đạp và phỉ báng trở nên vinh quang và được tôn thờ bởi chúng ta, những kẻ yêu mến Ngài – vinh quang và sự thờ phượng thuộc về Ngài. Hỡi kẻ khốn nạn và vô liêm sỉ! Hãy biết ngay bây giờ rằng chúng ta không sợ ngươi, cũng không sợ những mưu mô của ngươi.

Trong một thời gian khá dài, ma quỷ đã chiến đấu với vị thánh theo cách này, muốn dọa nạt ngài bằng đủ loại hồn ma, nhưng không thể đánh bại vị thánh nhân kiên định này, và thậm chí còn bị chính vị thánh đánh bại nhiều hơn. Còn vị thánh thì ngày càng tiến bộ trong các việc lành và tình yêu dành cho Thiên Chúa, bởi vì ngài đã yêu mến Thiên Chúa từ tận đáy lòng và sống một đời sống khiến ngài được hưởng ân sủng của Thiên Chúa; chính vì thế, ma quỷ không thể đánh bại ngài. Trong suốt những năm tháng tu hành của ngài, không có ngày nào trôi qua mà không có nước mắt, ngài không bao giờ mở miệng cười, dầu không chạm đến môi ngài và ngài chưa từng rửa mặt, nhưng ngài sống như thể mỗi ngày đều sắp chết.

Vị thánh này có một người anh ruột, người có một cô con gái duy nhất. Khi cha cô qua đời, cô bé trở thành trẻ mồ côi. Những người quen của cô đã nhận nuôi cô bé mồ côi này và đưa cô đến ở với chú ruột khi cô mới bảy tuổi. Vị thánh ra lệnh cho cô ở trong phòng tu bên ngoài, còn bản thân ngài thì sống khép kín trong phòng tu bên trong. Giữa hai phòng tu có những cánh cửa nhỏ, qua đó ngài dạy cháu gái mình Thánh Vịnh và các sách khác. Cô bé, giống như ngài, tu tập trong việc ăn chay, cầu nguyện và tất cả các đức tính tu hành. Vị Thánh đã nhiều lần khóc lóc cầu xin Thiên Chúa cho cô, để cô yêu mến Chúa và không để lòng mình bị trói buộc bởi những điều hư ảo của thế gian. Cha cô đã để lại cho cô một gia tài khá lớn, nhưng ngay lúc cô được đưa đến với ngài, vị Thánh đã ra lệnh phân phát số tài sản đó cho những người nghèo. – Cô gái đã khẩn khoản cầu xin chú mình như sau:

– Thưa cha, xin cha cầu nguyện với Chúa cho con, để con được thoát khỏi mọi cạm bẫy đa dạng của ma quỷ.

Trong đời sống tu hành, cô giống hệt chú mình về mọi mặt, và vị tu sĩ cao niên, khi chứng kiến những việc làm tốt lành, những giọt nước mắt, lòng khiêm nhường, sự im lặng, tính hiền lành và tình yêu dành cho Chúa của cô – đã rất vui mừng vì điều đó. Trong suốt hai mươi năm, cô sống đời tu hành cùng ngài, như một con cừu non trong trắng, như một con bồ câu tinh khiết. Nhưng vào cuối năm thứ hai mươi, ma quỷ, nhằm bắt cô và qua đó xúc phạm đến Thánh Avramius cũng như làm cho tâm trí ngài xa lìa Chúa, đã giăng bẫy trên con đường cứu rỗi của cô. Vào thời điểm đó, có một tu sĩ sống ở đó, người chỉ mang danh hiệu tu sĩ mà không có những việc làm thánh thiện. Hắn thường đến gặp vị thánh, với lý do là để nhận lời dạy dỗ từ ngài. Khi nhìn thấy Thánh Maria qua cánh cửa, hắn bừng lên một đam mê ô uế đối với nàng, và trái tim hắn bùng cháy như ngọn lửa vì tình yêu điên cuồng dành cho nàng. Anh ta bị dục vọng thiêu đốt như vậy suốt gần một năm, cho đến khi cuối cùng, với sự giúp sức của Satan, một ngày nọ anh ta mở cửa phòng tu của cô, bước vào, dụ dỗ và làm ô uế cô. Sau khi phạm tội, cô gái kinh hoàng, xé rách áo quần, tự tát vào mặt mình và vì đau khổ, cô thậm chí còn định tự kết liễu đời mình. Cô tự nhủ với chính mình như sau:

– Ta đã phạm tội, linh hồn ta đã chết và ta đã hủy hoại cuộc đời mình; cuộc sống tu hành, sự tiết chế và những giọt nước mắt của ta đều vô ích, vì ta đã làm phật lòng Đức Chúa Trời, tự hủy hoại bản thân và đẩy người chú đáng kính của ta vào nỗi buồn cay đắng. Tôi đã bị ma quỷ làm ô uế, vậy thì tại sao tôi, một kẻ khốn khổ, còn phải sống tiếp? Khốn khổ cho tôi! Tôi đã làm gì vậy? Khốn khổ cho tôi! Tôi đã sa sút đến mức nào rồi? Tôi thậm chí còn không nhận ra rằng lý trí của mình đã bị che mờ, và tôi đã tự hủy hoại bản thân như thế nào! Một bóng tối u ám nào đó đã bao trùm trái tim tôi, và tôi không biết mình sẽ làm gì và trốn đi đâu? Tôi sẽ đi đâu , sẽ nhảy xuống hố nào đây! Lời dạy của người chú đáng kính của tôi và lời khuyên của người bạn ông ấy là Ephrem[7425] đâu rồi? Họ đã nói với tôi:

– Hãy tự giữ gìn bản thân và bảo vệ linh hồn mình khỏi sự ô uế để dành cho Chàng Rể Bất Tử, vì Ngài là Đấng Thánh và sẽ phán xét theo lẽ công bình. Từ nay trở đi, tôi không còn dám ngước nhìn lên trời nữa, vì đối với Thiên Chúa và loài người, tôi đã chết rồi. Tôi cũng không thể ở lại đây, vì làm sao tôi, một tội nhân đầy dẫy sự ô uế, lại có thể bắt đầu trò chuyện với vị thánh phụ ấy được nữa? Nếu tôi dám làm vậy, thì ngọn lửa bùng ra từ cánh cửa ấy sẽ thiêu rụi tôi. Tốt hơn hết là tôi nên rời đi đến một đất nước khác, nơi không ai biết tôi, bởi vì một khi tôi đã chết, thì từ đó trở đi, đối với tôi không còn hy vọng cứu rỗi nào nữa.

Ngay lập tức, cô thu dọn hành lý, rời đi đến một thành phố khác và, sau khi thay đổi diện mạo, cô dừng chân tại một nhà trọ. – Khi những điều này đang xảy ra với cô, thánh Avramius đã có một thị kiến. Ngài thấy một con rắn đáng sợ và khổng lồ đến kinh hoàng, trông ghê tởm, thở ra cơn thịnh nộ, bò đến gần phòng tu của ngài, tìm thấy con chim bồ câu, nuốt chửng nó rồi quay trở lại chỗ cũ. Khi tỉnh giấc, vị thánh nhân vô cùng buồn bã và khóc lóc thảm thiết, tự nhủ với chính mình:

[7425] Có lẽ là một trong những môn đệ của vị thánh.

– Chẳng lẽ Satan sẽ gây ra cuộc bách hại đối với Giáo Hội thánh thiện và khiến nhiều người xa rời đức tin, và chẳng lẽ sự chia rẽ sẽ xảy ra trong Giáo Hội sao?

Sau khi cầu nguyện với Chúa, ngài nói:

– Lạy Chúa, Đấng yêu thương loài người và toàn tri, chỉ có Ngài mới hiểu được giấc mơ này.

Hai ngày sau, con rắn ấy lại hiện ra trong giấc mơ của ngài lần thứ hai; vị thánh nhân thấy nó bò ra khỏi hang ổ, trườn vào phòng tu của ngài và, sau khi gối đầu dưới chân ngài, thì nổ tung; khi con bồ câu ấy được tìm thấy trong bụng con rắn, vị thánh nhân đã giơ tay ra và lấy nó ra, vẫn còn sống và nguyên vẹn. Khi tỉnh dậy lần nữa, vị thánh nhân đã gọi cô gái đồng tu với mình qua cánh cửa phòng tu vài lần, nói rằng:

– Tại sao con đã lười biếng suốt hai ngày liền mà không ngợi khen Chúa?

Nhưng không có lời đáp lại. Mở cánh cửa phòng tu ra, ngài không thấy cháu gái mình đâu và, khi nhận ra rằng hình ảnh mà ngài đã thấy liên quan đến cô, ngài khóc nức nở và nói:

– Khốn khổ cho ta: con sói đã cướp mất con cừu non của ta và con ta đã bị bắt làm tù binh. Rồi với đôi mắt đẫm lệ, ông kêu lên:

– Đấng Cứu Thế của cả thế gian! Xin hãy đưa con cừu non Maria của Ngài trở lại chuồng chiên của Ngài, để tuổi già của con không phải xuống địa ngục trong nỗi buồn. Lạy Chúa! Xin đừng khinh dể lời cầu xin của con, nhưng xin ban ân sủng của Ngài, để Ngài cứu con bé khỏi miệng con rắn.

Hai ngày trôi qua kể từ khi vị thánh nữ ra đi, trong suốt thời gian đó, Avraam đã nhìn thấy thị kiến nói trên. Còn Maria thì sống xa người chú của mình suốt hai năm, còn ông thì ngày đêm cầu nguyện với Chúa cho cô. Sau hai năm[7426] , có người đã kể cho ông biết cô đang ở đâu và sống ra sao. Vị thánh đã nhờ một người quen của mình đến nơi đó để tìm hiểu thêm về cô. Người được cử đi đã lên đường, sau khi tìm hiểu về Maria, anh ta trở về và kể lại tất cả cho vị thánh. Nghe xong câu chuyện, vị thánh giả trang thành một chiến binh, đội lên đầu một chiếc mũ lớn và rất cao để che khuất khuôn mặt, mang theo một đồng tiền vàng, rồi lên ngựa và lên đường. Ông đến nhà trọ nơi Maria đang ở, mỉm cười và nói với chủ nhà trọ:

– Này anh bạn, tôi nghe nói ở đây có một cô gái xinh đẹp đang ở trọ. Hãy chỉ cho tôi gặp cô ấy, để tôi được ngắm nhìn cô ấy cho thỏa lòng.

Chủ nhà trọ, nhìn thấy mái tóc bạc phơ của ông, đã thầm cười trong lòng, vì hiểu rằng ông hỏi về cô gái ấy với mục đích dâm dục, và trả lời:

– Đúng vậy, ở đây có một cô gái như thế, và cô ấy rất xinh đẹp.

Cô gái đó quả thực rất xinh đẹp. Sau đó, ông lão với ánh mắt vui vẻ nói với anh ta:

– Hãy mời cô ấy đến gặp tôi, để hôm nay tôi được vui vẻ một chút.

Và khi Maria được mời, cô đã đến gặp vị tu sĩ già. Ngay khi vị thánh nhìn thấy cô trong bộ trang phục khiêu dâm, ông chỉ muốn khóc nức nở. Nhưng để không bị cô nhận ra, và để cô không bỏ chạy khỏi ông khi nhận ra ông, ông đã cố gắng kìm nén nước mắt, dù rất khó khăn. Khi họ ngồi uống rượu, người đàn ông kỳ diệu này bắt đầu tự mình tán tỉnh cô, còn cô thì đứng dậy, ôm lấy ông và bắt đầu hôn lên cổ ông. Trong lúc cô hôn anh, cô cảm nhận được hương thơm tỏa ra từ cơ thể trong sạch và đã được tôi luyện qua biết bao chiến công của anh. Lúc đó, nhớ lại những ngày đầu tiên của sự kiêng khem, cô thở dài, rơi lệ và nói:

– Ôi, thật là đau khổ cho tôi!

Người chủ nhà liền hỏi cô:

– Maria, em đã sống ở đây với chúng tôi được hai năm rồi, mà tôi chưa bao giờ nghe em nói lời nào hay thở dài như thế. Bây giờ em bị sao vậy?

Cô trả lời:

– Nếu tôi chết sớm hơn, thì tôi đã được hạnh phúc rồi.

Để Maria không nhận ra mình, Thánh Avrami đã nói với cô bằng giọng cộc cằn:

– Chỉ đến bây giờ, khi đến gặp tôi, cô mới nhớ ra những tội lỗi của mình.

Ông lấy ra một đồng tiền, đưa cho người quản gia và nói:

– Bạn ơi, hãy chuẩn bị cho chúng tôi một bữa tiệc vui vẻ để chúng tôi cùng vui vẻ với cô gái này. Tôi đã đi từ xa đến đây chỉ vì cô ấy.

Ôi, trong ngài có biết bao sự khôn ngoan, biết bao trí tuệ thiêng liêng!

[7426] Bà đã lui về thành phố Ass, gần Lampsacus.

Người đàn ông, trong suốt năm mươi năm tu hành, chưa từng ăn no bánh mì, cũng chưa từng uống đủ nước, nay, để cứu rỗi một linh hồn đang lâm vào cảnh diệt vong, lại ăn thịt và uống rượu. Trên thiên đàng, các hàng thiên thần thánh thiện đều kinh ngạc trước hành động cao cả của vị cha thánh thiện, trước lòng quảng đại và kế hoạch khôn ngoan của ngài. Ngài ăn thịt và uống rượu để cứu rỗi linh hồn đang lâm vào cảnh hư mất khỏi vết nhơ tội lỗi.

Ôi, sự khôn ngoan của những bậc khôn ngoan! Ôi, trí tuệ của những bậc thông thái!

Khi bữa tiệc kết thúc, cô gái nói với ngài:

– Thưa ngài, chúng ta hãy đứng dậy và đi vào giường để ngủ ở đó.

Ngài đáp:

– Đi thôi.

Khi họ bước vào phòng ngủ, Avraam nhìn thấy một chiếc giường lớn, được trải nệm cao, anh ngồi xuống và nói với Maria:

– Hãy đóng cửa lại, lại đây và cởi giày cho tôi.

Cô đóng cửa lại, bước đến bên ông, và ông nói với cô:

– Cô gái Maria, lại gần tôi đây.

Khi cô đến gần, anh ôm chặt lấy cô để cô không chạy trốn, rồi lại hôn cô. Sau đó, anh cởi mũ chiến binh trên đầu ra, khóc nức nở và nói với cô:

– Con gái của cha, Maria, con không nhận ra cha sao? Chẳng phải chính cha đã nuôi nấng con sao? Chuyện gì đã xảy ra với con, con gái của cha? Ai đã hủy hoại con? Hình ảnh thiên thần mà con từng có đâu rồi, con gái của cha? Sự tiết chế và những giọt nước mắt của con đâu rồi? Sự thức trắng liên tục và việc quỳ lạy cầu nguyện trên đất của con đâu rồi? Con như thể đã từ đỉnh cao thiên đàng rơi xuống hố sâu vậy, con yêu quý của cha! Khi con phạm tội, sao con không nói cho cha biết để cha cùng người yêu dấu của cha là Ê-phra-im cùng nhau thực hiện việc sám hối? Sao con lại làm điều này, và sao con lại xúc phạm cha và đẩy cha vào nỗi buồn kinh hoàng đến thế? Ai là người không có tội, ngoài một mình Đức Chúa Trời?

Nghe những lời ấy, Maria nằm trong vòng tay ngài như một hòn đá vô hồn, vừa sợ hãi vừa xấu hổ. Còn vị thánh thì tiếp tục:

– Con không trả lời sao, con yêu của cha, Maria? Con không trả lời cha, tình yêu của đời cha sao? Chẳng phải vì con mà cha đã đến đây sao? Cha sẽ thay con trả lời trước Thiên Chúa vào ngày phán xét. Cha sẽ gánh lấy sự sám hối cho những tội lỗi của con.

Vậy là ngài đã van nài và khuyên nhủ nàng cho đến tận nửa đêm, trong khi khóc lóc. Còn nàng, sau khi bình tĩnh lại một chút, đã nói với ngài trong nước mắt:

– Con cảm thấy xấu hổ và không thể nhìn cha được, – và làm sao con có thể cầu nguyện với Chúa khi đã bị ô uế bởi những việc bất chính?

Ngài đáp lại:

– Con ơi, hãy để tội lỗi của con đổ lên đầu ta, xin Chúa trừng phạt tội lỗi của con qua tay ta, chỉ cần con nghe lời ta, hãy đi và đóng cửa lại trong phòng tu của con. Ephrem cũng đang cầu nguyện cho con trước mặt Chúa. Con ơi, hãy thương xót tuổi già của ta, ta van xin con, tình yêu của đời ta, hãy đi cùng ta.

– Nếu cha chắc chắn – nàng đáp – rằng con có cơ hội sám hối, và rằng Chúa sẽ nhận lời cầu nguyện của con, thì con sẽ đi và quỳ xuống trước sự thánh thiện của cha, và hôn lên đôi chân thánh thiện của cha, vì cha đã thương xót con như vậy, và đã đến đây với mục đích đưa con ra khỏi cuộc sống ô uế này.

Và, đặt đầu lên chân ngài, cô khóc suốt đêm và nói:

– Tôi phải đền đáp ngài thế nào cho tất cả những điều này đây?

Khi bình minh ló rạng, ngài nói với nàng:

– Con ơi, hãy đứng dậy và ra đi đi.

– Con có một ít vàng và quần áo ở đây, – Maria nói, – ngài sẽ xử lý tất cả những thứ này thế nào?

– Hãy để lại tất cả ở đây, – vị thánh nói, – vì đây là của cải bất chính.

Và, ngay lập tức đứng dậy, họ ra đi. Sau khi cho Maria lên ngựa, Avraam điều khiển con ngựa, còn bản thân ông đi trước mặt cô. Ông bước đi trong niềm vui; giống như người chăn chiên khi tìm thấy con cừu lạc và vui mừng vác nó lên vai mình (Lc 15:4–5), vị thánh cũng bước đi với niềm vui tràn ngập trong lòng. Khi đến nơi, ông lại nhốt Maria trong phòng tu nội, nơi trước đây chính ông từng tu hành, còn bản thân ông thì ở lại phòng tu ngoại. Maria, trong bộ áo vải thô, với lòng khiêm nhường kêu cầu Chúa giúp đỡ, đã sám hối với lòng nhiệt thành vô cùng. Sự sám

hối và lời cầu nguyện của bà sâu sắc đến nỗi, so với chúng, sự sám hối và lời cầu nguyện của chúng ta chỉ như cái bóng mờ và chẳng có ý nghĩa gì. Và Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót, Đấng không muốn ai phải hư mất, nhưng muốn mọi người đều ăn năn, đã thương xót người tôi tớ của Ngài, người đã thật sự ăn năn, và tha thứ cho bà những tội lỗi của bà. Như một dấu hiệu của sự tha thứ dành cho bà, Ngài đã ban cho bà ân sủng chữa lành bệnh tật cho những người đến với bà. Thánh Avraam còn sống thêm mười năm nữa; khi chứng kiến sự ăn năn sâu sắc của Maria, những giọt nước mắt, những ngày ăn chay, những công việc vất vả và những lời cầu nguyện siêng năng của bà dâng lên Thiên Chúa, ngài đã được an ủi và ngợi khen Thiên Chúa. Sau đó, ngài đã an nghỉ trong Chúa. Ngài qua đời ở tuổi bảy mươi[7427] . Hầu như cả thành phố đều tụ tập vào giờ ngài trút hơi thở cuối cùng, và mọi người đều đến gần thi hài thánh thiện của ngài với lòng thành kính, còn những người đau ốm thì được chữa lành. Còn Maria, con chiên của Chúa Kitô, sau khi chú của mình qua đời, đã sống trong sự tiết độ cao độ, ngày đêm khẩn cầu Thiên Chúa, suốt năm năm nữa; những người sống ở đó, khi đi ngang qua vào ban đêm, đã nhiều lần nghe thấy tiếng khóc và tiếng nức nở vô bờ bến, và khi dừng lại, họ đều ngạc nhiên và ngợi khen Thiên Chúa. Như vậy, sau khi thật lòng sám hối và làm đẹp lòng Thiên Chúa, thánh nữ Maria đã an lành qua đời, và giờ đây, sau những tiếng khóc đầy xúc động, ngài đang hân hoan vui mừng cùng các thánh trước mặt Chúa; vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Kondak, giọng 3:

Ngài đã hiện ra trên đất như một Thiên thần trong xác phàm, và nhờ sự kiêng khem, Ngài như cây được trồng, nhờ nước tiết độ mà trở nên tốt lành, và đã rửa sạch sự ô uế bằng dòng nước mắt của Ngài. Vì lý do đó, hỡi Avramiy, Ngài đã trở thành nơi trú ngụ thiêng liêng của Thánh Thần.

Cuộc đời của vị thánh cha Avramy Rostovsky

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 10

Thánh phụ Avramii là con trai của những bậc cha mẹ đạo đức[7428] . Từ khi còn trẻ, ngài đã rời bỏ gia đình và những lo toan trần thế, nhận lãnh đời tu và hiến dâng bản thân cho Thiên Chúa[7429] .

Sau khi chế ngự xác thịt bằng tinh thần, ngài đã tự rèn luyện bản thân bằng những việc tu hành, thanh tẩy tâm hồn bằng những giọt nước mắt và được ban ân sủng làm phép lạ.

Vào thời của ngài tại Rostov[7430] , không phải ai cũng đã nhận phép rửa thánh và nhiều người vẫn còn là những người ngoại đạo: khu vực Chudsky của thành phố thờ phụng tượng đá Veles[7431] . Tinh thần ô uế ngự trong tượng đá đó gieo rắc nỗi sợ hãi cho tất cả mọi người, và các Kitô hữu sợ hãi khi đi qua gần tượng đá đó. Thánh Avraam tràn đầy lòng nhiệt thành muốn nhổ tận gốc tàn dư của đạo ngoại tại Rostov. Ngài cầu xin Chúa Trời ban cho ngài sức mạnh và ân sủng của Thánh Thần để phá hủy tượng thần, nhưng lời cầu nguyện của ngài đã lâu không được đáp lại.

[7427] Đó là vào khoảng năm 360.

[7428] Cuộc đời của Thánh Avraam Rostovsky được trình bày ở đây dựa trên bản "Tiểu sử" cổ nhất, đã được tóm tắt lại trong Phần Mở đầu và có một số bổ sung sau này trong cuốn "Các Sách Lễ Lớn" của Đức Tổng Giám mục Makarii. Cuốn tiểu sử cổ xưa về vị thánh Avramy sau này đã được bổ sung hai lần, chủ yếu ở phần đầu, nơi kể về cuộc đời của Avramy trước khi ngài đến Rostov.

[7429] Trong phần bổ sung ban đầu có ghi rằng Thánh Avraam sinh ra tại vùng Galich, ở thành phố Chukhloma (nay thuộc tỉnh Kostroma), sau đó ngài đã lên vùng Novgorod để tìm hiểu về đời sống tu hành tại các tu viện ở đó và nhận lễ xuất gia tại Tu viện Valaam trên Hồ Ladoga. Trong phần bổ sung thứ hai có ghi rằng cha mẹ của Avraam, tại Chukhloma, lúc đó vẫn còn là những người ngoại đạo. Ban đầu, Avraam có tên là Iberik và cho đến năm mười bảy tuổi, anh nằm liệt giường vì bệnh liệt và không thể đi lại được. Những thương nhân ghé qua từ Novgorod đã truyền đạt cho anh những kiến thức cơ bản đầu tiên về giáo lý Kitô giáo. Sau khi suy ngẫm sâu sắc, Iberik đã tin vào Chúa Kitô, đột ngột được chữa lành khỏi bệnh tật, lên đường đến vùng đất Novgorod và tại Valaam, ngài đã nhận phép rửa tội với tên Averkiya, sau đó được thụ phong tu sĩ với tên Avramiy.

[7430] Đây tất nhiên là thành phố Rostov cổ xưa, từng được gọi là Rostov Vĩ Đại; ngày nay đây là một thị trấn thuộc tỉnh Yaroslavl, nằm trên quốc lộ và tuyến đường sắt từ Yaroslavl đến Moscow; Rostov tọa lạc bên một hồ nước có tên là Rostovskoye hoặc Nero.

[7431] "Chudsky Konets" ở đây ám chỉ phần thành phố nằm bên trái con đường từ Yaroslavl. – Veles, vị thần ngoại giáo của người Slav Nga cổ đại, còn được gọi là Volos, theo các biên niên sử, được coi là vị thần bảo hộ cho gia súc.

Một ngày nọ, Thánh Avraam, trong nỗi buồn bã và bối rối, đang ngồi gần bức tượng thần. Bỗng ngài thấy một vị lão niên uy nghiêm đang bước về phía mình. Avraam đứng dậy và vội vã chạy ra đón. Sau khi chào hỏi và ban phước cho nhau, vị thánh hỏi:

– Cha đến từ đâu, từ đất nước nào vậy?

– Con gốc gác từ Tsargrad, thưa cha; ở xứ sở của các con, con chỉ là một người lạ và lữ khách. – Hãy nói cho con biết, thưa cha, tại sao cha lại ngồi trong nỗi buồn bên cạnh tượng thần Veles này?

– Con đang cầu xin Chúa Trời ban cho con sức mạnh để đập tan tượng thần đó, – Avramius đáp, – nhưng Chúa đã phớt lờ những lời cầu nguyện của con, và thế là con đang ngồi đây trong nỗi buồn.

– Nếu cha muốn đạt được điều mình mong ước, – vị tu sĩ già nói với Avrami, – thì hãy trở về Tsargrad, tìm đến ngôi nhà của Thánh Gioan Thần Học, bước vào đó, cầu nguyện trước bức tượng Thánh Gioan Thần Học, – và cha sẽ không ra về tay trắng, mà sẽ đạt được điều mình mong ước.

Thánh Avramy cảm thấy buồn bã vì chặng đường xa xôi, nhưng vị tu sĩ già nói: "Chúa Trời sẽ rút ngắn con đường của con!"

Thánh Avraam, được tràn đầy Thánh Thần, nhận lời chúc phúc từ vị tu sĩ già và lên đường, quên đi quãng đường xa xôi.

Khi Thánh Avraam, sau khi ra khỏi thành phố, băng qua sông Ishnu[7432] , ngài gặp một người lạ mặt, dáng vẻ khiến người ta e sợ; đầu gần như không còn tóc, ông có bộ râu tròn to, trên khuôn mặt toát lên vẻ kính sợ; ông thật tuyệt đẹp. Trong tay ông cầm một cây gậy.

Thánh Avraam đã cúi đầu chào người ấy.

Một người lạ mặt nói:

– Ông già ơi, ông đi đâu vậy?

– Tôi đang đi tìm nhà của Thánh Gioan Thần Học, – Avrami trả lời.

Người lạ mặt nói:

– Hãy lại đây, ông lão, hãy cầm lấy cây gậy này của tôi và quay trở lại, tiến đến trước tượng thần Veles, dùng cây gậy này đánh vào nó nhân danh Thánh Gioan Thần Học, – và tên quỷ dữ đó sẽ hóa thành tro bụi.

Và ngay khi vừa dứt lời, người lạ mặt bỗng biến mất.

Thánh Avramy hiểu rằng đó chính là Thánh Gioan Thần Học

Đầy sợ hãi và hân hoan, Avraam quay trở lại, tiến đến tượng thần một cách dễ dàng, dùng cây gậy đánh vào nó nhân danh Thánh Gioan Thần Học, – và tượng thần lập tức hóa thành tro bụi.

Tại nơi Avraam gặp vị thánh già, ngài đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Gioan Thần Học, còn tại nơi từng có tượng thần Veles, vị thánh nhân, với sự ban phước của giám mục, đã xây dựng một nhà thờ nhỏ mang tên Lễ Hiển Linh của Chúa, dựng các phòng tu bên cạnh, tập hợp các tu sĩ và thành lập cộng đoàn[7433] .

Thánh Avraam đã phải chịu đựng nhiều đau khổ từ những người ngoại đạo không tin vào Chúa Kitô. Có lần, họ thậm chí còn muốn phá hủy và đốt cháy ngôi thánh đường mà ngài đã xây dựng, nhưng Chúa đã không để điều đó xảy ra nhờ những lời cầu nguyện và sự kiên nhẫn của ngài.

Tuy nhiên, nhờ giáo lý và lòng kiên nhẫn của mình, Thánh Avraam đã dẫn dắt tất cả những người không tin đến với Chúa Kitô trong một thời gian ngắn: tất cả, từ trẻ đến già, đều đã chịu phép rửa và bắt đầu tham dự các buổi ca ngợi Thiên Chúa và các buổi canh thức suốt đêm, kể cả phụ nữ và trẻ em. Thánh Avraam đã củng cố lòng tin của họ qua việc tôn kính Kinh Thánh và những bài giảng thiêng liêng. Nhiều đứa trẻ đã rời bỏ cha mẹ ở nhà, lén lút đến gặp ngài và nhận tu hành. Nhờ đó, cộng đoàn tu sĩ ngày càng đông đảo, và ngài đã dạy dỗ họ theo Lời Chúa.

Sau đó, Thánh Avraam đã xây dựng một nhà thờ lớn, trang hoàng nó như một cô dâu của Đấng Christ bằng những bức tranh thánh tuyệt đẹp và các sách thánh, đồng thời thiết lập những bài thánh ca trang nghiêm.

Các hoàng tử Rostov, với lòng kính trọng sâu sắc dành cho Cha Avrami, đã ban cho tu viện do ngài thành lập những đặc ân đặc biệt: họ hiến tặng nhiều điền trang để xây dựng tu viện và các làng mạc để nuôi dưỡng các tu sĩ.

[7432] Sông Ishna cắt ngang con đường từ Rostov đến Moscow tại điểm đổ vào hồ Nero, gần ngay thành phố Rostov, cách bốn verst từ nơi từng đặt tượng thần Veles.

[7433] Tu viện Bogoyavlensky, do Thánh Avraam thành lập, hiện vẫn tồn tại tại chính địa điểm đó, cách Kremlin Rostov một verst, ngay lối vào Rostov từ hướng Yaroslavl, bên trái con đường.

Thấy tu viện ngày càng phát triển và thịnh vượng, Giám mục Rostov, sau khi tham vấn với các công tước, đã nâng Tu viện Avram lên hàng tu viện trưởng, và phong cho Thánh Avram làm tu viện trưởng.

Kể từ đó, Thánh Avraam càng siêng năng tu hành hơn nữa, không ngừng nỗ lực, chuyên tâm vào việc ăn chay và cầu nguyện; ngài là tấm gương cho mọi người, nổi bật bởi lòng khiêm nhường và thể hiện tình yêu chân thành đối với mọi người đến viếng thăm, dù là người cao quý hay bình dân.

Kẻ thù truyền kiếp của điều thiện, ma quỷ, không để vị tu sĩ yên, đã tấn công ngài và gây ra những nỗi phiền muộn cho ngài cả ngày lẫn đêm. Nhưng được che chở bởi ân sủng của Chúa Kitô và dấu thánh giá, Avraam không hề sợ hãi.

Một lần nọ, khi Thánh Avraam đang ở trong phòng tu của mình trước Thánh lễ, sau khi đọc xong những lời cầu nguyện thông thường trước khi rước lễ, ngài định rửa tay trước khi vào nhà thờ, thì ma quỷ đã xâm nhập vào chậu rửa tay, với ý định gây rắc rối cho ngài. Nhận ra sự hiện diện của linh hồn ô uế trong chậu rửa, vị thánh đã cầm lấy cây thánh giá, đặt lên trên chậu, làm dấu thánh giá bao quanh chậu và để nguyên như vậy, không chạm vào nó trong một thời gian dài. Ác quỷ, bị thiêu đốt bởi sức mạnh của thánh giá, đã phải chịu đau khổ và không thể thoát ra khỏi chậu.

Vào thời đó, các hoàng tử Rostov có thói quen ra ngoại ô đi săn và trên đường về ghé qua tu viện để cầu nguyện trong nhà thờ và nhận lời chúc phúc từ vị thánh Avraam. Lần này cũng vậy. Theo thói quen, các công tước ghé vào phòng của vị tu sĩ, nhưng không thấy ngài ở đó, vì ngài có thói quen hàng ngày làm việc phục vụ các tu sĩ: lúc thì chặt củi cho lò bánh của tu viện, lúc thì giặt áo lông cừu cho các tu sĩ, lúc thì mang nước vào nhà bếp. Nghe tin các hoàng tử đến, ngài vội vã trở về phòng để ban phước lành cho họ.

Trong khi đó, các vị công tước, đang ở trong phòng tu để chờ vị tu sĩ, đã để ý thấy một chiếc bình được phủ bằng thánh giá, và băn khoăn không biết điều đó có ý nghĩa gì. Một trong các hoàng tử đã dám tháo cây thánh giá khỏi chiếc bình để cầu phúc – và ngay lập tức, một con quỷ đã trồi ra khỏi chiếc bình, như làn khói đen và hôi thối, khiến tất cả những người có mặt đều kinh hãi.

Khi vị thánh nhân tiến gần đến phòng tu, linh hồn ô uế đã chặn đường ngài ngay tại cửa và bắt đầu lăng mạ Avramiy, đồng thời đe dọa ngài:

– Giống như ngươi đã ép ta phải chịu đau khổ và bị thiêu đốt bởi sức mạnh của Thánh giá nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời vô hình, thì ta cũng sẽ gây ra điều xấu xa cho ngươi, và sớm muộn gì ta cũng sẽ đánh bại ngươi: ta sẽ vu khống ngươi, đẩy ngươi vào đau khổ và nhục nhã: ngươi sẽ bị buộc ngồi trên lưng con lừa đốm không có yên cương và đi đôi giày đỏ của phụ nữ. Và ngươi sẽ phải chịu đựng nhiều điều khác nữa, giống như ta đã phải chịu đựng từ ngươi.

Vị thánh nhân làm dấu thánh giá, và con quỷ lập tức biến mất.

Khi Thánh Avraam bước vào phòng tu, các hoàng tử liền hỏi về sự việc vừa xảy ra, về làn khói hôi thối bốc lên từ chiếc bình được che bằng thánh giá, nhưng vị thánh không nói gì về điều đó, mà chỉ ban phước lành cho các hoàng tử cùng lời khuyên răn có ích cho tâm hồn, rồi tiễn họ ra về trong bình an.

Một thời gian sau, với ý định trả thù vị tu sĩ, con quỷ hóa thân thành một chiến binh, xuất hiện trước mặt Đại công tước tại Vladimir và bắt đầu vu khống Avraam những tội danh nghiêm trọng.

– Thưa Bệ hạ, tôi muốn tiết lộ cho ngài một bí mật lớn lao, – con quỷ nói, – trong vương quốc của ngài, tại thành phố Rostov, có một tu sĩ tên là Avramius, thực chất là một pháp sư, người mà bề ngoài trông có vẻ khiêm nhường và thánh thiện, và đang lừa dối mọi người. Hắn đã tìm thấy dưới lòng đất một kho báu vĩ đại, một bình đồng chứa đầy vàng, thứ mà theo lẽ công bằng phải thuộc về vương quốc của ngài. Không thể định giá được những chiếc bình vàng, những chiếc thắt lưng và dây chuyền vàng được tìm thấy trong kho báu này, cũng như không thể đếm xuể lượng bạc và các loại đồ quý giá khác. Bằng những kho báu này, ông ta đã xây dựng một nhà thờ vĩ đại, nhưng lại không báo cho ngài biết.

Đại công tước nổi giận với vị tu sĩ và cử một chiến binh hung dữ đi tìm ông, ra lệnh bắt Avraam mà không nói với ông một lời nào, và đưa ông về đúng như tình trạng mà người đó tìm thấy.

Tất cả những điều này xảy ra do sự xúi giục của tà linh.

Khi chiến binh do Đại công tước phái đến xuất hiện, vị tu sĩ, sau buổi cầu nguyện chung, đang đứng cầu nguyện trong phòng riêng, chỉ mặc một chiếc áo lông cừu và không mang giày. Chiến binh đó không hề thương xót, không cho vị tu sĩ nói một lời nào, cũng không cho ông mặc quần áo hay mang giày, liền bắt ông lên ngựa và thúc ngựa về phía thành Vladimir.

Ở phía bên kia hồ Rostov, họ bắt gặp một người đàn ông đang cày ruộng trên lưng một con lừa đốm và cầm trên tay đôi giày đỏ của phụ nữ. Chiến binh đó đặt vị tu sĩ lên lưng con lừa, xỏ đôi giày phụ nữ vào chân ngài và nhanh chóng đưa ngài trong bộ dạng nhục nhã như vậy đến trước mặt Đại công tước.

Đại công tước ra lệnh đưa cả người lính – người tố cáo – đến trước mặt mình.

Người lính giả mạo lặp lại những lời buộc tội vị tu sĩ về kho báu, giống như trước đó.

Nghe vậy, vị tu sĩ giơ hai tay lên trời và quở trách thần ác, nói:

– Ta cấm ngươi nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, hãy nói cho ta biết, ngươi là ai mà lại vu khống ta bằng những lời như vậy?

Con quỷ run rẩy và nói:

– Ta là quỷ, từ thuở xa xưa đã căm ghét điều thiện trong loài người, nhất là ở những tu sĩ kính sợ Đức Chúa Trời. Ngươi thấy đó, vị tu sĩ già, những gì ta đã nói với ngươi trước đây, ta đã làm đúng như vậy – vì ngươi đã hành hạ ta trong thân xác hèn mọn của ngươi.

Nói xong, con quỷ lập tức biến mất.

Hoàng tử, khi chứng kiến sự lừa dối quỷ quyệt và sự sỉ nhục dành cho vị tu sĩ đang đứng trước mặt mình, đã bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi tột độ, cũng như tất cả những người xung quanh hoàng tử. Hoàng tử bắt đầu cầu xin vị tu sĩ tha thứ và nói trong nước mắt:

– Thưa Cha, con là kẻ có lỗi khiến Cha phải đến đây bất đắc dĩ, con đã xúc phạm Cha một cách tàn nhẫn. Xin Cha tha thứ cho con về tất cả những điều đã làm Cha phật lòng. Kẻ thù, thưa Cha, đã làm mờ mắt trái tim con, khơi dậy cơn giận dữ trong con chống lại Cha và đẩy con vào tội lỗi.

Vị tu sĩ già nói:

– Chúa sẽ tha thứ cho ngài, thưa ngài, vì đây là việc làm của kẻ thù cổ xưa là ma quỷ; vì vậy, thưa ngài, xin đừng ngạc nhiên về điều này: từ thuở xa xưa, nó đã thù địch với loài người, và đặc biệt quen với việc gây trở ngại cho những ai kính sợ Chúa.

Hoàng tử, khi thấy sự khiêm nhường của vị tu sĩ cùng những lời nói nhẹ nhàng và hiền lành của ngài, như thể vị tu sĩ chưa từng trải qua điều ác nào, đã càng thêm kính trọng ngài và dành cho ngài sự tôn vinh lớn lao.

Để xây dựng tu viện, hoàng tử đã ban tặng nhiều ngôi nhà, làng mạc và nô lệ; ngài đã biến Tu viện Avramiev thành tu viện của riêng mình và đặt nó lên trên tất cả các tu viện khác ở Rostov, đồng thời xác nhận tất cả những điều này bằng các sắc lệnh ban tặng.

Sau tất cả những điều đó, hoàng tử đã tiễn vị thánh nhân ra về với vinh dự lớn lao.

Thánh Avraam sống trong tu viện của mình với lòng khiêm nhường sâu sắc, không ngừng nỗ lực tu hành, và đã an nhiên về với Chúa, Đấng mà ngài đã yêu mến từ thuở thiếu thời[7434] .

Bài thánh ca, giọng 1:

Được soi sáng bởi ân sủng thiêng liêng, ngài đã dẫn dắt những người lầm lạc đến với ánh sáng của sự hiểu biết về Thiên Chúa: và sau khi qua đời, nhờ ánh sáng rực rỡ của cuộc đời ngài, ngài ban phát sự chữa lành cho những ai với lòng tin đến với ngài, Avraam, cha của chúng con, xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, ban cho chúng con ân sủng vĩ đại.

[7434] Thánh Avraam đã được an táng tại chính tu viện do ngài thành lập. Hiện nay, di cốt thánh của ngài được an táng công khai trong một quan tài bằng bạc tại nhà nguyện mang tên ngài, thuộc nhà thờ đá chính của tu viện mang tên Lễ Hiển Linh của Chúa, được xây dựng theo lệnh và bằng kinh phí của Sa hoàng Ivan Vasilyevich Grozny và được thánh hiến trước sự chứng kiến của ngài vào ngày 2 tháng 10 năm 1553. Sa hoàng Ivan Vasilyevich đã nhiều lần đến Rostov và thờ lạy các thánh tích tại đó. Trong một lần viếng thăm tu viện Avramiev, trước khi chinh phục Kazan, ông đã lấy cây gậy được lưu giữ tại lăng mộ của Thánh Avramiev, chính cây gậy mà vị thánh này đã dùng để đập vỡ tượng thần. Chiếc thánh giá bằng đồng, vốn là tay cầm của cây gậy, cho đến nay vẫn được lưu giữ trong một hốc tường riêng biệt tại vòm cửa vào nhà nguyện dành riêng cho Thánh Avramiev.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Hỡi Áp-ra-ham, ngài đã nhận lấy ách của Đấng Christ, và vác thập giá của Ngài trên vai, ngài đã theo Ngài, được trồng trong nhà Chúa, và nở rộ như cây cọ, như cây tuyết tùng ở Li-băng, ngài đã làm cho con cái ngài, người đàn ông của những khát vọng thiêng liêng: ngài đã nhận ân sủng từ Thánh Tông đồ Gioan Thần Học, người được yêu mến; ngài đã dùng cây gậy đập tan thần tượng và nghiền nát nó thành bụi; và ngài đã tỏ ra là một vị thánh làm phép lạ vĩ đại, hỡi vị thánh đáng kính; vì vậy, xin ngài không ngừng cầu xin Đức Kitô, Thiên Chúa, cho tất cả chúng con.

Ngày 12 tháng 11

Ngày 30 tháng 10 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Zinovius, Giám mục vùng Aegean, và em gái ngài là Zinovia

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 10

Các thánh tử đạo này – Zinovy và em gái ruột của ngài là Zinovia – sinh ra tại thành phố Ega, thuộc xứ Cilicia[7435] trong một gia đình sùng đạo. Tại đây, họ được nuôi dưỡng trong sự kính sợ Thiên Chúa và lòng đạo đức. Ngay từ khi họ còn nhỏ, cha mẹ họ đã dâng linh hồn mình lên Chúa, để lại cho các con một gia tài lớn. Mặc dù còn trẻ, Zinovi và Zinovia đã rất thông minh và kiên định trong đức hạnh; khi nhận ra sự hư vô của thế gian này, họ quyết định từ bỏ tất cả để theo Chúa Kitô. Zinovia đã trao phần gia tài mà cô nhận được từ cha mẹ cho anh trai, để anh phân phát cho người nghèo, còn bản thân cô thì sống trong cảnh nghèo khó tự nguyện, giữ im lặng và bảo toàn sự trinh khiết của mình một cách vô tì vết dành cho Chú Rể trên trời. Zinovy, sau khi nhận cả hai phần tài sản, của mình và của em gái, đã bắt đầu phân phát cho người nghèo và chẳng bao lâu sau đã tiêu hết tất cả, đến nỗi chính anh cũng trở nên như một người nghèo. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng chăm sóc những đứa trẻ mồ côi và không bỏ rơi những ai đặt niềm tin nơi Ngài, đã ban cho hai vị thánh anh em và em gái những ân huệ trên trời để đền bù cho của cải đã phân phát cho người nghèo: Bàn tay quyền năng của Ngài đã bảo vệ Zinovy suốt cuộc đời khỏi mọi tai ương và xua đuổi những cám dỗ của ma quỷ khỏi cô; còn Zinovy thì nhận được từ Chúa ân sủng chữa lành bệnh tật chỉ bằng cái chạm tay. Như vậy, chính đôi tay đã hào phóng ban phát bố thí cho người nghèo, Chúa đã ban cho sức mạnh làm phép lạ. Dù người đó bị ám ảnh bởi căn bệnh nào, dù họ đang chịu đựng căn bệnh gì, họ cũng được chữa lành ngay khi Thánh Zinovy chạm vào họ bằng bàn tay của mình. Vị thánh nhân này đã thực hành lòng bác ái vĩ đại suốt cả cuộc đời mình, lúc thì phân phát tài sản cho người nghèo, lúc thì, nhờ ân sủng của Chúa, ban sự chữa lành cho những người đau ốm; ngài đã xua đuổi vô số tà linh khỏi con người, an ủi những ai đang buồn phiền, và giúp đỡ những người lâm vào hoạn nạn. Tỏa sáng bởi các đức tính và được ca ngợi nhờ những phép lạ, ngài đã được bầu làm giám mục tại thành phố quê hương. Vị mục tử nhân lành này đã tận tụy chăn dắt Hội Thánh của Chúa, không ngừng giúp đỡ và làm ơn cho mọi người, đồng thời chữa lành cho những người bệnh tật. Một lần nọ, có một người phụ nữ từ Antiôkhia đến gặp vị thánh, người này có một vết loét không thể chữa lành trên ngực. Người phụ nữ này đã tiêu tốn rất nhiều tiền bạc cho việc chữa trị, cố gắng tìm kiếm sự chữa lành từ các bác sĩ, nhưng họ không giúp được gì cho bà; ngược lại, căn bệnh quái ác của bà ngày càng trầm trọng hơn, đến mức bà đã đứng trước nguy cơ tử vong. Khi nhìn thấy bà, Thánh Zinovy đã thương xót bà: ngài dùng tay chạm vào vết loét của bà và làm dấu thánh giá trên vùng da bị tổn thương. Ngay lập tức, vết loét biến mất, và người phụ nữ, sau đó đã hoàn toàn khỏe mạnh, đã trở về Antioch với niềm vui sướng tột độ.

Một người phụ nữ khác, không tin vào Chúa Kitô, là vợ của một quan chức tên Indis, cũng mắc phải căn bệnh tương tự; nhưng nhờ sự chữa lành của Thánh Zinovius, bà cũng được giải thoát khỏi căn bệnh của mình. Bị ấn tượng bởi phép lạ vừa xảy ra, chính bà cùng chồng và các con đã quay về với Chúa Kitô. Tất cả họ đều được soi sáng nhờ phép rửa thánh. Như vậy, người vợ này đã nhận được sức khỏe thể xác và ơn cứu rỗi cho linh hồn mình.

[7435] Egi – một thành phố ở Cilicia (vùng đông nam Tiểu Á), là một căn cứ hải quân thời kỳ thống trị của Đế chế La Mã.

Trong khi đó, hoàng đế vô đạo Diocletian đã phát động một cuộc đàn áp khủng khiếp nhắm vào các Kitô hữu. Lúc bấy giờ, quan Lisius đã đến vùng Cilicia để tra tấn tất cả những ai xưng danh Chúa Kitô. Trước hết, tại Ega, ba thanh niên Kitô hữu là Claudius, Asterius và Neon đã phải chịu khổ hình. – Sau khi bắt giữ họ, Lysius đã tra tấn họ bằng nhiều hình thức khác nhau và cuối cùng đóng đinh họ lên thập tự giá ngoài thành. Nghe tin về Thánh Zinovius, ông ta đã sai lính của mình đi bắt ông. Khi vị tu sĩ được dẫn đến trước Lysius, vị công tước nói với ông:

– Ta không muốn tranh luận dài dòng với ngươi, vì ta biết các ngươi, những người Kitô hữu, thích nói nhiều: ta sẽ nói ngắn gọn với ngươi: ta đề nghị ngươi chọn giữa sự sống và cái chết; sự sống – nếu ngươi thờ lạy các vị thần của chúng ta, cái chết – nếu ngươi không thờ lạy. Hãy tự mình lựa chọn điều ngươi muốn: hoặc dâng lễ vật – khi đó ngươi sẽ được sống sót, thậm chí còn nhận được vinh dự từ chúng ta; hoặc ngươi có thể tiếp tục bám giữ sự lầm lạc của mình, nhưng khi đó ngươi sẽ phải chịu những cực hình khủng khiếp và chết một cái chết kinh hoàng.

Thánh Zinovy, không hề nao núng trước những lời của hoàng tử, đã trả lời một cách cương quyết:

– Cuộc đời tạm bợ này nếu không có Chúa Kitô thì không phải là sự sống, mà là cái chết; không, tôi thà chịu những đau khổ tạm thời vì Đấng Tạo Hóa của tôi, rồi sau đó sống đời đời với Ngài, còn hơn là từ bỏ Ngài vì cuộc đời tạm bợ này và sau đó phải chịu đau khổ vĩnh viễn trong địa ngục.

Nghe những lời này, vị hoàng tử vô đạo ra lệnh lột trần Thánh nhân, treo Ngài lên thập tự giá và đánh đập không thương xót.

– Chúng ta sẽ xem, – hắn nói, – liệu Chúa Kitô có đến cứu ngài không!

Thánh nữ Zinovia, khi biết rằng anh trai mình, Thánh Zinovia, đang chịu khổ vì Chúa Kitô, đã vội vã đến nơi Thánh nhân đang bị tra tấn. Thấy anh trai mình, người đầy máu và vết thương, đang bị treo trên thập giá, lòng bà bừng lên nhiệt huyết và, bước đến trước mặt kẻ tra tấn, bà nói với hắn:

– Tôi là một Kitô hữu, giống như anh trai tôi: tôi cũng tuyên xưng cùng một Thiên Chúa Duy Nhất và Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Vì vậy, xin hãy tra tấn tôi như cách ngài đang tra tấn anh trai yêu quý của tôi. Tôi muốn uống cùng một chén đau khổ và được đội cùng một vương miện.

Kẻ tra tấn ngạc nhiên trước sự dũng cảm và quyết tâm của Thánh Zinovia và nói:

– Này người phụ nữ, đừng cố tự hủy hoại bản thân, đừng tự chuốc lấy hình phạt nhục nhã này, nơi ngươi sẽ phải chịu sự xấu hổ và những đau khổ. Vì ngươi sẽ phải chịu sự xấu hổ tột cùng khi bị ép phải cởi bỏ quần áo; ngươi sẽ phải trải qua những đau khổ tột cùng khi bị tra tấn. Vì vậy, ta khuyên ngươi như thế này: hãy dâng lễ vật lên các vị thần, khi đó ngươi sẽ thoát khỏi mọi điều ác.

Nghe vậy, vị thánh nữ đáp lại:

– Sự trần truồng của tâm hồn còn khiến tôi xấu hổ hơn nhiều so với sự trần truồng của thân xác; những cực hình vĩnh cửu còn nặng nề hơn gấp bội so với những cực hình tạm thời; tôi coi thường việc bị lột trần, vì tôi đã mặc lấy Đức Kitô; tôi không sợ bàn tay của những kẻ tra tấn, vì tôi đã cùng chịu đóng đinh với Đức Kitô. Hãy làm gì tùy ý, hỡi kẻ tra tấn; ngươi không thể ép buộc ta từ bỏ Chúa Kitô của ta bằng bất cứ cách nào.

Lúc đó, Lysius ra lệnh lột trần bà và đánh đập bà, giống như cách họ đã đánh đập anh trai bà, Thánh Zinovius. Không dừng lại ở đó, kẻ tra tấn ra lệnh chuẩn bị một chiếc giường sắt nung đỏ, đặt cả hai vị thánh lên đó và đốt lửa dưới chân họ:

– Hãy để – hắn nói – Chúa Kitô đến đây và giúp các ngươi đi.

Các thánh đáp lại:

– Chúa Kitô của chúng tôi đang ở cùng chúng tôi, ngươi không thể nhìn thấy Ngài; Ngài tưới mát chúng tôi từ trời bằng sương ân sủng của Ngài, nên chúng tôi không cảm thấy những cực hình này.

Sau đó, các thánh bị ném vào nồi nước sôi, nhưng ngay cả ở đó họ cũng không hề hấn gì: họ đứng đó, như thể đang ở trong nước mát, và hát thánh vịnh của Đa-vít: "Nhưng Ngài sẽ cứu chúng con khỏi kẻ thù và làm nhục những kẻ ghét chúng con." Thấy vậy, tên tra tấn ra lệnh dẫn họ ra ngoài thành và chặt đầu họ tại đó. Với niềm vui khôn tả, các thánh bước đi đón nhận cái chết; khi đến nơi hành hình, họ bắt đầu cầu nguyện như sau:

– Chúng con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của chúng con, vì Ngài đã ban cho chúng con cơ hội được thực hành việc lành, hoàn tất cuộc đời, và giữ vững đức tin. Xin cho chúng con được dự phần vào vinh quang của Ngài, xin xếp chúng con vào hàng ngũ các thánh đã làm đẹp lòng Ngài. Ngài được chúc tụng muôn đời.

Khi các thánh kết thúc lời cầu nguyện, một tiếng nói từ trời vang lên, hứa ban cho họ vương miện và kêu gọi họ đến nơi an nghỉ vĩnh cửu. Trong khi đó, các binh lính tiến lại gần và chém đầu họ. Sau những đau khổ ấy, họ rời bỏ trần gian và được rước lên thiên đàng[7436] . Thi thể các thánh nằm trên mặt đất suốt cả ngày mà không được chôn cất; khi đêm xuống, linh mục Hermogenes đã bí mật mang thi thể các ngài đi và đặt vào cùng một quan tài. Vì vậy, các thánh này giờ đây không ngừng tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng được muôn loài tôn vinh, bây giờ, hiện tại và đến muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Những chứng nhân chân chính, những người rao giảng đức tin, cả hai cùng an nghỉ xứng đáng trong những bài ca thánh thiện, Zinovy cùng với Zinovy khôn ngoan, đã cùng sống và cùng bước đi, và đã nhận lấy vương miện tử đạo bất diệt.

Lễ kính Thánh nữ Tử đạo Evtropia

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 10

Thánh Eutropia đã bị cáo buộc trước quan tổng trấn Apellian rằng bà đến thăm và củng cố đức tin cho các Kitô hữu đang bị giam cầm trong ngục tối. Vì thế, bà bị treo cổ và thi thể bà bị thiêu đốt bằng nến, nhưng bà đã chịu đựng sự tra tấn ấy như thể đó không phải là ngọn lửa, mà là nước. Và tất cả những người xung quanh bà, kể cả những binh lính tra tấn bà, đều nhìn thấy rõ một người đàn ông đáng sợ, người đã làm nguội ngọn lửa và làm rơi sương xuống trên vị thánh tử đạo. Giữa những cực hình như vậy, bà đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[7437] .

Lễ kính các Thánh Tông đồ Tertius, Marc, Justus và Artema

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 10

Thánh Tertius là người đã chép thư của Thánh Phaolô gửi cho người Rôma, trong đó ngài nói về chính mình như sau: *"Tôi, Tertius, người đã chép thư này, xin chào các anh em trong Chúa"* (Rm 16,22). Ngài là vị giám mục thứ hai, sau Sosipater[7438] , tại Iconium, nơi ngài đã chịu tử đạo.

Thánh Mác-cô, cháu trai của Thánh Tông đồ Ba-na-ba, là giám mục tại Apollonia[7439] , người mà Thánh Tông đồ Phao-lô đã nhắc đến trong thư gửi tín hữu Cô-lô-se: *"Chúng tôi gửi lời chào đến các anh em qua Aristarchus, người đang bị giam cùng với tôi, và Mác, cháu trai của Barnaba, (người mà các anh em đã nhận được chỉ thị: nếu anh ấy đến với các anh em, hãy tiếp đón anh ấy)"* (Col 4:10).

Thánh Justus từng là giám mục tại Eleutheropolis; thánh Artemas – tại Lystra[7440] . Thánh Tông đồ Phaolô đã nhắc đến vị này trong Thư gửi Tít: "Khi tôi sai Artemas hoặc Tích-ca đến với anh, hãy mau chóng đến gặp tôi" (Tít 3:12).

Lễ kính Thánh Marcian, Giám mục Syracuse

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 10

[7436] Họ đã an nghỉ trong Chúa vào ngày 30 tháng 10 năm 285.
[7437] Ngài qua đời tại Alexandria vào khoảng năm 260.
[7438] Ngày tưởng niệm ngài là ngày 10 tháng 11 và ngày 4 tháng 1
[7439] Trong thời cổ đại, có một số thành phố mang tên này: một thành phố ở Sicily, một thành phố ở Illyria (người dân nơi đây được gọi là Apolloniates), một thành phố ở Thrace, một thành phố ở Chalcedon, v.v.
[7440] Lystra – một trong những thành phố của Lycaonia; tại đây, Thánh Phaolô đã chữa lành cho một người què, và những người ngoại đạo, khi chứng kiến phép lạ này, đã coi ngài và Thánh Barnaba là các vị thần.

Thánh Giám mục Marcian, môn đệ của Thánh Tông đồ Phêrô, sau khi từ Antiôkhia đến Syracuse, một thành phố trên đảo Sicily[7441] , chỉ bằng lời cầu nguyện đã phá hủy các đền thờ thần tượng và dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô, biến họ thành con cái của ánh sáng, đồng thời thực hiện nhiều phép lạ. Ngài đã bị người Do Thái giết hại vì Chúa Kitô[7442] .

Ngày 13 tháng 11

31 tháng 10 (theo lịch cũ)

Tháng 11

Lễ kính Thánh Tử đạo Epimachus

Ngày tưởng niệm 31 tháng 10

Thánh Tử đạo Epimachus, con trai của những người Kitô hữu đạo đức, xuất thân từ Ai Cập; ngay từ thuở thiếu thời, ngài đã yêu mến Thiên Chúa bằng cả trái tim và ấp ủ ý định tốt lành là phụng sự Ngài, Đấng Duy Nhất. Học theo gương Thánh Gioan Tẩy Giả, ngài đã lên sa mạc và ở lại trên núi Pelusium[7443] trong một thời gian dài.

Ngài không có vị Thánh Cha nào làm người hướng dẫn, nhưng chính Thánh Thần là Đấng dẫn dắt ngài trong cuộc sống khắc nghiệt và hoang dã ấy; tình yêu dành cho Thiên Chúa đã nâng đỡ và củng cố ngài trong cuộc hành trình gian nan này. Vì chỉ có tình yêu dành cho Thiên Chúa mới có thể dạy con người về đức hạnh hơn bất cứ điều gì khác; chính tình yêu ấy đã thúc đẩy các thánh tông đồ từ bỏ mọi sự và theo chân Chúa, Đấng không có của cải trần gian; chính tình yêu ấy cũng đã truyền cảm hứng cho các vị thánh tổ, những người *"lang thang khắp các sa mạc và núi non, các hang động và khe núi trên đất"* (Hê-bơ-rơ 11:38); được thúc đẩy bởi tình yêu này, các vị tử đạo nam nữ đã can đảm chịu đau khổ vì Đấng Christ, kêu lên: "Con yêu mến Ngài, Chồng yêu dấu của con, và vì tìm kiếm Ngài, con chịu đau khổ". Tình yêu này cũng đã dạy Thánh Epimachus chịu đựng những thử thách và lao nhọc trong sa mạc, vượt qua mọi tai ương từ những kẻ thù vô hình, sống thánh thiện trong Chúa, và sẵn sàng chết vì Ngài. Sau nhiều năm sống ẩn dật trong sa mạc, Thánh Epimachus được biết rằng các Kitô hữu tại Alexandria đang phải chịu sự đàn áp dữ dội; trong đó, một số môn đệ của Chúa Kitô, vì sợ những cực hình tàn bạo, đã ẩn náu trong núi non và sa mạc, còn những người khác thì sa ngã khỏi đức tin. Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành dành cho Thiên Chúa, vị ẩn sĩ thánh thiện đã rời bỏ sa mạc của mình và lên đường đến Alexandria, mong muốn dùng chính máu mình để làm chứng cho Đức Kitô, chịu đau khổ vì Chúa và qua đó củng cố những người yếu đuối. Khi đến Alexandria, ngài chứng kiến những hình phạt tàn bạo mà những kẻ thờ thần tượng vô đạo đang giáng xuống các tín hữu; với nỗi đau xót tận đáy lòng, ngài nhận thấy sự tà ác của ma quỷ đã gia tăng mạnh mẽ, và nhiều Kitô hữu đang dao động; những kẻ ngoại đạo thậm chí còn làm ô uế đền thờ của Chúa. Thấy cảnh đó, vị thánh can đảm bước vào đền thờ tà thần. Lúc bấy giờ, nhân dịp lễ hội ngoại đạo, nơi đó có rất đông người; Thánh Epimachus, trước mặt mọi người, đã dũng cảm lật đổ các tượng thần xuống đất và đập nát chúng. Những kẻ ngoại đạo lập tức bắt giữ ngài và dẫn ngài đến trước quan tổng trấn Apellian. Thấy vị thống đốc đang ngồi trên ghế xét xử và kết án các Kitô hữu phải chịu cực hình, vị thánh dũng cảm lao tới nhằm đánh gục kẻ vô thần ấy; và Apellian đã không thể thoát khỏi bàn tay của Thánh Epimachus nếu như những người đứng xung quanh không giữ chặt vị thánh lại: đó là lòng nhiệt thành vì Chúa Thiên Chúa mà vị tu sĩ đã thể hiện. Vị thống đốc ngạc nhiên trước sự táo bạo của người đàn ông mặc bộ quần áo rách rưới. Ông ra lệnh đưa ngài vào ngục tối và giam giữ ở đó cho đến khi quyết định sẽ tra tấn ngài bằng hình thức nào.

[7441] Sicily là một trong những hòn đảo lớn của Địa Trung Hải, nằm gần bán đảo Apennine; Syracuse là một trong những thuộc địa Hy Lạp đầu tiên trên bờ đông của hòn đảo, theo truyền thuyết được người Corinth thành lập vào khoảng năm 746 trước Công nguyên, sau này trở thành thành phố lớn nhất và giàu có nhất trên đảo.

[7442] Thánh Marcian, sau khi đến đảo Sicily, đã định cư trong một hang động gần thành phố Syracuse và truyền bá đức tin vào Chúa Kitô một cách thành công. Hiện nay, di cốt của ngài được an táng tại Gaeta (một cảng và pháo đài ở Ý).

[7443] Tại Hạ Ai Cập, gần sông Nile.

Lúc bấy giờ, trong ngục có rất nhiều tín hữu, bị giam giữ vì đã xưng danh Chúa Kitô vĩ đại; Thánh Epimachus đã củng cố tinh thần cho tất cả họ để sẵn sàng chịu tử đạo; lời khuyên nhủ của ngài đã khích lệ và truyền cảm hứng cho các tín hữu, đến nỗi không ai trong số họ sợ hãi hay từ bỏ đức tin, mà tất cả đều vui vẻ đổ máu vì Đức Chúa Trời chân thật, và sau khi trải qua đủ loại cực hình tàn bạo, tất cả họ đều dâng linh hồn mình lên Chúa. Cuối cùng, Thánh Epimachus cũng phải chịu những cực hình tàn bạo vì không chỉ tin vào Chúa Kitô, làm gián đoạn lễ hội của họ, mà còn giơ tay chống lại chính vị thống đốc, với ý định giết ông ta. Ban đầu, vị thánh bị treo cổ và bị cào xé bằng những móng vuốt sắt, sau đó họ ném đá vào ngài, làm vỡ nát xương cốt ngài, còn ngài trong cơn đau đớn đã kêu lên:

– Nếu Chúa Giêsu Kitô của tôi đã bị đóng đinh, bị đâm bằng giáo và uống giấm vì tôi, thì chẳng phải tôi cũng phải được dự phần vào những đau khổ của Ngài sao? Ta muốn các ngươi gây ra cho ta những cực hình còn khủng khiếp hơn những điều này: hãy tát vào mặt ta, nhổ nước bọt vào ta, đội vương miện gai lên đầu ta, trao cây gậy vào tay ta, cho ta uống mật đắng khắp thân thể, phủ đầy vết loét lên người ta, đóng đinh ta lên thập tự giá và đâm ta bằng giáo. Những gì Chúa của tôi đã chịu đựng, tôi cũng muốn chịu đựng.

Rất đông người đứng xung quanh và chứng kiến những đau khổ của Thánh Epimachus. Trong đám đông lúc đó có một người phụ nữ chỉ nhìn được bằng một mắt, vì mắt kia của bà bị đục thủy tinh thể. Nhìn thấy những đau khổ của vị thánh, bà đã khóc. Lúc đó, một giọt máu của vị thánh tử đạo bắn ra và rơi trúng vào mắt bị bệnh của bà. Ngay lập tức, con mắt ấy được chữa lành, đến nỗi bà có thể nhìn thấy bằng con mắt đó như những người khác. Trước phép lạ chữa lành kỳ diệu này, người phụ nữ đã thốt lên:

– Đức Chúa Trời thật vĩ đại, Đấng mà người chịu khổ này đang tuyên xưng.

Sau đó, những kẻ tra tấn đã chém đầu vị tử đạo của Chúa Kitô. Như vậy, thánh Epimachus đã dâng linh hồn lên Chúa, Đấng mà ngài đã chịu khổ vì Ngài một cách dũng cảm đến thế[7444] .

Lễ kính các thánh tông đồ Stachius, Amilius, Urvanus, Narcissus, Apellius và Aristobulus

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 10

Thánh Stachius được Thánh Tông đồ Anrê tấn phong làm giám mục tại Byzantium; cùng với ngài, Thánh Stachius đã xây dựng một nhà thờ tại Argyropolis[7445] ; sau khi quy tụ được nhiều tín hữu tại đây, ngài đã giảng dạy cho họ các điều răn của Chúa Kitô. Ngài đã tận tụy phục vụ suốt mười sáu năm và sau những công lao đó, ngài đã dâng linh hồn mình lên Chúa. Chính Thánh Tông đồ Anrê đã tấn phong Ampli và Urvan làm giám mục – Ampli tại Diospolis[7446] , còn Urvan tại Macedonia.

Họ nhiệt thành rao giảng giáo lý của Chúa Kitô và phá hủy nhiều đền thờ thần tượng; điều này đã khiến người Hy Lạp và người Do Thái chống lại họ.

Những kẻ thù của đức tin Kitô giáo này đã tra tấn các thánh tử đạo, những người đã được ban tặng vương miện bất diệt.

Narcissus, Apellius và Aristobulus cũng đã rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô: Narcissus tại Athens, Apellius tại Heraclea, Aristobulus tại Britannia; những vị thánh này, sau nhiều gian khổ và công lao, đã dâng linh hồn mình lên Chúa.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Như những kho tàng thiêng liêng của Thánh Thần Toàn Thánh, và ánh sáng rực rỡ của Mặt Trời Vinh Quang, chúng ta hãy ca ngợi các vị tông đồ khôn ngoan: Apellius, Urvan, Aristovulus, Amplias, Narcissus và Stachys: những người đã nhận được ân sủng của Thiên Chúa chúng ta.

[7444] Thánh đã chịu tử đạo vào khoảng năm 250.

[7445] Argyropolis, ngày nay là Fundukli, một vùng ngoại ô của Constantinople, gần Pera và Galata.

[7446] Diospol nằm ở Palestine, phía tây bắc Jerusalem.

Cuộc đời của các vị thánh Spiridon và Nicodemus

Ngày tưởng niệm: 31 tháng 10

Mọi linh hồn được chiếu sáng bởi ân sủng từ trên cao đều trở nên đơn sơ (Châm Ngôn 11:26), trong đó không có sự gian dối hay nịnh hót, nó là bình chứa và nơi ngự của chính Thiên Chúa. Vì thế, vị Tông đồ đã nói: *"Đức Chúa Trời đã chọn những kẻ yếu đuối của thế gian để làm nhục những kẻ mạnh"* (1 Cô-rinh-tô 1:27)

Thánh Spiridon, vị cha đáng kính của chúng ta, cũng thuộc số những người được chọn ấy. Vị thánh phúc lành này xuất thân từ một làng quê nào đó, ngài không được học chữ, cũng không giỏi ăn nói, nhưng lại vĩ đại nhờ trí tuệ thiêng liêng và những việc làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Với lòng kính sợ Chúa, nguồn gốc của mọi sự khôn ngoan, ngài đã đến Tu viện Pechersk và bắt đầu sống một đời tu hành khắc khổ tại đây. Dù không biết chữ, ngài vẫn bắt đầu học chữ, dù tuổi đã không còn trẻ. Ngài đã học thuộc lòng và ghi nhớ tất cả các Thánh vịnh của Đa-vít do Chúa linh hứng. Vị thánh tu hành này đã nỗ lực không ngừng nghỉ và lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn mình; ngài có một thói quen đạo đức: mỗi ngày ngài đều hát Thánh vịnh của Đa-vít và không ngừng nghỉ cho đến khi hoàn thành toàn bộ Thánh vịnh trong cùng một ngày. Vị tu viện trưởng lúc bấy giờ là Pimen, người ăn chay, thấy rằng Thánh Spiridon nổi bật bởi sự khiêm nhường và cần cù, luôn sống trong sự ăn chay và cầu nguyện, và trong mọi việc đều vô tì vết, nên đã giao cho ngài một nhiệm vụ được Thiên Chúa chấp nhận: nướng bánh mì được dâng lên trong Thánh Lễ để làm Bánh Thánh, tức là bánh prosphora. Thánh Spiridon, sau khi định cư trong lò bánh, vẫn không từ bỏ những việc tu hành thiêng liêng trước đây của mình, và bắt đầu thực hiện nhiệm vụ được giao phó với tất cả lòng kính sợ và sự kính trọng đối với Thiên Chúa. Biết rằng công việc của đôi tay mình dành cho của lễ tinh khiết và vô tì vết do linh mục dâng lên, ngài thực hiện công việc đó trong khi miệng ngợi khen Thiên Chúa: dù đang chặt củi hay nhào bột, ngài luôn cất tiếng hát các Thánh vịnh của Đavít, để hàng ngày, theo thói quen của mình, đọc hết toàn bộ Sách Thánh vịnh.

Một lần nọ, trong khi đang làm công việc thường ngày, vị tu sĩ thánh thiện này đã nhóm lò để nướng bánh thánh. Bỗng nhiên, ngọn lửa bùng lên từ miệng lò và lan rộng ra mái nhà nơi vị thánh đang ở. Thánh Spiridon, lấy áo choàng của mình, dùng nó che miệng lò, rồi thắt chặt ống tay áo của chiếc áo lông cừu, vội vã mang nó đến giếng; sau khi múc đầy nước, ngài nhanh chóng quay lại, tập hợp các tu sĩ và xin họ giúp dập tắt đám cháy. Khi tập hợp lại, các tu sĩ đã chứng kiến một hiện tượng kỳ diệu: chiếc áo choàng mà vị thánh đã dùng để che miệng lò không hề bị lửa thiêu rụi, và nước trong túi da cũng không chảy ra ngoài. Các tu sĩ đã nhanh chóng dập tắt ngọn lửa đang thiêu rụi tòa nhà bằng nước mang đến và hân hoan ngợi khen Thiên Chúa. Thánh Spiridon có một người đồng hành trong các công việc, đó là một tu sĩ tên là Nicodemus; ông hoàn toàn đồng lòng với Thánh Spiridon trong mọi việc. Giống như vị thánh này, Thánh Nicodemus cũng cầu nguyện nhiệt thành và cùng chia sẻ những công việc thể xác với ngài.

Các vị tu sĩ này đã tận tụy và trung thành phục vụ trong suốt ba mươi năm, thực hiện nhiệm vụ của mình – nướng bánh thánh – một cách trong sạch và vô tì vết. Vì vậy, khi qua đời trong đức tin vững vàng[7447] , họ được tràn ngập vinh quang của Thiên Chúa, mà họ chiêm ngưỡng không phải dưới hình thức bánh thánh được dâng lên, mà là mặt đối mặt; nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của họ, xin cho chúng ta cũng được no nê xứng đáng bánh sự sống – ân sủng và vinh quang của Đức Giêsu Kitô; chính Ngài, cùng với Thiên Chúa Cha và Thánh Thần, xứng đáng nhận được vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Ngày 14 tháng 11

Ngày 1 tháng 11 (theo lịch cũ)

[7447] Họ đã qua đời trong sự thanh thản vào khoảng giữa thế kỷ XII. Xác thánh của họ được an nghỉ trong hang động của Thánh Antôn.

Cuộc đời và các phép lạ của các thánh Kosmas và Damian, những vị thánh không ham tiền và làm phép lạ

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 11

Các thánh Cosmas và Damian, hai anh em ruột, xuất thân từ châu Á[7448] Cha của họ là người ngoại đạo, còn mẹ họ, tên là Theodota, là người Kitô hữu. Sau khi chồng qua đời, bà sống cuộc đời góa bụa và dành thời gian để tận tụy phụng sự Chúa Kitô, bà đã cống hiến cả cuộc đời mình để làm đẹp lòng Thiên Chúa. Bà chính là người góa phụ mà Thánh Tông Đồ đã ca ngợi: *"Người góa phụ chân chính và cô độc đặt niềm tin vào Thiên Chúa và ngày đêm không ngừng cầu nguyện"* (1 Tm 5,5). Bản thân sống theo ý Chúa, bà cũng dạy dỗ các con yêu quý của mình, Cosmas và Damian, theo gương đó, vì bà đã nuôi dạy các con trong sự hướng dẫn tốt lành về đức tin Kitô giáo và việc nghiên cứu Kinh Thánh, đồng thời rèn luyện các con về mọi đức tính tốt. Khi đã trưởng thành và vững vàng trong đời sống trong sạch theo luật Chúa, Cosmas và Damian như hai ngọn đèn trên đất, tỏa sáng bằng những việc lành. Họ đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng chữa lành và mang lại sức khỏe cho cả linh hồn lẫn thể xác, chữa trị mọi bệnh tật, xoa dịu mọi chứng bệnh và mọi vết thương nơi con người, đồng thời xua đuổi các thần ác. Họ không chỉ giúp đỡ con người mà còn cả gia súc, và không đòi hỏi bất cứ điều gì từ ai về việc này: vì họ làm tất cả những điều đó không phải vì lợi nhuận, không phải để làm giàu bằng vàng bạc, mà là vì Đức Chúa Trời, mong muốn thể hiện tình yêu của mình đối với Ngài qua tình yêu dành cho người lân cận. Họ không tìm kiếm vinh quang cho chính mình qua việc chữa bệnh giữa loài người, mà là vinh quang của Đức Chúa Trời, và họ chữa lành các bệnh tật để tôn vinh danh Chúa, Đấng đã ban cho họ quyền năng chữa lành ấy. Họ chữa lành bệnh tật không phải nhờ thảo dược, mà chủ yếu nhờ danh Chúa, không đòi hỏi tiền bạc hay phần thưởng, hoàn toàn miễn phí, để thực hiện lời răn của Đức Kitô: *"Các con đã nhận được miễn phí, hãy ban phát miễn phí"* (Mt 10,8)[7449] . Chính vì thế, họ được các tín hữu gọi là những vị bác sĩ không đòi hỏi thù lao và những người không ham mê tiền bạc. Sau khi sống một cuộc đời đầy đức hạnh như vậy, họ đã qua đời trong bình an và đạo đức. Họ được tôn vinh nhờ nhiều phép lạ không chỉ trong suốt cuộc đời mà còn sau khi qua đời, và họ là những vị trung gian đầy lòng nhân ái và những vị chữa lành tốt lành cho các bệnh tật của chúng ta, cả về tâm hồn lẫn thể xác.

Có một câu chuyện kể về lòng không tham lam và việc chữa bệnh không lấy tiền của các ngài như sau.

Có một người phụ nữ tên là Palladia, đã nằm liệt giường nhiều năm và không nhận được sự giúp đỡ nào từ các bác sĩ khác nhau. Nghe nói về các thánh Cosmas và Damian, rằng họ chữa lành mọi bệnh tật, bà đã gửi người đến xin họ đến thăm bà trước khi qua đời. Các thánh, đáp lại lời thỉnh cầu này, đã đến nhà bà, và ngay lập tức, nhờ đức tin của mình, người phụ nữ này đã được chữa lành nhờ sự hiện diện của các vị thánh bác sĩ và đứng dậy khỏe mạnh, ngợi khen Thiên Chúa vì đã ban cho các tôi tớ của Ngài ân sủng chữa lành như vậy. Để bày tỏ lòng biết ơn đối với các vị bác sĩ của mình vì ân huệ này, bà muốn tặng họ một món quà. Nhưng họ không nhận bất cứ thứ gì, bao giờ cũng vậy và từ bất kỳ ai, vì họ không bán ân sủng mà họ nhận được từ Thiên Chúa. Người phụ nữ quyết định nài nỉ, ít nhất là một trong số họ, để người đó nhận từ bà một món quà nhỏ nhất; cô mang theo ba quả trứng, lén đến gặp Thánh Damian và thề trước mặt Chúa rằng ngài hãy nhận ba quả trứng này từ cô nhân danh Chúa Ba Ngôi. Damian, khi nghe đến danh xưng Chúa Ba Ngôi, đã nhận món quà nhỏ này từ người phụ nữ, vì lời thề trọng đại mà cô đã thề với ngài. Thánh Cosmas, sau khi biết chuyện này, đã rất buồn bã và trước khi qua đời, ngài đã lập di chúc rằng không được chôn cất Damian bên cạnh ngài, vì ngài đã vi phạm điều răn của Chúa và nhận phần thưởng từ người phụ nữ đó để đổi lấy việc chữa lành.

Thánh Kosmas đã an nghỉ trong Chúa, và theo thời gian, giờ lâm chung của Damian cũng đến, và ngài đã ra đi từ cuộc sống tạm bợ này sang cuộc sống vĩnh cửu.

[7448] Asia, hay còn gọi là Asia – tên gọi này trong thời cổ đại không được sử dụng với cùng một ý nghĩa. Ban đầu, nó chỉ một đồng bằng nhỏ, nhiều nước, đầm lầy ở Lydia, tức là phần giữa của phía tây bán đảo Tiểu Á ngày nay, trên bờ đông Biển Aegean. Người La Mã chia bán đảo nói trên thành hai phần gần như bằng nhau: phần phía đông bắc, nằm bên Biển Đen, được gọi là Pontus; phần phía tây nam được gọi là Asia; mỗi phần lại được chia thành một số (không phải lúc nào cũng bằng nhau) tỉnh; theo truyền thống Kitô giáo, mỗi tỉnh này, về mặt giáo hội, lại được chia thành một số giáo phận (ngay trong Sách Khải Huyền đã đề cập đến 7 Hội Thánh ở Á-si-a – Khải Huyền 1:4–11). Theo thời gian, tên gọi "Á" dần được áp dụng cho toàn bộ bán đảo Tiểu Á ngày nay, và cuối cùng – cho toàn bộ khu vực thế giới nằm ở phía đông châu Âu của chúng ta, trên cùng một lục địa với châu Âu.

[7449] Từ "tune" có nghĩa là "miễn phí", "không tính tiền".

Mọi người lâm vào tình thế khó xử – không biết chôn cất Damian ở đâu, vì họ biết về di chúc của Thánh Kosma và không dám chôn anh trai của ngài bên cạnh ngài.

Trong lúc họ còn đang bối rối, bỗng nhiên một con lạc đà xuất hiện – con vật trước đây bị quỷ ám và đã được các thánh chữa lành. Nó cất tiếng nói bằng giọng người, bảo họ đừng ngần ngại an táng Damian bên cạnh Cosmas, vì ngài đã nhận ba quả trứng từ người phụ nữ ấy không phải vì phần thưởng, mà là vì danh Chúa.

Như vậy, thi hài thiêng liêng của hai vị đã được an táng cùng nhau, tại nơi được gọi là Fereman[7450] .

Một lần nọ, vào mùa gặt, một người dân địa phương ra đồng gặt lúa. Kiệt sức vì nắng gắt và định nghỉ ngơi, ông ta đi đến dưới gốc cây sồi, nằm xuống và ngủ say sưa. Trong lúc ngủ, một con rắn bò vào miệng ông ta khi miệng đang mở. Khi tỉnh dậy, người nông dân ban đầu không cảm thấy đau đớn gì, nên anh ta lại tiếp tục làm việc trên cánh đồng của mình. Tuy nhiên, khi chiều tối buông xuống, khi người nông dân về nhà và sau bữa tối nằm lên giường, anh ta bỗng cảm thấy cơn đau khủng khiếp vì con rắn đã bắt đầu gặm nhấm nội tạng của anh ta. Không chịu nổi cơn đau, người bệnh bắt đầu la hét, khiến cả nhà thức giấc. Mọi người trong nhà chạy đến bên người bệnh và chứng kiến cảnh anh ta đau đớn tột cùng, nhưng không thể làm gì để giúp đỡ; họ thậm chí còn không hiểu đó là bệnh gì. Lúc đó, người bệnh, không nhận được sự giúp đỡ nào từ những người xung quanh, đã cầu khẩn hai vị thánh bác sĩ Kosma và Damian và kêu lên: "Các vị thánh bác sĩ Kosma và Damian, xin hãy giúp con!" Các thánh lập tức vội vã đến giúp đỡ: người bệnh chìm vào giấc ngủ sâu, và trong lúc ngủ, một con rắn bò ra khỏi miệng anh ta. Những người chứng kiến phép lạ này đều kinh hoàng và ca ngợi các vị thánh. Khi con rắn bò ra, người đàn ông đó lập tức tỉnh dậy và, nhờ sự giúp đỡ của các vị thánh bác sĩ không màng tiền bạc, đã hoàn toàn bình phục.

Tại nơi đó còn có một người đàn ông khác tên là Malch. Ông sống gần nhà thờ các vị thánh bác sĩ Cosmas và Damian ở Feraman. Với ý định lên đường đi xa, ông dẫn vợ đến nhà thờ và nói với bà:

– Này, ta sắp lên đường đi xa, ta giao phó em cho sự che chở của Cosmas và Damian: em hãy ở nhà cho đến khi ta gửi cho em dấu hiệu đã hẹn trước về ta, mà em sẽ nhận ra đó là của ta. Và nếu Chúa muốn, ta sẽ gửi dấu hiệu đó cho em và đưa em về bên ta.

Sau khi giao phó vợ mình cho các thánh như vậy, Malch lên đường. Vài ngày trôi qua, Ác quỷ hóa thân thành một người quen nào đó và đến gặp vợ của Malch, rồi chỉ cho cô ấy dấu hiệu mà chồng cô đã nhắc đến khi nói: "Ta sẽ gửi cho em dấu hiệu và đưa em về bên ta."

Khi cho cô ấy xem dấu hiệu này, Ác quỷ ra lệnh cho cô ấy đi theo hắn đến gặp chồng.

– Chồng chị – hắn nói – đã cử tôi đến đón chị về với anh ấy.

Người phụ nữ đáp:

– Tôi biết dấu hiệu này, nhưng tôi không muốn đi, vì tôi đã được giao phó cho các thánh Cosmas và Damian, những vị thánh không ham tiền; và nếu ngươi muốn tôi đi cùng ngươi đến gặp chồng tôi, thì hãy đi cùng tôi đến nhà thờ của các thánh, nắm lấy mép bàn thờ và thề với tôi rằng ngươi sẽ không gây ra bất kỳ điều ác nào cho tôi trên đường đi.

Quỷ dữ đã hứa như vậy và, khi cùng nàng đến nhà thờ, hắn nắm lấy mép bàn thờ và thề rằng:

– Ta thề bằng quyền năng của Thánh Cosmas và Thánh Damian, – ta sẽ không gây hại gì cho nàng trên đường đi, mà sẽ đưa nàng đến gặp chồng nàng.

Người phụ nữ, nghe lời thề đó, đã tin vào con quỷ dối trá đang hiện thân dưới hình dạng một người quen, và đi theo hắn lên đường. Kẻ dụ dỗ, sau khi bắt được nàng, đã dẫn nàng đến một nơi hoang vắng và không thể đi qua được, và định làm nhục rồi giết nàng tại đó. Nàng, thấy mình lâm vào cảnh khốn cùng tột độ, ngước mắt lên trời và kêu cầu từ tận đáy lòng lên Chúa, nói rằng:

– Lạy Chúa, nhờ lời cầu nguyện của các thánh Kosmas và Damian của Ngài, xin hãy giúp con và mau chóng giải cứu con khỏi tay tên sát nhân này!

Và ngay lập tức, những vị cứu tinh nhanh nhẹn, các thánh Kosmas và Damian, đã xuất hiện. Quỷ dữ, khi nhìn thấy họ, đã bỏ lại người phụ nữ và bỏ chạy; leo lên bờ cao, hắn lao mình xuống vực thẳm và biến mất, còn các thánh, sau khi đưa người phụ nữ đi, đã đưa cô về nhà.

Người phụ nữ cúi đầu chào họ và nói:

[7450] Fereman nằm ở Mesopotamia, cách Amid hai ngày đường (theo tiếng Thổ Nhĩ Kỳ gọi là Diyarbakir, ở thượng nguồn sông Tigris) và đã bị người Thổ Nhĩ Kỳ phá hủy trong những cuộc chinh phục đầu tiên của họ; khi đó, di cốt của các thánh Cosmas và Damian đã được chuyển đến Amid, nơi các ngài vẫn an nghỉ cho đến ngày nay.

– Tôi xin cảm ơn các ngài, những vị thánh của tôi, vì đã cứu tôi khỏi cái chết đau đớn. Tôi xin các ngài, hãy cho tôi biết các ngài là ai, để tôi biết phải cảm ơn ai cho đến cuối đời.

Họ đáp:

– Chúng tôi là những tôi tớ của Chúa Kitô, Kosma và Damian, người mà chồng cô đã giao phó cho chúng tôi trước khi lên đường, vì thế chúng tôi đã vội vã đến giúp cô và, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, đã giải cứu cô khỏi Ác quỷ.

Nghe vậy, người phụ nữ ngã quỵ xuống đất vì sợ hãi và vui sướng, còn các thánh thì bỗng chốc biến mất. Người phụ nữ kêu lên, ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa cùng các tôi tớ thánh của Ngài, Kosma và Damian. Khi đến nhà thờ, nàng quỳ sấp mặt xuống trước bức tượng các thánh với những giọt nước mắt và kể lại cho mọi người nghe những gì đã xảy ra – rằng Chúa đã ban ơn lành cho nàng nhờ những lời cầu nguyện của các vị thánh của Ngài. Nàng cầu nguyện bằng những lời như sau:

– Lạy Thiên Chúa của các tổ phụ chúng con, Áp-ra-ham, I-xa-ác, Gia-cóp và dòng dõi công chính của các ngài! Ngài đã dập tắt lò lửa cho ba thiếu niên, Ngài đã giúp đỡ tôi tớ Ngài là Tê-cla trên sân khấu công khai, con tạ ơn Ngài vì đã giải thoát cả con, kẻ tội lỗi này, khỏi lưới ma quỷ nhờ các thánh Cosmas và Damian, những người đã làm đẹp lòng Ngài. Con thờ lạy Ngài, Đấng thực hiện những phép lạ kỳ diệu và vinh quang, và con ngợi khen Ngài, Cha, Con và Thánh Thần, đến muôn đời. Amen.

Lễ kính các thánh tử đạo Cêsar và Dasius

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 11

Các thánh Cesarius và Dasius đã bị bắt giữ tại thành phố Damascus[7451] và phải chịu nhiều hình phạt tàn khốc, nhưng họ vẫn không từ bỏ đức tin Kitô giáo; vì thế, họ đã bị chém đầu bằng gươm và được ban vương miện tử đạo[7452] .

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Erminingeld, Hoàng tử Goth

Ngày kỷ niệm: 1 tháng 11

Erminingeld, con trai của vua Leovigild[7453] thuộc vương quốc Goth[7454] , đã được Giám mục Leander của Tây Ban Nha dẫn dắt từ tà giáo Arian[7455] trở về với đức tin Chính thống. Leovigild, vốn là một tín đồ Arian, đã rất buồn bã khi con trai mình từ bỏ tà giáo Arian, và cố gắng lôi kéo anh ta rời xa Chính Thống Giáo để quay trở lại

---

[7451] Damascus – thành phố thương mại lớn nhất và giàu có nhất của Syria; nằm về phía đông bắc Palestine, bên sông Barad chảy qua thành phố, trên một đồng bằng xinh đẹp và trù phú, ở chân phía đông dãy núi Anti-Lebanon. Hiện nay, Damascus, thuộc Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, là một trong những thành phố giàu có nhất châu Á và có tới 150.000 cư dân.

[7452] Các thánh đã chịu tử đạo khi thành Damascus bị người Hồi giáo chiếm đóng (thế kỷ VII). Danh sách những người chịu tử đạo cùng với các thánh Cêsarion và Dasius bao gồm: Savva, Savinian, Agrippa, Adrian và Thomas.

[7453] Ông trị vì vào nửa sau thế kỷ VI. Ông đã phong con trai mình, Thánh Erminigild, làm đồng trị vì, đồng thời chỉ định Seville làm nơi cư ngụ cho con trai, còn bản thân ông thì sống tại Toledo (các thành phố của Tây Ban Nha).

[7454] Người Goth sinh sống ở phía đông sông Danube và được chia thành hai nhánh là Ostgoth và Westgoth bởi sông Dniester. Từ thế kỷ III sau Công nguyên, họ bắt đầu có quan hệ với người La Mã, những người mà họ liên tục tấn công, và dần dần tiếp nhận Kitô giáo từ họ. Trong nửa sau của thế kỷ IV, bị người Hung Nô – những người di cư từ châu Á – ép buộc, người Tây Goth đã được phép định cư tại Thrace, trong lãnh thổ Đế chế La Mã, với điều kiện tất cả họ phải chấp nhận Kitô giáo. Tôn giáo này đã lan rộng trong cộng đồng họ dưới hình thức Arian giáo. Sau khi rời khỏi lãnh thổ Đế chế La Mã, người Visigoth đã mang theo phái Arian đến Tây Ban Nha, nơi họ thành lập nhà nước của mình vào năm 415. Chính tại đây, những sự kiện được trình bày trong cuốn tiểu sử này đã diễn ra sau đó.

[7455] Tên gọi của tà thuyết này bắt nguồn từ tên Arius, một linh mục tại Alexandria, sống vào thế kỷ IV. Với mong muốn loại bỏ khỏi giáo lý Kitô giáo về Ba Ngôi trong Thiên Chúa mọi điều vượt quá khả năng hiểu biết của lý trí, Arius dạy rằng Con Thiên Chúa không được sinh ra từ bản thể của Thiên Chúa Cha từ thuở đời đời, mà được Ngài tạo dựng từ hư vô trong thời gian, không đồng bản thể với Ngài và không đồng vinh quang. Trong tà thuyết này ẩn chứa sự phủ nhận quyết liệt về Thần tính của Chúa Giêsu Kitô và sự cứu chuộc của Ngài dành cho chúng ta; nói tóm lại, đó là sự lật đổ toàn bộ Kitô giáo. Chủ nghĩa Arian đã lan rộng mạnh mẽ cả ở phương Đông lẫn phương Tây Kitô giáo. Nó đã gây xáo trộn trong tâm trí mọi người và gây ra hỗn loạn trong Giáo hội trong một thời gian dài – ngay cả sau khi bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ nhất tại Nicêa vào năm 325. Tà thuyết này đã gặp phải đối thủ mạnh mẽ và nhiệt thành nhất của mình, cả tại công đồng lẫn sau đó, đó là Thánh Athanasius thành Alexandria.

tà giáo của mình. Ông thuyết phục con bằng những lời dịu dàng như một người cha, van nài và khuyên nhủ con từ bỏ đức tin Công giáo và suy nghĩ cùng quan điểm với ông, như trước đây. Khi thấy con trai mình kiên quyết không lay chuyển, ông bắt đầu dọa nạt con bằng những lời đe dọa về sự tra tấn và thương tích. Nhưng người con vẫn vững vàng trong đức tin như một cột trụ, không hề để ý đến cả những lời dỗ dành lẫn những lời đe dọa của cha mình. Leovigild, bùng lên cơn thịnh nộ dữ dội, trước hết đã tước đoạt ngai vàng, quyền đồng trị, quyền thừa kế và toàn bộ tài sản của con trai mình; sau đó, khi thấy tư tưởng của cậu vẫn không thay đổi, ông đã xiềng xích cổ, tay và chân cậu bằng xiềng sắt rồi ném cậu vào một ngục tối chật hẹp và u ám. Nhưng thánh Ermininged, dù còn trẻ về tuổi tác nhưng đã trưởng thành về trí tuệ: coi thường vương quyền trần thế, ngài hết lòng tìm kiếm vương quốc thiên đàng, và khi nằm bị xiềng xích trong ngục tối, ngài đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời toàn năng để Ngài củng cố lòng ngài trong nỗi đau khổ này. Khi lễ Phục Sinh vĩ đại đến gần, vua Leovigild đã triệu tập một vị giám mục Arian, rồi sai ông ta vào ban đêm đến gặp con trai mình trong ngục tối, để Ermininged nhận lễ rước Thánh Thể theo nghi thức Arian từ tay vị giám mục này : và nếu ngài nhận lễ rước đó, vua hứa sẽ khôi phục lại tình yêu thương và sự tôn kính của người cha như xưa. Nhưng vị thánh tử đạo, với sự phẫn nộ, đã từ chối vị giám mục Arian và dũng cảm vạch trần sự tà tín của ông ta, đuổi ông ta đi mà không nhận lễ rước Thánh Thể tà giáo. Ngài đã được rước Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô, những Bí tích Thánh khiết và ban sự sống, bởi một linh mục Chính Thống được Thánh Giám mục Leander bí mật cử đến; còn vị giám mục Arian thì trở về gặp cha mình trong sự xấu hổ và kể lại cho ông ta tất cả những gì đã nghe từ con trai. Lúc đó, nhà vua, tràn ngập cơn thịnh nộ không thể diễn tả và nghiến răng ken két, lập tức cử những người đáng tin cậy trong số các quan đại thần của mình, ra lệnh cho họ giết con trai mình là Ermininged trong ngục tối; những người đó đã đi và chém đứt đầu thánh thiện của chàng bằng rìu. Và người ta nghe thấy những giọng hát ngọt ngào nhất của các Thiên thần thánh ca hát trên thi thể thánh thiện của ngài, và vào ban đêm, người ta thấy những ngọn nến đang cháy sáng. Những người có đức tin, khi chứng kiến điều này, đã vui mừng và tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã tôn vinh người tôi tớ trung thành của Ngài bằng những phép lạ như vậy sau cái chết đầy đau khổ của ngài; còn những kẻ vô tín thì cảm thấy xấu hổ và kinh hoàng. Kẻ giết con – người cha, sau khi hối hận vì tội giết người vô cớ, đã lâm bệnh vì đau buồn; ông muốn từ bỏ Arian giáo và theo Chính Thống giáo, nhưng lại sợ những người Arian, và do đó không được xứng đáng được kể vào hàng ngũ những người chính thống. Khi cái chết sắp đến gần, ông đã kính cẩn mời đến gặp mình vị giám mục lúc bấy giờ là Leander – người mà trước đây ông không ưa và từng bức hại – đến bên mình một cách kính cẩn, và nài nỉ ngài hãy dùng giáo lý được Thượng Đế soi sáng trong Chính Thống Giáo để hướng dẫn con trai út của ông là Rechader – người mà ông đã chỉ định làm người kế vị vương quốc – giống như cách ngài đã làm với Ermingeld. Leovigild qua đời, và Rechader, sau khi lên ngôi, ngay lập tức chấp nhận đức tin chính thống, theo sự hướng dẫn của Thánh Giám mục Leander, và đã dẫn dắt toàn bộ vùng đất của người Goth[7456] – vốn trước đây đã bị nhiễm tà thuyết Arian – trở về với đức tin chân chính. Ông đã tôn vinh thi hài Thánh Ermininged, anh trai cả của mình, với sự tôn kính xứng đáng, như một vị tử đạo của Chúa Kitô, trên người mà lời Phúc Âm đã ứng nghiệm: *"Nếu hạt lúa mì rơi xuống đất mà không chết đi, thì nó sẽ chỉ còn một mình; nhưng nếu nó chết đi, thì sẽ sinh ra nhiều hoa trái"* (Ga 12,24). Vì vị tử đạo của Chúa Kitô, giống như hạt lúa mì, là người duy nhất trong dân tộc Goth đã chết vì Chúa Kitô, nhưng thành quả của cái chết ấy chính là đời sống Chính Thống của toàn thể dân tộc trên mảnh đất ấy: tất cả đều bắt đầu tin theo đạo Chính Thống vào Chúa Kitô là Thiên Chúa, Đấng đồng bản thể và đồng vinh quang với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần; vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

Lễ kính các thánh nữ tử đạo Kiriena và Iuliana.

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 11

Các thánh nữ Kiriena và Iuliana đã chịu tử đạo dưới triều đại của hoàng đế Maximian[7457] . Kiriena xuất thân từ thành phố Tarsus, vùng Cilicia, còn Iuliana thì từ thành phố Rossona[7458] . Vì tuyên xưng đức tin Kitô giáo,

[7456] Thánh Ermingeld đã chịu tử đạo vào năm 586, và vào năm 589, tại Công đồng Toledo, người Goth đã từ bỏ Arian giáo và chấp nhận Chính Thống giáo.

[7457] Ở đây tất nhiên là nói đến Maximianus Galerius, người ban đầu là đồng trị vì với Diocletianus, sau đó trở thành hoàng đế của phần phía đông Đế quốc La Mã từ năm 305 đến năm 311.

họ đã bị quan tổng trấn Marcian bắt giữ, người đã ép buộc họ từ bỏ Chúa Kitô. Vì sự kiên định trong đức tin chân chính, Marcian đã ra lệnh cho những binh lính vô đạo cắt tóc Kiriena, cắt mí mắt và, sau khi lột trần, dẫn bà đi vòng quanh thành phố Tarsus[7459] . Sau đó, bà cùng với Thánh Iuliana được đưa đến thành phố Rosson và bị thiêu sống.

Lễ kính các thánh tử đạo Gioan và Giacôbê

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 11

Các thánh Gioan và Giacôbê – người thứ nhất là giám mục, người thứ hai là linh mục – đã sống dưới thời vua Sapor của Ba Tư[7460] . Họ đã dẫn dắt nhiều người đến với đức tin, vì thế mà bị vua bắt giữ và phải chịu đủ mọi đau khổ và cực hình. Sau khi chịu tra tấn, họ bị chém đầu bằng gươm.

Ngày 15 tháng 11

Ngày 2 tháng 11 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Akin-din, Piga-si-a và An-em-po-di-sta

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 11

Khi vua Ba Tư Sapor[7461] , bị che mờ bởi sự thờ thần tượng[7462] và tràn đầy mọi sự bất chính, đã phát động một cuộc bách hại lớn đối với các Kitô hữu trong vương quốc của mình, thì vào thời điểm đó, trong số các quan lại triều đình của ông có ba Kitô hữu bí mật: Akin-din, Pigas-i và Anempodist. Họ thầm lặng phụng sự Chúa Kitô và nhờ những giáo lý bí mật của mình, họ đã dẫn dắt nhiều người đến với đức tin chân chính. Một số người đã vu khống ba vị thánh này trước mặt nhà vua, rằng họ không chỉ tự mình tin vào Đấng bị đóng đinh, mà còn lây lan đức tin đó cho người khác như một thứ độc dược.

Vua nói với những kẻ vu khống một cách giận dữ:

– Tại sao các ngươi, từ lâu đã biết về những người như vậy, lại không báo cáo với ta và không đưa họ đến trước mặt ta?

Họ đáp:

– Bệ hạ! Nếu Bệ hạ ra lệnh, chúng tôi sẽ lập tức đưa họ đến gặp Bệ hạ.

Nhà vua lập tức ra lệnh như vậy, và họ đi để bắt họ. Khi họ đến gần ngôi nhà nơi các thánh đang ở, họ thấy cửa bị khóa chặt; vì những tôi tớ trung thành của Chúa đang cầu nguyện và không muốn mở cửa cho những người đó, đang say sưa trò chuyện với Thiên Chúa. Họ đã phá cửa, bắt các thánh nhân, trói lại và dẫn đến trước mặt nhà vua.

[7458] Tarsus, thủ đô cổ xưa của Cilicia, một vùng ở phía đông nam Tiểu Á, nay là Tasso hoặc Tarsus. Thành phố này là quê hương của Thánh Phaolô. Rosson hoặc Ros – nằm hơi về phía bắc Antioch của Syria.

[7459] Theo cuốn "Lịch tháng" của Thánh Basil, Thánh Cyrene bị đưa đi trên lưng lừa trong tình trạng khỏa thân, và sau đó những đứa trẻ nhàn rỗi đã đánh bà bằng gậy. Nhưng nhờ những lời cầu nguyện của bà, Thánh Cyrene không hiện ra trước mặt mọi người trong tình trạng khỏa thân.

[7460] Sapor II, được biết đến với tên gọi "Đại đế", là vua Ba Tư, trị vì từ năm 310 đến năm 381 sau Công nguyên; ông nổi tiếng với những chiến thắng trước người La Mã; đồng thời là kẻ bách hại tàn bạo đối với Kitô giáo.

[7461] Trong Kinh Thánh, người Ba Tư được gọi là người Ê-la-mi, vì họ xuất thân từ Ê-la-mi, con trai của Si-mô. Họ sống ở châu Á, gần Vịnh Ba Tư (nằm giữa Bán đảo Ả Rập và lục địa). Vị vua Sa-por được nhắc đến ở đây – có lẽ là Sa-por II – đã sống vào thế kỷ IV. Ông có xu hướng coi các thần dân Kitô hữu là những đồng minh bí mật của kẻ thù mình – người La Mã. Sự tử đạo của các vị tử đạo Akin-din, Piga-si, Anem-po-dis và những người khác diễn ra vào năm 330 theo một số nguồn, và vào năm 345 theo các nguồn khác.

[7462] Người Ba Tư tôn sùng Mithra, hay Mặt Trời, là vị thần tối cao. Họ cũng thờ phụng lửa và công nhận hai vị thần: Ormuzd – Đấng sáng tạo mọi điều thiện lành – và Ahriman – thủ phạm của mọi điều ác. Người sáng lập tôn giáo này được coi là Zoroaster, còn cuốn kinh thánh chính của người Ba Tư là Zend-Avesta.

Nhà vua, khi nhìn thấy các thánh nhân, bắt đầu nhẹ nhàng hỏi họ:

– Các con từ đâu đến, hỡi các con của ta?

Các thánh đáp:

– Bệ hạ có phải đang hỏi chúng con về quê hương của chúng con chăng? – Quê hương và cuộc sống của chúng con chính là Ba Ngôi Thánh, Đồng Bản Thể và Không Thể Tách Rời: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, là Đức Chúa Trời Duy Nhất.

Vua nói:

– Các con thật là táo bạo, dám tuyên xưng một Đức Chúa Trời khác trước mặt ta, bởi vì các con chưa từng nếm trải những vết thương và đủ loại cực hình.

Các thánh đáp:

– Chúng tôi can đảm nhờ niềm tin vào Đức Chúa Trời của chúng tôi và sẵn sàng chịu mọi vết thương và sự tra tấn vì Ngài; nếu ngài không tin lời chúng tôi, hãy thử bằng hành động: hãy gây ra những vết thương, hãy gây ra những sự tra tấn nào ngài muốn, – và ngài sẽ thấy liệu chúng tôi có từ bỏ Đức Chúa Trời của chúng tôi hay không.

Khi các thánh nhân tiếp tục nói, ca ngợi Đức Chúa Trời Duy Nhất và vạch trần sự đa thần của nhà vua, thì nhà vua nổi giận và ra lệnh cho mỗi người trong số họ phải nằm sấp xuống đất, rồi để bốn người dùng gậy có gai đánh họ. Còn các thánh nhân, giữa những trận đòn, vẫn chúc tụng Đức Chúa Trời, đồng thanh nói:

– Xin hãy nhìn xuống, lạy Chúa, xin đừng im lặng và đừng rời xa chúng con, để mọi người đều nhận ra quyền năng của bàn tay phải Ngài, và chính Ngài, lạy Chúa, xin hãy giúp đỡ chúng con.

Trong khi các thánh nhân vẫn hát như vậy giữa những cực hình, những kẻ hành hình đã kiệt sức, và nhà vua đã cử những người khác đến để tiếp tục đánh họ. Họ đã đánh các vị tử đạo trong một thời gian dài, đến nỗi họ có thể đã chết vì những trận đòn kéo dài như vậy, nếu chính Thiên Chúa không duy trì sự sống cho họ. Nhà vua, khi thấy sự kiên nhẫn vững vàng của họ đến nỗi họ không la hét và không hề suy sụp, đã vô cùng ngạc nhiên; một nỗi kinh hoàng ập đến với ông, và ông ngã xuống khỏi ngai vàng. Các thánh nhân liền kêu lên với ông, nói rằng:

– Lạy Chúa của chúng con, Đấng đã ban sự sống cho ngài, nay lại củng cố ngài, để ngài có thể thấy qua chúng con quyền năng của Ngài.

Những người xung quanh tưởng rằng nhà vua đã chết vì tự sát, nên họ chạy đến và đỡ ông dậy. Ông đứng dậy trong tình trạng thoi thóp và vừa mới tỉnh lại. Sau đó, Sapor càng nổi giận hơn, vì nghĩ rằng các vị tử đạo đã dùng phép thuật nào đó để gây ra chuyện này cho ông; bởi vì những kẻ vô đạo, vốn hoàn toàn bị ma quỷ chi phối, luôn có thói quen quy những phép lạ kỳ diệu của Thiên Chúa do các thánh thực hiện là do phù phép và ma thuật. Vị vua vô đạo đã ra lệnh treo cổ các thánh tử đạo và đốt lửa rực cháy dưới chân họ, để họ phải chết trong đau đớn, thổi hơi thở cuối cùng giữa những cực hình từ xiềng xích và lửa.

Các thánh, trong suốt thời gian dài bị treo cổ, đã hát lên:

– Đấng Chiếu Sáng linh hồn chúng con và Đấng Tạo Hóa của chúng con, Đấng đã hiến dâng chính mình vì chúng con, bị nhổ nước bọt, bị sỉ nhục, bị treo trên cây thập tự như một tên tội phạm, Đấng Toàn Năng nắm giữ muôn loài trong tay phải của Ngài! Xin Ngài hãy đến ngay bây giờ và nhìn xuống nỗi đau khổ của chúng con, và ban cho chúng con sự cứu rỗi của Ngài; xin Ngài hãy nhìn vào những bệnh tật của chúng con và thương xót chúng con, xin Ngài làm cho mọi người thấy rõ rằng chúng con có Ngài – Đấng Thiên Chúa Duy Nhất trên trời.

Và ngay lập tức, Chúa hiện ra trước mặt họ dưới hình dạng con người, với khuôn mặt rạng ngời như mặt trời: khi Ngài hiện ra, xiềng xích tan vỡ, ngọn lửa tắt lịm và các thánh nhân được lành bệnh. Khi nhìn thấy Chúa, họ tràn ngập niềm vui khôn tả, còn Chúa lại trở nên vô hình. Các thánh nhân đứng trước mặt vua như thể họ chưa từng phải chịu bất kỳ sự tra tấn nào. Nhà vua, khi thấy họ khỏe mạnh, đã kinh ngạc và nói với họ:

– Chuyện gì đã xảy ra với các ngươi vậy?

Họ đáp:

– Ngài tự thấy rồi đó: Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng tôi, đã cứu chúng tôi khỏi những cực hình của ngài; hãy nhận biết quyền năng của Ngài và hãy hổ thẹn đi.

Kẻ vô đạo bắt đầu phỉ báng Chúa Kitô. Các thánh liền kêu lên:

– Hãy để những cái miệng nịnh hót, phỉ báng Đức Chúa Trời chân thật, trở nên câm lặng!

Và ngay lập tức, nhà vua câm lặng và không thể cất tiếng nói được nữa.

Các thánh nói:

– Chuyện gì đã xảy ra với ngài vậy, bệ hạ, sao ngài không nói chuyện với chúng tôi? Chẳng lẽ chúng tôi sẽ rời khỏi tòa án của ngài mà không nhận được bản án cuối cùng sao?

Vua bắt đầu ra hiệu bằng mắt và tay cho những người xung quanh, bảo họ bắt các thánh nhân và giam vào ngục tối; nhưng không ai trong số những người xung quanh hiểu được ông đang ra lệnh gì qua những cử chỉ đó. Lúc đó, vua xé toạc chiếc áo choàng đỏ[7463] , quăng nó xuống đất và, như một kẻ điên loạn, bắt đầu giẫm đạp lên nó trước mặt mọi người. Dân chúng, khi chứng kiến cảnh đó, đều kinh ngạc và thương xót cho vị vua của mình, vì ông đã rơi vào cơn điên loạn như vậy.

Còn các thánh nhân thì nói với dân chúng:

– Hỡi những kẻ mù quáng! Các ngươi nhìn mà không thấy, nghe mà không nghe, vì lòng các ngươi đã chai đá! ...

Khi các thánh đang nói những lời ấy, một đoàn thiên thần rực rỡ ánh sáng hiện ra từ trời, được nhiều người trong dân chúng nhìn thấy; vì không thể nhìn thẳng vào họ, họ ngã quỵ vì sợ hãi và tin nhận Chúa Kitô, còn các thánh thì bắt đầu hát: *"Đức Chúa Trời là nơi nương náu và sức mạnh của chúng ta, là Đấng cứu giúp nhanh chóng trong hoạn nạn; vì vậy, chúng ta sẽ không sợ hãi, dù đất có rung chuyển, và núi non có di chuyển giữa lòng biển cả. Xin Ngài đứng lên giúp đỡ chúng ta và giải cứu chúng ta vì lòng thương xót của Ngài"* (Thi Thiên 45:2–3, 43:27).

Vị vua, vì bị câm nên không thể làm gì được, trong cơn giận dữ đã bắt đầu tự tát vào mặt mình. Akinidin, thấy ngài trong tình trạng hoảng loạn như vậy, đã rơi nước mắt và nói:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của chúng ta, hãy nói đi.

Và ngay lập tức, lưỡi ông được giải thoát, và ông bắt đầu nói, nhưng không ngợi khen Đức Chúa Trời; trái lại, với lòng đầy cay độc, ông còn phỉ báng nhiều hơn nữa: dù ông đã thấy trên mình bàn tay quyền năng của Đức Chúa Trời, nhưng ông vẫn không muốn nhận biết lẽ thật. Cho rằng tất cả những điều này là phép thuật của các thánh tử đạo, hắn càng nổi giận dữ hơn với họ và, thay vì biết ơn, ngay khi được giải thoát khỏi sự câm lặng, hắn đã thốt ra những lời như sau:

– Ta sẽ giết Akininda, Pigasia và Anempodista bằng cái chết tàn khốc, còn các ngươi, những kẻ có mặt ở đây, ta sẽ trả thù vì đã không vâng lời ta khi ta ra lệnh cho các ngươi, qua những dấu hiệu, bắt những Kitô hữu vô đạo này lại để tra tấn thay ta; vì họ đã trói lưỡi ta bằng phép thuật của họ.

Và nhà vua ra lệnh đốt nóng chiếc giường sắt và đặt các vị tử đạo lên đó. Khi họ bị thiêu trên chiếc giường ấy trong nhiều giờ liền, họ đã sốt sắng cầu nguyện với Đức Chúa Trời và hát lên bài Thánh vịnh của Đa-vít phù hợp với hoàn cảnh lúc bấy giờ:

– *"Lạy Chúa, Ngài đã thử thách chúng con, đã nung chảy chúng con như người ta nung chảy bạc[7464] . Ngài đã dẫn chúng con vào lưới, đã đặt xiềng xích lên hông chúng con[7465] , đã đặt một người lên đầu chúng con[7466] . Chúng con đã đi qua lửa và nước, và Ngài đã giải thoát chúng con"* (Thánh vịnh 65:12). Xin ban cho chúng con sức mạnh để chịu đựng những đau khổ đang đè nặng lên chúng con với tâm hồn kiên định và trái tim dũng cảm, xin cho những người xung quanh, những người mà Ngài đã bày tỏ quyền năng và những phép lạ của Ngài, được biết đến danh thánh của Ngài.

Khi các thánh nhân nói những lời này, có tiếng từ trời vang lên, phán rằng:

– Vì các con đã làm chứng cho đức tin của mình bằng hành động, nên những lời cầu xin của các con sẽ được đáp ứng.

Nhiều người trong số những người đứng xung quanh, được ân sủng nghe thấy tiếng nói thiêng liêng này, đã reo lên:

[7463] Áo choàng màu tím, hay còn gọi là màu porphyry. Chất màu dùng để nhuộm loại vải này là máu của một số loài vỏ sò hoặc ốc sên được tìm thấy ở Biển Địa Trung Hải. Đây là trang phục của các vị vua, biểu tượng cho quyền lực và sự vĩ đại của họ. Tuy nhiên, đôi khi những cá nhân tư nhân – những người giàu có sống xa hoa – cũng mặc loại áo choàng này.

[7464] Bạc, qua quá trình nung chảy trên lửa, được loại bỏ tạp chất và đạt đến trạng thái tinh khiết nhất. Tương tự như vậy, đức hạnh của các vị tử đạo, qua thử thách bằng lửa, đã được nâng cao và đạt đến trạng thái hoàn hảo nhất.

[7465] Từ tiếng Do Thái: "đã đặt xiềng xích lên hông chúng ta" (hay: "lên đùi chúng ta"). Trong trường hợp này, điều đó có nghĩa là sự đau đớn do bỏng gây ra.

[7466] Tức là "đặt lên trên chúng ta" – hình ảnh của sự nô lệ tồi tệ nhất. Cụm từ này ở đây chỉ mức độ sỉ nhục tột cùng mà các thánh tử đạo phải chịu đựng.

– Chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật, Đấng mà những người chịu khổ này tôn kính; chỉ Ngài mới toàn năng, chỉ Ngài mới bất khả chiến bại, và ngoài Ngài ra, không có Đức Chúa Trời nào khác. Hạnh phúc thay các ngươi, những vị tử đạo, những người đã trở thành chứng nhân cho sự giáng lâm của Ngài trên đất và vì tình yêu dành cho Ngài mà đã hiến dâng linh hồn mình cho cái chết, sau đó được ban cho sự sống đời đời! Xin các ngài cầu xin lòng nhân từ của Ngài cho chúng con, để Ngài giang tay cứu giúp chúng con từ trên cao và giải thoát chúng con khỏi vực thẳm của sự diệt vong.

Các thánh tử đạo, ngước mắt lên trời, đã cầu nguyện cho họ, nói rằng:

– Lạy Thiên Chúa, Đấng ngự trên cao! Xin hãy nhìn xuống các tôi tớ của Ngài, những người chân thành kêu cầu danh Ngài, và xin ban mưa tưới mát cho gia tài mới của Ngài – những người hiện nay đã tin vào Ngài; xin cho sương mai phát xuất từ Ngài và rửa sạch những yếu đuối do tội lỗi gây ra, trở thành thuốc chữa lành và sự cứu rỗi cho họ[7467] , và xin cho mọi người đều nhận biết rằng Ngài là Thiên Chúa Duy Nhất, và xin cho tất cả đều tuân phục quyền năng của Ngài.

Khi các thánh nhân nói như vậy và kết thúc lời cầu nguyện, bỗng chốc tia chớp lóe sáng, tiếng sấm sét kinh hoàng vang lên, và mưa lớn trút xuống; những kẻ vô tín, đầy sợ hãi và kinh hoàng, đã bỏ chạy; chỉ còn lại những người tin vào Đấng Christ ở lại cùng các vị tử đạo.

Các thánh nói với họ:

– Đừng sợ, vì điều này là vì các con, để qua cơn mưa này, bí tích Rửa tội được cử hành trên các con.

Khi tất cả cùng đồng thanh ngợi khen Thiên Chúa, người ta thấy vô số Thiên thần từ trời hạ xuống, mặc áo trắng cho những người vừa được rửa tội, qua đó cho thấy linh hồn họ đã được thanh tẩy bởi đức tin thánh thiện và nước từ trên cao đổ xuống trên họ. Cơn mưa này đã dập tắt ngọn lửa, làm nguội đi chiếc giường đang rực lửa, và các thánh nhân đứng dậy, vẫn còn sống và khỏe mạnh; chỉ có thân thể họ đen xì, giống như những cây cối bị thiêu rụi trong lửa.

Nhà vua lại triệu tập các thánh nhân và nói với họ:

– Dù các ngươi đã dập tắt ngọn lửa bằng phép thuật của mình, nhưng các ngươi sẽ không thoát khỏi tay ta cho đến khi ta buộc các ngươi phải thờ lạy các vị thần, hoặc ta sẽ giết các ngươi một cách tàn nhẫn.

Họ đồng thanh đáp lại:

– Hãy xử tử chúng tôi theo cách nào ngài muốn, nhưng chúng tôi sẽ không từ bỏ Đức Chúa Trời Duy Nhất đang ngự trên trời, Đấng đã chuẩn bị cho chúng tôi sự sống đời đời.

Vua cười và nói:

– Hỡi các con và các bạn của ta! Nếu các ngươi tôn kính Đức Chúa Trời Duy Nhất, thì ta cũng đang ép các ngươi tôn kính không phải nhiều vị thần, mà chỉ một vị duy nhất – đó chính là vị thần mà ta tôn kính và thờ phụng. Vì chính ta cũng có một vị thần mà ta yêu mến và tôn kính hơn các vị khác, đó là Zeus vĩ đại, vị thần cao cả nhất trong tất cả các vị thần[7468] ; hãy cùng ta dâng sự thờ phụng lên một mình Ngài; còn về các vị thần khác – tùy các ngươi muốn thế nào, chỉ cần tôn kính một vị là đủ.

Thánh Anempodist đã nói với nhà vua:

– Ngài muốn chúng tôi tôn vinh Đức Chúa Trời Duy Nhất như thế nào?

Vua nghe vậy liền vui mừng, vì ngài nghĩ rằng họ muốn thờ phụng vị Zeus xấu xa của mình, và nói với họ:

– Hãy đi cùng ta, các con của ta, đến đền thờ của vị thần Zeus vĩ đại, và các con hãy làm theo những gì ta làm, rồi chúng ta sẽ cùng nhau thờ phượng vị thần của ta.

Các vị thánh đáp:

– Bệ hạ, xin ngài hãy cầu nguyện theo nghi thức của ngài, còn chúng tôi sẽ cầu nguyện theo cách mà chúng tôi đã được dạy từ xưa.

Vị vua, không hiểu những gì họ nói, đã vui mừng, vì ông ta nghĩ rằng họ đã chịu khuất phục trước việc thờ thần tượng của mình, và nói với họ:

[7467] Theo thời gian, dưới ảnh hưởng của các dân tộc láng giềng, người Ba Tư bắt đầu kết hợp việc thờ phụng mặt trời và lửa với việc thờ phụng các vị thần ngoại lai.

[7468] Zeus được người Hy Lạp tôn sùng là vị thần vĩ đại nhất (còn người La Mã gọi là Jupiter), người cai quản sấm sét, là cha của các vị thần và loài người.

– Tại sao trước đây các ngươi không muốn tỏ ra đồng lòng với chúng ta? – Nếu vậy thì các ngươi đã không phải chịu những cực hình như thế này. Giờ đây, xin hãy tha thứ cho ta vì đã gây ra nỗi đau khổ cho các ngươi; ta hứa sẽ bù đắp điều này trước mặt các ngươi bằng tình yêu chân thành của ta.

Ông ra lệnh chuẩn bị cỗ xe hoàng gia của mình và, sau khi lên xe, ông mời các thánh tử đạo đến ngồi cùng ông.

Các thánh đáp lại:

– Không, thưa nhà vua, chúng tôi sẽ không đi bằng xe ngựa, mà sẽ tự đi bộ.

Và thế là họ đã đến ngôi đền ghê tởm này. Nắm lấy tay họ, nhà vua cùng họ bước vào đền và bắt đầu hô to:

– Thần Zeus vĩ đại, và quyền năng của ngài cũng vĩ đại! Hãy đến đây, những người yêu dấu của ta, và hãy cầu nguyện trước mặt ta với vị thần vĩ đại Zeus.

Các vị thánh đáp lại:

– Chúng con sẽ làm theo lời Bệ hạ.

Sau khi làm dấu thánh giá trên trán, họ quỳ xuống và giơ tay lên trời, bắt đầu cầu nguyện với Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi, Cha, Con và Thánh Thần; ngay lập tức, nơi đó rung chuyển, và ngôi đền bắt đầu sụp đổ. Vua, vì sợ hãi, đã chạy ra ngoài cùng tất cả những người đi theo ngài, và ngôi đền sụp đổ cùng với các thần tượng, mọi thứ trong đền đều vỡ tan thành bụi. Còn các thánh thì vẫn bình an khi ngôi đền sụp đổ; họ vui mừng trước quyền năng của Chúa Kitô và chế nhạo sự bất lực của các vị thần ngoại đạo.

Vị vua bừng lên cơn thịnh nộ dữ dội đối với các thánh và nói với họ:

– Đây là cách các ngươi kêu cầu và thờ phượng Zeus sao? Đây là lời cầu nguyện của các ngươi, khiến các ngươi dùng phép thuật của mình để phá hủy đền thờ và nghiền nát các vị thần sao?

Các thánh nhân đáp lại:

– Như chúng tôi đã được dạy từ xưa, chúng tôi vẫn cầu nguyện với Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa của cả thế giới, còn về phép thuật thì chúng tôi không biết; và không phải do phép thuật nào cả, mà là nhờ danh hiệu toàn năng của Đức Chúa Trời, mà chúng tôi đã kêu cầu trong lời cầu nguyện, nên ngôi đền tà ác với các vị thần ô uế của các ngươi đã bị phá hủy.

Vua ra lệnh chuẩn bị ba cái nồi và đổ đầy thiếc, lưu huỳnh và nhựa cây vào đó, chặt những chiếc thuyền cũ làm củi[7469] rồi dùng chúng để đốt một đống lửa lớn dưới các cái nồi. Khi mọi việc đã hoàn tất, và những cái nồi nóng rực sôi sùng sục, các thánh nhân bị trói bằng xiềng xích và treo lơ lửng từ trên cao xuống các cái nồi, lúc đầu chỉ đến thắt lưng, sau đó đến ngực, và cuối cùng là đến cổ. Giữa những cực hình ấy, các ngài vẫn ngước nhìn lên trời, và mỗi người trong số họ cất tiếng hát một bài trong các Thánh vịnh của Đa-vít. Thánh Pigasio kêu lên: *"Vì nơi Ngài là nguồn sự sống; trong ánh sáng của Ngài, chúng con thấy ánh sáng"* (Thánh vịnh 35:10).

Thánh Anempodist nói: *"Chân tôi đứng trên con đường ngay thẳng; trong các hội thánh, tôi sẽ ngợi khen Chúa"* (Thi thiên 25:12).

Thánh Akin-din bắt đầu thốt lên:

– *"Những cơn đau đớn chết chóc đã vây lấy tôi, và những dòng thác của sự gian ác đã làm tôi kinh hoàng"* (Thánh vịnh 17:5), nhưng vì *"Chúng con đã đi qua lửa và nước, và Ngài đã dẫn chúng con đến nơi tự do"* (Thánh vịnh 65:12). Chính Ngài, lạy Chúa, xin dẫn dắt chúng con đến nơi bình an.

Các thánh nhân, khi cầu nguyện như vậy trong những cái nồi, không hề bị tổn hại gì bởi chì, lưu huỳnh và nhựa đang sôi sục, còn những sợi xích thì tự tháo ra và rơi xuống. Các thánh nhân bước ra lành lặn trước sự chứng kiến của mọi người; trong số đó, nhiều người, kinh ngạc trước phép lạ kỳ diệu này, đã nhận ra lẽ thật, ca ngợi Đức Kitô và tin vào Ngài. Cũng vậy, một trong những kẻ tra tấn, tên là Aphonius, khi chứng kiến phép lạ này, đã tin vào Đức Kitô và thốt lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Còn với nhà vua, ông nói:

– Hỡi vị vua vô thần và ghét loài người! Đến bao giờ ngài mới buông tha những người vô tội này? – Chúng tôi, khi tra tấn họ, đã mệt mỏi hơn cả họ khi phải chịu đựng sự tra tấn, còn ngài thì dường như vẫn cứng rắn như sắt và đá, và lòng ngài không hề lay động.

[7469] Điều này nhằm mục đích thổi bùng ngọn lửa mạnh hơn, bởi vì đáy và thành thuyền, để tránh nước thấm vào, thường được phủ một lớp nhựa dày, đặc biệt là ở mặt ngoài.

Vua lập tức ra lệnh chém đầu ông.

Afoniy, khi nghe câu trả lời của vị vua đã kết án ông phải bị chém đầu, ngước mắt lên trời và nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa, Đấng mà các Kitô hữu tin tưởng! Này, con cũng tin vào Ngài, thờ lạy Ngài và chết vì Ngài: xin cứu con, kẻ không xứng đáng, nhờ lòng thương xót vĩ đại của Ngài.

Người hành hình tiến lại gần, quàng sợi dây thừng lên cổ ông để dẫn ông ra ngoài thành thực hiện án tử. Còn ông, quay sang các thánh tử đạo, nói:

– Các bậc Thầy và các bậc Cha của con, xin hãy tha thứ cho những điều ác mà con đã gây ra cho các ngài khi hành hạ các ngài theo lệnh của vị vua vô đạo. Xin các ngài cầu nguyện cùng Thiên Chúa cho con, để Ngài tha thứ cho con những tội lỗi nhiều vô kể của con, cho con được gia nhập vào đoàn thể những người tin vào Ngài, và cho con được gặp lại các ngài trong Nước Trời của Ngài.

Các thánh tử đạo nói với ngài:

– Hãy vui mừng, hỡi anh em, vì anh sẽ đến với Chúa Kitô trước chúng tôi, và hãy tin chắc rằng anh sẽ tìm thấy ân sủng nơi Ngài, và Ngài sẽ ban thưởng cho anh xứng với đức tin của anh.

Sau khi Aphonia hôn các thánh, người ta dẫn anh ra ngoài thành; trong khi kêu cầu danh thánh của Chúa Giêsu Kitô, anh cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm và ra đi, hân hoan về với Chúa. Các Kitô hữu đã mang thi thể anh về, quấn trong tấm vải trắng tinh, và an táng anh một cách trang trọng, như một vị tử đạo của Chúa Kitô.

Sau đó, nhà vua ra lệnh cho người ta nhồi Akin-đin, Pi-ga-si-a và An-em-po-di-sta vào những chiếc túi da và ném xuống biển. Khi việc đó vừa hoàn tất, Thánh Athonius cùng ba Thiên thần xuất hiện, đang đi trên mặt biển; họ vớt các vị thánh tử đạo ra khỏi biển, giải thoát họ khỏi những chiếc túi da và đặt họ lên đất liền, vẫn còn sống và khỏe mạnh, như thể chưa từng phải chịu bất kỳ đau khổ nào. Khi nghe tin các thánh tử đạo vẫn còn sống, nhà vua nổi giận với những binh lính mà ông đã giao nhiệm vụ ném các thánh xuống đáy biển. Cho rằng họ đã không tuân lệnh ông và thả các thánh ra, trước tiên, ông chặt đứt tay bốn binh lính này, rồi ra lệnh ném họ xuống biển. Trước khi chết, họ đã kêu cầu Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, xưng danh thánh của Ngài, tin tưởng và cầu nguyện cùng Ngài, và như vậy, họ đã bị chìm trong lòng biển. Các thánh tử đạo Akin-din, Piga-si và An-em-po-di-st lại bị bắt, giam vào ngục tối và bị xiềng xích. Trong sự bối rối, nhà vua đi vào phòng ngủ của mình, nằm xuống giường, triệu tập các quan đại thần và bắt đầu nói với họ một cách giận dữ rằng họ đã để ông một mình phải vất vả trong phiên tòa xét xử các Kitô hữu, và không giúp đỡ ông trong bất cứ việc gì, cả bằng lời nói lẫn hành động. Họ đáp lại rằng việc tiến hành những phiên tòa như vậy và kết án tử hình những người Kitô hữu vô tội là điều không tốt. Vua liền nói thêm với họ như sau:

– Các ngươi đã nghĩ gì khi hôm qua và ngày kia đứng đó, che miệng bằng tay?

Một trong những quan đại thần, tên là Elpidifor, cười lên và nói:

– Chúng tôi đã cười thầm trong lòng trước sự điên rồ của ngài, và chúng tôi thật ngu ngốc khi đã nghe theo ngài cho đến giờ.

Vua ra lệnh cho một trong những người hầu có mặt ở đó tát vào mặt Elpidifor. Tất cả các quan đại thần, khi chứng kiến cảnh đó, đều phẫn nộ và nói với vua:

– Xin bệ hạ biết rằng chúng tôi không đứng về phía ngài.

Nhà vua, thấy rằng tất cả các quan đại thần đều đứng về phía Elpidifor, liền lo sợ và, không muốn làm họ tức giận thêm nữa, nói:

– Xin hãy tha thứ cho ta, vì ta đã nổi giận do nỗi buồn quá lớn.

Các quan đại thần rời bỏ nhà vua và ra về, nhất là khi đêm đã gần xuống. Còn nhà vua thì lòng càng đau đớn vì cơn giận dữ, suy tính làm sao để tiêu diệt cả các thánh nhân và trả thù các quan đại thần. Sáng hôm sau, ông ra lệnh ném các thánh tử đạo vào một cái hố đầy rắn độc; nhưng ngay cả ở đó, họ vẫn bình an vô sự, được an ủi bởi sự hiện ra của các Thiên thần và được đưa ra khỏi đó nguyên vẹn. Sau đó, họ bị treo cổ và thân thể họ bị cạo sạch đến tận xương, nhưng các thánh tử đạo lại một lần nữa không hề hấn gì. Cuối cùng, nhà vua, không biết phải làm gì nữa, đã kết án họ phải bị chém đầu bằng gươm. Khi các thánh ra khỏi thành để chịu án tử hình, có rất nhiều người dân có đức tin đi theo sau, họ khóc lóc và nói với các ngài:

– Hỡi các tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật, sao các ngài lại bỏ chúng tôi lại mà không dạy dỗ gì?

Các thánh nhân đáp lại:

– Đức Chúa Trời nhân từ sẽ sắp xếp những điều cần thiết cho các ngươi, theo sự hiểu biết và ý muốn của Ngài: chỉ cần các ngươi tin cậy Ngài một cách chắc chắn, thì Ngài sẽ ban cho các ngươi những điều có lợi cho các ngươi.

Một số quan lại trong triều đình đã đến gặp vua và tâu rằng toàn thể dân chúng đã theo ba tín hữu Kitô giáo này và có thể cản trở việc chém đầu họ.

Vua nói:

– Hãy điều ba trăm chiến binh vũ trang ra ngoài thành, để họ tiêu diệt cả những người dân nào theo sau những kẻ lừa dối này.

Các quan lại báo cáo với nhà vua rằng trong số dân chúng đó có cả một số quan lại cao cấp, trong đó có cả Elpidifor, và họ hỏi liệu có thể giết cả họ cùng với những người khác hay không. Nhà vua ra lệnh cho gọi Elpidifor đến gặp mình. Elpidifor, cùng với ba quan lại khác, đã đến gặp nhà vua. Vua cúi đầu, ngồi im lặng một hồi lâu; rồi ngẩng đầu lên, nói:

– Elpidifor! Tại sao các ngươi lại từ bỏ các vị thần của tổ tiên mà muốn theo đạo Kitô giả dối[7470] ? Hãy biết rằng ta sẽ không tha thứ cho bất kỳ ai tin vào Đấng bị đóng đinh.

Elpidifor đáp lại:

– Hãy làm gì tùy ý ngươi, chúng ta sẵn sàng chết ngay lập tức vì Đấng Christ bị đóng đinh, bởi vì chỉ có Ngài mới là Đức Chúa Trời chân thật và công chính, và không có ai khác ngoài Ngài. Còn tất cả các vị thần của ngươi đều là ma quỷ, mà chúng ta từ bỏ và khước từ; còn ngươi – kẻ phục vụ ma quỷ – cùng những lễ vật tà tà của ngươi, chúng ta đều khinh bỉ.

Khi đó, nhà vua đã kết án tử hình họ và tuyên bố bản án như sau: "Elpidiphor và tất cả những người cùng chí hướng với hắn, những kẻ đã từ bỏ các vị thần rực rỡ và chọn cái chết thay vì cuộc sống này – ta ra lệnh chém đầu họ bằng gươm, để họ nhận được điều mà chính họ đã mong muốn; và ai muốn mang xác họ đi chôn cất thì có thể làm điều đó mà không sợ hãi."

Các chiến binh lập tức đưa họ ra khỏi thành, dẫn đến trước các thánh tử đạo và toàn thể dân chúng đã tin vào Đấng Kitô. Khi sắc lệnh của nhà vua được đọc lên trước mặt mọi người tại đó, tất cả đều đồng thanh reo lên:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Thiên Chúa, Đấng đã chỉ cho chúng con con đường thánh thiện, để chúng con, sau khi được giải thoát khỏi thế giới u ám và xảo trá này, được đến với Ngài, Thiên Chúa của chúng con, thờ lạy ngai vàng của Ngài và chiêm ngưỡng Ngài, Ánh Sáng Vô Cùng.

Họ bắt đầu hôn nhau. Còn các binh lính thì vây quanh và đánh đập họ; lúc đó, khoảng bảy nghìn người tin vào Đấng Kitô, cùng với thánh Elpidifor, đã ngã xuống dưới lưỡi gươm.

Akin-din, Pigas-i và Anempodist không bị chém đầu, nhưng theo lệnh của vua, họ lại bị giam vào ngục tối.

Sáng hôm sau, vua ra lệnh chuẩn bị lò lửa để thiêu sống các thánh tử đạo. Khi các thánh được dẫn ra khỏi ngục, vua nói với họ:

– Các ngươi có thấy lò lửa này không? – Đây là lò đã được chuẩn bị sẵn cho các ngươi.

Thánh Akin-din đáp:

– Còn có một lò lửa lớn hơn nữa đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi ở địa ngục lửa, nơi ngươi sẽ bị thiêu đốt vĩnh viễn cùng với những con quỷ cùng tên với ngươi.

Vua giận dữ nói:

– Ta là quỷ sao?

Vị thánh đáp:

– Cả hành động lẫn tên gọi của ngươi đều cho thấy ngươi là quỷ, vì ngươi làm những việc đặc trưng của quỷ, và tên ngươi có nghĩa là "vua của lũ quỷ"; và mẹ ngươi đã đặt tên cho ngươi là Sapor rất đúng, vì ngươi là đồng minh của lũ quỷ.

Vua nói với những người xung quanh:

– Hãy mời mẹ ta đến đây gặp ta.

Khi mẹ ông đến, ông đứng dậy khỏi ngai vàng; sau khi tỏ lòng kính trọng bà, ông mời bà ngồi bên cạnh mình và nói:

[7470] Có lẽ, nhà vua, khi nghe nói về Ba Ngôi của Đức Chúa Trời, đã cho rằng người Kitô hữu cũng tôn kính nhiều vị thần và trong số đó có một vị là thần tối cao.

– Hãy nói cho con biết, mẹ ơi, tên con là gì?

Mẹ ông trả lời:

– Con mang tên của ông nội con: ông nội con tên là Sapor, và tên con là Sapor.

Nhà vua chỉ tay vào các vị thánh và nói:

– Còn bọn vô đạo này lại nói rằng ta có cái tên ma quỷ.

Mẹ ông nghe vậy liền cười – vì bà đã tin vào Chúa Kitô, nhưng phải giấu diếm trước mặt người con trai độc ác của mình. Nhà vua, thấy mẹ mình cười, bừng bừng giận dữ, lao tới và bắt đầu tát vào mặt bà. Còn bà thì quỳ xuống dưới chân các thánh tử đạo và khóc lóc thốt lên:

– Xin cứu lấy tuổi già của con, hỡi các tôi tớ của Chúa Kitô, vì con thấy rằng mình không chỉ sinh ra một đứa trẻ mang tên quỷ dữ, mà thực sự là một con quỷ và Satan khốn nạn.

Nhà vua, khi thấy cả mẹ mình cũng đã tin vào Chúa Kitô, đã ra lệnh ném bà vào lò lửa, cùng với các thánh tử đạo. Ngoài ra, còn có hai mươi tám người lính có mặt tại đó cũng đã tin Chúa, và tất cả đều bị ném vào lò lửa, cùng với Akindin, Pigasius và Anempodist, cũng như người mẹ đáng kính của vị vua; trong khi cầu nguyện giữa ngọn lửa, họ đã dâng những linh hồn thánh thiện của mình lên Thiên Chúa. Những người xứng đáng đã nhìn thấy đoàn thiên thần thánh ca hát xung quanh lò lửa và đón nhận linh hồn các thánh, và một hương thơm không thể tả được tỏa ra từ thi thể các vị tử đạo. Khi lò lửa tắt, vua trở về cung điện, và mọi người tản ra, lúc đó một số tín hữu đến bên lò lửa và thấy thi thể các thánh vẫn nguyên vẹn, không hề hấn gì bởi lửa; họ mang thi thể các ngài đi và an táng một cách trang trọng, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, Đấng đáng được vinh quang muôn đời, amen.

Bài ca Troparion, giọng 2:

Các vị Tử đạo của Chúa, phước lành cho mảnh đất đã thấm đẫm máu các ngài, và thánh thiện cho nơi an nghỉ đã đón nhận thi hài các ngài: vì trong lò lửa, các ngài đã chiến thắng kẻ thù, và đã rao giảng về Đấng Kitô với lòng can đảm. Xin các ngài, là những Đấng Thiện Hảo, cầu xin Ngài cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Các vị tử đạo đạo đức và mang ơn Chúa, những người đã từ bỏ mọi sự trên trần gian, đã được đón nhận vào sự hưởng thụ các ân huệ của Ngài và sự an nghỉ, Akinidin, Pigasi, Anempodist, cùng với họ là Affoni và Elpidifor, Đấng Duy Nhất Tốt Lành.

Lễ kỷ niệm Thánh Marcian

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 11

Thánh phụ Markian của chúng ta là người gốc từ Cira. Sau khi từ bỏ quê hương và tài sản, ngài đã lui về một sa mạc hẻo lánh. Tại đó, ngài đã tự xây cho mình một căn phòng nhỏ đến mức chỉ đủ chỗ cho một người, rồi mặc bộ áo lông thô ráp và tự giam mình trong đó. Thức ăn của ngài chỉ gồm ba ongia[7471] bánh mì và một ít nước, nhưng cũng chỉ sau khi mặt trời lặn. Sau một thời gian, Marcian tiếp đón hai người lạ mặt, những người đã dựng lều. Còn ông, như trước đây, vẫn luôn ở trong sự tự giam mình, không bao giờ thắp nến, vì có ánh sáng Thần thánh chiếu sáng cho ông vào ban đêm, và nhờ đó ông đọc sách, mang theo bên mình "cuốn Thánh vịnh nhỏ". Một lần nọ, một con rắn khổng lồ từ bên ngoài cúi xuống lều của họ, khiến những người ăn chay kinh hoàng đến mức run rẩy. Còn vị Thánh, sau khi làm dấu thánh giá bằng ngón tay, thổi một hơi, và giống như cây sậy khô bị lửa thiêu rụi, con rắn đó lập tức bị tiêu diệt.

Một lần khác, Flavian, Thượng phụ Antioch[7472] và Giám mục Kyrk, cùng một số giám mục khác, những người danh giá và hùng biện, đã đến gặp ngài và thuyết phục ngài, trích dẫn một số đoạn trong Kinh Thánh, để

[7471] Ongia – bằng một phần mười hai pound hoặc 8 zlatnik.

[7472] Thánh Flavius làm tổng giám mục từ năm 381 đến năm 404. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 18 tháng 2.

ngài, vì lợi ích của nhiều người, từ bỏ cuộc sống ẩn dật của mình; nhưng ngài không muốn nghe điều đó. Vị thánh nhân kỳ diệu này đã dẫn dắt nhiều người từ các tà thuyết khác nhau trở lại với đức tin Chính Thống chân chính.

Một lần nọ, chị gái của vị thánh cùng con trai mang theo nhiều thức ăn đến thăm ngài. Ngài không muốn gặp chị gái mình, không nhận bất cứ thứ gì chị mang đến, và chỉ cho phép cháu trai vào gặp ngài. Trước lời nài nỉ của chị gái rằng hãy nhận lấy những thứ chị mang đến, Thánh Marcian đã hỏi:

– Chị có từng dâng những thứ này ở bất kỳ tu viện nào khác trong số những tu viện mà chị đã gặp trên đường đến đây không?

– Không, chúng tôi chưa từng dâng cúng ở bất kỳ tu viện nào trong số đó, – chị gái trả lời.

– Hãy ra về đi, – vị thánh đáp, – với những gì các chị đã mang theo, vì các chị đã làm điều này vì tình thân ruột thịt.

Vị thánh vĩ đại và kỳ diệu này được cả những người gần lẫn những người xa yêu mến. Khi biết rằng nhiều người đang tranh cãi với nhau về việc ai sẽ được quyền sở hữu thi thể của ngài sau khi ngài qua đời – điều mà họ đã dựng lăng mộ và xây dựng các nhà thờ để chuẩn bị – vị thánh đã bắt đệ tử của mình là Eusebius thề rằng anh ta sẽ chôn cất thi thể ngài một cách bí mật, xa khỏi phòng tu. Sau khi để lại di chúc này, ngài đã về với Chúa[7473] .

Ngày 16 tháng 11

Ngày 3 tháng 11 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo: Giám mục Akepsim, Linh mục Giuse và Phó tế Aifal

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 11

Tại xứ Ba Tư, trong thành phố có tên là Naesson[7474] , có một vị giám mục đạo đức tên là Akexim. Từ thuở thiếu thời, ngài đã rèn luyện mọi đức hạnh và giữ gìn cuộc sống trong sạch cho đến tận tuổi già. Dù đã tám mươi tuổi, giữa muôn vàn vất vả, ngài vẫn giữ được sức lực để thực hành những việc đạo đức nghiêm ngặt như ăn chay và cầu nguyện, đồng thời tận tụy chăm lo cho đoàn chiên được giao phó. Nhưng ngài đã thể hiện một hành động anh hùng còn vĩ đại hơn nữa vào lúc lâm chung, khi ngài dũng cảm đứng vững vì Chúa của mình, thậm chí đến mức đổ máu, và sau những cực hình dài đằng đẵng và đau đớn, ngài đã tận tâm hiến dâng cả linh hồn mình cho Ngài. Vài năm trước khi chịu tử đạo, ngài đã nhận được lời tiên tri về sự đau khổ của mình như sau:

Một lần nọ, khi ngài đang nằm nghỉ tại nhà mình, một thiếu niên của ngài, được tràn đầy Thánh Thần tiên tri, đã hôn lên đầu ngài và nói:

– Phúc cho cái đầu này, vì nó sẽ chịu khổ hình vì Chúa Kitô.

Ngài vui mừng trước lời tiên tri này và nói:

– Hãy để điều đó xảy ra với con, hỡi con yêu dấu, theo lời con nói.

Cùng ngồi với Akepsim lúc đó là một người bạn thân thiết của ngài, vị giám mục của thành phố lân cận. Nghe những lời cậu thiếu niên nói, ngài mỉm cười và nói với cậu:

– Nói cho ta nghe, con ơi, – con có biết gì về chúng ta không?

Cậu bé được Thánh Thần soi dẫn đã trả lời:

– Ngươi sẽ không còn được nhìn thấy thành phố của mình nữa, nhưng sẽ qua đời trên đường về đó, tại làng Etradán[7475] .

[7473] Thánh Markian qua đời vào năm 388. Ngày kỷ niệm của ngài vẫn được cử hành vào ngày 18 tháng 1.

[7474] Một trong những thành phố ít được biết đến; về mặt giáo hội, nơi này có lẽ thuộc quyền quản lý của Tổng giáo phận Mosul (Mosul – nằm bên sông Tigris) hoặc Tổng giáo phận Nineveh.

[7475] Ngôi làng này nằm không xa Naesson.

Lời tiên tri của cậu thiếu niên này đã ứng nghiệm đối với cả hai vị giám mục. Một người đã qua đời trên đường đi, tại ngôi làng nói trên, còn vị giám mục Akepsim thì quả thực đã được ban tặng vương miện tử đạo. Sự việc diễn ra như sau.

Vua Ba Tư vô đạo là Sapor đã phát động một cuộc bách hại lớn đối với các Kitô hữu trên đất nước mình. Vào chính ngày Chúa Kitô chịu khổ nạn cứu độ, ông đã ra lệnh cho tất cả các vùng đất thuộc quyền cai trị của mình rằng phải tiêu diệt hết những ai tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô trên khắp Ba Tư. Và vô số Kitô hữu lúc bấy giờ đã bị những kẻ vô đạo tàn sát không thương tiếc tại các thành phố và làng mạc.

Những người cuồng nộ nhất đối với các Kitô hữu chính là các thầy tế lễ và các pháp sư[7476] ; họ siêng năng truy lùng những người ẩn náu, lôi họ ra khỏi nhà và những nơi ẩn náu, rồi giết họ một cách tàn bạo. Một số tín hữu tự nguyện giao mình vào tay họ và anh dũng đổ máu vì đức tin. Nhiều quan lại trong triều đình đã bị giết vì Chúa Kitô. Hoạn quan[7477] Azadis, người được vua hết mực yêu mến, cũng đã bị xử tử cùng với họ, như một tôi tớ chân chính của Chúa Giêsu Kitô và là người làm chứng cho Danh Thánh của Ngài.

Khi biết tin về cái chết của hoạn quan Azadis mà mình hết mực yêu quý, nhà vua vô cùng thương tiếc và đã chấm dứt cuộc tàn sát toàn diện đối với các Kitô hữu, chỉ ra lệnh truy lùng các thủ lĩnh và các nhà giảng dạy đức tin Kitô giáo để đưa họ ra xử tử.

Khi sắc lệnh của nhà vua được công bố khắp nơi, các thủ lĩnh của các pháp sư và thầy tế đã tận tụy đi khắp Ba Tư, tìm kiếm các giám mục và linh mục Kitô giáo, rồi xử tử họ bằng nhiều cách khác nhau.

Vào thời điểm đó, Thánh Giám mục Akepsim cũng bị bắt. Khi những người bắt giữ dẫn ngài ra khỏi nhà, một người trong gia đình đã tiến lại gần ngài và thì thầm vào tai ngài:

– Hãy lập di chúc về ngôi nhà của ngài đi.

Ngài liền chỉ tay về phía ngôi nhà và nói:

– Ngôi nhà này không còn là của tôi nữa, vì tôi sẽ lập tức lên ngôi nhà trên trời[7478] .

Khi đến thành Arbel[7479] , khi ngài được dẫn đến gặp thủ lĩnh các nhà chiêm tinh, người có tên là Adrah, vị thủ lĩnh này đã hỏi thánh Akepsim:

– Ngươi là ai?

Thánh Akepsim đã lớn tiếng tuyên xưng mình là người Kitô hữu.

Vị thủ lĩnh nói với ngài:

– Những điều người ta nói về ngươi có đúng không – rằng ngươi không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và rao giảng về Đức Chúa Trời Duy Nhất?

Thánh nhân đáp lại một cách dũng cảm:

– Mọi điều ngài nghe về chúng tôi đều đúng: tôi rao giảng về Đức Chúa Trời Duy Nhất và thuyết phục những người đến với tôi để họ nhận biết Ngài và cùng tôi tin vào Ngài.

Hoàng tử nói:

[7476] Trong thời cổ đại, thuật ngữ "volkhv" (hay còn gọi là "magi") dùng để chỉ những người thông thái, sở hữu kiến thức sâu rộng và cao siêu, đặc biệt là về các sức mạnh bí ẩn của thiên nhiên, các vì sao trên trời, các văn bản thiêng liêng, chữ tượng hình, v.v. Họ quan sát các hiện tượng tự nhiên, giải mã giấc mơ, tiên đoán tương lai; phần lớn trong số họ, đồng thời, cũng là các thầy tế và được coi trọng cũng như kính nể, cả tại các triều đình hoàng gia lẫn trong dân chúng. Các nhà chiêm tinh Ba Tư được đề cập trong sách Tiên tri Đa-ni-ên (Đa-ni-ên 2:1–49 và tiếp theo), và có lẽ chính từ Ba Tư, các nhà chiêm tinh đã đến để thờ lạy Đấng Cứu Thế mới sinh (Ma-thi-ơ 2:1–23). Các nhà chiêm tinh cũng có mặt ở các quốc gia khác, ví dụ như tại Babylon, Assyria, Media (xem Sách Tiên tri Đa-ni-ên; so sánh Sách Dân Số 22:1–41, 23:1–30) và tại Ai Cập (Sáng Thế Ký 41:8; Xuất Ê-díp-tô Ký 7:11). Từ "volkhv", ban đầu có nghĩa tương đương với từ "người khôn ngoan", sau này được dùng để chỉ các pháp sư, phù thủy, những người bói bụng, những người gọi hồn người chết, v.v.

[7477] Từ "eunuch" (hoạn quan) vốn chỉ những người bị thiến. Ở phương Đông, họ là những người trông coi hậu cung của vua; từ chức vụ này, trong thời cổ đại, họ thường được thăng lên các chức vụ cao cấp trong chính quyền. Sau này, từ "eunuch" đôi khi được dùng chung để chỉ những người nắm giữ chức vụ cao trong chính quyền, quan lại triều đình, quý tộc, dù người đó có phải là người thiến hay không.

[7478] Tất nhiên là nơi cư ngụ trên trời, nơi những tín đồ chân chính của Đấng Christ sẽ được vào, theo chính lời dạy của Ngài (Giăng 14:2–3). Từ "trên núi" có nghĩa là cao nhất, ở trên cùng, thuộc về trời (xem Ê-xê-chi-ên 41:7, Cô-lô-se 3:2).

[7479] Arbel là một thành phố nằm bên một trong những nhánh của sông Zapata (hay còn gọi là Zabata), vốn là nhánh bên trái của sông Tigris. Thành phố này nằm không xa Ninive, nổi tiếng vì cách đó 12 dặm về phía tây, gần Gavgamela, đã diễn ra trận chiến mà trong đó Alexander Đại đế đã đánh bại Darius Codaman lần thứ hai, và sau đó trở thành chủ nhân của toàn bộ vương quốc Ba Tư.

– Chúng tôi đã nghe nói về ngài rằng ngài khôn ngoan hơn những người khác, nhưng giờ đây chúng tôi thấy rằng ngài chẳng hơn gì những đứa trẻ dại dột – vì có gì khôn ngoan trong việc chống lại mệnh lệnh của nhà vua và không thờ phụng mặt trời rực rỡ cùng ngọn lửa, những thứ mà chính nhà vua cũng thờ phụng?

Vị thánh đáp:

– Cả nhà vua của các ngươi lẫn các ngươi đều đã hoàn toàn mất trí, bởi vì các ngươi đã bỏ Đấng Tạo Hóa mà lại thờ phượng loài thụ tạo.

Hoàng tử nói với giọng giận dữ:

– Ngươi gọi chúng ta, những người tôn kính thiên nhiên và thờ phụng mặt trời – nguồn sống và ánh sáng cho vạn vật – là những kẻ điên rồ sao? – Lão già dối trá! Thật ra chính ngươi mới là kẻ điên rồ, và nếu ngươi không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua, thì tuổi già của ngươi cũng không cứu ngươi khỏi những cực hình khủng khiếp, và vị Thần bị đóng đinh của ngươi[7480] sẽ không giải thoát ngươi khỏi tay chúng ta.

Vị thánh nói:

– Hãy bịt miệng lại đi, tên vô đạo, cái miệng ghê tởm của ngươi đang phỉ báng Đức Chúa Trời của ta! Ngươi muốn dọa nạt ta bằng những lời đe dọa của ngươi, để ta từ bỏ những truyền thống của cha ông, những điều ta đã học được từ thuở thiếu thời và đã tuân giữ cho đến khi tóc đã bạc trắng này. Dù ngươi có tự cao tự đại trước mặt ta – rằng chẳng phải tuổi già, cũng chẳng phải Đức Chúa Trời của ta sẽ giải thoát ta khỏi tay các ngươi – nhưng ta cũng sẽ không đổi điều tốt lấy điều xấu: vì ta được lợi gì khi thoát khỏi tay các ngươi trong những ngày ít ỏi này? Vì chẳng bao lâu nữa, dù có các ngươi hay không, ta cũng sẽ phải gánh chịu số phận chung của loài người phàm trần[7481] . Ta sẽ không thờ lạy mặt trời, cũng không tôn kính ngọn lửa, để không ai có thể chế giễu tuổi già của ta, để không ai nghĩ rằng cuộc sống đối với ta quý hơn Đức Chúa Trời của ta; ta sẽ không đánh đổi những ân huệ thiên đàng vĩ đại như vậy chỉ vì một cuộc đời ngắn ngủi.

Nhà tiên tri lập tức ra lệnh, sau khi quăng vị thánh trần truồng xuống đất, đánh ông thật mạnh bằng những cây gậy có gai; và họ đánh khắp cơ thể ông đến nỗi mặt đất nhuốm đỏ bởi máu của ông.

Kẻ tra tấn, sau khi đánh đập liên tục một thời gian dài, lại đặt ngài trước mặt mình và nói:

– Akepsim! Đức Chúa Trời của ngươi ở đâu? – Hãy để Ngài đến ngay bây giờ và giải cứu ngươi khỏi tay ta.

Vị thánh đáp lại:

– Hỡi kẻ vô pháp! Thiên Chúa của tôi hiện diện khắp mọi nơi. Ngài tràn ngập trời và đất, và có quyền năng giải thoát tôi khỏi tay ngươi. Nhưng tôi khẩn cầu lòng nhân từ của Ngài không phải để Ngài giải thoát tôi khỏi những cực hình mà ngươi gây ra, mà là để Ngài ban cho tôi sự kiên nhẫn giữa những cực hình ấy, để sau khi chịu đựng đến cùng, tôi có thể được hưởng vương miện sự sống. Ngươi xứng đáng chịu những cực hình và cái chết nào đây, hỡi kẻ chống lại Đức Chúa Trời Hằng Sống, hỡi ngươi – đất và tro tàn? – Quả thật, ngươi xứng đáng bị thiêu rụi trong ngọn lửa mà ngươi đang thờ phượng như thần linh – để thần linh của ngươi thiêu đốt ngươi mãi mãi.

Nghe vậy, thủ lĩnh các nhà chiêm tinh bừng bừng giận dữ và ra lệnh trói vị thánh bằng xiềng xích sắt nặng nề rồi giam vào ngục tối.

Sáng hôm sau, linh mục Giuse[7482] , bảy mươi tuổi, cùng với phó tế Aifal[7483] , cả hai đều là những người công chính và thánh thiện, lòng nhiệt thành của họ đối với Thiên Chúa giống như thanh gươm hai lưỡi, chém đứt sự vô thần. Họ bị dẫn đến trước mặt một pháp sư vô đạo, và hắn, sau khi nhìn họ với ánh mắt kiêu ngạo, đã nói:

– Hỡi những kẻ hư mất! Tại sao các ngươi lại bỏ qua những người bình thường để lừa dối họ bằng giáo lý bất chính của mình?

Vị trưởng lão đáp lại:

– Chúng tôi không lừa dối người ta, mà dẫn dắt họ thoát khỏi sự lừa dối để trở về với Đức Chúa Trời chân thật, Đấng là Chúa và Đấng Tạo Hóa của mặt trời, lửa, cùng mọi loài thọ tạo hữu hình và vô hình; và giáo lý của chúng tôi là chính đáng vì nó dạy về Đức Chúa Trời Duy Nhất và Công Chính.

Nhà tiên tri nói:

[7480] Trong những lời này ẩn chứa sự chế giễu báng bổ, bởi vì hình phạt đóng đinh trên **thập tự giá** được coi là nhục nhã, và chỉ những kẻ tội ác nhất, đáng khinh bỉ nhất mới phải chịu hình phạt này.

[7481] Tất nhiên là cái chết, hay nói cách khác – sự thật rằng tất cả mọi người đều phải chết theo bản chất.

[7482] Giuse là một linh mục đến từ Bet-Ketuba ở Adiabene.

[7483] Aifal là một phó tế đến từ vùng ven sông Euphrates ở Babylonia.

– Giáo lý nào công bằng hơn: giáo lý mà nhà vua và tất cả các tướng lĩnh của ngài theo đuổi, hay giáo lý mà những người xấu xa, bị ruồng bỏ, nghèo khổ và hèn mọn – như ngươi – đang tuân theo?

Vị trưởng lão đáp:

– Đúng vậy, chúng tôi là những người khốn khổ và bị xã hội ruồng bỏ trong thế gian này, bởi vì Chúa của chúng tôi ban ân sủng cho những ai không sống trong sự giàu có và kiêu ngạo trần thế – những thứ hủy diệt linh hồn – mà sống trong sự nghèo khó và khiêm nhường của chúng tôi; vì lý do đó, nhiều người trong chúng tôi tự nguyện trở thành những người nghèo khó và khiêm nhường, phân phát tài sản của mình cho những người khốn khó, nhờ đó chúng tôi hy vọng sẽ nhận được phần thưởng gấp trăm lần từ Chúa của chúng tôi. Và nếu chúng ta siêng năng tích lũy của cải, thì bằng chính sức lao động của mình, chúng ta sẽ trở nên giàu có hơn cả ngươi, kẻ chẳng làm gì cả, chỉ biết hưởng thụ thành quả lao động của người khác và bằng cách áp bức để chiếm đoạt tài sản của những người nghèo khó; còn đối với chúng ta, công sức lao động của chính mình đã đủ để nuôi sống bản thân theo nhu cầu cần thiết, và nuôi dưỡng những anh em yếu đuối hơn.

Chúng tôi biết rằng con đường vào Nước Trời thật khó khăn đối với những người giàu có, và những ai ham muốn làm giàu sẽ sa vào cám dỗ.

– Hãy bỏ những lời nói dài dòng và dối trá của ngươi đi, và hãy thờ lạy lửa và mặt trời, – vị pháp sư nói, cắt ngang cuộc trò chuyện của ông.

Vị trưởng lão đáp lại:

– Đừng hy vọng rằng một ngày nào đó ngươi sẽ thấy ta tuân theo ý muốn phi pháp của các ngươi, vì ta sẽ không từ bỏ Đấng đã tạo ra lửa và mặt trời, và ta sẽ không thờ lạy tạo vật.

Nghe vậy, nhà tiên tri ra lệnh lột trần vị linh mục thánh Giuse, trói chặt và đánh bằng những cành cây hồng, có gai nhọn như cây gai, cho đến khi da thịt ông bị lột sạch và thịt bắt đầu rụng khỏi xương.

Kẻ phù thủy lập tức ra lệnh, sau khi quăng vị thánh trần truồng xuống đất, đánh ông thật mạnh bằng những cây gậy có nhiều mắt gỗ; và họ đánh khắp cơ thể ông đến nỗi mặt đất nhuốm đỏ bởi máu của ông.

Vị thánh, người đã đẫm máu khắp người, đã kêu lên:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của con, vì Ngài đã thương xót rửa sạch tội lỗi cho con bằng chính máu của con.

Sau những trận đòn kéo dài, vị thánh bị xiềng bằng hai chiếc cùm sắt và bị đưa vào ngục tối cùng với thánh Akexim, nơi hai người tìm thấy niềm an ủi nơi nhau giữa những đau khổ, cùng an ủi lẫn nhau bằng niềm hy vọng vào lòng thương xót của Thiên Chúa.

Khi vị linh mục bị dẫn vào ngục tối, phó tế Aifal vẫn ở lại trước mặt thủ lĩnh các nhà chiêm tinh, đứng đó trong tình trạng bị trói.

Vị pháp sư nhìn ông và nói:

– Còn ngươi thì sao? Ngươi có tuân theo mệnh lệnh của nhà vua không? Ngươi có quỳ lạy mặt trời vĩ đại không? Ngươi có nếm máu hiến tế để thoát khỏi những tai họa sắp ập đến không? Hay ngươi sẽ vẫn cứng đầu và bất tuân như những người khác?

Vị phó tế thánh đáp lại:

– Uống máu là việc làm của những kẻ già nua đồi bại như ngươi; ngươi coi những gì do Thiên Chúa tạo dựng lại là chính Thiên Chúa. Ta sẽ không mù quáng bằng đôi mắt tâm hồn đến mức như ngươi, và sẽ không tôn kính thụ tạo hơn Đấng Tạo Hóa.

Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh trói hai tay ngài dưới đầu gối, rồi đâm một cây cọc lớn xuyên qua hai tay bị trói, và ra lệnh cho sáu tên hành hình, mỗi bên ba người, dẫm lên hai đầu cây cọc để ép chặt vị thánh, đồng thời đánh ngài không thương tiếc bằng những cây gậy nhọn. Các chiến binh nhảy lên cây, đánh nát các khớp xương của vị tử đạo, quất ông bằng roi, và xé nát thân thể ông.

Vị thánh, kiên cường chịu đựng, đã nói với tên phù thủy:

– Ngươi đang vui sướng, hỡi kẻ hành hạ, khi nhìn thấy thân thể con người bị xé nát, giống như con chó hay con quạ vui sướng khi nhìn thấy xác chết và muốn no nê với nó. Tuy nhiên, hãy biết rằng, hỡi kẻ vô đạo, ta coi những cực hình này chẳng là gì cả.

Kẻ phù thủy, càng thêm bừng bừng cơn thịnh nộ, ra lệnh đánh vị thánh mạnh hơn nữa, cho đến khi xương cốt của ngài gãy nát và thịt bắt đầu bong ra khỏi xương. Sau đó, ngừng đánh, họ khiêng ngài vào ngục tối, vì ngài

hoàn toàn không thể bước đi được do những vết thương tàn khốc, và khi đưa đến nơi, họ quăng ngài như một gánh nặng xuống bên cạnh hai người chịu khổ đầu tiên.

Sau năm ngày, các vị thánh được dẫn từ ngục tối đến một nơi gọi là Thiên Đàng, nơi có đền thờ thần lửa, vị thần mà những người Ba Tư vô đạo tôn thờ.

Thủ lĩnh các pháp sư, đang ngự trên bục xét xử, nói với các thánh nhân:

– Hãy trả lời ta ngay lập tức, các ngươi sẽ tiếp tục bám giữ sự điên rồ của mình hay sẽ thay đổi theo hướng tốt hơn và đứng về phía chúng ta?

Các thánh đáp lại:

– Xin ngài hãy biết rằng, thưa quan tòa, chúng tôi vẫn giữ vững niềm tin mà chúng tôi đã có từ ban đầu cho đến ngày nay, và sẽ tiếp tục giữ vững niềm tin đó cho đến cùng. Dù bằng lời đe dọa, tra tấn, quà tặng hay bất kỳ cách nào khác, ngài cũng không thể làm lung lay đức tin chân chính của chúng tôi. Chúng tôi biết và tuyên xưng Đức Chúa Trời Duy Nhất, Chúa Tể vạn vật; chúng tôi tin vào Ngài Duy Nhất và thờ phượng Ngài Duy Nhất.

Khi nghe điều này, tên phù thủy lập tức nghĩ ra một hình thức tra tấn mới. Hắn ra lệnh trói các vị tử đạo bằng dây thừng vào hai tay, cũng như vào hông và cẳng chân của họ, rồi nhét những cây gậy vào dây thừng và xoay tròn, từ đó siết chặt họ bằng những sợi dây thừng đó. Khi họ làm điều này, các thánh phải chịu những cực hình và đau khổ tàn bạo, vì xương của họ bị gãy, đến nỗi tiếng rắc rắc của xương gãy có thể nghe thấy ngay cả từ xa.

Những kẻ tra tấn nói với họ:

– Đừng chống lại ý muốn của hoàng đế.

Họ đáp lại:

– Ai tuân theo ý muốn của vị vua bất chính của các ngươi, thì chính là chống lại Thiên Chúa.

Các thánh bị tra tấn như vậy từ giờ thứ ba đến giờ thứ sáu[7484] . Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh đưa họ trở lại ngục tối, nhưng các thánh không thể tự đi được, nên họ bị khiêng như những cỗ khiêng, và bị quăng vào chính nơi họ đã ở trước đó. Kẻ tra tấn ra lệnh cho lính canh không được cho ai đến gặp họ, và ai muốn đưa thức ăn, nước uống hay quần áo cho họ thì phải bị bắt và giết ngay lập tức. Và các vị tử đạo của Chúa Kitô đã ở trong ngục tối này ba năm trong cảnh khốn cùng tột độ, kiệt sức vì đói khát và phải chịu đựng những đau đớn tột cùng từ những vết thương mưng mủ, đến nỗi chính những người canh gác, khi chứng kiến hoàn cảnh khốn khổ của họ, cũng cảm động và nhiều lần khóc lóc. Tuy nhiên, do có lệnh cấm nghiêm ngặt từ vị hoàng tử, họ sợ không dám nương tay với các vị; chỉ thỉnh thoảng, một ai đó trong số họ, hoặc từ những tù nhân khác cùng bị giam ở đó, lén lút đưa cho các vị một miếng bánh mì hay một ít nước – và như vậy, các vị đã chịu đựng vì tình yêu dành cho Chúa Kitô.

Sau ba năm, khi Sapor, vua Ba Tư, đến đó, thì cùng đi với ông là vị thủ lĩnh tối cao của tất cả các pháp sư Ba Tư, tên là Ardashabor. Khi biết tin về các thánh tử đạo Akepsim, Giuse và Aifal đang bị giam trong ngục, ông ra lệnh đưa họ đến trước mặt mình.

Khi các thánh bước ra khỏi ngục tối, họ trông giống như những cây sậy bị gió lay động – họ đã suy kiệt đến mức đó. Kiệt sức vì đói khát, họ khô héo như rơm rạ, ngã quỵ trước gió và không thể tự đi được. Khi họ được dẫn đến trước mặt Công tước Ardasabor, họ trông thật là một cảnh tượng đáng kinh ngạc, vì dáng vẻ của họ giống như những người chết nằm trong quan tài: mắt trũng sâu, xương chỉ còn được bao phủ bởi lớp da mỏng manh.

Hoàng tử, khi nhìn thấy họ, đã nói:

– Các ngươi có phải là Kitô hữu không? Họ đáp:

– Vâng, chúng tôi là Kitô hữu, tin vào Đức Chúa Trời Hằng Sống Duy Nhất và thờ phượng Ngài.

Hoàng tử nói:

– Các ngươi thấy chưa, đức tin của các ngươi đã mang lại cho các ngươi tai họa gì, những bất hạnh và đau khổ nào? Bởi vì do phải chịu nhiều cực hình và bị giam cầm lâu ngày, các ngươi đã mất đi dáng vẻ của con người sống và trở nên giống như những xác chết nằm trong quan tài. Ta khuyên các ngươi hãy thờ lạy mặt trời rực rỡ. Nếu các ngươi không nghe lời ta, các ngươi sẽ phải chết một cái chết thảm khốc.

Các thánh nhân đã nhất trí từ chối sự bất kính đó và tuyên xưng Đức Chúa Trời Chân Thật, Đấng đã tạo dựng không chỉ mặt trời mà còn mọi loài thọ tạo, đồng thời bày tỏ sự sẵn sàng tuyệt đối để chết vì Đấng Tạo Hóa của vạn vật.

[7484] Ở phương Đông, theo cách tính giờ của chúng ta, thời điểm bắt đầu ngày được coi là từ 6 giờ sáng. Do đó, giờ thứ 3 trong ngày – theo cách tính của chúng ta là 9 giờ sáng, giờ thứ 6 – là 12 giờ trưa.

Sau một cuộc tranh cãi kéo dài, khi hoàng tử thấy mình không thể ép buộc họ tuân theo ý mình, ông ra lệnh trước tiên đánh thánh Akepsim vào lưng và bụng bằng một sợi dây thừng thô; và ba mươi chiến binh đã đánh ông, trong khi người truyền lệnh hét lên:

– Hãy tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế, ngươi sẽ được sống.

Thánh nhân, khi còn đủ sức, đã đáp lại:

– Tôi đang cố gắng thực hiện ý muốn của Chúa tôi bằng tất cả sức lực mà Ngài đã ban cho.

Sau đó, khi đã kiệt sức, ngài im lặng. Tiếp theo, họ chặt đầu thánh nhân; và lời tiên tri của cậu thiếu niên được Thánh Thần soi dẫn, người trước đó đã hôn lên đầu ngài và nói:

– Phúc cho cái đầu này, vì nó sẽ chịu khổ hình vì Chúa Kitô.

Thi thể của vị thánh tử đạo được kéo ra đường và ném cho chó ăn, còn lính canh đứng xa xa để canh chừng, không cho các Kitô hữu lấy trộm thi thể ngài. Ba ngày sau, khi lính canh đã đi đâu đó, các Kitô hữu đã lấy kho báu quý giá này và an táng ngài một cách trang trọng.

Sau khi thánh Akexim bị hành hình, theo lệnh của kẻ tra tấn, người ta bắt đầu đánh đập thánh linh mục Giuse, và người rao lệnh đã hét lên:

– Ngươi sẽ được sống nếu tuân theo ý muốn của hoàng đế.

Còn vị thánh thì kêu lên:

– Thiên Chúa là Đấng Duy Nhất, và không có ai khác ngoài Ngài, Đấng mà nhờ Ngài chúng ta sống, vận động và tồn tại[7485] , chúng ta tin vào Ngài, tôn kính Ngài, – còn mệnh lệnh của nhà vua thì chúng ta phớt lờ.

Sau những trận đòn kéo dài, ngài kiệt sức và dường như đã chết. Những kẻ tra tấn nghĩ rằng ngài đã chết, nên lôi ngài ra ngoài và quẳng xuống quảng trường chợ; sau đó, khi biết ngài vẫn còn thở, họ lại bắt ngài và giam vào ngục tối.

Sau khi thánh Giuse bị đưa đi, vị hoàng tử bắt đầu nói với thánh Aifal:

– Trước mắt ngươi đây là sự sống và cái chết, danh dự và sự ô nhục; đừng chọn điều tồi tệ nhất mà bỏ qua điều tốt đẹp nhất – đừng đi theo con đường mà những kẻ điên rồ đã đi và phải nhận hình phạt xứng đáng với những việc làm của họ. Hãy nghe theo lời khuyên của ta để được hưởng những vinh dự cao quý và nhận những món quà từ tay nhà vua; còn nếu ngươi không nghe lời ta, thì chính ngươi sẽ phải chịu trách nhiệm về sự diệt vong của mình.

Vị phó tế thánh thiện đáp lại:

– Sẽ là một sự hổ thẹn lớn lao đối với tôi, trước mặt trời và đất, nếu tôi không đi theo con đường mà các bậc tiền bối của tôi đã đi trước tôi. Nếu họ, dù đã cao tuổi và thân thể yếu đuối, vẫn can đảm chịu đựng những đau khổ ấy, thì làm sao tôi, người còn trẻ hơn và thân thể khỏe mạnh hơn, lại phải sợ hãi những đau khổ tạm thời này ? – Tôi không sợ chết vì Đấng Christ, Đấng đã chết vì tôi; tôi không muốn đánh mất sự sống đời đời vì cuộc sống tạm bợ này; tôi sẽ không bán đức tin của mình để đổi lấy những món quà và vinh dự của các ngài.

Lúc đó, hoàng tử nói với những người xung quanh một cách giận dữ:

– Hãy bắt lấy hắn và đánh hắn mạnh hơn những người trước.

Thánh nhân đáp:

– Con chó hôi thối và ô uế! Những cực hình này chỉ làm những kẻ hèn nhát khiếp sợ, chứ không làm những người đàn ông kiên cường, những người có tâm hồn bừng cháy khát khao được hiệp nhất với Chúa Kitô, nao núng.

Và họ bắt đầu đánh Thánh Aifal rất dữ dội. Hoàng tử ngạc nhiên nói với thuộc hạ:

– Tại sao những người Kitô hữu lại coi thường cuộc sống này, mà lại khao khát cái chết như thể đó là hạnh phúc trần thế?

Những người xung quanh trả lời:

– Họ được thừa hưởng giáo lý từ cha ông, rằng có một thế giới khác, tốt đẹp hơn thế giới này; tin vào giáo lý đó, họ coi thường thế giới này, với hy vọng vào một thế giới tốt đẹp hơn, vì thế họ tự nguyện chọn cái chết.

Trong khi hoàng tử dành nhiều giờ liền để trò chuyện như vậy với các cận thần của mình, thì vị thánh lại phải chịu vô số vết thương trong suốt thời gian đó.

Sau đó, hoàng tử giả vờ tỏ ra nhân từ, ra lệnh ngừng đánh và nói với vị thánh:

– Hãy tuân theo ý muốn của hoàng đế thì ngươi sẽ được bình an, vì chúng ta có các bác sĩ có thể chữa lành mọi vết thương của ngươi.

[7485] Cụm từ này được mượn từ Công vụ 17:28.

Vị thánh đáp lại:

– Dù ngài có thể chữa lành vết thương cho tôi chỉ bằng một lời nói, thì ngay cả lúc đó tôi cũng sẽ không khuất phục trước sự bất công của ngài.

Hoàng tử nói:

– Ta nói vậy là để thử ngươi; vì nếu ngươi có tuân theo đi chăng nữa, thì ngươi cũng không thể nào lành lại được những vết thương như thế này và nhiều đến thế, những vết thương mà chỉ có cái chết mới có thể chữa lành được. Vậy hãy trở thành tấm gương[7486] cho tất cả các Kitô hữu, – để họ không dám chống lại nhà vua và làm ô danh các hoàng tử của ngài.

Thánh nhân đáp:

– Hỡi quan tòa bất chính! Dù ngươi luôn nói dối, nhưng giờ đây, dù không muốn, ngươi đã nói ra sự thật – rằng ta sẽ là tấm gương về lòng dũng cảm và sự khoan dung cho tất cả các Kitô hữu; vì nhiều tín hữu, khi nhìn vào ta như một tấm gương sống động và chứng kiến sự chịu khổ kiên định của ta vì Chúa Kitô, sẽ tràn đầy lòng nhiệt thành đối với Chúa Thiên Chúa của họ và sẵn sàng chịu những cực hình tương tự vì Ngài.

Hoàng tử, ngạc nhiên trước lòng dũng cảm và sự kiên nhẫn của ông, liếc nhìn người bạn thân yêu của mình đang đứng gần đó, tên là Adesha, người đến từ thành phố Arbel, và nói với anh ta:

– Hãy đưa hai Kitô hữu này, Giuse và Aifal, về thành phố của ngươi và sắp xếp để họ bị chính những Kitô hữu đồng đạo ném đá đến chết.

Vì vậy, ngài không muốn tự tay hành quyết họ bằng gươm, để các nhà truyền giáo Kitô giáo phải chết dưới tay chính những người Kitô hữu.

Adesha đặt họ lên lưng các con vật[7487] , như những bó lúa hay những khúc gỗ vô hồn, vì họ không thể đi lại hay ngồi dậy được, do tất cả các chi thể của họ đã bị tê liệt vì vô số cực hình, – chính vì thế mà ông buộc họ vào lưng các con vật và dẫn họ về thành phố của mình. Trên đường đi, mỗi khi cần dừng lại để nghỉ ngơi hoặc qua đêm, họ được đặt xuống đất, được tháo ra khỏi lưng thú như những thi thể, bởi họ không thể cử động tay chân, vì đã kiệt sức do bị đánh đập và rơi vào trạng thái tê liệt; và nếu có ai, vì lòng trắc ẩn, muốn cho họ thức ăn hay một chút nước, thì phải dùng tay đưa vào miệng họ; rồi lại nhấc họ lên khỏi mặt đất, đặt lên lưng thú vật, trói chặt như những xác chết và tiếp tục chở đi. Khi đến thành phố Arbel, họ bị giam vào một ngục tối hôi thối và không cho phép bất kỳ người Kitô hữu nào đến thăm họ hay chăm sóc họ về bất cứ điều gì. Các vết thương của họ đã bị nhiễm trùng nặng, mủ và máu chảy ra từ các vết loét, và không có ai băng bó vết thương cho họ, hay lật người họ sang bên kia, hay cho họ uống một chén nước lạnh. Các thánh đã chịu đau khổ vì Chúa như vậy.

Trong thành phố đó có một người phụ nữ tin Chúa và thánh thiện, tên là Snandulia, người đã bí mật chăm sóc những người đang chịu khổ vì Chúa Kitô trong ngục tối. Khi biết tin Giuse và Aifal đang bị giam trong ngục, bà đã đến đó vào ban đêm cùng với các nô lệ của mình; sau khi đưa cho lính canh một số lượng vàng lớn, bà bước vào ngục và thấy họ gần như đã chết: họ không còn nói được gì nữa và chỉ còn thở thoi thóp. Snanulia nài nỉ các lính canh cho phép bà đưa các thánh về nhà mình trong một thời gian ngắn, hứa sẽ đưa họ trở lại ngục trước bình minh – và các lính canh đã đồng ý. Sau khi đưa các vị tử đạo về, bà đưa họ đến nhà mình, nằm không xa ngục; sau khi đặt họ lên giường, bà rửa sạch những vết loét, lau máu cho họ bằng những chiếc khăn sạch, bôi máu đó lên cơ thể mình, xức dầu thơm quý giá lên người họ, băng bó những vết sẹo, hôn lên những bàn tay và bàn chân bị thương của họ, và khóc nức nở bên cạnh họ. Khi nỗi đau của họ đã bớt đi phần nào, Giuse tỉnh lại và, khi ngước nhìn, thấy người phụ nữ đạo đức này đang khóc nức nở bên cạnh mình; anh bắt đầu từ từ nói với bà:

– Lòng nhân ái của bà, hỡi người vợ thánh thiện, thật đẹp lòng Chúa và chúng tôi, những kẻ đang chịu đau khổ vì Ngài; nhưng việc khóc lóc thảm thiết như vậy vì chúng tôi là điều không xứng đáng, và tiếng khóc ấy trái với niềm hy vọng và đức tin Kitô giáo của chúng tôi.

Người phụ nữ đáp lại:

– Tôi vui mừng vì Chúa Kitô đã ban cho các anh em nhiều dũng khí đến nỗi các anh em kiên cường chịu đựng những cực hình khủng khiếp; tôi sẽ còn vui mừng hơn nữa nếu được thấy các anh em chịu đựng cực hình đến cùng; còn việc khóc lóc thì vốn là bản chất của con người.

[7486] Tức là – một ví dụ rùng rợn về cách những kẻ bất tuân ý muốn của nhà vua bị trừng phạt.

[7487] Ở đây ám chỉ những con la và lừa, được dùng để cưỡi và vận chuyển hàng hóa nặng. Để vận chuyển những tải trọng lớn hơn và trên những quãng đường dài, người ta sử dụng lạc đà.

Thánh Giuse nói với bà:

– Tuy nhiên, chị không nên khóc vì chúng tôi, vì chị biết rằng mọi nỗi đau khổ chịu đựng vì Chúa Kitô đều dẫn đến niềm vui vĩnh cửu.

Khi trời bắt đầu sáng, các thánh lập tức bị đưa vào ngục tối. Sau sáu tháng – khi các thánh đã phần nào lành lại vết thương, có thể đứng dậy và đi lại từ từ, chỉ có Ai-pha-la là hai tay vẫn buông thõng bất động, – Adesch, người đã nhận các thánh từ Ardasabor để hành hình, bị tước quyền lực, và thay vào đó là một quan tòa khác, tàn bạo hơn người trước, tên là Zerov. Khi ông ta đến thành phố và bắt đầu dâng lễ vật tại đền thờ vị thần của họ – thần Lửa, các thầy tế lễ đã báo cho ông ta biết về các thánh tử đạo Giuse và Aifal, nói rằng:

– Trong ngục có hai vị thầy Kitô giáo, trước đây đã bị Ardasabor tra tấn, sau đó bị đưa đến đây để chính những người Kitô giáo ném đá họ. Vì họ không thể đi lại do vết thương, nên chúng tôi chưa đưa họ ra hành quyết, mà chờ cho đến khi họ bình phục để có thể ép buộc họ đồng thuận với chúng tôi.

Nghe vậy, quan tòa lập tức ra lệnh dẫn họ đến trước mặt mình và tranh luận với họ trong một thời gian dài, dùng cả lời ngọt ngào lẫn lời đe dọa để ép buộc họ phải thờ lạy ngọn lửa và nếm thử các lễ vật của họ. Khi thấy mình không đạt được kết quả gì, ông ta trước tiên ra lệnh treo thánh Giuse lên, để trần truồng và đầu hướng xuống dưới, rồi đánh bằng gân bò. Và khi họ đánh ngài rất dữ dội, những vết thương vốn đã lành lại một chút bỗng lại rách toạc ra, và máu chảy thành dòng như thể từ những suối nước. Một số nhà chiêm tinh có mặt tại đó đã tiến lại gần vị thánh và thì thầm nói:

– Hỡi người kia! Nếu ngươi xấu hổ trước dân chúng mà không dám bước vào đền thờ thần của chúng ta trước mặt mọi người để dâng lễ vật cùng với chúng ta, thì hãy hứa sẽ làm điều đó một cách bí mật, và ngươi sẽ được thoát khỏi sự tra tấn.

Vị thánh liền cất tiếng kêu lớn: *Thi Thiên 6:9 – "Hỡi những kẻ làm điều gian ác, hãy lui xa khỏi ta, vì Chúa đã nghe tiếng khóc than của ta*."

Họ đánh ngài trong ba giờ, rồi kẻ tra tấn ra lệnh tháo dây trói, mang ngài vào ngục tối, vì ngài lại không thể đi được do những vết thương hở ra.

Khi Thánh Giuse được tháo dây và đưa vào ngục tối, Thánh Aifal được treo lên thay thế ngài và cũng bị đánh đập không thương xót trong một thời gian dài. Ngài không ngừng kêu lên:

– Ta là người Kitô hữu.

Khi Thánh Aifal cũng bị tháo xuống, người ta treo cổ một kẻ theo tà giáo Manichaeism[7488] lên thay thế; kẻ này cũng đã tuyên xưng đức tin tà ác của mình trước mặt mọi người, đồng thời lên án người Ba Tư vì sự vô đạo của họ. Sau khi treo cổ hắn, họ bắt đầu đánh đập. Ban đầu, hắn chịu đựng những vết thương gây ra cho mình; nhưng khi họ bắt đầu đánh hắn với sự tàn bạo hơn, hắn bắt đầu la hét bằng giọng lớn, nguyền rủa thầy của mình, từ bỏ đức tin của thầy và hứa sẽ thờ lạy các vị thần Ba Tư. Thánh Aifal, người có mặt tại đó, nghe thấy điều này, tràn đầy niềm vui và cười nhạo hắn, nói:

– Ngươi mới chỉ nếm trải chút đau khổ mà đã từ bỏ Mani của ngươi rồi. Ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng củng cố chúng ta trong mọi cực hình tàn bạo nhất và ban cho chúng ta sức mạnh để trở nên bất khả chiến bại và bất khuất trong đức tin thánh thiện của chúng ta!

Nghe vậy, quan tòa nổi giận với vị thánh và ra lệnh đánh ông ta thêm lần nữa bằng những cành hồng gai. Họ đánh ông ta cho đến khi nghĩ rằng ông đã chết, rồi lôi ông ra ngoài và vứt bỏ như một xác chết. Một trong số các nhà chiêm tinh, khi nhìn thấy thi thể trần truồng nằm đó, đã động lòng thương xót, tuân theo bản năng tự nhiên,

---

[7488] Manichaeism – một tà giáo hình thành tại Ba Tư dưới ảnh hưởng của nỗ lực kết hợp Kitô giáo với các nguyên lý của tôn giáo Ba Tư Zoroastrian, vốn chủ trương thuyết nhị nguyên, tức là sự tồn tại từ thuở khai thiên lập địa của hai nguyên lý hoặc vương quốc độc lập – thiện và ác. Người sáng lập Manichaeism, Manes (sống vào thế kỷ III), ban đầu là một pháp sư, sau đó theo Kitô giáo, thậm chí còn trở thành linh mục, nhưng chẳng bao lâu sau đã bị Giáo hội khai trừ vì khuynh hướng quay trở lại tôn giáo ngoại giáo Ba Tư và sau đó, dưới triều vua Ba Tư Varane I, ông đã bị xử tử. Theo giáo lý của ông, Chúa Kitô chỉ là một eon (thần linh) sáng chói, phát xuất từ Cha của Ánh Sáng qua quá trình tuôn trào. Một nửa của Ngài bị vật chất nuốt chửng và tạo thành linh hồn của thế giới hữu hình, tức là "Chúa Giêsu Khổ Nạn", còn nửa kia, nhờ sự trợ giúp của một eon khác – Thánh Thần Ban Sự Sống – đã giải thoát khỏi vật chất và ngự trong mặt trời; đó chính là cái gọi là "Chúa Giê-su Vô cảm". Sự nhập thể của Chúa Kitô chính là sự giáng trần từ Mặt Trời của Chúa Giê-su Vô cảm để giải thoát Chúa Giê-su Đau khổ, những hạt ánh sáng của Ngài mà Sa-tan, dường như, đã thu thập và, để dễ dàng kiểm soát chúng hơn, đã giam cầm trong hình hài con người. Theo giáo lý này, sự nhập thể của Đấng Christ chỉ là ảo ảnh (Docetism). Về mặt đạo đức, giáo lý này chủ trương cuộc đấu tranh chống lại vật chất, nhằm giải thoát ánh sáng khỏi nó, thông qua việc dần dần tiêu diệt bản tính xác thịt trong chính mình. Tà giáo Manichaeism đặc biệt phổ biến vào thế kỷ IV và V.

và phủ lên người ngài một tấm vải. Một số đồng bạn của ngài, khi thấy điều đó, đã báo với quan tòa về việc anh ta đã làm, rồi bắt lấy anh ta và đánh đập anh ta không thương tiếc. Những kẻ vô nhân đạo đó đã trả ơn anh ta như vậy; nhưng khi nhận ra rằng thánh Aifal vẫn còn thở, họ đã túm lấy chân anh ta và lôi anh ta trở lại ngục tối.

Một thời gian sau, các thánh tử đạo lại bị dẫn ra khỏi ngục đến trước mặt quan tòa, và ông ta nói với họ:

– Hãy thương xót chính mình đi, các người, hãy nếm máu hy sinh và giải thoát khỏi những đau khổ.

Họ đồng thanh đáp lại:

– Uống máu không phải là việc xứng đáng với con người, mà chỉ dành cho những con chó ăn thịt. Nhưng vì ngài dù về bản chất là con người, nhưng tính cách lại như con chó, sủa vào Đấng đã tạo ra ngài, thì chính ngài hãy uống máu và no nê với nó đi.

Thẩm phán, vì tức giận, lại ra lệnh đánh họ. Những người có mặt, thương xót họ, bắt đầu nói:

– Thay vì máu, hãy nếm thử ít nhất là thịt hiến tế đã nấu chín, để thoát khỏi những đau đớn này.

Các thánh nhân đáp lại:

– Chúng tôi sẽ không làm ô uế đức tin trong sạch của mình bằng bất cứ điều gì.

Sau đó, quan tòa cùng các cố vấn của mình đã thông qua bản án đối với các thánh tử đạo, rằng các Kitô hữu phải ném đá họ.

Còn Thánh Giuse thì nói:

– Tôi muốn tiết lộ một bí mật cho quan tòa.

Thẩm phán lập tức bước đến gần ngài, nghĩ rằng ngài muốn dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng vị thánh đã nhổ nước bọt vào mặt thẩm phán và nói:

– Ngươi không thấy xấu hổ sao, hỡi vị quan tòa vô nhân đạo, khi chống lại bản tính con người một cách tàn nhẫn như vậy và trút cơn thịnh nộ của mình lên những người sắp chết?

Và vị thẩm phán đã trở về chỗ ngồi của mình trong sự xấu hổ. Ngay lập tức, rất nhiều người hầu được cử đi đến các nhà của các tín hữu Kitô giáo, và họ đã lôi các tín hữu ra khỏi nhà đến nơi xét xử, để họ ném đá vào Thánh Giuse. Sau khi lôi ngài ra một khoảng trống rộng rãi, cách nơi xét xử một chút, họ đào một cái hố sâu đến hông và đặt ngài vào đó, vì nếu không thì ngài không thể đứng được. Sau khi trói tay ngài ra sau lưng và xếp các tín hữu Kitô giáo xung quanh, những người hầu đã đặt đá vào tay họ và ép buộc họ ném đá vào thánh nhân, và họ đã làm như vậy, dù là trái với ý muốn của mình. Họ cũng dẫn thánh nữ Snandulia đến và ép buộc bà ném đá vào thánh nhân.

Bà liền kêu lên:

– Từ xưa đến nay chưa từng nghe nói có ai ép buộc một người phụ nữ giơ tay chống lại các vị thánh nam, như các ngươi đang làm, không phải chiến đấu chống lại kẻ thù, mà là chống lại chúng ta, và làm cho quê hương đang sống trong hòa bình này chìm trong máu và giết chóc.

Những kẻ vô đạo đã gắn một chiếc sừng sắt vào một cây gậy dài và đưa vào tay Snandulia, để bà dùng nó đâm thánh nhân từ xa. Nhưng bà nói:

– Đối với tôi, thà họ đâm thứ đó vào tim tôi còn hơn là chạm vào thân thể thánh thiện và vô tội của ngài.

Xung quanh vị thánh, người ta đã chất đầy đá, đến nỗi chỉ còn thấy được cái đầu của ngài. Một kẻ vô đạo trong số bọn chúng nhấc một tảng đá lớn lên, vung nó qua đầu vị thánh rồi đập vào đầu ngài, làm vỡ nát nó. Thế là vị thánh tử đạo nhân lành đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa. Người ta đã bố trí lính canh để bảo vệ thi thể vị tử đạo như một kho báu, để nó không bị các tín hữu lấy cắp. Sau ba ngày, một trận động đất lớn đã xảy ra. Lửa từ trời rơi xuống, thiêu rụi những người canh gác và thổi bay những hòn đá như bụi. Khi trận động đất, sấm sét và chớp giật chấm dứt, người ta đến nơi thi thể vị thánh bị ném đá, và thấy những hòn đá nằm rải rác khắp nơi, nhưng không tìm thấy thi thể vị thánh, vì Chúa, theo những định mệnh chỉ Ngài mới biết, đã đưa ngài đến những nơi không ai biết.

Thánh phó tế Aifal bị đưa đến một làng tên là Patrias[7489] , và tại đó, những người Kitô hữu cũng đã ném đá vào ngài dưới sự ép buộc; còn thi hài thánh của ngài thì các tu sĩ sống gần đó đã đến vào ban đêm, bí mật mang đi và an táng một cách trang trọng. Tại nơi Thánh Aifal bị sát hại, một cây "mersina"[7490] đã mọc lên, nhờ lời cầu

[7489] Ngôi làng này nằm ở vùng Beth-Nugard. Nugard là một thành phố có giáo phận trực thuộc tổng giáo phận Mosul.

[7490] Mersina – cây myrtle, cây myrtle. Loài cây này mọc ở châu Á, các nước nhiệt đới châu Mỹ, châu Phi – tại Ai Cập và miền nam châu Âu, dọc theo bờ biển Địa Trung Hải. Cây này cao tới 3 sažen, có vỏ màu hơi đỏ và những cành dài, chắc khỏe với những chiếc lá nhỏ xanh

nguyện của vị thánh tử đạo này mà mọi bệnh tật đều được chữa lành. Cây đó đã đứng đó trong suốt năm năm, chữa lành bệnh tật cho tất cả những ai đến. Khi thấy điều này, những kẻ vô đạo vì ghen tị đã chặt cây đó tận gốc. Nhiều người xứng đáng đã nhìn thấy tại nơi đó ánh sáng rực rỡ từ trời cao và các Thiên thần đang ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa, Đấng tôn vinh các thánh của Ngài; nhờ những lời cầu nguyện của các ngài, xin cho chúng ta cũng được xứng đáng cùng các Thiên thần ca ngợi vinh quang của Thiên Chúa trên trời muôn đời. Amen.

Kondak, giọng 2:

Bằng sự khôn ngoan thần thánh, Ngài đã dẫn dắt ngài một cách bí ẩn và vô tì vết; ngài là của lễ dâng lên Chúa được chấp nhận và đầy phúc lành: vì ngài đã uống chén vinh quang của Đấng Kitô, thánh Akeximos, cùng với những người chịu khổ vì ngài, không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng ta.

Lễ thánh hiến nhà thờ Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê tại Lydda

Ngày kỷ niệm: 3 tháng 11

Vào ngày 3 tháng 11, Giáo hội Nga tưởng niệm lễ khánh thành lại nhà thờ Thánh Đại Tử đạo Giô-rê tại Lydda.

Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê đã chịu khổ nạn trong cuộc bách hại tàn bạo đối với Giáo hội dưới thời Hoàng đế La Mã Đio-clê-ti-an. Trong thời gian chịu khổ nạn, khi bị giam trong ngục tối, Thánh George đã xin người canh ngục cho phép người hầu của ngài vào thăm ngài trong ngục, và khi người hầu được phép vào, ngài đã nhờ anh ta sau khi ngài qua đời hãy đưa thi thể ngài về Palestine. Người đầy tớ đã thực hiện đúng theo lời thỉnh cầu của chủ nhân. Sau khi mang thi hài đã bị chặt đầu của vị Đại Tử đạo ra khỏi ngục tối, anh ta đã an táng ngài một cách trang trọng tại thành phố Ramle[7491] .

Dưới triều đại của Hoàng đế Constantine đạo đức, những người sùng kính vị Thánh Tử đạo vĩ đại đã xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp tại Lydda để tôn vinh ngài. Vào thời điểm nhà thờ này được thánh hiến, thi hài bất hoại của vị Thánh Tử đạo vĩ đại đã được rước từ Ramla về đây . Sự kiện này diễn ra vào ngày 3 tháng 11. Không rõ liệu vào thời điểm đó đã có quy định tổ chức lễ kỷ niệm hàng năm vào ngày này hay chưa – dù sao thì trong lịch phụng vụ của Giáo hội Sir từ năm 1030, ngày 3 tháng 11 đã được ghi nhận là ngày lễ.

Sau đó, ngôi thánh đường tráng lệ của vị Đại Tử đạo, vốn là một trong những điểm nhấn chính của thành phố Lydda, đã rơi vào tình trạng hoang tàn nghiêm trọng. Chỉ còn lại bàn thờ và chính chiếc quan tài của vị Đại Tử đạo là vẫn nguyên vẹn, nơi các tín hữu Kitô giáo tiếp tục cử hành các nghi lễ thờ phượng. Sự quan tâm của Giáo hội Chính thống Nga đối với ngôi thánh đường này đã được khơi dậy vào nửa sau thế kỷ XIX. Những khoản đóng góp từ các nhà hảo tâm cùng nguồn kinh phí dồi dào do Chính phủ Nga cấp đã giúp thành phố Lydda một lần nữa được chứng kiến ngôi thánh đường này được tu sửa và trang hoàng lộng lẫy. Lễ thánh hiến nhà thờ được trùng tu diễn ra vào tháng 11 năm 1872, đúng vào ngày kỷ niệm lần đầu tiên nhà thờ được thánh hiến. Giáo hội Nga vẫn tổ chức lễ kỷ niệm sự kiện trọng đại này vào ngày này cho đến ngày nay; để vinh danh lễ kỷ niệm này, nhiều tu viện và nhà thờ đã được xây dựng tại Nga.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Những tín hữu trung thành, nương tựa vào sự che chở cao quý và nhanh chóng của ngài, chúng con cầu xin các vị tử đạo của Chúa Kitô giải thoát chúng con khỏi những cám dỗ của kẻ thù, những người ca ngợi ngài, cũng như mọi tai ương và sự ác độc, để chúng con có thể kêu lên: Hãy vui mừng, thánh tử đạo George.

---

quanh năm cùng những bông hoa trắng thơm nở rộ vào tháng Năm. Cây myrtle là loài cây được người xưa yêu thích nhất; họ trồng nó trong vườn, dùng nó để trang trí nhà cửa vào các ngày lễ, và đội vòng hoa myrtle lên đầu trong các bữa tiệc, đặc biệt là tiệc cưới. Đối với người xưa, cây myrtle được tôn vinh như một biểu tượng của tình yêu, hạnh phúc bình yên, là hình ảnh của những điều vui vẻ trong hiện tại và những hy vọng tươi sáng trong tương lai.

[7491] Ramla – một thành phố ở Palestine, gần Joppa.

Lễ kính Thánh Akexim

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 11

Thánh Akepsim sống dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius Đại đế[7492] . Ngài tự giam mình trong một căn phòng nhỏ và sống ở đó suốt 60 năm, chịu đựng cái nóng và cái lạnh khắc nghiệt, không gặp ai, không trò chuyện với ai, mà chỉ cầu nguyện với Thiên Chúa. Căn phòng của ngài được đào trong lòng đất và rất khó ở; thức ăn của ngài chỉ là đậu lăng trộn với nước, và thậm chí chỉ một lần mỗi tuần. Nước uống cần thiết, ngài múc từ suối gần nhất vào ban đêm, để không bị ai nhìn thấy. Sau những lời khẩn cầu nồng nhiệt, ngài đã nhận chức giám mục và, sau khi thực hiện vô số phép lạ, đã an nghỉ trong Chúa.

Lễ kính các thánh tử đạo Atticus, Agapia, Eudoxia, Kateria, Istukaria, Pactovia và Nikopolion

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 11

Các thánh tử đạo Atticus và Eudoxius, dưới triều đại của hoàng đế Decius[7493] , từng là binh lính tại thành phố Sebaste[7494] cùng với Katerius và Istukarius. Các thánh, vì đã truyền bá đức tin vào Chúa Kitô, đã bị tướng quân Marcellus bắt giữ và tra tấn dã man. Sau đó, họ bị tống vào ngục tối, nơi họ bị đánh vào vai và bụng bằng dây da bò, rồi răng của họ bị đập vỡ. Trong lúc tra tấn, vị tướng quân quay sang thánh Kateri và hỏi:

– Ngươi đã dạy dân chúng không tuân theo mệnh lệnh của nhà vua sao?

– Tôi không dạy dân chúng – ngài đáp – chống lại vua, mà dạy họ tin vào Đức Vua bất tử là Chúa Kitô.

Sau đó, các thánh Istukari, Paktovi và Niktopolion được dẫn đến; các ngài đã tuyên xưng Đức Kitô là Thiên Chúa, vì thế bị kết án và bị đánh bằng cọc gỗ, đồng thời phải chịu nhiều hình phạt khác nữa, và cuối cùng, cùng với những người khác, các ngài bị kết án thiêu sống và như vậy đã an nghỉ trong Chúa.

Ngày 17 tháng 11

Ngày 4 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta Ioannikios Đại đế

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 11

Thánh Ioannikios sinh ra tại vùng Bithynia[7495] , trong một làng có tên là Marikati[7496] . Cha ngài tên là Miritrikios, còn mẹ là Anastasia. Khi Ioannikios lớn lên, cha mẹ giao cho ngài nhiệm vụ chăn gia súc của gia đình. Dù không được học hành chính quy, nhưng trí tuệ của ngài lại vượt trội hơn nhiều nhà học giả, bởi vì ngài đã thấu hiểu các điều răn của Chúa. Tuân theo sự hướng dẫn của Thánh Thần, Đấng soi sáng tâm hồn cậu, cậu trở nên rất đạo đức, hiền lành, khiêm nhường, kiên nhẫn và vâng lời; còn trong việc cầu nguyện, cậu hết sức sốt sắng, đến nỗi thường bỏ đàn gia súc của mình lại, đứng cả ngày ở một nơi vắng vẻ nào đó để cầu nguyện với Chúa một cách sốt sắng. Khi ngài lui vào nơi vắng vẻ để cầu nguyện, ngài làm dấu thánh giá trên đàn chiên của mình, và đàn chiên

---

[7492] Theodosius Đại đế – Hoàng đế La Mã từ năm 379 đến năm 395. Trong thời kỳ trị vì của ông, đạo Kitô đã được chính thức công nhận trong Đế quốc La Mã.

[7493] Decius – Hoàng đế La Mã, kẻ đàn áp tàn bạo các Kitô hữu; trị vì từ năm 249 đến năm 251.

[7494] Có một số thành phố mang tên này. Ở đây đề cập đến Sebaste của Armenia.

[7495] Bithynia là tỉnh phía tây bắc của Tiểu Á. Ngày nay, nó nằm ở phần phía bắc của Anatolia. Đạo Kitô đã xuất hiện ở Bithynia từ thời các Tông đồ. Hiện nay, Giáo phận Bithynia có 12 tòa giám mục, trực thuộc Tổng giám mục Nicomedia.

[7496] Làng *Marikati* nằm ở phía bắc Apollonia, một thuộc địa nổi tiếng trên bờ biển Pontus, thuộc Thrace.

của ngài không đi lạc đâu cả, không bị thú dữ hay kẻ trộm cướp mất, và vị thiếu niên thánh thiện, khi trở về vào buổi tối từ nơi ẩn dật, đã dẫn đàn chiên về nhà.

Thánh nhân đã sống như vậy cho đến khi bước vào tuổi thiếu niên. Vào thời điểm đó, Hy Lạp đang nằm dưới sự cai trị của vua Lêô vô đạo, con trai của Constantine Copronymus, người đã bị nhiễm tà thuyết chống thánh tượng[7497] . Vị vua này bắt đầu tuyển mộ từ khắp đế quốc những thanh niên nổi bật về nhan sắc và dũng cảm vào quân đội của mình. Những người được ông cử đi để thực hiện việc tuyển mộ này cũng đã đến vùng Bithynia. Khi đến thăm ngôi làng nơi Ioannikios sinh sống, họ thấy chàng trai này rất đẹp trai, cao lớn, vóc dáng rắn rỏi và có khả năng phục vụ quân sự; vì vậy, họ đã đưa anh theo và ghi danh anh vào hàng ngũ các chiến binh huấn luyện[7498] . Kể từ đó, Ioannikios bắt đầu phục vụ quân sự và khiến kẻ thù khiếp sợ bởi lòng dũng cảm của mình, còn nhờ tính hiền lành và khiêm nhường, anh được các đồng đội yêu mến; nhưng trên hết, anh được Thiên Chúa hài lòng, vì anh tuân giữ các điều răn thánh của Ngài một cách cẩn trọng. Nhưng ma quỷ, vì ghen tị với cuộc sống đạo đức của Ioannikiy, đã lôi kéo anh ta vào tà thuyết chống thánh tượng. Tà thuyết này vào thời điểm đó đã gây ra sự hỗn loạn lớn trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời: các thánh tượng bị ném ra khỏi các nhà thờ của Chúa, còn những ai thờ phượng chúng thì bị bức hại. Và Ioannikios đã bị tà thuyết đó mê hoặc đến mức thậm chí không muốn nghe bất cứ điều gì về các thánh tượng. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng mong muốn sự cứu rỗi cho tất cả mọi người, đã cứu ông khỏi sự mê hoặc đó như sau.

Theo sự an bài của Đức Chúa Trời, Ioannikios được cử đi cùng đội quân của mình về phía đông, và trên đường trở về từ đó, ông đi qua núi Olympus[7499] , nơi lúc bấy giờ có một tu sĩ sống, người nổi tiếng với khả năng thấu thị đặc biệt. Vị tu sĩ này, sau khi được Thánh Thần của Đức Chúa Trời mách bảo rằng Ioannikios đang dẫn đoàn quân đi ngang qua, đã bước ra khỏi căn phòng ẩn tu hoang vắng của mình và nói với anh ta:

– Hỡi con của Ioannikios! Nếu con tự xưng là Kitô hữu, thì tại sao con lại khinh miệt hình ảnh Đức Kitô? Tất cả những việc làm tốt đẹp trong đời sống đạo đức của con đều vô ích, nếu con không có đức tin đúng đắn.

Nghe vậy, Ioannikios ngạc nhiên vì người ấy gọi tên mình – dù không hề biết mặt – và vì một người chưa từng gặp mặt lại biết rõ mọi việc làm của mình. Tuy nhiên, khi nhận ra rằng người đang nói chuyện với mình được tràn đầy Thánh Thần và đã biết rõ mọi việc làm của mình nhờ sự thấu suốt, Ioannikios liền quỳ sấp xuống đất trước mặt người ấy, cúi đầu kính cẩn và xin người tha thứ. Anh nói rằng mình đã phạm tội vì thiếu hiểu biết, và hứa sẽ dành cho sự tôn kính và thờ phượng xứng đáng đối với hình ảnh Chúa Kitô và các hình ảnh của tất cả các thánh. Kể từ đó, vị thánh Ioannikios bắt đầu sùng kính các thánh tượng một cách nhiệt thành và ăn năn sâu sắc vì trước đây, do sự thiếu hiểu biết của mình, đã khinh miệt chúng. Mong muốn chuộc lại tội lỗi của mình, ông bắt đầu tự hành xác bằng việc ăn chay và dùng nhiều cách khác nhau để chế ngự xác thịt. Khi ở trong hành lang của cung điện hoàng gia, ngài nằm trên mặt đất trần, cầu nguyện suốt cả đêm, chỉ ăn rất ít thức ăn; tuy nhiên, khi phải dùng bữa chung với các chiến binh, ngài cố gắng che giấu việc ăn chay của mình trước mặt họ.

Sau khi dành trọn sáu năm cho những việc tu hành như vậy, người Bulgaria đã tấn công người Hy Lạp với lực lượng hùng hậu và bắt đầu tàn phá Thrace[7500] . Vua Hy Lạp đã dẫn toàn bộ quân đội của mình ra trận chống lại họ, trong đó lúc bấy giờ có cả Thánh Ioannikios. Khi hai đạo quân gặp nhau và bắt đầu giao chiến, quân Bulgaria bắt đầu áp đảo quân Hy Lạp, thì Thánh Ioannikios đã thể hiện sự dũng cảm phi thường, đánh bại quân ngoại bang như một Đa-vít mới; ngay trước mặt chính vị vua, ngài đã cứu đơn vị của mình khỏi lưỡi gươm kẻ thù, dũng cảm đẩy lùi cuộc tấn công của địch và chém chúng như chém lau sậy. Ông cũng đã giải cứu một quý tộc Hy Lạp danh giá, người đã tham gia chiến đấu với quân Bulgaria và suýt bị chúng bắt làm tù binh: lao vào giữa đám địch, Ioannikios đã chém chết một số kẻ bằng thanh kiếm của mình, đuổi tan những kẻ còn lại và nhờ đó giải thoát được vị quý tộc bị bắt làm tù binh. Vua, chú ý đến sự dũng cảm của anh, đã hỏi về quê hương, dòng dõi và tên của anh, rồi ra lệnh ghi chép tất cả những điều này vào cuốn sách kỷ niệm[7501] , để sau khi trận chiến kết thúc, có thể vinh

---

[7497] Lê IV trị vì từ năm 775 đến năm 780 sau Công nguyên. Những người chống thánh tượng là những kẻ dị giáo, nổi dậy chống lại việc tôn kính các thánh tượng. Cuộc đàn áp các thánh tượng bắt đầu dưới thời Hoàng đế Lê Isaur vào năm 626.

[7498] Các binh sĩ Vệ binh, những người bảo vệ cung điện hoàng gia.

[7499] Olympus – ngọn núi ở Bithynia, thu hút nhiều ẩn sĩ bởi sự hẻo lánh và hoang sơ của nó.

[7500] Thrace – (theo nghĩa rộng) trong thời cổ đại bao gồm phần phía đông của Hungary ngày nay, Transylvania, Bessarabia, Moldova, Wallachia, Bulgaria, Serbia và phần phía đông của Rumelia. Tuy nhiên, theo nghĩa hẹp, Thrace chỉ dùng để chỉ phần phía đông của Rumelia ngày nay. – Người Bulgaria, sống ở phía bắc Hy Lạp, vào thời đó thường xuyên tấn công Đế chế Hy Lạp.

[7501] Các quan chức hoàng gia có những cuốn nhật ký đặc biệt, trong đó ghi chép lại tất cả các sự kiện quan trọng nhất diễn ra trong đế chế.

danh vị chiến binh dũng cảm này bằng một chức tước cao quý và những món quà khác. Trong khi đó, Ioannikios, khi nhìn thấy một người Bulgaria có vẻ ngoài đáng sợ, giống như Goliath – kẻ đang chặn đường người Hy Lạp và giết hại họ – đã lao thẳng vào hắn và lập tức chặt đầu hắn. Đó chính là lòng dũng cảm của Thánh Ioannikios trong cuộc chiến chống lại những kẻ thù hữu hình; điều đó đã báo trước cuộc chiến tương lai của ngài với những kẻ thù vô hình và chiến thắng của ngài trước chúng.

Trên đường trở về sau chiến tranh, khi đi ngang qua núi Olympus, Ioannikios chợt nhớ lại vị tu sĩ đã từng bước ra từ sa mạc để chỉ trích ông về tà thuyết chống thánh tượng. Nhớ lại điều đó, ngài quyết định trong lòng sẽ từ bỏ tất cả, định cư trên ngọn núi ấy và sống trong sự thinh lặng như một tu sĩ, chỉ giao tiếp với một mình Thiên Chúa. Ông đã sớm thực hiện quyết định của mình. Bởi vì khi ông đến kinh đô hoàng gia và lẽ ra phải nhận được danh hiệu danh dự cùng những món quà từ nhà vua vì sự dũng cảm đã thể hiện trong các trận chiến, thì ông đã khinh thường tất cả những điều đó, coi chúng chỉ là những thứ phù phiếm[7502] . Rời xa những người đồng đội trên chiến trường, ông đã đến với các tu sĩ vào năm thứ hai mươi lăm của thời gian phục vụ quân ngũ, để bắt đầu một cuộc chiến mới – chống lại "những linh hồn độc ác dưới trời"[7503] . Khi đến tu viện Avgar và được các tu sĩ sống ở đó đón tiếp nồng hậu, Ioannikios đã bày tỏ với vị tu viện trưởng Grigori ý định của mình là đi vào sa mạc để sống ở đó trong sự cô độc và im lặng. Vị tu viện trưởng ban đầu tán thành quyết định của ông, nhưng sau đó nói:

– Dù ý định của con là tốt, hỡi người thân yêu, nhưng ta không khuyên con nên chọn ngay lối sống ẩn dật và xa lánh mọi người, trước khi con quen với các quy tắc và tập quán tu viện. Vậy nên, trước tiên con hãy sống cùng các tu sĩ đức hạnh và giàu kinh nghiệm, học hỏi từ họ về thời gian và cách thức thực hành cầu nguyện, rèn luyện đức khiêm nhường, vâng lời và hiền lành; sau đó con mới có thể lên sa mạc. Hãy cẩn trọng, con ơi, đừng để khi bắt đầu sống cuộc đời như vậy mà không được hướng dẫn, chính con lại bị kẻ thù làm tổn thương và đánh bại, thay vì là người làm tổn thương và đánh bại nó.

Ioannikios, nghe theo lời khuyên hữu ích này, đã tạm gác lại ý định của mình và bắt đầu sống cùng những người đàn ông đạo đức, để rèn luyện bản thân theo lối sống đạo đức của họ. Anh quan sát các quy tắc tu viện và lối sống tại ba tu viện; ban đầu anh học tập tại tu viện Avgar, sau đó chuyển đến một tu viện khác tên là Utotelas, và vì là người chưa biết chữ, anh bắt đầu học đọc viết tại đó. Thấy rằng tu viện đó thường xuyên có giáo dân đến thăm viếng và vì họ mà sự tĩnh lặng của tu viện bị phá vỡ, ông đã rời khỏi đó và đến tu viện thứ ba, Antidiev, nơi ông sống trong hai năm. Tại đó, ông đã học thuộc lòng ba mươi thánh vịnh của Đa-vít và nhận được nhiều bài học quý giá cho đời sống tu hành từ các tu sĩ nơi đây.

Sau hai năm, Ioannikios lại bừng cháy khát vọng sống trong sự tĩnh lặng của sa mạc và quyết tâm leo lên ngọn núi gần đó, rồi định cư ở đó trong sự cô độc để bắt đầu cuộc sống ẩn tu. Nhưng trước đó, ông đã nhịn ăn trong bảy ngày và cầu nguyện sốt sắng với Thiên Chúa, xin Ngài dẫn dắt ông trên con đường mà ông đã chọn. Vào ngày thứ bảy, vị Mô-sê mới này đã nghe thấy một tiếng nói từ trên cao, ra lệnh cho ông lên ngọn núi đó. Ioannikios rời tu viện Antidiev và vội vã đến ngọn núi nằm không xa nơi đó. Khi leo lên đỉnh núi, ông bắt đầu tìm kiếm một nơi để cư ngụ. Và rồi ông thấy hai tu sĩ ẩn tu, mặc áo bằng lông thú và ăn các loại cỏ mọc trong sa mạc. Tiếp cận họ, vị thánh đã cúi đầu chào; còn họ, sau khi đứng dậy, đã dâng lời cầu nguyện rồi bắt đầu trò chuyện với ông. Ioannikios kể cho họ nghe tất cả về bản thân và bày tỏ ý định của mình, còn các tu sĩ thì không bỏ qua việc khuyên răn ngài. Họ tiên đoán rằng sau năm mươi năm tu hành, vào những ngày cuối đời, ngài sẽ phải đối mặt với sự cám dỗ từ những kẻ ghen tị, "nhưng – các thánh nhân nói – những hậu quả cay đắng của sự cám dỗ đó sẽ đổ xuống đầu chính họ, còn ngươi sẽ không phải chịu bất kỳ điều ác nào", và điều này đã trở thành sự thật, như sẽ thấy rõ trong phần tiếp theo – khi tiên đoán điều này cho Ioannikios, những vị ẩn sĩ thánh thiện ấy đã trao cho anh ta một bộ áo làm từ lông thú, mà trong tiếng địa phương được gọi là "levitonar". Bộ áo này đối với Ioannikios như một tấm khiên bất khả xâm phạm trước mọi mũi tên của kẻ thù, như chính ông đã kể lại sau này. Sau khi kết thúc cuộc trò chuyện đầy ý nghĩa, các ẩn sĩ chia tay nhau và lui về sa mạc xa xôi, còn Ioannikios thì lên ngọn núi có tên là Trichalix và ở lại đó, không có phòng tu, ngay dưới bầu trời. Khi biết tin về ông, vị tu viện trưởng Grigori của Tu viện Avgar đã xây cho ông một túp lều nhỏ trên ngọn núi đó, nơi vị thánh có thể trú ẩn khỏi bão, mưa và tuyết, và Ioannikios, sau khi tự giam

---

[7502] Tức là coi đó như rác rưởi, thứ bị quét ra khỏi nhà. Phi-líp 3 – *"Và tôi coi mọi sự đều là hư không, để được sự vượt trội trong việc nhận biết Đức Chúa Giê-su Christ, Chúa của tôi: vì Ngài, tôi đã từ bỏ mọi sự, và coi mọi sự như rác rưởi, để được Christ"*;

[7503] Ê-phê-sô 6 – *"Vì cuộc chiến của chúng ta không phải chống lại huyết và thịt, nhưng chống lại các thế lực, chống lại các quyền lực, chống lại các thống trị viên của bóng tối trong thế kỷ này, chống lại các thần linh của sự ác dưới trời*."

mình, đã ở lại trong túp lều ấy. Sau đó, các tu sĩ trong tu viện bắt đầu tìm đến ngài, mong được lắng nghe những lời giảng dạy bổ ích cho tâm hồn. Điều này khiến ngài không hài lòng, vì nó làm xáo trộn sự im lặng của ngài; do đó, ngài rời khỏi ngọn núi đó và đi tìm một nơi khác để tiếp tục cuộc sống im lặng. Khi đi ngang qua một ngôi làng nằm ở Hellespont[7504] , ngài nhìn thấy gần đó có một ngọn núi cao khác, với những khu rừng rậm rạp và vách đá hiểm trở, ngài đã định cư ở đó và, sau khi đào cho mình một hang động chật hẹp và sâu trong lòng đất, ngài bắt đầu sống trong đó, không bao giờ ra khỏi hang. Ngài nhận thức ăn từ một người chăn cừu, người đang chăn dê trên ngọn núi đó. Mỗi tháng một lần, người chăn cừu mang đến cho vị thánh một ít bánh mì và nước, và đổi lại, ông nhận được món quà cao quý nhất từ ngài – lời chúc phúc và lời cầu nguyện. Vị thánh tu hành tại đó trong ba năm, ngày đêm cầu nguyện và tôn vinh Thiên Chúa. Khi hát các thánh vịnh của Đa-vít, ngài thêm vào mỗi câu những lời như sau:

– Niềm hy vọng của con là Cha, nơi nương tựa của con là Đấng Kitô, Đấng bảo trợ của con là Thánh Thần.

Vị thánh đã tìm được sự an ủi khi lặp lại những lời này; theo gương ngài, nhiều người ngày nay vẫn có thói quen thường xuyên đọc chúng: "[7505] ".

Sau ba năm sống trong hang động chật hẹp, một ngày nọ, vị thánh đã đến một nhà thờ nằm không xa nơi ngài ở. Tình cờ, một số chiến binh, những người từng phục vụ cùng với Ioannikios và có tình bạn thân thiết với ngài, cũng đến nhà thờ đó. Một trong số họ, khi nhìn thấy Ioannikios, đã nhận ra ngài; anh ta ôm chầm lấy ngài, khóc vì vui sướng và kể lại cho ngài nghe về cuộc sống trước đây của họ, về sự dũng cảm mà họ đã thể hiện trong các trận chiến, cũng như về những vinh dự mà Ioannikios đã được nhà vua ban tặng. Người lính ấy ngạc nhiên không hiểu tại sao Ioannikios, sau khi từ bỏ tất cả những điều đó, lại cho rằng sống trong cảnh nghèo khó là tốt nhất. Khi người lính này quay sang những người khác, muốn kể cho họ nghe về Ioannikios, thì lúc đó Ioannikios đã rời khỏi họ và, muốn ẩn mình khỏi mọi người, ông lui vào dãy núi Kontouria[7506] , nơi có nhiều thú dữ và rắn rết. Tại đó, vị thánh đã định cư, tránh xa danh vọng trần gian; ngài sống cùng thú vật và rắn rết, và thốt lên với Đa-vít: *"Ta sẽ lánh xa, và ở lại trong sa mạc; ta sẽ vội vã trốn tránh cơn lốc, cơn bão"* (Thánh vịnh 54:8–9).

Sau một thời gian khá lâu, Ioannikios quyết định đi đến Ê-phê-sô, đến nhà thờ Thánh Gioan Thần Học để cầu nguyện tại đó. Trên đường đến Ê-phê-sô, khi đi ngang qua một ngôi nhà cầu nguyện[7507] , vào lúc mặt trời lặn, ngài gặp một cặp vợ chồng đang trên đường đến ngôi nhà đó để cầu nguyện cho cha mẹ đã qua đời của họ. Khi nhìn thấy ngài, hai vợ chồng liền hoảng sợ, vì ngài trông rất đáng sợ: cao lớn, mặc áo rách rưới, đi chân trần và toàn thân mọc đầy lông. Thánh nhân, thấy họ run rẩy vì sợ hãi, liền nhẹ nhàng nói với họ:

– Đừng sợ, các con ơi, nhưng hãy cho cha biết con đường này dẫn đến đâu?

Họ nói rằng con đường đó dẫn đến con sông, lúc bấy giờ đang dâng tràn, nên không thể bơi qua sông đó nếu không có thuyền. Còn Ioannikios thì đi đến con sông, khi đến nơi, ông nghỉ ngơi một chút, rồi vào nửa đêm, ông đứng dậy và băng qua bờ bên kia trên mặt nước như đi trên đất liền, mà không làm ướt chân. Khi ông đến Ê-phê-sô và tiến đến nhà thờ Thánh Gioan Thần Học, cánh cửa nhà thờ tự nhiên mở ra trước mặt ông. Bước vào trong, ông đã cầu nguyện một cách trang nghiêm, cúi đầu và hôn lên bức thánh tượng của vị môn đệ yêu quý của Chúa Kitô. Khi ông bước ra khỏi nhà thờ, cánh cửa lập tức tự đóng lại, và ông lại tiếp tục hành trình, trở về nơi ở của mình ở dãy núi Konturi. Vào lúc đó, ngài tình cờ đi ngang qua một tu viện nữ, nơi có một nữ tu đang nuôi dưỡng cô con gái trẻ. Cô gái này, bị dục vọng trần tục chi phối, muốn từ bỏ đời tu và mẹ mình, trở về đời sống thế tục để kết hôn. Người mẹ đã khóc lóc van nài con gái hãy chịu đựng những cám dỗ xác thịt vì tình yêu dành cho Chúa Kitô, đừng từ bỏ đời tu và đừng để bản thân rơi vào sự sỉ nhục và diệt vong do ma quỷ gây ra. Nhưng bà không thể thuyết phục được cô con gái, người đang bừng cháy trong ngọn lửa dục vọng và đã quyết tâm trốn khỏi tu viện. Khi biết được tất cả những điều này, Thánh Ioannikios cảm thấy thương xót cô gái ấy và gọi cô lại, rồi nói:

– Con ơi, hãy đặt tay con lên cổ ta.

Khi cô gái làm theo, vị thánh đã khóc và cầu nguyện với Chúa, xin cho cô gái được giải thoát khỏi đam mê và sự cám dỗ của ma quỷ, và để mọi gánh nặng của nỗi đau khổ cùng những ham muốn xác thịt của cô chuyển sang

---

[7504] Hellespont – ngày nay là eo biển Dardanelles. Hellespont cũng là tên gọi của một khu vực nằm trên bờ đông của eo biển này.

[7505] Lời cầu nguyện này của Thánh Ioannikios vẫn được sử dụng cho đến ngày nay trong các nghi lễ thờ phượng của Giáo hội, cụ thể là vào cuối giờ kinh chiều.

[7506] Ở phía tây Tiểu Á.

[7507] Có lẽ đây là một nhà nguyện. Các nhà nguyện hay nhà cầu nguyện được xây dựng bởi các ẩn sĩ, những người không thể đi xa đến nhà thờ, hoặc bởi các cá nhân, đặc biệt là tại những nơi cha mẹ họ đã qua đời và được chôn cất.

cho ngài. Và điều đó đã xảy ra. Cô gái ấy đã được giải thoát khỏi mọi ý nghĩ ô uế và dục vọng xác thịt, và ở lại tu viện của mình, sống một cuộc đời vô dục và làm vui lòng Chúa; còn Ioannikios thì tiếp tục con đường của mình, đến Konturia. Trên đường đi, anh cảm nhận ngọn lửa dục vọng trỗi dậy trong lòng, và những ý nghĩ xấu xa ập đến như cơn bão khủng khiếp; những dục vọng ô uế dâng trào trong anh, máu sôi sục như trong nồi, và mọi đau khổ mà cô gái kia đã phải chịu đựng đều đổ dồn lên vai thánh Ioannikios. Ông đã dũng cảm chịu đựng tất cả, rèn luyện thân xác bằng những hành động anh hùng. Một lần, khi gặp con rắn khổng lồ đang ẩn náu trong một khe núi rộng lớn, Ioannikios đã quyết định dâng mình cho nó ăn thịt, thà chết còn hơn để những suy nghĩ ô uế lấn át và làm ô uế thân thể trong sạch của mình. Ông lao về phía con rắn, nghĩ rằng nó sẽ nuốt chửng mình, nhưng con rắn lại không muốn chạm vào ông. Khi Ioannikios bắt đầu khiêu khích nó, mong muốn được nó nuốt chửng, con rắn bất ngờ chết đi. Kể từ lúc đó, những ý nghĩ xấu xa không còn xuất hiện trong tâm trí Ioannikii nữa, dục vọng đã tắt lịm, ham muốn đã lắng xuống và sự bình an đã trở lại trong thân thể ngài. Đồng thời, ngài được ban cho quyền năng để đạp lên những con rắn hữu hình và vô hình, và đập nát đầu chúng. Một lần nọ, vị thánh đang đứng hát các thánh vịnh của Đa-vít, thì bỗng một đống đá gần đó bắt đầu rung chuyển. Nhìn về phía đó, vị thánh thấy một con rắn đáng sợ với đôi mắt rực lửa đang bò ra từ giữa những tảng đá. Ông chạm vào con rắn bằng cây gậy của mình, và nó lập tức chết ngay. Một lần khác, vào mùa đông, vị thánh bước vào một hang động sâu và phát hiện ra một con rắn đang ẩn náu trong đó, đôi mắt nó rực cháy như ngọn lửa. Không ngờ rằng trước mặt mình là một con rắn, và nghĩ rằng đó thực sự là ngọn lửa, vị thánh đã nhặt củi và bắt đầu chất lên con rắn, mong sưởi ấm bên đống lửa trong cái lạnh buốt giá như vậy. Con rắn giật mình, hất tung đống củi ra, và lúc đó vị thánh mới nhận ra đó là một con rắn. Tuy nhiên, ngài không hề sợ hãi, mà ngồi xuống phía bên phải của hang động và ở lại đó cùng con rắn cho đến khi mùa đông kết thúc.

Khi năm thứ mười hai của thời gian Ioannikios ở trong sa mạc sắp kết thúc, một giọng nói từ trên cao ra lệnh cho ông đến tu viện có tên là Eriste và nhận chức tu sĩ tại đó. Ngài lập tức lên đường đến tu viện nói trên và, khi đến đó vào mùa gặt, đã tự giới thiệu mình với vị tu viện trưởng của tu viện ấy là Thánh Stefano. Vị tu viện trưởng này, sau khi cử hành các lời cầu nguyện thường lệ vào buổi sáng, đã trao áo tu sĩ cho Thánh Ioannikios, người vốn đã là một tu sĩ hoàn hảo, vượt trội hơn nhiều người nhờ những công đức của mình. Khi đã được mặc áo tu sĩ ( ), vị thánh này càng nỗ lực tu hành hơn nữa, không ngừng vượt qua những thử thách này đến thử thách khác. Ông định cư tại một vùng đất tên là Kritama và tự trói mình bằng xiềng xích sắt ([7508]), dài sáu khuỷu tay ([7509]), và sống trong sự ẩn dật và xiềng xích suốt ba năm như một tù nhân tự nguyện và vị tử đạo của Chúa Kitô.

Ba năm sau, Ioannikios mong muốn đến Helidon để gặp thánh George, vị vĩ đại trong số những người ăn chay. Sau khi tháo bỏ xiềng xích, ngài lên đường và khi đến con sông mang tên Ghoram, ngài gặp một con rắn đang khuấy động nước sông và cản trở dòng chảy: bằng lời cầu nguyện và dấu thánh giá, ngài đã tiêu diệt con rắn đó. Khi đến gặp Thánh George vĩ đại, ông ở lại với ngài ba năm, học thuộc lòng toàn bộ Thánh Vịnh từ ngài, rồi sau đó lại trở về tu viện Antioch cùng với đệ tử của mình là Pachomius.

Một số sự kiện trong cuộc đời của Thánh Ioannikios mang ý nghĩa giáo huấn sâu sắc. Trong thời gian ở tu viện Avgar, Ioannikios một lần cùng các tu sĩ khác đi xem một tu viện mới đang được xây dựng trên ngọn núi gần đó. Khi ngài đến gần ngọn núi ấy, một con dê to bất thường xuất hiện từ sa mạc. Các tu sĩ đi cùng Thánh Ioannikios bắt đầu suy tính xem làm thế nào để bắt con dê này, vì da của nó có thể làm được bộ lông thú tốt. Thánh nhân, hiểu được ý nghĩ của họ, đã ra lệnh cho một tu sĩ tên là Savva đi bắt con dê đó về cho ngài. Savva liền nói:

– Nhưng nếu con dê chạy trốn, làm sao tôi đuổi kịp nó?

Thánh nhân nói với anh ta:

– Cậu chỉ cần làm theo lệnh của ta, còn con dê sẽ tự đến gần cậu và đi theo cậu.

Sau đó, ngài quay sang các tu sĩ khác và hỏi họ:

– Da dê có thích hợp để làm lông thú không?

Họ đáp:

– Rất thích hợp; chúng tôi đã nghĩ đến điều này từ trước khi ngài nói rồi.

[7508] Những xiềng xích nặng nề mà các tu sĩ khổ hạnh tự đeo lên mình để chế ngự xác thịt.

[7509] Một khuỷu tay tương đương 10,5 vershok.

Khi con dê được dẫn đến, vị thánh nhân bắt đầu vuốt ve nó bằng tay mình, đồng thời dạy các tu sĩ hãy thương xót mạng sống của loài vật và kiềm chế những ham muốn của bản thân; sau đó, ngài lại thả con dê về đồng cỏ trong sa mạc.

Vị tu sĩ còn có ân sủng của sự thấu thị; ngài đã tiên đoán cái chết sắp xảy ra của vua Nikifor, và lời tiên đoán của ngài đã ứng nghiệm, vì ông ta đã qua đời sau khi bị thương trong trận chiến với người Bulgaria. Ngài cũng đã tiên đoán về cái chết sắp xảy ra của Stavrikios[7510] , con trai của Nikiforos, người lên ngôi sau ông. Khi ngài sống trên núi Prusentiya, nằm sát bên ngọn núi Olympus hùng vĩ, ở đó có một tu sĩ tên là Gury, một kẻ đạo đức giả, luôn tìm kiếm danh tiếng từ mọi người, và trên thực tế được mọi người ca ngợi như một vị tu sĩ vĩ đại. Vị tu sĩ này, khi thấy mình còn cách xa vị tu sĩ chân chính và đạo đức là Thánh Ioannikios, đã bị ghen tị cắn rứt. Muốn hủy hoại Ioannikios, hắn đến gặp ngài, giống như Giu-đa, với những lời nịnh hót, và bỏ độc vào đồ uống của ngài; vị thánh nhân, với bản tính hiền lành, nghĩ rằng Guriy dành cho mình tình bạn chân thành, nên không nghi ngờ gì cả và đã uống phải chất độc chết người; ngay sau đó, ngài cảm thấy những cơn đau đớn khủng khiếp và thậm chí còn lo sợ cho tính mạng của mình. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã không để vị thánh nhân của Ngài qua đời quá sớm bởi cái chết như vậy, mà đã sai vị thánh tử đạo Eustathius[7511] đến giúp đỡ ngài; vị thánh này đã hiện ra với ngài trong một giấc mơ, chữa lành bệnh tật cho ngài và trả lại sức khỏe cho ngài. Để tỏ lòng biết ơn, vị tu sĩ đã xây dựng tại đó một nhà thờ mang tên Thánh Tử đạo vĩ đại Eustathius và lập một tu viện bên cạnh.

Một đêm nọ, khi đang cầu nguyện, Ioannikios bỗng thấy một giấc mơ: từ phía đông ngọn núi, một suối nước tuôn trào dồi dào, và xung quanh suối đó có rất nhiều con cừu đang uống nước chảy ra từ suối. Vị thánh ngạc nhiên trước hình ảnh này, vì ngài biết rằng chưa bao giờ có suối hay đàn cừu nào trong sa mạc đó cả. Sáng hôm sau, ngài đến nơi đó nhưng không tìm thấy gì cả – không có đàn cừu, cũng không có suối; nhưng nơi đó lại rất tốt và thuận tiện để sinh sống. Vị thánh nhân được các bậc trưởng lão cho biết rằng xưa kia tại nơi đó từng có một nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh, và vì thế ngài đã giải thích về thị kiến của mình như sau: suối nước tuôn trào dồi dào chính là ân sủng của Đức Mẹ Rất Thánh, vốn phải tuôn đổ xuống nơi đó, còn đàn cừu chính là những con người nhận được ân sủng từ Đức Mẹ Rất Thánh. Và vị tu sĩ đã dốc hết sức lực để xây dựng lại nhà thờ mang tên Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội tại nơi đó, và ngài đã thành công trong thời gian ngắn. Ngài đã xây dựng một nhà thờ tuyệt đẹp, lập tu viện tại đó và quy tụ được đông đảo các tu sĩ nhờ sự giúp đỡ và hỗ trợ của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.

Trong quá trình xây dựng nhà thờ, vị tu sĩ Ioannikios đã tự tay lao động, khiêng đá và giúp đỡ những người thợ xây. Một lần nọ, khi ngài đưa tay xuống nhặt một hòn đá trên mặt đất, một con rắn độc bò ra từ dưới hòn đá, cắn vào tay ngài và bám chặt vào đó. Nhưng ngài, như một Thánh Phaolô mới, đã lắc mạnh để hất con rắn xuống, mà không hề bị tổn thương gì. *"Nhưng ông đã hất con rắn vào lửa và không hề bị tổn hại gì"* (Công vụ 28:5).

Khi dâng lời cầu nguyện, Thánh Gioan-ni-ki không chỉ thăng hoa về tinh thần mà cả thể xác cũng được nâng lên, bay khá cao so với mặt đất. Một lần nọ, người môn đệ và người noi gương đời sống thánh thiện của ngài, Thánh Eustratius, khi vị thánh đang đi một mình đến nhà thờ để cầu nguyện, đã lén theo sau ngài và, ẩn mình trong một góc nhà thờ, chăm chú quan sát cách ngài thực hiện lời cầu nguyện. Ông thấy vị thánh nhân giơ cao hai tay lên trời, bay cao lên khỏi mặt đất, lơ lửng trong không trung và cầu nguyện, điều này khiến Eustratius kinh hoàng. Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, vị thánh nhân lại hạ xuống mặt đất và, khi nhận ra Eustratius, ngài tỏ ra phật ý và nói: "Có chép rằng: *'Vì Ngài là Đức Chúa Trời, Đấng không ưa sự gian ác;* kẻ ác *sẽ không được ở cùng Ngài'* (Thi Thiên 5:5), tức là kẻ gian ác sẽ không đến gần nơi được Đức Chúa Trời gìn giữ – vậy mà ngươi lại dám lén nhìn lời cầu nguyện tội lỗi của ta."

Vị thánh đã cấm Evstrati không được kể chuyện này cho ai biết.

Thánh Giô-an-ni-ki kỳ diệu đã thực hiện nhiều phép lạ. Chỉ bằng một lời nói, ngài đã trừ quỷ khỏi con người, chữa lành mọi bệnh tật bằng dấu thánh giá và lời cầu nguyện, và cứu nhiều người khỏi vết cắn của rắn. Vì vậy, đông đảo dân chúng đổ xô đến với ngài – người thì xin được chữa lành bệnh tật, người khác thì xin được giải thoát khỏi các linh hồn ô uế, còn người khác nữa thì chỉ xin sự ban phước và lời cầu nguyện. Điều này đã phá vỡ sự tĩnh lặng mà Thánh Ioannikios đã dâng hiến cho mình, và vì cảm thấy phiền lòng vì điều đó, ngài lại lên núi

---

[7510] Nikifor I trị vì từ năm 802 đến năm 811. Con trai ông, Stavriky, chỉ trị vì được hai tháng, và ba tháng sau khi bị phế truất, ông qua đời.

[7511] Tên của Evstafii gắn liền với ký ức về một số vị tử đạo (cụ thể là ngày 7 tháng 7, 20 tháng 8, 27 tháng 9, 24 tháng 10, v.v.). Vị tử đạo nào được đề cập ở đây – vẫn chưa rõ. Rất có thể ở đây đề cập đến Evstafiya, giám mục Kiy hoặc Prussiada, người đã chịu khổ vì các bức tượng thánh. Ioannikiy vào thời điểm đó sống trên những ngọn núi nằm gần Prussiada.

Trichalika và ở lại đó, không có nơi trú ẩn nào cả. Còn Eustratius, một tu sĩ của Tu viện Avgar, với tình yêu nồng nhiệt dành cho vị cha thánh và mong muốn được gặp ngài, đã nhiệt tình tìm kiếm ngài và cuối cùng đã tìm thấy ngài trên núi Trichalika. Sau khi cầu nguyện như thường lệ, Evstratius hỏi vị thánh Ioannikios về Lev người Armenia[7512] , người lúc bấy giờ đang trị vì ở Hy Lạp – rằng liệu ông ta sẽ còn gây rối cho Giáo hội của Chúa bằng tà thuyết chống thánh tượng trong bao lâu nữa. Vị thánh lập tức đáp rằng Lê-vê sẽ sớm qua đời. Điều đó quả thực đã xảy ra, bởi vì Mi-khail, còn được gọi là Valvos hay Travlos, đã giết Lê-vê người Armenia và lên ngôi sau ông[7513] .

Khi về già, Ioannikios có thói quen đi lại với cây gậy. Một lần nọ, khi ngài đang đi qua một lối đi hẹp trên núi, cây gậy vô tình tuột khỏi tay ngài và biến mất, vì nó đã rơi xuống vực sâu từ trên núi, đến nỗi không thể tìm thấy được. Vị thánh, trong nỗi buồn vì mất cây gậy, đã quỳ gối xuống để dâng lời cầu nguyện thường lệ lên Chúa, và ngay lúc đó, cây gậy, được một sức mạnh vô hình mang đến qua không trung, đã xuất hiện trong tay ngài.

Một lần nọ, khi đang đi qua sa mạc, vị thánh nhân tìm thấy một hang động trống rỗng, nơi các quỷ dữ đang cư ngụ. Vị thánh nhân rất ưa thích hang động này, nên đã ở lại sinh sống tại đó. Còn lũ quỷ, không chịu nổi sự hiện diện của ngài, đã công khai nổi loạn chống lại ngài và gây ra đủ thứ phiền toái, hy vọng sẽ dọa ngài sợ hãi và đuổi ngài ra khỏi đó. Chúng la hét vào mặt ngài, nghiến răng, chế nhạo ngài, dọa nạt ngài, chạy qua chạy lại, tấn công ngài và dường như làm rung chuyển cả hang động. Nhưng vị thánh, theo lời của Phaolô, đã đứng vững, như trong ngày chiến trận, mặc áo giáp của sự công chính và cầm khiên của đức tin, và không hề sợ hãi trước những cuộc tấn công của kẻ thù. *"Vì thế, hãy nhận lấy toàn bộ vũ khí của Đức Chúa Trời, để các con có thể chống lại vào ngày ác, và sau khi đã chiến thắng mọi sự, hãy đứng vững. Vậy, hãy đứng vững, thắt lưng bằng lẽ thật, mặc áo giáp của sự công chính, và mang giày sẵn sàng rao giảng Tin Mừng hòa bình; hơn hết, hãy cầm lấy khiên đức tin, nhờ đó các con có thể dập tắt mọi mũi tên rực lửa của kẻ gian ác"* (Ê-phê-sô 6:13–16); Còn các quỷ thì la lên:

"Và kìa, chúng la lên: 'Ngài có liên quan gì đến chúng tôi, hỡi Đức Giê-su, Con Đức Chúa Trời? Ngài đã đến đây trước thời hạn để hành hạ chúng tôi' (Ma-thi-ơ 8:29). Và, không thể chiến thắng được Đấng bất khả chiến bại, chúng đã chạy trốn khỏi Ngài, chính chúng bị Ngài đánh bại.

Vào thời điểm đó, con gái của một quan đại thần, một người có đức tin chân chính, đang nằm bất lực trên giường và đau đớn vô cùng. Khi người ta khiêng cô đến gặp vị thánh, ngài lập tức ra đón cô và, vì lòng thương xót dành cho đức tin của cô – bởi cô vẫn tôn kính các thánh tượng dù sống giữa đám người bài xích thánh tượng – ngài đã chữa lành bệnh tật cho cô bằng lời cầu nguyện và dấu thánh giá. Tình cờ lúc đó có mặt con rể của vị thánh, người đã kết hôn với em gái ngài; anh ta bị mê hoặc bởi tà thuyết chống thánh tượng, và vị thánh đã dành nhiều thời gian thuyết phục anh ta nhận ra con đường chính đáng của đức tin chân chính và dành sự tôn kính xứng đáng cho các thánh tượng. Khi những lời khuyên răn của ngài không còn tác dụng gì đối với anh ta (vì anh ta, giống như Pharaoh, vẫn cứng đầu), thì vị thánh, quên đi mối quan hệ huyết thống gần gũi với anh ta, đã cầu nguyện với Chúa rằng đôi mắt thể xác của kẻ chống thánh tượng ấy sẽ bị mù, nếu anh ta không có đôi mắt tâm hồn. Và điều đó đã xảy ra: con rể của ngài bị mù và phải chịu hình phạt tương xứng với sự bất kính của mình.

Vị thánh phụ vĩ đại này có thói quen xuống núi để đón tiếp bất cứ ai, theo lời đồn, đang có ý định đến thăm ngài. Ngài làm như vậy để không gây khó khăn cho khách viếng thăm, vì việc leo lên núi rất vất vả và bất tiện. Một lần nọ, hai vị giám mục, Chalcedon và Nicaea[7514] , cùng với Phêrô và Théodore Studite[7515] , cùng với Giuse và Clément, đang trên đường đến gặp ngài. Vị thánh, sau khi xuống núi, đã ra đón họ và chào đón họ với tình yêu thương. Sau lời cầu nguyện thường lệ, khi họ bắt đầu cuộc trò chuyện mang lại lợi ích cho tâm hồn, vị Thánh đã nói với một trong những người đến, cụ thể là Giuse:

– Đừng bối rối, anh em Giuse, nhưng anh cần chuẩn bị cho sự ra đi.

[7512] Lê V người Armenia trị vì từ năm 813 đến năm 820.

[7513] Michael II, người nói lắp, trị vì từ năm 820 đến năm 829.

[7514] Chalcedon – một thành phố ở Bithynia. Tại đó đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ 4. Nicaea – một thành phố trong cùng khu vực. Tại đó đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ 1.

[7515] Các tu sĩ Studites – là các tu sĩ của Tu viện Studion ở Constantinopolis, được xây dựng vào giữa thế kỷ V bởi quan tổng trấn Studius để tưởng nhớ Thánh Gioan Tẩy Giả; họ được gọi là "những người không ngủ" vì, được chia thành ba nhóm, họ duy trì việc cử hành thánh lễ liên tục trong nhà thờ.

Lúc đó, họ không hiểu những lời của vị thánh nhân. Nhưng khi mười tám ngày trôi qua và Giuse qua đời, họ mới nhớ lại lời của Thánh Ioannikios và hiểu rằng, bằng đôi mắt sáng suốt của mình, ngài đã tiên kiến cái chết của Giuse và chính xác đã báo trước cho anh ta, ra lệnh cho anh ta chuẩn bị cho sự ra đi.

Vào năm thứ năm triều đại của Michael, vào cuối năm thứ mười bốn kể từ ngày vua Nikiforos qua đời, khi nhiều quý tộc và chiến binh danh tiếng bị người Bulgaria – những kẻ đã đánh bại người Hy Lạp – giam cầm trong xiềng xích và ngục tối, vị thánh nhân đã nhớ đến những tù nhân ấy và cảm thấy trong lòng mình một lòng trắc ẩn đặc biệt dành cho họ, vì ngài nghe nói rằng họ đang ở trong tình trạng khốn cùng tột độ, bị giam giữ trong ngục tối hôi thối và u ám, bị xiềng xích trói buộc, và rằng họ thà chấp nhận cái chết còn hơn là tiếp tục sống trong những đau khổ như vậy. Vì lòng thương xót dành cho họ, Ioannikios đã từ bỏ cuộc sống ẩn dật và tĩnh lặng của mình để đến xứ Bulgaria, nhằm tháo gỡ xiềng xích cho những người bị trói và giải thoát những tù nhân. Khi đến thành phố nơi những người Hy Lạp đang bị giam cầm, ngài lén lút tiến đến nhà ngục, đến nỗi những binh lính canh gác cửa nhà ngục không thể nhìn thấy ngài. Ngài làm dấu thánh giá trên cánh cửa, và nhà ngục lập tức mở ra. Bước vào trong, vị thánh nhân đã dùng dấu thánh giá để giải thoát tất cả mọi người khỏi xiềng xích và ra lệnh cho họ đi theo ngài. Tất cả các tù nhân đều bước ra khỏi ngục tối, trong khi những lính canh có mặt tại đó thậm chí không hề hay biết. Vị Thánh, sau khi giải thoát người Hy Lạp khỏi xiềng xích và ngục tối – giống như cách Đức Kitô đã giải thoát linh hồn những người công chính khỏi địa ngục – suốt cả đêm, như một Mô-sê mới, đã dẫn dắt họ dưới ánh sáng kỳ diệu và đưa họ đến biên giới của Đế quốc Hy Lạp. Trên đường đi, ngài dạy họ đừng giống như cha ông của họ, vốn là dòng dõi ngang bướng và làm Chúa phật lòng[7516] , mà hãy đặt niềm tin vào Ngài và đừng quên những ân huệ cùng phép lạ của Ngài. Khi ngài chuẩn bị chia tay họ, tất cả đều quỳ xuống dưới chân ngài, nài nỉ ngài cho biết tên mình, và nói:

– Xin hãy cho chúng con biết, hỡi người của Đức Chúa Trời, ngài là ai?

Vị thánh nhân không giấu tên mình, nhưng đồng thời ra lệnh phải dâng lời tạ ơn lên một mình Đức Chúa Trời; sau đó, ngài lại trở về nơi ẩn dật yên tĩnh của mình.

Một lần nọ, vị thánh nhân lên thuyền và ra khơi đến tu viện của Thánh Theophanes, nằm ở Sigrian[7517] , để cầu nguyện tại đó. Khi trên đường trở về từ đó, ngài ghé vào đảo Fasa[7518] , thì cư dân trên đảo ấy, cả tu sĩ lẫn giáo dân, nghe tin Ioannikios đã đến với họ, liền đến gặp ngài và khẩn cầu vị thánh này xua đuổi những con rắn khỏi hòn đảo của họ, vì lúc bấy giờ chúng đã sinh sôi nảy nở đến mức cực kỳ đáng sợ trên hòn đảo đó. Vị thánh, sau khi lắng nghe lời thỉnh cầu của họ, đã dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện tha thiết, và ngay lập tức, tất cả rắn trên hòn đảo ấy, tụ tập lại với nhau, lao xuống đáy biển; kể từ đó, trên hòn đảo ấy không bao giờ còn xuất hiện rắn nữa. Còn vị thánh thì rời khỏi đó để đến một nơi hẻo lánh khác. Lúc đó, cùng đi với ngài có vị tu viện trưởng của tu viện nằm trên đảo Fase, là Đaniel. Đối với anh em Đaniel, tức tu sĩ Evfimii, vị thánh đã tiên đoán rằng anh ta sẽ sớm qua đời, và nói:

– Hãy chuẩn bị đi, anh em Evfimiy, vì chẳng bao lâu nữa anh sẽ lên đường đến "thế giới trên cao"[7519] .

Sau đó, vị thánh nhân bước vào một hang động nhỏ, định nghỉ ngơi ở đó, và phát hiện ra một con quỷ đang ẩn náu tại đó, con quỷ này hung dữ hơn những con trước đây. Mặc dù vậy, Ioannikios cùng với Daniel vẫn ở lại hang động này để sinh sống. Con quỷ, vì không hài lòng với sự hiện diện của họ, hiện ra trước mặt họ dưới hình dạng đen tối, đáng sợ và hung hăng tấn công họ, muốn đuổi họ ra khỏi hang động, nhưng họ, nhờ cậy vào Chúa, vẫn ở lại đó mà không sợ hãi. Cuối cùng, tên sát nhân cổ xưa này[7520] , lao vào họ, trói chân Đaniel, còn khiến Ioannikii đau đớn dữ dội ở bên sườn đến nỗi ông không thể thốt ra lời nào trong suốt bảy ngày; còn chính hắn thì bỏ chạy khỏi hang động, vì không thể ở cùng một nơi với các vị thánh nhân của Chúa. Sau đó, Thánh Ioannikios lại trở về núi Trichalika và tiên đoán cái chết sắp đến cho một tu sĩ tên là Isakios, người không quan tâm đến sự cứu rỗi của mình; ngoài ra, Ioannikios còn dùng lời cầu nguyện và dấu thánh giá để xua đuổi những con sâu bọ đang gây ra sự tàn phá nghiêm trọng trong các vườn nho.

[7516] Ê-xê-chi-ên 3:9; Giê-rê-mi 7:18–19.

[7517] Thánh Theophanes, vị Tử đạo, bị vua Leo người Armenia giam cầm vì đã tuyên xưng đức tin chân chính. Ngài từng là vị tu viện trưởng tại vùng Sigrian, gần Kizik, ở Tiểu Á. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 11 tháng 10

[7518] Đảo Fas hay Fazos – một hòn đảo trên Biển Aegean. Sự màu mỡ của hòn đảo này đã trở thành một câu tục ngữ trong thời cổ đại.

[7519] Tức là sẽ chuyển đến các nơi ở trên trời,

[7520] Đó là cách Chúa Giêsu Kitô gọi ma quỷ (Ga 8:44), vì hắn là kẻ đầu tiên gây ra cái chết về linh hồn và thể xác cho loài người, khi cám dỗ họ trong vườn Địa Đàng.

Một lần nọ, một bà lão, vị Bề trên của Tu viện Kluyv[7521] , cùng con gái của bà đã đến gặp ngài để cầu nguyện. Ngài liền cầm lấy cây gậy đang nằm trong tay người mẹ, rồi trao nó vào tay con gái bà[7522] . Người mẹ, cảm thấy bối rối, nói:

– Thưa Cha, con cần cây gậy này để chống đỡ thân thể yếu ớt của con, vì con đã quá già yếu.

Còn ngài, không nói một lời nào đáp lại, nhưng bằng hành động của mình đã tiên đoán được tương lai; vì chỉ một thời gian ngắn sau, bà lão ấy qua đời, còn con gái bà được chọn thay thế bà làm người đứng đầu. Sau đó, vị thánh nhân rời khỏi đó cùng với đệ tử của mình là Evstratius để đến một ngọn núi khác, rất hoang dã và khó đi, mang tên Voronova. Sau khi sống ở đó một thời gian, ngài lên vùng núi của tu viện Antidi và, sau khi dựng lên một căn phòng nhỏ ở đó, ngài sống trong sự hiệp thông với Thiên Chúa. Ngài đã thực hiện nhiều phép lạ tại đây: chữa lành cho người bệnh, sửa chữa lời nói của người nói lắp, biến người hung hăng và hay giận dữ thành hiền lành, dẫn dắt những kẻ dị giáo từ sự lầm lạc trở về với Chính Thống Giáo, và báo trước cho nhiều người về cái chết của họ, vì ngài tràn đầy ân sủng của Thánh Thần ngự trong ngài.

Vị thánh đáng kính này đã đạt đến đỉnh cao của đời sống thiêng liêng đến nỗi không phải ai cũng được hân hạnh nhìn thấy ngài, và nhiều người mong muốn gặp ngài, dù đã đến phòng tu của ngài, vẫn không thể nhìn thấy ngài. Khi họ ra về, vị cha khiêm nhường nói với đệ tử của mình:

– Anh em Evstrati! Chính nhờ những lời cầu nguyện của anh mà tôi vẫn vô hình trước những người đến thăm.

Một lần nọ, khi ngôi đền thánh Gioan Tẩy Giả đang được xây dựng trên ngọn núi ấy – bản thiết kế của ngôi đền này do vị thánh tu sĩ Ioannikios phác thảo – một số anh em tu sĩ đã từ xa đến, mong được chiêm ngưỡng khuôn mặt rạng ngời của vị thánh được Chúa yêu mến. Khi đến ngôi đền đang được xây dựng, họ ngồi xuống đó, chờ đợi sự xuất hiện của vị cha đáng kính mà họ mong muốn được gặp. Thánh Ioannikios cũng đến đó để kiểm tra xem ngôi đền có được xây dựng đúng theo bản vẽ hay không; ngài đứng trước mặt các anh em đã đến vì ngài, nhìn vào công trình, nhưng họ không thể nhìn thấy ngài. Sau khi ở lại với họ một thời gian khá lâu, ngài trở về phòng tu của mình mà không xuất hiện trước những người đã đến và đang háo hức chờ đợi ngài. Một trong những tu sĩ sống gần ngài, tên là Gioan, khi biết chuyện đã xảy ra, liền nói với ngài:

– Thưa Cha! Không nên để các anh em, những người đã thực hiện một chuyến đi dài như vậy vì Cha, ra về trong nỗi buồn mà không được nhìn thấy khuôn mặt của Cha; điều này thật đáng buồn và làm lòng con xao xuyến.

Vị Thánh, sau khi khen ngợi công lao và lòng nhiệt thành của các anh em ấy, đã bắt đầu cầu nguyện cho họ; và sau khi cầu nguyện xong, ngài quay sang Gioan và nói:

– Anh em ơi! Chúng ta không có ý chí riêng, nhưng Đức Chúa Trời làm với chúng ta theo ý Ngài. Nếu Chúa muốn các anh em đến đây được nhìn thấy tôi, thì họ đã nhìn thấy tôi ngay cả khi tôi ẩn mình khỏi họ; trong khi đó, tôi đã đứng trước mắt họ trong một thời gian dài mà không hề ẩn mình, và nếu họ không nhìn thấy tôi, thì có nghĩa là đó là ý muốn của Chúa.

Một lần khác, khi một số anh em đến gặp vị thánh và ngồi trước phòng tu của ngài, đang trò chuyện với nhau, thì bất ngờ xuất hiện một con gấu cái to lớn và đáng sợ, đang tiến về phía họ từ cánh đồng gần đó. Thấy nó, họ vô cùng hoảng sợ.

Vị Thánh bèn nói với họ:

– Chúa đã ban cho chúng ta, những tôi tớ của Ngài, quyền năng để đạp nát sư tử và rắn, những loài đáng sợ nhất trong các loài thú, vậy mà các con lại sợ con gấu cái sao?

Ngài ra lệnh ném cho nó một miếng bánh mì; con gấu cái đã lấy miếng bánh đó rồi đi vào sa mạc.

Thánh Ioannikios là một vị thánh có tâm hồn cao thượng và đôi mắt tâm linh sáng suốt đến mức có thể nhìn thấy cả các thiên thần lẫn linh hồn của những người công chính. Vậy nên, một lần nọ, khi đang đứng cầu nguyện, ngài đã nhìn thấy linh hồn của một vị tổng tu sĩ tên là Phêrô, được các Thiên thần rước lên trời trong vinh quang, bao quanh bởi ánh sáng rực rỡ phi thường, và ngài đã kể lại điều đó cho các môn đệ của mình để họ lấy làm gương.

Vào thời kỳ vua Theophilus, người chống lại việc thờ hình tượng ([7523]), đang trị vì người Hy Lạp, vị vua này đã cử hai vị quan cao cấp đến gặp Thánh Ioannikios để hỏi ngài liệu có nên tôn kính hình ảnh của Chúa Kitô

[7521] Kluvijski – bắt nguồn từ từ Hy Lạp "kluvos" – nghĩa là "lồng". Trong một số tu viện cộng đồng, có những phòng riêng biệt, hay còn gọi là "lồng", dành cho những ai mong muốn sống cuộc đời ẩn dật.

[7522] Các vị trụ trì nam và nữ của các tu viện đều có cây gậy làm biểu tượng cho chức vụ của mình.

hay không? Khi những sứ giả đến gặp vị thánh, ngài đã mở miệng được Thánh Thần soi dẫn, và khi ngài bắt đầu nói bằng sức mạnh của sự khôn ngoan được ban từ trên cao, hai vị ấy đã cảm thấy xấu hổ, vì không thể phản bác lại ngài được điều gì. Chính Đức Chúa Trời đã phán qua ngài, Đấng mà trong Phúc Âm đã phán với các môn đệ của Ngài rằng:

"Các con đừng lo trước về điều các con sẽ nói, cũng đừng suy tính; nhưng điều gì được ban cho các con vào giờ đó, thì hãy nói, vì không phải các con nói, mà là Thánh Thần"[7524] (Mc 13,11). Ngài đã chỉ rõ rằng các thánh tượng cần được tôn kính xứng đáng, và nhờ đó đã dẫn dắt họ trở lại con đường chân chính; họ đã từ bỏ tà thuyết chống thánh tượng và cúi đầu thờ lạy hình ảnh của Đấng Christ.

Một lần nọ, vị tu viện trưởng tu viện Avgar, Eustratius, đã hỏi Thánh Ioannikios:

– Thưa Cha, đến bao giờ các thánh tượng mới không còn bị chà đạp nữa, đến bao giờ chúng mới được trả lại cho Giáo Hội, và những kẻ bắt bớ chúng mới không còn mạnh lên, còn đoàn chiên của Đấng Christ mới không còn bị thú dữ xé xác nữa?

Thánh Ioannikios đáp:

– Hãy chờ một chút, anh em ơi, và anh sẽ thấy quyền năng của Thiên Chúa hành động, vì một người tên là Mê-phô-đi-ô sẽ nắm quyền lãnh đạo Giáo Hội. Dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần, ngài sẽ sắp xếp lại Giáo Hội, tiêu diệt các tà thuyết, củng cố Giáo Hội bằng các tín điều chính thống, khôi phục sự bình an và sự hiệp nhất, còn những kẻ chống đối ngài sẽ bị bàn tay phải của Đấng Tối Cao khuất phục.

Lời tiên tri của Ioannikios chẳng bao lâu sau đã ứng nghiệm, vì một thời gian ngắn sau đó, hoàng đế Theophilus, người chống lại việc thờ hình ảnh, qua đời, và con trai ông là Michael[7525] lên ngôi; do Michael còn nhỏ tuổi, nên việc cai trị đế quốc được giao cho mẹ ông, Theodora; còn Methodius thì được bổ nhiệm làm tổng giám mục. Ngài đã đưa các thánh tượng trở lại các nhà thờ, củng cố Chính Thống Giáo, xoa dịu mọi tranh cãi và xáo trộn, đồng thời chấm dứt tình trạng hỗn loạn. Khi một thời gian sau, ma quỷ lại xúi giục những kẻ gây rối, làm xáo trộn và chia rẽ Giáo hội của Đấng Christ, thì Thánh Ioannikios đã đứng ra giúp đỡ Thánh Methodius, người đã đánh bại những kẻ dị giáo bằng sức mạnh của Lời Chúa. Lúc thì đích thân, lúc thì qua các bức thư của mình, Thánh Gioan-ni-ki đã bảo vệ Chính Thống Giáo và đưa những người đã rời bỏ Giáo Hội trở lại với Giáo Hội; còn đối với Giám mục Mê-phô-đi-ô, người đã nhiều lần kiệt sức trong cuộc chiến chống lại những kẻ dị giáo, vị thánh này đã động viên và củng cố ngài bằng những bức thư của mình. Một lần nọ, khi thư của Thánh Gioan đang được đọc tại công đồng, những kẻ dị giáo bắt đầu chế giễu và phỉ báng vị thánh một cách trắng trợn; vị thánh, được Thánh Thần Chúa mách bảo, bỗng nhiên xuất hiện tại công đồng và bắt đầu nói về Thiên Chúa và những điều thiêng liêng đến nỗi mọi người đều kinh ngạc trước sự khôn ngoan và trí tuệ của ngài. Và những lời từ đôi môi thánh thiện của ngài không hề vô hiệu; bởi vì, cũng như xưa kia tại Đại hội Giê-ru-sa-lem trong bài giảng của Thánh Phê-rô, thì ở đây, những người lắng nghe Thánh Ioannikios cũng cảm động trong lòng, đón nhận lời ngài với tình yêu thương và quay về với đức tin chân chính. Thánh nhân đã quan tâm đến sự bình an của Giáo hội và sự cứu rỗi các linh hồn con người như vậy, và chẳng bao lâu sau, nhờ sự quan tâm và những lời cầu nguyện của ngài, tà giáo đã bị dập tắt và sự bình an đã trở lại với Giáo hội; còn ma quỷ, kẻ đã gây rối cho Giáo hội, đã bỏ chạy trong sự hổ thẹn, vì nó sợ Thánh Ioannikios và biến mất trước những lời cầu nguyện của ngài, như sáp tan trước lửa.

Một lần nọ, tại tu viện của vị thánh, lễ thánh hiến nhà thờ cầu nguyện – do chính ngài xây dựng – đang được cử hành. Khi toàn thể cộng đoàn đã tụ họp, nhưng vị thánh vẫn chưa có mặt, bỗng nhiên xuất hiện cả một đoàn quỷ dữ, đi xuống từ ngọn đồi, trông như những con người thật. Mọi người đều kinh hoàng tột độ, không biết phải làm gì, còn vị thánh, dù lúc đó không có mặt cùng họ, nhưng bằng linh hồn đã nhìn thấy những gì đang xảy ra; ngài lập tức quay về cầu nguyện, giơ hai tay lên trời và dâng những lời khẩn cầu lên Thiên Chúa, những lời cầu nguyện ấy như những mũi tên đã đánh trúng đoàn quỷ và khiến chúng bỏ chạy tứ tán. Còn các tu sĩ, khi thấy lũ quỷ chạy trốn, như thể bị đánh đập và bị thương, đã không còn sợ hãi nữa và vui mừng cử hành lễ hội của mình.

Vào thời điểm đó, người Izmail[7526] đang giao chiến với người Hy Lạp; sau khi đánh bại quân Hy Lạp, họ bắt giữ nhiều người làm tù binh và giam cầm họ. Một quý tộc Hy Lạp, người có người thân là một thiếu niên cũng

---

[7523] Từ năm 829 đến năm 842

[7524] Tức là, đừng sợ hãi khi các con phải nói trước mặt những người quyền thế và quý tộc, vì Ta sẽ ban cho các con khả năng nói một cách khôn ngoan. Mc 13 và Lc 21:15.

[7525] Hoàng đế Byzantine Michael III, từ năm 842 đến năm 867.

bị bắt làm tù binh, đã khẩn cầu Thánh Ioannikios cứu người thân của mình khỏi cảnh tù đày, giống như ngài đã từng giải cứu những người Hy Lạp bị người Bulgaria bắt làm tù binh trước đây. Vị thánh, với lòng từ bi, đã đến xứ Izmail và, khi đến nhà tù, không chỉ giải thoát cho chàng trai trẻ đó mà còn giải thoát cả những người Hy Lạp khác đang bị xiềng xích cùng anh ta, trong khi lính canh không hề hay biết, bởi trước mặt vị thánh, cánh cửa tự mở ra và xiềng xích tự động rơi xuống. Khi họ đang trên đường về đất Hy Lạp, một đàn chó dữ[7527] đã ập đến tấn công họ, nhưng vị thánh đã khiến chúng mù lòa, nhờ đó những người bị bắt làm tù binh đã đi qua giữa bầy chó mà không bị tổn hại gì.

Trên ngọn núi nơi vị thánh tu hành, không xa đó có một tu sĩ tên là Epiphanius, nổi tiếng vì lối sống khổ hạnh. Ma quỷ đã khơi dậy trong lòng ông cảm giác ghen tị với Ioannikios, và ông bắt đầu thù địch với vị thánh, ghen tị với vinh quang mà Đức Chúa Trời đã ban cho Ioannikios, Đấng đã phán: *"Vì [Chúa] sẽ không để cây gậy của kẻ gian ác đè lên phần của người công chính, để người công chính không giơ tay ra làm điều gian ác"* (Thánh Vịnh 124:3). Nghĩa là, Thiên Chúa sẽ không để cho những kẻ tội lỗi áp đảo những người công chính.

Vì lòng ghen tị, Epiphanius đã âm mưu tiêu diệt Ioannikios, người vô tội và có lòng trong sạch, bằng cách châm lửa đốt đống cành cây khô, vốn có rất nhiều trên ngọn núi nơi vị thánh đang lánh nạn, để Ioannikios bị thiêu rụi trong ngọn lửa đó cùng với căn phòng tu hành của mình. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng đã cứu các thiếu niên khỏi ngọn lửa ở Ba-by-lôn (Đa-ni-ên 3:1–100), đã bảo vệ vị thánh nhân của Ngài, thánh Ioannikios, khỏi mọi tổn hại. Vị thánh phúc lành ấy, khi thấy sự ác độc của kẻ thù, không hề nổi giận với hắn, thậm chí không hề buồn phiền, nhưng với mong muốn dùng điều thiện để chiến thắng điều ác và dùng lòng từ bi để xóa bỏ hận thù, ngài đã khiêm nhường đến gặp Epiphanius, hỏi lý do cơn giận của ông ta và khẩn cầu sự tha thứ. Khi người kia, trong cơn thịnh nộ, dùng cây gậy có đầu sắt nhọn đâm vào bụng vị thánh để đâm thủng, thì Chúa, *"Vì Chúa sẽ không để cây gậy của kẻ gian ác đè lên phần của người công chính, để người công chính không giơ tay ra làm điều gian ác"* (Thánh Vịnh 124:3), đã bảo vệ vị thánh khỏi bị thương bởi cú đánh đó. Đó chính là cám dỗ mà vị thánh phúc lành phải đối mặt, điều mà hai vị ẩn sĩ đã được nhắc đến trước đó đã tiên đoán cho ngài, những người đã trao cho ngài chiếc levitonar và nói thêm rằng:

– Vào cuối đời, ngươi sẽ phải chịu cám dỗ từ những kẻ ghen tị, nhưng hậu quả cay đắng của cám dỗ ấy sẽ đổ xuống đầu kẻ thù, còn ngươi thì sẽ không phải chịu bất kỳ điều ác nào.

Khi đã bước vào tuổi già, vị thánh cha Ioannikios của chúng ta, với thân thể đã kiệt sức vì bao công lao và công đức, đã đến tu viện Antidiya và, sau khi xây dựng một căn phòng nhỏ ở đó, ngài tự giam mình trong đó; và nếu có lúc ngài phải ra khỏi phòng tu, thì khi đi qua con đường thông thường, ngài vẫn không bị những người mà ngài không muốn gặp nhìn thấy.

Vào năm thứ năm triều đại của Michael, Đức Thượng phụ Methodius – người sau này được phong thánh – đã tiên kiến được sự ra đi sắp tới của Ioannikios về với Chúa, nên đã đến gặp ngài cùng với các linh mục của mình, xin ngài ban phước lành và lời cầu nguyện cuối cùng. Còn Thánh Ioannikios, sau khi trò chuyện khá lâu với Thánh Mêthôdius và ban lời dạy dỗ về đức tin Chính Thống cho những người đi cùng ngài, đã tiên tri cho Mêthôdius rằng chính ngài, sau khi ngài qua đời, cũng sẽ sớm chuyển từ cuộc sống tạm bợ sang cuộc sống vĩnh cửu. Sau đó, sau khi dâng lời cầu nguyện và trao nhau nụ hôn vĩnh biệt, họ chia tay nhau; Đức Thượng phụ trở về nhà, còn vị Thánh Cha thì ở lại trong phòng tu của mình, chuẩn bị cho giờ lâm chung bằng lời cầu nguyện. Vào ngày thứ ba sau khi Đức Thượng phụ ra về, vị Thánh Cha đáng kính và thánh thiện của chúng ta là Ioannikios đã về với Chúa, vào ngày thứ tư tháng Mười Một, sau khi đã sống được chín mươi bốn năm kể từ khi sinh ra. Vào tháng thứ tám, sau khi ngài qua đời, Đức Thượng phụ Thánh Mê-phô-đi-ô cũng an nghỉ trong Chúa, vào ngày mười bốn tháng Sáu. Và như vậy, lời tiên tri của Thánh Ioannikios, mà ngài đã nói với Đức Thượng phụ, đã ứng nghiệm: rằng ngài ấy cũng sẽ sớm theo sau ngài để chuyển từ cuộc sống tạm bợ sang cuộc sống vĩnh cửu. Khi vị Thánh Cha Ioannikios của chúng ta sắp qua đời, các tu sĩ lúc bấy giờ đang sống trên núi Olympus đã nhìn thấy một cột lửa bốc lên từ mặt đất lên trời, trước cột lửa ấy có các Thiên thần đi dẫn đường, mở rộng cánh cửa Thiên đàng và đưa ngài lên cõi hạnh phúc trên cao. Từ đó, các tu sĩ mới biết rằng Thánh Ioannikios, sau khi hoàn thành cuộc đời thánh thiện của mình, đã bước vào sự an nghỉ trên trời. Ngài đã thực hiện nhiều phép lạ không chỉ trong suốt cuộc đời mà

[7526] Người Ishmael, hay còn gọi là người Ả Rập, là hậu duệ của Ishmael, con trai của Áp-ra-ham. Vào thời đó, người Ả Rập đã hình thành một quốc gia hùng mạnh.

[7527] Ở phương Đông có vô số chó hoang, chúng nổi tiếng với sự hung dữ tột độ.

còn sau khi qua đời, bởi vì nhiều người bệnh, khi chạm vào di cốt thánh của ngài, đã được chữa lành, những người khác được giải thoát khỏi ma quỷ, những người bị liệt đã đứng dậy khỏi giường bệnh, và bất cứ ai, dù mắc phải bệnh tật nào, chỉ cần chạm vào quan tài của ngài, đều lập tức được chữa lành. Như vậy, Thiên Chúa đã dùng những phép lạ để tôn vinh vị thánh nhân của Ngài cả khi còn sống lẫn sau khi qua đời. Nhờ những lời cầu nguyện của ngài, xin Chúa cũng ban cho chúng con lòng thương xót của Ngài và chữa lành chúng con khỏi mọi bệnh tật, cả về tâm hồn lẫn thể xác, để tôn vinh Danh Thánh của Ngài. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài đã hiện ra như một ngôi sao sáng chói, soi sáng thế gian và xua tan bóng tối của những đam mê: Ngài đã hiện ra như một vị bác sĩ vĩ đại nhất. Nhưng vì Ngài đã nhận được ân sủng chữa lành, xin hãy ban sự chữa lành cho những ai cầu xin Ngài, để chúng con có thể kêu lên: Chúc mừng, Cha Ioannikios.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Nicandro, giám mục, và Hermias, linh mục

Ngày kỷ niệm: 4 tháng 11

Các Thánh Nicander và Hermas đã được soi sáng bởi ánh sáng giáo lý của Chúa Kitô và được Thánh Tông đồ Tít phong chức linh mục. Họ đã dẫn dắt nhiều người Hy Lạp[7528] thoát khỏi sự lầm lạc của tôn giáo ngoại đạo và đưa họ đến với Chúa Kitô. Vì lý do đó, họ đã bị bắt giữ và đưa đến thẩm vấn trước quan tổng trấn[7529] Libanius. Khi Libanius, sau nhiều nỗ lực nhằm khiến họ từ bỏ Đức Kitô mà vẫn không đạt được kết quả gì, đã ra lệnh trói họ vào những con ngựa hung dữ và, bằng cách thúc ngựa chạy, kéo lê các tôi tớ của Đức Kitô. Bị kéo lê như vậy trong một thời gian dài, họ đã nhuộm đỏ mặt đất bằng máu của mình. Thân thể họ, khi va đập xuống đất, vào đá và gốc cây, đầy những vết thương; và theo quy luật tự nhiên của con người, lẽ ra họ đã phải chết nếu chính Chúa không ban sức mạnh cho họ trong lúc chịu cực hình. Sau đó, khi họ gần như đã chết, họ bị ném vào ngục tối và bị bỏ đói, bỏ khát; nhưng Chúa đã nuôi dưỡng họ bằng bánh trời[7530] và chữa lành vết thương cho họ. Sau một thời gian, họ lại bị dẫn ra để thẩm vấn, và khi từ chối tuân theo kẻ tra tấn, họ bị treo lên cây, bị cạo da bằng sắt và bị thiêu đốt bằng nến. Sau đó, họ bị ném vào lò lửa đang cháy rực, nhưng vẫn bình an vô sự, vì Thiên Thần của Chúa đã xuống với họ, làm nguội lò lửa và bảo vệ họ khỏi ngọn lửa. Cuối cùng, kẻ tra tấn ra lệnh đóng đinh sắt vào đầu, tim và bụng các ngài; sau đó, người ta đào một cái hố, ném các ngài – khi các ngài vẫn còn thở – xuống đó và lấp đất lại. Sau khi chịu cái chết tàn bạo và đau đớn như vậy, các thánh Nicander và Hermas đã đạt đến cuộc sống vĩnh cửu đầy niềm vui cùng Chúa, Đấng được vinh quang muôn đời. Amen.

Ngày lễ kính Thánh Simon Yuryevetsky

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 11

Vị thánh phúc lành này của chúng ta sinh ra tại làng Odeleve, thuộc khu vực Plesskaya ([7531]), trong một gia đình sùng đạo có cha là Irodion và mẹ là Maria. Từ thuở thiếu thời, ngài đã chọn con đường sống như người điên thánh và bí mật rời khỏi nhà cha mẹ để vào những khu rừng rậm rạp và không thể đi qua. Một lần nọ, những người dân làng Yalnatskaya thuộc huyện Yuryevets, vùng Volga, trong lúc đang chặt cây và thu hoạch mật ong, đã tìm thấy vị thánh Simon này trong những khu rừng hoang vu. Họ bắt đầu hỏi ngài rằng ngài là ai và đến từ đâu. Nhưng vị thánh không nói gì với họ, ngoài tên của mình. Thấy Thánh Simon mặc bộ quần áo rất rách rưới, dân làng đã

[7528] Người Hy Lạp được gọi là "Ellin" (Ellines); nhưng trong các cuốn tiểu sử các thánh, tên gọi này đôi khi được dùng để chỉ chung những người ngoại đạo.

[7529] Komit – quan trưởng thành phố.

[7530] "Bánh trời" có thể hiểu là thức ăn thực sự, được ban xuống một cách kỳ diệu cho các thánh tử đạo trong ngục tối, hoặc nói chung là sự tiếp sức từ trên cao, nhờ đó họ không còn cần đến thức ăn nữa.

[7531] Ples – hiện là một thị trấn thuộc tỉnh Kostroma, huyện Nerekhotsk, nằm bên bờ sông Volga.

thương xót ông và đưa ông về làng của họ gặp vị linh mục tên là Giuse. Tại nhà vị linh mục này, thánh Simon bắt đầu làm việc; ngài đặc biệt thích làm những công việc nặng nhọc và qua đó tự chế ngự xác thịt: ngài thường xay bột bằng cối xay tay, chặt củi cho tất cả cư dân trong làng và không nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ ai. Ông cũng thường xuyên và sốt sắng đến nhà thờ của Chúa, nơi ông dâng lên Chúa những lời cầu nguyện và tôn vinh danh thánh của Ngài. Không ít lần vị thánh phải chịu sự chế giễu và sỉ nhục, nhưng ông đều chịu đựng một cách hiền lành, không hề nuôi dưỡng lòng oán hận đối với những kẻ làm phiền mình. Dù mùa đông hay mùa hè, ngài luôn chỉ mặc một chiếc áo sơ mi, không bao giờ đi giày; đất là giường ngủ, bầu trời là mái nhà của ngài. Sau khi sống nhiều năm tại làng Yalnatsky, Simon chuyển đến thành phố Yuryevets và tại đây, ngài cũng tiếp tục thực hành đời sống thánh nhân vì danh Chúa Kitô. Thường thì những người tốt bụng tặng ngài quần áo hoặc ủng, nhưng ngài từ chối tất cả những thứ đó và chỉ mặc một chiếc áo vải thô. Thánh nhân có thói quen thường xuyên ghé qua các nhà trọ. Vào mùa đông, ngài thường qua đêm tại đó. Lúc ấy, ngài cầu nguyện và thức trắng; chủ quán cùng những người nghỉ trọ thường đuổi ngài ra ngoài trời lạnh. Ngài thường đi dọc bờ sông Volga, và vào mùa đông, người ta thường thấy dấu chân trần của ngài. Do cuộc sống khắc nghiệt, da ngài đã đen sạm hẳn và bám chặt vào xương. Ông thường tự lên án và tự chê bai bản thân trước mặt nhiều người; đó là cách ông khiêm nhường hóa thân xác và tinh thần của mình. Nhờ cuộc sống đạo đức, ngay khi còn sống, ông đã được ban cho ân sủng của sự thấu thị, nhờ đó ông có thể nhìn thấy những điều mà người khác không thể thấy.

Một lần, trong lúc giả điên, ngài bước vào nhà của quan tổng trấn Tretyak Tregub. Quan tổng trấn nổi giận với vị thánh và ra lệnh lôi ngài ra khỏi nhà bằng vũ lực. Khi bước ra khỏi nhà, vị thánh nói rằng ngày mai sẽ xảy ra một tai họa. Và điều đó đã xảy ra đúng như vậy. Ngày hôm sau, vợ của quan tổng trấn bị ngã khi bước ra khỏi hiên nhà và bị thương nặng. Kể từ đó, quan tổng trấn bắt đầu kính trọng vị thánh Simon.

Một thời gian sau, vị thánh phúc Simon lại đến gặp vị thống đốc đó và tiên đoán rằng thành phố sẽ xảy ra một trận hỏa hoạn lớn. Chẳng bao lâu sau, điều đó đã xảy ra. Hơn bảy mươi ngôi nhà đã bị ngọn lửa thiêu rụi. Lúc đó, vị thống đốc ra lệnh đưa vị thánh phúc Simon đến gặp mình. Người ta tìm thấy ngài đang quỳ gối trước một trong những nhà thờ của thành phố. Ngài đang khóc lóc cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh. Vị thánh được dẫn đến gặp quan tổng trấn. Quan tổng trấn cùng với những công dân khác bắt đầu khẩn cầu vị thánh cứu họ khỏi thảm họa kinh hoàng này. Simon giơ tay chỉ vào ngọn lửa, rồi giả vờ điên dại, tát vào má quan tổng trấn – và đám cháy lập tức tắt ngấm.

Ngay khi còn sống, vị thánh đã nhận được ân sủng lớn lao từ Chúa đến nỗi nhờ những lời cầu nguyện của ngài, nhiều phép lạ đã xảy ra và những người bệnh tật được chữa lành. Một cư dân Yuryevets tên là Iosif Zubarev đang bơi qua sông Volga. Bất ngờ, một cơn gió mạnh nổi lên, sóng bắt đầu tràn vào chiếc thuyền nhỏ. Joseph hoảng sợ bỗng nhìn thấy Thánh Simon trên bờ; anh thầm cầu xin vị thánh dùng lời cầu nguyện của mình cứu anh khỏi cái chết không thể tránh khỏi. Ngay lúc đó, Joseph hứa sẽ tặng vị thánh bộ quần áo và đôi giày mới . Cơn bão lập tức chấm dứt, và Joseph đã vượt sông an toàn. Nhưng sau đó, như thường xảy ra, anh đã quên mất lời hứa của mình. Nhiều ngày sau, anh gặp lại vị thánh.

– Giuse, – vị thánh nói với anh, – anh đã không thực hiện lời hứa của mình. Anh còn nhớ mình đã hứa gì khi suýt chết đuối trên sông Volga không?

Lúc đó, Joseph nhớ lại lời hứa của mình và cảm thấy xấu hổ. Anh quỳ xuống dưới chân vị thánh và xin tha thứ.

– Hãy đi đi – vị thánh nói – và hãy trao cho những người nghèo những gì con đã hứa với ta, và đừng bao giờ quên họ, vì việc bố thí sẽ giải thoát chúng ta khỏi những tai ương và hoạn nạn.

Một linh mục tại nhà thờ chính tòa Yuryevets, được đặt tên theo Thánh và Vị Đại Tử Đạo vinh quang George, tên là Alimpiy, một lần nọ, khi đang ăn cá, đã nuốt phải một chiếc xương. Chiếc xương đó mắc kẹt trong thanh quản của ông. Ông đã phải chịu đựng đau đớn trong một thời gian dài, tình trạng ngày càng xấu đi, và ông đã bắt đầu tuyệt vọng về việc hồi phục. Một ngày nọ, ông gặp Thánh Simon và cầu xin ngài giúp đỡ. Thánh nhân dùng vài ngón tay chạm vào cổ họng vị linh mục này, và ngay lập tức, ông đã nhổ ra cả xương lẫn máu, rồi hoàn toàn bình phục.

Một ngày nọ vào mùa thu, trên sông Volga nổi lên những con sóng dữ dội. Một cư dân Yuryevets tên là Peter, sống gần bờ sông, bỗng nhận ra có ai đó đang đi trên sóng. Anh ta kinh hoàng. Nhưng, nghĩ rằng mình đã nhầm lẫn, anh ta tiến đến mép bờ sông và nhìn chằm chằm vào đó. Bỗng nhiên, anh ta nhìn rõ đó chính là Thánh

Simon đang đi trên mặt nước với cây gậy trong tay. Vì quá kinh ngạc, Petr không thể nhúc nhích khỏi chỗ đứng. Khi đến gần anh ta, vị thánh nói với anh:

– Đừng nói với ai về những gì con đã thấy, chừng nào ta còn sống.

Sau khi vị thánh qua đời, Phêrô đã kể cho mọi người nghe về phép lạ vĩ đại ấy. Mọi người đều kinh ngạc và ngợi khen Chúa, Đấng sai các vị thánh đáng kính của Ngài xuống trần gian.

Cảm nhận được sự ra đi sắp tới khỏi cuộc đời trần thế, vị thánh đã đến nhà của vị tổng trấn mới là Feodor Petelin. Vị tổng trấn, vì lý do nào đó đang tức giận và không nhận ra vị thánh, đã ra lệnh đánh đập ngài. Simon bị ốm nặng. Bị bỏ lại trong sân nhà thống đốc, vị thánh đã gọi một linh mục đến bên mình. Sau khi xưng tội, vị thánh với lòng kính sợ sâu sắc đã được rước Mình Thánh Chúa và trao linh hồn thánh thiện của mình cho Chúa. Khi biết tin về cái chết của vị thánh, Feodor đã khóc lóc thảm thiết và ăn năn về tội lỗi của mình. Trong khi đó, cả thành phố đã tụ tập để dự lễ an táng vị thánh. Trong tiếng hát Thánh vịnh và các bài thánh ca, thi hài của vị thánh được an táng tại Tu viện Bogoyavlensky ở Yuryevets. Sự việc này xảy ra vào ngày 4 tháng 11 năm 1584. Trong lễ an táng vị thánh, Tướng quân Feodor Petelin đã phát rất nhiều tiền bố thí. Khi ông trở về nhà, ông thấy số tiền của mình không hề giảm đi chút nào. Ông nhận ra rằng điều này xảy ra nhờ sự an bài kỳ diệu của Thiên Chúa và đã tạ ơn Chúa cùng vị cha đáng kính của chúng ta là Simon. Năm 1619, trên mộ của vị thánh được tôn vinh, người ta đã xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Đức Mẹ Odigitria, với các gian phụ dành riêng cho Tiên tri Ê-li và Thánh Macarius Zheltovodsky. Nơi chôn cất của vị thánh được tôn vinh Simon được đánh dấu bằng một ngôi mộ bằng gỗ để tránh trường hợp ai đó vô tình dẫm lên nơi đó. Vào thời điểm đó, một người phụ nữ tên là Salome đã đến ngôi mộ và xin vị linh mục cử hành lễ cầu hồn cho vị thánh tại ngôi mộ.

– Hơn 18 tháng qua, tôi đã nằm liệt giường vì căn bệnh hiểm nghèo. Một lần nọ, có một người đàn ông xuất hiện trước mặt tôi, chỉ mặc mỗi chiếc áo sơ mi, chân trần, tóc dài và đen, dáng người trung bình. Khi đứng trước mặt tôi, ông ấy nói: "Hãy đến Tu viện Bogoyavlensky và xin cử hành lễ cầu siêu bên quan tài của Simon, vị thánh ngây thơ." Tôi cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh và đã đến cầu nguyện trước quan tài của vị thánh nhân này.

Tất cả những người có mặt ở đó đều rất ngạc nhiên trước câu chuyện của cô, vì họ chưa bao giờ nhìn thấy Thánh Simon. Một số người cao tuổi nói rằng chính Simon đã hiện ra với cô: dáng vẻ của ngài đúng như những gì cô đã miêu tả.

Nhiều phép lạ khác cũng đã xảy ra bên quan tài của vị thánh. Năm 1635, Đức Thượng phụ Giuse đã ra lệnh xây dựng một ngôi mộ thánh và vẽ bức tượng thánh của vị thánh được Chúa yêu mến, người vẫn không ngừng cầu xin Chúa cứu rỗi linh hồn chúng ta cho đến ngày nay. Amen.

Ngày 18 tháng 11

Ngày 5 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự tử đạo của các thánh tử đạo Galaktion và Epistima

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 11

Tại Phê-ni-ki[7532] , trong thành phố Ê-mê-sê, có một người tên là Clitophon, một người quý tộc, nổi tiếng và giàu có. Vợ ông, tên là Levkippia, con gái của tổng trấn[7533] Memnon, không thể sinh con và rất đau khổ vì điều

[7532] Phoenicia – dải đất hẹp trải dài dọc theo bờ đông (châu Á) của Biển Địa Trung Hải, phía bắc Palestine. Vùng đất này đã được biết đến từ thời cổ đại và ban đầu được cư trú bởi một dân tộc có quan hệ họ hàng với dân tộc Do Thái, đồng thời là dân tộc hàng hải và thương mại đầu tiên của thế giới cổ đại, đã thành lập các thuộc địa và kho hàng của mình tại nhiều nơi trên thế giới. Vào thời cổ đại xa xưa, các thành phố chính của Phoenicia từng là những cộng đồng độc lập riêng biệt, sau đó chúng hợp nhất thành một liên minh do thành phố Tyre đứng đầu. Vào thế kỷ VIII trước Công nguyên, Phoenicia bị người Assyria chinh phục và sau đó lần lượt rơi vào sự cai trị của các dân tộc khác nhau: người Babylon, người Ba Tư, người Hy Lạp, người La Mã, người Ả Rập, người Thổ Nhĩ Kỳ Seljuk và người Thổ Nhĩ Kỳ Ottoman, những người mà vùng đất này vẫn thuộc về cho đến ngày nay. Sự khởi đầu của Kitô giáo ở Phoenicia bắt nguồn từ thời các Tông đồ.

[7533] Eparch – người đứng đầu vùng.

này, bởi vì do vô sinh, bà thường phải nghe những lời trách móc từ chồng, và đôi khi phải chịu đựng những lời mắng chửi và thậm chí là những trận đòn roi. Cả hai đều là những người theo đạo ngoại giáo, tuân theo tín ngưỡng sai lầm của người Hy Lạp[7534] và đặc biệt tôn kính nữ thần Artemis[7535] .

Vào thời điểm đó, thành phố do một người tên là Secundus, người Syria, cai trị; ông ta đối xử với những người tin vào Chúa Kitô một cách vô cùng tàn nhẫn và độc ác. Ông ta đã chế tạo ra vô số dụng cụ tra tấn khác nhau và trưng bày chúng ngay giữa lòng thành phố để đe dọa các Kitô hữu. Do đó, nhiều tín hữu, vì sợ những cực hình khủng khiếp, đã phải lẩn trốn, còn những người khác, dũng cảm tuyên xưng Đức Kitô, đã tự nguyện nộp mình vào tay những kẻ tra tấn và chết vì danh Chúa của họ. Trong số đó có một tu sĩ tên là Onuphrius, người đã che giấu thân phận tu sĩ của mình dưới bộ áo rách rưới của người ăn xin để không bị phát hiện là Kitô hữu. Ông lang thang từ nơi này sang nơi khác, từ nhà này sang nhà khác, xin một miếng bánh mì như một người nghèo khổ, nhưng đồng thời, bất cứ khi nào có thể, ông lại giảng dạy đức tin chân chính và dẫn dắt các linh hồn con người trở về với Thiên Chúa. Bằng cách đó, ông đã đến nhà của Klitophon, và đứng trước cổng, bắt đầu xin bánh mì. Levkippia, khi thấy một người mặc áo rách rưới và xin bánh mì, đã ra lệnh cho một trong những nô tì đóng cửa lại trước mặt ông: hôm đó bà đang tức giận, vì chồng bà đã đánh đập bà do bà vô sinh. Còn vị tu sĩ thì vẫn tiếp tục, như thói quen của những người ăn xin, đứng trước cổng xin bố thí. Chẳng bao lâu sau, Levkippia đã nguôi giận, ra lệnh cho người già vào sân và cung cấp cho ông mọi thứ cần thiết. Vị tu sĩ, khi nhận bố thí, nghe thấy tiếng thở dài nặng nề từ tận đáy lòng của Levkippia và hỏi bà:

– Nỗi buồn gì đang đè nặng lên lòng bà, thưa phu nhân, mà bà lại thở dài nặng nề như vậy?

Bà trả lời ông:

– Thưa ông lão, tôi không có con vì tôi vô sinh, và vì điều đó mà chồng tôi luôn ngược đãi và đuổi đánh tôi; tôi đã chi rất nhiều vàng cho các thầy thuốc và pháp sư để họ giúp tôi và chữa khỏi chứng vô sinh của tôi, nhưng họ chẳng giúp được gì cả, mà chỉ khiến tôi ngày càng chìm sâu vào tuyệt vọng.

Vị tu sĩ hỏi:

– Cô thờ phụng vị thần nào?

– Con thờ phụng nữ thần vĩ đại Artemis, – cô trả lời.

– Chính vì vậy mà chị vô sinh, bởi chị không đặt niềm tin vào vị Thần có thể ban cho chị một đứa con, – vị lão nhân đáp.

– Nhưng tôi nên đặt niềm tin vào vị thần nào, người có thể ban cho tôi ân sủng để tôi được gọi là người mẹ? – Levkippia hỏi.

– Hãy đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời chân thật là Chúa Giê-su Christ, – vị tu sĩ già đáp, – và hãy tin vào Ngài, vào Cha Ngài là Đấng Vô Thỉ, và vào Thánh Thần, Đấng đồng bản thể và ban sự sống.

Levkippia hỏi:

– Có phải ngài đang nói với tôi về vị Đức Chúa Trời mà người Galilê thờ phượng không?[7536]

– Chính là Ngài ấy, – vị tu sĩ già đáp, – vì Ngài đã tạo dựng trời, lập nên đất, tạo ra con người và mọi sinh vật sống.

– Tôi sợ, – Levkippia nói thêm, – rằng quan tổng trấn Secund sẽ biết về đức tin này của tôi và kết án tôi tử hình, như ông ta đã làm với nhiều người khác: ông ta giết chết tất cả những ai tin vào Đức Chúa Trời mà ông đang nói đến, mà không hề thương xót.

– Nếu con sợ quan tổng trấn, – vị tu sĩ già nói, – thì con có thể thầm lặng phụng sự Thánh Ba Ngôi: chính tôi đây, dù sợ những lời đe dọa của kẻ hành hạ, vẫn thầm lặng thờ phượng Đức Chúa Trời của tôi và, nhờ ân sủng của Ngài, tôi hy vọng sẽ được cứu rỗi, vì như ngươi thấy, – tôi là một Kitô hữu, một tu sĩ và một linh mục – đã thay đổi diện mạo để không bị nhận ra; bề ngoài, đối với mọi người, tôi chỉ là một trong những người ăn xin, nhưng thực ra – tôi là tôi tớ của Đấng Kitô. Cũng như vậy, khi con thầm lặng phụng sự Chúa Kitô, con sẽ không vì thế mà mất đi ơn cứu rỗi.

[7534] Tức là thời kỳ ngoại giáo.

[7535] Artemis – nữ thần ngoại giáo Hy Lạp của mặt trăng và săn bắn. Về ngôi đền tráng lệ của bà tại Ê-phê-sô, ở Tiểu Á, được đề cập trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ (Công Vụ 19:24–29).

[7536] Người ta gọi những môn đệ của Đấng Christ là "người Galilê", và Ngài được gọi là "Giê-su người Galilê" (Ma-thi-ơ 26:69), bởi vì Ngài đã trải qua thời thơ ấu và tuổi thiếu niên tại Na-xa-rét, một thị trấn nhỏ ở Galilê.

– Nếu con chấp nhận đức tin này, thưa Cha, – Levkippia hỏi, – còn chồng con vẫn ở trong đạo ngoại, thì liệu đức tin của con có trở nên vô ích vì người chồng không tin Chúa không?

– Chỉ cần con nhận lấy dấu hiệu của Chúa Kitô, tức là phép rửa thánh, và tin tưởng, không nghi ngờ, vào Thiên Chúa chân thật; và nếu con kiên định trong đức tin chân chính, thì chính con sẽ được cứu rỗi và cũng sẽ cứu rỗi chồng con, vì Kinh Thánh của chúng ta có chép: *"Vì người chồng không tin sẽ được thánh hóa nhờ người vợ tin Chúa, và người vợ không tin sẽ được thánh hóa nhờ người chồng tin Chúa. Nếu không, con cái các ngươi sẽ là những kẻ ô uế, nhưng bây giờ chúng là những người thánh"* (1 Cô-rinh-tô 7:14).

Khi Onuphrius khích lệ Leukippia bằng những lời của mình, cô nói:

– Thưa Cha! Cha có thể làm phép rửa thánh cho con không?

Ông đáp:

– Chỉ cần có nước là được, vì giờ đã đến rồi.

Sau khi ra lệnh cho các tớ gái không được nói với ai về chuyện vừa xảy ra, Lêvkippi đã bảo mang một chậu nước đến, và lúc đó, Thánh Onufri đã rửa tội cho bà nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, đồng thời dạy bà những mầu nhiệm của giáo lý Kitô giáo và tất cả các điều răn. Khi ngài ra về, người mới được rửa tội đã xin ngài đừng quên nàng, hãy đến thăm nàng thường xuyên nhất có thể và dạy nàng về sự đạo đức và cầu nguyện.

Khi vị tu sĩ ra về, Levkippia giả vờ ốm để chồng không đụng chạm đến cô trong tám ngày. Nhờ vậy, cô đã giữ gìn được ân sủng của Thánh Thần, mà cô đã nhận được trong lễ rửa tội, trong sự trong sạch. Sau tám ngày, cô thấy trong một thị kiến Chúa Giêsu Kitô của chúng ta bị đóng đinh trên thập giá; và cô thấy mình quỳ xuống dưới chân Ngài, nghe từ đôi môi thanh khiết của Ngài lời hứa an ủi rằng Ngài sẽ chữa lành chứng vô sinh của cô và ban cho cô một người con trai, người sẽ noi gương những đau khổ trên thập tự giá của Đấng Cứu Thế và trở thành người được dự phần vào Nước Trời của Ngài. Nhờ thị kiến này, Levkippia tràn ngập niềm vui thiêng liêng vĩ đại và nảy sinh tình yêu nồng cháy dành cho Thiên Chúa. Kể từ đó, ký ức về những đau khổ của Chúa chưa bao giờ rời bỏ bà; bà luôn hướng tâm trí về Đức Kitô bị đóng đinh và dường như thấy Ngài đang đứng trước mặt mình.

Không lâu sau đó, cô mang thai. Chồng cô vô cùng vui mừng và nói với cô:

– Giờ thì anh biết em được các vị thần ưa chuộng rồi: họ đã ban cho em một đứa con; vậy thì chúng ta hãy đi dâng lễ vật lên các vị thần.

Lúc đó, Levkippia thở dài và nói:

– Không phải những vị thần mà anh đang kêu gọi em đã ban cho em ân huệ này, mà là một vị Thần khác, Đấng đã hiện ra với em trong giấc mơ trước khi em thụ thai và Đấng mà em đã thấy bị đóng đinh trên thập tự giá. Và nếu anh muốn, thưa chồng em, chúng ta sẽ dâng lễ tạ ơn chính cho Ngài.

– Vị Thần mà em đã thấy – chồng cô nhận xét – chính là Thần của người Galilê, Đấng mà tôi đã nghe nhiều người kể rằng Ngài thực sự đã bị đóng đinh trên thập tự giá và thực hiện những phép lạ kỳ diệu.

– Vậy tại sao – nàng nói – chúng ta lại không tin vào Ngài, khi Ngài toàn năng và nhân từ với cả hai chúng ta đến mức đã thực hiện điều ước thầm kín trong lòng chúng ta – chữa lành chứng vô sinh của em?

– Chẳng lẽ em chưa nghe nói sao, – người chồng đáp, – rằng quan tổng trấn vùng này đang tra tấn và giết hại những người tin vào Đấng Bị Đóng Đinh một cách không chút thương xót?

– Nhưng nếu không thể tin vào Ngài một cách công khai, – Levkippia nói, – thì chúng ta sẽ tin một cách bí mật và dựa trên đức tin đó để hướng cuộc sống của mình đến điều thiện.

– Không có ai cả, – Klitophon nói, – có thể dạy chúng ta đức tin mới và chỉ dẫn cho chúng ta cách phải phụng sự vị Thiên Chúa nhân lành ấy, Đấng mà em đã thấy trong giấc mơ và Đấng đã ban cho em khả năng thụ thai.

Levkippia, thấy chồng đang nghiêng về phía mình, đã kể cho anh nghe tất cả những gì đã xảy ra với cô, và tiết lộ rằng cô đã là một tín đồ Kitô giáo và được một tu sĩ dạy dỗ về những mầu nhiệm của đức tin Kitô giáo. Klitophon vui mừng lắng nghe điều đó và mong muốn được rửa tội. Ngay khi Thánh Onuphrius đến nhà họ để thăm người mới được rửa tội, cô đã giới thiệu ông với chồng mình, và Clitophon đã được vị tu sĩ thánh thiện này rửa tội. Cặp vợ chồng sống trong sự đạo đức và trong sạch, thầm lặng phụng sự Chúa Thật.

Khi họ sinh được một bé trai, họ đã mời vị cha linh hồn và thầy dạy của mình là Onuphrius đến; ngài đã làm phép rửa tội cho đứa trẻ, và đặt tên cho nó là Galaktion. Lúc đó, vị tu sĩ thánh thiện đã phán về đứa trẻ lời tiên tri sau đây: "Đứa trẻ này sẽ yêu mến cuộc sống trên trời hơn cuộc sống trần gian."

Khi Galaktion lớn lên, cha mẹ đã lo liệu việc học hành cho cậu, và nhờ ơn Chúa, cậu nhanh chóng tiến bộ trong mọi môn học mà cậu theo đuổi; đến khi cậu tròn 24 tuổi – lúc này mẹ cậu đã qua đời – cha cậu mong muốn cậu kết hôn, nên đã tìm được một thiếu nữ xinh đẹp tên là Epistima và hứa hôn con trai mình với cô ấy. Vì đám cưới bị hoãn lại một thời gian, nên Galaktion, để được gặp mặt vị hôn thê, thường xuyên đến thăm cô; nhưng anh chưa bao giờ chào đón cô – như thông lệ – bằng nụ hôn, vì cô chưa được rửa tội. Epistima rất buồn vì điều này. Người cha, thấy con gái buồn bã và biết được lý do, bèn nói với Galaktion:

– Tại sao, chàng trai trẻ, con không chào hỏi con gái ta, cũng là vị hôn thê của con, bằng nụ hôn theo thông lệ? Nếu con không yêu cô ấy, thì tại sao lại đính hôn với cô ấy?

Galaktion không trả lời gì cả, chỉ bước đến bên cô gái và nói riêng với cô:

– Epistima! Em có biết tại sao anh không chào em bằng nụ hôn không?

Cô đáp:

– Em không biết, thưa ngài, và em rất buồn vì điều đó.

Galaktion nói:

– Vì em không phải là người Kitô hữu và đã bị ô uế bởi đức tin ngoại đạo dơ bẩn, nên anh không muốn chạm vào sự ô uế của em, để không xúc phạm đến Thánh Thần của Đức Chúa Trời; nhưng nếu em muốn có được tình yêu của tôi, hãy từ bỏ các thần tượng, hãy tin vào Đức Chúa Trời mà tôi đang tin tưởng và hãy nhận phép rửa tội thánh: khi đó tôi sẽ trao cho em nụ hôn, sẽ yêu em như chính bản thân mình, sẽ gọi em là vợ của tôi và chúng ta sẽ sống trong tình yêu và không bao giờ xa cách cho đến cuối đời.

Epistima đáp lại:

– Tôi sẽ làm mọi điều ngài truyền dạy, thưa ngài: tôi tin vào Đức Chúa Trời của ngài và mong muốn được rửa tội.

Anh nói:

– Được rồi, cô gái khôn ngoan, giờ đây ta thực sự bắt đầu yêu nàng. Nhưng vì không có ai có thể rửa tội cho nàng, bởi đức tin Kitô giáo đang phải chịu sự đàn áp tàn bạo, các linh mục và tu sĩ thì một số bị giết, số khác đã chạy trốn vào sa mạc, nên chính ta phải tự tay rửa tội cho nàng. Vậy nên, hãy mang theo quần áo trắng và ra sông Kifos – như thể đi tắm vậy, còn tôi cũng sẽ ra khỏi nhà, đi ra đồng với vẻ như đang dạo chơi, rồi khi tìm thấy cô ở sông, tôi sẽ làm lễ rửa tội cho cô.

Epistima ra đến bờ sông, Galaktion cũng ra đó và đã làm phép rửa tội cho vị hôn thê của mình tại Kifos nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, đồng thời dạy cô ấy cách cầu nguyện. Sau đó, họ chia tay nhau, và không ai biết về bí mật của họ. Cũng vào khoảng thời gian đó, Galaktion đã dẫn dắt một trong những nô lệ của cha vợ mình đến với đức tin chân chính và làm phép rửa tội cho người ấy, giống như đã làm với vị hôn thê của mình. Người nô lệ này, tên là Eutolmius, sau này đã trở thành một tu sĩ và viết nên cuốn tiểu sử này.

Sau khi chịu phép rửa tội, Epistima vẫn ở lại nhà cha mẹ, chuyên tâm suy niệm về Thiên Chúa và cầu nguyện, những việc mà cô thực hiện một cách bí mật, vì cô giấu cha mình việc mình đã chấp nhận đức tin Kitô giáo.

Khi Galaktion đến gặp cô vào ngày thứ tám sau lễ rửa tội, cô nói với anh:

– Tôi muốn kể cho ngài nghe một điều kỳ diệu, thưa ngài. Kể từ khi tôi nhận phép rửa tội thánh, tôi thường thấy những cung điện tuyệt đẹp và trong đó có ba nhóm người[7537] đang hát: một nhóm là các tu sĩ mặc áo đen; hình thứ hai là những trinh nữ xinh đẹp và hình thứ ba là những con người có cánh, rực lửa nhưng trông rất hiền lành; và từ khải tượng kỳ diệu này cùng tiếng hát du dương của các hình ảnh ấy, trái tim tôi cảm nhận được niềm vui vô cùng lớn lao.

Galaktion, sau khi suy ngẫm về những gì Epistima đã thấy, đã nói với cô như sau:

– Những tu sĩ mặc áo đen chính là những người đã từ bỏ của cải, vợ con và bạn bè để theo Chúa Kitô, sống trong cảnh nghèo khó, trong sạch và kiên nhẫn, bước đi trên con đường đời chật hẹp và đầy đau khổ. Những trinh nữ xinh đẹp là những người đã từ bỏ hôn phu, cha mẹ và mọi sự quyến rũ trần thế – những bộ trang phục lộng lẫy, tài sản và những điều phù phiếm khác – để theo Chúa Kitô. Còn những người đàn ông có cánh chính là các Thiên thần của Thiên Chúa, cùng với họ, những trinh nữ ấy đang vui mừng và hân hoan trên thiên đàng, ca ngợi Thiên Chúa bằng những bài ca ngợi khen.

[7537] "Lich" có nghĩa là "đám đông", "hội chúng".

– Ôi, giá như Đức Chúa Trời cũng cho chúng ta được hân hoan cùng với họ, – Epistima nói.

– Nếu chúng ta giữ được sự trinh khiết của mình, – Galaktion nói, – và, giống như họ, từ bỏ thế gian, thì Đức Chúa Trời toàn lành cũng sẽ ban cho chúng ta phần thưởng tương tự.

– Nếu anh đồng ý, – Epistima đáp, – em sẵn sàng giữ trinh tiết của mình, nhưng em không muốn xa cách anh, vì nếu chúng ta xa nhau, thì làm sao chúng ta có thể chia sẻ niềm vui với nhau được.

– Hãy hứa với tôi ngay bây giờ, – Galaktion nói, – rằng em sẽ giữ trinh tiết và cùng tôi bước vào đời tu, và tôi sẽ không bao giờ xa cách em, dù trong kiếp này hay kiếp sau.

Epistima đã hứa như anh yêu cầu, nói rằng:

– Cũng như tôi tin tưởng vững chắc vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, tôi hứa với anh sẽ thực hiện mong muốn của anh, và sẽ theo anh, dù anh đi đâu chăng nữa.

Galaktion nói:

– Chúng ta hãy tạ ơn Đức Chúa Trời của chúng ta vì Ngài đã thương xót chúng ta và nhậm lời cầu nguyện của chúng ta! Xin Ngài củng cố và gìn giữ giao ước bất khả xâm phạm của chúng ta cho đến cùng!.. Nay tôi sẽ về nhà để chuẩn bị lên đường; anh cũng hãy làm như vậy: hãy phân phát tất cả những gì anh có cho người nghèo, như tôi cũng sẽ làm, và vào ngày thứ ba, chúng ta sẽ cùng nhau ra khỏi nhà và đi đến nơi nào Thiên Chúa dẫn dắt chúng ta. Anh hãy mang theo cả người đầy tớ Eutolmius – anh ta là người đạo đức và sẽ cùng chúng ta sống đời tu hành.

Sau cuộc bàn bạc đó, các thánh Galaktion và Epistima chia tay nhau, rồi bí mật phân phát tất cả những gì họ có cho người nghèo và chuẩn bị lên đường; họ ra khỏi nhà vào ban đêm như đã hẹn, cùng nhau lên đường, và người đầy tớ Eutolmius cũng đi cùng họ.

Mười ngày sau, họ đến một ngọn núi tên là Publion[7538] , nơi có một tu viện, nơi mười tu sĩ đang ẩn náu. Cách đó không xa có một tu viện nữ nhỏ, nơi có bốn nữ tu già đang sống; người đứng đầu họ là một nữ phó tế, có đời sống trong sạch và thánh thiện. Galaktion và Epistima cùng với Eutolmius, sau khi bước vào tu viện nam và cúi chào vị tu viện trưởng, đã kể cho ngài nghe về ý định của họ là sẽ tu hành tại nơi này. Vị tu viện trưởng, nhận ra ơn gọi của Thiên Chúa nơi họ, đã tiếp nhận và truyền giới tu sĩ cho họ: ngài gửi Epistima về tu viện nữ để ở cùng bốn nữ tu ăn chay thánh thiện, còn Galaktion và Eutolmius thì ngài giữ lại trong tu viện của mình và ra lệnh cho họ tuân giữ mọi bổn phận thông thường của đời tu. Và Thánh Galaktion hoàn toàn vâng phục vị Trưởng tu viện và các tu sĩ, đồng thời tận tụy phụng sự Thiên Chúa. Ai có thể mô tả được những công đức và công lao của ngài? Người ta chưa bao giờ thấy ngài nhàn rỗi, mà luôn luôn hoặc làm điều gì đó cần thiết cho tu viện, hoặc cầu nguyện; việc ăn chay của ngài thật phi thường: đôi khi ngài không ăn uống gì suốt cả tuần; ngài giữ gìn sự trong sạch và thuần khiết đến mức bằng mọi cách tránh cả việc nhìn thấy khuôn mặt phụ nữ, và thực sự đã không nhìn thấy trong một thời gian dài; nhiều lần, một số anh em trong tu viện đã mời ngài đi cùng họ để gặp vị nữ phó tế thánh thiện nói trên, người đã tu hành chín mươi năm và mang lại lợi ích to lớn cho tất cả những ai lắng nghe lời giảng dạy của bà về sự cứu rỗi linh hồn, bởi bà nổi bật với sự khôn ngoan, lời giảng dạy đầy ý nghĩa và cuộc sống đạo đức – đồng thời cũng để thăm chị Epistima. Nhưng Galaktion không đồng ý, nói rằng:

– Thưa các vị thánh phụ, con đã được hưởng lợi đủ rồi từ những lời dạy của các ngài, còn em gái con thì con không muốn gặp cho đến khi đến lúc chính Chúa Trời ra lệnh cho con được gặp nàng. Và thánh Epistima, em gái của ngài trong Chúa Kitô, sống trong tu viện của mình dưới sự hướng dẫn của một nữ phó tế thánh thiện, giống như một Thiên thần của Chúa, dành thời gian, giống như Galaktion, cho những việc làm thánh thiện và lao động, và không hề thua kém anh trai mình về lối sống. Cả hai đều như hai ngọn đèn, rực sáng bởi tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, còn các tu sĩ cùng tu hành với họ thì học hỏi từ gương sống đạo đức của họ và ngợi khen Cha Trên Trời.

Trong khi đó, cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu vẫn không ngừng: tất cả họ đều bị ép buộc phải dâng lễ vật cho các thần tượng, và những ai từ chối làm điều đó đều phải chịu tra tấn. Một số người ngoại đạo, biết về các tu sĩ đang lánh nạn trên núi, đã báo cáo với quan tổng trấn vùng Ursu. Vị quan này lập tức phái binh lính của mình đi với lệnh bắt giữ tất cả các tu sĩ và đưa họ về để xét xử. Trước khi những binh lính này đến, một đêm nọ, Thánh Epistima đã có một giấc mơ như sau: trong mơ, bà thấy mình đang đứng trong cung điện hoàng gia cùng với vị hôn phu và người anh em thiêng liêng của mình là Galaktion, và một vị Vua rực rỡ đang đội lên đầu họ những vương miện tuyệt đẹp. Khi tỉnh dậy, bà ngạc nhiên trước những gì đã thấy và, khi trời sáng, bà gửi thư cho vị tu viện trưởng, xin ông đến gặp bà để nghe một điều quan trọng (vì thông thường các nữ tu không đến tu viện nam, mà thay

[7538] Núi Publion, hay Publion, theo lời chứng của Simeon Metaphrastes, nằm gần núi Sinai.

vào đó, vị tu viện trưởng, người từng là cha linh hướng cho cả hai tu viện, tự mình đến gặp các nữ tu ăn chay và đáp ứng nhu cầu tâm linh của họ: nghe họ xưng tội, cử hành Thánh lễ tại đó, ban Thánh Thể cho họ, rồi sau đó trở về tu viện của mình). Vị tu viện trưởng, sau khi nhận được thư của Thánh Epistima, đã lên đường đến tu viện của các nữ tu ăn chay, nơi Thánh Epistima kể lại cho ngài về giấc mơ mà bà đã thấy vào đêm hôm trước. Vị tu viện trưởng nói:

– Cung điện ấy chính là Nước Trời, Vua là Chúa Giêsu Kitô. Chúa và Thiên Chúa của chúng ta, còn những vương miện tượng trưng cho phần thưởng mà con, hỡi con yêu dấu, và người anh em thiêng liêng của con, Galaktion, sẽ sớm nhận được, nhờ những đau khổ và công đức của các con; nhưng trước tiên, các con sẽ phải chịu nhiều đau khổ và chết một cái chết tử đạo. Ta khẩn cầu con, hỡi con yêu dấu, đừng sợ những cực hình tàn bạo và đừng nản lòng giữa những cuộc tra tấn: hãy biết rằng sau những đau khổ này, những ân huệ vĩnh cửu và không thể diễn tả đang chờ đợi con, mà con sẽ nhận được cùng với anh em của con từ tay Đấng Ban Ơn[7539] .

Epistima, nước mắt lưng tròng, đáp lại:

– Xin ý Chúa được thực hiện: Ngài sẽ sắp xếp mọi việc liên quan đến chúng con theo ý Ngài, nhờ lòng nhân từ của Ngài!

Vừa khi vị tu viện trưởng trở về phòng tu của mình, thì những chiến binh do Urs phái đến đã tấn công tu viện nam; tất cả các tu sĩ đều bỏ chạy và ẩn náu trong sa mạc và núi non, chỉ còn lại một mình vị thánh Galaktion ở lại tu viện, và các chiến binh đã bắt giữ ngài khi phát hiện ngài đang đọc Lời Chúa trong phòng tu. Cũng giống như vậy, các nữ tu ăn chay cùng với Epistima đã chạy trốn khỏi phòng tu của mình và ẩn náu. Chỉ có một mình Thánh Galaktion, như con chiên bị dẫn đi giết[7540] , bị lôi kéo đến trước mặt Urs để xét xử và tra tấn. Nhưng Thánh nữ Epistima, người đang ẩn náu cùng các trinh nữ khác trong hang động, khi biết rằng vị hôn phu và anh trai mình đã bị những kẻ ngoại đạo bắt giữ và dẫn đi tra tấn, đã khóc lóc quỳ xuống dưới chân vị nữ phó tế thánh, nói:

– Tôi khẩn cầu bà, thưa bà, hãy cho tôi đi, để tôi có thể theo chân chồng tôi là Galaktion: vì tôi nghe nói rằng các binh lính đã bắt anh ấy và dẫn đến quan tổng trấn vùng để tra tấn, và tôi không thể xa cách anh ấy; trái tim tôi đau đớn vì nhớ anh ấy và tôi muốn cùng anh ấy chết vì Chúa Kitô, Chúa của chúng ta.

Nữ phó tế đáp lại:

– Không, con yêu Epistima ơi, đừng đi theo ngài và đừng tự nộp mình vào tay những kẻ ngoại đạo, kẻo con sa vào lưới của kẻ thù: con còn trẻ, và ta lo lắng cho con, e rằng vì sợ hãi trước những cực hình mà con sẽ chối bỏ Chúa Kitô và vì thế mà đánh mất đức khiết tịnh của mình; lúc đó, tất cả những công đức tu hành của con sẽ trở nên vô ích, và con sẽ mất đi niềm hy vọng được cứu rỗi.

– Con không thể sống thiếu Galaktion, – Epistima đáp lại, – nhờ ngài mà con đã biết đến Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật và nhân từ của con; chính tay ngài đã rửa sạch con trong nước rửa tội khỏi sự ô uế của ngoại giáo; ngài đã dẫn dắt con trên con đường cứu rỗi và đưa con vào đời sống tu hành này cũng như vào tu viện thánh thiện của các ngài, những lời cầu nguyện của ngài đã giúp đỡ tôi trong mọi nhu cầu của tôi; ngài là vị hôn phu, là anh em, là thầy, là cha theo Chúa, và là người bảo vệ sự trinh khiết của tôi; và tôi không thể xa cách ngài, dù trong đời này hay đời sau, nhưng tôi sẽ đi và chết cùng với ngài. Nếu anh ấy hy sinh linh hồn mình vì Đức Chúa Trời Chân Thật, thì tôi cũng sẽ hy sinh linh hồn mình; xin để máu của anh ấy đổ ra cùng với máu của tôi vì Đấng Tạo Hóa của muôn loài – tôi sẽ cùng anh ấy đi và đứng trước ngai vàng của Vua vinh quang, Đấng mà tôi đã thấy trong giấc mơ và Đấng đã trao vương miện cho chúng tôi cùng nhau... Xin hãy để tôi đi, thưa bà, xin hãy để tôi đi và cầu nguyện cho tôi!

Nữ phó tế, khi thấy những giọt nước mắt và tình yêu nồng cháy của cô dành cho Đức Chúa Trời và vị hôn phu của mình, đã nói:

[7539] Người tổ chức cuộc thi – là bản dịch của từ Hy Lạp, chỉ chức vụ rất danh dự *của những người điều hành các cuộc thi đấu* (chạy bộ, cưỡi ngựa, đấu vật, v.v.) trong nền văn hóa Hy Lạp cổ đại. Ở đây, tất nhiên là Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng đã đặt nền tảng và khởi đầu cho những công việc chinh phục xác thịt và sự hoàn thiện thiêng liêng bằng cái chết trên thập tự giá của Ngài, trong đó các tín hữu Ki-tô giáo *"được đóng đinh* cùng Chúa Ki-tô", tức là như thể tham gia vào những đau khổ của Ngài, đồng thời Ngài cũng là Đấng Phán Xét của những công việc ấy và là Đấng ban thưởng cho chúng.

[7540] *Như con chiên bị dẫn đến giết mổ.* Những lời này được trích từ Ê-sai 53 và chứa đựng chính lời tiên tri về những đau khổ trên thập tự giá của Đấng Cứu Thế (cụ thể là về việc Ngài chịu đựng những đau khổ đó một cách cam chịu).

– Nguyện Chúa ban phước lành cho con, con gái của ta, và nguyện cả con đường của con được ban phước! Nguyện con hoàn thành cuộc hành trình chịu khổ của mình, giống như thánh nữ Thekla. Vậy hãy bước đi trên con đường phúc lành này, và nguyện bàn tay củng cố của Chúa luôn ở cùng con!

Sau đó, Thánh Epistima, sau khi hôn lên má vị nữ phó tế thánh thiện, người mẹ thiêng liêng của mình và tất cả các chị em, vội vã lên đường theo sau người anh trai yêu quý của mình.

Khi đuổi kịp các chiến binh và nhìn thấy Thánh Galaktion đang bị trói, cô thốt lên:

– Thưa ngài và anh trai yêu dấu của con! Thầy của con, Đấng đã dẫn dắt con đến sự cứu rỗi, nhờ Ngài mà con đã nhận biết Đấng Christ, Thiên Chúa Chân Thật, xin hãy chờ con, đừng bỏ lại người chị em khốn khổ và tôi tớ của Ngài một mình! Hãy mang con theo cùng ngài đến nơi chịu khổ hình, con người mà ngài đã giải thoát khỏi sự lầm lạc của thần tượng và mọi sự hư vô trần thế; hãy dẫn dắt con, người đã được ngài dẫn dắt vào đời sống tu hành, đến vương miện tử đạo! Hãy nhớ lại, ngài đã hứa với con rằng sẽ không bỏ rơi con, dù trong đời này hay đời sau!

Các chiến binh đi cùng Galaktion đã lao đến Epistima và bắt giữ cô. Khi nhìn thấy Epistima, Galaktion vui mừng đến mức rơi nước mắt trước quyết tâm kiên định của cô trong việc chịu khổ vì Chúa Kitô. Anh từ tận đáy lòng tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho người chị em của anh sự kiên định và tình yêu nồng cháy dành cho Thiên Chúa như vậy, và thầm cầu nguyện cho cô, xin Chúa tiếp sức cho cô đến cùng trong cuộc hành trình chịu khổ và để cô không sợ hãi trước những cực hình tàn bạo.

Các binh lính trói cô lại cùng với Galaktion – người mà cô đã từ lâu gắn bó bằng mối liên kết của tình yêu thiêng liêng – rồi dẫn họ đến gặp quan tổng trấn vùng. Trên đường đi, Galaktion khuyên nhủ Epistima rằng:

– Hãy xem này, chị em ơi, đừng để bị cám dỗ bởi bất kỳ sự quyến rũ nào của thế gian gian ác này, cũng đừng sợ hãi những cực hình: chúng ta sẽ chỉ phải chịu đựng ở đây trong một thời gian ngắn, nhưng đổi lại, chúng ta sẽ nhận được những vương miện vĩnh cửu từ Chúa của chúng ta trong cung điện thiên đàng.

Thánh Epistima đáp lại:

– Em sẽ đi theo anh, thưa ngài, và sẽ làm theo gương anh; em tin rằng Chúa của chúng ta sẽ không bỏ rơi chúng ta, mà Ngài sẽ củng cố anh, và giúp em – kẻ yếu đuối này – chịu đựng những đau khổ ngang bằng với anh vì Ngài, cùng chịu khổ và chết, để *"trong sự công chính, em sẽ chiêm ngưỡng dung nhan Ngài; khi thức dậy, con sẽ được no nê hình ảnh của Ngài"* (Thánh Vịnh 16:15).

Trong khi trò chuyện như vậy, họ đã đến sân nhà của Urs. Một người hầu bước ra đón các chiến binh và nói rằng chỉ huy đã ra lệnh canh giữ các Kitô hữu cho đến sáng. Vì vậy, các chiến binh đã trói các thánh lại suốt cả đêm.

Sáng hôm sau, Urs xuất hiện tại phiên tòa và khi Galaktion và Epistimus được dẫn vào, ông nhìn họ và nói:

– Các ngươi là ai, những kẻ da đen kia?

Thánh Galaktion đáp:

– Chúng tôi là những người Kitô hữu và tu sĩ mặc áo đen.

Urs hỏi:

– Vậy Chúa Kitô là ai?

– Chúa Kitô là Thiên Chúa chân thật, Đấng đã tạo dựng trời đất và muôn vật trên đó, – vị thánh đáp.

– Nếu Chúa Kitô của các ngươi đã tạo dựng mọi sự, – Urs tiếp lời, – vậy thì các vị thần của chúng ta là ai và họ đã tạo dựng được gì?

– Các vị thần của các ngươi, – Galaktion đáp, – là đá và gỗ, chúng là những vật dễ hư nát, và chẳng tạo ra được gì cả, mà chính bàn tay con người đã tạo ra chúng; còn các ngươi lại thờ lạy những tác phẩm do bàn tay con người làm ra và tôn sùng những vị thần mà chính các ngươi đã tạo ra từ các chất liệu khác nhau.

Urs tức giận ra lệnh cho những người có mặt tại buổi thẩm vấn lột trần Galaktion và đánh đập anh ta dã man bằng dây thừng vì tội phỉ báng các vị thần.

Khi Galaktion bị đánh, thánh Epistima khóc lóc và trách mắng viên quan.

– Kẻ tra tấn vô nhân đạo! – bà nói. – Ngươi không thấy xấu hổ khi hành hạ một tôi tớ của Chúa vô tội và phủ đầy vết thương lên thân thể vốn đã khô héo vì ăn chay của anh ta sao?

Còn Urs thì nói:

– Cởi quần áo của bà ta ra và đánh mạnh hơn nữa.

Khi những tên đầy tớ vô liêm sỉ xé bỏ áo tu sĩ của bà và lột trần bà chỉ còn lại áo lông cừu, vị thánh nói với kẻ tra tấn:

– Ngươi hãy bị nguyền rủa đi, tên kẻ tra tấn vô liêm sỉ! Từ thuở ấu thơ, chưa ai từng thấy thân thể trần trụi của ta, vậy mà ngươi lại ra lệnh lột trần ta trước mặt mọi người. Cầu cho đôi mắt tội lỗi của các ngươi bị mù lòa, để các ngươi không thể nhìn thấy thân thể trinh nguyên của ta!

Vừa dứt lời, vị thánh nữ nói xong, hoàng tử và tất cả những người xung quanh ông ta bỗng chốc mù lòa, ai nấy đều phải dùng tay mò mẫm tìm tường và người dẫn đường, chẳng còn ai nhìn thấy ánh sáng nữa. Mọi người đều kinh hoàng và kêu lên:

– Xin cứu chúng con, hỡi tôi tớ của Đấng Kitô, khỏi bóng tối này, và chúng con sẽ tin vào Thiên Chúa của ngài!

Lúc đó, vị thánh nữ cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và tất cả lại nhìn thấy được, trong đó có năm mươi ba người trong số những người có mặt thực sự đã tin vào Chúa Kitô. Nhưng Urs, dù đã nhìn thấy bằng đôi mắt thể xác, thì lại càng mù lòa hơn về mặt tâm linh, bởi vì, bị ma quỷ xúi giục, hắn đã quy công kỳ tích này không phải cho Chúa Giêsu Kitô, mà cho các vị thần giả dối của mình: "Chúng ta đã phỉ báng," anh ta nghĩ, "các vị thần vĩ đại của chúng ta trong tâm trí, và vì tức giận điều đó, các vị đã trừng phạt chúng ta để chúng ta phải cẩn trọng hơn và không dám nghĩ điều gì xấu xa về các vị… Vậy thì chúng ta đừng tha thứ cho những kẻ phỉ báng rõ ràng này và hãy trả thù những kẻ làm ô danh các vị thần của chúng ta."

Và Urs ra lệnh đóng những cây kim nhọn vào dưới móng tay và móng chân các vị tử đạo. Các thánh nhân đã can đảm chịu đựng cực hình này và kêu lên:

– Chúng tôi phụng sự Đức Kitô, Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật, còn những vị thần giả dối thì chúng tôi từ chối!

Sau đó, Urs ra lệnh chặt tay họ. Họ kêu lên:

– *"Chúc tụng Chúa* chúng ta, *Đấng dạy tay* chúng ta *chiến đấu và ngón tay* chúng ta *giao tranh,* là *ân sủng và sự che chở* của chúng ta, *là nơi nương náu và Đấng Cứu Rỗi* của chúng ta" (Thánh Vịnh 143:1–2), Đấng giải cứu chúng ta khỏi tay kẻ thù!

Lúc đó, Urs ra lệnh chặt cả chân họ, và họ lại kêu lên:

– *"Xin hãy đứng lên giúp đỡ chúng con và giải cứu chúng con vì lòng thương xót của Ngài"* (Thánh vịnh 43:27). Ngài biết, lạy Chúa, rằng vì lòng yêu mến Ngài, chúng con đã theo Ngài và bước đi trên con đường đau khổ; giờ đây, xin dẫn dắt chúng con đến sự an nghỉ vĩnh cửu, và xin cho đôi chân chúng con được đứng trong các nơi ở thiên đàng của Ngài, nơi tất cả những ai đã làm đẹp lòng Ngài đều đang đứng trước mặt Ngài!

Và họ lại cất cao tiếng nói, rằng:

– Nguyện các thần ngoại đạo và tất cả những ai thờ phượng chúng đều bị nguyền rủa!

Lúc đó, Urs nói:

– Bọn vô đạo này vẫn chưa ngừng phỉ báng các vị thần của chúng ta! Hãy cắt lưỡi chúng đi, để chúng không còn thốt ra lời phỉ báng nữa!

Rồi các thánh nhân bị cắt lưỡi. Nhưng dù miệng các vị chứng nhân của Chúa Kitô đã im lặng, lòng họ vẫn không ngừng kêu cầu Thiên Chúa. Cuối cùng, kẻ tra tấn ra lệnh chém đầu họ. Thi thể họ bị mang ra ngoài hàng rào sân, bị chém bằng gươm và bị vứt bỏ mà không được chôn cất. Nhưng Eutolmius, người hầu của cha vợ Galaktion và là bạn đồng hành của cả hai vị thánh, đã theo dõi họ từ xa khi họ bị bắt và dẫn ra xét xử, sau khi đã thay bộ áo tu sĩ bằng trang phục thế tục để không bị nhận ra. Ông đã chứng kiến nỗi đau khổ và cái chết của họ; ông đã bí mật thu thập các thánh tích của họ, khóc thương họ và an táng họ một cách trang trọng. Chính ông cũng đã ghi chép lại cuộc đời và những đau khổ anh dũng của họ, nhằm mang lại lợi ích cho những ai đọc và nghe, và để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi Thánh: Cha, Con và Thánh Thần, muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Hãy gia nhập vào hàng ngũ các vị Tử đạo của Chúa Kitô, những người đã dũng cảm chiến đấu và sống đời thánh thiện rực rỡ, hỡi Galaktion vinh quang cùng người vợ trung thành và đầy lòng thương xót của ngài, Epistima, xin hãy không ngừng cầu nguyện cùng Thiên Chúa Duy Nhất cho tất cả chúng con.

Cuộc đời của Thánh Iona, Tổng Giám mục Novgorod

Ngày kỷ niệm: 5 tháng 11

Thánh Iona, tên thế tục là Gioan, sinh ra vào cuối thế kỷ XIV. Khi ngài mới ba tuổi, mẹ ngài, theo ý Chúa, đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa, và bốn năm sau đó, cậu bé bảy tuổi trở thành trẻ mồ côi hoàn toàn. Nhưng Chúa không bỏ rơi cậu bé mà không có sự che chở của Ngài. Ngài đã gieo ý tưởng vào lòng một góa phụ đức hạnh tên là Natalia Medovartseva để bà nhận nuôi cậu bé mồ côi nghèo khó này. Với tình thương của người mẹ, bà đã chăm sóc cậu bé Ioann, người từ khi sinh ra đã yếu ớt và cần được chăm sóc chu đáo và tận tình. Natalia Medovartseva đã nuôi nấng và chăm sóc cậu bé. Bà cũng không để cậu thiếu thốn về mặt tinh thần: bà đã gửi cậu đến học với một thầy giáo, người đang dạy dỗ nhiều đứa trẻ khác. Yếu ớt từ khi mới sinh, nhút nhát vì cảnh nghèo khó, cậu bé thánh thiện này ngay từ khi vào trường đã rất khác biệt so với các bạn cùng lứa. Cậu không tham gia vào những trò chơi ồn ào của trẻ con, thích sự yên tĩnh và cô độc; với tất cả sự siêng năng và nỗ lực, cậu bắt đầu học hành, và nhờ những tiến bộ nhanh chóng cùng tính cách hiền lành, cậu ngày càng chiếm được tình yêu thương của người mẹ nuôi.

Một lần nọ, sau giờ kinh chiều, các bạn cùng lứa của Thánh Gioan bắt đầu chơi đùa trên phố. Chàng thiếu niên đạo đức ấy cũng có mặt ở đó. Cậu không tham gia vào trò chơi của các bạn cùng lứa, mà chỉ đứng quan sát họ. Lúc đó, trên phố xuất hiện một người đàn ông chưa từng được biết đến ở Novgorod trước đây, trông giống như một người điên thánh. Đó chính là Thánh Michael Klopsky. Ông đến từ một vùng xa xôi, trước đó chưa ai ở Novgorod biết đến, cũng không quen biết ai trong số cư dân nơi đây; đây là lần đầu tiên ông đặt chân đến Novgorod, trước khi gia nhập Tu viện Klopsky. Thấy người đàn ông mặc bộ quần áo kỳ lạ đang đi bộ, lũ trẻ ùa đến vây quanh ông, tò mò ngắm nhìn. Những đứa hiếu động nhất bắt đầu chế giễu vị thánh nhân, còn một số khác thậm chí còn ném đá và rác xuống dưới chân ông. Thánh Gioan đứng từ xa trên đường phố, ngày đã dần nghiêng về chiều. Bóng tối đã buông xuống mặt đất và mọi thứ xung quanh dần chìm vào bóng tối. Nhưng Thánh Michael đã nhìn thấy rõ ràng và sáng tỏ tương lai của cậu thiếu niên phúc lành. Không để ý đến tiếng ồn và những trò nghịch ngợm của lũ trẻ, ngài tiến về phía Gioan, nắm lấy tóc cậu và, nâng cậu lên cao hơn mình, nói:

– Ivan ơi, hãy chăm chỉ học hành: con sẽ trở thành tổng giám mục tại Veliky Novgorod!

Sau đó, ngài ôm đứa trẻ vào lòng, hôn lên má nó rồi lui ra. Như vậy, Thánh Michael, dù trước đó không biết tên của đứa trẻ, đã tiên đoán điều mà thực sự đã trở thành hiện thực sau 50 năm, tức là 4 năm sau khi chính Thánh Michael qua đời trong bình an.

Trong khi đó, khi cậu bé Ioann đã đến tuổi trưởng thành, cậu quyết tâm dâng hiến cuộc đời mình để phụng sự Chúa. Ngay từ thuở ấu thơ, cậu đã nghiêm túc tuân giữ mọi điều răn của Chúa Kitô và yêu thích sự ẩn dật. Giờ đây, cậu quyết tâm nhận lễ xuất gia. Cách Novgorod 50 verst, giữa những khu rừng rộng lớn, xa lánh nơi cư ngụ của con người, có tu viện Otnya. Thánh Gioan đã đến đây. Archimandrite Chariton của tu viện này đã đón tiếp người mới đến với tình yêu thương và cạo đầu cho anh ta, đặt tên là Iona. Thánh Iona bắt đầu sống một cuộc đời nghiêm khắc và khắc nghiệt, tràn đầy những công đức vĩ đại của đời tu. Những công đức của ngài khiến các tu sĩ kinh ngạc đến nỗi, sau khi Cha Chariton qua đời, các tu sĩ đã nhất trí bầu Thánh Iona làm Bề trên của tu viện. Trong cương vị mới, vị thánh đã chứng tỏ mình là một nhà lãnh đạo khôn ngoan, một mục tử chân chính, một người chỉ đạo hiền lành và một người hướng dẫn giàu kinh nghiệm. Danh tiếng về những công lao và hành động cao cả của ngài nhanh chóng lan rộng; chẳng bao lâu sau, danh tiếng của ngài đã được biết đến cả ở Veliky Novgorod. Nhiều cư dân ở Novgorod và các vùng lân cận bắt đầu tìm đến Thánh Iona, học hỏi từ những lời dạy khôn ngoan của ngài, xin ngài cầu nguyện và ban phước lành. Nhiều người bắt đầu quyên góp cho tu viện, nhờ đó, dưới sự quản lý khôn ngoan của Thánh Iona, tu viện Otnya – vốn trước đây thiếu thốn và nghèo nàn về tài chính – đã trở nên thịnh vượng, số lượng tu sĩ ngày càng tăng, và tất cả họ đều noi gương Thánh Iona theo khả năng của mình.

Năm 1458, Thánh Euphymius của Novgorod qua đời. Được toàn thể dân chúng thương tiếc, vị mục tử được mọi người yêu mến và kính trọng này đã được an táng một cách trang trọng tại[7541] .

Người dân Novgorod nhất trí mong muốn Thánh Ion lên ngôi Tổng Giám mục. Ông cảm thấy nặng lòng khi phải rời khỏi tu viện Otnya yên tĩnh, nhưng ông không dám đi ngược lại ý nguyện của dân chúng. Năm 1458, ngài đến Novgorod, và năm 1459, ngài được Thánh Iona, Tổng Giám mục toàn Nga, tấn phong làm Tổng Giám

[7541] Ngày tưởng niệm Ngài: 11 tháng 3

mục Novgorod . Vị Tổng Giám mục mới sở hữu mọi đức tính cao quý, đến nỗi người dân Novgorod nhận thấy ngài là người kế vị xứng đáng của Thánh Euthymius đã qua đời. Vị thánh này nổi bật bởi tình yêu dành cho đoàn chiên, đặc biệt là việc ngài bảo vệ những người nghèo khó và trẻ mồ côi, bởi ngài luôn nhớ về quãng thời gian mình từng là trẻ mồ côi. Lời của Giốp đã hoàn toàn ứng nghiệm trên ngài: "Phước lành của người sắp chết đã đến với tôi, và tôi mang lại niềm vui cho trái tim người góa phụ. Ta mặc lấy sự công chính, và sự công bình của ta bao bọc ta như áo choàng và khăn quàng. Ta là đôi mắt cho người mù và là đôi chân cho người què" (Giốp 29:13–15).

Không có ai có thể nói xấu về vị thánh này; mọi người đều yêu mến và mong muốn được gặp ngài, ai nghe ngài nói cũng đều cảm thấy vui sướng. Dù nắm giữ chức vụ cao quý như vậy, ngài vẫn khiêm nhường và giản dị với mọi người. Ngài luôn cố gắng làm điều tốt cho mọi người và đưa ra những lời khuyên khôn ngoan. Không chỉ người dân Novgorod kính trọng vị giám mục của mình, mà ngay cả các công tước Moscow cũng yêu mến Thánh Iona, tôn kính ngài và thường xuyên gửi thư cho ngài cũng như xin lời khuyên từ ngài. Bởi vì vị thánh thường tiên tri về tương lai và lời ngài nói luôn trở thành hiện thực một cách chính xác. Còn vào thời điểm đó, các công tước Moskva là Vasily Temny và con trai ông là Ioann III[7542] lại đặc biệt thiếu tin tưởng vào người dân Novgorod, những người không thể quên được sự độc lập trước đây của họ so với Moskva và vì thế đã không ít lần tự chuốc lấy cơn thịnh nộ của hoàng đế. Thánh Iona, người được các đại công tước Moscow kính trọng như vậy, đã bảo vệ đồng bào của mình và xoa dịu cơn thịnh nộ của hoàng đế. Chính người dân Novgorod đã xin ngài can thiệp trước các công tước Moscow; ngài cũng thường dùng lời nói có uy quyền của mình để chấm dứt những rối loạn liên miên và mâu thuẫn lẫn nhau của họ.

Thánh nhân không ít lần phải can thiệp vào các vấn đề dân sự. Ngay sau khi ngài lên ngôi, những rối loạn cũng bắt đầu nảy sinh trong Giáo hội. Một môn đệ của giả tổng giám mục Isidor đã từ Roma đến Litva và nắm quyền quản lý Giáo hội Tây Nga. Tại Moscow, một công đồng đã được triệu tập, nơi quyết định không công nhận người này là tổng giám mục. Chính vị mục tử Novgorod không có mặt tại Moscow trong công đồng này. Tuy nhiên, tổng giám mục Moscow đã gửi cho ngài quyết định của công đồng và khuyên nhủ ngài hãy kiên định bảo vệ Chính Thống Giáo, củng cố đức tin chân chính cho đoàn chiên của mình, đồng thời thuyết phục và dẫn dắt những người lầm lạc trở về với lẽ thật.

Thánh nhân thường phải khuyên răn đồng bào của mình. Năm 1460, Đại công tước Vasili của Moscow cùng hai con trai là Yuri và Andrei đã đến Novgorod. Lần này, ngài đến Novgorod với thiện chí, vì mong muốn chiêm bái các vị thánh làm phép lạ ở Novgorod và thu thuế từ dân chúng. Vài năm trước đó, chính ông ta đã từng tiến quân đến gần Novgorod với một đạo quân hùng mạnh và trừng phạt người dân Novgorod vì sự thân thiện của họ đối với kẻ thù của ông. Một số cư dân, vẫn còn nhớ điều này, đã nảy sinh một âm mưu táo bạo nhằm giết chết Đại công tước. Khi vị thánh nhân biết được ý định điên rồ đó, ngài lập tức đến nơi tụ tập của những kẻ âm mưu.

– Hỡi những kẻ điên rồ, – vị thánh nói với họ, – các ngươi đang âm mưu điều gì vậy? Dù các ngươi có giết được vị đại công tước đi chăng nữa, thì các ngươi sẽ đạt được điều gì? Các ngươi chỉ mang lại tai họa và thảm họa cho Novgorod mà thôi. Con trai cả của ngài là Ioann, khi biết được hành động độc ác của các ngươi, sẽ lập tức dẫn một đạo quân hùng mạnh đến và tàn phá đất nước này.

Lời khuyên răn này đã tác động mạnh mẽ đến những kẻ âm mưu; chính họ cũng đã nhận ra rõ ràng tình thế của mình.

Người dân Novgorod đã đón tiếp Đại công tước một cách trang trọng. Thánh nhân cũng bày tỏ sự kính trọng đối với ngài. Đại công tước thường trò chuyện với vị Tổng giám mục đáng kính và tuân theo mọi lời khuyên của ngài. Ngài yêu mến ngài như cha ruột và vâng lời ngài trong mọi việc. Đặc biệt, ngài kính trọng Thánh nhân vì cuộc đời đạo đức của ngài. Trong thời gian Đại công tước lưu lại tại Novgorod, một phép lạ chữa lành đã xảy ra với người quản gia của công tước tại hòm thánh tích của Thánh Varlaam Khutynsky. Chàng trai trẻ này, thuộc dòng dõi quý tộc Ryazan, bỗng dưng lâm bệnh nặng. Sức lực của anh ta cạn kiệt nhanh chóng. Cuối cùng, dường như anh ta đã hoàn toàn qua đời. Khi được đưa đến gần hòm thánh tích của Thánh Varlaam, anh ta bỗng nhiên hồi sinh và trở nên hoàn toàn khỏe mạnh. Phép lạ kỳ diệu này đã diễn ra ngay trước mắt chính Đại công tước, các quý tộc của ngài và những người khác. Những người đến Novgorod đều thừa nhận rằng thành phố này được hưởng sự che chở đặc biệt từ trên cao. Thánh Iona ngay lập tức ra lệnh ghi chép lại phép lạ này để lưu truyền cho hậu thế và giao nhiệm vụ này cho Pakhomii Logofet, người vừa từ Núi Thánh trở về. Một thời gian sau, Đại công tước lên

[7542] Vasili Temny là Đại công tước từ năm 1425 đến năm 1462, còn con trai ngài là Ioann III từ năm 1462 đến năm 1505.

đường trở về Moscow. Khi chia tay vị mục tử thánh thiện, Đại công tước đã mời ngài tham dự một cuộc họp tại Moscow.

Không lâu sau, vị thánh phải lên đường đến đó. Hoàng tử lại nổi giận với cư dân Novgorod. Một số quan đại thần cố gắng làm trầm trọng thêm sự bất mãn của hoàng tử đối với người Novgorod. Thánh Iona, mong muốn xoa dịu cơn giận của ngài, bất chấp tuổi tác, đã lên đường đến Moscow, phớt lờ mọi khó khăn trên chặng đường xa xôi . Khi đến gần thành phố này, ngài nhớ đến vị bảo hộ vĩ đại của đất nước Nga – Thánh Sergius Radonezhsky, và đã thề rằng khi trở về sẽ xây dựng một nhà thờ để tôn vinh vị tu sĩ vĩ đại và vị thánh đáng kính này. Cách Moscow 5 verst, các quý tộc và một số vị tu viện trưởng đã ra đón vị thánh. Khi vị thánh đến thành phố, Tổng giám mục Moscow đã tiếp đón ngài với tình yêu thương. Tại triều đình hoàng gia, người ta đã chờ đợi vị Tổng Giám mục thánh thiện từ lâu. Tại đây, các quý tộc đã ra đón ngài. Trên cầu thang dẫn vào cung điện của Đại công tước, các con trai của Vasily Vasilyevich đã dìu ngài. Bản thân Đại công tước cũng rất vui mừng khi được gặp vị lãnh đạo thông thái này. Ông đã nhận lễ vật và những món quà mà vị thánh mang theo từ thành phố của ngài. Trong suốt thời gian vị thánh lưu lại Moscow, Đại công tước đã dành cho ngài sự kính trọng tuyệt đối. Ông thường mời ngài đến gặp, trò chuyện với ngài về các vấn đề dân sự và giáo hội. Một lần, ông triệu tập vị thánh Novgorod và Tổng giám mục Moscow đến và bày tỏ sự bất mãn của mình đối với người dân Novgorod. Ngài than phiền với Thánh Iona rằng họ sẵn sàng đứng về phía kẻ thù của đất nước Nga – người Litva – đồng thời tỏ ra thiếu tôn trọng ngài – Đại công tước – và thậm chí còn nói rằng ngài dự định dẫn quân đi trấn áp những người Novgorod nổi loạn, để một lần và mãi mãi chấm dứt những rối loạn và sự ngang ngược của họ. Thánh Iona, với tư cách là một vị mục tử chân chính, đã nhiệt thành bênh vực các con chiên tinh thần của mình; ngài nói với Đại công tước rằng nhiều điều được truyền đạt lại cho ngài một cách sai lệch, nhằm kích động cơn giận của ngài. Ngài xin Vasili đừng để ý đến những lời nói của những kẻ vu khống đầy ghen tị, đừng để cơn giận chi phối, mà hãy khoan dung với người dân Novgorod.

– Bệ hạ vĩ đại, xin đừng để cơn giận chiếm lấy trái tim ngài, đừng để ý đến những kẻ vu khống và ghen tị, đừng trừng phạt nhiều người vô tội chỉ vì một số ít kẻ có tội, mà hãy khuyên răn cư dân thành phố của chúng ta như một người cha và thể hiện tình yêu thương cùng lòng nhân từ của ngài đối với họ. Nếu ngài không nghe theo lời khẩn cầu của chúng tôi mà lại trừng phạt nghiêm khắc người dân Novgorod, thì xin hãy cẩn trọng để tránh sự chia rẽ nảy sinh ngay cả giữa các con cái của ngài. Không, thưa Công tước, xin đừng để những lời vu khống về lãnh địa của ngài làm ngài dao động, mà hãy nhìn dân chúng của ngài với lòng nhân từ. Xin đừng áp đặt lên họ những khoản thuế và nghĩa vụ mới. Hãy biết rằng những ngày của ngài đã gần kề hồi kết. Con trai ngài, Ioann, sẽ lên ngôi Đại Công tước sau ngài. Cùng với đoàn chiên của mình, tôi sẽ dâng lời cầu nguyện lên Chúa cho ngài, để bàn tay toàn năng của Đức Chúa Trời giải cứu ngài khỏi sự tàn bạo của bọn Tatars vô thần, để Ngài nâng ngài lên trên mọi kẻ thù và củng cố quyền lực của ngài, nếu ngài tuân giữ các điều răn của Chúa và cai trị đất nước mình với lòng khiêm nhường.

Những lời này đã làm Đại công tước vô cùng vui mừng, bởi ước mơ thầm kín của ngài chính là được giải phóng khỏi ách thống trị của người Tatars. Biết rằng những lời tiên tri của Đức Tổng Giám mục Thánh đang trở thành hiện thực một cách chính xác, Vasily đã hứa với Thánh Iona rằng ngài sẽ gác lại mọi cơn giận dữ đối với người dân Novgorod và ban cho họ hòa bình. Ngài đã hứa điều này với Đức Tổng Giám mục trước sự chứng kiến của Đức Tổng Giám mục. Khi cuộc trò chuyện kết thúc, vị Tổng Giám mục Novgorod đã rơi nước mắt. Không hiểu lý do, Đại công tước và Tổng giám mục đã hỏi vị thánh về nguyên nhân khiến ngài khóc.

– Ai có thể – vị thánh đáp lại – làm suy yếu và khuất phục một thành phố hùng mạnh và đông dân như thành phố của chúng ta? Chỉ có chính những công dân với những cuộc nội chiến của họ mà thôi. Tôi chỉ cầu xin Chúa rằng điều đó đừng xảy ra trong thời đại của tôi.

Như vậy, Thánh Iona đã tiên đoán rõ ràng về sự sụp đổ trong tương lai của Novgorod. Biết được điều này, ngài đã xin Vasily và con trai ông là Ioann quyền xét xử cho tu viện Otnya yêu quý của mình. Các công tước đã sẵn lòng đáp ứng lời thỉnh cầu của vị thánh. Họ trao cho ngài một văn kiện có đóng dấu của Đại công tước.

Đại công tước tin tưởng tuyệt đối vào lời của vị giám mục Novgorod đến nỗi ngay lập tức đã soạn thảo di chúc. Trong đó, sau khi phân chia lãnh địa cho các con trai và vợ mình, đại công tước quy định chỉ thu thuế cống nạp cho người Tatar cho đến khi họ còn nắm quyền trên đất Nga. “Nhưng sẽ đến lúc,” Vasily nói trong văn bản đó, “khi quyền lực của họ sụp đổ, và Chúa sẽ giải thoát các công tước Nga khỏi ách nô lệ của họ – khi đó các công tước sẽ không còn phải nộp cống phẩm cho Đại công tước để trả cho Khan của Đế chế Mông Cổ nữa.”

Sau đó, vị thánh của Novgorod lên đường trở về với đoàn chiên của mình. Đại công tước và các quý tộc đã tiễn đưa vị tổng giám mục đáng kính một cách long trọng. Người dân Novgorod cũng đón tiếp vị giám mục của họ với tình cảm không kém phần nồng nhiệt, người đã hết lòng cầu thay cho họ trước mặt Đại công tước. Khi về đến giáo phận của mình, vị thánh ngay lập tức thực hiện lời hứa đã đưa ra – xây dựng nhà thờ đầu tiên tại Novgorod để tôn vinh vị thánh cha Sergius của Radonezh. Ngài đã trang hoàng nhà thờ mới một cách lộng lẫy, trang bị cho nó các sách phụng vụ và các bức tranh thánh, đồng thời thường xuyên đến viếng thăm nơi này. Thánh Iona rất quan tâm đến việc giáo dục tâm linh cho đoàn chiên của mình; bản thân ngài nổi bật với kiến thức uyên bác và sự am hiểu sâu sắc về Kinh Thánh, ngài mong muốn các con chiên của mình cũng có thể học hỏi và có được những tác phẩm mang tính răn dạy về các vị tu sĩ nổi tiếng ở vùng Novgorod, như cuốn " ". Vì vậy, với sự đồng ý của Thánh Iona, Tổng Giám mục Toàn Nga, vị Tổng Giám mục Novgorod đã giao nhiệm vụ cho tu sĩ học giả Pakhomius Logofet – người vừa từ Núi Thánh trở về – xem xét lại và soạn thảo một số cuốn tiểu sử các thánh. Ngoài ra, còn có một số sách phụng vụ được lưu truyền đến ngày nay, được viết dưới sự ban phước của Tổng Giám mục Iona.

Ngay sau khi trở về từ Moscow, Đức Tổng Giám mục Toàn Nga Iona đã gửi một bức thư đến vị Thánh Phúc Âm Novgorod. Cảm nhận được cái chết đang đến gần, Đức Tổng Giám mục Iona một lần nữa mong muốn được gặp lại Đức Giám mục Novgorod và thưởng thức những cuộc trò chuyện tâm linh với ngài. Đồng thời, Đức Tổng Giám mục cũng xin Thánh Iona đích thân tham gia vào việc bầu chọn người kế vị xứng đáng cho ngài và chủ trì lễ an táng cho chính ngài. Sau khi đọc bức thư này, Thánh Iona đã rơi lệ và thốt lên:

– Moscow hiện đang bị tước mất ân sủng vĩ đại, và cùng với đó là toàn bộ vùng đất Nga.

Tuy nhiên, vì bị suy nhược do tuổi tác và bệnh tật ở chân, chính Thánh Iona cũng không thể đích thân đến Moscow. Ngài đã gửi một bức thư cho vị Thánh của Moscow, trong đó, để an ủi ngài, ngài viết:

– Đừng buồn vì giờ đây chúng ta không thể gặp nhau, bởi vì chúng ta sẽ gặp lại nhau trong cuộc sống bên kia, sau khi rời khỏi thân xác phù du này. Cuộc gặp gỡ của chúng ta lúc đó sẽ tràn ngập niềm vui, bởi vì lúc đó chúng ta sẽ nhận được phần thưởng từ chính Đấng đứng đầu các mục tử.

Việc bầu chọn người kế vị, Thánh Iona phó thác cho Chúa và Hội đồng Thánh:

– Ai mà Thánh Thần chọn và ban phước, thì tôi cũng sẵn sàng đón nhận người ấy!

Thánh Tổng Giám mục Moscow Iona đã qua đời vào ngày 31 tháng 3 năm 1461. Biết rõ sự thánh thiện trong cuộc đời ngài, Thánh Novgorod đã giao phó cho Pakhomius Logofet, người đã được đề cập ở trên, soạn thảo bản kinh cầu. Ngay sau đó, Thánh Moscow đã được phong thánh.

Năm 1462, sau khi Vasili qua đời, con trai ông là Ioann III lên ngôi Đại công tước. Thánh Iona đã đến Moscow để gặp vị công tước mới vì công việc. Ngài nhắc lại với ông những lời tiên tri mà ngài đã nói với cha ông, và thêm rằng:

– Chúa sẽ không khinh dể những lời cầu nguyện của biết bao người bị áp bức; Ngài sẽ đánh tan đạo quân Mông Cổ, nhưng xin Đại công tước hãy sống trong sự sùng đạo và kiên định tuân giữ các điều răn của Chúa.

Đồng thời, vị thánh cũng xin Đại công tước xác nhận lại sắc lệnh trước đây dành cho Tu viện Otnya, để tu viện này có quyền xét xử. Ioann, người vô cùng kính trọng vị thánh, đã sẵn lòng đáp ứng lời thỉnh cầu của ngài. Ông đã xác nhận lại sắc lệnh do cha mình ban hành và đóng dấu có hình ảnh của chính mình lên đó.

Vào thời điểm đó, Giáo hội Nga đã trải qua một cuộc chia rẽ đáng buồn. Grigori, người được tấn phong làm giám mục tại Roma, đã tự xưng là tổng giám mục Nga và, được vua Ba Lan tiếp đón nồng hậu, bắt đầu điều hành các công việc giáo hội ở miền tây nam Nga, khu vực lúc bấy giờ thuộc quyền cai trị của vua Ba Lan. Về vấn đề này, nhiều tín hữu Chính Thống và chính Đại công tước đã viết thư cho vị thánh, xin ngài giúp đỡ và ủng hộ. Thánh Iona, người kiên định trong đức tin Chính Thống, đã bằng mọi cách chống lại sự chia rẽ đó và thường xuyên giảng dạy cho đoàn chiên của mình, thuyết phục họ không từ bỏ đức tin Chính Thống cổ xưa và luôn trung thành với ngai tòa của Tổng giám mục Moscow; như một vị mục tử chân chính, ngài đã dũng cảm và không nao núng đập tan mọi mưu đồ của kẻ thù chống lại Chính Thống Giáo và bảo vệ đoàn chiên tinh thần của mình.

Thánh Iona đã phải chịu không ít gian khổ. Bằng lời nói khôn ngoan và tình yêu thương của mình, ngài đã nhiều lần xoa dịu mâu thuẫn giữa người Novgorod và người Pskov. Người dân Pskov, cảm thấy nặng nề vì phải phụ thuộc vào vị giám mục Novgorod, đã xin Đại công tước bổ nhiệm cho họ một giám mục riêng tại Pskov. Họ thậm chí còn chiếm đoạt một phần đất đai và ruộng vườn vốn thuộc về Tổng giám mục Novgorod. Nhưng Đại công tước đã không chấp nhận yêu cầu của họ, mà ra lệnh cho họ phải tuân theo mọi chỉ thị của vị thánh phúc lành Novgorod và trả lại những gì họ đã chiếm đoạt một cách bất công. Người dân Pskov đã làm theo như vậy. Chính

Thánh Iona cũng đã góp phần rất lớn vào việc này bằng tấm gương của mình. Ngài thậm chí còn không đòi hỏi người dân Pskov bất kỳ khoản bồi thường nào cho những thiệt hại mà họ đã gây ra cho Tòa Giám mục. Nhìn thấy tình yêu thương và lòng vị tha của ngài, phần lớn người dân Pskov càng kính trọng ngài hơn và dành cho ngài sự tôn kính xứng đáng.

Thánh Iona rất quan tâm đến việc xây dựng và trang trí các nhà thờ của Chúa. Ngoài việc xây dựng nhà thờ để tôn vinh Thánh Sergius Radonezhsky, vị thánh còn chăm lo cho tu viện Otnya yêu quý của mình, nơi khởi nguồn cho những công việc và chiến công tu hành của ngài. Ngài đã xây dựng tại đây một nhà thờ bằng đá mang tên Ba Thánh và trang trí nó một cách lộng lẫy. Để thực hiện điều này, ngài đã mời những họa sĩ vẽ tranh thánh giỏi nhất và hào phóng chi tiêu tài sản của mình, nhằm cung cấp dồi dào các vật phẩm thánh và sách vở cho ngôi thánh đường mới. Bên cạnh ngôi thánh đường này, ngài còn xây thêm một ngôi thánh đường khác để tôn vinh Thánh Gioan Tẩy Giả, người mà ngài từng mang tên khi còn là người trần thế. Trong ngôi thánh đường này, ngài đã tự tay đào một ngôi mộ cho mình và di chúc rằng thi thể ngài sẽ được an táng tại đây. Tại tu viện Otnya, vị tổng giám mục thánh thiện này còn xây dựng thêm một nhà thờ mang tên Thánh Nicholas. Ngay tại Novgorod, ngài đã trùng tu và trang hoàng lại Nhà thờ Dmitrievskaya ở khu Torgovaya, theo truyền thuyết, ban đầu được xây dựng để kỷ niệm chiến thắng của Dmitry Donskoy trước Mamai.

Nhờ cuộc đời đạo đức của vị thánh hiền triết này, không chỉ các Đại công tước Moskva mà cả các Đại công tước Tver, Smolensk, Polotsk và Litva cũng đều kính trọng ngài. Vùng Novgorod, dưới sự cai quản của Thánh Iona, trong suốt thời gian ngài làm thánh, luôn được hưởng hòa bình và sự che chở đặc biệt từ trên cao. Người dân, khi lắng nghe những lời dạy của ngài, đã yêu thương lẫn nhau; ngay cả đất đai lúc bấy giờ cũng trở nên đặc biệt màu mỡ. Tất cả những điều này đều nhờ vào những lời cầu nguyện của vị thánh. Chỉ có một lần duy nhất, vùng đất Novgorod và Pskov phải hứng chịu một thảm họa khủng khiếp. Từ cuối năm 1466, một dịch bệnh bùng phát, được biết đến với tên gọi "Dịch bệnh Simonovsky". Các tuyến của người bệnh sưng tấy và họ qua đời vào ngày thứ ba hoặc thứ tư. Vào năm 1467 tiếp theo, dịch bệnh lại bùng phát với sức mạnh mới. Trên toàn vùng đất Novgorod, có 220.652 người đã qua đời. Nỗi đau buồn và hoang mang tột độ bao trùm lên người dân. Nhưng chính vị Tổng Giám mục lại càng đau xót hơn cho các con chiên của mình. Ngài an ủi họ và không ngừng cầu nguyện cùng Chúa để thảm họa khủng khiếp này chấm dứt. Và lời cầu nguyện của ngài đã được đáp lại. Tại khu vực Nerevskiy, gần Tu viện Zverin, người ta đã dựng lên một khu hỏa táng lớn để an táng những người đã khuất. Một lần nọ, trong lúc cầu nguyện, vị thánh đã nghe thấy một tiếng nói:

– Hãy mang theo các cây thánh giá, cùng toàn thể hội đồng linh mục đã được thánh hiến, đến khu Nerevsky, tại Tu viện Zverin, vào nhà thờ Đức Mẹ Che Chở, nơi có hố chôn tập thể. Hãy đến nơi mà hình ảnh của Thánh Simeon, người đón nhận Chúa, đã hiện ra. Hãy xây dựng một nhà thờ tại đó để tôn vinh ngài, và dịch bệnh sẽ chấm dứt.

Vị thánh đã thông báo điều này cho người dân, và vào sáng ngày 1 tháng 10, ngày kỷ niệm Lễ Che Chở của Đức Mẹ, người dân Novgorod đã chứng kiến một phép lạ kỳ diệu mới. Vào ngày đó, vị Thánh cùng toàn thể hàng giáo sĩ và người dân đã tiến đến địa điểm được chỉ định, quỳ gối trước bức tượng Thánh Simeon Người Đón Chúa, và trong nước mắt, ngài đã cầu nguyện với Chúa để xoa dịu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa. Lúc bấy giờ, dân chúng bắt đầu mang gỗ đến và chỉ trong một ngày, nhà thờ đã được xây dựng xong. Thánh Iona đã làm lễ thánh hiến nhà thờ ngay trong ngày hôm đó và cử hành Thánh lễ tại đó. Kể từ ngày đó, dịch bệnh đã chấm dứt. Năm 1468 tiếp theo, Thánh Iona đã xây dựng một nhà thờ bằng đá tại vị trí của nhà thờ gỗ này để tôn vinh Thánh Simeon Công Chính, ngôi thánh đường này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, làm chứng cho lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa.

Cũng vào thời điểm đó, Tu viện Solovetsky bắt đầu được thành lập. Thánh Iona đã dành sự giúp đỡ và hỗ trợ to lớn cho tu viện mới này. Cùng với các quan chức thế tục của Novgorod, ngài đã trao cho Thánh Zosima một văn bản chính thức, theo đó trao toàn bộ đảo Solovetsky cùng tất cả các vùng đất thuộc về cho tu viện mới này.

Thánh Phụ Novgorod đã làm nhiều điều thiện cho mọi người, nhưng Ngài cũng phải chịu không ít gian khổ. Cảm nhận được cái chết đang đến gần, Ngài đã viết di chúc, trong đó trăng trối rằng thi hài của Ngài sẽ được an táng tại Tu viện Otney. Sau khi rước các Bí tích Thánh, Ngài đã an bình về với Chúa vào ngày 5 tháng 11 năm 1470. Với sự tôn kính xứng đáng, giáo dân Novgorod đã an táng thi hài vị mục tử, người hướng dẫn và vị bảo trợ yêu quý của họ. Thi hài của ngài được an táng tại tu viện Otney, trong ngôi mộ do chính ngài chuẩn bị bên cạnh nhà thờ Thánh Gioan Tiền Hô. Trong vòng bốn mươi ngày, các tu sĩ không lấp đất lên ngôi mộ. Chúa đã muốn tôn vinh

thi hài không hư nát của vị thánh nhân vinh hiển của Ngài. Các tu sĩ của Tu viện Otney và những người khác đã vô cùng ngạc nhiên khi thấy thi hài của vị thánh nhân không tỏa ra dù chỉ một chút mùi hôi thối. Đã trôi qua bốn mươi ngày kể từ ngày vị thánh nhân qua đời, nhưng không ai ngửi thấy mùi thối rữa. Lúc bấy giờ, các tu sĩ, với niềm tin vững chắc rằng Chúa sẽ muốn khai quật thi hài của vị thánh nhân, đã không lấp đất lên mộ, mà chỉ dựng một bệ gỗ cao trên mộ. Phép lạ này càng đáng kinh ngạc hơn bởi nơi tọa lạc của nhà thờ nằm ở vị trí thấp, và đất ở đó ẩm ướt và sũng nước.

Quả thực, niềm hy vọng của các tín hữu đã không uổng phí. Đã gần một trăm năm trôi qua, khi Chúa đã thương xót làm rạng danh một cách kỳ diệu vị tôi tớ trung thành và vị tu sĩ khổ hạnh của Ngài. Đó là thời kỳ khó khăn nhất đối với cư dân Novgorod. Dưới triều vua Ivan Vasilyevich Grozny và dưới thời Tổng giám mục Novgorod Leonid, vào sáng ngày 13 tháng 9, lò nướng bánh tại tu viện Otnya bỗng nhiên bốc cháy. Gió mạnh đã góp phần làm ngọn lửa lan rộng. Ngọn lửa, bao trùm tất cả các nhà thờ trong tu viện, với sức mạnh không thể kìm hãm, lan rộng ngày càng xa hơn. Ngọn lửa thậm chí còn bao trùm cả Nhà thờ Thánh Tiền Hô, nơi có lăng mộ chứa di cốt của Thánh Iona. Nhận thấy nguy hiểm như vậy, hai người dân thường, những người luôn tôn kính Thánh Tổng Giám mục, đã lao vào Nhà thờ Thánh Tiền Hô, tháo dỡ mái che bằng gỗ trên lăng mộ và mang nó ra quảng trường tu viện. Chiếc quan tài gỗ sồi nặng nề bỗng trở nên nhẹ bẫng một cách kỳ lạ trong mắt họ. Trong khi đó, ngọn lửa đã bao trùm toàn bộ tòa nhà và những người có mặt gần khuôn viên tu viện, đến mức đe dọa chính những di cốt thánh. Nhưng một cảnh tượng kỳ diệu đã hiện ra trước mắt mọi người: ngọn lửa gần như bao vây hoàn toàn ngôi mộ, nhưng lại không làm hư hại nó chút nào. Một số người đã cố gắng mang quan tài đi, nhưng không thể nhấc nó lên được. Lúc đó, mọi người đều hiểu rằng chính Chúa, bằng sức mạnh vô hình của Ngài, đang bảo vệ di thể của vị thánh khỏi ngọn lửa.

Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót đã ban ân sủng để tôn vinh vị thánh ngay cả sau khi ngài qua đời: từ quan tài của ngài tuôn trào một dòng sông các phép lạ. Bất cứ ai quỳ lạy trước hòm thánh tích của ngài hoặc với lòng tin kêu cầu danh thánh của ngài trong lời cầu nguyện, đều được chữa lành dù mắc phải bệnh tật nào đi chăng nữa. Chúng ta hãy nhắc đến ở đây những phép lạ quan trọng nhất của Thánh Iona.

Tu sĩ Otney thuộc tu viện Silvestr cùng với tu sĩ tập sự Klim đã từng được cử đến Moscow để xác nhận các sắc lệnh hoàng gia trước đó mà ngài mang theo. Từ Vyshny Volochek, những người được cử đi tiếp tục hành trình bằng thuyền. Cùng đi với họ có một thương gia giàu có. Người lái thuyền, bị ma quỷ xúi giục, đã quyết định lợi dụng số tiền mà thương gia mang theo. Tại một đoạn sông có dòng chảy xiết, hắn đã lái thuyền đâm vào một tảng đá. Thuyền lật úp và tất cả những người trên thuyền đều rơi xuống nước. Người lái thuyền vì ý đồ xấu xa của mình đã bị trừng phạt bởi sự phán xét công minh của Đức Chúa Trời: anh ta bị chìm, còn tất cả những người khác lần lượt bơi vào bờ. Tu sĩ tập sự Klim cũng được cứu sống. Cuối cùng, mọi người đều tập trung trên bờ, chỉ thiếu vắng một tu sĩ là Silvestr. Anh ta không biết bơi. Mọi người đều đã chắc chắn rằng ông đã chết, thì bỗng nhiên họ nhìn thấy chiếc thuyền của mình, bị sóng đánh dạt vào bờ, và trong đó có vị tu sĩ già Silvestr. Phép lạ này đã làm mọi người kinh ngạc. Các tu sĩ vui mừng vì đã được cứu sống; nhưng có một điều khiến họ buồn bã: các văn thư của hoàng đế cùng với những vật dụng khác đã bị mất trong vụ đắm thuyền. Họ vô cùng đau buồn vì điều đó và kêu cầu Thánh Iona, xin ngài giúp đỡ họ, và lời cầu nguyện của họ đã được đáp lại: vào lúc hoàng hôn, họ phát hiện trên mặt sông có một vật gì đó đang trôi về phía bờ. Sau khi làm dấu thánh giá, Klim lao xuống sóng nước, và khi bơi đến gần, với niềm vui vô bờ, ông thấy một chiếc túi da, trong đó chứa các văn kiện của nhà vua. Một cách kỳ diệu, nước không làm hỏng các văn kiện; ngay cả chữ ký của nhà vua cũng vẫn còn nguyên vẹn. Sau khi tạ ơn Chúa và vị thánh được Ngài yêu mến là Thánh Ion, họ tiếp tục hành trình và, khi đến Moscow, đã nhanh chóng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao phó.

Một lần nọ, vào thời kỳ Loạn lạc, những người Cossack đang đi thuyền trên sông Volkhov, tàn phá các làng mạc và cướp bóc dân làng, không chừa một ai. Họ tiến gần đến ngôi làng thuộc tu viện và đã định tấn công nơi này. Thủ lĩnh hỏi: "Ngôi làng này thuộc về ai?" Một nông dân tên là Georgy trả lời:

– Làng này thuộc về Tu viện Otney, của Thánh Cha và vị Thánh làm phép lạ vĩ đại Iona, Tổng Giám mục Novgorod.

Nghe thấy tên vị thánh, thủ lĩnh đã nghiêm khắc ra lệnh cho các đồng đội của mình không được động đến bất kỳ ai hay bất cứ thứ gì trong làng này. Khi được hỏi tại sao ông lại cấm họ làm điều đó, ông nói:

– Có lần, hoàng đế đã nổi giận với tôi và ra lệnh xử tử tôi, nhưng tôi, kẻ tội lỗi này, khi nhớ đến vị thánh làm phép lạ vĩ đại và nhân từ Iona, đã hết lòng, bằng tất cả khả năng của mình, dâng lên ngài lời cầu nguyện không

xứng đáng của tôi, để ngài che chở tôi khỏi cơn thịnh nộ của hoàng đế. Chính vào lúc đó, lệnh hủy bỏ án tử hình của tôi đã được nhận từ nhà vua. Kể từ đó, tôi luôn tạ ơn vị thánh bảo trợ nhanh chóng của mình, Thánh Iona.

Còn rất nhiều phép lạ khác đã xảy ra từ di cốt của Thánh Iona. Chúng ta cũng hãy luôn cầu khẩn vị thánh vĩ đại này trong những lời cầu nguyện, để tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi. Amen.

Bài thánh ca, giọng 4:

Bằng đức tin chân chính, bằng hình ảnh của sự hiền lành, và như một khu vườn giữa vườn địa đàng, ngài đã soi sáng thế gian bằng những việc làm thánh thiện của ngài. Vì lý do đó, chúng con chạm vào bàn tay thánh thiện của Ngài với tình yêu thương, và thành tâm kêu cầu: Xin hãy đến giúp đỡ những ai đang ca ngợi ký ức rực rỡ của Ngài, Cha Iona, và xin cầu nguyện cho linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã nhận được ân sủng thiêng liêng từ trên cao, để cầu thay cho cả Thiên Chúa và loài người, như một vị giám mục dâng lễ vật lên, mang lại hòa bình cho dân Ngài và sự dồi dào của hoa trái, hỡi Thánh Iona đáng kính: vì Ngài là niềm tự hào của thành Novograd vĩ đại, và là niềm vui của những ai thuộc về thành ấy.

Lễ kỷ niệm các Thánh Tông đồ Patros, Ermas, Linus, Gaius và Philologus

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 11

Thánh Tông đồ Patrov là giám mục tại Naples và Puteoli[7543] , nơi ngài đã rửa tội cho nhiều người và dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô. Thánh Tông đồ Erm là giám mục tại Philippopolis[7544] . Thánh Phaolô đã nhắc đến Thánh Patrov và Thánh Erm trong Thư gửi tín hữu Rôma (Rm 16:14).

Thánh Tông đồ Lin, người được Thánh Phaolô nhắc đến trong Thư thứ hai gửi Timôthê (2 Tm 4:21), đã từng là giám mục tại Rôma, kế vị Thánh Tông đồ Phêrô.

Thánh Tông đồ Gaius, người được Thánh Phaolô nhắc đến trong Thư gửi tín hữu Rôma (Rm 16,23), khi ngài nói: *"Gaius, người tiếp đón tôi và cả Hội Thánh, gửi lời chào đến anh em"*, đã từng là giám mục tại Êphêsô[7545] , kế nhiệm Thánh Timôthê.

Thánh Tông đồ Philologus, người được Thánh Phaolô nhắc đến trong cùng bức thư đó (Rm 16,23) khi nói: *"Xin chào Philologus"*, đã được Thánh Tông đồ Anrê, người được kêu gọi đầu tiên, tấn phong làm giám mục tại Sinon[7546] .

Các Thánh Tông đồ, trong thời gian thi hành chức vụ giám mục tại các thành phố nêu trên, đã phải chịu đựng nhiều gian nan và đau khổ vì Tin Mừng; sau khi dạy dỗ và dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô, các ngài đã an bình về với Chúa.

[7543] Napoli, thành phố chính của tỉnh cùng tên thuộc Vương quốc Ý; nằm trên bờ bắc Vịnh Napoli. Pozzuoli – một thành phố ven biển ở miền trung Ý.

[7544] Philippopolis – một thành phố cổ được củng cố vững chắc ở Thrace, nay thuộc Đông Rumelia, bên sông Maritsa.

[7545] Ê-phê-sô, bên bờ Biển Aegean, từng là một thành phố thương mại quan trọng ở Tiểu Á. Những nền tảng đầu tiên của đức tin Kitô giáo đã được các môn đệ của Gioan Tẩy Giả đặt tại đây; Thánh Phêrô đã gặp các Kitô hữu tại đây, nhưng chủ yếu là Thánh Phaolô đã rao giảng Tin Mừng tại đây; sau đó, môn đệ của ngài là Timôthê đã làm giám mục tại đây; cuối cùng, Ê-phê-sô là nơi Tông đồ và Nhà truyền giáo Gioan cư ngụ, và ngài cũng đã qua đời tại đây. Hiện nay, trên nền tảng của thành phố cổ Ê-phê-sô là một ngôi làng Thổ Nhĩ Kỳ nghèo nàn, có tên là Aysha Soluk.

[7546] Sinon, một thành phố nằm trên bờ nam Biển Đen.

Lễ kính Thánh Grêgôriô, Giám mục thành Alexandria

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 11

Thánh Cha Grigori của chúng ta từ thuở thiếu thời đã yêu mến Chúa Kitô và trau dồi cho mình mọi đức tính tốt đẹp. Sau khi Đức Giáo hoàng Alexandria qua đời, ngài được các giám mục và dân chúng tụ họp nhân dịp này bầu làm Tổng Giám mục Alexandria. Ngài là một vị thầy mẫu mực của Đức tin Chính thống: hiền lành, khiêm nhường, nhân từ, là người cha của những đứa trẻ mồ côi, là người bảo vệ các góa phụ, là người hướng dẫn những ai lầm lạc, là bác sĩ chữa lành cho người bệnh, là nguồn an ủi cho những ai đang đau buồn. Nhưng ma quỷ xúi giục vua Lêô, người chống lại việc thờ hình ảnh[7547] đang trị vì lúc bấy giờ, ra lệnh trói Grigori và đưa ngài đến Constantinopolis. Khi Thánh Grigori biết được điều này, ngài đã đến gặp hoàng đế và vạch trần ông trước toàn thể hội đồng triều đình[7548] , gọi ông là kẻ dị giáo và vô đạo. Hoàng đế, không chịu nổi lời vạch trần đó, đã ra lệnh đánh ngài bằng dây da bò và bỏ đói ngài trong ngục tối. Thánh nhân đã chịu đựng tất cả những điều này với lòng biết ơn, nói rằng: "Vì Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, và vì bức tượng thánh, tôi sẵn sàng thậm chí bị xẻ thành từng mảnh." Khi biết được điều này, tên tra tấn và vị vua vô đạo đã ra lệnh đưa ngài đi lưu đày. Vị thánh, sau ba năm sống trong cảnh lưu đày, đã trút hơi thở cuối cùng vào tay Chúa.

Ngày 19 tháng 11

ngày 6 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Phaolô, vị chứng nhân, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 11

Trong thời trị vì của Hoàng đế Constantius[7549] , con trai của Constantine Đại đế, các Kitô hữu đã phải chịu sự bắt bớ từ phía những kẻ dị giáo – những người Arian, mà chính hoàng đế cũng ủng hộ, vì ông cũng bị cuốn vào tà thuyết Arian. Lúc bấy giờ, Giáo hội đã phải đối mặt với những xáo trộn và hỗn loạn lớn lao, bởi vì số lượng những vị anh hùng vĩ đại bảo vệ Chính thống giáo – những người là trụ cột của Giáo hội – đã không còn nhiều: Thánh Athanasius, Tổng Giám mục Alexandria, vị bảo vệ vĩ đại nhất của Chính thống giáo, đã bị phế truất khỏi ngai tòa của mình, còn Thánh Alexander, Thượng phụ Constantinopolis, vào thời điểm đó đã qua đời.

Khi Thánh Alexander sắp qua đời, những người vây quanh giường bệnh của ngài đã hỏi:

– Cha sẽ để lại chúng con, những con cái thiêng liêng của cha, cho ai đây, thưa Cha? Cha sẽ để lại cho chúng con vị mục tử nào thay thế cha? Ai sẽ điều hành Giáo hội của Chúa Kitô một cách dũng cảm như cha?

Ngài chỉ cho họ hai vị đáng kính, đó là linh mục Phaolô, người gốc Thessalonica[7550] , và phó tế Macedonia, nhưng đồng thời ngài cũng nói thêm rằng, nếu họ muốn có một vị mục tử giỏi giảng dạy và có đời sống đạo đức, thì hãy chọn Phaolô; còn nếu họ muốn có một vị mục tử có phong thái trang nghiêm, nổi bật bởi vẻ ngoài đẹp đẽ, thì hãy bầu chọn Macedonia. Sau đó, vị tổng giám mục đáng kính ấy đã qua đời. Tại công đồng được tổ chức sau khi ngài qua đời, trong cuộc thảo luận về việc nên phong ai trong hai người lên ngai tòa Thượng phụ – Phaolô hay Macedonia – đã xảy ra tranh cãi giữa những người Chính Thống và những người Arian, những người có mặt rất

---

[7547] Lê-vê người Armenia – từ năm 813 đến năm 820. Thánh Phê-ô-đô-rô Stoudites đã mô tả những tai ương mà Giáo hội phải gánh chịu trong triều đại này như sau: "Ôi, thật kinh hoàng khi nghe điều này! Bức thánh tượng đáng kính của Đấng Cứu Thế, mà ngay cả ma quỷ cũng phải khiếp sợ, đang phải chịu sự sỉ nhục và hạ nhục, không chỉ tại kinh đô mà còn ở mọi nơi và mọi thành phố; các bàn thờ bị phá hủy, các thánh tích bị ô uế. Mọi miệng lưỡi đạo đức đều im lặng vì sợ chết, còn những lời nói ghê tởm và báng bổ thì lại được thốt ra".

[7548] Synclite – chính quyền quân sự và dân sự gồm những cố vấn và quan chức hoàng gia quan trọng nhất.

[7549] Hoàng đế Constantius trị vì từ năm 337 đến năm 361.

[7550] Thessaloniki – tên gọi tiếng Nga được chuyển thể từ tên Hy Lạp của thành phố Thessaloniki, theo cách phát âm hiện đại *là Thessaloniki.* Thành phố này, ban đầu có tên là Pherea, nằm ở phần châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ, tại cực bắc của Vịnh Thessaloniki (Biển Địa Trung Hải). Đức tin Kitô giáo đã được Thánh Tông đồ Phaolô X rao giảng lần đầu tiên tại đây – (Xem 1 Tês. 1:1). Thánh Tông đồ Phaolô đã viết hai thư gửi cho cư dân Solun, được các nhà chú giải công nhận là những tác phẩm đầu tiên mà vị Tông đồ này soạn thảo.

đông tại công đồng. Những người Chính Thống mong muốn chọn Phaolô, còn những người Arian lại nghiêng về phía Macedonia hơn; tuy nhiên, phe Chính Thống đã chiếm ưu thế và Thánh Phaolô đã được bầu làm Thượng phụ tại Nhà thờ Thánh Irina. Sau khi lên ngôi Thượng phụ, ngài đã bắt đầu chăn dắt đoàn chiên được giao phó cho ngài một cách đầy vinh quang.

Trong thời gian diễn ra cuộc bầu cử và lễ tấn phong Thánh Phaolô, Hoàng đế Constantius không có mặt tại Constantinople: ngài đang ở Antioch[7551] . Do đó, ngài không có thiện cảm với vị tổng giám mục mới. Khi trở về từ Antioch đến Constantinople, hoàng đế đã thể hiện sự bất mãn rõ rệt đối với vị tổng giám mục vì ông đã lên ngôi tổng giám mục mà không tuân theo ý muốn của hoàng đế. Bị ảnh hưởng bởi những người Arian, hoàng đế đã triệu tập một công đồng, công đồng này đã phế truất Thánh Phaolô khỏi ngai tòa một cách hoàn toàn sai trái, mặc dù ngài vô tội, lòng trong sạch, và rất có ích cho Giáo hội của Đức Kitô, vì bằng sự khôn ngoan và cuộc đời của mình, ngài là ánh sáng chân thật cho thế gian[7552] và tỏa sáng trong Giáo hội như ngôi sao mai giữa những đám mây. Thay thế cho Thánh Phaolô bị phế truất, hoàng đế đã bổ nhiệm Giám mục Eusebius của Nicomedia và lại trở về Antioch. Eusebius, bị nhiễm tà thuyết Arian, bắt đầu gây rối loạn cho Giáo hội bằng những giáo lý dị giáo của mình và cố gắng hết sức để loại bỏ khỏi các từ "được sinh ra", "không được tạo ra", "cùng bản thể" khỏi Kinh Tin Kính, vì ông không thừa nhận rằng Con Thiên Chúa là Thiên Chúa và hoàn toàn bình đẳng với Thiên Chúa Cha. Trong khi đó, Phaolô, người đã bị phế truất, đã lên đường đến Rôma, nơi ông gặp Thánh Athanasius và nhiều giám mục khác bị Eusebius trục xuất, và sống cùng với họ. Nhưng Eusebius, không muốn để Athanasius và Paul có thể tìm được sự bình an khỏi sự bức hại tại Rome, đã gửi một bức thư đầy những lời vu khống nhắm vào họ tới Julius, Giáo hoàng Roma[7553] . Đức Giáo hoàng không tin vào bức thư đó và khuyên Athanasius, Paul cùng các giám mục khác trở lại chức vụ của mình; đồng thời, với mong muốn giúp đỡ họ, ngài đã viết thư cho các giám mục phương Đông, yêu cầu họ đón nhận những người trở về với tình yêu thương và không cản trở họ quay lại vị trí cũ.

Như vậy, các giám mục bị phế truất khỏi chức vụ đã trở về từng người với giáo hội của mình và gửi đến những kẻ đã phế truất họ những bức thư của Đức Giáo hoàng Julius mà họ mang theo từ Roma.

Nhưng những kẻ thù của Chính Thống Giáo, sau khi nhận được thư, lại tìm mọi cách để che đậy sự thật bằng dối trá và âm mưu triệu tập một công đồng tại Antioch, đồng thời cố gắng trả lời Đức Giáo hoàng Julius bằng một bức thư riêng. Tuy nhiên, chính Eusebius đã qua đời trước khi hội đồng diễn ra. Lúc đó, những người Chính thống giáo ở Constantinople đã vui mừng đón nhận Paul và đưa ngài lên ngai tổng giám mục, còn những người Arian thì tụ tập tại một nhà thờ khác và bầu Macedonia, người đã chuyển sang phe họ, làm giám mục của mình. Từ đó, một cuộc hỗn loạn lớn đã nổ ra tại Constantinopolis, và nhiều người đã bị thương và thiệt mạng trong các cuộc đụng độ giữa hai phe. Tin đồn về sự việc này đã đến tai Hoàng đế Constantius, người đang ở Antioch, và ông đã cử tướng Hermogenes cùng quân đội đến Constantinopolis, ra lệnh cho ông ta trục xuất Phaolô khỏi Giáo hội Constantinopolis. Khi đến nơi, Hermogenes bắt đầu ép buộc dân chúng trục xuất Thánh Phaolô, người vô tội, và điều này đã gây ra một cuộc nổi loạn dữ dội trong thành phố, vì dân chúng kiên quyết từ chối tuân theo ý muốn của hoàng đế. Hermogenes định dùng vũ lực quân sự, nhưng đám đông đã xông vào nhà ông ta một cách điên cuồng và đốt cháy nó, còn bản thân Hermogenes thì bị lôi ra ngoài và bị giết.

Hoàng đế Constantius, khi hay tin Hermogenes bị sát hại, đã vội vã từ Antioch đến Constantinople, phế truất và trục xuất Paul, đồng thời vô cùng tức giận với người dân vì đã tiếp nhận Paul trái với ý muốn của ngài, cũng như vì hành vi nổi loạn và vụ ám sát Hermogenes. Vì tất cả những điều này, hoàng đế đã tước bỏ một nửa các ân huệ mà Constantine Đại đế đã ban cho thành phố, cụ thể là: giảm một nửa lượng lúa mì được phân phát hàng ngày cho những người dân nghèo từ các kho lúa của hoàng gia. Sau khi bổ nhiệm Macedonia làm tổng giám mục Constantinopolis, Constantius quay trở lại Antioch. Thánh Phaolô lại lên đường về phía tây và, khi đến gặp Giáo hoàng Julius, đã kể lại cho ngài, cũng như cho Hoàng đế La Mã Constant[7554] , tất cả những gì đã xảy ra. Constant, anh trai của Constantius, cùng với Đức Giáo hoàng đã viết một bức thư gửi cho Constantius, thuyết phục ông tiếp nhận Phaolô như một tín hữu chính thống, và trao bức thư này trực tiếp cho chính Phaolô, người sau đó lại lên đường từ Roma đến Constantinopolis, nơi các tín hữu Chính thống giáo một lần nữa đón tiếp và chào đón ngài với

---

[7551] Ở đây tất nhiên là Antioch của Syria, từng là thủ đô huy hoàng của Nhà nước Syria, còn nay là một thị trấn nghèo ở Thổ Nhĩ Kỳ châu Á.

[7552] Xem Mt 5:14.

[7553] Đức Giáo hoàng Thánh Julius đã lãnh đạo Giáo hội Rôma từ năm 337 đến năm 352.

[7554] Constantine trị vì từ năm 337 đến năm 350.

niềm vui lớn lao; còn bức thư của Constant và Giáo hoàng Julius, ông đã gửi qua một quý tộc có địa vị cao đến Antioch để chuyển cho Hoàng đế Constantius. Nhưng Constantine đã hiểu những bức thư này như một lời chỉ trích nhắm vào bản thân và không chấp nhận Phaolô. Ngược lại, hoàng đế càng tức giận hơn với ông vì đã trở lại chức giám mục lần thứ hai mà không có sự đồng ý của hoàng đế, và chẳng bao lâu sau, ông đã ra lệnh cho Philip, quan tổng trấn vùng, đến Constantinople để một lần nữa phế truất và trục xuất Phaolô, đồng thời phong chức cho Macedonia. Philip, lo sợ cuộc nổi loạn của dân chúng và việc mình sẽ phải chịu chung số phận như Hermogenes, đã lên kế hoạch lật đổ Phaolô khỏi ngai giám mục một cách bí mật. Với mục đích đó, ông ta, không thông báo cho ai về mệnh lệnh của hoàng đế, đã đến một lần tại một dinh thự riêng nằm bên bờ biển, nơi các quan thu thuế tụ tập, được gọi là "Zevxipp". Tại đây, Philip tuyên bố rằng ông đến để thu thuế, nhưng đồng thời lại gửi cho Phaolô một lời mời trang trọng, đề nghị ngài đến tham dự một cuộc họp bí mật, với lý do là để bàn về một vấn đề công cộng nào đó. Phaolô, vì tính cách tin người, đã lên đường mà không hề do dự. Philip, lo ngại đám đông đông đảo đi theo vị thánh, nên trước mặt mọi người đã không làm gì với ông, nhưng nắm tay ông và trò chuyện, dẫn ông vào sân trong. Tại đó, ông ra lệnh mở cổng sau hướng ra biển, dẫn vị thánh ra ngoài, thông báo cho ngài ý chỉ của hoàng đế, rồi đưa ngài lên con tàu đã được chuẩn bị sẵn; và như vậy, vị thánh, với mọi biện pháp phòng ngừa, đã bị đày đi lưu đày. Ngài được chỉ định phải sống tại quê hương mình, thành phố Thessalonica, với quyền được ghé thăm tất cả các thành phố lân cận, nhưng bị cấm đến các tỉnh phía đông.

Sau khi thánh Phaolô bị lưu đày, quan tổng trấn vùng đã long trọng lên đường cùng với Macedonia trên cỗ xe ngựa, được hộ tống bởi một đội quân đông đảo đến nhà thờ. Khi biết tin này, cư dân Constantinopolis đã vô cùng xôn xao, và cả những người Chính Thống lẫn những người Arian đều vội vã đổ xô đến nhà thờ, cố gắng vượt qua nhau để chiếm chỗ ở đó càng sớm càng tốt. Khi Philip đến nhà thờ, do đám đông tụ tập quá đông đúc, ông không thể vào bên trong. Lúc đó, ông cho Macedonia xuống khỏi cỗ xe ngựa, còn binh lính dùng vũ lực xua đuổi đám đông; nhưng vì chật chội, những hàng đầu của đám đông không thể lùi lại được; các binh lính bèn nổi giận và dùng vũ khí để mở đường vào nhà thờ cho quan tổng trấn và Macedonia, khiến 3.150 người thiệt mạng – một phần do vũ khí của binh lính, một phần do sự chen chúc quá mức, và tất cả điều này đều vì Macedonia, người đã lên ngôi Thượng phụ, theo ý muốn của hoàng đế và nhờ sức mạnh quân sự, nhưng trái với các quy định của Giáo hội. Để kỷ niệm sự bình an trong Giáo hội được cho là đã đến, hoàng đế Constantius đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Sophia (Sự Khôn Ngoan của Đức Chúa Trời, Ngôi Thứ Hai của Thánh Ba Ngôi, Con Đức Chúa Trời) và bao quanh nó bằng một hàng rào chung với nhà thờ Irina do Constantine Đại Đế xây dựng, – (không phải là vị tử đạo, mà là biểu tượng của hòa bình của Chúa Kitô)[7555] .

Sau khi sống ở Thessalonica một thời gian, Thánh Phaolô đã lên đường từ đó đến Corint[7556] , rồi từ đó đến Rôma. Tại đó, ngài lại gặp Thánh Athanasius, kể cho ngài nghe về tất cả những biến cố bất hạnh của mình, và cả hai cùng nhau tâu trình về số phận của mình lên Hoàng đế Constant. Hoàng đế đã rất tức giận với người anh em của mình và viết thư yêu cầu ông ta cử ba giám mục từ phương Đông đến, những người này phải trình bày về việc phế truất Athanasius và Phaolô, đồng thời mang theo bản tuyên xưng đức tin bằng văn bản. Nhận được bức thư này, Constantius, lúc đó vẫn đang ở Antioch, lo sợ trước cơn giận của anh trai nên đã cử bốn giám mục đến gặp ông: Narcissus của Cilicia, Theodore của Thrace, Maris của Chalcedon và Mark của Syria[7557] . Các giám mục này, khi đến Roma gặp hoàng đế, đã không dám tham gia tranh luận và đối chất với Athanasius và Paul, nên đã che giấu niềm tin dị giáo thực sự của mình – thứ mà họ đã trình bày tại Antioch – và soạn thảo một bản tuyên xưng khác, rồi trao cho hoàng đế. Bản tuyên xưng đó như sau:

"Chúng tôi tin vào Đức Chúa Trời, Cha Toàn Năng, Đấng Tạo Hóa và Sáng Tạo vạn vật, từ Ngài mà muôn loài trên trời và dưới đất đều được sinh ra; và tin vào Con Một của Ngài, Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng được sinh ra từ

[7555] Từ "irini" trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là: "hòa bình", "sự tĩnh lặng".

[7556] Corinth là một trong những thành phố nổi tiếng nhất của Hy Lạp cổ đại; nằm trên bán đảo Peloponnese (mũi phía nam của bán đảo Balkan) bên vịnh Corinth; trong thời cổ đại, thành phố này nổi tiếng với nền văn hóa khai sáng và thương mại phát triển, nhưng đồng thời cũng nổi tiếng với lối sống phóng khoáng của người dân. Đạo Kitô lần đầu tiên được truyền bá tại đây bởi Thánh Tông đồ Phaolô và Apollô. Thánh Tông đồ Phaolô đã viết hai bức thư dài gửi cho các Kitô hữu ở Cô-rinh-tô. Hiện nay, thành phố cổ này thuộc về Vương quốc Hy Lạp, có tên là Kuronto.

[7557] Cilicia – vùng phía đông nam của Tiểu Á. Thrace – tỉnh Byzantine ở góc đông nam của bán đảo Balkan; hiện nay là tỉnh *Rumelgia* của Thổ Nhĩ Kỳ; Chalkidon – thành phố nằm trên bờ Tiểu Á của Vịnh Bosphorus, đối diện với Constantinopolis, nổi tiếng trong lịch sử Giáo hội vì là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ 4; Syria – tỉnh nằm ở phía đông bắc Palestine.

Cha trước muôn đời, là Đức Chúa Trời từ Đức Chúa Trời, Ánh Sáng từ Ánh Sáng, nhờ Ngài mà mọi sự trên trời và dưới đất, hữu hình và vô hình, đều được tạo thành; Ngài là Lời Chân Thật, là Khôn Ngoan, là Quyền Năng, là Sự Sống và là Ánh Sáng Chân Thật; vào những ngày cuối cùng, vì chúng ta, Ngài đã nhập thể và sinh ra từ Đức Trinh Nữ, bị đóng đinh, chết, được chôn cất, và sống lại từ cõi chết vào ngày thứ ba, rồi lên trời, ngự bên hữu Chúa Cha, và sẽ trở lại vào cuối thời đại để phán xét người sống và người chết, và ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ; Nước Trời của Ngài sẽ không bao giờ chấm dứt và tồn tại đến muôn đời. Chúng con tin vào Đức Thánh Thần, Đấng là Đấng An Ủi, Đấng mà Chúa đã hứa ban cho các Tông Đồ và đã sai đến với các ngài sau khi Ngài lên trời; nhờ Ngài, các linh hồn những ai tin vào Ngài một cách chân thật và đạo đức được thánh hóa. Còn những ai nói rằng Con là một thực thể khác, chứ không phải từ Thiên Chúa Cha, và rằng đã có lúc Ngài không tồn tại, thì Giáo Hội Thánh Tông Đồ, được thiết lập bởi các Công Đồng, không chấp nhận những người ấy."

Sau khi trao bản tuyên xưng đức tin này cho hoàng đế và nhiều nhân vật khác, các giám mục đã rời khỏi Rôma. Ba năm sau, các giám mục phương Đông lại tụ họp tại một công đồng, soạn thảo một bản tuyên xưng đức tin khác và gửi đến các giám mục Ý. Tuy nhiên, các giám mục Ý, vì bản tuyên xưng mới quá dài dòng và rườm rà, đã không chấp nhận nó, mà hoàn toàn hài lòng với bản tuyên xưng đức tin do các vị thánh cha của Công đồng Nicaea đã trình bày. Từ đó, những bất đồng và hiểu lầm nghiêm trọng đã nảy sinh giữa các Giáo hội Đông và Tây; do đó, cả hai hoàng đế đã triệu tập các giám mục đến Công đồng Sardica để xem xét bản tuyên xưng đức tin và đưa ra quyết định cuối cùng về vụ việc của Athanasius và Paul. Hơn ba trăm giám mục phương Tây và chỉ có bảy mươi sáu giám mục phương Đông đã tụ họp tại Công đồng Sardica[7558] . Bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa Arian và đồng thời lo sợ phải đối đầu với những người bảo vệ chính thống giáo như Athanasius và Paul, nên mong muốn loại bỏ họ khỏi công đồng, các giám mục phương Đông đã từ chối tham gia đối thoại trong công đồng với các giám mục phương Tây cho đến khi họ trục xuất Athanasius và Paul khỏi hàng ngũ của mình. Lúc đó, Giám mục Sredets[7559] , Protogenes, Thánh Kudrovi và những người khác đã nói với các giám mục phương Đông:

– Chính vì lý do này mà chúng tôi đã tụ họp tại đây: để thảo luận – không chỉ về sự đồng bản thể của Con với Cha, mà còn về vụ việc của Athanasius và Paul.

Nghe vậy, các giám mục phương Đông tách khỏi các giám mục phương Tây, rời khỏi Sardica, và trên đường trở về, khi đến thành phố Philippopolis, tại Macedonia[7560] , họ đã tổ chức tại đó một công đồng riêng biệt và bất chính, trong đó họ quyết định rằng Con không được tuyên xưng là đồng bản thể với Cha, và công khai tuyên bố giáo lý về sự đồng bản thể là dị giáo. Họ đã công bố quyết định dị giáo này qua các thông điệp đặc biệt đến các giáo phận của mình.

Khi tin tức này đến tai các vị cha trong Công đồng Sardica, trước hết họ đã lên án những kẻ sa vào dị giáo vì giáo lý sai lầm về Con Thiên Chúa, rồi sau đó tước chức các kẻ buộc tội là Athanasius và Paul; sau đó, họ công nhận tính chính xác tuyệt đối của Kinh Tin Kính được soạn thảo tại Nicaea, và tuyên bố vạ tuyệt thông đối với tất cả những ai không tuyên xưng rằng Con đồng bản thể với Cha. Về phần mình, Hoàng đế Constant đã viết thư cho anh trai là Constantius, thuyết phục ông này trả lại ngai giám mục cho Athanasius và Paul, đồng thời ngay lập tức cử Paul đến Constantinople, cử hai giám mục đi cùng và gửi kèm theo một lá thư gửi Constantius, trong đó có đoạn viết:

– Athanasius hiện vẫn đang ở với tôi, còn Paul thì tôi gửi đến với ngài, để chính quyền của ngài ra lệnh cho ông ấy tái nhậm chức; tôi cũng xin điều tương tự cho Athanasius, vì tôi được biết cả hai đều bị trục xuất vì lòng sùng đạo của họ và đã bị vu khống... Constantus còn bổ sung thêm một điều gay gắt hơn, đó là trong trường hợp anh trai không đồng ý, chính ông, Constantus, sẽ đích thân dẫn quân đi chống lại anh ta và, dù có đi ngược lại ý muốn của Constantus, cũng sẽ trả lại các nhà thờ cho Athanasius và Paul.

Khi đến gặp hoàng đế Constance, thánh Phaolô đã trao cho ông bức thư của Constant. Bị đe dọa bởi lời cảnh báo của anh trai, Constance đã trục xuất Macedonia và tấn phong Phaolô lên ngai tòa tổng giám mục; cũng bằng cách đó, ông đã triệu tập Athanasius qua thư và cử ông đến Alexandria để đảm nhận chức vụ tổng giám mục.

[7558] Sardica – thành phố thuộc tỉnh Mysia (ở trung tâm bán đảo Balkan).

[7559] Sredets – ngày nay là Sofia, thủ đô của Bulgaria.

[7560] Philippopolis Macedonia hay Philippi – thành phố được đặt tên theo Vua Philip của Macedonia, cha của Alexander Đại đế. (vào giữa thế kỷ IV trước Công nguyên). Macedonia – từng là một quốc gia hùng mạnh, sau này trở thành tỉnh thuộc Đế chế Byzantine. Thánh Tông đồ Phaolô (cùng với Luca, Timôthê và Silas) đã rao giảng đạo Kitô tại đây, đặt nền móng cho Giáo hội Philippi nổi tiếng từ thời cổ đại và đã nhiều lần ghé thăm thành phố này (Công vụ Tông đồ 16:12–40).

Niềm vui của các tín hữu Chính Thống Giáo dành cho các vị mục tử của họ thật lớn lao, và trong một thời gian khá dài, họ sống trong hòa bình sâu sắc, được an ủi bởi giáo lý của các vị thầy vĩ đại, được Thánh Thần soi dẫn trên toàn thế giới. Athanasius tại Alexandria và Paul tại Constantinople là những ngọn đèn của đức tin cho cả thế giới, xua tan bóng tối của chủ nghĩa Arian từ xa. Nhưng rồi, tướng quân của Constantius là Magnentius cùng các đồng phạm đã ám sát hoàng đế khi ngài đang đi săn. Ngay khi người bảo vệ Chính Thống Giáo, vị hoàng đế La Mã đạo đức Constantius, không còn nữa, những người Arian lập tức ngẩng cao đầu và phát động cuộc đàn áp chống lại các tín hữu Chính Thống Giáo. Trước hết, họ nổi dậy chống lại những người bảo vệ chính thống giáo trên toàn thế giới: chính Athanasius đã tự nguyện từ bỏ ngai vàng để trốn tránh những người Arian đang tìm cách giết ông, còn Thánh Phaolô đã bị lưu đày đến thành phố Kukuzi, ở Armenia[7561] , và bị giam giữ trong một túp lều riêng biệt tại đó. Tại đó, khi ngài đang cử hành Thánh lễ, những người Arian đã tấn công ngài và siết cổ ngài bằng tấm khăn thánh.

Như vậy, Macedonia lại trở thành Thượng phụ Constantinopolis và gây ra nhiều tai họa nữa cho Giáo hội của Đức Chúa Trời, bằng cách bức hại và tiêu diệt các tín hữu Chính thống. Với sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ Giám mục Philip, ông đã phế truất nhiều giám mục Chính thống và thay thế họ bằng những người Arian; đồng thời, bằng cách tra tấn dưới nhiều hình thức, ông đã giết hại vô số người không muốn có sự hiệp thông giáo hội với ông, thậm chí không tha thứ cho cả những phụ nữ thuộc dòng " ". Theo lệnh của ông ta, có người bị cắt vú, có người bị nới miệng bằng sắt rồi ép uống Thánh Thể theo giáo lý Arian, có người bị cắt mũi và tai, có người bị đóng dấu bằng lửa – nói tóm lại, máu của những người Chính Thống đã đổ ra không thương tiếc. Chính vào thời điểm đó, những người Arian đã chém chết hai giáo sĩ, Markian và Martirius, những người từng là thư ký của Thánh Phaolô và là những người bảo vệ Chính Thống Giáo. Những cuộc hành hạ của Macedonia thậm chí còn lan rộng đến Paphlagonia[7562] . Khi biết rằng ở đó có rất nhiều tín đồ Chính Thống Giáo, ông đã cử ba đội quân vũ trang đến đó, nhằm buộc các tín đồ Chính Thống Giáo phải hợp nhất với những người Arian bằng gươm. Người dân thành phố Mantinea[7563] , khi nghe tin quân đội đang tiến đến, đã mang theo – người thì rìu, người thì liềm, còn người thì chỉ đơn giản là những cây cọc – tập hợp lại và tiến ra chống lại quân địch đang tiến đến; một cuộc giao tranh nội bộ đã nổ ra, khiến rất nhiều người ở cả hai phía thiệt mạng. Người phải chịu trách nhiệm cho cuộc tàn sát này một lần nữa không ai khác chính là Macedonia.

Cuối cùng, Macedonia, mà không có bất kỳ mệnh lệnh nào từ phía hoàng đế, đã dám đào di hài của Thánh Constantine Đại đế lên khỏi mặt đất và chuyển đến một nơi khác. Khi đó, có thể nói rằng toàn thể Giáo hội đã chìm trong biển máu do những cuộc nội chiến nổ ra giữa những người Chính thống giáo và những người Arian. Hoàng đế đã vô cùng bất mãn với Macedonia và giám mục Philip vì việc này, và cả hai, theo yêu cầu của Constantius, đều bị tước quyền – người thứ nhất bị tước ngôi Thượng phụ, còn người thứ hai bị tước chức giám mục. Mặc dù vậy, các tà thuyết của Arius và Macedonia vẫn tiếp tục tồn tại và gây chia rẽ Giáo hội trong suốt bốn mươi năm nữa – cho đến triều đại của Hoàng đế Theodosius[7564] , người cuối cùng đã triệu tập một công đồng tại Constantinopolis, chính thức lên án các tà thuyết này[7565] . Sau đó, vị hoàng đế đạo đức này đã rước thi hài của Thánh Phaolô, vị chứng nhân của Chúa Kitô, từ Kukuz về Constantinopolis với những nghi lễ long trọng, đồng thời tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

[7561] Armenia – một tỉnh của Đế chế La Mã-Byzantine, nằm ở phía đông bắc Tiểu Á. Trước năm 70 trước Công nguyên, Armenia thuộc Vương quốc Pontus, sau đó bị người La Mã chinh phục.

[7562] Paphlagonia – một vùng cổ đại của Tiểu Á, nằm ở phần giữa của bờ nam Biển Đen. Trước năm 64 trước Công nguyên, vùng này thuộc Vương quốc Cappadocia, và từ thời điểm đó trở thành một phần của tỉnh Bithynia-Pontus thuộc Đế chế La Mã, sau đó sáp nhập vào Đế chế Byzantine.

[7563] Mantina – một thị trấn nhỏ ở Paphlagonia.

[7564] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến Hoàng đế Theodosius Đại đế, người trị vì từ năm 379 đến năm 395 sau Công nguyên.

[7565] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến Công đồng Đại kết lần thứ hai (năm 381) tại Constantinopolis dưới thời Hoàng đế Theodosius Đại đế, đã lên án chủ nghĩa Arian và tất cả các tà thuyết phát sinh từ nó – chủ yếu là tà thuyết Macedonia, vốn giảng dạy sai lầm về Đức Thánh Linh.

Bài thánh ca, giọng 3:

Bằng việc tuyên xưng đức tin thiêng liêng, Giáo hội đã tôn vinh ngài, vị thánh Phaolô thứ hai, là người nhiệt thành trong hàng giáo sĩ; ngài cùng với A-vê sẽ kêu cầu lên Chúa, và máu công chính của Xa-cha-ri: hỡi vị cha đáng kính, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để Ngài ban cho chúng con ân sủng vĩ đại.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã tỏa sáng trên đất như một ngôi sao rực rỡ trên trời, giờ đây Ngài soi sáng Giáo hội Công giáo, chính vì Giáo hội này mà Ngài đã chịu đau khổ, dâng hiến linh hồn mình, hỡi Phaolô; và giống như máu của Zacharia và Abel, máu của Ngài cũng kêu lên rõ ràng trước mặt Chúa.

Cuộc đời của vị thánh cha Varlaam, vị thánh làm phép lạ ở Novgorod

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 11

Thánh phụ Varlaam của chúng ta sinh ra tại Novgorod trong một gia đình có cha mẹ đạo đức và trung thành với đức tin. Ngài được nuôi dưỡng trong sự kính sợ Thiên Chúa và được dạy dỗ về chữ viết. Thánh thiếu niên này thường xuyên và hăng hái đọc các sách Thánh, đặc biệt là các Thánh vịnh do Thiên Chúa soi dẫn của Vua và Tiên tri Đa-vít. Từ khi còn nhỏ, ngài đã tránh xa các trò chơi trẻ con, từ chối mọi thú vui trần tục và trở thành khí cụ được Thánh Thần chọn lựa. Thường xuyên ngài suy ngẫm như thế này: "Quả thật, cuộc đời chúng ta ngắn ngủi và vô thường. Trong đó, mọi thứ đều thay đổi, mọi thứ đều xoay vần như bánh xe. Nó giống như một giấc mơ."

Thánh nhân đã từ bỏ thế gian và mọi thứ trong thế gian, rồi lui về một nơi hoang vắng. Theo sau ngài là Prokopiy Malyshevich, người sau này xuất gia với tên gọi Porfiriy, anh trai ngài là Feodor, cùng những cư dân khác của Novgorod, những người mong muốn tu hành trong sự tĩnh lặng và im lặng. Thánh Varlaam đã nhận lễ xuất gia từ một vị tu sĩ linh mục. Ngài dựng cho mình một túp lều nhỏ, nơi ngài không ngừng dâng lời cầu nguyện lên Chúa cả ngày lẫn đêm. Thánh nhân siêng năng tu hành bằng việc ăn chay và lao động, tự tay chặt củi, cưa gỗ, cày ruộng, thực hiện lời Kinh Thánh: *"Vì khi chúng tôi còn ở với anh em, chúng tôi đã dặn dò anh em điều này: Ai không muốn làm việc thì cũng đừng ăn"* (2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:10).

Mỗi đêm, ngài thức trắng và dùng lời cầu nguyện để xua đuổi ma quỷ. Các linh hồn ô uế lúc thì tự mình tìm cách làm xao lãng vị thánh nhân, lúc thì xúi giục ai đó trong số những người xung quanh quấy rối vị thánh nhân. Vị thánh nhân kiên nhẫn chịu đựng mọi thử thách, được bàn tay phải của Đức Chúa Trời che chở và củng cố. Danh tiếng về những việc làm cao cả của ngài lan truyền khắp nơi. Nhiều người bắt đầu đổ xô đến với ngài: các hoàng tử, các quý tộc, người giàu lẫn người nghèo. Thánh Varlaam không ngừng dạy dỗ tất cả những ai đến với ngài:

– Hỡi các con, hãy tránh xa mọi điều bất chính, đừng ghen tị, đừng vu khống. Hãy kiềm chế cơn giận, đừng cho vay lấy lãi. Hãy cẩn trọng đừng phán xét sai lầm. Đừng thề dối trá; **một khi đã thề**, hãy giữ lời thề. Đừng sa vào những dục vọng xác thịt.

Hãy luôn hiền lành và đối xử với mọi người bằng tình yêu thương. Đức tính này là khởi đầu và gốc rễ của mọi điều thiện.

Hằng ngày, vị thánh nhân đều dạy dỗ như vậy cho tất cả những ai đến với ngài, còn bản thân ngài thì càng tăng cường việc cầu nguyện và ngày càng kiềm chế xác thịt mình một cách mạnh mẽ hơn. Sau một thời gian, ngài đã xây dựng một nhà thờ nhỏ mang tên Lễ Biến Hình của Chúa Giêsu Kitô. Từ đó, tu viện bắt đầu hình thành. Số lượng các tu sĩ ngày càng tăng lên. Bản thân vị thánh, như trước đây, vẫn duy trì một cuộc sống khắc khổ. Thức ăn của ngài chỉ là bánh mì hoặc các loại trái cây, và đó cũng chỉ là một lượng rất ít. Các tu sĩ khác cũng duy trì một cuộc sống khắc khổ như vậy.

Một lần nọ, một vị công tước đến phòng tu của vị thánh và xin ngài ban phước lành. Vị thánh, sau khi chào đón ông, đã chúc mừng ông nhân dịp con trai ông chào đời. Vị công tước rất ngạc nhiên về điều này. Quả thực, trong thời gian ông vắng nhà, con trai ông đã chào đời, và chính vị thánh Varlaam là người đỡ đầu cho đứa trẻ trong lễ rửa tội.

Một người đàn ông, vốn có lòng tin sâu sắc vào vị thánh, đã đến gặp ngài cùng với người con trai duy nhất đang ốm nặng của mình. Ông mong vị thánh cầu nguyện để con trai mình được chữa lành. Nhưng trên đường đi, đứa trẻ đã qua đời. Thánh Varlaam cầu nguyện, và cậu bé đã sống lại hoàn toàn khỏe mạnh.

Một lần nọ, lễ Phục Sinh vĩ đại của Chúa Giêsu Kitô đang đến gần. Thánh nhân đã sai các ngư dân đi đánh cá để chuẩn bị cho lễ hội. Mẻ cá lần này bội thu đến lạ thường. Các ngư dân đã bắt được một con cá tầm khổng lồ, nhưng do bị ma quỷ xúi giục, họ đã giấu con cá đó đi và chỉ mang những con cá còn lại về tu viện. Thánh Varlaam, tay cầm cây gậy, bắt đầu xem xét những con cá được mang về và nói:

– Các con ơi, các con chỉ mang những con cá nhỏ về thôi. Con cá lớn đâu rồi?

Các ngư dân, ngạc nhiên trước sự thấu hiểu của vị thánh, quỳ xuống trước mặt ngài, sám hối về tội lỗi của mình và trả lại con cá mà họ đã giấu đi.

Theo ý muốn của Đức Chúa Trời, Thánh Antôn, người bạn cùng lứa tuổi với Thánh Varlaam, đã từ Constantinople đến gặp ngài. Thánh nhân vô cùng vui mừng trước sự trở về của người bạn. Ngài giao quyền quản lý tu viện cho Thánh Antôn, và nói:

– Anh em yêu dấu của tôi! Ân sủng của Chúa ngự trên tu viện này. Nay tôi giao tu viện này vào tay anh. Hãy gìn giữ và chăm lo cho nó. Tôi sắp ra đi về với Vua Trời. Nhưng đừng lo lắng vì điều này: thân xác tôi rời xa các anh, nhưng linh hồn tôi sẽ luôn ở cùng các anh.

Và sau khi truyền dạy những lời răn dạy cho các tu sĩ, khuyên họ phải tuân giữ đức tin Chính Thống và luôn sống trong sự khiêm nhường, Thánh Varlaam đã dâng linh hồn mình lên Chúa. Đức Giám mục Novgorod đã tổ chức lễ an táng thi hài tôn kính của ngài với sự trang nghiêm xứng đáng, cùng nến thánh và những bài thánh ca thiêng liêng. Thánh Varlaam đã an nghỉ trong bình an vào ngày 6 tháng 11 năm 1192. Nay, ngài cùng với các thánh nhân đang tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen.

Bài thánh ca, giọng 3:

Ngài, vị thánh đáng kính, đã làm kiệt sức thân xác mình bằng cách ngủ ít, ăn ít và thức trắng đêm trên trần gian, đã tiêu diệt mọi sự khôn ngoan trần tục, và trở thành suối chữa lành không ghen tị, cho những ai với lòng tin chạy đến hòm thánh tích của ngài, Varlaam, cha của chúng con. Xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Như Ê-li thứ hai đã báo tin và làm kinh ngạc nhà vua, ngài cũng đã làm cho dân ngài vui mừng và sắp xếp lễ hội. Thành Novgrad vĩ đại rất tự hào về ngài, vì có thánh tích của ngài ở đó: xin ngài bảo vệ thành phố này khỏi kẻ thù một cách vững chắc, để chúng con kêu lên với ngài: Hỡi vị thánh đáng kính Varlaam, cha của chúng con, xin vui mừng.

Cuộc đời của Thánh German, Tổng Giám mục Kazan

Ngày kỷ niệm: 6 tháng 11

Trong số các gia tộc quý tộc tại Nhà nước Moskva vào thế kỷ XV và XVI, gia tộc Polev, hậu duệ của các công tước Smolensk, nổi bật nhờ lòng sùng đạo đặc biệt và sự tận tụy trong việc phụng sự. Một số thành viên trong gia tộc này đã gia nhập đời tu và nổi bật nhờ lối sống sùng đạo cùng các đức tính Kitô giáo. Vào đầu thế kỷ XVII, tại thành phố Staritsa[7566] , ông Feodor Afanasyevich Polev có một người con trai, được đặt tên là Grigory trong lễ rửa tội, để vinh danh Thánh Grigory Dekapolita. Đó chính là vị thánh sáng chói và vị mục tử tận tụy của đoàn chiên Chúa Kitô trong tương lai – Thánh German. Sự đạo đức của cha mẹ, cùng lối sống nghiêm khắc theo các điều răn của Chúa Kitô, đã ảnh hưởng sâu sắc đến cậu thiếu niên. Ngay từ khi còn trẻ, cậu đã quen tuân giữ chay tịnh nghiêm ngặt và thường xuyên dâng mình trong cầu nguyện. Cha mẹ của vị thánh đã cố gắng gieo vào lòng con trai

[7566] Staritsa – một thị trấn cấp huyện thuộc tỉnh Tver, nằm bên sông Volga.

mình lòng kính sợ Thiên Chúa. Từ thuở thiếu thời, ân sủng của Thiên Chúa đã ngự trên cậu thiếu niên. Trong số các bạn cùng lứa tuổi, cậu nổi bật bởi sự khiêm tốn, hiền lành và tài năng. Cậu không thích những trò chơi trẻ con và sự náo nhiệt ồn ào, mà thích làm dịu tâm hồn mình bằng những suy ngẫm và cuộc trò chuyện có ích. Cha mẹ đạo đức của Grigori đã dạy con trai mình đọc Kinh Thánh, vốn là nền tảng giáo dục chính vào thời đó. Thánh thiếu niên đã say mê đọc các sách do Chúa linh hứng. Đặc biệt, cậu thường xuyên đọc các Thánh vịnh của Đa-vít, những bài thánh vịnh này đã củng cố và truyền cảm hứng cho chàng trai sùng đạo. Từ khi còn nhỏ, cậu luôn tham dự các Thánh lễ tại nhà thờ một cách đều đặn. Thường xuyên, cậu lui vào nơi vắng vẻ và ở đó, giữa sự tĩnh lặng, cậu cầu nguyện nhiệt thành và suy ngẫm về sứ mệnh của con người cũng như sự an bài của Thiên Chúa. Thánh thiếu niên suy ngẫm nhiều về sự hư vô của cuộc đời con người. Cuộc đời này thoáng qua như giấc mơ, cậu nghĩ, con người qua đời, và ký ức về họ dần phai nhạt. Tất cả những điều tốt lành của cuộc đời này cũng thoáng qua không kém: chúng phù du, đến nhanh và biến mất nhanh chóng. Chỉ có một điều cần thiết: làm đẹp lòng Chúa, phụng sự Ngài bằng cả linh hồn và yêu mến Ngài bằng cả trái tim. Chàng thiếu niên đạo đức bắt đầu sống một cuộc đời còn khắc khổ hơn trước; đặc biệt, ngài tuân giữ việc ăn chay nghiêm ngặt đến mức vì sự kiêng khem quá mức mà suýt nữa thì không còn sống nổi. Nhưng, bằng cách kiềm chế xác thịt như vậy, cậu đã thanh tẩy và làm đẹp tâm hồn mình. Thấy sự kiêng khem đến mức đó của con trai, cha mẹ cậu, lo lắng cho sức khỏe của cậu, đã xin cậu hãy giảm bớt những nỗ lực của mình. Nhưng cậu lại càng ngày càng tăng cường những nỗ lực của mình. Tâm hồn anh từ lâu đã khao khát sự ẩn dật. Anh quyết định dâng hiến trọn vẹn bản thân để phụng sự Đức Chúa Trời và gia nhập hàng ngũ các tu sĩ. Sau khi xin phép cha mẹ, anh gia nhập Tu viện Volokolamsk, nơi nổi tiếng với lối sống nghiêm ngặt. Tại tu viện đó, các anh em họ của cha Grigoriev cũng đã được cạo đầu tu hành. Vào thời điểm đó, tại đây còn có vị Tổng Giám mục tương lai của Kazan là Guriy và Thánh Maxim người Hy Lạp[7567] , người nổi tiếng vì sự uyên bác và bị giam cầm oan uổng tại tu viện này do âm mưu của kẻ thù. Khi mới khoảng 25 tuổi, Grigory gia nhập tu viện này, nơi sau đó cha ông cũng gia nhập với tên gọi Philotheos. Chẳng bao lâu sau, Grigori được thụ giới tu sĩ, và được đặt tên là German. Sau khi trở thành tu sĩ, ông càng nỗ lực hơn nữa trong các việc đạo đức. Ông đặc biệt miệt mài nghiên cứu Kinh Thánh, thường xuyên trò chuyện với vị thánh thông thái Maxim và thu được nhiều lợi ích từ những cuộc trò chuyện đó. Ông vẫn tuân giữ nghiêm ngặt việc ăn chay, vẫn không ngừng đến nhà thờ của Chúa. Là tấm gương cho mọi người bằng cuộc sống tu hành của mình, ông nổi bật với lòng khiêm nhường phi thường và sẵn lòng phục vụ anh em tu sĩ, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao phó. Ông đặc biệt yêu thích việc sao chép các sách phụng vụ. Chính bàn tay của Herman, người tự xưng là "người cuối cùng trong các tu sĩ", đã sao chép các sách về Đức Mẹ và Phúc Âm, những tác phẩm vẫn còn được lưu giữ đến ngày nay.

Cuộc đời tu hành của Herman đã mang lại cho ông sự kính trọng trong hàng tu sĩ của tu viện Volokolamsk. Họ ngạc nhiên trước những công lao của vị tu sĩ, học hỏi từ lòng khiêm nhường của ông và tạ ơn Chúa. Chẳng bao lâu, tin đồn về cuộc sống đạo đức của Herman đã lan đến quê hương của vị thánh – thành phố Starits. Các tu sĩ tại Tu viện Uspensky ở Starits, khi nghe về những việc làm cao cả của Herman, đã khẩn thiết xin ông nhận chức vụ lãnh đạo tại tu viện của họ. Thánh German khiêm nhường đã từ chối trong một thời gian dài, nhưng cuối cùng cũng nhượng bộ trước những lời thỉnh cầu tha thiết của các tu sĩ, và lên đường đến gặp Tổng Giám mục Akakiy của Tver, người đã đón nhận vị thánh với tình yêu thương, phong ngài lên chức Archimandrite và ban phước lành cho ngài trong sứ vụ mới. Các tu sĩ của Tu viện Staritsa đã nồng nhiệt chào đón vị Bề trên mới của mình, người mà họ đã mong mỏi được đón nhận tại tu viện từ lâu. Khi bắt đầu quản lý tu viện, Thánh German đã với lòng nhiệt thành của một mục tử, bắt tay vào việc cải tạo và phát triển tu viện: ngài cho xây dựng các công trình, trang hoàng các nhà thờ một cách lộng lẫy. Nhưng ngài còn quan tâm nhiều hơn đến vẻ đẹp nội tâm: Ngài đã làm gương cho mọi người về đời sống đạo đức, trở thành mẫu mực về sự khiêm nhường và hiền lành cho các tu sĩ, khuyên răn mọi người nghiêm túc tuân giữ các bổn phận tu sĩ, và áp dụng nội quy của Tu viện Volokolamsk tại tu viện của mình – nói tóm lại, ngài là một vị mục tử chân chính, một người cha nhân từ và một tấm gương đáng noi theo. Các tu sĩ cố gắng noi gương vị Archimandrite thánh thiện của mình và gặt hái được nhiều thành tựu trong các việc tu hành dưới sự hướng dẫn của vị mục tử giàu kinh nghiệm trong đời sống thiêng liêng. Nhưng chẳng bao lâu sau, họ phải chia tay với vị Archimandrite của mình. Với khát vọng không ngừng tìm kiếm sự ẩn dật, Thánh Germanus đã rời Tu viện Staritsa sau 2 năm để trở lại căn phòng ẩn dật tại Tu viện Volokolamsk, tiếp tục tu hành trong cầu nguyện

[7567] Thánh Maxim người Hy Lạp, được triệu tập từ Núi Thánh để chỉnh sửa các sách phụng vụ, đã để lại nhiều tác phẩm. Sau một thời gian dài bị giam cầm, ngài qua đời tại Tu viện Thánh Ba Ngôi Sergiev vào năm 1656.

và ăn chay. Ngài đã giao quyền lãnh đạo Tu viện Staritsky cho tu sĩ Iov, người do chính ngài thụ giới, người sau này trở thành một vị tu sĩ nổi tiếng và là người chịu khổ vì đất nước Nga – Đức Thượng phụ Moscow. Khi đến Tu viện Volokolamsk, Thánh German bắt đầu tu hành như một tu sĩ bình thường. Nhưng số phận không cho phép ngài sống lâu trong sự ẩn dật và tĩnh lặng. Lúc bấy giờ, tại Moscow xuất hiện một kẻ dị giáo mới là Matfei Bashkin, người phủ nhận đức tin vào Chúa Ba Ngôi và không công nhận các Bí tích Thánh. Năm 1553, một công đồng đã được triệu tập tại Moscow để xét xử hắn. Thánh German cùng với cha mình cũng được triệu tập đến các phiên họp của hội đồng. Hội đồng đã lên án tà thuyết của Bashkin và quyết định gửi hắn đến tu viện Volokolamsk để được Thánh German khuyên răn. Như vậy, cuộc đời tu hành và thánh thiện của vị người bảo vệ đức tin Kitô giáo này đã được mọi người biết đến.

Nhưng một sứ mệnh khác, khó khăn hơn, đang chờ đợi vị thánh. Vào khoảng thời gian đó, Sa hoàng và Đại công tước Ioann Vasilievich Grozny đã chinh phục được Kazan, pháo đài chính và thành trì vững chắc của Vương quốc Kazan của người Tatar. Sa hoàng Moscow đã quan tâm đến việc truyền bá ánh sáng của đức tin chân chính vào Chúa Kitô tại vùng đất vừa chinh phục, giữa những người Hồi giáo và ngoại đạo – những người thuộc các dân tộc khác. Tại Kazan, một giáo phận tổng giám mục đã được thành lập, và Thánh Guriy – người trước đây từng là vị tu viện trưởng tại Tu viện Volokolamsk – đã được bổ nhiệm vào chức vụ này lần đầu tiên. Thánh Guriy được giao nhiệm vụ xây dựng một tu viện tại thành phố Sviyazhsk[7568] . Theo chỉ thị của Guriy, Thánh German, người đã cùng Guriy đến thành phố Sviyazhsk vào năm 1555, được bổ nhiệm làm vị trụ trì của tu viện này. Nhận được sự hỗ trợ hào phóng từ Sa hoàng và các vị thánh, German đã hăng hái bắt tay vào việc xây dựng tu viện. Ông đã phải bỏ ra rất nhiều công sức và nỗ lực trong quá trình xây dựng tu viện. Thiếu hụt vật liệu cần thiết, chi phí xây dựng đắt đỏ, cùng với thái độ thù địch của người ngoại tộc – tất cả những điều này đã gây khó khăn và làm chậm tiến độ xây dựng tu viện. Nhưng nhờ ơn Chúa, sau 1,5 năm, công trình đã được hoàn thành. Thánh German đã xây dựng Nhà thờ Thánh Nicholas, vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, cùng với tháp chuông cao vút bên cạnh; sau đó, ngài dựng nên một ngôi thánh đường tráng lệ, vẫn còn được bảo tồn cho đến ngày nay, để tôn vinh Lễ Lên Trời vinh hiển và cao quý của Đức Mẹ. German đã trang hoàng lộng lẫy các ngôi thánh đường này bằng các bức tranh thánh và các vật phẩm thiêng liêng khác.

Thánh German đặc biệt tận tâm trong việc truyền bá đức tin chân chính của Chúa Kitô giữa những người Hồi giáo và những người ngoại đạo. Cuộc sống nghiêm khắc và đầy tinh thần khổ hạnh của vị mục tử thánh thiện đã thu hút nhiều người đến với ngài. Có người đến để xin lời khuyên, có người đến để xin lời chúc lành. Đấng Phúc Âm đón nhận tất cả mọi người với tình yêu thương, không phân biệt giữa những người Chính Thống và những người không tin, giúp đỡ mọi người như nhau và đối xử với tất cả bằng sự quan tâm như nhau. Cách cư xử của vị thánh này đã tác động mạnh mẽ đến những người ngoại đạo, đến nỗi họ bắt đầu chấp nhận đức tin chân chính của Chúa Kitô. Thánh German hào phóng giúp đỡ tất cả những ai tìm đến ngài để xin giúp đỡ. Tuy hào phóng và nhân từ với người khác, vị thánh lại rất nghiêm khắc và khắt khe với bản thân. Cho đến nay, căn phòng tu hành chật hẹp của ngài vẫn còn được bảo tồn, dài 1,5 sažen, rộng khoảng một sažen. Trong khi giúp đỡ mọi người, ngài tự mình cố gắng không cần sự trợ giúp từ bên ngoài, tự tay may vá quần áo cho mình. Cho đến nay, chiếc đệm kim, kim và chỉ mà Thánh German từng sử dụng vẫn còn được lưu giữ. Trong khi lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn mình, vị mục tử nhân từ này cũng quan tâm không kém đến các tu sĩ của Tu viện Sviyazhsk. Giống như vị Bề trên, tất cả các tu sĩ đều phải tuân theo một lối sống nghiêm ngặt nhất. Từ trong số họ, Thánh German đã chọn ra những người xứng đáng để rao giảng Lời Chúa giữa những người chưa tin, đồng thời chính ngài cũng là tấm gương sáng cho tất cả. Nhờ những nỗ lực của ngài, một số lượng lớn các cuốn sách viết tay, bao gồm cả sách phụng vụ và các loại sách khác cần thiết cho công việc rao giảng vĩ đại, đã được sưu tầm. Tu viện Đức Mẹ Sviyazhsk là trung tâm từ đó ánh sáng của đức tin Kitô giáo bắt đầu lan tỏa. Nhờ sự chăm lo không ngừng nghỉ của vị thánh, tu viện này đã hoàn thành sứ mệnh cao cả của mình và còn tiếp tục là trung tâm truyền giáo ở vùng đông bắc nước Nga trong một thời gian dài. Tình huynh đệ đã gắn kết Thánh German với Thánh Guriy. Vị Tổng Giám mục này đánh giá cao những đóng góp và công lao của một cộng sự nhiệt thành như Thánh German. Họ thường trao đổi thư từ về các vấn đề liên quan đến giáo dục Giáo hội. Về phần mình, Thánh Guriy hoàn toàn tin tưởng vào vị nhà truyền giáo nhiệt thành của đức tin Kitô giáo này. Ngài đã giao phó cho chính Thánh German không chỉ việc xét xử và quản lý Tu viện

[7568] Sviyazhsk – một thị trấn huyện thuộc tỉnh Kazan, nằm bên sông Sviyaga.

Sviyazhsk, mà còn cả các nhà thờ trong toàn vùng Sviyazhsk. Tất cả những công lao của ngài đều được Sa hoàng biết đến. Như vậy, Thánh German đã cống hiến hơn tám năm.

Ngày 6 tháng 12 năm 1563, sau nhiều công lao và chiến công, Đức Tổng Giám mục Guri của Kazan đã thanh thản dâng linh hồn trong sạch của mình lên Chúa. Sa hoàng Ioann Vasilievich Grozny và Tổng giám mục Moskva Afanasy đã triệu tập Thánh German đến Moskva, với mong muốn tấn phong ngài lên ngôi Tổng giám mục tại Kazan. Trước đó, họ đã nghe nói nhiều về lòng nhiệt thành của vị thánh nhân này và nhận thấy ngài là người kế vị duy nhất xứng đáng với Thánh Guriy. Thánh German, được triệu tập đến Moscow bằng sắc lệnh của Công đồng, ban đầu đã từ chối, nhưng sau đó buộc phải nhượng bộ trước yêu cầu của Sa hoàng và Công đồng được thánh hiến. Ngày 12 tháng 3 năm 1564, ngài được tấn phong làm Tổng Giám mục Kazan và Sviyazhsk. Trong quá trình chăn dắt đoàn chiên, ngài kiên định bước theo dấu chân của vị thầy vĩ đại và người hướng dẫn của mình là Thánh Guriy. Ngài đặc biệt nhiệt thành trong việc truyền bá đức tin Kitô giáo. Để thực hiện điều này, ngài đã thiết lập chế độ sống chung tại Tu viện Zilantovsky[7569] nhằm tăng số lượng tu sĩ trong tu viện này và mở rộng trường học dành cho con em người ngoại quốc. Một trong những người cùng thời với ngài, Công tước Kurbsky – nhân vật nổi tiếng trong lịch sử Nga – đã nhận xét về Thánh German như sau: "German là người xuất thân từ dòng dõi quý tộc, không cao lớn về thể chất mà cao cả về trí tuệ, là người sống cuộc đời chính trực và thánh thiện, là nhà nghiên cứu Kinh Thánh và là người nhiệt thành vì Chúa trong các công việc thuộc linh; ông không dính líu đến bất kỳ thói quen gian dối hay đạo đức giả nào, mà là một con người giản dị, chân thật, kiên định, là người trợ giúp vĩ đại cho những ai đang gánh chịu tai ương và hoạn nạn, và vô cùng nhân từ với những người nghèo khó".

Dưới sự hỗ trợ của vị thánh, Tu viện Ivanovsky ở Kazan đã được xây dựng vào thời điểm đó, và vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Đây là dấu hiệu rõ ràng cho thấy sự tận tụy của vị thánh trong việc làm cho các nhà thờ của Chúa trở nên trang nghiêm. Trong những công việc như vậy, vị thánh đã lãnh đạo giáo đoàn Kazan khoảng hai năm. Năm 1566, Tổng Giám mục Moskva Afanasy, do sức khỏe suy yếu, đã từ chối việc điều hành Giáo hội. Cuộc sống tu hành nghiêm khắc của Thánh German được Sa hoàng Ivan Bạo chúa biết đến rõ ràng, và ông mong muốn German sẽ đảm nhận ngôi vị Tổng Giám mục. Theo lệnh của Sa hoàng, vị thánh Kazan đã được triệu tập đến Moskva. Vào thời điểm đó, tính cách của Ivan đã có một sự thay đổi đáng buồn: tính đa nghi vốn đã có từ trước của ông ngày càng gia tăng. Ông bao quanh mình bằng một đám lính cận vệ không xứng đáng, những kẻ lạm dụng lòng tin của Sa hoàng để gây ra những bất công và đàn áp. Được triệu tập đến Moscow theo ý muốn của nhà vua, Herman ban đầu từ chối gánh nặng được giao phó. Nhà vua không chấp nhận sự phản đối, và Herman buộc phải dọn vào cư ngụ tại dinh thự của tổng giám mục, ngay cả trước khi được tấn phong làm tổng giám mục. Tuy nhiên, ông chỉ ở lại đây trong một thời gian ngắn. Ông chứng kiến những bất công mà những tay sai độc ác của nhà vua gây ra cho dân chúng; với nỗi buồn , ông nhận thấy tính cách của Ivan Grozny đã thay đổi đến mức nào – và không thể chịu đựng được: trung thành với bổn phận mục vụ của mình, ông đã cố gắng khuyên răn nhà vua, nói với ông ta về sự cần thiết phải ăn năn chân thành, về những cực hình trong tương lai và về hạnh phúc vĩnh cửu. Sa hoàng Grozny không thể chịu đựng được những lời quở trách của vị thánh đáng kính. Ông rời khỏi phòng của Herman với vẻ mặt u ám. Những tên Oprichnik, khi biết chuyện này, bắt đầu thuyết phục sa hoàng. Họ biết rõ vị thánh này, hiểu rằng vị mục tử này là một người quở trách đáng sợ đối với họ, người sẽ không ngừng và dũng cảm nói lên sự thật với sa hoàng.

– Bệ hạ vĩ đại, – những tên Oprichnik xảo quyệt nói, – không xứng đáng để ngài phải nghe những lời vô nghĩa của nô tì này. Chẳng lẽ ngài muốn rơi vào cảnh nô lệ, còn nặng nề hơn cả quãng thời gian ngài đã phải chịu đựng dưới tay Silvestr và Adashev suốt bao nhiêu năm qua sao?

Người phản đối vị thánh nhất chính là Alexei Basmanov, người được nhà vua sủng ái, cùng với con trai ông ta. Tất cả các thành viên Oprichnina đều không ngừng khẩn cầu nhà vua đừng bổ nhiệm Herman lên ngôi Tổng Giám mục Moscow. Ivan Đệ Tam đã nghe theo những người được sủng ái của mình. Ông ra lệnh truyền đạt với Herman:

– Ngươi còn chưa được phong làm tổng giám mục, mà đã tước đoạt tự do của ta rồi.

Thánh nhân đã ở Moscow trong tình trạng bị thất sủng khoảng hai năm. Ông không được phép trở về Kazan, dù vẫn được coi là Tổng giám mục Kazan. Trong thời gian này, ông bị giam giữ dưới sự giám sát của các

[7569] Tu viện nam Zilantovsky gần Kazan được thành lập theo lệnh của Ivan Bạo chúa tại nơi an táng các chiến binh đã hy sinh trong trận chiếm Kazan.

quan chức thi hành án. Nhưng với tư cách là người vạch trần sự bất công một cách chân thành, ngay cả khi bị giam cầm, ông vẫn khiến các thành viên Oprichnina khiếp sợ. Ngày 6 tháng 11 năm 1567, Thánh German qua đời. Người ta cho rằng những kẻ thuộc đội Oprichniki chính là những kẻ đã sát hại vị thánh nhân này. Archimandrite Irodion của Tu viện Sviyazhsk, người đã ở Moscow cùng với vị thánh nhân, đã an táng thi hài Thánh German tại Nhà thờ Thánh Nicholas, còn được gọi là "Mokry"[7570] .

Nhưng Chúa đã muốn tôn vinh vị thánh nhân của Ngài bằng những phép lạ và các dấu hiệu kỳ diệu. Trong quá trình tu sửa Nhà thờ Thánh Nicholas, các di cốt của vị thánh này đã được phát hiện. Năm 1592, người dân Sviyazhsk, sau khi nghe tin về những phép lạ từ di cốt của Thánh German, đã thỉnh cầu Sa hoàng Feodor Ioannovich và Thượng phụ toàn Nga Iov cho phép họ chuyển di cốt của vị thánh này từ Moscow về Tu viện Sviyazhsk, nơi chính vị thánh này đã sáng lập. Lời thỉnh cầu này đã được chấp thuận: vào ngày 25 tháng 9 năm 1592, di cốt của vị thánh đã được người dân Sviyazhsk long trọng đón rước. Rất nhiều phép lạ chữa lành và điềm lành đã xảy ra trong dịp này. Ngay khi di cốt của Thánh German được rước vào Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời của Tu viện Sviyazhsk, một mùi hương thơm ngát đã lan tỏa khắp tu viện. Trong dịp này, hai người mù đã được sáng mắt, và nhiều phép lạ khác cũng đã xảy ra. Hơn một trăm năm sau, vào năm 1696, di cốt của vị thánh lại được xác nhận, và kể từ thời điểm đó, lễ kỷ niệm ngày thánh của ngài đã được tổ chức rộng rãi trên khắp nước Nga. Năm 1704, di cốt của vị thánh được chuyển từ bàn thờ của Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời vào chính nhà thờ. Lễ chuyển di cốt này diễn ra vào ngày 23 tháng 7 năm 1704 dưới sự chủ trì của Tổng Giám mục Tikhon. Kỷ niệm sự kiện này vẫn được cử hành long trọng cho đến ngày nay.

Đó là cuộc đời của Thánh German, đó là những công lao của ngài, và sự kiên định của ngài trong đức tin vào Chúa Kitô. Chúng ta hãy noi gương vị thánh tu hành này, hãy noi theo cuộc đời đạo đức của ngài, hãy luôn ghi nhớ trong tâm hồn vị thánh vĩ đại của Giáo hội Nga này và kêu cầu danh thánh của ngài, để ngài cầu nguyện cho các bạn trước mặt Chúa, và vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Như một vị mục tử vĩ đại, đồng nhất về tính cách, và là vị thầy của toàn thể vũ trụ, đồng nhất về tư tưởng, người phục vụ tận tụy của Giáo hội Chúa, và người xây dựng các Bí tích của Chúa Kitô với lòng kính sợ, những người tín hữu đã tụ họp lại tại tu viện Svyazhsk do vị sáng lập viên khôn ngoan của Chúa thành lập, và đoàn chiên mới được soi sáng tại Kazan của Thánh German, chúng ta hãy ca ngợi ngài bằng những bài ca và tiếng hát, và thưa rằng: Xin đừng ngừng cầu nguyện cho tu viện và toàn thể đoàn chiên của ngài, xin giữ cho tu viện được thánh thiện, và đoàn chiên được an toàn trong đức tin và sự sùng kính.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Thức trắng trong lời cầu nguyện, là người quản lý tốt lành và vâng lời, ngài đã rèn luyện linh hồn mình bằng sự kiên nhẫn, thực hành những việc khiêm nhường và hiền lành, ngài đã trang hoàng ngai thánh chức bằng đức tin và lòng đạo đức, thưa Cha Thượng phụ German: xin cầu thay cho Chúa Kitô, Thiên Chúa, vì tu viện và toàn thể đoàn chiên của ngài, như sự củng cố cho đoàn chiên của ngài, và là sự trang hoàng rực rỡ cho các vị thánh kế vị ngài.

Lễ kỷ niệm Thánh Luca

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 11

Thánh Luca, vị cha đáng kính của chúng ta, xuất thân từ thành phố Tavromene thuộc Sicily[7571] . Ngay từ khi còn trẻ, ngài đã siêng năng đến các nhà thờ của Chúa và không chỉ là người lắng nghe mà còn là người thực hành các Kinh Thánh. Và khi cha mẹ ngài có ý định tìm vợ cho ngài, ngài đã lén rời khỏi nhà cha mẹ vào ban đêm

[7570] Nhà thờ Thánh Nicholas Mokry nằm ở Moscow, trong khu Kitay-Gorod, tại Zaryadye.
[7571] Tavromenia – một thành phố quan trọng trên bờ đông của Sicily.

để đến một sa mạc hoang vu, nơi ngài sống cùng với các loài thú. Sau 14 ngày ăn chay, ngài đã được Chúa và các Thiên thần viếng thăm. Cuối cùng, ngài đến một tu viện, nơi ngài nhận tu và dấn thân vào cuộc sống ăn chay khắc khổ: cứ ba hoặc bốn ngày, ngài mới ăn một ít bánh mì và uống nước, và hầu như không ngủ. Ông đã sống như vậy trong một năm rưỡi. Sau đó, cùng với một tu sĩ khác, ông rời khỏi đó để lên núi Etna, nơi ông tu hành, chỉ ăn các loại thảo mộc mọc trên ngọn núi này; ông ít nghỉ ngơi, ít ngủ, luôn mặc cùng một bộ quần áo và đi chân trần. Ông có quy định và thói quen là không ra khỏi phòng tu của mình cho đến khi đọc xong toàn bộ Sách Thánh Vịnh. Thông thường, ông hoàn thành việc đọc vào giờ thứ ba. Từ giờ thứ ba đến giờ thứ sáu, vị thánh nhân miệt mài làm việc. Và chỉ sau giờ thứ sáu, ông mới ăn một chút thức ăn, nhưng vẫn không ngừng công việc của mình. Nhờ sống như vậy, ngài đã được ban ân sủng lớn lao và thấu hiểu mọi sự khôn ngoan, đến nỗi có người ngạc nhiên thốt lên: "Làm sao ngài lại biết những cuốn sách ấy?" Theo sự mặc khải đã nhận được, ngài đã đến một nơi, nơi ngài tập hợp 12 tu sĩ và hết lòng lo liệu việc tổ chức đời sống tu hành cho họ. Vì mục đích này, ngài thậm chí còn lên đường đến Byzantium, nơi ngài quan sát cách tổ chức các cộng đồng tu sĩ và trao đổi về vấn đề này với các vị cha ở đó. Từ đó, ngài tiếp tục đến Corinth, nơi ngài sống tại một tu viện không quá bảy tháng, rồi an lành về với Chúa.

Ngày 20 tháng 11

ngày 7 tháng 11 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Hieron và các môn đệ của ngài

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 11

Quê hương của Thánh Hieron là Cappadocia thứ hai (vĩ đại)[7572] , ngài sinh ra tại thành phố Tiana[7573] từ một người mẹ đạo đức và kính sợ Thiên Chúa, tên là Stratonike, dưới triều đại của các hoàng đế Diocletian và Maximian, những người đều là những kẻ sùng bái thần tượng cuồng nhiệt và những kẻ bách hại Kitô hữu.

Khi tin tức đến tai các hoàng đế rằng cư dân các vùng Armenia và Cappadocia, bất chấp các sắc lệnh hoàng gia, từ chối thờ lạy các thần tượng, thì sau nhiều cuộc họp bàn, họ đã chọn hai người đàn ông xảo quyệt, trung thành với đạo ngoại giáo và tàn bạo, Agricola và Lysius, và cử người thứ nhất đến Armenia, còn người thứ hai đến Cappadocia, ra lệnh cho họ, trước hết, phải xử tử tất cả các Kitô hữu ở đó không chịu thờ lạy các thần tượng, và thứ hai, phải tuyển mộ vào quân đội tất cả những người đàn ông và thanh niên có thể chất khỏe mạnh và đủ điều kiện phục vụ quân sự.

Khi đến Cappadocia, Lysius bắt đầu tìm kiếm bằng mọi cách những người đủ điều kiện để tuyển mộ. Trong số đó, người ta cũng báo cáo với ông về Hieron, một người khỏe mạnh, cường tráng và nổi bật bởi lòng dũng cảm đặc biệt. Lysius lập tức cử binh lính đi bắt và dẫn anh ta về. Những người được cử đi không gặp Hieron ở nhà: anh đang làm việc ngoài đồng. Các binh lính đến đó và định bắt anh ta; nhưng Hieron, khi biết mình bị bắt đi lính, đã từ chối đi theo họ, vì cho rằng đối với một Kitô hữu, việc giao du và phục vụ cùng với những kẻ thờ thần tượng là điều có hại. Các binh lính định bắt anh ta bằng vũ lực, nhưng Hieron, trong cơn giận dữ, đã nắm lấy một cành cây gần đó và bắt đầu đánh họ; anh ta tỏ ra mạnh hơn các binh lính đến mức họ phải bỏ chạy, còn anh ta đuổi theo họ như sư tử đuổi theo những con dê con. Tuy nhiên, những binh lính bị anh ta đánh tan tác lại tập hợp lại tại một nơi. Họ cảm thấy xấu hổ với nhau vì không những không thể đánh bại một người mà còn bị anh ta đuổi chạy. Họ sợ phải trở về trước mặt người đã cử họ đi với hai bàn tay trắng và bàn tán với nhau rằng nếu họ trở về mà không có Hieron, thì không chỉ bị mọi người chế giễu vì bị một người đánh bại tất cả, mà còn bị trừng phạt nặng nề vì sự hèn nhát. Vì vậy, họ đã gọi đồng bọn đến trợ giúp và lần thứ hai, với số lượng đông hơn nữa, họ ồ ạt tấn công Hieron. Nghe tin này, ông đã tập hợp một nhóm gồm mười tám người đàn ông – những tín đồ Kitô giáo – cùng ẩn náu trong một hang động gần đó và từ đó đẩy lùi cuộc tấn công của những kẻ ngoại đạo đang bao vây ông. Trong khi đó, những kẻ

[7572] Cappadocia Thứ hai hay Cappadocia Lớn – là một vùng đất rất rộng lớn ở trung tâm phần phía đông của Tiểu Á, phía tây thượng nguồn sông Euphrates. Ngày xưa, Cappadocia từng là một trong những quốc gia quan trọng của châu Á, nhưng sau đó đã mất độc lập và cuối cùng trở thành một tỉnh của Đế chế La Mã (vào năm 17 hoặc 18 sau Công nguyên).

[7573] Tiana – một thành phố ở phía tây nam Cappadocia. Ngày nay là Nigrî hoặc Nigdelî.

ngoại đạo này báo cáo với thủ lĩnh của họ rằng Hieron cùng các Kitô hữu khác đã ẩn náu trong hang động, và họ không thể bắt được ông. Thủ lĩnh đã cử thêm nhiều binh lính đến hỗ trợ, nhưng họ vẫn không thể làm gì được, vì sợ Hieron, không ai dám đến gần lối vào hang động. Lúc đó, chỉ huy đã cử một người bạn của Ieron, tên là Kyriak, đến gặp họ. Kyriak, khi đến nơi, đã khuyên các binh lính rút lui khỏi hang động, vì Ieron – ông nói – chỉ có thể được thuyết phục bằng sự ôn hòa và lời khuyên tốt đẹp, chứ không phải bằng vũ lực. Khi các binh lính đã rời đi, Kyriak bước vào gặp Ieron và thuyết phục anh ta đừng chống lại chính quyền mà hãy đi đăng ký nhập ngũ. Bằng cuộc trò chuyện ôn hòa của mình, ông đã trấn an Ieron, dẫn anh ta ra khỏi hang động và đưa về nhà gặp mẹ anh – một bà góa già và mù lòa. Bà bắt đầu khóc than thảm thiết cho con trai, gọi anh là chỗ dựa trong tuổi già và là ánh sáng cho đôi mắt mù lòa của bà, đồng thời than thở rằng bà đang mất đi niềm an ủi duy nhất trong cuộc sống góa bụa đầy buồn bã của mình. Trong khi đó, những người lính vây quanh Ieron ép buộc anh phải đi theo họ. Sau khi chia tay người mẹ đang khóc lóc, cùng những người hàng xóm và bạn bè đã tụ tập ở đó, Ieron dẫn theo một người họ hàng tên là Victor, rồi cùng các chiến binh đi đến thành phố Melitina[7574] , được hai người thân cận là Matronian và Anthony cùng một số tín hữu khác tháp tùng. Những người lữ hành không kịp đến Melitina trước khi mặt trời lặn[7575] và đã qua đêm tại nơi mà đêm đã ập đến với họ. Vào ban đêm, một người mặc áo trắng đã hiện ra trước mặt thánh Ieron và báo tin cho ngài bằng giọng nói hiền lành và tràn đầy tình yêu thương:

– Hieron ơi, ta mang tin mừng cứu rỗi đến cho ngươi! Ngươi đang đi trên con đường chính đáng, vì ngươi đang nỗ lực vì Vua Trời và sẽ không tranh đấu vì vinh quang trần thế chóng tàn… Sắp tới, ngươi sẽ về với Vua Trời và nhận được từ Ngài vinh dự và vinh quang cho những công lao của mình.

Những lời này của vị hiện thân đã lấp đầy trái tim Ieron bằng niềm vui khôn tả.

Khi người ấy biến mất, Ieron tỉnh dậy và hân hoan thông báo cho những người bạn và người thân đang ở bên cạnh:

– Ta đã biết được bí mật về ân sủng của Đức Chúa Trời dành cho ta, và giờ đây ta hân hoan bước trên con đường đang chờ đợi ta. Chỉ có một kho báu chân thật, một gia tài chân thật, những của cải chân thật duy nhất, đó là những gì được cất giấu trên trời; còn mọi của cải trần gian đều không mang lại lợi ích gì cho những ai nhận được chúng: *"Con người được lợi gì nếu chiếm được cả thế gian mà lại làm tổn hại linh hồn mình? Hay con người sẽ lấy gì để chuộc lại linh hồn mình?"* (Mt 16:26)[7576] . Đối với tôi, không có gì quý giá và tốt đẹp hơn linh hồn... Tôi đã dành quá nhiều thời gian trong cuộc đời mình để phục vụ những điều hư vô, giờ đây tôi đang trên đường về với Thiên Chúa. Chỉ có một điều khiến tôi băn khoăn – nỗi buồn của mẹ tôi, một góa phụ già yếu, đã mù lòa và không có ai giúp đỡ hay che chở. Nhưng tôi đang đi để chết vì Chúa Kitô, và tôi phó thác mẹ tôi cho Ngài, Đấng là Cha của những đứa trẻ mồ côi và các góa phụ."

Nói xong, Thánh Hieron đã rơi vài giọt nước mắt vì mẹ mình rồi lên đường. Tại Melitene, Thánh Hieron cùng với ba mươi ba tín hữu Kitô giáo khác bị giam vào ngục tối. Tại đây, ngài đã nói với các bạn tù của mình:

– Hãy nghe lời khuyên của tôi, các bạn và anh em thân mến, lời khuyên này sẽ có ích cho các bạn không phải trong cuộc đời này, mà là trong cuộc đời mai sau. Tất cả những ai kính sợ Đức Chúa Trời đều tìm kiếm những ân huệ vĩnh cửu trong đời sau, chứ không phải những điều tạm bợ trần gian. Các anh em đã nghe nói rằng vào sáng mai, họ muốn ép chúng ta dâng lễ vật cho các thần ngoại đạo giả dối: chúng ta đừng vâng lời, đừng thờ lạy các thần tượng và đừng dâng lễ vật cho chúng; thay vào đó, chúng ta hãy dâng lễ vật ngợi khen lên Đức Chúa Trời chân thật của chúng ta và dâng lên Ngài những lời cầu nguyện của chúng ta; khi nghe thấy những lời cầu nguyện đó, Ngài sẽ ban cho chúng ta sức mạnh để kiên cường và dũng cảm chịu đựng sự đau khổ, và ban cho chúng ta một cái chết hạnh phúc.

Những người nghe Hieron đồng thanh đáp lại:

– Lời của ngài ngọt ngào như mật ong đối với chúng tôi! Ngài khuyên chúng tôi điều thực sự hữu ích và cứu rỗi cho chúng tôi, và tất cả chúng tôi thà chết vì Chúa Kitô còn hơn là thờ lạy các thần tượng và sống trong sự hư vô.

[7574] Melitina – một thành phố ở Armenia, ngày nay là Malatya.

[7575] Vào thời đó, các cổng thành, tức là các lối vào được xây trên bức tường bao quanh toàn bộ thành phố, được đóng lại khi mặt trời lặn, và sau đó không ai có thể vào thành phố được nữa.

[7576] Lời của Đấng Cứu Thế. *Làm tổn thương linh hồn* có nghĩa là khiến nó trở nên say mê những điều phù phiếm trần gian và không còn khả năng đạt được cuộc sống hạnh phúc vĩnh cửu, và do đó, khiến nó phải chịu sự đau khổ vĩnh viễn trong địa ngục.

Các lính canh nhà tù đã báo cáo quyết định này của các tù nhân cho chính Lizius. Sáng hôm sau, ông ra lệnh dẫn các thánh tử đạo từ nhà tù đến trước mặt mình để xét xử, đặt họ trước mặt và giận dữ hỏi:

– Con quỷ nào đã xúi giục các ngươi đưa ra quyết định điên rồ là chống lại quyền lực và không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế phải thờ lạy các vị thần vĩ đại?

– Chắc chắn chúng tôi sẽ là những kẻ điên rồ và là con rối trong tay các quỷ dữ – các thánh nhân đáp – nếu chúng tôi dành sự tôn kính, vốn chỉ thuộc về một mình Đức Chúa Trời, cho những tác phẩm bằng gỗ và đá do bàn tay con người tạo ra. Nhưng giờ đây chúng tôi đang hành động một cách khôn ngoan, vì chúng tôi thờ phượng Đấng Tạo Hóa của vạn vật, Đấng đã tạo ra trời và đất bằng Lời của Ngài và đã đưa chúng từ hư vô vào hiện hữu bằng Thần Khí từ miệng Ngài[7577] .

Lúc đó, một người có mặt tại phiên tòa chỉ vào Hê-rôn và nói với Li-xi-a rằng:

– Kìa, đây là người đã chống lại các sứ giả của ngươi, và tất cả những gì ngươi đã nghe nói, chính là do hắn làm.

Lysias nhìn Hieron, hỏi anh ta quê quán ở đâu, và khi Hieron nêu tên quê hương và nơi sinh của mình, ông lại hỏi anh ta:

– Chính ngươi đã chống lại mệnh lệnh của nhà vua, tự tin vào sức mạnh thể chất của mình, và đánh đập những chiến binh được cử đi truy bắt ngươi phải không?

– Vâng, chính tôi, – Hieron dũng cảm đáp lại, – *"Làm sao tôi lại không ghét những kẻ ghét Ngài, lạy Chúa, và không khinh bỉ những kẻ nổi loạn chống lại Ngài?"* (Thi Thiên 138:21). Chính vì thế mà tôi đã đánh đập họ và đuổi họ đi như những con thỏ hèn nhát.

Nghe những lời này, Lysius nổi giận và, không công nhận sự dũng cảm và sức mạnh của Ieron, đã quở trách anh ta vì sự bất tuân và nói:

– Sự điên rồ của ngươi đã đẩy ngươi đến mức táo tợn đến nỗi ngươi đã bất tuân mệnh lệnh của nhà vua, không tuân theo cả lệnh của ta nữa, và đánh đập những người mà chúng ta đã cử đi. Vì điều này, ta ra lệnh chặt đứt bàn tay táo tợn của ngươi, bàn tay đã tuân theo cái đầu điên rồ đó, cho đến tận khuỷu tay.

Và ngay lập tức, tay của Thánh Hieron đã bị chặt đứt, còn các thánh khác, theo lệnh của chính tên tra tấn đó, đã bị đánh đập tàn nhẫn trong một thời gian dài.

Sau đó, tất cả họ lại bị ném vào ngục tối và đã tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho họ ân sủng được chịu những cực hình như vậy vì Danh Thánh của Ngài. Nhưng một trong số họ, tức là Victor đã được nhắc đến ở trên, người thân của Thánh Hieronymus, vì kiệt sức do những trận đòn đã chịu và lo sợ những trận đòn còn tàn khốc hơn trong tương lai, đã bí mật gọi viên quan phụ trách ghi chép danh sách các Kitô hữu bị bắt và bị tra tấn đến gặp mình, rồi khiêm nhường van xin ông ta gạch tên mình, Viktor, khỏi danh sách những tù nhân đang chịu đau khổ vì Chúa Kitô, đồng thời hứa sẽ tặng cho viên chức đó một điền trang. Bị mua chuộc bởi món quà được hứa hẹn, viên quan đã thực hiện lời thỉnh cầu của Victor – xóa tên anh khỏi danh sách và thả anh ra khỏi ngục vào ban đêm. Nhưng Victor, sau khi ra khỏi ngục, chẳng bao lâu sau đã qua đời và như vậy đã mất cả điền trang, cả mạng sống, lẫn vương miện tử đạo.

Khi bình minh ló rạng, Thánh Hieronymus biết được chuyện đã xảy ra và, tràn ngập nỗi buồn vô tận, ông khóc nức nở vì người thân của mình, thốt lên:

– Ôi, Victor! Ngươi đã làm gì vậy? Ôi, ngươi đã phải trả giá đắt biết bao! Tại sao ngươi lại tự mình giao mình vào tay kẻ thù? Tại sao ngươi lại chọn sự nhục nhã của việc bỏ trốn thay vì vương miện vinh quang? Tại sao ngươi lại đánh đổi cuộc sống vĩnh cửu lấy cuộc sống tạm bợ? Tại sao ngươi lại coi sự nhẹ nhõm tạm thời cao hơn niềm vui vô tận? Ôi, những đau khổ ngắn ngủi từ những vết thương nhỏ nhoi đã làm ngươi bối rối biết bao, những vết thương ấy chẳng là gì so với những cực hình vĩnh cửu đang chờ đợi ngươi theo phán quyết của Đức Chúa Trời!

Sau khi khóc thương người đã rời bỏ hình ảnh của một vị tử đạo, Thánh Hieron đã gọi hai người thân của mình là Antony và Matronian, những người đã theo ngài, lại gần và nói với họ:

– Hãy lắng nghe di nguyện cuối cùng của ta và, khi trở về từ đây, hãy thực hiện nó. Tài sản của ta ở Pisidia[7578] , ta trao lại cho em gái ta là Theotimia, để cô ấy, bằng cách lấy từ đó những gì cần thiết cho sinh hoạt, sẽ

[7577] Câu trả lời của vị tử đạo Lysias dựa trên lời này: *"Bằng lời của Chúa, các tầng trời đã được dựng nên, và bằng hơi thở từ miệng Ngài – cả đạo binh của chúng"* (Thánh Vịnh 32:6).

cử hành lễ tưởng niệm cho ta vào ngày ta qua đời. Tất cả tài sản còn lại của tôi, tôi để lại cho mẹ tôi, vì bà là góa phụ và con cái mồ côi; hãy trao cho bà cả bàn tay bị chặt đứt của tôi và dặn bà viết thư xin quan trưởng thành Ankira[7579] , ngài Rusticus cao quý, cấp cho bà một ngôi nhà ở Vadisana[7580] , nơi bàn tay của tôi sẽ được an táng.

Sau khi để lại di chúc này cho những người thân, Thánh Hieron đã bình thản chờ đợi cái chết tử đạo của mình. Và rồi, vào ngày thứ năm, Lysius lại ngồi lên ghế thẩm phán và, sau khi triệu tập các thánh nhân, bắt đầu ép buộc họ phải thờ lạy các thần tượng. Ông đã cố gắng rất lâu, bằng cả lời ngọt ngào lẫn lời đe dọa, để lôi kéo họ rời xa Chúa Kitô, nhưng không thành công chút nào; vì thế, ông ra lệnh trước tiên đánh họ không thương tiếc bằng gậy, rồi sau đó kết án họ phải bị chém đầu bằng gươm. Sau nhiều cực hình, các thánh tử đạo đã bị kết án tử hình. Dưới sự dẫn dắt của Thánh Hieronymus, trên đường đến nơi hành quyết, các ngài hân hoan hát lên những lời trong Thánh vịnh:

"Phúc cho những ai sống ngay thẳng trên đường lối, tuân giữ luật pháp của Chúa" (Thánh vịnh 118:1). Khi đến nơi hành quyết, họ quỳ gối và cầu nguyện cùng Chúa:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin hãy đón nhận linh hồn chúng con!

Sau đó, những cái đầu thánh của họ bị chém bằng gươm. Antôn và Mát-rô-ni-an đã xin Lizius cho phép họ mang thi thể của người thân là Giê-rôn về, và khi Lizius không đồng ý, họ đã van nài ông hãy trao cho họ ít nhất là cái đầu bị chém của Giê-rôn. Ông ta trả lời rằng sẽ chỉ trao đầu cho họ nếu họ trả một lượng vàng có trọng lượng tương đương. Antôn và Matronian vô cùng đau buồn vì họ không có đủ số vàng mà Lysius đòi hỏi để đổi lấy cái đầu, mặc dù, không nghi ngờ gì nữa, cái đầu trong sạch của vị tử đạo đáng giá hơn gấp bội. Lúc đó, Thiên Chúa đã gieo vào lòng một người đàn ông giàu có và nổi tiếng tên là Chrysaphius, để ông ta chuộc lại cái đầu của vị thánh tử đạo Hieron: ông đã trao cho Lysius lượng vàng bằng chính trọng lượng của cái đầu, và sau khi nhận lại, ông đã cất giữ nó một cách tôn kính tại nhà mình. Lysius, kẻ tham lam, bấy giờ bắt đầu đi tìm bàn tay bị chặt đứt của vị thánh, với hy vọng sẽ nhận được vàng từ nó; nhưng khi Antôn và Matronian biết được điều này, họ đã trốn về quê hương vào ban đêm, mang theo bàn tay thánh, còn thi thể của ngài và các thánh tử đạo khác, những người bị chặt đầu cùng với ngài, thì các Kitô hữu khác đã bí mật mang đi và chôn cất tại một nơi kín đáo. Hai anh em nói trên đã mang bàn tay của Thánh Hieron đến cho mẹ ngài là Stratonique, và trao cho bà những di vật thiêng liêng đó. Người mẹ, khi nhận lấy bàn tay bị chặt đứt vì Chúa Kitô của người con trai yêu quý, đã rửa nó bằng nước mắt, hôn lên đó bằng nụ hôn của người mẹ và áp vào mắt mình. Vừa vui mừng vì con trai, vừa chìm đắm trong nỗi đau buồn tự nhiên, bà nói trong nước mắt:

– Con trai yêu quý của mẹ, người mà mẹ đã sinh ra khỏe mạnh và tràn đầy sức sống! Giờ đây, mẹ chỉ còn lại một phần nhỏ thi thể đã chết của con, nhưng chính điều đó lại khơi dậy trong lòng mẹ nỗi đau thương càng lớn hơn. Ôi, con trai của mẹ ơi! Mẹ đã sinh con trong cơn đau đớn, nuôi nấng con trong vất vả, hy vọng con sẽ là chỗ dựa khi mẹ về già, là chỗ nương tựa khi mẹ ốm đau, là nguồn an ủi trong những lúc đau buồn, thế mà thay vào đó, mẹ lại mất con, ánh sáng của đôi mắt mù lòa này. Nhưng tại sao ta lại khóc, trong khi lẽ ra ta phải vui mừng và hân hoan vì ta là mẹ của một vị tử đạo, vì ta đã dâng hiến kết quả trong lòng mình cho Thiên Chúa, vì con, đứa con yêu dấu, đã ra đi không giống như cách mà người ta thường ra đi? Bởi lẽ cái chết tử đạo, như cách con đã ra đi, sẽ dẫn đến nhiều ân huệ vĩ đại! Nhưng, dù đã rời xa mẹ, con đừng bỏ rơi mẹ hoàn toàn, con trai yêu dấu của mẹ, và trong những lời cầu nguyện của con, hãy cầu thay cho mẹ trước mặt Chúa, Đấng mà con đã đổ máu mình ra vì Ngài, để Ngài cũng sớm giải thoát mẹ khỏi cuộc đời đầy gian khổ và ngập tràn mọi nỗi khổ này.

Sau khi khóc lóc như vậy, Stratonica đặt tay của vị thánh vào chính nơi mà ngài đã chỉ định, và thực hiện tất cả những điều ngài đã di chúc. Còn Chrysaphius, người đã trả tiền chuộc bằng vàng để lấy đầu Thánh Hieron, sau một thời gian đã xây dựng một nhà thờ tại nơi các thánh tử đạo bị chặt đầu, và long trọng an táng đầu của vị tử đạo tại đó, ca ngợi Thánh Ba Ngôi.

[7578] Pisidia – một tỉnh thuộc Tiểu Á của Đế quốc La Mã, nằm ở phía tây nam của Cappadocia. Tại đây, Thánh Tông đồ Phaolô đã rao giảng đạo Kitô

[7579] Ancyra – thành phố thủ phủ của tỉnh Galatia thuộc Tiểu Á của Đế quốc La Mã, ngày nay là Angora. Galatia nằm ngay giữa bán đảo Tiểu Á, còn Ancyra nằm ở rìa phía tây bắc của tỉnh.

[7580] Chưa rõ "Vadisanmont" là gì. Người ta cho rằng đây chính là Vasadon hoặc Valvadon – một thành phố ở Cappadocia.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Hình ảnh các vị tử đạo rạng ngời, đoàn quân ánh sáng, đã xuống với chúng con một cách khôn ngoan, hôm nay đã soi sáng Giáo hội bằng những tia sáng kỳ diệu. Vì vậy, khi kỷ niệm ngày lễ tôn kính của các ngài, chúng con xin Ngài, Đấng Cứu Chuộc của chúng con: nhờ lời cầu nguyện của các ngài, xin giải thoát chúng con khỏi mọi tai ương, để chúng con có thể hát lên: Alleluia.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Melasippus, Cassinia và Antoninus

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 11

Các thánh tử đạo Melasippus, vợ ngài là Cassinia và con trai Antoninus đã chịu tử đạo dưới thời hoàng đế bội đạo Julianus[7581] tại thành phố Ancyra[7582] . Antoninus bị giam vào ngục tối, còn Melasippus và Cassinia thì bị treo cổ, sau đó thi thể của họ bị những kẻ hành hình cạo da và thiêu đốt bằng lửa. Trong quá trình đó, người ta đã cắt bỏ vú của Thánh Kasinia, còn Thánh Melasipp thì bị chặt chân đến đầu gối. Trong lúc những cực hình đó đang diễn ra, con trai của họ là Antonin đã bị dẫn ra khỏi ngục tối. Khi chứng kiến cảnh cha mẹ mình bị tra tấn, anh đã an ủi họ và, cầm lấy những bộ phận cơ thể bị cắt rời của họ, anh hôn lên chúng. Trong những cực hình tàn bạo đó, Melasipp và Kasinia đã dâng linh hồn công chính của mình lên Chúa. Lúc đó, Antonin đã nhổ nước bọt vào mặt Julian. Kẻ tra tấn tàn bạo ra lệnh treo cổ Antonin và cạo da thịt anh; họ đập gãy xương ống chân anh và buộc một tảng đá nặng vào chân anh, sau đó, tháo anh xuống khỏi cây, đặt anh lên một tấm lưới sắt đang rực lửa. Sau tất cả những cực hình này, người tử đạo bị cạo trọc đầu, bị buộc một tảng đá vào cổ và bị dẫn đi khắp thành phố. Chưa dừng lại ở đó, người ta đưa ngài đến gặp tướng quân Agrippinus, người đã ra lệnh ném ngài vào lò lửa đang cháy rực rồi sau đó quăng cho thú dữ xé xác; nhưng cả trong lần tra tấn đầu tiên lẫn lần thứ hai, vị thánh vẫn không hề hấn gì. Bốn mươi thanh niên chứng kiến những cuộc tra tấn đó đã tin vào Chúa Kitô, và vì thế mà họ bị chém đầu. Thánh Antoninus bị đặt lên một chiếc giường sắt nung đỏ và bị đánh bằng những cây gậy sắt. Nhưng khi vị thánh vẫn không hề hấn gì, kẻ tra tấn đã ra lệnh chém đầu ngài.

Lễ kính các thánh tử đạo Avkta, Taurion và Thessalonica

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 11

Thánh nữ tử đạo Thessalonica là con gái của một thầy tế lễ thờ thần tượng. Sau khi được hướng dẫn về đức tin Kitô giáo, cô đã chịu phép rửa tội và trở thành một Kitô hữu chân chính, đến nỗi dù bị cha mình ép buộc phải từ bỏ Chúa Kitô và thờ lạy các thần tượng, cô vẫn không vâng lời ông. Vì thế, người cha vô đạo đã lột trần cô và đánh cô bằng những cây gậy đến mức làm gãy xương sườn của cô. Sau đó, ông ta đuổi cô ra khỏi nhà và tước đoạt phần thừa kế của cô, khiến cô buộc phải sống ngoài thành phố bằng số tiền ít ỏi do mẹ cô cho. Khi biết về hành động của vị thầy tế đó, hai người đàn ông là Avkt và Tavrion đã lên tiếng trách mắng ông ta. Ông ta liền đến gặp quan tổng trấn của vùng đất đó và tố cáo rằng họ đang bênh vực thánh Thessalonica. Quan tổng trấn đã ra lệnh tra tấn họ vì đã tuyên xưng Đức Kitô: họ bị ném đá, bị ném vào lửa và cuối cùng, bị trói lại với nhau, bị ném xuống hồ, nhưng các vị thánh vẫn không hề hấn gì. Sau đó, họ bị chém đầu bằng gươm. Thánh Thessalonica cũng bị tra tấn vì tuyên xưng Đức Kitô, và bà đã qua đời vì những cực hình đó. Thi hài của bà được an táng một cách trang trọng tại Amphipolis[7583] cùng với các thánh tử đạo Avkt và Taurion.

Lễ kính Thánh Lazarus

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 11

[7581] Julian trị vì từ năm 361 đến năm 363.
[7582] Ancyra là thành phố chính của Phrygia (vùng phía tây Tiểu Á).
[7583] Thành phố ở miền đông Macedonia.

Thánh Lazarus sinh ra tại Tiểu Á, ở thành phố Magnesia[7584] . Trước khi ngài chào đời, Đức Chúa Trời đã báo trước sự xuất hiện của ngọn đèn sáng này trên thế gian bằng một phép lạ đặc biệt: ngôi nhà của cha mẹ ngài bỗng chìm trong một ánh sáng rực rỡ đến nỗi những người phụ nữ có mặt trong đó đều bỏ chạy, chỉ còn lại một mình người mẹ đang mang thai đứa trẻ đầy ân sủng. Ngay khi chào đời, ngài đã đứng thẳng và quay mặt về hướng đông trong tư thế cầu nguyện, hai tay chắp trước ngực. Từ thuở ấu thơ, ngài đã nổi bật bởi tính cách không ác ý, hiền lành, lòng trắc ẩn và tình yêu thương dành cho người nghèo. Khi còn trẻ, dù được học hành chu đáo nhưng ngài lại xa lánh mọi thú vui trần tục và tuân theo tâm hồn đạo đức của mình, ngài đã lên đường hành hương đến Thánh địa Giê-ru-sa-lem, nơi ngài gia nhập tu viện Thánh Savva. Tại đây, ngài đã sống 10 năm, vượt trội hơn tất cả các tu sĩ anh em về sự vâng lời và mọi đức tính, và được Đức Thượng phụ Giêrusalem phong chức linh mục. Trong Mùa Chay Thánh, ngài rời tu viện lên một ngọn núi, không mang theo gì cả, và sống bằng các loại cây cỏ hoang dã[7585] . Tại đó, ngài nghe thấy một tiếng nói ra lệnh cho ngài trở về quê hương; trên đường về, ngài gặp phải trở ngại từ những ảo ảnh của kẻ thù, nhưng đã chiến thắng chúng. Khi về đến quê hương, ngài gặp lại mẹ mình, nhưng không ở lại với bà. Với khát vọng sống đời ẩn tu, Lazarus định cư trên ngọn núi hoang vắng Galisi, gần thành Ephesus. Tại đây, trong lúc cầu nguyện, một lần nọ ông bỗng được chiêm ngưỡng một thị kiến: ông thấy một cột lửa vươn lên trời, được bao quanh bởi vô số Thiên thần đang ca ngợi: “Xin Chúa Phục Sinh và kẻ thù của Ngài sẽ bị tiêu diệt!” Ông coi đó là chỉ dẫn từ trên cao và đã xây dựng tại nơi này một nhà thờ mang tên Sự Phục Sinh của Chúa Kitô, với sự hỗ trợ của Hoàng đế Byzantine Constantine Monomachos[7586] . Thánh Lazarus đã dựng một cột thiền định bên cạnh nhà thờ, nơi ngài tu hành với những việc làm cao cả của việc ăn chay và cầu nguyện, chịu đựng nắng nóng, giá lạnh và những gian khổ khác của đời sống tu hành trên cột. Thiên Chúa đã ban cho ngài ân sủng làm phép lạ và tiên tri, nên những người đạo đức, khao khát sự hướng dẫn của ngài, đã tụ tập về với ngài. Thiên Chúa đã báo trước cho ngài về cái chết, nhưng các tu sĩ đã khẩn cầu ngài xin Thiên Chúa, vì lợi ích của họ, cho ngài được sống thêm, và Thiên Chúa đã hứa cho ngài sống thêm 15 năm nữa. Sau 15 năm, cũng như trước khi ngài ra đời, ánh sáng thiên đàng đã chiếu rọi lên cột tu hành của ngài. Khi ngài qua đời và các tu sĩ khóc than vì ngài không để lại di chúc cho họ, ngài đã đứng dậy, như thể còn sống, và trao cho họ di chúc; sau đó ngài nằm xuống, rồi theo lời thỉnh cầu của các tu sĩ, ngài lại đứng dậy lần thứ hai để ký tên vào di chúc đó, Ngài qua đời ở tuổi 72[7587] , được an táng trong cột thánh và được tôn vinh sau khi qua đời nhờ nhiều phép lạ chữa lành kỳ diệu phát xuất từ thánh tích của ngài.

Ngày 21 tháng 11

ngày 8 tháng 11 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael và các thế lực thiên đàng vô hình

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 11

Giáo Hội Thánh đã chấp nhận việc cử hành long trọng Lễ Hội các Thiên Thần Thánh theo truyền thống của các vị Thánh Phụ được Thánh Thần soi dẫn, sau khi từ chối hình thức tôn kính các Thiên Thần sai lầm từ thời cổ đại, do những kẻ dị giáo và những kẻ thờ hình tượng thiết lập. Ngay từ thời Cựu Ước, khi con người xa lìa Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của mình, họ đã bắt đầu thờ phượng các tạo vật của Thiên Chúa và những công trình do chính tay họ làm ra, tạc các thần tượng theo hình ảnh của các loài thụ tạo hữu hình, dâng lễ vật cho mặt trời, mặt trăng và các vì sao, những nơi mà theo quan niệm của họ, chứa đựng linh hồn sống. Câu nói này được trích từ Xuất Ê-díp-tô Ký 20 – *“Chớ làm cho mình hình tượng nào, cũng chớ làm hình ảnh nào của những gì ở trên trời cao, những*

[7584] Magnesia – một thành phố thuộc Lydia ở phía tây bắc Tiểu Á, bên bờ sông Hermes.
[7585] Thông thường, các tu sĩ rời tu viện vào Mùa Chay Thánh trong Tuần Lễ Chay, trước đó họ cử hành nghi lễ chia tay, từ đó ngày Chủ nhật này được gọi là “Chủ nhật Chia tay”. Các tu sĩ tập trung trở lại tu viện vào Thứ Bảy Lazarus.
[7586] Constantine Monomakh trị vì từ năm 1042 đến năm 1054.
[7587] Ngài qua đời vào năm 1053.

gì ở dưới đất thấp, và những gì ở dưới nước dưới đất" – vào thời đó, con người đã thờ phượng và dâng lễ vật cho các Thiên thần, như đã được ghi chép trong Sách Các Vua: 4 Vua. 23 *"Và ông loại bỏ các thầy tế lễ mà các vua Giu-đa đã bổ nhiệm để dâng hương trên các đồi cao trong các thành phố của Giu-đa và vùng lân cận Giê-ru-sa-lem – những người đã dâng hương cho Ba-anh, mặt trời, mặt trăng, các chòm sao và toàn thể đạo binh trên trời*." Luca 2 – *"Và bỗng chốc, cùng với Thiên thần, xuất hiện một đạo quân thiên đàng đông đảo*, *ca ngợi Thiên Chúa và kêu cầu"*, tức là các Thiên thần, vì họ chính là đạo quân thiên đàng, như đã được ghi chép trong Phúc Âm: Sự tôn kính sai lầm đối với các Thiên thần như vậy đã rất phổ biến vào thời các Thánh Tông đồ. Thánh Tông Đồ Phaolô đã nói về sự tôn kính sai lầm này như sau:

Cô-lô-se 2:18–19 – *"Chớ để ai lừa dối anh em bằng sự khiêm nhường giả tạo và việc thờ phượng các Thiên thần, xâm phạm vào những điều họ chưa từng thấy, kiêu ngạo một cách thiếu suy nghĩ bằng trí óc xác thịt của mình và không bám víu vào Đầu,"* tức là Đấng Christ. Vì vào thời đó có một số kẻ dị giáo, bề ngoài có vẻ khiêm nhường nhưng trong lòng lại kiêu ngạo, tự cho rằng nhờ sự tiết độ và đời sống trong sạch của mình mà họ đang noi gương các Thiên thần. Họ dạy phải thờ phượng các Thiên thần giống như thờ phượng chính Đức Chúa Trời. Sau đó, lại xuất hiện những kẻ dị giáo khác, rao giảng rằng các Thiên thần là những Đấng sáng tạo ra vạn vật hữu hình và, vì là những thực thể vô hình, nên cao quý và xứng đáng được tôn kính hơn cả Đức Kitô, Con Thiên Chúa; còn Tổng thiên thần Michael thì được gọi là thần của người Do Thái[7588] . Cuối cùng, một số kẻ khác, sa vào phù thủy và lừa dối con người, dưới danh nghĩa các Thiên thần, đã triệu hồi ma quỷ và thờ phụng chúng, gọi chúng là các Thiên thần. Đặc biệt, những tà thuyết như vậy đã lan tràn mạnh mẽ tại Colossae[7589] , thuộc Tổng giáo phận Laodicea, nơi nhiều người đã bí mật thực hành việc tôn kính các Thiên thần một cách bất chính, tương tự như việc thờ lạy thần tượng[7590] . Khi sự tôn kính sai lầm đối với các Thiên thần này bị lên án và bác bỏ, thì việc tôn kính và kỷ niệm họ một cách đạo đức và đúng đắn, với tư cách là những người phục vụ của Đức Chúa Trời và những người bảo vệ loài người, đã được thiết lập[7591] . Và chính tại vùng đất Colossae này, nơi trước đây việc tôn kính các Thiên thần được thực hiện một cách bí mật và bất kính, người ta bắt đầu công khai cử hành lễ kỷ niệm Hội đồng các Thiên thần theo truyền thống Chính thống giáo, đồng thời xây dựng những ngôi thánh đường tráng lệ mang tên Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael – thủ lĩnh của các Thiên thần. Như vậy, tại Khon, bên cạnh suối nước thần kỳ, một nhà thờ tráng lệ và kỳ diệu đã được xây dựng, nơi Thánh Archippus đã được chính Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael hiện ra. Lễ kỷ niệm Hội đồng các Thiên thần được quy định tổ chức vào tháng 11 – tháng thứ chín kể từ tháng 3, tháng đầu tiên kể từ khi thế giới được tạo dựng – nhằm biểu thị số bậc của các Thiên thần, mà Thánh Dionysius Areopagite, một môn đệ của Thánh Tông đồ Phaolô, người đã được cất lên đến tầng trời thứ ba, tại đó ngài đã chứng kiến sự phân biệt các cấp bậc của các Thiên thần thánh và đã giải thích điều này cho Dionysius, như một môn đệ của ngài. 2 Cô-rinh-tô 12 – *"Tôi biết một người trong Đấng Christ, cách đây mười bốn năm (không biết là trong thân xác hay ngoài thân xác – tôi không biết: chỉ có Đức Chúa Trời mới biết), người ấy đã được cất lên đến tầng trời thứ ba*."

[7588] Về những kẻ dị giáo được đề cập, Thánh Epiphanius của Síp trong cuốn sách "Về các tà giáo" đã ghi chép như sau: "Họ được gọi là những người Satornilian – theo tên Satornil, người khai sinh ra tà giáo này. Satornil sống ở Syria, gần Danfis, nơi ông lần đầu tiên truyền bá giáo lý của mình. Người trợ lý tích cực của ông là Vasilid, người đã truyền bá giáo lý này ở Ai Cập. Giáo lý của họ về các Thiên thần tóm tắt như sau: bảy Thiên thần đã tạo ra thế giới và mọi thứ trong thế giới. Sự sáng tạo con người diễn ra như sau: Các Thiên thần, sau khi tụ họp lại, đã cùng nhau lên kế hoạch và hợp sức tạo ra con người, theo hình ảnh rực rỡ từ trên cao... Nhưng khi con người đã được tạo ra, các Thiên thần, do sự bất lực của mình, không thể hoàn tất công trình sáng tạo đó. Con người nằm trên mặt đất và bị hạ thấp như một con sâu bò lổm ngổm cho đến khi Đấng Tối Cao, trong sự thương xót và nhân từ, vì chính hình ảnh và bản thể của Ngài, đã từ lòng nhân từ ban xuống một tia sáng của sức mạnh Ngài và nhờ đó đã phục hồi và thổi sự sống vào con người. Tia lửa ấy chính là linh hồn con người, thứ nhất định phải được cứu rỗi."

[7589] *Colossae* – một thành phố đông dân ở Phrygia cổ đại (thuộc Tiểu Á), nằm bên sông Lycus (một nhánh của sông Meander). Năm 65 sau Công nguyên, thành phố này cùng với các thành phố lân cận là Laodicea và Hierapolis đã bị phá hủy gần như hoàn toàn bởi một trận động đất kinh hoàng, nhưng sau đó đã được tái thiết và phát triển thịnh vượng cho đến thế kỷ XII. Sau này, thành phố này được gọi là Choni.

[7590] Như có thể thấy từ Điều 35 của Công đồng Laodicea, điều luật này lên án những kẻ dị giáo không cầu nguyện với Đức Chúa Trời, mà chỉ cầu nguyện với các Thiên thần, như thể họ là những Đấng sáng tạo và cai trị thế giới.

[7591] Công đồng Laodicea địa phương, nơi Điều luật thứ 35 đã bác bỏ việc tôn kính các Thiên thần một cách sai trái và thiết lập cách tôn kính đúng đắn cũng như việc cử hành lễ kính các Thiên thần, đã diễn ra vào thời Thánh Silvestro, Giáo hoàng Rôma, vài năm trước Công đồng Nicaea toàn cầu đầu tiên. Công đồng Laodicea này diễn ra vào năm 319, nhưng theo một số ý kiến khác thì vào năm 320 hoặc 321; có 32 giám mục tham dự công đồng này; người chủ tọa là Tổng giám mục Laodicea Nunecius.

Chín cấp bậc của các Thiên thần được chia thành ba hệ thống cấp bậc, mỗi hệ thống có ba cấp: cao nhất, trung bình và thấp nhất.

Hệ thống thứ nhất – hệ thống cao nhất và gần Thánh Ba Ngôi nhất – bao gồm: *các Seraphim, các Cherubim* và *các Ngai.*

Gần Đấng Tạo Hóa và Đấng Sáng Tạo nhất là *các Seraphim* sáu cánh đầy lòng yêu mến Thiên Chúa, như tiên tri Isaia đã thấy và nói: Is 6 – *"Xung quanh Ngài có các Seraphim đứng; mỗi vị có sáu cánh: dùng hai cánh che mặt, hai cánh che chân, và hai cánh để bay*." Họ mang hình dạng như lửa, vì đứng ngay trước Đấng mà Kinh Thánh chép về Ngài: Hê-bơ-rơ 12 – *"vì Đức Chúa Trời của chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt*".

Đứng trước vinh quang như vậy, các Seraphim mang hình dạng như lửa, như đã được chép:

Đa-ni-ên 7 – *"Cuối cùng, tôi thấy các ngai được đặt ra, và Đấng Cổ Xưa của các ngày ngự trên đó; áo của Ngài trắng như tuyết, tóc trên đầu Ngài như len tinh khiết; ngai của Ngài như ngọn lửa, các bánh xe của Ngài là lửa bùng cháy*." Xuất Ê-díp-tô Ký 24 – *"Vẻ vinh quang của Đức Giê-hô-va trên đỉnh núi hiện ra trước mắt con cái Y-sơ-ra-ên, như ngọn lửa thiêu đốt*."

Thi Thiên 103 – *"Ngài tạo nên các thiên thần của Ngài thành các thần linh, các tôi tớ của Ngài – là ngọn lửa bùng cháy*." Họ bừng cháy trong tình yêu dành cho Đức Chúa Trời và khích lệ người khác hướng đến tình yêu ấy, như chính tên gọi của họ đã cho thấy, vì "Serafim" trong tiếng Do Thái có nghĩa là: bừng cháy.

Sau các Seraphim, trước mặt Đức Chúa Trời toàn tri, Đấng ngự trong ánh sáng không thể tiếp cận, là *các Cherubim* nhiều mắt trong sự sáng chói không thể tả, luôn tỏa sáng hơn các hàng ngũ thấp hơn bằng ánh sáng của sự nhận biết Đức Chúa Trời, sự hiểu biết về các mầu nhiệm của Ngài và sự sâu thẳm của sự khôn ngoan Ngài; chính họ được soi sáng và cũng soi sáng cho người khác. Tên của họ – "Cherubim" – khi dịch từ tiếng Do Thái có nghĩa là: trí tuệ phong phú hoặc sự tuôn trào của sự khôn ngoan, bởi vì qua các Cherubim, sự khôn ngoan được ban xuống cho những người khác và sự soi sáng cho những con mắt thông tuệ được ban tặng để chiêm ngưỡng và nhận biết Đức Chúa Trời.

Tiếp theo – trước Đấng ngự trên ngai cao cả và vinh hiển là *những ngai* thánh (như Thánh Dionysius Areopagite gọi), bởi vì trên đó, như trên những ngai của lý trí (như Thánh Maximus Confessor đã viết), Thiên Chúa ngự trị một cách khôn ngoan. Tuy nhiên, chúng được gọi là "chứa đựng Thiên Chúa" không phải về bản chất, mà là nhờ ân sủng và chức vụ của chúng; trong khi đó, thân xác của Chúa Giêsu Kitô (như Thánh Basil Cả đã viết), được gọi là "chứa đựng Thiên Chúa" về bản chất, vì nó kết hợp không thể tách rời với chính Thiên Chúa Lời. Còn các ngai vàng được gọi là "chứa đựng Thiên Chúa" không phải về bản chất, mà là nhờ ân sủng được ban cho sứ vụ của họ – như những nơi một cách huyền bí và không thể thấu hiểu đang chứa đựng Thiên Chúa trong chính mình. Ngự trên các ngai đó một cách không thể thấu hiểu, Đức Chúa Trời thi hành sự phán xét công chính của Ngài, như lời Đa-vít đã nói: Thi Thiên 9:5 – "vì Ngài đã xét xử vụ kiện và tranh chấp của con; Ngài ngự trên ngai, là Đấng Phán Xét công chính".

Vì vậy, công lý của Đức Chúa Trời chủ yếu được thể hiện qua họ: họ phục vụ công lý của Ngài, tôn vinh công lý đó và tuôn đổ sức mạnh của công lý xuống các ngai vàng[7592] của các quan tòa trần gian, giúp các vua và các lãnh chúa thực thi sự phán xét công bình.

Trong hệ thống cấp bậc trung gian cũng có ba hàng Thiên Thần thánh: *Chủ Tể, Quyền Năng* và *Quyền Lực.*

Các Thiên thần Chủ tể – được gọi như vậy vì họ thống trị những thiên thần khác, những vị đi theo các hàng ngũ Thiên thần này, trong khi bản thân họ lại tự do. Như Thánh Dionysius Areopagite đã nói, sau khi từ bỏ nỗi sợ hãi nô lệ, họ tự nguyện và hân hoan phục vụ Thiên Chúa không ngừng nghỉ. Họ cũng ban phát sức mạnh để các quyền lực do Thiên Chúa thiết lập trên trần gian có thể cai trị một cách khôn ngoan và quản lý một cách sáng suốt, nhằm giúp họ quản lý tốt các lãnh vực được giao phó. Tiếp theo – họ dạy con người làm chủ các giác quan, kìm chế những ham muốn và đam mê vô bổ trong lòng, khuất phục xác thịt trước tinh thần, thống trị ý chí của chính mình và vượt lên trên mọi cám dỗ.

Những sức mạnh tràn đầy sức mạnh thiêng liêng này lập tức thực hiện ý muốn của Đấng Tối Cao và Toàn Năng, là Chúa của họ, Đấng vững chắc và hùng mạnh. Họ thực hiện những phép lạ vĩ đại và ban phát ân sủng làm phép lạ cho các vị thánh của Chúa, những người xứng đáng với ân sủng ấy, để họ có thể thực hiện phép lạ – chữa lành mọi bệnh tật và tiên tri về tương lai. Các Thánh Lực cũng giúp đỡ những người đang vất vả và gánh nặng trong

[7592] "Ngai vàng của các quan tòa trần gian" – là một cách diễn đạt ẩn dụ về giới hạn quyền lực của các quan tòa trần gian.

việc thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào được giao phó cho họ – điều này giải thích cho tên gọi của họ là "các Thánh Lực" – và gánh vác những yếu đuối của những người yếu đuối. Họ cũng củng cố lòng kiên nhẫn cho mỗi người, – để họ không nản lòng trong đau khổ, mà với tinh thần vững vàng và dũng cảm, chịu đựng mọi tai ương, với lòng khiêm nhường, tạ ơn Thiên Chúa về mọi sự, Đấng sắp đặt mọi sự vì lợi ích của chúng ta.

Các Quyền Năng – được gọi như vậy vì họ có quyền năng trên ma quỷ, để kiềm chế quyền lực của ma quỷ, đẩy lùi những cám dỗ mà chúng gieo rắc lên con người và không cho phép ma quỷ gây hại cho ai đó đến mức độ mà chúng mong muốn. Các Quyền Năng củng cố những người tu hành thiện lành trong các công việc và nỗ lực thiêng liêng, bảo vệ họ để họ không bị mất đi vương quốc thiêng liêng; *còn đối với* những ai đang chiến đấu với các dục vọng và ham muốn, các Quyền Năng giúp họ xua đuổi những ý nghĩ xấu xa, những lời vu khống của kẻ thù và chiến thắng ma quỷ.

Trong hệ thống cấp bậc thấp hơn cũng có ba bậc: *các Thiên Thần Sơ Cấp, các Tổng Lãnh Thiên Thần* và *các Thiên Thần.*

Các "Thiên Thần Nguyên Thủy" – được gọi như vậy vì họ có quyền cai quản các Thiên Thần cấp thấp hơn, hướng dẫn họ thực hiện các mệnh lệnh của Thiên Chúa. Họ cũng được giao phó việc quản lý vũ trụ và bảo vệ tất cả các vương quốc và công quốc, các vùng đất cùng mọi dân tộc, bộ lạc và ngôn ngữ; bởi vì mỗi vương quốc, bộ lạc và dân tộc đều có một vị bảo hộ và người cai quản riêng cho toàn bộ lãnh thổ của mình, thuộc về hàng thiên thần trên trời được gọi là các Nguyên Tố ([7593]). Tiếp theo – sứ mệnh của hàng Thiên thần này (theo lời giải thích của Thánh Grêgôriô Đôi Lời) là hướng dẫn con người tôn vinh mỗi vị lãnh đạo một cách xứng đáng với chức tước của họ. Cuối cùng, các Thiên thần thuộc hàng ngũ này đề bạt những người xứng đáng vào các chức vụ danh dự khác nhau và hướng dẫn họ để họ nhận quyền lực không phải vì lợi ích và lợi nhuận cá nhân, không phải vì lòng tham danh vọng và vinh quang hão huyền, mà vì vinh quang của Thiên Chúa, vì việc lan tỏa và nhân rộng vinh quang thánh thiêng của Ngài, và vì lợi ích của người lân cận – phục vụ những nhu cầu chung của tất cả những người dưới quyền họ.

Các Tổng thiên thần được gọi là những sứ giả vĩ đại, rao giảng về điều vĩ đại và vinh quang. Sứ vụ của họ (như vị vĩ đại Dionysius Areopagite đã nói) là khai mở các lời tiên tri, sự hiểu biết và sự thấu hiểu ý muốn của Thiên Chúa, những điều họ nhận được từ các bậc cao hơn và truyền đạt cho các bậc thấp hơn – các Thiên thần – và qua họ – đến loài người. Còn Thánh Grêgôriô Đôi Lời thì nói rằng các Tổng thiên thần củng cố đức tin thánh thiện nơi con người, soi sáng tâm trí họ bằng ánh sáng của sự hiểu biết về Phúc Âm thánh và khai mở các mầu nhiệm của đức tin đạo đức.

Các Thiên thần – trong hệ thống cấp bậc thiên đàng – đứng dưới cùng so với các cấp bậc khác và gần gũi nhất với loài người. Họ truyền đạt những mầu nhiệm và ý định nhỏ hơn của Thiên Chúa, đồng thời hướng dẫn con người sống đạo đức và công chính vì Thiên Chúa. Họ được sai đến để bảo vệ mỗi người trong chúng ta – những người có đức tin: họ nâng đỡ những người có đức hạnh khỏi sa ngã, vực dậy những người đã sa ngã, và không bao giờ bỏ rơi chúng ta, dù chúng ta có phạm tội đi chăng nữa, vì họ luôn sẵn sàng giúp đỡ chúng ta, miễn là chính chúng ta mong muốn điều đó.

Nhưng tất cả các cấp bậc cao nhất trên trời đều được gọi chung bằng một tên – Thiên thần. Dù theo địa vị và ân sủng do Đức Chúa Trời ban cho, họ có những tên gọi khác nhau (chẳng hạn như: Seraphim, Cherubim, các Ngai và các cấp bậc khác), nhưng nói chung tất cả đều được gọi là Thiên Thần, vì từ "Thiên Thần" không phải là tên gọi của một thực thể, mà là tên gọi của chức vụ, như đã chép:

"Chẳng phải tất cả họ đều là các thần phục vụ, được sai đi để phục vụ những người sẽ được hưởng sự cứu rỗi sao?*"* (Hê-bơ-rơ 1:14)

Nhiệm vụ của họ thì đa dạng và không giống nhau, và mỗi cấp bậc đều có nhiệm vụ riêng của mình, bởi vì Đấng Tạo Hóa toàn năng không tiết lộ những bí mật về ý định của Ngài cho tất cả mọi người một cách như nhau, mà từ những người này sang những người khác, qua những bậc cao hơn, Ngài soi sáng cho những bậc thấp hơn, tiết lộ ý muốn của Ngài cho họ và ra lệnh cho họ thực hiện điều đó, như đã được nêu rõ trong sách của tiên tri Xa-cha-ri. Ở đó có kể lại rằng, sau khi trò chuyện với vị tiên tri, một Thiên thần đã gặp một Thiên thần khác, người này ra lệnh cho ngài quay lại gặp vị tiên tri và tiết lộ số phận tương lai của Giê-ru-sa-lem: *"Và kìa, Thiên Thần đã nói*

[7593] Học thuyết cho rằng mỗi dân tộc và mỗi vương quốc đều có Thiên thần riêng của mình, dựa trên lời của tiên tri Đa-ni-ên (Đa-ni-ên 10:13), nơi đề cập đến các Thiên thần của vương quốc Ba Tư và vương quốc Do Thái.

chuyện với tôi ra đi, thì một Thiên Thần khác đi ra đón Người, và Người ấy nói với Thiên Thần đó: 'Hãy đi mau, nói với chàng trai này (tức là tiên tri Xa-cha-ri) *rằng: "Giê-ru-sa-lem sẽ lấp đầy các vùng lân cận vì có đông đảo người và súc vật trong thành." ' Và Ta sẽ là – Đức Chúa Trời phán – bức tường lửa bao quanh thành ấy, và Ta sẽ được tôn vinh giữa thành ấy"* (Xa-cha-ri 2:3–5). Khi bàn luận về điều này, Thánh Grêgôriô nói:

– Khi một Thiên thần nói với Thiên thần khác: *"Hãy đi, hãy nói"*, – không có nghi ngờ gì rằng một số Thiên thần sai phái những Thiên thần khác; những Thiên thần cấp thấp hơn bị sai phái, còn những Thiên thần cấp cao hơn thì sai phái"[7594] .

Tương tự như vậy, trong lời tiên tri của Đa-ni-ên, chúng ta thấy một Thiên thần ra lệnh cho một Thiên thần khác giải thích thị kiến cho nhà tiên tri (Đa-ni-ên 8:16). Từ đó, rõ ràng là các Thiên thần thuộc các cấp bậc cao hơn tiết lộ ý muốn và ý định thiêng liêng của Đấng Tạo Hóa cho các Thiên thần thuộc các cấp bậc thấp hơn, soi sáng cho họ và sai họ đến với loài người.

Giáo hội Chính thống chiến đấu, vì cần sự giúp đỡ của các Thiên thần, nên cử hành lễ kính tất cả chín cấp bậc Thiên thần bằng những lời cầu nguyện trang trọng, như lẽ ra phải thế, vào ngày thứ tám của tháng Mười Một này, tức là tháng thứ chín, bởi vì cả chín cấp bậc Thiên thần này sẽ tụ họp vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Chúa, ngày mà các vị Thầy Thần thánh của Giáo hội gọi là ngày thứ tám, bởi vì, theo lời họ, sau khi kết thúc bảy nghìn năm, ngày thứ tám sẽ đến như thể vậy.

Đa-ni-ên 8 – *"Và tôi nghe từ giữa Ulai một tiếng người, người ấy kêu lên và nói: 'Gáp-ri-ên! Hãy giải thích cho anh ta về khải tượng này!' "*

Ma-thi-ơ 25 – *"Khi Con Người đến trong vinh quang của Ngài cùng với tất cả các thiên thần thánh, thì Ngài sẽ ngự trên ngai vinh quang của Ngài*." Ma-thi-ơ 24 – *"Ngài sẽ sai các Thiên thần của Ngài với tiếng kèn vang dội, và họ sẽ quy tụ những người được chọn của Ngài từ bốn phương, từ đầu này đến đầu kia của các tầng trời"*, tức là từ đông, tây, bắc và nam.

Ôi, giá như lúc đó họ cũng quy tụ chúng ta, những người đang long trọng cử hành Thánh Lễ cùng với các thánh được chọn của Đức Chúa Trời, vào trong đoàn thể vui mừng ấy!

Trên tất cả chín hàng ngũ Thiên thần trên trời đã nêu trên, Đức Chúa Trời đã đặt Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael làm thủ lĩnh và người đứng đầu, như một tôi tớ trung thành của Đức Chúa Trời[7595] . Vào thời điểm Sa-tan sa ngã vào sự kiêu ngạo tai hại, khi hắn phản bội Đức Chúa Trời và rơi xuống vực thẳm, ngài đã tập hợp tất cả các cấp bậc và đạo quân Thiên Thần, rồi lớn tiếng kêu lên:

– Hãy lắng nghe, chúng ta hãy đứng vững trước Đấng Tạo Hóa của chúng ta và đừng nghĩ đến những điều trái với ý Chúa! Hãy nhớ rằng những ai được tạo dựng cùng với chúng ta và cho đến nay vẫn cùng chúng ta được dự phần vào ánh sáng Thần thánh đã phải chịu đựng điều gì! Hãy nhớ rằng vì kiêu ngạo, họ đã đột ngột rơi từ ánh sáng xuống bóng tối và từ độ cao bị quăng xuống vực thẳm! Hãy nhớ rằng Sao Mai[7596] , vốn mọc lên từ trời vào buổi sáng, đã rơi xuống và vỡ tan trên mặt đất![7597]

Nói như vậy trước toàn thể hội đồng các Thiên thần, ngài đứng ở phía trước, bắt đầu cùng các Seraphim và Cherubim, cùng tất cả các hàng ngũ thiên đàng, ca ngợi Ba Ngôi Thánh, Đồng Bản Thể và Bất Phân Ly, Thiên Chúa Duy Nhất, đồng thanh hát lên bài ca long trọng:

[7594] Thánh Grêgôriô Của Hai Lời. Bài giảng thứ 4 về Phúc Âm.

[7595] Theo nghĩa của từ, Michael là một Thiên thần sở hữu sức mạnh thiêng liêng phi thường, vô song. Trong sách Đaniel, ngài được mô tả là vị bảo vệ và quan bảo trợ đặc biệt của dân Do Thái (Đan. 10:13, 21, 12:1). Trong Sách Khải Huyền của Thánh Gioan Thần Học (tiếng Hy Lạp là Apokalypsis), Tổng Tư Lệnh Michael được mô tả là người bảo vệ các Kitô hữu và là Đấng đánh bại con rồng cùng các thiên thần của nó: *"Có một cuộc chiến trên trời; Micha-ên cùng các thiên thần của ngài đã chiến đấu chống lại con rồng, và con rồng lớn, con rắn cổ xưa, được gọi là ma quỷ và Sa-tan, cùng các thiên thần của nó đã bị quăng xuống đất"*; lúc đó, trong cơn giận dữ, nó bắt đầu gây hại cho Hội Thánh của Đấng Christ và tiếp tục giao chiến với các thánh (Khải Huyền 12:1–17); nhưng, để an ủi các tín hữu, Sách Khải Huyền cho thấy rằng cuộc chiến từ thuở ban đầu này với kẻ thù của sự cứu rỗi chúng ta sẽ kết thúc bằng chiến thắng trọn vẹn của Chiên Con (Khải Huyền 19:1–21, 20:1–15), và rằng trong cuộc chiến chống lại con rắn, chúng ta có những vị bảo vệ và che chở tối cao, đứng đầu là Thánh Tổng Thiên Thần Mi-chên. Việc tôn kính Thánh Tổng Thiên Thần Mi-chên trong Giáo Hội Chính Thống có nguồn gốc từ thời cổ xưa nhất.

[7596] "Ánh bình minh" – tức là ánh sáng ban mai. Ở đây, "ánh bình minh" ám chỉ vị Thiên thần sa ngã, Satan, người đã được Thiên Chúa tạo dựng trước khi thế giới hữu hình hiện hữu dưới hình dạng một linh hồn sáng láng, giống như ánh bình minh rạng rỡ đang mọc lên; nhưng vì kiêu ngạo và nổi loạn chống lại Thiên Chúa, hắn đã rơi xuống vực thẳm và phải chịu sự phán xét vĩnh viễn.

[7597] Thánh Grêgôriô Cầu Nguyện. Bài giảng thứ 4 về Phúc Âm.

"Họ kêu lên với nhau và nói: 'Thánh, Thánh, Thánh là Đức Giê-hô-va Sa-va-ô-phơ! Cả đất đều đầy dẫy vinh quang của Ngài!' (Ê-sai 6:3). Sự hiệp nhất của các Thiên thần thánh này được gọi là Hội đồng Thiên thần, vì họ cùng nhau và đồng thanh tôn vinh Cha, Con và Thánh Thần – Ba Ngôi Thánh; xin vinh quang thuộc về Ngài từ chúng con, những người trần thế, đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Các Tổng Tư Lệnh của các đạo binh trên trời, chúng con, những kẻ không xứng đáng, luôn cầu xin các ngài: xin hãy dùng những lời cầu nguyện của các ngài che chở chúng con dưới bóng cánh vinh quang vô hình của các ngài, bảo vệ chúng con khi chúng con quỳ lạy và kêu cầu: xin cứu chúng con khỏi những tai ương, vì các ngài là những vị chỉ huy tối cao của các thế lực trên cao.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Các Tổng lãnh thiên thần của Đức Chúa Trời, những người phục vụ vinh quang thiêng liêng, những vị chỉ huy các thiên thần và những người hướng dẫn loài người, xin hãy cầu thay cho chúng con những điều hữu ích và lòng thương xót vĩ đại, với tư cách là các Tổng lãnh thiên thần vô hình.

Ngày 22 tháng 11

Ngày 9 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và những việc làm cao cả của Mẹ Thánh Matrona, người mẹ đáng kính của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 11

Thánh Matrona sinh ra tại Perga thuộc Pamphylia[7598] , trong một gia đình sùng đạo. Khi đến tuổi trưởng thành, bà được gả cho một người đàn ông đáng kính và quý tộc tên là Domitian, và trở thành mẹ của một cô con gái duy nhất, người mà bà đặt tên là Theodotia.

Một lần nọ, chồng của Mát-rô-na cùng bà đến Byzantium. Tại đây, Mát-rô-na, khi đi thăm các nhà thờ của Chúa và cầu nguyện sốt sắng với Ngài, đã làm quen với một thiếu nữ tên là Êu-gê-ni-a, người đã giữ trinh tiết qua việc ăn chay và thực hành các việc đạo đức, ngày đêm miệt mài trong lời cầu nguyện.

Học theo lối sống của Eugenia, Matrona không rời khỏi nhà thờ, từ sáng đến tối đều ở đó để cầu nguyện, và đến tối thì trở về nhà; sáng sớm hôm sau, cô lại đến nhà thờ để cầu nguyện, và bằng sự kiêng khem và ăn chay, cô đã chế ngự thân xác đang tràn đầy sức trẻ của mình. Lúc bấy giờ, bà mới hai mươi lăm tuổi và siêng năng cầu nguyện cùng Thiên Chúa, xin Ngài, theo ý Ngài, giải thoát bà khỏi hôn nhân, để bà có thể phục vụ Chúa một cách trọn vẹn. Chồng cô, Domitian, thấy vợ mình ngày nào cũng ra khỏi nhà từ sáng sớm và chỉ về vào buổi tối, nên bắt đầu nghi ngờ rằng cô không đi cầu nguyện mà là đi làm điều gì đó xấu xa. Vì vậy, ông ta nổi giận với cô và không cho cô ra khỏi nhà. Matrona đã khóc lóc van xin ông đừng cản trở việc bà đến nhà thờ, nhưng bà không được toại nguyện và vì thế rất đau buồn, vì bà có lòng khao khát *"thà đứng ở ngưỡng cửa nhà Chúa còn hơn là sống trong lều trại của sự gian ác"* (Thánh Vịnh 83:11). Một lần nọ, Matrona nài nỉ chồng cho phép cô đến nhà thờ để cầu nguyện. Khi vội vã đến nhà thờ các Thánh Tông Đồ, bà đã trút hết lòng mình trước mặt Chúa, thành kính cầu xin Ngài giải thoát bà khỏi ách nặng nề ấy – thứ đã trở thành chướng ngại lớn ngăn cản bà suy ngẫm về Chúa – và, sau

[7598] Perga – một thành phố ở Pamphylia, thuộc phần phía nam của Tiểu Á, nằm trên bờ phải của sông Kestra, nơi có đền thờ nổi tiếng từ thời cổ đại dành cho nữ thần ngoại giáo Hy Lạp-La Mã Artemis; vào thời kỳ La Mã muộn, Perga là trung tâm hành chính của tỉnh. Hiện nay, tại địa điểm này là thành phố Bergamo của Thổ Nhĩ Kỳ.

khi giải thoát bà khỏi thế gian phù du và đầy xáo trộn, dẫn dắt bà đến cuộc sống tĩnh lặng, nơi bà có thể tự do dâng hiến cho Ngài, Đấng Duy Nhất. Bà đã dành cả ngày để cầu nguyện một cách sốt sắng như vậy.

Khi trời đã về khuya, người gác cổng nhà thờ ra lệnh cho mọi người ra về để khóa cửa nhà thờ. Lúc đó, Thánh nữ Matrona cũng bước ra khỏi nhà thờ, nhưng bà không muốn về nhà mà ở lại trước hiên nhà thờ. Tại đó, bà gặp một thiếu nữ tên là Susanna, người từ thuở thiếu thời đã hiến dâng cuộc đời mình cho Chúa Kitô, sống cuộc đời ăn chay và cầu nguyện bên cạnh nhà thờ. Sau khi làm quen với Susanna, Matrona đã đến thăm phòng tu của cô và trò chuyện với cô suốt cả đêm, kể cho cô nghe tất cả về bản thân và cuộc đời mình. Susanna an ủi cô và khuyên cô hãy đặt niềm tin vào Chúa, Đấng theo ý muốn của Ngài sắp đặt sự cứu rỗi cho loài người:

"Chúa củng cố bước chân của người ấy, và Ngài ân sủng con đường của người ấy" (Thánh Vịnh 36:23), – cô nói.

Từ cuộc trò chuyện với Susanna, Matrona càng bừng cháy tình yêu dành cho Đức Chúa Trời và nảy sinh ý định bỏ trốn khỏi chồng, để lẩn tránh ông ta và bí mật phục vụ Đức Chúa Trời.

Khi sáng sớm, Matrona đến gặp Eugenia, người đã được nhắc đến ở trên, và tiết lộ ý định của mình cho cô ấy.

Evgenia nói với bà:

– Trước hết, chị ơi, chị cần lo cho con gái chị là Theodota, bé còn rất nhỏ; chị hãy nghĩ xem, làm sao con bé có thể sống thiếu mẹ được?

Matrona đáp:

– Con gái tôi, Theodotia, tôi giao phó cho Chúa và cho mẹ Susanna; còn bản thân tôi sẽ đi vào sa mạc, nơi Chúa sẽ dẫn dắt tôi.

Bà lén đưa con gái ra khỏi nhà, rồi giao con cho thánh nữ Susanna, khẩn khoản xin bà hãy nhận Theodotia như con ruột của mình và nuôi dạy con bé trong sự kính sợ Chúa. Thánh Susanna, khi thấy Mát-rô-na bừng cháy tình yêu dành cho Chúa và tràn đầy khát vọng bất diệt hướng tới đời sống thầm lặng, đã nhận đứa trẻ từ bà như con gái của mình, còn Mát-rô-na thì khẩn cầu Chúa, xin Ngài dẫn dắt bà trên con đường chính trực và dùng lời trong Thánh vịnh để thưa với Ngài:

– *"Xin chỉ cho con, [lạy Chúa], con đường mà con phải đi"* (Thánh vịnh 142:8).

Sau khi chợp mắt một chút vì mệt mỏi, Matrona đã thấy một khải tượng trong giấc mơ: bà tưởng tượng mình đang chạy trốn khỏi một người nào đó đang đuổi theo; khi người đó sắp bắt kịp, bà chạy vào chỗ một số tu sĩ, những người đã che chở bà khỏi kẻ đuổi theo. Matrona tự giải thích giấc mơ này rằng cô cần phải hóa trang thành nam giới và tạm thời vào tu viện nam, vì ở đó cô có thể ẩn náu khỏi chồng mình và tất cả những người quen biết. Matrona đã cắt ngắn tóc và, mặc trang phục của các hoạn quan, cùng với Thánh Eugenia đến Nhà thờ Các Thánh Tông Đồ, nơi sau khi cầu nguyện, bà mở Thánh Kinh Tin Mừng để tìm hiểu xem ý định của mình có đẹp lòng Chúa hay không, và đã thấy những lời sau đây: *"Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo Ta"* (Mt 16,24).

Tìm thấy trong những lời này niềm hy vọng tốt lành rằng Chúa sẽ là Đấng trợ giúp cho mình, Matrona đã hôn Evgenia và, sau khi chia tay với cô, bà đã đến tu viện của Thánh Vassian, nơi bà được nhận vào với tư cách là một tu sĩ nam. Khi được hỏi về tên của mình, bà tự xưng là Vavila. Được nhận vào hàng ngũ các tu sĩ, bà sống đời tu hành đạo đức, khiêm nhường tuân theo các mệnh lệnh, kiêng ăn và thức đêm để kìm chế xác thịt, và luôn luôn cầu nguyện. Matrona rất cẩn trọng để không ai biết rằng bà là phụ nữ, vì vậy bà giữ im lặng tuyệt đối và tránh xa mọi người. Toàn thể cộng đoàn đều ngạc nhiên trước cuộc sống đạo đức cao cả của bà, ca ngợi những việc làm cao cả của bà và coi bà là một tu sĩ hoàn hảo.

Vậy là Thánh Matrona đã ở trong tu viện khá lâu giữa các tu sĩ, tỏa sáng như mặt trăng giữa các vì sao nhờ những đức hạnh của mình. Có lần, bà cùng các tu sĩ khác làm việc trong vườn. Một tu sĩ tên là Варнава, trong lúc cùng cô cày xới đất, vì tò mò đã liếc nhìn khuôn mặt cô và, khi thấy cả hai tai cô đều đã được xỏ lỗ, liền hỏi:

– Tại sao tai chị lại bị xỏ lỗ vậy?

Vị Thánh nữ đáp lại:

– Anh nên cày cấy đất đai, chứ đừng nhìn vào khuôn mặt người khác, vì điều đó trái với đời sống tu hành. Nhưng vì anh đã thấy tai tôi bị xỏ lỗ, thì hãy nghe lý do: khi tôi còn là một đứa trẻ, người thầy nuôi dưỡng tôi rất yêu thương và trang điểm cho tôi bằng những vật bằng vàng; ông ấy đã xỏ lỗ tai tôi để đeo những đôi bông tai quý giá.

Thánh nữ Matrona đã trả lời Varnafa như vậy và lòng nàng tràn ngập sự sợ hãi; nàng suy nghĩ rất lâu, lo sợ bí mật của mình sẽ bị lộ ra, và nàng đã cầu nguyện với Chúa như sau:

– Theo lệnh của Ngài, lạy Chúa, con đã đến tu viện này; Ngài đã kêu gọi con, và con không có ý định quay trở lại. Vậy, xin Ngài che chở sự yếu đuối của con bằng ân sủng của Ngài và dẫn dắt cuộc sống tu hành mà con đã chọn đến một kết cục tốt đẹp, để con không phải hổ thẹn trong niềm tin cậy nơi Ngài!

Đức Chúa Trời nhân từ, theo những định mệnh không thể diễn tả và không thể thấu hiểu của Ngài, đã thương xót tiết lộ cho các vị trụ trì của hai tu viện rằng cô là phụ nữ, để cô càng thêm nhiệt thành trong đời sống tu hành.

Một lần nọ, trong giấc ngủ, một người đàn ông có vẻ ngoài trang nghiêm và rạng rỡ đã hiện ra trước Thánh Vassian và lặp lại ba lần:

– Người hoạn quan Vavila đang tu hành trong tu viện của ngươi – thực ra là một người phụ nữ!

Thánh Akakiy, vị tu viện trưởng của tu viện Avraamiev, cũng đã có cùng một giấc mơ như vậy. Khi trời sáng, Vassian gọi một tu sĩ tên là Ioann, người đứng đầu trong số các tu sĩ, và kể cho anh ta nghe những gì mình đã thấy. Trong lúc họ đang trò chuyện, một sứ giả do vị tu viện trưởng Akakiy cử đến từ đã đến gặp vị thánh Vassian, mang theo tin tức rằng trong đêm đó, ngài đã được mặc khải qua một thị kiến về hoạn quan Vavila, rằng người đó thực chất là một người phụ nữ. Vị thánh, cảm thấy ngạc nhiên và muốn xác minh thêm về bí mật này (vì ngài lo ngại rằng điều đó có thể là một mưu kế của kẻ thù, nên không tin ngay vào giấc mơ vừa rồi), đã mở sách Phúc Âm ra và ánh mắt ngài dừng lại ở những lời sau: *"Ta sẽ ví Nước Trời với điều gì? Nó giống như men mà một người phụ nữ lấy ra, bỏ vào ba mè bột, cho đến khi cả khối bột lên men"* (Lc 13:20–21).

Sau đó, tin vào hình ảnh trong giấc mơ, Vassian gọi thánh nữ Matrona đến và, nhìn nàng với ánh mắt giận dữ, ông nói với nàng một cách đe dọa:

– Tại sao ngươi lại đến đây, hỡi người phụ nữ? Sao ngươi dám ở lại giữa các tu sĩ lâu đến thế? Ngươi muốn làm ô danh tu viện của chúng ta chăng, hay đến đây để cám dỗ chúng ta?

Thánh nữ Matrona, bàng hoàng trước lời quở trách bất ngờ và vô cùng sợ hãi trước ánh mắt và giọng nói uy nghiêm của vị tu viện trưởng, đã quỳ xuống dưới chân thánh của ngài, xin tha thứ và khiêm nhường trả lời:

– Không phải để cám dỗ ai, mà là để tự cứu mình khỏi sự cám dỗ của kẻ thù và tránh khỏi những cái bẫy của kẻ xảo quyệt, con đã đến với đàn chiên của cha, thưa cha thánh thiện.

Vị tu viện trưởng lại nói với nàng:

– Sao con dám, là một người phụ nữ, lại để đầu trần mà đến dự các Bí tích Thánh và hôn lên môi các anh em?

Matrona trả lời:

– Khi tham dự các Bí tích Thánh (1 Cô-rinh-tô 11:5), con không để đầu trần hoàn toàn, mà chỉ một chút thôi; còn khi hôn lên môi các anh em, con tưởng tượng rằng mình đang chạm vào môi không phải của con người, mà là của các Thiên thần vô tư.

Vị Thánh, ngạc nhiên trước câu trả lời đầy khôn ngoan đó, lại hỏi bà:

– Vậy tại sao chị lại đến tu viện nam chứ không phải tu viện nữ?

Người nữ thánh, đã gạt bỏ nỗi sợ hãi, bắt đầu kể cho ngài nghe chi tiết về bản thân mình:

– Tôi đã được gả chồng, trở thành mẹ của một cô con gái duy nhất, và luôn yêu thích việc đến các nhà thờ của Chúa để ở đó ngày đêm cầu nguyện. Chồng tôi lại cấm cản việc tu hành ấy, dùng những rắc rối và đòn roi để cố gắng làm tôi xao lãng khỏi khát khao siêng năng đến nhà thờ và cầu nguyện, đồng thời bằng mọi cách cản trở khát khao hướng về Chúa của tôi. Vì vậy, tôi đã quyết định bỏ trốn khỏi ông ấy, để có thể tự do phụng sự Chúa hơn. Một giấc mơ trước đây đã dẫn dắt tôi đến với các vị. Trong giấc mơ, tôi thấy mình đang chạy trốn khỏi người chồng đang đuổi theo và được một số tu sĩ che chở. Sau khi suy ngẫm về giấc mơ và nhận ra rằng cách duy nhất để trốn khỏi chồng là hóa thân thành một tu sĩ, tôi đã cởi bỏ trang phục phụ nữ, mặc trang phục nam giới, đổi tên thành Vavila và giả làm hoạn quan để đến tu viện này.

Thánh Vassian, lắng nghe chăm chú những lời của Thánh Matrona, đã rất ngạc nhiên trước trí tuệ và lòng nhiệt thành của bà đối với Chúa, và nói với bà:

– Hãy can đảm lên, con gái ơi, đức tin của con sẽ cứu rỗi con.

Sau khi truyền dạy cho Matrona những lời khuyên răn rất có ích cho tâm hồn, Vassian đã bí mật gửi nàng đến với Thánh nữ Susanna, còn bản thân ngài hứa sẽ chăm sóc cho nàng, miễn là nàng luôn trung thành phụng sự Chúa Kitô.

Vào thời điểm đó, con gái của Matrona – Theodotia – đã qua đời; bà đã giao phó con gái mình cho Susanna, bởi vì Chúa nhân từ, mong muốn giải thoát người tôi tớ của Ngài là Matrona khỏi gánh nặng lo toan, để bà, khi không còn phải chăm sóc con gái nữa, có thể tự do hơn trong việc phụng sự Ngài, nên Ngài đã rước Theodotia về với Ngài và đưa cô vào các nơi ở trên trời. Vì thế, thay vì đau buồn, Matrona tràn ngập niềm vui khi thấy con gái mình, người chưa từng biết đến những cám dỗ của thế gian gian ác, đã về với Chúa và được dâng lên Ngài trong sự tinh khiết. Còn bản thân bà thì ẩn náu tại nhà Susanna, hay nói đúng hơn, chính Chúa đã che chở bà qua Susanna.

Trong khi đó, Domitian, chồng của Matrona, đã đi tìm bà khắp nơi, đi qua nhiều thành phố, làng mạc và các tu viện khác nhau, tìm kiếm và hỏi han mọi người về bà ở khắp mọi nơi, nhưng vẫn không tìm thấy bà. Sau đó, ông nghe nói rằng tại tu viện của Thánh Vassian có một người phụ nữ nào đó ăn mặc như nam giới, sống như một hoạn quan (vì tin đồn này ban đầu lan truyền trong toàn thể cộng đồng tu sĩ, rồi sau đó lan ra cả những người sống ngoài đời). Nhận ra đó chính là vợ mình, Domitian đến tu viện và, gõ mạnh vào cổng, bắt đầu la hét đầy giận dữ:

– Các tu sĩ, các ngươi đã làm tổn thương ta, một nỗi tổn thương lớn lao: các ngươi đã dụ dỗ vợ ta và giữ nàng lại ở đây; liệu đó có phải là điều mà các tu sĩ nên làm không? Cuộc sống của các ngươi có phải là như thế này không? Hãy trả vợ ta lại cho ta! Tại sao các ngươi lại bất hợp pháp chia rẽ những người mà Thiên Chúa đã kết hợp để sống một cuộc đời tốt đẹp? Hãy trả lại cho ta người thuộc về ta, người bạn đời của ta.

Các tu sĩ đáp lại Domitianus rằng:

– Chúng tôi không có vợ của ngài ở đây, vì phụ nữ không bao giờ được phép vào tu viện của chúng tôi. Trước đây, chúng tôi có một hoạn quan, tu sĩ Vavila, người đã tu hành cùng chúng tôi một thời gian, nhưng sau đó, vì muốn viếng thăm các thánh địa ở Giê-ru-sa-lem, ông ấy đã rời khỏi chúng tôi từ lâu, điều này ai cũng biết. Còn hiện nay ông ấy đang ở đâu, chúng tôi không biết; chỉ có chính Đức Chúa Trời Toàn Tri, Đấng trước mặt Ngài không có gì là bí mật, mới biết điều đó.

Nghe xong, Domitian, trong cơn xao xuyến vì ghen tuông, đồng thời cũng đau buồn vì tình yêu dành cho vợ, đã ra về với vẻ mặt u sầu. Còn vị thánh Vassian thì tự nhủ với chính mình:

– Chính Đức Chúa Trời đã chọn người phụ nữ này để phục vụ Ngài và dưới ách nhân từ của Ngài, Ngài đã giải thoát nàng khỏi người chồng ngang bướng và đồi bại, giao phó nàng cho sự bất xứng của tôi, để tôi chăm sóc linh hồn nàng; thế mà tôi lại tiết lộ bí mật của nàng trước mặt nhiều người và làm cho mọi chuyện liên quan đến nàng trở nên công khai. Nếu bây giờ chồng cô ấy tìm thấy cô ấy, khiến cô ấy từ bỏ con đường đạo đức mà cô ấy đã chọn và làm tổn hại đến sự cứu rỗi của cô ấy, thì tôi sẽ phải chịu trách nhiệm về sự diệt vong của cô ấy.

Sau khi triệu tập một số vị trưởng lão thuộc hội đồng tu viện, Vassian đã nói với họ:

– Hỡi các anh em, chúng ta phải quan tâm đến người chị em đã rời khỏi tu viện của chúng ta, vì dù cô ấy là phụ nữ, nhưng cô ấy vẫn là thành viên của cộng đoàn chúng ta. Vậy, chúng ta phải làm gì để cuộc sống tu hành mà cô ấy đã bắt đầu theo ý Chúa được kết thúc tốt đẹp, để kẻ thù, kẻ luôn tìm cách làm chúng ta sa ngã, không thể đánh bại lòng dũng cảm của cô ấy, không làm cô ấy chệch hướng khỏi những việc tu hành và không lôi kéo cô ấy trở lại với tình yêu trần tục, bằng cách sử dụng công cụ thích hợp cho việc đó, chính là chồng cô ấy?

Vassian đã nói như vậy với các tu sĩ. Một người trong số họ, tên là Marcellus, chức vụ là phó tế, đã nói với vị thánh:

– Ở thành phố Emesa, nơi tôi sinh ra, có một tu viện nữ, nơi chị gái tôi đã xuất gia: vậy nên, thưa cha, nếu cha thấy phù hợp, hãy gửi chị ấy đến đó, và như vậy, nỗi lo lắng về chị ấy sẽ chấm dứt.

Nghe vậy, Vassian và các vị trưởng lão khác đồng ý với lời khuyên của Markell và ra lệnh tìm một con tàu đang trên đường đến đất nước đó. Chẳng bao lâu sau, nhờ sự an bài của Thiên Chúa, người ta đã tìm thấy một con tàu từ Emesa, vốn vừa hoàn tất việc mua sắm tại Byzantium và đang trên đường trở về quê hương. Lúc bấy giờ, họ đưa thánh nữ Matrona lên con tàu đó và gửi bà đến tu viện Emesa, nơi các nữ tu đang tu hành; các nữ tu ở đó đã đón nhận bà với sự kính trọng. Sống tại đó một cách đạo đức với những việc tu hành thường ngày, bà vượt trội hơn tất cả mọi người về sự khiêm nhường, im lặng, ăn chay và thức đêm, cũng như mọi việc tu hành của các nữ tu, và khiến mọi người kinh ngạc bởi lối sống của mình, đến nỗi bà trở thành tấm gương cho con đường gian khổ và khó khăn dẫn đến Nước Trời. Một thời gian ngắn sau, nữ tu viện trưởng của tu viện đó qua đời, và Thánh Matrona được

mọi người bầu chọn, vì xứng đáng, để thay thế vị trí của người đã khuất. Khi trở thành nữ tu viện trưởng, bà, như ngọn nến được đặt trên giá nến, tỏa sáng bằng ánh sáng rực rỡ của các đức hạnh và tận tâm lo lắng cho sự cứu rỗi của các chị em được giao phó cho bà.

Vào thời điểm đó, có một người đàn ông đang cày ruộng của mình thì nhận thấy lửa bốc lên từ một chỗ trên mặt đất. Ông không chỉ thấy điều này một lần, mà nhiều lần, vì trong nhiều ngày liền, ngọn lửa vẫn liên tục bốc lên từ mặt đất. Người đàn ông ấy đã vào thành phố và báo tin này cho Giám mục Emesa. Giám mục, nhận ra đây là một điềm báo đặc biệt, đã đến nơi đó cùng với các linh mục của mình và, sau khi dâng lời cầu nguyện, đã ra lệnh đào đất lên. Khi việc đó được thực hiện, người ta đã tìm thấy trong lòng đất một chiếc bình, bên trong không chứa vàng hay bạc, mà là một báu vật quý giá hơn tất cả các kho báu trần gian – đó chính là đầu của Thánh Gioan Tiền Hô và Người Rửa Tội của Chúa[7599] . Tin tức này lan truyền khắp nơi, và tất cả cư dân không chỉ từ thành phố Emesa mà còn từ tất cả các thành phố và làng mạc lân cận đều tụ tập về nơi đó. Thánh nữ Matrona cũng từ tu viện của mình cùng tất cả các nữ tu đến để thờ lạy đầu thánh Gioan Tẩy Giả vừa được tìm thấy. Chiếc đầu thánh này toát ra dầu thơm, mà các linh mục dùng để xức cho những người có mặt, đồng thời làm dấu thánh giá trên trán họ. Nữ tu Matron đã lấy một ít dầu thơm đó vào một bình nhỏ để mang về làm phép lành cho tu viện của mình. Nhưng đám đông người dân, háo hức muốn có được dầu thánh, đã chen lấn bà đến mức bà không thể đi qua được; còn những người khác, khi thấy bà có dầu thánh, đã xin bà xức dầu cho họ, vì do chen lấn nên họ không thể đến gần các linh mục; và vì bị ép buộc, bà đã làm như vậy. Ở đó có một người mù, từ khi mới sinh ra đã không nhìn thấy ánh sáng. Anh ta xin Matron xức dầu thánh cho mình; bà đã xức dầu lên mắt anh ta, và anh ta lập tức nhìn thấy được. Phép lạ này được mọi người quy cho không chỉ dầu thánh chữa lành của Thánh Gioan, mà còn cho nữ tu Matrona, bởi vì ở đó có rất nhiều linh mục phân phát dầu thánh đó cho mọi người, nhưng không ai có thể giúp người mù bẩm sinh lấy lại thị lực. Và cuộc đời đạo đức của Thánh nữ Matrona được dân chúng ca ngợi. Một thời gian sau, chồng của Matrona là Domitian nghe tin về bà và vội vã đến thành phố Emesa. Khi biết rằng mình không thể vào tu viện nữ nơi Thánh nữ Matrona đang sống, cũng như không thể gặp người vợ mà ông đang tìm kiếm (vì trong tu viện đó có quy định nghiêm ngặt là đàn ông tuyệt đối không được phép vào), ông đã nảy ra ý định đạt được điều mình mong muốn bằng mưu kế. Domitian đã thuyết phục một số phụ nữ thế tục đến gặp Matrona và nói với bà rằng:

– Có một người, nghe nói về sự thánh thiện và đời sống đạo đức hoàn hảo của chị, đã từ xa đến để thờ lạy chị và được nhận lời chúc phúc cùng những lời cầu nguyện thánh thiện của chị. Vậy, vì danh Chúa, xin hãy tỏ lòng nhân ái và đừng khinh thường người đàn ông ấy, người đã vượt qua chặng đường gian nan như vậy vì bà; hãy ra đón anh ta, an ủi anh ta bằng những lời có ích cho linh hồn và ban phước lành rồi để anh ta ra về.

Khi đến gặp Matrona, các phụ nữ đã nói đúng như những gì họ được dạy. Thánh Matrona, nhìn thấu sự lừa dối, đã hỏi các phụ nữ rằng người đã sai họ đến gặp bà trông như thế nào. Họ đã mô tả ngoại hình của ông ta cho bà. Thánh nữ nhận ra đó chính là chồng mình, và nói với các phụ nữ:

– Hãy nói với người đàn ông đó rằng hãy đợi bảy ngày, và vào ngày thứ bảy, ta sẽ hiện ra trước mặt anh ta, và anh ta sẽ được nhìn thấy ta theo ý muốn của mình.

Sau khi tiễn các phụ nữ đi, Thánh nữ Matrona bắt đầu cầu nguyện để Chúa che chở bà khỏi người chồng. Khi đêm xuống, bà lấy một chiếc áo lông cừu, một miếng bánh mì nhỏ, rồi lén lút rời khỏi tu viện và đi về phía Jerusalem. Trong khi đó, Domitian chờ đợi bảy ngày, với hy vọng được gặp người mà ông khao khát, và bắt cô ấy bằng vũ lực, như người vợ hợp pháp của ông. Vào ngày thứ bảy, ông lại sai những người phụ nữ đó đến gặp vị thánh nữ, yêu cầu bà, theo lời hứa, hãy xuất hiện trước mặt ông. Khi đến tu viện, những người phụ nữ ấy thấy tất cả các nữ tu đang than khóc và thương tiếc vị Bề trên của mình, vì họ không biết bà đã đi đâu. Trở về, họ báo tin đó cho Domitian. Còn ông, càng thêm bị ghen tuông và đau buồn xúi giục, đã đi khắp nơi để tìm kiếm bà. Ông còn đến cả Jerusalem và, khi dừng chân tại một nhà trọ, đã hỏi những người phụ nữ sống ở đó xem liệu họ có bao giờ tình cờ nhìn thấy một người phụ nữ như thế này không (và ông đã mô tả ngoại hình của bà). Họ trả lời ông rằng:

– Chúng tôi nhớ rằng có một nữ tu như vậy từng đến muộn tại một trong những nhà thờ ở đây, nhưng hiện cô ấy đang ở đâu thì chúng tôi không biết.

Domitian đã tìm kiếm bà một cách kỹ lưỡng ở đó, đi dọc các con đường và hỏi thăm tại các nhà trọ. Một lần, họ tình cờ gặp nhau, và Matrona đã nhận ra chồng mình, nhưng ông lại không nhận ra bà, bởi khi Domitian đi ngang qua, bà đã che mặt lại và cúi xuống như thể đang nhặt thứ gì đó, và nhờ mưu kế đó, bà đã không bị chồng

[7599] Rõ ràng, đoạn này kể về lần tìm thấy thứ hai thi hài của Thánh Tiền Hô, diễn ra vào năm 452.

nhận ra. Cô ngạc nhiên trước sự kiên trì mà chồng mình dành để tìm kiếm cô, và lo sợ rằng anh ta có thể lại tình cờ gặp cô ở đâu đó và nhận ra, nên cô đã lui về núi Sinai; nhưng ngay cả ở đó, cô vẫn bị chồng tìm kiếm và truy đuổi. Sau đó, bà đến Berit[7600] và, khi tìm thấy một đền thờ thần tượng bỏ hoang, bà bước vào đó và bắt đầu sống ở đó. Các quỷ dữ, không chịu nổi sự hiện diện của bà ở đó, đã dùng đủ mọi cách để dọa nạt bà, mong đuổi vị thánh ra khỏi nơi ấy: lúc thì chúng gào thét vào bà mà không hiện hình, lúc thì công khai tấn công bà; còn khi Matrona ngâm thánh vịnh, lũ quỷ lại chửi rủa và cản trở bà. Nhưng tất cả những ảo tưởng và ảo ảnh của ma quỷ ấy, vị thánh đều xua đuổi bằng dấu thánh giá và lời cầu nguyện thành kính dâng lên Thiên Chúa. Trong thời gian ở trong ngôi đền thờ thần tượng đó, thức ăn của vị thánh là các loại ngũ cốc mọc xung quanh, còn nước uống là nước từ suối, đã tuôn trào một cách kỳ diệu vì bà. Một lần nọ, khi cảm thấy khát, bà tìm kiếm nước xung quanh nhưng không thấy, vì đất khô cằn và bị nắng thiêu đốt. Tìm được một hòn đá nhỏ và nhọn, bà dùng nó đào một hố nhỏ trên đất – cỡ một nắm tay người – rồi để đó và đi cầu nguyện. Sáng hôm sau, cô trở lại nơi đó và thấy một suối nước chảy xiết; xung quanh suối mọc lên những loại ngũ cốc ngon lành. Điều này đã trở thành bữa ăn cho cô dâu của Đấng Kitô – bữa ăn ngọt ngào hơn tất cả các bữa ăn hoàng gia. Bà thưởng thức những loại ngũ cốc ngon lành ấy và uống nước, tạ ơn Thiên Chúa, Đấng *"ban thức ăn cho mọi loài xác thịt, vì lòng thương xót của Ngài tồn tại muôn đời… Ngài mở tay ra và làm no nê mọi loài sống theo ý muốn của Ngài"* (Thánh Vịnh 135:25, 144:16).

Một lần nọ, một con quỷ hóa thân thành một người phụ nữ xinh đẹp và đến gặp Thánh nữ Matrona, nói những lời nịnh hót:

– Tại sao bà, thưa bà, lại chọn cho mình một lối sống kỳ lạ như vậy? Nơi đây hoang vắng, chẳng có gì để thỏa mãn những nhu cầu xác thịt. Hơn nữa, bà còn trẻ và xinh đẹp, tôi e rằng nếu ai đó nhìn thấy bà, họ sẽ bị mê hoặc bởi nhan sắc của bà và gây ra sự xâm hại cho bà, và khi đó sẽ chẳng có ai giúp đỡ bà hay giải thoát bà khỏi tay hắn cả. Vậy nên, thưa bà, hãy từ bỏ lối sống ấy và đi cùng tôi vào thành phố, vì ở đó bà vẫn có thể sống trong sự tĩnh lặng. Tôi sẽ tìm cho bà một ngôi nhà phù hợp để ở, bà sẽ có đủ mọi thứ cần thiết và không ai dám làm phiền bà, vì hàng xóm sẽ giúp đỡ bà và bảo vệ bà khỏi những sự xúc phạm.

Nghe những lời nịnh hót ấy, thánh Matrona nhận ra đó là những mũi tên của kẻ thù và lập tức *"cầm lấy tấm khiên bất khả chiến bại – sự thánh thiện"* (Sách Khôn Ngoan 5:19), không chỉ tự bảo vệ mình khỏi những mũi tên của kẻ xảo quyệt, mà còn dùng lời cầu nguyện như một thanh gươm để đâm trúng chính kẻ bắn tên và xua đuổi hắn đi. Sau đó, con quỷ biến hình thành một bà lão, từ đôi mắt bà ta bốc ra ngọn lửa. Lao tới Matron với cơn thịnh nộ, bà lão này túm lấy chân bà, tuôn ra những lời lẽ vô liêm sỉ và những lời đe dọa. Còn vị thánh thì không để ý đến bà ta, mà chỉ đứng đó cầu nguyện với Chúa; và ngay lập tức, con quỷ biến mất.

Sau những cuộc tấn công của quỷ dữ như vậy, Chúa đã an ủi thánh nữ Matrona qua một sự mặc khải thiêng liêng, và làm tràn ngập lòng bà bằng niềm vui thiêng liêng khôn tả cùng sự an ủi từ trời; vì Ngài biết cách an ủi những ai phụng sự Ngài trong nỗi buồn, giúp đỡ họ trong hoạn nạn và biến nỗi buồn của họ thành niềm vui, như Đa-vít đã nói: Thi thiên 93 – *"Khi nỗi buồn trong lòng tôi dâng trào, sự an ủi của Ngài làm dịu lòng tôi*".

Và Chúa đã muốn, qua người nữ tỳ trung thành này của Ngài, mang lại lợi ích cho nhiều người và dẫn dắt nhiều người vào con đường cứu rỗi, chính vì thế Ngài đã bày tỏ nàng cho cư dân thành Berit. Nàng được ba tín hữu Kitô giáo phát hiện; vào buổi tối, khi đi ngang qua ngôi đền thờ đó, họ thấy nàng đang cầu nguyện. Họ kể lại điều này cho những người khác, và nhiều người bắt đầu đến với nàng, mong muốn được gặp nàng. Nhận được ân sủng giảng dạy từ Thiên Chúa, bà rao giảng Lời Chúa cho họ và qua những lời nói được Thánh Thần soi dẫn, bà mang lại lợi ích lớn lao cho họ và dẫn dắt họ trên con đường cứu rỗi. Một số phụ nữ và thiếu nữ cũng đến với bà; khi chứng kiến đời sống thánh thiện như thiên thần của bà, họ mong muốn noi gương bà và sống đời tu hành cùng bà. Ban đầu, có một người phụ nữ tên là Sofronia đến gặp vị thánh nữ. Dù là người ngoại đạo, bà vẫn yêu mến sự tiết độ và sự trong sạch, và sống như một nữ tu – một trinh nữ – cùng với những người phụ nữ khác đã theo gương lối sống và giáo lý của bà. Khi nghe nói về Thánh Matrona và lối sống nghiêm khắc của bà, cô mong muốn được gặp bà và đã cùng các bạn của mình đến gặp bà. Còn Thánh Matrona, mở miệng đầy lời Chúa, bắt đầu nói với cô về Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, cùng Con Một của Ngài – cách Ngài nhập thể từ Đức Trinh Nữ Vô Phu và Vô Tỳ Vết, chịu khổ nạn vì sự cứu rỗi của chúng ta, phục sinh, thăng thiên trong thân xác, và sẽ trở lại để phán xét người sống và người chết. Sau khi khai sáng cho Sofronia về nhiều mầu nhiệm của đức tin Kitô giáo, Thánh Matrona đã dẫn dắt cả cô và những người đi cùng cô đến với Chúa Kitô. Sau khi sớm nhận phép rửa tội từ Giám

[7600] Berit – thành phố ven biển cổ xưa nhất trên bờ biển Phoenicia thuộc Tiểu Á.

mục Berit, họ bắt đầu sống đời tu hành cùng với Thánh nữ Matrona ngay tại chính ngôi đền thờ thần tượng đó, và từ một hang ổ của bọn cướp, nơi đó đã trở thành nơi ẩn dật của các cô dâu của Chúa Kitô.

Sau đó, một thiếu nữ tên là Evheya, vốn là nữ tư tế thờ thần tượng và giữ trinh tiết, đã đến gặp Thánh nữ Matrona, quỳ xuống dưới chân bà và xin bà dạy cho cô đức tin vào Chúa Giêsu Kitô, đồng thời cho phép cô sống cùng bà. Thánh nữ, sau khi giảng dạy thiếu nữ bằng những lời Thánh, đã thắp lên trong lòng cô ngọn lửa tình yêu dành cho Chúa Kitô và lòng từ bỏ thế gian. Vào thời điểm đó, tại đó diễn ra một lễ hội ngoại giáo đáng ghê tởm, và những người ngoại giáo ở Beryt đã tụ tập trước các thần tượng của họ để cử hành lễ hội. Không tìm thấy nữ tư tế của các thần tượng, người theo phong tục ngoại giáo sẽ dâng lễ vật cho chúng, họ ngạc nhiên không biết cô đã đi đâu. Khi biết tin cô đã đến với Matrona, một số người trong số họ, đặc biệt là những người thân của cô gái ấy, đã đến đó và, khi thấy Evheia đang ngồi cùng Matrona và say sưa lắng nghe Lời Thánh, họ nói với cô:

– Tại sao con, cô gái ơi, lại khinh thường các vị thần vĩ đại và bỏ qua việc dâng lễ vật cho họ? Này, vì con mà dân chúng đã nổi dậy chống lại chúng ta, không chịu đựng được sự sỉ nhục gây ra cho các vị thần của họ. Vậy thì, hãy đi với chúng tôi để cử hành lễ hội ngay hôm nay!

Cô gái không những không muốn nghe lời họ, mà thậm chí còn không thèm nhìn họ; nhưng giống như Maria ngồi dưới chân Chúa Giêsu, cô cũng ngồi trước mặt người thầy của mình – nữ tu Matron, người đã nhẹ nhàng và đầy tình yêu thương nói với những người đến:

– Xin hãy để người tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật này ở lại với chúng tôi; người trước đây từng là tôi tớ của các vị thần hư ảo của các vị, vì giờ đây cô ấy không thể giao du với các vị nữa, bởi cô ấy mong muốn đính hôn với Đấng Christ.

Những người thân đến đã cố gắng rất lâu, bằng cả lời ngọt ngào lẫn lời đe dọa, để lôi cô gái ra khỏi Matron, thậm chí còn muốn bắt cô đi bằng vũ lực, nhưng sức mạnh vô hình của Đức Chúa Trời đã ngăn cản họ. Không thành công, họ nói:

– Nếu con không nghe lời chúng ta và không đi theo chúng ta ngay bây giờ để cử hành lễ cho các vị thần, thì sáng mai chúng ta sẽ đến, đốt cháy ngôi đền thờ này và thiêu rụi tất cả những ai đang ở trong đó, kể cả con.

Sau khi đe dọa như vậy, họ bỏ đi. Còn Thánh Matrona cùng các chị em đi theo đã thu gom nhiều củi và cành cây khô, xếp thành vòng tròn quanh đền thờ, rồi gửi theo những kẻ ngoại đạo vừa rời đi, với những lời như sau:

– Này, lửa và củi đã sẵn sàng rồi. Hãy thực hiện lời hứa của các ngươi đi – hãy thiêu sống chúng tôi, để chúng tôi trở thành của lễ thơm ngát dâng lên Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng tôi.

Những kẻ ngoại đạo, kinh ngạc trước lòng dũng cảm mà họ sẵn sàng hy sinh vì Đức Chúa Trời của mình, không biết phải trả lời thế nào, và từ đó không còn đến gần họ nữa.

Trong khi đó, Thánh Matrona đã thỉnh cầu vị giám mục cử một linh mục đến gặp bà. Khi vị linh mục đến, bà đã giao cô gái trẻ đó cho sự chăm sóc của ngài, để ngài ban phép rửa thánh cho cô và đưa cô trở lại với bà – và vị linh mục đã thực hiện ngay lập tức ý nguyện của bà. Sau khi nhận phép rửa tội, cô gái ấy đã sống một đời đạo đức, kiên trì ăn chay và cầu nguyện cùng các chị em khác, tổng cộng có tám người sống cùng Thánh Matrona. Tất cả họ đều giống như những trinh nữ khôn ngoan, trang điểm đèn của mình và chuẩn bị đón Chàng Rể của mình[7601].

Trong khi Thánh Matrona đang sống cuộc đời như vậy, ngày đêm cùng các chị em phụng sự Thiên Chúa và dẫn dắt nhiều người đến với Ngài, bà bỗng nảy sinh mong muốn được gặp lại cha linh hướng của mình – Thánh Vassian. Bà muốn đến Constantinople, nhưng ý nghĩ rằng chồng bà, Domitian, đang sống ở Constantinople, đã ngăn cản Matrona thực hiện ý định đó, và bà sợ đến đó vì không muốn bị ông ta nhận ra. Đồng thời, bà tự nhủ trong lòng:

– Tôi không thể ở lại đây nữa, vì có nhiều người đến gặp tôi và ca ngợi tôi là người đức hạnh, và tôi sợ sự kiêu ngạo. Hơn nữa, tôi lo sợ chồng tôi có thể nghe được tin về tôi, vì cả đất nước đã biết đến tôi và ai đó có thể nói với anh ấy; và khi anh ấy đến đây và tìm thấy tôi, thì tất cả những nỗ lực tu hành của tôi sẽ tan thành mây khói. Vậy nên, tôi sẽ rời khỏi đây, hoặc đến Alexandria, hoặc đến Antioch.

Sau khi quyết định như vậy, vị thánh bắt đầu siêng năng cầu nguyện với Chúa, xin Ngài chỉ cho bà biết nên đi đâu, nơi nào bà có thể sống một cách hữu ích hơn. Trong khi đang cầu nguyện về điều này, một lần nọ, bà thấy

[7601] Trong dụ ngôn của Chúa Giêsu về mười cô dâu. Mt 25:1.

trong giấc mơ có ba người đàn ông đang tranh cãi với nhau vì bà, vì mỗi người đều muốn đưa bà về sống chung với mình. Còn bà thì từ chối, nói rằng:

– Tôi đã trốn tránh hôn nhân từ lâu rồi, và ngay cả nếu bây giờ tôi lại mong muốn điều đó, thì điều đó cũng sẽ không xảy ra. Tuy nhiên, các vị là ai?

Người đầu tiên trả lời:

– Tôi là Alexander.

Người thứ hai nói:

– Tôi là Antiochus.

Người thứ ba nói:

– Tôi là Constantine.

Nói xong, họ bốc thăm để xem ai sẽ lấy cô ấy, và kết quả là người trẻ nhất, người tự xưng là Constantine, đã trúng thăm. Người này muốn lấy cô ấy. Matrona thức dậy vì sợ hãi và suy ngẫm về những gì mình đã thấy. Cô giải thích giấc mơ của mình như sau: "Ba người đàn ông – Alexander, Antiochus và Constantine, – chính là ba thành phố mà tôi đã nghĩ đến, – cụ thể là: Alexandria, Antioch và Constantinople; còn lá thăm của tôi, rơi vào Constantine, có nghĩa là ý muốn của Đức Chúa Trời, để tôi đến Constantinople và gặp lại cha tôi – thánh Vassian. Chúa, Đấng dẫn dắt tôi, có quyền năng che chở tôi ở đó, để tôi không bị chồng tôi nhận ra: *'Dù tôi có đi qua thung lũng bóng tối của cái chết, tôi cũng không sợ điều ác, vì Ngài ở cùng tôi; cây gậy và cây gậy của Ngài – chúng an ủi tôi'* (Thánh Vịnh 22:4).

Và sau khi thu dọn xong, nàng định ra đi. Nhưng các chị em, khi biết ý định của nàng là muốn rời xa họ, đã không chịu để nàng đi, vừa khóc vừa kêu lên:

– Tại sao mẹ ơi, mẹ lại bỏ rơi chúng con – những đứa con của mẹ, những người vẫn chưa đủ vững vàng trong luật pháp của Chúa? Tại sao mẹ lại bỏ lại những cành non trong đức tin, những người vẫn chưa được tưới đẫm bằng nước giáo lý? Mẹ đi đâu vậy, mẹ ơi? Mẹ để chúng con lại cho ai? Hay tại sao mẹ không đưa chúng con đi cùng?

Vị nữ tu đã trấn an họ, rồi kể cho họ nghe ý muốn của Đức Chúa Trời, được mặc khải cho bà trong một thị kiến – đó chính là bà phải lên đường đến Constantinople. Và ngay lập tức, bà đã sai người đến gặp vị giám mục, xin ngài cử đến cho bà hai nữ phó tế, những người giàu kinh nghiệm về đức hạnh và có đời sống hoàn hảo, để bà có thể giao phó cho họ đàn chiên nhỏ mới được quy tụ của Chúa Kitô. Vị giám mục đã đáp ứng nguyện vọng của bà – ngài đã cử đến cho bà những nữ phó tế như bà mong muốn. Sau khi giao phó các con gái thiêng liêng của mình cho họ như một kho báu quý giá và chúc phúc cho họ, Thánh Matrona rời khỏi họ, chỉ mang theo một người chị em – Thánh Sofronia. Khi đến bờ biển, bà tìm thấy một con tàu đang trên đường đến Constantinople và lên tàu. Nhờ gió thuận, họ đã đến được Constantinople, và Matrona cùng Sofronia vội vã đến nhà thờ Thánh Irina nằm gần bờ biển. Khi bước vào nhà thờ, bà gặp vị phó tế Marcellus đã được nhắc đến trước đó, người đã khuyên vị thánh Vassianus gửi bà đến tu viện nữ tọa lạc tại thành phố Emesa. Thánh Matrona đã tự giới thiệu mình với vị phó tế ấy và kể lại chi tiết mọi chuyện về bản thân – về việc bà bị chồng truy đuổi ở Emesa, tại Jerusalem và trên núi Sinai, cách cô sống ở Beryt, trong đền thờ thần tượng, và cách cô tập hợp các chị em, cách Chúa đã dùng cô để dẫn dắt nhiều người trở về với Ngài, cũng như lý do cô thực hiện cuộc hành trình từ Beryt đến Constantinople để gặp cha linh hướng của mình – vị thánh Vassian. Còn Marcellus thì báo cho vị tu sĩ biết về sự đến của Matrona và kể lại cho ngài nghe tất cả những gì mình đã nghe từ bà. Vị tu sĩ lập tức ra lệnh cho Marcellus tìm một ngôi nhà yên tĩnh gần tu viện của ngài và đưa Matrona đến đó. Khi việc này được hoàn tất, Thánh Vassian đã gặp gỡ bà, ban phước lành cho bà và, khi biết về những công lao của bà, ngài đã vui mừng trước những việc làm cao cả và lòng yêu mến Chúa nhiệt thành của bà. Kể từ đó, Thánh Matrona bắt đầu sống tại Constantinople mà không còn lo âu, vì chồng bà đã qua đời. Còn Thánh Vassian thì cung cấp cho bà mọi thứ cần thiết và đưa các chị em của bà, những người còn lại ở Beryt, đến với bà: theo lời thỉnh cầu của bà, ngài đã gửi thư cho Giám mục Beryt, xin ngài cho phép các nữ tu do Matrona tập hợp được đến Constantinopolis để ở cùng bà, như là người mẹ thiêng liêng của họ. Chẳng bao lâu sau, tất cả họ đều đến đó và cùng tu hành với Thánh nữ Matrona, phụng sự Thiên Chúa trong sự công chính và đạo đức. Matrona là tấm gương về đời sống thánh thiện cho mọi người: khi chiêm ngưỡng bà, không chỉ những người đã khấn tu mà cả đông đảo giáo dân cũng được hưởng ơn lành. Danh tiếng về các đức hạnh của bà lan rộng khắp nơi và nhờ bà, Cha Trên Trời được tôn vinh.

Tin tức về Matron đã đến tai Hoàng hậu Verina, phu nhân của Vua Lêô Đại Đế, người đang trị vì vào thời điểm đó[7602] . Khi nghe nói về cuộc đời đạo đức hoàn hảo của Thánh nữ Matron, bà mong muốn được gặp bà và đã đích thân đến thăm. Matrona đã tiếp đón hoàng hậu một cách trang trọng và chiêu đãi bà bằng những món ăn mà chỉ một người ăn chay vĩ đại và không sở hữu gì mới có thể chuẩn bị được. Nữ hoàng rất ngạc nhiên trước lối sống như vậy của bà, đặc biệt là việc nữ tu không xin gì từ bà, dù bà có ý định tặng cho bà nhiều món quà. Sau khi nhận được lợi ích thiêng liêng cho bản thân từ cuộc sống và cuộc trò chuyện với nữ tu Matron, nữ hoàng trở về cung điện của mình.

Nhiều người bệnh tật cũng đến gặp vị thánh nữ và được chữa lành: bởi vì lời cầu nguyện của bà có sức mạnh chữa lành mọi bệnh tật – không chỉ bệnh thể xác mà còn cả bệnh tâm hồn.

Một phụ nữ quý tộc tên là Euphemia, vợ của tổng giám mục Anphim, sau khi mắc phải căn bệnh nặng nề và không thể chữa khỏi – và không thể tìm được sự giúp đỡ từ các bác sĩ – đã đến gặp Thánh Matron. Euphemia nắm lấy tay bà, áp lên những bộ phận đau đớn trên cơ thể mình, và nhờ sự chạm vào của bàn tay ấy, bà đã được chữa lành hoàn toàn. Thấy ngôi nhà mà vị thánh nữ cùng các chị em đang sinh sống quá chật chội và lại không phải là nhà riêng của mình, Evfimia mong muốn xây dựng cho người đã chữa lành cho mình – vị thánh nữ Matrona – một tu viện rộng rãi và tiện nghi để sinh sống, và bà đã sớm thực hiện điều đó.

Sau khi chuyển từ ngôi nhà chật hẹp sang tu viện mới được xây dựng, vị thánh nữ đã quy tụ được một đoàn chiên tinh thần còn đông đảo hơn – gồm các thiếu nữ và phụ nữ, dâng họ làm vợ cho Chúa Kitô và tận tâm chăm lo cho sự cứu rỗi của họ.

Không lâu sau đó, Thánh nữ Matrona đã biết trước rằng mình sắp ra đi về với Chúa, vì điều này đã được mặc khải cho bà qua một thị kiến. Bà thấy mình đang đi dạo trong một nơi tuyệt đẹp, nơi có những cây cối trĩu quả, và giữa đó là những suối nước trong vắt chảy qua; xa hơn nữa là một cánh đồng hoa nở rộ; rất nhiều loài chim xinh đẹp đang hót ở đó bằng những giọng ca du dương khác nhau; những cây cối nhẹ nhàng đung đưa trong làn gió thổi nhẹ; ngay tại đó, những dòng suối róc rách chảy – nói chung, không thể nào miêu tả hết vẻ đẹp của nơi ấy, vì đó chính là thiên đàng của Chúa. Ở đó có những người phụ nữ chính trực và trang nghiêm, họ chỉ cho thánh nữ Matrona thấy một cung điện rực rỡ, được tạo ra bởi bàn tay của Đức Chúa Trời chứ không phải bởi bàn tay con người, và nói với bà:

– Đây là ngôi nhà của chị, Matrona, do Chúa chuẩn bị sẵn cho chị. Hãy đến và sống ở đây!

Từ thị kiến này, vị thánh nữ nhận ra rằng giờ lâm chung của mình đã gần kề, và bắt đầu chuẩn bị cho sự ra đi, cầu nguyện với Chúa một cách sốt sắng hơn bao giờ hết, vì Ngài mà bà coi mọi sự đều như hư không. Sau đó, bà gọi tất cả các chị em của mình đến và dạy dỗ họ một cách chu đáo về những điều cần thiết cho sự cứu rỗi. Sau khi chúc bình an cho họ, bà an nghỉ trong Chúa và rời khỏi nơi ở trần gian để chuyển đến nơi ở trên trời đã được chuẩn bị sẵn cho bà, nơi mà trước đó bà đã thấy trong khải tượng. Như vậy, nữ tu Matrona đã qua đời trong tuổi già thanh thản và nhân hậu[7603] . Trong cuộc đời thế gian, bà đã sống hai mươi lăm năm, còn trong đời tu hành – bảy mươi lăm năm; tổng cộng bà đã sống một trăm năm. Và giờ đây, bà đang an nghỉ trong cuộc sống vĩnh cửu, đứng trước ngai vàng của Ba Ngôi Hằng Sống và Hợp Nhất – Cha, Con và Thánh Thần – Đức Chúa Trời Duy Nhất, vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Vì tình yêu của Chúa, thánh nữ Matrona, bà đã ghét bỏ sự ham muốn an nhàn, và đã soi sáng linh hồn mình bằng sự kiêng khem: bà đã chiến thắng các thú dữ một cách vững chắc, nhưng nhờ những lời cầu nguyện của bà, những cám dỗ đối nghịch đã bị tiêu diệt.

Cuộc đời của Thánh nữ Theoktista.

Ngày kỷ niệm: 9 tháng 11

[7602] Thánh Lê I (Đại) – Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 457 đến năm 474.
[7603] Thánh Matrona qua đời năm 492.

Trên biển Aegean có hòn đảo Paros[7604] . Trên hòn đảo này có một ngôi đền tráng lệ mang tên Đức Mẹ Thiên Chúa, Nữ Vương Thánh Thiêng của chúng ta. Toàn bộ hòn đảo, bao gồm cả ngôi đền, không rõ vì lý do gì, đã trở nên hoang vắng và không còn là nơi cư ngụ của con người, mà là nơi trú ngụ của các loài thú.

Một lần nọ, những thợ săn sống trên ngọn núi ven biển tên là Evvia đã cùng nhau quyết định đi thuyền đến hòn đảo hoang vắng đó để săn thú, vì trên đảo có rất nhiều hươu và dê. Khi đến đảo, các thợ săn mang theo vũ khí của mình xuống thuyền và đi khắp đảo để tìm con mồi. Trong số họ có một thợ săn kính sợ Chúa và luôn lo lắng cho sự cứu rỗi của mình. Tách khỏi các bạn đồng hành, anh ta một mình đi lang thang trên hòn đảo hoang vắng, lần theo dấu vết thú rừng, và khi tìm thấy ngôi đền hoang tàn nói trên, anh ta bước vào đó và bắt đầu cầu nguyện theo cách mình biết, vì anh ta là một người đơn sơ và mù chữ. Trong lúc cúi đầu và cầu nguyện, anh ta nhìn thấy trên mặt đất có một cái hố nhỏ và trong đó có nước, còn trong nước có những hạt của một loại cây tên là oliotropion[7605] (loại cây này mọc rất nhiều trên hòn đảo đó), và anh ta thầm nghĩ: "Ở đây có một người tôi tớ của Chúa nào đó đang ăn những hạt này." Tuy nhiên, người thợ săn lập tức rời khỏi đền thờ, vội vã đuổi theo các bạn đồng hành. Các bạn của anh ta đã ở lại hòn đảo vài ngày, săn được bao nhiêu nai và dê tùy thích, và đang trên đường trở về tàu từ sa mạc với một chiến lợi phẩm dồi dào. Lúc đó, người thợ săn nói trên lại tách khỏi các bạn đồng hành và bước vào đền thờ để cầu nguyện với Đức Mẹ Vô Nhiễm; hơn nữa, anh ta còn hy vọng được gặp người đã nhúng những hạt hướng dương vào nước. Khi anh ta đứng giữa nhà thờ để cầu nguyện, anh ta nhìn thấy bên phải bàn thờ thánh có những mạng nhện dày đặc, và phía sau chúng là một sinh vật nào đó, dường như đang lay động theo gió. Muốn biết thứ đang lay động phía sau mạng nhện là gì, anh ta tiến lại gần và định gỡ mạng nhện ra, nhưng ngay lập tức nghe thấy một giọng nói:

– Dừng lại đi, hỡi người đàn ông, đừng lại gần nữa, tôi xấu hổ vì tôi là một người phụ nữ khỏa thân.

Nghe vậy, người thợ săn hoảng sợ và định chạy trốn, nhưng vì quá sợ hãi nên không thể: chân anh run rẩy, tóc trên đầu dựng đứng và trở nên sắc nhọn như gai – và anh đứng đó trong sự kinh hoàng. Sau khi bình tĩnh lại một chút, anh dám hỏi:

– Cô là ai, và cô sống thế nào trong sa mạc này?

Và một lần nữa, anh ta nghe thấy giọng nói vang lên từ phía sau những mạng nhện:

– Xin anh, – hãy ném cho tôi bộ quần áo, và khi tôi che đi sự trần truồng của mình, thì tùy theo ý Chúa phán bảo, tôi sẽ kể cho anh nghe về bản thân mình.

Cởi bỏ áo khoác ngoài, người thợ săn đặt nó xuống đất, rồi tự mình bước ra khỏi đền thờ. Chờ một lát cho đến khi vợ anh ta mặc áo khoác đó vào, anh ta lại bước vào và thấy nàng vẫn đứng ở chính chỗ cũ, nơi nàng đã đứng trước đó. Dáng vẻ của nàng thật đáng sợ, bởi nàng chỉ mang hình dáng giống con người – không thấy dấu hiệu nào của một người sống, mà toàn thân nàng như một xác chết: xương chỉ được bao phủ bởi lớp da, tóc bạc trắng, khuôn mặt đen xì, đôi mắt trũng sâu – và nói chung, toàn bộ dáng vẻ của nàng giống hệt một xác chết nằm trong quan tài; cô ta thở rất yếu ớt và chỉ có thể nói khẽ. Nhìn thấy cô ta, người thợ săn càng sợ hãi hơn nữa và, ngã quỵ xuống đất, bắt đầu cầu xin người vợ này cầu nguyện và ban phước lành. Lúc đó, quay mặt về hướng đông, bà giơ hai tay lên và bắt đầu cầu nguyện; người thợ săn không thể nghe rõ lời cầu nguyện của bà, chỉ nghe thấy giọng nói nhẹ nhàng vươn lên trời cao. Sau đó, quay sang anh, vị thánh nữ nói:

– Cầu Chúa thương xót ngươi, hỡi người đàn ông, – hãy nói cho ta biết, ngươi đến sa mạc này vì lý do gì? Ngươi cần gì trên hòn đảo hoang vắng này, nơi không có ai sinh sống? Nhưng vì ta nghĩ rằng Chúa đã dẫn ngươi đến đây vì sự khiêm nhường của ta và ngươi muốn biết về ta, nên ta sẽ tiết lộ tất cả cho ngươi.

Và bà bắt đầu kể lại như sau:

– Quê hương của tôi là Lezvie, tôi sinh ra tại thành phố Mephimne[7606] , tên tôi là Theoktista, và tôi là một nữ tu, bởi vì khi còn nhỏ, tôi đã mồ côi cha mẹ, nên được người thân gửi vào tu viện nữ và được thụ phong làm nữ tu. Một lần vào ngày lễ Phục Sinh của Chúa Kitô, khi tôi mười tám tuổi, tôi đã được ban phép lành và đi đến một làng nhỏ cách đó không xa để thăm chị gái tôi, người đang sống ở đó cùng chồng, và tôi đã ở lại qua đêm tại nhà chị ấy. Vào nửa đêm, người Ả Rập do tên Nizar hung ác cầm đầu đã tấn công ngôi làng đó. Chúng bắt giữ toàn bộ dân

---

[7604] Biển Aegean – ngày nay *là quần đảo.* Paros – một trong những hòn đảo lớn thuộc quần đảo Cyclades.

[7605] Iliotropion – hoa hướng dương.

[7606] Lesvia – Lesbos – một hòn đảo trên Biển Aegean, sau này được đặt tên theo thành phố chính là Mytilene. Ở phía bắc hòn đảo là núi Mephimna, ngày nay là Molyvon, với những bến cảng rộng lớn, đã rơi vào tình trạng suy tàn từ thời Chiến tranh Peloponnesian (năm 406 trước Công nguyên).

làng, trong đó có cả tôi cùng những người khác, và khi trời sáng, chúng đưa chúng tôi lên tàu của chúng rồi ra khơi. Sau một ngày lênh đênh trên biển, họ cập bến hòn đảo này để nghỉ qua đêm, và khi đưa các tù nhân lên bờ, họ quan sát từng người để định giá tiền chuộc mà mỗi người sẵn sàng trả. Tôi cũng bị dẫn ra cùng với những người khác, và khi nhìn thấy một cánh đồng cỏ gần đó, tôi quay về phía đó và bỏ chạy. Những kẻ bắt giữ tôi đã đuổi theo và truy lùng tôi như những thợ săn đuổi con thú, nhưng sa mạc đã che giấu tôi khỏi họ, hay nói đúng hơn, Chúa trong sa mạc đã che chở tôi bằng ân sủng của Ngài và bảo vệ tôi khỏi bàn tay những kẻ săn đuổi, đến nỗi họ không thể tìm thấy và bắt kịp tôi. Tôi chạy trốn vào sâu trong sa mạc của hòn đảo này và không ngừng chạy trốn vì sợ hãi cho đến khi những cây gai và bụi rậm, cùng với những hòn đá nhọn, làm chân tôi bị thương nặng. Không còn sức để chạy tiếp, tôi ngã xuống đất như người chết, và mặt đất nhuốm đầy máu của tôi, chảy ra từ những vết thương trên chân. Cả đêm đó, tôi phải chịu đựng những đau đớn tột cùng, nhưng vẫn tạ ơn Chúa vì Ngài đã cứu tôi khỏi tay kẻ thù và giữ cho tôi được trong sạch. Và tôi nảy sinh một khao khát – thà chết sớm trong sa mạc này với sự trong trắng của một trinh nữ, còn hơn là sống giữa những kẻ xấu xa và làm ô uế sự trinh khiết đã dâng hiến cho Chúa Kitô. Sáng hôm sau, tôi thấy bọn cướp vô đạo đã rời khỏi hòn đảo, và lòng tôi tràn ngập niềm vui khi được giải thoát khỏi ách nô lệ của chúng; vì niềm vui quá lớn nên tôi đã quên đi cơn đau của mình. Và từ đó cho đến nay, tôi đã sống trên hòn đảo này được ba mươi sáu năm. Tôi nuôi sống mình bằng hạt của loài cây olotropion mọc tràn ngập nơi đây, nhưng hơn hết, tôi nuôi dưỡng tâm hồn bằng Lời Chúa: vì tất cả các thánh vịnh, các bài thánh ca và các đoạn Kinh Thánh mà tôi đã học được trong tu viện của mình, tôi vẫn nhớ đến tận bây giờ, và nhờ chúng mà tôi được an ủi và nuôi dưỡng tâm hồn. Quần áo của tôi chẳng bao lâu sau đã rách nát, và tôi chỉ còn trần truồng, chỉ có ân sủng của Chúa là tấm áo che chở, che chở tôi khỏi mọi điều ác.

Sau khi kể xong điều này, vị trinh nữ thánh thiện giơ hai tay lên trời và dâng lời tạ ơn Đức Chúa Trời vì ân sủng khôn tả của Ngài đã tỏ ra trên người bà. Rồi, quay lại nói với người thợ săn, bà nói:

– Này, tôi đã kể hết mọi chuyện về bản thân mình cho anh nghe; tôi chỉ xin anh một điều, mong anh hãy làm điều đó vì Chúa: khi mùa hè tới, nếu anh đến hòn đảo này để săn bắn (tôi biết anh nhất định sẽ đến, vì đó là ý muốn của Đức Chúa Trời), thì hãy lấy một phần Thánh Thể của Đức Kitô, Đấng Thánh Khiết và Ban Sự Sống, cho vào một bình sạch và mang đến cho tôi ở đây, vì kể từ khi tôi bắt đầu sống trong sa mạc này, tôi chưa được ân sủng rước lễ món quà thiêng liêng ấy. Bây giờ, hãy bình an trở về với các bạn đồng hành của anh và đừng nói gì về tôi cả.

Người thợ săn hứa sẽ tuân theo mệnh lệnh và, sau khi cúi đầu kính lễ người nữ tỳ tuyệt vời của Chúa Kitô, anh ta ra đi, vui mừng và tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã tỏ lộ cho anh kho báu quý giá này, cho anh được thấy, được trò chuyện và được hưởng những lời cầu nguyện cùng lời chúc lành của người mà cả thế gian này cũng không xứng đáng. Khi đến bờ biển, người thợ săn gặp lại các bạn đồng hành đang chờ đợi anh và lo lắng vì anh đến muộn, vì họ tưởng rằng anh đã lạc đường trong sa mạc. Còn anh thì không tiết lộ cho họ bí mật mà anh được lệnh phải giữ kín – và họ lên thuyền trở về nhà. Trong khi đó, người thợ săn ấy háo hức chờ đợi mùa hè tiếp theo như một niềm vui sướng, mong được gặp lại cô dâu tinh khiết của Chúa Kitô, người đang ngự trong sa mạc như trong một cung điện. Khi thời gian mong đợi đã đến, anh lại bàn bạc với các bạn đồng hành để cùng chèo thuyền đến đảo Paros săn thú. Trước khi lên thuyền, anh ta đã xin từ vị linh mục một phần nhỏ của Mình Thánh Chúa Kitô Tinh Khiết và Ban Sự Sống, được đựng trong một chiếc hòm nhỏ tinh khiết, theo lời dặn dò của Thánh nữ Theoktista, và, giữ phần Mình Thánh ấy bên mình một cách tôn kính, anh ta lên đường. Khi đến hòn đảo này, ông mang theo Thánh Thể đến ngôi đền hoang vắng của Đức Mẹ Rất Thánh, nơi mà năm trước ông đã trò chuyện với vị thánh nữ, nhưng khi bước vào ngôi đền đó, ông không thấy thánh nữ Theoktista đâu. Và ông nghĩ rằng vị thánh nữ hoặc đã đi vào sa mạc xa xôi, hoặc đã tự làm mình trở nên vô hình, vì cùng với người thợ săn đó còn có một số người bạn khác của ông ta đi theo. Trong nỗi buồn, người thợ săn bước ra khỏi nhà thờ và đi theo các bạn đồng hành của mình. Chẳng bao lâu sau, ông lén lút rời khỏi họ, rồi quay lại và một mình đến nhà thờ – và ngay lập tức, Thánh nữ Theoktista hiện ra tại chính nơi mà trước đây bà đã đứng, mặc bộ quần áo mà người thợ săn đã tặng bà vào năm ngoái. Khi nhìn thấy vị thánh nữ, người thợ săn quỳ xuống đất và cúi đầu kính lạy bà. Bà liền nhanh chóng bước đến bên anh và nói trong nước mắt:

– Đừng làm thế, hỡi người đàn ông, – vì ngươi đang cầm những ân huệ thiêng liêng; đừng làm ô uế các Bí tích của Chúa Kitô và đừng làm đau lòng sự hèn mọn của ta, vì ta là một người phụ nữ không xứng đáng.

Rồi bà nắm lấy áo người thợ săn và nâng anh ta dậy khỏi mặt đất. Anh ta lấy chiếc hòm đựng các Bí tích Thánh ra và dâng cho bà[7607] . Vị thánh nữ trước tiên quỳ sấp xuống đất trước các Bí tích Thánh và làm ướt mặt đất bằng nước mắt. Sau đó, bà đứng dậy, nhận các Bí tích Thánh vào tay, rước lễ và nói với lòng cảm động:

– Nay Ngài cho tôi tớ của Ngài ra đi, lạy Chúa, vì mắt con đã thấy sự cứu rỗi của con, và con đã nhận được sự tha thứ tội lỗi trong tay. Nay con sẽ ra đi, đến nơi nào lòng nhân từ của Ngài chỉ định.

Nói xong, bà đau đớn giơ hai tay lên và đứng đó rất lâu, cầu nguyện và ngợi khen Thiên Chúa. Sau đó, bà ban phước lành và cho người thợ săn trở về với các bạn đồng hành của anh ta.

Sau khi ở lại sa mạc vài ngày, các thợ săn đã bắt được nhiều dê và hươu rồi trở về tàu. Còn người thợ săn kia lại rời khỏi họ và một mình đi đến ngôi đền, mong được nhận lời cầu nguyện và sự chúc lành từ vị thánh nữ cho hành trình của mình. Anh ta đến nơi mà trước đây đã trò chuyện với bà, và thấy vị thánh nữ đang nằm chết trên mặt đất; hai tay bà chắp trước ngực, còn linh hồn thánh thiện của bà đã về với Chúa[7607] . Quỳ xuống trước thi hài thánh thiện của bà, người thợ săn hôn lên đôi chân thánh thiện của bà và rửa chúng bằng nước mắt. Và anh ta bối rối không biết phải làm gì, vì anh ta rất đơn sơ và dành phần lớn cuộc đời mình ở sa mạc, giữa các loài thú, hơn là ở thành phố giữa con người. Anh ta thậm chí còn không nghĩ đến việc đi tìm những thợ săn khác để kể cho họ nghe về chuyện đã xảy ra và cùng họ an táng thi thể thánh thiện này một cách trang trọng. Sau khi đào một ít đất, nhanh nhất có thể, ông một mình đặt thi hài của vị thánh nữ vào đó. Lúc đó, ông đã dám cắt một bàn tay từ thi hài thánh thiện ấy để làm phước lành cho mình, mong muốn được cất giữ bàn tay đó một cách trang trọng trong nhà mình. Tuy nhiên, dù anh ta làm điều đó với lòng tin, xuất phát từ tình yêu và lòng thành kính dành cho vị thánh nữ, nhưng việc này lại không được lòng Chúa, như sẽ thấy rõ trong câu chuyện tiếp theo. Sau khi tách bàn tay ra, anh ta quấn nó vào một chiếc khăn sạch, rồi cất vào trong áo, sau đó đi đến gặp các bạn đồng hành của mình, những người lúc đó đã có mặt trên tàu, nhưng anh ta không nói gì với họ cả. Đã muộn khi họ rời bờ và giương buồm, lướt đi nhờ gió thuận. Tất cả các thợ săn đều nghĩ rằng con tàu của họ đang đi rất nhanh – như chim bay – nên họ hy vọng sẽ đến núi Evia vào sáng sớm. Nhưng khi bình minh ló rạng, họ lại thấy mình vẫn ở đúng chỗ cũ – gần bờ đảo Paros, và con tàu của họ đứng im lìm, như thể bị neo giữ lại hoặc bị một con cá remora[7608] kéo ngược trở lại. Mọi người đều hoảng sợ và hỏi nhau xem liệu có ai phạm tội không, và tội lỗi của ai đang giữ chân họ lại, khiến con tàu thậm chí không thể di chuyển khỏi chỗ đó. Lúc đó, người thợ săn đã nắm lấy bàn tay của vị thánh nữ, nhận ra tội lỗi của mình, liền bước ra khỏi tàu và lén lút đi đến ngôi đền mà không cho các bạn đồng hành biết. Khi đến gần di cốt của vị thánh nữ, anh ta đặt bàn tay thánh của bà lên khớp xương bị đau, đúng vào vị trí đó, và sau khi cầu nguyện một lát, anh ta quay trở lại với các bạn đồng hành. Khi anh ta bước lên tàu, con tàu lập tức rời bến và lướt đi mà không gặp bất kỳ trở ngại nào, và mọi người đều vui mừng. Khi con tàu lướt nhanh và đã gần đến đảo Euboea, người thợ săn ấy bắt đầu kể cho các bạn đồng hành nghe tất cả những gì đã xảy ra với mình: về việc mùa hè năm ngoái anh đã tìm thấy Thánh nữ Theoktista, mùa hè năm nay anh mang những Món Quà Thánh đến dâng cho bà, và sau khi Thánh nữ qua đời, anh đã cầm lấy bàn tay của bà, và chính vì lý do đó mà họ bị giữ lại suốt cả đêm. Sau khi nghe hết mọi chuyện đã xảy ra, họ cảm thấy xúc động, nhưng lại bắt đầu phàn nàn và tức giận với người thợ săn vì anh ta đã không kể cho họ nghe chuyện này khi họ còn ở trên hòn đảo đó, "để," họ nói, "chúng tôi cũng có thể được hưởng ân sủng của vị thánh nữ của Chúa." Họ quay đầu con tàu lại, rồi vội vã trở về Paros; khi đến đảo, tất cả cùng nhau đi đến nhà thờ. Với lòng kính sợ, họ bước vào trong và tiến đến nơi thi hài của vị thánh nữ đáng kính được an táng; họ tìm thấy chỗ đó, nhưng không thấy thi hài – họ chỉ thấy dấu vết của thi hài nằm trên mặt đất, vì những vết hằn rõ ràng cho thấy nơi đầu và nơi chân từng nằm. Tất cả đều vô cùng ngạc nhiên và bối rối, không biết vị thánh nữ đã biến mất đi đâu. Một số người trong số họ nói rằng bà đã sống lại; những người khác lại cho rằng bà chưa sống lại trước ngày Phục sinh chung, mà đã được các Thiên thần đưa đến một nơi khác và an táng, giống như Thánh nữ tử đạo Catherine xưa kia. Tuy nhiên, họ đã tản ra khắp hòn đảo để tìm kiếm, xem liệu có thể tìm thấy bà hay không – dù là còn sống, đã sống lại, hay đã chết và được chuyển đến một nơi khác. Là những người đơn sơ và thiếu hiểu biết, họ muốn thấu hiểu những mầu nhiệm của Thiên Chúa, những điều mà không ai biết được. Sau khi tìm kiếm kỹ lưỡng khắp nơi mà không thấy, họ quay trở lại nhà thờ và với lòng kính mến, họ hôn lên nơi mà thi hài của vị thánh nữ từng nằm. Sau khi cầu nguyện, họ trở về nhà và kể cho mọi người nghe tất cả về vị thánh nữ Feoktista; mọi người đều ngạc nhiên và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài; vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men.

[7607] Thánh Phêôctista qua đời năm 881 sau 36 năm tu hành trên đảo Paros.

[7608] Loài cá này được gọi là cá remora, bởi vì khi tụ tập thành đàn lớn quanh tàu, nó làm chậm tốc độ di chuyển của tàu.

Cuộc đời của Thánh Gioan Kolov

Ngày kỷ niệm: 9 tháng 11

Vào ngày 9 tháng 11, Giáo hội Chính thống tôn vinh Thánh Gioan Kolov[7609] . Thánh Gioan được gọi bằng tên này vì vóc dáng nhỏ bé của ngài[7610] . Ngay từ thuở thiếu thời, ngài đã từ bỏ thế gian và cùng anh trai là Đaniel đến sống trong sa mạc Skete của Ai Cập[7611] . Ban đầu, ngài và anh trai là Đaniel sống giữa những cuộc tu hành trong sự cô độc hoàn toàn, nhưng sau đó ngài nhận ra rằng với tính cách nồng nhiệt và đầy nhiệt huyết của mình, việc tu hành nghiêm ngặt chỉ có thể thực hiện được dưới sự hướng dẫn nghiêm khắc của những vị tu sĩ giàu kinh nghiệm hơn – các vị trưởng lão. Sự nhận thức về sự cần thiết phải có một người hướng dẫn nghiêm khắc và giàu kinh nghiệm đã đến với ông nhờ sự kiện sau đây, ngay sau khi ông cùng anh trai đến sa mạc. Một lần nọ, ông bất ngờ nói với người anh em đồng hành của mình:

– Tôi không muốn lo lắng về bất cứ điều gì nữa, tôi muốn sống trong sa mạc mà không có nỗi buồn, như một Thiên thần.

Nói xong, ông cởi bỏ quần áo và bước ra khỏi phòng tu. Đêm đó, trời rét buốt: Gioan, người đang trần truồng, đã phải vật lộn với cái lạnh trong một thời gian dài, cuối cùng, không thể chịu đựng được nữa, ông quyết định quay trở lại phòng tu của mình.

– Ai ở đó? – Giọng của Daniel vang lên từ bên trong khi John, đang run rẩy vì lạnh, gõ cửa.

– Là tôi, anh em của anh, tôi không thể chịu đựng cái lạnh này nữa nên đã quay lại đây để phục vụ anh, – Gioan trả lời.

– Hãy đi đi, con quỷ, – Daniel phản đối, – và đừng cám dỗ tôi; – Thiên thần không lo lắng về thân xác mình và cũng không đòi hỏi thức ăn.

Lúc đó, Thánh Gioan nhận ra rằng mình đã quá tin tưởng vào sức mạnh của bản thân – vốn vẫn chưa đủ vững vàng trong cuộc chiến chống lại đau khổ và cám dỗ – ngài nhận ra sai lầm của mình và khóc nức nở vì điều đó. Rồi Daniel mở cửa phòng tu cho ngài và nói:

– Hỡi anh em, vì anh còn mang thân xác, nên anh phải chịu khổ vì áo quần và thân xác.

Sau lời khuyên nhủ đó, anh ta sớm rời bỏ Đan-ni-ên và đến gặp một vị tu sĩ già tên là Pi-men. Anh ta mong muốn rèn luyện cho mình một ý chí kiên định, sẵn sàng cho mọi thử thách, không bao giờ từ bỏ con đường đã chọn, trong khi đó, vị tu sĩ Pi-men lại nổi tiếng chính bởi sự kiên định và bất khuất trong ý chí của mình. Sự từ bỏ thế gian của vị tu sĩ Pimen sâu sắc đến mức ông thậm chí còn từ chối gặp cả mẹ mình, người đã đến tu viện để thăm ông. Chính vị tu sĩ già có tính cách kiên định như vậy là người mà Ioann – một người chưa hoàn toàn vững vàng trên con đường kiên định theo đuổi những việc làm cao cả đã chọn, nóng nảy, đam mê và nhiệt huyết – đã tìm đến. Khi đến gặp ngài, Ioann đã hứa sẽ vâng lời ngài trong mọi việc, bất kể ngài yêu cầu gì từ anh. Thánh Pimen, muốn thử thách lòng kiên nhẫn của anh, đã bắt anh tưới nước cho một cây hoàn toàn khô héo, và anh đã miệt mài tưới cây đó trong ba năm, mặc dù cây đã khô héo đến mức công sức của anh đối với mọi người dường như hoàn toàn vô ích. Nhưng trên thực tế, công sức và sự kiên nhẫn của Thánh Gioan không hề uổng phí: sau ba năm, cây khô héo ấy đã phủ đầy lá xanh tươi tốt và trổ ra trái bội thu. Tất cả những ai chứng kiến phép lạ đó đều gọi cây ấy là "cây vâng lời"[7612] . Khi đến gặp Thánh Pimen với tâm hồn nồng nhiệt, Thánh Gioan đã học được từ ngài sự hiền lành và khiêm nhường như con chiên. Một lần, một tu sĩ nói với ngài:

– Ngươi có trái tim độc ác.

– Đúng vậy, – Thánh Gioan đáp lại với sự hiền lành, – và thậm chí còn ác hơn cả những gì anh nghĩ.

Ông biết cách nhẫn nại chịu đựng những lời xúc phạm một cách hiền lành như vậy.

[7609] Thánh Giăng Kolov đã tu hành trong nửa đầu thế kỷ V.

[7610] "Kolov" trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là: người thấp bé.

[7611] Sa mạc Ai Cập của Skit, còn được gọi đơn giản là "Skit", nằm cách núi Nitrian một quãng đường đi trong một ngày (25–30 verst), ở phía tây bắc Ai Cập. Đó là một sa mạc khô cằn, đầy đá, nơi ưa thích của các ẩn sĩ Ai Cập, nổi tiếng nhờ những hành động khổ hạnh của các tu sĩ tìm đến đây để tu hành. Từ địa danh này, sau này các tu viện sa mạc khác cũng được gọi là "skete", nơi những tu sĩ nhiệt thành nhất đến định cư để tìm kiếm sự ẩn dật tuyệt đối và sự tĩnh lặng bất khả xâm phạm trong Đức Chúa Trời Duy Nhất.

[7612] Cây này đã được một người cùng thời với Gioan nhìn thấy vào năm 402. Cây của sự vâng phục cho đến nay vẫn còn nguyên vẹn, trĩu quả và được bao phủ bởi những tán lá xanh tươi.

Ban đầu sống dưới sự hướng dẫn của người khác, sau này Thánh Gioan cũng tự mình rèn luyện được khả năng lãnh đạo người khác một cách khôn ngoan. Chúa đã định cho ngài trở thành người lãnh đạo và thầy hướng dẫn của Thánh Arsenius Vĩ Đại, người sau này cũng giống như ngài, đã nổi tiếng nhờ những công đức vĩ đại[7613]. Arsenius này, xuất thân từ dòng dõi quý tộc, đã đến sa mạc trực tiếp từ triều đình hoàng gia, nơi ông từng là thầy dạy cho các con của Hoàng đế Theodosius Đại Đế: Honorius và Arcadius. Rời khỏi triều đình, nơi ông được bao quanh bởi những vinh dự to lớn, dù còn tương đối trẻ (lúc đó ông khoảng bốn mươi tuổi) nhưng đã là một tu sĩ có kinh nghiệm tâm linh sâu sắc, ông quyết định giao phó ý chí của mình hoàn toàn cho sự hướng dẫn của Thánh Gioan để tiếp tục sự phát triển tâm linh và hoàn thiện bản thân. Ban đầu, một số anh em trong tu viện thấy lạ lùng khi một người đàn ông có trình độ học vấn cao và xuất thân từ dòng dõi quý tộc lại tìm đến những vị tu sĩ già đơn sơ và ít học để tiếp tục trau dồi kiến thức. Một trong số các anh em không thể giấu được sự tò mò và đã hỏi ông một lần:

– Sao anh, người đã học hết các môn khoa học Hy Lạp và La Mã, lại đi xin lời dạy từ một vị tu sĩ già giản dị và ít học như vậy?

– Đúng là tôi có nền tảng học vấn khoa học, – Arsenius đáp, – nhưng tôi thậm chí còn không biết những điều cơ bản nhất mà người đàn ông giản dị và ít học này biết, bởi vì (ông giải thích) sự khiêm nhường là khởi đầu của mọi đức tính, cũng như bảng chữ cái là khởi đầu của cuộc sống học thuật.

Ông đánh giá cao sự khiêm nhường như vậy, thứ đang nở rộ trong tu viện của Ioann, người từng nồng nhiệt và kiêu ngạo. Chỉ sau vài năm sống chung trong đời tu hành, khi Arsenius nghe thấy một giọng nói bí ẩn kêu gọi ông rời xa mọi người và sống trong im lặng, bởi vì "sự im lặng là gốc rễ của sự vô tội", vị thánh John đã ban phước cho ông rời khỏi cộng đồng tu viện và dấn thân vào sự ẩn dật và im lặng hoàn toàn trong sa mạc. Nhưng tình yêu mãnh liệt dành cho vị thầy khiêm nhường của mình và tất cả các môn đệ đã khiến ngài không ít lần rời bỏ sự ẩn dật trong sa mạc để trở lại tu viện trong một thời gian ngắn.

Với lòng khao khát sự cứu rỗi cho chính mình, Thánh Gioan cũng chăm lo cho sự cứu rỗi của người khác với cùng một sự nhiệt thành. Vào thời của ngài, tại thành phố Alexandria có một thiếu nữ tên là Taísia. Được nuôi dưỡng bởi những bậc cha mẹ đạo đức, sau khi cha mẹ qua đời, cô đã dùng toàn bộ tài sản thừa kế của mình vào các việc từ thiện. Các vị trưởng lão tu viện, trong số đó có Thánh Gioan, mỗi khi đến thành phố, đã không ít lần được cô tiếp đón và cho ở lại nhà mình. Bỗng nhiên, các vị trưởng lão nghe được tin đồn rằng Taisia đã tiêu hết tài sản từ lâu và giờ đây, không còn khả năng chống chọi với cảnh nghèo khó, cô đã biến nhan sắc và tuổi trẻ của mình thành nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân. Các vị tu sĩ vô cùng đau buồn khi biết về sự sa ngã của Taisia, người vốn nổi tiếng về đức hạnh, và cuối cùng quyết định thử can thiệp để đưa cô gái mồ côi này ra khỏi lầm lạc dẫn đến diệt vong. Họ quyết định giao nhiệm vụ khó khăn này cho Thánh Giăng.

– Chúa đã ban cho ngài sự khôn ngoan, – họ nói với ngài, – trong khi đó, chúng tôi nghe tin đồn rằng chị Taisia, người đã từng làm nhiều việc thiện cho chúng tôi, hiện đang sống một cách rất sa đọa. Xin ngài hãy vất vả một chút, thưa Abba, hãy đến gặp chị ấy và nói chuyện với chị ấy, biết đâu sau những lời của ngài, chị ấy sẽ tỉnh ngộ.

Thánh Giăng cầu nguyện rồi lập tức lên đường. Ngài biết rằng không thể chần chừ trong việc này. Mỗi giờ trôi qua, Taísia có thể lại sa lầy sâu hơn vào vực thẳm của sự sa ngã. Và thế là, ngài đã đến trước nhà Taísia, nhưng giờ đây lối vào đã bị đóng lại đối với các vị tu sĩ cao niên. Trước đây, ai cũng có thể vào đó để lấy những thứ cần thiết cho nhu cầu của mình, nhưng giờ đây, ngược lại, chỉ những người mang theo tiền bạc và của cải mới được phép vào. Vị tu sĩ khiêm nhường nhẹ nhàng nhờ người hầu gái báo cho bà chủ biết về sự có mặt của mình. Nhưng khi tâm trạng của bà chủ thay đổi, thái độ của những người hầu gái cũng thay đổi theo. Cô hầu gái thô lỗ, biết rằng vị tu sĩ khiêm nhường này chẳng có điểm chung nào với bà chủ của mình, đã đáp lại lời thỉnh cầu của ông bằng những lời chửi rủa nặng nề. Vị tu sĩ đáng kính đã nhẫn nhục đón nhận những lời chửi rủa đó và lặp lại lời thỉnh cầu của mình, chỉ thêm vào một điều:

– Hãy nói thêm với bà chủ của cô rằng tôi có thể kiếm được những vật quý giá cho bà ấy.

Lúc đó, cô hầu mới quyết định báo lại với bà chủ về ông.

– Hãy cho ông ấy vào đi, – Taisia nói, – các tu sĩ thường đi dọc bờ biển, và đôi khi họ thực sự tìm thấy những vỏ sò và đá quý.

[7613] Lễ kính Thánh Arsenius Vĩ Đại vào ngày 8 tháng 5

Thánh Giăng bước vào gặp Taisia, ngồi xuống bên cạnh bà, thở dài nặng nề rồi khóc nức nở.

– Sao anh lại khóc? – Taisia ngạc nhiên hỏi.

– Điều gì đã khiến con xa lánh Chúa Giêsu Kitô, Chàng Rể Bất Tử? Tại sao con lại quên đi cung điện của Ngài và làm ô uế bản thân bằng những việc bất chính? – vị tu sĩ hỏi nàng.

Và bỗng chốc, người phụ nữ bất hạnh ấy nhớ lại Đức Kitô mà cô đã lãng quên từ lâu, Đấng mà cha mẹ quá cố của cô đã dạy cô yêu mến từ thuở ấu thơ. Lời của vị tu sĩ thánh thiện, như ngọn lửa, đã thiêu rụi hết thảy những cỏ dại đã lấn át những hạt giống tốt lành, vốn đã được gieo trồng từ lâu trong trái tim cô. Sự ăn năn chân thành nhanh chóng tràn ngập và lay động toàn bộ con người cô.

– Thưa Cha! Thưa Cha! Xin Cha hãy nói cho con biết: liệu những người như con có được tha thứ không? – cô thốt lên trong cơn cuồng loạn tột độ.

– Có, – vị tu sĩ già đáp, – Đấng Cứu Thế luôn chờ đợi và tha thứ cho những ai thật lòng ăn năn. Hãy ăn năn đi, và tất cả các Thiên thần trên trời sẽ vui mừng vì con!

– Vậy thì hãy dẫn con đi, dẫn con ra khỏi nơi này, dẫn con đi đâu cũng được, chỉ cần chỉ cho con một nơi thích hợp để sám hối thôi, – Taisia cầu xin vị tu sĩ già.

Cô rời khỏi ngôi nhà đã bị ô uế bởi những tội lỗi trong nhiều ngày qua cùng với ông, mà không để lại bất kỳ chỉ thị nào liên quan đến khối tài sản mà cô đã kiếm được một cách bất chính. Cô tràn đầy khát khao mãnh liệt là sẽ không bao giờ bước chân trở lại con đường trơn trượt và vô trách nhiệm mà cô đã từng chọn. Thánh nhân Gioan ngạc nhiên trước sự tác động kỳ diệu của ân sủng Thiên Chúa, và trong khi ngợi khen Chúa Toàn Năng và Nhân Từ, ngài dẫn người lữ hành của mình đi ngày càng xa hơn vào những nơi hoang vắng, xa khỏi thành phố tội lỗi, nơi cô suýt nữa đã tự hủy hoại bản thân. Đêm xuống. Thánh nhân đã dùng cát làm gối đầu cho người lữ hành mệt mỏi và nói: "Giờ thì hãy nghỉ ngơi đi." Sau khi làm dấu thánh giá cho cô, ngài rời khỏi cô và sau những lời cầu nguyện buổi tối thường lệ, ngài cũng chìm vào giấc ngủ đêm. Và trong giấc mơ, vị tu sĩ già thấy nơi ông đã để lại Taísia: nơi đó được bao quanh bởi một ánh sáng kỳ diệu, tỏa lên tận trời cao; và kìa, giữa ánh sáng ấy, một Thiên thần đang nâng linh hồn tan nát của cô lên trước mặt chính Chúa. Ngay khi vị tu sĩ tỉnh giấc, ông lập tức vội vã đến nơi đã để lại Taisia, và khi đến nơi, quả thực ông thấy cô đã qua đời.

– Chỉ một giờ sám hối chân thành của người tội nhân đã làm hài lòng Đấng Phán Xét Nhân Từ và đưa đứa con lầm lạc trở về với Cha đầy Tình Yêu của mình, – vị tu sĩ thánh thiện nói, và sau khi dành thời gian cầu nguyện cho đến rạng đông, sáng hôm sau ngài đã an táng thi thể của thánh nữ Taísia. Khi trở về tu viện, ngài đã mang lại niềm vui lớn lao cho tất cả các tu sĩ bằng câu chuyện về sự ăn năn kỳ diệu và sự vinh quang của Thaisia, người mà tất cả họ đều biết.

Thánh nhân Ioan Kolov còn được biết đến với tư cách là một nhà văn. Ngoài nhiều lời dạy của ngài được các tu sĩ khác ghi chép lại, ngài còn để lại một bản tường thuật chi tiết và tuyệt vời về cuộc đời của Thánh nhân Paissios, do chính ngài soạn thảo, như ngài tự nhận định là "vì lợi ích chung". Thánh Gioan đã thuyết phục được vị Paissios này – người đã sa ngã khỏi con đường chính đạo – đến mức ông ấy đột ngột và vĩnh viễn từ bỏ toàn bộ tài sản của mình, dành phần đời còn lại để sám hối trong sa mạc hoang vu. Sau khi kể lại trong cuốn tiểu sử về nhiều phép lạ do Thánh Paissios thực hiện, Thánh Ioann đã thấy cần phải đưa ra nhận xét sau đây:

– Xin đừng nghi ngờ khi nghe những điều vinh quang và siêu nhiên về ngài, và xin đừng nghĩ rằng tôi đã tự thêm thắt điều gì để tôn vinh vị cha đáng kính của tôi. Ngài cao hơn mọi vinh quang trần thế và không đòi hỏi sự ca ngợi từ những kẻ thấp hèn, vì ngài được các Thiên thần cao cả nhất ca ngợi. Tôi kể lại điều này vì lợi ích của những ai lắng nghe và mong muốn noi gương các đức tính của ngài; tôi chỉ truyền lại những gì tôi đã tận mắt chứng kiến và tận tai nghe thấy.

Lời nhận xét ngắn gọn này đã làm sáng tỏ rõ ràng nhân cách của Thánh Gioan, với tư cách là một nhà văn.

Thời điểm ngài Thánh Gioan an nghỉ trong Chúa chưa được xác định chính xác. Người ta ước tính đó là vào khoảng năm 422 hoặc năm 430. Về địa điểm nơi ngài qua đời, đó là sa mạc gần Koltsum, hay Suez ngày nay. Thánh tích của ngài được lưu giữ tại Nhà thờ Thánh Tử đạo Mina ở Ai Cập. Tên tuổi của ngài, với tư cách là một vị tu sĩ cổ đại đầy đức hạnh, được biết đến cả ngoài phạm vi Giáo hội Chính thống.

Lễ kính các thánh tử đạo Onisifor và Porphyrius

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 11

Các thánh tử đạo Onisifor và Porphyrius đã sống dưới triều đại của Hoàng đế La Mã Diocletian. Trong thời kỳ cuộc đàn áp tàn bạo mà vị hoàng đế vô đạo này gây ra đối với các Kitô hữu, hai ngài đã được ân sủng chịu đựng những cực hình nặng nề vì Chúa Kitô. Họ bị đánh đập dã man khắp cơ thể và phải chịu đủ loại hình tra tấn khủng khiếp. Sau đó, những kẻ tra tấn đã đặt các vị tử đạo của Chúa Kitô lên những chiếc chảo dài và, sau khi nhóm lửa, đã thiêu đốt họ. Cuối cùng, họ bị trói vào những con ngựa hung dữ và hoang dã. Bị những con ngựa này kéo lê trên mặt đất đầy đá và gồ ghề, các thánh tử đạo đã bị xé nát hoàn toàn và trong những cực hình đó, họ đã dâng linh hồn mình lên Thiên Chúa. Vào ban đêm, các tín hữu đã bí mật thu thập thi hài của các ngài và an táng một cách trang trọng tại làng thuộc vùng Pangian, nơi từ thi hài của các ngài đã xảy ra vô số phép lạ và sự chữa lành, để tôn vinh Thiên Chúa kỳ diệu trong các thánh của Ngài, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi[7614] .

Kondak, giọng 2:

Hai vị Tử đạo đã chịu đau khổ nặng nề, đã đánh đổ sự kiêu ngạo của kẻ thù xuống đất, được chiếu sáng bởi ân sủng của Ba Ngôi không được tạo dựng, là các thánh Onisifor và Porphirius vinh hiển, xin các ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Lễ kỷ niệm các vị thánh Eustolia và Sosipatra.

Ngày tưởng niệm 9 tháng 11

Thánh Eustolia, con gái của những bậc cha mẹ đạo đức, đã sống tại Rome dưới triều vua Mauricius[7615] . Ngay từ khi còn rất nhỏ, ngài đã giữ gìn sự trong sạch, tuân giữ việc ăn chay và thức đêm cầu nguyện. Khi đến tuổi trưởng thành, bà yêu mến sự đạo đức đến nỗi đã rời bỏ Rome và lui về Constantinople, nơi bà dâng hiến bản thân cho những công việc tu hành tại một trong những tu viện ở đó.

Một lần nọ, Sosipatra, con gái của Hoàng đế Mauricius, đã đến Nhà thờ Vlacherna của Đức Mẹ Thiên Chúa và Đức Trinh Nữ Maria[7616] . Tại đây, cô gặp Eustolia, người mà danh tiếng về cuộc sống đạo đức đã lan rộng khắp thành phố. Lúc đó, Sosipatra đã thỉnh cầu Thánh nữ Eustolia trở thành người mẹ thiêng liêng và người bảo trợ cho linh hồn cũng như thân xác của mình. Eustolia đã đồng ý, và từ đó Sosipatra đã nhận lễ khấn tu, miệt mài tu tập và thực hành các công việc tu hành. Cô đã xin cha mình một nơi thuận tiện, và tại đó, sau khi xây dựng một ngôi nhà thờ, cô đã cùng sống với Thánh Eustolia. Theo thời gian, một số thiếu nữ đạo đức đã đến xin họ cho phép được cùng chia sẻ cuộc sống tu hành đầy gian khổ, và đón nhận họ vào ngôi nhà của mình. Các thánh nữ đã không từ chối nguyện vọng của họ. Sau nhiều năm thực hành các việc đạo đức, Thánh nữ Evstolia, người đã dẫn dắt nhiều người vào con đường cứu rỗi, đã về với Chúa, để lại Thánh nữ Sosipatra, công chúa, làm người kế vị. Thánh nữ Sosipatra đã điều hành tu viện theo gương của người mẹ thiêng liêng của mình và, sau khi đạt đến sự hoàn hảo

---

[7614] Các thánh tử đạo Ô-ni-si-phô và Pô-rphi-ri-ô đã chịu tử đạo vào đầu thế kỷ IV. Làng Pangian, hay còn gọi là Pankêan, nằm ở Macedonia, gần núi Pangê, từ đó làng này lấy tên. Về việc các thánh tích được lưu giữ tại làng này và những phép lạ phát xuất từ đó, có đề cập trong bài ca thứ 9 của kinh ca, do Thánh Giuse Nhà soạn ca sáng tác (bài ca thứ 3).

[7615] Mauricius trị vì từ năm 582 đến năm 602.

[7616] Thánh nữ Sosipatra đã bắt đầu rèn luyện bản thân để sống theo tinh thần Phúc Âm từ trước đó. Dì của bà là Damiana từng là Bề trên của tu viện Jerusalem và sau đó sống đời ẩn tu. Sosipatra đã hành hương đến Jerusalem để chiêm bái các thánh địa ở đó và sống một năm tại nhà dì, lắng nghe những bài giảng của bà về đời sống thiêng liêng. “Có một lần,” Thánh nữ Damiana kể lại (xem “Cánh đồng thiêng liêng” của Gioan Moschos), “cháu gái tôi, con gái của Hoàng đế Mauricius, đã đến thành thánh này và ở lại đây suốt một năm. Một lần, tôi đưa cô ấy đi cùng đến thánh Cosmas và Damian. Đứng trong nhà thờ, tôi nói với cháu gái: ‘Hãy nhìn kìa, thưa cô, khi bà lão đến và đưa cho cô hai numulus (đồng xu nhỏ), hãy nhận lấy, đừng kiêu ngạo.’ Cô ấy thở dài và nói: ‘Làm sao tôi có thể nhận được chứ?’ Tôi nói với cháu: “Hãy nhận đi; bà ấy là người có ân sủng lớn trước mặt Chúa. Mỗi tuần, bà ấy đều phát những đồng numula của mình cho những người có mặt trong nhà thờ. Hãy nhận những đồng tiền nhỏ đó; sau khi nhận, cháu hãy chia sẻ cho người khác; chỉ đừng từ chối lòng thành của bà cụ ấy.”

trong đời sống đạo đức, đã an lành về với Chúa, Đấng mà bà đã yêu mến và vì Đấng ấy mà bà đã chấp nhận một cuộc sống đầy gian khổ[7617] .

Lễ kính Thánh Tử đạo Antôn

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 11

Thánh Antôn gốc Syria và làm nghề thợ xây. Thương xót những người ngoại đạo dâng lễ vật trong đền thờ của họ, ngài đã khẩn cầu họ từ bỏ sự bất kính ấy. Khi họ không nghe theo, ngài đã lui về một nơi hoang vắng. Tại đó, ngài gặp một ẩn sĩ tên là Timôthê và sống cùng ông ấy trong hai năm. Được củng cố bởi những lời cầu nguyện của ngài, ngài lại lên đường trở về thành phố của mình để hướng dẫn dân chúng đang lầm lạc trở lại con đường chân lý. Ngài trở về thành phố của mình đúng lúc dân chúng đang tổ chức lễ hội thờ cúng các quỷ dữ. Ngài bước vào đền thờ của họ và đập phá các tượng thần, vì thế mà ngài phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn và bị buộc phải rời khỏi thành phố. Sau đó, ngài lên đường đến Apamea thuộc Syria[7618] và tại đó, ngài đã khẩn cầu vị giám mục cho phép xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Ba Ngôi. Khi ngài bắt đầu xây dựng nhà thờ, dân chúng trong thành phố biết được chuyện này và vào ban đêm, họ đã đến và chém ngài thành nhiều mảnh bằng gươm. Như vậy, ngài đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa.

Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Alexander thành Thessaloniki.

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 11

Thánh Alexander đã phải chịu những cực hình tàn khốc dưới triều vua Maximian[7619] . Sau khi tuyên xưng mình là Kitô hữu, ngài bị bắt giữ và bị ép buộc phải dâng lễ vật cho các thần tượng. Tuy nhiên, ngài không những không khuất phục, mà còn tràn đầy lòng nhiệt thành đối với Thiên Chúa, nên đã lật đổ bàn thờ cùng với lễ vật trên đó. Maximian, trong cơn thịnh nộ, đã ra lệnh chém đầu ngài. Người hành hình cầm kiếm lên, nhưng bỗng nhiên dừng lại.

– Sao ngươi còn đứng đó – hoàng đế nói với hắn – mà không thi hành mệnh lệnh?

– Tôi, – người đó đáp, – đang thấy một thị kiến và không hiểu nó có ý nghĩa gì.

Lúc đó, vị thánh xin được một giờ để cầu nguyện. Sau khi dâng lời cầu nguyện sốt sắng, ngài bị chém đầu. Thấy thiên thần dẫn đường cho linh hồn ngài, hoàng đế cho phép các Kitô hữu chôn cất thi hài vị thánh tại thành phố Thessaloniki.

Ngày 23 tháng 11

10 tháng 11 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Orestes.

Ngày tưởng niệm 10 tháng 11

Khi hoàng đế vô đạo Diocletian đang trị vì tại Rome, một trong những quan đại thần của ông, tên là Maximin, đã đến gặp ông và nói:

– Bệ hạ vĩ đại, người được các vị thần chọn lựa và là vị lãnh đạo tối cao, con xin ngài hãy cho phép con đi qua các vùng đất Cilicia và Cappadocia để tra tấn những kẻ Kitô hữu đáng ghét, những kẻ chống lại các vị thần của

---

[7617] Thánh Eustolia qua đời vào năm 610, còn Thánh Sosipatra qua đời vào năm 625.

[7618] Apamea thuộc Syria nằm ở phía tây nam Syria, bên bờ sông Orontes – con sông lớn nhất của Syria. Trong thời cổ đại, Apamea là thành phố chính của vùng Apamea thuộc Syria và được đặt tên theo Apame, vợ của Seleucus I, vị vua cai trị Syria.

[7619] Vào đầu thế kỷ IV.

chúng ta và quyền lực của ngài. Tôi sẽ thiêu đốt họ trong lửa, dìm họ xuống nước, nghiền nát thân thể họ bằng bánh xe và bẻ gãy xương cốt họ, giết họ bằng gươm, ném họ cho thú dữ xé xác, và bằng mọi cách hủy diệt họ, tôi sẽ xóa sổ tận gốc rễ trên mặt đất ký ức về những kẻ không thờ phụng các vị thần vĩ đại và không tuân phục quyền uy của Bệ hạ.

Lời nói của Maximinus khiến hoàng đế rất hài lòng, và ngài đáp lại:

– Ta ban cho ngươi quyền tiêu diệt toàn bộ đạo Kitô giáo tà ác, không chỉ ở Cilicia và Cappadocia, mà còn trên khắp vương quốc của ta, để vinh quang của các vị thần tổ quốc, những vị chúa tể và vị bảo hộ của toàn cõi đất này, được nhân lên và tôn vinh.

Sau khi nhận quyền lực đó từ nhà vua, Maximin, với lòng kiêu ngạo và thù hận tột độ, giống như con sói săn mồi lao vào đàn cừu, hay như con sư tử gầm rú trước những con thú yếu ớt nhất, đã lên đường tiêu diệt những tín đồ Kitô giáo vô tội. Khi đến vùng Cappadocia, ông ta vào một thành phố tên là Tiana[7620] , và khi hỏi về các Kitô hữu ở đó, ông ta nghe các công dân nói rằng trong thành phố này có một bác sĩ, một Kitô hữu tên là Orestes, người hàng ngày với lòng nhiệt thành dạy dân chúng tôn kính Con Thiên Chúa là Đức Giêsu Kitô và tuyên xưng rằng không có thần nào khác ngoài Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật ngự trên trời. Hoàng tử Maximin, nghe vậy, liền ra lệnh bắt Orestes ngay lập tức và đưa đến trước mặt ông để xét xử.

Khi Orest bị dẫn đến phiên tòa bất chính, hoàng tử nhìn anh ta với vẻ kiêu ngạo và hỏi một cách đe dọa:

– Ngươi là ai? Hãy nói cho chúng ta biết tên ngươi!

Vị thánh đáp:

– Tôi là tôi tớ của Chúa Giê-su Ki-tô, Đức Chúa Trời Duy Nhất của muôn loài; tên tôi là Ki-tô hữu, vì tôi tự hào mang danh Đấng mà tôi làm tôi tớ.

Vị công tước nói với ông:

– Vì ngươi dám gọi Đấng Christ là Đức Chúa Trời, và tự xưng mình là Kitô hữu, nên ngươi xứng đáng bị tử hình; nhưng hãy từ bỏ sự điên rồ của ngươi và dâng lễ vật cho các vị thần, để ngươi không phải chịu cực hình.

Thánh Orestes đáp lại:

– *"Hãy nói với họ như thế này: 'Các vị thần không tạo dựng trời và đất sẽ biến mất khỏi mặt đất và khỏi dưới bầu trời'* (Giê-rê-mi 10:11), còn tội từ thuở thiếu thời đã được dạy dỗ dâng lễ vật ngợi khen lên Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng mà tôi tôn kính bằng tấm lòng trong sạch; còn những quỷ dữ vô liêm sỉ và hư ảo của ngươi, mà ngươi gọi là các vị thần, thì tôi sẽ không thờ lạy.

Hoàng tử lại hỏi Orestes:

– Tại sao ngươi không cho chúng ta biết tên thật của ngươi, cái tên được đặt cho ngươi khi mới sinh?

– Ta đã nói với ngài rồi – vị thánh đáp – rằng ta là một Kitô hữu, và danh xưng này đối với ta vinh quang hơn nhiều so với tên do cha mẹ đặt cho, và cao quý hơn tất cả những danh hiệu lừng lẫy trên thế gian. Nếu ngài muốn biết cái tên mà tôi có từ khi sinh ra, tôi sẽ nói cho ngài biết: từ khi sinh ra theo xác thịt, tôi được đặt tên là Orest, còn từ khi sinh ra theo tinh thần, tôi được gọi là người Kitô hữu; và vì sự sinh ra theo tinh thần cao quý hơn sự sinh ra theo xác thịt, nên tôi coi việc được gọi là người Kitô hữu là một vinh dự lớn lao hơn so với việc được gọi là Orest.

Lúc đó, vị hoàng tử, hy vọng dùng mưu mẹo để dụ dỗ người tôi tớ của Chúa Kitô, bèn nói với anh ta như sau:

– Ta thương xót tuổi trẻ của ngươi, Orest, và muốn tha thứ cho ngươi; ta nghe nói ngươi cũng giỏi về y thuật, nên ta sẽ không giết ngươi, nhưng khuyên ngươi hãy tuân theo mệnh lệnh của nhà vua. Nếu làm như vậy, anh sẽ trở thành con trai của tôi, sẽ được mọi người kính trọng và ca ngợi; nhà vua sẽ biết đến anh và anh sẽ nhận được ân huệ lớn lao từ ngài.

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Ngài đừng cố lôi kéo tôi, thưa hoàng tử, bằng những lời lẽ xảo trá của ngài, vì tôi không tìm kiếm vinh quang tạm thời và cũng không né tránh sự sỉ nhục vì Chúa của tôi, nhưng sẵn sàng chịu đựng mọi hình thức đau khổ vì Ngài, bởi vì tôi mong muốn được Ngài hài lòng và được gọi là con của Ngài trong Nước Trời, vì *"những ai đã tiếp nhận Ngài, những người tin vào danh Ngài, thì Ngài đã ban cho quyền trở thành con cái của Đức Chúa Trời"* (Giăng 1:12).

[7620] Tiana, một thành phố cổ ở Cappadocia, nằm dưới chân dãy núi Taurus, gần các hẻm núi của Cilicia.

Nghe vậy, vị hoàng tử nói với Orestes:

– Hỡi kẻ điên rồ và ngạo mạn, ngươi đang tự lừa dối mình khi coi Đấng Christ là Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng mà dân Do Thái đã đóng đinh trên thập tự giá như một tên tội phạm.

Orest trả lời ông ta:

– Nếu ngươi biết được quyền năng vĩ đại của Đấng Bị Đóng Đinh, thì ngươi sẽ từ bỏ sự thờ phượng hư ảo các thần tượng và sẽ thờ lạy Đấng thực sự là Đức Chúa Trời, Đấng được sinh ra từ Đức Chúa Trời chân thật và vô hình, Đấng đã kết hợp bản tính thần thánh với bản tính loài người theo ý muốn của Ngài, và đã giải cứu chúng ta khỏi sự lừa dối tai hại của ma quỷ.

Sau khi nghe câu trả lời của Orest, hoàng tử nói với anh ta:

– Những lời xảo trá của ngươi làm tai ta khó chịu; chẳng lẽ ngươi còn muốn lôi kéo ta theo đức tin vô đạo của ngươi sao? Hãy biết rằng ta sẽ không từ bỏ các vị thần của ta và cũng sẽ không thờ lạy Đấng Kitô của các ngươi; còn ngươi, ta sẽ nói với ngươi: hãy từ bỏ Đấng Kitô của ngươi, hãy thờ lạy các vị thần của chúng ta và dâng lễ vật cho họ; nếu ngươi làm điều đó, ngươi sẽ nhận được quyền lực ngang bằng với ta.

Nhưng điều này không làm vị thánh lay chuyển, và ngài đáp lại vị công tước:

– Ta thờ phượng Đức Chúa Trời vĩnh cửu, Đấng luôn ban ân huệ cho ta – là Chúa Giê-su Ki-tô, và ta phụng sự Ngài; còn các quỷ dữ của các ngươi, ta sẽ không dâng lễ vật cho chúng và sẽ không bao giờ tham gia vào sự tà ác hủy diệt của các ngươi.

Sau đó, vị hoàng tử dẫn thánh Orestes đến một đền thờ thần tượng, được trang hoàng bằng vàng và bạc, chứa đầy những tượng thần quý giá, và tại đó, ông nói với ngài:

– Hãy quỳ lạy những vị thần cao quý này đi, Orestes.

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Ngài lầm to rồi, thưa hoàng tử, vì ngài không biết sự thật: các vị thần của ngài được làm bằng vàng, bạc, đồng và sắt để dụ dỗ con người; chúng không thấy, không nghe, vì được làm bằng tay người, và không thể tự giúp mình, cũng không thể làm điều thiện cho ai khác – vậy thì tại sao tôi phải thờ lạy chúng?

Lúc đó, hoàng tử lại nói với vị thánh:

– Hãy trả lời ta lần cuối cùng, Orestes, ngươi có thờ phụng các vị thần hay không – nếu không, những cực hình đang chờ đợi ngươi.

Vị thánh đáp:

– Ngài nghĩ rằng, thưa hoàng tử, tôi sợ những lời đe dọa của ngài sao? Không, đừng hy vọng sẽ dọa nạt được tôi bằng những cực hình, nhưng hãy làm theo ý ngài; vì ngài không biết rằng Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng trợ giúp của tôi, đang ở cùng tôi.

Sau đó, hoàng tử ra lệnh lột trần thánh Orest và đánh đập ngài dữ dội ngay tại đền thờ thần tượng. Còn vị thánh, khi họ bắt đầu tra tấn ngài, đã giơ hai tay lên trời và nói:

– Xin hãy nhìn xuống từ trời cao, lạy Thiên Chúa của con, và xin giúp đỡ con, tôi tớ của Ngài.

Thánh nhân bị đánh không thương xót bằng đủ loại dụng cụ: gậy, dây thừng và gân bò – và họ đánh ngài lâu đến nỗi bốn mươi chiến binh đã thay nhau hành hạ, các dụng cụ bị gãy và đứt nát, còn trên thân thể thánh nhân không còn chỗ nào nguyên vẹn, không có vết thương nào, và nội tạng của ngài đã lộ ra ngoài. Nhưng Thánh Orest vẫn kiên cường chịu đựng tất cả, khiến mọi người đều kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của ngài.

Trong lúc vị thánh đang bị đánh, vị công tước nói với ngài:

– Hãy dâng lễ vật lên các vị thần, ta sẽ thả ngươi ra.

Nhưng vị thánh tử đạo không đáp lại lời đó. Sau đó, vị công tước ra lệnh dùng sắt nung đỏ thiêu đốt xương sườn của vị thánh, đổ giấm trộn với mật đắng lên các vết thương, và rắc muối lên đó. Còn vị thánh tử đạo, ngước mắt lên trời, cầu nguyện: *"Xin hãy tỏ ra một dấu hiệu tốt lành trên con, để những kẻ ghét con nhìn thấy và phải xấu hổ, vì Ngài, lạy Chúa, đã giúp đỡ và an ủi con"* (Thánh vịnh 85:17). Và sau khi cầu nguyện như vậy, ngài thổi một hơi vào các tượng thần đang đứng trong đền thờ, và chúng lập tức đổ sụp xuống và vỡ tan thành bụi. Lúc đó, vị thánh nói với vị công tước bằng giọng lớn:

– Sức mạnh của các thần của ngươi đâu rồi? Tại sao chúng không tự cứu lấy mình?

Mọi người đều chạy tháo thân ra khỏi đền thờ, bị nỗi kinh hoàng tột độ bao trùm; vị thánh tử đạo cũng bước ra, và ngay khi ngài vừa bước ra, cả ngôi đền rung chuyển và sụp đổ.

Vị công tước ra lệnh đưa thánh Orest vào ngục tối bên trong và ra lệnh cho người canh ngục không được cho thánh nhân cả bánh mì lẫn nước, mà phải hành hạ ngài bằng đói khát. Còn thánh Orest, khi bước vào ngục tối, ngài giơ hai tay lên trời và bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã dạy con sống đạo đức từ thuở thiếu thời, và đã xua đuổi khỏi con mọi ham muốn gian ác, mọi lầm lạc và cám dỗ; Đấng đã tạo dựng trời, đất và biển cho loài người, và đã đưa các thánh Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp vào nơi an nghỉ của Ngài! Con xin Ngài, xin đừng bỏ rơi con, vì con đã dâng hiến trọn vẹn bản thân cho Ngài; xin hãy kể con vào hàng ngũ những người đã chịu khổ vì Danh Ngài và được thừa hưởng Nước Trời của Ngài.

Thánh nhân đã cầu nguyện như vậy và ở trong ngục bảy ngày không ăn không uống. Đến ngày thứ tám, vị công tước ra lệnh dẫn thánh nhân ra khỏi ngục và đưa đến trước mặt ngài để xét xử, rồi nói với ngài rằng:

– Hỡi kẻ ngạo mạn và vô đạo, kẻ thù của các vị thần chúng ta, ngươi vẫn còn cứng đầu và không chịu khuất phục! Hãy biết rằng, nếu ngươi không thờ lạy các vị thần, ta sẽ khiến ngươi phải chịu những cực hình khủng khiếp và tước đoạt mạng sống ngươi mà không chút khoan dung, rồi ta sẽ ra lệnh ném xác vô đạo của ngươi xuống nước.

Thánh Orestes đáp lại:

– Ta sẵn sàng chịu đựng mọi hình thức tra tấn, vì trong lòng ta luôn mang hình ảnh của Chúa Giêsu Kitô, Chúa của ta.

Lúc đó, tên tra tấn, trong cơn thịnh nộ, ra lệnh mang đến mười hai chiếc đinh sắt, dài một pya[7621] , và đóng chúng vào gót chân Thánh Orest. Khi việc đó được thực hiện xong, hoàng tử ra lệnh trói Thánh Orest vào một con ngựa hoang và kéo đi cho đến khi ngài qua đời. Con ngựa, bị thúc ép dữ dội, đã kéo vị thánh đi qua các con đường và cánh đồng, qua bụi gai và những tảng đá nhọn, và trong những cực hình này, vị thánh chịu khổ Orest đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa Trời[7622] , khi đang bị con ngựa kéo đi cách thành phố hai mươi bốn po[7623] . Kẻ hành hình đã ra lệnh ném thi thể ngài xuống con sông mang tên Phiva. Nhưng bỗng nhiên, một người đàn ông rực rỡ như mặt trời xuất hiện, thu thập các di cốt của vị thánh và an táng chúng trên ngọn núi gần thành phố Tiana. Vinh quang thuộc về Thiên Chúa của chúng ta, muôn đời, hiện tại và mãi mãi. Amen.

Tác giả cuốn tiểu sử này[7624] , đã chuẩn bị bản thảo để in tại Tu viện Thánh Kiev-Pechersk vĩ đại, vào năm 1685 kể từ ngày Chúa Giáng Sinh, và sau khi hoàn tất việc mô tả những đau khổ của vị thánh tử đạo Orest này vào một đêm trong thời gian chay tịnh trước lễ Giáng Sinh, không lâu trước giờ cầu nguyện buổi sáng, trong một giấc mơ, ông đã nhận được sự mặc khải về những đau khổ còn lớn lao hơn nữa của vị thánh tử đạo. Trong giấc mơ, chính vị thánh tử đạo Orest đã hiện ra trước mặt ông và, nhìn ông với ánh mắt vui vẻ, nói:

– Ta đã chịu đau khổ vì Chúa Kitô nhiều hơn những gì ngươi đã viết. Nói xong, vị tử đạo mở rộng ngực và chỉ vào vết thương lớn ở bên hông trái, vết thương xuyên sâu đến tận nội tạng, rồi nói:

– Vết thương này là do sắt đốt cháy.

Sau đó, ngài vén tay phải lên đến khuỷu tay, chỉ vào vết thương gần khuỷu tay và nói:

– Vết thương này là do người ta cắt đứt.

Trong vết thương này, người ta có thể thấy các gân bị cắt đứt. Cũng vậy, sau khi vén tay trái lên, vị thánh chỉ vào vết thương trên tay trái giống hệt vết thương trên tay phải và nói:

– Và ở đây cũng bị cắt đứt.

Sau đó, vị tử đạo cúi người xuống, vén quần lên đến đầu gối và chỉ vào vết thương ở khớp gối, rồi cũng vén quần chân kia lên đến đầu gối và chỉ vào vết thương tương tự ở cùng vị trí đó, rồi nói:

– Còn vết thương này thì bị chém bằng lưỡi hái.

Sau đó, đứng thẳng dậy và nhìn thẳng vào mặt người viết cuốn tiểu sử này, vị tử đạo nói:

– Ngươi thấy đó, ta đã chịu đau khổ vì Chúa Kitô nhiều hơn những gì ngươi đã ghi chép.

Khi người viết đang tự hỏi: "Orest này là ai nhỉ? Phải chăng chính là người đã chịu khổ cùng với năm vị tử đạo[7625] ?", thì vị thánh tử đạo đã đáp lại suy nghĩ của ông:

[7621] Pyaden – một đơn vị đo chiều dài cổ đại. Nó tương đương với khoảng cách từ đầu ngón cái đến đầu ngón út.

[7622] Thánh Tử đạo Orestes qua đời vào khoảng năm 304. Ngày kỷ niệm ngài cũng được cử hành vào ngày 9 tháng 7.

[7623] Poprysche – đơn vị đo khoảng cách, tương đương với 690 sazhen của chúng ta. Do đó, hai mươi bốn poprysche tương đương với ba mươi ba verst và một chút.

[7624] Tức là Thánh Dimitri Rostovski

[7625] Ngày tưởng niệm ngài được Giáo hội cử hành vào ngày 13 tháng 12

– Ta không phải là Orest đã chịu khổ cùng với năm vị tử đạo kia, mà là người mà ngươi vừa viết tiểu sử hôm nay.

Trong lúc thánh Orestes đang nói những lời này, tiếng chuông báo giờ lễ sáng vang lên, và ảo ảnh bỗng chốc tan biến.

Sự đau khổ của vị tử đạo Milia

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 11

Thánh Giám mục Milia xuất thân từ xứ Ba Tư[7626] .

Sau khi nhận phép rửa tội, ngài đã bắt đầu nghiên cứu Kinh Thánh ngay từ khi còn trẻ. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài dự định gia nhập quân đội dưới triều đại của vị vua Ba Tư lúc bấy giờ. Tuy nhiên, ngài đã nhận được một thị kiến từ Thiên Chúa, trong đó ngài bị cấm gia nhập quân đội với những lời đe dọa. Sau đó, ngài đã nhận được nền giáo dục Kitô giáo[7627] , và không ngừng cầu nguyện cho bản thân cũng như cho dân tộc mình; một thời gian sau, ngài rời khỏi thành phố của mình và dấn thân vào đời sống tu hành tại Suza, thuộc xứ Elam[7628] . Sau đó, ngài được Thánh Gennadius, vị tử đạo và chứng nhân đức tin, tấn phong làm giám mục. Thánh Milios đã nỗ lực rất nhiều, bằng cả lời nói lẫn hành động, để vạch trần những người ngoại đạo cố chấp đang sinh sống tại đó, và vì thế mà ngài phải hứng chịu những lời lăng mạ thô bạo từ phía họ ; cuối cùng, đám đông tức giận đã đánh đập ngài và bỏ ngài trong tình trạng nửa sống nửa chết ngoài thành. Điều này buộc ngài phải rời khỏi Suza. Khi rời đi, vị thánh đã tiên đoán rằng Suza sẽ sớm diệt vong.

Chưa đầy ba tháng, lời tiên tri đó đã thành hiện thực. Vua[7629] đã vô cùng phẫn nộ với thành phố này do những hành vi lạm quyền và âm mưu của quan tổng trấn cùng các quý tộc người Ê-la-mi khác, nên đã phái quân đội đến, phá hủy hoàn toàn thành phố và chém giết cư dân bằng gươm. Còn vị thánh thì lên đường đến Giê-ru-sa-lem, rồi từ đó đến gặp Ammon, môn đệ của vị thánh vĩ đại Antony, tại sa mạc Nitrian. Sau khi ở đó hai năm, ngài trở về Ba Tư. Trên đường đi, ngài ghé thăm một tu sĩ đang sống trong hang động. Khi bước vào hang, ngài thấy một con rắn khổng lồ và nói:

– Vũ khí của Chúa sẽ tiêu diệt ngươi, con rắn kia!

Và sau khi làm dấu thánh giá, vị thánh thổi một hơi vào con rắn, và con rắn lập tức chết. Từ đó, ngài lên đường về thành phố của mình, nơi ngài xây dựng một nhà thờ, nhằm cầu xin sự tha thứ cho dân chúng – những người đã không vâng lời và đã phải chịu hình phạt nghiêm khắc.

Nhiều năm sau, ngài lên đường đến Ctesiphon[7630] , nơi lúc bấy giờ đang diễn ra một công đồng chống lại một vị giám mục tên là Papa[7631] . Tại công đồng này, Milios đã vạch trần những đòi hỏi sai trái của vị giám mục đó. Và sau khi Giám mục Papa bắt đầu quở trách và sỉ nhục vị thánh, đồng thời khoe khoang về những công lao của mình, vị thánh đã tiên đoán rằng sự phán xét của Thiên Chúa sẽ sớm giáng xuống ông ta. Quả thực, ngay năm sau đó, Papa, người đã bị kết án, đã qua đời.

Từ Ctesiphon, Milios lên đường đến một thành phố khác. Vị công tước của thành phố này đã bị bệnh nặng suốt hai năm qua. Khi biết tin vị thánh đến, ông đã sai người đến thỉnh cầu ngài đến thăm người bệnh và cầu nguyện cho ông. Khi người được sai đến truyền đạt điều này cho vị thánh, ngài nói với người ấy:

– Hãy đi và nói với người bệnh đã sai ngươi đến rằng: đây là lệnh của giám mục: nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà tôi, kẻ không xứng đáng, đang rao giảng, hãy thắt lưng lại, đừng để bệnh tật cản trở, và đến gặp tôi để tôi được nhìn thấy ngươi.

[7626] Từ vùng Rakhizinskaya.

[7627] Thánh Milij đã theo học tại Bet-Lapete, cách Ispagani 80 verst, một trong những thành phố quan trọng nhất của Ba Tư.

[7628] Vùng đất hay khu vực Elam nằm bên kia sông Tigris, giữa miền nam Mesopotamia, Media, Babylonia và Iran. Susa là thành phố cổ nhất của Ba Tư, từng là thủ đô giàu có của Suziana và là nơi cư ngụ của các vị vua Elam ban đầu, sau đó là các vị vua Ba Tư.

[7629] Tất nhiên, đây là vua Ba Tư Sapor II.

[7630] Selecucia-Ctesiphon – thành phố kép bên sông Tigris, là một trong những trung tâm thương mại cổ đại quan trọng nhất ở phương Đông.

[7631] Đó là vào năm 334. Sự chia rẽ trong Giáo hội xảy ra do một vị giám mục tên là Papa, người đã từ bỏ chức vụ giám mục mười năm trước đó, đã đưa ra những yêu sách bất hợp pháp về quyền lực trong Giáo hội.

Ngay khi người được sai đi trở về và truyền đạt mệnh lệnh của vị thánh cho vị công tước, bệnh tật của vị công tước đã biến mất, và ông đã bình phục, như thể chưa từng bị bệnh bao giờ. Khi đến gặp vị thánh, ông quỳ xuống trước đôi chân thánh thiện của ngài, ôm lấy và hôn lên đó. Trong lúc đó, ngài dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, Đấng đã tôn vinh vị thánh nhân ấy như vậy. Phép lạ vinh quang này đã dẫn dắt nhiều người đến với đức tin vào Đức Kitô. Thánh Milios tại vùng đất ấy đã trừ quỷ khỏi con người; ngài đã chữa lành cho một người phụ nữ bị liệt, suốt 10 năm không thể rời khỏi giường, chỉ bằng cách nắm lấy tay bà; một người đàn ông đã xét xử sai trái, thậm chí còn thề gian và coi thường lời thánh nhân, ngài đã trừng phạt người ấy bằng bệnh phong hủi, như Ê-li-sê đã làm với Giê-xi (2 Vua 5:1–27), để làm gương răn dạy cho nhiều người. Nhờ đó, nhiều người đã đến với ngài và tuyên xưng đức tin Kitô giáo. Thánh Milio cũng đã thực hiện nhiều dấu lạ kỳ diệu ở những nơi khác.

Cuối cùng, ngài trở về quê hương và tại đó đã dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô. Nghe tin này, quan tổng trấn vùng Gormizda là Gufriz đã ra lệnh giam giữ Thánh Milio cùng hai môn đệ của ngài vào ngục tối. Khi các vị thánh tử đạo, theo lệnh của ông, được dẫn đến trước mặt ông để xét xử, vị thống đốc tàn bạo bắt đầu tra hỏi họ về đức tin của họ, đe dọa sẽ xử tử nếu họ không chứng minh được sự chân thật của đức tin mình. Nhưng Milio đã trả lời một cách không sợ hãi:

– Đức tin của tôi là chân thật, và tôi sẽ không bảo vệ nó trước những lời dối trá của ngài. Giáo lý của tôi trong sạch, và tôi sẽ không tiết lộ nó cho đôi tai ô uế của ngài, nhưng tôi sẽ nói cho ngài biết sự thật. Khốn cho ngài, tên ác nhân vô thần, và tất cả những ai giống như ngài, những kẻ xúc phạm Đức Chúa Trời! Theo lẽ công bình của Ngài, trong thế giới tương lai, Ngài sẽ kết án các ngươi vào địa ngục và bóng tối kinh hoàng của nó, và các ngươi sẽ phải chịu đau khổ vĩnh viễn trong tiếng khóc lóc và tiếng nghiến răng, vì các ngươi không muốn nhận biết Đấng Ban phát những ân huệ mà các ngươi tự hào và tìm sự an ủi.

Thấy đức tin vững vàng của các vị chứng nhân Chúa Kitô và bực tức trước lời vạch trần của thánh Milia, Gormizda trong cơn thịnh nộ đã nhảy dựng lên và đâm thanh gươm xuyên qua ngực vị thánh. Cũng vậy, anh trai của vị vua là Nerses, bị cơn cuồng nộ tương tự chi phối, đã đâm con dao vào tim vị thánh. Vị Tử đạo của Chúa Kitô, khi vẫn còn thở, đã nói với nhà vua và anh trai của ông ta:

– Vì các ngươi đã bàn bạc để giết ta, một người hoàn toàn vô tội, nên ngày mai, vào đúng giờ mà các ngươi đã đâm ta, các ngươi sẽ làm đổ máu lẫn nhau, và mẹ các ngươi sẽ không còn con cái nào nữa.

Nói xong, ngài trút hơi thở cuối cùng. Hai môn đệ của vị thánh đã bị các vị vua vô đạo ra lệnh ném đá đến chết[7632] . Thi thể các vị thánh tử đạo, trong tiếng hát thánh ca, đã được các tín hữu an táng một cách trang trọng.

Ngày hôm sau, vị vua vô đạo cùng anh trai mình đi săn, hoàn toàn phớt lờ những lời của vị thánh. Thấy một con nai, cả hai đều lao theo và đuổi theo dấu vết của nó. Khi đã làm con nai kiệt sức và chuẩn bị bắn nó, họ lại vô tình bắn trúng nhau và thế là cả hai đều qua đời.

Lễ kính các Thánh Tông đồ Olympus, Rodion, Sosipater, Erastus và Quartus

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 11

Các thánh thuộc hàng ngũ bảy mươi Tông đồ của Chúa Kitô. Trong số đó, Thánh Olymp hoặc Olympan, người được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong Thư gửi tín hữu Rôma (Rm 16,15), đã theo Thánh Tông đồ Phêrô đến Rôma, và tại đó, theo lệnh của Hoàng đế La Mã Nêron, ngài đã bị chém bằng gươm vào chính ngày mà Thánh Tông đồ Phêrô bị đóng đinh.

Tương tự như vậy, Thánh Tông đồ Rodion hay Herodion, người có quan hệ họ hàng với Thánh Tông đồ Phaolô, vị Tông đồ trưởng (Rm 16:11) và đã rao giảng Lời Chúa tại Patras[7633] , nơi ngài cũng từng là giám mục, đã đồng hành cùng Thánh Tông đồ Phêrô đến Rôma và vào ngày ngài bị đóng đinh, ngài đã bị chém đầu[7634] .

[7632] Đó là vào ngày 12 tháng 11 năm 341, nhưng để tôn vinh Thánh Gioan Kim Khẩu, ngày kỷ niệm của họ đã được dời sang ngày 10 tháng 11.

[7633] Patras, ngày nay là Patras – một thành phố thương mại giàu có trong Vương quốc Hy Lạp, nằm bên bờ Vịnh Patras.

[7634] Các Thánh Tông đồ Olympus và Rodion đã an nghỉ trong Chúa vào năm 67.

Thánh Tông đồ Sosipater xuất thân từ Achaia[7635] và cũng là họ hàng của Thánh Tông đồ Phaolô, điều này được chính Thánh Tông đồ Phaolô đề cập trong Thư gửi tín hữu Rôma (Rm 16:21). Cùng với Thánh Tông đồ Iason, ngài là môn đệ của Thánh Phaolô và đã tham gia các chuyến truyền giáo. Sau đó, ngài trở thành Giám mục của Giáo hội Iconium[7636] và qua đời trong bình an khi đã cao tuổi[7637] .

Tương tự như vậy, Thánh Tông đồ Erastus cũng đã an nghỉ trong bình an và về với Chúa; ngài cũng được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến trong Thư gửi tín hữu Rôma (Rm 16:23). Thánh Tông đồ Erastus ban đầu là phó tế và thủ quỹ của Giáo hội Giêrusalem, sau đó trở thành giám mục tại Paneada[7638] .

Thánh Tông đồ Quárt hay Quárt, được Thánh Tông đồ Phaolô nhắc đến (Rm 16,23), đã chịu nhiều đau khổ vì lòng đạo đức của mình, đã dẫn dắt nhiều người Hy Lạp đến với đức tin nơi Chúa Kitô và qua đời trong bình an với chức vụ giám mục thành Verita[7639] .

Ngày nay, tất cả các Thánh Tông đồ này đều đang đứng trước ngai vàng của Đức Chúa Trời trong niềm vui vĩnh cửu, nhận lãnh phần thưởng từ Đức Chúa Trời cho vô số công lao và nỗ lực của mình[7640] .

Bài ca Kondak, giọng 2:

Được ánh sáng thiêng liêng soi sáng tâm trí, các ngài đã dệt nên những lời lẽ khôn ngoan và phong phú: và thu phục mọi ngôn ngữ, các Tông đồ vinh quang, các ngài đã dẫn dắt mọi người đến với Chúa, dạy họ ca ngợi Ba Ngôi Thiên Chúa.

Ngày 24 tháng 11

Ngày 11 tháng 11 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Mina, vị Đại Tử đạo

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 11

Thánh tử đạo Mina là người Ai Cập; ngài theo đạo Kitô và phục vụ trong quân đội đóng tại vùng Kotuan[7641] , dưới quyền chỉ huy của ngàn trưởng Firmilian. Vào thời điểm đó, tại Rôma có hai vị hoàng đế vô đạo là Diocletian và Maximian cùng trị vì[7642] . Hai vị hoàng đế này đã ban hành sắc lệnh trên khắp các vùng đất, ra lệnh tra tấn và giết chết tất cả các Kitô hữu không thờ lạy các thần tượng. Theo sắc lệnh này, những người tin vào Chúa Kitô ở khắp mọi nơi đều bị ép buộc phải dâng lễ vật cho các thần tượng. Lúc bấy giờ, Thánh Mina, không muốn chứng kiến thảm họa này cũng như việc thờ phượng các thần tượng vô hồn, đã từ bỏ quân hàm của mình và lên núi, đến những nơi hoang vắng, thà sống cùng thú vật còn hơn là sống với những con người không biết đến Thiên Chúa. Thánh Mina đã lang thang trong núi và sa mạc suốt một thời gian dài, học hỏi Lời Chúa, thanh tẩy tâm hồn bằng việc ăn chay và cầu nguyện, đồng thời ngày đêm phụng sự Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật. Thời gian trôi qua khá lâu.

[7635] Một tỉnh ở Hy Lạp.

[7636] Iconium – một thành phố nằm trên cao nguyên màu mỡ ở sâu trong Tiểu Á, dưới chân núi Taurus; từng là thủ phủ của vùng Lycaonia; ngày nay là Konya, thủ phủ của vùng Karaman thuộc Tiểu Á, Thổ Nhĩ Kỳ.

[7637] Vào thế kỷ I, trên đảo Corfu, nơi ngài cùng với Thánh Tông đồ Iason rao giảng đạo Kitô

[7638] Một thành phố ở phía bắc Palestine.

[7639] Beryt – nay là Beirut – là thành phố cổ của Phoenicia, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải. Hiện nay là thủ đô của Lebanon.

[7640] Cùng với các Thánh Tông đồ này, Giáo hội cũng tưởng niệm vào ngày hôm nay Thánh Tông đồ Tertius; xin xem ngày 30 tháng 10 về các Thánh Tông đồ để biết thêm về ngày kỷ niệm và hình ảnh của ngài.

[7641] Kotuan – một thành phố cổ ở Phrygia. Phrygia – một vùng rộng lớn ở Tiểu Á, ban đầu bao trùm toàn bộ phần trung tâm của nửa phía tây bán đảo, ngoài ra còn bao gồm bờ nam của Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch) cho đến Hellespont (Dardanelles), sau này được xếp vào Mizia. Các ranh giới của nó: phía tây – Mizia, Lydia và Caria; phía nam – Lycia, Pisidia và Lycaonia; phía đông – Cappadocia; phía bắc – Galatia và Bithynia.

[7642] Cả hai hoàng đế cùng trị vì từ năm 284 đến năm 305 – Diocletian ở phương Đông, Maximian ở phương Tây.

Một lần nọ, tại thành phố chính của vùng Kotuan, người ta tổ chức một lễ hội vô đạo, thu hút đông đảo những người ngoại đạo tụ tập. Họ tổ chức các trò chơi, các màn trình diễn, các cuộc đua ngựa và các cuộc thi đấu vật để tôn vinh các vị thần vô đạo của mình; người dân khắp thành phố đều theo dõi những màn trình diễn này từ những vị trí cao được bố trí riêng. Thánh Mina, nhờ Thánh Thần soi sáng về lễ hội này, đã bừng cháy lòng nhiệt thành vì Thiên Chúa và rời bỏ núi non, sa mạc để đến thành phố. Khi bước vào giữa khu vực diễn ra các màn trình diễn, vị tử đạo đã đứng trên một bục cao để mọi người đều có thể nhìn thấy, và bằng giọng nói vang dội, ngài đã kêu lên: *"Những ai không tìm kiếm Ta* thì *đã tìm thấy Ta; Ta đã tỏ mình ra cho những ai không hỏi về Ta"* (Rô-ma 10:20).

Khi Thánh Mina cất tiếng như vậy, tất cả những người có mặt tại buổi biểu diễn đều hướng ánh mắt về phía ngài và im lặng, ngạc nhiên trước sự dũng cảm của ngài. Vị công tước của thành phố đó, tên là Pyrrhus, cũng có mặt tại buổi biểu diễn, đã ra lệnh bắt Thánh nhân và hỏi ngài:

– Ngươi là ai?

Thánh Mina đã lớn tiếng thốt lên trước mặt toàn thể dân chúng:

– Tôi là tôi tớ của Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa tể trời và đất.

Vị công tước lại hỏi vị thánh:

– Ngươi là người ngoại quốc hay dân địa phương? Sao ngươi lại có đủ can đảm để dám hét lên như vậy giữa buổi trình diễn?

Khi vị hoàng tử nói những lời đó, và vị thánh chưa kịp trả lời, một số chiến binh đứng gần vị hoàng tử đã nhận ra Mina và reo lên:

– Đó là chiến binh Mina, người từng phục vụ dưới quyền chỉ huy của Firmilian, chỉ huy một ngàn quân.

Lúc đó, hoàng tử nói với thánh Mina:

– Có đúng là ngươi từng là chiến binh như họ nói về ngươi không?

Thánh nhân đáp:

– Vâng, đúng vậy, tôi từng là một chiến binh và đã ở trong thành phố này, nhưng khi thấy sự vô đạo đức của những người bị ma quỷ mê hoặc, thờ lạy các thần tượng thay vì Đức Chúa Trời chân thật, tôi đã từ bỏ chức vụ quân sự của mình và rời khỏi thành phố, để không phải là đồng phạm trong sự vô luật pháp và sự diệt vong của những người này. Cho đến ngày hôm nay, tôi đã lang thang trong các sa mạc, tránh tiếp xúc với những kẻ vô đạo, kẻ thù của Đức Chúa Trời tôi; nhưng giờ đây, khi nghe tin các ngươi tổ chức một lễ hội vô đạo, tôi đã tràn đầy lòng nhiệt thành vì Đức Chúa Trời của tôi và đến đây để vạch trần sự mù quáng của các ngươi và rao giảng cho các ngươi về Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng đã tạo dựng trời đất bằng Lời của Ngài và cai quản cả vũ trụ.

Nghe những lời ấy, vị hoàng tử ra lệnh đưa vị thánh vào ngục tối và canh giữ ngài cho đến sáng, còn bản thân ông thì suốt cả ngày hôm đó tham gia vào lễ hội và các trò giải trí.

Sáng hôm sau, vị công tước ngồi trên ghế xét xử và, sau khi ra lệnh dẫn thánh Mina ra khỏi ngục tối, đã dùng mọi cách để dụ dỗ ngài thờ thần tượng: vừa hứa hẹn ban tặng quà cáp, vừa đe dọa bằng những hình phạt đau đớn. Khi không thể dụ dỗ vị thánh sa vào con đường tội lỗi bằng lời nói, ông ta bắt đầu ép buộc ngài bằng hành động, ra lệnh cho bốn chiến binh lột trần và trói chặt vị thánh lại, rồi đánh ngài không thương tiếc bằng dây gân bò, đến nỗi máu từ những vết thương của vị tử đạo chảy thành dòng. Một người có mặt tại đó, tên là Pigasius, đã nói với thánh Mina:

– Hãy thương xót chính mình đi, hỡi người, và tuân theo mệnh lệnh của hoàng tử, trước khi thân thể ngươi bị hủy diệt hoàn toàn. Ta khuyên ngươi: hãy thờ lạy các vị thần chỉ trong chốc lát, để thoát khỏi những cực hình này, rồi sau đó hãy tiếp tục phụng sự Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng sẽ không phẫn nộ với ngươi vì sự sa ngã này, nếu ngươi chỉ dâng lễ vật cho các thần tượng một lần duy nhất và quay về với chúng trong thời gian ngắn, vì nhu cầu cấp bách, để thoát khỏi những cực hình nặng nề này.

Nhưng vị thánh đã giận dữ đáp lại:

– Hãy tránh xa ta, kẻ làm điều gian ác! Ta đã dâng lễ vật tạ ơn và sẽ chỉ dâng lại cho Đức Chúa Trời của ta, Đấng ban cho ta sự giúp đỡ và củng cố lòng kiên nhẫn của ta đến nỗi những cực hình này đối với ta dường như rất nhẹ nhàng và an ủi, chứ không phải là nặng nề.

Kẻ tra tấn, kinh ngạc trước sự kiên nhẫn như vậy của vị tử đạo, đã ra lệnh tra tấn Thánh Mina thậm chí còn tàn bạo hơn. Vị thánh bị treo lên cây và thân thể ngài bị cào xé bằng những móng vuốt sắt, còn kẻ tra tấn, vừa chế nhạo vị thánh, vừa nói với ngài:

– Ngươi có cảm thấy đau đớn gì không, Mina, hay những cực hình này đối với ngươi rất dễ chịu, và ngươi muốn chúng ta tăng cường chúng lên nữa?

Nhưng vị thánh tử đạo, dù đang chịu đau đớn tột cùng, vẫn kiên quyết đáp lại vị công tước:

– Ngươi sẽ không thể đánh bại ta, kẻ tra tấn, bằng những cực hình ngắn ngủi này, vì ta được các chiến binh của Đức Vua Trên Trời – những người mà ngươi không thể nhìn thấy – giúp đỡ.

Hoàng tử ra lệnh cho các tôi tớ tra tấn vị thánh còn dữ dội hơn nữa và nói với ngài:

– Đừng xưng nhận bất kỳ vị vua nào khác ngoài các hoàng đế La Mã tại đây.

Vị tử đạo đáp lại:

– Nếu các ngươi biết Đấng Vua chân chính, các ngươi đã không phỉ báng Đấng mà ta rao giảng, vì Ngài là Đấng Vua chân chính của trời và đất, và ngoài Ngài ra không có ai khác. Còn các ngươi thì phỉ báng Ngài mà không biết, và so sánh Ngài với những vị vua phù du của các ngươi, những kẻ được tạo ra từ bụi đất, những kẻ mà Ngài đã ban cho phẩm giá và quyền lực của vua chúa, vì Ngài là Chúa của muôn loài được tạo dựng.

Lúc đó, vị công tước nói với vị thánh:

– Ai là Đấng ban quyền lực cho các vua và cai trị muôn loài?

Vị tử đạo đáp lại vị hoàng tử:

– Đó là Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng hằng sống, Đấng mà mọi sự trên trời và dưới đất đều tuân phục; chính Ngài là Đấng đưa các vua lên ngai vàng và cai trị, ban quyền lực và thống trị.

Kẻ tra tấn bèn nói với Thánh Mina:

– Ngươi không biết sao, các hoàng đế La Mã đang rất phẫn nộ với tất cả những ai xưng danh Chúa Kitô và ra lệnh giết những người đó?

Vị tử đạo đáp lại:

"Chúa cai trị: các dân tộc hãy run rẩy! Ngài ngự trên các Thiên thần Cherubim: đất hãy rung chuyển" (Thánh vịnh 98:1). Nếu các vua của các ngươi giận dữ với Chúa Kitô và với những Kitô hữu xưng danh Ngài, thì điều đó có liên quan gì đến tôi ? Tôi không để ý đến cơn giận của họ, vì tôi là tôi tớ của Chúa Kitô tôi, và tôi chỉ có một khao khát duy nhất là làm chứng cho danh thánh của Ngài cho đến chết, và được hưởng tình yêu ngọt ngào của Ngài, mà không ai có thể tách rời tôi khỏi đó: *"Ai có thể tách chúng ta khỏi tình yêu của Thiên Chúa: nỗi buồn, sự khốn khó, sự bách hại, sự đói khát, sự trần truồng, sự nguy hiểm, hay lưỡi gươm?"* (Rm 8,35).

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh dùng một chiếc khăn làm từ tóc để chà xát mạnh vào các vết thương của vị thánh. Và khi họ đang làm điều đó, vị thánh tử đạo đã nói:

– Nay con cởi bỏ áo da và mặc lấy áo cứu rỗi.

Ngoài ra, kẻ tra tấn còn ra lệnh dùng nến đang cháy để thiêu đốt vị thánh, nhưng ngay cả khi toàn thân ngài bị thiêu đốt, ngài vẫn im lặng.

Lúc đó, hoàng tử hỏi ngài:

– Mina ơi, ngươi có cảm nhận được ngọn lửa này không?

Thánh nhân đáp: *"Đức Chúa Trời của chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt"* (Hê-bơ-rơ 12:29).

Đấng mà tôi đang chịu khổ vì Ngài đang giúp đỡ tôi, và vì thế tôi không cảm nhận được ngọn lửa mà các ngươi đang dùng để thiêu đốt tôi, cũng không sợ hãi trước những hình phạt đa dạng của các ngươi, vì tôi nhớ đến những lời trong Phúc Âm của Chúa tôi: *'Đừng sợ những kẻ giết được thân xác mà không giết được linh hồn; nhưng hãy sợ Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác trong hỏa ngục'* (Ma-thi-ơ 10:28).

Rồi vị công tước nói với vị tử đạo:

– Sao ngươi lại hùng hồn như vậy? Ngươi suốt đời là một chiến binh, vậy mà sao ngươi lại biết nói như một người đã đọc nhiều sách?

Thánh nhân đáp lại vị hoàng tử:

– Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta đã phán với chúng ta: *"Người ta sẽ dẫn các con đến trước mặt các quan chức và các vua vì Ta, để làm chứng trước mặt họ và trước mặt dân ngoại. Khi các con bị nộp, đừng lo lắng về việc phải nói gì hay nói như thế nào; vì vào giờ đó, các con sẽ được ban cho lời để nói"* (Mt 10,18–19).

Vị công tước hỏi vị thánh:

– Còn Đấng Christ của các ngươi có biết rằng các ngươi sẽ phải chịu những cực hình như thế này vì Ngài không?

Vị tử đạo đáp:

– Vì Ngài là Đấng Chân Thật, nên Ngài cũng biết trước tương lai. Ngài đã biết và đang biết mọi sự hiện hữu; mọi điều sẽ xảy ra đều được Ngài biết trước, và Ngài cũng biết trước mọi suy nghĩ của chúng ta.

Vị công tước, không biết phải trả lời vị thánh này thế nào, bèn nói với ông:

– Thôi đi, Mina, đừng nói những lời vô nghĩa nữa và hãy chọn một trong hai điều này: hoặc là theo chúng ta, và chúng ta sẽ ngừng tra tấn ngươi, hoặc là theo Chúa Kitô, và chúng ta sẽ giết ngươi.

Nghe vậy, vị thánh đáp lại bằng giọng vang dội:

– Ta đã thuộc về Chúa Kitô, ta đang thuộc về Ngài, và ta sẽ mãi mãi thuộc về Ngài.

Hoàng tử nói:

– Nếu ngươi muốn, ta sẽ thả ngươi ra trong hai hoặc ba ngày, để ngươi suy nghĩ kỹ lưỡng và nói với chúng ta lời cuối cùng.

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Không phải hai hay ba ngày, mà đã nhiều năm nay tôi vẫn tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô, nhưng trong tâm trí tôi chưa bao giờ nảy sinh ý định từ bỏ Thiên Chúa của tôi, vì vậy bây giờ tôi cũng không nên suy nghĩ về điều đó. Ngài đừng hy vọng, thưa hoàng tử, sẽ nghe từ tôi điều gì khác, nhưng đây là lời cuối cùng của tôi: tôi sẽ không từ bỏ Đức Chúa Trời của tôi, sẽ không dâng lễ vật cho những con quỷ của các ngài, và sẽ không quỳ gối trước những thần tượng vô hồn.

Câu trả lời cương quyết của vị tử đạo đã khiến vị công tước vô cùng tức giận, và ông ra lệnh rải khắp mặt đất những chiếc móc, những cây đinh ba và đủ loại đinh sắt, rồi lôi vị thánh tử đạo bị trói trên đó. Nhưng ngài, như thể đang được kéo lê trên những bông hoa mềm mại, lại càng lên án mạnh mẽ hơn nữa sự đa thần của những kẻ ngoại đạo và chế giễu sự điên rồ của những con người bị ma quỷ mê hoặc. Còn vị công tước thì ra lệnh đánh vị thánh đang bị kéo lê bằng những cây gậy thiếc. Và như vậy, thánh Minus đã bị tra tấn trong một thời gian dài.

Lúc đó, một trong những chiến binh có mặt tại đó, tên là Iliodor, nói với kẻ tra tấn:

– Thưa Công tước, ngài không biết rằng những người Kitô hữu đều điên rồ và không sợ sự tra tấn sao? Họ chịu đựng chúng như thể họ là những tảng đá hay cây cối vô hồn, còn cái chết thì họ coi như một thức uống ngọt ngào. Xin đừng vất vả thêm nữa, mà hãy ra lệnh giết ngay tên Kitô hữu cứng đầu này đi.

Và vị công tước lập tức tuyên án như sau đối với vị thánh: "Kẻ chiến binh Min độc ác, đã sa vào tà đạo Kitô giáo, và không chịu tuân lệnh hoàng gia cũng như dâng lễ vật cho các vị thần, chúng ta ra lệnh chém đầu bằng gươm, còn thi thể hắn hãy bị thiêu rụi trước mặt toàn thể dân chúng."

Các chiến binh bắt vị thánh tử đạo Mina và dẫn ngài ra ngoài thành, nơi họ chém đầu ngài, rồi đốt một đống lửa lớn và ném thi thể đầy đau khổ của vị thánh tử đạo vào đó.

Một số tín hữu, khi ngọn lửa đã tắt, đã đến nơi này và thu thập những phần thi hài còn lại sau khi bị thiêu đốt của vị thánh, rồi quấn chúng trong một tấm vải sạch và xức dầu thơm lên[7643] . Một thời gian ngắn sau, họ mang những di cốt thánh này về thành phố quê hương của họ là Alexandria[7644] , nơi họ an táng chúng tại một nơi trang nghiêm. Sau đó, tại nơi này, một nhà thờ mang tên vị thánh tử đạo đã được xây dựng, và nhờ những lời cầu nguyện dâng lên ngài, vô số phép lạ đã xảy ra tại đó.

Câu chuyện của Thánh Timôthê, Tổng Giám mục Alexandria, về những phép lạ của Thánh Tử đạo vĩ đại Mina

Sau khi các hoàng đế La Mã vô đạo và thù ghét Thiên Chúa là Diocletian và Maximian qua đời, vị hoàng đế đạo đức Constantine Đại Đế đã lên ngôi; dưới triều đại của ngài, đức tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã phát triển mạnh mẽ. Vào thời điểm đó, một số người yêu mến Chúa Kitô tại thành phố Alexandria, sau khi tìm thấy nơi an táng thi hài tôn kính của Thánh Mina, vị tử đạo vinh quang của Chúa Kitô, đã xây dựng một nhà thờ mang tên ngài tại chính nơi đó.

[7643] Thánh Mina đã chịu tử đạo vào năm 304. Trong thánh lễ ngày này, cùng với thánh tử đạo Mina, các thánh tử đạo Victor, Vincent và Stephanida cũng được tôn vinh, nhưng phần lớn các bài thánh ca trong thánh lễ đều dành riêng cho thánh tử đạo Mina.

[7644] Alexandria – thành phố nổi tiếng, được Alexander Đại đế thành lập vào khoảng năm 333 trước Công nguyên trên một mũi đất nhô ra bờ biển phía nam Địa Trung Hải (nằm hơi phía nam so với thành phố cùng tên hiện nay); từng là trung tâm khoa học và thành phố thương mại hàng đầu thế giới; vào đầu thế kỷ IV, nơi đây trở thành trung tâm Kitô giáo và là nơi cư ngụ của tổng giám mục.

Tình cờ, có một thương gia sùng đạo từ xứ Isauria[7645] đến thành Alexandria để mua hàng hóa. Nghe nói về vô số phép lạ và sự chữa lành xảy ra tại nhà thờ Thánh Mina, ông tự nhủ:

– Ta cũng sẽ đến thờ lạy di cốt thiêng liêng của vị thánh tử đạo và dâng lễ vật cho nhà thờ của ngài, để Chúa thương xót ta nhờ lời cầu nguyện của vị tử đạo này.

Nghĩ vậy, ông ta đi đến nhà thờ, mang theo một bao đầy vàng. Đến hồ Pomor và tìm được bến đò, ông ta chèo thuyền đến một nơi tên là Lozoneta. Bước lên bờ tại đây, thương gia tìm chỗ nghỉ qua đêm, vì trời đã về chiều. Vì vậy, khi bước vào một ngôi nhà, ông ta nói với chủ nhà:

– Bạn ơi, xin hãy thương xót, cho tôi vào nhà bạn nghỉ qua đêm, vì mặt trời đã lặn và tôi sợ đi tiếp một mình, bởi tôi không có ai đi cùng cả.

– Vào đi anh em, – chủ nhà đáp lại, – và ở lại đây qua đêm cho đến khi trời sáng.

Vị khách nhận lời mời và, sau khi vào nhà, nằm xuống ngủ. Còn chủ nhà, khi nhìn thấy túi vàng của người lữ khách, đã bị cám dỗ và, dưới sự xúi giục của ác quỷ, nảy sinh ý định giết vị khách của mình để chiếm lấy số vàng đó. Đến nửa đêm, hắn thức dậy, siết cổ người thương gia, xẻ xác anh ta thành nhiều mảnh, bỏ vào giỏ rồi giấu trong phòng trong. Sau khi giết người, hắn hoảng loạn tột độ, liếc nhìn xung quanh, tìm chỗ kín đáo để chôn xác nạn nhân.

Khi hắn đang suy nghĩ về điều đó, vị thánh tử đạo Mina xuất hiện trên lưng ngựa, trông như một chiến binh đang từ vua đến. Khi đi vào cổng nhà tên sát nhân, vị thánh tử đạo hỏi hắn về vị khách đã bị giết. Tên sát nhân, viện cớ là không biết gì, nói với vị thánh:

– Tôi không biết ngài đang nói gì, thưa ngài, ở đây không có ai cả.

Nhưng vị thánh, sau khi xuống ngựa, đi vào phòng trong, lấy một cái giỏ mang ra ngoài và nói với kẻ giết người:

– Đây là gì?

Kẻ sát nhân hoảng sợ tột độ và ngã quỵ xuống dưới chân vị thánh. Vị thánh liền ghép các bộ phận cơ thể đã bị cắt rời lại với nhau, cầu nguyện và làm cho người chết sống lại, rồi nói với anh ta:

– Hãy ngợi khen Đức Chúa Trời.

Người đó đứng dậy, như vừa thức giấc khỏi giấc ngủ, và khi nhận ra rằng mình đã bị chủ nhà hại, anh ta ngợi khen Đức Chúa Trời và với lòng biết ơn, cúi đầu trước vị chiến binh vừa xuất hiện. Còn vị thánh, sau khi nhận vàng từ tay kẻ sát nhân, đã trao nó cho người vừa được hồi sinh, nói rằng:

– Hãy đi tiếp con đường của ngươi trong bình an.

Sau đó, vị thánh quay sang kẻ sát nhân, nắm lấy hắn và đánh rất mạnh. Kẻ sát nhân hối hận và xin tha thứ. Lúc đó, vị tử đạo đã tha thứ cho hắn về tội giết người, cầu nguyện cho hắn, rồi lên ngựa và biến mất.

Tại Alexandria có một người tên là Eutropius. Eutropius này đã hứa sẽ dâng tặng một chiếc đĩa bạc cho nhà thờ Thánh Mina. Vì vậy, ông gọi thợ kim hoàn đến và ra lệnh cho người này làm hai chiếc đĩa, trên một chiếc ghi: "Chiếc đĩa của Thánh Đại Tử đạo Mina", còn trên chiếc kia ghi: "Chiếc đĩa của Eutropius, một công dân Alexandria. Thợ kim hoàn làm theo lời Evtropi, và khi cả hai chiếc đĩa đều hoàn thành, chiếc đĩa dành cho Thánh Mina trông đẹp và sáng bóng hơn hẳn chiếc kia. Sau khi khắc tên Thánh Mina và Evtropi lên hai chiếc đĩa, thợ kim hoàn đã trao chúng cho Evtropi.

Một lần nọ, khi đang đi thuyền trên biển, Eutropius dùng bữa trưa trên cả hai chiếc đĩa mới; thấy chiếc đĩa dành để dâng tặng Thánh Mina đẹp hơn hẳn chiếc đĩa của mình, ông không muốn dâng tặng nó cho vị thánh, mà ra lệnh cho người hầu dọn thức ăn lên chiếc đĩa đó cho mình, còn chiếc đĩa có tên mình thì định gửi làm lễ vật dâng lên nhà thờ Thánh Mina. Khi bữa ăn kết thúc, người hầu cầm chiếc đĩa có tên vị tử đạo, rồi ra mạn tàu và bắt đầu rửa nó trong nước biển. Bỗng nhiên, nỗi kinh hoàng ập đến và anh ta thấy một người đàn ông bước lên từ biển, người đó đã lấy chiếc đĩa khỏi tay anh ta rồi biến mất. Người đầy tớ, vì quá sợ hãi, đã lao theo chiếc đĩa xuống biển. Thấy vậy, chủ nhân của anh ta cũng hoảng sợ và khóc nức nở, rồi nói:

– Khốn khổ cho tôi, kẻ tội lỗi, vì đã dám thèm muốn lấy chiếc đĩa của Thánh Mina: thế là tôi đã làm mất cả chiếc đĩa lẫn người đầy tớ của mình. Nhưng Ngài, lạy Chúa, xin đừng giận tôi mãi mãi và xin hãy tỏ lòng thương

[7645] Isauria – một vùng đất nhỏ bé, ít được nghiên cứu và ẩn mình giữa các dãy núi, thuộc Tiểu Á cổ đại, giáp với Lycaonia ở phía đông, một phần của Phrygia ở phía bắc và Pisidia ở phía tây. Thành phố chính của Isauria là Isaura (nay là Ulubuyar), một thành phố rất giàu có và đông dân.

xót đối với người đầy tớ của con. Này, tôi xin hứa: nếu tôi tìm thấy thi thể của người đầy tớ mình, tôi sẽ ra lệnh làm một chiếc đĩa giống hệt như vậy, và dâng nó làm lễ vật cho Thánh Mina, vị thánh được Ngài yêu mến, hoặc tôi sẽ dâng số tiền tương đương giá trị chiếc đĩa đó cho nhà thờ của Thánh Mina.

Khi con tàu cập bến, Eutropius bước xuống tàu và đứng nhìn dọc bờ biển, hy vọng tìm thấy thi thể người đầy tớ của mình bị biển đánh dạt vào bờ để an táng. Trong lúc ông đang chăm chú nhìn, ông thấy người đầy tớ của mình bước ra khỏi biển với chiếc đĩa trên tay. Vừa sợ hãi vừa vui mừng, ông cất tiếng reo lên:

– Tạ ơn Chúa! Quả thật ngài vĩ đại biết bao, thánh tử đạo Mina!

Nghe tiếng kêu của ông, tất cả những người trên tàu đều xuống bờ, và khi thấy người đầy tớ đang cầm chiếc đĩa, họ đều kinh ngạc và ngợi khen Chúa. Khi họ hỏi người đầy tớ rằng làm sao anh ta, dù đã rơi xuống biển, lại vẫn sống sót và làm sao anh ta có thể bước lên khỏi mặt nước mà không hề hấn gì, anh ta đáp lại:

– Ngay khi tôi nhảy xuống biển, một người đàn ông oai phong cùng với hai người khác đã cứu tôi, đi cùng tôi suốt hôm qua và hôm nay, rồi đưa tôi đến đây.

Eutropius cầm lấy người nô lệ và chiếc đĩa, đi đến nhà thờ Thánh Mina, sau khi cúi đầu thờ lạy và dâng chiếc đĩa đã hứa tặng cho vị thánh, ông ra về, tạ ơn Đức Chúa Trời và ngợi khen vị thánh được Ngài yêu mến là Mina.

Một người phụ nữ tên là Sofia đang trên đường đến nhà thờ Thánh Mina để cầu nguyện. Trên đường đi, cô gặp một chiến binh; khi thấy cô đi một mình, hắn đã nảy sinh ý định làm nhục cô. Cô đã chống cự quyết liệt, cầu xin sự giúp đỡ của Thánh Tử đạo Mina. Và vị thánh đã không từ chối giúp đỡ cô, mà còn trừng phạt kẻ muốn xâm hại cô, đồng thời bảo vệ cô khỏi mọi tổn thương. Khi người lính buộc con ngựa vào chân phải của mình và định cưỡng hiếp người phụ nữ, con ngựa bỗng nổi điên. Nó không chỉ ngăn cản ý định của chủ nhân mà còn kéo lê anh ta trên mặt đất, và không dừng lại cũng như không bình tĩnh lại cho đến khi lôi anh ta đến nhà thờ Thánh Mina. Thường xuyên hí vang và trở nên hung dữ, nó đã thu hút rất nhiều người đến xem cảnh tượng này, vì lúc đó đang là ngày lễ và trong nhà thờ có rất đông người. Người lính, khi thấy đám đông tụ tập như vậy và nhận ra rằng con ngựa vẫn còn đang nổi giận, lại không thể trông cậy vào ai để được giúp đỡ, đã hoảng sợ, lo rằng mình sẽ phải chịu đựng điều gì đó còn khủng khiếp hơn nữa từ con ngựa của mình. Vì vậy, anh ta đã gạt bỏ sự xấu hổ, thú nhận trước toàn thể dân chúng về ý định bất kính của mình, và con ngựa lập tức bình tĩnh lại và trở nên hiền lành; còn người lính, sau khi bước vào nhà thờ và quỳ lạy trước di cốt của vị thánh, đã cầu nguyện, xin tha thứ cho tội lỗi của mình.

Gần nhà thờ của vị thánh tử đạo, cùng với nhiều người khác, có một người què và một người câm đang chờ được chữa lành. Vào nửa đêm, khi mọi người đều đang ngủ, thánh Mina hiện ra trước mặt người què và nói với anh ta:

– Hãy lặng lẽ đến gần người phụ nữ câm và nắm lấy chân cô ấy.

Người què đáp lại vị tử đạo:

– Thánh nhân của Chúa ơi, tôi đâu phải là kẻ dâm đãng mà ngài lại ra lệnh cho tôi làm điều này?

Nhưng vị thánh lặp lại lời mình ba lần và nói thêm:

– Nếu ngươi không làm điều này, ngươi sẽ không được chữa lành.

Người què, tuân theo mệnh lệnh của vị thánh, bò lại gần và nắm lấy chân người phụ nữ câm. Cô ta bừng tỉnh, bắt đầu la hét, phẫn nộ với người què. Người què, hoảng sợ, đứng dậy bằng cả hai chân và chạy thật nhanh. Như vậy, cả hai đều cảm nhận được sự chữa lành của mình – người câm đã nói được, còn người què thì chạy nhanh như con nai; và cả hai người được chữa lành đều dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời và vị thánh tử đạo Mina.

Có một người Do Thái có một người bạn là Kitô hữu. Một lần, khi phải đi xa đến một xứ sở xa xôi, anh ta giao cho người bạn một chiếc hộp nhỏ chứa một nghìn đồng vàng để cất giữ. Khi anh ta ở lại xứ sở đó lâu hơn dự định, người Kitô hữu nảy sinh ý định không trả lại số vàng cho người Do Thái khi anh ta trở về, mà sẽ chiếm đoạt nó cho riêng mình, và anh ta đã thực hiện điều đó. Người Do Thái trở về, đến gặp người Kitô hữu và yêu cầu trả lại số vàng mà anh ta đã giao cho anh ta giữ. Nhưng người kia từ chối, nói:

– Tôi không biết anh đang hỏi tôi điều gì? Anh không đưa cho tôi thứ gì cả và tôi cũng không nhận gì từ anh.

Nghe câu trả lời như vậy từ người bạn của mình, người Do Thái rất buồn bã và, cho rằng số vàng của mình đã mất, liền nói với người Kitô hữu:

– Anh ơi, chẳng ai biết chuyện này ngoài Đức Chúa Trời, và nếu anh từ chối trả lại cho tôi số vàng mà tôi đã giao cho anh giữ, đồng thời khẳng định rằng anh không lấy nó từ tôi, thì hãy xác nhận điều đó bằng lời thề. Chúng

ta hãy đến nhà thờ Thánh Mina và ở đó anh hãy thề với tôi rằng anh không lấy chiếc hộp chứa một nghìn đồng vàng của tôi.

Người Kitô hữu đồng ý, và cả hai cùng nhau đến nhà thờ Thánh Mina, nơi người Kitô hữu đã thề trước mặt Đức Chúa Trời với người Do Thái rằng mình không lấy vàng của ông ta để giữ hộ. Sau khi hoàn tất lời thề, họ cùng nhau ra khỏi nhà thờ, và ngay khi vừa lên ngựa, con ngựa của người Kitô hữu bỗng dưng phát điên, đến mức gần như không thể kiềm chế được; nó đã xé đứt dây cương, đứng bằng hai chân sau và hất chủ nhân xuống đất. Trong lúc người Kitô hữu ngã xuống từ lưng ngựa, chiếc nhẫn tuột khỏi tay anh ta, còn chìa khóa thì rơi ra khỏi túi. Người Kitô hữu đứng dậy, dắt ngựa lại, trấn an nó, rồi leo lên lưng ngựa và cùng người Do Thái tiếp tục hành trình. Đi được một quãng đường ngắn, người Kitô hữu nói với người Do Thái:

– Bạn ơi, đây là chỗ thuận tiện, chúng ta hãy xuống ngựa để ăn bánh mì.

Sau khi xuống ngựa, họ thả ngựa đi ăn cỏ, còn bản thân thì bắt đầu ăn. Một lúc sau, người Kitô hữu ngước nhìn và thấy người đầy tớ của mình đang đứng trước mặt họ, tay trái cầm chiếc hộp của người Do Thái, tay phải cầm chiếc nhẫn đã rơi khỏi tay anh ta. Thấy vậy, người Kitô hữu kinh hoàng và hỏi người đầy tớ:

– Điều này có nghĩa là gì?

Người đầy tớ trả lời:

– Có một chiến binh oai phong cưỡi ngựa đến gặp phu nhân của tôi, đưa cho bà ấy chìa khóa cùng chiếc nhẫn và nói: "Hãy gửi chiếc hộp của người Do Thái đi càng sớm càng tốt, để chồng ngài không gặp phải tai họa lớn." Và tôi được giao nhiệm vụ mang thứ này đến cho ngài, đúng như ngài đã ra lệnh.

Thấy vậy, người Do Thái ngạc nhiên trước phép lạ này và vui mừng quay trở lại cùng người bạn của mình đến đền thờ Thánh Tử đạo Mina. Sau khi cúi đầu thờ lạy xuống đất trong nhà thờ, người Do Thái đã xin được rửa tội, vì đã tin vào phép lạ này mà anh ta đã chứng kiến, còn người Kitô hữu thì cầu nguyện với Thánh Mina xin Ngài ban cho anh ta sự tha thứ, vì anh ta đã vi phạm điều răn của Thiên Chúa. Cả hai đều được toại nguyện theo lời cầu xin của mình – người thì nhận được phép rửa tội thánh, người kia thì được tha thứ tội lỗi – rồi mỗi người trở về nhà, vui mừng ca ngợi Thiên Chúa và tôn vinh vị thánh được Ngài yêu mến là Mina.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã giải thoát các đạo binh khỏi sự tạm bợ, và đã tỏ ra sự bất diệt của Ngài, Thánh Mêna, người đồng hành trên trời, Đấng chịu khổ nạn, là Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng ban vương miện bất diệt cho các vị tử đạo.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Victor và Stefanida

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 11

Vào thời trị vì của Hoàng đế La Mã Antoninus[7646] , dưới quyền chỉ huy của Tướng Sebastiano, có một chiến binh gốc Ý tên là Victor đang phục vụ. Người lính Victor này tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và công khai xưng danh thánh thiêng liêng của Ngài trước mặt mọi người. Khi cuộc bách hại các Kitô hữu bùng phát vào thời điểm đó, quan tổng trấn đã triệu tập thánh Victor đến và nói với ông:

– Chúng ta đã nhận được sắc lệnh của hoàng đế, ra lệnh buộc các ngươi, những người Kitô hữu, phải dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, còn những ai không tuân theo thì phải chịu những hình phạt khắc nghiệt. Vì vậy, Victor, ngươi hãy dâng lễ vật cho các vị thần, để không phải chịu hình phạt và không làm hư mất linh hồn mình.

Nhưng Thánh Victor đã trả lời quan tổng trấn:

– Tôi sẽ không tuân theo mệnh lệnh vô thần của vị vua phàm trần và sẽ không thực hiện ý muốn của ông, vì tôi là tôi tớ của Vua bất tử, là Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Rỗi của tôi, Đức Giê-su Christ, Nước Trời của Ngài là vô tận, và những ai tuân theo ý muốn của Ngài sẽ được sống đời đời, còn vị vua phàm trần của các ngươi và vương quốc của ông ta chỉ là tạm thời, và những ai tuân theo ý muốn vô đạo của ông ta sẽ bị hủy diệt mãi mãi.

[7646] Antoninus – hoàng đế La Mã, được biết đến nhiều hơn với tên gọi Marcus Aurelius, nhà triết học, trị vì từ năm 161 đến năm 180.

Nghe vậy, quan tổng trấn nói với Victor:

– Ngươi là chiến binh của vua chúng ta, hãy tuân theo mệnh lệnh của ngài và dâng lễ vật.

– Không, – Victor đáp, – giờ đây tôi không còn là chiến binh của vị vua trần gian các ngươi nữa, mà là của Đấng trên trời; dù trước đây tôi có từng tạm thời là chiến binh dưới quyền vị vua của các ngươi, thì tôi vẫn không ngừng phụng sự Vua của tôi, và bây giờ tôi sẽ không bỏ Ngài, cũng sẽ không dâng lễ vật cho các thần tượng của các ngươi. Hãy làm với tôi bất cứ điều gì ngài muốn: thân xác tôi nằm trong tay ngài, và ngài có quyền trên nó, nhưng chỉ có một Đức Chúa Trời của tôi mới có quyền trên linh hồn tôi.

Lúc đó, quan tổng trấn bắt đầu thuyết phục Victor:

– Chính ngươi, – ông ta nói, – đang tự chuốc lấy tai họa cho mình khi không tuân theo mệnh lệnh của vua; ta khuyên ngươi hãy dâng lễ vật cho các vị thần, để thoát khỏi những cực hình đang chờ đợi ngươi.

– Đó chính là điều tôi mong muốn, – Thánh Victor đáp lại với sự kiên định, – để chịu đau khổ vì Chúa của tôi, và tôi vô cùng vui mừng vì được xứng đáng chịu đau khổ vì danh Ngài.

Lúc đó, quan tổng trấn lập tức ra lệnh bẻ gãy các ngón tay của ngài và vặn chúng ra khỏi khớp. Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh đốt lò thật nóng rồi ném Thánh Victor vào đó; trong lò lửa ấy, vị tử đạo đã ở lại ba ngày mà vẫn sống sót và không hề hấn gì, giống như ba thiếu niên trong lò lửa Babylon (Đan. 3:50). Còn tên tra tấn, không ngờ rằng Thánh Victor vẫn còn sống, đã ra lệnh vào ngày thứ ba mở lò ra, lấy tro tàn của vị tử đạo ra khỏi đó và đổ xuống sông. Nhưng khi lò được mở ra, vị thánh bước ra khỏi đó mà không hề hấn gì, ngợi khen Thiên Chúa vì ngọn lửa đã không chạm đến ngài và không làm hại ngài.

Thấy kế hoạch của mình thất bại, quan tổng trấn đã triệu tập một pháp sư và ra lệnh cho hắn giết Thánh Victor bằng chất độc. Pháp sư đã nấu thịt với chất độc chết người và cho Thánh nhân ăn.

Thánh nhân nói:

– Dù tôi không nên nhận và ăn thịt ô uế từ các ngươi, nhưng tôi sẽ ăn nó để các ngươi hiểu rằng chất độc chết người của các ngươi chẳng thể làm gì được trước sức mạnh của Đấng Ban Sự Sống, Chúa của tôi.

Sau đó, sau khi cầu nguyện, vị tử đạo đã ăn miếng thịt tẩm độc và không hề hấn gì. Tên phù thủy, thấy vị thánh vẫn bình an sau khi ăn phải chất độc, liền chuẩn bị một miếng thịt khác tẩm chất độc mạnh nhất và nói với vị thánh:

– Nếu ngươi ăn miếng thịt này mà vẫn sống sót, thì ta sẽ từ bỏ mọi phép thuật và ma thuật của mình, và sẽ tin vào Đức Chúa Trời của ngươi.

Thánh Victor cũng đã ăn miếng thịt này, được tẩm chất độc mạnh nhất, nhưng vẫn không sao cả. Lúc đó, pháp sư cất tiếng kêu lên:

– Ngươi đã chiến thắng sức mạnh phép thuật của ta, Victor, và đã cứu linh hồn ta – vốn đã hư mất từ lâu – khỏi địa ngục, vì ta đã tin vào Chúa Giê-su Ki-tô mà ngươi rao giảng.

Sau đó, pháp sư trở về nhà, thu gom tất cả sách phép thuật và bùa chú của mình, đốt chúng đi và trở thành một Kitô hữu chân chính.

Thấy rằng không có gì có thể làm hại vị thánh, quan tổng trấn nổi cơn thịnh nộ và ra lệnh lột da vị tử đạo; sau đó, ông ra lệnh ném vị tử đạo vào chảo dầu sôi.

Còn vị thánh lúc đó đã nói:

– Dầu sôi này đối với tôi cũng dễ chịu như nước lạnh đối với người khát.

Sự kiên định của Thánh Victor đã khiến kẻ tra tấn càng thêm phẫn nộ, và hắn ra lệnh treo thánh nhân lên cây và đốt cơ thể ngài bằng nến; để tăng thêm sự đau đớn, họ trộn tro với giấm và đổ hỗn hợp này vào miệng vị tử đạo.

Nhưng ông đã nói:

– Giấm này và chất độc chết người của các ngươi đối với ta cũng chẳng khác gì mật ong và tổ ong.

Lúc đó, kẻ tra tấn, càng lúc càng nổi cơn thịnh nộ, ra lệnh móc mắt vị tử đạo của Chúa Kitô. Sau đó, treo thánh nhân ngược đầu xuống, các binh lính bỏ đi và để ngài treo lơ lửng trong tư thế đó suốt ba ngày. Đến ngày thứ tư, nghĩ rằng vị tử đạo đã chết, các binh lính đến xem ngài, và khi thấy ngài vẫn còn sống, họ rất ngạc nhiên. Vì điều này, họ kinh hoàng, bị mù lòa, và mỗi người trong số họ bắt đầu tìm kiếm người dẫn đường cho mình.

Vị thánh, vì lòng thương xót họ, đã thành tâm cầu nguyện với Đức Chúa Trời và nói với họ:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô của tôi, hãy mở mắt ra!

Và họ lập tức nhìn thấy lại, rồi đến gặp quan chỉ huy và kể lại sự việc đã xảy ra. Nhưng quan chỉ huy lại càng tức giận hơn và ra lệnh cho các binh lính lột da thánh Victor. Khi mệnh lệnh tàn ác này đang được thi hành, thì có một người phụ nữ tên là Stephani, đến để chứng kiến sự đau khổ của vị thánh, là một tín hữu Kitô giáo, vợ của một trong những binh lính, đã nhìn thấy hai vương miện tuyệt đẹp từ trời rơi xuống. Một trong hai vương miện đó rơi xuống đầu vị thánh tử đạo Victor, còn vương miện kia rơi xuống đầu bà.

Thấy điều đó, Stephanida bắt đầu ca ngợi vị tử đạo bằng giọng nói vang dội:

– Hạnh phúc thay ngươi, Victor, và hạnh phúc thay những đau khổ của ngươi vì Chúa Kitô; của lễ của ngươi đẹp lòng Thiên Chúa, như của lễ của Abel (St 4,4), vì ngươi đã dâng chính bản thân mình cho Ngài với một trái tim công chính! Đức Chúa Trời đã tiếp nhận ngươi, cũng như xưa kia Ngài đã tiếp nhận Ê-nóc công chính, người mà Ngài đã đưa từ đất lên thiên đàng, để ông không phải nếm trải cái chết tạm thời (Sáng Thế Ký 5:24); ngươi công chính như Nô-ê, đầy dẫy những việc lành và là người thánh thiện nhất trong dân tộc mình (Sáng Thế Ký 6:9). Ngươi đã tin như Áp-ra-ham, dâng chính mình làm của lễ cho Đức Chúa Trời như Y-sác, và đã chịu đựng những gian khổ như Gia-cốp. Ngươi khôn ngoan như Giô-sép, người được ban cho khả năng tiên tri về tương lai; ngươi đã chịu thử thách như Gióp, người sau nhiều đau khổ đã chiến thắng ma quỷ và trở thành gương mẫu về sự kiên nhẫn (Sách Gióp, Gia-cơ 5:10–11)! Ngươi giống như Ê-sai, người đã bị cưa làm đôi theo lệnh của vua Ma-na-se; lửa không làm hại ngươi, giống như ba thiếu niên trong lò lửa của Nê-bu-cát-nê-xa (Đa-ni-ên 3:1–100); ngươi đã đặt niềm hy vọng vào Đức Chúa Trời, giống như Đa-vít, con trai của Y-sê. Này, tôi thấy hai vương miện được ban xuống từ trời, một cái lớn hơn và đẹp đẽ nhất, cái kia nhỏ hơn; – cái lớn hơn được mười hai Thiên thần dâng cho ngài, còn cái nhỏ hơn dành cho tôi; vì dù là một bình sành yếu đuối, tôi cũng sẵn sàng đón nhận cuộc hành hương tử đạo và can đảm chịu khổ vì danh Chúa chúng ta, và dâng hiến linh hồn mình vì Ngài.

Nghe những lời này của Stefani, viên chỉ huy ra lệnh cho binh lính bắt nàng và dẫn đến trước mặt mình. Nhìn nàng với ánh mắt kiêu hãnh, ông hỏi:

– Ngươi là ai?

– Tôi là một tín hữu Kitô giáo, – vị thánh đáp.

Sau đó, quan tổng trấn hỏi tên và tuổi của nàng; khi biết tên nàng là Stefani, nàng mới mười lăm tuổi tám tháng, và đã kết hôn được một năm bốn tháng, ông bắt đầu nói với nàng bằng giọng dịu dàng:

– Tại sao cô lại muốn rời bỏ thế giới tươi đẹp này, cuộc sống tốt đẹp và cuộc hôn nhân của mình sớm như vậy, và lại muốn hủy hoại cuộc đời trẻ trung của mình, tự nguyện hiến dâng bản thân cho cái chết vì Đấng bị đóng đinh?

Thánh nữ đáp lại người tra tấn rằng:

– Con từ bỏ thế giới tạm bợ và hư vô này, cùng mọi ham muốn trần tục và người chồng phàm trần của con, để cùng với các trinh nữ khôn ngoan đi đón Chàng Rể bất hoại và bất tử, là Đấng Cứu Thế Kitô của con.

Tổng trấn nói với bà:

– Đừng nói những lời vô nghĩa và vô ích như vậy về Đức Chúa Trời của ngươi, hãy quay về với các vị thần của chúng ta và dâng lễ vật cho họ.

Nhưng Thánh Stefania đã kiên quyết đáp lại:

– Ngươi và các vị thần của ngươi đầy dẫy sự dối trá, còn ta thì nói sự thật, vì Chúa của ta là Đấng chân thật và trong Ngài không có sự gian dối. Ta sẽ không dâng lễ vật cho các vị thần giả dối, nhưng ta muốn trở thành của lễ đẹp lòng Đấng Chân Thật, Đấng ngự trên trời, để không bị mất vương miện đã được chuẩn bị sẵn cho ta trong Nước Ngài.

Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh nghiêng ngọn của hai cây cọ đang đứng ở đó xuống đất và trói thánh nữ vào đó để xé nát nàng. Một chân của nàng bị trói vào ngọn của một cây cọ đã nghiêng, còn chân kia bị trói vào cây kia, rồi họ thả lỏng dây; những cây cọ vươn cao lên trời, xé thánh nữ làm đôi. Còn linh hồn thánh nữ tử đạo, như một con chim bay ra khỏi lưới bị xé rách, đã tìm thấy tổ ấm trên trời trong vương miện đã được chuẩn bị sẵn cho bà.

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh chém đầu Thánh Victor bằng gươm. Nghe lệnh này, Thánh Victor đã tạ ơn Thiên Chúa. Trước khi họ định chém đầu ngài, ngài đã tiên đoán về cái chết của những kẻ hành hạ mình, nói rằng:

– Trong mười hai ngày nữa, các ngươi sẽ chết, còn tổng trấn của các ngươi, sau hai mươi bốn ngày, sẽ bị kẻ thù bắt làm tù binh.

Sau khi tiên đoán điều này, vị thánh đã cầu nguyện và cúi đầu xuống để bị chém. Và đầu cao quý của vị thánh tử đạo đã bị chém bằng gươm.

Sau khi đầu thánh Victor bị chém đứt, sữa lẫn máu chảy ra từ thân thể ngài, và nhiều người không tin, khi chứng kiến phép lạ này, đã tin vào Chúa Kitô. Đặc biệt, nhiều người đã tin khi chứng kiến lời tiên tri của vị tử đạo ứng nghiệm, vì mọi sự đã xảy ra đúng như ngài đã tiên đoán: những kẻ tra tấn đã chết đột ngột, còn viên tổng trấn thì bị kẻ thù bắt làm tù binh.

Thánh Victor và thánh nữ tử đạo Stefania đã chịu tử đạo vào ngày 11 tháng 11 tại thành phố Damascus. Và giờ đây, họ đã được an nghỉ trong thành phố ấy, nơi không cần mặt trời hay mặt trăng để chiếu sáng, vì vinh quang của Thiên Chúa chiếu sáng nơi đó, và Chiên Con của Thiên Chúa là ngọn đèn của thành phố ấy.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Vicentius.

Ngày kỷ niệm: 11 tháng 11

Quê hương của Thánh Vicentius là Tây Ban Nha. Ngay từ thuở thiếu thời, vị thánh này đã hiến dâng cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa và, bằng cách siêng năng nghiên cứu Kinh Thánh, ngài đã học hỏi Lề Luật của Thiên Chúa ngày đêm không ngừng. Ngài có một vị thầy đầy khôn ngoan và tràn đầy việc lành, đó là vị phúc giả Valerius, giám mục tại thành phố Augustopolis[7647] . Vị giám mục này, khi thấy môn đệ của mình là Vincent có đức tính khôn ngoan và đạo đức, đã phong ngài làm phó tế và giao phó cho ngài sứ vụ rao giảng Lời Chúa. Bởi vì mặc dù chính ngài rất thông thạo Kinh Thánh, nhưng do lưỡi không linh hoạt nên không thể diễn đạt rõ ràng; vì vậy, ngài đã giao phó cho phó tế của mình, Thánh Vinh-xê-ntô, là người xứng đáng, khôn ngoan và diễn đạt rõ ràng, nhiệm vụ giảng dạy dân chúng trong nhà thờ, rao giảng Lời Chúa. Thánh Vicentius, sau khi nhận lệnh và sự chúc lành này từ giám mục của mình, không chỉ trong nhà thờ mà còn ở mọi nơi thuận tiện, đã siêng năng giảng dạy và hướng dẫn dân chúng, chỉ cho họ con đường cứu rỗi cho linh hồn.

Vào thời đó, từ dưới triều đại của hoàng đế vô đạo Diocletian, một quan tòa tên là Datian, gốc Hy Lạp, tính cách tàn bạo và là kẻ bách hại và tra tấn các Kitô hữu một cách điên cuồng, đã được cử đến Tây Ban Nha. Datian được cử đến với mục đích không thương xót mà giết chết tất cả những ai xưng danh Chúa Kitô. Vị quan tòa này, khi đến thành phố Valencia của Tây Ban Nha[7648] , đã làm đổ nhiều máu Kitô hữu tại đó, bắt cóc các chiên của Chúa Kitô như một con sói. Khi nghe tin về Giám mục Valerius và Phó tế Vincent của ngài đang sống tại Augustopolis, Datian đã sai binh lính đi bắt họ, ra lệnh xiềng xích họ lại và dẫn đến trước mặt ông ta để xét xử. Các binh lính, tuân theo mệnh lệnh của Datian, đã bắt cả hai vị thánh, xiềng xích họ bằng những xiềng sắt nặng nề, và dẫn họ đến Valencia, gây ra cho họ nhiều khổ sở trên đường đi, khiến họ kiệt sức vì đói, khát và tốc độ di chuyển nhanh, bởi chính các binh lính cưỡi ngựa đi rất nhanh, còn các thánh nhân, không thể theo kịp các binh lính cưỡi ngựa, đã ngã xuống và bị kéo lê trong một thời gian dài, như những khúc gỗ, bị buộc vào lưng ngựa.

Khi họ được đưa đến thành phố Valencia, tên tra tấn ra lệnh ngay lập tức tống họ vào một ngục tối tăm và hôi thối, nơi họ bị giam giữ trong một thời gian dài mà không có thức ăn và nước uống. Nhưng Thiên Chúa đã củng cố họ bằng ân sủng của Ngài, để họ không kiệt sức và không mất đi sức mạnh cần thiết để hoàn thành hành trình tử đạo. Trong khi đó, tên tra tấn, lo sợ rằng các tù nhân sẽ chết và mình sẽ không còn ai để trút cơn thịnh nộ, đã ra lệnh đưa họ đến trước mặt mình. Thấy rằng họ không hề bị tổn hại chút nào bởi đói, khát hay xiềng xích nặng nề, mà ngược lại, thân thể họ càng thêm cường tráng và khuôn mặt rạng rỡ, tên tra tấn nói với người canh ngục:

– Tại sao ngươi lại cho họ ăn uống? Họ đã béo lên nhiều rồi.

Người lính canh thề thốt rằng mình không cho tù nhân bất cứ thứ gì.

Lúc đó, kẻ tra tấn bắt đầu nói với vị giám mục bằng giọng nghiêm khắc, nghĩ rằng nếu ông ta làm vị giám mục khiếp sợ bằng sự nghiêm khắc của mình, thì càng khiến vị phó tế trở nên nhu mì và run rẩy. Nhưng điều đó đã không xảy ra, vì Chúa, Đấng hạ bệ những kẻ mạnh khỏi ngai vàng và nâng cao những người khiêm nhường, đã

[7647] Augustopolis (tức là thành phố của Augustus) được đặt tên theo hoàng đế La Mã Octavian – Augustus, người đã thành lập tại đây một thuộc địa quân sự La Mã từ các cựu binh của mình vào năm 27 trước Công nguyên. Augustopolis còn được biết đến với tên gọi Zaragoza. Hiện nay, Zaragoza – thành phố chính của vùng cùng tên ở Tây Ban Nha và là thủ đô của vương quốc Aragon cũ, nằm trên bờ phải sông Ebro – có khoảng 100.000 cư dân.

[7648] Valencia – thành phố chính của tỉnh Tây Ban Nha cùng tên. Thành phố này được Brutus thành lập, người đã lập nên một thuộc địa La Mã tại đây sau khi giành chiến thắng trước người Lusitan, vào năm 138 trước Công nguyên. Nằm giữa một thung lũng vô cùng màu mỡ, Valencia là một trong những thành phố đẹp nhất và nổi bật nhất trên bán đảo Pyrenees.

muốn để sự kiêu ngạo của tên tra tấn ngạo mạn này bị làm nhục bởi người trẻ nhất và có chức vụ thấp nhất. Đầu tiên, Datian hỏi vị giám mục:

– Tại sao ngươi chống lại sắc lệnh của hoàng đế và không thờ lạy các vị thần của chúng ta, mà lại tôn vinh một Đấng Kitô nào đó?

Vị giám mục trả lời Datian bằng giọng nói nhẹ nhàng và với sự hiền lành, như thể tỏ ra một chút e ngại. Lúc đó, phó tế Vincent, được tràn đầy Thánh Thần, bừng lên lòng nhiệt thành vì Chúa và nói với vị giám mục của mình:

– Tại sao cha lại nói nhỏ nhẹ như vậy, như thể đang sợ hãi, và tại sao cha không đáp lại những lời sủa của con chó này một cách dũng cảm? Hãy tuyên xưng quyền năng của Đấng Kitô bằng giọng nói vang dội, và hãy tự do vạch trần cũng như đánh bại sự điên rồ của kẻ xảo quyệt này, kẻ muốn chống lại Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa của mình, Đấng đã ban cho hắn quyền năng ấy, và muốn dâng sự tôn kính đáng lẽ dành cho Thiên Chúa cho lũ quỷ. Giờ đây, cần phải hoàn toàn đánh bại con quỷ đó, kẻ mà nhiều người, vì cho là yếu đuối và hèn nhát, đã xua đuổi bằng danh Chúa Kitô, và phải đập nát đầu con rắn độc này.

Khi nghe những lời này và thấy rằng thánh phó tế Vincent không hề coi trọng sức mạnh, quyền lực và những lời đe dọa của mình, Datian đã nói với những người có mặt:

– Hãy dẫn vị giám mục ra khỏi đây, ta sẽ nói chuyện với vị phó tế trẻ này.

Sau đó, quay sang các đao phủ, tên tra tấn ra lệnh:

– Hãy chuẩn bị tất cả các dụng cụ tra tấn, để trả đũa bằng hành động đối với kẻ đang sỉ nhục chúng ta bằng lời nói.

Sau đó, ông ra lệnh trói vị thánh vào cây, rồi dùng móng sắt cào xé và hành hạ thân thể ngài. Khi các chiến binh thi hành mệnh lệnh của Datian, mặt đất ướt đẫm máu chảy thành dòng từ thân thể bị xé nát, và qua những vết thương sâu hoắm của vị tử đạo, xương cốt đã lộ ra. Kẻ tra tấn, vừa chế nhạo vị thánh, vừa nói với ngài:

– Giờ thì ngươi sẽ nói gì đây, Vicentius, ngươi có thấy thân thể ngươi đã bị thương và xé nát ra sao không?

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Điều tôi mong muốn, tôi đã nhận được, vì đây chính là điều mà tôi khao khát bằng cả tâm hồn; hãy tin tôi, thưa quan tòa, rằng đối với tôi không có khát vọng nào cao cả hơn là chịu khổ vì Chúa của tôi; và không ai ban cho tôi ân huệ này ngoài ngài. Dù ngài làm điều này vì lòng thù hận, nhưng ngài vẫn đang ban ân huệ cho tôi khi giao tôi vào sự tra tấn, bởi vì càng làm tăng thêm nỗi đau khổ của tôi, thì Chúa của tôi càng chuẩn bị cho tôi nhiều phần thưởng trên trời. Nhờ những cực hình nặng nề này, tôi như đang bước từng bậc thang để lên đến với Đức Chúa Trời của tôi, Đấng ngự trên cao: nhờ niềm hy vọng nơi Ngài, tôi dường như đã chạm đến thiên đàng, còn sắc lệnh của nhà vua thì tôi khinh miệt và chế nhạo sự điên rồ của ngài. Đừng ngừng những cực hình của tôi, mà hãy giao tôi cho những cực hình còn khủng khiếp hơn nữa: tôi cầu xin ngươi, hãy ngày càng tàn nhẫn hơn với tôi và ra lệnh cho các đầy tớ của ngươi đừng ngừng tra tấn tôi cho đến khi thân xác tôi chết đi; còn tôi, với tư cách là tôi tớ của Đấng Kitô, Chúa của tôi, sẵn sàng chịu đựng mọi sự vì danh Ngài.

Kẻ tra tấn, sau khi nghe những lời này của vị thánh, đã nổi giận và quát tháo các đầy tớ rằng đừng nương tay khi tra tấn và hãy hành hạ người chịu khổ vì Chúa Kitô còn dữ dội hơn nữa. Khi thấy các đầy tớ kiệt sức, hắn đứng dậy và bắt đầu đánh họ.

Còn vị thánh thì cười nhạo cơn giận của hắn và nói với hắn:

– Ngài đang làm gì vậy, quan tòa? Tại sao ngài lại đánh các đầy tớ của mình? Họ đang tra tấn tôi, mà ngài lại trả thù họ vì điều đó.

Datián, bị những lời của vị tử đạo và sự kiên nhẫn bất khuất của ngài làm tổn thương, lại càng nổi cơn thịnh nộ: ông nghiến răng, mặt tái mét và run rẩy vì giận dữ. Sau đó, khi đã bình tĩnh lại phần nào, ông nhẹ nhàng nói với các đầy tớ:

– Điều này có nghĩa là gì, hỡi các tôi tớ trung thành của ta, tại sao tên ác nhân này lại không cảm thấy sức nặng từ bàn tay các ngươi, không sợ hãi trước những cực hình, mà còn cười nhạo các ngươi, một cách mà chưa ai từng dám cười như vậy? Đã có biết bao tên cướp, kẻ ác, kẻ giết cha và pháp sư mà các ngươi đã tra tấn bằng đôi tay mạnh mẽ của mình, nhưng chưa từng có ai như tên này, kẻ hiện đang nằm trong tay các ngươi mà lại cười nhạo ta và các ngươi. Các ngươi định chịu đựng sự sỉ nhục này sao? Hãy tập trung toàn bộ sức lực và tra tấn hắn mạnh mẽ hơn nữa.

Nhưng Thánh Vinh Sơn lại càng cười nhạo sự yếu đuối của họ và nói:

– Ta không xin ngươi, kẻ tra tấn, hãy ngừng tra tấn ta, nhưng hãy nghĩ ra những hình phạt còn khủng khiếp hơn nữa, vì sức mạnh của Đức Kitô, Đấng giúp đỡ ta, lớn lao hơn nhiều so với sức mạnh của ngươi, kẻ đang đẩy ta vào đau khổ, và ta sẽ không nao núng khi tuyên xưng và tôn vinh Đức Giêsu Kitô, Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật. Ôi, giá như ngươi cũng nhận biết Đức Chúa Trời này, khi thấy quyền năng vĩ đại của Ngài đang hiện diện trong con người yếu đuối là ta, và quyền năng mà ngươi cùng tất cả các tôi tớ của ngươi không thể nào đánh bại được; nhưng ngươi, dù thấy mà không nhìn thấy, dù nghe mà không hiểu, và vẫn không ngừng thực hiện ý muốn của ma quỷ để dẫn linh hồn mình đến sự hủy diệt!

Vị quan tòa, người không thể đạt được gì bằng những hình phạt tra tấn (vì lưỡi dao sắc nhọn xuyên qua khớp xương và xương của vị tử đạo, chạm đến nội tạng của ngài, nhưng ngài vẫn không hề hấn gì), đã nảy ra ý định dùng lời nịnh hót để lôi kéo vị thánh vào con đường bất chính của mình, và bắt đầu nói với ngài một cách dịu dàng:

– Hãy thương xót tuổi trẻ của ngươi, Vincent, và đừng mong bông hoa cuộc đời ngươi tàn lụi trước thời hạn; đừng cắt ngắn những năm tháng dài đằng đẵng của cuộc đời ngươi, nhưng hãy thương xót chính bản thân ngươi và bày tỏ sự hối cải với chúng ta, để ngươi không phải hư mất hoàn toàn. Vì ta thương xót ngươi và mong muốn thấy ngươi không phải sống trong sự ô nhục và đau khổ, mà là trong sự tôn kính và vinh quang, bởi ta sẽ xin cho ngươi một vinh dự lớn lao, nếu ngươi nghe theo lời ta.

Thánh Vinh Sơn đã đáp lại những lời nịnh hót của Datian như sau:

– Đối với ta, lòng thương xót giả dối của ngươi còn tồi tệ hơn cơn thịnh nộ của ngươi, vì ta không sợ những cực hình bằng việc sợ hãi những lời nịnh hót của ngươi. Hãy chấm dứt sự xảo trá gây hại cho linh hồn tôi này, và hãy dồn hết sức mạnh tra tấn của ngươi vào tôi, hãy tra tấn tôi không thương xót, và ngươi sẽ nhận ra sức mạnh của Chúa Kitô, Đấng ngự trong những ai yêu mến Ngài.

Những lời này của vị tử đạo lại khiến kẻ tra tấn nổi cơn thịnh nộ dữ dội, và hắn ra lệnh đóng đinh vị tử đạo lên thập tự giá và tra tấn toàn thân ngài bằng đủ mọi cách. Khi các đầy tớ, tuân theo mệnh lệnh của kẻ tra tấn, đánh đập vị thánh bị đóng đinh và dùng sắt nung đỏ để thiêu đốt các vết thương của ngài, thì vị tử đạo của Chúa Kitô bỗng ngã từ thập tự giá xuống đất. Các đầy tớ, tưởng rằng vị thánh đã qua đời, liền bế ngài lên, định mang đi khỏi đó. Nhưng vị thánh, được ân sủng của Chúa Kitô củng cố, đã thoát khỏi tay họ và lại treo mình trên thập giá. Trong lúc đó, ngài quở trách các đầy tớ vì sự lơ là, nói rằng họ thi hành mệnh lệnh của chủ mình một cách thiếu nhiệt thành. Lúc đó, những tên đầy tớ nổi cơn thịnh nộ dữ dội và bắt đầu tra tấn vị thánh bằng mọi cách với toàn bộ sức lực của mình, cho đến khi chính họ hoàn toàn kiệt sức. Sau những cực hình đó, theo lệnh của kẻ tra tấn, thánh Vincent bị giam vào ngục tối, nơi ngài, với thân thể đầy vết thương, các chi bị gãy nát và các mạch máu bị xé rách, bị đặt lên những mảnh gốm sắc nhọn. Khi đêm xuống và lính canh đã chìm vào giấc ngủ say, bỗng nhiên ánh sáng rực rỡ chiếu sáng trong ngục tối, và hình ảnh các Thiên thần từ trời cao hiện xuống bên cạnh vị thánh, an ủi ngài trong những đau khổ. Thánh Tử đạo Vincent, nhờ sự viếng thăm của các Thiên thần mà vết thương được chữa lành và tràn ngập niềm vui khôn tả, đã ngợi khen Thiên Chúa. Những binh lính canh gác ngài thức giấc khi nghe tiếng ngài hát ca vui vẻ, và khi thấy ánh sáng kỳ diệu trong ngục tối, họ hoảng sợ tột độ và chạy đi báo cho Datian biết. Còn ông ta thì đang lâm vào tình thế khó xử, đã suy tính suốt đêm xem còn có thể làm gì nữa với vị tử đạo bất khả chiến bại này, và cuối cùng, ông ta nghĩ ra một mưu kế như sau. Ông ta ra lệnh chuẩn bị một chiếc giường sang trọng, trải nệm êm ái lên đó, rồi đặt vị thánh lên trên. Đồng thời, tên tra tấn ra lệnh cử những kẻ dụ dỗ đến bên vị thánh, dặn dò họ phải lau máu cho ngài, băng bó vết thương và phục vụ ngài mọi thứ, như thể thương xót và đau buồn cho ngài, đồng thời hôn chân ngài, họ van xin ngài thương xót họ, đừng để họ phải chịu thêm những cực hình nữa, mà hãy tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế. Khi lệnh của Datian được thi hành, vị thánh đã nói:

– Đối với tôi, nằm trên những mảnh gốm vỡ trong đau đớn còn tốt hơn là điều này, và các ngươi, những kẻ dụ dỗ xảo trá, đừng hòng lừa gạt tôi bằng điều này.

Kẻ tra tấn, thấy rằng bằng mưu mô của mình, hắn không thể đạt được gì, lại quay sang dùng các hình thức tra tấn. Hắn ra lệnh nung đỏ những tấm ván sắt và áp chúng vào hai bên sườn của vị thánh. Sau đó, theo lệnh của hắn, người ta đặt vị tử đạo lên một tấm lưới sắt và, đốt một ngọn lửa lớn dưới tấm lưới, như thể đang nướng thịt sống vậy.

Còn vị tử đạo thì kiên cường chịu đựng mọi cực hình ấy, tuyên xưng danh Chúa Giêsu Kitô, và hoàn tất công trình tử đạo của mình, phó thác linh hồn vào tay Chúa của ngài[7649] .

Kẻ tra tấn, thấy vị thánh đã qua đời, ra lệnh mang thi thể ngài ra đồng và vứt bỏ mà không chôn cất, để chim chóc và thú dữ ăn thịt, đồng thời ra lệnh đặt lính canh ở xa, để thi thể vị tử đạo không bị các Kitô hữu lấy đi. Nhưng

Đức Chúa Trời *"bảo vệ mọi xương"* (Thánh Vịnh 33:21) của những người công chính, nên đã chỉ định một người canh gác phi thường cho thi thể vị tử đạo, ra lệnh cho con quạ bảo vệ thi thể ấy. Những người canh gác do Datian bố trí ở xa đã thấy rằng, khi có vô số loài chim săn mồi tấn công thi thể vị thánh, thì con quạ đã xua đuổi tất cả và không cho phép bất kỳ con chim nào đậu lên thi thể vị tử đạo. Và mặc dù bản thân con quạ, theo bản tính tự nhiên, thích mổ xác chết, nhưng được sức mạnh của Đức Chúa Trời kiềm chế, chính nó cũng không chạm vào thi thể vị thánh và còn ngăn cản các loài chim khác chạm vào. Và điều kỳ diệu hơn nữa là – khi một con sói đến và định mang thi thể vị thánh đi, con quạ đã lao vào nó với sức mạnh, dùng cánh đánh đuổi và xua đuổi cả con sói đó đi. Khi lính gác báo tin này cho Datian, ông ta rất ngạc nhiên, nhưng lại không muốn nhìn nhận đó là sức mạnh của Chúa và ra lệnh ném thi thể vị tử đạo xuống biển. Các chiến binh, sau khi mang thi hài cao quý của Thánh Vincent, đã lên thuyền và ra khơi xa, rồi ném thi hài xuống đáy biển, còn chính họ thì bơi trở lại bờ. Khi họ bơi đến gần bờ, họ thấy thi hài của vị tử đạo đang nằm trên bờ. Hoảng sợ tột độ, họ bỏ chạy. Còn các Kitô hữu, sau khi thu nhặt thi hài thánh của vị tử đạo, đã an táng thi hài ấy một cách trang trọng, đồng thời ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Cuộc đời của vị thánh cha Theodoros Studites

Ngày kỷ niệm: 11 tháng 11

Tại Constantinopolis, xưa kia có một người giàu có và quý tộc tên là Photin[7649] , kết hôn với một phụ nữ quý tộc tên là Theoktista. Cả hai đều là những người đạo đức và kính sợ Thiên Chúa. Từ cuộc hôn nhân đó, vị thánh Theodor đã ra đời. Cha mẹ ngài, sau khi cho ngài chịu phép rửa tội thánh, đã nuôi dạy ngài theo những nguyên tắc tốt đẹp và cho ngài theo học chữ. Khi vua vô đạo Constantine Copronymus[7650] lên ngôi, tà thuyết chống thánh tượng bắt đầu lan rộng và cuộc bách hại dữ dội đối với các tín hữu Chính Thống Giáo đã nổ ra. Do đó, Fotin đã từ bỏ chức vụ quan trọng trong chính quyền mà ông đang đảm nhiệm, sau khi tham vấn với vợ, ông đã phân phát toàn bộ tài sản và, từ bỏ đời sống thế tục, cùng với Theoktista, dâng hiến bản thân cho đời sống tu hành, nơi họ tận tụy tu tập cho đến khi qua đời. Còn Thánh Phê-ô-đô-rô, sau khi được đào tạo về tri thức Hy Lạp, đã trở thành một nhà hùng biện xuất sắc và một nhà triết học tài ba, thường tranh luận với những kẻ dị giáo độc ác về đức tin Chính Thống. Ngài am hiểu Kinh Thánh và các giáo lý đến mức những kẻ dị giáo không bao giờ có thể chống lại được ngài.

Sau khi vị hoàng đế độc ác Constantine Copronymus qua đời, con trai ông là Leo[7651] , cũng là một người chống thánh tượng, đã lên ngôi, nhưng ông trị vì không lâu và sớm qua đời. Sau đó, vợ ông là Irina cùng con trai là Constantine[7652] lên ngôi. Mang tên có nghĩa là "hòa bình"[7653] , bà thực sự đã mang lại hòa bình cho Giáo hội và chấm dứt cuộc hỗn loạn do phong trào chống thánh tượng gây ra. Bà đã tập hợp nhiều vị cha thánh và cùng với Đức Thượng phụ Tarasius triệu tập Công đồng Đại kết lần thứ bảy tại Nicaea, tại đó, sau khi bác bỏ giáo lý tà ác của những kẻ dị giáo, bà đã khôi phục lại việc tôn kính và thờ phượng các thánh tượng[7654] như trước đây. Có hơn ba trăm vị cha thánh tham dự Công đồng; trong số đó có cả vị thánh Platon, người ban đầu tu hành trên núi Olympus[7655] . Ông là chú ruột (bên mẹ) của Thánh Theodoros; Thánh Thần ngự trong ông, và với tư cách là một người am hiểu Kinh Thánh và là một nhà hùng biện tài ba, ông đã mang lại lợi ích cho tất cả mọi người.

[7649] Photin, cha của Thánh Theodoros Studites, từng là người thu thuế cho hoàng gia.

[7650] Constantine V Copronymus, hoàng đế Byzantine chống thờ hình tượng, trị vì từ năm 741 đến năm 775.

[7651] Lê IV Khazar trị vì từ năm 775 đến năm 780.

[7652] Thánh Irina, vợ của Lê Khazar, đã cai trị đất nước sau khi ông qua đời, do con trai bà là Constantine Porphyrogenitus còn quá nhỏ, từ năm 780 đến năm 797, và sau đó tiếp tục cai trị độc lập cho đến năm 802.

[7653] "Irini" – trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "hòa bình".

[7654] Nicaea (nay là İznik) – nằm trên bờ tây bắc Tiểu Á, bên bờ hồ Askanius, xưa là thành phố giàu có và thịnh vượng của Bithynia, nay rất nghèo và thưa dân. Công đồng Đại kết lần thứ VII diễn ra dưới sự chủ tọa của chính Thánh Tarasius. Lễ kỷ niệm Công đồng Đại kết lần thứ VII được cử hành vào ngày 11 tháng 10

[7655] Olympus – ngọn núi ở Mizia, trên biên giới giữa Phrygia và Bithynia thuộc Tiểu Á. Tại đây từng có một tu viện nổi tiếng nhờ đời sống tu hành của các tu sĩ, được gọi là "Symbolae", nơi Thánh Plato, vị Tử đạo, đã tu hành. Lễ tưởng niệm ngài được cử hành vào ngày 5 tháng 4

Khi đại hội kết thúc, Platon đã đưa theo mình vị thánh Theodoros cùng hai người anh em của ngài là Joseph và Euthymius, những người đã bày tỏ mong muốn trở thành tu sĩ[7656] . Sau khi rời đi cùng họ, ông đến một nơi hẻo lánh có tên là Sakudion[7657] .

Khu vực này rất đẹp và thuận lợi cho những ai tìm kiếm sự tĩnh lặng. Nằm trên một ngọn núi có địa hình tròn và bằng phẳng, nơi đây được bao quanh bởi nhiều loại cây cao, có nguồn nước chảy tự nhiên ngon lành và chỉ có thể tiếp cận qua một con đường mòn nhỏ. Platon và các bạn đồng hành của ông rất ưa thích nơi này, nên họ đã định cư tại đó và chẳng bao lâu sau đã xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Gioan Thần Học. Khi số lượng các tu sĩ ngày càng gia tăng, Platon đã thành lập một tu viện[7658] ; còn Thánh Theodor, người được chính ông cắt tóc và thụ phong làm tu sĩ, lại siêng năng hơn ai hết trong việc chế ngự xác thịt bằng những việc khổ hạnh và ăn chay. Trong quá trình rèn luyện lòng khiêm nhường, ngài đã tự chọn cho mình những công việc và nhiệm vụ vất vả nhất, khiêm tốn nhất. Và nhiều người thấy ngạc nhiên rằng, một người con của cha mẹ giàu có và quý tộc, được nuôi dưỡng trong sự sung sướng và an nhàn, lại tự nguyện chịu đựng những thử thách khắc nghiệt đến vậy: chặt củi, gánh nước, đào đất trong vườn nho, khiêng đá và siêng năng thực hiện những nhiệm vụ tương tự khác, chẳng hạn như thường xuyên vận chuyển phân bón vào vườn nho để bón cho đất. Đồng thời, vị thánh còn giúp đỡ những anh em yếu đuối nhất, những người ốm yếu về thể xác, và trở thành người phục vụ cho tất cả mọi người. Ngài còn luôn quan tâm đến việc xưng tội mọi suy nghĩ và hành động của mình với cha linh hướng – Thánh Platon. Với lòng yêu mến, Thêôđôr đến gặp ngài, xưng tội và chăm chú lắng nghe những lời dạy dỗ của ngài. Hàng ngày, ngài luôn dành ra một khoảng thời gian để suy ngẫm về Thiên Chúa, nhằm đứng trước Thiên Chúa Duy Nhất, xa lánh mọi điều trần tục và hư ảo, để thực hiện một sự phụng sự bí ẩn dành cho Ngài. Nhưng đức hạnh của ngài không thể giấu diếm; bởi chính những giọt nước mắt tuôn trào dồi dào từ đôi mắt ngài đã trở thành bằng chứng không thể chối cãi về vô vàn đức hạnh của ngài. Sự tiết độ của vị thánh thật kỳ diệu và khôn ngoan. Ông không từ chối thức ăn, nhưng cũng không làm nặng nề dạ dày mình; thay vào đó, ông khéo léo đập tan đầu con rắn kiêu ngạo: bởi vì ông không nhịn ăn ngoài thời gian đã quy định cho tất cả các anh em; nhưng khi mọi người đang dùng bữa, thì ông cũng ngồi xuống và ăn cùng với những người khác. Tuy nhiên, ngài chỉ ăn rất ít: chỉ đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu nhất của cơ thể, đồng thời cố gắng che giấu sự tiết chế của mình trước người khác, để họ không biết rằng ngài hầu như không ăn gì, và không để lộ mình là người đang ăn chay. Nhiều người đã noi gương thói quen này của ngài và cố gắng bắt chước ngài hết mức có thể. Trong số đó có những người sau đây: Giuse, anh em ruột của ngài, người sau này nhờ đời sống đạo đức mà được bổ nhiệm làm mục tử của Giáo hội Thessalonica[7659] , Euphimius, một người anh em khác của ngài, rồi Athanasius, Navcratius, Timotheus và nhiều người khác trong số những người ăn chay, những người, bằng cách noi gương tư tưởng và hành vi của Thánh Theodore, đã tiến bộ trong các đức tính. Trong khi không ngừng nỗ lực trong việc cầu nguyện và suy gẫm về Thiên Chúa, Thánh Phê-đô-rô rất siêng năng đọc các sách cứu rỗi linh hồn; ngài chăm chỉ đọc Cựu Ước và Tân Ước cũng như các tác phẩm của các Thánh Tông Đồ. Đặc biệt, ngài rất thích đọc các tác phẩm của Thánh Basil Đại Đế, những tác phẩm ấy như là thức ăn cho tâm hồn ngài, và từ đó ngài nhận được niềm vui thiêng liêng vô cùng. Ngài tuân thủ một cách cẩn trọng các Quy tắc và Nội quy về đời sống tu sĩ do Thánh Basil Đại Đế đề ra[7660] , không vi phạm dù chỉ một điều khoản nào trong đó; còn những ai không tuân thủ các quy tắc này, kể cả những quy định nhỏ nhất, ngài coi họ không phải là tu sĩ, mà là giáo dân.

Thấy Thánh Phê-ô-đô-rô tỏa sáng với cuộc sống đạo đức như vậy, Thánh Platon vô cùng vui mừng cho ngài. Quyết định phong chức thánh cho Thánh Theodoros, ngài đã cùng ngài đến Byzantium gặp Đức Thượng phụ Tarasius, người đã phong chức linh mục cho Theodoros, không phải vì ý muốn của ngài, mà là do bị ép buộc; bởi vì

[7656] Như chính Thánh Phê-ô-đô-rô đã đề cập trong một trong những tác phẩm của mình, ngài từng kết hôn, nhưng vào năm 22 tuổi, ngài đã dâng hiến cuộc đời mình cho đời sống tu hành, cũng như người vợ của ngài là Anna.

[7657] Sakudion – sau này trở thành một tu viện nổi tiếng, nằm gần núi Olympus ở Bithynia.

[7658] Tu viện này được Thánh Plato thành lập vào năm 782.

[7659] Sau này, ngài được phong thánh; ngày kỷ niệm của ngài là ngày 26 tháng 1

[7660] Thánh Basil Đại Đế chính là một tu sĩ nghiêm khắc và người nhiệt thành bảo vệ lối sống khổ hạnh tu viện. Ngài đã học hỏi lối sống thánh thiện của các tu sĩ Kitô giáo tại Ai Cập và các quốc gia khác, nơi đời sống tu viện đang phát triển rực rỡ, và sau đó chính ngài đã thành lập một tu viện trong sa mạc Pontus, trở thành mẫu mực cho các tu viện khác. Sau đó, ngài đã soạn thảo hiến chương tu viện, được gọi là "Các quy tắc tu viện lớn và nhỏ", làm kim chỉ nam cho đời sống tu viện; các quy tắc này đã được chấp nhận và phổ biến ở phương Đông như những quy định pháp lý cho các tu viện.

vị thánh hạnh phúc này, tự cho mình là không xứng đáng, không muốn nhận chức thánh đó và nói rằng nó vượt quá khả năng của mình. Nhưng, không thể chống lại ý muốn của cha linh hướng Platon và của Đức Thượng phụ, và hơn hết là ý muốn của Thiên Chúa, ngài đã vâng lời và nhận chức linh mục. Sau khi trở về tu viện, vị thánh nhân đã dốc lòng thực hiện những công đức và công việc vĩ đại hơn nữa, đến nỗi không thể nào diễn tả hết được.

Sau vài năm, vị thánh Platon, do tuổi già yếu và nhiều năm lao động vất vả, đã quyết định từ bỏ chức vụ lãnh đạo tu viện và mong muốn rằng sau khi ngài qua đời, vị thánh Theodor sẽ tiếp nhận quyền lãnh đạo. Ngài thường nói về điều này với vị này, khẩn khoản van nài và khuyên nhủ ngài, để ngài có thể giảm bớt gánh nặng cho cha mình và đồng ý trở thành người đứng đầu tu viện. Théodore bằng mọi cách từ chối quyền lãnh đạo, thà tự mình sống dưới sự chỉ huy của người khác còn hơn là lãnh đạo người khác, vì ngài cho rằng việc nhận sự hướng dẫn từ người khác sẽ nhẹ nhàng hơn và có lợi hơn cho sự cứu rỗi, so với việc tự mình hướng dẫn ai đó. Thánh Platon, thấy rằng Theodore không tuân theo mong muốn này của mình, đã nghĩ ra một mưu kế như sau: ông nằm liệt giường, giả vờ như bị ốm – dù thực tế ông cũng đang yếu ớt – rồi triệu tập toàn thể các tu sĩ, thông báo rằng ông cảm thấy cái chết đang đến gần, sau đó hỏi: họ muốn ai làm vị trụ trì kế nhiệm ông, ai là người họ cho là phù hợp nhất cho vị trí này? Vị Thánh biết rằng họ sẽ không mong muốn ai khác làm vị trụ trì ngoài chính Feodor, bởi vì tất cả đều yêu mến và kính trọng ông vì những đức tính cao quý của ông. Và điều đó đã xảy ra: tất cả đều đồng thanh trả lời:

– Thưa Cha! Sau khi Cha ra đi, xin hãy để Thánh Phê-ô-đô-rơ làm vị tu viện trưởng của chúng con!

Platon lập tức chuyển giao toàn bộ quyền hành cho Theodor, và vị thánh Theodor không thể chống lại nguyện vọng của toàn thể cộng đoàn, nên dù trái với ý muốn của mình, ngài đã nhận lấy chức vụ[7661] . Đồng thời, ngài còn gánh vác những công việc vĩ đại hơn nữa, trở thành tấm gương cho mọi người, dạy dỗ bằng lời nói và hành động, đồng thời sửa chữa những vi phạm của các tu sĩ đối với nội quy; bởi vì lúc bấy giờ có một số người đã không tuân thủ các quy tắc tu hành, đặc biệt là lời thề không tham lam và sống trong nghèo khó. Lo lắng về những người đó, Thánh Phê-đô-rô đã nhanh chóng sửa chữa họ theo hướng tốt hơn và mang lại lợi ích cho cả các tu sĩ lân cận khác. Dù có một số người than phiền về ngài, ngài cũng không để ý đến điều đó, vì ngài không quan tâm đến những gì những kẻ than phiền nói về mình, mà chỉ lo lắng sao cho công việc của ngài được đẹp lòng Thiên Chúa. Sau này, chính những kẻ than phiền ấy, khi cảm thấy sợ hãi trước Thiên Chúa, đã tuân theo ý muốn của vị thánh và bày tỏ những suy nghĩ của mình với ngài. Sau khi xem xét kỹ lưỡng từng người, ngài đã ban cho mỗi người phương thuốc phù hợp: khích lệ những người lười biếng nhất để họ dấn thân vào công việc, còn với những người siêng năng nhất thì ngài lại làm dịu bớt sự nỗ lực của họ một chút, để họ không kiệt sức dưới gánh nặng của những công việc đã nhận. Nhưng giờ đây đã đến lúc kể lại những đau khổ mà vị thánh đã phải chịu đựng vì lòng nhiệt thành đối với Đức Chúa Trời và luật pháp của Ngài, để chúng ta có thể chiêm ngưỡng sự kiên nhẫn dũng cảm của Thánh Phê-ô-đô-rô trong những nỗi đau khổ.

Vào thời điểm đó, hoàng đế Constantine, con trai của hoàng hậu Irina đạo đức, khi đã trưởng thành, đã phế truất mẹ mình khỏi ngai vàng và tự mình lên cai trị vương quốc[7662] . Vì còn trẻ và sa đọa, ông đã sa vào những thú vui xác thịt và dâm dục. Do đó, ông ta nảy sinh ý định đuổi vợ mình là Maria và ép buộc bà phải xuất gia; thay vào đó, ông ta lấy một người vợ khác tên là Theodota, người vốn là họ hàng của cha ông[7663] . Tuy nhiên, Đức Thượng phụ Tarasius không chấp nhận hành vi ngoại tình của vị vua này và không muốn ban phước lành cho cuộc hôn nhân của họ. Nhưng một linh mục tên là Joseph, người từng là quản lý của Nhà thờ Lớn[7664] , đã vi phạm các luật lệ của Thiên Chúa và bất tuân lệnh Đức Thượng phụ, đồng ý cử hành nghi thức hôn nhân cho họ. Vì sự táo bạo phạm tội này – như bài diễn văn sau đây sẽ cho thấy – ông ta đã sớm phải nhận lấy sự trừng phạt xứng đáng. Đức Thượng phụ đã cố gắng bằng mọi cách để hủy bỏ cuộc hôn nhân ngoại tình của nhà vua, nhưng không thể, bởi vì nhà vua đe dọa sẽ khơi dậy lại tà thuyết chống thánh tượng nếu cuộc hôn nhân này bị cấm. Vì vậy, Đức Thượng phụ đã cho phép nhà vua tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân đó, để tránh cho Giáo hội của Chúa Kitô khỏi phải gánh chịu tai

---

[7661] Đó là vào năm 794.

[7662] Vào tháng 10 năm 790, khi Constantine được hai mươi tuổi.

[7663] Người vợ đầu tiên của Constantine là Maria, cháu gái của Thánh Filaret Nhân từ (ở phía đông bắc Tiểu Á), thuộc bộ tộc Armenia; Constantine kết hôn với bà theo ý muốn của mẹ mình. Cuộc hôn nhân thứ hai của hoàng đế với Theodota, người trước đó là một cung nữ, được cử hành vào năm 795.

[7664] Chức vụ "Quản lý của Giáo hội Lớn", tức là Giáo hội Constantinopolis, là một trong những chức vụ quan trọng nhất dưới quyền Tổng Giám mục Constantinopolis; "Quản lý của Giáo hội Lớn" phụ trách toàn bộ kho bạc của Tổng Giám mục và có ảnh hưởng lớn đến các vấn đề của Giáo hội.

họa tồi tệ nhất. Sự vô luật pháp này, bắt nguồn từ cung điện hoàng gia, đã lan rộng khắp nơi, không chỉ ở các thành phố lân cận mà còn đến những vùng đất xa xôi. Các hoàng tử và quý tộc sống dọc theo eo biển Bosphorus và giữa người Goth[7665] , cũng như các nhà cai trị ở các vùng khác, cũng bắt chước hành động này: họ đuổi vợ mình đi, ép buộc họ xuất gia, rồi chọn những người khác thay thế và ngoại tình với họ. Khi nghe tin này, Thánh Theodor đã đau buồn trong lòng và thở dài nặng nề trước những tội lỗi rõ ràng như vậy, lo sợ rằng sự ngoại tình này sẽ trở thành thói quen, sự vô luật pháp sẽ thay thế luật pháp và luật pháp của Đức Chúa Trời sẽ bị phá hủy. Bừng cháy lòng nhiệt thành bảo vệ luật pháp của Đức Chúa Trời, Thánh Phê-ô-đô-rô đã gửi thư đến tất cả các tu sĩ, thông báo về sự vi phạm luật pháp của nhà vua và khuyên họ coi nhà vua là người bị khai trừ khỏi Giáo hội của Đấng Christ, vì đã phá hoại luật pháp của Đức Chúa Trời và cám dỗ nhiều người. Tin đồn về lòng nhiệt thành và sự dũng cảm của Thêôđôr lan truyền khắp nơi, đến nỗi chính nhà vua cũng biết được và nổi giận với vị thánh. Tuy nhiên, vì coi Thêôđôr là người công chính, được mọi người kính trọng và ca ngợi, nhà vua không bộc lộ cơn giận của mình một cách công khai và ban đầu muốn lôi kéo ông về phía mình bằng sự dịu dàng. Và thế là ngài ra lệnh cho người vợ ngoại tình của mình gửi đến vị thánh một số lượng lớn vàng, xin ngài cầu nguyện cho bản thân bà và gia tộc của bà. Nhưng vị thánh đã không nhận số vàng đó và đuổi những người được cử đi, vì cho rằng họ đang tiếp tay cho sự bất chính của nhà vua. Lúc đó, nhà vua nghĩ ra một cách khác: ông giả vờ như vì một lý do nào đó, nhưng thực chất là để trò chuyện với Thánh Theodor và lôi kéo ngài về phía mình, nên đã thực hiện một chuyến đi đến vùng đất nơi vị thánh đang cư ngụ; nhà vua cho rằng Thánh Theodor cùng các tu sĩ sẽ ra đón ông và dành cho ông sự kính trọng xứng đáng. Khi nhà vua đi ngang qua tu viện đó, cả vị tu sĩ lẫn các tu sĩ trong tu viện đều không ra đón ông, mà chỉ đóng cửa lại và giữ im lặng; khi các quan lại của nhà vua bắt đầu gõ cửa, không ai trả lời. Lúc đó, nhà vua càng tức giận hơn nữa; sau khi trở về cung điện, ngài lập tức sai một quan chức cao cấp cùng với binh lính đến tu viện của vị thánh, ra lệnh tra tấn vị thánh và các tu sĩ đồng lòng với ngài bằng đủ mọi hình thức, đánh đập họ rồi đuổi ra khỏi tu viện và đày đi lưu đày. Người được cử đi, ngay khi đến nơi, đã bất ngờ tấn công tu viện và bắt giữ tất cả những ai có mặt ở đó, bắt đầu từ vị tu sĩ Theodoros, rồi tra tấn họ một cách tàn nhẫn, đến nỗi những mảnh thịt bị xé ra khỏi cơ thể họ và mặt đất nhuốm đỏ máu. Sau những cuộc tra tấn đó, hắn đã đày Đức Thánh Phêrô đến Thessaloniki[7666] cùng với mười một vị cha bề trên trong tu viện, những người, vì thương xót Đức Thánh Phêrô, đã dũng cảm chịu đựng xiềng xích và đau khổ cùng ngài, vui mừng vì họ bị tra tấn và trục xuất vì lẽ phải.

Các linh mục và tu sĩ ở Chersonesos[7667] và Bosporus, khi nghe tin về sự kiên định của Theodoros cùng các tu sĩ đi theo ngài và những đau khổ của họ, đã vô cùng thương xót và, noi gương họ, cũng bắt đầu lên tiếng về sự bất công của nhà vua và sự chống đối của ông ta đối với Giáo hội, vì thế nhiều người trong số họ đã phải chịu cảnh lưu đày.

Trong thời gian bị giam cầm, Thánh Phê-ô-đô-rô đã viết thư cho những người khác cũng bị lưu đày vì cùng lý do và đang bị giam cầm, khích lệ họ và khuyên nhủ họ đừng nản lòng trong các cuộc đấu tranh, đừng suy sụp trước những nỗi đau khổ, mà hãy càng thêm can đảm và chịu đựng vì lẽ thật. Ngài cũng viết thư cho Đức Giáo hoàng[7668] , thông báo cho ngài biết ngài đã phải chịu đựng bao nhiêu đau khổ và vì lý do gì từ vị vua vô pháp. Về phần mình, Đức Giáo hoàng đã trả lời ngài, ca ngợi sự kiên nhẫn của ngài và khen ngợi lòng nhiệt thành của ngài đối với Thiên Chúa cùng lòng dũng cảm bất khuất. Còn Đức Chúa Trời thì không chậm trễ trong việc trừng phạt vị vua vì đã xúc phạm vô cớ các tôi tớ của Ngài: Ngài đã tước đoạt cả mạng sống lẫn vương quốc của hắn, và vị vua độc ác ấy đã chết một cái chết thảm khốc. Mẹ và các quý tộc, sau khi nổi dậy chống lại hắn, đã móc mắt hắn[7669] , và hắn sớm qua đời vì bệnh tật. Sau khi ông ta qua đời, khi Irina một lần nữa lên ngôi tại Byzantium, tất cả những người bị lưu đày đều được trả tự do, và Thánh Theodoros được triệu tập từ Thessaloniki đến Constantinople, và với tư cách là người làm chứng cho Đấng Christ, ngài đã được Đức Thượng phụ và Hoàng hậu tôn kính hết mực. Lúc bấy giờ, linh mục Giuse nói trên, người đã dám ban phép lành cho cuộc hôn nhân trái luật của nhà vua, đã bị kết

---

[7665] Bosphorus – eo biển Constantinople, nằm giữa Biển Đen và Biển Đá Cẩm Thạch. Vào thời điểm đó, người Goth sinh sống dọc theo hạ lưu sông Danube.

[7666] Đó là vào năm 796. – Solun hay Thessaloniki – một thành phố cổ rất quan trọng của Macedonia, nằm sâu trong vịnh Solun hay vịnh Ferme lớn thuộc Biển Aegean (Quần đảo). Hiện nay, thành phố này, với tên gọi Thessaloniki, có dân số rất đông.

[7667] Tức là những người sinh sống trên bán đảo Crimea hay bán đảo Taurica (ở các phần phía tây và phía đông của nó), nơi vào thời điểm đó có rất nhiều thuộc địa Hy Lạp được thành lập từ thời cổ đại xa xưa.

[7668] Vào thời điểm đó, Đức Giáo hoàng là Thánh Lêô III (796–816).

[7669] Đó là ngày 19 tháng 8 năm 797.

án theo các quy định của các vị Thánh Tổ, bị tước chức linh mục và bị khai trừ khỏi Giáo hội. Còn Thánh Theodorus thì trở về tu viện của mình, và mọi người đều vui mừng trước sự trở về của ngài, vội vã đến chiêm ngưỡng ngài, an ủi nhau rằng một người bảo vệ luật pháp của Chúa như vậy, đã phải chịu đau khổ và bị lưu đày vì lẽ phải, nay đã trở lại với đoàn chiên của mình. Vị Thánh đã tập hợp lại tất cả những con chiên tinh thần đã lạc lối của mình, tiếp tục chăn dắt họ, sống một cuộc đời thánh thiện và tỏa sáng cho mọi người, như ngọn nến trên giá nến, nhờ những đức tính cao quý của ngài.

Vài năm sau, người Agari xâm lược người Hy Lạp, họ bắt đầu tàn phá và chiếm đoạt các vùng đất của Hy Lạp[7670] . Sợ hãi trước họ, nhiều người lúc bấy giờ đã chạy trốn vào các thành phố được củng cố. Vào thời điểm đó, Thánh Theodoros, thay vì tự nguyện chịu khổ cùng các tu sĩ của mình, đã tuân theo lời dạy: *"Hãy đi, hỡi dân ta, hãy vào nơi an nghỉ của ngươi, đóng chặt cửa lại, ẩn náu trong chốc lát, cho đến khi cơn thịnh nộ qua đi"* (Ê-sai 26:20); ngài đã rời khỏi Sakudion và cùng các tu sĩ đến Constantinople. Sự xuất hiện của ngài được hoàng hậu và tổng giám mục hoan nghênh: họ rất vui mừng và nài nỉ ngài nhận quản lý Tu viện Studion cũng như thiết lập trật tự sống tốt nhất tại đó.

Ở đây, cần nhắc lại nguồn gốc của tu viện này. Ngày xưa, có một người quý tộc và có ảnh hưởng từ Roma đến Constantinopolis, người này được tôn vinh với tước hiệu patricius và proconsul[7671] . Ông đã xây dựng một nhà thờ lớn và tuyệt đẹp, mang tên Thánh Gioan Tiền Hô, và lập một tu viện bên cạnh đó.

Ông đã mời các tu sĩ từ tu viện "Những Người Không Ngủ" ([7672]) đến và khẩn khoản đề nghị họ sống trong tu viện của mình và tuân thủ toàn bộ nội quy của tu viện. Tên người đó là Studios; từ tên của ông, tu viện đã được đặt tên và trở thành Tu viện Studios. Tại đó, các tu sĩ đã sinh sống cho đến triều đại của Hoàng đế Copronymus, tuân thủ nội quy của tu viện "Những Người Không Ngủ". Nhưng Copronymus, kẻ độc ác, đã gây rối loạn Giáo hội của Chúa bằng chủ nghĩa bài tượng, trục xuất tất cả các tu sĩ khỏi Byzantium, và tu viện Studite trở nên hoang vắng. Sau khi vị hoàng đế độc ác này qua đời và cuộc đàn áp chấm dứt, các tu sĩ lại bắt đầu sinh sống tại nhà thờ Studite, nhưng chỉ với số lượng rất ít. Vào thời điểm vị thánh tu sĩ đến Constantinople cùng các tu sĩ của mình, trong tu viện chỉ còn lại mười hai tu sĩ. Theo lời thỉnh cầu của Hoàng hậu Irina và Đức Thượng phụ Tarasius, vị thánh tu sĩ Theodoros đã nhận quản lý Tu viện Studion và bắt đầu sinh sống tại đó[7673] . Sau khi xác định rằng nơi này thích hợp cho các tu sĩ sinh sống, ngài đã khôi phục và mở rộng tu viện, đồng thời quy tụ được đông đảo các tu sĩ. Các tu sĩ từ các tu viện khác cũng tìm đến ngài, mong muốn được sống cùng ngài và coi ngài như người hướng dẫn và thầy dạy của mình. Vị thánh tu sĩ đã đón nhận tất cả mọi người với tình thương của người cha và yêu thương mọi người một cách chân thành, không giả dối. Với ngài, mọi người đều bình đẳng; ngài yêu thương tất cả như nhau và chăm sóc mọi người một cách công bằng. Ngài biết rằng lối sống tu hành là như nhau, bất kể ai khoác lên mình nó, cũng như ân sủng của phép rửa tội là như nhau, bất kể ai được ban nhận. Tuy nhiên, tùy theo các đức hạnh của các tu sĩ mà họ sẽ nhận được những phần thưởng khác nhau. Các môn đệ của vị cha thánh này đã rất thành công trong các đức hạnh; và vì danh tiếng về đời sống thánh thiện của họ lan rộng khắp nơi, nên nhiều người đã đến tu viện của họ, mong muốn noi gương những công đức của họ, và số lượng tu sĩ nhanh chóng tăng lên, đến mức đạt đến một nghìn anh em. Trước số lượng môn đệ đông đảo như vậy và do không thể tự mình giám sát tất cả mọi người cũng như nhận biết hành động, lời nói và ý nghĩ của từng người, vị tu sĩ đáng kính, như một Mô-sê thứ hai, đã bổ nhiệm các trưởng nhóm từ số các tu sĩ mà ngài coi là thông minh nhất, giàu kinh nghiệm nhất và nỗ lực nhất trong việc tu dưỡng đức hạnh; ông đã trao cho mỗi người một chức danh tương ứng: người này là quản lý tài chính, người kia là người phụ trách nhà thờ ([7674]), người thứ ba là người giám sát trật tự trong nhà thờ, v.v. Thánh nhân

---

[7670] Người Agari, tức là những người Hồi giáo Ả Rập, được gọi như vậy theo tên của Agari, mẹ của Ismael, người mà từ đó dòng dõi Ả Rập bắt nguồn. Vào thời điểm đó, lợi dụng những cuộc hỗn loạn thường xuyên tại triều đình Byzantine, người Ả Rập đã thực hiện những cuộc tấn công tàn phá vào các vùng biên giới của Đế chế Byzantine.

[7671] Trong Đế chế La Mã và Đế chế Đông La Mã (Byzantine), những người thuộc tầng lớp thượng lưu, tương đương với tầng lớp quý tộc có dòng dõi cao quý của chúng ta, được gọi là "Patrician". Các "Proconsul" là những quan tổng trấn của hoàng đế tại các tỉnh và khu vực.

[7672] Tu viện "Những người không ngủ" được thành lập vào thế kỷ V tại Constantinopolis bởi Thánh Alexander (430), sau khi ngài qua đời, các tu sĩ của tu viện này đã di cư đến Bithynia, một vùng ở phía tây bắc Tiểu Á, nơi họ thành lập tu viện của mình và sau đó lại quay trở lại Constantinopolis. Các tu sĩ của những tu viện này được gọi là "Những người không ngủ" bởi vì tại đó, các nghi lễ thờ phượng được cử hành liên tục, suốt cả ngày đêm.

[7673] Thánh Theodoros Studites được bổ nhiệm làm Bề trên Tu viện Studion vào năm 798; theo tên của tu viện này, ngài được biết đến với danh hiệu "Studites".

cũng đã soạn thảo các quy tắc về cách mỗi người trong số họ phải thực hiện nhiệm vụ được giao, từ người đầu tiên cho đến người cuối cùng.

Đối với các hành vi sai trái, ngài đã quy định các hình phạt sám hối: đối với một số người là một số lần cúi đầu nhất định, đối với những người khác là ăn chay nghiêm ngặt, và mỗi hành vi sai trái đều có hình phạt tương ứng. Nếu ai đó không hoàn thành nghi lễ thờ phượng, hoặc làm vỡ đồ dùng thờ cúng, hoặc vì sơ suất mà vứt bỏ thứ gì đó, hoặc làm việc gì đó một cách cẩu thả, hoặc xúc phạm anh em bằng bất cứ điều gì, hoặc vì không kiềm chế được lời nói mà thốt ra những lời thừa thãi, hoặc cười to, hoặc không đi lại một cách hiền lành và khiêm nhường, hoặc nói chuyện trong bữa ăn mà không lắng nghe những bài đọc có ích cho tâm hồn, hoặc phàn nàn về thức ăn, hoặc liếc nhìn lung tung một cách trơ trẽn và ngang tàng, hoặc làm bất cứ điều gì tương tự như vậy – đối với tất cả những anh em như vậy, Thánh Phê-ô-đô-rô đều chỉ định các hình phạt sám hối, tùy theo mức độ vi phạm của họ. Bên cạnh đó, vị thánh đã thiết lập chế độ sinh hoạt chung trong tu viện của mình, để không ai coi bất cứ thứ gì là của riêng mình, mà mọi thứ đều thuộc về chung: thức ăn chung, quần áo chung, và mọi vật dụng đều là của chung. Thánh nhân cũng quan tâm đến việc các tu sĩ của ngài không thường xuyên ra khỏi tu viện vào thành phố để lo các nhu cầu của tu viện, vì ngài biết những nguy hiểm rình rập tu sĩ trong thành phố do việc giao tiếp với giáo dân và những cuộc trò chuyện thế tục. Vì lý do này, ngài đã quyết định tổ chức các hoạt động thủ công đa dạng ngay trong khuôn viên tu viện. Các tu sĩ của Tu viện Studion bắt đầu học các nghề thủ công khác nhau: một số học nghề mộc và xây dựng, một số khác học nghề rèn, một số nữa học nghề may, và một số khác học nghề đục đá – nói tóm lại là mọi công việc cần thiết cho tu viện. Tuy nhiên, khi bắt tay vào công việc, họ luôn niệm lời cầu nguyện của Chúa Giê-su và các thánh vịnh của Đa-vít. Danh tiếng về trật tự, các quy định và hiến chương của Tu viện Studion đã lan rộng khắp nơi, và nhiều tu viện khác – không chỉ ở các thành phố lân cận mà còn ở những vùng đất xa xôi – đã tiếp nhận Hiến chương Studion[7675] và tuân thủ nó; một số nơi vẫn duy trì cho đến ngày nay. Vị Thánh cũng đã viết không ít cuốn sách rất có ích cho tâm hồn và soạn những bài ca ngợi khen nhân các ngày lễ của Chúa và Đức Mẹ, tôn vinh Thánh Gioan Tẩy Giả bằng những bài thánh ca tuyệt đẹp, soạn nhiều kinh ca và ba bài thánh ca, như một dòng sông tràn đầy nước khôn ngoan, đã tưới mát và làm ngọt ngào Giáo Hội của Đức Chúa Trời bằng những dòng suối giáo lý và thánh ca của ngài[7676] . Trong khi đó, Nikiforos, kẻ hành hạ, đã chiếm đoạt ngai vàng Byzantine một cách bất hợp pháp, bằng vũ lực lật đổ Nữ hoàng Irina, người sùng đạo, khỏi ngai vàng[7677] . Cùng lúc đó, Đức Thượng phụ Tarasius đã qua đời; sau đó, một người đức hạnh, xứng đáng với chức vụ này, người có cùng tên với vị hoàng đế mới, đã được tấn phong lên ngai Thượng phụ[7678] . Lúc bấy giờ, sự chia rẽ trong Giáo hội lại bùng phát,

---

[7674] Ekklesiarch – từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là "người đứng đầu nhà thờ" – có nhiệm vụ giám sát tòa nhà nhà thờ và sự sạch sẽ bên trong, cũng như trật tự của các nghi lễ thờ phượng trong tu viện, theo các quy định của hiến chương giáo hội.

[7675] Hiện nay, theo các danh mục, người ta biết đến các tác phẩm sau đây của Thánh Phê-ô-đô-rô liên quan đến nội quy và nghi thức nhà thờ: "Bản mô tả các quy định của Tu viện Studite", các hình phạt dành cho toàn thể tu sĩ và quy định về Tuần Chay Sữa. Hiến chương Studite khác biệt so với các hiến chương tu viện khác, bao gồm cả Hiến chương Jerusalem, ở chỗ nó chú trọng nhiều hơn vào các quy tắc đời sống tu sĩ hơn là các nghi thức thờ phượng. Tuy nhiên, hiến chương nhà thờ này cũng mang ơn Thánh Phê-ô-đô-rô nhờ những bổ sung quan trọng liên quan đến cấu trúc và sự trọn vẹn của các nghi lễ thờ phượng. Các nghi lễ theo Hiến chương Studion ngắn hơn một chút và không trang trọng bằng so với Hiến chương Jerusalem. Sau này, vào cuối thế kỷ XI, quy chế này được đưa vào làm hướng dẫn cho Giáo hội Nga và được duy trì ở đó cho đến giữa thế kỷ XIV, khi nó bắt đầu nhường chỗ cho quy chế Giê-ru-sa-lem, nhưng ở một số nơi vẫn còn hiệu lực lâu hơn nhiều, và tại một số tu viện Nga, nó thậm chí còn được áp dụng cho đến tận thời gian gần đây.

[7676] Ngoài Hiến chương, Thánh Phê-ô-đô-rô Stoudita còn viết nhiều tác phẩm khác, với chủ đề chính là rèn luyện tâm hồn để đạt được sự cứu rỗi. Thánh Phê-ô-sê-ri-cô, một trong những vị thầy của Giáo hội cùng thời với Phê-ô-đô-rô, đã gọi ngài là "vị thầy đầy nhiệt huyết của Giáo hội". Thánh nhân đã viết các bài giảng, thông điệp, thư gửi cho nhiều người, các bài thơ ngắn, và tiểu sử. Trong số các tác phẩm giáo lý của ngài có: cuốn sách giáo lý về các bức tượng thánh chống lại những người chống tượng thánh, bảy chương chống lại họ, và nhiều bức thư mô tả lịch sử của phong trào chống tượng thánh. Ngoài ra, các tác phẩm của vị thánh còn chứa đựng những lời khuyên nhủ về việc sống đời sống Kitô hữu; trong số đó, nổi tiếng nhất là hai cuốn giáo lý: cuốn lớn gồm 264 bài giảng và cuốn nhỏ gồm 134 bài. Những bài giảng và lời khuyên nhủ này, vị thánh đã tự mình trình bày cho các tu sĩ, mỗi bài đều được điều chỉnh phù hợp với từng ngày. Ngoài ra, Thánh Phê-ô-đô-rô còn để lại: một cuốn sách với những lời ca ngợi các ngày lễ của Chúa, các lễ kính Đức Mẹ, Thánh Gioan Tẩy Giả; một số chương về đời sống tu hành; các bài thơ ngắn và thơ iambic, trong đó có: cuốn sách về sự sáng tạo và sự sa ngã của A-đam, vụ giết anh em của Ca-in, về Ê-nô-khê, Nô-ê và các con của ông, cùng bài thánh ca dành cho Thánh Gioan Tiền Hô. Tiếp theo là các bài thánh ca và các bài ba bài hát kèm theo các bài thánh thi, được đưa vào bộ Triodion Mùa Chay (dành cho *Thứ Bảy* trước Mùa Chay về Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Chúa Kitô, dành cho Thứ Bảy Tuần Sữa để tưởng nhớ các vị thánh tổ phụ, dành cho Tuần thứ ba của Mùa Chay Thánh Giá, các bài ba bài hát kèm theo các bài thánh thi cho tất cả các ngày, ngoại trừ Tuần Thánh, các bài tứ ca vào tuần thứ 2, 3, 4 và 5 của Mùa Chay Lớn, v.v.), và bài kinh cảm động dâng lên Chúa Giêsu "để hát vào ban đêm".

[7677] Nikifor I trị vì từ năm 802–811. Trong thời trị vì của Nữ hoàng Irina, ngài là người quản lý kho bạc nhà nước.

bởi vì hoàng đế đã dùng quyền lực của mình để đưa Joseph – người đã bị khai trừ như đã đề cập ở trên – trở lại Giáo hội và ra lệnh khôi phục quyền cử hành thánh lễ cho ông ta. Trong chừng mực có thể, vị tổng giám mục đã chống đối nhà vua; nhưng khi thấy nhà vua nổi giận dữ dội, ngài lo sợ rằng toàn thể Giáo hội sẽ phải chịu sự đàn áp tàn bạo từ nhà vua, giống như những gì Giáo hội đã phải chịu đựng dưới thời các vị vua trước đó, nên đã chấp nhận Joseph trở lại cộng đoàn, dù trái với ý muốn của mình. Còn nhà vua thì làm điều đó để chọc tức Thánh Theodoros, nhằm khiêu khích ngài; vì ông biết rằng vị thánh này sẽ không thể chịu đựng được điều đó, và quả thực điều đó đã xảy ra. Thánh Theodor đã lên án nhà vua vì đã gây ra sự bạo hành đối với Giáo hội, khi dùng quyền lực thế tục của mình để đưa vào Giáo hội một người mà Đức Thượng phụ Tarasius cùng toàn thể hàng giáo phẩm đã khai trừ. Nhà vua vô cùng tức giận với Thánh Phê-ô-đô-rô và ra lệnh giam cầm ngài trên một trong những hòn đảo nằm trước thành phố[7679] . Ông cũng đối xử tương tự với anh trai ngài là Giô-sép, vị tu sĩ cao niên đáng kính Platon và nhiều tu sĩ khác thuộc Tu viện Studion.

Trong khi đó, tin tức đến tai nhà vua rằng các bộ tộc man rợ đã tấn công Thrace[7680] và đang tàn phá vùng đất này[7681] . Nhà vua lập tức chuẩn bị cho chiến tranh. Nhưng ngài không chỉ muốn đánh bại kẻ thù, mà còn muốn khuất phục vị thánh Theodoros; và trong khi dẫn quân tiến đánh người Scythes, ngài đã cử sứ giả đến gặp Theodoros, cố gắng dùng lúc thì lời ngọt ngào, lúc thì lời đe dọa để khiến ông đồng lòng với mình. Theodoros đáp lại như sau:

– Bệ hạ cũng cần phải sám hối về tội lỗi đã phạm và sửa chữa những gì ngài đã tàn phá, rồi sau đó mới ra trận. Nhưng vì ngài chưa làm điều đó, nên Con Mắt Toàn Tri nay, qua con, kẻ không xứng đáng này, báo trước cho ngài như sau: hãy biết rằng ngài sẽ không trở về từ con đường mà ngài đang đi.

Nhà vua không hề để ý đến những lời của vị thánh; ngược lại, ông càng tức giận hơn với ngài và đe dọa rằng, sau khi trở về từ chiến dịch, ông sẽ gây ra nhiều tai họa hơn nữa cho vị thánh. Nhưng Nikifor không kịp trở về, vì theo lời tiên tri của vị thánh, ông đã bị những kẻ man rợ giết chết. Sau ông, con trai ông là Stavriky lên ngôi, nhưng người này cũng sớm qua đời vì vết thương nhận được trong cuộc chiến mà ông đã tham gia cùng cha mình. Sau khi ông qua đời, Mikhail[7682] được bầu làm vua; lúc đó ông đang giữ chức kiropalata[7683] , một người thực sự xứng đáng với quyền lực hoàng gia – nhân từ và trung thành với Chính Thống Giáo. Sau khi lên ngôi, ông đã giải phóng Thánh Phê-ô-đô-rơ và những người đồng chí hướng của ngài khỏi cảnh lưu đày, dành cho họ sự tôn vinh xứng đáng và chấm dứt sự chia rẽ trong Giáo hội. Còn Iosif, một lần nữa, với tư cách là một thành viên không xứng đáng, đã bị khai trừ khỏi Giáo hội.

Ngay sau đó, Thánh Platon đáng kính đã về với Chúa[7684] . Nghe tin ngài qua đời, Đức Thượng phụ cùng toàn thể hàng giáo sĩ đã đến Tu viện Studion, hôn lên các di cốt thánh của ngài và an táng ngài một cách trang trọng. Còn Thánh Theodorus, sau khi vị cha thiêng liêng của ngài là Thánh Platon qua đời, chỉ sống trong bình an cùng các tu sĩ của mình được hai năm. Khi thời gian đó trôi qua, một cơn bão dữ dội từ tên vô đạo Leo người Armenia lại ập xuống trên ngài và toàn thể Giáo hội của Chúa Kitô; tên này ban đầu từng phục vụ với tư cách là tướng quân dưới triều vua Michael đạo đức. Khi được cử đi phương Đông để chống lại các bộ tộc man rợ, hắn đã tập hợp một đạo quân hùng mạnh tại đó và, vì kiêu ngạo, đã nổi loạn chống lại ân nhân của mình – vua Michael. Lê-vê người Armenia đã lôi kéo tất cả các quan lại và binh lính dưới quyền mình về phe mình – một số bằng lời hứa, một số bằng quà tặng, một số khác bằng những lời nịnh nọt – và với sự giúp đỡ của họ, hắn tự xưng là vua. Khi biết tin này, vua Mikhail, người có đức tin vững vàng, đã ngay lập tức cởi bỏ áo choàng hoàng gia để mặc áo lông cừu của tu sĩ, nhằm tránh cuộc nội chiến, và sau khi nhường vương quốc cho kẻ thù của mình, chính ông cũng đã chọn con đường tu hành.

[7678] Người kế vị Thánh Tarasia, Thánh Nikifor I (Người Xưng Tội), giữ chức vụ từ năm 806–815. Ngài qua đời năm 826. Ngày tưởng niệm ngài là ngày 2 tháng 6

[7679] Đó là vào năm 809.

[7680] Thrace – một vùng thuộc Đế quốc Byzantine, nằm ở phía đông bắc bán đảo Balkan.

[7681] Khi nhắc đến "những kẻ man rợ" – sau đây được gọi là người Scythia – ở đây ám chỉ người Bulgaria, những người vào năm 809, dưới sự chỉ huy của Krum, đã tấn công các vùng biên giới phía bắc của đế chế.

[7682] Michael I Rangav, em rể của Stavrikia, trị vì từ năm 811 đến năm 813.

[7683] Tại triều đình Byzantine, các chỉ huy đội vệ binh hoàng cung được gọi là Kiropalati.

[7684] Thánh Platon (qua đời năm 814)

Sau khi lên ngôi, Lê-vê người Armenia ban đầu tỏ ra là một vị vua đạo đức và khiêm tốn, cho đến khi ông củng cố được vị trí trên ngai vàng và tập hợp được những đồng phạm trong sự bất kính của mình.

Sau đó, ông bắt đầu phỉ báng các thánh tượng và quở trách những người tôn kính chúng, gọi họ là những kẻ thiếu lý trí. Đức Thượng phụ đã vạch trần sự vô đạo đức của ông và tranh luận với ông về các thánh tượng dựa trên Kinh Thánh; nhưng ngài không đạt được kết quả nào, mà chỉ khiến vị vua điên loạn càng thêm giận dữ. Lêv người Armenia, sau khi triệu tập tất cả các linh mục nổi tiếng, các tu sĩ, Đức Thượng phụ, và cùng với họ là Thánh Phê-ô-đô-rô, đã công khai bộc lộ sự thù hận của mình trước mặt họ, phỉ báng và chỉ trích những người tôn kính các bức tượng thánh, đồng thời ca ngợi những kẻ chống tượng.

"Chẳng phải luật cổ xưa, được viết bằng ngón tay của Đức Chúa Trời," ông nói, "đã ra lệnh không được thờ phượng những tác phẩm do tay người tạo ra sao: 'Chớ làm tượng thần hay bất kỳ hình ảnh nào,' như đã được phán. Vậy thì, không nên thờ phượng các bức tượng thánh do bàn tay con người tạo ra. Làm sao có thể vẽ Đấng Không Thể Miêu Tả trên bức tượng thánh, đặt Đấng Không Thể Chứa Đựng trên những tấm ván nhỏ, và gọi tên Đức Chúa Trời cho hình ảnh được vẽ bằng màu sắc?"

Các vị Thánh Tổ đã phản bác bằng mọi cách những lời nói suông của vị hoàng đế chống thánh tượng, bác bỏ những lời xúc phạm của ông ta và nói:

– Nếu chúng ta tuân giữ trọn vẹn Luật Mô-sê, thì đức tin Kitô giáo của chúng ta sẽ trở nên vô ích, lời rao giảng của các Tông đồ cũng sẽ vô ích, tất cả các truyền thống thiêng liêng của các vị Thánh Tổ cũng sẽ trở nên vô ích, và (điều này thật đáng sợ khi phải thốt ra) chính sự Nhập Thể của Chúa, nhờ đó mà chúng ta đã nhận biết hình ảnh con người của Ngài và chấp nhận việc tôn kính các bức tượng thánh, để qua các bức tượng thánh, chúng ta tôn kính Đấng được khắc họa trên đó.

Khi các thánh nói như vậy, Thánh Phê-ô-đô-rô, người thông thạo toàn bộ Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước, đã can đảm hỏi nhà vua:

– Tại sao, thưa bệ hạ, ngài lại nảy sinh ý định làm ô uế hình ảnh của Đấng Christ, đưa những tư tưởng dị giáo như vậy vào Giáo Hội thánh thiện và xé rách áo choàng của Giáo Hội, vốn được dệt nên từ ân sủng cao cả nhất cùng giáo huấn của các Tông Đồ và các Thánh Tổ? Ngài đang suy diễn dựa trên Cựu Ước – nhưng ân sủng mới, đến qua Đức Giêsu Kitô, đã chấm dứt thời kỳ của Cựu Ước rồi. Nếu cần phải tuân giữ Cựu Ước mà ngài đang bám víu, thì ngài cũng phải chịu cắt bì, giữ ngày Sabát và làm tất cả những điều khác được ghi chép trong đó. Chẳng lẽ ngài, hỡi vị vua, lại không hiểu rằng Luật Pháp đã được ban cho trong một thời kỳ nhất định và chỉ dành cho một dân tộc duy nhất đã ra khỏi Ai Cập sao? Nhưng khi ân sủng xuất hiện, cái bóng ấy đã chấm dứt. Thậm chí chính Luật pháp đó cũng không tuân thủ những điều nó ra lệnh ở mọi nơi. Chẳng hạn, nó ra lệnh không được tạo hình tượng và không được thờ phượng những vật do tay người làm ra, nhưng lại đặt hình tượng các Thiên thần Cherubim trên Hòm Giao Ước. Chẳng phải những Thiên thần Cherubim đó là tác phẩm do tay người làm ra sao? Tuy nhiên, chúng vẫn được mọi người tôn kính. Nhưng khi ân sủng mới xuất hiện, Chính Chúa đã hiện ra khuôn mặt Ngài trên một tấm vải, rồi trao nó cho Avgar; người này, khi chạm vào tấm vải đó, đã được chữa lành khỏi căn bệnh mãn tính của mình[7685] . Sau đó, Thánh Luca, Tông đồ của Chúa và Nhà Truyền Tin, đã tự tay vẽ khuôn mặt Đức Mẹ và lưu lại bức tranh này cho các thế hệ sau. Sau đó, bức tượng Chúa Cứu Thế không do tay người tạo ra, xuất hiện tại Phê-ni-xi , đã thực hiện nhiều phép lạ kỳ diệu. Và những phép lạ được thể hiện qua các bức tượng thánh khác, rực rỡ hơn cả mặt trời, chẳng phải đã chứng tỏ rằng chúng xứng đáng được tôn kính sao?

Nhưng nhà vua, không để ý đến những lời của vị tu sĩ, đã nói:

– Ta không muốn dùng màu sắc để miêu tả Đấng Thần Thánh vô hình và siêu việt.

Théodore đáp lại:

– Thưa Bệ hạ, chúng ta cũng không mô tả Đấng Thần Linh, mà chúng ta tuyên xưng và tin rằng Ngài là Đấng không thể diễn tả được. Còn qua việc vẽ thánh tượng, chúng ta miêu tả thân xác của Con Thiên Chúa mà chúng ta đã nhận biết; chính thân xác ấy là điều chúng ta thờ phượng và tôn kính.

[7685] Avgar – công tước của Edessa, một thành phố nằm trên một trong những nhánh sông bên trái của thượng nguồn sông Euphrates; theo truyền thuyết, khi Đấng Cứu Thế còn tại thế, sau khi nghe tin về các phép lạ của Ngài, ông đã gửi một bức thư đến Ngài với lời thỉnh cầu hãy đến và chữa lành bệnh tật cho ông. Đấng Cứu Thế đã gửi cho ông một chiếc khăn (khăn lau mặt) có in hình Dung Nhan của Ngài; khi chạm vào chiếc khăn đó, Avgar đã được chữa lành. Như vậy, Hình ảnh Đấng Cứu Thế không do tay người tạo ra đã hiện ra, và sau đó – vào ngày 16 tháng 8 năm 944 – được chuyển từ Edessa đến Constantinople.

Khi vị tu sĩ thánh thiện nói những điều này và nhiều điều khác dựa trên Kinh Thánh và truyền thống của các vị Thánh Tổ, đồng thời vạch trần sự lầm lạc của nhà vua, nhà vua, tràn đầy cơn thịnh nộ, đã giận dữ nói với vị tu sĩ:

– Ta biết ngươi luôn nói năng bừa bãi, và ngươi là kẻ hay cãi vã, kiêu ngạo, và là kẻ chống đối mọi người. Giờ đây ngươi lại đến đây để nói xấu và phỉ báng ta, trò chuyện với ta không phải như với một vị vua, mà như với một thường dân; vì điều này, ngươi xứng đáng phải chịu nhiều cực hình. Nhưng ta sẽ tạm thời tha thứ cho ngươi, cho đến khi sự khôn ngoan của chúng ta được chứng minh rõ ràng hơn. Và nếu sau đó ngươi vẫn không chịu khuất phục, thì ngươi sẽ nhận được hình phạt xứng đáng cho sự điên rồ và sự chống đối của mình.

Từ lúc đó, các vị cha đáng kính không muốn nói gì thêm với nhà vua, mà chỉ bàn luận với nhau:

– Chúng ta sẽ nói gì với một tâm hồn đã sa đọa đến mức này và không muốn được chữa lành?

Còn Thánh Phê-ô-đô-rô, sau khi cầm lấy thanh gươm thiêng liêng, đã trả lời nhà vua như sau:

– Bệ hạ, xin hãy hiểu và nhận thức rõ rằng việc xem xét và điều tra các quy định của Giáo hội không thuộc thẩm quyền của ngài: quyền lực của ngài chỉ dành để thảo luận và quản lý các việc trần thế, còn các việc của Giáo hội thuộc thẩm quyền của các vị thánh và các nhà giảng dạy trong Giáo hội; còn ngài chỉ được lệnh phải tuân theo và vâng phục họ mà thôi. Cũng như Thánh Tông Đồ đã nói: *"Và Đức Chúa Trời đã đặt những người khác trong Hội Thánh: trước hết là các Tông Đồ, thứ hai là các nhà tiên tri, thứ ba là các nhà giảng dạy; ngoài ra, Ngài còn ban cho một số người quyền năng làm phép lạ, cũng như ân tứ chữa lành, giúp đỡ, quản lý, và nói các thứ tiếng khác nhau"* (1 Cô-rinh-tô 12:28), chứ không phải các vị vua. Và ở những đoạn khác, Kinh Thánh cũng ra lệnh rằng các việc của Hội Thánh phải do các giáo sư trong Hội Thánh quản lý, chứ không phải các vị vua.

Vị vua hỏi vị thánh nhân:

– Vậy thì, ngài có định trục xuất tôi khỏi Giáo hội không?

Vị thánh nhân đáp:

– Không phải tôi, mà chính truyền thống của các Tông đồ Thánh và các vị Thánh Tổ phụ đang trục xuất. *"Nhưng dù là chúng tôi hay một thiên thần từ trời xuống mà rao giảng cho anh em điều gì khác với điều chúng tôi đã rao giảng, thì người ấy sẽ bị nguyền rủa"* (Ga-la-ti 1:8).

Nếu ngài muốn ở lại trong Giáo hội của Chúa Kitô cùng với chúng tôi, những người tôn kính hình ảnh Chúa Kitô, thì hãy tuân theo Đức Thượng phụ và Hội đồng Thánh đáng kính hiện đang phục vụ dưới quyền ngài!

Nghe những lời này, nhà vua càng nổi giận hơn và đã đuổi tất cả mọi người ra khỏi trước mặt mình một cách nhục nhã. Sau khi rời khỏi hoàng đế, các vị cha thánh bị trục xuất cùng với Đức Thượng phụ đã vây quanh Thánh Theodoros, ca ngợi ngài bằng lời nói và cả tâm hồn, vì ngài đã chống lại kẻ hành hạ với sự khôn ngoan và dũng cảm lớn lao, đồng thời làm cho hắn phải xấu hổ tột độ bằng cách dũng cảm vạch trần sự vô đạo của hắn.

Khi họ tản ra về nhà, quan tổng trấn ra lệnh: "Không ai được bàn luận hay tranh luận về đức tin, mà tất cả phải tuân theo mệnh lệnh của nhà vua." Những người được cử đi truyền đạt mệnh lệnh này đã đến gặp Thánh Theodoros. Nghe lệnh này, ngài đáp lại họ:

– Các ngươi hãy tự suy xét: liệu có công bằng không khi nghe lời các ngươi hơn là nghe lời Thiên Chúa? Thà để lưỡi ta bị cắt đứt còn hơn là ta im lặng và không bảo vệ đức tin chân chính.

Vị thánh nhân đã dạy dỗ mọi người kiên định giữ vững đức tin thánh thiện, có người thì ngài mời đến gặp mình, có người thì ngài đích thân đến thăm, có người thì ngài gửi thư, và như vậy ngài đã tiếp thêm sức mạnh cho những ai đang suy sụp về tinh thần. Thường xuyên ngài đến gặp Đức Thượng phụ, trở thành người cố vấn tốt lành cho ngài, và an ủi ngài, vì ngài thấy ngài đang đau buồn và tâm hồn đang ốm yếu.

– Thưa Cha, xin đừng buồn phiền! – ngài nói với ngài ấy – Hãy tin rằng Chúa sẽ không bỏ rơi chúng ta; Ngài sẽ không để cho những thử thách vượt quá sức chịu đựng của chúng ta và sẽ không để cho cái ác lấn át chúng ta. Dù kẻ thù có gây ra sự bất bớ đối với Giáo Hội, thì trong thời gian không lâu, nỗi đau khổ ấy sẽ quay trở lại trên chính đầu nó. Cha biết lời Chúa: *"Khốn cho thế gian vì những cám dỗ, vì cám dỗ ắt phải đến; nhưng khốn cho người mà qua đó cám dỗ đến"* (Mt 18,7).

Từ thời các Thánh Tông Đồ cho đến ngày nay, đã có biết bao tà thuyết do những kẻ tâm trí sa đọa dựng lên chống lại Giáo Hội; biết bao đau khổ mà các vị Thánh Cha đi trước chúng ta đã phải chịu đựng vì chúng! Nhưng Giáo Hội vẫn bất khả chiến bại; những người chịu khổ đã được tôn vinh rực rỡ và được trao vương miện, còn những kẻ tà giáo thì đã nhận lấy hậu quả xứng đáng với hành vi của chúng."

Nghe những lời này, Đức Thượng phụ và tất cả các vị cha trong Công đồng đều được khích lệ, và sẵn sàng chịu đựng mọi đau khổ vì đức tin chân chính và không tuân theo sự tà giáo.

Một thời gian ngắn sau, Đức Thượng phụ Nikiforos đã bị vị vua độc ác phế truất khỏi ngai Thượng phụ và bị trục xuất khỏi Constantinopolis[7686] ; tất cả các giám mục Chính thống cũng bị kết án lưu đày. Lúc bấy giờ, một cảnh tượng kinh hoàng về sự phạm thánh khủng khiếp do những kẻ chống thánh tượng vô đạo gây ra đã diễn ra. Họ ném một số thánh tượng xuống đất, đốt cháy một số khác, bôi phân lên một số khác nữa và gây ra nhiều hành vi bạo ngược khác. Chứng kiến những hành động tàn ác đó, Thánh Theodor vô cùng đau buồn và, ngạc nhiên trước sự nhẫn nại vô biên của Đức Chúa Trời, ngài đã nói trong nước mắt:

– Sao đất đai lại dung túng cho sự vô luật pháp như thế này?!

Nhưng, không muốn tiếp tục là người sùng kính Chúa trong bí mật và im lặng than khóc trước tai họa này, ngài đã ra lệnh – (khi Lễ Phục Sinh Cành Lá đến) – cho các tu sĩ của mình cầm các bức thánh tượng lên và đi vòng quanh tu viện, giơ cao các bức thánh tượng trên đầu và hát vang:

"Chúng con thờ lạy hình ảnh vô cùng thanh khiết của Ngài, Đấng Nhân từ"[7687] , cùng những bài ca chiến thắng khác để tôn vinh Đấng Kitô. Khi biết được điều này, nhà vua lại sai người đến gặp vị thánh, cấm ngài thực hiện những hành động như vậy và đe dọa rằng nếu không tuân theo, ngài sẽ phải đối mặt với sự giam cầm, những vết thương và cái chết. Tuy nhiên, vị thánh không những không ngừng củng cố lòng tin của các tín hữu vào việc tôn kính các bức tượng thánh, mà còn càng thêm kiên định trong lòng dũng cảm, công khai khuyên nhủ mọi người hãy giữ vững đức tin Chính Thống và dành sự tôn kính xứng đáng cho các bức tượng thánh. Lúc bấy giờ, nhà vua, sau khi nhận ra rằng không thể dùng lời ngọt ngào hay đe dọa nào để ngăn cản sự dũng cảm và lòng nhiệt thành của Thánh Theodor, đã kết án ngài phải chịu lưu đày. Còn vị thánh, sau khi gọi tất cả các môn đệ đến bên mình và truyền dạy cho họ những lời răn dạy có ích cho linh hồn, đã nói:

– Hỡi các anh em! Giờ đây, mỗi người hãy tự cứu rỗi linh hồn mình theo cách riêng, vì đây là thời kỳ đầy gian nan.

Sau đó, trong nỗi buồn bã và nước mắt, ngài rời xa các anh em đang khóc than tiễn biệt, lên thuyền và bị đưa đến Apollonia, rồi bị giam trong ngục tối tại pháo đài có tên là Metopa[7688] . Nhưng ngay cả ở đó, ngài vẫn tiếp tục giảng dạy đức tin cho mọi người: với một số người thì trò chuyện trực tiếp, với những người khác thì gửi thư. Những lá thư của ngài đã đến tận tay nhà vua. Nhà vua lại sai một người tên là Nikita, con trai của Alekseev, với lệnh đưa vị thánh đến một nơi xa xôi hơn, được gọi là Vonita[7689] và, sau khi giam ngài trong ngục ở đó, phải giám sát chặt chẽ để ngài không bao giờ nói chuyện với ai và không viết bất cứ điều gì liên quan đến việc tôn kính các bức tượng thánh. Nikita, khi đến gặp vị thánh, đã báo cho ngài biết ý chỉ của hoàng đế. Vị thánh đáp lại:

– Tôi vui lòng chấp nhận việc chuyển từ nơi này sang nơi khác, vì tôi không có nơi cư ngụ thực sự trong cuộc đời này, nhưng nơi nào tôi được đưa đến, đó chính là nơi của tôi, bởi vì khắp mọi nơi đều là đất của Chúa. Còn việc im lặng và không giảng dạy về đức tin Chính Thống, tôi không thể làm được, và tôi sẽ không tuân theo các ngài trong việc đó, cũng như không sợ hãi trước những lời đe dọa của các ngài.

Và thế là vị thánh, sau khi bị đưa đến nơi đã nói và bị giam trong ngục tối, vẫn nhiệt thành tuyên xưng Đức tin Chính thống ngay tại đó. Nhà vua, khi biết rằng Thánh Theodor không tuân theo ý muốn của mình trong bất cứ điều gì, đã nổi cơn thịnh nộ dữ dội và sai chính Nikita đến với mệnh lệnh phải tra tấn vị thánh một cách tàn bạo. Nikita đến nơi, đã thông báo cho vị thánh về mệnh lệnh của nhà vua; còn vị thánh, ngay sau khi nghe tin đó, bắt đầu cởi bỏ quần áo và nói: "Từ lâu tôi đã mong muốn chịu khổ vì các bức tượng thánh", rồi phó thác thân xác mình cho sự tra tấn. Nikita, là một người có lòng trắc ẩn, khi nhìn thấy thân thể trần trụi của ngài, đã tiều tụy vì ăn chay và những việc tu hành không ngừng nghỉ, lòng ông bỗng trào dâng cảm xúc và không dám chạm vào ngài, vì ông kính sợ Đức Chúa Trời, nên đã ra về mà không gây ra bất kỳ điều ác nào cho vị thánh. Còn vị thánh này thì tiếp tục truyền bá giáo lý Chính Thống Giáo khắp nơi, bởi vì ngay cả lính canh cũng kính sợ ngài và không thể cản trở ngài, dù họ đã được ra lệnh dưới sự đe dọa phải ngăn cản Theodoros giảng dạy cho bất kỳ ai về Chính Thống Giáo. – Ông cũng viết thư cho các môn đệ của mình, những người đang rải rác khắp các quốc gia khác nhau; ông đặc biệt

---

[7686] Thánh Tổng Giám mục Nikiforos, Người Chứng Đạo, đã bị lưu đày vào ngày 1 tháng 3 đến đảo Prokonis (nay là Marmara trên Biển Đá Cẩm Thạch); thay thế ngài trên ngai Tổng Giám mục là một quan chức triều đình tên là Theodotos, người chống lại việc thờ phượng các hình ảnh thánh.

[7687] Bài thánh ca dành cho Hình ảnh Đấng Cứu Thế không do tay người tạo ra.

[7688] Apollonia – là tên gọi thường gặp của các thành phố cổ đại. Ở đây, tất nhiên, đề cập đến thành phố cổ ở Illyria, được biết đến như một trong những trung tâm giáo dục La Mã nổi bật. *Metopa* – là pháo đài của Apollonia.

[7689] Vonita, hay Bonita – ở Anatolia, hay còn gọi là Tiểu Á.

quan tâm đến họ, khuyên bảo họ hãy can đảm giữ vững sự tuyên xưng đức tin chân chính, dù có phải chịu đau khổ tàn bạo vô số lần đi chăng nữa. Ngài nhắc nhở họ rằng những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì so với vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng ta ở đời sau, vinh quang mà tất cả các vị tử đạo chân chính của Chúa Kitô sẽ nhận được.[7690] Ngài cũng viết thư cho các vị Thượng phụ thánh thiện: Thượng phụ của Rôma cổ đại[7691] , Thượng phụ Giêrusalem[7692] và Thượng phụ Alexandria[7693] , thông báo chi tiết cho họ về việc các thánh tượng đã bị xúc phạm như thế nào tại Byzantium, các tín hữu Chính Thống Giáo đang bị giam cầm trong ngục tù, và lẽ thật đã bị hy sinh cho sự dối trá. Và ngài đã cầu xin họ giúp đỡ cho đức tin Chính Thống. Nhiều người đã đến thăm vị tu sĩ đang bị giam cầm để lắng nghe những lời giảng dạy ngọt ngào của ngài và trở về với nhiều lợi ích cho bản thân.

Một lần nọ, một giáo sĩ thuộc Giáo hội Á Châu[7694] đi ngang qua đã ghé thăm vị thánh. Người này, sau khi nghe lời giảng dạy của ngài về đức tin Chính Thống, đã ngay lập tức từ bỏ tà thuyết chống thánh tượng và cúi đầu thờ lạy các thánh tượng. Khi trở về nhà, ông không muốn có bất kỳ mối quan hệ nào với vị giám mục của mình – một kẻ dị giáo. Ông đã khuyên nhủ một linh mục khác, người bạn của mình, dẫn dắt người ấy trở lại Chính Thống Giáo và ngăn cản người ấy giao du với những kẻ dị giáo. Vị giám mục, khi biết rằng Theodorus là người gây ra sự thay đổi nói trên ở các linh mục của mình, đã báo cáo điều này trong một lá thư gửi cho hoàng đế, đồng thời than phiền về Theodorus. Hoàng đế lại ra lệnh cho tướng quân vùng Asia trừng phạt Theodorus bằng những trận đòn tàn bạo nhất. Tướng quân đã cử một thuộc hạ của mình đến, với lệnh phải đánh Theodor năm mươi roi. Khi người này đến gặp Theodor và thông báo cho vị thánh về lý do mình đến, Theodor liền cởi thắt lưng và áo quần, tự nguyện đưa vai ra để chịu đòn và nói:

– Đối với tôi, thật là khao khát được cởi bỏ cả thân xác cùng với những vết thương này, để sớm được đến với Chúa với linh hồn trần trụi.

Người đó, cảm thấy xấu hổ trước vị thánh, đã cúi đầu trước ngài, xin lỗi, rồi ra đi.

Sau đó, một sứ giả khác của nhà vua tên là Anastasius đến, người này rất tàn nhẫn và vô tình. Hắn đã tự tay đánh vị thánh và giáng xuống ngài tới một trăm đòn, rồi nhốt ngài vào ngục tối. Hắn cũng đối xử tương tự với môn đệ của ngài, tên là Nikolai, người luôn theo sát vị thầy của mình và cùng chia sẻ những đau khổ với ngài; sau khi đánh đập Nikolai, Anastasius cũng nhốt anh ta cùng với Theodor, đồng thời ra lệnh cho lính canh phải giam giữ họ trong điều kiện khắc nghiệt nhất – rồi bỏ đi. Không thể diễn tả bằng lời nỗi đau khổ mà vị thánh đã phải chịu đựng trong ngục tối u ám ấy. Thân xác ngài, kiệt quệ vì nhịn ăn và những việc tu hành khắc khổ, bắt đầu thối rữa và bốc mùi hôi thối. Hơn nữa, chính căn ngục ấy cũng ngập tràn chất bẩn và bụi bặm.

Suốt mùa đông, vị tu sĩ phải chịu rét buốt trong đó vì không có cả bộ quần áo cần thiết, mà chỉ có một bộ áo rách rưới. Còn vào mùa hè, ngài lại kiệt sức vì cái nóng oi bức, bởi gió không lọt vào ngục tối từ đâu cả và không làm mát được nơi đó. Hơn nữa, trong ngục tối còn có vô số côn trùng và loài bò sát bẩn thỉu. Hơn nữa, lính canh, sau khi nhận lệnh kèm theo lời đe dọa, đã đối xử với ngài một cách tàn nhẫn và vô nhân đạo. Họ sỉ nhục và trách mắng ngài, gọi ngài là kẻ điên và kẻ thù của nhà vua. Qua ô cửa sổ, họ chỉ ném cho Thánh Theodor và đệ tử của ngài một miếng bánh mì nhỏ và đưa cho một ít nước, và điều đó cũng không phải lúc nào cũng có, mà chỉ cách ngày hoặc cách hai ngày, đôi khi phải sau nhiều ngày – và như vậy, họ để cho hai người chết đói và khát. Và Thánh Theodor nói với đệ tử của ngài:

– Con ơi! Ta thấy rằng những người này không chỉ muốn giết chết chúng ta bằng những trận đòn roi và nhà tù khắc nghiệt này, mà còn bằng đói khát nữa. Nhưng chúng ta hãy đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, Đấng không chỉ nuôi dưỡng chúng ta bằng bánh mì, mà còn bằng những thức ăn tốt lành hơn, Đấng mà mọi sự sống đều tồn tại nhờ sự chỉ dẫn của Ngài. Còn đối với con, từ nay trở đi, việc rước Mình Thánh Chúa sẽ là thức ăn cho cả thân xác lẫn linh hồn con.

(Vị Thánh nhân luôn mang theo bên mình một mảnh Thân Thể Ban Sự Sống, thấm đẫm máu của Chúa Kitô, mà ngài đã cất giữ khi cử hành Bí tích Thánh Thể – mỗi khi có thể.) "Chỉ bằng điều này thôi," ngài nói, "xin cho con được rước lễ, không nếm bất cứ thứ gì khác. Còn bánh được dâng cho cả hai chúng ta – xin dành riêng cho anh, cũng như nước vậy. Chính anh cũng thấy rằng họ dâng cho chúng ta rất ít bánh, chỉ vừa đủ cho một mình anh

---

[7690] Tức là những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì so với vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng ta ở đời sau.

[7691] Thánh Paschalius, từng là Giáo hoàng La Mã từ năm 817 đến 824.

[7692] Thượng phụ Giê-ru-sa-lem Phô-ma I (qua đời sau năm 820).

[7693] Thượng phụ Alexandria Christopher (805–836).

[7694] Khi nói đến "Asia", người ta ám chỉ Tiểu Á, hay chính xác hơn là phần phía tây của nó.

để nuôi dưỡng thân xác; tốt hơn là anh hãy sống sót và báo tin cho anh em về sự ra đi của tôi, nếu đó là ý muốn của Đức Chúa Trời, để tôi qua đời trong nơi chật hẹp và thiếu thốn này."

Sau một thời gian, Đấng *"mở tay ra và làm no nê mọi loài sống theo ý muốn của Ngài"* (Thánh Vịnh 144:16), đã không bỏ mặc người tôi tớ trung thành của Ngài, người đang chết dần vì cơn đói khủng khiếp, mà đã quan phòng cho ông theo cách này. Một quan đại thần của nhà vua, khi đi ngang qua nhà tù đó, đã tìm hiểu rõ mọi chuyện về vị thánh, về những sự ngược đãi và đói khát mà ngài đang phải chịu đựng. Chúa đã lay động lòng thương xót của vị quan đại thần ấy, và ông ra lệnh cho các lính canh phải cung cấp đủ thức ăn cho Thánh Theodor và môn đệ của ngài, đồng thời không được gây hại hay áp bức họ nữa, mà phải để họ sống một cách thoải mái hơn. Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, họ đã phần nào được giải thoát khỏi những nỗi đau khổ nêu trên và cơ thể họ cũng trở nên khỏe mạnh hơn. Tuy nhiên, ngay cả sau đó, vị thánh cha vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều thử thách, vì ngài bị bệnh dạ dày và mắc phải căn bệnh nặng. Như vậy, các vị thánh trung thành của Chúa Kitô đã sống trong ngục tối hơn ba năm, nhận bánh mì kém chất lượng từ các lính canh, và thậm chí còn kèm theo những lời trách móc và chửi rủa. Tuy nhiên, họ vẫn vui vẻ chịu đựng tất cả những điều này vì đức tin Chính Thống.

Chưa kịp hồi phục sau những nỗi đau khổ và bệnh tật, họ lại phải đối mặt với những nỗi đau khổ mới, còn nặng nề hơn. Không rõ từ đâu, một bức thư của Thánh Phê-ô-đô-rô đã lọt vào tay nhà vua, trong đó nêu rõ sự lên án sự vô đạo đức của nhà vua và những lời khuyên nhủ các tín hữu về sự đạo đức và Chính Thống Giáo. Sau khi đọc bức thư này, nhà vua bừng bừng cơn thịnh nộ dữ dội và đã cử một quan tổng trấn tàn nhẫn đến gặp Thánh Theodor – để cho ông ta xem bức thư đó, hỏi xem liệu nó có phải do ông viết hay không, và đánh đập ông cho đến hơi thở cuối cùng. Vị quan quân đến nơi, đưa bức thư cho vị thánh, và ngài quả thực đã xác nhận rằng bức thư này là của ngài, chứ không phải của ai khác. Lúc đó, vị quan quân lập tức ra lệnh đánh đập trước hết là môn đệ của ngài là Nikolai, bắt anh ta nằm trần truồng trên mặt đất, vì anh ta đã viết bức thư này thay mặt cho Thánh Theodor. Sau đó, sau khi lột trần cả vị thánh Theodorus, viên quan tỉnh trưởng đã đánh đập ngài không thương tiếc, làm đầy thân thể ngài đầy vết thương và suýt nữa thì nghiền nát cả xương cốt. Để ngài lại trong tình trạng thoi thóp, viên quan tỉnh trưởng lại đến gặp đệ tử của ngài là Nicholas, lúc thì dỗ dành, lúc thì đe dọa, nhằm ép anh ta từ chối cúi lạy các thánh tượng. Và vì anh ta vẫn trung thành với Chính Thống Giáo, tên quan lại lại đánh anh ta dữ dội hơn trước và bỏ mặc anh ta trần truồng trong giá lạnh suốt đêm, để anh ta phải chịu đựng gấp đôi nỗi đau khổ, vì lúc đó đang là tháng Hai. Còn Thánh Theodorus, vì những trận đòn tàn bạo, đã lâm vào cơn bệnh khó chịu đựng, nằm bất động như người chết, hầu như không thở nổi, không ăn uống gì cả. Nikolai, khi thấy vị thầy của mình kiệt sức đến vậy, đã quên đi bản thân mình, dù chính anh cũng đang phải chịu đựng những cơn đau đớn khủng khiếp do vết thương gây ra, và anh đã chăm sóc để Thánh Theodor hồi phục. Sau khi xin được một ít nước lúa mạch, anh dùng nó để làm ẩm lưỡi khô khốc của vị tu sĩ và, bằng cách cho uống từng chút một, đã giúp ông hồi sinh. Thấy vị tu sĩ dần dần lấy lại sức sống, anh bắt đầu chữa trị phần còn lại của cơ thể đang bị thối rữa. Nhiều bộ phận trên cơ thể ngài, đã chuyển sang màu xanh, thối rữa và treo lủng lẳng không còn dùng được nữa, ông đã cắt bỏ bằng một con dao nhỏ và vứt đi, để phần thịt còn lại có thể lành lại tốt hơn. Khi vị tu sĩ bắt đầu hồi phục dần, ông cũng chữa trị cho đệ tử của mình.

Trong khi các thánh nhân phải chịu đựng những đau khổ như vậy suốt chín mươi ngày và vẫn chưa hoàn toàn bình phục vết thương, thì từ phía nhà vua lại cử đến một sứ giả khác, người có tính cách khắc nghiệt và vô nhân đạo, được lệnh đưa Theodore và môn đệ của ông là Nicholas đến Smyrna[7695] . Sứ giả này ham tiền bạc, và vì nghi ngờ rằng Thánh Theodorus đã nhận vàng từ những người đến tìm ông để được giảng dạy, nên đã ra lệnh lục soát tất cả các khe hở trong ngục tối, đập vỡ tường và đào đất ra, với hy vọng tìm thấy vàng. Nhưng khi không tìm thấy gì, ông ta đã thi hành mệnh lệnh của nhà vua với sự tàn bạo đặc biệt. Sau khi lôi vị Thánh và môn đệ của ngài ra khỏi ngục bằng những lời lăng mạ và những cú xô đẩy, ông ta giao họ cho binh lính, và họ đã bị dẫn đi như vậy đến Smyrna. Còn vị Thánh, dù sức lực thể xác đã suy yếu, nhưng được Thiên Chúa củng cố, vẫn bước đi cùng những người lính tàn nhẫn; suốt cả ngày, họ lôi kéo ngài không ngừng nghỉ, còn ban đêm thì trói chân ngài vào cây. Như vậy, ngài đã phải trải qua bao gian nan vất vả mới lết được đến Smyrna, nơi ngài bị giao cho một kẻ độc ác và là kẻ ủng hộ sự gian ác. Kẻ này đã nhốt Theodoros vào một túp lều thấp và tối tăm. Cùng với ngài, họ cũng nhốt cả môn đệ của ngài là Nicholas, và như vậy, những tôi tớ đáng kính của Chúa Kitô đã cùng nhau chịu đau khổ.

[7695] Đó là vào năm 819. Smyrna – một thành phố thương mại cổ kính và nổi tiếng trên bờ tây của Tiểu Á; hiện nay là một trong những thành phố thịnh vượng nhất của Tiểu Á, với dân số hơn 120.000 người.

Chẳng bao lâu sau, Anastasius – kẻ tàn nhẫn đã được nhắc đến trước đó – lại được nhà vua cử đến; hắn một lần nữa giáng xuống vị thánh nhân một trăm đòn roi rồi rời đi; còn vị thánh nhân thì chịu đựng tất cả những điều đó với lòng biết ơn.

Vào thời điểm đó, tại vùng Smyrna, người đứng đầu quân đội là cháu trai của nhà vua và cũng là người cùng chí hướng, người này đã mắc phải một căn bệnh tàn khốc không thể chữa khỏi và đang ở những giây phút cuối cùng của cuộc đời. Một trong những người hầu của ông, người theo giáo lý Chính Thống, đã đến bên người bệnh và nói với ông rằng vị thánh Theodor được Thiên Chúa ban ân sủng để chữa lành mọi bệnh tật. Người đó lập tức cử những người hầu của mình đến gặp vị thánh, xin ngài cầu nguyện với Thiên Chúa cho ông và giải thoát ông khỏi cái chết đang cận kề. Vị thánh trả lời những người được cử đến:

– Hãy nói với người đã sai các ngươi đi rằng – Thánh Theodor nói như thế này: – Hãy nhớ rằng ngươi sẽ phải trả lời trước mặt Đức Chúa Trời vào ngày ngươi chết về cuộc đời bất chính của ngươi và về những điều ác mà ngươi đã gây ra cho những người theo đạo chính thống. Ngoài vô số tội ác khác của ngươi, ngươi còn khiến các tu sĩ của ta phải chịu biết bao tai ương khôn lường và đã giết chết Thánh Phaddeus – người vĩ đại về đức hạnh – trong đau đớn tột cùng. Giờ đây, ngài đang hân hoan cùng các thánh; còn ngươi, ai sẽ cứu ngươi khỏi những cực hình vĩnh cửu? Ít nhất là khi lâm chung – hãy ăn năn về những tội ác của ngươi.

Những sứ giả trở về đã truyền đạt lại toàn bộ lời của Thánh Phê-ô-đô-rô cho vị tướng đang ốm nặng. Vị tướng này vô cùng kinh hãi khi suy ngẫm về những tội ác mình đã gây ra, và lại cử các sứ giả đến gặp vị thánh, xin tha thứ và hứa sẽ theo đạo Chính Thống nếu ngài cầu nguyện giúp ông khỏi bệnh. Vị thánh nhân đã gửi cho vị tướng quân bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, ra lệnh cho ông phải giữ nó bên mình với lòng kính trọng suốt cả cuộc đời. Vị tướng quân, sau khi nhận bức tượng thánh đó, đã cảm thấy bớt đau đớn và bắt đầu hồi phục. Nhưng chẳng bao lâu sau, dưới ảnh hưởng của vị giám mục Smyrna – người từng là kẻ dị giáo – ông ta lại quay trở lại với tà tín cũ của mình. Nhận được dầu thánh từ vị giám mục đó, như thể là lời chúc phúc cho bản thân, ông ta đã xức dầu lên người, với hy vọng sẽ khỏi bệnh hoàn toàn. Nhưng sau đó, căn bệnh cũ lại tái phát. Biết được điều này, vị thánh đã tiên đoán một cái chết thảm khốc cho kẻ tội lỗi, và điều đó đã trở thành sự thật – vì hắn ta chẳng bao lâu sau đã chết một cách đau đớn. Còn vị thánh Theodor, trong khi chịu khổ trong sự ẩn dật, đã phải chịu cảnh giam cầm tại Smyrna trong vòng một năm rưỡi. Sau đó, vị hoàng đế độc ác Lê-vê người Armenia đã bị tước đoạt mạng sống một cách bạo lực, khi bị chính các binh sĩ của mình giết chết; và sau ông, ngai vàng hoàng gia được trao cho Mi-khail, biệt danh là Travli, hay còn gọi là Valvos[7696] . Vị hoàng đế này, dù là người vô đạo, nhưng không đàn áp những người Chính Thống Giáo, mà cho phép mỗi người được tin theo ý muốn của mình. Vì vậy, dưới triều đại của ông, tất cả các vị cha và các vị chứng nhân của Chính Thống Giáo đều được giải thoát khỏi cảnh giam cầm, được thả ra khỏi ngục tối và trở về từ nơi lưu đày. Lúc bấy giờ, Thánh Phê-ô-đô-rô cũng được giảm bớt những đau khổ của mình. Và một số môn đệ cũ của ngài đã đến gặp ngài, trong số đó có Dorotheus – người từ thuở thiếu thời đã nổi bật về đức hạnh –, tiếp theo là Vissarion, Jacob, Dometian, Timothy và nhiều người khác, những người đã nổi bật nhờ đời sống đạo đức và tình yêu nồng nhiệt, bất diệt dành cho vị cha thiêng liêng của họ là Thánh Theodore. Từ hoàng đế, một sắc lệnh đã được gửi đến Smyrna, ra lệnh rằng Thánh Theodor, cũng như những người khác, được phép trở về tu viện của mình.

Khi vị thánh hạnh phúc trở về từ nơi lưu đày, các tín hữu Chính Thống Giáo khắp nơi đã ra đón ngài với niềm vui sướng, báo tin cho nhau và cố gắng đón tiếp ngài vào nhà mình, để được hưởng ân sủng từ những lời cầu nguyện và phước lành của ngài, cũng như được thưởng thức những lời giảng dạy ngọt ngào của ngài. Toàn thể Giáo hội hân hoan trước sự trở về của Thánh Theodor, và mọi người đều tôn vinh ngài như một vị đã chịu nhiều đau khổ vì các thánh tượng và nhờ giáo lý của mình đã củng cố đức tin Chính Thống cho mọi người. Trên đường trở về, vị thánh đáng kính đã ghé qua Chalcedon[7697] để gặp gỡ vị tu sĩ đáng kính Theoktist, người từng được phong chức Magister[7698] , và sau khi được an ủi qua cuộc trò chuyện tâm linh với ngài, ngài đã lên đường đến thăm người đồng cảm của mình, Đức Thượng phụ Nikiforos, người đã bị vị vua độc ác Leo người Armenia đày ải. Sau khi tận

[7696] Michael II Traulios hay Valvos, tức là "người nói tiếng Hy Lạp", trị vì từ năm 820 đến 829.

[7697] Chalkidon – thành phố chính của Bithynia, nằm trên bờ tây bắc Tiểu Á, ở đầu phía nam eo biển Constantinople, đối diện với Constantinople. Chalkidon nổi tiếng trong lịch sử Giáo hội vì là nơi diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ IV (năm 451).

[7698] Tên gọi "magistratus" tại triều đình Hoàng đế Byzantine chỉ một trong những chức vụ cao cấp nhất trong triều đình, đi kèm với tước vị cao hơn cả tước "patrician".

hưởng cuộc trò chuyện thiêng liêng với ngài, vị tu sĩ đáng kính đã lui về vùng đất của Kriskenti[7699] và mang lại niềm vui cho nhiều người bằng sự hiện diện của mình, đồng thời ban cho họ những lời dạy dỗ cứu rỗi linh hồn. Sau khi trở về từ đó lần thứ hai gặp Đức Thượng phụ, ngài cùng ngài và các giám mục khác đã đến gặp vị vua và khuyên nhủ ông ta chấp nhận Chính Thống Giáo. Nhưng vị vua ấy, vì thiếu khôn ngoan và chưa được dạy dỗ về Lời Chúa, đã không lắng nghe những lời của các vị thánh phụ và chỉ nói với họ như sau:

– Ta không cấm các ngươi làm điều các ngươi muốn; chỉ là ta không cho phép đặt các bức tượng thánh trong kinh đô, nhưng ở nơi khác thì ai muốn đặt ở đâu cũng được; còn ta thì không muốn thờ lạy các bức tượng thánh.

Khi ông ta thốt ra những lời điên rồ đó, các vị thánh phụ đã rời khỏi Byzantium. Thánh Theodor cùng các môn đệ của mình đã định cư tại vùng đất của Kriskentius. Một thời gian sau, trong cuộc chiến do một người tên là Thôma khơi mào, kẻ muốn chiếm đoạt quyền lực hoàng gia, vị thánh đã phải cùng các tu sĩ trở lại Constantinopolis[7700] . Khi chiến tranh kết thúc, vị thánh, không muốn sống giữa dân chúng bị nhiễm tà thuyết chống thánh tượng, lại rời khỏi đó. Rời khỏi Constantinople, ngài không đến vùng đất của Kriskenti, mà định cư tại Akritov Khersones[7701] , nơi có nhà thờ thánh Trifon, và tại đây, cùng với các môn đệ, ngài đã sống một đời tu hành thánh thiện, dâng hiến cho Chúa. Sau một thời gian ngắn sống cuộc đời như vậy cùng với những người bạn thân yêu của mình, vị thánh đã đến gần giờ lâm chung, khi ngài đã sáu mươi bảy tuổi. Trước khi qua đời, vào tháng Mười Một, ngài mắc phải một căn bệnh nặng và bị đau dạ dày khủng khiếp. Tin tức về việc Thánh Theodor bị bệnh và sắp qua đời đã lan truyền khắp nơi. Lúc bấy giờ, vô số tín hữu Kitô giáo đạo đức đã đổ về bên ngài, họ đến từ cả kinh thành lẫn các làng mạc lân cận, hoặc để lắng nghe vị thánh nhân trò chuyện và thưởng thức những lời cuối cùng của ngài, hoặc ít nhất là được nhìn ngắm ngài – người đang trên đường về với Thiên Chúa. Người ta coi việc được đến gần ngài đã là một ân huệ lớn lao: bởi vị thánh nhân kỳ diệu này có lời nói ngọt ngào, trí tuệ siêu việt và được trang bị đầy đủ mọi đức tính cao quý. Khi vị thánh nhân nằm trên giường và kiệt sức vì căn bệnh cận kề cái chết, ngài vẫn cố gắng, trong phạm vi có thể, trò chuyện với các môn đệ về những điều có ích cho tâm hồn. Nhưng người ta chỉ có thể nghe được rất ít lời của ngài, vì lưỡi ngài khô khốc do cơn sốt dữ dội. Vì vậy, một trong những người chép nhanh, ngồi gần đó và lắng nghe, đã ghi chép lại những lời của ngài, để tất cả những ai muốn biết đều có thể đọc được những lời dạy dỗ của vị thánh, nhằm lợi ích cho tâm hồn mình. Trong lúc trò chuyện, ngài cảm thấy nhẹ nhõm hơn, đến nỗi ngài thậm chí còn đứng dậy và bắt đầu đi lại. Vào ngày Chủ nhật, khi đến nhà thờ, ngài cử hành Thánh lễ, giảng dạy cho các tu sĩ và cùng họ dùng bữa. Tương tự như vậy, vào sáng ngày 6 tháng 11 – ngày kỷ niệm Thánh Phaolô, vị Thánh Tông Đồ của chúng ta – ngài đã cử hành Thánh Lễ trong nhà thờ, giảng dạy cho các tu sĩ và tham dự Thánh Lễ chiều cùng ngày; sau đó, khi trở về phòng, ngài nằm xuống giường và lại bị ốm nặng. Ngài ốm suốt bốn ngày, và đến ngày thứ năm – bệnh tật của ngài chấm dứt – còn cuộc sống thanh thản thì bắt đầu. Khi vị Thánh Cha sắp ra đi, rất nhiều anh em đã tụ tập quanh ngài, và họ khóc thương ngài như khóc thương cha và thầy của mình. Nhìn họ, ngài cũng rưng rưng nước mắt và nói:

– Các cha và anh em thân mến! Giờ đây, cuộc đời tôi đã đến hồi kết thúc. Tất cả chúng ta đều phải uống chung chén này: người thì sớm, người thì muộn, nhưng không ai có thể tránh khỏi giờ phút ấy. Và giờ đây, tôi ra đi theo con đường mà các bậc tiền bối của chúng ta đã đi, đến nơi có sự sống vĩnh cửu, và hơn hết, đến nơi có Chúa và Thiên Chúa, Đấng mà linh hồn tôi đã yêu mến. Tôi đã khao khát Ngài từ tận đáy lòng, tôi đã tự xưng là tôi tớ của Ngài, dù chưa hoàn thành trọn vẹn sự phục vụ dành cho Ngài. Còn các anh em của tôi và những đứa con yêu dấu, hãy luôn trung thành với những lời dạy mà tôi đã truyền lại cho các con, giữ vững đức tin chân chính và lối sống đạo đức. Các con biết rằng tôi không ngừng rao giảng Lời Chúa cho các con, cả khi riêng tư lẫn trong các buổi họp chung. Nay tôi tha thiết khẩn cầu các con: hãy ghi nhớ và giữ gìn Lời ấy trong tâm trí, vì tôi lo lắng cho các con, như người muốn trình bày về các con trước mặt Chúa. Vì vậy, các con cũng hãy lo lắng để được ra đi khỏi nơi đây một cách vô tì vết. Còn tôi, nếu được Chúa ban cho sự can đảm, tôi hứa sẽ cầu nguyện cho các con, để tu viện của

---

[7699] Khu vực này nằm không xa Constantinopolis.

[7700] Vào tháng 12 năm 821, kẻ tự xưng là Thô-ma, người tự xưng là con trai của Hoàng đế Constantine VI và đã tự xưng là hoàng đế tại Tiểu Á ngay từ cuối triều đại của Lê-ô người Armenia, đã tiến quân đến Constantinopolis. Lo ngại rằng các tín đồ Chính thống giáo có thể chuyển sang phe mình, Michael Lưỡi Cứng đã hứa sẽ triệu tập một công đồng để hòa giải họ với những kẻ đàn áp các thánh tượng. Nhân dịp này, Theodore Studites cũng đã đến Constantinople. Tuy nhiên, hội đồng không diễn ra vì kẻ tự xưng đã bị chính các đồng phạm của mình giết chết, và nguy cơ đối với hoàng đế đã qua đi.

[7701] Akrit – một mũi đất ở Bithynia, gần Nicomedia, đối diện với Constantinople.

các con luôn ở trong tình trạng tốt nhất và để mỗi người trong các con, nhờ ơn Chúa, ngày càng tiến bộ hơn trong các đức tính.

Nói xong những lời ấy và chào tạm biệt mọi người, ngài ra lệnh cho các đệ tử cầm nến lên và bắt đầu nghi thức tiễn đưa. Các đệ tử đứng thành vòng quanh giường, hát lên: *"Phúc cho những ai sống ngay thẳng trên con đường, tuân theo luật pháp của Chúa"* (Thánh vịnh 118:1). Và khi đang hát, họ cất lên những lời này: *"Con sẽ không bao giờ quên các mệnh lệnh của Ngài, vì nhờ chúng mà Ngài ban sự sống cho con"* (Thi Thiên 118:93), Thánh Theodor cùng với những lời ấy đã dâng linh hồn thánh thiện của mình lên Thiên Chúa. Sau khi đón nhận linh hồn ấy, các Thiên thần của Thiên Chúa đã rước nó đến Ngai Tòa Tối Cao, như điều này đã được chứng thực rõ ràng qua lời chứng đáng tin cậy của Thánh Hilarion Dalmatian (†845).

Vào chính ngày Thánh Theodor qua đời, tức ngày 11 tháng 11, ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Mina, Thánh Hilarion đang đi dạo trong vườn nho và làm việc trong khi hát các Thánh vịnh của Đa-vít. Bỗng nhiên, ngài nghe thấy những tiếng hát kỳ diệu và ngửi thấy một mùi hương không thể diễn tả được. Ngài ngạc nhiên và dừng lại, tìm kiếm xem tiếng động ấy phát ra từ đâu. Nhìn lên bầu trời, ngài thấy vô số hàng ngũ Thiên thần, mặc áo trắng, khuôn mặt rạng ngời, đang từ trời cao bước xuống với những bài thánh ca để đón một nhân vật đáng kính nào đó. Thấy cảnh ấy, Thánh Hilarion hoảng sợ tột độ, ngã quỵ xuống đất và nghe thấy có ai đó nói với ngài:

– Đây là linh hồn của Thánh Phê-ô-đô-rô, vị tu viện trưởng Tu viện Studion, người đã chịu nhiều đau khổ vì các thánh tượng và vẫn kiên định đến cùng trong những gian nan; giờ đây, linh hồn của người đã qua đời đang hân hoan thăng thiên, được các thiên thần trên trời đón rước.

Thánh Ilarion đã kể lại thị kiến này cho các vị cha đáng kính khác. Họ ghi chép lại ngày và giờ của thị kiến đó, và sau một thời gian, họ biết được rằng chính vào thời điểm đó, vị thánh đáng kính Theodoros của Studion đã qua đời và được rước lên trời.

Thánh Phê-ô-đô-rơ, vị cha đáng kính của chúng ta, đã thực hiện nhiều phép lạ cả khi còn sống lẫn sau khi qua đời; chúng ta sẽ kể lại một số trong số đó ở đây, vì lợi ích cho tâm hồn.

Có một người chủ nhà trọ tên là Lê-ôn đã cho Thánh Phê-ô-đô-rơ nghỉ ngơi tại nhà mình vào thời điểm ngài trở về từ nơi bị lưu đày. Sau đó, người chủ nhà trọ Lê-ôn này đã tìm được một cô dâu cho con trai mình. Và khi lễ cưới đang được chuẩn bị, cô dâu bỗng dưng mắc phải một căn bệnh nặng và nằm liệt giường, bị sốt cao đến mức mọi người đều tuyệt vọng về tính mạng của cô.

Còn Léon thì sai người đến gặp vị tu sĩ, kể lại sự việc đã xảy ra và khẩn cầu ngài giúp đỡ họ bằng những lời cầu nguyện. Sau khi làm phép dầu, vị tu sĩ gửi người đó đến gặp Léon, truyền lệnh dùng dầu này xức cho người bệnh. Khi việc đó được thực hiện, cô dâu lập tức đứng dậy khỏe mạnh, như thể trước đây chưa từng bị bệnh vậy. Chính Leon ấy, có lần vì việc gấp phải một mình đi đến một ngôi làng xa xôi, đã gặp trên đường một con báo, con vật này, khi nhìn thấy Leon, đã lao vào ông với ý định xé xác ông. Leon đã lớn tiếng kêu tên vị thánh phụ Theodor, và ngay lập tức – con thú, khi nghe thấy tên vị thánh, đã dừng lại và cúi đầu xuống đất, rẽ khỏi đường và bỏ chạy. Còn Leon, không bị con thú làm hại, tiếp tục hành trình của mình.

Một người phụ nữ bị quỷ ám đã được đưa đến gặp vị tu sĩ. Tinh thần quỷ ám trong cô ta hung dữ đến mức chính cô ta, không cảm thấy đau đớn, đã cắn xé và ăn thịt chính mình. Thấy nỗi khổ đau ấy của cô, vị thánh nhân động lòng thương xót, dùng tay làm dấu thánh giá trên đầu cô và đọc lời cầu nguyện trừ tà; ngay lập tức, linh hồn ô uế rời khỏi cô và, bị xua đuổi bởi lời cầu nguyện của vị thánh nhân, nhanh chóng biến mất.

Một người phụ nữ khác thuộc dòng dõi quý tộc đã kể lại cho vị tu viện trưởng thánh thiện Sofronius[7702] điều sau đây, sau khi vị thánh Theodor qua đời. "Có lần," cô kể, "đã xảy ra một vụ hỏa hoạn tại nhà tôi. Lửa bao trùm ngôi nhà từ mọi phía, thiêu rụi tất cả những gì bên trong với tiếng ồn ào, và chúng tôi không thể dập tắt ngọn lửa bằng nước hay bất kỳ cách nào khác, nên không biết phải làm sao. Lúc đó, tôi nhớ ra lá thư của Thánh Phê-ô-đô-rô mà tôi đang giữ, lá thư mà ngài đã viết cho tôi không lâu trước đó. Tôi nảy ra ý nghĩ ném lá thư đó vào lửa, tự hỏi liệu ngọn lửa có chút nào e ngại trước những dòng chữ do chính tay thánh Theodor viết ra không, và liệu nó có thể làm dịu bớt ngọn lửa dù chỉ một chút nào không. Làm theo đúng những gì mình đã nghĩ, tôi ném lá thư ấy vào ngọn lửa và nói: "Thánh Theodor, xin hãy giúp con, người tôi tớ của Ngài, đang lâm vào hoạn nạn!" Và ngay lúc đó , chúng tôi nhận thấy sức mạnh dữ dội của ngọn lửa đã suy yếu, tắt lịm và tan biến trong làn khói." Lời cầu khẩn danh hiệu vị thánh được Chúa yêu mến này quả thực có sức mạnh to lớn đến vậy!

[7702] Sofronius là vị tu viện trưởng của Tu viện Studion từ năm 861 đến 864.

Thánh Sofronius nói trên cũng kể lại một sự kiện tương tự khác. "Chúng tôi đang đi," ông nói, "cùng với Thánh Nicola, môn đệ và người đồng hành của Thánh Theodor vĩ đại, đến Paphlagonia[7703] . Trên đường đi, khi chiều tối buông xuống, chúng tôi dừng chân tại một cánh đồng nào đó, nơi có rất nhiều cỏ khô đã được cắt. Cũng tại đó có một số binh lính, những người đang đi trên con đường ấy, vì trời đã muộn nên cũng dừng lại tại cánh đồng đó, họ nhóm lửa và chuẩn bị bữa tối cho mình. Sau đó, vào ban đêm, ngọn lửa ấy bỗng dưng bùng lên một cách âm thầm, rồi âm thầm lan rộng và biến thành một đám cháy dữ dội, thiêu rụi toàn bộ cỏ khô. Các chiến binh, tỉnh giấc vội vã, đều xông vào chúng tôi, cho rằng chính chúng tôi đã châm lửa, và đã định bắt giữ và tra tấn chúng tôi; còn chúng tôi, không biết phải làm sao, đã kêu cầu sự giúp đỡ của Thánh Phê-ô-đô-rô vĩ đại với những lời: "Thưa Cha thánh! Xin ngài giúp chúng con và bằng những lời cầu nguyện của ngài, xin giải thoát chúng con khỏi tai họa đang ập xuống một cách oan ức này." Khi chúng tôi vừa nói xong, bỗng nhiên một cơn mưa lớn trút xuống và dập tắt hoàn toàn ngọn lửa. Các chiến binh, khi chứng kiến phép lạ đó, bỗng trở nên hiền lành và quỳ xuống trước mặt chúng tôi, xin tha thứ.

Trên đảo Sardinia[7704] có một người đàn ông đạo đức, người luôn mang theo bên mình các tác phẩm được sao chép của Thánh Phê-ô-đô-rô và chăm chỉ đọc chúng; ông cũng rất yêu thích các bài thánh ca do vị thánh cha này sáng tác, được hát trong Mùa Chay, được gọi là "triodia" hay "tripesntsy". Một số tu sĩ vô đạo, đang đi ngang qua đường, đã ghé vào nhà người đàn ông này và ở lại đó trong suốt mùa Chay. Khi nhìn thấy các bài thánh ca và những bài giảng do Thánh Theodoros soạn thảo, họ bắt đầu phỉ báng chúng, nói rằng chúng được soạn ra trái với lý trí và đầy rẫy sự điên rồ. Người đàn ông đạo đức đã cưu mang họ ấy, do bị ảnh hưởng bởi những lời nói của họ, đã sa ngã và không còn đọc những bài giảng hữu ích của vị thánh nữa, cũng không còn hát những bài "ba bài thánh ca" do vị thánh soạn ra vào buổi sáng, như ông vẫn thường làm trước đây. Khi ông đã sa ngã như vậy, một đêm nọ, vị thánh Theodor đã hiện ra trước mặt ông – với vóc dáng nhỏ bé như khi còn sống, khuôn mặt cao quý và đầu trọc. Theo sau ngài là các tu sĩ khác, tay cầm những cây gậy, mà ngài đã ra lệnh dùng để đánh người đàn ông này, người đã bị những tu sĩ vô đạo dụ dỗ. Trong lúc anh ta bị đánh, vị thánh nhân nói:

– Tại sao ngươi lại vì sự vô tín mà từ chối những tác phẩm của Ta, những điều mà trước đây ngươi từng yêu mến và tôn kính? Tại sao ngươi không suy xét rằng nếu Giáo Hội của Đức Chúa Trời không thấy lợi ích từ chúng, thì đã không chấp nhận chúng? Vì chúng không được soạn thảo bằng những lời dối trá xảo trá, cũng không dựa trên sự hoa mỹ của ngôn từ, mà trong mọi khía cạnh đều chứa đựng những lời lẽ lành mạnh và khiêm nhường, có thể làm tan nát trái tim và lay động tâm hồn. Chúng ngọt ngào và hữu ích cho những ai thực sự mong muốn được cứu rỗi.

Sau khi trừng phạt người phạm tội như vậy, Thánh Phê-ô-đô-r đã rời đi. Khi trời sáng, người đàn ông ấy nằm trên giường, ốm yếu vì những cú đánh đã nhận, với vô số vết bầm tím trên cơ thể, mà khi kể lại hình phạt đã giáng xuống mình, anh ta đã cho mọi người xem. Sau đó, anh ta vội vã đuổi những tu sĩ đã dụ dỗ mình ra khỏi nhà, coi họ là thủ phạm gây ra tội lỗi và hình phạt đó. Kể từ lúc đó, anh ta có niềm tin vào Thánh Phê-ô-đô-rô mạnh mẽ hơn bao giờ hết và với lòng yêu mến, anh ta đọc các tác phẩm và thánh ca do ngài soạn thảo, khẩn cầu ngài tha thứ cho tội lỗi trước đây của mình.

Nhiều phép chữa lành cũng được ban từ quan tài của vị thánh. Một lần, có một người bị quỷ ám đến bên quan tài của ngài. Vào ban đêm, trong một giấc mơ, vị thánh hiện ra với anh ta và, sau khi ban phép chữa lành, đã làm cho anh ta khỏe mạnh trở lại. Khi tỉnh dậy, người ấy cảm thấy mình được giải thoát khỏi sự hành hạ của ma quỷ và đã ngợi khen Thiên Chúa cùng vị thánh nhân của Ngài, Thánh Phê-ô-đô-rô.

Có một người đã ăn phải thức ăn bị đầu độc, chất độc đã lan khắp nội tạng và anh ta đã gần như chết. Nhưng khi anh ta hớp một ngụm dầu từ ngọn đèn đặt bên quan tài của vị thánh, anh ta lập tức nôn ra chất độc chết người đó, được phục hồi sức khỏe và không hề hấn gì.

Người thứ ba bị đau dạ dày dữ dội; nhưng ngay khi anh ta chỉ cần nhìn vào bức tượng thánh Theodor và kêu cầu danh Ngài, anh ta lập tức được chữa lành. Một người đàn ông khác, bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi nào đó, rơi vào trạng thái điên loạn, sợ hãi và kinh hoàng trước mọi người. Khi được đưa đến quan tài của vị thánh và được xức dầu, anh ta đột nhiên thoát khỏi nỗi khổ này và, sau khi lấy lại lý trí, đã dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa và vị thánh của Ngài.

[7703] Paphlagonia – một vùng ở phía bắc Tiểu Á.

[7704] Sardinia – một hòn đảo lớn trên Biển Địa Trung Hải, phía tây nước Ý.

Nhiều phép lạ khác nữa đã xảy ra nhờ lời cầu nguyện của Thánh Phê-ô-đô-rô tại quan tài của ngài, để tôn vinh Đức Chúa Trời Duy Nhất trong Ba Ngôi; xin dâng lên Ngài sự tôn kính và thờ phượng từ chúng con, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Người hướng dẫn của Chính Thống Giáo, Thầy dạy về sự đạo đức và sự trong sạch, Ngọn đèn soi sáng toàn vũ trụ, Nguồn ân sủng thiêng liêng cho các tu sĩ, Thánh Theodorô khôn ngoan, Ngài đã soi sáng tất cả các môn đệ của Ngài: Nguồn suối thiêng liêng, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Cuộc đời ăn chay và thánh thiện như thiên thần của ngài đã làm sáng tỏ những công đức đầy đau khổ, và ngài, Thánh Theodoros, đã hiện ra như một thiên thần đồng hành được Thiên Chúa chúc phúc: xin đừng ngừng cầu nguyện cùng các thiên thần ấy với Chúa Kitô, Thiên Chúa, cho tất cả chúng con.

Cuộc đời của Thánh Stephane của Dečani, Vua Serbia[7705]

Ngày kỷ niệm: 11 tháng 11

Stefan Uroš III Dečanski là Vua Serbia, một trong những vị vua sùng đạo của Nhà nước Serbia Chính thống giáo cổ đại. Ngài là con trai của Thánh Vua Stefan Uroš II Milutin[7706] , cháu nội của Stefan Uroš I[7707] và chắt nội của Thánh Stefan, vị vua đầu tiên của Serbia[7708] , anh trai của Thánh Sava, Tổng Giám mục đầu tiên của Serbia và con trai của Thánh Stefan, Đại Quan Chưởng của Serbia (tên tu sĩ là Simeon) Nemanja[7709] , người sáng lập Nhà nước Serbia cổ đại. Mẹ của ông là người vợ đầu tiên của Milutin, Elizabeth, con gái của Vua Hungary Stefan V. Thuộc về gia đình hoàng gia Serbia sùng đạo, Stefan từ thuở nhỏ đã được nuôi dưỡng trong đức tin Kitô giáo.

Từ thuở nhỏ, Stefan đã phải chứng kiến và trải qua nhiều thảm họa nặng nề. Vào thời kỳ đó, tại Serbia thường xuyên xảy ra hỗn loạn và nội chiến trong hoàng tộc, các cuộc nổi dậy và phản loạn của giới quý tộc, cùng những cuộc chiến tranh liên miên với các nước láng giềng – người Bulgaria, người Hy Lạp và người Tatar.

Kẻ thù của Kitô giáo Chính thống phương Đông, người Tatar, sau khi đánh tan và chinh phục nước Nga Chính thống, đã tàn phá các quốc gia Chính thống Slav khác, đe dọa Bulgaria và Serbia.

Mối nguy hiểm đặc biệt nghiêm trọng đe dọa các quốc gia Slav trên bán đảo Balkan đến từ Khan Nogai của Crimea. Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ do Nogai phái đi đã tàn phá Bulgaria và Macedonia, đồng thời xâm nhập cả vào Serbia. Người Bulgaria thậm chí đã phải chịu sự phụ thuộc vào người Thổ Nhĩ Kỳ trong một thời gian, và số phận tương tự cũng đe dọa Serbia. Tuy nhiên, Vua Milutin của Serbia đã thực hiện những biện pháp quyết liệt. Không thể chống lại bằng vũ lực trước vị khan Tatars hùng mạnh, ông đã tiến hành đàm phán với ông ta, đẩy lùi cuộc xâm lược của người Tatars, nhưng buộc phải gửi con trai trẻ của mình đến trại của người Tatars làm con tin cùng với một số quý tộc Serbia có địa vị cao.

Nhưng Chúa đã giúp đỡ Stefan, người sùng đạo, trong những hoạn nạn của ông. Những cuộc nội chiến bùng phát ngay sau đó trong hàng ngũ người Tatar đã kết thúc bằng cái chết của Nogai. Lợi dụng những hỗn loạn này trong hàng ngũ người Tatar, Stefan đã trở về quê hương.

[7705] Hiện nay, có hai cuốn tiểu sử về Thánh Stefan Dečanski được biết đến và còn lưu giữ đến ngày nay: một cuốn do một người cùng thời viết, là người tiếp nối công trình của Tổng giám mục Serbia Daniel, người đã soạn tác phẩm "Rodoslov" hay "Tsarestavnik", tức là tiểu sử các vị vua và tổng giám mục Serbia; bản còn lại được viết muộn hơn, khoảng sáu mươi năm sau, bởi Grigori Tsamvlak, vị tu viện trưởng của tu viện Dečani do Thánh Stefan Dečanski thành lập, người sau này trở thành Tổng giám mục Kiev. Chính những cuốn tiểu sử này đã được lấy làm cơ sở cho bài viết này.

[7706] Milutin trị vì Serbia từ năm 1282 đến năm 1320.

[7707] Ngài trị vì từ năm 1243 đến năm 1276.

[7708] Thánh Stefan Đệ Nhất qua đời năm 1224, trị vì từ năm 1195.

[7709] Thánh Stefan (Simeon) Nemanjic trị vì từ năm 1159 đến năm 1196.

Để cùng nhau chống lại người Tatar, vua Smilets của Bulgaria đã kết liên minh với vua Milutin của Serbia; liên minh này được củng cố bằng cuộc hôn nhân giữa con trai của Milutin, Stefan Uroš, với con gái của vua Smilets.

Sau khi kết hôn, Stefan Uroš được giao một trong những vùng đất quan trọng để tự quản lý, đó là Zeta, hay Diokleia, tức là miền nam Montenegro ngày nay. Stefan đã cai trị tại đây trong một thời gian.

Nhưng cũng như đã từng xảy ra nhiều lần trước đây, giờ đây tại Serbia lại bùng phát những cuộc hỗn loạn, kèm theo những thảm họa và bất hạnh thường thấy.

Mẹ kế của Stefan, người vợ thứ hai của Milutin, là Simonida – con gái của Hoàng đế Byzantine Andronikos I[7710] và vợ ông là Irina – đã nảy sinh ý định rằng người kế vị ngai vàng Serbia không phải là Stefan Uroš, con riêng của bà, mà là con ruột của bà, Konstantin. Dưới sự xúi giục của mẹ mình là Irina, bà bắt đầu gieo rắc nghi kỵ vào lòng vua Milutin đối với con trai ông là Stefan và vu khống rằng Stefan muốn cướp ngôi của cha mình.

Đồng thời, trong số các quý tộc Serbia cũng có không ít người đã cảnh báo Stefan về mối nguy hiểm đang rình rập anh ta, nhưng lại khuyên anh ta nên loại bỏ mối nguy hiểm đó bằng cách nổi dậy chống lại cha mình và tước đoạt quyền lực hoàng gia khỏi tay ông.

Trong khi đó, những kẻ xấu đã thuyết phục được cha ông là Milutin rằng con trai ông đang âm mưu nổi dậy chống lại ông và muốn lật đổ ngai vàng. Lúc đó, Milutin liền lên đường đến lãnh địa của con trai mình và ra lệnh bắt giữ ông. Những người được cử đi đã xiềng xích Stefan, giam ông vào ngục tối ở Skopje[7711] và móc mắt ông.

Sự việc này xảy ra tại vùng đất Serbia có tên là Ovche-pole. Nơi đó có một nhà thờ thờ Thánh Nicholas, vị thánh làm phép lạ. Stefan, người đã bị móc mắt, phải chịu những cực hình khủng khiếp và chỉ tìm được sức mạnh từ lời cầu nguyện. Giữa những đau khổ tột cùng ấy, vị tử đạo gần như đã chết trong giấc mơ mờ ảo bỗng thấy trước mặt mình một vị thánh vĩ đại mặc áo lễ, khuôn mặt rạng ngời; người đàn ông ấy cầm trên lòng bàn tay phải đôi mắt đã bị móc ra của Stefan và nói:

– Đừng buồn, Stefan! Đôi mắt của ngươi đang ở trên lòng bàn tay ta đây – và cùng với những lời đó, ngài chỉ cho anh ta xem.

Nghĩ rằng đó là một hồn ma, Stefan nói với ông:

– Ngài là ai, thưa ngài, lại quan tâm đến tôi như vậy?

Người hiện ra đáp:

– Ta là Nikolai, Giám mục thành Myra.

Khi tỉnh giấc, người đau khổ cảm thấy bệnh tình thuyên giảm phần nào và tạ ơn Chúa.

Sự đàn áp đối với Stefan không dừng lại ở đó.

Với mong muốn bảo vệ mình khỏi những âm mưu tưởng tượng của con trai, vua Milutin trục xuất Stefan khỏi quê hương, gửi anh đến Tsargrad dưới sự giám sát của cha vợ mình, vua Andronikos Cả, cùng với hai cháu trai còn nhỏ, con trai của Stefan – Dušan và Dušica.

Nhưng ngay cả trong cảnh lưu đày, Đức Chúa Trời cũng không bỏ rơi Stefan kiên nhẫn. Thật vậy, tại đây Stefan đã bị tước đoạt tự do. Ban đầu, ông được cấp một khu nhà riêng và được nhà vua chu cấp đầy đủ, nhưng bị cấm ra ngoài tự do. Sau đó, Stefan cùng các con được chuyển đến sinh sống tại tu viện Pantokrator (Chúa Toàn Năng) ở Tsargrad dưới sự giám sát của vị tu viện trưởng; nếu không có sự cho phép của vị này, ông không được phép tiếp ai hay trò chuyện với ai. Nhưng Thánh Stefan dũng cảm đã khiêm nhường chịu đựng mọi gian khổ của cuộc giam cầm; ngài thường lặp lại: "Hãy kiên nhẫn, Stefan, *'bằng sự kiên nhẫn của các con, các con sẽ cứu rỗi linh hồn mình'* (Luca 21:19), Chúa đã phán."

Ông thường quỳ gối cầu nguyện và tìm thấy sự an ủi trong đó. Khi các tu sĩ trong tu viện tập hợp để cử hành nghi thức, ông là người đầu tiên có mặt để cầu nguyện và đứng bất động cho đến khi thánh lễ kết thúc, đến nỗi vị tu viện trưởng và các tu sĩ đều ngạc nhiên trước sự hăng hái và nhiệt thành của ông. Chính vì điều này mà mọi người đều yêu mến Stefan và dành cho ông sự quan tâm đặc biệt. Người ta cũng thường đến gặp ngài để trò chuyện về đời sống tâm linh. Tất cả những điều này không qua mắt được chính nhà vua. Nghe nói về cuộc sống đáng khen

[7710] Andronikos Cả, thuộc dòng họ Palaiologos, là hoàng đế tại Constantinople từ năm 1281 đến năm 1332.

[7711] Một thành phố ở Macedonia bên sông Vardar; hiện nay được gọi là Üsküb theo tiếng Thổ Nhĩ Kỳ.

ngợi của vị tu sĩ bị lưu đày, nhà vua thường triệu tập ngài đến, trò chuyện về những điều có ích cho tâm hồn và cùng ngài dùng bữa.

Trong một trong những cuộc trò chuyện như vậy về những điều cứu rỗi linh hồn và các vấn đề quốc gia, chủ đề đã chuyển sang Varlaam, một kẻ dị giáo đến từ phương Tây, người lúc bấy giờ đang gây phẫn nộ cho nhiều tín đồ Chính Thống Giáo trong vương quốc Hy Lạp, vì đã giảng dạy sai lầm về ánh sáng chiếu rọi Chúa Giêsu Kitô trong sự Biến Hình vinh quang trên núi Phavar. Thánh Stefan đã bày tỏ ý kiến như sau: "Thật bất công và không xứng đáng khi một vị vua, người chăn dắt đàn chiên vĩ đại của Chúa Kitô, lại dung túng những kẻ thù của Ngài trong đàn chiên của mình; họ phải bị trục xuất, như những con sói đang làm hư hỏng các linh hồn."

Hội đồng được triệu tập bởi nhà vua và Thượng phụ Athanasius đã lên án tà thuyết của Varlaam, và kẻ dị giáo này đã bị trục xuất khỏi lãnh thổ Vương quốc Hy Lạp.

Bằng đời sống đạo đức, trí tuệ và những lời khuyên của mình, Thánh Stefan đã giành được tình yêu mến của mọi người, không chỉ từ các tu sĩ và nhà vua, mà còn từ tất cả các quý tộc ở Constantinople, tổng giám mục và các quan đại thần.

Trong số tiền được vua ban phát, Thánh Stefan chỉ dùng một phần nhỏ để trang trải chi phí sinh hoạt của mình, còn lại đều trao cho vị tu viện trưởng để phân phát cho người nghèo.

Một người đồng hương của Stefan, là người quen cũ và cũng là người kính trọng ông, mong muốn giúp đỡ người bị giam cầm oan uổng này, đã cử một người hầu trung thành mang đến cho ông một số lượng vàng đáng kể để trang trải các nhu cầu khác nhau. Người được cử đi đã trao số tiền cho Stefan và chuyển lời chia sẻ đầy cảm thông của người bạn. Stefan đã cảm tạ người hảo tâm, cầu nguyện cho ông ấy trước Chúa, nhưng sau khi gọi vị tu viện trưởng đến, ông đã trao toàn bộ số vàng được gửi đến cho vị này để phân phát cho những người cần giúp đỡ. Vị tu viện trưởng khuyên Stefan nên giữ lại cho mình dù chỉ một phần nhỏ để trang trải những nhu cầu thường ngày, nhưng ông đáp lại rằng chính Đức Chúa Trời đã định cho ông phải sống ở xứ người và nhờ cậy vào sự giúp đỡ của người khác, đó là điều phải thế; số tiền được gửi đến phải được trao cho những người thực sự cần thiết – những người nghèo.

Sau khi ân cần tiếp đãi và giữ người được cử đến lại bên mình một thời gian, ngài đã tiễn ông về quê hương gặp người bạn của mình, đồng thời cảm ơn ông và dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời cho ông.

Nhờ đức hạnh ấy, ân sủng của Đức Chúa Trời chưa bao giờ rời bỏ Thánh Stefan. Vào năm thứ năm của thời gian bị giam cầm, Đức Chúa Trời đã thực hiện một phép lạ vĩ đại trên ngài.

Một lần nọ, vào ngày kỷ niệm vị thánh vĩ đại và nhà làm phép lạ Nicholas, theo thông lệ, Stefan đang tham dự thánh lễ suốt đêm trang trọng. Trong lúc đọc tiểu sử và các phép lạ của vị thánh, anh, theo thói quen, ngồi xuống ghế ở chỗ của mình và vì làm việc vất vả và thức trắng đêm liên tục nên đã thiếp đi. Và bỗng anh thấy trước mặt mình vị thánh nhân đó, người đã từng hiện ra với anh trước đây.

– Ngươi có còn nhớ không – người hiện ra trước mặt Stefan nói – những gì ta đã nói với ngươi khi lần trước ta hiện ra?

Stefan quỳ sấp xuống đất và nói:

– Con nhận ra ngài là Thánh Nicholas vĩ đại, nhưng con không nhớ những gì ngài đã nói.

Thánh Nicholas nói:

– Ta đã bảo ngươi đừng buồn rầu, vì con ngươi nằm trong tay ta, và ta đã chỉ cho ngươi thấy chúng.

Stefan bắt đầu nhớ lại lần hiện ra trước đây của vị thánh và, quỳ xuống dưới chân ngài, bắt đầu cầu xin sự tha thứ. Vị thánh nói:

– Những gì ta đã nói với con lúc đó, giờ đây ta đã đến để thực hiện.

Và như thể ban lại thị lực, ngài nâng Stefan dậy, làm dấu thánh giá trên khuôn mặt anh, chạm vào đôi mắt anh và nói:

– Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng đã ban cho người mù bẩm sinh đôi mắt, cũng sẽ ban lại thị lực ban đầu cho đôi mắt của con!

Và cùng với những lời ấy, vị thánh bỗng biến mất.

Đầy xúc động, khi đã bình tĩnh lại, nhờ lòng thương xót vô biên của Đức Chúa Trời, Stefan bắt đầu nhìn thấy như trước đây.

Ông cầm lấy cây gậy của mình, bước ra khỏi nhà thờ như thường lệ, và khi về đến phòng tu, ông một mình dâng lên những lời cầu nguyện nồng nhiệt và tạ ơn vì sự chữa lành của mình. Sau một thời gian dài cầu nguyện, ông

lại che mắt bằng chiếc khăn như trước đây, rồi quay trở lại nhà thờ và đứng như thường lệ, giấu kín với mọi người phép lạ đã xảy ra với mình; và không ai biết rằng thị lực của ông đã được phục hồi, cho đến chính ngày mà Đức Chúa Trời muốn, khi ông trở về quê hương, để phong ông làm Vua Serbia hợp pháp.

Vài ngày sau khi Stefan được chữa lành một cách kỳ diệu, con trai út của ông, cậu bé Dušica, lâm vào cơn bệnh nặng và qua đời. Stefan đã chịu đựng sự mất mát này mà không than vãn, lặp đi lặp lại câu nói: "Chúa đã ban, Chúa cũng đã lấy đi", đến nỗi tất cả những người xung quanh đều ngạc nhiên trước sự kiên cường của Stefan.

Stefan tiếp tục chịu đựng cuộc sống lưu đày ở xứ người trong hai năm nữa. Dù Stefan đã kiên nhẫn chịu đựng cuộc lưu đày của mình như một cây thập tự giá được Thiên Chúa an bài, nhưng ông vẫn khao khát được trở về quê hương.

Và thế là ông viết một bức thư đầy nước mắt gửi lên Núi Athos, đến Tu viện Hilandar của người Serbia, nơi lúc bấy giờ có vị giám mục Serbia, sau này là tổng giám mục Daniel, người mà trước đây Stefan luôn dành tình yêu và tình bạn. Trong bức thư, ông miêu tả một cách sinh động hoàn cảnh khốn khó của mình và xin Đaniel cùng các vị trưởng lão vĩ đại trên núi Athos can thiệp trước cha mình, vua Milutin, để xin ân xá và được trở về quê hương.

Tại Athos, một hội đồng chung của các vị trưởng lão đã được triệu tập để thảo luận về vụ việc. Họ quyết định viết một bức thư gửi Tổng giám mục Serbia Nicodemos và cử các vị trưởng lão đáng kính được bầu chọn mang thư này đến Serbia, nhằm xin cho con trai và cháu trai của ngài được trở về.

Thư từ đầy thuyết phục cùng những lời phát biểu của Tổng giám mục Nikodim và các vị tu sĩ được cử đi đã lay động trái tim người cha.

Cùng lúc đó, vị tu viện trưởng của tu viện Pantokrator – nơi Stefan cùng con trai đang bị giam giữ – đã từ Constantinople đến Serbia. Vị tu viện trưởng này, với tài hùng biện và sự khéo léo, đã được Hoàng đế Byzantine Andronikos Palaiologos cử đến gặp con rể của mình, Vua Milutin của Serbia, để xin viện trợ quân sự chống lại các kẻ thù của vương quốc Hy Lạp.

Sau khi thảo luận về các vấn đề quốc gia, vua Milutin đã mời sứ giả hoàng gia, vị tu viện trưởng của tu viện Pantokrator, đến trò chuyện riêng và bắt đầu hỏi han về con trai mình là Stefan.

Vị tu viện trưởng đã kể chi tiết cho người cha nghe về những đức tính, những chiến công và sự kiên nhẫn của con trai ông, và thốt lên rằng tất cả kho báu của hoàng gia cũng không thể sánh bằng những điều đó. Những câu chuyện này đã lay động trái tim Milutin. Hơn nữa, không lâu trước đó, mẹ vợ của ông, mẹ của Simonida, Hoàng hậu Irina – người chủ yếu gây ra những nghi kỵ và thù hận giữa cha và con – đã qua đời. Do tất cả những điều này, Milutin quyết định đón con trai trở về.

Ông cử một phái đoàn đến gặp Hoàng đế Andronikos và xin cho con trai mình là Stefan cùng cháu trai Dušan được trở về quê hương, Serbia. Hoàng đế Andronikos, người đã yêu mến Stefan và dành cho anh sự kính trọng sâu sắc, đã tiễn biệt người lưu vong Serbia này và cho phép anh lên đường, cung cấp đầy đủ mọi thứ cần thiết và ban tặng những món quà hào phóng. Andronikos biết về sự tỉnh ngộ của người đàn ông đau khổ này, nhưng không tiết lộ điều đó với ai, để tránh gây ra những nghi kỵ và bức hại mới đối với Stefan.

Vậy là sau tám năm bị giam cầm ở xứ người, Stefan đã trở về quê hương cùng với con trai đang lớn của mình là Dušan. Cuộc gặp gỡ thật cảm động. Người cha đã làm hòa với con trai. Ông giao cho con trai quản lý một vùng nhỏ ở Budiml thuộc Diokleia (Zeta) để sinh sống, còn cháu trai Dušan thì ông giữ lại bên mình để nuôi dạy, hoặc có thể là để lấy cậu bé làm vật thế chấp cho lòng trung thành của con trai.

Ba năm sau, vua Milutin của Serbia qua đời (ngày 29 tháng 10 năm 1320). Những người ủng hộ Simonida, mẹ kế của Stefan, đã gây ra một cuộc nổi loạn nhằm ủng hộ con trai bà là Konstantin, nhưng phần lớn các quý tộc Serbia lại đứng về phía người thừa kế hợp pháp ngai vàng, đó là Stefan, con trai cả của Milutin, người đã từ Diokleia đến thủ đô của Serbia lúc bấy giờ, thành phố Prizren[7712] , và vào tháng 1 năm 1321, ông đã được Tổng giám mục Serbia Nikodim trao vương miện, với sự chứng kiến của toàn thể hội đồng giáo sĩ Serbia. Theo phong tục Byzantine, cùng với cha mình, con trai ông, "Stefan, vị vua trẻ", còn được gọi là Dušan, cũng được phong tước "vương quyền". Stefan bắt đầu trị vì với danh hiệu Uroš III. Giờ đây, miếng che mắt đã được tháo ra và sự phục hồi kỳ diệu thị lực của Stefan nhờ sự cầu bầu của Thánh Nicholas, vị thánh làm phép lạ vĩ đại, đã trở nên rõ ràng đối với tất cả mọi người.

[7712] Thành phố Prizren nằm ở Cựu Serbia, hiện thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, gần sông Belaga Drina, trên một nhánh nhỏ bên trái của sông này là sông Maritsa.

Thời kỳ trị vì của Stefan Uroš III không hề yên bình và êm ả. Những cuộc nội loạn vẫn chưa lắng xuống.

Anh trai của Stefan, Konstantin – con trai của người phụ nữ Hy Lạp Simonida – đã tập hợp quân đội và tiến đánh Stefan, yêu cầu ông nhường ngai vàng cho mình. Về phần mình, Stefan cũng tập hợp quân đội và tiến đánh Konstantin. Trước khi cuộc chiến nổ ra, Stefan đã gửi một lá thư cho anh trai, trong đó thuyết phục anh ta đừng dùng quân đội ngoại bang để chống lại tổ quốc, mà hãy cai trị một cách hòa bình vùng đất mà ông sẽ trao cho anh trai: "Cả hai chúng ta đều có thể sống sung túc trên mảnh đất rộng lớn này". Nhưng Constantine đã không nghe theo những đề nghị hòa bình này, ông đã tham gia trận chiến và bị giết, còn quân lính của ông thì chuyển sang phe Stefan.

Một người anh em họ khác của Stefan Uroš III là Vladislav, con trai của vua Srem Dragutin (anh trai của Milutinov), cũng đã nổi dậy chống lại ông, nhưng cuộc nổi dậy này cũng kết thúc với chiến thắng thuộc về Stefan. Vladislav buộc phải thần phục ông.

Sau khi người vợ đầu tiên, một công chúa Bulgaria, qua đời, Stefan Uroš đã kết hôn thêm hai lần nữa: với Blanca, con gái của Philip của Taranto, Công tước Achaea[7713] , và sau khi người vợ thứ hai này qua đời, với Maria, con gái của John Palaiologos, Thống đốc Thessaloniki.

Trong thời bình, Stefan quan tâm đến phúc lợi của thần dân và các công việc của Giáo hội. Ông xác nhận lại các văn kiện trước đó, củng cố quyền sở hữu đất đai và các nguồn thu nhập khác cho các nhà thờ. Ông cũng quan tâm đến việc duy trì sự thuần khiết của đức tin và tiêu diệt các tà giáo trong phạm vi vương quốc của mình. Một người cùng thời đã ghi lại những lời sau đây về Stefan Uroš III trên cuốn Phúc Âm:

"Chúa đã chọn và tôn vinh ngài cho quê hương như một ngôi sao sáng chói; ngài đã củng cố quê hương mình, chinh phục nhiều thành phố và vùng đất, đánh tan các kẻ thù. Ngài đã sai con trai mình đi đối phó với bọn Babun vô thần và bất kính. Với sự giúp đỡ của Chúa, người con ấy đã giành chiến thắng trước chúng, làm đổ nhiều máu, bắt giữ rất nhiều tù binh và trở về với cha mình." – "Babuni" là tên gọi của những người Bogomil, những kẻ dị giáo nguy hiểm, định cư ở vùng núi Babune, gần thành phố Prilep ở Macedonia, và từ đó tiến hành các cuộc tấn công vào những người Chính thống giáo.

Dưới triều vua Stefan Uroš III, Serbia đã được hưởng hòa bình trọn vẹn trong nhiều năm; không có loạn lạc nội bộ, cũng không có chiến tranh với các nước láng giềng. Vua Stefan, một vị vua sùng đạo, đã dành thời gian cho các hoạt động từ thiện cũng như việc xây dựng và trang hoàng các nhà thờ của Chúa, cả trong nước lẫn ở nước ngoài.

Nhưng vào cuối triều đại của ông, một cuộc chiến tranh khốc liệt đã bùng nổ với Vương quốc Bulgaria láng giềng, vốn cùng tôn giáo và cùng dân tộc. Dưới triều vua Milutin của Serbia, Bulgaria, bị xé nát bởi nội loạn và tàn phá bởi các cuộc tấn công của người Tatars, đã suy yếu đáng kể và không thể sánh ngang về sức mạnh với Serbia. Khi Despot Mihail của Bdin[7714] trở thành vua Bulgaria, ông đã tập trung quyền lực vào tay mình đối với tất cả các vùng lãnh thổ Bulgaria vốn đang bị phân tán, với mong muốn giành lại một số thành phố đã bị Serbia chiếm đóng và thậm chí còn ấp ủ ý định làm nhục Serbia sau khi đạt được sức mạnh đáng kể.

Vua Bulgaria Mikhail đã gây ra một nỗi nhục sâu sắc cho Stefan Uroš III. Dù đã kết hôn với em gái ruột của Stefan, con gái của Milutin là Anna (hay còn gọi là Nede), ông đã vô cớ đuổi vợ mình đi, giam cô vào tu viện cùng với con trai nhỏ là Stefan, còn bản thân thì kết hôn với Theodora, em gái của Andronikos Trẻ – người tranh giành ngai vàng Byzantine – và là góa phụ của vua Bulgaria Svyatoslav. Mối thù địch giữa các vị vua của hai bộ tộc láng giềng và có quan hệ họ hàng càng trở nên gay gắt hơn bởi việc vua Serbia đứng về phía hoàng đế Byzantine hợp pháp Andronikos Cả, người đã yêu mến vua Serbia Stefan ngay từ khi ông còn bị giam cầm tại Constantinople và luôn tôn trọng ông; còn vua Bulgaria Mikhail lại xích lại gần đối thủ của Andronikos Cả, tức cháu trai của ông là Andronikos Trẻ, người đã thành công trong việc tước đoạt ngai vàng của ông nội mình. Andronikos Trẻ và Michael của Bulgaria đã ký kết một liên minh phòng thủ và tấn công chống lại Serbia. Hai đồng minh này quyết định đồng loạt tấn công Serbia vào năm 1330.

Stefan Uroš biết về những động thái thù địch này và dần dần chuẩn bị bảo vệ tổ quốc, tích trữ vũ khí và quân đội. Vào thời điểm đó, con trai ông là Stefan Dušan đã trưởng thành và giúp cha trong việc chuẩn bị chiến tranh.

[7713] Một vùng ở phía nam của Hy Lạp ngày nay.

[7714] Mikhail Bdin hoặc Vidin (từ thành phố Vidin trên sông Danube) là vua Bulgaria từ năm 1323 đến năm 1330.

Sa hoàng Bulgaria Mikhail đã khởi hành vào mùa hè năm 1330. Ông có tới mười lăm nghìn quân chính quy Bulgaria, nhưng cũng có gần bằng số đó là quân hỗ trợ và lính đánh thuê – người Valach[7715] (dưới sự chỉ huy của tướng Ivanka Bessarab), người Tatar Đen, người Yasi (sống ở vùng Moldavia ngày nay)[7716] . Người Serbia coi cuộc xâm lược này như một cuộc xâm lược của những kẻ vô thần và ngoại đạo.

Cùng lúc đó, theo thỏa thuận, Hoàng đế Byzantine Andronikos II cũng đã đứng về phía chống lại người Serbia. Ông chỉ có ít quân. Ông không dám mở màn chiến sự và đã đóng quân tại biên giới Serbia ở Macedonia để chờ xem cuộc xung đột giữa người Bulgaria và người Serbia sẽ kết thúc ra sao.

Cuộc tấn công nhanh chóng của hai vị vua hùng mạnh vào Serbia tất nhiên không thể không khiến vua Serbia lo lắng. Mặc dù ông đã chuẩn bị sẵn sàng, nhưng ông vẫn muốn tránh đổ máu. Ông quyết định gửi một bức thư cho vua Bulgaria, thuyết phục ông ta không để xảy ra đổ máu. Trong bức thư này, ông viết: "Tại sao ngài lại đi hủy diệt các dòng dõi Bulgaria và Serbia? Những gì Thiên Chúa ban cho ngài, ngài đã nắm trong tay, hãy hài lòng với điều đó, đừng thèm muốn của người khác, đừng thèm muốn những gì Thiên Chúa đã ban cho người khác. Nếu ngài đã hiếu chiến đến thế, thì hãy dùng vũ lực chống lại những kẻ ngoại đạo, chứ đừng chống lại những người theo Chúa Kitô, những người mà nhờ ân sủng của Ngài, tôi đang làm mục tử cho họ, và họ chẳng làm gì hại ngài cả. Hãy suy nghĩ xem sẽ có bao nhiêu máu đổ, bao nhiêu người mẹ mất con, bao nhiêu thi thể từ cả hai phía sẽ bị bỏ lại cho chim chóc và thú dữ ăn thịt, và Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt kẻ đã hủy diệt họ như thế nào? Hãy để chúng tôi được sống trong hòa bình. Hãy tự mình nắm giữ những gì thuộc về ngươi, rồi trở về với dân của ngươi. Bởi vì những ai muốn cướp đoạt của người khác sẽ mất đi cả những gì dường như họ đã nắm giữ một cách chắc chắn. Đó là phán quyết của Con Mắt Toàn Tri."

Nhưng thông điệp hòa bình đầy hùng hồn của Stefan không có tác dụng với Mikhail; ngược lại, ông ta nói: "Nếu ngày mai vua Serbia không đến gặp ta với thái độ khiêm nhường, thì ta sẽ ra lệnh bắt ông ta đến trong tình trạng bị trói một cách nhục nhã và xử tử bằng cái chết đau đớn."

Stefan không còn cách nào khác ngoài việc, nhờ cậy vào sự giúp đỡ của Chúa, bước vào trận chiến với kẻ thù.

Quân đội Serbia đang tập trung gần biên giới Serbia-Bulgaria tại thung lũng Dobrich, nơi hợp lưu của hai con sông Toplica và Morava, nơi trước đây đã nhiều lần diễn ra những trận chiến quốc tế khốc liệt. Người ta dự kiến vua Bulgaria sẽ đến đây từ Bdin. Trong khi đó, có tin báo rằng Michael cùng quân đội của mình đã tiến qua Sofia[7717] vào Macedonia, có lẽ với hy vọng sẽ hợp lực với đồng minh của mình, Hoàng đế Byzantine Andronikos. Lúc đó, Stefan vội vàng điều quân tiến về phía nam. Trên đường đi, ông đi qua các tu viện do cha mình xây dựng: Tu viện Thánh George ở Nagorichin (gần Kumanovo) và Tu viện Thánh Joachim ở Sarandapor. Tại đây, Vua Stefan đã cầu nguyện nhiệt thành, đặc biệt là với Thánh George Chiến Thắng, vị thánh đã từng giúp đỡ các tổ tiên của ông, những vị vua Serbia sùng đạo.

Quân Serbia đã tiến đến trại quân Bulgaria bên sông Struma, tại biên giới Serbia, gần thị trấn Zemelna; họ dừng chân bên con sông Kamenche, ngay gần thành phố Velbuzhda (nay gọi là Kyustendil).

Trong khoảng ba ngày, hai phe trại quân chỉ trao đổi thư từ qua lại mà chưa tiến hành giao tranh. Vua Stefan của Serbia đang chờ đợi một số vị lãnh chúa đến muộn, còn trong quân đội của vua Bulgaria, nhiều người đã tản ra các vùng lân cận để thu thập lương thực.

Cuối cùng, ngày thứ Bảy, 28 tháng 7 đã đến. Trong trại quân Serbia bắt đầu có sự nhộn nhịp; tất cả đều chuẩn bị cho trận chiến. Vua Bulgaria, do thấy sự chậm trễ của người Serbia, hoàn toàn không ngờ sẽ có cuộc tấn công vào ngày này và chưa tập hợp được quân đội của mình, vốn đang rải rác trên một khu vực rộng lớn.

Quân đội Serbia được chuẩn bị cho trận chiến bởi người con trai dũng cảm của nhà vua, chàng trai trẻ Stefan Dušan. Đội quân tinh nhuệ của Serbia, với trang bị lộng lẫy, dẫn đầu bởi một đội kỵ binh lính đánh thuê riêng biệt, dưới sự chỉ huy của Stefan Dušan, đã tiến quân về phía quân Bulgaria. Một trận chiến khốc liệt đã diễn ra, trong đó Dušan đã thể hiện tấm gương về lòng dũng cảm cá nhân. Chẳng bao lâu sau, quân đội Bulgaria, vốn không lường trước được đợt tấn công dồn dập như vậy, đã bị đánh tan và phải tháo chạy.

[7715] Valaquia – phần tây nam của vương quốc Rumani hiện nay.

[7716] Moldavia – nằm phía bắc Valakia. Cùng với Valakia, hai vùng này tạo thành Vương quốc Rumani.

[7717] Sofia – một thành phố ở Bulgaria, hiện là thủ đô của Công quốc Bulgaria.

Ngay cả vua Bulgaria Mikhail cũng phải bỏ chạy. Con ngựa của ông vấp ngã, khiến nhà vua ngã xuống và bị thương nặng. Lúc đó, quân Serbia vây quanh ông và chính Stefan Dušan đã chém đầu ông.

Thi thể của vị vua Bulgaria bất hạnh được đưa đến cho vua Serbia, người đã buồn bã tiếc nuối vì đối thủ của mình đã không nghe theo những đề nghị hòa bình và lời cảnh báo của ông.

Sau cuộc tàn sát đẫm máu này, toàn bộ quân đội Bulgaria đã đầu hàng vua Serbia.

Vào ngày hôm sau trận chiến, tức Chủ nhật, vào sáng sớm, chiến lợi phẩm thu được từ người Bulgaria đã được long trọng dâng lên nhà vua Serbia: vũ khí, trang phục hoàng gia đắt giá và đồ dùng, những con ngựa tuyệt đẹp; các quý tộc Bulgaria cũng bị dẫn đến trong xiềng xích. Họ không tin rằng vua của họ đã tử trận; họ cho rằng ông đã thoát khỏi cái chết. Nhưng khi nhìn thấy thi thể của vị vua, họ mới thực sự tin rằng vị vua của họ đã chết không thể cứu vãn, và họ chỉ còn biết khóc than . Nhận thấy lời thỉnh cầu của các quý tộc, nhà vua đã ra lệnh an táng vị vua Bulgaria đã bị giết một cách trang trọng tại Tu viện Thánh George ở Nagorichan, Serbia.

Trong khi dâng lời tạ ơn Đức Chúa Trời vì chiến thắng đã ban cho, Vua Stefan ngay lập tức thông báo tin này cho hoàng hậu Maria và Tổng giám mục Serbia Daniel cùng toàn thể Hội đồng Giáo hội Serbia qua bức thư sau: "Xin được thông báo rằng, nhờ ơn Chúa và sự cầu bầu của vị thánh chủ của chúng ta, Đức Cha Simeon và Thánh Savva, cùng với những lời cầu nguyện của quý vị, được trang bị và bảo vệ bởi sự cầu bầu, sự củng cố và sức mạnh của Đức Thánh Linh, tôi, Vua Serbia, cùng với con trai yêu quý của chúng tôi là Stefan, và cùng với các chiến binh của chúng tôi, những người con của tổ quốc tôi, đã đánh bại kẻ thù xảo quyệt của chúng tôi, Vua Bulgaria, kẻ đã dẫn theo nhiều dân tộc ngoại bang và khoe khoang về tổ quốc chúng tôi, trong trận chiến diễn ra tại một địa điểm có tên là Zemlen, trong vương quốc của chúng ta, và đã giết chết chính vị vua đó, đồng thời tước đoạt của cải và vinh quang to lớn của chúng nhờ ơn Chúa. Hãy vui mừng vì điều này và dâng lên Chúa lời ngợi khen xứng đáng. Còn chúng ta sẽ tiếp tục hành trình đến đất nước Bulgaria".

Tin vui này đã được đón nhận với niềm hân hoan trên khắp Serbia, và tại tất cả các nhà thờ đều diễn ra các buổi cầu nguyện long trọng để kỷ niệm ân sủng vĩ đại của Đức Chúa Trời.

Vua Stefan, cùng với con trai mình, đã long trọng lên đường để lập lại trật tự ở Bulgaria. Đi cùng ông là các quý tộc Bulgaria bị bắt làm tù binh. Chẳng bao lâu sau, các quý tộc vẫn còn ở lại Bulgaria và đang cai quản các thành phố và tỉnh thành cũng đã ra đón; đứng đầu trong số họ là Belaur, anh trai của vua Michael đã bị sát hại. Thay mặt toàn thể Bulgaria, họ đã quy phục dưới quyền cai trị của vị vua Serbia và sẵn sàng cho việc sáp nhập Bulgaria và Serbia thành một quốc gia duy nhất.

Nhưng Stefan không muốn điều đó. Ông mong muốn phục hồi ngai vàng Bulgaria cho người chị gái Anna – người đã bị đối xử bất công và sỉ nhục – cùng con trai bà là Stefan. Ngay sau khi chiến thắng Mikhail, ông đã gửi tin này đến nơi cô đang bị giam lỏng trong tu viện và khuyên cô đừng nản lòng, mà hãy hy vọng vào một tương lai tươi sáng hơn. Giờ đây, thông qua một phái đoàn đặc biệt, ông mời cô cùng con trai đến thủ đô Tarnovo của Bulgaria và gửi đến sự hỗ trợ quân sự cần thiết.

Vua Stefan tuyên bố với các quý tộc Bulgaria rằng chính ông sẽ từ bỏ ngai vàng Bulgaria, và sẽ lập con trai của em gái mình là Stefan (Shishman II) làm vua Bulgaria, người mà họ phải tuân theo; còn bản thân họ sẽ được an toàn tuyệt đối và giữ nguyên các chức vụ như trước đây.

Sau khi đối xử hào hiệp như vậy với những kẻ bại trận, vua Serbia cùng quân đội của mình đã trở về quê hương.

Một thời gian ngắn sau khi trở về từ Bulgaria, Stefan Dečanski, cùng với con trai là Dušan, đã tiến hành một cuộc chinh phạt vào Macedonia. Nhà vua muốn trừng phạt cả một kẻ thù khác, đó là hoàng đế Byzantine, vì đã liên minh với Michael của Bulgaria. Cuộc chinh phạt này kéo dài một tuần. Không có cuộc chạm trán hay trận chiến nào xảy ra với hoàng đế; người Serbia đã giành lại các thành phố và pháo đài từng bị Andronikos – người hiện đã bỏ trốn – chiếm giữ tạm thời, đồng thời sáp nhập một số thành phố dọc sông Vardar[7718] đã tự nguyện đầu hàng họ, như Veles, Prosek, Štip. Sau khi để lại các quan tổng trấn người Serbia tại các thành phố này, cả hai vị tướng đều trở về nhà: người cha về dinh thự của mình ở Nerodimlja[7719] , còn người con về Skadar[7720] .

[7718] Sông Vardar chảy qua vùng Macedonia thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, đi ngang qua thành phố Kalkandelen.

[7719] Nerodimlja nằm trên sông Nerodimka, một nhánh của thượng nguồn sông Vardar, gần ranh giới thủy văn giữa Biển Aegean – nơi sông Vardar chảy vào – và sông Danube – nơi sông Sitnica, bắt nguồn từ đây, chảy qua cánh đồng Kosovo nổi tiếng để đổ vào sông Ibar, sau đó hợp lưu với sông Morava của Serbia và cuối cùng đổ vào sông Danube.

[7720] Skadar, ở phía nam Hồ Skadar, gần nơi sông Bojana bắt nguồn từ hồ này và chảy ra Biển Adriatic.

Năm 1330 đầy gian nan đã kết thúc một cách may mắn đối với người Serbia.

Sau những chiến thắng trước kẻ thù bên ngoài, đã mang lại vinh quang cho vũ khí Serbia, Vua Stefan đã toàn tâm toàn ý dấn thân vào các công việc từ thiện, xây dựng và trang hoàng các nhà thờ của Chúa, cùng những việc làm thánh thiện khác, vốn luôn là niềm vui trong cuộc đời ông.

Suốt cuộc đời, Thánh Stefan luôn tôn kính các thánh tích Chính thống giáo, không chỉ ở quê hương mình mà còn ở cả những nơi xa xôi. Như trước đây, và đặc biệt là bây giờ, ngài đã gửi những món quà hào phóng và phong phú đến Jerusalem và khắp Đất Thánh, đến núi Sinai, Ai Cập và Alexandria, cũng như đến Constantinople, đặc biệt là tu viện Pantokrator ở đó, nơi ngài đã tu hành trong thời gian bị lưu đày; ông cũng làm từ thiện cho các tu viện ở Thessaly[7721] và đặc biệt là trên núi Athos thiêng liêng, nơi tọa lạc tu viện Hilandar lừng lẫy, được các vua Serbia và sau này là các hoàng đế thành lập và xây dựng. Ngoài việc gửi những món quà hào phóng, Vua Stefan còn ban tặng cho nhiều tu viện trong số này những điền trang sinh lợi và củng cố quyền sở hữu bằng các sắc lệnh của mình.

Tất cả các vị quân vương Serbia trước đây, tổ tiên của Stefan, đều xây dựng cho mình những "nơi an nghỉ", tức là các nhà thờ kèm tu viện, nơi họ di chúc để được an táng và cầu nguyện cho linh hồn được an nghỉ. Cũng vậy, Thánh Stefan Uroš III, sau chiến thắng trước người Bulgaria mang lại cho ngài những kho báu, để tạ ơn Đức Chúa Trời và cầu nguyện cho linh hồn mình, đã quyết định xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Đức Chúa Giêsu Kitô.

Để xin lời khuyên và sự hỗ trợ, ngài đã tìm đến Tổng Giám mục Serbia của mình là Đaniel, người mà ngài kính trọng và yêu mến. Cùng với ngài và các quý tộc thân tín, ngài bắt đầu tìm kiếm trong lãnh địa của mình một địa điểm xứng đáng và phù hợp để xây dựng một nhà thờ uy nghi. Họ đã đi qua rất nhiều nơi; cuối cùng, Stefan dừng chân tại một vùng núi, bên con sông Bystrica, nơi đổ vào sông Drin Trắng, ở phía tây bắc Prizren và cách thành phố Peć – nơi từng là nơi cư ngụ của các tổng giám mục Serbia – ba giờ đường, tại một địa điểm có tên là Dečani. Nơi đây vô cùng xinh đẹp. Đó là một thung lũng nhỏ phủ đầy các loại cây khác nhau, giàu nguồn suối và được tưới mát bởi dòng sông Bystrica với dòng nước trong lành tuyệt vời. Từ mọi phía, đặc biệt là từ phía tây, nơi đây được bao quanh bởi những ngọn núi cao. Chính tại đây, Stefan đã quyết định xây dựng một ngôi đền vinh quang. Tổng giám mục Daniel đã ban phước và thánh hiến địa điểm này, và ngay lập tức công việc xây dựng được tiến hành.

Stefan Uroš đã triệu tập các họa sĩ và thợ thủ công từ các lãnh địa của mình dọc theo Biển Adriatic. Rất nhiều công nhân đã vận chuyển vật liệu đến – các loại đá khác nhau, đá cẩm thạch đắt tiền nhiều màu sắc và các vật liệu khác. Trước hết, khu đất dành cho tu viện được đo đạc và bao quanh bởi những bức tường thành cao với các tháp canh; phía nam có cổng chính, phía trên cổng là ngọn tháp cao nhất. Bên trong, các phòng tu sĩ được xây dọc theo tường, giống như những tổ chim. Một phòng ăn chung đã được bố trí, nổi bật cả về quy mô lẫn đặc biệt là sự tinh xảo trong trang trí. Nhà bếp và lò bánh được thiết kế riêng biệt. Một tòa nhà tráng lệ riêng biệt đã được xây dựng dành cho vị tu viện trưởng. Tuy nhiên, sự chú ý và quan tâm chính đều tập trung vào việc xây dựng ngôi thánh đường vĩ đại Thăng Thiên của Chúa Giêsu ngay giữa khuôn viên tu viện, bên trong các bức tường. Toàn bộ nhà thờ khổng lồ này được xây dựng bằng đá cẩm thạch nhiều màu đã được đẽo gọt, trang trí bằng các hoa văn chạm khắc, cột và vòm mang nghệ thuật và vẻ đẹp phi thường. Công trình tuyệt vời này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Dưới đây là cách một nhà du hành người Nga[7722] mô tả nó, người đã ghé thăm thánh địa Serbia này cách đây khoảng năm mươi năm:

"Nhà thờ rất rộng và cao, được xây dựng theo hình chữ thập, với một mái vòm tròn cao. Ngay cả những bức tường bên ngoài cũng gây ấn tượng mạnh bởi vẻ lộng lẫy: từ dưới lên trên, chúng được ốp bằng những tấm đá cẩm thạch, xếp thành các dải ngang đều đặn: hàng dưới cùng bằng đá cẩm thạch trắng, hàng thứ hai bằng đá cẩm thạch hồng, hàng thứ ba lại bằng đá cẩm thạch trắng, hàng thứ tư bằng đá cẩm thạch xám; sau đó, hệ thống này lại lặp lại. Ngoài ra, cần lưu ý rằng hàng dưới cùng luôn rộng hơn, hàng thứ hai hẹp hơn, còn hàng thứ ba và thứ tư lại hẹp hơn nữa. Mái nhà thờ được lợp bằng chì; mái vòm cũng được phủ bằng chì, dày đến mức "người ta nói rằng mái vòm này từ khi nhà thờ được xây dựng vào năm 1335 đến nay chưa bao giờ cần phải sửa chữa". Do tác động của thời gian, lớp chì trên mái vòm đã chuyển sang một sắc thái kỳ lạ, giống như màu đồng. Trên mái vòm có một cây thánh giá lớn vẫn còn nguyên vẹn, được cho là làm bằng bạc nguyên khối. Ở phía đông của nhà thờ, có thể nhìn thấy vòng

[7721] Thessaly hiện nay nằm ở Thổ Nhĩ Kỳ, giáp với Vương quốc Hy Lạp, ở phía đông bắc của vương quốc này.

[7722] A. F. Hilferding; xem tuyển tập các tác phẩm của ông, tập thứ ba: Bosnia, Herzegovina và Serbia Cổ. St. Petersburg, 1873, tr. 129.

tròn nổi bật của bàn thờ chính, và hai bên mỗi bên có hai vòng tròn nhỏ, thuộc về hai khu vực phụ thờ Thánh Nicholas và Thánh Demetrius, nơi cử hành lễ Thánh Thể của bàn thờ chính và phòng thánh. Năm vòng tròn liên kết này tạo nên một sự kết hợp đường nét vô cùng đẹp mắt".

Sự lộng lẫy và vẻ đẹp bên ngoài tương xứng với các trang trí bên trong của nhà thờ chính và các gian phụ, được làm từ đá chạm khắc, vàng và các vật liệu quý giá khác. Nhà thờ được trang bị dồi dào các vật dụng thờ cúng, các bình đựng bằng vàng và bạc, cùng các bộ lễ phục làm từ vải quý, được trang trí bằng hạt cườm và đá quý.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng ngôi thánh đường tráng lệ và lộng lẫy này, Stefan đã bổ nhiệm vị tu viện trưởng Arsenius, người nổi tiếng với đời sống đạo đức, làm người đứng đầu và long trọng làm lễ thánh hiến ngôi thánh đường vừa được khánh thành cùng với hội đồng giáo sĩ Serbia do Tổng giám mục Daniel đứng đầu. Để đảm bảo cho tương lai, Stefan Uroš đã ban các sắc lệnh trao cho tu viện nhiều làng mạc, đất đai và các điền trang sinh lợi khác ở nhiều nơi trong lãnh địa rộng lớn của mình.

Ngoài nhà nguyện phụ mang tên vị thánh bảo trợ và trung gian của mình là Thánh Nicholas ở phía nam của nhà thờ chính, Stefan còn xây dựng một nhà thờ riêng biệt bên ngoài tu viện, gần đó, để luôn tổ chức các nghi lễ tôn vinh vị thánh này.

Thánh Stefan Uroš luôn nổi tiếng với lòng bác ái và sự thương xót dành cho những người khốn khổ, và giờ đây ngài càng dốc lòng hơn vào những công việc từ thiện này. Cách tu viện Dečani khoảng ba verst, ngài đã thành lập thêm một tu viện đặc biệt để chăm sóc người bệnh, người tàn tật và người cao tuổi từ khắp vương quốc của mình. Các phòng rộng rãi của cơ sở từ thiện này được trang bị giường ngủ và mọi thứ cần thiết cho người bệnh và người tàn tật. Một cộng đồng tu sĩ đông đảo đã được tập hợp để chăm sóc những người khốn khổ đang chịu đau đớn. Bản thân Stefan thường xuyên đến thăm tu viện này. Đối với ngài, việc giúp đỡ những người khốn khổ là một niềm vui. Đôi khi ngài trực tiếp đến bệnh viện với tư cách là nhà vua, dùng lời nói và cuộc trò chuyện để an ủi những người bất hạnh; đôi khi ngài lại đến trong trang phục của một chiến binh và phân phát những khoản bố thí hào phóng. Cơ sở này được đảm bảo nguồn tài chính dồi dào nhờ các khoản đóng góp và quyên góp từ hoàng gia. Từ khắp mọi miền Serbia, những người bệnh tật và tàn tật đổ về đây; một số người, sau khi bình phục, nhường chỗ cho những bệnh nhân khác, trong khi những người khác lại ở lại đây cho đến cuối cuộc đời đầy đau khổ của mình.

Không lâu trước khi qua đời, Thánh Nicholas, vị bảo trợ và trợ thủ thường trực của Stefan, đã hiện ra và nói:

– Hãy chuẩn bị, Stefan, cho giờ phút ra đi: ngươi sắp phải ra trước mặt Chúa!

Những ngày cuối đời của Stefan Uroš III bị bao trùm bởi một bi kịch lớn – sự thù hận của con trai ông, "vị vua trẻ" Stefan Dušan, đối với cha mình, dẫn đến cái chết đầy đau khổ của Stefan Uroš, người đã phải chịu nhiều khổ đau.

Stefan Dušan, người đã lập nhiều chiến công dũng cảm trong cuộc chiến với người Bulgaria, cai trị vùng Zet. Các quý tộc tham lam phục vụ dưới trướng ông bắt đầu xúi giục ông cướp ngôi của cha mình và trở thành vua của toàn bộ Serbia. Họ dọa nạt Stefan rằng ông sẽ phải chịu chung số phận như cha mình, người đã bị ông nội Milutin móc mắt khi còn nhỏ. Stefan, với lòng tham vọng, đã tin vào những lời xúi giục đó, và một cuộc nổi dậy chống lại cha ông đã bùng phát trong vùng lãnh thổ của ông.

Uroš không muốn có xung đột; ông đã thực hiện các biện pháp để dập tắt cuộc nổi dậy, và sau những cuộc đàm phán kéo dài, ông đã gặp con trai mình, người đã hứa sẽ không làm gì chống lại cha. Stefan Uroš lại để con trai yên, đặt niềm tin vào Chúa. Nhưng các quý tộc lại không muốn như vậy. Họ bắt đầu nói với Dušan rằng cha anh ta đang ấp ủ lòng thù hận thầm kín và sẽ tiêu diệt anh ta. Tin vào điều đó, Stefan định trốn khỏi quê hương sang các nước khác, nhưng các quý tộc không cho phép và lại xúi giục Stefan tiêu diệt cha mình. Dušan đã bị thuyết phục bởi những lời đó – và một tội ác tày trời đã xảy ra tại Serbia.

Sau cuộc gặp gỡ hòa giải với con trai, Stefan Uroš sống yên bình trong các lãnh địa của mình, lúc thì ở lâu đài này, lúc thì ở lâu đài khác, dành thời gian cho các hoạt động từ thiện và không thực hiện bất kỳ biện pháp an ninh đặc biệt nào. Vào thời điểm Stefan Uroš đang ở trong lâu đài hẻo lánh trên núi Petriče gần Nerodimlje, các quý tộc vùng Zet do Stefan Dušan dẫn đầu bất ngờ đến đó, bao vây lâu đài và bắt giữ Stefan Uroš cùng cả gia đình. Đức vua Stefan Uroš bị Đušan ra lệnh đưa đến lâu đài Zvečan[7723] – một pháo đài hẻo lánh, biệt lập và khó tiếp cận – còn vợ và các con thì bị đưa đến một nơi khác.

Nhưng chuyện chưa dừng lại ở đó. Người ta đã quyết định tiêu diệt hoàn toàn vị vua Serbia già nua này. Theo lệnh của Stefan Dušan, một số cận thần của ông đã được cử đến Zvečan, và Stefan Uroš đã qua đời một cách đau đớn khi bị siết cổ trong lâu đài[7723] .

Thi hài của vị tử đạo đã được đưa về tu viện Dečani mới được xây dựng và được an táng long trọng trong một lăng mộ tráng lệ tại Nhà thờ Thăng Thiên của Chúa, do chính Stefan xây dựng.

Người ta đồn rằng Stefan Uroš đã qua đời vì nguyên nhân tự nhiên, nhưng tất nhiên, mọi người sớm biết được sự thật và coi vị vua quá cố như một vị tử đạo.

Bảy năm sau, một hiện tượng kỳ diệu đã xảy ra với vị quản lý nhà thờ của tu viện Dečanska: trong một giấc mơ, một người đàn ông vô danh đã ra lệnh đào thi hài của vị vua quá cố Stefan lên khỏi lòng đất. Vị quản lý nhà thờ đã kể lại giấc mơ đó cho vị tu viện trưởng. Vị tu viện trưởng thận trọng đã trấn an vị quản lý nhà thờ bằng cách khẳng định rằng đó chỉ là một giấc mơ bình thường. Nhưng hiện tượng đó lại lặp lại. Cuối cùng, lần thứ ba, người đàn ông đáng sợ đó không chỉ hiện ra trước mặt vị Thư ký Giáo hội mà còn trước mặt vị Trưởng tu viện và yêu cầu điều tương tự.

Lúc đó, vị tu viện trưởng đã báo cáo toàn bộ sự việc này cho tổng giám mục. Một hội đồng giáo sĩ đã được triệu tập tại Dečani. Sau buổi cầu nguyện, quan tài của Thánh Stefan được mở ra, và hương thơm lan tỏa khắp nhà thờ cũng như xung quanh; mọi người đều nhìn thấy thi hài không bị phân hủy của vị thánh tử đạo. Ngay lúc đó, một số phép lạ đã xảy ra: một người mù, khi áp mặt vào thi hài của vị thánh tử đạo, đã được sáng mắt; những người bệnh khác cũng được chữa lành.

Và sau đó, đã xảy ra nhiều trường hợp được chữa lành và những phép lạ khác. Thánh Stefan luôn hiện ra để giúp đỡ những ai với lòng tin chạy đến cầu xin sự che chở của ngài, và luôn bảo vệ tu viện của mình khỏi những kẻ thù tìm cách cướp đoạt tài sản của tu viện. Kể từ khi di cốt của vị thánh tử đạo được khai quật, tu viện Dečani đã trở thành một thánh địa quý giá đối với dân tộc Serbia Chính thống giáo.

Lễ kính Thánh Maximus, người điên vì Chúa, tại Moscow

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 11

Chúa đầy lòng thương xót đã mở ra nhiều con đường để được cứu rỗi và đạt đến hạnh phúc vĩnh cửu. Nhưng trong số đó, con đường khó khăn và gian khổ nhất chính là việc tự nguyện sống như người điên vì Chúa. Thánh nhân Maxim đã chọn con đường này và kiên định bước đi trên đó cho đến khi qua đời. Thời gian đã không lưu giữ lại cho chúng ta cuốn tiểu sử chi tiết về vị thánh làm phép lạ người Moscow này. Từ bỏ mọi tiện nghi của cuộc sống, ngài đi lang thang trên các đường phố Moscow trong tình trạng gần như trần truồng, chịu đựng cả giá rét lẫn nắng nóng. Bằng những lời dạy của mình, ngài đã ngăn cản nhiều người khỏi điều ác hoặc khích lệ họ trong những vất vả. “Dù mùa đông có khắc nghiệt đến đâu, thiên đàng vẫn ngọt ngào,” – ngài thường nói. “Chúa sẽ ban ơn cứu rỗi cho sự kiên nhẫn.” “Chúa vĩ đại, Ngài sẽ phán xét sự dối trá. Cả Ngài lẫn con đều không thể lừa dối lẫn nhau.” “Ai cũng chịu phép rửa tội, nhưng không phải ai cũng cầu nguyện.”

Thánh Maxim đã sống và hành đạo trong nửa đầu thế kỷ XV. Đó là thời kỳ khó khăn đối với đất nước Nga: ách thống trị của người Tatar, nạn đói, hạn hán và dịch hạch đã đè nặng lên dân chúng. Bằng sự kiên nhẫn của mình, vị thánh đã dạy mọi người biết kiên nhẫn. Bản thân sống một cuộc đời không ham mê của cải, ngài mong muốn người khác cũng đừng vì những của cải tạm bợ mà quên đi linh hồn mình, đồng thời ngăn cản các thương nhân Moscow khỏi những giao dịch bất công: “Nhà thờ thì ở trong nhà, còn lương tâm thì có thể mua bán. Râu thì giống Áp-ra-ham, nhưng việc làm thì giống Ham.”

Sau những việc làm cao cả ấy, Thánh Maxim đã qua đời vào ngày 11 tháng 11 năm 1433 và được an táng tại nhà thờ các Thánh Boris và Gleb trên phố Varvarskaya. Chúa đã muốn tôn vinh vị thánh của Ngài bằng những phép lạ. Vào năm 1506, tại quan tài của ngài, một người bị liệt chân đã được chữa lành. Vào ngày 13 tháng 8 năm 1547, thi hài bất hoại của Thánh Maxim đã được tìm thấy và ngay sau đó, ngày lễ kính ngài đã được thiết lập. Bản thân thi hài vẫn được cất giữ dưới lòng đất. Những tín hữu kính trọng di sản của ngài đã xây dựng một nhà nguyện nhỏ trên thi hài của Thánh Maxim Moscow để tôn vinh Thánh Maxim, vị Tử đạo. Năm 1698, nhờ sự nhiệt thành

[7723] Thánh Stefano Dečanski đã chịu tử đạo vào ngày 11 tháng 11 năm 1331.

của hai cư dân Moscow là Maxim Verkhovitin và Maxim Sharovnikov, các nhà thờ cũ đã bị tháo dỡ. Trong quá trình này, một tảng đá rơi ra khỏi tường đã hé lộ một kho báu vĩ đại – di cốt chữa lành của Thánh Phúc Âm Maxim. Chúng đã được rước một cách trang trọng đến một trong những nhà thờ chính tòa ở Moscow, nơi lưu giữ trong suốt thời gian xây dựng nhà thờ mới. Nhà thờ này, vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, đã được thánh hiến nhân danh Thánh Phúc Âm Maxim, với một gian phụ để tôn vinh Thánh Maxim, Người Chứng Đạo.

Xác thánh của vị Thánh Phúc Âm đã được lưu giữ tại nhà thờ này khoảng bốn mươi năm. Năm 1737, một trận hỏa hoạn dữ dội, được biết đến với tên gọi "Trận hỏa hoạn Troitsky", đã xảy ra. Ngọn lửa đã thiêu rụi cả nhà thờ mang tên Thánh Phúc Âm Maximus của Moscow. Toàn bộ nhà thờ bị thiêu rụi, bao gồm cả hòm đựng xác thánh của Thánh Maximus. Những phần còn sót lại của thánh tích đã được thu thập một cách tôn kính và chuyển đến nhà thờ này vào năm 1768. Cho đến ngày nay, thánh tích của Thánh Maxim vẫn an nghỉ tại đây, ban ơn chữa lành để tôn vinh danh Chúa. Amen.

Ngày 25 tháng 11

Ngày 12 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Gioan Nhân Từ, Tổng Giám mục Alexandria

Ngày tưởng niệm 12 tháng 11

Thánh Gioan sinh ra trên đảo Síp và là con trai của Công tước Epiphanius[7724] . Từ thuở thiếu thời, ngài đã được nuôi dạy trong lòng kính sợ Chúa và sự đạo đức, điều này đã trở thành nền tảng của sự khôn ngoan cho ngài. Khi đến tuổi trưởng thành, theo ý muốn của cha mẹ, ngài kết hôn và có con cái. Nhưng chẳng bao lâu sau, Thánh Gioan mất đi các con, rồi đến cả vợ, vì Chúa đã định như vậy, để ngài được giải thoát khỏi những ràng buộc của xác thịt và dấn thân vào đời sống thiêng liêng. Sau khi thoát khỏi những ràng buộc của cuộc sống hôn nhân, ông đã tạ ơn Đức Chúa Trời và từ đó, không còn bất kỳ trở ngại nào, ông bắt đầu tận tâm phụng sự Chúa, siêng năng cầu nguyện và thực hành mọi việc làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Đặc biệt, ông rất nhân từ và thương xót đối với tất cả những ai đang chịu khổ vì cảnh nghèo khó. Vì những đức tính này, Đức Chúa Trời đã làm cho ngài được vinh danh giữa loài người, và không chỉ giữa những người đồng cấp, mà ngay cả chính nhà vua cũng tôn kính và ca ngợi ngài. Một thời gian sau, ngai tòa Thượng phụ[7725] của Giáo hội Alexandria bị bỏ trống; lúc bấy giờ, Hoàng đế Heraclius[7726] , theo sự an bài của Thiên Chúa, đã phong cho Thánh Gioan chức vụ Thượng phụ. Dù ngài không mong muốn điều này, nhưng ngài buộc phải nhận lễ tấn phong và trở thành vị Mục tử tối cao của Giáo hội Alexandria.

Khi lên ngôi tổng giám mục, trước hết, với tư cách là người chăn dắt đàn chiên bằng lời nói, Gioan đã lo lắng thanh tẩy đoàn chiên của mình khỏi tà thuyết đang gây rối loạn cho đoàn chiên của Chúa Kitô. Tà thuyết này bắt nguồn từ một người tên là Phêrô, biệt danh là Fullon, hay còn gọi là Knafeus, vị tổng giám mục giả mạo của Antioch; hắn đã dám thêm những lời xúc phạm vào bài ca Ba Thánh: "Lạy Thiên Chúa Thánh, Lạy Thiên Chúa Mạnh Mẽ, Lạy Thiên Chúa Bất Tử, Đấng đã chịu đóng đinh vì chúng con, xin thương xót chúng con", – như thể bản tính Thiên Chúa trong Chúa chúng ta đã phải chịu đau khổ[7727] .

[7724] Síp – một hòn đảo ở phía đông bắc Biển Địa Trung Hải. – Epiphanius là tổng tư lệnh quân sự trên đảo. Thánh Gioan sinh ra tại thành phố Ama-Funte, ở phía nam đảo Síp.

[7725] Alexandria – một thành phố ở Ai Cập, nằm bên nhánh phía tây của sông Nile; được Alexander Đại đế thành lập vào năm 331 trước Công nguyên.

[7726] Hoàng đế Heraclius trị vì từ năm 610 đến năm 641.

[7727] Tại Constantinopolis, trong thời gian Thánh Proclus (434–447) làm giám mục – một môn đệ của Thánh Gioan Vàng Miệng – đã xảy ra một trận động đất mạnh, khiến toàn thể dân chúng hoảng sợ. Các tín hữu Kitô giáo đã rước thánh giá đi quanh thành phố, cầu xin Thiên Chúa chấm dứt tai họa và khóc lóc thốt lên: "Lạy Chúa, xin thương xót!" Bỗng nhiên, trong lúc cầu nguyện, một thiếu niên được một sức mạnh vô hình nâng lên không trung, và khi hạ xuống đất, cậu kể lại rằng đã nhìn thấy các Thiên thần đang hát: "Lạy Thiên Chúa Thánh, Lạy Thiên Chúa Mạnh Mẽ, Lạy Thiên Chúa Bất Tử, xin thương xót chúng con!" Ngay khi bài hát này được lặp lại, trận động đất liền chấm dứt. Bài thánh ca thiêng liêng của các Thiên thần này sau đó được đưa vào sử dụng trong các nghi lễ thờ phượng. Nhưng trong thời

Sau khi loại bỏ giáo lý dị giáo này, Thánh Gioan đã hoàn toàn dâng hiến bản thân cho việc tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa một cách nhiệt thành và các việc bác ái. Không một người nghèo khó nào rời khỏi ngài với nỗi buồn và hai bàn tay trắng; Thánh Gioan ban phát bố thí cho tất cả những ai xin, an ủi mọi người trong nỗi đau khổ, không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động; ngài cho những người đói ăn no, cho những người trần truồng mặc, chuộc những người bị bắt làm tù binh và chăm sóc những người lữ hành và bệnh nhân. Lòng hào phóng của ngài giống như một dòng sông, chảy không ngừng và dồi dào, làm dịu cơn khát của tất cả những ai khát khao.

Vào đầu nhiệm kỳ mục vụ của mình, Thánh Gioan đã triệu tập các quản lý tài chính của Giáo hội[7728] và giao cho họ nhiệm vụ như sau:

– Hãy đi khắp thành phố và lập danh sách tất cả các chủ nhân của tôi.

Các quản lý hỏi ngài:

– Vậy những vị chủ nhân của ngài là ai?

Đức Thượng phụ đáp:

– Đó là những người mà các con gọi là người ăn xin và người nghèo khổ; họ là các chủ nhân của ta, vì họ thực sự có thể giúp ta đạt được sự cứu rỗi và dẫn ta vào các nơi ở vĩnh cửu.

Các quản gia liền đi và ghi danh tất cả những người khốn khổ mà họ tìm thấy trên đường phố, trong các bệnh viện và ở những nơi tồi tàn. Tổng cộng có bảy nghìn năm trăm người, và Thánh Gioan ra lệnh cung cấp cho tất cả họ mọi thứ cần thiết cho bữa ăn hàng ngày.

Vào thời điểm đó, người Ba Tư đã tấn công Syria và Palestine, đốt cháy thành thánh Giê-ru-sa-lem, cướp lấy Thánh Giá và bắt nhiều Kitô hữu làm tù binh[7729] . Thánh Gioan đã gửi những con tàu chở vàng và lúa mì để chuộc những người bị bắt làm tù binh và giúp đỡ những người đang gặp hoạn nạn; nhờ lòng từ bi của mình, ngài đã giải thoát nhiều người khỏi cảnh giam cầm và cứu họ khỏi những tai ương của cuộc sống lưu đày. Và vì không phải ai cũng có thể tự do đến gặp ngài, bởi các tôi tớ của ngài không báo cáo với tổng giám mục về mọi người đến thăm, nên ngài đã chọn hai ngày trong tuần: thứ Tư và thứ Sáu, và vào những ngày này, ngài ngồi cùng một số người đạo đức tại cửa nhà thờ, tiếp đón bất cứ ai mong muốn, lắng nghe những lời thỉnh cầu của họ, thảo luận về những mâu thuẫn đã xảy ra, bảo vệ những người bị áp bức và thiết lập hòa bình giữa các tín hữu. Trong lúc đó, vị Thượng phụ thánh thiện nói với những người xung quanh ngài:

– Nếu con đường đến với Chúa, Thiên Chúa của con, không bao giờ bị cấm đối với con, và trong lời cầu nguyện, con trò chuyện với Ngài và xin Ngài những điều con muốn, thì tại sao con lại không cho phép người lân cận của con được tiếp cận con một cách tự do, để họ có thể chia sẻ với con về nỗi oan ức và nhu cầu của họ, và xin con những điều họ mong muốn? Chúng ta phải kính sợ Đấng đã phán: *"Các ngươi dùng thước nào để đo, thì người ta cũng sẽ dùng thước ấy để đo lại cho các ngươi"* (Mt 7,2).

Đôi khi, không có ai đến xin Thánh Gioan điều gì trong lúc ngài ngồi trước cửa nhà thờ, chờ đợi những người muốn tìm đến ngài; lúc đó, ngài đứng dậy với lòng buồn bã và trở về nhà trong nước mắt. Khi ấy, có người thỉnh thoảng hỏi ngài:

– Tại sao ngài lại buồn bã và than thở vậy?

---

kỳ lan rộng của tà thuyết Monophysite, vốn khẳng định rằng trong Chúa Giêsu Kitô chỉ tồn tại một bản tính Thiên Chúa duy nhất, đã nuốt chửng bản tính con người, có một người tên là Phêrô Fullon, còn được gọi là Knafei, có nghĩa là người đập vải, vì khi còn trẻ ông từng làm nghề này (Fulon là tên gọi người đập vải trong tiếng Latinh, còn Knafei là tiếng Hy Lạp), khi còn là linh mục, đã thêm vào Kinh Ba Ngôi câu "Đấng đã chịu đóng đinh vì chúng con". Sau này, Petrus này đã trở thành tổng giám mục tại Antioch (vào những năm 90 của thế kỷ V). Vì ông là người theo chủ nghĩa Monophysite, nên qua lời bổ sung này, ông muốn diễn tả rằng trong những đau khổ của Đấng Cứu Thế, không chỉ Thần Tính của Ngài phải chịu đau khổ, mà cả Ba Ngôi Thánh cũng phải chịu đau khổ. Các tín đồ của Phêrô đã thành lập một giáo phái riêng, mang tên Theopaschites, gây xôn xao mạnh mẽ trong thế giới Chính Thống Giáo; có rất nhiều tín đồ này tại Alexandria dưới thời Thượng phụ Gioan Nhân Từ (609–620).

[7728] Các quản lý (Ekonomi) phụ trách việc quản lý tài chính của Giáo hội. Quản lý dưới quyền Thượng phụ chịu trách nhiệm quản lý các nguồn thu của Thượng phụ giáo.

[7729] Heraclius đã tiến hành một cuộc chiến khốc liệt với Khosrow II, vua Ba Tư. Khosrow đã chiếm Syria và Palestine; một trong các đạo quân của ông đã chinh phục Ai Cập, còn đạo quân khác đã tiến sâu đến Chalcedon, nằm trên bờ đối diện với Constantinople. Cuộc chiến khốc liệt đến mức, ví dụ như khi chiếm Jerusalem, Khosrow đã phá hủy các nhà thờ và làm ô uế các thánh địa. Theo truyền thuyết, có tới 90.000 Kitô hữu bị hành quyết, và nhiều người trong số họ đã bị người Do Thái mua lại với mục đích cố ý hành quyết họ. Đó là vào năm 614. Trong những thảm họa nặng nề này, Đức Thượng phụ Gioan Nhân Từ đã trở thành người chữa lành thực sự cho nỗi đau của các Kitô hữu. Cuộc chiến kết thúc bằng hòa bình sau những chiến thắng của Heraclius trước Khosrow. Hiệp ước hòa bình được ký kết vào năm 628 bởi con trai của Khosrow, vua Siro, người đã chiếm được các tù binh và Thánh Giá Cứu Rỗi của Chúa.

Thánh nhân trả lời họ:

– Hôm nay, Gioan khiêm nhường này chẳng tìm thấy gì và cũng chẳng dâng lên Chúa điều gì để chuộc tội lỗi của mình.

Người bạn của ngài, Thánh Sofronius, đã nói với ngài:

– Thật ra, cha nên vui mừng lúc này, thưa cha, vì những con chiên thuộc về cha đang sống bình an, không có tranh chấp hay cãi vã, như các Thiên thần của Chúa vậy.

Một lần nọ, các quản lý nhà thờ báo với Thánh Gioan rằng trong đám đông người nghèo có những thiếu nữ ăn mặc sang trọng đang xin bố thí, và họ hỏi ngài: liệu có nên cho những thiếu nữ đó bố thí như những người ăn xin khác không? Đức Thượng phụ đáp:

– Nếu các ngươi thực sự là nô lệ của Đấng Kitô và là những tôi tớ trung thành của Thánh Gioan khiêm nhường, thì hãy phân phát theo như Đấng Kitô đã truyền dạy, không phân biệt đối xử, không hỏi han về cuộc sống của những người mà các ngươi giúp đỡ. Hãy biết rằng chúng ta không cho đi của riêng mình, mà là của Đấng Kitô; vậy thì hãy cho đi như Ngài đã truyền dạy. Còn nếu các con nghĩ rằng tài sản của Giáo hội không đủ cho việc bố thí vĩ đại như vậy, thì tôi không muốn trở thành đồng phạm trong sự thiếu đức tin của các con. Tôi tin tưởng vào Thiên Chúa rằng, cho dù tất cả những người nghèo khó trên toàn vũ trụ đều tụ tập về Alexandria để xin bố thí từ chúng ta, thì tài sản của Giáo hội chúng ta cũng sẽ không cạn kiệt.

Và để họ không thiếu lòng tin, vị thánh đã kể lại câu chuyện sau đây:

– Khi tôi mười sáu tuổi, lúc đó tôi vẫn còn ở đảo Síp, thì một đêm nọ, trong giấc ngủ, tôi thấy một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp; cô ấy mặc trang phục lộng lẫy và đội trên đầu một vòng hoa ô liu. Đứng gần giường tôi, thiếu nữ ấy chạm vào tôi và đánh thức tôi dậy. Khi tỉnh dậy, tôi thấy cô ấy đang đứng trước mặt tôi, không còn trong giấc mơ nữa mà là trong thực tế, và tôi hỏi cô ấy:

– Cô là ai, và sao cô dám vào phòng tôi?

Cô ấy nhìn tôi bằng ánh mắt trong sáng và mỉm cười bằng đôi môi hiền hòa, rồi nói:

– Tôi là con gái cả của Đại Đế và là người đứng đầu trong số các con gái của Ngài.

Nghe vậy, tôi cúi đầu chào cô ấy. Cô ấy tiếp tục:

– Nếu ngươi nhận ta làm bạn, ta sẽ cầu xin Đức Vua ban cho ngươi ân sủng lớn lao và dẫn ngươi đến trước mặt Ngài, vì không ai có sức mạnh và sự táo bạo như ta trước mặt Ngài. Chính ta đã đưa Ngài từ trời xuống đất và thúc giục Ngài mặc lấy thân xác con người để cứu rỗi loài người.

Nói xong, nàng bỗng biến mất. Ngạc nhiên trước cảnh tượng kỳ diệu này, tôi tự nhủ:

– Quả thật, Lòng Thương Xót đã hiện ra trước mặt tôi dưới hình dạng một thiếu nữ. Điều này được chứng minh qua vòng hoa ô liu trên đầu nàng, vốn là dấu hiệu của lòng thương xót; những lời mà thiếu nữ ấy thốt ra cũng cho thấy điều đó: "Ta," nàng nói, "đã đưa Thiên Chúa từ trời xuống đất, và Ngài đã nhập thể." Đấng Tạo Hóa, khi thấy con người đang lâm vào cảnh diệt vong, đã muốn cứu họ khỏi sự diệt vong, không vì lý do nào khác ngoài lòng thương xót, bởi Ngài muốn thương xót tạo vật của Ngài. Vì vậy, ai muốn được ơn thương xót của Thiên Chúa thì phải có lòng thương xót đối với người lân cận và bố thí.

Vậy là, sau khi tự suy ngẫm trong lòng, tôi vội vàng đứng dậy và đi đến nhà thờ khi bình minh vừa ló rạng. Trên đường đi, tôi gặp một người ăn xin trần truồng, đang run rẩy vì lạnh. Tôi cởi áo khoác ngoài ra và đưa cho người ăn xin đó, tự nhủ: "Giờ đây tôi sẽ biết được liệu điều tôi đã thấy có phải là sự thật hay chỉ là ảo giác", rồi tiếp tục đi. Trước khi đến nhà thờ, tôi gặp một người mặc áo trắng, người ấy đưa cho tôi một gói được buộc chặt, bên trong có một trăm đồng bạc. Người ấy nói: "Hỡi bạn! Hãy nhận lấy và sử dụng theo ý muốn của bạn."

Tôi nhận lấy với niềm vui, nhưng ngay lập tức hối hận vì đã nhận, vì nghĩ rằng những thứ trong gói đó không cần thiết cho tôi; vì vậy, tôi quay lại, muốn trả lại những gì đã nhận; nhưng dù đã tìm kiếm kỹ lưỡng, tôi cũng không còn thấy người đã trao gói đó cho tôi nữa. Lúc đó, tôi mới hiểu rằng những gì tôi đã thấy là sự thật, chứ không phải ảo tưởng. Và từ đó trở đi, mỗi khi tôi bố thí cho người nghèo, tôi đều muốn thử xem liệu Đức Chúa Trời có ban thưởng cho tôi gấp trăm lần như Ngài đã hứa hay không. Và sau khi thử nghiệm điều này nhiều lần, tôi đã tin chắc rằng điều đó quả thực là như vậy. Cuối cùng, tôi tự nhủ: "Hãy thôi đi, hỡi linh hồn ta, đừng thử thách Chúa, Thiên Chúa của ngươi nữa!"

Một lần nọ, khi Thánh Gioan đang trên đường đến bệnh viện thăm những người bệnh (việc mà ngài làm hai hoặc ba lần mỗi tuần), ngài gặp một người lữ hành xin bố thí. Thánh Gioan ra lệnh cho người hầu đưa cho người lữ hành đó sáu đồng bạc. Nhận lấy tiền, người lữ hành ấy bỏ đi. Nhưng sau đó, với ý định thử lòng hào phóng của vị

thánh, người ấy đã thay đổi trang phục và đi theo một con đường khác, rồi lại gặp Thánh Gioan và khẩn khoản cầu xin ngài:

– Xin ngài giúp đỡ tôi, thưa ngài, một người tù nghèo khổ.

Thánh Gioan lại ra lệnh cho người hầu đưa cho anh ta sáu đồng bạc. Người hầu thì thầm nói với vị tổng giám mục:

– Thưa Đức Thánh Cha, đây chính là người ăn xin đã từng nhận sáu đồng bạc trước đó.

Nhưng vị tổng giám mục, giả vờ như không nghe thấy lời nhắc nhở đó, lại ra lệnh trao cho người xin ăn sáu đồng tiền. Người lữ hành, sau khi nhận được bố thí lần thứ hai, lại thay quần áo và đi theo con đường khác, gặp lại vị tổng giám mục và lần thứ ba xin ông bố thí. Người hầu lại nói với vị tổng giám mục:

– Thưa Đức Thánh Cha! Người đã nhận của ngài sáu đồng bạc vào lần thứ nhất và thứ hai, giờ đây lại xin lần thứ ba.

Lúc đó, vị thánh đáp lại người hầu:

– Hãy đưa cho ông ta mười hai đồng, chẳng phải chính Chúa Kitô đang thử thách tôi sao?

Một thương gia, sau khi mất hết tài sản trên biển và rơi vào cảnh nghèo cùng cực, đã đến xin vị thánh giúp đỡ. Vị thánh đã cho ông ta năm lít[7730] vàng. Sau khi nhận được vàng, thương gia đã dùng số vàng đó mua rất nhiều hàng hóa, rồi lên tàu ra khơi đến các thành phố khác. Nhưng, sau khi gặp nạn đắm tàu, ông lại mất hết tất cả và chỉ còn sống sót trong gang tấc khỏi bị chìm. Lúc đó, ông lại đến gặp Thánh Gioan và kể cho ngài nghe về những gì đã xảy ra. Thánh Gioan nói với ông:

– Ngươi còn có một số vàng khác, được thu thập bằng cách bất chính, và ngươi đã trộn lẫn nó với vàng của nhà thờ mà ta đã trao cho ngươi. Đó là lý do tại sao cả hai đều bị mất.

Nói xong, ngài lại ban cho ông ta thêm vàng, gấp đôi số trước đó, khoảng mười lít. Nhưng lần thứ ba, thương gia này lại gặp phải tai họa tương tự. Toàn bộ hàng hóa của ông ta đã bị chìm dưới biển, và ông ta không còn dám diện kiến Đức Thượng phụ nữa, mà chỉ ngồi khóc lóc trong nhà, rắc tro lên đầu và định tự tử. Biết được chuyện này, vị thánh đã gọi người thương gia đến và nói với ông ta:

– Sao ngươi lại tuyệt vọng vì nỗi buồn? Hãy đặt niềm tin vào Chúa, và Ngài sẽ không bỏ rơi ngươi! Nhưng ta nghĩ rằng tai họa này ập đến với ngươi là do ngươi sở hữu một con tàu được mua bằng cách không chính đáng.

Nói xong, Thánh Gioan ra lệnh trao cho thương gia một con tàu của nhà thờ, chở đầy lúa mì, rồi cho ông ta ra đi. Nhận được con tàu chở lúa mì được trao tặng, thương gia ra khơi. Và bỗng nhiên, một cơn gió mạnh nổi lên và cuốn con tàu đến một vùng đất xa lạ. Người thương gia, khi nhìn thấy trong ảo ảnh vị ân nhân của mình, Thánh Gioan Nhân Từ, Tổng Giám mục Alexandria, đang đứng ở đuôi tàu và điều khiển con tàu, vẫn giữ niềm hy vọng rằng nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, chuyến đi sẽ kết thúc tốt đẹp.

Nói cách khác: nếu các bạn muốn người ta đối xử công bằng với mình, thì chính các bạn cũng hãy hành động như vậy.

Sau hai mươi ngày và cũng bấy nhiêu đêm, họ cập bến bờ biển nước Anh. Lúc bấy giờ, đất nước này đang phải đối mặt với nạn đói trầm trọng. Người dân, khi biết có một con tàu chở lúa mì đang tiến về thành phố của họ, đã vô cùng vui mừng và vội vã mua hết số lúa mì đó. Và như vậy, thương gia này đã bán lúa mì ở đó với lợi nhuận cao, nhận được một nửa số hàng bán được bằng vàng, còn nửa kia bằng thiếc[7731] . Trên đường trở về, ông đến Decapolis[7732] . Khi định bán thiếc ở đây, ông thấy rằng tất cả đã biến thành vàng. Trở nên giàu có nhờ điều này, thương gia vui mừng trở về Alexandria và kể cho mọi người nghe về phép lạ kỳ diệu này, đã xảy ra nhờ lời cầu nguyện và lòng bác ái của Thánh Gioan.

Một lần nọ, khi vị thánh đang trên đường đến nhà thờ, một người đàn ông đáng kính và quý phái tiến lại gần ông; người này đã bị bọn trộm cướp mất toàn bộ tài sản, khiến ông trở thành một người ăn xin. Thương xót khi thấy một người đáng kính và nổi tiếng như vậy bỗng chốc lâm vào cảnh nghèo cùng cực, Đức Thượng phụ đã kín đáo ra hiệu cho người hầu và ra lệnh cho anh ta nói với các quản lý nhà thờ rằng hãy trao cho người đó mười lăm lít vàng. Tuy nhiên, các quản lý, thấy trong kho vàng của nhà thờ còn rất ít, đã không tuân theo lệnh của Đức Thượng phụ và

[7730] Litra – pound, đơn vị đo lường trọng lượng của Byzantine, tương đương 72 zolotnik; giá trị của nó bằng bạc lên đến 42 r., còn bằng vàng lên đến 606 r. Đơn vị đo lường này cần được phân biệt với litra – đơn vị đo lường dành cho các chất rắn rời và chất lỏng.

[7731] Britania hay nước Anh ngày nay, trong thời cổ đại nổi tiếng với nguồn thiếc dồi dào.

[7732] Decapolis hay Mười Thành – ở phía bắc Palestine – là những thành phố có người Hy Lạp sinh sống.

chỉ trao năm lít, còn mười lít thì giữ lại cho riêng mình. Khi vị Thượng phụ thánh thiện đang trên đường trở về nhà từ nhà thờ, một người phụ nữ rất giàu có và đáng kính đã tiến lại gần ngài và trao vào tay ngài một văn bản, trong đó bà viết rằng bà cúng dường cho nhà thờ năm trăm lít vàng. Sau khi nhận lấy tờ giấy và đọc xong, Đức Thượng phụ, nhờ ân sủng của Đức Thánh Thần, đã nhận ra rằng người phụ nữ đó chưa trao hết số vàng mà bà đã định trong lòng. Chúa Trời đã sắp đặt điều này để vạch trần những người quản lý, những người đã không trao hết số tiền cho người nghèo mà vị tổng giám mục đã ra lệnh phải cho mười lăm lít. Khi trở về nhà, Gioan gọi những người quản lý đến và hỏi: "Các ngươi đã cho người bị trộm cướp bao nhiêu?" Họ đã nói dối, đáp:

– Theo lệnh của ngài, thưa Đức Cha, là mười lăm lít.

Sau khi vạch trần sự dối trá, lòng keo kiệt và sự bất tuân của họ, vị thánh nói với họ:

– Nguyện Chúa đòi lại từ các ngươi một nghìn lít vàng, bởi vì người phụ nữ đạo đức ấy định tặng chúng ta một nghìn rưỡi. Nhưng vì các ngươi không vâng lời ta mà giữ lại mười lít, nên Chúa đã sắp đặt sao cho người phụ nữ ấy cũng giữ lại một nghìn. Nếu các ngươi không tin ta, thì chẳng bao lâu nữa các ngươi sẽ tự mình biết rõ điều đó.

Sau khi gọi người phụ nữ ấy đến, ngài đã hỏi bà trước mặt các quản lý:

– Xin bà cho biết, trước đây, vì lòng yêu mến Chúa, bà dự định cúng dường bao nhiêu vàng cho nhà thờ?

Bà ấy, nhận ra rằng ý định của mình không thể giấu được vị thánh, liền nói:

– Thật vậy, thưa Đức Cha, vài ngày trước, con đã quyết định trao vào tay thánh thiện của ngài một nghìn rưỡi vàng, và con đã lập giấy chứng nhận bằng văn bản về điều đó. Nhưng hôm nay, khi mở giấy ra, tôi phát hiện – không biết bằng cách nào – chữ "một nghìn" đã bị tẩy đi; chỉ còn lại "năm trăm", và tôi tự nhủ rằng Chúa không còn muốn tôi dâng lên thánh địa của ngài nhiều hơn năm trăm lít vàng. Thế là tôi đã làm như vậy.

Nghe xong những lời này, các quản lý vô cùng sợ hãi và xấu hổ, họ quỳ xuống dưới chân vị thánh và xin tha thứ.

Một lần nọ tại Alexandria, do cuộc xâm lược của những kẻ ngoại bang[7733] , đã có rất nhiều người tụ tập lại, dẫn đến nạn đói trầm trọng. Thánh Gioan, vì lòng thương xót những người đang đói khát, đã tiêu hết toàn bộ tài sản của nhà thờ và thậm chí còn nợ một nghìn lít vàng. Lúc đó, một giáo sĩ đã tái hôn, người không thể được phong chức linh mục do đã tái hôn, đã viết thư cho Đức Thượng phụ như sau:

– Tôi có rất nhiều lúa mì, và tôi mong muốn dâng hiến toàn bộ số lúa mì đó cho Chúa Kitô qua tay ngài; đồng thời, tôi còn hứa sẽ đóng góp thêm một trăm năm mươi lít vàng – chỉ cần ngài phong chức phó tế cho tôi.

Vị thánh gọi anh ta lại và bắt đầu quở trách vì ý định dùng tiền để mua chức thánh.

– Hãy ăn năn về tội lỗi của ngươi và hãy sợ sự trừng phạt của Giê-si[7734] ; Đức Chúa Trời toàn năng và Ngài có thể nuôi sống chúng ta trong thời kỳ đói kém mà không cần đến lúa mì của ngươi.

Đúng lúc ngài đang nói những lời đó, một sứ giả xuất hiện với tin báo rằng từ Sicily[7735] đã có hai con tàu chở một lượng lớn lúa mì cập bến; nghe tin đó, Đức Thượng phụ quỳ gối xuống và tạ ơn Thiên Chúa, Đấng không bao giờ bỏ rơi những ai đặt niềm tin nơi Ngài.

Ở đây, chúng ta nên nhắc lại về sự hiền lành, khiêm nhường và lòng không oán hận của Thánh Gioan. Hai vị giáo sĩ đã bị trừng phạt bằng hình thức tạm thời bị khai trừ khỏi Giáo hội vì một lỗi lầm. Một trong hai người đã ăn năn, nhưng người kia, ngược lại, lại càng trở nên cứng lòng trong sự oán hận và, vì tức giận với Đức Thượng phụ, đã gây ra rất nhiều điều xấu xa. Khi nghe tin này, Đức Thượng phụ muốn triệu tập người đó đến và nhẹ nhàng thuyết phục anh ta từ bỏ sự oán hận; nhưng Ngài đã quên làm điều đó, theo sự an bài của Thiên Chúa, để vì lợi ích chung, sự khiêm nhường và hiền lành của Thánh Gioan được bộc lộ. Vào một ngày Chủ nhật nọ, khi đang cử hành Thánh lễ trong nhà thờ, Gioan chợt nhớ đến vị linh mục đang giận dữ với mình, và đồng thời cũng nhớ lại những lời của Chúa Kitô: *"Vậy, nếu ngươi đem lễ vật của mình đến bàn thờ mà ở đó nhớ ra rằng anh em ngươi có điều gì bất bình với ngươi, thì hãy để lễ vật của ngươi lại trước bàn thờ, đi làm hòa với anh em ngươi trước, rồi hãy trở*

[7733] Đây tất nhiên là cuộc xâm lược của người Ba Tư vào Ai Cập, diễn ra vào năm 618, dưới sự chỉ huy của Khosrow.

[7734] Trong Sách Các Vua quyển 4 có kể lại việc tiên tri Ê-li-sê đã chữa lành bệnh phong hủi cho Ne-ê-man, một tướng quân người Sy-ri, mà không nhận tiền công. Còn Giê-xi, người hầu của Ê-li-sê, vì thấy chủ mình không nhận gì từ Ne-ê-man nên đã lừa lấy của ông ta nhiều bạc và hai bộ quần áo. Khi biết chuyện này, Ê-li-sê nói với Giê-xi: "Căn bệnh hủi của Ni-ê-man sẽ dính vào ngươi và dòng dõi ngươi mãi mãi." Và Giê-xi rời khỏi nhà tiên tri với thân thể trắng bệch vì bệnh hủi, như tuyết (4 Vua 5:1–27).

[7735] Một hòn đảo ở phía nam Ý trên Biển Địa Trung Hải, nổi tiếng với đất đai màu mỡ, và vì thế mà trong thời cổ đại được coi là kho lúa của Ý.

lại dâng lễ vật của ngươi" (Mt 5:23–24). Khi bước ra khỏi bàn thờ, ngài gọi vị linh mục ấy lại và quỳ xuống dưới chân ông, xin ông tha thứ. Vị linh mục, khi thấy sự khiêm nhường như vậy của vị tổng giám mục, đã hoảng sợ, và chính ông cũng quỳ xuống dưới chân ngài, khóc lóc xin tha thứ. Như vậy, Gioan đã hòa giải với vị linh mục của mình, trở lại bàn thờ và, sau khi dâng lễ một cách can đảm, với lương tâm trong sạch, ngài đã có thể đọc lời cầu nguyện của Chúa: *"Và xin tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha cho những người mắc nợ chúng con"* (Mt 6,12).

Còn vị tu sĩ ấy, sau khi ăn năn hối cải, đã sống một cuộc đời thánh thiện, và sau đó được ban chức linh mục.

Một ví dụ khác về sự hiền lành mà Thánh Gioan đã thể hiện cũng không kém phần ấn tượng. Một chủ nhà trọ ở Alexandria đã sỉ nhục cháu trai của vị thánh, tên là Giorgi, bằng những lời chửi rủa và trách móc. Khi đến gặp chú mình, Giorgi đã than thở một cách cay đắng về người đã sỉ nhục mình.

Thấy cháu trai mình rất bối rối và muốn an ủi cậu, Thánh Gioan nói:

– Hắn, tên khốn kiếp đó, dám sỉ nhục cháu trai ta! Ta thề trước mặt Chúa rằng ta sẽ trả thù kẻ xúc phạm này và xử lý hắn sao cho cả thành Alexandria phải kinh ngạc!

Sau khi được những lời của Đức Thượng phụ an ủi, George bớt khóc. Lúc đó, với tấm lòng hiền lành và khiêm nhường, John bắt đầu nói với cậu:

– Con yêu dấu! Nếu con muốn trở thành người thân của ta, thì hãy sẵn sàng không chỉ chịu đựng những lời sỉ nhục, mà còn phải chịu đựng cả những vết thương, và vì Chúa, hãy tha thứ mọi điều cho người lân cận. Con có muốn trở thành người cao quý không? – Vậy thì đừng tìm kiếm sự cao quý qua dòng máu, mà hãy tìm từ đức hạnh. Sự cao quý đích thực không được tô điểm bởi danh tiếng của tổ tiên, mà bởi những việc làm tốt và cuộc sống đẹp lòng Chúa!

Như vậy, sau khi làm dịu lòng cháu trai mình, vị thánh đã gọi người quản lý các nhà trọ và ra lệnh cho ông ta không thu khoản thuế nhà thờ mà người đã làm nhục George phải nộp hàng năm, mà để cho người đó được sống tự do.

Và quả thực, theo lời hứa của mình, Thánh Gioan đã đối xử với kẻ xúc phạm ấy theo cách khiến cả thành Alexandria đều ngạc nhiên: thay vì trừng phạt và trả thù, ngài lại ban ân huệ cho hắn.

Với mong muốn luôn ghi nhớ sự chết trong tâm trí, Thánh Gioan đã ra lệnh làm một chiếc quan tài cho mình, nhưng không được trang trí nó. Đồng thời, ngài ra lệnh cho các quản lý rằng vào mọi ngày lễ trọng thể, họ phải đến gặp ngài và trước mặt mọi người, lớn tiếng nói:

– Thưa Đức Cha! Quan tài của ngài vẫn chưa hoàn thiện; xin ngài ra lệnh hoàn thiện nó, vì cái chết đến như kẻ trộm, và ngài không biết nó sẽ xuất hiện vào giờ nào.

Như vậy, Thánh Gioan luôn ghi nhớ về cái chết và luôn sẵn sàng đón nhận nó.

Một lần nọ, có một quý tộc giàu có đến gặp vị thánh, và ông ta tình cờ nhìn thấy chiếc giường của vị thánh, được phủ bằng một chiếc chăn mỏng. Khi về nhà, vị quý tộc ấy đã gửi cho Đức Thượng phụ một chiếc chăn trị giá ba mươi sáu đồng vàng, và xin ngài dùng chiếc chăn đó để đắp. Đức Thượng phụ, không muốn làm phật lòng vị quý tộc, đã nhận chiếc chăn theo lời khẩn khoản của ông ta và chỉ đắp nó trong một đêm duy nhất. Lúc đó, ngài tự nhủ:

– Khốn nạn cho ngươi, hỡi Gioan khốn kiếp, vì ngươi khoác lên mình chiếc chăn quý giá, trong khi anh em của Chúa Kitô – những người nghèo khổ – đang run rẩy vì giá rét. Có bao nhiêu người phải ngủ qua đêm mà không có lấy một tấm chăn che chắn trước gió và giá rét, chỉ có một tấm chiếu nhỏ hoặc bộ quần áo rách rưới! Có biết bao người trần truồng nằm lăn lóc trên đống phân và run rẩy vì giá rét, phải chịu đựng nỗi đau gấp đôi: đói và lạnh, thức trắng cả đêm, khao khát được ăn mà lại chết vì giá rét!

Ôi, thật đáng thương cho tôi! Có biết bao người nghèo khổ, giống như Lazarô, khao khát được no nê từ những hạt cơm rơi vãi từ bàn ăn của tôi! Ôi, thật đáng buồn cho tôi! Trong thành phố này có biết bao người lữ hành và khách lạ, không có nơi nào để gối đầu, những người phải qua đêm trên đường phố và chịu đựng mọi khổ nạn, nhưng vẫn tạ ơn Chúa Kitô vì tất cả! Còn ngươi, Gioan, mong muốn được hưởng sự bình an vĩnh cửu, lại đang sống trong sự xa hoa và an nhàn ở đây, có tất cả những gì ngươi mong muốn: sống trong những cung điện lộng lẫy, mặc áo quần mềm mại, uống rượu vang, ăn cá ngon. Và trên hết, ngươi còn khoác lên mình một tấm chăn quý giá. Vậy thì ngươi có thể mong đợi điều gì trong thế giới tương lai? Không, hỡi Giăng khốn nạn, khi sống cuộc đời như vậy, ngươi sẽ không được Nước Trời vĩnh cửu, mà sẽ nghe thấy điều tương tự như người giàu có trong Tin Mừng: *"Kẻ điên rồ! Đêm nay linh hồn ngươi sẽ bị cướp mất; vậy thì những gì ngươi đã tích trữ sẽ thuộc về ai?"* (Lc 12,20).

Thiên Chúa là Đấng làm chứng rằng người khiêm nhường Gioan sẽ không khoác chiếc chăn ấy vào đêm khác nữa, nhưng số tiền thu được từ việc bán chăn sẽ được dùng để mua áo quần cho những người nghèo khổ và khốn cùng!

Khi trời sáng, vị thánh vội vàng mang tấm chăn ra chợ bán, để dùng số tiền thu được mua áo quần cho những người nghèo khổ. Nhưng khi đang bán tấm chăn, vị quan đại thần – người đã tặng tấm chăn cho thánh Gioan – tình cờ đi ngang qua. Thấy chiếc chăn đang được rao bán, vị quý tộc liền mua lại và gửi trả cho Thánh Gioan, khẩn khoản xin ngài hãy tự dùng nó để che thân. Nhận được chiếc chăn, vị thánh lại cho người mang đi bán tiếp. Vị quan ấy, thấy chiếc chăn lại được rao bán, đã mua nó lần thứ hai và gửi trả lại cho Thánh Gioan, khẩn khoản xin ngài hãy tự mình dùng nó. Thánh Gioan lại ra lệnh bán chiếc chăn lần thứ ba, nhưng vị quan ấy, sau khi mua lần thứ ba, lại gửi trả lại cho Thánh Gioan. Sau đó, Gioan ra lệnh truyền lời cho vị quan đại thần ấy rằng:

– Chúng ta sẽ xem ai trong hai ta sẽ mệt mỏi trước: tôi – vì phải bán, hay ngài – vì phải mua rồi lại tặng lại cho tôi?

Bằng cách đó, Thánh Gioan đã thu được từ vị quan ấy rất nhiều vàng, và ngài đã phân phát số vàng đó cho những người nghèo khổ.

Vị thánh này biết cách thu hút cả những người keo kiệt và ham tiền bạc tham gia việc bố thí. Biết được một vị giám mục tên là Troila rất keo kiệt và ham tiền, Thánh Gioan đã mời ông ấy đi cùng mình đến bệnh viện để thăm những người ốm đau và nghèo khó. Thấy Troila mang theo vàng, ngài nói với ông ấy:

– Thưa Cha Troila! Đây là cơ hội để ngài an ủi những anh em nghèo khó này bằng cách bố thí cho họ.

Troil, vì xấu hổ khi bị coi là keo kiệt, nên dù trái với ý muốn của mình, ông vẫn bắt đầu phát bố thí cho tất cả mọi người, từ người đầu tiên đến người cuối cùng, và đã tiêu hết ba mươi lít vàng. Nhưng sau đó, ông bắt đầu hối hận vì đã phát quá nhiều vàng cho những người nghèo khổ. Về đến nhà, Troil buồn bã đến mức phải nằm liệt giường vì số vàng đã phát đi. Trong khi đó, Thánh Gioan đã sai người đến mời ông đến dùng bữa trưa. Troil từ chối đến dự bữa trưa, nói rằng mình đang ốm. Đoán được nguyên nhân bệnh tật của anh ta – rằng anh ta đã ngã bệnh vì đau khổ vì số tiền đã tiêu hết – Thánh Gioan mang theo ba mươi lít vàng và lên đường đến thăm người bệnh. Khi đến nơi, ngài nói:

– Đây, tôi mang vàng đến cho anh, số vàng mà tôi đã mượn của anh ở bệnh viện – hãy nhận lấy nó, và hãy viết cho tôi một lá thư xác nhận rằng anh chuyển cho tôi phần thưởng từ Chúa, vốn dành cho anh vì số vàng đã được phân phát.

Khi nhìn thấy vàng, Troil vô cùng vui mừng; sau khi nhận lấy, ông lập tức khỏi bệnh và ngay lập tức viết như sau:

– Lạy Chúa nhân từ! Xin ban phần thưởng cho ngài Giăng, tổng giám mục Alexandria, vì ba mươi lít vàng mà tôi đã phân phát cho những người nghèo, vì ngài đã trả lại vàng cho tôi.

Sau khi nhận được lá thư này của Troilus, Thánh Gioan đã mời anh ta đến dùng bữa trưa. Trong lúc chiêu đãi ông, vị thánh thầm cầu nguyện với Chúa, xin Ngài giải thoát Troil khỏi lòng tham tiền bạc ấy. Và vào ban đêm, Troil đã thấy trong giấc mơ một ngôi nhà vô cùng tuyệt đẹp, với vẻ đẹp không thể tả xiết, trên cửa có dòng chữ vàng: "Nơi an nghỉ vĩnh cửu của Giám mục Troil".

Troil vô cùng vui mừng trước ngôi nhà tuyệt đẹp như vậy, được chuẩn bị sẵn cho ông. Nhưng đột nhiên, một người đàn ông uy nghiêm và đáng sợ xuất hiện, trông giống như một quan cận thần hoàng gia[7736] , và nói với các đầy tớ:

– Chúa tể của cả thế gian đã ra lệnh xóa dòng chữ này đi.

Và ngay lập tức, các người hầu đã xóa đi. Khi xuất hiện lần thứ hai, người đàn ông đó lại nói với các người hầu:

– Hãy viết như thế này: đây là nơi an nghỉ vĩnh cửu của Gioan, tổng giám mục Alexandria, người đã mua chúng cho mình với giá ba mươi lít vàng.

Khi tỉnh giấc, Troil cảm thấy kinh hoàng, vô cùng đau buồn vì đã mất đi ngôi nhà trên trời đã được chuẩn bị sẵn cho mình, và tự trách mình vì lòng tham vàng bạc. Anh ta đứng dậy, vội vã đến gặp Thánh Gioan và kể lại những gì mình đã thấy. Thánh Gioan, với sự hiền lành thường thấy, đã dạy dỗ anh ta và cho anh ta ra về trong bình an. Kể từ đó, Troil đã sửa đổi và trở nên rất yêu thương người nghèo và nhân từ với mọi người.

[7736] Cuvicularis – người phục vụ giường ngủ tại triều đình hoàng gia.

Chúa, Đấng từng thử thách lòng kiên nhẫn của người công chính Gióp, cũng đã ban cho Thánh Gioan một thử thách đầy gian nan. Một lần nọ, những con tàu thuộc Giáo hội Alexandria, chở đầy hàng hóa đến tận mui, đang lênh đênh trên Biển Adriatic[7737] . Bỗng nhiên, một cơn bão ập đến cùng những con sóng dữ dội đến mức các con tàu suýt nữa thì chìm. Nguy hiểm lớn đến mức họ buộc phải vứt toàn bộ hàng hóa xuống biển. Điều này xảy ra theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, *"để đức tin đã được thử thách của các con trở nên quý giá hơn vàng đang bị hủy diệt, dù vàng ấy đã được thử lửa, nhằm mang lại sự khen ngợi, vinh quang và danh dự khi Đức Chúa Giê-su Christ hiện ra"* (1 Phi-e-rơ 1:7)[7738] . Có mười ba con tàu, và giá trị của tất cả hàng hóa trên đó lên tới ba nghìn ba trăm lít vàng. Mất đi tài sản đó, vốn có thể dùng để nuôi dưỡng và cung cấp quần áo cho những người nghèo trong một thời gian dài, Thánh Gioan đã chấp nhận điều này với lòng biết ơn, thường lặp lại lời của Gióp: *"Ngài phán: 'Tôi trần truồng ra khỏi lòng mẹ, và trần truồng tôi sẽ trở về. Chúa đã ban, Chúa đã lấy đi; [theo ý Chúa muốn, thì điều đó đã xảy ra;] xin danh Chúa được ngợi khen!'"* (Gióp 1:21).

Khi nhiều quan chức thành phố đến gặp ngài, mong an ủi ngài trong nỗi buồn, ngài đã trả lời họ:

– Tôi phải chịu trách nhiệm về sự mất mát tài sản của nhà thờ, vì nếu tôi không tự cao tự đại, tự cho rằng mình đang ban phát những khoản bố thí lớn lao, thì những tài sản quý giá ấy đã không bị chìm mất trên biển. Tôi đã kiêu ngạo khi cho đi những gì không phải của mình, mà là của Đức Chúa Trời. Và nay, Đức Chúa Trời, muốn khiêm nhường tôi, đã để cho tôi lâm vào cảnh nghèo khó này, vì sự nghèo khó làm cho con người khiêm nhường. Giờ đây, chính tôi cũng nhận ra rằng vì kiêu ngạo mà tôi đã mất đi phần thưởng từ Chúa và gây ra tổn thất lớn cho những người nghèo khó, bởi những người mà lương thực của họ đã bị mất sẽ phải chịu đói khát. Nhưng không phải vì tôi, mà vì chính họ, Chúa sẽ không bỏ rơi những người nghèo khó và sẽ ban cho họ mọi thứ cần thiết.

Như vậy, những người đến an ủi Gioan lại chính là những người nhận được sự an ủi và lời dạy dỗ từ ông. Còn Chúa thì chẳng bao lâu sau đã ban cho Gioan gấp đôi so với trước đây.

Giăng thường ban phát những khoản bố thí lớn cho người nghèo và đặc biệt giúp đỡ những ai đang phải chịu bất công. Một lần nọ, khi ngài đang trên đường đến nhà thờ các thánh tử đạo Kyra và Gioan, một góa phụ nghèo đã đến gần ngài và, kể lại nỗi oan ức lớn lao mà con rể đã gây ra cho bà, xin sự che chở từ vị Thánh Tổ Phụ. Những người đi cùng Gioan đã nói với ngài:

– Thưa Đức Thánh Cha, xin ngài hãy lắng nghe lời thỉnh cầu của người góa phụ này khi ngài trở về nhà!

Thánh nhân đáp:

– Làm sao Chúa có thể nghe lời cầu nguyện của con bây giờ, nếu con không lắng nghe bà ngay lập tức?

Và ngài không rời khỏi chỗ đó cho đến khi lắng nghe người góa phụ và bảo vệ bà khỏi nỗi oan ức.

Có một chàng trai, sau khi cha mẹ qua đời, đã lâm vào cảnh không có bất kỳ nguồn sinh kế nào. Thánh Gioan, khi biết chuyện này, đã hỏi những người đi cùng rằng tại sao chàng trai này lại lâm vào cảnh nghèo khó (vì ngài đã nghe nói rằng cha mẹ anh ta từng rất giàu có). Những người sùng đạo kể cho ngài nghe rằng cha mẹ của cậu thanh niên này rất nhân từ và đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo, chỉ để lại cho con trai mười lít vàng. Nhưng trước khi qua đời, cha của cậu thanh niên (mẹ cậu đã qua đời trước đó), đã gọi cậu lại, đề nghị cậu chọn giữa vàng và bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, rồi nói:

– Con yêu quý ơi! Trong toàn bộ tài sản của chúng ta, chỉ còn lại mười lít vàng; tất cả những thứ còn lại, chúng ta đã trao vào tay Chúa Kitô. Vậy hãy trả lời cha: con muốn gì: vàng, hay bức tượng Đức Mẹ, Đấng Cứu Rỗi và Đấng Nuôi Dưỡng của con?

Cậu bé, khinh thường vàng, đã chọn bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, còn vàng thì xin được phân phát cho người nghèo. Và thế là tài sản cuối cùng cũng được trao cho những người nghèo khó. Khi cha qua đời, cậu bé trở thành người nghèo khó, và giờ đây phải chịu đựng đủ mọi thiếu thốn. Mặc dù vậy, cậu vẫn cầu nguyện ngày đêm tại nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.

Sau khi nghe câu chuyện này, Thánh Gioan đã ngạc nhiên trước đức hạnh và trí tuệ của cậu thiếu niên này, yêu mến cậu từ tận đáy lòng và từ đó, như một người cha đích thực của những đứa trẻ mồ côi, ngài đã chăm sóc cậu và suy nghĩ xem nên ban cho cậu ân huệ nào. Một lần nọ, ngài bí mật gọi người quản lý của mình và nói với ông:

– Ta muốn tiết lộ cho ngươi một bí mật, nhưng hãy nhớ đừng nói với ai cả.

[7737] Biển Adriatic nằm giữa bán đảo Apennine và bán đảo Balkan.

[7738] Đó là những gì Sứ đồ Phê-rô đã viết cho các tín hữu ở Tiểu Á, khuyên họ hãy vui vẻ chịu đựng những gian nan (1 Phê-rô 1:6), để đức tin đã được thử thách trở nên quý giá hơn vàng đang hư nát, dù vàng đó đã được thử lửa (1 Phê-rô 1:7).

Quản gia hứa sẽ giữ kín bí mật mà vị thánh sẽ tiết lộ. Lúc đó, vị tổng giám mục nói:

– Hãy đi lấy một tờ giấy cũ và viết lên đó bản di chúc trước khi chết nhân danh một người tên là Theonemptus, sao cho từ bản di chúc này cho thấy rằng ta và cậu thiếu niên nghèo khó này là những người thân cận với nhau. Sau đó, hãy đến gặp cậu thanh niên ấy và nói với cậu ta: "Anh ơi, anh có biết rằng anh là người thân cận của Đức Thượng phụ không? Vì vậy, việc anh phải sống trong cảnh nghèo khó là điều đáng xấu hổ." Khi đó, hãy cho cậu ta xem bản di chúc đã viết và nói thêm: "Con ơi, nếu con xấu hổ không dám nói với Đức Thượng phụ rằng con là người thân của ngài, thì ta sẽ nói với ngài về con."

Sau khi nghe chỉ thị của Thánh Gioan, người quản gia đã làm theo lời Thượng phụ truyền. Ông viết một bản di chúc trên một tờ giấy da cũ nát, trong đó nêu rõ mối quan hệ huyết thống giữa chàng trai nghèo và Thượng phụ. Sau đó, ông gọi chàng trai đến, cho anh ta xem bản di chúc và nói rằng ông đã tìm thấy nó giữa những tờ giấy cũ của cha anh ta. Sau khi đọc di chúc, cậu thiếu niên ban đầu rất vui mừng, nhưng sau đó lại cảm thấy xấu hổ vì mình quá nghèo và mặc bộ quần áo rách rưới, nên đã xin người quản gia hãy nói với Đức Thượng phụ về mình. Người quản gia đến gặp vị thánh, tâu lại lời thỉnh cầu của cậu thiếu niên, và vị thánh nói:

– Hãy nói với cậu thiếu niên rằng, Đức Thượng phụ nói thế này: Ta nhớ rằng chú ta có một người con trai, nhưng ta chưa từng gặp mặt người đó. Con sẽ làm điều tốt nếu đưa cậu ấy đến gặp ta. Hãy mang theo cả bản di chúc nữa.

Quản gia dẫn cậu thiếu niên đến và trình bản thảo cho vị thánh. Đức Thượng phụ ôm cậu thiếu niên với tình yêu thương và nói:

– Thật tốt là con đã đến, vì con là con trai của chú ta.

Thánh nhân đã ban cho chàng trai một gia tài lớn, mua cho cậu một ngôi nhà và mọi thứ cần thiết cho cuộc sống, gả cậu cho một thiếu nữ quý tộc, và cố gắng làm cho cậu trở nên giàu có, danh giá và chính trực, để những lời trong Thánh vịnh được ứng nghiệm: *"Ta đã trẻ và nay đã già, nhưng chưa từng thấy người công chính bị bỏ rơi, cũng chưa từng thấy con cháu họ phải xin ăn"* (Thánh vịnh 36:25). Thánh Gioan thường xuyên đến thăm những người bệnh, tự tay chăm sóc họ và an ủi những người sắp qua đời bằng những lời cầu nguyện, giúp đỡ họ trong giây phút lâm chung. Ngoài ra, ngài thường cử hành Thánh lễ cho những người đã qua đời và khẳng định rằng Thánh lễ được cử hành cho người đã khuất mang lại lợi ích to lớn cho họ. Để minh chứng cho điều này, vị thánh đã nhắc đến một sự kiện xảy ra không lâu trước đó trên đảo Síp.

– "Một tù nhân đến từ Síp," ngài kể, "đang bị giam giữ trong điều kiện khắc nghiệt tại Ba Tư. Cha mẹ anh ta, những người đang sống ở Síp, đã nhận được tin rằng anh ta đã qua đời, nên họ đã khóc thương anh ta như một người đã khuất." Ba lần mỗi năm, họ tổ chức lễ tưởng niệm cho anh ta, dâng lễ vật tại nhà thờ cầu nguyện cho linh hồn anh ta, để cử hành Thánh lễ. Sau bốn năm, con trai họ trốn thoát khỏi cảnh tù đày và trở về nhà. Cha mẹ anh, khi nhìn thấy anh, đã vô cùng ngạc nhiên, nghĩ rằng anh đã sống lại từ cõi chết. Vui mừng vì con trai được tự do, họ kể cho cậu nghe rằng họ đã cử hành lễ tưởng niệm cho cậu ba lần mỗi năm. Con trai hỏi họ đã cử hành lễ tưởng niệm vào những ngày nào. Họ trả lời rằng đó là vào ngày Lễ Hiển Linh, Lễ Phục Sinh và Lễ Ngũ Tuần. Nghe vậy, cậu chợt nhớ ra và nói:

– Vào những ngày đó, có một người đàn ông uy nghiêm mang đèn đến thăm tôi trong ngục; xiềng xích rơi khỏi chân tôi, và tôi được tự do. Còn vào những ngày khác, tôi lại phải mang xiềng xích như một tù nhân.

Thánh Gioan rất e ngại việc lên án người khác vì tội lỗi, đặc biệt là các tu sĩ. Có lần ngài đã vô tình lên án một tu sĩ một cách bất công, và từ đó ngài không còn chấp nhận bất kỳ lời tố cáo nào về họ cũng như không lên án họ nữa. Sự việc diễn ra như sau. Một tu sĩ trẻ trong vài ngày liền đi dạo quanh thành Alexandria cùng một thiếu nữ rất trẻ và xinh đẹp. Thấy vậy, một số người đã bị cám dỗ, cho rằng anh ta đang sống một cuộc đời bất chính với cô gái ấy, và đã báo cáo việc này lên Đức Thánh Tổ Phụ. Ngài ra lệnh bắt giữ cả hai ngay lập tức, trừng phạt bằng hình phạt thể xác và giam riêng từng người trong ngục tối. Khi đêm xuống, vị tu sĩ hiện ra trước Thượng phụ trong giấc mơ, chỉ cho ngài thấy đôi vai đầy vết thương do bị đánh đập và hỏi ngài:

– Đó có phải là điều ngài mong muốn, thưa Đức Thượng phụ? Ngài đã học được từ Thánh Tông Đồ cách chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô không phải bằng sự ép buộc, mà là tự nguyện (1 Phê-rô 5:2) như vậy sao? Hãy tin tôi: ngài đã bị lừa dối, như một con người!

Nói xong, vị tu sĩ ấy rời khỏi ngài. Còn Đức Thượng phụ, khi tỉnh giấc, suy ngẫm về những gì vừa thấy, tự hỏi điều đó có ý nghĩa gì, và khi nhận ra tội lỗi của mình, ngài ngồi trên giường, than thở và đau buồn. Khi bình minh ló rạng, ngài ra lệnh cho người ta dẫn vị tu sĩ ấy đến, mong được nhìn xem liệu người ấy có giống với người

đã hiện ra trong giấc mơ của ngài hay không. Vị tu sĩ ấy đến với rất nhiều khó khăn, vì do vô số vết thương nên hầu như không thể di chuyển được. Khi nhìn thấy anh ta, Đức Thượng phụ sững sờ, không thể thốt ra lời nào, chỉ ra hiệu bằng tay bảo anh ta ngồi xuống bên cạnh mình. Sau đó, khi đã bình tĩnh lại, ngài yêu cầu vị tu sĩ cởi áo ra và cho ngài xem vai, để xác nhận xem liệu anh ta có bị thương như ngài đã thấy trong giấc mơ hay không. Khi, sau những lời khẩn khoản, tu sĩ bắt đầu cởi bỏ áo choàng, mọi người đều thấy rằng anh ta là một hoạn quan. Đức Thượng phụ, khi nhìn thấy thân thể đầy thương tích của anh ta, đã vô cùng hối tiếc về sự việc đã xảy ra và, sau khi cho người đi tìm những kẻ đã vu khống tu sĩ, đã trục xuất họ khỏi Giáo hội trong ba năm, đồng thời xin lỗi tu sĩ:

– Xin tha thứ cho tôi, anh em ơi, – ngài nói với anh ta, – vì tôi đã làm điều đó do thiếu hiểu biết. Tôi đã phạm tội trước mặt Chúa và trước mặt anh. Tuy nhiên, anh không nên dành thời gian một cách thiếu thận trọng với một thiếu nữ như vậy, gây cám dỗ cho những người thế tục, vì anh đang mang hình ảnh của một tu sĩ.

Vị tu sĩ khiêm nhường đáp lại:

– Thưa Đức Cha, xin hãy tin rằng con sẽ không nói dối ngài, mà chỉ nói sự thật. Trước đây, khi con ở Gaza[7739] và đang trên đường đến viếng mộ các thánh tử đạo Kira và Ioann, vào buổi tối, cô gái này đã gặp con và, quỳ xuống dưới chân con, nước mắt lưng tròng, van nài con đừng cấm cô ấy đi cùng con. Nhưng tôi đã đẩy cô ấy ra và bỏ chạy. Còn cô ấy, vừa đi theo sau tôi, vừa nói:

– Tôi khẩn cầu ngài nhân danh Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đấng đã đến để cứu rỗi những kẻ có tội và sẽ phán xét cả người sống lẫn người chết, – xin đừng bỏ rơi tôi!

Nghe vậy, tôi nói với cô ấy:

– Nàng ơi, sao nàng lại thề thốt với tôi như vậy?

– Con là người Do Thái, – cô ấy trả lời tôi trong tiếng nức nở, – và con muốn từ bỏ đức tin xấu xa của cha mẹ để trở thành một tín đồ Kitô giáo. Con van xin cha! Xin đừng từ chối con, mà hãy cứu rỗi linh hồn đang khao khát tin vào Chúa Kitô.

Nghe vậy, tôi lo sợ trước sự phán xét của Đức Chúa Trời, nên đã đưa cô gái ấy theo mình và dạy dỗ cô về đức tin thánh thiện. Sau đó, khi đến lăng mộ các thánh tử đạo, tôi đã làm lễ rửa tội cho cô trong nhà thờ và, với lòng chân thành, tôi đi cùng cô, dự định đưa cô vào tu viện nữ.

Sau khi nghe câu chuyện của vị tu sĩ, Đức Thượng phụ thở dài và nói:

– Chúa có bao nhiêu tôi tớ thầm lặng, chúng ta, những kẻ tội lỗi, chẳng hề hay biết.

Sau đó, ngài kể lại giấc mơ của mình cho tất cả những người xung quanh nghe và, lấy ra một trăm đồng vàng, định trao cho vị tu sĩ ấy; nhưng vị tu sĩ không muốn nhận lấy một đồng nào, nói rằng:

– Nếu tu sĩ tin rằng Chúa đang chăm lo cho mình, thì người ấy không cần vàng; còn nếu ham mê vàng, thì người ấy không tin rằng Chúa tồn tại.

Nói xong, ông cúi chào Đức Thượng phụ rồi ra đi. Kể từ đó, Thánh Gioan càng kính trọng các tu sĩ hơn; ngài đã xây dựng một tu viện để che chở các tu sĩ lang thang và không còn lên án ai nữa.

Vị Mục tử nhân lành đã dạy dỗ các con chiên thiêng liêng của mình, để họ đừng lên án ai, dù có biết ai đó phạm tội đi chăng nữa, mà hãy nhìn vào tội lỗi của chính mình hơn là tội lỗi của người khác. Có lần, một thanh niên từ Alexandria cùng với một nữ tu đã trốn chạy đến Constantinople. Mọi người đều lên án anh ta và nói:

– Hắn đã hủy hoại hai linh hồn: cả của chính mình lẫn của nữ tu, và hơn nữa còn trở thành cám dỗ cho mọi người. Trong khi đó, Phúc Âm có chép: *"Khốn cho thế gian vì những cám dỗ, vì cám dỗ ắt phải đến; nhưng khốn cho người nào làm cám dỗ đến"* (Mt 18,7).

Lúc đó, Thánh Gioan nói với họ:

– Hỡi các con, đừng lên án nữa, vì chính các con cũng có lỗi trong hai tội: thứ nhất, khi lên án người đã phạm tội, các con đã vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời: *"Vì vậy, chớ xét đoán gì trước thời hạn, cho đến khi Chúa đến, Đấng sẽ soi sáng những điều ẩn giấu trong bóng tối và bày tỏ những ý định trong lòng, và lúc đó mỗi người sẽ nhận được lời khen ngợi từ Đức Chúa Trời"* (1 Cô-rinh-tô 4:5). Mặt khác, các con đang vu khống anh em mình, mà không biết liệu anh ta có còn phạm tội cho đến nay hay đã ăn năn rồi.

Để làm gương, ngài đã kể cho họ nghe câu chuyện sau đây.

– Có một tu sĩ đang đi dạo trên các đường phố của thành Tyre[7740] . Một người phụ nữ làm nghề mại dâm tên là Porphyria, người mà ai trong thành phố đó cũng biết, đã để ý thấy ông và bắt đầu la lên theo sau tu sĩ:

[7739] Gaza – một thành phố ở Palestine, nằm trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải, về phía tây nam của Giê-ru-sa-lem.

– Thưa Cha! Xin cứu con, như Chúa Kitô đã cứu người phụ nữ lăng loàn!

Còn vị tu sĩ, không màng đến sự phán xét của loài người, đã nói với cô ta:

– Hãy theo tôi!

Rồi ông nắm tay cô, dẫn cô ra khỏi thành phố trước sự chứng kiến của mọi người. Sau đó, tin đồn lan truyền khắp thành phố rằng vị tu sĩ đã lấy người phụ nữ lăng loàn Porfiria làm vợ. Khi vị tu sĩ dẫn cô đến tu viện nữ, Porfiria đã tìm thấy một đứa trẻ bị bỏ rơi trên đường và nhận nuôi nó, để nuôi dưỡng thay cho con trai mình. Một thời gian sau, một số cư dân thành Tyre có dịp đến đất nước nơi vị tu sĩ già và Porfiria đang sinh sống. Thấy cô có đứa trẻ, họ nói với cô bằng giọng chế giễu:

– Hay thật, Porfiria, bà đã sinh được đứa trẻ.

Khi trở về, họ kể cho mọi người rằng Porfiria đã sinh con với một vị tu sĩ: "Chúng tôi đã tận mắt nhìn thấy cậu bé," họ nói, "và cậu bé rất giống vị tu sĩ ấy." Khi vị tu sĩ già cảm nhận được cái chết sắp đến và sự ra đi về với Chúa, ông nói với Pelagia (tên mà ông đã đặt lại cho Porfiria sau khi cô nhận tu):

– Hãy cùng đi đến Tyre, nơi mà giờ đây ta cần phải đến. Ta mong muốn con cũng đi cùng ta.

Tuân theo ý muốn của vị tu sĩ già, Pelagia đã lên đường cùng ông. Họ đi vào thành phố, mang theo cả đứa trẻ, lúc đó đã bảy tuổi. Khi họ vào thành phố, vị tu sĩ già bắt đầu ốm, và nhiều người dân trong thành đã đến thăm ông. Lúc đó, vị tu sĩ già nói với những người đến thăm:

– Hãy mang lư hương đến cho tôi.

Họ mang đến cho ông. Ông cầm lư hương lên, đổ than hồng từ đó ra ngực mình và giữ chúng cho đến khi chúng nguội hẳn. Những than hồng ấy không làm bỏng cả thân thể lẫn quần áo của ông. Lúc đó, vị tu sĩ già nói với mọi người:

– Ngợi khen Thiên Chúa, Đấng xưa kia đã bảo vệ bụi gai khỏi bị lửa thiêu rụi! Ngài là Đấng làm chứng rằng, cũng như những than hồng này không làm bỏng thân thể tôi và lửa không chạm đến áo quần tôi, thì từ ngày sinh ra, tôi cũng chưa từng biết đến tội lỗi xác thịt.

Nói xong, vị tu sĩ già đã dâng linh hồn mình lên Chúa. Tất cả những ai chứng kiến cảnh này đều kinh ngạc và ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng có những tôi tớ của Ngài đang thầm lặng tu hành. Sau khi kể lại câu chuyện này cho mọi người, Thánh Gioan đã dạy dỗ họ bằng những lời sau:

– Vậy nên, hỡi anh em và các con, đừng vội vàng kết án. Chúng ta thường nhận ra tội lỗi của người phạm tội, nhưng lại không thấy sự sám hối của họ, điều mà họ thực hiện trong thầm lặng.

Vị mục tử nhân lành ấy đã dạy dỗ các con chiên của mình và cai quản Giáo Hội của Chúa Kitô với lòng khiêm nhường.

Đã xảy ra chuyện người Ba Tư tấn công đất nước của họ. Thánh Gioan, nhớ lại lời của Đấng Cứu Thế: *"Khi người ta bắt bớ các con ở một thành phố, hãy chạy sang thành phố khác. Vì Thầy bảo thật các con: các con chưa kịp đi hết các thành phố của Israel thì Con Người đã đến rồi"* (Mt 10,23), ngài đã quyết định tạm thời lui về Constantinopolis. Khi ngài rời khỏi Alexandria, ngài bị ốm và phải nằm trên giường. Và trong một giấc mơ, ngài thấy một người đàn ông rực rỡ ánh sáng, cầm cây quyền trượng vàng và nói:

– Vua của các vua đang gọi ngươi đến với Ngài.

Từ giấc mơ này, vị thánh biết rằng cuộc đời mình sắp kết thúc. Khi trở về quê hương ở Síp, ngài không thể tiếp tục hành trình nữa và, khi đến thành phố quê hương Amaphunta, ngài đã an lành về với Chúa. Trước khi qua đời, Thánh Gioan đã nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Thiên Chúa của con, vì Ngài đã cho con được dâng lại cho Ngài những gì thuộc về Ngài, và vì trong những của cải trần gian này, con chẳng còn gì ngoài một phần ba đồng bạc; nhưng ngay cả phần này, con cũng di chúc để nó được trao cho những người nghèo. Khi tôi được bổ nhiệm làm Thượng phụ Alexandria, tôi đã tìm thấy trong giáo phận của mình khoảng tám nghìn lít vàng; còn từ các của lễ của những người yêu mến Thiên Chúa, tôi đã thu thập được hơn mười nghìn lít, và tôi đã dâng hết cho Chúa Kitô. Giờ đây, tôi cũng dâng linh hồn tôi cho Ngài[7741] .

[7740] Tir, thủ đô cổ xưa của Phoenicia, tọa lạc trên bờ đông Địa Trung Hải, phía bắc Palestine.

[7741] Thánh Gioan đã qua đời vào ngày 11 tháng 11 năm 619. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 12 tháng 11 vì vào ngày 11, tại Ai Cập người ta long trọng cử hành lễ kính Thánh Mêna, còn tại Constantinopolis là lễ kính Thánh Theodoros Studites. Xác thánh của Thánh Gioan Nhân Từ ban đầu được chuyển đến Constantinopolis (ngày 23 tháng 1), và sau đó đến thành phố Pressburg, Hungary, nơi hiện nay vẫn còn lưu giữ.

Vị Thánh được an táng tại quê hương của ngài là Amafunte, trong nhà thờ Thánh Tích-hôn, vị Thánh làm phép lạ, cùng với hai vị giám mục đang an nghỉ tại đó. Khi đó, một sự kiện sau đây đã xảy ra. Khi người ta định an táng Thánh Gioan cùng với hai vị đó, thì các thi hài ấy, như thể còn sống, đã tự tách ra khỏi nhau và nhường chỗ ở giữa cho thi hài của Thánh Gioan. Phép lạ này đã được tất cả những người có mặt chứng kiến tận mắt, và họ, đầy kinh ngạc và thán phục, đã ngợi khen Thiên Chúa.

Cũng không thể không nhắc đến phép lạ tiếp theo, xảy ra sau khi Thánh Gioan được an táng. Một người phụ nữ, sau khi sa vào tội lỗi nặng nề và xấu hổ không dám xưng tội với cha linh hướng của mình, đã với lòng tin đến gặp Thánh Gioan khi ngài còn sống, nhưng lúc đó ngài đã ốm nặng và sắp qua đời. Sau khi quỳ lạy dưới chân ngài, bà đã thốt lên trong tiếng khóc nức nở và nước mắt tuôn trào:

– Ôi, vị thánh đáng kính! Con là một tội nhân khủng khiếp, và tội lỗi của con kinh hoàng đến nỗi con không dám tiết lộ cho ai cả. Nhưng con biết rằng nếu ngài muốn, ngài có thể tha thứ cho con. Vì Chúa đã phán với các ngài rằng: *"Những gì các con trói buộc trên đất, sẽ được trói buộc trên trời; và những gì các con tháo gỡ trên đất, sẽ được tháo gỡ trên trời"* (Mt 16,19; Ga 20,23).

Vị Thánh đáp lại:

– Nếu con đến với lòng tin, thì hãy xưng tội của con trước mặt ta.

Nghe vậy, người phụ nữ nói:

– Thưa Đức Cha, con không thể xưng tội của mình, vì sự xấu hổ tột độ đang kìm hãm con.

Vị Thánh nói với nàng:

– Nếu con xấu hổ không dám xưng tội bằng miệng, thì hãy đi viết ra giấy rồi mang đến cho ta.

Cô ấy lại nói:

– Con cũng không thể làm được điều đó.

Lúc đó, vị thánh nói:

– Hãy viết ra, đóng dấu lại và đưa cho ta.

Sau khi viết ra tội lỗi của mình, người phụ nữ ấy đã khẩn cầu vị thánh đừng mở niêm phong và đừng đọc những gì cô ấy đã viết. Sau khi nhận được lá thư, vào ngày thứ năm sau đó, Thánh Gioan đã qua đời. Về lá thư đó, ngài không kể cho ai biết. Lúc đó, người phụ nữ ấy không có mặt trong thành phố. Sáng hôm sau, sau lễ an táng của ngài, người phụ nữ ấy trở về thành phố và, khi biết rằng Đức Thượng phụ đã qua đời và được an táng, bà đau đớn khôn xiết, vì bà nghĩ rằng sau khi ngài qua đời, những người khác đã lấy lá thư của bà và đọc được tội lỗi của bà. Khi đến bên quan tài của vị thánh, bà kêu lên với ngài như thể ngài vẫn còn sống:

– Hỡi Người của Chúa, – bà thốt lên, – tôi không dám tự mình xưng tội với ngài, và giờ đây, tội lỗi của tôi đã trở nên ai cũng biết. Ôi, giá như tôi không đưa cho ngài tờ giấy ghi tội lỗi của tôi thì tốt biết bao. Khốn khổ cho tôi, kẻ khốn nạn! Con đã xấu hổ trước ngài, nhưng giờ đây con lại phải chịu một nỗi xấu hổ còn lớn hơn, và con đã trở thành trò cười cho mọi người. Nhưng con sẽ không rời khỏi mộ ngài cho đến khi ngài cho con biết ngài đã cất giữ bản viết tay của con ở đâu. Vì ngài không chết, mà vẫn tiếp tục sống cho đến ngày nay.

Trong tình trạng đó, bà đã ở lại bên mộ Thánh Gioan suốt ba ngày. Vào đêm thứ ba, Thánh Gioan đã đích thân bước ra khỏi quan tài của mình, cùng với hai vị giám mục đang nằm bên cạnh ngài, và nói với người phụ nữ đang khóc:

– Hỡi người phụ nữ, bao giờ thì ngươi mới để chúng ta yên và ngừng làm ướt áo quần chúng ta bằng nước mắt?

Nói xong, ngài trao cho bà một lá thư đã niêm phong và nói:

– Hãy cầm lá thư của chị đi, xé ra và xem thử.

Sau đó, những người đã chết lại nằm xuống quan tài của mình. Còn người phụ nữ, khi nhận lấy lá thư, thấy con dấu của mình vẫn còn nguyên vẹn; khi xé ra, cô thấy những dòng chữ mình đã viết bị xóa đi, và thay vào đó là dòng chữ:

– Vì người tôi tớ của Ta là Gioan, tội lỗi của ngươi đã được xóa bỏ.

Người phụ nữ, sau khi được tha tội một cách kỳ diệu, đã vô cùng vui mừng và trở về nhà, ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa, đồng thời tôn kính vị thánh đáng kính của Ngài, Thánh Gioan Nhân Từ, nhờ lời cầu nguyện của ngài, xin Chúa cũng ban ơn lành cho chúng ta, xóa bỏ mọi tội lỗi của chúng ta và ghi tên chúng ta vào Sách Sự Sống cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Nhờ sự kiên nhẫn của ngài, ngài đã nhận được phần thưởng xứng đáng, hỡi vị cha đáng kính, người luôn kiên nhẫn trong những lời cầu nguyện không ngừng, yêu thương những người nghèo khó và sẵn lòng giúp đỡ họ: nhưng xin ngài cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, hỡi Thánh Gioan Nhân Từ, Đấng Phúc Lành, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Ngài đã chia sẻ của cải của mình cho những người nghèo khó, và nay đã nhận được của cải trên trời, hỡi Thánh Gioan, Đấng Toàn Tri: vì lý do này, tất cả chúng con đều tôn kính Ngài, khi cử hành lễ kỷ niệm của Ngài, xin hãy ban ân huệ cho những người cùng tên với Ngài!

Lễ kỷ niệm Thánh Nê-la, người ăn chay.

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 11

Thánh Nil sinh ra tại Constantinople, nơi ngài được giáo dục chu đáo, học hỏi trọn vẹn mọi tri thức sách vở và là một nhà hùng biện xuất sắc[7742] . Khi đến tuổi trưởng thành, ngài kết hôn với một người phụ nữ đức hạnh, và có hai con – một trai và một gái. Nhờ xuất thân cao quý và những phẩm chất cá nhân, Thánh Nilô được bổ nhiệm làm tổng trấn thủ đô[7743] . Ngài sống một cuộc đời thánh thiện và đạo đức; nhưng những thói hư tật xấu ngự trị tại triều đình hoàng gia đã khiến ngài lo sợ cho sự cứu rỗi của mình và quyết định rời bỏ đời sống thế tục. Khi nhận ra sự hư vô của thế gian này, nơi mà mọi sự đều chìm đắm trong sự ác (1 Giăng 5:19), và thấm nhuần niềm tin rằng trong đó không có gì là bền vững, không có gì là vĩnh cửu và công bằng, mà mọi sự đều bị bóp méo, đầy dẫy sự bất công, Nil bắt đầu hướng về con đường hẹp nhưng cứu rỗi, dẫn đến sự sống đời đời, tràn đầy niềm vui chân thật và bất biến cùng hạnh phúc vô tận. Ông đã thuyết phục vợ mình đồng ý cho ông rời xa thế gian. Sau khi phân phát toàn bộ tài sản cho người nghèo, họ đã giải phóng các nô lệ nam và nữ; sau đó, họ chia nhau trách nhiệm chăm sóc các con. Vợ của Neil nhận nuôi con gái, còn ông thì nhận nuôi con trai, Theodulus, cùng con trai này rời khỏi Constantinople, bỏ lại thế gian và mọi ham muốn trần tục[7744] . Vợ của Nil cùng con gái đã lui về Ai Cập và tại đó, trong một tu viện nữ, bà đã nhận lấy đời sống tu hành, và bắt đầu tận tụy phụng sự Chúa qua những việc làm đạo đức. Còn Thánh Nil cùng con trai là Theodulus thì lui về Núi Sinai[7745] và, sau khi định cư trong sa mạc, đã noi gương cuộc sống của các vị cha sa mạc đáng kính, dành thời gian cho việc ăn chay, thực hành các việc đạo đức, siêng năng cầu nguyện và thức đêm, đồng thời chế ngự xác thịt bằng nhiều công việc tu hành khác nhau.

Tại đây, vị thánh đã định cư trong một hang động do chính tay ngài đào, nơi ngài tu hành trong suốt bốn mươi năm. Danh tiếng về ngài nhanh chóng lan rộng khắp nơi, và nhiều người thuộc mọi tầng lớp và địa vị đã tìm đến ngài để xin lời dạy dỗ và cầu nguyện.

Khi vị thánh nghe tin Thánh Gioan Kim Khẩu bị lưu đày[7746] , ngài đã dũng cảm và không sợ hãi cất tiếng từ sự im lặng sâu thẳm, ngay lập tức lên án Hoàng đế Arcadius bằng cách viết cho ông một bức thư với lời chỉ trích nghiêm khắc về những điều bất công mà ông đã gây ra đối với vị thánh vĩ đại.

Khi ngài đang sống đời ẩn tu trong những việc tu hành như vậy, để thử thách lòng yêu mến Chúa của ngài, ngài lại phải đối mặt với một cám dỗ đặc biệt khác. Những kẻ man rợ[7747] đã tấn công sa mạc đó; chúng, giống như những con thú hoang dã, bất ngờ ập đến, giết chết nhiều vị thánh phụ và bắt những người khác làm tù binh. Cùng với những người khác, chúng cũng bắt con trai của Nil là Theodulus làm tù binh. Nil khóc than thảm thiết vì con

---

[7742] Thánh Nê-lô sinh ra vào nửa sau thế kỷ IV và là môn đệ của Thánh Gioan Vàng Miệng

[7743] Một trong những quan chức cấp cao nhất, phụ trách cơ quan cảnh sát cao nhất của thành phố.

[7744] Đó là vào khoảng năm 390.

[7745] Núi Sinai nằm ở phía tây bắc Ả Rập, trên bờ đông Biển Đỏ. Ngay từ những ngày đầu hình thành của đời sống tu hành Kitô giáo, Sinai đã là nơi được các tu sĩ phương Đông ưa chuộng và nổi tiếng nhờ những công đức của các tu sĩ nơi đây.

[7746] Đó là vào năm 405.

[7747] Tất nhiên, ở đây đề cập đến bộ tộc Vlemmid, thuộc một bộ tộc Ả Rập và sinh sống tại Ả Rập.

trai, đặc biệt là khi nghe tin con trai mình bị bọn man di kết án làm vật hiến tế cho các vị thần ngoại đạo. Nhưng Đức Chúa Trời đã bảo vệ Theodulus an toàn và vô sự, bởi vì giám mục thành phố Emesa[7748] đã chuộc cậu khỏi tay bọn man di và sau đó bổ nhiệm cậu làm linh mục trong Giáo hội. Khi biết được điều này, Thánh Nil đã tự mình đến thành phố Emesa và được vị giám mục ở đó tiếp đón nồng hậu; vị giám mục này, trái với ý muốn của ngài, đã phong chức linh mục cho ngài và nài nỉ ngài ở lại sống cùng mình. Khi Thánh Nil không muốn ở lại đó mà quyết định trở về Sinai, vị giám mục đã trả lại con trai cho ngài và để hai cha con ra đi trong bình an. Thánh Nil, sau khi trở lại cùng con trai đến nơi cư ngụ ban đầu của mình ở Sinai, đã sống tại đây nhiều năm, rồi an lành về với Chúa[7749] . Thánh Nil để lại nhiều lời dạy về việc ăn chay có ích cho tâm hồn, tràn đầy sự khôn ngoan, cùng những bức thư gửi cho nhiều người về các chủ đề khác nhau liên quan đến đức tin và sự đạo đức Kitô giáo[7750] .

Lễ kính Thánh Tiên tri Achia

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 11

Thánh tiên tri A-hi-a xuất thân từ thành Si-lô[7751] và sống vào thời vua Sa-lô-môn và Giê-rô-bô-am[7752] . Dưới triều vua Sa-lô-môn, ngài đã tiên tri cho Giê-rô-bô-am về sự chia rẽ vương quốc của Sa-lô-môn và việc mười chi phái ly khai khỏi vương quốc đó để thành lập vương quốc Y-sơ-ra-ên. Khi gặp Giê-rô-bô-am một mình trên đồng ruộng, A-hi-a đã xé áo mình đang mặc thành mười hai mảnh và ra lệnh cho Giê-rô-bô-am lấy mười mảnh trong số đó, như một dấu hiệu cho thấy Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, sẽ trao mười chi phái vào tay ông, tước vương quốc khỏi tay Sa-lô-môn, và sẽ ban Y-sơ-ra-ên cho ông, nếu ông bước đi theo đường lối của Đức Chúa Trời. Sau đó, nhân dịp A-vi, con trai của Giê-rô-bô-am, bị bệnh, A-hi-a đã tiên tri cho vợ của Giê-rô-bô-am rằng cả nhà Giê-rô-bô-am sẽ bị diệt vong vì sự gian ác của ông, và dân Y-sơ-ra-ên sẽ bị phân tán sang bên kia sông Êu-phra-tơ. Lời tiên tri của A-hi-a đã ứng nghiệm, bắt đầu từ cái chết ngay lập tức của A-vi.

Cuộc đời của Thánh Gioan Râu Dài, vị thánh làm phép lạ ở Rostov

Ngày kỷ niệm: 12 tháng 11

Thánh Gioan đã sống tại thành phố Rostov vào thời vua Ivan Vasilyevich Grozny. Nguồn gốc quê quán của ngài không được biết rõ. Tại Rostov, ngài sống như một người điên vì Chúa, không có nơi ở cố định và chỉ thỉnh thoảng ghé qua nhà một góa phụ đạo đức và cha linh hướng của ngài, linh mục Phêrô thuộc Giáo xứ Các Thánh Tất Cả, để nghỉ ngơi. Vào thời kỳ đó, tại Rostov còn có vị thánh ngây thơ được tôn vinh là Thánh Irinarkh, vị ẩn sĩ nổi

---

[7748] Emes – một thành phố ở Syria, nằm về phía đông sông Orontes, con sông chảy ra Biển Địa Trung Hải ở phía tây bắc Syria.

[7749] Thánh Nil, người ăn chay, qua đời vào khoảng năm 450. Ngài đã sống trong sa mạc tổng cộng 60 năm.

[7750] Thánh Nê-lô, giống như vị thầy vĩ đại của ngài là Thánh Gioan Vàng Miệng, đã dành nhiều thời gian để giải thích Kinh Thánh, cũng như làm sáng tỏ các tín điều của đức tin, và đặc biệt nổi tiếng với các tác phẩm về đời sống khổ hạnh. Tác phẩm tu hành xuất sắc nhất của ngài là cuốn sách về cầu nguyện. Tiếp theo là: tác phẩm về *các vị tu sĩ khổ hạnh,* về *sự nghèo khó* tự nguyện*, về những lợi ích của cuộc sống ẩn dật,* những lời dạy dành cho Evlogius với những suy ngẫm tuyệt vời về việc từ bỏ thế gian, về sự kiên định trong cuộc chiến, về sự kiên nhẫn trong đau khổ và cuộc chiến chống lại các dục vọng, v.v., "Sách tay của Epictetus" trình bày các nguyên tắc về trí tuệ thực tiễn, được trích dẫn từ các tác phẩm của nhà văn ngoại giáo này, với một số chỗ được điều chỉnh theo tư tưởng Kitô giáo; các bức thư của Thánh Nê-la gửi cho nhiều người khác nhau và nhân nhiều dịp khác nhau – mang nội dung đạo đức. Tất cả các tác phẩm của Thánh Nê-la, bên cạnh giá trị nội dung cao cả, đều nổi bật bởi sự trong sáng và thanh nhã của ngôn ngữ, toát lên sự chân thành trong cảm xúc và tràn đầy sức mạnh của tư tưởng, luôn sáng rõ như ánh sáng của Đức Chúa Trời.

[7751] Si-lôm – một thành phố thuộc chi phái Ép-ra-im, nằm gần như ngay giữa Đất Hứa. Tại đây, sau khi vượt qua sông Giô-đanh và chinh phục Đất Hứa, Đền Tạm của Môi-se cùng Hòm Giao Ước đã được dựng lên, chính vì vậy mà thành phố này mới có tên gọi như vậy ("Si-lôm" – hòa bình, an lành). Thành phố này có ý nghĩa to lớn đối với Israel, nhưng sau đó, Đức Chúa Trời đã từ chối nơi ngự của Ngài tại Silom vì những tội lỗi của con cái Israel.

[7752] Sa-lô-môn, con trai của Đa-vít, vị vua thứ ba của Y-sơ-ra-ên, là vị vua khôn ngoan và vinh quang nhất trong các vua Y-sơ-ra-ên, sau này đã làm u ám triều đại của mình bởi sự sa ngã và thờ thần tượng, vì thế Đức Chúa Trời đã tước vương quốc Y-sơ-ra-ên khỏi dòng dõi ông, trao 10 chi phái cho Giê-rô-bô-am, người trước đây là nô lệ của Sa-lô-môn, nhưng sau đó, khi vương quốc của Sa-lô-môn bị chia rẽ, đã trở thành vị vua đầu tiên của vương quốc Y-sơ-ra-ên. Hoạt động của tiên tri A-hi-a diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 1010 đến 963 trước Công nguyên.

tiếng của Borisoglebsk, người đã từng trò chuyện với ngài cũng như với Thánh Irinarkh; vị này sau đó đã rời đi đến Moscow và được an táng tại đây, gần Nhà thờ Pokrov trên hào thành.

Thánh nhân Gioan Rostov luôn mang theo và đọc một cuốn sách viết trên giấy da – Sách Thánh Vịnh bằng tiếng Latinh. Không rõ ngài đã học ngôn ngữ này khi nào và ở đâu.

Thánh Gioan qua đời vào ngày 3 tháng 9 năm 1580. Thi hài của ngài, nhờ sự lo liệu của người góa phụ đạo đức nói trên và cha linh hướng của ngài là linh mục Phêrô, đã được an táng bên cạnh Nhà thờ Thánh Vlas, phía sau bàn thờ. Lễ an táng diễn ra trong những điềm báo kỳ diệu: một cơn bão dữ dội nổi lên, sét chớp lóe sáng và sấm sét ầm ầm.

Sau khi vị Thánh Phúc Âm qua đời, nhiều người đã đến viếng quan tài của ngài, hát các bài thánh ca cầu nguyện trong nhà thờ dâng lên Đức Chúa Trời, Đức Mẹ Đồng Trinh và Thánh Gioan Tiền Hô, xin làm phép nước và uống nước đó, trộn lẫn với cát lấy từ mộ của vị thánh phúc lành Gioan; một số người bôi nước đó lên cơ thể đau ốm của mình và, theo đức tin của họ, đã được chữa lành khỏi các bệnh tật khác nhau.

Khi nghe tin về những phép lạ xảy ra tại quan tài của vị thánh phúc John, Đức Tổng Giám mục Rostov Kirill[7753] , đang bị tuổi già hành hạ và mắc phải căn bệnh hiểm nghèo, không còn kiểm soát được tay chân, đã ra lệnh cho người ta khiêng ngài đến Nhà thờ Vlasyevskaya, đến trước bức tượng Thánh John và quan tài của vị thánh phúc John Vlasaty. Trong lúc cử hành nghi thức cầu nguyện, khi đang đọc Phúc Âm, vị thánh chủ chăn đang ốm đã ngay lập tức cảm nhận được sự chữa lành khỏi bệnh tật, tay chân lại cử động được, nhờ đó ngài có thể tiếp tục cử hành các nghi lễ thánh và cai quản Tổng giáo phận Rostov, và còn sống thêm một năm rưỡi nữa[7754] .

Tại quan tài của Thánh nhân Gioan, đã xảy ra nhiều phép lạ chữa lành cho những người bệnh đến với lòng tin. Những phép lạ này đã được ghi chép lại và báo cáo lên Sa hoàng Mikhail Feodorovich.

Một thương gia sùng đạo, người đã chứng kiến ân sủng của Chúa và nhiều phép lạ chữa lành xảy ra trên bản thân và ngôi nhà của mình, đã cho xây dựng một nhà thờ ngay trên ngôi mộ của vị thánh phúc lành.

Hiện nay, di cốt của Thánh Gioan được an táng dưới sàn nhà thờ, phía sau hàng ghế bên trái, trong nhà thờ đá Thánh tượng Đức Mẹ Tolgskaya, có nhà nguyện phụ thánh Gioan Tiền Hô và Thánh Tử Đạo Vlasiy, được xây dựng vào thế kỷ XVIII.

Từ lâu, bên cạnh ngôi mộ đã có một cây thánh giá lớn làm bằng gỗ cây bách của vị thánh và một cuốn Thánh vịnh viết trên giấy da, được chép bằng nét chữ Gothic đẹp mắt. Trong một trong những ghi chép trong bản thảo có đề cập rằng Thánh Dimitri Rostovski, khi đi thị sát các nhà thờ ở Rostov sau khi nhậm chức Tổng Giám mục Rostov vào năm 1702, đã chú ý đến cuốn Thánh vịnh này, nhận thấy nó đã cũ nát, nên đã ra lệnh đóng lại bìa mới và tiếp tục lưu giữ nó trên quan tài của vị Thánh. Một ghi chú khác bằng tiếng Latinh có nội dung: "Với sự kính trọng sâu sắc nhất, tôi đã cầm cuốn sách này trên tay và hôn lên nó. Nil, Tổng Giám mục Yaroslavl. Ngày 14 tháng 5 năm 1856"[7755] .

Ngày 26 tháng 11

Ngày 13 tháng 11 (theo lịch cũ)

[7753] Ngài cai quản Tổng giáo phận Rostov từ năm 1605, nhưng trong thời kỳ loạn lạc đã bị cách chức khỏi ngôi vị tổng giám mục và trở lại đảm nhận chức vụ này vào năm 1612, khi Pozharsky và Minin tiến quân giải phóng Moscow. Tổng giám mục Kirill đã có mặt khi Sa hoàng Boris Fedorovich Godunov qua đời, đồng thời đón tiếp và cử hành lễ đăng quang cho Sa hoàng Mikhail Fedorovich Romanov, người vừa được bầu chọn sau thời kỳ hỗn loạn, tại ngoại ô Moscow.

[7754] Sự chữa lành của Tổng giám mục Kirill diễn ra vào năm 1618.

[7755] Truyện kể "về những phép lạ của Thánh Gioan Nhân từ Râu dài, vị thánh làm phép lạ ở Rostov", được biên soạn và bổ sung tại Rostov từ thế kỷ XVII, đã nhiều lần được in thành hai bản tại Tạp chí Giáo phận Yaroslavl (vào các năm 1860 và 1877) cũng như dưới dạng các tập sách nhỏ riêng lẻ (năm 1877 và 1884).

Cuộc đời của Thánh Cha Gioan Vàng Miệng, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày kỷ niệm: 13 tháng 11

Thánh Gioan Vàng Miệng, ngọn đèn soi sáng thế gian, vị thầy của vũ trụ, trụ cột và nền tảng của Giáo hội, nhà rao giảng về sự sám hối, xuất thân từ Antioch thuộc Syria và sinh ra vào khoảng năm 347. Cha mẹ ngài, Secundus và Anfusa, thuộc tầng lớp thượng lưu của Antioch và theo đạo Kitô. Secundus là một chỉ huy quân sự và giữ chức vụ danh dự; nhưng ông không thể có ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con trai, vì ông qua đời khi Gioan còn là một đứa trẻ nhỏ. Do đó, mọi trách nhiệm nuôi dạy Gioan đều đè nặng lên vai người mẹ của cậu, bà Anfusa, một người phụ nữ đạo đức. Mất chồng khi còn rất trẻ (lúc đó bà khoảng hai mươi tuổi), bà không muốn tái hôn, mà dành trọn vẹn cuộc đời mình cho việc nuôi dạy con trai. Chính từ bà, cậu bé Gioan đã nhận được những bài học đầu tiên về các chân lý Kitô giáo và lòng đạo đức.

Sau khi củng cố đức tin Kitô giáo cho con trai, Anfusa đã gửi cậu đến học với nhà hùng biện Livanius và nhà triết học Andragaphius để nghiên cứu nghệ thuật hùng biện và triết học[7756] . Sau đó, khi John tròn mười tám tuổi, cậu vẫn chưa được rửa tội – theo phong tục thời bấy giờ, lễ rửa tội thường được thực hiện khi đã trưởng thành – nên cậu được gửi đến Athens[7757] để trau dồi kỹ năng hùng biện và triết học. Trong thời gian học tập tại đây, Gioan nhanh chóng vượt trội về trí tuệ so với các bạn cùng lứa và nhiều nhà triết học khác, bởi vì ngài đã nghiên cứu hết các tác phẩm và khoa học Hy Lạp, và trở thành một nhà triết học uyên bác cùng một nhà hùng biện tài ba.

Tại Athens, ngài có một kẻ thù rất ác độc là nhà triết học Anphimios. Kẻ này, vì ghen tị với danh tiếng tốt đẹp của Gioan, đã vu khống ngài, kích động lòng thù hận của người khác đối với ngài. Nhưng vị thánh, nhờ ơn Chúa, đã làm cho kẻ thù của mình phải xấu hổ và đồng thời dẫn dắt nhiều người đến với Chúa Kitô. Sự việc này đã diễn ra như sau. Khi Anphimios, trong cuộc tranh luận với Gioan, bắt đầu thốt ra những lời xúc phạm đến Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, thì một linh hồn ô uế bất ngờ xâm nhập vào ông và bắt đầu hành hạ ông. Anphimios ngã xuống đất, toàn thân co giật và vặn vẹo, miệng há to, bọt mép chảy ra. Thấy cảnh đó, tất cả những người xung quanh đều kinh hoàng, và nhiều người vì sợ hãi đã bỏ chạy. Những người còn lại bắt đầu van xin Thánh Gioan tha thứ và chữa lành cho người bị quỷ ám. Thánh Gioan đáp:

– Nếu anh ta không ăn năn và không tin vào Đức Kitô, Đấng mà anh ta đã phỉ báng, thì anh ta sẽ không được chữa lành.

Anphimio lập tức kêu lên:

– Tôi xưng nhận rằng, cả trên trời lẫn dưới đất, không có Thiên Chúa nào khác ngoài Đấng mà Gioan đang xưng nhận.

Khi ông vừa dứt lời, tà linh liền rời khỏi người ông, và Anphimios đứng dậy, hoàn toàn khỏe mạnh. Toàn thể dân chúng, chứng kiến phép lạ này, đồng thanh kêu lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại! Chỉ Ngài mới làm được phép lạ!

Thánh Gioan, sau khi cảm Anphimium phỉ báng Con Thiên Chúa và dạy cho ông đức tin chân chính, đã gửi ông đến gặp giám mục thành Athens, và Anphimium cùng cả gia đình đã nhận phép rửa thánh từ ngài. Cùng với Anphimium, nhiều công dân danh giá cũng đã tin nhận và chịu phép rửa. Khi biết rằng nhờ sự trung gian của Thánh Gioan mà người Hy Lạp đã quay về với Chúa Kitô, vị giám mục quyết định phong chức linh mục cho Thánh Gioan và giữ ngài lại tại Athens, để sau khi vị giám mục qua đời (vì ngài đã rất cao tuổi), Thánh Gioan sẽ kế vị ngôi giám mục. Thánh Gioan, khi hiểu rõ điều này, đã bí mật rời khỏi Athens và trở về quê hương Antioch.

Khinh thường danh vọng hão huyền của thế gian phù du này và mọi vinh dự trần tục, ngài quyết định sống đời tu hành khiêm nhường và cống hiến cho Thiên Chúa, mang lấy hình ảnh của các thiên thần. Người bạn của Thánh Gioan là Vasilios[7758] , cũng là người gốc Antioch, đã khuyến khích ngài làm điều này. Họ đã cùng nhau trải

---

[7756] Người ta gọi các thầy dạy hùng biện và luật sư là "Sophists". Libanius, với tư cách là một thầy dạy hùng biện, rất nổi tiếng; Julianus Apostata từng là học trò của ông, còn trong số các Giáo phụ, Thánh Basil Đại Đế được biết đến như một trong những nhà triết học sâu sắc và nghiêm túc nhất thời bấy giờ.

[7757] Athens – thành phố lớn nhất của Hy Lạp, nằm ở phần đông nam của bán đảo Balkan. Vào thời của Thánh Chrysostom, thành phố này nổi tiếng với các trường phái triết học và các trường dạy hùng biện. Giới thanh niên giàu có và có học thức đã theo học tại đây. Ngoài ra, một số vị Giáo phụ cũng từng theo học tại đây: Thánh Basil Đại Đế, Thánh Gregory Thần Học và những người khác.

qua những năm tháng thơ ấu, học cùng những thầy giáo và dành cho nhau tình yêu thương sâu đậm, bởi tâm hồn họ hòa hợp và tính cách giống nhau. Vasilios, người ban đầu đã tự mình khoác lên mình áo tu sĩ, đã khuyên người bạn cùng lứa tuổi của mình – Thánh Gioan – cũng nên chọn cuộc sống tu hành.

Tuân theo lời khuyên tốt lành của anh, Gioan mong muốn ngay lập tức vào tu viện để trở thành tu sĩ, nhưng đã bị mẹ ngăn cản. Bà, khi biết được ý định của Gioan, đã nói với cậu trong nước mắt:

"Con ơi! Cuộc sống chung với cha con đã không mang lại cho mẹ nhiều niềm vui; khi cha con qua đời theo ý muốn của Thiên Chúa, con trở thành trẻ mồ côi, còn mẹ thì trở thành góa phụ. Nhưng không có tai ương nào có thể ép buộc mẹ tái hôn hay đưa một người chồng khác vào ngôi nhà của cha con. Nhờ ơn Chúa, ta đã kiên nhẫn chịu đựng nỗi bất hạnh của cuộc sống góa bụa, tìm được niềm an ủi và sự an ủi lớn lao từ việc không ngừng ngắm nhìn khuôn mặt con, giống hệt khuôn mặt cha con. Trong suốt thời gian đó, ta không phung phí tài sản của cha con, mà đã giữ gìn nó nguyên vẹn để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của con. Vậy nên, con ơi, mẹ van xin con, đừng đẩy mẹ vào cảnh góa bụa lần thứ hai, và đừng để sự ra đi của con khơi dậy lại nỗi đau thương đã lắng xuống trong lòng mẹ về cha con, mà hãy chờ đến khi mẹ qua đời – điều mà mẹ đang mong đợi từng ngày. Khi con chôn cất mẹ bên cạnh mộ cha con, lúc đó con hãy làm theo ý muốn của con. Còn bây giờ, hãy ở lại với mẹ và chờ thêm một chút, chừng nào mẹ còn sống."

Dưới sự lay động của những lời thỉnh cầu ấy từ mẹ, Gioan quyết định tạm thời không rời khỏi nhà; nhưng dù ở lại nhà, anh đã thay bộ quần áo sáng màu bằng bộ quần áo tối tàn và bắt đầu sống cuộc đời ẩn dật, dành thời gian cho việc cầu nguyện và nghiên cứu Lời Chúa. Trong thời gian này, Gioan đã trở nên thân thiết với Đức Giám mục Meletius của Antioch, một vị giám mục có đời sống cao thượng, người đã thuyết phục Gioan mau chóng chịu phép rửa tội; sau khi rửa tội cho anh, ngài đã bổ nhiệm anh làm người đọc sách trong nhà thờ. Gioan đã giữ chức vụ này trong ba năm. Cũng trong thời gian này, mẹ của Gioan qua đời. Sau khi an táng bà, Gioan lập tức phân phát toàn bộ tài sản cho những người nghèo khó, ban tự do cho các nô lệ nam và nữ, còn bản thân thì vào tu viện[7759] và trở thành tu sĩ, ngày đêm miệt mài lao động và thực hành các việc đạo đức vì Chúa. Tại đây, ngài đã viết các tác phẩm: "Về chức tư tế", "Về sự ăn năn trong tâm hồn", chứa đựng nhiều điều hữu ích, và "Thư gửi tu sĩ sa ngã Theodoros"[7760] .

Thánh Gioan được Thiên Chúa ban cho ân sủng giảng dạy và ân sủng của Thánh Thần, điều này đã được tiết lộ cho một tu sĩ tên là Isichius, người đang tu hành tại tu viện đó. Là một người cao tuổi và hoàn hảo về đức hạnh, Isichius có ân sủng tiên tri. Một đêm nọ, khi ông đang thức trắng để cầu nguyện, tâm trí ông bỗng chìm đắm trong sự chiêm ngưỡng và ông đã nhìn thấy một khải tượng như sau. Hai vị nam nhân oai phong, mặc áo trắng và rực rỡ như mặt trời, từ trời cao hạ xuống, bước vào gặp Thánh Gioan khi ông đang đứng cầu nguyện. Một trong hai người cầm một cuộn giấy có chữ viết, còn người kia cầm chìa khóa. Thấy họ, Thánh Gioan bối rối và vội vàng quỳ xuống thờ lạy họ. Trong khi đó, hai người đàn ông nắm tay Thánh Gioan, nâng ông dậy và nói:

– Hãy vững lòng và đừng sợ!

Thánh Gioan hỏi họ:

– Các ngài là ai vậy, thưa các ngài?

Họ lập tức trả lời:

– Đừng sợ, người đầy khát vọng, Daniel mới, người mà vì lòng trong sạch, Thánh Thần đã vui lòng ngự vào! Chúng tôi được Đấng Thầy Vĩ Đại, Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giê-su Ki-tô, sai đến với ngươi.

[7758] Không nên nhầm lẫn vị Basil này với vị Giáo phụ nổi tiếng Basil Đại Đế, người sinh ra ở Cappadocia và đã có chức tước cao khi John còn là một thiếu niên; vào năm 370, ông đã là giám mục và qua đời vào năm 379.

[7759] Tu viện này nằm không xa Antioch, trong những dãy núi giáp ranh với thành phố này.

[7760] Những lời giảng về chức tư tế được Thánh Vàng Miệng viết nhân dịp sau đây. Khi Thánh Gioan sống cùng người bạn Basil của mình xa lánh những việc trần thế, các giám mục tụ họp tại Antioch đã có ý định phong cả hai người làm giám mục; tin đồn về việc này đã đến tai Gioan và Basil. Thánh Gioan, tự nhận mình chưa sẵn sàng để thực hiện đúng đắn các bổn phận của những người chăn dắt Giáo Hội Chúa Kitô, đã lén lút ẩn mình khỏi mọi người, thậm chí cả người bạn Basil của mình, vào sa mạc. Còn Basil thì được tấn phong làm giám mục thành Raphana, gần Antioch. Sau đó, khi gặp lại Gioan, ông đã thân thiện trách móc anh vì đã từ chối chức thánh. Đáp lại những lời trách móc này, Thánh Gioan đã viết "Sáu Lời về Chức Thánh", trong đó ngài hùng hồn nói về phẩm giá cao quý của sứ vụ mục vụ. Thư gửi cho Théodore được viết nhân dịp này: Théodore, là bạn của Gioan, đã quyết tâm sống đời tu hành, nhưng sau đó lại thay đổi quyết định, từ bỏ đời sống ẩn tu và kết hôn. Buồn bã vì điều này, Gioan đã viết cho Théodore hai bức thư vô cùng mạnh mẽ, trong đó, sau khi miêu tả một cách sinh động sự hư vô của thế gian, ngài kêu gọi người bạn trở lại đời sống tu hành. Thư đó đã tác động mạnh mẽ đến Theodor: ông quay trở lại đời sống tu hành, và sau đó trở thành Giám mục Mopsuestia (ở vùng đông nam Tiểu Á).

Sau những lời đó, một trong những người đàn ông hiện ra đã giơ tay ra và trao cho Gioan một cuộn sách, nói:

– Hãy nhận cuộn giấy này từ tay ta! Ta là Gioan, người đã tựa đầu vào ngực Chúa trong Bữa Tiệc Ly và nhận được những mặc khải thiêng liêng từ Ngài.[7761] Chúa sẽ ban cho ngươi sự hiểu biết về toàn bộ chiều sâu của sự khôn ngoan, để ngươi có thể nuôi dưỡng mọi người bằng lương thực bất diệt của giáo lý Chúa Kitô và dùng chính miệng ngươi để bịt miệng những kẻ dị giáo và người Do Thái đang phỉ báng Thiên Chúa.

Người kia thì giơ tay về phía Gioan, trao cho ông chìa khóa và nói:

– Hãy nhận lấy những chìa khóa này, vì ta là Phêrô, người được giao phó chìa khóa Nước Trời. Chúa cũng trao cho ngươi chìa khóa các thánh đường, để ai ngươi trói lại thì sẽ bị trói, ai ngươi thả ra thì sẽ được thả.

Thánh Gioan lại quỳ gối và cúi đầu trước các Tông đồ hiện ra, rồi thưa rằng:

– Tôi là ai, một kẻ tội lỗi và là người hèn mọn nhất trong tất cả mọi người, mà lại dám nhận lấy và gánh vác sứ vụ vĩ đại và đáng sợ đến thế này?

Nhưng các Thánh Tông Đồ hiện ra lại nắm lấy tay phải của ngài và đỡ ngài đứng dậy, nói:

– Hãy đứng dậy, hãy can đảm, hãy vững lòng và làm những gì Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta kêu gọi ngươi, để thánh hóa và củng cố dân Ngài, những người mà vì sự cứu rỗi của họ, Ngài đã đổ máu mình. Hãy giảng dạy Lời Chúa; hãy can đảm nhớ lại lời Chúa đã phán: *"Đừng sợ, đoàn chiên nhỏ bé! Vì Cha các con đã vui lòng ban cho các con Nước Trời"* (Lc 12:32)[7762] . Vậy anh cũng đừng sợ, vì Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, vui lòng dùng anh để thánh hóa nhiều linh hồn và dẫn dắt họ đến sự nhận biết Ngài. Vì lẽ công chính, con sẽ phải trải qua nhiều hoạn nạn và đau khổ, nhưng hãy chịu đựng chúng như viên kim cương cứng cỏi[7763] , vì nhờ con đường ấy, con sẽ được thừa hưởng Nước Trời.

Nói xong, những người đàn ông vừa xuất hiện đã làm dấu thánh giá trên trán Gioan, rồi hôn lên trán anh nhân danh Chúa, sau đó rời đi. Thánh Isichius đã kể lại điều mình chứng kiến cho các anh em khác, những người cũng có kinh nghiệm trong các việc tu hành, và họ đã kinh ngạc và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng bí mật gìn giữ các tôi tớ của Ngài đang tu hành. Tuy nhiên, Isichius đã cấm họ kể lại điều này cho bất kỳ ai, để Gioan không biết và không rời bỏ họ, nhằm tránh việc họ mất đi cơ hội được sống chung với vị thánh nhân vĩ đại của Thiên Chúa như vậy.

Còn Thánh Gioan thì không ngừng lo lắng cho sự cứu rỗi của mình, nỗ lực cả bằng lời nói lẫn việc làm; chính ngài, trong khi tự mình tu hành thành công, đã khích lệ những người khác thực hành đức hạnh và thúc giục những người lười biếng, để họ hướng tới những điều thuộc về thiên đàng, bằng cách chế ngự xác thịt và khuất phục nó dưới sự cai trị của tinh thần. Trong khi tận tụy phụng sự Chúa tại tu viện, vị Thánh đã thực hiện nhiều phép lạ trong thời gian này.

Một cư dân thành Antiôchia, người giàu có và xuất thân từ dòng dõi danh giá, bị đau đầu dữ dội đến nỗi mắt phải của ông rớt ra và lủng lẳng trên má. Dù đã chi rất nhiều tài sản cho các bác sĩ giỏi, anh ta vẫn không được họ chữa khỏi. Lúc đó, nghe nói về Thánh Gioan, anh ta đến tu viện gặp ngài; khi đến gần vị thánh, anh ta ôm lấy chân ngài, hôn lên đó và cầu xin ngài chữa lành.

Thánh Gioan nói với anh ta:

– Những căn bệnh như thế này ập xuống con người vì tội lỗi và sự thiếu đức tin của họ. Vậy nên, nếu ngươi tin tưởng bằng cả tâm hồn rằng Chúa Kitô có quyền năng chữa lành cho ngươi, và từ bỏ tội lỗi của mình, thì ngươi sẽ được chiêm ngưỡng vinh quang của Thiên Chúa.

Người bệnh đáp:

– Con tin, thưa Cha, và con sẽ làm mọi điều Cha truyền dạy.

Nói xong, anh ta nắm lấy áo của Thánh Gioan và đặt lên đầu cùng con mắt bị bệnh. Bệnh tật lập tức chấm dứt, con mắt trở lại vị trí bình thường, và người ấy khỏe mạnh trở lại, như thể chưa từng bị bệnh; ca ngợi Thiên Chúa, anh ta trở về nhà.

[7761] Tức là Thánh Tông đồ và Thánh Sử Gioan Thần Học.

[7762] Tại đoạn Kinh Thánh được đề cập, Chúa Giêsu khuyên nhủ các môn đệ đừng bám víu vào những điều trần thế, mà hãy tìm kiếm Nước Trời trước hết. "Đàn chiên nhỏ" là các môn đệ trước hết, và sau đó là tất cả những người theo Chúa Kitô, những người đã được Thiên Chúa tiền chọn để vào Nước Trời.

[7763] Adaman – kim cương, loại đá cứng nhất, có thể cắt đứt các loại đá khác.

Cũng vậy, một người khác tên là Archelaus, một trưởng lão của thành Antioch, người bị bệnh hủi trên mặt, đã đến gặp Thánh Gioan để xin được chữa lành. Sau khi dạy dỗ anh ta về những chân lý của đức tin, Thánh Gioan truyền cho anh ta rửa trán bằng nước mà các tu sĩ trong tu viện thường uống. Sau khi làm điều đó, người bệnh được chữa lành khỏi bệnh phong và, từ bỏ đời sống thế tục, trở thành một tu sĩ.

Còn có một người khác tên là Evkli, từ nhỏ đã mù mắt phải, đã đến tu viện nơi Thánh Gioan đang ở và nhận lấy đời sống tu sĩ. Thánh Gioan nói với ông:

– Cầu Chúa chữa lành cho anh, anh em ơi, và xin Ngài soi sáng đôi mắt tâm hồn và thể xác của anh.

Vừa mới vị thánh thốt lên những lời ấy, mắt phải mù lòa của Evkli bỗng chốc sáng lại, và người bệnh đã có thể nhìn thấy rõ ràng. Chứng kiến phép lạ này, các tu sĩ đều kinh ngạc và nói:

– Quả thật, Gioan là tôi tớ của Thiên Chúa và Thánh Thần ngự trong ngài.

Một người phụ nữ tên là Christina, bị chứng chảy máu, đã nài nỉ chồng đưa mình đến gặp thánh Gioan. Sau khi cho vợ ngồi lên lưng lừa, người chồng đi đến tu viện và để cô ấy lại trước cổng tu viện, còn bản thân thì vào gặp vị thánh và nài nỉ ngài chữa lành bệnh tật cho vợ mình. Thánh Gioan nói với người đàn ông đó:

– Hãy bảo vợ anh rằng cô ấy phải sửa đổi tính khí xấu xa và ngừng đối xử tàn nhẫn với nô lệ, hãy nhớ rằng cô ấy cũng được tạo ra từ cùng một chất bùn như họ[7764] . Và hãy để nàng lo lắng cho linh hồn mình, bằng cách bố thí cho người nghèo và không ngừng cầu nguyện. Hãy kiêng khem và giữ mình trong sạch vào những ngày chay tịnh và ngày lễ thánh, thì Đức Chúa Trời sẽ ban cho vợ ngươi sự chữa lành.

Sau khi ra về, người chồng kể lại cho vợ nghe tất cả những gì anh ta nghe được từ vị thánh. Người vợ đã thề hứa với tất cả lòng thành, cho đến hơi thở cuối cùng, sẽ tuân giữ mọi điều được truyền dạy. Người chồng quay lại gặp vị thánh và kể cho ngài nghe về lời thề của vợ mình. Vị thánh đáp lại:

– Hãy ra về bình an! Chúa đã chữa lành cho nàng rồi. Khi trở về với vợ, người chồng thấy nàng đã được chữa lành, và họ vui mừng trở về nhà, ngợi khen Thiên Chúa.

Vào thời điểm đó, gần tu viện nơi Thánh Gioan tu hành, có một con sư tử hung dữ xuất hiện. Nó lang thang trên các con đường, ăn thịt cả người lẫn gia súc. Nhiều lần, dân làng xung quanh tập hợp lại, rình rập con thú với vũ khí và tên, hy vọng giết được nó, nhưng lần nào cũng thất bại. Khi bước ra khỏi khu rừng sồi, con thú tấn công con người một cách điên cuồng, giết chết nhiều người, làm bị thương những người khác đến mức họ chỉ vừa kịp chạy thoát, còn một số người thì bị nó mang sống về hang và nuốt chửng tại đó. Khi đến gặp Thánh Gioan, dân làng lân cận đã báo tin này cho ngài và khẩn khoản xin ngài giúp đỡ bằng những lời cầu nguyện. Thánh Gioan trao cho những người cầu xin một cây thánh giá bằng gỗ, và ra lệnh cho họ dựng nó tại chính nơi con thú thường xuất hiện. Họ đã làm theo, và sau vài ngày, họ nhận thấy con thú không còn xuất hiện nữa. Lúc đó, dân làng đi đến nơi có cây thánh giá và thấy xác con sư tử ở đó. Được giải thoát khỏi tai họa này nhờ sức mạnh của Thánh Giá, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Gioan, họ đã vui mừng và ca ngợi vị thánh của Chúa.

Thánh Gioan đã ở lại tu viện đó bốn năm. Sau đó, mong muốn có được sự ẩn dật hơn, ngài bí mật rời khỏi đó để vào sa mạc, tìm thấy một hang động và ở lại đó trong hai năm, sống trong cô độc.

Sau hai năm, kiệt sức vì những công việc vất vả và chịu đựng cái lạnh, Thánh Gioan lâm bệnh đến nỗi không còn tự lo cho bản thân được nữa. Vì thế, ngài buộc phải rời sa mạc và trở về Antiôkhia. Điều này xảy ra theo sự quan phòng và sự sắp đặt của Thiên Chúa đối với Giáo Hội, để ngọn đèn sáng ấy không bị che giấu trong sa mạc, như thể bị giấu kín, mà chiếu sáng cho mọi người. Chúa đã cho phép Thánh Gioan mắc bệnh, qua đó dẫn dắt ngài từ cuộc sống giữa các loài thú sang sống chung với con người, để ngài không chỉ hữu ích cho chính mình mà còn cho người khác.

Khi Thánh Gioan đến Antioch, Đức Thượng Phụ Meletius đã tiếp đón ngài với niềm vui, cấp cho ngài chỗ ở, ra lệnh cho ngài sống cùng ngài và không lâu sau đó đã tấn phong ngài làm phó tế. Trong chức vụ này, ngài đã phục vụ suốt sáu năm, làm rạng rỡ Giáo Hội của Đức Chúa Trời bằng đời sống đạo đức và những tác phẩm mang lại lợi ích cho linh hồn. Trong thời gian làm phó tế, Thánh Gioan đã viết các tác phẩm sau: "Cuốn sách về sự trinh khiết", "Gửi người góa phụ trẻ" và các tác phẩm bảo vệ đức tin: "Lời về Thánh Babylus, cũng như chống lại Julian, và gửi cho những người ngoại đạo"[7765] .

[7764] Brenie – đất sét, bùn, đất.

[7765] Các bài luận: "Về sự trinh khiết" và "Gửi người góa phụ" chứa đựng những tư tưởng cao cả nhất. Trong đó, Thánh Gioan thể hiện mình là người bảo vệ sự trong sạch về thể xác và chỉ ra những phương tiện để củng cố tinh thần trong cuộc chiến chống lại những cám

Vào thời điểm này, Thánh Meletius phải lên đường đến Constantinople để tham dự lễ tấn phong Thánh Grêgôriô Nazianzen làm tổng giám mục. Ngay sau khi đến nơi, Thánh Meletius đã an nghỉ trong Chúa. Khi nghe tin về cái chết của vị tổng giám mục của mình, Gioan lại rời Antioch và lui về tu viện nơi ngài từng ở ban đầu. Các tu sĩ vui mừng trước sự trở lại của ngài, tổ chức một lễ kỷ niệm thiêng liêng và tiếp nhận những bài giảng thường lệ từ ngài. Trong sự thinh lặng để phụng sự Thiên Chúa, Gioan đã ở lại đó ba năm.

Flavian[7766] đã lên nắm giữ ngôi vị Giám mục Giáo hội Antioch. Một đêm nọ, khi ông đang đứng cầu nguyện, Thiên Thần của Chúa hiện ra và phán:

– Ngày mai, hãy đến tu viện nơi vị thánh nhân của Chúa là Gioan đang cư ngụ, đưa ngài từ đó về thành phố và phong ngài làm linh mục, vì ngài là khí cụ được Chúa chọn, và Chúa muốn dùng ngài để dẫn dắt nhiều người đến với đức tin chân chính.

Cùng lúc đó, Thiên Thần cũng hiện ra với Thánh Gioan, khi ngài đang thực hiện các lời cầu nguyện ban đêm trong phòng tu theo thói quen của mình, và truyền lệnh cho ngài đi cùng Flavius vào thành phố để nhận lễ tấn phong từ ngài. Khi trời sáng, Đức Thượng phụ đến tu viện; tất cả các tu sĩ cùng với Thánh Gioan đã ra đón ngài; sau khi cúi đầu chào, họ nhận được lời chúc lành từ Đức Thượng phụ, rồi với sự tôn kính xứng đáng, họ dẫn ngài vào nhà thờ. Sau khi cử hành Thánh Lễ và ban các Bí tích Thánh Thể cho mọi người, Đức Thượng phụ chúc bình an cho cộng đoàn tu sĩ, rồi đưa Thánh Gioan theo và trở về thành phố. Các tu sĩ khóc nức nở không nguôi khi phải chia tay vị thánh đáng kính của Chúa.

Sáng hôm sau, lễ phong chức linh mục cho Gioan được cử hành; khi Đức Thượng phụ đặt tay lên đầu ngài, bỗng nhiên xuất hiện một con chim bồ câu trắng rực rỡ, bay lượn trên đầu Thánh Gioan. Đức Thượng phụ Flavius và tất cả những người có mặt trong nhà thờ đều kinh ngạc và ngạc nhiên trong một thời gian dài. Tin tức về phép lạ này lan truyền khắp Antioch, Syria[7767] và các thành phố lân cận, và tất cả những ai nghe thấy đều nói:

– Thánh Gioan sẽ trở thành người như thế nào đây? Vì kìa, ngay từ đầu, vinh quang của Chúa đã hiện ra trên ngài!

Khi đã được phong làm linh mục, Gioan càng tận tâm hơn nữa trong việc lo lắng cho sự cứu rỗi các linh hồn con người. Một hoặc hai lần mỗi tuần, và đôi khi thậm chí mỗi ngày, ngài giảng dạy dân chúng trong nhà thờ, từ bục giảng. Có lần, sau khi giảng dạy tại một nhà thờ, ngài mệt mỏi đi đến nhà thờ chính tòa, nơi vị giám mục đang chủ tế, và vị giám mục ấy, để đáp ứng mong muốn chung của mọi người, đã giao cho ngài giảng dạy một lần nữa. Trong thời gian làm linh mục ( ), Thánh Gioan đã giảng rất nhiều bài giảng, trong đó có một số bài còn lưu truyền đến ngày nay. Từ trên bục giảng của nhà thờ, ngài đã tận tâm giải thích Kinh Thánh. Ngài đã soạn ra những lời giải thích rất bổ ích cho tâm hồn về nhiều sách trong Cựu Ước, về Phúc Âm theo Thánh Matthêu và Thánh Gioan, về sách Công Vụ Tông Đồ; đặc biệt, ngài rất yêu mến các thư của Thánh Phaolô, Tông Đồ của các Dân Tộc, và đã giải thích nhiều trong số đó cho dân chúng nghe trong các bài giảng của mình.

Thánh Gioan Vàng Miệng thường giảng các bài giảng của mình bằng lời nói, điều này khiến tất cả cư dân Antiôkhia vô cùng ngạc nhiên và ca ngợi vị thánh, bởi vì cho đến thời điểm đó, chưa ai từng giảng Lời Chúa mà không cần sách hay vở ghi chép: Gioan là vị giảng viên đầu tiên làm được điều đó trong số họ. Những bài giảng của ngài tràn đầy sức mạnh đến nỗi tất cả những ai lắng nghe đều không thể thỏa mãn với chúng. Chính vì vậy, nhiều người chép nhanh đã ghi chép các bài giảng của Gioan lên giấy da[7768] và, qua việc sao chép, truyền lại cho người khác. Những bài giảng của ngài được đọc trong các bữa ăn và tại các quảng trường, và những người nghe học hỏi lời ngài bằng miệng, như thể đang đọc Thánh Vịnh. Thánh Gioan là một nhà hùng biện có giọng nói êm ái và là một vị thầy thân thiện với mọi người đến nỗi trong thành phố không có ai là không mong muốn được nghe những bài giảng của ngài; và khi biết tin Thánh Gioan muốn giảng dạy, mọi người đều hân hoan đổ về nhà thờ. Các quan chức và thẩm phán trong thành bỏ dở công việc của mình, các thương gia – bỏ việc buôn bán, các thợ thủ

---

dỗ của xác thịt. Trong tác phẩm chống lại Julian, ngài chủ yếu bàn luận về Sự Sắp Đặt của Thiên Chúa và vạch trần sự bội đạo của Hoàng đế Julian, người sau khi được rửa tội, đã phản bội đức tin vào Chúa Kitô, trở thành người ngoại đạo và kẻ thù của các Kitô hữu. Trong lịch sử, Julian Bội Đạo còn được biết đến như một người bảo trợ nhiệt thành cho đạo ngoại giáo, người đã nỗ lực để đưa đạo ngoại giáo vượt trội hơn Kitô giáo.

[7766] Thánh Flavius đã đảm nhiệm chức vụ Giám mục Antioch sau khi Mêlêtiô qua đời, từ năm 381 đến năm 404.

[7767] Syria là tên gọi của vùng đất ven biển phía đông Địa Trung Hải, được giới hạn bởi dãy núi Taurus, thượng nguồn sông Euphrates và sa mạc Ả Rập.

[7768] Trên giấy da, các tấm da, giấy cói và các vật liệu khác được sử dụng vào thời đó để viết.

công – bỏ công việc của họ, và vội vã đến nghe lời giảng dạy của Gioan, cẩn thận để không bỏ sót một lời nào phát ra từ miệng ngài. Mọi người đều coi đó là một mất mát lớn khi không được nghe những lời ngọt ngào của Thánh Gioan. Chính vì thế mà ngài được phong tặng nhiều danh hiệu ca ngợi. Có người gọi ngài là "Môi miệng của Thiên Chúa và Đức Kitô", có người gọi là "người nói lời ngọt ngào", còn có người gọi là "người tuôn ra mật ong".

Có những lúc vị thánh, đặc biệt là vào đầu thời kỳ làm linh mục, đã giảng những bài giảng mà nội dung không phải lúc nào cũng dễ hiểu đối với những thính giả ít học. Một lần nọ, có một người phụ nữ, vừa nghe mà không hiểu những gì được nói, đã cất cao giọng giữa đám đông và nói với Gioan:

– Thầy thiêng liêng, hay tôi nên gọi là Gioan Vàng Miệng, giếng kho tàng giáo lý thánh thiện của ngài thật sâu thẳm, còn sợi dây trí tuệ của chúng tôi thì ngắn ngủi và không thể vươn tới độ sâu ấy.

Lúc bấy giờ, nhiều người trong dân chúng nói:

– Chính Đức Chúa Trời đã ban cho Gioan danh hiệu này qua miệng người phụ nữ; vậy từ nay trở đi, ngài hãy được gọi là *"Miệng Vàng"*.

Quả thực, từ đó cho đến nay, Giáo hội vẫn giữ danh hiệu này cho Gioan.

Nhận thấy rằng không nên giảng những bài giảng quá phức tạp cho dân chúng, từ đó trở đi, Thánh Gioan đã cố gắng làm cho lời nói của mình không phải bằng những lời lẽ hoa mỹ, mà bằng những lời đơn giản và mang tính giáo huấn, để ngay cả người nghe đơn sơ nhất cũng có thể hiểu và được lợi ích. Trong khi giảng dạy cho cư dân Antiôkhia về đức tin và đời sống Kitô hữu, Thánh Gioan Vàng Miệng đồng thời cũng là người an ủi đồng bào của mình trong những thời kỳ thiên tai và hoạn nạn.

Tại Antioch, do việc áp đặt một khoản thuế nặng nề đối với những người dân nghèo trong thành phố, đã xảy ra một cuộc nổi loạn của dân chúng. Đám đông phẫn nộ đã lật đổ các bức tượng của hoàng đế và các thành viên trong gia đình ông đang được đặt trong thành phố, rồi đập vỡ chúng thành từng mảnh. Nhưng chẳng bao lâu sau, nỗi kinh hoàng và tuyệt vọng đã thay thế cho cơn thịnh nộ điên cuồng. Người dân Antioch bắt đầu lo sợ cơn thịnh nộ của hoàng đế sẽ giáng xuống những người nổi loạn. Nhận thấy lời thỉnh cầu của dân chúng, Thánh Flavian, vị thánh đáng kính của Antioch, đã lên đường đến gặp hoàng đế để cầu xin tha thứ cho thành phố đã phạm tội; còn Thánh Gioan, ngài để lại trong thành phố để an ủi và chữa lành những tâm hồn đang đau khổ. Mùa Chay Lớn bắt đầu, và đối với người dân Antioch, đây thực sự là thời gian của sự sám hối và đau buồn. Hàng ngày, Thánh Gioan, Ngọn Đèn của Chúa, bước lên bục giảng trong nhà thờ và nói với dân chúng bằng những lời an ủi và răn dạy mạnh mẽ. Lúc thì ngài củng cố sự kiên định và dũng cảm trong lòng dân, lúc thì khơi dậy hy vọng của họ vào lòng thương xót của hoàng đế, lúc thì khơi gợi niềm tin vào cuộc sống vĩnh cửu. Bên cạnh đó, ngài vạch trần những thói hư tật xấu của đồng bào mình: sự keo kiệt của giới giàu có, lòng tham lam, sự trụy lạc, sự đạo đức giả, sự tàn nhẫn và mê tín dị đoan; ngài nói rằng chính những thói hư tật xấu này đã khiến người dân Antioch phải gánh chịu tai họa khủng khiếp cho thành phố, và ngài khuyên họ phải sửa đổi. Có lẽ chưa bao giờ Mùa Chay được tuân giữ một cách nghiêm ngặt đến thế, cũng chưa bao giờ được thực hiện với tinh thần sám hối sâu sắc đến vậy, lan tỏa khắp mọi cư dân. Dân chúng đổ xô đến nhà thờ và háo hức lắng nghe những bài giảng của Thánh Xê-đô-ni-ô, tìm thấy trong đó sự an ủi cho nỗi đau buồn của mình. Trong khi đó, Thánh Flavius đã đến gặp hoàng đế với bài diễn văn bào chữa, và vị hoàng đế Kitô giáo đã tha thứ cho những kẻ xúc phạm đến quyền lực tối cao. Tin tức về sự ân xá đã được Flavius mang đến ngay vào ngày Lễ Phục Sinh. Ngay trong ngày đầu tiên của lễ hội, Thánh Gioan đã công bố tin mừng cho dân chúng và kết thúc bằng lời nói:

– Hãy vui mừng bằng niềm vui thiêng liêng, hãy tạ ơn Thiên Chúa không chỉ vì những tai họa đã chấm dứt, mà còn vì chính Ngài đã sai chúng đến.

Khi nói như vậy, Thánh Gioan muốn nhấn mạnh ý nghĩa của những tai họa đã chấm dứt trong việc khơi dậy lòng sám hối và đánh thức đời sống thiêng liêng nơi người dân Antiôkhia.

Vị thánh của Chúa là một người mạnh mẽ không chỉ trong lời nói mà còn trong hành động. Nhờ quyền năng của Chúa Kitô, ngài đã thực hiện những phép lạ, chữa lành cho những người bệnh tật. Dưới đây là một số phép lạ của vị thánh.

Có một người phụ nữ tên là Evkliya, có một người con trai duy nhất, người này bị sốt cao và đã gần chết. Khi đến gặp vị thánh, Evkliya đã khẩn cầu ngài chữa lành cho người bệnh. Thánh Gioan lấy nước, ba lần làm dấu Thánh Giá trên đó, nhân danh Chúa Ba Ngôi, rồi rảy nước lên người bệnh. Cơn sốt lập tức chấm dứt, và sau khi hồi phục, người bệnh đã cúi đầu kính lạy vị thánh.

Người chỉ huy pháo đài ở Antioch là một tín đồ của tà giáo Marcionite[7769] , kẻ đã gây ra nhiều tai họa cho những người sùng đạo. Vợ ông ta mắc phải một căn bệnh quái ác, mà không có phương thuốc nào có thể chữa khỏi. Khi căn bệnh quái ác ngày càng trầm trọng hơn, chỉ huy pháo đài đã mời những kẻ dị giáo đến nhà mình, nài nỉ họ giúp đỡ vợ mình. Những kẻ dị giáo đã không ngừng cầu nguyện cho người bệnh với lòng thành kính trong ba ngày liền và hơn thế nữa, nhưng vẫn không thành công. Lúc đó, người vợ nói với chồng:

– Tôi nghe nói có một vị linh mục tên là Gioan, đang sống cùng với Giám mục Flavius, rằng ngài là môn đệ của Chúa Kitô, và nếu ngài xin điều gì với Thiên Chúa, thì Thiên Chúa sẽ ban cho ngài. Em van anh, hãy đưa em đến gặp ngài ấy, để ngài cầu nguyện cho em được bình phục, vì em nghe nói ngài đã làm được nhiều phép lạ. Còn những người theo phái Marcion thì chẳng giúp ích gì cho em cả, và điều này cho thấy rõ sự vô đạo của họ. Bởi vì nếu họ có đức tin chân chính, thì Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện của họ rồi.

Người chồng nghe theo lời vợ và cùng nàng đến Nhà thờ Chính thống. Nhưng vì là kẻ dị giáo, ông không dám đưa bà vào trong, mà đặt bà trước cửa nhà thờ và sai người đến gặp Giám mục Flavius và Linh mục Gioan, xin họ cầu nguyện cùng Chúa Giêsu Kitô cho sự bình phục của người vợ đang đau đớn tột cùng của ông. Giám mục, cùng với Gioan, bước ra gặp họ và nói:

– Nếu các ngươi từ bỏ tà giáo của mình và gia nhập Giáo Hội Thánh Tông Đồ, thì các ngươi sẽ nhận được sự chữa lành từ Đức Kitô, Thiên Chúa.

Khi họ làm như vậy, Gioan ra lệnh mang nước đến và yêu cầu Flavius làm dấu thánh giá trên mặt nước. Flavian đã thực hiện lời thỉnh cầu của vị thánh. Gioan ra lệnh đổ nước đó lên người bệnh, và người ấy lập tức đứng dậy khỏe mạnh, ngợi khen Thiên Chúa. Sau phép lạ kỳ diệu này, chỉ huy pháo đài cùng với vợ mình đã gia nhập Giáo Hội Thánh. Việc gia nhập này đã mang lại niềm vui lớn lao cho các tín hữu Chính Thống; còn những kẻ dị giáo thì vô cùng bối rối và tức giận với Thánh Gioan, lan truyền những lời phỉ báng và vu khống khắp nơi về ngài, và khẳng định rằng ngài là một pháp sư và phù thủy. Nhưng Thiên Chúa đã nhanh chóng bịt miệng họ bằng cách giáng xuống họ một hình phạt tàn khốc. Sự việc xảy ra như sau.

Trong trận động đất lớn xảy ra tại Antioch, ngôi đền nơi những kẻ dị giáo thường tụ họp đã sụp đổ; rất nhiều người trong số họ đã thiệt mạng dưới đống đổ nát của ngôi đền. Còn trong số những người Chính Thống, không ai thiệt mạng trong trận động đất này. Chứng kiến điều này, không chỉ những kẻ dị giáo còn sống sót, mà cả những người ngoại đạo cũng nhận ra quyền năng của Đức Kitô và, dưới sự hướng dẫn của Thánh Gioan, họ đã quay về với Thiên Chúa chân chính.

Sau khi Đức Thượng phụ Nectarius của Constantinople[7770] , người kế vị Grigorius Nazianzenus, qua đời, người ta đã mất rất nhiều thời gian mới tìm được một người xứng đáng với ngai Thượng phụ. Lúc đó, người ta đã báo cho Hoàng đế Arcadius biết về Thánh Gioan (vì danh tiếng của ngài đã lan rộng khắp nơi). Hoàng đế lập tức gửi thư cho Flavianus, ra lệnh cho phép vị thánh này trở về Constantinople. Dân chúng Antioch, khi biết tin này và tràn đầy tình yêu mến dành cho Gioan, đã tụ tập tại nhà thờ. Không muốn mất đi vị thầy của mình, dân chúng đã chống lại các sứ giả của hoàng đế, không nghe theo lời khuyên nhủ của vị tổng giám mục của họ và không cho phép đưa Thánh Gioan đi; bản thân vị thánh nhân của Chúa cũng không muốn đến Constantinopolis, vì lòng khiêm nhường, ngài cho rằng mình không xứng đáng với chức vụ tổng giám mục. Khi biết được điều này, hoàng đế vô cùng ngạc nhiên và càng khao khát thấy Gioan ngồi trên ngai Thượng phụ hơn bao giờ hết. Ông ra lệnh cho Asterios, tổng trấn miền Đông, bí mật đưa Gioan rời khỏi Antioch, và lệnh này đã được thi hành.

[7769] Tà giáo Marcion lấy tên từ Marcion, người sống vào thế kỷ II sau Công nguyên. Marcion dạy rằng không chỉ có một Đức Chúa Trời là vĩnh cửu, mà cả chất liệu tạo nên thế giới (vật chất), cùng với chúa tể của nó là Satan, cũng vĩnh cửu. Marcion không cho rằng việc tạo dựng thế giới là do Đức Chúa Trời, mà là do một thực thể thấp hơn – Đấng Tạo Hóa (Demiurge), vốn là một thực thể trung gian giữa Đức Chúa Trời và vật chất. Linh hồn con người cũng là tác phẩm của Đấng Tạo Hóa và mang tất cả các đặc tính của Ngài, tức là nó có phần thiêng liêng hơn thế giới hữu hình. Tuy nhiên, vật chất dần dần nuốt chửng linh hồn. Mọi nỗ lực của Demiurg để cứu nhân loại khỏi sự nuốt chửng đó đều không mang lại kết quả gì. Khi đó, Đức Chúa Trời nhân từ đã giáng trần, mang lấy thân xác hư ảo và tự mặc khải cho loài người như Đức Chúa Trời của lòng thương xót và tình yêu. Nhưng Demiurg, vì ghen tị với vinh quang của Ngài, đã xúi giục người Do Thái chống lại Ngài, và chính họ đã đóng đinh Đấng Cứu Thế; tuy nhiên, những đau khổ của Ngài chỉ là ảo ảnh, bởi vì thân thể Ngài mang tính thiêng liêng. Do đó, Marcion không công nhận những đau khổ chuộc tội của Đấng Cứu Thế và cho rằng toàn bộ sứ mệnh của Ngài chỉ nằm ở việc giảng dạy cho con người những chân lý thiêng liêng.

[7770] Thánh Nectarius đã lãnh đạo Giáo hội Constantinople từ năm 381 đến năm 397. Trước khi được bầu vào chức Giám mục, ngài là một thượng nghị sĩ và mới chỉ chuẩn bị để chịu phép rửa tội. Sau khi được bầu, ngài đã ngay lập tức chịu phép rửa tội. Lễ kỷ niệm ngài được cử hành vào Thứ Bảy Tuần Lễ Phô Mai.

Khi Thánh Gioan sắp đến Constantinopolis, cả thành phố đã ra đón ngài, cùng với đông đảo các quan đại thần do hoàng đế phái đến. Hoàng đế, cùng với Hội đồng các vị giám mục và dân chúng, đã đón tiếp Thánh Gioan một cách long trọng, và mọi người đều hân hoan trước việc vị ngọn đèn sáng của Giáo hội này được tấn phong lên ngai tòa tổng giám mục.

Chỉ có Thượng phụ Alexandria Theophilus[7771] cùng những người đồng chí hướng với ông là không vui mừng. Ông ghen tị với danh tiếng của Gioan và, vì căm ghét ngài, đã toan tính đưa linh mục Isidore, người thuộc quyền của mình, lên ngai Thượng phụ. Nhưng điều đó không cản trở việc triệu tập công đồng, theo quyết định của công đồng này, Thánh Gioan đã được bầu làm Thượng phụ.

Đức Thánh được tấn phong lên ngai Tòa Thượng phụ vào ngày 26 tháng 2 năm 398. Nhà vua, cùng với các hoàng tử và quý tộc, đã đến gặp Thánh Gioan, mong nhận được lời chúc lành từ vị Thượng phụ mới được tấn phong. Sau khi dâng lời cầu nguyện cho nhà vua và dân chúng, đồng thời ban phước lành cho tất cả mọi người, Thánh Gioan đã mở miệng đầy ân sủng của Chúa và đưa ra bài giảng có ích cho linh hồn, trong đó ngài khuyên nhủ nhà vua hãy kiên định trong đức tin chính thống, tránh xa những kẻ dị giáo, thường xuyên đến nhà thờ, và sống công bằng và nhân từ. Ngài nói:

– Xin Đức vua biết rằng, khi cần thiết, tôi sẽ không ngần ngại đưa ra những lời khuyên răn và khiển trách vì lợi ích cho linh hồn của Đức vua, giống như tiên tri Natan đã không sợ khiển trách những tội lỗi của vua Đa-vít[7772] .

Giăng cũng khuyên răn tất cả các nhà lãnh đạo thuộc linh và thế tục cùng những người dưới quyền họ phải trung thực thực hiện bổn phận của mình. Lời dạy của ngài làm cho tất cả những ai lắng nghe đều cảm thấy an ủi. Khi Thánh Gioan đang trò chuyện với đoàn chiên của mình, trong đám đông có một người bị quỷ ám; trong cơn co giật, người ấy ngã quỵ xuống đất và gào thét bằng giọng nói kinh hoàng, khiến tất cả những ai có mặt trong nhà thờ đều kinh hãi. Thánh Gioan ra lệnh đưa người ấy đến trước mặt ngài, làm dấu thánh giá trên người ấy, và sau khi trừ tà, ngài đã ban lại sức khỏe cho người bị quỷ ám. Chứng kiến cảnh ấy, nhà vua và toàn thể dân chúng đều vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban cho họ một ngọn đèn sáng chói như vậy – vị bác sĩ chữa lành cả tâm hồn lẫn thể xác.

Sau khi nhận lãnh quyền quản lý Giáo hội, Đức Thượng phụ Gioan đã tận tụy chăn dắt đoàn chiên Lời Chúa, nhổ tận gốc những thói quen xấu xa trong mọi tầng lớp dân chúng (đặc biệt là trong hàng giáo sĩ), tiêu diệt sự ô uế, lòng ghen tị, sự dối trá và mọi việc trái với ý Chúa. Bên cạnh đó, ngài còn truyền bá sự trong sạch về đạo đức, tình yêu thương, công bằng, lòng thương xót, gieo rắc các đức tính tốt đẹp vào lòng mọi người và bằng đôi môi vàng ngọc của mình, ngài dạy dỗ mọi người sống đạo đức. Những thói hư tật xấu về đạo đức khiến Thánh Gioan vô cùng đau lòng, nhưng sự ăn năn chân thành đã khiến ngài tha thứ cho tất cả.

Một lần nọ, ngay trước Lễ Phục Sinh, Thánh Gioan cảm thấy đau buồn trước hành vi không xứng đáng của dân chúng, những người mà ngài vô cùng yêu thương và luôn quan tâm đến sự an lành tâm hồn của họ. Vào ngày thứ Tư Tuần Thánh, một cơn bão dữ dội đã ập đến. Dân chúng hoảng sợ đổ xô vào các nhà thờ, cầu xin lòng thương xót của Thiên Chúa; các buổi cầu nguyện chung và các cuộc rước Thánh Giá bắt đầu diễn ra. Tai họa đã qua đi, và ngay trong ngày Thứ Sáu Tuần Thánh và Thứ Bảy Tuần Thánh, dân chúng, đã quên đi sự viếng thăm của Thiên Chúa, lại đắm chìm vào những trò giải trí vui nhộn tại rạp xiếc và nhà hát. Phẫn nộ tận đáy lòng, vị mục tử thánh thiện đã hướng lời đến đoàn chiên vô ơn vào ngày đầu tiên của Lễ Phục Sinh với bài giảng nổi tiếng "Chống lại các trò giải trí". "Làm sao có thể chịu đựng được? Làm sao có thể tha thứ được? Chính tôi phải than phiền về các bạn với chính các bạn", – vị thánh phúc lành đã mở đầu bài giảng như vậy. Ngài đã mô tả một cách rõ ràng và dễ hiểu những tác động hủy hoại của nhà hát đối với đạo đức và đe dọa sẽ tước quyền rước lễ những kẻ có tội. Lời giảng đầy thuyết phục của vị thánh giảng viên đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với dân chúng, những người yêu mến ngài, và khơi dậy sự ăn năn chân thành.

Không chỉ ở Constantinople, mà còn ở tất cả các thành phố và làng mạc lân cận, vị thánh được Chúa yêu mến này đã hết lòng quan tâm đến sự cứu rỗi linh hồn con người. Ngài đã cử những vị linh mục có kinh nghiệm và kính sợ Thiên Chúa trong số các linh mục của mình đi rao giảng Lời Chúa để củng cố Đức Tin Chính Thống,

---

[7771] Thánh Theophilus đảm nhiệm chức vụ Giám mục tại Alexandria từ năm 385 đến năm 412.

[7772] Đa-vít đã cướp vợ của U-ri, một chiến binh đang tham gia chiến dịch chống lại dân Am-môn, đó là Bết-sa-ba. Tội lỗi này của Đa-vít đã bị tiên tri Na-phan vạch trần; ông đã tác động mạnh mẽ đến vị vua Do Thái đến nỗi ngài đã ăn năn về tội lỗi của mình và sáng tác bài Thánh vịnh nổi tiếng, mở đầu bằng những lời: "Xin Chúa thương xót con, nhờ lòng thương xót lớn lao của Ngài."

tiêu diệt sự vô đạo và tà giáo, đồng thời dẫn dắt những người lầm lạc trở về con đường cứu rỗi. Ngài đã phá hủy tận gốc các đền thờ thần tượng đã tồn tại hàng thế kỷ tại Phê-ni-xi[7773] . Ngài đã khôn ngoan dẫn dắt dân tộc Celtic[7774] – vốn bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa Arian – trở lại đức tin Chính Thống, bằng cách ra lệnh cho các linh mục và phó tế được chọn phải học tiếng Celtic, rồi sai họ đến với người Celtic để rao giảng đức tin bằng chính ngôn ngữ bản địa của họ. Cũng bằng cách đó, Thánh Gioan đã truyền giáo cho người Scythia[7775] , những người sống dọc theo sông Danube. Ngài đã xua đuổi tà thuyết Marcionite khỏi các vùng đất phương Đông và chiếu rọi ánh sáng của giáo lý chân chính khắp thế giới.

Đặc biệt, Thánh Gioan luôn quan tâm đến những người ốm yếu và nghèo khó, cho người đói ăn, cho người trần truồng mặc, và chăm lo cho trẻ mồ côi cùng các góa phụ. Để mang lại sự an ủi cho những người bệnh và những người lữ hành không có nơi nương tựa, ngài đã xây dựng nhiều bệnh viện, cung cấp cho người bệnh mọi thứ cần thiết, bố trí người phục vụ và bác sĩ, đồng thời giao phó cho hai vị linh mục kính sợ Thiên Chúa chăm sóc họ. Đồng thời, chính ngài cũng tận tâm lo liệu việc quản lý Giáo hội, với lòng yêu thương khen thưởng những người tốt và trừng phạt, vạch trần những kẻ xấu.

Trong thời kỳ Thánh Gioan Vàng Miệng làm Thượng phụ tại Constantinopolis, vẫn còn rất nhiều tín đồ của tà thuyết Arian, những người tự do tuyên xưng đức tin và cử hành các nghi lễ thờ phượng của họ. Vị Thánh đã suy nghĩ về cách thức nào để thanh tẩy thành phố khỏi tà thuyết này, và khi có cơ hội thuận lợi, ngài đã nói với hoàng đế:

– Bệ hạ kính Chúa! Nếu có ai đó đặt vào vương miện của ngài, bên cạnh những viên ngọc quý đang nằm trong đó, một viên đá bình thường, tối tăm và ô uế, thì liệu người đó có làm ô uế cả vương miện hay không?

Nhà vua đáp:

– Đúng vậy.

Giăng tiếp tục:

– Thành phố này cũng bị ô uế như vậy, bởi dù là thành phố Chính Thống, nhưng trong số cư dân của nó vẫn còn những kẻ Arian ngoại đạo. Và cũng giống như ngài, thưa Bệ hạ, sẽ phẫn nộ vì sự ô uế của vương miện ngài, thì Đức Chúa Trời Toàn Năng cũng đang phẫn nộ vì thành phố này, đã bị ô uế bởi tà giáo Arian. Vì vậy, ngài nên hoặc là đưa những kẻ dị giáo trở lại sự hiệp nhất trong đức tin, hoặc là trục xuất họ khỏi thành phố.

Sau khi nghe những lời của Gioan, nhà vua ra lệnh lập tức đưa tất cả các thủ lĩnh Arian đến trước mặt mình và truyền cho họ phải tuyên xưng đức tin trước sự chứng kiến của vị tổng giám mục. Nhưng họ lại thốt ra những lời đầy sự bất kính và phỉ báng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Lúc đó, nhà vua ra lệnh trục xuất họ khỏi thành phố.

Một thời gian sau, những người Arian, nhờ có những người trợ giúp và trung gian trong số các quan lại tại hoàng cung, những người có địa vị cao, lại bắt đầu vào thành phố vào các ngày Chủ nhật, tiến đến nhà thờ chính tòa của họ với những bài thánh ca dị giáo, qua đó họ phỉ báng Thánh Ba Ngôi. Khi biết được điều này, Đức Thượng phụ Gioan, lo ngại rằng có thể có người dân thường tham gia vào những buổi cầu nguyện công khai của phái Arian, đã ra lệnh cho hàng giáo sĩ của mình đi khắp thành phố trong trang phục thánh lễ, hát những bài thánh ca tôn vinh Thánh Ba Ngôi, được sáng tác để phản bác lại những bài hát phỉ báng của phái Arian. Để phục vụ cho các cuộc rước này, người ta đã chế tác những cây thánh giá bằng bạc gắn trên cán dài, được rước long trọng khắp thành phố cùng với các bức thánh tượng và những ngọn nến đang cháy. Đó là lần đầu tiên các cuộc rước thánh giá ra đời. Các cuộc rước thánh giá long trọng của người Chính Thống đã thu hút sự chú ý của dân chúng khỏi các buổi cầu nguyện công cộng của phái Arian, vốn được họ tổ chức tại các quảng trường. Bực tức vì điều này, những người Arian đã tấn công các tín đồ Chính Thống Giáo trong một cuộc rước như vậy và gây ra một cuộc tàn sát. Trong cuộc tàn sát đó, một số người từ cả hai phía đã thiệt mạng, còn hoạn quan hoàng gia Vrison, người đang ở giữa đám đông Chính Thống Giáo, đã bị ném đá vào đầu. Khi biết tin này, hoàng đế đã vô cùng phẫn nộ với những người

---

[7773] Phoenicia – một dải đất hẹp và dài, nằm dọc theo bờ đông Địa Trung Hải, phía bắc Palestine. Tại đây, bất chấp những lệnh cấm của chính quyền, tín ngưỡng ngoại giáo vẫn được hưởng nhiều tự do.

[7774] Người Celt là tên gọi chung của một dân tộc rộng lớn, từng sinh sống vào thời cổ đại ở Tây Âu, tại các vùng đất ngày nay là Anh, Tây Ban Nha, Ý, Thụy Sĩ và đặc biệt là Pháp. Họ cũng cư trú ở Tiểu Á (tại vùng Galatia, nơi họ được gọi là người Galatia). Theo thời gian, người Celt một phần đã hòa nhập với người German và người La Mã cổ đại (người Pháp, người Tây Ban Nha, người Ý, người Anh), một phần vẫn giữ được bản sắc dân tộc của mình cho đến ngày nay (người Ireland, người Scotland).

[7775] Người Scythia – tên gọi theo tiếng Hy Lạp của một dân tộc đông đảo từng sinh sống ở châu Á và châu Âu, dọc theo bờ Biển Đen, và đặc biệt là tại khu vực miền nam nước Nga ngày nay.

Arian và cấm họ tổ chức các buổi cầu nguyện công cộng cũng như vào thành phố. Như vậy, sự báng bổ dị giáo đã bị trục xuất hoàn toàn khỏi kinh thành.

Tại Constantinople có một quan chỉ huy, gốc là người man di, tên là Gaina, dũng cảm trong chiến trận và được nhà vua sủng ái, nhưng đồng thời cũng chia sẻ những tư tưởng dị giáo của Arius. Ông ta nài nỉ nhà vua cho phép những người theo phái Arius trong thành phố được sử dụng một nhà thờ nào đó. Hoàng đế không biết phải trả lời thế nào, vì không muốn xúc phạm ông ta bằng lời từ chối, bởi lo ngại rằng Gaina, một người tính tình xấu xa và hung dữ, có thể gây ra sự hỗn loạn nào đó trong vương quốc Hy Lạp. Vì vậy, hoàng đế đã báo cáo lời thỉnh cầu của Gaina cho Thánh Tổng Giám mục Gioan.

Giăng nói với nhà vua:

– Hãy cho tôi đến gặp ngài vào lúc Gaina xin một nhà thờ, và tôi sẽ thay mặt ngài trả lời.

Và thế là, vào ngày hôm sau, khi vị tổng giám mục được triệu tập đến cung điện hoàng gia và đang ngồi cùng nhà vua, Gaina bắt đầu xin nhà vua một nhà thờ ở Constantinople cho cộng đồng Arian. Ông xin điều này như một phần thưởng xứng đáng cho những công lao và lòng dũng cảm mà ông đã thể hiện trong các cuộc chiến tranh.

Thánh Gioan vĩ đại đã nói với ông ta:

– Nếu ngươi, Gaina, muốn cầu nguyện trong nhà thờ, thì hãy vào bất kỳ nhà thờ nào ngươi muốn và cầu nguyện đi, vì tất cả các nhà thờ trong thành phố đều mở cửa chào đón ngươi.

Gaina đáp lại:

– Nhưng tôi theo một tín ngưỡng khác; đó là lý do tại sao tôi mong muốn cùng với những người đồng chí hướng của mình có một ngôi đền thờ riêng trong thành phố và tôi khẩn cầu nhà vua đáp ứng yêu cầu của tôi. Tôi đã phải chịu nhiều gian khổ khi chiến đấu vì vương quốc Hy Lạp, đã đổ máu và hy sinh mạng sống vì nhà vua.

Giăng đáp lại:

– Vì những công lao đó, ngươi đã nhận được phần thưởng: sự kính trọng lớn lao từ nhà vua, danh vọng, tước vị và những món quà. Ngươi nên suy ngẫm xem trước đây ngươi là ai và bây giờ ngươi là ai. Trước đây ngươi từng là kẻ nghèo khổ và vô danh, còn bây giờ ngươi đã giàu có và nổi tiếng; ngươi từng ở địa vị nào khi sống bên kia sông Danube, và bây giờ ngươi ở địa vị nào. Hồi đó, ngươi chỉ là một trong những người dân quê bình thường và nghèo khó, mặc những bộ quần áo tồi tàn và chỉ có bánh mì với nước để sống qua ngày, còn bây giờ ngươi là một quan tổng trấn được kính trọng và ca ngợi, mặc những bộ quần áo quý giá, sở hữu nhiều vàng và bạc, vô số tài sản – và ngươi có được tất cả những điều này là nhờ nhà vua. Đó chính là phần thưởng mà ngươi đã nhận được cho những công lao của mình!

Hãy biết ơn và tiếp tục trung thành phụng sự vương quốc Hy Lạp, còn những phần thưởng thiêng liêng cho sự phụng sự trần thế – đừng cầu xin.

Bị những lời này làm cho xấu hổ, Gaina im lặng và không còn xin xây đền thờ nữa. Nhà vua ngạc nhiên trước sự khôn ngoan của Gioan, người chỉ bằng vài lời đã có thể bịt miệng tên man rợ ngạo mạn và đầy sự hung tợn không kiềm chế.

Một năm sau, Gaina ly khai khỏi nhà vua và, sau khi tập hợp một đạo quân hùng hậu, đã tiến quân đánh Constantinopolis. Nhà vua, không muốn đổ máu, đã nài nỉ Thánh Gioan ra gặp hắn và xoa dịu hắn bằng những lời nói hiền lành. Thánh Gioan, dù nhớ rằng mình đã làm phật lòng Gaina khi cấm hắn tổ chức cuộc tụ họp của phái Arian trong thành phố, nhưng vì sẵn sàng hy sinh linh hồn mình vì đàn chiên, nên đã đến gặp tên man di kiêu ngạo ấy. Chúa đã giúp đỡ tôi tớ của Ngài, và Thánh Gioan đã dùng lời nói của mình để xoa dịu con người hung dữ ấy, biến con sói thành con chiên, và sau khi hòa giải ông ta với nhà vua, ngài đã trở về.

Sau đó, vào mùa đông, Thánh Gioan, bất chấp tình trạng sức khỏe yếu kém, đã lên đường đến Tiểu Á để lo liệu các công việc của Giáo hội. Tại đó, nhiều giám mục đã bán chức thánh, nhận tiền để phong chức[7776] ; một ví dụ là Antôn, tổng giám mục Êphêsô[7777] . Thánh Gioan đã phế truất nhiều giám mục phạm tội buôn bán chức thánh[7778] tại Tiểu Á và tước bỏ chức vụ của cả những người bán chức lẫn những người được mua chức. Thay vào

[7776] Hi-ro-to-ni-a (từ tiếng Hy Lạp) – lễ tấn phong hoặc lễ phong chức vào một chức vụ nào đó.

[7777] Ephesus – một trong những thành phố thương mại lớn ở bờ tây Tiểu Á; trong thời cổ đại, nơi đây nổi tiếng với đền thờ Diana (nữ thần ngoại giáo của mặt trăng và sự sinh sôi nảy nở). Tại đây, Thánh Tông đồ Phaolô đã rao giảng đạo Kitô và sinh sống; cũng chính tại đây, Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Phúc Âm Gioan Thần Học đã cư ngụ trong một thời gian dài; tại đây, vào năm 431, Công đồng Đại kết Thứ Ba đã diễn ra. Tòa Tổng Giám mục Ê-phê-sô, giống như Tòa Tông đồ, có vị thế đặc biệt ở phương Đông.

đó, ngài bổ nhiệm những người xứng đáng hơn. Sau khi lập lại trật tự tại Tiểu Á, Thánh Gioan trở về Constantinopolis.

Dù sống giữa thế gian với chức vụ cao quý như vậy, vị thánh này vẫn không bao giờ từ bỏ những thực hành tu hành ban đầu của mình, mà dành thời gian rảnh rỗi ngoài các công việc giáo hội để cầu nguyện hoặc đọc các sách Thánh, tự giam mình trong căn phòng tu hành hẻo lánh của mình. Luôn tuân giữ chế độ ăn chay nghiêm ngặt và kiêng khem trong mọi việc, ngài chỉ ăn bánh lúa mạch và uống nước; ngài ngủ rất ít, và ngay cả khi ngủ cũng không nằm trên giường mà đứng. Ngài không bao giờ tham dự các bữa tiệc hay bữa ăn chiêu đãi. Ngài dành trọn tâm trí để thấu hiểu Kinh Thánh, tiếp tục soạn thảo các bài giải thích về các thư của Thánh Tông đồ Phaolô, người mà ngài có bức tượng trong phòng tu của mình: vào thời điểm đó, ngài đang giải thích cho dân chúng thư của Tông đồ các Dân Tộc gửi cho người Cô-lô-se, và một thời gian sau đó – thư gửi cho người Phi-líp, Thessalonica và người Do Thái.

Trong khi viết các bài giải thích về các thư này, Thánh Gioan đã nảy sinh một sự băn khoăn như sau:

– Ai biết được điều này có đẹp lòng Chúa không? Liệu tôi có hiểu đúng ý nghĩa của Thánh Kinh này hay không?

Và ngài bắt đầu cầu nguyện với Thiên Chúa, xin Ngài cho ngài biết điều đó. Thiên Chúa đã nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài và ban cho ngài dấu hiệu sau đây. Một đêm nọ, sau khi đóng cửa trong phòng tu, Thánh Gioan đang viết lời giải thích dưới ánh nến; lúc đó, Proclus, người hầu cận của ngài, theo lời nhờ vả của một người nào đó đang khẩn cầu sự giúp đỡ, muốn vào gặp vị tổng giám mục; nhưng trước tiên, Proclus đã nhìn qua khe cửa để xem vị tổng giám mục đang làm gì. Anh ta thấy ngài đang ngồi viết, còn một ông lão trang nghiêm nào đó, đứng phía sau ngài, cúi xuống bên tai vị tổng giám mục và thì thầm với ngài. Người đàn ông này về mọi mặt đều giống hệt hình ảnh Thánh Phaolô trên bức tranh thánh treo trước mặt Thánh Gioan trên tường phòng tu của ngài. Proclus đợi cho đến khi người đó rời đi. Nhưng khi đến giờ chuông báo giờ kinh sáng, người đó bỗng dưng biến mất. Proclus cũng quan sát thấy điều tương tự trong hai đêm tiếp theo. Cuối cùng, anh ta dám hỏi trực tiếp Đức Thượng phụ:

– Thưa Đức Thượng phụ, ai là người trò chuyện với ngài vào ban đêm vậy?

Giăng trả lời:

– Tôi không có ai cả.

Lúc đó, Proclus kể lại chi tiết cho ngài nghe rằng anh đã nhìn thấy một ông lão đáng kính trong cái giếng, người này thì thầm vào tai Đức Thượng phụ khi ngài đang viết; đồng thời, Proclus cũng miêu tả dáng vẻ và khuôn mặt của người đã hiện ra. Nghe Proclus nói, John cảm thấy bối rối. Trong khi đó, Proclus nhìn vào hình ảnh Thánh Phaolô trên bức thánh tượng và nói:

– Người mà tôi đã thấy trông giống như người được vẽ trên bức thánh tượng này.

Lúc đó, Gioan mới hiểu rằng Proclus đã nhìn thấy chính Thánh Tông đồ Phaolô, và ông chắc chắn rằng công trình của mình đã được Chúa chấp nhận. Ông quỳ sấp xuống đất và cầu nguyện rất lâu, tạ ơn Thiên Chúa. Kể từ đó, ông càng thêm nhiệt thành và tận tụy trong việc soạn thảo các sách Thánh, những tác phẩm mà ông đã để lại cho Giáo hội như một kho tàng vô giá[7779] .

[7778] Simonia – việc mua bán chức thánh, khi một số người trao tặng, còn những người khác chiếm đoạt chức thánh không phải dựa trên đức hạnh, mà bằng tiền bạc. Tên gọi simonia bắt nguồn từ Simon, nhà tiên tri giả, người đã muốn mua ân sủng của Thánh Thần từ Thánh Tông đồ Phêrô để thực hiện các phép lạ.

[7779] Các tác phẩm của Thánh Gioan Vàng Miệng được lưu giữ như báu vật trong các cung điện hoàng gia trên khắp thế giới Kitô giáo và được viết bằng chữ vàng. Đến nay, nhiều tác phẩm của ngài đã không còn tồn tại; tuy nhiên, số lượng tác phẩm còn lại của ngài vẫn nhiều hơn bất kỳ vị Thánh Cha hay Thầy dạy nào của Giáo Hội. Theo Sách Giờ Kinh Hy Lạp, tổng số tác phẩm của Thánh Gioan Vàng Miệng còn lưu truyền đến ngày nay lên tới 1.447, và số thư từ là 244. Số lượng lớn nhất còn lại của Thánh Gioan Vàng Miệng là các bài giảng trong nhà thờ. Các bài giảng của Thánh Gioan gây ấn tượng bởi sự mạch lạc, chiều sâu tư tưởng và sự đa dạng về nội dung. "Tôi không nói đến những người khác," Thánh Isidore đã viết về Zlatoust, "chính Libanius, người nổi tiếng về tài hùng biện, cũng phải kinh ngạc trước ngôn từ của Thánh Gioan lừng danh, sự tinh tế trong tư tưởng và sức mạnh của các luận chứng." Những bài giảng hay nhất của Thánh Gioan Vàng Miệng được công nhận một cách xứng đáng là các bài giảng dành cho dân chúng Antioch về các bức tượng, bài giảng về Eutropia, bài giảng bênh vực người nghèo, bài giảng khi bị trục xuất khỏi thủ đô và khi trở về thủ đô, cùng những lời ca ngợi Thánh Phaolô Tông đồ. Trong các bài giảng của mình, Thánh Gioan Vàng Miệng đề cập đến mọi khía cạnh cụ thể của đời sống Kitô hữu. Hơn nữa, trong suốt thời gian phục vụ cộng đồng, Thánh Gioan đã giải thích Kinh Thánh qua các bài giảng. Mỗi bài giảng giải thích của ngài gồm hai phần: trong phần đầu, ngài tập trung giải thích các đoạn văn của Lời Chúa; trong phần sau, ngài đề cập đến tình trạng đạo đức

Thánh Gioan – vị thầy vĩ đại của toàn thế giới – đã không ngần ngại vạch trần những bất công, bảo vệ những người bị áp bức, đồng thời khuyên nhủ nhà vua và hoàng hậu đừng làm hại ai, mà hãy hành động công bằng. Đối với các quan lại và những người có địa vị cao, những kẻ cướp bóc tài sản của người khác và làm khổ người nghèo, ngài đã cảnh báo họ về sự phán xét của Thiên Chúa. Chính vì điều này mà nhiều nhà cầm quyền thế gian đã trở thành kẻ thù của ngài. Bị lương tâm lên án nhưng không muốn từ bỏ những thói hư tật xấu của mình, họ đã tức giận với Thánh Gioan. Trái tim họ đã hóa đá, họ khó lòng lắng nghe lời dạy của vị thánh – và thế là họ ôm ấp lòng thù hận đối với ngài. Những kẻ thù ghét đã tìm mọi cách để bôi nhọ vị thánh, nói rằng trong các bài giảng tại nhà thờ, vị tổng giám mục không phải là đang giảng dạy, mà là đang xúc phạm và buộc tội nhà vua, hoàng hậu và tất cả các nhà cầm quyền. Hơn nữa, họ còn gọi ngài là người thiếu lòng thương xót vì lý do sau đây.

Trong hoàng cung có một hoạn quan tên là Eutropius, là người đứng đầu đội ngũ người hầu phòng của nhà vua. Hắn đã khéo léo chiếm được lòng tin của nhà vua và trở thành người được sủng ái. Để trụy bức các kẻ thù của mình, hắn đã thuyết phục nhà vua ban hành một đạo luật nhằm xóa bỏ một phong tục cổ xưa, cụ thể như sau: Những người vi phạm luật dân sự và bị kết án tử hình thường ẩn náu trong nhà thờ, giống như người Israel xưa kia ẩn náu trong các thành phố tị nạn[7780] , và nhờ đó thoát khỏi án tử hình. Việc bãi bỏ phong tục này khiến Thánh Gioan Vàng Miệng vô cùng đau buồn, và ngài, coi việc này là sự lạm dụng đối với Giáo hội, đã lên án Eutropius, buộc tội ông ta về sự tàn nhẫn và việc chà đạp các quy định của Giáo hội. Một thời gian ngắn sau, chính Eutropius đã rơi vào cái hố mà ông ta đã đào cho người khác, và bị chính thanh gươm mà ông ta đã mài sắc để giết người khác đâm chết. Do một sai lầm nghiêm trọng nào đó, hoàng đế đã vô cùng tức giận với ông, và Eutropius bị kết án tử hình. Lúc đó, Eutropius đã chạy trốn vào nhà thờ và ẩn náu trong bàn thờ dưới ngai thánh. Còn Thánh Gioan, đang ngự trên bục giảng – nơi ngài thường giảng dạy dân chúng – đã, với tư cách là một người bảo vệ đức tin rất nghiêm khắc, hướng lời quở trách về phía Evtropi; ngài nói rằng sẽ là công bằng nếu chính người đã nghĩ ra và ban hành

---

của thính giả và đưa ra những lời khuyên răn đạo đức. Tuy nhiên, khi giải thích Kinh Thánh, Thánh Gioan đã để lại rất ít lời giải thích về Cựu Ước so với những lời giải thích về Tân Ước. Ngoài các bài giảng và lời giải thích về Sách Sáng Thế, 8 chương của Sách Isaia và 36 Thánh vịnh, cùng một số ít bài giảng về câu chuyện của Samuel và Saul, hiện nay người ta còn biết đến các bài giải thích mang tên "Vàng Miệng" về Sách Tiên tri Đa-ni-ên và Sách Giốp. Trong các bài giảng giải Tân Ước, các bài giảng tại Antioch về Phúc Âm theo Thánh Matthêu chiếm vị trí hàng đầu. Ngang hàng với chúng, theo đánh giá chung, là các bài giảng về Thư gửi tín hữu Rôma. Về độ chính xác trong việc giải thích lời của Thánh Tông Đồ, bài giảng giải về Thư gửi tín hữu Galát chiếm vị trí cao. Tiếp theo đó, trong số những bài giảng hay nhất của Thánh Vàng Miệng, cần kể đến các bài giảng về Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô và Thư gửi tín hữu Ê-phê-sô. Các tác phẩm thuần túy về giáo lý của Thánh Gioan Kim Khẩu không nhiều, và tất cả đều thể hiện sự quan tâm sâu sắc của ngài đối với tình trạng đạo đức của các tín hữu. Trong số đó, chúng ta cần lưu ý cuốn sách gửi cho Stagirius, nơi Thánh Gioan giải đáp câu hỏi: tại sao, nếu có sự an bài của Thiên Chúa, những người công chính lại phải chịu đau khổ? Cũng đáng chú ý là "6 lời về điều không thể thấu hiểu", được trình bày để vạch trần các dị giáo Anomeus, những người cố gắng dựa trên những suy luận riêng của mình để làm rõ mối quan hệ giữa Thiên Chúa Cha và Thiên Chúa Con, và dạy rằng Con Thiên Chúa là một thực thể hữu hình và được Cha tạo dựng từ hư vô. Trong những lời giảng về điều không thể thấu hiểu, Thánh Gioan đã bác bỏ nỗ lực của phái Anomeus trong việc làm sáng tỏ mầu nhiệm Ba Ngôi Thiên Chúa và dùng các đoạn Kinh Thánh để chứng minh sự không thể thấu hiểu của Thiên Chúa; trong 7 bài giảng khác, ngài chứng minh sự đồng bản thể của Con Thiên Chúa với Thiên Chúa Cha. Ngoài ra, cuốn sách của Gioan Vàng Miệng về Thánh Thần cũng rất đáng chú ý, dựa trên giáo lý về sự phát xuất của Thánh Thần từ Chúa Cha. Trong tác phẩm chống lại người Do Thái và người ngoại đạo, ngài chứng minh tính Thần thánh của giáo lý Kitô giáo qua việc ứng nghiệm các lời tiên tri và tác động của Tin Mừng Kitô giáo lên tâm hồn con người; còn trong 8 bài giảng chống lại người Do Thái, ngài chỉ ra rằng các nghi lễ Do Thái đã bị bãi bỏ, và do đó, việc thực hành chúng hiện nay có nghĩa là đi ngược lại ý muốn của Thiên Chúa. Nổi tiếng với các tác phẩm của mình, Gioan Vàng Miệng còn được ca ngợi vì đã thiết lập một nghi thức Thánh lễ đặc biệt, mà cho đến nay vẫn mang tên ngài. Thánh Proclus, môn đệ của Thánh Gioan Vàng Miệng và sau này là một trong những người kế vị ngài trên ngai tòa Constantinopolis, đã viết về sự thiết lập này của vị thánh như sau: "Thánh Basil (Đại Đế), đối xử với mọi người như những người bệnh, đã trình bày Thánh lễ dưới hình thức rút gọn. Một thời gian sau, vị Cha của chúng ta, Thánh Gioan Vàng Miệng, một mặt, với tư cách là vị mục tử nhân từ, tận tâm lo lắng cho sự cứu rỗi của đoàn chiên; mặt khác, khi nhìn thấy sự yếu đuối của bản tính con người, đã quyết tâm nhổ tận gốc mọi cớ bận của ma quỷ. Vì vậy, ngài đã lược bỏ nhiều phần và thiết lập một nghi thức Thánh lễ rút gọn nhất, để mọi người dần dần không bị tụt hậu so với truyền thống Tông đồ và Thần thánh." Nghi thức Thánh lễ do Thánh Gioan rút gọn ban đầu không có đầy đủ các bài thánh ca như hiện nay. Một số bài thánh ca đã được bổ sung sau thời Thánh Gioan, nhưng chúng không làm thay đổi cấu trúc cơ bản của Thánh lễ Zlatoust, vì chúng thuộc về phần đầu của Thánh lễ (được gọi là Thánh lễ dành cho những người mới nghe Tin Mừng) hoặc phần tiếp theo sau khi cử hành Bí tích Thánh Thể. Hiện nay, Thánh lễ của Thánh Gioan Vàng Miệng được cử hành thường xuyên hơn các Thánh lễ khác trong các nhà thờ Kitô giáo Chính thống Đông phương.

[7780] Người Do Thái có sáu thành phố tị nạn: ba ở phía đông sông Jordan, ba ở phía tây. Những kẻ giết người vô ý, cũng như những người trả thù cho máu của người thân bị giết, đều chạy trốn đến những thành phố này. Trong Giáo hội Kitô giáo cổ đại, quyền tị nạn ban đầu thuộc về một số nhà thờ, sau đó mở rộng ra cho tất cả các nhà thờ. Quyền này quy định rằng nếu người bị kết án tìm được nơi tị nạn trong nhà thờ, thì người đó sẽ được miễn trừ truy tố cho đến khi vụ án của họ được xem xét lại.

đạo luật bất công mới được áp dụng lên chính bản thân mình. Các kẻ thù của Gioan, nắm lấy lời nói này, bắt đầu chỉ trích vị thánh, buộc tội ngài là thiếu lòng thương xót. Như vậy, từng chút một, họ đã kích động lòng nhiều người và khơi dậy cơn giận dữ của họ đối với Gioan[7781] .

Trong số những người bất mãn với vị thánh được Chúa yêu mến này có không ít giáo sĩ sống sa đọa, vì ngài đã vạch trần những việc làm gian dối của họ và khai trừ một số người khỏi Giáo hội; đặc biệt, họ rất tức giận vì hành động của một phó tế tên là Serapion. Người này, dù phục vụ trung thành dưới quyền Đức Thượng phụ và sống đạo đức, nhưng một lần nọ, trước mặt tất cả các giáo sĩ, đã nói với vị thánh rằng:

– Thưa Đức Thánh Cha, ngài sẽ không thể sửa đổi được những người này, trừ khi ngài đuổi hết bọn họ đi bằng một cây gậy.

Nghe những lời này, nhiều người đã nổi giận và bắt đầu nói xấu vị Thượng phụ thánh thiện trước dân chúng, vu khống người vốn xứng đáng nhận mọi lời khen ngợi. Sự bất mãn và thù địch đối với Thánh Gioan cũng bộc lộ trong hàng giáo phẩm cao cấp. Trong số các giám mục bất mãn với Thánh Gioan có một người tên là Sevirian, tổng giám mục Geva[7782] . Ban đầu, ông được Thánh Gioan yêu mến; khi Thánh Gioan lên đường đến Tiểu Á để sắp xếp các công việc giáo hội ở đó, ngài đã giao phó việc quản lý đoàn chiên của mình cho ông. Trong thời gian vị thánh nhân của Chúa vắng mặt, khi điều hành Giáo hội Constantinopolis, Sevirian đã cố gắng kích động sự bất mãn chống lại ngài và bằng những mưu mô, ông đã lấy lòng triều đình hoàng gia, hy vọng qua đó chiếm lấy vị trí của Thánh Gioan Vàng Miệng. Cùng với đó, ông đã lạm quyền và để xảy ra một số rối loạn trong việc quản lý. Khi trở về, Thánh Gioan ngay lập tức nhận ra sự hèn hạ và xảo trá của Sevirian, và vì những rối loạn mà ông ta gây ra, ngài muốn trục xuất ông ta khỏi thủ đô. Tuy nhiên, Hoàng hậu Eudoxia đã đứng ra bênh vực Sevirian, và theo lời thỉnh cầu của bà, Thánh Gioan đã chân thành hòa giải với hắn và tha thứ cho hắn. Còn Sevirian thì trong lòng vẫn y như trước, và bí mật tiếp tục nuôi dưỡng lòng thù hận đối với Thánh Gioan Vàng Miệng. Thánh nhân biết rõ sự thù hận bao trùm xung quanh mình, nhưng không để ý đến nó, bởi vì càng bị phỉ báng, danh tiếng của ngài càng rực rỡ; ngài trở nên nổi tiếng ngay cả ở những vùng đất xa xôi, và nhiều người từ xa xôi đã đến, mong muốn được gặp thánh nhân và lắng nghe giáo lý của ngài.

Với danh tiếng như vậy của Thánh Giăng Vàng Miệng, sự thù hận của tất cả kẻ thù đối với ngài lẽ ra không gây nguy hiểm cho ngài, nếu như trong số những kẻ thù địch với vị thánh không có chính Nữ hoàng Eudoxia. Bà chính là kẻ thù nguy hiểm nhất và ngoan cố nhất của vị thánh được Thiên Chúa yêu mến, người đã căm ghét ngài bằng cả tâm hồn mình. Tất cả những lời giảng của Thánh Gioan về những kẻ ham mê tiền bạc và cướp bóc tài sản người khác – vốn được ngài hướng đến mọi người nói chung – Nữ hoàng đều cho là nhắm vào bản thân mình và nghĩ rằng Thánh Gioan đang chỉ trích và sỉ nhục riêng bà; bởi vì bà vô cùng ham mê tiền bạc và bị ám ảnh bởi lòng tham vô độ đối với vàng bạc, thứ mà bà đã cướp đoạt một cách bạo lực từ nhiều người. Tức giận vị thánh nhân được Chúa yêu mến, nữ hoàng bắt đầu suy tính cách nào để phế truất ngài khỏi chức vụ tổng giám mục.

Vào thời điểm đó, tại Constantinople có một quý tộc tên là Theodoric, người sở hữu khối tài sản khổng lồ. Vì ghen tị với ông và muốn chiếm đoạt tài sản của ông, nữ hoàng đã tìm cách vu khống ông, nhưng không tìm được bằng chứng nào, bởi vì Theodoric là một người chính trực và trung thực. Không thể gây hại cho ông bằng bạo lực, nữ hoàng đã nghĩ ra một mưu kế. Bà triệu tập Theodoric đến và nói với ông:

– Ngươi biết rằng tài sản hoàng gia luôn phải chịu tổn thất lớn đến mức nào, vàng được phân phát cho quân đội bảo vệ vương quốc nhiều ra sao, và có biết bao người hàng ngày sống nhờ vào kho báu hoàng gia. Đó là lý do tại sao hiện nay kho bạc của chúng ta đã cạn kiệt phần nào. Vậy nên, hãy cho kho báu hoàng gia mượn một phần tài sản của ngươi; nhờ đó ngươi sẽ được chúng ta ưu ái; và theo thời gian, ngươi sẽ nhận lại những gì ngươi đã cho mượn hôm nay.

Theodoric nhận ra rằng hoàng hậu muốn lợi dụng tài sản của ông không phải để bổ sung cho kho bạc hoàng gia, mà để thỏa mãn lòng tham vô độ của bà. Vì vậy, ông đã đến gặp Thánh Gioan, báo cho ngài biết ý định của hoàng hậu và khóc lóc van nài vị thánh này giúp đỡ và hỗ trợ ông. Thánh Gioan lập tức gửi thư cho hoàng hậu, khuyên nhủ bà bằng những lời lẽ nhân từ và hiền lành, đừng làm tổn thương Theodoric. Hoàng hậu, dù đang giận dữ với vị tổng giám mục, nhưng lần đó đã làm theo ý muốn của ngài; bà cảm thấy hổ thẹn trước những lời khôn

[7781] Tuy nhiên, nhờ lời thỉnh cầu của mình trước hoàng đế, bất chấp sự phản đối của hoàng hậu Eudoxia, Gioan Vàng Miệng đã cứu Eutropius khỏi hình phạt xứng đáng lần này. Tuy nhiên, sau đó Eutropius vẫn bị lưu đày và bị xử tử.

[7782] Geval – một thành phố ở Phoenicia, ven Biển Địa Trung Hải. Thành phố này nằm ở khu vực Syria ngày nay, giữa Beirut và Tripoli.

ngoan của ngài và hứa sẽ không gây hại gì cho Theodoric. Sau đó, Theodoric, lắng nghe những lời vàng ngọc của vị thánh, người đã giảng dạy về lòng bác ái và khuyên nhủ đừng cất giấu của cải trên đất, nơi bàn tay của những kẻ ghen tị có thể cướp đi, mà hãy cất giữ trên trời, nơi không ai ghen tị hay cướp đoạt, đã quyết định dâng hết tài sản của mình cho Đức Vua Trên Trời. Ông chỉ giữ lại một phần nhỏ tài sản để nuôi sống gia đình, còn toàn bộ phần còn lại của khối tài sản khổng lồ, ông đã hiến tặng cho nhà trọ của nhà thờ để nuôi dưỡng những người lữ hành, người nghèo và người bệnh. Khi nghe tin này, hoàng hậu vô cùng tức giận và sai người truyền lời cho Thánh Gioan:

– Thưa Đức Thượng phụ thánh thiện! Theo lời khuyên của ngài, tôi đã không lấy gì từ quý tộc Theodoric để phục vụ nhu cầu của vương quốc chúng ta, thế mà ngài lại cướp đoạt tài sản của ông ta để làm giàu cho bản thân! Chẳng phải sẽ thích hợp hơn nếu chúng ta là người lấy tài sản đó, chứ không phải ngài, vì Theodoric đã trở nên giàu có nhờ phục vụ hoàng gia sao? Tại sao ngài không noi gương chúng ta? Giống như chúng ta không lấy gì từ Theodoric, ngài cũng không nên lấy tài sản của ông ta.

Nghe những lời này, John đã viết thư cho hoàng hậu như sau:

– Tôi nghĩ điều này không phải là bí mật đối với bà: nếu tôi khao khát giàu sang, thì chẳng có gì cản trở tôi có được nó. Bởi vì tôi có cha mẹ thuộc dòng dõi cao quý, có địa vị và giàu có. Nhưng tôi đã tự nguyện từ bỏ sự giàu sang. Bà khẳng định rằng tôi đã chiếm đoạt tài sản của Theodoric để làm giàu cho bản thân. Nhưng hãy biết rằng Theodoric không cho tôi bất cứ thứ gì; và ngay cả nếu ông ấy có cho, tôi cũng sẽ không nhận từ ông ấy. Ông ấy đã dâng tài sản của mình cho Chúa Kitô, bằng cách bố thí cho những người nghèo khổ và khốn cùng. Và ông ấy đã làm điều đúng đắn, vì trong thế giới mai sau, ông ấy sẽ nhận lại gấp trăm lần từ Chúa Kitô. Ta mong rằng ngươi cũng hãy noi gương Theodoric, cất giữ của cải của mình trên trời, để khi ngươi lâm vào cảnh nghèo khó, ngươi sẽ được đón nhận vào những nơi ở vĩnh cửu. Còn nếu ngài có ý định tước đoạt khỏi Chúa Kitô những gì Theodoric đã dâng hiến cho Ngài, thì điều đó liên quan gì đến chúng tôi? Bởi vì, như chính ngài sẽ thấy, ngài không phải đang xúc phạm chúng tôi, mà là xúc phạm chính Chúa Kitô.

Sau khi đọc bức thư này của Gioan, hoàng hậu càng tức giận hơn và bắt đầu tìm cơ hội để trả thù vị thánh.

Vào thời điểm đó, một góa phụ tên là Kallitropa từ Alexandria đã đến Constantinople vì một vụ việc như sau. Khi Pavlikius, người mang tước hiệu Augustus[7783] , đang làm tổng trấn tại Alexandria, một số kẻ ghen tị đã tố cáo với ông rằng Kallitropa có rất nhiều vàng. Pavlikius lại là người rất ham mê vàng. Sau khi vu khống Kallitropa, ông ta ra lệnh bắt bà góa này và ép bà phải nộp cho ông ta năm trăm đồng vàng. Không có đủ số tiền đó, bà góa đã cầm cố tất cả những gì mình có cho hàng xóm, và sau khi vất vả gom đủ năm trăm đồng vàng, bà đã trao chúng cho quan tổng trấn. Chẳng bao lâu sau, vì những hành vi bất công của mình, Pavliky bị tước chức và bị đưa đến Constantinople để điều tra; người góa phụ nghèo khổ cũng theo chân ông ta đến đó. Khi đến gặp hoàng đế, bà quỳ xuống trước mặt ngài, khóc lóc và kêu gào, tố cáo Pavliki đã cưỡng ép lấy đi năm trăm đồng vàng của bà. Hoàng đế ra lệnh cho quan tổng trấn Constantinopolis tiến hành điều tra vụ việc này. Nhưng quan tổng trấn, đứng về phía Pavliki, đã minh oan cho hắn, còn người góa phụ thì bị đuổi về tay trắng. Càng cảm thấy bị sỉ nhục hơn vì điều này, người góa phụ đã chạy đến gặp hoàng hậu và, sau khi kể lại nỗi khổ của mình, đã cầu xin sự thương xót và giúp đỡ từ bà. Hoàng hậu tham lam đã rất vui mừng trước cơ hội này, vì bà hy vọng thông qua vụ việc này sẽ thu được nhiều vàng cho bản thân. Và thế là, bà lập tức triệu tập Pavliki, giận dữ vạch trần tội cướp bóc tài sản người khác và xúc phạm người góa phụ nghèo khổ của anh ta, đồng thời ra lệnh giam giữ anh ta cho đến khi anh ta nộp đủ một trăm lít vàng. Thấy rằng mình không thể thoát khỏi tay nữ hoàng, Pavliki đã sai người về nhà mang đến số vàng mà nữ hoàng yêu cầu, và giao cho bà một trăm lít vàng. Trong số tiền đó, nữ hoàng chỉ trao cho góa phụ ba mươi sáu đồng vàng rồi thả bà ra, còn phần còn lại thì giữ lại cho riêng mình. Người góa phụ rời khỏi cung điện của nữ hoàng trong nước mắt, cảm thấy bị xúc phạm bởi quyết định bất công đó. Lúc đó, bà nghe nói về vị thánh bảo vệ những người bị áp bức – Thánh Gioan. Bà đến gặp ngài và kể lại chi tiết những gì Pavliky và nữ hoàng đã gây ra cho bà.

Sau khi an ủi người góa phụ đang khóc lóc, Thánh Gioan cho người đi gọi Pavliki và mời ông ta vào nhà thờ, rồi nói với ông ta:

– Chúng tôi biết rõ những việc bất công mà ngươi đã làm, không sợ Chúa, sỉ nhục người nghèo và dùng bạo lực cướp đoạt tài sản của người khác, như cách ngươi đã đối xử với người góa phụ nghèo này. Chúng tôi gọi ngươi đến đây để ngươi phải trả lại năm trăm đồng vàng cho người phụ nữ mà ngươi đã đối xử bất công. Vậy, hãy trả lại

[7783] Danh hiệu này được trao cho các quan chức cấp cao nhất của các vùng, khác với các quan chức cấp thấp hơn.

cho bà ấy, để bà ấy có thể trả lại số tiền đã vay từ những người cho vay và không phải chết cùng các con mình trong cảnh nghèo đói tột cùng. Khi đó, ngươi cũng sẽ được giải thoát khỏi tội lỗi của mình và làm nguôi giận Đức Chúa Trời, Đấng mà ngươi đã làm phật lòng và Đấng sẽ trừng phạt ngươi vì đã xúc phạm những đứa trẻ mồ côi, nếu ngươi không ăn năn.

Pavliki trả lời:

– Thưa Đức Cha, người góa phụ này đã gây cho con nỗi oán hận lớn hơn gấp bội so với những gì con đã làm với bà ấy, vì khi than phiền về con với hoàng hậu, bà ấy đã tước đoạt của con một trăm lít vàng. Vậy bà ấy còn muốn gì hơn nữa ở con? Hãy để bà ấy đến gặp hoàng hậu và lấy lại những gì thuộc về bà ấy từ hoàng hậu.

Thánh nhân đáp lại:

– Dù hoàng hậu có lấy của ngươi một trăm lít vàng đi chăng nữa, thì bà góa phụ vẫn chưa nhận lại được phần của mình, và vì thế bà ấy không có lỗi trong việc hoàng hậu gây tổn thương cho ngươi. Hoàng hậu lấy của ngươi một trăm lít vàng không phải chủ yếu vì sự tổn thương mà bà góa phụ phải chịu, mà là vì những hành vi cướp bóc khác mà ngươi đã thực hiện khi còn nắm quyền. Đừng vu khống hoàng hậu. Ta đảm bảo với ngươi rằng ngươi sẽ không được ra khỏi đây cho đến khi trả lại cho bà góa tất cả những gì ngươi đã lấy của bà, đến đồng vàng cuối cùng. Còn ba mươi sáu đồng vàng mà nữ hoàng đã cho bà ấy, hãy để bà ấy giữ lại để chi tiêu trên đường đi.

Khi nữ hoàng biết rằng Gioan đã giữ Pavlikia lại trong nhà thờ, bà đã sai người đến gặp Gioan với lệnh thả Pavlikia ra, vì bà đã lấy đủ vàng từ ông ta rồi.

Nhưng Ioann trả lời những người được cử đi rằng:

– Pavlikia sẽ không được thả ra khỏi đây cho đến khi cô ta trả lại cho người phụ nữ nghèo những gì đã lấy.

Nữ hoàng lại sai người đến gặp vị thánh với yêu cầu thả Pavlikia, nhưng vị thánh đáp lại:

– Nếu hoàng hậu muốn tôi thả anh ta, thì hãy gửi cho người góa phụ này năm trăm đồng vàng. Điều này sẽ không gây khó khăn lớn cho bà, bởi vì bà đã lấy của Pavliki nhiều hơn thế rất nhiều – một trăm lít vàng.

Nghe vậy, hoàng hậu nổi giận đùng đùng và lập tức sai hai viên đại úy cùng hai trăm binh sĩ đến lôi Pavlikia ra khỏi nhà thờ bằng vũ lực. Nhưng khi các binh sĩ tiến gần đến cửa nhà thờ, bỗng nhiên Thiên Thần của Chúa hiện ra đứng chặn ngay cửa, tay cầm thanh gươm trần và chặn lối vào. Thấy Thiên Thần đáng sợ ấy, các binh sĩ hoảng sợ và bỏ chạy. Với lòng run rẩy, họ trở về báo cáo với hoàng hậu về sự hiện ra của Thiên Thần. Nghe tin này, bà hoàng hậu kinh hoàng và không dám sai người đến tìm Pavliki từ chỗ Thánh Gioan nữa. Thấy hoàng hậu không giúp đỡ mình, Pavliki sai người về nhà lấy vàng, trao cho góa phụ năm trăm đồng vàng và được thả ra khỏi nhà thờ. Nhận được số vàng, góa phụ vui mừng trở về thành phố của mình.

Trong khi đó, hoàng hậu vẫn không ngừng tức giận với Thánh Gioan; lòng thù hận đối với vị thánh của Chúa ngày càng gia tăng trong lòng bà. Một lần nọ, bà sai các tôi tớ của mình đến gặp Thánh Gioan, ra lệnh cho họ truyền đạt những lời sau đây:

– Hãy ngừng chống đối chúng ta và đừng can thiệp vào các việc triều chính của chúng ta, vì chúng ta cũng không can thiệp vào các việc của nhà thờ, mà để ngài tự lo liệu. Hãy ngừng biến ta thành trò cười cho mọi người, bằng cách nói về ta và chỉ trích ta. Cho đến nay, ta vẫn coi ngươi như cha và dành cho ngươi sự kính trọng xứng đáng, nhưng nếu từ nay trở đi ngươi không sửa đổi và không đối xử tốt hơn với ta, ta sẽ không thể chịu đựng ngươi được nữa.

Sau khi nghe những lời này của hoàng hậu, Thánh Gioan vô cùng buồn bã và, thở dài nặng nề, nói với những người được cử đến:

– Nữ hoàng muốn tôi phải hành xử như một người đã chết: không để ý đến những bất công đang diễn ra, không lắng nghe tiếng kêu than, tiếng khóc lóc và tiếng thở dài của những người bị áp bức, không lên tiếng vạch trần những kẻ phạm tội; nhưng vì tôi là giám mục và được giao phó trách nhiệm chăm sóc các linh hồn, nên tôi phải quan sát mọi việc bằng con mắt không bao giờ ngủ, lắng nghe lời thỉnh cầu của mọi người, dạy dỗ, hướng dẫn và lên án tất cả. Vì tôi biết rằng nếu tôi không lên án sự bất chính và trừng phạt những kẻ phạm tội, thì chính tôi sẽ phải chịu hình phạt, và vì thế tôi lo sợ rằng những lời của tiên tri Ô-si-a sẽ áp dụng cho tôi: *"Như bọn cướp rình rập con người, vậy bọn tư tế tụ tập lại giết người trên đường đến Si-chem và thực hiện những điều gớm ghiếc"*[7784] (Ô-si-a 6:9). Vì vị Tông đồ Thánh Thần truyền lệnh phải vạch trần kẻ phạm tội trước mặt mọi người, để những người khác

[7784] Ê-sai 6:9. Những lời này vạch trần các thầy tế lễ của dân Do Thái, những người thay vì chỉ dẫn cho dân chúng những con đường sống ngay thẳng, lại che giấu chúng khỏi dân chúng.

cũng biết sợ. Và chính vị Tông đồ ấy cũng dạy rằng: *"Hãy vạch trần những kẻ phạm tội trước mặt mọi người, để những người khác cũng biết sợ"* (1 Tm 5:20); *"Hãy rao giảng Lời Chúa, hãy kiên trì lúc thuận tiện cũng như lúc không thuận tiện, hãy vạch trần, hãy cấm đoán, hãy khuyên nhủ với tất cả sự nhẫn nại và sự xây dựng"* (2 Tm 4:2). Tôi lên án sự bất chính, chứ không phải những kẻ phạm tội; tôi chưa bao giờ nói thẳng vào mặt ai về sự bất chính của họ, chưa bao giờ bôi nhọ ai bằng sự ô nhục, và chưa bao giờ đề cập đến tên của hoàng hậu trong các bài giảng để lên án bà. Nhưng tôi đã dạy dỗ mọi người nói chung phải tránh xa điều ác và không làm tổn thương người lân cận. Nếu có ai trong số những người nghe lời dạy của tôi mà lương tâm cắn rứt vì những việc xấu họ đã làm, thì người đó không nên giận tôi, mà phải giận chính mình, và hãy tránh xa điều ác để làm điều thiện. Nếu nữ hoàng không nhận thức được điều ác trong lòng mình, cũng như không nhận ra rằng bà đã làm tổn thương ai đó, thì tại sao bà lại giận dữ với tôi, người đang dạy dỗ dân chúng tránh xa mọi điều bất chính? Thay vào đó, bà nên vui mừng vì bản thân không làm điều bất chính và vì tôi không ngừng rao giảng sự cứu rỗi cho những người mà bà đang cai trị. Còn nếu bà có phạm những tội lỗi mà tôi đang cố gắng dùng lời dạy dỗ để nhổ tận gốc khỏi lòng người, thì xin bà hãy biết rằng không phải tôi đang vạch trần hay làm nhục bà, mà chính những việc làm của bà đang vạch trần bà, những việc mang lại sự ô nhục và xấu hổ lớn lao cho tâm hồn bà. Vậy thì, xin nữ hoàng hãy nổi giận tùy ý, còn tôi sẽ không ngừng nói lên sự thật. Bởi vì đối với tôi, thà làm phật lòng loài người còn hơn là làm phật lòng Đức Chúa Trời: *"Nếu đến bây giờ tôi vẫn còn tìm cách làm vừa lòng loài người, thì tôi đã không phải là tôi tớ của Đấng Christ nữa"* (Ga-la-ti 1:10).

Sau khi nói những lời này với các sứ giả, vị thánh đã cho họ ra về. Họ trở về báo lại với nữ hoàng tất cả những gì đã nghe. Lúc đó, nữ hoàng càng tức giận hơn nữa với thánh Gioan.

Không chỉ có nữ hoàng này thù địch với vị thánh, mà còn có nhiều người khác sống trong sự vô đạo. Ngài không chỉ có kẻ thù ở Constantinople, mà còn ở những vùng đất xa xôi hơn. Trong số những người này có: Thượng phụ Theophilus của Alexandria, người ngay từ đầu đã không ưa Thánh Gioan và không muốn ngài được tấn phong làm thượng phụ, Akakios, Giám mục Berria[7785] , Severianus của Geva và Antiochus của Ptolemais[7786] ; còn tại Constantinopolis là hai linh mục và năm phó tế, nhiều quan chức hoàng gia, cùng ba góa phụ nổi tiếng và giàu có nhưng sống vô đạo: Marsa, Kastricia và Evgrafia. Tất cả những kẻ thù ghét Gioan này, sau khi bàn bạc với nhau, đã tìm kiếm những cáo buộc chống lại ngài để vu khống ngài trước dân chúng. Trước hết, họ cử người đến Antiôkhia để điều tra xem liệu Gioan có từng phạm phải hành vi xấu nào không, dù chỉ là khi còn nhỏ. Nhưng *"những kẻ thử thách đã biến mất"* (Thánh Vịnh 63:7), và họ không tìm thấy điều gì để có thể quy tội cho vị thánh được lòng Chúa. Sau đó, họ cử người đến Alexandria gặp Theophilus, một kẻ dối trá và vu khống xảo quyệt, nhưng ngay cả hắn cũng không thể tìm ra điều gì để buộc tội Thánh Gioan, người tỏa sáng đức hạnh như mặt trời. Tuy nhiên, Theophilus, bị Satan xúi giục, đã nỗ lực hết sức để lật đổ Thánh Gioan khỏi ngai vàng, và hắn đã đạt được mục đích đó nhờ có sự trợ giúp của hoàng hậu và những kẻ xấu xa khác. Việc trục xuất Thánh Gioan diễn ra trong hoàn cảnh như vậy.

Tại Alexandria có một linh mục tên là Isidore, từng là người chăm sóc khách lữ hành (tức là người lo việc ăn ở cho những người lữ hành), một người có đời sống thánh thiện và vô cùng khôn ngoan. Ông đã cao tuổi, lúc đó đã tám mươi tuổi; ông được Thánh Athanasius Đại Đế, Tổng Giám mục Alexandria, tấn phong làm linh mục. Chính vì lý do này mà Theophilus đã có mâu thuẫn với Isidore liên quan đến linh mục Peter ở Alexandria, bởi vì Theophilus có ý định tước chức và khai trừ Peter khỏi Giáo hội một cách vô cớ, trong khi Isidore lại bênh vực Peter và chứng minh rằng cáo buộc nhằm vào ông là bất công. Vì vậy, Theophilus bắt đầu tức giận cả với Isidore nữa; sau khi khai trừ Peter khỏi Giáo hội, ông ta bắt đầu tìm kiếm bằng chứng chống lại Isidore để cũng khai trừ ông ta khỏi Giáo hội.

Vào thời điểm đó, một góa phụ tên là Theodotia đã cúng dường cho Isidore một nghìn đồng vàng, để ông dùng số tiền này mua quần áo cho những người ăn xin, trẻ mồ côi và các góa phụ nghèo khó đang sống tại Alexandria. Đồng thời, bà góa phụ này đã xin Isidore đừng nói chuyện này với Thượng phụ Theophilus, để ngài không tịch thu số vàng đó và không dùng nó vào các công trình xây dựng bằng đá mà ngài đang tiến hành. Sau khi nhận được số vàng, Isidore đã làm theo lời Theodotia xin và không nói gì với Theophilus. Tuy nhiên, Theophilus lại nghe được từ ai đó rằng Isidore đã nhận được một nghìn đồng vàng từ Theodotia và đã chi tiêu số tiền đó để giúp

[7785] Berrea – một thành phố ở Syria, ngày nay là Aleppo.
[7786] Ptolemaida – một thành phố ở Syria, nằm trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải.

đỡ người nghèo mà không có sự cho phép của ông. Theophilus, người ham mê vàng bạc, đã vô cùng tức giận với Isidore vì điều này và đã vu khống ông một cách bất công về tội lỗi trái với tự nhiên. Để củng cố cáo buộc của mình, Theophilus đã tìm kiếm những nhân chứng giả. Nhưng Isidor, người vô tội, đã được minh oan. Tuy nhiên, vì lòng thù hận không kiềm chế được, Theophilus vẫn tước bỏ chức vụ linh mục của ông và đuổi ông ra khỏi hàng giáo sĩ trong sự đánh đập và sỉ nhục. Bị oan ức, Isidor đã rời khỏi Alexandria và lui về sống đời ẩn tu trên núi Nitria[7787] , nơi ông từng sinh sống khi còn trẻ. Ẩn mình trong một túp lều ở đó, ông cầu nguyện với Chúa, kiên nhẫn chịu đựng sự sỉ nhục của mình.

Vào thời điểm đó, tại các tu viện ở Ai Cập có bốn vị tu sĩ, những người đức hạnh và kính sợ Chúa, đã dành cả cuộc đời để ăn chay và thực hành các việc tu hành. Tên của họ là: Dioscorus, Ammonius, Eusebius và Euthymius, và họ được gọi là "Những người cao lớn", vì tất cả đều có vóc dáng cao lớn. Nhờ cuộc sống đạo đức của mình, những tu sĩ này không chỉ được người dân Alexandria kính trọng, mà còn được chính Theophilus tôn vinh. Một trong số họ, cụ thể là Dioscorus, đã bị ngài bổ nhiệm làm giám mục Hermopolis[7788] trái với ý muốn của ông, còn hai anh em của ông, Ammonius và Euthymius, thì bị ngài thuyết phục đến sống cùng ngài tại Tòa Thượng phụ và buộc phải nhận chức linh mục. Trong thời gian ở tại Tòa Thượng phụ dưới thời Theophilus, họ nhận thấy rằng ông ta không sống theo các điều răn của Chúa, yêu vàng hơn cả Chúa, và gây ra những bất công lớn lao. Vì vậy, họ không muốn ở lại với vị Thượng phụ, mà đã rời bỏ ông ta và quay trở lại cuộc sống ẩn dật. Khi hiểu ra lý do họ rời đi, Theophilus đã rất tức giận, biến tình yêu thương mà ông từng dành cho họ thành sự thù hận, và bắt đầu toan tính cách trả thù họ. Ban đầu, ông tung tin đồn rằng những người Dolgie cùng với Isidor – người đã bị phế truất – theo tà thuyết của Origene và đã dụ dỗ nhiều tu sĩ mặc áo đen theo tà thuyết này[7789] . Sau đó, ông ra lệnh cho các giám mục lân cận phải ngay lập tức trục xuất các tu sĩ cao niên khỏi sa mạc Nitria, mà không nêu rõ lý do cho mệnh lệnh này. Khi các giám mục tuân theo mệnh lệnh của tổng giám mục, trục xuất khỏi các ngọn núi và sa mạc[7790] tất cả các tu sĩ đạo đức và tận tụy với Chúa, thì những người bị trục xuất đã tụ tập lại và đến gặp tổng giám mục tại Alexandria, khẩn cầu ngài cho biết lý do tại sao họ bị kết án và trục xuất khỏi nơi cư trú của mình. Thượng phụ, trong cơn thịnh nộ điên cuồng, lao vào họ như thể bị quỷ ám, và quăng chiếc omophorion[7791] lên cổ Ammonius, rồi bắt đầu đánh anh ta, đồng thời hét lên:

– Kẻ dị giáo, hãy nguyền rủa Origen!

Sau khi đánh đập Ammonius cũng như những người khác, Theophilus không những không cho phép họ nói bất cứ điều gì trước mặt mình, mà còn đuổi tất cả đi một cách nhục nhã. Còn họ, vì không nhận được câu trả lời cho câu hỏi của mình từ Theophilus, đã quay trở về những túp lều của mình, hầu như không để ý đến cơn thịnh nộ và sự điên cuồng của vị tổng giám mục.

Sau khi triệu tập các giám mục lân cận, Theophilus đã tuyên bố tuyệt thông bốn tu sĩ vô tội: Ammonius, Eusebius và Euthymius, hai anh em Dioscorus, cũng như vị thánh Isidore đã được nhắc đến ở trên, mà không hề

[7787] Nitria nằm ở phía nam Alexandria, phía tây sông Nile, gần sa mạc Libya. Tên ngọn núi này bắt nguồn từ sự dồi dào của nitrat trong các hồ nước nằm sát ngọn núi.

[7788] Cần phân biệt vị Dioscorus này, Giám mục Hermopolis và là một người đạo đức, với Dioscorus – kẻ dị giáo, người sống muộn hơn một chút và từ năm 444 đến năm 451 đã nắm giữ chức vụ Giám mục Alexandria. Người sau là một tín đồ Monophysite, tức là dạy rằng trong Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính, và bản tính thần thánh trong Ngài đã bị bản tính con người hấp thụ. Giáo phận Hermopolis nằm ở phía tây bắc Ai Cập, phía nam thành phố Alexandria; núi Nitria cũng thuộc phạm vi của giáo phận này.

[7789] Origen (sinh khoảng năm 180 sau Công nguyên, mất năm 254) – người đứng đầu Học viện Alexandria, một trong những học giả vĩ đại nhất của thời đại mình. Ngay cả các nhà triết học ngoại giáo cũng nhận xét rằng Origene vượt trội hơn họ về sự thông thái. Origene đã để lại nhiều tác phẩm, trong đó một số vẫn còn lưu truyền đến ngày nay dưới dạng các đoạn trích. Ông chủ yếu được biết đến qua các bài giải thích Kinh Thánh. Người ta cũng biết đến tác phẩm của ông chống lại Celsus, trong đó ông bảo vệ các chân lý của đức tin Kitô giáo. Thật đáng tiếc, trong các tác phẩm của mình, Origene đôi khi đưa ra những suy nghĩ tùy tiện, không được Giáo Hội chấp nhận, mặc dù ông không trình bày chúng như là giáo lý chính thức của Giáo Hội, mà chỉ là những giả thuyết cá nhân của mình. Chẳng hạn, ông đã giảng dạy không hoàn toàn chính xác về mối quan hệ giữa các Ngôi Vị trong Thánh Ba Ngôi; ông cho rằng ma quỷ, nếu muốn, có thể được cứu rỗi, rằng các linh hồn con người được tạo dựng trước khi thế giới hữu hình được tạo dựng, v.v. Những tín đồ nhiệt thành của Origène, những người mà ông có rất nhiều cả ở Alexandria lẫn Palestine, thường phát triển những tư tưởng này đến mức cực đoan. Những tín đồ này được gọi là những người theo Origene, còn quan điểm của họ được gọi là tà thuyết Origene.

[7790] Phía tây dãy núi Nitrian là sa mạc Libya rộng lớn (nay là Sahara), nơi có các tu viện của các tu sĩ. Chính vì vậy mà sa mạc này được gọi là sa mạc Kelliot.

[7791] Omophorion (từ tiếng Hy Lạp) – nghĩa đen là "miếng đeo vai", "miếng che vai", là một trong những y phục của giám mục, được đeo trên vai và buông xuống phía trước và phía sau.

điều tra lời tuyên xưng đức tin của họ. Nhưng sự thù hận của ông ta vẫn chưa nguôi ngoai. Chính ông ta đã tự tay viết ra nhiều cáo buộc sai trái chống lại họ: về dị giáo, phù thủy và nhiều tội lỗi nghiêm trọng khác. Sau đó, sau khi hối lộ những kẻ vu khống và những nhân chứng giả, ông ta đã chuyển những cáo buộc sai trái này cho họ, ra lệnh rằng những kẻ vu khống phải đến gần ông ta khi ông ta đang giảng dạy dân chúng trong nhà thờ vào ngày lễ, đưa cho ông ta những cáo buộc đã viết chống lại các tu sĩ mặc áo đen nói trên và đưa ra những nhân chứng giả. Khi mọi việc diễn ra như vậy, vị tổng giám mục đã ra lệnh đọc các cáo buộc giả mạo này trong hội đồng giáo hội. Sau đó, ngài trình các cáo buộc này lên quan tổng trấn, nhận từ ông ta khoảng năm trăm binh sĩ và cùng họ lên Núi Nitria với ý định trục xuất Isidore, hai anh em Dioscorus và tất cả các môn đệ của họ khỏi vùng Ai Cập với tư cách là những kẻ dị giáo và phù thủy. Với sự trợ giúp của quân đội, Theophilus trước tiên đã lật đổ Dioscorus khỏi ngai giám mục, rồi sau đó, sau khi cho binh lính uống rượu, ông đã tấn công Núi Nitria vào ban đêm và trước hết tìm kiếm Isidore cùng các anh em Dioscorus: Ammonius, Eusebius và Euphemius. Không tìm thấy họ (vì họ đã ẩn náu trong một hào sâu), ông ra lệnh cho binh lính tấn công tất cả các tu sĩ, đốt cháy nơi ở của họ và cướp bóc hết tài sản ít ỏi, quần áo và thức ăn của họ. Những người lính say xỉn, ùa vào khắp các nơi và hang động, đã giết chết, bóp nghẹt trong khói và lửa, tới mười nghìn vị thánh tu sĩ ăn chay (vào ngày mười tháng Bảy, ngày mà Giáo Hội Thánh Thiện cử hành lễ tưởng niệm các ngài). Những tu sĩ còn lại đã chạy tán loạn, ẩn náu ở bất cứ nơi nào có thể. Sau đó, Theophilus đã rút lui về Alexandria.

Các tu sĩ còn sống sót sau cuộc tàn sát đó đã tụ họp lại với nhau và, sau khi khóc than lâu dài cho các vị cha và anh em đã bị sát hại, họ tản mác đi mỗi người một ngả. Còn Dioscorus cùng các anh em của mình, vị thánh Isidore và nhiều tu sĩ khác, những người đã tỏa sáng trong việc ăn chay và các đức hạnh, đồng thời được Thiên Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ, trong nỗi buồn sâu sắc đã lui về Palestine. Tuy nhiên, điều khiến họ đau đớn không phải là việc họ bị xúc phạm và trục xuất, mà là việc họ bị Thêôphilô khai trừ khỏi Giáo hội một cách oan uổng và bị gán cho là những kẻ dị giáo. Nhưng ngay cả ở Palestine, Thêôphilô cũng không để họ được yên. Ông lập tức gửi thư đến các giám mục Palestine với nội dung:

– Các ngài không được phép tiếp nhận những người bị khai trừ và đã bỏ trốn khỏi tôi mà không có sự đồng ý của tôi.

Lúc đó, những người bị trục xuất, không biết phải tìm đến đâu, đã lên đường đến Constantinopolis gặp Thánh Gioan Vàng Miệng, như một bến đỗ an toàn, và quỳ xuống dưới chân ngài, trong nước mắt khẩn cầu ngài ban cho họ lòng thương xót và sự giúp đỡ. Thấy năm mươi vị nam giới đáng kính lâm vào cảnh khốn khổ như vậy, Thánh Gioan đã thương xót họ và rơi lệ. Sau đó, khi biết lý do tại sao họ phải chịu tai họa như vậy từ tay Thánh Theophilus, ngài đã an ủi họ bằng những lời dịu dàng và trấn an họ, đồng thời cho họ ở tạm tại nhà thờ Thánh Anastasia. Không chỉ Thánh Gioan mà cả Thánh Olympiade, một nữ phó tế, cũng chu cấp cho họ, bà mang đến cho họ mọi thứ cần thiết từ tài sản riêng của mình. Nữ phó tế này đã dành toàn bộ tài sản của mình để những người nghèo khổ và lữ khách có được sự bình an và mọi thứ cần thiết cho cuộc sống. Bà thực sự là một vị thánh; những tu sĩ mặc áo đen ấy cũng là những vị thánh; sau này, Giáo hội đã tôn vinh ký ức của một số người trong số họ bằng các lễ kỷ niệm. Trong số họ, có một người đặc biệt nổi bật tên là Ieraks, người đã sống một mình trong sa mạc suốt nhiều năm, và bị ma quỷ cám dỗ như sau:

– Lão tu sĩ ơi! Ngươi còn sống thêm năm mươi năm nữa! Làm sao ngươi có thể sống trong sa mạc suốt quãng thời gian dài như vậy?

Ông, nhận ra sự lừa dối của chúng, đã nói:

– Các ngươi làm ta buồn bã khi tiên đoán cho ta một cuộc đời ngắn ngủi như vậy; trong khi ta đã chuẩn bị để chịu đựng những thiếu thốn trong sa mạc này suốt hai trăm năm.

Nghe vậy, lũ quỷ bỏ chạy trong sự xấu hổ. Chính vị tu sĩ như thế này, người mà lũ quỷ không thể lay chuyển được, đã bị Thêôphilô thành Alexandria trục xuất! Trong số các tu sĩ còn có Thánh Isaac, một linh mục am hiểu Kinh Thánh, là môn đệ của Thánh Macarius, người vô nhiễm từ khi còn trong bụng mẹ, vì ngài được đưa vào sa mạc khi mới năm tuổi và lớn lên ở đó. Và tất cả những tu sĩ bị Thánh Theophilus trục xuất đều là những vị thánh và đáng kính. Thánh Gioan rất kính trọng họ và không cấm họ đến nhà thờ, mặc dù ngài không cho phép họ rước lễ cho đến khi chính ngài làm rõ chi tiết lý do họ bị khai trừ khỏi Giáo hội và hòa giải họ với Thêôphil. Ngài khuyên họ đừng nói gì về sự oán hận của mình với nhà vua và đừng than phiền về Thêôphil, đồng thời hứa sẽ hòa giải ông với họ. Thánh Gioan thực sự đã viết thư cho Thêôphil, đề nghị ông cho phép các tu sĩ mặc áo đen đó được sống bình an trong các phòng tu của họ tại Ai Cập và đón nhận họ trở lại lòng Giáo Hội của Chúa Kitô.

Trong khi đó, những tin đồn rằng Gioan đã tiếp nhận các tu sĩ bị trục xuất vào cộng đoàn của mình đã đến tai Theophilus. Đồng thời, một số kẻ vu khống đã nói với ông rằng Giám mục Constantinopolis đã cho phép họ rước lễ (điều này là sai sự thật). Vì điều này, Thêôphilô đã rất tức giận với Gioan và gửi cho ngài một bức thư đầy thách thức, cáo buộc ngài vi phạm các quy định của Giáo hội[7792] . Tuy nhiên, sau đó, Gioan lại gửi cho Thêôphilô một bức thư hòa giải, khẩn cầu ngài dẹp bỏ cơn giận và đừng cấm các tu sĩ ở lại nơi mà họ đã bị trục xuất. Nhưng Theophilus đã trả lời Gioan một cách thô lỗ hơn trước và càng tức giận với ông hơn là với các tu sĩ này. Chỉ đến lúc đó, các tu sĩ mới viết đơn khiếu nại gửi lên nhà vua, trong đó mô tả tất cả những khổ nạn mà họ đã phải chịu đựng một cách vô tội từ Theophilus. Họ đã nộp đơn khiếu nại lên nhà vua vào lúc ngài đang có mặt trong nhà thờ.

Thương xót trước nỗi bất hạnh của những tu sĩ trung thực và đạo đức như vậy, nhà vua ngay lập tức ra lệnh cho quan tổng trấn vùng Alexandria phải đưa Theophilus, dù phải dùng đến biện pháp cưỡng chế, đến Constantinople để ra tòa, nhằm buộc ông ta phải giải trình trước Thượng phụ John và Hội đồng các giám mục về nguyên nhân sự thù hận của mình và chịu sự phán xét cho những hành vi của mình. Hoàng đế cũng gửi thư cho Giáo hoàng Innocentius[7793] tại Roma, xin ngài cử các giám mục từ phía mình đến Constantinopolis tham dự hội đồng để xét xử Theophilus. Đức Giáo hoàng ngay lập tức ra lệnh cho các giám mục của mình chuẩn bị lên đường và chờ đợi thông báo từ Hoàng đế Arcadius về việc các giám mục phương Đông đã tập hợp được chưa. Nhưng hoàng đế không gửi thư lần thứ hai, và do đó các giám mục phương Tây đã không đến Constantinopolis. Trong khi đó, Theophilus đã hối lộ quan tổng trấn Alexandria, và người này cho phép ông ở lại Alexandria cho đến khi ông thu thập đủ các loại hương liệu thơm ngát và các món ăn ngon từ Ấn Độ, để có thể gửi bằng tàu đến Constantinople. Cùng lúc đó, Theophilus đã lôi kéo Thánh Epiphanius, Giám mục đảo Síp,[7794] về phe mình và vu khống Thánh Gioan trước mặt ngài, khẳng định rằng ngài là kẻ dị giáo, vì đã tiếp nhận các môn đệ của Origene và cùng họ rước lễ. Là một người hiền lành, Epiphanius đã không nhận ra mưu mô của Theophilus, tin vào những lời dối trá và, vì lo lắng cho sự thánh thiện, đã lên án các tác phẩm của Origen tại Công đồng Địa phương ở Síp, sau đó viết thư cho Gioan, khuyên ông cũng nên làm như vậy. Nhưng Gioan, không vội vàng trong việc này, vẫn tiếp tục nghiên cứu Kinh Thánh và dồn hết tâm huyết vào việc giảng dạy dân chúng trong nhà thờ và dẫn dắt những người tội lỗi đến sự sám hối.

Trong khi đó, Thêôphil, khi đang chuẩn bị cho chuyến đi đến Constantinople, đã nài nỉ Thánh Epiphanius cùng đi đến đó:

– Chúng ta sẽ tổ chức – ông nói – một công đồng chống lại những người theo Origene.

Bị thuyết phục bởi ông, Thánh Epiphanius vội vã lên đường đến Constantinople, nơi Thêôphil đã đến trước đó. Nhưng trước khi ngài đến Constantinople, một sự kiện sau đây đã xảy ra.

Ở đó có một quan đại thần tên là Theognostus, một người tốt bụng và kính sợ Thiên Chúa. Ông bị vu khống trước mặt nhà vua rằng ông đã phỉ báng và nói xấu nhà vua, đồng thời gọi hoàng hậu là "kẻ tham lam vô độ" và nói rằng bà ta chiếm đoạt tài sản của người khác một cách bất công. Vua nổi giận với Theognostus và ra lệnh đưa ông đến Thessaloniki để giam cầm, đồng thời tịch thu toàn bộ tài sản và của cải của ông, ngoại trừ một vườn nho nằm ngoài thành phố, mà vua cho phép để lại cho vợ và con cái của Theognostus để sinh sống. Trên đường đến Solun, Theognostus lâm bệnh và qua đời vì quá đau buồn. Vợ ông, trong nỗi đau đớn tột cùng vì mất chồng, đã đến gặp Thánh Gioan và trong nước mắt, kể cho ngài nghe nỗi đau khổ của mình. Thánh nhân an ủi bà bằng những lời khôn ngoan và khuyên bà hãy phó thác nỗi buồn cho Chúa. Đồng thời, ngài cho phép bà hàng ngày lấy thức ăn từ nhà trọ của nhà thờ cho bản thân và các con, còn bản thân ngài thì chờ đợi thời cơ thuận lợi để xin vua trả lại cho góa phụ và các con bà những tài sản đã bị tước đoạt một cách vô cớ. Nhưng hoàng hậu, vì lòng độc ác, không chỉ cản trở việc này mà còn gây ra những tai họa khủng khiếp nhất cho Thánh Gioan.

Một lần nọ, vào mùa hái nho, Eudoxia đi ngang qua vườn nho của Theognostus, nằm không xa các vườn nho hoàng gia. Bị thu hút bởi khung cảnh tuyệt đẹp nơi đây, bà bước vào vườn, tự tay hái một chùm nho và ăn. Trong khi đó, có một sắc lệnh hoàng gia như sau: nếu hoàng đế hoặc hoàng hậu bước vào vườn nho của người khác

---

[7792] Quy tắc Tông đồ thứ 32 quy định rằng người bị một giám mục nào đó khai trừ "không được phép được một giám mục khác tiếp nhận vào cộng đoàn". Yêu cầu tương tự cũng được nêu ra trong Quy tắc thứ 6 của Công đồng Đại kết lần thứ nhất.

[7793] Đức Giáo hoàng Innocent đã lãnh đạo Giáo hội Rôma từ năm 402 đến năm 417.

[7794] Đảo Síp nằm ở phía đông Địa Trung Hải, phía nam Tiểu Á. Thánh Epiphanius giữ chức Giám mục Síp từ năm 365 đến năm 402. Ngài là người có kiến thức uyên bác, thông thạo các ngôn ngữ: Hy Lạp, Do Thái, Syria, Ai Cập và La Tinh. Ngài được kính trọng sâu sắc vì sự thánh thiện của mình, và sau khi qua đời, ngài được phong thánh. Lễ kính ngài được cử hành vào ngày 12 tháng 5.

và ăn một chùm nho, thì sau đó chủ nhân của vườn nho đó sẽ không còn quyền sở hữu nó nữa và vườn nho này sẽ được tính vào số vườn nho hoàng gia, còn chủ sở hữu của nó sẽ được bồi thường bằng tiền hoặc nhận một vườn nho khác từ hoàng đế. Theo sắc lệnh này, Eudoxia đã ra lệnh đưa vườn nho của Theognostus vào danh sách các vườn nho hoàng gia. Bà đã hành động như vậy dựa trên những lý do sau: một mặt, bà muốn làm nhục người góa phụ và các con của bà ta, vì bà phẫn nộ với bà ta vì đã đến gặp Ioann và kể cho ông nghe về nỗi đau của mình; mặt khác, hoàng hậu đang tìm kiếm cáo buộc chống lại Ioann để trục xuất ông khỏi Giáo hội. Tất nhiên, bà biết rằng nếu Gioan nghe được chuyện này, ông sẽ không im lặng, mà sẽ đứng ra bảo vệ người góa phụ bị oan ức, và từ đó sẽ nảy sinh mâu thuẫn, giúp kế hoạch của bà thành công. Điều đó đã trở thành sự thật.

Thật vậy, người góa phụ bị oan ức đã chạy đến gặp Thánh Gioan và trong tiếng nức nở, bà kể cho ngài nghe rằng nữ hoàng đã tước đoạt vườn nho của bà – niềm hy vọng cuối cùng để nuôi sống các con. Thánh Gioan lập tức gửi một lá thư cùng với phó tế trưởng Evtichii đến nữ hoàng, khuyên bà hãy tỏ lòng thương xót, nhắc nhở bà về cuộc đời đạo đức của cha mẹ bà, về những đức hạnh của các vị vua tiền nhiệm, gợi lên trong lòng bà sự kính sợ Thiên Chúa, làm cho tâm hồn bà run sợ trước lời nhắc nhở về Ngày Phán Xét Cuối Cùng của Thiên Chúa, và khẩn cầu bà trả lại vườn nho cho người góa phụ nghèo khổ. Nữ hoàng, không tuân theo lời khuyên của Gioan và không nghe theo những lời khẩn cầu của ngài, đã viết cho ngài một bức thư trả lời gay gắt, trong đó bà viện dẫn các luật lệ hoàng gia cổ xưa, và như thể bị ngài xúc phạm, bà kiêu ngạo tuyên bố rằng sẽ không còn chịu đựng sự sỉ nhục như vậy nữa.

– Ngươi, – nữ hoàng viết cho Thánh Gioan, – không hiểu rõ các sắc lệnh hoàng gia, đã kết án ta trong những lời nói của ngươi như thể ta đang phạm tội bất chính, và đã xúc phạm ta; nhưng ta sẽ không chịu đựng thêm những lời nói xúc phạm của ngươi nữa, cũng sẽ không chịu đựng ngươi, kẻ không ngừng gây tổn thương cho ta.

Sau khi đọc bức thư này, Thánh Gioan đã tự mình đến cung điện gặp nữ hoàng, nơi ngài lại dùng những lời lẽ ôn hòa để khuyên nhủ bà, van nài và khẩn khoản hơn trước, yêu cầu bà trao vườn nho cho người góa phụ.

Nữ hoàng đáp lại:

– Ta đã viết thư cho ngươi về những quy định mà các vị vua trước đây đã ban hành liên quan đến các vườn nho. Hãy để bà góa chọn một vườn nho khác thay thế cho vườn của mình, hoặc nhận tiền bù đắp cho vườn nho đó.

Nghe vậy, vị thánh nói:

– Bà ấy không đòi hỏi vườn nho khác và cũng không tìm kiếm bồi thường cho những gì đã bị tước đoạt, mà chỉ xin được trả lại những gì đã bị lấy đi. Vậy thì, hãy trả lại vườn nho cho bà ấy!

Nữ hoàng đáp lại:

– Đừng chống lại các luật lệ cổ xưa của các vị vua, vì sự chống đối đó sẽ không mang lại điều tốt lành cho ngươi.

– Đừng lấy những quy định và luật lệ cổ xưa do các vị vua ngoại đạo ban hành để biện minh cho hành động của ngài! – vị thánh được Chúa yêu mến đáp lại. – Nữ hoàng đạo đức ơi, chẳng có gì cản trở ngài hủy bỏ luật bất công và thiết lập luật công bằng. Hãy trả lại vườn nho cho người bị oan ức, để ta không gọi ngài là Jezebel thứ hai[7795] và ngài cũng không phải chịu lời nguyền rủa giống như nữ hoàng vô đạo của Israel ấy.

Khi ông nói xong những lời ấy, nữ hoàng bừng lên cơn giận dữ dữ dội và thét lên vang dội khắp các cung điện hoàng gia, bộc lộ chất độc thầm kín trong lòng mình:

– Chính ta sẽ tự tay trả thù ngươi, và vì thế, ta không những không trả lại vườn nho cho người phụ nữ ấy, mà còn không cho cô ta vườn nho nào khác, cũng không trả tiền cho phần ta đã chiếm đoạt, và ta sẽ trừng phạt ngươi một cách xứng đáng vì đã xúc phạm ta.

Và bà ra lệnh dùng vũ lực đuổi Thánh Gioan ra khỏi cung điện. Bị nữ hoàng trục xuất một cách nhục nhã như vậy, Thánh Gioan ra lệnh cho phó tế trưởng Eutychius của mình, dưới sự đe dọa sẽ bị trừng phạt, phải thực hiện điều sau đây:

– Hãy bảo những người gác cổng nhà thờ rằng, khi nữ hoàng đến gần nhà thờ, họ phải đóng cửa lại trước mặt bà ta và không cho bà ta cùng tất cả những ai đi cùng bà ta vào nhà thờ; hãy để những người gác cổng nói với bà ta rằng đó là mệnh lệnh của Thánh Gioan.

[7795] Iê-za-bên – vợ của vua A-háp của Ít-ra-en, con gái của vua Si-đôn (ở Phi-ni-xi); bà nổi tiếng với tính cách độc ác và ham quyền lực, cũng như sự sùng bái các thần ngoại đạo. Ngoài ra, bà còn chiếm đoạt một cách bất công vườn nho của một người Israel tên là Navuteh, và đã giết chết người này.

Khi lễ Kính Thánh Giá đến, toàn thể dân chúng tụ tập tại nhà thờ, nhà vua cùng các quan đại thần cũng đến đó, hoàng hậu cùng toàn bộ đoàn tùy tùng cũng có mặt. Khi các lính gác nhìn thấy hoàng hậu, họ liền đóng cửa nhà thờ lại trước mặt bà, không cho bà vào trong, theo lệnh của tổng giám mục. Lúc đó, các quan lại của nhà vua la lên:

– Mở cửa cho Hoàng hậu đi!

Nhưng những người gác cổng đáp lại:

– Đức Thượng phụ đã ra lệnh không cho bà ấy vào!

Tràn ngập sự xấu hổ và tức giận, nữ hoàng nói:

– Mọi người hãy nhìn xem, tên ngang bướng này đang làm tôi nhục nhã thế nào! Ai cũng được tự do vào nhà thờ, mà chỉ có mình tôi là bị hắn cấm! Chẳng lẽ tôi không thể trả thù hắn và lật đổ hắn khỏi ngai vàng sao?

Khi bà vừa thốt lên như vậy, một người trong số những người đi cùng bà đã rút kiếm ra và vung lên, định chém vào cánh cửa; bỗng chốc, cánh tay anh ta teo lại và trở nên bất động, như thể đã chết đi. Thấy cảnh đó, hoàng hậu và cả đoàn tùy tùng của bà đều kinh hoàng và quay trở lại; còn người có cánh tay teo lại thì bước vào nhà thờ và đứng giữa đám đông, kêu lên bằng giọng vang dội:

– Thánh nhân ơi! Xin thương xót con và chữa lành cánh tay khô cứng của con, cánh tay đã giơ lên chống lại ngôi thánh đường thiêng liêng này; con đã phạm tội – xin tha thứ cho con!

Hiểu được nguyên nhân khiến cánh tay anh ta teo lại, vị thánh ra lệnh cho anh ta rửa tay tại chậu rửa bên bàn thờ, và cánh tay ấy lập tức được chữa lành. Chứng kiến phép lạ ấy, toàn thể dân chúng đã ngợi khen Thiên Chúa. Tất cả những điều này cũng không qua mắt được nhà vua, nhưng vì biết tính cách độc ác của hoàng hậu, ngài không coi trọng sự việc đã xảy ra và, vì kính trọng Thánh Gioan, ngài đã lắng nghe những lời giảng dạy của ngài với lòng yêu mến. Nhưng hoàng hậu đã dùng mọi cách để trục xuất Thánh Gioan, và chẳng bao lâu sau, bà đã đạt được mục đích.

Vào thời điểm đó, Thánh Epiphanius, Giám mục đảo Síp, đã đến Constantinople, mang theo những tác phẩm viết chống lại Origene. Sau khi xuống tàu, ngài bước vào nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả, cách thành phố bảy stade[7796] , cử hành Thánh lễ tại đây và phong chức phó tế, bất chấp các quy định[7797] , cấm giám mục phong chức cho bất kỳ ai trong giáo đoàn của người khác mà không có sự cho phép của giám mục giáo phận[7798] . Sau đó, ngài đến thành phố và cư ngụ tại một ngôi nhà tư nhân. Thánh Gioan đã biết rõ tất cả những điều này, nhưng ngài không giận Epiphanius vì đã phong chức phó tế trong giáo phận của mình, bởi ngài coi ông là một vị thánh và một người không hề ác ý. Không chỉ vậy, ngài còn cử các sứ giả đến gặp Epiphanius với lời đề nghị ngài đến ở cùng ngài tại dinh tổng giám mục, như tất cả các giám mục khác vẫn làm. Nhưng Epiphanius không đồng ý với điều này và thậm chí không muốn gặp Thánh Gioan, mà trả lời các sứ giả của ngài rằng:

– Nếu Gioan không trục xuất Dioscorus và các tu sĩ của ông ta khỏi thành phố, và nếu không ký vào văn bản bác bỏ các tác phẩm của Origene, thì tôi sẽ không giao tiếp với ông ta.

Giăng đã trả lời Epiphanius qua các sứ giả:

– Trước khi có phán quyết của công đồng, không nên làm bất cứ điều gì tùy tiện.

Còn những kẻ thù của Gioan, khi đến gặp Epiphanius, đã nài nỉ ông rằng tại Nhà thờ Các Thánh Tông đồ, trước sự chứng kiến của toàn thể dân chúng, lên án các tác phẩm của Origene, khai trừ khỏi cộng đồng Giáo hội tất cả các tu sĩ đã bị trục xuất khỏi Ai Cập cùng với Dioscorus, với tư cách là những người theo Origene, và vạch trần việc Gioan tiếp nhận những người theo Origene và chia sẻ quan điểm của họ. Với lòng nhiệt thành bảo vệ đức tin, Epiphanius vào sáng hôm sau đã đến Nhà thờ Các Thánh Tông đồ để nguyền rủa các tác phẩm của Origen. Khi biết được ý định này của Epiphanius, Thánh Gioan đã cử các sứ giả đến gặp ông với lời nhắn:

– Epiphanius! Ngươi đã làm nhiều điều trái với các quy tắc. Trước hết, ngươi đã cử hành Thánh lễ và phong chức trong giáo đoàn của ta mà không có sự đồng ý của ta; sau đó, ngươi từ chối đến ở cùng chúng ta, và giờ đây

---

[7796] Stadia – đơn vị đo khoảng cách cổ đại, một stadia theo hệ đo lường Hy Lạp tương đương ít nhất 100 sazen.

[7797] Các quy tắc – những quy định do Giáo hội thiết lập liên quan đến đức tin, đạo đức và trật tự giáo hội.

[7798] Quy tắc thứ 35 của các Tông đồ nêu rõ: "Giám mục không được phép tiến hành lễ tấn phong ngoài phạm vi giáo phận của mình tại các thành phố và làng mạc không thuộc quyền quản lý của ngài. Nếu bị phát hiện đã thực hiện việc này mà không có sự đồng ý của người có thẩm quyền quản lý các thành phố hoặc làng mạc đó, thì cả ngài lẫn những người được ngài tấn phong đều phải bị truất quyền." Xem thêm Điều 16 của Công đồng Đại kết Thứ nhất, Thông điệp của Công đồng Đại kết Thứ ba, Điều 33 của Công đồng Ancyra, và Điều 15 của Công đồng Sardica.

ngươi lại muốn vào nhà thờ thuộc giáo phận của ta để tuyên bố vạ tuyệt thông mà không qua phiên tòa của Hội đồng Giám mục. Hãy cẩn thận, kẻo ngươi gây ra hỗn loạn trong dân chúng và chính ngươi cũng rơi vào hoạn nạn.

Sau khi nghe những lời này, Epiphanius bắt đầu do dự và, sau khi rời khỏi nhà thờ, quyết định chờ đợi sự đến của Theophilus. Còn Chúa, không cho phép bất kỳ sự thù hận nào nảy sinh giữa các tôi tớ của Ngài, đã mặc khải cho Epiphanius rằng Gioan trong sạch như mặt trời, và đang phải chịu những cáo buộc xuất phát từ lòng ghen tị của con người. Thật vậy, Epiphanius đã nghe nhiều người kể về những đức tính cao quý của Gioan, về đức tin trong sạch của ngài, về cuộc đời hoàn hảo của ngài, và ngài rất ngạc nhiên khi thấy nhiều người nổi dậy chống lại Gioan và bịa đặt đủ loại cáo buộc chống lại ngài. Vì vậy, vị thánh của đảo Síp đã kiên nhẫn chờ đợi xem vụ việc đang diễn ra sẽ kết thúc ra sao.

Khi nghe tin Epiphanius tránh xa Gioan và không giao tiếp với ông, hoàng hậu Eudoxia cho rằng giữa họ có mối thù hận. Bà đã mời Epiphanius đến và nói với ông:

– Thưa Cha Epiphanius! Ngài biết rằng toàn bộ đế quốc Hy Lạp-La Mã đang nằm trong tay quyền lực của chúng ta. Này, ta sẽ trao cho ngài toàn bộ quyền lực trong Giáo hội, nếu ngài nghe lời ta, xoa dịu nỗi đau của ta và thực hiện những gì ta đã dự định.

Epiphanius đáp:

– Hãy nói đi, con yêu, và chúng ta sẽ cố gắng hết sức để thực hiện những điều có lợi cho sự cứu rỗi linh hồn con.

Lúc đó, hoàng hậu, cho rằng mình có thể dùng lời ngọt ngào để dụ dỗ Epiphanius theo ý đồ của mình, bắt đầu nói với ông về Gioan như sau:

– Giăng này đã trở nên không xứng đáng đứng đầu cơ quan quản lý Giáo hội, vì ông ta chống đối ta và nhà vua, đồng thời không dành cho chúng ta sự tôn kính xứng đáng. Hơn nữa, nhiều người khẳng định rằng ông ta là kẻ dị giáo. Vì lý do này, nên triệu tập một công đồng để tước chức của Giăng, và thay thế ông ta bằng một người khác, người có thể quản lý Giáo hội một cách tốt đẹp.

Nói đến đây, nữ hoàng run rẩy vì cơn giận dữ dữ dội đối với vị thánh của Chúa. Sau đó, bà lại tiếp tục nói:

– Tuy nhiên, không cần phải làm phiền nhiều vị cha bằng cách triệu tập họ đến đây dự công đồng. Thưa thánh phụ, tốt hơn là chính ngài hãy loại trừ ông ta khỏi Giáo hội và bổ nhiệm một người khác thay thế, người mà Chúa sẽ chỉ định cho ngài, còn phần tôi sẽ sắp xếp để mọi người đều vâng lời ngài.

– Con ơi, – Thánh Epiphanius đáp, – hãy lắng nghe cha con mà đừng giận dữ. Nếu Gioan là kẻ dị giáo, như con khẳng định, và nếu hắn không ăn năn về tà thuyết của mình, thì hắn không xứng đáng với chức vụ tổng giám mục, và chúng ta sẽ xử lý hắn theo như con ra lệnh. Còn nếu con muốn trục xuất ông ta vì lý do ông ta được cho là đã xúc phạm con, thì về điều này, Epiphanius sẽ không đồng ý, bởi vì các vị vua không nên hay thù hận, mà phải nhân từ, hiền lành và tha thứ cho những lời xúc phạm nhằm vào mình. Vì chính các con cũng có một Vua trên trời và đang cầu xin Ngài tha thứ cho những tội lỗi của mình. Hãy hành động như vậy với những người khác: *"Vậy, hãy thương xót, như Cha các ngươi là Đấng thương xót"* (Lu-ca 6:36), – Đấng Cứu Thế đã phán.

– Thưa Cha, – nữ hoàng đáp lại Epiphanius, – nếu ngài không trục xuất Gioan, thì tôi sẽ mở lại các đền thờ thần tượng và sắp xếp để nhiều người, sau khi lìa bỏ Thiên Chúa, sẽ thờ lạy các thần tượng, và tình trạng sau này sẽ còn tồi tệ hơn trước.

Bà nói những lời này với sự cay đắng và nước mắt tuôn trào. Ngạc nhiên trước cơn giận điên cuồng của nữ hoàng, Epiphanius nói:

– Tôi vô can trước lời buộc tội công chính này.

Nói xong, ông rời khỏi cung điện.

Tin đồn lan truyền khắp thành phố rằng nữ hoàng đã xúi giục vị thánh vĩ đại Epiphanius chống lại Gioan, và rằng Epiphanius, khi đến các cung điện hoàng gia, đã bàn bạc với nữ hoàng về việc lật đổ tổng giám mục. Tin đồn này cũng đến tai Gioan, và ông, là người nóng nảy, đã giảng một bài giảng trong nhà thờ trước toàn thể dân chúng, trong đó ông nhắc lại từ Kinh Thánh những ví dụ về sự tàn nhẫn của các phụ nữ khác nhau. Nhiều người trong dân chúng, sau khi nghe những lời của Gioan về các phụ nữ, đã nghĩ rằng ông đang ám chỉ đến nữ hoàng. Kẻ thù của Gioan đã ghi lại những lời này của ông lên giấy da và chuyển cho nữ hoàng. Nữ hoàng, sau khi đọc xong, quyết định rằng ông đang nói riêng về mình, và trong nước mắt, bà than thở với nhà vua rằng Gioan đang phỉ báng bà trong nhà thờ. Trong tiếng nức nở, bà nói với nhà vua:

– Xin ngài biết rằng nỗi uất ức của tôi cũng chính là nỗi uất ức của ngài, và khi John phỉ báng tôi, thì đồng thời hắn cũng đang làm ô danh ngài.

Và khi nói như vậy, hoàng hậu đã khẩn cầu nhà vua ra lệnh triệu tập hội đồng giáo hội và kết án John phải lưu đày. Cùng với đó, bà đã viết thư cho Theophilus, Giám mục Alexandria, yêu cầu ngài đến Constantinople.

– Tôi, – bà viết, – sẽ cầu xin nhà vua vì ngài và bịt miệng tất cả những kẻ thù của ngài; chỉ cần ngài lập tức đến với chúng tôi và tập hợp nhiều giám mục để trục xuất kẻ thù của tôi là Gioan.

Được khích lệ bởi bức thư của hoàng hậu, ngay sau khi nhận được thư, Theophilus lập tức lên đường đến Constantinople với những con tàu chở đầy hương liệu Ấn Độ, rau củ, cùng những tấm lụa Ai Cập và vải dệt vàng quý giá. Ông hy vọng nhờ những của cải quý giá này mà có thể thuyết phục nhiều người hợp tác với ông trong âm mưu xấu xa chống lại Gioan.

Vào thời điểm đó, Thánh Gioan đã viết thư cho Thánh Epiphanius như sau:

– Anh em Epiphanius ơi! Tôi nghe nói anh đã khuyên nên trục xuất tôi; vậy thì hãy biết rằng anh sẽ không còn được ngồi trên ngai của mình nữa.

Thánh Epiphanius đã trả lời ngài bằng văn bản:

– Thánh Gioan, người chịu khổ vì đức tin! Hãy vững lòng trong những đau khổ của anh và hãy biết rằng anh sẽ không đến được nơi mà họ sẽ trục xuất anh.

Lời tiên tri của cả hai đều ứng nghiệm. Thánh Epiphanius, sau khi ở lại Constantinople thêm một thời gian ngắn, thấy rằng người ta đang bất công chống lại Thánh Gioan. Không muốn trở thành đồng phạm trong phiên tòa bất công đối với người công chính, ngài đã bí mật lên tàu cùng đoàn tùy tùng và trở về quê hương. Trên đường đi, theo lời tiên tri của Thánh Gioan, Epiphanius đã về với Chúa, trước khi đến được thành phố của mình. Cũng giống như vậy, trong lần lưu đày thứ hai của mình, Thánh Gioan đã an nghỉ trong Chúa trước khi đến nơi ông bị đày, theo lời tiên tri của Epiphanius. Nhưng chúng ta sẽ nói về điều này sau; bây giờ, chúng ta hãy quay trở lại với phần tường thuật các sự kiện đã bị gián đoạn.

Với niềm tin vào sự giúp đỡ của nữ hoàng và không sợ hãi điều gì, Thượng phụ Theophilus của Alexandria đã lập tức đến Constantinople, cùng theo đoàn tùy tùng gồm nhiều giám mục mà ngài đã khéo léo thuyết phục để họ đồng lòng với mình. Nhà vua không muốn tiếp đón Theophilus cho đến khi các giám mục La Mã do Giáo hoàng Innocent cử đến. Ông không biết rằng phía La Mã đang chờ lá thư thứ hai từ ông, trong đó có lời mời tham dự công đồng. Trong khi đó, nữ hoàng đã bí mật triệu tập Thượng phụ Theophilus và tất cả các giám mục đi cùng ông đến gặp mình, thông báo cho họ về ý định của bà liên quan đến Thánh Gioan và yêu cầu họ cố gắng lật đổ vị thánh này khỏi ngai tòa. Họ hứa sẽ hợp tác, và để đáp lại, nữ hoàng đã ban tặng họ những món quà. Sau đó, bà triệu tập tất cả các tu sĩ, linh mục và giám mục đến từ Ai Cập, những người đã phàn nàn về Theophilus. Trong số đó có sáu giám mục và hai mươi linh mục cùng phó tế, những người đã ly khai khỏi Theophilus và yêu cầu xét xử ông. Sau khi tập hợp tất cả họ lại, nữ hoàng bắt đầu khẩn cầu họ đừng đưa các cáo buộc chống lại Theophilus ra tòa và hãy tha thứ cho ông. Một số người đã nghe theo lời nữ hoàng và, sau khi phó thác nỗi buồn của mình cho Chúa, họ im lặng; những người khác, trong đó có Isidor và Irak (Dioscorus đã qua đời không lâu trước đó), đã rút lui về các sa mạc của mình; còn một số người thì hoàn toàn từ chối chấp nhận đề nghị mà nữ hoàng đưa ra cho họ. Nữ hoàng đã ban tặng nhiều quà tặng cho những ai đồng ý im lặng, còn những người chống đối thì bị đày đến Thessaloniki. Nhờ vậy, Theophilus, sau khi thoát khỏi tất cả các đối thủ của mình, đã có thể thành công trong việc khởi xướng vụ kiện chống lại John.

Vào thời điểm đó, Thánh Gioan, khi đang rao giảng Lời Chúa trong nhà thờ theo thói quen của mình, đã trích dẫn một đoạn trong Kinh Thánh từ Sách Các Vua III như sau:

"Hãy tập *hợp lại trước mặt ta… các tiên tri của Ba-anh, và bốn trăm tiên* tri hèn hạ, những kẻ *ăn uống* từ *bàn tiệc của I-za-bê-lơ*, để ta nói với họ như Ê-li đã nói: 'Các ngươi còn khập khiễng trên cả hai đầu gối đến bao giờ nữa? Nếu Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, thì hãy theo Ngài; còn nếu là Ba-anh, thì hãy theo nó'[7799] .

[7799] Những lời này là bản sửa đổi từ 3 Vua 18:19–21 và do tiên tri Ê-li nói ra, nhân dịp dân Y-sơ-ra-ên cùng các thầy tế lễ Ba-anh tụ tập tại núi Ca-rêm-ên để dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va và Ba-anh. Mục đích của cuộc tụ họp này là để chứng minh sự chân thật của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và sự giả dối của Ba-anh. Khi dân chúng tụ họp lại, Ê-li đã nói: "Các ngươi còn lưỡng lự giữa hai con đường này đến bao giờ?", tức là các ngươi còn thờ phượng Đức Chúa Trời và Ba-anh đến bao giờ? Nếu Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, thì hãy tôn kính Ngài, chứ đừng tôn kính Ba-anh; còn nếu Ba-anh là Đức Chúa Trời, thì hãy tôn kính Ba-anh. Sau đó, Ê-li đề xuất một thử thách thông qua việc dâng của lễ, và các thầy tế lễ của Ba-anh đã bị làm nhục.

Nghe xong những lời này, những kẻ thù của Gioan đã báo lại cho Thêôphilô và các giám mục đang ở cùng ông. Những người này, sau khi ghi chép lại những lời nói đó, đã xuyên tạc chúng theo hướng xấu và thêm thắt những lời của riêng mình, rồi nói rằng Gioan rõ ràng đã gọi hoàng hậu Iê-sa-bên trước mặt mọi người, còn họ thì là những nhà tiên tri dối trá. Họ đã chuyển bản ghi chép đó cho nhà vua và hoàng hậu. Lúc đó, hoàng hậu, trong tiếng khóc nức nở, lại cầu xin nhà vua xét xử Gioan. Vì thương xót hoàng hậu, nhà vua đã chuyển toàn bộ cơn giận vốn dành cho Theophilus sang John và ra lệnh cho Theophilus triệu tập một hội đồng chống lại ông. Theophilus cùng tất cả những người đồng chí hướng của mình đều vui mừng trước cơn giận của nhà vua đối với John. Tìm được hai phó tế mà Gioan đã khai trừ khỏi Giáo hội – vì một người trong số họ đã phạm tội giết người, còn người kia phạm tội ngoại tình – Theophilus hứa sẽ tấn phong họ làm giám mục với điều kiện họ phải làm chứng dối chống lại Gioan. Còn hai người này, vì thù hận vị thánh và khao khát chức giám mục, đã ngay lập tức hứa sẽ tuân theo ý muốn của Theophilus. Theophilus đã viết ra nhiều cáo buộc sai trái chống lại John và giao cho hai phó tế đó để họ tự mình đệ trình lên công đồng.

Địa điểm tổ chức hội đồng được ấn định tại vùng ngoại ô Chalcedon, nơi có cung điện hoàng gia và nhà thờ lớn của các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô[7800] . Các giám mục, sau khi tập trung tại đó, đã họp cùng với Theophilus. Còn Thánh Gioan cùng với bốn mươi vị giám mục đi theo ngài thì họp tại dinh tổng giám mục của ngài. Với lòng buồn bã, vị thánh thấy rằng sự thù hận của kẻ thù đã đạt được mục đích, và ngài ngây thơ tự hỏi làm sao điều đó lại xảy ra, và làm sao Thêôphilô – người vốn bị triệu tập để xét xử ngài – lại có thể nhanh chóng lôi kéo nhà vua và tất cả các quan chức về phía mình, từ bị cáo trở thành người xét xử. Và Thánh Gioan nói với các giám mục:

– Hỡi các anh em! Hãy cầu nguyện cùng Thiên Chúa cho tôi, và nếu các anh em yêu mến Đức Kitô, thì đừng bỏ rơi các giáo xứ của mình. Thời khắc hoạn nạn đã gần kề đối với tôi, và sau nhiều nỗi đau khổ, tôi sẽ sớm về với Chúa. Tôi thấy rằng Satan, không chịu nổi giáo lý của tôi, đã triệu tập một hội đồng bất chính chống lại tôi. Nhưng các anh em đừng buồn rầu vì tôi và hãy nhớ đến tôi trong những lời cầu nguyện của các anh em.

Nghe xong những lời này, mọi người đều kinh hoàng và khóc nức nở. Vị thánh ra lệnh cho họ im lặng và an ủi họ. Trong khi ngài đang trò chuyện với hội đồng của mình, những sứ giả được phái từ hội đồng của Thêôphilô đã đến, triệu tập Gioan ra tòa để ngài trả lời về những cáo buộc được đưa ra chống lại ngài. Các giám mục đang ở cùng Gioan đã gửi lời qua các sứ giả đó đến Thêôphilô:

– Đừng triệu tập vị thánh như Ca-in đã triệu tập A-vê-lơ ra đồng, mà hãy đến gặp chúng tôi để tự bào chữa trước mặt chúng tôi. Chúng tôi có bằng chứng bằng văn bản về những việc làm trái luật mà ngài đã gây ra. Vậy nên, hãy đến đây, vì chúng tôi – những người được tập hợp nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời không phải để phá hoại Giáo Hội, mà là vì hòa bình – đông đảo hơn rất nhiều so với số người tại hội đồng của các ngài.

Thánh Gioan, về phần mình, đã nói với các sứ giả:

– Tôi không thể đến gặp những kẻ thù rõ ràng của mình.

Và ngài đã không đi.

Khi bị triệu tập đến phiên tòa bất chính lần thứ hai và thứ ba, vị thánh đáng kính đã nói với các sứ giả:

– Tôi sẽ đến với ai? Với những kẻ thù của tôi hay với các thẩm phán? Tôi sẵn sàng ra trước tòa án của cả thế giới, nhưng với điều kiện là những đối thủ của tôi cũng phải ra tòa cùng tôi, còn các thẩm phán phải là những người khác. Còn bây giờ, những kẻ thù của tôi lại là những người làm thẩm phán, những kẻ không muốn tranh luận với tôi, mà chỉ muốn xét xử tôi. Tôi sẽ không đến một phiên tòa như thế. Nhưng nếu các giám mục từ mọi giáo hội tập hợp lại, thì lúc đó tôi sẽ ra trước tòa.

Nói xong, ngài cử ba giám mục cùng hai linh mục thay mặt ngài đến để họ nói thay cho ngài. Hội đồng của Theophilus, khi thấy các sứ giả của Gioan, đã không cho họ nói một lời nào, mà còn sỉ nhục họ, và còn trói một trong số họ bằng những xiềng xích sắt vốn được chuẩn bị sẵn cho Gioan. Sau đó, những người tham dự hội đồng này bắt đầu đọc những cáo buộc giả dối, được soạn ra để vu khống Thánh Gioan – người vô tội và có lòng trong sạch – và, bằng cách đưa ra những nhân chứng giả, họ đã xét xử ngài.

Lúc bấy giờ, Thánh Gioan đang ở trong nhà thờ tổng giám mục cùng các giám mục của ngài và ngài đã nói với họ như sau:

[7800] Chalkidon nằm đối diện với Constantinople, trên bờ châu Á của eo biển Bosphorus.

– Sóng lớn, biển động dữ dội, nhưng chúng ta không sợ bị chìm, vì chúng ta đang đứng trên tảng đá. Dù biển có sủi bọt và cuồng nộ, nó cũng không thể nghiền nát những tảng đá. Dù sóng có dâng cao, chúng cũng không thể đánh chìm con thuyền của Chúa Giêsu. Hãy nói cho tôi biết: chúng ta phải sợ điều gì? Phải chăng là cái chết? Nhưng *"đối với tôi, sự sống là Đức Kitô, và cái chết là một lợi ích"* (Pl 1,21).

Có phải là sợ bị lưu đày không, hãy nói cho tôi biết? Nhưng *"Đất và mọi vật trên đất đều thuộc về Chúa"* (Thi Thiên 23:1). Có phải run rẩy vì mất tài sản chăng? Nhưng chúng ta chẳng mang gì vào thế gian này; rõ ràng là chúng ta cũng chẳng thể mang gì ra khỏi đây. Nói tóm lại, điều gì trong thế gian này đáng sợ, thì tôi không sợ điều đó và coi thường tất cả những gì tôi có. Tôi không sợ nghèo khó, không ham muốn giàu có, không run rẩy trước cái chết, nhưng tôi cầu nguyện để các bạn thành công trong việc làm lành.

Trong khi đó, Thêôphil cùng với hội đồng các giám mục của mình đã kết án Thánh Gioan là đáng bị phế truất khỏi chức vụ và tước bỏ ngai tòa của ngài, mà không hề nhìn thấy mặt ngài, cũng không nghe thấy giọng nói của ngài. Như vậy, chỉ trong vòng một ngày, họ đã hoàn tất việc ác mà họ đã chuẩn bị từ lâu, sau đó gửi cho nhà vua bức thư sau đây:

– Vì Gioan bị cáo buộc nhiều tội lỗi, mà chính ông cũng đã thừa nhận mình có tội, bởi vì ông không chịu ra hầu tòa, nên vì lý do này, ông đã bị phế truất; và không còn gì cần thiết nữa, ngoại trừ việc ngài ra lệnh truất phế ông khỏi ngai tòa.

Vua Arcadius không thèm đọc những cáo buộc chống lại Gioan và cũng không muốn nghe lời bào chữa của vị thánh đáng kính. Ông không do dự tin vào những lời của hội đồng bất chính và ra lệnh ngay lập tức trục xuất Gioan khỏi nhà thờ; để thực hiện điều này, như khi ra trận, ông đã cử một quan đại thần cùng quân đội đến gặp ông.

Nghe tin này, dân chúng bừng bừng phẫn nộ, và vô số người tụ tập lại, không rời khỏi nhà thờ trong suốt ba ngày, không cho phép trục xuất Gioan. Trong khi đó, tất cả đều lớn tiếng phàn nàn về vua và hoàng hậu, cũng như về Thêôphil, vì họ đã kết án vị thánh nhân của Chúa một cách bất công. Lúc đó, Gioan, lo sợ rằng người ta có thể bịa đặt thêm một cáo buộc khác chống lại mình, rằng ông không tuân lệnh vua, nên đã lẩn trốn khỏi đám đông; và khi chiều tối buông xuống, ông rời nhà thờ, lén lút ra ngoài và tự nộp mình cho các binh lính được cử đến bắt giữ ông. Các binh lính dẫn ông đến vịnh biển và chèo thuyền đưa ông đến Prénet, nằm đối diện với Nicomedia.

Khi dân chúng biết tin này, họ đã nổi dậy gây náo loạn lớn, trong đó nhiều người dân bị giết và còn nhiều người khác bị thương. Trong số những người bất mãn, có những kẻ định ném đá vào Theophilus. Biết được điều này, Theophilus đã lén lút trốn khỏi thành phố và ngay lập tức lên thuyền đi đến Alexandria. Những người đồng chí hướng khác của ông cũng tản mát khắp nơi. Tiếng la hét của dân chúng vang lên khắp nơi; họ tụ tập cả trong các nhà thờ lẫn trên các quảng trường, lớn tiếng phàn nàn về bản án bất công đã lật đổ một ngọn đèn sáng chói của thế giới. Vây quanh cung điện, dân chúng với những tiếng thét kinh hoàng và tiếng khóc nức nở đã van xin đưa Gioan trở lại ngai tòa Thượng phụ. Vào lúc đó, trong một đêm nọ, một trận động đất mạnh đã xảy ra, khiến mọi người đều hoảng sợ tột độ; đặc biệt, nữ hoàng rơi vào cơn kinh hoàng tột cùng, bởi cung điện của bà rung lắc dữ dội hơn các tòa nhà khác và một phần của nó thậm chí đã sụp đổ. Thấy vậy, toàn thể dân chúng đồng thanh hét lên:

– Nếu John không được đưa trở lại, cả thành phố sẽ sụp đổ!

Nhà vua lo sợ sự trừng phạt của Đức Chúa Trời và sự nổi loạn của dân chúng, nên vội vàng cử hoạn quan của hoàng hậu là Vrisso đi tìm John. Lúc này, ngay cả hoàng hậu cũng nài nỉ nhà vua ra lệnh cho John trở về, vì bà đã rất hoảng sợ trước trận động đất và sự nổi loạn của dân chúng. Và thế là, những sứ giả được cử đi lần lượt để nài nỉ vị thánh quay trở lại thành phố, đến nỗi Biển Thrace[7801] chật cứng những chiếc thuyền chở sứ giả. Trước những lời khẩn cầu nồng nhiệt, Thánh Gioan đã đồng ý trở về Constantinople. Khi biết tin này, tất cả cư dân đều cầm nến thắp sáng ra đón ngài, và biển cả chật kín những con tàu đến đón vị thánh. Khi đến gần thành phố, Thánh Gioan không muốn vào thành cho đến khi một cuộc điều tra được tiến hành tại một hội đồng lớn để làm rõ lý do tại sao ngài bị trục xuất. Nhưng dân chúng khăng khăng đòi vị mục tử của họ không được ở ngoài ngai tòa của mình, và họ phàn nàn với nhà vua một cách bực bội. Nhượng bộ trước sự khăng khăng của dân chúng, Thánh Gioan buộc phải vào thành; ngài được rước vào nhà thờ trong sự tôn kính, cùng với tiếng hát các thánh vịnh và các bài thánh ca. Sau khi cầu nguyện với Thiên Chúa, vị thánh được Thiên Chúa yêu mến đã ngự lên ngai tòa của mình và, sau khi ban bình an cho dân chúng, ngài đã giảng dạy. Nghe những lời hùng hồn và đầy giáo huấn của ngài, mọi

[7801] Biển Thrace – nay là Biển Marmara.

người đều vui mừng vì sự trở lại của ngài, và đám đông kẻ thù của Gioan tan rã, tất cả những kẻ chống đối ngài đều bỏ chạy và im lặng.

Sau khi trở lại ngai vàng của mình, Thánh Gioan cai quản Giáo hội của Chúa Kitô trong sự bình an sâu sắc, nuôi dưỡng đoàn chiên tinh thần của mình bằng những lời dạy ngọt ngào; với một vị mục tử và thầy giáo như vậy, toàn thể Giáo hội đã được vinh quang và an ủi trong một thời gian. Nhưng chưa đầy hai tháng, cơn bão vốn đã lắng xuống lại nổi lên chống lại vị thánh phúc lành. Sự việc diễn ra như sau.

Không xa nhà thờ Thánh Sophia[7802] , theo lệnh của Hoàng hậu Eudoxia, một cột đá cao đã được dựng lên, trên đỉnh có tượng của hoàng hậu. Nhân dịp lễ khánh thành cột đá, xung quanh đó đã diễn ra đủ loại trò chơi và những tiếng reo hò tưng bừng, kéo dài suốt vài ngày. Tiếng reo hò và tiếng hô vang của đám đông hân hoan vang vọng vào Nhà thờ Thánh Sophia và hòa lẫn với tiếng hát các bài thánh ca. Thánh Gioan nhận thấy đây là một hành vi báng bổ rõ ràng và sự xúc phạm đối với thánh địa, vì vậy ngài đã cố gắng thông qua quan trưởng thành phố để chấm dứt những cuộc hò reo vô độ đang diễn ra xung quanh cột đá. Nhưng quan trưởng thành phố không hề hỗ trợ ngài. Lúc đó, vì lo lắng trước sự xúc phạm đối với thánh địa, Thánh Gioan đã phát biểu một bài giảng gay gắt trong nhà thờ, bắt đầu bằng những lời:

– Lại một lần nữa, Herodias[7803] đang điên cuồng, lại một lần nữa nổi loạn, lại một lần nữa nhảy múa và nhảy nhót, lại một lần nữa tìm kiếm đầu của Gioan!

Những kẻ chỉ điểm và kẻ thù của Gioan vội vã báo cáo điều này với hoàng hậu một cách hả hê, giải thích lời nói của ông theo nghĩa rằng trong đó bà bị so sánh với Herodias. Eudoxia nổi cơn thịnh nộ dữ dội: bà khóc lóc van nài nhà vua, yêu cầu ông ra lệnh triệu tập hội đồng để xét xử Gioan một lần nữa. Và thế là, các sắc lệnh hoàng gia lại được gửi đến tất cả các giám mục, mời họ tập trung tại Constantinople để xét xử Ioann. Tất cả những ai trước đây đã tham gia phiên tòa phi pháp chống lại vị thánh được Chúa yêu mến đều có mặt. Chỉ có Theophilus là vắng mặt, vì ông, nhớ lại lần trước suýt nữa đã không thoát khỏi cơn thịnh nộ của dân chúng, nên bản thân đã sợ không dám đến Constantinople, mà thay vào đó, ông đã cử ba giám mục đến đó. Cùng với họ, ông cũng gửi theo những quy định mà phe Arian đã soạn ra chống lại Athanasius Đại đế[7804] , nhằm dựa vào những quy định đó để kết án John vì đã tự ý trở lại ngai tòa sau khi bị phế truất. Dựa trên những quy định dị giáo bất công đó, vị thánh đáng kính đã bị kết án[7805] , bởi vì họ không tìm thấy cáo buộc nào khác chống lại ông. Họ chỉ chỉ ra rằng Thánh Giăng Vàng Miệng, sau khi bị phế truất, đã dám chiếm lại ngai thánh trước khi có công đồng mới. Thánh Giăng đã đáp lại như sau:

– Tôi không có mặt tại phiên tòa, không tranh luận với các đối thủ của mình, thậm chí còn không được xem các cáo buộc viết chống lại tôi, cũng không chấp nhận các phán quyết của tòa án, nhưng các vị vua đã trục xuất tôi, và chính họ lại đưa tôi trở lại. Chính bản án này, mà các ngươi đang dùng để xét xử tôi, không phải do những người Chính Thống soạn thảo, mà là do những người Arian với mục đích lật đổ Thánh Athanasius Đại Đế.

Nhưng trước lời đáp trả này của vị thánh, hội đồng bất chính đã phớt lờ và phế truất vị thánh nhân của Chúa. Việc phế truất Thánh Gioan diễn ra trong những hoàn cảnh sau đây.

Khi lễ Phục Sinh vĩ đại đến, theo lời xúi giục của các giám mục, hoàng đế đã sai người truyền đạt với Thánh Gioan rằng:

– Hãy rời khỏi Giáo hội, vì ngươi đã bị kết án tại hai công đồng, và ta không thể bước vào đó chừng nào ngươi còn ở trong đó.

Đáp lại điều này, Thánh Gioan đã gửi lời trả lời đến nhà vua qua những người được cử đi:

– Ta đã nhận Giáo hội từ Đấng Cứu Thế Kitô của ta và không thể tự nguyện rời bỏ nó, trừ khi bị đuổi đi bằng vũ lực. Thành phố này là của ngài, và mọi người đều vâng lời ngài. Vì vậy, nếu ngài muốn tách tôi khỏi Giáo

---

[7802] Nhà thờ chính tòa của Constantinople.

[7803] Hê-rô-di-a – vợ của Hê-rốt con. Bà đã giết Thánh Gioan Tẩy Giả.

[7804] Tất nhiên là Điều luật thứ 22 của Công đồng Antioch năm 341, do những người Arian soạn thảo chống lại Athanasius Đại đế. Điều luật này quy định rằng nếu một giám mục nào đó, sau khi bị công đồng kết án và phế truất, lại đảm nhận chức vụ theo lệnh của chính quyền thế tục, thì sẽ vĩnh viễn bị tước quyền phục hồi chức vụ.

[7805] Việc kết án đó là bất hợp pháp không chỉ vì quy tắc do những kẻ dị giáo soạn thảo không có tính ràng buộc đối với Thánh Giuse Kim Khẩu, mà còn vì, sau khi Thánh Gioan trở về từ nơi lưu đày, án kết án của Công đồng Chalcedon đối với ngài đã được bãi bỏ bởi một đại công đồng gồm 65 giám mục.

hội của Chúa Kitô, thì hãy sai các tôi tớ của ngài đến để lôi tôi ra khỏi Giáo hội. Khi đó, tôi sẽ không có lời bào chữa trước mặt Thiên Chúa, vì tôi không tự nguyện rời khỏi Giáo hội, mà sẽ bị trục xuất bởi quyền lực hoàng gia.

Sau khi nghe những lời này, nhà vua ban đầu do dự không biết phải làm thế nào, nhưng sau đó, theo lời xúi giục của những kẻ thù địch với Gioan, ông đã cử quan đại thần Marina – người phụ trách quản lý tài sản của hoàng hậu – đến gặp ngài, để ông ta dùng vũ lực lôi vị Thầy vĩ đại của Giáo Hội, Thánh Gioan, ra khỏi nhà thờ. Tuy nhiên, vị thánh được phép tạm thời ở lại trong dinh tổng giám mục, và ngài, không ra khỏi phòng tu của mình, đã ở lại đó trong hai tháng, cho đến khi có quyết định của nhà vua về việc đày ải ngài.

Trong thời gian này, vị thánh được lòng Chúa đã phải trải qua nhiều nỗi đau khổ và tai ương. Sự thù hận của những kẻ thù ngài đã lên đến mức chúng nhiều lần âm mưu cướp đi mạng sống của ngài: chúng đã hối lộ một người để giết Thánh Gioan. Để che giấu ý đồ xấu xa của mình, kẻ được hối lộ đã giả vờ bị quỷ ám và mang theo một thanh kiếm giấu kín, lang thang quanh dinh Thượng phụ, chờ đợi thời cơ thuận lợi để ám sát vị thánh. Nhưng dân chúng trung thành với Thánh Gioan, nghi ngờ kẻ giả vờ bị quỷ ám có ý đồ xấu, đã bắt giữ hắn và tìm thấy thanh kiếm trên người hắn. Kẻ có ý đồ xấu bị dẫn đến quan tổng trấn để thẩm vấn, nhưng Thánh Gioan, khi biết chuyện đã xảy ra, đã cử các giám mục từng đi cùng ngài đến và cố gắng giải cứu hắn khỏi tay chính quyền. Một lần khác, một nô lệ của linh mục Elpidius ( ) bị dân chúng phát hiện khi anh ta đang trong trạng thái hoảng loạn, bước đi vội vã hướng về nhà của tổng giám mục. Một người trong số những người bảo vệ Thánh Gioan đã bắt giữ anh ta và hỏi tại sao lại vội vã như vậy, nhưng anh ta, không trả lời gì, đã chém người hỏi bằng thanh kiếm. Thấy vậy, một người khác đã thét lên. Elpidius liền chém người đó bằng thanh kiếm, rồi chém tiếp người thứ ba, người tình cờ đi ngang qua. Tiếng la hét và gào thét vang lên, còn người nô lệ thì lao đi, vung thanh kiếm dính máu và chống trả đám đông đang đuổi theo mình. Trên đường đi, hắn gặp một người vừa bước ra khỏi nhà tắm công cộng. Người đó định tóm lấy hắn, nhưng chưa kịp làm gì thì đã ngã xuống chết ngay lập tức, bị thanh kiếm đâm trúng. Khi tên cướp điên cuồng này cuối cùng bị bắt, hắn đã thú nhận rằng mình đã được hối lộ năm mươi đồng vàng để giết Gioan. Kể từ đó, dân chúng càng bảo vệ ngôi nhà của vị tổng giám mục yêu quý của họ một cách cẩn trọng hơn, bố trí các ca gác và không để ngài thiếu người canh gác dù chỉ một phút, vì họ thấy rằng kẻ thù của Gioan đang tìm cơ hội để giết vị thánh.

Khi Lễ Ngũ Tuần đến, một sắc lệnh của hoàng đế được ban ra, yêu cầu Gioan phải đi lưu đày. Một quan chức đã khuyên Gioan nên rời đi một cách bí mật khỏi dân chúng, để dân chúng không nổi loạn và chống lại những người lính phải dẫn ngài đi lưu đày.

– Nếu không, – ông nói, – ngài sẽ là người gây ra đổ máu, vì ngài đã bị ra lệnh bắt đi bằng vũ lực; còn dân chúng sẽ chống cự và gây ra hỗn loạn.

Nghe xong những lời đó, Thánh Gioan đã triệu tập một số giám mục và linh mục thân tín của mình, cũng như nữ phó tế thánh thiện Olympiade, và từ biệt họ. Khi chia tay, tất cả đều khóc lóc thảm thiết. Chính Thánh Gioan cũng khóc. Sau khi chia tay những người thân cận, Thánh Gioan lặng lẽ ra khỏi cửa nhỏ hướng về phía biển, nên dân chúng không hay biết gì về sự ra đi của ngài. Tại bờ biển, các binh lính đã chờ sẵn để bắt ngài, rồi ngay lập tức đưa ngài lên một chiếc thuyền nhỏ; trên chiếc thuyền đó, ngài được chở đến Bithynia và từ đó tiếp tục hành trình.

Sau khi Thánh Gioan bị lưu đày, một trận hỏa hoạn đã xảy ra tại nhà thờ chính tòa Constantinopolis, đó là biểu hiện rõ ràng của cơn thịnh nộ của Thiên Chúa. Trong cơn gió mạnh, ngọn lửa bùng ra khỏi nhà thờ và, vươn cao lên không trung như một cây cầu, uốn cong xuống căn phòng nơi diễn ra các cuộc họp chống lại Thánh Gioan và thiêu rụi nó hoàn toàn. Và người ta có thể chứng kiến một hiện tượng kỳ diệu: ngọn lửa, như có linh hồn, uốn lượn vòng quanh giống như con rắn, thiêu rụi những ngôi nhà ở xa, trong khi những ngôi nhà nằm gần nhà thờ thì vẫn nguyên vẹn. Từ đó, mọi người đều nhận ra rằng trận hỏa hoạn này không phải do ngẫu nhiên, mà là do cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, và nguyên nhân của cơn thịnh nộ ấy chính là việc trục xuất Thánh Gioan Vàng Miệng.

Trong vòng ba giờ, từ sáu giờ chiều đến chín giờ, rất nhiều công trình cổ kính tuyệt đẹp, đủ loại đồ trang trí trong thành phố, cùng vô số của cải đã bị thiêu rụi thành tro bụi. Dù vậy, trong dân chúng không có một người nào thiệt mạng vì ngọn lửa. Chứng kiến cảnh này, mọi người đều nói rằng Đức Chúa Trời đang trừng phạt thành phố bằng lửa vì đã trục xuất một cách bất công vị thánh nhân của Ngài. Còn những kẻ thù của Gioan thì khẳng định điều ngược lại, nói rằng:

– Những người đồng chí hướng với Gioan đã đốt cháy nhà thờ.

Do đó, nhiều người đã bị bắt giữ và bị quan tổng trấn thành phố – một người Hy Lạp theo đạo[7806] – tra tấn bằng đủ mọi hình thức, khiến một số người đã tử vong. Tuy nhiên, bất chấp điều đó, họ vẫn không thể tìm ra thủ phạm gây ra vụ hỏa hoạn và càng thêm tin chắc rằng vụ hỏa hoạn xảy ra là do cơn thịnh nộ của Chúa.

Khi vị thánh bị áp giải đi lưu đày, trên đường đi, ngài đã phải chịu vô số cực hình từ các binh lính. Các binh lính đã nhận lệnh từ nữ hoàng phải sỉ nhục và hành hạ vị thánh bằng mọi cách trong suốt hành trình, nhằm làm ngài kiệt sức và dẫn đến cái chết càng sớm càng tốt. Vì vậy, họ bắt ngài cưỡi một con lừa chưa được yên cương và thúc con vật chạy nhanh, đi hết quãng đường trong một ngày, trong khi lẽ ra phải mất hai hoặc ba ngày. Trên đường đi, Thánh Gioan không được nghỉ ngơi hay thư giãn, họ ngủ qua đêm tại những nhà trọ đơn sơ và bẩn thỉu, đôi khi là trong nhà của người Do Thái, và thực hiện nhiều hành vi ô uế trước mặt ngài. Họ không cho ngài vào nhà thờ ở bất cứ đâu; và khi vị thánh xin được vào, ngài phải chịu đủ mọi lời chửi rủa và sỉ nhục; ngoài ra, ngài còn bị bỏ đói và bị tước đoạt số tiền được cấp để sinh hoạt trên đường đi.

Thánh Gioan Vàng Miệng đã bị dẫn đi lưu đày trong sự thù hận tột độ như vậy! Khi vị thánh đi ngang qua các thành phố nơi có các giám mục là kẻ thù và bạn bè của Thêôphila, thì những người sau này gây ra cho ngài đủ mọi sự xúc phạm; trong đó, một số không cho ngài vào thành phố, còn những người khác thậm chí còn khuyến khích binh lính đối xử với ngài tồi tệ nhất có thể. Thỉnh thoảng, các vị thánh cha ẩn sĩ, khi nghe tin rằng Thánh Gioan đang trên đường đi lưu đày, đã ra đón ngài và tiễn ngài trong nước mắt. Chính Thánh Gioan Vàng Miệng cũng đã hồi tưởng lại điều này trong bức thư từ Kukuz[7807] gửi cho Giám mục Kyriakos bằng những lời sau: "Chúng tôi đã trải qua nhiều đau khổ trên đường đi, nhưng không hề nản lòng vì điều gì. Khi chúng tôi đi qua Cappadocia và Tauricilicia[7808] , thì cả đoàn các vị cha, các thánh nhân, cùng vô số tu sĩ và các trinh nữ đã ra đón chúng tôi và rơi những giọt nước mắt dạt dào. Nhìn đoàn người chúng tôi đang trên đường đi lưu đày, họ khóc nức nở và nói với nhau: 'Thà mặt trời che giấu những tia nắng của mình còn hơn là để đôi môi của Gioan im lặng.' Điều này khiến tôi vô cùng bối rối và buồn bã, vì tôi thấy mọi người đều khóc vì tôi. Còn về mọi chuyện khác đã xảy ra với tôi, tôi không bận tâm."

Đó là những gì Thánh Gioan đã tự viết về chính mình.

Khi ngài được đưa đến Tiểu Armenia, tại thành phố Kukuz, ngài đã được Đức Giám mục Adelphi ở đó nồng nhiệt đón tiếp tại nhà riêng; trước khi Thánh Gioan đến, Đức Giám mục này đã nhận được một thị kiến từ Thiên Chúa với lệnh phải tiếp đón vị thánh. Trong thời gian lưu lại tại Kukuz, Thánh Gioan đã dùng lời giảng dạy của mình để dẫn dắt nhiều người chưa tin theo Chúa Kitô. Danh tiếng về Thánh Gioan Vàng Miệng lan rộng khắp vùng lân cận, và rất nhiều người từ khắp nơi đổ về, mong muốn được gặp ngài và lắng nghe những lời giảng dạy của ngài. Nhiều người trong số những người hâm mộ và quen biết ngài từ Antioch cũng đã đến gặp vị thánh. Tin đồn về tất cả những điều này đã lan đến Constantinople, và những kẻ thù của Gioan đã lo lắng. Trong mắt họ, ngài dường như vẫn là mối nguy hiểm ngay cả khi đang bị giam cầm, vì vậy họ quyết định đưa ngài đi xa hơn nữa. Và thế là, tại Kukuz, nữ hoàng đã ra lệnh đưa Gioan đến một nơi hoang vắng có tên là Pifiont[7809] , nằm bên bờ Biển Pontus, gần khu vực của những bộ tộc man rợ. Theo lệnh mới của nữ hoàng, các binh lính đã dẫn John đến một nơi lưu đày khác và trên đường đi, họ tiếp tục hành hạ ông như trước đây, cố gắng đẩy ông đến cái chết càng sớm càng tốt: họ đưa ngài đi dưới mưa và nắng gắt mà không cho mặc quần áo, cấm ngài vào các thành phố và làng mạc, và vẫn thúc con lừa chở vị thánh đi với tốc độ nhanh như trước. Thánh Gioan đã phải trải qua một hành trình tàn nhẫn đến vậy trong thời gian bị lưu đày! Ngài đã qua đời trên chính hành trình đó.

Không lâu trước khi vị thánh qua đời, khi ngài đang đứng cầu nguyện vào ban đêm theo thói quen của mình, các Thánh Tông Đồ Phêrô và Gioan đã đến với ngài; hai ngài đã từng hiện ra với ngài trước đây, khi ngài tu hành tại tu viện Antiôkhia. Các Thánh Tông Đồ đã nói với ngài:

– Hãy vui mừng, vị mục tử nhân lành của đoàn chiên Lời Chúa, vị tử đạo kiên cường. Chúng tôi được Chúa Giêsu Kitô, Chúa chung của chúng ta, sai đến với ngài, để giúp đỡ và an ủi ngài trong những nỗi đau khổ và gian nan mà ngài đã gánh chịu vì sự trong sạch của linh hồn ngài. Vì ngài, noi gương Thánh Gioan Tẩy Giả, đã vạch trần những vị vua phạm luật. Hãy can đảm và vững lòng; ngài sẽ được ban thưởng dồi dào trong Nước Trời. Chúng tôi

---

[7806] Tức là người ngoại đạo.

[7807] Làng Kukuz nằm ở Tiểu Armenia (phía đông Tiểu Á), trong một trong những thung lũng hẻo lánh của dãy núi Taurus hoang dã, nơi có bộ tộc cướp bóc Isaurians thường tiến hành các cuộc cướp bóc vào các làng mạc xung quanh.

[7808] Ở phần đông nam của Tiểu Á.

[7809] Thành phố Pifiont nằm trên bờ nam Biển Đen, hay còn gọi là Biển Pontus, ở phần đông bắc Tiểu Á, thuộc Abkhazia ngày nay.

loan báo cho ngài một niềm vui lớn lao: chỉ sau vài ngày nữa, ngài sẽ về với Chúa là Thiên Chúa của ngài và sẽ được hưởng phúc vĩnh cửu cùng chúng tôi trong Nước Trời. Vậy, hãy vững tin, vì ngài đã chiến thắng kẻ thù, làm bẽ mặt những kẻ ghét ngài và đánh bại ma quỷ, kẻ thù của loài người. Eudoxia sẽ bị sâu bọ gặm nhấm, sẽ kêu cầu anh giúp đỡ, nhưng sẽ không tìm được sự giúp đỡ nào và sẽ chết trong cơn bệnh tật khủng khiếp. Cô ta sẽ phải chịu đựng những đau khổ tàn khốc và không được một phút nào nhẹ nhõm, vì cô ta sẽ phải nhận hình phạt này từ Đức Chúa Trời.

Sau đó, họ dâng cho ngài một thứ gì đó để ăn và nói:

– Hãy nhận lấy và ăn đi, để sau này không còn phải xin thức ăn nào khác trong cuộc đời này nữa. Điều này sẽ đủ cho ngươi cho đến khi ngươi phó thác linh hồn mình vào tay Đức Chúa Trời.

Thánh Gioan nhận lấy thứ được dâng, ăn trước mặt họ và vui mừng. Sau đó, các Tông đồ hiện diện đã rời khỏi ngài.

Cùng với Thánh Gioan có hai linh mục và một phó tế, những người đã đi cùng ngài vào cuộc lưu đày từ Constantinopolis và không rời xa ngài, vì họ được gắn kết với ngài bằng sợi dây tình yêu. Họ đã tận mắt chứng kiến các Tông đồ đến gặp Thánh Gioan, nghe tất cả những lời nói của các ngài và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã ban ơn cho họ được đồng chịu khổ với vị thánh của Ngài.

Sau vài ngày hành trình, những người bị lưu đày đã đến Komana[7810] ; gần thành phố này có nhà thờ Thánh Vasilisk, vị Giám mục Komana, người đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô tại Nicomedia cùng với Linh mục Lucian của Antioch[7811] dưới thời hoàng đế vô đạo Maximian[7812] . Họ đã nghỉ qua đêm tại nhà thờ này. Ngày hôm sau là lễ Nâng Thánh Giá, và trong đêm trước lễ, vị thánh tử đạo Vasilisk đã hiện ra với thánh Gioan.

– Anh em Gioan ơi, hãy vững lòng! Vì ngày mai chúng ta sẽ ở bên nhau.

Vị thánh tử đạo đó cũng hiện ra với linh mục của nhà thờ mình, nói rằng:

– Hãy chuẩn bị chỗ cho anh em Gioan, vì anh ấy đang trên đường đến với chúng ta.

Khi trời sáng, Gioan đã nài nỉ các chiến binh ở lại Komana gần nhà thờ Thánh Vasilisk cho đến giờ thứ năm, nhưng họ không nghe lời ông và tiếp tục hành trình, cố gắng đi càng nhanh càng tốt. Họ đi trên mặt nước và lướt đi rất nhanh, giống như một con chim có lông. Như vậy, trong vòng vài giờ, họ đã đi được ba mươi stadia khỏi thành phố.

Tuy nhiên, theo sự an bài của Thiên Chúa, họ lại cập bến gần nhà thờ Thánh Vasilisk, điều này khiến họ vô cùng ngạc nhiên. Gioan lại nài nỉ họ hãy chờ đợi một chút tại đó, trong khi ông vào nhà thờ cầu nguyện. Nhận ra sự tác động của quyền năng Thiên Chúa trong việc họ bất chấp ý muốn mà lại cập bến chính nơi họ vừa rời đi, các chiến binh quyết định đáp ứng nguyện vọng của Thánh Gioan. Lúc đó, vị thánh bước vào nhà thờ, xin bộ lễ phục sáng màu và thay toàn bộ trang phục của mình, bắt đầu từ đôi giày; sau đó, ngài phân phát quần áo của mình cho những người đang ở trên thuyền cùng ngài, rồi trong bộ lễ phục, ngài cử hành Thánh lễ và rước Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô; sau đó, ngài ban phước lành cho tất cả những người có mặt và trao cho họ nụ hôn cuối cùng, rồi ngài an nghỉ với những lời:

– Tạ ơn Chúa vì mọi sự.

Và ngay sau đó, ngài đã trao linh hồn mình vào tay Thiên Chúa. Điều này xảy ra đúng vào ngày Lễ Nâng Thánh Giá của Chúa. Như vậy, vị thánh được Thiên Chúa yêu mến, người đã mang thập giá của mình suốt cuộc đời, chịu đóng đinh vì thế gian và đồng chịu đóng đinh cùng Chúa Kitô, đã qua đời vào ngày kỷ niệm Thánh Giá[7813] . Ngài được an táng ngay tại nhà thờ nơi ngài qua đời, không xa quan tài của Thánh Tử đạo Vasilisk. Như vậy, lời tiên tri của Thánh Epiphanius xứ Síp đã ứng nghiệm, người đã nói với Thánh Gioan:

– Và ngươi cũng sẽ không đến được nơi mà ngươi bị trục xuất đến.

[7810] Komana – một thành phố thuộc tỉnh Pontus, ở phía đông bắc Tiểu Á, nay là Gumene.

[7811] Ngày kỷ niệm vị thánh tử đạo Lucian là ngày 15 tháng 9; ngày kỷ niệm Vasilisk là ngày 22 tháng 5.

[7812] Đây tất nhiên là Maximianus Galerius, con rể của Diocletianus và là đồng trị vì của ông ở phương Đông; sau này, sau khi Diocletianus qua đời, ông trở thành hoàng đế phương Đông (305–311). Thời điểm qua đời của Lucianus và Vasilisk thuộc những năm cuối đời của ông.

[7813] Để kỷ niệm Lễ Nâng Thánh Giá Cứu Thế của Chúa, ngày lễ này không được tổ chức vào ngày 14 tháng 9 – ngày vị thánh qua đời – mà vào ngày 13 tháng 11. Ngoài ra, lễ tưởng niệm ngài còn được cử hành vào ngày 27 tháng 1, ngày di dời di cốt của thánh nhân, và vào ngày 30 tháng 1, ngài được tôn vinh cùng với các vị thánh: Basil Đại Đế và Gregory Thần Học.

Quả thực, Thánh Gioan đã bị dẫn đến Pifiont, nhưng ngài đã qua đời tại Comana, trước khi đến được Pifiont. Vậy là ngọn đèn của Giáo hội đã tắt, đôi môi vàng ngọc đã im lặng, vị tu sĩ và người chịu khổ lành lành, người đã sống sáu năm trên ngai Thượng phụ và trải qua ba năm lưu đày, bị chuyển từ nơi này sang nơi khác, đã hoàn thành công đức và kết thúc cuộc đời[7814] .

Khi Thánh Gioan qua đời, hai linh mục và một phó tế, những người đã theo ngài cho đến tận lúc ngài qua đời, sau khi than khóc cho sự ra đi của vị cha mình, đã lên đường đến Rôma gặp Đức Giáo hoàng Innocent và tường thuật chi tiết cho ngài về tất cả những gì Thánh Gioan đã phải chịu đựng vì sự thù hận của những kẻ thù. Họ kể lại về cái chết của ngài, cũng như việc trước khi ngài qua đời, các Thánh Tông đồ Phêrô và Gioan Thần Học đã hiện ra với ngài, những điều các ngài đã nói với ngài, và cách Thánh Tử đạo Vasilisk đã hiện ra trước mặt ngài. Sau khi nghe hết mọi chuyện, Đức Giáo hoàng Innocentius vô cùng ngạc nhiên và bắt đầu thương xót vị thánh vĩ đại, người đã chịu khổ vì lẽ phải. Về hoàn cảnh bị lưu đày và cái chết của Thánh Zlatoust, Đức Giáo hoàng đã thông báo cho Hoàng đế phương Tây Honorius[7815] , anh trai của Arcadius, và cả hai đều vô cùng đau xót trước sự việc này và ngay lập tức viết thư gửi cho Hoàng đế Arcadius. Đức Giáo hoàng đã tự tay viết:

– Máu của anh em tôi là Gioan đang kêu gào lên Thiên Chúa chống lại ngài, hỡi hoàng đế, giống như xưa kia máu của A-vê, người công chính, đã kêu gào chống lại Ca-in, kẻ giết anh em mình; và máu này sẽ được báo thù, vì ngài đã gây ra cuộc bách hại đối với Giáo Hội của Thiên Chúa ngay trong thời bình. Vì ngài đã trục xuất vị mục tử chân chính của Đấng Kitô, và cùng với ngài, ngài cũng đã trục xuất chính Đấng Kitô là Thiên Chúa, đồng thời giao phó đoàn chiên của Ngài vào tay những kẻ đánh thuê, chứ không phải các mục tử chân chính của Đấng Kitô.

Innocent đã viết những điều này và nhiều điều khác nữa gửi cho Arcadius, tước quyền rước các Bí tích Thánh của ngài và Eudoxia, cùng với tất cả những kẻ đồng lõa của họ, những người đã tham gia vào việc lật đổ Thánh Gioan. Còn Theophilus thì không chỉ bị tước chức mà còn bị khai trừ khỏi Giáo hội, và ngài đã triệu tập ông ta ra trước tòa công đồng để ông ta nhận hình phạt xứng đáng.

Về phần mình, Honorius đã viết thư cho anh trai Arcadius:

– Anh ơi, tôi không biết anh đã bị cám dỗ bởi điều gì mà lại tin tưởng vào vợ mình và theo sự thúc giục của bà ấy mà làm điều mà không một vị vua Kitô hữu đạo đức nào lại làm. Các giám mục và các vị cha đáng kính có mặt tại đây đang lên tiếng phản đối anh cùng hoàng hậu vì đã lật đổ Đức Giám mục Gioan – vị đại diện cao cả của Thiên Chúa – khỏi ngai tòa mà không qua xét xử và trái với các quy tắc giáo luật, rồi sau khi hành hạ ngài bằng những cực hình tàn bạo, đã giết hại ngài một cách dã man.

Ở phần cuối bức thư này, Honorius kêu gọi Arcadius ăn năn trước mặt Thiên Chúa và trừng phạt những kẻ đã gây ra việc trục xuất Gioan. Sau khi nhận được thư từ anh trai và từ Đức Giáo hoàng, Hoàng đế Arcadius rơi vào nỗi đau buồn sâu sắc và sự sợ hãi tột độ. Sau khi truy lùng những kẻ đã nổi loạn chống lại Thánh Gioan trong thành phố, ông đã trừng phạt họ bằng nhiều hình thức khác nhau: một số bị chém đầu, số khác bị tước chức với sự sỉ nhục. Đối với một số giám mục đã xét xử Thánh Gioan và lúc đó đang ở Constantinopolis, hoàng đế ra lệnh bắt giữ và giam họ trong ngục tối công cộng với sự sỉ nhục. Trong số đó có cả Iechirion, con trai của anh trai Theophilus. Còn đối với chính Theophilus, ông đã viết một bức thư rất nghiêm khắc, ra lệnh cho ông ta phải sẵn sàng ra tòa tại Thessaloniki để nhận hình phạt xứng đáng cho sự độc ác của mình. Ngay cả vợ của ông, Hoàng hậu Eudoxia, cũng không thoát khỏi cơn thịnh nộ của Arcadius: Arcadius đã tách bà ra khỏi mình, giam bà trong một cung điện riêng biệt và cấm tất cả mọi người, ngoại trừ một nô tì, đến thăm bà. Đồng thời, ông cũng đày ải những người thân của hoàng hậu, những kẻ đã cùng bà âm mưu chống lại vị thánh; ông tịch thu tài sản của một số người trong số họ, còn những người khác thì bị giam vào ngục tối và phải chịu tra tấn cùng cực hình. Sau đó, ông viết thư cho Đức Giáo hoàng Innocent về tất cả những gì mình đã làm, khiêm nhường và hối hận xin ngài tha thứ. Ông cũng viết thư cho anh trai Honorius, xin anh ấy can thiệp để Đức Giáo hoàng bãi bỏ án vạ tuyệt thông đối với ông. Không lâu sau, Arcadius đã nhận được điều mình mong muốn. Sau khi đọc lời thỉnh cầu khiêm nhường của ông, Đức Giáo hoàng đã chấp nhận sự sám hối của ông và viết thư cho Thánh Proclus, lúc bấy giờ là Giám mục Kizik[7816] , để ngài bãi

---

[7814] Thánh Zlatoust qua đời ở tuổi 60, vào năm 407. Ngài giữ chức Tổng Giám mục trong sáu năm rưỡi, và đã trải qua ba năm ba tháng trong tù.

[7815] Honorius, anh trai của Arcadius và con trai của Theodosius Đại đế, trị vì tại Rome từ năm 395 đến năm 423.

[7816] Đó chính là Proclus, người trước đây từng là người hầu phòng của Thánh Gioan; sau này ông trở thành Tổng Giám mục Constantinopolis. Kizik – một thành phố ở phía tây bắc Tiểu Á, trên bờ nam Biển Đen.

bỏ án vạ tuyệt thông đối với nhà vua và ban cho ông các bí tích thánh, đồng thời phong Thánh Gioan vào hàng các thánh.

Khi tất cả những điều này đang diễn ra, chính Đức Chúa Trời Toàn Tri đã tự tay trừng phạt những kẻ thù của vị thánh nhân Gioan của Ngài; Ngài đã trừng phạt họ một cách tàn nhẫn ngay trên trần gian, đến nỗi tất cả đều phải chết một cách thảm khốc. Trong khi đó, tất cả các giám mục, giáo sĩ, quan chức thế tục và nói chung là tất cả những người đã bất công nổi loạn chống lại Thánh Gioan, đều bị bao phủ bởi những vết loét đau đớn, làm thối rữa toàn bộ thân thể họ và dẫn họ đến cái chết; có người thì tay chân teo tóp; có người thì toàn thân thối rữa và đầy giòi bọ, đến nỗi trong một thời gian dài, từ thân thể họ tỏa ra mùi hôi thối không thể chịu nổi. Một trong số các quan tòa bất chính, những người đã kết án vị thánh phải lưu đày, đã ngã ngựa và chết đột ngột, tay phải bị gãy – chính bàn tay mà ông ta đã dùng để ký vào những cáo buộc bất công chống lại Thánh Gioan vô tội. Một người khác trở nên câm và tay teo lại, rồi qua đời trong tình trạng đó. Người thứ ba thì lưỡi của hắn, vốn không ngừng phun ra những lời phỉ báng Thánh Gioan, bỗng sưng to đến mức hắn không thể nói được; lúc đó, hắn đã xưng tội của mình bằng cách viết lên một tờ giấy. Và người ta có thể thấy những biểu hiện của cơn thịnh nộ khủng khiếp của Thiên Chúa, đã giáng xuống những kẻ có tội khiến Thánh Gioan bị lưu đày bằng những hình phạt khác nhau.

Thượng phụ Theophilus của Alexandria, sau khi Giáo hoàng Innocent qua đời, đã thoát khỏi sự phán xét và trừng phạt của con người, nhưng không thoát khỏi sự phán xét của Đức Chúa Trời. Ông đã phát điên và qua đời vì căn bệnh này. Chân của Giám mục Kirin thuộc Chalcedon đã bị thối rữa; các bác sĩ đã nhiều lần cưa bỏ phần chân đó để ngăn không cho toàn thân ông bị thối rữa, nhưng thịt da ông vẫn không ngừng thối rữa, và ông qua đời sau khi hai chân bị cưa bỏ đến đầu gối. Sự phán xét khủng khiếp của Đức Chúa Trời cũng giáng xuống Nữ hoàng Eudoxia bất hạnh. Bị tổn thương bởi nỗi buồn và sự xấu hổ, bà mắc phải chứng chảy máu nghiêm trọng, và thân thể bà đầy giun sán, đúng như các Tông đồ đã tiên tri cho Thánh Gioan. Từ thân thể bà tỏa ra mùi hôi thối đến nỗi những người đi ngang qua không thể chịu đựng được mùi hôi thối của thân thể bà. Nhiều bác sĩ giỏi nhất đã chữa trị cho bà và xông hương thơm, nhưng đều vô ích. Lúc đó, bà hỏi các bác sĩ:

– Tại sao các vị không thể chữa khỏi bệnh cho tôi?

Họ không dám giải thích điều đó cho bà.

– Nếu các ngài – nữ hoàng nói với họ – không biết lý do tại sao tôi không thể khỏi bệnh, thì tôi sẽ nói cho các ngài biết: tôi mắc căn bệnh này là do cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống tôi vì tội ác mà tôi đã gây ra cho Thượng phụ Gioan.

Bà đã trả lại vườn nho đã bị tước đoạt cho các con của Theognostus, và trả lại cho nhiều người khác tất cả những gì bà đã chiếm đoạt một cách bất công. Tuy nhiên, bà không được chữa lành, và đã qua đời trong căn bệnh đó. Sau khi bà qua đời, để vạch trần sự bất chính của bà, quan tài chôn cất bà đã rung lắc liên tục trong suốt ba mươi hai năm, và tình trạng này kéo dài cho đến khi di hài thiêng liêng của Thánh Gioan Vàng Miệng được rước từ Comana về Constantinopolis.

Đó là cách Chúa trừng phạt những kẻ thù của Thánh Gioan; còn chính vị thánh công chính ấy, Ngài đã tôn vinh như sau. Giám mục Adelphi, sau khi nồng hậu tiếp đón Gioan vào nhà mình ở Kukuz, khi nghe tin về sự ra đi của vị thánh, đã chìm trong nỗi buồn sâu sắc và bắt đầu thành kính khẩn cầu Thiên Chúa trong nước mắt, xin Ngài chỉ cho ông biết Gioan đang ở trong hàng ngũ các thánh nào. Một lần nọ, khi đang cầu nguyện về điều này, ngài rơi vào trạng thái xuất thần và nhìn thấy một thiếu niên rạng rỡ và tràn đầy niềm vui. Nắm lấy tay Adelfius, thiếu niên ấy dẫn ngài đến một nơi sáng sủa và chỉ cho ngài thấy dung mạo của các vị thánh là các nhà giảng dạy của Giáo hội. Nhìn ngó xung quanh, Adelphi muốn tìm thấy Gioan nhưng không thấy ông ở đâu cả. Sau khi chỉ cho Adelphi từng vị giáo phụ và các tổng giám mục Constantinopolis, chàng trai vội vàng dẫn anh ra khỏi đó. Đi theo chàng trai, Adelphi cảm thấy buồn bã vì không thấy Thánh Gioan trong đoàn thể các vị Thánh Cha. Nhưng khi anh bước ra khỏi nơi sáng sủa đó, có một người đang đứng ở cửa đã nắm lấy tay anh và nói:

– Sao con lại rời khỏi đây với nỗi buồn như vậy? Nếu có ai bước vào đây với tâm trạng buồn bã, thì khi ra khỏi đây sẽ trở nên vui vẻ, còn con thì lại ngược lại: con bước vào đây với tâm trạng vui vẻ, nhưng lại ra khỏi đây với tâm trạng buồn bã.

Adelfi trả lời:

– Tôi buồn vì không thấy Thánh Gioan, người mà tôi yêu mến, trong số các vị thầy của Giáo hội?

– Cậu hiểu chứ, – người kia hỏi, – John, nhà truyền giáo về sự sám hối ấy à?

– Vâng, – Adelphi đáp.

Lúc đó, người đang đứng ở cửa thiên đàng nói với anh ta:

– Người còn ở trong thân xác không thể nhìn thấy ngài, vì ngài đang đứng trước ngai Thiên Chúa, nơi được các Thiên thần Cherubim và Seraphim vây quanh.

Nhận được tin tức như vậy về Thánh Gioan, Adelphi vui mừng và ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã mặc khải cho anh bí mật này. Như vậy, Thánh Gioan, sau bao sóng gió, bão táp, hoạn nạn và đau khổ mà ngài đã chịu đựng vì lẽ phải, đã đến được bến đỗ bình an trên trời, nơi ngài, cùng với các Thiên thần, ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Đấng Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà chúng ta cũng xin dâng lên vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Lời nói của ngài, như ánh sáng rực rỡ của ngọn lửa, đã chiếu rọi ân sủng, soi sáng cả vũ trụ: ngài không tìm kiếm của cải trần gian vì lòng tham bạc, mà đã chỉ cho chúng con thấy đỉnh cao của sự khiêm nhường. Nhưng bằng những lời dạy của ngài, thưa Cha Gioan Vàng Miệng, xin ngài cầu thay cho Lời của Đức Kitô Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 6:

Ngài đã nhận lãnh ân sủng thiêng liêng từ trời cao, và qua đôi môi Ngài, Ngài dạy mọi người thờ phượng Đức Chúa Trời duy nhất trong Ba Ngôi, hỡi Thánh Gioan Vàng Miệng, vị thánh đáng kính và hạnh phúc vô cùng, chúng con ca ngợi Ngài một cách xứng đáng: vì Ngài là vị thầy, như chính sự hiện thân của Đức Chúa Trời.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Antonin, Nikifor, German và Manefa

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 11

Các thánh Antonin, Nikifor và German đã chịu tử đạo dưới thời hoàng đế Maximianus Galerius[7817] . Antonin là một vị cao niên, Nikifor là một thanh niên, còn German ở độ tuổi trung niên. Họ bị bắt bởi Firmilian, quan cai trị vùng Palestine, người đã ép buộc họ dâng lễ vật cho các thần tượng. Các thánh đã từ chối làm điều đó và tuyên xưng Đức Kitô; vì thế, họ bị đưa đến thành phố chính của Palestine – Cêsarea – và bị chém đầu tại đó.

Một thiếu nữ tên là Manêfa, đến từ xứ Scythia, cũng bị bắt cùng với các thánh tử đạo. Để sỉ nhục, người ta lôi cô đi khắp thành phố trong tình trạng trần truồng, rồi tra tấn cô bằng nhiều hình thức khác nhau, nhưng nhờ ơn Chúa, cô đã thoát khỏi những cực hình đó mà không hề hấn gì. Ma-nê-pha đã thực hiện vô số phép lạ, khiến nhiều người từ bỏ sự tà đạo thờ ngẫu tượng, dạy dỗ họ về đức tin chân chính và dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô. Vì điều này, cô đã bị kết án thiêu sống. Khi lò lửa đã được đốt lên, chính cô đã tự mình bước vào đó, và tại đó, cô đã phó thác linh hồn mình vào tay Chúa; xin vinh quang và danh dự thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men.

Ngày 27 tháng 11

Ngày 14 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Tông đồ Philip

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 11

Bên hồ Galilê, gần Hô-ra-xin và Ca-phác-na-um, có một thành phố tên là Bết-sa-i-đa[7818] . Tại thành phố này, ba vị Tông đồ của Chúa Kitô trong số 12 vị đã ra đời: Phê-rô, An-rê và Phi-líp. Phê-rô và An-rê là những

[7817] Vào đầu thế kỷ IV,

người đánh cá và họ đã làm nghề này cho đến khi được Chúa Kitô kêu gọi; còn Phi-líp thì từ thuở thiếu thời đã được cha mẹ gửi đi học chữ. Nhờ siêng năng đọc và nghiên cứu Kinh Thánh cùng các lời tiên tri về Đấng Mê-si-a mà mọi người hằng mong đợi, anh đã bừng cháy tình yêu nồng nàn dành cho Ngài và khao khát mãnh liệt được gặp Chúa mặt đối mặt, dù lúc đó anh vẫn chưa biết rằng Đấng mà biết bao người hằng mong ngóng và chờ đợi đã đến trần gian rồi.

Nhưng rồi Đấng Christ đã đến vùng Galilê và gặp Phi-líp tại đó, người đang tràn đầy tình yêu dành cho Đấng Mê-si-a. *"Hãy theo Ta,"* – Chúa Giê-su phán với Phi-líp (Giăng 1:43).

Phi-líp, khi nghe lời kêu gọi của Chúa, đã tin tưởng hết lòng rằng Ngài chính là Đấng Mê-si-a chân chính, Đấng đã được Đức Chúa Trời hứa ban qua các tiên tri, và đã theo Ngài. Quan sát cuộc đời thánh khiết của Chúa, Phi-líp cố gắng noi gương Ngài và học hỏi từ Ngài sự khôn ngoan thiêng liêng, nhờ sức mạnh đó mà sau này ông đã chiến thắng sự điên rồ của các dân ngoại. Vui mừng vì đã tìm thấy Kho báu ấy, Đấng mà nhờ Ngài cả thế gian sẽ được cứu chuộc, Philip không chỉ muốn mình được hưởng ân sủng từ Ngài, mà còn mong muốn những người khác cũng được tham dự vào ân sủng ấy. Khi gặp người bạn Na-tha-na-ên, ông hân hoan báo tin cho anh ta: *"Chúng ta đã tìm thấy Đấng mà Mô-sê đã chép trong Luật pháp và các tiên tri đã nói đến – đó là Đức Giê-su, con trai của Giô-sép, người Na-xa-rét*."

Nathanael nghe vậy, không tin rằng từ một thị trấn nhỏ và một gia đình bình thường lại có thể sinh ra Đấng Mê-si, Vua của Y-sơ-ra-ên, nên đã nói: *"Từ Na-xa-rét thì có thể có điều gì tốt lành chăng?"*

Lúc đó, Phi-líp không nói gì, chỉ khuyên ông hãy đến xem Ngài.

"Hãy đi," ông nói, "và hãy nhìn xem."

Ông cảm nhận rằng ngay khi Na-tha-na-ên nhìn thấy Chúa Giê-su và nghe những lời cứu rỗi của Ngài, anh ta sẽ lập tức tin rằng Ngài chính là Đấng Mê-si-a. Và điều đó quả thực đã xảy ra. Khi Philip đi cùng anh ta đến với Chúa Giê-su, thì Chúa, Đấng thấu hiểu lòng dạ và đọc được những ý nghĩ thầm kín trong lòng người, khi thấy Na-tha-na-ên đang đi đến với Ngài, đã nhận ra anh ta và nói về anh ta: *"Đây mới thật là người Ít-ra-en, trong lòng không có sự gian dối*."

Nghe những lời ấy, Na-tha-na-ên rất ngạc nhiên và thưa với Ngài: *"Sao Ngài lại biết con?"*

Chúa đáp lại: *"Trước khi Phi-líp gọi anh, khi anh còn đang ngồi dưới cây vả, Ta đã thấy anh rồi*."

Còn Na-pha-na-ên, khi đang ngồi dưới cây vả, đã suy ngẫm về Đấng Mê-si-a Thần Thánh, Đấng mà niềm vui và sự hân hoan của các tôi tớ trung thành của Đức Chúa Trời đều đặt trọn niềm hy vọng vào; và vào lúc đó, Đức Chúa Trời đã ban cho ông lòng ăn năn và những giọt nước mắt ấm áp, mà ông kết hợp với lời cầu nguyện sốt sắng của mình, để Đức Chúa Trời thực hiện lời hứa từ thuở đời đời dành cho các tổ phụ và sai Đấng Cứu Thế đến trần gian. Con mắt toàn tri của Đức Chúa Trời đã nhìn thấy Na-pha-na-ên lúc bấy giờ, người đang chìm đắm trong tâm trạng xúc động; vì thế, Chúa đã phán với ông rằng, khi Na-pha-na-ên đang ngồi dưới cây vả, Ngài đã thấy ông.

Nghe những lời ấy, Na-pha-na-ên càng thêm kinh ngạc. Ông nhớ lại những suy tư của mình khi đang ngồi dưới cây vả, và với lòng thành kính biết bao, ông đã cầu xin Đức Chúa Trời sai Đấng Mê-si-a xuống; ông biết rằng lúc đó không có ai ở đó chứng kiến ông, và không ai có thể thấu hiểu những suy nghĩ của ông, ngoại trừ Đức Chúa Trời. Vì thế, Na-pha-na-ên ngay lập tức tin chắc rằng Chúa Giê-su chính là Đấng Mê-si-a mà Đức Chúa Trời đã hứa sai đến để cứu rỗi loài người, và ông nhận ra bản tính thần thánh nơi Chúa Giê-su Christ, Đấng đã thấu hiểu những bí mật trong lòng ông, nên ông đã kêu lên: *"Thầy ơi! Ngài là Con Thiên Chúa, Ngài là Vua của dân Israel"* (Ga 1:45–49)!

Sau này, Na-tha-na-ên đã dành biết bao lòng biết ơn cho Phi-líp vì người đã loan báo cho ông về Đấng Cứu Thế đã đến trần gian và dẫn dắt ông đến với Đấng Mê-si-a đã được hứa ban! Và thánh Philip đã hân hoan trong lòng vì mọi người đã tìm thấy Kho báu Thần thánh, được ẩn giấu trong sâu thẳm bản tính con người, và ngài càng bừng cháy tình yêu dành cho Chúa của mình. Tuy nhiên, thánh Philip chỉ nhìn thấy ở vị Thầy Thần thánh của mình những phẩm chất cao quý của con người, chứ chưa nhận ra Thần tính của Ngài. Và thế là Đức Kitô muốn sửa chữa điều đó. Một lần nọ, Chúa đang đi dọc theo bờ bên kia Biển Tiberiad[7819] cùng với năm ngàn người, và muốn nuôi

[7818] Bethsaida xứ Galilê nằm ở phía tây bắc Hồ Galilê (ở phần phía bắc Palestine), gần các thành phố Capernaum và Chorazin.

[7819] Biển Tiberias – tên gọi khác của chính Hồ Galilee, được đặt theo tên thành phố Tiberias – một thành phố ở Galilee nằm trên bờ đông nam của Hồ Galilee.

dưỡng đám đông thính giả của Ngài một cách kỳ diệu, Ngài đã nói với Philip: *"Chúng ta sẽ mua bánh ở đâu để cho họ ăn?"* (Ga 6:5–6).

Ngài nói điều đó để thử thách ông, vì Ngài biết rằng không có nơi nào để mua bánh; Ngài cũng biết trước rằng Phi-líp sẽ trả lời thế nào. Chính vì thế mà Ngài hỏi Phi-líp điều này, để ông nhận ra bản thân mình hơn và, vì xấu hổ vì lòng thiếu đức tin của mình, mà sửa đổi. Quả thật, Phi-líp đã không nhớ đến quyền năng vô hạn của Đức Chúa Trời và không nói rằng: *"Lạy Chúa, Ngài có thể làm mọi sự, không xứng đáng với Ngài phải hỏi ai về điều đó: chỉ cần Ngài muốn, mọi người sẽ được no nê ngay lập tức: 'Ngài ban cho họ – họ nhận lãnh, Ngài mở rộng bàn tay Ngài – họ được no nê bởi ân huệ'* (Thánh Vịnh 103:28).

Phi-líp không nói điều đó, nhưng khi nghĩ về Chúa của mình như một con người chứ không phải như Đức Chúa Trời, *ông* đã nói: *"Với hai trăm đina-ri*[7820] *, bánh sẽ không đủ để mỗi người trong số họ được chia dù chỉ một chút"* (Giăng 6:7).

Sau đó, cùng với các môn đệ khác, ông nói thêm: *"Xin cho dân chúng giải tán, để họ đi đến các làng xung quanh và tự mua thức ăn"* (Mác 6:36).

Khi Chúa bẻ năm ổ bánh và hai con cá cho năm nghìn người (Lc 9:16), Phi-líp thấy rằng từ tay Chúa, như từ một kho lúa không bao giờ cạn, mọi người đều nhận được đủ thức ăn cho đến khi cả đám đông no nê. Lúc đó, vị tông đồ đã vô cùng hổ thẹn vì lòng thiếu đức tin của mình, và sau khi được củng cố trong đức tin, ngài đã cùng với những người khác ngợi khen quyền năng của Đức Chúa Trời trong Đức Giê-su Christ.

Sau đó, Phi-líp được Chúa xếp vào hàng ngũ mười hai sứ đồ được chọn, nhận được ân sủng từ Ngài và được ban cho sự hiệp thông thân thiết với Ngài. Một lần nọ, vào dịp lễ, một số người Hy Lạp ( ) tụ tập tại Giê-ru-sa-lem nhưng không thể đến gần Chúa Giê-su vì họ là những người ngoại đạo chưa tin; vì vậy, họ đến gặp Phi-líp và nài nỉ ông, nói: *"Thưa ngài, chúng tôi muốn được gặp Chúa Giê-su!"*

Ông liền báo ngay cho An-rê biết, rồi cùng với ông ấy, ông đã dám thưa với Chúa Giê-su về mong muốn của những người Hy Lạp, vui mừng vì ngay cả những người ngoại đạo cũng đang tìm cách được thấy và nghe Chúa và Thầy của mình. Rồi ông nghe Đức Giê-su giảng dạy những lời kỳ diệu và lời tiên tri về những người ngoại giáo, những người sẽ tin vào Ngài không phải lúc đó, mà là sau khi Ngài qua đời. *"Nếu*," Ngài nói, *"hạt lúa mì rơi xuống đất mà không chết đi, thì chỉ còn lại một mình; nhưng nếu nó chết đi, thì sẽ sinh ra nhiều hoa trái"* (Ga 12:24).

Bằng lời này, Đấng Christ như thể đang nói: "Chừng nào Ta còn sống trên đất, Ta chỉ có một phần của nhà Y-sơ-ra-ên tin vào Ta; nhưng nếu Ta chết, thì không chỉ nhà Y-sơ-ra-ên mà cả nhiều người ngoại bang cũng sẽ tin vào Ta."

Một lần khác, sau Bữa Tiệc Ly, Phi-líp đã dám hỏi Chúa về mầu nhiệm vĩ đại của Thần Tính, khi ông cầu xin Ngài cho họ được thấy Cha, *và* nói: *"Lạy Chúa, xin cho chúng con thấy Cha, như vậy là đủ cho chúng con rồi!"* (Ga 14:8).

Câu hỏi này đã mang lại lợi ích lớn lao cho Hội Thánh của Đấng Christ, vì nhờ đó chúng ta học được cách nhận biết Con đồng bản thể với Cha và bịt miệng những kẻ dị giáo, những kẻ bác bỏ lẽ thật thiêng liêng này. Chúa đã đáp lại điều này bằng một lời nhắc nhở nhẹ nhàng: *"Ta đã ở với các con bao lâu rồi, mà con vẫn chưa biết Ta, hỡi Phi-líp! Ai đã thấy Ta thì đã thấy Cha; vậy sao con lại nói: 'Xin cho chúng con thấy Cha'? Ngươi chẳng tin rằng Ta ở trong Cha, và Cha ở trong Ta sao? Những lời Ta nói với các ngươi, Ta không nói từ chính Ta; chính Cha, Đấng ngự trong Ta, là Đấng thực hiện các việc ấy. Hãy tin Ta rằng Ta ở trong Cha và Cha ở trong Ta"* (Ga 14:9–11).

Câu trả lời này của Chúa đã dạy thánh Philip và cùng với ngài là toàn thể Giáo Hội Tông Đồ Công Đồng tin tưởng xứng đáng vào sự bình đẳng về Thần Tính của Con với Cha, đồng thời vạch trần sự phạm thượng của Arius, kẻ đã nói rằng Con Thiên Chúa là tạo vật, chứ không phải Đấng Tạo Hóa.

Sau khi Con Thiên Chúa chịu khổ nạn và phục sinh, Thánh Philip cùng các Tông đồ khác đã được chiêm ngưỡng Chúa của mình trong thân thể bất tử và vinh hiển, nhận lãnh sự bình an và phước lành từ Ngài, đồng thời cũng chứng kiến sự thăng thiên của Ngài.

Sau đó, ngài được ban ân sủng của Thánh Thần và trở thành nhà truyền giáo của Đức Kitô giữa các dân ngoại, vì ngài được chỉ định đi rao giảng tại Tiểu Á và Syria. Ban đầu, ngài rao giảng tại Galilê. Tại đó, một lần nọ, một người phụ nữ gặp ngài, đang bế đứa con sơ sinh đã qua đời trên tay và khóc lóc thảm thiết. Thấy bà, vị Tông đồ

[7820] Đinari – đồng tiền cổ của người Do Thái, trị giá khoảng 21,5 kopeck. Như vậy, 200 dinari tương đương với khoảng 43 rúp.

của Chúa Kitô đã thương xót bà, rồi giơ tay lên trên đứa trẻ đã qua đời và nói: "Hãy đứng dậy! Chúa Kitô, Đấng mà ta rao giảng, truyền lệnh cho con như vậy."

Và ngay lập tức, đứa trẻ sống lại. Người mẹ, khi thấy con trai mình được phục sinh, sống động và khỏe mạnh, đã vui mừng quỳ xuống dưới chân vị tông đồ, tạ ơn ngài vì đã làm cho con trai mình sống lại và xin ngài làm phép rửa tội cho mình, vì bà đã tin vào Chúa Kitô, Đấng mà ngài rao giảng. Vị Tông đồ, sau khi rửa tội cho người mẹ và đứa con trai, đã lên đường đến các vùng đất ngoại giáo. Trong khi rao giảng Tin Mừng tại Hy Lạp, ngài đã thực hiện nhiều phép lạ nhờ quyền năng của Chúa Kitô, chữa lành các bệnh tật và làm sống lại một người đã chết. Phép lạ này đã khiến những người Do Thái sống ở đó kinh ngạc, và họ đã gửi tin về Giê-ru-sa-lem cho các thượng tế và các quan chức Do Thái, báo rằng có một người lạ mặt tên là Phi-líp đã đến với họ, rao giảng danh Chúa Giê-su, nhờ danh ấy mà ông trừ quỷ, chữa lành mọi bệnh tật, và thậm chí đã làm sống lại một người chết cũng bằng chính danh Chúa Giê-su ấy, và đã có nhiều người tin vào Đấng Christ. Chẳng bao lâu sau, một vị thượng tế cùng các kinh sư từ Giê-ru-sa-lem đến Hy Lạp, lòng đầy oán hận và tức giận đối với Phi-líp. Sau khi khoác lên mình bộ lễ phục thượng tế, ông ta kiêu ngạo và tự mãn ngồi lên ghế thẩm phán trước sự chứng kiến của đông đảo dân chúng, cả người Do Thái lẫn người ngoại đạo. Tông đồ Philip cũng bị dẫn đến đây và bị đặt giữa đám đông. Nhìn Philip bằng ánh mắt đe dọa, vị tổng giám mục giận dữ bắt đầu nói: "Chẳng lẽ Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri vẫn chưa đủ để ngươi lừa dối những người dân thường và thiếu học sao? Nhưng ngươi còn đến cả đây, trước mặt những người Hy Lạp thông thái, để truyền bá sự cám dỗ mà ngươi đã học được từ Chúa Giê-su, kẻ chống lại luật Mô-sê, người đã bị kết án, bị đóng đinh trên thập tự giá và chết một cái chết nhục nhã, và chỉ vì lúc đó đang là lễ Vượt Qua nên mới được chôn cất, còn các ngươi, những môn đệ của Ngài, đã lén lút đánh cắp thi thể Ngài và để lừa dối nhiều người, đã loan truyền khắp nơi rằng chính Ngài đã sống lại từ cõi chết."

Khi vị thượng tế vừa dứt lời, đám đông liền la hét với Phi-líp: "Ngươi sẽ trả lời thế nào về điều này, Phi-líp?"

Và trong dân chúng bỗng nổi lên một tiếng ồn ào lớn: một số người đòi phải giết Phi-líp ngay lập tức, còn những người khác thì đòi đưa ông đến Giê-ru-sa-lem để hành quyết. Lúc đó, vị thánh tông đồ mở miệng và nói với vị thượng tế: "Ngài đã yêu mến sự hư không một cách vô ích và nói dối! Tại sao lòng ngươi vẫn cứng như đá, và ngươi không muốn xưng nhận sự thật? Chẳng phải chính các ngươi đã niêm phong quan tài và bố trí lính canh sao? Và khi Chúa chúng ta sống lại mà không phá vỡ con dấu trên quan tài, chẳng phải chính các ngươi đã hối lộ vàng cho lính để họ nói dối rằng trong lúc họ ngủ, các môn đệ của Ngài đã đánh cắp thi thể Ngài sao? Sao giờ đây ngươi lại không thấy xấu hổ khi bóp méo sự thật? Chính những con dấu trên quan tài sẽ trở thành bằng chứng rõ ràng vạch trần lời dối trá của các ngươi vào Ngày Phán Xét, như những nhân chứng cho sự Phục Sinh đích thực của Đấng Christ."

Nghe những lời này của vị tông đồ, vị tổng giám mục càng tức giận hơn nữa và trong cơn thịnh nộ điên cuồng, ông lao vào ông, muốn tự tay bắt và giết vị tông đồ, nhưng ngay lúc đó, ông bị mù và toàn thân trở nên đen kịt. Những người có mặt, khi chứng kiến điều đã xảy ra, cho rằng đó là do phù phép, và xông vào Philip, định giết ông như một thầy phù thủy; nhưng tất cả những ai muốn bắt ông đều phải chịu cùng một hình phạt như vị giám mục. Lúc đó, mặt đất rung chuyển dữ dội, và mọi người đều run rẩy vì sợ hãi, nhận ra quyền năng vĩ đại của Chúa Kitô. Thánh Tông đồ Philip, khi thấy sự mù quáng cả về tâm hồn lẫn thể xác của họ, đã rơi lệ vì thương xót và dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, xin Ngài soi sáng cho họ. Và ngay lập tức, nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, sự chữa lành đã được ban xuống từ trên cao cho tất cả những người bị nạn. Phép lạ này đã khiến nhiều người quay về với Chúa Kitô và tin vào Ngài. Nhưng vị tổng giám mục, vẫn còn bị che mờ bởi sự thù hận, không những không muốn sửa đổi và nhận biết lẽ thật sau hình phạt đã giáng xuống mình, mà còn lại tiếp tục phỉ báng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Lúc đó, ông ta lại phải hứng chịu một hình phạt còn nặng nề hơn. Đột nhiên, mặt đất mở ra lòng đất và nuốt chửng ông, giống như đã từng nuốt chửng Daphan và Aviron[7821] .

Sau khi vị giám mục qua đời, Thánh Philip đã làm phép rửa tội cho nhiều người tại đó và bổ nhiệm một vị nam giới đáng kính và xứng đáng tên là Narkissa làm giám mục cho họ, còn bản thân ngài thì lên đường đến Parthia. Trên đường đi, ngài cầu xin Thiên Chúa ban ơn trợ giúp cho công việc của mình. Và đúng lúc ngài quỳ gối cầu nguyện, một hình ảnh con đại bàng với đôi cánh vàng, dang rộng giống như Chúa Kitô bị đóng đinh, đã hiện ra

[7821] Dafan và Aviron, người Ru-bim, con trai của Eliav, là những kẻ phản bội đã âm mưu chống lại Mô-sê, vì thế đã bị Đức Chúa Trời trừng phạt bằng hình phạt khủng khiếp: đất nứt ra và nuốt chửng họ. (Sách Dân Số 16:1–50).

từ trời. Được củng cố bởi hiện tượng này, Thánh Philip lại lên đường rao giảng; sau khi đi qua các thành phố ở Ả Rập và Candace, ngài lên thuyền và ra khơi hướng về thành phố Azot ở Syria[7822] . Đêm đó, một cơn bão dữ dội nổi lên trên biển, và mọi người đều tuyệt vọng về tính mạng của mình. Lúc đó, vị thánh tông đồ đứng lên cầu nguyện, và ngay lập tức trên bầu trời xuất hiện dấu hiệu của Thánh Giá rực sáng, chiếu sáng bóng tối của đêm, và biển đột nhiên lặng xuống, sóng biển cũng dịu lại. Khi cập bến Azot, Philip xuống tàu và được một người hiếu khách tên là Nicoclides tiếp đón vào nhà; ông này có một cô con gái tên là Charitina, đang mắc bệnh ở một mắt. Bước vào nhà Nicoclides, vị Tông đồ bắt đầu rao giảng Lời Chúa cho những người có mặt, và tất cả đều hân hoan lắng nghe. Trong số những người nghe có cả Haritina; cô bị cuốn hút bởi sự hân hoan thiêng liêng từ lời giảng dạy của vị tông đồ đến nỗi thậm chí còn quên cả căn bệnh của mình. Còn ngài, khi thấy sự nhiệt thành của cô đối với Lời Chúa, đã truyền cho cô kêu cầu danh Chúa Giêsu Kitô và đặt tay lên con mắt bị bệnh. Ngay khi Haritina làm theo lời dặn, mắt cô lập tức được chữa lành, và cả gia đình Nikoklid đã tin nhận Chúa Kitô và lãnh nhận phép rửa thánh.

Từ Azot, Thánh Tông đồ Philipphê tiếp tục hành trình đến Hierapolis ở Syria[7823] , nơi mà khi rao giảng về Đấng Kitô, ngài đã gây ra cơn thịnh nộ dữ dội trong dân chúng, đến nỗi họ thậm chí đe dọa sẽ ném đá ngài. Nhưng sự can thiệp của một công dân có ảnh hưởng tên là Ir đã cứu ngài khỏi cơn phẫn nộ của dân chúng.

"Hỡi các công dân!" – ông nói với dân chúng. – "Hãy nghe lời khuyên của tôi, đừng làm hại người ngoại quốc này cho đến khi chúng ta biết được giáo lý của ông ta có phải là chân lý hay không; và nếu nó không phải là chân lý, thì chúng ta sẽ tiêu diệt ông ta."

Dân chúng không dám phản đối Ir, người sau đó đã đưa Philip về nhà mình. Vị Tông đồ tiếp tục giảng dạy như thường lệ tại đó và đã dẫn dắt Ir, cả gia đình ông cùng những người hàng xóm đến với đức tin thánh thiện, đồng thời ban cho họ bí tích Rửa tội. Khi biết tin Ir đã chịu phép rửa tội, dân chúng tụ tập vào ban đêm và bao vây ngôi nhà của ông, với ý định thiêu sống Ir cùng với vị Tông đồ và tất cả những người trong nhà ông khi họ đang ngủ. Phát hiện ra âm mưu của họ, vị Tông đồ đã dũng cảm bước ra trước mặt họ; còn họ, như những con thú hoang, nghiến răng, tóm lấy ngài và dẫn ngài đến hội đồng của họ. Người đứng đầu hội đồng, tên là Aristarchus, khi nhìn thấy vị tông đồ, đã giơ tay ra và túm lấy tóc ngài, nhưng ngay lập tức bàn tay ông ta khô héo và ông ta mất cả thị lực lẫn thính lực. Lúc đó, tâm trạng của dân chúng bỗng thay đổi: cơn giận của họ, khi chứng kiến phép lạ này, đã nhường chỗ cho sự kinh ngạc, và dân chúng bắt đầu van nài vị tông đồ chữa lành cho Aristarchus, quan trưởng thành của họ. Còn Philip thì nói: "Nếu ông ta không tin vào Đức Chúa Trời mà tôi đang rao giảng, thì ông ta sẽ không được chữa lành."

Lúc đó, một đám tang đang đi ngang qua gần họ, và dân chúng, với ý định chế nhạo vị tông đồ, đã nói: "Nếu ngài làm cho người chết này sống lại, thì Aristarchus và chúng tôi sẽ tin vào Đức Chúa Trời của ngài."

Vị tông đồ ngước mắt lên trời, cầu nguyện lâu rồi, sau đó quay sang người đã chết và nói bằng giọng nhẹ nhàng: "Théophil!" Và ngay lập tức, người chết ngồi dậy trên cáng, ngồi thẳng và mở mắt ra. Lúc đó, Philip lại nói với anh ta: "Đức Kitô truyền lệnh cho anh: hãy đứng dậy và nói chuyện với chúng tôi!"

Người đã chết, đứng dậy khỏi giường, quỳ xuống dưới chân vị Tông đồ và nói: "Tôi cảm ơn ngài, vị tôi tớ thánh thiện của Đức Chúa Trời, vì đã cứu tôi khỏi tai họa lớn lao vào giờ phút này: hai người Ê-ti-ô-bi da đen và hôi thối đã lôi kéo tôi, và nếu ngài không ngăn chặn và cứu tôi khỏi họ, thì tôi đã bị ném xuống địa ngục u ám rồi."

Lúc đó, tất cả những ai chứng kiến phép lạ vinh quang này đều đồng thanh ngợi khen Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật mà Phi-líp rao giảng. Vị Tông đồ ra hiệu bằng tay cho dân chúng im lặng một lát, rồi truyền cho Iru dùng tay mình làm dấu thánh giá trên những bộ phận bị thương của A-ri-sta-khô. Ngay khi Ir làm theo, bàn tay teo tóp của Aristarchus lập tức được chữa lành, ông bắt đầu nhìn và nghe được, và hoàn toàn bình phục. Những phép lạ này, do Thánh Philip thực hiện nhờ quyền năng của Chúa Kitô, đã dẫn dắt cư dân Hierapolis đến với Chúa Kitô, và tất cả đều đổ xô đi đập phá các thần tượng của mình. Người đầu tiên tin nhận là cha của Thêôphila, người đã đập vỡ mười hai tượng thần bằng vàng và phân phát số vàng đó cho những người nghèo. Vị Tông đồ đã làm phép rửa cho tất cả mọi người và bổ nhiệm Ir làm giám mục cho họ. Sau khi thành lập Giáo hội tại Hierapolis theo cách đó và củng cố đức tin thánh thiện cho những người mới được khai sáng, Thánh Philip đã lên đường rao giảng

---

[7822] Azot – từ tiếng Do Thái: *nơi được củng cố, pháo đài* – là một thành phố giàu có và kiên cố của người Philistine từ thời cổ đại xa xưa, tọa lạc trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải. Dưới thời các vị Maccabees, thành phố này đã bị thiêu rụi và phá hủy, sau đó được tái thiết, nhưng không còn giữ được sức mạnh như xưa. Ngày nay, tại đây là một làng nhỏ tên là Ezud.

[7823] Hierapolis – tên gọi của một số thành phố cổ đại. – Hierapolis thuộc Syria, sau này người Hy Lạp gọi là Bambica; từ thời Hoàng đế Constantine Đại đế – là thành phố chính của tỉnh Euphrates; hiện nay chỉ còn lại những tàn tích gần thành phố Mambij ngày nay.

sang các vùng đất khác. Sau khi đi qua Syria và vùng núi Á Châu, ngài đến Lydia và Mysia[7824] , và trong suốt hành trình qua các vùng đất này, ngài đã dẫn dắt những người ngoại đạo chưa tin đến với Thiên Chúa Chân Thật. Tại đó, Thánh Tông đồ Bartholomew đã gia nhập cùng ngài; lúc bấy giờ, ngài đang rao giảng tại các thành phố lân cận và được Thiên Chúa sai đến để giúp đỡ Philip. Theo sau ngài còn có em gái của Philip – thiếu nữ Mariamna, và tất cả họ cùng nhau phục vụ cho công cuộc cứu rỗi nhân loại. Khi đi qua Lydia và Mysia và rao giảng Lời Chúa, họ phải chịu nhiều tai ương, đòn roi và đau khổ từ những kẻ vô tín; họ bị giam cầm trong ngục tối, bị ném đá, nhưng bất chấp mọi sự bắt bớ, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, họ vẫn sống sót để tiếp tục công việc truyền bá đức tin vào Đấng Christ. Tại một làng ở Lydia, họ đã gặp Thánh Gioan Thần Học, môn đệ yêu dấu của Chúa Kitô, và cùng với ngài, họ lên đường đến xứ Phrygia. Khi vào thành phố Hierapolis[7825] , họ đã rao giảng về Chúa Kitô tại đó. Thành phố này tràn ngập các thần tượng mà tất cả cư dân nơi đây đều thờ phượng; giữa các vị thần giả dối đó còn có một con rắn độc, cho nó người ta đã xây dựng một đền thờ riêng, nơi người ta dâng thức ăn và thực hiện vô số lễ vật đa dạng; những kẻ điên rồ còn tôn sùng cả các loài bò sát và rắn độc khác nữa. Thánh Philip, trước hết, cùng với em gái mình, đã dùng lời cầu nguyện làm vũ khí chống lại con rắn độc đó, và Thánh Gioan Thần Học, người lúc bấy giờ đang ở cùng họ, cũng giúp đỡ họ trong việc này. Tất cả họ cùng nhau, bằng lời cầu nguyện như một cây giáo, đã đánh bại con rắn độc đó và dùng quyền năng của Chúa Kitô để tiêu diệt nó. Sau đó, Thánh Gioan Thần Học chia tay họ, giao lại thành Hierapolis cho họ để rao giảng Lời Chúa, còn ngài thì đi đến các thành phố khác, truyền bá Tin Mừng thánh thiện khắp mọi nơi. Còn Thánh Philip, cùng với Thánh Bartholomew và Thánh Mariamna, vẫn ở lại Hierapolis, nỗ lực hết mình để xua tan bóng tối của sự thờ ngẫu tượng , để ánh sáng của sự hiểu biết chân lý chiếu rọi lên những người lầm lạc, họ đã miệt mài làm việc ngày đêm, dạy dỗ những người chưa tin theo Lời Chúa, khuyên răn những người thiếu hiểu biết và dẫn dắt những người lầm lạc trở về con đường chân lý. Trong thành phố có một người tên là Stachius, đã mù suốt bốn mươi năm. Các thánh tông đồ, nhờ sức mạnh của lời cầu nguyện, đã khai sáng đôi mắt thể xác của ông, và nhờ lời rao giảng về Đức Kitô, đã khai sáng sự mù quáng trong tâm hồn ông. Sau khi rửa tội cho Stachy, các thánh đã ở lại nhà ông. Tin đồn lan truyền khắp thành phố rằng người mù Stachy đã được sáng mắt. Đám đông bắt đầu tụ tập trước nhà ông. Các Thánh Tông Đồ đã giảng dạy cho tất cả những ai đến với họ về đức tin vào Chúa Giêsu Kitô. Người ta cũng đưa nhiều người bệnh đến đó, và các Thánh Tông Đồ đã chữa lành tất cả bằng lời cầu nguyện và trừ quỷ, đến nỗi rất nhiều người đã tin vào Chúa Kitô và chịu phép rửa.

Vợ của quan trưởng thành phố đó, tên là Nicanor, bị rắn cắn và đang nằm bệnh, sắp chết. Nghe tin về các thánh tông đồ đang ở nhà Stachius, rằng họ chỉ cần một lời là có thể chữa lành mọi bệnh tật, bà, trong lúc chồng vắng nhà, đã ra lệnh cho các nô lệ khiêng mình đến gặp họ và được chữa lành cả hai mặt: sức khỏe thể xác – khỏi vết cắn của rắn, và sức khỏe tâm hồn – khỏi sự cám dỗ của ma quỷ, và được các thánh tông đồ dạy dỗ, bà đã tin vào Đấng Christ. Khi quan tổng trấn trở về nhà, các nô lệ báo cho ông biết rằng vợ ông đã được một số người ngoại quốc đang cư ngụ tại nhà Stachius dạy dỗ để tin vào Chúa Kitô. Bừng lên cơn thịnh nộ khủng khiếp, Nicanor ra lệnh bắt giữ các tông đồ ngay lập tức và đốt cháy ngôi nhà của Stachius, và lệnh đó đã được thi hành. Một đám đông tụ tập lại, và các thánh tông đồ Philip, Bartholomew cùng thánh nữ Mariamna bị lôi kéo khắp thành phố trong tiếng la ó, bị đánh đập và sỉ nhục, cuối cùng bị ném vào ngục tối. Sau đó, quan trưởng thành phố ngồi lên ghế thẩm phán để xét xử các nhà truyền giáo của Chúa Kitô, và tất cả các thầy tế lễ thờ thần tượng cùng các thầy tế lễ của con rắn độc đã chết đều tụ tập quanh ông, đưa ra những lời tố cáo chống lại các thánh tông đồ và nói: “Thưa quan trưởng! Hãy trả thù cho sự sỉ nhục mà các vị thần của chúng ta phải chịu, vì kể từ khi những kẻ lữ hành này xuất hiện, các bàn thờ của các vị thần vĩ đại của chúng ta trong thành phố đã trở nên hoang vắng, và dân chúng quên mất việc dâng những lễ vật thường lệ cho các ngài; nữ thần Echidna lừng lẫy của chúng ta đã chết, và cả thành phố tràn ngập sự vô luật pháp. Hãy giết chết những nhà tiên tri này.”

Lúc đó, quan trưởng thành phố ra lệnh cởi bỏ áo quần của Thánh Philip, nghĩ rằng trong đó ẩn chứa bùa chú phù thủy, nhưng sau khi cởi bỏ áo quần của ngài, họ chẳng tìm thấy gì cả. Họ cũng làm như vậy với Thánh Bartholomew, và trong áo quần của ngài cũng chẳng tìm thấy gì. Khi họ tiến lại gần Mariamne với ý định tương

---

[7824] Lydia và Mysia – là các vùng phía tây bắc của Tiểu Á.

[7825] Ierapol thuộc Phrygia nằm ở phần phía nam của Phrygia (ở khu vực trung tâm Tiểu Á), giữa hai con sông Lycus và Meander; trong thời cổ đại, đây là một thành phố khá quan trọng, đặc biệt nổi tiếng với nghề khai thác đá cẩm thạch và các suối nước nóng. Ngày nay, nơi đây mang tên tiếng Thổ Nhĩ Kỳ là Pambuk-Kalesi (thành phố bông vải) do sự tương đồng giữa những đống bông vải với những vách đá, gò đất, mỏm đá, đồng bằng, bờ sông và kênh rạch có màu trắng, được hình thành từ nước lắng đọng của các suối chảy xuống từ những ngọn núi cao. Ngày nay, nơi đây chỉ còn lại những tàn tích, và nơi này trở thành nơi trú ẩn cho những người mắc bệnh hủi.

tự, nhằm cởi bỏ quần áo và phơi bày thân thể trinh nữ của nàng, thì đột nhiên, trước mắt họ, nàng biến thành ngọn lửa rực rỡ, và những kẻ vô đạo đã hoảng sợ bỏ chạy khỏi nàng. Các thánh tông đồ bị quan tổng trấn kết án đóng đinh. Thánh Philip là người đầu tiên chịu hình phạt. Sau khi khoan lỗ vào bàn chân ngài và luồn dây thừng qua đó, chúng đóng đinh ngài lên thập tự giá với đầu hướng xuống trước cửa đền thờ của con rắn độc, đồng thời ném đá vào ngài. Sau đó, họ đóng đinh Thánh Bartholomew vào tường đền thờ. Bỗng chốc xảy ra một trận động đất lớn, mặt đất nứt toác ra và nuốt chửng viên quan thành cùng tất cả các thầy tế lễ và vô số kẻ vô tín. Tất cả những người còn sống sót, cả tín hữu lẫn người ngoại đạo, đều kinh hoàng tột độ và khóc lóc van xin các thánh tông đồ thương xót họ, đồng thời cầu khẩn Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật của họ, để đất đừng nuốt chửng họ như đã nuốt chửng những người kia. Họ vội vã chạy đến để tháo các tông đồ bị đóng đinh xuống khỏi thập tự giá. Thánh Bartholomew bị treo ở độ cao không cao lắm, nên họ nhanh chóng hạ ngài xuống. Nhưng họ không thể nhanh chóng hạ Thánh Philip xuống khỏi thập giá, bởi vì ngài bị treo ở độ cao lớn, và đặc biệt là vì đó là ý muốn đặc biệt của Thiên Chúa, để vị Tông đồ của Ngài, qua những đau khổ và cái chết trên thập giá này, được chuyển từ trần gian lên thiên đàng, nơi mà suốt cuộc đời ngài luôn hướng về. Trong tư thế treo như vậy, Thánh Philip đã cầu nguyện với Thiên Chúa cho những kẻ thù của mình, xin Chúa tha thứ tội lỗi cho họ và soi sáng tâm trí họ để nhận biết sự thật. Chúa đã nhậm lời cầu nguyện của ngài và ngay lập tức ra lệnh cho đất nhả ra những nạn nhân còn sống mà nó đã nuốt chửng, ngoại trừ quan thành và các thầy tế lễ của loài rắn độc. Lúc đó, tất cả đều cất tiếng lớn xưng nhận và tôn vinh quyền năng của Đức Kitô, bày tỏ mong muốn được rửa tội. Khi họ định hạ Thánh Philip xuống khỏi thập giá, họ thấy ngài đã trao linh hồn thánh thiện của mình cho Thiên Chúa, và họ hạ ngài xuống khi ngài đã qua đời. Chị ruột của ngài, thánh Mariamna, người đã chứng kiến suốt quá trình đau khổ và cái chết của anh trai mình là Philip, đã ôm lấy và hôn lên thi thể của ngài vừa được hạ xuống khỏi cây thập tự với tình yêu thương, và vui mừng vì Philip đã được ân sủng chịu khổ vì Chúa Kitô. Thánh Bartholomew đã cử hành phép rửa tội cho tất cả những ai đã tin vào Chúa và phong Stachius làm giám mục cho họ. Những người mới được rửa tội đã an táng thi hài của Thánh Tông đồ Philip một cách trang trọng. Tại nơi Thánh Tông đồ đã đổ máu, chỉ trong ba ngày đã mọc lên một cây nho, như một dấu hiệu cho thấy Thánh Philip, nhờ máu mình đã đổ ra nhân danh Chúa Kitô, đang hưởng phúc vĩnh cửu cùng Chúa của ngài trong Nước Trời[7826] .

Còn Thánh Bartholomew cùng với trinh nữ hạnh phúc Mariamna, sau khi an táng Thánh Philip, đã ở lại Hierapolis vài ngày và, sau khi củng cố đức tin Kitô giáo cho nhà thờ mới được thành lập, đã rời khỏi đó đến thành phố Alban ở Armenia Lớn[7827] , nơi ngài đã bị đóng đinh. Thánh Mariamna đã lên đường đến Lycaonia[7828] và tại đó, sau khi dẫn dắt nhiều người đến với đức tin thánh thiện, ngài đã an nghỉ trong bình an. Vì tất cả những điều này, vinh quang thuộc về Thiên Chúa của chúng ta, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 3:

Vũ trụ được trang hoàng, Ê-thi-ô-pi-a hân hoan, vì được ngài làm vương miện, được soi sáng rực rỡ, và kỷ niệm về ngài được tôn vinh, hỡi Phi-líp, người được Thiên Chúa chọn: vì ngài đã dạy mọi người tin vào Đấng Kitô, và đã hoàn thành cuộc đời mình xứng đáng với Tin Mừng. Vì thế, bàn tay người Ê-ti-ô-pi dạn dĩ vươn lên hướng về Thiên Chúa; xin ngài cầu xin Ngài ban cho chúng con ân sủng vĩ đại.

[7826] Ngoài truyền thuyết về cái chết tử đạo của Thánh Tông đồ Philip, các câu chuyện cổ xưa còn kể thêm rằng 7 ngày trước khi qua đời, chính ngài đã tiên đoán về cái chết của mình. Thánh Tông đồ Philip đã tử đạo dưới triều đại của Hoàng đế La Mã Domitian vào năm 90 sau Công nguyên, khi ngài đã 87 tuổi. Xác thánh của ngài vào khoảng năm 560 đã được chuyển đến Roma, nơi hiện nay vẫn được an táng tại Nhà thờ 12 Tông đồ. Một bàn tay của Thánh Tông đồ được lưu giữ tại Constantinopolis trong Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Hoàng đế Byzantine Manuel Komnenos đã ban tặng nó như một vật thế chấp thiêng liêng và quý giá cho cháu gái của mình là Maria, khi gả cô cho Vua Amoria của Jerusalem vào năm 1167. Năm 1204, thánh tích này được chuyển đến Florence.

[7827] Ở châu Á, giáp ranh với Caucasus.

[7828] Lycaonia – một trong những vùng trung tâm của Tiểu Á, giáp với Phrygia.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Học trò, bạn thân và người noi gương lòng nhiệt thành của Ngài, vị thánh Philip, người rao giảng danh Ngài là Thiên Chúa của cả vũ trụ: xin Mẹ Thiên Chúa đầy lòng thương xót, nhờ những lời cầu nguyện của ngài, hãy bảo vệ Giáo hội của Ngài và mọi thành phố của Ngài khỏi những kẻ thù vô luật pháp.

Cuộc đời của Thánh Grigori Palama, Tổng Giám mục Thessaloniki

Ngày kỷ niệm: 14 tháng 11

Thánh Grigori Palama[7829] , Tổng Giám mục Thessaloniki[7830] , sinh ra tại Constantinople và xuất thân từ một gia đình quý tộc và đạo đức, những bậc cha mẹ đã nỗ lực dạy dỗ ngài từ thuở ấu thơ về sự khôn ngoan của con người, và đặc biệt là sự khôn ngoan của Thiên Chúa, cùng mọi đức tính tốt đẹp. Khi còn rất trẻ, ngài đã mất cha; còn mẹ của Grigori đã chu đáo dành cho ngài, cũng như cho tất cả các anh chị em của ngài, một nền giáo dục khôn ngoan và nhân ái, theo tinh thần của Lời Chúa và Kinh Thánh. Bà đã sắp xếp cho các con sống giữa những vị thầy thông thái, để con trai bà có thể học hỏi sự khôn ngoan từ họ; còn anh, nhờ thiên phú trí tuệ bẩm sinh và sự siêng năng, đã nhanh chóng thành công trong việc nghiên cứu triết học và các ngành khoa học nổi tiếng khác vào thời bấy giờ. Tuy nhiên, vì không tin tưởng vào trí nhớ của chính mình, anh đã đặt ra một quy tắc – trước mỗi buổi học, anh phải thực hiện ba lần cúi đầu cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh. Và Đức Mẹ Vô Nhiễm đã phù hộ cho cậu thiếu niên đạo đức này, những thành công nhanh chóng của cậu đã thu hút sự chú ý của mọi người. Chính nhà vua cũng tham gia tích cực vào việc giáo dục Thánh Grigori và chăm lo cho sự trưởng thành của cậu như một người cha.

Trong khi đó, từ thuở nhỏ, Grigori đã ghét bỏ mọi sự trần thế như một giấc mơ lừa dối, và tràn đầy tình yêu nồng cháy dành cho Thiên Chúa, cậu khinh thường mọi của cải tạm bợ, khao khát dâng trọn tâm hồn để gắn bó với Thiên Chúa Duy Nhất – Nguồn Cội của mọi sự khôn ngoan và Đấng Ban Phát mọi ân sủng – đồng thời từ bỏ thế gian và vinh quang hư ảo của nó. Được thúc đẩy bởi những cảm xúc này, ông tìm cách tiếp xúc và gặp gỡ các tu sĩ trên núi Athos thiêng liêng, xin họ lời khuyên và sự hướng dẫn, đồng thời tìm hiểu từ họ lối sống và các quy tắc của đời tu và đời khổ hạnh, để thử thách bản thân xem liệu mình có thể trở thành một tu sĩ thực sự hay không. Grigory đã thay những bộ quần áo sang trọng của mình bằng những mảnh vải rách rưới và bắt đầu từ từ thay đổi những thói quen cũ cùng cách cư xử bên ngoài, từ bỏ mọi quy tắc lễ nghi thế tục, điều này đã thu hút sự chú ý chung của các quan lại triều đình, và nhiều người thậm chí còn cho rằng ông đã điên. Thời gian trôi qua như vậy trong vài năm, và dù là sự thuyết phục của nhà vua, những lời khuyên nhủ của bạn bè, hay những lời chế giễu của những người xung quanh cũng không thể ngăn cản Grigory trên con đường mà anh đã chọn.

Sau khi vượt qua thử thách đó một cách thành công, Grigory, vào năm thứ hai mươi của cuộc đời, đã quyết định dứt khoát nhận chức tu sĩ và lui về sa mạc, điều mà ngài đã báo cho người mẹ sùng kính Chúa của mình. Ban đầu, bà có phần buồn bã vì điều này, nhưng sau đó bà đã đồng ý với ý định của ông, vui mừng trong Chúa, và thậm chí, nhờ ơn Chúa, bà còn thuyết phục các con còn lại của mình cũng nhận chức tu sĩ, để bà có thể cùng với vị tiên tri thốt lên: *"Này, tôi và các con mà Chúa đã ban cho tôi"* (Ê-sai 8:18). Tuân theo giới răn Phúc Âm, Thánh Grigori đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho người nghèo, và bằng cả trái tim, ngài khinh bỉ vẻ đẹp, sự ngọt ngào và vinh quang của thế gian này, để theo chân Chúa Kitô, đồng thời dẫn dắt mẹ, các anh em và chị em của mình cùng bước trên con đường ấy. Ngài để mẹ và các chị em lại tại một tu viện nữ; còn các anh em thì đưa theo lên núi Athos thánh thiêng và cùng họ định cư tại tu viện ẩn tu Vatopedi[7831] , hoàn toàn vâng phục vị tu sĩ cao niên đầy ân sủng là Thánh Nicodemos, người mà sau này ngài đã nhận lễ xuất gia từ tay.

[7829] Thánh Grigori Palama sống vào thế kỷ XIV.

[7830] Thessaloniki, hay còn gọi là Solun – là một thành phố cổ rất quan trọng của Macedonia, nằm sâu trong Vịnh Solun hay Vịnh Thrace lớn thuộc Biển Aegean (Quần đảo). Hiện nay, thành phố này, với tên gọi Thessaloniki, là thành phố thương mại và công nghiệp lớn thứ hai ở Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu, chỉ sau Constantinople, với dân số rất đông đúc.

[7831] Athos – một bán đảo hẹp và đồi núi ở phía nam Macedonia, nhô ra Biển Aegean và được bao quanh bởi Vịnh Strymon và Vịnh Singit, là cái nôi nổi tiếng của đời sống tu hành Chính thống giáo, chỉ có các tu sĩ sinh sống, là thánh địa của phương Đông và trung tâm chính của đời sống tu hành phương Đông. – Tu viện Vatopedi tọa lạc trên sườn đông bắc của Athos, gần biển. Theo truyền thuyết, tu viện này được thành lập vào những thời kỳ đầu của đời tu ở phương Đông (vào cuối thế kỷ IV) và gắn liền với tên tuổi của Hoàng đế Theodosius Đại

Vào năm thứ hai khi ở cùng Nicôđêmô, Grigori đã được hưởng ân sủng của sự viếng thăm thiêng liêng. Một lần nọ, trong lúc đang cầu nguyện, một người đàn ông rạng ngời ánh sáng và uy nghi đã hiện ra trước mặt ông; ông nhận ra đó chính là Thánh Tông đồ và Nhà truyền giáo Gioan Thần học. Nhìn Grigori với ánh mắt ân cần, vị Tông đồ hỏi ông: "Tại sao mỗi khi cầu khẩn Thiên Chúa, ngươi lại chỉ lặp đi lặp lại: 'Xin soi sáng bóng tối của con, xin soi sáng bóng tối của con'?"

Grigori trả lời: "Ngoài điều này ra, con còn có thể xin điều gì khác nữa – để con được soi sáng và biết cách thực hiện thánh ý của Ngài?"

Lúc đó, vị thánh truyền giáo nói: "Theo ý muốn của Nữ Vương muôn loài, Đức Mẹ Thiên Chúa, từ nay trở đi, tôi sẽ luôn ở bên cạnh con."

Sau khi vị thầy của mình, vị thánh trưởng lão Nicôđêm, qua đời, thánh Grêgôriô lui về tu viện vĩ đại của thánh Athanasius, nơi ngài phục vụ các tu sĩ trong bữa ăn chung, đồng thời đảm nhận chức vụ ca viên nhà thờ. Sau khi sống ở đó vài năm trong sự kính sợ Thiên Chúa và vâng phục mọi người, Grigori đã chế ngự vĩnh viễn những dục vọng trần tục, trở thành một tấm gương an ủi về sự vô dục theo Phúc Âm và sự trong sạch thiêng liêng. Nhờ sự khiêm nhường, hiền lành và những công đức của mình, ngài đã giành được tình yêu và sự kính trọng của toàn thể cộng đoàn; nhưng, tránh xa danh vọng và khao khát một cuộc sống khắc khổ hơn nữa, ngài đã rời tu viện để vào sa mạc sâu thẳm, tại tu viện Glossia, và tại đó, ngài phó thác bản thân dưới sự hướng dẫn của vị trưởng lão kính yêu Grigori, sống một cuộc đời chiêm niệm khắc khổ, bừng cháy bởi tình yêu vô bờ bến dành cho Thiên Chúa, Đấng mà ngài đã hiến dâng cả linh hồn lẫn thể xác. Bằng lời cầu nguyện không ngừng, ngài đã chiến thắng mọi sự vu khống của ma quỷ và được ban cho những ân sủng thiêng liêng. Khi đắm chìm vào chiều sâu của tinh thần cầu nguyện và được ánh sáng của nó chiếu rọi, ngài đã đạt đến mức độ xúc động và khóc lóc từ tận đáy lòng đến nỗi nước mắt tuôn trào từ đôi mắt ngài như một suối nguồn vĩnh cửu và không bao giờ cạn.

Tuy nhiên, sự tĩnh lặng của Grigori và các đồng đạo của ngài sớm bị phá vỡ do những cuộc tấn công của người Agari[7832] nhằm vào các tu sĩ đang sống trong sự tĩnh lặng bên ngoài các tu viện. Trước tình hình đó, Grigori, cùng với các tu sĩ khác, buộc phải rời bỏ sa mạc của mình và lui về Thessaloniki. Từ đó, vị thánh đã nảy sinh ý định lên đường đến Giê-ru-sa-lem để hành hương các thánh địa, và nếu Chúa muốn, sẽ kết thúc cuộc đời mình ở đâu đó tại đó trong sự tĩnh lặng của sa mạc. Mong muốn biết liệu ý định của họ có được Chúa chấp thuận hay không, ông đã cầu nguyện với Chúa về điều đó. Và trong giấc mơ, Thánh Đại Tử Đạo Dimitri, người có di cốt được an táng tại Thessaloniki[7833] , đã hiện ra với ngài. Vị Đại Tử Đạo đã thuyết phục ngài đừng rời khỏi Thessaloniki. Sau đó, Thánh Grigori, sau khi ăn chay và cầu nguyện nghiêm ngặt, đã thụ phong linh mục tại Thessaloniki và, cùng với một nhóm nhỏ các tu sĩ, ông lui về một tu viện nhỏ gần đó, nơi họ lại tiếp tục cuộc sống tu hành. Lối sống của ngài như sau: năm ngày trong tuần, ngài hoàn toàn không ra ngoài và cũng không tiếp ai; chỉ vào thứ Bảy và Chủ Nhật, sau khi cử hành Thánh lễ và rước Mình Thánh Chúa, ngài mới giao lưu thiêng liêng với các anh em, khích lệ và an ủi họ bằng những lời nói cảm động và đầy giáo huấn. Trong những giờ phút này, sau khi vị thánh tu sĩ đóng cửa tu viện, và đặc biệt là sau Thánh lễ, trên khuôn mặt ngài tỏa sáng một ánh sáng Thần thánh kỳ diệu. Trong lúc cử hành Thánh lễ, ngài khiến mọi người đều rơi lệ và cảm động. Nhiều vị thánh vĩ đại đã kinh ngạc trước đời sống đạo đức của ngài, nhờ đó ngài được Thiên Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ và tiên tri, và họ gọi ngài là "người mang Thiên Chúa" và "tiên tri"[7834] .

Vào thời điểm đó, người mẹ đức hạnh của Thánh Grigori đã về với Chúa. Các con gái và những người bạn đồng hành của bà, tức các chị em của Grigori, đã xin ngài đến với họ để an ủi họ trong cảnh mồ côi và để được hướng dẫn về mặt tâm linh. Tuân theo tiếng gọi của tình thân, Grigori đã đến Constantinople gặp các chị em của mình, rồi vội vã trở lại sa mạc yêu quý của mình; nhưng không lâu sau đó, sau năm năm sống trong im lặng tại tu viện Verr, ngài buộc phải, do những cuộc tấn công liên tiếp của người Albania, lại rút lui lên ngọn núi thánh, tới tu viện của Thánh Athanasius, nơi ngài được các vị tu sĩ đang tu hành tại đó đón nhận với tình yêu thương vô bờ bến. Và ngay tại đây, khi lui về sống ẩn dật bên ngoài tu viện, trong căn phòng tĩnh lặng của Thánh Savva, ngoại trừ ngày thứ Bảy và Chủ Nhật, ngài không đi đâu cả, không gặp gỡ ai, và không ai nhìn thấy ngài – trừ khi vì những

đế. Từ thế kỷ X, Vatopedi đã trở thành một địa điểm có tầm quan trọng hàng đầu trên núi Athos, và vị thế này vẫn được duy trì cho đến ngày nay.

[7832] Người Aghara là người Ả Rập, theo đạo Hồi.

[7833] Ngày tưởng niệm ông là ngày 26 tháng 10

[7834] Lúc đó, ngài mới hơn 30 tuổi một chút.

nhu cầu của việc cử hành thánh lễ. Tất cả những ngày và đêm còn lại của ngài đều trôi qua trong sự tu hành cầu nguyện và suy ngẫm về Thiên Chúa.

Một lần nọ, trong lúc cầu nguyện riêng tư trước Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, vị thánh đã khẩn cầu Ngài, mong rằng, để loại bỏ mọi trở ngại cản trở sự im lặng hoàn hảo của ngài và các anh em tu sĩ, Ngài hãy vui lòng nhận lấy trách nhiệm chăm sóc và lo liệu mọi nhu cầu đời sống của họ. Đức Mẹ đầy lòng thương xót, đáp lại lời cầu nguyện nhiệt thành của ngài, đã ban cho ngài ân sủng được Ngài hiện ra, cùng với đoàn các vị thánh phát sáng. Khi hiện ra trước mặt ngài, Đức Mẹ nói, hướng về các vị thánh phát sáng đang tháp tùng Ngài: "Từ nay về sau, các con hãy là những người chăm lo cho những nhu cầu của Grigori và các anh em của ngài."

Kể từ thời điểm đó, như chính Thánh Grigori sau này đã kể lại, dù ở đâu đi chăng nữa, ngài thực sự luôn cảm nhận được sự quan phòng đặc biệt của Thiên Chúa dành cho mình. Vào một dịp khác, trong lúc đang suy niệm và cầu nguyện, Grigori chìm vào một giấc ngủ nhẹ. Và bỗng ông thấy trong tay mình có một bình sữa tinh khiết, đầy tràn đến mức sữa tràn ra ngoài miệng bình; sau đó, sữa ấy biến thành rượu nho, tràn ra khỏi miệng bình, làm ướt tay và áo quần ông, lan tỏa một hương thơm kỳ diệu xung quanh. Cảm nhận được điều đó, Grigori tràn ngập niềm vui thánh thiện. Và một chàng trai rạng rỡ xuất hiện trước mặt anh, rồi nói:

– Tại sao ngươi không truyền lại thức uống kỳ diệu này, mà ngươi lại bỏ mặc nó mà không quan tâm đúng mức? Chẳng phải đây là ân huệ của Đức Chúa Trời, không bao giờ cạn kiệt sao?

– Nhưng phải chia sẻ thức uống này cho ai, khi không có ai cần đến nó? – Thánh Grigori hỏi.

– Dù hiện tại quả thực không có ai khát khao thức uống này, – chàng trai phản bác, – nhưng ngươi, dù sao đi nữa, khi thực hiện bổn phận của mình, cũng không được coi thường ân huệ của Chúa, vì Chúa sẽ yêu cầu ngươi báo cáo về việc sử dụng đúng đắn ân huệ ấy.

Khi những lời này vừa dứt, khải tượng kỳ diệu cũng chấm dứt. Thánh Grigori giải thích rằng sữa tượng trưng cho ân sủng của Lời Chúa đơn sơ, dễ hiểu đối với những tâm hồn thuần khiết đang tìm kiếm sự hướng dẫn thiêng liêng, còn việc sữa biến thành rượu có nghĩa là theo thời gian, Ý Chí Tối Cao sẽ đòi hỏi ngài phải truyền đạt những giáo lý sâu sắc hơn về những chân lý cao cả của đức tin Kitô giáo. Không lâu sau đó, Grigori được bầu làm vị tu viện trưởng của Tu viện Esfigmen[7835] , nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, khát khao về sự tĩnh lặng của sa mạc đã lôi cuốn ngài trở lại Tu viện Thánh Athanasius. Tại đây, ngài đã đạt đến mức độ hoàn thiện thiêng liêng đến nỗi nhiều vị thánh nhân đều kinh ngạc trước đời sống đạo đức của ngài và gọi ngài là "người mang ơn Chúa" khi chứng kiến những phép lạ kỳ diệu mà ngài được Thiên Chúa ban tặng. Ngài trừ tà; bằng lời cầu nguyện, ngài làm cho những cây không ra quả lại sinh trái; ngài tiên đoán tương lai cũng như hiện tại. Tuy nhiên, vị thánh đáng kính này cũng không tránh khỏi những cám dỗ đa dạng và thường xuyên, theo lời Chúa: *"Tất cả những ai muốn sống đạo đức trong Đức Kitô Giêsu đều sẽ bị bách hại"* (2 Tm 3:12). Ngài đã chịu đựng tất cả với niềm vui, *"để đức tin đã được thử thách của anh em trở nên quý giá hơn vàng đang hư nát, dù vàng ấy đã được thử lửa, nhằm mang lại sự khen ngợi, vinh quang và danh dự khi Đức Giêsu Kitô hiện ra"* (1 Phêrô 1:7), như Thánh Tông đồ Phêrô đã nói.

Thánh Grêgôriô Palama đã phải chịu đựng nhiều đau khổ trong cuộc chiến chống lại các tà thuyết, vốn lúc bấy giờ đang gây xáo trộn cho Giáo Hội của Đức Chúa Trời. Ngài đã cống hiến một công lao to lớn cho Giáo Hội bằng việc vạch trần những kẻ giảng dạy sai lầm, những kẻ bác bỏ giáo lý Chính Thống về ánh sáng thiêng liêng đầy ân sủng, ánh sáng chiếu rọi con người bên trong và đôi khi hiện ra một cách hữu hình, như trên núi Phavarô[7836] và trên khuôn mặt của Mô-sê sau khi Ngài trò chuyện với Đức Chúa Trời trên núi Si-nai (Xuất Ê-díp-tô Ký 34:29–30). Vào thời điểm đó, một tu sĩ học giả tên là Varlaam đã từ Calabria[7837] đến núi Athos thiêng liêng; cùng với các môn đệ của mình, ông đã gây xáo trộn hòa bình trong Giáo hội của Đấng Christ và sự bình an của các tu sĩ Athos bằng những giáo lý báng bổ. Trong suốt hai mươi ba năm liền, vị mục tử dũng cảm này đã kiên cường chiến đấu chống lại Varlaam, và tất cả những nỗi đau khổ vô số mà Thánh Grigori Palama phải chịu đựng trong thời gian đó, thật khó để miêu tả chi tiết. Varlaam dạy rằng Ánh sáng trên núi Phavar là một thực thể hữu hình, được tạo dựng, hiện diện trong không gian và nhuộm màu không khí, bởi vì nó có thể được nhìn thấy bằng mắt thể xác của những người chưa được soi sáng bởi ân sủng. Ông cũng coi tất cả các hành động của Thiên Chúa, thậm chí cả các ân sủng của Thánh Thần – như Thánh Thần của sự khôn ngoan và lý trí, v.v. – đều là những thứ được tạo dựng, mà không

[7835] Tu viện Esfigmen – một trong những tu viện cổ xưa nhất trên núi Athos; nằm trên sườn đông bắc của núi Athos.
[7836] Vào dịp Lễ Biến Hình của Chúa.
[7837] Calabria – bán đảo thấp ở miền nam Ý.

ngần ngại hạ thấp Thiên Chúa xuống hàng các thụ tạo, phủ nhận ánh sáng và sự hạnh phúc của những người công chính trong Nước Trời của Cha Trên Trời, cũng như sức mạnh và hành động của Thiên Chúa Ba Ngôi. Như vậy, Varlaam và các môn đồ của ông đã vô đạo đức chia cắt cùng một Thiên Chúa thành phần được tạo dựng và phần không được tạo dựng; còn những ai với lòng kính sợ công nhận ánh sáng Thần thánh ấy cùng mọi quyền năng, mọi hoạt động là không được tạo dựng mà là bản thể vĩnh hằng ([7838]), thì họ gọi là những kẻ thờ hai thần và đa thần. Ngược lại, coi đức tin của các ẩn sĩ Athos vào việc chiêm ngưỡng Ánh sáng của Đức Chúa Trời bằng mắt thể xác và sự chuẩn bị cho điều đó theo cách cảm tính[7839] là sự lầm lạc, Varlaam đã công khai nổi dậy chống lại họ, chống lại lời cầu nguyện và chống lại sự chiêm ngưỡng huyền bí của họ. Nhưng trước khi những lời vu khống của Varlaam nhắm vào các tu sĩ Athos được công khai, tên dị giáo này, vì hành vi đáng lên án và bị chỉ trích của mình, đã bị tổng giám mục trục xuất một cách nhục nhã. Trong cơn giận dữ và đau buồn, Varlaam đã rút lui về Thessaloniki, tiếp tục lan truyền những lời vu khống nhắm vào các tu sĩ Athos ngay cả ở đó. Không có đủ sức mạnh để đối đầu với Varlaam – người hùng biện và thông thạo các môn học – các tu sĩ ở Thessaloniki buộc phải mời Thánh Grigorius từ Athos đến. Khi đến Thessaloniki, Thánh Grigorius ban đầu hành động với tinh thần khiêm nhường, nhưng khi thấy những biện pháp này không có tác dụng đối với tên thầy giả dối cứng đầu, người đang gây ra những xáo trộn nghiêm trọng cho Giáo Hội và các quy định của Giáo Hội, ngài bắt đầu bác bỏ những phản đối và lời vu khống của Varlaam không chỉ bằng lời nói, mà còn bằng những tác phẩm mạnh mẽ, chứa đựng những chân lý cao cả và những lập luận thiêng liêng. Chính Varlaam, khi biết đến những tác phẩm đó và cảm nhận được sức mạnh của chúng, đã buộc phải để các tu sĩ Athos yên, nhưng bù lại, ông đã nổi dậy chống lại vị Thánh của Đức Chúa Trời với tất cả sức lực. Khi điều đó cũng không mang lại kết quả, Varlaam, trong sự xấu hổ, đã rút lui về Constantinople, vừa bằng lời nói vừa bằng văn bản để khiếu nại với Đức Thượng phụ Constantinople Gioan XIV[7840] về Thánh Grigori và các tu sĩ Athos.

Trong khi đó, Thánh Grigori, lúc bấy giờ vẫn ở lại Thessaloniki suốt ba năm, đã miệt mài trình bày những nguyên lý của Chính Thống giáo, kiên quyết bảo vệ sự thuần khiết của nó. Và ở đây, cũng như trước đây, những tiếng khóc từ đáy lòng, sự cô độc tuyệt đối và sự im lặng là những hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi của ngài. Không có được sự yên tĩnh của sa mạc, đồng thời cố gắng tránh xa các mối quan hệ và liên hệ với thế gian càng nhiều càng tốt, ngài sống ở một góc xa xôi của ngôi nhà, nơi ngài đã sắp xếp cho mình một căn phòng nhỏ và giữ im lặng hết mức có thể. Và rồi một ngày nọ, vào lễ Thánh Antôn Cả, vị tổ sư của đời sống tu hành, khi các tu sĩ khác, những môn đệ của Thánh Isidore, đang cử hành thánh lễ suốt đêm, còn Grigori vẫn ở trong phòng tu kín của mình, bỗng nhiên Thánh Antôn hiện ra với ngài trong một thị kiến và nói: "Sự im lặng là điều tốt đẹp và hoàn hảo, nhưng đôi khi việc giao lưu với anh em trong tu viện cũng là điều cần thiết – đặc biệt là vào những ngày cầu nguyện và hát Thánh vịnh. Vì vậy, giờ đây anh cũng phải cùng các anh em tham dự buổi canh thức."

Tuân theo lời đó, Thánh Grigorius ngay lập tức đến với các anh em, những người đã đón tiếp ngài với niềm vui sướng, – và buổi cầu nguyện suốt đêm đã diễn ra trong không khí long trọng đặc biệt.

Sau khi hoàn thành các tác phẩm thần học nhằm bênh vực các tu sĩ trên núi Athos và bác bỏ những luận điệu dị giáo, Thánh Grigorius trở lại ngọn núi thánh và trình bày cho các tu sĩ những gì ngài đã viết về đức tin.

Ngay sau đó, Thánh Grigoriô đã phải đứng ra chống lại những luận điệu dị giáo trước toàn thể thế giới, và nhờ công lao đó, ngài đã được hưởng vinh quang bất diệt trong Giáo hội trần gian và vương miện công chính trong

---

[7838] Theo niềm tin chung của Giáo hội, được thể hiện rõ ràng trong bài thánh ca về Lễ Biến Hình của Chúa: "Xin ánh sáng vĩnh cửu của Ngài chiếu rọi cả chúng con, những kẻ tội lỗi".

[7839] Thánh Grigori và các đồng hành của ngài tại Athos đã dạy dỗ và chứng minh bằng chính cuộc đời mình rằng, nhờ sự thanh tẩy liên tục của tâm hồn, sự tĩnh lặng hoàn hảo của cảm xúc và suy nghĩ, cùng việc rèn luyện không ngừng trong suy niệm về Thiên Chúa và cầu nguyện, con người có thể đạt được sự soi sáng từ trên cao, nhưng không thể nhìn thấy bản chất của Thiên Chúa, Đấng ngự trong ánh sáng không thể tiếp cận, nằm ngoài tầm với của bản tính con người hạn hẹp và đầy tội lỗi, mà chỉ là sự biểu lộ của bản chất Thần Thánh, hiện ra trước những ai im lặng dưới hình thức ánh sáng, thứ đôi khi có thể nhìn thấy bằng mắt xác thịt, như đã xảy ra trên núi Phavarô trong sự Biến Hình của Chúa và trong tất cả các sự hiện ra và mặc khải của Thần Thánh dưới hình thức ánh sáng và lửa, ví dụ như với Mô-sê và Ê-li, hay các vị tu sĩ Kitô giáo thời xưa, chẳng hạn như Thánh An-tôn Vĩ Đại; tất cả những ai được chiêm ngưỡng Thiên Chúa đều đã nhìn thấy, bằng cả đôi mắt thể xác lẫn đôi mắt tâm linh, ánh sáng Thần Thánh, sự phản chiếu của Thiên Chúa. Ánh sáng trên núi Phavar và mọi sự hiện ra của Thiên Chúa được họ gọi là "không được tạo dựng" và "Thần Thánh", giống như chính bản thể của Thiên Chúa cũng không được tạo dựng. Giáo lý này, về bản chất là huyền bí và không thể thấu hiểu đối với trí tuệ tự nhiên, nhưng đồng thời lại thuyết phục và bất di bất dịch đối với trái tim người có đức tin.

[7840] Giăng XIV Apren giữ chức Thượng phụ từ năm 1332 đến năm 1347.

Giáo hội Thiên đàng. Trong thời gian này, Varlaam đã thuyết phục được Thượng phụ Constantinopolis Gioan XIV đứng về phía mình và đẩy sự việc đến mức Thượng phụ đã ra sắc lệnh triệu tập Thánh Grigori cùng các đồng sự của ngài ra trước tòa án Giáo hội. Không thể dung thứ cho tà thuyết Arian, thứ đang đe dọa lung lay chính nền tảng của giáo lý và đạo đức Kitô giáo, Thánh Grigoriô, được tràn đầy Thánh Thần, đã đứng ra bảo vệ nhiệt thành cho Chính Thống Giáo và các vị tu sĩ trên núi Athos. Để giải quyết cuộc tranh cãi đã nảy sinh và củng cố Chính Thống Giáo tại Constantinopolis, Hoàng đế Andronikos Palaiologos[7841] đã triệu tập Công đồng[7842] , nơi Varlaam cùng các môn đệ và tín đồ của ông cũng có mặt. Tại công đồng này, diễn ra tại Nhà thờ Hagia Sophia ở Constantinople dưới sự chủ tọa của Đức Thượng phụ, những sai lầm dị giáo của Varlaam, môn đệ của ông là Akinidin và những kẻ giảng dạy sai lầm khác tương tự đã bị vạch trần. Lúc bấy giờ, Thánh Grigori vĩ đại, mở miệng đầy sự khôn ngoan của Thiên Chúa, bằng những lời nói tràn đầy ngọn lửa cảm hứng và Lời Chúa, đã xua tan tà thuyết như bụi trần khỏi mặt đất, thiêu rụi nó như gai góc, và cuối cùng làm cho những kẻ dị giáo phải xấu hổ[7843] .

Bị làm nhục bởi những lời vạch trần đầy Thánh Linh của vị Thánh của Đức Chúa Trời, Varlaam, không chịu nổi sự nhục nhã, đã lại lui về Ý, nơi ông chuyển sang Công giáo. Tuy nhiên, tại Byzantium, ông ta có những người bạn và môn đồ công khai lẫn bí mật, những người mà ông ta kích động bằng các bức thư của mình, đồng thời rao giảng những giáo lý trái với Chính Thống Giáo của Giáo hội phương Tây. Còn những hạt cỏ dại của giáo lý sai lầm của ông ta thì sau đó được tu sĩ Akinidin gieo rắc và nuôi dưỡng. Một công đồng mới đã được triệu tập tại Constantinopolis để chống lại ông, tại đó Thánh Grêgôriô đã vạch trần một cách rõ ràng hơn nữa những sai lầm của Varlaam và Akindin về Ánh sáng Thần thánh. Tuy nhiên, Đức Thượng phụ lại ủng hộ Akinidin và quy trách nhiệm cho Thánh Grigori về mọi rối loạn và hỗn loạn trong Giáo hội thời bấy giờ. Không chỉ vậy, Akinidin còn được phong lên chức phó tế, trong khi Grigori bị giam vào một ngục tối u ám, nơi ông phải chịu đựng trong suốt bốn năm.

Nhưng sự bất công của Đức Thượng phụ đó đã không thoát khỏi sự trừng phạt. Nữ hoàng Anna đạo đức[7844] , sau khi biết về hành động của vị Thượng phụ và sự thiên vị của ông đối với Akinidin – người đã bị hai công đồng tuyên bố là kẻ dị giáo và kẻ thù của Giáo hội – đã cho rằng ông không xứng đáng với sự hiệp thông trong Giáo hội và chức thánh; còn chính vị Thượng phụ, người đã sa vào những suy tư dị giáo, đã bị tước bỏ chức vụ và quyền hiệp thông trong Giáo hội. Trật tự Giáo hội nhờ đó đã được khôi phục, và Thánh Grigoriô được giải thoát khỏi sự giam cầm phi pháp trong ngục tối. Vì lòng nhiệt thành thánh thiện trong việc bảo vệ Chính Thống Giáo và loại trừ các tà thuyết cùng những rối loạn trong Giáo hội, ngài, theo sự thuyết phục của Thượng phụ Isidore[7845] và Hoàng đế John Kantakouzenos[7846] , đã phải đồng ý nhận chức Tổng Giám mục Giáo hội Thessaloniki. Tuy nhiên, do những cuộc hỗn loạn xảy ra tại Thessaloniki vào thời điểm đó, vị tổng giám mục mới không được giáo dân chấp nhận, vì vậy ngài đã lui về ngọn núi thiêng Athos mà ngài yêu mến. Trong khi đó, lễ Đức Mẹ Sinh Nhật đã đến. Vào thời điểm đó, một linh mục sùng kính ở Thessaloniki, khi đang chuẩn bị cử hành Thánh lễ, đã khiêm nhường cầu xin Chúa, mong Ngài vui lòng cho biết liệu Grigori, như dân chúng nghĩ, có thực sự lầm lạc trong niềm tin của

---

[7841] Andronikos III Palaiologos, Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 1328 đến năm 1341.

[7842] Công đồng này diễn ra vào năm 1341. Sau đó, tà thuyết Varlaamite đã bị vạch trần và những người theo nó bị vạ tuyệt thông tại một số công đồng khác vào các năm 1347, 1351, 1352 và 1368 (công đồng cuối cùng diễn ra sau khi Thánh Grigori Palama qua đời).

[7843] "Những kẻ tự mãn với sự khôn ngoan trần tục và hư vô," vị Thánh của Đức Chúa Trời đã nói, "và không lắng nghe những bậc thầy có kinh nghiệm trong giáo lý thiêng liêng, khi nghe nói về ánh sáng đã chiếu rọi Chúa trên núi Biến Hình và được các Tông Đồ chứng kiến, họ lại cho rằng đó là một thứ gì đó thuộc về giác quan và được tạo dựng, – đó là lý do tại sao ánh sáng hữu hình, bất diệt và vĩnh cửu này, vượt xa không chỉ các giác quan mà cả chính lý trí, lại bị hạ thấp thành ánh sáng thuộc về giác quan và được tạo dựng, mặc dù chính Ngài, Đấng đã tỏa sáng trên núi Phavar, đã chỉ rõ rằng ánh sáng không phải là thứ được tạo dựng, khi Ngài gọi nó là Nước Trời (Mt 16:20). Vậy Nước Trời há lại là điều gì đó được tạo dựng và mang tính phụ thuộc sao? Há Chúa lại nhận được trên núi một ánh sáng nào khác mà trước đó Ngài chưa từng có sao? – Xin sự phỉ báng này hãy xa lìa chúng ta, vì ai nghĩ như vậy thì phải thừa nhận trong Đức Kitô có ba bản tính, tức là bản tính Thiên Chúa, bản tính con người và bản tính của ánh sáng ấy. Vậy, chúng ta tin rằng trong sự Biến Hình, Ngài không tỏ ra một ánh sáng nào khác, mà chỉ là ánh sáng vốn đã ẩn giấu nơi Ngài dưới bức màn xác thịt; ánh sáng ấy chính là ánh sáng của bản tính Thiên Chúa, vì thế là ánh sáng không được tạo dựng, là ánh sáng Thần Thánh. Cũng theo giáo lý của các vị Thánh Cha thần học, Chúa Giêsu Kitô đã biến hình trên núi, không tiếp nhận bất cứ điều gì và cũng không biến đổi thành điều gì mới mẻ mà trước đó Ngài chưa có, mà chỉ tỏ cho các môn đệ thấy chính những gì Ngài vốn có... Ánh sáng trên núi Phavar là ánh sáng của Thần Tính."

[7844] Góa phụ của Hoàng đế Andronikos III Palaiologos, người vào thời điểm đó đã qua đời.

[7845] Isidore I – Tổng Giám mục Constantinopolis từ năm 1347–1349.

[7846] Giăng VI Kantakouzenos – Hoàng đế Byzantine từ năm 1341–1356. Do những cuộc hỗn loạn phát sinh từ ngai vàng, ông buộc phải chia sẻ vương quyền với Giăng V Palaiologos.

mình về đời sống tu hành và sự chiêm niệm thiêng liêng hay không, và liệu ông có được Chúa ban cho sự can đảm hay không. Vị linh mục đã xin sự mặc khải này được thể hiện qua con gái bị liệt của mình, người đã nằm bất động suốt ba năm qua. "Lạy Chúa," ông nói, "nếu Grigori thực sự là tôi tớ của Ngài, xin hãy chữa lành cho con gái bất hạnh của con nhờ những lời cầu nguyện của anh ấy." Và Chúa đã nghe lời cầu xin của vị linh mục: con gái ông bỗng nhiên tự mình ngồi dậy khỏi giường và từ đó trở đi đã hoàn toàn bình phục, như thể cô ấy chưa từng bị bệnh vậy.

Phép lạ này đã làm rạng danh Thánh Grigori, nhưng những xáo trộn trong Giáo hội vẫn tiếp diễn tại Thessaloniki. Lúc bấy giờ, vua Stefan của Bulgaria[7847] , biết rõ những đức tính và công lao của ngài đối với Giáo hội của Đức Chúa Trời, đã gửi đến ngài lời thỉnh cầu tha thiết để ngài đảm nhận chức vụ Tổng giám mục Bulgaria, nhưng không thể thuyết phục được Thánh Grigorius.

Tuy nhiên, tại Athos, vị thánh này cũng không tìm được sự bình an. Chẳng bao lâu sau, những nhu cầu của Giáo hội lại gọi ngài trở lại Constantinople. Từ đó, ngài lui về đảo Lemnos[7848] . Tại đây, ngài đã thực hiện nhiều dấu lạ và phép lạ, đồng thời không ngừng rao giảng Lời Chúa, cho đến khi người dân Thessaloniki, nhận thấy sự cần thiết của sự hiện diện ngài đối với đoàn chiên đang mồ côi, đã tự mình kêu gọi ngài trở về, bằng cách cử các đại diện của hàng giáo sĩ và các chức sắc cao cấp của Thessaloniki đến đảo Lemnos để gặp ngài. Với niềm vui khôn tả, dân chúng đã đón tiếp vị tổng giám mục của mình. Giáo hội Thessaloniki, như được soi dẫn từ trên cao, trông thật long trọng tột bậc: thay vì những bài thánh ca ngợi khen thông thường, hàng giáo sĩ và dân chúng đã hát những bài thánh ca Phục Sinh và kinh ca, không thể diễn tả được cảm xúc và niềm hân hoan phi thường của mình cho chính họ cũng như cho người khác. Ba ngày sau đó, vị Thánh của Chúa đã cử hành một cuộc rước Thánh Giá long trọng và Thánh Lễ trước sự tụ tập đông đảo của dân chúng. Trong dịp này, Chúa đã tôn vinh vị thánh nhân của Ngài bằng một phép lạ mới. Con trai của vị linh mục đạo đức đã được nhắc đến ở trên đang mắc bệnh động kinh. Khi đến giờ rước lễ, vị linh mục quỳ xuống dưới chân vị Tổng Giám mục, khiêm nhường khẩn cầu ngài đích thân dùng đôi tay thánh của mình ban Thánh Thể cho đứa con ốm yếu của mình. Cảm động trước sự khiêm nhường của vị linh mục và nỗi đau khổ của con trai ông, Thánh Grigori đã đáp ứng lời thỉnh cầu đó – và đứa trẻ đã được chữa lành. Một lần nọ, vào lễ Đức Mẹ Sinh Nhật, Thánh Grigori cử hành Thánh lễ tại một tu viện nữ. Trong lúc cử hành thánh lễ, một nữ tu bị mù một mắt tên là Iliodora, khi biết vị thánh đang cử hành thánh lễ, đã lặng lẽ tiến lại gần ngài và bí mật áp áo lễ của ngài lên con mắt mù của mình – và con mắt ấy lập tức sáng lại.

Thánh Grigoriô đã thực hiện nhiều phép lạ khác nữa. Giáo hội Thessaloniki, dưới sự lãnh đạo khôn ngoan của ngài, được hưởng hòa bình và yên tĩnh. Nhưng những chiến công mới và những nỗi đau thương nặng nề đang chờ đợi Grigori. Vào thời điểm đó , những kẻ đồng lõa với Varlaam và Akindin không ngừng gây rối cho Giáo hội Chính thống tại Constantinople bằng những luận điệu dị giáo của họ. Lúc bấy giờ, Grigori lại dũng cảm đứng lên chống lại những kẻ dị giáo độc ác, để bảo vệ Chính thống giáo. Ngài tiếp tục đấu tranh với họ cả bằng văn bản qua những tác phẩm đầy sự khôn ngoan của Chúa, lẫn trực tiếp. Do sự xáo trộn mạnh mẽ do những kẻ dị giáo gây ra trong Giáo hội của Chúa Kitô, hoàng đế và tổng giám mục đã nhận thấy cần phải triệu tập một công đồng mới tại Constantinople nhằm mang lại hòa bình cho Giáo hội; và trước hết, Thánh Grigorius đã được mời tham dự công đồng này. Những kẻ thù của lẽ thật, như trước đây, lại một lần nữa bị bẽ mặt và hạ nhục: cả những cuộc trò chuyện riêng tư của vị thánh lẫn các tác phẩm giáo lý của ngài được đọc tại công đồng đã bịt miệng những kẻ dị giáo. Được hoàng đế tôn trọng và nhận được sự chúc phúc của tổng giám mục cùng Giáo hội, Thánh Grigorius đã vinh dự trở về với đoàn chiên của mình, nhưng John Palaiologos[7849] , người lúc đó đang ở Thessaloniki, đã không cho phép ngài làm điều đó, và Grigorius buộc phải lên Núi Thánh. Tuy nhiên, ba tháng sau, chính Paleologos đã long trọng mời ngài trở lại Thessaloniki.

Tại đây, không lâu sau, Thánh Grigorius mắc phải một căn bệnh nặng và kéo dài, đến nỗi mọi người đều lo sợ cho cả tính mạng của ngài. Nhưng Thiên Chúa đã kéo dài cuộc đời ngài để thực hiện những công trạng mới. Chưa kịp hồi phục hoàn toàn khỏi bệnh tật, thánh Grigori đã nhận được thư từ John Palaiologos, trong đó hoàng đế xin ngài đến Constantinople để chấm dứt những mâu thuẫn và bất hòa trong hoàng gia giữa ông và cha vợ mình, John Kantakouzenos. Grigori lên đường, nhưng trên đường đến Constantinopolis, ngài bị người Hồi giáo bắt giữ

[7847] Vua Serbia Stefan Dušan (1336 – 1355), người mà Bulgaria cũng phải thần phục.

[7848] Lemnos – một hòn đảo thuộc Biển Aegean (Quần đảo Aegean), nằm về phía đông của Athos, có diện tích 6 dặm vuông.

[7849] Giăng V Palaiologos – Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 1341 đến 1376. Xem chú thích 3 ở trang 395.

và bị đưa sang châu Á với tư cách nô lệ và tù nhân. Suốt một năm liền, vị thánh sống trong cảnh bị giam cầm. Ngài bị bán từ tay người này sang tay người khác, từ thành phố này sang thành phố khác. Đó chính là ý muốn của Thiên Chúa, để ngài, như một vị tông đồ, khi đi từ thành phố này sang thành phố khác, rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô, củng cố đức tin cho các tín hữu Chính Thống, dạy họ kiên định giữ vững đức tin, khích lệ những ai đang nghi ngờ và giải thích những mầu nhiệm khó hiểu về sự khôn ngoan của Thiên Chúa liên quan đến ơn cứu độ. Và ngài thực sự là một tông đồ chân chính của Chúa Kitô. Với lòng can đảm thánh thiện, Thánh Grigoriô đã dấn thân vào các cuộc tranh luận về đức tin với những người Agari[7850] và những kẻ dị giáo đã ly khai khỏi Giáo Hội của Đức Kitô, những kẻ đã giảng dạy sai lầm về sứ vụ trần thế của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, về Thánh Giá vinh hiển và ban sự sống của Chúa, về các thánh tượng và việc thờ lạy chúng. Ngài đã soi sáng những kẻ ngoại đạo bằng ánh sáng của Phúc Âm, đồng thời an ủi và củng cố những người bị nô lệ, bị giam cầm và các Kitô hữu, thuyết phục họ kiên nhẫn mang lấy thập giá đau khổ của mình, trong niềm trông đợi những phần thưởng và vương miện trên trời. Những kẻ thù của Thánh Grigori đã kinh ngạc trước sự khôn ngoan và ân sủng tuôn trào từ miệng ngài. Một số trong số họ, trong cơn giận dữ bất lực, đã đánh đập ngài dã man, và ngài suýt nữa đã phải chịu đau khổ cho đến khi đạt được vương miện tử đạo, nếu như chính những người Agarian đó không bảo vệ ngài, với hy vọng nhận được một khoản tiền chuộc lớn từ ngài. Và quả thực, sau một năm, người Bulgaria đã chuộc ngài khỏi tay người Agaria và đưa ngài trở về Giáo hội Thessalonica.

Sự trở về của vị thánh từ nơi bị giam cầm, ban đầu đến Constantinople, được đánh dấu bằng một lễ hội trọng thể phi thường của những thiên thần vô hình bay lượn trên đầu Thánh Grigori và những bài thánh ca ngọt ngào ca ngợi ngài, khiến cả bến cảng nơi ngài sắp lên bờ cũng rung động. Và Thánh Grigorius chính là khí cụ được Chúa chọn.

Nổi bật bởi sự hiền lành, không thù hận và khiêm nhường, ngài đồng thời vẫn dũng cảm đứng lên chống lại những kẻ thù của Thiên Chúa và đức tin Chính Thống, mạnh mẽ vạch trần và đánh bại những kẻ dị giáo bằng thanh gươm Lời Chúa. Chiến thắng cái ác bằng cái thiện, ngài không bao giờ nghe những ai báo cho ngài về những lời vu khống của kẻ thù: ngài rộng lượng và kiên nhẫn trong mọi nỗi đau khổ và bất hạnh; ngài luôn coi sự bắt bớ và mọi sự sỉ nhục là vinh dự và vinh quang cho chính mình; và đối với ngài, như một môn đệ chân chính của Đấng Christ, ách của Đấng Christ là điều tốt lành và gánh nặng của Ngài là nhẹ nhàng.

Không chỉ các tín hữu mà cả những người không tin cũng đều kinh ngạc trước Thánh Grigori. Mắt ngài luôn đau nhức vì những giọt nước mắt cầu nguyện không ngừng tuôn rơi. Sau khi chế ngự mọi dục vọng và khuất phục xác thịt trước tinh thần, Thánh Grigori đã nỗ lực thực hành những việc lành; ngài đã mang lại bình an cho Giáo Hội của Chúa và đức tin Chính Thống khỏi những xáo trộn và hỗn loạn do tà giáo gây ra, và kết thúc cuộc đời tu hành đầy đau khổ nhưng thánh thiện của mình.

Trong ba năm cuối đời, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, Thánh Grigoriô đã thực hiện không ít phép lạ cho những người đau ốm. Chẳng hạn, ngài đã hai lần cứu người bạn của mình, tu sĩ Porphyrius, khỏi giường bệnh nhờ lời cầu nguyện. Không lâu trước khi an nghỉ trong bình an, ngài đã chữa lành cho một đứa trẻ năm tuổi, con của một thợ thêu vàng, đang bị chảy máu nghiêm trọng và đã bị tuyên bố là sắp chết, bằng dấu thánh của Thánh Giá và lời cầu nguyện " ", và đã mang lại cho em sức khỏe hoàn toàn.

Ngay sau đó, Thánh Grêgôriô lâm bệnh và phải nằm liệt giường. Cảm nhận được cái chết đang cận kề, ngài đã báo trước cho những người xung quanh về ngày ngài ra đi về cõi vĩnh hằng: "Hỡi các bạn của tôi! – ngài nói với họ, sau lễ Thánh Gioan Vàng Miệng[7851] – giờ đây tôi sẽ rời xa các bạn để về với Chúa. Ta biết điều này bởi vì Thánh Zlatoust đã hiện ra với ta trong một giấc mơ và, như một người bạn, đã gọi ta đến với Ngài bằng tình yêu thương."

Quả thực, cũng chính vào ngày hôm đó, ngày 14 tháng 11, Thánh Grigori đã về với Chúa trong những nơi ở vĩnh cửu trên thiên đàng. Khi ngài trút hơi thở cuối cùng, những người xung quanh thấy môi ngài vẫn thì thầm điều gì đó, nhưng dù có cố gắng lắng nghe đến đâu, họ cũng chỉ có thể nghe rõ được: "Lên trên, lên trên!" Với những lời ấy, linh hồn thánh thiện của ngài đã lặng lẽ và thanh thản rời khỏi thân xác để lên trời[7852] . Khi linh hồn phúc lành của ngài tách khỏi thân xác, khuôn mặt ngài bừng sáng, và cả căn phòng nơi ngài an nghỉ bỗng chốc rực rỡ ánh

---

[7850] Tức là những người Hồi giáo.

[7851] Ngày kỷ niệm Thánh Gioan Zlatoust là ngày 13 tháng 11.

[7852] Thánh Grêgôriô Palama qua đời vào ngày 14 tháng 11 khoảng năm 1360, thọ 63 tuổi. – Ông để lại hơn 70 tác phẩm.

sáng, điều này đã được cả thành phố chứng kiến, khi mọi người đổ xô đến thi hài của vị thánh để hôn tiễn lần cuối. Chính nhờ phép lạ này, Thiên Chúa đã thương ban vinh quang cho vị tôi tớ trung thành của Ngài, người mà ngay khi còn sống đã là nơi cư ngụ rạng ngời của ân sủng và là con của Ánh Sáng Thần Thánh[7853] .

Sau khi từ bỏ thân xác đã được chiếu sáng rực rỡ bởi sự tinh khiết của các Thiên thần, Thánh Grigori vẫn tiếp tục ban phát dồi dào sự chữa lành cho tất cả những người bệnh tật và yếu đuối, những người từ khắp nơi đến với lòng tin trước di cốt thánh của ngài[7854] , để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Ngài cùng với Cha Ngài, Đấng Vô Thỉ, và Thánh Thần, Đấng Thánh Khiết, Tốt Lành và Ban Sự Sống, xứng đáng nhận mọi vinh quang, tôn kính và thờ phượng, bây giờ, hiện tại và mãi mãi. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Ngọn đèn của Chính Thống Giáo, nền tảng của Giáo Hội và vị Thầy, lòng nhân ái của các tu sĩ, vị chiến binh bất khả chiến bại của các nhà thần học, Grigori, vị Thánh làm phép lạ, niềm tự hào của Thessaloniki, vị rao giảng ân sủng, xin cầu nguyện để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Cơ quan thiêng liêng và thần thánh của sự khôn ngoan, tiếng kèn rực rỡ của thần học, chúng con ca ngợi ngài, Grigori, người nói lời của Đức Chúa Trời: nhưng vì ngài là trí tuệ đứng trước trí tuệ tối cao, xin hướng dẫn tâm trí chúng con đến với Ngài, để chúng con có thể kêu lên: Hãy vui mừng, người rao giảng ân sủng.

Cuộc đời của Thánh Philip Irapska

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 11

Trong thời kỳ trị vì của Đại công tước Moskva và toàn cõi Nga Vasili Ioannovich[7855] , tại vùng Vologda, gần tu viện của Thánh Kornili[7856] , xuất hiện một thiếu niên tên là Theophilus. Anh ta đến ở với một người tên là Vasili. Anh ta kiếm sống nhờ danh Chúa Kitô. Cậu thiếu niên này có thói quen đạo đức là mỗi ngày đều tham dự Thánh lễ, mỗi đêm dành trọn thời gian để cầu nguyện, không ngừng thức trắng. Nhìn thấy sự khiêm nhường của Theophilus, tính hiền lành và lòng yêu mến cầu nguyện của cậu, mọi người đều kinh ngạc trước cậu thiếu niên này. Chưa ai từng thấy cậu tham gia vào các trò chơi trẻ con hay cười đùa. Người ta đã kể về cậu cho Thánh Cornelius

---

[7853] Câu nói của Filotheos, Thượng phụ Constantinopolis, người cùng thời với Thánh Grigorius Palamas (năm 1376), được ghi trong Sách Lễ (Synaxarion) cho tuần thứ hai của Mùa Chay. – Nghi thức thánh lễ dành cho Thánh Grigorius được Thượng phụ Filotheos soạn thảo ngay sau khi ngài qua đời. Trong đó, Palama được ca ngợi là "cây kèn của thần học", "đôi môi đầy ân sủng được Thánh Thần soi sáng", "ngôi nhà trung thành của Thánh Thần", "cột trụ bất di bất dịch của Giáo hội", "dòng sông của sự khôn ngoan", v.v. – Tại Công đồng năm 1368, nơi Varlaam và các đồng minh của ông bị vạ tuyệt thông vĩnh viễn, trong số các điều khoản khác, đã được tuyên bố "lưu danh muôn đời cho Đức Tổng Giám mục Thánh Grigori Palama của Thessaloniki", người đã "lật đổ" những kẻ dị giáo này. – Nhờ những công lao to lớn phi thường đối với đức tin Chính Thống, Giáo Hội, ngoài ngày tưởng niệm Thánh Grigori Palama vào ngày 14 tháng 11, còn thiết lập cho ngài một ngày lễ khác vào tuần thứ hai của Mùa Chay Lớn, được gọi là tuần "những ngày chay sáng tạo ánh sáng". Sau khi cử hành lễ kỷ niệm chiến thắng của Chính Thống Giáo trước mọi tà thuyết trong tuần trước (Tuần Chính Thống Giáo), Giáo Hội trong tuần này cử hành lễ kỷ niệm chiến thắng của giáo lý tu hành Chính Thống Giáo trước mọi giáo lý sai lầm đối lập với nó; lễ kỷ niệm đầu tiên dành chung cho tất cả các Kitô hữu Chính Thống, lễ thứ hai chủ yếu dành cho các tu sĩ và những người tu hành,

[7854] Trong số các phép lạ sau khi qua đời của Thánh Grigori Palama, phép lạ sau đây đặc biệt đáng chú ý, đã ghi dấu và làm chứng cho Chính Thống Giáo cũng như sức mạnh của giáo lý đầy ân sủng từ vị Thánh của Đức Chúa Trời. Trên đảo Saturnine, vào ngày tưởng niệm Thánh Grigoriô, trong tuần thứ hai của Mùa Chay, người Frank đã tổ chức tiệc tùng – họ rủ các cậu bé đi cùng và chèo thuyền ra biển, trong bầu không khí tĩnh lặng tuyệt đối và thời tiết trong xanh. Trong lúc họ đang vui chơi như vậy, một con quỷ đã gieo vào lòng họ ý nghĩ độc ác, dẫn đến sự diệt vong của chính họ: vẫy tay điên cuồng, họ cùng với con cái mình la hét: "Chúc dữ cho Palamas! Chúc dữ cho Palamas! Nếu Palama là thánh, thì hãy để ngài dìm chết chúng ta đi!" Và Thánh Grigori Palama, theo phán quyết của chính họ, đã cầu xin Đức Chúa Trời ban cho họ sự trừng phạt mà họ mong muốn. Vực thẳm mở ra, và những kẻ bất hạnh cùng với những chiếc thuyền chìm xuống biển và chết đuối.

[7855] Vasili Ioannovich trị vì trên ngai vàng Đại công tước từ năm 1505 đến năm 1533.

[7856] Ngày tưởng niệm Thánh Kornilii Komelsky – 19 tháng 5.

nghe. Thánh nhân ra lệnh cho người ta dẫn cậu thiếu niên đến gặp ngài. Thánh Cornelius nhẹ nhàng và hiền lành hỏi cậu thiếu niên rằng cậu là ai, quê quán ở đâu, tên là gì, và cha mẹ cậu đang sống ở đâu. Cậu thiếu niên khóc nức nở, cúi đầu xuống chân vị thánh và nói: "Xin tha thứ cho con, thưa Cha kính mến, con không nhớ cha mẹ mình, con mồ côi từ khi còn nhỏ; người ta nói với con rằng họ là nông dân, còn tên con là Theophilus. Con đã lang thang khắp nơi, sống nhờ danh Chúa, không biết làm sao lại đến đây, và giờ đây con đang sống ở đây với chủ nhà của con. Con xin cha, thưa cha đáng kính, hãy cho phép con được phục vụ trong tu viện của cha, hết sức mình." Thánh Cornelius, với đôi mắt sáng suốt, đã nhìn thấy rằng cậu sẽ trở thành một khí cụ được Chúa chọn. Ngài ra lệnh nhận Theophilus vào tu viện và giao cậu cho người quản lý nhà thờ.

Lúc đó, cậu bé mới chỉ 12 tuổi. Ngay từ ngày vào tu viện, cậu đã bắt đầu tận tụy phục vụ các tu sĩ, nổi bật bởi sự vâng lời và khiêm nhường. Cậu đã phục vụ cộng đoàn như vậy trong khoảng 3 năm. Thấy sự nhiệt thành và tính hiền lành của cậu, người quản lý phòng thánh đã báo cáo điều này với Thánh Cornelius. Tất cả các tu sĩ đều yêu mến cậu thiếu niên siêng năng này. Khi cậu tròn 16 tuổi, Thánh Cornelius gọi cậu đến và nói: "Con yêu quý của ta, con hoàn toàn xứng đáng để nhận lễ cắt tóc tu sĩ."

Théophilus vui mừng đáp lại: "Lòng con khao khát điều này hơn tất cả, xin cha thánh, đừng chậm trễ trong việc thực hiện việc lành và đẹp lòng Chúa này."

Chính Thánh Cornelius, sau khi hướng dẫn vị thánh tương lai, đã cạo đầu cho cậu trở thành tu sĩ, và cậu được đặt tên là Philip. Để được hướng dẫn về mặt tâm linh, cậu tu sĩ trẻ được giao cho tu sĩ Flavian, một người rất tài giỏi và đạo đức. Trước hết, ông đã dạy Thánh Philip biết đọc biết viết. Chúa đã giúp đỡ người tôi tớ trung thành của Ngài. Trong thời gian ngắn, Philip đã học chữ rất thành thạo và có thể đọc nhanh các sách Thánh Kinh. Trong nhiều năm, Thánh Philip đã tu hành tại tu viện, tuân thủ mọi nhiệm vụ được giao. Lúc thì ngài phục vụ trong nhà thờ, lúc thì làm việc tại lò bánh, mang nước và củi; ban ngày ngài làm các công việc khác nhau cho anh em tu sĩ, còn ban đêm thì cầu nguyện. Ông tuân giữ việc ăn chay một cách đặc biệt nghiêm ngặt và trở thành tấm gương về sự tiết độ chân chính. Các tu sĩ ngạc nhiên trước những việc làm cao cả của vị thánh và bắt đầu xin Thánh Cornelius phong Philip làm linh mục cho họ. Vị thánh đã vui lòng đáp ứng lời thỉnh cầu của họ. Kể từ đó, Philip càng nỗ lực hơn nữa, khiến các tu sĩ càng thêm kinh ngạc trước đời sống đạo đức của ngài. Nhận thấy điều này, Philip cảm thấy bối rối và bắt đầu buồn rầu.

"Khốn cho tôi," ngài thầm nghĩ, "tôi đã nhận được phần thưởng từ loài người rồi. Tôi còn có thể mong đợi phần thưởng nào nữa từ Chúa vào Ngày Phán Xét? Không, sự ca ngợi của loài người chỉ mang lại nỗi buồn cho tôi."

Muốn tránh sự nổi tiếng, ngài quyết định rời tu viện và đi đến nơi mà Chúa chỉ dẫn. Ngài đã kể điều này cho Thánh Cornelius. Vị thánh già, sau khi ban cho ngài những lời dạy có ích cho tâm hồn, đã ban phước lành và bình an tiễn ngài ra khỏi tu viện của mình. Thánh Philip bắt đầu cầu nguyện với Đức Mẹ Rất Thánh: "Xin hãy nghe con, Đấng Cứu Giúp Nhanh Nhẹn, xin giải thoát con khỏi nỗi buồn đang làm xao xuyến trái tim con."

Một đêm nọ, khi ngài, theo thói quen, đang đứng cầu nguyện trong tu viện và hát thánh ca vinh danh Đức Mẹ Odigitria ([7857]), bỗng ngài nghe thấy một tiếng nói: "Hỡi tôi tớ yêu dấu của Ta, hãy ra khỏi đây và đi đến nơi Ta chỉ dẫn cho con."

Vị thánh nhìn ra cửa sổ nhỏ của phòng tu và thấy một ánh sáng rực rỡ chiếu sáng ở phía nam. Ông kinh hoàng trước cảnh tượng đó và trong sợ hãi, ông chạy ra khỏi phòng tu.

"Đây chính là nơi – ngài nghĩ – mà Đấng Tối Cao đã chỉ dẫn cho ta. Xin ý Chúa được thực hiện."

Khi trở về phòng, ngài kết thúc lời cầu nguyện và suy ngẫm rất lâu về hình ảnh vừa thấy. Sáng hôm sau, khi ngài đang trên đường đến nhà thờ, ngài lại được nghe tiếng phán: "Hãy ra khỏi tu viện này và đi đến nơi Ta chỉ dẫn cho ngươi."

Sau đó, vào đêm hôm sau, Thánh Philip rời tu viện, không mang theo gì ngoài bộ quần áo đang mặc trên người, và lên đường. Ông đến Hồ Kubenskoye[7858] tại Tu viện Đấng Cứu Thế Toàn Năng, và từ đó tiếp tục hành

---

[7857] Tên gọi "Odigitria", tức là "Người Dẫn Đường", đã được đặt cho bức tượng thánh Smolensk của Đức Mẹ Thiên Chúa. Một số người giải thích tên gọi này là do bức tượng thánh này đã đồng hành cùng các hoàng đế Hy Lạp trong các cuộc chinh phạt; những người khác lại giải thích rằng bức tượng thánh Odigitria ban đầu được đặt tại tu viện "Những Người Dẫn Đường" bên bờ Biển Cẩm Thạch: các thủy thủ trước khi ra khơi thường cầu nguyện trước bức tượng thánh này. Còn có một lời giải thích thứ ba: hai người mù, theo chỉ dẫn của chính Đức Mẹ, đã được dẫn đến bức tượng thánh này và được chữa lành. Ngày kỷ niệm bức tượng thánh Đức Mẹ Odigitria là ngày 28 tháng 7.
[7858] Hồ Kubenskoye nằm ở phía tây nam tỉnh Vologda.

trình, tìm kiếm một nơi thích hợp cho sự tĩnh lặng và các việc tu hành. Trong suốt hành trình, ngài nuôi dưỡng tâm hồn mình bằng những suy ngẫm như sau: "Chúng ta hãy chạy trốn khỏi cuộc sống trần tục, giống như dân Do Thái xưa kia đã chạy trốn khỏi ách nô lệ ở Ai Cập. Hãy tránh xa lòng tham tiền bạc, vì đó là gốc rễ và khởi nguồn của mọi điều ác. Xin Chúa hãy là người dẫn dắt và hướng dẫn tôi!"

Thánh Philip đến Belozero thuộc khu vực Andogu, bắt đầu đi vòng quanh vùng đất ấy và trong khu rừng ven sông Andogi[7859] , ngài đã tìm thấy một nơi tuyệt đẹp, yên tĩnh và hẻo lánh. "Đây là nơi an nghỉ của ta, ta sẽ định cư ở đây," – ngài thốt lên và dâng lời cầu nguyện tạ ơn lên Chúa.

Mệt mỏi sau chặng đường dài, vị thánh nhân nằm xuống dưới một cây thông cành lá xum xuê và chìm vào giấc ngủ. Trong giấc mơ, Thiên Thần của Chúa hiện ra và nói: "Philip, Chúa đã chuẩn bị nơi này cho ngươi."

Vị thánh ngay lập tức tỉnh giấc và bắt đầu cầu nguyện với Chúa Ba Ngôi. Sáng hôm sau, ngài đến gặp vị lãnh chúa của vùng đất đó, Công tước Andrei Vasilyevich Sheleshpan. Khi đến gặp Công tước, vị thánh xin ngài cho phép ngài được ở nơi mà ngài đã có thị kiến. Hoàng tử cùng với vị thánh hạnh phúc đến nơi đó và dùng cây gậy của mình vạch ra khu vực từ sông Andogi đến Maly Irap, rồi cho phép vị thánh hạnh phúc sống tại đây. Vị thánh đã đào một con hào bao quanh khu vực đó, dựng cho mình một căn phòng nhỏ bên bờ sông, một hang động nhỏ và bắt đầu cầu nguyện với Chúa để được cứu rỗi linh hồn.

Hoàng tử Andrei có một người anh em là Hoàng tử Ioann. Khi Hoàng tử Andrei kể cho anh trai mình nghe rằng vị thánh Philip đã định cư trong lãnh địa của họ, Hoàng tử Ioann, do bị ma quỷ xúi giục, đã vô cùng tức giận với anh trai mình và với vị thánh Philip. Trước mặt dân chúng và các linh mục, ông bắt đầu trách mắng anh trai mình. "Ngươi đã cho người này đến đây mà không hỏi ý kiến ta; vậy thì ta sẽ đến gặp hắn, đuổi hắn đi và không cho hắn ở lại đó."

Hoàng tử Andrei cùng các linh mục và dân chúng đã cố gắng khuyên can anh trai mình đừng làm hại vị thánh nhân, nhưng đều vô ích. Hoàng tử Ioann càng tức giận hơn, nhảy lên ngựa và phi nước đại vào sa mạc, với ý định trục xuất vị thánh nhân khỏi đó. Khi hoàng tử đến gần Maly Irap, con ngựa đột nhiên dừng lại và không chịu băng qua con suối. Hoàng tử quất ngựa bằng roi. Nhưng con ngựa, cắn chặt cương, lao ngược trở lại, đưa hoàng tử về làng nơi ông sống, và tại đây, trước nhà thờ Thánh Nicholas Thánh Tạo, nó hất hoàng tử xuống, còn chính nó thì tiếp tục phi nước đại và chết sau khoảng hai verst. Khi ngã xuống, hoàng tử đập đầu vào tảng đá và qua đời. Hoàng tử Andrei chôn cất anh trai và lên đường đến gặp vị tu sĩ Philip. Ông định tặng vị ẩn sĩ bạc để tưởng nhớ anh trai mình. Còn vị tu sĩ thì không nhận bạc, mà xin một mảnh đất nằm giữa hai con suối Bolshoy và Maly Irap. Hoàng tử Andrei sẵn lòng đáp ứng lời thỉnh cầu của ngài: ông đã trao toàn bộ mảnh đất đó cho ngài, đồng thời ra lệnh cho nông dân của mình phải vâng lời vị tu sĩ và giúp đỡ ngài bằng mọi cách. Từ đó, Công tước Andrei và nhiều người khác bắt đầu đặt niềm tin sâu sắc vào vị thánh và xin ngài cầu nguyện cũng như chỉ dạy. Vị thánh đã xây dựng cho mình một nhà nguyện nhỏ và một căn phòng tu hành, sau đó ngài nảy sinh ý định xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Ba Ngôi. Rất nhiều người đã đến với Philip để cầu nguyện tại nhà nguyện của ngài. Vị thánh nhân giảng dạy họ về lợi ích cho linh hồn và nói với họ: "Hãy nghe đây, các bậc cha ông và các con cái: chúng ta hãy thực hiện việc lành và có ích cho linh hồn chúng ta, hãy xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Thánh Ba Ngôi, Đấng ban sự sống."

Nghe vậy, dân chúng hăng hái giúp đỡ vị thánh. Chẳng bao lâu sau, nhờ ơn Chúa và nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Philip, họ đã xây dựng được nhà thờ và trang hoàng nó theo khả năng của mình. Chính Công tước Andrei Vasilyevich đã cúng dường cho nhà thờ những cuốn sách và đồ thờ cúng. Cuối cùng, ngôi thánh đường này đã được thánh hiến và tại đó, những lời cầu nguyện và lời ngợi khen Chúa bắt đầu được dâng lên. Tu viện mới được thành lập này được đặt tên là Tu viện Krasnoborsk của Thánh Philip Irapsky[7860] . Danh tiếng về vị thánh tu hành này bắt đầu lan rộng, và nhiều người đã đến với ngài, xin ngài cầu nguyện và ban lời khuyên răn. Thánh Philip đã giảng dạy cho tất cả mọi người, đưa ra những lời khuyên hữu ích cho tất cả, cầu nguyện cho tất cả, khích lệ và an ủi tất cả.

"Hãy sống hòa bình và hiền lành," vị thánh dạy dỗ tất cả những ai đến với ngài, "hãy yêu thương và kính trọng cha mẹ mình. Nguyện Chúa của hòa bình gìn giữ các con trong mọi sự bình an và yên tĩnh; hãy yêu thương

---

[7859] Andoga – một con sông ở tỉnh Novgorod.

[7860] Tu viện Krasnoborskaya-Troitsa-Filippo-Irapskaia, hiện không còn hoạt động, nằm trong phạm vi giáo phận Novgorod, cách thành phố Cherepovets 52 verst.

tất cả những người thân của các con, tất cả những người nghèo khó và khốn khổ, vì họ là những người lân cận của chúng ta; hãy nhớ rằng chính Chúa đã yêu thương những người nghèo khó. Hỡi anh em, đừng kiêu ngạo, nhưng hãy hiền lành và khiêm nhường, vì *'Đức Chúa Trời chống lại kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ân sủng cho kẻ khiêm nhường'* (1 Phi-e-rơ 5:5).

Trong khi dạy dỗ người khác như vậy, Thánh Philip ngày càng hoàn thiện các việc lành của mình, luôn luôn hát những thánh vịnh do Đức Chúa Trời soi dẫn của Đa-vít, tuân thủ một cách chính xác mọi quy tắc của đời sống tu sĩ. Ngài đặc biệt khuyên mọi người hãy đọc các thánh vịnh: "Hãy chú ý, hỡi các con," ngài nói, "không có gì xua đuổi ma quỷ khỏi chúng ta mạnh mẽ bằng việc hát các bài ca của Đa-vít."

Một lần nọ, khi vị thánh đang cầu nguyện trong phòng tu của mình, bỗng ngài nghe thấy tiếng kèn và tiếng ồn ào, như thể từ một đạo quân. Vị thánh ngạc nhiên: "Tiếng kèn này từ đâu đến? Chẳng phải ở đây không có chiến trận sao?"

Trong khi đó, linh hồn ô uế đã gây ra tiếng ồn ấy tiến lại gần vị thánh và nói: "Không, có chiến trận; nó đang diễn ra chống lại ngài. Nếu ngài không muốn tham gia cuộc chiến này, thì hãy đi ngủ đi, và chúng tôi sẽ không chiến đấu chống lại ngài."

Vị thánh, sau khi dâng lời cầu nguyện, đã làm dấu thánh giá để tự bảo vệ mình và kêu lên: *"Xin Chúa hãy trỗi dậy, và những kẻ thù của Ngài sẽ tan rã; những kẻ ghét Ngài sẽ chạy trốn khỏi mặt Ngài, như khói tan biến, xin chúng cũng tan biến"* (Thánh vịnh 67:2–3).

Ngay lập tức, toàn bộ thế lực ma quỷ đã biến mất. Thánh Philip, khi thấy điều đó, đã kêu lên: "Chúa thật hùng mạnh và quyền năng!"

Kể từ đó, vị thánh này càng nỗ lực hơn nữa trong việc ăn chay và cầu nguyện. Ma quỷ không thể tiếp tục quấy rối ngài nữa, nên đã xúi giục những kẻ ác chống lại ngài. Họ xông vào tấn công vị thánh nhân và muốn đuổi ngài khỏi nơi mà Đức Chúa Trời đã chỉ định cho ngài. Thấy rằng những người đó đang làm hại ngài do sự xúi giục của ma quỷ, vị thánh đã cầu nguyện cho những kẻ làm phiền mình, nói rằng: "Xin Chúa đừng tính điều này là tội lỗi cho họ, và xin tha thứ cho họ mọi lỗi lầm."

Lúc đó, những người khác, thấy lòng nhân từ và sự kiên nhẫn của ngài, đã nói với nhau: "Đây mới là một vị thánh: không hề ghi nhớ sự oán hận hay bực bội, mà chỉ cầu nguyện cho những kẻ làm phiền mình."

Một lần nọ, ma quỷ hóa thân thành một tu sĩ đến trước phòng của vị thánh và gõ cửa. Vị thánh nói: "Hãy dâng lời cầu nguyện."

Ma quỷ đáp lại: "Ngay bây giờ, muôn đời và đến muôn đời."

Lúc đó, vị thánh lại yêu cầu nhà tu sĩ đọc lời cầu nguyện, nhưng ma quỷ lại lặp lại câu trả lời của mình. Vị thánh ra lệnh lần thứ ba cho nhà tu sĩ đọc lời cầu nguyện, nhưng câu trả lời vẫn y như cũ. Vị thánh nói: "Hãy nói như thế này: Vinh quang thuộc về Cha, Con và Thánh Thần, bây giờ, luôn luôn và đến muôn đời. Amen."

Con quỷ, khi nghe thấy điều đó, liền biến mất nhanh chóng, như thể bị lửa thiêu đốt. Lúc đó, thánh Philip chìm trong suy tư; ngài thậm chí còn nghĩ đến việc rời khỏi nơi đó, nhưng bỗng nghe thấy một tiếng nói: "Đừng lo lắng, tôi tớ của Chúa. Hãy ở lại đây, như Ta đã truyền cho ngươi. Khi đó, ngươi sẽ được chiêm ngưỡng vinh quang của Đức Chúa Trời và tìm thấy sự bình an cho linh hồn mình."

Thánh Philip sống như một ẩn sĩ cô độc trong sa mạc Krasnoborsk. Nghe tin về cuộc đời tu hành của ngài, nhiều người đạo đức, cả tu sĩ lẫn giáo dân, từ khắp nơi đã tìm đến ngài để có những cuộc trò chuyện cứu rỗi linh hồn, xin thánh nhân chỉ dạy cách cứu rỗi linh hồn khỏi tội lỗi. Những người thường xuyên đến thăm và trò chuyện với ngài là các nông dân thuộc xã Andozhskaya. Vị Thánh Phúc Âm đã dạy dỗ mọi người bằng những lời lẽ đơn giản và ngắn gọn, nhưng mạnh mẽ và chân thành, với các tu sĩ, ngài nói về ba đức tính giúp họ có quyền năng chế ngự các thế lực tà ác, đó là không tham lam, thức đêm nhiều và cầu nguyện siêng năng; ngài nhắc nhở họ về sự khắc khổ và đau khổ của cuộc sống tu hành, cũng như cách sống của các tu sĩ xưa, những người đã quen với cuộc sống khắc khổ và im lặng để phụng sự Thiên Chúa; đối với những người thế tục, ngài khuyên họ hãy yêu thương người lân cận, đặc biệt là giúp đỡ những người nghèo khó và khốn cùng, và luôn công bằng với mọi người; Ngài chỉ ra sức mạnh tinh thần của các bậc tiền bối, và sự yếu đuối của con người thời nay; Ngài lấy các thánh tử đạo và các vị tu sĩ ăn chay thánh thiện làm gương về sự kiên nhẫn trong đau khổ, những người đã vượt qua giới hạn tự nhiên của con người bằng những đau khổ và thiếu thốn, và mãi mãi sống trong ký ức của mọi người; Ngài dạy chúng ta phải quan sát những suy nghĩ của chính mình, suy ngẫm về tương lai vĩnh cửu, chứ không phải về hiện tại ngắn ngủi. Khi được người đối thoại hỏi tại sao chúng ta lại lên án người khác, vị thánh hạnh phúc đã trả lời: "Ai

lên án người khác thì người đó vẫn chưa hiểu rõ chính mình, chưa đấu tranh với chính bản thân mình". Với những ai tò mò, ngài kể về bản thân mình: làm sao ngài, một người con trai nông dân, từ thuở ấu thơ đã trở thành một đứa trẻ mồ côi hoàn toàn và không ai chăm sóc, lang thang khắp nơi, sống nhờ danh Chúa Kitô, rồi làm sao ngài đến tu viện của Thánh Kornili và làm quen với đời sống tu sĩ, ban ngày tham gia các nghi lễ tu viện và làm việc lao động chân tay, còn ban đêm thì cầu nguyện cho đến giờ kinh sáng, thực hiện một trăm lần lạy trên mỗi bậc trong số 18 bậc thang của nhà thờ, và cách ngài định cư tại Irap.

Một lần nọ, một người dân làng tên là Meletius đến gặp Thánh Philip, xin ngài chỉ dạy. Với lòng tin sâu sắc vào vị thánh, Meletius thường xuyên ghé thăm tu viện của ngài. Lần này, anh ở lại qua đêm tại tu viện của Thánh Philip. Cho đến tận tối muộn, vị thánh vẫn trò chuyện với người dân làng. Cuối cùng, vị thánh bắt đầu thực hiện các lời cầu nguyện buổi tối, còn Meletius, vì buồn ngủ, đã nhanh chóng chìm vào giấc ngủ. Khoảng nửa đêm, anh tỉnh giấc và gọi thánh nhân; nhưng ngài không có trong phòng. Meletius mở cửa sổ nhỏ, nhìn về phía nhà thờ và thấy: vị thánh đang quỳ gối trước nhà thờ, hai tay giơ cao và cầu nguyện; đôi tay ngài tỏa sáng như những ngọn nến lửa. Meletius đóng cửa sổ lại, rồi bắt đầu cầu nguyện với Chúa Ba Ngôi, ngạc nhiên trước cảnh tượng ấy. Sau đó, ông kể lại chuyện này cho nhiều người nghe, và những ai nghe được đều đặt niềm tin sâu sắc vào vị thánh.

Vị thánh Philip đã sống như vậy trong 15 năm tại sa mạc của mình, chờ đợi sự an nghỉ thánh thiện và sự ra đi của linh hồn mình về với Chúa, tự khích lệ bản thân bằng những lời: "Hãy kiên nhẫn, Philip, hãy can đảm và vững vàng".

Ngài không ngừng cầu nguyện và khẩn cầu từ tận đáy tâm hồn trong sạch của mình: "Lạy Thiên Chúa Toàn Năng, xin mang lại hòa bình cho thế gian, xin thương xót và cứu rỗi tất cả các Kitô hữu Chính Thống, xin ban cho họ sự bình an và thịnh vượng, và xin thanh tẩy họ khỏi mọi tội lỗi. Ngài là Đấng nhân từ và kiên nhẫn, lạy Chúa, Ngài chờ đợi sự sám hối từ chúng con và không muốn sự chết của những kẻ có tội. Lòng nhân từ của Ngài thật vĩ đại và lòng thương xót của Ngài vô biên. Còn Ngài, Đức Mẹ nhân từ, Đức Mẹ Thiên Chúa chí thánh, Đấng trợ giúp và bảo trợ nhanh chóng của chúng con, xin hãy không ngừng cầu nguyện cho chúng con cùng Con của Ngài."

Lúc đó, một tu sĩ từ Tu viện Spaso-Kamennoe, nằm bên Hồ Kubenskoye, đã đến gặp vị thánh. Tu sĩ này tên là German. Khi đến, ông xin thánh Philip cho phép ông được sống cùng ngài trong sa mạc.

– Cuộc sống ở đây thật vất vả và đầy đau khổ, anh em ạ, – vị thánh đáp lại lời thỉnh cầu của Herman.

– Sự kiên nhẫn, thưa Cha, là khởi đầu của sự cứu rỗi; con sẽ kiên nhẫn vì Chúa Kitô, bao nhiêu có thể, – vị tu sĩ ấy đáp lại.

Từ đó, họ bắt đầu cùng nhau tu hành trong lao động và cầu nguyện. Nhìn thấy lối sống đầy nỗ lực của vị ẩn sĩ, Herman bắt đầu có đức tin sâu sắc vào Thánh Philip, thường trò chuyện với ngài, hỏi han về cuộc đời trước đây của ngài, và ghi chép lại tất cả những gì vị thánh kể về bản thân mình để lưu truyền cho các thế hệ mai sau.

Thánh Philip tiếp tục tu hành cùng với Hermann trong một thời gian dài. Nhận thấy cái chết đang đến gần, vị thánh một lần nói với Hermann: "Xin anh, người anh em yêu quý của tôi, đừng bỏ rơi tôi cho đến khi tôi qua đời, vì tôi không còn ở bên anh được bao lâu nữa."

Kể từ lúc đó, vị thánh nhân càng siêng năng cầu nguyện hơn. Ngài đã an nghỉ trong Chúa vào đêm ngày 14 tháng 11 năm 1537.

Vào nửa đêm, Hermann thức giấc và ngạc nhiên trước mùi hương kỳ diệu lan tỏa khắp căn phòng.

Nhìn về phía giường của vị thánh, anh thấy rằng Philip đã trao linh hồn mình cho Chúa. Khuôn mặt của vị thánh nhân tỏa sáng một ánh sáng kỳ diệu. Herman, vì không có chức linh mục, nên không thể tự mình an táng thi hài của thánh Philip. Theo ý Chúa, sáng hôm đó, nữ tu Iov đã đến sa mạc ấy. Cùng với Hermann, bà đã trang nghiêm an táng Thánh Philip. Đó là cuộc đời của vị thánh này, giàu lòng khiêm nhường và vĩ đại bởi những công đức của ngài vì vinh quang của Chúa Ba Ngôi. Amen.

Lễ kỷ niệm Đức vua Justinianus và Hoàng hậu Theodora

Ngày tưởng niệm: 14 tháng 11

Thánh Justinian, hoàng đế Byzantine, là người Slav: ngài sinh ra tại làng Verdian, gần thành phố Sredets[7861] , thuộc Bulgaria ngày nay. Chú của ngài là Justin, cũng là người gốc Verdian, đã đi bộ đến Constantinople chỉ với một chiếc áo lông cừu. Tại đây, nhờ tài năng bẩm sinh, ông nhanh chóng thăng tiến và sau

đó thậm chí còn trở thành hoàng đế. Ông đã đưa vợ mình là Lupkinya cùng em gái bà là Beglyanitsa – mẹ của Upravda – từ Verdyane đến Constantinople. Chính Upravda này, sau khi Justine qua đời, đã lên ngôi hoàng đế Byzantine với tên gọi Justinian.

Hoàng đế Justinian được lịch sử ghi nhận nhờ những chiến dịch quân sự thành công chống lại các kẻ thù của Đế quốc Byzantine, cũng như việc ban hành bộ sưu tập đầy đủ các luật lệ La Mã. Tuy nhiên, hơn thế nữa, ông còn nổi tiếng nhờ những đóng góp to lớn cho Giáo hội Kitô giáo và Chính thống giáo. Chẳng hạn, ông đã dành nhiều nỗ lực để truyền bá Kitô giáo và xóa bỏ tà giáo. Sau khi đóng cửa các trường học ngoại giáo ở Athens, ngài ra lệnh cho các tu sĩ đảm nhận việc giảng dạy các môn khoa học. Tôn giáo ngoại giáo bị đàn áp mạnh mẽ nhất tại chính thủ đô của vương quốc ngài – Byzantium, cũng như ở Tiểu Á. Với mục đích dẫn dắt những người ngoại đạo đến với Chúa Kitô, Justinian đã cử Gioan, Giám mục Êphêsô, đến Tiểu Á, và ngài đã rửa tội cho tới 70.000 người ngoại đạo tại đó, còn hoàng đế đã xây dựng tới 90 nhà thờ cho những người đã được rửa tội.

Bên cạnh việc truyền bá Kitô giáo, Justinian còn quan tâm đến việc bảo tồn sự thuần khiết của đức tin Chính Thống. Trong triều đại của ông, Giáo hội Chính Thống tiếp tục bị những người theo phái Nestorian quấy rối; họ dạy rằng Chúa Kitô không phải là Đấng Thiên Chúa-Con Người, và rằng Thiên Tính chỉ ngự trong Ngài như trong một con người bình thường[7861] . Còn gây lo ngại cho Giáo hội hơn cả phái Nestorian là phái Monophysite, những người dạy rằng trong Chúa Giêsu Kitô, bản tính Thiên Chúa đã nuốt chửng bản tính con người. Để chống lại những suy diễn tùy tiện của trí tuệ con người này, Justinian đã sáng tác bài thánh ca: "Con Một và Lời của Thiên Chúa", và ra lệnh hát bài này trong các thánh lễ[7862] . Cũng nhờ những nỗ lực của ngài, vào năm 553, Công đồng Đại kết lần thứ năm đã được triệu tập để lên án những tư tưởng Nestorian trong các tác phẩm của Theodorus Mopsuestius, Theodoretus của Cyrrhus và Ivas của Edessa[7863] và để chấm dứt những mâu thuẫn trong Giáo hội[7864] .

Là người bảo vệ đạo Chính Thống và lòng sùng đạo, Justinian đã rất quan tâm đến việc thờ phượng của Giáo hội Chính Thống và vẻ trang nghiêm của các nhà thờ, với tư cách là nơi cử hành thánh lễ. Trong bộ luật của mình, ông đã đưa vào, trong số những điều khác, luật quy định việc bắt buộc tổ chức lễ kỷ niệm trên toàn cõi các ngày lễ Giáng sinh, Lễ Rửa tội của Chúa, Lễ Phục sinh, Lễ Truyền tin của Đức Mẹ và các ngày lễ khác. Ngoài ra, Justinian còn xây dựng nhiều nhà thờ tuyệt đẹp để tôn vinh Đức Mẹ, các tông đồ và các thánh khác. Tác phẩm nổi tiếng nhất của Justinian được coi là Nhà thờ Thánh Sophia, tức là Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa, tại Constantinople.

Ngôi đền này vốn được xây dựng dưới thời Hoàng đế Constantine, người được tôn vinh ngang hàng với các Tông đồ, nhưng đã bị thiêu rụi trong một cuộc nổi loạn dưới triều đại Justinian. Vị hoàng đế sùng đạo đã tập hợp những thợ xây giỏi nhất, không tiếc vàng bạc và đã xây dựng nên một ngôi đền khiến các thế hệ sau phải kinh ngạc bởi sự vĩ đại và vẻ đẹp của nó.

Trong đời tư, Justinian thể hiện lòng sùng đạo cao cả. Luôn luôn mộ đạo, ngài tuân giữ Mùa Chay trong sự kiêng khem nghiêm ngặt và cầu nguyện, không ăn bánh mì, mà chỉ dùng rau củ và nước, và thậm chí chỉ ăn cách ngày.

Như vậy, sống trong sự trong sạch và đạo đức, ngài trị vì 39 năm và qua đời thanh thản trong Chúa[7865] . Nhờ những công lao đối với Giáo hội và lòng đạo đức, sau khi qua đời, ngài được phong thánh. Cùng với ngài,

---

[7861] Người sáng lập tà giáo này là Nestorius, tổng giám mục Constantinople thế kỷ IV, tại vị từ năm 428 đến năm 431.

[7862] Hiện nay, bài thánh ca này được hát trong Thánh lễ trước Lễ Nhập Đền Nhỏ.

[7863] Théodore de Mopsueste – giám mục của Mopsueste – một thành phố thuộc vùng Cilicia ở Tiểu Á; Théodoret, giám mục thành phố Cyrrhus, ở miền trung Hy Lạp; cả hai đều sống vào thế kỷ IV; người sau đã viết một số tác phẩm để bác bỏ Cyril, giám mục Alexandria, người từng là đối thủ của Nestorius. Sau đó, Theodoret đã từ bỏ những tư tưởng Nestorian của mình và qua đời trong hòa bình với Giáo hội. Iva, linh mục của thành phố Edessa, là người cùng thời với Theodorus Mopsuestius và Theodoretus của Kyrr.

[7864] Công đồng này được triệu tập vì lý do sau đây. Sau khi bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ IV, những người theo thuyết đơn tính đã gây ra những xáo trộn trong Giáo hội, cáo buộc các đại diện của Chính thống giáo là theo thuyết Nestoriô. Cơ sở cho lời buộc tội này là việc các tư tưởng Nestorian của Theodorus Mopsuestius, Theodoretus of Cyrrhus và Iva of Edessa không bị lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ IV, trong khi chính các tín đồ Monophysite lại xuất phát từ việc bác bỏ những tư tưởng đó. Để tước bỏ lý do cho phe đơn tính dùng để cáo buộc những người Chính thống giáo có sự đồng cảm với những người theo Nestorius, một công đồng đã được triệu tập nhằm giải quyết vấn đề về tính chính thống của các vị Giáo phụ nêu trên. Tại công đồng, lời nguyền rủa đã được tuyên bố một cách dứt khoát đối với học thuyết và cá nhân Theodorus Mopsuestius; nhưng đối với Theodoret và Iva, sự lên án chỉ giới hạn ở một số tác phẩm của họ; còn bản thân họ, vì sau đó đã từ bỏ những tư tưởng dị giáo của mình, nên không bị tuyên bố là bị vạ tuyệt thông.

hoàng hậu Theodora, vợ ngài, cũng được phong thánh. Bà ban đầu là một người tội lỗi, nhưng sau đó đã ăn năn và dành phần đời còn lại trong sự trong sạch và đạo đức.

Ngày 28 tháng 11

Ngày 15 tháng 11 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Guri, Samon và Aviv

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 11

Khi Giáo hội của Đức Chúa Trời phải hứng chịu cuộc bách hại tàn bạo do các vị vua vô đạo là Diocletian và Maximian gây ra, và Giáo hội bị các tai ương quét qua như một con tàu trên biển động, vào thời điểm đó, gần thành phố Edessa[7866] , có hai người đàn ông sùng đạo và đức hạnh đang sống ẩn dật, như thể trong một bến đỗ yên bình, Guri và Samon. Lớn lên ngay tại thành phố Edessa, họ không muốn sống ở đó vì sự hối hả và những điều bất chính đang hoành hành trong thành phố; nhưng, để tránh xa thế gian và những lo toan trần tục, họ đã rời khỏi thành phố, xa lánh những kẻ vô đạo, và hướng về Đức Chúa Trời Duy Nhất, tin tưởng vào Ngài và tận tụy phụng sự Ngài ngày đêm. Không chỉ bản thân họ không ngừng phục vụ Chúa, mà họ còn khuyên bảo những người khác, bất cứ ai họ có thể, và đã khiến nhiều người ngoại đạo từ bỏ việc thờ lạy thần tượng vô thần để dẫn dắt họ đến với Đức Chúa Trời chân chính. Khi biết được điều này, quan tổng trấn Antonin, đại diện của các hoàng đế La Mã lúc bấy giờ đang ở Edessa, đã ra lệnh bắt giữ họ ngay lập tức cùng tất cả những ai theo giáo lý của họ. Sau khi bị những người ngoại đạo bắt giữ, các vị chứng nhân của Đấng Christ là Guriy và Samon cùng với đông đảo các Kitô hữu khác đã bị giam giữ trong một thời gian. Sau đó, Antonin triệu tập các Kitô hữu bị bắt và ra lệnh cho tất cả phải tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và dâng lễ vật cho các thần tượng; nhưng không ai trong số họ muốn phản bội Chúa của mình. Lúc đó, ông ra lệnh đánh đập họ; nhưng sau đó ông nhận ra rằng nếu chính các vị thầy dẫn dắt có thể bị lôi kéo vào việc thờ cúng thần tượng, thì những người khác, khi nhìn thấy họ, cũng dễ dàng bị lôi kéo theo, và vì lý do đó, ông chỉ để lại hai vị thủ lĩnh của đoàn chiên Chúa Kitô, Guriy và Samon, để tra tấn; còn những người khác, sau khi đánh đập, ông thả về nhà, giả vờ tỏ ra nhân từ. Còn hai vị thánh chứng nhân, ông triệu tập đến trước mặt mình để xét xử và nói với họ:

– Các vị vua vĩ đại của chúng ta ra lệnh cho các ngươi phải thờ lạy vị thần vĩ đại Diya[7867] và dâng hương cho ngài tại đền thờ của ngài.

Samon đáp lại:

– Chúng tôi sẽ không bao giờ từ bỏ đức tin chân chính, nhờ đó mà chúng tôi hy vọng sẽ được sự sống vĩnh cửu – chúng tôi sẽ không thờ lạy những thứ do tay người tạo ra.

Lúc đó, Antonin nói:

– Dù sao đi nữa, các ngươi cũng phải tuân theo mệnh lệnh của các vị vua.

– Chúng tôi sẽ không bao giờ từ bỏ đức tin thánh thiện và trong sạch của mình, – Guriy đáp lại, – và sẽ không khuất phục trước ý chí xấu xa và hủy hoại của con người; nhưng chúng tôi tuân theo ý muốn của Chúa chúng ta, Đấng đã phán: *'Ai xưng nhận Ta trước mặt người đời, thì Ta cũng sẽ xưng nhận người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời; còn ai chối bỏ Ta trước mặt người đời, thì Ta cũng sẽ chối bỏ người ấy trước mặt Cha Ta ở trên trời'* (Mt 10:32–33).

Lúc đó, quan tòa bắt đầu đe dọa sẽ giết họ nếu họ không tuân theo ý muốn của vua. Nhưng Thánh Samon đã dũng cảm nói với ông ta:

[7865] Đó là ngày 14 tháng 11 năm 565.

[7866] Edessa – một thành phố ở Macedonia.

[7867] Dii hay Jupiter, theo tín ngưỡng của những người La Mã ngoại đạo, là vị thần tối cao và là cha của các vị thần.

– Hỡi kẻ hành hạ! Chúng tôi, khi tuân theo ý muốn của Đấng Tạo Hóa, sẽ không chết, mà sẽ sống đời đời; còn nếu chúng tôi tuân theo mệnh lệnh của vua, thì dù không bị ngươi giết, chúng tôi cũng sẽ tự hủy diệt chính mình.

Nghe vậy, Antonin ra lệnh ném các thánh vào ngục tối tăm.

Vào thời điểm đó, quan tổng trấn vùng Muzonius đã đến Edessa, người được các vị vua cử đến đặc biệt để xử tử các Kitô hữu. Sau khi dẫn các thánh tử đạo Gurias và Samon ra khỏi ngục tối, ông ta cho họ đứng trước mặt mình và nói với họ:

– Đây là mệnh lệnh của các vị vua trên khắp thế gian, rằng các ngươi phải dâng rượu và hương lên bàn thờ của thần Dia; nếu các ngươi không dâng, thì ta sẽ bắt các ngươi phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn: ta sẽ dùng đòn roi đánh nát thân thể các ngươi, treo các ngươi lên bằng chân và tay, xé toạc mọi khớp xương trên thân thể các ngươi; ta sẽ nghĩ ra cho các ngươi những hình thức tra tấn mới lạ và chưa từng nghe thấy, mà các ngươi không thể chịu đựng nổi.

Trước tất cả những điều đó, Thánh Samon đáp lại:

– Chúng tôi sợ con sâu không bao giờ ngủ và ngọn lửa không bao giờ tắt, vốn đã được chuẩn bị sẵn cho tất cả những kẻ phản bội Chúa, hơn là những hình phạt mà ngươi vừa liệt kê, vì Đấng mà chúng tôi dâng lễ vật thiêng liêng, trước tiên sẽ củng cố chúng tôi để chịu đựng những cực hình và khiến chúng tôi trở nên bất khả chiến bại, rồi sau đó, giải thoát chúng tôi khỏi tay ngươi, đưa chúng tôi vào những nơi ở sáng ngời, nơi tất cả những ai đang vui mừng đều ngự trị. Vậy nên, chúng tôi không sợ lời đe dọa của ngươi, bởi vì ngươi chỉ vũ trang chống lại thân xác, nhưng không thể làm hại linh hồn, vốn, chừng nào còn sống trong thân xác, thì càng ngày càng được thanh tẩy và soi sáng nhờ những đau khổ mà thân xác phải chịu. *"Dù con người bên ngoài của chúng ta đang mục nát, thì con người bên trong lại được đổi mới từng ngày"* (2 Cô-rinh-tô 4:16). *"Vì vậy… chúng ta hãy kiên nhẫn chạy hết chặng đường còn lại trước mặt"* (Hê-bơ-rơ 12:1).

Vị vua lại nói:

– Hãy từ bỏ sự liều lĩnh của các ngươi, hãy nghe theo lời khuyên của ta và, từ bỏ sự lầm lạc của mình, hãy tuân theo sắc lệnh của nhà vua, vì các ngươi sẽ không thể chịu đựng được những cực hình mà ta đã chuẩn bị cho các ngươi.

Thánh Guriy đáp lại:

– Chúng tôi không lầm lạc như ngài nghĩ, và sẽ không nghe theo lời khuyên điên rồ của ngài, cũng không tuân theo ý muốn của nhà vua. Chúng tôi sẽ không hèn nhát và điên rồ đến mức phải sợ hãi những hình phạt của ngài và làm phật lòng Chúa của chúng tôi. Chúng tôi là tôi tớ của Đấng, Đấng đã bày tỏ sự phong phú của lòng nhân từ Ngài và đã hiến dâng linh hồn Ngài vì chúng tôi; vậy thì làm sao chúng tôi lại không đứng vững vì Ngài, thậm chí đến mức đổ máu? Chúng tôi sẽ kiên cường, được Chúa Giê-su Christ củng cố, sẽ bất khuất trước mọi mưu mô của kẻ thù, và sẽ tiếp tục cho đến khi đánh bại kẻ thù đang nổi dậy chống lại chúng tôi.

Thấy sự kiên định trong đức tin của họ, tên tra tấn liền tiến hành các hình thức tra tấn. Hắn ra lệnh treo các thánh lên, trói tay người này với tay người kia, và buộc một tảng đá nặng vào chân họ. Trong tư thế đó, họ kiên nhẫn treo lơ lửng từ giờ thứ ba đến giờ thứ tám; trong thời gian đó, quan tổng trấn tiến hành xét xử những người khác.

Sau đó, ông ta hỏi các thánh xem họ có đồng ý tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế để thoát khỏi sự tra tấn hay không; nhưng họ vẫn kiên định tuyên xưng đức tin chân chính. Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh tháo dây trói họ và ném vào ngục tối, một nơi cực kỳ chật hẹp, nơi ánh sáng ban ngày không bao giờ lọt vào và gió cũng không thể thổi vào. Họ bị giam trong ngục tối đó từ ngày đầu tiên của tháng Tám cho đến ngày chín tháng Mười Một; với đôi chân bị đóng đinh vào gỗ, họ phải chịu đựng những đau khổ tàn khốc, đói khát, nhưng dù vậy, họ vẫn không ngừng dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa.

Sau quãng thời gian bị giam cầm gian khổ và kéo dài như vậy, họ lại bị dẫn ra trước quan tổng trấn để xét xử. Thánh Guriy lúc này đã gần như kiệt sức, suy sụp vì những cực hình trong ngục tối, vì cơn đói khát tột cùng; còn Thánh Samon thì trông vẫn khỏe mạnh. Quan tổng trấn hỏi họ:

– Các ngươi có chán nản vì phải ở trong ngục lâu như vậy không, và liệu các ngươi có thay đổi tấm lòng cứng cỏi của mình để nghe theo lời khuyên sáng suốt, tôn kính các vị thần của chúng ta, và thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn hiện tại không?

Các thánh nhân đáp:

– Những gì chúng tôi đã nói với ngài trước đây, giờ đây chúng tôi vẫn nói như vậy: chúng tôi sẽ không từ bỏ Chúa Giêsu Kitô của chúng tôi; ngài cứ tra tấn chúng tôi tùy ý.

Và thế là tên tra tấn ra lệnh đưa thánh Guri, người đang ốm, trở lại ngục tối, vì lúc đó hắn không muốn tra tấn ông, để không làm ông chết sớm và do đó mất đi hy vọng một ngày nào đó có thể lôi kéo ông theo sự vô đạo của mình; còn thánh Samon thì hắn ra lệnh treo ngược bằng một chân, đầu hướng xuống dưới, và buộc một khối sắt nặng vào chân kia. Trong tư thế đó, ngài bị treo từ hai giờ chiều đến chín giờ tối. Những binh lính đứng xung quanh, vì thương xót ngài, đã khuyên ngài tuân theo mệnh lệnh của vua để thoát khỏi sự tra tấn khủng khiếp. Nhưng ngài không trả lời gì với họ, mà từ tận đáy lòng, ngài cầu nguyện với Thiên Chúa và nhớ lại những phép lạ Ngài đã thực hiện từ thuở xa xưa:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, Đấng mà nếu không có ý muốn của Ngài thì không một con chim nào sa vào lưới (xem Mt 10,29), Ngài đã mở rộng lòng Đavít trong nỗi đau khổ (Tv 4,2), và đã cho thấy nhà tiên tri Đaniel mạnh hơn cả sư tử (Đn 6,6–18; 14,32). Đấng thấu hiểu sự yếu đuối của bản tính chúng con, xin hãy nhìn thấy cuộc chiến đang nổi lên chống lại chúng con; vì kẻ thù đang cố gắng tách rời của cải của Ngài khỏi Ngài; nhưng Ngài, bằng con mắt nhân từ của Ngài, hãy nhìn xuống chúng con, hãy giữ cho ngọn đèn không tắt của các điều răn Ngài luôn sáng trong chúng con, bằng ánh sáng của Ngài, hãy dẫn dắt bước chân chúng con và ban cho chúng con được hưởng phúc lành trên trời, vì Ngài được chúc tụng đến muôn đời.

Khi người chịu khổ cầu nguyện như vậy, một người ghi chép đã ghi lại những lời của ngài. Sau đó, quan cai trị ra lệnh tháo dây trói cho Samona. Nhưng ngài không thể đứng vững trên đôi chân mình, vì các khớp gối và hông của ngài đã bị trật khớp. Lúc đó, theo lệnh của kẻ tra tấn, vị thánh được đưa vào ngục tối và đặt bên cạnh thánh Guri.

Vào ngày mười lăm tháng Mười Một, quan tổng trấn Muzonius, thức dậy khi gà gáy[7868] , đã đến phòng xử án nơi ông chủ trì phiên tòa, được rước bởi những ngọn nến và đi trước là các lính mang vũ khí; rồi với vẻ kiêu ngạo, ông ngồi lên ghế thẩm phán và ra lệnh dẫn Gurias và Samonas đến trước mặt mình. Thánh Samon đi giữa hai chiến binh, dựa vào họ bằng cả hai tay và đi khập khiễng, vì đôi chân của ngài đã bị duỗi thẳng ở các khớp khi ngài bị treo cổ; còn thánh Guria thì được khiêng đi, vì ngài hoàn toàn không thể bước đi được; đôi chân của ngài, do bị ép chặt trong cây, đã đầy vết thương và bị cong vẹo. Nhìn các vị thánh, quan tổng trấn bắt đầu nói:

– Các ngươi đã có đủ thời gian để bàn bạc xem nên chọn điều gì tốt hơn – sự sống hay cái chết? Hãy nói đi, các ngươi đã đồng ý điều gì? Các ngươi đã chán ngán những hình phạt trước đây chưa, và có định tuân theo mệnh lệnh của các vị vua để tiếp tục sống và hưởng thụ những điều tốt đẹp của thế gian không?

Trước lời đó, các thánh đáp lại:

– Chúng tôi đã bàn bạc và chọn điều có lợi cho mình – chọn cái chết vì Chúa Kitô, bỏ qua cuộc sống trong thế gian phù du này; thời gian đã qua là đủ rồi, chúng tôi đã ngắm nhìn đủ ánh sáng ban ngày đang dần tắt; giờ đây, linh hồn chúng tôi khao khát được bước vào ngày không bao giờ tàn lụi.

Vị quan nói:

– Tai ta thật nặng nề khi nghe những lời phản kháng của các ngươi; ta sẽ cho các ngươi một lời khuyên hữu ích ngắn gọn: hãy đặt hương trầm lên bàn thờ của Dia, rồi về nhà; còn nếu không đặt, ta sẽ ra lệnh chém đầu các ngươi ngay lập tức.

– Chúng tôi không cần phải nói nhiều, – các thánh nhân đáp lại, – chúng tôi đang ở trước mặt ngài đây; ngài muốn làm gì thì hãy làm ngay lập tức, vì chúng tôi sẽ không ngừng khẳng định rằng chúng tôi là tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô, chúng tôi chỉ thờ phượng Ngài mà thôi và từ chối việc thờ lạy thần tượng.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh chém đầu các ngài bằng gươm. Các thánh, khi nghe điều này, đã vui mừng khôn xiết vì sắp được giải thoát khỏi thân xác và trở về với Chúa của mình. Quan tổng trấn ra lệnh cho người thi hành án đưa các vị tử đạo lên xe ngựa, chở ra xa ngoài thành và chém đầu các ngài tại đó. Các thánh được dẫn ra khỏi thành qua cổng phía bắc; không một người dân nào biết về việc này, vì tất cả đều đang chìm trong giấc ngủ say. Sau khi đưa các thánh đến một ngọn núi nằm ở vùng ngoại ô Edessa, các binh lính dừng lại và ra lệnh cho người thi hành án chém đầu các vị tử đạo. Khi bước xuống xe ngựa, các thánh xin được một chút thời gian để cầu nguyện, và sau khi cầu nguyện nhiệt thành, cuối cùng họ nói:

[7868] Cụm từ "tiếng gáy của gà trống" được dùng để xác định thời gian. Nó chỉ một trong bốn ca canh mà đêm được chia thành, cụ thể là ca canh thứ ba, tức là ca canh nằm ở khoảng cách bằng nhau giữa nửa đêm và bình minh.

– Lạy Thiên Chúa và Cha của Chúa Giêsu Kitô, xin hãy đón nhận linh hồn chúng con trong bình an.

Quay sang người thi hành án, thánh Samon nói:

– Hãy làm theo điều ngươi đã được lệnh.

Rồi, vào lúc bình minh, các vị tử đạo, cúi đầu thánh thiện xuống dưới lưỡi gươm, đã bị chém đầu, và như vậy họ đã qua đời. Các tín hữu, khi biết tin về sự ra đi của các thánh tử đạo, đã thu thập thi hài thánh của các ngài và an táng với sự tôn kính[7869] .

Sau một thời gian dài, hoàng đế vô đạo Licinius[7870] , sau khi tách khỏi Constantine Đại đế, đã vi phạm hiệp ước mà Constantine đã ký kết với ông ta. Bằng cách gả em gái mình cho Licinius và bổ nhiệm ông ta làm đồng trị vì trong việc cai trị đế quốc La Mã, Constantine đã đặt ra điều kiện rằng Licinius, dù là người theo đạo ngoại giáo, không được đàn áp các Kitô hữu, mà phải để mỗi người sống theo đức tin của mình, để ai thích đức tin nào thì được tự do theo đuổi nó mà không bị cản trở. Tuy nhiên, Licinius đã không tuân thủ thỏa thuận này, mà đã phát động cuộc đàn áp các Kitô hữu ở các vùng đất phương Đông và khiến vô số tín hữu phải chịu chết bằng nhiều cách khác nhau. Vào thời điểm đó, tại thành phố Edessa đã được đề cập ở trên – nơi trước đây các thánh tử đạo Guriy và Samon đã chịu khổ nạn – có một phó tế tên là Aviv. Ông đi khắp thành phố, từ nhà này sang nhà khác, giảng dạy cho mọi người về đức tin thánh thiện và khuyên nhủ họ hãy can đảm trong việc tuyên xưng Đức Kitô. Bằng những bài giảng của mình, thánh Aviv đã dẫn dắt những người chưa tin đến với Chúa Kitô, đồng thời khuyên nhủ các tín hữu sống theo ý Chúa. Khi biết về ông, quan tổng trấn Lisanius đã viết thư cho vua Licinius, tố cáo Aviv rằng ông đã lan truyền những giáo lý sai lầm của Kitô giáo khắp thành phố Edessa; đồng thời hỏi xem sẽ có mệnh lệnh nào đối với ông. Lisanio viết thư cho hoàng đế chính là để xin được quyền tra tấn các Kitô hữu, vì lúc đó ông vẫn chưa được ủy quyền thực hiện bất kỳ hành vi bạo lực nào đối với họ. Hoàng đế lập tức trả lời rằng ông phải kết án tử hình cho Aviv. Sau khi nhận được mệnh lệnh đó từ nhà vua, Lisanius đã ra lệnh truy lùng thánh Aviv để đưa đi tra tấn. Lúc bấy giờ, Aviv đang sống ở một khu vực trong thành phố, trong một ngôi nhà không rõ địa chỉ, cùng với mẹ và những người thân của mình, nỗ lực truyền bá đức tin thánh thiện, mà ngài đã âm thầm gieo trồng ở những nơi không thể làm điều đó một cách công khai. Trong khi các binh lính đang lùng sục khắp thành phố để tìm Thánh Aviv, ngài, khi biết tin này, thay vì trốn tránh, đã bước ra khỏi nhà để tìm kiếm những người đang truy lùng mình, nhằm tự nguyện giao nộp bản thân cho họ. Khi gặp một vị tướng tên là Theotekna tại một nơi nào đó, ngài đã nói với ông ta:

– Đây chính là người mà các ngài đang tìm kiếm: vì tôi chính là Aviv, người mà các ngài được lệnh phải tìm ra; hãy bắt tôi và dẫn tôi đến gặp người đã sai các ngài đi.

Feotekn nhìn ông với ánh mắt hiền từ, rồi nói:

– Hỡi người kia, hiện tại vẫn chưa ai phát hiện ra rằng ngươi đã đến gần ta, hãy lui lại và ẩn mình đi, để những chiến binh khác không nhìn thấy ngươi và bắt giữ ngươi.

Aviv đáp:

– Nếu ngươi không dẫn ta đi, thì ta sẽ tự mình đến gặp quan tổng trấn, và xưng nhận Đức Kitô của ta trước mặt các vua chúa và các quan chức.

Nghe vậy, Thêôcôn dẫn anh ta đến gặp Lisanius. Lisanius hỏi anh ta về dòng dõi và tên tuổi. Thánh nhân trước hết tuyên bố rằng mình là Kitô hữu; sau đó, sau khi nói tên mình, ngài cho biết mình xuất thân từ một làng tên là *Felsêa.* Lisanios ép ông dâng lễ vật cho các thần tượng và cố gắng, lúc thì bằng lời đe dọa, lúc thì bằng lời ngọt ngào, để khiến ông từ bỏ Đức Kitô và quay sang thờ phượng thần tượng; nhưng ông, như một cột trụ vững chắc và một bức tường bất khả xâm phạm, vẫn kiên định trong việc tuyên xưng Đức Kitô. Kẻ tra tấn, không thể lôi kéo anh ta vào con đường gian ác bằng lời nói, bèn bắt đầu ép buộc anh ta bằng hành động; ra lệnh treo anh ta lên và cào xé thân thể anh ta bằng những móng sắt. Sau đó, hắn lại tiếp tục dụ dỗ anh ta thờ lạy các thần tượng và dâng hương lên bàn thờ các vị thần ngoại đạo. Nhưng vị thánh đã đáp lại một cách cương quyết:

– Không có gì có thể tách tôi khỏi Thiên Chúa của tôi, dù ngài có ra lệnh tra tấn tôi gấp hàng chục nghìn lần dữ dội hơn đi chăng nữa.

Kẻ tra tấn hỏi ngài:

[7869] Cái chết tử đạo của các thánh Guri và Samon diễn ra vào khoảng năm 293 đến 306. Năm 1200, nhà hành hương người Nga Antony đã nhìn thấy các di vật và nhà thờ mang tên các thánh tử đạo Guri, Samon và Aviv tại Constantinople.

[7870] Licinius – người cai trị nửa phía Đông của Đế quốc từ năm 307 đến năm 324, khi ông bị giết theo lệnh của Constantine.

– Các ngươi, những người Kitô hữu, được lợi gì từ những cực hình mà các ngươi chịu đựng vì Đức Chúa Trời của các ngươi, và các ngươi được lợi gì khi thân thể các ngươi bị xé nát thành từng mảnh và các ngươi tự nguyện chọn cho mình một cái chết đau đớn?

Vị tử đạo đáp:

– Nếu ngươi, kẻ tra tấn, thực sự muốn hướng về niềm hy vọng về những phần thưởng mà Đức Chúa Trời của chúng ta đã hứa ban cho chúng ta, thì chắc chắn ngươi sẽ nói điều mà Sứ đồ của Chúa đã từng nói: *"Những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì so với vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng ta"* (Rô-ma 8:18)

Kẻ tra tấn cười nhạo những lời của vị tử đạo, như thể đó là những lời điên rồ, trong khi chính hắn mới là kẻ điên rồ; sau đó, thấy rằng không thể làm cho vị tử đạo dũng cảm này từ bỏ Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, hắn đã kết án thiêu sống ông.

Một ngọn lửa lớn đã được đốt lên ngoài thành, và vị tử đạo được dẫn đến nơi hành hình. Anh ta bước đi trong niềm vui sướng vì sắp trở thành của lễ và của lễ toàn thiêu dâng lên Đức Chúa Trời. Mẹ và những người thân của anh ta đi theo sau; anh ta an ủi và khuyên nhủ họ đừng buồn rầu vì anh ta, mà ngược lại hãy vui mừng vì anh ta đang đi đến với Đấng Christ và sẽ cầu thay cho họ trước mặt Ngài. Khi đến nơi có ngọn lửa, ngài cầu nguyện, trao nụ hôn vĩnh biệt cho mẹ và tất cả những người thân quen, rồi bước vào ngọn lửa và ngay lập tức trút hơi thở cuối cùng về với Chúa. Khi ngọn lửa tắt, mẹ ngài, cùng với các tín hữu khác, đã tìm thấy thi thể của con trai thánh của mình vẫn nguyên vẹn, không bị lửa thiêu rụi; bà bế thi thể ngài, xức dầu thánh và an táng bên cạnh mộ của các thánh tử đạo Gurias và Samonas, những người đã chịu tử đạo trước đó, vì thánh Aviv cũng đã chịu tử đạo vào cùng ngày đó (sau một khoảng thời gian dài, vào ngày mà các thánh trên cũng đã chịu tử đạo[7871]). Khi cuộc bách hại chấm dứt và đức tin Chính Thống giáo được tỏa sáng, các Kitô hữu đã xây dựng một nhà thờ mang tên ba vị thánh tử đạo này và an táng các thánh tích của họ trong cùng một ngôi mộ, những thánh tích này ban ơn chữa lành cho người bệnh và thực hiện nhiều phép lạ. Trong số đó, chúng ta sẽ nhắc đến ở đây một phép lạ đã xảy ra một cách huy hoàng.

Có một thời, một dân tộc man rợ vô đạo, sống gần Ba Tư và được gọi là *người Ephalites*[7872] *,* đã tiến quân từ phương Đông vào vương quốc Hy Lạp; sau khi chinh phục nhiều thành phố, họ tiến đến tận Edessa với ý định chiếm đóng và phá hủy thành phố này, giống như cách họ đã phá hủy các thành phố khác. Và thế là các vị vua Hy Lạp, mong muốn bảo vệ thành phố khỏi kẻ thù và giải vây cho nó, đã tập hợp một lực lượng lớn binh lính và cử họ đến cứu Edessa. Sau khi tiến vào Edessa, quân đội Hy Lạp đã ở lại đó một thời gian dài, bảo vệ thành phố khỏi bọn man di. Trong quân đội Hy Lạp có một chiến binh, gốc gác là người Goth[7873] . Anh ta tình cờ sống tại Edessa trong nhà của một góa phụ đức hạnh tên là Sofia, người có một cô con gái duy nhất tên là Euphemia, mà bà yêu thương như con ngươi của mắt mình, giữ gìn sự trinh tiết cho con và dạy dỗ con về những đức tính tốt đẹp cùng lòng kính sợ Đức Chúa Trời. Sophia cố gắng che giấu con gái khỏi ánh mắt của mọi người, vì cô gái có khuôn mặt rất xinh đẹp; bà giấu con gái trong một căn phòng riêng để không có ánh mắt đàn ông nào nhìn thấy cô. Trong thời gian người Goth ở lại nhà góa phụ này khá lâu, có một lần anh ta tình cờ nhìn thấy cô thiếu nữ ấy. Bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của cô, anh ta bừng bừng đam mê và chỉ nghĩ đến cách làm sao để quyến rũ cô. Anh ta đến gặp người mẹ và bắt đầu nài nỉ bà gả con gái cho mình; dù ở quê nhà anh ta đã có vợ con, nhưng anh ta giấu diếm điều đó, giả vờ như chưa kết hôn để đạt được điều mình mong muốn. Tuy nhiên, người mẹ từ chối anh ta:

– Ta sẽ không gả con gái duy nhất của ta sang xứ người; ngươi là người ngoại lai – ngươi sẽ đưa con gái ta về xứ sở của ngươi, còn ta sẽ phải sống trong nỗi buồn sâu thẳm khi không có con bên cạnh, bởi ta không còn đứa con nào khác để an ủi trong cảnh góa bụa ngoài con bé này; ta sẽ không gả con bé cho ngươi, vì ta không thể sống nổi nếu không được nhìn thấy khuôn mặt con bé.

Lúc đó, người Goth, nổi cơn thịnh nộ, bắt đầu đe dọa bà:

– Nếu ngươi, – hắn nói, – không gả con gái cho ta, thì ta sẽ không rời khỏi đây cho đến khi gây ra cho ngươi biết bao tai họa và đẩy ngươi vào nỗi đau khổ tột cùng; vì ta là chiến binh, và ta có thể dễ dàng gây ra cho ngươi bất cứ điều ác nào ta muốn.

[7871] Thánh Aviv đã chịu tử đạo vào năm 322.

[7872] Ephalites – tên gọi của một bộ tộc người Huns, sinh sống tại khu vực hiện nay là Merv và Afghanistan.

[7873] Người Goth – bộ tộc Germanic đông dân nhất và ở cực đông nhất, sinh sống ở vùng đồng bằng ven sông Danube.

Còn người góa phụ, dù chỉ có một mình và không có ai đến giúp đỡ, vẫn dũng cảm phản đối anh ta. Sau đó, người lính lại lúc thì dịu dàng nài nỉ, lúc thì nổi giận, rồi bằng những lời van xin lẫn đe dọa, cố thuyết phục người góa phụ gả con gái cho anh ta. Anh ta cứ quấy rầy bà như vậy suốt thời gian còn ở đó. Anh ta còn tặng bà một số món quà, vì anh ta không nghèo – anh ta mua trang sức vàng và quần áo đắt tiền cho bà và con gái bà, nhằm đạt được điều mình mong muốn; còn bà góa phụ thì không nhận quà, và tránh né chính anh ta, đồng thời che giấu cô gái với sự cẩn trọng còn lớn hơn nữa, để tên vô lại đó không nhìn thấy cô. Một lần, bà nói với anh ta:

– Tôi nghe nói rằng ở quê nhà, anh có vợ và con cái.

Còn hắn, bị ham muốn chiếm hữu cô gái trẻ chi phối và không có lòng kính sợ Chúa, bắt đầu thề thốt, khẳng định rằng mình chưa từng kết hôn và rằng hắn muốn lấy con gái bà làm vợ, đồng thời phong cô làm nữ chủ nhân cai quản toàn bộ tài sản của hắn. Lúc đó, bà góa Sofia, sau khi tin lời hắn, cuối cùng cũng đồng ý với lời thỉnh cầu của hắn và chấp nhận gả con gái mình là Euphemia cho hắn. Bà giơ tay lên cầu nguyện với Chúa và nói:

– Lạy Chúa, Cha của những đứa trẻ mồ côi và Đấng Phán Xét của những người góa phụ, xin hãy nhìn xuống với lòng thương xót tạo vật của Ngài, và đừng bỏ rơi cô gái trẻ này, người sắp kết hôn với một người đàn ông xa lạ. Xin đừng khinh thường thân phận góa bụa của con và đừng bỏ mặc con trong cảnh cô đơn, vì, đặt niềm tin vào sự an bài tốt lành của Ngài, con gả cô con gái nghèo khó của mình cho người đàn ông xa lạ này, và con xin lấy Ngài làm chứng nhân và người bảo đảm cho những lời thề và lời hứa của anh ta.

Cô gái trẻ đã được gả cho người Goth này, và sau khi kết hôn, họ sống hạnh phúc bên nhau. Euphemia mang thai, và trước khi cô sinh con, quân địch đã phải rút lui khỏi thành phố tay trắng, vì chúng không thể chiếm được thành, do quân đội trong thành đã dũng cảm bảo vệ tường thành và chiến đấu kiên cường chống lại kẻ thù, đặc biệt là nhờ những lời cầu nguyện của các thánh tử đạo Gurias, Samona và Aviv. Khi kẻ thù rút lui, quân đội Hy Lạp phải trở về quê hương, và người Goth này cũng vội vã trở về quê hương của mình. Người mẹ, khóc lóc thảm thiết vì phải xa con gái, đã cố gắng giành lại con từ tay người chồng người Goth, không cho anh ta đưa con đến xứ lạ, nhưng bà không thể phá vỡ mối quan hệ hôn nhân đã được pháp luật công nhận. Khi người con rể xảo trá đã chuẩn bị lên đường cùng vợ, Sofia dẫn anh ta và con gái mình đến nhà thờ các thánh tử đạo Gurias, Samonas và Avivus, rồi đứng trước mộ các vị tử đạo, bà nói với con rể:

– Ta sẽ không giao con gái ta cho ngươi nếu ngươi không lấy các thánh này, những người đã chịu khổ vì Chúa Kitô, làm người bảo lãnh cho ta. Hãy nắm lấy hòm thánh của các ngài và thề với ta rằng ngươi sẽ không làm điều ác nào với con gái ta, mà sẽ bảo vệ nó bằng tình yêu và sự tôn trọng xứng đáng.

Gotf, coi đó là chuyện không quan trọng, liền dạn dĩ nắm lấy hòm thánh tích của các thánh tử đạo và nói:

– Từ tay các ngài, hỡi các thánh, tôi nhận lấy thiếu nữ này và lấy các ngài làm người bảo đảm và chứng nhân trước mặt mẹ cô ấy, rằng tôi sẽ không làm điều ác nào đối với người vợ của tôi, sẽ không bao giờ xúc phạm cô ấy, mà sẽ bảo vệ cô ấy bằng tình yêu và tôn kính cho đến cuối đời.

Gothf đã nói như vậy, và tên vô pháp ấy còn thề trước mặt Chúa, không hề suy nghĩ hay sợ hãi rằng Đức Chúa Trời, Đấng Trừng Phạt, sẽ báo ứng cho hắn tùy theo việc làm của hắn và hủy diệt hắn vì sự gian trá. Người mẹ, sau khi nghe lời thề của con rể mình, đã kêu lên với các thánh tử đạo:

– Sau Chúa, hỡi các thánh tử đạo, tôi giao phó con gái mình cho các ngài và qua sự trung gian của các ngài, tôi trao nó cho người đàn ông vừa đến này.

Như vậy, sau khi cầu nguyện, họ trao nhau nụ hôn thân ái rồi chia tay: góa phụ Sofia trở về nhà mình, còn người Goth cùng với Euphemia lên đường, đồng thời ông ta đã cho người nô lệ đi cùng mình được tự do, để bí mật này không bị lộ ra trong nhà ông ta.

Khi họ đi hết chặng đường, đến quê hương của người đàn ông Goth và đã gần đến nhà anh ta, anh ta đã đối xử với vợ mình một cách tàn nhẫn như kẻ thù; quên đi tình yêu dành cho nàng và phớt lờ những lời thề, ông cởi bỏ những bộ quần áo đắt tiền và đồ trang sức bằng vàng trên người nàng, rồi mặc cho nàng những bộ quần áo rách rưới như một tù nhân và nô lệ, và rút kiếm ra, ra lệnh cho nàng như sau:

– Nếu muốn sống sót, thì khi bước vào nhà ta, đừng nói với ai về những gì đã xảy ra giữa chúng ta, mà hãy nói rằng ngươi là tù nhân, vì ta đã có vợ và con trong nhà; còn ngươi phải làm nô tì cho vợ ta và vâng lời nàng trong mọi việc, như vâng lời chủ nhân của mình; còn nếu ngươi tiết lộ với nàng hoặc nói với bất kỳ người thân nào của ta rằng ta đã cưới ngươi, thì ngươi sẽ thấy thanh gươm của ta kề cổ và ngươi sẽ chết.

Khi nhận ra mình đã bị lừa dối và sỉ nhục bởi tên man rợ độc ác đó, và nghe thấy lời đe dọa của hắn, Euphemia nói với hắn:

– Đây có phải là tình yêu của ngươi không? Đây có phải là cách ngươi thực hiện những lời hứa của mình không? Những lời thề của ngươi có phải như vậy không, và ý định của ngươi có phải là biến ta, vợ ngươi, thành tù nhân, còn người tự do thì thành nô lệ không? Vì ngươi mà ta đã rời bỏ mẹ, họ hàng và quê hương, và gắn bó với ngươi bằng tình yêu chân thành, tin tưởng vào những lời ngươi đã khẳng định bằng lời thề, nhưng ngươi lại đền đáp tình yêu của ta bằng sự căm ghét, và thay vì là chồng và bạn đời, ngươi đã trở thành kẻ man rợ, kẻ thù và kẻ hành hạ ta, đưa ta đến xứ lạ để hủy diệt.

Nói xong, nàng ngước mắt lên trời, giơ hai tay lên, thở dài từ tận đáy lòng, khóc lóc thảm thiết và nức nở, rồi kêu cầu cùng Đức Chúa Trời:

– Lạy Thiên Chúa của cha mẹ con, xin hãy nhìn thấy nỗi khốn khổ của con, xin hãy nghe tiếng thở dài của con và lắng nghe tiếng cầu nguyện của con! Xin hãy nhìn xem kẻ phản bội lời thề này đang làm gì với con, và xin giải thoát con khỏi những tai ương tàn ác, nhờ lời cầu nguyện của các thánh nhân trung thành của Ngài, những người đã chịu khổ vì Ngài. Hỡi các thánh tử đạo Guriy, Samon và Aviv! Nay con kêu cầu các ngài: xin hãy giúp đỡ con, người đang lâm vào tai ương bất ngờ này, vì con đã tin tưởng vào các ngài mà đi theo người Goth này; xin các ngài hãy trở thành những người báo thù cho con trước mặt hắn và giải thoát con khỏi tai ương này.

Khi nàng khóc lóc thảm thiết và thầm cầu nguyện trong lòng như vậy, họ bước vào nhà người đàn ông Goth. Vợ ông ta, khi nhìn thấy Euphemia và nhận ra vẻ đẹp trên khuôn mặt nàng, bỗng dâng trào ghen tuông, vì nghi ngờ chồng mình đang có quan hệ bất chính với nàng, nên liền hỏi chồng.

– Cô gái này là ai, và anh đã đưa cô ấy về từ đâu?

Anh ta trả lời:

– Đây là một tù nhân; tôi đã đưa cô ấy từ Edessa về để cô ấy làm nô tì cho em.

Người vợ nói:

– Vẻ đẹp trên khuôn mặt cô ta chứng tỏ cô ta không phải là nô lệ, mà là người tự do.

Người chồng đáp:

– Dù ở quê hương cô ta có là người tự do, như vẻ ngoài của cô ta cho thấy, nhưng giờ đây cô ta là nô lệ của nàng.

Euphemia, vì quá sợ hãi nên không thể nói được lời nào, chỉ im lặng và vâng lời vợ của người Goth, phục vụ bà như một nô tì phục vụ chủ nhân của mình; cô không biết phải làm gì để thoát khỏi những tai ương đang ập xuống đầu mình. Và cô sống cuộc đời của một nô tì, luôn ghi nhớ các thánh tử đạo và khóc lóc cầu khẩn họ:

– Xin các thánh hãy mau đến giúp đỡ tôi, người tôi tớ của các ngài, xin hãy mau ban ân sủng cho tôi và đừng bỏ qua sự sỉ nhục và lừa dối tột cùng mà tôi đang phải chịu.

Bà chủ của cô, với lòng ghen tuông, đã đối xử rất tàn nhẫn và vô tình với cô; bà ra lệnh cho cô làm mọi công việc nặng nhọc nhất và hành hạ cô bằng đủ mọi cách. Tệ hại nhất là bà ta không bao giờ muốn nói chuyện với cô; hơn nữa, Euphemia không biết tiếng Goth và không thể cung cấp cho bà chủ bất kỳ thông tin nào về bản thân, và cô còn sợ người Goth, lo rằng anh ta sẽ giết cô nếu cô tiết lộ bất cứ điều gì về bản thân với bà chủ.

Sau một thời gian, vợ của người đàn ông Goth phát hiện ra rằng Evfimiya đang mang thai, và bà ta càng ghen tuông dữ dội hơn, đối xử với cô bằng sự tàn nhẫn gấp bội, bắt cô phải làm những công việc kiệt sức nhất nhằm tiêu diệt cô. Khi đến ngày sinh, Evfimia sinh ra một bé trai, khuôn mặt hoàn toàn giống Gotfa, người thực sự là cha của đứa bé. Vợ của Gotfa, khi nhìn thấy đứa bé hoàn toàn giống chồng mình, bừng lên cơn giận dữ khủng khiếp và bắt đầu nghĩ cách giết đứa bé này. Cô ta nói với chồng:

– Sao anh lại chối rằng mình không hề quan hệ với cô gái trẻ đó? Đứa bé mà cô ấy sinh ra đây rõ ràng đã vạch trần việc làm của anh, vì nó giống hệt anh.

Gotf lại tiếp tục chối cãi, nói:

– Điều đó không đúng, ta chưa bao giờ chung sống với nàng; nàng nằm dưới quyền của ngươi, ngươi muốn làm gì với nàng cũng được, vì nàng là tù nhân và nô lệ của ngươi.

Lúc đó, người phụ nữ độc ác này nảy sinh ý định đầu độc đứa trẻ. Một lúc sau, bà ta pha chế một loại độc dược chết người, đuổi người mẹ đi làm việc gì đó xa đứa trẻ, và khi đứa trẻ ở một mình, bà ta đổ độc dược vào miệng nó – và đứa trẻ nhanh chóng qua đời. Người mẹ, khi trở về từ nơi làm việc, nhìn thấy đứa trẻ nằm đó đã chết, lòng tràn ngập nỗi đau thương khôn tả và trái tim cô quặn thắt trong nỗi buồn đắng cay vì mất con. Cô không biết nguyên nhân dẫn đến cái chết đột ngột của con mình, bởi vì không có ai trong phòng khi bà chủ đổ chất độc vào miệng đứa trẻ. Nhưng khi đang chuẩn bị chôn cất đứa bé, Evfimiya thấy chất độc chảy ra từ miệng đứa trẻ, và lúc

đó cô nhớ lại rằng bà chủ từng đe dọa sẽ giết cả cô lẫn con trai cô, nên cô đoán ra ai là thủ phạm gây ra cái chết của đứa bé. Tuy nhiên, cô vẫn im lặng, không dám nói gì cả. Cô lấy một ít len, dùng nó lau chất độc đang chảy ra từ miệng đứa trẻ, rồi giấu nó đi mà không tiết lộ bí mật này cho ai cả. Đứa trẻ được chôn cất.

Vài ngày sau, người đàn ông Goth đã mời bạn bè đến dùng bữa tối, và Euphemia phục vụ tại bàn ăn. Khi đến lượt cô dâng chén cho bà chủ, cô, muốn biết liệu đứa con sơ sinh của mình có thực sự chết vì bị bà chủ đầu độc hay không, đã lấy sợi len mà cô đã dùng để lau miệng con trai, lén nhúng nó vào đồ uống, rồi lấy ra, vắt vào chén và dâng đồ uống đó cho bà chủ. Người chủ, không hay biết gì, đã uống cốc nước đó, và như vậy, tai họa đã ập xuống đầu bà ta, vì ngay trong đêm đó, vợ của Gotf đột ngột qua đời và như vậy đã rơi vào cái hố mà chính bà ta đã đào ra. Sáng hôm sau, Gotf thức dậy, thấy vợ mình đã chết, và kinh hoàng trước cái chết bất ngờ của bà; cả ngôi nhà tràn ngập tiếng khóc; tất cả họ hàng, bạn bè và hàng xóm đều tụ tập lại và thương tiếc cho bà; sau đó, họ làm cho bà một quan tài sang trọng và long trọng đặt thi thể bà vào đó.

Khi đã trôi qua bảy ngày kể từ ngày an táng người quá cố, những người thân của cô ấy nhớ đến cô gái được đưa về từ Edessa và bắt đầu nói:

– Không ai khác ngoài cô tù nhân này, người luôn thù địch với cô ấy, mới là thủ phạm gây ra cái chết đột ngột của người thân chúng ta.

Và thế là tất cả đều nổi giận với Euphemia, định đưa cô ra trước quan tổng trấn vùng để ông ta tra tấn cô, ép cô khai ra cách cô đã giết chủ nhân của mình; nhưng vì lúc đó quan tổng trấn không có mặt ở nhà, nên họ đã thay đổi ý định và quyết định chôn sống Euphemia cùng với thi thể chủ nhân đã chết của cô. Sau khi mở quan tài của người đã khuất, họ đặt Evfimia bên cạnh thi thể bốc mùi hôi thối, đầy giòi bọ và đang phân hủy – để cô phải chết một cách thảm khốc tại đó. Ai có thể diễn tả được nỗi đau thương của Evfimia, nỗi buồn, sự sợ hãi và run rẩy, nỗi kinh hoàng và khiếp sợ, những tiếng khóc nức nở và tiếng than khóc của cô? Hãy thử tưởng tượng nỗi sợ hãi của một người còn sống, bị nhốt trong quan tài cùng với một thi thể bốc mùi hôi thối; nỗi sợ hãi trước người chết, mùi hôi thối từ thi thể, bóng tối và sự chật chội trong quan tài, xung quanh là giun, hơi thở của cái chết và nỗi đau đớn không thể tả xiết! Trong hoàn cảnh chật chội tột cùng ấy, Euphemia, với trái tim đầy đau khổ, đã thành kính kêu cầu Chúa từ trong quan tài, giống như ngày xưa tiên tri Giô-na trong bụng cá voi:

– Lạy Chúa, Đức Chúa Trời của các quyền năng trên trời, Đấng ngự trên các thiên thần Cherubim và nhìn thấu vực thẳm, Ngài thấy nỗi đắng cay trong lòng con và sự chật chội trong ngôi mộ tối tăm và hôi thối này; Ngài biết rằng vì danh Ngài mà con đã bị gả cho tên Goth vô pháp ấy, vì hắn đã thề bằng danh Ngài khi cưới con; xin hãy thương xót con vì danh thánh của Ngài. Ngài là Đấng làm cho chết và làm cho sống, Đấng hạ xuống âm phủ và đưa lên (1 Sa-mu-ên 2:6): xin cứu con khỏi cái chết đắng cay này và đưa con ra khỏi ngôi mộ này, như từ âm phủ, vì Ngài có quyền năng làm cho kẻ chết sống lại – huống chi Ngài lại càng có thể đưa con, người còn sống nhưng đang cận kề cái chết, ra khỏi cổng tử thần. Xin thương xót con, lạy Chúa, vì các thánh tử đạo Guri, Samon và Aviv, những người mà Ngài đã nhận lấy máu đổ và cái chết của họ vì Ngài như một của lễ tinh tuyền. Hỡi các thánh tử đạo! Kẻ thù của con đã đặt các ngài làm người bảo lãnh trước mặt mẹ con – vậy xin hãy cứu con.

Khi nàng cầu nguyện như vậy trong nỗi đau khổ của tâm hồn, ba vị thánh tử đạo rực rỡ ánh sáng, tỏa sáng như mặt trời – Guriy, Samon và Aviv – đã hiện ra, và ngay lập tức mùi hôi thối trong quan tài biến mất; Euphemia cảm nhận được hương thơm tuyệt vời tỏa ra từ các thánh tử đạo vừa hiện ra. Họ nói với nàng:

– Hãy vững lòng, con gái ơi, và đừng sợ: con sẽ sớm được cứu rỗi.

Khi các thánh nói điều đó, lòng Euphemia tràn ngập niềm vui, vừa bởi hình ảnh rực rỡ của các thánh, vừa bởi những lời an ủi của họ; tràn đầy niềm vui, cô chìm vào giấc ngủ ngọt ngào. Trong giấc ngủ ấy, cô được một sức mạnh vô hình và toàn năng của Thiên Chúa đưa ra khỏi quan tài, trong chốc lát được chuyển đến Edessa, vào nhà thờ các thánh tử đạo Gurias, Samonas và Aviv, và được đặt bên cạnh quan tài thiêng liêng của các ngài. Lúc đó là ban đêm, và tại nhà thờ đang diễn ra thánh lễ sáng thường lệ khi cô được đưa đến đây. Khi tỉnh giấc, cô lại thấy các thánh tử đạo, những người nói với cô:

– Hãy vui mừng, con gái ơi, và hãy biết con đang ở đâu; chúng ta đã thực hiện điều đã hứa, hãy bình an trở về với mẹ con.

Nói xong, họ biến mất khỏi tầm mắt. Euphemia đứng dậy, nhìn quanh để xem mình đang ở đâu. Khi nhìn thấy những bức tường nhà thờ, các bức tranh thánh, những ngọn nến và hòm thánh của các thánh tử đạo, đồng thời còn nghe thấy tiếng hát của các linh mục, cô tin chắc rằng mình đang ở Edessa, trong nhà thờ của các vị thánh đồng hành, các thánh tử đạo vì Chúa Kitô là Gurias, Samonas và Aviv. Lúc đó, cô tràn ngập niềm vui và sự hân hoan

khôn tả, ôm lấy ngôi mộ của các thánh tử đạo với tình yêu thương, và trong nước mắt, cô dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa và các thánh của Ngài vì ân sủng mà Ngài đã ban cho cô. Trong lòng tràn đầy lòng biết ơn, cô nói: *"Thiên Chúa của chúng ta ở trên trời [và dưới đất]; Ngài làm mọi điều Ngài muốn"* (Thánh Vịnh 113:11), đã sai từ trời xuống và cứu rỗi tôi; ngợi khen Chúa, Đấng cứu rỗi những ai trông cậy vào Ngài: *"Buổi tối có tiếng khóc than, nhưng sáng mai lại có niềm vui"* (Thánh Vịnh 29:6). Khi cô ấy, với những giọt nước mắt vui sướng, nói những lời này và nhiều điều khác nữa, vị linh mục đã nghe thấy lời nói và tiếng khóc của cô ấy, liền bước đến gần và hỏi:

– Cô là ai và tại sao lại khóc như vậy?

Cô bắt đầu kể cho ông nghe mọi chuyện một cách chi tiết: rằng cô đã bị mẹ giao cho người Goth tại nơi an táng các thánh, rằng cô đã phải chịu đựng những điều gì từ kẻ phạm thề đó, rằng hôm qua cô đã bị nhốt trong quan tài, và rằng trong lúc cầu nguyện, các thánh tử đạo đã hiện ra với cô và trong chốc lát đã đưa cô từ đất Goth đến nhà thờ này của họ.

Vị linh mục, khi nghe những điều này, đã kinh hoàng và ngạc nhiên trước quyền năng vĩ đại của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, ông vẫn chưa hoàn toàn tin vào những gì cô nói, nên đã hỏi cô:

– Mẹ con là ai?

Khi biết mẹ cô là bà góa Sofia, vị linh mục liền sai người đi gọi bà, mời bà đến nhà thờ. Người mẹ, không hay biết gì, lập tức đến và khi nhìn thấy con gái mình đang đứng bên mộ các thánh tử đạo, mặc bộ quần áo tồi tàn, bà kinh hoàng trước cảnh tượng bất ngờ đó; bà bước đến ôm lấy con, rồi ôm chầm lấy cổ con và khóc nức nở; Euphemia cũng khóc theo, và cả hai đều khóc đến mức không thốt nên lời. Sau đó, khi những tiếng nức nở dần dịu đi, người mẹ hỏi con:

– Con đã đến đây bằng cách nào, con gái của mẹ, và tại sao con lại mặc những bộ quần áo tồi tàn như vậy?

Lúc đó, Evfimia kể lại cho mẹ nghe chi tiết tất cả những gì con đã phải chịu đựng ở xứ người dưới tay người chồng độc ác, cách đây một ngày con bị nhốt trong quan tài và được cứu thoát một cách kỳ diệu, rồi được các thánh tử đạo Guri, Samon và Aviv – những vị đã hiện ra với con – đưa đi. Nghe xong tất cả những điều đó, lòng người mẹ tan nát vì thương xót, còn tất cả những ai có mặt trong nhà thờ, sau khi nghe câu chuyện, đều vô cùng kinh ngạc và ca ngợi quyền năng toàn năng cùng lòng thương xót của Đức Chúa Trời. Quỳ xuống trước mộ các thánh tử đạo, người mẹ đã cất tiếng tạ ơn Thiên Chúa và các thánh của Ngài bằng giọng nói vang dội; và họ đã ở lại trong nhà thờ suốt cả ngày hôm đó, cầu nguyện và tạ ơn Thiên Chúa, đồng thời với tình yêu và lòng thành kính, ôm ấp và hôn lên hòm thánh của các thánh tử đạo. Vào tối muộn, người mẹ cùng con gái vui mừng trở về nhà, ca ngợi Thiên Chúa.

Sáng hôm sau, tin tức về phép lạ này lan truyền khắp thành phố; họ hàng và hàng xóm của bà góa phụ từ khắp nơi tụ tập về nhà bà, và trong sự kinh ngạc, họ thán phục những điều mà Evfimia kể lại cho họ nghe. Mọi người đều ngợi khen danh Chúa và tôn vinh, ca ngợi sự giúp đỡ của các thánh tử đạo.

Sofia cùng con gái đã sống những ngày còn lại của cuộc đời mình theo ý Chúa. Họ kể cho mọi người nghe về quyền năng của Chúa đã được bày tỏ một cách đầy ân sủng đối với họ. Euphemia nói: *"Tay phải của Chúa cao cả, tay phải của Chúa làm nên quyền năng!"* Tay phải của Chúa đã đưa tôi thoát khỏi tay người Goth và đưa tôi đến Edessa: *"Tôi sẽ không chết, nhưng sẽ sống và rao giảng những việc làm của Chúa"* (Thánh Vịnh 117:16–17).

Còn đối với tên Gô-tô phản bội lời thề, Đức Chúa Trời đã thực hiện sự trừng phạt như sau.

Sau một thời gian, chính dân tộc vô đạo đó, vốn trước đây đã giao chiến với người Hy Lạp, đã liên minh với người Ba Tư, lại tiến vào đất Hy Lạp và cố gắng chiếm thành phố Edessa. Trước tình hình đó, các hoàng đế Hy Lạp lại cử quân đội đến Edessa để bảo vệ thành phố. Cùng với đạo quân này, tên Goth kia – kẻ đã dùng mưu mô và lời ngọt ngào để cướp con gái Euphemia của Sofia – cũng có mặt. Hắn không biết gì về phép lạ đã xảy ra và nghĩ rằng Euphemia đã chết, bị nhốt trong quan tài cùng với thi thể người vợ đã khuất của hắn; hắn bình thản đến nhà Sofia, như thể đến thăm mẹ vợ mình. Thấy ông ta đến, bà đã giấu Euphemia trong các phòng bên trong, còn bà thì tiếp đón ông ta, giả vờ như rất vui mừng trước sự có mặt của con rể mình. Sau đó, bà tập hợp họ hàng và hàng xóm lại, rồi bắt đầu hỏi han người Goth đó trước mặt họ, nói rằng:

– "Chúa đã giúp các con thực hiện chuyến đi từ đây như thế nào? Con gái tôi, khi đang mang thai, có bị ốm trên đường không, và nó đã sinh con ra thế nào? Tôi đã rất lo lắng cho con bé, vì nó đang mang thai, và tôi sợ rằng sẽ có chuyện không may xảy ra với con bé trên đường đi.

Anh ta trả lời:

– Nhờ những lời cầu nguyện của bà, Chúa đã giúp chúng tôi hoàn thành chuyến đi an toàn; con gái bà khỏe mạnh: đã sinh được một bé trai. Con bé gửi lời chào đến bà, và nếu chuyến đi này không phải là chuyến đi bất ngờ mà chúng tôi được lệnh phải lên đường gấp gáp, thì con gái bà cũng đã cùng tôi và đứa bé đến gặp bà để an ủi bà; tuy nhiên, con bé sẽ đến vào thời điểm thuận tiện hơn.

Nghe những lời đó, Sofia bừng lên cơn giận chính đáng trước lời dối trá của kẻ độc ác này, xé rách áo quần và thét lên:

– Kẻ dối trá, kẻ xảo trá và kẻ sát nhân, ngươi đã đưa con gái ta đi đâu rồi?

Nói xong, bà dẫn Evfimia ra khỏi các phòng trong, đặt cô trước mặt người Goth và nói:

– Ngươi có biết cô gái này không, cô ấy là ai, ngươi có biết ngươi đã giam cô ấy ở đâu không, kẻ phản bội lời thề? Ngươi đã đẩy cô ấy vào chỗ chết, tên vô pháp!

Còn hắn, khi nghe những lời đó và nhìn thấy Evfimia, liền run rẩy, câm lặng và không thể thốt ra một lời nào, như thể đã chết. Lúc đó, họ hàng và hàng xóm của người góa phụ đã bắt hắn, nhốt chặt trong phòng và ở lại canh gác trước cửa. Người mẹ cùng con gái đã mời một thư ký đến, tường thuật lại tất cả những gì đã xảy ra với họ, không bỏ sót chi tiết nào trong phép lạ kỳ diệu này, rồi đến gặp vị giám mục của thành phố này, thánh Evlogius, và dâng bản tường trình đó cho ngài; họ cũng báo cáo về sự xuất hiện của tên Goth độc ác và xảo quyệt tại nhà họ. Sau khi đọc xong bản tường trình, vị giám mục lập tức dẫn theo các linh mục của mình đến gặp vị tướng chỉ huy đạo quân Hy Lạp vừa đến, và ra lệnh cho đọc trước mặt vị tướng bản tường trình mà góa phụ và con gái bà đã trao cho ngài, trong đó mô tả chi tiết phép lạ kỳ diệu của các thánh tử đạo. Tướng quân, sau khi lắng nghe kỹ lưỡng những gì được đọc, đã kinh hoàng trước phép lạ vĩ đại ấy, và tất cả những người có mặt cùng ông đều tràn ngập nỗi sợ hãi. Tướng quân lập tức ra lệnh đưa người Goth đến trước mặt ông. Bà góa Sofia cùng con gái Euphemia cũng được dẫn đến gặp ông. Ông lại ra lệnh đọc to bản ghi chép về họ cho mọi người nghe, vì trong sân dinh thự của quan tổng trấn đã tụ tập rất đông người dân, cả nam lẫn nữ. Rồi ông hỏi người Goth: "Liệu những điều được ghi chép này có đúng sự thật không?" Người Goth trả lời rằng điều đó là sự thật và không có gì sai lệch trong đó. Lúc đó, quan tổng trấn nói với anh ta:

– Kẻ sát nhân đáng nguyền rủa! Sao ngươi không sợ Thiên Chúa và Ngày Phán Xét Đáng Sợ của Ngài, cũng như không e ngại lời thề đã lập trước mộ các thánh tử đạo, những người mà ngươi đã lấy làm người bảo lãnh và chứng nhân cho những lời hứa của mình? Tại sao ngươi không tha cho cô thiếu nữ mà ngươi đã dụ dỗ bằng mưu mô của mình? Hãy nhận lấy hình phạt xứng đáng với những việc làm của ngươi.

Tổng trấn ra lệnh chém đầu hắn bằng gươm. Vị giám mục sùng kính Thiên Chúa đã khẩn thiết cầu xin tổng trấn đừng giết người Goth này, mà hãy ban ân huệ cho hắn và để hắn sống sót, để hắn có thể ca ngợi vinh quang của Thiên Chúa. Nhưng tổng trấn đáp lại vị giám mục:

– Ta e ngại tha thứ cho kẻ đã gây ra tội ác tày trời như vậy, để khỏi làm phật lòng các thánh tử đạo, những người đã bị tên phản bội lời thề này xúc phạm.

Và theo lệnh của quan tổng trấn, người Goth đã bị chém đầu. Kẻ khốn nạn ấy đã nhận lấy sự trừng phạt; còn Đức Chúa Trời thì được tôn vinh qua các thánh của Ngài; còn chúng ta, những kẻ tội lỗi, xin dâng lên Ngài vinh quang, danh dự và sự thờ phượng, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Bài ca Troparion, giọng 5:

Lạy Chúa Kitô, Thiên Chúa, Đấng đã ban cho chúng con bức tường bất khả xâm phạm là các thánh tử đạo của Ngài, xin nhờ lời cầu nguyện của họ, Ngài hãy phá tan các mưu đồ của các dân ngoại, củng cố các vương quốc và quyền trượng, vì Ngài là Đấng Duy Nhất Tốt Lành và Yêu Thương Loài Người.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Từ đỉnh cao của sự khôn ngoan, các ngài đã đón nhận ân sủng, và trong những cám dỗ, các ngài vẫn đứng vững như những vị thánh đáng ca ngợi. Chính vì thế, các ngài đã cứu cô thiếu nữ thánh thiện khỏi cái chết đau đớn: quả thật, các ngài là vinh quang của Edessa và là niềm vui của thế gian.

Lễ kính các thánh tử đạo Elpidius, Marcellus và Eustochius

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 11

Thánh Elpidius, vào thời trị vì của Julianus Bội Đạo, là thành viên của Hội đồng Nhà nước. Với tư cách là một Kitô hữu, ngài bị đưa ra trước tòa án của Julianus, người đã ra lệnh cho ngài mặc một bộ áo lông thú, được đính đầy đinh và bôi nhựa nóng. Sau đó, họ bắt đầu đánh đập ngài, khiến những chiếc đinh cắm sâu vào thân thể vị thánh. Vị tử đạo đã dũng cảm chịu đựng những đau khổ và không chịu khuất phục trước những lời thuyết phục từ bỏ Đức Kitô. Lúc đó, ngài bị ném xuống hào và bị tưới nước nóng từ trên cao xuống, khiến thân thể ngài đầy những vết loét. Để gia tăng sự đau đớn, vị quan cai trị bất chính đã ra lệnh trộn nhựa cây, vôi sống và các chất tương tự khác, đốt nóng chúng rồi tưới lên những vết thương đang hoại tử của vị tử đạo, đồng thời đổ nhựa cây nóng vào miệng ngài. Cuối cùng, Thánh Elpidius cùng với Eustochium và Marcellus bị trói vào những con ngựa hoang để chúng xé xác họ. Tuy nhiên, những con ngựa đó không gây ra bất kỳ tổn thương nào cho họ. Sau đó, các thánh bị đánh đập bằng gậy và bị ném vào lửa, nơi họ trút hơi thở cuối cùng vào tay Thiên Chúa Hằng Sống.

Thi hài thánh thiện của các ngài được an táng trên núi Carmel[7874] và nằm lại đó một thời gian. Nhưng một ngày nọ, Chúa Kitô, cùng với các thiên thần, trong ánh chớp lóe sáng và tiếng sấm rền vang, đã hiện ra tại đó và chào đón các thánh tử đạo. Lúc đó, Chúa đã làm sống lại thi hài của Thánh Elpidius và sai ngài đi thực hiện những chiến công mới. Tin đồn về những chiến công này đã lan đến tai Julian. Ngay khi biết Elpidius vẫn còn sống, Julian ra lệnh kéo căng thân thể vị thánh tử đạo, trói ông vào bốn cột, đánh đập không thương xót, dùng cưa sắc gây ra những vết thương và chà xát chúng bằng giấm và muối. Sau đó, ông ra lệnh đặt thi thể ngài lên than hồng và rắc tro nóng lên trên. Khi vị thánh dũng cảm chịu đựng cả những cực hình này, họ treo ngài lên cây và bắt đầu áp tấm khiên nung đỏ vào thân thể ngài, đồng thời rắc tro lên người ngài. Trong lúc chịu những cực hình này, một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra: nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, những tượng thần đứng gần đó đã vỡ vụn thành tro bụi. Thấy điều này, sáu nghìn người ngoại đạo đã quy y đức tin vào Chúa Kitô. Sau tất cả những điều đó, thánh Elpidius bị ném vào lò lửa đang cháy rực, nơi ngài đã dâng linh hồn mình lên Chúa, Đấng mà ngài đã yêu mến từ thuở thiếu thời[7875] . Xin dâng vinh quang và tôn vinh lên Thiên Chúa, Đấng kỳ diệu trong các thánh của Ngài, hôm nay, muôn đời và đến muôn đời. Amen.

Lễ kính Thánh Tử đạo Dimitri

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 11

Thánh Tử đạo Dimitri xuất thân từ làng Dabuda, thuộc xứ Thrace, và đã chịu tử đạo dưới thời hoàng đế Maximianus Galerius cùng đồng trị vì của ông là Maximianus. Người ta đã tố cáo với quan tổng trấn Thrace là Publius rằng ngài là Kitô hữu, và theo lệnh của quan tổng trấn, ngài đã bị bắt giữ. Trong buổi thẩm vấn, Dimitri đã dũng cảm tuyên xưng Chúa Kitô là Thiên Chúa, nói về Chúa Thánh Thần và giảng dạy về sự nhập thể của Chúa Giêsu Kitô, về lòng nhân từ và tình yêu thương loài người của Ngài. Sau đó, ngài vạch trần sự lừa dối độc hại của việc thờ ngẫu tượng, chỉ ra rằng những ai theo đuổi điều đó thật mù quáng và điếc lác. Những lời nói của ngài đã khiến quan tổng trấn vô cùng phẫn nộ, người này liền ra lệnh chém đầu ngài[7876] . Thế là vị thánh tử đạo đã qua đời, nhận được vương miện thiên đàng từ Chúa. Xác thánh của Thánh Dimitri đã được những người trung thành và kính sợ Chúa an táng, và từ đó tỏa ra ân sủng chữa lành cho tất cả những ai đến viếng.

Ngày 29 tháng 11

Ngày 16 tháng 11 (theo lịch cũ)

[7874] Núi Karmel nằm ở phần trung tâm của Palestine; phần đỉnh của ngọn núi này nhô ra Biển Địa Trung Hải, còn phần phía nam tiếp giáp với dãy núi Samaria.

[7875] Các thánh tử đạo Elpidius, Marcellus và Eustachius đã chịu tử đạo vào khoảng giữa thế kỷ IV.

[7876] Đó là vào năm 307 sau Công nguyên.

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Phúc âm Matthêu

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 11

Thánh Tông đồ và Nhà Truyền giáo Matthêu, con trai của Alphaeus, còn được gọi là Levi (Mc 2:14; Mt 9:9; Lc 5:27), đã sống tại thành phố Capernaum thuộc xứ Galilê[7877] . Ông là một người giàu có và giữ chức vụ thu thuế[7878] . Những người đồng hương khinh bỉ và xa lánh ông, cũng như tất cả những người giống ông. Nhưng Ma-thi-ơ, dù là một tội nhân, nhưng đồng thời không những không tệ hơn, mà còn tốt hơn rất nhiều so với những người Pha-ri-si[7879] , những kẻ tự hào về sự công chính bề ngoài của mình . Và thế là Chúa đã hướng ánh mắt thiêng liêng của Ngài đến người thu thuế bị mọi người khinh bỉ này. Một lần nọ, trong thời gian Ngài ở tại Capernaum, Chúa đã ra khỏi thành và đi xuống biển, được dân chúng tháp tùng. Trên bờ biển, Ngài thấy Matthêu đang ngồi tại trạm thu thuế[7880] . Và Ngài nói với anh ta:

– Hãy theo Ta!

Nghe những lời ấy của Chúa không chỉ bằng tai thể xác, mà còn bằng đôi mắt của trái tim, người thu thuế liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, bỏ lại mọi sự, và theo Chúa Kitô. Ma-thi-ơ không do dự, cũng không ngạc nhiên khi vị Thầy vĩ đại và Đấng làm phép lạ gọi chính mình, một người thu thuế bị khinh bỉ; ông đã lắng nghe lời Ngài bằng cả trái tim và không do dự đi theo Chúa Kitô. Trong niềm vui, Ma-thi-ơ đã chuẩn bị một bữa tiệc thịnh soạn tại nhà mình. Chúa không từ chối lời mời và bước vào nhà Ma-thi-ơ. Rồi rất nhiều hàng xóm, bạn bè và người quen của Ma-thi-ơ – tất cả đều là những người thu thuế và tội nhân – đã tụ tập tại nhà ông, và cùng ngồi vào bàn ăn với Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài. Tại đó cũng có mặt một số kinh sư[7881] và người Pha-ri-si. Thấy Chúa không khinh bỉ những người tội lỗi và những người thu thuế, mà còn ngồi ăn cùng với họ, họ bèn phàn nàn và nói với các môn đệ của Ngài:

– Sao Ngài lại ăn uống với những người thu thuế và những kẻ tội lỗi như vậy?

Chúa nghe thấy những lời đó, bèn nói với họ:

– Không phải người khỏe mạnh mới cần bác sĩ, mà là người bệnh. Ta đến không phải để kêu gọi những người công chính, mà là để kêu gọi những kẻ tội lỗi ăn năn[7882] .

[7877] Capernaum – một thị trấn nhỏ nằm trên bờ tây bắc của Hồ Gennesaret hay Biển Tiberias, thuộc vùng Galilê. Ngày nay, những tàn tích của thị trấn này được biết đến với tên gọi Tel-Gum.

[7878] Những người thu thuế được gọi là "mytair", là những người do người La Mã chỉ định để thu thuế từ người Do Thái. Họ thường nhận quyền thu thuế này theo hình thức nhượng quyền và sử dụng mọi thủ đoạn để thu lợi tối đa cho bản thân. Là những tay sai tham lam và ngạo mạn của đế chế ngoại giáo, những người thu thuế bị người Do Thái coi là những kẻ phản bội và phản quốc đối với đất nước và Đức Chúa Trời. Kẻ tội lỗi, người ngoại giáo và người thu thuế – đối với họ, tất cả đều có nghĩa như nhau; nói chuyện với họ được coi là tội lỗi, tiếp xúc với họ là sự ô uế, mặc dù trong số họ cũng có những người tốt bụng và kính sợ Đức Chúa Trời.

[7879] Những người Pha-ri-si – một trong những phái của người Do Thái, xuất hiện vào thế kỷ II và III trước Công nguyên. Tên gọi "Pha-ri-si" (những người đặc biệt, tách biệt) xuất phát từ việc họ cố gắng nổi bật nhờ lòng nhiệt thành đặc biệt đối với luật pháp.

[7880] Trạm thu thuế – nơi thu thuế và các khoản phí từ các đoàn lữ hành đi qua con đường ven biển và từ các tàu chở hàng trên biển.

[7881] Trong cộng đồng Do Thái, người ta gọi những người am hiểu về văn tự nói chung là "các nhà thông thái", bao gồm: những người Do Thái uyên bác nhất, những người giải thích luật pháp và công khai giảng dạy, hướng dẫn dân chúng về luật pháp, tức là các "rabbi" và "giáo sư luật"; các chuyên gia luật pháp, những người giải quyết các vấn đề tranh cãi, các trường hợp nghi vấn và các vụ việc đòi hỏi kiến thức về luật pháp cùng kinh nghiệm thực tiễn; các thư ký và công chứng viên, những người phục vụ trong các hội đường và tòa án Sanhedrin. Những người Do Thái học thức này được mô tả trong Tân Ước như một tầng lớp đặc biệt, khác biệt với những người Pha-ri-si; nhưng đồng thời, họ thường được kết hợp với những người Pha-ri-si và được liên kết với các thượng tế. Phần lớn trong số họ bị ràng buộc bởi những truyền thống nhất định và, do không hiểu được tinh thần của Luật, đã giải thích sai lệch Luật và trở thành những nhà lãnh đạo mù quáng của dân chúng, chỉ tuân giữ các điều răn một cách giả dối để khoe khoang, vì danh vọng của con người, đồng thời đặt lên vai người khác những gánh nặng nặng nề mà chính họ lại không tuân giữ.

[7882] Lc 5:27–32. Ma-thi-ơ 9:9–13. Mác 2:14–17. Như vậy, ở đây Chúa vạch trần sự kiêu ngạo và tự mãn của các kinh sư và người Pha-ri-si, những người chỉ bám vào các nghi lễ bên ngoài của Luật pháp và tuân giữ chúng một cách nghiêm ngặt về hình thức, tự coi mình là người công chính và không cảm thấy cần phải ăn năn và sửa đổi. Chúa cho họ thấy rằng các nghi lễ và của lễ bên ngoài chỉ có ý nghĩa khi chúng là biểu hiện của tình cảm bên trong, lòng nhân từ và tình yêu thương đối với người lân cận; còn nếu thiếu những điều đó, chúng sẽ mất đi ý nghĩa và chỉ có thể làm phật lòng Đức Chúa Trời (Ê-sai 1:11–18).

Từ đó trở đi, Ma-thi-ơ đã bỏ lại tất cả tài sản của mình để theo Chúa Kitô (Lc 5,28) và, với tư cách là môn đệ trung thành của Ngài, từ đó không bao giờ rời xa Ngài nữa. Không lâu sau, ông được vinh dự gia nhập hàng ngũ 12 Tông đồ được chọn (Mt 10,1–42; Mác 3:13–19; Luca 6:13–16). Cùng với các môn đệ khác của Chúa, Matthêu đã tháp tùng Ngài trong các chuyến đi khắp Galilê và Giu-đê, lắng nghe giáo huấn thiêng liêng của Ngài, chứng kiến vô số phép lạ của Ngài, đi rao giảng cho những con chiên lạc của nhà Y-sơ-ra-ên, làm chứng cho những đau khổ trên thập tự giá và cái chết chuộc tội của Đấng Cứu Thế, cũng như sự thăng thiên vinh quang của Ngài lên trời.

Sau khi Chúa thăng thiên và Thánh Thần ngự xuống trên các Tông đồ, Thánh Matthêu ban đầu vẫn ở lại Palestine, cùng với các Tông đồ khác rao giảng Tin Mừng tại Giêrusalem và các vùng lân cận. Nhưng rồi đã đến lúc các Tông đồ phải rời khỏi Giê-ru-sa-lem để đi đến các dân tộc khác nhau, nhằm dẫn dắt họ đến với đức tin nơi Đức Kitô. Trước khi vị Tông đồ rời khỏi Giê-ru-sa-lem, các Kitô hữu người Do Thái tại Giê-ru-sa-lem đã xin ngài ghi chép lại các việc làm và giáo huấn của Chúa Giê-su Kitô để truyền lại cho họ. Để đáp ứng lời thỉnh cầu này, các Tông đồ khác đang có mặt tại Giê-ru-sa-lem lúc bấy giờ cũng đã đồng ý. Và Thánh Ma-thi-ơ, thực hiện mong muốn chung, đã viết Phúc Âm 8 năm sau khi Chúa Giê-su lên trời[7883] .

Sau khi rời khỏi Giê-ru-sa-lem, Thánh Tông đồ Ma-thi-ơ đã rao giảng Tin Mừng tại nhiều quốc gia. Trong hành trình rao giảng về Chúa Kitô, ngài đã đi qua Ma-kê-đô-ni-a, Si-ri, Ba-tư, Pa-rơ-phi và Mi-đi, đồng thời đi khắp Ê-thi-ô-pi-a[7884] — nơi ngài được chỉ định đến — và soi sáng đất nước này bằng ánh sáng của sự khôn ngoan trong Tin Mừng. Cuối cùng, được Thánh Thần hướng dẫn, ngài đã đến vùng đất của những kẻ ăn thịt người, nơi có dân tộc da đen giống như thú dữ, bước vào thành phố tên là Mirmeni, và tại đó, sau khi dẫn dắt một số linh hồn trở về với Chúa, ngài đã bổ nhiệm người bạn đồng hành của mình là Platon làm giám mục cho họ và thành lập một nhà thờ nhỏ; còn bản thân ngài thì leo lên ngọn núi gần đó và ở lại đó để ăn chay, siêng năng cầu nguyện với Thiên Chúa về việc cải đạo dân tộc vô tín ấy. Và Chúa đã hiện ra với ngài dưới hình dạng một thiếu niên xinh đẹp, tay phải cầm cây gậy, và chào đón ngài. Ngài giơ tay phải ra, trao cây gậy cho vị thánh, rồi truyền lệnh cho ngài xuống núi và cắm cây gậy đó trước cửa nhà thờ mà ngài đã xây dựng.

– Cây gậy này – Chúa phán – nhờ quyền năng của Ta sẽ mọc thành một cây cao lớn, và cây ấy sẽ sinh ra trái cây dồi dào, về kích thước và vị ngọt đều vượt trội hơn tất cả các loại trái cây vườn khác; còn từ gốc rễ của nó sẽ tuôn trào một suối nước trong lành. Sau khi tắm rửa trong nước suối ấy, những kẻ ăn thịt người sẽ có được vẻ đẹp trên khuôn mặt, và bất cứ ai chỉ cần nếm thử trái cây đó cũng sẽ quên đi bản tính hung dữ và trở thành một con người tốt bụng và hiền lành.

Ma-thi-ơ, sau khi nhận cây gậy từ tay Chúa, đã xuống núi và đi vào thành phố để thực hiện điều Ngài đã truyền dạy. Vị công tước của thành phố đó, tên là Fulvian, có vợ và con trai bị quỷ ám. Khi gặp vị Tông đồ trên đường, họ la hét với giọng điệu hung dữ và đe dọa:

– Ai đã sai ngươi đến đây với cây gậy này để hủy diệt chúng ta?

Vị Tông đồ đã ra lệnh cấm các linh hồn ô uế và xua đuổi chúng; những người được chữa lành đã quỳ lạy vị Tông đồ và ngoan ngoãn đi theo ngài. Khi biết tin ngài đến, Giám mục Platon đã ra đón ngài cùng với các linh

---

[7883] Phúc Âm được Sứ đồ Ma-thi-ơ viết vào khoảng năm 41 sau Công nguyên. Đây là cuốn sách thánh đầu tiên trong số tất cả các sách của Tân Ước và do đó, chiếm vị trí hàng đầu trong số các sách đó. Phúc Âm được viết bằng tiếng Do Thái hoặc bằng phương ngữ Syro-Chaldean (còn gọi là tiếng Aramaic) đang được sử dụng vào thời đó, và ban đầu được dành cho các Kitô hữu người Do Thái ở Palestine. Phù hợp với điều này, các câu chuyện trong Phúc Âm theo Thánh Matthêu chủ yếu nhằm mục đích chứng minh rằng Chúa Giêsu chính là Đấng Mêsia đích thực, Đấng đã được hứa ban cho các tổ phụ của dân Do Thái; điều này đặc biệt cần thiết để chứng minh cho những người Do Thái đã tin vào Đấng Kitô – Đấng không được đồng bào của họ nhận ra và đã bị đóng đinh. Vì vậy, trong Phúc Âm theo thánh Matthêu, các sự kiện trong cuộc đời Chúa Kitô thường được liên hệ và so sánh với các lời tiên tri và hình ảnh báo trước trong Cựu Ước nhiều hơn so với các Phúc Âm khác; đồng thời, từ toàn bộ lịch sử của Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, những câu chuyện đặc biệt quan trọng và cần thiết đối với người Do Thái được lựa chọn. Cũng vì lý do đó, Thánh Matthêu bắt đầu Phúc Âm của mình bằng gia phả của Đấng Mê-si-a, là con của Đa-vít và Áp-ra-ham, và nói chung, trong Phúc Âm của mình, ngài chủ yếu nói về sự nhập thể và bản tính con người của Chúa Giê-su Ki-tô, con của Đa-vít, con của Áp-ra-ham. Đặc điểm nổi bật này của Phúc Âm Thánh Matthêu cũng được thể hiện trên các bức tranh thánh của ngài, trong đó ngài được miêu tả cùng với một nhân vật giống thiên thần, tượng trưng cho những nét đặc trưng của Phúc Âm này.

[7884] Macedonia nằm ở phía bắc Hy Lạp, phía đông bắc vùng Thessaly của nước này. Syria là vùng phía tây châu Á, trải dài từ Biển Địa Trung Hải đến sông Euphrates. Ba Tư nằm ở phần phía nam của cao nguyên Iran, giữa sông Tigris, Vịnh Ba Tư và Biển Caspi. Media là phần phía tây của Iran, phía nam Biển Caspi, giáp với Assyria và Đại Armenia ở phía tây, với Ba Tư ở phía nam, và với Parthia ở phía đông. Parthia là một quốc gia rộng lớn ở châu Á, nằm về phía đông nam Biển Caspi và kéo dài về phía đông đến Biển Ấn Độ. Ethiopia nằm ở châu Phi, phía nam Ai Cập, nơi ngày nay là Nubia và Abyssinia.

mục; và Thánh Matthêu, sau khi vào thành và đến gần nhà thờ, đã làm theo lời được truyền: ngài cắm cây gậy mà Chúa đã ban cho ngài, – và ngay lập tức, trước mắt mọi người, cây gậy biến thành một cây lớn, vươn những cành lá sum suê, và trên đó xuất hiện những trái cây tuyệt đẹp, to và ngọt, cùng một dòng suối nước chảy ra từ gốc cây. Tất cả những ai chứng kiến cảnh đó đều kinh ngạc; cả thành phố đổ xô đến chiêm ngưỡng phép lạ ấy, và họ nếm trái cây của cây và uống nước trong lành. Còn Thánh Tông đồ Matthêu, đứng trên một nơi cao, đã rao giảng Lời Chúa cho đám đông bằng ngôn ngữ của họ; và ngay lập tức, tất cả đều tin vào Chúa, và vị Tông đồ đã làm phép rửa cho họ tại suối nước kỳ diệu ấy. Và tất cả những kẻ ăn thịt người đã được rửa tội, theo lời Chúa, khi bước ra khỏi nước đều có khuôn mặt rạng rỡ và làn da trắng sáng; họ không chỉ được sự tinh khiết và vẻ đẹp về thể xác, mà còn về tâm hồn, từ bỏ con người cũ và mặc lấy con người mới – chính là Đức Kitô. Khi biết chuyện đã xảy ra, vị công tước ban đầu vui mừng vì vợ và con trai được chữa lành, nhưng sau đó, do bị ma quỷ xúi giục, ông nổi giận với vị Tông đồ vì toàn dân đổ xô đến với ngài, bỏ rơi các vị thần của họ, và nảy sinh ý định tiêu diệt ngài. Nhưng ngay trong đêm đó, Đấng Cứu Thế đã hiện ra với vị Tông đồ, truyền cho ngài hãy can đảm và hứa sẽ ở bên ngài trong cơn hoạn nạn sắp tới. Khi sáng sớm, trong khi vị Tông đồ đang cùng các tín hữu ca ngợi Đức Chúa Trời trong nhà thờ, vị hoàng tử đã sai bốn chiến binh đi bắt ông; nhưng khi họ đến nhà thờ của Chúa, bóng tối lập tức bao trùm lấy họ, và họ hầu như không thể quay trở lại được. Khi được hỏi tại sao họ không dẫn Ma-thi-ơ về, họ trả lời:

– Chúng tôi đã nghe thấy ngài nói chuyện, nhưng không thể nhìn thấy và bắt ngài được.

Fulvian càng tức giận hơn. Ông sai thêm nhiều binh lính mang vũ khí, ra lệnh cho họ phải dùng vũ lực bắt Ma-thi-ơ về, và nếu ai chống cự hay bảo vệ Ma-thi-ơ thì phải giết chết. Nhưng những binh lính này cũng trở về tay không, vì khi họ đến gần đền thờ, ánh sáng thiên đàng chiếu rọi xuống vị Tông đồ, và các binh lính, không thể nhìn thẳng vào ngài, đã hoảng sợ tột độ, vứt bỏ vũ khí, chạy thục mạng về trong tình trạng gần như chết khiếp vì sợ hãi, rồi kể lại sự việc cho vị công tước. Fulvian nổi giận tột độ và dẫn theo cả đám đông các thuộc hạ của mình, muốn tự tay bắt giữ vị Tông đồ. Nhưng vừa mới kịp đến gần vị Tông đồ, ông bỗng nhiên bị mù và bắt đầu van xin người dẫn đường. Lúc đó, ông bắt đầu khẩn cầu vị Tông đồ tha thứ cho tội lỗi của mình và soi sáng đôi mắt mù lòa của ông. Vị Tông đồ, sau khi làm dấu thánh giá trước mặt vị hoàng tử, đã ban cho ông ta khả năng nhìn thấy. Vị hoàng tử đã nhìn thấy, nhưng chỉ bằng đôi mắt thể xác, chứ không phải bằng đôi mắt tâm hồn, vì lòng thù hận đã làm mù quáng ông ta, và ông ta đã quy công kỳ tích vĩ đại ấy không phải cho quyền năng của Thiên Chúa, mà cho phép thuật phù thủy. Nắm lấy tay vị Tông đồ, ông ta dẫn ngài về cung điện của mình, như thể muốn tôn vinh ngài, nhưng trong lòng lại âm mưu xảo quyệt muốn thiêu sống vị Tông đồ của Chúa, như một pháp sư. Nhưng vị Tông đồ, nhìn thấu những động cơ thầm kín trong lòng ông ta và những mưu đồ xảo quyệt, đã vạch trần vị hoàng tử, nói rằng:

– Hỡi kẻ tra tấn xảo trá! Ngươi sẽ sớm thực hiện điều mà ngươi đã toan tính làm với ta chăng? Hãy làm điều mà Satan đã gieo vào lòng ngươi, còn ta, như ngươi thấy, sẵn sàng chịu đựng mọi sự vì Đức Chúa Trời của ta.

Lúc đó, vị hoàng tử ra lệnh cho binh lính bắt Thánh Matthêu lại, quăng ngài xuống đất với mặt ngửa lên trời, rồi dùng đinh đóng chặt tay và chân ngài lại. Khi việc đó đã xong, theo lệnh của kẻ tra tấn, các đầy tớ thu gom rất nhiều cành cây và cành khô, mang nhựa cây và lưu huỳnh đến, rồi chất tất cả lên người Thánh Matthêu và châm lửa. Nhưng khi ngọn lửa bùng lên dữ dội và mọi người đều nghĩ rằng vị Tông đồ của Chúa Kitô đã bị thiêu rụi, thì đột nhiên ngọn lửa nguội lạnh, ngọn lửa tắt lịm, và Thánh Matthêu vẫn còn sống, không hề hấn gì và đang ngợi khen Thiên Chúa. Thấy điều đó, cả dân chúng đều kinh hoàng trước phép lạ vĩ đại như vậy và ca ngợi Đức Chúa Trời của vị Tông đồ. Nhưng Fulvian lại càng nổi giận hơn. Không muốn thừa nhận rằng chính quyền năng của Đức Chúa Trời đã giữ cho vị rao giảng của Đấng Christ sống sót và không bị lửa làm tổn hại, ông đã vu khống người công chính này bằng một cáo buộc phi pháp, gọi ông là thầy phù thủy.

– Bằng phép thuật – hắn nói – Ma-thi-ơ đã dập tắt ngọn lửa và vẫn sống sót trong đó.

Sau đó, hắn ra lệnh mang thêm củi, cành cây và rơm rạ, chất lên người Ma-thi-ơ, rồi châm lửa và đổ nhựa cây lên trên; ngoài ra, hắn còn ra lệnh mang đến mười hai tượng thần bằng vàng của mình, đặt chúng xung quanh ngọn lửa, rồi cầu khẩn chúng giúp đỡ, để nhờ sức mạnh của chúng mà Matthêu không thể thoát khỏi ngọn lửa và sẽ hóa thành tro bụi. Còn vị Tông đồ, trong ngọn lửa, đã cầu nguyện cùng Chúa là Đấng Toàn Năng, xin Ngài tỏ lộ quyền năng bất khả chiến bại của Ngài, phơi bày sự bất lực của các thần ngoại đạo và làm nhục những ai đặt niềm tin vào chúng.

Và đột nhiên, ngọn lửa dữ dội kèm theo tiếng sấm rền kinh hoàng ập xuống các tượng thần bằng vàng, khiến chúng tan chảy như sáp trước ngọn lửa; không chỉ vậy, nhiều kẻ ngoại đạo đứng xung quanh cũng bị thiêu cháy; và từ những tượng thần đã tan chảy, một ngọn lửa hình con rắn bùng lên và lao về phía Fulvian, đe dọa ông,

đến nỗi ông không thể chạy trốn hay thoát khỏi nguy hiểm cho đến khi ông khẩn cầu với lòng khiêm nhường đến vị Tông đồ để được cứu khỏi sự diệt vong. Vị Tông đồ đã ra lệnh cho ngọn lửa dừng lại, và ngay lập tức ngọn lửa tắt lịm, hình dạng con rắn lửa cũng biến mất. Fulvian muốn cứu vị thánh ra khỏi lửa một cách danh dự, nhưng ngài, sau khi dâng lời cầu nguyện, đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa[7885] . Lúc đó, hoàng tử ra lệnh mang đến một chiếc giường vàng và đặt thi thể tôn kính của vị Tông đồ – không hề hấn gì bởi ngọn lửa – lên đó; sau khi mặc cho ngài những bộ y phục quý giá, ông cùng các quan đại thần của mình bế thi thể ấy và rước vào cung điện của mình. Nhưng ông vẫn chưa có đức tin trọn vẹn, nên đã ra lệnh rèn một chiếc quan tài bằng sắt, đổ chì kín mít từ mọi phía rồi ném xuống biển, đồng thời nói với các quan đại thần của mình:

– Nếu Đấng đã bảo vệ Matthêu khỏi lửa mà không bị tổn hại, cũng sẽ bảo vệ ngài khỏi bị chìm trong nước, thì quả thật Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất, và chúng ta sẽ thờ phượng Ngài, từ bỏ tất cả các vị thần của chúng ta, những vị không thể tự cứu mình khỏi sự hủy diệt trong lửa.

Sau khi chiếc quan tài sắt chứa di cốt thiêng liêng này được ném xuống biển, vị thánh đã hiện ra với Giám mục Platon vào ban đêm và nói:

– Ngày mai, hãy đến bờ biển phía đông của cung điện hoàng gia và ở đó hãy lấy thi hài của ta, vốn đã trôi dạt vào bờ.

Sáng hôm sau, vị giám mục, cùng với đông đảo các tín hữu, đã đến nơi được chỉ định và tìm thấy chiếc hòm sắt chứa di cốt của Thánh Tông đồ Matthêu, đúng như những gì ngài đã được báo trước trong giấc mơ.

Khi biết tin này, hoàng tử cùng các quan đại thần của mình cũng đến đó, và lần này, đã hoàn toàn tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, ngài đã công khai tuyên xưng rằng Ngài là Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật, Đấng đã bảo vệ người tôi tớ của Ngài là Matthêu khỏi mọi tổn hại – cả khi còn sống trong lửa lẫn sau khi chết – trong nước. Và khi quỳ xuống trước hòm thánh chứa di cốt của vị Tông đồ, ông đã xin vị thánh tha thứ cho những tội lỗi của mình trước mặt ngài và bày tỏ mong muốn chân thành được rửa tội. Giám mục Platon, thấy đức tin và lòng nhiệt thành của Fulvian, đã công bố cho ông và, sau khi dạy cho ông những chân lý của đức tin thánh thiện, đã làm phép rửa tội cho ông. Và khi ngài đặt tay lên đầu ông và định đặt tên cho ông, bỗng có tiếng từ trên cao vang lên, phán rằng:

– Đừng đặt tên ông ấy là Fulvian, mà hãy đặt là Matthêu.

Sau khi nhận được tên của vị Tông đồ trong lễ rửa tội như vậy, vị hoàng tử đã cố gắng noi gương cuộc đời của vị Tông đồ: chẳng bao lâu sau, ông trao quyền cai trị của mình cho người khác, từ bỏ hoàn toàn những lo toan trần thế, dâng mình cho việc cầu nguyện trong nhà thờ của Chúa và được Giám mục Platon phong chức linh mục. Và khi, sau ba năm, vị giám mục qua đời, Thánh Tông đồ Matthêu đã hiện ra trong giấc mơ với linh mục Matthêu – người đã từ bỏ quyền lực hoàng gia – và khuyên ông nên nhận ngôi giám mục kế vị vị thánh Platon. Sau khi nhận chức giám mục, Matthêu đã tận tụy rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô, dẫn dắt nhiều người từ bỏ việc thờ ngẫu tượng để trở về với Thiên Chúa; rồi chính ngài cũng về với Ngài sau một cuộc đời dài sống hiến dâng cho Thiên Chúa, và giờ đây, đứng trước ngai Thiên Chúa cùng với Thánh Matthêu Tông đồ, cầu xin Chúa cho chúng ta, để chúng ta cũng trở thành những người thừa kế Nước Trời vĩnh cửu. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 3:

Với lòng nhiệt thành, từ trạm thu thuế, ngài đã đến với Chúa Kitô, Đấng đã kêu gọi, Đấng đã hiện thân làm người trên trần gian vì lòng nhân từ; theo Ngài, ngài đã trở thành Tông đồ được chọn và là người rao giảng Tin Mừng vang dội khắp vũ trụ: vì lý do đó, chúng con tôn kính kỷ niệm cao quý của ngài, thánh Matthêu, người nói lời Chúa. Xin cầu nguyện cùng Thiên Chúa Nhân Từ, để Ngài ban ơn tha thứ tội lỗi cho linh hồn chúng con.

[7885] Theo truyền thuyết, Thánh Tông đồ và Nhà Truyền giáo Matthêu qua đời vào khoảng năm 60 sau Công nguyên.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã từ chối ách của sự bóc lột, và đã mang lấy ách của sự công chính, và Ngài đã trở thành người buôn bán hoàn hảo nhất, mang lại sự giàu có, đó là sự khôn ngoan từ trên cao: chính vì thế, Ngài đã rao giảng Lời Chân Lý, và đã nâng đỡ những tâm hồn u sầu, ghi chép giờ phán xét.

Ngày 30 tháng 11

Ngày 17 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Grigori, vị cha thánh của chúng ta, nhà làm phép lạ, Giám mục Neocaesarea

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 11

Thánh Grigoriô xuất thân từ thành phố Neocaesarea vinh quang và vĩ đại[7886] , từ cha mẹ là những người ngoại đạo. Khi còn trẻ, ngài đã mồ côi cha mẹ. Sau khi bắt đầu nghiên cứu tri thức Hy Lạp[7887] , ngài bắt đầu thấu hiểu và nhận ra sự khôn ngoan hoàn hảo nhất, đó là sự nhận biết về Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật: qua các tác phẩm của Ngài, ngài nhận biết Đấng Tạo Hóa và cố gắng làm đẹp lòng Ngài bằng lòng nhân ái và lối sống trong sạch. Sau khi làm quen với giáo lý thánh của Phúc Âm, ngài lập tức trở thành môn đệ của Ngài và, sau khi chịu phép rửa tội, ngài cố gắng sống theo các điều răn của Chúa Kitô, trong sự trong sạch và không tham lam, từ bỏ mọi sự phù phiếm trần thế, của cải, kiêu ngạo, danh vọng và những thú vui tạm bợ. Từ bỏ việc chiều theo xác thịt, Grigori sống trong sự tiết chế cao độ, kìm chế ý chí của mình, và gìn giữ sự trong sạch của trinh tiết một cách nghiêm ngặt đến nỗi suốt cả cuộc đời, từ khi còn trong bụng mẹ cho đến lúc qua đời trong phúc lành, ngài chưa từng phạm tội xác thịt và tự bảo vệ mình khỏi sự ô uế, để được đẹp lòng Đấng Duy Nhất Thanh Tịnh và Vô Tội, Đấng được sinh ra từ Trinh Nữ Vô Tội, Đức Kitô, Thiên Chúa. Từ thuở thiếu thời, ngài đã hiến dâng mình cho Ngài, nhờ ân sủng của Ngài, ngài ngày càng tiến bộ, từ đức hạnh này đến đức hạnh khác, và bước đi trên con đường đời một cách vô tì vết: vì thế, Thiên Chúa và những người thiện lành đã yêu mến ngài, còn những kẻ ác thì ghét bỏ ngài.

Khi còn là một thiếu niên, ông theo học triết học và y học tại Alexandria cùng với nhiều thanh niên khác từ khắp nơi đổ về đó[7888] , thì lối sống trong sạch và vô tì vết của ông đã khơi dậy sự căm ghét từ những người cùng lứa tuổi. Vì không kiềm chế được bản thân và bị các dục vọng chi phối, họ sống một cách ô uế, lui tới nhà các gái điếm, như thói quen của các thanh niên ngoại đạo; còn Thánh Grêgôriô, với tư cách là một thanh niên Kitô hữu, đã tránh xa con đường hủy hoại đó, lánh xa sự ô uế và ghét bỏ sự vô luật pháp; giống như bông hoa huệ giữa bụi gai[7889] , ngài tỏa sáng bằng sự trong sạch của mình giữa những kẻ ô uế. Nhiều người biết đến cuộc sống trong sạch

---

[7886] Neocaesarea – nay là Niksar, nổi tiếng về vẻ đẹp, là thủ đô được xây dựng tương đối muộn của Pontus Polemoniacus, nằm ở phía bắc Tiểu Á, bên sông Lycus; nơi đây đặc biệt nổi tiếng vì đã diễn ra Công đồng Giáo hội tại đó (sau khi Thánh Grêgôriô qua đời) vào năm 315.

[7887] "Sự khôn ngoan Hy Lạp" ở đây tất nhiên ám chỉ học thuật ngoại giáo, nền giáo dục ngoại giáo. Cha của Thánh Grigorius Neocaesarea là một người ngoại giáo và đã nuôi dạy con trai theo đạo ngoại giáo. Cha ông định hướng cho con trai trở thành luật sư, vì vậy Thánh Grigori (tên thế tục là Theodor) đã học rất kỹ luật pháp và ngôn ngữ luật pháp thời bấy giờ – tiếng Latinh, và cuối cùng quyết định lên đường đến Roma để tìm hiểu sâu hơn về luật pháp La Mã. Nhưng sự an bài của Thiên Chúa đã định đoạt cuộc đời ngài theo một hướng khác: ngài phải cùng anh trai tháp tùng chị gái đến Cêsarea; từ đó, ngài tiếp tục lên đường đến Beryt để nghiên cứu luật pháp, rồi từ đó đến Alexandria – thành phố nổi tiếng về nền giáo dục vào thời bấy giờ.

[7888] Alexandria – thủ đô nổi tiếng của Ai Cập, vào thời đó được ca ngợi vì nền giáo dục phong phú và thịnh vượng. Đặc biệt, triết học và y học lúc bấy giờ đang phát triển rực rỡ. Song song với nền giáo dục ngoại giáo, nền giáo dục thần học Kitô giáo cũng phát triển mạnh mẽ. Trường học Alexandria nổi tiếng, với hàng loạt các học giả xuất sắc nhất của thế kỷ đó trong hàng ngũ của mình, đã thu hút rất đông học viên đến với trường, không chỉ từ giới Kitô hữu mà còn từ cả những người ngoại đạo.

[7889] Hoa Crin – hoa huệ trắng – là loài hoa tuyệt đẹp thuộc họ hành tây. Chính Chúa đã ca ngợi vẻ đẹp của hoa huệ và đặt nó cao hơn tất cả những bộ y phục lộng lẫy của vua Salômôn (Mt 6,28–29; Lc 12,27). Vì vậy, trong Kinh Thánh, hoa huệ thường được dùng làm biểu tượng cho những đức tính đạo đức cao quý; theo đó, ở đây, cuộc đời đạo đức của cậu bé Grigori cũng được so sánh với bông hoa huệ tuyệt đẹp mọc giữa bụi gai, vốn là biểu tượng của sự bất chính và tội lỗi trong Kinh Thánh.

và vô tì vết của ngài, và vì thế, nhiều nhà triết học và công dân đáng kính đã hết mực kính trọng và ca ngợi ngài; còn những người cùng lứa tuổi, vì không thể chịu đựng được việc nhìn thấy một thiếu niên, người mà nhờ sự tiết chế và trong sạch đã vượt trội không chỉ so với các thiếu niên khác mà còn cả những người già, nên đã âm mưu lan truyền những lời đồn đại xấu xa giữa mọi người, rằng anh ta cũng sống ô uế như những người khác, nhằm làm lu mờ danh tiếng tốt đẹp mà anh ta xứng đáng được hưởng giữa mọi người. Họ đã xúi giục một ả điếm nào đó để ả vu khống và lan truyền tin đồn xấu về chàng trai vô tội và có trái tim trong sạch. Một lần nọ, khi vị thánh đang trò chuyện trước mặt mọi người với các nhà triết học đáng kính và những bậc thầy hàng đầu, người phụ nữ lăng loàn – được những người cùng lứa tuổi với vị thánh xúi giục – đã tiến lại gần ngài, vô liêm sỉ đòi ngài phải trả khoản tiền "phí" cho tội lỗi xác thịt mà ngài được cho là đã phạm với cô ta. Mọi người đều nghe thấy và ngạc nhiên; một số người bị lừa dối, cho rằng đó là sự thật, còn những người khác, biết rõ sự trong sạch và vô tì vết của Grigori, không tin lời của ả gái điếm vô liêm sỉ ấy và đuổi ả đi. Còn ả thì la hét ầm ĩ, quấy rầy vị thánh, đòi ngài phải trả tiền cho hành vi dâm dục đã xảy ra. Ôi, Thánh Grigori đã cảm thấy xấu hổ biết bao khi nghe những lời buộc tội vô liêm sỉ và bất công từ người phụ nữ rõ ràng là tội lỗi ấy, ngay trước mặt biết bao người chính trực! Như một thiếu nữ trong trắng, mặt ngài ửng hồng; tuy nhiên, vì tính cách hiền lành và khiêm nhường, ngài không nói lời nào gay gắt với người phụ nữ đó, không hề tỏ ra tức giận, cũng không biện minh hay đưa ra nhân chứng để chứng minh sự vô tội của mình, mà chỉ nhẹ nhàng nói với một trong những người bạn của ngài:

– Hãy mau trả cho cô ta số tiền cô ta đòi, để cô ta rời khỏi chúng ta, đừng làm phiền chúng ta nữa.

Người bạn đó lập tức đưa cho cô ta số tiền cô ta muốn, giúp Grigory – người vô tội – thoát khỏi sự xấu hổ. Còn Đức Chúa Trời, Đấng Chứng Nhân trung thành trên trời, đã vạch trần sự dối trá này như sau. Ngài đã cho phép tà linh xâm nhập vào người đàn bà điếm vô liêm sỉ và nịnh hót ấy, và khi cô ta nhận lấy số tiền hối lộ bất chính vào tay, thì ngay lập tức cô ta cũng phải chịu hình phạt khủng khiếp: vì tà linh đã tấn công cô ta và bắt đầu hành hạ cô ta trước mặt mọi người. Kẻ đĩ ngã xuống đất, gào thét bằng giọng nói kinh hoàng, toàn thân run rẩy, nghiến răng và rơi vào trạng thái cứng đờ, miệng sủi bọt, khiến tất cả những người có mặt đều tràn ngập nỗi sợ hãi và kinh hoàng tột độ, khi chứng kiến sự trừng phạt nhanh chóng và tàn khốc như vậy dành cho chàng trai vô tội. Và con quỷ không ngừng hành hạ nàng cho đến khi vị thánh dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện khẩn thiết cho nàng và nhờ đó xua đuổi con quỷ khỏi nàng. Điều này đã đánh dấu sự khởi đầu của những phép lạ của chàng Grigori trẻ tuổi, những đức tính của chàng khiến ngay cả các bậc trưởng lão cũng phải kinh ngạc.

Grigori có một người bạn khôn ngoan và hiền lành tên là Firmian, quê ở Cappadocia. Khi chia sẻ với anh ta ý định thầm kín của mình – từ bỏ mọi thứ để phụng sự Đức Chúa Trời duy nhất – Grigori nhận ra rằng Firmian cũng có cùng suy nghĩ và mong muốn đi theo con đường đó. Theo lời khuyên chung, cả hai đều từ bỏ triết học thế tục , rời bỏ các trường học ngoại giáo và bắt đầu học hỏi sự khôn ngoan Kitô giáo cùng những mầu nhiệm của Kinh Thánh. Vào thời điểm đó, trong số các nhà giảng dạy của Giáo hội Chúa Kitô, Origene[7890] là một nhân vật nổi tiếng. Sau khi đến gặp ông cùng với người bạn Firmian của mình, Thánh Grigori bắt đầu theo học ông và, sau khi ở lại với ông một thời gian khá dài, đã trở về quê hương của mình, tại Neo-Caesarea. Người dân Neocaesarea và tất

[7890] Origen – vị thầy Kitô giáo lừng lẫy nhất của Giáo hội Alexandria (năm 254) – một kỳ tài của thời đại mình nhờ trí tuệ vĩ đại và kiến thức uyên bác – vào thời điểm đó là một nhà giảng dạy giáo lý xuất sắc tại Trường Giáo lý Alexandria. Ông đã đào tạo ra nhiều vị Thánh Cha và nhà giảng dạy vĩ đại của Giáo hội, trong đó có những người đã nhờ ông mà từ bỏ đạo ngoại để quy y Kitô giáo – tôn giáo mà ông mong muốn hòa hợp với tri thức và triết học. Đặc biệt nổi bật là các công trình của ngài về nghiên cứu Kinh Thánh, về việc giải thích Kinh Thánh và nhất là về việc phục hồi và thanh lọc bản văn chân chính của Kinh Thánh, cũng như các tác phẩm nhằm bảo vệ Kitô giáo trước các tà giáo và kẻ thù của Kitô giáo. Nói chung, ông đã đóng góp rất nhiều không chỉ cho thời đại của mình mà còn cho các thế hệ sau này, và tất cả các vị thầy vĩ đại của Giáo hội thế kỷ thứ 4 đều dành cho Origen sự kính trọng sâu sắc nhất và đã tham khảo các tác phẩm của ông một cách rộng rãi. Origen thu hút một lượng lớn thính giả đến trường giảng dạy, trong đó có rất nhiều thanh niên ngoại giáo, những người nhiệt thành tìm kiếm sự khai sáng cao nhất. Chính tại Alexandria, Thánh Grêgôriô đã gặp gỡ ông và trở thành một môn đệ nhiệt thành của ông. Theo lời kể của chính Thánh Grêgôriô, Origène đã khiến ngài trước tiên phải tìm kiếm những hạt giống chân lý rải rác trong các hệ thống triết học và khơi dậy trong ngài tình yêu đối với chân lý; sau đó, ông bắt đầu trình bày những nguyên lý cơ bản của đức tin Kitô giáo và giải thích Kinh Thánh. Sau tám năm theo học Origen, Grigori đã nhận phép rửa tội từ ngài và, sau khi bày tỏ lòng biết ơn với vị thầy của mình qua một bài diễn văn công khai, đã trở về quê hương với nỗi buồn vì phải xa cách ngài. "Tôi nghĩ," Grigori đã viết như vậy về vị thầy của mình, "ông đã nói điều đó không phải do ý riêng, mà là do sự soi dẫn của Thánh Thần: để trở thành một nhà tiên tri và giải thích lời tiên tri, cần phải có sức mạnh của Ngài. Và không ai có thể hiểu được vị tiên tri, nếu chính Thánh Thần của Đức Chúa Trời không ban cho sự hiểu biết về những lời của Ngài. Người này đã nhận được từ Đức Chúa Trời ân tứ vĩ đại nhất – đó là trở thành người truyền đạt Lời của Đức Chúa Trời cho loài người, hiểu Lời của Đức Chúa Trời theo cách mà chính Đức Chúa Trời đã dùng, và giải thích Lời ấy cho loài người theo cách mà họ có thể hiểu được."

cả những ai biết ngài, khi chứng kiến sự khôn ngoan vĩ đại của ngài, đều mong muốn ngài được tôn vinh giữa đồng bào và đảm nhận chức vụ thẩm phán cũng như quan cai trị thành phố. Nhưng Thánh Grigoriô, để tránh sự kiêu ngạo, danh vọng hão huyền của loài người và những cạm bẫy vô số mà kẻ thù dùng để trói buộc thế gian, đã rời bỏ thành phố quê hương và, định cư trong sa mạc, sống trong sự ẩn dật sâu sắc, chỉ dành cho một mình Thiên Chúa – những công việc và nỗ lực đó, chỉ có Đấng *"đã tạo dựng trái tim"* chúng ta và *"thấu hiểu mọi việc làm"* của chúng ta (Thánh Vịnh 32:15) mới biết.

Khi Thánh Grêgôriô đang ở trong sa mạc và tu tập trong sự suy niệm về Thiên Chúa, Đức Thánh Phêđim, Giám mục thành Amasia thuộc Cappadocia, đã nghe nói về ngài và muốn đưa ngài ra khỏi sa mạc để phục vụ Giáo Hội của Đức Kitô, phong ngài làm vị thánh và thầy dạy: vì ngài đã nhìn thấy ân sủng của Thiên Chúa nơi ngài và nhận ra rằng ngài sẽ trở thành một cột trụ vĩ đại của Giáo Hội và là chỗ dựa vững chắc cho đức tin. Thánh Grêgôriô cũng có ân sủng của sự thấu thị, và khi biết rằng vị giám mục muốn đưa ngài ra khỏi sa mạc để phục vụ Giáo Hội, ngài đã trốn tránh vị giám mục, vì cho rằng mình không xứng đáng với chức vụ đó, và lang thang từ nơi này sang nơi khác trong sa mạc để không bị tìm thấy. Thánh Phê-đim đã siêng năng tìm kiếm ngài và khẩn khoản kêu gọi ngài từ sa mạc trở về, nhưng vì không thể tách người yêu mến sa mạc khỏi sa mạc của mình và đưa ngài về A-ma-si-a để thụ phong, ngài đã thực hiện một việc có vẻ kỳ lạ và bất thường. Được Thánh Thần thúc đẩy và tràn đầy lòng nhiệt thành vì Giáo Hội thánh thiện, ngài không bận tâm đến việc Grigori không đến gặp ngài, cũng như khoảng cách không hề nhỏ giữa hai người – từ thành phố Amasia đến sa mạc nơi Grigori đang sống phải mất ba ngày đường; Giám mục Fedim không nản lòng trước khoảng cách đó và đã tấn phong Grigori, người đang ở xa ngài, làm giám mục của Giáo hội Neocaesarea. Hướng mắt lên Thiên Chúa, ngài nói:

– Lạy Thiên Chúa Toàn Tri và Toàn Năng, xin Ngài hãy nhìn xuống con và Grigori vào giờ phút này, và xin Ngài làm cho lễ tấn phong này trở nên hiệu quả nhờ ân sủng của Ngài.

Thánh Grigoriô Nissê đã làm chứng về điều này khi mô tả cuộc đời của vị thánh này[7891] ; điều này cũng được xác nhận trong kinh thánh, kể lại như sau: "Người cầu thay cho Chúa, được thắp sáng bởi lòng nhiệt thành, đã được Fedim xức dầu mà không qua cha, đặt trọn niềm tin vào Đức Chúa Trời, Đấng biết mọi sự, và trông cậy vào cuộc đời thánh thiện của ngài, Grigori, người nói lời Chúa"[7892] .

Như vậy, Thánh Fedim đã thực hiện một lễ tấn phong đặc biệt cho Grigori, và Thánh Grigori, dù không muốn, cũng vâng lời nhận lãnh chức vụ quản lý Giáo hội: vì làm sao ngài có thể chống lại ý muốn của Chúa được? Trước hết, ngài đã cầu nguyện, xin sự giúp đỡ từ trên cao cho công việc này.

Vào thời điểm đó, tà thuyết của Savellius và Phaolô Samosata bắt đầu lan rộng[7893] . Thánh Grigorius cảm thấy bối rối trước điều này và siêng năng cầu nguyện cùng Thiên Chúa và Đức Mẹ để được soi sáng về đức tin chân chính. Một đêm nọ, khi ngài đang cầu nguyện hết sức sốt sắng về điều đó, Đức Trinh Nữ Maria, rực rỡ như mặt trời, đã hiện ra trước mặt ngài cùng với Thánh Gioan Thần Học, người đang mặc áo lễ giám mục. Đức Mẹ chỉ tay về phía Grigori và truyền lệnh cho Thánh Gioan Thần Học dạy ngài cách tin vào mầu nhiệm Ba Ngôi một cách đúng đắn. Và theo lệnh của Mẹ Thiên Chúa, thánh Grêgôriô đã được thánh Gioan Thần Học dạy dỗ, trong một thời gian ngắn, về những Mầu Nhiệm vĩ đại của Thiên Chúa và đã rút ra từ vực thẳm vô tận của sự khôn ngoan, kiến thức thần linh. Những lời mặc khải do thánh Gioan Thần Học phán ra như sau:

[7891] Các tác phẩm của Thánh Grêgôriô Nissê, bản dịch tiếng Nga, tập VIII, trang 143. – Tuy nhiên, Thánh Grêgôriô, vị làm phép lạ, đã nhận chức vụ cao nhất trong hệ thống phẩm trật Giáo hội, theo lời chứng của chính Thánh Grêgôriô Nissê, chỉ sau khi đã hoàn tất tất cả các nghi thức thánh lễ hợp pháp trên ngài và xin Thánh Fedim – vị đã bầu chọn ngài vào chức Giám mục – một khoảng thời gian ngắn để thấu hiểu chính xác mầu nhiệm đức tin.

[7892] Thánh lễ Thánh Grêgôriô, Ca ngợi, bài ca số 5, bài thánh ca số 2.

[7893] Savelios và Phaolô Samosata đã giảng dạy sai lầm về mầu nhiệm Thánh Ba Ngôi. Người thứ nhất khẳng định rằng Thiên Chúa là một Ngôi Vị duy nhất: với tư cách là Cha, Ngài ở trên trời; với tư cách là Con, Ngài ở dưới đất; với tư cách là Thánh Thần, Ngài hiện diện trong muôn loài thụ tạo. Theo giáo lý của Savellius, đó chỉ là những hình thức quen thuộc mà qua đó Thiên Chúa hiện ra trước con người: trong Cựu Ước, với tư cách là Đấng ban luật, Ngài hiện ra là Cha; trong Tân Ước, với tư cách là Đấng Cứu Thế, Ngài đã hiện ra là Con và tiếp tục hiện ra như Thánh Thần thánh hóa họ. Phaolô Samosata (theo nơi sinh), Giám mục Antiôkhia, đã giảng dạy sai lầm rằng Con và Thánh Thần hiện hữu trong Thiên Chúa Cha, cũng như trí tuệ và sức mạnh (lý trí và tinh thần) trong con người. Khi công nhận Chúa Kitô chỉ là một con người bình thường, được đầy tràn Thánh Thần và sự khôn ngoan thần thánh, Phaolô đã cấm trong Giáo hội Antioch hát các bài thánh ca tôn vinh Chúa Giêsu Kitô như là Thiên Chúa, và cấm rửa tội nhân danh Ngài. Những người theo tà thuyết này được gọi là những người theo thuyết "Patri-passian", bởi vì, do không phân biệt các Ngôi của Thiên Chúa, họ gán sự nhập thể và sự đau khổ cho Thiên Chúa Cha.

– Chỉ có một Thiên Chúa, là Cha của Lời Hằng Sống, là Khôn Ngoan Hữu Thể, là Quyền Năng và Hình Tượng Vĩnh Cửu, là Đấng Sinh Ra Hoàn Hảo của Đấng Hoàn Hảo, là Cha của Con Một. Chỉ có một Chúa, Đấng Duy Nhất từ Đấng Duy Nhất, Thiên Chúa từ Thiên Chúa, Hình ảnh và Biểu tượng của Thần Tính, Lời Hiệu Quả, Trí Tuệ bao trùm toàn bộ cấu trúc của vạn vật, và Quyền Năng Sáng Tạo của mọi thụ tạo, Con Thật của Cha Thật, Con Vô Hình, Bất Hủ, Bất Tử và Hằng Hữu của Cha Vô Hình, Bất Hủ và Hằng Hữu. Và Thánh Thần Duy Nhất, Đấng có bản thể từ Cha và được tỏ ra cho loài người qua Con, Hình ảnh Hoàn hảo của Con Hoàn hảo, Sự Sống, Nguồn gốc của mọi sự sống, Nguồn Thánh, Thánh Thể ban sự thánh hóa, trong Đấng ấy, Thiên Chúa Cha, Đấng ở trên mọi sự và trong mọi sự, và Thiên Chúa Con, Đấng hiện diện qua mọi sự, Ba Ngôi Hoàn Hảo, trong vinh quang, vĩnh cửu và vương quốc, không thể tách rời và không thể tách biệt. Vậy nên, trong Ba Ngôi không có gì là được tạo dựng, hay phục vụ, hay được thêm vào, như thể trước đây không có mà sau này mới xuất hiện. Vậy nên, Con không thiếu thốn điều gì trước mặt Cha, và Thánh Thần cũng không thiếu thốn điều gì trước mặt Con, nhưng Ba Ngôi ấy luôn luôn bất biến và không thay đổi.

Sau thị kiến này, Thánh Grêgôriô đã tự tay ghi chép lại những lời mà Thánh Gioan Thần Học đã phán với ngài, và bản văn này đã được lưu giữ tại Nhà thờ Neocaesarea trong nhiều năm[7894] .

Sau đó, Thánh Grêgôriô lên đường đến Neocaesarea. Lúc bấy giờ, toàn bộ Neocaesarea chìm trong bóng tối của sự thờ ngẫu tượng; thành phố này có vô số tượng thần và đền thờ ngẫu tượng. Hàng ngày, người ta dâng rất nhiều lễ vật cho các thần tượng, đến nỗi không khí tràn ngập mùi hôi thối bốc lên từ những con vật bị giết mổ và thiêu đốt làm lễ vật, và chỉ có vỏn vẹn 17 tín hữu trong thành phố đông đúc như vậy.

Khi Thánh Grigori đi đến Neocaesarea, trên đường đi, ngài phải đi ngang qua một đền thờ thần tượng. Lúc đó là buổi tối và một cơn mưa lớn đang ập đến; vì hoàn cảnh bắt buộc, Thánh Grigori và những người đồng hành của ngài phải vào đền thờ thần tượng đó và nghỉ qua đêm tại đó. Trong ngôi đền đó có rất nhiều tượng thần; trong các tượng ấy có những con quỷ cư ngụ, chúng hiện ra trước các thầy tế và trò chuyện với họ. Sau một đêm ở đó, Thánh Grigori đã cử hành các bài thánh ca và lời cầu nguyện nửa đêm và buổi sáng như thường lệ, đồng thời làm dấu thánh giá để thanh tẩy không khí đã bị ô uế bởi các lễ vật dâng cho quỷ dữ. Bị kinh hãi trước dấu thánh giá và những lời cầu nguyện thánh thiện của Grigori, các quỷ dữ đã bỏ lại đền thờ và các tượng thần của chúng, rồi biến mất. Sáng hôm sau, Thánh Grigori cùng các bạn đồng hành tiếp tục hành trình, còn vị thầy tế tà thần bước vào đền thờ theo thói quen, định dâng lễ vật cho các quỷ dữ, nhưng không thấy chúng đâu, vì chúng đã bỏ chạy khỏi đó. Các quỷ cũng không hiện ra trước mặt ông khi ông bắt đầu dâng lễ vật cho chúng – như trước đây chúng thường xuất hiện: và vị thầy tế bối rối không hiểu tại sao các vị thần của ông lại bỏ lại đền thờ của mình. Ông tha thiết cầu xin chúng quay trở lại chỗ cũ, nhưng chúng la lên từ xa:

– Chúng ta không thể vào nơi mà đêm qua có một người lữ hành đã đi từ sa mạc đến Neocaesarea.

Nghe vậy, vị tư tế vội vã đuổi theo Grigori, bắt kịp anh, chặn lại và giận dữ quát mắng anh, trách móc rằng với tư cách là một Kitô hữu, anh đã dám bước vào đền thờ của các vị thần họ, và rằng chính vì anh mà các vị thần đã ghét bỏ nơi này và rời đi; ông ta đe dọa sẽ đưa ông ra trước tòa án hoàng gia, với ý định ngay lập tức lôi ông đi bằng vũ lực đến trước những kẻ tra tấn. Thánh Grigoriô, bằng những lời lẽ hiền lành và khôn ngoan, đã xoa dịu cơn giận của vị tư tế, cuối cùng nói:

– Đức Chúa Trời của tôi toàn năng đến nỗi Ngài còn ra lệnh cho cả ma quỷ, và Ngài đã ban cho tôi quyền năng trên chúng đến nỗi chúng phải vâng lời tôi dù không muốn.

Nghe vậy, vị tư tế đã kìm nén cơn giận và khẩn cầu vị thánh hãy ra lệnh cho các vị thần ngoại đạo trở về đền thờ của họ. Vị thánh xé một mảnh giấy nhỏ từ cuốn sách của mình, viết lên đó những lời như sau: "Grigori, Satan: hãy vào đi" – rồi đưa mảnh giấy đó cho vị thầy tế, ra lệnh cho ông ta đặt nó lên bàn thờ của những vị thần tà

[7894] Thánh Grêgôriô Nissê, sau khi kể về nguồn gốc kỳ diệu của Kinh Tin Kính này, đã thêm rằng: "Nếu ai muốn xác minh điều đó, hãy lắng nghe Giáo hội, nơi ngài đã rao giảng và nơi bản gốc do chính tay ngài viết vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay." Thánh nữ Macrina, bà nội của Thánh Basil Đại Đế và Thánh Grêgôriô Nissus, người đã được nghe chính vị thánh làm phép lạ giảng dạy, đã mang bản Tuyên xưng này đến Cappadocia và dạy dỗ các cháu của mình theo đó, trong đó có cả Thánh Basil Đại Đế. Thánh Grêgôriô Thần Học cũng lấy bản Tuyên xưng này làm kim chỉ nam. Rufinus đã đưa nó vào bản dịch Lịch sử Giáo hội của Eusebius của Caesarea do ông thực hiện. Và Công đồng Đại kết lần thứ năm (năm 623) cũng đã phê chuẩn nó. – Tín điều của Thánh Grigorius, vị thánh làm phép lạ, là một trong những di sản quý giá nhất của thời cổ đại. Nó không dài dòng; nhưng chứa đựng giáo lý chính xác về Ba Ngôi Thiên Chúa, về bản thể đồng nhất của Ngài, các phẩm chất cá nhân và các hành động của Ngài đối với con người – và vì vậy hoàn toàn xứng đáng được nghiên cứu kỹ lưỡng.

ác của ông ta. Và ngay lập tức, các quỷ dữ quay trở lại đền thờ và trò chuyện với vị thầy tế, như trước đây. Vị thầy tế kinh hoàng, ngạc nhiên trước quyền năng thiêng liêng của Thánh Grigori, nhờ đó ngài chỉ cần một lời ra lệnh là các quỷ dữ phải vâng lời; ông vội vã đuổi theo ngài, bắt kịp ngài khi ngài chưa về đến thành phố, và hỏi rằng ngài lấy đâu ra sức mạnh như vậy, khiến các vị thần ngoại đạo phải sợ hãi và tuân theo mệnh lệnh của ngài. Thánh Grigoriô, thấy lòng vị thầy tế sẵn sàng đón nhận đức tin, bèn bắt đầu giảng dạy cho ông về Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật, Đấng đã tạo dựng vạn vật bằng Lời của Ngài, và truyền cho ông mầu nhiệm của đức tin thánh thiện. Trong khi họ vừa trò chuyện vừa tiếp tục hành trình, vị tư tế bắt đầu nài nỉ Thánh Grigorius hãy thực hiện một phép lạ nào đó để làm bằng chứng rõ ràng cho đức tin của mình. Và rồi họ nhìn thấy một tảng đá khổng lồ, dường như không có sức mạnh nào có thể di chuyển nó khỏi chỗ đó; nhưng Thánh Grigoriô đã ra lệnh cho tảng đá di chuyển khỏi chỗ của nó nhân danh Chúa Kitô, và tảng đá đã di chuyển và chuyển đến một nơi khác, nơi mà vị tư tế mong muốn. Vị tư tế cảm thấy kinh ngạc trước phép lạ vĩ đại này, và ông đã xưng nhận:

– Chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật và toàn năng, Đấng mà Grigori đang rao giảng, và không có ai khác ngoài Ngài – và ngay lập tức ông tin vào Ngài, rồi truyền bá tin tức về sự kiện này khắp nơi nhanh đến nỗi, tại Neocaesarea, dân chúng đã biết về những phép lạ của Grigori và quyền năng của ông đối với ma quỷ trước cả khi chính Grigori đến đó[7895] . Cả thành phố đều biết tin về sự xuất hiện của ngài, và đông đảo dân chúng đã ra đón ngài, mong được nhìn thấy ngài, vì họ đã nghe nói rằng ngài chỉ bằng lời nói đã di chuyển một tảng đá khổng lồ sang nơi khác, và rằng ngài ra lệnh cho các vị thần của họ, và họ đều vâng lời ngài.

Khi lần đầu tiên bước vào thành phố vĩ đại trong một hoàn cảnh hết sức lạ lẫm đối với mình, Thánh Grigoriô không hề ngạc nhiên trước đám đông đông đảo tụ tập vì ngài, mà cứ như đang đi giữa sa mạc, ngài chỉ nhìn vào chính mình và con đường phía trước, không quay lại nhìn bất kỳ ai trong số những người đang vây quanh. Và chính điều này lại khiến dân chúng cảm thấy còn cao quý và kỳ diệu hơn cả phép lạ mà vị thánh đã thực hiện trên tảng đá. Thánh Grigori bước vào thành phố, bị những người tháp tùng chen lấn từ mọi phía, như thể cả thành phố đã tôn kính ngài. Nhưng, khi đã giải thoát bản thân khỏi mọi gánh nặng trần thế, vị thánh không để ý đến điều đó. Khi ngài vào thành, để nghỉ ngơi, ngài không có nơi nào để ở, dù là nhà thờ hay nhà riêng, và những người đi cùng ngài rơi vào sự bối rối và lo lắng, không biết nên dừng chân ở đâu và tìm chỗ trú ngụ ở nhà ai. Nhưng vị thầy của họ, Grigori, người khôn ngoan trước mặt Chúa, vừa trấn an họ vừa như trách móc sự nhút nhát của họ, nói:

– Sao các con lại lo lắng như thể đang ở ngoài sự che chở của Thiên Chúa, băn khoăn không biết nơi nào có thể an ủi thân xác các con? Chẳng lẽ Thiên Chúa lại là một ngôi nhà quá nhỏ bé đối với các con, dù chúng ta sống, di chuyển và tồn tại nhờ Ngài? Hay là nơi trú ẩn trên trời quá chật hẹp đối với các con, đến nỗi các con phải tìm kiếm một nơi ở khác ngoài nơi này? Hãy chỉ lo lắng về ngôi nhà duy nhất ấy, ngôi nhà thuộc về mỗi người, được xây dựng bằng các đức tính và vươn cao; các ngươi chỉ nên lo lắng về ngôi nhà ấy, để nơi ở ấy không bị bỏ bê trong lòng các ngươi...

Khi Thánh Grêgôriô giảng dạy như vậy cho các bạn đồng hành của mình, có một công dân danh giá và giàu có tên là Musonius đang có mặt tại đó. Thấy rằng nhiều người đều có cùng một mong muốn và lo lắng là làm thế nào để đón tiếp vị đại nhân này vào nhà mình, ông đã đi trước những người khác, quay sang xin Thánh Grêgôriô ở lại nhà ông và vinh danh ngôi nhà của ông bằng sự hiện diện của Ngài. Những người khác cũng xin Thánh nhân điều tương tự, nhưng ngài, đáp lại lời thỉnh cầu của người đầu tiên, đã ở lại nhà Musonius. Khi Grigoriô đặt chân đến Neocaesarea, ngài chỉ tìm thấy ở đó 17 tín hữu, còn cả thành phố thì đang thờ lạy những thần tượng vô hồn và phụng sự các quỷ dữ. Lúc bấy giờ, Thánh Grigori bắt đầu cầu nguyện với Thiên Chúa trong thâm tâm: xin Ngài hãy nhìn xuống các tạo vật của Ngài và soi sáng, dẫn dắt đám đông những người lầm lạc và đang trên đường diệt vong

---

[7895] "Sau phép lạ này, – Thánh Grêgôriô Nissê nói, – người này ngay lập tức tin vào lời (của Grêgôriô) và từ bỏ dòng họ, gia đình, vợ con, bạn bè, chức tư tế, tài sản; thay vì tất cả những điều tốt lành thuộc về mình, ông đã chọn sự hiệp thông với vị thánh vĩ đại ấy và tham gia vào các công việc của ngài, cũng như vào sự khôn ngoan và giáo lý thần thánh của ngài. Hãy để mọi sự khéo léo giả tạo của các nhà biên niên sử – những người dùng tài hùng biện để phóng đại quy mô của những việc làm kỳ diệu – im lặng trước điều này, vì phép lạ đã nói trên không phải là thứ mà sức mạnh của tài hùng biện khi kể lại nó có thể làm cho nó lớn hơn hay nhỏ hơn so với bản chất thực sự của nó. Ai, khi nói thêm điều gì ngoài những gì đã nói, lại có thể làm cho phép lạ này lớn hơn được chăng?.. Hòn đá bị loại bỏ khỏi các hòn đá..., hòn đá trở thành người rao giảng đức tin thiêng liêng và người dẫn đường cho những kẻ ngoại đạo đến sự cứu rỗi, không phải bằng giọng nói nào, cũng không phải bằng lời nói để rao giảng quyền năng thiêng liêng, mà bằng chính những gì nó đã làm, chứng tỏ rằng Đấng mà Grigori rao giảng chính là Đức Chúa Trời, Đấng mà mọi loài thọ tạo đều phục tùng và vâng lời như nhau, – không chỉ những sinh vật có cảm giác, sống động và có linh hồn, mà ngoài ra, mọi sinh vật khác cũng phục vụ Ngài một cách khiêm nhường, như thể chúng không bị tước đoạt cảm giác vậy»...

ấy trở về con đường cứu rỗi. Trong thời gian ở lại nhà Musonius, Thánh Grigori bắt đầu giảng dạy cho những người chưa tin về sự hiểu biết về Thiên Chúa chân thật. Ban đầu, số người lắng nghe lời ngài còn ít, nhưng trước khi ngày kết thúc và mặt trời lặn, đã có rất nhiều người gia nhập buổi họp đầu tiên đến nỗi họ đã tạo thành những đám đông đông đúc.

Sự trợ giúp của Thiên Chúa đã đồng hành cùng ngài đến mức không có ngày nào trôi qua mà Giáo Hội của Đức Kitô không đón nhận thêm những linh hồn mới. Rất nhiều người, cùng vợ con, tụ tập tại nhà Musonius để đến với Thánh Grigorius, nghe lời giảng dạy của ngài và chứng kiến những phép lạ chữa lành kỳ diệu do ngài thực hiện[7896] : vì ngài đã xua đuổi các linh hồn gian ác khỏi con người, chữa lành mọi bệnh tật, và ngày qua ngày, những người tin Chúa gia nhập Giáo hội và số lượng họ ngày càng gia tăng. Trong một thời gian ngắn, nhờ sự đóng góp của những người đã tin vào Chúa, Grigori đã xây dựng nên một nhà thờ tuyệt đẹp; các tín hữu đã dâng hiến cho ngài tất cả những gì họ có để xây dựng nhà thờ, và mở kho tàng của mình ra, để ngài lấy bao nhiêu tùy ý, nhằm làm cho ngôi nhà của Chúa thêm trang nghiêm, nuôi dưỡng trẻ mồ côi và chăm sóc người bệnh. Như vậy, Lời Chúa ngày càng lan rộng tại Neocaesarea, đức tin thánh thiện được truyền bá, tín ngưỡng đa thần và thờ ngẫu tượng bị phá hủy, những đền thờ ghê tởm của họ trở nên hoang tàn, các tượng thần bị đập vỡ – còn Danh của Đức Chúa Trời Duy Nhất Toàn Năng và Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta được tôn vinh và ca ngợi khắp Neocaesarea, và nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời qua Thánh Grigori, những phép lạ kỳ diệu và đáng sợ đã được thực hiện. Theo lời chứng của Thánh Grêgôriô Nissê, một thị kiến kỳ diệu sau đây đã góp phần đặc biệt vào việc củng cố Giáo Hội của Đức Kitô tại Neocaesarea và làm gia tăng số lượng tín hữu tại đó.

Theo phong tục cổ xưa, tại thành phố này diễn ra một lễ hội ngoại giáo quy mô lớn dành cho toàn dân để tôn vinh một vị thần địa phương; hầu như toàn bộ vùng lân cận đều đổ về tham dự lễ hội này, vì người dân nông thôn cũng cùng chung vui với người thành thị. Trong thời gian lễ hội, nhà hát chật cứng người, ai nấy đều cố gắng tiến gần sân khấu hơn để nhìn và nghe rõ hơn, khiến nơi đây trở nên ồn ào và hỗn loạn; kết quả là đám đông đồng thanh thét lên – tất cả đều kêu cầu vị thần được tôn vinh hãy nhường chỗ cho họ. “Zeus ơi,” những kẻ vô tín kêu lên, “xin hãy nhường chỗ cho chúng tôi.” Nghe thấy lời cầu nguyện liều lĩnh này, Thánh Grigori đã sai một trong những người hầu của mình đến nói rằng họ sẽ sớm được nhường chỗ, thậm chí còn rộng rãi hơn cả những gì họ đang cầu xin. Những lời đó của ngài hóa ra lại là một lời phán quyết bi thảm: ngay sau lễ hội toàn dân này, một dịch bệnh tàn khốc đã lan tràn khắp thành phố, tiếng khóc lẫn lộn với những bài ca vui vẻ, khiến niềm vui của họ biến thành nỗi đau và bất hạnh; thay vì tiếng kèn và tiếng vỗ tay, thành phố vang lên những bài ca than khóc không ngừng nghỉ. Dịch bệnh, sau khi xuất hiện trong thành phố, đã lây lan nhanh hơn cả dự đoán, tàn phá các ngôi nhà như ngọn lửa, đến nỗi các đền thờ chật kín những người mắc bệnh dịch, chạy đến đó với hy vọng được chữa lành; xung quanh các suối, nguồn nước và giếng, những người khát khô cổ vì căn bệnh bất lực tụ tập đông đúc; nhưng ngay cả nước cũng bất lực trước cơn sốt dữ dội của bệnh tật. Nhiều người tự mình đến nghĩa trang, vì số người còn sống không đủ để chôn cất những người đã khuất. Và thảm họa này ập đến với mọi người một cách bất ngờ, nhưng dường như có một bóng ma nào đó ban đầu tiến đến ngôi nhà nơi dịch bệnh sẽ bùng phát, rồi sau đó mới đến sự diệt vong. Sau khi nguyên nhân của căn bệnh đã trở nên rõ ràng với tất cả mọi người, rằng con quỷ mà họ đã triệu hồi đã ác ý thực hiện lời cầu xin của họ, mang đến cho thành phố, thông qua căn bệnh này, vùng đất khốn khổ này, – tất cả họ đều quay sang thánh Grigori, khẩn cầu ngài ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh bằng quyền năng của Đức Chúa Trời mà ngài rao giảng, Đấng Duy Nhất mà giờ đây họ tuyên xưng là Đức Chúa Trời chân thật, cai trị trên muôn loài. Và ngay khi bóng ma ấy xuất hiện, báo trước sự xuất hiện của vết loét trong nhà, những người phải chịu thảm họa này chỉ còn một cách cứu rỗi duy nhất, đó là mời vị thánh vào nhà và bằng lời cầu nguyện, xua đuổi căn bệnh đã xâm nhập vào ngôi nhà.

Khi tin đồn về điều này từ những người đầu tiên được cứu khỏi dịch bệnh theo cách đó nhanh chóng lan truyền khắp mọi nơi, thì mọi người đã từ bỏ tất cả những gì trước đây họ từng bám víu vào vì sự thiếu sáng suốt của mình: các lời sấm truyền, các nghi thức thanh tẩy, việc ở lại các đền thờ thần tượng, bởi vì tất cả đều hướng ánh mắt về vị thánh vĩ đại và mỗi người đều cố gắng mời ngài đến với mình để cứu rỗi gia đình mình. Phần thưởng dành cho ngài từ những người được cứu rỗi chính là sự cứu rỗi linh hồn, bởi khi lòng đạo đức của ngài đã được chứng thực qua trải nghiệm ấy, thì đối với những ai thực sự nhận ra sức mạnh của đức tin, không còn lý do nào để

[7896] Vô số phép lạ do Thánh Grêgôriô Neocésariô thực hiện đã nhanh chóng mang lại cho ngài danh hiệu “người làm phép lạ” và “Môsê thứ hai”, như Thánh Grêgôriô Nissê đã chứng thực về ngài trong bài giảng về cuộc đời của Thánh Grêgôriô, người làm phép lạ.

chần chừ trong việc lãnh nhận Bí tích của Đức Kitô. Và đến mức nào khi còn khỏe mạnh họ từng do dự trong suy nghĩ về việc lãnh nhận Bí tích, thì đến mức đó, bệnh tật thể xác lại củng cố đức tin của họ. Khi sự lầm lạc của việc thờ ngẫu tượng đã bị vạch trần như vậy, tất cả đều quay về với danh Chúa Kitô: một số được dẫn dắt đến chân lý nhờ căn bệnh đã ập đến với họ, số khác thì nương tựa vào đức tin nơi Chúa Kitô như một phương thuốc phòng ngừa chống lại căn bệnh "[7897] ".

Sau đó, lòng kính trọng và tôn sùng dành cho Thánh Grigoriô càng được củng cố hơn nữa tại Neocaesarea. Cư dân, cả trong thành phố lẫn vùng lân cận, bị ấn tượng sâu sắc bởi những phép lạ Tông đồ của vị thánh, tin rằng mọi điều ngài nói và làm đều được thực hiện nhờ quyền năng thần thánh. Vì vậy, ngay cả trong những vụ việc đời thường có tranh chấp, họ cũng không công nhận bất kỳ tòa án nào cao hơn ngài; mọi tranh chấp và mọi vụ việc phức tạp, khó giải quyết đều được giải quyết nhờ lời khuyên của ngài. Nhờ ảnh hưởng đầy ân sủng của Thánh Grigori, công lý và hòa bình đã được thiết lập trong thành phố, và không có điều ác nào làm xáo trộn sự hòa hợp lẫn nhau.

Hai anh em, sau khi cha qua đời, đã thừa kế một khối tài sản lớn và chia chác nó một cách hòa bình giữa hai người. Tuy nhiên, họ có một hồ nước lớn, mà họ tranh cãi gay gắt, vì cả hai đều muốn sở hữu toàn bộ nó. Họ đã chọn Thánh Grigorius, vị thánh làm phép lạ, làm trọng tài. Khi đến hồ, ngài đã nỗ lực rất nhiều để hòa giải họ, nhưng không thành công: cả hai anh em đều cứng đầu và không ai muốn nhường phần hồ của mình cho người kia. Sau nhiều lần xung đột và tranh cãi, họ đã suýt nữa lao vào chiến đấu với nhau, bởi cả hai đều có rất nhiều người ủng hộ, và vị thánh chỉ vừa kịp can ngăn họ khỏi trận chiến vào ngày hôm đó. Chiều tối đến, mọi người đều về nhà, hoãn trận chiến đến sáng hôm sau; còn vị thánh thì ở lại một mình bên hồ, và sau khi dành cả đêm để cầu nguyện, ngài đã ra lệnh cho hồ, nhân danh Chúa, rằng nó phải cạn khô hoàn toàn, đến mức không còn một giọt nước nào, thậm chí không còn hơi ẩm nào, và để đất trở nên thuận lợi cho việc cày bừa và gieo hạt. Và điều đó đã xảy ra đúng như lời vị thánh: đột nhiên, nước biến mất không biết đi đâu, và đất trở nên khô ráo. Sáng hôm sau, hai anh em cùng một đoàn người vũ trang đông đảo đến hồ với ý định chiếm đoạt nó bằng vũ lực, nhưng họ không tìm thấy dù chỉ một giọt nước nào tại nơi từng là hồ: đất đai đã khô ráo và phủ đầy cây cỏ, như thể nơi đó chưa từng có nước. Bị choáng ngợp trước phép lạ ấy, hai anh em bất giác hòa giải với nhau, còn mọi người thì ca ngợi Thiên Chúa. Đó chính là sự phán xét công minh do vị thánh thực hiện: nơi mà không thể có hòa bình giữa hai anh em và chiến tranh đang cận kề, ngài đã tiêu diệt chính nguyên nhân gây ra xung đột bằng cách làm cạn khô hồ nước, để tình anh em không bao giờ cạn kiệt.

Ở vùng lân cận đó có một con sông tên là Lycos[7898] . Vào mùa xuân, dòng sông này tràn bờ và lan rộng, nhấn chìm các làng mạc, cánh đồng, vườn rau và vườn cây ăn quả lân cận, gây thiệt hại nặng nề cho mùa màng và người dân. Những người sống dọc theo bờ sông đó, khi nghe tin về Thánh Grigori, vị thánh làm phép lạ ở Neo-Caesarea, rằng ngài có quyền năng trên nước (vì ngài đã ra lệnh cho một hồ nước lớn – và nó đã cạn khô), nên tất cả, từ già đến trẻ, đều tụ tập lại và, khi đến gặp vị thánh, họ quỳ xuống dưới chân ngài, khẩn cầu ngài hãy thương xót họ và làm dịu cơn lũ của con sông: vì lúc bấy giờ con sông này đã dâng nước bất thường và nhấn chìm nhiều làng mạc. Vị thánh nói với họ:

– Chính Đức Chúa Trời đã đặt ra giới hạn cho các con sông, và chúng không thể chảy theo cách nào khác, mà chỉ theo cách mà Đức Chúa Trời đã truyền lệnh.

Họ lại càng khẩn thiết van xin vị thánh hơn nữa. Thấy nỗi đau khổ của họ, vị thánh đứng dậy, đi cùng họ đến con sông ấy và, khi đến những bờ sông nơi dòng chảy chính của con sông thường chảy khi sông không bị ngập lụt, ngài cắm cây gậy của mình xuống đó, rồi nói:

– Chúa Kitô của ta ra lệnh cho ngươi, hỡi dòng sông, đừng vượt qua ranh giới của mình và đừng tràn nước ra xa hơn nữa, mà hãy chảy trật tự trong hai bờ của ngươi.

Ngay lập tức, cây gậy mà vị thánh cắm xuống đã biến thành một cây sồi khổng lồ, còn dòng nước thì tụ lại trong lòng sông giữa hai bờ; và kể từ đó, con sông ấy không bao giờ tràn bờ nữa, mà mỗi khi mực nước dâng cao và tiến gần đến cây sồi, nó lập tức rút lui, không làm ngập lụt công sức lao động của con người[7899] .

[7897] Câu chuyện về phép lạ này được tóm tắt dựa trên lời kể của Thánh Grêgôriô Nissê trong bài giảng về cuộc đời Thánh Grêgôriô, vị Thánh làm phép lạ.

[7898] *Likos* – từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "sói" – là một con sông ở Pontus, phía bắc Tiểu Á, bắt nguồn từ dãy núi Armenia; con sông này được đặt tên như vậy vì dòng chảy xiết, không thể kiềm chế và những thiệt hại mà nó gây ra cho cư dân vùng lân cận.

Vị thánh làm phép lạ muốn xây dựng một nhà thờ tại một địa điểm xinh đẹp gần ngọn núi. Khi ngài bắt đầu đặt nền móng, nơi đó lại quá chật hẹp, mà cũng không thể mở rộng thêm được vì bị ngọn núi cản trở. Lúc đó, vị thánh bắt đầu cầu nguyện, và sau khi cầu nguyện xong, ngài đã ra lệnh cho ngọn núi, nhân danh Chúa Giêsu Kitô, phải di chuyển và lùi khỏi vị trí của nó, đủ để mở rộng khu vực xây dựng nhà thờ – và ngay lập tức, ngọn núi rung chuyển, di chuyển và lùi xa hơn, tạo ra đủ không gian cho nền móng rộng rãi của nhà thờ. Đức tin của vị thánh nhân này mạnh mẽ đến nỗi ngay cả núi non cũng phải nhường đường! Nhiều người ngoại đạo, khi chứng kiến phép lạ này, đã quay về với Chúa và nhận phép rửa tội từ vị thánh. Danh tiếng về ngài lan rộng khắp nơi nhờ những phép lạ vĩ đại mà ngài thực hiện nhờ quyền năng của Thiên Chúa, Đấng đã tràn đầy trong ngài.

Tin đồn về những phép lạ ấy lan rộng khắp cả nước, và mọi người đều tin rằng chúng được thực hiện nhờ sức mạnh của đức tin vào Đấng Kitô, và họ mong muốn được trở thành những người cùng chia sẻ đức tin này, được chứng thực qua những phép lạ ấy. Vì vậy, từ một thành phố lân cận tên là Komany[7900] , một phái đoàn đã đến gặp vị thánh với lời thỉnh cầu xin ngài thành lập nhà thờ tại đó và bổ nhiệm cho họ một vị giám mục xứng đáng. Thánh Grêgôriô đã đáp ứng lời thỉnh cầu của họ và ở lại với họ vài ngày, củng cố đức tin và lòng đạo đức của họ. Khi đến thời điểm bầu chọn giám mục, vị thánh, khiến mọi người ngạc nhiên, đã chỉ định một người đàn ông đạo đức và hiếu Chúa tên là Alexandra – người trước đây chỉ là một thợ than bình thường – là người xứng đáng với vinh dự cao quý này. Như vậy, Thánh Grigori, vị Thánh làm phép lạ, đã trở thành ân nhân của thành phố, khi khám phá ra kho báu thầm kín của cư dân Komana, thứ sau này trở thành vật trang trí tuyệt đẹp cho Nhà thờ[7901] .

Khi Thánh Grigori trở về từ đó, một số người Do Thái vô tín đã muốn chế nhạo ngài và chứng tỏ rằng ngài không có Thánh Thần của Chúa. Họ đã làm như sau: trên con đường mà vị thánh phải đi qua, những người Do Thái đặt một người trong số họ, như thể đã chết, trong tình trạng trần truồng, rồi tự mình khóc lóc bên cạnh người đó. Khi vị thánh làm phép lạ đi ngang qua họ, họ bắt đầu van nài ngài hãy thương xót người đã chết và dùng áo quần che phủ thi thể anh ta. Ngài cởi áo ngoài của mình ra, trao cho họ, rồi tiếp tục đi. Người Do Thái bắt đầu chế giễu và mắng chửi vị thánh một cách hả hê, nói rằng: "Nếu ngài có Thánh Thần của Đức Chúa Trời trong mình, thì ngài đã biết rằng người nằm đó không phải là người chết, mà là người còn sống," – và họ bắt đầu gọi người bạn của mình dậy. Nhưng Đức Chúa Trời đã trừng phạt họ vì sự xúc phạm đó, khiến người bạn của họ thực sự chết đi. Họ, tưởng rằng anh ta chỉ ngủ thiếp đi, liền thúc vào sườn anh ta để đánh thức, và lớn tiếng gọi tên anh ta, nhưng không có tiếng đáp lại, vì anh ta đã chìm vào giấc ngủ vĩnh hằng. Thấy anh ta đã chết, họ bắt đầu khóc lóc thật sự; thế là tiếng cười của họ đã biến thành tiếng khóc, và những người chết đã chôn cất người chết của họ.

Trên chặng đường tiếp theo, tại một nơi nào đó trong vùng đất ấy, một buổi họp mặt đạo đức của các tín hữu đã diễn ra dưới trời mở, và mọi người đều kinh ngạc trước những lời giảng dạy của Thánh Grigori, nhưng một cậu bé bỗng nhiên lớn tiếng kêu lên rằng vị thánh không tự mình nói những lời đó, mà là một người khác đang đứng gần ngài đang thốt ra những lời ấy. Khi buổi họp kết thúc và người ta dẫn cậu bé đến trước mặt ngài, vị thánh làm phép lạ nói với những người có mặt rằng cậu bé bị quỷ ám, và ngay lập tức, ngài cởi chiếc áo choàng ra, áp vào hơi thở của mình rồi đặt lên người cậu bé. Lúc đó, cậu bé bắt đầu giãy giụa, la hét, ngã lăn xuống đất, quằn quại qua lại: đúng như những gì thường xảy ra với những người bị quỷ ám. Vị thánh đặt tay lên cậu bé – và những cơn co giật của cậu bé chấm dứt: tà linh đã rời khỏi cậu, và cậu, khi trở lại trạng thái bình thường, không còn nói rằng mình thấy ai đó đang nói chuyện bên cạnh Thánh Grigoriô nữa, và đã được chữa lành hoàn toàn.

[7899] "Đối với dòng sông," Thánh Grêgôriô Nissê nói, "cây này đã trở thành rào cản ngăn dòng chảy, còn đối với người dân nơi đó, nó là một cảnh tượng và chủ đề của câu chuyện lịch sử; bởi khi dòng sông ấy, tràn đầy do mưa và các suối, cuồn cuộn chảy với dòng chảy mạnh mẽ và tiếng ồn kinh hoàng, thì khi mặt sóng đập vào thân cây này, nước lại dâng lên và hướng dòng chảy về giữa lòng sông, và như thể sợ chạm vào cây này, dòng nước chảy vòng qua nơi này. Đó chính là sức mạnh của Thánh Grigori vĩ đại, hay đúng hơn, là của Đức Chúa Trời, Đấng thực hiện những phép lạ qua ngài! Bởi vì bản chất của các nguyên tố tự nhiên, giống như một nô tì, luôn thay đổi theo ý muốn tùy theo mệnh lệnh – đến nỗi hồ nước biến thành vùng đất khô cằn, và nơi từng bị ngập nước nay lại có người sinh sống, bởi vì cây gậy đã làm cho nơi đó an toàn cho cư dân. Tên của cây này cho đến ngày nay vẫn *là "cây gậy",* và nó luôn được người dân địa phương gìn giữ để tưởng nhớ ân sủng và quyền năng của Grigori»...

[7900] Komana (hay Konany) thuộc Pontus, ở phía bắc Tiểu Á, bên sông Irnoe, xưa kia là một thành phố giàu có và nổi tiếng, nay chỉ còn lại những tàn tích – Gyumenek.

[7901] Sau đó, Thánh Alexander, Giám mục Komana, đã nổi tiếng nhờ cuộc đời thánh thiện của mình, hoàn toàn xứng đáng với những kỳ vọng đặt vào ngài, và sau khi chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô một cách tốt đẹp, ngài đã ghi dấu sự phục vụ đáng kính của mình bằng cái chết tử đạo vào đầu thế kỷ IV, trong thời kỳ bách hại của Hoàng đế La Mã Diocletian. – Giáo hội cử hành lễ tưởng niệm ngài vào ngày 12 tháng 8

Khi, dưới triều đại của hoàng đế vô đạo Decius[7902] , cuộc bách hại Kitô hữu bắt đầu và sắc lệnh hoàng gia được ban ra, buộc Kitô hữu khắp nơi phải thờ lạy các thần tượng, còn những ai không tuân theo thì sẽ bị tra tấn và tiêu diệt, – lúc đó Thánh Grigoriô đã khuyên nhủ đoàn chiên của mình rằng, bất cứ ai không có sức mạnh và ân sủng của Thiên Chúa để chịu đựng những cực hình khủng khiếp, hãy ẩn náu; để không ai, khi liều lĩnh tự nguyện giao mình cho những kẻ tra tấn, lại sợ hãi khi chứng kiến những cực hình khủng khiếp và, cảm thấy không đủ sức chịu đựng, rồi sa ngã xa rời Thiên Chúa. "Tốt hơn," Thánh Grigoriô nói, "là ẩn náu trong một thời gian ngắn và chờ đợi lời kêu gọi cùng sự trợ giúp của Thiên Chúa để thực hiện công cuộc tử đạo." Khi đưa ra lời khuyên như vậy cho các tín hữu, chính ngài cũng đã dẫn theo một trong các phó tế của mình, lui vào sa mạc và ẩn náu ở đó để tránh những kẻ vô tín. Những kẻ tra tấn do vua phái đến, khi đến thành Neocaesarea, trước hết đã tìm kiếm Grigorius, với tư cách là đại diện của tất cả các Kitô hữu và là mục tử của đoàn chiên tinh thần ở vùng đất ấy. Một kẻ ngoại đạo nào đó, khi biết ngài đang ẩn náu trên một ngọn núi, đã báo tin cho các binh lính và dẫn họ đến ngọn núi ấy; còn họ thì vội vã tiến lên núi, như những con chó săn lao theo con mồi, và như những con sói muốn cướp lấy con cừu. Thánh Grêgôriô, thấy quân lính đang tiến lại gần và biết rằng không thể chạy trốn hay ẩn náu khỏi họ, đã giơ hai tay lên trời, phó thác bản thân cho sự che chở của Thiên Chúa, và ra lệnh cho phó tế của mình làm theo. Cả hai đều đứng với hai bàn tay giang rộng và cầu nguyện; còn các binh lính thì lùng sục khắp ngọn núi để tìm vị thánh, nhưng không tìm thấy, vì họ không thể nhìn thấy ngài ngay cả khi đã đi ngang qua đó vài lần. Sau nhiều lần tìm kiếm, họ trở về tay trắng và, khi xuống núi, nói với người đã dẫn họ đến:

– Chúng tôi không tìm thấy ai trên ngọn núi này cả, chỉ thấy hai cây đứng gần nhau thôi.

Người ấy, nhận ra rằng ở đây đã xảy ra một phép lạ, đã để họ lại, tự mình lên núi và, khi tìm thấy vị thánh cùng với phó tế đang đứng cầu nguyện, đã quỳ xuống dưới chân Grigori, bày tỏ mong muốn trở thành Kitô hữu, điều mà ông đã được ban cho, và từ một kẻ bách hại, ông đã trở thành tôi tớ của Chúa Kitô và bắt đầu ẩn náu cùng với các Kitô hữu khác.

Một lần nọ, khi đang dâng những lời cầu nguyện thường lệ lên Thiên Chúa, Thánh Grigori bỗng bối rối, và trong sự sợ hãi, ngài đứng im lặng một lúc lâu, như thể đang chiêm ngưỡng một cảnh tượng cảm động nào đó. Khi đã trôi qua đủ thời gian, khuôn mặt ngài bừng sáng, và tràn đầy niềm vui, ngài bắt đầu cất tiếng cảm tạ Thiên Chúa và hát bài thánh ca trang nghiêm, kêu lên: *"Chúc tụng Chúa, Đấng đã không phó chúng con làm mồi cho răng nanh của chúng!"* (Thánh Vịnh 123:6).

Phó tế hỏi ông:

– Thưa Cha, lý do gì khiến Cha thay đổi như vậy, mà giờ đây Cha lại tràn đầy niềm vui?

Thánh nhân đáp:

– Con ơi, cha đã thấy một khải tượng kỳ diệu: một thiếu niên nhỏ bé đã chiến đấu với ma quỷ vĩ đại, và sau khi đánh bại nó, đã quật ngã nó xuống đất và chiến thắng.

Còn vị phó tế thì không hiểu ý nghĩa của những lời đó. Lúc đó, vị thánh lại nói:

– Hôm nay, một thiếu niên Kitô hữu tên là Troadius[7903] đã bị đưa ra trước tòa án của kẻ hành hình; sau khi chịu nhiều cực hình nặng nề vì Chúa Kitô, anh ta đã bị giết và, trong niềm hân hoan, đang thăng thiên lên trời. Lúc đầu tôi cảm thấy bối rối, vì lo sợ rằng những cực hình sẽ làm anh ta gục ngã và anh ta sẽ chối bỏ Chúa Kitô, nhưng giờ đây tôi vui mừng khi thấy anh ta đã hoàn thành cuộc hành trình chịu khổ và đang lên trời.

Nghe vậy, vị phó tế ngạc nhiên vì vị thánh có thể nhìn thấy những điều đang diễn ra ở xa ngay trước mắt. Sau đó, ông bắt đầu nài nỉ vị thầy thánh thiện của mình, xin ngài cho phép ông được tận mắt chứng kiến và tìm hiểu về những gì đã xảy ra, cũng như không cấm ông đến chính nơi mà sự kiện kỳ diệu này đã diễn ra. Trước lời cảnh báo của Grigori rằng việc đến gần những kẻ sát nhân là nguy hiểm, vị phó tế đã đáp lại với lòng tin rằng, bất chấp điều đó, anh vẫn dũng cảm quyết tâm, trông cậy vào sự trợ giúp từ những lời cầu nguyện của ngài.

– Xin ngài phó thác con cho Chúa, – anh nói với vị thánh, – thì sự sợ hãi trước kẻ thù sẽ không bao giờ chạm đến con.

Và khi Grigori, qua lời cầu nguyện của mình, đã ban cho anh ta sự trợ giúp của Chúa, như một người bạn đồng hành, vị phó tế đã tự tin hoàn thành hành trình, không trốn tránh bất kỳ ai anh ta gặp trên đường. Đến thành phố vào buổi tối và mệt mỏi vì chuyến đi, anh ta thấy cần phải xua tan sự mệt mỏi bằng cách tắm rửa trong nhà tắm

---

[7902] Decius – hoàng đế La Mã, kẻ bách hại Kitô giáo tàn bạo, trị vì từ năm 249 đến năm 251.

[7903] Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Troadius được cử hành vào ngày 2 tháng 3.

công cộng. Tại nơi đó có một con quỷ cư ngụ, sức mạnh tàn phá của nó tác động lên những ai đến gần đây trong bóng tối ban đêm và đã giết chết nhiều người, vì vậy không ai đến nhà tắm này hay sử dụng nó sau khi mặt trời lặn. Khi đến gần nhà tắm, vị phó tế xin người trông coi mở cửa cho mình và cho phép tắm rửa trong đó; nhưng người gác nhà tắm khẳng định với ông rằng không ai dám tắm vào giờ này mà ra khỏi đó còn nguyên vẹn, mà sau hoàng hôn, con quỷ ấy sẽ chiếm hữu tất cả mọi người ở đây, và nhiều người vì thiếu hiểu biết đã mắc phải những căn bệnh không thể chữa khỏi, trở về trong tiếng khóc lóc và thét gào thay vì sự nhẹ nhõm như mong đợi. Nhưng vị phó tế càng thêm kiên quyết với ý định của mình, và viên quản lý, trước sự kiên quyết không lay chuyển của ông, đã trao chìa khóa cho ông, rồi tự mình lui ra một khoảng cách xa khỏi nhà tắm. Khi vị phó tế cởi bỏ quần áo và bước vào nhà tắm, con quỷ đã dùng đủ mọi nỗi sợ hãi và kinh hoàng để tấn công ông, hiện ra đủ loại bóng ma dưới hình dạng lửa và khói, thú vật và con người. Nhưng vị phó tế, vừa làm dấu thánh giá để tự vệ vừa kêu cầu danh Chúa Kitô, đã đi qua khu vực đầu tiên của nhà tắm mà không hề hấn gì. Khi ông bước vào phần bên trong, ông lại bị bao vây bởi những ảo ảnh còn kinh hoàng hơn nữa. Nhưng ông đã dùng chính vũ khí đó để xua tan cả những nỗi sợ hãi thực sự lẫn ảo tưởng. Cuối cùng, khi ông sắp ra khỏi phòng tắm hơi, con quỷ cố gắng giữ ông lại bằng cách dùng sức mạnh khóa chặt cánh cửa. Nhưng nhờ dấu thánh giá, cánh cửa đã được mở ra. Lúc đó, con quỷ đã hét lên với vị phó tế bằng giọng người, bảo ông đừng cho rằng chính sức mạnh của mình đã cứu ông khỏi cái chết; vì chính tiếng nói của Đấng đã phó thác ông cho sự che chở của Thiên Chúa mới là điều đã giữ ông được an toàn. Được cứu thoát như vậy, vị phó tế đã khiến những người quản lý nhà tắm đó kinh ngạc. Sau đó, ông kể lại cho họ nghe tất cả những gì đã xảy ra với mình, biết được rằng những chiến công anh dũng của các vị tử đạo đã diễn ra trong thành phố đúng như Thánh Grigorius, vị thánh làm phép lạ, đã tiên báo, và ông trở về với vị thầy của mình, để lại cho con người cả thời đại của ông lẫn các thế hệ sau này, một phương tiện bảo vệ chung, đó là mỗi người hãy phó thác bản thân mình cho Thiên Chúa qua sự trung gian của các linh mục[7904] .

Khi cuộc bách hại chấm dứt, Grigori trở lại giáo phận của mình và, sau khi tập hợp đoàn chiên, ngài bắt đầu khôi phục lại trật tự đã bị xáo trộn. Trước hết, ngài thiết lập việc kỷ niệm các thánh tử đạo đã chịu khổ nạn trong thời kỳ bách hại vừa qua. Vinh quang của Đấng Christ ngày càng lan rộng, còn tà giáo đa thần thì suy tàn nhờ những nỗ lực của Thánh Grigoriô, người không ngừng rao giảng Tin Mừng của Đấng Christ cho đến tận lúc lâm chung, dùng giáo lý và các phép lạ để dẫn dắt cư dân Neocaesarea và các vùng lân cận đến với Thiên Chúa – và đưa họ đến với đức tin chân chính, thanh tẩy họ khỏi các lễ vật dâng cho thần tượng, và thánh hóa thành phố bằng của lễ không đổ máu. Vào những ngày cuối đời, ngài cùng với anh trai mình là Athenodorus, Giám mục Pontus, đã tham dự Công đồng chống lại Phaolô Samosata. Cuối cùng, khi đã bước vào tuổi già, ngài đã đến gần giờ lâm chung hạnh phúc. Khi sắp qua đời, ngài hỏi những người có mặt:

– Còn bao nhiêu người không tin ở Neocaesarea?

Họ trả lời:

– Chỉ còn mười bảy người vẫn thờ lạy thần tượng, còn toàn thành phố đều tin vào Đấng Christ.

Thánh nhân nói:

– Khi tôi đến Neocaesarea để đảm nhận chức giám mục, tôi cũng chỉ tìm thấy đúng mười bảy tín hữu, còn cả thành phố thì đầy dẫy ma quỷ; nhưng giờ đây, khi tôi sắp về với Chúa, số người chưa tin còn lại cũng bằng số tín hữu ban đầu, còn cả thành phố thì đã thuộc về Chúa Kitô.

Nói xong, ngài phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa[7905] . Thánh Grêgôriô, vị làm phép lạ tại Neocaesarea, đã sống một cuộc đời đẹp lòng Thiên Chúa như vậy, và qua đời trong sự đạo đức. Xin Chúa, nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, ban cho chúng ta được hưởng một cái chết tốt lành. Amen.

[7904] Thánh Grêgôriô Nissê đã kể chi tiết về phép lạ này trong bài giảng về cuộc đời của Thánh Grêgôriô Thánh Tạo.

[7905] Ngày qua đời của Thánh Grêgôriô Neocésariô được cho là vào khoảng năm 266–270. Không lâu trước khi qua đời (năm 264), ngài cùng với anh trai mình là Athinodorus, Giám mục Pontus, đã tham dự Công đồng Antioch để phản đối Phaolô Samosata. – Ngoài Kinh Tin Kính có nguồn gốc kỳ diệu, Thánh Grêgôriô Neocesarian còn là tác giả của "Thư Chính Thống" (liên quan đến cuộc tấn công vào Pontus và toàn bộ Tiểu Á của người Boreates và người Goth) và "Lời ca ngợi Origène". – Xác thánh của Thánh Grigorius, Đấng Làm Phép Lạ, ban đầu được an táng tại nhà thờ Neocaesarea do ngài xây dựng; năm 1587, đầu thánh đã được chuyển đến Ulissipon (Lisbon).

Bài thánh ca, giọng 8:

Trong những lời cầu nguyện khi thức trắng, trải qua những phép lạ, ngài đã xứng đáng được phong thánh: nhưng xin hãy cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, hỡi Cha Grigori, xin soi sáng linh hồn chúng con, để chúng con không bao giờ chìm vào giấc ngủ của cái chết.

Kondak, giọng 2:

Ngài đã thực hiện nhiều phép lạ, dùng những dấu hiệu đáng sợ để làm cho ma quỷ khiếp sợ, và xua đuổi mọi bệnh tật của loài người, hỡi Thánh Grigori toàn tri: Ngài được gọi là Thánh làm phép lạ, danh hiệu này đến từ những việc làm của Ngài.

Cuộc đời của vị cha thánh Nikon, vị tu viện trưởng Radonezh[7906]

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 11

Thánh Nikon sinh ra tại thành phố Yuryev-Polsky[7907] , không xa tu viện của Thánh Sergius. Ngài xuất thân từ một gia đình sùng đạo và từ thuở nhỏ đã được nuôi dưỡng trong lòng kính sợ Thiên Chúa. Ngay từ khi còn trẻ, ngài đã nghe nói về cuộc đời thánh thiện như thiên thần của Thánh Sergius, người đã tu hành cùng các tu sĩ trong tu viện của ngài gần thành phố Radonezh[7908] . Những công đức của Thánh Sergius, danh tiếng lan tỏa xa rộng, đã làm lay động tâm hồn Nikon, và trái tim ông bừng cháy khao khát được gặp vị thánh nhân này và noi gương ngài trong cuộc sống. Với lòng trăn trở và nước mắt tuôn trào, Nikon đã tha thiết cầu nguyện cùng Chúa Trời:

– Lạy Thiên Chúa và Chúa, Vua vĩnh cửu và nhân từ, xin cho con được gặp vị thánh nhân này và noi gương ngài trong suốt cuộc đời con, để con cũng được cứu rỗi nhờ ngài và xứng đáng nhận được những ân huệ vĩnh cửu mà Ngài đã hứa ban cho những ai yêu mến Ngài.

Và chẳng bao lâu sau, anh rời khỏi nhà cha mẹ và hướng về tu viện của Thánh Sergius. Khi đến tu viện, Nikon vội vã đến gặp vị tu sĩ vĩ đại Sergius và, quỳ xuống dưới chân ngài, anh bắt đầu khẩn thiết cầu xin ngài cho anh được thụ giới tu sĩ tại tu viện thánh thiện này. Thánh Sergius nhận thấy sự khôn ngoan và lòng trong sạch của cậu thiếu niên, và ngay lập tức yêu mến cậu bằng cả trái tim. Tuy nhiên, bằng con mắt thiêng liêng, ngài đã nhìn thấy trong Nikon một ngọn đèn tương lai của Ánh Sáng Thần Thánh, nên ngài không để Nikon qua khỏi thử thách, mà đã đối xử với cậu giống như cách mà Thánh Euphymius Đại Đế từng đối xử với Thánh Savva khi vị này, lúc còn là một thiếu niên, đến gặp ngài. Ngài không nhận Savva vào tu viện của mình mà gửi cậu đến một tu viện xa xôi thuộc về người đồng tu của ngài – vị thánh Theoktistos[7909] . Cũng như vậy, Thánh Sergius đã gửi cậu thiếu niên trẻ đến học với đệ tử của ngài là Athanasius Vysotsky, người sáng lập Tu viện Serpukhov – một vị tu sĩ nổi tiếng với đời sống đạo đức và đã rèn luyện bản thân qua những thử thách tu hành[7910] .

– Hãy đi mà đừng do dự, – ngài nói với cậu thiếu niên, – và nếu Chúa muốn, con sẽ nhận lấy đời sống tu sĩ ở đó.

[7906] Dựa trên các bản thảo của Tu viện Troitsa-Sergiev, theo cuốn "Cuộc đời của Thánh Nikon", do Đức Tổng Giám mục Filaret của Moscow biên soạn, và các tài liệu tham khảo khác.

[7907] *Yuryev Polsky* – cách thành phố Vladimir 86 verst về phía tây bắc. Nơi này được thành lập bởi Công tước Yury Vladimirovich, người mà thành phố này được đặt tên theo; tên gọi *"Polsky"* (nghĩa là "Ba Lan") được đặt dựa trên những cánh đồng bao quanh nó, và để phân biệt với Yuryev Livlandsky; hiện nay là một thị trấn huyện thuộc tỉnh Vladimir.

[7908] Tại vị trí *của Radonezh* cổ xưa hiện nay là làng Gorodishche hoặc Gorodok; làng này nằm cách Tu viện Troitsa-Sergiev 12 verst, theo hướng về Moscow.

[7909] "Thánh Evfimii cho rằng việc đưa một thanh niên – người đôi khi cần sự hướng dẫn riêng biệt – vào hội đồng chủ yếu gồm các vị tu sĩ cao niên là không phù hợp. Có lẽ Thánh Sergii cũng suy nghĩ tương tự về chàng Nikon trẻ tuổi. Ngài quyết định thử thách chàng trong việc thực hành sự vâng lời và khiêm nhường. Nhìn thấy trước số phận tương lai của cậu, ngài mong muốn rằng người được định sẵn sẽ lãnh đạo các tu sĩ cao niên nhất của Tu viện khi còn trẻ, ít nhất cũng không phải là một thiếu niên, mà đã mang phẩm trật linh mục." (Cuộc đời Thánh Nikon, biên soạn bởi Filaret, Tổng Giám mục Moscow, tr. 4).

[7910] Thánh Afanasii Vysotskii, người xây dựng Tu viện Vysotskii ở Serpukhov, là một trong những môn đệ được Thánh Sergii yêu quý nhất.

Nikon đã khiêm nhường chấp nhận mệnh lệnh đó từ vị thánh nhân. Tràn đầy tình yêu dành cho Chúa và khao khát trở thành tu sĩ, cậu vội vã lên đường đến gặp thánh Afanasy.

Khi đến tu viện của ngài, cậu khiêm nhường bước đến phòng của Athanasius và nhẹ nhàng gõ cửa. Athanasius hé cửa sổ một chút rồi hỏi cậu:

– Ngươi muốn gì, và đang tìm ai? – Vị tu sĩ già yêu thích sự tĩnh lặng và hiếm khi ra khỏi phòng tu của mình.

Cậu thiếu niên cúi đầu chào ngài xuống đất, rồi đáp:

– Thưa vị Abba vĩ đại, Thánh Sergius đã sai con đến gặp ngài, để ngài ban cho con áo tu sĩ.

Nghe vậy, vị tu sĩ già, không nhìn cậu, nghiêm khắc nói:

– Con không thể trở thành tu sĩ được: đời tu là việc lớn lao; con còn trẻ, còn các quy tắc của các vị tu sĩ già thì rất nghiêm khắc.

Chàng trai đáp:

– Thưa Cha! Không phải ai cũng giống nhau; xin Cha hãy nhận con vào, rồi thời gian sẽ chứng minh liệu con có thể chịu đựng được những khó khăn của đời tu hay không.

Nhưng vị tu sĩ già tiếp tục:

– Đã có nhiều người đến đây, nhưng vì lười biếng và không chịu nổi những khó khăn của việc ăn chay và kiêng khem, nên đã bỏ chạy; và ta nói với con rằng con sẽ không thể ở lại đây được; hãy đi đến một nơi khác và chuyên tâm vào việc ăn chay.

Nghe những lời ấy, cậu thiếu niên, với tâm hồn bừng cháy bởi ngọn lửa thiêng liêng, đã hứa với vị tu sĩ trong nước mắt rằng sẽ kiên nhẫn chịu đựng mọi nỗi đau khổ. Vị tu sĩ, thấy những giọt nước mắt tuôn trào của cậu thiếu niên và khát khao mãnh liệt của cậu đối với đời tu, đã dẫn cậu vào phòng tu của mình và khuyên nhủ:

– Con ơi, đừng lấy làm phiền lòng vì những gì ta đã nói; con đường tu hành là một việc lớn lao: các tu sĩ được gọi là những vị tử đạo tự nguyện, và sự đau khổ của họ là vô cùng khắc nghiệt; nhiều vị tử đạo, sau một thời gian ngắn chịu đau khổ, đã qua đời; còn các tu sĩ thì suốt cả cuộc đời phải chịu đựng đau khổ, và dù không phải nhận những vết thương từ những kẻ hành hạ, nhưng bị cám dỗ bởi xác thịt và chiến đấu với những kẻ thù trong tâm trí, họ vẫn phải chịu đựng cho đến hơi thở cuối cùng. Vì vậy, con trai của ta, nếu con muốn phục vụ Chúa, thì hãy chuẩn bị tâm hồn mình, để con có thể kiên nhẫn chịu đựng mọi cám dỗ và đau khổ do kẻ thù gây ra".

Cậu thiếu niên liền quỳ xuống dưới chân vị trưởng lão và gần như không thể thốt lên được:

– Xin hãy thương xót con!

Lúc đó, vị tu sĩ già đỡ cậu dậy và nói:

– Hãy đứng dậy đi, con ơi! Chúa sẽ dẫn dắt con trên con đường các điều răn của Ngài. Ta nói tất cả những điều này với con bởi vì chính ta cũng là một con người tội lỗi, dù đã nhận lấy trách nhiệm thực hiện công việc của Chúa; giờ đây, mong muốn của con sẽ được thực hiện.

Nói xong, vị tu sĩ già dâng lời cầu nguyện và trao cho Nikon bộ áo tu sĩ.

Athanasius dạy dỗ vị tu sĩ trẻ về các đức tính và khuyên răn cậu hãy chịu đựng mọi đau khổ dẫn đến Thiên Chúa, cố gắng lấp đầy tâm hồn cậu bằng lòng dũng cảm và sự kiên cường, đồng thời trở thành tấm gương cho cậu trong mọi việc. Còn Nikon, dưới sự hướng dẫn của ngài trong việc cầu nguyện, đã tiến bộ trong các đức tính, trong những việc tu hành ăn chay, trong việc không ngừng tự kiểm soát bản thân; cậu giữ gìn sự trong sạch, khiêm nhường, hiền lành và siêng năng học hỏi Kinh Thánh. Thấy sự siêng năng của cậu thiếu niên, Athanasius đã dành cho cậu sự quan tâm như người cha và, khích lệ cậu thực hiện những công đức cao cả hơn nữa, đã hỗ trợ cho sự hoàn thiện dần dần của cậu trên con đường tu hành.

Khi Nikon đã đến tuổi trưởng thành, theo nguyện vọng của Athanasius và toàn thể cộng đoàn tu sĩ, cậu được phong chức linh mục, như một người xứng đáng đứng trước mặt Thiên Chúa. Còn Nikon, người dũng cảm, sau khi nhận chức linh mục và được ban ân sủng dồi dào, đã thể hiện sự siêng năng còn lớn lao hơn nữa trong các việc thực hành đức tin.

Sau một thời gian ở trong tu viện, Nikon lại bừng cháy khao khát không thể kìm nén được là được gặp vị trưởng lão vĩ đại và vị tu sĩ khổ hạnh Thánh Sergius, để nhận được sự ban phước từ ngài và lắng nghe những lời dạy dỗ đầy trí tuệ của Đức Chúa Trời từ ngài. Với lời khẩn cầu nồng nhiệt, Nikon đã thỉnh cầu Afanasy, mong ngài cầu nguyện cho mình và cho phép anh rời tu viện trong bình an. Afanasy không ngăn cản Nikon, mà sau khi ban lời chúc phúc đầy lòng cầu nguyện, đã để anh ra đi.

Khi đến tu viện của Thánh Sergius và nhìn thấy vị cha thánh thiện, Nikon đã quỳ xuống dưới chân ngài với những giọt nước mắt nồng nàn và xin ngài ban phước lành. Vị thánh không chỉ vui mừng đón nhận ông như một vị khách, mà còn cho ông ở lại tu viện của mình.

Sau đó, Thánh Sergius ra lệnh cho Nikon phải tận tâm phục vụ các tu sĩ trong tu viện, và Nikon đã thực hiện nhiệm vụ được giao với tất cả sự tận tụy, không ngừng rèn luyện trong cầu nguyện và thức đêm. Vì những công đức và đời sống đạo đức ấy, Thánh Sergius đã dành cho Nikon tình yêu thương và sự tin tưởng đặc biệt, và ra lệnh cho anh ở chung một phòng tu với ngài. Tại đây, qua những cuộc trò chuyện với vị Thầy đầy sự khôn ngoan của Chúa, Thánh Nikon đã tìm thấy cho mình một trường học cao nhất về sự khôn ngoan thiêng liêng, và từ tấm gương gần gũi của vị Thánh – một nguồn động viên mới cho những hành động đức hạnh; dưới sự hướng dẫn sáng suốt và những lời cầu nguyện mạnh mẽ của ngài, Nikon đã tìm thấy sức mạnh để tự bảo vệ khỏi những cám dỗ, được củng cố trước những yếu đuối và nhận được sự an ủi thiên đàng trong sự hiệp thông của lời cầu nguyện ấy. Trái tim đầy tình yêu thương của Thánh Sergius đối với Nikon như một cánh cửa rộng mở, từ đó ánh sáng ân sủng và bình an tuôn tràn xuống cho anh. Và trái tim trung thành của Nikon dành cho Sergius cũng là cánh cửa rộng mở để anh bộc bạch với cha mình mọi suy nghĩ và ý định, để không có bất kỳ đám mây nghi ngờ hay bối rối nào làm lu mờ sự trong sáng của lương tâm anh. Và thế là, giống như cây được trồng bên suối nước, Nikon, với lòng tin tiếp nhận mọi lời dạy dỗ và chỉ dẫn của vị thầy, đã thể hiện những thành quả dồi dào của đức hạnh trong mọi việc làm của mình.

Vị thầy khôn ngoan, Thánh Sergius, bằng con mắt nội tâm nhìn thấu ân sủng rực rỡ sắp tỏa sáng trong Nikon, đã mong muốn bổ nhiệm anh làm vị trụ trì của tu viện thay cho mình. Ban đầu, Thánh Sergius giao phó cho Nikon một phần trách nhiệm chăm sóc các tu sĩ, đặt anh như người đứng thứ hai sau vị trụ trì. Nikon đã thực hiện chức vụ mới này với tất cả sự chú tâm và cảnh giác, luôn dành sự quan tâm không ngừng nghỉ cho các tu sĩ được giao phó, đối xử với mỗi người bằng tình yêu thương và sự quan tâm như người cha. Khi nhận thấy ở Nikon một người lãnh đạo cộng đoàn tài giỏi đến vậy, Sergius đã rất vui mừng trong lòng và cuối cùng, sáu tháng trước khi qua đời, ngài đã gọi Nikon đến và trước mặt mọi người, trao cho ông, với tư cách là một nhà lãnh đạo tài ba, trách nhiệm chăm sóc tu viện và cộng đoàn. Mặc dù Nikon không muốn nhận lấy những trách nhiệm nặng nề trong việc lãnh đạo toàn bộ tu viện, nhưng ông không dám trái lời người thầy của mình và với lòng khiêm nhường, như một người con vâng lời, ông đã tuân theo mệnh lệnh của ngài.

Không lâu sau, Thánh Sergius đã về với Chúa[7911] . Trái tim của người đệ tử trung thành ấy đau đớn tột cùng.

Trong nỗi đau đớn và nước mắt tuôn trào, ông hướng về vị thánh, như thể ngài vẫn còn sống, và thốt lên:

– Thưa Thánh Cha kính yêu, ngài đã ra đi, cùng với đó là tất cả hy vọng của con. Ngoài Chúa ra, con sẽ tìm nơi nương tựa ở đâu, và tìm sự an ủi ở đâu đây?

Và khi quỳ xuống bên giường của vị thánh và ôm lấy thi hài thiêng liêng của ngài, ông thà được chôn cất cùng với vị thầy của mình còn hơn là phải xa cách ngài.

Trong tiếng khóc than thảm thiết, sau khi an táng thi hài thiêng liêng của vị thầy mình, Nikon đã tiếp nhận chức vụ lãnh đạo tu viện. Ông thực hiện một cách nghiêm ngặt mọi điều mà vị sáng lập vĩ đại của tu viện, Thánh Sergius, đã thiết lập và truyền dạy; đồng thời, với tư cách là vị trụ trì, ông chia sẻ công việc cùng các tu sĩ và luôn quan tâm, chăm sóc chu đáo đến từng người. Đối với những ai tiến bộ trong việc phụng sự Chúa, ngài khuyến khích họ đừng nản lòng trong các công việc thánh thiện; còn những ai lơ là và lười biếng, ngài nghiêm khắc răn dạy họ đừng quên rằng họ đã từ bỏ thế gian, và vì lo cho sự cứu rỗi của chính mình, họ không được sa vào những lo toan trần tục, để khỏi mất đi phần thưởng vĩnh cửu. Ngài thường đi thăm khắp các nơi trong tu viện nơi các tu sĩ đang lao động, khích lệ và khuyên nhủ họ hãy kiên nhẫn chịu đựng công việc; đồng thời, chính ngài cũng là tấm gương cho anh em, khi tham gia vào các công việc chung. Bằng sự hiền lành, lòng quan tâm như người cha dành cho các tu sĩ, cùng sự khôn ngoan trong việc quản lý và đưa ra lời khuyên, Nikon không chỉ giành được sự kính trọng và tình yêu mến của các tu sĩ, mà danh tiếng của ngài còn lan rộng xa ngoài tường rào tu viện Sergiev, và tên tuổi Nikon, như một "sự thánh hóa nào đó", được ca ngợi khắp nơi – từ thành thị đến làng mạc. Nhiều người sùng đạo và danh tiếng đã tìm đến ngài để xin lời dạy dỗ nhằm lợi ích cho tâm hồn, và ngài tiếp đón tất cả với lòng nhân từ như người cha, thể hiện mình là một vị bác sĩ tâm linh vĩ đại.

[7911] Thánh Sergius qua đời vào ngày 26 tháng 9 năm 1392.

Nhưng Nikon, người yêu thích nhất sự tĩnh lặng và cầu nguyện trong cô độc, không bị mê hoặc bởi danh tiếng trần thế này, và cảm thấy rất nặng nề vì nó. Và với suy nghĩ rằng ai muốn thực hiện ý muốn của Đức Chúa Trời thì trước hết phải khinh bỉ và ghét bỏ mọi cám dỗ của thế gian, Nikon bắt đầu từ chối việc lãnh đạo đoàn chiên của mình và cuối cùng, ngài tự giam mình trong một căn phòng ẩn dật. Các tu sĩ vô cùng đau buồn vì điều này và, không muốn ngài rời bỏ họ và để họ lại mà không có sự dẫn dắt của ngài, họ đã khóc lóc van nài ngài đừng bỏ rơi họ như những con chiên không có người chăn. Nhưng ngài vẫn kiên quyết với quyết định của mình, xin các tu sĩ đừng làm tan nát trái tim ngài bằng những lời van nài của họ. Thấy ý nguyện kiên quyết đến vậy của Nikon, các tu sĩ không còn cố giữ ngài lại nữa, vì họ biết rằng ngài từ chối gánh nặng lãnh đạo không phải vì sự an nhàn thể xác, mà là để hướng tới những công đức cao cả và sự tĩnh lặng hướng về Thiên Chúa. Không thể tiếp tục hoạt động mà không có người đứng đầu, các tu sĩ đã bầu chọn một trong những môn đệ của Nikon, tên là Savva – một người nổi bật bởi đời sống đạo đức – và, với sự chúc phúc của Nikon, đã phong ông làm vị tu viện trưởng đứng đầu cộng đoàn[7912] .

Nikon đã sống trong sự im lặng suốt sáu năm, trong khi Savva quản lý cộng đoàn, chăn dắt họ với lòng tận tụy và được sự trợ giúp từ những lời cầu nguyện của Thánh Sergius. Nhưng sau sáu năm, Savva cũng từ bỏ chức vụ lãnh đạo. Lúc bấy giờ, các tu sĩ, như muốn cho Thánh Nikon được nghỉ ngơi khỏi công việc quản lý và tận hưởng sự tĩnh lặng mà ngài hằng mong ước, lại đến gặp ngài và với những giọt nước mắt, họ nài nỉ và thuyết phục ngài một lần nữa nhận họ dưới sự dẫn dắt của mình. Thấy rằng Nikon vẫn có ý định từ chối chức vụ và quyền hành, các tu sĩ đã nói với ngài:

– Thưa Cha, không phải là điều xứng đáng khi Cha chỉ lo tìm lợi ích cho riêng mình, xin hãy quan tâm đến sự cứu rỗi của những người lân cận.

Lời thỉnh cầu không ngừng nghỉ của các tu sĩ cùng tình yêu thương của họ đã khiến Nikon phải từ bỏ sự ẩn dật mà ngài yêu quý, và ngài đã nhượng bộ trước mong muốn của các tu sĩ, nhưng với điều kiện là họ phải dành cho ngài một khoảng thời gian nhất định mỗi ngày để thực hành các việc tu hành và cầu nguyện trong sự cô độc.

Cuộc sống trong tu viện thánh thiện trôi qua một cách yên bình và đẹp lòng Chúa. Còn Nikon thì không ngừng cầu nguyện, nghiên cứu Lời Chúa và các tác phẩm của các vị Thánh Tổ.

Nhưng rồi tin đồn lan truyền về cuộc xâm lược đất nước Nga của những đạo quân man rợ dưới sự chỉ huy của Edigey hung ác[7913] . Sự tiến gần của các đạo quân Tatar đã khiến cả đất nước Nga kinh hoàng và run rẩy. Thánh Nikon, với lòng thành kính khẩn cầu sự giải thoát khỏi kẻ thù ác độc, đã kêu cầu trong lời cầu nguyện vị sáng lập vĩ đại của tu viện này – Thánh Sergius, để ngài dâng lời cầu nguyện lên ngai vàng của Chúa Kitô, Đấng Tối Cao, xin Ngài đừng để tu viện thánh thiêng này bị tàn phá bởi tay những kẻ Á-rập vô đạo, và đừng để niềm tin của những người yếu đuối bị lung lay bởi sự chiến thắng của những kẻ vô tín. Và rồi, một đêm nọ, Nikon ngồi xuống để nghỉ ngơi sau những giờ cầu nguyện vất vả và đang trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê hoặc chìm vào giấc ngủ nhẹ. Bỗng nhiên, ngài thấy các thánh Phêrô và Alexius bước vào phòng tu của ngài, cùng với Thánh Sergius, người đã quay sang ngài và nói:

– Chúa đã định cho cuộc xâm lược của những kẻ ngoại bang này xảy ra và ảnh hưởng đến nơi này. Nhưng con ơi, đừng buồn rầu, hãy can đảm lên và giữ vững lòng mình: cơn thử thách sẽ không kéo dài, và tu viện sẽ không bị bỏ hoang, mà còn phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Sau đó, sau khi ban bình an và phước lành cho Nikon, các thánh bỗng biến mất khỏi tầm mắt. Nikon, khi đã tỉnh táo lại, vội vàng đứng dậy và bước đến cửa phòng tu của mình, nhưng thấy cửa đã bị khóa. Anh mở khóa và bước ra, rồi nhìn thấy các thánh đang rời khỏi phòng tu của anh để đi về phía nhà thờ. Lúc đó, anh mới hiểu rằng đây không phải là giấc mơ, mà là một thị kiến chân thật.

Trong sự vâng phục ý muốn của Đức Chúa Trời, Nikon chờ đợi lời tiên tri được ứng nghiệm. Chẳng bao lâu sau, những kẻ man rợ, với những đạo quân đông đảo tràn ngập đất nước Nga, đã tiến đến tu viện của Thánh Sergius và tàn phá, thiêu rụi mọi thứ trong đó. Thánh Nikon và các tu sĩ, nhờ được báo trước bởi lời cảnh báo từ trời, đã kịp thời rời khỏi tu viện và mang theo một số vật thánh và đồ dùng trong phòng tu. Nhờ vậy, một số cuốn sách và đồ dùng của Thánh Sergius đã được cứu thoát và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

[7912] Thánh Savva Dubensky (sau này là Zvenigorodsky hoặc Storozhevsky). Ngày tưởng niệm ngài là ngày 3 tháng 12.

[7913] Cuộc xâm lược của Edigei diễn ra vào cuối năm 1408.

Khi nguy hiểm qua đi, Thánh Nikon và các tu sĩ đã trở lại đống tro tàn của tu viện thánh. Tu viện đã bị thiêu rụi hoàn toàn và nơi thánh thiêng đã bị những kẻ vô đạo làm ô uế. Nhưng Nikon không để mình chìm trong buồn bã và chán nản, cũng không nản lòng trước thử thách. Giống như một chiến binh dũng cảm, khi lần đầu tiên bị kẻ thù đánh bại, không bỏ chạy mà dũng cảm tập hợp sức lực và giành chiến thắng, ông cũng bắt đầu với sự bình tĩnh và kiên định để tái thiết tu viện. Như một vị mục tử nhân từ, ngài trước tiên đã tập hợp các tu sĩ vốn đã tản mác và cùng họ lao động xây dựng các công trình của tu viện. Trong vòng chưa đầy ba năm, các tòa nhà cần thiết cho đời sống cộng đồng tu sĩ đã được hoàn thành; còn các buổi cầu nguyện chung ban đầu có lẽ được tổ chức tại nhà ăn kiêm nhà thờ. Cùng lúc đó, Nikon khẩn trương xây dựng một nhà thờ bằng gỗ, mang tên Ba Ngôi Tạo Hóa, và nhà thờ này đã được thánh hiến vào ngày 25 tháng 9 năm 1411, đúng vào ngày Thánh Sergius qua đời.

Khi tin đồn về sự trở lại của Thánh Nikon và việc khôi phục tu viện lan rộng khắp các vùng lân cận, các tu sĩ và giáo dân từ khắp nơi bắt đầu tụ tập về đây rất đông. Thánh Nikon đón tiếp tất cả mọi người với lòng nhân ái như người cha, và như một vị mục tử nhân từ, ngài không bỏ rơi ai khỏi sự chăm sóc của mình, hướng dẫn mỗi người bằng những giáo lý hữu ích, soi sáng tâm hồn họ và đề ra những nguyên tắc để họ sắp xếp cuộc sống của mình. Tu viện hồi sinh từ đống tro tàn và ngày càng phát triển[7914] .

Với tư cách là vị trụ trì chu đáo, Thánh Nikon cũng không quên quan tâm đến việc trang hoàng tu viện. Công trình cuối cùng của ngài trong lĩnh vực này là việc xây dựng một nhà thờ bằng đá trên ngôi mộ của vị thầy Sergius, được dâng kính danh Thánh Ba Ngôi Tạo Hóa.

Ngay từ khi bắt đầu công việc, trong lúc đào hào cho nhà thờ bằng đá, người ta đã phát hiện và tôn vinh các di cốt bất hoại của Thánh Sergius[7915] . Nikon đã đón nhận sự phát hiện di cốt của vị thầy vĩ đại này như một vương miện đầy hân hoan và phần thưởng ngọt ngào cho những nỗ lực và sự kiên nhẫn của mình. Trong niềm hân hoan chung, di cốt thánh của vị thánh này đã được đặt vào một chiếc quan tài mới và tạm thời được an táng trong một nhà thờ bằng gỗ[7916] , cho đến khi nơi an nghỉ cho ngài trong nhà thờ bằng đá[7917] được chuẩn bị xong. Như một nơi an nghỉ cho di cốt của Thánh Sergius vĩ đại, nhà thờ mới đã được xây dựng và trang trí với lòng kính yêu và những lời cầu nguyện nhiệt thành. Để xây dựng ngôi đền này, Nikon đã tập hợp các kiến trúc sư tài ba và những thợ đá lành nghề, những người với sự giúp đỡ của Chúa đã nhanh chóng hoàn thành công trình. Nhà thờ mới đã được làm phép, và trong lễ làm phép này, di cốt thánh của Thánh Sergius đã được rước về và an táng tại đây. Là nơi thờ phụng các thánh và là nơi an nghỉ của Thánh Sergius, không bị lay chuyển qua bao thế kỷ, ngôi nhà thờ tuyệt đẹp này vẫn tiếp tục ban phước lành cho những ai cầu nguyện tại đây, và bàn tay của những kẻ thù vô đạo chưa bao giờ chạm đến nó[7918] .

Nikon cũng quan tâm đến việc trang trí nội thất nhà thờ và vẽ tranh trên các bức tường. Để thực hiện công việc này, ngài đã mời hai tu sĩ ăn chay, nổi tiếng với đời sống đạo đức: Daniel và Andrew, những người rất giỏi trong nghệ thuật vẽ tranh thánh[7919] . Nhờ sự tận tâm và dưới sự hướng dẫn của họ, nhà thờ đã được trang trí lộng lẫy bằng các bức tranh thánh. Khi Nikon thấy việc trang trí nhà thờ bằng tranh đã hoàn tất, ngài đã tạ ơn Chúa với niềm vui sướng vô cùng:

[7914] Dưới thời Nikon, tu viện Sergiev đã sở hữu thêm một số khu đất, có nơi là do đóng góp, có nơi là do mua lại. Nhờ sự quan tâm chu đáo của Nikon, tu viện ngày càng giàu có cả về mặt tinh thần. Dưới thời ông và theo chỉ thị của ông, tại Tu viện Sergiev, ngoài một số sách phụng vụ, người ta còn sao chép: hai bản sao cuốn "Thang Lên Thiên Đàng" với các chương của Grigori Sinai, các bài giảng của Abba Dorotheos, cuốn "Dioptra" của Philip, người ẩn sĩ, kèm theo các câu trả lời của Abba Varsonofius và các lời dạy của Isichius. (Danh mục Tu viện Sergiev, tr. 155, 156 và các trang khác).

[7915] Việc tìm thấy di cốt của Thánh Sergius diễn ra 30 năm sau khi ngài qua đời – vào ngày 5 tháng 7 năm 1422; để kỷ niệm sự kiện này, ngày lễ kỷ niệm đã được thiết lập.

[7916] Nhà thờ gỗ từng tọa lạc trên nơi an nghỉ của Thánh Sergius đã được di dời đến một địa điểm mới (nơi hiện nay là Nhà thờ Lễ Hiện Xuống của Thánh Thần), và các di cốt thánh đã được an táng tại đó trong thời gian xây dựng nhà thờ bằng đá.

[7917] Nhà thờ bằng đá này, mang tên Thánh Ba Ngôi, do Thánh Nikon xây dựng, chính là Nhà thờ Thánh Ba Ngôi vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

[7918] Thánh Nikon đã xây dựng Nhà thờ Thánh Ba Ngôi với sự hỗ trợ của những người tôn kính Thánh Sergius trong số các hoàng tử và quý tộc. Người quan trọng nhất trong số những người tôn kính này, người đã hỗ trợ Nikon nhiều nhất trong việc xây dựng nhà thờ, chính là con đỡ đầu của Thánh Sergius – Hoàng tử Yuri Dmitrievich của Zvenigorod-Galich (con trai của Donskoy). [Bắt đầu xây dựng nhà thờ vào năm 1422 hoặc 1423, Thánh Nikon đã xây dựng và hoàn thiện nó gần như cho đến tận lúc qua đời].

[7919] Daniil Cherny và Andrei Rublev – các tu sĩ của Tu viện Andronikov ở Moscow – là những họa sĩ vẽ tranh thánh nổi tiếng thời bấy giờ. Những bức tranh thánh do họ vẽ vẫn được biết đến rộng rãi cho đến ngày nay. Trong số các tác phẩm còn tồn tại của họ, bức tranh thánh trong Nhà thờ Thánh Ba Ngôi thuộc Tu viện Sergiev Lavra đặc biệt nổi bật.

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, – ngài nói, – và con ngợi khen danh thánh của Ngài vì đã không từ chối lời cầu xin của con, mà đã ban cho con, kẻ không xứng đáng, được tận mắt chứng kiến tất cả những điều này.

Vào thời điểm đó, Nikon đã bước vào tuổi già, nhưng lòng nhiệt thành và tinh thần sảng khoái vẫn không rời bỏ ông, và sự suy yếu về thể xác cũng không làm giảm bớt sự nghiêm khắc trong các hành động tu hành của ông. Khi đã đạt đến sự hoàn hảo trong các việc tu hành, ngài sở hữu mọi loại của cải mà con người có được nhờ Đức Chúa Trời. Ngài dường như bừng cháy bởi khát vọng kỳ diệu được sống theo ý Chúa: sự kiêng khem là thức ăn của ngài, sự không tham lam là của cải; thân thể già nua của ngài chỉ được che phủ bởi một tấm áo rách bằng lông cừu.

Cuối cùng, Thánh Nikon đã gần kề giờ lâm chung. Một phần do tuổi già, cùng với những hành động tu hành khổ hạnh vĩ đại và nhiều căn bệnh kéo dài đã làm kiệt quệ thân thể ngài, khiến nó không còn sức lực.

Biết trước rằng giờ phút về với Chúa đã gần kề, Thánh Nikon đã ra lệnh gọi các tu sĩ đến bên mình. Trong lúc họ vây quanh giường bệnh của ngài, đứng đó với những giọt nước mắt, vị thánh, sau khi ngồi dậy một chút, đã hướng đến họ với những lời răn dạy cuối cùng.

Ngài di chúc rằng phải tuân giữ nghi thức cầu nguyện ban ngày và ban đêm đã được thiết lập trong tu viện, không nên thường xuyên ra khỏi tu viện, giữ lòng kiên nhẫn trước những cám dỗ, tuân phục những người lãnh đạo trong tu viện, ghét sự lười biếng – cái tổ của các tệ nạn, yêu mến sự cần cù, kết hợp nó với việc hát các thánh vịnh, vui vẻ giữ sự im lặng, như người mẹ của các đức hạnh, dẫn đến sự hoàn hảo. Kết hợp với lời dạy về lòng nhân ái, ngài dặn dò các tu sĩ:

"Nếu có thể, đừng để ai ra về tay không, kẻo vô tình tỏ ra khinh miệt chính Đức Kitô, Đấng đã hiện ra với các con dưới hình dạng người xin ăn. Hãy tỉnh thức và không ngừng cầu nguyện, để Chúa bảo vệ các con khỏi kẻ thù, và các con sẽ tuân giữ lời thề khiết tịnh và vâng lời, theo những lời khuyên răn của ta."

Sau khi kết thúc những lời dạy dỗ dành cho các tu sĩ – rằng hãy tuân giữ tất cả các quy tắc mà ngài đã truyền lại – Nikon im lặng. Và trong một thị kiến, trước khi linh hồn rời khỏi thân xác, ngài được chỉ cho nơi an nghỉ tương lai cùng với Thánh Sergius. Không nói rõ điều đó với các tu sĩ, vì lòng khiêm nhường của mình, Nikon trong cơn kiệt sức trước khi qua đời đã bất ngờ nói:

– Hãy đưa tôi đến ngôi đền sáng ngời ấy, nơi đã được chuẩn bị sẵn cho tôi nhờ những lời cầu nguyện của cha tôi; tôi không muốn ở lại đây nữa.

Nói xong, Nikon đã rước Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô. Sau đó, báo trước cho các tu sĩ về cái chết sắp đến của mình, ngài nói:

– Này các anh em, tôi xin từ bỏ sự ràng buộc của thân xác và ra đi về với Chúa Kitô.

Sau khi ban phước lành cuối cùng cho họ, với những lời tự nhủ: "Hỡi linh hồn ta, hãy ra đi đến nơi đã được định sẵn cho ngươi – hãy đến với niềm vui: Chúa Kitô đang kêu gọi ngươi", Nikon, sau khi làm dấu thánh giá lần cuối, đã dâng linh hồn trung thực và cần cù của mình lên Chúa trong lời cầu nguyện. Đó là ngày 17 tháng 11 năm 1426.

Nikon đã tại vị làm Bề trên trong 36 năm, không hề vi phạm bất kỳ điều gì trong đời sống tu hành, chăn dắt đàn chiên mà Chúa Kitô đã giao phó cho ngài một cách đẹp lòng Chúa, và dạy dỗ họ những đức hạnh cao cả nhất. Các tu sĩ đã than khóc rất nhiều, rơi lệ vì phải chia ly với người cha và vị thầy của mình. Sau khi tiễn đưa ngài bằng những bài thánh vịnh và những bài thánh ca tang lễ, các tu sĩ đã an táng thi hài cao quý của ngài xuống đất với đầy đủ nghi lễ tôn kính, xứng đáng với một vị cha đáng kính, đặt thi hài ngài gần quan tài của Thánh Sergius, nơi mà cho đến ngày nay vẫn diễn ra các nghi thức cầu nguyện để tôn vinh Chúa Ba Ngôi – Cha, Con và Thánh Thần[7920] .

Nhờ những công đức vĩ đại và cuộc đời thánh thiện, Thánh Nikon đã được Chúa ban cho ân sủng của sự sáng suốt khi còn sống, và sau khi qua đời là ân sủng làm phép lạ. Trong số nhiều phép lạ của ngài, chúng ta sẽ đề cập đến một số phép lạ ở đây.

[7920] Thánh Nikon được an táng bên ngoài Nhà thờ Thánh Ba Ngôi, gần bức tường phía nam, đối diện với nơi mà Thánh Sergius được an táng bên trong chính nhà thờ đó. Thánh Nikon được phong thánh tại Công đồng năm 1547, nhưng nghi thức thánh lễ và tiểu sử của ngài đã được Pakhomius Logofet biên soạn gần một thế kỷ trước đó, theo ý muốn của Tổng Giám mục Thánh Iona. Nhà thờ trên mộ của Thánh Nikon được xây dựng vào năm 1548. Năm 1623, tức là 76 năm sau, một nhà thờ mới, lớn hơn đã được xây dựng thay thế cho nhà thờ đầu tiên này. Nhà thờ thứ hai này vẫn tồn tại cho đến ngày nay. [Hộp đựng di cốt của Thánh Sergius được ngăn cách với hộp đựng di cốt của đệ tử ngài – Thánh Nikon – bằng một bức tường đá. Ở góc tây bắc của nhà thờ, dọc theo bức tường phía bắc, có một hộp đựng di cốt – tức là bia mộ – đặt trên di cốt của Thánh Nikon, vốn được chôn dưới đất hoặc được chôn kín].

Một lần nọ, Thánh Nikon định cử một tu sĩ trong số các tu sĩ của ngài, tên là Akakiya, đến một trong những làng thuộc tu viện Thánh Sergius. Không muốn tuân lệnh, Akakiya nói:

– Tôi không từ bỏ thế gian để đi lang thang khắp các thành phố và làng mạc.

Vị thánh đã nài nỉ Akakiya rất lâu, nhưng anh ta nhất quyết không chịu tuân theo mệnh lệnh của vị tu viện trưởng. Lúc đó, vị thánh đã tiên đoán:

– Hãy coi chừng, Akakiya, đừng để vì ý muốn riêng mà ngươi phải đến đó, nếu không ngươi sẽ phải gánh chịu hậu quả vì sự bất tuân của mình.

Không lâu sau đó, vị thánh Nikon đã về với Chúa. Còn Akaki thì bỏ qua tất cả những gì vị thánh cha đã tiên đoán cho ông, và lên đường đến chính ngôi làng mà vị thánh Nikon đã sai ông đến. Và rồi, tại đó, sự phán xét của Đức Chúa Trời mà vị thánh đã tiên đoán bỗng nhiên ập xuống trên anh: anh rơi vào trạng thái mất trí, đến nỗi các anh em phải đưa anh trở lại tu viện. Tại đây, Thánh Nikon hiện ra trước mặt anh, tay cầm cây gậy, và nói với anh bằng giọng trách móc:

– Akakiy! Chẳng phải ngươi đã từ bỏ thế gian để đi lang thang khắp các thành phố và làng mạc sao?

Lúc đó, Akakiy bị nỗi sợ hãi tột độ bao trùm và anh ta bắt đầu la hét điên cuồng. Anh ta ở trong tình trạng nặng nề như vậy trong vài ngày, nằm bên cạnh hòm thánh cốt của các vị thánh Sergius và Nikon, vừa khóc vừa cầu xin sự tha thứ cho tội lỗi của mình; các tu sĩ cũng cầu nguyện hết lòng cho anh ta. Và rồi, nhờ ân sủng của Chúa Kitô và những lời cầu nguyện của các thánh, Akaki đã được tha thứ tội lỗi và được chữa lành. Chính anh đã kể lại tất cả những điều này trong nước mắt cho nhiều người đã hỏi han anh.

Trong cuộc đời trần thế, các vị thánh Sergius và Nikon đặc biệt thân thiết với nhau. Sự thân thiết lẫn nhau này vẫn không rời bỏ họ ngay cả trong cuộc sống vĩnh cửu, bởi vì tình yêu của các thánh, giống như tình yêu của Thiên Chúa, không bị chi phối bởi luật thời gian. Cả hai đã nhiều lần cùng nhau hiện ra và cùng nhau thực hiện các phép lạ.

Một cư dân Moscow tên là Simeon, người được sinh ra theo lời tiên tri của vị thánh, đã mắc bệnh nặng đến mức không thể cử động, không thể ngủ, cũng không thể ăn uống, mà chỉ nằm bất động như người chết trên giường bệnh. Trong cơn đau đớn ấy, một đêm nọ, ông đã cầu xin sự giúp đỡ của Thánh Sergius:

– Xin hãy giúp con, Thánh Sergius kính yêu, xin giải thoát con khỏi căn bệnh này; khi ngài còn tại thế, ngài đã rất nhân từ với cha mẹ con và đã tiên tri về sự ra đời của con; xin đừng quên con, người đang chịu đựng căn bệnh nặng nề này.

Bỗng nhiên, hai vị tu sĩ già hiện ra trước mặt anh; một trong số họ là Nikon; người bệnh lập tức nhận ra ông, vì anh đã từng quen biết vị thánh này khi ông còn sống; lúc đó anh mới hiểu rằng người thứ hai xuất hiện chính là Thánh Sergius. Vị tu sĩ cao niên kỳ diệu đã làm dấu thánh giá trên người bệnh nhân, rồi sau đó ra lệnh cho Nikon lấy bức tượng thánh đang đặt bên giường – bức tượng này trước đây chính Nikon đã tặng cho Simeon. Sau đó, người bệnh có cảm giác như toàn bộ da của mình đã bong ra khỏi cơ thể; sau đó, các vị thánh bỗng trở nên vô hình. Ngay lúc đó, Simeon cảm thấy mình đã hoàn toàn bình phục: ông ngồi dậy trên giường bệnh, và không còn ai phải đỡ ông nữa; lúc đó ông mới hiểu rằng không phải da mình bong ra, mà chính căn bệnh đã rời bỏ ông. Niềm vui của ông thật lớn lao; đứng dậy, ông bắt đầu nhiệt thành tạ ơn Thánh Sergius và Thánh Nikon vì sự chữa lành bất ngờ và kỳ diệu đến vậy.

Đặc biệt, các vị tu sĩ Sergius và Nikon đã thực hiện rất nhiều phép lạ trong thời gian Tu viện Troitsky bị quân Ba Lan dưới sự chỉ huy của Lisowski và Sapieha bao vây, khi ngôi tu viện thánh thiện này phải hứng chịu vô số tai ương từ kẻ thù. Thánh Nikon cùng với Thánh Sergius không hiếm khi hiện ra không chỉ trước những người bị vây hãm, khích lệ và củng cố niềm tin của họ vào sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, mà còn trước cả những kẻ thù đang vây hãm tu viện, khiến họ khiếp sợ và đe dọa họ bằng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời[7921] . Nhiều người trong số những kẻ vây hãm và các tướng lĩnh của họ đã nhìn thấy hai vị tu sĩ rực rỡ ánh sáng, trông giống như Thánh Sergius và Thánh Nikon, đi dọc theo các bức tường tu viện; một người xông hương lên tường bằng lư hương, còn người kia rảy nước thánh lên đó.

[7921] Cuộc vây hãm Tu viện Troitsky bởi quân Ba Lan, dưới sự chỉ huy của Lisovsky và Sapieha, bắt đầu vào ngày 23 tháng 9 năm 1608; cuộc vây hãm này kết thúc vào ngày 12 tháng 1 năm 1610.

Một lần nọ, khi cuộc vây hãm tu viện bởi kẻ thù vẫn đang tiếp diễn và trong số những người bị vây hãm bắt đầu xuất hiện bệnh tật do đói khát và mọi sự thiếu thốn, – Nikon đã hiện ra trong giấc mơ của người phụ trách lễ nghi Irinarkh và nói với ông:

– Hãy nói với tất cả những ai đang đau khổ vì bệnh tật rằng đêm nay sẽ có tuyết rơi, và ai muốn được chữa lành bệnh tật thì hãy chà xát cơ thể bằng tuyết đó.

Irinarh thức dậy với lòng kính sợ và sáng hôm sau đã kể lại cho những người xung quanh về điều mà vị thánh làm phép lạ Nikon đã truyền đạt cho ông. Quả thực, đêm đó tuyết đã rơi và ai chà xát tuyết này với lòng tin thì đều được lành bệnh[7922] .

Đây là một trường hợp khác từ thời gian gần đây (năm 1846). Tại bệnh viện của tu viện, tu sĩ tập sự Gavriil đang phải chịu đựng cơn sốt thần kinh một cách khủng khiếp; anh ta đã bất tỉnh trong vài ngày, và mọi người nghĩ rằng anh ta sẽ không qua khỏi căn bệnh này. Vào đêm kỷ niệm Thánh Nikon, anh ta thấy linh hồn mình dường như tách rời khỏi thân xác và lao xuống một vực thẳm nào đó. Trong tâm trí, anh ta bắt đầu cầu xin các Thánh Sergius và Nikon cho mình được hồi sinh, để qua sự sám hối mà chuẩn bị cho cuộc sống vĩnh hằng. (Trong khi đó, như những người khác thấy, anh ta vẫn nằm bất tỉnh và bất động suốt thời gian đó). Bỗng nhiên, ông thấy như thể cánh cửa mở ra; hai vị trưởng lão rạng ngời ánh sáng bước vào, một người cầm cây gậy – trong đó ông nhận ra Thánh Sergius, còn người kia là Thánh Nikon. Thánh Sergius, dùng cây gậy chỉ vào người bệnh và nói với Thánh Nikon: "Hãy giúp đỡ!" Thánh Nikon bước đến, và chỉ bằng sự hiện diện của ngài đã ban cho người bệnh sức mạnh và niềm vui. Người bệnh ngồi dậy, làm dấu thánh giá, còn hai vị thánh thì biến mất khỏi tầm mắt. Gavriil đã tỉnh lại; bệnh tật đã qua đi, chỉ còn lại sự suy nhược[7923] .

Bài thánh ca, giọng 1:

Là người tuân phục và tận tụy, Thánh Nikon đáng kính, Ngài đã xây dựng nên ngôi thánh đường tuyệt đẹp của Thánh Ba Ngôi, để tôn vinh Cha Ngài. Vì thế, chúng con, những đứa con của ngài, với tình yêu thương, kêu cầu ngài: vinh quang thuộc về Đấng đã ban cho ngài sức mạnh, vinh quang thuộc về Đấng đã trao vương miện cho ngài, vinh quang thuộc về Đấng đang thực hiện mọi sự chữa lành qua ngài.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Thưa Cha Nikon, ngài đã gắn bó mật thiết với vị Bề trên thiêng liêng của mình, được ngài dạy dỗ, và dâng hiến trọn vẹn cho Chúa Kitô trong mọi sự; ngài là vị Trưởng tu viện và là người đồng tu với các vị thánh: xin ngài cùng với họ không ngừng cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, cho tất cả chúng con.

Lễ kỷ niệm Thánh Lazarus, người chép kinh

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 11

Thánh Lazarus sống tại Constantinople và từ khi còn trẻ đã dâng hiến cuộc đời mình cho đời sống tu hành. Ngay từ thuở thiếu thời, ngài đã sống một cuộc đời khắc khổ, luôn luôn ăn chay và cầu nguyện. Nhưng trên hết, ngài thực hành các việc bác ái, cho người đói ăn và cho người trần truồng mặc. Nhờ đời sống tu hành và đạo đức của mình, vị thánh đã được phong chức linh mục. Điều này xảy ra dưới triều đại của Hoàng đế Byzantine Theophilus[7924] .

Cũng dưới triều đại của Theophilus, Thánh Lazarus đã phải chịu nhiều đau khổ vì lòng nhiệt thành của ngài trong việc tôn kính các bức tượng thánh. Sau khi hiến dâng bản thân để phụng sự Thiên Chúa, Lazarus đã học nghệ thuật vẽ tượng thánh và say mê vẽ những bức tượng thánh để tôn vinh Thiên Chúa, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và các thánh của Ngài. Còn Thêôphil thì là một kẻ chống thánh tượng; ông đã đàn áp tất cả những ai tôn kính các

---

[7922] "Truyền thuyết về cuộc vây hãm Tu viện Troitsky Sergiev", tác phẩm của Avraam Palitsyn. M., 1822, tr. 157.

[7923] "Thư từ tu viện", Moscow, 1863, tr. 69–71. Thư thứ 19, ngày 18 tháng 11 năm 1846.

[7924] Hoàng đế Theophilus trị vì từ năm 829 đến năm 842.

thánh tượng, và ép buộc các họa sĩ vẽ thánh tượng phải nhổ nước bọt lên các thánh tượng và giẫm đạp lên chúng. Thánh Lazarus, với tư cách là một họa sĩ vẽ thánh tượng, đã bị bắt giữ và phải trải qua thử thách về đức tin. Nhưng mọi nỗ lực nhằm lôi kéo ngài theo tà thuyết chống thánh tượng, dù là bằng những lời nịnh hót hay đe dọa, đều vô ích; Lazarus vẫn kiên định không lay chuyển; lúc đó, họ bắt đầu đánh đập ngài một cách tàn nhẫn, rồi tống ngài vào ngục tối. Nhưng ngay cả trong ngục tối, vị thánh nhân vẫn tiếp tục vẽ tranh thánh. Lúc đó, tên tra tấn vô pháp đã ra lệnh dùng những tấm sắt nung đỏ để thiêu đốt các ngón tay của ngài, nhằm tước đoạt hoàn toàn khả năng vẽ tranh thánh của ngài. Trong hoàn cảnh đó, Thánh Lazarus thậm chí còn đối mặt với nguy cơ tử vong. Và chỉ nhờ sự can thiệp của và nữ hoàng đạo đức Theodora[7925] , mạng sống của ngài mới được cứu vãn một cách khó khăn. Sau khi được trả tự do, Thánh Lazarus đã tìm nơi ẩn náu tại nhà thờ Thánh Gioan Tẩy Giả, và tại đó ngài đã vẽ một bức thánh tượng, nhanh chóng được biết đến như một bức thánh tượng làm phép lạ. Khi Theophilus qua đời, vị thánh đã có thể tự do vẽ các bức thánh tượng. Dù vậy, ngài không hề oán hận, mà thậm chí còn cầu nguyện cho chính kẻ đã hành hạ mình.

Trong thời trị vì của Hoàng đế Michael III[7926] , con trai của Theophilus và Theodora, Thánh Lazarus đã tham gia trong phái đoàn được cử đến gặp Giáo hoàng Benedict III[7927] , và ngài đã qua đời trên đường trở về từ Rome. Thi hài của ngài đã được rước về Constantinople và an táng tại Nhà thờ Thánh Evander[7928] .

Tháng 12

1 tháng 12

18 tháng 11 (theo lịch cũ)

Sự tử đạo của Thánh Tử đạo Platon

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 11

Thánh tử đạo Platon, anh trai của thánh tử đạo Antioch, xuất thân từ xứ Galatia, thành phố Ankyra[7929] , có cha mẹ là Kitô hữu, và được nuôi dưỡng trong sự sùng đạo. Ngay từ trước khi trưởng thành, ngài đã đạt được những thành tựu xuất sắc trong các đức tính. Dù còn ở tuổi thiếu niên, ngài đã có trí tuệ chín chắn. Giữa những kẻ vô thần và thờ ngẫu tượng, ngài đã can đảm rao giảng về Đấng Christ, Thiên Chúa Hằng Hữu, và dạy dỗ những người ngoại đạo đang lầm lạc, để họ nhận biết lẽ thật và từ bỏ sự lầm lạc của ma quỷ để trở về với Thiên Chúa. Vì điều này, ngài đã bị những kẻ vô tín bắt giữ và đưa ra xét xử trước quan tổng trấn Agrippinus.

Lúc đó, Agrippa đang ở trong đền thờ Zeus và ngồi xét xử vị chứng nhân của Đấng Christ tại đó. Nhìn ngài, ông nói:

– Cả thế gian đều tôn kính các vị thần của mình, – chỉ có ngươi là lầm lạc và quay lưng lại với họ!

Vị thánh đáp lại:

[7925] Hoàng hậu Theodora được lịch sử ghi nhận nhờ những đóng góp của bà cho đạo Chính thống. Khi Hoàng đế Theophilus qua đời, do con trai bà là Michael còn quá nhỏ, Hoàng hậu đã trở thành người nhiếp chính của đế quốc và bà đã khôi phục việc thờ phượng các bức tượng thánh. Tại thủ đô, các bức tượng thánh đã được đặt trở lại vị trí để thờ phụng một cách long trọng vào Chủ nhật đầu tiên của Mùa Chay. Ngày này được gọi là "Ngày chiến thắng của Chính thống giáo" và được Giáo hội kỷ niệm hàng năm.

[7926] Hoàng đế Michael III trị vì từ năm 842 đến năm 877

[7927] Đức Giáo hoàng Bê-nê-đictô III lãnh đạo Giáo hội Rô-ma từ năm 866 đến năm 868.

[7928] Năm 1200, một người hành hương người Nga tên là Antony, sau này trở thành Tổng Giám mục Novgorod, đã được chiêm ngưỡng di cốt của Thánh Lazarus tại Constantinople.

[7929] Galatia – một vùng núi non nhỏ nhưng màu mỡ ở Tiểu Á, nằm giữa Phrygia, Bithynia, Pontus và Cappadocia, ở trung tâm bán đảo Tiểu Á. Đạo Kitô đã được Thánh Phaolô truyền bá tại đây; ngài đã thành lập Giáo hội Galatia và sau đó viết thư gửi cho các tín hữu Galatia, những người đã lắng nghe ngài như một Thiên thần của Thiên Chúa (Gl 4,14). – Ancyra – nay là Angora – là một trong những thành phố chính của Galatia.

– Chính các ngài mới là những người lầm lạc, khi bỏ rơi Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng trời đất và mọi vẻ đẹp của chúng, để thờ lạy đá và gỗ mục nát, những tác phẩm do tay người tạo ra.

Agrippin nói:

– Tuổi trẻ khiến ngươi trở nên ngạo mạn và ngang ngược. Hãy cho ta biết tên ngươi, ngươi tên là gì và đến từ thành phố nào?

Thánh nhân đáp:

– Cha mẹ đã đặt tên cho tôi là Plato; từ khi còn trong bụng mẹ, tôi đã là nô lệ của Đấng Christ, và là công dân của thành phố này; hiện nay, vì lòng đạo đức, tôi đang phải đối mặt với phiên tòa bất công của ngài và chờ đợi cái chết oan uổng, mà tôi khao khát đón nhận vì Chúa của tôi; vậy thì hãy làm điều ngài định làm.

– Ngươi không nên, Platon, – quan tổng trấn phản đối, – giảng dạy về Đấng Bị Đóng Đinh và thậm chí không được nghĩ đến Danh Ngài trong tâm trí, vì quyền lực hoàng gia ra lệnh phải xử tử những ai xưng nhận Ngài, còn những ai chối bỏ thì được ban tặng những vinh dự lớn lao: vì vậy, ta khuyên ngươi hãy tuân theo mệnh lệnh hoàng gia, và khi đó ngươi sẽ có cơ hội thoát khỏi cái chết.

Thánh Platon đáp lại:

– Tôi vâng phục Vua của tôi – Thiên Chúa, và tôi chiến đấu vì Ngài; còn cái chết tạm thời này, tôi sẵn lòng chấp nhận để trở thành người thừa kế Nước Trời vĩnh cửu.

– Hãy suy nghĩ đi, Platon, – quan tổng trấn nói – điều gì tốt hơn cho ngươi: tiếp tục sống, hay phải chịu một cái chết đau đớn?

Platon đáp:

– Chúa sẽ lo liệu điều gì có lợi hơn cho tôi.

– Ngươi không biết sao – quan tổng trấn phản bác – những luật lệ bất di bất dịch của hoàng đế, ra lệnh rằng các Kitô hữu phải dâng lễ vật cho các vị thần, nếu không sẽ bị tử hình? Sao ngươi dám vi phạm luật lệ hoàng đế và lôi kéo người khác?

Vị thánh đáp:

– Tôi biết các điều răn của Đức Chúa Trời tôi và làm theo những gì các điều răn thánh thiện và ban sự sống của Ngài truyền dạy, và các điều răn ấy truyền dạy rằng, phải từ chối các lễ vật của ma quỷ để phụng sự Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật. Tôi chỉ phụng sự Ngài mà thôi, còn các vị thần của các ngài thì tôi khinh bỉ. Nhưng ngươi, theo lệnh của vua, hãy tra tấn ta tùy ý – các ngươi đã quen với việc tra tấn các Kitô hữu, còn các Kitô hữu thì quen với việc chịu đau khổ vì Chúa Kitô.

Tổng trấn Agrippinus, người nổi tiếng với tính cách tàn bạo, khi thấy vị thánh không khuất phục trước ý chí vô thần của mình và còn phản đối, trong cơn thịnh nộ khủng khiếp, đã ra lệnh lột trần vị thánh và đặt ngài nằm trần truồng trên mặt đất, rồi chỉ định mười hai binh sĩ thay phiên nhau đánh đập vị thánh. Họ đã đánh ngài khắp cơ thể một cách không thương xót trong một thời gian dài, đến nỗi những người lính đánh đập đã rất mệt mỏi, nhưng vị thánh chịu khổ vẫn không mệt mỏi trong việc chịu đựng và tuyên xưng danh Chúa Giêsu Kitô của ngài.

Sau đó, khi các chiến binh ngừng đánh đập, quan tổng trấn, như thể thương xót ngài, bắt đầu nói với ngài một cách dịu dàng:

– Tôi khuyên anh một cách thân thiện, Platon: hãy từ bỏ cái chết để chọn sự sống.

Vị tử đạo đáp lại:

– Ngươi dạy ta hay lắm, Agrippin, rằng ta nên từ bỏ cái chết để chọn sự sống; chính ta cũng đang chạy trốn khỏi cái chết vĩnh cửu và tìm kiếm sự sống bất tử.

Agrippinus nghe vậy liền giận dữ nói với vị thánh:

– Nói cho ta biết đi, kẻ khốn khổ kia, có bao nhiêu cái chết?

Vị thánh đáp:

– Có hai cái chết: một cái tạm thời, còn cái kia là vĩnh cửu; cũng như có hai cuộc sống: một cái ngắn ngủi, còn cái kia là vô tận.

– Đừng kể những câu chuyện ngụ ngôn nữa, – quan tổng trấn phản bác, – hãy thờ lạy các vị thần để thoát khỏi những cực hình khủng khiếp đang chờ đợi ngươi.

Vị thánh đáp:

– Không lửa, không vết thương, không sự hung dữ của thú dữ, cũng không sự mất mát các bộ phận (cơ thể) nào có thể tách rời ta khỏi Đức Chúa Trời Hằng Sống, vì ta không yêu mến thế gian này, mà yêu mến Đấng Christ của ta, Đấng đã chết và sống lại vì ta.

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh đưa thánh Platon vào ngục tối. Khi người ta dẫn ngài đi, dân chúng theo sau, nhìn ngài chịu đau khổ như thể đang xem một màn trình diễn nào đó. Trong đám đông có rất nhiều Kitô hữu. Khi đến gần ngục tối, với tinh thần kiên định và vĩ đại, vị tử đạo của Đức Kitô, Platôn, quay lại nói với đám đông và, sau khi ra lệnh cho họ im lặng, bắt đầu nói bằng giọng vang dội:

– Hỡi những người yêu mến lẽ thật, hãy biết rằng tôi đã dấn thân vào cuộc khổ nạn này không vì lý do nào khác, ngoài việc vì Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng trời đất và muôn vật trong đó. Với tư cách là những tôi tớ của Đấng Kitô, tôi khẩn cầu các bạn đừng nao núng trước những gì đang xảy ra lúc này, vì *"người công chính phải chịu nhiều đau khổ, nhưng Chúa sẽ giải thoát người khỏi tất cả những điều đó"* (Thánh Vịnh 33:20).

Hãy đến và cùng nhau nương tựa vào bến đỗ bình an và vào Hòn Đá mà vị Tông Đồ vĩ đại đã nói: *"Hòn Đá ấy chính là Đức Kitô"* (1 Cr 10,4). Và xin đừng nản lòng trước những gian nan mà chúng ta phải chịu vì đức tin nơi Đấng Christ, hãy nhớ rằng *"những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì so với vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng ta"* (Rô-ma 8:18).

Nói xong, vị tử đạo bước vào ngục tối, quỳ gối xuống đất và dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện sau đây:

– Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng Tạo Hóa và Đấng Quan Phòng của muôn loài, Đấng ban cho các tôi tớ của Ngài sự kiên nhẫn và chiến thắng, xin hãy ban cho con, tôi tớ khiêm nhường và hèn mọn của Ngài, ân sủng để con có thể kiên trì chịu đựng một cách xứng đáng cho đến cùng vì danh thánh của Ngài, và xin hãy sai Thiên Thần của Ngài đến để giải cứu con khỏi con rắn xảo quyệt và đầy ác ý – Agrippina, để mọi người đều nhận biết rằng những thứ do bàn tay con người tạo ra không phải là thần thánh, mà chỉ có Ngài – Đấng Thần Duy Nhất và Chân Thật, Đấng Kiên Nhẫn và Rộng Lòng, được tôn vinh muôn đời. Amen.

Sau bảy ngày, tên tra tấn lại ngồi trên ghế xét xử trong đền thờ Zeus và ra lệnh dẫn thánh tử đạo đến. Đầu tiên, hắn bày ra trước mặt vị thánh các dụng cụ tra tấn khác nhau: những cái nồi đồng, đôi ủng đinh, những viên đạn nung đỏ, những thanh gỗ nhọn, những chiếc ná sắt, những bánh xe và nhiều thứ khác nữa, hy vọng dùng chúng để dọa nạt vị chiến binh dũng cảm của Chúa Kitô. Rồi hắn bắt đầu nói với vị thánh:

– Platon yêu quý! Nhìn thấy tuổi trẻ của ngươi và sự cao quý của cha mẹ ngươi, cũng như thương xót vẻ đẹp của thân thể ngươi, trước khi ta bắt đầu tra tấn ngươi lần nữa, ta khuyên ngươi: hãy nếm thử lễ vật dâng lên các vị thần của chúng ta và hãy đoàn kết với chúng ta, hãy biết rõ rằng không ai chống lại ta mà còn sống sót, và ngược lại, không ai tuân theo ta lại bị tước đoạt danh dự và những ân huệ mà ta đã hứa. Còn ta, Platon xinh đẹp ơi, nếu ngươi muốn nghe lời ta, như một người cha đang cho ngươi lời khuyên tốt lành, ta sẽ gả con gái duy nhất của anh ta – người sở hữu vô vàn của cải – cho ngươi làm vợ và coi ngươi như con trai của ta.

Nhưng Plato hạnh phúc, chế nhạo ông, nói:

– Hỡi kẻ nghèo nàn, đầy lòng thù hận, con trai của quỷ dữ và đầy tớ của Satan! Nếu ta quyết định trói buộc mình vào những thú vui trần tục và nếu ta muốn lấy vợ, thì chẳng phải ta đã tìm được người tốt hơn con gái của anh trai ngươi sao! Thật sự, ta thà lấy một nô tì còn hơn là lấy nàng. Vậy thì làm sao ta lại muốn lấy nàng bây giờ, khi ta đang từ bỏ thế gian để hiệp nhất với Chúa Kitô?

Lúc đó, tên tra tấn, trong cơn thịnh nộ, ra lệnh đặt vị thánh lên một chiếc giường đồng, rồi chất đầy than hồng dưới giường và đốt cháy chúng, đồng thời đổ dầu, sáp và nhựa thông lên ngọn lửa, thiêu đốt thân thể vị tử đạo, và từ trên cao đánh bằng một cây gậy mảnh, nhằm gia tăng nỗi đau đớn của ngài cả bằng những cú đánh lẫn ngọn lửa. Sau những cực hình kéo dài như vậy, Agrippinus nói với vị thánh tử đạo:

– Hỡi kẻ khốn khổ, hãy thương xót chính mình đi! Và nếu ngươi không muốn thờ lạy các vị thần, thì chỉ cần nói những lời này: "Thần Apollon vĩ đại", – thì ta sẽ ngay lập tức ngừng tra tấn ngươi, và ngươi sẽ được về nhà trong bình an.

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Thà rằng ta không bao giờ thương xót thân xác mình, còn linh hồn thì sẽ phải chịu lửa địa ngục.

Sau ba giờ đồng hồ, trong suốt thời gian đó Plato phải chịu những cực hình như vậy, ông được đưa xuống khỏi giường, nhưng thân thể ông vẫn nguyên vẹn, khỏe mạnh và không có lấy một vết thương hay dấu vết nào của lửa, như thể ông vừa bước ra khỏi phòng tắm hơi. Hơn nữa, từ thân thể ông tỏa ra một mùi hương thơm ngát đến mức tất cả những người có mặt ở đó đều ngạc nhiên và thốt lên:

– Quả thật, Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Thống đốc tỉnh bèn nói với vị thánh:

– Nếu ngươi không muốn dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, thì ít nhất hãy từ bỏ Đấng Kitô của ngươi, – và ta sẽ thả ngươi ra.

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Ngươi thật điên rồ và vô thần, sao lại nói rằng ta phải từ bỏ Đấng Cứu Rỗi của mình? Ngươi thực sự muốn ta trở nên giống như ngươi, kẻ vô đạo ư? Chẳng lẽ sự diệt vong của ngươi vẫn chưa đủ sao? Nhưng ngươi còn muốn lôi kéo những người khác, những người thuộc về đội quân của Đấng Christ, vào con đường diệt vong đó nữa sao! Hãy tránh xa ta ra, kẻ vô luật pháp. Ta tin vào Đức Chúa Trời của ta, rằng Ngài sẽ không bỏ rơi ta và sẽ không để ta sa ngã như ngươi đã sa ngã.

Lúc đó, Agrippa đứng dậy khỏi ngai vàng và tự tay tra tấn vị thánh. Ông ta nung đỏ những vòng sắt, đặt dưới vai ngài và thiêu đốt xương sườn ngài. Sau đó, ông ta đặt hai vòng sắt nung đỏ rực lên ngực vị tử đạo – và khói bốc lên từ lỗ mũi ngài, vì sức nóng của ngọn lửa đã thấm sâu vào tận nội tạng ngài. Nhiều người nghĩ rằng ngài đã chết. Nhưng, một lúc sau, ngài nói với kẻ tra tấn:

– Những hình phạt của ngươi thật hèn mọn, tên hút máu tàn ác!

Sau đó, ngước mắt lên trời, vị thánh nói:

– *"Ta đã phó thác cột sống Ta cho những kẻ đánh đập, và má Ta cho những kẻ tát; Ta không che giấu khuôn mặt Ta khỏi sự sỉ nhục và nước bọt"* (Ê-sai 50:6)[7930] , *"Xin đừng xa lìa con, lạy Chúa, vì nỗi đau khổ đang cận kề"* (Thi Thiên 21:12), *"Tại sao các dân ngoại lại nói: 'Thần của họ ở đâu?'"* (Thi Thiên 78:10). Xin ban cho con, lạy Chúa Giê-su Ki-tô, tôi tớ của Ngài, được giải thoát hoàn toàn khỏi những sự hành hạ của kẻ thù, để con có thể mạnh dạn đứng trước Tòa Án Đáng Sợ của Ngài, sau khi hoàn thành công việc tốt lành này: vì Ngài xứng đáng nhận được vinh quang, danh dự và quyền năng ở mọi nơi trong vương quốc của Ngài, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời.

Và khi ngài thốt lên: "A-men", ngôi đền rung chuyển, và mọi người đều kinh hãi. Tuy nhiên, những kẻ tàn ác vẫn không muốn nhận biết quyền năng của Đức Chúa Trời.

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh cắt da của Thánh Platon thành những dải da, rồi lột chúng ra. Nhưng vị thánh, sau khi xé một dải da đang lủng lẳng trên thân thể mình, đã ném nó vào mặt Agrippina và nói:

– Kẻ vô nhân đạo và hung ác hơn cả muôn loài thú! Sao ngươi, không muốn nhận biết Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng chúng ta theo hình ảnh của Ngài, lại không hề thương xót ngay cả đối với chính thân xác giống hệt như thân xác ngươi đang mang, và lại thấy khoái lạc khi chứng kiến các chi thể của ta bị xé nát? Nhưng hãy tra tấn ta bằng những cực hình còn tàn bạo hơn nữa, để cả sự vô nhân đạo của ngươi lẫn sự kiên nhẫn của ta đều được mọi người chứng kiến, vì ta vui vẻ chịu đựng tất cả những điều này vì Đấng Kitô của ta, để nhờ ân sủng của Ngài, ta có được sự bình an trong đời đời.

– Ôi, ngươi điên rồ đến mức nào, – Agrippinus phản bác, – rằng ngươi thậm chí không thương xót chính thân thể mình, dù nội tạng của ngươi đã lòi ra qua xương sườn, mà ngươi vẫn không ngừng phỉ báng các vị thần và kích động cơn giận của ta?

Sau đó, Agrippinus ra lệnh treo thánh nhân lên cây và đánh đập thân thể ngài cho đến khi phần thịt còn nguyên vẹn rụng hết khỏi xương và gần như toàn bộ máu đã chảy cạn. Còn khuôn mặt thánh thiện của vị tử đạo, hắn đã tra tấn bằng những chiếc kẹp sắt đến mức không còn chút dấu vết nào của hình dáng con người, chỉ còn lại những chiếc xương trần trụi. Nhưng thánh Platon, với lời nói tự do, đã lên án sự tàn bạo của kẻ tra tấn và nguyền rủa các thần tượng cùng những kẻ thờ thần tượng.

Lúc đó, kẻ tra tấn nói:

– Platon! Nếu ngươi không cứng đầu và bất khuất đến thế, thì ngươi đã giống như vị Platon vĩ đại, thủ lĩnh của các nhà triết học[7931] , người đã soạn ra những giáo lý thiêng liêng.

[7930] Những lời tiên tri này, trong toàn bộ ý nghĩa của chúng, đề cập đến những đau khổ cứu độ của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Nhưng xét cho cùng, chúng cũng có thể, đến một mức độ nào đó, áp dụng cho các vị tử đạo của Chúa Kitô, bởi vì qua những đau khổ của mình, họ được hiệp nhất với những đau khổ của Chúa Kitô.

[7931] *Nhà triết học* – trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là: người yêu thích sự khôn ngoan. Đó là cách gọi những nhà học giả đã cống hiến cuộc đời mình cho việc nghiên cứu những vấn đề cao siêu nhất của sự tồn tại: về Đức Chúa Trời, về nguồn gốc và các quy luật của thế giới và

Nhưng vị thánh đáp lại:

– Dù tôi cùng tên với Plato, nhưng không cùng trường phái. Tên gọi không thể kết nối những người bị chia rẽ bởi niềm tin. Vì vậy, tôi không giống Plato ấy, và Plato cũng không giống tôi, ngoại trừ cái tên. Tôi học và giảng dạy triết học thuộc về Đấng Christ, còn ông ấy là thầy của triết học mà trước mặt Đức Chúa Trời là sự điên rồ, vì có chép rằng: *"Ta sẽ hủy diệt sự khôn ngoan của những người khôn ngoan, và khinh bỉ sự thông minh của những người thông minh"* (1 Cô-rinh-tô 1:19; so sánh Ê-sai 29:14). Còn những giáo lý thuộc về Plato, mà ngươi gọi là Thần thánh, thực chất là những câu chuyện ngụ ngôn giả dối, dùng những lời lẽ xảo quyệt để làm hư hỏng tâm trí những người ngây thơ, đơn sơ.

Khi vị thánh ngừng nói, Agrippin cũng im lặng, vì ông không biết phải phản bác thế nào nữa và phải làm gì với vị thánh ấy, đồng thời ông kinh ngạc trước sự kiên nhẫn vĩ đại và những câu trả lời dũng cảm của vị thánh. Ông ra lệnh đưa vị thánh vào ngục tối và không cho phép bất kỳ ai trong số những người quen biết của vị thánh đến thăm ngài. Tuy nhiên, để vị thánh tử đạo không chết, kẻ tra tấn ra lệnh mỗi ngày phải cho ngài một ít bánh mì và nước. Kẻ bất hạnh ấy không biết rằng: *"Con người không chỉ sống bằng bánh mì , nhưng bằng mọi [lời] phát ra từ miệng Chúa, con người mới sống"* (Đệ Nhị Luật 8:3). Nhưng vị tử đạo của Đấng Christ không nhận bất cứ thứ gì từ tay những kẻ thờ thần tượng và đã nhịn ăn uống suốt mười tám ngày, đến nỗi lời Kinh Thánh đã ứng nghiệm trên ngài: *"Người công chính sẽ sống nhờ đức tin của mình"* (Hab. 2:4). Ông hy vọng rằng Đấng đã ban cho Đa-ni-ên thức ăn giữa bầy sư tử trong hố (Đa-ni-ên 6), cũng sẽ ban cho ông thức ăn bất hoại trong ngục tối. Còn các lính canh, thấy ông không nhận cả bánh lẫn nước, bèn nói với ông:

– Hãy ăn đi, hỡi người, và hãy uống, để ngươi khỏi chết, và chúng ta khỏi gặp rắc rối vì ngươi.

Nhưng vị thánh nhân đáp lại:

– Các anh em đừng nghĩ rằng tôi sẽ chết nếu không nhận thức ăn của các anh; các anh được nuôi dưỡng bằng bánh mì, còn tôi được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa, Đấng tồn tại muôn đời – các anh được no nê bằng thịt, còn tôi được no nê bằng những lời cầu nguyện thánh thiện – các anh vui vẻ nhờ rượu, còn tôi được vui mừng nhờ Đức Kitô, Cây Nho Thật.

Sau đó, quan tổng trấn Agrippinus, thấy rằng không thể dùng bất cứ điều gì để khiến Platon từ bỏ Đức Kitô, đã kết án ông bị chém đầu bằng gươm. Vị tử đạo được dẫn ra khỏi thành phố. Sau khi xin được một giờ để cầu nguyện, ông giơ hai tay lên trời và nói:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa Giêsu Kitô, vì bằng Danh Thánh của Ngài, Ngài đã bảo vệ con, tôi tớ của Ngài, khỏi sự cám dỗ của kẻ thù và ban cho con ân sủng để xứng đáng hoàn thành cuộc hành trình của công cuộc mà con đã dấn thân vì Ngài. Và giờ đây, con cầu xin Ngài: xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an, vì Ngài được chúc tụng muôn đời. Amen.

Sau đó, ngài cúi đầu thánh thiện xuống và nói với người lính sắp chém đầu ngài:

– Hãy làm đi, hỡi người bạn, theo như lệnh đã ban. – Và ngay lập tức, ông bị chém đầu. Như vậy, vị thánh tử đạo Platon đã chiến đấu và chết vì Chúa Kitô, để được sống và ngự trị cùng Ngài muôn đời[7932] .

Bài ca Kondak, giọng 3:

Ký ức thánh thiện của ngài làm cho cả vũ trụ hân hoan, quy tụ tất cả các tín hữu vào ngôi đền thánh cao quý của ngài, nơi mà giờ đây chúng con hân hoan tụ họp, ca hát trong những bài thánh ca và ánh sáng rực rỡ. Vì lý do

---

con người, cũng như mục đích cuối cùng của sự tồn tại của thế giới, v.v. – Plato – nhà triết học nổi tiếng nhất và vĩ đại nhất của thời cổ đại (cuối thế kỷ V và đầu thế kỷ VI trước Công nguyên), người đã để lại vô số tác phẩm có chiều sâu tư tưởng đáng kinh ngạc.

[7932] Thánh Plato đã chịu tử đạo vào khoảng năm 306. – Sau khi ngài qua đời, nhiều người đã cầu nguyện với ngài và nhận được sự trợ giúp kỳ diệu từ ngài. Chẳng hạn, tại Công đồng Đại kết lần thứ VII (năm 787), người ta đã đọc một đoạn trích từ thư của Thánh Nilô, môn đệ của Thánh Gioan Kim Khẩu, kể về phép lạ của Thánh Tử đạo Platon.

Con trai của một tu sĩ ở Galatia đã bị bắt làm tù binh bởi những kẻ man rợ tấn công bất ngờ. Vị tu sĩ già đã khóc lóc cầu xin Thánh Tử đạo Platon, người đồng hương của ngài, giúp đỡ trong hoàn cảnh bị giam cầm này. Và rồi, một kỵ sĩ cưỡi ngựa xuất hiện trước mặt con trai ông, dẫn theo một con ngựa khác, và ra lệnh cho chàng trai trẻ lên ngựa. Chàng trai nhận ra đó chính là vị tử đạo, vì đã từng thấy hình ảnh ngài như vậy trên bức tranh thánh; chàng trai liền lên ngựa; còn vị thánh, sau khi đưa chàng về gặp cha, bỗng biến mất. Tại Constantinopolis, Hoàng đế Anastasius I (491–518) đã xây dựng một nhà thờ để tôn vinh vị tử đạo này, còn Hoàng đế Justinian (trị vì từ năm 527–565) đã trùng tu lại nhà thờ đó.

này, hỡi Platon, chúng con kêu cầu ngài: xin cứu thành phố của ngài khỏi sự xâm lăng của những kẻ ngoại đạo, hỡi vị thánh.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Roman và thiếu niên Varul

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 11

Thánh tử đạo Roman xuất thân từ Palestine và là phó tế của Giáo hội Caesarea. Trong thời kỳ người ngoại đạo bắt bớ Kitô hữu, ngài sống tại Antioch[7933] , rao giảng giáo lý và củng cố lòng tin cho các tín hữu, để họ vững vàng trong việc tuyên xưng Đức Kitô. Khi vị tổng giám mục vô đạo Asklipiades muốn phá hủy hoàn toàn nhà thờ Kitô giáo tại đó, Thánh Roman đã kêu gọi cộng đồng Kitô hữu chống lại vị tổng giám mục ấy và không để ông ta phá hủy ngôi thánh đường thiêng liêng.

– Hiện nay, – ngài nói với các tín hữu cùng đức tin, – chúng ta phải chiến đấu vì các bàn thờ của Thiên Chúa; Asklipiad là kẻ thù của tổ quốc và muốn cướp mất Thiên Chúa khỏi chúng ta, và chúng ta sẽ làm điều đúng đắn nếu, trong khi bảo vệ các bàn thờ của Thiên Chúa, chúng ta ngã xuống, bị thương, ngay trước ngưỡng cửa nhà thờ thánh. Dù cuộc chiến kết thúc ra sao, chúng ta, những người Kitô hữu, sẽ là những người chiến thắng: nếu không để cho ngôi nhà của Chúa bị phá hủy, thì chúng ta sẽ chiến thắng trong Giáo Hội đang chiến đấu trên trần gian; còn nếu chúng ta ngã xuống vì bị giết bên bàn thờ thánh, thì chúng ta sẽ cất tiếng hát bài ca chiến thắng trong Giáo Hội đang hân hoan trên thiên đàng.

Bằng những lời ấy, ngài đã khích lệ mọi người đứng lên bảo vệ ngôi đền thánh và quyết tâm chống cự đến chết, không cho phép vị giám mục bước vào đền thờ và phá hủy nó.

Vào thời điểm đó, một lễ hội thờ thần tượng diễn ra, và đông đảo những người ngoại đạo đổ xô đến đền thờ thần tượng cùng vợ con. Lúc đó, Thánh Roman bừng cháy lòng nhiệt thành thiêng liêng, bước vào giữa đám đông dân chúng vô đạo và lớn tiếng vạch trần sự lầm lạc của họ. Ngài thậm chí còn ngăn cản chính vị tổng giám mục Asklipiadas khi ông ta đang bước vào đền thờ thần tượng, và nói với ông ta:

– Ngài đã bị lừa dối, thưa tổng trấn, khi đến với các thần tượng: các thần tượng không phải là thần, mà chỉ có một Đấng là Thiên Chúa Chân Thật, đó là Đức Giêsu Kitô.

Thống đốc lập tức ra lệnh bắt giữ Roman và đánh mạnh vào miệng ông. Sau đó, ngồi trên ghế xét xử, ông ta ép buộc ông từ bỏ Đức Kitô trong một thời gian dài; nhưng khi thấy ông không chịu khuất phục, ông ta ra lệnh tra tấn. Ông bị treo cổ, bị đánh bằng đủ loại dụng cụ và bị hành hạ bằng những chiếc còng sắt. Nhưng Thánh Roman, dũng cảm chịu đựng những cực hình này, vẫn tuyên xưng Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa của muôn loài, và quở trách vị tổng giám mục vì sự điên rồ khi ông ta không muốn nhận biết lẽ thật.

Khi vị thánh phải chịu đau khổ như vậy và, trong lúc chịu tra tấn, vẫn dũng cảm rao giảng về Chúa Kitô, có rất nhiều người đứng đó, cả những kẻ vô tín lẫn những người có đức tin, đang chứng kiến hành động anh hùng của vị tử đạo vì Chúa Kitô. Không xa đó, có một thiếu niên Kitô hữu tên là Varul đang đứng. Nhìn thấy cậu, vị tử đạo nói với kẻ tra tấn:

– Cậu thiếu niên này khôn ngoan hơn ngươi, người già nhất, dù cậu ấy còn nhỏ tuổi, – vì cậu ấy biết Thiên Chúa Chân Thật, còn ngươi, ở tuổi già, lại không biết Ngài.

Lúc đó, tổng giám mục gọi cậu thiếu niên lại gần và hỏi cậu:

– Ngươi tôn thờ vị Thần nào?

– Tôi tôn thờ Chúa Kitô, – cậu thiếu niên trả lời.

Giám mục hỏi cậu:

– Tôn thờ một vị Thần hay nhiều vị Thần, cái nào tốt hơn?

– Tốt hơn là thờ phụng một vị Thần duy nhất, đó là Chúa Giêsu Kitô, – cậu thiếu niên trả lời.

Thống đốc lại hỏi cậu:

– Tại sao Chúa Kitô lại tốt hơn tất cả các vị thần?

Cậu bé trả lời:

[7933] Đó là ngày 17 tháng 11 năm 303, dưới thời đồng trị vì của Hoàng đế La Mã Diocletian và Maximian Galerius.

– Chúa Kitô vượt trội hơn vì Ngài là Thiên Chúa Chân Thật và đã tạo dựng tất cả chúng ta, còn các vị thần của các ngài chỉ là ma quỷ và không tạo dựng ai cả.

Và cậu thiếu niên còn nói nhiều điều khác nữa, như thể cậu là một nhà thần học vô cùng thông thái: Thánh Thần, đang hoạt động trong cậu, đã khiến lời ngợi khen tuôn ra từ miệng cậu để làm bẽ mặt vị giám mục vô đạo và tất cả những kẻ thờ thần tượng.

Kẻ tra tấn và tất cả những người có mặt ở đó, kinh ngạc trước trí tuệ của cậu thiếu niên và những lời khôn ngoan của cậu, cảm thấy vô cùng xấu hổ vì không thể bác bỏ những lời của cậu. Vì vậy, kẻ tra tấn ra lệnh đánh Varul bằng roi một cách tàn nhẫn. Sau một thời gian dài bị đánh, Varul bắt đầu kiệt sức và xin được uống nước. Nhưng mẹ cậu, đang đứng giữa đám đông và vui mừng nhìn con trai mình chịu đau khổ, khi thấy con kiệt sức và xin uống nước, đã với sự nghiêm khắc kiên quyết, ra lệnh cho cậu phải dũng cảm chịu đựng đau khổ đến cùng. Khi kẻ tra tấn ra lệnh chém thiếu niên bằng gươm, người mẹ bế con lên tay và mang đến nơi hành quyết. Trong khi ôm ấp và hôn con, bà an ủi và động viên con để con không sợ hãi khi nhìn thấy lưỡi gươm lơ lửng trên đầu:

– Đừng sợ, con trai của mẹ, – bà nói. – Đừng sợ, con yêu quý của mẹ! Đừng sợ cái chết! Con sẽ không chết, mà sẽ sống mãi mãi! Đừng kinh hoàng, bông hoa của mẹ! Con sẽ ngay lập tức được đưa đến những vườn địa đàng! Đừng sợ thanh gươm! Ngay khi con bị chém đầu, con sẽ lập tức đến với Chúa Kitô và chiêm ngưỡng vinh quang của Ngài. Ngài sẽ đón nhận con với tình yêu thương, và con sẽ sống cùng Ngài trong niềm vui khôn tả, tận hưởng hạnh phúc bên các Thiên thần thánh của Ngài.

Vừa an ủi con mình như vậy, người mẹ đạo đức đã đưa con đến nơi hành hình. Sau khi cậu thiếu niên bị chém đầu, người mẹ đã hứng máu của con vào một bình sạch, rồi ôm thi thể con, tưới lên đó những giọt nước mắt vui sướng, hôn lên thi thể con với tình yêu thương, và vui mừng vì con trai mình đã đổ máu vì Chúa Kitô, dòng máu mà con đã nhận từ chính bà. Sau đó, bà đã an táng thi thể con trai mình một cách trang trọng.

Sau khi Thánh Varul bị chặt đầu, Thánh Roman bị kết án thiêu sống. Bị trói chặt và bao quanh bởi đống củi, Thánh Roman, khi những người hầu chưa chất củi và chưa châm lửa, đang chờ đợi lời phán quyết cuối cùng từ quan tòa, đã lớn tiếng kêu lên từ giữa đống lửa, hướng về những kẻ hành hình:

– Lửa đâu rồi? Sao các ngươi không châm lửa? Hãy châm lửa đi, để ngọn lửa bao trùm lấy toàn thân ta.

Khi ngọn lửa đã được thắp lên và đống củi bùng cháy dữ dội từ mọi phía, bỗng nhiên một cơn mưa lớn trút xuống và dập tắt ngọn lửa. Thánh Roman vẫn sống sót và không hề hấn gì trước ngọn lửa. Sau đó, vì những lời nói dũng cảm của vị thánh tử đạo (vì ngài đã lên án những kẻ ngoại đạo vô đạo, chỉ trích sự điên rồ của họ và nguyền rủa các vị thần của họ, đồng thời tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa Duy Nhất), kẻ tra tấn đã ra lệnh cắt lưỡi ngài. Nhưng chính ngài đã tự nguyện đưa lưỡi mình cho những kẻ tra tấn để họ cắt đi. Tuy nhiên, ngay cả sau khi lưỡi ca ngợi Thiên Chúa bị cắt đi, vị Tuyên xưng Đức Kitô vẫn không im lặng, mà bằng một cách siêu nhiên và dù không có lưỡi, ngài vẫn nói rõ ràng như trước đây, tôn vinh Thiên Chúa Duy Nhất. Sau đó, ngài bị ném vào ngục tối, nơi ngài phải chịu đựng trong một thời gian dài, với đôi chân bị xiềng xích. Khi hoàng đế Maximian được báo tin rằng dù lưỡi đã bị cắt, ngài vẫn nói rõ ràng, hoàng đế liền ra lệnh siết cổ ngài. Bước vào ngục tối, các binh lính thắt dây thừng quanh cổ ngài và siết cổ ngài[7934] .

Như vậy, thánh tử đạo Roman đã hoàn tất cuộc hành trình chịu khổ vì Chúa Kitô, trong vương quốc của Ngài, ngài hiện đang được tôn vinh, ngợi khen Thánh Ba Ngôi muôn đời. Amen.

Lễ kính các thánh tử đạo Zacchaeus và Alpheus

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 11

Tại Cêsarea Palestine, khi sắp đến kỷ niệm hai mươi năm trị vì của các hoàng đế, những người bị giam trong ngục thường được ân xá tội lỗi. Điều này cũng xảy ra dưới triều đại của Diocletian. Trong khi đó, quan tổng trấn vùng này, dù đã ban tự do cho cả những tội phạm tồi tệ nhất, lại bắt các Kitô hữu phải chịu những hình phạt tàn bạo nhất. Vào thời điểm đó, Zachê[7935] , phó tế của Giáo hội Gadara, đã bị bắt vì tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Khi bị chất vấn về đức tin tại tòa án, ông đã can đảm và không sợ hãi tuyên xưng Chúa Kitô. Vì điều này, ngài

[7934] Qua đời năm 303.

[7935] Thành phố Gadara tọa lạc ở phía đông nam Hồ Gennesaret, trên bờ nam sông Hieromax.

đã phải chịu những hình phạt tàn bạo: bị đánh bằng roi, sau đó bị cào xé bằng móng vuốt, và cuối cùng, sau khi bị xiềng chân vào cùm, ngài bị tống vào ngục tối. Thánh nhân đã dũng cảm chịu đựng những cực hình đó. Khi Thánh Zacchaeus đang bị tra tấn, một vị chứng nhân khác vì danh Chúa Kitô, tên là Alpheus, cũng được dẫn ra tòa. Ông xuất thân từ một gia đình quý tộc và là họ hàng của Zacchaeus, sinh ra tại thành phố Eleutheropolis ở Palestine[7936] . Khi cuộc bách hại Kitô hữu dưới thời Diocletian bắt đầu, Alpheus đang giữ chức vụ người đọc sách trong nhà thờ tại Caesarea. Cuộc đàn áp nhắm vào những người làm chứng cho đức tin vào Chúa Kitô diễn ra vô cùng tàn bạo, và nhiều Kitô hữu không chịu nổi sự tra tấn khắc nghiệt, đã từ bỏ đức tin vào Chúa Kitô và sẵn sàng dâng lễ vật cho các thần tượng. Lúc đó, Alfeus, vì lòng nhiệt thành với Thiên Chúa, đã lao vào đám đông những người đã sa ngã và ngăn cản họ dâng lễ vật cho các thần tượng. Vì điều này, ngài bị bắt giữ và bị xiềng xích dẫn vào ngục tối. Vài ngày sau, ngài phải chịu những hình phạt tương tự như người thân của ngài là Zacchaeus: bị đánh bằng roi, bị cào xé bằng móng vuốt, và cuối cùng, bị xiềng chung vào một cùm với vị thánh công chính Zacchaeus. Trong tình trạng đó, họ phải chịu đựng suốt ngày đêm. Khi sau những cực hình này, các thánh tử đạo vẫn tiếp tục không ngừng xưng nhận Đức Kitô, họ đã bị chém đầu[7937] . Như vậy, các thánh tử đạo đã qua đời, sau khi chịu đựng nhiều đau khổ vì danh Đức Kitô.

Ngày 2 tháng 12

19 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của thánh tiên tri Avdia

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 11

Thánh tiên tri Obadiah xuất thân từ làng Vifarama, gần Si-chem[7938] ; ngài phục vụ tại triều đình các vua Y-sơ-ra-ên và là quản gia của vua A-háp[7939] . Từ thuở thiếu thời, ngài đã rất kính sợ Đức Chúa Trời, và khi cả dân Y-sơ-ra-ên quay lưng lại với Đức Chúa Trời và bắt đầu thờ phượng thần Ba-anh tà ác[7940] , ngài vẫn bí mật thờ phượng Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật của tổ tiên mình, Đấng đã giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi Ai Cập và dẫn dắt họ đi qua Biển Đỏ trên đất khô. Khi Jezebel, người phụ nữ vô đạo, tàn sát tất cả các tiên tri của Đức Chúa Trời[7941] , Obadiah đã đưa một trăm tiên tri đi, giấu họ thành hai nhóm, mỗi nhóm năm mươi người trong hai hang động, và nuôi dưỡng họ bằng bánh mì và nước trong thời kỳ đói kém xảy ra vào thời tiên tri Ê-li. Một lần nọ, A-háp triệu tập Obadiah và nói với ông:

– Hãy đi khắp đất nước, đến tất cả các nguồn nước và các con suối trên đất, xem liệu chúng ta có tìm được cỏ ở đâu để nuôi ngựa và lừa, để không mất đi đàn gia súc của chúng ta không.

[7936] Eleutheropolis nằm ở phần phía nam của Palestine, thuộc vùng Judea xưa.

[7937] Đó là vào năm 303.

[7938] Shechem – nay là Nablus – một trong những thành phố cổ của Palestine – nằm ở Samaria trên núi Ephraim, cách Jerusalem 18 giờ đi đường, trong một thung lũng cao, trù phú và màu mỡ giữa hai ngọn núi Garizim và Gebal. Ngày nay, thành phố này đã mất đi tầm quan trọng hàng đầu như xưa: nhưng vẫn giàu có nhờ vô số di tích cổ xưa còn được bảo tồn.

[7939] A-háp, con trai của A-mri, vị vua tàn bạo nhất của Y-sơ-ra-ên, trị vì từ năm 924–903 trước Công nguyên.

[7940] Baal, trong tiếng Do Thái có nghĩa là "chủ nhân", "chúa tể", được người Phoenicia tôn sùng là vị thần tối cao, và cả những người Israel đã phản bội đức tin của mình cũng thờ phụng ngài. Qua hình tượng của ngài, những người ngoại đạo đã thần thánh hóa mặt trời và sức mạnh sinh sản nam giới, thể hiện qua vợ ngài là Astarte, người mà qua hình tượng của bà, mặt trăng cũng được thần thánh hóa. Việc thờ phụng họ nổi bật bởi sự đồi trụy tột độ và những nghi lễ đầy dục vọng, vô đạo đức.

[7941] I-sa-bê, con gái của vị vua kiêm thầy tế lễ Si-đôn, vợ của A-háp, nổi tiếng vì sự vô đạo đức tột độ và lối sống sa đọa. Mù quáng tuân theo ảnh hưởng của bà, A-háp đã vượt qua tất cả các vị tiền nhiệm về sự vô đạo và sa vào sự thờ thần tượng đáng hổ thẹn nhất. Ông đã xây dựng đền thờ Ba-anh tại Sa-ma-ri, cho phép I-ê-sa-bên dựng các bàn thờ dành cho các vị thần của Sy-ri và Si-đôn trên đất nước mình, đồng thời dung túng cho vô số tiên tri giả ngoại đạo. Cuối cùng, Jezebel đã phát động cuộc đàn áp các tiên tri của Đức Chúa Trời Chân Thật, và tất cả họ đều đã bị giết nếu như Obadiah, quan quản gia của vua, không che chở họ khỏi cơn thịnh nộ của bà (3 Vua 18:4).

Họ chia nhau đi khắp đất nước để tìm kiếm: A-háp đi một con đường riêng, còn Ô-đi-a đi một con đường khác. Khi Ô-đi-a đang đi trên đường, Ê-li xuất hiện trước mặt ông. Ông nhận ra ông ấy, liền sấp mặt xuống đất và nói:

– Có phải là ngài, thưa ngài Ê-li?

Người ấy đáp:

– Chính ta đây; hãy đi báo cho chúa tể của ngươi biết: Ê-li đang ở đây.

Ông thưa:

– Tôi đã phạm tội gì mà ngài lại giao nộp tôi tớ ngài vào tay A-háp để giết tôi? Thề bằng Đức Chúa Trời của ngài! Chẳng có dân tộc hay vương quốc nào mà chúa tôi không sai người đi tìm ngài; và khi người ta báo với ngài rằng ngài không có ở đó, ngài đã bắt vương quốc và dân tộc ấy phải thề rằng họ không thể tìm thấy ngài. Vậy mà bây giờ ngươi lại bảo: 'Hãy đi, nói với chúa tể của ngươi rằng: Ê-li đang ở đây.' Khi tôi rời khỏi ngươi, thì Thánh Linh của Đức Giê-hô-va sẽ đưa ngươi đi, tôi không biết đến đâu; và nếu tôi đi báo cho A-háp, mà ông ta không tìm thấy ngươi, thì ông ta sẽ giết tôi, trong khi tôi là tôi tớ kính sợ Đức Chúa Trời từ thuở thiếu thời. Chẳng phải đã nói với chúa tôi rằng tôi đã làm gì khi I-sa-bên giết các tiên tri của Đức Giê-hô-va sao? Tôi đã che giấu một trăm tiên tri của Đức Giê-hô-va, mỗi nhóm năm mươi người, trong các hang động và nuôi họ bằng bánh và nước. Vậy mà bây giờ ngươi lại nói: 'Hãy đi, nói với chúa ngươi rằng: Ê-li đang ở đây.' Ông ấy sẽ giết tôi.

Và Ê-li nói:

– Thề bằng Đức Giê-hô-va Sa-va-ô, Đấng mà tôi đang đứng trước mặt! Hôm nay tôi sẽ ra gặp ngài.

Ô-đi-a bèn đi ra đón A-háp và báo cho ông ta biết về Ê-li. Khi A-háp thấy Ê-li, vị tiên tri của Đức Chúa Trời đã vạch trần sự lầm lạc của ông ta, rồi thực hiện một phép lạ vĩ đại: Ngài khiến lửa từ trời giáng xuống trên các của lễ và nước, như đã được chép trong Sách Các Vua 3 (3 Vua 18:4–8). Thấy điều đó, Ô-đi-a vui mừng trước quyền năng toàn năng của Đức Chúa Trời mình, lòng ông bừng cháy tình yêu dành cho Ngài và tràn đầy lòng nhiệt thành vì Ngài, nên ông phục vụ Ngài một cách tận tụy hơn, tuân giữ các điều răn của Ngài. Sau đó, khi A-háp qua đời và vương quốc Y-sơ-ra-ên được con trai ông là Ô-hô-xia kế vị[7942] , Ô-đi-a đã phục vụ trong quân đội. Theo lời chứng của Thánh Dorotheus và Thánh Giê-rô-ni-mô, ông là một trong ba người thuộc nhóm năm mươi được vua Ohozia sai đi gặp tiên tri Ê-li; trong số đó, hai người đã bị thiêu rụi bởi ngọn lửa từ trời giáng xuống theo lời tiên tri, còn người thứ ba, chính là Ô-đi, đã được tha thứ: ông đã khiêm nhường đến gặp Thánh Tiên tri Ê-li và khẩn cầu ngài, đồng thời nói với ngài: "Hỡi người của Đức Chúa Trời! Xin đừng khinh miệt linh hồn con và linh hồn các tôi tớ của ngài – năm mươi người này – trước mặt ngài."

Chính vì thế mà Ê-li đã tha thứ cho ông; rồi ông đứng dậy và cùng ông ấy đến gặp vua. Từ đó, Ô-đi-a từ bỏ chức vụ trong triều đình, đi theo thánh tiên tri Ê-li và nhận được thần khí tiên tri, vì ông đã che chở và nuôi dưỡng các tiên tri của Chúa, đồng thời chính ông cũng đi theo vị tiên tri ấy (2 Vua 1:13–15). Sau khi qua đời, ông được an táng cùng với các tổ tiên của mình[7943] .

Cuộc đời của các vị thánh Varlaam và Ioasaf, hoàng tử Ấn Độ, cùng cha ông là vua Avenir

Ngày kỷ niệm: 19 tháng 11

Có một đất nước ở phương Đông, rất rộng lớn, được gọi là Ấn Độ, nơi sinh sống của nhiều dân tộc và vượt trội hơn các nước khác về mọi loại của cải và hoa màu; biên giới của nó giáp với biên giới của Ba Tư. Vùng đất này từng được Thánh Tông đồ Tôma truyền giáo, nhưng người dân nơi đây vẫn chưa từ bỏ hoàn toàn việc thờ cúng các thần tượng, bởi vì nhiều người, do đã ăn sâu vào tín ngưỡng ngoại đạo, không chấp nhận giáo lý cứu rỗi và vẫn bám

[7942] Ô-hô-xia – vua Y-sơ-ra-ên, người kế vị A-háp, qua đời vào năm thứ hai của triều đại mình, khi cha ông còn sống, và để lại ngai vàng cho anh trai mình là Giô-ram.

[7943] Ô-đi-a được chôn cất tại Sa-ma-ri; ông sống và hoạt động vào cuối thế kỷ X và đầu thế kỷ IX trước Công nguyên; ông để lại một cuốn sách tiên tri, đứng thứ tư trong số các sách được gọi là các tiên tri nhỏ và chỉ gồm một chương. Hầu hết các lời tiên tri của ông đều nhắm vào dân A-đô-mi, hay còn gọi là dân Ê-đu-mê. Vào cuối cuốn sách có lời tiên tri về Đấng Mê-si-a, nói về sự cứu rỗi từ Si-ôn và sự khai mở vương quốc của Đức Chúa Trời, điều này rõ ràng chỉ về Hội Thánh Tân Ước.

víu vào sự mê hoặc của ma quỷ. Theo thời gian, sự vô đạo đã lan tràn như cỏ dại, bắt đầu đè bẹp hạt giống tốt lành của đức tin, đến nỗi số người ngoại đạo ở Ấn Độ đã nhiều hơn hẳn so với số tín hữu.

Tại đất nước ấy, có một vị vua tên là Avenir lên ngôi, người vĩ đại và lừng lẫy về sức mạnh và của cải, nhưng lại rất nghèo nàn về tinh thần, bởi vì ông là người ngoại đạo và phụng sự ma quỷ chứ không phải Thiên Chúa, thờ lạy những thần tượng vô hồn, đồng thời tàn bạo đàn áp Giáo Hội của Đức Kitô, đặc biệt là các nhà giảng dạy trong Giáo Hội, các linh mục và tu sĩ. Một số quan lại trong triều đình của ông, sau khi tin nhận Chúa Kitô và nhận ra sự hư vô của thế gian này, đã từ bỏ mọi thứ để trở thành tu sĩ; vì thế, vị vua này đã nổi cơn thịnh nộ dữ dội. Ông bắt giữ nhiều tu sĩ và ra lệnh xử tử họ, đồng thời ra lệnh buộc các Kitô hữu khắp nơi phải thờ lạy các tượng thần. Ông còn ban chiếu chỉ đến các công tước và quan chức các vùng trên khắp các vùng đất thuộc quyền cai trị của mình, ra lệnh phải dùng tra tấn và mọi hình thức giết chóc để tiêu diệt tất cả những ai tin vào Chúa Kitô và không chịu thờ lạy các thần tượng. Do đó, nhiều tín hữu đã dao động – và một số người, không đủ sức chịu đựng sự tra tấn, đã từ bỏ đức tin; nhưng những người khác lại tự nguyện chịu tra tấn và, chịu đau khổ vì Chúa của mình, đã hiến dâng linh hồn mình cho Ngài. Còn đa số, vì lo ngại nguy hiểm, đã giấu kín đức tin của mình và thầm lặng phụng sự Chúa, tuân giữ các điều răn thánh của Ngài; một số khác thì chạy trốn vào sa mạc, đặc biệt là các tu sĩ, và ẩn náu trong các ngọn núi và vùng hoang dã.

Vào thời điểm đó, nhà vua có một người con trai chào đời và được đặt tên là Ioasaf. Đứa trẻ sơ sinh vô cùng xinh đẹp, và vẻ đẹp phi thường ấy dường như báo trước một vẻ đẹp tâm hồn vĩ đại sẽ hiện hữu trong con người cậu. Nhà vua tập hợp rất nhiều nhà chiêm tinh và những người bói toán, rồi hỏi họ về những điều sẽ xảy ra với đứa trẻ khi cậu trưởng thành. Sau nhiều lần quan sát, họ nói rằng cậu bé sẽ vĩ đại hơn tất cả các vị vua trước đó. Tuy nhiên, một trong số những nhà chiêm tinh, người khôn ngoan nhất, không dựa vào vận mệnh của các vì sao, mà giống như Balaam[7944] xưa kia nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời, đã nói với nhà vua:

– Đứa trẻ sẽ không trưởng thành trong vương quốc của ngài, mà ở một vương quốc khác – tốt đẹp hơn và vĩ đại hơn gấp bội; tôi cũng nghĩ rằng cậu bé sẽ theo đạo Kitô mà ngài đang đàn áp, và tôi hy vọng lời tiên tri này của tôi sẽ không trở thành sai lầm.

Vua, khi nghe tin con trai mình sẽ trở thành Kitô hữu, đã vô cùng buồn bã và suy tính xem phải làm gì để lời tiên tri đó không thành hiện thực. Ông đã cho xây dựng một tòa nhà đặc biệt lộng lẫy với vô số phòng sáng sủa, nơi Ioasaf sẽ được nuôi dưỡng. Khi hoàng tử bắt đầu lớn lên và dần hiểu biết, nhà vua đã chỉ định những người nuôi dưỡng và đầy tớ trẻ tuổi, có ngoại hình đẹp đẽ, và ra lệnh rằng họ không được phép để bất kỳ người lạ nào đến gặp hoàng tử, người không được phép gặp ai ngoài họ. Ngoài ra, nhà vua còn ra lệnh rằng họ không được nói với hoàng tử về những nỗi buồn của cuộc đời: cái chết, tuổi già, bệnh tật và những nỗi đau tương tự khác, vì việc biết đến những điều đó có thể cản trở niềm vui của cậu, mà chỉ nên cho cậu tiếp xúc với những điều tuyệt đẹp và vui vẻ, để tâm trí cậu, luôn bận rộn với những thú vui và sự hưởng thụ, không thể suy ngẫm về tương lai. Ngài cũng ra lệnh rằng không ai được phép nói một lời nào về Chúa Kitô, để Ioasaf không bao giờ nghe thấy ngay cả tên của Chúa Kitô, bởi vì hơn hết, nhà vua muốn che giấu cái tên này khỏi cậu, lo sợ rằng lời tiên tri của nhà chiêm tinh sẽ trở thành hiện thực; nếu có ai trong số các thị thần bị ốm, người đó phải bị đưa ra khỏi hoàng tử, và thay vào đó sẽ được chỉ định một người khác, trẻ trung và đẹp trai, để đôi mắt hoàng tử không phải chứng kiến bất cứ điều gì buồn bã. Khi nhà vua biết rằng trên đất nước mình vẫn còn một số tu sĩ sống sót, những người mà ông tưởng chừng đã không còn dấu vết nào, thì ông nổi cơn thịnh nộ tột độ và ngay lập tức cử các sứ giả đi khắp các vùng đất và thành phố, ra lệnh rằng sau ba ngày, trên toàn vương quốc không được để lại một tu sĩ nào; còn những ai bị phát hiện sau thời hạn quy định, hãy xử tử bằng cách thiêu sống hoặc chém đầu: vì họ, nhà vua nói, đang dạy dỗ dân chúng tôn kính Đấng Bị Đóng Đinh như Thượng Đế.

Vậy là, hoàng tử, bị giam cầm trong căn phòng được bố trí sẵn cho mình, đã trưởng thành, thấu hiểu trọn vẹn trí tuệ của Ấn Độ và Ai Cập, và là người vô cùng thông minh, sáng suốt, cùng sở hữu mọi đức tính tốt đẹp. Cậu suy ngẫm về lý do tại sao cha mình lại giam giữ cậu trong nơi biệt lập không lối thoát ấy và đã hỏi một trong những người nuôi dưỡng của mình về điều đó. Người này, thấy rằng thiếu niên có trí tuệ hoàn hảo và rất nhân hậu, đã kể

[7944] (Số 22:1–41, 23:1–30, 24:1–25). Balaam – một nhà tiên tri đến từ thành phố Peforah, gần Harar, ở Mesopotamia. Có lời đồn rằng ai được ông chúc phúc thì sẽ được phước, còn ai bị ông nguyền rủa thì sẽ bị rủa sả. Valaq, vua Moab, vì sợ hãi trước những chiến thắng của dân Israel, đã mời Balaam đến để nguyền rủa họ, nhưng được Thiên Chúa soi sáng, Balaam thay vì nguyền rủa đã thốt lên những lời chúc lành.

cho cậu nghe chi tiết tất cả những gì các nhà chiêm tinh đã tiên đoán về cậu khi cậu chào đời, và việc cha cậu đã phát động cuộc đàn áp đối với các Kitô hữu, đặc biệt là các tu sĩ, trong đó nhiều người đã bị giết, số còn lại bị trục xuất khỏi đất nước, bởi vì, như người vú nuôi nói, ông ta lo sợ rằng cậu có thể trở thành Kitô hữu. Nghe xong, hoàng tử im lặng và tự mình suy ngẫm về tất cả những điều người vú nuôi đã nói.

Vua thường xuyên đến thăm con trai, vì ông rất yêu thương cậu. Một lần nọ, Ioasaf nói với ông:

– Thưa cha, con muốn hỏi cha một điều mà con luôn day dứt và buồn phiền.

Người cha, lòng tràn ngập nỗi đau, đáp lại:

– Nói đi, con yêu quý, nỗi buồn nào đang bao trùm con, và cha sẽ ngay lập tức cố gắng biến nó thành niềm vui.

Lúc đó, Ioasaf hỏi:

– Lý do gì khiến con bị giam cầm ở đây? Tại sao cha lại giấu con sau những bức tường và cánh cổng, không cho con ra khỏi đây và khiến con trở nên vô hình trước mắt mọi người?

Cha trả lời:

– Cha không muốn con, con yêu quý của cha, nhìn thấy bất cứ điều gì có thể gây ra nỗi buồn trong lòng con và tước đi cuộc sống vui vẻ của con; cha mong con sống trọn đời trong niềm an ủi bất tận, trong mọi niềm vui và sự hân hoan.

– Vậy thì cha hãy biết rằng, thưa cha, – cậu thiếu niên đáp lại – rằng sự giam cầm này không mang lại cho con niềm vui và sự hân hoan, mà là nỗi buồn và đau khổ đến mức ngay cả thức ăn và nước uống cũng không còn ngọt ngào mà trở nên đắng chát trong mắt con: con mong được nhìn thấy tất cả những gì nằm phía sau cánh cổng này; vì vậy, nếu cha không muốn con chết vì đau khổ, thì hãy cho phép con ra ngoài, đến bất cứ đâu con muốn, và làm thỏa mãn tâm hồn bằng việc chiêm ngưỡng những điều mà con chưa từng thấy trước đây.

Nhà vua nghe vậy liền buồn bã, và nhận ra rằng nếu ông cấm con trai ra ngoài, thì sẽ khiến con trai chìm sâu hơn vào nỗi đau khổ và buồn bã, nên ông nói với con trai:

– Được rồi, con yêu, theo ý con.

Ngay lập tức, ông ra lệnh dắt những con ngựa tinh tuyển đến và chuẩn bị mọi thứ xứng đáng với danh dự hoàng gia, và từ đó không còn cấm con trai mình đi đến bất cứ đâu theo ý muốn nữa. Đồng thời, ngài ra lệnh cho những người tháp tùng hoàng tử rằng họ không được để xảy ra bất cứ điều gì đáng chê trách hay buồn bã trước khi gặp ngài, mà chỉ được cho ngài thấy những điều tốt đẹp và tuyệt vời, làm vui mắt và ấm lòng; trên đường đi, ngài ra lệnh bố trí các dàn hợp xướng hát ở khắp nơi, và đi trước ngài là các loại nhạc cụ cùng các màn trình diễn đa dạng, để tất cả những điều đó làm vui lòng tâm hồn hoàng tử.

Thường xuyên rời cung điện với những nghi lễ long trọng và niềm vui như vậy, một ngày nọ, do sự lơ là của các thị thần, hoàng tử đã nhìn thấy hai người, trong đó một người mắc bệnh hủi, còn người kia thì mù lòa. Ngài hỏi những người tháp tùng : "Đó là ai và tại sao họ lại như vậy?" Những người tháp tùng, không còn có thể che giấu được sự yếu đuối của con người, đã trả lời:

– Đó là những nỗi khổ của con người, thường xảy ra với mọi người do bản chất phù du và cơ thể yếu đuối của chúng ta.

Cậu thiếu niên hỏi:

– Điều này có xảy ra với tất cả mọi người không?

Họ trả lời:

– Không phải với tất cả mọi người, mà chỉ với những ai sức khỏe bị suy yếu do lạm dụng những của cải trần gian.

Rồi cậu bé hỏi:

– Nếu điều này thường không xảy ra với tất cả mọi người, thì những người sắp phải gánh chịu những tai ương này có biết trước không, hay chúng ập đến một cách đột ngột và bất ngờ?

Những người đi cùng trả lời:

– Ai trong số loài người có thể biết trước tương lai?

Hoàng tử ngừng hỏi, nhưng lòng anh trĩu nặng vì những điều vừa chứng kiến – một hiện tượng vô cùng lạ lùng đối với anh – và nét mặt anh bỗng thay đổi. Vài ngày sau, khi đang trên đường đi, chàng gặp một ông lão già nua, khuôn mặt nhăn nheo, tay chân mềm nhũn, lưng còng, tóc bạc phơ, rụng hết răng và nói năng khó nhọc. Thấy

ông lão, chàng trai kinh hãi và ra lệnh đưa ông đến trước mặt mình, rồi hỏi những người dẫn đường: "Đây là ai và tại sao ông ấy lại như vậy?" Họ trả lời:

– Ông ấy đã cao tuổi rồi, và vì sức lực của ông ấy dần dần suy giảm, các chi cũng yếu đi, nên ông ấy mới trở nên già nua như cậu thấy.

Chàng trai nói:

– Vậy sau này ông ấy sẽ ra sao, khi ông ấy còn sống thêm nhiều năm nữa?

Họ trả lời anh ta:

– Chẳng còn gì nữa, chỉ có cái chết sẽ cướp đi mạng sống của ông ấy mà thôi.

Chàng trai hỏi:

– Liệu tất cả mọi người đều phải trải qua điều đó, hay chỉ có một số người thôi?

Họ trả lời:

– Nếu cái chết không ập đến với ai đó khi còn trẻ, thì không thể nào một người, sau nhiều năm, lại không rơi vào tình trạng già yếu như vậy được.

Cậu thiếu niên hỏi:

– Vào những năm nào thì điều này ập đến với con người, và nếu cái chết là điều không thể tránh khỏi đối với tất cả mọi người, không trừ ai, thì liệu có cách nào để tránh được nó và không phải gánh chịu tai họa như vậy không?

Người ta trả lời:

– Khi được tám mươi hay một trăm tuổi, con người sẽ trở nên già yếu như vậy, rồi qua đời, và không thể khác được, vì cái chết là nghĩa vụ tự nhiên của con người, và sự đến của nó là không thể tránh khỏi.

Thấy và nghe tất cả những điều đó, chàng trai thông minh thở dài từ tận đáy lòng, rồi nói:

– Nếu vậy, thì cuộc đời này thật đắng cay và đầy rẫy những nỗi đau khổ; và ai có thể vô tư được, khi luôn sống trong sự chờ đợi cái chết, sự đến của nó không chỉ là điều không thể tránh khỏi, mà như các vị đã nói, còn là điều không thể biết trước?

Và anh ta trở về cung điện của mình, chìm trong nỗi buồn sâu thẳm, không ngừng suy ngẫm về cái chết và tự nhủ:

– Nếu ai cũng phải chết, thì ta cũng sẽ chết, mà ta còn không biết khi nào… Khi ta chết đi, ai sẽ còn nhớ đến ta? Thời gian trôi qua, mọi thứ sẽ chìm vào quên lãng… Liệu có một cuộc sống khác sau cái chết và một thế giới khác không?

Và chàng vô cùng bối rối trước những suy nghĩ ấy, tuy nhiên, chàng không nói gì với cha mình, mà chỉ liên tục hỏi người vú nuôi nói trên xem liệu ông có biết ai có thể kể cho chàng nghe về tất cả những điều đó và xoa dịu tâm trí chàng, vốn đang kiệt quệ vì những suy tư ấy không? Người vú nuôi nói:

– Ta đã nói với con trước đây rồi, cha con đã đối xử với những vị ẩn sĩ thông thái, những người luôn suy ngẫm về những điều này – một số thì bị giết, số khác thì bị trục xuất trong cơn giận dữ, và giờ đây ta không còn biết ai trong số họ còn ở trong vùng đất của chúng ta nữa.

Chàng trai vô cùng đau buồn vì điều này, tâm hồn bị dày vò tột độ và sống trong nỗi buồn không dứt: vì thế, mọi sự ngọt ngào và vẻ đẹp của thế gian này trong mắt chàng đều trở thành sự ghê tởm và ô uế. Và Đức Chúa Trời, Đấng mong muốn tất cả được cứu rỗi và đến với lẽ thật, nhờ lòng nhân ái và ân sủng thường hằng của Ngài, đã dẫn dắt chàng trai trẻ vào con đường chính đạo như sau.

Vào thời đó, có một tu sĩ vô cùng khôn ngoan và hoàn hảo về đức hạnh, tên là Varlaam, mang chức vụ linh mục, đang sống trong sa mạc Senarid. Được hướng dẫn bởi sự mặc khải thiêng liêng, ngài biết được hoàn cảnh của hoàng tử, liền rời khỏi sa mạc, thay đổi trang phục, giả dạng thành một thương gia, rồi lên thuyền đi đến vương quốc Ấn Độ. Khi đến thành phố nơi có cung điện của hoàng tử, ông ở lại đó nhiều ngày và thu thập thông tin chi tiết về hoàng tử và những người thân cận của ngài. Biết được rằng người vú nuôi nói trên là người thân cận nhất với hoàng tử, vị tu sĩ già đã đến gặp ông ta và nói:

– Xin ngài hãy biết rằng tôi là một thương gia đến từ xứ sở xa xôi; tôi có một viên ngọc quý, chưa từng có ai tìm thấy viên nào giống như vậy ở bất cứ đâu, và cho đến nay tôi chưa từng cho ai xem, nhưng giờ đây tôi nói với ngài về nó vì tôi thấy ngài là người thông minh và sáng suốt; vậy nên, xin hãy dẫn tôi vào gặp hoàng tử, và tôi sẽ trao cho ngài viên ngọc đó, giá trị của nó không ai có thể tính toán được, vì nó vượt trội hơn mọi vật quý giá và có giá trị: nó ban cho người mù ánh sáng, người điếc thính giác, người câm khả năng nói, người bệnh sức khỏe, xua

đuổi ma quỷ khỏi con người, làm cho những kẻ điên khùng trở nên khôn ngoan trong mọi việc và ban cho người sở hữu nó mọi điều tốt lành mà họ mong muốn.

Người nuôi dưỡng nói với ông ta:

– Trông ông như một ông lão, thế mà lại nói những lời suông và tự khoe khoang vô độ: dù tôi đã từng thấy bao nhiêu viên đá quý và ngọc trai, và dù đã sở hữu chúng bao nhiêu đi chăng nữa, nhưng chưa từng thấy hay nghe nói đến viên đá nào có sức mạnh như ông đã nói. Tuy nhiên, hãy cho ta xem viên đá đó, và nếu lời nói của ngươi là sự thật, ta sẽ lập tức dẫn ngươi đến gặp hoàng tử, và ngươi sẽ được ngài ban tặng những vinh dự cùng phần thưởng xứng đáng.

Varlaam liền nói:

– Ngươi nói đúng là chưa từng thấy hay nghe nói về viên đá như vậy ở đâu cả, nhưng hãy tin lời ta, rằng ta đang có nó: ta không khoe khoang hay nói dối ở tuổi già này, mà đang nói sự thật. Còn về việc ngươi xin được xem nó, thì hãy nghe ta nói: viên đá quý của ta, với những tác dụng và phép màu của nó, còn có một đặc tính nữa là những ai không có đôi mắt khỏe mạnh và thân thể trong sạch, hoàn toàn không tì vết thì không thể nhìn thấy nó; còn nếu ai đó, dù vô tình bị ô uế, mà nhìn thấy viên đá ấy, thì sẽ mất cả thị lực lẫn trí tuệ. Còn tôi, với kiến thức về y học, thấy rằng đôi mắt của ngài đang bị đau, nên tôi e ngại không dám cho ngài xem viên đá của mình, để không trở thành nguyên nhân khiến ngài mù lòa; còn về hoàng tử, tôi nghe nói ngài sống một cuộc đời trong sạch và có đôi mắt khỏe mạnh, sáng suốt, vì vậy tôi muốn cho ngài xem kho báu của mình; vậy xin đừng sơ suất và đừng để chủ nhân của ngài bỏ lỡ một món hời quan trọng như vậy.

Người vú em đáp lại:

– Nếu vậy, thì đừng cho tôi xem viên đá ấy, vì tôi đã làm ô uế bản thân bằng nhiều việc bất chính và, như ngài đã nói, trông tôi không được khỏe mạnh; nhưng tôi tin lời ngài và sẽ không ngần ngại báo lại cho chủ nhân của tôi.

Và khi trở về cung điện, người nuôi dưỡng kể lại cho hoàng tử nghe mọi chuyện theo thứ tự, và hoàng tử, sau khi nghe lời người nuôi dưỡng, cảm thấy trong lòng một niềm vui và sự hân hoan tinh thần nào đó, liền ra lệnh cho người buôn bán vào gặp mình ngay lập tức.

Varlaam bước vào gặp hoàng tử, cúi chào ngài và chào hỏi bằng những lời khôn ngoan và dễ nghe. Hoàng tử ra lệnh cho ông ngồi xuống. Khi người nuôi dưỡng đã lui ra, Ioasaf nói với vị lão nhân:

– Hãy chỉ cho ta hòn đá mà ngươi đã kể cho người nuôi dưỡng của ta nghe những điều vĩ đại và kỳ diệu như vậy.

Varlaam liền đáp lại ngài như sau:

– Mọi điều đã được kể cho ngài về tôi, thưa Hoàng tử, đều là sự thật và không thể nghi ngờ, vì tôi không thể nói điều gì sai sự thật trước mặt bệ hạ; nhưng trước khi tôi biết được ý nghĩ của ngài, tôi không thể tiết lộ cho ngài bí mật vĩ đại này, vì Chúa của tôi đã phán: "Người gieo hạt ra đi gieo hạt. Và khi người ấy gieo, có hạt rơi bên lề đường; chim chóc bay đến mổ lấy. Có hạt rơi trên đất đá, vừa mọc lên đã héo khô, vì thiếu nước. Có hạt rơi vào bụi gai, và bụi gai đã lấn át nó. Một phần khác rơi xuống đất tốt và sinh ra hoa trái gấp trăm lần" (Mt 13:3–8). Vậy nên, nếu tôi tìm thấy trong lòng anh đất màu mỡ và tốt lành, tôi sẽ không ngần ngại gieo hạt giống Thần thánh vào anh và tiết lộ cho anh mầu nhiệm vĩ đại. Còn nếu mảnh đất ấy là đất đá sỏi và đầy gai góc, hoặc là đất ven đường, bị những người qua lại giẫm đạp, thì thà đừng gieo hạt giống cứu rỗi vào đó còn hơn, và đừng để nó bị chim chóc và thú dữ cướp mất—việc ném ngọc trai trước mặt chúng là điều bị nghiêm cấm. Nhưng tôi hy vọng sẽ tìm thấy trong anh mảnh đất tốt nhất, để anh có thể đón nhận hạt giống Lời, và nhìn thấy viên ngọc quý vô giá, được soi sáng bởi bình minh của ánh sáng, và sinh ra trái bội thu; vì vì anh, tôi đã chịu nhiều vất vả và đi một chặng đường dài, để chỉ cho anh thấy những điều anh chưa từng thấy và dạy anh những điều anh chưa từng nghe.

Ioasaf đáp lại:

– Thưa vị trưởng lão đáng kính, con đang bị thôi thúc bởi một khát khao không thể diễn tả được để được nghe những lời mới mẻ và tốt lành, và trong lòng con đang bùng cháy ngọn lửa thôi thúc con tìm hiểu những điều quan trọng và cần thiết; cho đến ngày hôm nay, con vẫn chưa tìm được ai có thể giải thích cho con những điều đang hiện hữu trong tâm trí con, và dẫn dắt con đi trên con đường chính đạo. Nếu tôi tìm được người như vậy, thì những lời tôi nghe được từ người ấy, tôi sẽ không để cho chim chóc và thú rừng ăn mất, cũng sẽ không trở nên cứng như đá và đầy gai góc như ngài đã nói, mà sẽ đón nhận chúng với lòng biết ơn và giữ gìn chúng trong lòng mình. Và ngươi, nếu biết điều gì, đừng giấu ta, mà hãy kể cho ta nghe, vì ngay khi nghe tin ngươi đến từ xứ sở xa xôi, tâm

hồn ta lập tức vui mừng và ta hy vọng qua ngươi sẽ đạt được điều mình mong muốn: chính vì thế mà ta đã cho ngươi vào gặp ta ngay lập tức và vui mừng đón tiếp ngươi, như đón tiếp một người quen hay bạn đồng lứa của ta vậy.

Lúc đó, Varlaam, mở miệng đầy ân sủng của Thánh Thần, bắt đầu nói với ngài về Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng đã tạo dựng muôn loài, và về mọi sự đã xảy ra từ thuở ban đầu của thế gian: về sự sa ngã của A-đam và việc bị đuổi khỏi vườn Ê-đen, về các tổ phụ và các tiên tri; sau đó – về sự nhập thể của Con Thiên Chúa, về cuộc khổ nạn tự nguyện của Ngài và về sự phục sinh; về Thánh Ba Ngôi, về phép rửa tội và về tất cả các mầu nhiệm của đức tin thánh thiện: vì Varlaam rất thông thái và am tường Kinh Thánh. Bằng cách giải thích giáo lý qua những câu chuyện ngụ ngôn và ẩn dụ, tô điểm lời nói của mình bằng những câu chuyện và lời nói hay, ngài đã làm mềm lòng hoàng tử như sáp, người càng nghe càng chú ý và say mê. Cuối cùng, hoàng tử nhận ra rằng viên ngọc quý vô giá ấy chính là Chúa Kitô, vì ánh sáng đã chiếu rọi trong tâm hồn ngài và mở mắt trí tuệ của ngài, đến nỗi ngài đã tin tưởng không chút nghi ngờ vào tất cả những gì Varlaam đã kể cho ngài nghe. Và đứng dậy khỏi ngai vàng, ngài bước đến bên vị tu sĩ khôn ngoan, ôm lấy ông trong niềm vui sướng và nói:

– Hỡi người xứng đáng nhất trong loài người! Đây chính là, theo tôi nghĩ, viên ngọc quý vô giá mà ngài cất giấu trong lòng và không cho bất kỳ ai muốn xem, mà chỉ dành cho những người xứng đáng, những người có tâm hồn trong sáng; vì ngay khi những lời của ngài vừa lọt vào tai tôi, một ánh sáng ngọt ngào đã tràn vào trái tim tôi và lớp màn u ám nặng nề của nỗi buồn, đã bao trùm tâm hồn tôi từ lâu, lập tức tan biến. Vậy thì, xin hãy nói cho tôi biết, liệu suy luận của tôi về điều này có đúng không, và nếu ngài biết điều gì tốt đẹp hơn nữa, xin hãy chia sẻ với tôi.

Và Varlaam, tiếp tục lời nói, đã nói với anh ta về cái chết tốt lành và cái chết xấu xa, về sự phục sinh chung, về cuộc sống vĩnh cửu, về phần thưởng dành cho người công chính và về sự trừng phạt dành cho kẻ có tội; và bằng những lời nói của mình, ngài đã khiến anh ta cảm động sâu sắc và đau xót tận đáy lòng, đến nỗi anh ta đẫm lệ và khóc lóc rất lâu. Ngoài ra, Varlaam còn kể cho anh ta nghe về sự hư vô và vô thường của thế gian này, về việc từ bỏ thế gian, cũng như về đời sống tu hành và ẩn dật.

Như những viên ngọc quý trong kho báu, Ioasaf cất giữ mọi lời của Varlaam trong lòng mình, và ông đã say mê cuộc trò chuyện ấy đến nỗi yêu mến vị tu sĩ đến mức muốn luôn ở bên cạnh ngài không rời và lắng nghe giáo lý của ngài. Ông hỏi ngài về đời sống ẩn tu trong sa mạc, về thức ăn và quần áo, và nói:

– Hãy nói cho tôi biết, thức ăn của ngài và những người sống cùng ngài trong sa mạc là gì, quần áo của các ngài lấy từ đâu và như thế nào?

Varlaam đáp:

– Thức ăn của chúng tôi là các loại quả cây và cỏ mọc trong sa mạc. Còn nếu có ai trong số những người có đức tin mang đến cho chúng tôi một ít bánh mì, thì chúng tôi nhận lấy những gì được mang đến như là do Sự Sắp Đặt Thần Thánh ban tặng; còn quần áo của chúng tôi là áo lông thú và làm từ da cừu và dê, đã rất cũ nát và đầy vá, giống nhau cả mùa đông lẫn mùa hè; còn bộ quần áo mà tôi đang mặc bên ngoài này, tôi đã lấy từ một giáo dân trung thành để không ai nhận ra rằng tôi là tu sĩ: nếu tôi đến đây trong bộ quần áo của chính mình, thì tôi sẽ không được phép gặp ngài.

Ioasaf xin vị tu sĩ già cho xem bộ quần áo tu sĩ thông thường, và lúc đó Varlaam cởi bỏ lớp áo ngoài, và một cảnh tượng kinh hoàng hiện ra trước mắt Ioasaf: cơ thể vị tu sĩ đã khô héo và đen sạm vì nắng, da chỉ còn bám trên xương, từ thắt lưng đến đầu gối, ngài quấn một tấm vải lông dê rách nát và gai góc, và trên vai cũng khoác một chiếc áo choàng tương tự. Ioasaf kinh ngạc trước sự tu hành khắc khổ như vậy, và khi bị choáng ngợp bởi lòng kiên nhẫn vĩ đại của vị tu sĩ già, ông thở dài và khóc, rồi nài nỉ vị tu sĩ già cho ông đi cùng để sống cuộc đời ẩn dật như vậy.

Varlaam nói:

– Đừng mong muốn điều đó lúc này, kẻo vì ngươi mà cơn thịnh nộ của cha ngươi đổ xuống trên anh em tu sĩ; nhưng hãy nhận phép rửa tội và ở lại đây, còn ta sẽ đi một mình; khi nào Chúa muốn, ngươi cũng sẽ đến với ta, vì ta tin rằng cả trong đời này lẫn đời sau, chúng ta sẽ sống cùng nhau.

Ioasaf, trong nước mắt, nói:

– Nếu đó là ý muốn của Đức Chúa Trời, thì hãy làm phép rửa tội cho tôi, và hãy lấy của tôi thật nhiều vàng để mang về cho các anh em của ngài đang ở trong sa mạc, dùng để mua thức ăn và quần áo.

– Người giàu cho người nghèo, – Varlaam đáp, – chứ không phải người nghèo cho người giàu: vậy mà ngươi, một người nghèo, lại muốn cho chúng ta, những người giàu, sao được? Chẳng phải ngay cả người nghèo nhất trong anh em chúng ta cũng giàu hơn ngươi gấp bội sao? Tôi hy vọng rằng, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, anh cũng sẽ sớm trở nên giàu có nhờ sự giàu có chân thật này; nhưng khi anh trở nên giàu có theo cách đó, anh sẽ trở nên keo kiệt và ít chia sẻ.

Ioasaf không hiểu những lời được nói với mình, và Varlaam bấy giờ giải thích cho anh ta rằng: những ai từ bỏ mọi thứ trần gian vì Chúa Kitô sẽ nhận được những ân huệ trên trời, trong khi đó, món quà nhỏ nhất từ trời còn quý giá hơn tất cả của cải của thế gian này. Đồng thời, ông nói thêm với Ioasaf:

– Vàng thường là nguyên nhân dẫn đến tội lỗi, và vì thế chúng ta không giữ nó bên mình, còn ngươi lại muốn ta mang con rắn – thứ mà các anh em ta đã giẫm nát dưới chân – đến cho họ.

Sau đó, ngài khuyên Ioasaf chuẩn bị cho phép rửa tội thánh, truyền cho chàng phải ăn chay và cầu nguyện lâu dài, còn bản thân ngài thì rời khỏi chàng và đến một nơi vắng vẻ để cầu nguyện với Chúa cho chàng. Ngày hôm sau, ngài lại đến gặp chàng và giảng dạy cho chàng về đức tin chân chính trong một thời gian dài. Và như vậy, trong một thời gian dài, vị tu sĩ già hàng ngày đều đến gặp hoàng tử và trình bày trước mặt chàng giáo lý của các tiên tri và các Tông đồ, cùng những truyền thống của các Thánh Tổ. Vào chính ngày mà ngài định làm phép rửa tội cho Ioasaf, Varlaam đã giảng dạy cho chàng như sau:

– Này, con muốn nhận lấy dấu ấn của Đấng Kitô, được đánh dấu bằng ánh sáng từ dung nhan Thiên Chúa, và trở thành con Thiên Chúa cũng như đền thờ của Thánh Thần Hằng Sống: vậy thì giờ đây hãy tin vào Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Thần, vào Ba Ngôi Thánh và Đấng Ban Sự Sống, được tôn vinh trong Ba Ngôi Vị và trong một Thần Tính duy nhất, tách biệt về các Ngôi Vị và các thuộc tính của các Ngôi Vị, nhưng thống nhất về bản thể. Vậy, hãy tin vào Đức Chúa Trời Cha Duy Nhất, Đấng không được sinh ra, và Đức Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của chúng ta, Đấng Duy Nhất, Ánh Sáng từ Ánh Sáng, Đức Chúa Trời Chân Thật từ Đức Chúa Trời Chân Thật, Đấng được sinh ra trước muôn đời; vì từ Đức Chúa Cha Toàn Thiện đã sinh ra Con Toàn Thiện, từ Ánh Sáng không được sinh ra đã chiếu rọi Ánh Sáng Hằng Hữu, từ Sự Sống Thật đã phát sinh Nguồn Sống, từ chính Quyền Năng của Cha đã hiện ra Quyền Năng của Con, Đấng là Ánh Sáng vinh quang và Lời Hữu Thể, từ thuở ban đầu đã hiện hữu cùng Đức Chúa Trời và chính Ngài là Đức Chúa Trời, không có khởi đầu và hằng hữu, nhờ Ngài mà mọi sự hữu hình và vô hình đều được tạo thành. Và hãy tin vào Đức Thánh Thần Duy Nhất, phát xuất từ Chúa Cha, là Thiên Chúa toàn hảo và ban sự sống, thánh hóa, có cùng ý chí, toàn năng, đồng bản thể, ngự trong bản thể của Ngài. Vậy, hãy thờ phượng Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, trong ba Ngôi, với những thuộc tính khác nhau, nhưng trong một Thần Tính duy nhất. Điểm chung của cả ba là Thần Tính, bản chất của các Ngài là một, bản thể là một, vinh quang là một, vương quốc là một, quyền năng là một, quyền uy là một; điểm chung của Con và Thánh Thần là cả hai đều xuất phát từ Cha; còn đặc tính riêng của Cha là không được sinh ra, của Con là được sinh ra, và của Thánh Thần là được phát xuất. Hãy tin điều này; nhưng đừng cố gắng thấu hiểu hình thức của sự sinh ra hay sự phát xuất, vì điều đó là không thể thấu hiểu được, mà hãy chấp nhận bằng trái tim ngay thẳng, không cần bất kỳ sự tìm tòi nào, rằng Cha, Con và Thánh Thần về mọi mặt đều là một, ngoại trừ sự không sinh ra, sự sinh ra và sự phát xuất; và rằng Con Một, Lời của Thiên Chúa và chính Thiên Chúa, vì sự cứu rỗi của chúng ta, đã ngự xuống trần gian, theo ý muốn của Cha, và nhờ sự trợ giúp của Thánh Thần, đã được thụ thai mà không cần hạt giống trong lòng Đức Trinh Nữ và Mẹ Thiên Chúa Maria, và được sinh ra từ Mẹ một cách bất hoại, và là Con Người trọn vẹn, vì Ngài vừa là Thiên Chúa trọn vẹn, vừa là Con Người trọn vẹn, từ hai bản tính, tức là Thiên Tính và Nhân Tính, – trong hai bản tính đều có lý trí, tự do và năng động, và hoàn hảo về mọi mặt theo bản chất riêng của mỗi bản tính, chứa đựng ý chí, lời nói và quyền năng, – theo Thiên Tính và Nhân Tính trong một thể thống nhất, – và hãy chấp nhận tất cả điều này mà không cần suy xét bằng lý trí, và đừng cố tìm hiểu chính hình thức mà tất cả điều này đã xảy ra: như Con Thiên Chúa đã tự hạ mình ra sao, và con người đã được sinh ra từ dòng máu trinh nữ mà không cần hạt giống và không qua sự thụ thai tự nhiên, hay sự kết hợp đó đã diễn ra như thế nào. Chúng ta được dạy phải giữ vững tất cả những điều này bằng đức tin, như đã được truyền lại cho chúng ta trong Kinh Thánh, nhưng chúng ta không thể hiểu thấu và diễn tả được bản chất thực sự của chúng. Hãy tin vào Con Thiên Chúa, Đấng vì lòng thương xót mà đã trở thành Con Người và nhận lấy mọi đặc tính của bản tính con người ngoại trừ tội lỗi: vì Ngài đã cảm nhận được cơn đói và cơn khát, đã ngủ, đã vất vả và đã đau buồn vì nhân loại, và vì những tội lỗi của chúng ta, Ngài đã bị nộp cho cái chết, bị đóng đinh và chôn cất, đã nếm trải cái chết thực sự , trong khi Thần Tính trong Ngài vẫn bất biến và không thay đổi. Chúng ta tuyệt đối không áp dụng bất cứ điều gì liên quan đến sự đau khổ lên bản

tính Thần thánh bất tử của Ngài, nhưng chúng ta tuyên xưng rằng Ngài đã chịu đau khổ và được chôn cất qua bản tính con người mà Ngài đã nhận lấy, và nhờ quyền năng Thần Thánh, Ngài đã sống lại từ cõi chết trong sự bất hoại và lên trời, và sẽ trở lại trong vinh quang để phán xét kẻ sống và kẻ chết (Giăng 5:20) và ban thưởng cho mỗi người theo công việc của họ một cách công bằng (Ma-thi-ơ 16:27; Khải Huyền 22:12): vì những người chết sẽ sống lại và những ai đang nằm trong mồ mả sẽ trỗi dậy; trong đó, những ai tuân giữ các điều răn của Đấng Christ và ra đi trong đức tin chân chính sẽ được hưởng sự sống đời đời, còn những ai đã làm ô uế chính mình bằng tội lỗi và xa rời đức tin chân chính sẽ phải chịu hình phạt đời đời. Và đừng tin rằng có một bản chất nguyên thủy hay vương quốc của sự ác nào đó, cũng đừng tưởng tượng rằng nó là vô thủy, hay tự tồn tại, hay có nguồn gốc từ Đức Chúa Trời: suy nghĩ như vậy là thiếu sáng suốt. Thực ra, sự ác xâm nhập vào chúng ta do lỗi lầm của chính chúng ta và sự tác động của ma quỷ qua sự thiếu cảnh giác của chúng ta đối với bản thân. Vì chúng ta có tự do ý chí, nên chúng ta có thể tự do lựa chọn điều thiện hoặc điều ác theo ý muốn của mình. Hãy cũng tuyên xưng phép Rửa tội duy nhất bằng nước và Thánh Thần để được tha tội. Hãy rước lễ các Bí tích Thánh của Đức Kitô, với lòng tin rằng đó chính là Thân Thể và Máu của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, mà Ngài đã ban cho những người tin để được tha tội; vì trong đêm Ngài bị phản bội, Ngài đã dặn dò rõ ràng các môn đệ thánh thiện, các Tông đồ và tất cả những người theo Ngài trong tương lai, rằng: *"Hãy nhận lấy, hãy ăn, đây là Thân Thể Ta, bị bẻ ra vì các con… Cũng vậy, sau bữa tối, Ngài cầm chén và phán: 'Chén này là Giao Ước Mới trong Máu Ta; các con hãy làm điều này… để tưởng nhớ Ta'"* (Mt 26:26–28; 1 Cr 11:24–25).

Đây chính là Lời Thiên Chúa, Đấng hành động và tạo dựng muôn loài bằng quyền năng của Ngài, hành động và biến đổi bánh và rượu được dâng lên thành Thân Thể và Máu của Ngài qua những lời thánh và sự ngự xuống của Thánh Thần, và ban cho sự thánh hóa và soi sáng cho những ai rước lễ với lòng tin.

Hãy thờ lạy, cũng với lòng tin, và hôn lên hình ảnh tôn kính (dung nhan) của Lời Thiên Chúa đã nhập thể vì chúng ta, hãy ghi nhớ rằng trong hình ảnh này, bạn đang nhìn thấy chính Đấng Tạo Hóa: vì "sự tôn kính dành cho hình ảnh," như Thánh Basil Cả đã nói, "sẽ chuyển sang nguyên mẫu." Còn nguyên mẫu, đó là Đấng mà khuôn mặt được khắc họa và là Đấng đã trở thành lý do cho bức tranh: vậy, khi chiêm ngưỡng những gì được vẽ trên bức thánh tượng, chúng ta dùng đôi mắt tâm linh hướng về Đấng mà bức thánh tượng này miêu tả, và khi thành kính thờ lạy hình ảnh Đấng đã nhận lấy xác thịt của chúng ta, chúng ta không thờ phượng chính bức tranh được vẽ, mà là hình ảnh của Thiên Chúa đã Nhập Thể và đã tự hạ mình vì chúng ta đến mức mang hình dạng của một nô lệ, chúng ta hôn kính một cách vững chắc và đầy tình yêu; cũng hãy hôn cả hình ảnh của Mẹ Ngài, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội, và của tất cả các thánh. Hãy thờ lạy với lòng tin vào hình ảnh Thánh Giá Vinh Quang và Ban Sự Sống, và hôn lên Thánh Giá vì Đấng đã bị đóng đinh trên đó bằng xác thịt, để cứu rỗi loài người, là Đức Kitô, Thiên Chúa và Đấng Cứu Thế của thế gian, Đấng đã ban cho chúng ta hình ảnh Thánh Giá như dấu hiệu chiến thắng trước ma quỷ, kẻ đang run rẩy và khiếp sợ trước quyền năng của Thánh Giá. Đây là điều ngươi phải tin, và với đức tin này, ngươi đã lãnh nhận Bí tích Rửa tội: vậy hãy giữ vững đức tin này mà không có bất kỳ sự thay đổi hay thêm thắt dị giáo nào cho đến hơi thở cuối cùng... Hãy ghét bỏ mọi giáo lý trái ngược với đức tin vô tì vết này và coi chúng là thù địch với Thiên Chúa, vì như lời Thánh Tông Đồ đã nói: *"Nhưng dù là chúng tôi hay một thiên thần từ trời xuống mà rao giảng cho anh em một Tin Mừng khác với điều chúng tôi đã rao giảng, thì người ấy sẽ bị nguyền rủa"* (Ga-la-ti 1:8). – Quả thật, không có Tin Mừng nào khác, không có đức tin nào khác ngoài Tin Mừng đã được các Tông đồ rao giảng, được các vị Thánh Cha được Thiên Chúa ban ơn xác nhận tại các công đồng khác nhau và được Giáo Hội Công Đồng truyền lại.

Nói xong những lời đó và dạy cho hoàng tử Giô-a-sa-phơ Kinh Tin Kính được soạn thảo tại Công đồng Ni-kê, Varlaam đã làm phép rửa cho ngài nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần tại một hồ nước nằm trong vườn hoàng cung. Như vậy, ân sủng của Chúa Thánh Thần đã ngự xuống trên Giô-a-sa-phơ. Sau đó, khi bước vào phòng ngủ của Ioasaf, Varlaam đã cử hành thánh lễ tại đó và ban cho cậu những Bí tích Thánh Thể và Thánh Máu, và cả hai đều chìm đắm trong niềm vui thiêng liêng, dâng lời ngợi khen lên Thiên Chúa. Sau đó, Varlaam dạy hoàng tử cách sống xứng đáng sau khi chịu phép rửa, truyền dạy cho ngài giáo lý về đức hạnh, rồi trở về nơi ở của mình.

Trong khi đó, các tôi tớ và người nuôi nấng của Ioasaf, khi thấy vị tu sĩ già thường xuyên đến thăm hoàng tử, đã cảm thấy bối rối; và rồi, người đứng đầu trong số họ, tên là Zardan, người mà nhà vua đã chỉ định giám sát cung điện của hoàng tử vì lòng trung thành và tận tụy của ông, một lần đã nói với Ioasaf:

– Thưa hoàng tử, ngài biết rõ rằng tôi kính trọng cha ngài và trung thành với ngài như thế nào – chính vì thế mà ngài ấy đã chỉ định tôi phục vụ ngài. Nhưng giờ đây, khi thấy người đàn ông kỳ lạ này thường xuyên vào gặp ngài và trò chuyện với ngài, tôi lo sợ rằng có lẽ ông ta theo đạo Kitô, tôn giáo mà cha ngài cực kỳ thù địch, và liệu tôi có phải đối mặt với án tử hình vì ông ta hay không. Vì vậy, hoặc là ngài hãy báo cho nhà vua biết về người ấy, hoặc là ngừng hoàn toàn việc trò chuyện với anh ta, hoặc là đuổi tôi đi khỏi bên ngài, để tôi không phải chịu trách nhiệm về chuyện này.

Hoàng tử đáp:

– Đây là điều chúng ta sẽ làm trước tiên, Zardan: ngươi sẽ ngồi lén sau tấm màn và lắng nghe cuộc trò chuyện của hắn với ta, – sau đó ta sẽ nói cho ngươi biết phải làm gì.

Và khi một ngày nọ Varlaam đến cung điện, Ioasaf, sau khi đã giấu Zardan sau tấm màn, nói với vị trưởng lão:

– Hãy nhắc lại cho tôi tóm tắt giáo lý của ngài, để nó ăn sâu vào lòng tôi hơn.

Varlaam bắt đầu nói và kể cho ông nghe nhiều điều về Đức Chúa Trời, sự sùng đạo, những phước lành trong tương lai và những cực hình vĩnh cửu, và cuối cùng, sau một cuộc trò chuyện dài, ông đứng dậy, dâng lời cầu nguyện và trở về nơi ở của mình.

Hoàng tử bèn gọi Zardan đến và hỏi ông ta, nhằm thử lòng:

– Ngươi có nghe thấy lão già dối trá này đã nói gì với ta không: hắn đang tìm cách dụ dỗ ta bằng giáo lý của hắn, tước đoạt mọi niềm vui và thú vui của ta, và dẫn ta đến với một vị Chúa lạ.

Zardan đáp:

– Xin bệ hạ đừng thử thách tôi, kẻ tôi tớ của bệ hạ: tôi biết rõ những lời của người này đã thấm sâu vào lòng bệ hạ đến mức nào, và tất cả chúng ta đều biết rằng lời giảng của ông ta là chân lý. Nhưng kể từ khi cha ngài phát động cuộc đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu, đức tin của họ đã bị định sẵn cho sự diệt vong; và nếu đức tin ấy thực sự đã chạm đến trái tim ngài, và ngài có thể chịu đựng những đau khổ và vất vả đi kèm với nó, thì xin cho ước nguyện tốt lành của ngài được thực hiện. Nhưng còn tôi thì phải làm sao đây? Ta thậm chí còn không thể nhìn nổi những nỗi đau khổ ấy và cuộc sống đầy bi thương của họ. Vì sợ cơn thịnh nộ của nhà vua, trái tim ta như ngừng đập, ta không biết phải trả lời ngài thế nào về việc tại sao ta lại để người đó vào gặp con.

Nghe vậy, hoàng tử nói với Zardan:

– Ta không tìm được phần thưởng nào xứng đáng hơn dành cho ngươi vì lòng trung thành vĩ đại và sự phụng sự trung thành của ngươi đối với ta, ngoài việc cố gắng mở ra cho ngươi những ân huệ vô cùng: sự hiểu biết về Đấng Tạo Hóa của ngươi và niềm tin vào Ngài. Ta đã hy vọng rằng ngay khi ngươi nghe được giáo lý chân chính, ngươi sẽ lập tức yêu mến nó và theo đuổi nó cùng với ta. Nhưng, ta thấy hy vọng đó đã lừa dối ta, vì lòng ngươi đã trở nên chai sạn và ngươi không muốn nhận biết sự thật. Ít nhất hãy thực hiện một điều ước của ta: đừng nói gì với cha ngươi cho đến khi thích hợp, vì điều đó sẽ chẳng mang lại kết quả gì, mà chỉ gây ra nỗi đau buồn và sầu muộn cho ngài mà thôi.

Ngày hôm sau, Varlaam đến gặp hoàng tử và nói với chàng về ý định rời bỏ chàng. Ioasaf, không thể chịu đựng được sự chia ly, lòng đầy đau khổ và khóc lóc thảm thiết. Vị tu sĩ già đã trò chuyện với chàng rất lâu, củng cố đức tin và đức hạnh của chàng, đồng thời khuyên chàng đừng khóc vì ông. Ông cũng tiên đoán với hoàng tử rằng chẳng bao lâu nữa, cả hai sẽ được đoàn tụ mãi mãi. Lúc đó, Ioasaf, không muốn gây phiền lòng cho vị tu sĩ già, đồng thời cũng lo sợ rằng Zardan có thể đã báo cáo với nhà vua về sự xuất hiện của vị tu sĩ, nên đã nói với Varlaam trong nước mắt:

– Vì cha, vị cha tinh thần và vị thầy nhân từ của con, đã mong muốn con ở lại đây, trong thế giới phù du này, còn chính cha thì lui về nơi an nghỉ thiêng liêng của mình, nên con không dám giữ chân cha thêm nữa. Vậy thì, xin ngài hãy đi, được Chúa che chở và bình an, và xin luôn nhớ đến sự tội lỗi của con trong những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, để rồi đến một ngày nào đó, con cũng có cơ hội được đến với ngài và được chiêm ngưỡng khuôn mặt cao quý của ngài mãi mãi. Nhưng xin hãy tỏ lòng thương xót với tôi, hãy để lại cho tôi chiếc áo choàng mỏng manh và cũ kỹ này của ngài, như một kỷ niệm về đời sống tu hành và giáo huấn của ngài, cũng như để bảo vệ tôi khỏi mọi sự xúi giục của ma quỷ.

Vị tu sĩ già trao cho chàng chiếc áo choàng của mình, thứ mà Ioasaf trân trọng hơn cả áo choàng màu đỏ thẫm của hoàng gia. Sau đó, Varlaam đứng dậy cầu nguyện và với lòng cảm động, ngài cầu nguyện cho Ioasaf, phó

thác chàng thanh niên mới được khai sáng này cho sự quan phòng và sự che chở của Đức Chúa Trời. Kết thúc lời cầu nguyện, ngài quay sang hoàng tử, hôn lên má chàng và nói:

– Con của Cha trên trời! Bình an và sự cứu rỗi vĩnh cửu cho con.

Sau đó, ông rời khỏi cung điện, vui mừng và tạ ơn Đức Chúa Trời, Đấng đã dẫn dắt con đường của ông đi đúng hướng.

Sau khi Varlaam ra đi, thánh Joasaph dấn thân vào đời sống cầu nguyện không ngừng và tu hành khổ hạnh. Thấy vậy, Zardan vô cùng buồn bã và, giả vờ ốm, lui về nhà riêng. Nhà vua, khi biết tin Zardan ốm, đã cử một vị bác sĩ rất tài giỏi của mình đến chữa trị cho ông. Vị bác sĩ đã khám bệnh cho Zardan một cách cẩn thận và báo cáo với nhà vua rằng ông không thể tìm ra nguyên nhân nào khác cho căn bệnh của Zardan ngoài một nỗi buồn nào đó, khiến ông ta mắc bệnh. Lúc đó, nhà vua nghĩ rằng con trai mình đã giận Zardan vì một chuyện gì đó, khiến ông ta ốm vì buồn phiền, nên nhà vua muốn đích thân đến thăm người bệnh để tìm hiểu rõ hơn về nguyên nhân bệnh tật. Nhưng chính Zardan đã vội vã đến gặp nhà vua, quỳ sấp xuống trước mặt ngài và thừa nhận mình xứng đáng nhận mọi hình phạt vì đã lơ là trong việc bảo vệ hoàng tử, đồng thời kể lại cho nhà vua nghe tất cả những gì đã xảy ra với Ioasaf.

– Có một kẻ xảo trá, – ông nói, – một pháp sư và kẻ lừa đảo tên là Varlaam, đã từ sa mạc đến và trò chuyện với con trai ngài về đức tin Kitô giáo, và giờ đây hoàng tử đã trở thành Kitô hữu.

Nghe vậy, nhà vua rùng mình vì đau buồn, rồi bừng lên cơn thịnh nộ không thể tả xiết. Ông lập tức triệu tập vị quan cao cấp nhất trong triều, tên là A-ra-hi-a, một cố vấn thông thái và nhà chiêm tinh tài ba, rồi kể lại cho ông ta nghe mọi chuyện theo thứ tự đã xảy ra.

Arachia, an ủi nhà vua, đáp lại:

– Xin đừng buồn, thưa hoàng đế, vì chúng ta sẽ rất dễ dàng khiến con trai ngài từ bỏ đức tin Kitô giáo, nếu chúng ta bắt được Varlaam; còn nếu không tìm ra ông ấy, thì tôi biết một vị tu sĩ khác – đã theo đạo của chúng ta – tên là Nahor, đang sống trong sa mạc và chuyên nghiên cứu thiên văn, người mà chính tôi cũng từng học hỏi, và ngoại hình của ông ấy rất giống Varlaam – vì tôi cũng biết rõ khuôn mặt của Varlaam, do trước đây đã từng gặp ông ấy. Vậy thì, sau khi triệu tập Nahor này từ sa mạc về, chúng ta sẽ ra lệnh cho ông ta giả làm Varlaam và tiến hành tranh luận về đức tin với ông ta; ông ta sẽ giả vờ bị đánh bại và tuyên bố đức tin Kitô giáo là sai lầm, còn con trai ngài, khi chứng kiến điều đó, sẽ quay lưng lại với Kitô giáo và trở về với các vị thần của tổ tiên.

Nhà vua, thấy lời khuyên này hay, đã phần nào vơi bớt nỗi buồn, đắm chìm trong những hy vọng hão huyền và vội vàng cử chính Arachia cùng một đoàn quân đông đảo đi tìm Varlaam. Arachia, sau khi đi một quãng đường dài, cuối cùng cũng đến được sa mạc Senarid. Tại đây, ông lang thang rất lâu trên những con đường không có lối mòn và băng qua những khu rừng rậm khó đi, rồi tại một nơi dưới chân núi, ông tìm thấy một nhóm nhỏ các ẩn sĩ và bắt giữ họ. Một trong số họ là người đứng đầu và mang theo một túi làm bằng lông thú, chứa đầy xương của một số vị thánh tổ đã qua đời trước đó – để luôn nhắc nhở về cái chết. Arachia hỏi các ẩn sĩ:

– Kẻ lừa dối đã mê hoặc hoàng tử đang ở đâu?

– Hắn không ở đây, – người mang túi lông thay mặt cả nhóm trả lời, – và cũng sẽ không ở đây, vì hắn đang chạy trốn khỏi chúng tôi, bị sức mạnh của Chúa Kitô đuổi theo, còn hắn đang ở giữa các ngài.

– Ngươi có biết hắn không? – Arachia hỏi.

– Tôi biết, – người ẩn sĩ đáp, – kẻ lừa dối là ma quỷ; chính hắn đang sống giữa các ngài và các ngài đang chiều chuộng hắn.

– Nhưng tôi đang hỏi anh về Varlaam.

– Nếu ngươi hỏi về Varlaam, – người ẩn sĩ đáp, – thì ngươi lẽ ra phải nói: "Người đã khiến hoàng tử tránh khỏi sự cám dỗ đang ở đâu?" Hắn là anh em của chúng ta và cùng chia sẻ với chúng ta cuộc sống khổ hạnh của tu sĩ, nhưng đã nhiều ngày nay chúng ta không thấy hắn.

– Vậy ông ấy đang ở đâu?

– Chúng tôi biết phòng tu của ông ấy trong sa mạc, nhưng tôi sẽ không tiết lộ vị trí đó cho các anh.

Arachia, nổi giận, đe dọa sẽ giết họ, nhưng họ lại vui mừng khi nghe nói đến cái chết. Ông ta gây ra vô số vết thương cho họ và tra tấn họ dã man, đòi họ phải chỉ ra nơi ở của Varlaam, nhưng họ vẫn im lặng. Sau đó, Arachia lại tìm kiếm Varlaam khắp nơi một cách kỹ lưỡng, nhưng không tìm thấy ông ở đâu cả, nên ông trở về gặp vua tay trắng, chỉ dẫn theo bảy mươi vị ẩn sĩ nói trên. Vua đã dùng mọi cách ép buộc họ nói ra nơi ở của Varlaam và

từ bỏ Đức Kitô; nhưng họ không những không vâng lời ông, mà còn quở trách ông vì sự vô thần, vì thế vua ra lệnh cắt lưỡi, móc mắt và chặt tay chân họ. Những vị tử đạo dũng cảm ấy đã qua đời như vậy.

Sau khi họ qua đời, Arachia, theo lệnh của vua, đã đến gặp pháp sư Nahor vào ban đêm – người đang sống trong sa mạc cùng với lũ quỷ và hành nghề phù thủy – rồi kể lại mọi chuyện một cách chi tiết và nài nỉ ông ta giả làm Varlaam. Sau đó, ông trở về gặp vua, và vào ngày hôm sau, ông huy động một đội quân và lại tung tin đồn rằng mình đang đi tìm Varlaam, rồi lại lên đường vào sa mạc. Tại đó, Nahor xuất hiện trước đội quân khi họ vừa bước ra khỏi một khu rừng rậm; các chiến binh, khi phát hiện ra ông, liền đuổi theo, và khi bắt kịp, họ bắt giữ ông rồi dẫn đến trước mặt Arachia, người này, như thể không nhận ra Nahor, đã hỏi ông là ai. Nahor trả lời rằng ông chính là Varlaam. Mọi người đều rất vui mừng và dẫn ông, trong tình trạng bị trói, đến trước mặt nhà vua. Trong khi đó, tin tức về việc Varlaam bị bắt lan truyền khắp nơi, và Ioasaf vô cùng đau buồn vì điều này và khóc lóc thảm thiết. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng An Ủi của muôn loài, trong một sự mặc khải đã báo cho Ioasaf biết rằng người bị bắt không phải là Varlaam, mà là nhà chiêm tinh Nahor thay cho ông.

Vua trước tiên đến cung điện của con trai mình và – lúc thì bằng những lời dịu dàng và hiền lành, lúc thì bằng những lời giận dữ và nghiêm khắc – thuyết phục anh ta từ bỏ đức tin Kitô giáo và quay trở lại với các vị thần của tổ tiên, nhưng không thể làm anh ta từ bỏ tình yêu dành cho Chúa Kitô: Joasaph đáp lại mọi lời nói của cha mình với sự khôn ngoan vĩ đại, chứng minh sự hư vô của các vị thần ngoại đạo, tôn vinh Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng Tạo Hóa của vạn vật, và tuyên bố sẵn sàng theo Đấng ấy đến tận thương tích và cái chết. Nhưng vì tình yêu tự nhiên của người cha dành cho con trai không cho phép nhà vua hành hạ cậu, và hơn nữa, lương tâm của chính ông cũng lên án ông khi nghe sự thật do hoàng tử tuyên xưng, nên ông đã nói:

– Con ơi, lẽ ra con phải vâng theo ý muốn của cha trong mọi việc, nhưng con lại thô lỗ, ngang bướng và cứng đầu chống lại cha, tự cho mình là người khôn ngoan nhất: vì vậy, hãy gác lại những tranh cãi vô ích và nhường chỗ cho chính sự thật. Này, ta sẽ tổ chức một cuộc họp đông đảo nhất và triệu tập tất cả các nhà thông thái từ khắp vương quốc của chúng ta, đồng thời cũng mời cả những người Kitô hữu; ta sẽ ra lệnh cho các sứ giả của ta công bố rộng rãi khắp nơi rằng không một người Kitô hữu nào phải sợ hãi, mà hãy đến cuộc họp một cách can đảm, nơi chúng ta sẽ cùng nhau xét xử để xem đức tin nào tốt hơn. Trong tay ta còn có cả Varlaam – kẻ đã lừa dối ngươi, đang bị xiềng xích – ta không chịu yên lòng cho đến khi bắt được hắn: ta sẽ đưa hắn ra trước hội nghị, và để hắn cùng với những người Kitô hữu của mình đối đầu với các nhà thông thái của chúng ta và tranh luận với họ về đức tin. Và nếu các ngươi, những người Kitô hữu, cùng với Varlaam của các ngươi đánh bại phe ta, thì các ngươi sẽ nhận được mọi điều các ngươi mong muốn; còn nếu các ngươi bị đánh bại, thì các ngươi phải tuân theo mọi mệnh lệnh của ta.

– Xin ý Chúa được thực hiện, – thánh Ioasaf đáp, – và xin mọi sự diễn ra theo ý ngài; còn Đức Chúa Trời chân thật xin giúp chúng ta đừng lạc khỏi con đường chính đạo!

Sau đó, nhà vua, thông qua các văn thư được gửi đi khắp nơi và qua các sứ giả công bố to tiếng ý chí của nhà vua tại mọi thành phố và làng mạc, đã ra lệnh cho tất cả các thầy tế thần tượng và các Kitô hữu tập trung tại một nơi, – những người sau (các Kitô hữu) không hề sợ hãi – để giải quyết vấn đề về đức tin chân chính thông qua cuộc tranh luận giữa các Kitô hữu với Varlaam, đứng đầu là các thầy tế ngoại đạo và các pháp sư. Bên cạnh đó, nhà vua đã triệu tập tất cả các thầy tế lễ, pháp sư và nhà chiêm tinh thông thái nhất trong vương quốc của mình, thuộc các dòng Persia và Chaldea, những người được giao nhiệm vụ đánh bại các Kitô hữu. Và thế là, một đám đông lớn những kẻ thờ thần tượng, những thầy giáo khôn ngoan trong sự độc ác và xảo quyệt trong dối trá, đã tụ tập trước mặt nhà vua*;* những người này*, "tự xưng là khôn ngoan, nhưng lại trở nên điên dại"* (Rô-ma 1:22), còn các tín hữu Kitô giáo, trong đó có người bị những kẻ vô tín đánh đập, có người phải lẩn trốn, tản mác khắp các ngọn núi và hang động, thì chỉ tụ họp lại với số lượng rất ít ỏi; và trong số họ chỉ có một người duy nhất, tên là Varachia, am hiểu Kinh Thánh: chính ông là người duy nhất đã đứng ra giúp đỡ người được cho là Varlaam, mà không biết rằng thực ra đó không phải là Varlaam, mà là pháp sư Nahor.

Vua ngự trên ngai vàng cao, ra lệnh cho con trai ngồi cùng mình, nhưng hoàng tử, vì kính trọng cha, không ngồi bên cạnh ngài mà ngồi trên sàn nhà gần ngai vàng. Tất cả các nhà thông thái ngoại đạo đều trình diện trước mặt vua, và Nahor – người được cho là Varlaam – cũng được dẫn đến.

– Này, – nhà vua nói, – quay sang các nhà thông thái của mình, các ngươi sắp phải thực hiện một kỳ công không nhỏ, và một trong hai điều sau đây đang chờ đợi các ngươi: hoặc là các ngươi, sau khi chiến thắng Varlaam và những người cùng chí hướng với hắn – những người Kitô hữu – trong cuộc tranh luận, sẽ được ban tặng mọi

vinh dự; hoặc là, nếu bị đánh bại, các ngươi sẽ phải chịu sự nhục nhã, sự ô nhục và hình phạt tàn bạo, vì ta sẽ tiêu diệt tất cả các ngươi mà không chút thương xót, ném thi thể các ngươi cho thú dữ và chim chóc ăn thịt, còn con cái các ngươi sẽ bị biến thành nô lệ vĩnh viễn, nếu các ngươi không đánh bại được những người Kitô hữu.

Khi nhà vua vừa dứt lời, Ioasaf liền thốt lên:

– Bệ hạ đã phán xét một cách công bằng! Và tôi cũng sẽ nói điều tương tự với thầy của tôi.

Và, quay sang Nahor, ông nói:

– Varlaam! Lúc đầu ngươi đã gặp ta trong vinh quang và niềm vui sướng biết bao! Nhưng bằng những cuộc trò chuyện dài dòng của ngươi, ngươi đã khiến ta từ bỏ các vị thần và luật lệ của tổ tiên ta, để phụng sự một vị Thần vô danh và làm phật lòng cha ta và vị vua của ta. Vì vậy, giờ đây hãy tưởng tượng rằng ngươi đang đứng như trên một chiếc cân: nếu ngươi chiến thắng trong cuộc tranh luận sắp tới và chứng minh rằng giáo lý của ngươi là chân lý, thì ngươi sẽ được ca ngợi như một nhà truyền bá chân lý, và ta sẽ trung thành với giáo lý của ngươi, phụng sự Chúa Kitô cho đến hơi thở cuối cùng; còn nếu ngươi bị đánh bại và vì thế trở thành kẻ khiến ta phải chịu nhục, thì chính ta sẽ tự tay trả thù cho sự sỉ nhục của mình: ta sẽ dẫm chân lên ngực ngươi, rồi dùng chính đôi tay mình xé toạc trái tim và lưỡi ngươi ra, ném chúng cùng với phần còn lại của thân thể ngươi cho bầy chó ăn thịt, để tất cả những người khác cũng học được từ gương của ngươi rằng đừng bao giờ dám lừa dối các con của nhà vua.

Nahor vô cùng kinh hoàng trước những lời đó, khi nhận ra mình đã sa vào chính cái bẫy do chính mình giăng ra và rơi xuống cái hố mà chính mình đã đào. Lo sợ cái chết không thể tránh khỏi đang chờ đợi mình nếu làm phật lòng hoàng tử – người hoàn toàn có thể tra tấn ông bất cứ lúc nào ông muốn – Nahor quyết định đứng về phía Ioasaf và bảo vệ đức tin Kitô giáo. Và khi cuộc tranh luận giữa các thầy tế lễ và các Kitô hữu bắt đầu, Nahor đã lên tiếng giống như Balaam nổi tiếng trong thời cổ đại, người được vua Balak sai đi để nguyền rủa dân Israel, nhưng thay vì nguyền rủa, ông lại ban cho họ nhiều lời chúc lành (Sách Dân Số 22:1–41): cũng giống như vậy, Nahor, khi bắt đầu cuộc tranh luận, đã tiếp tục nó từ sáng đến tối, nói như thể được Thánh Thần soi dẫn: đôi khi ân sủng của Thiên Chúa có thể hoạt động ngay cả trong những bình chứa ô uế vì vinh quang thánh thiêng của Ngài. Và như vậy, Na-hôr đã vạch trần một cách khôn ngoan sự hư vô và giả dối của các thần ngoại đạo, đồng thời chứng minh một cách không thể chối cãi rằng chỉ có Kitô giáo mới là đức tin chân chính, đến nỗi không ai có thể phản bác thêm dù chỉ một lời nào nữa. Thánh Gioan Damasceno đã viết rất chi tiết và tuyệt vời về cuộc tranh luận này giữa Nahor và các thầy tế lễ thờ thần tượng trong tác phẩm kể về các thánh Varlaam và Ioasaf.

Vậy là, tất cả các nhà thông thái ngoại giáo, các thầy tế lễ và các nhà triết học đều đứng lặng lẽ trước Nahor và im lặng như những người câm, chìm trong sự xấu hổ, không có gì để phản bác lại ông. Còn hoàng tử thì vui mừng trong lòng và ngợi khen Chúa, Đấng đã biến Nachor – giống như xưa kia đã biến Sa-lô-môn – từ kẻ bách hại thành thầy dạy và người rao giảng lẽ thật. Nhà vua và A-ra-ki-a, kinh ngạc trước sự thay đổi bất ngờ của Nachor, đã vô cùng tức giận với ông. Nhà vua muốn tra tấn Nahor cùng với các Kitô hữu, nhưng không thể vi phạm lời hứa hoàng gia của mình, trong đó ngài đã mời các Kitô hữu tự do và không sợ hãi đến tham gia cuộc tranh luận về đức tin, hứa hẹn, với tư cách là nhà vua, sẽ không gây hại gì cho họ. Vì vậy, ngài ra lệnh cho đám đông giải tán, nói rằng sáng hôm sau sẽ lại có cuộc tranh luận.

Lúc đó, hoàng tử nói với cha mình:

– Bệ hạ! Ban đầu, phiên tòa đã được tiến hành đúng đắn theo lệnh của ngài, vậy xin hãy thực thi công lý đến cùng và quyết định một trong hai điều sau: hoặc ra lệnh cho thầy của con ở lại với con đêm nay, để chúng con cùng thầy suy ngẫm về những điều cần nói vào ngày mai, còn Bệ hạ cũng hãy làm như vậy cùng với những người đồng chí hướng của mình, hoặc là hãy để họ lại cho con, còn Bệ hạ hãy đưa thầy của con về bên mình, bởi vì nếu cả hai bên đối lập đều ở lại với Bệ hạ cho đến khi tranh luận diễn ra, thì thầy của con chắc chắn sẽ phải chịu áp bức và sợ hãi, còn các nhà thông thái của ngài thì sẽ ở trong niềm vui và sự bình an; và trong trường hợp đó, theo ý kiến của tôi, mọi việc sẽ không thể diễn ra đúng đắn, mà chỉ dẫn đến sự áp bức của kẻ mạnh đối với kẻ yếu và việc vi phạm lời hứa mà ngài đã trao cho các Kitô hữu.

Nhà vua, bị thuyết phục bởi những lời khôn ngoan của con trai, đã để lại Nahor cho cậu, còn dẫn theo những thầy tế lễ còn lại của mình, vẫn hy vọng rằng Nahor sẽ thực hiện lời hứa của mình (đưa Joasaph trở lại với tôn giáo ngoại đạo); còn hoàng tử, sau khi đưa Nahor theo mình, đã trở về cung điện, hân hoan vì Đức Chúa Trời Cứu Thế của mình.

– Ngươi có nghĩ chăng – chàng nói với Nahor khi đã về đến nơi – rằng ta không biết ngươi không phải là Varlaam mà là Nahor? Tuy nhiên, ngươi đã làm rất tốt khi chứng minh sự chân thật của đức tin Kitô giáo và vạch

trần sự hư vô của các thần tượng: vậy thì, hãy tin vào Đấng Thiên Chúa mà vì danh Ngài, ngươi đã dũng cảm đứng lên như vậy.

Bị lay động bởi những lời của Ioasaf, Nahor hối hận về tất cả những thói hư tật xấu trước đây của mình và, với lòng thành khẩn, mong muốn quay về với Đức Chúa Trời chân chính, đã nài nỉ Ioasaf cho phép anh ta lén lút trốn vào sa mạc, gia nhập cùng những tu sĩ ẩn dật đang ẩn náu ở đó và nhận phép rửa thánh. Joasaph, sau khi hướng dẫn anh ta về đức tin, đã để anh ta ra đi trong bình an. Anh ta chạy trốn vào sa mạc, gặp được một vị linh mục sống đời thánh thiện ở đó và, sau khi nhận phép rửa tội từ ngài, đã sống cuộc đời mình trong sự sám hối.

Sáng hôm sau, nhà vua, khi biết chuyện đã xảy ra với Nahor, đã tuyệt vọng về những kỳ vọng mà ông từng đặt vào chàng. Thấy các nhà thông thái của mình đã bị đánh bại hoàn toàn và lâm vào tình thế bế tắc, ông nổi giận với họ, bắt họ phải chịu sự sỉ nhục nhã, một số người còn bị trừng phạt thể xác nặng nề; ông ra lệnh bôi tro lên mặt họ và đuổi họ đi. Và kể từ đó, ông không còn tôn kính các thầy tế lễ nữa, cũng không dâng lễ vật cho các thần tượng, mà còn phỉ báng chúng. Tuy nhiên, vì không thờ lạy các thần tượng mà cũng không chấp nhận đức tin Kitô giáo, ông rơi vào tình trạng hoang mang tột độ và rối loạn tư tưởng. Trong khi đó, nhiều người ngoại đạo tìm đến Giô-a-sa-phơ, và được an ủi bởi những cuộc trò chuyện cứu rỗi với ông, họ đã quay về với Chúa Kitô. Vì vậy, các thầy tế lễ, khi thấy sự ô nhục và sự sỉ nhục của mình, cùng việc nhà vua quay lưng lại với các vị thần của họ, đã vội vàng cử sứ giả đến gặp một pháp sư nổi tiếng tên là Fevda, người đang sống trong sa mạc cùng với lũ quỷ, và sau khi báo cho ông ta biết tất cả những gì đã xảy ra, họ đã khẩn thiết cầu xin ông ta giúp đỡ. Fevda, được một đạo quân quỷ dữ hùng hậu hộ tống, đã dũng cảm đến gặp nhà vua, người mà ông ta đã từng quen biết và yêu mến, và một lần nữa, bằng những lời nịnh hót, đã lôi kéo nhà vua trở lại với tà giáo, đồng thời tổ chức một lễ hội lớn cùng họ để tôn vinh các thần tượng. Cố gắng lôi kéo cả vị thánh Joasaph trở lại thờ cúng thần tượng, tên phù thủy đã đưa ra lời khuyên xảo trá cho nhà vua, rằng ông nên đuổi hết các tôi tớ khỏi Joasaph, và thay vào đó, chỉ định những người phụ nữ xinh đẹp và những thiếu nữ tuyệt trần đến phục vụ ngài.

– Còn ta, – hắn tiếp lời, – sẽ sai một trong những quỷ dữ thổi bùng ngọn lửa dục vọng trong lòng hoàng tử; và ngay khi hoàng tử sa vào tội dâm dục, thưa bệ hạ, mọi việc sẽ diễn ra theo ý ngài.

Nhà vua nghe theo lời khuyên xảo quyệt ấy, tập hợp rất nhiều thiếu nữ xinh đẹp và phụ nữ trẻ, sau khi trang điểm cho họ bằng y phục đắt tiền và trang sức bằng vàng, ông dẫn họ đến cung điện của con trai mình, đồng thời đuổi hết các tôi tớ ra ngoài, đến nỗi trong cung điện không còn một người đàn ông nào, và mọi công việc phục vụ hoàng tử đều do phụ nữ và thiếu nữ đảm nhận. Những linh hồn xảo quyệt, được pháp sư Fevda phái đến, cũng đã lén lút tìm đến đó và bắt đầu khơi dậy dục vọng xác thịt trong lòng chàng trai trẻ, đồng thời gieo rắc vào đầu óc chàng những ý nghĩ dâm đãng. Thánh Ioasaf phải chịu đựng một cám dỗ lớn lao và cuộc đấu tranh nội tâm – đặc biệt là khi một thiếu nữ, người đẹp nhất trong số tất cả, được không chỉ nhà vua mà cả các quỷ dữ dạy dỗ, đã giăng bẫy sắc đẹp của mình lên chàng. Cô là con gái của một vị vua, bị bắt làm tù binh, và sau khi bị đưa khỏi quê hương, đã rơi vào tay vua Avenir như một chiến lợi phẩm quý giá nhất. Dựa vào vẻ đẹp phi thường của nàng, cha nàng đã gửi nàng đi để quyến rũ con trai mình; khi nhập vào thân thể nàng, ác quỷ quyến rũ đã dạy nàng những lời nói khôn ngoan và cách trò chuyện xảo quyệt, đồng thời cũng gieo vào lòng chàng thanh niên thánh thiện trước tiên là tình yêu không hề có dục vọng, nhằm dần dần lôi kéo chàng vào lưới của mình. Quả thực, Ioasaf đã yêu mến nàng vì sự khôn ngoan và phẩm hạnh của nàng; hơn nữa, chàng còn thương xót nàng vì, dù là công chúa, nàng lại trở thành tù nhân và mất đi quê hương cùng địa vị cao quý; cuối cùng, chàng còn suy nghĩ về cách làm sao để dẫn dắt nàng từ bỏ việc thờ thần tượng và trở thành một tín đồ Kitô giáo.

Với những suy nghĩ ấy, không hề có chút ham muốn xác thịt nào trong lòng, ông bắt đầu trò chuyện với nàng như sau:

– Hỡi thiếu nữ, hãy nhận biết Thiên Chúa, Đấng hằng sống muôn đời, để ngươi khỏi bị hư mất trong sự lầm lạc. Hãy nhận biết Đấng Tạo Hóa, và ngươi sẽ được hạnh phúc khi trở thành vợ của Chú Rể Bất Tử.

Anh ta còn nói với cô nhiều điều tương tự như vậy, và rồi, linh hồn ô uế đã xúi giục cô bắt đầu công việc cám dỗ và lôi kéo linh hồn ngây thơ ấy vào con đường diệt vong. Và cô gái nói:

– Nếu ngài, thưa ngài, quan tâm đến sự cứu rỗi của tôi và muốn giải thoát linh hồn tôi khỏi những lầm lạc ngoại đạo, thì xin ngài hãy đáp ứng một lời thỉnh cầu của tôi, và tôi sẽ ngay lập tức từ bỏ các vị thần quê hương của mình, quay về với Đức Chúa Trời của ngài và phụng sự Ngài cho đến hơi thở cuối cùng; và do đó, ngài sẽ nhận được phần thưởng vì sự hoán cải của tôi.

– Vậy, lời thỉnh cầu của con là gì? – chàng thanh niên thánh thiện hỏi cô gái.

Cô gái, dùng ánh mắt và giọng nói quyến rũ để mê hoặc chàng, đáp:

– Hãy kết hôn với tôi, và tôi sẽ tuân theo mọi mệnh lệnh của ngài.

– Ngươi đã liều lĩnh một cách vô ích – chàng nói – khi đưa ra lời thỉnh cầu như vậy với ta, bởi dù ta mong muốn sự cứu rỗi cho ngươi, nhưng ta sẽ không đồng ý làm ô uế bản thân mình.

Cố gắng dọn đường cho chàng sa vào tội lỗi, nàng liền nói:

– Chính ngài, thưa ngài, là người khôn ngoan như vậy, lại nói thế là vô ích – ngài gọi hôn nhân là sự ô uế: tôi cũng biết các kinh sách Kitô giáo, đã đọc chúng rất nhiều ở quê hương mình và đã nhiều lần trò chuyện với các Kitô hữu. Chẳng phải trong sách của các ngài có chép rằng: *"Hôn nhân phải được giữ trong sự trong sạch, và giường ngủ phải được giữ trong sự thanh khiết"* (Hê-bơ-rơ 13:4), và còn: *"Thà kết hôn còn hơn là bị cám dỗ"* (1 Cô-rinh-tô 7:9) sao? – Chẳng phải các tổ phụ, các tiên tri và các người công chính thời xưa đã biết đến hôn nhân sao, như những gì Kinh Thánh của các ngài làm chứng? Chẳng phải Kinh Thánh đã loan báo rằng Phê-rô, người mà các ngài gọi là Tông đồ tối cao, đã có vợ sao? Vậy thì ai đã dạy ngài gọi hôn nhân là sự ô uế, thưa ngài? Thực ra chính ngài đã tự mình xa rời lẽ thật trong giáo lý của các ngài.

– Dù trong Kinh Thánh có tất cả những điều mà ngài vừa nói – vị thánh đáp lại – và quả thực, ai cũng được tự do kết hôn nếu muốn, nhưng chỉ trừ những ai đã hứa với Chúa Kitô sẽ giữ trinh tiết; còn tôi, ngay khi nhận phép rửa thánh, đã thề hứa sẽ dâng mình cho Chúa Kitô trong sự trinh khiết vô tì vết: vậy làm sao tôi dám vi phạm lời thề đã hứa với Thiên Chúa?

Người quyến rũ nói với anh ta:

– Nếu ngươi không lấy ta làm vợ, thì hãy thực hiện một điều ước khác của ta, điều đó rất dễ thực hiện và chẳng đáng gì cả. Nếu anh muốn cứu rỗi linh hồn tôi, hãy ở bên tôi trong đêm nay. Nếu anh làm như vậy, – tôi hứa với anh rằng ngay ngày mai tôi sẽ theo đạo Kitô, và khi đó anh không chỉ được tha tội vì đã quan tâm đến việc tôi hoán cải, mà anh còn nhận được phần thưởng lớn lao; vì *"trên trời sẽ có niềm vui lớn hơn vì một người tội lỗi ăn năn"* (Lc 15,7), như Kinh Thánh của các ngươi đã chép; và nếu trên trời có niềm vui vì sự hoán cải của một người tội lỗi, thì phần thưởng dành cho người dẫn dắt người tội lỗi ấy hoán cải và trở thành nguyên nhân mang lại niềm vui đó cho người tội lỗi, há chẳng phải là rất lớn sao? Chắc chắn là như vậy, bởi vì chính các Tông đồ của các ngươi cũng đã làm nhiều việc theo ý riêng của mình, vi phạm một điều răn nhỏ của Đức Chúa Trời vì một điều răn lớn hơn. Chẳng phải Tông đồ Phao-lô đã cắt bì cho Ti-mô-thê (Công vụ 16:3), mặc dù việc cắt bì không bắt buộc đối với các tín hữu sao? Và, tuy nhiên, ngài đã không ngần ngại làm như vậy vì lợi ích lớn hơn cho công việc rao giảng. Và ngươi sẽ tìm thấy nhiều điều tương tự như thế này trong các sách của ngươi. Vậy nên, nếu ngươi thực sự mong muốn cứu rỗi linh hồn ta, thì hãy thực hiện điều ước nhỏ nhoi này của ta.

Khi nàng nói những lời ấy, tâm hồn vị thánh, bị những suy nghĩ trái ngược chi phối, bắt đầu dao động giữa thiện và ác; sự kiên định trong quyết tâm giữ trinh tiết bắt đầu suy yếu, còn ý chí và lý trí dường như cũng trở nên mềm yếu. Thấy điều đó, kẻ gieo rắc tội lỗi – ma quỷ – tràn ngập niềm vui và thông báo cho các quỷ khác:

– Hãy xem, cô gái này muốn làm điều mà ngay cả chúng ta cũng không thể làm được! Vì vậy, chính lúc này chúng ta sẽ tấn công chàng trai với sức mạnh đặc biệt, bởi vì chúng ta sẽ không có thời điểm thuận lợi nào khác để thực hiện mong muốn và mệnh lệnh của Đấng đã sai chúng ta đến.

Nói xong, tên quỷ cùng với các tay sai của mình đã ngang nhiên lao vào vị chiến binh của Đấng Kitô và làm rối loạn mọi sức mạnh tinh thần của anh ta, khơi dậy trong anh ta tình yêu ô uế dành cho cô gái và dục vọng mãnh liệt. Lúc đó, vị thánh, vừa đập ngực vừa thở dài từ tận đáy lòng hướng về Thiên Chúa, vội vã cầu nguyện, và trong khi tuôn trào những giọt nước mắt dạt dào, ngài khẩn cầu Đấng Toàn Năng cứu ngài khỏi những xao động và cơn bão tố, và nói:

– *"Lạy Chúa, con đặt niềm tin nơi Ngài, xin đừng để con phải hổ thẹn mãi mãi… xin đừng để kẻ thù của con chiến thắng con"* (Thánh vịnh 30:2; Thi thiên 24:2), kẻ trông cậy vào quyền năng của Ngài, xin hãy là nơi nương tựa của con trong giờ phút này và dẫn dắt con đường con, theo ý muốn của Ngài, để tôn vinh Danh thánh và đáng kính của Ngài trên con, tôi tớ của Ngài.

Vị thánh đã cầu nguyện rất lâu, nước mắt tuôn trào và quỳ lạy nhiều lần, và cuối cùng, ngài ngã xuống đất và chìm vào giấc ngủ. Trong giấc mơ, ngài sớm thấy mình được những người đàn ông lạ mặt dẫn đi, đi qua những nơi kỳ diệu và được đưa đến một cánh đồng rộng lớn, phủ đầy những bông hoa tuyệt đẹp và thơm ngát vô cùng. Tại đó, ngài thấy vô số cây cối đa dạng và tuyệt đẹp, mang những loại quả lạ lùng và kỳ diệu, trông rất hấp dẫn và khơi dậy khao khát được nếm thử; lá cây xào xạc vui vẻ trong làn gió nhẹ và đung đưa nhẹ nhàng, tỏa ra hương

thơm ngát không ngừng. Dưới những cây đó là những ngai vàng làm bằng vàng ròng, đá quý và ngọc trai, tỏa ra ánh sáng chói lọi; ở đó còn có những chiếc giường được phủ bằng những tấm màn đa dạng với vẻ đẹp và sự lấp lánh không thể tả xiết. Giữa đó là dòng nước trong vắt và tuyệt đẹp, làm say đắm ánh nhìn. Những người đàn ông phi thường nói trên đã dẫn Joasaph đi qua toàn bộ cánh đồng đã được miêu tả và đưa ông vào thành phố, nơi tỏa sáng rực rỡ với ánh sáng không thể diễn tả, có những bức tường làm bằng vàng nguyên chất và đá quý mà chưa ai từng thấy trước đây, còn các cột tường và cổng thành thì làm bằng ngọc trai nguyên khối... Nhưng ai có thể diễn tả hết vẻ đẹp và sự lộng lẫy của thành phố này?! Ánh sáng chiếu xuống từ trên cao với những tia sáng dồi dào, tràn ngập khắp các con phố của thành phố, và những chiến binh có cánh, trông rạng rỡ, đang đi lại trong thành phố và hát những bài ca du dương, mà tai con người chưa từng nghe thấy bao giờ. Và Ioasaf nghe thấy một giọng nói:

– Này – sự an nghỉ của những người công chính! Này – niềm vui của những ai đã làm đẹp lòng Chúa trong cuộc đời mình.

Những người đã bắt Ioasaf định dẫn anh ra khỏi thành phố rồi đưa trở lại. Nhưng anh, bị mê hoặc bởi vẻ đẹp và sự lộng lẫy mà mình chứng kiến, đã nói:

– Tôi xin các ngài, đừng tước đoạt niềm vui khôn tả này khỏi tôi và hãy cho phép tôi sống ở một góc nào đó của thành phố này.

– Bây giờ ngươi không thể ở lại đây được, – họ đáp lại, – dù nhờ nhiều chiến công và nỗ lực, rồi theo thời gian ngươi sẽ được vào đây, miễn là ngươi dốc hết sức lực vì điều đó, bởi *"những ai nỗ lực sẽ chiếm được Nước Trời"* (Mt 11:12).

Sau đó, họ lại dẫn anh ta đi qua cánh đồng rộng lớn đã được nhắc đến trước đó và đưa vào những nơi tối tăm, đầy bóng tối và buồn bã, hoàn toàn trái ngược với ánh sáng và niềm vui mà Ioasaf đã từng thấy trước đây. Nơi đó là bóng tối u ám, ảm đạm, và mọi thứ đều tràn ngập nỗi đau khổ và sự hỗn loạn. Ở đó có một lò lửa đang cháy rực, xung quanh là những con sâu bò lổm ngổm, gặm nhấm thân thể con người, và những linh hồn báo thù đang đứng đó. Một số người đang bị lửa thiêu đốt dã man, và có tiếng nói vang lên:

– Đây chính là nơi dành cho những kẻ tội lỗi! Đây chính là nơi dành cho những kẻ đã làm ô uế bản thân bằng những việc đáng hổ thẹn!

Sau đó, những người dẫn dắt Joasaph trong giấc mơ đã đưa ông ra khỏi bóng tối, và ngay lập tức, khi tỉnh dậy, ông lấy lại tinh thần, nhưng toàn thân run rẩy, và nước mắt tuôn trào như suối từ đôi mắt ông. Lúc đó, tất cả vẻ đẹp của người tình trẻ quyến rũ ông cùng những người vợ và thiếu nữ khác đều hiện ra trong mắt ông tồi tệ hơn cả bùn đất và mủ thối. Khi nhớ lại giấc mộng của mình, lúc thì ông tràn ngập khát khao được đến thành phố sáng ngời, lúc lại bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi về những cực hình vĩnh cửu; kiệt sức, ông nằm trên giường và không thể đứng dậy được.

Vua được báo tin về bệnh tình của ông, và nhà vua lập tức vội vã đến gặp ông và bắt đầu hỏi han về nguyên nhân bệnh tật. Joasaph kể lại cho nhà vua tất cả những gì đã được chỉ cho ông thấy trong giấc mơ, và thêm vào:

– Tại sao Ngài lại giăng bẫy cho tôi, muốn bắt tôi và đẩy linh hồn tôi vào chỗ diệt vong? Vì nếu không có Chúa giúp đỡ, thì linh hồn tôi hẳn đã ở trong địa ngục rồi. Nhưng Chúa của dân Y-sơ-ra-ên thật là nhân từ, đã giải cứu tôi, kẻ có tội, khỏi miệng sư tử! Trong sự hoang mang, tôi đã chìm vào giấc ngủ; nhưng Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Rỗi của tôi, đã viếng thăm tôi từ trên cao và chỉ cho tôi thấy những ân huệ mà những kẻ làm Ngài phật lòng đang bị tước đoạt, cũng như những cực hình mà họ đang tự chuốc lấy... Vậy thì, thưa cha, nếu cha cứ như thế bịt tai lại và không muốn nghe con mỗi khi con nói với cha về điều thiện chân chính, thì ít nhất cũng đừng cản trở con đi trên con đường chính trực. Còn tôi chỉ mong một điều duy nhất, đó là từ bỏ tất cả và lên đường đến nơi mà vị thánh nhân của Chúa Kitô là Varlaam đang ngự, để cùng ngài sống nốt quãng đời còn lại của tôi. Nếu cha muốn giữ tôi lại bằng vũ lực, thì sớm muộn gì cha cũng sẽ thấy tôi chết vì buồn bã và chán nản, và khi đó, không còn con trai, cha sẽ không còn được gọi là cha nữa.

Và một lần nữa, nỗi đau đớn tột cùng lại bao trùm nhà vua, và trong nỗi buồn bã, ông trở về cung điện của mình. Những linh hồn xảo quyệt cũng bỏ lại vị chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô và trở về với Fevda trong sự hổ thẹn, người đã quở trách họ:

– Các ngươi, lũ khốn kiếp, thật là bất lực – hắn nói – thậm chí còn không thể đánh bại được một chàng trai trẻ!

Còn chúng, bị sức mạnh của Đức Chúa Trời ép buộc, bất chấp ý muốn của mình, đã phải thừa nhận:

– Chúng tôi không thể chống lại sức mạnh của Chúa Kitô, thậm chí không thể nhìn vào dấu thánh giá mà chàng trai trẻ dùng để bảo vệ mình.

Một lúc sau, nhà vua, dẫn theo Fevda, lại đến gặp con trai mình, và lần này Fevda trò chuyện với chàng trai trẻ, bênh vực các vị thần của mình, nhưng không thể chiến thắng được người đã được ban cho lời nói và sự khôn ngoan từ trên cao – sự khôn ngoan mà không ai có thể chống lại. Bị đánh bại và bẽ mặt, Fevda im lặng rất lâu, như người câm, không tìm được lời nào để nói thêm, và cuối cùng, vừa định thần lại, ông quay sang nhà vua và nói:

– Bệ hạ! Thánh Thần ngự trong con trai ngài; chúng tôi thực sự đã bị đánh bại và không còn gì để đáp lại ngài... Quả thật, Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, đức tin của họ thật vĩ đại và các bí tích của họ thật vĩ đại!

Và, quay sang hoàng tử, ông hỏi:

– Hãy nói cho ta biết, hỡi người có linh hồn được thánh hóa: liệu Chúa Kitô có chấp nhận ta không, nếu ta từ bỏ những việc ác của mình và quay về với Ngài?

Thánh Ioasaf bắt đầu nói với ngài về sự sám hối của những kẻ có tội và về lòng thương xót của Đức Chúa Trời, Đấng nhanh chóng đón nhận những ai thật lòng ăn năn. Fevda cảm động trong lòng và ngay lập tức vội vã trở về hang động của mình, đốt hết những cuốn sách mà trước đây ông dùng để thực hành thuật phù thủy, rồi noi gương Nahor: ông được ban phép rửa tội thánh và sống cuộc đời trong sự sám hối.

Vì nhà vua không còn biết phải làm gì với con trai mình nữa, nên A-ra-hi-a khuyên ông chia vương quốc thành hai phần và nhường một phần cho con trai.

– Nếu ngài muốn hành hạ con trai mình, – ông nói, – thì ngài sẽ trở thành kẻ thù của chính thiên nhiên và sẽ không còn được gọi là cha, mà là kẻ hành hạ chính con trai mình; hơn nữa, ngài sẽ hủy hoại cuộc đời nó, bản thân ngài sẽ không còn con cái và còn tự gây thêm nỗi buồn cho chính mình. Chỉ còn một việc duy nhất cần làm: chia vương quốc của ngài làm đôi và cho con trai ngài trị vì phần đất đã định sẵn cho nó. Khi phải lo toan những việc đời thường, nó sẽ dần dần quen với cuộc sống mà chúng ta đang sống, và mọi việc sẽ diễn ra theo ý chúng ta, bởi vì những thói quen đã ăn sâu vào tâm hồn không dễ dàng thay đổi bằng bạo lực, mà chủ yếu nhờ vào niềm tin. Ngay cả khi ngài vẫn trung thành với đạo Kitô, thì chỉ riêng việc ngài không phải là người không con cái, mà có một người con trai – vị vua – cũng đã là một sự an ủi nào đó cho ngài trong nỗi buồn.

Chấp nhận lời khuyên của A-ra-hi-a, nhà vua đã làm đúng như vậy: chia vương quốc làm hai phần và lập Ioasaf làm vua cai trị một nửa. Dù Joasaph không hề nghĩ đến quyền lực vương giả, mà chỉ mong muốn một cuộc sống tu hành ẩn dật trong sa mạc, nhưng sau khi suy xét thấy mọi việc đều hướng đến điều tốt đẹp, ông đã chấp nhận phần vương quốc được phân chia cho mình và, khi lên ngôi, trước hết đã nỗ lực xóa bỏ đa thần giáo ngoại đạo và truyền bá đức tin vào Đấng Chúa Trời duy nhất và chân thật. Ngài đã phá hủy các tượng thần trên khắp vương quốc của mình và san bằng các đền thờ của chúng đến tận nền móng, rồi thay vào đó xây dựng các nhà thờ Kitô giáo và bằng mọi cách truyền bá đức tin vào Đức Kitô. Khi nghe tin này, các giám mục, linh mục và phó tế Kitô giáo đã rời khỏi các ngọn núi và sa mạc, đổ về với vị vua đạo đức, người đã đón tiếp họ với niềm vui và cùng họ lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn con người. Chẳng bao lâu sau, ông đã soi sáng bằng ánh sáng đức tin và rửa tội cho tất cả thần dân của mình, đồng thời không ngừng khẩn cầu Thiên Chúa trong nước mắt để cha mình được hoán cải.

Và Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót đã không bỏ qua những lời cầu nguyện nhiệt thành và những giọt nước mắt của ông: Ngài đã chạm đến trái tim A-ven-i-rơ bằng ánh sáng ân sủng của Ngài, và bức màn bóng tối đã rơi xuống khỏi đôi mắt tâm trí ông, khiến ông nhìn thấy ánh bình minh của lẽ thật và nhận ra sự hư vô của các vị thần giả mạo. Avenir triệu tập các cố vấn của mình và bày tỏ với họ mong muốn chân thành của mình là chấp nhận đức tin Kitô giáo. Mọi người đều khen ngợi ý định của ông, vì nhờ những lời cầu nguyện của Giô-a-sa-phơ, *"Ánh sáng từ phương Đông đã chiếu rọi chúng ta từ trên cao"* (Lc 1,78). Ngay lập tức, nhà vua đã gửi thư triệu tập con trai mình để học hỏi từ cậu về đức tin và sự đạo đức. Lòng Ioasaf tràn ngập niềm vui và hân hoan biết bao khi cậu thấy cha mình quay về với Đức Chúa Trời chân thật! Sau khi đã dạy dỗ cha mình về đức tin trong nhiều ngày và truyền đạt cho ngài những mầu nhiệm của đức tin thánh thiện, giống như chính ngài đã được Thánh Varlaam dạy dỗ, Ioasaf đã dẫn cha mình đến lễ rửa tội thánh và chính ngài cũng đã nhận phép rửa từ bể thánh. Đó quả là một sự kiện mới mẻ và kỳ diệu! Ông đã trở thành người cha tinh thần của cha mình và đối với người cha sinh ra ông theo xác thịt, ông đã trở thành người trung gian cho sự tái sinh thiêng liêng của ông ấy. Theo sau nhà vua, các quan đại thần, binh lính, nô lệ của ông – nói một cách đơn giản – toàn bộ đất nước Ấn Độ – đều đã nhận phép rửa tội thánh.

Và lúc bấy giờ, niềm vui lớn lao tràn ngập cả trên đất và trên trời: trên đất, những người trung thành vui mừng vì sự hoán cải của những kẻ ngoại đạo, còn trên trời, các Thiên thần vui mừng vì vô số tội nhân đã ăn năn.

Sau khi chịu phép rửa tội, Avenir đã trao toàn bộ quyền lực vương triều cho con trai, còn bản thân thì sống ẩn dật trong im lặng, luôn rắc tro lên đầu và ăn năn về những tội lỗi của mình: ông đã sống như vậy trong bốn năm và, sau khi được Thiên Chúa tha thứ tội lỗi, đã an nghỉ trong bình an.

Vào ngày thứ bốn mươi sau khi vua Avenir qua đời, Ioasaf, trong lễ tưởng niệm ngài, đã triệu tập tất cả các quan đại thần, cố vấn, tướng lĩnh và các quan chức quan trọng khác, rồi tiết lộ bí mật của mình, đó là ông mong muốn từ bỏ vương quốc trần gian và mọi thứ thuộc về thế gian, để vào sa mạc và sống đời tu hành. Mọi người đều buồn bã và rơi lệ, vì ai nấy đều rất yêu mến ngài vì tính hiền lành, khiêm nhường và lòng bác ái của ngài. Ngài muốn chỉ định một trong các quan đại thần của mình làm vua thay thế, đó chính là Varachia, người đã trở thành Kitô hữu từ lâu – chính là người đã đứng về phía Varlaam giả trong cuộc tranh luận về đức tin chống lại tất cả các nhà thông thái ngoại giáo. Joasaph biết rằng Varachia rất vững vàng trong đức tin và có lòng yêu mến Chúa Kitô vô cùng sâu sắc.

Nhưng Varachia đã từ chối ngai vàng, nói rằng:

– Hỡi đức vua, hãy yêu thương người lân cận như chính mình. Nếu làm vua là điều tốt, thì ngài hãy tự mình làm vua. Còn nếu không, thì tại sao ngài lại trao vương quyền cho tôi? Tại sao ngài lại đặt lên vai tôi gánh nặng mà chính ngài đang trốn chạy?

Lúc đó, mọi người đều tha thiết, nước mắt lưng tròng, van nài Thánh Ioasaf đừng bỏ rơi họ. Nhưng vào ban đêm, ngài đã viết một bức thư gửi đến toàn thể Hội đồng và các quan chức, trong đó ngài phó thác họ cho Chúa và ra lệnh rằng họ không được phong ai làm vua ngoài Varachia; sau khi để lại bức thư đó trong phòng ngủ của mình, ngài lén lút ra đi và vội vã lên đường đến sa mạc. Sáng hôm sau, tin đồn về việc ngài rời đi lan truyền nhanh chóng. Dân chúng hoang mang và chìm trong nỗi buồn. Nhiều người khóc nức nở. Cuối cùng, tất cả cư dân thủ đô đổ xô đi tìm ông và phát hiện ông đang cầu nguyện với hai tay giơ cao tại một con suối cạn. Tại đó, họ vây quanh ngài, quỳ xuống trước mặt ngài và khóc lóc van nài ngài trở về cung điện và đừng bỏ rơi họ. Ioasaf, bị những lời van nài này lay động, đã quay trở lại, nhưng chẳng bao lâu sau, ngài lại tập hợp mọi người lại và nói:

– Các ngươi giữ tôi lại như vậy là vô ích, các ngươi đang chống lại ý muốn của Chúa.

Sau đó, ông đã thề thốt khẳng định những lời nói của mình, đến nỗi kể từ giây phút đó, ông không thể tiếp tục làm vua dù chỉ một ngày nào nữa. Ông đã đội vương miện lên đầu Varachia, bất chấp ý muốn của người này, đặt ông ta lên ngai vàng của mình và truyền đạt những lời dạy dỗ cần thiết về nghĩa vụ của một vị vua; còn bản thân ông, sau khi từ biệt dân chúng, đã rời khỏi cung điện và thành phố, vội vã đi vào sa mạc. Toàn thể dân chúng cùng với Varachia và tất cả các quan chức, sau khi nhận ra rằng Ioasaf kiên quyết từ bỏ ngai vàng, không thể giữ ông lại bằng những lời van nài và cũng không dám dùng vũ lực để ngăn cản ông, đã đi theo ông trong tiếng khóc và tiễn đưa ông đi xa; còn ngài thì xin họ đừng làm ngài buồn và hãy để ngài một mình; nhưng một số người vẫn tiếp tục theo sau ngài từ xa, khóc lóc, cho đến khi mặt trời lặn, khi màn đêm che khuất vị vua yêu quý khỏi tầm mắt họ và họ không còn nhìn thấy nhau nữa.

Như vậy, Varachia đã nhận lấy quyền trượng của vương quốc Ấn Độ, còn Ioasaf thì *"coi mọi sự như rác rưởi để được Đấng Christ"* (Phi-líp 3:8). Ngay trong đêm đầu tiên của hành trình, ngài bước vào nhà một người nghèo và trao cho người ấy bộ quần áo của mình, còn bản thân ngài thì bắt đầu cuộc sống khổ hạnh trong sa mạc, mặc chiếc áo lông dê mà trước đây Varlaam đã tặng ngài. Lúc đó, ngài không mang theo bánh mì, cũng chẳng có thứ gì khác cần thiết cho bữa ăn, hay nước uống: ngài đặt trọn niềm hy vọng vào sự quan phòng của Đức Chúa Trời và bừng cháy với tình yêu nồng nàn dành cho Chúa của mình. Khi đến sa mạc, ngài ngước mắt lên nhìn Đức Kitô và thốt lên:

– Xin cho đôi mắt con không còn nhìn thấy những điều tốt lành của thế gian này nữa, và xin cho trái tim con không còn tìm thấy niềm vui trong bất cứ điều gì khác ngoài Ngài, niềm hy vọng của con! Xin hãy chỉ dẫn con đường cho con và dẫn dắt con đến với vị thánh nhân của Ngài là Varlaam! Xin chỉ cho con người đã mang lại ơn cứu rỗi cho con, và xin người đã dạy con nhận biết Ngài, lạy Chúa, hãy dạy con lối sống ẩn tu!

Trong hai năm, Thánh Ioasaf đã lang thang một mình trong sa mạc, tìm kiếm Varlaam. Ngài ăn những loại cỏ mọc ở đó và thường xuyên phải chịu đói vì thiếu cỏ, bởi đất đai của sa mạc ấy khô cằn và ít màu mỡ. Ngài đã phải chịu đựng nhiều thử thách từ ma quỷ, kẻ liên tục tấn công ngài: lúc thì làm rối loạn tâm trí ngài bằng những ý nghĩ xao động, lúc thì dọa nạt ngài bằng những ảo ảnh; đôi khi nó hiện ra trước mặt ngài dưới hình dạng đen tối

và nghiến răng ken két, đôi khi lao vào ngài với thanh gươm trong tay, như muốn giết chết ngài, rồi lại biến thành hình dạng của các loài thú, rắn và rắn độc. Nhưng vị chiến binh dũng cảm và bất khả chiến bại của Chúa Kitô đã chiến thắng và xua đuổi tất cả những ảo ảnh đó bằng thanh gươm của lời cầu nguyện và vũ khí của Thánh Giá.

Khi kết thúc năm thứ hai, Ioasaf tìm thấy một hang động trong sa mạc Senarid và trong đó có một tu sĩ đang ẩn dật trong sự im lặng; từ người này, ông biết được nơi ở của Varlaam. Trong niềm vui sướng, ông nhanh chóng đi theo con đường được chỉ dẫn, đến được hang động của Varlaam và, đứng trước lối vào, ông đẩy cánh cửa, nói:

– Xin cha ban phước, thưa cha, xin cha ban phước!

Varlaam, nghe thấy tiếng nói, bước ra khỏi hang động và, nhờ sự soi dẫn từ trên cao, đã nhận ra Ioasaf, người mà không thể nhận ra qua vẻ bề ngoài, bởi vì ông đã sạm đen vì nắng gắt, tóc tai rối bù, má hóp lại và đôi mắt trũng sâu. Vị tu sĩ già quay mặt về hướng đông, dâng lời cầu nguyện tạ ơn lên Thiên Chúa, rồi hai người ôm nhau đầy tình yêu thương và trao nhau nụ hôn thánh, những giọt nước mắt ấm áp của niềm vui tuôn trào trên khuôn mặt họ. Ngồi xuống, họ bắt đầu trò chuyện và Varlaam là người mở lời trước. Ông nói:

– Con đã làm rất đúng khi đến đây, con yêu dấu của ta, con của Đức Chúa Trời và người thừa kế Nước Trời! Xin Chúa ban cho con những ân huệ vĩnh cửu thay vì những điều tạm bợ, những điều bất diệt thay vì những điều hư nát. Nhưng xin con, người yêu dấu, hãy nói cho ta biết: con đã đến đây như thế nào? Sau khi ta ra đi, điều gì đã xảy ra với con? Cha con đã nhận biết Chúa chưa, hay vẫn còn chìm đắm trong sự lầm lạc như trước?

Joasaph kể lại cho ông nghe từng chi tiết mọi điều đã xảy ra sau khi Varlaam ra đi, và những điều Chúa đã thực hiện nhờ sự trợ giúp toàn năng của Ngài. Vị tu sĩ già, sau khi nghe hết mọi chuyện, vô cùng vui mừng và ngạc nhiên, rồi cuối cùng nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, vì Ngài đã thương xót cho hạt giống Lời Ngài, mà con đã gieo vào tâm hồn tôi tớ Ngài là Ioasaf, được nảy mầm và sinh ra thành trái bội thu.

Trong khi đó, trời đã về chiều, và sau khi dâng những lời cầu nguyện thường lệ, họ mới cuối cùng nhớ đến bữa ăn. Và thế là, Varlaam đã dọn một bữa ăn phong phú với những cuộc trò chuyện cứu rỗi linh hồn, đầy ắp những món ăn thiêng liêng, nhưng lại thiếu thốn thức ăn vật chất, vì nó chỉ gồm rau sống chưa nấu chín, một ít quả chà là và nước từ suối gần nhất. Sau khi được tiếp thêm sức lực nhờ bữa ăn ấy, họ tạ ơn Đức Chúa Trời, Đấng mở rộng bàn tay và ban sự no đủ cho mọi loài sinh vật bằng ân sủng của Ngài. Sau đó, họ cử hành các lời cầu nguyện ban đêm và lại bắt đầu cuộc trò chuyện cứu rỗi linh hồn, và trò chuyện suốt đêm cho đến giờ hát sáng.

Sống một cuộc đời kỳ diệu và thánh thiện như thiên thần, Ioasaf và Varlaam đã sống cùng nhau khá nhiều năm. Cuối cùng, Thánh Varlaam cảm nhận được cái chết đang đến gần, ngài gọi con tinh thần của mình là Ioasaf, người mà ngài đã dẫn dắt đến cuộc sống mới, và nói với anh:

– Con ơi, từ lâu cha đã mong được gặp con trước khi qua đời, và có lần khi cha đang cầu nguyện cho con, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã hiện ra với cha và hứa sẽ dẫn con đến với cha. Giờ đây, Chúa đã thực hiện mong ước của ta: ta thấy con đã từ bỏ thế gian và mọi sự trần tục, và đã hiệp nhất với Đấng Christ. Và vì giờ ra đi của ta đã đến, hãy giao phó thân xác ta cho đất, trả tro về với tro, còn con hãy ở lại nơi này, tiếp tục đời sống thiêng liêng và nhớ đến ta, kẻ khiêm nhường.

Nghe những lời này, Ioasaf khóc nức nở vì phải chia ly với vị thánh nhân, và vị tu sĩ già hầu như không thể an ủi anh bằng những lời dạy thiêng liêng, sau đó ngài gửi anh đến gặp một số anh em đang sống trong cùng sa mạc đó và ra lệnh mang theo mọi thứ cần thiết để cử hành Thánh lễ. Ioasaf vội vã lên đường, lấy những thứ cần thiết, rồi cũng vội vã quay trở lại, lo sợ rằng cha thiêng liêng của mình sẽ qua đời khi không có anh bên cạnh và anh sẽ không kịp nhận được lời chúc phúc cuối cùng của ngài. Varlaam cử hành Thánh lễ và cả hai cùng rước Mình Thánh Chúa. Sau đó, vị thánh nhân đã trò chuyện lâu với đệ tử về những điều có ích cho linh hồn và với lòng cảm động, ngài cầu nguyện với Chúa cho chính mình và cho đệ tử; sau khi cầu nguyện xong, ngài ôm Ioasaf như một người cha, lần cuối cùng hôn lên má cậu và ban phước lành, làm dấu thánh giá rồi nằm xuống giường; lúc đó, khuôn mặt ngài trở nên rạng rỡ và hân hoan, như thể có những người bạn nào đó đã đến thăm ngài; thế là ngài đã về với Chúa, sau khi sống trong sa mạc 70 năm, và tổng cộng khoảng 100 năm kể từ khi sinh ra.

Ioasaf, khóc thương ông rất nhiều, đã hát các thánh vịnh bên thi hài ông suốt cả ngày lẫn đêm; sáng hôm sau, ông đào một ngôi mộ gần hang đá, an táng thi hài vị tu sĩ đáng kính, rồi ngồi bên mộ và khóc lóc thảm thiết cho đến khi kiệt sức vì khóc và chìm vào giấc ngủ. Trong giấc mơ, ông lại thấy những vị thánh nhân kỳ diệu mà ông từng gặp trong thời gian bị cám dỗ: họ đến với ông, đưa ông đi và dẫn ông trở lại cánh đồng rộng lớn mà ông đã

từng thấy, rồi vào thành phố rực rỡ ánh sáng. Khi ông bước qua cổng thành, các Thiên thần của Chúa đã đón tiếp ông, mang theo hai vương miện có vẻ đẹp không thể tả xiết.

Joasaph hỏi:

– Những vương miện rực rỡ này là của ai?

– Cả hai đều là của ngươi, – các Thiên thần đáp lại, – vì ngươi đã cứu rỗi nhiều linh hồn và vì ngươi đã từ bỏ vương quốc trần gian để dâng hiến bản thân cho đời sống tu hành; nhưng một trong hai vương miện đó phải trao cho cha ngài, vì nhờ sự giúp đỡ của ngài, ông đã từ bỏ con đường dẫn đến sự diệt vong, thành tâm và nhiệt thành sám hối, và được hòa giải với Chúa.

– Nhưng làm sao có thể được – Ioasaf phản đối – rằng chỉ vì sự ăn năn mà cha tôi lại nhận được phần thưởng ngang bằng với tôi, người đã phải chịu đựng biết bao gian khổ?

Vừa dứt lời, anh ta thấy Varlaam đang nói với mình:

– Chẳng phải ta đã từng nói với ngươi, Ioasaf, rằng khi ngươi trở nên giàu có, ngươi sẽ trở nên keo kiệt và cứng đầu sao? Vậy mà giờ đây, tại sao ngươi lại không muốn cha ngươi được vinh dự ngang bằng với ngươi? Chẳng phải ngươi nên vui mừng hết lòng vì những lời cầu nguyện của ngươi cho cha ngươi đã được nhậm lời sao?

Ioasaf, sau khi nói với Varlaam như thói quen vẫn thường nói với ông khi còn sống: "Xin tha thứ, thưa cha, xin tha thứ", – tiếp tục:

– Hãy nói cho con biết, cha đang sống ở đâu vậy?

– Con đã được ban cho một nơi tu hành tươi sáng trong thành phố tuyệt đẹp và vĩ đại này, – Varlaam đáp.

Ioasaf bắt đầu xin Varlaam đưa ông đến nơi ở của ngài và đón tiếp ông với tình yêu thương như một vị khách. Varlaam đáp:

– Thời điểm để con, người đang mang gánh nặng xác thịt, đến đây vẫn chưa đến; nhưng nếu con kiên cường bám trụ đến cùng trong những việc tu hành, như ta đã dạy con, thì con sẽ sớm đến đây và được hưởng cuộc sống vĩnh cửu tại đây, vinh quang và niềm vui nơi này, và sẽ mãi mãi ở bên ta.

Khi tỉnh dậy, với tâm hồn vẫn tràn ngập ánh sáng đã thấy và vinh quang không thể diễn tả, Thánh Ioasaf đã ngợi khen Đấng Tối Cao, dâng lên Ngài bài ca tạ ơn đầy cảm hứng.

Tại nơi sống chung với Thánh Varlaam, Thánh Ioasaf đã sống cho đến khi qua đời. Vào năm thứ 25 kể từ khi sinh ra, ngài đã từ bỏ cuộc sống trần thế và dấn thân vào cuộc sống khổ hạnh; sau khi sống trong sa mạc 35 năm, ngài đã về với Chúa.

Một vị ẩn sĩ thánh thiện sống gần đó, khi được biết, theo sự soi dẫn, về việc Thánh Ioasaf qua đời, đã đến bên ngài ngay lúc ngài trút hơi thở cuối cùng, và với những giọt nước mắt yêu thương, ngài đã hát những bài thánh ca tang lễ truyền thống bên thi hài tôn kính của ngài, rồi an táng ngài cùng với di cốt của Thánh Varlaam, để thi hài của những người vốn không thể tách rời về tinh thần cũng được an nghỉ bên nhau tại cùng một nơi. Sau khi an táng Thánh Ioasaf, vị ẩn sĩ đã nhận được sự mặc khải từ Thiên Chúa, truyền lệnh cho ngài phải đến vương quốc Ấn Độ và báo tin cho vua Varachia về sự ra đi của vị thánh. Nhận được tin này, nhà vua cùng đông đảo dân chúng đã lên đường đến sa mạc; khi đến hang động của các vị thánh phụ, ngài mở quan tài của họ ra và thấy thi hài của các thánh Varlaam và Ioasaf vẫn còn nguyên vẹn, đồng thời tỏa ra một mùi hương thơm ngát. Sau khi rước các thánh tích, Varachia đã long trọng đưa chúng từ sa mạc về quê hương của mình và an táng trong nhà thờ do Thánh Ioasaf xây dựng, ngợi khen Thiên Chúa trong Ba Ngôi, Đấng mà chúng ta cũng xin dâng lên vinh quang và sự thờ phượng ngay bây giờ, mãi mãi và đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Từ vị thầy thiêng liêng, vua Ioasaf đã học được cách nhận biết Thiên Chúa và được soi sáng nhờ phép rửa tội, Ngài đã dẫn dắt dân chúng đến với đức tin, và sau khi nhận người kế vị từ bồn rửa tội thay cho cha mình, Ngài đã từ bỏ vương quốc, đến với sa mạc, và tại đó, Ngài đã siêng năng tu hành: xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, cùng với vị thầy của Ngài là Varlaam, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài đã biết từ thuở ấu thơ ý định tốt lành của con, Ioasaf, chỉ có Thiên Chúa mới thấu hiểu lòng người. Và từ vương quốc trần gian, Ngài đã dẫn dắt ngài đến đời sống tu hành, ban cho ngài ân sủng được theo chân vị vĩ đại Varlaam; cùng với ngài, ngài hiện đang có quê hương là Giê-ru-sa-lem trên trời rực rỡ, tận hưởng trọn vẹn những ân huệ tuyệt vời của Thánh Ba Ngôi, chúng con, những kẻ tôn kính ngài bằng đức tin, xin ngài, vẻ đẹp hoàng gia, hãy nhớ đến chúng con.

Cuộc tử đạo của Thánh Tử đạo Varlaam

Ngày tưởng niệm 19 tháng 11

Thánh tử đạo Varlaam là người gốc Antioch, Syria. Khi đã cao tuổi, ngài bị bắt vì tuyên xưng danh Chúa Giêsu Kitô và bị đưa ra xét xử trước một vị vua ngoại đạo. Người ta bắt đầu ép buộc Varlaam phải dâng lễ vật cho các thần tượng. Khi ngài từ chối làm điều đó, ngài đã phải chịu nhiều hình phạt tàn bạo vì Chúa Kitô: trước tiên, ngài bị đánh không thương tiếc bằng dây da bò, sau đó bị cào xé bằng móng sắt. Sau đó, những kẻ ngoại đạo dẫn vị thánh tử đạo đến đền thờ thần tượng và tại đó, theo lệnh của kẻ tra tấn, họ bắt ông giơ tay lên trên bàn thờ đang bốc cháy, rồi đặt than hồng trộn nhang lên tay ông, để ông dâng khói nhang lên bàn thờ của những vị thần tà ác của chúng. Những kẻ tra tấn nghĩ rằng vị tử đạo, vì cơn đau không thể chịu đựng nổi, sẽ hất những than hồng cùng nhang xuống trước mặt các thần tượng. Và nếu ngài làm như vậy, họ định nói với ngài:

– Thế là ngươi đã dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta rồi.

Nhưng những kẻ ngoại đạo đã không đạt được điều họ mong muốn, vì vị tử đạo của Chúa Kitô đứng vững như một cột trụ, cầm ngọn lửa đang cháy trên tay, và cứng cỏi hơn cả đồng và sắt, bởi vì ông đã giữ ngọn lửa trên tay cho đến khi các ngón tay của ông bị cháy rụi và rơi xuống đất cùng với ngọn lửa. Mặc dù vậy, ngài vẫn không nhúc nhích bàn tay và cũng không đặt than hồng cùng nhũ hương lên bàn thờ trước các thần tượng. – Với tư cách là một vị tử đạo và chiến binh của Chúa Kitô đầy dũng cảm và bất khả chiến bại, Thánh Varlaam đã dâng linh hồn mình lên Chúa trong lúc làm chứng đức tin một cách anh dũng[7945] .

- Lời của Thánh Basil Đại Đế về vị thánh tử đạo Varlaam

Trong thời xưa, người ta thường tưởng nhớ sự ra đi của các thánh bằng những lời than khóc và nước mắt. Giô-sép đã khóc lóc thảm thiết vì cái chết của Gia-cốp (Sáng Thế Ký 50:1); dân Do Thái đã than khóc rất nhiều vì sự ra đi của Môi-se (Phục Truyền Luật Lệ Ký 34:8), và họ đã tưởng nhớ Sa-mu-ên bằng rất nhiều nước mắt (1 Sử Ký 25:1). Còn ngày nay, chúng ta hân hoan khi các vị thánh qua đời; bởi vì bản chất của sự đau buồn đã thay đổi sau Thập tự giá. Chúng ta không còn khóc lóc khi tiễn đưa các thánh, mà hân hoan reo vui bên quan tài của các ngài; bởi vì cái chết đối với những người công chính là giấc ngủ, hay đúng hơn là sự ra đi để bước vào cuộc sống tốt đẹp hơn. Vì thế, các vị tử đạo đang chịu hành hình lại vui mừng; khát vọng về cuộc sống hạnh phúc tột cùng đã làm lu mờ cảm giác đau đớn khi bị hành hình. Vị tử đạo không nhìn vào nguy hiểm, mà nhìn vào vương miện; không run sợ trước những đòn roi, mà tính toán phần thưởng; không nhìn thấy những kẻ thi hành án đang đánh đòn trên đất này, mà hình dung ra các Thiên thần đang chào đón từ trời cao; không để tâm đến những nguy hiểm nhất thời, mà hướng đến những phần thưởng vĩnh cửu. Và ngay tại đây, các vị tử đạo của chúng ta đã gặt hái được lời hứa sáng ngời về vinh quang; bởi vì, được mọi người tung hô bằng những lời chào mừng nồng nhiệt, từ trong quan tài, họ đã thu hút hàng ngàn người vào mạng lưới của mình.

Chính điều này đã ứng nghiệm ngày nay trên vị anh hùng Varlaam. Tiếng kèn chiến trận của vị tử đạo đã vang lên, và, như quý vị thấy, đã quy tụ các chiến binh của đức tin. Vị tu sĩ của Chúa đang an nghỉ đã được tôn vinh, và đã mở ra một cảnh tượng cho Giáo Hội. Và như Đức Thánh Cha của các tín hữu đã nói: *"Chúa Giêsu nói với bà: 'Ta là sự sống lại và là sự sống; ai tin vào Ta, dù có chết đi, cũng sẽ sống lại'"* (Ga 11,25).

Vậy là Varlaam dũng cảm đã qua đời, nhưng vẫn triệu tập những buổi họp long trọng; dù đã nằm trong quan tài, ngài vẫn mời gọi mọi người đến dự tiệc.

Giờ đây, đã đến lúc chúng ta phải thốt lên: *"Người khôn ngoan ở đâu? Người thông thái ở đâu? Người tranh luận của thế hệ này ở đâu?"* (1 Cô-rinh-tô 1:20).

[7945] Thánh tử đạo Barlam qua đời năm 304 tại Cêsarea Cappadocia.

Ngày nay, người nông dân ấy là vị thầy bất khả chiến bại về đức tin của chúng ta; kẻ hành hạ đã lôi kéo ông như một con mồi dễ dàng, nhưng sau khi thử thách, hắn đã nhận ra ở ông một chiến binh bất khả chiến bại – người mà hắn từng chế giễu vì cách nói không chuẩn, và người đã khiến hắn kinh hãi bởi lòng dũng cảm như thiên thần: vì phong cách của ông không trở nên thô lỗ cùng với vũ khí là lời nói, và lý trí của ông cũng không bộc lộ những khuyết điểm tương tự như những gì có trong lời nói của ông. Nhưng ông đã trở thành một Phaolô thứ hai, cùng với Phaolô nói rằng: *"Dù tôi có thiếu hiểu biết về lời nói, nhưng không thiếu hiểu biết về sự nhận thức"* (2 Cô-rinh-tô 11:6). Những kẻ thi hành án đánh đòn ông rơi vào trạng thái sững sờ, còn vị tử đạo lại càng thêm mạnh mẽ; tay những kẻ đánh đòn yếu dần, nhưng lý trí của người bị đánh đòn không hề nao núng; những roi da xé toạc mạng lưới các sợi gân, nhưng sự vững chắc của đức tin lại trở nên không thể lay chuyển; thịt da trên hai bên sườn đầy vết thương đã biến mất, nhưng sự khôn ngoan của trí tuệ lại nở rộ; phần lớn thân xác đã tê liệt, nhưng vị tử đạo vẫn tỉnh táo, như thể chưa từng bắt đầu những cuộc chiến đấu nào.

Khi tình yêu đối với sự đạo đức ngự trị trong tâm hồn: lúc đó mọi hình thức chiến đấu đối với nó đều trở nên nực cười, và mọi sự hành hạ vì đối tượng yêu quý lại mang lại niềm vui hơn là gây tổn thương. Tình yêu của các Tông đồ là chứng nhân cho điều này, tình yêu ấy từng khiến những trận roi của người Do Thái trở nên dễ chịu đối với họ. Vì có lời chép: *"Họ ra khỏi Tòa Công luận, vui mừng vì được hân hạnh chịu sỉ nhục vì danh Chúa Giê-su"* (Công vụ 5:41).

Người chiến binh mà chúng ta đang tôn vinh ngày nay cũng vậy. Ông coi những cực hình là niềm vui; khi bị đánh đòn, ông nghĩ rằng người ta đang ném hoa hồng vào mình; ông tránh những vết thương do sự gian ác gây ra như tránh những mũi tên, và coi cơn giận của quan tòa như bóng khói; ông cười nhạo những mệnh lệnh tàn bạo của lính gác; hân hoan trước nguy hiểm như khi nhìn thấy vương miện; vui mừng trước những trận đòn như thể đó là vinh dự; trong những cực hình tàn khốc nhất, ông nhảy múa như thể đang nhận những phần thưởng rực rỡ nhất; Ngài khinh thường những thanh gươm trần; Ngài đón nhận bàn tay của những kẻ thi hành án tử với cảm giác như thể chúng mềm mại hơn cả sáp; Ngài hôn cây thập tự giá như thể đó là cây cứu rỗi; Ngài tận hưởng những cánh cửa nhà ngục như thể đó là sự đa dạng của muôn loài hoa. Tay phải của Ngài mạnh mẽ hơn cả ngọn lửa mà kẻ thù đã dùng chống lại Ngài như phương sách cuối cùng. Vì khi đã thắp lửa trên bàn thờ để dâng lễ vật cho quỷ dữ, chúng đã dẫn vị tử đạo đến và đặt trước mặt ông, rồi ra lệnh cho ông giơ cao tay phải trên bàn thờ, dùng chính bàn tay ấy thay cho bàn thờ đồng, với ý đồ xảo quyệt là đặt nhang đang cháy lên đó. Họ hy vọng rằng bàn tay, bị khuất phục bởi sức mạnh của ngọn lửa, sẽ sớm buộc phải đặt nhang lên bàn thờ.

Ôi, thật là một mưu kế xảo quyệt của bọn vô đạo! "Vì," chúng nói, "hàng ngàn vết thương cũng không lay chuyển được ý chí của ông ta, thì ít nhất chúng ta sẽ dùng ngọn lửa để làm lung lay bàn tay của người chiến binh kiên cường này. Vì đã không lay chuyển được tâm hồn ông bằng đủ mọi cách, thì ít nhất chúng ta cũng sẽ làm cho bàn tay phải của ông chao đảo bằng cách dùng lửa thiêu đốt nó." Nhưng những kẻ đáng thương này đã không thể thực hiện được hy vọng đó. Bởi vì, dù ngọn lửa thiêu đốt bàn tay, nhưng bàn tay ấy vẫn tiếp tục giữ ngọn lửa trên mình như tro tàn; nó không quay lưng lại, như những kẻ chạy trốn, trước ngọn lửa thù địch; mà vẫn kiên định bám trụ, dũng cảm chiến đấu với ngọn lửa, và cho phép vị tử đạo có cơ hội thốt lên lời của Tiên tri: *"Chúc tụng Chúa, Đấng là pháo đài của con, Đấng dạy tay con chiến đấu và ngón tay con giao tranh"* (Thánh Vịnh 143:1).

Lửa đã giao chiến với bàn tay; và thất bại thuộc về phía ngọn lửa. Cuộc chiến giữa ngọn lửa và bàn tay phải của vị tử đạo vẫn tiếp diễn, và bàn tay đã giành được một chiến thắng chưa từng có trong các cuộc chiến; mặc dù ngọn lửa xuyên qua bàn tay, nhưng bàn tay vẫn dang rộng để tiếp tục chiến đấu. Quả thực, đây là bàn tay vượt trội hơn ngọn lửa về sự kiên cường! Bàn tay không bao giờ chịu khuất phục trước ngọn lửa! Lửa, đã bị bàn tay dạy cho biết thế nào là thất bại! Sắt phải khuất phục trước lửa, bị làm mềm bởi sức mạnh đau đớn của nó. Đồng không chống lại sự thống trị của nó. Nhưng sức mạnh vượt trội của lửa, dù thiêu đốt bàn tay dang rộng của vị tử đạo, cũng không làm lung lay nó! Thật công bằng khi vị tử đạo có thể thốt lên với Chúa trong lúc đó: *"Nhưng con luôn ở cùng Ngài: Ngài nắm lấy tay phải con; Ngài dẫn dắt con bằng lời khuyên của Ngài và sau đó sẽ đón nhận con vào vinh quang"* (Thánh Vịnh 72:23–24).

Ta nên gọi ngươi là gì, hỡi chiến binh dũng cảm của Đấng Christ? Có nên gọi ngươi là tác phẩm điêu khắc chăng? Nhưng điều đó sẽ làm giảm đi sự kiên nhẫn của ngươi. Lửa, khi thấm vào

tượng điêu khắc, làm mềm nó; còn tay phải của ngươi thì ngọn lửa không thể lay chuyển, thậm chí không khiến nó nhúc nhích. Hay ta nên gọi ngươi là sắt? Nhưng ta thấy hình ảnh này cũng không xứng với lòng dũng cảm của ngươi. Chỉ một mình ngươi đã thuyết phục ngọn lửa không làm hại bàn tay; chỉ một mình ngươi đã biến bàn

tay thành bàn thờ. Chỉ một mình ngươi đã dùng bàn tay phải rực lửa đánh vào mặt lũ quỷ, rồi bằng bàn tay đã hóa than, ngươi đánh vào đầu chúng, và giờ đây, bằng bàn tay phải đã hóa tro, ngươi chà đạp và làm mù quáng cả đạo quân của chúng.

Nhưng tại sao tôi lại hạ thấp vị anh hùng dũng cảm này bằng những lời lẽ non nớt như trẻ con? Hãy để những ai có ngôn từ vững chắc hơn ca ngợi ngài; hãy mời những tiếng kèn vang dội nhất của các bậc thầy đến đây. Hãy đứng dậy trước mặt tôi ngay bây giờ, hỡi các họa sĩ vĩ đại vẽ nên những công lao của người anh hùng! Hãy dùng tài nghệ của các vị để hoàn thiện bức chân dung chưa trọn vẹn này về vị tướng quân! Hãy dùng những bông hoa của trí tuệ các vị để chiếu sáng vị vua đội vương miện mà ta đã miêu tả một cách mơ hồ! Hãy để ta bị chinh phục bởi những bức tranh miêu tả những chiến công anh dũng của vị tử đạo; ta sẽ vui lòng thừa nhận chiến thắng này trước sự kiên cường của các vị. Ta sẽ ngắm nhìn cuộc chiến giữa bàn tay và ngọn lửa mà các vị đã khắc họa một cách chính xác hơn. Tôi sẽ chiêm ngưỡng vị chiến binh này, được khắc họa sống động trên bức tranh của các bạn. Hãy để các quỷ dữ khóc than, và ngay lúc này, chúng bị chinh phục bởi những đức tính anh hùng của vị tử đạo trong các bạn! Hãy để bàn tay thiêu đốt và chiến thắng lại được phô bày trước mặt chúng! Hãy để Đấng Khởi Xướng Những Công Trình Anh Hùng trong các cuộc chiến đấu, chính là Đức Kitô, cũng được khắc họa trên bức tranh. Ngài được vinh quang muôn đời! Amen.

- Lời của Thánh Gioan Vàng Miệng về Thánh Tử đạo Varlaam

Thánh Varlaam đã triệu tập chúng ta đến lễ hội và ngày lễ thiêng liêng này, không phải để chúng ta ca ngợi ngài, mà để noi gương ngài; không phải để chúng ta chỉ là những người nghe những lời ca ngợi, mà để trở thành những người noi gương các chiến công của ngài. Trong các việc đời thường, những người đạt đến quyền lực cao cả sẽ không bao giờ muốn thấy người khác cùng chia sẻ vinh quang với mình, bởi vì ở đó, sự ghen tị và hận thù làm xáo trộn tình yêu; còn trong các việc thuộc linh thì không phải vậy, mà hoàn toàn ngược lại: các vị tử đạo lại cảm nhận được vinh dự của mình một cách đặc biệt khi thấy những người nô lệ giống như họ được chia sẻ những ân huệ của mình; vậy nên, ai muốn ca ngợi các vị tử đạo, hãy noi gương các vị tử đạo; ai muốn tôn vinh những người tu hành bằng lời khen ngợi, hãy noi gương những công lao của họ – điều này sẽ mang lại niềm vui cho các vị tử đạo không kém gì chính những công đức của họ. Và để bạn tin chắc rằng quả thực lúc đó họ cảm nhận được những ân huệ của mình một cách đặc biệt khi thấy chúng ta được an toàn, và coi đó là vinh dự lớn lao nhất đối với họ, hãy lắng nghe Phaolô, người đã nói: *"Vì bây giờ chúng tôi còn sống, khi anh em đứng vững trong Chúa"* (1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:8).

Và Mô-sê trước đó đã thưa với Đức Chúa Trời: *"Xin tha tội cho họ; còn nếu không, xin hãy xóa tên con khỏi sách của Ngài, nơi Ngài đã ghi tên con"* (Xuất Ê-díp-tô Ký 32:32).

"Tôi không cảm thấy," ông nói, "một vinh dự cao quý nào từ nỗi bất hạnh của họ. Cộng đồng những người trung thành là một thân thể gắn kết: thì có ích gì khi đầu được đội vương miện, trong khi đôi chân lại phải chịu đau khổ?"

Vậy thì, theo anh, làm sao có thể noi gương các vị tử đạo vào lúc này? Bây giờ không phải là thời kỳ bách hại. Tôi cũng biết điều đó; đây không phải là thời kỳ bị bắt bớ, mà là thời kỳ chịu tử đạo; không phải là thời kỳ của những chiến công, mà là thời kỳ của những vương miện; không phải con người bắt bớ, mà là ma quỷ bắt bớ; không phải kẻ hành hạ bắt bớ, mà là ma quỷ bắt bớ, kẻ còn tàn nhẫn hơn tất cả những kẻ hành hạ; bạn không thấy than hồng trước mặt, mà thấy ngọn lửa dục vọng đang bùng cháy. Họ đã dẫm lên than hồng, còn ngươi hãy dẫm lên ngọn lửa bản năng; họ đã chiến đấu với thú dữ, còn ngươi hãy kiềm chế cơn giận, con thú hoang dã và không thể khuất phục ấy; họ đã đứng vững trước những cực hình không thể chịu đựng nổi, còn ngươi hãy vượt qua những ý nghĩ khiếm nhã và đồi bại tràn ngập trong lòng ngươi – hãy noi gương các vị tử đạo như vậy. *"Cuộc chiến của chúng ta không phải chống lại máu và thịt, nhưng chống lại các thế lực, chống lại các quyền lực, chống lại các thống trị viên của bóng tối trong thế giới này, chống lại các thần linh của sự ác dưới trời"* (Ê-phê-sô 6:12).

Ham muốn xác thịt là ngọn lửa, ngọn lửa không thể dập tắt và luôn bùng cháy, là con chó điên cuồng và hung hãn; dù anh có xua đuổi nó hàng ngàn lần, nó vẫn tấn công hàng ngàn lần và không chịu buông tha; ngọn lửa than hồng đã dữ dội, nhưng ngọn lửa của ham muốn này còn tồi tệ hơn; chúng ta không bao giờ có hiệp định ngừng bắn trong cuộc chiến này, không bao giờ có sự nghỉ ngơi trong cuộc đời hiện tại, nhưng cuộc chiến đấu là liên tục, để vương miện được rạng ngời. Vì vậy, Phao-lô luôn luôn trang bị cho chúng ta, vì lúc nào cũng là thời chiến, vì kẻ thù luôn luôn tỉnh táo. Bạn có muốn biết rằng dục vọng thiêu đốt không kém gì lửa *không*? Hãy nghe Salômôn nói:

"Ai có thể đi trên than hồng mà không bị bỏng chân? Cũng vậy, ai đến với vợ của người lân cận mình: ai chạm vào nàng, sẽ không thoát khỏi tội lỗi" (Châm Ngôn 6:28–29).

Anh có thấy rằng bản chất của dục vọng vốn đối đầu với bản chất của lửa không? Cũng như người chạm vào lửa không thể tránh khỏi bị bỏng, thì việc nhìn ngắm những gương mặt xinh đẹp cũng nhanh chóng thiêu đốt tâm hồn không kiềm chế được ánh nhìn, còn nhanh hơn cả lửa; và giống như chất dễ cháy là nhiên liệu cho lửa, thì vẻ đẹp thể xác cũng là nhiên liệu cho đôi mắt của những kẻ dâm dục. Vì vậy, không nên cung cấp "thức ăn" cho ngọn lửa dục vọng – tức là sự chiêm ngưỡng bên ngoài – mà phải bằng mọi cách che đậy và dập tắt nó bằng những suy nghĩ đạo đức, kiềm chế sự lan rộng của ngọn lửa và không để nó phá vỡ sự kiên định của tinh thần chúng ta. Và mọi thú vui, khi các dục vọng đang lấn át, thường thiêu đốt linh hồn mạnh mẽ hơn cả ngọn lửa, nếu ai đó không dũng cảm, kiên nhẫn và đầy đức tin để chống lại từng dục vọng, giống như cách mà vị tu sĩ thánh thiện và dũng cảm của Chúa Kitô, thánh Varlaam, đã làm với bàn tay của mình. Ngài cầm cả một đống lửa trong tay phải, không hề nao núng trước cơn đau, mà vẫn bình thản hơn cả những bức tượng; hay nói đúng hơn – dù ngài vẫn cảm nhận đau đớn và chịu khổ – bởi ngài có thân xác chứ không phải sắt thép – nhưng ngay trong thân xác phàm trần ấy, ngài đã thể hiện sự khôn ngoan của những sức mạnh vô hình.

2. Nhưng để câu chuyện này rõ ràng hơn, tôi sẽ tiếp tục kể về cuộc tử đạo của ngài, còn bạn hãy nhìn vào sự xảo quyệt của ma quỷ. Ma quỷ ném một số thánh nhân lên chảo, một số khác vào nồi nước sôi sùng sục hơn cả lửa, một số thì cạo xước hai bên sườn, những người khác thì nhấn chìm xuống biển, một số thì ném cho thú dữ, những người khác thì ném vào lò lửa, một số thì bẻ gãy các chi, trên những người khác thì lột da khi họ còn sống, với những người khác thì đặt than hồng dưới thân thể đẫm máu của họ, và những tia lửa bay vào vết thương đã hành hạ họ dữ dội hơn bất kỳ con thú nào, còn với những người khác thì hắn nghĩ ra những hình phạt còn tàn khốc hơn nữa. Nhưng khi thấy rằng tất cả những điều đó đều bị chế giễu, và rằng những người chịu khổ đã vượt qua chúng với sự kiên định vĩ đại, đồng thời trở thành nguồn cảm hứng lớn lao nhất cho lòng dũng cảm của những người tiếp bước họ – thì hắn làm gì? Hắn nghĩ ra một loại mưu mô mới, nhằm dùng sự bất ngờ và khác thường của cực hình để đánh gục tâm hồn người chịu khổ, bởi những gì chúng ta biết và đã nghe nói, dù có không thể chịu đựng nổi, cũng thường bị coi thường vì đã quen thuộc và được dự đoán trước, còn điều bất ngờ, dù nhẹ nhàng, lại trở nên không thể chịu đựng hơn cả. Vậy thì, hãy để có một cuộc chiến mới, và hãy để có một mưu kế phi thường, để sự mới mẻ và bất ngờ, làm cho người tu hành bối rối, dễ dàng đánh gục anh ta. Vậy hắn làm gì? Hắn dẫn vị thánh ra khỏi ngục trong tình trạng bị trói. Và đó chính là mưu mô của hắn: không vội vàng sử dụng những hình phạt nặng nề ngay từ đầu để gây ra những cực hình khủng khiếp, mà bắt đầu cuộc chiến từ những điều nhỏ nhặt. Với mục đích gì? Để nếu các vị tu sĩ bị đánh bại, thì thất bại của họ sẽ là một sự nhục nhã, bởi vì họ không thể đứng vững trước những thử thách nhỏ; còn nếu họ vượt qua và chiến thắng, thì vì đã cạn kiệt sức lực vào những thử thách nhỏ, họ sẽ dễ dàng bị đánh bại trước những thử thách lớn hơn. Vì vậy, ông đã chủ động sử dụng những thử thách nhỏ hơn ngay từ đầu, để dù vượt qua hay không, ông cũng không bị lừa dối: "Nếu tôi vượt qua," ông nói, "thì tôi sẽ cười; còn nếu không vượt qua, thì tôi sẽ làm cho họ yếu đi để chuẩn bị cho tương lai." Vậy là, hắn dẫn ông ra khỏi ngục tối, và ông bước ra như một chiến binh dũng cảm, người đã rèn luyện lâu dài trên võ đài[7946] ; và thực sự, ngục tối đối với vị tử đạo là trường học của cuộc chiến, và ở đó, khi trò chuyện riêng với Thiên Chúa, ông đã học được từ Ngài mọi cách chiến đấu, bởi vì nơi nào có xiềng xích như vậy, thì nơi đó cũng có Chúa Kitô.

Vậy nên, ngài bước ra, trở nên mạnh mẽ hơn nhờ thời gian dài ở trong ngục; khi ngài ra khỏi đó, ma quỷ qua những kẻ phục vụ sự bất chính của nó đã đưa ngài ra giữa đám đông, nhưng không trói ngài vào cây và cũng không bao vây ngài bằng những kẻ hành hình, vì nó thấy rằng ngài mong muốn điều đó và đã sẵn sàng chấp nhận hình phạt này từ trước; nhưng nó lại sử dụng chống lại ngọn tháp này một loại vũ khí khác thường, mới mẻ và bất ngờ, có thể khiến nó sụp đổ: bởi vì trong mọi trường hợp, nó luôn cố gắng lật đổ các thánh nhân bằng mưu mẹo hơn là hành hạ họ bằng đau đớn. Vậy vũ khí đó là gì? Sau khi ra lệnh cho anh ta giơ bàn tay úp ngược lên trên bàn thờ, chúng đặt than hồng và nhang lên đó, để nếu anh ta cảm thấy đau và lật bàn tay lại, thì chúng sẽ coi đó là hành động dâng tế lễ và từ bỏ đức tin. Anh có thấy quỷ dữ xảo quyệt đến mức nào không? Nhưng hãy xem, *nó "bắt những người khôn ngoan phải sa vào mưu mô của chính họ"* (1 Cô-rinh-tô 3:19) như thế nào. Chúa đã làm cho những mưu mô của nó trở nên vô ích, và chính sự căng thẳng của những mưu mô đa dạng ấy lại được biến thành sự vinh quang cao cả và nhân lên vinh quang lớn lao hơn cho vị tử đạo. Khi kẻ thù, sau khi dùng vô số mưu mô độc ác, phải

[7946] Palestra – quảng trường nơi người Hy Lạp và La Mã tổ chức các trò chơi thể dục hoặc các trận đấu.

rút lui trong thất bại, thì vị tu sĩ đạo đức lại càng trở nên vinh quang hơn, như đã xảy ra ở đây. Thánh Varlaam đã đứng vững, không hề cúi xuống hay xoay tay, như thể bàn tay ấy được làm bằng sắt; trong khi đó, ngay cả nếu bàn tay có xoay đi chăng nữa, thì đó cũng không phải là lỗi của vị tử đạo.

3. Tất cả các bạn hãy lắng nghe tôi thật kỹ ở đây, để nhận ra rằng, ngay cả khi tay phải của ngài có bị xoay ngược đi chăng nữa, điều đó cũng không phải là thất bại. Tại sao? Bởi vì, giống như cách chúng ta đánh giá những người bị đâm vào xương sườn, hay bị tra tấn bằng bất kỳ hình thức nào khác, thì ở đây cũng phải đánh giá như vậy. Nếu họ không chịu đựng nổi và dâng lễ vật, đó là lỗi do sự yếu đuối của họ, vì không chịu đựng được đau khổ nên họ đã dâng lễ vật; còn nếu họ, trong khi chịu đựng cực hình, bị ốm vì đau đớn nhưng không phản bội đức tin, thì không ai trách họ vì những căn bệnh đó, mà chúng ta còn ca ngợi họ nhiều hơn và ngạc nhiên vì họ, dù kiệt sức vì đau đớn, vẫn kiên trì chịu đựng và không chối bỏ đức tin. Cũng vậy ở đây: nếu vị thánh Varlaam, không chịu nổi việc bị thiêu sống, hứa sẽ dâng hiến, thì ngài đã bị đánh bại; và nếu bàn tay ngài bị xoay ngược, trong khi ngài vẫn không nhượng bộ, thì đó không phải là lỗi của ý chí vị tử đạo: điều đó sẽ xảy ra do sự yếu đuối của bản tính, chứ không phải ý chí; tùy theo sức mạnh của bản tính, bàn tay sẽ nghiêng khỏi ngọn lửa trái với ý chí của vị thánh. Giống như chúng ta không lên án những người bị tra tấn vào xương sườn vì thịt da họ bị xé rách, hay nói đúng hơn – tôi sẽ đưa ra một ví dụ gần gũi hơn, – cũng như không ai lên án những người đang chịu cơn sốt và co giật vì tay họ bị cong lại, bởi điều đó không phải do sự yếu đuối của họ, mà do cơn sốt đau đớn làm cạn kiệt chất lỏng và siết chặt các dây thần kinh một cách bất thường, thì cũng vậy, không ai sẽ lên án vị thánh này nếu như bàn tay của ngài bị xoay ngược. Nếu cơn sốt, dù người mắc phải không hề muốn, thường làm co cứng và biến dạng các chi, thì những than hồng đặt trên tay phải càng có thể làm điều đó, dù cho vị tử đạo có không chịu khuất phục đi chăng nữa. Tuy nhiên, họ đã không làm điều đó, để ngươi có thể hoàn toàn tin chắc rằng ân sủng của Thiên Chúa đã hiện diện và củng cố vị tu sĩ, đồng thời bù đắp cho sự thiếu sót của bản tính; chính vì thế, ngay cả bàn tay của ngài cũng không trải qua phản ứng tự nhiên vốn có, mà như thể được làm từ kim cương[7947] , vẫn giữ nguyên tư thế mà không bị xoay ngược. Ai khi chứng kiến cảnh đó mà không kinh ngạc? Ai mà không rùng mình? Các Thiên thần từ trên cao nhìn xuống, các Tổng lãnh thiên thần cũng dõi theo; cảnh tượng ấy thật lộng lẫy và thực sự vượt xa bản tính con người. Quả thực, ai lại không mong muốn được thấy một con người đã tu hành và không trải qua những điều thường thấy ở loài người, một người vừa là bàn thờ, vừa là của lễ, vừa là thầy tế? Vì thế, hai luồng khói bốc lên: một từ hương trầm đang cháy, và một từ xác thịt đang tan chảy; và luồng khói sau thơm ngát hơn luồng trước, hương thơm sau cũng tuyệt vời hơn hương thơm trước. Ở đây cũng xảy ra điều tương tự như với bụi cây: giống như bụi cây ấy bốc cháy mà không bị thiêu rụi, thì ở đây bàn tay cũng bốc cháy, nhưng linh hồn không bị thiêu rụi; thân xác bị hủy diệt, nhưng đức tin không suy giảm; thân xác kiệt sức, nhưng lòng nhiệt thành không hề suy giảm; những than hồng, thiêu đốt phần giữa bàn tay, rơi xuống, nhưng lòng dũng cảm của linh hồn không hề suy giảm; bàn tay bị tổn thương và biến mất – bởi vì nó làm bằng thịt da, chứ không phải bằng kim cương – nhưng linh hồn lại đòi hỏi một bàn tay khác, để trên đó cũng thể hiện sự kiên nhẫn của mình. Giống như một chiến binh dũng cảm, xông vào giữa quân địch và đánh tan hàng ngũ những kẻ đang giao chiến với mình, sau khi gãy thanh kiếm vì vô số đòn đánh liên tiếp, quay lại tìm kiếm một thanh kiếm khác, bởi vì chưa thỏa mãn với việc đánh bại kẻ thù, – thì chính xác như vậy, linh hồn của Thánh Varlaam, sau khi mất một cánh tay trong trận đánh tan quân đoàn quỷ dữ, lại đòi hỏi cả cánh tay kia nữa, để qua đó cũng thể hiện lòng nhiệt thành của mình. Đừng nói với tôi rằng ngài chỉ hiến dâng một cánh tay; nhưng trước hết, hãy tưởng tượng rằng người đã hiến dâng cánh tay ấy cũng sẽ hiến dâng cả đầu, cả xương sườn, sẽ đối mặt với lửa, với thú dữ, với biển cả, với vực thẳm, với thập tự giá, với bánh xe, và với mọi hình thức tra tấn từng được nghe nói đến, và đã chịu đựng tất cả, nếu không phải bằng chính trải nghiệm thì cũng bằng ý chí. Các vị tử đạo không đi tìm những hình phạt cụ thể, mà chuẩn bị tinh thần cho những hình phạt chưa biết trước; họ không phải là chủ nhân của ý chí những kẻ tra tấn và cũng không đặt ra giới hạn hay mức độ cho những cực hình, nhưng dù ý chí vô nhân đạo và man rợ của những kẻ tra tấn có muốn đẩy họ vào những tai ương nào đi chăng nữa, họ cũng bước vào đó với quyết tâm – trừ khi thân xác, kiệt sức giữa những cực hình, khiến mong muốn của những kẻ tra tấn không thể thực hiện được. Vậy nên, thân xác ngài bị tàn phá, nhưng ý chí lại càng trở nên nhiệt thành hơn, vượt trội hơn cả than hồng bởi ánh sáng rực rỡ của nó và tỏa sáng hơn cả than hồng, bởi vì bên trong ngài đang bùng cháy ngọn lửa thiêng liêng, rực rỡ hơn nhiều so với ngọn lửa đó. Chính vì thế mà ngài không cảm

[7947] Adamant – kim cương – là loại đá có độ cứng đến mức có thể mài và cắt các loại đá khác mà không hề bị tổn hại. Trong văn học Giáo hội, danh xưng này thường được dùng để chỉ nhiều vị thánh nổi tiếng nhờ sự kiên định trong đức tin và tính cách.

nhận được ngọn lửa bên ngoài, bởi vì bên trong ngài đang bùng cháy ngọn lửa sáng chói và rực rỡ của tình yêu Chúa Kitô.

4. Hỡi những người thân yêu, chúng ta hãy không chỉ lắng nghe điều này, mà còn noi gương theo. Như tôi đã nói từ đầu, và bây giờ tôi cũng nói lại: mỗi người đừng chỉ ngạc nhiên trước vị tử đạo trong giây phút này, mà khi trở về nhà, hãy mang theo vị thánh này, hãy đưa ngài vào nhà mình, hay – tốt hơn nữa – vào trái tim mình qua việc nhớ lại những điều đã được nói. Hãy đón nhận ngài, như đã nói ở trên, và đặt ngài trong lòng mình với bàn tay dang rộng, hãy đón nhận vị chiến thắng được trao vương miện và đừng bao giờ để ngài rời khỏi tâm trí các bạn. Chính vì thế mà chúng tôi đã dẫn các bạn đến các ngôi mộ của các vị thánh tử đạo, để qua việc chiêm ngưỡng họ, các bạn nhận được một sự khích lệ nào đó hướng tới đức hạnh và chuẩn bị cho lòng nhiệt thành tương tự. Cũng như vậy, người lính được khích lệ bởi những lời đồn về anh hùng, nhưng còn hơn thế nữa là hình ảnh và cái nhìn về anh ta, đặc biệt là khi người lính, bước vào chính lều của anh hùng, nhìn thấy thanh kiếm dính máu, cái đầu của kẻ thù nằm đó, chiến lợi phẩm treo lơ lửng trên cao, máu tươi nhỏ giọt từ tay người đã đặt chiến lợi phẩm, những cây giáo, khiên, mũi tên và mọi loại vũ khí khác nằm rải rác khắp nơi. Chính vì thế mà chúng ta đã tụ họp tại đây. Lều của các vị tử đạo chính là lều chiến binh; và nếu ngươi mở mắt đức tin, ngươi sẽ thấy ở đây bộ giáp của lẽ thật, khiên của đức tin, mũ sắt của sự cứu rỗi, giày của Tin Mừng, thanh gươm thuộc linh, và chính cái đầu của ma quỷ, bị đánh ngã xuống đất (Ê-phê-sô 6:14–17). Khi đứng trước quan tài của vị tử đạo, nếu anh em thấy một người bị quỷ ám nằm ngửa và thường xuyên tự hành hạ bản thân, thì điều anh em thấy không gì khác hơn là cái đầu bị chặt đứt của kẻ gian ác. Những vũ khí ấy cho đến nay vẫn còn nằm bên cạnh các chiến binh của Đấng Christ; và, giống như các vị vua chôn cất các anh hùng cùng với vũ khí của họ, Đấng Christ cũng đã làm như vậy, chôn cất họ cùng với vũ khí, để ngay cả trước khi phục sinh, Ngài đã bày tỏ trọn vẹn vinh quang và quyền năng của các thánh. Hãy nhận biết bộ giáp thiêng liêng của họ, và ngươi sẽ ra khỏi đây, nhận được lợi ích lớn lao nhất. Cuộc chiến của ngươi với ma quỷ, hỡi người yêu dấu, cũng vĩ đại, mạnh mẽ và bền bỉ.

Vậy thì, hãy tìm hiểu các phương pháp chiến đấu để noi gương những chiến thắng; hãy khinh thường của cải, tiền bạc và mọi sự xa hoa trần thế khác; đừng coi những kẻ đang trở nên giàu có là những người hạnh phúc, mà hãy tôn vinh các vị tử đạo – không phải những người sống trong xa hoa, mà là những người đang nằm trên chảo rán, không phải tại bàn tiệc xa hoa, mà trong nồi nước sôi sùng sục, không phải trong những phòng tắm được sử dụng hàng ngày, mà trong những lò lửa tàn bạo, không phải thơm mùi hương trầm, mà tỏa ra khói và mùi hôi thối từ xác thịt đang bị thiêu đốt. Mùi hương này tốt đẹp và hữu ích hơn mùi hương kia; mùi hương kia dẫn đến sự đau khổ cho những ai dùng nó, còn mùi hương này dẫn đến phần thưởng và vương miện trên trời. Và để ngươi tin chắc rằng sự xa hoa là điều ác, cũng như việc xức dầu thơm, say sưa, uống rượu vô độ, và những bữa tiệc xa hoa, hãy nghe những gì nhà tiên tri nói: *"Các ngươi nằm trên giường bằng ngà voi và uỡn mình trên giường của các ngươi, ăn những con cừu tốt nhất trong đàn và những con bò tơ từ đồng cỏ màu mỡ... uống rượu từ chén, xức mình bằng những loại dầu thơm tốt nhất"* (A-mốt 6:4–6). Nếu điều này đã bị cấm trong Cựu Ước, thì càng phải cấm hơn nữa trong thời đại ân sủng, nơi có nhiều sự khôn ngoan hơn. Tôi nói điều này với cả nam lẫn nữ; đây là chiến trường chung – không phân biệt giới tính trong trại của Đấng Christ, mà chỉ là một hội thánh duy nhất. Và các chị em cũng có thể mặc áo giáp, che chở bản thân bằng khiên và bắn tên, cả trong thời kỳ chịu tử đạo lẫn những lúc khác khi cần đến sự can đảm lớn lao. Giống như một cung thủ tài ba, bằng cách bắn mũi tên một cách điêu luyện từ dây cung, làm rối loạn toàn bộ đội hình kẻ thù – thì các thánh tử đạo và tất cả những người đấu tranh vì lẽ phải, khi chống lại mưu mô của ma quỷ, từ lưỡi của mình, như thể từ dây cung, bắn ra những lời nói một cách điêu luyện, và những lời ấy, giống như những mũi tên bay lượn trong không trung, khi trúng vào những đạo quân quỷ dữ vô hình, đã khiến toàn bộ quân đội của chúng rơi vào hỗn loạn. Điều tương tự cũng đã xảy ra với vị thánh Varlaam đáng kính này: bằng những lời nói đơn giản, như những mũi tên bay lượn, ngài đã khiến trại quân ma quỷ rơi vào hỗn loạn. Chúng ta cũng hãy noi gương nghệ thuật này. Các bạn có thấy những người trở về từ các buổi biểu diễn thường kiệt sức đến mức nào không? Nguyên nhân là vì họ chăm chú theo dõi những gì diễn ra ở đó, và khi trở về, họ vẫn lưu giữ trong tâm hồn mình những cử chỉ méo mó của đôi mắt, những động tác của bàn tay, những bước chân xoay vòng, cùng hình ảnh của mọi hình thức biến dạng cơ thể đang bị hành hạ được trình diễn. Thật là nực cười biết bao khi họ lại dành sự quan tâm như vậy cho sự hủy diệt linh hồn mình và luôn ghi nhớ những gì diễn ra ở đó, trong khi chúng ta, vốn có thể sánh ngang với các Thiên thần nhờ việc noi gương những điều ở đây, lại không dành sự tận tâm tương tự như họ để tuân giữ những điều đã được dạy? Không, tôi xin và khẩn cầu; chúng ta đừng lơ là với sự cứu rỗi của chính mình, nhưng hãy luôn ghi nhớ các vị tử đạo trong tâm hồn mình, cùng với những chiếc chảo,

những cái nồi, và những hình phạt khác của họ; và cũng như các họa sĩ thường làm sạch bức tranh đã bị xỉn màu vì khói, bồ hóng và thời gian, thì anh, người yêu dấu, hãy dùng ký ức về các thánh tử đạo: khi những lo toan đời thường che mờ tâm hồn anh, hãy làm trong sạch nó bằng ký ức về các vị tử đạo. Nếu anh giữ ký ức ấy trong tâm hồn mình, thì anh sẽ không ngạc nhiên trước sự giàu có, cũng không than khóc vì sự nghèo khó, không ca ngợi danh vọng và quyền lực, và hoàn toàn không coi bất cứ điều gì trong những việc làm của con người – dù là những điều rực rỡ – là điều vĩ đại, cũng như những điều đáng buồn – là điều không thể chịu đựng được, mà khi vượt lên trên tất cả những điều đó, ngươi sẽ luôn chiêm ngưỡng hình ảnh ấy như một bài học về đức hạnh. Ai hàng ngày chứng kiến những chiến binh hành động dũng cảm trong chiến tranh và trận mạc, người ấy sẽ không bao giờ khao khát sự xa hoa, cũng không say mê cuộc sống êm ả và lơ đãng, mà sẽ hướng tới một cuộc sống nghiêm khắc, kiên định và sẵn sàng cho những hành động anh hùng. Và rốt cuộc thì có điểm gì chung giữa say sưa và chiến trận, giữa sự ham ăn và lòng dũng cảm, giữa các loại dầu thơm và vũ khí, giữa chiến tranh và tiệc tùng? Anh em – chiến binh của Đấng Kitô, người được yêu mến: hãy trang bị vũ khí, chớ bận tâm đến trang sức; anh em – người tu hành dũng cảm: hãy can đảm, chớ bận tâm đến y phục. Vậy chúng ta hãy noi gương các thánh nhân này, hãy tôn vinh các anh hùng này, những người chiến thắng được trao vương miện, những người bạn của Thiên Chúa, và sau khi đi qua con đường giống như họ, chúng ta sẽ được ban những vương miện giống như họ, mà xin cho tất cả chúng ta đều được hưởng, nhờ ân sủng và lòng nhân ái của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà cùng với Cha và Thánh Thần, được tôn vinh, bây giờ và mãi mãi, đến muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã tỏ ra kinh ngạc trước sự kiên cường, đã dâng lên Chúa Kitô của lễ hương thơm từ cây bách hương Li-băng: và nhận lấy vương miện vinh quang, hỡi Thánh Varlaam, xin hãy luôn cầu nguyện cho chúng con, hỡi vị tử đạo.

Cuộc đời của Thánh Varlaam Pechersky

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 11

Vào thời điểm các vị thánh cha của chúng ta là Antôn, Theodosius và Nikon đang tỏa sáng trong các hang động Kiev bằng những chiến công anh dũng, như ba ngọn đèn xứng đáng đứng trước ngai của Thánh Ba Ngôi, thì có một người tên là Varlaam, con trai của những bậc cha mẹ quý tộc và yêu mến Chúa – Ioann, người đứng đầu trong số các quý tộc của Công tước Izyaslav, và Maria, cháu nội của Vyshata vinh quang và dũng cảm, chắt nội của Tướng quân Ostromir[7948] – đã nhiều lần đến thăm họ để thưởng thức những cuộc trò chuyện ngọt ngào của các ngài.

Từ thuở thiếu thời, Varlaam đã toát lên vẻ đẹp ngoại hình và sự trong sáng của tâm hồn, và nảy sinh tình yêu dành cho các vị tu sĩ đáng kính nói trên – một tình yêu mãnh liệt đến mức anh muốn sống cùng họ và từ bỏ cuộc sống trần tục, coi danh vọng và của cải chẳng đáng là gì. Đặc biệt, lời Chúa được các vị thánh nhân truyền đạt cho anh đã khiến anh kinh ngạc: *"Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu có vào Nước Trời"* (Mt 19:24).

Và thế là, một lần nọ khi đến gặp vị thánh Antôn, ông đã bày tỏ ý định của mình với ngài.

– Thưa Cha, – anh ta nói, – nếu Chúa cho phép, con muốn trở thành tu sĩ và sống cùng các vị.

– Ý muốn của con thật tốt lành, hỡi con cái, – vị tu sĩ già đáp, – và ý định đó cũng đầy ân sủng; nhưng hãy cẩn thận, đừng để sự giàu có và vinh quang của thế gian này lôi kéo con quay trở lại, vì theo lời Chúa*: "Ai đã đặt tay lên cày mà còn ngoái nhìn lại phía sau, thì không xứng đáng với Nước Trời"* (Lc 9,62).

Vị tu sĩ già còn nói nhiều điều khác nữa để nuôi dưỡng tâm hồn Varlaam, và trái tim chàng ngày càng bừng cháy tình yêu dành cho Đức Chúa Trời.

[7948] Izyaslav Yaroslavich, con trai của Đại công tước Yaroslav the Wise, cháu nội của Thánh Vladimir Đại đế, đã trị vì tại Kiev từ năm 1054 đến 1068. – Vyshata – chỉ huy lực lượng dân quân Kiev, người đã cùng Yaroslav và con trai ông là Vladimir tiến quân chống lại người Hy Lạp vào năm 1042. – Ostromir – quan cai trị thành Novgorod; cuốn Phúc Âm mang tên ông – một trong những di tích cổ xưa nhất của văn học tiếng Slav giáo hội – vẫn còn được lưu giữ đến ngày nay.

Với tâm trạng như vậy, anh trở về nhà. Ngay ngày hôm sau cuộc trò chuyện với vị tu sĩ, anh không chỉ bỏ lại cha mẹ mà còn cả vị hôn thê đã đính hôn với mình, anh cưỡi ngựa, mặc những bộ quần áo sáng màu và đắt tiền, cùng với đoàn tùy tùng đông đảo đi bộ dẫn theo những con ngựa được trang trí lộng lẫy, long trọng tiến đến hang động. Khi các vị thánh nhân bước ra và cúi đầu chào anh ta xuống đất, theo cách người ta thường cúi chào các quý tộc thời bấy giờ, anh ta cũng cúi đầu chào lại họ (sau khi xuống ngựa). Sau đó, anh ta cởi bỏ bộ trang phục quý tộc và đặt nó dưới chân thánh nhân Antony, rồi dắt những con ngựa đã được tháo trang sức đến trước mặt ngài, nói:

– Đây, thưa Cha, là những của cải phù du của thế gian này: xin Cha hãy làm với chúng theo ý muốn; *"tôi coi mọi sự như rác rưởi để được Đấng Christ"* (Phi-líp 3:8), và con muốn sống cùng các vị trong hang động này, còn về nhà thì con sẽ không bao giờ trở lại nữa.

– Hãy nghe đây, con ơi, – Thánh Antôn đáp lại, – Con hứa với ai và muốn trở thành chiến binh của ai, vì kìa, các Thiên Thần của Chúa đang hiện diện một cách vô hình, sẵn sàng đón nhận lời hứa của con. Hãy cẩn thận, kẻo cha con, nếu đến đây với quân đội, lại lôi con ra khỏi đây, dù con có không muốn đi chăng nữa: vì chúng ta chẳng thể giúp gì cho con được, còn con thì sẽ bị coi là kẻ dối trá và kẻ bội đạo trước mặt Đức Chúa Trời.

– Con tin tưởng vào Đức Chúa Trời của con, thưa Cha! – Varlaam kêu lên. – Dù cha có muốn hành hạ con đi chăng nữa, con cũng sẽ không quay trở lại cuộc sống trần tục; con chỉ xin Cha một điều: hãy mau chóng cử hành lễ cắt tóc tu sĩ cho con.

Lúc đó, Thánh Antôn ra lệnh cho Thánh Nikon cạo đầu cho Varlaam và mặc áo tu sĩ cho anh, và mọi việc đã được thực hiện.

Bá tước Ioann, khi biết rằng con trai yêu quý của mình đã xuất gia, đã vô cùng tức giận với các vị thánh nhân; ông ta dẫn theo một đám đông đầy tớ, tấn công các tu sĩ đang lánh nạn trong hang động và đuổi tất cả ra khỏi đó, còn con trai thì ông lôi ra ngoài bằng vũ lực, xé toạc áo choàng và áo tu sĩ trên người cậu, rồi ném chúng xuống suối. Sau đó, ông cho con trai mặc những bộ quần áo sáng màu và quý giá, xứng đáng với dòng dõi của cậu; nhưng vị thánh ngay lập tức cởi bỏ chúng ra, thậm chí không thèm nhìn chúng, và điều này lặp lại vài lần, đến nỗi người cha ra lệnh trói tay cậu, ép buộc cậu mặc lại quần áo và dẫn cậu về nhà qua thành phố trong bộ dạng đó. Nhưng Varlaam, khi nhìn thấy trên đường một cái hố đầy chất thải, đã nhanh chóng nhảy xuống đó và, vội vã cởi bỏ quần áo, giẫm đạp chúng xuống bùn, đồng thời chà đạp cả những mưu mô của kẻ xảo quyệt. Khi về đến nhà, cha ra lệnh cho anh ngồi cùng mình vào bàn ăn: anh buộc phải vâng lời, nhưng không ăn gì trong số các món ăn được dọn ra và chỉ ngồi đó, cúi đầu xuống. Sau bữa ăn, cha cho phép Varlaam về phòng mình, đồng thời cử người hầu canh chừng để anh không trốn đi. Sau đó, ông ra lệnh cho cô gái đã đính hôn với vị thánh phải đeo những món trang sức đẹp nhất để quyến rũ anh và chăm sóc anh bằng mọi cách. Nhưng Varlaam, vị thánh nhân của Chúa Kitô, đã đi vào một trong những căn phòng và ngồi xuống sàn ở góc phòng. Cô gái đính hôn với anh, theo lệnh đã được giao, đi theo anh và nài nỉ anh ngồi lên giường của cô. Lúc đó, thấy sự thiếu sáng suốt của nàng và đoán ra rằng cha nàng đã sai nàng đến để quyến rũ mình, ngài đã dâng lên Thiên Chúa đầy lòng thương xót một lời cầu nguyện thầm kín từ tận đáy lòng, xin được cứu khỏi cám dỗ. Ba ngày liền, ngài ngồi im tại chỗ, không đứng dậy, không ăn uống gì, không mặc quần áo và chỉ mặc một chiếc áo lông cừu. Trong khi đó, Thánh Antôn và những người cùng ở trong hang động với ngài rất đau buồn trước số phận của ngài và cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho ngài. Và Đức Chúa Trời đã nghe lời cầu nguyện của họ, vì, theo lời của tác giả Thi Thiên, *"những người công chính kêu cầu, và Đức Chúa Trời nghe thấy, và giải thoát họ khỏi mọi nỗi đau khổ"* (Thánh Vịnh 33:18), và khi thấy sự kiên nhẫn và khiêm nhường của vị thánh, Ngài đã làm cho trái tim cứng cỏi của người cha trở nên nhân từ đối với con trai mình. Các đầy tớ báo cáo với vị quý tộc rằng đã bốn ngày nay con trai ông không ăn uống và không mặc quần áo. Người cha động lòng thương xót con trai và, lo sợ rằng cậu bé có thể chết vì đói và lạnh, đã gọi cậu lại, hôn cậu với tình yêu thương, rồi cho phép cậu trở về hang động. Và lúc đó, một điều vô cùng kỳ diệu đã xảy ra: trong nhà vang lên tiếng khóc lóc và than khóc như thể có người chết; tất cả đều khóc: người cha cùng người mẹ – vì phải xa con trai, cô dâu – vì phải chia ly với chú rể, các nô lệ nam và nữ – vì người chủ tốt bụng của họ đang rời bỏ họ. Còn thánh Varlaam, như con chim thoát khỏi lưới, nhanh chóng hướng về hang động. Các tu sĩ trong hang đã vui mừng khôn xiết khi thấy Varlaam và ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã nhậm lời cầu nguyện của họ về ngài.

Khi số tu sĩ trong hang động tăng lên 12 người, thì Thánh Antôn, khi thấy sự tu hành cao cả của Varlaam và sự tiến bộ của ngài trong các đức tính, đã từ tận đáy lòng tạ ơn Đức Chúa Trời vì ở một thanh niên đang trong độ tuổi xuân thì lại có những thành quả thiêng liêng vốn chỉ có ở những vị trưởng lão, và ân sủng ấy đã bộc lộ đến mức anh hoàn toàn có thể trở thành người dẫn dắt đời sống cho những người khác. Vì vậy, sau khi tham vấn với tất cả

các tu sĩ đang sống trong hang động, ông đã bổ nhiệm Varlaam làm vị tu viện trưởng thay cho mình, còn bản thân ông, đã quen sống một mình và không chịu nổi sự ồn ào cũng như những cuộc trò chuyện của con người, đã chuyển đến một ngọn đồi khác, nằm dưới chân tu viện mới, và ở đó ông đã đào một hang động, nơi ông sinh sống, đắm mình trong sự tĩnh lặng và luôn trò chuyện với Đức Chúa Trời duy nhất. Thi hài thánh thiện của ngài vẫn còn an nghỉ tại đó cho đến ngày nay.

Thánh Varlaam, sau khi đảm nhận vai trò lãnh đạo cộng đoàn, đã sống một đời tu hành còn khắt khe hơn nữa. Khi số lượng tu sĩ tăng lên đáng kể, trong khi hang động chỉ có thể chứa tối đa 20 người trong các thánh lễ chung, ngài đã xin phép Thánh Antony, đã xây dựng một nhà thờ gỗ nhỏ phía trên hang động, dâng kính Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, để những tu sĩ không thể tham gia hát thánh ca trong lễ tại hang động do không gian chật hẹp có thể tụ họp tại nhà thờ này để hát thánh ca. Kể từ đó, vị trí của chính hang động – vốn trước đó vẫn không được chú ý – đã trở nên rõ ràng. Vài năm sau, Đại công tước Izyaslav Yaroslavich, người được đặt tên là Dimitri trong lễ rửa tội, đã xây dựng một nhà thờ bằng đá mang tên vị thánh cùng tên với mình, Thánh Tử đạo Dimitri, và thành lập một tu viện bên cạnh nhà thờ này. Công tước đã bổ nhiệm Thánh Varlaam, với tư cách là người thân và là một người đàn ông giàu kinh nghiệm trong đời sống tu hành, làm vị trụ trì của tu viện này. Tại đây, ngài tiếp tục duy trì lối sống mà ngài đã quen thuộc khi còn ở trong hang động; còn đối với các tu sĩ và tất cả những người nói chung, ngài chủ yếu dạy dỗ và khẩn khoản khuyên họ hãy lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn với tất cả sự nhiệt thành, và luôn giữ lương tâm trong sạch trước mặt Thiên Chúa và những người lân cận. Và Thiên Chúa, khi thấy tình yêu của vị thánh đối với các tu sĩ và sự quan tâm của ngài dành cho họ, đã giúp họ hoàn thiện trong mọi đức tính.

Bên cạnh nhiều công đức khác, vị thánh Varlaam còn thực hiện thêm một việc mới tại đây: chọn thời điểm thích hợp, ngài lên đường đến thành thánh Giê-ru-sa-lem, và sau khi đi vòng quanh vùng đất thánh, ngài trở về tu viện của mình. Một thời gian sau, ngài lên đường đến Constantinople, viếng thăm tất cả các tu viện ở đó và sau khi mua đủ mọi thứ cần thiết cho tu viện, ngài lên đường trở về. Trên đường đi, ngài lâm vào cơn bệnh nặng và khi đến thành Vladimir, ngài dừng chân tại một tu viện gần đó có tên là Núi Thánh, nơi ngài an nghỉ trong bình an cùng Chúa[7949] , trước khi qua đời, ngài đã di chúc cho những người đi cùng mang thi hài ngài về Kiev để an táng, tại Tu viện Pechersk, còn các bức tượng thánh và tất cả những gì ngài đã mua để phục vụ nhu cầu của tu viện thì giao lại cho Thánh Phê-ô-đô-xi-ô. Di chúc của vị thánh đã được thực hiện, và thi hài thánh thiện của ngài cho đến nay vẫn còn nguyên vẹn trong hang động.

Nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Varlaam, xin cho chúng ta cũng được xứng đáng, khi tuân giữ các điều răn của Chúa trên hành trình cuộc đời trần thế này, trở thành những người thừa kế của quê hương thiên đàng trong Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta, Đấng được vinh quang cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Aza và 150 chiến binh cùng ngài

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 11

Thánh Tử đạo Aza từng là một chiến binh tại Isauria[7950] dưới triều vua Diocletian. Nhưng sau đó, mong muốn trở thành chiến binh của Vua Trời chứ không phải của vua trần gian, ngài đã từ bỏ quân hàm và lui về sống ẩn dật trong sa mạc. Tại đó, ngài đã thực hiện vô số phép lạ và chữa lành cho những người bệnh; với tư cách là một môn đệ nhiệt thành của Chúa Kitô, ngài đã bị bắt và bị đưa ra xét xử trước Aquilinus, quan tổng trấn vùng Isauria. Khi các binh lính dẫn thánh nhân đến phiên tòa, thánh Aza đã giảng dạy cho họ về đức tin vào Chúa Kitô, và các binh lính đã tin nhận sau khi ngài thực hiện một phép lạ trước mặt họ. Vì những binh lính tháp tùng vị tử đạo rất khao khát được rửa tội, nên thánh Aza đã dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, và nhờ lời cầu nguyện của ngài, nước đã tuôn trào. Tuy nhiên, các binh sĩ – những người đã được vị thánh dạy dỗ và được ngài nhắc nhở rằng họ có nghĩa vụ phải tuân phục các quyền lực trên – đã dẫn Aza ra trước quan tổng trấn để xét xử, và cùng với ngài, họ đã xưng mình là Kitô hữu. Lúc bấy giờ, quan tổng trấn Aquilin, nhằm răn đe những người khác, đã ra lệnh tra tấn vị tử đạo một cách tàn bạo, xé xác ngài bằng những móng vuốt sắt, và cuối cùng, trói ngài vào bánh xe rồi quay bánh xe

[7949] Mất năm 1065.
[7950] Isauria – một vùng đất nhỏ ở phía nam Tiểu Á.

đó. Tuy nhiên, nhờ ơn Chúa, vị thánh vẫn không hề hấn gì. Thấy vậy, vợ của quan tổng trấn và con gái bà đã tin vào Chúa Kitô và tuyên xưng đức tin của mình. Lúc đó, quan tổng trấn tức giận đến mức ngay lập tức ra lệnh chém đầu vợ và con gái mình, cùng với tất cả các chiến binh đã tin theo, tổng cộng 150 người.

Sau đó, thánh Aza phải chịu những hình phạt mới và cuối cùng bị chém đầu[7951] .

Lễ kính Thánh Tử đạo Iliodor

Ngày tưởng niệm: 19 tháng 11

Vào thời trị vì của Hoàng đế Aurelian[7952] tại thành phố Magidis thuộc Pamphylia[7953] , nơi do Aetius cai quản, có một người đạo đức tên là Iliodor đã can đảm rao giảng về Chúa Kitô. Vì điều này, ông bị bắt và dẫn đến trước quan tổng trấn, bị buộc tội truyền bá giáo lý bị đàn áp. Thánh nhân bị đưa ra xét xử. Trong buổi thẩm vấn, quan tổng trấn Aetius đã thuyết phục Iliodor trong một thời gian dài để ông từ bỏ Đức Kitô và dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng vị thánh đã can đảm và kiên định tuyên xưng Đức Kitô là Thiên Chúa. Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh treo cổ ông và dùng móng sắt cào xé thân thể ông. Trong lúc chịu cực hình, thánh Iliodor đã cất tiếng kêu lớn:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin giúp con!

Ngay lập tức, một tiếng nói từ trời vang lên:

– Đừng sợ! Ta ở cùng con!

Những người thi hành án đã nghe thấy tiếng nói ấy, đồng thời họ cũng nhìn thấy bốn Thiên thần. Cảnh tượng ấy đã tác động mạnh mẽ đến họ đến nỗi họ đã tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và bắt đầu lên án vị quan tổng trấn. Vị quan tức giận liền ra lệnh ném họ xuống biển. Đồng thời, ông ta ra lệnh đốt con bò đồng và ném vị thánh tử đạo vào đó. Khi vị thánh bị ném vào đó, nhờ những lời cầu nguyện của ngài, con bò đồng lập tức nguội lạnh, và vị thánh đã cất tiếng hát bài ca tạ ơn Thiên Chúa.

Khi biết chuyện này, vị quan cai trị rất ngạc nhiên và tiến lại gần con bò đồng, ông thấy rằng con bò đã nguội lạnh ngay lập tức. Quay sang vị thánh, ông nói:

– Kẻ vô đạo! Phép thuật của ngươi thậm chí còn chiến thắng cả lửa!

Vị thánh đáp lại:

– Không phải phép thuật đã làm điều đó, mà là sự giúp đỡ của Đấng Christ.

Nói xong, vị thánh xin người tra tấn cho ba ngày để suy nghĩ xem phải làm gì.

Khi vị thánh được thả ra, ngài bí mật đến đền thờ và bắt đầu cầu nguyện tại đó; nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, một trận động đất đã xảy ra, trong lúc đó các tượng thần ngã xuống và vỡ tan. Khi biết tin này, quan tổng trấn ra lệnh đưa Thánh Iliodor trở lại tòa án và, trong cơn thịnh nộ, ra lệnh treo cổ ngài, đồng thời đóng những chiếc đinh nung đỏ vào đầu ngài. Trong cơn đau đớn tột cùng, vị thánh kêu cầu sự giúp đỡ của Thiên Chúa và ngay lập tức nỗi đau của ngài được xoa dịu. Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh trói ngài bằng xiềng xích sắt nặng nề và đưa ngài đến gặp quan tổng trấn của một thành phố lân cận. Khi Thánh Iliodor được dẫn đến gặp vị quan này, ông ta đã trò chuyện với ngài trong một thời gian dài với mục đích ép buộc ngài dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng thấy sự kiên định của ngài, quan tổng trấn ra lệnh nhét tay và chân ngài vào bốn thanh gỗ xẻ, rồi ném vào nồi đồng đang bốc lửa. Khi ở trong nồi, vị thánh cầu nguyện, đồng thời kêu gọi những người có mặt bước vào cùng ngài, nói rằng điều đó sẽ không gây hại gì cho họ. Và nhiều người trong số những người có mặt tại đó đã tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta.

– Quả thật, Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, – họ nói.

Vị quan, thấy nhiều người đã tin vào Đức Chúa Trời của Iliodora, và lo sợ rằng những người đã tin có thể che giấu vị thánh tử đạo, nên ra lệnh đưa ngài đến Magida. Lúc đó, các binh lính bắt ngài và đi cùng ngài. Khi đến Magida, họ lại đưa ngài ra xét xử. Sau khi tra tấn vị thánh, quan tổng trấn ra lệnh treo cổ ngài, cạo da thân thể ngài và sau đó chém đầu ngài. Khi Iliodor bị lôi ra khỏi thành phố, vị thánh tử đạo ra hiệu bằng tay cho những người lôi ngài dừng lại, và khi họ đáp ứng yêu cầu của ngài, ngài đã dâng lời cầu nguyện, sau đó bị chém đầu[7954] .

[7951] Vào đầu thế kỷ IV.

[7952] *Aurelian* – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 270 đến năm 276.

[7953] Pamphylia – một vùng ở phía nam Tiểu Á.

[7954] Khoảng năm 273.

Ngày 3 tháng 12

Ngày 20 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Grigori Dekapolita

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 11

Thánh Grigori sinh ra tại thành phố Irinopolis thuộc Decapolis[7955] trong một gia đình Kitô hữu, cha là Sergius và mẹ là Martha, một người phụ nữ đạo đức và kính sợ Thiên Chúa. Khi lên tám tuổi, ngài được gửi đi học chữ, và ngay từ thuở thiếu thời, ngài đã nghiên cứu Lời Chúa một cách sâu sắc và nổi bật bởi lòng nhiệt thành dành cho nhà thờ. Với khát vọng hướng về cõi trời, ngài ghét bỏ mọi thứ trần tục: không thưởng thức những món ăn ngon miệng, chỉ dùng những món ăn đơn giản và thô sơ, từ chối mặc quần áo sang trọng và mềm mại, tự tay làm ra sinh kế bằng nghề thủ công, và dành phần còn lại cho người nghèo. Thường xuyên, ngài lui vào nơi tĩnh lặng và ở đó, một mình cầu nguyện với Chúa, xin Ngài ban cho ngài ân sủng để trở thành tôi tớ trung thành của Ngài.

Khi Grigori đến tuổi trưởng thành, cha mẹ định gả vợ cho ông, nhưng ông đã lén bỏ trốn và lui về một tu viện hoang vắng, nơi ông nhận lễ tu hành và siêng năng tu tập trong việc ăn chay và kiêng khem, trong những lời cầu nguyện và những đêm thức trắng không ngừng, tự nguyện gánh vác mọi gian khổ của đời sống tu hành nghiêm ngặt nhất.

Trong khi đó, cha của Grigori không lâu sau đã qua đời; còn người mẹ đạo đức, sau một thời gian dài tìm kiếm và cuối cùng đã tìm thấy con trai, không những không trách mắng mà còn ủng hộ ý định của anh trong việc dâng hiến bản thân cho đời sống tu hành; bà chỉ xin anh chuyển sang một tu viện khác, nơi anh trai anh đang ở. Tuân theo ý muốn của mẹ, vị thánh nhân đã chuyển đến đó; nhưng khi biết rằng vị trụ trì của tu viện đó là một người chống lại việc thờ hình tượng, thì với tư cách là một người nhiệt thành bảo vệ chính thống giáo, ông đã vạch trần ông ta trước toàn thể các tu sĩ. Lúc đó, vị trụ trì, trong cơn thịnh nộ, đã đánh đập ngài một cách tàn nhẫn; sau đó, Grigori đã rời đi đến một tu viện khác, nơi vị trụ trì là người thân của mẹ ngài, Simeon. Chào đón Grigori với niềm vui, Simeon, với tư cách là một người có kinh nghiệm trong đời sống tu hành, đã hướng dẫn chàng trai trẻ về mọi đức hạnh. Sau khi sống ở đây khoảng mười bốn năm, Thánh Grigori đã giành được sự kính trọng chung, và mọi người đều tôn kính ngài như một con người đạo đức và thánh thiện. Với lòng khiêm nhường sâu sắc và mong muốn trở thành một tu sĩ hoàn hảo, ngài đã xin phép vị trụ trì được sống trong một căn phòng tu hành hẻo lánh, để không phải lo lắng về những việc đời thường và dành thời gian trong sự tĩnh lặng. Vị tu viện trưởng, nhận ra ý định tốt lành của ngài, đã chỉ định cho ngài một hang động nằm sâu trong khe núi dựng đứng để ngài tu hành. Và vị thánh bắt đầu tu hành trong hang động đó với lòng nhiệt thành còn lớn hơn nữa. Tuy nhiên, không để ý đến những lời đồn đại của người đời, ngài lại phải chịu đựng sự quấy rối dữ dội từ các quỷ dữ, những kẻ bằng mọi cách làm ngài tức giận và cám dỗ ngài, cố gắng đuổi ngài ra khỏi nơi ở của chúng. Lúc thì chúng đe dọa ngài, la hét: "Hãy rời khỏi nơi ở của chúng ta, nếu không ngươi sẽ phải chịu nhiều đau khổ từ chúng ta"; lúc thì chúng lao vào ngài, biến thành những con bọ cạp đáng sợ. Nhưng ngài vẫn bất khả xâm phạm và không hề nao núng. Khi ngài đang cầu nguyện, lũ quỷ cắn xé tay chân ngài; nhưng ngài phớt lờ những vết thương đó, coi chúng như không có gì. Và lũ quỷ phải rút lui trong nhục nhã. Vài ngày sau, chúng xuất hiện trước mặt ngài dưới hình dạng những chiến binh, đe dọa sẽ giết ngài; nhưng ngài làm dấu thánh giá, và chúng biến mất. Sau đó, chúng lại hiện ra trước vị thánh, tỏa sáng rực rỡ và nói rằng chúng là bốn mươi vị tử đạo, đến để ban cho ngài ân sủng và sức mạnh chống lại ma quỷ; nhưng ngài, nhìn thấu mưu đồ của chúng, đã cấm chúng, và chúng lại biến mất. Những cám dỗ khác cũng vô hiệu, vì ân sủng của Thiên Chúa hỗ trợ ngài và tiêu diệt mọi ham muốn xác thịt trong ngài. Không lâu sau đó, Chúa đã ban cho vị tôi tớ trung thành của Ngài một sự viếng thăm kỳ diệu: Grigori rơi vào trạng thái như thể bị cuốn hút,

[7955] Decapolis – trong tiếng Hy Lạp là Dekapolis – là liên minh gồm 10 thành phố ở Isauria, một vùng đất nhỏ nằm ở phía nam dãy núi Tiểu Á; Irinopolis là một trong những thành phố đó. Chính từ tên gọi của liên minh các thành phố này mà Thánh Grigorius đã được gọi là Dekapolita.

trong lúc đó, một ánh sáng rực rỡ từ trời hiện ra cùng với hương thơm không thể tả, tràn ngập hang động và lưu lại ở đó suốt nhiều ngày. Về phép lạ này, vị thánh cho rằng mình cần phải báo cáo với vị tu viện trưởng của mình, để hỏi ngài – với tư cách là một người có kinh nghiệm trong đời sống thiêng liêng – liệu sự hiện ra này có phải đến từ Thiên Chúa hay không, hay đó có phải là hành động của ma quỷ, được sai đến để cám dỗ và lừa gạt ngài. Sau khi lắng nghe câu chuyện của Grigori một cách chăm chú, vị tu viện trưởng đã trấn an anh và bảo anh đừng nghi ngờ hay sợ hãi gì cả, mà hãy tin rằng đó chính là ánh sáng Thần thánh, với hương thơm của Ngài đã xua tan mùi hôi thối chết chóc của tà linh. "Hãy nỗ lực trong việc tu hành hết sức mình," vị trưởng lão kết luận, "với niềm tin rằng con có Chúa là Đấng trợ giúp." Và quả thực, nhờ thị kiến đầy ân sủng ấy, thánh Grigori đã được chữa lành và giải thoát khỏi căn bệnh thể xác đang đè nặng lên anh, cũng như khỏi căn bệnh tâm hồn – sự cám dỗ xác thịt mà các quỷ dữ muốn lừa gạt anh – và khỏi mọi sự cám dỗ xảo quyệt của chúng. Kể từ đó, vị thánh hạnh phúc này càng nỗ lực hơn nữa trong các việc thánh thiện và lời cầu nguyện, không ngừng khẩn cầu Chúa từ tận đáy lòng. Sau khi vượt qua những mưu mô của ma quỷ như vậy, Thánh Grigori, nhờ cuộc đời thánh thiện và trong sạch của mình, đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ. Và vì không xứng đáng để ngọn đèn thiêng liêng của Giáo Hội này phải ẩn mình, nên

Chúa đã phán với ngài từ trời cao, như xưa kia đã phán với tổ phụ Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 12:1):

– Grigori! Nếu ngươi muốn đạt đến sự hoàn hảo, hãy rời khỏi quê hương và họ hàng của ngươi, và lên đường tìm kiếm điều tốt lành cho chính mình.

Tuân theo tiếng nói thiêng liêng ấy, Grigori, sau khi rời khỏi hang động, đã lên đường đến Ê-phê-sô để tìm một con tàu ra khơi đến Constantinople: Giáo hội Constantinopolis lúc bấy giờ đang bị cơn bão táp của tà thuyết chống thánh tượng hoành hành, và vì lòng nhiệt thành bảo vệ vinh quang của Thiên Chúa cùng sự tinh khiết của Chính Thống giáo, vị thánh đã quyết tâm đứng ra bảo vệ " " của Ngài và vạch trần những luận điệu sai lầm của bọn dị giáo. Nhưng ý định của Đức Chúa Trời lại khác: theo lời kêu gọi thiêng liêng, Thánh Grigori phải dành phần đời còn lại của mình để lang thang, *"vì chúng ta không có thành phố vĩnh cửu ở đây, nhưng đang tìm kiếm thành phố tương lai"* (Hê-bơ-rơ 13:14), giống như Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, Đấng đã từng là người lữ hành trên đất và không có nơi nào để gối đầu (Ma-thi-ơ 8:20; Lu-ca 9:58).

Sau khi khởi hành từ Ê-phê-sô đến Constantinople, vị thánh nhân trên đường đi đã dừng chân trước tiên tại Prokonis[7956] , nơi một người nghèo, bất chấp các sắc lệnh nghiêm ngặt của các vị vua chống thánh tượng[7957] , cấm tiếp đón các tu sĩ, đã nồng nhiệt đón tiếp ngài vào nhà mình vì danh Chúa; nhờ đó, Chúa đã ban cho người ấy sự giàu có chỉ trong vài ngày. Từ đó, vị thánh tiếp tục lên đường đến Byzantium, nhưng khi gặp trở ngại, ngài nhận ra rằng Chúa không muốn ngài đi đến đó, nên ngài đã đến Enos[7958] . Tại đây, ngài bị một kỵ sĩ, người bị ma quỷ xúi giục, đánh đập dã man; nhưng vị thánh nhân, trong khi chịu đựng những đòn roi, đã cầu nguyện với Chúa để Ngài tha thứ cho kẻ đã làm hại mình, và kẻ đó, khi thấy sự hiền lành của ngài, đã hối hận, xin lỗi và nhận được lời dạy dỗ từ vị thánh nhân rằng từ nay về sau không được làm hại ai nữa. Sau khi rời khỏi đây bằng thuyền, vị thánh đã đến Christopolis[7959] , từ đó ngài sang Thessaloniki.

Sau khi ở lại Solun vài ngày, Thánh Grigori đã lên đường đi bộ đến Corinth. Từ đó, ngài lên thuyền đi Rome, trên đường đi ngài dừng chân một thời gian tại Reggio[7960] . Tại đây, một số người, thấy vị thánh không có gì, đã tặng ngài một số vàng. Dù không biết những người cúng dường là ai, nhưng nhờ ân sủng của Thiên Chúa, vị thánh đã nhận ra rằng số vàng được trao cho ngài là do bất chính; vì vậy, với mong muốn dạy dỗ họ tránh xa sự bất chính, ngài đã vạch trần kẻ có lỗi và trả lại số tiền kiếm được một cách bất chính. Rời khỏi Regium, vị thánh tiếp tục hành trình đến Roma. Trên đường đi, một người trong số những người đi thuyền đã rơi xuống biển từ con thuyền, gần bờ biển, nơi họ dự định lên bờ để tiếp tục hành trình đến Rôma. Và lúc đó, một phép lạ đã xảy ra, minh chứng rõ ràng rằng ân sủng của Thiên Chúa ngự trên vị thánh; vì chỉ bằng một lời cầu nguyện, ngài đã đưa người đó lên bờ và cứu anh ta khỏi cái chết không thể tránh khỏi.

[7956] Prokonis – ngày nay là Marmara, một hòn đảo ở phía tây Biển Marmara.

[7957] Lê III Isaurian (716–741), đặc biệt là con trai ông là Constantine Copronymus (741–775) và con trai kiêm người kế vị của ông là Lê IV Khazar (775–780).

[7958] Enos – một thành phố cảng ven biển ở phía nam Rumelia ngày nay, phía tây Constantinopolis.

[7959] Chrystopolis – còn gọi là Emvolai, là một thành phố ở Macedonia bên sông Strymon, chảy cách Thessaloniki 50 verst về phía đông bắc.

[7960] Rigi – một thành phố ở phía tây nam Ý, bên bờ eo biển Sicily.

Khi đến Rome, Thánh Grigorius đã ở trong im lặng suốt ba tháng trong một căn phòng tu viện hẻo lánh, đến nỗi không ai biết đến ngài. Nhưng một người bị quỷ ám đã làm cho mọi người biết đến sự hiện diện của ngài trong thành phố: vì vị thánh đã chữa lành cho người ấy, đuổi con quỷ ra khỏi người ấy, và mọi người bắt đầu coi ngài là một vị thánh. Sau đó, Grigori rời khỏi đó và, khi đến Sicily, ngài tự giam mình trong một ngọn tháp và sống trong im lặng tại đó. Tại đây, các quỷ dữ đã tấn công ngài, phá hủy tấm chiếu mà ngài nằm ngủ, và bằng mọi cách cám dỗ ngài cũng như gây ra cho ngài những hành động độc ác khác nhau; nhưng ngài đã xua đuổi chúng bằng lời cầu nguyện. Cũng tại đây, ngài đã cứu một người phụ nữ tội lỗi khỏi sự diệt vong vĩnh viễn; người phụ nữ này đã dùng vô số mưu mô để dụ dỗ những người đàn ông, đặc biệt là các thủy thủ đến từ những vùng đất xa lạ, sa vào tội dâm dục. Bằng cách đe dọa nàng về những cực hình vĩnh cửu, vị thánh đã dùng lời thuyết phục khiến nàng từ bỏ thế gian, gia nhập đời tu, và nơi từng là chốn ô uế đã biến thành tu viện. Sau đó, một người phụ nữ bị quỷ ám đã đến tháp của Thánh Grigori, và ngài đã dùng lời cầu nguyện để trừ quỷ ra khỏi nàng. Ngài còn thực hiện nhiều phép lạ khác tại nơi này. Khi mọi người biết tin và bắt đầu tôn kính ngài, vị thánh đã rời khỏi đó.

Một lần, trong chuyến hành trình, ngài gặp một đoàn quân Saracen[7961] . Một người trong số họ đang cho ngựa uống nước bên giếng, và khi vị thánh đến gần, người đó giơ giáo lên định giết ngài. Nhưng đột nhiên tay anh ta dừng lại giữa không trung, khiến anh ta không thể hạ xuống được. Lúc đó, anh ta đi theo vị thánh, van xin ngài chữa lành cho mình. Vị thánh, sau khi chạm tay mình vào tay hắn, đã chữa lành cho hắn. Tiếp tục trên đường đi, vị thánh gặp một người bị quỷ ám đang chịu đau đớn tột cùng. Xót thương cho người ấy, vị thánh đã dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, và con quỷ đã buông tha cho người đang đau khổ.

Cuối cùng, Grigori lại trở về Solun và định cư tại tu viện Thánh Mina ở đó. Trong thời gian này, ngài sống trong cảnh nghèo khó đến mức không có gì để ăn, không có gì để che thân, và chỉ mặc duy nhất một bộ quần áo, dùng cả ngày lẫn đêm. Khi cảm thấy cơn đói không thể chịu đựng nổi, ngài bước ra khỏi nhà thờ và, nếu thấy ai đó đang dùng bữa ở đâu đó, ngài sẽ vào cùng họ và ăn một chút thức ăn với họ. Nhưng sau đó, ông nhận ra rằng mình không nên sống nhờ công sức của người khác mà không làm việc, nên đã quyết tâm ở lại gần nhà thờ mà không ăn uống gì, cho đến khi Chúa ban cho ông sự giúp đỡ từ trên cao. Và Chúa, Đấng từng nuôi dưỡng tiên tri Ê-li qua con quạ (3 Vua 17:6) và nhiều tôi tớ đạo đức khác của Ngài một cách kỳ diệu, đã không bỏ mặc tôi tớ trung thành của Ngài; theo sự mách bảo từ trên cao, một góa phụ sùng đạo đã mang thức ăn đến cho ngài hàng ngày.

Chẳng bao lâu sau, Thánh Grigorius trở nên nổi tiếng khắp vùng lân cận nhờ những phép lạ của ngài. Một lần nọ, có một người phụ nữ bị quỷ ám đến gặp ngài và xin thánh nhân giúp đỡ để sửa chữa lại căn nhà nhỏ của bà, vì nó đã xuống cấp. Đáp lại lời thỉnh cầu của bà, thánh nhân nói:

– Hãy đi, bắt tay vào việc đi, và Đức Chúa Trời, Cha của những đứa trẻ mồ côi, sẽ ban cho chị sự giúp đỡ.

Người phụ nữ với lòng tin đã đi và bắt đầu đào đất để đặt nền móng cho ngôi nhà. Và ngay tại chỗ đó, một lượng nhựa cây dồi dào đã tuôn trào ra. Người phụ nữ đã bán số nhựa cây đó và bằng số tiền thu được, cô không chỉ xây dựng được ngôi nhà nhỏ mà còn kiếm sống từ việc bán nhựa cây này, đồng thời đáp ứng được các nhu cầu khác của mình.

Đối với một tu sĩ đang tu hành trên cột gần tu viện Thánh Mina, Thánh Grigoriô, sau khi được Thánh Thần báo trước, đã tiên đoán về cái chết sắp đến của ông, cũng như của một số người khác. Không ngừng tu dưỡng bản thân, thánh thiện giữ gìn sự trong sạch của tâm hồn và hoàn thiện các đức tính Kitô giáo, Thánh Grigoriô đã có lòng can đảm lớn lao trước Chúa và chuẩn bị cho mình trở thành nơi cư ngụ của Thánh Thần; dưới sự dẫn dắt của Thiên Chúa, ngài đã đi trên con đường hẹp của cuộc đời khiêm nhường và khôn ngoan, bằng sự tỉnh thức không ngừng, ngài đã xua đuổi xa mọi sự lơ là và những cám dỗ của kẻ thù, đến nỗi kẻ thù ngay cả trong giấc ngủ cũng không thể tác động lên trí tưởng tượng và suy nghĩ của ngài; phù hợp với tên gọi của mình, ngài thực sự là người luôn tỉnh thức[7962] trong mọi việc làm và suy nghĩ, và đã thanh tẩy linh hồn cùng thân xác khỏi mọi dục vọng. Sau khi được phong chức linh mục, ngài cử hành các nghi lễ thánh với trái tim tan nát và tinh thần khiêm nhường; ngài đã loại bỏ hoàn toàn sự kiêu ngạo và tự mãn. Hơn hết, ngài luôn gìn giữ sự trong sạch của Chính Thống Giáo cả trong lời nói lẫn hành động; ngài đã vạch trần những kẻ dị giáo hết mức có thể, đồng thời dùng lời nói và các tác phẩm để dạy dỗ mọi người tôn kính các thánh tượng và tôn vinh chúng theo truyền thống của Giáo Hội; ông đã thanh tẩy nhiều

[7961] Saracens – tên gọi của người Ả Rập, một bộ tộc du mục cướp bóc ở Ả Rập; sau này, tên gọi này được mở rộng để chỉ tất cả những người theo đạo Hồi nói chung.

[7962] Grigori trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là: *người tỉnh thức.*

thành phố khỏi vết nhơ của chủ nghĩa chống thánh tượng và thậm chí còn thuyết phục mọi người sẵn sàng đổ máu vì các thánh tượng, nếu cần thiết, bản thân ông cũng sẵn sàng chấp nhận cái chết vì chúng và đã trở thành vị tử đạo theo ý muốn tự nguyện. Trên hết mọi đức hạnh, ông luôn duy trì lời cầu nguyện thánh thiện không ngừng, luôn hướng tâm trí về Thiên Chúa; khi ngợi khen và tôn vinh Ngài cùng các Thiên Thần thánh, ngài đã nhận được ngay tại trần gian này những dấu hiệu của niềm vui khôn tả trong hạnh phúc vĩnh cửu. Một đêm nọ, Thiên Thần của Chúa hiện ra với ngài trong một thị kiến, trao cho ngài thanh gươm rực lửa để đánh bại mọi thế lực ma quỷ và cắt đứt những tư tưởng dị giáo khỏi Giáo Hội, cũng như cắt đứt những đam mê tội lỗi khỏi lòng ngài.

Đôi khi, vị thánh, khi đang đắm chìm trong suy niệm về Thiên Chúa, nghe thấy tiếng hát của các Thiên Thần: ngài được Thiên Chúa và các Thiên Thần yêu mến đến nỗi, dù vẫn còn trong thân xác phàm trần, ngài đã được hưởng những niềm vui bất tử, thần thánh, được ân sủng lắng nghe tiếng hát của các Thiên Thần – thứ mà tai người phàm không thể nghe thấy – và đắm chìm trong niềm vui khôn tả ấy.

Sau khi ở Thessaloniki vài năm, vị thánh Grigori cùng một trong những đệ tử của mình lên đường đến Bulgaria, lúc bấy giờ vẫn còn là vùng đất ngoại đạo, nhưng chưa đến nơi thì đã quay trở lại. Khi đệ tử hỏi ngài tại sao lại thay đổi ý định nhanh như vậy, vị thánh đáp:

– Tôi muốn đến đó, nhưng tôi thấy rằng ở đó mặt trời không chiếu sáng.

Bằng những lời đó, ngài đã tiên tri báo trước về những cuộc hỗn loạn đã bùng phát tại đó ngay sau đó, trong đó máu chảy thành sông và cả đất nước bị thiêu rụi.

Sau đó, Thánh Grigori đã đi từ Thessaloniki đến Byzantium và từ đó lên núi Olympus[7963] , rồi lại trở về Thessaloniki.

Vừa tu hành như vậy, vừa suy ngẫm về những điều thiêng liêng trên trời ngay giữa trần gian, Thánh Grigorius đã đến gần thời điểm ra đi khỏi cõi đời này. Bị bệnh động kinh nặng, ngài nằm bất động trên giường và tha thiết cầu nguyện với Chúa, xin Ngài giải thoát ngài khỏi căn bệnh này và thay thế bằng một căn bệnh khác – bệnh phù thũng. Chúa đã nghe lời cầu nguyện của ngài: sau khi giải thoát ngài khỏi căn bệnh đầu tiên, Ngài đã ban cho ngài căn bệnh mà ngài đã xin. Và thân thể ngài sưng phồng đến nỗi trông như một chiếc túi da đầy khí. Rời Thessaloniki, vị thánh nhân đã phải trải qua vô vàn gian nan mới đến được Constantinople, nhằm chống lại tà thuyết chống thánh tượng tại đây[7964] , và từ đó không bao giờ quay trở lại nữa. Ông cũng mang theo hai môn đệ và đồng sự của mình là Giuse và Gioan. Ngài sớm cử người đầu tiên trong số họ, theo yêu cầu của các tu sĩ Chính Thống, đến Roma gặp Giáo hoàng Lêô III[7965] , để xin sự giúp đỡ trước cuộc đàn áp sắp diễn ra đối với các thánh tượng; nhưng trên đường đi, ông đã bị những tên cướp biển được Hoàng đế Lêô người Armenia – một kẻ chống thánh tượng – hối lộ bắt giữ và bị giam cầm trên đảo Síp.

Giuse không còn cơ hội được gặp lại vị thầy vĩ đại của mình khi ngài còn sống. Thánh Grêgôriô không lâu sau đó đã dâng linh hồn trong sạch của mình lên Chúa. Mười hai ngày trước khi qua đời, ngài đã tiên tri được ngày ra đi của mình và ra lệnh cho người ta đưa ngài đến một nhà trọ, nơi vào ngày 20 tháng 11, ngài đã an nghỉ trong bình an[7966] . Khi mọi người đến để an táng thi hài đáng kính của ngài, có một người bệnh nặng, không thể đứng thẳng được mà khuôn mặt luôn hướng xuống đất, đã đến gần ngài với lòng tin. Bỗng nhiên, người ấy cảm thấy có ai đó đặt tay lên lưng mình, nên đã quay lại hỏi người đứng bên cạnh liệu có phải chính người đó đã chạm vào mình

---

[7963] Ở đây tất nhiên là ngọn núi Olympus thuộc vùng Bithynia-Mysia, ở phía bắc Tiểu Á, trên biên giới giữa Bithynia và Mysia, nơi mà đời sống tu hành lúc bấy giờ đang phát triển rực rỡ.

[7964] Sự việc này xảy ra dưới triều đại của Hoàng đế Lê-ô người Armenia (813–820). Vị hoàng đế này, do không thể thuyết phục được Thượng phụ Nikiforos của Constantinopolis theo tà thuyết chống thánh tượng, đã ra lệnh giam cầm ngài vào tháng 3 năm 816, cũng như các giám mục, các vị tu viện trưởng và các tu sĩ, những người đã dũng cảm bảo vệ việc tôn kính các thánh tượng, bị giam cầm trong ngục tối tại Constantinopolis hoặc bị đày đi lưu đày.

[7965] Đức Giáo hoàng Lêô III (795–816)

[7966] Thánh Grigoriô Dekapolita qua đời vào năm 826 – Thánh Giuse không còn được gặp thầy mình khi ngài còn sống. Sau khi trở về Constantinopolis từ nơi lưu đày sau sáu năm, ngài chỉ còn niềm an ủi là được chạm tay vào thi hài bất hoại của Thánh Grigoriô và đã định cư cùng với môn đệ của ngài là Gioan bên cạnh quan tài của ngài. Sau khi Thánh Gioan qua đời, Thánh Giuse rời khỏi nơi đó, định cư tại nhà thờ Thánh Gioan Vàng Miệng và an táng tại đó các di cốt của Thánh Dekapolita cùng môn đệ của ngài là Thánh Gioan – những di cốt nổi tiếng vì không bị hư nát và được biết đến qua các phép lạ; một thời gian sau, không xa nhà thờ này, ông đã thành lập một tu viện dành cho các tu sĩ mang tên Thánh Nicholas Kasulsky và chuyển di thể của các vị thánh về đó. Còn Joseph, người soạn thánh ca, đã viết nghi thức thánh lễ để tôn vinh Thánh Grigory. Xác thánh của Thánh Grigoriô, vẫn còn nguyên vẹn và không bị hư nát, hiện đang được lưu giữ tại Tu viện Bystritsa, thuộc Giáo phận Rymnina, Romania.

không. Người đó trả lời là không, và người bệnh nhận ra rằng đó là quyền năng của Thiên Chúa đang bao phủ vị thánh, chính Ngài đã ban cho anh ta sự chữa lành – và anh ta đứng thẳng dậy, hoàn toàn khỏi bệnh. Một người khác bị quỷ ám, nhưng ngay khi đến gần quan tài của vị thánh, con quỷ đã rời khỏi anh ta. Có một tu sĩ bị dằn vặt nặng nề bởi dục vọng xác thịt và suýt nữa thì sa ngã, nhưng khi đến trước quan tài của vị thánh, anh ta đã khóc lóc cầu xin sự giúp đỡ – và cơn cám dỗ xác thịt liền chấm dứt, anh ta đã tôn vinh vị thánh và tạ ơn Thiên Chúa.

Vậy, sau cuộc hành trình trần gian đầy gian nan, vị thánh Grigori đã đạt được sự an nghỉ vĩnh cửu trên thiên đàng giữa các Thiên thần thánh thiện, những vị mà ngài đã được ân sủng chiêm ngưỡng và lắng nghe ngay từ khi còn sống trên trần gian, và giờ đây, cùng với các vị ấy, ngài ngợi khen Thiên Chúa Ba Ngôi duy nhất bằng những bài thánh ca "Ba lần thánh" mãi mãi.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Giáo hội nhận ra ngài như mặt trời rực rỡ, chiếu sáng mọi người bằng vẻ đẹp của các đức hạnh và những tia sáng chữa lành, hỡi người được Chúa Kitô yêu mến: vì thế, chúng con mừng kỷ niệm đáng kính của ngài và tôn vinh những công đức của ngài, hỡi vị Cha khôn ngoan và hạnh phúc vô cùng, Grigori.

Cuộc đời của Thánh Proclus, Tổng Giám mục Constantinopolis

Ngày kỷ niệm: 20 tháng 11

Thánh Proclus là môn đệ của Thánh Gioan Vàng Miệng[7967] và đã được chứng kiến cảnh Thánh Tông đồ Phaolô, trong một thị kiến kỳ diệu, bí mật thì thầm vào tai Thánh Gioan.

Một quan đại thần ở Constantinopolis đã bị những kẻ ghen tị vu khống trước mặt Hoàng đế Arcadius[7968] , bị trục xuất khỏi hoàng cung và tước bỏ chức tước cao quý của mình. Với mong muốn cầu xin sự giúp đỡ từ Thánh Gioan , ông đã thầm cầu xin ngài cho phép mình đến gặp ngài vào ban đêm, vì ông sợ đi vào ban ngày, e rằng kẻ thù nào đó sẽ nhìn thấy và vu khống ông thêm trước mặt hoàng đế. Lúc đó, Thánh Gioan đã gọi Proclus, người phục vụ bên cạnh ngài – một người đạo đức và rạng ngời mọi đức tính – và ra lệnh cho ông ấy vào ban đêm nhắc nhở về vị quan đại thần và dẫn ông ta đến: đó chính là nhiệm vụ của Proclus khi phục vụ Thánh Gioan Vàng Miệng, tức là báo cáo với tổng giám mục về những người đến thăm và dẫn họ vào gặp ngài. Khi đêm xuống, vị quan cao cấp ấy đến gặp tổng giám mục để trò chuyện với ngài và kể chi tiết cho ngài nghe về tai họa mà mình gặp phải. Và thế là Proclus, sau khi thức dậy khỏi giường, bước đến cửa phòng ngủ của Đức Thượng phụ và qua khe cửa, ông thấy Gioan đang ngồi viết, còn Thánh Tông đồ Phaolô thì cúi xuống phía sau lưng ngài, nghiêng người về phía tai phải của ngài và trò chuyện với ngài. Diện mạo của vị Tông đồ trông giống như Thánh Tiên tri Ê-li-sê, với phần đầu không có tóc ở phía trước và bộ râu dài rộng. Họ đang trò chuyện về điều gì thì không thể nghe rõ qua cánh cửa. Rời khỏi cửa, Proclus nói với người vừa đến:

– Đừng buồn lòng, – hãy kiên nhẫn một chút: có người khác đã vào gặp Đức Thượng phụ trước anh, và vì vậy, cho đến khi người ấy ra khỏi đó, tôi không thể dẫn anh vào được.

Thực ra, Proclus đang rất lo sợ, không biết ai đã đến gặp Đức Thượng phụ: ngoài Proclus ra, không ai có thể tiếp cận Đức Thượng phụ, và ông cũng không biết rằng đó chính là sự hiện ra của Thánh Phaolô.

Vị quan cao cấp ngồi đợi rất lâu, và cuối cùng lại xin Proclus báo với Đức Thượng phụ về sự hiện diện của mình.

– Chính ngài cũng thấy rồi đấy, – Proclus đáp, – tôi đã chờ bao lâu rồi mà người đang trò chuyện với Đức Thượng phụ vẫn chưa ra; tuy nhiên, tôi vẫn sẽ đi xem qua khe cửa xem họ có ngừng trò chuyện chưa.

Proclus đi ra và thấy cuộc trò chuyện vẫn đang tiếp diễn. Ông quay lại và ngồi xuống. Sau đó, ông lại đến gần cửa lần thứ ba và thấy cảnh tượng y hệt.

[7967] Thánh Proclus từng là phó tế dưới thời Thánh Gioan Vàng Miệng, sau đó trở thành tu sĩ linh mục và đồng thời là synkellos, tức là người phụ tá riêng của tổng giám mục, sống chung trong cùng một khu nhà với ngài, đồng thời cũng là môn đệ thân cận nhất của ngài.
[7968] Arcadius, con trai của Theodosius Đại đế, hoàng đế của Đế quốc La Mã Đông phương, trị vì từ năm 395 đến năm 408.

– Cha lẽ ra không nên cho ai vào trước con cả, – vị chức sắc nói, – vì cha biết con đang lâm vào cảnh khốn cùng và ngày nào cũng chờ chết.

– Hãy tin tôi đi, anh em ạ, – Proclus đáp lại, – rằng tôi không cho người ấy vào và thậm chí còn không biết người ấy là ai, và rằng ở đây không có lối vào nào khác mà ai đó có thể đi vào ngoài lối này. Tuy nhiên, hãy đợi thêm một chút nữa.

Nhưng ngay lúc đó, tiếng chuông báo giờ kinh sáng vang lên, và Proclus nói với người vừa đến:

– Giờ thì anh hãy ra về bình an: kể từ giây phút này, Đức Thượng phụ sẽ không trò chuyện với ai nữa, cũng không suy nghĩ về bất cứ điều gì không liên quan trong thời gian dành cho việc cầu nguyện ban đêm, mà sẽ ở một mình cho đến khi bình minh, toàn bộ tâm trí đắm chìm trong lời cầu nguyện và chỉ trò chuyện với một mình Đức Chúa Trời. Hãy đến vào đêm mai, và dù thế nào đi nữa, tôi cũng sẽ cho anh vào trước tất cả mọi người.

Vị quan đứng dậy khỏi chỗ ngồi và buồn bã, với những giọt nước mắt lăn trên má, trở về nhà.

Đêm hôm sau, ông lại đến nhà Thượng phụ. Proclus, cũng như trước đây, đứng dậy đi báo tin về ông ta, và lại thấy vị Tông đồ đang thì thầm điều gì đó vào tai Thánh Gioan; anh quay trở lại, không dám làm gián đoạn cuộc trò chuyện của họ, và một lần nữa, khi tiếng chuông báo giờ kinh sáng vang lên, vị quan lại buồn bã ra về tay trắng.

Về phần mình, Proclus vô cùng ngạc nhiên và bối rối, không biết chính xác ai là người đến gặp Thượng phụ và khi nào người đó lẻn vào được. Và thế là, ông tự thề với lòng mình – sẽ không ăn, không uống, không ngủ và không rời khỏi cửa phòng Thượng phụ cho đến khi ông thành công trong việc dẫn vị quan cao cấp bất hạnh đó đến gặp Thánh Gioan và tìm ra xem ai là người bằng cách nào đó lại có thể vào gặp Thượng phụ. Đêm đó, vị quan cao cấp xuất hiện như thường lệ. Proclus, tin chắc rằng không có ai ở đó với Đức Thượng phụ, đã nói với ông ta:

– Vì ngài, thưa ngài và anh em của tôi, tôi đã không rời khỏi nơi này dù chỉ một giây, và bây giờ tôi sẽ đi báo cho Đức Thượng phụ biết về sự có mặt của ngài.

Và ngay lập tức ông đi, đến gần cửa, và lần này lại thấy vị Tông đồ đang thì thầm vào tai Đức Thượng phụ. Lúc đó, Proclus quay trở lại và nói với người vừa đến:

– Hãy về nhà đi, anh em của tôi, và cầu xin Chúa giúp đỡ anh, vì theo như tôi thấy, người đang trò chuyện với Đức Thượng phụ là người được Chúa sai đến và bước vào một cách vô hình; ngoài Đức Thượng phụ ra, không ai khác bước qua cánh cửa này cả.

Vị quan cao cấp đó ra về trong nước mắt và hoàn toàn tuyệt vọng về sự giúp đỡ từ Thánh Gioan. Nhưng khi sáng sớm đến, chính Thánh Gioan cuối cùng cũng nhớ ra người ấy và, gọi Proclus lại, hỏi:

– Người mà ta đã ra lệnh cho ngươi dẫn vào gặp ta có đến không?

– Vâng, thưa Cha, – Proclus đáp – ông ta thực sự đã đến đây suốt ba đêm liền, nhưng Cha đang trò chuyện riêng với một người khác, nên con không dám vào gặp Cha để báo cáo về ông ta.

– Ta đã trò chuyện với ai chứ?! – Gioan phản đối. – Đêm nay ta không có ai ở đây cả.

Sau đó, Proclus mô tả cả dáng vẻ của người mà ông đã thấy ở chỗ Đức Thượng phụ, cũng như cách người lạ mặt đó cúi xuống từ phía sau John, nói chuyện với ông, thì thầm điều gì đó vào tai ông. Rồi Proclus vô tình liếc nhìn bức tượng thánh Tông đồ Phaolô, vốn treo trên tường trong phòng của John, và bỗng thốt lên:

– Chính là người đó, thưa Cha, người mà con đã thấy đang nói chuyện với Cha! Đây chính là hình ảnh chân thực của ngài!

Như vậy, cả hai – Gioan và Proclus – đều nhận ra rằng chính Thánh Tông đồ Phaolô đã hiện ra với Gioan, và cả hai đều tạ ơn Thiên Chúa: người thì vì trong các tác phẩm của mình, ông đã được Thánh Tông đồ bí mật soi sáng, còn người kia thì vì đã được ân sủng được chiêm ngưỡng Thánh Tông đồ Phaolô, vị cư dân thiên đàng.

Sau đó, Gioan đã giúp đỡ vị quý tộc đang bị bách hại, còn Thánh Proclus, dưới sự hướng dẫn của vị Thầy thánh thiện và Cha linh hồn của mình là Thánh Gioan, đã tiến bộ trong các đức tính và hoàn thiện bản thân trong đời sống thánh thiện.

Sau khi Thánh Gioan Vàng Miệng bị trục xuất và qua đời, Proclus đã được Thượng phụ Sisinius của Constantinopolis[7969] bổ nhiệm làm giám mục thành phố Cyzicus[7970] . Tuy nhiên, khi đến nhậm chức, ngài không được các linh mục địa phương – những người đã sa vào tà giáo – chấp nhận, nên ngài đã quay trở lại Constantinopolis và sống ở đó suốt một năm. Sau khi Thánh Tổng Giám mục Maximian qua đời[7971] , ngay trước

[7969] Sisinus là Thượng phụ Constantinopolis từ năm 426–427.

[7970] Kizik – một thành phố nhỏ nằm trên bờ bắc của Tiểu Á. Việc phong Thánh Proclus làm giám mục diễn ra vào năm 426.

khi lễ an táng diễn ra, Thánh Proclus đã được bầu làm Tổng Giám mục Constantinopolis, và vào Thứ Năm Thánh, ngài đã được tấn phong vào chức vụ cao quý này[7972] .

Sau khi lên ngôi tổng giám mục, Thánh Proclus đã tận tụy chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô cho đến cuối đời. Trong số những việc khác, ngài đã thuyết phục Hoàng đế Theodosius, con trai của Hoàng đế Arcadius[7973] , chuyển di hài của Thánh Gioan Kim Khẩu từ Comana[7974] về Constantinopolis.

Trong thời gian Thánh Proclus đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám mục tại Đế quốc Byzantine, đã xảy ra một trận động đất lớn kéo dài sáu tháng, khiến nhiều công trình kiến trúc tráng lệ – như nhà thờ, cung điện, v.v. – cùng các bức tường thành bằng đá bị phá hủy; nhiều làng mạc và thị trấn nhỏ dường như bị đất nuốt chửng, một số hòn đảo biến mất hoàn toàn, một số suối và sông đột ngột cạn khô, trong khi ở những nơi khô cằn lại xuất hiện những dòng nước chảy. Trận động đất khủng khiếp này xảy ra trên khắp đế chế, nhưng đặc biệt dữ dội ở Bithynia, Hellespont và Phrygia[7975] . Khi những tòa nhà kiên cố và đẹp nhất tại Constantinopolis đang sụp đổ, Hoàng đế Theodosius và Hoàng hậu Pulcheria cùng với Thượng phụ và toàn thể cư dân đã rời khỏi thành phố, cử hành nghi lễ cầu nguyện, khẩn thiết van xin Chúa ban lòng thương xót. Và một phép lạ vĩ đại đã xảy ra. Trong khi dân chúng hoảng sợ vang lên những tiếng kêu cầu trong không trung: *"Lạy Chúa*, xin *thương xót!"* – thì đột nhiên, một đứa trẻ bị một sức mạnh vô hình nâng bổng lên khỏi đám đông và, trước mắt mọi người, được đưa lên một độ cao không thể nhìn thấy, rồi một giờ sau lại được hạ xuống an toàn như cũ. Đứa trẻ kể lại cho hoàng đế, tổng giám mục và toàn thể dân chúng rằng nó đã nghe thấy các Thiên thần đang hát bài ca trên trời:

– Lạy Thiên Chúa Thánh Thiện, Lạy Thiên Chúa Mạnh Mẽ, Lạy Thiên Chúa Bất Tử.

Toàn thể dân chúng ngay lập tức bắt đầu lặp lại bài ca Ba Thánh này, kèm theo lời cầu nguyện: "Xin thương xót chúng con", và trận động đất liền chấm dứt, còn cậu bé đã mang bài ca Ba Thánh từ trời xuống thì ngay lập tức trút hơi thở cuối cùng về với Chúa và được an táng một cách trang trọng tại nhà thờ Thánh Irina: kể từ đó, việc hát bài ca Ba Thánh đã trở thành thông lệ trong toàn thể Giáo hội Kitô giáo.

Thánh Proclus đã đảm nhiệm chức vụ tổng giám mục trong 20 năm và 5 tháng, rồi an lành về với Chúa[7976] .

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hôm nay, tất cả các thành phố đều long trọng tôn vinh ngài, vị chiến binh chân chính và đáng kính nhất, nhân dịp lễ tưởng niệm ngài, Cha của các vị Cha, Proclus khôn ngoan.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Eustathius, Fespesius và Anatolius

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 11

Các thánh tử đạo Eustathius, Fespesius và Anatolius là anh em ruột, sinh ra tại thành phố Nicomedia[7977] . Cha của họ tên là Philotheus, còn mẹ là Eusebia. Philotheus gốc gác từ Galatia[7978] , từ thành phố Gangra[7979] , đã

[7971] Thánh Maximian là tổng giám mục từ năm 431 đến năm 434.

[7972] Đó là vào năm 434.

[7973] Theodosius II Trẻ trị vì từ năm 408 đến năm 450.

[7974] Komana – một thành phố ở Armenia, nơi Thánh Gioan Vàng Miệng qua đời trên đường đi lưu đày và ban đầu được an táng tại đây.

[7975] Bithynia, Hellespont và Phrygia – các tỉnh thuộc Tiểu Á của Đế quốc Byzantine.

[7976] Thánh Proclus qua đời vào năm 446. – Thánh Proclus là một nhà hùng biện xuất sắc của Giáo hội. Trong tài hùng biện của ngài, người ta nhận thấy tầm quan trọng của Thánh Basil Cả, kết hợp với sự duyên dáng của Thánh Gioan Vàng Miệng; lời nói của ngài đa dạng, sinh động, rõ ràng và đồng thời súc tích. Ngoài ra, các thư tín của ngài cũng được biết đến, trong đó có *thư gửi người Armenia về đức tin* và *truyền thống Thánh Lễ.*

[7977] Nicomedia (nay là Nemid) – thành phố chính của tỉnh Bithynia thuộc Tiểu Á, nằm về phía đông nam eo biển Bosphorus. Nơi đây từng là nơi cư ngụ của các hoàng đế Byzantine là Diocletian và Thánh Constantine Đại đế

[7978] Galatia – một tỉnh của Đế quốc Byzantine, nằm ngay giữa bán đảo Tiểu Á.

[7979] Thành phố này nổi tiếng nhờ từng có một công đồng địa phương (năm 340), các quy định của công đồng này được Giáo hội tôn trọng như các quy định chính thống.

rời bỏ quê hương, chuyển đến Nicomedia và, sau khi kết hôn với Eusebia tại đó, có với bà ba người con trai – ba người được gọi là cư dân của thành phố thiên đàng.

Ban đầu, Philotheus, vợ và các con ông đều là những người theo đạo ngoại; ông gửi người con trai cả là Eustathius đi học triết học ngoại giáo, còn Fespesia và Anatolius thì được ông chuẩn bị để theo nghề buôn bán, vì bản thân ông cũng là một thương gia và rất giàu có. Nhưng một lần nọ, ông đưa người con trai út là Anatolius đi cùng, lên đường đến Galatia để mua sắm; trên đường trở về, ông tình cờ gặp Thánh Lucian, một linh mục tại Antioch, và trên hành trình đó, ông đã được ngài dạy dỗ về đức tin Kitô giáo; sau đó, ông cùng con trai đã chịu phép rửa tội tại một con sông tình cờ gặp trên đường. Khi trở về nhà, ông bắt đầu tìm kiếm Giám mục Anphim của Nicomedia[7980] , người đang ẩn náu tại một nơi bí mật (vào thời điểm đó, dưới triều đại của các hoàng đế Maximian và Diocletian, cuộc bách hại tàn bạo đối với các Kitô hữu đang diễn ra và nhiều tín hữu phải lẩn trốn khỏi những kẻ hành hạ) và, sau khi tìm thấy, vào ban đêm, ông đã đưa ngài về nhà mình, sau đó Thánh Anphim đã làm phép rửa tội cho cả gia đình nhà Philotheus. Sau đó, ngài cử hành Thánh Lễ, ban các Bí tích Thánh cho những người mới được rửa tội, tấn phong Philotheus làm linh mục, còn con trai cả của ông là Eustathius làm phó tế, rồi ngài ra đi, ẩn náu khỏi những kẻ bách hại ngoại đạo; còn Philotheus và gia đình ông thì bí mật thờ phượng Thiên Chúa chân chính và sống một cuộc đời đạo đức.

Chẳng bao lâu sau, ông và vợ đã về với Chúa, để lại ba thiếu niên đạo đức mồ côi: phó tế Evstafiy, Fespesiy và Anatoliy – những người anh em cả về huyết thống lẫn tinh thần, vì họ đồng lòng phụng sự Đức Chúa Trời, tràn đầy nhiệt huyết và tiến bộ trong các đức tính. Một quan đại thần trong triều đình, tên là Akilin, một lần đã sai người đầy tớ của mình đi mua một số đồ dùng. Người đầy tớ biết về ba chàng trai đạo đức này, rằng họ là những thương gia và có hoạt động buôn bán rộng lớn và thịnh vượng, nên đã đến tiệm của họ, và thấy tiệm vẫn đang mở cửa. Bước vào trong mà không thấy ai, anh ta đi lên cầu thang dẫn lên tầng ba của ngôi nhà và nghe thấy giọng của Evstafiy đang đọc các Thánh vịnh của Đa-vít. Người đầy tớ lặng lẽ leo lên cầu thang, im lặng bước vào căn phòng trên lầu[7981] và ở đó anh ta thấy Evstafiy đang cầm cuốn Thánh vịnh trên tay và đọc: *"Hãy để tất cả những kẻ phụng sự các tượng thần, những kẻ khoe khoang về các thần tượng, phải xấu hổ. Hỡi các vị thần, hãy quỳ lạy trước Ngài"* (Thánh vịnh 96:7). Ngoài ra, anh ta còn thấy trên tường có những cây thánh giá và các bức thánh tượng. Không nói gì, anh ta lập tức quay về gặp chủ nhân và kể lại tất cả những gì mình đã thấy và nghe. Akilin ngay lập tức vội vã đến gặp hoàng đế Maximian và báo cáo với ông về những lời người nô lệ đã nói. Ngay lập tức, binh lính được cử đi bắt Evstafiy và các anh em của anh ta. Khi đến nơi cùng với người nô lệ của Akilin, các binh lính thấy tiệm đã bị khóa: lúc đó, tất cả những người trong nhà đang tụ họp và giữ im lặng tuyệt đối, đang rước Mình Thánh Chúa nhân ngày Chúa Nhật. Những người được cử đi gõ cửa, gọi to, nhưng không có ai trả lời.

Thánh Eustathius, bằng linh hồn, đã nhận ra rằng những người lính được cử đến để bắt ông cùng các anh em và dẫn đi chịu cực hình, nên đã nói với các anh em:

– Hãy vững lòng, các anh em, và đừng sợ hãi – Chúa của chúng ta đang gọi chúng ta đến vương miện… Đêm nay, tôi đã thấy chúng ta bị dẫn đến phiên tòa bất công trước Maximinus, và có một người da đen đi theo sau chúng ta, khóc lóc thảm thiết, tự vỗ vào mặt mình và than thở: "Khốn cho tôi, giờ đây tôi đang bị đánh bại." Còn phía trước chúng tôi là một chàng trai trẻ rạng rỡ, tay cầm ba vương miện và ba cuốn sách, và người ấy nói với tôi: "Eustathius, phó tế của Chúa Kitô! Đây là những gì Cha của lòng thương xót và Thiên Chúa của mọi niềm vui đã chuẩn bị cho các con. Vậy nên, đừng sợ những kẻ hành hạ, như Thánh Stephano đã không sợ họ. Nói xong, chàng trai trẻ bay lên trời, còn người da đen, trong tiếng nức nở, đã lui về phía tây[7982] .

Sau khi kể lại thị kiến của mình, Evstafiy đã khích lệ các anh em thêm can đảm, nói rằng:

– Hỡi những người thân yêu, chúng ta sẽ không chối bỏ Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, trước mặt loài người, để Ngài cũng không chối bỏ chúng ta trước mặt Cha Ngài và trước mặt các Thiên Thần thánh của Ngài (Mt 10,32).

[7980] Ngày kỷ niệm là ngày 5 tháng 9.

[7981] Từ thời các Tông đồ, trong Giáo hội Kitô giáo đã duy trì và tồn tại trong một thời gian dài phong tục tổ chức các buổi thờ phượng ở phần trên, không có người ở, của ngôi nhà (xem Công vụ 1:13, 14, 20, 8) và chỉ đến thời Constantine Đại đế, khi các Kitô hữu thoát khỏi sự bắt bớ, thì các nhà thờ mới bắt đầu được xây dựng để cử hành Thánh lễ công cộng (tuy nhiên, trước đó cũng đã có một số ít nhà thờ rải rác ở các nơi).

[7982] Phương Tây – nơi mặt trời lặn và như thể là vương quốc của bóng tối; vì vậy, tên gọi "vương quốc ánh sáng" của vùng đất này có thể được hiểu như một hình ảnh của vương quốc ma quỷ, điều mà thánh Eustathius rõ ràng đã nhìn thấy.

– Anh em, chủ nhân và cha của chúng con, – Fespesius và Anatolius đáp lại, – chúng con sẵn sàng chết vì Đấng Tạo Hóa của chúng con và không gì có thể làm chúng con chùn bước khỏi tình yêu dành cho Ngài.

Trong khi họ đang nói chuyện như vậy, các binh lính đập mạnh vào cửa và la hét ầm ĩ đòi mở cửa. Cuối cùng, Fespesius và Anatolius bước đến cửa và mở ra. Các binh lính xông vào trong, hỏi họ còn ai ở cùng, rồi theo lệnh của nô lệ Akilinov, họ đi lên lầu. Khi bước vào phòng cầu nguyện, họ thấy Evstafiy đang cầm cuốn Phúc Âm Thánh trên tay. Ông bất ngờ mở cuốn sách ra và đọc: *"Đừng sợ những kẻ giết thân xác, nhưng không thể giết linh hồn"* (Mt 10,28).

– Người chỉ huy các binh lính quát anh ta phải đặt xuống thứ đang cầm trên tay (chính ông ta cũng không dám chạm vào Thánh Kinh, vì là con của cha mẹ Kitô hữu). Evstafiy ôm Thánh Kinh vào ngực, hôn lên đó rồi đặt lên bàn, lúc đó một trong những binh lính nhận xét:

– Nhìn kìa, người Kitô hữu yêu quý những cuốn sách của họ biết bao, trong đó chứa đựng tất cả những phép thuật của họ.

Các lính bắt Eustathius và dẫn anh ta xuống dưới. Còn anh ta, sau khi nhìn quanh và thấy những cuốn sách thánh, đã nói, hướng về chúng như thể chúng là những sinh linh sống:

– Chúng tôi hứa với các ngài!

Sau đó, nhìn vào vô số đồ vật quý giá mà họ đang buôn bán, anh thốt lên:

– Chúng tôi từ bỏ các ngươi và mọi thứ phù du, và sẽ theo Chúa Kitô!

Sau đó, tất cả đều bước ra ngoài. Cửa nhà bị khóa và niêm phong, còn ba vị thánh anh em thì bị lính trói lại với nhau và dẫn đến trước mặt hoàng đế Maximian.

Khi nhìn thấy họ, hoàng đế mỉm cười và nói:

– Ai đã ra lệnh trói những chàng trai này? Ta tin chắc rằng họ là bạn của các vị thần của chúng ta.

Và ngài ra lệnh tháo trói cho họ ngay lập tức rồi hỏi họ:

– Trước hết, mỗi người hãy nói tên mình là gì và thuộc dòng họ nào?

– Tên gọi quý giá và vinh quang nhất đối với chúng tôi là "Kitô hữu", – Eustathius trả lời thay mặt mọi người, – với tư cách là người anh cả; còn khi mới sinh ra, tôi được đặt tên là Eustathius, anh trai tôi bên phải là Fespesius, còn bên trái là Anatolius; chúng tôi là anh em ruột, sinh ra ở đây từ cùng một cha và mẹ, còn cha chúng tôi, quê ở Galatia, từng là một linh mục Kitô giáo.

– Ai đã phong – Maximian hỏi – cha các anh làm linh mục?

– Chính là người – Eustathius đáp – mà ngài vừa mới xử tử một cách oan ức: Thánh Anphim, giám mục của thành phố chúng tôi; chính ngài ấy cũng đã phong tôi làm phó tế, để tôi phục vụ các linh mục của Chúa, khi họ cử hành các Bí tích thánh thiêng và tinh tuyền của Chúa Kitô.

Lúc đó, hoàng đế nói:

– Đừng nói những điều vô lý nữa; thà rằng ngươi hãy cùng các anh em của chúng ta thờ lạy các vị thần của chúng ta, thì ta sẽ ban cho các ngươi địa vị danh dự và vinh quang tại triều đình của ta. Nếu không, ta sẽ kết án các ngươi tử hình bằng gươm.

Các thánh đồng thanh đáp lại:

– Ngươi cứ làm theo ý ngươi: chúng ta là Kitô hữu và chỉ thờ phượng một mình Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng trời đất, Con của Ngài, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, và Thánh Thần Hằng Sống; còn những thần tượng bẩn thỉu và ghê tởm của các ngươi, chúng ta sẽ không bao giờ thờ phượng.

Phẫn nộ trước câu trả lời này, Maximian ra lệnh quật ngã các ngài xuống đất và đánh bằng gậy. Sau những cuộc tra tấn kéo dài, các thánh, như thể cùng một miệng, đã kêu lên với Thiên Chúa:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa, vì chúng con đã được ân sủng chịu khổ hình vì danh thánh của Ngài.

Còn Thánh Eustathius còn nói thêm:

– *"Họ đã áp bức tôi từ thuở thiếu thời, nhưng Israel hãy nói: Họ đã áp bức tôi từ thuở thiếu thời, nhưng họ không thể đánh bại tôi"* (Thánh vịnh 128:2–3), – xin Chúa, Đấng Cứu Chuộc của chúng con, hãy giúp đỡ chúng con.

Khi các thánh nhân đã bị đánh đập đến mức tột cùng, Maximian ra lệnh cho những kẻ đánh đập dừng lại và nói với các vị tử đạo:

– Hỡi những kẻ vô thần! Các ngươi còn chịu đựng những cực hình này đến bao giờ nữa? Hãy dâng lễ vật cho các vị thần và đừng tự hủy hoại mình một cách vô ích chỉ vì niềm tin vào một con người nào đó, người cũng đã bị đánh đập như các ngươi và chết một cách thảm khốc.

– Chúng tôi sẽ không bao giờ từ bỏ Đấng Cứu Thế Kitô, các thánh đáp lại, – Đấng mà chúng tôi biết là Thiên Chúa chân thật, dù Ngài đã chịu khổ hình trên thập giá vì sự cứu rỗi của chúng tôi.

Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh đưa họ vào ngục tối, xiềng chân họ thật chặt vào cùm[7983] và không cho họ ăn uống gì cả, nhằm hành hạ họ bằng xiềng xích, đói khát và khát nước. Và khi họ đang ngồi trong ngục tối, vào một đêm khuya, một luồng ánh sáng chiếu rọi họ, Thiên Thần của Chúa hiện ra với họ, giải thoát họ khỏi xiềng xích, chữa lành cho họ, cho họ ăn manna[7984] và nói:

– Hãy thực hiện những việc lành vì Chúa Kitô, còn Ta sẽ không bỏ rơi các ngươi và sẽ ở cùng các ngươi trong mọi đau khổ, vì Ta được Chúa Kitô sai đến để bảo vệ các ngươi.

Nói xong, Thiên Thần biến mất, còn các thánh nhân, tràn ngập niềm vui khôn tả, đã tạ ơn Thiên Chúa; trong khi đó, Eustathius nói: *"Chúa giải thoát những người bị giam cầm, Chúa mở mắt cho người mù, Chúa nâng đỡ những người khom lưng, Chúa yêu thương những người công chính. Chúa che chở những người lữ hành"* (Thánh Vịnh 145:7–9).

Một lúc sau, Maximian lại xuất hiện tại tòa án và sai lính đến nhà tù để lần thứ hai dẫn các tù nhân của Chúa Kitô ra xét xử. Các lính đi đến và thấy các thánh đã được giải thoát khỏi xiềng xích, hoàn toàn khỏe mạnh và đang ngủ yên bình. Họ la hét ầm ĩ, mắng chửi người canh gác và đòi biết ai đã giải thoát các tù nhân khỏi xiềng xích. Người canh gác thề thốt khẳng định với họ rằng không ai giải thoát họ cả, thậm chí không ai vào gặp các tù nhân hay cho họ ăn uống gì cả. Các binh lính lại trói các thánh lại và dẫn họ đến trước mặt vua.

Nhà vua, khi thấy họ khỏe mạnh và vui vẻ, đã ngạc nhiên vì họ không hề bị ảnh hưởng bởi những trận đòn, xiềng xích, đói khát, và nói với họ:

– Hỡi những kẻ đáng thương! Hãy suy nghĩ kỹ xem điều gì có lợi cho các ngươi hơn, và khi đã chắc chắn, hãy dâng lễ vật lên các vị thần – thì ta sẽ thả các ngươi ra một cách danh dự.

Nhưng thánh Eustathius đáp lại:

– Đừng hy vọng thay đổi quyết tâm sắt đá của chúng tôi bằng lời nịnh hót, đe dọa hay tra tấn: chúng tôi không bị ràng buộc bởi bất cứ điều gì với cuộc đời này, vì chúng tôi biết rằng, giống như khi chúng tôi ra khỏi bụng mẹ trong tình trạng trần truồng, thì chúng tôi cũng sẽ phải rời khỏi cuộc đời phù du này trong tình trạng trần truồng.

Vua ra lệnh ngay lập tức ném họ cho thú dữ ăn thịt, và họ bị dẫn đến đấu trường[7985] , nơi các con thú sẽ xé xác họ; theo sau là toàn thể dân chúng thành Nicomedia – trong đó có rất nhiều Kitô hữu bí mật – và tất cả đều mong muốn chứng kiến cái chết của các vị tử đạo. Khi họ bị đưa ra giữa đấu trường, hai con sư tử và ba con gấu được thả vào, và tất cả khán giả đều kinh hoàng trước tiếng gầm rú của những con thú này. Còn Thánh Eustathius thì đang hát các thánh vịnh.

– *"Xin cứu con khỏi hàm sư tử*, – ngài hát, – *và khỏi sừng của những con kỳ lân; khi nghe thấy, xin cứu con. Con sẽ rao truyền danh Ngài cho anh em con, và ngợi khen Ngài giữa hội chúng"* (Thánh vịnh 21:22–23)[7986] .

[7983] Còng chân – dụng cụ được dùng để ngăn không cho tội phạm trốn thoát. Về hình dáng, đó là một khúc gỗ to hoặc tấm ván được chẻ dọc làm đôi; trên cả hai nửa đều được đục hai hốc khớp với nhau để đặt chân; sau khi đặt chân tội phạm vào các hốc của một nửa, người ta đặt nửa còn lại lên trên và cố định chặt cả hai đầu khúc gỗ.

[7984] Manna (một từ tiếng Do Thái, có nghĩa là *"điều này là gì"*) là tên gọi của loại thực phẩm kỳ diệu mà Đức Chúa Trời đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên trong suốt bốn mươi năm họ lang thang trong sa mạc, thay thế cho bánh mì mà họ không thể tìm thấy ở đâu, và có hình dạng như những hạt nhỏ; loại hạt này được xay hoặc giã trong cối, nấu chín và làm thành những chiếc bánh mỏng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 15:15–34; Dân Số Ký 11:7); trong nghĩa rộng hơn, từ "manna" có thể được hiểu là bất kỳ loại thức ăn nào được Đức Chúa Trời ban cho một cách kỳ diệu.

[7985] Đấu trường – tòa nhà nơi diễn ra các cuộc đua ngựa của người La Mã và Hy Lạp; chính cái tên (đấu trường – vòng tròn) đã chỉ ra cấu trúc hình tròn của nó. Các cuộc thi đấu diễn ra bên trong vòng tròn, còn khán giả ngồi ở những chỗ đặc biệt dọc theo rìa vòng tròn đó. Trong các đấu trường, vào thời kỳ bị bắt bớ, các Kitô hữu bị ném cho thú dữ ăn thịt hoặc bị giết bởi những người được chỉ định đặc biệt cho việc đó.

[7986] Thi thiên 2:22–23. Những lời này được tác giả Thi thiên thốt lên về chính mình và nhân danh bản thân (hãy cứu tôi..., tôi sẽ kể lại... v.v.). *Con kỳ lân* – một loài thú hoang dã và nguy hiểm có một sừng trên trán, nhưng không phải là con tê giác, vì nó được coi là loài thuần khiết và thích hợp để dâng tế lễ; loài thú này là gì – thì không ai biết chính xác. Ở đây, "dưới nhà thờ" tất nhiên có nghĩa là một đám đông tụ tập.

Fespesius và Anatolius run rẩy trước tiếng gầm gừ của thú dữ, và Eustathius, thấy sự sợ hãi của họ, bèn nói:

– Tại sao, các anh em, các anh lại sợ những con thú này? Chẳng lẽ các anh không biết rằng Chúa của chúng ta có quyền năng chế ngự cơn thịnh nộ của chúng, như Ngài đã làm trong hố sư tử của Đa-ni-ên sao? Chẳng lẽ các anh không nhớ lời của Thiên Thần, Đấng đã hứa sẽ ở cùng chúng ta trong mọi đau khổ và bảo vệ chúng ta sao?

Khi Evstafiy nói những lời đó, những con sư tử lao về phía các vị tử đạo, nhưng khi đến gần, chúng dừng lại và vẫy đuôi, giống như những con chó nhận ra chủ nhân của mình, còn Evstafiy đặt tay lên đầu chúng và vuốt ve chúng như vuốt ve những con chó, khiến chúng hoàn toàn ngoan ngoãn. Còn những con gấu thì xô xát lẫn nhau, hất nhau xuống đất, và thậm chí còn không dám đến gần các thánh tử đạo. Đám đông tụ tập xem cảnh tượng này đã ồn ào lên, trong đó những người ngoại đạo la hét: "Họ là những pháp sư và đã dùng phép thuật để chế ngự các con thú!" còn những người Kitô hữu thì reo lên: "Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại, Ngài đã bịt miệng các con thú lại để chúng không thể làm hại các tôi tớ thánh của Ngài!"

Cuối cùng, hoàng đế ra lệnh ném các vị tử đạo trở lại ngục tối, và tại đó, họ một lần nữa được an ủi bởi sự hiện ra của Thiên thần và được tiếp sức bằng manna.

Trong khi đó, con trai của vua Maxentius[7987] bị ốm nặng, và nhà vua, buồn bã và lo lắng vì bệnh tình của con trai, đã giao các vị tử đạo cho quan tổng trấn Nicaea[7988] là Antony.

– Hãy đưa – ông nói với quan tổng trấn – những người Kitô hữu về thành phố của ngươi và ở đó bắt họ phải thờ lạy các vị thần; nếu họ vâng lời ngươi, hãy đưa họ trở lại đây với sự tôn vinh; còn nếu không, sau khi tra tấn họ trong thời gian dài, hãy giết họ như những con thú hoang.

Quận trưởng dẫn các tù nhân đi và cùng họ đến Nicaea. Khi về đến nhà, ông thấy vợ mình đang ốm. Ông ra lệnh nhốt các vị tử đạo vào ngục qua đêm, và sáng hôm sau, ông ra lệnh dẫn họ đến trước mặt mình, ngồi vào ghế thẩm phán và quay sang nói với họ:

– Các chàng trai ơi, số phận của các ngươi khiến ta vô cùng lo lắng, và ta thực sự mong muốn được ân xá cho các ngươi rồi đưa các ngươi đến gặp hoàng đế để nhận mọi vinh dự từ ngài. Hãy tin tưởng ta như một người bạn, hãy nghe lời ta và dâng lễ vật cho các vị thần.

– Chúng tôi đang cầu nguyện – các thánh nhân đáp lại – với Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng tôi, để Ngài giữ cho chúng tôi được trong sạch trong đức tin mà Ngài đã dạy chúng tôi và vì đức tin đó chúng tôi sẵn sàng chết, và để Ngài đừng để chúng tôi xa lìa Ngài và sa vào sự hủy diệt mà các ngươi đang phải gánh chịu.

Komit, nghe vậy, nổi cơn thịnh nộ và ra lệnh treo họ lên bằng chân, đầu hướng xuống dưới, rồi dùng móng sắt cào xé. Họ bị tra tấn như vậy trong một thời gian dài, máu chảy thành dòng, thân thể bị xé thành từng mảnh, xương lộ ra... Cuối cùng, các thánh đã lớn tiếng kêu cầu Thiên Chúa:

– Lạy Vua và Thiên Chúa muôn đời! Xin Ngài từ nơi ngự thánh của Ngài hãy nhìn xuống chúng con, những tôi tớ bất xứng của Ngài, đang chịu đau khổ vì danh thánh của Ngài!

Và sự trợ giúp vô hình đã được ban xuống từ trên cao cho các thánh nhân, giúp họ can đảm chịu đựng những cực hình tàn bạo đến vậy.

Thấy sự kiên nhẫn bất khuất của những người chịu khổ, kẻ tra tấn ra lệnh tháo xiềng xích và đưa họ vào ngục tối. Nhưng các thánh nhân không thể tự đi được vì vết thương và cơn đau: họ bị khiêng đi và quăng vào ngục tối như một món hàng. Và một lần nữa, cũng như trước đây, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra với họ, tỏa sáng rực rỡ, an ủi họ bằng những niềm hy vọng vui mừng và chữa lành những vết thương của họ. Các thánh đã ngợi khen Thiên Chúa, nói rằng:

– Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Thiên Chúa, vì Ngài không bỏ rơi những ai trông cậy vào Ngài và chịu đau khổ vì Ngài! *"Ta sẽ đền đáp Chúa thế nào cho mọi ân huệ Ngài đã ban cho ta? Ai là Thiên Chúa vĩ đại như Thiên Chúa [của chúng ta]! Ngài là Đức Chúa Trời làm nên những điều kỳ diệu"* (Thi Thiên 115:3; Thi Thiên 76:14–15). Chẳng bao lâu sau, tên tra tấn lại dẫn các thánh tử đạo ra khỏi ngục tối và ra lệnh đặt họ trước mặt mình. Trước mặt họ, hắn đặt các thần tượng của mình và ép buộc họ phải thờ lạy những thần tượng đó, đồng thời đe dọa sẽ trừng phạt nếu họ không tuân lệnh.

– Nếu các ngươi, – hắn nói, – không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và không thờ lạy các vị thần của chúng ta, thì ta sẽ xử tử các ngươi bằng gươm, và ném xác các ngươi cho thú dữ và chim chóc ăn thịt.

[7987] Sau này, Maxentius trở thành hoàng đế – từ năm 306 đến năm 312.

[7988] Comitus – quan trưởng thành phố.

Nhưng các thánh nhân đồng thanh đáp lại:

– Chúng ta sẽ không từ bỏ Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, và sẽ không thờ lạy những thần tượng xấu xa, câm điếc, có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe, có miệng mà không nói, có chân mà không đi. Nguyện cho tất cả những ai làm ra chúng và tất cả những ai thờ lạy chúng đều giống như chúng.

Nghe những lời này, tên tra tấn gầm lên vì giận dữ như sư tử, và ra lệnh dẫn các vị tử đạo ra ngoài thành, chém chết bằng gươm như những con thú hoang, rồi vứt xác họ không chôn cất để cho thú dữ và chim chóc xé xác. Các thánh được dẫn đến nơi hành hình. Nơi đó có một vườn ô liu, và các vị tử đạo bị trói vào cây để thi hành án. Hai người bạn thân của các thánh, là các Kitô hữu Palladius và Akakios, đã đến vườn này. Khi những kẻ hành hình định giết các vị bị kết án, hai người bạn này liền quỳ xuống dưới chân họ, đưa cho họ rất nhiều vàng và van nài hãy chờ một lát, để họ có thể trò chuyện với các vị bị kết án, rồi sau đó mới tiến hành hành hình. Sau khi nhận vàng, những kẻ hành hình lùi lại một chút khỏi các vị tử đạo, còn Palladius và Akakios thì tiến lại gần họ, hôn lên mặt họ với tình yêu thương, khóc lóc thảm thiết và xin họ cầu nguyện cho mình. Trong lúc các thánh đang cầu nguyện trước khi chết, có tiếng nói từ trời vang lên, kêu gọi họ vào sự an nghỉ vĩnh cửu, và ngay lập tức họ vui mừng phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa. Còn những người hầu của kẻ hành hình, dù đã thấy các vị tử đạo đã qua đời, nhưng vì sợ chủ mình, họ vẫn thi hành mệnh lệnh của hắn trên những thi thể đã chết: Họ đâm xuyên cổ họng Eustathius và Fespesia, đâm xuyên sườn Anatolius; rồi khi thi thể những người đã khuất nằm trên mặt đất, họ chặt đầu họ và bỏ lại mà không chôn cất, rồi bỏ đi[7989] . Lúc đó, sáu Thiên thần dưới hình dạng những con đại bàng từ trời hạ xuống và lượn lờ trên các thi thể cho đến khi Palladius và Akakios chôn cất họ một cách trang trọng.

Cùng ngày đó, khi mặt trời lặn, quan huyện Antony bỗng dưng lâm bệnh; đến sáng hôm sau, trước tiên vợ ông qua đời, rồi chính ông cũng ngã xuống bên thi thể vợ, trút hơi thở cuối cùng trong đau đớn. Và giờ đây, ông đang chịu khổ hình trong địa ngục, còn các thánh tử đạo thì hân hoan trong Nước Trời của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta. Vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Dasius.

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 11

Vào thời trị vì của Diocletian và Maximian, tại thành phố ngoại giáo Dorostol[7990] có một phong tục là 30 ngày trước lễ kỷ niệm vị thần ngoại giáo Kronos[7991] , người ta sẽ chọn một chàng trai trẻ đẹp trai trong số các chiến binh để dâng làm của lễ cho ngài. Trong suốt 30 ngày, cho đến khi lễ hiến tế diễn ra, chàng trai được chọn sẽ được mặc trang phục hoàng gia và có thể thực hiện bất kỳ điều ước nào của mình. Sau đó, chàng trai sẽ bị giết để dâng làm lễ vật cho Kronos. Và rồi một ngày nọ, số phận bi thảm này đã rơi vào tay Dasius – người dũng cảm và đẹp trai nhất trong số các chiến binh. Cho đến lúc đó, anh vẫn là một Kitô hữu bí mật. Giờ đây, khi nghe tin mình đã trúng số, Thánh Dasio quyết định công khai tuyên xưng mình là môn đệ của Chúa Kitô, thay vì hiến dâng mạng sống để làm hài lòng vị thần ngoại đạo ghê tởm.

– Nếu tôi phải chết, – anh nói với các đồng đội, – thì thà chết như một Kitô hữu vì Chúa Kitô còn hơn.

Vì thế, Thánh Dasius đã khinh thường những của cải và thú vui trần thế mà theo phong tục ngoại đạo, ông có thể hưởng thụ trong vòng 30 ngày. Ông từ chối mọi lời hứa hào phóng của những người ngoại đạo, luôn ghi nhớ vững chắc lời của " " Tông đồ: *"Tôi coi mọi sự như rác rưởi, để được Đấng Kitô"* (Phil. 3:8). Thay vì vui chơi và tiệc tùng, vị thánh đã lên án sự vô đạo của những người ngoại đạo cùng việc thờ phượng điên rồ của họ đối với tượng thần, và can đảm rao giảng giáo lý của Đức Kitô. Được Thánh Thần soi dẫn, vị chứng nhân của Chúa Kitô đã nhiệt thành thuyết phục mọi người tin vào Thiên Chúa Duy Nhất và Chân Thật, cùng Con Một Thiên Chúa là Đức Giêsu Kitô. Khi tin tức này đến tai các vị vua ngoại đạo là Diocletian và Maximian, theo lệnh của họ, Thánh Dasius đã bị đưa ra xét xử trước quan tổng trấn vùng Mysia là Vassy. Tại phiên tòa, vị thánh một lần nữa vạch trần sự ngu muội của những kẻ thờ tượng và tuyên xưng Đức Kitô. Vì sự tuyên xưng đức tin Kitô giáo này, ngài đã phải chịu những hình phạt tàn bạo và sau đó bị chém đầu bằng gươm[7992] .

[7989] Các thánh tử đạo Eustathius, Fespesius và Anatolius đã chịu tử đạo vào khoảng năm 312.

[7990] Dorostol, ngày nay là Slistria, nằm bên sông Ister (Danube) trong vùng Mizia cổ đại, không xa bờ Biển Đen.

[7991] Theo truyền thuyết ngoại giáo, Kronos, hay còn gọi là Saturn, là vị thần tàn bạo nhất trong số các vị thần. Để xoa dịu ông, những người ngoại giáo hàng năm đều dâng những lễ vật là con người.

Lễ kính các thánh tử đạo Nirs và Giuse

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 11

Thánh Nirsa là giám mục tại xứ Ba Tư và có môn đệ Giuse làm cộng sự. Cả hai, với tư cách là những tôi tớ chân chính của Chúa Kitô, đều kính sợ Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng trời, đất, biển và muôn vật trong đó (Thánh Vịnh 145:6), và luôn hướng tới một cuộc sống đạo đức, tuân giữ luật của Chúa Kitô.

Thấy đời sống đạo đức của môn đệ Giuse và lòng nhiệt thành của ông trong việc tôn vinh danh Chúa, Thánh Nirsa đã tấn phong ông lên hàng giám mục. Đồng bào của họ là người Ba Tư, coi mặt trời là thần, thờ lạy lửa và sa vào đủ loại thói hư tật xấu. Các thánh Nirs và Giuse, đau buồn trước sự lầm lạc của họ, đã nhiệt thành cống hiến cho lợi ích của Hội Thánh Chúa Kitô. Được củng cố bởi ân sủng của Chúa Kitô và lòng nhiệt thành lẫn nhau, họ đã dẫn dắt nhiều người ngoại giáo trở lại đức tin vào Thiên Chúa Chân Thật và dạy dỗ họ về sự đạo đức.

Vào thời điểm đó, vua Sapor của Ba Tư đã phát động một cuộc đàn áp tàn bạo đối với các Kitô hữu[7993] , buộc họ phải thờ phượng mặt trời và lửa. Nghe tin Giám mục Nirsa cùng với Giuse, khi vạch trần sự lầm lạc của người Ba Tư, đã dẫn dắt nhiều người trong số họ trở về với Chúa Kitô, nhà vua đã ra lệnh bắt giữ họ và đưa đến trước mặt mình[7994] .

Một vị tu sĩ 80 tuổi cùng với môn đệ và đồng hành của mình đã ra trình diện trước mặt nhà vua. Trước mệnh lệnh của nhà vua rằng phải thờ lạy lửa hoặc chuẩn bị chịu cực hình và cái chết, các thánh nhân đã dũng cảm đáp lại:

– Nếu ngài, thưa vua, có thể sau khi chúng tôi qua đời mà làm cho chúng tôi sống lại bảy lần để chịu cực hình, thì ngay cả điều đó cũng không thể tách rời chúng tôi khỏi tình yêu dành cho Chúa Kitô.

Nghe câu trả lời của các vị thánh chứng nhân, những người tràn đầy quyết tâm chịu khổ vì Chúa Kitô, kẻ bách hại đầy giận dữ đã ra lệnh chặt đầu họ ngay lập tức.

Như vậy, các thánh tử đạo này đã nhận được vương miện bất diệt trên trời.

Lễ kính các thánh tử đạo là các linh mục Gioan, Saverius, Isaak, Hypatius và những người khác cùng với họ

Ngày tưởng niệm: 20 tháng 11

Các thánh tử đạo Gioan, Saverius, Isaak và Hypatius từng là các giám mục tại các thành phố khác nhau trên đất Ba Tư.

Khi Sapor, vị vua Ba Tư vô đạo và sùng bái lửa, ép buộc các Kitô hữu phải thờ phượng mặt trời và lửa, các thánh này đã củng cố đức tin cho các tín hữu để họ trở thành những môn đệ kiên định của Chúa Kitô, đồng thời dẫn dắt những người Ba Tư vô đạo trở về với Chúa Kitô. Họ vạch trần những lầm lạc của những kẻ thờ lửa, thuyết phục họ rằng mặt trời và lửa không phải là thần thánh, mà chỉ là những tạo vật được dựng nên để tôn vinh Đấng Tạo Hóa và phục vụ con người.

Khi tin tức về giáo lý của họ đến tai vua Sapor, ông đã cử binh lính và các quan đại thần đến những thành phố nơi các thánh nhân đang rao giảng, và ra lệnh bắt giữ họ.

Sau khi bị bắt, họ đã bình tĩnh ra trước tòa án của chính nhà vua. Ông quát tháo họ và nói:

– Các ngươi không biết sao rằng ta là con cháu của các vị thần, ta cầu nguyện với mặt trời và tôn kính ngọn lửa? Còn các ngươi, các ngươi là ai mà dám chống lại các sắc lệnh của ta, coi thường mặt trời và coi ngọn lửa chẳng là gì cả?

Các vị thánh đồng thanh tuyên xưng đức tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất.

[7992] Vào đầu thế kỷ IV.

[7993] Cuộc đàn áp các Kitô hữu ở Ba Tư diễn ra vào khoảng nửa đầu thế kỷ IV.

[7994] Các thánh Nirs và Giuse đã bị bắt giữ và giam cầm tại thành phố Sciagarcadate của Ba Tư vào năm thứ tư của cuộc bách hại do Sapor phát động (khoảng năm 343–347), và bị chém đầu vào ngày 20 tháng 11.

– Vì lợi ích của chúng ta, – các thánh nhân nói, – Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho mặt trời và lửa tồn tại. Đức Chúa Trời Chân Thật là Đấng Duy Nhất, Đấng đã tạo dựng vạn vật, và chỉ một mình Ngài mới xứng đáng được thờ phượng và vinh quang.

Nghe vậy, nhà vua thốt lên:

– Có vị Thần nào vinh quang hơn Ormuzd hay ai đáng sợ hơn Ahriman[7995] ?

Và ai có thể được gọi là người khôn ngoan, nếu không thờ phượng mặt trời?!

Giám mục Saverio một lần nữa thay mặt mọi người tái khẳng định lời tuyên xưng đức tin:

– Thưa bệ hạ, chúng tôi không biết vị Thần nào khác ngoài Đấng đã tạo dựng trời và đất, mặt trời và mặt trăng, cùng mọi sự hữu hình và vô hình; và chúng tôi tin vào Con của Ngài, được gọi là Giê-su người Na-xa-rét.

Lúc đó, nhà vua ra lệnh đánh vào miệng vị thánh, và việc này được thực hiện với sự tàn bạo đến nỗi răng của ngài rụng hết. Nhà vua lại nói thêm một cách chế nhạo:

– Hãy kêu gọi Chúa Giê-su đến để Ngài gắn lại răng cho ngươi.

Khi Saverius gọi nhà vua là kẻ vô thần vì điều đó, ông bị đánh đòn đến suýt chết rồi bị ném vào ngục tối. Sau đó, kẻ tra tấn gọi thánh Isaak đến và hỏi ông với giọng đe dọa:

– Ngươi có cùng suy nghĩ với Saverio không, đến nỗi ta phải đổ máu ngươi nữa sao?

Được truyền cảm hứng từ tấm gương kiên định và lời tuyên xưng đức tin của Saverius, Thánh Isaak đã trả lời nhà vua như sau:

– Sự đồng lòng của chúng tôi, thưa hoàng đế, chính là sự khôn ngoan cao cả nhất mà ngài không thể thấu hiểu.

Bực bội trước sự kiên định của các Kitô hữu, nhà vua đe dọa sẽ cắt lưỡi Thánh Isaac nếu ông tiếp tục nói những lời như vậy. Sau đó, nhà vua chuyển sang phần thứ hai của cáo buộc do các pháp sư Ba Tư[7996] đưa ra chống lại Thánh Isaac và yêu cầu ông giải trình tại sao lại xây dựng các nhà thờ Kitô giáo?

Trước điều đó, Isaak trả lời:

– Vậy thì khi nào tôi mới ngừng làm việc này, để danh Chúa được tôn vinh ngay cả giữa những người ngoại đạo chứ?!

Khi đó, nhà vua quay sang những quý tộc trong thành, những người trước đó, khi chứng kiến sự tàn bạo của nhà vua, đã từ bỏ đạo Kitô. Ông đã chỉ trích họ gay gắt và đe dọa sẽ xử tử nếu họ quay trở lại với đức tin Kitô giáo. Ông thề rằng, chừng nào còn trị vì, ông sẽ không dung thứ cho bất kỳ người Kitô hữu nào trong vương quốc của mình. Sau đó, ông ra lệnh cho những kẻ bội đạo đang run rẩy vì sợ hãi ném đá vào Isaac. Và quả thực, chính những quý tộc bội đạo đó đã ném đá vào giám mục của họ tại trại quân bên ngoài thành phố.

Sau đó, tất cả người Ba Tư, đặc biệt là các công dân quý tộc và các quan chức, đều nổi dậy chống lại người Kitô hữu. Như vậy, Gioan, giám mục thành Seleucia, người đang bị giam cầm trong ngục tối tại lâu đài Vet-Gascita, đã bị giết theo lệnh của quan chức thành Gadia. Một người khác tên Isaac – linh mục của làng Gulsaly – cũng bị ném đá đến chết.

Còn vị chứng nhân Saverio thì hai ngày sau đã qua đời trong ngục vì những cực hình phải chịu. Khi tin này được báo lên vua, vì cơn giận dữ, ông ta không tin vào tin tức đó và ra lệnh chặt đầu người đã chết rồi dâng lên cho ông ta.

Bất chấp những quan lại phản bội của vua Sapor, những người đã khiếp sợ trước sự tàn bạo của ông, nhiều Kitô hữu trong hàng giáo dân vẫn kiên định trong đức tin và, noi gương các mục tử của mình, dũng cảm bước vào cuộc chịu khổ vì Chúa Kitô.

Như vậy, Azat, một hoạn quan dưới trướng quan tổng trấn Gadiyab, đã bị lôi kéo cùng với những Kitô hữu khác đến đền thờ, nơi người Ba Tư dâng lễ vật. Tuy nhiên, được nuôi dưỡng trong đạo Kitô từ thuở nhỏ, ông cùng

---

[7995] Ormuzd – tên của vị thần tối cao trong tín ngưỡng của người Ba Tư cổ đại. Họ tôn kính ngài như vị thần khôn ngoan, đấng sáng tạo ra cả thế giới, người đã tạo ra mặt trời, mặt trăng, các vì sao, bầu trời, trái đất, nước và con người; theo tín ngưỡng của họ, ngài là bạn và người bảo vệ điều thiện, kẻ thù của những kẻ dối trá, người trừng phạt sự bất công. Trong tôn giáo của người Ba Tư, Ahriman là hiện thân của cái ác. Hắn luôn ở trong cuộc chiến không ngừng với vị thần thiện lành Ormuzd và cố gắng gieo rắc mầm mống của cái ác vào tác phẩm sáng tạo của ngài. Do đó, Ahriman là nguồn gốc của những thế lực tự nhiên gây hại, bệnh tật, mất mùa và các thảm họa khác.

[7996] Các pháp sư của người Ba Tư là thành viên của một cộng đồng tư tế khép kín. Ban đầu, họ là những người bảo tồn toàn bộ nền giáo dục khoa học và các nghi lễ tôn giáo; họ tự xưng là những người có khả năng dự đoán tương lai dựa trên vị trí của các vì sao, và được nhân dân kính trọng vô cùng cũng như có ảnh hưởng chính trị rất lớn.

với các tín hữu khác đã lên án những kẻ vô đạo và từ chối dâng lễ vật cho mặt trời, vì biết *rằng "những người ngoại đạo khi dâng lễ vật thì dâng cho ma quỷ, chứ không phải cho Thiên Chúa"* (1 Cr 10,20; x. Đnl 32,17).

Vì điều này, họ đã phải chịu nhiều hình thức tra tấn khác nhau.

Sau đó, Azat bị một kẻ bội đạo siết cổ đến chết. Cùng với ông, Sasoni cũng bị tra tấn và giết chết.

Một tín hữu Kitô giáo tên là Áp-ra-ham bị móc mắt bằng những chiếc đinh nung đỏ, khiến ông qua đời hai ngày sau đó trong những cơn đau đớn khủng khiếp, nhưng vẫn không ngừng kêu cầu danh Chúa Kitô.

Simeon – một tín hữu Kitô giáo – đã bị người Ba Tư chôn xuống đất đến ngang ngực và bị bắn xuyên qua phần thân thể còn lộ ra ngoài bằng những mũi tên.

Cũng trong cuộc bách hại này tại xứ Ba Tư, nhiều phụ nữ và thiếu nữ Kitô hữu đã được vinh danh bằng vương miện tử đạo, sánh ngang với các vị thánh nam đã được nêu tên trong tình yêu dành cho Chúa Kitô.

Như vậy, các thiếu nữ Thekla và Anna, cùng với họ là Boguta – người vợ quý phái, Mamia, Tatona, Mama và Nina, cùng nhiều người khác, những người đã không ngần ngại vạch trần sự vô đạo của người Ba Tư và sự tàn bạo của kẻ bách hại, đã bị chém chết bằng gươm. Mảnh đất được tưới bằng máu của các nữ tử đạo này đã nảy mầm một cây sung mang lại sự chữa lành, như thể để vạch trần kẻ bách hại. Một thời gian sau, những kẻ dị giáo Manichean, không chịu đựng được phép lạ này – qua đó chính đất đai đã làm chứng về đức tin chân chính của các nữ tín hữu Chúa Kitô – đã chặt phá cây sung ấy; nhưng vì điều đó, họ đã bị trừng phạt bằng một căn bệnh tàn khốc.

Cũng vậy, trên đất Ba Tư, Chúa đã dựng nên một đoàn thể đông đảo các vị tử đạo và những người làm chứng, những người đã chịu đau khổ vì Chúa Kitô.

Ngày 4 tháng 12

Ngày 21 tháng 11 (theo lịch cũ)

Truyền thuyết về Lễ Đức Mẹ Đồng Trinh Maria vào Đền Thờ

Ngày kỷ niệm 21 tháng 11

Khi Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, tròn ba tuổi, cha mẹ thánh thiện và công chính của Người, ông Joachim và bà Anna, đã quyết định thực hiện lời hứa của mình – dâng đứa con mà họ sinh ra để phụng sự Thiên Chúa. Họ đã triệu tập tại Nazareth, nơi họ cư ngụ, tất cả các họ hàng thuộc dòng dõi hoàng gia và dòng dõi các giám mục – vì chính thánh Gioakim công chính thuộc dòng dõi hoàng gia, còn phu nhân của ngài, thánh Anna, thuộc dòng dõi các giám mục – cũng như đoàn các trinh nữ vô nhiễm; họ đã chuẩn bị nhiều ngọn nến và bao quanh Đức Trinh Nữ Maria bằng sự trang nghiêm hoàng gia, như tất cả những điều này đã được các vị Thánh Cha làm chứng.

Thánh Giacôbê, Tổng Giám mục Giêrusalem, thay mặt cho Gioakim, đã nói như sau:

– Hãy gọi các thiếu nữ Do Thái trinh khiết đến để họ cầm những ngọn nến đang cháy.

Thay mặt cho bà Anna công chính, Thánh Germanus, Tổng Giám mục Constantinopolis, nói:

– Tôi đang thực hiện trước mặt Chúa lời hứa mà bà đã thốt lên trong lúc đau buồn, và vì thế tôi đã tập hợp một đoàn thiếu nữ cầm nến, triệu tập các linh mục, mời các thân nhân, và nói với mọi người: "Hãy cùng tôi vui mừng, vì giờ đây tôi đã trở thành người mẹ và người sinh ra, không phải dâng Con gái mình cho vua trần gian, mà là cho Thiên Chúa, Vua Trời."

Về trang phục hoàng gia của Đức Trinh Nữ, Thánh Theophylact, Tổng Giám mục Bulgaria, đã nói:

– Việc rước Đức Trinh Nữ Thánh Thiện nhất phải xứng đáng với Ngài, để viên Ngọc quý sáng chói và vô giá ấy không bị vấy bẩn bởi y phục tầm thường; chính xác là phải mặc cho Ngài y phục hoàng gia, nhằm mang lại vinh quang và sự trang nghiêm tột bậc.

Sau khi chuẩn bị xong mọi điều cần thiết cho lễ rước trang nghiêm và vinh quang, họ lên đường từ Nazareth đến Jerusalem, hành trình kéo dài ba ngày.

Khi đến thành Giê-ru-sa-lem, họ long trọng bước vào đền thờ và dâng lên đó Đền Thờ Sống của Thiên Chúa, cô bé ba tuổi, Đức Trinh Nữ Maria. Đi trước Ngài là đoàn thiếu nữ cầm những ngọn nến đang cháy , như lời chứng của Thánh Tarasius, Tổng Giám mục Constantinopolis, người đã đặt vào miệng Thánh Anna những lời sau:

– Hãy bắt đầu (cuộc rước) đi, hỡi các thiếu nữ cầm nến, và hãy đi trước tôi cùng Đấng Trinh Nữ Thiên Chúa.

Còn các thánh phụ huynh, một người ở bên này, một người ở bên kia, nắm tay Con gái do Thiên Chúa ban tặng, đã dẫn dắt Người giữa hai người với sự dịu dàng và tôn kính. Theo sau họ là đông đảo họ hàng, hàng xóm và bạn bè, tay cầm nến và vây quanh Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, như những vì sao bao quanh mặt trăng sáng, khiến cả thành Giê-ru-sa-lem phải kinh ngạc. Thánh Theophylact mô tả cảnh tượng này như sau:

– Con gái rời bỏ nhà cha mình và được dẫn đến trước mặt Vua, Đấng đã say mê vẻ đẹp của Người – Người không được dẫn đi một cách thiếu tôn kính hay thiếu vinh quang, mà là trong một lễ tiễn đưa long trọng. Nàng được đưa ra khỏi nhà cha mẹ trong vinh quang, trong tiếng vỗ tay nồng nhiệt của mọi người khi Nàng bước ra; theo sau cha mẹ Nàng là họ hàng, hàng xóm và tất cả những ai yêu mến họ; các ông bố cùng vui mừng với người cha, các bà mẹ cùng vui mừng với người mẹ; các thiếu nữ và trinh nữ, tay cầm nến, đi trước Nữ Trinh Thiên Chúa. Toàn bộ Giê-ru-sa-lem, như một vòng tròn sao rực rỡ cùng với mặt trăng, đã tụ tập để chứng kiến lễ tiễn đưa chưa từng có này và chiêm ngưỡng Nữ Trinh ba tuổi, được bao quanh bởi vinh quang rực rỡ và được tôn kính bằng những ngọn nến. Và không chỉ cư dân của Giê-ru-sa-lem trần gian, mà cả cư dân của Giê-ru-sa-lem trên trời – các Thiên thần thánh thiện – cũng đổ về để chứng kiến lễ rước vinh quang của Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, và khi chứng kiến, họ đã kinh ngạc trước những gì Giáo Hội ca ngợi: "Các Thiên thần nhìn thấy Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm Nguyên Tội bước vào, đã kinh ngạc: làm sao một Trinh Nữ lại có thể bước vào Nơi Thánh Thiện nhất"[7997] .

Hòa cùng đoàn ca hữu hình của các trinh nữ vô nhiễm, đoàn ca vô hình của các thiên thần vô hình đã tiến bước, dẫn Đức Trinh Nữ Maria vào Nơi Thánh Thánh nhất và, theo lệnh của Chúa, bao quanh Người như một bình thánh được Chúa chọn. Về điều này, Thánh Giô-rê-gi, Tổng Giám mục Nicomedia, đã nói như sau:

– Cha mẹ đã dắt Trinh Nữ, được các Thiên thần vây quanh, đến cửa nhà thờ, trong niềm hân hoan chung của tất cả các thế lực trên trời. Bởi vì các Thiên thần, dù không biết sức mạnh của mầu nhiệm, nhưng theo lệnh của Chúa, đã phục vụ khi Ngài bước vào nhà thờ. Vậy nên, trước hết, họ kinh ngạc khi thấy rằng Ngài sẽ là bình quý báu của các đức hạnh, rằng Ngài mang những dấu hiệu của sự trong sạch vĩnh cửu và có thân xác mà không bao giờ bị vấy bẩn bởi bất kỳ tội lỗi nào; và thứ hai, khi thực hiện ý muốn của Chúa, họ đã hoàn thành nhiệm vụ được giao phó.

Như vậy, với vinh quang và danh dự, không chỉ bởi con người mà còn bởi các Thiên thần, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm đã được rước vào Đền Thờ Chúa. Và điều đó thật xứng đáng: bởi vì nếu Hòm Giao Ước Cựu Ước, chứa đựng manna và chỉ là hình bóng của Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, đã được rước vào Đền Thờ với vinh quang lớn lao, trước sự chứng kiến của toàn thể dân Israel, thì việc rước vào Đền Thờ chính Hòm Bia sống động[7998] – vốn chứa manna, tức là Đức Kitô – của Đức Trinh Nữ vô cùng phúc lành, Đấng được định sẵn làm Mẹ Thiên Chúa, càng phải được thực hiện với vinh quang lớn lao hơn, trước sự chứng kiến của các Thiên Thần và loài người.

Khi đưa Hòm Giao Ước Cựu Ước vào Đền Thờ Chúa, đi đầu là vị vua trần gian, người lúc bấy giờ đang trị vì dân Israel, đó là Vua Đa-vít, Cha của Đức Chúa Trời; còn khi đưa Hòm Giao Ước đầy ân sủng này, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, vào Đền Thờ Chúa, người đi trước không phải là vị vua trần gian, mà là Vua Thiên Đàng, Đấng mà chúng ta hằng ngày cầu nguyện: "Đức Vua trên trời, Đấng an ủi, Linh hồn của sự thật". Chính Đức Vua này đã dẫn đường cho Con Gái vương giả này, và Giáo Hội thánh thiện đã làm chứng về điều này trong các bài thánh ca hiện nay như sau: "Trong các thánh, Đấng Thánh nhất, Đấng Thánh và Vô nhiễm được Thánh Thần dẫn vào"[7999] . Khi rước Hòm Giao Ước, có âm nhạc và tiếng hát, vì Đa-vít đã ra lệnh cho các thủ lĩnh của dòng Lê-vi sắp xếp các ca sĩ để họ chơi đàn organ[8000] , đàn Thánh Vịnh[8001] , đàn kim-va[8002] và đàn gu-sla[8003] , đồng thời hát những bài ca vui

---

[7997] Điệp khúc của bài ca thứ chín trong kinh điển.

[7998] Kivot, Hòm Giao Ước – một chiếc hòm gỗ, bên ngoài được bọc vàng. Bên trong chứa: các Bảng Giao Ước, manna và cây gậy của Aaron. Nó là hình ảnh tiên phong của Đức Mẹ, chính vì vậy mà Đức Trinh Nữ Maria còn được gọi là Kivot và Hòm Giao Ước.

[7999] Bài thánh ca lễ trong Thánh Lễ Chiều Lớn.

[8000] Đàn organ – một nhạc cụ thánh, có lẽ thuộc loại sáo (nhạc cụ của các mục đồng).

[8001] Thánh vịnh – nhạc cụ dây, thuộc loại đàn hạc hoặc đàn lyre. Chủ yếu được dùng để đệm cho các bài thánh ca hoặc các bài thánh thi.

[8002] Kimval – nhạc cụ gõ, gồm hai vòng kim loại rộng, khi va vào nhau sẽ phát ra âm thanh lớn.

mừng; khi Đức Trinh Nữ Rất Thánh được rước vào, không phải âm nhạc và tiếng hát trần gian đã góp phần vào niềm vui ấy, mà là tiếng hát của các Thiên thần, những vị đã hiện diện một cách vô hình tại đó. Bởi vì khi Ngài bước vào Nơi Thánh Cực Thánh để phụng sự Chúa, các Thiên thần đã cất tiếng hát bằng giọng nói thiên đàng, điều mà Giáo Hội ngày nay vẫn tưởng nhớ, khi hát trong bài Kondak[8004] : "Đem ân sủng đến, trong Thánh Thần Thiên Chúa, mà các Thiên Thần của Chúa đang ca ngợi: đây là nơi cư ngụ trên trời". Tuy nhiên, lễ rước Đức Mẹ Vô Nhiễm vào Đền Thờ cũng không thiếu những bài thánh ca của loài người. Bởi vì bà Anna công chính (theo lời Thánh Tarasius) đã nói với các trinh nữ đi phía trước:

– Hãy cất lên bài ca ngợi khen Ngài, hãy hát cho Ngài theo tiếng đàn hạc, hãy cất cao bài ca thiêng liêng dâng lên Ngài, hãy tôn vinh Ngài bằng cây đàn Thánh vịnh mười dây.

Điều này cũng được Giáo Hội nhắc lại khi nói: "Gioakim và Anna hân hoan trong Thánh Thần, và các trinh nữ hát ngợi khen Chúa, hát các thánh vịnh và tôn vinh Mẹ Ngài"[8005] .

Từ đó, chúng ta thấy rằng đoàn trinh nữ, những người đã đi trước Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm lúc bấy giờ, đã hát một số bài ca trích từ Thánh vịnh của Đa-vít.

Theo đó, người soạn thảo kinh cầu hiện tại cũng nói với các trinh nữ này: "Hãy bắt đầu đi, hỡi các trinh nữ, và hãy hát những bài ca, tay cầm nến"[8006] .

Còn chính các thánh cha mẹ công chính Giô-a-kim và Anna, theo lời chứng của Thánh Ta-ra-xi-ô, đã cất lên trên môi bài ca của tổ phụ Đa-vít như sau: *"Hỡi con gái, hãy nghe, hãy nhìn, hãy nghiêng tai con lại, và hãy quên dân tộc con cùng nhà cha con đi. Và Vua sẽ say mê vẻ đẹp của con"* (Thánh vịnh 44:11–12).

Để chào đón sự rước vào long trọng này của Đức Trinh Nữ, theo lời kể của Thánh Theophylact, các linh mục phục vụ trong đền thờ đã bước ra và với những bài thánh ca, họ đã đón tiếp Đức Trinh Nữ Rất Thánh, Đấng sẽ trở thành Mẹ của Vị Thượng Tế Vĩ Đại, Đấng đã vượt qua các tầng trời[8007] . Khi đưa Ngài đến cửa đền thờ, thánh Anna (như thánh Tarasius đã viết) đã nói như sau:

– Hãy đi, Con gái của mẹ, đến với Đấng đã ban Con cho mẹ; hãy đi, Hòm Giao Ước Thánh, đến với Chúa nhân từ; hãy đi, Cánh Cửa Sự Sống, đến với Đấng Ban Ơn đầy lòng thương xót; hãy đi, Hòm Chứa Lời Chúa, đến với nhà thờ của Chúa; hãy bước vào nhà thờ của Chúa, Niềm Vui và Sự Hân Hoan của thế gian.

Còn với Zacharias, với tư cách là một nhà tiên tri, một vị thượng tế và người thân của mình[8008] , bà đã cùng với Joachim nói:

– Hãy nhận lấy, Zacharias, chiếc lều tinh khiết; hãy nhận lấy, vị tư tế, Hòm Bia vô tì vết; hãy nhận lấy, vị tiên tri, Lư hương than vô hình; hãy nhận lấy, người công chính, Lư hương thiêng liêng.

Và còn bà Anna công chính, như thánh German kể lại, đã nói với vị thượng tế:

– Hãy nhận lấy, hỡi vị tiên tri, Con gái của tôi, Đấng do Thiên Chúa ban tặng; hãy nhận lấy và, sau khi đưa vào, hãy đặt Ngài trên núi thánh, trong nơi ở do Thiên Chúa chuẩn bị sẵn, đừng hỏi han gì cả, cho đến khi Thiên Chúa, Đấng đã kêu gọi Ngài đến đây, tiết lộ một cách dứt khoát ý muốn của Ngài về Ngài.

Ở đó, – như Thánh Giê-rô-ni-mô viết, – có mười lăm bậc thang ở lối vào nhà thờ, tương ứng với mười lăm Thánh vịnh bậc thang, vì trên mỗi bậc thang này, các linh mục và người Lê-vi khi bước lên để cử hành thánh lễ đều hát một Thánh vịnh riêng biệt[8009] . Vậy là, cha mẹ công chính đã đặt cô bé vô nhiễm tội lên bậc thang đầu tiên. Ngay lập tức, cô bé tự mình bước đi rất nhanh qua các bậc thang còn lại, không ai dắt tay hay đỡ nâng; khi lên đến bậc thang cao nhất, cô bé đứng lại, được củng cố bởi sức mạnh vô hình của Thiên Chúa. Mọi người đều ngạc nhiên khi thấy cô bé ba tuổi leo lên những bậc thang này nhanh đến vậy, và đặc biệt là vị thượng tế vĩ đại Zacharias đã vô cùng kinh ngạc; với tư cách là một nhà tiên tri, nhờ sự mặc khải của Thiên Chúa, ông đã nhìn thấu tương lai của

---

[8003] Guśli – nhạc cụ dây, có hình tam giác.

[8004] Kondak là bài thánh ca ngắn gọn thể hiện bản chất của ngày lễ.

[8005] Bài thánh ca trong Thánh lễ Chiều Lớn.

[8006] Canon, bài hát thứ 4.

[8007] "Đấng Thượng Tế vĩ đại đã vượt qua các tầng trời" ở đây tất nhiên là Chúa Giêsu Kitô. Hê-bơ-rơ 4:14.

[8008] Theo truyền thuyết, đây chính là Zacharias, cha của Gioan Tẩy Giả. Phúc Âm gọi ông là linh mục thuộc dòng dõi Abie (Lc 1:5).

[8009] Mười lăm bậc thang này nằm ở lối vào nơi thánh, nơi mà không ai được phép vào, ngoại trừ các linh mục và Thượng tế. Khi bước lên nơi thánh, các linh mục hát một thánh vịnh trên mỗi bậc thang; khi bước từ bậc này sang bậc khác, họ hát tổng cộng 16 thánh vịnh; do đó các thánh vịnh này được gọi là "các bài ca bậc thang" hoặc "các thánh vịnh bậc thang". Theo thứ tự, đó là các thánh vịnh 119–133 (Thánh vịnh 119:1–7, 133:1–3).

Trinh Nữ này, bởi vì, theo lời của Theophylact, ông đã được Thánh Thần ngự xuống. Thánh Tarasius cũng nói về điều này rằng Zacharia, được tràn đầy Thánh Thần, đã thốt lên:

– Ôi Trinh Nữ tinh khiết! Ôi Trinh Nữ chưa từng biết đến sự cám dỗ! Ôi Trinh Nữ xinh đẹp! Ôi niềm vinh quang của các người phụ nữ! Ôi vẻ đẹp của các thiếu nữ! Ngươi được chúc phúc giữa các người phụ nữ! Ngươi được tôn vinh tột bậc bởi sự tinh khiết, Ngươi được đóng ấn bởi sự trinh khiết, Ngươi là sự giải thoát cho lời thề của A-đam!

Thánh German cho biết, khi ôm Nữ Trinh trong tay, Zacharias – với tâm hồn tràn đầy niềm vui – đã dẫn Người vào Nơi Thánh Cực Thánh[8010] , và nói với Người như sau:

– Hãy đi, sự ứng nghiệm của lời tiên tri của ta, hãy đi, sự hoàn thành những lời hứa của Chúa, hãy đi, dấu ấn của giao ước Ngài, hãy đi, sự bày tỏ ý định của Ngài, hãy đi, sự ứng nghiệm những mầu nhiệm của Ngài, hãy đi, tấm gương của mọi vị tiên tri, hãy đi, sự đổi mới cho những ai đã mục nát vì tội lỗi, hãy đi, Ánh sáng cho những ai đang nằm trong bóng tối, hãy đi, Món Quà Thần Thánh mới nhất. Bây giờ hãy bước vào phần dưới của đền thờ Chúa của con, nơi con người có thể tiếp cận, và sau một thời gian ngắn – vào phần trên, nơi họ không thể tiếp cận.

Cô bé, trong niềm hân hoan và vui mừng tột độ, bước vào nhà Chúa như vào cung điện, vì dù còn nhỏ tuổi, mới chỉ ba tuổi, nhưng đã được hoàn thiện nhờ ân sủng của Thiên Chúa, như Đấng đã được Thiên Chúa tiền định và tiền chọn từ trước khi tạo dựng vũ trụ.

Vậy là Đức Trinh Nữ Maria, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đấng Được Chúc Phúc, đã được đưa vào Đền Thờ Chúa. Lúc đó, Thượng tế Zacharia đã thực hiện một việc phi thường và khiến mọi người kinh ngạc: ông đã dẫn cô bé vào chính nơi thánh điện được xây dựng kỹ lưỡng nhất, được gọi là "Nơi Thánh Cực Thánh", nằm phía sau bức màn thứ hai, nơi có Hòm Giao Ước được bọc vàng từ mọi phía, và các Thiên Thần Cherubim vinh quang che chở nơi thánh (Hê-bơ-rơ 9:3–5), nơi không chỉ phụ nữ mà ngay cả các tư tế cũng không được phép vào, mà chỉ có Thượng tế Zacharia mới được phép vào đó, một lần trong năm. Tại đó, Thượng tế Zacharia đã dành cho Đức Trinh Nữ Maria một chỗ để cầu nguyện. Còn tất cả các trinh nữ khác sống trong đền thờ, theo lời chứng của Thánh Cyril thành Alexandria và Thánh Grêgôriô thành Nyssa, được dành một nơi để cầu nguyện giữa nhà thờ và bàn thờ[8011] . Không một trinh nữ nào trong số họ được phép đến gần bàn thờ dưới bất kỳ hình thức nào, vì điều này bị các thượng tế nghiêm cấm; Còn Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, kể từ khi Ngài được dâng vào Đền Thờ, không bị cấm vào thánh đường bên trong, qua bức màn thứ hai, để cầu nguyện tại đó mỗi giờ. Điều này được thực hiện bởi vị Thượng tế: theo sự soi dẫn huyền bí của Thiên Chúa, điều mà Thánh Theophylact đã nói như sau:

– Vị Thượng tế, lúc bấy giờ như mất hồn, được Thánh Thần của Thiên Chúa bao trùm, đã nhận ra rằng thiếu nữ này là nơi chứa đựng ân sủng thần thánh, và rằng Ngài xứng đáng hơn ông để luôn hiện diện trước Dung nhan Thiên Chúa. Nhớ lại những gì Luật Mô-sê đã quy định về Hòm Giao Ước, rằng nó phải được đặt trong Nơi Thánh Cực Thánh, ngài lập tức nhận ra rằng điều này đã được tiên báo dành cho Trinh Nữ này; không hề do dự hay chần chừ, ngài đã dám, bất chấp luật pháp, đưa Ngài vào Nơi Thánh Cực Thánh.

Như Thánh Giê-rô-ni-mô đã nói, cha mẹ công chính là Gio-a-kim và Anna, sau khi phó thác con mình cho ý muốn của Cha Trên Trời, đã dâng lễ vật, của lễ và lễ toàn thiêu lên Thiên Chúa; và sau khi nhận được lời chúc lành từ Thượng tế và toàn thể hội đồng các linh mục, họ đã trở về nhà cùng với tất cả họ hàng, về nhà và tổ chức một bữa tiệc tại đó, vui mừng và tạ ơn Thiên Chúa. Còn Đức Trinh Nữ vô cùng thánh thiện, ngay từ khi mới sinh đã được đưa vào khu nhà dành cho các thiếu nữ trong Đền Thờ Chúa, bởi vì Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, do vua Sa-lô-môn xây dựng, sau đó bị phá hủy và được Xô-rô-ba-bên tái thiết[8012] , có rất nhiều khu nhà ở, như nhà sử học Do Thái cổ đại Giô-sép đã ghi chép[8013] . Bên ngoài, dọc theo tường Đền Thờ có ba mươi tòa nhà bằng đá, tách biệt nhau, rộng rãi và rất đẹp; trên một số tòa nhà có các tòa nhà khác, trên những tòa nhà khác lại có thêm các tòa nhà thứ ba, nên tổng số lên đến chín mươi, và chúng đều được trang bị đầy đủ tiện nghi để sinh sống. Chiều cao của chúng ngang bằng với chiều cao của đền thờ; chúng như những cột trụ, từ bên ngoài chống đỡ các bức tường của

---

[8010] Nơi Thánh Thánh – là phần quan trọng nhất và thiêng liêng nhất của đền thờ. Chỉ có Thượng tế mới được phép vào đó, và chỉ một lần trong năm.

[8011] Tức là tiền sảnh của các thầy tế lễ, nơi dâng các của lễ và hai bên là các phòng ở dành cho những người được hiến dâng cho Đức Chúa Trời, – và Nơi Thánh.

[8012] Đền thờ của Salômôn đã bị Nebuchadnezzar, vua Babylon, phá hủy. Đền thờ mới được Zorobabel xây dựng lại 62 năm sau khi đền thờ đầu tiên bị phá hủy.

[8013] Ông sống vào thế kỷ I sau Công nguyên.

đền thờ. Trong những tòa nhà này có các phòng dành cho những người khác nhau; các trinh nữ, những người đã hiến dâng mình để phụng sự Đức Chúa Trời cho đến một thời điểm nhất định, sống riêng biệt; các góa phụ, những người đã thề với Đức Chúa Trời sẽ giữ sự trong sạch của mình cho đến khi chết, như nữ tiên tri Anna, con gái của Phanuel, cũng sống riêng biệt; còn các nam giới được gọi là những người Nazarene[8014] , sống độc thân giống như các tu sĩ, cũng cư ngụ riêng biệt. Tất cả những người này đều phụng sự Chúa tại đền thờ và được cung cấp sinh kế từ nguồn thu nhập của đền thờ. Các tòa nhà còn lại được dành riêng cho những người lữ hành và khách lạ, những người đến từ xa để thờ phượng tại Giê-ru-sa-lem.

Cô bé ba tuổi, Đức Trinh Nữ Maria, như đã nói, được đưa vào khu dành cho các thiếu nữ, và có những thiếu nữ lớn tuổi hơn, giỏi về chữ viết và thêu thùa, được cử đến chăm sóc Ngài, để Đức Trinh Nữ từ thuở ấu thơ đã được học cả chữ viết lẫn thêu thùa. Cha mẹ thánh là Gioakim và Anna thường xuyên đến thăm Ngài; Anna, với tư cách là người mẹ, đặc biệt thường xuyên đến thăm con gái mình và dạy dỗ Ngài. Theo lời chứng của Thánh Ambrose và nhà sử học George, Đức Trinh Nữ sớm thông thạo Kinh Thánh Cựu Ước của người Do Thái một cách hoàn hảo – và không chỉ Kinh Thánh, mà còn thành thạo cả nghề thủ công, như Thánh Epiphanius đã nói:

– Cô nổi bật bởi trí tuệ sắc sảo và lòng yêu mến việc học; không chỉ học hỏi từ Kinh Thánh, mà còn rèn luyện kỹ năng kéo sợi len và lanh, cũng như may vá bằng lụa. Bà khiến mọi người kinh ngạc bởi sự khôn ngoan của mình; chủ yếu bà dành thời gian cho những công việc có thể cần thiết cho các linh mục trong việc phụng vụ tại đền thờ; bà đã thành thạo các nghề thủ công này đến mức sau này, khi có Con của mình, bà có thể tự kiếm sống nhờ chúng; chính tay bà đã dệt cho Chúa Giêsu một chiếc áo choàng, không phải may mà là dệt toàn bộ.

Đối với Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm (như Thánh Epiphanius đã nói), cũng như các thiếu nữ khác, thức ăn thông thường được cung cấp từ đền thờ; nhưng những người nghèo và khách lữ hành đã ăn hết phần của Người, vì Người, như Giáo Hội ca ngợi, đã nuôi sống mình bằng bánh trời. Thánh German nói về Mẹ rằng Mẹ thường ở trong Nơi Thánh Cực Thánh, nhận lấy thức ăn ngọt ngào từ Thiên Thần; còn Thánh André de Crète[8015] thì nói như sau:

– Trong Nơi Thánh Cực Thánh, như trong cung điện, Mẹ đã nhận lấy thức ăn phi thường và bất hoại.

Bên cạnh đó, truyền thuyết còn cho biết rằng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm thường ngự trong lều thánh bên trong, nằm phía sau bức màn thứ hai và được gọi là "Nơi Thánh Cực Thánh", chứ không phải trong phòng ở thông thường dành cho các trinh nữ tại đền thờ – bởi vì mặc dù nơi ở của Người đã được chuẩn bị sẵn trong phòng đó, nhưng Người không bị cấm vào Nơi Thánh Cực Thánh để cầu nguyện. Khi đến tuổi trưởng thành, Ngài – người từ thuở thiếu thời đã học Kinh Thánh và siêng năng làm các công việc thủ công – càng chuyên tâm hơn vào việc cầu nguyện, và thường dành cả đêm lẫn phần lớn thời gian ban ngày để cầu nguyện. Ngài vào Nơi Thánh Thánh nhất để cầu nguyện, còn để làm việc thêu thùa thì Ngài trở về nơi ở của mình, vì theo luật, không được phép làm bất cứ việc gì hay mang bất cứ thứ gì vào Nơi Thánh Thánh nhất. Và phần lớn cuộc đời của Mẹ, Mẹ đã dành để cầu nguyện trong Đền Thờ, phía sau bức màn thứ hai, trong Lều Thánh bên trong, chứ không phải ở nơi ở được dành riêng cho Mẹ để làm việc thêu thùa. Chính vì thế, tất cả các vị Thầy của Giáo Hội đều nhất trí khẳng định rằng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, cho đến năm mười hai tuổi, đã dành trọn cuộc đời mình trong Nơi Thánh Thánh, vì từ đó Người hiếm khi ra khỏi phòng riêng của mình.

Cuộc sống của Ngài khi còn nhỏ ra sao, Thánh Giê-rô-ni-mô đã miêu tả như sau:

– Đức Trinh Nữ, ngay từ thuở ấu thơ và thời thơ ấu, khi còn ở trong đền thờ cùng với các thiếu nữ khác cùng tuổi, đã sống theo một trật tự nghiêm ngặt: từ sáng sớm cho đến ba giờ chiều, Người dành thời gian để cầu nguyện; từ ba giờ đến chín giờ, Người thực hành các công việc thủ công hoặc đọc sách; từ chín giờ, Người lại bắt đầu cầu nguyện và không ngừng lại cho đến khi Thiên Thần hiện ra với Người, từ tay Người ấy, Người thường nhận lấy thức ăn. Như vậy, Người ngày càng lớn lên trong tình yêu dành cho Thiên Chúa[8016] .

[8014] Những người Nazirite là những người đã thề hứa với Đức Chúa Trời rằng sẽ không kết hôn, kiêng rượu và mọi loại đồ uống gây say, cũng như không cắt tóc. Thông thường, việc tu hành theo truyền thống Nazirite kéo dài trong một khoảng thời gian nhất định, được thực hiện một cách tự nguyện vì nhiều lý do khác nhau; nhưng đôi khi cha mẹ cũng thề nguyện tu hành thay cho con cái của họ: đặc biệt là trong trường hợp họ không có con và mong muốn được Chúa ban cho con cái.

[8015] Sống vào thế kỷ VIII.

[8016] Người Do Thái tính giờ trong ngày kể từ lúc mặt trời mọc, theo đó giờ thứ 3 tương ứng với 9 giờ sáng của chúng ta; cuối giờ thứ 6 tương ứng với giữa trưa của chúng ta; từ giờ thứ 9 trở đi, ngày bắt đầu nghiêng về chiều.

Cuộc sống của Người thời thơ ấu, khi Người còn sống cùng các thiếu nữ cùng lứa tuổi, là như vậy. Trong khi ngày qua ngày, Người lớn lên và tinh thần ngày càng vững vàng, Người cũng hoàn thiện bản thân trong các việc lành, kiên định trong cầu nguyện và siêng năng lao động, ngày càng mạnh mẽ hơn, cho đến khi sức mạnh của Đấng Tối Cao ngự xuống trên Người. Về việc Thiên Thần hiện ra với Ngài và mang thức ăn đến, chính Thượng tế Zacharia đã tận mắt chứng kiến, như Thánh Grêgôriô Nicomedia đã kể lại khi nói:

– Trong khi Người ngày càng lớn lên, theo năm tháng, những ân sủng của Thánh Thần cũng ngày càng gia tăng trong Người, và Người luôn ở trong sự hiệp thông với các Thiên thần. Zacharia cũng đã biết điều này; vì khi ông, theo nghi thức của các tư tế, đang ở trong bàn thờ, thì thấy một người có dáng vẻ khác thường đang trò chuyện với Đức Trinh Nữ và dâng thức ăn cho Người. Đó chính là Thiên Thần hiện ra; và Zacharia ngạc nhiên, tự hỏi trong lòng: "Đây là hiện tượng mới lạ và kỳ diệu gì vậy? Hình dáng giống như Thiên Thần, lại đang trò chuyện với Trinh Nữ thánh thiện; dù vô hình về bản chất, Người lại mang đến thức ăn nuôi dưỡng thân xác, dù vô hình về bản chất, Người lại trao cho Trinh Nữ một giỏ thức ăn hữu hình." Sự hiện ra của Thiên thần ở đây chỉ xảy ra với các linh mục, và cũng không thường xuyên; còn đối với phái nữ, huống chi là một Trinh Nữ trẻ như vậy, sự hiện ra của Thiên thần, như đang diễn ra trước mắt, là điều hoàn toàn bất thường. Nếu Nàng thuộc số những người đã có chồng, và vì mắc chứng vô sinh mà cầu xin được ban cho một đứa con, như Anna đã từng cầu nguyện, thì tôi sẽ không ngạc nhiên trước hiện tượng mà tôi đang chứng kiến; nhưng Trinh Nữ lại không cầu xin điều đó[8017] ; Còn Thiên Thần thì luôn luôn, như tôi đang thấy lúc này, hiện ra với Người, khiến tôi càng thêm kinh ngạc, kinh hoàng và bối rối: điều này sẽ dẫn đến đâu? Thiên Thần đến để loan báo tin mừng gì? Và thức ăn mà Ngài mang đến có tính chất như thế nào? Nó được lấy từ kho tàng nào? Và ai đã chuẩn bị nó? Bàn tay nào đã làm ra bánh này? Bởi vì các Thiên thần không có thói quen lo lắng cho những nhu cầu của xác thịt; dù có nhiều người được các Thiên thần nuôi dưỡng, nhưng thức ăn đó vẫn do bàn tay con người chuẩn bị. Vị Thiên thần phục vụ Đa-ni-ên, dù có thể, nhờ quyền năng của Đấng Tối Cao, tự mình thực hiện điều được truyền lệnh mà không cần qua trung gian nào khác, nhưng Ngài vẫn sai Áp-ba-cum mang theo các bình đựng thức ăn đến, để người được nuôi dưỡng không bị hoảng sợ trước hình ảnh khác thường của Thiên thần và thức ăn lạ lùng ấy. Tại đây, chính Thiên Thần đã đến với Trinh Nữ – một sự việc đầy bí ẩn mà tôi không thể hiểu thấu; ngay từ thuở ấu thơ, Người đã được ban những ân sủng đến nỗi các thực thể vô hình cũng phục vụ Người. Điều này là gì? Chẳng phải những lời tiên tri của các ngôn sứ sẽ ứng nghiệm trên Người sao? Chẳng phải Người chính là mục đích của sự mong đợi của chúng ta sao? Chẳng phải từ Ngài, Đấng muốn đến cứu chuộc dòng dõi chúng ta, sẽ nhận lấy bản tính sao? Vì mầu nhiệm này đã được tiên báo từ trước, và Lời đang tìm kiếm Đấng có thể phục vụ cho mầu nhiệm ấy. Và chẳng phải có ai khác được chọn trước để phục vụ mầu nhiệm này, chính là: Trinh Nữ này, người mà tôi đang ngắm nhìn. Hỡi nhà Israel, ngươi thật hạnh phúc, từ đó đã nảy sinh hạt giống cao quý như vậy! Hỡi gốc rễ của Y-sê, ngươi thật hạnh phúc biết bao, từ đó đã nảy sinh cành cây này, sẽ mang đến cho thế gian hoa trái của sự cứu rỗi! Còn tôi, người được chiêm ngưỡng cảnh tượng này và đang chuẩn bị cho Trinh Nữ này trở thành cô dâu của Lời, cũng thật hạnh phúc biết bao.

Đây là những lời của Thánh Giê-rô-ni-mô. Giống như ngài, Thánh Giê-rô-ni-mô cũng nói:

– Mỗi ngày các Thiên thần đều viếng thăm Ngài, và nếu có ai hỏi tôi: "Trinh Nữ Vô Nhiễm đã trải qua thời thanh xuân ở đó như thế nào?", – tôi sẽ trả lời: điều này chỉ có chính Thiên Chúa và Tổng Lãnh Thiên Thần Gabriel, vị bảo vệ không rời xa của Người, cùng các Thiên Thần khác – những vị thường xuyên đến thăm Người và trò chuyện với Người trong tình yêu thương – mới biết.

Khi ở cùng các Thiên thần trong Nơi Thánh Thánh như vậy, Đức Trinh Nữ đã mong muốn sống mãi mãi trong sự trong sạch của các Thiên thần và sự trinh khiết nguyên vẹn. Theo lời chứng của các vị Thánh Giáo Phụ: Grêgôriô thành Nyssa, Giêrônimô và những vị khác, Đức Trinh Nữ này là người đầu tiên dâng trinh tiết của mình cho Thiên Chúa, bởi vì trong Cựu Ước, việc các trinh nữ không kết hôn là điều hiếm thấy, vì hôn nhân được coi trọng hơn trinh tiết[8018] . Còn Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm là người đầu tiên trên thế gian đã chọn sự trinh khiết thay vì hôn nhân, và sau khi dâng hiến trinh tiết cho Thiên Chúa, Người đã phụng sự Ngài bằng sự trinh khiết thuần khiết của mình ngày đêm. Thánh Thần Chí Thánh, nhờ ân sủng của Thiên Chúa Cha, đã chuẩn bị trong Người nơi cư ngụ cho Thiên Chúa Lời. Vậy, vinh quang và tạ ơn thuộc về Ba Ngôi Thánh, Đồng Bản Thể và Không Thể Tách

[8017] Tức là về việc ban cho nàng một đứa con trong bụng.

[8018] Vào thời đó, ai cũng mong muốn có con cái để ký ức về mình được lưu giữ lâu dài trên trần gian và để, nếu không phải chính họ thì con cháu họ có thể được hưởng những ân huệ trong vương quốc của Đấng Mê-si-a-Cứu Thế đang được mong đợi.

Rời; còn Đức Mẹ Trinh Nữ Maria, Nữ Vương của chúng ta, Đấng Luôn Luôn Trinh Nữ, xin nhận được sự tôn kính và ngợi khen từ muôn thế hệ cho đến muôn đời. Amen[8019] .

Bài ca Troparion, giọng 4:

Hôm nay là sự hiện thân tuyệt vời của ân sủng Thiên Chúa, và là lời rao giảng về sự cứu rỗi loài người, Đức Trinh Nữ hiện ra rõ ràng trong Đền Thờ Thiên Chúa, và loan báo Đức Kitô cho mọi người. Chúng ta cũng sẽ cất tiếng kêu lớn lên cùng Ngài: Hỡi Đấng là sự hoàn thành của ý định Đấng Tạo Hóa, xin vui mừng.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngôi đền thánh khiết của Đấng Cứu Thế, cung điện quý giá và Đức Trinh Nữ, kho tàng thiêng liêng của vinh quang Thiên Chúa, hôm nay được rước vào nhà Chúa, mang theo ân sủng, bởi Thánh Thần Thiên Chúa, mà các Thiên Thần của Thiên Chúa đang ca ngợi: "Đây là nơi cư ngụ trên trời."

Ngày 5 tháng 12

Ngày 22 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Công tước Mihaïl Tver

Ngày chịu tử đạo của Thánh nữ tử đạo Kikilia cùng các thánh tử đạo Valerian, Tivurtia và Maxim

Ngày tưởng niệm 22 tháng 11

Thánh trinh nữ Kikilia[8020] sinh ra tại Rome trong một gia đình danh giá và giàu có. Sau khi nghe lời rao giảng Tin Mừng, cô đã tin vào Chúa Kitô và, với lòng yêu mến nồng nàn dành cho Ngài, cô quyết tâm không kết hôn và giữ trọn sự trinh khiết của mình vì vị Hôn Phu Vô Tội – Chúa Kitô, Thiên Chúa. Nhưng cha mẹ cô, trái với ý muốn của cô, đã hứa gả cô cho một thanh niên ngoại đạo thuộc dòng dõi quý tộc tên là Valerian, và bắt cô phải mặc những bộ trang phục quý giá cùng trang sức bằng vàng. Nhưng dưới lớp áo quý giá, cô mặc trên người một chiếc áo lông thú thô ráp, còn trong lòng thì luôn hướng về Chúa Kitô và không ngừng cầu nguyện nồng nhiệt với Ngài, xin Ngài, theo ý Ngài, giữ cho cô được trong sạch, vô nhiễm và tự do khỏi mối quan hệ hôn nhân. Khi ngày cưới đến và tiệc cưới bắt đầu, nàng, thở dài từ tận đáy lòng tan nát, thầm kêu cầu Chúa: *"Xin cho lòng con được trong sạch theo các điều răn của Ngài, để con khỏi phải hổ thẹn"* (Thánh Vịnh 118:80).

Và cô đã khẩn thiết, trong nước mắt, cầu xin Ngài sai Thiên Thần của Ngài đến để bảo vệ sự trinh trắng của cô. Khi đêm xuống, cặp đôi mới cưới được dẫn vào phòng tân hôn, và Kikilia nói với chú rể của mình:

– Thưa chàng trai thân yêu, em muốn tiết lộ cho anh một bí mật: em có một vị bảo vệ trinh tiết mà anh không thể nhìn thấy – đó là Thiên Thần của Đức Chúa Trời, và nếu anh chạm vào em, Ngài sẽ giết anh ngay lập tức, vì Ngài đang đứng đây, sẵn sàng bảo vệ em khỏi mọi hành vi xâm phạm.

Nghe vậy, Valerian cảm thấy sợ hãi, vì quả thực bên cạnh Kikilia có một Thiên thần vô hình, được sai xuống từ trời để bảo vệ cô dâu của Chúa Kitô khỏi việc kết hôn với một chàng trai ngoại đạo. Anh bắt đầu van nài Kikilia cho anh thấy Thiên thần đó. Cô gái đáp lại:

[8019] Để tưởng nhớ sự kiện Đức Mẹ được dâng vào Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, Giáo Hội từ xa xưa đã thiết lập ngày lễ vào ngày 21 tháng 11. Có thể tìm thấy đề cập đến lễ này từ thế kỷ IV – trong các truyền thuyết của các Kitô hữu Palestine, những người cho đến nay vẫn chỉ ra vị trí của nhà thờ cổ kính dành cho Lễ Đức Mẹ Vào Đền Thờ và cho rằng việc xây dựng nhà thờ này là do Thánh Hoàng hậu Helena thực hiện. Vào thế kỷ IV, những đề cập đến ngày lễ này cũng được tìm thấy trong các tác phẩm của Grêgôriô Nissê. Vào thế kỷ VIII, như đã đề cập ở trên, các Đức Thượng phụ Germanus và Tarasius của Constantinopolis đã giảng dạy vào ngày này.

[8020] Tên Kikilia là biến thể của tên La Mã Cecilia, có nghĩa là *"người mù"*.

– Ngươi là kẻ không biết Đức Chúa Trời chân thật, nên không thể nhìn thấy Thiên Thần của Đức Chúa Trời, cho đến khi ngươi thanh tẩy bản thân khỏi sự ô uế của đạo ngoại giáo.

– Nhưng làm sao đây, – Valerian hỏi, – tôi có thể thanh tẩy được không?

– Có một vị tu sĩ già, – cô đáp, – tên là Urvan, một giám mục Kitô giáo: ngài có thể thanh tẩy những người ngoại đạo qua phép rửa tội và giúp họ có khả năng nhìn thấy các Thiên thần. Nếu ngươi muốn thanh tẩy bản thân và nhìn thấy Thiên Thần của Đức Chúa Trời, thì hãy đến gặp ngài và kể cho ngài nghe tất cả những gì ngươi đã nghe từ ta ở đây; và khi ngài đã thanh tẩy ngươi, thì hãy quay trở lại đây, ngươi sẽ nhìn thấy Thiên Thần và nhận được từ ngài bất cứ điều gì ngươi mong muốn.

– Nhưng tôi phải tìm vị tu sĩ già đó ở đâu đây? – Valerian hỏi.

– Hãy đi đi, – Kikilia đáp, – dọc theo con đường Appia[8021] và khi gặp những người ăn xin trên đường, hãy nói với họ: Kikilia, mong muốn truyền đạt một bí mật qua tôi cho vị tu sĩ già Urvan, đã sai tôi đến với các bạn để các bạn dẫn tôi đến gặp ngài.

Valerian lên đường và trên Đường Appia, đúng như lời người hứa hôn của mình, anh gặp những người ăn xin – những người rất quen thuộc với Thánh Kikilia vì bà thường hay bố thí cho họ: họ dẫn anh đến gặp Giám mục Urvan, người đang lẩn trốn khỏi những kẻ bắt bớ trong các ngôi mộ, hang động và những nhà thờ nghèo nàn bị tàn phá. Khi Valerian truyền đạt lại những lời của Thánh Kikilia cho ngài, vị giám mục vô cùng vui mừng và, quỳ gối xuống, giơ hai tay lên trời, ngài nói trong nước mắt:

– Này, đây là nữ tỳ của Ngài, lạy Chúa Giêsu, giống như con ong mang mật về cho Giáo hội! Chàng trai trẻ mà bà đã tiếp nhận như một con sư tử, bà đã gửi đến cho tôi như một con chiên ngoan ngoãn, bởi vì nếu chàng không tin lời bà, thì chàng đã không đến gặp tôi. Vậy nên, lạy Chúa, xin hãy mở lòng anh ấy để nhận biết lẽ thật cho đến cùng, – để anh ấy nhận biết Ngài, Đức Chúa Trời Chân Thật, và từ bỏ Satan cùng những việc làm của hắn.

Khi anh ta đang cầu nguyện như vậy, bỗng nhiên một vị tu sĩ già, dáng vẻ trang nghiêm, mặc áo trắng như tuyết và cầm một cuốn sách trên tay, xuất hiện; đứng trước Valerian, ông mở cuốn sách ra để đọc. Valerian, hoảng sợ trước cảnh tượng này, ngã xuống đất, nhưng vị tu sĩ già đã nâng anh ta dậy và nói:

– Hãy đọc đi, con trai ta, những gì được ghi trong cuốn sách này, và con sẽ được thanh tẩy và nhìn thấy Thiên Thần mà vị hôn thê của con đã hứa sẽ cho con thấy.

Valerian nhìn vào cuốn sách và đọc những lời được viết bằng vàng sau đây: *"Chỉ có một Chúa, một đức tin, một phép rửa, một Đức Chúa Trời và Cha của mọi người, Đấng ở trên mọi người, qua mọi người và trong mọi người chúng ta"* (Ê-phê-sô 4:5–6).

Khi Valerian đọc xong những lời này, vị tu sĩ già hiện ra đã hỏi anh:

– Con ơi, con có tin rằng đây là sự thật không, hay con vẫn còn nghi ngờ?

Valerian đã trả lời lớn tiếng:

– Quả thật, dưới trời này không có gì đáng tin cậy hơn những lời này.

Và ngay lập tức, người vừa xuất hiện bỗng trở nên vô hình, còn Giám mục Urvan, bắt đầu từ những lời mà Valerian vừa đọc, đã dạy dỗ Valerian một cách đầy đủ, rồi làm phép rửa tội cho anh và gửi anh trở về với vị hôn thê thánh thiện của mình.

Valerian, khi trở về nhà, thấy thánh Kikilia đang cầu nguyện trong phòng riêng của cô, và bên cạnh cô, anh thấy một Thiên thần của Chúa đang đứng đó, tỏa sáng rực rỡ với ánh sáng và vẻ đẹp vĩ đại; trong tay, Thiên thần cầm hai vòng hoa được đan từ hoa hồng đỏ và hoa loa kèn trắng, tỏa ra hương thơm kỳ diệu; Ngài đội một vòng hoa lên đầu thiếu nữ, và vòng hoa kia lên đầu Valerian, rồi nói:

– Hãy giữ lấy những vòng hoa này, đồng thời cả hai hãy luôn giữ lòng trong sạch và thân thể thanh khiết, – ta đã mang chúng từ thiên đàng đến cho các con và chúng có một đặc tính kỳ diệu là sẽ không bao giờ héo tàn hay mất đi hương thơm của mình, và không ai, ngoại trừ những người yêu mến sự trong sạch như các con, có thể nhìn thấy chúng. Còn anh, Valerian, đã đồng ý với quyết định của vị hôn thê anh là giữ gìn sự trong sạch: vì điều này, Đức Chúa Trời đã sai tôi đến với anh, để anh nhận được mọi điều anh xin nơi Ngài.

[8021] Đường Appia dẫn từ Roma đến miền nam Ý; được đặt tên theo tên người xây dựng, một người tên là Appius Claudius Mù vào thế kỷ IV trước Công nguyên; những tàn tích của con đường này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

– Trên đời này, tôi không có ai quý hơn anh trai tôi là Tivurtia, – Valerian đáp, cúi đầu chào Thiên Thần. – Vì vậy, tôi cầu xin Chúa cứu anh trai tôi khỏi sự diệt vong và quyền lực của ma quỷ, như Ngài đã cứu tôi, dẫn dắt anh ấy trở về với Ngài và ban cho cả hai chúng tôi được hoàn thiện trong việc xưng danh thánh của Ngài.

Vị Thiên Thần với khuôn mặt rạng rỡ nói với anh:

– Lời cầu xin của ngươi đã đẹp lòng Chúa, và Ngài sẽ thực hiện điều ngươi khao khát từ tận đáy lòng: Ngài sẽ cứu anh trai ngươi là Ti-vu-ti-a nhờ ngươi, như Ngài đã cứu ngươi nhờ cô gái ấy, và cả hai ngươi sẽ cùng nhau bước vào cuộc tử đạo.

Nói xong, Thiên thần biến mất, còn Valerian cùng thánh Kikilia thì vui mừng trong Chúa Kitô và dành thời gian cho những cuộc trò chuyện bổ ích cho tâm hồn.

Vào lúc đó, một ngày nọ, Tivurti đến gặp họ và nói:

– Thật kỳ lạ: tôi ngửi thấy hương thơm của hoa hồng và hoa huệ ở đây, nhưng hương thơm này từ đâu mà ra, khiến tôi say mê đến nỗi cảm thấy như toàn thân mình được tái sinh vậy?

– Anh quả thực đã được tận hưởng hương thơm đó, anh em thân mến, – Valerian đáp lại Tivurtius, – vì tôi đã cầu nguyện với Thiên Chúa cho anh, để anh cũng được ban cho vương miện bất diệt và yêu mến Đấng mà máu Ngài giống như hoa hồng, còn xác thịt Ngài như hoa huệ trắng.

– Tôi đang nghe điều này trong giấc mơ, hay anh đang nói sự thật? – Ti-vu-ti-u thốt lên.

– Cho đến nay, chúng ta thực sự đã sống như trong giấc mơ, – Valerian đáp: chúng ta đã thờ lạy các thần giả dối và những ác quỷ ô uế, còn bây giờ chúng ta đang sống trong lẽ thật và ân sủng của Đức Chúa Trời.

– Ai đã dạy ngươi điều này? – Tivurti hỏi.

– Chính Thiên Thần của Đức Chúa Trời đã dạy tôi, – Valerian đáp. – Và anh cũng sẽ có thể nhìn thấy Ngài, nếu anh thanh tẩy bản thân khỏi sự ô uế do thờ thần tượng gây ra.

Tivurti mong muốn được nhìn thấy Thiên Thần, nhưng Valerian nói rằng trước tiên cần phải tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, rồi nhận phép rửa thánh, sau đó mới có thể mong đợi sự hiện ra của Thiên Thần, còn Thánh Kikilia đã đảm nhận việc dạy dỗ Tivurti về những chân lý của đức tin Kitô giáo và chứng minh cho anh ta thấy – một mặt là sự giả dối của các vị thần ngoại đạo và sự bất lực của những tượng thần vô tri, mặt khác là sức mạnh và quyền năng vô biên của Đức Chúa Trời chân thật, là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta. Và những lời giảng dạy đầy khôn ngoan của vị thánh nữ đã có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến mức Tivurtia đã hoàn toàn từ bỏ đạo ngoại giáo và một lần nọ, ông đã nói với Kikilia:

– Tôi tin rằng không có Đức Chúa Trời nào khác ngoài Đức Chúa Trời của Kitô giáo, và từ nay tôi muốn phụng sự Ngài, Đấng Duy Nhất.

Nghe vậy, Kikilia vui mừng khôn tả và càng nhiệt thành hơn trong việc giảng dạy cho Tivurti, kể cho anh nghe về sự nhập thể của Con Thiên Chúa, về những phép lạ, những đau khổ tự nguyện và cái chết mà Ngài đã chịu vì tình yêu dành cho loài người. Còn Tivurti, phần mình, lòng càng thêm xúc động và tình yêu dành cho Chúa càng bừng cháy. Thấy sự nồng nhiệt trong đức tin của anh, cô gái nói với anh:

– Nếu anh tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, thì hãy cùng anh trai mình đến gặp vị giám mục Kitô giáo của chúng tôi và nhận phép rửa thánh từ ngài: khi đó, được thanh tẩy khỏi tội lỗi, anh sẽ xứng đáng được chiêm ngưỡng Thiên Thần.

Tivurt, liếc nhìn anh trai, hỏi anh:

– Anh muốn dẫn em đến gặp ai?

– Chúng ta sẽ đến gặp người của Chúa là Urvan, – Valerian đáp. – Ông ấy là một giám mục Kitô giáo, một người già, khôn ngoan và chính trực; khuôn mặt ông ấy như Thiên thần và mọi lời ông ấy nói đều chân thật.

– Chẳng phải anh đang nói về Urvan đó sao, – Tivurti tiếp lời, – người mà tôi nghe nói đã hai lần bị kết án tử hình và giờ đang lẩn trốn ở đâu đó để thoát khỏi cái chết? Nhưng nếu chúng ta đến gặp ông ấy, và nếu những kẻ đang truy lùng ông ấy bắt gặp chúng ta ở đó, thì chắc chắn họ cũng sẽ giết cả chúng ta.

Thánh Kikilia đã trả lời câu hỏi của Tivurti. Bà bắt đầu nói với ông về cuộc sống vĩnh cửu trên thiên đàng, nơi không bao giờ bị xáo trộn bởi bất cứ điều gì, và về phần thưởng dành cho các thánh tử đạo, những người đã chịu chết vì Chúa Kitô.

Lúc đó, Tivurti, bừng cháy khát vọng chịu khổ vì đức tin, đã nói:

– Hãy để những kẻ thiếu trí khôn yêu mến cuộc đời ngắn ngủi này, còn tôi thì khao khát cuộc sống vĩnh cửu: vậy hãy dẫn tôi đi, anh em ơi, đến gặp giám mục và xin ngài thanh tẩy tôi, để tôi được dự phần vào cuộc sống vĩnh cửu!

Valerian đã dẫn người anh em ấy đến gặp Giám mục Urvan, và kể lại tất cả cho ngài nghe. Vui mừng trước sự hoán cải của Tivurti, Urvan đã đón nhận anh với tình yêu thương, làm phép rửa tội cho anh và giữ anh lại bên mình trong bảy ngày, cho đến khi dạy dỗ anh đầy đủ mọi mầu nhiệm của đức tin thánh thiện.

Sau khi chịu phép rửa tội, Tivurti được ban ân sủng đến nỗi có thể nhìn thấy các Thiên thần thánh và trò chuyện với họ, đồng thời nhận được từ Thiên Chúa mọi điều mà anh cầu xin. Cùng với người anh em, ông đã thực hiện nhiều phép lạ, chữa lành cho những người bệnh. Còn tài sản của mình, họ phân phát cho những Kitô hữu nghèo khó, trẻ mồ côi và góa phụ; họ chuộc những tù nhân ra khỏi ngục tối và an táng một cách trang trọng thi hài các thánh tử đạo vì Chúa Kitô, những người vào thời điểm đó đang bị giết hại hàng loạt.

Thống đốc thành phố, tên là Almach, người theo lệnh hoàng đế đã tàn nhẫn đổ máu các Kitô hữu, đẩy họ vào cảnh tra tấn và cái chết, sau khi biết được tất cả những điều này từ những kẻ chỉ điểm của mình, đã ra lệnh bắt giữ ngay lập tức và đưa Tivurtia và Valerian đến trước mặt ông.

– Tại sao các ngươi lại làm ô danh dòng dõi cao quý của mình – ông ta hỏi họ – và chôn cất những kẻ đã bị giết theo lệnh hoàng đế vì nhiều tội ác, rồi phân phát tài sản của mình cho những người mà ai nấy đều quay lưng lại? Chẳng lẽ các ngươi cũng mắc phải cùng một sai lầm như họ và muốn trở thành giống như họ sao?

– Ồ, giá mà – Ti-vu-ti-a, với tư cách là người lớn tuổi nhất, đáp – Thượng Đế ban cho chúng ta được kể vào số những tôi tớ của Ngài, những người đã từ chối điều dường như tồn tại nhưng thực ra không có, và thay vào đó tìm thấy điều dường như không có nhưng thực sự tồn tại.

– Đó là gì vậy, – người chỉ huy của anh ta hỏi, – thứ mà theo anh, dường như tồn tại nhưng thực ra lại không tồn tại? Tôi không hiểu anh đang nói gì.

Tivurti giải thích cho ông ta rằng tất cả những gì thế giới tạm bợ này sở hữu, thể hiện và hứa hẹn ban cho con người – thứ chỉ dường như là điều thiết yếu, nhưng thực ra là hư vô, vì nó sẽ tan biến trong chốc lát; còn về cuộc sống tương lai, theo quan điểm của những người gắn bó với thế gian, thì sẽ không tồn tại chút nào, vì họ không nhìn thấy nó; trong khi đó, nó thực sự tồn tại và sẽ tồn tại mãi mãi mà không thay đổi, và trong đó, những người công chính và có đức tin sẽ nhận được phần thưởng hào phóng, còn những kẻ ác và vô tín – sẽ phải chịu lửa và sự đau khổ vĩnh viễn.

Vị quan trưởng đã có một cuộc trò chuyện dài với họ và lắng nghe từ họ giáo lý đầy ân sủng về đức tin thánh thiện và sự từ bỏ thế gian, nhưng ông không đồng ý với giáo lý đó và ra lệnh cho họ dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo. Khi họ từ chối tuân theo mệnh lệnh của ông, ông ra lệnh đánh Valerian tàn nhẫn bằng gậy; nhưng vị thánh trong lúc bị tra tấn vẫn vui mừng, nói rằng:

– Đây chính là thời khắc mà tôi hằng mong mỏi bằng cả trái tim, đây là ngày lễ của tôi, đây là ngày vui mừng đối với tôi.

Lúc đó, người rao lệnh hét lên:

– Đừng xúc phạm các vị thần và nữ thần!

Nhưng Valerian cũng lớn tiếng kêu gọi những người xung quanh:

– Hỡi các quý ông, hỡi các công dân La Mã! Đừng để những đau khổ của tôi làm các bạn xa rời lẽ thật, hãy can đảm và đập tan các vị thần bằng gỗ và đá, vì tất cả những ai thờ lạy chúng sẽ bị thiêu đốt trong lửa vĩnh cửu.

Trong khi đó, một quan đại thần tên là Tarquinius tiến đến gặp quan trưởng thành phố và thì thầm với ông ta:

– Nếu ngươi không xử tử những người Kitô hữu này càng sớm càng tốt, thì toàn bộ tài sản của họ sẽ được những người cùng đạo phân phát cho người nghèo, còn ngươi sẽ chẳng còn lại gì cả.

Sau khi nghe Tarquinius nói, quan trưởng thành phố ra lệnh dẫn các vị tử đạo đến một nơi gọi là Pag, đi ngang qua đền thờ Jupiter[8022] , nơi họ phải dâng lễ vật cho thần Jupiter dưới sự đe dọa rằng nếu từ chối, họ sẽ bị chém chết. Cùng với các đao phủ và binh lính, ông ta còn cử người hầu phòng của mình, tên là Maximus, đi theo để việc chém đầu các vị tử đạo được thực hiện dưới sự giám sát của ông ta. Nhưng trên đường đi, Maximus, khi nhìn các vị thánh chịu khổ nạn, đã rơi nước mắt và thốt lên:

[8022] Jupiter – vị thần ngoại giáo tối cao của người La Mã.

– Ôi, sắc màu quý giá của tuổi trẻ! Ôi, tình huynh đệ! Ôi, đôi thanh niên cao quý và đáng kính! Tại sao các con lại vội vã đến với cái chết như thể đang đến dự một bữa tiệc trọng đại vậy?

– Nếu chúng tôi – thánh Tivurti trả lời – không biết chắc chắn về cuộc sống vĩnh cửu đang chờ đợi chúng tôi sau cái chết này, thì chúng tôi sẽ không vui mừng như vậy khi phải từ bỏ cuộc sống tạm bợ này.

– Vậy thì – cuộc sống sau khi rời khỏi trần gian sẽ ra sao? – Maxim hỏi.

Thánh Tivurti trả lời:

– Cũng như thân xác chúng ta được khoác lên mình bộ quần áo, linh hồn cũng được bao bọc bởi thân xác; còn sau khi chết, thân xác sẽ hóa thành tro bụi – dù sau đó sẽ hồi sinh, giống như chim phượng hoàng[8023] khi thời điểm đến, – còn linh hồn, – nếu được chứng minh là thánh thiện và công chính, sẽ ngay lập tức được (các Thiên thần) đưa đến các cung điện thiên đàng và ở đó, trong niềm vui sướng, sẽ chờ đợi sự phục sinh chung.

– Và tôi cũng vậy, – Maxim nói, bị lay động bởi những lời của Tivurtia, – tôi sẽ từ bỏ cuộc sống tạm bợ này, nếu chắc chắn biết rằng mình sẽ được hưởng cuộc sống mà ngài đang nói đến.

– Nếu ngươi muốn chắc chắn về cuộc sống vĩnh cửu, – Valerian nói với anh ta, – thì hãy hứa với chúng ta rằng ngươi sẽ thành tâm sám hối và, từ bỏ tà giáo, quay về với Đức Chúa Trời mà chúng ta đang rao giảng; và chúng tôi hứa với ngươi rằng, ngay khi chúng tôi bị chém đầu và linh hồn chúng tôi lìa khỏi thân xác, Đức Chúa Trời sẽ lập tức mở mắt ngươi ra và ngươi sẽ thấy vinh quang của cuộc sống vĩnh cửu mà Ngài ban cho chúng tôi.

Maximus đã thề hứa:

– Xin cho tôi bị thiêu cháy trong lửa, – ông nói, – nếu ngay từ lúc đó tôi không tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng ban sự sống đời đời sau cuộc đời tạm bợ này, – miễn là các ngài thực hiện lời hứa của mình.

– Vậy thì hãy ra lệnh cho các đầy tớ của ngươi, – các thánh nói, – đừng cản trở chúng ta vào nhà ngươi một lúc, và chúng ta sẽ cố gắng mời đến cho ngươi một người có thể soi sáng linh hồn ngươi, để ngươi có thể nhìn thấy rõ những điều chúng ta đã hứa.

Maxim vui vẻ dẫn họ vào nhà mình, vì không ai trong số những người đi cùng họ dám phản đối ông điều gì. Tại đó, các thánh bắt đầu bài giảng cứu rỗi và dạy về đức tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta; tất cả những người có mặt trong nhà đều chăm chú lắng nghe họ cho đến tận đêm khuya và đã tin nhận – Maxim cùng cả gia đình ông và nhiều người trong số các lính gác. Vào ban đêm, Thánh Kikilia cùng các linh mục đã đến với họ, và tất cả những người đã tin đều được rửa tội. Họ đã dành cả đêm để cầu nguyện và trò chuyện về cuộc sống vĩnh cửu, và khi bình minh ló rạng, vị thánh trinh nữ đã nói với các vị tử đạo của Chúa Kitô:

– Hãy can đảm và bất khuất, hỡi các chiến binh của Chúa Kitô! Bóng tối đêm đang tan đi và ánh sáng bắt đầu chiếu rọi: hãy mặc lấy vũ khí của ánh sáng và ra đi để thực hiện chiến công của các con. Các con đã chiến đấu một cách anh dũng, đã giữ vững đức tin – hãy đi nhận lấy "vương miện công chính" (xem 2 Tm 4,8), mà Chúa sẽ ban cho các con.

Và các thánh nhân vội vã đi đến nơi đã định. Khi họ đi ngang qua đền thờ Jupiter, các thầy tế lễ ở đó bắt họ phải thắp hương trên bàn thờ của vị thần này, vì nếu không làm vậy thì không ai dám đi qua đền thờ này; các thầy tế lễ chặn lại tất cả những ai vào thành và ra khỏi thành, bắt họ phải dâng lễ vật nói trên cho Jupiter. Nhưng các thánh không những không vâng lời các thầy tế lễ, mà còn chế giễu sự điên rồ của họ, và vì thế, họ lập tức bị chém chết bằng gươm.

Ngay sau khi cuộc hành quyết kết thúc, Maxim đã tuyên thệ trước mặt mọi người rằng ông nhìn thấy các Thiên thần của Đức Chúa Trời, rực rỡ như mặt trời, những vị đã dẫn linh hồn các thánh nhân ra khỏi thân xác, như những thiếu nữ xinh đẹp được dẫn ra khỏi cung điện, và đưa họ lên trời trong vinh quang cao cả. Nhờ đó, nhiều người ngoại đạo đã tin vào Đức Kitô. Còn quan trưởng thành phố, khi biết Maxim đã theo đạo Kitô, đã ra lệnh đánh anh ta không thương xót bằng roi tre; dưới những đòn roi đó, Maxim đã dâng linh hồn mình cho Chúa, còn thi thể của anh được Thánh Kikilia nhận lấy và an táng cùng với thi thể các vị tử đạo Tivurtia và Valeriana. Trên quan tài của Thánh Maxim, bà, với mong muốn thể hiện rằng ngài đã tin vào sự phục sinh của người chết trong tương lai, giống như sự hồi sinh của chim phượng hoàng từ đống tro tàn, đã ra lệnh khắc hình con chim này lên đó.

[8023] Phượng hoàng – loài chim huyền thoại thời cổ đại. Theo tín ngưỡng của các dân tộc cổ đại (người Ai Cập), loài chim này (duy nhất trên thế giới) cứ sau 500 năm lại tự thiêu rụi bản thân và tái sinh từ đống tro tàn. Một số nhà văn Kitô giáo cũng đề cập đến nó, chẳng hạn như Thánh Clément de Rome, Thánh Cyrille de Jérusalem và những người khác, những người đã nhìn thấy trong truyền thuyết ngoại giáo về nó bằng chứng cho thấy người ngoại giáo tin vào khả năng phục sinh của thân xác. Trên các di tích Kitô giáo cổ đại, người ta có thể bắt gặp hình ảnh con phượng hoàng, như một biểu tượng của sự bất tử.

Sau khi ra lệnh xử tử Tivurtia và Valeriana, quan tổng trấn thành phố định chiếm đoạt tài sản của họ, nhưng không tìm thấy gì, vì Thánh Kikilia đã kịp phân phát hết cho người nghèo; chính vì lý do đó, bà đã bị các thuộc hạ của quan tổng trấn bắt giữ theo lệnh của ông ta. Khi những người này đến gặp Thánh Kikilia, bà đã nói với họ:

– Hãy nghe tôi đây, hỡi các đồng bào và anh em của tôi! Dù các anh là thuộc hạ của quan trưởng thành phố, nhưng tôi tin rằng trong lòng các anh không tán thành sự vô tín của ông ta. Ta mong được chịu khổ và chết vì Chúa Kitô của ta, vì ta chẳng coi trọng chút nào cuộc đời trần thế ngắn ngủi này, mà chỉ tìm kiếm sự sống đời đời: để ta sớm được bước vào đó, hãy bắt ta đi, tra tấn ta, đừng nương tay trước tuổi trẻ của ta, và hãy xử tử ta.

Những người nghe nàng nói đều vô cùng xót xa khi thấy một thiếu nữ xinh đẹp, cao quý và khôn ngoan như vậy lại mong muốn cái chết, và họ nài nỉ nàng đừng tự tay hủy hoại vẻ đẹp của mình. Nhưng nàng nói với họ:

– Tôi không hủy hoại tuổi trẻ đang nở rộ của mình, mà chỉ đổi nó lấy điều tốt đẹp hơn, đổi bùn đất lấy vàng, đất sét lấy đá quý, nhà tù xác thịt trần gian lấy những cung điện thiên đàng rực rỡ ánh sáng. Liệu sự trao đổi ấy có gì xấu đâu? Tôi cũng mong điều tương tự cho các bạn.

Cô còn nói với họ rất lâu về phần thưởng đang chờ đợi những người công chính, đến nỗi tất cả những người nghe cô đều cảm động, và số người, cả nam lẫn nữ, tụ tập tại nhà cô rất đông. Cuối cùng, vị thánh nữ cất giọng lớn hỏi họ:

– Các bạn có tin rằng tất cả những gì tôi nói đều là sự thật không?

Và tất cả, như một người, đã trả lời:

– Vâng, chúng tôi tin và tuyên xưng rằng Đức Kitô, Đấng mà bà rao giảng, là Thiên Chúa chân thật, còn bà là tôi tớ chân thật của Ngài.

Vô cùng vui mừng trước câu trả lời này, vị thánh nữ liền sai người đi mời Giám mục Urvan, và khi ngài đến nhà bà, ngài đã làm phép rửa tội cho tới 400 người nam và nữ đã tin vào Chúa Kitô. Và ngôi nhà của Kikilia đã trở thành nhà thờ của Thiên Chúa.

Sau đó, quan tổng trấn Almah ra lệnh đưa người nữ tỳ công chính của Chúa Kitô ra xét xử, và sau khi tra hỏi nàng về đức tin của mình, ông đã nghe nàng dũng cảm xưng danh Chúa Kitô.

– Sao ngươi lại có được sự can đảm như vậy? – ông ta hỏi bà với giọng giận dữ.

– Từ lương tâm trong sáng, – vị thánh nữ đáp, – và từ đức tin vững chắc.

– Ngươi không biết sao, kẻ khốn khổ kia, – Almah phản bác, – rằng ta được các hoàng đế ban quyền sinh sát đối với công dân sao?

– Ngươi đang nói dối, – vị thánh nữ đáp lại, – khi nói rằng ngươi có quyền sinh sát: ngươi lẽ ra phải nói rằng ngươi chỉ có quyền giết chết, chứ không phải ban sự sống, bởi vì ngươi có thể giết người, nhưng không thể làm cho người chết sống lại.

– Hãy dâng lễ vật cho các vị thần, – quan tòa khăng khăng, – và từ bỏ Chúa Kitô, thì ngươi sẽ được tha.

Nhưng vị thánh nữ tuyên bố rằng bà sẵn sàng chết vì Chúa Kitô. Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh đưa bà về nhà và giết bà trong phòng tắm được đốt nóng đến mức cực độ. Ba ngày ba đêm, họ tra tấn bà bằng sức nóng và khói, nhưng ân sủng của Thiên Chúa đã làm mát và hồi sinh bà. Khi biết rằng vị tử đạo vẫn còn sống trong phòng tắm được đốt nóng đến mức đó trong một thời gian dài như vậy, Almah ra lệnh chặt đầu bà ngay tại đó bằng gươm. Người hành hình đến trước mặt bà, chém vào cổ bà ba lần bằng gươm, nhưng không chặt đứt đầu hoàn toàn, rồi bỏ bà lại đó và bỏ đi. Các tín hữu đã dùng bọt biển và vải để thấm máu của bà, và vị thánh này còn sống thêm ba ngày nữa, suy luận hoàn toàn sáng suốt và củng cố đức tin cho các Kitô hữu xung quanh bà; cuối cùng, trong lúc cầu nguyện, bà đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa và được các tín hữu an táng một cách trang trọng.

Lễ kính các Thánh Tông đồ Philemon, Archippus và Apphia

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 11

Các Thánh Tông đồ Philimon, Archippus và Apphia đã được Thánh Tông đồ Phaolô dẫn dắt vào đạo Kitô và chịu tử đạo vì Chúa Kitô dưới tay những người Hy Lạp ngoại đạo, vào thời trị vì của Hoàng đế Nê-rôn[8024] , tại thành phố Colossae[8025] . Một lần nọ, khi họ đang cùng các Kitô hữu khác tham dự buổi cầu nguyện, những người

[8024] Hoàng đế Nê-rôn, nổi tiếng với sự tàn bạo vô nhân đạo, trị vì từ năm 54 đến năm 68.

ngoại đạo bất ngờ tấn công họ. Tất cả những người có mặt trong buổi họp, ngoại trừ Philemon, Archippus và Apphia, đều bỏ chạy, còn ba người này bị bắt và dẫn đến trước Artocles, người quản lý kho lúa của Ê-phê-sô[8026] .

Ban đầu, Archippus bị đánh đập dã man; thậm chí cả những người đi ngang qua, kể cả trẻ em, cũng dùng dao đâm vào khắp cơ thể ông. Sau đó, thánh Philemon cũng bị tra tấn không thương xót và bị ném đá. Thánh Apfia cũng bị ném đá theo cách tương tự.

Và như vậy, trong những đau khổ đó, các vị thánh đã về với Chúa[8027] .

Bài ca Kondak, giọng 2:

Như những vì sao rực rỡ chiếu sáng khắp cõi trời, chúng ta hãy ca ngợi các Tông đồ của Chúa Kitô: Thánh Philemon vinh hiển, Thánh Archippus thánh thiện, Thánh Onesimus, Thánh Marcô, Thánh Apollos, cùng với Thánh Apfia đầy khôn ngoan, và kêu cầu: xin các ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Lễ kỷ niệm Thánh Michael Chiến Binh[8028]

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 11

Thánh Mi-chên sống dưới triều đại của Mi-chên III[8029] . Về nguồn gốc, ngài là người Bungari và sinh ra tại thành phố Potuk[8030] , lúc bấy giờ thuộc về vương quốc Hy Lạp. Cha mẹ thuộc dòng dõi quý tộc của Thánh Michael là những người trong số những tín hữu Kitô giáo đầu tiên của Bulgaria; chính Thánh Michael cũng là một Kitô hữu từ thuở ấu thơ, và cha mẹ cùng những người quen biết đều gọi ngài là *"đứa trẻ thánh thiện"* vì lòng đạo đức của ngài. Từ khi còn là trẻ sơ sinh, ngài đã nổi bật bởi lối sống trong sạch, luôn giữ lòng kính sợ Thiên Chúa trong lòng, kiên trì ăn chay và cầu nguyện, bố thí cho người nghèo và thăm viếng người bệnh, luôn thể hiện sự hiền lành, khiêm nhường cùng mọi đức tính cao đẹp.

Khi tròn hai mươi lăm tuổi, Mikhail gia nhập quân ngũ và chỉ huy một đơn vị quân sự khá lớn.

Vào thời điểm đó, người Ethiopia và người Agara, tức là những người Ả Rập theo đạo Hồi[8031] , đã nổi dậy chống lại vương quốc Hy Lạp và tiến về thủ đô của vương quốc này. Một đạo quân Hy Lạp hùng hậu đã ra trận để bảo vệ tổ quốc và đụng độ với quân đội đông đảo của người A-ga-ri. Thấy rằng người Ê-ti-ô-pi và người A-ga-ri vượt trội về sức mạnh và sẵn sàng đánh bại mình, người Hy Lạp đã chạy trốn lên núi và ẩn náu ở những nơi an toàn.

Trong quân đội Kitô giáo Hy Lạp cũng có Michael Chiến Binh cùng đội quân của mình. Ông không sợ hãi trước kẻ thù, không bỏ chạy, mà không ngừng củng cố và khích lệ binh lính của mình. Thấy người Hy Lạp bỏ chạy ồ ạt, ông rơi nước mắt và quỳ sấp xuống đất, cầu nguyện với Chúa Trời để cứu rỗi các Kitô hữu. Khi kết thúc lời cầu nguyện, ông cùng đội quân của mình lao thẳng vào kẻ thù một cách không thể cản nổi, xông thẳng vào giữa hàng ngũ người Ê-thi-ô-pi và A-ha-ri, đánh đập kẻ thù một cách tàn bạo mà không gây tổn hại gì cho bản thân và đội quân của mình. Cùng lúc đó, một cơn bão bất ngờ ập đến để hỗ trợ các chiến binh Kitô hữu: sét và sấm sét giáng

---

[8025] Colossae – một thành phố thuộc vùng Phrygia ở Tiểu Á, nằm ở phần phía tây của bán đảo; vào thời Trung Cổ, thành phố này được đổi tên thành Choni (nay là Chonas hoặc Konus). Thánh Phaolô đã viết thư gửi cho cư dân Colossae. Thành phố này nổi tiếng trong lịch sử Giáo hội nhờ phép lạ của Tổng lãnh thiên thần Michael vào ngày 6 tháng 9

[8026] Người quản lý kho lúa – người đứng đầu việc quản lý kho lúa thuộc về một thành phố, vùng hoặc quốc gia nào đó. Ê-phê-sô – một trong những thành phố nổi tiếng nhất của Tiểu Á cổ đại, nằm trên bờ tây của bán đảo. Thánh Phaolô, người đã rao giảng Tin Mừng tại đó, đã viết thư gửi cho cư dân nơi đây.

[8027] Ngày kỷ niệm các thánh này được tổ chức vào ngày 19 tháng 2

[8028] Cuộc đời của các vị được trình bày dựa trên, thứ nhất, truyền thuyết trong Sách Thánh Slav, các văn bản cổ của nó đã được Đức Tổng Giám mục Filaret và Viện sĩ A.N. Veselovsky công bố; truyền thuyết này, với một số điểm khác biệt, cũng đã được đưa vào cuốn "Prolog" bằng tiếng Slav đã được in; thứ hai – bài "Lời ca ngợi Thánh Michael Chiến Binh", do Thượng phụ Euphymius của Ternov (1375–1393) soạn thảo, và được xuất bản trong tuyển tập các tác phẩm của Thượng phụ Euphymius do ông Kaluzhnitsky biên soạn tại Vienna năm 1901.

[8029] Hoàng đế Byzantine Mikhail III qua đời vào năm 867.

[8030] Người ta cho rằng đó chính là thành phố Batak ngày nay, nằm trong phạm vi thành phố Plovdiv hoặc Philippopolis.

[8031] Có lẽ, tất nhiên, đây là cuộc chiến của Hoàng đế Michael III với người Ả Rập vào năm 865.

xuống và khiến kẻ thù khiếp sợ, đến nỗi tất cả chúng đều bỏ chạy tán loạn. Nhờ ơn Chúa, Michael đã đánh tan tất cả kẻ thù, còn bản thân ông và đội quân của ông thì hoàn toàn vô sự.

Sau khi tạ ơn Chúa vì chiến thắng đã ban tặng, Michael giải tán quân đội của mình và cùng với một số ít người hầu, ông lên đường trở về quê hương. Trong chuyến hành trình này, một phép lạ đã xảy ra.

Mikhail dừng chân tại một nơi[8032] để nghỉ ngơi. Ở đó có một hồ nước lớn, từ đó một con rắn quái vật trồi lên và ăn thịt người và gia súc.

Một trong những người hầu của Mikhail nhìn thấy khói bốc lên từ nơi dừng chân gần hồ, liền vội vàng lấy theo ít thức ăn rồi đi về phía có khói. Tại đó, anh ta thấy một cô gái đang ngồi khóc và dường như đang chờ đợi điều gì đó. Người hầu bắt đầu hỏi han cô và say sưa nghe câu chuyện của cô về con rắn khổng lồ đến nỗi thức ăn mà anh ta đến để nấu đã bị cháy khét trên bếp. Khi người đầy tớ trở về gặp chủ nhân, Michael Chiến Binh hỏi anh ta tại sao lại về muộn và tại sao thức ăn lại bị cháy. Lúc đó, người đầy tớ kể lại chi tiết tất cả những gì anh ta đã thấy và nghe được từ cô gái về con rắn khổng lồ.

Thánh Mi-khail, sau khi nghe xong câu chuyện, quyết định đến đó và bắt đầu gọi các người hầu của mình, nhưng họ, vì sợ hãi, đã từ chối đi cùng chủ nhân. Lúc đó, Mi-khail, sau khi cầu nguyện với Chúa Trời và làm dấu thánh giá trên trán, đã lên ngựa và cưỡi đến hồ, chỉ mang theo một người hầu già nhất.

Khi đến nơi, ngài bắt đầu hỏi cô gái tại sao cô lại đến nơi này.

Ban đầu, cô gái khuyên Michael, vị Chiến binh, nên rời đi để tránh bị con rắn quái vật nuốt chửng, nhưng trước sự khăng khăng của vị thánh, cô đã kể về phong tục đã ăn sâu vào thành phố là lần lượt dâng con cái làm mồi cho con rắn.

Bị sốc trước câu chuyện của cô gái, Mikhail ra lệnh cho người hầu của mình lùi lại cùng con ngựa và chờ đợi ở xa, còn bản thân thì quỳ xuống đất và bắt đầu cầu nguyện với Chúa Trời. Khi vị thánh kết thúc lời cầu nguyện và đứng dậy, con rắn xuất hiện giữa hồ, ngẩng cao đầu và vẫy đuôi trên mặt nước, tiến dần về phía bờ, mở rộng ba cái miệng của nó. Vị thánh cầm khiên và gươm, chém đứt ba cái đầu mà con rắn độc đã hiện ra. Con rắn cuộn đuôi lại, đánh vào má phải và tay trái của vị thánh, khiến ngài bị thương. Michael ngã xuống bất tỉnh, nhưng nhanh chóng tỉnh lại và đứng dậy.

Người hầu của Michael, chứng kiến phép lạ ấy, vội vã chạy vào thành phố và báo tin về sự việc. Dân chúng đổ ra khỏi thành phố và long trọng đón chào vị cứu tinh, còn cô gái thì được trao trả lại cho cha mẹ cô.

Vậy là, Đức Chúa Trời đã muốn tôn vinh Thánh Michael Chiến Binh bằng một phép lạ tương tự như phép lạ mà Thánh George Chiến Thắng đã thực hiện từ thuở xa xưa.

Sau đó, sau khi khuyên nhủ người dân hãy kiên định giữ vững đức tin Kitô giáo, Thánh Michael Chiến Binh tiếp tục hành trình và trở về nhà mình. Không lâu sau, ngài đã an lành trao linh hồn thánh thiện của mình cho Chúa.

Tại quan tài của Thánh Michael, nhiều điềm báo, phép lạ và sự chữa lành bệnh tật đã xảy ra đối với những người đến trước quan tài của ngài với lòng tin.

Nhiều năm sau, vào thời kỳ Vương quốc Bulgaria thứ hai, vua Bulgaria Kaloyan, trong cuộc chiến tranh trên lãnh thổ Vương quốc Hy Lạp – nơi thủ đô lúc bấy giờ đang bị người La Mã chiếm đóng – đã chiếm được thành phố Potuku và quyết định chuyển di hài của Thánh Michael Chiến Binh về thủ đô Bulgaria của mình, thành phố Tarnovo. Thượng phụ Bulgaria Vasilii, khi nghe tin di hài thánh sắp đến, đã cùng toàn thể hàng giáo sĩ và dân chúng ra đón di hài thánh với đoàn rước thánh giá, nến và lư hương. Vua Bulgaria và Thượng phụ đã cõng di hài thánh trên vai, tự tay mang đến và an vị tại Nhà thờ Chính tòa Thượng phụ[8033] .

[8032] Nơi xảy ra phép lạ với con rắn trong phần Lời mở đầu in ấn được gọi là Raif, và Đức Tổng Giám mục Filaret cho rằng đây chính là sa mạc Raif nổi tiếng, cách núi Sinai hai ngày đường. Tuy nhiên, trong các bản tiểu sử cổ viết tay không đề cập đến "nơi Raif", mà là "nơi Styran" hoặc "nơi Tyran". Có thể, theo ý kiến của Viện sĩ Veselovsky, "nơi Tyran" ở đây ám chỉ Tyranna – một thành phố và vùng lân cận gần Durazzo và Alessio trên bán đảo Balkan, gần Biển Adriatic.

[8033] Vào thế kỷ XIV, dưới thời vị tổng giám mục cuối cùng của Ternovo là Evfimii – người đã soạn bài ca ngợi Thánh Michael – các di cốt được an táng tại nhà thờ chính tòa của tổng giám mục ở Ternovo. Vào đầu thế kỷ XIX, chúng được chuyển đến Valahia.

Lễ kính Thánh Tử đạo Prokopius

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 11

Thánh Prokopios sinh ra tại Jerusalem. Ngài sống một cuộc đời nghiêm khắc và trau dồi nhiều đức tính cao quý. Được bổ nhiệm làm người đọc kinh tại nhà thờ Cesarea[8034] và nhờ có ân sủng hiểu biết Kinh Thánh, Prokopios đã giải thích Lời Chúa cho các tín hữu. Ngoài ra, ngài còn tham gia dịch Kinh Thánh sang tiếng Syriac và trong suốt cuộc đời, ngài đã chữa lành cho những người bị quỷ ám bằng cách trừ tà.

Một lần, trong chuyến đi đến Skifopol, ngài đã đọc Lời Chúa trong các nhà thờ Kitô giáo và kết hợp việc giải thích với việc đọc. Khi quan tổng trấn thành Caesarea nghe tin về Thánh Procopius, ông đã ra lệnh bắt giữ ngài với cáo buộc là Kitô hữu. Lúc bấy giờ đang diễn ra cuộc bách hại Kitô hữu[8035] . Thống đốc thành Caesarea yêu cầu Thánh Procopius dâng lễ vật cho các thần tượng ngoại đạo và thờ lạy bốn vị vua đang cai trị đế quốc lúc bấy giờ[8036] . Nhưng vị thánh đã dũng cảm đáp lại như sau:

– Người Kitô hữu không được tôn kính và thờ lạy nhiều vị thần và chúa tể. Chúng tôi chỉ có một Chúa tể, một Vua và Chúa, Đấng Tạo Hóa và Đấng Sáng Tạo vạn vật.

Nghe vậy, quan tổng trấn thành Caesarea nổi giận với vị thánh và ra lệnh chém đầu ngài bằng gươm. Như vậy, thánh Procopius đã kết thúc cuộc đời trần thế và được đưa lên trời theo con đường ngắn nhất, nhận được vương miện tử đạo từ Đức Kitô, Thiên Chúa.

Lễ kính Thánh Tử đạo Menigna.

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 11

Thánh Menign xuất thân từ thành phố Paria, vùng Hellespont[8037] . Nghề nghiệp của ngài là thợ giặt, chuyên giặt và làm sạch quần áo và vải lanh. Trong khi làm việc bên bờ sông, Thánh Menign đã hai lần nghe thấy tiếng nói từ trời, kêu gọi ngài thực hiện việc anh hùng vì danh Chúa Kitô. Điều này xảy ra vào thời trị vì của Decius, kẻ bách hại tàn bạo các Kitô hữu[8038] .

Theo lệnh của hoàng đế, tại thành phố nơi Menign sinh sống, rất nhiều Kitô hữu đã bị bắt giữ, họ bị kết án chịu cực hình và bị giam cầm trong ngục tối. Khi cổng ngục đã bị niêm phong và được lính canh gác, Thiên Thần của Chúa đã hiện ra trước mặt các tù nhân trong ngục. Sau khi tháo xiềng xích cho các tù nhân, Thiên thần đã thả họ ra khỏi ngục tối, để họ được tự do mà không hề hấn gì.

Những kẻ tra tấn, khi đi tìm các tù nhân mà không thấy họ trong ngục, đã hỏi các lính canh về họ, nhưng các binh lính cũng không thể nói gì, vì cổng ngục vẫn bị niêm phong. Những người ngoại đạo rơi vào tình trạng hoang mang, còn tin tức từ các binh lính lan truyền khắp thành phố rằng Chúa Giêsu thành Nazarét đã đến nhà tù vào ban đêm và giải thoát các tù nhân. Những người ngoại đạo, bị che mờ bởi cơn giận dữ, đã truy lùng các Kitô hữu. Còn các tín hữu, được củng cố bởi dấu lạ vừa xảy ra, đã vui mừng chuẩn bị đón nhận những đau khổ.

Thánh Menign, khi nghe câu chuyện này từ các binh lính, đã bừng cháy lòng yêu mến nồng nhiệt dành cho Chúa Kitô và nhớ lại tiếng nói từ trời cao đã kêu gọi ngài thực hiện một hành động anh hùng. Không do dự lâu, ngài đã trả lại cho các khách hàng những bộ quần áo mà họ đã giao cho ngài giặt, và tuyên bố mình là môn đệ của Chúa Kitô. Ngài đã xé bỏ sắc lệnh của vị vua vô đạo Decius, ra lệnh tra tấn và xử tử tất cả các Kitô hữu nếu họ không từ

[8034] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến Cêsarea Palestine – một thành phố nằm trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải; sau khi Jerusalem bị phá hủy (năm 79), nơi đây trở thành thủ phủ của Palestine và là nơi cư ngụ của vị giám mục, người mà Jerusalem cũng từng trực thuộc trong một thời gian. Sau đó, Caesarea bị phá hủy và hiện nay chỉ còn là một sa mạc hoang vắng với những đống đổ nát.

[8035] Dưới thời Hoàng đế Diocletian (294–305).

[8036] Hoàng đế Diocletianus chia sẻ quyền lực trên đế chế với Maximianus, người mà ông nhường lại nửa phía đông. Trong khi đó, mỗi hoàng đế đều có một đồng trị vì: Diocletian có đồng trị vì là Maximian Galerius, người sau khi Diocletian qua đời đã trở thành hoàng đế của phương Đông; còn ở phương Tây của đế chế, Maximian Herculus cùng với Constantius Chlorus nắm quyền cai trị. Như vậy, vào thời điểm Thánh Procopius chịu tử đạo năm 303, đế chế có bốn vị hoàng đế. Còn các vị vua được những người ngoại đạo tôn sùng ngang hàng với các vị thần; người ta dựng bàn thờ và tượng để vinh danh họ, đồng thời dâng lễ vật lên họ. Thánh Tử đạo Procopius không muốn phục vụ cho sự lầm lạc này của những người ngoại đạo.

[8037] Hellespont – vùng phía bắc Tiểu Á, dọc theo bờ Biển Đen.

[8038] Decius – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 249–251.

bỏ Chúa Kitô sau khi đã được thuyết phục. Sau đó, Menign bị bắt và đưa ra trước chính quyền. Thẩm phán đã kết án chặt đứt các ngón tay của ông, những ngón tay đã xé nát sắc lệnh của vua. Khi các ngón tay của ông bị chặt đứt, thay vì máu, từ đó chảy ra là sữa. Sau đó, người ta bắt đầu thuyết phục vị tử đạo dâng lễ vật cho các thần tượng để tránh khỏi những cực hình và cái chết tiếp theo. Nhưng vị thánh đã dũng cảm tuyên xưng Đức Kitô. Lúc đó, kẻ tra tấn ra lệnh đánh đập và hành hạ ngài không thương xót. Ngài bị quật ngã xuống đất bởi những cú đánh mạnh của các đao phủ, sau đó bị treo lên cây và bị cạo da bằng sắt. Tuy nhiên, điều này không làm suy giảm lòng nhiệt thành của vị chứng nhân Đức Kitô. Sau đó, người ta hạ thi thể ngài xuống khỏi cây và chém đứt đầu ngài. Lúc đó, từ miệng vị thánh, một con bồ câu tinh khiết bay vút lên trời. Như vậy, tuân theo lời kêu gọi từ trời cao, Thánh Menign đã hoàn thành công đức vì Chúa Kitô, và linh hồn ngài bay lên trời để nhận vương miện tử đạo từ Chúa.

Sau khi vị thánh qua đời, các Kitô hữu đã bí mật đến nơi ngài chịu khổ hình vào ban đêm và mang thi thể ngài đi. Còn cái đầu của ngài, bị bỏ lại tại chỗ, sau đó đã được một Kitô hữu tìm thấy. Vị thánh tử đạo đã hiện ra trong một thị kiến cho người Kitô hữu này, và sau thị kiến đó, người này đã tìm thấy cái đầu của vị thánh nhờ sự chỉ dẫn của một ngôi sao sáng rực chiếu sáng trên đó.

Lễ kính Thánh Agavva

Ngày tưởng niệm: 22 tháng 11

Thánh Agavva là người gốc Ishmael. Rời bỏ quê hương, cha mẹ và của cải, ngài theo chân một tu sĩ, từ người đó ngài đã nhận lấy đời sống tu hành. Người hướng dẫn của Thánh Agavva đã cùng ngài đến gặp vị tu sĩ vĩ đại Eusebius: tại đó, Thánh Agavva đã học được cách duy trì trạng thái cầu nguyện tỉnh thức trong thời gian dài . Sau khi vị thánh phúc Evsevi qua đời, Thánh Agavva ở lại trong phòng tu của ngài và sống ở đó suốt 38 năm. Ông không bao giờ mang giày dép, luôn đeo những sợi xích nặng trên hông; thức ăn của ông chỉ là cháo loãng pha với nước. Suốt ngày đêm, ngài dành phần lớn thời gian đứng hoặc quỳ gối để dâng những lời cầu nguyện thánh thiêng lên Đấng Tối Cao. Ngài hoàn toàn từ chối việc ngồi: không ai bao giờ thấy ngài ngồi cả. Với tư cách là một vị tu sĩ khổ hạnh, ngài là tấm gương về lòng khao khát sự khôn ngoan và sự vâng phục. Sau khi kết thúc cuộc đời với những công đức như vậy, ngài đã an nghỉ trong bình an nơi Chúa[8039] .

Ngày 6 tháng 12

Ngày 23 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cùng ngày này, tưởng niệm Thánh Mitrofan, vị giám mục đầu tiên của Voronezh

Cuộc đời của Thánh Cha Amphilochius, Giám mục Iconium

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 11

Thánh Amphilochius[8040] , Giám mục Iconium, bạn thân của các vị Thánh Giáo phụ vĩ đại là Thánh Basil Cả và Thánh Gregory Thần Học, xuất thân từ Cappadocia và sinh ra tại thành phố Caesarea. Cha ngài, cũng tên là Amphilochius, là anh ruột của Thánh Nona[8041] , mẹ của Thánh Gregory Thần Học. Ông là người có trí tuệ vĩ đại và kiến thức sâu rộng, kết hợp với tài hùng biện, đồng thời còn có lòng nhân ái và đức tin sâu sắc; ông luôn sẵn lòng giúp đỡ tất cả người thân và là người hướng dẫn về Lời Chúa. Với tình yêu thương dành cho các con, ông đã cho chúng một nền giáo dục tuyệt vời và nuôi dạy chúng trong tinh thần đức tin Kitô giáo.

[8039] Thời kỳ các chiến công và sự ra đi của Thánh Agavva được cho là vào thế kỷ V.

[8040] Iconium – một thành phố nằm trên đồng bằng màu mỡ phía đông của Tiểu Á, dưới chân núi Taurus; từng là thủ phủ của vùng Lycaonia; vào thời Trung cổ, đây là thủ đô của các vị sultan Seljuk (1096–1308). Ngày nay, đây là thành phố Konya của Thổ Nhĩ Kỳ. Đạo Kitô ở đây ban đầu được các Tông đồ Phaolô và Barnaba truyền bá.

[8041] Ngày kỷ niệm Thánh Nona được tổ chức vào ngày 5 tháng 8.

Con trai út của ông, khi đến tuổi trưởng thành, ban đầu đã trở thành một nhà hùng biện và luật sư. Tuy nhiên, ngay từ thuở thiếu thời, anh đã yêu mến Thiên Chúa hơn tất cả mọi sự; vì thế, không lâu sau, dưới sự thuyết phục của Thánh Grêgôriô Thần Học, anh đã tránh xa những lo toan và sự hối hả của đời thường, lui về sa mạc, nơi anh bắt đầu sống đời tu sĩ với lối sống khổ hạnh nghiêm ngặt, tận tâm phụng sự duy nhất Thiên Chúa. Tại đó, các hoạt động của ngài là cầu nguyện, đọc Kinh Thánh và ăn chay. Trong sự tự hành xác nghiêm ngặt và những công việc ăn chay vất vả như vậy, Thánh Amphilochius đã sống một thời gian khá dài, cho đến khi Chúa chỉ định cho ngài một chức vụ cao cả hơn, đó là chức vụ thánh, đặt ngài như một ngọn đèn trên giá nến của Giáo Hội.

Khi Giám mục Giáo hội Iconium,[8042] , qua đời, Thiên thần của Chúa đã hiện ra với Amphilochius vào ban đêm và bảo ngài hãy đến thành phố để chăn dắt đàn chiên thiêng liêng; nhưng Amphilochius không dám đi. Đêm hôm sau, Thiên thần lại hiện ra với ngài và nói:

– Hãy vào thành phố đi, Amphilochius, và chăn dắt những con chiên mà Thiên Chúa giao phó cho ngươi.

Nhưng Amphilochius lần này cũng không nghe theo Thiên thần, vì nghĩ rằng sự hiện ra của Thiên thần là sự lừa dối của ác quỷ: "Và Satan," vị thánh nghĩ, "đôi khi cũng có thể biến thành một Thiên thần sáng láng." Đêm thứ ba, Thiên thần hiện ra với ông và gọi:

– Amphilochius! Hãy thức dậy đi!

Amphilochius vội vàng đứng dậy, nói trong sợ hãi:

– Nếu ngài là Thiên thần của Chúa, chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện. Cúi đầu xuống, Amphilochius bắt đầu hát: "Thánh, thánh, thánh là Chúa Sabaoth, trời và đất tràn ngập vinh quang của Ngài." Nhưng vị Thiên thần hiện ra cũng hát cùng với ông. Sau đó, Thiên thần nắm lấy tay phải của anh và dẫn anh vào một nhà thờ gần đó, cánh cửa của nhà thờ tự động mở ra trước mặt họ. Khi họ bước vào trong, Amphilochius thấy một ánh sáng chói lọi và rất nhiều người đàn ông mặc áo trắng, họ đưa anh đến bàn thờ và trao cho anh cuốn Phúc Âm Thánh, nói: " "Chúa ở cùng ngươi!" Một người trong số họ, dường như là người cao tuổi nhất, đã tuyên bố lớn tiếng: "Hãy cùng nhau cầu nguyện," rồi nói:

– Ân sủng thánh thiêng đã đặt anh em chúng ta, Amphilochius, làm giám mục thành Iconium; chúng ta hãy cầu nguyện cho ngài, để ân sủng của Chúa ngự trên ngài.

Sau khi cầu nguyện, tất cả đều chào tạm biệt Amphilochius rồi biến mất, còn ông thì đứng đó, ngạc nhiên trước cảnh tượng kỳ diệu và lễ tấn phong giám mục kỳ lạ của mình, đồng thời cầu nguyện với Chúa, phó thác bản thân cho thánh ý của Ngài. Ngay khi bình minh ló rạng, ông bước ra khỏi nhà thờ và trở về hang động của mình. Và kìa, trên đường đi, ông gặp bảy vị giám mục, những người đã tụ họp từ các thành phố lân cận đến Ikonia để bầu chọn và tấn phong giám mục cho thành phố này. Họ nhận được lệnh từ Đức Chúa Trời phải tìm kiếm tu sĩ Amphilochius. Sau khi rời khỏi Ikonia, họ tìm kiếm ông khắp nơi và cuối cùng gặp được ông, họ hỏi:

– Có phải ngài là Amphilochius không? Hãy nói sự thật với chúng tôi, vì mọi lời dối trá đều xuất phát từ kẻ gian ác.

– Tôi là Amphilochius, kẻ tội lỗi, – ông khiêm nhường đáp lại. Họ tôn kính dẫn ông vào nhà thờ để tấn phong, nhưng ông nói với họ:

– Nếu Đức Chúa Trời đã thương xót, khiến tôi, kẻ không xứng đáng và đầy tội lỗi này, được chỉ định cho các ngài để bầu làm giám mục, thì tôi không nên tiếp tục che giấu hay im lặng về những việc kỳ diệu của Ngài nữa; trái lại, chúng ta nhất định phải công bố những điều đó và dâng hết vinh quang lên Đức Chúa Trời.

Và Thánh Amphilochius đã kể lại cho họ nghe tất cả từ đầu về việc ngài đã được tấn phong làm giám mục trong một giấc mơ ban đêm. Sau khi nghe ông kể, các giám mục đều kinh ngạc và tạ ơn Thiên Chúa vì lễ tấn phong kỳ diệu của Amphilochius; họ không dám tấn phong ông lần thứ hai nữa, mà cúi đầu kính cẩn trước ông, hôn lên mặt ông với tình yêu thương, rồi đưa ông lên ngay ngai giám mục (vào thời trị vì của Valentinian và Valens[8043]).

Thánh Amphilochius đã chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô trong một thời gian khá dài: ngài sống cho đến thời hoàng đế Theodosius Đại Đế và các con trai của ông. Với tư cách là vị thầy của đức tin Chính Thống, ngài đã đấu tranh chống lại tà thuyết Arius[8044] , phải chịu nhiều sự đàn áp và xúc phạm từ phía những kẻ tà giáo, là đồng

---

[8042] Đó là vào năm 372.

[8043] Hoàng đế Valentinian (ở phương Tây) trị vì từ năm 364 đến năm 375. Hoàng đế Valens (ở phương Đông) trị vì từ năm 364 đến năm 378. Việc tấn phong Thánh Amphilochius làm giám mục diễn ra vào năm 373.

[8044] Arius, người bị lên án bởi Công đồng Đại kết lần thứ nhất, đã dạy rằng Con Thiên Chúa không phải là Thiên Chúa, mà chỉ là một thụ tạo cao nhất, qua đó Thiên Chúa đã tạo dựng cả thế giới.

hành của các vị Thánh Phụ đã đứng lên chống lại sự báng bổ của Evnomius, và tại Công đồng Đại kết lần thứ hai, ngài đã nỗ lực hết mình chống lại kẻ chống lại Giáo hội Macedonia[8045] cùng những người ủng hộ Arius. Nhờ lòng nhiệt thành bảo vệ đức tin và lối sống đạo đức, ngài được ca ngợi khắp nơi và được các vị Thánh Cha yêu mến, đặc biệt là Thánh Basil Đại Đế và Thánh Gregory Thần Học, những người coi ngài là bạn thân thiết và đã trao đổi thư từ với ngài[8046] .

Trong triều đại của Hoàng đế Theodosius Đại đế[8047] , Thánh Amphilochius đã đến gặp hoàng đế một lần và khẩn cầu ngài tiêu diệt các buổi cầu nguyện của những người theo phái Arian ở tất cả các thành phố. Nhưng hoàng đế không muốn đáp ứng yêu cầu của ngài, để không bị dân chúng coi là kẻ đàn áp. Lúc đó, Amphilochius lặng lẽ rời khỏi cung điện, nhưng vài ngày sau lại quay trở lại đó và, nhờ sự khôn ngoan của mình, đã làm một việc đáng ghi nhớ. Ông cúi chào hoàng đế đang ngự trên ngai vàng, bày tỏ sự kính trọng xứng đáng, và chào hỏi ngài một cách tôn kính; còn đối với con trai ngài là Arcadius, người vừa mới lên ngôi và đang ngồi bên cạnh cha, thì ông không hề để ý và cũng không dành cho cậu ta sự kính trọng xứng đáng. Theodosius, nghĩ rằng Amphilochius đã lơ là, ra lệnh cho ông phải chào hỏi Arcadius một cách đúng mực.

– Chỉ cần bày tỏ sự kính trọng đối với hoàng đế là đủ rồi, – Amphilochius nhận xét.

Lúc đó, hoàng đế cha nổi giận dữ dội và, không muốn để con trai mình bị thiếu tôn trọng, đã ra lệnh trục xuất Thánh Amphilochius khỏi cung điện một cách nhục nhã.

Thánh Amphilochius nói với ông:

– Ngài thấy chưa, thưa hoàng đế, ngài không thể chịu đựng được sự thiếu tôn kính đối với con trai mình và ngài giận dữ với tôi như thế nào? Cũng vậy, Thiên Chúa – Cha không dung thứ sự thiếu tôn kính đối với Con của Ngài, Ngài ghê tởm và không yêu thương những kẻ phỉ báng Ngài, và Ngài giận dữ với những ai giao du với những kẻ phỉ báng đó.

Hoàng đế lúc đó mới hiểu tại sao Amphilochius không tỏ lòng kính trọng với con trai mình – bởi vì ngài muốn chứng tỏ rằng Đức Chúa Con xứng đáng được tôn vinh ngang hàng với Đức Chúa Cha – ngài kinh ngạc trước sự khôn ngoan của vị thánh, đứng dậy khỏi ngai vàng, cúi đầu trước ngài và xin ngài tha thứ. Ngay lập tức, Theodosius ban hành các sắc lệnh trên toàn đế quốc về việc trục xuất những người Arian khỏi tất cả các thành phố, và nếu cần thiết – bằng vũ lực và đe dọa. Như vậy, Thánh Amphilochius đã thanh tẩy Giáo hội của Chúa Kitô khỏi những kẻ dị giáo.

Cũng vào khoảng thời gian đó, tà thuyết Messalian[8048] đã xâm nhập vào vùng Lycaonia. Thánh Amphilochius đã nhiệt thành bảo vệ Giáo hội của mình khỏi mầm mống độc hại này. Ngài đã vạch trần những kẻ dị giáo cả bằng lời nói trực tiếp lẫn bằng sức mạnh của Lời Chúa đầy khôn ngoan, và sau đó tham dự Công đồng Sidon tại Pamphylia[8049] , nơi tà thuyết này bị lên án. Vào thời điểm đó, Thánh Amphilochius đã đạt đến mức độ

[8045] Công đồng Đại kết lần thứ 2 (Công đồng Constantinopolis lần thứ nhất) diễn ra vào năm 381. Macedonia, người bị công đồng kết án, dạy rằng Thánh Thần là một thụ tạo, không tham dự vào Thần tính và vinh quang của Chúa Cha và Chúa Con.

[8046] Thánh Amphilochius đã nhiều lần đi đến Cæsarea để gặp Thánh Basil Đại Đế. Trong một trong những chuyến đi đó, ngài đã khẩn khoản xin Thánh Basil Đại Đế viết về Thánh Thần để vạch trần những người theo chủ nghĩa tinh thần. Ngoài những cuộc thảo luận trực tiếp về các vấn đề giáo hội khác nhau, Amphilochius còn nhiều lần xin Thánh Basil Đại Đế giải đáp bằng văn bản những nghi vấn của ngài về trật tự giáo hội. Theo yêu cầu của Amphilochius, vị Thánh Cha vĩ đại đã viết, trong số những tác phẩm khác, bức "Thư giáo luật" nổi tiếng. Năm 375, Thánh Basil Đại Đế, khi mời Amphilochius đến gặp mình lần nữa, đã giao phó Giáo hội Caesarea cho ông vì lý do bệnh tật; nhưng Amphilochius, bản thân cũng đang ốm và đồng thời không biết về bệnh tình của Basil, đã mời ngài đến Iconium tham dự công đồng. Tuy nhiên, bệnh tình của Thánh Basil không thuyên giảm, nên ngài đã gửi đến công đồng (năm 376; tại công đồng này, những người theo phái Duhobor đã bị lên án) một cuốn sách về Thánh Thần thay cho bản thân. Sau đó, để chiến thắng phe Evnomian – những người Arian cực đoan – Thánh Amphilochius đã xin Thánh Basil giải đáp một số vấn đề liên quan đến biện chứng của phe Evnomian, và Thánh Basil, bất chấp căn bệnh nặng nề, đã viết thư trả lời cho ngài. Thánh Amphilochius cũng có mối quan hệ thân thiết và hữu nghị như vậy với người thân của ngài là Thánh Grêgôriô Thần học gia, người mà nhờ sự thuyết phục của ngài mà ban đầu ngài đã lui về sa mạc, và người này đã gửi thư cũng như lương thực đến cho ngài tại đó.

[8047] Thánh Theodosius Đại Đế trị vì từ năm 379 đến năm 395.

[8048] Những người Messalian, hay còn gọi là Euchites, phủ nhận Ba Ngôi trong Thiên Chúa, các bí tích, việc ăn chay, các việc đạo đức bên ngoài và mọi quy định của Giáo hội. Để chiến đấu với ác quỷ – mà theo họ, mọi người đều nằm dưới quyền lực của nó – chỉ cần cầu nguyện siêng năng là đủ, sau đó Thánh Thần Toàn Năng sẽ ngự vào người cầu nguyện. Họ đắm chìm trong sự chiêm niệm, những điệu nhảy thần bí và khăng định rằng họ nhìn thấy thần linh bằng mắt thịt. – Tà giáo Messalian nảy sinh vào thế kỷ IV, bị lên án vào năm 431 tại Công đồng Ephesus lần thứ 3, nhưng đã biến mất hoàn toàn vào thế kỷ VII.

[8049] Pamphylia – vùng phía nam của Tiểu Á. Công đồng diễn ra tại Side, một thành phố quan trọng của Pamphylia.

thánh thiện cao đến nỗi ngài có thể cầu xin sự chữa lành cho những người bệnh qua những lời cầu nguyện của mình.

Khi đã bước vào tuổi già, Thánh Amphilochius đã an nghỉ trong Chúa một cách bình an[8050] .

Bài ca Kondak, giọng 2:

Tiếng sấm thiêng liêng, tiếng kèn của Thánh Thần, người vun trồng đức tin, kẻ tiêu diệt các tà thuyết, Đức Cha Amphilochius, vị thánh vĩ đại được Ba Ngôi yêu mến: cùng các Thiên Thần luôn hiện diện trước mặt Chúa, xin ngài không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Cuộc đời của Thánh Cha Grigori, Giám mục Akraganti

Ngày kỷ niệm: 23 tháng 11

Thánh Grigori sinh ra trên đảo Sicily[8051] tại làng Pretoria, gần thành phố Akraganta[8052] , trong một gia đình có cha mẹ đạo đức và nhân đức là Chariton và Theodota. Cha mẹ ngài là những người rất giàu có và hào phóng dùng tài sản của mình để giúp đỡ tất cả những người nghèo khó.

Trong lễ rửa tội cho đứa trẻ Grigori, người đỡ đầu của cậu bên bồn rửa tội là Thánh Patamion, Giám mục Akraganti. Khi được tám tuổi, Grigori được gửi đến học với một thầy giáo tài giỏi tên là Damian, và chỉ sau hai năm, cậu đã thành thạo việc đọc, viết và hát các bài thánh ca. Đến năm thứ mười hai, cậu được Giám mục Patamion phong vào hàng giáo sĩ và giao phó cho Phó tế trưởng[8053] Donatus, người có nhiệm vụ hướng dẫn cậu trong các việc tu hành và đời sống đạo đức. Cậu thiếu niên siêng năng cầu nguyện và dành cả ngày lẫn đêm để đọc Kinh Thánh cùng các cuốn sách về cuộc đời các vị thánh tổ phụ; từ đó, trong lòng cậu ngày càng bùng cháy khát vọng được bước theo dấu chân của những người mà cậu đã đọc về.

Khi cậu tròn 22 tuổi, cậu quyết tâm lên đường đến Giê-ru-sa-lem để thờ lạy các thánh địa; và cậu bắt đầu cầu nguyện tha thiết với Thiên Chúa, xin Ngài ban phước cho hành trình của cậu. Một đêm nọ, khi cậu đang ngủ trong nhà của phó tế, gần giường cậu, bỗng có ai đó gọi cậu:

– Grigori!

Anh đáp: “Con đây”, rồi đứng dậy và hỏi phó tế trưởng:

– Tại sao ngài gọi con, thưa ngài?

– Tôi không gọi con đâu, con yêu, – phó tế trưởng đáp.

Và Grigori đi ra, lại nằm xuống và ngủ tiếp. Nhưng cùng một giọng nói đó lại gọi anh lần thứ hai, và anh lại đến gần phó tế trưởng, hỏi tại sao ông ấy gọi mình, và phó tế trưởng lại trả lời rằng ông ấy không gọi ai cả; nhưng lần này, phó tế trưởng, nhận ra rằng chính Đức Chúa Trời đang gọi Grigory, run rẩy vì sợ hãi và nói với cậu bé:

[8050] Thánh Amphilochius của Iconium (khoảng năm 395) – Thánh Amphilochius để lại rất nhiều tác phẩm thần học đa dạng: ngài viết sách, thơ, thư từ và các bài giảng. Trong số đó, những tác phẩm quan trọng nhất là các tác phẩm biện hộ, được viết để bảo vệ giáo lý Chính thống và vạch trần các tà giáo. Điển hình là cuốn sách của ngài về Thánh Thần và cuốn sách chống lại các tín đồ Euchites – cả hai đều không còn tồn tại đến ngày nay; cuốn sách “Về sự giáng sinh của Chúa theo xác thịt”, từng được đọc tại các Công đồng Đại kết nhưng chỉ còn lại một số đoạn trích; và cuốn sách về Tiên tri Isaia, cũng không còn tồn tại đến ngày nay. Đến nay, chúng ta còn lưu giữ được một bức thư dài của Thánh Amphilochius gửi cho Seleucus, cháu trai của Thánh Olympias và cháu nội của tướng quân Trajan, gồm 333 câu thơ, mang tính chất giáo dục. Người ta cũng biết đến bức thư của Thánh Amphilochius gửi cho Seleucus, cháu nội của tướng quân Trajan, về Chúa Ba Ngôi và sự nhập thể của Con Thiên Chúa, cùng một số bức thư và thông điệp khác, chủ yếu về Chúa Ba Ngôi và đặc biệt là về Chúa Thánh Thần. Ngoài ra, Thánh Amphilochius còn để lại nhiều lời dạy và bài giảng – chủ yếu mang tính chất giáo lý.

[8051] Đảo Sicily nằm trên Biển Địa Trung Hải, ở cực nam của bán đảo Apennine, được ngăn cách với bán đảo này bởi eo biển Messina.

[8052] Thành phố Akragas – nay là Agrigento – nằm trên bờ biển phía tây nam của đảo Sicily.

[8053] Từ “archidiacon” trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là “người đứng đầu các phó tế”, tức là người cao cấp nhất hoặc chức sắc cao nhất. Hiện nay, danh xưng này được dùng để chỉ các phó tế tu sĩ có chức vụ cao nhất trong hàng ngũ phó tế (còn các phó tế cao cấp nhất trong hàng giáo sĩ thế tục được gọi là “protodiacon”). Tuy nhiên, trong Giáo hội cổ đại, các archidiacon đứng rất gần giám mục và giúp ngài điều hành Giáo hội; đôi khi, chẳng hạn như tại các công đồng, họ thậm chí còn là đại diện của ngài.

– Nếu giọng nói ấy lại gọi con một lần nữa, thì con hãy đáp lại: "Có chuyện gì vậy, lạy Chúa? Ngài muốn gì ở tôi tớ của Ngài?"

Khi Grigori rời khỏi phó tế trưởng và nằm xuống giường của mình, giọng nói ấy đã gọi tên cậu lần thứ ba. Người gọi chính là Thiên Thần của Chúa. Grigori đáp lại như đã được dạy, và Thiên Thần nói với cậu:

– Lời cầu nguyện của con đã được nhậm: hãy đến bờ biển, ở đó con sẽ gặp những người sẽ đưa con đến các thánh địa.

Grigory lập tức đứng dậy, không nói gì với ai cả, sáng sớm liền lên đường ra biển; khi đến bờ biển, anh thấy một con tàu và hỏi các thủy thủ rằng họ đang đi đâu. Họ trả lời rằng họ đang đi đến Carthage[8054] , và anh xin họ cho anh đi cùng. Tất cả đều lên tàu và sau ba ngày, họ đã đến Carthage an toàn.

Tại Carthage, Grigory ở lại vài ngày, trong thời gian đó ông thường xuyên đến nhà thờ Thánh Tử đạo Julian. Một lần nọ, khi ông đang ở trong nhà thờ này và đọc Kinh Thánh, ba tu sĩ mặc áo đen, trông rất trang nghiêm, bước vào và bắt đầu cầu nguyện. Khi kết thúc lời cầu nguyện, một trong số họ ngồi xuống, còn hai người kia đứng bên cạnh. Grigori, khi nhìn thấy họ, đã cúi đầu chào. Vị tu sĩ đang ngồi, sau khi nhìn Grigori, đã nói:

– Ngươi đang làm gì ở đây, hỡi Grigori, tôi tớ của Chúa, người đã chọn phần phúc lành mà không ai có thể tước đoạt khỏi ngươi, theo lời Chúa? (Lc 10:42).

Nghe thấy tên mình, Grigory kinh hoàng và, cúi đầu xuống đất trước vị tu sĩ già, nói:

– Xin tha thứ cho con, thưa cha, và xin cầu nguyện cho con, kẻ tội lỗi và lơ là.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Ôi, giá như tôi có những tội lỗi của con, con trai của tôi[8055] ! Hãy biết rằng – ông nói thêm – Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót đã bày tỏ cho chúng tôi mọi điều về con, và hãy vui mừng, vì Ngài đã sai chúng tôi đến đón con và dẫn con đến những nơi thánh, như con mong muốn – chính chúng tôi cũng đang trên đường đến đó.

Lúc đó, Grigori, đầy xúc động, thốt lên:

– Ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng sắp đặt mọi sự vì lợi ích của chúng ta! Sau đó, cả bốn người cùng lên đường. Trên đường đi, vị tu sĩ già, để thử lòng Grigori, bỗng hỏi anh:

– Con Grigori ơi! Con có nhớ cha mẹ mình không?

– Chúa chúng ta đã phán, – Grigori đáp: *"Ai yêu cha hay mẹ hơn Ta, thì không xứng đáng với Ta; và ai yêu con trai hay con gái hơn Ta, thì không xứng đáng với Ta"* (Mt 10,37). Nhưng dù sao đi nữa, thưa Cha, chúng ta hãy cầu nguyện cùng Chúa, để Ngài ban sự an ủi cho cha mẹ con (những người đã mất con), và bảo vệ con, kẻ tội lỗi này, khỏi những cạm bẫy của kẻ thù.

Sau hành trình nhiều ngày, họ đến gần thành thánh và ghé vào một tu viện nằm trên đường đi. Trong khi đó, Mùa Chay Thánh Bốn Mươi Ngày đã bắt đầu, nên họ không đi tiếp mà ở lại tu viện đó cho đến Tuần Thánh. Tại đây, Grigori chứng kiến sự ăn chay nghiêm ngặt và sự thức trắng của các tu sĩ: nhiều người trong số họ không ăn uống và không ngủ suốt cả tuần. Tại đây, anh thấy những con người sống giống như các Thiên thần và không ngừng ngợi khen Thiên Chúa, như cách họ ngợi khen Ngài trên trời; anh thấy các tu sĩ rơi nước mắt như suối và đứng cầu nguyện suốt ngày đêm, anh cũng thấy những công việc khác và những hành động phi thường của họ, và anh kinh hoàng, đập ngực mình, kêu lên:

– Khốn khổ cho tôi! Tôi là ai đây? Tôi, kẻ lơ là, lười biếng, phải làm gì đây? Làm sao tôi có thể đứng ngang hàng với các thánh nhân vào Ngày Phán Xét?!

Tuy nhiên, không muốn chìm đắm hoàn toàn vào vực thẳm của sự tuyệt vọng, tôi tự nhủ:

– Nếu, như Đa-vít đã nói, *"Chúa gần gũi với những ai có lòng tan nát và khiêm nhường trong tinh thần, Ngài sẽ cứu rỗi họ"* (Thánh Vịnh 33:19), thì Ngài cũng có thể cứu rỗi tôi, giống như Ngài đã cứu rỗi những người đến vào giờ thứ mười một[8056] và những người chưa làm được điều gì xứng đáng với phần thưởng.

Các tu sĩ, nhìn thấy khuôn mặt u sầu của anh, đã an ủi anh, nghĩ rằng anh đang nhớ nhung quê hương và cha mẹ.

– Đừng hối tiếc, con ơi, – họ nói với anh ta, – vì đã đi cùng chúng ta xa đến thế này: chúng tôi hy vọng rằng, với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, con sẽ trở về quê hương và được gặp lại cha mẹ mình khi họ còn sống.

[8054] Carthage – một thành phố nằm trên bờ biển phía bắc châu Phi; ngày nay chỉ còn lại những đống đổ nát.

[8055] Tức là: Ôi, giá như tôi cũng được giải thoát khỏi tội lỗi như ngài.

[8056] Ý nghĩa của dụ ngôn trong Phúc Âm là sự ăn năn và quay về với Thiên Chúa không bao giờ là quá muộn.

– Với Chúa, – cậu đáp, – không có đất nước nào là xa lạ: mọi thứ đều thuộc về Ngài và Ngài thấu suốt mọi nơi bằng con mắt toàn tri của Ngài. Và con không buồn vì đã đến đây, cũng không nhớ nhung cha mẹ mình, mà ngược lại, con vui mừng vì, sau khi rời xa cha mẹ, con đã tìm thấy Chúa, Đấng luôn chăm sóc con. Không, nỗi buồn khác đang đè nặng trong lòng tôi. Tôi khẩn cầu các vị, các vị thánh phụ, hãy cầu nguyện cho tôi, kẻ khiêm nhường này, trước mặt Chúa.

Sau câu trả lời đó, các tu sĩ mặc áo đen im lặng.

Khi lễ Phục Sinh của Chúa Kitô đến, các lữ khách lên đường đến Giê-ru-sa-lem và, sau khi viếng các thánh địa, họ đến xin phước lành từ Đức Thượng Phụ – Thánh Ma-ca-ri[8057] . Thấy họ, Đức Thượng Phụ nói:

– Hãy vui mừng trong Chúa, Abba Mark! Ngài đã dẫn chàng thanh niên Grigori, người được lòng Chúa, đến với chúng ta từ đâu vậy?

– Không phải chúng con đưa cậu ấy đến, thưa Đức Thượng phụ, – Mark đáp, – mà là Chúa, Đấng mong muốn cứu rỗi tất cả mọi người, và những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài.

Grigori rất ngạc nhiên khi thấy Đức Thượng phụ gọi tên cả anh lẫn vị tu sĩ già, và anh rất vui khi biết được tên của vị tu sĩ già; cho đến lúc này, dù đã ở cùng họ bao lâu, cậu vẫn không biết tên – cả của vị tu sĩ già lẫn hai người bạn đồng hành kia, và cậu cũng không dám hỏi họ đến từ đâu hay tên là gì – bởi cậu vốn rất ít nói và không tò mò.

Sau đó, Đức Thượng phụ nhìn sang hai tu sĩ còn lại và nói:

– Thật tốt là các con đã đến, Serapion và cha Leontius. Ta tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho các con sức mạnh để đến đây và dẫn theo cậu thiếu niên này, người tràn đầy tinh thần, phụng sự Chúa, được an ủi bởi niềm hy vọng, kiên trì trong cầu nguyện, như Chúa đã mặc khải cho ta về cậu ấy.

Nói xong, Đức Thượng phụ đi vào nhà thờ để cử hành Thánh lễ, và tất cả những người lữ hành đều rước Mình và Máu Thánh. Sáng hôm sau, Abba Mark cùng hai tu sĩ, sau khi nhận lời chúc lành từ Đức Thượng phụ, đã đi thăm các tu sĩ đang sống xung quanh Núi Si-ôn. Grigori không biết rằng họ đang ra đi, và khi ở lại một mình, ông rất buồn bã vì đã bị tụt lại phía sau. Nhưng Đức Thượng phụ, để an ủi ông, đã nói rằng các vị cha sẽ không trở về quê hương của mình mà không quay lại tu viện trước.

Lúc đó, Grigori, sau khi cúi đầu kính lễ Đức Thượng phụ, đã dám hỏi ngài rằng ba vị thánh nhân vĩ đại này đến từ đâu. Đức Thượng phụ đáp rằng họ đến từ Rôma. Khi các tu sĩ trở về Giêrusalem, Abba Mark nắm tay Grigori, rồi cúi đầu anh xuống chân Đức Thượng phụ và nói:

– Thưa Đức Thánh Cha! Người này cũng thuộc về đoàn chiên của Đức Kitô: anh ta sẽ đảm nhận quyền lãnh đạo trong Giáo Hội và, như một mái chèo, sẽ dẫn dắt Giáo Hội bằng giáo huấn thiêng liêng hướng tới điều thiện. Còn ngài, thưa Đức Thánh Cha, xin hãy chăm sóc anh ta, để anh ta giữ được sự hoàn hảo tâm hồn trong sự tinh khiết trọn vẹn và không bị ô uế bởi những ý nghĩ tội lỗi thường thấy ở tuổi trẻ.

– Thiên Chúa đã chọn người ấy cho chính Ngài, – vị Thượng phụ đáp, – ngay từ khi còn trong lòng mẹ và đã che chở người ấy bằng sự kính sợ Ngài: Chính Ngài cũng sẽ gìn giữ người ấy cho đến cùng.

Sau đó, khi đỡ Grigori dậy và thấy cậu đang khóc, vị tổng giám mục nói với cậu:

– Nếu con, con yêu quý của ta, thích ở đây, hãy ở lại với chúng ta, – và Chúa Giêsu Kitô của chúng ta sẽ sắp xếp mọi sự vì lợi ích của con; còn nếu con muốn đi cùng họ, thì hãy đi trong bình an.

– Không, thưa Đức Thánh Cha, – Grigori đáp, – con không muốn rời khỏi đây, nhưng chỉ cầu xin Chúa cho con được gặp lại các vị thánh phụ này một lần nữa trong cuộc đời này.

Như vậy, các tu sĩ, sau khi xin Đức Thượng phụ ban phước lành và lời cầu nguyện cho hành trình, đã rời khỏi Thành Thánh, còn Grigori thì ở lại Giê-ru-sa-lem cùng Đức Thượng phụ Ma-ca-ri.

Trên đường đến Rôma, tu sĩ Mác cùng với Serapion và Leontius đã phải đi thuyền qua Akragas. Họ dừng chân tại đây, chào hỏi Giám mục Patamion và ở lại một thời gian tại dinh giám mục, vì lúc đó đang là lễ các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô. Sau lễ, khi họ đã chuẩn bị lên đường và xin Đức Giám mục ban phước lành tiễn biệt, cha mẹ của Grigori, là Chariton và Theodotia, đã từ làng của họ đến gặp Đức Giám mục Patamion để cử hành lễ tưởng niệm con trai vào ngày đầu tiên của tháng Bảy, vì chính vào ngày đó Grigori đã rời quê hương. Theodotia khóc nức nở vì con trai, và không ai có thể an ủi bà. Abba Mark hỏi giám mục:

– Thưa Cha, tại sao những người này lại khóc lóc như vậy?

[8057] Macarius II là Thượng phụ Giêrusalem từ năm 663 đến năm 674.

Vị giám mục thở dài, mắt rưng rưng nước mắt và trả lời:

– Họ có một người con trai duy nhất, người mà tôi đã rửa tội trong bể thánh. Khi cậu bé tròn tám tuổi, cha mẹ đã đưa cậu đến gặp tôi, và tôi đã ra lệnh dạy cậu biết chữ; và Chúa đã ban cho cậu những khả năng đến nỗi chỉ trong hai năm, cậu đã học được cách đọc, viết và hát trong nhà thờ một cách xuất sắc. Khi cậu bé tròn mười hai tuổi, cha mẹ đã dâng cậu lên Chúa qua đôi tay tội lỗi của tôi, và tôi đã phong cậu làm tu sĩ, đồng thời giao phó cho phó tế trưởng của tôi để người ấy hướng dẫn cậu theo con đường các điều răn của Chúa; và cậu bé đã trở nên thông thạo Kinh Thánh đến mức cho đến nay vẫn chưa ai ở khắp Sicily sánh được với cậu. Và giờ đây, chúng tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với cậu ấy, cậu ấy đã đi đâu? Cậu ấy đột ngột biến mất không để lại dấu vết; chúng tôi đã tìm kiếm cậu ấy khắp hòn đảo này, trong các thành phố và làng mạc, trên núi, trong hang động và sa mạc, nhưng không thể tìm thấy, và chúng tôi không biết liệu có ai đó đã giết cậu ấy và chôn xuống đất, hay cậu ấy bị bắt cóc và đưa đi nơi khác. Giờ đây, tất cả chúng tôi đều thương xót anh ấy vô cùng, còn cha mẹ anh ấy đã bắt đầu cử hành lễ tưởng niệm cho anh ấy ngay từ ngày anh ấy biến mất.

Trong khi đó, Abba Mark, sau khi nhìn kỹ khuôn mặt của Hariton, đã đoán ra rằng đây chính là cha của Grigory – vì Grigory rất giống cha mình về mọi mặt – và nói với cha mẹ đang khóc lóc:

– Tại sao các vị lại đau buồn vô cùng vì con trai mình như vậy? Ngược lại, các vị nên vui mừng và tạ ơn Đức Chúa Trời, Đấng sắp đặt mọi sự vì lợi ích của các tôi tớ Ngài.

Và, quay sang vị giám mục, ngài nói thêm:

– Hãy ra lệnh cho phó tế trưởng của ngài đến đây.

Vị giám mục lập tức ra lệnh gọi phó tế trưởng, và khi người ấy xuất hiện, Mark quay sang hỏi:

– Hãy nói cho chúng tôi biết, cậu bé được giao phó cho ngươi đã trốn đi đâu, và tại sao ngươi lại không tiết lộ cho chủ nhân của ngươi, vị giám mục, về vinh quang của Đức Chúa Trời đã hiển lộ nơi cậu bé ấy?

Bị những lời này làm cho kinh ngạc, phó tế trưởng cúi đầu trước vị tu sĩ già và xin lỗi, rồi bắt đầu kể lại câu chuyện của mình:

– Một đêm nọ, khi tôi đang ngủ trong phòng tu của mình và cậu bé đang nghỉ ngơi gần đó, bỗng có ai đó gọi tên cậu ấy: "Grigori"! Cậu ấy đứng dậy, đến chỗ tôi và hỏi tại sao tôi lại gọi cậu ấy. Tôi trả lời rằng tôi không gọi cậu ấy. Khi cậu ấy nằm xuống, giọng nói ấy lại gọi cậu ấy lần thứ hai, và cậu ấy lại đến chỗ tôi và nói: "Con đây, sao thầy gọi con?" Lúc đó tôi mới hiểu rằng tiếng gọi này không phải của con người, mà là từ Đức Chúa Trời, và tôi đã dạy anh ấy rằng, nếu giọng nói đó còn gọi anh ấy , thì hãy đáp lại: "Con đây, lạy Chúa: xin hãy truyền lệnh cho tôi tớ của Ngài." Anh ấy quay về giường của mình, và tôi nghe thấy giọng nói ấy lại nói với anh ấy: "Grigory! Lời cầu nguyện của con đã được nhậm: hãy ra bờ biển, và con sẽ gặp những người sẽ đưa con đi cùng họ." Nhưng tôi, dù chính tai đã nghe thấy giọng nói ấy, lại không hiểu rõ nó đang nói về điều gì, và ngay lập tức chìm vào giấc ngủ; sáng hôm sau, khi thức dậy, tôi không còn thấy Grigory đâu nữa, và từ đó đến nay anh ta vẫn chưa được tìm thấy; còn về giọng nói mà tôi đã nghe, tôi không dám kể cho ai cả, vì sợ người ta sẽ nói rằng tôi đang nói dối, và nếu không tin lời tôi, họ sẽ cho rằng chính tôi đã giết cậu bé hoặc bán cậu ấy sang xứ người.

Sau khi nghe lời kể của phó tế trưởng, vị giám mục và cha mẹ cậu bé đã được an ủi trong nỗi buồn và tạ ơn Đức Chúa Trời, còn vị thánh Abba Mark đã nói:

– Này, như chúng ta đọc trong Sách Các Vua về Sa-mu-ên (1 Sa-mu-ên 3:3–8), thì ngày nay với Grigori cũng xảy ra như vậy: giống như cậu bé Sa-mu-ên đang ngủ trong lều, Thiên Thần của Chúa đã gọi ba lần: "Sa-mu-ên, Sa-mu-ên"! – Cậu bé thánh thiện Grigori cũng đã được ban cho lời kêu gọi tương tự như vậy. Quả thật, cậu sẽ ngang hàng với nhà tiên tri Samuel! Bây giờ hãy nghe những gì tôi sẽ nói với các bạn về cậu bé của các bạn: Khi tôi ở Rôma, có lần tôi cùng các anh em của mình đi cầu nguyện tại nhà thờ các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô. Khi đêm xuống, chúng tôi nghỉ lại tại nhà một tu sĩ, và trong đêm đó, hai người đàn ông rạng rỡ, trông giống như các Tông đồ, đã hiện ra với tôi trong một giấc mơ và nói:

– Hãy mau đứng dậy cùng với Serapion và Leontius, lên thuyền và đi đến Carthage: ở đó các ngươi sẽ gặp một người lữ hành đến từ đảo Sicily, tên là Grigorius, thuộc Giáo hội Akraganta; hãy đưa anh ta đi cùng và đưa đến thành thánh Jerusalem gặp Đức Thượng phụ Makarios; chúng tôi đã kể cho Đức Thượng phụ nghe về thiếu niên này và ra lệnh cho ngài tiếp nhận anh ta, vì Thánh Thần của chúng tôi ngự trên anh ta, giống như Thánh Thần của Ê-li ngự trên Ê-li-sê.

Nói xong, những người hiện ra với tôi bỗng trở nên vô hình. Khi tỉnh dậy, tôi cùng các anh em Serapion và Leontius đi ra bến cảng, nơi, theo sự an bài của Thiên Chúa, tôi tìm thấy một con tàu đã sẵn sàng khởi hành đến

Carthage. Chúng tôi lên tàu và chẳng bao lâu sau đã đến nơi. Sau khi xuống tàu, chúng tôi bước vào nhà thờ Thánh Tử đạo Julian và ở đó gặp Grigori đang đọc sách. Chúng tôi đưa anh ấy đi cùng, lên đường đến Jerusalem và để anh ấy lại với Đức Thượng phụ tại đó.

Tất cả những người nghe lời Abba đều vô cùng ngạc nhiên trước những lời của ngài và tạ ơn Chúa, còn Chariton và Theodota thì vì xúc động quá mức nên ngã quỵ xuống đất, nhưng Mark đã đỡ họ dậy và nói:

– Hãy ngợi khen Thiên Chúa vì con trai các vị còn sống và đang sống một cuộc đời đạo đức.

Và sau khi ngừng than khóc, Hariton và Theodotia cùng với vị giám mục và tất cả những người có mặt đã dâng lời tạ ơn Thiên Chúa, đồng thời cũng cảm ơn Abba Mark vì sự chăm sóc dành cho Grigori, và từ đó họ không còn chìm đắm trong nỗi buồn nữa.

Trong khi đó, thánh Grigori sống tại Giê-ru-sa-lem dưới sự hướng dẫn của Đức Thượng phụ Makari và được ngài phong làm phó tế. Một thời gian sau, ngài xin Đức Thượng phụ cho phép ngài lên Núi Ô-li-ve[8058] để viếng thăm các vị tu sĩ đang sống ở đó, và sau khi được chấp thuận, ngài đã dành trọn một năm để viếng thăm các vị tu sĩ dũng cảm và nhận được từ họ mọi lợi ích thiêng liêng. Sau đó, ngài nảy sinh ý định lên sa mạc nội địa[8059] , bày tỏ ý định của mình với các vị tu sĩ và xin họ cầu nguyện cho ngài. Các vị tu sĩ, sau khi cầu nguyện cho ngài, đã cho phép ngài ra đi, nói rằng:

– Hãy đi đi, con ơi, bình an: đức tin và tình yêu mà con dành cho Đấng Kitô sẽ cứu rỗi con.

Sau khi xuống núi Eleon, Grigori đi sâu vào sa mạc và ba ngày sau, theo ý định của Đức Chúa Trời, anh gặp một tu sĩ mặc áo đen đang cầu nguyện vào giờ thứ sáu trong ngày. Nhận ra bằng linh hồn rằng chàng trai trẻ Grigori đang tìm kiếm sự cứu rỗi, vị tu sĩ gọi anh lại và hỏi:

– Con đang đi đâu vậy, con ơi?

– Chúa Kitô sẽ dẫn con đi đâu trong sa mạc này, – Grigori trả lời.

– Hãy đi cùng ta, – vị tu sĩ nói.

Sau hai mươi ngày lặn lội, họ đến một nơi, từ đó vị tu sĩ chỉ cho Grigori thấy một căn phòng tu viện nằm xa xa, trước mặt có hai cây cọ, và nói:

– Trong căn phòng đó có một vị cha vĩ đại đang sống: nếu con muốn được cứu rỗi, hãy đến gặp ngài, còn ta phải đi theo hướng khác.

Và sau khi cúi chào nhau, họ chia tay.

Grigori, khi tiến gần đến căn phòng của vị tu sĩ cao niên vĩ đại, ban đầu nghe thấy tiếng hát của một dàn hợp xướng đông đảo; nhưng khi đến gần hơn, anh chỉ nghe thấy giọng hát của ba người; và khi đến sát cửa căn phòng, anh nhận ra rằng chỉ có một vị tu sĩ cao niên đang hát, người đang kết thúc giờ cầu nguyện thứ chín; nhưng Grigory không dám gõ cửa và đứng bên ngoài trong sự sợ hãi. Khi kết thúc nghi thức của mình, vị thánh phụ nhìn ra ngoài cửa, thấy chàng trai trẻ và, nhận ra anh ngay lập tức bằng linh cảm, đã gọi anh vào phòng tu của mình, gọi tên anh, khiến Grigory càng sợ hãi hơn. Khi bước vào phòng, Grigory thấy rằng ngoài vị tu sĩ già đó ra thì không có ai khác, và anh ngạc nhiên không hiểu sao mình lại nghe thấy tiếng hát của nhiều giọng, trong khi chỉ có một vị tu sĩ già đang hát; từ đó anh hiểu rằng các Thiên thần thánh đã cùng hát với vị tu sĩ già. Anh quỳ xuống dưới chân vị tu sĩ già và với nước mắt, anh cầu xin ngài:

– Xin cha thương xót con, và cầu nguyện cho con, kẻ tội lỗi này, để Chúa cứu rỗi linh hồn con.

– Chúa sẽ thương xót con, hỡi con cái, – vị tu sĩ già đáp, – và sẽ ban thưởng cho con vì những nỗ lực của con.

Grigori đã sống bốn năm với vị tu sĩ thánh thiện và học hỏi được rất nhiều từ ngài, cả về sự khôn ngoan thiêng liêng lẫn lối sống tu hành, nghiên cứu cách giải thích các Kinh Thánh được Thánh Thần soi dẫn, và trở nên rất sáng suốt và hùng hồn. Vị tu sĩ già, khi thấy trí tuệ và đức hạnh của cậu, đồng thời tiên đoán rằng cậu sẽ trở thành một ngôi sao sáng chói cho thế gian, đã không muốn giữ cậu lại trong sa mạc nữa và ra lệnh cho cậu rời khỏi cuộc sống ẩn dật để ra giúp đỡ Giáo hội đang phải chiến đấu. Khi đó, ngài đã tiên đoán với Grigori rằng anh sẽ phải chịu nhiều sự đàn áp từ những kẻ ghen tị, và dạy anh phải kiên nhẫn và không oán hận; sau đó, ngài cầu nguyện cho anh, ban phước lành và cho phép anh ra đi.

[8058] Phía đông Giê-ru-sa-lem, qua thung lũng được gọi là Kedron. Tại đây, Chúa đã tiên báo về sự diệt vong của thế giới, Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ, và cũng từ đây Ngài đã thăng thiên lên trời. Núi Ô-li-ve cao 2.600 feet so với mực nước biển Địa Trung Hải.

[8059] Sa mạc Nội địa nằm giữa Giê-ru-sa-lem và Giê-ri-cô; đây là một vùng đất đá, hoang vu và cằn cỗi.

Sau khi rời khỏi vị tu sĩ cao niên, Grigori lại trở về Jerusalem, nơi ngài được Đức Thượng phụ đón tiếp nồng nhiệt. Sau khi sống tại Jerusalem một năm, vị thánh này tiếp tục lên đường đến Antioch, rồi từ đó đến Constantinople và cư ngụ tại tu viện các Thánh Tử đạo Sergius và Bacchus. Vị tu viện trưởng, khi chứng kiến những việc làm cao cả và sự tiết chế của Grigori – người đã không ăn uống suốt một tuần và suốt ngày chỉ đọc sách và viết sách – đã báo cáo về ông với Đức Thượng phụ Eutychius.

– Thưa Đức Thượng phụ, – ông nói với Đức Thượng phụ, – có một tu sĩ đáng kinh ngạc – một phó tế – đã đến tu viện của tôi, người có dáng vẻ và lối sống tuyệt vời, là một người ăn chay nghiêm ngặt, siêng năng thực hành mọi việc tu hành và là một nhà thông thái xuất sắc về Kinh Thánh. Tôi nghĩ rằng hiện nay không thể tìm thấy ai khác như vậy trên toàn Constantinople.

Đức Thượng phụ rất vui mừng trước tin này và, sau khi mời Grigori đến với sự tôn kính, ngài đã trò chuyện với anh ta. Sau khi nhận thấy sự khôn ngoan của anh ta, ngài đã tạ ơn Thiên Chúa vì đã sai một người như vậy đến vào thời điểm Giáo hội đang phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng lớn do các tà giáo gây ra.

Trong khi đó, Giám mục Theodoros của Akraganti, người kế vị Thánh Patamion, đã qua đời. Trong cộng đồng Akraganti đã nảy sinh bất đồng và chia rẽ: một số người muốn thấy linh mục Savin trở thành giám mục, số khác muốn một người tên là Kriskent, số khác nữa muốn Phaolô, lúc bấy giờ là phó tế trưởng, còn một số người khác thì phó thác cho ý muốn của Chúa:

– Ai mà Chúa chọn, người ấy sẽ là giám mục của chúng ta, – họ nói.

Về vấn đề này, tất cả các linh mục, chính quyền thành phố và người dân đã tập hợp lại và lên đường đến Roma gặp Đức Giáo hoàng; trong số đó có cả cha Chariton, cha của Grigory. Khi đến gặp Đức Giáo hoàng, họ chia thành ba phe: một phe do Savin đứng đầu, phe khác do Criscent đứng đầu, và phe thứ ba do Euplem và Chariton đứng đầu. Nhóm thứ nhất đề nghị phong Savin làm giám mục, nhóm thứ hai đề nghị Criscent, còn Evpl cùng với Chariton và những người còn lại thì thưa với Đức Giáo hoàng:

– Ai mà Đức Chúa Trời chỉ định cho Đức Thánh Cha, thì xin hãy phong người đó làm giám mục cho chúng con.

Đức Giáo hoàng, thấy sự bất đồng và tranh cãi của họ, đã ra lệnh cho họ rời khỏi ngài. Và khi ngài đang lâm vào tình thế khó xử như vậy, vào ban đêm, trong một giấc mơ, hai người đàn ông uy nghi hiện ra trước mặt ngài dưới hình dạng các Tông đồ và nói:

– Sao ngài lại buồn phiền vì sự bất đồng của người Akraganta như vậy? Tất cả những người họ đưa ra đều không xứng đáng với chức giám mục. Nhưng ở Rôma có một người ngoại tỉnh tên là Grigori, người trước đây sống tại tu viện Thánh Savva, và giờ đây, khi nghe tin đoàn người Akraganti đến, đã trốn khỏi tu viện đó và ẩn náu tại tu viện Thánh Mercurius: hãy triệu tập ông ấy và phong ông ấy làm giám mục cho họ, vì Akragant cần một vị giám mục mà Thánh Thần của Chúa ngự trị cách đặc biệt.

Nói xong, những người hiện ra bỗng biến mất. Đức Giáo hoàng tỉnh giấc, triệu tập các linh mục và tu sĩ Mark, người lúc đó tình cờ từ tu viện của mình đến Roma, kể cho họ nghe về thị kiến của mình và ngay lập tức sai hai giám mục cùng các giáo sĩ khác đi tìm và rước Grigory về một cách long trọng. Họ đến tu viện Thánh Savva và hỏi ở đó Grigori đang ở đâu. Các tu sĩ trả lời rằng hai ngày trước, ngài đã chuyển đến tu viện Thánh Mercury. Họ liền lên đường đến đó, nhưng Thánh Grigori, lúc đó vừa định bước ra khỏi tu viện, đã nhìn thấy các giám mục đang đi từ xa và nhận ra họ – vì trước đó ngài đã gặp họ tại Công đồng ở Constantinople – và, bằng linh cảm, ngài hiểu rằng họ đang tìm mình, nên đã chạy ngược lại phía sau hàng rào và ẩn mình trong vườn tu viện. Các giám mục, khi vào tu viện, đã hỏi thăm về ông, và các tu sĩ trả lời rằng hôm đó quả thực có một người lữ hành nào đó ở tu viện, nhưng họ không biết ông đã đi đâu. Các giám mục quay sang vị tu viện trưởng và kiên quyết tuyên bố rằng nếu ông không giao nộp người lữ hành đó cho họ ngay lập tức, ông sẽ phải chịu hình phạt nặng nề. Vị tu viện trưởng xin họ chờ một lát, còn bản thân ông thì bắt đầu tìm kiếm Grigori một cách kỹ lưỡng và cuối cùng đã tìm thấy anh ta trong vườn, đang ẩn nấp trong bụi cỏ. Ông giận dữ lôi anh ta dậy và mắng mỏ, nói:

– Ngươi từ đâu đến đây, hỡi người kia? Tội lỗi của ngươi là gì và ngươi đã làm gì mà những người đáng kính như vậy lại đi tìm ngươi? Ngươi đã mang tai họa đến cho tu viện của chúng ta – hãy đi và trả lời về những tội lỗi của ngươi đi.

Thánh Grigori không trả lời gì cả và im lặng đi theo vị tu viện trưởng, người đang nắm tay ông. Khi ngài được dẫn đến trước các giám mục, họ lập tức nhận ra ngài – họ đã thấy ngài tại công đồng, khi tất cả các vị cha đều

ca ngợi ngài và chính hoàng đế cũng bày tỏ sự kính trọng đối với ngài – và họ đứng dậy, cúi đầu chào ngài và ôm ngài với tình yêu thương. Nhưng chính ngài lại quỳ xuống dưới chân họ và nói:

– Xin các vị thánh cha tha thứ cho con, vì con là kẻ có tội. Tại sao các vị lại tìm kiếm sự yếu đuối của con, một kẻ không xứng đáng như con?

– Đức Thánh Cha đang gọi ngài, – họ đáp, – vừa đỡ ngài dậy khỏi mặt đất vừa trao cho ngài nụ hôn.

Vị tu viện trưởng cảm thấy ngạc nhiên và bối rối trước sự kính trọng mà các giám mục dành cho chính Grigori, người mà ông coi là một kẻ ác. Các giám mục bèn dẫn Grigori đi và đưa anh ta đến gặp Đức Giáo hoàng một cách trang trọng.

Khi Grigori bước vào và cúi đầu chào Đức Thánh Cha đến tận đất, Đức Thánh Cha nói với ông:

– Con đã đến với chúng ta đúng lúc, con Grigori ơi; ngợi khen Thiên Chúa, Đấng đã cho con đến với chúng ta.

Rồi ngài đứng dậy, hôn anh bằng nụ hôn thánh, sau đó tiếp tục:

– Con Grigori ơi! Chúa Giêsu Kitô của chúng ta kêu gọi con đảm nhận chức giám mục trong Giáo hội của Ngài tại Akragant, để qua con, những người sống ở đó được cứu rỗi.

– Xin tha thứ cho con, Đức Cha, – Grigory đáp. – Con không xứng đáng với chức vụ này.

– Đừng bất tuân, – Đức Thánh Cha nói, – hãy kính sợ Đức Chúa Trời và hãy nhớ rằng nhiều người đã làm phật lòng Đấng Tối Cao vì sự bất tuân của họ.

Lúc đó, Grigori nói:

– Xin cho con một chút thời gian để suy ngẫm, thưa Cha kính mến, và để đưa ra câu trả lời cuối cùng cho Đức Thánh Cha.

Đức Giáo hoàng giao Grigori cho Abba Mark chăm sóc trong thời gian này. Khi nhìn thấy Abba, Grigori đã quỳ xuống dưới chân ngài với những giọt nước mắt vui sướng.

– Con tạ ơn Chúa, – anh thốt lên, – vì Ngài đã cho con được gặp lại cha một lần nữa trong cuộc đời này, cha yêu quý của con!

Thầy Mark đưa anh vào một căn phòng riêng, và họ đã thức trắng cả đêm để trò chuyện về đời sống tâm linh. Trước đó, Grigory định lên đường sang Tây Ban Nha, nhất là khi biết tin cha mình là Chariton đã đến Rome. Nhưng Mark đã giữ anh lại.

– Con ơi, – ông nói, – đừng làm phật lòng Đức Chúa Trời và – thay vì nhận được phước lành của Ngài – đừng tự rước lấy lời nguyền rủa.

Từ đó, Grigori đã từ bỏ ý định của mình. Không lâu sau, Đức Giáo hoàng triệu tập cư dân Akragant đến và hỏi xem họ đã đồng ý chọn giám mục cho mình chưa.

– Thưa Đức Thánh Cha, – họ đáp, – chúng con không biết phải trả lời ngài thế nào: chúng con đã phó thác cho Đức Chúa Trời và những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, và ai mà Đức Chúa Trời chỉ định cho ngài, thì xin ngài ban cho chúng con; chúng con sẽ đón nhận người ấy với tình yêu thương.

Đức Giáo hoàng, sau khi nhìn kỹ khuôn mặt của Hariton, đã đoán ra, nhờ sự giống nhau rõ rệt, rằng ông chính là cha của Grigori.

– Chúng ta hãy đến nhà thờ, – ngài nói lúc đó, – và cầu nguyện với Chúa, để Ngài chỉ cho chúng ta biết ai là người mà chính Ngài cho là xứng đáng.

Và khi Đức Giáo hoàng cùng các giám mục và toàn thể hàng giáo sĩ đang dâng lời cầu nguyện trong nhà thờ các Thánh Tông đồ Trưởng Phêrô và Phaolô, và Grigori đang ở cùng họ, một con bồ câu bay đến xuất hiện trên bàn thánh và đậu xuống đầu Thánh Grigori. Mọi người đều kinh ngạc và kính sợ trước phép lạ bất ngờ này.

– Này, Thiên Chúa đã cho chúng ta thấy Người đã chọn ai là người xứng đáng với chức vụ giám mục, – Đức Giáo hoàng nói, và phong Grigori làm giám mục của Giáo hội Akraganta.

Tất cả cư dân Akragant đều vui mừng trước điều này và đón nhận Grigori với tình yêu thương, như một người được chính Thiên Chúa chọn lựa. Còn Chariton thì nhận ra con trai mình và nhiệt thành tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã cho ông được thấy con trai còn sống và lại còn ở chức vụ cao quý như vậy.

Vài ngày sau, người dân Akragant, sau khi nhận được lời chúc lành từ Đức Giáo hoàng, đã trở về thành phố của họ cùng với vị giám mục mới được tấn phong. Khi họ đi ngang qua Panormia[8060] , giám mục của thành phố này

[8060] Panormia, ngày nay là Palermo, là một thành phố nằm trên bờ biển phía tây bắc của đảo Sicily.

cùng với các linh mục và toàn thể dân chúng đã ra đón họ và tiếp đón nồng hậu: ông đã nghe nói nhiều về cuộc đời đạo đức của Grigori và mời ngài vào nhà thờ để ban phước lành cho dân chúng. Khi Grigori bước vào nhà thờ, một tu sĩ bị bệnh phong hoại nặng đã tiến lại gần ngài và lớn tiếng kêu lên:

– Xin thương xót con, tôi tớ của Chúa Kitô, và xin cầu nguyện với Thiên Chúa cho con, để Ngài làm dịu bớt căn bệnh nặng nề của con.

– Nhân danh Chúa, hãy được chữa lành khỏi căn bệnh của ngươi, – vị thánh nói với ông.

Và vị tu sĩ ấy lập tức được chữa lành và khỏi bệnh hủi, đến nỗi thân thể ông trở nên như của một đứa trẻ nhỏ.

Mọi người đều ca ngợi và chúc tụng Thiên Chúa, Đấng thực hiện những phép lạ qua vị thánh của Ngài.

Grigori cùng các bạn đồng hành rời Panormia và tiến gần đến Akragant. Tại đây, họ được vị tu viện trưởng của tu viện Đức Mẹ Rất Thánh ở ngoại ô đón tiếp. Khi Grigori bước vào tu viện, một tu sĩ câm điếc đã quỳ sấp xuống dưới chân ngài; vị tu viện trưởng cố đẩy người đó ra khỏi chân vị giám mục, nhưng thánh Grigori nói với ông:

– Hãy để anh ta lại, anh em ơi: hãy để anh ta giải thích cho chúng ta biết anh ta cần gì.

Vị tu viện trưởng nói:

– Anh ta là một người thánh ngốc, thưa Đức Cha, lại còn câm và điếc nữa. Thánh nhân thở dài, giơ hai tay lên trời, dâng lời cầu nguyện, rồi nâng tu sĩ đó dậy khỏi mặt đất và nói với anh ta:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng đã ra lệnh cho quỷ ám khiến người câm điếc phải rời khỏi tạo vật của Thiên Chúa, hãy bắt đầu nói đi, anh em, và hãy nghe, và hãy tôn vinh Thiên Chúa, Đấng đã ban cho anh điều này!

Và ngay lập tức, tu sĩ bắt đầu nói và reo lên lớn tiếng:

– Lớn lao thay những việc Ngài đã làm, lạy Chúa, vì con người này!

Vị thánh hỏi tu sĩ đã bao nhiêu năm rồi kể từ khi anh ta không còn nói được nữa.

– Con không nhớ, thưa Đức Cha, – người được chữa lành đáp, – thời gian mà con còn nói hay còn nghe được.

Vị Trưởng tu viện bèn nói thay cho anh ta:

– Đã hai mươi năm rồi, thưa Đức Cha, kể từ khi chúng con cạo đầu cho anh ta, và anh ta đã được cạo đầu từ khi tám tuổi, cho đến hôm nay vẫn bị điếc và câm; nhưng giờ đây, nhờ những lời cầu nguyện của ngài, anh ta đã được chữa lành.

Khi chứng kiến phép lạ, mọi người đều tràn ngập lòng kính sợ và tất cả đều tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã ban cho họ vị giám mục làm phép lạ.

Thánh Grigori ở lại tu viện này cho đến sáng, rồi vào buổi sáng, ngài lên đường đến Akhragant. Những cư dân thành phố còn ở lại nhà, khi nghe tin vị giám mục mới đang đến, đã hỏi nhau: "Ai đã được chọn: Savin, Kriskent hay Evpl?" – Và khi biết rằng không ai trong ba người này được phong làm giám mục, mà người được chọn lại là một lữ khách tên Grigori, họ đã rất ngạc nhiên; còn khi nghe nói ngài là vị thánh làm phép lạ và đã chữa lành cho một người câm điếc, họ càng tràn đầy lòng kính sợ. Toàn thể dân chúng trong thành đã ra đón và nhận lời chúc lành từ ngài, và ngài, trong khi ban phước, đã đặt tay lên đầu mọi người. Trong số đó, mẹ ngài là Theodotia cũng ra cùng với những bà lão khác, lúc đó bà vẫn chưa biết rằng vị giám mục mới chính là con trai mình. Nhưng khi nhìn thấy ngài, bà lập tức nhận ra và nói:

– Quả thật, đây là con trai tôi, người đã mất tích và nay đã được tìm thấy (Lc 15:24).

Còn Grigori, khi nhìn thấy mẹ, đã thốt lên:

– Chào bà Theodotia, mẹ của con!

– Ngợi khen Thiên Chúa, – bà đáp lại với niềm vui vô bờ – Đấng đã chọn con để chăn dắt dân Ngài và ban cho mẹ ân sủng được gặp lại con, con trai yêu dấu của mẹ!

Sau đó, mọi người cùng hát vang bước vào nhà thờ. Và khi Thánh Grigori cử hành Thánh lễ, một số người xứng đáng đã nhìn thấy ân sủng của Thánh Thần ngự xuống trên ngài dưới hình dạng một con chim bồ câu và bao phủ ngài, giống như khi ngài được tấn phong. Rất nhiều người bệnh được đưa đến nhà thờ, và Thánh Grigori đã chữa lành cho họ bằng cách đặt tay lên họ, khiến mọi người đều kinh ngạc và thốt lên:

– Quả thật, ngài giống như Thánh Grigoriô, vị thánh làm phép lạ ở Neocaesarea.

Và cả thành phố tràn ngập niềm vui lớn lao.

Khi bắt đầu quản lý đoàn chiên, Grigori rất quan tâm đến những người nghèo khổ, chữa lành cho người bệnh và trừ tà. Cha ngài là Chariton hầu như không rời khỏi nhà thờ, ngày đêm phụng sự Thiên Chúa bằng việc ăn chay và cầu nguyện; cũng giống như mẹ ngài là Theodotia, đã gác lại mọi lo toan đời thường, chỉ lo cho sự cứu rỗi của mình, phục vụ những người bệnh tật và những người khốn khổ vì nghèo đói, nuôi dưỡng và cung cấp quần áo cho họ bằng chính tài sản của mình. Như vậy, Grigori, cùng với cha mẹ mình, đã trở thành niềm vinh quang của Giáo hội Chúa Kitô và là tấm gương về đời sống đạo đức cho mọi người.

Một lần nọ, Thánh Grigoriô đi vào thành phố để thăm viếng những người bệnh tật và người nghèo, và tất cả những cư dân nào có người bệnh đều đặt họ dọc theo con đường mà vị bác sĩ thánh này sẽ đi qua; ngài đã chữa lành mọi bệnh tật chỉ bằng một cái chạm tay. Nhân tiện, linh mục Savin có một cô con gái bị liệt, nằm trên giường và hoàn toàn mất hết sức lực, đến nỗi không thể tự mình cử động được, mà phải nhờ người khác xoay người giúp. Mẹ cô bé, khi nghe tin giám mục sẽ đi ngang qua nhà mình, đã bế con gái ra ngoài và đặt cô bé trên con đường mà vị thánh sẽ đi qua. Khi Grigori đến gần, bà khóc lóc quỳ xuống dưới chân ngài và nói:

– Xin ngài thương xót con, tôi tớ của Chúa, và xin ngài thương xót con gái bị liệt của con.

Vị thánh hỏi bà là vợ của ai. Lúc đó, linh mục Savin bước ra khỏi nhà, cúi đầu chào vị giám mục và nói:

– Đây là người nữ tỳ của ngài, thưa ngài, và cũng là vợ tôi.

– Con gái các vị bị bệnh đã bao lâu rồi? – Đức Giám mục tiếp tục hỏi.

– Đã chín năm rồi, thưa Đức Cha, – họ đáp, – kể từ khi con bé mất hết sức lực.

Sau khi dâng lời cầu nguyện, vị thánh làm dấu thánh giá trên cô gái và nói:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, cô gái ơi, hãy đứng dậy và đi lại bằng đôi chân của mình.

Và ngay lập tức, cô gái đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh và dâng lời tạ ơn lên vị thánh đã chữa lành cho mình. Còn đám đông đi theo vị thánh thì kinh ngạc trước những phép lạ xảy ra nhờ ngài.

Nhưng vài năm sau, kẻ thù của mọi điều thiện – ma quỷ – đã nổi dậy chống lại vị thánh và âm mưu tước bỏ ngai tòa của ngài thông qua chính Savin, người mà con gái đã được Thánh Grigori chữa lành, và thông qua Criscent đã được nhắc đến trước đó. Cả hai đều là các linh mục tại Akragant và trước đây, như đã đề cập, mỗi người đều từng tranh giành chức giám mục, đó là lý do tại sao họ trở thành kẻ thù của nhau. Giờ đây, họ đã hòa giải và cùng nhau hành động chống lại Thánh Grigoriô; bị ma quỷ xúi giục bởi lòng ghen tị, họ nói với nhau:

– Chúng ta còn phải tuân theo người này bao lâu nữa đây – một pháp sư, kẻ tạo ra những phép lạ bằng bùa chú và làm cho dân chúng kinh ngạc? Hay chúng ta không biết rằng ngày xưa hắn đã trốn khỏi thành phố của chúng ta, sống với một pháp sư và học phép thuật từ hắn, còn bây giờ, khi trở lại đây, hắn lừa dối mọi người, tự xưng là người của Chúa, nhưng thực ra, hắn giống như quỷ dữ, vì hắn không ăn không uống, giống hệt quỷ dữ?!

Tất cả những lời phỉ báng và vu khống nhằm vào vị thánh nhân này đều xuất phát từ lòng ghen tị với địa vị cao quý và danh tiếng của Grigori. Họ đã lôi kéo một số giáo sĩ và công dân về phe mình, và thề với nhau rằng sẽ không ngừng nghỉ cho đến khi đuổi Grigori ra khỏi thành phố; còn vị giám mục mà họ muốn bổ nhiệm thay thế ông là một người tên Eleusius – một kẻ dị giáo, đã bị tước chức linh mục và bị Công đồng Laodicea[8061] kết án; hắn đã bí mật xuất hiện tại Akragas và, mà Thánh Grigorius không hay biết, ẩn náu tại nhà một cư dân trong thành phố tên là Theodorus. Trước đó, Thánh Grigoriô đã gặp Eleusios này ở phương Đông, đã tranh luận với hắn về sự nhập thể của Con Thiên Chúa và đã chiến thắng hắn. Chính Eleusios này, trong thời gian lưu lại Acragant ba tháng, đã khơi dậy lòng ghen tị và thù hận đối với Thánh Grigoriô trong lòng Savinus, Criscens và một số người khác. Các kẻ thù của Grigori, sau khi bàn bạc với nhau, đã hối lộ một người phụ nữ trẻ tên là Evdokiya, người có khuôn mặt xinh đẹp nhưng tính cách vô liêm sỉ và đồi trụy, để cô ta công khai nói thẳng vào mặt vị giám mục rằng ông đã phạm tội với cô ta. Ban đầu, cô ta không đồng ý và nói rằng người dân Akraganta, những người coi Grigori như một Thiên thần của Chúa, sẽ không tin cô, và cô sợ rằng dân chúng sẽ ném đá cô; nhưng họ đã thuyết phục cô rằng cô sẽ không bị hại, và bằng một khoản hối lộ hậu hĩnh, họ đã dụ dỗ cô đồng ý với đề nghị của họ; sau đó họ bắt đầu chờ đợi thời cơ thuận lợi để đẩy Grigori vào cảnh hoạn nạn và ô nhục. Một đêm nọ, khi Thánh Grigori đang ở trong nhà thờ dự lễ nửa đêm, Savin và Kriskent dẫn theo một ả gái điếm đã thuê sẵn và lén đưa cô ta đến dinh giám mục. Tại

[8061] Công đồng Laodicea (ở Phrygia) diễn ra vào cuối thế kỷ IV, không lâu trước Công đồng Đại kết lần thứ II. Các quy định của Công đồng này (60 điều) đề cập đến các chi tiết khác nhau về nghi thức thờ phượng, kỷ luật của hàng giáo sĩ, đời sống gia đình và đạo đức của giáo dân, các tệ nạn và lầm lạc của thời đại đó cũng như các học thuyết dị giáo; và theo nghĩa này, chúng cung cấp không ít chỉ dẫn đặc trưng về nghi lễ Giáo hội và đời sống của các Kitô hữu thời bấy giờ.

đó, họ gặp người gác cổng đang canh gác trước cửa và, bằng vàng, đã thuyết phục anh ta im lặng, còn bản thân họ thì dẫn Evdokia vào phòng ngủ của vị thánh, khóa cô lại trong đó rồi ra ngoài. Grigori, người không hay biết gì, vẫn ở lại nhà thờ cho đến khi thánh lễ sáng kết thúc. Ngày mới bắt đầu, và khi vị giám mục cuối cùng bước ra khỏi nhà thờ, tất cả những người đã tham dự thánh lễ sáng đều đi theo ngài, vì đó là phong tục của người Akragantia – luôn tiễn vị giám mục của họ từ nhà thờ về tận nhà. Khi đến trước cửa nhà mình, Thánh Grigori quay lại nói với những người tiễn đưa, ban cho họ những lời dạy dỗ khác nhau và ban phước lành cho họ. Trong đám đông có cả Savin, Kriskent và những đồng phạm khác: họ xông vào phòng nghỉ của giám mục, lôi người phụ nữ ra khỏi đó trước mặt giám mục và toàn thể dân chúng, rồi hét lớn:

– Hãy nhìn xem, hỡi mọi người, giám mục của chúng ta đang làm gì đây! Lẽ nào ngài lại phải sống như thế này sao? Tất cả chúng ta đều nói rằng ngài là một vị thánh, nhưng hóa ra ngài lại là một kẻ dâm đãng: từ nay trở đi, ngài không xứng đáng với chức vụ giám mục nữa!

Dân chúng kinh ngạc và ai nấy đều cứng đờ như đá, không biết phải nói gì. Ngay cả Thánh Grigori cũng kinh ngạc trước tai họa bất ngờ này và im lặng.

Họ bắt đầu tra hỏi người phụ nữ đó xem giám mục có ở cùng cô ta hay không, và cô ta đã xác nhận trước mặt mọi người rằng ngài đã ở cùng cô ta vào đêm qua. Tổng phó tế và những người thân cận khác của giám mục hỏi cô ta rằng chính xác là vào giờ nào trong đêm ngài đã ở cùng cô ta. Cô ta, đã được những kẻ thù của Grigori chỉ dẫn trước, trả lời rằng – sau giờ kinh tối.

– Chúa còn sống! – những người thân cận của giám mục kêu lên – Người phụ nữ dối trá này đang nói dối!

Nhưng những kẻ thù của ngài đáp lại:

– Các ngươi là người của ông ta và không đáng tin cậy, vì các ngươi đang cố che đậy tội lỗi của chủ nhân mình sao?

Trước lời đó, một phó tế trẻ tên là Philadelphus đã trích dẫn lời Thánh vịnh: *"Xin cho những đôi môi dối trá, những kẻ nói điều ác chống lại người công chính với sự kiêu ngạo và khinh miệt, phải câm lặng"* (Thánh vịnh 30:19).

Kriscent chạy đến bên Philadelphus và bắt đầu tát vào má anh ta. Nhiều người trong đám đông bị lôi cuốn và tin vào lời vu khống, khi thấy người phụ nữ bị dẫn ra khỏi phòng ngủ và nghe cô ta nói ngay trước mặt chính vị giám mục rằng ông đã ở cùng cô; còn những người khác, bất chấp mọi chuyện, vẫn không tin cô ta. Tuy nhiên, phe đối lập đã chiếm thế thượng phong, và vị giám mục bị bắt, bị lôi ra khỏi nhà và bị giam vào ngục tối, nơi mà trước đây vị thánh tử đạo Grigori, giám mục thành Livi, đã chịu khổ vì Chúa Kitô: tại đó, kẻ thù cũng nhốt vị thánh Grigori này lại, trói chân ngài vào cọc gỗ và, sau khi đóng chặt cửa, canh gác rất nghiêm ngặt. Sau đó, họ vội vàng gửi thư cho vị tổng đại diện của Giáo hoàng tại Sicily[8062] để báo tin về sự việc và yêu cầu ngài đến Akragas để xét xử Grigori.

Trong khi đó, không chỉ khắp Akragas, mà cả các thành phố và làng mạc lân cận, thậm chí trên toàn Sicily, tin đồn lan truyền rằng Giám mục Grigori đã bị bắt quả tang cùng với một người phụ nữ lăng loàn.

Rất nhiều người yêu mến vị thánh và không tin vào những lời vu khống đã tụ tập trước nhà tù; họ ngồi bên ngoài nhà tù trong nước mắt.

Trong khi đó, Thánh Grigorius tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã cho ngài chịu khổ mà không có tội. Vào nửa đêm, khi ngài đang cầu nguyện, một ánh sáng rực rỡ chiếu sáng nhà tù, Thiên Thần của Chúa hiện ra, giải thoát Grigori khỏi xiềng xích và, sau khi khích lệ ngài kiên nhẫn bằng những lời của mình, Thiên Thần biến mất, còn cánh cửa nhà tù tự mở ra. Những người đang đứng bên ngoài nhà tù đã cúi đầu kính lễ vị thánh, nói rằng:

– Giờ đây chúng tôi đã hoàn toàn tin chắc rằng Chúa ở bên ngài, và tất cả những gì người ta nói về ngài đều là vu khống.

Họ định đi giết Savin và Kriskent, nhưng vị thánh đã ngăn cản họ và cấm họ gây ra xung đột hay đổ máu một lần nữa, đồng thời thuyết phục họ chờ đợi phiên tòa sắp diễn ra đối với ngài. Khi đến Akragant, Exarch triệu tập toàn thể hội đồng thành phố, rồi ngồi vào ghế thẩm phán, ra lệnh dẫn Grigori đến và cho ông đứng trước mặt mình. Những kẻ chống đối Grigori cũng đứng trước tòa cùng với Evdokiya, người mà Exarch hỏi:

– Lời ngươi nói có đúng không, rằng vị giám mục đã ở cùng ngươi?

– Vâng, thưa ngài, đó là sự thật, ngài ấy đã ở cùng tôi.

[8062] Exarch – một giám mục chỉ trực thuộc một mình Đức Giáo hoàng và không phụ thuộc vào giám mục địa phương, bất kể ông đến đâu.

Vừa dứt lời, một con quỷ lập tức xông vào cô, quật cô ngã xuống đất, và cô lăn lộn với tiếng thét kinh hoàng, bị linh hồn ác quỷ hành hạ. Mọi người đều hoảng sợ.

– Grigori, – những người có lòng tin nói, – ngài vô tội trong chuyện xấu này, vì đây chính là sự trừng phạt của Chúa đã giáng xuống kẻ vu khống ngài.

Nhưng những kẻ chống đối vị thánh, đã mất hết sự xấu hổ, nói:

– Chẳng phải chúng ta đã nói rằng ông ta là thầy phù thủy và pháp sư sao? Và bằng phép thuật của mình, ông ta đã khiến người phụ nữ này phát điên như vậy.

Trong khi đó, vợ của linh mục Savin cùng với con gái – người đã được thánh Grigori chữa lành khỏi bệnh tật – vội vã chạy vào nơi tụ họp và giận dữ quát tháo chồng mình:

– Tên ác nhân khốn nạn! Anh đã quên ân huệ của vị thánh nhân này, người đã chữa lành cho con gái chúng ta, mà lại vu khống một người vô tội! Hãy ra khỏi nhà tôi đi, từ nay tôi không muốn sống với anh nữa!

Sau đó, bà quỳ xuống dưới chân vị thánh và trong nước mắt, bà khẩn cầu ngài:

– Xin hãy thương xót chúng con, tôi tớ của Chúa, và đừng nhớ đến những điều ác mà những kẻ ghen tị vô đạo này đã gây ra cho ngài!

Trong đám đông, tiếng xì xào và ồn ào bùng lên: một số người la hét rằng Grigory vô tội, số khác, tin vào những lời vu khống, vẫn tiếp tục khẳng định rằng ông đã dùng phép thuật để khiến người phụ nữ đi cùng ông bị quỷ ám. Vị Tổng đại diện, đã bị Savin và Kriskent hối lộ, đứng về phía họ, nhưng khi thấy sự hỗn loạn đang diễn ra trong dân chúng, ông ta sợ hãi, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và rời khỏi phiên tòa, tuyên bố rằng cần phải điều tra vụ việc kỹ lưỡng hơn. Lúc đó, Thánh Grigori tự nguyện trở lại ngục tối và ở đó như một bị cáo, chờ đợi kết cục của vụ án đang được xét xử liên quan đến ngài.

Thấy rằng mình không thể làm gì được với Grigori mà không gây ra sự hỗn loạn trong dân chúng, Exarch quyết định gửi ngài đến Rome gặp trực tiếp Đức Giáo hoàng và ra lệnh chuẩn bị một con tàu đặc biệt cho ngài; đồng thời, ông viết một bức thư gửi Đức Giáo hoàng, trong đó nêu rõ các cáo buộc chống lại Grigori; những kẻ vu khống Grigori cũng tự mình viết một bức thư tương tự gửi cho Đức Giáo hoàng. Exarch đợi đến khi đêm xuống, cùng với Savin và Kriskent, đưa Grigori theo, lén lút dẫn anh ta lên tàu. Cha mẹ và những người trong gia đình anh ta đi theo sau, khóc lóc thảm thiết vì anh; còn anh thì an ủi họ và khuyên họ đừng khóc, hứa hẹn rằng họ sẽ sớm được gặp lại anh khỏe mạnh và trên ngai giám mục. Sau khi đưa anh lên tàu, những kẻ thù đã giao anh cho thuyền trưởng tên là Procopius trông nom, đồng thời chuyển cả những bức thư của họ gửi cho Đức Giáo hoàng cho ông ta. Phó tế trưởng Evpl cùng các phó tế khác vây quanh vị tổng đại diện và nài nỉ ngài cho phép họ được đi cùng với cha và thầy của mình, nhưng ngài thậm chí không thèm nghe họ, và chỉ cho phép một người trong số họ, phó tế Platonik, được đi cùng Grigori. Cuối cùng, con tàu rời bến, những người thân của Grigori cùng với cha mẹ ông đã khóc thương ông rất lâu trên bờ biển, rồi trong nỗi buồn bã, họ trở về nhà.

Sáng hôm sau, một đám đông cùng với các linh mục tụ tập trước nhà tù. Không tìm thấy Grigori trong nhà tù, họ hoảng loạn và bắt đầu khóc lóc, than phiền về phiên tòa bất công đối với vị giám mục. Sau đó, họ đến gặp vị tổng đại diện và vây quanh ông, hỏi:

– Các ngài đã đưa cha chúng tôi và vị mục tử nhân lành của chúng tôi đi đâu rồi? Chẳng lẽ các ngài đã giết ông ấy sao?

– Không, hỡi các anh em, – vị tổng đại diện trả lời, – chúng tôi không làm hại ngài chút nào, mà chỉ đưa ngài đến gặp Đức Giáo hoàng một cách hòa bình, như chính ngài đã xin chúng tôi.

Những người có mặt đã gọi phó tế trưởng Evpla và các phó tế khác đến và hỏi họ:

– Các anh hẳn phải biết vị giám mục thánh thiện của chúng tôi đang ở đâu – hôm qua các anh đã ở cùng ngài trong ngục tối: hãy nói thật với chúng tôi, ngài hiện đang ở đâu?

Evpl và những người khác trả lời rằng đêm qua, vị tổng đại diện đã đưa Grigori đến gặp Đức Giáo hoàng. Vị tổng đại diện, thấy dân chúng bắt đầu nổi loạn, đã hoảng sợ và bỏ trốn khỏi Akragant. Dân chúng phẫn nộ đã đốt cháy nhà của hai linh mục xảo trá là Savin và Kriskent, và truy lùng họ để xử tử, nhưng hai người này đã trốn vào nhà thờ. Dân chúng ùa vào truy đuổi, nhưng Hariton, đứng chặn ở cửa nhà thờ, đã van nài những người đang phẫn nộ đừng đổ máu vì con trai ông, nói rằng nếu cáo buộc nhằm vào giám mục của họ và con trai ông được chứng minh là đúng, thì chính họ cũng sẽ phải ra tòa.

Dân chúng đã nghe theo lời Hariton và giải tán. Tuy nhiên, những người ủng hộ Grigori đã gửi thư cho thống đốc Sicily, người đang cư ngụ tại thành phố Syracuse, và cho giám mục của thành phố này, để thông báo cho

họ về tất cả những gì đã xảy ra với giám mục của họ; thống đốc và giám mục Syracuse đều rất ngạc nhiên và vô cùng thương xót cho Grigori, vì họ biết rõ cuộc đời đạo đức của ông. Những công dân danh giá nhất của Akragas đã được cử đi mang thư đến cho họ, còn việc quản lý các công việc giáo hội được giao cho phó tế trưởng Evpl cho đến khi Grigori trở về, sau khi đã được Đức Giáo hoàng minh oan.

Một thời gian sau, những kẻ thù của Grigori lại tập hợp lại và tìm cơ hội để giết Evpla; thấy sự thù hận của họ, ông đã bỏ trốn và ẩn náu cho đến khi Grigori trở về, còn Savin và Kriskent cùng những người đồng chí hướng đã đưa tên dị giáo Eleusis nói trên lên ngai tòa. Chính quyền thành phố và các linh mục, bị Chariton thuyết phục, không bày tỏ sự bất mãn bằng bất kỳ cách nào và hoàn toàn im lặng khi họ được Chariton thông báo rằng Grigory sớm muộn gì cũng sẽ trở lại ngai vàng. Như vậy, vào thời điểm đó, Giáo hội của Đức Chúa Trời thay vì được chăn dắt bởi vị mục tử, lại bị những con thú hoang dã cai quản theo ý muốn của chúng: kẻ dị giáo Eleusi đã mang các thánh tích đang được an táng trong bàn thờ ra và định thiêu hủy chúng, nhưng ngọn lửa thậm chí còn không chạm vào chúng; sau đó, hắn ra lệnh ném chúng xuống biển vào ban đêm một cách bí mật, không ai hay biết.

Khi Thánh Grêgôriô đến Rôma, Procopius, người tháp tùng ngài, đã trao cho Đức Giáo hoàng các bức thư của vị tổng đại diện và những kẻ vu khống Grêgôriô. Đức Giáo hoàng, sau khi đọc những bức thư này, đã vô cùng tức giận với Grigori và, không cho phép ngài đến gặp mình trực tiếp cũng như không hỏi xem ngài có thừa nhận mình có tội hay không, đã ra lệnh trói tay chân ngài lại và giam vào ngục tối, đồng thời cũng ra lệnh nhốt phó tế Platonik vào một ngục tối riêng biệt. Khi vị thánh đang bị giam cầm và cầu nguyện, vào ban đêm, một ánh sáng chiếu rọi xuống ngài, và hai người đàn ông mang hình dáng các Tông đồ bước vào gặp ngài và nói:

– Hãy vui mừng, hỡi Grigori, tôi tớ của Đấng Kitô và là người chúng tôi yêu mến! Chúa đã sai chúng tôi đến để giải thoát ngài khỏi xiềng xích, và chúng tôi vui mừng khi thấy ngài chịu đựng nỗi đau khổ một cách dũng cảm và kiên nhẫn. Thiên Chúa muốn thực hiện nhiều phép lạ qua ngài ngay tại thành phố này.

Nói xong, họ chạm vào xiềng xích của ông, và ngay lập tức xiềng xích rơi xuống, ông được giải thoát hoàn toàn, đứng dậy và cúi đầu xuống đất để thờ lạy những vị vừa hiện ra; những vị ấy, sau khi hôn lên mặt ông, bỗng biến mất. Cũng giống như vậy, họ hiện ra trước mặt phó tế Platonik, giải thoát ông khỏi nhà tù và dẫn ông đến gặp Grigori. Cả hai người được giải thoát cùng nhau ngợi khen và chúc tụng Chúa.

Người cai ngục trông coi các tù nhân có một người con trai duy nhất, 26 tuổi, đã bị một linh hồn ác quỷ hành hạ suốt sáu năm qua, khiến cậu lang thang trên các con đường và sa mạc; nhiều lần người cha đã trói cậu bằng xiềng xích sắt và nhốt cậu trong một căn phòng riêng, nhưng cậu lại xé rách xiềng xích, đạp đổ cửa và bỏ trốn một lần nữa. Đúng lúc đó, khi Grigori đang ở trong ngục tối, đã được giải thoát khỏi xiềng xích, và Platonik đang ở cùng anh, cha của người bị quỷ ám đã bắt được Platonik và xích chặt anh vào cột bằng tay, chân và cổ. Nhưng vào nửa đêm, người bị quỷ ám đã bẻ gãy xiềng xích sắt, trốn thoát và, khi thấy cửa ngục mở, anh ta bước vào ngục và ngã xuống trong cơn điên loạn dưới chân Thánh Grigori, người đã giơ tay lên trời, cầu nguyện với Chúa và sau đó nói với con quỷ:

– Chúa Giêsu Kitô của chúng ta ra lệnh cho ngươi, hỡi linh hồn ô uế, hãy ra khỏi tạo vật của Ngài.

Con quỷ lập tức ra khỏi người đó. Trong khi đó, người lính gác đã tìm kiếm con trai mất tích của mình rất lâu và, trong lúc tìm kiếm, khi thấy nhà ngục mở toang, ông hoảng sợ tột độ, nghĩ rằng tù nhân đã trốn thoát. Nhưng khi bước vào trong, ông thấy Grigori và Platonika đang đứng đó và hát những bài thánh ca dâng lên Đức Chúa Trời, cùng với họ là con trai ông – hoàn toàn khỏe mạnh. Người lính canh quỳ xuống dưới chân vị thánh và kêu lên:

– Quả thật, ngài là người của Chúa! Xin tha thứ cho tôi vì đã phạm tội trước mặt ngài khi giơ tay đánh ngài.

Từ giây phút đó, người cai ngục đã tận tụy phụng sự vị thánh cả ngày lẫn đêm, tôn kính ngài như thể một Thiên thần của Chúa.

Cũng vào khoảng thời gian đó, một người phụ nữ có con gái bị tật nguyền, khi nghe tin Thánh Grigori đã chữa lành cho con trai người cai ngục, đã cùng con gái đến gặp ngài trong ngục tối và, quỳ sấp xuống trước mặt ngài, nài nỉ ngài chữa lành cho con gái mình. Ngài nói với bà rằng việc này không thuộc về ngài, mà chỉ thuộc về Đức Chúa Trời duy nhất, Đấng có thể tạo dựng mọi sự chỉ bằng một lời phán của Ngài. Nhưng bà vẫn không ngừng nài xin ngài, cho đến khi cuối cùng ngài dâng lời cầu nguyện và đặt tay lên cô gái bị tật, sau đó cô lập tức đứng thẳng dậy. Mẹ con họ đã tạ ơn Đức Chúa Trời và, sau khi cúi đầu chào vị thánh, họ vui mừng trở về nhà.

– Ai đã chữa lành cho con gái chị? – những người hàng xóm hỏi người mẹ.

– Một vị giám mục không phải người ở đây, – bà trả lời, – người ta nói rằng ngài bị kết án vì một tội lỗi nào đó và đang bị giam trong ngục tối: trước đây ngài đã chữa lành cho con trai của người cai ngục, và bây giờ là con gái tôi.

Tin đồn về việc Thánh Grigoriô chỉ bằng một lời đã chữa lành cho người bị quỷ ám và cô gái bị co quắp lan truyền khắp Rôma, và người ta bắt đầu đưa rất nhiều người bệnh đến với ngài, những người mà ngài cũng đã chữa lành.

Một năm đã trôi qua kể từ khi Grigori đến Rome, và Đức Giáo hoàng cuối cùng cũng nhớ đến vị giám mục đang bị giam trong ngục tối, nên đã sai người đi tìm Abba Mark, người đã được nhắc đến nhiều lần ở trên. Khi Abba Mark từ tu viện của mình đến, Đức Giáo hoàng hỏi:

– Anh không biết sao, anh em ơi, rằng Giám mục Grigoriô của Akragantia đã bị đưa đến đây trong tình trạng bị trói và đang bị giam giữ vì đã phạm tội chống lại Điều răn thứ 7 sao?

Abba Mark, thở dài, đáp:

– Ôi, giá như tôi được chia sẻ số phận của ngài vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng!

Lúc đó, Đức Giáo hoàng bỗng thay đổi sắc mặt và nói:

– Hãy xem, vị tổng đại diện của ta ở Sicily đã viết gì cho ta đây. Mark đọc bức thư của vị tổng đại diện, cười lên rồi nói to:

– Chúa hằng sống chứng giám, đây là lời vu khống nhắm vào một người vô tội và trong sạch, người mà chính ngài, thưa Đức Thánh Cha, cũng biết rằng, bằng cuộc đời và những phép lạ của mình, ông ấy giống như các vị tổ phụ vĩ đại thời xưa.

– Tôi biết, – Đức Giáo hoàng phản bác, – rằng ân sủng của Chúa đã ở trên ngài cho đến khi ngài sa ngã; nhưng khi ngài phạm tội, ân sủng đó đã bị tước khỏi ngài.

– Chúa biết sự thật của Ngài, – Mark đáp.

– Vậy thì, chúng ta phải làm gì với ông ấy đây? – Đức Thánh Cha hỏi. – Ngài có lời khuyên nào không?

Abba Mark trả lời:

– Xin ngài hãy lắng nghe con, thưa Đức Thánh Cha, và làm theo lời khuyên của con: hãy triệu tập một công đồng, triệu tập các giám mục – không chỉ các giám mục phương Tây của ngài, mà hãy gửi thông báo đến cả phương Đông nữa. Chúng ta đừng xét xử Grigori mà không có sự đồng ý của Hoàng đế đạo đức và Thượng phụ Constantinopolis, nhưng hãy để họ cũng cử những người được chọn từ phía họ đến. Hãy gửi người đến Sicily và triệu tập những người tố cáo cùng người phụ nữ đó đến đây, rồi sau đó, điều gì Chúa chỉ dẫn, chúng ta sẽ làm theo.

Đức Giáo hoàng thấy lời khuyên của Mark là hay và ngay lập tức viết thư gửi Hoàng đế Justinian và Đức Thượng phụ Thánh thiện của Constantinople, thông báo cho họ về mọi việc và xin họ cử những người được chọn đến tham dự công đồng; Ngài cũng viết thư cho vị tổng đại diện của mình tại Sicily, cũng như cho các quan chức và cư dân Akraganta, ra lệnh cho họ phải lập tức đưa tất cả những người tố cáo, không thiếu một ai, cùng người phụ nữ – người mà người ta nói đã phạm tội với Grigori – đến gặp ngài tại Roma.

Hoàng đế và tổng giám mục, sau khi nhận được thư của Đức Giáo hoàng, đã ngạc nhiên trước những lời vu khống nhằm vào Grigori, và không tin vào những lời đó, họ cảm thấy tiếc nuối vì Grigori, người vô tội, lại phải ngồi tù lâu đến vậy. Vì vậy, họ vội vàng cử những nhân vật có uy tín đại diện cho mình đến Roma: nhà vua cử một quan chức tên là Marcian, còn tổng giám mục cử ba giám mục là Ankira, Kizik và Korinth, cùng với thư ký[8063] Constantine.

Tất cả các sứ giả – cả từ Constantinopolis lẫn từ Sicily – đều tụ tập về Rome vào năm thứ hai Thánh Grigorius bị giam cầm. Nhưng Marcian, khi còn cách Rome khoảng mười tám stade, bỗng lâm bệnh nặng đến mức mọi người đều tuyệt vọng về khả năng hồi phục của ông, và các giám mục đi cùng ông cũng vô cùng đau buồn. Ông chỉ vừa kịp đến được Rome. Tất cả những người xung quanh đều chăm sóc ông một cách tận tình nhất, nhưng không một bác sĩ nào có thể giúp được ông. – Một buổi tối nọ, người phụ nữ có con gái từng được Thánh Grigoriô chữa lành tình cờ đi ngang qua ngôi nhà mà Markian đang nghỉ lại . Nghe thấy tiếng khóc của các nô lệ, bà hỏi họ tại sao lại khóc.

– Vì – họ trả lời – chủ nhân của chúng tôi đang hấp hối.

[8063] Hartophylax có nghĩa là người giữ các văn bản. Đó là tên gọi của một chức vụ đặc biệt dưới quyền Thượng phụ Constantinopolis; trong số các nhiệm vụ của ông, có cả việc xét xử các vụ án thuộc lĩnh vực tôn giáo.

– Nếu các anh muốn chủ nhân của mình sống khỏe mạnh, – bà nói, – thì hãy khiêng ông ấy theo tôi, và tôi sẽ chỉ cho các anh một vị bác sĩ có thể chữa lành cho ông ấy chỉ bằng một lời nói: vị bác sĩ này đã chữa lành cho rất nhiều người trong thành phố chúng ta, và chưa từng có bệnh nhân nào rời khỏi ông ấy mà không được chữa lành.

Những người nô lệ tin lời cô, bế chủ nhân của họ cùng với giường và khiêng ông theo sau người phụ nữ. Lúc đó, Marcian không hay biết họ đang làm gì với mình, vì ông đang sốt cao và nằm bất tỉnh. Khi dẫn họ đến ngục tối nơi Thánh Grigori đang ở, cô nói:

– Ở đây có vị bác sĩ có thể chữa lành bệnh tật chỉ bằng một lời nói.

Các nô lệ bế chủ nhân của họ vào ngục tối, đặt ông dưới chân Grigori và trong nước mắt, họ khẩn cầu ngài ban sự chữa lành cho người bệnh. Thánh nhân gọi Markian hai lần, nhưng ông không thể trả lời gì cả. Thánh nhân, với đôi mắt đẫm lệ, đặt tay lên người bệnh, và ông lập tức chìm vào giấc ngủ, trong khi trước đó ông đã không ngủ được nhiều ngày liền. Vào nửa đêm, các người hầu đến bên anh ta và khi chạm vào, họ không thấy anh ta có chút sốt nào cả, nên họ đã tạ ơn Chúa. Khi đêm tàn và vị thánh bắt đầu hát kinh sáng, Marcian tỉnh dậy và đứng dậy hoàn toàn khỏe mạnh, nhưng không thể hiểu mình đang ở đâu; tuy nhiên, khi nhìn thấy Grigori, ông nhận ra ngài và, khi hiểu rằng nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh mà mình đã được chữa lành khỏi bệnh tật, ông quỳ xuống dưới chân ngài. Vào buổi trưa, các giám mục – những người đồng hành của Markian – đến thăm anh nhưng không thấy anh ở nhà. Khi biết rằng anh đã bị đưa vào ngục giam cùng với Grigori, họ liền đến đó và khi thấy Markian khỏe mạnh, đang ngồi trò chuyện với Grigori, họ vô cùng ngạc nhiên và nói với Grigori:

– Cha Grigori ơi, cha thật đáng chúc tụng, vì cha đã được ban ân sủng của Thiên Chúa và ân tứ chữa lành các bệnh tật của loài người.

Họ đã hôn lên trán Grigori với tình yêu thương và hỏi ông đã bị giam trong ngục bao lâu. Ông trả lời rằng đã hai năm và bốn tháng. Các giám mục rất bất bình vì Đức Giáo hoàng đã giam giữ một người vô tội trong thời gian dài như vậy mà không tiến hành điều tra kỹ lưỡng. Họ muốn đưa ngài ra khỏi ngục, nhưng ngài đã cấm họ làm điều đó, nói rằng ngài không thể rời khỏi nơi giam giữ của mình mà không có phiên tòa và lệnh của Đức Giáo hoàng. Lúc đó, các giám mục đi báo cáo mọi chuyện với Đức Giáo hoàng, người đã rất ngạc nhiên và bối rối trước những lời của họ.

Sau đó, Đức Giáo hoàng ra lệnh triệu tập hội đồng tại nhà thờ Thánh Hippolytus, nằm gần nhà tù. Có 154 vị giám mục, cùng với Đức Giáo hoàng, và một đám đông rất lớn các tu sĩ và công dân La Mã đã đến dự hội đồng, đến nỗi không thể chứa hết mọi người trong nhà thờ. Những người cáo buộc cùng với Savinus cũng được dẫn đến hội đồng.

Đức Giáo hoàng bắt đầu thẩm vấn những người tố cáo:

– Các ngươi đưa ra cáo buộc gì đối với giám mục của các ngươi? – ngài hỏi họ.

– Thưa Đức Thánh Cha, – họ trả lời một cách không chút xấu hổ, – chúng tôi đã bắt gặp ngài đang phạm tội với một người phụ nữ.

– Các ngươi đã tận mắt chứng kiến điều đó, hay chính người phụ nữ đó đã tự mình khai báo với các ngươi? – Đức Giáo hoàng tiếp tục thẩm vấn.

– Thưa Đức Thánh Cha, – họ đáp, – chúng tôi, theo thông lệ, vào để kính chào vị giám mục, thì bắt gặp người phụ nữ đang ngủ trên giường của ngài và đã bắt giữ cô ta; và cô ta đã thú nhận trước mặt vị tổng đại diện và dân chúng rằng tội lỗi đó thực sự đã xảy ra.

Các giám mục đến từ phương Đông yêu cầu phải đưa chính người phụ nữ đó ra tòa, để cô ta có thể vạch trần Grigori trước toàn thể hội đồng. Nhưng những người buộc tội phản đối:

– Làm sao cô ta có thể vạch trần ông ấy được, khi cô ta là người bị quỷ ám? Kể từ khi cô ta phạm tội với giám mục, cô ta đã bị quỷ hành hạ.

Tuy nhiên, người phụ nữ bị quỷ ám vẫn được đưa đến hội đồng. Hai người giữ chặt cô ta, và cô ta, đã mất trí vì bệnh tật, không nhận thức được mình đang ở đâu.

– Tại phiên tòa, – Đức Giáo hoàng nói, quay sang những kẻ vu khống, – người ta không thẩm vấn những người bị quỷ ám hay điên loạn, nhưng các ngươi, những kẻ khốn khổ, phải nói ra sự thật.

– Chúng tôi đã nói ra rồi, – họ đáp, – giờ thì hãy thẩm vấn chính bị cáo đi, chắc hẳn anh ta sẽ nói gì đó về bản thân mình.

Lúc đó, Thánh Grigori, thở dài từ tận đáy lòng, nói:

"Những nhân chứng bất chính đã nổi dậy chống lại tôi: họ tra hỏi tôi về những điều tôi không biết; họ báo đáp điều thiện bằng điều ác, khiến linh hồn tôi trở nên cô đơn" (Thánh Vịnh 34:11–12).

Ngay khi ngài vừa thốt lên những lời trong Thánh vịnh này, người phụ nữ liền ngã quỵ, bị quỷ ám, lăn lộn dưới chân vị thánh, sùi bọt mép và ngất xỉu. Tất cả những người có mặt đều kinh hoàng. Nhưng vị thánh, sau khi cầu nguyện, đã nói:

– Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta và vì các thánh tổ phụ đang tụ họp tại đây, hỡi linh hồn ô uế, hãy ra khỏi tạo vật của Đức Chúa Trời, và xin cho người phụ nữ này, khi đã tỉnh táo lại, nói lên sự thật về tôi!

Ngay lập tức, linh hồn đó làm rung chuyển người phụ nữ và rời khỏi cô. Người phụ nữ nằm đó như đã chết, nhưng vị thánh nắm lấy tay cô và đỡ cô dậy. Đầu tiên, họ hỏi tên cô là gì, rồi vị Hartophylax quay sang hỏi cô:

– Cô có biết giám mục của mình không?

Cô trả lời:

– Tôi biết rất rõ, vì đã nhiều lần nhìn thấy ngài khi ngài đi khắp thành phố, thăm viếng những người ăn xin, người bệnh và trẻ mồ côi, đồng thời ban phát rất nhiều tiền bố thí. Bản thân tôi, một kẻ tội lỗi, cũng đã không ít lần được ngài ban ân huệ.

– Vị giám mục của cô có bao giờ phạm tội với cô chưa? – họ tiếp tục tra hỏi cô.

Thở dài từ tận đáy lòng và rưng rưng nước mắt, cô cất cao giọng và thốt lên:

– Thề có Chúa của muôn lực, – ngài chưa bao giờ biết đến tôi, và chỉ có hai kẻ xảo trá đang đứng trước mặt các ngài đây, Savin và Kriskent, đã hứa hẹn số tiền lớn để ép tôi vu khống người chồng chính trực! Chúa sẽ trừng phạt họ vì tội lỗi của tôi, vì họ đã lôi kéo tôi vào tai họa này. Kể từ khi những kẻ cám dỗ xảo quyệt ấy tiếp cận tôi và tôi đã nghe theo lời họ, tôi đã rơi vào cảnh khốn cùng: quỷ dữ đã nhập vào người tôi và hành hạ tôi cho đến tận bây giờ.

Nói xong, nàng quỳ sấp xuống dưới chân vị thánh và trong nước mắt thưa với ngài:

– Xin thương xót con, tôi tớ của Chúa, và tha thứ cho con, kẻ tội lỗi khốn khổ, đã phạm tội nặng nề trước mặt ngài! Con thề trước Chúa, Thiên Chúa của con, – con sẽ không đứng dậy khỏi chân ngài cho đến khi ngài hứa tha thứ cho con!

Ngài đáp lại cô:

– Việc tha thứ tội lỗi không thuộc về chúng ta, mà chỉ thuộc về Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Rất Nhân Từ, còn chúng ta chỉ có nhiệm vụ khẩn cầu Ngài tha thứ cho những lỗi lầm – và tôi sẽ cầu xin Ngài, Đấng Toàn Thiện, tha thứ cho những tội lỗi của chị.

Vị giám mục đỡ người phụ nữ đứng dậy khỏi mặt đất. Sự kinh ngạc và sợ hãi ập đến với tất cả những ai có mặt tại hội đồng, và mọi người đều ngợi khen Đức Chúa Trời, đồng thanh kêu lên:

– Ngợi khen Chúa, Đấng đã cho người tôi tớ của Ngài hiện ra và vạch trần lời vu khống dối trá!

Đức Giáo hoàng và tất cả các giám mục đều vô cùng phẫn nộ trước những kẻ vu khống và bắt đầu quở trách và làm họ xấu hổ, sau đó ra lệnh chia họ thành hai nhóm: các giáo sĩ cùng với Savin và Kriskent, và các giáo dân (nhóm đầu tiên chỉ có ba mươi người, còn nhóm sau là tám mươi người), Eudokia, người đã nói dối về một người vô tội, đã được tòa án miễn hình phạt, vì trước đó cô đã bị Thiên Chúa trừng phạt; bởi sự cho phép của Ngài, một con quỷ đã hành hạ cô suốt hai năm rưỡi – còn những kẻ gây ra tội ác thì bị kết án lưu đày: Savinus bị đày đến Thrace, Criscenta đến Tây Ban Nha, còn các giáo sĩ khác bị lưu đày trong sự nhục nhã đến Ravenna[8064] và phải sống ở đó trong cảnh giam cầm và thiếu thốn. Các giáo dân – những người chống đối Grigori – tòa án đã giao cho quan chức Marcián do hoàng đế cử đến, và ông ta đã tống giam tất cả họ vào ngục, dự định sau đó sẽ trừng phạt họ bằng những hình phạt nặng nề; nhưng khi lính dẫn họ vào ngục, tất cả đều khóc nức nở và lớn tiếng kêu cầu vị thánh:

– Xin thương xót chúng con, tôi tớ của Chúa Kitô, xin đừng để chúng con phải chịu những cực hình tàn khốc.

Và Thánh Grigoriô, vốn là người vô cùng khoan dung, đã quỳ gối trước Đức Giáo hoàng và toàn thể Hội đồng, rồi trong nước mắt khẩn cầu tha thứ cho những kẻ thù của ngài và đừng trừng phạt họ vì ngài; và ngài không ngừng cầu xin và khóc lóc cho đến khi tất cả, với đôi mắt đẫm lệ, nói rằng:

[8064] Ravenna – một thành phố có cảng và pháo đài bên bờ Biển Adriatic, nằm trên bờ đông bắc của bán đảo Apennine. Ravenna vẫn tồn tại cho đến ngày nay và là thành phố sầm uất nhất của vùng Ravenna thuộc Ý.

– Nếu ngài tha thứ cho họ và cầu xin cho họ, thì chúng tôi – không còn cách nào khác.

Và họ ra lệnh cho lính gác để họ yên. Nhưng khi tất cả những kẻ vu khống đang đứng trước hội đồng, bỗng nhiên một cơn bão dữ dội ập đến, mặt đất rung chuyển, bầu trời tối sầm lại và bóng tối bao trùm tất cả. Những người có mặt tại hội đồng hoảng sợ nghĩ rằng mặt đất sẽ nứt ra và nuốt chửng họ, nên họ giơ tay lên và kêu lên: "Lạy Chúa, xin thương xót!" Cơn bão đã chấm dứt, trời lại sáng lên và ngay lập tức hình phạt của Đức Chúa Trời hiện ra trên những kẻ vu khống: khuôn mặt tất cả bọn họ đều trở nên đen kịt như than, còn Savin và Kriskent, ngoài ra, đôi môi của họ bị kéo xuống đến mức không thể khép lại và nói được nữa: đó chính là cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống họ. Toàn thể hội đồng, khi chứng kiến phép lạ ấy, đã đồng thanh hô lên: *"Nay tôi đã biết rằng Chúa cứu Đấng được xức dầu của Ngài, đáp lại Ngài từ các tầng trời thánh của Ngài bằng quyền năng của bàn tay phải cứu rỗi của Ngài"* (Thánh vịnh 19:7).

Sau đó, Đức Giáo hoàng nói với những kẻ vu khống:

– Nghe đây, lũ hèn hạ! Các ngươi đã trở nên giống như cha các ngươi là ma quỷ, kẻ từ lâu đã bị che phủ bởi bóng tối, vì đã vu khống một người công chính và thánh thiện. Vì vậy, ta ra lệnh cho các ngươi: kể từ ngày hôm nay, các ngươi, con cái các ngươi và tất cả dòng dõi các ngươi mãi mãi phải làm nô lệ cho Giám mục Akraganthi và những người kế vị ngài; không ai trong dòng dõi các ngươi được làm linh mục, thậm chí không được làm chức sắc nào cả; và bất kỳ giám mục nào dám phong chức linh mục, phó tế, hay bất kỳ chức sắc nào cho ai đó trong dòng dõi các ngươi, trong khi biết rõ hành vi phạm pháp hiện tại của các ngươi, – thì sẽ phải chịu lời thề trừng phạt.

Toàn thể công đồng đã đồng ý với phán quyết này của Đức Giáo hoàng. Còn người phụ nữ đã vu khống vị thánh thì ngã xuống đất và khóc lóc kêu cầu các giám mục:

– Xin các ngài thương xót con, các vị cha thánh, – xin hãy đưa con vào tu viện nữ: con không thể quay trở lại thành phố của mình được nữa.

Theo lời thỉnh cầu của bà, bà được đưa vào tu viện của Thánh Tử đạo Kikilia và sống một đời thánh thiện như thiên thần, trong suốt 22 năm với những việc làm đạo đức không ngừng, và qua đời sau khi đã ăn năn tất cả các tội lỗi của mình.

Việc Grigori được minh oan đã khơi dậy niềm vui chung. Trong khi đó, đã đến giờ thứ chín, và Đức Giáo hoàng ra lệnh cho vị thánh cử hành Thánh lễ. Trong lúc cử hành, nhiều vị giám mục – những người xứng đáng nhất – đã chứng kiến ân sủng của Thánh Thần bao trùm Grigori. Khi Thánh lễ kết thúc, tất cả mọi người được mời dùng bữa tiệc thịnh soạn do Đức Giáo hoàng chiêu đãi, và mọi người cùng ăn uống để tôn vinh Thiên Chúa.

Cùng lúc đó, một phép lạ khác đã xảy ra tại Rôma. Mười cây to lớn được chọn lọc kỹ càng, vốn được dành để trang trí Nhà thờ các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô và được vận chuyển dọc theo sông Tiber[8065] , đã dừng lại giữa dòng sông, như thể bị mắc kẹt vào thứ gì đó, hoặc bị giữ lại bởi những chiếc neo sắt, và do chiếm gần như toàn bộ chiều ngang của dòng sông, nên cản trở các thuyền đi lên phía thượng nguồn. Nhiều lần, người dân thành phố đã cùng nhau cố gắng kéo những cây này lên nhưng không thể, vì họ bị cản trở bởi một sức mạnh vô hình nào đó. Cuối cùng, chính Đức Giáo hoàng đã xin Thánh Grigôriô dùng lời cầu nguyện của ngài để di chuyển những cây này. Thánh nhân vâng lời và đi ra sông cùng với đông đảo dân chúng. Trên đường đến sông, ngài thấy một lò than đang cháy rực, liền rẽ khỏi đường, múc than hồng vào tà áo choàng rồi mang theo; khi đến chỗ những cây nói trên, ngài rải nhũ hương lên than hồng và xông hương bằng lời cầu nguyện, dùng phần rỗng của áo choàng đang bốc cháy như một lư hương; chiếc áo choàng ấy, giống như bụi gai của Mô-sê, bốc cháy mà không bị thiêu rụi. Sau đó, ngài ra lệnh cho dân chúng kéo những cây đó lên bờ; lúc này, những cây trở nên nhẹ một cách kỳ lạ, và dường như tự di chuyển, nên họ đã kéo chúng lên khỏi sông mà không gặp bất kỳ khó khăn nào. Trên đó, người ta tìm thấy dòng chữ sau: *"Năm cây dành cho Thánh Tông đồ Phêrô và năm cây dành cho Thánh Tông đồ Phaolô*".

Sau đó, Đức Giáo hoàng lại triệu tập các giám mục; sau cuộc họp, kẻ dị giáo Eleusius bị kết án và bị đày sang Tây Ban Nha, còn Thánh Grigoriô được tiễn đưa về Akragant với đầy đủ vinh dự, nhưng trước tiên ngài đã đến Constantinopolis, nơi ngài được Hoàng đế và Thượng phụ tiếp đón xứng đáng, và chỉ sau đó ngài mới trở về Sicily. Người dân Akragant đã tổ chức một buổi đón tiếp long trọng dành cho ngài, nhưng vị thánh đã từ chối bước vào nhà thờ và dinh giám mục đã bị những kẻ dị giáo làm ô uế, và ngài đã xây dựng một nhà thờ mới tuyệt đẹp mang tên các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô, còn cho riêng mình, ngài đã xây dựng một dinh giám mục mới, nơi ngài đã sống trong một thời gian dài, tận tụy chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô.

[8065] Sông Tiber – một trong những con sông quan trọng nhất ở miền trung Ý; thủ đô của Ý – Rome – tọa lạc bên bờ sông này.

Thánh Grigoriô đã viết nhiều lời dạy dỗ và thực hiện nhiều phép lạ; và khi đã cao tuổi, ngài đã từ giã cuộc đời trần thế[8066] và nhận được sự sống vĩnh cửu trên trời cùng với Chúa Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Với ánh sáng rực rỡ, Nhà thờ Thánh Thần soi sáng, tôn vinh sự an nghỉ vinh quang của ngài, hỡi vị Cha đáng kính và đầy phúc lành Grigori.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Sisinius

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 11

Thánh Tử đạo Sisinio xuất thân từ thành phố Kizika[8067] . Ngài đã chịu khổ hình dưới triều đại của Hoàng đế Diocletianus, dưới tay quan cai trị thành phố là Alexander. Vì tuyên xưng Đức Kitô, ngài bị trói vào những con ngựa hoang, bị đánh đập không thương xót, đồng thời giấm đặc được đổ vào lỗ mũi ngài. Ngài còn phải chịu nhiều hình phạt khác nữa và đã thực hiện những phép lạ vĩ đại trước đám đông. Sau đó, đầu ngài bị chém bằng gươm.

Ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Theodorus

Ngày tưởng niệm: 23 tháng 11

Thánh Theodorô sống tại thành phố Antioch và làm nghề buôn bán. Theo lệnh của Hoàng đế Julianus Apostata[8068] , ngài bị quan tổng trấn địa phương giam giữ vì lý do sau đây.

Trong lúc rước di hài thánh của vị tử đạo Vavila và các vị tử đạo khác đang an nghỉ tại Daphne[8069] , các tín hữu Kitô giáo, trong đó có thánh Theodor, vừa rước di hài thánh vừa hát những câu trong Thánh vịnh của Đavít: *"Hãy để tất cả những ai thờ phượng các tượng thần, những kẻ khoe khoang về các thần tượng, phải hổ thẹn. Hỡi các vị thần, hãy quỳ lạy trước Ngài"* (Thánh vịnh 96:7).

Vì điều này, Thánh Theodor đã bị bắt. Người bị treo lên cây, bị đánh vào vai bằng gân bò và, sau khi bị xiềng xích bằng sắt, bị giam vào ngục tối. Sáng hôm sau, Julian nghe từ tổng giám mục rằng những cực hình mà Thánh Theodore phải chịu vì Chúa Kitô đã mang lại sự hổ thẹn và sỉ nhục cho những người ngoại đạo, còn cho những người bị bách hại (các Kitô hữu) thì mang lại vinh quang và niềm vui. Lúc đó, kẻ thù ghét Thiên Chúa đã ra lệnh thả Thánh Theodore ra khỏi ngục tối. Khi được hỏi về những cực hình tàn bạo mà ngài đã phải chịu đựng, Thánh Theodorus nói rằng ban đầu ngài chỉ cảm thấy một chút đau đớn. Sau đó, có một người hiện ra trước mặt ngài, lau mồ hôi trên khuôn mặt ngài bằng một chiếc khăn thơm trắng như tuyết, và khuyên ngài hãy kiên cường; đến nỗi khi những kẻ hành hình ngừng tra tấn, vị thánh không hề vui mừng, mà lại bắt đầu cảm thấy đau đớn và mong muốn được tra tấn trở lại.

Và quả thực, những kẻ tra tấn đã nhìn thấy một Thiên thần đến bên Thánh Theodor và tiếp thêm sức mạnh cho ngài.

Vị hoàng đế vô thần Julian đã bị trừng phạt bằng cái chết vì những hành động tàn bạo của mình trong cuộc chiến với người Ba Tư, còn Thánh Theodore thì, trong niềm hân hoan, đã an nghỉ trong Chúa.

- Cùng ngày đó, lễ kỷ niệm Thánh Công tước Alexander Nevsky

[8066] Vào cuối thế kỷ VI hoặc đầu thế kỷ VII.
[8067] Kizik – một thành phố trên một trong những bán đảo của Propontis, ở Hy Lạp.
[8068] Julianus Apostata trị vì từ năm 361 đến năm 363.
[8069] Daphne – một vùng ngoại ô của Antioch.

ngày 7 tháng 12

24 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Đại Tử đạo Ekaterina

Ngày tưởng niệm 24 tháng 11

Dưới triều đại của hoàng đế La Mã vô đạo Maximinus[8070] , tại thành phố Alexandria[8071] , có một thiếu nữ tên là Catherine, xuất thân từ dòng dõi hoàng gia[8072] . Cô rất xinh đẹp và nổi tiếng vì sự thông thái của mình. Khi mới mười tám tuổi, Ekaterina đã nghiên cứu một cách thuần thục các tác phẩm của tất cả các nhà văn ngoại giáo cũng như các nhà thơ và triết gia cổ đại, chẳng hạn như: Homer, Virgil, Aristotle, Plato và những người khác. Không chỉ am hiểu sâu sắc các tác phẩm của các bậc hiền triết thời cổ đại, Ekaterina còn nghiên cứu cả các tác phẩm của những bác sĩ lừng danh như: Asclepius, Hippocrates và Galen; hơn nữa, cô còn thành thạo mọi kỹ năng hùng biện và biện chứng, đồng thời thông thạo nhiều ngôn ngữ và phương ngữ, đến nỗi ai nấy đều kinh ngạc trước sự uyên bác và kiến thức của cô. Nhiều người giàu có và quý tộc đã cầu hôn nàng và vì mục đích này, họ đến gặp mẹ nàng, một tín đồ Kitô giáo bí mật, người đã che giấu đức tin của mình do cuộc đàn áp tàn bạo mà Maximian đã phát động vào thời điểm đó đối với các tín hữu. Người thân và mẹ cô thường khuyên Catherine nên kết hôn, để gia tài hoàng gia của cha cô không rơi vào tay người ngoài, điều đó sẽ khiến họ mất hẳn gia tài này. Nhưng Ekaterina, với tư cách là một thiếu nữ khôn ngoan, đã quyết tâm trong lòng sẽ giữ gìn sự trinh trắng suốt đời và cực kỳ không muốn kết hôn. Khi những người thân trong gia đình bắt đầu nài nỉ Ekaterina kết hôn, cô đã nói với họ:

– Nếu các vị muốn con kết hôn, thì hãy tìm cho con một chàng trai sở hữu bốn phẩm chất mà, như các vị biết, con vượt trội hơn tất cả các thiếu nữ khác; và khi đó con sẽ đồng ý chọn anh ta làm chồng; còn việc kết hôn với một người đàn ông kém cỏi và thấp kém hơn con ở bất kỳ khía cạnh nào, con không mong muốn. Vậy nên, hãy tìm kiếm khắp nơi xem có chàng trai nào sánh ngang với tôi về dòng dõi cao quý, sự giàu có, nhan sắc và trí tuệ hay không; còn bất kỳ chàng trai nào thiếu dù chỉ một trong những phẩm chất đó, đều không xứng đáng với tôi.

Những người trong gia đình Ekaterina, thấy rằng không thể tìm được chàng trai như vậy, đã nói với cô rằng các hoàng tử và những người cầu hôn quý tộc khác có thể trở nên cao quý và giàu có hơn nữa nếu kết hôn với cô, nhưng về nhan sắc và trí tuệ thì không ai sánh được với cô. Còn Ekaterina thì trả lời họ như sau:

– Ta chỉ muốn người chồng của mình là người ngang hàng với ta về học thức mà thôi.

Thấy sự kiên quyết của con gái, người mẹ quyết định thử một cách khác. Bà tìm đến lời khuyên của cha linh hướng, một người đàn ông đạo đức và thánh thiện, đang sống tại một nơi hẻo lánh ngoài thành phố. Bà dẫn Ekaterina theo và cùng cô đến gặp người đàn ông chính trực ấy. Ông ấy, khi nhìn thấy cô thiếu nữ xinh đẹp và nghe những lời nói khôn ngoan, dù khiêm tốn của cô, đã nảy sinh ý định dạy cô nhận biết Chúa Kitô, Vua Trời.

– Ta biết, – ông nói với nàng, – có một Chàng Trẻ kỳ diệu, Đấng vượt trội hơn nàng vô cùng trong mọi ân tứ của nàng. Vẻ đẹp của Ngài rực rỡ hơn ánh sáng mặt trời; sự khôn ngoan của Ngài cai quản mọi loài thụ tạo thuộc về giác quan và thuộc linh; sự giàu có của kho tàng Ngài lan tỏa khắp thế gian và không bao giờ suy giảm, mà càng được ban phát thì lại càng gia tăng; còn sự cao quý của dòng dõi Ngài thì không thể diễn tả và không thể thấu hiểu. Trên toàn thế gian này không có ai sánh được với Ngài.

Lắng nghe những lời của vị tu sĩ già, Ekaterina nghĩ rằng ông đang nói với cô về một vị công tước nào đó trên trần gian – cô bối rối, sắc mặt thay đổi và hỏi vị tu sĩ già rằng liệu tất cả những điều ông nói với cô có phải là sự thật không?

Ông trả lời rằng tất cả đều là sự thật, và nói thêm rằng chàng trai trẻ đó còn sở hữu những tài năng vĩ đại khác nữa, đến nỗi không thể kể hết được. Cô gái trẻ hỏi ông:

[8070] Maximin trị vì từ năm 306 đến năm 313.

[8071] Alexandria – một thành phố ở Ai Cập, nằm bên nhánh phía tây của sông Nile; được Alexander Đại đế thành lập vào năm 331 trước Công nguyên.

[8072] Về nguồn gốc dân tộc, Thánh Catarina thuộc dòng người Hy Lạp ở Alexandria. Điều này có thể suy ra từ các bản ghi chép cổ xưa nhất về cuộc đời của bà; hơn nữa, chính tên gọi của vị thánh tử đạo vĩ đại này cũng mang nguồn gốc Hy Lạp (luôn trong sạch). Tên "Catarina" là một biến thể đã được điều chỉnh một chút.

– Vậy chàng trai mà ngài ca ngợi là con trai của ai vậy?

Vị tu sĩ già trả lời cô:

– Cậu ấy không có cha trên trần gian, nhưng được sinh ra một cách huyền diệu và siêu nhiên từ Đức Trinh Nữ Rất Thánh và Rất Thanh Tịnh, người có dòng dõi cao quý nhất. Bà đã được ân sủng sinh ra Con Trai như vậy nhờ sự trong sạch và thánh thiện vô song của mình; Ngài tồn tại bất tử cả về linh hồn lẫn thể xác và đã được nâng lên cao hơn các tầng trời, nơi tất cả các Thiên thần thánh thiện đều thờ lạy Ngài như Nữ Vương của muôn loài.

Ekaterina hỏi vị tu sĩ già:

– Liệu con có thể được chiêm ngưỡng vị Thanh niên mà ngài đã kể cho con nghe biết bao điều kỳ diệu ấy không?

– Nếu con làm theo những gì ta sẽ nói với con, – vị tu sĩ già đáp lại, – thì con sẽ được chiêm ngưỡng Dung nhan rực rỡ của Ngài.

Ekaterina đáp lại:

– Con thấy ngài là người thông thái và là vị tu sĩ đáng kính, nên con tin rằng ngài đang nói sự thật. Con sẵn sàng làm theo mọi điều ngài truyền dạy, chỉ để được chiêm ngưỡng Đấng mà ngài ca ngợi như vậy.

Rồi vị tu sĩ già trao cho cô bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh đang ôm Đấng Hài Nhi Thánh trong vòng tay, và nói với cô:

– Đây là hình ảnh của Trinh Nữ và Mẹ của Đấng mà ta đã kể cho con nghe biết bao điều kỳ diệu. Hãy mang bức tranh này về nhà, rồi đóng cửa phòng lại, với lòng kính sợ, hãy dâng lên Trinh Nữ này – Đấng có tên là Maria – một lời cầu nguyện chân thành; hãy khẩn cầu Ngài, để Ngài vui lòng cho con được gặp Con của Ngài. Ta tin rằng, nếu con cầu nguyện với lòng tin tưởng như vậy, Người sẽ nghe lời con và ban cho con ân sủng được nhìn thấy Đấng mà linh hồn con đang khao khát.

Sau đó, thiếu nữ Ekaterina cầm bức thánh tượng lên, trở về nhà và vào ban đêm, khi ở một mình trong phòng, cô bắt đầu cầu nguyện theo cách mà vị tu sĩ già đã dạy. Trong lúc cầu nguyện kéo dài, Ekaterina đã chìm vào giấc ngủ vì mệt mỏi và thấy trong giấc mơ Đức Mẹ Thiên Đàng, đúng như hình ảnh được khắc họa trên bức thánh tượng, cùng với Hài Nhi Thánh, được bao quanh bởi ánh sáng rực rỡ. Ekaterina không thể nhìn thấy khuôn mặt của Ngài, vì Ngài đã quay mặt đi khỏi cô và hướng về phía Mẹ của Ngài. Cố gắng nhìn thấy Ngài, Ekaterina đã đi vòng sang phía bên kia, nhưng Chúa Kitô cũng từ phía đó quay mặt đi khỏi cô. Điều này lặp lại ba lần. Sau đó, Ekaterina nghe thấy Đức Mẹ nói với Con của Mẹ:

– Hãy nhìn xem, Con yêu dấu của Mẹ, nữ tỳ của Mẹ là Ekaterina, nàng thật xinh đẹp và nhân hậu biết bao.

Và Hài Nhi Thiên Chúa đáp lại Mẹ:

– Không, thiếu nữ này đã bị u ám rất nhiều và xấu xí đến nỗi Con không thể nhìn nàng được.

Lúc đó, Đức Mẹ lại nói với Chúa:

– Chẳng phải thiếu nữ này khôn ngoan hơn tất cả các nhà triết học sao? Chẳng phải cô ấy vượt trội hơn tất cả các thiếu nữ khác về sự giàu có và dòng dõi cao quý sao?

Nhưng Chúa Kitô đáp lại:

– Con xin nói lại với Mẹ, Mẹ của Con, rằng thiếu nữ này điên rồ, nghèo khó và xấu xí, và Con sẽ không nhìn nàng cho đến khi nàng từ bỏ sự bất kính của mình.

Nghe vậy, Mẹ Thiên Chúa đầy ân phúc đã thưa với Ngài:

– Con xin Ngài, Con yêu dấu nhất của Mẹ, xin đừng khinh bỉ tạo vật của Ngài, nhưng hãy khai sáng cho nàng và dạy nàng biết nàng cần phải làm gì để được hưởng vinh quang của Ngài và chiêm ngưỡng Dung nhan rực rỡ và siêu phàm của Ngài, Dung nhan mà tất cả các Thiên thần đều khao khát được chiêm ngưỡng.

Rồi Đức Kitô đáp lại:

– Hãy để nàng đến gặp vị tu sĩ già đã trao cho nàng bức tượng thánh ấy, và hãy để nàng làm theo những gì ngài ấy truyền dạy, thì nàng sẽ được chiêm ngưỡng Ta và nhận được ân sủng trước mặt Ta.

Thấy và nghe tất cả những điều này, Ekaterina bừng tỉnh khỏi giấc ngủ và kinh ngạc trước khải tượng ấy. Khi sáng sớm, cô cùng vài người tớ gái của mình đến phòng của vị tu sĩ thánh thiện, quỳ xuống bên chân ngài với nước mắt, kể cho ngài nghe về giấc mơ của mình và khẩn cầu ngài chỉ bảo cô phải làm gì để được chiêm ngưỡng Đấng Hôn Phu mà cô hằng mong ước – chính là Chúa Kitô.

Vị tu sĩ cao niên đã giảng dạy cho cô một cách chi tiết về tất cả những bí mật của đức tin Kitô giáo chân chính, bắt đầu từ việc tạo dựng thế giới và sự ra đời của tổ phụ A-đam cho đến Lần Thứ Hai Chúa Kitô ngự xuống

trần gian, đồng thời cũng kể cho cô nghe về vinh quang thiên đàng không thể diễn tả của những người công chính và những cực hình vô tận đầy đau đớn của những kẻ tội lỗi. Là một thiếu nữ khôn ngoan, được Thiên Chúa soi sáng và khao khát chân lý cùng ơn cứu rỗi, Ekaterina đã nhanh chóng thấu hiểu toàn bộ giáo lý Kitô giáo, tin tưởng từ tận đáy lòng vào Chúa Giêsu Kitô và nhận phép Rửa tội thánh từ chính vị tu sĩ cao niên ấy. Sau đó, vị tu sĩ già dặn dò cô hãy lại cầu nguyện với lòng thành kính sâu sắc đến Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, để Mẹ lại hiện ra với cô, như trong đêm đầu tiên.

Như vậy, sau khi cởi bỏ con người cũ (xem Col 3:9) và mặc lấy áo mới của sự đổi mới tâm linh, Ekaterina trở về nhà và dành cả đêm để cầu nguyện trong nước mắt, nhịn ăn cho đến khi chìm vào giấc ngủ. Và rồi, một lần nữa, cô lại thấy Nữ Vương Thiên Đàng đang bế Hài Nhi Thánh trên tay. Hài Nhi nhìn Ekaterina với lòng nhân từ và hiền lành vô cùng. Đức Mẹ hỏi Con của Mình:

– Con ơi, con gái này có làm đẹp lòng Con không?

Chúa đã đáp lại Mẹ Thiên Chúa của Ngài:

– Rất ưng ý, vì giờ đây nàng xinh đẹp và vinh quang, chứ không còn xấu xí và ô nhục như trước; giờ đây nàng giàu có và khôn ngoan, chứ không còn nghèo khó như lúc ban đầu; giờ đây Ta đã yêu mến nàng, và nàng ưng ý Ta đến nỗi Ta muốn hứa hôn nàng làm vợ không hư nát của Ta.

Lúc đó, Ekaterina quỳ sấp xuống đất và thốt lên:

– Con không xứng đáng, lạy Chúa vinh quang, được chiêm ngưỡng Nước Trời của Ngài, nhưng xin cho con được ở cùng các tôi tớ của Ngài.

Lúc đó, Đức Mẹ Rất Thánh nắm lấy tay phải của thiếu nữ và nói với Con của Mẹ:

– Hỡi Con của Mẹ, xin hãy ban cho nàng chiếc nhẫn đính hôn làm dấu hiệu cho sự đính hôn của Con với nàng, hãy cưới nàng làm vợ của Con, để nàng xứng đáng được vào Nước Trời của Con.

Rồi Chúa Kitô đã trao cho Ekaterina chiếc nhẫn tuyệt đẹp nhất và nói:

– Này, giờ đây Ta chọn con làm cô dâu của Ta, bất diệt và vĩnh cửu. Vậy nên, hãy gìn giữ mối liên kết này một cách cẩn trọng để nó không bao giờ bị phá vỡ, và đừng bao giờ chọn cho mình bất kỳ vị hôn phu trần thế nào.

Sau những lời ấy của Chúa Kitô, thị kiến kết thúc. Cô thiếu nữ tỉnh dậy và nhìn thấy rõ chiếc nhẫn kỳ diệu trên tay phải của mình. Cô cảm nhận trong lòng một niềm vui và sự hân hoan đến nỗi từ giây phút đó, trái tim cô hoàn toàn hiến dâng cho tình yêu Thiên Chúa. Và một sự thay đổi vĩ đại đã xảy ra trong cô, đến nỗi cô không còn nghĩ ngợi gì về những điều trần thế nữa, mà chỉ không ngừng suy ngẫm ngày đêm về Chàng Rể yêu dấu của mình, chỉ khao khát một mình Ngài, và học hỏi về Ngài cả khi thức lẫn khi ngủ.

Không lâu sau khi Ekaterina cải đạo sang Kitô giáo, vị vua vô đạo Maximin đã đến Alexandria; ông ta ghen tị một cách mù quáng với những vị thần vô hồn của mình, bản thân ông ta dường như vô cảm và câm lặng. Với mong muốn tổ chức một lễ hội long trọng để tôn vinh những vị thần này, ông đã ra lệnh cho các vùng lân cận và các thành phố tập hợp tất cả thần dân để dâng lễ vật, nhằm tôn vinh các vị thần trước toàn dân. Một đám đông vô số người đã tụ tập, và mỗi người đều mang theo những gì mình có thể để dâng lễ vật: người thì mang bò, người thì mang cừu, còn những ai không đủ khả năng thì mang chim hoặc những thứ tương tự. Khi ngày lễ tồi tệ ấy đến, nhà vua đã hiến tế một trăm ba mươi con bò tơ – các hoàng tử và quan đại thần hiến tế ít hơn, và mỗi người đều dâng lên những gì mình có thể. Cả thành phố tràn ngập tiếng kêu thảm thiết của những con vật bị giết mổ và mùi hôi thối từ các lễ vật hiến tế; khắp nơi đều chật chội và hỗn loạn, không khí ngập tràn khói hôi thối. Khi sự việc này diễn ra, bà Ekaterina – người phụ nữ đạo đức và xinh đẹp nhất – khi chứng kiến sự cám dỗ tai hại đối với tâm hồn con người như vậy, đã vô cùng đau đớn trong lòng, thương xót cho sự diệt vong của họ. Được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành thiêng liêng, bà dẫn theo vài nô lệ và đi vào đền thờ, nơi những kẻ điên rồ đang dâng lễ vật. Khi bà đứng ở cửa, tất cả đều hướng ánh mắt về phía bà: bởi vì bà toả sáng với vẻ đẹp phi thường, chứng tỏ vẻ đẹp tâm hồn bên trong của bà. Cô ra lệnh báo cho nhà vua biết rằng cô có điều rất quan trọng cần nói với ngài. Nhà vua ra lệnh cho cô đến gần mình. Đứng trước nhà vua, Ekaterina trước tiên cúi đầu chào ngài, bày tỏ sự kính trọng xứng đáng, rồi nói:

– Bệ hạ, xin hãy nhận ra cám dỗ mà các quỷ dữ đang lôi kéo ngài vào. Ngài đang tôn sùng những thần tượng phù du và vô tri như thần linh, và phụng sự chúng. Thật là một nỗi nhục lớn khi mù quáng và điên rồ đến mức thờ phụng những thứ ghê tởm như vậy. Hãy tin ít nhất là vào nhà hiền triết Diodorus của ngài[8073] , người nói rằng các vị thần của ngài xưa kia từng là con người, và đã qua đời trong sự bất chính, nhưng vì một số việc làm mà họ đã thực hiện khi còn sống, nên người ta đã dựng lên cho họ những đài tưởng niệm và tượng đài. Các thế hệ sau

này, không hiểu ý định của tổ tiên mình – những người chỉ dựng những đài tưởng niệm này để tưởng nhớ họ – mà lại cho rằng chính những vật thể đó là thiêng liêng và xứng đáng, nên đã bắt đầu thờ phụng chúng như các vị thần. Và Plutarch nổi tiếng người Chaeronea[8073] đã ghê tởm và khinh bỉ những vị thần này. Hãy tin vào những vị Thầy này, hỡi nhà vua, và đừng trở thành kẻ gây ra sự diệt vong cho biết bao linh hồn, điều mà ngài sẽ phải chịu những cực hình vĩnh cửu. Hãy nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng Hằng Hữu, Vô Thỉ và Bất Tử, Đấng vào cuối thời đại đã mặc lấy xác phàm vì sự cứu rỗi của chúng ta. Nhờ Ngài mà các vị vua trị vì, các quốc gia được cai quản, và cả thế giới được duy trì. Bằng một lời duy nhất của Ngài, vạn vật đã được tạo dựng và vẫn tồn tại. Đức Chúa Trời toàn năng và vô cùng nhân từ này không đòi hỏi những của lễ như của các ngươi, và cũng không hài lòng với việc hiến tế những sinh linh vô tội, mà chỉ đòi hỏi chúng ta phải tuân giữ các điều răn của Ngài một cách vững chắc và không lay chuyển.

Nghe những lời này, nhà vua bừng lên cơn giận dữ mãnh liệt và ban đầu im lặng rất lâu. Sau đó, vì không thể đáp lại những lời của bà, ông nói:

– Hãy để chúng ta thực hiện lễ hiến tế trong những ngày này, rồi sau đó chúng ta sẽ lắng nghe những lời của ngươi.

Sau khi kết thúc buổi lễ trái với ý Chúa, vị vua vô đạo ra lệnh đưa Thánh Catherine vào cung điện hoàng gia và nói với nàng:

– Nói cho chúng ta biết đi, cô gái, cô là ai, và hãy lặp lại những gì cô đã nói với chúng ta trước đó?

– Tôi là con gái của nhà vua, – thánh nữ đáp, – tên tôi là Catherine. Trước đây, con đã dành trọn tình yêu để nghiên cứu các môn học khác nhau: học các tác phẩm về hùng biện, triết học, hình học và các môn khoa học khác, nhưng giờ đây con khinh bỉ tất cả những điều đó như những việc làm phù phiếm và vô ích, và đã trở thành cô dâu của Chúa Kitô, Đấng đã phán qua vị Tiên tri Isaia của Ngài rằng:

– *"Sự khôn ngoan của những người khôn ngoan sẽ tiêu tan, và sự thông minh của những người thông minh sẽ không còn nữa"* (Ê-sai 29:14).

Vua kinh ngạc trước những lời nói của nàng, trước trí tuệ phi thường của nàng, nhưng còn kinh ngạc hơn nữa trước vẻ đẹp tuyệt vời của nàng và nghĩ rằng nàng không phải do cha mẹ phàm trần sinh ra, mà là do những vị thần mà ông tôn kính. Chỉ vừa mới chấp nhận tin rằng một thiếu nữ có vẻ đẹp không thể tả xiết như vậy lại được sinh ra từ những người phàm trần, ông, bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của nàng và nhìn nàng bằng ánh mắt vô liêm sỉ, bắt đầu thốt ra những lời dụ dỗ. Còn vị thánh nữ, thấu hiểu những ý nghĩ bất chính của ông, đã nói với ông:

– Những con quỷ mà các ngươi tôn thờ như thần linh đang mê hoặc các ngươi và lôi kéo các ngươi vào những dục vọng vô nghĩa; còn ta thì tự coi mình là đất và tro bụi; Chúa đã tạo dựng tôi theo hình ảnh và giống như Ngài, và ban cho tôi vẻ đẹp này để loài người ngạc nhiên trước sự khôn ngoan của Đấng Tạo Hóa, Đấng đã có thể ban cho một con người hèn mọn và phù du như tôi sự khôn ngoan và vẻ đẹp như vậy.

Vua nổi giận trước những lời nói đó của nàng và nói:

– Đừng nói xấu các vị thần, những Đấng có vinh quang bất diệt.

Nhưng vị thánh nữ đã phản bác lại:

– Nếu ngài muốn xua tan dù chỉ một chút sương mù và bóng tối bằng sự quyến rũ, thì hãy nhận ra sự hư vô của các vị thần của ngài và nhận biết Đức Chúa Trời chân thật. Chỉ cần một lần xưng danh Ngài, hay chỉ một dấu thánh giá được vẽ trong không trung, cũng đủ để xua đuổi các vị thần của ngài và nghiền nát chúng; và nếu ngài muốn, tôi sẽ chứng minh rõ ràng sự thật trong lời nói của tôi cho ngài.

Nhà vua, thấy bà nói một cách tự do và sợ bị đánh bại cũng như bị sỉ nhục bởi những lời của bà, bèn nói với bà:

– Không xứng đáng cho một vị vua trò chuyện với phụ nữ. Nhưng ta sẽ tập hợp những nhà triết học thông thái nhất để đối thoại với ngươi, và ngươi sẽ nhận ra sự hèn mọn của những quan điểm của mình, rồi sẽ tin vào giáo lý của chúng ta.

Nói xong, ông ra lệnh canh giữ cô gái thánh thiện đó một cách nghiêm ngặt. Còn bản thân ông thì ngay lập tức gửi một sắc lệnh như sau đến tất cả các thành phố thuộc quyền cai trị của mình:

– Ta, vua Maximin, xin gửi lời chúc mừng đến các nhà triết học và nhà hùng biện thông thái nhất đang cư ngụ trong các vùng đất của ta. Tất cả những ai phụng sự vị thần khôn ngoan nhất là Hermes[8074] , và những ai tôn

[8073] Plutarch của Chaeronea – nhà sử học Hy Lạp nổi tiếng. Chaeronea là một thành phố ở Trung Hy Lạp.

vinh các nữ thần của trí tuệ – các Nữ thần Muse[8075] , hãy tập hợp lại trước mặt ta, để bịt miệng một thiếu nữ thông thái, người đã xuất hiện trong những ngày này và chế giễu các vị thần vĩ đại, gọi mọi hành động của họ là những câu chuyện ngụ ngôn và lời nói suông. Vậy nên, hãy đến đây để thể hiện trọn vẹn trí tuệ của các ngươi, nhờ đó người đời sẽ ca ngợi các ngươi, còn ta sẽ ban thưởng cho các ngươi vì công lao của các ngươi.

Và thế là, năm mươi người đã tụ họp lại, những nhà hùng biện được tuyển chọn và thông thái nhất, nổi bật bởi trí tuệ sắc sảo và sức mạnh ngôn từ vĩ đại. Nhà vua nói với họ như sau:

– Hãy chuẩn bị thật kỹ lưỡng và cẩn trọng cho cuộc tranh luận cao quý với một thiếu nữ, để các ngươi có thể thuyết phục nàng bằng những lập luận của mình trong cuộc tranh luận về các vị thần; đừng coi thường việc sẽ đối thoại với một thiếu nữ trẻ, nhưng hãy dốc hết sức lực và thể hiện sự thông thái của các ngươi như thể các ngươi đang đối đầu với một đối thủ dũng mãnh và một nhà hùng biện tài ba nhất; bởi vì, theo những gì ta đã thận trọng tìm hiểu, nàng vượt trội về trí tuệ so với chính nhà triết học vĩ đại nhất là Plato[8076] . Vì vậy, tôi khẩn khoản xin ngài, hãy thể hiện trong cuộc tranh luận với nàng sự nỗ lực tương tự như khi ngài đối đầu với chính vị hiền triết đó. Nếu ngài chiến thắng, tôi sẽ thưởng cho ngài những món quà quý giá; còn nếu ngài bị đánh bại, ngài sẽ phải chịu sự nhục nhã tột độ, và thay vì những món quà, ngài sẽ phải chịu một cái chết đau đớn.

Nghe những lời của nhà vua, một nhà hùng biện lừng lẫy và thông thái nhất đã đáp lại:

– Xin bệ hạ đừng lo lắng: có thể đối thủ của chúng ta vô cùng thông minh, nhưng với tư cách là một người phụ nữ, nàng không thể sở hữu trí tuệ một cách hoàn hảo, cũng như không thể thành thạo tuyệt đối trong nghệ thuật hùng biện; chỉ cần ra lệnh cho nàng đến gặp chúng tôi, bệ hạ sẽ thấy rằng ngay khi nàng nhìn thấy đông đảo các nhà triết học và hùng biện gia như vậy, nàng sẽ lập tức cảm thấy xấu hổ.

Nghe những lời khoe khoang của nhà triết học, nhà vua bỗng bình tĩnh lại và vui mừng, hy vọng rằng những lời lẽ vô đạo và kiêu ngạo của các học giả sẽ đánh bại cô gái tràn đầy sự hiền lành và sự khôn ngoan thiêng liêng. Ông lập tức ra lệnh đưa cô đến trước mặt mình. Cũng có rất đông dân chúng tụ tập để nghe cuộc tranh luận giữa thiếu nữ Kitô giáo với các nhà thông thái ngoại đạo. Nhưng trước khi những người được cử đi kịp đến gặp Ekaterina, Tổng lãnh thiên thần Michael đã hiện ra với nàng từ trời và nói:

– Đừng sợ, hỡi trinh nữ của Chúa! Chúa của con sẽ ban thêm sự khôn ngoan cho sự khôn ngoan của con, và con sẽ chiến thắng trong cuộc tranh luận với năm mươi nhà hùng biện đó. Không chỉ họ, mà còn nhiều người khác nữa sẽ tin nhờ con và nhận lấy vương miện tử đạo.

Nói xong, Thiên thần lui đi.

Trong khi đó, những người được vua sai đến đã tìm đến Thánh Catarina, bắt nàng và dẫn nàng đến trước mặt vua và các nhà triết học để mọi người cùng chứng kiến. Ngay lập tức, vị triết gia kiêu ngạo, người trước đó đã tự hào khoe khoang, đã kiêu hãnh quay sang Thánh Catarina và nói:

– Chính ngươi là người đã dám chỉ trích các vị thần của chúng ta một cách ngang ngược và điên rồ như vậy sao?

– Đúng là tôi, – vị thánh đáp lại một cách hiền lành, – nhưng không phải với sự ngạo mạn và điên rồ như ngài đã nói, mà với lòng hiền lành và tình yêu đối với sự thật, tôi nói rằng các vị thần của các ngài chẳng là gì cả.

Lúc đó, nhà triết học nói với bà:

– Các nhà thơ vĩ đại[8077] gọi họ là các vị thần tối cao, vậy mà sao ngươi lại dám phỉ báng những vị thần mà chính ngươi đã nhận được sự khôn ngoan từ họ, và đã nếm trải sự ngọt ngào của những ân huệ mà họ ban tặng?

– Tôi không nhận được sự khôn ngoan từ các vị thần của các ngài, – Ekaterina đáp, – mà từ Đấng Thần Duy Nhất và Chân Thật của tôi. Chính Ngài là sự khôn ngoan và sự sống, và ai kính sợ Ngài và tuân giữ các mệnh lệnh thiêng liêng của Ngài, người ấy mới là nhà triết học chân chính. Còn những việc làm và truyền thuyết về các vị thần

---

[8074] Hermes (Hermes) hay Mercury được coi là sứ giả của các vị thần, vị thần bảo trợ cho thương mại và các nhà hùng biện, đồng thời là một trong những vị thần ngoại giáo được yêu mến nhất. Vì vậy, dân chúng thiếu hiểu biết ở các thành phố Lystra và Lycaonia đã bị ấn tượng mạnh mẽ đến mức gọi Barnabas là Zeus, còn Phaolô là Hermes, vì ông có uy quyền trong lời nói. (Công vụ 14:12).

[8075] Các nữ thần được coi là những vị bảo trợ của khoa học và nghệ thuật.

[8076] Platon – nhà triết học Hy Lạp nổi tiếng thế kỷ IV trước Công nguyên, là đồng thời và thầy của nhà triết học Hy Lạp nổi tiếng – Aristotle. Platon là học trò của nhà triết học lừng danh Socrates. Điều đáng chú ý là trong các quan điểm triết học của mình, đặc biệt là trong học thuyết về Đức Chúa Trời, sự sáng tạo thế giới và cuộc sống sau khi chết, Plato đã rất gần gũi với giáo lý Kitô giáo.

[8077] Ở đây đề cập đến Homer, Virgil và các nhà thơ khác. Nói chung, những truyền thuyết về các vị thần của mình, những người theo đạo ngoại giáo chủ yếu lấy từ các tác phẩm thơ ca.

của các ngươi thì đáng bị chế giễu và lên án, và đầy rẫy cám dỗ. Hãy nói cho ta biết, ai trong số các nhà thơ vĩ đại của các ngươi gọi họ là các vị thần, và dùng những từ ngữ nào để gọi họ?

– Nhà thơ vĩ đại nhất là Homer[8078] , – vị hiền triết đáp, – khi dâng lời cầu nguyện lên Zeus[8079] , ông là người đầu tiên nói như thế này: "Zeus vinh quang nhất, vị thần vĩ đại, và các vị thần bất tử khác." Còn Orpheus[8080] vĩ đại, khi bày tỏ lòng biết ơn với Apollo[8081] , đã nói như sau: "Hỡi con trai của Lato, người bắn tên từ xa! Phoebus hùng mạnh, người nhìn thấu vạn vật và cai trị cả loài người lẫn các vị thần bất tử, mặt trời bay lượn trên đôi cánh vàng".

– Thật vậy, – vị hiền triết ngoại giáo nói, kết thúc bài diễn thuyết của mình, – những nhà thơ đầu tiên và vĩ đại nhất đã tôn kính các vị thần và rõ ràng gọi họ là những vị bất tử; vì vậy, ngươi cũng đừng lầm lẫn và đừng thờ phượng Đấng Bị Đóng Đinh như một vị thần[8082] ; không một vị hiền triết cổ đại nào không những không gọi và không công nhận Ngài là Đức Chúa Trời, mà thậm chí còn không biết về Ngài.

Thánh Catarina đáp lại:

– Nhưng chính Homer của các ngươi, ở một đoạn khác, đã nói về vị thần vĩ đại Zeus của các ngươi rằng ngài là một kẻ xảo quyệt, dối trá và lừa đảo, và rằng các vị thần khác – Hera, Poseidon và Athena[8083] – đã muốn trói ngài lại, nhưng ngài đã kịp trốn thoát khỏi họ. Có rất nhiều hành động tương tự như vậy, khiến người ta khinh bỉ các vị thần của các ngươi, được mô tả trong các cuốn sách của các ngươi. Nhưng vì ngươi đã nói rằng không một vị thầy cổ đại nào công nhận Đấng Bị Đóng Đinh là Đức Chúa Trời, nên dù không cần phải nghiên cứu nhiều về Ngài để chứng minh rằng Ngài là Đức Chúa Trời chân thật và là Đấng Tạo Hóa không thể thấu hiểu, không thể tiếp cận bằng nghiên cứu và không thể diễn tả được của trời và đất, biển, mặt trời, mặt trăng và toàn thể loài người, tuy nhiên, để củng cố thêm sự tin tưởng vào chân lý này, tôi sẽ trích dẫn những lời chứng từ chính các sách của các bạn. Hãy nghe những gì Sibyl khôn ngoan nhất[8084] của các bạn nói về Ngài, làm chứng về sự nhập thể thần thánh và sự đóng đinh cứu rỗi của Ngài: "Vào những thời kỳ sau này, sẽ có Một Đấng đến trên cõi đời này, mang lấy thân xác không vướng bận tội lỗi. Bằng quyền năng vô biên của Thần Tính, Ngài sẽ tiêu diệt sự hư nát của những đam mê không thể chữa lành, và những kẻ vô tín sẽ ghen tị với Ngài; Ngài sẽ bị treo trên một nơi cao, như thể xứng đáng với cái chết." Hãy nhớ rằng, ngay cả nhà hiền triết Apollonius của các ngươi[8085] , cũng không phải theo ý muốn riêng của mình, mà bị sức mạnh Thần Thánh của Ngài ép buộc phải xưng nhận Chúa Kitô là Thiên Chúa: "Chỉ có một Đấng," ông nói, "là Đấng trên trời thúc đẩy tôi xưng nhận Ngài. Ngài là Ánh Sáng Ba Ngôi; Đức Chúa Trời đã chịu khổ nạn, nhưng chính Thần Tính thì không chịu khổ: vì trong Ngài có cả hai: Ngài mang xác phàm nên có thể chết, nhưng đồng thời lại không bị hư nát. Và Đấng này, Đấng chịu đựng mọi sự từ loài người: thập tự giá, sự sỉ nhục, sự chôn cất – chính là Đức Chúa Trời." Đó là những lời Apollonius nói về Đức Chúa Trời chân thật, Đấng đồng bản thể và đồng bản tính với Đấng đã sinh ra Ngài. Ngài là khởi đầu, nền tảng và nguồn mạch của mọi ân huệ

[8078] Homer là một trong những nhà thơ Hy Lạp uyên bác và lừng lẫy nhất, sống từ rất lâu trước Công nguyên. Ông đã sáng tác hai bài thơ nổi tiếng: "Iliad" và "Odyssey".

[8079] Zeus (hay Jupiter) là vị thần Hy Lạp-La Mã, được những người theo đạo ngoại giáo tôn kính như vị chúa tể của trời và đất, cha của tất cả các vị thần và loài người.

[8080] Orpheus – một nhân vật huyền thoại, được những người theo đạo đa thần đặc biệt kính trọng.

[8081] Apollon hay Phoebus, con trai của Zeus và Leto, là một trong những vị thần ngoại giáo Hy Lạp-La Mã được tôn kính nhất. Ông được tôn vinh là vị thần của mặt trời và sự khai sáng trí tuệ, cũng như sự thịnh vượng của xã hội và trật tự, người bảo vệ luật pháp, vị thần tiên tri về tương lai.

[8082] Đối với những người ngoại đạo, việc các Kitô hữu thờ phượng Đấng bị đóng đinh trên thập tự giá dường như là điều vô cùng kỳ quái, bởi vì hình phạt đóng đinh trên thập tự giá được coi là nhục nhã. Chính vì lý do đó mà Thánh Phaolô đã nói rằng, việc rao giảng về Đức Kitô bị đóng đinh là điều điên rồ đối với người Hy Lạp (tức là những người ngoại đạo) (1 Cr 1,23).

[8083] Hera (Juno) được người Hy Lạp và La Mã cổ đại tôn kính là em gái và vợ của vị thần tối cao Zeus, là vị nữ thần được tôn kính nhất trong số các nữ thần; bà được coi là nữ thần của đất đai và sự màu mỡ, đồng thời là vị thần bảo trợ cho hôn nhân. Poseidon được coi là thần của biển cả. Athena được coi là nữ thần của sự khôn ngoan, chủ yếu là khôn ngoan trong chiến tranh. Đoạn trích dẫn trên được lấy từ tác phẩm "Metamorphoses" của nhà thơ La Mã Ovidius. Nói chung, theo tín ngưỡng của họ, các vị thần của người La Mã và Hy Lạp cũng có những đam mê và khuynh hướng tội lỗi giống như con người.

[8084] Trong thời cổ đại, người La Mã gọi những nữ tiên tri là "Sibyl". Những lời tiên tri của họ được tập hợp thành ba cuốn sách, được lưu giữ tại đền thờ Zeus (Jupiter) trên đồi Capitoline, và sau đó tại đền thờ Apollo trên đồi Palatine. Những "Cuốn sách của Sibyl" này được tôn kính sâu sắc trong thế giới ngoại giáo. Các nhà văn Kitô giáo cũng chú ý đến những lời tiên tri này, và tìm thấy trong đó một số gợi ý về sự đến của Nước Trời.

[8085] Apollonius của Tyana – một nhà hiền triết ngoại giáo, người đã thực hiện những phép lạ giả mạo và thu hút được nhiều tín đồ (thế kỷ III). Những lời dạy của ông, được ghi chép trong một cuốn sách đặc biệt, đặc biệt được kính trọng sâu sắc tại Alexandria, nơi cuốn sách đó được lưu giữ tại nơi bí mật và thiêng liêng nhất của một đền thờ ngoại giáo.

được tạo dựng; Ngài đã tạo dựng thế gian từ hư vô thành hữu thể và cai quản nó. Là Đấng đồng bản thể với Cha, Ngài đã trở thành con người vì chúng ta, sống trên đất, hướng dẫn, dạy dỗ và ban ơn lành cho loài người; rồi Ngài đã chịu chết thay cho chúng ta, những kẻ vô ơn, để giải thoát chúng ta khỏi sự kết án từ thuở xa xưa, và ban cho chúng ta lại sự hạnh phúc và niềm vui như xưa. Như vậy, Ngài đã mở lại cho chúng ta cánh cửa thiên đàng, vốn đã bị chúng ta đóng lại bởi sự sa ngã. Ba ngày sau, Ngài đã phục sinh, thăng thiên lên trời – nơi Ngài đã hạ thế – và sai Thánh Thần xuống cho các môn đệ của Ngài; còn các môn đệ thì đi khắp thế gian và rao giảng về Thần Tính của Ngài, điều mà ngươi, hỡi nhà triết học, cũng nên tin tưởng, để ngươi nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, và trở thành tôi tớ của Đấng đầy lòng thương xót và nhân từ, Đấng kêu gọi tất cả những ai đã phạm tội, phán rằng: *"Hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, hãy đến với Ta, Ta sẽ cho các ngươi được nghỉ ngơi"* (Mt 11,28). Vậy thì, hãy tin vào chính các thầy dạy và các vị thần của ngươi – Plato, Orpheus và Apollonius – những người đã công khai và rõ ràng, dù trái với ý muốn của họ, thừa nhận Chúa Kitô là Thiên Chúa.

Bà Catherine đầy khôn ngoan đã nói những điều này và nhiều điều khác nữa, khiến nhà triết học kinh ngạc đến mức ông câm lặng, không còn sức lực để đáp lại bà. Nhà vua, thấy ông bị đánh bại và kinh ngạc, đã ra lệnh cho những người còn lại bắt đầu trò chuyện với vị trinh nữ thánh thiện. Nhưng họ từ chối, nói rằng:

– Chúng tôi không thể chống lại sự thật, vì nếu người thông thái nhất trong chúng tôi còn im lặng, bị đánh bại, thì chúng tôi còn có thể nói gì?

Lúc đó, nhà vua tức giận ra lệnh đốt một ngọn lửa dữ dội ngay giữa thành phố và thiêu sống tất cả các nhà triết học và các nhà hùng biện. Nghe phán quyết và mệnh lệnh của nhà vua, họ quỳ xuống dưới chân Thánh Catarina, xin bà cầu nguyện với Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật cho họ, để Ngài tha thứ mọi điều họ đã làm trong sự vô minh, và ban cho họ phép rửa tội thánh cùng các ân sủng của Đức Thánh Linh.

Còn vị Thánh, tràn ngập niềm vui và hạnh phúc, đã nói với họ:

– Quả thật các ngươi thật phúc lành và hạnh phúc, vì đã từ bỏ bóng tối để nhận biết ánh sáng chân thật, và khinh thường vị vua trần gian hữu hạn để đến với Đấng Vô Tử trên Thiên Đàng; hãy vững tin vào lòng thương xót của Ngài, và hãy tin rằng ngọn lửa mà những kẻ vô đạo dùng để dọa nạt các con sẽ trở thành phép rửa tội cho các con, và là bậc thang dẫn lên trời. Trong ngọn lửa này, các con sẽ được thanh tẩy khỏi mọi ô uế của xác thịt và tinh thần, và trước mặt Vua vinh quang, các con sẽ hiện ra rạng ngời và tinh khiết như những vì sao, và trở thành những người bạn được Ngài yêu mến.

Nói xong, Thánh Catarina làm dấu thánh giá trên mỗi người trong số họ, và họ vui vẻ bước vào cuộc tử đạo. Các binh lính ném họ vào lửa, và như vậy, họ đã chịu chết như những vị tử đạo[8086] . Vào buổi tối, một số người đạo đức và yêu mến Chúa Kitô đã đến để chôn cất thi hài các thánh tử đạo, nhưng họ thấy thi thể các ngài vẫn nguyên vẹn, đến nỗi ngọn lửa thậm chí không làm cháy một sợi tóc nào của các ngài. Nhờ phép lạ này, nhiều người ngoại đạo đã quay về với sự thật, còn thi hài các thánh tử đạo thì được an táng với sự tôn kính xứng đáng.

Trong khi đó, Maximinus quyết tâm dùng mọi cách để dụ dỗ Thánh Catherine sa ngã vào sự vô đạo của mình. Không đạt được thành công qua các cuộc tranh luận triết học, ông bắt đầu dùng lời ngọt ngào và mưu mô để cám dỗ nàng. Gọi nàng lại, ông nói:

– Hãy nghe ta đây, con gái ngoan; ta, với tư cách là người cha yêu thương con cái, khuyên con hãy thờ phụng các vị thần vĩ đại, đặc biệt là thần Hermes, vị thần bảo trợ của các ngành khoa học, người đã ban cho con những tài năng triết học tuyệt vời như vậy. Còn ta, nếu con chấp nhận đề nghị của ta, ta sẽ chia sẻ vương quốc và quyền lực của ta với con – các vị thần là chứng nhân cho điều đó – và con sẽ sống cùng ta trong niềm vui bất tận.

Nhưng Nữ hoàng Ekaterina, người vô cùng thông thái, đã thấu hiểu ý đồ của ông ta và nhận ra sự xảo trá cùng những lời nịnh hót của ông ta, liền nói với ông ta:

– Hãy từ bỏ mưu mô của ngài đi, thưa hoàng đế, và đừng bắt chước con cáo. Ta đã dứt khoát, một lần và mãi mãi, nói với ngài rằng ta là một tín đồ Kitô giáo, và đã hứa hôn với Chúa Kitô. Chỉ có Ngài là Chồng, là Thầy Dẫn Dắt và là niềm vinh quang của sự trinh khiết nơi ta; xin đừng cám dỗ ta bằng áo choàng hoàng gia[8087] , – ta thà chọn áo choàng của người tử đạo hơn.

Rồi nhà vua lại nói với nàng:

[8086] Đó là ngày 17 tháng 11 năm 307.

[8087] Áo choàng màu tím – một chiếc áo dài nhuộm màu tím sẫm như máu, rất được coi trọng trong thời cổ đại và được xem là biểu tượng của địa vị hoàng gia.

– Ngươi đang ép buộc ta, dù trái với ý muốn của ta, phải làm nhục phẩm giá của ngươi và phủ đầy thân thể xinh đẹp của ngươi bằng vô số vết thương.

– Hãy làm theo ý ngài, – vị thánh đáp lại: qua sự sỉ nhục tạm thời này, ngài sẽ mang lại cho tôi vinh quang vĩnh cửu, và rất nhiều người (như tôi hy vọng) sẽ tin vào Đấng Kitô của tôi nhờ tôi; và từ các cung điện của ngài, nhiều người sẽ cùng tôi bước vào các cung điện thiêng liêng trên trời.

Thánh nữ đã tiên tri như vậy; còn Thiên Chúa, từ trên cao nhìn xuống nàng, đã thực hiện lời tiên tri ấy.

Lúc đó, vị vua vô cùng tức giận đã ra lệnh cởi bỏ áo choàng tím của Ekaterina và đánh đập người phụ nữ trần truồng một cách tàn nhẫn bằng dây da bò. Các tôi tớ đã đánh đập vị thánh tử đạo một cách dã man trong hai giờ liền vào vai và bụng, đến nỗi toàn thân bà chằng chịt vết thương và biến dạng; máu chảy thành dòng và nhuộm đỏ mặt đất. Nhưng vị thánh đã chịu đựng tất cả những cực hình này với lòng dũng cảm và khí phách cao cả đến nỗi những người chứng kiến đều kinh ngạc tột độ. Sau đó, vị vua tàn bạo ra lệnh giam Catherine vào ngục tối và không cho nàng ăn uống gì cho đến khi ông ta nghĩ ra những hình phạt mới để tiêu diệt nàng.

Trong khi đó, Augusta, vợ của vị vua, rất mong được gặp mặt thánh Ekaterina. Nghe kể về đức hạnh, sự khôn ngoan và lòng dũng cảm của bà, bà đã yêu mến bà từ xa. Sau một giấc mơ, trái tim Augusta bừng cháy tình yêu dành cho Catherine đến mức bà thậm chí không thể chợp mắt. Khi nhà vua vì một việc gì đó phải rời khỏi thành phố và chậm trễ trở về vài ngày, hoàng hậu đã tìm được thời cơ thuận lợi để thực hiện mong muốn của mình. Lúc bấy giờ tại triều đình có một quan đại thần, là bạn thân của nhà vua, giữ chức tướng quân, tên là Porfiry – một người nổi tiếng vì sự khôn ngoan. Nữ hoàng đã tâm sự với Porfiry về mong muốn thầm kín của mình.

– Vào một trong những đêm vừa qua – bà nói với ông ta – tôi đã thấy trong giấc mơ Ekaterina, người đang ngự giữa một đám đông các chàng trai và thiếu nữ xinh đẹp, mặc trang phục màu trắng. Từ khuôn mặt nàng toát ra một ánh sáng rực rỡ đến nỗi tôi không thể nhìn thẳng vào nàng. Sau khi cho ta ngồi bên cạnh mình, nàng đã đội lên đầu ta một vương miện vàng và nói: 'Chúa Kitô gửi tặng ngươi vương miện này.' Kể từ lúc đó, ta khao khát được gặp nàng đến mức lòng ta không thể nào yên bình; xin ngài, Porphyrius, hãy tìm cách nào đó để ta có thể bí mật gặp nàng.

– Ta sẽ thực hiện mong muốn của Nữ hoàng, – Porphyrius đáp.

Khi đêm xuống, Porphyrius dẫn theo hai trăm chiến binh và cùng nữ hoàng đến nhà tù; sau khi hối lộ tiền cho lính canh, họ bước vào gặp vị thánh tử đạo. Khi nữ hoàng nhìn thấy vị thánh, bà đã bị choáng ngợp bởi ánh sáng rực rỡ tỏa ra từ khuôn mặt của bà, khuôn mặt ấy rạng ngời ân sủng thiêng liêng. Nữ hoàng vội vàng quỳ xuống dưới chân Thánh Catherine, rồi khóc nức nở thốt lên:

– Giờ đây, tôi coi mình là người hạnh phúc và phúc lành, vì đã được ân sủng được gặp ngài. Giống như con nai khát khao tìm nước để giải khát (xem Tv 41:2), tôi vô cùng mong mỏi được gặp ngài, và khao khát được nghe những lời ngọt ngào của ngài. Giờ đây, khi đã được toại nguyện, tôi không còn buồn phiền nữa, dù có phải đánh đổi cả mạng sống và vương quốc đi chăng nữa: tôi hạnh phúc biết bao khi được gặp con! Con thật phúc lành và xứng đáng được ca ngợi, vì đã phó thác mình cho Đấng Toàn Năng, Đấng đã ban cho con những ân sủng vĩ đại đến thế.

Thánh nữ đáp lại:

– Nữ hoàng ơi, ngài cũng thật hạnh phúc, vì tôi thấy vương miện trên đầu ngài, được các Thiên thần nâng cao trên cao; ba ngày nữa, ngài sẽ nhận được nó nhờ những đau khổ nhỏ nhoi mà ngài sẽ chịu đựng vì Chúa Kitô, để qua đó ngài được đến với Vua Thật Sự và trị vì muôn đời.

Nữ hoàng đáp lại với Catherine:

– Tôi sợ những đau khổ mà bà đã tiên đoán cho tôi, và còn sợ chồng tôi hơn nữa, người rất tàn nhẫn và vô nhân đạo.

– Đừng sợ, – vị thánh nói với bà, – chính Chúa Kitô sẽ là Đấng trợ giúp cho bà; Ngài sẽ củng cố trái tim bà, và không có sự đau khổ nào có thể chạm đến linh hồn bà; chỉ có thân xác bà sẽ phải chịu đau khổ một chút ở đây và trong một thời gian ngắn, rồi sau đó nó cũng sẽ được hưởng sự an nghỉ vĩnh cửu.

Khi vị thánh nói xong những lời ấy, Porphyrius hỏi bà:

– Chúa Kitô ban cho những ai tin vào Ngài điều gì? Vì tôi cũng muốn tin vào Ngài và trở thành chiến binh của Ngài.

Vị tử đạo đáp lại:

– Chẳng lẽ ngươi chưa từng đọc hay nghe gì về Kinh Thánh Kitô giáo sao?

– Từ thuở thiếu thời, – Porphyrius đáp, – tôi đã rèn luyện các kỹ năng quân sự, và không quan tâm đến điều gì khác.

Thánh nữ nói với ông:

– Lời người phàm không thể diễn tả hết những ân huệ mà Đức Chúa Trời toàn thiện và nhân từ đã dành sẵn cho những ai yêu mến Ngài và tuân giữ các điều răn của Ngài.

Lúc đó, Porphyrius, tràn ngập niềm vui vô bờ bến, đã tin nhận Chúa Kitô, cùng với hai trăm chiến binh và nữ hoàng – và tất cả, sau khi kính cẩn từ biệt vị thánh tử đạo, đã ra về.

Đức Kitô nhân từ và yêu thương loài người đã không bỏ mặc vị hôn thê thánh thiện của Ngài mà không có sự chăm sóc, nhưng như một người cha yêu thương con cái, Ngài đã lo liệu cho nàng. Mỗi ngày, một con bồ câu bay vào cửa sổ và mang thức ăn đến cho nàng. Cuối cùng, chính Đấng Cứu Thế nhân từ, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng ban ân sủng, đã viếng thăm nàng, được bao quanh bởi vinh quang vĩ đại và tất cả các thiên thần trên trời, và càng củng cố thêm lòng can đảm của nàng, đồng thời ban cho nàng tinh thần dũng cảm:

– Đừng sợ, hỡi cô dâu yêu dấu của Ta, – Ngài nói với nàng – Ta luôn ở bên con và không có sự đau khổ nào có thể chạm đến con; bằng sự kiên nhẫn của con, con sẽ dẫn dắt nhiều người đến với Ta, và như phần thưởng cho điều đó, con sẽ được ban cho nhiều vương miện bất diệt.

Sau khi an ủi nàng bằng những lời ấy, Chúa đã biến mất khỏi tầm mắt.

Sáng hôm sau, nhà vua, khi ngự trên ngai xét xử, ra lệnh dẫn Ekaterina vào. Cô bước vào trước mặt nhà vua, toát lên ân sủng thiêng liêng và một ánh sáng hạnh phúc kỳ diệu, đến nỗi những người đứng gần cũng bị chiếu rọi bởi vẻ đẹp rực rỡ của cô. Nhà vua vô cùng ngạc nhiên, và nghĩ rằng có ai đó đã đưa thức ăn cho nàng trong ngục tối, nên thân thể nàng không suy yếu và nhan sắc trên khuôn mặt nàng vẫn không thay đổi; vì thế, ngài định ra lệnh xử tử những người lính canh. Nhưng Thánh Catherine, không muốn những người khác phải chịu khổ một cách oan uổng, đã kể cho ngài nghe toàn bộ sự thật, nói rằng:

– Xin bệ hạ hãy biết rằng không có bàn tay con người nào mang thức ăn cho con cả, mà chính Chúa Kitô, Đấng chủ tể của con, Đấng vô hình chăm sóc các tôi tớ của Ngài, đã nuôi dưỡng con.

Nhà vua, kinh ngạc trước vẻ đẹp phi thường của Thánh Catherine, lại muốn dùng những lời ngọt ngào và nịnh hót để tác động đến nàng, và nói với nàng:

– Nàng, thiếu nữ rạng ngời như ánh mặt trời, nhan sắc của nàng còn vượt trội hơn cả nữ thần Artemis[8088] ; nàng sinh ra để làm nữ hoàng, con gái của ta. Vậy thì, hãy đến đây, cúi đầu thờ lạy và dâng lễ vật cho các vị thần của chúng ta, khi đó nàng sẽ cùng chúng ta trị vì và sống một cuộc đời tràn ngập niềm vui; ta xin nàng: đừng hủy hoại nhan sắc rạng rỡ của mình bằng những cực hình.

– Con chỉ là đất và tro bụi, – thánh nữ đáp. – Mọi vẻ đẹp đều tàn phai như hoa, và như giấc mơ, biến mất vì một cơn bệnh nhỏ nhất, hay vì tuổi già, còn sau khi chết thì hoàn toàn tan rã; vậy nên, bệ hạ đừng bận tâm đến vẻ đẹp của con.

Trong lúc Thánh Catarina đang trò chuyện, một quan đại thần tên là Khursaden – kẻ tra tấn các tín hữu Kitô giáo một cách tàn nhẫn và vô nhân đạo – muốn thể hiện lòng trung thành và sự kính trọng đối với nhà vua, đã nói với ngài:

– Thưa bệ hạ, thần đã nghĩ ra một hình thức tra tấn, nhờ đó bệ hạ sẽ khuất phục được thiếu nữ này. Hãy ra lệnh lắp bốn bánh xe gỗ lên cùng một trục, rồi đóng các mũi sắt nhọn xung quanh chúng: hai bánh xe quay sang phải, hai bánh xe quay sang trái; còn cô gái thì bị trói ở giữa, và những bánh xe quay tròn sẽ nghiền nát thân thể nàng. Nhưng trước tiên, hãy cho Ekaterina xem những bánh xe này, để khi nhìn thấy chúng, nàng sẽ khiếp sợ trước hình phạt tàn bạo và tuân theo ý muốn của ngài; còn nếu sau đó nàng vẫn giữ nguyên sự cứng đầu như trước, thì hãy để nàng phải chịu cái chết đau đớn.

Nhà vua rất ưng ý với lời khuyên này, và ngài ra lệnh chế tạo những chiếc bánh xe mà Khursaden đã đề cập. Khi những chiếc bánh xe đã sẵn sàng, người ta dẫn vị thánh nữ đến nơi tra tấn và ban đầu quay những chiếc bánh xe với lực rất mạnh ngay trước mắt cô, nhằm dọa nạt cô, rồi người tra tấn nói với cô:

– Ngươi thấy chưa, những cực hình này đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi! Và ngươi sẽ phải chịu cái chết khủng khiếp nhất trong đó, nếu không quỳ lạy các vị thần.

[8088] Artemis – hay còn gọi là Diana – là nữ thần ngoại giáo nổi tiếng của người Hy Lạp và La Mã, được họ tôn sùng đặc biệt; (bà được coi là nữ thần mặt trăng và thường được miêu tả là một thiếu nữ thợ săn xinh đẹp, rạng rỡ).

Nhưng trước lời đó, Ekaterina đáp lại:

– Tôi đã nhiều lần bày tỏ quyết tâm của mình là sẽ vẫn là một tín đồ Kitô giáo; vì vậy, thưa hoàng đế, xin đừng lãng phí thời gian vô ích, mà hãy làm những gì ngài muốn.

Kẻ tra tấn, thấy rằng mình không thể dọa nạt Ekaterina và khiến cô từ bỏ Chúa Kitô, liền ra lệnh trói cô vào bánh xe, rồi quay chúng với lực mạnh, để cô bị xé nát thành từng mảnh và như vậy sẽ chết một cái chết kinh hoàng nhất. Nhưng ngay khi họ vừa bắt đầu hình phạt này, thì bỗng nhiên một Thiên thần từ trời giáng xuống, giải thoát vị thánh nữ khỏi xiềng xích, và nghiền nát những bánh xe thành từng mảnh; trong khi đó, những bánh xe bị đập vỡ với sức mạnh khủng khiếp đã bay sang một bên và giết chết nhiều kẻ vô tín. Nhìn thấy phép lạ vinh quang như vậy, cả dân chúng đều reo lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Còn nhà vua thì vì cơn thịnh nộ mà mặt mày u ám và điên cuồng, nghĩ ra những hình phạt mới cho vị nữ tử đạo.

Nữ hoàng Augusta, khi nghe tin về phép lạ này, đã bước ra khỏi cung điện của mình và lên tiếng quở trách nhà vua.

– Quả thật, – bà nói, – ngài thật táo tợn và điên rồ, vì ngài dám chống lại Đức Chúa Trời Hằng Sống, và bất công khi tra tấn tôi tớ của Ngài.

Nghe những lời này một cách bất ngờ, nhà vua nổi cơn thịnh nộ, trở nên hung dữ hơn bất kỳ con thú nào. Bỏ mặc thánh Catherine, ông dồn hết cơn thịnh nộ vào người vợ mình. Quên cả tình yêu tự nhiên dành cho nàng, ông ra lệnh mang đến một chiếc hòm lớn và đổ đầy thiếc vào đó để nó không thể di chuyển, đóng đinh vào nắp hòm, rồi kẹp vú của vợ mình giữa thân hòm và nắp, sau đó siết chặt lại. Và những kẻ tra tấn, gây ra cho thánh nữ những đau đớn không thể tả xiết, đã siết chặt núm vú của bà cho đến khi chúng bị xé toạc ra trong cơn đau khủng khiếp . Còn thánh nữ Augusta, dù phải chịu đựng cơn đau khủng khiếp này, vẫn vui mừng vì được chịu khổ vì Thiên Chúa Chân Thật, và cầu nguyện cùng Ngài, xin Ngài ban cho bà ân sủng và sự trợ giúp của Ngài. Khi hai núm vú bị xé rách, máu chảy như suối, và tất cả những người xung quanh đều tràn ngập lòng thương xót và bày tỏ sự chia buồn với bà, người đang phải chịu đựng sự tra tấn khủng khiếp và không thể chịu đựng nổi như vậy. Nhưng tên tra tấn vô nhân đạo đã không tha thứ cho vợ mình, và ra lệnh chém đầu bà bằng gươm. Còn bà, sau khi nghe bản án này với niềm vui, đã nói với Thánh Catarina:

– Nô tỳ của Đức Chúa Trời Chân Thật, xin cầu nguyện cho con!

– Hãy ra đi trong bình an, – vị thánh trinh nữ đáp lại, – để được ngự trị cùng Chúa Kitô muôn đời.

Và nữ hoàng phúc lành đã bị chém đầu ngoài thành vào ngày 23 tháng 11 năm[8089] . Còn Tướng Porphyrius, vào ban đêm đã lấy thi thể của bà, rồi an táng với đầy đủ nghi lễ. Sáng hôm sau, chính Porphyrius, cùng với những chiến binh đã tin vào Chúa Kitô, đã trình diện trước nhà vua và nói:

– Chúng tôi cũng là những Kitô hữu, những chiến binh của Đức Chúa Trời vĩ đại.

Không còn sức để nghe những lời đó, nhà vua thở dài từ tận đáy lòng và thốt lên:

– Than ôi, ta đã mất rồi, vì đã mất đi Porfiry vĩ đại. Sau đó, quay sang các chiến binh khác, ông nói:

– Còn các ngươi, những chiến binh thân yêu của ta, đã bị cám dỗ và từ bỏ các vị thần mà cha ông các ngươi từng tin tưởng; các vị thần đã làm gì với các ngươi, mà các ngươi lại bỏ rơi họ?

Họ không thốt lên một lời nào đáp lại. Chỉ có Porphyrius nói với ông:

– Tại sao ngươi lại bỏ qua cái đầu mà lại hỏi đôi chân? Hãy nói chuyện với ta.

– Ngươi là cái đầu độc ác, kẻ gây ra sự diệt vong cho họ, – Maximin thốt lên.

Và vì quá giận dữ đến mức không còn sức để tiếp tục nói, ông ra lệnh chém đầu tất cả bọn họ. Thế là họ kết thúc cuộc đời mình. Như vậy, lời tiên tri của Thánh Catarina đã ứng nghiệm, người đã tiên đoán với hoàng đế rằng nhiều người trong chính cung đình của ông sẽ tin vào Đức Kitô, Thiên Chúa, nhờ bà.

Ngày hôm sau, tên tra tấn dẫn Thánh Catarina đến tòa án và nói với bà:

– Ngươi đã gây cho ta nỗi đau khổ và sự buồn bã tột cùng. Ngươi đã mê hoặc vợ ta, và hủy hoại vị tướng dũng cảm của ta, người vốn là sức mạnh chủ chốt của toàn quân ta; còn nhiều tai họa khác nữa đã ập xuống đầu ta vì ngươi, đến nỗi lẽ ra ta phải giết ngươi không thương xót; nhưng ta tha thứ cho ngươi, vì ta không muốn hủy hoại

[8089] Ngày tưởng niệm Thánh Nữ hoàng Augusta (hay Vasilissa) được Giáo hội cử hành vào ngày 24 tháng 11; cùng ngày đó, Giáo hội cũng tưởng nhớ Porphyrius và 200 chiến binh, những người đã bị chém đầu vì tuyên xưng Đức Kitô.

ngươi, một thiếu nữ xinh đẹp và khôn ngoan đến thế. Vậy thì, cuối cùng, hãy làm theo ý muốn của ta, người yêu dấu của ta, hãy dâng lễ vật lên các vị thần, và ta sẽ lập nàng làm hoàng hậu của ta, ta sẽ không bao giờ sỉ nhục nàng, và sẽ không thực hiện bất kỳ việc gì mà không có lời khuyên của nàng, và nàng sẽ sống cùng ta trong niềm vui và hạnh phúc mà chưa có hoàng hậu nào từng được hưởng.

Kẻ nịnh hót đã nói những lời này và nhiều điều khác nữa, nhằm dụ dỗ người vợ được Chúa Kitô chọn, nhưng hắn không thể dùng những lời nịnh hót của mình để chia rẽ nàng khỏi Chúa Kitô, Đấng mà nàng đã gắn bó bằng mối liên kết vững chắc của tình yêu chân thật. Thấy rằng dù bằng lời nịnh hót, lời hứa hẹn, lời đe dọa hay sự tra tấn, hắn cũng không thể khuất phục được vị trinh nữ thánh thiện, kiên định như kim cương[8090] , nên cuối cùng, hắn đã ra quyết định – chém đầu nàng bằng gươm ngoài thành. Các chiến binh bắt Ekaterina và dẫn nàng đến nơi hành quyết. Rất nhiều người – cả nam lẫn nữ – đi theo Ekaterina; tất cả đều khóc lóc và thương xót vì một thiếu nữ xinh đẹp và thông thái như vậy lại phải chết. Nhiều phụ nữ quý tộc và cao quý nhất trong số những người đi theo nàng đã nói với nàng trong nước mắt:

– Nàng thiếu nữ xinh đẹp và rạng rỡ nhất! Tại sao nàng lại tàn nhẫn với chính mình đến mức thà chọn cái chết thay vì cuộc sống ngọt ngào? Tại sao nàng lại hủy hoại tuổi thanh xuân tươi đẹp của mình một cách vô ích và vô nghĩa như vậy? Chẳng phải tốt hơn là nàng nên vâng lời nhà vua và tận hưởng những điều tốt đẹp trong cuộc đời này, thay vì phải chết một cái chết nhục nhã như vậy sao?

– Hãy ngừng những giọt nước mắt vô ích của các ngươi đi, – vị thánh đáp lại, – nhưng hãy vui mừng vì giờ đây ta đang được nhìn thấy vị hôn phu yêu dấu của mình, Chúa Giêsu Kitô – Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Chuộc của ta, Đấng là vẻ đẹp, vương miện và vinh quang của các vị tử đạo. Ngài đang kêu gọi ta đến với hạnh phúc thiên đàng không thể diễn tả. Cùng Ngài, tôi sẽ cai trị và hưởng thụ trong muôn đời vô tận. Vậy nên, đừng khóc vì tôi, – mà hãy khóc vì chính các ngươi, bởi vì vì sự vô tín của các ngươi, các ngươi sẽ phải chịu lửa đời đời với những cực hình vô tận.

Khi vị thánh nữ được dẫn đến nơi hành hình, bà đã dâng lên lời cầu nguyện sau đây:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con! Con tạ ơn Ngài vì đã đặt đôi chân con trên tảng đá kiên nhẫn và dẫn dắt bước chân con. Xin Ngài giờ đây giang rộng đôi bàn tay vô nhiễm của Ngài, từng bị đâm thâu trên thập giá, và xin nhận lấy linh hồn con, được dâng lên Ngài làm của lễ vì tình yêu dành cho Ngài. Xin Chúa hãy nhớ rằng con là xác thịt và máu huyết, và xin đừng để những kẻ tra tấn tàn bạo tại Ngày Phán Xét Tối Cao phơi bày những tội lỗi của con, vốn được phạm trong sự vô minh; nhưng xin rửa sạch chúng bằng máu mà con đổ ra vì Ngài, và xin làm cho thân xác này, đã bị thương tích trong đau khổ vì Ngài và bị gươm chém, trở nên vô hình trước mắt kẻ thù và những kẻ bắt bớ con. Xin Ngài, lạy Chúa, từ trên cao hãy nhìn xuống những người đang đứng trước mặt Ngài, và soi sáng họ bằng ánh sáng của sự hiểu biết về Ngài; và xin đáp ứng những lời cầu xin của những ai kêu cầu danh thánh của Ngài qua con, để mọi người ca ngợi vinh quang của Ngài đến muôn đời.

Sau khi kết thúc lời cầu nguyện, vị thánh nữ nói với người thi hành án:

– Hãy hoàn tất việc đã được lệnh.

Lúc đó, người chiến binh giơ kiếm lên và chém đứt đầu thánh thiện của Thánh Ekaterina[8091] , và từ vết thương, thay vì máu, sữa đã tuôn ra. Thi hài thánh thiện của bà, như những tín hữu may mắn được chứng kiến đã thấy, ngay lập tức được các Thiên thần thánh rước đi và chuyển đến núi Sinai[8092] , để tôn vinh Đức Kitô Thiên

---

[8090] Adamant (kim cương) – loại đá có độ cứng đến mức có thể mài và cắt các loại đá khác mà không hề bị tổn hại. Tên gọi này trong văn học Giáo hội được dùng để chỉ nhiều vị thánh (đặc biệt là các vị Thánh Cha và các vị Thầy của Giáo hội), những người nổi tiếng vì sự kiên định trong đức tin và tính cách.

[8091] Cho đến nay, tại Alexandria, người ta vẫn chỉ cho các du khách sùng đạo nơi Thánh nữ Đại Tử đạo Catherine bị hành quyết, nơi luôn được các Kitô hữu địa phương tôn kính một cách đặc biệt. Một số cư dân Alexandria, được soi sáng bởi đức tin vào Chúa Giêsu bị đóng đinh, cho đến nay vẫn còn lưu giữ một cột đá cẩm thạch nhỏ, trên đó, theo truyền thuyết, là phần đầu thiêng liêng của vị thánh nữ tử đạo vĩ đại đã bị chặt xuống. Cột đá cẩm thạch này hiện nay vẫn được lưu giữ một cách tôn kính tại Tu viện Chính thống giáo Thánh Savva ở Alexandria và được đặt ở góc trái của nhà thờ được dâng hiến cho vị thánh này.

[8092] Trong một thời gian dài, di cốt thánh của Thánh Catarina vẫn nằm ẩn sâu dưới lòng đất và chỉ được phát hiện sau hơn 200 năm. Sự việc diễn ra như sau. Một ngày nọ, vào khoảng những năm 30–40 của thế kỷ VI sau Công nguyên, các tu sĩ của Tu viện Sinai – do Hoàng đế Byzantine Justinian thành lập, cách Alexandria 800 verst – đã được báo tin một cách kỳ diệu từ trên cao rằng thi hài của Thánh Đại Tử Đạo Catherine đang an nghỉ bất hoại không xa nơi họ, và cùng với đó, họ nhận được lệnh phải chuyển thi hài ấy đến ngôi thánh đường mới được xây dựng tại Tu viện Sinai. Các vị tu sĩ đạo đức đã hân hoan vội vã lên ngọn núi được chỉ định, nằm không xa tu viện. Ngọn núi này cao tới 1.200 sažen; nhưng các ẩn sĩ, được thúc đẩy bởi lòng sùng kính và được ân sủng của Chúa trợ giúp, đã vượt qua mọi khó

Chúa, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần ngự trị trong Một Thiên Chúa duy nhất đến muôn đời. Amen[8093] .

Bài ca Troparion, giọng 4:

Bằng những đức hạnh như những tia nắng mặt trời, ngài đã soi sáng những nhà thông thái vô tín, và như mặt trăng rực rỡ dẫn lối cho những ai đi trong đêm, ngài đã xua tan bóng tối của sự vô tín, và đã thuyết phục nữ hoàng[8094] , đồng thời cũng vạch trần kẻ hành hạ, hỡi cô dâu được Thiên Chúa kêu gọi, thánh Ekaterina đáng chúc tụng: Bà đã được rước lên cung điện thiên đàng bởi lòng khao khát, đến với Đấng Hôn Phu tuyệt mỹ là Đức Kitô, và từ Ngài, bà đã được đội vương miện hoàng gia: Xin bà, cùng với các Thiên Thần đang đứng trước mặt Ngài, cầu nguyện cho chúng con, những người đang cử hành lễ kỷ niệm cao quý của bà.

Kondak, giọng 2:[8095]

Hỡi những người yêu mến các vị tử đạo, hãy tôn vinh ngay bây giờ hình ảnh thiêng liêng của Thánh Catarina, người khôn ngoan: vì bà đã rao giảng về sự hy sinh của Chúa Kitô, đã đạp nát con rắn, và đã khuất phục trí tuệ của các nhà hùng biện.

Ngày tưởng niệm Thánh Đại Tử Đạo Mercurius

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 11

Các vị vua La Mã vô đạo, Decius và Valerian[8096] , đã triệu tập các công tước và quý tộc của mình, cùng họ bàn bạc về việc phổ biến sự thờ phượng các vị thần dối trá của họ, cũng như tiêu diệt và xóa sổ đức tin Kitô giáo thánh thiện. Và với sự nhất trí, theo thỏa thuận chung, họ đã ban hành tại Điện Capitoline[8097] sắc lệnh sau đây:

---

khăn trên đường đi và nhanh chóng lên đến đỉnh núi, nơi họ tìm thấy di cốt thánh của Thánh Nữ Tử Đạo Catherine vẫn còn nguyên vẹn và tỏa hương thơm. Chỉ có các Thiên thần mới có thể đặt chúng ở đây. – Xác thánh của Thánh Catherine không được tìm thấy đầy đủ, mà chỉ có đầu và tay trái của bà. Những phần thi thể bất hoại của vị tử đạo đáng kính của Chúa Kitô này, ngay sau đó đã được long trọng rước về tu viện Sinai, và cho đến nay vẫn được an nghỉ tại tu viện cổ kính này. Năm 1689, Hoàng đế Nga Peter Đại đế đã hiến tặng Tu viện Sinai một chiếc hòm bằng bạc đúc để đựng di cốt của Thánh Catherine. Tuy nhiên, món quà này hiện được cất giữ trong phòng thánh. "Sự lo ngại trước lòng tham của người Hồi giáo, trước những lời đồn đại của các du khách," như Đức Giám mục Porphyrius nổi tiếng – người từng đến Sinai – đã nhận xét, "đã khiến các tu sĩ Sinai phải giấu kín báu vật này." Hiện nay, di cốt của Thánh Nữ Tử đạo Catherine được lưu giữ trong một quan tài nhỏ bằng đá cẩm thạch tại bàn thờ chính của Nhà thờ Lớn thuộc Tu viện Sinai, mang tên Lễ Biến Hình của Chúa, ở phía bên phải của ngai thánh. Hiện nay, đầu thánh của vị Hôn thê của Chúa Kitô được đội một vương miện vàng, và trên một ngón tay đeo một chiếc nhẫn quý giá, để tưởng nhớ lễ đính hôn huyền bí của Thánh Catarina với Chú Rể Trên Trời – Chúa Kitô. Trong hòm thánh, các phần thi hài được đặt trên một khay bạc, dưới đó có một lớp bông dày thấm đẫm hương thơm thiêng liêng. Khi các phần thi hài được rước ra để các tu sĩ chiêm bái, chúng được đặt giữa nhà thờ, cùng với nhiều di vật thánh khác, trên một bàn được chuẩn bị riêng cho mục đích này. Xác thánh của Thánh Catarina được mở ra cho những người hành hương từ xa vào bất cứ lúc nào, nhưng đối với các tu sĩ và những người đến từ gần – chỉ sau khi kết thúc Thánh Lễ Sáng vào các ngày lễ của Chúa.

[8093] Ngày kỷ niệm Thánh Catarina được tôn vinh trên toàn thế giới Chính Thống Giáo với lòng sùng kính và sự trang nghiêm đặc biệt. Để vinh danh ngài, người ta xây dựng các nhà thờ, nhiều tu viện được đặt theo tên ngài; rất nhiều phụ nữ Kitô hữu thuộc cả Chính Thống Giáo lẫn các giáo phái khác mang tên ngài. Danh tiếng của vị tử đạo này đã rất lừng lẫy ngay từ thời cổ đại. Thánh Phaolô, một phụ nữ La Mã nổi tiếng, người đã thành lập tu viện tại Bêlem vào năm 386, đã dâng hiến một nhà thờ trong tu viện đó để tôn vinh Thánh Thánh Epiphanius đã kể cho Phaolô nghe rằng Thánh Catarina sinh ra trên đảo Síp, tại thành phố Salamis, thuộc giáo phận của ngài; từ đó, bà đã đến Alexandria, viếng thăm các thánh địa ở Jerusalem, và trước máng cỏ ở Bethlehem, bà đã khấn giữ trinh tiết và nhận được chiếc nhẫn từ Chúa Kitô. Ở phương Tây, bà được coi là vị thánh bảo trợ cho giới thanh niên đang theo học, đặc biệt là ngành triết học. Ngay cả một số người ngoại đạo cũng tôn kính vị thánh nữ tử đạo vĩ đại này, ví dụ như người Mông Cổ-Buryat ở vùng Zaibaikal.

[8094] Tức là Augusta, vợ của Maximian.

[8095] Về phần nghi lễ dành cho vị Đại Tử Đạo và các bài thánh ca được sáng tác để tôn vinh bà, chúng có nguồn gốc từ thời cổ đại xa xưa. Vào thế kỷ IX, Thánh Theophanes của Nicaea, một nhà soạn thánh ca Kitô giáo nổi tiếng, cùng với một tu sĩ vô danh tên là Vavil, đã sáng tác nhiều bài thánh ca để tôn vinh Thánh Nữ Tử Đạo Catherine, những bài thánh ca này hiện nay vẫn được Giáo hội Chính thống hát vào ngày 24 tháng 11, ngày bà qua đời. Thánh Theophanes đã sáng tác một bài thánh ca để tôn vinh vị Thánh Tử đạo vĩ đại này, trong đó câu kết thúc chứa đựng ý nghĩa sau: "Tôi hát những bài ca để tưởng nhớ Catherine mãi mãi".

– Các vị vua La Mã, những vị chiến thắng bất khả chiến bại, vĩnh viễn đáng kính, vĩ đại, trung thành, Decius và Valerian cùng các quan đại thần: vì chúng ta đã được hưởng ân huệ và ân sủng của các vị thần, đồng thời tận hưởng những chiến thắng mà các vị ban cho chúng ta trước kẻ thù; hơn nữa, chúng ta còn nhận được dồi dào từ các vị mọi loại hoa màu nhờ khí hậu thuận lợi, và coi các vị là những ân nhân cũng như những người mang lại hạnh phúc chung; vì vậy, sau khi tham vấn với các quan đại thần, chúng ta nhất trí ra lệnh rằng mọi người thuộc mọi tầng lớp, dù là người tự do hay nô lệ, quân nhân hay dân thường, đều phải dâng lễ vật lên các vị thần, quỳ lạy và thành kính cầu nguyện với các vị. Nếu ai dám vi phạm sắc lệnh hoàng gia này, do chúng ta ban hành sau cuộc họp chung, thì chúng ta ra lệnh trói người đó lại, ném vào ngục tối, rồi tra tấn bằng nhiều hình thức khác nhau. Nếu người đó ăn năn và tuân theo sắc lệnh, thì sẽ được chúng ta ban tặng vinh dự không kém; còn nếu chống đối, thì sau khi chịu nhiều hình phạt, hãy xử tử bằng cách chém đầu bằng gươm, hoặc ném xuống biển, hoặc ném cho chim chóc và chó ăn thịt. Đặc biệt, những người Kitô hữu phải bị xử tử như vậy nếu có ai thuộc tôn giáo của họ; còn những ai tuân theo mệnh lệnh của chúng ta sẽ nhận được những vinh dự và quà tặng lớn lao. Chúng ta chúc các ngươi được bình an và khỏe mạnh.

Khi sắc lệnh hoàng gia này được ban hành, cả thành Rome chìm trong hỗn loạn, vì mệnh lệnh vô thần này đã được công bố khắp thành phố và gửi đến các thành phố và vùng lân cận. Vào thời điểm đó, các bộ tộc man rợ[8098] đã nổi dậy chống lại đế chế La Mã; các vị vua huy động binh lính của mình và ra lệnh cho các đạo quân từ mọi thành phố tập trung về Rome. Rồi đoàn quân mà Mercury phục vụ trong đó cũng đến; đoàn quân này có tên là Martenses, đến từ Armenia thứ nhất[8099] , dưới sự chỉ huy của quan tribune[8100] Saturninus. Sau khi vua Decius lên đường ra trận, Valerian ở lại Rome.

Khi cuộc chiến giữa người La Mã và các bộ tộc man rợ đang diễn ra, trong một trận chiến kéo dài, Thiên thần của Chúa đã hiện ra trước mặt Thánh Mercurius dưới hình dạng một người đàn ông vĩ đại. Người mặc áo trắng và cầm thanh kiếm trong tay, đã nói với ngài:

– Đừng sợ, Mercurius, và đừng lo lắng, vì ta được sai đến để giúp ngươi, để biến ngươi thành người chiến thắng. Hãy nhận lấy thanh gươm này và lao vào quân man di; và khi ngươi đánh bại họ, đừng quên Chúa Trời của ngươi.

Như thể đang trong cơn hưng phấn, anh ta lầm tưởng vị thiên thần hiện ra là một trong những vị hoàng tử La Mã; cầm lấy thanh gươm được trao, anh ta lao vào kẻ thù với lòng dũng cảm phi thường và chém chúng như chém những cọng cỏ. Xông qua các hàng ngũ của bọn man di, anh ta tiến đến tận trước mặt vua man di, giết chết hắn bằng thanh kiếm và cùng lúc đó hạ gục vô số chiến binh dũng cảm, đến nỗi thanh kiếm dính chặt vào tay anh ta vì máu; thế là bọn man di bị đánh bại và bị quân La Mã đuổi chạy tơi tả.

Lúc bấy giờ, Decius, khi biết được sự dũng cảm phi thường của Mercury, đã triệu tập anh ta đến và, sau khi ban tặng những phần thưởng lớn lao, đã bổ nhiệm anh ta làm chỉ huy tối cao của toàn bộ quân đội. Decius, cho rằng kẻ thù đã bị đánh bại nhờ sự giúp đỡ của các vị thần, nên rất vui mừng; ông đã phát cho các chiến binh rất nhiều vàng rồi cho mỗi người về nhà; còn bản thân ông, trên đường cùng Mercury trở về Rome, đã tổ chức những bữa tiệc hoành tráng tại các thành phố dọc đường. Một đêm nọ, khi tướng quân Mercury đang ngủ, Thiên thần lại đến gặp ông theo cách giống như lần đầu tiên, và sau khi huých nhẹ vào sườn ông, đã đánh thức ông dậy. Khi ngồi dậy và nhìn thấy vị khách hiện ra, ông như cứng đờ vì kinh hoàng. Thiên thần nói với ông:

[8096] Decius trị vì từ năm 249 đến năm 251. Valerian trị vì một mình muộn hơn một chút (253–260). Cuốn tiểu sử này mô tả ông đã tham gia vào việc quản lý đế chế ngay từ thời Decius.

[8097] Capitol – đền thờ vị thần tối cao Jupiter và các nữ thần Juno và Minerva, tọa lạc trên một trong những ngọn đồi mà thành Rome cổ đại, thủ đô của Đế chế La Mã, từng trải rộng. Ngọn đồi này, cùng với đền thờ, là thánh địa chính và được gọi là Capitol.

[8098] Người Hy Lạp và La Mã gọi những người thuộc các dân tộc khác là "barbarian". Chính cái tên này ám chỉ những người có ngôn ngữ khó hiểu. Ở đây, có lẽ ám chỉ người Goth, những người mà Decius đã bị giết trong cuộc chiến với họ một thời gian sau đó.

[8099] Về cơ bản, Armenia giáp ranh với Colchis, Iberia và Albania ở phía bắc, với Tiểu Á ở phía tây, và với Media và Assyria ở phía đông nam và phía đông. Ban đầu, nước này nằm dưới sự thống trị của người Assyria, người Media và người Ba Tư; sau đó trở thành đối tượng tranh chấp giữa người Parthia và người La Mã, rồi giữa người La Mã và người Ba Tư, và luân phiên phụ thuộc vào bên này hay bên kia. Armenia *thứ nhất* nằm gần phần phía đông của bờ nam Biển Pontus Euxinus (Biển Đen), Armenia *thứ hai* và *thứ ba* nằm ở phía tây nam, còn *Armenia thứ tư* nằm ở phía nam của Armenia thứ nhất.

[8100] Tribune – tên gọi La Mã của chỉ huy đơn vị quân đội, có chức vụ nằm giữa đại tá và chỉ huy đại đội của chúng ta.

– Mercury! Ngươi có còn nhớ không – những gì ta đã nói với ngươi trong chiến tranh? – Hãy nhớ, đừng quên Chúa Trời của ngươi, vì ngươi phải chịu khổ vì Ngài và nhận vương miện chiến thắng trong Vương quốc vinh quang của Ngài, cùng với tất cả các thánh.

Nói xong, Thiên thần bỗng biến mất. Còn anh ta, sau khi lấy lại tinh thần, bắt đầu tạ ơn Đức Chúa Trời và nhớ lại đức tin Kitô giáo mà anh đã nghe từ ông nội và cha mình. Cha anh, tên là Gordian, từng là chiến binh trong cùng trung đoàn mà sau này anh cũng gia nhập, thường hay nói:

– Phúc cho ai là chiến binh của Vua Trời, vì người ấy sẽ nhận được phần thưởng từ Ngài trong Nước Trời. Vì Vua này đã tạo dựng muôn vật bằng lời phán, sẽ phán xét kẻ sống và kẻ chết, và ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ.

Nhớ lại những lời của cha mình và suy ngẫm trong lòng về sự hiện ra của Thiên Thần, Mercury cảm động đến rơi nước mắt và khóc nức nở, nói rằng:

– Ôi, khốn khổ cho ta, kẻ tội lỗi! Giống như một cành cây xanh, ta đã khô héo – vì giờ đây ta không còn rễ của sự nhận biết Đức Chúa Trời[8101] .

Khi ông đang nói như vậy trong tiếng nức nở, các quan hầu của nhà vua đến gọi Mercury đến gặp nhà vua để tham dự một cuộc họp. Mercury từ chối, viện cớ là mình bị ốm, và nhà vua hoãn cuộc họp sang ngày hôm sau, vì ông không muốn bàn bạc bất cứ điều gì mà không có Mercury – ông yêu mến và kính trọng ông ấy đến vậy. Sáng hôm sau, sau khi mời Mercury đến với sự tôn trọng, nhà vua đã bàn bạc với ông về những vấn đề liên quan đến lợi ích của Đế chế La Mã. Khi cuộc họp kết thúc, nhà vua nói với Mercury:

– Hãy cùng nhau đến đền thờ Artemis để dâng lễ vật cho nữ thần.

Vị thánh, lén lút tránh mặt nhà vua, đã trở về nơi ở của mình. Một trong số các quan đại thần đã vu khống ông trước mặt nhà vua, nói rằng:

– Bệ hạ vĩ đại, vị chiến thắng bất khả chiến bại, người được các vị thần chọn để cai trị vương quốc! Xin hãy khoan dung lắng nghe tôi. Người đã nhận được vinh dự từ bàn tay phải hoàng gia của Bệ hạ, người đã được quyền lực của Bệ hạ tôn vinh và nâng cao – chính người đó đã không đến đền thờ của nữ thần vĩ đại để dâng lễ vật cầu phúc cho quyền lực của Bệ hạ.

Nhà vua hỏi:

– Ai là người không muốn, cùng chung lòng với chúng ta, dâng lễ vật lên nữ thần Artemis đáng kính?

Cố vấn Catullus đáp:

– Thần Mercury, người đã được bệ hạ tôn vinh, – ngài từ chối thờ phụng các vị thần của chúng ta.

Nhà vua nói:

– Phải chăng vì ghen tị mà các ngươi vu khống hắn? – Ta sẽ không tin các ngươi cho đến khi chính tay ta thử thách hắn và xác minh chắc chắn. Và nếu những điều các ngươi nói không đúng sự thật, thì hãy nhận lấy nhiều hình phạt vì tội vu khống; còn nếu điều đó là sự thật, thì vì lòng trung thành với các vị thần và vương quốc của chúng ta, các ngươi sẽ được chúng ta ban tặng vinh dự.

Nói xong, nhà vua lập tức sai người mời Mercury đến với sự tôn trọng, và khi ông ta xuất hiện, Decius nói:

– Chẳng phải chính ta đã ban vinh dự cho ngươi, khi đặt ngươi làm thủ lĩnh trên tất cả các tướng lĩnh của ta, bởi vì, nhờ sự giúp đỡ của các vị thần, ngươi đã đánh bại kẻ thù sao? Vậy tại sao ngươi lại tỏ ra vô ơn trước những ân huệ ta đã ban cho ngươi, và khinh thường quyền lực cùng mệnh lệnh của ta, không dâng lên các vị thần của chúng ta sự tôn kính xứng đáng, như chúng ta đã nghe từ một số người trung thành với chúng ta.

Vị chiến binh dũng cảm của Đấng Christ, sau khi, theo lời các Tông đồ, đã cởi bỏ con người cũ cùng những việc làm của nó và mặc lấy con người mới, được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời[8102] , qua phép báp-tem, đã đáp lại một cách dũng cảm:

– Vinh quang của ngài hãy ở cùng ngài, vì tôi đã chiến thắng kẻ thù không phải nhờ các vị thần yếu đuối của các ngài, mà nhờ sức mạnh của Đức Kitô, Thiên Chúa của tôi; (tuy nhiên) hãy lấy lại từ tôi những gì ngài đã

[8101] Cách diễn đạt này được mượn từ Phúc Âm (xem Lc 23:31, Ga 15:1–6). Trong những lời này, Thánh Mercurius bày tỏ ý tưởng rằng mặc dù cha ngài là người Kitô hữu, nhưng bản thân ngài cho đến lúc đó vẫn là một người ngoại đạo, không quan tâm đến việc được khai sáng bằng đức tin Kitô giáo.

[8102] Ê-phê-sô 4:24. Cụm từ này chỉ ra sự biến đổi trong tư tưởng và cảm xúc đã diễn ra nơi Thánh Mercurius, nhờ phép rửa tội và sức mạnh của ân sủng Chúa Kitô. Thay vì sự gắn bó trước đây với lối sống ngoại đạo, giờ đây ngài tràn đầy sự sẵn sàng để thực hiện những hành động hy sinh vì đức tin Kitô giáo.

ban cho tôi, vì tôi đã ra khỏi lòng mẹ trong tình trạng trần truồng, và tôi cũng sẽ ra đi trong tình trạng trần truồng[8103] .

Nói xong, ông cởi thắt lưng quân sự và áo quan, rồi ném xuống dưới chân nhà vua kèm theo tiếng hô vang dội:

– Ta là người Kitô hữu! Mọi người hãy nghe đây – ta là người Kitô hữu.

Lúc đó, Decius kinh hoàng, im lặng nhìn vị thánh, ngạc nhiên trước những lời nói và hành động dũng cảm của ngài, đồng thời còn kinh ngạc trước vẻ đẹp ngoại hình của ngài, vì vị thánh cao lớn, gương mặt hồng hào, và ngay trong ánh mắt ngài cũng toát lên sự dũng cảm. Sau đó, ông ra lệnh giam ngài vào ngục tối, nói rằng:

– Người này chưa biết trân trọng danh dự của mình, nhưng khi phải chịu nhục nhã và đau khổ, ta nghĩ rằng ông ta sẽ quay về với những suy nghĩ đạo đức.

Khi được dẫn vào ngục tối, vị thánh vẫn ngợi khen và tạ ơn Đức Chúa Trời. Đêm đó, Thiên Thần của Chúa lại hiện ra với ngài và nói:

– Hãy can đảm lên, Mercury, và đừng sợ; hãy tin vào Chúa, Đấng mà ngươi đã tuyên xưng, và Ngài sẽ giải thoát ngươi khỏi mọi nỗi buồn.

Mercury đã được củng cố rất nhiều nhờ sự hiện ra của Thiên thần này. Sáng hôm sau, vua Decius ngồi trên tòa án, và khi Mercury xuất hiện trước mặt ông, ông nói với anh ta:

– Vì sự điên rồ của ngươi, ngươi đã xứng đáng nhận được vinh dự này[8104] , đó là phải đứng trước tòa như một kẻ bị kết án.

Vị thánh đáp lại:

– Quả thật, vinh dự này[8105] xứng đáng với tôi vì Chúa của tôi. Ngài đã lấy đi những gì sẽ sớm hư mất[8106] , còn tôi sẽ nhận được những gì tồn tại mãi mãi[8107] .

Nhà vua nói:

– Hãy kể cho chúng ta nghe, ngươi thuộc dòng dõi nào và quê hương ở đâu.

Vị thánh đáp:

– Về dòng dõi và quê hương của ta, nếu ngài muốn biết, ta sẽ nói cho ngài nghe. Cha ta tên là Gordian, gốc gác là người Scythia[8108] và từng là chiến binh trong trung đoàn Martens; còn quê hương của ta, nơi ta đang háo hức hướng về, chính là Giê-ru-sa-lem trên trời – thành phố của Vua Thiên Đàng[8109] . Nhà vua nói:

– Tại sao ngươi không tuân theo ý muốn của chúng ta, tại sao không tuân giữ điều răn mà chúng ta đã ban cho tất cả mọi người? Tại sao ngươi không muốn thờ lạy các vị thần để lấy lại chức tước cũ của mình! Hay là ngươi muốn chết trong đau khổ? – Hãy trả lời mau đi, vì ngươi được kêu gọi để làm điều này.

Thánh Mercury nói:

– Ta đã đến (đây) để đánh bại ngươi và cha ngươi là ma quỷ, kẻ gây ra mọi điều ác, và để nhận vương miện chiến thắng từ Đấng Ban Ơn[8110] là Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của ta. Hãy thực hiện ngay lập tức những gì ngươi đang âm mưu đối với ta, vì ta có áo giáp và khiên, nhờ đó ta sẽ vượt qua mọi sự đau khổ mà ngươi nghĩ ra để chống lại ta.

Lúc đó, nhà vua nổi giận và nói:

[8103] Ở đây, Thánh Mercurius diễn đạt bằng những lời của Giốp, người đã chịu nhiều đau khổ (Giốp 1:21), trong đó ông đã bày tỏ lòng trung thành với ý muốn của Thiên Chúa, sau khi ma quỷ, theo sự cho phép của Thiên Chúa, đã tước đoạt hết tài sản của người công chính. Ý nghĩa của những lời này là: tôi sinh ra trên đời này không có gì, và khi tôi chết đi, tôi cũng sẽ không cần bất cứ điều gì trong những của cải trần gian.

[8104] Với ý nghĩa mỉa mai, cụm từ "danh dự" được dùng thay cho "sự ô nhục".

[8105] Vị thánh, bằng cách sử dụng cách diễn đạt nêu trên của kẻ tra tấn, khẳng định ý tưởng rằng đối với ngài, những đau khổ vì danh Chúa Kitô không phải là sự ô nhục, mà ngược lại, là một vinh dự lớn lao.

[8106] Tức là – những gì chỉ có ý nghĩa đối với con người trong thời gian ngắn ngủi của cuộc đời trần thế, như: của cải, danh vọng, vinh dự, v.v. Tất cả những điều này đều rời bỏ con người, mất đi đối với họ khi cái chết ập đến.

[8107] Tức là – những ân huệ thiêng liêng, trên trời. Cách diễn đạt này được mượn từ Mt 6:19–20.

[8108] Người Scythia – một dân tộc cổ đại, một phần sinh sống ở vùng cực bắc của Tây Á, đến tận Biển Caspi, nhưng chủ yếu dọc theo bờ biển phía bắc của Biển Đen; trong khi đó, ranh giới phía bắc của vùng định cư của người Scythia vẫn chưa được người xưa biết đến.

[8109] Tức là – Nước Trời. Cụm từ này được mượn từ Thư gửi người Do Thái 12:22.

[8110] Đức Kitô được gọi như vậy bởi vì qua cuộc đời trần thế của Ngài, đặc biệt là qua những đau khổ trên thập giá và cái chết, Ngài đã để lại cho muôn đời một gương mẫu cao quý nhất về sự vâng phục ý muốn của Thiên Chúa và sự phục vụ vô vị lợi cho loài người.

– Vì ngươi nói rằng ngươi có áo giáp và khiên của đức tin, nên ta ra lệnh treo ngươi trần truồng, căng ngươi ra giữa bốn cột.

Khi việc đó được thực hiện xong, người tra tấn nói:

– Giờ đây, những vũ khí chiến đấu của ngươi đâu rồi?

Thánh Mercurius ngước mắt lên trời và nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin giúp con, tôi tớ của Ngài!

Vua ra lệnh mang dao sắc và gươm đến, chém vào thân thể vị thánh, đồng thời đốt lửa dưới chân ngài, để ngài phải chịu đau đớn tột cùng khi bị dao và gươm đâm từ trên xuống, còn lửa thiêu đốt từ dưới lên. Khi họ bắt đầu làm điều đó, máu từ thân thể ngài chảy thành dòng, đến nỗi ngọn lửa cũng tắt lịm vì máu, nhưng vị thánh vẫn kiên cường chịu đựng một cách anh dũng.

Sau đó, Decius ra lệnh tháo dây trói cho ngài – để ngài không chết (quá) sớm – và nhốt ngài chặt chẽ trong một căn phòng nào đó. Các đầy tớ bế ngài đi, vì ngài không thể tự đi được, khi đang trong tình trạng thoi thóp, rồi ném ngài vào ngục, nghĩ rằng ngài sẽ chết ngay lập tức. Vị thánh nằm đó như đã chết, chỉ còn thở hổn hển vì những vết thương tàn khốc. Khi đêm xuống, Thiên Thần của Chúa đến với ngài và nói:

– Bình an cho ngươi, hỡi người chịu khổ vì Chúa! – và chữa lành những vết thương cho ngài. Vị thánh, cảm nhận được sức mạnh trỗi dậy trong mình, đứng dậy khỏe mạnh và tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã viếng thăm ngài qua Thiên Thần của Ngài.

Sáng hôm sau, nhà vua lại ra lệnh cho người ta dẫn Mercury đến trước mặt mình. Các chiến binh đi tìm anh ta, thấy anh ta đã khỏe mạnh, liền bắt anh ta và dẫn đến trước mặt nhà vua. Nhà vua, thấy anh ta khỏe mạnh và đi lại được mà không cần ai giúp đỡ, bèn nói:

– Người mà hôm qua bị mang đi khỏi chúng ta trong tình trạng đã chết, giờ đây lại tự đi được, – như thể không có vết thương nào trên người vậy, – và ra lệnh cho các chiến binh kiểm tra các vết thương của anh ta.

Sau khi kiểm tra thi thể vị tử đạo, họ thưa với nhà vua:

– Chúng tôi thề trước sự toàn vẹn của vương quốc ngài, – toàn thân của Mercury vẫn nguyên vẹn, không có bất kỳ khuyết điểm nào, như thể chưa từng có sự tra tấn nào chạm đến anh ta.

Vua nói:

– Chắc chắn hắn sẽ nói rằng Chúa Kitô đã chữa lành cho hắn – các ngươi có đưa bất kỳ bác sĩ nào đến gặp hắn trong ngục không?

Họ đáp:

– Chúng tôi thề trước quyền lực của ngài, Đấng cai trị cả thế gian, rằng không ai khám bệnh cho ông ta cả, vì chúng tôi tưởng rằng ông ta sẽ chết ngay lập tức; còn việc ông ta đã được chữa lành và hiện đang khỏe mạnh như thế nào, thì chúng tôi không biết.

Vua nói:

– Hãy nhìn xem phép thuật của người Kitô hữu này: kẻ mà hôm qua dường như đã chết, hôm nay lại đứng trước mặt chúng ta với sức khỏe tốt, – và với cơn giận dữ, ngài nói với vị thánh:

– Ai đã chữa lành cho ngươi, hãy nói thật với chúng ta? Vì ta không cho rằng ngươi có thể khỏi bệnh bằng cách nào khác ngoài phép thuật.

Vị thánh đáp:

– Như chính ngài đã nói ban đầu, dù không muốn thừa nhận, thì sự thật là: Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, vị Bác sĩ chân chính của linh hồn và thân xác, đã chữa lành cho tôi – chính Ngài, Đấng đã trói buộc tất cả các thầy phù thủy và pháp sư, cùng với những kẻ thờ lạy thần tượng, bằng những sợi dây không thể phá vỡ, và sẽ ném họ vào lửa địa ngục vì họ đã không nhận biết Thiên Chúa chân thật, Đấng đã tạo dựng họ.

Vua nói:

– Ta sẽ lại rạch đầy vết thương trên thân thể ngươi và xem liệu Đấng Kitô mà ngươi tuyên xưng có chữa lành cho ngươi hay không.

Thánh nhân đáp:

– Ta tin vào Chúa Giêsu Kitô, Chúa của ta, rằng ngươi sẽ không thể đánh bại ta bằng tất cả những hình phạt mà ngươi bịa đặt ra chống lại ta, vì ta không hề sợ hãi chúng chút nào, bởi ta được củng cố bởi lời của Chúa ta, Đấng đã phán*: "Đừng sợ những kẻ giết thân xác mà không thể giết linh hồn; nhưng hãy sợ Đấng có thể hủy diệt*

cả linh hồn lẫn thân xác trong hỏa ngục" (Mt 10,28). Sau khi tôi chết, Ngài sẽ làm cho tôi sống lại vào Ngày Phán Xét Công Chính đáng sợ.

Vua ra lệnh tra tấn ngài bằng lửa và những vết thương một lần nữa. Khi vị thánh bị đánh đập và thiêu đốt, từ thân thể đang bị thiêu đốt của ngài, thay vì mùi hôi thối, lại toát ra một hương thơm tuyệt vời. Vị tử đạo chịu đựng một cách anh dũng đến nỗi không thốt ra tiếng kêu, tiếng rên hay tiếng thở dài nào, khiến mọi người đều kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của ngài. Vua nói với ngài, mỉa mai:

– Bây giờ vị Thầy thuốc của ngươi đâu rồi? – Hãy bảo Người đến đây và chữa lành cho ngươi đi, vì ngươi đã nói rằng Người có thể làm ngươi sống lại ngay cả sau khi chết.

Thánh Mercury đáp lại:

– Ngươi cứ làm gì tùy ý, ngươi có quyền trên thân xác ta, còn linh hồn thì thuộc về Thiên Chúa: dù ngươi có giết chết thân xác ta đi chăng nữa, thì linh hồn ta vẫn sẽ tồn tại bất diệt mãi mãi.

Vua ra lệnh treo ông ngược đầu, đồng thời buộc một tảng đá lớn vào cổ ông, để ông chết dưới sức nặng của tảng đá. Còn vị tử đạo, được củng cố bởi ân sủng của Thiên Chúa, đã chịu đựng sự tra tấn này trong nhiều giờ liền mà vẫn còn sống. Sau đó, sau khi tháo hòn đá ra, nhà vua ra lệnh đánh ông bằng những cây roi có đầu được bọc đồng; và họ đánh ông một cách tàn nhẫn đến nỗi ngay cả mặt đất cũng nhuốm đỏ bởi máu của ông. Còn ông, cứng cỏi như kim cương, đã kiên cường chịu đựng, nói rằng:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa, vì đã cho con được chịu khổ vì danh Ngài.

Vua, thấy rằng không thể nào ép vị tử đạo khuất phục trước ý muốn của mình, và vì không còn thời gian để tra tấn ông nữa – bởi vì vua đang vội vã lên đường đến Roma – nên đã tuyên án cuối cùng đối với ông như sau:

– "Mercurius, kẻ đã coi các vị thần của chúng ta như hư vô và khinh miệt sắc lệnh công bằng của lòng nhân từ chúng ta, triều đình chúng ta ra lệnh đưa hắn đến xứ Cappadocia[8111] và tại đó chém đầu hắn, để răn đe nhiều người – vì bất cứ ai chống lại hoàng đế đều sẽ bị xử tử bằng gươm sau khi chịu nhiều cực hình."

Các chiến binh đã bắt vị thánh, đặt ngài lên lưng con vật[8112] và, sau khi trói ngài thật chặt (vì thân thể ngài đã rất yếu ớt do phải chịu nhiều cực hình), họ đưa ngài đến Cappadocia. Khi họ đang ở Caesarea[8113] , Chúa đã hiện ra với vị thánh và phán:

– Mercury! Hãy đến với Ta và hãy an lòng; con đã hoàn thành hành trình, đã giữ vững đức tin, – hãy nhận lấy vương miện cho công lao của con[8114] , vì con phải qua đời tại đây.

Vị Tử đạo, được củng cố rất nhiều bởi thị kiến này của Đấng Cứu Thế và mong muốn sớm được giải thoát khỏi thân xác để sống với Chúa Kitô[8115] , đã nói với các chiến binh đi cùng ngài:

– Hãy làm theo những gì đã được truyền lệnh, đừng chần chừ thêm nữa. Chúa, Đấng kêu gọi mọi người ăn năn, xin ban ân sủng của Ngài cho các ngươi; Đấng giàu lòng thương xót, Ngài ban phát dồi dào những ân huệ của Ngài cho những ai đến với Ngài.

Sau khi ngài nói những lời ấy, đầu ngài bị chém đứt, trong lúc ngài làm chứng về Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giêsu Kitô, vào ngày 24 tháng 11. Vào ngày thứ hai sau khi vị thánh qua đời, thi thể ngài trở nên trắng như tuyết và tỏa ra hương thơm của dầu thơm quý giá và hương trầm; nhờ phép lạ này, nhiều người đã tin vào Chúa Kitô.

Thi hài thánh của ngài được an táng một cách trang trọng tại một nơi vinh quang, mang lại nhiều phép chữa lành cho những người bệnh. Vị tướng quân này, Thánh Đại Tử Đạo Mercurius, người mà linh hồn đã đang hân hoan trên thiên đàng, đã được Nữ Vương được chọn, Đức Mẹ Thiên Chúa, sử dụng, sau một thời gian dài, cho nhiệm vụ quân sự tiếp theo của Ngài.

[8111] Cappadocia – một vùng ở phía đông Tiểu Á.

[8112] Ở đây cần hiểu là la hoặc lừa, những con vật được dùng để cưỡi và vận chuyển những vật nặng nhẹ. Để vận chuyển những vật nặng hơn, người ta dùng lạc đà.

[8113] Có một số thành phố La Mã mang tên Cêsarea. Ở đây, tất nhiên là nói đến Cêsarea – thủ đô của Cappadocia, được Hoàng đế Tiberius đặt tên như vậy (trước đây gọi là Mazana).

[8114] Cụm từ trong 2 Ti-mô-thê 4:8. *"Cuộc* đời" – con đường của cuộc sống trần gian, đặc biệt là những đau khổ và cái chết của người tử đạo; *"vương miện chiến* công" – vương miện vinh quang trong Nước Trời, xứng đáng nhờ chiến công tử đạo.

[8115] Cụm từ này được mượn từ Phi-líp 1:23. Vị Tông đồ bày tỏ mong muốn được chết sớm, để khi thoát khỏi thân xác, linh hồn Ngài có thể kết hiệp mật thiết hơn với Chúa Kitô trong Nước Trời của Ngài.

Khi Thánh Basil Đại Đế[8116] cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Rất Thánh – trên đó có hình ảnh Thánh Tử Đạo Vĩ Đại Mercury cầm giáo như một chiến binh – để cầu xin rằng vị vua độc ác Julian Bội Đạo[8117] , kẻ bách hại và tiêu diệt các Kitô hữu chính thống, không trở về từ cuộc chiến tranh với Ba Tư[8118] để tiêu diệt đức tin Kitô giáo, thì ngài thấy rằng tại đó, trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, hình ảnh Thánh Mercurius đã trở nên vô hình trong một thời gian ngắn, sau đó xuất hiện với cây giáo dính máu. Và ngay lúc đó, Julianus Bội Đạo đã bị một chiến binh vô danh đâm bằng ngọn giáo trong cuộc chiến tranh với Ba Tư, người này ngay sau đó đã biến mất. Julianus khốn nạn, phun máu trào ra từ vết thương lên trời, hướng về trời với những lời lăng mạ Đức Kitô như sau:

– Ngươi đã thắng rồi, hỡi người Galilê! – rồi chết với sự căm hận còn đọng trên môi.

Phép lạ này đã trở nên rõ ràng vào lúc đó, bởi vì, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Basil Đại Đế, chính Đức Mẹ Đồng Trinh đã sai vị thánh được Chúa yêu mến và là người của Mẹ, Thánh Mercurius, vị đại tử đạo chiến thắng, từ Hội Thánh đang hân hoan đến Hội Thánh đang chiến đấu, để trừng phạt tên bội đạo chống lại Thiên Chúa là Julian, nhằm bảo vệ đức tin thánh thiện và các Kitô hữu Chính Thống. Nhờ sự cầu bầu và che chở thánh thiện của ngài, xin cho chúng ta cũng được bảo vệ khỏi những kẻ thù chống lại Thiên Chúa, những kẻ sẽ bị đánh bại nhờ sự trợ giúp của ngài, và chúng ta sẽ cùng ngài tôn vinh Thiên Chúa và Đức Mẹ, muôn đời muôn kiếp, Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Là chiến binh bất khả chiến bại trên chiến trường, và là người bảo trợ không hổ thẹn trong hoạn nạn, chúng ta hãy ca ngợi Thánh Mercurius bằng những bài ca: vì những ai mừng kính ngày lễ của ngài sẽ được giải thoát khỏi hoạn nạn và đau buồn.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Mercurius Smolensk

Ngày kỷ niệm: 24 tháng 11

Một thảm họa lớn lao và nặng nề đã ập xuống đất nước Nga vào đầu thế kỷ XIII. Theo ý định của Chúa, vì vô số tội lỗi của chúng ta, những kẻ thù độc ác – người Tatar – đã tấn công dân tộc Nga. Rất nhiều người dân đã bị giết hoặc bị bắt làm tù binh; cả đất nước Nga chìm trong cảnh hoang tàn. Các cánh đồng bị bỏ hoang – chỉ có vô số thú hoang lang thang trên các cánh đồng, gặm nhấm xác người. Nhiều vị công tước Nga đã hy sinh khi đó để bảo vệ tổ quốc. Những kẻ thù vô thần không tha thứ cho cả trẻ sơ sinh lẫn những người dân vô tội. Chúng đánh đập và tàn sát tất cả một cách không thương xót. Nhiều người bị chúng bắt làm nô lệ và phải chịu những sự sỉ nhục tàn bạo. Những kẻ chinh phục tàn nhẫn trói các tù nhân bằng chính tóc của họ và đuổi họ đi trước mặt như súc vật, không thương xót quất roi vào người họ. Các nhà thờ và tu viện thánh thiêng bị cướp bóc, các tu sĩ bị giết hại. Kiev đã bị bọn man rợ đốt cháy và nằm trong đống đổ nát. Hãn Baty của người Tatar bắt đầu chinh phục các thành phố khác; ông ta tiến đến Moscow và chiếm được thành phố này. Tiếp đó, ông ta tiến đến Smolensk và có ý định tàn phá thành phố này; lúc đó, ông ta đang tiến gần đến thành phố này với một đạo quân hùng hậu. Trong số những kẻ man rợ, có một người khổng lồ cùng con trai mình nổi bật đặc biệt bởi sức mạnh phi thường. Sức mạnh của họ thật phi thường, nhiều người đã thiệt mạng dưới tay kẻ hành hạ này. Hắn đứng đầu đạo quân tiên phong. Nỗi sợ hãi và run rẩy bao trùm lên cư dân Smolensk: cái chết không thể tránh khỏi đang chờ đợi họ. Họ chỉ còn một tia hy vọng duy nhất là sự che chở của Nữ Vương Thiên Đàng; họ bắt đầu khẩn thiết cầu xin Đức Mẹ Đồng Trinh cứu họ khỏi

---

[8116] Thánh Basil Cả sinh năm 330, trong một gia đình sùng đạo tại Cappadocia, và đã nhận được nền giáo dục thế tục và thần học sâu rộng. Ban đầu, cùng với người bạn của mình là Thánh Grêgôriô Thần học, ngài sống đời ẩn tu; sau đó, ngài được tấn phong làm linh mục, rồi vào năm 370, trở thành Giám mục thành Cêsarea. Giống như Thánh Athanasius thành Alexandria, ngài là người bảo vệ nhiệt thành cho Chính Thống giáo trong thời kỳ hỗn loạn của phái Arian, và đã viết nhiều tác phẩm xuất sắc nhằm bảo vệ và làm sáng tỏ giáo lý Chính Thống giáo; chính vì điều này mà Giáo hội đã phong cho ngài danh hiệu *"Vĩ đại*". Ngài qua đời vào năm 379.

[8117] Hoàng đế Julian trị vì từ năm 361 đến năm 363. Sau khi lên ngôi hoàng đế, ông đã từ bỏ đức tin Kitô giáo và đặt mục tiêu của cuộc đời mình là phục hưng đạo ngoại giáo. Chính vì vậy mà ông được gọi là "Kẻ Bội Đạo".

[8118] Người Ba Tư sinh sống ở châu Á, gần Vịnh Ba Tư. Biên giới của đất nước này thay đổi theo từng thời kỳ. Kể từ khi triều đại Sassanid lên ngôi (năm 226 sau Công nguyên), họ đã nhiều lần giao chiến với người La Mã. Cuộc chiến Ba Tư, trong đó Hoàng đế Julian bị sát hại, diễn ra dưới triều đại của vua Ba Tư Shapur II.

những kẻ thù vô thần và những kẻ hành hạ tàn ác. Nữ Vương Thiên Đàng, Đấng trợ giúp bất khả chiến bại cho tất cả những ai kêu cầu Ngài với lòng tin, đã không để thành phố này rơi vào tay kẻ thù, khi đạo quân tiên phong của chúng đã ở rất gần Smolensk và dừng chân tại nơi được gọi là Dolgomostye.

Vào thời điểm đó, Thánh Mercurius đang cư ngụ tại Smolensk. Ngài sinh ra ở miền Tây trong một gia đình quý tộc theo đạo Chính Thống. Ngay từ thuở thiếu thời, ngài đã chuyển đến Smolensk và gia nhập đội quân của vị công tước địa phương. Là một chiến binh, Mercurius nổi bật nhờ sức mạnh và vóc dáng cao lớn. Ông cũng không kém phần vĩ đại về sức mạnh tinh thần; từ khi còn nhỏ, ông đã thu hút sự chú ý bởi lối sống đạo đức: tuân giữ việc ăn chay và sống tiết độ, mỗi đêm ông đều thầm lặng ca ngợi và tạ ơn Chúa. Khi nghe tin những kẻ thù ác đang tiến gần, các thánh đường của Chúa bị tàn phá, Thánh Mercurius đau buồn và tâm hồn ông như bị dày vò; mỗi ngày trôi qua, lòng nhiệt thành thiêng liêng trong ông càng bùng cháy mạnh mẽ hơn, ông khao khát được chịu khổ và hiến dâng linh hồn mình vì đức tin vào Chúa Kitô. Và lời cầu nguyện của ông đã được lắng nghe.

Vào ban đêm, tại nhà thờ chính tòa, trước bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh, có một người phụ trách nhà thờ đang cầu nguyện. Với những giọt nước mắt, ông khẩn cầu Đức Mẹ Đồng Trinh cứu thành phố khỏi tay kẻ thù. Bỗng nhiên, ông nghe thấy một tiếng nói phát ra từ bức tượng.

– Hãy đến gặp tôi tớ của Ta là Thánh Mercurius ở Podolie.

Khi đó, Đức Mẹ Rất Thánh chỉ cho anh ta cánh cửa nơi Thánh Mercury đang sống.

– Vậy thì, hãy đến sân nhà được chỉ định đó và nhẹ nhàng nói với ngài: "Thánh Mercury! Đức Mẹ đang gọi ngài. Hãy mặc giáp chiến và ra trận chống lại kẻ thù."

Người phụ trách nhà thờ ngạc nhiên trước tiếng nói phát ra từ bức tượng thánh. Ngay lập tức, anh rời khỏi nhà thờ và đến ngôi nhà mà chính Đức Mẹ Rất Thánh đã chỉ cho anh.

Anh ta bắt gặp Thánh Mercurius đang ở trong sân; vị thánh tu hành đang cầu nguyện và giơ hai tay lên trời. Ông đang mặc bộ giáp chiến đấu, bởi vì ngay vào lúc người phụ trách nhà thờ nghe thấy tiếng nói từ bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, thì Thánh Mercurius cũng đã được báo trước một cách kỳ diệu về sự xuất hiện của người phụ trách nhà thờ.

Trong khi đó, người phụ trách nhà thờ tiến lại gần vị thánh và nói với ngài:

– Thánh Mercury, hãy đi ngay lập tức, vì Đức Mẹ đang gọi ngài.

Thánh Mercurius, cùng với người giúp lễ, đã lên đường đến nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Trong nhà thờ, họ thấy một ngọn nến đang cháy trước bức tượng Đức Mẹ. Thánh Mercurius quỳ sấp trước bức tượng, nước mắt tuôn trào, bắt đầu cầu nguyện, xin Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội giúp đỡ và che chở. Bỗng nhiên, một tiếng nói vang lên từ bức tượng:

– Hỡi người tôi tớ của Ta, Thánh Mercurius, Ta sai ngươi đi để đẩy lùi kẻ thù khỏi thành phố này và bảo vệ ngôi thánh đường này. Chính vì điều đó mà Ta đã gọi ngươi từ đất nước La Mã đến đây. Kẻ thù đã âm mưu bí mật tấn công thành phố vào đêm nay và tàn phá nó. Nhưng Ta sẽ không bỏ rơi thành phố này: nhờ những lời cầu nguyện của Ta, nó sẽ không rơi vào tay kẻ thù. Hãy lập tức lên đường, hỡi người tôi tớ của Ta, để đối đầu với kẻ thù, hãy đến nơi được gọi là Dolgomostye. Ở đó có một đạo quân hung ác của bọn man di đang đóng quân. Đừng sợ: ngươi sẽ đánh bại tướng quân của kẻ thù. Ta sẽ không bỏ rơi ngươi. Trong trận chiến này, ngươi sẽ đánh bại kẻ thù và chính ngươi sẽ nhận được từ Chúa vương miện chiến thắng và hạnh phúc vĩnh cửu.

Nghe thấy tiếng nói ấy, Thánh Mercury tràn ngập niềm vui lớn lao. Chính Nữ Vương Thiên Đàng đã hứa với ngài điều mà ngài đã khao khát từ lâu bằng cả tâm hồn, vì ngài luôn tràn đầy khát vọng chịu khổ vì các anh em của mình và vì đức tin vào Chúa Kitô. Sau khi tạ ơn Đức Mẹ Rất Thánh, ngài bước ra khỏi nhà thờ và, tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng, lập tức lên đường đến địa điểm đã được chỉ định.

Đêm đã khuya. Không ngờ kẻ thù lại tấn công sớm như vậy, người dân đang chìm trong giấc ngủ say. Thánh Mercurius lặng lẽ và kín đáo lướt qua lính gác tại cổng thành. Khi đến Dolgomostye, ngài rút thanh gươm ra và với lời cầu nguyện: "Đức Mẹ Thiên Chúa, xin giúp con", ngài lao thẳng vào đội quân Tatar. Một gã khổng lồ kiêu ngạo, tự mãn vì sức mạnh của mình, đã ngã xuống đầu tiên dưới lưỡi kiếm của Thánh Mercurius: sức mạnh mà hắn từng tự hào đã bỏ rơi hắn ngay khi chiến binh của Chúa Kitô xuất hiện trước mặt. Rất nhiều kẻ thù khác trong đội quân tiên phong cũng đã tử trận dưới lưỡi kiếm của Thánh Mercurius. Những kẻ thù còn sống sót đều hoảng sợ tột độ và bỏ chạy. Thánh Mercurius lùi sang một bên, bắt đầu cầu nguyện và tạ ơn Đức Mẹ Rất Thánh vì sự che chở kỳ diệu và vinh quang của Người.

– Nữ Vương Tinh Khiết, Vinh Quang và Đáng Chúc Tụng! Nhờ lời cầu bầu của Ngài, Ngài đã cứu thành phố này và không để dân Ngài rơi vào tay những kẻ thù độc ác của Kitô giáo. Giờ đây, con xin cầu xin Mẹ, Đức Mẹ Thiên Chúa chí thánh, xin đừng từ chối con, một tôi tớ tội lỗi và không xứng đáng của Mẹ: con biết rằng con phải đội vương miện vinh quang của sự tử đạo và đổ máu vì đức tin thánh thiện. Điều đó không làm con sợ hãi, vì từ lâu con đã mong muốn *"được giải thoát và ở cùng Chúa Kitô*". Xin Mẹ, Đấng Bào Chữa vinh quang của thành phố chúng con, cầu thay cho con trước Con Mẹ và Thiên Chúa của chúng con: xin Ngài đưa con vào đàn chiên được chọn của Ngài và ban cho con ân sủng được ca ngợi danh thánh Ngài mãi mãi.

Rồi có tiếng vang lên:

– Nguyện điều con xin được thực hiện.

Trong khi đó, bọn thù, sau khi nhận được viện binh, lại lao vào tấn công Thánh Mercurius. Nhưng vị chiến binh của Chúa Kitô, khi kêu cầu danh Chúa, lại một lần nữa đánh bại chúng; bọn thù lại phải rút lui trong nhục nhã:

– Khốn khổ cho chúng ta, – chúng kêu lên, – chúng ta không thể chống lại chiến binh này, vì cùng với ngài, có những người đàn ông nhanh như chớp đang đánh bại chúng ta. Và trên đầu họ, chúng ta thấy Người Vợ rực rỡ.

Lúc bấy giờ, con trai của gã khổng lồ bị giết, với ý định báo thù cho cái chết của cha mình, đã lén lút tấn công Thánh Mercury và chém đứt cái đầu cao quý của ngài bằng thanh kiếm. Một nỗi kinh hoàng tột độ ập xuống tất cả kẻ thù: vứt bỏ vũ khí, bị một sức mạnh vô hình nào đó xua đuổi, chúng bỏ chạy khỏi thành phố – nơi đã chứng kiến cái chết của biết bao chiến binh ưu tú – và rút lui khỏi lãnh thổ Smolensk.

Vào lúc bình minh, người dân đã chứng kiến sự che chở kỳ diệu của Đức Mẹ Đồng Trinh: trước mặt họ là một cánh đồng phủ đầy thi thể. Với lòng biết ơn, họ đã rước thi hài của vị thánh bảo trợ vinh quang của thành phố – Thánh Mercurius – và an táng ngài một cách trang trọng tại Nhà thờ Chính tòa Đức Mẹ Đồng Trinh, bên phía trái của dàn thánh ca.

Ngay sau khi qua đời, Thánh Mercurius đã hiện ra trong giấc mơ của vị phó tế nói trên và nói:

– Hãy truyền lại cho người dân thành phố này: hãy treo vũ khí của ta trên quan tài của ta, để tưởng nhớ vị thánh bảo trợ vinh quang và sự trợ giúp của Đức Mẹ Thiên Chúa.

Cùng với đó, vị thánh hứa sẽ giúp đỡ tất cả những ai kêu cầu sự trợ giúp của ngài. Ngay lúc đó, người dân đã treo vũ khí của vị thánh trên mộ ngài.

Hiện nay, di cốt của Thánh Mercurius được an nghỉ tại Tu viện Avraam ở Smolensk, trong nhà thờ được xây dựng để tôn vinh vị chiến binh vinh quang của Chúa Kitô, Đấng ban sự chữa lành và sự trợ giúp cho mọi người trong những hoạn nạn và thử thách. Xin Ngài cũng giúp chúng ta chiến thắng những dục vọng xác thịt và không ngừng ngợi khen Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Một chiến binh bất khả chiến bại đã xuất hiện trên chiến trường, là con cháu của người La Mã, mang tên thành Smolensk: vì những lý do này mà ngài được đặt tên như vậy, như một người bảo vệ vững chắc được Đức Mẹ Thiên Chúa sai đến cho thành phố. Chúng ta hãy ca ngợi Thánh Mercurius bằng những bài ca, vui mừng kỷ niệm ngài, để vị chiến binh này giải cứu thành phố của chúng ta khỏi tai ương.

Lễ kỷ niệm Thánh Simon Soiginsky

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 11

Thánh Simon xuất thân từ thành phố Solvychegodsk. Từ khi còn trẻ, ân sủng của Chúa đã ngự trên ngài. Ngài tránh xa những lo toan trần tục. Khi còn trẻ, ngài đã rời khỏi nhà cha mẹ và đến tu viện của Thánh Cornelius Komelsky. Khi nhìn thấy vị Thánh, Thánh Simon đã quỳ gối trước mặt ngài và trong nước mắt, xin vị Thánh ban phép tu cho mình. Đôi mắt sáng suốt của Thánh Cornelius đã nhận ra ngay rằng người đang đứng trước mặt ngài chính là một vị tu sĩ tương lai của Chúa. Nhận lời thỉnh cầu của ngài, ngài đã nhận Simon vào tu viện và giao cho ngài một vị tu sĩ già dặn làm người hướng dẫn. Học theo gương Thánh Cornelius, Thánh Simon tu hành bằng việc ăn chay và cầu nguyện. Ông vâng lời một cách không than vãn mọi nhiệm vụ được giao phó và nổi bật bởi sự khiêm nhường phi thường. Như vậy, trong nhiều năm, ông đã tu hành không ngừng nghỉ tại tu viện Cornelius. Năm

1537, sau khi vị thầy vĩ đại của mình qua đời, Thánh Simon cùng với vị tu sĩ cao niên Longin, người nổi tiếng với đời sống đạo đức, đã lên đường về quê hương Solvychegodsk. Cả hai vị tu sĩ đều tìm kiếm sự tĩnh lặng. Cách thành phố khoảng 15 verst, tại cửa sông Koryazhema, họ dừng chân. Tại đây, vị tu sĩ Longin quyết định định cư giữa khu rừng hoang vắng. Thánh Simon quyết định giúp đỡ Longin, người đã kiệt sức vì những công việc tu hành và đang ở tuổi xế chiều. Cả hai đã xây dựng một căn phòng tu hành và một nhà nguyện tại đây. Trong một thời gian, Thánh Simon tu hành tại vùng đất này cùng với Longin. Nhưng sau đó, với ý định tìm kiếm một nơi vắng vẻ hơn, ngài chia tay Thánh Longin và đi ngược dòng sông Vychegda.

Cách Koryazhema 60 verst, trên bờ cao của sông Vychegda, tại cửa sông Soigi, giữa khu rừng hoang dã, vị thánh đã tự tay dựng nên một căn phòng tu hành, rồi sau đó xây dựng một nhà thờ để tôn vinh sự Biến Hình vinh quang và cao quý của Chúa Giêsu Kitô của chúng ta[8119] . Nhà thờ này được làm phép vào ngày 17 tháng 5 năm 1541. Chính tại vùng đất hoang vu và hẻo lánh này, Thánh Simon đã bắt đầu cuộc đời tu hành. Sự tiết chế và những đêm thức trắng cầu nguyện của ngài thực sự đáng kinh ngạc.

Người ta bắt đầu tụ tập về với ngài, những ai mong muốn tu hành trong sa mạc dưới sự hướng dẫn của vị thánh nhân nổi tiếng về lòng đạo đức. Và vị thánh nhân đã hướng dẫn và dạy dỗ tất cả mọi người. Như một vị mục tử chân chính, ngài đã dùng gương sáng của mình để chỉ cho mọi người con đường dẫn đến sự cứu rỗi và hạnh phúc vĩnh cửu. Như vậy, vị thánh nhân đã tu hành trong sa mạc của mình suốt hai mươi năm. Không lâu trước khi qua đời, vị thánh đã vô cùng vui mừng khi nghe tin rằng người bạn tâm linh và vị thầy của ngài, Thánh Longin, đã được tôn vinh nhờ những phép lạ. Sau một cuộc đời tu hành đầy gian khổ, ngài đã thanh thản dâng linh hồn trong sạch của mình lên Chúa vào ngày 24 tháng 11 năm 1562, trong sự thương tiếc của các môn đệ mồ côi của ngài. Xác thánh của ngài được an táng dưới nền nhà thờ mang tên Thánh Đại Tử Đạo Catherine, thuộc tu viện do ngài thành lập, nay đã bị giải thể.

Lễ kính Thánh nữ Mastridia

Ngày tưởng niệm: 24 tháng 11

Tại thành phố Alexandria, Ai Cập, có một trinh nữ thánh tên là Mastridia, người đã chăm lo cho linh hồn mình bằng cách sống vì Chúa trong sự im lặng, ăn chay, tỉnh thức liên tục, cầu nguyện, đồng thời bố thí rất nhiều. Nhưng ma quỷ, kẻ luôn cản trở con người trong những việc làm thánh thiện, không thể chịu đựng được những đức hạnh ấy của trinh nữ thánh và bắt đầu chống lại nàng theo cách này. Hắn gieo vào lòng một chàng trai ham muốn bất chính đối với trinh nữ này. Chàng trai ấy tự mình đến nhà cô hoặc sai người khác đến gặp cô, cố gắng dụ dỗ cô sa vào tình cảm đó, nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào. Khi Ma-stridiya ra khỏi nhà và trên đường đến nhà thờ để cầu nguyện với Chúa, chàng trai trẻ đó không rời xa cô, khiến trinh nữ thánh thiện phải chịu nỗi đau khổ tột cùng. Hắn nói với cô những lời mà chỉ những kẻ ham mê tội lỗi mới thích nghe, điều này đã khiến thánh Ma-stridiya không dám ra khỏi nhà, thậm chí không dám đến nhà thờ.

Một ngày nọ, Maestridia sai người tớ gái của mình đến gặp chàng trai với những lời như sau:

– Hãy đến đây, bà chủ của tôi đang gọi anh.

Chàng trai vui mừng đến gặp nàng, nghĩ rằng nàng sẽ đồng ý với ham muốn bất chính của mình. Khi chàng trai bước vào, Mastridia đang dệt vải, và nàng hỏi chàng:

– Tại sao anh lại gây cho em nhiều phiền muộn và buồn bã đến thế, đến nỗi không cho em đi nhà thờ?

– Thật vậy, – chàng trai đáp, – tớ rất yêu cô, và mỗi khi nhìn thấy cô, tớ như bừng cháy lên vậy.

– Vậy anh thấy gì ở em? – Mastridia hỏi chàng trai.

– Em thấy đôi mắt chị đẹp đến mức – chàng trai nói – chúng làm em say đắm.

Nghe nói đôi mắt mình làm say đắm lòng người, trinh nữ thánh thiện liền dùng chiếc kim dệt vải đang dệt để đâm vào mắt mình ngay lập tức.

[8119] Tu viện Spaso-Preobrazhenskoe-Soyginskoye hay Soyezhskoye, hiện nay là khu nghĩa trang Soyginsky-Preobrazhensky, nằm ở tỉnh Vologda, huyện Solvychegodsk, cách Solvychegodsk 82 verst, trên bờ phải sông Soyga, tại điểm sông này hợp lưu với sông Vychegda. Tu viện này vào năm 1791 đã bị giải thể hoàn toàn và được chuyển đổi thành nhà thờ giáo xứ.

Chàng trai, khi chứng kiến cảnh đó, đã kinh hoàng. Khi chàng nhận ra rằng trinh nữ thánh đã làm điều đó vì lòng ghen tuông với Chúa Kitô và để cứu người lân cận khỏi cám dỗ[8120] , chàng đã cảm thấy sự kính sợ Thiên Chúa và ăn năn. Sau khi đến tu viện, chàng trai mặc áo đen và trở thành một tu sĩ nghiêm khắc, noi gương các vị thánh tổ trong việc cầu nguyện và kiêng khem.

Còn Mastridia thì đã kết thúc cuộc đời mình trong việc phụng sự Chúa, Đấng mà bà đã được về với Ngài.

Ngày 8 tháng 12

Ngày 25 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Clement, Giáo hoàng Rôma

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 11

Tại thành phố La Mã cổ đại vinh quang và vĩ đại, có một người đàn ông xuất thân quý tộc tên là Faust, thuộc dòng dõi các vị vua La Mã cổ đại. Ông có một người vợ tên là Matfidia, cũng xuất thân hoàng tộc và có quan hệ họ hàng với các hoàng đế La Mã Augustus và Tiberius[8121] . Vợ chồng họ là những người theo đạo ngoại giáo cuồng nhiệt và thờ cúng các thần tượng. Ban đầu, họ sinh được hai con trai sinh đôi, một người được đặt tên là Faustinus, người kia là Faustinianus; sau đó, người con trai thứ ba ra đời, được đặt tên là Clement.

Faustus có một người anh trai, là kẻ độc ác và vô đạo đức. Thấy vẻ đẹp của Matfidia, hắn say mê nàng và bắt đầu dụ dỗ nàng phạm tội; nhưng nàng, vốn rất trong sạch, không muốn phản bội lòng chung thủy với chồng và làm ô uế danh dự của dòng dõi quý tộc mình bằng việc làm nhục giường chiếu; vì vậy, cô đã cố gắng hết sức để đẩy người dụ dỗ ra xa mình. Không muốn vạch trần anh ta một cách công khai, cô không nói chuyện này với ai, ngay cả chồng mình, vì sợ những lời đồn đại xấu xa sẽ lan truyền và làm ô danh gia đình họ. Nhưng anh trai của Faustus đã dùng cả lời nài nỉ lẫn đe dọa trong một thời gian dài để ép buộc bà phải khuất phục trước ham muốn bất chính của hắn. Matfidia, thấy rằng mình không thể thoát khỏi sự quấy rối của hắn nếu không tránh xa những cuộc gặp gỡ với hắn, đã quyết định làm như sau.

Một buổi sáng nọ, cô nói với chồng mình như sau: “Đêm qua tôi đã mơ một giấc mơ kỳ diệu, thưa ngài: tôi thấy một ông lão đáng kính, trông như một vị thần, người đã nói với tôi rằng: ‘Nếu ngài và hai con trai sinh đôi của ngài không rời khỏi Rome trong mười năm, thì ngài sẽ chết cùng với chúng một cái chết đau đớn và đột ngột’.”

Nghe những lời ấy, Faustus rất ngạc nhiên, suy ngẫm nhiều lần về điều đó và quyết định cho nàng cùng hai con trai rời khỏi Rome trong mười năm, ông tự nhủ: “Thà để người vợ yêu dấu của ta cùng các con sống ở xứ người còn hơn là chết một cách đột ngột ở đây.” Sau khi trang bị tàu thuyền và dự trữ đầy đủ lương thực cần thiết, ông cho bà cùng hai con trai là Faustinus và Faustinianus lên đường đến Athens, Hy Lạp. Ông còn gửi theo họ rất nhiều nô lệ nam và nữ, đồng thời trao cho họ một khối tài sản lớn, đồng thời ra lệnh cho Matfidia rằng khi đến Athens, bà phải cho các con trai theo học tri thức Hy Lạp.

Vậy là họ chia tay nhau trong nỗi tiếc nuối khôn tả và những giọt nước mắt. Matfidia cùng hai con trai lên thuyền ra khơi, còn Faust cùng con trai út là Clement ở lại Rome.

Khi Matfidia đang lênh đênh trên biển, một cơn bão dữ dội ập đến và sóng biển dâng cao; con tàu bị sóng và gió cuốn trôi đến một vùng đất xa lạ, đến nửa đêm thì bị đắm, và tất cả mọi người đều chết chìm. Còn Matfidia, bị những con sóng dữ dội cuốn trôi, đã bị dạt vào những tảng đá trên một hòn đảo, không xa xứ Á Châu[8122] . Cô khóc

---

[8120] Đức Kitô Cứu Thế, khi dạy các môn đệ của Ngài cách chiến thắng những dục vọng xấu xa, đã phán: “Và nếu con mắt của ngươi làm ngươi sa ngã, hãy móc nó ra: thà ngươi vào Nước Thiên Chúa với một con mắt, còn hơn là với hai con mắt mà bị ném vào hỏa ngục” (Mc 9,47). Còn Thánh Mastridia đã tự móc mắt mình, vì lòng nhiệt thành dành cho Chúa Kitô, để bằng cách loại bỏ nguyên nhân cám dỗ đối với chàng trai trẻ, qua đó cũng thúc đẩy anh ta hướng tới sự cứu rỗi.

[8121] Octavianus Augustus – hoàng đế La Mã đầu tiên sau khi nền Cộng hòa tại La Mã bị lật đổ, trị vì từ năm 30 trước Công nguyên đến năm 14 sau Công nguyên. Tiberius, con riêng của ông, trị vì từ năm 14 đến năm 37; trong thời kỳ trị vì của ông, Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã chịu khổ nạn và chết trên thập giá.

lóc thảm thiết vì những đứa con đã chết đuối của mình; vì nỗi đau đớn tột cùng, cô thậm chí còn muốn nhảy xuống biển, nhưng người dân nơi đó, khi thấy cô trần truồng, la hét và rên rỉ thảm thiết, đã thương xót cô, đưa cô vào thành phố của họ và cho cô mặc quần áo.

Một số phụ nữ ưa du lịch, khi đến gặp bà, đã an ủi bà trong nỗi đau; mỗi người trong số họ kể cho bà nghe tất cả những điều đáng buồn đã xảy ra trong cuộc đời họ, và bằng sự đồng cảm của mình, họ đã phần nào xoa dịu nỗi buồn của bà. Một trong số họ nói: "Chồng tôi là một thủy thủ; khi còn rất trẻ, anh ấy đã chết đuối trên biển, và tôi trở thành góa phụ khi còn trẻ; nhiều người muốn cưới tôi, nhưng tôi, vì yêu chồng và không thể nào quên anh ấy ngay cả sau khi anh ấy qua đời, nên đã quyết định sống cuộc đời góa phụ. Nếu cô muốn, hãy ở lại nhà tôi và sống cùng tôi, chúng ta sẽ tự kiếm sống bằng công sức của mình."

Matfidia đã nghe theo lời khuyên của bà, và sau khi dọn đến sống trong nhà bà, cô tự kiếm ăn bằng sức lao động của mình và sống trong hoàn cảnh đó suốt hai mươi bốn năm.

Hai con của bà là Favstin và Favstinian, sau vụ đắm tàu, nhờ ý muốn của Đức Chúa Trời, cũng còn sống sót; bị sóng đánh dạt vào bờ, chúng được những tên cướp biển đang ở đó phát hiện, chúng đã đưa hai đứa lên thuyền của chúng, chở đến Cêsarea Stratonica[8123] và bán cho một người phụ nữ tên là Justina, người đã nuôi nấng chúng như con ruột và cho chúng đi học. Nhờ vậy, họ đã học được nhiều môn học ngoại giáo, nhưng sau đó, khi nghe lời rao giảng Phúc Âm về Đấng Christ, họ đã nhận phép rửa thánh và theo chân Thánh Tông đồ Phêrô.

Còn Faustus, cha của các em, đang sống tại Rôma cùng với Clément và không hay biết gì về những tai ương đã ập xuống vợ và các con mình, nên sau một năm, ông đã cử một số nô lệ đến Athènes để tìm hiểu xem vợ và các con ông sống ra sao, đồng thời gửi theo họ nhiều vật dụng khác nhau; nhưng những nô lệ của ông đã không trở về. Đến năm thứ ba, vì không nhận được tin tức gì về vợ và các con, Faustus vô cùng buồn bã và đã cử những nô lệ khác cùng tất cả những thứ cần thiết đến Athens. Khi đến nơi, họ không tìm thấy ai cả, và vào năm thứ tư, họ trở về gặp Faustus và báo cáo với ông rằng họ hoàn toàn không thể tìm thấy bà chủ của mình ở Athens, vì ở đó không ai từng nghe nói đến bà, và họ không thể tìm ra dấu vết nào của bà, bởi vì họ không thể tìm thấy bất kỳ người thân nào của bà. Nghe xong tất cả những điều đó, Faustus càng thêm buồn bã và khóc nức nở. Ông đã đi khắp các thành phố ven biển và bến cảng ở đất nước La Mã, hỏi han các thuyền trưởng về vợ và các con của mình, nhưng không ai cho ông biết gì cả. Sau đó, ông đóng một con tàu, mang theo vài nô lệ và một ít tài sản, tự mình lên đường đi tìm người vợ và những đứa con thân yêu, còn để lại cậu con trai út Clément ở nhà cùng những nô lệ trung thành để học tập các môn khoa học. Ông đã đi khắp gần như cả vũ trụ, cả trên đất liền lẫn trên biển, tìm kiếm người thân trong nhiều năm mà vẫn không tìm thấy họ. Cuối cùng, khi đã tuyệt vọng đến mức không còn hy vọng được gặp lại họ nữa, ông chìm đắm trong nỗi đau buồn sâu sắc, đến nỗi thậm chí không muốn trở về nhà, vì cho rằng việc tận hưởng những điều tốt đẹp của thế gian này mà không có người vợ yêu dấu – người mà ông dành tình yêu sâu đậm vì sự trong trắng của cô – là một gánh nặng nặng nề. Từ chối mọi vinh dự và danh vọng của thế gian này, ông lang thang khắp các xứ lạ như một người ăn xin, không tiết lộ danh tính của mình cho ai cả.

Trong khi đó, cậu bé Clément đã trưởng thành và nghiên cứu sâu rộng các học thuyết triết học. Tuy nhiên, không có cả cha lẫn mẹ, cậu luôn chìm trong nỗi buồn. Lúc này, cậu đã bước sang năm thứ hai mươi bốn kể từ khi mẹ rời khỏi nhà, và đã hai mươi năm kể từ khi cha cậu biến mất.

Mất hy vọng rằng họ còn sống, Clément thương tiếc họ như những người đã khuất. Bên cạnh đó, anh cũng luôn suy ngẫm về cái chết của chính mình, vì anh biết rõ rằng ai cũng có thể chết; nhưng vì không biết sau khi chết mình sẽ ở đâu, và liệu có một cuộc sống khác sau cuộc đời ngắn ngủi này hay không, nên anh luôn khóc lóc và không muốn tìm sự an ủi từ bất kỳ thú vui hay niềm vui trần thế nào. Vào thời điểm đó, khi nghe tin về sự giáng sinh của Đấng Christ trên thế gian, Clément bắt đầu khao khát tìm hiểu sự thật về điều đó. Ông có dịp trò chuyện với một người khôn ngoan, người này đã kể cho ông nghe về việc Con Thiên Chúa đã đến xứ Giu-đê, ban sự sống đời đời cho tất cả những ai tuân theo ý muốn của Cha, Đấng đã sai Ngài đến. Nghe điều này, Clément bừng cháy một khát khao mãnh liệt muốn tìm hiểu kỹ hơn về Chúa Kitô và giáo lý của Ngài. Vì vậy, ông quyết định lên đường

---

[8122] "Asia" là tên mà người La Mã gọi một tỉnh nằm ở khu vực hiện nay là Tiểu Á (bán đảo Anatolia), dọc theo bờ biển Địa Trung Hải; tỉnh này bao gồm một số thành phố cùng các vùng lân cận; thủ phủ của tỉnh được coi là Pergamum.

[8123] Trong thời cổ đại, có rất nhiều thành phố mang tên Caesarea hoặc Caesaria. Khi nhắc đến tên Caesarea Stratonica, người ta ám chỉ thành phố Palestine nằm trên bờ đông Địa Trung Hải, vốn được biết đến nhiều hơn với tên gọi Caesarea Palestine. Thành phố này được vua Do Thái Hê-rốt xây dựng trên nền tảng của thành phố cổ Straton và được đặt tên là Cêsaria để vinh danh Cêsar Augustus (hoàng đế La Mã Octavius Augustus). Hiện nay, tại nơi này chỉ còn lại những tàn tích, bị cây cỏ hoang dại bao phủ.

đến xứ Giu-đê, nơi Tin Mừng của Chúa Kitô đang được truyền bá. Bỏ lại ngôi nhà và khối tài sản khổng lồ của mình, ông mang theo những người đầy tớ trung thành và một lượng vàng đủ dùng, lên thuyền và ra khơi đến xứ Giu-đê. Do cơn bão ập đến trên biển, ông bị gió thổi dạt vào thành Alexandria và tại đó, ông đã gặp Thánh Tông đồ Barnaba. Sau đó, ông lên thuyền đến Cêsarea Stratonica và gặp Thánh Tông đồ Phêrô. Sau khi nhận phép rửa thánh từ ngài, ông theo ngài cùng các môn đệ khác, trong đó có hai anh em sinh đôi của ông là Faustinus và Faustinianus. Nhưng Clément không nhận ra họ, cũng như hai anh em của ông không nhận ra ông, bởi vì họ còn rất nhỏ khi phải chia ly và không còn nhớ nhau nữa. Thánh Phêrô, khi chuẩn bị lên đường đến Syria, đã cử Faustine và Faustinian đi trước, còn Clément thì ở lại bên cạnh ngài; ngài cùng Clément lên thuyền và ra khơi.

Trong lúc đang lênh đênh trên biển, vị tông đồ đã hỏi Clément về nguồn gốc của cậu. Lúc đó, Clément đã kể lại cho ngài nghe một cách chi tiết: cậu xuất thân từ đâu, và mẹ cậu, dưới ảnh hưởng của một giấc mơ, đã lên đường đến Roma cùng hai con trai còn nhỏ; còn cha cậu, sau bốn năm, đã lên đường đi tìm họ nhưng không trở về; cùng với đó, anh còn kể thêm rằng đã hai mươi năm trôi qua mà anh không biết gì về người thân của mình, và tại sao anh lại nghĩ rằng cha mẹ cùng các anh em của mình đã qua đời. Thánh Phêrô, sau khi nghe câu chuyện của anh, đã cảm động sâu sắc.

Trong khi đó, theo ý định của Chúa, con tàu đã cập bến hòn đảo nơi mẹ của Kliment – Matfidia – đang ở. Khi một số người xuống tàu để mua sắm những thứ cần thiết cho cuộc sống hàng ngày trong thành phố, thì Petr cũng xuống theo, còn Kliment thì ở lại trên tàu. Trên đường đến thành phố, Phêrô thấy một bà lão đang ngồi bên cổng thành và xin bố thí; đó chính là Matfidia, người không còn có thể tự kiếm sống bằng sức lao động của mình do đôi tay yếu ớt, nên phải xin bố thí để nuôi sống bản thân và một bà lão khác đã cưu mang bà vào nhà mình, người cũng bị liệt và đang nằm ốm trong nhà. Khi nhìn thấy Matfidia đang ngồi đó, vị Tông đồ đã nhận ra bằng linh hồn rằng người phụ nữ này là người ngoại quốc, và hỏi về quê hương của bà. Matfidia thở dài nặng nề, nước mắt tuôn trào và nói: "Ôi, khốn khổ cho tôi, người lữ hành, vì trên đời này không ai nghèo khổ và bất hạnh hơn tôi."

Thánh Tông đồ Phêrô, khi thấy nỗi đau đớn tột cùng và những giọt nước mắt xuất phát từ tận đáy lòng của bà, đã bắt đầu hỏi han bà một cách cẩn thận: bà là ai và đến từ đâu?

Từ cuộc trò chuyện với bà, ngài hiểu rằng bà là mẹ của Clément, và bắt đầu an ủi bà, nói:

– Tôi biết con trai út của bà là Clément: cậu ấy đang ở đất nước này.

Matfidia, khi nghe tin về con trai mình, vì kinh hoàng và sợ hãi mà ngã quỵ như người chết; nhưng Phêrô nắm lấy tay bà và bảo bà đi theo ông đến con thuyền:

– Đừng buồn, bà lão ơi, – vị tông đồ nói với bà trên đường đi, – vì ngay bây giờ bà sẽ biết tất cả về con trai mình.

Khi họ đang đi về phía con thuyền, Clément bước ra đón họ và, khi nhìn thấy người phụ nữ đang đi theo Phêrô, anh ta rất ngạc nhiên. Còn bà, sau khi nhìn kỹ Clément, lập tức nhận ra anh ta nhờ nét giống cha, và hỏi Phêrô:

– Đây chẳng phải là Clément, con trai tôi sao?

Phêrô đáp:

– Chính là anh ấy.

Và Matfidia ôm chầm lấy cổ Clément, rồi khóc nức nở. Clément, không biết người phụ nữ này là ai và tại sao cô lại khóc, liền cố đẩy cô ra. Lúc đó, Phêrô nói với anh: "Đừng đẩy người đã sinh ra con ra, con ơi."

Nghe vậy, Clément rưng rưng nước mắt, quỳ xuống dưới chân bà, vừa hôn bà vừa khóc. Cả hai đều tràn ngập niềm vui lớn lao, vì họ đã tìm thấy và nhận ra nhau. Phêrô cầu nguyện với Thiên Chúa cho bà và chữa lành đôi tay bà. Còn bà thì xin vị Tông đồ chữa lành cho bà lão mà bà đang ở nhờ. Tông đồ Phêrô bước vào nhà bà và chữa lành cho bà lão; còn Clément thì tặng bà 1.000 drachma[8124] , như phần thưởng cho việc bà đã nuôi dưỡng mẹ mình. Sau đó, ông đưa mẹ cùng với bà lão đã được chữa lành lên tàu và họ ra khơi.

Trên đường đi, Matfidia hỏi con trai về chồng mình là Faustus và, khi biết rằng ông đã lên đường đi tìm bà và đã hai mươi năm không có tin tức gì về ông, bà đã khóc than thảm thiết như thể ông đã qua đời, không còn hy vọng được gặp lại ông khi còn sống. Khi đến Antandros[8125] , họ rời tàu và tiếp tục hành trình trên đất liền. Khi đến

[8124] Drachma – đơn vị trọng lượng của Hy Lạp cổ đại và đồng tiền bạc có giá trị tương đương 21 kopeck.

[8125] Antandros – thành phố nằm bên Vịnh Adramyttium ở Mysia, vùng tây bắc Tiểu Á. Những tàn tích của thành phố cổ này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Laodicea[8126] , họ được Faustinus và Faustinianus đón tiếp, những người đã đến đó trước họ. Họ hỏi Clement: "Người phụ nữ lạ mặt này, đang đi cùng ông với một bà lão khác, là ai vậy?"

Clément trả lời: "Đó là mẹ tôi, người mà tôi đã tìm thấy ở một đất nước xa lạ."

Rồi ông bắt đầu kể lại cho họ nghe, theo thứ tự, đã bao lâu rồi ông không gặp mẹ và chuyện bà đã rời khỏi nhà cùng hai đứa con sinh đôi như thế nào.

Nghe vậy, họ nhận ra rằng Clément chính là anh trai của họ và người phụ nữ ấy chính là mẹ của họ, nên họ đã khóc vì niềm vui sướng tột độ, reo lên: "Vậy ra đây chính là mẹ chúng ta, Matfidia, còn anh chính là anh trai chúng ta, Clément, vì chúng ta chính là cặp song sinh Favstin và Favstinian, những người đã cùng mẹ rời khỏi Rome."

Nói xong, họ lao vào ôm chầm lấy nhau, khóc rất nhiều và hôn nhau đầy tình cảm. Thấy người mẹ vui mừng vì những đứa con mà bà bất ngờ tìm thấy vẫn còn sống khỏe mạnh, và khi kể cho nhau nghe về những sự an bài của Thiên Chúa đã cứu họ khỏi bị chìm đắm, họ đã ngợi khen Thiên Chúa; chỉ có một điều khiến họ buồn phiền là không ai biết gì về cha của họ. Sau đó, họ xin Thánh Tông đồ Phêrô làm phép rửa cho mẹ của họ. Sáng sớm, họ đến bên bờ biển, Thánh Tông đồ Phêrô đã cử hành lễ rửa tội cho Matfidia và bà lão đi cùng bà trong một căn phòng riêng, nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần; sau khi cho bà cùng các con trai về nhà trước, ngài tự mình đi theo một con đường khác.

Và trên đường đi, ngài gặp một người đàn ông có vẻ ngoài trang nghiêm, râu bạc phơ, ăn mặc giản dị, đang chờ đợi Thánh Tông đồ Phêrô, người đã kính cẩn chào ngài:

– Tôi thấy ngài là người ngoại quốc và không phải là người bình thường; chính khuôn mặt ngài đã cho thấy ngài là người thông thái: vì vậy, tôi muốn trò chuyện với ngài một chút.

Phêrô đáp lại:

– Xin ngài cứ nói, thưa ngài, nếu ngài muốn.

– Tôi đã thấy ngài, – người ấy nói, – hôm nay ngài đang cầu nguyện tại một nơi kín đáo bên bờ sông; sau khi lén quan sát, tôi đã lùi lại và chờ anh ở đây một lát, với ý định nói rằng anh đang tự làm khổ mình một cách vô ích khi cầu nguyện với Chúa, bởi vì không có Chúa nào cả trên trời lẫn dưới đất, và cũng không có sự an bài nào của Chúa dành cho chúng ta, mà mọi thứ trên thế gian này đều là ngẫu nhiên. Vì vậy, đừng say mê và đừng vất vả cầu nguyện với Chúa, vì Ngài không tồn tại.

Thánh Phêrô, sau khi nghe những lời bàn luận này, đã nói với anh ta:

– Tại sao ngươi lại cho rằng mọi sự không phải do sự sắp đặt và sự an bài của Đức Chúa Trời, mà chỉ là ngẫu nhiên, và ngươi sẽ chứng minh thế nào rằng Đức Chúa Trời không tồn tại? Nếu không có Đức Chúa Trời, thì ai đã tạo ra bầu trời và trang hoàng nó bằng những vì sao? Ai đã tạo ra trái đất và tô điểm cho nó bằng hoa cỏ?

Người ấy thở dài từ tận đáy lòng, rồi nói:

– Thưa ngài, tôi biết một chút về thiên văn học, và đã phụng sự các vị thần tận tụy hơn bất kỳ ai khác; và tôi đã nhận ra rằng mọi hy vọng đặt vào Chúa đều là hư vô, và không có Chúa nào cả; nếu trên trời có một vị Thần nào đó, thì Người đã nghe thấy những tiếng thở dài của những người khóc than, đã lắng nghe những lời cầu nguyện của những người khẩn cầu, đã thương xót nỗi đau khổ của trái tim đang kiệt quệ vì buồn bã. Nhưng vì không có ai mang lại sự an ủi trong nỗi đau khổ, nên từ đó tôi kết luận rằng không có Thần nào cả. Nếu có Thượng Đế, thì Người hẳn đã nghe thấy tôi, người đang cầu nguyện và khóc lóc trong đau khổ, bởi vì, thưa ngài, đã hai mươi năm, thậm chí còn lâu hơn, tôi chìm trong nỗi buồn sâu thẳm, và tôi đã cầu nguyện biết bao nhiêu lần với tất cả các vị thần, đã dâng biết bao nhiêu lễ vật cho họ, đã đổ biết bao nhiêu nước mắt và tiếng khóc! Và không một vị thần nào nghe thấy tôi, và tất cả công sức của tôi đều vô ích.

Sau đó, Phêrô nói:

– Chính vì thế mà ngài không được đáp lại trong suốt thời gian dài như vậy, bởi vì ngài đã cầu nguyện với nhiều vị thần hư ảo và giả dối, chứ không phải Đấng Duy Nhất, Đức Chúa Trời Chân Thật, Đấng mà chúng ta tin tưởng và cầu nguyện.

[8126] Laodicea – thành phố chính của Phrygia cổ đại ở phía tây Tiểu Á. Nhà thờ Laodicea nằm trong số bảy nhà thờ nổi tiếng của Tiểu Á được đề cập trong Sách Khải Huyền. Ngày nay, chỉ còn lại những tàn tích trên một ngọn đồi thấp, gần ngôi làng hoang vắng Eski-Gissar, làm chứng tích cho thành phố cổ xưa này. Trong lịch sử Giáo hội, Laodicea được biết đến nhờ Công đồng diễn ra tại đây vào năm 365, đã ban hành các quy định chi tiết về trật tự Thánh lễ, đạo đức của hàng giáo sĩ và giáo dân, cũng như các tệ nạn và sai lầm của thời đại đó.

Trong khi trò chuyện với người đàn ông ấy và bàn luận về Đức Chúa Trời, Phê-rô nhận ra rằng mình đang nói chuyện với Phavst, chồng của Ma-thi-đi-a, cha của Clê-men-tê và các anh em của ông, và nói với ông:

– Nếu ngươi muốn tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng đã tạo dựng trời và đất, thì ngay bây giờ ngươi sẽ thấy vợ và các con của ngươi đều bình an và khỏe mạnh.

Người ấy đáp lại:

– Chẳng lẽ vợ và các con tôi lại sống lại từ cõi chết sao? Chính tôi đã tự mình biết được qua các vì sao, và từ nhà chiêm tinh uyên bác Annuvion, tôi cũng biết rằng vợ tôi và hai đứa con tôi đã chết đuối trên biển.

Lúc đó, Phêrô dẫn Faustus vào nhà mình; khi ông ta bước vào và nhìn thấy Matfidia, ông kinh hoàng và, nhìn chằm chằm vào nàng với vẻ ngạc nhiên, im lặng. Rồi ông nói: "Bằng phép lạ nào mà điều này đã xảy ra? Người mà tôi đang nhìn thấy bây giờ là ai?" Rồi ông bước lại gần hơn và reo lên: "Quả thật, người vợ yêu dấu của tôi đang ở đây!"

Ngay lập tức, vì niềm vui bất ngờ, cả hai đều kiệt sức đến mức không thể nói chuyện với nhau, bởi Matfidia cũng đã nhận ra chồng mình. Khi cô bình tĩnh lại một chút, cô nói: "Ôi, Faust yêu dấu của em! Sao anh lại còn sống, trong khi chúng ta đã nghe tin anh đã chết?"

Lúc đó, niềm vui khôn tả tràn ngập trong lòng mọi người, và từ niềm vui ấy, những tiếng khóc nức nở vang lên, bởi vì các cặp vợ chồng đã nhận ra nhau, và các con cái cũng nhận ra cha mẹ mình; họ ôm lấy nhau, khóc lóc, vui mừng và tạ ơn Đức Chúa Trời. Tất cả những người có mặt tại đó, khi chứng kiến cuộc hội ngộ bất ngờ của họ sau một thời gian dài xa cách, đều rơi lệ và tạ ơn Đức Chúa Trời. Còn Faust thì quỳ xuống trước mặt vị tông đồ, xin được rửa tội, vì ông đã chân thành tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất; và sau khi được rửa tội, ông đã dâng lên Đức Chúa Trời những lời cầu nguyện tạ ơn trong nước mắt. Sau đó, tất cả đều rời khỏi đó để trở về Antiôkhia.

Khi họ rao giảng đức tin vào Đấng Christ tại đó, thống đốc Antiôkhia đã biết rõ mọi chuyện về Faustus, vợ và các con của ông, về dòng dõi cao quý của họ, cũng như những cuộc phiêu lưu của họ, và ngay lập tức ông đã cử sứ giả đến Rôma để báo cáo mọi chuyện cho hoàng đế. Hoàng đế ra lệnh cho thống đốc phải nhanh chóng đưa Faustus và gia đình ông về Rôma với sự đón tiếp long trọng. Khi việc này được thực hiện xong, hoàng đế rất vui mừng trước sự trở về của họ, và khi biết hết những gì đã xảy ra với họ, ngài đã khóc rất lâu. Ngay trong ngày hôm đó, ngài đã tổ chức một bữa tiệc long trọng để vinh danh họ; ngày hôm sau, ngài ban cho họ rất nhiều tiền bạc, cùng với các nô lệ nam và nữ. Và họ được mọi người kính trọng vô cùng.

Sống một cuộc đời đầy lòng đạo đức, thực hành việc bố thí cho người nghèo và khi đã về già, sau khi phân phát hết tài sản cho những người cần giúp đỡ, Faust và Matfidia đã về với Chúa.

Còn các con cái của họ, khi Phêrô đến Rôma, đã miệt mài theo đuổi giáo lý tông đồ; còn Thánh Clêmentê thậm chí còn là môn đệ không rời của Phêrô trong mọi chuyến đi và công việc của ngài, đồng thời là một nhà rao giảng nhiệt thành về giáo lý của Chúa Kitô. Vì điều này, Thánh Phêrô đã tấn phong ngài làm giám mục trước khi ngài chịu tử đạo dưới tay Nê-rôn[8127] . Sau khi Thánh Phêrô qua đời, tiếp theo là Giám mục Linus và Giám mục Anacletus, Clément, trong thời kỳ đầy biến động và nội chiến tại Rôma, đã khôn ngoan điều khiển con thuyền Giáo Hội của Chúa Kitô[8128] , vốn lúc bấy giờ đang bị những kẻ hành hạ quấy rối, và chăn dắt đoàn chiên của Chúa Kitô với nhiều vất vả và kiên nhẫn, khi bị bao vây tứ phía bởi những con sư tử gầm rú và những con sói săn mồi, những kẻ bách hại hung ác, những kẻ cố gắng nuốt chửng và tiêu diệt đức tin vào Chúa Kitô. Dù đang lâm vào cảnh khốn khó như vậy, ngài vẫn không ngừng lo lắng với sự tận tâm lớn lao cho việc cứu rỗi các linh hồn con người, đến nỗi đã dẫn dắt nhiều người ngoại đạo trở về với Chúa Kitô, không chỉ từ dân thường mà còn cả từ hoàng cung, những người quý tộc và có địa vị cao, trong số đó có một quan chức tên là Sisinius và không ít người thuộc dòng dõi của vua Nerva[8129] . Bằng lời giảng dạy của mình, Thánh Clément đã dẫn dắt 424 người thuộc dòng dõi quý tộc đến với Chúa Kitô trong một dịp Lễ Phục Sinh và rửa tội cho tất cả họ; còn Domicilla, cháu gái của ngài, người đã đính hôn với Aurelianus, con trai của một quan chức hàng đầu La Mã, thì ngài đã dâng hiến cô để giữ trinh tiết. Hơn nữa, ngài đã phân công bảy thư ký đi khắp Rôma để ghi chép lại những đau khổ của các vị tử đạo, những người lúc bấy giờ đang bị giết hại vì Chúa Kitô.

[8127] Ngày 29 tháng 7 năm 67.

[8128] Thánh Tông đồ Clêmentê đã lãnh đạo Giáo hội Rôma từ năm 91 đến năm 100.

[8129] Nerva – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 96 đến năm 98 sau Công nguyên.

Khi Giáo hội của Chúa Kitô bắt đầu phát triển mạnh mẽ nhờ giáo lý, công trình, những việc làm kỳ diệu và đời sống đạo đức của ngài, thì Torkutian[8130] , một quan tổng trấn và kẻ bách hại đạo Kitô, khi thấy vô số người đã tin vào Chúa Kitô nhờ sự dạy dỗ của Clément, đã xúi giục một số người trong dân chúng nổi dậy chống lại Clément và chống lại các Kitô hữu. Một làn sóng xôn xao đã dấy lên trong dân chúng, và những kẻ nổi loạn đã đến gặp tổng giám mục thành phố, Mamerten, và la hét rằng: "Còn bao lâu nữa Clément mới thôi sỉ nhục các vị thần của chúng ta?"; trong khi đó, những người khác lại bảo vệ Clément và nói: "Người này đã làm điều ác nào, hay đã không làm điều thiện nào?" Bất cứ ai ốm đau đến với ông, ông đều chữa lành cho mọi người; ai đến với ông trong nỗi buồn cũng đều được an ủi; ông chưa bao giờ làm hại ai, mà lại ban phát biết bao ân huệ cho tất cả mọi người".

Tuy nhiên, tất cả những người còn lại, tràn đầy lòng thù hận, la hét: "Ông ta làm tất cả những điều này bằng phép thuật, và đang xóa bỏ sự thờ phụng các vị thần của chúng ta. Ngài không gọi Zeus là thần, gọi Hercules, vị thần bảo hộ của chúng ta, là linh hồn ô uế, gọi Aphrodite trong sạch chẳng khác gì một ả điếm, còn nói rằng Vesta vĩ đại cần phải bị thiêu sống; cũng như Athena, Artemis, Hermes, Kronos và Ares, hắn đều phỉ báng và làm ô uế; hắn liên tục làm ô uế và lên án tất cả các vị thần của chúng ta cùng các đền thờ của họ. Vì vậy, hoặc là hắn phải dâng lễ vật cho các vị thần, hoặc là sẽ bị trừng phạt."

Lúc đó, tổng trấn Mamertinus, dưới áp lực của tiếng ồn ào và sự kích động của đám đông, đã ra lệnh dẫn Thánh Clément đến trước mặt mình và bắt đầu nói với ngài: "Ngươi xuất thân từ dòng dõi quý tộc, như tất cả công dân La Mã đều nói, nhưng đã bị cám dỗ, và vì thế họ không thể chịu đựng ngươi và im lặng được nữa; không ai biết ngươi tôn thờ vị Thần nào; một vị Thần mới nào đó, được gọi là Chúa Kitô, trái ngược với các vị thần của chúng ta. Ngươi nên từ bỏ mọi sự lầm lạc và mê muội, và thờ phượng các vị thần mà chúng ta đang tôn kính."

Thánh Clément đáp lại: "Tôi khẩn cầu sự sáng suốt của ngài, hãy lắng nghe tôi, chứ đừng nghe những lời điên rồ của đám dân đen thô lỗ, đang vô cớ nổi loạn chống lại tôi; bởi dù có nhiều con chó sủa vào chúng ta, nhưng chúng không thể tước đoạt khỏi chúng ta những gì thuộc về chúng ta; vì chúng ta là những con người sáng suốt và khôn ngoan, còn chúng – những con chó vô trí, sủa vô nghĩa trước việc thiện; những xáo trộn và nổi loạn luôn nảy sinh từ đám đông thiếu lý trí và vô thức. Vì vậy, xin hãy ra lệnh cho chúng im lặng trước tiên, để khi sự im lặng đến, người có trí tuệ mới có thể nói về việc cứu rỗi quan trọng, để chúng ta có thể hướng về việc tìm kiếm Đức Chúa Trời Chân Thật, Đấng mà chúng ta phải cúi đầu thờ phượng với lòng tin".

Thánh nhân đã nói những điều này và nhiều điều khác nữa, và vị tổng giám mục không tìm thấy bất kỳ lỗi lầm nào ở ngài, vì vậy ông đã gửi tin tức đến hoàng đế Trajan[8131] rằng dân chúng đã nổi dậy chống lại Clément vì vấn đề các vị thần, mặc dù không có đủ bằng chứng để buộc tội ngài. Trajan đã trả lời tổng giám mục rằng Clement phải hoặc dâng lễ vật cho các vị thần, hoặc bị lưu đày đến vùng hoang mạc Pontus gần Chersonesus[8132] . Nhận được câu trả lời như vậy từ hoàng đế, tổng giám mục Mamertinus cảm thấy thương xót cho Clement và khẩn cầu ngài đừng tự chọn con đường lưu đày, mà hãy dâng lễ vật cho các vị thần – và như vậy sẽ được miễn khỏi việc bị lưu đày. Thánh nhân đã tuyên bố với giám mục rằng ngài không sợ bị lưu đày, ngược lại, ngài còn khao khát điều đó hơn bao giờ hết. Sức mạnh của ân sủng trong những lời nói của Clément, mà Thiên Chúa đã ban cho ngài, mạnh mẽ đến nỗi ngay cả vị giám mục cũng cảm động sâu sắc, rơi nước mắt và nói: "Xin Thiên Chúa, Đấng mà ngài phụng sự bằng cả trái tim, hãy giúp đỡ ngài trong cuộc lưu đày mà ngài đã bị kết án."

Và sau khi chuẩn bị thuyền cùng mọi thứ cần thiết, ông đã cho ngài ra đi.

Cùng với Thánh Clément, nhiều Kitô hữu cũng lên đường đi lưu đày, quyết tâm thà sống cùng vị mục tử trong cảnh lưu đày còn hơn là ở lại tự do mà không có ngài.

Khi đến nơi lưu đày, Thánh Clément thấy ở đó có hơn hai nghìn tín hữu Kitô giáo, những người bị kết án phải đục đá trên núi. Thánh Clément cũng bị bắt phải làm công việc tương tự. Các tín hữu Kitô giáo, khi nhìn thấy Thánh Clément, đã tiến đến bên ngài trong nước mắt và nỗi buồn, nói rằng:

– Xin ngài cầu nguyện cho chúng con, thánh nhân ơi, để chúng con trở nên xứng đáng với những lời hứa của Chúa Kitô.

Thánh nhân đáp:

[8130] Người La Mã gọi các quan chức và đoàn tùy tùng của các thống đốc tỉnh là "comites" (từ tiếng Latinh).

[8131] Trajan – hoàng đế La Mã từ năm 98 đến năm 117.

[8132] Chersonesos – một thành phố ở Taurida, bán đảo Biển Đen (nay là Crimea); nằm gần thành phố Sevastopol ngày nay. Tại đây, Công tước Nga Vladimir, người được phong ngang hàng các Tông đồ, đã chấp nhận đạo Kitô.

– Tôi không xứng đáng với ân sủng như vậy của Chúa, Đấng đã cho phép tôi chỉ được là người cùng chia sẻ vương miện của các con!

Và trong khi làm việc cùng họ, Thánh Clément an ủi họ và ban cho những lời khuyên hữu ích. Khi biết rằng họ đang thiếu nước trầm trọng, vì họ phải đi sáu dặm[8133] để mang nước về trên vai, Thánh Clément nói: "Chúng ta hãy cầu nguyện cùng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, để Ngài mở ra cho các môn đệ của Ngài một suối nước sống, giống như Ngài đã mở ra cho dân Israel khát nước trong sa mạc, khi Ngài đập vỡ tảng đá và nước tuôn trào; và khi nhận được ân sủng đó của Ngài, chúng ta hãy vui mừng."

Và mọi người bắt đầu cầu nguyện. Khi kết thúc lời cầu nguyện, Thánh Clément thấy một con chiên đang đứng tại một chỗ và giơ một chân lên, như thể chỉ cho thấy vị trí đó. Clément hiểu rằng đó chính là Chúa đã hiện ra, Đấng mà không ai nhìn thấy ngoại trừ một mình ông, và ông đi đến nơi đó, nói: "Nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, hãy đào tại chỗ này."

Và tất cả mọi người, đứng thành vòng tròn, bắt đầu đào bằng xẻng, nhưng vẫn chưa tìm thấy gì, vì họ không thể đào trúng đúng chỗ mà Chiên Con đang đứng.

Sau đó, Thánh Clément cầm lấy một cái xẻng nhỏ và bắt đầu đào tại chỗ mà chân Chiên Con đang đứng, và ngay lập tức một suối nước ngọt trong vắt tuôn trào; từ suối nước ấy, một con sông đã hình thành. Lúc đó, mọi người đều vui mừng, còn Thánh Clément thì nói: *"Các dòng sông làm vui lòng thành phố của Đức Chúa Trời"* (Thi thiên 45:5).

Tin tức về phép lạ này lan truyền khắp vùng lân cận; và người ta bắt đầu đổ xô đến rất đông để chiêm ngưỡng dòng sông đã hình thành một cách bất ngờ và kỳ diệu nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, cũng như để lắng nghe những lời giảng dạy của ngài. Nhiều người đã tin vào Đấng Kitô và được Thánh Clément làm phép rửa trong nước. Có rất nhiều người đến với vị thánh, và rất nhiều người đã quay về với Chúa Kitô, đến nỗi mỗi ngày có tới năm trăm người trở lên được rửa tội. Trong một mùa hè, số lượng tín hữu đã tăng lên đến mức người ta đã xây dựng bảy mươi lăm nhà thờ, tất cả các tượng thần đều bị đập phá, và các đền thờ ngoại giáo trên khắp đất nước đều bị phá hủy, vì tất cả cư dân đã chấp nhận đức tin Kitô giáo.

Hoàng đế Trajan, khi biết rằng tại Chersonesos có vô số người đã tin vào Chúa Kitô, liền cử một quan chức tên là Avfidian đến đó; khi đến nơi, người này đã tra tấn nhiều Kitô hữu và giết chết nhiều người. Nhưng khi thấy mọi người đều vui vẻ chấp nhận chịu khổ vì Chúa Kitô, quan chức được cử đi không còn muốn tra tấn dân chúng nữa, mà chỉ tập trung hết sức ép buộc riêng Clément phải dâng lễ vật. Nhưng khi thấy ông vẫn kiên định trong đức tin và vững vàng tin vào Chúa Kitô, ông ta ra lệnh đưa ông lên thuyền, chở ra giữa biển, rồi ở đó, buộc một cái neo vào cổ ông, ném ông xuống nơi sâu nhất của biển và dìm chết, để các Kitô hữu không tìm thấy thi thể của ông. Khi tất cả những điều này xảy ra, các tín hữu đứng trên bờ và khóc lóc thảm thiết. Sau đó, hai môn đệ trung thành nhất của ngài, Cornelius và Thebes, nói với tất cả các Kitô hữu: "Hãy cùng nhau cầu nguyện để Chúa chỉ cho chúng ta thi thể của vị tử đạo."

Khi dân chúng đang cầu nguyện, biển lùi xa bờ ba khoảng sân, và mọi người, giống như dân Israel tại Biển Đỏ, đã đi qua trên đất khô, và tìm thấy một hang động bằng đá cẩm thạch giống như nhà thờ của Chúa, nơi thi thể vị tử đạo đang an nghỉ; họ cũng tìm thấy gần đó chiếc neo mà vị tử đạo Clément đã bị dùng để dìm chết. Khi các tín hữu muốn rước thi hài tôn kính của vị tử đạo ra khỏi đó, thì các môn đệ nói trên đã nhận được sự mặc khải rằng hãy để thi hài ngài lại nơi đây, vì hàng năm, để tưởng nhớ ngài, biển sẽ lùi lại như vậy trong vòng bảy ngày, tạo điều kiện cho những ai muốn đến thờ lạy. Và điều đó đã diễn ra trong nhiều năm, bắt đầu từ triều đại của Hoàng đế Trajan cho đến triều đại của Vua Nikiforos, vị vua Hy Lạp[8134] . Rất nhiều phép lạ khác cũng đã xảy ra tại đó nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, người đã được Chúa tôn vinh.

Một lần nọ, vào thời điểm thường lệ, biển đã mở lối vào hang động, và rất nhiều người đã đến để thờ lạy di cốt của vị thánh tử đạo. Tình cờ có một đứa trẻ bị bỏ lại trong hang động, bị cha mẹ quên khi họ ra về. Khi biển bắt đầu dâng trở lại vị trí cũ và đã che phủ hang động, tất cả những người có mặt trong đó vội vã chạy ra, sợ rằng biển cũng sẽ nhấn chìm họ, và cha mẹ của đứa trẻ bị bỏ lại cũng vội vã chạy ra, nghĩ rằng con mình đã ra ngoài cùng đám đông từ trước. Họ nhìn quanh và tìm kiếm con khắp nơi giữa đám đông, nhưng không thấy, và cũng không thể

[8133] Poprišče – ban đầu là đấu trường, nơi tổ chức các cuộc thi đấu; sau đó từ này có nghĩa tương tự như "stadia", tức là đơn vị đo chiều dài bằng 125 bước chân.

[8134] Hoàng đế Byzantine Nikifor trị vì từ năm 802 đến năm 811.

quay lại hang động nữa vì biển đã nhấn chìm nó; cha mẹ khóc lóc thảm thiết và trở về nhà trong tiếng khóc và nỗi đau đớn tột cùng. Năm sau, biển lại rút đi và cha mẹ đứa trẻ lại đến để thờ phượng vị thánh. Khi bước vào hang động, họ thấy đứa trẻ vẫn còn sống và khỏe mạnh, đang ngồi bên mộ của vị thánh. Nhận lấy con, cha mẹ với niềm vui khôn tả, hỏi con làm sao mà con vẫn còn sống.

Đứa trẻ chỉ tay vào ngôi mộ của vị tử đạo và nói: "Vị thánh này đã cứu sống con, nuôi dưỡng con, và xua đuổi mọi nỗi kinh hoàng từ biển cả khỏi con."

Lúc đó, cha mẹ và dân chúng đến dự lễ hội đều tràn ngập niềm vui lớn lao, và tất cả đều ngợi khen Thiên Chúa và vị thánh của Ngài.

Vào thời trị vì của Nikifor, vị vua Hy Lạp, vào ngày kỷ niệm Thánh Kliment, biển không rút lui như những năm trước đó, và tình trạng này kéo dài khoảng năm mươi năm hoặc hơn. Khi Thánh George, vị thánh phúc lành, trở thành giám mục tại Chersonesos, ngài đã vô cùng đau buồn vì biển không rút lui, và di cốt của vị thánh vĩ đại này dường như bị chôn vùi, bị nước biển che phủ.

Trong thời gian ngài quản lý giáo phận, hai nhà giảng dạy Kitô giáo là Mê-phô-đi-ô và Constantine, nhà triết học (sau này được gọi là Cyril)[8135] đã đến Chersonesos; họ đang trên đường đi rao giảng cho người Khazar[8136] và trên đường đi, họ đã hỏi thăm về di cốt của Thánh Clément; khi biết rằng các di cốt này đang nằm dưới biển, hai vị giáo sư giáo hội này đã khuyến khích Giám mục George khai quật kho báu thiêng liêng – di cốt của vị thánh tử đạo.

Đức Giám mục George, được các nhà thần học khuyến khích, đã lên đường đến Constantinople và tường thuật mọi chuyện cho Hoàng đế Michael III đang trị vì lúc bấy giờ[8137] , cũng như Đức Thượng phụ Ignatius[8138] . Hoàng đế và Đức Thượng phụ đã cử những người được chọn cùng với ngài, cùng toàn thể hàng giáo sĩ của Nhà thờ Thánh Sophia[8139] . Khi đến Chersonesos, vị giám mục đã tập hợp toàn thể dân chúng, và cùng với những bài thánh vịnh và tiếng hát, mọi người cùng nhau tiến về bờ biển, với hy vọng sẽ đạt được điều mong muốn, nhưng nước biển vẫn không dạt ra. Khi mặt trời lặn và họ lên thuyền, bỗng nhiên, giữa bóng tối nửa đêm, biển bừng sáng: đầu tiên là một cái đầu hiện ra, rồi toàn bộ di cốt của Thánh Clément nổi lên khỏi mặt nước. Các vị thánh, với lòng kính cẩn, đã nhận lấy chúng, đặt lên thuyền và, sau khi rước vào thành phố một cách long trọng, đã an táng chúng trong nhà thờ. Khi Thánh lễ bắt đầu, nhiều phép lạ đã xảy ra: người mù được sáng mắt, người què và mọi bệnh nhân đều được chữa lành, và những người bị quỷ ám được giải thoát khỏi ma quỷ, nhờ lời cầu nguyện của Thánh Clément, nhờ ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen[8140] .

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Phêrô, Tổng Giám mục Alexandria

Ngày kỷ niệm: 25 tháng 11

Thánh Phêrô, Tổng Giám mục thành Alexandria, khi còn là trẻ sơ sinh đã được Thánh Phêônê, Tổng Giám mục cùng thành phố Alexandria, nuôi dưỡng; và sau khi ngài qua đời, ngài được tấn phong lên ngôi Tổng Giám

---

[8135] Các thánh Methodius và Cyril

[8136] Người Khazar – một dân tộc có nguồn gốc Turkmen, sinh sống quanh Biển Caspi, ở hạ lưu sông Volga và vùng tiền Kavkaz. Họ có một phần là người ngoại đạo, một phần là người Hồi giáo, và một phần theo đạo Do Thái.

[8137] Hoàng đế Byzantine Michael III trị vì từ năm 855 đến năm 867.

[8138] Thánh Ignatius lãnh đạo Giáo hội Constantinople từ năm 847 đến năm 857, sau đó tiếp tục lãnh đạo sau thời kỳ của Photius từ năm 867 đến năm 877.

[8139] Nhà thờ Thánh Sofia – nhà thờ chính tòa của Constantinopolis.

[8140] Người ta biết rằng các thánh Cyril và Methodius đã mang theo một phần di cốt của Thánh Clement và gửi đến Roma dưới thời Giáo hoàng Adrian II (năm 867); tuy nhiên, thi hài của vị thánh cùng với đầu thiêng liêng vẫn còn ở Chersonesos cho đến khi thành phố này bị Đại công tước Nga, Thánh Vladimir, chinh phục. Ngài, sau khi nhận phép rửa tội thánh tại Chersonesos, đã mang theo cả di cốt của Thánh Clément "để làm phước lành cho bản thân và thánh hóa mọi người" và an táng chúng tại Nhà thờ Mười Phần Trăm Đức Mẹ Rất Thánh ở Kiev. Tại đây, di cốt của vị thánh tử đạo được lưu giữ cho đến khi xảy ra cuộc xâm lược của người Tatar. Không ai biết di cốt này đã đi đâu trong thời kỳ xâm lược của người Tatar, liệu chúng có được các tín hữu giấu đi hay được chuyển đến một nơi khác hay không. Hiện nay, người ta chỉ có thể tìm thấy một số mảnh nhỏ của di cốt này, ví dụ như trên một cây thánh giá đặt trước bàn thờ tại Tu viện Alexander Nevsky ở Saint Petersburg.

mục vào thời điểm các hoàng đế La Mã vô đạo là Đô-clê-ti-an và Ma-xi-mi-an đang tiến hành cuộc bách hại dữ dội đối với các Kitô hữu. Lúc bấy giờ, các ngục tối đều chật ních các vị tử đạo của Chúa Kitô, và máu của họ tràn ngập khắp các đường phố, thành phố và các cánh đồng lân cận; trong thời kỳ khủng khiếp và đau buồn vì những tai ương và bất hạnh này, Thánh Phêrô đã lãnh đạo Giáo hội của Thiên Chúa với lòng kiên nhẫn và những nỗ lực to lớn. Bằng giáo lý và tinh thần kiên định không lay chuyển của mình, ngài đã động viên những người nhút nhát và sợ hãi, ngăn cản nhiều người khỏi việc bỏ đạo và sa ngã, đồng thời dẫn dắt một số lượng lớn các tín hữu đến vương miện tử đạo. Bị lưu đày vì Chúa Kitô và khi ở Tyre, Phoenicia và Palestine, vị thánh đã nâng đỡ đoàn chiên của mình bằng các thư tín và củng cố họ bằng sức mạnh của Chúa Thánh Thần; đồng thời, vì lo ngại rằng có ai đó, vì sợ hãi trước những cực hình, sẽ lìa bỏ Chúa Kitô, ngài đã ngày đêm cầu nguyện cho họ trước mặt Thiên Chúa. Khi trở lại Alexandria, Phêrô đã giúp đỡ 650 tù nhân đang bị giam giữ trong ngục tối, trong số đó có nhiều linh mục và tu sĩ; tất cả họ đều đã bị hành hình sau những hình phạt tàn bạo khác nhau. Còn Phêrô, khi chứng kiến sự đau khổ và lòng kiên nhẫn của họ, đã vui mừng trong Thánh Thần. Trong thời gian ngài chăn dắt đoàn chiên một cách tốt lành, tại Alexandria đã xuất hiện một con sói hung ác đội lốt chiên – kẻ dị giáo Arius, người đã bắt đầu gieo rắc cỏ dại của giáo lý quỷ dữ bị nguyền rủa giữa lúa mì, phỉ báng Thần Tính của Chúa Giêsu Kitô và bằng sự phỉ báng đó đã gây hại cho Hội Thánh của Thiên Chúa. Vị Mục Tử nhân lành thường bịt miệng con sói này và ngăn chặn nó, bằng cách trừng phạt và cấm đoán, để nó không làm xáo trộn sự tuyên xưng chân chính về Thánh Ba Ngôi, vốn đã được truyền lại một cách nguyên vẹn cho Giáo Hội của Đức Kitô. Nhưng khi Arius vẫn không chịu cải tà quy chính và lòng ác độc của hắn không chịu khuất phục trước lẽ thật, thì Thánh Phêrô đã nguyền rủa kẻ phỉ báng ấy và khai trừ hắn khỏi Giáo Hội, như một thành viên không xứng đáng. Và Arius đầy thù hận, sau khi bị trục xuất khỏi đàn chiên của Chúa Kitô, đã ẩn náu như bóng tối trốn tránh ánh sáng, vì như đã nói, ai làm điều ác thì ghét ánh sáng và không đến với ánh sáng, để những việc gian dối của mình không bị phơi bày (Ga 3,20); và kẻ vô luật pháp không dám đến với vị mục tử tỉnh thức này, người mà hắn không thể lừa dối bằng bất kỳ lời nịnh hót hay những lời lẽ xảo trá nào.

Số người tin vào Đấng Christ tại Alexandria ngày càng gia tăng, bất chấp thời kỳ tàn bạo; vì không có hình phạt nào có thể cản trở hay ngăn chặn con đường đến với Đấng Christ đối với những ai khao khát sự cứu rỗi; nhiều người không chỉ không tiếc tài sản của mình, mà thậm chí còn không tiếc cả mạng sống, và vội vã đến với Thánh Phêrô để nhận phép rửa, từ bỏ việc thờ phượng các thần tượng.

Vị hoàng đế vô đạo Maximian, người cai trị các vùng đất phương Đông và đang cư ngụ tại Nicomedia, khi biết rằng nhiều người nhờ sự dạy dỗ của Thánh Phêrô đã từ bỏ việc thờ cúng thần tượng để quay về với Chúa Kitô, đã sai một quan tribune cùng binh lính đến bắt Thánh Phêrô, trói ngài lại và dẫn về trước mặt mình[8141] . Những người được phái đi, khi đến Alexandria, đã tìm thấy Thánh Phêrô đang cử hành lễ tưởng niệm các thánh cùng với đông đảo tín hữu trong nhà thờ, liền bắt ngài và xiềng xích ngài bằng những xiềng xích nặng nề. Lúc đó, dân chúng xôn xao lớn, nhiều người khóc than vì Thánh Phêrô, những người khác kêu lên: "Tại sao các ngươi lại cướp vị mục tử khỏi chúng tôi?" Và cả thành Alexandria đã tụ tập lại, sẵn sàng hy sinh mạng sống vì vị thầy của mình, và toàn thể dân chúng đã la hét phản đối nhà vua và các sứ giả của ông. Viên quan, thấy sự xôn xao và phẫn nộ dữ dội của dân chúng, đã ra lệnh giam giữ vị thánh trong ngục tối gần nhà thờ, và viết thư báo cáo cho nhà vua về tất cả những gì đã xảy ra. Nhà vua, sau khi đọc xong bức thư, đã nổi giận dữ dội và ra lệnh bằng văn bản phải chém đầu vị thầy Kitô giáo Phêrô, đồng thời xử tử bằng gươm tất cả những ai chống đối. Viên quan, sau khi nhận được thư của nhà vua, đã cố gắng thi hành mệnh lệnh của ngài và tìm cách dẫn Phêrô ra để chém đầu, nhưng đám đông dân chúng, những người ngày đêm túc trực bên ngoài ngục tối, không cho phép đưa cha của họ ra hành quyết. Ở đó có vô số người đàn ông, phụ nữ, già trẻ, tu sĩ nam và nữ, những người vì gắn bó bằng tình yêu với vị giám mục của Chúa nên không rời khỏi nhà tù. Khi họ nhìn thấy những chiến binh vũ trang đang tiến về phía ngục tối để dẫn Phêrô ra, tất cả đều đồng thanh kêu lên: "Trước tiên, hãy giết hết chúng tôi đi, nếu các ngươi có lệnh từ vua của các ngươi, rồi sau đó hãy bắt cha chúng tôi; chúng tôi sẽ không rời xa vị mục tử của mình và sẽ không để thầy dạy và bác sĩ của linh hồn chúng tôi phải chịu đau khổ."

Vị quan tòa, nghe thấy điều đó và thấy đám đông đông đảo, không muốn gây ra một cuộc tàn sát lớn, nhưng để thi hành mệnh lệnh của vua, đã tìm cách bí mật chém đầu Phê-rô.

[8141] Từ thời cổ đại, dân cư thành Rome đã được chia thành nhiều nhóm, được gọi là các bộ lạc (tribes). Các thủ lĩnh hoặc trưởng lão của các bộ lạc được gọi là "tribunes". Theo thời gian, danh xưng này được áp dụng cho nhiều quan chức nhà nước, chủ yếu là các chỉ huy quân sự, tương tự như các đại tá của chúng ta. Ở đây, tất nhiên, đề cập đến một trong những chỉ huy như vậy.

Khi tất cả những điều này đang diễn ra, Arius, sau khi biết rằng vị tổng giám mục đã khai trừ ông khỏi Giáo hội Thánh Tông đồ, đang bị xiềng xích trong ngục tối và sắp bị hành quyết vì Chúa Kitô, đã đến gặp ngài với thái độ ăn năn giả dối và nịnh hót, hy vọng sau khi ngài qua đời sẽ lên nắm ngôi tổng giám mục và trở thành Tổng giám mục Alexandria. Ông ta đến, dường như để xin tha thứ và ăn năn về tội dị giáo của mình, rồi nài nỉ một số linh mục, nhất là Achillas và Alexander, cầu xin cho ông ta trước mặt Phêrô, để ngài tha thứ cho những lỗi lầm của ông ta và đón nhận ông ta trở lại cộng đoàn Giáo hội. Đức Chúa Trời, Đấng thấu hiểu mọi ý nghĩ trong lòng con người, cũng biết rõ lòng gian xảo của Arius; và vào ban đêm, Ngài đã hiện ra với Thánh Phêrô, bày tỏ cho ngài thấy hết mọi mưu mô của tên dị giáo bị nguyền rủa ấy, và ra lệnh không được tiếp nhận hắn vào Hội Thánh. Sáng hôm sau, nhiều tín hữu và công dân chính trực, do các linh mục Achilla và Alexander dẫn đầu, đã đến nhà tù và quỳ xuống dưới chân vị Tổng Giám mục thánh thiện, nài xin ngài tha thứ cho Arius và giải phóng ông khỏi lời thề. Thánh Phêrô, vừa khóc vừa thở dài, đã trả lời họ: "Hỡi những người thân yêu, các ngươi không biết mình đang cầu xin cho ai – các ngươi đang cầu xin cho kẻ đang làm tổn thương Giáo hội của Đức Kitô. Các ngươi biết rằng ta yêu thương đàn chiên của mình và không muốn bất kỳ con nào trong số chúng phải hư mất. Hơn hết, ta cầu xin Thiên Chúa ban ơn tha thứ tội lỗi và ơn cứu rỗi cho tất cả mọi người; chỉ có Arius là tôi từ chối, vì chính Thiên Chúa đã từ chối hắn, và hắn bị khai trừ khỏi Giáo hội thánh không phải do phán quyết của tôi, mà là do phán quyết của Thiên Chúa, bởi vì hắn đã phạm tội không phải trước mặt con người, mà là trước mặt Thiên Chúa, khi xúc phạm đến mầu nhiệm Thánh Ba Ngôi, mà các Thiên thần Cherubim và Seraphim không thể nhìn thẳng vào, và chỉ không ngừng ca ngợi: Thánh, Thánh, Thánh là Chúa Sabaoth, còn các thiên binh thì hô vang: "Trời và đất hãy tràn ngập vinh quang của Ngài[8142] ". Kẻ dị giáo vô liêm sỉ này, bằng lời phỉ báng của mình, dám phân chia giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần; làm sao có thể tha thứ cho hắn, khi mọi loài thụ tạo đều phẫn nộ vì Đấng Tạo Hóa của mình? Vậy, Arius hãy bị nguyền rủa cả trong thế giới này lẫn thế giới tương lai."

Khi Thánh Phêrô nói xong, tất cả những ai đã cầu xin cho Arius đều quỳ xuống dưới chân ngài và không còn dám làm phiền ngài nữa. Còn ngài, sau khi gọi riêng hai linh mục Achilles và Alexander ra một bên, đã nói với họ: "Tôi là một con người tội lỗi, nhưng tôi biết rằng Chúa Trời đang kêu gọi tôi đến vương miện tử đạo, và trước khi tôi qua đời, tôi sẽ tiết lộ cho các vị, những cột trụ của Giáo hội, mầu nhiệm của Thiên Chúa mà Chúa đã mặc khải cho tôi trong đêm nay. Ngươi, Achilleo trung thực, sẽ kế vị ta trên ngai tổng giám mục, và sau ngươi là linh mục xứng đáng Alexander. Còn về Arius, đừng nghĩ rằng ta bất công với hắn hay tàn nhẫn đối với những kẻ phạm tội, vì tội lỗi do sự yếu đuối gây ra, dù có lớn đến đâu, cũng còn nhẹ hơn sự độc ác của Arius. Những ai phạm tội vì sự yếu đuối có thể được tha thứ; còn kẻ bị nguyền rủa mà các ngươi đang cầu xin, làm sao ta có thể tha thứ cho hắn, khi tâm hồn hắn tràn ngập sự lừa dối và phỉ báng? Vì từ trái tim hắn tuôn trào dòng sông phỉ báng Đấng Con Thiên Chúa Toàn Năng; hắn gọi Đấng là Đấng Tạo Hóa của mọi sự hữu hình và vô hình – Đấng mà các tiên tri, tông đồ và các nhà truyền giáo đã rao giảng – là một tạo vật. Làm sao các ngươi có thể ép ta nhượng bộ trước lời thỉnh cầu của các ngươi và tha thứ cho Arius, khi hắn đã không vâng lời sự trừng phạt và sự răn dạy của ta? Còn nếu ta đã nguyền rủa hắn, thì không phải do chính ta, mà là theo sự cho phép của Đức Kitô, Thiên Chúa của ta, Đấng đã hiện ra với ta trong đêm đó. Khi tôi đang cầu nguyện như thường lệ, bỗng một ánh sáng rực rỡ chiếu sáng căn ngục, và tôi đã thấy Chúa Giêsu Kitô của tôi – dưới hình dạng một thiếu niên mười hai tuổi, với khuôn mặt rực rỡ hơn cả mặt trời, đến nỗi tôi không thể nhìn thẳng vào vinh quang không thể tả xiết trên khuôn mặt Ngài. Ngài mặc một chiếc áo choàng trắng, bị xé rách từ trên xuống dưới; Ngài dùng cả hai tay giữ áo trước ngực để che đi sự trần truồng của mình. Khi tôi chứng kiến tất cả những điều đó, tôi bỗng chốc kinh hoàng và run rẩy, rồi tôi cầu nguyện với Ngài trong sự sợ hãi, thưa rằng: "Ai đã xé rách áo choàng của Ngài, hỡi Đấng Tạo Hóa?" Chúa đáp lại: "Chính Arius, kẻ điên rồ, đã xé rách áo choàng của Ta, vì hắn đã tách biệt khỏi Ta những người mà Ta đã chuộc lại bằng Máu của Ta. Hãy cảnh giác và đừng tiếp nhận hắn vào cộng đoàn Giáo hội: hắn đang ấp ủ những mưu đồ xảo trá và thù địch chống lại Ta và dân Ta. Kìa, họ muốn xin ngươi tha thứ cho hắn; nhưng ngươi đừng nghe theo họ và đừng tiếp nhận con sói vào đàn chiên như thể nó là con cừu. Hãy truyền lệnh cho Achilles và Alexander, những người sẽ trở thành giám mục sau ngươi, rằng họ không được tiếp nhận hắn, mà phải nguyền rủa hắn trước mặt mọi người." Này, ta đã thông báo cho các ngươi điều ta được lệnh phải làm; nếu các ngươi không vâng lời và không thực hiện những gì đã được truyền dạy, thì ta sẽ không phải chịu trách nhiệm về điều đó."

[8142] Điều này ám chỉ đến lời tiên tri của tiên tri Ê-sai; xem Ê-sai 6 và các đoạn khác.

Nói xong, ngài quỳ gối xuống và cầu nguyện, và mọi người cùng cầu nguyện với ngài. Khi kết thúc lời cầu nguyện, ngài nói: "Hãy cầu nguyện cho tôi, hỡi các anh em." Những người có mặt, sau khi cầu nguyện, đáp lại: "A-men." Còn Achilles và Alexander thì hôn tay ngài và khóc, vì ngài đã nói với họ rằng họ sẽ không còn được gặp ngài nữa. Các vị trưởng lão đã truyền đạt lại cho dân chúng tất cả những lời mà Thánh Phêrô đã nói về Arius, và điều ngài đã truyền dạy cho họ là không được tiếp nhận Arius vào cộng đoàn Giáo hội, vì hắn là con sói và kẻ thù của Con Thiên Chúa.

Sau đó, Thánh Phêrô, thấy dân chúng Kitô hữu, đang bừng cháy lòng nhiệt thành, không cho phép sứ giả của vua đưa ngài ra khỏi ngục để hành quyết, và lo sợ sẽ xảy ra một cuộc đổ máu lớn do xung đột giữa dân chúng với các sứ giả của vua, hơn nữa, chính ngài cũng mong muốn sớm từ bỏ thân xác và về với Chúa, nên đã quyết định bí mật tự nộp mình cho những kẻ tra tấn, để bảo vệ dân chúng khỏi nguy hiểm và sớm đạt đến kết cục mà ngài hằng mong đợi. Ông đã bí mật cử một người đầy tớ đáng tin cậy, vốn được giao phó chăm sóc ông, đến gặp quan tòa với lời nhắn: "Nếu ngươi muốn làm điều vừa lòng vua Maximian, thì hãy bí mật đến ngục vào ban đêm, đục thủng tường, đưa ta ra và thi hành mệnh lệnh của nhà vua."

Và điều đó đã xảy ra: đêm xuống, đám đông tụ tập đông đúc trước cửa ngục tối, nơi vị mục tử thánh thiện của đoàn chiên Chúa Kitô đang bị giam giữ, không cho ai vào gặp ngài. Viên quan đến cùng các binh lính và đục một lỗ trên tường phía sau, đủ rộng để một người chui qua. Đêm đó là đêm mùa đông, gió thổi mạnh, và không một tín hữu Kitô giáo nào nghe thấy tiếng tường bị đục thủng. Thánh Phêrô, sau khi làm dấu thánh giá, đã nói: "Thà một người chết còn hơn là tất cả mọi người phải diệt vong," – rồi ngài bước ra khỏi ngục qua lỗ hổng trên tường, đến nỗi không một tín hữu nào biết chuyện này.

Thống đốc cùng các binh lính ngạc nhiên trước lòng dũng cảm của vị thánh đang bước đi đón nhận cái chết; họ bắt ngài và dẫn đến nơi mà Thánh Tông đồ Mác-cô đã chịu tử đạo, rồi tại đó, họ chém đứt đầu ngài.

Gần quan tài của Thánh Mác-cô có một thiếu nữ sống ẩn dật; khi cô đang cầu nguyện với Thiên Chúa vào đêm Thánh Phê-rô bị chém đầu, cô nghe thấy một tiếng nói từ trời phán: "Phê-rô là khởi đầu của các Tông đồ, Phê-rô là kết thúc của các vị tử đạo thành Alexandria"[8143] .

Khi bình minh ló rạng, mọi người, khi biết rằng vị mục tử của họ đã được bí mật đưa ra khỏi ngục tối và bị chém chết bên quan tài của Thánh Mác-cô, đã vội vã đến bên thi hài thánh của ngài trong tiếng khóc than, rồi mang thi hài ấy vào nhà thờ. Tại đây, họ đặt đầu thánh của ngài lên thân thể, rồi an táng ngài trên ngai vàng, tức là ở vị trí cao nhất, dựa trên lý do sau đây: vị giám mục thánh thiện này, trong suốt thời gian thi hành chức vụ mục vụ khi còn sống, chưa bao giờ ngồi trên ghế cao, mà khi đến giờ, ngài chỉ ngồi ở chân ghế và không bao giờ bước lên các bậc thang dẫn lên ghế; vì điều này, mọi người và hàng giáo sĩ của ngài thường phàn nàn và xin ngài ngồi lên ghế cao, nhưng ngài không bao giờ đồng ý. Một lần, sau Thánh lễ, ngài triệu tập toàn thể hàng giáo sĩ và nói: "Các con có biết tại sao ta không ngồi vào chỗ cao của mình và không bước lên các bậc thang của nó không? Bởi vì, khi ta đến gần bàn thờ, ta thấy trên đó có ánh sáng thiên đàng, và dường như có một Sức Mạnh Thần Thánh nào đó ngự trên đó. Sự kinh hoàng bao trùm lấy tôi, và tôi không dám ngồi ở đó, vì tự cho mình là không xứng đáng, mà chỉ ngồi dưới chân bệ, và ngay cả khi đó cũng với sự sợ hãi. Tôi nói với các vị điều này để các vị đừng ép buộc tôi nữa."

Dựa trên điều này, sau khi ngài qua đời, những người của ngài đã đặt thi hài ngài lên một nơi cao, và mọi người đều kêu lên: "Xin cầu nguyện cho chúng con, vị thánh được Chúa yêu mến!"

Sau đó, họ chôn cất ngài một cách trang trọng, ca ngợi Chúa Ba Ngôi:

Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, Ngài cũng nhận được vinh quang và sự thờ phượng từ chúng con, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

[8143] Đó là vào năm 311. Nhà sử học Giáo hội nổi tiếng Eusebius, Giám mục thành Caesarea, người cùng thời với Thánh Phêrô thành Alexandria, đã gọi ngài là "vinh quang thiêng liêng của các giám mục, cả về sự thánh thiện lẫn việc thực hành các nghi lễ thánh". Nhờ lời khuyên nhủ của ngài, cả một đoàn người tín hữu thành Alexandria đã được đội vương miện tử đạo. Sự yếu đuối của một số người, những ai không chịu nổi sự tàn bạo của những cực hình, đã thúc đẩy ngài vào năm 306 ban hành các quy tắc sám hối, vốn từ thời cổ đại đã được đưa vào hệ thống quy tắc của Giáo hội Toàn cầu, tràn đầy tình yêu Kitô giáo và được củng cố bởi những lời dạy trong Thánh Kinh. Bên cạnh đó, ngài đặc biệt nỗ lực đưa những người sa ngã trở lại lòng Giáo Hội, phân loại họ theo từng nhóm, xem xét hoàn cảnh dẫn đến sự sa ngã, kêu gọi mọi người sám hối và tuyên bố chỉ có một tội duy nhất là không thể tha thứ – đó là sự không ăn năn. Ngoài ra, người ta còn biết đến tác phẩm của ngài về Lễ Phục Sinh và những trích đoạn từ cuốn sách "Về Thần Tính", trong đó những đoạn văn tuyệt vời liên quan đến sự nhập thể của Con Thiên Chúa đã được đọc tại Công đồng Toàn cầu lần thứ III (Ê-phê-sô) và lần thứ IV (Chalcedon), tác phẩm "Về sự giáng lâm của Đấng Cứu Thế" và một số tác phẩm khác mang tính chất triết học và thần học.

Bài thánh ca chung dành cho các vị thánh, giọng 4:

Lạy Thiên Chúa, Cha của chúng con, xin luôn ở cùng chúng con theo lòng nhân từ của Ngài, xin đừng từ chối ân sủng của Ngài đối với chúng con: nhưng xin nhờ lời cầu nguyện của các ngài, xin Ngài dẫn dắt cuộc đời chúng con trong bình an.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Những cột trụ bất di bất dịch của Giáo Hội và những ngôi mộ thiêng liêng, những trụ cột thực sự vững chắc của lòng đạo đức thiêng liêng, Clément và Phêrô, những vị được mọi người ca ngợi, xin hãy bảo vệ tất cả chúng con bằng những lời cầu nguyện của các ngài.

Lễ kỷ niệm Thánh Phêrô Người Im Lặng

Ngày tưởng niệm: 25 tháng 11

Thánh Phêrô, cha thánh của chúng con, sinh ra tại Pontus trong một gia đình đạo đức, nhưng chỉ sống cùng cha mẹ được bảy năm. Phần còn lại của cuộc đời, ngài dành để tu học, trước hết tại Galatia, sau đó, để hoàn thiện bản thân, ngài lên đường đến Palestine, nơi ngài chuyên tâm cầu nguyện, rồi định cư tại Antioch. Ông tự giam mình trong một nhà kho, dành thời gian cho việc cầu nguyện không ngừng nghỉ để chăm lo cho linh hồn mình. Ông không ăn gì ngoài bánh mì, không uống gì ngoài nước, và ngay cả nước cũng chỉ uống một lượng rất ít mỗi hai hoặc ba ngày. Ông có quyền năng chế ngự các quỷ dữ. Chẳng hạn, Thánh Phêrô đã giải thoát một người tên là Đaniel khỏi sự ám ảnh của quỷ; người này, sau khi được chữa lành, nhờ sự hướng dẫn và dạy dỗ của Thánh Phêrô, đã trở thành người noi gương cuộc sống của ngài. Thánh Phêrô đã mở mắt cho những người mù và chữa lành nhiều bệnh tật khác nhau. Ngài truyền dạy những lời khuyên răn bằng văn bản hoặc bằng lời nói. Nhờ cuộc đời thánh thiện của mình, ngài được tôn vinh khắp Antioch và các vùng lân cận. Sau khi sống đến chín mươi tuổi, được trang hoàng bởi nhiều đức hạnh và những việc làm thầm lặng, vị thánh đã an lành về với Chúa, vào khoảng năm 429[8144] .

Ngày 9 tháng 12

26 tháng 11 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Alius, người sống trên cột

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 11

Alipius, tôi tớ của Chúa Kitô, xuất thân từ thành phố Adrianopolis thuộc Paphlagonia[8145] . Chúa đã chọn ngài để phục vụ Ngài ngay từ trước khi ngài chào đời. Một đêm nọ, không lâu trước khi con trai chào đời, mẹ ngài đã có một thị kiến như sau. Bà thấy mình đang bế trên tay một con chiên con rất xinh đẹp, với hai ngọn nến đang cháy trên hai sừng của nó. Khi đến giờ sinh của Alipius, căn phòng bỗng tràn ngập ánh sáng thiêng liêng: đó là điềm báo về sự rạng ngời của cuộc đời công chính tương lai của Alipius, vì cậu được định sẵn sẽ trở thành ngọn đèn soi sáng thế gian. Sau khi Alipius chào đời, mẹ cậu chìm vào giấc ngủ, và trong giấc mơ, bà lại có một thị kiến khác: tất cả cư dân trong thành phố đổ về phòng bà và vây quanh đứa trẻ, cất tiếng hát các thánh vịnh và những bài thánh ca thiêng liêng. Người mẹ ghi nhớ những thị kiến này, cất giữ chúng trong lòng và suy ngẫm về số phận tương lai của con trai mình.

[8144] Lễ kỷ niệm Thánh Phêrô Người Im Lặng được cử hành vào ngày 1 tháng 2.
[8145] Paphlagonia – một tỉnh của Đế quốc La Mã ở phía bắc Tiểu Á với thành phố chính là Gangra.

Một thời gian sau, chồng bà qua đời, và vì không muốn tái hôn, bà đã dành thời gian góa bụa của mình để ăn chay và cầu nguyện, làm đẹp lòng Chúa bằng lối sống trong sạch, đồng thời cùng con trai đặt trọn niềm tin vào Đấng Cha chân chính của những đứa trẻ mồ côi và những người góa bụa.

Sau khi nuôi nấng con trai và dâng con cho việc phụng sự Thiên Chúa, bà, giống như bà Anna xưa kia, mẹ của Samuel (1 Sa-mu-ên 1:24–28), đã đưa con đến đền thờ Thiên Chúa và giao phó cho Đức Giám mục Theodoros, vị thánh phúc tại Adrianople. Nhận ra bằng Thánh Thần ân sủng của Đức Chúa Trời ngự trên cậu bé, vị giám mục đã hết mực yêu thương cậu và bắt đầu dạy dỗ cậu về Kinh Thánh. Khi trưởng thành, Alipius vượt trội hơn các bạn cùng lứa về sự khôn ngoan và trí tuệ; còn nhờ lối sống tốt đẹp và các đức tính cao quý, cậu đã chiếm được tình yêu của Đức Chúa Trời và mọi người. Linh hồn cậu tràn đầy lòng kính sợ Thiên Chúa, khiêm nhường và hiền lành; còn nhờ sự khôn ngoan của mình, cậu dường như thể hiện được sự khôn ngoan của người già và có *"sự khôn ngoan là tóc bạc đối với loài người, và đời sống vô tì vết là tuổi già"* (Sách Khôn Ngoan 4:9). Nhờ những đức tính này, ngài được bổ nhiệm làm quản lý tài chính của Giáo hội, sau đó được phong chức phó tế, và trong chức vụ này, ngài đã thực hiện sự phục vụ vô tì vết của mình cho Thiên Chúa.

Một thời gian sau, Alipius khao khát một cuộc sống ẩn dật, để trong sự tĩnh lặng, một mình ông có thể tận tụy phụng sự Đức Chúa Trời hơn và tận hưởng sự suy ngẫm không ngừng về Ngài. Ông đã chia sẻ khát vọng từ tận đáy lòng này với người mẹ công chính của mình, người mà, giống như nữ tiên tri Anna[8146] , không bao giờ rời xa nhà thờ và ngày đêm thực hiện sự phụng sự Đức Chúa Trời qua việc ăn chay và cầu nguyện; bà đã từ lâu phân phát tài sản của mình cho người nghèo và, sau khi hứa hôn với Đấng Christ, đã được phong làm nữ phó tế. Chính với người nữ tỳ trung thành của Chúa này, cũng là mẹ ruột của mình, Thánh Alipius đã chia sẻ ý định của mình:

– Con muốn đi về phía đông, – ngài nói với bà, – vì con nghe nói rằng ở đó, trong các sa mạc, có nhiều vị thánh phụ đang sống trong sự thinh lặng; con sẽ ở cùng họ và, nhìn vào đời sống thánh thiện của họ, con sẽ cố gắng, với sự giúp đỡ của Chúa, noi gương đời sống đạo đức của họ. Còn mẹ, xin hãy cầu nguyện cho con, để Chúa, theo thánh ý của Ngài, dẫn dắt con đường của con và để Ngài hài lòng với sự khởi đầu này của con.

Không hề buồn bã vì phải xa con trai, người mẹ giơ hai tay lên trời và, sau khi cầu nguyện sốt sắng với Chúa, bà ban phước lành cho con và tiễn con ra đi trong bình an. Không nói với ai ngoài mẹ, thánh Alipius rời khỏi quê hương Adrianople và, với lòng khao khát thiêng liêng, lao vào hành trình, như con nai lao về phía suối nước. Tin tức về sự ra đi của ngài đã khiến Giám mục Theodoros, các linh mục và giáo dân vô cùng đau buồn, vì họ đã mất đi một người đồng hương tốt bụng, người đã làm rạng rỡ Giáo hội của Chúa bằng gương sống đạo đức, thánh thiện như thiên thần, và mang lại nhiều lợi ích lớn lao cho nhiều con cái trung thành của Giáo hội. Đức Giám mục ngay lập tức sai các tôi tớ của mình đi khắp nơi để tìm kiếm vị thánh; không lâu sau, họ đã tìm thấy ngài tại Evkhait[8147] vào ngày kỷ niệm thánh tử đạo Theodoros. Chỉ nhờ rất nhiều nỗ lực, lúc thì van nài, lúc thì đe dọa, họ mới có thể đưa ngài trở về quê hương; vì Thiên Chúa không muốn Paphlagonia mất đi ngọn đèn sáng như vậy, nhờ đó nhiều người sẽ được kêu gọi từ bóng tối tội lỗi đến ánh sáng của đời sống thánh thiện. Khi trở về nhà, Thánh Alipius vô cùng đau buồn vì chuyến đi không thành công và ước nguyện chưa được thực hiện. Nhưng Thiên Chúa, Đấng an ủi mọi người, đã an ủi ngài và xoa dịu nỗi buồn của ngài bằng một sự hiện ra thiêng liêng. Một người đàn ông kỳ diệu, hay đúng hơn là một Thiên thần của Thiên Chúa, đã hiện ra với ngài trong một giấc mơ và nói:

– Đừng buồn rầu, Alipius, vì đã trở về từ con đường mong ước, nhưng hãy vững tin rằng mọi nơi mà người yêu mến Thiên Chúa chọn để sống đời đạo đức và làm đẹp lòng Thiên Chúa đều là thánh thiêng.

Được an ủi bởi giấc mơ này, Alipius không còn buồn bã nữa và tiếp tục cuộc sống tu hành của mình, siêng năng tu tập và phụng sự Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, khao khát được ẩn dật ở một nơi hoang vắng nào đó vẫn không rời bỏ ông. Vì vậy, ông nhiều lần ra khỏi nhà và đi vòng quanh các ngọn núi, cánh đồng và khu rừng lân cận, tìm kiếm một nơi thuận tiện để suy ngẫm về Chúa. Một lần, khi leo lên ngọn núi nằm ở phía nam thành phố, ông đã tìm thấy trên đó một nơi cao ráo và phong cảnh hữu tình, cách xa tiếng ồn và sự hối hả của thành phố. Ông rất ưng ý nơi này và, sau khi mang theo dụng cụ đào đất, ông đã đào một cái giếng cho mình tại đó. Trong lúc đó, ông không chỉ dùng cuốc để đào mà còn chăm chỉ cầu nguyện với Chúa bằng lời nói, nhờ đó đã khai thông được nguồn nước từ lòng đất. Sau khi hoàn thành công việc này, Thánh Alipius đã đến gặp vị giám mục, xin phép được định cư tại đó và xây dựng một nhà thờ. Vị giám mục, dù không cấm cản ngài thực hiện mong muốn này, nhưng đã bí mật sai các

[8146] Ngày tưởng niệm Thánh Anna, nữ tiên tri, được cử hành vào ngày 3 tháng 2.
[8147] Euchait – một thành phố ở phía bắc Tiểu Á, ngày nay là Mereivan.

đầy tớ lấp nguồn nước bằng những tảng đá lớn và phủ đất lên trên: ông không muốn vị thánh an cư tại nơi này, vì ngọn núi rất cao và gần như không thể tiếp cận đối với bất kỳ ai muốn đến thăm vị thánh, hơn nữa lại nằm xa thành phố; vị giám mục mong muốn Alipius định cư gần thành phố hơn và ở một nơi thuận tiện hơn. Khi thấy suối của mình đã bị lấp đầy, vị thánh đã rời khỏi ngọn núi đó và bắt đầu tìm kiếm một nơi khác ở vùng lân cận thành phố.

Ngay trước cửa thành có một vùng hoang mạc, nơi mà vào thời cổ đại, những người Hy Lạp ngoại đạo từng chôn cất người chết của họ. Vùng hoang mạc này bị chiếm đóng bởi vô số linh hồn ô uế; do đó, mọi người đều sợ hãi nơi này và không ai dám đi qua vì những nỗi kinh hoàng do ma quỷ gây ra. Thấy mọi người đều tránh xa sa mạc này, Thánh Alipius đã định cư tại đó trong một trong những quan tài[8148] ; trên quan tài có một cột đá, và trên cột đá là một tượng thần. Sau khi đập vỡ tượng thần như một chiếc bình đất sét, vị thánh đã dựng lên một cây thánh giá tại chỗ đó. Như vậy, không hề sợ hãi trước những điều kinh hoàng do ma quỷ gây ra hay những cuộc tấn công của chúng, ngài bắt đầu sống tại đó, xua đuổi các đạo quân ma quỷ ra xa bằng vũ khí là Thánh Giá và những mũi tên của lời cầu nguyện. Một lần nọ, trong giấc ngủ, Thánh Alipius được hai vị thánh nhân mặc áo lễ hiện ra trong giấc mơ và nói với ngài:

– Tại sao ngươi lại để chúng ta phải chờ đợi ngươi ở đây lâu đến thế, hỡi người của Chúa? Nếu ngươi chính là Alipius, người được Chúa định sẵn để thánh hóa nơi này và làm dồi dào lời ngợi khen Chúa tại đây, thì hãy lập tức bắt tay vào việc mà ngươi phải thực hiện.

Khi tỉnh dậy, vị thánh nhân ngạc nhiên trước những lời của hai người đàn ông mà ngài đã thấy, không hiểu họ là ai, và ngài phải làm gì tại nơi này để làm rạng rỡ danh Chúa. Không lâu sau đó, Giám mục Theodorus của Adrianopolis cần phải đến gặp hoàng đế vì một việc gì đó, và Thánh Alipius phải tháp tùng ngài với tư cách là một giáo sĩ. Mặc dù không muốn, nhưng chỉ tuân theo ý muốn của giám mục, ngài lên đường và tiễn ngài đến Chalcedon, nơi vị giám mục dự định lên tàu để ra khơi đến Constantinople.

Trong lúc đó, Alipius bước vào một nhà thờ nằm bên bờ biển, và sau khi cầu nguyện ở đó, ông chợp mắt một lát. Bỗng nhiên, trong giấc mơ, một thiếu nữ xinh đẹp như mặt trời hiện ra trước mắt ông và nói:

– Hãy mau dậy đi, Alipius!

Bị choáng ngợp bởi vẻ đẹp của nàng, Alipius hỏi:

– Thưa quý cô, cô là ai, và tại sao lại bảo tôi dậy ngay?

– Ta là Euphemia, tôi tớ của Chúa Kitô và là vị tử đạo, – nàng đáp. – Hãy thức dậy và, nếu ngươi muốn, chúng ta sẽ cùng về quê hương của ngươi! Theo ý Chúa, ta sẽ là người đồng hành và trợ giúp của ngươi.

Khi vị thánh tử đạo thốt lên những lời ấy, Alipius bừng tỉnh và không thấy ai trước mặt mình nữa, nhưng lòng anh tràn ngập niềm vui thiêng liêng. Anh hiểu rằng Chúa muốn anh trở về với sự tĩnh lặng. Vì vậy, sau khi chia tay vị giám mục, anh trở về quê hương, được sự trợ giúp vô hình và những lời cầu nguyện của thánh nữ tử đạo vĩ đại Euphemia đồng hành; hình ảnh kỳ diệu và cuộc trò chuyện ngọt ngào của bà luôn được anh giữ trong lòng và làm cho tâm hồn anh tràn ngập niềm vui.

Khi đến Adrianople, nơi sa mạc thinh lặng của mình, ông nảy sinh ý định xây dựng một nhà thờ tại nơi này để tôn vinh Thánh Euphemia. Ông không có đủ phương tiện cần thiết cho việc này, bởi vì, sau khi phân phát hết tài sản của mình và theo gương Đấng đã tự hạ mình trở nên nghèo khó vì chúng ta, ông, như một người ăn xin, không có vàng, không có bạc, thậm chí không có cả đồng ở thắt lưng. Lúc đó, ông khẩn cầu những người dân và hàng xóm quen biết giúp đỡ mình. Khi biết được nguyện vọng của ngài, họ hăng hái mang đến cho ngài mọi thứ cần thiết, và chẳng bao lâu sau, giữa những ngôi mộ ngoại đạo, một nhà thờ mang tên Thánh Tử đạo Euphemia đã được xây dựng. Khi nền móng đã được đào xong, hai người đàn ông nói trên, mặc áo lễ, lại hiện ra trong giấc mơ của Thánh Alipius. Một trong hai người cầm lư hương trên tay và xông hương lên nền móng, qua đó biểu thị rằng nơi đây sẽ có một nhà thờ vĩ đại, còn người kia thì hát:

– Hosanna cho nơi này!

Không ai biết hai người đàn ông đó là ai – nhưng một thời gian sau, người ta đã tìm thấy thi hài không bị hư nát và tỏa hương thơm của hai người đàn ông đó, những người đã hai lần hiện ra trong giấc mơ của Thánh Alipius. Theo lệnh của ngài, những thi hài thánh này đã được an táng trong nhà thờ do ngài xây dựng.

[8148] Vào thời đó, người ta thường dùng các hang động trên núi làm nơi an táng, có khi là hang tự nhiên, có khi là hang được đào hoặc đục đẽo nhân tạo, nơi người ta đặt thi thể người quá cố, được quấn trong những tấm vải liệm hoặc khăn trải giường đặc biệt.

Ngay cả trước khi nhà thờ được thánh hiến, các đạo quân ma quỷ, khi thấy rằng nhờ sự nỗ lực của Thánh Alipius, một cộng đồng thánh nhân đang được dựng lên giữa nơi cư ngụ của chúng, và nơi mà trước đây chúng gieo rắc nỗi sợ hãi và kinh hoàng cho mọi người, ân sủng của Thiên Chúa bắt đầu hiện diện, chúng đã lao đến nhà thờ mới được xây dựng và phòng tu của thánh nhân với những tiếng la hét và gào thét dữ dội, mong muốn phá hủy tòa nhà đến tận nền móng và, bằng cách dọa nạt vị thánh nhân, đuổi ngài ra khỏi đó. Trong cơn thịnh nộ, lũ quỷ gào thét bằng nhiều giọng khác nhau, như những con thú bị kích động, hay những chiến binh giận dữ: nhưng chiến binh của Chúa Kitô, , đã đứng lên cầu nguyện, lấy lời cầu nguyện làm vũ khí bất khả chiến bại và ngay lập tức đánh bại sức mạnh ảo ảnh của lũ quỷ, đến nỗi lũ quỷ phải bỏ chạy trong nhục nhã, như bụi bị gió cuốn đi.

Khi nhà thờ được thánh hiến, dân chúng từ khắp thành phố bắt đầu đổ về đó để ngợi khen Thiên Chúa và lắng nghe những lời giảng dạy bổ ích cho tâm hồn của vị thánh. Lúc bấy giờ, Alipius, trang bị cho mình sức mạnh còn lớn hơn nữa để chống lại kẻ thù, đã leo lên cột, giống như Thánh Simeon, vị tu sĩ cột đầu tiên, và trở thành như một người canh gác, từ xa quan sát các đạo quân quỷ dữ đang tiến đến và dũng cảm chiến đấu với chúng ngày đêm. Còn các quỷ dữ, dù luôn bị ngài đánh bại, nhưng vẫn không ngừng những cuộc tấn công vô liêm sỉ vào vị thánh.

Một đêm nọ, những linh hồn ác quỷ bắt đầu ném đá vào Alipius, gây ra những vết thương nặng nề cho ngài. Chịu đựng những cú ném đá, vị thánh nói với lũ quỷ:

– Các ngươi muốn gì ở ta, hỡi những con quỷ ghét loài người và mang lại sự diệt vong? Các ngươi nổi giận và chống đối các tôi tớ của Đức Chúa Trời một cách ác độc là vô ích. Những hòn đá mà các ngươi ném vào ta sẽ làm chứng trước mặt Đấng Christ vào Ngày Tái Lâm về sự ngang ngược và ác độc vô liêm sỉ của các ngươi. Hãy biết rằng ta không coi trọng việc các ngươi ném đá và xem đó như một trò chơi trẻ con. Này, tôi đang tháo những tấm ván mỏng dùng làm mái che trên đầu mình, để có thể dễ dàng đón nhận những đòn đánh và chịu đựng vì Chúa của tôi những gì mà Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano đã phải chịu đựng. Các ngươi đã giết ngài bằng tay những người Do Thái, và các ngươi sẽ cùng họ thừa hưởng địa ngục lửa.

Nghe những lời này và nhận ra rằng vị tử đạo bất khả chiến bại sẵn sàng chịu đựng mọi điều vì Đức Chúa Trời, lũ quỷ đã chạy tán loạn khắp mọi hướng khỏi nơi đó. Đêm ấy, một số người đi đường đã nghe thấy điều này, họ cũng nhìn thấy lũ quỷ chạy trốn khỏi đó dưới nhiều hình dạng khác nhau, khóc lóc thảm thiết và gào thét:

– Alipius đã đuổi chúng ta khỏi nơi ở của chúng ta! Chúng ta phải đi đâu đây? Chúng ta không còn chỗ nào để đi nữa!

Còn vị thánh nhân thì tháo tấm mái che nhẹ nhàng vốn che trên đầu ngài khỏi cột, và đứng đó, chỉ có bầu trời làm mái che duy nhất, dũng cảm chịu đựng cái lạnh và cái nóng, mưa và mưa đá, tuyết và sương giá. Và ngài đã trở thành vị tử đạo tự nguyện không phải trong một thời gian ngắn, mà suốt 53 năm, chịu đựng trên cột của mình, như thể bị đóng đinh vào thập tự giá. Trong thời gian đó, rất nhiều người, nam nữ, thanh niên và người già, đã đổ về với ngài để lắng nghe những lời dạy bổ ích và được chữa lành các bệnh tật. Vì nhiều người trong số họ đã định cư ngay bên cạnh ngài, vị thánh đã ra lệnh xây dựng hai tu viện, một dành cho nam và một dành cho nữ, một tu viện nằm ở một bên cột, tu viện kia nằm ở bên kia. Còn ngài thì đứng trên cột ở giữa, soi sáng cả hai tu viện bằng giáo lý và gương sáng của cuộc đời thiên thần, đồng thời bảo vệ họ bằng những lời cầu nguyện của mình. Alipius đã ban cho họ các luật lệ và quy tắc tu hành, ra lệnh phải cẩn trọng đề phòng những mưu mô của ma quỷ; đồng thời, ngài đặc biệt răn dạy các nữ tu tuyệt đối không được xuất hiện trước mặt nam giới.

Tại tu viện nữ, mẹ của Thánh Alipius sống cùng con gái mình, còn em gái của ngài, Maria, cùng với những phụ nữ quý tộc khác ở Adrianople, trong đó có Euphemia và Euvula, những người đã từ bỏ toàn bộ tài sản, con cái, người thân và bạn bè, cũng như mọi sự hão huyền và sự ngọt ngào của thế gian này, để khoác lên mình hình ảnh của các thiên thần, và bằng cuộc sống của mình, trở nên giống như chính các thiên thần.

Mẹ của vị thánh này mang chức vụ nữ phó tế và, mặc dù sống theo lối tu hành, nhưng bà không muốn cạo đầu,

– Làm nữ phó tế hay nữ tu thì cũng như nhau thôi – bà nói.

Con trai bà đã nhiều lần khẩn cầu bà khoác lên mình áo tu sĩ, nhưng bà không nghe theo cho đến khi nhận được chỉ dẫn về điều đó trong một giấc mơ ban đêm. Lúc đó, chính bà đã chủ động xin con trai cạo đầu cho mình để trở thành tu sĩ. Trong giấc mơ, bà thấy những cung điện tráng lệ, bên trong vang lên tiếng hát du dương ca ngợi Thiên Chúa. Khi bà muốn bước vào đó, một người đàn ông oai phong và rạng rỡ, đang đứng ở lối vào các đại sảnh, đã chặn đường bà lại và nói:

– Bà sẽ không được vào đây, vì ở đây là nơi các nữ tỳ của Chúa đang hân hoan, những người đã phụng sự Ngài trong đời sống tu hành. Còn bà thì không mặc áo tu hành, nên bà không thể vào đây và tham gia vào niềm vui của họ.

Những lời này đã khiến mẹ của Thánh Alipius cảm thấy vô cùng xấu hổ, và khi tỉnh dậy, bà đã nài nỉ con trai cho phép bà được thụ giới tu sĩ. Sau khi thụ giới, bà đã nhân đôi những nỗ lực tu hành, thêm những công việc mới vào những công việc trước đây của mình.

Sau khi sống thêm nhiều năm trong đời tu, bà đã về với Chúa, đã làm đẹp lòng Ngài khi còn tại thế. Còn con trai bà, vị thánh cha Alipius của chúng ta, đã làm đẹp lòng Thiên Chúa đến nỗi ngay khi còn sống, ngài đã được chiếu sáng bởi ánh sáng thiên đàng : nhiều lần, một cột lửa xuất hiện trên đầu ngài, vươn cao tới tận mây trời và chiếu sáng khắp nơi xung quanh ngài. Hiện tượng này xảy ra thường xuyên, lúc thì ban ngày, lúc thì ban đêm, nhưng phần lớn là vào ban đêm; và khi có sấm sét, ánh sáng thiên đàng trên vị thánh ấy lại hiện lên cao hơn cả cột đá mà ngài đang đứng.

Nhiều tín hữu sống thánh thiện đã được chứng kiến điều này; những người khác, khi tình cờ nhìn thấy ánh sáng từ xa, lại nghĩ rằng cột đá của vị thánh đang bốc cháy bằng ngọn lửa thực sự. Còn những người xứng đáng thì có thể nhìn rõ dấu hiệu vô cùng kỳ diệu của vinh quang thiên đàng này: đó là cách Thiên Chúa tôn vinh người tôi tớ trung thành của Ngài.

Và vị thánh đã thực hiện nhiều phép lạ nhờ ân sủng của Đức Kitô: chữa lành người bệnh, trừ quỷ khỏi con người, và tiên tri về tương lai. Mười bốn năm trước khi qua đời, đôi chân ngài bị một căn bệnh quái ác hành hạ, đến nỗi suốt thời gian đó ngài không thể đứng dậy và phải nằm nghiêng một bên cho đến tận lúc trút hơi thở cuối cùng. Khi các môn đệ của vị thánh muốn lật ngài sang bên kia, ngài không cho phép, nhưng đã chịu đựng mọi sự như một Gióp thứ hai, tạ ơn Thiên Chúa, Đấng mà ngài đã về với niềm vui[8149] . Và sau khi ngài qua đời, nhiều phép chữa lành đã được ban cho những người bệnh từ thi hài thánh của ngài, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Ngài là trụ cột của sự kiên nhẫn, vị tổ phụ thánh thiện đầy nhiệt thành, giống như Gióp trong những đau khổ, Giuse trong những cám dỗ, và sống đời vô hình trong thân xác này, Cha Alipie của chúng con, xin cầu thay cho Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Vì ngài là nguồn cảm hứng của các đức hạnh và là nguồn động lực cho những người ăn chay, hôm nay Giáo hội tôn vinh ngài và ca ngợi Alipius: nhờ những lời cầu nguyện của ngài, xin ban cho những ai tôn kính ngài tình yêu đối với những đức hạnh và cuộc đấu tranh của ngài, cũng như sự giải thoát khỏi những tội lỗi tàn ác, như vị thánh cùng tên.

Lễ kỷ niệm Thánh Giacôbê Ẩn sĩ

Ngày tưởng niệm: 26 tháng 11

Thánh Cha Giacôbê của chúng ta đã tu hành trên núi, không có giường, không có phòng tu, cũng không có tấm che để tránh thời tiết khắc nghiệt. Một căn bệnh nặng ở bụng đã ập đến với ngài khi ngài tách biệt khỏi mọi người. Khi có ai đến thăm ngài, dù đang chịu đau đớn dữ dội, ngài vẫn ra đón và giảng dạy cho những người đến về lòng đạo đức. Ngài đeo xiềng xích sắt và mặc áo lông cừu bên ngoài. Thức ăn của ngài là đậu lăng luộc, mà ngài dùng vào buổi tối. Nhờ những nỗ lực và đau khổ ấy, ngài đã nhận được ân sủng thiêng liêng đến mức có thể làm

[8149] Thánh Alipius qua đời dưới triều đại Hoàng đế Heraclius (610–641) gần Adrianopolis thuộc Paphlagonia. Đầu thánh của ngài hiện đang được lưu giữ tại tu viện Kutlumush trên núi Athos.

cho người chết sống lại. Một lần nọ, cha của một thiếu niên đã qua đời đến gặp ngài và, trong tiếng khóc nức nở, nói với vị thánh:

– Con biết, hỡi tôi tớ của Chúa, rằng với ngài thì mọi sự đều có thể, chỉ cần ngài chịu cầu nguyện.

Thánh Giacôbê, khi thấy những giọt nước mắt của người cha, đã quỳ gối xuống và, sau khi cầu khẩn Thiên Chúa, đã làm cho cậu thiếu niên sống lại, rồi trao cậu cho người cha. Vị thánh còn thực hiện nhiều phép lạ kỳ diệu khác nữa.

Thánh Giacôbê đã phải chịu đựng nhiều cám dỗ từ ma quỷ và chỉ bằng lời cầu nguyện, ngài mới xua đuổi được chúng. Có một người đàn ông mang nước từ xa đến cho vị thánh hai lần mỗi tuần. Ma quỷ, với ý định làm Thánh nhân chết khát, đã biến hình thành hình dáng của ngài và chặn người đàn ông mang nước trên đường đi, lấy nước của anh ta rồi ép anh ta phải quay trở lại. Tuy nhiên, một lần nọ, người đàn ông này đã lén lút, tránh được kẻ thù, mang nước đến cho vị Thánh nhân già. Thánh nhân, khi nhìn thấy anh ta và nước anh ta mang đến, đã nói:

– Sao con ơi, đã lâu con không mang nước cho ta, khiến ta phải chịu khát rất nhiều?

– Thưa Cha, – người ấy đáp, – con luôn mang nước đến vào đúng ngày và giờ đã hẹn. Nhưng trên đường đi, có ai đó chặn đường con, không cho con đến được nơi này.

– Từ nay trở đi, – vị thánh nói, – nếu có ai gặp con và cản trở con đi tiếp, con đừng đưa bình nước cho người ấy, cho đến khi con đến được đây.

Nhờ sự tu hành như vậy, ông đã trở thành một vị thánh làm phép lạ vĩ đại, và đã ra đi trong niềm vui về với Chúa[8150] .

Lễ kỷ niệm việc thánh hiến nhà thờ Thánh George, vị tử đạo vĩ đại, tại Kiev.

Ngày kỷ niệm 26 tháng 11

Hoàng tử Yaroslav, vị thánh phúc lành và mãi mãi được tưởng nhớ của đất nước Nga, con trai của Hoàng tử Vladimir, người ngang hàng với các Tông đồ, đã muốn xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Thánh Tử đạo vĩ đại George[8151] , tức là để vinh danh Thiên thần hộ mệnh của mình, vì Yaroslav đã được đặt tên là George trong lễ rửa tội thánh. Ông đã chọn địa điểm xây dựng nhà thờ này gần Nhà thờ Thánh Sofia, cụ thể là ở phía tây của nhà thờ này, hướng về Cổng Vàng.

Khi bắt đầu xây dựng nhà thờ này, số thợ xây dựng còn rất ít.

Thấy vậy, Yaroslav đã gọi tiun[8152] và hỏi ông ta:

– Tại sao lại có ít người lao động tại nhà thờ của Chúa như vậy?

Tiun trả lời:

– Bởi vì đây là công trình của nhà vua (tức là nhà thờ được xây dựng bằng kinh phí riêng của hoàng tử), nên người dân lo sợ rằng họ sẽ không được trả công cho công sức của mình.

Lúc đó, hoàng tử ra lệnh cho người ta dùng xe ngựa chở kho báu của mình đến dưới vòm cổng vàng và thông báo tại chợ cho dân chúng biết rằng ai cũng có thể nhận được từ hoàng tử một nogat[8153] mỗi ngày cho công việc của mình. Rất nhiều thợ đã đến, công việc tiến triển thuận lợi hơn và ngôi đền sớm được hoàn thành.

Lễ thánh hiến được cử hành vào ngày 26 tháng 11 năm 1051 bởi Tổng giám mục Ilarion[8154] . Công tước ra lệnh rằng ngày thánh hiến này phải được tổ chức hàng năm trên toàn nước Nga để tôn vinh Thánh Đại Tử Đạo George[8155] .

[8150] Thánh Giacôbê, một ẩn sĩ, đã tu hành gần thành Cira ở Syria vào thế kỷ V. Ngài qua đời vào năm 457.

[8151] Cho đến nay, không còn bất kỳ di tích nào còn sót lại của Nhà thờ Thánh George.

[8152] Tiun – quan quản lý do công tước bổ nhiệm, là quan tòa cấp thấp; còn ở đây – với tư cách là giám sát viên trong công trình xây dựng của công tước.

[8153] Nogata – một loại tiền cổ của Nga, tương đương với một nửa đồng четвертак, tức là 12,5 kopeck.

[8154] Ilarion – vị tổng giám mục đầu tiên tại Nga thuộc dòng dõi người Nga bản địa. Ông được chính công tước và hội đồng các giám mục bầu chọn và được phong chức tổng giám mục nhờ đời sống tu hành và tài giảng dạy; ông lãnh đạo Giáo hội Nga từ năm 1051 đến 1054. Ông là tác giả của tác phẩm "Lời về Luật pháp và Ân sủng", "Tuyên xưng đức tin", và còn lưu truyền nhiều thông điệp giáo huấn khác cùng các bài giảng của ông.

Bài thánh ca, giọng 4:

Hôm nay, muôn dân khắp nơi đều ca ngợi ngài, vì ngài đã được tràn đầy những phép lạ thiêng liêng, và đất đai hân hoan, được tưới đẫm bằng máu của ngài: còn dân chúng thành Kiev, những người mang danh Chúa Kitô, đã hân hoan vui mừng nhờ lễ thánh hiến ngôi thánh đường thiêng liêng của ngài, Thánh George, vị tử đạo, bình chứa được Thánh Thần chọn lựa, người được Chúa Kitô yêu mến: xin Ngài cầu thay cho những ai đến thánh đường của Ngài với lòng tin và lời cầu nguyện, để được tẩy sạch tội lỗi, mang lại hòa bình cho thế gian, và cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Thánh George, vị Đại Tử Đạo Thần Thánh và Đội Vương Miện của Chúa Kitô, Đấng đã giành chiến thắng trước kẻ thù, chúng con, những người tụ họp trong đức tin tại ngôi đền thánh này, xin ca ngợi Ngài, Đấng mà Thiên Chúa đã thương xót tạo dựng nhân danh Ngài, và Ngài đang an nghỉ trong số các thánh.

Ngày 10 tháng 12

Ngày 27 tháng 11 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Giacôbê người Ba Tư

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 11

Thánh Tử đạo Giacôbê sinh ra tại Ba Tư, trong một gia đình Kitô hữu, những người đã nuôi dạy ngài trong sự đạo đức. Sau khi kết hôn với một phụ nữ Kitô hữu, ngài sống trong giàu sang và danh vọng, vì được vua Ba Tư Izdigerd và người kế vị ngài là Varahran[8156] yêu mến, người đã bổ nhiệm ngài làm quản lý cung điện của mình. Được các vị vua Ba Tư ưu ái, ông đã bị mê hoặc bởi những vinh quang trần thế, từ bỏ đức tin Kitô giáo và, cùng với nhà vua, dâng lễ vật cho các thần tượng và thờ lạy chúng. Khi biết được điều này, mẹ và vợ ông đã gửi cho ông một lá thư, trong đó họ nhắn nhủ ông như sau:

– Hỡi kẻ khốn khổ, tại sao ngươi lại vì danh vọng trần gian mà bỏ rơi Đức Chúa Trời, Vua Thiên Đàng? Khi nịnh bợ vị vua tạm thời, ngươi đã tự tách mình khỏi cuộc sống bất tử. Khi phụng sự những gì hư nát, ngươi đã quay lưng lại với những gì bất diệt. Ngươi đã chọn sự dối trá thay vì sự thật, bởi vì khi từ bỏ đức tin nơi Đấng Christ, ngươi đã sa vào cám dỗ của ma quỷ. Khi vâng phục vị vua phàm trần, ngươi đã khinh thường Đấng Phán Xét của người sống và người chết, và trong khi tìm kiếm tình yêu của loài người, ngươi đã trở nên không xứng đáng với tình yêu của Đức Chúa Trời và mất đi những ân huệ trên trời. Chúng tôi khóc lóc và than thở vì ngươi, bởi vì, trước đây là con của ánh sáng, giờ đây ngươi đã trở thành con của bóng tối và địa ngục. Hãy biết rằng, nếu ngươi không từ bỏ sự mê hoặc của ma quỷ, thì ngươi sẽ không được hiệp thông với chúng tôi, vì chúng tôi không muốn nhìn thấy ngươi là kẻ thờ thần tượng. Và chúng tôi khẩn cầu anh trong nước mắt: hãy quay về với Đấng Christ, để anh có thể tránh khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Hãy đáp ứng lời cầu xin của chúng tôi càng sớm càng tốt và đừng chần chừ, nếu không sẽ quá muộn. Và khi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống anh cùng với nhà vua và các bạn bè của ông ta, thì sẽ không còn đường quay lại, và anh sẽ khóc than thảm thiết khi thấy mình ở trong địa ngục lửa.

Bức thư này của mẹ và vợ Gia-cơ đã được gửi cho ông vào lúc ông đang ở cùng nhà vua ngoài thành. Sau khi đọc xong bức thư, Gia-cơ cảm động và nghĩ thầm:

[8155] Lễ kính Thánh Giô-rê vào ngày 26 tháng 11 này cũng đã tồn tại, và vẫn còn tồn tại cho đến nay, tại Hy Lạp, cũng nhân dịp một nhà thờ Hy Lạp được thánh hiến để tôn vinh vị thánh này.

[8156] Izidgerd I trị vì từ năm 399 đến năm 420; con trai ông là Varahran trị vì từ năm 420 đến năm 438.

– Nếu ngay cả mẹ và vợ ta cũng từ bỏ ta vì ta đã chối bỏ Đấng Christ và không muốn gặp ta nữa, – thì điều gì sẽ xảy ra với ta trong thế giới tương lai, khi Đức Chúa Trời đến để phán xét người sống và người chết, và ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ?

Và sau khi đọc lại lá thư một cách chăm chú, ông khóc nức nở và bắt đầu ăn năn về tội lỗi của mình. Rồi ông tự nhủ:

– Đây là điều tôi sẽ làm để không bị hư mất hoàn toàn. Tôi sẽ không ngừng gõ cửa lòng thương xót của Đức Chúa Trời cho đến khi cánh cửa ấy mở ra cho tôi. Và tôi tin rằng cánh cửa ấy sẽ mở ra, vì Đức Chúa Trời là Đấng nhân từ và thương xót: Ngài không muốn kẻ có tội phải chết, nhưng *"muốn kẻ có tội từ bỏ con đường của mình và được sống"* (Ê-xê-chi-ên 33:11).

Khi ông nói những lời ấy trong tiếng khóc thảm thiết, một số người ngoại đạo, thấy ông là Kitô hữu, đã đi báo tin đó cho vua Varahran. Vua triệu tập Giacôbê và nói với ông:

– Hãy nói cho chúng ta biết sự thật – ngươi có phải là người Nazarét không?

Gia-cơ đáp:

– Vâng, tôi là người Nazareth.

– Vậy ngươi là nhà chiêm tinh sao? – nhà vua lại hỏi.

– Không, tôi không phải là nhà chiêm tinh, – Gia-cô-bê đáp lại, – mà là một Kitô hữu.

Lúc đó, nhà vua nói:

– Kẻ vô ơn! Chẳng phải ngươi đã nhận được nhiều ân huệ từ ta và cha ta, và được chúng ta tôn trọng sao?

Gia-cơ đáp:

– Bây giờ cha ngài đang ở đâu? Thân xác ông ấy đang mục nát trong quan tài, còn linh hồn ông ấy thì đã bị ném xuống địa ngục.

– Đối với những người công chính, – vị thánh đáp, – cái chết là sự an nghỉ, còn đối với các ngươi, những kẻ vô tín và tội lỗi, đó là khởi đầu của những cực hình vĩnh cửu.

Lúc đó, nhà vua triệu tập các cố vấn và bạn bè của mình, rồi bắt đầu bàn bạc với họ về hình phạt nào sẽ áp dụng cho Thánh Giacôbê. Để răn đe những người Ba Tư khác, khiến họ cũng không rời bỏ đức tin như Thánh Giacôbê, ông đã nghĩ ra hình phạt này cho vị thánh: ra lệnh cắt rời từng bộ phận cơ thể ngài và nghiền nát chúng riêng rẽ. Và thế là, theo lệnh của nhà vua, các đao phủ đã bắt Giacôbê và dẫn ngài đến nơi hành hình, để xé xác ngài thành từng mảnh theo số lượng các bộ phận trên cơ thể. Theo sau thánh Giacôbê đến nơi hành hình còn có nhiều người quen biết ngài, trong đó có không ít chiến binh và quan chức; tất cả họ đều đi theo để chứng kiến những cực hình mà vị thánh phải chịu.

Khi đến nơi hành hình, vị thánh đã xin những kẻ hành hình cho ngài thêm chút thời gian để cầu nguyện. Sau đó, ngài ngước mắt lên trời và bắt đầu cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con! Xin hãy nghe lời con, tôi tớ của Ngài, xin hãy nhìn xuống từ chốn cao trời và ban cho con sự kiên cường và sức mạnh trong giờ phút này, để con có thể chịu đựng những đau khổ sắp tới và chuộc tội lỗi của con bằng chính máu của mình, vì con đã từ bỏ Ngài, Đấng Tạo Hóa và Chúa Tể của con. Giờ đây con đau buồn vì điều đó và quay về với Ngài, Thiên Chúa của con, xưng danh thánh của Ngài, và phó thác linh hồn con cho Ngài. Còn Ngài, lạy Chúa, xin hãy ban cho con sự giúp đỡ của Ngài trong những đau khổ của con, để kẻ thù của con thấy được quyền năng của Ngài và phải xấu hổ, *"vì Ngài, lạy Chúa, đã giúp đỡ con và an ủi con"* (Thánh Vịnh 85:17).

Khi vị thánh cầu nguyện như vậy, những kẻ hành hình tiến đến, lột trần y phục của ngài, rồi kéo căng tay và chân ngài ra, nói:

– Bây giờ ngươi sẽ làm gì, Giacóp? Ngươi sẽ không được tha thứ, thân thể ngươi đã bị ra lệnh xé thành từng mảnh: các ngón tay và ngón chân của ngươi, cùng toàn bộ thân thể ngươi từ cổ đến gót chân, chúng ta phải cắt ra, và sau cùng, chúng ta sẽ chặt đầu ngươi. Hãy suy nghĩ xem điều gì tốt hơn cho ngươi – tuân theo ý muốn của nhà vua để được an toàn và khỏe mạnh, hay chết trong những cực hình tàn bạo?

Một số bạn bè của anh ta cũng khóc lóc nói với anh ta:

– Sao ngươi lại vô ích mà hủy hoại linh hồn mình như vậy? Hãy thương xót chính mình, đừng hủy hoại tuổi trẻ của ngươi, hãy tuân theo ý muốn của nhà vua, hãy thờ lạy các vị thần của chúng ta để được sống; còn Đức Chúa Trời của ngươi, nếu ngươi muốn, hãy thờ phượng Ngài trong bí mật.

Nghe những lời nói đó, được thốt ra trong tiếng khóc nức nở, vị thánh mở miệng và nói:

– Đừng khóc vì ta, mà hãy khóc vì chính các ngươi và con cái các ngươi. Ta đang bước vào sự an nghỉ vĩnh cửu, còn các ngươi thì tất cả sẽ phải chịu cực hình vĩnh cửu. Khi các ngươi bẻ gãy các chi thể của ta, chính các ngươi đang chuẩn bị cho ta niềm hạnh phúc khôn tả trên thiên đàng, còn cho chính các ngươi – những cực hình khủng khiếp trong địa ngục, nơi các ngươi sẽ bị thiêu đốt trong ngọn lửa không bao giờ tắt, cùng với những quỷ dữ mà các ngươi đang thờ phụng lúc này.

Khi nghe những lời của vị thánh, một trong những quan chức hoàng gia bắt đầu đánh những kẻ đầu co[8157] , nói:

– Sao các ngươi còn đứng đó nhìn hắn? Hãy bắt đầu làm theo lệnh đã được ban ra.

Và ngay lập tức, một trong những kẻ hành hình nắm lấy tay vị thánh và chặt đứt ngón tay cái của ngài. Còn vị thánh – ngước mắt lên trời – đã thốt lên:

– Lạy Chúa, Ngài là sự giúp đỡ và niềm hy vọng của con! Ngài xua đuổi ma quỷ chỉ bằng một ngón tay Thánh của Ngài, xin hãy nhận lấy – như một cành cây bị cắt khỏi thân cây – ngón tay này của con, bị cắt đứt bởi sức mạnh của ma quỷ, và xin hãy thương xót con, kẻ tội lỗi; vì từ cây nho, người ta cũng cắt bỏ những cành để cây nho xanh tươi hơn, phát triển hơn và sinh nhiều trái.

Lúc đó, quan cai quản của vua, thương xót vị thánh, đã nói với ngài:

– Hãy thương xót chính mình đi, Giacóp, và hãy vâng theo mệnh lệnh của nhà vua, hãy thờ lạy các vị thần của chúng ta. Ngươi thấy đó, tất cả chúng ta đều thương xót ngươi. Còn về ngón tay bị cắt đứt, đừng buồn phiền: các bác sĩ sẽ chữa lành cho ngươi. Chỉ xin đừng hủy hoại sức khỏe và vẻ đẹp của ngươi nữa.

Vị thánh đáp lại:

– Chẳng lẽ ngươi không biết rằng, nếu cắt cành cây nho, thì khi mặt trời bắt đầu sưởi ấm nó, những chỗ bị cắt sẽ héo úa, rồi sau đó lại bắt đầu mọc lên và kết trái sao? Điều đó cũng xảy ra với những con cái trung thành của Đức Chúa Trời. Họ được trồng trong vườn nho của Đức Chúa Trời và được ghép vào Cây Nho Thật – là Chúa Giê-su, Đấng đã phán: *"Ta là Cây Nho, còn các con là cành"* (Giăng 15:5).

Họ bị cắt tỉa qua cái chết tạm thời và sống lại trong thế giới tương lai, nơi họ xanh tươi và được trang hoàng bằng vinh quang bất diệt, đồng thời nhận được hoa trái của phần thưởng vĩnh cửu.

Ngay khi vị thánh kết thúc bài giảng, người hành hình lại tiến đến và cắt đứt ngón tay thứ hai của ngài. Nhưng vị thánh, trong khi kiên nhẫn chịu đựng những đau đớn, đã kêu lên:

– Xin Chúa hãy nhận lấy cành thứ hai từ vườn của Ngài, vườn mà tay phải Ngài đã trồng.

Khuôn mặt ngài rạng ngời và tràn đầy niềm vui, như thể ngài không phải chịu những cực hình lớn lao, mà đang tận hưởng niềm vui tột đỉnh. Rồi họ cắt đứt ngón tay thứ ba của ngài, nhưng ngài vẫn tiếp tục ca ngợi Thiên Chúa Ba Ngôi.

– Được giải thoát khỏi ba cám dỗ (tức là dục vọng xác thịt, dục vọng của mắt và kiêu ngạo trần thế), con ngợi khen Cha, Con và Thánh Thần, và cùng với ba thiếu niên được cứu khỏi lửa, con xưng nhận Ngài, lạy Chúa, và cùng với đoàn thể các vị tử đạo, con ca ngợi danh Ngài, lạy Đấng Kitô.

Khi ngón tay thứ tư của ngài bị cắt đứt, ngài đã kêu lên:

– Đấng đã nhận lời ngợi khen từ bốn loài thú, xin hãy nhận lấy sự đau khổ của ngón tay thứ tư của con, bị cắt đi vì đã xưng danh Thánh của Ngài, làm của lễ dâng lên Ngài.

Sau khi ngón tay thứ năm của Giacôbê bị cắt đứt, ông đã lớn tiếng kêu lên:

– Niềm vui đang đến với con, giống như trong tiệc cưới của Chú Rể Thần Thánh dành cho năm trinh nữ khôn ngoan[8158] . Lúc đó, những kẻ tra tấn ông, trước khi cắt các ngón tay bên tay trái của ông, bắt đầu khuyên nhủ ông:

– Giacôbê, hãy thương xót linh hồn mình đi, đừng tự hủy hoại bản thân, mà hãy tuân theo ý muốn của nhà vua, thì anh sẽ được toàn vẹn; chẳng phải anh nên giữ mình nguyên vẹn và sống còn, hơn là phải chịu những cực hình như thế này rồi chết sao? Đừng buồn vì bàn tay bị thương, vì có rất nhiều người trên đời chỉ sống với một bàn tay mà vẫn hưởng thụ những của cải và vinh dự to lớn, đồng thời tận hưởng hạnh phúc và mọi điều tốt lành.

[8157] Trong Đế chế La Mã, "Speculatori" là tên gọi của một đơn vị tinh nhuệ thuộc đội quân Praetorian, có nhiệm vụ phục vụ trực tiếp cho hoàng đế. Ở đây, thuật ngữ "speculators" cần được hiểu là những chiến binh phục vụ dưới trướng vua Ba Tư. Sau khi kết án Thánh Giacôbê phải chịu hình phạt chặt đứt tất cả các chi thể, Varakhran tất nhiên đã giao việc thi hành án này cho những chiến binh đang phục vụ trực tiếp dưới trướng ngài.

[8158] Tất nhiên, đây là dụ ngôn của Chúa Kitô về 5 trinh nữ khôn ngoan và 5 trinh nữ dại dột. (Mt 25:1–13)

Vị thánh đáp lại rằng:

– Khi những người chăn cừu cạo lông cừu, sau khi đã cạo bên phải, há lại để bên trái không bị cắt sao? Ta là con cừu trong đàn của Đức Kitô, đã phó thác chính mình vào tay các ngươi vì Chúa của Ta, để các ngươi cắt bỏ các chi thể của Ta, như người ta cạo lông cừu vậy – và khi tay phải của Ta bị cắt đứt, há Ta lại tha cho tay trái sao? Không, Ta sẽ không tha cho bất kỳ chi thể nào và cả thân xác hư nát này của Ta, để được mặc lấy sự bất hủ.

Sau đó, ngước mắt lên trời, vị thánh kêu lên:

– Con bé nhỏ và hèn mọn trước mặt Ngài, lạy Chúa! Ngài, Đức Chúa Trời vĩ đại, đã hạ mình xuống, mặc lấy hình hài con người, và chịu đóng đinh cùng bị giết vì chúng con; và con, lạy Chúa của con, không thể noi gương những đau khổ của Ngài, nhưng dù sao, con cũng tự hiến mình cho sự đau khổ và cái chết, để khi ngày Phục Sinh chung đến, Ngài sẽ phục hồi con trở lại cuộc sống, nguyên vẹn và không tì vết.

Khi vị thánh kết thúc bài diễn văn, những kẻ tra tấn lại xông đến và cắt đứt ngón tay cái bên trái của ngài.

Ngài nói:

– Lạy Chúa đáng ngợi khen! Con tạ ơn Ngài vì đã cho con được dâng ngón tay thứ sáu làm của lễ dâng lên Ngài, Đấng đã giang đôi tay tinh tuyền của Ngài trên Thập tự giá vào ngày thứ sáu và giờ thứ sáu[8159] .

Sau đó, họ cắt ngón tay thứ bảy của vị thánh, và lúc đó ngài kêu lên:

– Trước đây, trong suốt bảy ngày trong tuần, đôi môi con, cùng với tiên tri Đa-vít, đã ngợi khen Ngài vì những phán quyết công chính của Ngài; còn hôm nay, con tôn vinh lòng thương xót của Ngài bằng bảy ngón tay đã bị cắt đứt, vì đã xưng nhận Ngài.

Và họ đã cắt ngón tay thứ tám của Gia-cốp; ông liền kêu cầu Đức Chúa Trời:

– Lạy Chúa! Chính Ngài đã tuân theo luật pháp mà chịu lễ cắt bì vào ngày thứ tám, còn con thì chịu cắt bớt tám ngón tay, để rời xa những kẻ vô luật pháp và kết hiệp với Ngài, Đấng Cứu Chuộc của con, và sau khi thoát khỏi thân xác này, được chiêm ngưỡng Dung Nhan Tinh Khiết của Ngài, mà linh hồn con khao khát được nhìn thấy cũng mãnh liệt như con nai khát khao tìm đến suối nước (xem Tv 41:2).

Sau đó, người ta cắt ngón tay thứ chín của vị thánh; lúc đó, vị thánh kêu lên:

– Lạy Chúa Kitô của con, vào giờ thứ chín, Ngài đã phó thác Thánh Thần của Ngài trên thập giá vào tay Cha Ngài; còn con, sau khi bị cắt ngón tay thứ chín, giữa những đau khổ, con dâng lời tạ ơn Ngài vì Ngài đã ban ân sủng cho con được giang tay ra để các chi thể của con bị cắt đứt vì danh thánh của Ngài.

Khi ngón tay thứ mười của Giacôbê bị cắt đứt, ông đã ngợi khen Chúa và lớn tiếng kêu lên:

– Trên cây đàn mười dây, con ca ngợi Ngài, lạy Thiên Chúa, và tạ ơn Ngài, Đấng đã giúp con chịu đựng việc bị cắt các ngón tay của cả hai bàn tay vì mười điều răn trong Giao Ước của Ngài, được ghi trên hai tấm bia.

Lúc đó, một số người có mặt tại đó, gồm các quan đại thần của nhà vua và bạn bè của vị thánh, vừa khóc nức nở vừa khuyên nhủ ông:

– Người bạn thân mến của chúng tôi, chúng tôi khẩn cầu ngài, xin hãy nghe lời chúng tôi và tuân theo ý muốn của nhà vua, để ngài không phải chết trong những cực hình tàn bạo. Còn về các ngón tay của ngài, xin đừng buồn phiền, vì các bác sĩ giỏi có thể chữa lành cho ngài; chỉ cần ngài tự thương xót bản thân mình, để không phải mất đi những phúc lành của thế gian này, nơi tràn ngập niềm vui và sự hưởng thụ: ngài có tài sản dồi dào, và vì thế ngài có thể tận hưởng sự an nhàn. Nếu ngài là một người ăn xin, thì ngài có thể còn tự hỏi: "Tôi còn hy vọng gì trong cuộc đời này, mong đợi lợi ích gì cho bản thân, khi tôi không thể làm gì và do đó không thể kiếm được miếng ăn?" Nhưng ngươi giàu có, sở hữu nhiều vàng, và nếu ngươi chỉ cần muốn, ngươi có thể sống một cuộc đời tuyệt vời, tận hưởng mọi niềm vui của thế gian này và vui vẻ bên vợ, mẹ và những người bạn thân yêu của mình. Tại sao ngươi lại muốn hủy hoại linh hồn mình một cách vô ích như vậy? Vậy thì, hãy tuân theo ý muốn của nhà vua, chỉ cần nói một lời, và ngay lập tức ngươi sẽ được giải thoát khỏi những đau khổ.

Vị Thánh, sau khi nhìn họ, đã đáp lại:

"Không ai có thể phụng sự hai chủ" (Mt 6:24), và *"ai đã đặt tay lên cày mà còn ngoái lại phía sau thì không xứng đáng với Nước Trời"* (Lc 9:62), bởi vì Chúa đã phán: *'Ai yêu cha hay mẹ hơn Ta thì không xứng đáng với Ta'* (Mt 10:37–38), *'và ai không vác thập giá mình mà theo Ta thì không thể làm môn đệ Ta được'* (Lc 14:27).

[8159] Chúa Giêsu Kitô đã bị đóng đinh vào cây thập tự vào ngày thứ sáu trong tuần, tính từ Chủ nhật, và vào giờ thứ sáu trong ngày (tức là giờ thứ hai theo cách tính của chúng ta).

Vì vậy, tôi sẽ không nghe theo lời khuyên của các ngươi, vì những lời của các ngươi đang dẫn tôi đến sự diệt vong; nhưng tôi chỉ khẩn cầu các ngươi, đừng nương tay với tôi, mà hãy làm theo như các ngươi đã được lệnh.

Lúc đó, những kẻ tra tấn vị thánh bừng lên cơn giận dữ, xông đến và chặt đứt ngón chân cái bên chân phải của ngài. Thánh Giacôbê liền kêu lên:

– Con ngợi khen Ngài, Chúa Kitô của con, Đấng không chỉ bị đâm xuyên qua hai tay mà cả hai chân nữa, và con cầu xin Ngài: xin ban cho con ân sủng để chân phải này của con, đã chịu đựng việc bị cắt ngón chân cái, sau này sẽ được đứng bên phải Ngài.

Và họ đã cắt đứt ngón chân thứ hai của cùng chiếc chân đó. Vị Thánh vẫn tiếp tục ngợi khen Thiên Chúa:

– Hôm nay, lòng nhân từ và ân sủng của Ngài dành cho con đã nhân đôi, lạy Chúa, vì con, sau khi chịu đựng việc bị cắt đứt ngón chân thứ hai này, sẽ đến với Ngài, Thiên Chúa Toàn Năng và Đấng Ban Sự Sống của con, Đấng giải thoát con khỏi cái chết vĩnh cửu thứ hai.

Họ cũng chặt ngón chân thứ ba của vị thánh và ném nó xuống bên cạnh ngài. Vị thánh nhìn vào ngón chân đó, rồi reo lên, mỉm cười vui sướng:

– Hãy đi đi, ngón tay thứ ba ơi, như một dấu chỉ của Thánh Ba Ngôi, đến với các anh em của ngươi; khi coi cái chết tạm thời này như sự Phục Sinh của Đấng Kitô sau ba ngày chết, ngươi, giống như hạt lúa mì được gieo xuống đất, sẽ cùng với các chi thể khác của thân thể ta nhận được phần thưởng lớn lao vào ngày Phục Sinh chung.

Sau đó, họ cắt ngón tay thứ tư của vị thánh. Lúc đó, vị thánh phúc lành đã lớn tiếng tuyên xưng: *"Tại sao linh hồn ta lại chán nản, và tại sao lại bối rối? Hãy đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời"* (Thi Thiên 41:6), Đấng cứu rỗi bằng quyền năng của Thập tự giá bốn đầu, bởi vì ta xưng danh thánh của Ngài.

Họ cũng cắt ngón tay thứ năm của Giacôbê, nhưng vị thánh vẫn tiếp tục ngợi khen Chúa, kêu lên:

– Lạy Chúa, giờ đây con sẽ tạ ơn Ngài, Đấng đã chịu năm vết thương trên thập giá[8160] , con sẽ tôn vinh sự giúp đỡ của Ngài, vì Ngài làm cho con xứng đáng được chia sẻ số phận của các tôi tớ trung thành của Ngài, những người đã chịu khổ vì Ngài và nhận lên năm tài năng đã được ban cho họ[8161] .

Sau đó, những kẻ tra tấn bắt đầu cắt bớt các ngón chân trái của ngài. Khi họ cắt ngón út, Thánh Giacôbê đã kêu lên:

– Hãy vững vàng đi, ngón út chân ơi, ngón thứ sáu trong số những ngón bị cắt; vì con đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời vĩ đại, Đấng nhân từ đang củng cố con, Đấng đã tạo dựng ngươi vào ngày thứ sáu cùng với những ngón lớn, và sẽ làm cho ngươi – ngón út – sống lại, cũng như Ngài sẽ làm cho những ngón lớn sống lại. Vì nếu không có ý muốn của Đức Chúa Trời, thì không một sợi tóc nào trên đầu con người bị rụng, huống chi là ngươi, ngón chân út, sẽ không bị tách rời khỏi các ngón chân khác, mà sẽ cùng với chúng được vinh quang, vì ngươi cũng chịu đau khổ như chúng.

Và họ đã cắt ngón tay thứ bảy của Thánh Giacôbê, nhưng ngài đã lớn tiếng kêu lên:

– Hãy phá hủy ngôi đền cũ nát này, nơi con rắn bảy đầu[8162] đang ẩn náu, vì Đấng Tạo Hóa, Đấng đã nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy sau khi hoàn thành công việc của Ngài, đang chuẩn bị cho tôi một ngôi đền khác trên trời, không do tay người tạo ra và vĩnh cửu.

Khi ngón tay thứ tám của Thánh Giacôbê bị cắt đứt, ngài đã kêu lên:

– Đấng đã cứu tám linh hồn khỏi nước trong con tàu của Nô-ê (1 Phi-e-rơ 3:20), cũng sẽ cứu tôi, người đang đổ máu như nước. Nay ngón tay thứ tám của tôi đã bị cắt đứt, nhưng tôi như chiếc búa rèn dưới những cú đập, không cảm thấy đau đớn, mà chỉ trở nên cứng cáp và vững chắc hơn: vì tôi không cảm thấy đau khổ khi các chi thể của tôi bị cắt xén, bởi vì vị Bác sĩ nhân từ, chính Đấng Tạo Hóa của tôi, đang củng cố tôi và làm dịu bớt nỗi đau khổ của tôi: Sau tất cả bảy tuần của cuộc đời trần thế này, khi ngày thứ tám đầy phúc lành của cõi vĩnh hằng đến, Ngài sẽ phục hồi tôi hoàn toàn.

Lúc đó, người ta đã cắt ngón tay thứ chín của Giacôbê; nhưng vị thánh vẫn can đảm cầu nguyện:

[8160] Khi Chúa Giê-su Ki-tô được treo lên Thập tự giá, Ngài đã bị đóng đinh bằng bốn chiếc đinh, được đóng vào hai bàn tay và hai bàn chân. Như vậy, Ngài có bốn vết thương; vết thương thứ năm do một người lính gây ra sau khi Ngài qua đời trên Thập tự giá, khi người lính dùng giáo đâm xuyên qua sườn Ngài.

[8161] Điều này ám chỉ dụ ngôn về các tài năng, trong đó các tài năng được hiểu là những ân tứ thiêng liêng của con người. (Mt 25:14–30).

[8162] Tất nhiên là ma quỷ, kẻ đã làm tha hóa bản tính con người bằng tội lỗi.

– Lạy Chúa, con xin Ngài ban cho con sức mạnh để kiên nhẫn! Linh hồn con đặt niềm tin nơi Ngài, Đấng đã củng cố con, nhờ ân sủng của Ngài, trong sự vô nhiễm của chín hàng Thiên thần. Vậy, xin cho con, người đã phải chịu đựng việc bị cắt đứt chín ngón chân này, được ở cùng Ngài, giống như chín hàng Thiên thần đều ở cùng Ngài.

Và họ đã cắt ngón chân thứ mười của ông; còn vị thánh thì lớn tiếng kêu lên:

– Chúa Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa toàn hảo và Con Người toàn hảo, đây con dâng lên Ngài mười ngón chân của con làm của lễ; và ngài thêm: *"Xin Chúa xét xử con, và hãy bênh vực con trong cuộc tranh chấp với dân tộc gian ác"* (Thánh Vịnh 42:1), bởi vì những kẻ vô đạo đã không tha thứ cho tạo vật của Ngài, mà như những con sói dữ tợn, đã xé nát mọi chi thể của con.

Rất nhiều người đàn ông và phụ nữ, người già và thanh niên đứng xung quanh, nhìn thấy sự đau khổ của vị thánh, đều ngạc nhiên trước sự kiên nhẫn của ngài. Còn vị tử đạo của Đấng Christ, sau khi nhìn những kẻ đang hành hạ mình, đã nói với họ:

– Sao các ngươi lại đứng đó không làm gì, hãy chặt cây mà các cành đã bị chặt đi rồi.

Và những kẻ tra tấn, tiến lại gần ngài, đã chặt đứt chân phải của ngài; còn vị thánh thì kêu lên:

– Giờ đây, con dâng lên Đức Vua trên trời công cụ giúp con đứng vững trước mặt Ngài, và con chịu đựng những cực hình này vì tình yêu dành cho Ngài, để chân phải bị chặt đứt của con được đứng vững trong Nước Ngài.

Họ cũng chặt đứt chân trái của ngài; còn ngài, hướng ánh mắt lên trời, đã cất tiếng kêu lên:

– Lạy Chúa, Ngài đã nghe lời con, vì lòng thương xót của Ngài thật lớn lao: Ngài, Đức Chúa Trời làm nên những điều kỳ diệu, đã giải thoát con khỏi cảnh phải đứng bằng chân trái, qua đó ban cho con một điềm lành, vì phía bên trái tượng trưng cho sự diệt vong vĩnh viễn[8163] .

Sau đó, người ta chặt đứt tay phải của vị thánh; ngài liền kêu lên:

– Lạy Chúa, con sẽ ca ngợi lòng thương xót của Ngài mãi mãi, từ thế hệ này sang thế hệ khác, con sẽ rao truyền lẽ thật của Ngài, vì những lời sau đây của Ngài đã rõ ràng ứng nghiệm trên con: *"Và nếu tay phải của con cám dỗ con, hãy chặt nó đi và ném xa khỏi con"* (Mt 5:30).

Rồi người ta chặt đứt tay trái của Thánh Giacôbê; ngài liền nói:

– Lạy Chúa, không phải những người đã chết sẽ ngợi khen Ngài, cũng không phải những ai sẽ xuống địa ngục và đi theo con đường bên trái trong cuộc đời, tức là những việc bất chính, nhưng chính chúng con, những người còn sống, từ chối con đường bên trái (tức là sự dối trá), sẽ mãi mãi chúc tụng Ngài, lạy Chúa!

Sau đó, người ta chặt đứt vai phải của vị thánh, và lúc đó ngài nói:

"Hỡi linh hồn ta, hãy ngợi khen Chúa. Ta sẽ ngợi khen Chúa chừng nào ta còn sống; ta sẽ hát ngợi khen Đức Chúa Trời của ta chừng nào ta còn tồn tại" (Thi Thiên 145:1–2), vì Đấng đã đặt con chiên lạc mà Ngài tìm thấy lên vai Ngài và đặt nó ở bên phải Ngài (Lu-ca 15:4–7; Mt 27:23), sẽ nhớ đến cả vai phải của tôi, và khi thấy nó bị chặt đứt, Ngài sẽ đặt nó bên phải Ngài.

Và họ đã chặt đứt vai trái của ngài, nhưng vị thánh đã thốt lên:

– Kẻ thù đã vây hãm tôi từ mọi phía. Nhưng Chúa là Đấng Cứu Giúp và là Đấng Ca Ngợi của tôi, trên vai Ngài là số phận của muôn loài; Ngài là Đấng Cứu Rỗi của tôi: Ngài sẽ không để tôi, người đã bị chặt đứt vai trái, sa ngã sang bên trái vào quyền lực của bóng tối.

Sau đó, họ bắt đầu cắt hai ống chân của Thánh Giacôbê cho đến tận đầu gối. Vị thánh, trong cơn đau đớn tột cùng, đã kêu lên:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của con, Đấng giúp đỡ những ai kính sợ Ngài và đặt niềm tin nơi Ngài, xin hãy giúp đỡ con, tôi tớ của Ngài, vì con đang bị căn bệnh chết người hành hạ.

Nghe vậy, những kẻ tra tấn nói với ngài:

– Chẳng phải chúng tôi đã nói với ngươi rằng ngươi sẽ phải chịu những cực hình tàn bạo và những cơn đau khủng khiếp sao? Ngươi đã không tin chúng tôi.

Nhưng người chịu khổ dũng cảm đã trả lời họ:

– Các ngươi có biết tại sao ta phải chịu đau khổ không? Để cho thấy rõ rằng ta là một con người có thân xác; cho đến nay, nhờ ơn Chúa, ta đã coi thường mọi cực hình như một linh hồn vô hình; nhưng giờ đây, khi đang chịu

[8163] Bên trái tượng trưng cho sự diệt vong vĩnh viễn, bởi chính Chúa, trong hình ảnh về Ngày Phán Xét Cuối Cùng, đã phán rằng Con Người sẽ đặt những kẻ có tội ở bên trái Ngài.

đau khổ, ta mới thực sự là một con người có thân xác. Nhưng chẳng bao lâu nữa, Chúa sẽ ban cho ta một thân xác mới, mà các ngươi sẽ không thể tra tấn hay hành hạ bằng những dụng cụ của các ngươi được nữa.

Tất cả những cực hình này kéo dài từ sáng sớm cho đến giờ thứ chín, và trong suốt thời gian đó, từ thân thể đang bị tra tấn của Thánh Giacôbê tỏa ra một hương thơm nồng nàn. Khi cuối cùng những kẻ tra tấn ngừng hành hạ vị thánh, vị chiến binh của Đấng Kitô, người đã chiến thắng ma quỷ bằng những đau khổ của mình, đã kêu cầu lên Thiên Chúa:

– Thánh, thánh, thánh là Ngài, Thiên Chúa Toàn Năng, Cha và Con và Thánh Thần, được các Thiên thần Cherubim ca ngợi, được các Thiên thần Seraphim tôn vinh, và được toàn thể đạo binh thiên đàng cùng mọi loài thụ tạo tôn kính, Thiên Chúa của người sống và người chết. Xin giúp con, kẻ chỉ còn thoi thóp, vì tất cả các chi thể của con đã bị chặt đứt và thân thể con nằm đó như người chết, chỉ còn chút hơi thở yếu ớt trong con: con không có đôi chân để đứng trước mặt Ngài, lạy Chúa; không có đôi tay để giơ lên cầu nguyện với Ngài, lạy Chúa của con; tôi không có đầu gối để quỳ xuống thờ lạy Ngài, Đấng Tạo Hóa của tôi: tay, chân, vai và cẳng chân của tôi đã bị chặt đứt, và tôi ngã quỵ trước mặt Ngài, Chúa Tể, như một ngôi đền đổ nát, hay một cây không cành; vì vậy, con khẩn cầu Ngài, Đấng Yêu Thương Loài Người, xin đừng bỏ rơi con cho đến cùng, nhưng xin giải thoát linh hồn con khỏi ngục tối.

Khi ngài cầu nguyện như vậy, một trong những người có mặt tại nơi hành hình vị thánh đã cầm dao chặt đứt đầu cao quý của ngài, và vị thánh, sau khi hoàn tất những hành động tử đạo của mình như vậy, đã phó thác linh hồn thánh thiện của ngài vào tay Thiên Chúa. Còn thi thể cao quý của ngài, bị xé thành nhiều mảnh, nằm trên mặt đất cho đến đêm. Vào ban đêm, các tín hữu đã thu thập tất cả các bộ phận, chôn cất chúng cùng với thi thể, ngợi khen Cha, Con và Thánh Thần[8164] . Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Bằng những cực hình kỳ quái và sự kiên nhẫn anh hùng, ngài đã làm kinh ngạc muôn người, hỡi vị thánh chịu nhiều đau khổ, trên mỗi vết cắt trên thân thể, ngài đã dâng lên Chúa những lời cầu nguyện đầy biết ơn. Nhờ những đau khổ đó , Ngài đã nhận được vương miện và lên ngai vàng của Đức Vua Thiên Đàng, Đức Chúa Kitô, Thiên Chúa, hỡi Giacôbê: Xin Ngài cầu thay cho chúng con để cứu rỗi linh hồn chúng con.

Kondak, giọng 2:

Được củng cố bởi người vợ hiền lành và kiên nhẫn, và vì sợ sự phán xét khủng khiếp, ngài đã khinh thường mệnh lệnh và sự đe dọa của người Ba Tư, hỡi Giacôbê, và ngài đã trở thành một vị tử đạo vinh quang, thân thể ngài bị chặt như cành cây.

Lễ kỷ niệm Thánh Roman

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 11

Thánh Roman sinh ra tại thành phố Rose[8165] , gần Antioch; khi đến tuổi trưởng thành, ngài định cư tại Antioch. Tại đây, ngài ẩn dật bên ngoài thành phố trong một căn phòng nhỏ, nơi ngài sống cho đến tuổi già, mà không có lửa sưởi. Thức ăn của ngài chỉ gồm bánh mì, muối và nước, với lượng rất ít, vừa đủ để duy trì sự sống. Ngài mặc áo lông cừu và bên dưới là những xiềng xích sắt nặng nề. Nhờ tất cả những điều này, Thánh Roman đã được ban ân sủng thiêng liêng đến mức có thể chữa lành nhiều bệnh tật, và nhờ lời cầu nguyện của ngài, nhiều người phụ nữ vô sinh đã được giải thoát khỏi tình trạng vô sinh. Thánh Roman đã dùng lời khuyên nhủ của mình để

[8164] Thánh Giacôbê Tử đạo qua đời vào năm 421. Khi sau này tại Ba Tư có sắc lệnh ra lệnh thiêu hủy các di cốt của các vị tử đạo, các Kitô hữu đã gửi di cốt của Thánh Giacôbê đến Giêrusalem; từ đó, dưới triều đại của Hoàng đế Marcian (giữa thế kỷ V), chúng được Giám mục Phêrô của Edessa chuyển đến Tavenna, thuộc Ai Cập. Theo một truyền thuyết khác, các di cốt này đã được chuyển từ Ba Tư sang Ý, nơi đầu của vị thánh tử đạo vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay tại Vương cung thánh đường Vatican. Cũng có di cốt của ngài tại Braga, Bồ Đào Nha, nơi lễ kỷ niệm việc chuyển di cốt được tổ chức vào ngày 22 tháng 5.

[8165] Ros – một thành phố ở Syria, gần Antioch.

đưa nhiều người lầm lạc trở lại con đường chính đạo dẫn đến Nước Trời. Sống như vậy, ngài đã sống đến tuổi già đáng kính và an lành về với Chúa[8166] .

Lễ kính Thánh Giacôbê, Giám mục Rostov[8167]

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 11

Thánh Giacôbê xuất thân từ vùng Rostov, từ khi còn trẻ đã gia nhập đời tu và nhờ cuộc sống đạo đức, ngài được phong làm giám mục Rostov dưới thời tổng giám mục Pimen và đại công tước Dmitri Ioannovich Donskoy[8168] . Tuy nhiên, ngài chỉ giữ chức giám mục Rostov trong thời gian ngắn và đã từ bỏ chức vụ vì lý do sau đây.

Một người phụ nữ bị cáo buộc phạm tội và bị Công tước Rostov cùng các quan đại thần Rostov kết án tử hình. Trong cơn khốn khổ, bà đã chạy đến chân Thánh Giacôbê Rostov và khẩn cầu ngài cứu bà khỏi cái chết. Thánh Giacôbê đã thương xót bà và, noi gương Chúa Kitô – Đấng đã không kết án người phụ nữ phạm tội tà dâm được dẫn đến trước mặt Ngài – ngài đã không giao người phụ nữ bị kết án cho cơ quan thi hành án, mà chỉ định cho bà một nơi đặc biệt để sám hối cho đến cuối đời. Vì hành động đó, Công tước Rostov và người dân đã phẫn nộ với Thánh Giacôbê và truất phế vị mục tử nhân từ của họ khỏi ngai vàng.

Khi rời khỏi thành phố, Thánh Giacôbê đi đến bờ hồ Rostov, cởi áo choàng giám mục của mình ra, đặt nó lên mặt nước, làm dấu thánh giá, rồi đứng lên trên đó và bơi trên mặt hồ; sau khi bơi được một verst rưỡi ra khỏi thành phố, ngài lại lên bờ tại chính nơi mà ngày nay tu viện Yakovlevsky tọa lạc.

Phép lạ phi thường này đã khiến hoàng tử và dân chúng kinh ngạc. Mọi người đều nhận ra rằng họ đã đối xử bất công và tàn nhẫn với vị thánh của mình, nên đã xin tha thứ cho những tội lỗi và trong nước mắt, khẩn cầu ngài trở lại ngai tòa thánh của mình . Với lòng nhân từ và hiền lành, vị thánh đã tha thứ cho họ tội lỗi nặng nề đó; ngài không bao giờ có thể giận dữ với ai cả, nhưng đã kiên quyết từ chối trở lại ngai tòa.

Chính tại nơi đó, cách thành phố một versta rưỡi, nơi Thánh Giacôbê bước lên bờ[8169] , ngài đã dựng cho mình một túp lều đơn sơ và bắt đầu sống ở đó.

Thánh nhân có rất nhiều người sùng kính, và nhiều người trong số họ bắt đầu đến ở cùng ngài. Lúc đó, ngài đã xây dựng các phòng tu cho các tu sĩ, và sau đó là một nhà thờ mang tên Đức Mẹ Anna. Tại tu viện này, Thánh Giacôbê đã kết thúc cuộc đời mình[8170] .

Trong thời gian Thánh Giacôbê đảm nhận chức vụ tại Rostov, xuất hiện một kẻ dị giáo tên là Marcian, người dạy rằng không nên thờ phượng các thánh tượng, gọi chúng là thần tượng, và lan truyền những tư tưởng bất kính khác. Bằng tài hùng biện và kiến thức uyên bác, hắn đã thu hút sự chú ý của Công tước Rostov, các quý tộc và dân chúng. Nhưng Thánh Jacob của Rostov, trước sự chứng kiến của hoàng tử và dân chúng, đã tranh luận với kẻ dị giáo và vạch trần giáo lý sai lầm của hắn, khiến kẻ dị giáo phải rời khỏi Rostov trong sự xấu hổ.

Xác thánh của Thánh Giacôbê được an táng tại tu viện do ngài thành lập, mang tên Yakovlevsky, để vinh danh vị sáng lập.

[8166] Thời gian sống và các chiến công của Thánh Roman thuộc về thế kỷ V.

[8167] Cuộc đời cổ xưa của Thánh Giacôbê không còn được lưu giữ. Tại Tu viện Yakovlevsky ở Rostov, ngay từ những năm 1840 của thế kỷ XIX, đã có một bản tiểu sử cổ xưa, từ đó các chi tiết về cuộc đời vị thánh được trích dẫn trong cuốn sách: "Mô tả về Tu viện Spaso-Yakovlevsky-Dimitriev ở Rostov", St. Petersburg, 1849; những chi tiết này được nhắc lại ở đây. Nghi thức cầu nguyện dành cho Thánh Giacôbê xuất hiện trong các bản thảo cổ, không muộn hơn thế kỷ XVI, và được in trong các cuốn sách lễ in sẵn vào ngày 28 tháng 10. Nội dung nghi thức cầu nguyện dành cho Thánh Giacôbê cùng các hình ảnh có chú thích trên các bức tượng thánh cổ đều phù hợp với những ghi chép trong cuốn tiểu sử cổ xưa.

[8168] Đó là vào năm 1386; Thánh Giacôbê được bổ nhiệm làm giám mục Rostov, kế nhiệm Giám mục Matthêu, người Hy Lạp.

[8169] Cũng tại nơi này, hơn ba trăm năm trước, Thánh Leontius đã lui về từ thành phố Rostov sau khi bị những người ngoại đạo trục xuất. Nhà thờ Thánh Michael Tổng Lãnh Thiên Thần do Thánh Leontius thành lập hiện nằm cách hàng rào Tu viện Yakovlevsky 30 sazhen.

[8170] Thánh Gia-cô-bê qua đời vào năm 1392.

Bài thánh ca, giọng 4:

Được Thiên Chúa chọn từ thuở thiếu thời, Thánh Giacôbê ơi, vì lý do đó mà ngài được tôn vinh với chức vụ giám mục, ngài đã chăn dắt những người mà Thiên Chúa đã giao phó cho ngài; chính vì thế, sau khi qua đời, ngài đã nhận được ân sủng làm phép lạ từ Thiên Chúa để chữa lành mọi bệnh tật: xin cầu thay cho chúng con, những người đang cử hành lễ kính ngài, để chúng con luôn tôn vinh ngài không ngừng.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Là đồng tế với các giám mục và là vị thánh bảo vệ trung thành, thánh Giacôbê ơi, xin ngài luôn gìn giữ quê hương của ngài, thành phố và những người tôn kính ngài bằng đức tin, cũng như những ai thờ lạy di cốt thiêng liêng của ngài, để chúng con có thể cất tiếng kêu lên với ngài: Hỡi Giacôbê, người khôn ngoan của Thiên Chúa, xin vui mừng!

Lễ kính Thánh Palladius, Giám mục thành Helenopolis

Ngày tưởng niệm: 27 tháng 11

Thánh Palladius xuất thân từ Galatia[8171] . Khi tròn 20 tuổi, ngài đến Alexandria[8172] , nơi ngài dâng hiến cuộc đời mình cho đời sống tu hành, ban đầu ở vùng ngoại ô thành phố này, rồi ba năm sau chuyển đến sa mạc Nitrian[8173] và sa mạc Skete[8174] , nơi ngài sống trong sự im lặng nghiêm ngặt suốt chín năm. Tuy nhiên, bệnh tật đã buộc ngài phải rời bỏ sa mạc yêu quý của mình và, để thay đổi không khí, ngài chuyển đến Palestine, tại Bethlehem, rồi một năm sau đó đến Bithynia[8175] , nơi mà không lâu sau đó, cư dân thành phố Helenopolis đã bầu ngài lên ngôi giám mục.

Thánh Palladius được Thánh Gioan Vàng Miệng đặc biệt tin tưởng và bản thân ngài cũng là một tín đồ nhiệt thành và người tôn kính vị Thầy vĩ đại của toàn thể Giáo hội. Vì vậy, khi Thánh Gioan Vàng Miệng phải chịu sự bắt bớ bất công[8176] , thì Palladius, người nổi tiếng vì lòng trung thành với vị thánh của Chúa, cũng buộc phải lẩn trốn ở nhiều nơi khác nhau, cho đến khi cuối cùng ngài đến được Rôma[8177] . Hoàng đế Honorius của Đế quốc La Mã phương Tây đã đưa Palladius vào phái đoàn ngoại giao có nhiệm vụ can thiệp cho Thánh Gioan Vàng Miệng trước hoàng đế phương Đông Arcadius. Tuy nhiên, các sứ giả La Mã trở về tay trắng, còn Palladius bị bắt giữ và bị đày đến Siena[8178] , từ đó, sau khi Arcadius qua đời, ông được chuyển đến Antinoe[8179] . Cuối cùng, sau bốn năm nữa, ông trở lại chức vụ của mình, nơi mà theo lời thỉnh cầu của một quan đại thần tại triều đình, người có đức tin và danh giá tên là Laus, ông đã soạn thảo một cuốn sách được đặt tên theo ông ta là "Lausaiikos"; trong cuốn sách này, ngài đã mô tả những chiến công và phép lạ của các vị thánh nam nữ ở Ai Cập, Syria, Mesopotamia, Galatia, Cappadocia và La Mã, những người đã sống vào thế kỷ IV và đầu thế kỷ V[8180] . Vào những năm cuối đời, Thánh Palladius được chuyển đến đảm nhận chức vụ giám mục tại thành phố Aspuka, thuộc Galatia, nơi ngài đã quản lý tốt đoàn chiên được giao phó và an lành qua đời trong Chúa[8181] .

[8171] Galatia – một vùng núi non nhỏ nhưng màu mỡ ở Tiểu Á.
[8172] Đó là vào năm 388.
[8173] Sa mạc Nitria – nơi tu hành yêu thích của các ẩn sĩ Kitô giáo thời cổ đại, nằm ở Hạ Ai Cập, cách Alexandria 70 dặm.
[8174] Sa mạc Skit nằm cách núi Nitria một quãng đường đi trong một ngày (25–30 verst), ở phía tây bắc Ai Cập. Đó là một sa mạc khô cằn, đầy đá – nơi ưa thích của các ẩn sĩ Ai Cập, nổi tiếng nhờ những hành động khổ hạnh của các tu sĩ tìm đến đây để tu hành. Từ địa danh này, sau này các tu viện sa mạc dành cho tu sĩ đã được đặt tên là "skete", nơi những tu sĩ nhiệt thành nhất định cư để tìm kiếm sự ẩn dật nghiêm ngặt nhất và sự tĩnh lặng tuyệt đối – nhằm sống trong Chúa Duy Nhất.
[8175] Bithynia – vùng phía bắc của Tiểu Á.
[8176] Từ tháng 4 năm 404
[8177] Năm 405
[8178] Siena – một thành phố ở Thượng (Bắc) Ai Cập, giáp biên giới với Ethiopia, nằm ở phía bắc thác nước đầu tiên của sông Nile, trên bờ đông sông Nile, gần các ghềnh đá; thành phố này vẫn tồn tại cho đến ngày nay với tên gọi Aswan.
[8179] Antinoia – một thành phố khá quan trọng trong thời cổ đại ở Trung Ai Cập.
[8180] Tập sách "Lavsaik" được biên soạn vào năm 420. Do tính chất răn dạy và giáo huấn của tuyển tập này, theo quy định của Giáo hội, người ta phải đọc các đoạn trích từ đó trong các thánh lễ buổi sáng của Mùa Chay.

Ngày 11 tháng 12

28 tháng 11 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Stephanos Mới

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 11

Quê hương của Thánh Tê-pha-nô là thủ đô của vương quốc Hy Lạp – Constantinople. Cha mẹ ngài nổi tiếng vì lòng đạo đức và lòng bác ái. Dù đã có hai con gái, họ vẫn buồn bã vì Chúa không ban cho họ một người con trai, bởi họ mong muốn có một người thừa kế nam giới. Với mong muốn được Chúa thương xót, họ đã bố thí cho người nghèo và siêng năng cầu nguyện với Chúa, xin Ngài ban cho họ một đứa con trai. Đặc biệt, mẹ của Thánh Stefan, tên là Anna, đã hết lòng dâng trào lòng mình trong những lời cầu nguyện đẫm nước mắt trước mặt Chúa, noi gương lòng nhiệt thành của người mẹ cùng tên với bà – mẹ của nhà tiên tri Samuel.

Vào một ngày thứ Sáu nọ, khi đang cầu nguyện tại nhà thờ Vlacherna[8182] , bà hướng ánh mắt về bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm và trong nước mắt, bà khẩn cầu Đức Mẹ ban cho bà một người con trai; đồng thời, cô đã thề hứa với Mẹ Thiên Chúa rằng – nếu lời cầu nguyện của cô được đáp ứng – cô sẽ dâng đứa trẻ làm lễ vật cho Con Một và Lời Thiên Chúa, Đấng đã nhập thể từ Đức Mẹ Vô Nhiễm. Mệt mỏi vì cầu nguyện lâu và khóc lóc, bà chìm vào giấc ngủ trong nhà thờ và trong giấc mơ, bà đã thấy Đức Mẹ của chúng ta, Đức Mẹ Thiên Chúa, rạng ngời vẻ đẹp không thể tả xiết. Nữ Vương Thiên Đàng đã nói với bà những lời như sau:

– Hãy đi bình an, hỡi người phụ nữ, vì ngươi đang mang thai một con trai, theo lời cầu xin của ngươi.

Nói xong, Đức Mẹ biến mất khỏi tầm mắt. Còn Anna, ban đầu giật mình như thể vì kinh hoàng, sau đó tràn ngập niềm vui lớn lao và, khi trở về nhà, quả thực đã cảm nhận được rằng mình đã thụ thai trong lòng.

Vào thời điểm đó, dưới triều đại của vị vua Hy Lạp sùng đạo Anastasius (không phải vị đã lên ngôi sau Zeno và là kẻ dị giáo[8183] , mà là vị khác, lên ngôi muộn hơn[8184]), Thánh Germanus[8185] đã được bầu chọn và tấn phong làm Thượng phụ tại Constantinople. Vào ngày lễ tấn phong tổng giám mục mới, đám đông người dân đổ về nhà thờ Thánh Sofia để chiêm ngưỡng vị thánh mới được bầu chọn. Trong số đó có Anna cùng chồng, lúc đó cô đã mang thai. Khi cô đang đứng trong nhà thờ, tổng giám mục tình cờ đi ngang qua cô. Anna kêu lên, hướng về vị thánh:

– Xin cha ban phước lành cho đứa con đang mang trong bụng con!

Nhìn cô và bằng con mắt tâm linh nhìn thấu tương lai, Đức Thượng phụ nói:

– Nguyện Chúa ban phước lành cho đứa trẻ đó nhờ những lời cầu nguyện của vị Thánh Tử đạo đầu tiên!

Bằng những lời ấy, ngài đã tiên tri rằng Anna sẽ sinh ra một đứa con trai, sẽ được đặt tên là Stefan, để vinh danh vị Tử đạo đầu tiên Stefan. Lời tiên tri của vị Thượng phụ thánh thiện được đi kèm và dường như được xác nhận bởi một điềm báo kỳ diệu: từ miệng ngài, trong lúc ngài đang phán lời tiên tri, cùng với những lời nói ấy, một ngọn lửa bùng lên, điều mà Anna đã nhìn thấy rõ ràng (như bà sau này kể lại, đồng thời xác nhận lời nói của mình bằng lời thề).

Khi đã trôi qua một số ngày nhất định, Anna sinh ra một bé trai; và bé được đặt tên là Stefan, theo lời tiên tri của Thánh Thượng phụ Germanus[8186] . Vào buổi tối Thứ Bảy Lớn, chính Thượng phụ đã làm lễ rửa tội cho đứa trẻ mới sinh.

[8181] Thánh Palladius của Helenopolis qua đời vào năm 430.

[8182] Nhà thờ Vlacherna nổi tiếng tọa lạc tại Vlacherna, một khu vực của Constantinopolis, gần như ngay bên bờ Biển Đá Cẩm Thạch. Tại đây có bức tượng thánh kỳ diệu của Đức Mẹ và áo choàng của Người, được cất giữ trong một hòm thánh đặc biệt, vốn được mang đến Nyssa vào thế kỷ V.

[8183] Hoàng đế Zenon của Đế quốc Byzantine trị vì từ năm 474 đến năm 491. Sau ông, Anastasius I lên ngôi, trị vì từ năm 491 đến năm 518.

[8184] Ở đây tất nhiên là đề cập đến Hoàng đế Anastasius II (713–715)

[8185] Tổng giám mục Germanus I đã lãnh đạo Giáo hội Byzantine từ năm 715 đến năm 730.

[8186] Đó là vào năm 715.

Vào ngày lễ tẩy uế của mình, người mẹ hạnh phúc đã bế đứa trẻ đến Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội ở Vlacherna, và, ôm con trên tay, đứng trước bức tượng thánh của Nữ Vương Thiên Đàng, trước đó bà đã từng cầu nguyện để được ban cho một người con trai. Nhìn vào bức tượng, bà nói:

– Xin Mẹ Vô Nhiễm, hãy nhận lấy đứa con trai yêu dấu này của con, người mà Mẹ đã ban cho con; xin Mẹ nhận lấy người mà ngay từ trước khi thụ thai, con đã hứa dâng hiến cho Mẹ và Con Một duy nhất của Mẹ. Con xin trao phó con trai con cho Mẹ, sau Chúa. Xin Mẹ hãy là Mẹ, là Người Nuôi Dưỡng, và là Đấng Quan Phòng cho con trai con.

Sau khi nói những lời này cùng nhiều điều khác và cầu nguyện trước bức thánh tượng, bà trở về nhà và hết lòng nuôi dưỡng con trai mình.

Trong khi đó, sau Anastasia, Theodosius[8187] lên ngôi vua, và sau Theodosius là Leo Isaurian[8188] . Trong suốt thời gian đó, thiếu niên thánh thiện Stephen lớn lên về thể xác và vững mạnh về tinh thần, miệt mài nghiên cứu Kinh Thánh. Nhờ ân sủng của Chúa, cậu đã tiến bộ vượt bậc về trí tuệ và sự khôn ngoan của Thiên Chúa, bởi cậu tỏ ra rất say mê việc đọc các sách thánh, ngày đêm miệt mài học hỏi Lề Luật của Thiên Chúa; đặc biệt, cậu rất thích đọc các tác phẩm của Thánh Gioan Vàng Miệng.

Những cuộc hỗn loạn lớn đã xảy ra trong Giáo Hội của Đức Chúa Trời do tà thuyết chống thánh tượng, mà chính hoàng đế Lêô người Isauria là người theo đuổi nhiệt thành nhất. Hoàng đế này đã trở thành người chống thánh tượng dưới ảnh hưởng của các nhà chiêm tinh Do Thái, và có một truyền thuyết như sau về điều này.

Vài năm trước khi Lê-vơ người Isauria lên ngôi, một số người Do Thái, xuất phát từ Laodicea thuộc Phoenicia[8189] , đã đến gặp Izyph, một trong những vị vua Ả Rập[8190] . Bằng những lời tiên tri giả dối và các nghi thức phù thủy, họ hứa với ông ta sẽ được sống bốn mươi năm và thống trị người Ả Rập, nếu ông ta ra lệnh trên toàn lãnh địa của mình phải vứt bỏ các thánh tượng ra khỏi các nhà thờ và tiêu hủy chúng. Izif tin lời họ và ban lệnh rằng khắp nơi, các thánh tượng chính thống phải bị vứt ra khỏi các nhà thờ và bị thiêu hủy. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng báo thù, đã trừng phạt ông ta, khiến ông ta chết chưa đầy một năm. Con trai ông, khi lên ngôi thay cha, muốn trừng phạt những người Do Thái đó một cách tàn nhẫn, coi họ là những nhà tiên tri giả và phù thủy; nhưng họ, để trốn tránh cơn thịnh nộ của hoàng tử, đã rời khỏi Ả Rập và chạy trốn sang Isauria.

Một lần nọ, họ đang nghỉ ngơi tại đó bên một suối nước. Bỗng có một chàng trai trẻ người Isauria tên là Lev đi ngang qua, một người cao lớn và rất đẹp trai. Anh ta muốn nghỉ ngơi tại chính suối nước mà các nhà chiêm tinh Do Thái đang ngồi, nên đã rẽ khỏi đường mòn và ngồi xuống cùng với họ. Nhìn thấy chàng trai trẻ, các nhà chiêm tinh bắt đầu tiên đoán rằng anh ta sẽ trở thành vua ở Hy Lạp. Vì xuất thân bình dân và lại còn nghèo khó, chỉ kiếm sống nhờ một nghề thủ công đơn sơ, Lev không tin lời những người Do Thái. Nhưng họ vẫn kiên trì lặp lại lời tiên tri của mình, nói rằng anh nhất định sẽ trở thành vua, nếu anh thề với họ rằng – khi lên ngôi – sẽ làm điều mà họ sẽ yêu cầu lúc đó. Và anh đã thề với họ tại nhà thờ Thánh Theodoros, nằm không xa nơi đó, rằng sẽ thực hiện yêu cầu của họ; sau lời thề này, họ đã tản ra.

Không lâu sau đó, chàng trai trẻ này được Patrician Sesinius[8191] chiêu mộ vào quân đội và tại đây, anh nhanh chóng thăng tiến, trở thành Spatharius[8192] . Sau đó, Hoàng đế Anastasius II phong cho anh tước hiệu Patrician và bổ nhiệm làm tổng trấn tại Tiểu Á. Sau khi Anastasius qua đời, Theodosius được tuyên bố là hoàng đế, nhưng Leo không công nhận ông ta và đã phát động một cuộc nổi dậy. Nhờ sự cho phép của Đức Chúa Trời, ông đã lật đổ được Theodosius và tự mình chiếm lấy ngai vàng. Ban đầu, ông là một vị vua sùng đạo và theo Chính Thống

---

[8187] Tất nhiên là Theodosius III Adramyttian, trị vì từ năm 715–716.

[8188] Hoàng đế Lêô III người Isauria trị vì từ năm 716–741. Ông được gọi là người Isauria vì xuất thân từ Isauria, một tỉnh nằm ở phía nam Tiểu Á.

[8189] Laodicea Phoenicia nằm ngay bên bờ Biển Địa Trung Hải, cách Antioch của Syria một chút về phía nam.

[8190] Ả Rập là một bán đảo khá lớn ở phía nam châu Á, nằm giữa Biển Đỏ (hay Biển Đen) và Vịnh Ba Tư. Dân cư Ả Rập có nguồn gốc Semit và chủ yếu sống du mục. Đồng thời, Ả Rập được chia thành nhiều tiểu vương quốc nhỏ, do các tộc trưởng (sheikh) đứng đầu. Đạo Kitô đã du nhập vào Ả Rập từ rất sớm (như có thể suy ra từ Công vụ 2:11; Ga-la-ti 1:17), và truyền thuyết kể rằng Thánh Tông đồ Ba-thô-lô-mê đã rao giảng Đạo Kitô tại đó

[8191] Tước hiệu "patrician" ban đầu chỉ dành cho con cái của các thượng nghị sĩ, những người được gọi bằng tiếng Latinh là "raiges". Sau đó, danh xưng này được áp dụng cho tất cả những người có nguồn gốc quý tộc La Mã. Tuy nhiên, Hoàng đế Constantine đã biến tước hiệu "patrician" thành một danh hiệu cá nhân, được ban tặng cho các quan chức cấp cao nhưng không được truyền lại cho con cháu.

[8192] Spafari – người mang vũ khí, vệ sĩ của hoàng đế. Sau này, danh xưng spafari chỉ còn là một tước hiệu danh dự dành cho các sĩ quan quân đội – không còn gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ hoàng đế.

Giáo, nhưng sau đó đã sa ngã vào con đường tà ác, bởi chẳng bao lâu sau, những người Do Thái – những kẻ đã dùng phép thuật để tiên đoán ông sẽ lên ngôi – đã đến gặp ông. Họ nhắc nhở Lê về lời hứa đã được củng cố bằng lời thề của ông, và nói rằng giờ đã đến lúc thực hiện những điều mà họ sẽ yêu cầu ông. Vua hỏi họ:

– Các ngươi muốn gì ở ta?

Còn họ, với tư cách là kẻ thù của Đấng Kitô và đức tin Kitô giáo, không xin ngài vàng, bạc hay bất kỳ kho báu nào khác, mà đòi hỏi ngài phải loại bỏ các thánh tượng ra khỏi các nhà thờ của Chúa.

– Bệ hạ! – họ nói, – nếu ngài làm điều đó, thì Thiên Chúa sẽ bảo tồn triều đại của ngài trong nhiều năm; còn nếu ngài không làm, thì ngài sẽ sớm mất cả vương quốc lẫn mạng sống.

Nhớ lại rằng lời tiên tri đầu tiên của những nhà chiêm tinh ấy về việc ông sẽ lên ngôi đã ứng nghiệm, Lê-vơ lo sợ rằng lời tiên tri này về việc ông sẽ mất vương quốc cùng với mạng sống cũng sẽ ứng nghiệm, nếu ông không nghe theo họ. Vì vậy, ông đã ban hành sắc lệnh, ra lệnh vứt bỏ các thánh tượng ra khỏi nhà thờ và nhà cửa, rồi giẫm đạp lên chúng; đồng thời, vị vua vô đạo này gọi các thánh tượng là thần tượng, còn những người thờ phượng chúng là những kẻ thờ thần tượng.

Và đã xảy ra một cuộc hỗn loạn lớn trong Giáo hội của Chúa Kitô, bởi vì một số người tuân theo mệnh lệnh của vua, vứt bỏ các bức tượng thánh và giẫm đạp lên chúng, trong khi những người khác chống lại nhà vua và phải chịu nhiều cực hình vì việc tôn kính các bức tượng thánh. Thánh Germanus, Tổng Giám mục Constantinopolis, cũng không đồng lõa với sự tà tín của hoàng đế và đã mạnh mẽ chống lại mệnh lệnh vô đạo của Lêô. Vì lý do đó, hoàng đế đã phế truất Thánh nhân khỏi chức vụ Thượng phụ một cách nhục nhã, và thay thế ngài bằng một đồng minh của mình, một kẻ dị giáo tên là Anastasius[8193] . Lúc bấy giờ, nhiều giám mục và giáo sĩ đã phải chịu đủ loại cực hình vì việc tôn kính các bức tượng thánh.

Tại Constantinople, gần nhà thờ Thánh Sophia, có một tòa nhà khổng lồ được gọi là "Vườn tri thức". Từ thời xa xưa, nơi đây đã sưu tập được một số lượng khổng lồ sách, lên tới hơn ba trăm nghìn cuốn. Vì những cuốn sách này, trong ngôi nhà đó có không ít những bậc học giả uyên bác và thông thái, những người mà hoàng đế đã nhiều lần cố gắng lôi kéo vào tà thuyết vô đạo của mình, nhưng lần nào cũng thất bại. Lúc đó, ông ra lệnh chất cành cây khô xung quanh ngôi nhà và châm lửa, và như vậy đã thiêu rụi nó cùng với những cuốn sách và các học giả đang ở trong đó. Còn Đức Thượng phụ Anastasius mới được bổ nhiệm, để lấy lòng nhà vua, đã ra lệnh tháo dỡ và ném xuống đất bức tượng Chúa Cứu Thế, vốn được đặt tại ngôi nhà nói trên, trên cánh cổng đồng.

Thực hiện mệnh lệnh của tổng giám mục, một chiến binh đã kê thang lên và bắt đầu trèo lên để đến bức tượng với ý định ném nó xuống. Nhưng những người phụ nữ đạo đức có mặt tại đó, bừng lên lòng nhiệt thành vì đức tin, đã giật phăng chiếc thang khỏi chân anh ta và quăng nó xuống đất; chiến binh đó ngã xuống, bị thương nặng và chết. , các bà mẹ đạo đức vội vã chạy trốn vào nhà thờ, nơi lúc đó có Thượng phụ đang đứng tại nơi thánh thiêng, như một sự ghê tởm của sự hoang tàn[8194] , người đã thay thế Đức Thánh German. Khi nhìn thấy vị tổng giám mục, những người phụ nữ bắt đầu lớn tiếng gọi ông là kẻ phá hoại các tín điều thánh thiêng, là kẻ đánh thuê và là con sói cướp bóc đàn chiên, chứ không phải là mục tử chân chính của đàn chiên Chúa Kitô; sau đó, họ bắt đầu ném đá vào ông. Đức Thượng phụ, hoảng sợ, lập tức đến gặp nhà vua và báo cáo với ngài về sự sỉ nhục mà những người phụ nữ đã gây ra cho ngài (Đức Thượng phụ). Vị vua tức giận đã sai lính mang gươm trần đến trừng phạt những người phụ nữ đã xúc phạm Đức Thượng phụ – và tất cả những người phụ nữ thánh thiện ấy đều bị chém chết bằng gươm vì lòng nhiệt thành bảo vệ đức tin của họ. Khi đó, nỗi buồn lớn lao ập xuống cộng đồng Chính Thống Giáo. Nhiều người trong số họ bị giam cầm trong ngục tối và bị xiềng xích; những người khác phải chịu những cực hình tàn nhẫn và bị giết hại, còn một số người thì bỏ lại nhà cửa, làng mạc và tài sản, lẩn trốn khỏi bàn tay của những kẻ hành hạ, chạy trốn vào sa mạc.

Cha mẹ của Thánh Stefan, người được chúc phúc ngay từ khi còn trong lòng mẹ, cũng muốn tránh khỏi cuộc đàn áp tàn bạo đối với những người Chính Thống Giáo, để giữ gìn sự sùng đạo của mình được trong sạch. Họ chỉ chờ đợi cho đến khi con trai mình lớn lên, để dâng hiến cậu vào đời sống tu hành, như họ đã hứa với Đức Mẹ. Tuy nhiên, họ không muốn gửi Stefan đến bất kỳ tu viện Byzantine nào, vì những nơi đó đã quá đông đúc bởi những người chạy trốn khỏi những kẻ bắt bớ. Họ đã chọn dâng con trai mình cho Chúa trên Núi Avksentiy, nằm

---

[8193] Tổng giám mục Anastasius của Constantinople đã lãnh đạo Giáo hội từ năm 730 đến năm 753.

[8194] Cụm từ "sự ghê tởm của sự hoang tàn" được trích từ sách Đa-ni-ên 9:27, so sánh với Ma-thi-ơ 24:15; cụm từ này được áp dụng cho An-ta-xi-ô để chỉ ra rằng ông không xứng đáng làm người kế nhiệm Thánh Hê-rô-ni-mô.

ở Bithynia[8195] và được đặt tên theo vị thánh cha Avksentiy, người đầu tiên định cư tại đó để tìm kiếm sự tĩnh lặng. Nơi này rất hẻo lánh và cách xa mọi xáo trộn của thế gian. Sau Avksentii, Sergii – đệ tử của Avksentii và người noi gương đời sống thánh thiện của ngài – đã tu hành tại đây; sau Sergii là Vendian, người đã rèn luyện các đức tính; tiếp theo là Thánh Grigorii, và sau ngài là vị tu sĩ đáng kính Ioann. Chính đến vị này, cha mẹ của Stefan đã đưa con trai 16 tuổi của họ đến, và khi giao cậu thiếu niên cho vị thánh lão, họ đã khẩn cầu ngài hãy uốn nắn con trai họ theo hình ảnh của các thiên thần và dạy dỗ cậu cách phụng sự Thiên Chúa. Nhìn Stefan và bằng đôi mắt thấu suốt, vị thánh lão đã nhận ra ân sủng của Thiên Chúa trong cậu, ngài nói:

– Quả thật, Thánh Thần của Chúa đang ngự trên thiếu niên này.

Và ngài đã đón nhận cậu thiếu niên phúc lành này với tình yêu thương, cạo đầu cho cậu theo nghi thức tu sĩ và bắt đầu hướng dẫn cậu trong những việc thực hành đời sống thầm lặng.

Sau khi mang hình ảnh thiên thần, thiếu niên thánh thiện Stefan đã sống một cuộc đời như thiên thần, trở thành một tu sĩ hoàn hảo. Cậu không bao giờ lơ là trong việc ăn chay và cầu nguyện, có tính cách hiền lành, lòng khiêm nhường, tinh thần dịu dàng, luôn sống trong im lặng, giữ gìn sự trong sạch của thân thể và sự trinh khiết, thể hiện trong cuộc đời mình tấm gương của sự nghèo khó chân chính và lòng không tham lam của người ẩn sĩ. Ngài đã kiên nhẫn thực hiện bổn phận vâng lời của một tu sĩ và cẩn thận hoàn thành mọi việc được giao phó, thể hiện sự tận tụy trong mọi việc và nổi bật bởi tính cần cù. Trong số đó, nước uống cần thiết phải lấy từ một nơi rất xa hang động nơi Thánh Stefan tu hành. Nhưng vị thánh mỗi ngày đều mang về lượng nước cần thiết, phải đi một quãng đường khá xa và sau đó vất vả leo lên núi với gánh nước trên vai. Không chỉ nước, mà cả những thứ cần thiết khác, ngài cũng mang về từ những nơi xa xôi, tự làm kiệt sức mình bằng những công việc nặng nhọc. Dù vậy, Thánh Stefanus chưa bao giờ than phiền về sự vất vả của những việc tu hành, chưa một lần phàn nàn, và bên cạnh sự vâng phục, ngài còn thể hiện tình yêu chân thành và không giả dối đối với vị thầy đáng kính của mình. Còn về những đức tính, việc tu hành và công lao khác mà ngài đã rèn luyện từ thuở thiếu thời, ai có thể kể hết được?

Vị thầy của Thánh Stefan, Thánh Gioan, khi thấy sự siêng năng của đệ tử mình trong những việc thực hành đời tu, đã vui mừng trong lòng và, giống như cơn gió, thổi bùng ngọn lửa trong than hồng, ngài đã dùng những lời nói và lời dạy được Thánh Thần soi dẫn để thắp lên trong lòng vị thánh phúc này khát vọng thực hiện những công đức vĩ đại hơn nữa vì vinh quang của Chúa, tình yêu nồng ấm hơn nữa dành cho Ngài và lòng kính sợ Thiên Chúa. Bên cạnh đó, chính ngài cũng là một người hoàn hảo về đức hạnh, tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa và được Thiên Chúa ban cho ân huệ tiên tri.

Một lần nọ, vị thánh hạnh phúc Stephane, sau khi hoàn thành một nhiệm vụ nào đó và trở về với vị thầy của mình, thấy ngài đang tựa đầu vào cửa sổ hang động và khóc nức nở. Stephane dừng lại bên cửa sổ và bắt đầu chờ đợi lúc vị thánh già ban cho mình lời chúc lành như thường lệ. Anh đứng đó im lặng rất lâu, ngạc nhiên trước tiếng khóc nức nở của vị tu sĩ già và không dám hỏi lý do tại sao ngài lại khóc. Nhưng chính vị tu sĩ già đã nói với anh:

– Con trai yêu dấu, chính con là nguyên nhân nỗi buồn của ta, ta khóc than thảm thiết vì con; vì Chúa đã mặc khải cho ta rằng nơi này sẽ hưng thịnh và được tôn vinh nhờ con, nhưng những kẻ chống lại các thánh tượng sẽ tàn phá và làm hoang tàn nó.

Nghe những lời này từ vị thầy của mình, Thánh Stephane thở dài nặng nề và nói:

– Xin hãy nói cho con biết, thưa Cha thánh, tất cả những gì Chúa đã mặc khải cho Cha về con: điều gì sẽ xảy ra với con? Và liệu con có bị hủy diệt vì bị lôi kéo bởi giáo lý dị giáo của những kẻ chống thánh tượng không?

Vị trưởng lão đáp:

– Không, con yêu quý của ta, điều đó sẽ không bao giờ xảy ra với con; nhưng ta chỉ cảnh báo con bằng lời của Thánh Tông Đồ: Ê-phê-sô 5 – *"Vậy, hãy cẩn thận, hãy hành động thận trọng"*, Ma-thi-ơ 24 – *"Ai kiên trì đến cùng thì sẽ được cứu rỗi*".

Ông đã nói những điều này và nhiều điều khác nữa với Thánh Stephanos, đồng thời kể cho ngài nghe về tất cả những gì sẽ xảy ra với ngài trong tương lai.

Trong khi đó, cha ruột của Thánh Stephano đã qua đời. Khi biết tin này, ngài xin phép cha linh hướng của mình, rồi lên đường đến Byzantium và tại đó đã tổ chức tang lễ xứng đáng cho cha ruột; sau đó, ngài bán hết tài sản còn lại của cha và phân phát tiền bạc cho những người nghèo. Sau khi lo liệu xong những việc này, ngài đưa mẹ và một trong hai chị em gái của mình (người chị em gái còn lại của vị thánh đã xuất gia tại một tu viện nữ ở

[8195] Núi Avksentiev nằm đối diện với Constantinopolis, gần Vịnh Nicomedia.

Byzantium) đến sống tại một tu viện nữ do vị thánh Avksentii nói trên thành lập và làm lễ thánh hiến, người đã đặt tên cho tu viện này là: "Trichinaria", tức là "tu viện lông cừu". Tên gọi này được đặt cho tu viện một phần do con đường dẫn đến đó gian nan và khó đi, một phần do những gian khổ của đời sống tu hành tại đó, bởi tu viện này nổi tiếng với nội quy nghiêm ngặt, và các nữ tu sống tại đó phải mặc áo bằng lông cừu. Chính tại tu viện này, Thánh Stefan đã làm lễ xuất gia cho mẹ và em gái mình; còn bản thân ngài thì trở về với vị thầy đáng kính của mình và, trong thời gian sống cùng ngài, ngài đã rèn luyện bản thân qua những việc tu hành và lao động thường ngày của các tu sĩ.

Sau một thời gian, vị cha linh hướng và thầy dạy của Thánh Stefano, vị tu sĩ đáng kính Gioan, đã an lành về với Chúa; sau khi khóc thương ngài, vị thánh đã đi báo tin về sự ra đi của ngài cho các ẩn sĩ sống gần đó, và tất cả mọi người đã tụ họp lại, trong tiếng khóc than và tiếng nức nở, cùng với những bài thánh ca trang nghiêm, đã an táng thi hài đáng kính của vị thánh Gioan. Còn Thánh Phêrô, sau đó, đã một mình tu hành trong hang động, khi đó ngài mới hơn 30 tuổi một chút.

Kế thừa hang động của vị Thánh Thầy đã về với Chúa và các vị Cha Thánh đáng kính khác từng sống ở đó trước đây, Thánh Stefan đã trở thành người kế thừa lối sống hoàn hảo, tràn đầy đức hạnh của họ. Chính vì vậy, các ẩn sĩ từ các vùng lân cận bắt đầu tìm đến ngài, mong muốn được sống cùng ngài và xem ngài như người hướng dẫn và thầy dạy của mình. Trong số đó có: Marin, một người đàn ông tốt bụng và có đạo đức, Gioan và Christophor, Zacharia, một người đàn ông sùng đạo, và cuối cùng là hai người độc ác, Sergius và Stefan, những người sẽ được đề cập đến ở phần sau. Còn có sáu người đàn ông khác cũng đến với Thánh Stefan, tên của họ được ghi chép trong sách những người phục vụ Chúa Kitô. Như vậy, tu viện đã được thành lập, các tu sĩ trong đó không ngừng dấn thân vào các công việc tu hành, với Thánh Stefan làm vị tu viện trưởng. Mọi người đều tự kiếm thức ăn bằng mồ hôi công sức và lao động của chính mình; còn Thánh Stefan thì thông thạo nghệ thuật sao chép sách; bằng cách sao chép và bán chúng, ngài đã nuôi sống bản thân và những người khác. Và Đức Chúa Trời, Đấng đã nuôi dưỡng dân Y-sơ-ra-ên trong sa mạc, cũng ban cho các tôi tớ của Ngài mọi điều cần thiết, đến nỗi những lời trong Phúc Âm đã ứng nghiệm trên họ: Ma-thi-ơ 6: *"Hãy tìm kiếm trước hết Nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì mọi điều ấy sẽ được ban cho các ngươi*." Khi số môn đệ của Thánh Stephano ngày càng đông, ngài nhận ra rằng sự tĩnh lặng mà ngài hằng khao khát đã bị phá vỡ. Lúc đó, vị thánh đã gọi Marinô, người đã được nhắc đến ở trên, đến bên mình và trao cho ông quyền quản lý tu viện cùng trách nhiệm chăm lo cho nơi này. Còn bản thân ngài thì lui về một nơi khác trên ngọn núi ấy và xây cho mình một căn phòng nhỏ, nơi ngài tự giam mình lại, khi đó ngài đã 42 tuổi kể từ khi sinh ra[8196] . Căn phòng này hoàn toàn không có mái che. Trong thời gian ở đó, trong sự cô độc và tĩnh lặng tuyệt đối, vị thánh không ngừng trò chuyện với Thiên Chúa, đắm mình trong lời cầu nguyện. Tuy nhiên, ngay cả tại nơi tu hành mới này, Thánh Stefan cũng không thể tránh khỏi những người mong muốn nhận được ơn ích cho linh hồn từ ngài. Cũng như một tòa tháp đứng trên đỉnh núi không thể không được chú ý, và cũng như một người mang theo hương thơm không thể ẩn mình – tương tự như vậy, một người đức hạnh, đã leo lên đỉnh cao của sự hoàn hảo như một ngọn núi nào đó và tỏa hương thơm bằng những việc làm tốt lành, cũng không thể ẩn mình và lẩn tránh khỏi mọi người. Điều này đã xảy ra với Thánh Stefan. Danh tiếng về cuộc đời tu hành của ngài lan rộng khắp nơi, và giống như những con ong tụ tập quanh mật ong, những người tìm kiếm sự cứu rỗi từ khắp nơi cũng đổ về với vị thánh, mong muốn được rèn luyện bản thân qua những lời giảng dạy và chính cuộc đời tu hành của ngài. Trong số những người đổ xô đến với vị thánh không chỉ có những người đàn ông đạo đức, mà còn có cả những người phụ nữ. Trong số họ, có một góa phụ quý phái tên là Anna đặc biệt đáng chú ý. Sau khi chồng qua đời, khi bà còn rất trẻ và không có con cái, bà đã bán hết tài sản của mình và phân phát cho người nghèo; sau đó, khi đến gặp Thánh Stefan, bà được ngài cắt tóc tu và gửi đến tu viện dành cho nữ tu – Trichinaria.

Vào thời điểm đó, hoàng đế Lêô người Isauria qua đời. Con trai ông là Constantine Copronymus[8197] lên ngôi, người này còn chống đối Giáo hội của Đức Chúa Trời mạnh mẽ hơn cả cha mình, ném các thánh tượng ra khỏi nhà thờ và thiêu hủy chúng bằng lửa. Những người vạch trần sự bất chính của ông là nhiều vị tu sĩ lừng lẫy và thông thái, những người đã chứng minh cho ông thấy sự sai trái của mình và cáo buộc ông phạm tội dị giáo. Lúc đó, Copronym bùng lên cơn giận dữ không thể kiềm chế đối với các tu sĩ, khiến họ phải chịu những cuộc đàn áp tàn bạo và sỉ nhục họ bằng mọi cách. Ông gọi hình ảnh tu sĩ là "bộ áo của bóng tối", còn chính các tu sĩ thì ông gọi

[8196] Đó là vào năm 756 sau Công nguyên.
[8197] Hoàng đế Constantine V Copronymus trị vì từ năm 741–775.

là những kẻ thờ ngẫu tượng, vì họ đã hết lòng bảo vệ việc thờ phượng các thánh tượng. Cùng với điều đó, vị vua vô pháp này đã tập hợp một đám đông lớn những kẻ thiếu trí tuệ, những người tuân theo mệnh lệnh của ông, và ra lệnh cho họ thề rằng họ sẽ không thờ phượng các thánh tượng, mà sẽ gọi chúng là thần tượng; họ cũng sẽ không giao du với các tu sĩ, cũng như không nhận các Bí tích Thánh Thể từ tay họ, – và bất cứ ai tình cờ gặp tu sĩ, sẽ ném đá vào người đó, gọi người ấy là kẻ bị mê hoặc, con của bóng tối và kẻ thờ thần tượng.

Khi tất cả những điều này đang diễn ra, vị tổng giám mục Constantinopolis độc ác Anastasius đã qua đời, người mà Leo Isaurian đã đưa lên ngôi tổng giám mục sau Thánh Germanus. Thay thế Anastasius, Copronymus đã bổ nhiệm một tu sĩ cùng tên với ông là Constantine lên ngôi tổng giám mục, người này là đồng chí hướng với ông[8198] . Đồng thời, vị hoàng đế vô đạo đã đưa ông ta lên ngai tòa tổng giám mục chỉ bằng quyền lực của riêng mình, mà không qua cuộc bầu cử của công đồng: chính ông ta đã đưa ông ta lên bục giảng, chính ông ta đã đặt áo choàng omophorion lên người ông ta, đồng thời tuyên bố rằng ông ta xứng đáng với chức vụ tổng giám mục. Sau đó, cả hai – cả hoàng đế lẫn vị tổng giám mục mới – sau khi bàn bạc với nhau, đã gửi các văn thư đến tất cả các thành phố, kêu gọi tất cả các giám mục đến kinh đô để tham dự hội đồng nhằm lên án và xóa bỏ việc thờ phượng các hình tượng. Và lúc bấy giờ, tại Constantinople đã xảy ra những hành vi vô pháp luật nghiêm trọng. Ngay cả các thánh khí, nơi cử hành các Bí tích Thánh, cũng bị chà đạp dưới chân, vì trên đó có các hình ảnh thánh thiêng. Các thánh tượng thì bị ném xuống – một số vào đầm lầy, một số khác vào biển, một số nữa vào lửa, còn một số thì bị chém và đập vỡ bằng rìu. Còn những thánh tượng treo trên tường nhà thờ – một số bị cạo bỏ bằng sắt, một số khác bị quét sơn phủ lên. Những kẻ vô pháp cũng không tha cho nhà thờ lộng lẫy nhất mang tên Đức Mẹ Đồng Trinh ở Vlacherna, nơi được trang trí lộng lẫy bằng các hình ảnh mô tả tất cả các sự kiện trong cuộc đời trần thế của Chúa Giêsu Kitô, bắt đầu từ sự nhập thể của Ngài cho đến cuộc khổ nạn và sự phục sinh của Ngài. Trong nhà thờ này, vị vua vô luật pháp Kopronym đã ra lệnh phá hủy tất cả các tác phẩm hội họa trang trí, vốn lấp lánh vàng và đá quý, và dường như đã lột trần nó, tước đi bộ áo choàng tím như một nữ hoàng; thay vào đó, ông ra lệnh vẽ lên các bức tường hình ảnh cây cối, thú vật và chim chóc. Và vào thời điểm đó, những lời của Đa-vít đã ứng nghiệm: Thi thiên 78:1–2 – *"Lạy Đức Chúa Trời! Dân ngoại đã xâm chiếm cơ nghiệp của Ngài, làm ô uế đền thánh của Ngài, biến Giê-ru-sa-lem thành đống đổ nát; xác chết của các tôi tớ Ngài bị ném cho chim trời ăn, thi thể các thánh của Ngài bị ném cho thú vật trên đất ăn*".

Vì lúc bấy giờ, những kẻ chống thánh tượng đã ném các di cốt của các thánh ra khỏi các nhà thờ và ném chúng vào lửa hoặc xuống biển, hoặc lôi ra ngoài thành và quăng từ trên núi xuống các vực thẳm và đầm lầy. Còn những ai can đảm đứng lên bảo vệ danh dự của các thánh tượng và di cốt, thì những kẻ dị giáo độc ác đã tra tấn họ không thương xót và giết chết họ một cách đau đớn, làm đổ máu họ như nước; đồng thời, thi thể của những người bị tra tấn vì các thánh tượng bị bỏ lại không được chôn cất và bị ném cho chim săn mồi và thú dữ ăn thịt. Khi đó, một nỗi đau thương lớn lao ập đến với tất cả các tín hữu Chính Thống, một nỗi đau thương chưa từng có kể từ thuở khai thiên lập địa.

Để trốn tránh sự đàn áp nhắm vào các tín hữu Chính Thống, nhiều tu sĩ đã rời Constantinople và tìm đến Thánh Stefan, hy vọng nhận được lời khuyên tốt lành và sự hướng dẫn có ích cho linh hồn từ ngài. Thánh nhân đã an ủi họ trong một thời gian dài bằng những lời khôn ngoan từ Thiên Chúa và dạy họ phải kiên định trong đức tin, không sợ đổ máu vì các thánh tượng; còn đối với những ai không đủ can đảm và sợ hãi sự tra tấn, ngài khuyên họ nên chạy trốn sang các nước khác, nơi không có sự đàn áp từ những kẻ chống thánh tượng. Kể từ đó, tất cả các tu viện Byzantine đều trở nên hoang vắng, và không còn ai trong số các tu sĩ được nhìn thấy tại kinh đô nữa. Bởi vì một số tu sĩ, kiên định bảo vệ Chính Thống Giáo, đã hy sinh mạng sống khi bị giết hại; còn những người khác, mong muốn vừa giữ vững đức tin chân chính vừa cứu lấy mạng sống của mình, đã chạy trốn sang các nước khác và tản mác khắp mặt đất. Năm 754 sau Giáng sinh, một công đồng chống thánh tượng đã được triệu tập tại Constantinopolis, với sự tham dự của 838 giám mục phương Đông, nhưng không có một vị tổng giám mục nào, ngoại trừ một mình vị tổng giám mục giả mạo Constantinopolis là Constantine, kẻ dị giáo và đồng minh của hoàng đế. Nơi được chỉ định để tổ chức công đồng là Nhà thờ Đức Mẹ Vlaherna, nơi (nhà thờ này), sau khi bị tước bỏ các tác phẩm nghệ thuật thánh tượng, trông như một sa mạc hoang vắng và hang ổ của bọn cướp. Tại nhà thờ này, tất cả các giám mục đã đến tập trung cùng với vị vua vô pháp và vị tổng giám mục giả mạo. Và sau những cuộc tranh luận và cãi vã kéo dài, nhà vua đã thuyết phục được tất cả các giám mục đồng ý với ông và tham gia vào sự phỉ báng vô

[8198] Tất nhiên là Thượng phụ Constantinople Constantine II, người đã lãnh đạo Giáo hội Byzantine từ năm 754–766.

thần của ông. Tuy nhiên, nhiều vị giám mục đã nhìn thấu sự lầm lạc của vị vua và vị tổng giám mục, nhưng vì sợ cơn thịnh nộ của vua và tổng giám mục, sợ rằng những tai họa mới sẽ ập xuống trên các tín hữu Chính Thống, họ không dám nói gì trái ý vua và đã tham gia vào sự báng bổ vô đạo đó. Sau đó, tại Công đồng Đại kết lần thứ VII đích thực, diễn ra dưới triều đại của Constantine Trẻ và mẹ ông là Irina[8199] , họ đã từ bỏ tà thuyết chống thánh tượng và với lòng sám hối quay trở lại đức tin chân chính; nhưng lúc này, họ lại đi theo vị vua và tổng giám mục vô đạo, đồng ý với những luận điệu tà thuyết của họ. Và tại đó, những giáo điều giả dối độc ác và đáng ghê tởm trước mặt Thiên Chúa đã được soạn thảo như sau:

1) Các thánh tượng bị ra lệnh phải được tôn kính như những thần tượng.

2) Tất cả những ai thờ phượng các thánh tượng đều bị vạ tuyệt thông; hơn nữa, vạ tuyệt thông này còn được tuyên bố đối với Thánh Germanus, vị tổng giám mục Constantinopolis trước thời kẻ dị giáo Anastasius (những kẻ dị giáo vô luật pháp, bản thân đã bị nguyền rủa, lại còn nguyền rủa một người thánh thiện và công chính, nhưng Đức Chúa Trời đã ban phước cho ngài, khiến Lời Kinh Thánh được ứng nghiệm: Thi Thiên 108 – *"Họ nguyền rủa, nhưng Ngài ban phước*".

3) Người ta được ra lệnh phải tuyên xưng rằng không chỉ các thánh, sau khi qua đời, không thể giúp đỡ chúng ta bằng lời cầu bầu của họ, mà ngay cả Mẹ Thiên Chúa cũng vậy.

4) Việc gọi các Tông đồ, các vị tử đạo, các vị chứng đạo, các vị thánh nhân, và tất cả những ai đã làm đẹp lòng Thiên Chúa là "thánh" đều bị cấm.

5) Công đồng bất chính này, đã ban hành những quyết định như vậy, được xếp vào số sáu Công đồng Đại kết đầu tiên và được ra lệnh gọi là Công đồng Đại kết thứ bảy. Bất cứ ai không công nhận công đồng đó đều bị vạ tuyệt thông, giống như Arius, Nestorius, Eutyches và Dioscorus[8200] .

Tại Công đồng này, các giám mục quan trọng nhất sau Thượng phụ là: Theodosius, Giám mục Ephesus; Constantine – Giám mục Nicomedia; Nacolius – Giám mục Nacolius; cũng như Sisinnius và Basil.

Sau khi thực hiện hành vi phạm pháp, các giám mục đã ký vào các quyết định đã soạn sẵn, khiến lời Kinh Thánh ứng nghiệm trên họ: *"Sự gian ác đã phát xuất từ Ba-by-lôn, từ các trưởng lão và quan tòa, những người dường như đang cai trị dân chúng"* (Đa-ni-ên 13:5), và còn: *"Nhiều người chăn chiên đã làm hư vườn nho của Ta, giẫm nát mảnh đất của Ta; mảnh đất yêu dấu của Ta đã trở thành đồng hoang"* (Giê-rê-mi 12:10).

Khi các cuộc họp của công đồng kết thúc, các giám mục tham dự công đồng đã dạy dân chúng hân hoan và long trọng tuyên xưng: "Hôm nay là ngày cứu rỗi cho thế gian", vì nhờ sự quan tâm của ngài, hỡi hoàng đế, chúng tôi đã được giải thoát khỏi các thần tượng".

Trong khi đó, vị vua vô đạo Constantine Copronymus đã nghe nói về Thánh Stephen, người đang tu hành trên núi Auxentius. Vị vua này đã biết đến lòng sùng đạo và cuộc sống đạo đức của ngài, cũng như sự thông thạo Kinh Thánh của ngài, và danh tiếng của ngài đã lan rộng khắp nơi, đến nỗi mọi người đều coi ngài ngang hàng với các vị thánh tổ tiên thời xưa – cuối cùng, và cả việc ngài là người sùng kính các thánh tượng một cách nhiệt thành, luôn dạy dỗ người khác tôn kính các thánh tượng. Biết được tất cả những điều này, Copronymus nảy sinh ý định dụ dỗ Thánh Stephanos và khiến ngài đồng quan điểm với mình, hy vọng rằng nếu lôi kéo được ngài về phe mình, thì điều đó sẽ mang lại sự vững chắc và sức mạnh đặc biệt cho sự báng bổ của mình. Và thế là ông triệu tập một trong những quý tộc thân cận của mình, tên là Callistus, người giữ chức vụ cao nhất trong Hội đồng Nhà nước. Callistus là một nhà hùng biện tài ba và hùng hồn, và vị vua vô đạo đã đặt niềm tin vào tài năng hùng biện của ông ta. Ông ta ra lệnh cho Callistus đến gặp Thánh Stefan và truyền đạt mệnh lệnh của nhà vua, yêu cầu vị thánh từ bỏ việc tôn kính các bức tượng thánh và ký tên vào các nghị quyết được soạn thảo tại hội đồng chống thánh tượng phi pháp. Bên cạnh đó, vị vua còn gửi đến vị thánh qua Callistus những món quà khác nhau, tuy nhiên, không phải

---

[8199] Tất nhiên là Constantine VI Porphyrogenitus, trị vì từ năm 780 đến 797. Hoàng hậu Irene, mẹ của ông và là bạn đời của Leo VI, người bảo vệ nhiệt thành việc thờ phượng các bức tượng thánh, đã điều hành triều đình thay cho con trai trong suốt 10 năm và sau đó tiếp tục trị vì cho đến năm 802.

[8200] Arius, Nestorius, Eutyches và Dioscorus – là những thủ lĩnh tà giáo. Arius dạy rằng Con Thiên Chúa là một thực thể được tạo dựng, không có phẩm giá ngang bằng với Thiên Chúa Cha. Nestorius dạy rằng Chúa Giêsu Kitô không phải là Thiên Chúa thật, mà là một con người được ban ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa nhờ cuộc sống thánh thiện. Eutyches và Dioscorus là những đại diện của tà thuyết Monophysite, dạy rằng trong Chúa Giêsu Kitô chỉ có một bản tính thần linh, đã nuốt chửng bản tính con người trong Ngài. Người đầu tiên nêu lên quan điểm này là Eutyches – một vị tu viện trưởng của một trong những tu viện tại Constantinople. Còn Dioscorus (cựu Thượng phụ Alexandria, từ năm 444–451), đã trở thành người bảo vệ nhiệt thành cho quan điểm này.

vàng hay bạc (vì ông biết rằng vị thánh không cần những thứ đó), mà là các loại trái cây mà vị thánh thường dùng làm thức ăn: quả chà là, quả hạnh nhân và quả sung[8201] .

Khi đến gặp vị thánh Stefan[8202] , Callistus dâng tặng những món quà và sau đó trình bày với ngài một bài diễn văn được soạn thảo khéo léo, trong đó ông đã thuyết phục vị thánh trong một thời gian dài phải tuân theo nhà vua và ký tên vào các quyết định của hội đồng chống thánh tượng. Callistus cố gắng củng cố lời nói của mình bằng những câu trích dẫn từ các sách thánh, đồng thời diễn giải theo cách riêng của mình một số đoạn trong Kinh Thánh. Nhưng vị thánh đã đưa ra những phản biện khôn ngoan trước mọi lời nói của Callistus và cuối cùng, với sự can đảm, ngài nói với ông ta:

– Tôi sẽ không ký vào các quyết định của hội đồng của ngài, vốn đầy dối trá và bất công, vì tôi không muốn gọi *"cái đắng là ngọt, và bóng tối là ánh sáng"*, để không phải gánh lấy lời nguyền tiên tri trên đầu mình[8203] , còn những lời đe dọa của nhà vua thì tôi không sợ và sẵn sàng chấp nhận cả cái chết vì các thánh tượng.

Sau đó, ngài giơ tay lên, nắm chặt các ngón tay lại và nói:

– Dù trong người tôi chỉ còn lại lượng máu bằng nắm tay này, thì ngay cả lúc đó tôi cũng không sợ đổ máu vì hình ảnh Đấng Kitô của tôi. Còn những món quà mà ngươi mang đến cho ta từ vua của ngươi, hãy mang về lại; vì ta muốn hành động theo Kinh Thánh thánh thiêng, nơi có chép: *"Dầu của kẻ có tội chớ xức lên đầu ta, và thức ăn của kẻ dị giáo chớ làm ngọt cổ họng ta"* (xem Tv 140:5).

Không đạt được gì, Callistus quay trở về và kể lại cho vua nghe tất cả những gì ông đã nghe từ Stephanos. Vua, sau khi nghe xong, nổi cơn thịnh nộ dữ dội và ngay lập tức sai chính Callistus, cùng với các binh lính, lên núi Auxentius với mệnh lệnh bắt vị thánh, đưa ngài đến tu viện Trichinarius nằm dưới chân núi và giam ngài trong ngục tối ở đó. Callistus và các binh lính đi cùng đã làm đúng như vậy: họ xông vào phòng của vị thánh, dùng chân đá văng cửa ra, rồi lôi vị thánh ra mà không hề thương xót, đưa đến tu viện Trichinaria, nơi họ giam ngài vào ngục tối. Cùng với thánh Stefan, tất cả các môn đệ của ngài cũng bị bắt và đưa vào cùng một ngục tối đó. Các binh lính đứng canh gác trước cửa ngục tối và giám sát tất cả các tù nhân, chờ đợi mệnh lệnh tiếp theo của nhà vua.

Trong thời gian bị giam cầm, Thánh Stephano và tất cả các môn đệ của ngài đã can đảm hát lên: "Chúng con thờ lạy Hình ảnh Tinh khiết của Ngài, Đấng Tốt lành"[8204] .

Họ ở trong ngục sáu ngày, suốt thời gian đó hoàn toàn không ăn uống gì. Đến ngày thứ bảy, nhà vua ra lệnh đưa Thánh Stefan trở lại phòng tu của ngài; vì lúc đó nhà vua nhận được tin về cuộc tấn công của người Scythia vào vương quốc của ngài[8205] . Với ý định đẩy lùi cuộc xâm lược của người Scythia, nhà vua tạm thời hoãn việc truy bức vị thánh.

Nhưng Callistus, với lòng thù hận đối với ngài không kém gì nhà vua, đã bí mật triệu tập một trong những môn đệ của vị thánh, đó chính là Sergius, người mà chúng ta định kể đến. Sau khi triệu tập, Callistus đã dụ dỗ anh ta bằng những lời nịnh hót, cùng một lượng lớn vàng và bạc, khiến anh ta đồng ý bịa đặt ra những lời vu khống khác nhau nhằm vào vị thánh. Bằng cách làm như vậy, Callistus hy vọng rằng những lời vu khống do đệ tử của vị thánh bịa đặt ra sẽ nhanh chóng được tin tưởng, vì người ta sẽ nghĩ rằng người làm chứng về Thánh Stephen là người hiểu rõ cuộc đời của ngài. Còn Sergius, như một Giu-đa thứ hai, vì ham mê vàng bạc, đã phản bội thầy mình và bắt đầu tìm mọi cách để dệt nên một mạng lưới những lời vu khống giả dối nhắm vào vị thánh và vị cha vô tội. Nhưng trong suốt cuộc đời trong sạch của ngài, hắn không thể tìm thấy, như trên mặt trời, dù chỉ một vết nhơ nào; vì vậy, sau khi rời khỏi tu viện Thánh Stefan, giống như con cừu lạc đàn, hắn đã kết bạn với một quan chức hoàng gia tên là Avlikalam, người phụ trách thu thuế cho nhà vua tại Nicomedia: hắn đã biến người này thành đồng phạm cho sự độc ác của mình, và cả hai cùng tìm cách dựng lên những cáo buộc giả dối chống lại vị thánh. Sau khi thống

---

[8201] *Quả chà là* – là quả của cây cọ, có hình dạng giống quả mọng; kích thước của chúng rất đa dạng: ở một số loại cây cọ, quả chỉ to bằng hạt đậu, trong khi ở những loại khác – lại to hơn cả đầu người. Khi quả cọ chín, người ta hái bằng tay hoặc lắc cây để quả rơi xuống những tấm chiếu đã trải sẵn. Quả chà là được dùng làm thực phẩm cả khi còn tươi lẫn khi đã sấy khô. *Quả sung* – là quả của cây sung, loài cây được biết đến rộng rãi trong Kinh Thánh. Ở dạng tự nhiên, những quả này trông giống quả lê. Hạt hạnh nhân – là quả của cây hạnh nhân (trong tiếng Slav là "amigdal").

[8202] Năm 763.

[8203] Ở đây đề cập đến những lời sau đây của tiên tri Ê-sai (Ê-sai 5:20): *"Khốn cho những ai gọi điều ác là điều thiện, và điều thiện là điều ác; coi bóng tối là ánh sáng, và ánh sáng là bóng tối; coi điều đắng là ngọt, và điều ngọt là đắng!"*

[8204] Bài thánh ca nhân lễ rước Hình ảnh Chúa Cứu Thế không do tay người tạo ra.

[8205] Người Scythes – một dân tộc hoang dã, sinh sống ở phía bắc Biển Đen, trong phạm vi miền nam nước Nga ngày nay, và ở hạ lưu sông Danube.

nhất với nhau, họ soạn thảo một bản tường trình dài dòng, trong đó cáo buộc rằng Thánh Stefano đã phỉ báng nhà vua và khinh bỉ ngài như một kẻ dị giáo – và rằng ngài đã gây rối loạn dân chúng và xúi giục tất cả những ai đến với ngài nổi dậy chống lại nhà vua. Họ còn bịa đặt nhiều lời vu khống khác chống lại vị thánh, nhưng chúng tôi sẽ không đề cập đến những điều đó để tránh dài dòng và không làm tổn thương tai người đọc (vì những kẻ vu khống vô đạo đã nói ra nhiều điều vô liêm sỉ). Những kẻ vô pháp còn viết về Thánh nữ Anna, người đã từ bỏ thế gian phù du, được Thánh nhân Stefan cắt tóc tu hành theo hình ảnh các thiên thần và sống đời tu hành tại tu viện Trichinar. Những kẻ vu khống đã bịa đặt rằng bà ta vào ban đêm đã gặp gỡ Stefan, cùng nhau sa vào tội lỗi ô uế. Để tham gia vào vụ vu khống này, họ đã lôi kéo một nô tì của Thánh nữ Anna, thuyết phục cô ta làm chứng về điều đó; để thưởng cho việc này, họ không chỉ hứa hẹn cho cô ta tự do và một số lượng lớn vàng, mà còn nói rằng họ sẽ gả cô ta cho một người chồng có địa vị cao, đang phục vụ tại triều đình hoàng gia. Sau khi soạn thảo bản tường trình đầy rẫy những lời vu khống nhắm vào vị thánh, và kèm theo lời khai giả dối của nô tì Anna, Sergius và Avlikalam đã gửi tất cả những thứ này cùng với một chiến binh đến cho nhà vua, người lúc đó đang ở xứ Scythia.

Khi nhà vua đọc xong những bản ghi chép được gửi đến, ngài vô cùng vui mừng và ngay lập tức gửi thư cho Anphit, quan tổng trấn của ngài tại Constantinople, ra lệnh cho ông ta đến tu viện nữ nằm gần núi Avksentiev, đưa nữ tu Anna ra khỏi đó và gửi về cho ngài. Sau khi nhận được mệnh lệnh của hoàng đế, quan tổng trấn lập tức lên đường đến tu viện Trichinarion, mang theo đông đảo binh lính vũ trang như khi ra trận. Khi đến tu viện, họ tấn công nơi này với gươm trần. Lúc đó, tất cả các nữ tu đang tụ tập trong nhà thờ và hát kinh giờ thứ ba; khi nhìn thấy những chiến binh tấn công tu viện, họ vô cùng kinh hoàng; một số ẩn náu trong bàn thờ dưới ngai Thánh, số khác cố gắng chạy trốn lên núi; nhưng các chiến binh đã bắt được tất cả. Lúc đó, vị nữ tu viện trưởng cao tuổi của tu viện bước ra trước mặt các chiến binh và dũng cảm nói với họ:

– Các ngươi đang làm gì vậy, khi tự xưng là Kitô hữu? Tại sao lại tấn công những cô dâu của Chúa Kitô đã hiến dâng cho Thiên Chúa, những người chẳng làm điều ác nào với các ngươi cả?

Họ đáp lại:

– Hãy giao Anna, con điếm nhà Stefanov, cho chúng tôi; nhà vua đang đòi các người phải giao cô ta.

Lúc đó, bà Bề trên, sau khi gọi Anna cùng với một nữ tu khác là Theophanna, đã khuyên nhủ họ phải tự giữ mình khỏi sự cám dỗ của kẻ thù và can đảm bảo vệ sự trong sạch của vị thánh và vị cha thánh đáng kính, cũng là thầy của họ, là Thánh Stefan. Sau đó, bà giao phó họ cho sự che chở của Thiên Chúa, rồi để họ đi cùng các binh lính.

Các binh lính, sau khi bắt giữ hai nữ tu, lập tức đưa họ đến gặp nhà vua; nhà vua ra lệnh tách họ ra và canh giữ mỗi người riêng biệt. Sau đó, nhà vua gọi Anna đến và bắt đầu nói với cô như sau:

– Ta hoàn toàn tin vào những điều người ta đã kể với ta về ngươi. Vì thế, ta đã triệu tập ngươi đến đây để chính ngươi tự nguyện kể lại, không giấu giếm điều gì, rằng tên pháp sư và kẻ vô pháp ấy đã quyến rũ ngươi như thế nào, khiến ngươi từ bỏ tài sản của mình, coi thường dòng dõi cao quý của mình và khoác lên mình bộ áo của người dân thường? Theo những gì ta nghe được, hắn đã làm tất cả những điều đó chỉ để biến ngươi thành tình nhân của hắn. Vậy ngươi đã tìm thấy điều gì tốt đẹp ở hắn, mà lại để hắn quyến rũ và phạm tội tà dâm với một kẻ vô đạo như vậy?

Nghe những lời độc ác như vậy từ nhà vua, Anna, người hạnh phúc và trong sạch, đã nói:

– Không, thưa vua! Tôi không phải vì lý do đó mà từ bỏ gia tài thừa kế từ cha mẹ, từ bỏ người thân và mọi sự quyến rũ của thế gian này, để nô lệ hóa linh hồn mình cho những dục vọng xác thịt và sự gian dâm. Còn những kẻ vu khống tôi về điều này, theo lời của Đa-vít, *"họ uốn lưỡi như rắn; nọc rắn nằm dưới môi họ"* (Thánh vịnh 139:4). Thân xác tôi đang ở trước mặt ngài, và dù ngài có tra tấn nó thế nào đi chăng nữa, tôi cũng sẽ không phản bội sự thật. Chừng nào linh hồn tôi còn ở trong thân xác này, ngài sẽ không nghe được từ tôi điều gì khác ngoài việc Stefan là một người thánh thiện và công chính, và là người đã cứu rỗi tôi.

Khi nhà vua nghe những lời này, ngài vô cùng ngạc nhiên và im lặng suốt một giờ đồng hồ. Sau đó, ngài ra lệnh đưa Anna đi giam giữ, còn Theophania thì gửi trở lại tu viện. Khi trở về, nàng đã kể lại cho bà tu viện trưởng và thánh Stephanos nghe tất cả những gì đã xảy ra.

Một thời gian sau, Copronymus trở về Constantinople từ chiến trường. Tại đây, ông ra lệnh giam nữ tu Anna vào một ngục tối u ám và đáng sợ, rồi cử quan quản ngục của mình là Kuvikularia đến gặp nàng[8206] . Người này, khi đến gặp Anna, bắt đầu nói với nàng:

– Hãy thương xót chính mình đi, người phụ nữ ơi, và hãy cởi bỏ áo tu sĩ màu đen, chọn một cuộc sống trong sạch; khi đó, ngươi sẽ được sống cùng hoàng hậu trong cung điện, miễn là ngày mai, trong buổi thẩm vấn trước mặt mọi người, ngươi thú nhận sự thật về bản thân và về Stefan. Ở đây có một nô tì, người biết tất cả mọi chuyện và sẵn sàng nói thẳng với ngươi về những việc làm của hai người. Và nếu ngươi muốn che giấu điều gì, cô ta sẽ vạch trần ngươi. Khi đó, với tư cách là quan tòa và người bảo vệ công lý, ta sẽ xé xác ngươi ra từng mảnh và khiến ngươi phải nhận ra những gì nhà vua có thể làm, cũng như những gì Stefan – kẻ đã dụ dỗ ngươi – đã làm. Còn nếu ngươi nghe theo lời khuyên tốt lành của ta và vạch trần những việc làm đồi bại của Stefan, thì ngươi sẽ được chúng ta ban tặng những vinh dự lớn lao.

Nghe những lời ấy, Thánh Anna thở dài nặng nề, nước mắt tuôn trào, rồi đáp lại:

– Vua muốn làm gì thì cứ làm. Còn tôi thì không muốn nói dối về vị cha thánh thiện và đáng kính. Xin ý Chúa được thực hiện!

Sáng hôm sau, nhà vua bước ra khỏi cung điện của mình, đứng trên bục cao trước toàn thể dân chúng đang tụ tập, và ra lệnh đưa Anna, người phụ nữ trinh tiết, ra khỏi ngục tối, rồi lột trần cô ta để làm nhục trước mặt mọi người. Trước mặt vị thánh, người ta đặt cả một bó gậy và đưa người làm chứng dối, tức là nô tì của bà, ra đứng trước mặt bà. Người vợ vô tội đứng trần truồng trước mặt mọi người, chỉ dùng sự xấu hổ thay cho quần áo để che chắn mình khỏi những kẻ bất chính. Khi được hỏi về những điều mà người ta vu khống, bà im lặng, noi gương Chúa của mình, Đấng *đã "không trả lời"* những quan tòa bất công của Ngài[8206] . Trong khi đó, người nô tì vô liêm sỉ kia đã làm chứng dối chống lại bà, khẳng định những lời dối trá và trình bày chúng như sự thật. Sau đó, họ lại bắt đầu ép buộc Thánh Anna phải thừa nhận rằng Stephen đã có quan hệ tội lỗi với cô, nhưng vị thánh, như "con chiên trước người cạo lông", vẫn im lặng[8207] , không mở miệng.

Kẻ tra tấn bấy giờ nổi giận và rơi vào cơn thịnh nộ dữ dội. Gọi Anna là kẻ dâm đãng, hắn ra lệnh bắt cô nằm sấp xuống đất và đánh bằng gậy. Và Anna bị bốn chiến binh mạnh mẽ ép nằm sấp xuống đất và bị đánh liên tục vào lưng và bụng trong một thời gian dài. Chịu đựng những cực hình như vậy, vị thánh nữ không nói gì ngoài những lời sau:

– Tôi chưa từng quan hệ với đàn ông, như các ngài nói, – không! Chưa từng, – rồi bà thêm: "Lạy Chúa, xin thương xót"!

Trong khi đó, những kẻ tra tấn đánh bà dữ dội đến mức bà suýt nữa thì trút hơi thở cuối cùng. Lúc đó, nhà vua, thấy bà chỉ còn thở thoi thóp nhưng vẫn không nói gì chống lại Stefan, liền đứng dậy khỏi ngai vàng và vội vã trở về cung điện, lòng tràn ngập sự xấu hổ. Sau đó, ông ra lệnh đưa Anna đến một trong những tu viện bỏ hoang trong thành phố và giam giữ cô ở đó. Tại đó, sau một thời gian, Thánh Anna đã an nghỉ trong Chúa.

Trong khi đó, nhà vua suy nghĩ rất lâu để tìm cách buộc tội Stefan về điều gì đó, nhằm có cớ trừng phạt ông ta như một tên tội phạm. Cuối cùng, ông ta nghĩ ra một kế hoạch như sau.

Sau khi gọi một chàng trai trẻ mà ông rất yêu quý, tên là George, người đã trung thành phục vụ ông trong cung điện, Copronym hỏi anh ta:

– Georgios! Tình yêu của ngươi dành cho ta lớn đến mức nào?

– Tình yêu đó vô biên, – chàng trả lời.

– Nhưng liệu vì tình yêu dành cho ta, ngươi có sẵn sàng hy sinh mạng sống vì ta không?

– Tôi sẵn sàng hy sinh mạng sống vì ngài với tất cả lòng nhiệt thành, – chàng trai đáp. Lúc đó, nhà vua, sau khi hôn lên má chàng trai một cách vui vẻ và trìu mến, đã nói:

– Đây chính là Isaac mới.

Rồi nhà vua nói với Georgy:

– Nhưng ta không sai ngươi đi chết vì ta, và ta cũng không muốn ngươi phải chịu khổ vì ta. Ta chỉ xin ngươi một điều duy nhất. Hãy đến núi Avksentiev, gặp Stefan – kẻ thậm chí không xứng đáng được nhắc đến – và nài nỉ ông ta cạo đầu cho ngươi, cho ngươi gia nhập hàng tu sĩ và nhận ngươi làm đệ tử. Khi ông ta làm điều đó, hãy lập tức quay trở lại với chúng ta.

[8206] Giăng 19:9; so sánh với Mt 26:63, 27:12–14; Mc 14:61, 15:5; Lc 23:9.

[8207] Cụm từ này được trích từ sách tiên tri Ê-sai, nơi nó được áp dụng cho Đấng Mê-si-a, Đấng Cứu Rỗi (Ê-sai 53:7).

Chàng trai hứa sẽ thực hiện chính xác mọi điều mà nhà vua yêu cầu. Sau đó, Copronymus bắt đầu chỉ dẫn cho chàng cách thực hiện nhiệm vụ được giao sao cho thuận tiện nhất; và sau những lời chỉ dẫn đó, chàng trai lên đường đến núi Avksentiev.

Vào ban đêm, cậu đến gần tu viện của Thánh Stefan và bắt đầu kêu lên thật to:

– Xin hãy thương xót tôi, hỡi những người Kitô hữu đang sống ở đây, xin hãy thương xót! Tôi đã lạc đường và không biết phải đi đâu để không rơi xuống vực thẳm nào đó, hay không bị thú dữ ăn thịt.

Thánh Stefan nghe thấy những tiếng kêu cứu đó và, với lòng nhân ái của mình, đã thương xót người lầm đường lạc lối. Ngài gọi tu sĩ Marin và sai ông đi tìm người lạc đường đó rồi đưa anh ta về tu viện. Khi Marin dẫn Georgy về, anh ta quỳ xuống dưới chân vị thánh và xin ngài ban phước lành. Vị thánh nhận ra rằng người đứng trước mặt mình không phải là một người bình thường, nên bắt đầu hỏi Georgy:

– Ngươi là ai và đến từ đâu?

Georgy không giấu giếm rằng mình từng phục vụ tại hoàng cung, và nói rằng anh đã từ bỏ chức vụ bên cạnh nhà vua vì nhà vua đã sa ngã khỏi con đường chính đạo và đang lôi kéo mọi người theo mình vào con đường diệt vong.

– Đây là con, – chàng trai trẻ nói, – và con đã vội vã đến gặp cha để cha ban cho con chức vụ Thiên Thần, điều mà con khao khát vô cùng. Con khẩn cầu cha, vị cha đáng kính, xin đừng từ chối con như một kẻ không xứng đáng.

Lo sợ có thể xảy ra rắc rối nào đó từ phía nhà vua, Thánh Stefan ban đầu không đồng ý nhận chàng trai trẻ vào hàng ngũ các tu sĩ. Nhưng chàng trai trẻ trấn an ngài, nói rằng nhà vua sẽ không nổi giận vì mình, đồng thời tha thiết cầu xin vị thánh nhận mình vào hàng ngũ các môn đệ của ngài và cạo đầu cho mình.

– Ngài sẽ phải trả lời trước mặt Chúa về linh hồn tôi, nếu bây giờ ngài không cạo đầu cho tôi.

Ngài cảm động trước những lời đó và, không nhận ra mưu mô của ma quỷ, đã nói với Georgy:

– Vì ta thấy ngươi đến đây với lòng khao khát được cứu rỗi, nên ta không muốn đi ngược lại điều răn của Chúa, và sẽ không đuổi ngươi đi, người đã đến với chúng ta.

Nói xong, ngài lập tức bắt đầu dạy dỗ anh ta bằng những lời khôn ngoan của Chúa và có ích cho linh hồn; sau đó, ngài cởi bỏ y phục trần tục của anh ta, mặc cho anh ta áo tu sĩ sơ cấp, và ra lệnh cho anh ta chuẩn bị để nhận hình thức tu sĩ trọn vẹn[8208] . Sau ba ngày, vị tu sĩ đáng kính đã mặc cho Georgy hình thức tu sĩ này. Ngay lập tức sau khi nhận chức vụ Thiên Thần, kẻ xảo quyệt này vội vã đến gặp hoàng đế tại Constantinople.

Khi nhìn thấy bộ áo tu sĩ trên người Georgy, hoàng đế rất vui mừng, không phải vì ông yêu mến đời sống tu hành, mà vì ông đã tìm được cớ để buộc tội Stefan, rằng ông ta đang lôi kéo các tôi tớ của mình đi.

Sáng hôm sau, khi ra quảng trường, nhà vua dẫn vị tu sĩ mới xuất gia ra và bắt đầu than phiền trước đám đông tụ tập về tất cả các tu sĩ, đặc biệt là về Stefan, cáo buộc ông ta rằng ông ta dùng giáo lý của mình để lừa dối mọi người, như ông ta đã làm, ví dụ, với người đầy tớ yêu quý của nhà vua này. Đám đông bắt đầu la hét:

– Hãy xử tử tên lừa dối đáng ghê tởm đó!

Lúc đó, nhà vua ra lệnh lột bỏ áo tu sĩ của Georgy và quăng xuống đất. Ngay khi việc đó được thực hiện, đám đông bắt đầu dùng chân giẫm đạp lên bộ áo tu sĩ "Thiên thần" ấy, đồng thời trút lên các tu sĩ những lời lăng mạ và phỉ báng đời tu. Sau đó, nhà vua ra lệnh mang nước đến và tắm rửa cho Georgiy, như thể rửa trôi khỏi người ông chức sắc tu sĩ; cuối cùng, ông cho ông mặc áo giáp chiến binh, đội mũ sắt lên đầu và phong cho ông chức vụ hippokom[8209] . Sau tất cả, ông sai quân lính lên núi Avksentiev với mệnh lệnh tàn phá tu viện của Thánh Stefan.

Các binh lính tấn công tu viện như bầy sói tấn công đàn cừu. Sau khi xua đuổi hết các tu sĩ, họ đốt cháy nhà thờ của tu viện, còn chính vị thánh tu sĩ Stefan thì bị lôi ra khỏi phòng tu một cách tàn bạo và bị lôi đi một cách nhục nhã đến vùng ngoại ô Chalcedon của Constantinople. Trên đường đi, họ đã gây ra cho ngài không ít sự sỉ nhục và tra tấn ngài một cách tàn nhẫn: một số người kéo ngài lê lết trên mặt đất một cách tàn bạo, những người khác nhổ nước bọt vào mắt ngài, còn những người khác nữa thì thực hiện những hành vi sỉ nhục không thể tả xiết. Khi đến bờ biển, các binh lính đưa vị thánh lên thuyền và chở ngài đến tu viện Philippikos, tọa lạc tại Chrysopolis[8210] , gần

---

[8208] "Novochaliye" – một nghi thức chuẩn bị, mà nếu không có thì không được cạo đầu để trở thành tu sĩ; những người ở trong tình trạng này được gọi là "poslushniki" (tu sĩ tập sự).

[8209] Ippokom – người quản lý chuồng ngựa hoàng gia; một trong những chức vụ tại triều đình.

[8210] Chrysopolis – một vùng ngoại ô của Constantinople, nằm trên bờ đối diện của eo biển Bosphorus, thuộc Bithynia; ngày nay là Shkodër.

Byzantium. Tại đây, vị thánh bị giam giữ trong xiềng xích sắt suốt 70 ngày, và trong suốt thời gian đó, ngài không ăn uống gì cả. Mặc dù hoàng đế đã gửi đến cho ngài rất nhiều thức ăn, vị thánh vẫn không nhận bất cứ thứ gì và đều trả lại hết.

Sau 70 ngày, hoàng đế và tổng giám mục đã cử những kẻ dị giáo có ảnh hưởng nhất đến gặp vị thánh – cụ thể là: Theodosius, giám mục Ephesus, Constantine của Nicomedia, Nacoli, Sisinia và Basil, cùng với Callistus và những nhà hùng biện tài ba nhất, để họ tranh luận với Thánh Stephen về đức tin và lôi kéo ngài theo chủ nghĩa chống thánh tượng. Khi đến tu viện Philippikos, họ ra lệnh dẫn Thánh Stephanos đến trước mặt họ. Ngài xuất hiện trước mặt họ, bị xiềng xích bằng sắt, vì sức nặng của xiềng xích mà không thể đứng vững hay di chuyển nếu không có người đỡ: ngài đi giữa hai người đàn ông, dựa vào họ để đi.

Người đầu tiên lên tiếng là Thêôđôxiô, Giám mục Êphêsô. Quay sang Thánh Stephano, ngài nói:

– Dựa trên cơ sở nào, hỡi người của Chúa, ngài lại coi chúng tôi là những kẻ dị giáo và tự đặt mình cao hơn các vị vua, các tổng giám mục, các giám mục và tất cả các Kitô hữu khác? Chẳng lẽ tất cả chúng tôi đều lầm lạc và đang hướng tới sự diệt vong sao?

Nghe vậy, vị thánh đáp lại một cách hiền lành:

– Xin hãy nghe những gì Kinh Thánh Thánh Thiêng nói về tiên tri Ê-li. Ông từng nói với vua A-háp: *"Không phải tôi làm cho Ít-ra-en lầm lạc, mà chính ngài và nhà cha ngài"* (3 Vua 18:18). Cũng vậy, bây giờ: không phải tôi gây rối cho Giáo Hội của Đức Chúa Trời, mà là những kẻ, bằng cách vi phạm truyền thống của các thánh tổ tiên xưa, đang đưa những giáo lý mới vào Giáo Hội. Vì Thánh Basil Đại Đế đã nói: "Mọi điều được truyền lại từ xưa bởi các vị thánh tổ phụ đều xứng đáng được tôn kính; còn mọi điều mới được đề ra đều không phù hợp và không thể có ý nghĩa"; đó chính là bản chất của các quyết định của các ngài chống lại việc tôn kính các thánh tượng, những quyết định không phải do các con cái của Giáo Hội Công Giáo soạn thảo, mà do những kẻ ngoại đạo và gian dâm. Vì vậy, lời tiên tri sau đây chợt hiện lên trong tâm trí tôi: (Thánh Vịnh 2:2) – *"Các vua trên đất nổi dậy, các quan trưởng cùng nhau bàn mưu chống lại Chúa"*, và chống lại hình ảnh thánh thiện của Ngài.

Nghe những lời ấy, Constantine, Giám mục Nicomedia, vội vàng đứng dậy khỏi ghế, tiến đến vị thánh đang ngồi dưới đất và đá vào mặt ngài. Tương tự như vậy, một trong những người lính mang vũ khí có mặt tại đó đã đấm vào bụng vị thánh; vị thánh ngã xuống đất, còn người lính đó thì dẫm đạp lên ngực ngài.

Callistus phẫn nộ trước hành động vô liêm sỉ và phi pháp đó, và ra lệnh cho mọi người im lặng. Sau đó, ngài quay sang nói với Thánh Stephanos như sau:

– Ngươi có hai lựa chọn: hoặc ký vào các quyết định của công đồng vừa qua, hoặc chết như kẻ từ chối các quyết định của các vị Thánh Phụ, những người đã được Thiên Chúa dạy dỗ. Hãy nhanh chóng chọn một trong hai.

Thánh Stefan, được Thánh Thần soi dẫn, đã tuyên bố như sau:

– Hãy lắng nghe lời tôi, thưa ngài quý tộc! Tôi tuyên bố điều này cùng với vị Tông đồ vĩ đại Phaolô: *"Vì đối với tôi, sự sống là Đức Kitô, và cái chết"* vì hình ảnh thánh thiện của Ngài – *"là điều tôi mong muốn"* (Pl 1,23). Tôi đã từng nói với ngài một lần và giờ đây tôi lại nói lần nữa: nếu tôi chỉ còn một nắm máu, thì ngay cả lúc đó tôi cũng sẽ không ngần ngại đổ máu mình vì các hình ảnh thánh của Đấng Kitô. Tuy nhiên, xin hãy cho đọc các quyết định của công đồng quý vị, để tôi biết lý do tại sao quý vị từ chối việc thờ phượng các hình ảnh thiêng liêng.

Ngay lập tức, Constantine của Nicomedia cầm cuốn sách lên và bắt đầu đọc. Cuốn sách có tựa đề: "Di sản của Công đồng Thánh Toàn cầu lần thứ bảy". Ngay khi tựa đề này vừa được đọc xong, vị thánh ra hiệu bằng tay, mời mọi người im lặng, rồi lớn tiếng tuyên bố:

– Các ngươi đã xây dựng tòa nhà lung lay của mình trên nền móng không vững chắc. Tại sao các ngươi lại gọi công đồng của mình là "thánh"? Chẳng phải các ngươi đã tước đi danh xưng "thánh" khỏi tất cả các thánh, và ra lệnh không được gọi như vậy đối với các Tông đồ, các vị tử đạo, các tiên tri, cũng như những người khác đã làm đẹp lòng Thiên Chúa sao? Làm sao công đồng của các ngươi có thể được gọi là thánh, khi nó chà đạp và làm ô uế mọi điều thánh thiêng? Các ngươi gọi công đồng của mình là công đồng toàn cầu; nhưng làm sao nó có thể là công đồng toàn cầu, khi tại đó không có một vị tổng giám mục nào, cũng không có đại diện được ủy quyền của họ, thậm chí không có thư từ nào trong đó họ bày tỏ sự đồng ý về việc triệu tập công đồng. Công đồng của các ngươi không thể được gọi là Công đồng Toàn cầu, vì nó là giả mạo. Các ngươi còn gọi nó là Công đồng Thứ Bảy. Nhưng làm sao nó lại là Công đồng Thứ Bảy, nếu nó mâu thuẫn với sáu Công đồng đầu tiên? Nếu nó là Công đồng thứ bảy, thì nó phải tuân theo mọi điều của Công đồng thứ sáu, thứ năm và các Công đồng khác đã diễn ra trước đó. Bởi vì không có Công đồng thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm và thứ sáu thì không thể có Công đồng thứ bảy. Như

vậy, Công đồng của các ngài hoàn toàn không phải là Công đồng thứ bảy, vì nó đã bác bỏ các truyền thống của sáu Công đồng trước đó.

Nghe những lời này, các giám mục phản bác:

– Vậy thì, chúng tôi có từ chối những gì được truyền lại từ sáu công đồng đó không? Không, chúng tôi không từ chối các công đồng trước đây và những gì được truyền lại từ chúng, mà chúng tôi chấp nhận tất cả những điều đó.

Lúc đó, vị thánh đáp lại:

– Chẳng phải các công đồng trước đây đã diễn ra trong các nhà thờ thánh sao? Tức là tôi đang nói đến những nhà thờ được trang hoàng bằng các bức tượng thánh. Công đồng thứ nhất diễn ra tại Nicêa, trong một nhà thờ rộng lớn của thành phố này. Công đồng thứ hai – tại Constantinopolis, trong nhà thờ Thánh Irina. Công đồng thứ ba diễn ra tại Ê-phê-sô, trong nhà thờ Thánh Gioan Thần Học. Công đồng thứ tư diễn ra tại Chalcedon, trong nhà thờ chính tòa của tổng giám mục. Công đồng thứ năm và thứ sáu lại diễn ra tại Constantinople, trong đó công đồng thứ nhất diễn ra tại nhà thờ Thánh Sofia, còn công đồng thứ hai diễn ra tại nhà thờ trong cung điện, được gọi là Trullum. Chẳng phải tất cả các nhà thờ đó đều được trang hoàng bằng những bức thánh tượng đáng kính sao? Và không một công đồng nào trước đây từ chối chúng, như công đồng của các vị đang từ chối. Các vị sẽ nói gì với tôi về điều này?

Họ kinh ngạc trước sự khôn ngoan của Thánh Stephano và im lặng, không có gì để phản bác lại ngài. Chỉ có một người trong số những người ngồi cùng họ lên tiếng:

– Quả thật, những lời Thánh Stephano nói là đúng!

Vị thánh nhân ngước mắt lên trời; rồi, giơ hai tay lên và thở dài từ tận đáy lòng, ngài lớn tiếng kêu lên:

– Ai không tôn kính Chúa Giêsu Kitô, Đấng được thể hiện trên các bức thánh tượng theo bản tính con người, thì sẽ bị vạ tuyệt thông và sẽ cùng chung số phận với những kẻ đã hô to: *"Hãy bắt, hãy bắt, hãy đóng đinh Ngài!"* (Ga 19,15)[8211] .

Lúc đó, những kẻ dị giáo vô đạo, thấy rằng họ không thể thắng được vị thánh trong cuộc tranh luận, đã ra lệnh đưa ngài vào ngục tối, còn bản thân họ, đầy xấu hổ, quay trở về với những người đã cử họ đi.

Khi họ đến gặp vua, nhà vua hỏi:

– Các ngươi đã làm được gì?

Các giám mục định che giấu sự xấu hổ của mình, nhưng Callistus đã cảnh báo họ bằng cách kể cho nhà vua nghe toàn bộ sự thật.

– Hỡi bệ hạ! – ngài nói, – chúng tôi đã bị Thánh Stephanos đánh bại trong cuộc tranh luận. Ngài là một người khôn ngoan và trong lời nói của ngài ẩn chứa một sức mạnh không thể diễn tả. Hơn nữa, ngài còn dũng cảm và không hề nao núng, không chỉ không sợ những lệnh cấm, mà thậm chí còn không sợ cả cái chết.

Lúc đó, nhà vua tức giận đã ra lệnh đưa Thánh Stephanos đi lưu đày đến vùng Hellespont, cụ thể là đảo Prokonnis[8212] .

Trước khi lên đường, vị thánh đã giúp đỡ vị tu viện trưởng của tu viện Philippikova, người đang ốm nặng và sắp qua đời. Sau khi cầu nguyện cho ông và đặt tay lên người ông, vị thánh đã chữa lành cho ông và giúp ông đứng dậy khỏi giường bệnh. Sau đó, ngài lên con tàu đã được chuẩn bị sẵn và khởi hành đến nơi lưu đày. Khi đến đảo Prokonnis, ngài bắt đầu đi thăm dò khắp các nơi hoang vắng trên đảo và cuối cùng đã tìm thấy một hang động tuyệt đẹp, được người dân địa phương gọi là Kissuda. Trong hang có một nhà thờ nhỏ thờ thánh Anna, tổ mẫu của Chúa theo xác thịt, là mẹ của Đức Mẹ Đồng Trinh. Thánh nhân vô cùng vui mừng và dựng một căn phòng nhỏ gần hang động. Tại đây, sống để tôn vinh Thiên Chúa, ngài lấy rễ cây địa phương làm thức ăn.

Trong khi đó, các môn đệ của Thánh Stephano, sau khi bị trục xuất khỏi tu viện của ngài trên núi Avksentiev, đã tản mác khắp các quốc gia khác nhau, như những con chiên không có người chăn dắt. Nhưng khi nghe tin vị thầy của họ đang bị giam cầm trên đảo Prokonnisos, tất cả họ đều tụ họp lại với ngài, ngoại trừ hai người đã phản bội vị mục tử thánh thiện, giống như Giu-đa phản bội Chúa Kitô, hay Di-ma và Hê-rô-mê-gôn phản bội

---

[8211] Đó là vào thời điểm Chúa đang bị xét xử trước Phi-lát (Giăng 19:15).

[8212] Proconnis – một hòn đảo trên Biển Marmara, ngày nay là Marmara. Các vùng đất Hellespont – những vùng đất nằm giữa Biển Marmara, vốn được gọi là Hellespont trong thời cổ đại.

Phao-lô (2 Ti-mô-thê 1:15, 4:10). Đó là Sergius, người đã soạn thảo bản cáo trạng vu khống chống lại vị thánh, và Stephen, người ban đầu là một linh mục thế tục, sau đó đã nhận lễ xuất gia từ tay vị thánh để gia nhập hàng tu sĩ.

Lại một lần nữa từ bỏ đời tu, và cùng với đó là từ bỏ Thiên Chúa, rồi mặc lại áo quần thế tục, ông đến gặp nhà vua và nói với ngài:

– Bệ hạ kính yêu! Nhờ sự quan tâm của Bệ hạ, con đã thoát khỏi xiềng xích của ma quỷ, cởi bỏ áo đen và giờ đây đã khoác lên mình áo sáng.

Vua vô cùng vui mừng và yêu mến ông, sau đó bổ nhiệm ông làm người quản lý cung điện Thánh Sofia, nơi chính vua cũng thường xuyên ghé thăm. Trong khi đó, Copronymus lại gọi ông là "cha của niềm vui", mặc dù người con của sự hủy diệt này chỉ có thể khiến người ta khóc than cho chính mình. Vậy là, hai người ấy: Sergius và Stephen, đã tách khỏi nhóm các môn đệ của vị thánh; còn tất cả những người còn lại, như đã nói, đã tụ họp lại với thánh Stephen và lập nên một tu viện. Mẹ của ngài cùng con gái bà, cũng là em gái của ngài, là Theodotia, đã đến gặp vị thánh và dựng nên một nơi ở gần hang động của ngài, nơi họ sống một cuộc đời đạo đức, thỉnh thoảng được thưởng thức những lời dạy ngọt ngào như mật ong từ vị thầy của mình, Thánh Stefan. Còn vị thánh thì dựng cho mình một cột đá, và trên đó là một túp lều chật hẹp. Khi leo lên cột đá, ngài tự giam mình trong túp lều ấy; lúc đó ngài đã 49 tuổi. Vì những công đức vĩ đại của vị thánh, Đức Chúa Trời đã tôn vinh ngài và ban cho ngài ân sủng làm phép lạ. Như vậy, Thánh Stefan đã mở mắt cho người mù, giải thoát chàng trai bị quỷ ám khỏi linh hồn xấu xa, chữa lành người phụ nữ bị chảy máu sau khi cầu nguyện cho bà, không ít lần làm dịu sóng biển và cứu nhiều con tàu khỏi bị chìm; hơn nữa, các thủy thủ đã nhiều lần thấy ngài đi trên mặt nước, hoặc lái thuyền, hoặc giương buồm.

Trong khi vị thánh được tôn vinh trên đảo Prokonnisos nhờ những phép lạ của mình, thì mẹ ngài đã qua đời. Đó là vào năm thứ hai của thời gian bị giam cầm của vị thánh. Khi bà ra đi về với Chúa, con gái bà là Theodotia đã khóc than thảm thiết vì bà. Mẹ của Stephanos, bà Anna đáng kính, đã nói với cô:

– Con không có lý do đủ để khóc, vì con cũng sẽ đi cùng ta đến với Chúa Kitô.

Và điều đó đã xảy ra: vào ngày thứ bảy sau khi Thánh Anna, mẹ của Thánh Stefan, qua đời, Theodotia cũng qua đời.

Vào thời điểm đó, trên đảo Prokonnisos có một chiến binh cùng tên với vị thánh (vì ông tên là Stephanos). Ông là người gốc Armenia và đang trên đường từ các nước châu Âu trở về. Trên đường đi, ông mắc phải một căn bệnh khủng khiếp, đến nỗi nửa người bên trái của ông đã teo lại. Nghe tin Thánh nhân Stephano có thể chữa lành mọi loại bệnh tật, anh ta đã cố gắng hết sức để đến gặp ngài, quỳ sấp xuống trước mặt ngài và khóc lóc van xin được chữa lành. Thánh nhân bảo anh ta phải cúi đầu thờ lạy các bức tượng Chúa Kitô và Đức Mẹ Đồng Trinh, và khi anh ta làm điều đó với lòng thành kính, anh ta lập tức được chữa lành hoàn toàn. Khi người lính này trở về với bạn bè, họ bắt đầu hỏi anh ta: làm thế nào mà anh ta khỏi bệnh được? Người lính, không giấu giếm chút nào ân sủng của Thiên Chúa đã ban cho mình, kể lại:

– Khi tôi cúi đầu thờ lạy các bức tượng Chúa Kitô và Đức Mẹ Đồng Trinh, theo lời chỉ dẫn của tu sĩ Stefan đang ở Prokonnisos, thì ngay lúc đó tôi đã được chữa lành khỏi căn bệnh của mình.

Các chiến binh đã báo tin này cho chỉ huy của họ, người đang cai quản Thrace. Chỉ huy đã triệu tập người lính đã được chữa lành đến và, sau khi hỏi han anh ta về cách anh ta khỏi bệnh, lập tức gửi anh ta đến gặp nhà vua. Nhà vua cũng bắt đầu tra hỏi người lính về việc khỏi bệnh của anh ta, và khi biết rằng anh ta đã được chữa lành nhờ việc cúi lạy các bức tượng thánh, nhà vua liền gọi anh ta là kẻ thờ thần tượng, và mắng mỏ anh ta một cách giận dữ, như thể anh ta đã phạm phải một hành vi vô thần. Lúc đó, người được chữa lành, vì xấu hổ trước mặt vua, đã hối hận vì đã cúi lạy các bức tượng thánh, và công khai từ bỏ việc tôn kính chúng, thề rằng sẽ không bao giờ cúi lạy chúng nữa. Vì điều này, vị vua vô đạo đã yêu mến anh ta và phong cho anh ta chức vụ trung úy. Nhưng khi người lính vô đạo ấy bước ra khỏi cung điện hoàng gia và định leo lên ngựa của mình, con ngựa bỗng dưng nổi điên, hất anh ta xuống rồi bắt đầu dẫm đạp lên người bất hạnh ấy, và tiếp tục dẫm đạp cho đến khi anh ta trút hơi thở cuối cùng. Đó là hình phạt mà kẻ phản bội vô ơn này phải chịu.

Phép lạ này, cùng với những phép lạ khác do Thánh Stephanos thực hiện, đã khiến nhà vua nổi cơn thịnh nộ và giận dữ tột độ; bởi vì nhà vua biết rằng vị thánh, khi sống tại Prokonnisos, được ca ngợi nhờ những phép lạ và dạy mọi người tôn kính các thánh tượng. Vì vậy, ông ta nảy sinh ý định tước đoạt mạng sống của vị thánh, và ra lệnh đưa ngài ra khỏi nơi giam cầm. Khi vị thánh được dẫn đến trước mặt Copronymus, vị vua vô pháp ấy trước hết ra lệnh xiềng ngài bằng xiềng sắt, nhốt chân ngài vào cùm và giam vào ngục tối u ám, được biết đến với tên gọi

Fialskaya[8213] . Sau vài ngày, Copronymus, khi đang ở cùng hai quan đại thần hàng đầu của mình tại một trong những cung điện ngoại ô, đã ra lệnh dẫn vị thánh hạnh phúc Stephanos đến trước mặt mình.

Trên đường được dẫn đến gặp vua, vị thánh đã xin một đồng tiền có hình vua từ một tín hữu và lén giấu nó vào mũ trùm đầu của mình.

Ngay khi nhà vua nhìn thấy vị thánh, ông lập tức bắt đầu la lớn:

– Ôi, tai họa, tai họa! Ta còn phải chịu đựng điều gì nữa đây? Người này đang phỉ báng quyền lực của ta, làm ô danh ta và coi thường ta!

Và ông ta nói rất nhiều lời trách móc và xúc phạm đến vị thánh. Nhưng vị thánh vẫn đứng im lặng, cúi đầu xuống. Lúc đó, nhà vua nói:

– Sao ngươi không nói gì với ta, tên vô đạo kia?

Thánh Stefan đáp lại bằng giọng nhẹ nhàng:

– Nếu bệ hạ đã quyết tâm giết tôi, thì hãy giết ngay bây giờ. Còn nếu bệ hạ triệu tập tôi đến đây để hỏi han điều gì, thì bệ hạ nên kìm nén cơn giận và trò chuyện với tôi một cách bình tĩnh.

Nghe những lời đó, nhà vua hỏi vị thánh:

– Hãy nói cho ta biết, tại sao ngươi lại gọi chúng ta là những kẻ dị giáo? Chúng ta đã vi phạm truyền thống nào của Giáo hội?

Vị thánh trả lời:

– Các ngài từ chối việc tôn kính các thánh tượng, điều mà các vị tổ phụ thánh thiện đã truyền lại cho chúng ta từ thuở xa xưa.

Kẻ tra tấn phản bác lại:

– Đừng gọi đó là các bức tượng thánh: đó không phải là các bức tượng thánh, mà là hình ảnh của các thần tượng; và các thánh có liên hệ gì với các thần tượng?

Nghe vậy, vị thánh nhân đáp:

– Ai thờ phượng hình ảnh thánh thì không phải là thờ phượng vật chất đó; vì sự thờ phượng dành cho hình ảnh sẽ chuyển sang Đấng Nguyên mẫu, như Thánh Basil Đại đế đã nói.

Kẻ tra tấn nói với vị thánh:

– Làm sao có thể dùng màu sắc hữu hình để miêu tả những điều mà phần lớn vẫn còn mờ mịt và không thể thấu hiểu đối với trí tuệ? Và liệu có công bằng không khi thờ phượng những Đấng mà bản chất của họ không ai biết được, chỉ qua một hình ảnh hữu hình?

Vị thánh trả lời:

– Ai trong số những người có lý trí lại dám nói rằng có thể dùng màu sắc vật chất để miêu tả bản chất phi vật chất của Thiên Chúa? Ngay cả lý trí cũng không thể mô tả được bản chất của Thiên Chúa; huống chi là không thể miêu tả Ngài bằng màu sắc. Nhưng khi chúng ta vẽ hình ảnh Chúa Kitô trên bức thánh tượng, thì chúng ta không miêu tả bản chất thần thánh của Ngài, mà là hình dáng con người của Ngài, giống như chúng ta, Đấng mà các Tông đồ đã nhìn thấy và chạm vào, như Thánh Gioan Thần Học đã nói: *"những gì chúng tôi đã thấy bằng chính đôi mắt mình, những gì chúng tôi đã chiêm ngưỡng và những gì tay chúng tôi đã chạm vào"* (1 Gioan 1:1). Và nếu bạn chỉ ra cho tôi những lời của Mô-sê: Xuất Ê-díp-tô Ký 20 – *"Chớ làm cho mình hình tượng nào, cũng chớ làm hình ảnh nào của những gì ở trên trời cao, những gì ở dưới đất thấp, và những gì ở dưới nước dưới đất"*, – thì tôi sẽ nói với bạn rằng chính Môi-se đã làm hình ảnh của hai thiên thần Hê-ru-vi-mơ bằng vàng, điều mà Thánh Tông Đồ đã thuật lại như sau: Hê-bơ-rơ 9 – *"Các thiên thần vinh quang che chở nơi thánh*". Nhưng chính bàn thờ, Đền Tạm và Nơi Chí Thánh cũng đều thể hiện hình ảnh thiên đàng, như chính vị Tông Đồ ấy đã nói: Hê-bơ-rơ 8 – *"những thứ phục vụ cho hình ảnh và bóng của những điều trên trời*".

Vậy thì chúng ta làm gì sai trái khi, trước mắt mọi người, chúng ta vẽ Hình ảnh con người của Chúa Kitô trên bức tranh thánh và thờ lạy Ngài? Hay khi chúng ta thờ lạy Thập giá được làm từ một chất liệu nào đó, thì liệu chúng ta có đang thờ lạy chính chất liệu đó không? Cũng giống như vậy, khi chúng ta tôn kính các đồ thánh, thì lương tâm chúng ta không thể mang bất kỳ tội lỗi nào, vì chúng ta biết rằng các đồ thánh được thánh hóa nhờ việc kêu cầu danh Chúa Kitô. Vậy tại sao các ngươi lại chống đối tất cả những điều này? Sau đó, các ngươi sẽ muốn từ chối cả Thánh Thể và Thánh Huyết của Chúa Kitô, được dâng lên một cách bí tích dưới hình thức bánh và rượu,

[8213] Nhà tù này nằm ngay trong thành phố.

tượng trưng cho Thân Thể Chúa Kitô, Đấng đã chịu khổ nạn trên Thập giá và nay ngự trên trời – và chúng ta thờ phượng Ngài, khi rước lễ, chúng ta nhận được gia nghiệp của những ân huệ vĩnh cửu. Còn các ngươi, không phân biệt gì giữa thánh và bất thánh, lại tôn sùng hình ảnh Đức Kitô như những thần tượng, ngang hàng với hình tượng thần Apollon, và hình ảnh Đức Mẹ, cùng với tượng thần Artemis, các ngươi giẫm đạp lên chúng và thiêu đốt trong lửa.

Vua đáp lại:

– Chẳng lẽ ngươi, tên vô đạo ngu muội kia, lại nghĩ rằng khi chúng ta chà đạp những bức tượng này, chúng ta đang chà đạp Đức Kitô sao?

Lúc đó, Thánh Stephano, người khôn ngoan trước mặt Thiên Chúa, muốn đánh bại kẻ thù bằng chính vũ khí của hắn, theo phong tục của những võ sĩ tài ba, đã lấy từ mũ trùm đầu ra một đồng tiền có hình ảnh của vị vua vô đạo Copronymus, đồng tiền mà ngài đã xin được từ một người đạo đức khi trên đường đi dự phiên thẩm vấn. Khi đưa đồng tiền này ra, vị thánh đã hỏi nhà vua bằng chính những lời mà Đức Kitô từng hỏi các người Pha-ri-si:

– *"Hình ảnh và dòng chữ này là của ai?"* (Mt 22:20).

Vua trả lời, đầy ngạc nhiên:

– Chẳng ai khác ngoài nhà vua.

Vị thánh lại hỏi:

– Nếu có ai đó ném hình ảnh của nhà vua xuống đất và giẫm đạp lên nó, thì sẽ ra sao? Người đó có phải chịu hình phạt vì điều đó không?

Những người có mặt tại cuộc tranh luận đáp:

– Đúng vậy! Người đó sẽ phải chịu hình phạt nặng nề, vì đã làm ô uế hình ảnh của nhà vua.

Lúc đó, vị thánh nhân thở dài nặng nề và nói:

– Sự mù quáng của các ngươi thật sâu nặng và sự điên rồ của các ngươi thật to lớn biết bao! Nếu vì làm ô uế hình ảnh của vị vua trần thế và phàm nhân mà các ngươi đã trừng phạt bằng hình phạt khủng khiếp, thì các ngươi sẽ phải chịu hình phạt nào khi chà đạp lên hình ảnh của Con Thiên Chúa và Mẹ Ngài, rồi ném chúng vào lửa?

Nói xong, vị thánh nhổ nước bọt vào đồng tiền, ném nó xuống đất và bắt đầu giẫm đạp lên nó. Thấy vậy, những người có mặt liền xông vào vị thánh với cơn thịnh nộ, định đẩy ngài từ cung điện xuống biển, vì cung điện nơi diễn ra cuộc trò chuyện với vị thánh tọa lạc trên cao so với mặt biển. Nhưng nhà vua, giả vờ hiền lành dù trong lòng đang sôi sục cơn giận dữ khủng khiếp, đã cấm họ làm điều đó, mà ra lệnh đưa vị thánh đến nhà tù công cộng và giam giữ ngài ở đó.

Khi bước vào nhà tù này, vị thánh nói:

– Nhà tù này sẽ là nơi nương náu trong suốt cuộc đời hiện tại của tôi; tôi phải ở lại đây cho đến hơi thở cuối cùng, và tôi sẽ xem nơi cư ngụ này như một phần thưởng cho lòng trung thành đối với các bức tượng thánh.

Khi bị giam trong căn phòng xa xôi nhất của ngục tối, vị thánh thấy có ba trăm bốn mươi hai tu sĩ đang ngồi ở đó; họ từng tu hành tại nhiều quốc gia và tu viện khác nhau, và bị tống vào ngục vì đã tôn kính các bức tượng thánh. Một số người bị cắt mũi, một số khác bị cắt tai, một số nữa bị chặt tay: hình phạt tàn bạo nhất được áp dụng đối với những người đã soạn thảo các cuốn sách bảo vệ việc tôn kính các bức tượng thánh. Một số người mang trên người những vết loét do vết thương chưa kịp lành hẳn; một số người có khuôn mặt bị bỏng và bôi nhựa thông; một số khác bị cạo trọc đầu để làm trò cười. Nhìn thấy tất cả những người phải chịu đựng những cực hình nêu trên, vị thánh nhân đã ca ngợi sự kiên nhẫn và những hành động anh hùng của họ, đồng thời vô cùng đau buồn vì chính mình không được ân sủng để chịu đựng những cực hình như vậy vì các thánh tượng. Các vị thánh phụ ấy đã đón nhận Thánh Stefano với tình yêu thương và bầu ngài làm người đứng đầu cũng như thầy dạy cho họ. Và nhà ngục ấy dường như trở thành một tu viện, nơi diễn ra các bài thánh ca và lời cầu nguyện thường lệ theo nghi thức và nội quy của tu viện.

Trong thời gian ở trong ngục, vị thánh nhận được thức ăn từ một người phụ nữ sùng đạo, là vợ của một trong những lính canh. Mỗi thứ Bảy và Chủ Nhật, bà mang vào ngục một ít bánh mì và nước, rồi lén lút đưa cho vị thánh. Lúc đầu, vị thánh không muốn nhận thức ăn từ tay bà, vì không biết bà có đạo đức hay không và có thờ phượng các bức tượng thánh hay không; bởi vì ngài ghê tởm những kẻ dị giáo và không muốn nhận bất cứ thứ gì từ tay họ. Nhưng người phụ nữ ấy, để chứng minh lòng sùng kính của mình, đã mang đến cho ngài những bức tượng thánh của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và các Thánh Tông Đồ Trưởng Phêrô và Phaolô mà bà đã bí mật cất giữ. Sau khi cúi đầu thờ lạy trước mặt vị thánh nhân trước những bức tượng thánh này, bà đã hôn lên chúng, rồi trao lại

cho ngài, để Thánh Stefan, khi giữ những bức tượng thánh quý giá này bên mình, sẽ cầu nguyện cho bà trong những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài.

Một ngày nọ, Thánh Stefan đang trò chuyện với các vị tu sĩ đáng kính khác về những cuộc hành hạ đa dạng và phong phú mà những người sùng đạo phải chịu từ phía các quan tổng trấn, các quan anphipat và các quan igeemon[8214] . Trong lúc đó, một trong những tù nhân, Anthony người Síp, đã nhắc lại về cái chết tử đạo của tu sĩ Síp là Phaolô. Giám mục Theophanes của đảo Crete, người được gọi là Lardotir, đặt xuống đất trước mặt ông, một bên là bức tranh Chúa Giêsu bị đóng đinh, bên kia là các dụng cụ tra tấn, rồi nói với ông:

– Hãy chọn đi, Pavlo, một trong hai điều này: hoặc đồng ý giẫm đạp lên bức tranh Chúa Kitô để được sống; hoặc ngươi sẽ phải chịu cái chết tàn khốc, bị tra tấn bằng những dụng cụ đang nằm trước mặt ngươi – nếu ngươi không chịu tuân theo mệnh lệnh đã được giao.

Nhưng Phaolô, người dũng cảm, đã lớn tiếng tuyên bố:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Một của Thiên Chúa, con sẽ không bao giờ dẫm đạp lên bức tượng thánh của Ngài.

Nói xong, Phaolô quỳ gối xuống và kính cẩn hôn lên bức thánh tượng, qua đó thể hiện rằng ông không sợ những lời đe dọa của kẻ tra tấn và sẵn sàng chết vì thánh tượng của Đấng Kitô. Lúc đó, kẻ tra tấn nổi cơn thịnh nộ và bùng lên cơn giận dữ. Trước hết, hắn ra lệnh dùng hai tấm ván sắt siết chặt cơ thể vị chứng nhân; sau đó, treo Phaolô ngược đầu xuống, dùng thanh sắt tra tấn thân thể ông; và cuối cùng, chất củi dưới chân ông rồi châm lửa thiêu. Trong cơn đau khổ ấy, Phaolô đã qua đời, bị thiêu rụi trong lửa, trở thành của lễ thơm ngát dâng lên Chúa.

Khi Antôn kể lại chuyện này, tất cả các vị cha đều rơi những giọt nước mắt ấm áp. Sau đó, một tù nhân khác tên là Theostirikt bắt đầu kể chuyện; ông là một người già, đáng kính với chức vụ linh mục, người đã bị cắt mũi và toàn bộ khuôn mặt bị tạt nhựa đường sôi sục vì lòng trung thành với việc tôn kính các hình ảnh thánh.

– Có lần tại tu viện của chúng tôi, mang tên Pelikita, – ông kể, – vào Thứ Năm Thánh và Lớn của Tuần Thánh, một nghi lễ hiến tế không đổ máu đang được cử hành. Bất ngờ, tên ác quỷ Lahanodracon cùng một đoàn quân đông đảo tấn công tu viện. Hắn ngang nhiên xông vào bàn thờ, ra lệnh ngừng hát và hất tung các Bí tích thánh thiêng và ban sự sống của Chúa Kitô xuống đất.

Sau đó, hắn bắt giữ bốn mươi hai tu sĩ được chọn và xiềng xích họ bằng xiềng sắt; – còn với những người còn lại, hắn gây ra những vết thương tàn bạo, xé nát thân thể họ; với những người khác, hắn thiêu đốt râu và khuôn mặt họ sau khi bôi nhựa thông lên trước; còn với một số người khác, trong đó có cả tôi, hắn cắt đứt mũi. Sau đó, hắn đã châm lửa đốt nhà thờ và thiêu rụi nó cùng với toàn bộ tu viện. Những tu sĩ được chọn trong số 42 người kia, những người đã bị xiềng xích, kẻ hành hạ đã giam cầm họ tại vùng Ê-phê-sô, nhốt tất cả vào một nhà tắm cũ nát, lối vào đã bị đóng đinh lại. Tại đó, tất cả họ đều chết vì đói.

Thánh Stephano, khi nghe những câu chuyện như vậy, đã khuyến khích các tu sĩ hãy có lòng dũng cảm và kiên nhẫn tương tự. Sau đó, ngài cũng nhớ đến một người tên là Phêrô, sống tại Vlacherna. Khi bị đưa đến trước mặt vua để thẩm vấn, người tên Phêrô này vì lòng trung thành với việc tôn kính các bức tượng thánh đã bị đánh đập không thương tiếc bằng dây da bò, nhưng ông đã thể hiện sự kiên nhẫn đến mức hoàn toàn không rên rỉ hay la hét, như thể không cảm thấy đau đớn gì cả. Không chỉ vậy, ông còn không ngần ngại dùng những lời chỉ trích sắc bén như lưỡi dao để vạch trần chính nhà vua, gọi ông ta là " " – "Giulián mới, kẻ bội đạo"[8215] . Thánh Stefan cũng nhớ đến một người tên là Ioann, người mà nhà vua không thể ép buộc phải giẫm đạp lên các bức tượng Chúa Kitô và Đức Mẹ Đồng Trinh. Sau nhiều nỗ lực vô ích, kẻ tra tấn ra lệnh khâu ông vào một chiếc túi da, buộc một hòn đá vào túi rồi ném ông xuống biển để dìm chết vị thánh.

Khi kể cho nhau nghe những câu chuyện như vậy, tất cả các vị thánh cha và các tù nhân vì Chúa Kitô đều bừng lên lòng nhiệt thành khao khát chịu khổ vì các bức tượng thánh, và họ động viên lẫn nhau, nói rằng:

– Hãy kiên nhẫn, hỡi anh em, vì Chúa, và hãy chịu khổ vì Ngài cho đến hơi thở cuối cùng. *"Nếu chúng ta cùng chịu khổ với Ngài, thì cũng sẽ cùng được vinh quang với Ngài"* (Rô-ma 8:17).

Tất cả những điều tốt lành của thế gian này chẳng là gì so với vinh quang đã được chuẩn bị sẵn cho chúng ta.

[8214] Anphipat – quan tổng trấn của một khu vực bao gồm nhiều tỉnh; hegemon – quan tổng trấn của một tỉnh.

[8215] Julianus Apostata – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 361 đến năm 363. Sinh ra và được nuôi dưỡng trong đạo Kitô, ông đã từ bỏ Chúa Kitô và trở thành một người ngoại đạo cuồng tín.

Thánh Stephano đã ở trong ngục tối của dân chúng mười một tháng. Tại đó, Đức Chúa Trời đã mặc khải cho ngài trong một thị kiến về thời điểm ngài sẽ qua đời, đó là bốn mươi ngày sau. Khi người vợ của người lính gác đến gặp ngài sau khi có sự mặc khải đó, mang theo thức ăn cho vị thánh, ngài đã nói với bà:

– Nguyện Chúa ban thưởng cho chị vì ân huệ chị đã dành cho tôi. Chị đã phục vụ tôi đủ rồi. Giờ đây, xin đừng mang đến cho tôi những thức ăn và đồ uống phù du như trước đây nữa.

Nghe những lời ấy, người vợ buồn bã, vì cô nghĩ rằng vị thánh khinh thường những lễ vật của mình. Thấy nỗi buồn của cô, vị thánh nói với cô:

– Giờ lâm chung của ta đã gần kề, vì sau bốn mươi ngày nữa, ta sẽ qua đời. Và trong những ngày còn lại này, ta muốn tăng cường các việc tu hành và hoàn toàn kiêng ăn uống, để chuẩn bị tâm hồn đón nhận cái chết.

Sau đó, sau khi cho vợ người lính canh ra về, vị thánh nhân dốc lòng vào việc cầu nguyện và không ngừng cầu nguyện cả ngày lẫn đêm. Một số cư dân giữ đức tin chân chính vào thời điểm đó đã đến gặp ngài để xin phước lành. Để làm điều này, họ thay đổi trang phục, mặc những bộ áo rách rưới và, khi đến gặp vị thánh, họ say sưa lắng nghe những lời dạy đầy ích lợi và khôn ngoan từ Thiên Chúa của ngài.

Khi bốn mươi ngày đã gần kết thúc và đã đến ngày thứ ba mươi tám, vị thánh lại gọi người vợ nói trên và trước mặt tất cả các vị thánh phụ đang ở trong ngục, ngài nói với bà:

– Nguyện Chúa ban thưởng cho chị gấp trăm lần vì những ân huệ chị đã dành cho tôi, và ngước nhìn chị bằng ánh mắt nhân từ từ trên cao. Vì chị đã chứng tỏ mình là môn đệ chân chính của Đấng đã phán: *"Những gì các con làm cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta, tức là các con đã làm cho Ta"* (Mt 25:40), và còn nữa: *"Ai tiếp đón một người công chính nhân danh người công chính, thì sẽ nhận được phần thưởng của người công chính"* (Mt 10:41); và lần thứ ba: *"Và ai cho các con uống một chén nước nhân danh Ta, vì các con thuộc về Đấng Christ, thì Ta bảo thật các con, người ấy sẽ không mất phần thưởng của mình"* (Mác 9:41). Con đã thực hiện tất cả những điều này khi phục vụ Ta, và vì thế con sẽ không mất phần thưởng của mình.

Sau đó, vị thánh trao cho nàng những bức thánh tượng mà trước đó nàng đã mang đến cho ngài, và nói với nàng:

– Hãy nhận lấy kho báu quý giá của con. Nó sẽ là sự bảo vệ cho con khỏi mọi điều ác và sẽ là bằng chứng cho đức tin chính thống của con trong thế giới hiện tại và thế giới tương lai.

Nói xong những lời này, vị thánh thở dài nặng nề và nói:

– Một ngày nữa, ta sẽ rời bỏ cuộc sống trần gian và chuyển sang một thế giới khác, nơi ta sẽ diện kiến trước Đức Vua Thiên Đàng.

Nghe những lời của vị thánh, người phụ nữ ấy đã khóc nức nở. Sau đó, bà cầm lấy các bức tượng thánh và nhận lời chúc phúc từ Thánh Stephano, quấn các bức tượng thánh bằng một chiếc khăn rồi trở về nhà, đau buồn vì phải xa cách người cha và vị thầy vĩ đại của mình. Còn vị thánh thì dành quãng thời gian còn lại cho đến ngày qua đời cùng với các đồng đạo của mình để hát những bài thánh ca, ngợi khen Đức Chúa Trời.

Khi đến ngày thứ ba mươi chín, nhà vua cùng người vợ thứ ba của mình, tên là Evdoksia, bắt đầu tổ chức lễ hội ngoại đạo được gọi là Vrumalia[8216] ; bởi vì tên dị giáo vô đạo này, bên cạnh vô số hành vi ác độc ghét Chúa của mình, vẫn không từ bỏ các lễ hội ngoại đạo. Trong dịp lễ này, một số kẻ dị giáo độc ác đã tố cáo Thánh Stefan trước mặt hoàng đế rằng ngài đã biến nhà tù thành tu viện và dùng lời lẽ của mình để lôi kéo nhiều người đến với ngài, dụ dỗ họ sa vào việc thờ lạy thần tượng (đó là cách họ gọi việc tôn kính các bức tượng thánh). Nhà vua, nổi giận, lập tức sai một quan chức đưa Thánh Stefan ra ngoài thành và xử tử ngài bằng gươm. Nhưng khi Thánh Stefan bị trói tay dẫn đi để bị chém đầu, nhà vua bắt đầu hối hận vì đã kết án vị thánh này phải chịu hình phạt nhanh chóng như vậy.

– Còn điều gì có thể đáng khao khát hơn đối với Stefan, ngoài việc kết thúc cuộc đời mình càng sớm càng tốt bằng cách bị chém đầu bằng gươm? – ông nói, và vì muốn giết vị thánh nhân bằng một cái chết tàn khốc hơn, ông ra lệnh đưa ông trở lại ngục tối. Còn bản thân nhà vua thì vào ngày hôm đó đã tổ chức một bữa tiệc lớn tại cung điện dành cho các quan đại thần và những người đồng chí hướng của mình; họ hân hoan và vui vẻ, trong tiếng nhạc cụ vang lên và tiếng kèn thổi ầm ĩ. Giữa bữa tiệc, nhà vua chợt nhớ đến thánh Stefan và nói với hai chàng trai trẻ

[8216] Vrumalia hay Brumalia – là lễ hội ngoại giáo diễn ra vào ngày đông chí (trong tiếng Latinh là *bruma).* Lễ hội này bắt đầu ở La Mã cổ đại bằng nghi lễ dâng tế trước đền thờ Saturn (vị thần La Mã của nông nghiệp và mùa màng), vì vậy còn được gọi là Saturnalia; sau đó là tiệc tùng hoành tráng, với sự tham dự của các thượng nghị sĩ và tất cả các quan chức cao cấp.

đang ở bên cạnh mình, những người có dung mạo tuấn tú, nổi tiếng về lòng dũng cảm, và là anh em cùng cha khác mẹ với ông.

– Hãy đến nhà tù dân sự và nói với Stefan trên núi Avksentiev như sau. Nhà vua phán thế này: ngươi có thấy ngài quan tâm đến ngươi đến mức nào không? Chính ngài đã cứu ngươi khỏi cửa tử và ban cho ngươi sự sống. Vậy thì, đến bao giờ ngươi mới chịu tuân theo ý muốn của nhà vua? Hãy nói hết những điều này với hắn. Ta biết rằng hắn sẽ không khuất phục ta, mà còn sẽ lăng mạ ta nhiều hơn nữa – và khi đó các ngươi hãy bắt hắn lại và đánh thật mạnh, cho đến khi giết chết hắn.

Sau khi nghe lệnh của nhà vua, những chàng trai ấy đi vào ngục tối; nhưng khi nhìn thấy khuôn mặt của Thánh Phêrô, giống như dung mạo của các thiên thần, họ bối rối trước sự thánh thiện của ngài và, quỳ xuống dưới chân vị thánh, xin ngài ban phước lành và cầu nguyện cho họ. Sau đó, khi trở về gặp nhà vua, họ nói với ngài:

– Chúng tôi thấy vị tu sĩ đó không chịu khuất phục, nên đã đánh ông ta không thương tiếc và để ông ta sống sót trong tình trạng thoi thóp; chúng tôi không nghĩ ông ta có thể sống sót đến sáng mai – vì chúng tôi đã đánh ông ta rất dữ dội.

Nghe vậy, nhà vua cảm thấy an ủi và tiếp tục tiệc tùng vui vẻ cùng những người đồng chí hướng.

Trong khi đó, Thánh Stefan đã thức trắng cả đêm để cầu nguyện, chuẩn bị cho cái chết. Khi ngôi sao mai ló rạng, ngài triệu tập tất cả các vị tu sĩ đang bị giam cầm cùng ngài, và nói với họ như sau:

– Ta xin gửi đến các vị, các vị cha và anh em, lời chúc bình an cuối cùng và nụ hôn từ biệt cuối cùng: giờ phút lâm chung của ta đã gần kề, và vương miện tử đạo đang chờ đón ta. Còn các vị, hãy kiên trì giữ vững đức tin Chính Thống cho đến cùng và hãy vững vàng.

Nghe những lời ấy, các vị tu sĩ đã khóc nức nở, nước mắt ấm áp tuôn trào ướt đẫm khuôn mặt. Thánh Stephane bắt đầu cởi bỏ y phục của mình. Lúc đó, các vị tu sĩ khác nói với ngài:

– Thưa Cha, sẽ tốt hơn nếu Cha đón nhận cái chết trong bộ áo tu sĩ thánh thiện của mình.

Nhưng Thánh Stefan, người được Thánh Thần soi dẫn, đã đáp lại:

– Một võ sĩ phải ra trận trong tình trạng trần truồng. Hơn nữa, có gì tốt đẹp khi bộ áo tu sĩ bị chà đạp dưới chân những kẻ vô pháp?

Nói xong, vị thánh đã cởi bỏ hết quần áo và, chỉ khoác trên mình một chiếc áo choàng da, ngồi xuống cùng các vị cha thánh, chờ đợi giờ lâm chung của mình.

Cùng đêm đó, khi nhà vua đang nghỉ ngơi trên giường sau bữa tiệc, con quỷ luôn ở bên cạnh ngài đã báo cho ngài biết rằng những người được phái đi không gây hại gì cho Thánh Stefan, mà chỉ cúi đầu kính lễ ngài và xin ngài ban phước lành. Lúc đó, nhà vua thức giấc, bước ra khỏi các phòng riêng trong cung điện của mình và, như một con sư tử gầm rú, bắt đầu thốt lên:

– Ôi tai họa, ôi sự sỉ nhục lớn lao, ta không có ai giúp đỡ, không có người hầu trung thành. Mọi người đều coi thường ta, và ta không biết phải làm gì với những kẻ không xứng đáng, thậm chí không đáng để nhớ đến (ông thường gọi các tu sĩ như vậy).

Nghe thấy tiếng kêu thét của nhà vua, tất cả những người có mặt trong cung điện đều bối rối, lo lắng và vội vã chạy đến bên ngài. Nhìn những người đang chạy đến, nhà vua nói:

– Các ngươi đi đâu và đang tìm ai?

Họ khiêm tốn đáp:

– Chúng tôi đến với ngài, vị chúa tể nhân từ và là vua của chúng tôi.

Lúc đó, nhà vua cất tiếng hô to:

– Ta không phải là chúa tể cũng chẳng phải là vua của các ngươi. Các ngươi đã có một vị vua khác, một chúa tể khác, người mà các ngươi quỳ lạy dưới chân, cầu xin lời cầu nguyện và phước lành của ngài. Và không có ai lắng nghe ta hay trung thành phụng sự ta, để ta có thể tiêu diệt kẻ thù của mình và để linh hồn ta được an ủi.

Những người xung quanh Kopronym bắt đầu hỏi rằng kẻ thù của ông là ai, người mà họ tôn kính hơn cả chính vị vua. Lúc đó, Kopronym đáp lại:

– Không phải ta là vua, mà là Stefan từ núi Avksentiev.

Vừa dứt lời, tất cả liền đồng thanh hét lớn rồi lao nhanh vào nhà tù dân sự, và quay sang lính canh, họ kêu lên:

– Hãy giao Stefan Avksentian cho chúng tôi.

Nhưng chính Thánh Stefan đã tự mình bước ra khỏi ngục với khuôn mặt rạng rỡ, tâm hồn tràn đầy niềm vui.

– Ta chính là người mà các ngươi đang tìm kiếm, – ngài nói với những người vừa chạy đến. Lúc đó, họ tóm lấy vị thánh như những con sói tóm con cừu, quật ngài xuống đất, rồi đập vỡ hết xiềng xích trên người ngài, kéo ngài một cách tàn nhẫn ra quảng trường, vừa dẫm đạp lên người vừa đánh bằng gậy. Khi vị thánh được lôi ra khỏi cổng ngục và đứng trước nhà thờ của Thánh Đại Tử Đạo Phê-ô-đô-rô, ngài chống tay xuống đất, ngẩng đầu lên hết mức có thể, và thực hiện lời kính lạy cuối cùng dành cho vị thánh tử đạo trước nhà thờ của ngài, như vậy đã hoàn thành việc đạo đức giữa những cực hình tàn bạo. Thấy vậy, một trong những kẻ tàn ác đang lôi kéo vị thánh, tên là Philomatius, đã vớ lấy một khúc gỗ lớn và dùng nó đập mạnh vào đầu vị thánh, làm vỡ sọ ngài. Ngay lập tức, vị thánh đã trút hơi thở cuối cùng vào tay Chúa. Còn kẻ sát nhân của ngài, ngay tại chỗ đó, bỗng nhiên bị quỷ ám, khiến tên vô đạo kia, thét lên bằng giọng nói kinh hoàng, ngã xuống đất và la hét thảm thiết, toàn thân co giật và nghiến răng ken két, trong khi bọt mép chảy ra từ miệng hắn. Và tên khốn kiếp đó bị quỷ dữ hành hạ cho đến khi, giữa những cực hình khủng khiếp, linh hồn hắn rời khỏi thân xác.

Mặc dù vậy, đám đông những kẻ khát máu điên cuồng đang lôi kéo Thánh Stefan vẫn không ngừng hành hạ thi thể ngài, và thể hiện sự tàn bạo dã man của chúng đối với người đã chết, bằng cách lôi thi thể vị thánh qua các con phố và ném đá vào ngài. Các bộ phận cơ thể của vị thánh trên đường đi bị xé rời khỏi thân thể thánh thiện và nằm rải rác trên đường phố: đó là trường hợp của các ngón tay, hai bàn tay, cũng như các bộ phận nội tạng của ngài. Trong số đó, một tên vô lại đã nhấc một tảng đá khổng lồ bằng cả hai tay và ném vào bụng vị thánh, và ngay lập tức bụng ngài vỡ tung, nội tạng tuôn ra; đến nỗi các con phố trong thành phố nhuốm đỏ bởi máu của vị thánh, chảy tràn như nước. Không chỉ đàn ông, mà cả phụ nữ lẫn trẻ nhỏ, khi ra khỏi trường học, cũng ném đá vào thi thể của vị thánh. Bởi vì nhà vua đã ban ra sắc lệnh như sau: ai không ném đá vào Thánh Stephanos Avksentianin thì người đó là kẻ thù của nhà vua và phải chịu án tử hình. Chính vì thế mà cả đám đông những kẻ dị giáo độc ác, từ già đến trẻ, đều đánh đập thi thể người đã bị giết. Khi thi thể vị thánh được kéo đến chợ bò, một chủ quán rượu, lúc đó đang chiên cá, nhìn thấy thi thể bị lôi đi và tưởng rằng vị thánh vẫn còn sống, liền nắm lấy một than hồng đang cháy và đập vào đầu vị thánh, khiến não bộ của ngài chảy ra ngay lập tức.

Theo sau đám đông nổi loạn đang thực hiện đủ mọi hành vi nhạo báng thi thể vị thánh, có một người đàn ông Chính thống giáo tên là Feodor, người muốn biết họ sẽ vứt thi thể vị thánh ở đâu. Khi nhìn thấy não bộ của ngài chảy ra từ đầu, ông giả vờ như vấp ngã, ngã xuống đất, rồi lén lút gom não bộ của vị thánh vào một chiếc khăn sạch, giấu nó trong áo quần của mình và tiếp tục đi theo đám người đang hành hạ thi thể vị thánh.

Lúc bấy giờ, chị gái cả của vị thánh Stefan vẫn còn sống, người đã xuất gia tại một trong những tu viện nữ của Đế quốc Byzantine. Thi thể vị thánh được kéo đến tu viện này để chị gái của ngài, theo lệnh của hoàng đế, cũng ném một hòn đá vào thi thể. Nhưng khi biết chuyện này, bà đã rời khỏi phòng tu của mình và ẩn náu trong một cỗ quan tài; người ta tìm kiếm bà khắp nơi nhưng không thể tìm thấy. Sau đó, thi thể của Thánh Stefano được đưa từ đó đến một nơi gọi là Nghĩa trang Pelagia. Trước đây, tại đó từng có nhà thờ của Thánh Tử đạo Pelagia, nhưng đã sụp đổ vì quá cũ nát; vị vua độc ác đã ra lệnh phá hủy tận nền móng của nó, và tại chỗ đó đào một hố sâu, nơi người ta bắt đầu ném xác những kẻ ngoại đạo bị giết vào. Thi thể của Thánh Stefan cũng bị lôi đến hố đó và bị ném xuống, khiến người công chính bị gộp chung với những kẻ vô luật pháp.

Vậy là vị thánh cha của chúng ta là Thánh Stefan đã kết thúc cuộc đời trần thế của mình, vào ngày 28 tháng 11, năm thứ 53 kể từ khi ngài chào đời[8217]

Buổi sáng ngày đó trời rất trong xanh và mặt trời chiếu ánh sáng rực rỡ xuống mặt đất; nhưng vào giờ thứ ba của ngày hôm đó, từ phía đông, nơi có núi Avksentiev, xuất hiện một đám mây lửa, bầu trời trên thành phố lập tức tối sầm lại và ban ngày bỗng chốc biến thành ban đêm. Sau đó, một cơn bão nổi lên, mưa đá dữ dội bắt đầu rơi xuống, khiến nhiều người thiệt mạng.

Nhưng tất cả những điềm báo rõ ràng về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời này, ập xuống Constantinople như sự trừng phạt dành cho những kẻ vô đạo vì đã gây ra những cực hình và sỉ nhục đối với thi thể trong sạch của vị thánh, lại không làm cho vị vua độc ác kia tỉnh ngộ. Vì vậy, ông ra lệnh xử tử hai người anh em của mình – những kẻ đã từng được sai đi giết Thánh Stephanos – với tội danh bất tuân mệnh lệnh hoàng gia. Sau đó, ông còn ra lệnh giết chết các vị thánh phụ khác đang bị giam giữ trong ngục tối cùng với Thánh Stephanos.

[8217] Đó là vào năm 768 sau Công nguyên.

Trong khi đó, Thêôđôr, người đã thu nhặt não bộ vương vương của Thánh Stêphanô, đã đến tu viện Thánh Diya và kể cho ngài nghe tất cả những gì mình biết về cái chết của Thánh Stêphanô. Vị tu viện trưởng, sau khi nghe câu chuyện của Theodor trong nước mắt, đã nguyền rủa nhà vua là kẻ dị giáo và phản bội, còn bộ não của vị thánh thì được ngài coi như một kho báu vô giá, đặt vào một chiếc bình sạch và giấu trong nhà thờ Thánh Stefan, vị tử đạo đầu tiên. Nhưng điều này không thể giấu được nhà vua độc ác. Sự việc diễn ra như sau.

Khi vị tu viện trưởng đặt bộ não thiêng liêng của Thánh Stephano vào bình và giấu nó trong nhà thờ, có một chàng trai trẻ đang sống tại tu viện Thánh Dia có mặt tại đó. Sau một thời gian, chàng trai này bắt đầu nài nỉ vị tu viện trưởng ban cho mình chức phó tế. Nhưng vị tu viện trưởng, cho rằng chàng chưa xứng đáng với chức vụ này, đã không chấp nhận lời thỉnh cầu của chàng. Lúc đó, chàng trai nổi giận với vị tu viện trưởng và, sau khi đến gặp nhà vua, đã kể cho nhà vua nghe tất cả những gì chàng biết về não thánh của Thánh Stephano. Nhà vua lập tức ra lệnh mang chiếc bình đựng não thánh của vị thánh đến và mở nó ra trước mặt mình.

Khi chiếc bình được mở ra, nó hoàn toàn trống rỗng, bởi vì bộ não của Thánh Stefan đã được Chúa lấy đi một cách vô hình và cất giấu tại một nơi mà cho đến nay vẫn chưa ai biết. Nhà vua nổi giận, và chàng trai trẻ đó, với tư cách là kẻ vu khống, đã bị đày đi lưu đày.

Ở đây cần nhắc lại một phép lạ trừng phạt của Đức Chúa Trời đã giáng xuống cô gái ấy, người vốn là nô tì của nữ tu thánh Anna, đã nói dối về bà và thánh Stefan, rằng họ bí mật gặp gỡ vào ban đêm và sa vào tội lỗi trái luật. Cô ta được gả cho một quan chức, người thu thuế cho vua ở Bithynia, và đã sinh ra hai đứa con sinh đôi. Một đêm nọ, khi cô đang nằm nghỉ trên giường cùng các con, bỗng dưng chúng trở nên kích động và, được ban cho một sức mạnh kỳ lạ, đã hung hãn cắn vào vú mẹ và bắt đầu mút chúng không phải như những đứa trẻ, mà như những con sư tử con hay gấu con – đến nỗi người phụ nữ khốn khổ ấy không thể gỡ chúng ra khỏi ngực mình. Và bằng cách hành hạ núm vú của mẹ mình một cách tàn bạo như vậy, chúng đã giết chết bà; sau đó, chính chúng, như những sinh vật do con rắn độc sinh ra, cũng chết cùng với bà. Hình phạt như vậy đã giáng xuống người nữ nhân chứng dối trá đáng nguyền rủa ấy. Còn Thánh Tử Đạo Thánh Phêrô, là người vô tội và trong sạch lòng, chiêm ngưỡng Thiên Chúa là Ba Ngôi duy nhất: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Đấng được vinh quang muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài đã tu hành trên núi, bằng vũ khí thập tự giá, ngài đã tiêu diệt đội quân kẻ thù một cách khôn ngoan, hỡi vị thánh hạnh phúc vô cùng; rồi ngài lại dũng cảm trang bị để chịu khổ nạn, giết chết Copronymus bằng thanh gươm đức tin: và vì cả hai lý do đó, ngài đã được Thiên Chúa trao vương miện, hỡi vị thánh tử đạo Stephanô, người được tưởng nhớ muôn đời.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Hỡi người chăm sóc Ba Ngôi, và Thánh Stephane Thần Thánh, chúng con, những người yêu mến lễ hội, sẽ ca ngợi Ngài bằng những bài ca chân thành từ tận đáy lòng, vì đã tôn vinh hình ảnh rực rỡ của Chúa và Mẹ Ngài; và giờ đây, vì tình yêu, chúng con sẽ cùng nhau kêu lên với Ngài, trong niềm vui sướng: Chúc mừng, hỡi Cha vinh quang muôn đời.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Từ gốc rễ không sinh hoa trái, ngài đã nảy sinh những cành lá: mang cùng tên với vị Tử đạo đầu tiên, ngài đã trở thành vị Thầy vĩ đại của các tu sĩ, và không sợ hãi trước cơn thịnh nộ của nhà vua, người không muốn tôn vinh hình ảnh của Đấng Kitô. Vì lý do đó, ngài đã qua đời và nhận được vương miện tử đạo, hỡi Thánh Stefano.

Cuộc đời của Thánh Cha chúng ta, Thánh Phê-ô-đô-rô, Tổng Giám mục Rostov[8218]

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 11

Thánh Theodor, Tổng Giám mục Rostov đầu tiên, xuất thân từ dòng họ nổi tiếng về lòng đạo đức, nơi có vị tu sĩ vĩ đại và người cầu nguyện của đất nước Nga, Thánh Sergius Radonezhsky. Thánh Theodor Rostov là cháu ruột của Thánh Sergius, con trai của anh trai cả ngài là Thánh Stefan. Stefan này, cũng giống như Thánh Sergius, đã cùng cha mình là quý tộc Kirill rời khỏi vùng Rostov để đến vùng Radonezh gần Moscow; ông đã dành nửa đầu cuộc đời để phục vụ Công tước Andrei Ivanovich của Radonezh, con trai của Công tước Ivan Danilovich Kalita của Moscow. Ông là một trong những quan đại thần hàng đầu của Công tước Radonezh, nổi tiếng về những chiến công quân sự, nhưng đặc biệt nổi bật nhờ lòng sùng đạo. Ông đã kết hôn và có hai con trai với vợ là Anna, đó là Kliment và Ioann. Người vợ đạo đức của Stefan sớm qua đời, và lúc đó Stefan quyết định từ bỏ đời sống thế tục để trở thành tu sĩ. Ông xuất gia tại Tu viện Đức Mẹ Che Chở ở Khotkov và tận tâm thực hành các việc tu hành, ăn chay và cầu nguyện. Không lâu sau khi rời tu viện Khotkov, ông đến Moscow, định cư tại tu viện Thánh Hiển Linh trong một phòng tu riêng biệt và sống một cuộc đời nghiêm khắc và khắc khổ trong việc ăn chay và cầu nguyện, kiêng rượu vang và bia, và mặc những bộ quần áo cũ nát. Vào thời điểm đó, tại tu viện này còn có những vị tu sĩ nổi tiếng khác, như Thánh Alexius (sau này trở thành tổng giám mục), vị tu sĩ cao niên Gerontius và những người khác. Đức Tổng Giám mục Theognostus, Tổng Giám mục toàn Nga lúc bấy giờ[8219] , rất yêu mến họ, thường mời họ đến gặp và dành cho họ sự tôn kính.

Khi biết về cuộc sống tu hành đạo đức của Stefan, Đại công tước Simeon Ivanovich[8220] , con trai của Ivan Danilovich, đã ra lệnh cho Tổng giám mục Theognost phong chức linh mục cho ông, sau đó bổ nhiệm ông làm Bề trên Tu viện Bogoyavlensky, và chọn ông làm cha giải tội cho mình. Nhiều quý tộc và quan lại cũng mong muốn trở thành con tinh thần của Stefan. Đại công tước Simeon yêu mến Stefan, kính trọng và thường xuyên trò chuyện với ông.

Đó chính là cha của Thánh Theodor, người có tên thế tục là Ioann. Khi tròn bảy tuổi, Ioann được cha mẹ sùng đạo gửi đi học chữ, và chẳng bao lâu sau, cậu đã nắm vững tất cả những gì được dạy.

Sau khi mẹ qua đời, cậu bé Ioann sống cùng cha, người đã xuất gia. Nghe kể về cuộc đời của chú mình, vị tu sĩ vĩ đại Sergius của Radonezh, người lúc bấy giờ đang xây dựng tu viện mới của mình – nơi thu hút những người thuộc mọi tầng lớp và địa vị từ khắp nơi tụ họp để tu hành – Ioann khao khát được gặp Sergius và theo chân ngài. Theo sự an bài của Thiên Chúa, cha của Ioann, là Stefan, đã lên đường từ Moscow đến vùng Radonezh, đến tu viện Thánh Ba Ngôi Ban Sự Sống, và mang theo con trai mình là Ioann. Ông đã dẫn con trai thẳng vào nhà thờ, rồi nắm lấy tay phải của cậu, chính tay trao cậu vào tay vị tu viện trưởng Sergius, người anh em ruột của mình.

Mặc dù Ioann còn rất trẻ, mới chỉ mười hai tuổi, nhưng Thánh Sergius, nhìn thấy ở cậu một người tu hành chân chính, đã ngay lập tức cạo đầu cho cậu theo nghi thức tu sĩ, vào ngày 20 tháng 4, nhân ngày tưởng niệm Thánh Phê-ô-đô-rô Trichina, người mà để vinh danh, Ioann đã được đổi tên thành Phê-ô-đô-rô: lúc bấy giờ có phong tục là khi thụ giới, người ta sẽ đặt tên theo vị thánh mà ngày tưởng niệm của ngài trùng với ngày thụ giới.

Tu sĩ mới được thụ giới Theodor đã ở lại tu viện Troitsky dưới sự hướng dẫn của vị sáng lập vĩ đại của tu viện. Anh bắt đầu sống một cuộc đời tiết độ, trong sạch và thuần khiết, siêng năng tham dự các thánh lễ, chăm chú lắng nghe Lời Chúa và thường xuyên tự mình đọc các sách Thánh. Còn đối với vị thầy của mình, Thánh Sergius, ngài vâng lời trong mọi việc với lòng khiêm nhường, hiền lành và im lặng. Sự siêng năng trong việc cầu nguyện tại nhà thờ và trong phòng tu, việc ăn chay và thức đêm cầu nguyện, việc hát Thánh vịnh một cách tận tụy cùng

---

[8218] Nhà soạn sử nổi tiếng Epiphanius the Wise, người đã viết tiểu sử của Thánh Sergius Radonezhsky và Thánh Stephen, Giám mục Perm, từng có ý định biên soạn tiểu sử của Thánh Theodorus; nhưng ý định này của Epiphanius đã không được thực hiện. Không tìm thấy cuốn tiểu sử cổ xưa nào về Thánh Theodor. Hiện nay còn tồn tại một bản thảo tiểu sử dài về Thánh Theodor, được biên soạn dựa trên nhiều nguồn khác nhau vào thế kỷ XVII (theo bản thảo của Hội đồng Giám mục đã nêu, cuốn tiểu sử này đã được xuất bản năm 1877 tại Yaroslavl dưới dạng một cuốn sách riêng với tiêu đề: "Cuộc đời của vị thánh, cha chúng ta là Thánh Theodor, Tổng Giám mục Rostov, người làm phép lạ và là người sáng lập Tu viện Simon"). Cuộc đời này được lấy làm cơ sở cho bản tóm tắt hiện tại, đã được đối chiếu với các biên niên sử và tài liệu.

[8219] Thánh Theognostus giữ chức Tổng giám mục từ năm 1328 đến năm 1353.

[8220] Simeon Ivanovich Gordi trị vì từ khoảng năm 1340 đến năm 1353.

những giọt nước mắt xúc động của vị tu sĩ trẻ đã khiến những người xung quanh ngạc nhiên. Điều đặc biệt đáng chú ý là anh không giấu diếm điều gì với Thánh Sergius, ngày đêm đều bộc bạch hết mọi suy nghĩ của mình với ngài.

Khi đủ tuổi, Theodore được phong chức linh mục và tiếp tục hoàn thiện bản thân trong các việc tu hành và đời sống thiêng liêng. Khi anh cử hành Thánh lễ cùng với Thánh Sergius và cha mình là Stefan, một số tu sĩ, những người được ban ân sủng đặc biệt của Chúa, đã nhìn thấy Thiên Thần của Chúa đang phục vụ bên bàn thờ cùng với các vị thánh này.

Vào thời điểm đó, ý tưởng về việc thành lập một tu viện mới của riêng mình, tìm kiếm một địa điểm thích hợp và thiết lập một cộng đồng tu sĩ bắt đầu nảy sinh trong tâm trí Theodor. Ông đã chia sẻ ý tưởng này với vị thầy của mình, Thánh Sergius, và lặp lại điều đó không chỉ một lần. Vị Thánh, thấy rằng ý tưởng này đã hoàn toàn chiếm lĩnh tâm trí Theodor, đã nhận ra trong đó sự an bài của Thiên Chúa.

Theodor không ngừng dâng lời cầu nguyện ban đêm theo thói quen. Và rồi một ngày nọ, khi đang đứng cầu nguyện, ông nghe thấy một giọng nói: "Theodor, hãy đi vào sa mạc; ngươi sẽ lập nên một tu viện, quy tụ tại đó nhiều tu sĩ, những người khao khát đời sống thiêng liêng, và ngươi sẽ nhận được phần thưởng vĩ đại trên thiên đàng". Coi những lời này **là sự mặc khải từ trên cao**, vị thánh hạnh phúc không tiết lộ cho ai về điều đã xảy ra. Nhưng sau một thời gian dài, vị thánh có khả năng thấu thị vĩ đại Sergius đã nói với cháu trai mình:

– Con ơi, ta đã hy vọng rằng con sẽ an táng thi hài ta và trở thành vị tu viện trưởng kế nhiệm ta tại nơi này; nhưng nếu bây giờ con muốn bắt đầu công việc mà con đã ấp ủ, thì xin Chúa và Đức Mẹ Rất Thánh phù hộ cho con.

Sau khi ban phước lành cho cháu trai và đệ tử của mình, ngài đã cho phép anh ta ra đi cùng với những tu sĩ nào mong muốn đi theo anh ta.

Thánh Theodor cùng các bạn đồng hành rời tu viện và lên đường tìm kiếm một địa điểm phù hợp để xây dựng tu viện. Và ngài đã tìm thấy một địa điểm tuyệt vời để xây dựng tu viện, có tên là Simonovo, không xa thành phố Moscow, nằm trên bờ trái sông Moskva.

Khi nhận được tin, Thánh Sergius đích thân đến xem xét nơi này, thấy nó phù hợp để xây dựng tu viện và đã ban phước lành cho Thánh Theodor để ngài bắt tay vào thực hiện dự án đã ấp ủ.

Sau khi nhận được sự cho phép thích hợp từ các giám mục, Thánh Theodor đã xây dựng tại địa điểm đã chọn một nhà thờ mang tên Đức Mẹ Thiên Chúa, và ngày Lễ Giáng Sinh của Mẹ, xây dựng các công trình cần thiết cho tu viện, quy tụ đông đảo các tu sĩ từ khắp nơi và tổ chức tu viện theo nghi thức nghiêm ngặt của các tu viện cộng đồng.

Chính vị sáng lập tu viện đã nêu gương về lối sống khổ hạnh nghiêm ngặt và tỏa sáng cả về đức hạnh nội tâm lẫn vẻ đẹp bên ngoài và vóc dáng, đồng thời nổi bật bởi sự khôn ngoan và trí tuệ. Tất cả những phẩm chất này đã khơi dậy sự kính trọng và ngưỡng mộ của mọi người dành cho ngài, và danh tiếng của ngài ngày càng lan rộng, đến nỗi chú của ngài, Thánh Sergius, lo ngại rằng cháu trai mình có thể bị cám dỗ bởi vinh quang và danh tiếng ấy, nên ngài không ngừng cầu nguyện để Chúa Trời giúp Thánh Theodor sống trọn vẹn cuộc đời mà không vấp ngã.

Khi tu viện mới thành lập bắt đầu thu hút nhiều người đến, Theodor, muốn tránh xa cuộc sống ồn ào, đã quyết định tìm cho mình một nơi vắng vẻ và tách biệt hơn. Ông đã tìm thấy nơi như vậy gần tu viện, cách đó hai phát tên, trong khu rừng rậm rạp, sát bên sông Moskva, cách Kremlin Moskva năm verst. Tại đây, ông đã xây dựng cho mình một căn phòng tu hành tách biệt và bắt đầu tu hành với sự nhiệt thành mới cùng những công việc mới.

Nhưng ngay cả ở đây, các đệ tử cũng bắt đầu tụ tập đến với ngài, mong muốn tu hành cùng ngài. Và tại đây, Thánh Sergius đã đến thăm ngài và nhận định nơi mới này thích hợp cho việc tu hành và xây dựng tu viện. Tổng Giám mục Alexius đã ban phước lành cho việc thành lập nhà thờ tại Simono mới, còn nhà thờ Đức Mẹ Sinh Nhật vẫn giữ tên gọi: "Tại Simono Cũ".

Việc khởi công xây dựng nhà thờ đá tráng lệ và rộng lớn mang tên Lễ Hồn Thánh Mẹ Thiên Chúa do Thánh Phê-ô-đô-rô khởi xướng vào năm 1379, nhưng công trình chỉ hoàn thành sau 26 năm, vào năm 1405, khi người sáng lập đã qua đời; lễ thánh hiến nhà thờ mới được cử hành bởi Tổng Giám mục Kyprian.

Cùng với nhà thờ, các công trình tu viện mới rộng lớn khác như phòng ăn và các phòng tu cũng được xây dựng. Có rất nhiều nhà hảo tâm ủng hộ tu viện mới thành lập này: các công tước và quý tộc, cũng như chính Đại công tước Dimitri Ioannovich[8221] , và sau đó là con trai và người kế vị của ông, Đại công tước Vasili

[8221] Dimitri Ioannovich Donskoy trị vì từ năm 1363 đến năm 1389.

Dimitriyevich[8222] , đã hào phóng đóng góp từ kho bạc và các khoản tài trợ khác nhau cho công trình xây dựng tu viện.

Như vậy, Tu viện Simonov Mới đã được thành lập, còn Tu viện Simonov Cũ vẫn là nơi an táng các tu sĩ.

Ngay từ thời Tổng giám mục Alexei, Feodor đã được bổ nhiệm làm Bề trên Tu viện Simonov; Thánh Sergius phản đối điều này: ngài mong muốn Feodor được sống cuộc đời ẩn dật mà anh ta hằng khao khát; nhưng ngài buộc phải nhượng bộ trước sự khăng khăng của Đại công tước Dimitri Ioannovich và Tổng giám mục Alexei.

Đại công tước Dimitri Ioannovich đã chọn tu viện trưởng Feodor làm cha linh hướng cho mình; nhiều quý tộc và quan lại cũng mong muốn trở thành con tinh thần của Feodor.

Với tư cách là cha giải tội của Đại công tước và nhiều quý tộc, đồng thời là cháu trai của vị tu sĩ nổi tiếng Sergius – người được giới chức giáo hội biết đến rộng rãi – Tu viện trưởng Feodor của Tu viện Simonovsky buộc phải tham gia tích cực vào các công việc của Giáo hội.

Sau khi Tổng giám mục Alexius qua đời, tình hình tại Tổng giáo phận Nga trở nên hỗn loạn. Tại Kiev có Cyprian, người đã được tấn phong làm Tổng giám mục Kiev ngay khi Thánh Alexius còn sống và đang tìm cách mở rộng quyền lực của mình sang cả Giáo hội Moscow; còn tại Constantinople vào năm 1380, mà không có sự biết đến hay đồng ý của Đại công tước Moscow, Pimen đã được tấn phong làm Tổng giám mục Kiev và toàn Nga. Đại công tước mong muốn có Cyprian làm tổng giám mục và đã cử vị linh mục riêng của mình, Tu viện trưởng Feodor của Tu viện Simonov, đến mời ông về Moscow; vị này đã hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách thành công. Sau đó, Feodor đã nhiều lần thực hiện những nhiệm vụ tương tự. Vào năm 1384, theo ý muốn của Đại công tước, ông cùng với Tổng giám mục Dionysius của Suzdal đã lên đường đến Constantinople để giải quyết các công việc liên quan đến Tổng giáo phận Nga, bởi vì tình trạng hỗn loạn vẫn còn tiếp diễn: tại Moscow, chức vụ Tổng giám mục lúc thì do Cyprian đảm nhiệm, lúc thì do Pimen đảm nhiệm.

Trong chuyến đi này đến Constantinople, tu viện trưởng Feodor đã được Thượng phụ Nil[8223] phong chức archimandrite, còn Tu viện Simonov được công nhận là tu viện trực thuộc Thượng phụ. Năm 1387, Archimandrite Theodorus lại lên đường đến Constantinople để giải quyết các công việc của Tổng giáo phận, cùng thời điểm đó cả hai Tổng giám mục Pimen và Cyprian cũng đến đó. Từ chuyến đi này, Theodorus trở về với chức vụ Tổng giám mục Rostov cùng với Tổng giám mục Pimen.

Và sau khi được bổ nhiệm vào chức vụ Tổng giám mục Rostov – vị trí vẫn còn trống sau khi Thánh Giacôbê[8224] bị cách chức – Theodor tiếp tục tham gia tích cực vào các công việc của Giáo hội. Vào năm 1389, ông cùng với các giám mục khác đã tiễn Pimen từ Moscow đến Ryazan trong chuyến đi thứ ba, cũng là chuyến đi cuối cùng, của ông đến Constantinople.

Ngày 19 tháng 5 năm 1389, Đại công tước Dimitri Ioannovich qua đời. Con trai và người kế vị của ông, Đại công tước Vasili Dimitriyevich, cũng dành cho Tổng giám mục Feodor sự kính trọng và quan tâm không kém gì cha mình, và thường nhờ cậy sự giúp đỡ của ông trong các công việc của Giáo hội.

Pimen đã bị Tổng Giám mục mới Antony[8225] phế truất vĩnh viễn và không lâu sau đó qua đời[8226] . Đại công tước Vasily Dimitrievich quyết định đón Tổng Giám mục Cyprian, người đang ở Constantinople, về Moscow, và để mời ông, ông đã cử Tổng Giám mục Theodor của Rostov – người đã từng đến đó nhiều lần – đi thực hiện nhiệm vụ này.

Ngày 1 tháng 10 năm 1389, Tổng giám mục Cyprian, cùng với Thượng phụ Theodorus – người đã đến đón ông – đã khởi hành từ Constantinople qua Kiev, nơi họ lưu lại cho đến tháng 2 năm 1390, và vào Tuần Thánh giữa Mùa Chay năm đó, họ đã lên đường đến Moscow.

Như vậy, những xáo trộn trong Tổng giáo phận Nga đã chấm dứt, và cùng với đó là những chuyến lưu lạc của Tổng giám mục Feodor. Trong khoảng thời gian này, ngài đã phải trải qua nhiều vất vả, nguy hiểm trên đất liền và trên biển, cùng những nỗi buồn phiền và rắc rối, nhưng từ thuở thiếu thời, ngài đã rèn luyện bản thân để quen

---

[8222] Vasili Dimitrievich trị vì từ năm 1389 đến năm 1425.

[8223] Nil là tổng giám mục từ năm 1378 đến năm 1388.

[8224] Lễ kỷ niệm Thánh Gia-cô-bê được tổ chức vào ngày 27 tháng 11

[8225] Antoni giữ chức tổng giám mục từ năm 1388 đến năm 1395.

[8226] Tổng giám mục Pimen qua đời vào ngày 11 tháng 9 năm 1389 tại thành phố Chalcedon thuộc Tiểu Á, nằm gần đối diện với Constantinople, và được an táng tại đó.

với lao động và những việc làm anh hùng, và không bao giờ nghĩ đến sự an nhàn. Chúa Trời đã củng cố tinh thần và thể xác của ngài.

Với tư cách là vị tu viện trưởng và đại tu viện trưởng của Tu viện Simonov, mặc dù bị phân tâm bởi các công việc chung của Giáo hội, nhưng Thánh Phê-đô vẫn liên tục và không ngừng nghỉ điều hành đời sống tu viện, đồng thời đã đào tạo nên nhiều vị tu sĩ vĩ đại và lừng lẫy trong số các đệ tử của mình. Một thanh niên xuất thân quý tộc tên là Kosma, từng được nuôi dưỡng tại Moscow trong gia đình của Boyar Velyaminov, đã được Thánh Stefan Makhrishsky[8227] dẫn dắt đến với ngài và được thụ giới tại Tu viện Simonov với tên gọi Kirill. Đó chính là người sau này trở thành vị sáng lập nổi tiếng của Tu viện Kirillo-Belozersky. Những hành động đầu tiên thể hiện sự vâng phục của một tu sĩ đã khiến anh thu hút sự chú ý chung tại Tu viện Simonov, khi anh làm việc tại lò bánh, nhà bếp và các công việc khác. Tại đây, Thánh Sergius, người thường xuyên ghé thăm tu viện, đã để ý đến anh và rất thích trò chuyện với anh. Khi Thượng phụ Theodor được tấn phong làm Tổng Giám mục Rostov, các tu sĩ Tu viện Simonov đã bầu Kirill làm Bề trên. Tuy nhiên, vì khao khát những cuộc tu hành ẩn dật, Kirill cảm thấy nặng nề với vị trí này, nên đã từ chối chức vụ trụ trì và tự giam mình trong phòng tu của mình. Tuy nhiên, danh tiếng về những việc làm cao cả của ông đã thu hút những người sùng kính và khách viếng thăm đến đây, nên ông quyết định lui về phía bắc, nơi ông đã thành lập tu viện của riêng mình, sau này trở nên lừng lẫy.

Cũng tại Tu viện Simonov này, dưới sự hướng dẫn của Archimandrite Feodor, một quý tộc trẻ người Volokolamsk tên là Feodor Poskochin đã nhận lễ xuất gia và được đặt tên tu là Ferapont. Giống như Kirill, ông nổi tiếng nhờ đời sống tu hành khổ hạnh và được Sergius Radonezhsky biết đến. Cùng với người bạn Kirill, ông lui về vùng Belozero và thành lập tại đó một tu viện, sau này được biết đến với tên gọi Tu viện Ferapontov. Được Công tước Andrei Dimitrievich Mozhaisky – người sở hữu cả vùng Belozero – mời gọi, Ferapont đã thành lập tu viện Luzhetsky mới tại Mozhaisk, nơi ông qua đời với tư cách là Archimandrite của tu viện này[8228] .

Còn rất nhiều nhân vật khác đã tu hành tại Tu viện Simonov dưới sự hướng dẫn của Archimandrite Feodor. Nền kỷ luật nghiêm ngặt được thiết lập tại Tu viện Simonov đã trở thành mô hình cho các tu viện cộng đồng khác, những người sáng lập của các tu viện này trước đây từng sống tại tu viện này hoặc đã từng đến thăm nó.

Sau khi hoàn thành các công việc liên quan đến Tổng giáo phận Nga, Tổng giám mục Feodor đã đến Rostov và, sau khi kính lạy bức tượng Đức Mẹ và di cốt của Thánh Leontius, ngài đã tận tâm đảm nhận sứ vụ mục vụ mới. Ngài sống trong hòa bình và tình yêu thương cùng gia đình hoàng gia Rostov và dẫn dắt họ trên con đường đạo đức. Con trai của Công tước Rostov lúc bấy giờ là Alexander Konstantinovich Ioann bị bệnh về mắt và mất thị lực. Người cha đã tìm đến Thánh Phê-ô-đô-rô và xin ngài cầu nguyện cho người bệnh. Thánh Phê-ô-đô-rô đã hướng dẫn các hoàng tử đến thánh tích của Thánh Lê-ôn-ti-ô tại Nhà thờ Chính tòa Rostov; và sau khi cử hành nghi thức cầu nguyện, hoàng tử bị bệnh đã được chữa lành và lấy lại thị lực. Sau này, khi Thánh Phê-ô-đô-rô đã qua đời, Công tước Ioann – người từng được vị mục tử này dạy dỗ – khi lại mắc bệnh về mắt, đã một lần nữa dâng lời cầu nguyện tha thiết lên Thánh Lê-ôn-ti-ô, vị thánh làm phép lạ, và một lần nữa được chữa lành[8229] .

Tổng Giám mục Theodor cũng để lại dấu ấn bằng việc thành lập Tu viện Nữ tu Giáng Sinh tại Rostov, nơi vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Người ta cũng biết rằng Thánh Theodor, khi còn là vị trụ trì Tu viện Simonov, đã theo đuổi nghệ thuật vẽ tranh thánh và đã trang trí các nhà thờ khác nhau ở Moscow bằng những bức tranh thánh do chính ngài vẽ[8230] .

Trong số tất cả các vị thánh của Rostov, Thánh Feodor là người đầu tiên được tấn phong làm tổng giám mục, một chức vụ mà trước đó ở Nga chỉ thuộc về vị giám mục của thành Novgorod Vĩ đại cổ xưa. Thánh Feodor không cai quản giáo phận Rostov được lâu. Ngài đã an nghỉ trong bình an vào ngày 28 tháng 11 năm 1395. Xác thánh của ngài được an táng dưới nền nhà thờ Uspensky ở Rostov, tại góc tây nam. Trên mộ ngài có một lăng mộ được trang trí lộng lẫy dưới mái vòm mạ vàng[8231] .

[8227] Ngày kỷ niệm ngài được tổ chức vào ngày 14 tháng 7.

[8228] Thánh Ferapont qua đời ở tuổi rất cao vào ngày 27 tháng 5 năm 1420; cuốn tiểu sử của ngài được ghi dưới ngày này.

[8229] Điều này được kể lại trong tiểu sử của Thánh Leontius, Nhà làm phép lạ ở Rostov.

[8230] Về việc Thánh Theodoros vẽ tranh thánh, có đề cập trong "Câu chuyện về các họa sĩ tranh thánh" (Buislav. Bài viết Lịch sử II, 379).

[8231] Thánh Theodor xuất hiện trong danh sách các thánh trong các tác phẩm hagiography từ thế kỷ XV. Trong các bản thảo, người ta tìm thấy các bài thánh ca troparion và kondak được sáng tác để vinh danh ngài.

Lễ kính Thánh Tử đạo Irinarh

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 11

Thánh Irinarh xuất thân từ thành phố Sebaste[8232] . Khi còn trẻ, ngài từng là người thi hành án trong các cuộc tra tấn các thánh tử đạo. Trong thời gian vua Maximian, dưới triều đại của Diocletian, tra tấn bảy vị thánh nữ, Irinarh đã được soi sáng bởi ân sủng của Thiên Chúa: khi chứng kiến các vị thánh nữ chịu khổ hình vì Chúa Kitô và làm bẽ mặt kẻ tra tấn, ngài đã can đảm tuyên xưng Chúa Kitô và tự xưng mình là Kitô hữu. Sau đó, theo lệnh của quan tổng trấn, ngài bị ném xuống đầm lầy, nhưng ngài đã bước ra khỏi đó mà không hề hấn gì, rồi lại bị ném vào lò lửa, nhưng ngọn lửa cũng không gây hại gì cho ngài. Sau đó, ngài bị chém bằng gươm vào năm 303.

Lễ kính các thánh tử đạo, cùng với Thánh Stephano Mới, vì các thánh tượng của những người chịu khổ nạn

Ngày tưởng niệm: 28 tháng 11

Dưới triều đại của Constantine Copronymus[8233] , nhiều chiến binh Chính Thống Giáo đã từ bỏ quân hàm để trở thành tu sĩ. Nhiều người trong số họ đã bị vị hoàng đế bất chính ra lệnh xử tử sau khi phải chịu tra tấn. Một người tên là Vasil, ban đầu ông ta đã bị làm mù. Khi Thánh Vasil, dù đã bị mù, vẫn tiếp tục thờ lạy các bức tượng thánh, kẻ tra tấn đã đâm thanh kiếm vào bụng Vasil, khiến nội tạng của ông lộ ra ngoài. Cùng thời gian đó, Thánh Stephano tại Constantinopolis cũng đã nhận vương miện tử đạo vì các thánh tượng. Ngoài ra, hai vị Grigori cùng một số người khác bị đày đi lưu đày, và họ đã qua đời tại đó. Cuối cùng, Thánh Ioann bị trục xuất đến Daphne[8234] , nơi theo lệnh của vua, ngài thường xuyên bị đánh đập, và chính điều này đã dẫn đến cái chết của ngài.

Ngày 12 tháng 12

29 tháng 11 (theo lịch cũ)

Lễ tưởng niệm vị thánh cha Akakios của chúng ta tại Sinai

Ngày tưởng niệm 29 tháng 11

Thánh Gioan Thang Bậc[8235] đã viết trong cuốn sách của mình về vị thánh Akakios như sau: Thánh Gioan Savvait vĩ đại đã kể cho tôi nghe một sự việc có thật và một câu chuyện đáng kính.

Có một vị tu sĩ già, rất lười biếng và tính tình xấu xa; tôi nói điều này không phải để lên án ông ta, mà nhằm thể hiện lòng kiên nhẫn của vị thánh, và đây là điều tôi sẽ kể cho các bạn nghe. Vị tu sĩ già ấy có một đệ tử trẻ tên là Akakii, tính cách giản dị và tâm hồn trong sạch, người đã phải chịu đựng biết bao điều ác từ vị tu sĩ già ấy, đến nỗi nhiều người thậm chí còn cho rằng điều đó là không thể tin nổi, bởi vì vị tu sĩ già không chỉ làm khổ anh ta bằng những lời quở trách và sự sỉ nhục, mà còn hành hạ anh ta bằng những hình phạt thể xác mỗi ngày. Tuy nhiên, sự kiên nhẫn của anh ta không phải là vô ích: bởi vì Akakiya, nhờ sự kiên nhẫn không than vãn và sự chịu đựng không

---

[8232] Ở đây, tất nhiên là đề cập đến Sebaste ở Armenia, được gọi là Sebaste Armenia – để phân biệt với Sebaste Cappadocia.

[8233] Constantine Copronymus trị vì từ năm 741 đến 776. Ông là một trong những hoàng đế chống thánh tượng tàn bạo nhất. Vì trong thời kỳ đàn áp các thánh tượng, những người bảo vệ chính là các tu sĩ, nên Constantine Copronymus đã ra lệnh đốt phá các tu viện, và bắt các tu sĩ Chính Thống Giáo phải đập đầu vào chính những thánh tượng mà họ đã đứng ra bảo vệ, hoặc đưa họ ra chịu những hình phạt tàn bạo khác. Các chiến binh thi hành mệnh lệnh của vị hoàng đế vô đạo, khi chứng kiến sự kiên định của những người Chính Thống Giáo và nhiều điềm báo từ những bức thánh tượng bị xúc phạm, thường từ những kẻ bách hại đã quay sang trở thành tín đồ Chính Thống Giáo và trở thành những người sùng kính nhiệt thành các thánh tượng. Vì điều này, cơn thịnh nộ của kẻ bách hại đã đổ xuống đầu họ, và họ phải chịu đựng những hình phạt tàn bạo, sự tra tấn và cả cái chết.

[8234] Daphne – một vùng ngoại ô của Constantinople.

[8235] Thánh Gioan Thang Bậc – xuất thân không rõ, năm 20 tuổi nhập tu, bốn năm cuối đời làm Bề trên Tu viện Sinai; qua đời ở tuổi 80 vào cuối thế kỷ VI; ngày kỷ niệm là 30 tháng 3.

oán hận, đã được ân sủng của Chúa, giải thoát anh ta khỏi sự đau khổ vĩnh cửu. Còn tôi (Thánh Gioan Savvait nói với Thánh Gioan Thang), khi thấy anh ta mỗi ngày như một nô lệ bị mua bán hay một tù nhân, phải chịu đựng những khổ nạn tột cùng, tôi cố tình gặp anh ta và hỏi:

– Anh thế nào rồi, anh Akakios? Hôm nay anh sống ra sao?

Anh ấy đáp:

– Trước mặt Chúa Trời, – tôi cảm thấy rất tốt. Và đôi khi anh ấy chỉ cho tôi thấy đôi mắt đã tím bầm, đôi khi là cổ, rồi lại là cái đầu đầy vết thương. Biết rằng anh ấy đang hành động một cách đạo đức, tôi nói với anh ấy:

– Tốt lắm, tốt lắm, hãy kiên nhẫn, anh em ơi, để anh đạt được sự cứu rỗi.

Trong hoàn cảnh như vậy, thánh Akaki đã ở lại với vị tu sĩ nghiêm khắc ấy suốt chín năm, và sau khi ốm một thời gian ngắn trước khi qua đời, ông đã về với Chúa[8236] . Khi ông được an táng trong hầm mộ gia đình, thì năm ngày sau, vị tu sĩ ấy đã đến gặp một vị cha đáng kính đang sống ở đó và nói với ông:

– Thưa Cha, anh em Akaki, đệ tử của con, đã qua đời.

Vị cha, khi nghe điều đó, đã nói:

– Con không tin lời cha, thưa vị tu sĩ già, vì Akaki chưa chết.

Vị tu sĩ già nói:

– Thưa Cha, nếu Cha không tin con, thì hãy tự mình đi xem quan tài của anh ấy.

Lúc đó, vị cha đáng kính vội vàng đứng dậy, đi cùng vị lão nhân đến lăng mộ của vị thánh tử đạo và lớn tiếng kêu lên trước quan tài của Akaki, như thể đang nói chuyện với một người còn sống:

– Anh Akaki, anh đã chết chưa?

Người tu sĩ khôn ngoan, thể hiện sự vâng lời ngay cả sau khi qua đời, đã trả lời:

– Chưa chết đâu, thưa cha, vì người đã thề sẽ vâng lời thì không thể chết được.

Khi vị tu sĩ già, người mà Akaki từng sống cùng, nghe thấy điều đó, ông đã hoảng sợ và ngã quỵ xuống đất trong nước mắt; sau đó, ông xin vị Bề trên một căn phòng gần quan tài của Akaki và, sau khi tự giam mình trong đó, ông tiếp tục sống một cuộc đời đạo đức, lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn mình, và sau nhiều công đức, ông đã về với Chúa Trời, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. A-men.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Paramon

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 11

Vào thời trị vì của vị vua bất chính Decius[8237] , ở phương Đông có một vị công tước tên là Aquilin, người đã đàn áp dữ dội các tín đồ Kitô giáo. Một lần nọ, ông ta bắt giam 370 tín đồ Kitô giáo vào ngục tối, và khi lên đường đến suối nước nóng Valsaiti[8238] , ông ta ra lệnh dẫn theo cả các vị tử đạo; với ý định đi ngang qua đền thờ thần Poseidon[8239] , ông muốn ép buộc họ dâng lễ vật cho thần tượng. Khi đến đền thờ, ông đã ép buộc các thánh nhân dâng lễ vật cho thần tượng Poseidon, vị thần dối trá, trong một thời gian dài, nhưng không thể lay chuyển họ dù bằng lời ngọt ngào hay đe dọa. Lúc đó, có một người đàn ông đạo đức tên là Paramon, một tín đồ Kitô giáo, tình cờ đi ngang qua. Thấy đông đảo các thánh tử đạo bị kết án tử hình như vậy, ông đứng trước đền thờ thần tượng và cất tiếng kêu lớn:

– Ôi, thật là nhiều người công chính đang bị vị hoàng tử vô đạo giết hại một cách oan uổng chỉ vì họ không quỳ lạy trước những thần tượng vô hồn và câm lặng!

Nói xong những lời đó cho mọi người nghe, ông tiếp tục đi trên con đường của mình. Còn vị công tước, khi nghe những lời của Paramon, bừng bừng giận dữ và ra lệnh cho các tôi tớ của mình lập tức đuổi theo và giết ông. Những tên tôi tớ vô đạo của vị công tước vô đạo nhất đã đuổi kịp vị thánh Paramon, người không hay biết về mệnh lệnh này và đang tiếp tục đi trên con đường của mình, rồi bắt giữ ông. Đầu tiên, chúng cắt lưỡi ông ra khỏi miệng – chính lưỡi đó đã vạch trần và quở trách kẻ hành hạ ông – rồi đâm nát nó; sau đó, chúng làm tổn thương khắp các bộ

[8236] Ngài qua đời vào nửa đầu thế kỷ VI.

[8237] Decius – hoàng đế La Mã từ năm 249 đến năm 251.

[8238] Các suối nước Valsativ, ở cửa sông Tiber, nằm trong vùng Bithynia.

[8239] Poseidon, được người La Mã gọi là Neptune, là vị thần ngoại giáo của biển cả và các nguồn nước.

phận trên cơ thể ông và cuối cùng, đâm xuyên thân thể ông bằng giáo. Như vậy, vị thánh tử đạo Paramon đã phó thác linh hồn đạo đức của mình vào tay Thiên Chúa.

Cùng lúc đó, ba trăm bảy mươi vị thánh tử đạo nói trên cũng đã bị giết bằng gươm trước đền thờ Poseidon vì đức tin vào Đức Kitô.

Lễ kính Thánh Tử đạo Philumen.

Ngày tưởng niệm: 29 tháng 11

Thánh tử đạo Philumen sống dưới triều đại của hoàng đế Aurelian[8240] , tại Lycaonia[8241] , và làm nghề buôn bán lúa mì tại Galatia, trong thành phố Ancyra[8242] . Thánh Philumen đã bị vu khống trước mặt quan tổng trấn vùng Felix; trước mặt ông, ngài đã xưng mình là Kitô hữu, vì thế mà bị treo cổ, bị đánh đòn, rồi sau đó bị ném vào lửa, nhưng nhờ ân sủng của Thiên Chúa, ngài đã thoát ra khỏi đó mà không hề hấn gì. Sau đó, người ta đóng đinh vào đầu, tay và chân ngài, rồi kéo ngài đi 30 po[8243] , khiến vị thánh, vì kiệt sức, đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[8244] .

Ngày 13 tháng 12

30 tháng 11 (theo lịch cũ)

Tháng 12

Những chiến công và sự đau khổ của Thánh Tông đồ An-rê, người được kêu gọi đầu tiên

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 11

Thánh An-rê, Tông đồ đầu tiên của Chúa Kitô, con trai của một người Do Thái tên là Iona, anh trai của Thánh Phê-rô, Tông đồ tối cao, sinh ra tại thành phố Bê-phê-sa-i-đa[8245] . Khinh thường những điều hư ảo của thế gian này và coi trọng đời sống độc thân hơn hôn nhân, ngài không muốn kết hôn, nhưng khi nghe tin Thánh Tiền Hô Gioan đang rao giảng về sự sám hối bên sông Giô-đanh[8246] , ngài đã bỏ lại mọi thứ, đến với ngài và trở thành môn đệ của ngài. Khi Thánh Tiền Hô, chỉ vào Đức Giêsu Kitô đang đi ngang qua và nói: "Đây là Chiên Thiên Chúa"[8247] , Thánh Anrê cùng với một môn đệ khác của Thánh Tiền Hô – người được cho là Thánh Gioan Tông đồ – đã rời bỏ Thánh Tiền Hô và theo Chúa Kitô. Ông tìm thấy anh trai mình là Simon (Phêrô) và nói với ông ấy: "Chúng ta đã tìm thấy Đấng Mê-si-a, được gọi là Đấng Ki-tô," và dẫn anh ta đến với Chúa Giê-su (Ga 1:41–42). Sau đó, khi ông đang cùng với Phê-rô đánh cá bên bờ Biển Ga-li-lê[8248] , và Chúa Giê-su kêu gọi họ, nói: *"Hãy theo Ta, Ta sẽ làm cho các con trở thành những người đánh bắt người"* (Ma-thi-ơ 4:19), – thì An-rê, ngay lập tức bỏ

[8240] Aurelian Domitius trị vì từ năm 270 đến năm 275.

[8241] Lycaonia – một quốc gia cổ đại ở Tiểu Á. Từ năm 25 trước Công nguyên, quốc gia này trở thành một phần của tỉnh Galatia thuộc Đế chế La Mã. Thủ đô ban đầu của nó là thành phố Iconium thuộc Phrygia (nay là Konya).

[8242] Ankira là một trong những thành phố thuộc tỉnh Galatia.

[8243] "Poprysche" là đơn vị đo khoảng cách trên sân thi đấu, nơi diễn ra các cuộc thi chạy. Một "poprysche" tương đương với 690 "sazhen" của chúng ta. Do đó, 30 "poprysche" tương đương với hơn 40 "verst".

[8244] Thánh Tử đạo Philumen qua đời vào khoảng năm 274.

[8245] Vifsayda – thành phố nằm trên bờ tây bắc của Hồ Tiberiad, quê hương của các Thánh Tông đồ: Phêrô, Anrê và Philípphê, nơi gần bờ hồ này đã diễn ra phép lạ làm no 5.000 người bằng bánh (Lc 9,10).

[8246] Sông Jordan – con sông chính ở Đất Thánh, chảy dọc theo vùng đất này từ bắc xuống nam; sông bắt nguồn từ các sườn núi Liban và Anti-Liban, và đổ vào Biển Chết.

[8247] Giăng 1 – việc gọi Đức Giê-su Ki-tô là "Chiên Con của Đức Chúa Trời" cho thấy Ngài đã nhập thể để dâng chính mình làm của lễ chuộc tội cho nhân loại.

[8248] Biển hoặc hồ Galilê còn được gọi là hồ Gennesaret hoặc hồ Tiberias; nó nằm ở phần phía bắc của Palestine (tại Galilê), dài khoảng 30 v., rộng khoảng 8 v., sông Jordan chảy qua đó.

lưới theo lời kêu gọi của Chúa, đã cùng với anh trai mình là Phê-rô đi theo Đấng Christ (Ma-thi-ơ 4:20). An-rê được gọi là "Người Được Kêu Gọi Đầu Tiên", vì ông là người đầu tiên trong số các Tông Đồ trở thành môn đệ và học trò của Chúa Giê-su Christ. Khi Chúa chịu khổ nạn một cách tự nguyện và sau khi Ngài phục sinh, thánh An-rê, cũng như các Tông đồ khác, đã đón nhận Thánh Thần, Đấng ngự xuống trên ngài dưới hình dạng những lưỡi lửa (Công vụ 2:3), và khi các vùng đất được phân chia, ngài đã được bốc thăm nhận các vùng đất Bithynia[8249] và Protontis[8250] , cùng với Chalcedon[8251] và Byzantium[8252] , Thrace[8253] và Macedonia[8254] , trải dài đến tận Biển Đen[8255] và sông Danube[8256] , cũng như Thessaly[8257] , Hellas[8258] , Achaea[8259] , Amintus[8260] , Trebizond[8261] , Heraclea[8262] và Amastris[8263] .

Thánh Anrê đã đi qua các thành phố và quốc gia này, rao giảng đức tin vào Chúa Kitô, và tại mỗi thành phố, ngài đã phải chịu nhiều đau khổ và thử thách; được củng cố bởi sự trợ giúp toàn năng của Thiên Chúa, ngài đã chịu đựng mọi tai ương vì Chúa Kitô với lòng vui mừng. Ngài đã phải chịu đựng những cực hình tàn khốc nhất tại thành phố có tên là Sinope[8264] : tại đây, người ta quăng ngài xuống đất, nắm lấy tay và chân ngài để lôi kéo, đánh đập bằng những khúc gỗ, ném đá vào ngài, nhổ răng và bẻ gãy các ngón tay của ngài; nhưng nhờ ân sủng của Đấng Cứu Thế và Thầy của mình, ngài lại được lành lặn và nguyên vẹn khỏi những vết thương. Rời khỏi đó, ngài đi qua các vùng đất khác: Neocaesarea[8265] , Samosata[8266] , Alania[8267] , vùng đất của người Abaski[8268] , người Zigi[8269] , người Bosporus[8270] .

Sau đó, ngài lên đường đến thành phố Byzantium thuộc xứ Thrace[8271] , nơi ngài là người đầu tiên rao giảng về Đấng Kitô; sau khi dạy dỗ nhiều người, ngài đã bổ nhiệm các linh mục cho Giáo hội; ngài đã tấn phong Stachius

---

[8249] Bithynia – một vùng đất nằm dọc theo bờ Biển Đen, eo biển Bosphorus và eo biển Constantinople. Từ năm 75 trước Công nguyên, vùng đất này trở thành một phần của Đế chế La Mã và được chia thành hai tỉnh, với các thành phố chính là Brusa (trong tiếng Hy Lạp cổ là Prusia) và Nicomedia.

[8250] Tức là – các vùng đất nằm dọc theo bờ Biển Đá Cẩm Thạch.

[8251] Chalkidon – thành phố nằm trên bờ châu Á của eo biển Constantinople, gần Biển Marmara hơn.

[8252] Byzantium – nằm gần lối vào eo biển Constantinople, trên bờ châu Âu. Từ năm 330, Hoàng đế Thánh Constantine Đại đế đã chọn thành phố này làm thủ đô của vương quốc mình và đặt tên cho nó theo tên của ngài (Constantinople). Hiện nay, đây là thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ.

[8253] Thrace là tên gọi của một phần bán đảo Balkan nằm phía bắc Macedonia, Biển Aegean (Quần đảo) và Biển Marmara, nơi hiện nay bao gồm các vùng đất sau: phần phía đông của Hungary, Transylvania, Bessarabia, Moldova, Wallachia, Bulgaria, Serbia và các phần phía đông của Rumelia.

[8254] Quốc gia nằm ở phía tây nam của Thrace, dọc theo bờ biển phía tây bắc của Biển Aegean.

[8255] Một phần của Biển Địa Trung Hải – nằm giữa bán đảo Balkan và eo đất Caucasus, rìa phía nam của Nga và bờ biển phía bắc của bán đảo Tiểu Á.

[8256] Một trong những con sông lớn nhất châu Âu, bắt nguồn từ khu vực Trung Âu, sau đó chảy qua Áo và dọc theo biên giới phía bắc của bán đảo Balkan, từ tây sang đông, và đổ ra Biển Đen.

[8257] Thessaly – một vùng đất nằm trên bờ tây Biển Aegean, được ngăn cách với Macedonia ở phía bắc bởi dãy núi Olympus.

[8258] Ellada nằm ở phần phía nam của bán đảo Balkan, nối liền với bán đảo này qua eo đất Corinth (ngày nay là Morea); phía tây giáp Biển Ionia, phía đông giáp Achaea và Arcadia

[8259] Achaea – một vùng đất nằm dọc theo bờ nam Vịnh Corinth.

[8260] Xét về vị trí của các thành phố được đề cập sau đây, có thể suy ra rằng ở đây chính là Amins hoặc Amia, nằm trên bờ nam Biển Đen, thuộc tỉnh Pontus, giữa cửa sông Galis và Iris; ngày nay nơi này được gọi là Samsun.

[8261] Một thành phố thuộc tỉnh Pontus, nằm dọc theo bờ nam Biển Đen, giữa Paphlagonia và Armenia. Trebizond nằm bên bờ biển, cách Amis khá xa về phía đông.

[8262] Có một số thành phố mang tên này ở các địa điểm khác nhau. Ở đây cần hiểu là Heraclea trên bờ nam Biển Đen, nằm hơi về phía tây so với Amastris được đề cập sau đây.

[8263] Thành phố ở Paphlagonia, nằm dọc theo bờ nam Biển Đen, giữa Pontus và Bithynia, Amastrida – hay còn gọi là Amastris.

[8264] Thành phố này ban đầu thuộc Paphlagonia, sau đó thuộc Pontus; nó nằm trên bờ nam Biển Đen, trên một eo đất hẹp nối với bờ biển, tạo thành một bán đảo nhỏ do biển bao quanh tại đây

[8265] Thành phố ở Pontus, nơi Thánh Grigorius Thánh Tạo đã sinh ra và vào khoảng năm 240, ngài trở thành vị giám mục đầu tiên.

[8266] Samosata, còn gọi là: Semisat, Simasat – một thành phố Syria nằm bên sông Euphrates, ở thượng nguồn của con sông này.

[8267] Alani – một quốc gia được cư trú bởi dân tộc Sarmat cùng tên, nằm ở khu vực Bắc Kavkaz ngày nay, giữa Biển Đen và Biển Caspi, gần Biển Caspi hơn.

[8268] Abaski – một bộ tộc sinh sống ở phía tây của người Alani, gần Biển Đen hơn, và là nguồn gốc của tên gọi Abkhazia ngày nay.

[8269] Người Zigi sinh sống dọc theo bờ Biển Đen, ngay sát bên người Abaski, ở phía bắc của họ.

[8270] Ở đây cần hiểu là Vương quốc Bosphorus, trên bán đảo Taurica ngày nay, gần eo biển Bosphorus của người Kimmeria (ngày nay là eo biển Kerch)

làm giám mục Byzantium, người mà Thánh Tông đồ Phaolô đã nhắc đến trong Thư gửi tín hữu Rôma (Rm 16,9). Còn bản thân ngài, trong khi gánh vác những gian khổ và vất vả của các Tông đồ trong việc rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô, đã đi qua Pontus[8272] , bờ biển Biển Đen, Scythia[8273] và vùng đất của người Chersonites[8274] . Nhờ sự an bài của Thiên Chúa, ngài đã đến sông Dnieper[8275] , tại đất nước Nga[8276] , và khi đến gần dãy núi Kiev[8277] , ngài dừng lại để nghỉ qua đêm. Sáng hôm sau khi thức dậy, ông nói với các môn đệ đi cùng:

– Hãy tin tôi, ân sủng của Đức Chúa Trời sẽ chiếu rọi trên những ngọn núi này; một thành phố vĩ đại sẽ mọc lên tại đây, và Chúa sẽ dựng lên nhiều nhà thờ ở đó, đồng thời soi sáng toàn bộ đất nước Nga bằng phép rửa tội thánh.

Khi lên đến những ngọn núi, vị thánh đã ban phước lành cho chúng và dựng lên một cây thánh giá, báo trước việc dân chúng sinh sống tại đây sẽ chấp nhận đức tin từ Tòa Thánh Tông Đồ của ngài, được thành lập tại Byzantium[8278] . Sau khi đi qua các thành phố Nga nằm ở phía trên – nơi ngày nay là thành phố vĩ đại Novgorod[8279] – và ghé thăm cả Rome[8280] , ngài trở về vùng Epirus của Hy Lạp[8281] , rồi lại đến Thrace, củng cố đức tin Kitô giáo và bổ nhiệm các giám mục cùng các nhà hướng dẫn cho họ. Sau khi đi qua nhiều vùng đất, ngài đã đến bán đảo Peloponnese[8282] và, khi vào thành phố Achaea có tên là Patras[8283] , ngài đã dừng chân tại nhà một vị trưởng lão tên là Sosias; ngài đã chữa lành ông khỏi bệnh tật và sau đó dẫn dắt toàn bộ thành phố Patras này đến với Chúa Kitô. Cùng lúc đó, vợ của quan tổng trấn địa phương Egeat Antipatus, tên là Maximilla, cũng đã tin nhận Chúa Kitô, sau khi được giải thoát khỏi những xiềng xích nặng nề của bệnh tật và được chữa lành nhanh chóng. Và Stratochlios, người anh em khôn ngoan của Antipata, cùng nhiều người khác đang mắc các bệnh tật khác nhau, đã được chữa lành nhờ việc đặt tay của Thánh Tông đồ. Lúc bấy giờ, Egeat Antipata nổi cơn thịnh nộ, bắt giữ Thánh Tông đồ và đóng đinh ngài vào thập tự giá; về việc này, các linh mục và phó tế của vùng Achaia đã viết như sau:

– Chúng tôi, tất cả các linh mục và phó tế của các giáo hội Achaia, viết về cuộc tử đạo của Thánh Tông đồ Anrê, điều mà chúng tôi đã tận mắt chứng kiến, gửi đến tất cả các giáo hội – những nơi ở phía đông và phía tây, phía nam và phía bắc. Bình an cho quý vị và tất cả những ai tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất, là Ba Ngôi Hoàn Hảo: Đức Chúa Cha Thật, Đấng không được sinh ra; Đức Chúa Con Thật, Đấng được sinh ra; và Đức Thánh Linh Thật, Đấng phát xuất từ Đức Chúa Cha và ngự trên Đức Chúa Con; chúng tôi đã học được đức tin này từ Thánh Anrê, Tông đồ của Chúa Giêsu Kitô, người mà chúng tôi đã tận mắt chứng kiến sự đau khổ của ngài, và nay chúng tôi ghi lại điều đó.

Khi đến thành phố Patras, Egeat Antipat bắt đầu ép buộc những người tin vào Đấng Kitô phải dâng lễ vật cho các thần tượng. Thánh Anrê, bước ra chặn đường ông, đã nói:

– Ngươi, người xét xử loài người, lẽ ra phải nhận biết Đấng Xét Xử của ngươi, Đấng ngự trên trời, và khi đã nhận biết, hãy thờ lạy Ngài; sau khi đã thờ lạy Đức Chúa Trời chân thật, lẽ ra phải từ bỏ các thần giả.

Egeat nói với ngài:

– Ngươi có phải là chính An-rê, kẻ đang phá hủy các đền thờ của các vị thần và lôi kéo mọi người theo đức tin huyền bí mới xuất hiện gần đây, thứ mà các hoàng đế La Mã đã ra lệnh tiêu diệt không?

Thánh Tông đồ Anrê đáp:

[8271] Tức là – đã vượt qua Biển Đen để đến eo biển Bosphorus của Thrace, nơi có Byzantium.

[8272] Dưới thời Nero (thế kỷ I), Pontus đã trở thành một tỉnh của La Mã và được chia thành ba phần: Galatia, Polemonia và Cappadocia.

[8273] Các vùng đất được gọi là Scythia nằm một phần ở phía nam nước Nga ngày nay, một phần xung quanh Biển Caspi. Ranh giới chính xác của Scythia ở phía bắc và phía đông không được người cổ đại biết đến.

[8274] Tên gọi Chersonesos trong thời cổ đại được dùng để chỉ nhiều địa điểm khác nhau. Ở đây, cần hiểu là các dân tộc sinh sống tại Chersonesos Taurica (Crimea ngày nay).

[8275] Sông này chảy qua phía nam nước Nga ngày nay và đổ ra Biển Đen.

[8276] Đây là tên gọi sau này, bắt nguồn từ bộ tộc Slavic Rus.

[8277] Tức là – đã đi ngược dòng sông Dnieper lên đến một vùng núi non, nơi sau này thành phố Kiev được xây dựng.

[8278] Lời tiên tri này đã ứng nghiệm: Người Rus đã nhận phép rửa tội từ người Hy Lạp và được các nhà giảng dạy của Giáo hội, được cử đến từ Constantinople, truyền bá giáo lý.

[8279] Một trong những thành phố cổ nhất của người Rus, nằm bên sông Volkhov. Nơi đây được coi là điểm giới hạn hành trình của vị Tông đồ về phía bắc từ Kiev.

[8280] Thủ đô của Đế chế La Mã cổ đại và Vương quốc Ý hiện nay, nằm bên sông Tiber.

[8281] Epirus – một vùng của Hy Lạp ven Biển Ionia, trải dài về phía đông từ dãy núi Pindus.

[8282] Ngày nay là Morea, nối liền với bán đảo Balkan qua eo đất Corinth.

[8283] Còn gọi là Patras – thành phố nằm ở cửa vịnh Corinth.

– Các hoàng đế La Mã đã không nhận ra rằng Con Thiên Chúa, khi ngự xuống trần gian để cứu rỗi loài người, đã chỉ ra một cách rõ ràng rằng những tượng thần này không những không phải là các vị thần, mà còn là những ác quỷ ô uế, thù địch với loài người, chúng dạy dỗ con người làm phật lòng Thiên Chúa và khiến Ngài quay lưng lại với họ, để Ngài không nghe thấy họ. Khi Đức Chúa Trời nổi giận và quay lưng lại với loài người, thì những con quỷ sẽ bắt họ làm nô lệ cho mình và lừa dối họ cho đến khi linh hồn họ rời khỏi thân xác trong tình trạng trần trụi[8284] , không mang theo gì khác ngoài những tội lỗi của chính mình.

Egeat nói:

– Khi Chúa Giê-su của các ngươi rao giảng những lời vô nghĩa và sáo rỗng đó, người Do Thái đã đóng đinh Ngài lên thập tự giá.

Andrei đáp:

– Ồ, giá như ngươi muốn hiểu được mầu nhiệm của thập giá: – Đấng Tạo Hóa của loài người, vì tình yêu dành cho chúng ta, đã tự nguyện chịu đau khổ trên thập giá, bởi vì Ngài biết trước thời điểm Ngài sẽ chịu đau khổ, và đã tiên tri về sự phục sinh sau ba ngày của Ngài; và khi ngồi cùng chúng ta trong Bữa Tiệc Ly, Ngài đã báo trước về kẻ phản bội mình, nói về tương lai như thể đó là quá khứ, và tự nguyện đi đến nơi mà Ngài sẽ bị nộp vào tay người Do Thái.

– Tôi thật ngạc nhiên về anh, – Egeat phản bác, – rằng anh, là một người khôn ngoan, lại đi theo Đấng mà anh tuyên xưng là Đấng đã bị đóng đinh trên thập tự giá – dù bằng cách nào đi chăng nữa: tự nguyện hay bất đắc dĩ[8285] .

Vị Tông đồ đáp:

– Bí tích Thập giá thật vĩ đại, – và nếu ngươi muốn nghe, ta sẽ nói cho ngươi biết.

– Đó không phải là mầu nhiệm, mà là hình phạt dành cho những kẻ ác, – Yegat phản đối. Thánh Anrê đáp:

– Hình phạt này chính là bí mật của sự tái sinh con người, chỉ cần ngài vui lòng kiên nhẫn lắng nghe tôi.

– Ta sẽ kiên nhẫn lắng nghe ngươi, – vị thẩm phán nói, – nhưng nếu ngươi không làm theo lệnh ta, thì ngươi sẽ phải gánh chịu chính bí tích Thập tự giá đó[8286] .

Vị Tông đồ đáp lại:

– Nếu tôi sợ hình phạt thập tự giá, thì tôi sẽ không bao giờ ca ngợi thập tự giá.

Egeat nói:

– Cậu ca ngợi thập tự giá vì sự điên rồ của mình, cũng như không sợ chết vì sự táo bạo của mình.

Vị Tông đồ đáp lại:

– Tôi không sợ cái chết không phải vì sự liều lĩnh, mà vì đức tin, vì cái chết của các vị thánh là vinh quang[8287] , còn đối với những kẻ tội lỗi, cái chết là tàn khốc. Tôi muốn ngươi lắng nghe những gì tôi sẽ nói về mầu nhiệm của thập giá, và khi nhận biết sự thật, hãy tin; khi đã tin, ngươi sẽ tìm lại được linh hồn mình[8288] .

Egeat nói:

– Người ta tìm lại[8289] những gì đã mất[8290] . Lẽ nào linh hồn tôi đã mất rồi, mà ngài lại bảo tôi phải tìm lại nó bằng đức tin, tôi không biết – bằng đức tin nào?

Thánh Anrê đáp:

– Đó là điều ngươi có thể học được từ ta; ta sẽ chỉ cho ngươi thấy nguyên nhân dẫn đến sự diệt vong của các linh hồn loài người, để ngươi có thể nhận biết sự cứu rỗi của họ, đã được thực hiện qua thập tự giá. Người đầu tiên đã mang cái chết đến qua cây tội lỗi[8291] , và loài người cần phải tiêu diệt cái chết qua cây đau khổ[8292] . Và cũng như người đầu tiên, Đấng đã mang cái chết đến qua cây tội lỗi, được tạo dựng từ đất tinh khiết, thì cũng cần thiết

---

[8284] Tức là – những người không có việc làm tốt.

[8285] Hình phạt đóng đinh được coi là nhục nhã nhất; chỉ có nô lệ và những kẻ bị khinh bỉ nhất, tội phạm nhất mới phải chịu hình phạt này.

[8286] Tức là – ngươi sẽ bị đóng đinh.

[8287] Tức là – những người công chính, được lòng Chúa.

[8288] Tức là – cứu rỗi linh hồn. Cách diễn đạt này được mượn từ (Mt 16:25–26).

[8289] Nói cách khác: tìm thấy.

[8290] Nói cách khác: bị mất, biến mất.

[8291] Tất nhiên là cây tri thức thiện ác (Sáng Thế Ký 2:16–17); nó được gọi như vậy bởi vì, khi nếm trái cây bị Đức Chúa Trời cấm của cây này, con người đã phạm tội.

[8292] Tất nhiên là cây Thập tự, nơi Đức Kitô đã chịu đau khổ và chết, bằng cái chết của Ngài, Ngài đã chiến thắng cái chết.

rằng Đức Kitô, Con Người hoàn hảo, Đấng vừa là Con Thiên Chúa – Đấng đã tạo dựng người đầu tiên – phải được sinh ra từ Trinh Nữ tinh khiết, để Ngài có thể ban lại sự sống đời đời mà tất cả loài người đã đánh mất: và cũng như người đầu tiên đã phạm tội khi vươn tay tới cây tri thức thiện ác, thì để cứu rỗi loài người, Con Thiên Chúa cũng phải giang rộng đôi tay trên thập giá vì sự thiếu kiềm chế của đôi tay con người, và thay vì nếm thức ăn ngọt ngào từ cây cấm, Ngài đã nếm mật đắng[8293] .

Egeat đáp lại:

– Hãy nói những lời này với những ai sẵn sàng lắng nghe ngươi. Còn nếu ngươi không tuân theo mệnh lệnh của ta, và nếu ngươi không muốn dâng lễ vật cho các vị thần, thì ta sẽ đánh ngươi bằng gậy, rồi đóng đinh ngươi lên cây thập tự mà ngươi đang tôn vinh.

Andrei đáp lại:

– Hằng ngày, tôi dâng lên Thiên Chúa Duy Nhất, Chân Thật và Toàn Năng không phải là khói hương, không phải thịt bò, cũng không phải máu dê, mà là Chiên Con vô tì vết, được dâng làm của lễ trên bàn thờ Thập Tự[8294] . Tất cả những người có đức tin đều rước Mình Thánh tinh tuyền của Ngài và nếm máu Ngài; tuy nhiên, Chiên Con này vẫn nguyên vẹn và sống động, dù thực sự đã bị hiến tế; mọi người thực sự nếm thịt Ngài và uống máu Ngài – nhưng, như tôi đã nói, Ngài luôn luôn nguyên vẹn, vô tì vết và sống động.

Egeat nói:

– Làm sao điều đó có thể xảy ra được?

Andrei trả lời:

– Nếu ngươi muốn biết, hãy trở thành môn đệ để học những điều ngươi đang hỏi.

Egeat nói:

– Ta sẽ tra tấn ngươi để moi ra giáo lý đó.

Vị Tông đồ đáp:

– Ta ngạc nhiên vì ngươi, dù là người khôn ngoan, lại nói như kẻ vô nghĩa, bởi lẽ ngươi có thể biết được những bí mật của Đức Chúa Trời từ ta bằng cách tra tấn được sao? Ngươi đã nghe nói về mầu nhiệm thập tự giá, cũng đã nghe nói về mầu nhiệm hy sinh. Nếu ngươi tin rằng Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng bị người Do Thái đóng đinh, chính là Thiên Chúa thật, thì ta sẽ tiết lộ cho ngươi biết làm sao Ngài, dù đã chết, vẫn sống, và làm sao, dù đã bị dâng làm của lễ và được rước vào lòng, Ngài vẫn toàn vẹn trong Nước Trời của Ngài.

Egeat nói:

– Nếu Ngài đã bị giết chết và, như ngài nói, được con người dùng làm thức ăn, thì làm sao Ngài có thể còn sống và nguyên vẹn được?

– Nếu ngươi tin bằng cả trái tim mình, – vị Tông đồ đáp, – thì ngươi có thể hiểu được mầu nhiệm này; còn nếu không tin, thì ngươi sẽ không bao giờ thấu hiểu được mầu nhiệm này.

Lúc đó, Ygeat nổi giận, ra lệnh ném vị Tông đồ vào ngục tối. Khi vị thánh bị tống vào ngục, rất nhiều người từ khắp đất nước đó đã tụ tập lại, họ muốn giết Ygeat và giải thoát An-rê khỏi ngục tối. Nhưng vị Tông đồ thánh đã ngăn cản họ, khuyên nhủ và nói:

– Đừng biến thế giới của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, thành cuộc nổi loạn của ma quỷ; vì Chúa chúng ta, khi bị nộp để chịu chết, đã tỏ ra hết sức nhẫn nại, không cãi lại, không kêu la, và tiếng Ngài không vang lên trên các đường phố; vì vậy, các ngươi cũng hãy im lặng và bình tĩnh. Không những đừng cản trở cuộc tử đạo của tôi, mà chính các con, với tư cách là những người tu hành và chiến binh của Đấng Kitô, hãy chuẩn bị để kiên nhẫn chịu đựng trên thân thể mình mọi hình thức tra tấn và vết thương. Nếu phải sợ đau khổ, thì chỉ nên sợ những đau khổ không có hồi kết[8295] , còn sự đe dọa và uy hiếp của con người thì giống như khói – vừa xuất hiện đã đột ngột tan biến. Và nếu phải sợ đau khổ, thì nên sợ những đau khổ bắt đầu với ý định sẽ không bao giờ chấm dứt[8296] . Còn những nỗi đau khổ tạm thời, nếu nhẹ nhàng thì dễ chịu đựng; còn nếu nặng nề, thì sớm muộn gì, khi linh hồn rời khỏi thân xác, chúng cũng sẽ chấm dứt. Nhưng những nỗi đau khổ vĩnh cửu mới thực sự khủng khiếp. Vì vậy, hãy

---

[8293] Nước ép của một loại cây, có vị cực kỳ đắng và gây ra tác dụng làm mê sảng. Dịch mật trộn với giấm, để ứng nghiệm lời tiên tri (Thi Thiên 68:22), đã được dâng cho Chúa bị đóng đinh trên thập tự giá uống (Ma-thi-ơ 27:34–48).

[8294] Tức là – trên bàn thờ được thiết lập nhờ sức mạnh của những đau khổ chuộc tội trên thập tự giá của Chúa.

[8295] Tức là – sự phán xét trong Ngày Phán Xét Cuối Cùng.

[8296] Tức là – những cực hình vĩnh viễn của những kẻ có tội trong địa ngục.

sẵn sàng để vượt qua những nỗi buồn tạm thời và tiến tới niềm vui vĩnh cửu, nơi các con sẽ hân hoan, luôn thịnh vượng và luôn cai trị cùng với Chúa Kitô.

Thánh Anrê đã dành cả đêm để giảng dạy mọi người như vậy. Sáng hôm sau, Egeat Antipat ngồi trên ghế xét xử; ngài sai người gọi Thánh Anrê đến và nói với ngài:

– Ngươi đã quyết định từ bỏ sự điên rồ và không rao giảng về Chúa Kitô nữa để có thể vui vẻ cùng chúng ta trong cuộc đời này chưa? Vì tự nguyện đi vào đau khổ và lửa là một sự điên rồ lớn lao!

Thánh nhân đáp lại:

– Ta sẽ có thể vui vẻ cùng ngươi khi ngươi tin vào Chúa Kitô và từ bỏ các thần tượng, vì Chúa Kitô đã sai ta đến xứ sở này, nơi ta đã thu phục được không ít người cho Ngài.

Egeat nói:

– Ta buộc ngươi phải dâng lễ vật để những kẻ bị ngươi lừa dối từ bỏ những điều hư ảo trong giáo lý của ngươi và dâng những lễ vật đẹp lòng các vị thần, vì không có thành phố nào ở Achaia mà các đền thờ của các vị thần không bị bỏ hoang; vì vậy, giờ đây cần phải khôi phục lại vinh quang của các vị thần qua ngươi – để những ai đã phẫn nộ vì ngươi sẽ được chính ngươi xoa dịu, và để chính ngươi cũng được ở lại với chúng ta trong tình yêu thương thân ái. Còn nếu không, thì vì sự sỉ nhục mà họ gây ra, ngươi sẽ phải chịu đủ mọi hình phạt và sẽ bị treo trên cây thập tự mà ngươi ca ngợi.

Thánh Anrê đáp lại như sau:

– Hãy nghe đây, hỡi con của cái chết, kẻ bị định sẵn cho những cực hình vĩnh cửu, hãy nghe ta, tôi tớ của Chúa và Tông đồ của Đức Giêsu Kitô! Cho đến nay, ta đã trò chuyện với ngươi một cách ôn hòa, mong muốn dạy ngươi về đức tin thánh thiện, để ngươi, với tư cách là người có lý trí, nhận biết sự thật và, từ bỏ các thần tượng, thờ phượng Thiên Chúa đang ngự trên trời. Nhưng vì ngươi vẫn chìm đắm trong sự vô liêm sỉ và cho rằng ta sợ những cực hình của ngươi, thì hãy nghĩ ra những cực hình tàn khốc nhất mà ngươi biết để giáng xuống ta, vì ta sẽ càng được lòng Vua của ta khi phải chịu đựng những cực hình nặng nề hơn vì Ngài.

Lúc đó, Egeat ra lệnh trói ông lại và đánh đập. Khi những người đánh ông thay phiên nhau, mỗi lượt ba người, tổng cộng bảy lần, vị thánh được nâng dậy và dẫn đến trước quan tòa.

Quan tòa nói với ngài:

– Hãy nghe ta, An-rê, và đừng đổ máu mình một cách vô ích, vì nếu ngươi không nghe lời ta, ta sẽ đóng đinh ngươi lên thập tự giá.

Thánh Andrei đáp lại:

– Ta là tôi tớ của Thập tự giá Chúa Kitô và mong muốn chết trên thập tự giá. Ngươi có thể tránh khỏi sự đau khổ vĩnh cửu nếu, sau khi chứng kiến sự kiên nhẫn của ta, ngươi tin vào Chúa Kitô, vì ta đau buồn vì sự hư mất của ngươi hơn là vì những đau khổ của chính ta: những đau khổ của ta sẽ chấm dứt trong một, nhiều nhất là hai ngày, còn những đau khổ của ngươi thì dù sau một ngàn năm cũng sẽ không có hồi kết; vì vậy, đừng tự gia tăng đau khổ cho mình và đừng tự châm ngòi cho ngọn lửa vĩnh cửu.

Egeat, trong cơn thịnh nộ, đã ra lệnh đóng đinh Thánh Anrê lên thập giá, trói chặt tay và chân ngài lại: vì ông ta không muốn đóng đinh ngài bằng đinh để ngài không chết ngay lập tức, mà phải treo lơ lửng trong tình trạng bị trói, chịu đựng nhiều đau khổ hơn.

Khi các đầy tớ của kẻ hành hình dẫn ngài đi chịu đóng đinh, dân chúng tụ tập lại, kêu lên:

– Người công chính và bạn của Đức Chúa Trời này đã phạm tội gì mà lại bị dẫn đi đóng đinh?

Còn Andrei thì khẩn cầu dân chúng đừng cản trở sự đau khổ của Ngài, và Ngài bước đi đến nơi chịu khổ hình với niềm vui, không ngừng giảng dạy. Khi Ngài đến nơi sẽ bị đóng đinh, từ xa nhìn thấy cây thập tự đã được chuẩn bị sẵn cho Ngài, Ngài đã cất tiếng kêu lớn:

– Hỡi cây thập tự, xin hãy vui mừng, vì ngươi đã được thánh hóa bởi xác thịt của Đấng Kitô và được trang hoàng bằng các chi thể của Ngài, như những bông hoa huệ! Trước khi Chúa bị đóng đinh trên ngươi, ngươi từng là nỗi kinh hoàng đối với loài người; nhưng giờ đây, người ta yêu mến ngươi và đón nhận ngươi với lòng khao khát, vì những người tin Chúa biết rằng ngươi chứa đựng niềm vui nào, và phần thưởng nào đã được dành sẵn cho ngươi. Với lòng can đảm và niềm vui, con đến với ngài; xin ngài hãy đón nhận con với niềm hân hoan, vì con là môn đệ của Đấng đã bị treo trên ngài. Hãy đón nhận con, vì con luôn yêu mến và khao khát được ôm lấy ngươi, hỡi Thập tự giá cao quý, đã nhận được vẻ đẹp và sự trang hoàng vinh quang từ các chi thể của Chúa, từ lâu đã được

mong đợi, được yêu mến nồng nhiệt, và là Đấng mà con không ngừng tìm kiếm. Hãy đưa con ra khỏi giữa loài người và trao con cho Thầy của con, để qua ngươi, Đấng đã cứu chuộc con bằng chính ngươi sẽ đón nhận con.

Nói xong, ông cởi bỏ y phục và trao lại cho những kẻ hành hạ. Họ đưa ông lên thập tự giá, trói tay và chân ông bằng dây thừng, đóng đinh và treo ông lên. Xung quanh ông có rất đông dân chúng, khoảng hai vạn người; trong số đó có anh trai của Ê-gê-át, tên là Stratochlios, người đã cùng dân chúng kêu lên:

– Thật bất công khi một vị thánh như vậy phải chịu đau khổ như thế này.

Còn Thánh Anrê thì khích lệ những người tin vào Đấng Kitô và khuyên họ hãy kiên nhẫn chịu đựng những đau khổ tạm thời, dạy rằng không có sự đau khổ nào đáng kể so với phần thưởng sẽ nhận được nhờ đó.

Sau đó, toàn thể dân chúng đi đến nhà của Egeat, đồng thanh kêu lên và nói:

– Một người thánh thiện, chính trực, một vị thầy tốt lành, hiền lành, khiêm nhường và khôn ngoan không nên phải chịu đau khổ như vậy, mà phải hạ ngài xuống khỏi thập tự giá, vì ngài đã treo trên thập tự giá suốt hai ngày mà vẫn không ngừng giảng dạy lẽ phải.

Lúc đó, Egeat, vì sợ dân chúng, liền đi theo họ để hạ thánh Anrê xuống khỏi thập giá. Thánh Anrê, khi thấy Egeat, đã nói:

– Ngươi đến đây làm gì, Ê-gê-át? Nếu ngươi muốn tin vào Đấng Christ, thì cánh cửa ân sủng sẽ mở ra cho ngươi, như ta đã hứa. Còn nếu ngươi chỉ đến để hạ ta xuống khỏi thập tự giá, thì ta không muốn, chừng nào còn sống, bị hạ xuống khỏi thập tự giá, vì ta đã thấy Vua của ta, đã thờ lạy Ngài, đã đứng trước mặt Ngài, nhưng ta đau khổ vì ngươi, bởi vì sự diệt vong vĩnh cửu đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi đang chờ đợi ngươi. Hãy lo cho chính mình khi còn có thể, để ngươi không phải bắt đầu[8297] vào lúc ngươi đã không còn sức lực nữa.

Khi các đầy tớ muốn tháo dây buộc Ngài khỏi thập giá, họ không thể chạm vào Ngài; rất nhiều người khác, lần lượt từng người một, cũng cố gắng tháo dây cho Ngài, nhưng không thể, vì tay họ bỗng trở nên tê liệt. Sau đó, Thánh Anrê đã kêu lên bằng giọng lớn:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Xin đừng để con bị hạ xuống khỏi thập giá, nơi con bị treo vì danh Ngài, nhưng xin hãy đón nhận con, Thầy của con, Đấng mà con đã yêu mến, Đấng mà con đã nhận biết, Đấng mà con tuyên xưng, Đấng mà con khao khát được thấy, nhờ Đấng ấy mà con đã trở thành con người như ngày nay! Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an, vì đã đến lúc con được đến với Ngài và chiêm ngưỡng Ngài, Đấng mà con khao khát biết bao! Xin hãy đón nhận con, Thầy Tốt Lành, và xin đừng ra lệnh cho con được hạ xuống khỏi thập giá cho đến khi Ngài đón nhận linh hồn con!

Khi ngài nói những lời ấy, một luồng ánh sáng từ trời chiếu xuống ngài như tia chớp, trước sự chứng kiến của mọi người, và tỏa sáng rực rỡ xung quanh ngài – đến nỗi đôi mắt phàm trần không thể nào nhìn thẳng vào ngài được. Ánh sáng thiên đàng ấy chiếu rọi xung quanh ngài trong khoảng nửa giờ, và khi ánh sáng tan đi, Thánh Tông đồ đã trút hơi thở cuối cùng và ra đi trong vinh quang rực rỡ của ánh sáng, để về với Chúa. Maximilla, một phụ nữ có nguồn gốc quý tộc, sống đời sống trong sạch và thánh thiện, là người tin vào Đấng Kitô, khi biết tin Thánh Anrê đã về với Chúa, đã rước thi hài ngài với sự tôn kính cao cả, xức dầu thơm quý giá lên thi hài, rồi an táng ngài trong quan tài của chính mình, nơi mà bà dự định sẽ được chôn cất. Egeat, vì tức giận dân chúng, đã âm mưu trả thù họ và công khai xử tử những người nổi loạn chống lại mình; còn đối với Maximilla, hắn muốn vu khống nàng trước mặt vua. Khi hắn đang suy tính điều đó, bỗng nhiên một con quỷ xâm nhập vào người hắn, và bị nó hành hạ, Egeat đã chết ngay giữa lòng thành phố. Khi tin này được báo cho anh trai ông là Stratochles, người tin vào Chúa Kitô, ông đã ra lệnh chôn cất thi thể ông, còn bản thân ông thì không đòi hỏi bất cứ thứ gì từ tài sản của anh trai mình, và nói:

– Xin Chúa Giêsu Kitô, Chúa của con, đừng để con đụng chạm đến bất cứ thứ gì trong kho tàng của anh con, để con không bị ô uế bởi tội lỗi của anh ấy, vì anh ấy, vì ham mê của cải phù du, đã dám giết chết vị Tông đồ của Chúa.

Điều đó xảy ra vào ngày cuối cùng của tháng Mười Một, tại Achaia, trong thành phố Patras – nơi cho đến nay, nhờ những lời cầu nguyện của vị Tông đồ, người ta vẫn nhận được nhiều ân huệ. Sự sợ hãi bao trùm tất cả mọi người, và không có ai là không tin vào Đấng Cứu Thế, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng muốn cứu rỗi tất cả và dẫn dắt mọi người đến sự hiểu biết về chân lý[8298] , Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

[8297] Tức là – quay về với Đấng Christ; khi bạn không còn sức lực nữa – ngay trước khi chết, khi cái chết đang đến gần.

[8298] Cụm từ này được mượn từ (1 Ti-mô-thê 2:4).

Sau nhiều năm, di cốt của Thánh Tông đồ An-rê này đã được vị tử đạo Artemius mang đến Constantinople, theo lệnh của vị hoàng đế vĩ đại Constantine[8299] , và được an táng cùng với Thánh Luca, tác giả Phúc Âm, và Thánh Timôthê, môn đệ của Thánh Tông đồ Phaolô, trong Nhà thờ Tông đồ rực rỡ, bên trong bàn thờ thiêng liêng.

Nhờ những lời cầu nguyện của vị Tông đồ của Ngài, lạy Chúa Kitô, xin củng cố các tín hữu của Ngài trong đức tin Chính Thống, và xin cứu rỗi chúng con. Amen.

- *Lời ca ngợi Thánh Tông đồ An-rê, Người Được Kêu Gọi Đầu Tiên, của Thánh Gioan Vàng Miệng*

Lưới đánh cá của các Tông đồ thật vững chắc[8300] , kỷ niệm về Thánh Anrê thật kỳ diệu, và ký ức về chiếc lưới mà ngài đã dùng để đánh bắt và thu hút các dân tộc đến với đức tin nơi Chúa Kitô cũng thật kỳ diệu. Bởi vì chiếc lưới mà những người đã qua đời nhưng bất tử này đã sử dụng, sẽ không bao giờ bị xé rách bởi sự lãng quên. Những dụng cụ đánh cá ấy, vốn không được tạo ra bởi kỹ thuật của con người mà bởi ân sủng của Thiên Chúa, sẽ không bao giờ trở nên cũ nát theo thời gian. Dù chính các ngư phủ đã ra đi khỏi chúng ta, nhưng những dụng cụ mà họ đã dùng, hay chiếc lưới mà họ đã dùng để bao trùm cả thế giới, thì chưa bao giờ trở nên cũ nát. Khi họ thả và kéo lưới lên, họ trở nên vô hình, nhưng lưới của họ lại đầy ắp. Họ không cầm cây gậy[8301] , thứ bị thời gian làm mục nát, cũng không thả những sợi dây lanh, thứ bị mục nát theo thời gian, xuống nước. Họ không làm móc câu bị rỉ sét ăn mòn, cũng không treo mồi[8302] lên móc câu để bắt cá. Họ không ngồi trên tảng đá[8303] mà nước chạm vào, cũng không chèo thuyền bị sóng đánh vỡ. Họ không bắt được cá, những sinh vật vô tri; nhưng nghệ thuật mà họ sử dụng thật kỳ diệu, và những dụng cụ của họ cũng mới mẻ và khác thường. Vì thay vì cây sậy, họ dùng lời rao giảng; thay vì lưới, họ dùng trí nhớ; thay vì lưỡi câu, họ dùng sức mạnh[8304] ; thay vì mồi, họ dùng phép lạ; thay vì tảng đá, họ dùng trời cao, từ đó họ thực hiện cuộc đánh bắt ấy; thay vì thuyền, họ có bàn thờ; thay vì cá, họ bắt cả các vị vua; thay vì lưới vây, họ truyền bá Tin Mừng; thay vì kỹ thuật, họ sử dụng ân sủng Thần thánh; thay vì biển cả, họ điều khiển cuộc đời con người; thay vì lưới, họ quen dùng thập tự giá như một loại lưới vây.

Và ai đã từng thấy những ngư dân đã chết lại bắt được những con người còn sống như bắt cá? Ôi, quyền năng vĩ đại của Đấng Bị Đóng Đinh! Ôi, vẻ đẹp cao cả nhất của phẩm giá Thần thánh! Không có gì trong cuộc đời này có thể sánh được với đỉnh cao của ân sủng Tông đồ. Cuộc đời con người đã chứng kiến nhiều điều thực sự kỳ diệu và vượt quá lý trí; vì đã chứng kiến máu đổ kêu gào, và vụ giết người nói lên điều gì đó mà không cần lời, và bản tính con người, vì ghen tị, đã tự chia rẽ chính mình[8305] , đã chứng kiến người anh em gây ra cái chết cho người anh em cùng mẹ, và cánh cửa cái chết được mở ra bởi vết thương của lòng ghen tị. Đã chứng kiến chiếc tàu của Nô-ê không chìm trong trận Đại Hồng Thủy và sự diệt vong của loài người. Nàng đã thấy vị lão nhân, nhờ đức tin, đã vũ trang chống lại chính tử cung của mình, tức là con trai mình, và người không bị giết – dường như bị dâng làm của lễ[8306] . Nàng đã thấy phước lành được nhận thông qua hành vi trộm cắp[8307] , và cuộc chiến của Đức Chúa Trời Tạo Hóa với người nô lệ[8308] . Tôi đã thấy sự ghen tị nảy sinh giữa các anh em[8309] , và sự nô lệ đã dẫn đến việc thành lập vương quốc[8310] . Tôi đã thấy ngai vàng được chuẩn bị qua những giấc mơ[8311] và những kẻ phản bội anh em, bị

[8299] Tất nhiên là Thánh Constantine Đại đế (324–337), người đầu tiên đã làm cho Kitô giáo trở thành tôn giáo thống trị trong Đế quốc La Mã.

[8300] "Bắt" ở đây có nghĩa là việc các Thánh Tông đồ thu hút mọi người đến với đức tin vào Chúa Kitô.

[8301] "Cây gậy" ở đây cần hiểu là cần câu.

[8302] Mồi là thức ăn được gắn vào lưỡi câu khi câu cá (giun, côn trùng, miếng bánh mì, v.v.).

[8303] Người câu cá thường ngồi trên một tảng đá nào đó, bên bờ sông, gần mặt nước.

[8304] Tức là – đầy ân sủng.

[8305] Tức là – nổi loạn chống lại chính mình (cách diễn đạt này được mượn từ (Mt 12:25–26)). Ở đây, tất nhiên, đề cập đến việc Ca-in giết em trai mình là A-vê-l vì ghen tị (Sáng Thế Ký 4:1–12); trong vụ giết em trai, bản tính con người đã phạm tội chống lại chính mình.

[8306] Tất nhiên là hành động đức tin của Áp-ra-ham – việc ông dâng con trai mình là Y-sác làm của lễ, theo lời Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 22:1–13).

[8307] Tất nhiên là lời chúc phúc về quyền trưởng nam, vốn thuộc về Ê-sau từ khi sinh ra, nhưng lại được Gia-cốp chiếm đoạt bằng mưu mẹo (Sáng Thế Ký 27:1–40).

[8308] Tất nhiên là sự hiện ra của Đức Chúa Trời trước tổ phụ Gia-cốp dưới hình dạng Đấng Chiến Đấu Bí Ẩn, để khích lệ ông trước cuộc gặp gỡ sắp tới với anh trai Ê-sau (Sáng Thế Ký 32:24–32).

[8309] Tất nhiên là sự ghen tị của các anh trai lớn đối với Giô-sép vì tình yêu thương đặc biệt mà cha dành cho cậu (Sáng Thế Ký 37 và các đoạn tiếp theo).

[8310] Tất nhiên là thời gian Giô-sép bị lưu đày ở Ai Cập, và cuối cùng ông đã thăng tiến lên chức vụ quan cao nhất trong triều đình – người đứng thứ hai trong vương quốc, chỉ sau pharaoh (Sáng Thế Ký 39–41).

cám dỗ bởi cơn đói[8312] . Tôi đã thấy cây gậy làm nên những phép lạ[8313] , và bụi cây được bao phủ bởi lửa như sương[8314] . Tôi đã thấy nhà lập pháp Mô-sê, người ra lệnh cho các nguyên tố tự nhiên[8315] . Tôi đã thấy nước hóa cứng như đá, biển sâu lộ ra, con đường được mở ra đột ngột[8316] và cột mây ban ngày, cột lửa ban đêm, được ban cho làm ngọn đèn dẫn đường cho muôn dân[8317] . Tôi đã thấy cây gậy mọc lên mà không cần đất[8318] . Tôi đã thấy manna, thứ được ban xuống từ trời thay cho bánh mì[8319] . Tôi đã thấy mặt trời bị dừng lại bởi lời cầu nguyện của con người, như thể bị kiềm chế bởi một sợi dây cương[8320] , và sự thụ thai của vị tiên tri, được cầu xin bởi những lời cầu nguyện của người phụ nữ vô sinh[8321] . Tôi đã thấy một nắm bột mì, nhiều hơn cả những kho lúa, và một bình dầu, dồi dào hơn cả những suối nước[8322] . Tôi đã thấy một cỗ xe ngựa bay lơ lửng trên không trung, và vị tiên tri được đưa lên (trên đó)[8323] . Sau đó, tôi thấy xương của người chết trở thành phương thuốc cho sự sống[8324] . – Cuộc đời con người đã chứng kiến nhiều điều vĩ đại và kỳ diệu như vậy; nhưng tất cả đã trôi qua như cỏ dại, và tắt lịm như ngọn đèn khi mặt trời mọc. Chưa bao giờ có điều gì sánh được với các Tông đồ. Họ, với tư cách là những người phục vụ Lời Chúa[8325] , đã có sự hiệp thông với Đấng Nhập Thể, Đấng, với tư cách là Đức Chúa Trời, không có hình dạng[8326] . Họ đã theo chân Đấng Hằng Hiện Hữu đang đi khắp nơi[8327] . Họ đã nằm nghỉ cùng với Đấng không thể chứa trong bất kỳ không gian nào. Họ đã nghe tiếng nói của Đấng đã tạo dựng muôn vật bằng lời (Xem Giăng 1:3; Thi Thiên 32:6). Họ đã ôm trọn cả thế giới bằng ngôn ngữ, như thể bằng một chiếc lưới. Trong những chuyến hành trình của mình, họ đã đi khắp bốn phương trời. Họ đã nhổ tận gốc những sai lầm – như những con sâu bướm[8328] , chặt phá các đền thờ[8329] – như những bụi gai, tiêu diệt các thần tượng – như những con thú hoang, xua đuổi các quỷ dữ – như những con sói. Họ đã hiệp nhất Giáo Hội – như một đàn chiên, quy tụ những người Chính Thống – như lúa mì. Họ đã nhổ tận gốc các tà thuyết – như cỏ dại, làm khô héo chủ nghĩa Do Thái – như cỏ, và thiêu rụi các tác phẩm điêu khắc Hy Lạp – như những loài thực vật. Họ đã cày xới bản tính con người bằng Thập tự giá – như một cái cày, và gieo Lời Chúa – như một hạt giống. Cuối cùng, mọi hành động của họ đều tỏa sáng như những vì sao. Vì thế, Chúa đã phán rõ với họ: *"Các con là ánh sáng của thế gian"* (Mt 5,14).

Vì đối với người Kitô hữu, phương Đông là Đấng đã sinh ra từ Đức Trinh Nữ. Buổi sáng đối với họ là Đấng đã khai sinh phép Rửa Tội. Ánh sáng rực rỡ là ân sủng của Đức Kitô bị đóng đinh. Những tia sáng là những lưỡi lửa kỳ diệu[8330] , ngày là thế giới tương lai. Giờ giữa trưa là lúc Chúa đang ở trên thập giá. Phương Tây – thời gian

---

[8311] Giô-sép đã thăng tiến ở Ai Cập nhờ việc giải thích những giấc mơ của Pha-ra-ôn, theo sự mặc khải đặc biệt của Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 41:1–37).

[8312] Các anh em của Giô-sép đã đến Ai Cập từ xứ Ca-na-an để mua lúa mì (Sáng Thế Ký 42, 43).

[8313] Cây gậy của Môi-se, nhờ quyền năng đặc biệt của Đức Chúa Trời, lúc thì biến thành con rắn, lúc thì trở lại hình dạng ban đầu (Xuất Ê-díp-tô Ký 4:1–5).

[8314] Bụi gai.

[8315] Tất nhiên là các tai vạ ở Ai Cập (Xuất Ê-díp-tô Ký 7–12).

[8316] Tất nhiên là cuộc vượt qua kỳ diệu của dân Do Thái qua Biển Đỏ (Xuất Ê-díp-tô Ký 14:1–31).

[8317] Cột lửa và cột mây đi trước dân Do Thái trong suốt cuộc hành trình của họ, chỉ đường cho họ (Xuất Ê-díp-tô Ký 13:21–22).

[8318] Cây gậy của A-rôn, đã nảy mầm một cách kỳ diệu trong Đền Tạm chỉ trong một đêm, như một dấu hiệu cho thấy chức tư tế của A-rôn được Đức Chúa Trời thiết lập (Số 17:1–13).

[8319] (Xuất Hành 16:1–36).

[8320] Lời cầu nguyện của Giê-su Na-vi, người mong muốn kéo dài ngày để đánh bại hoàn toàn dân Ca-na-an (Giê-su Na-vi 10:12–13).

[8321] Sự thụ thai của tiên tri Sa-mu-ên (Sa-mu-ên có nghĩa là "người được cầu xin từ Đức Chúa Trời") nhờ những lời cầu nguyện của mẹ ông là Anna, người trước đó không thể sinh con (1 Sa-mu-ên 1:1–28).

[8322] Với người góa phụ ở Sarepta, theo lời tiên tri Ê-li (3 Vua 17:10–16).

[8323] Tất nhiên là việc tiên tri Ê-li được đưa lên trời còn sống trên cỗ xe lửa (4 Vua 2:8–12).

[8324] Tất nhiên là việc làm sống lại người chết bằng cách chạm vào xương của nhà tiên tri Ê-li-sê, người đã qua đời trước đó (2 Vua 13:20–21).

[8325] Đó là cách Đức Giê-su Ki-tô được gọi trong Kinh Thánh (Ga 1:1–14; Kh 19:13; Ga 5:7). Cơ sở của danh xưng này chủ yếu nằm ở chỗ Đức Giê-su Ki-tô đã truyền đạt ý muốn của Đức Chúa Trời cho loài người (Ga 15:16).

[8326] Tức là – với Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng có bản tính thần thánh không thể thấu hiểu và không thể miêu tả được.

[8327] Về Thần tính.

[8328] Cỏ dại mọc ở rìa ruộng và xen lẫn giữa các cây lúa (Giốp 31:40).

[8329] Các đền thờ ngoại giáo, nơi đặt các tượng thần, được gọi là "kapishta". Nhưng vì những người ngoại giáo thích xây dựng chúng trong những khu rừng rậm rạp và râm mát, nên ở đây, thuật ngữ này chủ yếu ám chỉ những khu rừng thiêng liêng đó.

[8330] Tức là – đã chiếu sáng trên các Tông đồ vào ngày Lễ Ngũ Tuần (Công vụ 2).

Ngài nằm trong quan tài. Buổi tối – cái chết ngắn ngủi này. Ánh sáng mặt trời – sự phục sinh từ cõi chết. "Các con là ánh sáng cho thế gian," – Ngài đã phán.

Hãy nhìn những vì sao này, và kinh ngạc trước ánh sáng của chúng. Vì vậy, thánh Anrê, người mà chúng ta đang tưởng nhớ hôm nay, khi tìm thấy Chúa của muôn loài như một kho báu ánh sáng, đã thốt lên, khi nói với anh em mình là thánh Phêrô:

– Chúng ta đã tìm thấy Đấng Mê-si-a.

Ôi, sự cao cả của tình anh em! Ôi, sự đảo ngược trật tự! – Andrei ra đời sau Peter, và chính anh là người đầu tiên dẫn dắt Peter đến với Phúc Âm, và – khi gặp được anh, anh nói: "Chúng ta đã tìm thấy – anh nói – Đấng Mê-si-a." Lời nói ấy xuất phát từ niềm vui, đó là tin mừng đầy hân hoan về điều đã được tìm thấy. "Chúng ta đã tìm thấy," anh nói, "kho báu này: hãy tránh xa, Phêrô, sự nghèo nàn của việc cắt bì[8331] , hãy giải thoát mình khỏi những mảnh vải rách nát của luật pháp[8332] , hãy gỡ bỏ ách của chữ viết[8333] , hãy coi điều đó là chuyện nhỏ nhặt, hãy coi thường hiện tại – như một giấc mơ, và hãy ghê tởm Bết-sa-i-đa – như một nơi xấu xa và bị ruồng bỏ. Hãy bỏ lại lưới – như một công cụ của sự nghèo khó, chiếc thuyền – như nơi trú ẩn trong cơn đại hồng thủy, nghề đánh cá – như một nghề nghiệp chịu sự chi phối của sóng biển, cá – như hàng hóa để thỏa mãn dục vọng, dân Do Thái – như sự kiêu ngạo trước mặt Đức Chúa Trời, Cai-pha – như cha đẻ của bọn gian ác. Chúng ta đã tìm thấy Đấng Mê-si-a, Đấng mà các tiên tri đã báo trước, Đấng mà Luật pháp đã công bố cho chúng ta qua giáo huấn của mình, như một tiếng kèn. Chúng ta đã tìm thấy kho tàng của Luật pháp. Hãy tránh xa sự đói khát về chữ viết, hỡi Phê-rô: chúng ta đã tìm thấy Đấng Mê-si-a, Đấng mà từ thuở xa xưa các điềm báo đã mô tả trước[8334] , Đấng mà Mi-chê đã thấy trên ngai vinh quang (Mi-chê 4:1–3), Đấng mà Ê-sai đã chiêm ngưỡng trên các Seraphim (Ê-sai 6:1–3), Đấng mà Ê-xê-chi-ên đã thấy trên các Cherubim (Ê-xê-chi-ên 1:1–28), Đấng mà Đa-ni-ên đã chiêm ngưỡng trên các đám mây (Đa-ni-ên 7:13–14), Đấng mà Nebuchadnezzar đã thấy trong lò lửa ấy (Đa-ni-ên 3:92), Đấng mà Áp-ra-ham đã tiếp đón trong lều, Đấng mà Gia-cốp không chịu buông tha cho đến khi nhận được phước lành từ Ngài (Sáng Thế Ký 32:24–32), Người mà Môi-se đã nhìn thấy lưng trên tảng đá[8335] – Chính Người này chúng ta đã tìm thấy, Đấng được sinh ra từ thuở ban đầu và đã hiện ra trong những ngày cuối cùng[8336] . Ôi kho tàng vĩ đại, sự trọn vẹn của nó không thể cạn kiệt! Đó là những của cải không tuân theo các định luật vật chất, bản thể của chúng không có khởi đầu và chính sự hiện hữu của chúng cũng là điều mới mẻ. "Chúng ta đã tìm thấy Đấng Mê-si, nghĩa là: Đấng Christ." Có nhiều Đấng Christ[8337] , nhưng tất cả đều là những người phàm. Áp-ra-ham là Đấng Christ, nhưng đã mục nát trong mộ; Y-sác cũng là Đấng Christ, nhưng xương cốt của ông nằm trong mộ. Gia-cốp là Đấng Christ, nhưng cũng là người phàm. Và Mô-sê cũng là Đấng Christ, nhưng đã được chôn cất – ở đâu, chúng ta không biết. Tương tự như vậy, Đa-vít cũng là Đấng Christ, nhưng tất cả họ đều là con mồi của cái chết, tất cả đều là tù nhân của cái chết. Chỉ có một Đấng Kitô – Đấng thực sự là Thiên Chúa theo bản tính, nhưng Đấng ấy, vì lòng thương xót dành cho loài người, đã ghi dấu sự ra đời của Ngài trong lòng trinh nữ như một con dấu, và những người đánh cá này là nguồn mạch của những phép chữa lành của Ngài. Ngài là Đấng Quyền Năng, Nước Trời, Vinh Quang và

[8331] Tức là – hãy nhớ rằng việc cắt bì theo Cựu Ước tự bản thân nó không thể mang lại sự cứu rỗi cho con người.

[8332] Những mảnh vải rách của luật pháp – đó là luật pháp Cựu Ước, đã trở nên lỗi thời với sự giáng lâm của Đấng Christ, tức là đã mất đi ý nghĩa ban đầu.

[8333] Ách của các điều răn – tức là các quy định và mệnh lệnh của Luật Mô-sê, vốn là một ách nặng nề đối với con người, đặc biệt là vì luật pháp không ban cho họ bất kỳ sức mạnh ân sủng nào để tuân giữ chúng, giống như, ví dụ, những sức mạnh ấy được ban cho trong Kitô giáo (2 Phê-rô 1:3), nên được gọi là "ách tốt lành và gánh nặng nhẹ nhàng" (Mt 11:30). Dù ách của Luật Môi-se nặng nề như vậy, nhưng nó lại không mang lại cho con người ý thức vui mừng về sự cứu rỗi qua luật ấy, cũng không thỏa mãn cơn đói khát thuộc linh của con người (đó là lý do tại sao sau đó lại đề cập đến "cơn đói khát của chữ viết").

[8334] Tất nhiên, các hình bóng trong Cựu Ước, dù rõ ràng hay mơ hồ, đều chỉ về Đấng Christ, chẳng hạn như việc Áp-ra-ham dâng Y-sác làm của lễ, sự hiện ra của bụi gai không cháy trước Môi-se, con chiên Vượt Qua, cột mây và cột lửa, manna, cây gậy của A-rôn nảy chồi, con rắn đồng, việc tiên tri Giô-na ở trong bụng cá voi ba ngày, v.v.

[8335] Mô-sê mong muốn được chiêm ngưỡng vinh quang của Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời phán với ông rằng ông không thể nhìn thấy Dung nhan của Ngài; sau đó đặt ông vào khe núi, che phủ vị tiên tri bằng tay phải của Ngài, và khi Ngài đi ngang qua, Ngài rút tay lại; và Mô-sê đã nhìn thấy lưng của Đức Chúa Trời, tức là – nhìn thấy Đức Chúa Trời dưới một hình thức bên ngoài hoặc biểu tượng nào đó (Xuất Ê-díp-tô Ký 33:18–23 và các đoạn tiếp theo).

[8336] Cách chỉ định thông thường trong Cựu Ước về thời điểm Chúa Giê-su Ki-tô đến (Sách Dân Số 24:14; Xuất Hành 2:2; Mi-chê 4:1 và nhiều đoạn khác).

[8337] Từ "Đấng Christ" ở đây được dùng theo nghĩa chung chỉ Đấng được xức dầu, tức là Đấng được Đức Chúa Trời kêu gọi để thực hiện một chức vụ đặc biệt.

Sự Thờ Phượng, cùng với Đấng Vô Tỳ Vết và Đồng Bản Thể, cùng một bản thể, là Cha và Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời, A-men.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Là người được kêu gọi đầu tiên trong các Tông đồ, và là anh em cao quý nhất của Đấng Tối Cao, thánh An-rê, xin cầu nguyện để ban bình an cho toàn vũ trụ, và ban ân sủng lớn lao cho linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Chúng ta hãy ca ngợi lòng dũng cảm của vị thánh cùng tên, người theo gương Thánh Phêrô, người thân của Thánh Phêrô, vì như xưa kia, ngài đã kêu gọi chúng ta: "Hãy đến, chúng ta đã tìm thấy điều mong ước."

Lễ kính Thánh Frumentius, Tổng Giám mục Ấn Độ.

Ngày tưởng niệm: 30 tháng 11

Vào cuối triều đại của Hoàng đế Constantine Đại đế, một thương gia Kitô hữu tên là Meropius đã lên đường đi du hành đến Ấn Độ[8338] và các quốc gia khác dọc theo bờ Biển Đen. Meropius có hai cháu trai là Frumentius và Edeisius, ông đã đưa hai người đi cùng với mong muốn cho các chàng trai trẻ này được khám phá những vùng đất xa lạ, thiên nhiên khác biệt, cũng như phong tục tập quán của các dân tộc khác.

Khi họ đang lênh đênh trên biển, do gió bất lợi và sóng dữ dội, con tàu của họ bị dạt vào Ethiopia, nơi sinh sống của những bộ tộc man rợ, và những kẻ này đã bắt giữ các nhà thám hiểm làm tù binh. Một số người bị giết, số khác bị ném xuống biển. Bản thân Meropius cũng bị giết, còn hai cháu trai của ông là Frumentius và Edeisius được tha mạng và được đưa đến thành phố Aksum, làm quà tặng cho vua Ethiopia. Nhà vua rất ưng ý hai thiếu niên này và muốn giữ họ lại trong triều đình của mình. Theo lệnh của nhà vua, những người giám sát và thầy giáo đặc biệt đã được chỉ định để dạy dỗ hai thiếu niên, nhằm mục đích sau khi hoàn thành việc học, họ có thể được bổ nhiệm vào các chức vụ tại triều đình.

Được nuôi dưỡng trong đức tin Kitô giáo từ thuở ấu thơ, Frumentius và Edeisius nhanh chóng vượt trội về trí tuệ và học vấn so với tất cả những người xung quanh nhà vua, và chẳng bao lâu sau đã trở thành những nhân vật quyền lực và có ảnh hưởng tại triều đình của ngài.

Họ còn được vinh dự lớn hơn nữa sau khi nhà vua qua đời, khi con trai nhỏ tuổi của ông là Aizan lên ngôi vua Ethiopia. Frumentius được chọn làm người dạy dỗ Aizan. Lúc đó, Frumentius cùng với anh trai là Edesius, nhờ có ảnh hưởng lớn trên toàn quốc, đã có thể tự do thực hành đức tin của mình. Vào thời điểm đó, một số thương nhân La Mã và Hy Lạp, phần lớn là Kitô hữu, đã thiết lập quan hệ thương mại với Ethiopia. Edesius và Frumentius làm quen với các thương nhân đến đây vì công việc buôn bán và tổ chức các buổi thờ phượng cùng họ; để phục vụ cho việc này, họ đã xây dựng một nhà thờ nhỏ. Cùng lúc đó, người Ethiopia cũng dần dần làm quen với đức tin Kitô giáo qua Frumentius và Edesius, và từng bước tiếp thu những chân lý về đức tin và đạo đức Kitô giáo.

Trong khi đó, Aizan đã trưởng thành. Lúc bấy giờ, Edesius và Frumentius bắt đầu xin nhà vua cho phép họ trở về quê hương. Sau một hồi do dự, Aizan đã cho phép họ rời khỏi Ethiopia. Sau khi được phép, Frumentius và Edesius đã lên chuyến tàu đầu tiên để khởi hành về Hy Lạp. Khi đến Hy Lạp, Êđêsius đã lên đường về quê hương của mình ở Tyre, tìm kiếm cha mẹ để không bao giờ phải xa cách họ nữa cho đến cuối đời. Nhưng Frumentius lại rời Ethiopia với một ý định khác. Ông đã gắn bó sâu sắc với đất nước này, nơi mà theo sự an bài của Thiên Chúa, đã trở thành quê hương thứ hai của ông. Ông khao khát mãnh liệt rằng đất nước này cũng trở thành quê hương tinh

[8338] "Ấn Độ" ở đây nói chung chỉ các quốc gia nằm dọc theo bờ Biển Đen và Ấn Độ Dương. Dưới tên gọi chung này bao gồm: Ấn Độ Ê-thi-ô-pi, Ấn Độ Ả Rập và Ấn Độ Bà-la-môn. Vì vậy, trong Lời mở đầu, Thánh Frumentius được gọi là Tổng Giám mục Ấn Độ, với tư cách là người truyền giáo cho Ấn Độ, cụ thể là Ấn Độ Ê-thi-ô-pi, nằm ở phía nam Ai Cập. Chính xác hơn, đó là Nubia và Abyssinia ngày nay.

thần của mình qua đức tin. Vì vậy, Frumentius đã chọn niềm vui thiêng liêng cao cả hơn là niềm vui đoàn tụ với người thân, bằng cách dâng hiến cho Chúa Kitô Giáo hội Abyssinia mới.

Được truyền cảm hứng bởi những suy nghĩ thánh thiện như vậy, Frumentius đã lên đường đến Alexandria thay vì Tyre, nơi lúc bấy giờ Thánh Athanasius Đại Đế, một người bảo vệ nhiệt thành của Giáo hội Chúa Kitô, đang giữ chức giám mục. Khi đến gặp Thánh Athanasius, Frumentius đã kể lại chi tiết cho ngài nghe tất cả những gì ông và Edesius đã phải trải qua tại xứ Abyssinia, bắt đầu từ sự quan phòng kỳ diệu dành cho họ khi bị bắt làm tù binh bởi những kẻ man rợ, những kẻ đã tàn sát dã man Meropius và những Kitô hữu khác đi cùng họ. Ông giải thích với vị thánh vĩ đại rằng những kẻ man rợ này giờ đây không còn xa lánh các Kitô hữu nữa, thậm chí còn tìm hiểu sâu sắc về đời sống và giáo lý của họ, và giờ đây họ có thể dễ dàng được soi sáng bởi ánh sáng của chân lý Chúa Kitô. Mảnh đất này đã được chuẩn bị sẵn sàng và đất nước này đang khao khát sự xuất hiện của người gieo hạt. Vì vậy, Frumentius đã tha thiết xin vị thánh ngay lập tức cử một giám mục và các linh mục đến Ethiopia.

Sau khi lắng nghe lời kể của Frumentius, Thánh Athanasius đã nhận ra trong số phận của những anh em này sự an bài kỳ diệu của Thiên Chúa, nhằm dẫn dắt người Ethiopia đến với Chúa Kitô. Lúc đó, ngài chợt nảy ra ý nghĩ rằng tốt nhất là bổ nhiệm chính Frumentius làm giám mục tại Ê-ti-ô-pi, vì ông đã có cơ hội tìm hiểu kỹ lưỡng phong tục, tập quán và ngôn ngữ của người dân nơi đó, đồng thời đã giành được sự kính trọng và tình yêu mến tại đó.

Lúc đó, Thánh Athanasius đã nói với Frumentius:

– Trong số chúng ta, ai có thể xua tan bóng tối của sự ngoại đạo và mang ánh bình minh của Tin Mừng Thánh đến đó tốt hơn ngài?

Sau đó, Frumentius được Thánh Athanasius tấn phong làm giám mục và với lòng nhiệt thành của một Tông đồ, ngài lại lên đường đến Ethiopia để truyền giáo cho những người ngoại đạo. Trước hết, ngài bắt đầu thuyết phục chính vua Aizan nhận phép rửa tội thánh. Vị vua trẻ, vốn quen nghe theo lời khuyên của Frumentius và trong thâm tâm đã sẵn sàng chấp nhận đức tin của vị thầy mình, đã lắng nghe bài giảng của ngài về Đấng Phục Sinh với lòng tin chân thành và đã chịu phép rửa tội nhân danh Chúa Kitô. Theo sau ngài, nhiều người trong số những cận thần của nhà vua cũng đã chịu phép rửa tội. Chúa đã ban cho vị thánh đồng hàng với các Tông đồ này ân sủng làm phép lạ; Thánh Frumentius, nhờ quyền năng Danh Chúa Kitô, đã chữa lành những người bị quỷ ám và những người mắc các bệnh tật khác nhau. Còn những ai dùng lý luận của mình để phủ nhận giáo lý của Chúa Kitô và không muốn tin vào Tin Mừng của Thánh Frumentius, ngài đã giao họ cho quyền lực của Satan, *"để linh hồn được cứu rỗi"* theo lời Thánh Tông Đồ[8339] ; còn những kẻ cứng đầu khác, ngài khiến toàn thân họ khô héo, và khiến những người khác bị mù mắt. Trước những dấu hiệu đáng sợ và bất ngờ như vậy, xảy ra theo lời của vị thánh nhân của Đức Chúa Trời, ngay cả những người ngoại đạo cứng đầu nhất cũng phải quỳ gối trước ngài, và khi xưng nhận Chúa Kitô là Con Đức Chúa Trời, họ đã được Thánh Frumentius chữa lành và được rửa tội.

Dân chúng kinh ngạc trước sức mạnh của lời rao giảng, và chính nhà vua cũng không khỏi thốt lên:

– Ngươi đã sống với chúng ta bao nhiêu năm rồi mà chúng ta chưa từng thấy ngươi làm phép lạ nào cả! Vậy thì ân sủng này từ đâu mà đến, lại còn trong thời gian ngắn như vậy nữa chứ!?

Thánh Frumentius đã trả lời nhà vua và tất cả những người xung quanh cũng như những người thân thiết với ngài rằng:

– Đây không phải là ân sủng của tôi, hỡi những người bạn trung thành của Chúa Kitô, mà là ân sủng của chức thánh do chính Chúa Kitô ban tặng. Từ lâu tôi đã nhận thấy ý định tốt lành và lòng sẵn sàng đón nhận Chúa Kitô của các ngài. Vì thế, bỏ lại quê hương và gác lại tình thân, tôi, vâng theo tiếng gọi của Chúa, đã lên đường đến Alexandria và kể lại khát khao thiêng liêng của các ngài cho chính Đức Thánh Athanasius vĩ đại, vị chủ chăn của Giáo hội Alexandria. Ngài đã ban cho tôi phép thánh hiến và, sau khi soi sáng tôi bằng ân sủng Tông Đồ, đã gửi tôi đến với các bạn cùng với lời cầu nguyện và phước lành. Chính ân sủng thiêng liêng của Thiên Chúa này, qua tôi, đang thực hiện giữa các bạn – những người đã đón nhận Lời Tin Mừng với đức tin – những dấu lạ mà các bạn đang chứng kiến.

Sau khi đặt nền móng cho Giáo hội của Chúa Kitô tại Ê-thi-ô-pi như vậy, Thánh Frumentius đã tận tâm lo lắng cho sự phát triển cả bên ngoài lẫn bên trong của Giáo hội. Ngài đã xây dựng các nhà thờ trên khắp đất nước dành cho những người mới được rửa tội và tổ chức các thánh lễ ở khắp mọi nơi.

[8339] Tức là sự trừng phạt khai trừ khỏi Giáo hội (1 Cô-rinh-tô 5:5).

Đồng thời, ngài cũng quan tâm đến việc dịch Kinh Thánh sang tiếng Ê-ti-ô-pi. Sau đó, việc rao giảng Tin Mừng tại Ê-ti-ô-pi càng lan rộng thành công hơn.

Và như vậy, Thánh Frumentius đã sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa trong nhiều năm, củng cố đức tin cho các tín hữu bằng gương sáng và lời dạy của mình trong việc tuân giữ các điều răn của Chúa, sau đó ngài đã an lành về với Chúa vào khoảng năm 360, để lại Giáo hội Ethiopia được xây dựng vững chắc[8340] . Từ các thánh tích thiêng liêng của vị thánh, những phép lạ chữa lành không ngừng được ban phát cho tất cả những ai với lòng tin và lời cầu nguyện tìm đến ngài, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa chân thật của chúng ta. Amen.

Ngày 14 tháng 12

Ngày 1 tháng 12 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh tiên tri Naum

Ngày tưởng niệm 1 tháng 12

Thánh tiên tri Naum – một trong mười hai vị được gọi là các tiên tri nhỏ – xuất thân từ Galilê, từ làng Elkosha[8341] .

Nội dung chính của sách Na-um là lời tiên tri về sự sụp đổ và diệt vong của Ni-ni-ve[8342] , lời tiên đoán về những tai họa mà Đức Chúa Trời công chính sẽ giáng xuống thành phố này, và bức tranh sống động nhất về sự hủy diệt hoàn toàn và triệt để của thành phố vĩ đại và được củng cố vững chắc này. Tiên tri Na-hum tiên đoán sự hủy diệt của Ni-ni-ve như một hình phạt cho những tội ác của thành phố này, đặc biệt là vì đã hủy diệt vương quốc Y-sơ-ra-ên và vì sự phỉ báng của Sennacherib[8343] đối với Đức Giê-hô-va[8344] . Như vậy, Na-hum lặp lại lời tiên tri đáng sợ mà tiên tri Giô-na đã phán ra đối với Ni-ni-ve; lời tiên tri của Giô-na về sự diệt vong của Ni-ni-ve (Giô-na 2:2) không bị hủy bỏ, mà chỉ bị hoãn lại. Người Ninive, sau khi ăn năn trong một thời gian ngắn sau bài giảng của tiên tri Giô-na, khi thấy lời tiên tri của ông không ứng nghiệm trên họ, lại quay trở lại với những việc ác trước đây của mình; bằng cách đó, họ lại làm phật lòng Đức Chúa Trời và xúc phạm đến sự nhẫn nại của Ngài.

Sự kiện dẫn đến lời tiên tri này là như sau: khi quân đội của Sennacherib bị tiêu diệt một cách kỳ diệu dưới tường thành Giê-ru-sa-lem, và Sennacherib rút lui trong sự đe dọa, người Do Thái, dù vui mừng vì sự giải thoát này, nhưng lại lo sợ rằng Sennacherib, vì tức giận trước thất bại, sẽ lại tập hợp quân đội, thậm chí còn đông hơn trước, và sẽ lại xuất hiện, như đã đe dọa, dưới chân thành Giê-ru-sa-lem. Để trấn an và khích lệ dân Do Thái, tiên tri Na-hum đã lên tiếng với bài diễn văn của mình, trong đó ông tiên tri về sự diệt vong cuối cùng của Ni-ni-ve, thành phố này sẽ bị phá hủy bởi một trận lũ lụt dữ dội, còn kho báu của thành phố sẽ bị cướp bóc và thiêu rụi[8345] .

[8340] Abyssinia ngày nay, là một phần của Ethiopia cổ đại, do đó là người kế thừa đức tin Kitô giáo do Thánh Frumentius mang đến đó. Giáo hội Abyssinia có mối liên hệ chặt chẽ với Giáo hội Alexandria, mà giám mục Abyssinia trực thuộc dưới quyền của tổng giám mục Alexandria. Do đó, trong thời kỳ hỗn loạn và tranh cãi về Arian, Giáo hội này, trung thành với truyền thống của Thánh Athanasius Đại đế, vẫn giữ vững chính thống, mặc dù Hoàng đế Constantius, người theo học thuyết Arian, đã sử dụng nhiều biện pháp khác nhau để truyền bá Arianism trong cộng đồng Abyssinia. Tuy nhiên, do mối liên hệ đó với Giáo hội Alexandria, vào thế kỷ V, Giáo hội Abyssinia, cùng với Giáo hội Alexandria, đã sa vào tà thuyết Monophysite, trong khi vẫn trung thành với giáo lý Chính thống trong mọi khía cạnh khác của tín lý và phụng vụ.

[8341] Đó là lý do tại sao vị tiên tri tự xưng là người Elkosheyan hoặc Elkoseyan (Naum 1:1). Theo bản dịch tiếng Slav và các bản dịch khác, tiên tri Naum được ghi là con trai của Elkesie; nhưng phần lớn các nhà chú giải (ví dụ: Thánh Giê-rô-ni-mô, Thánh Ky-ri-lô Giê-ru-sa-lem, Epiphanius và những người khác) lại coi từ Do Thái "Elkoshi" (được dịch sang tiếng Slav là "con trai của Elkesie") là tên gọi của nơi sinh của Naum. Theo truyền thuyết được Thánh Giê-rô-ni-mô ghi chép, làng Elkosha nằm ở phía bắc Ga-li-lê, trong vương quốc Y-sơ-ra-ên.

[8342] Ninive là thành phố chính của người Assyria, những người mà người Do Thái lúc bấy giờ đang có quan hệ thù địch. Ninive nằm trên bờ đông sông Tigris ở Mesopotamia. Đây là thành phố đông dân nhất và giàu có nhất trong thế giới cổ đại; có chu vi khoảng 84 verst.

[8343] *Sennacherib* – vua Assyria, con trai và người kế vị của Salmanassar, người đã phá hủy vương quốc Israel.

[8344] Giê-hô-va (theo tiếng Slav: Đấng Hữu Hình) – là một trong những danh xưng của Đức Chúa Trời. Danh xưng này biểu thị bản thể, sự vĩnh cửu và bất biến của Đấng Tối Cao, và luôn được sử dụng trong Kinh Thánh để chỉ về Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật.

Toàn bộ sách của nhà tiên tri Na-hum là một sự trình bày mạch lạc về phán quyết đáng sợ của Đức Chúa Trời về sự diệt vong của Ni-ni-ve, vì từ đó đã xuất hiện kẻ có ý đồ làm điều ác chống lại Đức Giê-hô-va (tức là Sennacherib), trong khi vương quốc Do Thái được tiên tri sẽ được giải phóng khỏi ách thống trị của A-si-ri. Tiếp theo là phần mô tả cuộc vây hãm và sự hủy diệt của Ninive, và cuối cùng, sách giải thích rằng Ninive hoàn toàn xứng đáng với số phận đó vì tội thờ thần tượng, đặc biệt là vì sự đồi trụy và phù phép, qua đó thành phố này đã nô dịch các dân tộc. Vì vậy, không có biện pháp phòng thủ nào có thể cứu được thành phố này, và tất cả các dân tộc sẽ vui mừng vì đã thoát khỏi kẻ áp bức tàn bạo này[8346] .

Thời gian tiên tri Na-um thi hành sứ mệnh thuộc nửa sau triều đại của vua Ê-xê-ki-a của Giu-đa, tức là từ năm 745–714 trước Công nguyên (sau khi vương quốc Y-sơ-ra-ên bị hủy diệt).

Không có thông tin nào khác về cuộc đời của vị tiên tri này. Theo truyền thuyết, ông qua đời ở tuổi 45 và được an táng tại quê hương của mình.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Trái tim trong sạch của ngài, được soi sáng bởi Thánh Thần, đã trở thành nơi trú ngụ rực rỡ nhất của những lời tiên tri: vì ngài đã nhìn thấy những điều hiện tại từ rất xa. Vì lý do đó, chúng con tôn kính ngài, vị tiên tri phúc lành, Naum vinh quang.

Cuộc đời của Thánh Filaret Nhân từ

Ngày tưởng niệm: 1 tháng 12

"Phúc cho những ai nhân từ, vì họ sẽ được thương xót" (Mt 5:7), – Chúa đã phán. Lời này đã ứng nghiệm nơi Thánh Philaret Nhân Từ, Đấng nhờ lòng thương xót vĩ đại dành cho những người nghèo khó mà đã nhận được phần thưởng dồi dào từ Thiên Chúa cả trong đời này lẫn đời sau – như cuộc đời thánh thiện của ngài đã làm chứng.

Thánh Philaret sống tại Paphlagonia[8347] trong một làng có tên là Amnie[8348] . Cha mẹ quý tộc của ngài, là Georgios và Anna, từ thuở nhỏ đã nuôi dạy ngài trong sự sùng đạo và kính sợ Đức Chúa Trời, và cuộc đời ngài được tô điểm bởi sự trong sạch và mọi đức tính tốt đẹp khác. Khi đến tuổi trưởng thành, Filaret kết hôn với một thiếu nữ quý tộc và giàu có tên là Theozwa, người đã sinh cho ông ba người con: một con trai là John và hai con gái là Hypatia và Evanthia. Chúa đã ban phước cho Thánh Filaret, giống như ngày xưa đã ban phước cho người công chính Gióp, bằng cách làm gia tăng tài sản và ban cho ông sự giàu có dồi dào. Ông còn sở hữu vô số đàn gia súc và làng mạc, những cánh đồng trù phú và sự dư dật trong mọi mặt; kho tàng của ông chứa đầy đủ mọi của cải trần gian, và rất nhiều nô lệ nam nữ phục vụ trong gia đình ông. Và Filaret được biết đến như một trong những quý tộc nổi tiếng nhất của đất nước ấy. Sở hữu sự giàu có to lớn như vậy và chứng kiến cùng lúc đó nhiều người đang khốn khổ vì nghèo khó và cảnh cùng cực, ông cảm thấy thương xót họ và, trong sự xúc động sâu sắc, tự nhủ:

[8345] Lời tiên tri về sự diệt vong *của* Ninive *bởi nước* và lửa đã ứng nghiệm một cách chính xác. Ninive, bị kẻ thù bao vây (bởi Ciaksa, vua Mê-đi, và Nabopolasar, vua Ba-by-lôn, vào khoảng năm 600 trước Công nguyên), đã kiên cường chống chọi cuộc vây hãm trong ba năm, và chỉ khi dòng sông Tigris tràn bờ, làm xói mòn tường thành, mới tạo cơ hội cho kẻ thù xâm nhập vào thành phố và phá hủy nó đến tận nền móng, trước khi người Ninive kịp xây dựng lại bức tường mới (Na-hum 3:14). Vua Sardanapal của Ninive, tuyệt vọng về việc thoát thân và sợ bị bắt làm tù binh, đã ra lệnh dựng một đống lửa lớn ngay trong cung điện, tập trung tất cả kho báu của mình vào đó và tự thiêu cùng với tất cả các phi tần. Như vậy, những lời tiên tri đáng sợ của Na-hum và vị tiên tri vĩ đại khác là Ê-sai đã ứng nghiệm (Ê-sai 30:33)

[8346] Ngoài lời tiên tri về sự sụp đổ của Ninive trong sách tiên tri Na-um, người ta còn có thể tìm thấy những nét đặc trưng về Đấng Mê-si: "Na-um phán," – thánh Theodoret – sự diệt vong của Ninive, quân đội và thành phố của nó là do dù họ đã ăn năn sau bài giảng của Giô-na, nhưng chẳng bao lâu sau đã quên mất điều đó và cầm vũ khí tiến đánh Y-sơ-ra-ên; nhưng – ngài tiếp tục – trong sách này còn có lời tiên tri về Đấng Cứu Thế như sau: *'Kẻ hủy diệt đang tiến đến chống lại ngươi: hãy canh giữ các pháo đài, canh chừng con đường, củng cố sức mạnh, tập hợp lực lượng'* (Na-hum 2:1) (theo tiếng Slav: "Kẻ hủy diệt đang trỗi dậy trước mặt ngươi"), bởi vì cũng như Đức Chúa Trời đã thổi hơi thở sự sống vào A-đam, thì Chúa Kitô, khi tái lập hình ảnh ấy, *đã "thổi"* vào các Tông đồ *và phán với họ: "Hãy nhận lấy Thánh Thần"* (Ga 20:22). Vì vậy, khi nói đến "toàn bộ vương quốc Assyria bị tan vỡ" trong sách Na-um, chúng ta hiểu đó là quyền lực của ma quỷ đã bị Chúa Kitô đánh bại, còn khi nói đến "Giu-đa đang hân hoan", chúng ta hiểu đó là vũ trụ đang hân hoan vì sự cứu rỗi". – Trong các nghi lễ thờ phượng của Giáo Hội Chính Thống, sách tiên tri Na-um không được sử dụng.

[8347] *Paphlagonia* – một vùng ở phía bắc Tiểu Á, phía đông Bithynia.

[8348] *Amnia* – một làng nằm trên bờ sông cùng tên, nơi phong cảnh hữu tình.

– Chẳng lẽ Ta đã nhận được nhiều ân huệ từ tay Chúa chỉ để một mình Ta hưởng thụ và sống trong sung sướng, chiều chuộng bản thân sao? Chẳng lẽ tôi không nên chia sẻ sự giàu có to lớn mà Đức Chúa Trời đã ban cho tôi với những người ăn xin, các góa phụ, trẻ mồ côi, những người lữ hành và những người khốn khó, những người mà vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng trước mặt các Thiên Thần và loài người, Đức Chúa Trời sẽ không ngần ngại gọi là anh em của Ngài, vì Ngài phán: *"bất cứ điều gì các ngươi làm cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta, tức là các ngươi đã làm cho Ta"* (Mt 25:40)[8349] ? Và tất cả tài sản của tôi sẽ mang lại lợi ích gì cho tôi vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, nếu vì lòng keo kiệt mà tôi giữ chúng chỉ cho riêng mình, bởi vì tại phiên tòa đó, những ai không tỏ lòng thương xót sẽ không nhận được lòng thương xót (Gc 2:13). Liệu của cải của tôi có trở thành thức ăn và nước uống bất tử cho tôi trong cuộc sống tương lai không? Liệu những bộ quần áo mềm mại của tôi có trở thành áo xống bất hoại cho tôi ở đó không? Không, điều đó sẽ không xảy ra! Vì Sứ đồ đã phán như thế này: *"Chúng ta chẳng mang gì vào đời này; rõ ràng là chúng ta cũng chẳng thể mang gì ra khỏi đời này"* (1 Ti-mô-thê 6:7). Vậy, nếu chúng ta không thể mang theo bất cứ thứ gì từ tài sản trần gian của mình ra khỏi đây, thì tốt hơn hết là dâng những thứ đó cho Đức Chúa Trời, như thể cho mượn, qua tay những người nghèo khó; còn Đức Chúa Trời thì sẽ không bao giờ bỏ rơi tôi, vợ tôi, hay con cái tôi. Tiên tri Đa-vít đã bảo đảm điều này với tôi khi nói: *"Tôi đã trẻ và nay đã già, nhưng chưa từng thấy người công chính bị bỏ rơi, cũng chưa từng thấy con cháu họ phải xin bánh ăn"* (Thi Thiên 36:25).

Suy ngẫm như vậy trong lòng, Thánh Philaret đã trở nên nhân từ với những người nghèo khó, như người cha đối với con cái mình: cho người đói ăn, cho người trần truồng mặc, đón tiếp những người lữ hành vào nhà mình và với tình yêu thương, mang lại cho họ mọi sự an ủi. Và người công chính này giống như Áp-ra-ham, người hiếu khách thời xưa[8350] , và Gióp, người yêu thương người nghèo. Vì vậy, không thể nào che giấu được ngọn đèn sáng chói này, được trang hoàng bằng những việc làm từ bi, và ngài đã trở nên nổi tiếng khắp cả nước, như một thành phố tỏa sáng trên đỉnh núi (Mt 5:14). Tất cả những người nghèo khó và khốn cùng đều vội vã tìm đến nhà ông như một nơi nương náu an toàn. Và bất cứ ai trong số họ xin ông điều gì: dù là thức ăn, quần áo, ngựa, bò, lừa hay bất cứ thứ gì khác – thì Filaret đều đáp ứng với lòng hào phóng và thiện chí.

Nhưng rồi đã đến lúc, Đấng Yêu Thương Loài Người, Đấng sắp đặt mọi sự vì lợi ích của con người, đã cho phép cả vị thánh Filaret công chính, giống như vị thánh cổ xưa của Ngài là Gióp, phải trải qua thử thách, để sự kiên nhẫn của vị thánh ấy cũng được bộc lộ giống như sự kiên nhẫn của Gióp, và để ngài, sau khi được thanh tẩy qua thử thách như vàng trong lò nung, trở thành một tôi tớ xứng đáng của Đức Chúa Trời. Mọi chuyện bắt đầu khi vị thánh Filaret rơi vào cảnh nghèo khó; tuy nhiên, điều này không làm thay đổi chút nào lòng trắc ẩn và lòng thương xót của ngài đối với những người nghèo, và ngài vẫn tiếp tục chia sẻ những gì còn lại của mình cho những người cần giúp đỡ.

Vào thời điểm đó, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, người Ishmael[8351] đã tấn công vùng đất nơi Thánh Philaret sinh sống; giống như cơn lốc tàn phá và ngọn lửa thiêu đốt, họ đã tàn phá toàn bộ vùng đất và bắt làm tù binh rất nhiều cư dân; tất cả đàn cừu, bò, ngựa và lừa của Filaret cũng bị cướp đi, và nhiều nô lệ của ông cũng bị bắt làm tù binh. Lúc đó, người đàn ông nhân từ này lâm vào cảnh khốn cùng đến mức cuối cùng chỉ còn lại hai nô lệ, một cặp bò, một con ngựa và một con bò cái. Tất cả tài sản còn lại của Filaret hoặc đã được ông hào phóng phân phát cho người nghèo, hoặc bị người Izmail cướp bóc; còn các làng mạc, vườn tược và ruộng đồng của ông thì bị

[8349] Mt 25:10. – Mọi việc con người làm trong cuộc đời trần thế vì anh em hoặc các môn đệ của Chúa Kitô, Chúa đều quy về chính Ngài, và ban thưởng như thể đó là những việc đã làm cho chính Ngài vậy.

[8350] Tức là tổ phụ Áp-ra-ham trong Kinh Thánh Cựu Ước. Trong cuộc đời mình, Áp-ra-ham là tấm gương cho chúng ta về rất nhiều đức tính cao quý và đầy ý nghĩa, chẳng hạn như: lòng nhân ái, sự hiền lành, sự công chính, sự kiên nhẫn, lòng yêu hòa bình, sự hào hiệp, sự vô tư, lòng hiếu khách, và đặc biệt là lòng đạo đức, niềm tin và sự trông cậy vững chắc, không lay chuyển vào Đức Chúa Trời, sự khiêm nhường và kính sợ sâu sắc trước Ngài, sự vâng phục hoàn hảo đối với Ngài và lòng tận tụy trọn vẹn theo ý muốn của Ngài. – Xem (Sáng Thế Ký 11:1–32) và các đoạn tiếp theo.

[8351] Dưới *danh xưng "dân Is-ma-ên*" (tức là con cháu của Is-ma-ên) ở đây ám chỉ người Ả Rập – những người theo đạo Hồi, sức mạnh của họ vào thế kỷ VIII sau Công nguyên đang ở đỉnh cao. Sự phát triển nhanh chóng và phi thường của sức mạnh Hồi giáo đã trở thành thảm họa đối với Đế chế Byzantine. Người Hồi giáo đã tiến hành những cuộc chiến tranh liên miên và tàn phá với người Hy Lạp. Vị caliph Ả Rập nổi tiếng – Harun al-Rashid – đã tám lần tiến hành các cuộc viễn chinh tàn phá chống lại Đế chế Byzantine; những cuộc tấn công này trước hết luôn gây thiệt hại nặng nề cho các vùng đất Tiểu Á, nơi vị thánh Filaret sinh sống. Khi những kẻ thù hung tợn tiến gần, người dân vội vã lánh nạn vào các khe núi, vào rừng, bỏ lại nhà cửa và tài sản của mình cho số phận. Không ít lần, sau khi kẻ thù rút đi, những vùng đất trù phú đã biến thành sa mạc. Điều này chính xác đã xảy ra vào thời của vị thánh Filaret.

những người nông dân sống xung quanh chiếm đoạt, có người bằng cách xin xỏ, có người bằng bạo lực. Và Filaret chỉ còn lại ngôi nhà mà ông đang ở, cùng một mảnh ruộng. Dù phải chịu đựng cảnh nghèo khó, thiếu thốn và những tai ương như vậy, người đàn ông tốt bụng này chưa bao giờ than khóc hay phàn nàn, và như một Gióp công chính thứ hai, ông không phạm tội gì trước mặt Đức Chúa Trời – ngay cả bằng lời nói: "không phạm tội bằng miệng mình"[8352] . Nhưng cũng giống như ai đó vui mừng vì sự giàu có dồi dào của mình, ông cũng vui mừng vì sự nghèo khó của mình, mà ông coi là một kho tàng vĩ đại, vì ông hiểu rằng sự nghèo khó là con đường dẫn đến sự cứu rỗi chắc chắn hơn sự giàu có, như Chúa đã phán rằng *"người giàu khó vào Nước Trời"* (Mt 19:23)[8353] .

Một lần nọ, dẫn theo hai con bò của mình, Filaret đi cày ruộng còn lại của ông. Trong lúc làm việc, ngài ngợi khen và hân hoan tạ ơn Đức Chúa Trời vì ngài đang bắt đầu, theo lệnh truyền của Ngài, kiếm miếng ăn bằng mồ hôi trán mình (Sáng Thế Ký 3:19), và vì lao động cứu rỗi ngài khỏi sự lười biếng và nhàn rỗi – những thứ là nguồn gốc của mọi điều ác.

Ông cũng nhớ lại những lời của Thánh Tông Đồ, người cấm những ai lười biếng và ham chơi nhàn rỗi: *"Ai không muốn làm việc thì cũng đừng ăn"* (2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:10). Và vị thánh Filaret đã cày cấy mảnh đất của mình, để không trở nên không xứng đáng được ăn bánh mì của chính mình.

Cùng ngày hôm đó, một người dân làng khác cũng đang cày ruộng của mình. Bỗng nhiên, một trong những con bò của ông bị ốm và ngã quỵ. Người nông dân khóc lóc thảm thiết và đau buồn không nguôi, nhất là vì những con bò đó không phải của ông – ông chỉ mới xin được từ người hàng xóm để cày ruộng. Lúc đó, ông nhớ đến Thánh Filaret và nói:

– Ôi, giá như vị thánh nhân nhân từ, yêu thương người nghèo này không rơi vào cảnh túng thiếu! Giờ đây tôi đã có thể đến gặp ngài và chắc chắn sẽ nhận được từ ngài không chỉ một, mà thậm chí là hai con bò. Nhưng chính ngài giờ đây cũng đang lâm vào cảnh khốn khó, và ngài không có gì để giúp đỡ người khác, dù lòng ngài có khao khát điều đó đến đâu. Tuy nhiên, tôi vẫn sẽ đến gặp ngài – ít nhất ngài cũng sẽ thương xót tôi và dù chỉ bằng lời nói, ngài cũng sẽ an ủi tôi, làm dịu bớt nỗi đau khổ và buồn phiền nặng nề của tôi.

Cầm lấy cây gậy của mình, người nông dân lên đường đến gặp Thánh Filaret và, khi gặp ngài đang làm việc trên đồng ruộng, ông cúi đầu chào ngài rồi trong nước mắt kể lại nỗi đau của mình – cái chết bất ngờ của con bò. Thánh Filaret, thấy người đàn ông này đau khổ đến mức nào, liền tháo ngay một con bò của mình ra khỏi ách, trao cho người nông dân và nói:

– Hãy nhận con bò này của tôi đi, anh em ơi, rồi hãy về cày ruộng của mình, đồng thời tạ ơn Chúa.

Với lòng biết ơn, người nông dân cúi đầu chào Thánh Filaret, nhận lấy món quà hào phóng của ngài, và nói:

– Thưa ngài! Quyết định của ngài thật vĩ đại và đáng ngạc nhiên, lòng nhân từ của ngài cũng đẹp lòng Chúa, nhưng không nên tách rời hai con bò đã cùng nhau làm việc, và chỉ một con thì ngài sẽ khó mà xoay xở được.

– Hãy nhận lấy, anh em ơi, con bò mà tôi tặng cho anh – vị thánh nhân đáp lại – và hãy đi bình an; còn tôi thì vẫn còn một con bò ở nhà.

Người nông dân cúi đầu chào vị thánh nhân xuống tận đất, rồi cầm con bò đi, vừa ngợi khen Đức Chúa Trời vừa tạ ơn vị ân nhân nhân từ.

Filaret cầm con bò còn lại, đeo ách lên vai, rồi đi về nhà. Khi anh ta đến gần cổng nhà, vợ anh ta, thấy con bò đi trước, còn chồng mình đi theo sau với ách trên vai, bèn nói với anh ta:

– Thưa chồng! Con bò kia của anh đâu rồi?

Filaret đáp lại:

– Lúc đó, khi tôi đang nghỉ ngơi sau giờ làm việc, còn những con bò thì được thả rông, thì một trong số chúng đã bỏ đi và lạc đường – hoặc có thể ai đó đã bắt nó và mang về nhà mình.

Nghe vậy, vợ của Filaret rất buồn bã và vội vàng sai con trai đi tìm con bò bị mất. Sau khi đi qua nhiều cánh đồng, chàng trai cuối cùng cũng tìm thấy con bò của mình đang bị người nông dân kia cột vào cày. Nhận ra con bò, anh ta tức giận nói với người nông dân:

[8352] *"Chẳng lẽ chúng ta chỉ nhận điều lành từ Đức Chúa Trời mà không nhận điều dữ sao? Trong tất cả những điều này, Gióp không hề phạm tội bằng lời nói của mình"* (Gióp 2:10) – tức là ông không hề thốt ra lời nào phỉ báng Đức Chúa Trời.

[8353] Về những lời này của Đấng Cứu Thế, Thánh Gioan Kim Khẩu nói: "Bằng những lời này, Chúa Kitô không lên án sự giàu có, mà lên án những ai say mê nó."

– Đồ người xấu xa, bất lương! Sao ngươi dám cột con bò của người khác vào cày và dùng nó để làm việc? Ngươi đã tìm được con bò này ở đâu và bằng cách nào, rồi lại cột nó vào cày của ngươi? Chẳng phải đây chính là con bò mà cha ta đã mất sao? Còn ngươi, sau khi tìm thấy nó, đã cướp đi như một con sói và chiếm đoạt nó làm của riêng. Hãy trả con bò cho ta, còn nếu không trả, ngươi sẽ phải ra tòa chịu trách nhiệm về nó, như một tên trộm!

Người nông dân nhẹ nhàng đáp lại:

– Xin đừng giận tôi, chàng trai trẻ, con trai của vị thánh nhân, và đừng đối xử bất công với tôi khi tôi chẳng có lỗi gì cả. Bởi vì cha cậu, thương xót trước nỗi khổ và cảnh nghèo khó của tôi, đã tự nguyện tặng tôi con bò này của ông ấy, vì con bò của tôi, khi đang làm việc dưới ách, bỗng dưng ngã quỵ một cách bất ngờ.

Nghe vậy, chàng trai cảm thấy hổ thẹn vì cơn giận vô cớ của mình. Anh vội vã về nhà và kể lại tất cả chuyện này cho mẹ nghe. Bà, sau khi nghe xong, đã thốt lên trong nước mắt:

– Khốn khổ cho tôi, người vợ nghèo của người chồng vô tình!

Bà xé tóc mình, rồi vừa la hét vừa chạy đến chỗ chồng, trách mắng ông:

– Ngươi thật vô nhân đạo, kẻ có trái tim bằng đá! Tại sao ngươi lại định để chúng ta chết đói trước thời hạn? Vì những tội lỗi của chúng ta, chúng ta đã mất hết tài sản, nhưng Chúa, Đấng thương xót cả những kẻ có tội, đã để lại cho chúng ta hai con bò đực, để nhờ chúng, chúng ta có thể nuôi sống các con của mình; còn anh, người trước đây sống trong giàu sang và chưa bao giờ tự tay lao động, giờ đây khi rơi vào cảnh nghèo khó, lại trở nên lười biếng, không muốn làm việc và canh tác đất đai, mà chỉ muốn nằm nghỉ ngơi thoải mái trong phòng mình. Vì thế, anh không phải vì Chúa mà trao con bò của mình cho người dân làng, mà là vì chính bản thân anh, để không phải vất vả cột nó vào ách, mà sống trong sự lười biếng và nhàn rỗi. Tuy nhiên, anh sẽ trả lời Chúa thế nào, nếu vì sự lười biếng của anh mà tôi cùng các con anh phải chết đói?

Nhìn vợ mình, Thánh Filaret nhẹ nhàng đáp lại:

– Hãy nghe chính Đức Chúa Trời, Đấng giàu lòng thương xót, phán rằng: *"Hãy nhìn các loài chim trên trời: chúng không gieo, không gặt, cũng không thu thập vào kho lúa; mà Cha các con trên trời vẫn nuôi dưỡng chúng. Các con chẳng phải quý giá hơn chúng sao?"* (Mt 6:26); chẳng lẽ Ngài lại không nuôi dưỡng chúng ta, những người quý giá hơn chim trời gấp bội sao? Ngài hứa sẽ ban thưởng gấp trăm lần cho những ai vì danh Ngài và Tin Mừng mà phân phát tài sản của mình cho người nghèo. Vậy, hãy suy nghĩ: nếu vì một con bò mà chúng ta nhận được một trăm con, thì tại sao chúng ta lại phải buồn phiền vì con bò mà tôi đã trao cho người nghèo nhân danh Chúa?

Người chồng nhân từ ấy nói những lời này không phải vì ông tự an ủi mình bằng niềm hy vọng được đền bù gấp trăm lần trong cuộc sống trần gian, mà là để trấn an người vợ nhút nhát của mình. Và bà im lặng, không tìm được lời phản bác nào trước những lời khôn ngoan của chồng.

Chưa đầy năm ngày sau đó, con bò mà vị thánh Filaret đã tặng cho người dân làng đã ăn phải cây độc và gục ngã. Điều này khiến người dân làng bối rối, và khi quay lại gặp Filaret, ông nói với ông:

– Thưa ngài! Tôi đã phạm tội trước mặt ngài và các con ngài khi tách đôi con bò của ngài ra; chắc hẳn vì thế mà Đức Chúa Trời công chính đã không cho phép tôi hưởng lợi từ con bò của ngài, vì nó đã ăn phải một loại thảo mộc nào đó và chết.

Không nói một lời nào, Thánh Filaret nhanh chóng dẫn con bò cuối cùng của mình đến và, trao nó cho người dân làng, nói:

– Anh em ơi, hãy nhận con bò này và dẫn nó đi; còn tôi phải lên đường đến một xứ xa xôi và không muốn con bò làm việc này ở lại nhà tôi mà không có tôi, chỉ ngồi không.

Vị thánh nhân nói vậy để người đàn ông ấy không từ chối nhận con bò còn lại từ ông. Người dân làng, sau khi nhận con bò, trở về nhà mình, ngạc nhiên trước lòng nhân ái vĩ đại của vị thánh nhân. Trong khi đó, tại nhà Filaret, mọi người nhanh chóng biết được hành động của ông. Các con trẻ bắt đầu khóc cùng với mẹ và nói:

– Quả thật cha chúng ta thật vô nhân ái và không yêu thương con cái mình, vì ngài đang phung phí tài sản cuối cùng của chúng ta; chúng ta chỉ còn lại hai con bò để không chết đói, mà ngài lại đưa chúng cho người lạ.

Thấy nỗi đau buồn và những giọt nước mắt của các con, Thánh Filaret đã nói với chúng như sau:

– Các con ơi! Sao các con lại chìm đắm trong nỗi buồn? Sao các con lại làm khổ chính mình và làm khổ cha? Chẳng lẽ các con cho rằng cha là người vô tâm sao? Chẳng lẽ cha thực sự đã có ý định hủy hoại các con sao? Hãy bình tĩnh: ở một nơi mà các con không biết, ta cất giữ biết bao của cải và kho báu, đủ để các con sống trong

một trăm năm, dù các con có không làm gì và không lo lắng về điều gì đi chăng nữa. Ngay cả chính ta cũng không thể đếm hết tất cả những kho báu đã được chuẩn bị sẵn cho các con.

Khi nói những lời này, vị thánh Filaret không hề lừa dối các con mình, mà thực sự đã nhìn thấu bằng đôi mắt tâm linh những điều sẽ xảy ra sau này.

Không lâu sau đó, một sắc lệnh hoàng gia được ban xuống vùng đất ấy, yêu cầu tất cả các chiến binh tập hợp vào các trung đoàn của mình và tiến quân chống lại bọn man di vô đạo đã nổi loạn chống lại Đế quốc Hy Lạp; đồng thời, mỗi chiến binh phải có mặt với đầy đủ vũ khí và hai con ngựa. và một chiến binh nghèo tên là Musilius được phân vào một trong những trung đoàn đó; anh ta chỉ có một con ngựa, nhưng ngay lúc đó, con ngựa ấy đột ngột ốm và gục ngã. Không có tiền để mua ngựa, người chiến binh nghèo ấy đã đến gặp Thánh Filaret và nói với ngài:

– Thưa ngài! Xin hãy thương xót tôi, giúp tôi với. Tôi biết rằng chính ngài cũng đã nghèo đến cùng cực, và bản thân ngài cũng chỉ có một con ngựa. Nhưng, vì danh Chúa đầy lòng thương xót, tôi khẩn cầu ngài, xin hãy cho tôi con ngựa của ngài, để tôi không rơi vào tay viên chỉ huy ngàn quân, và để ông ta không đánh đập tôi một cách tàn nhẫn.

Thánh Filaret đáp lại:

– Hãy lấy con ngựa của ta đi, anh em ơi, và hãy ra đi bình an; nhưng hãy biết rằng ta không cho ngươi con ngựa này vì sợ bị viên chỉ huy ngàn người trừng phạt, mà là vì lòng thương xót của Đức Chúa Trời.

Người lính ấy, sau khi nhận con ngựa từ vị thánh, đã rời khỏi ngài, ca ngợi Thiên Chúa. Và lúc đó, tất cả tài sản còn lại của Thánh Philaret chỉ còn một con bò cái cùng con bê, một con lừa và vài tổ ong. Trong khi đó, một người nghèo từ vùng xa xôi, nghe nói về Thánh Philaret Nhân Từ, đã đến gặp ngài và bắt đầu xin ngài, nói rằng:

– Thưa ngài! Xin hãy cho tôi một con bê trong đàn của ngài, để món quà của ngài cũng trở thành phước lành từ ngài dành cho tôi, vì tôi biết rằng sự ban tặng của ngài mang lại phước lành cho ngôi nhà và làm cho nó trở nên giàu có theo mọi cách.

Với niềm vui, Thánh Filaret đã dẫn con bê duy nhất của mình đến và trao nó cho người xin, nói rằng:

– Xin Chúa ban phước lành cho anh, anh em ơi, và xin Ngài ban cho anh sự dư dật trong mọi điều anh cần.

Người ấy cúi đầu chào Filaret rồi ra về, dẫn theo con bê. Trong khi đó, con bò mẹ, không thấy con bê của mình, bắt đầu đi tìm nó và, không thấy ở đâu cả, liền cất tiếng rống thảm thiết vang khắp sân. Tất cả những người trong nhà Filaret đều rất thương xót con bò, đặc biệt là vợ của Filaret cảm thấy vô cùng buồn bã. Với những giọt nước mắt, bà bắt đầu trách móc chồng, nói rằng:

– Chúng ta còn phải chịu đựng những điều này từ ngươi đến bao giờ nữa? Ai mà không cười nhạo sự liều lĩnh của ngươi? Giờ đây ta đã thấy rõ rằng ngươi chẳng hề quan tâm đến ta, vợ của ngươi, và ngươi đã làm cho con cái mình kiệt quệ; còn bây giờ, ngươi thậm chí còn không thương xót cả con vật câm lặng đang nuôi con bê của nó, mà đã tàn nhẫn tách nó khỏi mẹ một cách vô tình. Vậy thì cậu đã làm ơn cho ai đây? Cậu không những làm mất đi sự ấm cúng của gia đình mình và gây ra nỗi buồn, mà người đã xin cậu con bê ấy cũng chẳng được lợi lộc gì, bởi vì con bê của anh ta cũng sẽ chết vì mất mẹ, còn con bò của chúng ta thì sẽ buồn bã và rống lên vì thiếu con bê của nó; vậy thì, điều này có ích gì cho cả chúng ta lẫn người đàn ông đó?

Nghe những lời ấy từ vợ mình, ông Filaret công chính đã đáp lại bà với sự hiền lành:

– Giờ thì em đã nói đúng sự thật rồi, vợ ơi! Quả thực anh không nhân từ và không thương xót, vì đã tách con bê nhỏ khỏi mẹ nó; nhưng giờ anh sẽ hành động tốt hơn.

Và, vội vã chạy theo người đàn ông đã dẫn con bê đi, Filaret bắt đầu gọi anh ta:

– Hãy quay lại đi, anh em ơi, hãy quay lại cùng con bê; con bò mẹ không có con bê bên cạnh khiến chúng tôi không yên lòng, nó đang rống và kêu ầm ĩ trước cổng nhà.

Người nghèo, nghe Filaret nói vậy, nghĩ rằng ông ta muốn lấy lại con bê mà ông ta đã tặng mình, và tự nhủ: "Chắc hẳn tôi không xứng đáng nhận từ người đàn ông chính trực này ngay cả con vật nhỏ bé này; có lẽ ông ta đã hối hận và gọi tôi lại để lấy nó từ tay tôi." Khi người đàn ông đó quay lại gặp Filaret, con bê, vừa nhìn thấy mẹ mình, liền chạy đến bên mẹ; còn người mẹ cũng với tiếng kêu vui mừng, lao đến bên con. Con bê, sau khi bú sữa mẹ, đã không rời xa mẹ mình trong một thời gian dài, và Feozva, vợ của Filaret, khi thấy cảnh đó, đã rất vui mừng vì con bê đã được đưa trở về nhà. Còn Thánh Filaret, khi nhìn thấy người nghèo đang đứng đó với vẻ mặt buồn bã và thậm chí không dám thốt ra một lời nào, đã nói với anh ta:

– Anh ơi, vợ tôi nói rằng tôi đã phạm tội khi tách con bê khỏi mẹ nó, và điều đó là sự thật. Vì vậy, hãy mang theo cả con bê lẫn con bò và hãy ra về bình an; xin Chúa ban phước lành cho anh và làm cho đàn gia súc của anh sinh sôi nảy nở, như xưa kia đã từng xảy ra với đàn gia súc của tôi!

Và người đàn ông ấy đã nhận con bò cùng con bê, rồi vui vẻ trở về nhà. Đức Chúa Trời đã ban phước cho gia đình ông, vì người tôi tớ trung thành của Ngài là Filaret; từ con bò và con bê được ban cho, chỉ sau vài năm, ông đã có hơn hai đàn bò đực và bò cái.

Không lâu sau đó, nạn đói ập đến vùng đất ấy, và người công chính Philaret lâm vào cảnh nghèo túng tột cùng; không có gì để nuôi vợ con, Philaret lấy con lừa duy nhất còn lại của mình – và đi sang một vùng khác để gặp một người bạn của mình; mượn của người bạn ấy sáu mè lúa mì và chất lên lưng con lừa, ông vui mừng trở về nhà và cho vợ con ăn no. Khi Filaret đang nghỉ ngơi tại nhà sau chuyến đi, một người ăn xin đến gặp ông và xin cho một rổ lúa mì.

– Vợ ơi! – người đàn ông đáng kính, người noi gương Áp-ra-ham, nói với vợ khi bà đang gieo lúa mì – anh muốn cho người ăn xin này một mè lúa mì.

Vợ ông đáp lại:

– Hãy đợi cho đến khi vợ và các con anh no nê đã, trước hết hãy cho em một mực, cho các con anh mỗi đứa một mực, và cho cả người giúp việc của chúng ta nữa; còn phần còn lại, anh cứ cho ai tùy ý.

Anh ta nhìn cô và cười, rồi nói:

– Vậy em không để lại gì cho anh sao?

– Có chứ, vì anh là Thiên thần mà, – Feozva phản bác, – chứ không phải con người, và anh không cần thức ăn; nếu anh cần thức ăn, thì anh đã không chia lúa mì mượn được cho người khác rồi.

Filaret im lặng múc hai mè lúa mì rồi đưa cho người ăn xin. Lúc đó, vợ của Filaret hoàn toàn mất bình tĩnh vì buồn bã và bực bội, liền hét lên với anh:

– Cứ cho người ăn xin thêm một mẻ thứ ba đi, vì anh có nhiều lúa mì mà.

Filaret lại đo thêm một mè và cho người nghèo ra về. Feozva, đang bực bội với ông, chia số lúa mì còn lại cho mình và các con. Trong khi đó, số lúa mì mượn được nhanh chóng cạn kiệt, và Feozva cùng các con lại phải chịu đói.

Lúc đó, bà đến nhà hàng xóm, xin mượn nửa ổ bánh mì, nấu chung với rau dền rồi cho lũ trẻ đói ăn, còn bản thân bà cũng ăn no cùng chúng, còn ông lão thì họ thậm chí còn không nhớ mời đến bữa ăn của mình.

Trong khi đó, một người bạn cũ của Filaret, một người giàu có, đã nghe tin về hoàn cảnh khốn khó của ông. Ông ta gửi cho Filaret bốn xe ngựa chở lúa mì, mỗi xe mười mēr, và kèm theo lá thư viết: "Anh em yêu dấu của chúng tôi, người của Chúa! Tôi gửi cho anh bốn mươi mers lúa mì để nuôi sống anh và gia đình anh; khi anh đã dùng hết số đó, tôi sẽ gửi thêm cho anh một lượng tương tự; còn anh, xin hãy cầu nguyện cho chúng tôi trước mặt Chúa."

Nhận món quà này, Filaret, trong lòng tràn đầy lòng biết ơn trước ân sủng của Chúa, đã quỳ sấp xuống đất; sau đó, đứng dậy và giang hai tay lên trời, ông thốt lên:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa là Đức Chúa Trời của con, vì Ngài đã không bỏ rơi con, tôi tớ của Ngài, người đã đặt trọn niềm tin nơi Ngài.

Thấy ân sủng của Chúa như vậy, vợ của Filaret bèn bình tĩnh lại và nhẹ nhàng nói với chồng:

– Thưa chồng, xin hãy chia cho em bao nhiêu lúa mì anh thấy cần thiết, và cho các con chúng ta, cũng như trả lại số lúa mì đã mượn của hàng xóm; còn phần của anh thì hãy giữ lại và làm theo ý anh.

Filaret đã làm theo lời vợ và chia lúa mì ra, giữ lại cho mình năm mè, rồi phân phát cho người nghèo trong hai ngày. Điều này lại khiến Feozva tức giận, và bà thậm chí không muốn ăn cùng ông, mà dùng bữa với các con riêng rẽ và lén lút khỏi ông. Một lần nọ, Thánh Filaret tình cờ bắt gặp các con đang ăn trưa và nói với chúng:

– Các con ơi! Hãy đón tiếp cha vào bữa ăn của các con, nếu không phải với tư cách là cha của các con, thì ít nhất cũng là một vị khách và một người lữ hành.

Các em cười và đón nhận ngài; trong khi các em đang ăn, vợ ngài nói với ngài:

– Thưa ngài! Ngài còn giấu chúng tôi kho báu đó bao lâu nữa, thứ mà theo lời ngài nói, đang được cất giữ ở đâu đó của ngài? Có lẽ ngài đang chế giễu và trêu chọc chúng tôi, như những đứa trẻ dại dột với những lời hứa suông? Nếu điều đó là sự thật, thì hãy cho chúng tôi xem kho báu của ngài – lúc đó chúng tôi sẽ lấy nó để mua thức ăn, và chúng ta sẽ lại cùng nhau dùng bữa như trước đây.

– Hãy chờ thêm một chút nữa, – Thánh Filaret đáp, – và chẳng bao lâu nữa, các ngươi sẽ được thấy và nhận được kho báu vĩ đại ấy.

Cuối cùng, Thánh Filaret lâm vào cảnh nghèo khó đến mức không còn gì ngoài vài tổ ong chứa mật ong, thứ mà chính ngài, vợ và các con ngài dùng làm thức ăn. Nhưng ngay cả trong cảnh khốn khó như vậy, mỗi khi có người nghèo đến tìm ngài, dù không có bánh mì, ngài vẫn chia sẻ mật ong với họ. Những người trong nhà ngài, thấy rằng họ đang bị tước đoạt cả nguồn lương thực cuối cùng theo cách đó, đã lén lút đến chỗ đàn ong để lấy hết số mật ong còn lại, nhưng họ chỉ tìm thấy một tổ ong, và đã lấy hết số mật ong còn lại từ đó. Sáng hôm sau , một người ăn xin lại đến gặp Thánh Filaret và xin ngài bố thí. Filaret đi đến tổ ong, nhưng hóa ra nó đã trống rỗng; thấy không có gì để cho người ăn xin, vị thánh Filaret cởi áo khoác ngoài của mình ra và đưa cho anh ta. Khi ông trở về nhà chỉ mặc mỗi áo lót, vợ ông nói với ông:

– Quần áo của anh đâu rồi? Chẳng lẽ anh cũng đưa cả cái đó cho người ăn xin sao?

– Anh đã đi quanh những tổ ong, – Filaret trả lời vợ, – và để nó lại ở đó.

Lúc đó, con trai ông đi đến chỗ đó và, không tìm thấy áo của cha, liền kể lại chuyện đó cho mẹ nghe. Bà, vì xấu hổ khi thấy chồng trong bộ dạng không đàng hoàng, đã may lại áo của mình thành áo nam và mặc cho Filaret.

Vào thời đó, ngai vàng của Vương quốc Hy Lạp do Nữ hoàng Irina, người sùng kính Chúa Kitô, cùng con trai bà là Constantine[8354] nắm giữ. Vì hoàng tử đã đến tuổi trưởng thành, nên những người được chọn lọc, đáng tin cậy và sáng suốt đã được cử đi khắp vương quốc Hy Lạp để tìm kiếm một thiếu nữ xinh đẹp, đức hạnh và cao quý, xứng đáng kết hôn với hoàng tử trẻ Constantine. Những người được cử đi, mong muốn hoàn thành mệnh lệnh của nhà vua một cách thành công nhất, đã đi khắp các vùng, thành phố và thậm chí cả những nơi hẻo lánh; trong số đó, họ cũng đến làng Amnia ở Paphlagonia.

Khi đến gần, từ xa họ đã nhìn thấy ngôi nhà cao lớn và đẹp đẽ của Filaret, vẻ đẹp của nó vượt trội hơn hẳn so với tất cả những ngôi nhà khác. Nghĩ rằng ở đó có một chủ đất giàu có và danh giá nào đó trong vùng đang sinh sống, họ đã cử các đầy tớ của mình đến đó để chuẩn bị chỗ ở và bữa ăn cho họ. Nhưng một trong những chiến binh tháp tùng các sứ giả hoàng gia đã nói với họ:

– Xin các ngài đừng vào ngôi nhà đó, vì dù bên ngoài trông to lớn và đẹp đẽ, nhưng bên trong lại trống rỗng, đến nỗi không chỉ không có tiện nghi nào, mà ngay cả những thứ thiết yếu nhất cũng không tìm thấy; ở đó chỉ có một ông lão sống, người nghèo nhất trong vùng này.

Tuy nhiên, các sứ giả của nhà vua không tin lời người lính và ra lệnh cho các đầy tớ của mình đi và thực hiện những gì đã được giao phó.

Còn Thánh Filaret, ngay khi nhìn thấy những người đang tiến về phía ngôi nhà của mình, đã cầm cây gậy và bước ra đón họ; sau khi cúi đầu chào họ đến tận đất, ngài tiếp đón họ với niềm vui và nói:

– Chắc hẳn Chúa đã dẫn các ngài, thưa các ngài, đến với tôi, kẻ tôi tớ của các ngài; tôi coi đó là một vinh dự lớn lao khi được đón tiếp những vị khách quý như các ngài trong ngôi nhà nghèo nàn của tôi.

Sau đó, vội vã chạy đến bên vợ, vị thánh nhân nói với bà:

– Thưa người vợ yêu quý Theozva, hãy chuẩn bị một bữa tối ngon lành để chiêu đãi những vị khách quý đến từ xa; tôi rất quý mến họ.

Feozva phản đối:

– Tôi lấy gì mà nấu một bữa tối ngon đây? Trong cả ngôi nhà của chúng ta không có con cừu non nào, thậm chí không có cả con gà. Tôi chỉ có thể nấu rau bông, thứ mà chính chúng ta cũng ăn, và đó cũng là không có dầu; còn về dầu và rượu vang thì tôi thậm chí không thể nhớ nổi chúng đã từng có trong nhà chúng ta khi nào.

Nhưng người chồng lại nói với bà:

– Ít nhất hãy nhóm lửa lên, dọn dẹp phòng trên, và rửa sạch chiếc bàn ăn cũ bằng ngà voi của chúng ta đi – Chúa, Đấng nuôi dưỡng mọi loài, sẽ ban cho chúng ta thức ăn để chiêu đãi những người đàn ông đó.

[8354] Hoàng hậu Irina – vợ của Hoàng đế Lêô IV người Khazar, người chống lại việc thờ phượng các bức tượng thánh. Vì lòng sùng kính các bức tượng thánh một cách nhiệt thành, bà đã phải chịu sự đàn áp từ chính chồng mình. Sau khi ông qua đời, Irina lên ngôi cùng với con trai nhỏ Constantine (năm 780). Dưới triều đại của bà, việc tôn kính các bức tượng thánh đã được khôi phục và, theo sự kiên quyết của bà, Công đồng Đại kết lần thứ VII đã được triệu tập, tại đó chân lý về việc tôn kính các bức tượng thánh được tuyên bố và chủ nghĩa chống tượng thánh bị lên án. [Công đồng diễn ra tại Nicaea vào năm 787] Con trai của Irina và Leo IV, Constantine, trị vì với danh hiệu Hoàng đế Constantine VI, người sinh ra trong gia đình quý tộc – cho đến năm 797. Irina tiếp tục trị vì sau khi con trai qua đời – cho đến năm 802.

Feozva bắt tay vào thực hiện mệnh lệnh và ý muốn của chồng mình. Trong khi đó, những cư dân khá giả trong làng, khi biết tin các sứ giả hoàng gia đang lưu trú tại nhà Filaret, đã vội vã mang đến đó cừu, dê đực, gà và bồ câu, bánh mì và rượu vang, cùng tất cả những thứ cần thiết để tiếp đãi đông đảo khách quý như vậy. Sau khi nhận được những lễ vật này, Feozva bắt đầu chế biến thành các món ăn khác nhau và dọn tiệc tối ở phòng trên lầu. Các sứ giả của nhà vua tụ tập tại đây để dùng bữa tối và không khỏi ngạc nhiên trước sự lộng lẫy của căn phòng trong ngôi nhà của một người hoàn toàn nghèo khó, cũng như trước chiếc bàn ăn sang trọng làm bằng ngà voi, lấp lánh vàng. Nhưng điều khiến họ xúc động nhất chính là lòng hiếu khách chân thành và sâu sắc của chủ nhà, người mà cả dáng vẻ lẫn cách cư xử đều giống hệt như chính Áp-ra-ham, Người Hiếu Khách ( ). Trong khi các vị khách đang ngồi quanh bàn ăn, con trai của Thánh Filaret – Ioann, người rất giống cha mình – bước vào, và các cháu nội của ngài cũng tụ tập lại, rồi bắt đầu tận tình phục vụ các vị khách tại bàn ăn. Nhìn họ, các vị khách ngưỡng mộ cách cư xử trang nhã và đàng hoàng của họ, và hỏi Filaret:

– Xin hãy cho chúng tôi biết, thưa ngài, ngài có vợ không?

– Có, thưa các ngài, – Filaret trả lời, – còn những người trẻ tuổi này là con cái và cháu chắt của tôi.

Và các sứ giả của hoàng đế nói với ông:

– Vậy thì hãy để vợ ngài đến đây và chào hỏi chúng tôi.

Feozva bước vào. Nhìn thấy bà, dù vẫn còn xinh đẹp nhưng đã là một phụ nữ trung niên, họ hỏi:

– Vậy ngài có con gái không?

– Con gái lớn của tôi, – Thánh Filaret trả lời họ, – có ba cô con gái.

Rồi các vị khách tiếp tục:

– Hãy bảo những thiếu nữ ấy đến đây để chúng tôi được nhìn thấy họ; vì chúng tôi nhận lệnh từ các vị vua đã cử chúng tôi đến đây, phải xem xét tất cả các thiếu nữ trẻ trong các vùng đất Hy Lạp và chọn ra người xinh đẹp nhất, xứng đáng với hôn nhân hoàng gia.

Vị Thánh nói:

– Lời này không dành cho chúng tôi, thưa các ngài và các vị lãnh chúa, vì chúng tôi là nô lệ của các ngài, những kẻ nghèo khó và khốn cùng. Tuy nhiên, bây giờ xin các ngài hãy ăn và uống những gì Thiên Chúa đã ban, hãy vui vẻ, nghỉ ngơi sau chặng đường dài, và hãy ngủ đi, còn ngày mai – xin ý Chúa được thực hiện!

Sáng hôm sau, khi mặt trời đã mọc, các vị khách quý của Filaret thức dậy và nói với ông:

– Xin ngài hãy ra lệnh cho người ta dẫn các cháu gái của ngài đến đây để chúng tôi được gặp các cháu.

– Theo lời các ngài, thưa các ngài, sẽ được thực hiện ngay, – Thánh Filaret đáp lại. – Tuy nhiên, tôi xin các ngài hãy lắng nghe tôi với lòng nhân từ, và vui lòng tự mình bước vào các phòng riêng trong nhà tôi, nơi các ngài sẽ được gặp các thiếu nữ của chúng tôi, vì các em chưa bao giờ ra khỏi ngôi nhà nghèo nàn của chúng tôi.

Các vị khách lập tức đứng dậy và đi theo Thánh Filaret vào phòng riêng của gia đình ngài; tại đó, ba cô gái đã đón tiếp họ, đồng thời cúi chào các vị khách một cách khiêm tốn và kính cẩn. Khi các sứ giả hoàng gia thấy rằng các cháu gái của Filaret là những thiếu nữ xinh đẹp nhất trong số tất cả những thiếu nữ mà họ từng gặp ở khắp các vùng đất Hy Lạp, họ không thể kìm nén được sự ngạc nhiên đầy phấn khích và nói:

– Chúng tôi tạ ơn Chúa đã ban cho chúng tôi điều mong ước, bởi vì một trong những thiếu nữ này sẽ là cô dâu xứng đáng cho hoàng đế của chúng tôi – chúng tôi không thể tìm được ai tốt hơn họ, dù có phải đi khắp vũ trụ đi chăng nữa.

Và, phù hợp với vóc dáng của nhà vua, họ đã chọn cháu gái lớn nhất của Thánh Filaret, tên là Maria, người cao hơn các chị em khác, làm vợ cho ngài. Hài lòng với thành quả của mình, các sứ giả hoàng gia đã mời Maria cùng với cha mẹ, ông nội và tất cả những người thân cận của cô – tổng cộng ba mươi người – và cùng họ lên đường đến kinh đô hoàng gia – Constantinople. Cùng đi với họ còn có mười thiếu nữ khác được tuyển chọn từ các nơi khác, trong số đó có cô con gái xinh đẹp của một quan chức cao cấp tên là Gerontius. Trong chuyến đi này, cô cháu gái thông minh và khiêm tốn của Thánh Filaret đã nói với các bạn gái của mình, những thiếu nữ khác, như sau:

– Hỡi các chị em, các thiếu nữ của tôi! Vì tất cả chúng ta đều tụ họp ở đây vì cùng một lý do – để được dâng lên trước mặt Đức Vua – vậy hãy cùng nhau thống nhất xem sẽ hành động ra sao khi Đức Vua Trên Trời ban cho một trong chúng ta vương quốc trần gian, bằng cách chỉ định cô ấy làm hoàng hậu của Đức Vua. Vì không thể tất cả chúng ta đều đạt đến đỉnh cao này, mà chỉ có một người trong chúng ta được chọn, nên khi ấy, xin người ấy hãy nhớ đến chúng ta trong sự vinh quang hoàng gia của mình và đừng bỏ rơi chúng ta khỏi sự che chở của người.

Con gái của quan đại thần Gerontius đáp lại Maria như sau:

– Hãy để tất cả các ngươi biết rằng không ai trong các ngươi có thể được chọn làm vợ vua, ngoại trừ ta, vì ta vượt trội hơn tất cả các ngươi về dòng dõi cao quý, về của cải, về nhan sắc và về trí tuệ; với sự nghèo khó, nhan sắc tầm thường và sự đơn sơ của các ngươi, làm sao các ngươi có thể hy vọng bước vào cung điện hoàng gia, chỉ dựa vào nhan sắc của khuôn mặt mình?

Nghe những lời điên rồ và kiêu ngạo ấy, Maria im lặng, nhưng phó thác bản thân cho ý muốn của Chúa và trông cậy vào những lời cầu nguyện của vị thánh già, ông nội của cô.

Cuối cùng, phái đoàn đã đến Constantinople và các thiếu nữ được đưa vào cung điện hoàng gia, nơi sự có mặt của họ ngay lập tức được báo cáo cho những người thân cận của nhà vua và người quản lý cung điện của ngài, Stavrikios. Người đầu tiên được giới thiệu với Stavrikios là con gái của Gerontius. Sự kiêu hãnh của cô không thể che giấu được trước ánh mắt tinh tường của vị quan triều đình giàu kinh nghiệm, và ông nói với cô:

– Nàng xinh đẹp và duyên dáng, thưa thiếu nữ, nhưng nàng không thể trở thành vợ của hoàng đế.

Và sau khi ban tặng cho cô những món quà hào phóng, ông cho cô về nhà. Như vậy, lời Kinh Thánh đã ứng nghiệm: *"Ai tự cao thì sẽ bị hạ xuống, còn ai khiêm nhường thì sẽ được nâng lên"* (Lc 18:14).

Sau tất cả, cháu gái của vị thánh nhân Philaret, Maria, cùng với mẹ, ông nội và tất cả những người thân cận của cô, đã được giới thiệu. Khi nhìn thấy họ, cả nhà vua, mẹ của ngài và Stavriky đều bị ấn tượng bởi lòng nhân ái và sự đoan trang của họ. Mọi người cũng không khỏi ngạc nhiên trước vẻ đẹp của Maria, trên khuôn mặt cô thể hiện rõ những phẩm chất tốt đẹp: hiền lành, khiêm nhường và kính sợ Đức Chúa Trời. Maria đứng trước nhà vua với ánh mắt khiêm tốn hướng xuống, trong khi đó, một vệt ửng hồng rạng rỡ lan tỏa trên đôi má cô. Nhà vua rất ưng ý cô, và ngài đã hứa hôn với cô. Còn người chị thứ hai của cô thì được một trong những quý tộc thân cận với nhà vua, vị quý tộc danh giá[8355] Konstantiki, chọn làm vợ; còn người chị thứ ba được gả cho vị lãnh chúa của người Longobard[8356] , để thông qua mối quan hệ họ hàng này, lễ cưới của nhà vua với cháu gái của Thánh Filaret được tổ chức với những lễ hội hoành tráng; với sự tham dự của các quan đại thần hoàng gia, dân chúng, và toàn thể gia đình của Thánh Filaret. Nhà vua đã chân thành yêu mến vị thánh già và, trong sự thân ái, ôm lấy và hôn lên mái đầu đáng kính của ngài. Sau khi khen ngợi Thánh Filaret về lòng đạo đức của ngài và cả gia đình ngài, nhà vua đã ban cho họ những vinh dự lớn lao và tặng họ bạc, vàng, đá quý, trang phục sang trọng, những ngôi nhà rộng lớn và đẹp đẽ cùng nhiều tài sản khác. Sau khi tôn vinh vị thánh nhân như vậy và hôn lên mặt ông, nhà vua cho phép ông cùng gia đình trở về ngôi nhà lộng lẫy mà nhà vua đã ban tặng.

Sau khi nhận được những món quà quý giá như vậy, vợ và các con của Filaret cùng tất cả những người trong nhà đều nhớ lại những lời Filaret đã nhiều lần nói với họ rằng ông cất giữ ở một nơi bí mật những kho báu mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho họ. Họ quỳ xuống dưới chân vị thánh và nói với ông:

– Xin tha thứ cho chúng con, thưa Đức Cha và Chúa của chúng con, vì chúng con đã phạm tội một cách điên rồ trước mặt ngài! Xin tha thứ vì chúng con đã lên án và trách móc ngài vì lòng bác ái hào phóng dành cho những người nghèo khó và khốn cùng. Giờ đây, chúng con mới thực sự tin rằng*: "Phúc cho ai nghĩ đến người nghèo [và khốn cùng]!"* (Thánh vịnh 40:2). Quả thật, tất cả những gì con người ban cho anh em đang thiếu thốn, chính là ban cho chính Thiên Chúa, Đấng sẽ ban thưởng gấp trăm lần cho họ trong thế gian này và ban cho họ cuộc sống hạnh phúc trong cõi vĩnh hằng. Chính vì lòng bác ái của ngài dành cho người nghèo, hỡi người của Thiên Chúa, mà Chúa đã ban cho ngài ân sủng dồi dào của Ngài, vì ngài và vì tất cả chúng con.

Vị tu sĩ đáng kính ấy giơ hai tay lên trời và kêu lên:

– Ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng đã muốn điều này xảy ra. *"Danh Đức Chúa Trời sẽ được ngợi khen từ nay cho đến muôn đời"* (Thi Thiên 112:2).

Sau đó, quay sang gia đình mình, Filaret nói:

– Hãy nghe lời khuyên của ta, chúng ta hãy chuẩn bị một bữa tiệc thịnh soạn và khẩn cầu Đức Vua và Chúa của chúng ta cùng tất cả các quan đại thần của Ngài đến dự tiệc với chúng ta.

– Theo ý ngài, – họ đáp, – xin cứ làm như vậy!

[8355] Ban đầu, danh hiệu *"patrician"* chỉ dành cho con cái của các thượng nghị sĩ, những người được gọi bằng tiếng Latinh là "rangae". Sau đó, danh hiệu này được áp dụng cho tất cả những người có nguồn gốc quý tộc La Mã. Tuy nhiên, Hoàng đế Constantine đã biến danh hiệu "patrician" thành một đặc ân cá nhân, được ban tặng cho các quan chức cấp cao nhưng không được truyền lại cho con cháu.

[8356] *Người Longobard* là một trong những dân tộc thuộc bộ tộc German.

Khi mọi thứ đã sẵn sàng cho bữa tiệc, vị thánh nhân bước ra khỏi nhà và đi khắp thành phố cùng vùng lân cận, tìm kiếm những người ăn xin, người bị hủi, người mù, người què, người già và người ốm yếu. Sau khi tập hợp được khoảng hai trăm người, ngài dẫn họ về nhà mình và, ban đầu để họ đứng trước cổng, ngài đi một mình đến gặp những người trong nhà và nói với họ:

– Hỡi các con của ta! Nhà vua đang đến cùng các quan đại thần. Mọi thứ đã sẵn sàng để tiếp đãi chưa?

– Mọi thứ đã sẵn sàng rồi, thưa cha kính mến, – họ đáp lại.

Vị Thánh ra hiệu bằng tay cho những người ăn xin, và ngay lập tức, trước sự ngạc nhiên tột độ của những người trong nhà, một đám đông lớn những người ăn xin và người nghèo khó ùa vào nhà; một số người trong số họ được Filaret mời ngồi vào bàn, còn những người khác, do thiếu chỗ, đành phải ngồi xuống sàn nhà, và chính chủ nhà cũng ngồi xuống giữa những người đó. Thấy cảnh đó, những người trong nhà Filaret mới hiểu rằng, khi gọi "vua", ngài thực ra đang ám chỉ chính Đức Kitô, Đấng hiện đang đến với họ trong hình hài những người ăn xin, còn các quan đại thần của Vua Trời chính là toàn thể anh em nghèo khó, những người có thể làm được nhiều điều trước mặt Thiên Chúa nhờ những lời cầu nguyện của mình. Và những người trong nhà đều ngạc nhiên trước sự khiêm nhường vĩ đại của cha mình, người dù đã đạt đến vinh quang như vậy và là ông nội của hoàng hậu, vẫn không quên lòng yêu thương đối với việc bố thí, và giờ đây đang ngồi giữa những người ăn xin và người nghèo, phục vụ họ như một nô lệ. Và họ nói:

– Quả thực, đây là một người của Chúa và là môn đệ chân chính của Đấng Christ, người đã thấm nhuần lời dạy của Đấng Christ, Đấng đã phán: *"Hãy học theo Ta, vì Ta hiền lành và khiêm nhường trong lòng"* (Mt 11:29).

Vị thánh cũng ra lệnh cho con trai mình là Gioan – người lúc đó đã là quan quản lý[8357] – cũng như các cháu của ngài, phải có mặt tại bàn ăn và phục vụ các anh em đang dùng bữa. Sau đó, sau khi gọi cả gia đình mình lại, vị thánh nói:

– Này, các con của ta, các con đã nhận được sự giàu có từ Thiên Chúa một cách hoàn toàn bất ngờ, như ta đã hứa với các con, nhờ tin tưởng vào lòng thương xót của Thiên Chúa. Lời hứa này đã được thực hiện. Hãy nói cho ta biết, liệu ta còn nợ gì nữa không?

Họ, khi nhớ lại những lời trước đây của ngài, đã khóc và cùng nhau nói:

– Quả thật, thưa ngài, ngài có thể nhìn thấu tương lai như một vị thánh của Chúa; còn chúng con thì thật điên rồ khi đã làm ngài, một vị trưởng lão đáng kính, phật lòng. Vì vậy, chúng con khẩn cầu ngài: xin đừng nhớ đến những tội lỗi do sự thiếu hiểu biết của chúng con!

Vị Thánh nhân bèn nói với họ:

– Chúa là Đấng nhân từ và hào phóng, đã ban thưởng cho chúng ta gấp trăm lần vì những điều nhỏ nhoi mà chúng ta đã bố thí cho người nghèo nhân danh Ngài; nếu các con muốn được hưởng sự sống đời đời, thì mỗi người hãy dành ra mười đồng vàng cho những người anh em nghèo khó này, và Chúa sẽ nhận lấy từ các con, như hai đồng tiền của bà góa.

Họ đã vội vàng thực hiện mong muốn của ngài bằng cả trái tim. Còn Thánh Filaret, sau khi đã tiếp đãi những người nghèo một cách chu đáo, đã tặng mỗi người một đồng vàng và cho họ ra về.

Một thời gian sau, Thánh Filaret lại gọi vợ và các con đến và nói:

– Chúa chúng ta đã phán: *"Hãy dùng số của cải này để sinh lời cho đến khi Ta trở lại"* (Lc 19,13). Và tôi muốn tuân theo lời dạy thiêng liêng này; tôi muốn bán một phần tài sản mà nhà vua đã ban tặng cho tôi; các con hãy mua lại phần đó từ tôi và đưa cho tôi vàng, vì tôi cần nó; còn nếu các con không đồng ý mua, thì tôi sẽ phân phát hết cho các anh em của tôi – những người ăn xin; còn đối với tôi, được gọi là ông nội của hoàng hậu là đủ rồi.

Họ xem xét tài sản của ông, định giá và mua lại với giá 60 lít[8358] vàng. Nhận được số vàng này, vị thánh nhân đã phân phát cho những người nghèo. Khi nhà vua và các quan đại thần biết được điều này, họ rất hài lòng trước lòng hào phóng của Filaret và từ đó trở đi, họ bắt đầu trao cho vị thánh nhân nhiều vàng để phân phát cho những người nghèo. Một lần nọ, Filaret chuẩn bị ba chiếc hòm, hoàn toàn giống nhau về kích thước và hình dáng, rồi đổ đầy một chiếc bằng tiền vàng, chiếc thứ hai bằng tiền bạc và chiếc thứ ba bằng tiền đồng. Ngài giao nhiệm vụ

[8357] *Spafarius* – người mang vũ khí, vệ sĩ hoàng gia.

[8358] *Litra* – một pound, đơn vị đo lường trọng lượng của Byzantine, tương đương với 72 zolotnik; giá trị của nó tính bằng bạc lên đến 42 rub, còn tính bằng vàng lên đến 606 rub. Đơn vị đo lường này cần được phân biệt với litra – đơn vị đo lường dành cho các chất rắn rời và chất lỏng.

trông coi những chiếc hộp này cho người đầy tớ trung thành của mình là Callistus. Mỗi khi có người nghèo nào đến xin giúp đỡ, Filaret đều ra lệnh cho Callistus đưa cho người xin. Khi người đầy tớ hỏi nên lấy từ chiếc hộp nào để giúp người xin, vị thánh đáp lại:

– Từ cái hòm nào mà Đức Chúa Trời truyền cho ngươi, vì Đức Chúa Trời biết nhu cầu của mỗi người, dù nghèo hay giàu, và Ngài ban cho mọi loài sống theo ý muốn của Ngài (Thi Thiên 144:16).

Vị thánh công chính đã nói điều này nhằm chỉ ra sự khác biệt giữa những người nghèo xin bố thí. Vì có những người xin bố thí trước đây từng giàu có, nhưng do những tai ương và biến cố khác nhau mà lâm vào cảnh khốn cùng, không chỉ mất hết tài sản mà còn cả miếng cơm manh áo; tuy nhiên, họ vẫn giữ lại một ít quần áo cũ, dùng nó để che giấu cảnh khốn khó của mình vì xấu hổ, và chỉ khi lâm vào tình thế cùng cực mới xin giúp đỡ. Cũng có những người xin bố thí khác, cố tình mặc quần áo rách rưới và, che giấu sự giàu có của mình, lợi dụng vẻ bề ngoài nghèo khó để lừa gạt sự giúp đỡ; những người này có thể được gọi là những kẻ tham lam và những kẻ thờ thần tượng. Với tất cả những điều này trong tâm trí, Đức Thánh Filaret nhân từ đã nói:

– Chúa biết rõ nhu cầu của mỗi người, và Ngài, theo ý muốn của Ngài, sẽ dẫn dắt bàn tay của người ban bố lòng thương xót.

Chính vị thánh nhân yêu thương người nghèo này, khi bố thí, cũng thò tay vào hòm từ thiện mà không xem xét, và bất cứ thứ gì ngài tình cờ lấy ra từ hòm – dù là đồng, bạc hay vàng – thì ngài đều trao cho người xin. Và vị trưởng lão đáng kính này đã kể lại, thề trước mặt Chúa, rằng bao nhiêu lần ông, khi thấy một người mặc trang phục tươm tất, đã thò tay vào hộp với ý định lấy một đồng tiền đồng, vì xét theo trang phục, ông không coi người đó là người nghèo, và mỗi lần như vậy, tay ông lại vô tình thò vào hộp đựng bạc hoặc vàng, rồi ông đưa số tiền đó cho người xin. Đôi khi, lại có một người hoàn toàn khác, mặc quần áo rách rưới, đến xin giúp đỡ Filaret, và ông đã giơ tay ra, muốn trao một khoản bố thí hào phóng hơn, nhưng tay ông dường như dừng lại, và ông chỉ lấy ra một số tiền rất ít. Tuy nhiên, điều này không xảy ra ngẫu nhiên, mà được dẫn dắt bởi sự an bài của Đức Chúa Trời, Đấng biết rõ những nhu cầu thực sự của chúng ta.

Cứ bốn năm một lần, Thánh Filaret lại đến cung điện hoàng gia để thăm cháu gái của ngài – nữ hoàng, nhưng ngài chưa bao giờ mặc áo choàng màu tím với thắt lưng vàng ở đó. Khi bị ép phải mặc những bộ trang phục xa hoa như vậy, ngài nói:

– Hãy để tôi yên, – tôi tạ ơn Thiên Chúa của tôi và ngợi khen danh thánh vĩ đại và kỳ diệu của Ngài vì đã nâng tôi từ cảnh nghèo khó và vô danh lên đến đỉnh cao này. Chẳng lẽ danh dự được gọi là ông nội của nữ hoàng còn chưa đủ sao? Và điều đó đối với tôi đã là quá đủ rồi.

Vị thánh nhân sống trong sự khiêm nhường đến mức không muốn nhận bất kỳ chức tước hay danh hiệu nào, chỉ tự xưng là Filaret Amniatsky. Sống trọn đời trong sự khiêm nhường và lòng bác ái, Filaret đã tiến gần đến cái chết thanh thản. Được Thiên Chúa báo trước, vị thánh Filaret, khi còn khỏe mạnh, đã bí mật, không cho ai biết, gọi người đầy tớ trung thành của mình và cùng anh ta đến một trong những tu viện ở Tsargrad, có tên là "Rodolfia", nơi các trinh nữ mặc áo đen đang tu hành để tìm sự cứu rỗi. Sau khi trao cho nữ tu viện trưởng một số lượng vàng đáng kể để trang trải các nhu cầu của tu viện, ngài đã yêu cầu mang đến cho mình một quan tài mới và nói:

– Ta muốn các ngươi biết, nhưng đừng tiết lộ điều này cho ai cả, rằng chỉ vài ngày nữa ta sẽ rời bỏ cuộc sống trần gian và chuyển sang một thế giới khác, đến với một Vị Vua khác. Và ta xin các ngươi hãy đặt thi thể ta vào chiếc quan tài mới này.

Ông cũng cấm người hầu của mình không được nói với ai về điều này cho đến khi chính ông tiết lộ. Ngay sau đó, sau khi phân phát toàn bộ tài sản của mình cho những người ăn xin và người nghèo, Filaret bị ốm tại tu viện đó và phải nằm liệt giường. Vào ngày thứ chín, ngài gọi vợ, các con và cả gia đình đến bên mình, rồi nói với họ bằng giọng điệu ân cần, nhẹ nhàng:

– Các con ơi, hãy biết rằng hôm nay Đức Vua Thánh đang gọi ta về với Ngài, và giờ đây ta sẽ rời xa các con để đi theo Ngài.

Họ thì không hiểu những lời này, mà nghĩ rằng Filaret đang nói về vị vua trần gian, nên đã phản đối ông:

– Hôm nay cha không thể đến gặp vua được, vì cha đang ốm nằm trên giường.

Filaret đáp lại:

– Những người muốn đưa ta đến gặp vua đã sẵn sàng rồi.

Lúc đó, họ mới hiểu rằng Filaret đang nói với họ về việc Ngài sắp ra đi về với Vua Trời, và họ khóc lóc thảm thiết, giống như trong thời xưa, Giô-sép và các anh em của ông đã khóc thương cha mình là Gia-cốp (Sáng Thế Ký 50:1, 10). Còn ngài, sau khi ra hiệu bằng tay để họ im lặng, bắt đầu dạy dỗ và an ủi họ, nói rằng:

– Hỡi các con của ta, các con đã biết và chứng kiến cuộc đời ta đã sống từ thuở thiếu thời; cũng như Đức Chúa Trời biết rằng ta không sống nhờ công sức của người khác, mà tự mình lao động để kiếm miếng ăn; còn về của cải mà Đức Chúa Trời ban cho ta, ta không tự cao tự đại, nhưng tránh xa sự kiêu ngạo, yêu mến sự khiêm nhường, để vâng lời Sứ đồ, Đấng đã cấm: *"Hãy khuyên những người giàu có trong thế gian này đừng tự cao tự đại"* (1 Ti-mô-thê 6:17) – đừng tự cao tự đại, đừng tự kiêu. Cũng vậy, khi tôi rơi vào cảnh nghèo khó, tôi không than vãn hay phỉ báng Đức Chúa Trời, nhưng giống như Gióp công chính, tôi đã tạ ơn Ngài vì Ngài đã trừng phạt tôi bởi tình yêu thương của Ngài, và khi thấy sự kiên nhẫn biết ơn của tôi, Ngài lại đưa tôi ra khỏi cảnh nghèo khó và nâng tôi lên vào mối quan hệ danh dự và thân thiết với các vua chúa và hoàng tử. Khi tôi được nâng lên đến đỉnh cao như vậy, lòng tôi vẫn luôn ở trong sự khiêm nhường sâu sắc: *"Lạy Chúa! Trái tim con không kiêu ngạo, đôi mắt con không ngước cao, và con không dấn thân vào những điều vĩ đại mà đối với con là điều không thể với tới"* (Thánh Vịnh 130:1)[8359] . Còn những của cải mà vị vua trần gian đã ban tặng cho con, con không dùng vào những điều phàm tục, mà đã dâng lên Vua Trời qua đôi tay của những người nghèo khó. Vì vậy, tôi xin các bạn, những người thân yêu của tôi, hãy noi gương mẫu mực này; nếu các bạn làm điều thiện nhiều hơn nữa, thì các bạn sẽ được hưởng phúc lành còn lớn lao hơn nữa. Đừng coi trọng của cải phù du, nhưng hãy gửi nó đến nơi mà tôi đang ra đi. Đừng để lại tài sản của các bạn ở đây, để những người lạ hay kẻ thù ghét các bạn không lợi dụng nó. Đừng quên lòng hiếu khách (Hê-bơ-rơ 13:2). Hãy bênh vực các góa phụ, giúp đỡ các trẻ mồ côi, thăm viếng những người đau ốm và những người bị giam cầm trong ngục tù. Đừng xa lánh sự hiệp thông với Hội Thánh, đừng cướp đoạt của người khác, đừng làm tổn thương ai, đừng nói xấu, đừng vui mừng trước những nỗi đau khổ và tai họa, ngay cả của kẻ thù. Hãy chôn cất những người đã qua đời và cử hành lễ tưởng niệm họ trong các thánh đường; cũng xin hãy nhớ đến tôi, kẻ không xứng đáng này, trong những lời cầu nguyện của các con, cho đến khi chính các con cũng được bước vào cuộc sống vĩnh cửu đầy phúc lành.

Sau khi kết thúc bài giảng đầy ý nghĩa này, Thánh Filaret nói với con trai mình là Gioan:

– Hãy đưa các con trai của con – tức là các cháu nội của ta – đến gặp ta.

Khi các cháu đến, ngài đã nói với các cháu về những điều sẽ xảy ra trong cuộc đời các cháu. Với cháu trai lớn nhất, ngài nói:

– Con sẽ chọn cho mình một người bạn đời từ một vùng đất xa xôi và sẽ sống với cô ấy một cách đạo đức và khôn ngoan.

Với cháu trai thứ hai, ngài nói:

– Trong vòng 24 năm, với tư cách là một tu sĩ, con sẽ mang lấy ách của Chúa Kitô một cách tốt đẹp và, sau khi sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa, con sẽ về với Chúa.

Ngài cũng đã tiên đoán tương lai cho cháu trai thứ ba của mình. Và tất cả những lời tiên tri của vị thánh nhân ấy sau này đều ứng nghiệm trên các hậu duệ của ông. Giống như tổ phụ Gia-cốp trong thời cổ đại, vị thánh nhân này, cũng như một vị tiên tri, đã nhìn thấu toàn bộ tương lai và tiên đoán rõ ràng số phận của các cháu trai mình. Hai cháu gái của ông, những thiếu nữ, cùng với những người khác, đã đến gặp Philaret và nói với ông:

– Xin cha ban phước lành cho chúng con nữa, thưa cha!

– Nguyện Chúa ban phước lành cho các con, – Filaret nói với họ. – Các con sẽ sống cuộc đời trinh khiết, tách biệt khỏi thế gian đầy tội lỗi này và không bị ô uế bởi những dục vọng xác thịt của nó; và dù chỉ phục vụ Chúa trong thời gian ngắn nhưng theo ý Chúa, các con sẽ xứng đáng nhận được những ân huệ vĩ đại từ Ngài!

Và tất cả những lời trăng trối của vị thánh nhân này đều trở thành sự thật; vì cả hai thiếu nữ đạo đức này đều gia nhập tu viện nữ Đức Mẹ Rất Thánh ở Constantinople, và sau 12 năm tu hành trong sự trinh khiết, ăn chay, thức đêm cầu nguyện và các công việc tu hành khác, cả hai cùng lúc an nghỉ trong Chúa.

[8359] Trong câu Thánh vịnh này, Đa-vít làm chứng trước mặt Đức Chúa Trời rằng ông không có lòng kiêu ngạo, cũng không có ánh mắt ngạo mạn, nhưng vì lòng ông khiêm nhường nên ánh mắt ông cũng thể hiện sự khiêm nhường. – "Đi giữa những điều vĩ đại và kỳ diệu" cũng có nghĩa là tự hào về những việc làm vĩ đại và vinh quang. Người hát Thánh vịnh khiêm nhường thừa nhận rằng, dù đứng trên bậc cao quý, ông vẫn dựa vào sự khiêm nhường hơn là kiêu ngạo; và vì thế, ông không tự cao tự đại bằng lời nói hay hành động.

Sau khi cầu nguyện cho người vợ, cho các con, cho tất cả người thân của mình, và cho cả thế giới, vị thánh phúc lành Philaret rạng ngời khuôn mặt như mặt trời, và bắt đầu hân hoan hát thánh vịnh của Đa-vít: "[8360] " (Thánh vịnh 100:1).

Khi ngài kết thúc bài thánh vịnh, cả căn phòng tràn ngập một hương thơm kỳ diệu (như thể từ những loại hương thơm được rải ra). Sau bài thánh vịnh đó, vị thánh bắt đầu đọc lời cầu nguyện: *"Lạy Cha chúng con, Đấng ngự trên trời"*, – khi ngài thốt lên: "*xin ý Cha được thực hiện!*", ngài giơ hai tay lên trời và duỗi người trên giường, rồi trao linh hồn mình cho Chúa; lúc đó ngài đã 90 tuổi. Tuy nhiên, dù đã ở tuổi cao như vậy, khuôn mặt ngài vẫn không thay đổi, mà tỏa sáng một vẻ đẹp khó tả, như quả táo chín mọng.

Nghe tin về sự ra đi của vị thánh, nhà vua cùng hoàng hậu và các quan đại thần vội vã đến tu viện, họ hôn lên khuôn mặt thánh thiện và đôi tay của Filaret. Mọi người đều khóc thương trước sự ra đi của ngài và ban phát những khoản bố thí hào phóng cho người nghèo để tưởng nhớ ngài[8361] .

Khi quan tài của Thánh Filaret được rước đến nơi an táng, một cảnh tượng ấn tượng và cảm động hiện ra trước mắt mọi người: từ các thành phố và làng mạc khác nhau, vô số người ăn xin và người nghèo khó đã tụ tập đến dự lễ an táng của ngài; tất cả họ, vừa khóc lóc vừa than van, như đàn kiến, chen chúc xung quanh quan tài của ngài; có người khập khiễng, có người bò lê và kêu lên:

– Lạy Chúa Trời! Tại sao Ngài lại cướp đi người cha và người nuôi dưỡng chúng con như vậy? Ai sẽ nuôi nấng và cho chúng con, những kẻ trần truồng và đói khát, ăn mặc nếu không có ngài? Ai sẽ cưu mang những người lữ hành trong nhà mình? Ai sẽ thu nhặt những người đã chết, bị bỏ lại trên đường phố, và an táng họ một cách trang trọng? Thà tất cả chúng con chết trước ngài còn hơn là mất đi ân nhân của chúng con!

Thấy những giọt nước mắt và nghe tiếng khóc than của những người nghèo khổ này, chính nhà vua và hoàng hậu, cùng các quan đại thần đi theo sau quan tài, cũng cảm động và khóc theo.

Trong lúc đang rước thi hài của vị thánh đến ngôi mộ đã được chuẩn bị sẵn, bỗng nhiên giữa đám đông xuất hiện một người nghèo khổ tên là Kavokokos, người thường xuyên nhận sự bố thí từ Thánh Filaret. Từ khi mới chào đời, người này đã bị một linh hồn ô uế ám ảnh, linh hồn đó nhiều lần đẩy anh ta vào lửa rồi lại vào nước – mỗi khi anh ta bị quỷ ám vào đêm trăng non. Khi nghe tin Thánh Filaret qua đời và thi hài thánh của ngài đang được rước đến nơi an táng, người nghèo khổ này lập tức vội vã chạy theo quan tài. Và khi anh ta chạy đến gần quan tài, linh hồn xấu xa đang ám trong anh ta không chịu nổi sự nhiệt thành của anh ta đối với vị thánh, nên bắt đầu hành hạ anh ta và xúi giục anh ta phỉ báng vị thánh; người bệnh sủa như chó, và bám chặt vào cỗ quan tài nơi thi hài của người quá cố nằm đến nỗi không ai có thể kéo anh ta ra khỏi đó. Khi chiếc giường được mang đến ngôi mộ đã được chuẩn bị sẵn, thì tà linh, sau khi quật người bệnh xuống đất, đã rời khỏi anh ta, và anh ta đứng dậy khỏe mạnh, ca ngợi và tôn vinh Đức Chúa Trời. Toàn thể dân chúng đều kinh ngạc trước phép lạ này và ca ngợi Đức Chúa Trời, Đấng đã ban ân sủng như vậy cho tôi tớ của Ngài là Filaret. Sau đó, thi hài thánh thiện của ông được an táng trong quan tài đã chuẩn bị sẵn tại tu viện nữ, chính tại nơi mà ông đã tự chọn cho mình khi còn sống.

Như vậy, Đức Chúa Trời ban phước cho người nhân từ cả trong đời này (như chúng ta vừa thấy qua đoạn văn vừa đọc), lẫn trong đời sau (điều mà chúng ta sẽ biết qua phần tiếp theo).

Một trong những người bạn thân thiết của Filaret, một người thông minh, đạo đức và kính sợ Đức Chúa Trời, đã lấy Đức Chúa Trời làm chứng và tuyên thệ như sau:

– "Một lần nọ, một thời gian sau khi Thánh Filaret qua đời," ông kể, "vào ban đêm, tôi bỗng cảm thấy mình bị đưa đến một nơi nào đó không thể diễn tả nổi; tại đó, tôi thấy một người nào đó, dáng vẻ rạng rỡ, người ấy chỉ cho tôi thấy một dòng sông lửa, chảy ầm ầm và dữ dội đến mức không một ai trong loài người có thể chịu đựng được cảnh tượng ấy. Còn ở phía bên kia dòng sông, một thiên đường tuyệt đẹp hiện ra, tràn ngập niềm vui và sự hân hoan không thể diễn tả, tỏa ra hương thơm không thể tả xiết; những cây to lớn, xinh đẹp và trĩu quả đang đung đưa trong làn gió nhẹ và tạo ra tiếng xào xạc kỳ diệu. Thậm chí không thể diễn tả bằng lời về tất cả những ân huệ của thiên đàng ấy, *"mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn cho những ai yêu mến Ngài"* (1 Cô-rinh-tô 2:9).

Và ở đó, tôi thấy vô số người mặc áo trắng, đang vui mừng và thưởng thức trái cây từ những cây trong vườn địa đàng ấy. Nhìn kỹ những người đó, tôi thấy một người đàn ông (đó là Filaret, nhưng tôi không nhận ra ông), mặc áo sáng màu, đang ngồi trên ngai vàng giữa khu vườn ấy; một bên cạnh ngài là những đứa trẻ mới được khai sáng,

---

[8360] "Con sẽ ca ngợi lòng nhân từ và sự công bình của Ngài, lạy Chúa"

[8361] Thánh Philaret còn sống thêm bốn năm sau đám cưới của cháu gái, diễn ra vào năm 788, – do đó ngài qua đời vào năm 792.

tay cầm nến; bên kia là vô số người ăn xin và người nghèo khổ mặc áo trắng, chen chúc xung quanh ngài, vì ai nấy đều muốn đến gần ngài hơn. Và bỗng nhiên, một chàng trai trẻ với khuôn mặt sáng sủa nhưng vẻ ngoài đáng sợ xuất hiện ở đó, tay cầm một cây gậy vàng. Lúc đó, dù trong lòng đầy sợ hãi và run rẩy, tôi vẫn dám hỏi ngài:

– Lạy Chúa! Người đang ngự trên ngai vàng rực rỡ giữa những vị thánh sáng chói kia là ai? Chẳng phải đó là Áp-ra-ham sao?

Và chàng trai trẻ rạng rỡ ấy đáp lại tôi:

– Đó là Filaret Amniatsky, người nhờ tình yêu thương vô bờ bến dành cho những người nghèo khó và việc bố thí, cũng như nhờ cuộc đời trung thực và trong sạch của mình, giống như Áp-ra-ham, nên được an nghỉ tại đây.

Sau đó, vị Áp-ra-ham mới này, thánh nhân và người công chính Phi-la-rét, nhìn tôi bằng ánh mắt rạng ngời, bắt đầu gọi tôi lại gần và nhẹ nhàng nói:

– Con ơi, hãy đến đây để được hưởng những ân huệ ấy.

Còn tôi thì đáp:

– Con không thể, thưa Cha thánh thiện, đi đến đó được: dòng sông lửa này khiến con sợ hãi và cản trở con: lối đi qua nó hẹp, cây cầu khó đi qua, và rất nhiều người đang bị lửa thiêu đốt trong đó; con sợ rằng mình cũng sẽ rơi vào đó – và lúc đó ai sẽ cứu con ra khỏi đó?

Vị thánh bèn nói:

– Đừng sợ và hãy dũng cảm băng qua, vì tất cả những ai hiện đang ở đây đều đã đến đây bằng con đường này, và không có con đường nào khác ngoài con đường này. Con cũng vậy, hỡi con yêu dấu, hãy băng qua đến với chúng ta mà không sợ hãi gì cả, và cha sẽ giúp con.

Và ngài giơ tay ra với tôi, vẫy gọi tôi. Còn tôi, cảm thấy can đảm, bắt đầu băng qua dòng sông một cách an toàn, và khi đến gần bàn tay của vị thánh và chạm vào nó, thì cảnh tượng kỳ diệu ấy lập tức biến mất; tôi tỉnh dậy và, khóc nức nở, tự nhủ: làm sao tôi có thể băng qua dòng sông đáng sợ ấy và làm sao tôi có thể đến được xứ sở thiên đàng?

Câu chuyện này đã được một người thân của Thánh Filaret xác nhận bằng lời thề, để chúng ta biết rằng những ai bố thí cho người nghèo nhân danh Ngài sẽ được Thiên Chúa ban ân sủng như thế nào.

Còn Thánh nữ Feozva, vợ của Thánh Philaret, sau khi an táng thi hài đáng kính của chồng, đã trở về từ Constantinople đến quê hương của mình, xứ Paphlagonia, và tại đó, bà đã dùng của cải mình nhận được từ hoàng đế và hoàng hậu để xây dựng và trùng tu các nhà thờ của Chúa, vốn đã bị người Ba Tư đốt cháy từ trước đó. Bà cũng trang bị cho các nhà thờ đó những đồ thánh và áo lễ. Bà còn thành lập tại đó các tu viện, nhà trọ và nơi trú ẩn cho người nghèo và người bệnh, rồi sau đó lại lên đường trở về Constantinopolis để gặp cháu gái mình, Nữ hoàng Maria. Tại đây, sau khi dành phần đời còn lại để phụng sự Chúa, bà đã an nghỉ trong Chúa một cách bình an và được an táng bên mộ người chồng công chính của mình.

Nhờ những lời cầu nguyện của họ, xin cho chúng ta cũng được nhận sự thương xót từ Đấng Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Đấng duy nhất hào phóng và nhân từ, vào ngày phán xét. Ngài cùng với Cha Ngài, Đấng Vô Thỉ, và Thánh Thần, xứng đáng được vinh quang và tôn kính đến muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Học theo đức tin của Áp-ra-ham, noi gương sự kiên nhẫn của Gióp, thưa Cha Phi-la-rê-tê, ngài đã chia sẻ của cải trên đất cho những người nghèo khó, và đã can đảm chịu đựng sự thiếu thốn. Vì lý do đó, Đấng Christ, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng ban thưởng cho những người có công đức, đã trao cho ngài vương miện sáng chói; xin ngài cầu nguyện để linh hồn chúng ta được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Thật vậy, sự hy sinh của ngài được xem là hoàn hảo, và được mọi người khôn ngoan đánh giá là khôn ngoan: vì ngài đã từ bỏ những điều trần thế và tạm bợ, để tìm kiếm những điều trên trời và vĩnh cửu. Vì thế, ngài đã xứng đáng nhận được vinh quang vĩnh cửu, hỡi Đức Cha Filaret nhân từ.

Ngày 15 tháng 12

Ngày 2 tháng 12 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Tiên tri Habacúc

Ngày tưởng niệm 2 tháng 12

Thánh tiên tri Habacuc là con trai của Asafat và thuộc chi phái Simeon, như thánh Epiphanius của Síp đã kể về ngài trong cuốn sách "Về cuộc đời các tiên tri". Theo truyền thuyết được các thánh tổ ghi chép lại[8362] , quê hương của Habacuc là một ngôi làng nhỏ tên là Beth-Zohar, còn được gọi là Viezahir.

Chính cái tên "Avvakum"[8363] , được đặt cho ông ngay từ khi sinh ra, đã báo trước rằng ông sẽ trở thành một vị tu sĩ có tinh thần mạnh mẽ. Khi đến tuổi trưởng thành, vì vinh quang danh Chúa, ông đã nhiệt thành lên tiếng vạch trần những điều bất chính của dân tộc mình. Bản thân ông, với lòng nhiệt thành hướng về Chúa, đã nghiêm túc tuân giữ các điều răn của Chúa, kiên định trên con đường đức hạnh, và được Chúa ban cho ân sủng tiên tri.

Avvakum đã tiên tri và sống sau triều đại của vua Ê-xê-ki-a, vị vua Do Thái kính sợ Đức Chúa Trời, vào thời kỳ các vị vua bất chính trị vì: Ma-na-si-a, con trai Ê-xê-ki-a, và sau đó là A-môn, con trai Ma-na-si-a[8364] . Theo lời chứng của Kinh Thánh (2 Sử Ký 33:9; 4 Vua 21:2–10), dưới triều đại Ma-na-se, dân Do Thái phải chịu những xung đột và tội ác liên miên: kẻ mạnh áp bức kẻ yếu, và không có nơi nào để tìm kiếm sự phán xét công bằng. Chính vua Ma-na-si-a là kẻ đầu tiên bắt bớ những người vô tội: ông đã làm đổ rất nhiều máu vô tội, đến nỗi làm tràn ngập Giê-ru-sa-lem từ đầu này đến đầu kia (4 Vua 21:16). Theo truyền thuyết, trong số những người vô tội bị khổ nạn vào thời điểm đó có cả vị tiên tri thánh Isaia, cũng như nhiều người khác đã lên tiếng vạch trần những điều bất công và sự vô đạo đức của vua và dân chúng.

Sau đó, vua Ma-na-si-a, bị Đức Chúa Trời trừng phạt và bị người A-si-ri bắt làm tù binh, đã ăn năn và quay về với Đức Chúa Trời Chân Thật. Nhưng cái ác mà ông gieo rắc đã bén rễ sâu trong dân Do Thái; còn người kế vị Ma-na-se là A-môn, một người vô đạo, cũng giống như cha mình, đắm chìm trong sự thờ lạy thần tượng một cách thô bạo.

Tiên tri Habacúc vô cùng đau buồn trước sự suy đồi của những người cùng thời với ông. Không tìm thấy sự công chính ở đâu, ông trút nỗi đau buồn của mình, kêu cầu Chúa:

– Đến bao giờ nữa, lạy Chúa, con kêu cầu mà Ngài không nghe, con kêu la về sự bạo hành mà Ngài không cứu giúp? Tại sao Ngài lại cho con thấy sự gian ác và chứng kiến tai họa? Cướp bóc và bạo lực hiện ra trước mắt con, thù hận bùng lên, và sự chia rẽ gia tăng. Vì thế, luật pháp đã mất hiệu lực, và không còn sự phán xét công bằng: vì kẻ gian ác áp đảo người công chính, nên sự phán xét trở nên sai trái (Hab. 1:2–4).

Đó là lời kêu cầu của vị tiên tri lên Đức Chúa Trời, khi chứng kiến những sự vi phạm luật pháp của loài người và trông đợi sự phán xét công bình từ chính Đức Chúa Trời. Đáp lại điều này, Đức Chúa Trời đã báo cho người được Ngài chọn biết rằng sự trừng phạt cho sự gian ác phổ biến sẽ sớm đến. Theo lệnh của Đức Chúa Trời, tiên tri Habakkuk đã tiên tri cho dân Do Thái về một sự kiện kinh hoàng mà vào thời của ông thậm chí còn khó tin, đó là: sự hủy diệt của Đền Thờ và chính thành Giê-ru-sa-lem, cùng với cuộc lưu đày tại Ba-by-lôn[8365] .

Vị tiên tri đã chỉ rõ rằng Chúa đã chọn dân Chaldeans làm công cụ cho sự trừng phạt này[8366] – một dân tộc hung bạo và không kiềm chế, nhanh chóng lan tràn khắp mặt đất để chiếm đoạt các làng mạc của người khác.

[8362] Thánh Epiphanius của Síp và Thánh Isidore của Hispalia.

[8363] Avvakum – trong tiếng Do Thái có nghĩa là "người ôm lấy", "người bao bọc", và sau này là "võ sĩ mạnh mẽ", "người tu hành".

[8364] Hoạt động tiên tri của Avvakum bắt đầu vào những năm trị vì của vua Manasseh, khi vị vua bất chính này, sau khi bị Asargaddon bắt làm tù binh, đã khiêm nhường và ăn năn trong thời gian bị giam cầm. Các lời tiên tri của Avvakum thuộc về khoảng thời gian từ năm 660 và bao trùm những năm trị vì của người kế vị Amon, vị vua đạo đức Giô-si-a, cho đến năm 611.

[8365] Sách Tiên tri Habacúc (Hab. 1:6–12). Về sự trừng phạt này, do sự gian ác của dân chúng trong thời trị vì của Ma-na-se và con trai ông, cũng được đề cập trong 2 Vua 21:12–14.

[8366] Người Chaldee – trong tiếng Do Thái *là Hasidim* – có nguồn gốc từ Hessed, con trai của Nahor, anh em của Áp-ra-ham (Sáng Thế Ký 22:22). Xuất phát từ gốc Semit, người Chaldee ban đầu sinh sống ở vùng núi phía bắc Mesopotamia, gần Armenia, phía nam hồ Van. Từ vùng đất cổ xưa này, người Chaldee đã di cư dọc theo dòng sông Euphrates, về phía nam và phía đông khắp Mesopotamia và

Trong sự chờ đợi đầy lo âu trước cuộc xâm lược đáng sợ, nhà tiên tri Habacuc băn khoăn: liệu Đức Chúa Trời công chính có để cho dân Chaldeans kiêu ngạo và vô đạo tiêu diệt hoàn toàn dân được chọn của Ngài hay không. Với hy vọng rằng sự trừng phạt này chỉ là tạm thời, ông mong chờ một sự mặc khải mới từ Đức Chúa Trời và trong sự chờ đợi đầy cầu nguyện của mình, ông giống như một người canh gác, chăm chú nhìn xa xăm từ tháp thành[8367] , để báo tin về sự xuất hiện của kẻ thù. Ông tha thiết cầu xin Chúa cứu dân Do Thái khỏi ách nô lệ ở Babylon, như xưa kia Ngài đã cứu họ khỏi ách nô lệ ở Ai Cập, và ông chờ đợi lời phán của Chúa.

Khi đó, Đức Chúa Trời đã mặc khải cho vị tiên tri của Ngài rằng: sự cứu rỗi của dân được chọn giữa những tai họa này nằm ở đức tin, còn những người Chaldeans kiêu ngạo và ngang tàng sẽ phải gánh chịu chính số phận mà họ đã chuẩn bị cho các dân tộc bị chinh phục (Hab. 2:4). Sau đó, để không khiến đồng bào rơi vào tuyệt vọng trước thử thách sắp tới từ Đức Chúa Trời, tiên tri Habacúc đã kể một câu chuyện ngụ ngôn về sự diệt vong của người Chaldeans, báo trước nỗi đau gấp năm lần cho những kẻ áp bức (Hab. 2:9–19). Trong câu chuyện ngụ ngôn này, ông đã chỉ ra sự hư vô của các thần tượng và sức mạnh của người Chaldeans trước sự vĩ đại của Đức Chúa Trời Chân Thật, Đấng đang tiến bước để cứu rỗi dân Ngài. Nhà tiên tri, nhờ sự soi sáng từ trên cao, đã tiên báo rằng Đức Chúa Trời sẽ đến để cứu rỗi dân Ngài từ ngọn núi được che phủ bởi những khu rừng rậm (Pharan), để cứu Đấng được xức dầu của Ngài, và sẽ đến một thời điểm mà cả trái đất sẽ tràn ngập sự nhận biết vinh quang của Chúa, như nước tràn ngập biển cả (Hab. 3:13)[8368] .

Khi Nebuchadnezzar tiến đến Giê-ru-sa-lem, theo lời truyền lại, tiên tri Ha-ba-cúc đã rời khỏi thành phố. Biết rằng tai họa đã không thể tránh khỏi và việc chống cự lại một kẻ chinh phục hùng mạnh như vậy là vô ích, vị tiên tri đã buồn bã rời bỏ quê hương mình để không phải chứng kiến sự tàn phá của nó và tránh khỏi sự tàn bạo của kẻ chiến thắng. Theo sự chỉ dẫn của Đức Chúa Trời, Habacuc đã định cư tại xứ Ả Rập, trong thành phố Ostrakin[8369] , và sống ở đó như một người lưu vong tự nguyện cho đến khi quân thù rút khỏi quê hương ông.

Sau khi người Chaldeans bị đánh đuổi, ông trở về quê hương, than khóc cho thảm họa của đất nước và cùng với những người còn sống sót trong dân tộc bắt đầu làm nông nghiệp. Trong lời cầu nguyện dâng lên Đức Chúa Trời cho dân tộc mình, ông mong chờ sự trở về của những người bị bắt làm tù binh từ Babylon.

Một lần nọ, vào mùa gặt, vị tiên tri nấu một nồi canh, rồi cầm theo bánh mì ra đồng để mang bữa trưa này cho những người gặt lúa. Nhưng trên đường đi, Thiên Thần của Chúa hiện ra trước mặt ông và nói:

Babylonia, và nhanh chóng trở thành dân tộc thống trị. Trong thời kỳ Assyria thống trị, họ đã cùng với người Assyria thực hiện nhiều cuộc chinh phục; và sau khi Babylonia tách khỏi Assyria, dưới triều đại Nabopolassar, đặc biệt là dưới triều đại Nebuchadnezzar, họ đã đánh bại nhiều dân tộc và vương quốc. Trong mọi cuộc chinh phục, người Chaldeans đều nổi tiếng với sự tàn bạo và hiếu chiến tột độ.

[8367] (Hab. 2:1). Cách diễn đạt này xuất phát từ tập tục dựng các tháp canh trên núi và những nơi cao để các lính canh có thể kịp thời phát hiện nguy hiểm đe dọa các làng mạc, báo hiệu sự xuất hiện của kẻ thù, cũng như thông báo về chiến thắng và thất bại. Các vị tiên tri thánh là những người canh gác, được Thiên Chúa đặt như thể trên một độ cao nào đó để quan sát và loan báo ý muốn của Ngài. Trong nhiệm vụ canh gác *thiêng liêng* này, vị tiên tri thánh Habacúc, sau khi từ bỏ mọi điều trần thế, đã tỉnh thức trong tinh thần và cầu nguyện nồng nhiệt với Đức Chúa Trời để Ngài mặc khải ý muốn của Ngài về dân Ngài. Trong trạng thái ấy, ngài kính cẩn chờ đợi lúc tia sáng của Đức Chúa Trời thấm nhập vào tâm trí ngài, chiếu sáng đôi mắt tâm hồn ngài, và Đức Chúa Trời sẽ phán bảo ngài điều gì.

[8368] Ở đây không chỉ tiên tri về sự giải thoát của dân Do Thái khỏi cảnh lưu đày tại Babylon, mà còn về sự cứu rỗi của toàn thể nhân loại. Như vậy, lời tiên tri này mang tính chất Mê-si-a. Chỉ về vùng đất phía nam so với Palestine, nơi có núi Pharan được bao phủ bởi khu rừng râm mát, Habacuc đã tiết lộ cho dân Do Thái rằng họ sẽ được giải thoát khỏi ách nô lệ Babylon nhờ một dân tộc đến từ phía nam. Thật vậy, Cyrus, vua Ba Tư, đã dẫn dắt người Mê-đi và người Ba Tư từ phía nam, so với Palestine, và sau khi chinh phục người Ba-by-lôn, đã giải phóng dân Do Thái. Nhưng tầm nhìn của vị tiên tri còn tiên đoán sự giải thoát khỏi một ách nô lệ khác – ách nô lệ tội lỗi của toàn thể nhân loại trong sự đổi mới của họ. Theo lời giải thích của Thánh Théodoret, Avvakum bằng những lời này "tiên báo sự nhập thể của Thiên Chúa và Đấng Cứu Thế của chúng ta, đã diễn ra tại Bêlem, nơi nằm về phía nam Giêrusalem". Giáo Hội Thánh, dưới ngọn núi được che chở, ám chỉ Mẹ Thiên Chúa, như một ngọn núi của các nhân đức, được Thánh Thần che chở. "Ngài đã nhìn thấy ngọn núi được che chở bởi ân sủng của Thiên Chúa bằng đôi mắt sáng suốt của Avvakum," – Giáo Hội ca ngợi trong bài ca – "và đã loan báo rằng Đấng Cứu Thế sẽ xuất hiện từ nơi Ngài, vì sự cứu rỗi và sự đổi mới của chúng ta." "Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng sẽ đến, sẽ đến và không chậm trễ, từ ngọn núi được che chở bởi những tán cây rậm rạp, từ Trinh Nữ sinh ra Đấng Vô Tội, vị tiên tri xưa đã nói" (Bài ca thứ 4 trong Thánh ca tuần lễ Vay). "Đức Kitô, Ngài đã ra đời từ Đức Trinh Nữ, từ ngọn núi đáng ca ngợi, được che chở bởi những tán cây rậm rạp" (Bài ca thứ 4 trong Lễ Giáng Sinh). Nói chung, nền tảng của bài ca thứ 4 trong tất cả các kinh ca của Giáo Hội là lời tiên tri của Abakum về sự đến của Chúa để cứu rỗi dân Ngài, "để cứu những người được xức dầu của Ngài". Do ý nghĩa Mê-si-a rõ ràng như vậy của lời tiên tri của Abacum, Giáo hội Kitô giáo đã đặt cho ngài danh hiệu "Người nói lời của Đức Chúa Trời". (Kinh ca ngợi khen, bài ca thứ 4, irmos). – Bài thánh ca cầu nguyện của Abakum nêu trên là nền tảng cho bài ca thứ 4 trong các kinh ca của Giáo hội, miêu tả quyền năng vô biên của Đức Chúa Trời và niềm hy vọng vững chắc nơi Ngài.

[8369] Ostrakina – một thành phố nằm ở biên giới giữa Ả Rập, Palestine và Ai Cập.

– Hãy mang bữa ăn này đến Babylon cho Đa-ni-ên, người đang ở trong hố sư tử.

Thời điểm đó, quả thực, nhà tiên tri Đa-ni-ên, người đang sống tại triều đình vua Ba-by-lôn, vì sự thù hận của những người Ba-by-lôn vô đạo, đã bị ném xuống hố sư tử.

Nhưng Habacuc, vì không biết thành Babylon, đã thưa lại với Thiên Thần rằng:

– Lạy Chúa! Con chưa bao giờ thấy thành Ba-by-lôn và cũng không biết hố sư tử là gì.

Lúc đó, Thiên Thần của Chúa bằng sức mạnh của Thánh Linh đã nâng Abacum lên, nắm lấy tóc ông và đưa ông đến Babylon, rồi đặt ông ngay trên hố sư tử, nơi Đa-ni-ên đã bị ném xuống.

Và Avvakum kêu lên:

– Đa-ni-ên! Đa-ni-ên! Hãy nhận bữa ăn mà Đức Chúa Trời đã sai đến cho ngươi.

Còn Đa-ni-ên thì tạ ơn Đức Chúa Trời và nói:

– Lạy Chúa, Ngài đã nhớ đến con và không bỏ rơi những ai yêu mến Ngài.

Đa-ni-ên đứng dậy và nếm thử thức ăn. Còn thiên thần của Chúa thì ngay lập tức đưa Áp-ba-cum trở lại vị trí cũ của ông.

Sau cuộc viếng thăm kỳ diệu dành cho Đa-ni-ên, tiên tri Avvakum trở về với những người gặt lúa của mình vào giờ ăn trưa của họ, và không nói với ai về những gì đã xảy ra. Ông hiểu rằng dân Do Thái sẽ được Chúa đưa trở về từ Ba-by-lôn về Giê-ru-sa-lem, giống như cách mà việc chuyển đến Ba-by-lôn và trở về từ đó của ông đã diễn ra một cách kỳ diệu. Nhưng thử thách dành cho dân Chúa kéo dài 70 năm, và Habacuc không sống đủ lâu để chứng kiến sự trở về của người Do Thái từ cảnh lưu đày; ông qua đời khi đã cao tuổi và được an táng với vinh dự trên chính cánh đồng của mình[8370] .

Bài ca Kondak, giọng 8:

Ngài, Abakum, người nói lời Chúa, đã loan báo cho cả vũ trụ từ phương Nam về sự giáng sinh của Đức Chúa Trời từ Đức Trinh Nữ, và nhờ sự hiện diện trước hàng ngũ các thiên thần thánh thiêng, Ngài đã nghe lời từ vị Thiên thần rực rỡ ánh sáng, và loan báo sự Phục sinh của Đức Kitô cho thế gian. Vì lý do này, chúng con hân hoan kêu lên với Ngài: Hãy vui mừng, ánh sáng và lòng nhân từ của các tiên tri.

Ngày tưởng niệm Thánh nữ tử đạo Miropia

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 12

Thánh trinh nữ Miropia xuất thân từ thành phố Ê-phê-sô[8371] . Cha mẹ ngài là những người Kitô hữu. Khi cha ngài đã qua đời, ngài đã lãnh nhận phép rửa thánh. Được mẹ nuôi dạy trong sự kính sợ Thiên Chúa, cô luôn siêng năng đến viếng mộ thánh nữ tử đạo Hermionia, một trong những con gái của thánh Tông đồ Philip. Cô lấy dầu thánh chữa lành chảy ra từ di cốt của thánh Hermionia và, khi mang nó đến cho những người bệnh, cô đã chữa lành cho họ.

Lúc bấy giờ, vua Decius đang trị vì[8372] . Khi ông phát động cuộc bách hại các Kitô hữu, mẹ của Miropia đã cùng con gái chuyển đến đảo Chios[8373] , nơi bà có một điền trang gia tộc. Tại đây, bà sống cùng con gái, tự giam

---

[8370] Thánh Avvakum qua đời khoảng 600 năm trước Công nguyên. Theo lời kể của nhà sử học Giáo hội thế kỷ IV, Eusebius của Caesarea, mộ của Thánh Avvakum được chỉ định ở Keila, hay Kila, thuộc chi phái Giu-đa. Theo lời chứng của nhà sử học Giáo hội thế kỷ V, Sozomen, di cốt của vị thánh tiên tri này, theo sự mặc khải của Thiên Chúa, đã được tìm thấy cùng với di cốt của thánh tiên tri Mi-chê vào thời trị vì của Hoàng đế Theodosius II (408–450). Xác của cả hai vị tiên tri đã được chỉ dẫn qua một giấc mơ thiêng liêng cho Zevenvu, người lúc bấy giờ là giám mục của Giáo hội Eleutheropolis.

[8371] Ê-phê-sô – thành phố chính của tỉnh Á-si-a thuộc Tiểu Á; nằm bên sông Cai-strê, gần Biển A-gê, trên bờ tây của Tiểu Á. Ê-phê-sô nổi tiếng là một trung tâm thương mại. Nơi đây cũng có ngôi đền ngoại giáo nổi tiếng thờ Artemis hay Diana. Đạo Kitô đã du nhập vào đây từ thời các Tông đồ: ban đầu, các môn đệ của Thánh Gioan Tẩy Giả đã giảng dạy tại đây; sau đó, Thánh Phaolô Tông đồ đã rao giảng Tin Mừng và viết thư gửi cho cư dân thành phố này; tiếp theo, Thánh Gioan Tông đồ, nhà Thần học, cũng đã rao giảng và sinh sống tại đây. Do đó, theo lời Thánh Irineo, Giáo hội Ê-phê-sô là nhân chứng chân chính của truyền thống Tông đồ. Hiện nay, trên địa điểm của thành phố Ê-phê-sô cổ đại, là ngôi làng Aya-Soluk nghèo nàn của Thổ Nhĩ Kỳ.

[8372] Decius – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 249–251.

[8373] Chios – một hòn đảo ở Biển Aegean (Quần đảo), đối diện với thành phố Smyrna.

mình trong nhà và cầu nguyện với Chúa. Một lần nọ, hoàng tử Numerian đến hòn đảo này. Theo lệnh của ông, Thánh Isidore, một người đàn ông tuyệt vời và kính sợ Chúa, vốn là một chiến binh, đã bị bắt vì tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Vì ông không muốn từ bỏ Chúa Kitô và từ chối thờ lạy các thần tượng, nên hoàng tử đã tra tấn ông bằng nhiều hình thức khác nhau, rồi kết án ông phải chịu tử hình bằng gươm. Sau đó, thi thể ngài bị vứt vào rừng rậm để làm mồi cho thú dữ và chim chóc; ở một khoảng cách nhất định, người ta đã bố trí lính canh để ngăn không cho các Kitô hữu lấy trộm thi thể vị tử đạo. Được tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng, thánh nữ Miropia đã cùng các tỳ nữ của mình đến vào ban đêm, bí mật lấy thi thể vị tử đạo và, sau khi cử hành các nghi thức cầu nguyện an táng một cách trang nghiêm, đã chôn cất ngài tại một nơi đã được chuẩn bị sẵn.

Khi biết thi thể của Isidor đã bị đánh cắp, hoàng tử đã xiềng xích các lính canh và ra lệnh dẫn họ đi khắp hòn đảo để tra tấn, đồng thời tuyên bố rằng nếu họ không tìm thấy thi thể bị đánh cắp trước thời hạn quy định, thì đầu họ sẽ bị chém.

Thánh Miropia, khi chứng kiến cảnh những người lính gác bị xiềng xích và bị lôi đi, cùng nghe tin họ sắp phải chịu án tử hình, lòng bà trào dâng xúc động và nghĩ thầm:

– Nếu những lính gác này phải chịu đau khổ và bị hành quyết vì tôi, người đã lén mang thi thể đi, thì tôi sẽ phải chịu đau khổ trước Tòa án của Đức Chúa Trời, và linh hồn tôi, kẻ có tội giết những người đó, sẽ phải chịu đau khổ.

Và, bất ngờ trước tất cả mọi người, nàng kêu lên với các chiến binh:

– Các bạn ơi! Tôi đã lấy thi thể người mà các bạn đã giết khi các bạn đang ngủ.

Nghe vậy, các chiến binh lập tức bắt nàng và dẫn đến trước mặt Công tước Numerian, nói:

– Thưa ngài, đây là người đã đánh cắp thi thể người chết.

Hoàng tử hỏi vị thánh nữ:

– Những điều họ nói về cô có đúng không?

– Đúng vậy, – vị thánh đáp.

– Sao ngươi dám làm thế, con đàn bà khốn kiếp? – hoàng tử thốt lên.

Miropia đáp lại:

– Tôi dám làm vậy vì tôi khinh bỉ và phỉ báng sự đồi bại và vô thần của ngài.

Nghe những lời đó, vị hoàng tử kiêu ngạo nổi cơn thịnh nộ dữ dội và lập tức ra lệnh đánh cô ta bằng gậy không thương xót. Họ đánh cô ta rất lâu; sau đó, túm lấy tóc cô, lôi cô đi khắp hòn đảo và tra tấn khắp các bộ phận trên cơ thể; cuối cùng, khi cô ta gần như đã chết, họ nhốt cô vào ngục tối. Vào nửa đêm, khi vị thánh đang cầu nguyện, một luồng ánh sáng chiếu rọi khắp ngục tối và hình ảnh các Thiên thần hiện ra trước mặt nàng; ở giữa họ là Thánh Isidore, và tất cả cùng hát bài ca Ba Lần Thánh. Nhìn vào vị tử đạo, Isidore nói:

– Bình an cho ngươi, Miropia, – những lời cầu nguyện của ngươi đã đến với Thiên Chúa, và giờ đây ngươi sẽ ở cùng chúng ta và nhận lấy vương miện đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi.

Khi Thánh Isidore nói những lời ấy, vị thánh tử đạo Miropia đã vui mừng trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa[8374] . Và ngục tối tràn ngập một hương thơm không thể tả xiết, khiến những người canh gác ngục tối kinh hoàng và ngạc nhiên. Một trong số họ, người đã tận mắt chứng kiến và nghe rõ mọi chuyện, vội vã chạy đến gặp vị linh mục, kể lại mọi chuyện một cách chi tiết, sau đó đã nhận phép rửa tội và về sau chính anh ta cũng được ban tặng vương miện tử đạo. Các tín hữu Kitô giáo đã rước thi hài của Thánh Miropia và an táng với sự tôn kính, ca ngợi Thiên Chúa.

Cuộc đời của Thánh Athanasius Pechersky

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 12

"Ta là sự sống lại và là sự sống; ai tin vào Ta, dù có chết đi, cũng sẽ sống lại" (Ga 11,25). Đấng Cứu Thế đã thực hiện lời này, vốn được nói về La-xa-rơ đã chết bốn ngày, và trên vị cha thánh của chúng ta là Athanasius – vị ẩn sĩ Pechersk, mong muốn rằng chúng ta cũng thực hiện lời của người giàu có, vốn được nói về người nghèo La-xa-rơ: *"Nếu có ai từ cõi chết trở về với họ, họ sẽ ăn năn"* (Luca 16:30).

[8374] Thánh Miropia qua đời vào khoảng năm 251, dưới triều đại của hoàng đế Decius.

Vị thánh Athanasius này là một tu sĩ tại tu viện thánh Pechersk, sống một cuộc đời thánh thiện và hiến dâng cho Chúa. Sau một thời gian dài ốm đau, ngài đã qua đời. Các tu sĩ đã lau rửa thi thể ngài và quấn trong vải liệm, như lễ thường dành cho một tu sĩ đã qua đời. Thi thể người quá cố nằm đó chưa được chôn cất trong hai ngày do một số trục trặc. Vào ban đêm, vị tu viện trưởng đã có một sự hiện ra, và ngài nghe thấy một giọng nói:

– Người của Chúa là Afanasy đã nằm đó hai ngày mà chưa được chôn cất, vậy mà ngươi lại không lo liệu việc này.

Ngay khi trời sáng, vị tu viện trưởng cùng các tu sĩ đến bên người đã qua đời để tiến hành lễ an táng – và bỗng nhiên họ thấy ông đang ngồi và khóc. Mọi người đều kinh hoàng khi thấy ông còn sống, và bắt đầu hỏi ông: – Làm sao ông sống lại được, và ông đã thấy hay nghe thấy gì? Còn ông thì chỉ trả lời một câu duy nhất:

– Hãy chạy đi!

Nhưng họ lại càng nài nỉ ông, mong nghe được từ ông điều gì đó hữu ích cho họ. Lúc đó, ông nói với họ:

– Nếu tôi nói cho các anh biết, các anh sẽ không tin và cũng không nghe theo tôi đâu.

Các tu sĩ liền thề với ông rằng họ sẽ tuân theo mọi điều ông dặn dò. Lúc đó, người đã sống lại nói với họ:

– Hãy vâng lời vị tu viện trưởng trong mọi việc, ăn năn mỗi giờ và cầu nguyện cùng Chúa Giêsu Kitô, cùng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, và các vị thánh cha Antôn và Thêôđôsiô, để tại đây, trong tu viện này, các con có thể kết thúc cuộc đời mình và được vinh dự an táng cùng các vị thánh cha trong hang động: vì ba đức tính này cao quý hơn tất cả những đức tính khác. Và, nếu ai thực hiện tất cả những điều này theo đúng nghi thức, người ấy sẽ được hạnh phúc, miễn là đừng kiêu ngạo. Về những điều khác, đừng hỏi tôi, nhưng tôi khẩn cầu: hãy tha thứ cho tôi.

Nói xong, ngài đi vào hang động, đóng cửa lại phía sau và ở đó suốt mười hai năm không ra ngoài. Từ đó trở đi, ngài không bao giờ nhìn thấy mặt trời nữa, ngày đêm không ngừng khóc lóc; chỉ ăn một ít bánh mì và nước, và cũng chỉ cách ngày một lần, và trong suốt thời gian đó, ngài không nói với ai một lời nào. Khi thời khắc lâm chung của Athanasius đến gần, ngài đã triệu tập các tu sĩ và nói với họ tất cả những điều ngài từng nói trước đây về sự vâng phục và sám hối , rồi an nghỉ trong bình an nơi Chúa, và được an táng một cách trang trọng trong hang động nơi ngài đã tu hành[8375] .

Sau khi qua đời, Thánh Athanasius đã dùng phép lạ để báo cho các tu sĩ biết về tình trạng hạnh phúc của ngài. Một tu sĩ tên là Vavila, người đã chịu đựng bệnh tật ở chân trong nhiều năm, được đưa đến gần thi hài của vị thánh hạnh phúc Athanasius này; khi chạm vào thi hài của ngài, anh ta lập tức được chữa lành, và từ đó cho đến khi qua đời, anh ta không bao giờ mắc phải bất kỳ căn bệnh nào nữa. Về hiện tượng chữa lành kỳ diệu này của vị thánh chữa lành, Vavila đã kể lại như sau cho các tu sĩ, trong số đó có Thánh Simon, người ghi chép cuốn tiểu sử này[8376] :

– Khi tôi đang nằm và la hét vì đau đớn, vị thánh Afanasi này bỗng nhiên bước vào và nói với tôi: "Hãy đến với ta, – và ta sẽ chữa lành cho ngươi." Tôi định hỏi ngài rằng ngài đã đến đây bằng cách nào và khi nào? Nhưng ngài bỗng chốc biến mất. Tin tưởng vào vị đã hiện ra với tôi, tôi xin người ta khiêng tôi đến chỗ ngài, và giờ đây tôi đã được chữa lành.

Từ đó, mọi người đều nhận ra rằng vị ẩn sĩ thánh thiện Athanasius đã làm đẹp lòng Chúa và được ban phước lành. Nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, xin cho chúng ta cũng được, sau khi sống lại từ cái chết của tội lỗi, sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa trong sự sám hối, và sau đó nhận được sự sống đời đời trong Đức Kitô Giêsu, Đấng Ban Sự Sống của chúng ta; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Thiên Chúa Cha và Thánh Thần Hằng Sống, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

Cuộc đời của Thánh Stephane, Vua Serbia[8377]

Ngày kỷ niệm: 2 tháng 12

[8375] Thánh Afanasi đã an nghỉ trong Chúa vào khoảng năm 1176. Xác thánh của ngài được an táng trong hang động của Thánh Antôn

[8376] Thánh Simon – ban đầu là tu sĩ tại Tu viện Kiev-Pechersk, sau này trở thành Giám mục Vladimir vào năm 1220; ngài được biết đến là tác giả của 8 truyện về 8 tu sĩ Pechersk, được viết gửi cho người bạn của ngài là tu sĩ Polikarp thuộc Tu viện Pechersk, cùng với "Truyện về sự thành lập Tu viện Pechersk". Ngày kỷ niệm: 10 tháng 5

[8377] Cuộc đời của ngài được biên soạn dựa trên cuốn tiểu sử cổ của Serbia, nghi thức thánh lễ được ghi trong "Serbljak" (tập hợp các nghi thức thánh lễ dành cho các thánh Serbia) và các biên niên sử Serbia.

Thánh Stefan Uroš là con trai của vị vua Serbia lừng danh Stefan Dušan[8378] , người đã thống nhất hầu hết các vùng đất Serbia dưới quyền cai trị của mình và chinh phục một số vùng thuộc về vương quốc Hy Lạp, rồi tự xưng là vua của người Serbia và người Hy Lạp. Thánh Stefan Uroš sinh ra[8379] từ cuộc hôn nhân giữa Dušan và Elena, em gái của vua Bulgaria Alexander Asen. Tuổi thơ của Uroš trôi qua trong giai đoạn hoạt động sôi nổi nhất của cha mình. Sau khi nhận tước hiệu vua, vào năm 1346, Stefan Dušan đã đội vương miện cùng với vợ mình, còn con trai Uroš, khi đó mới chỉ 10 tuổi, được đội vương miện hoàng gia và từ đó được gọi là "kral" trong các văn kiện chính thức. Như vậy, ngay từ thuở ấu thơ, Uroš đã trở thành "vua trẻ" – biệt danh mà ông mang theo suốt đời.

Sau khi cha mình, Stefan Dušan, qua đời vào năm 1355, Stefan Uroš đã lên ngôi vua khi mới 18 tuổi và phải tiếp quản việc cai trị vương quốc Serbia rộng lớn. Đây là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn. Chính Stefan Dušan, để cai trị các vùng lãnh thổ đông đúc với dân cư đa dạng (người Serbia, Bulgaria, Albania và Hy Lạp), đã giao quyền quản lý cho các quý tộc, những người được vua phong các tước hiệu khác nhau theo phong tục Hy Lạp – như "caesar", "despot" và các tước hiệu khác. Các quý tộc này, nhờ được hưởng quyền tự chủ gần như tuyệt đối, có thể chống đối vua, và cần đến bàn tay sắt của Dušan để giữ họ trong sự phục tùng.

Người kế vị trẻ tuổi của Dušan, Stefan Uroš, bẩm sinh đã nổi bật bởi vẻ đẹp ngoại hình, tính cách hiền lành và trí tuệ đơn giản. Việc cai trị một đế chế rộng lớn đối với ông là điều khó khăn. Theo gương cha mình, ông phải cai trị thông qua các quý tộc, nhưng ông lại thiếu tính cách cứng rắn và khả năng để buộc họ phải tuân phục đúng mực. Các quan cai trị các vùng khác nhau bắt đầu hành động theo ý riêng chứ không tuân theo chỉ thị của vua. Các quý tộc nhà Marjanović, anh em Volkašin, Uglješa và Gojko, đã nắm giữ quyền lực đặc biệt trong vương quốc. Volkašin ban đầu được vua phong tước hiệu "Caesar", sau đó là "Vua Serbia", đến nỗi ông ta còn tự ý thêm tên mình vào cuối các văn bản hoàng gia với dòng chữ " ". Stefan Uroš không nắm giữ quyền lực thực sự, ông chỉ hài lòng với danh hiệu vua. Ông đã phải trải qua nhiều nỗi đau, khó khăn và sự sỉ nhục, nhưng ông vẫn chịu đựng tất cả với sự nhẫn nại.

Tuy nhiên, điều này vẫn chưa đủ đối với các quý tộc tham vọng: họ muốn loại bỏ Uroš hoàn toàn. Đặc biệt, vua Volkašin, được các anh em của mình ủng hộ, đã nỗ lực hết sức để đạt được điều này. Uroš, bị tước quyền lực, đã sống luân phiên tại các thành phố và vùng miền khác nhau của Serbia; có một thời gian, ông sống cùng Công tước Lazar, người cai trị vùng Podunajsko — một vùng đất — theo phong cách tương tự như Volkašin, nhưng lại đối xử với Uroš một cách thân thiện.

Bề ngoài, Volkašin cũng tỏ ra thân thiện với Uroš và cố gắng trấn an mẹ của Uroš là Elena – góa phụ của Stefan Dušan – người vẫn còn sống và lo lắng cho số phận của con trai mình. Với mong muốn thể hiện thiện chí đối với Uroš, Volkašin đã từng mời cậu đi săn cùng mình tại vùng núi gần Kosovo Polje. Trong chuyến săn đó, Volkašin đã nhân cơ hội ám sát Uroš một cách phản bội. Thi thể của Uroš đã được bí mật an táng vào ban đêm trong một lăng mộ đã được chuẩn bị sẵn tại nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời gần lâu đài Petrich, nơi thường là nơi cư ngụ của các vị vua Serbia[8380] .

Volkašin đã giả vờ rằng Uroš đã bị tụt lại phía sau trong chuyến đi săn và rằng ông ta không biết nơi ở của ông. Mẹ của Uroš là Elena và vợ ông là Anna[8381] , đang chìm trong đau buồn, đã thực hiện mọi biện pháp để tìm kiếm vị vua mất tích, nhưng đều vô ích. Tuy nhiên, không có bí mật nào mà không bị phơi bày. Có tin đồn lan truyền về việc chôn cất ai đó vào ban đêm tại nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời gần Petrich.

Khi tấm đá che mộ được dỡ ra, người ta đã nhìn thấy thi thể của vị vua Stefan Uroš, người đã chết oan uổng. Mẹ, vợ và tất cả những người xung quanh đã khóc thương người quá cố một cách đau đớn và long trọng cử hành nghi lễ an táng theo nghi thức hoàng gia tại chính nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời đó. Stefan Uroš là vị vua Serbia cuối cùng, và cũng là vị quân vương cuối cùng của dòng họ Nemanjić lừng lẫy.

Xác thánh của vua Stefan Uroš đã được an nghỉ trong ngôi thánh đường nơi ngài được chôn cất trong một thời gian dài, nhưng sau đó, vì lo ngại bị người Hồi giáo xúc phạm, các di cốt này đã được những người di cư Serbia theo Chính thống giáo từ Thổ Nhĩ Kỳ chuyển đến Srem thuộc Áo, tại tu viện Yasak.

[8378] Stefan Dušan trị vì từ năm 1331 đến năm 1355.

[8379] Năm sinh của ngài là 1337.

[8380] Petrich nằm ở phía trên Nerodimlja, thuộc dãy núi *Jezerska Platina*, tức là dãy núi ngăn cách Podrinje – vùng đất giáp với thành phố Prizren – với đồng bằng Kosovo.

[8381] Cô là con gái của thống đốc Valachia, Alexander Bassaraba.

Giống như tất cả các vị vua Serbia, Stefan Uroš đã xây dựng cho mình một nơi an nghỉ vĩnh hằng – tu viện Lễ Giáng Sinh Đức Mẹ tại thành phố Skopje. Lễ nghi thánh lễ dành cho Stefan Uroš ca ngợi ông như một vị thánh, người "từ thuở thiếu thời đã tận tụy phụng sự Chúa, chăm sóc các góa phụ và trẻ mồ côi như cha mẹ, hòa giải các mâu thuẫn và củng cố hòa bình, thương xót người nghèo, bảo vệ những người bị áp bức".

Lễ kính các vị thánh Gioan, Iraklemon, Andrei và Theophilus

Ngày tưởng niệm: 2 tháng 12

Các vị thánh cha Gioan, Iraklemon, Andrei và Theophilus, quê quán tại thành phố Oxyrhys[8382] , là con cái của những bậc cha mẹ Kitô hữu. Từ thuở thiếu thời, các ngài đã rèn luyện việc đọc những cuốn sách có ích cho linh hồn, và sau đó, được thúc đẩy bởi khát vọng sống một cuộc đời thánh thiện, các ngài đã lui về sa mạc nội địa của đất nước mình[8383] , nơi các ngài được Thiên Chúa hướng dẫn: tại đó, trong sa mạc, họ đã gặp một vị thánh nhân đã bước vào tuổi già, và sống cùng ông trong một năm, nhận được sự hướng dẫn thiêng liêng từ ông. Khi vị ấy qua đời, họ vẫn ở lại nơi sa mạc đó và trong suốt sáu mươi năm tiếp theo, họ sống đời tu hành khổ hạnh, tuân giữ chế độ ăn chay nghiêm ngặt. Họ chỉ ăn rau dại và uống nước, nhưng ngay cả những thứ đó cũng chỉ dùng hai lần một tuần. Vào các ngày thường, họ tách ra và mỗi người dành thời gian một mình trong các ngọn núi và hang động lân cận; còn vào các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật, họ tụ họp lại và cùng nhau dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, đồng thời được Thiên Thần Thánh ban cho Bí tích Thánh Thể, và như vậy, họ đã an nghỉ trong bình an. Vị ẩn sĩ vĩ đại Paphnutius (người Thebaid) đã kể lại điều này, người đã tận mắt chứng kiến những vị ấy và ghi chép lại cuộc đời của họ[8384] .

Ngày 16 tháng 12

Ngày 3 tháng 12 (theo lịch cũ)

Kỷ niệm Thánh Tiên tri Xô-phô-ni

Ngày tưởng niệm 3 tháng 12

Thánh Xô-phô-ni-a, một trong mười hai vị tiên tri nhỏ[8385] , con trai của Hu-si-a, cháu nội của Gô-đô-li-a, chắt của A-mô-ri-a và chắt chít của Ê-xê-ki-a, theo truyền thuyết, xuất thân từ chi phái Si-mê-ôn, từ vùng núi Sa-ra-va-fa, hay Va-ra-fa[8386] . Ông thuộc dòng dõi quý tộc[8387] và sống dưới triều đại vua Giô-si-a của người Do Thái, con trai của A-môn, cách thời điểm Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta giáng sinh hơn 600 năm. Vào thời ông, vua Giô-si-a, một vị vua đạo đức, đã hết lòng lo lắng cho việc phục hồi sự thờ phượng Đức Chúa Trời chân chính – vốn đã gần như bị dân Do Thái lãng quên – và đã nhổ tận gốc tệ nạn thờ thần tượng trong dân tộc mình. Ông đã khôi phục Đền Thờ Sa-lô-môn, vốn đã hoàn toàn đổ nát, trở lại vinh quang xưa kia; phá hủy các bàn thờ ngoại giáo, xử tử các thầy tế lễ thờ thần tượng và ra lệnh cho mọi người nghiêm túc tuân giữ Luật Môi-se. Tuy nhiên, bất chấp lòng nhiệt thành của nhà vua trong việc phục hồi đức tin chân chính, thật khó để dẫn dắt dân chúng – những người đã ăn sâu vào sự gian ác – trở lại với Đức Chúa Trời. Dân Do Thái, vì sợ quyền lực của nhà vua, đã ngừng thờ phượng các thần tượng một cách công khai, nhưng trong lòng họ vẫn che giấu sự trung thành với sự gian ác ngoại

---

[8382] Ở miền Trung Ai Cập, trên bờ trái sông Nile.

[8383] Tức là sa mạc Fivaid. Sa mạc Fivaid nằm ở miền thượng (miền nam) Ai Cập và là nơi ưa thích để các ẩn sĩ cổ đại thực hiện những hành động anh hùng.

[8384] Vào thế kỷ IV.

[8385] Việc phân chia các nhà tiên tri thành *lớn* và *nhỏ* không dựa trên phẩm chất cá nhân hay tâm hồn của họ, mà dựa trên độ ngắn gọn của các cuốn sách do họ viết.

[8386] Chi phái Simeon, nơi có núi Sarawae, nằm ở vùng biên giới phía tây nam của Palestine.

[8387] Điều này có thể khẳng định dựa trên việc Xô-phô-ni-a liệt kê tổ tiên của mình ở đầu sách. Theo phong tục thời bấy giờ, chỉ những người có dòng dõi cao quý mới được làm điều này.

giáo. Vì vậy, Đức Chúa Trời – như Kinh Thánh chép – đã không trì hoãn cơn thịnh nộ lớn lao của Ngài, vốn đã bùng lên đối với Giu-đa (2 Vua 23:29). Dân chúng đã chín muồi để đón nhận sự phán xét của Đức Chúa Trời, điều mà chẳng bao lâu nữa sẽ ập xuống trên họ. Giữa sự gian ác và bóng tối ngoại đạo như vậy, Xô-phô-ni-a tỏa sáng bởi lòng kính sợ Đức Chúa Trời, như một ngôi sao sáng giữa đêm. Là một người Y-sơ-ra-ên chân chính, ông đau buồn sâu sắc trước sự gian ác của dân tộc mình; còn với tư cách là người canh gác của Đức Giê-hô-va và người chiêm ngưỡng những mầu nhiệm của Đức Chúa Trời[8388] , với tâm trí và lòng trong sạch, ông đã cầu nguyện nồng nhiệt để đồng bào mình quay trở lại con đường chân lý và được cứu khỏi sự hủy diệt. Và này, như thể để đáp lại lời cầu nguyện ấy, "lời của Đức Chúa Trời đã đến với Xô-phô-ni" (Xô-phô-ni 1:1). Đức Chúa Trời, Đấng thấu hiểu lòng người, đã chọn ông làm tiên tri của Ngài và truyền cho ông rao giảng cho dân Giu-đa về những hình phạt khủng khiếp đang chờ đợi họ vì sự gian ác và việc thờ phượng các thần giả. Thực hiện mệnh lệnh của Chúa, Xô-phô-ni-a đã đi khắp các thành phố và làng mạc của dân Giu-đa, ở đâu cũng kêu gọi dân chúng ăn năn và sửa đổi. Lời giảng của ông không dài dòng, nhưng về sức mạnh và chiều sâu, nó gợi nhớ đến những bài diễn văn đầy nhiệt huyết của các vị tiên tri vĩ đại Ê-sai và Giê-rê-mi.

– Này, Đức Chúa Trời phán như vầy, – Xô-phô-ni bắt đầu lời tiên tri của mình như vậy, – Ta sẽ tiêu diệt mọi sự khỏi mặt đất: Ta sẽ tiêu diệt loài người và súc vật, tiêu diệt chim trời và cá biển, và xóa sổ những kẻ phạm pháp khỏi mặt đất. Và Ta sẽ giơ tay Ta ra trên Giu-đa, và trên tất cả cư dân Giê-ru-sa-lem, và tiêu diệt những ai lìa xa Đức Giê-hô-va và không tìm kiếm Ngài. Vì vậy, tất cả hãy run sợ trước mặt Đức Giê-hô-va: Ngài đang chuẩn bị của lễ, và ngày đó đã gần kề. Đó sẽ là ngày của cơn thịnh nộ, ngày của đau buồn và khốn khó, ngày của hỗn loạn và xáo trộn, ngày của bóng tối và u ám. Khi ấy, loài người sẽ đi lại như những kẻ mù lòa, vì họ đã phạm tội chống lại Đức Giê-hô-va; và máu của họ sẽ đổ ra như cát, xác chết của họ sẽ như phân (Xô-phô-ni 1:2–4, 14–18).

Khi loan báo sự trừng phạt này cho dân Giu-đa, Xô-phô-ni-a đồng thời cũng tiên tri về sự diệt vong sắp xảy ra của các dân ngoại. "Dân Philistia, Moab, Ammon, Ê-thi-ô-pi, A-si-ri[8389] ," ông nói, "sẽ bị tiêu diệt; đất đai của họ sẽ bị tàn phá và trở thành, giống như Sô-đôm và Gô-mô-ra, một đồng cỏ mọc đầy cỏ gai và sa mạc vĩnh cửu. Đó là hình phạt dành cho họ vì sự kiêu ngạo của họ, vì họ đã lăng mạ và tự cao tự đại trước dân của Đức Chúa Trời"[8390] . Sau đó, khi quay trở lại với thành Giê-ru-sa-lem quê hương, nhà tiên tri đau buồn nhận thấy rằng thành phố này không chịu rút ra bài học từ những hình phạt dành cho các dân ngoại đạo vô đạo đức và vẫn cứng đầu trong sự lầm lạc của mình. Theo lời nhà tiên tri, Giê-ru-sa-lem không "chấp nhận lời khuyên răn, không lắng nghe tiếng nói, không đặt niềm tin nơi Chúa và không đến gần Đức Chúa Trời của mình. Các quan chức của nó – như những con sư tử gầm rú, các quan tòa – như những con sói vào buổi tối, dân chúng – kiêu ngạo, các thầy tế lễ xúc phạm nơi thánh và phá hủy luật pháp. Vì điều này, – nhà tiên tri nói, – thành phố gian ác sẽ bị tàn phá, và cùng với nó, đất Giu-đa cũng sẽ diệt vong"[8391] .

[8388] Đó là cách giải thích tên Xô-phô-ni (người quan sát bí mật), bắt nguồn từ động từ tiếng Do Thái "tsafa" – quan sát, canh gác, hoặc từ động từ "tsafan", có nghĩa là – giấu kín, che giấu.

[8389] *Dân Philistine* – một dân tộc láng giềng của người Do Thái, sinh sống ở phần phía tây của Palestine, ngay bên bờ Biển Địa Trung Hải. Họ là hậu duệ của Phasluhim và Kafthorim, con trai của Mitsraim, con trai của Ham, tổ tiên của người Ai Cập (Sáng Thế Ký 10:14; Phục Truyền 2:23; 1 Sử ký 1:12; Giê-rê-mi 47:4; A-mốt 9:7). Họ không phải là cư dân bản địa của Pa-lê-stin, mà là những người ngoại lai, những người di cư, như chính từ *"Peli-shtim"* (người Phi-li-tin) – có nghĩa là lang thang, di cư – đã chỉ ra. Có nguồn gốc từ các bộ tộc Kasluhi và Kafgori, những người từng sinh sống ở một vùng nào đó của miền Bắc Ai Cập, người Philistine từ thời cổ đại xa xưa đã di cư trước tiên đến đảo Crete, rồi sau đó đến Palestine. *Dân Mo-áp* – một dân tộc thuộc bộ tộc Semit, là hậu duệ của Mo-áp, con trai ngoài giá thú của Lót với con gái lớn của ông (Sáng Thế Ký 19:30–37). Họ sinh sống trên những vùng đất núi non nhưng trù phú và màu mỡ ở phía đông Biển Chết. Phía tây giáp Biển Chết, còn phía đông là sa mạc. *Dân Am-môn* – một dân tộc có quan hệ họ hàng với dân Mo-áp, xuất thân từ Am-môn, con trai của Lót, và con gái út của ông là Ben-Am-mi (Sáng Thế Ký 19:38). Họ sinh sống ở phía đông sông Jordan, gần dãy núi Gilead, giữa hai con sông Jabbok và Arnon. *Dân Ê-thi-ô-pi* hay *người Cu-si* có nguồn gốc từ Cu-si hay Hu-si, con trai của Ha-mô. Trong thời cổ đại, tên gọi "người Ê-thi-ô-pi" được dùng để chỉ tất cả các dân tộc có làn da sẫm màu (ở Đông Bắc Phi và Tây Nam Á); nhưng sau đó, tên gọi này dần được dùng để chỉ cư dân của chính đất nước Ê-thi-ô-pi, nằm ở phía nam Ai Cập, giữa Biển Đen, thảo nguyên Li-vi và cao nguyên A-bi-sin. *Người Assyria* – một dân tộc thuộc chi phái Semit, có nguồn gốc từ Assur, con trai của Shem, con trai của Noah. Vương quốc của họ, một trong những vương quốc hùng mạnh nhất toàn châu Á, chiếm các vùng đất dọc theo sông Tigris, nằm giữa Armenia, Mesopotamia, Media và Babylon.

[8390] Sô-phô-ni 2:1. Những lời tiên tri này đã ứng nghiệm dưới thời Nê-bu-cát-nê-xa, vua Ba-by-lôn, người đã chinh phục không chỉ dân Giu-đa mà còn cả dân Mô-áp, dân A-mô-ni và dân Phi-li-tin. Còn đế chế A-si-ri thì sụp đổ dưới thời cha của Nê-bu-cát-nê-xa – Na-bo-pa-la-sa.

Nhưng Xô-phô-ni-a không chỉ dừng lại ở những lời tiên tri buồn bã; cái nhìn tiên tri của ông đã thấu suốt đến những thời kỳ đầy ân sủng, khi Đấng An Ủi của Y-sơ-ra-ên và Niềm Hy Vọng của các dân tộc sẽ xuất hiện, và cùng với Ngài là niềm vui và hòa bình cho cả đất đai. Nhìn thấy sự đến của những thời kỳ ấy, Xô-phô-ni-a đã nói rằng không phải toàn thể Y-sơ-ra-ên và không phải toàn cõi đất sẽ bị hủy diệt trong ngày phán xét vĩ đại của Đức Giê-hô-va. Sau những hình phạt khủng khiếp, Đức Giê-hô-va sẽ ban cho các dân tộc còn sót lại một miệng lưỡi trong sạch, để họ kêu cầu danh Ngài và đồng lòng phụng sự Ngài. Còn từ dân Y-sơ-ra-ên, chỉ còn lại những người hiền lành và khiêm nhường, những người sẽ kính sợ Đức Giê-hô-va. Số còn lại của Y-sơ-ra-ên sẽ không còn phạm điều bất chính nữa và nhờ đó sẽ được an nghỉ, không bị kẻ thù nào quấy rầy[8392] . Khi chỉ ra những thời kỳ đầy ân sủng này, vị tiên tri tạm gác lại những tai họa khủng khiếp và sắp xảy ra đã được tiên đoán, và trong niềm hân hoan, ngài reo lên:

– Hãy vui mừng đi, hỡi con gái Si-ôn, hãy rao giảng đi, hỡi con gái Giê-ru-sa-lem, hãy trang điểm và vui mừng hết lòng; vì Đức Giê-hô-va đã xóa bỏ mọi tội ác của ngươi và giải cứu ngươi khỏi tay kẻ thù; Đức Giê-hô-va sẽ ngự trị giữa ngươi và ngươi sẽ không còn thấy điều ác nữa. Vào ngày ấy, Chúa sẽ phán cùng Giê-ru-sa-lem rằng: "Hãy can đảm lên, Si-ôn, và chớ để tay con yếu đuối, vì Chúa, Đức Chúa Trời của con, ở trong con; Ngài là Đấng Mạnh Mẽ – Ngài sẽ cứu con, ban niềm vui cho con và làm mới con trong tình yêu thương của Ngài" (Xô-phô-ni 3:14–17).

Giáo Hội Thánh Thiện nhìn thấy trong những lời của Xô-phô-ni-a này một chỉ dẫn rõ ràng về thời đại ân sủng của Đấng Mê-si-a nói chung, và cụ thể là về sự nhập thành long trọng của Chúa Giê-su Ki-tô tại Giê-ru-sa-lem, khi cả Si-ôn, tay cầm cành lá, với những tiếng reo hò phấn khích: "Hosanna, Con của Đa-vít", đã đón rước Ngài như một Vua, Đấng sẽ ngự giữa dân Ngài. Vì vậy, vào Chúa Nhật Lá, người ta đọc đoạn Kinh Thánh trích từ sách Thánh Xô-phô-ni-a, cụ thể là đoạn mà vị tiên tri nói về ngày vui mừng đang chờ đợi Si-ôn.

Đó là lời tiên tri của Xô-phô-ni-a, khi ngài báo trước những sự phán xét nghiêm khắc của Thiên Chúa để thúc giục những kẻ có tội ăn năn, đồng thời loan báo những ân sủng vô biên của Chúa – việc thiết lập Nước Trời trên đất vào thời Đấng Mê-si-a, nhằm an ủi và củng cố những người khiêm nhường bằng niềm hy vọng ấy.

Ngài qua đời trong sự trông đợi sự phục sinh chung và, theo truyền thuyết, được an táng tại chính ngôi nhà của mình.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Ngài đã hiện ra rực rỡ bởi Thánh Thần, hỡi Tiên tri Xô-phô-ni, loan báo sự hiện đến của Đức Chúa Trời: Hãy vui mừng khôn xiết, hỡi con gái Si-ôn, hãy rao giảng cho Giê-ru-sa-lem: Này, Vua của các ngươi đang đến để cứu chuộc.

Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Gioan Người Im Lặng

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 12

[8393] , người Im lặng, xứng đáng nhận những lời ca ngợi không ngừng, vị thánh và cha đáng kính của chúng ta là Gioan, sinh ra tại Nikopol của Armenia[8394] , con của cha Enkrati và mẹ Euphemia, vào năm thứ tư triều đại

---

[8391] Quả thực, sự trừng phạt đã nhanh chóng giáng xuống những kẻ bất chính. Ngay dưới triều vua Giô-si-a, những kẻ thù hùng mạnh lúc bấy giờ là người Ai Cập đã xâm lược. Vua của họ, Pha-ra-ôn Nê-ha-ô, đã đánh bại dân Giu-đa trong trận chiến tại Megiddo, ở thung lũng Ezredelon (phía nam Pa-lét-tin). Vua Giô-si-a, người kính sợ Đức Chúa Trời, đã hy sinh trong trận chiến này. Kể từ ngày bất hạnh đó, sự trừng phạt dành cho dân Giu-đa bắt đầu và những lời đe dọa của các tiên tri được ứng nghiệm. Ngay sau khi vua Giô-si-a qua đời, dân Giu-đa bị người Ai Cập bắt làm nô lệ và phải nộp cống phẩm nặng nề, sau đó người Ba-by-lôn bắt đầu xâm lược Giu-đa. Năm 607 trước Công nguyên, vua Nebuchadnezzar của họ đã chiếm Jerusalem, phá hủy thành phố này và bắt dân chúng đi lưu đày, nơi họ phải sống trong 70 năm. Như vậy, những lời tiên tri về sự trừng phạt dân Giu-đa vì sự bất kính đã được ứng nghiệm.

[8392] Xô-phô-ni 3:9–14. Lời tiên tri của Xô-phô-ni về phần còn lại của Y-sơ-ra-ên, Thánh Theodoret gán cho các Tông đồ, những người hiền lành và khiêm nhường trong lòng.

[8393] Những người được gọi là "những người im lặng" hay "những người thầm lặng" là các vị thánh nhân đã lập và tuân giữ lời thề tự nguyện sống trong sự im lặng. Trong số những người tuân giữ sự im lặng một cách nghiêm ngặt, ngoài Thánh Gioan, còn có Thánh

của Hoàng đế Markianus đạo đức[8395] , vào ngày 8 tháng Giêng, và đã được rửa tội. Cha mẹ của Thánh Gioan là những Kitô hữu trung thành và nổi tiếng khắp cả nước Armenia nhờ sự giàu có và địa vị của họ; cha ngài là một tướng quân và có quyền lực lớn trước mặt hoàng đế, vì ngài được hoàng đế hoàn toàn sủng ái: Thánh Gioan chính là con trai của vị cha vinh quang ấy. Những điều này được kể ra không phải để ca ngợi hay tôn vinh Gioan vì xuất thân cao quý (vì các thánh được tôn vinh vì đức hạnh, chứ không phải vì xuất thân), mà để cho mọi người biết rằng vị thánh nhân này đã đi từ vinh quang nào và đạt đến sự khiêm nhường đến mức nào.

Giăng cùng các anh em của mình được nuôi dạy theo những gương sáng và đã thấm nhuần Lời Chúa. Anh còn rất trẻ khi cha mẹ anh qua đời, để lại cho các con một gia tài lớn. Khi gia tài này được chia cho các anh em, Thánh Gioan đã dùng phần của mình để xây dựng một nhà thờ tại thành phố Nicopolis, dâng kính Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đáng Chúc Tụng. Sau đó, từ bỏ đời sống thế tục, vào năm thứ mười tám của cuộc đời, ngài đã nhận tu phục và sống tại nhà thờ này cùng với mười tu sĩ khác, miệt mài thực hành những việc lành. Suốt thời thanh xuân, ngài đã nỗ lực hết mình để khuất phục xác thịt trước tinh thần, không làm nô lệ cho dục vọng và không để các đam mê, đặc biệt là lòng kiêu ngạo, chi phối bản thân. Ngài là một người đàn ông tuyệt vời về đức hạnh, một vị thầy và vị tu viện trưởng tốt bụng và tài giỏi đối với các anh em của mình.

Khi Gioan tròn hai mươi tám tuổi, Giám mục thành Colonia[8396] qua đời. Người dân đã đến gặp Tổng Giám mục Sebaste[8397] và xin ngài bổ nhiệm một vị Giám mục mới. Trong quá trình lựa chọn người xứng đáng với chức vụ này, tên của Gioan, vị tu viện trưởng Tu viện Nikopolis, được mọi người nhắc đến như là người xứng đáng ngồi lên ngai tòa của Giáo hội Colonia. Những ai biết rõ lòng khiêm nhường vĩ đại của ngài đều cho rằng ngài sẽ không muốn nhận chức giám mục; vì vậy, tổng giám mục đã cử người đến mời ngài với lý do có một việc liên quan đến Giáo hội, và khi vị thánh đến, ngài đã thuyết phục ngài nhận chức giám mục. Sau đó, ngài được tấn phong và lên ngôi tại Giáo hội Colonia. Sau khi đảm nhận chức vụ lãnh đạo Giáo hội, Thánh Gioan vẫn không thay đổi lối sống tu hành và những việc thực hành của mình. Chẳng hạn, ngài không bao giờ vào phòng tắm hơi, thậm chí không tắm rửa cơ thể, vì lo ngại rằng không chỉ để người ngoài không nhìn thấy sự trần truồng của cơ thể ngài, mà ngay cả bản thân ngài cũng không bao giờ muốn nhìn thấy mình trong tình trạng trần truồng: ngài luôn nhớ đến sự trần truồng của A-đam[8398] . Làm đẹp lòng Chúa bằng việc ăn chay, cầu nguyện, sự trong sạch về thể xác và tâm hồn, thanh tẩy mọi ý nghĩ của mình, khiêm nhường mọi sự kiêu ngạo chống lại lẽ phải của Chúa, và dâng trí tuệ để vâng phục Đấng Christ (2 Cô-rinh-tô 10:5) – đó chính là tất cả những mối quan tâm của Gioan. Sống đạo đức như vậy, ngài đã trở thành gương mẫu về đời sống tốt lành cho người khác; nhìn theo ngài, những người khác cũng được cải thiện và bắt đầu sống đạo đức. Trong số đó có Pergamius, anh em ruột của ngài, một người đàn ông đáng kính và được vua Zeno rất tôn trọng, cũng như được Anastasius – vị vua trị vì sau Zeno – tôn trọng[8399] . Thấy anh trai mình, thánh Gioan, sống một cuộc đời thánh thiện, Pergamius cảm động sâu sắc và nỗ lực hết mình để làm đẹp lòng Thiên Chúa. Cũng vậy, cuộc đời thánh thiện như thiên thần của người chú đã mang lại lợi ích cho cháu trai của Thánh Gioan là Thêôđôrô, người sau này được vua Justinianus đạo đức hết mực kính trọng[8400] . Théodor cùng cả gia đình sống theo ý Chúa và có đức hạnh đến nỗi chính hoàng đế và các quý tộc cũng phải ngạc nhiên trước lối sống chính trực, trí tuệ, đức tin chân chính và lòng nhân ái của ông. Trong tất cả những điều này, Théodor đã thành công nhờ có tấm gương sống trong sạch từ người chú đáng kính của mình là Gioan.

Đã được mười năm kể từ khi Đức Cha Gioan, vị cha thiêng liêng và thánh thiện, đảm nhận chức vụ giám mục, điều hành Giáo hội của Chúa Kitô vì lợi ích chung, thì chồng của chị gái ngài là Maria, tên là Pasinik, đã trở thành người cai trị Armenia. Dưới sự xúi giục của ma quỷ, hắn bắt đầu gây rối loạn cho Giáo hội được giao phó cho Gioan và gây hại cho Giáo hội, đồng thời khiến vị thánh đáng kính phải đau khổ: bằng cách can thiệp vào các công

---

Isichios, người sáng lập tu viện Isichites trên núi Athos, người đã giữ im lặng trong suốt 12 năm (ngày kỷ niệm của ngài là ngày 3 tháng 10 về việc kiêng nói, xem trong Mt 1:36, Ê-phê-sô 4:29, 5:3–4, Gia-cơ 3 và các đoạn khác.

[8394] Armenia – một vùng nằm ở phía tây bán đảo Tiểu Á, phía nam Iberia (hay Caucasus), phía bắc sông Tigris và Euphrates. Nicopolis – một trong những thành phố chính của Armenia

[8395] Marcian, hoàng đế Đông La Mã, trị vì từ năm 450 đến năm 457. Do đó, Giăng sinh năm 454.

[8396] Colonia – một thành phố ở Armenia thuộc Đế chế La Mã.

[8397] Sebaste – thành phố chính của Armenia, nằm gần nguồn sông Galion.

[8398] (Sáng Thế Ký 3:7, 10, 11) Ý thức về sự trần truồng xuất hiện ở A-đam là hậu quả của sự sa ngã; đối với con cháu A-đam, điều này đồng thời là lời nhắc nhở về tội lỗi của tổ phụ và những hậu quả đau buồn của tội lỗi đó đối với toàn thể nhân loại.

[8399] Zeno, hoàng đế Hy Lạp, trị vì từ năm 474 đến năm 491; Anastasius – từ năm 491 đến năm 527.

[8400] Justinian Đại đế trị vì từ năm 527 đến năm 566.

việc của Giáo hội, hắn dùng vũ lực lôi những người đang tìm kiếm sự che chở khỏi sự trừng phạt[8401] ra khỏi các nhà thờ, và không cho phép các linh mục và những người xây dựng Giáo hội lo liệu các công việc của Giáo hội. Đã nhiều lần Thánh Gioan khiêm nhường khẩn cầu ông ta – đừng can thiệp vào các công việc của Giáo hội và đừng gây hại cũng như bạo lực cho Giáo hội. Nhưng vị thống đốc vẫn cứng rắn và không chịu sửa đổi; sau khi chị gái của Thánh Gioan qua đời, ông ta lại hành động còn tồi tệ hơn nữa. Với trái tim đau đớn sâu sắc trước những điều ác gây ra cho Giáo hội, vị thánh buộc phải lên đường đến Constantinople gặp hoàng đế Zeno và tại đây, ngài đã tìm được sự ủng hộ từ Tổng giám mục Constantinople Euphemius[8402] , người đã dùng lời can thiệp của mình để giúp ngài trước mặt hoàng đế.

Nhìn thấy sự phù phiếm và hỗn loạn của thế gian này, Thánh Gioan đã nảy sinh ý định từ bỏ chức giám mục và lui về Thành Thánh Giêrusalem để trong sự thinh lặng, tận hiến cho Chúa. Sau khi cử hành Thánh lễ, ngài cho các linh mục và giáo sĩ đi cùng ngài ra về, còn bản thân ngài, bí mật khỏi mọi người, đã lui về bờ biển, lên thuyền và ra khơi đến thành thánh Giê-ru-sa-lem. Khi đến bệnh viện đầu tiên của thành thánh, nơi có nhà nguyện mang tên Thánh Đại Tử Đạo Giô-rê, ngài đã ở lại đây một thời gian, giả dạng một người ăn xin. Nhìn thấy sự hối hả của dân chúng, Thánh Gioan vô cùng đau buồn, khao khát một nơi yên tĩnh và trong nước mắt, ngài cầu xin Chúa chỉ cho ngài một nơi thanh thản, thuận lợi và thích hợp cho sự cứu rỗi. Một đêm nọ, trong lúc đang cầu nguyện hết lòng về điều này, ngài ngước mắt lên và bỗng thấy một ngôi sao sáng chói hiện ra, hình dạng giống như cây thánh giá; ngôi sao ấy đang tiến lại gần ngài, và từ ánh sáng rực rỡ của ngôi sao, ngài nghe thấy một tiếng nói: "Nếu ngươi muốn được cứu rỗi, hãy đi theo ánh sáng này."

Ngài lập tức vui mừng lên đường và được ngôi sao dẫn đến tu viện vĩ đại của vị Thánh Cha đáng kính và thánh thiện của chúng ta là Thánh Savva, khi ngài 39 tuổi, vào thời kỳ Thượng phụ Sallustius của Jerusalem đang tại vị[8403] .

Thánh Gioan đã gặp Thánh Savva đang đứng đầu một cộng đoàn gồm một trăm bốn mươi tu sĩ ẩn tu, những người sống trong cảnh nghèo khó về vật chất nhưng lại giàu có về tinh thần. Và Thánh Savva đã tiếp đón Thánh Gioan, rồi giao cho người quản lý tu viện giao cho ngài các công việc trong tu viện, mà không biết rằng trong Thánh Gioan đang ẩn chứa một kho tàng ân sủng thiêng liêng nào. Dù Thánh Savva có ân sủng của sự thấu thị, nhưng Thiên Chúa đã giấu ngài một bí mật: rằng Gioan là một giám mục, rằng ngài đã từ bỏ chức vụ giám mục vì Thiên Chúa và đến với ngài như một người bình thường. Đừng ai ngạc nhiên khi ngay cả những người có khả năng thấu thị cũng không phải lúc nào cũng nhìn thấu được: vì họ chỉ nhìn thấu và tiên tri những điều mà Thiên Chúa mặc khải cho họ, còn những điều Ngài không mặc khải, thì họ cũng không biết. Chính vì thế mà nhà tiên tri Ê-li-sê ( ) đã nói với người đầy tớ của mình về người phụ nữ Sa-ma-ri rằng: *"Hãy để cô ấy yên, tâm hồn cô ấy đang đau khổ, còn Chúa đã giấu điều đó khỏi tôi và không cho tôi biết"* (2 Vua 4:27)[8404] .

Sau khi được nhận vào tu viện, Thánh Gioan đã thực hiện các nhiệm vụ khác nhau do quản lý giao phó với sự vâng phục và tận tụy trọn vẹn. Vào thời điểm đó, một ngôi nhà tiếp đón khách đang được xây dựng tại tu viện, và Thánh Gioan được giao nhiệm vụ phục vụ những người thợ xây. Ông nấu ăn cho họ, mang nước, đưa đá và tham gia vào tất cả các công việc diễn ra tại công trường.

Hai năm sau khi đến tu viện, Thánh Gioan được giao nhiệm vụ tiếp đón những người lữ hành; và tại đây, ngài đã phục vụ anh em với lòng khiêm nhường, hiền lành và yêu thương. Sau đó, Thánh Savva bắt đầu xây dựng tu viện[8405] dành cho những người muốn gia nhập đời tu, để những ai mong muốn từ bỏ thế gian sẽ được huấn luyện tại tu viện này trước, rồi mới được nhận vào tu viện chính.

[8401] Đây là quyền tồn tại từ thời cổ đại của những người bị truy nã và bị kết án được tìm nơi ẩn náu trong các nhà thờ.

[8402] Euphemius – tổng giám mục Constantinople từ năm 490 đến năm 496.

[8403] Sallustius – tổng giám mục Jerusalem từ năm 486–494.

[8404] 4 Vua 4:27. Con trai của một người phụ nữ ở Sô-ma, người đã tiếp đãi nhà tiên tri Ê-li-sê, đã qua đời. Chìm trong đau buồn, bà lên núi Ca-rêm-ên để gặp nhà tiên tri. Thấy bà từ xa, Ê-li-sê sai người hầu của mình là Giê-xi đi đón bà và hỏi thăm sức khỏe của chồng và các con bà. Khi bà đến gần, không nói một lời nào, trong nỗi đau đớn tột cùng, bà quỳ sấp xuống dưới chân Ê-li-sê; còn Giê-xi-a định đẩy bà ra, thì Ê-li-sê đã nói với ông những lời nêu trên, cho thấy rằng vị tiên tri đã nhìn thấy nỗi đau của người phụ nữ, nhưng không biết nguyên nhân của nó.

[8405] Các tu viện cộng đồng (từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "chung", "cuộc sống") là những nơi mà các tu sĩ không chỉ được cung cấp bữa ăn mà còn cả quần áo và các vật dụng khác từ tu viện theo sự chỉ định của vị tu viện trưởng; còn về phần mình, họ bắt buộc phải dâng hiến toàn bộ công sức và thành quả lao động của mình cho nhu cầu chung của tu viện. Cuộc sống trong những tu viện này không khó khăn bằng cuộc sống trong sa mạc, vốn gắn liền với việc từ bỏ hoàn toàn mọi tiện nghi.

– Giống như hoa nở trước khi kết trái, – vị thánh nói, – thì cuộc sống ẩn tu trong tu viện cũng phải được tiền đề bằng cuộc sống tại ki-nô-vi; xin cho người mới nhập môn được nở rộ như cây được trồng, nhờ những bước đầu của lao động tại ki-nô-vi, và sẽ mang lại trái ngọt của những công đức hoàn hảo tại tu viện.

Tu viện của vị thánh nằm trong sa mạc, còn tu viện cộng đồng thì gần thế gian hơn, và khi tu viện này được xây dựng, Thánh Gioan lại được chỉ định phục vụ trong các công việc xây dựng. Lúc đó, vị thánh siêng năng này đảm nhận hai nhiệm vụ cùng lúc: phục vụ những người lữ hành tại nhà trọ, đồng thời mang bánh mì và các món ăn khác trên vai đến cho những người thợ xây dựng tu viện cộng đồng; còn tu viện thì cách nhà trọ dành cho khách lữ hành hơn mười stadia[8406] . Sau khi ngài đã cống hiến một năm trong công việc này, phục vụ anh em một cách tận tụy, Thánh Savva đã trao cho ngài một căn phòng để sống trong sự tĩnh lặng; tại đó, Thánh Gioan đã sống ba năm. Năm ngày trong tuần, ngài ở trong phòng tu không ra ngoài, không ăn uống gì trong những ngày đó và không gặp gỡ ai, chỉ giao tiếp với một mình Thiên Chúa; còn vào thứ Bảy và Chủ Nhật, ngài đến nhà thờ sớm hơn tất cả mọi người và đứng đó với lòng kính sợ và xúc động; những dòng nước mắt không ngừng tuôn trào từ đôi mắt ngài trong suốt Thánh lễ, và toàn thể anh em đều kinh ngạc trước ân sủng nước mắt đặc biệt ấy nơi ngài. Trong hai ngày đó, ngài dùng bữa cùng các anh em. Ba năm sau, Thánh Gioan được bổ nhiệm làm quản lý; nhờ công lao và sự phục vụ của ngài, cùng với ân sủng của Thiên Chúa, sự thịnh vượng của tu viện đã gia tăng đáng kể, vì Thiên Chúa đã ban ơn cho ngài trong mọi việc.

Thấy rằng Gioan đã hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ của một quản lý, Thánh Savva đã quyết định phong ngài làm linh mục, vì ngài là một tu sĩ xứng đáng và đã đạt đến sự hoàn hảo. Ngài đã cùng ông đến thành thánh Giê-ru-sa-lem, kể cho Đức Thượng phụ Ê-li[8407] (người kế vị Sallustius) nghe về đời sống đạo đức của Gioan và xin ngài phong chức linh mục cho Gioan. Đức Thượng phụ đã mời Gioan vào nhà thờ và định phong chức cho ngài. Thấy rằng mình không thể tránh khỏi việc này, Gioan đã thưa với Đức Thượng phụ thánh thiện:

– Thưa Đức Cha đáng kính, con có một lời thỉnh cầu bí mật dâng lên sự thánh thiện của ngài; xin ngài cho con được nói riêng với ngài, và nếu ngài nhận thấy con xứng đáng với chức vụ linh mục, thì con sẽ không từ chối.

Khi Đức Thượng phụ dẫn ông ra một góc riêng, Thánh Gioan quỳ xuống dưới chân Thánh Ê-li, người được Chúa yêu mến, và khẩn cầu ngài đừng tiết lộ cho ai những lời mà ông sắp nói với ngài. Đức Thượng phụ hứa sẽ giữ bí mật. Gioan nói:

– Thưa Cha! Con từng là giám mục của Colonia; vì vô số tội lỗi của mình, con đã từ bỏ chức giám mục, bỏ trốn và, khi còn khỏe mạnh, con đã tự nguyện phục vụ anh em, để những lời cầu nguyện của họ giúp đỡ linh hồn yếu đuối của con.

Thượng phụ Ê-li kinh hoàng khi nghe điều này, liền gọi Thánh Savva đến và nói:

– Gioan đã kể cho tôi nghe về những việc thầm kín của mình, những việc cản trở anh ta trở thành linh mục; từ nay trở đi, hãy để anh ta im lặng, và không ai được quấy rầy anh ta.

Thượng phụ nói vậy rồi cho cả hai ra về.

Thánh Savva vô cùng buồn bã. Ngài rời khỏi tu viện vĩ đại của mình, đi ba mươi stadia đến một hang động nào đó, rồi quỳ sấp xuống đất trước mặt Chúa với những giọt nước mắt và thốt lên: "Tại sao, lạy Chúa, Ngài lại khinh dể con, giấu con sự thật về cuộc đời của Gioan? Con đã lầm tưởng khi cho rằng anh ta xứng đáng với chức linh mục! Xin Ngài hãy cho con biết về anh ấy ngay lúc này, lạy Chúa: *'Linh hồn Ta đau đớn đến chết'* (Mt 26:38; Mc 14:34). Chẳng lẽ cái bình mà con từng cho là được chọn, thánh thiện, cần thiết và xứng đáng để nhận dầu thánh – lại trở nên vô dụng và không xứng đáng trước sự vĩ đại của Ngài sao?"

Thế là suốt đêm, Thánh Savva đã cầu nguyện trong nước mắt. Bấy giờ, một Thiên Thần của Đức Chúa Trời hiện ra với ngài và nói: "Giăng không phải là bình không xứng đáng, mà là bình được chọn, nhưng ngài là giám mục, nên không thể được phong làm linh mục."

Thiên thần nói vậy rồi biến mất. Còn Thánh Savva thì hân hoan vội vã đến phòng của Gioan, ôm lấy ông và nói:

– Thưa Cha Gioan! Cha đã giấu con về ân sủng của Thiên Chúa nơi Cha, nhưng chính Thiên Chúa đã mặc khải điều đó cho con.

[8406] "Stadia" là đơn vị đo chiều dài của người Hy Lạp, tương đương khoảng 88 "sazhen" của chúng ta.

[8407] Từ năm 494–517

– Con rất buồn vì điều này, thưa Cha, – Gioan đáp – con mong rằng không ai biết được bí mật này, nhưng cha đã biết rồi. Con không thể tiếp tục sống ở xứ sở này được nữa.

Savva đã thề với Gioan rằng sẽ không tiết lộ bí mật của ngài cho ai cả. Kể từ lúc đó, Thánh Gioan bắt đầu sống trong im lặng, ẩn dật trong phòng tu. Ngài không ra khỏi phòng, thậm chí không đến nhà thờ, không trò chuyện với ai, và không ai được vào gặp ngài, ngoại trừ một tu sĩ tập sự phục vụ ngài. Chỉ có một lần duy nhất, vào lễ Đức Mẹ Đồng Trinh Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội – Đấng mà nhà thờ trong tu viện đã được thánh hiến nhân danh – khi Đức Thượng Phụ Ilya đến tu viện dự lễ, Thánh Gioan mới bước ra khỏi phòng tu của mình để kính chào Đức Thượng Phụ. Đức Thượng Phụ rất yêu mến Thánh Gioan và vô cùng kính trọng ngài vì lòng khiêm nhường. Ioan đã sống trong im lặng suốt bốn năm. Sau đó, vị thánh phụ Savva lên đường đến vùng Skifopol[8408] và ở lại đó một thời gian, còn thánh Ioan, khao khát một cuộc sống ẩn dật và cô độc hơn, đã rời đi, vào năm thứ năm mươi kể từ khi sinh ra, đến sa mạc có tên là Ruva[8409] , và sống ở đó chín năm, ăn cỏ mọc trong sa mạc đó, được gọi là melagria[8410] . Vào những ngày đầu của cuộc sống ẩn dật, khi đang hái loại cỏ này để làm thức ăn cho mình, Gioan đã lạc lối trong những khu rừng rậm và vùng đất gồ ghề, không tìm thấy nơi ẩn náu của mình và, kiệt sức vì đi bộ, ngã xuống trong tình trạng gần như đã chết; nhưng đột nhiên, nhờ sức mạnh vô hình của Thiên Chúa, giống như nhà tiên tri Habacuc xưa kia, ngài được đưa lên trời và đưa về nơi ẩn náu của mình. Theo thời gian, vị thánh nhân đã thám hiểm các con đường trong sa mạc ấy và biết được rằng khoảng cách từ nơi ẩn náu của ngài đến nơi ngài bị lạc là năm poprishch[8411] . Sau đó, có một tu sĩ đến với ngài và ở lại cùng ngài một thời gian ngắn. Lễ Phục Sinh đang đến gần, và vị tu sĩ ấy nói với vị thánh nhân:

– Thưa Cha, chúng ta hãy đến tu viện, cùng mừng lễ Phục Sinh ở đó, rồi sau đó trở về. Đây là một lễ hội trọng đại, mà ở đây chúng ta chẳng có gì để ăn ngoài những quả melagria này!

Thánh Gioan không muốn đi, vì vị tu sĩ Savva vẫn chưa trở về tu viện từ vùng Skifopol, và ngài đáp lại lời mời của vị tu sĩ kia rằng:

– Anh ơi! Chúng ta không nên rời khỏi đây. Hãy tin rằng Đấng đã nuôi dưỡng sáu trăm ngàn dân Y-sơ-ra-ên trong sa mạc suốt bốn mươi năm – cũng sẽ nuôi dưỡng chúng ta ở đây và trong lễ Phục Sinh, Ngài sẽ ban cho chúng ta không chỉ những gì cần thiết, mà còn dư dật nữa. Trong Kinh Thánh có chép: *"Ta sẽ không bỏ rơi ngươi và cũng không lìa xa ngươi"* (Hê-bơ-rơ 13:5); và trong Phúc Âm: *"Vậy, đừng lo lắng và đừng nói: 'Chúng ta sẽ ăn gì? Uống gì? Mặc gì?'... vì Cha các con trên trời biết các con cần tất cả những điều đó. Hãy tìm kiếm trước hết Nước Trời và sự công chính của Ngài, thì tất cả những điều ấy sẽ được ban cho các con*" (Mt 6:31–33). Hãy kiên nhẫn, hỡi con, và bước đi trên con đường đau khổ; sự an nhàn thể xác và sự buông thả trong thế gian này sinh ra hình phạt vĩnh cửu, còn việc chế ngự xác thịt thì chuẩn bị sự an nghỉ vô tận.

Người anh em ấy không nghe theo những lời khuyên nhủ của vị thánh nhân, bỏ ông lại và đi vào tu viện. Sau khi anh ta ra đi, một người đàn ông hoàn toàn xa lạ với vị thánh nhân xuất hiện; con lừa của ông ta được chất đầy nhiều của cải: có bánh mì tươi và ấm, rượu vang và dầu ô liu, phô mai tươi, trứng và một xô mật ong. Người đàn ông ấy đặt tất cả những thứ đó trước mặt Thánh Gioan rồi lập tức ra về. Nhận ra đây là sự viếng thăm của Thiên Chúa, vị thánh đã hân hoan tạ ơn Thiên Chúa. Còn vị tu sĩ kia, trên đường trở về tu viện, đã lạc đường, lang thang ba ngày trong sa mạc và những vùng đất hiểm trở, vô cùng mệt mỏi; đói khát và kiệt sức vì hành trình gian nan, ông gần như không thể tìm lại nơi ẩn dật của vị thánh. Anh ta ngạc nhiên trước sự dồi dào của thức ăn và đồ uống mà Chúa đã ban xuống cho vị thánh nhân nhân dịp lễ; xấu hổ vì lòng thiếu đức tin của mình, không dám nhìn thẳng vào mắt vị thánh nhân già; anh ta quỳ xuống dưới chân ngài và xin tha thứ. Vị thánh nhân đã tha thứ cho anh ta và nói:

– Hãy tin chắc đi, anh em ơi, rằng Đức Chúa Trời có thể dọn sẵn bữa ăn ngay cả trong sa mạc cho các tôi tớ của Ngài.

[8408] Scythopolis – một thành phố nằm cách Jerusalem 620 "stade". Vào thời đó, thành phố này đang ở thời kỳ hưng thịnh và được gọi là "Cổng Thiên đàng", "thành phố của cây cọ và cây ô liu". Giờ đây, nơi đây chỉ còn là một ngôi làng nghèo nàn giữa sa mạc cằn cỗi.

[8409] Sa mạc Giu-đê, nơi Thánh Gioan ẩn dật, được chia thành nhiều phần. Phần bên trong của nó, gần bờ tây bắc Biển Chết, được gọi là *Ruva.*

[8410] Melagria – một loài thực vật sa mạc ít được biết đến ở Palestine, có vị hơi đắng.

[8411] Poprishe – dài hơn một verst của chúng ta một chút.

Vào thời điểm đó, Alamundar, thủ lĩnh người Saracen[8412] , thuộc quyền cai trị của Ba Tư, đã xâm lược Ả Rập[8413] và Palestine, tấn công người dân một cách tàn bạo và bắt họ làm tù binh. Lúc bấy giờ, vô số kẻ man rợ đã tản mác khắp sa mạc, nơi Thánh Gioan đang ẩn dật, và tin tức lan truyền khắp các tu viện, kêu gọi mọi người sẵn sàng đối phó với cuộc xâm lược của bọn man rợ. Các vị tu sĩ của tu viện vĩ đại đã báo tin về bọn man rợ cho Thánh Gioan Người Im Lặng và khuyên ngài trở về tu viện và ở lại trong phòng tu của mình. Nhưng Thánh Gioan, dù phần nào cũng sợ bọn man di, vẫn không muốn từ bỏ cuộc sống thầm lặng của mình trong sa mạc. Ngài tự nhủ: *"Chúa là ánh sáng và sự cứu rỗi của con: con còn sợ ai nữa? Chúa là pháo đài của đời con: con còn sợ ai nữa?"* (Thánh Vịnh 26:1). Nếu Chúa không bảo vệ tôi, cũng không chăm sóc tôi, thì tôi còn sống để làm gì?"

Và, với niềm tin cậy vào sự giúp đỡ của Đấng Tối Cao, ngài vẫn ở lại nơi mình mà không hề dao động. Còn Đức Chúa Trời, Đấng luôn quan tâm đến các tôi tớ của Ngài và gìn giữ họ trên mọi nẻo đường, đã muốn bảo vệ vị thánh nhân này của Ngài được an toàn và vô sự, nên đã sai một con sư tử to lớn và đáng sợ đến làm người canh gác cho ông, con sư tử ấy ngày đêm không rời không rời canh giữ ông; và dù bọn man rợ có tấn công vị thánh bao nhiêu lần đi chăng nữa, con sư tử ấy luôn lao vào chúng với cơn thịnh nộ dữ dội, đánh bại và khiến chúng phải tháo chạy, còn thánh Gioan thì tạ ơn Thiên Chúa, *"vì [Chúa] sẽ không để cây gậy của kẻ gian ác đè lên phần của người công chính"* (Tv 124:3).

Khi Thánh Savva trở về tu viện của mình, ngài đã đến gặp Thánh Gioan trong sa mạc và nói với ngài:

– Này, Chúa đã bảo vệ ngươi khỏi cuộc xâm lược của bọn man di, ban cho ngươi một người canh gác hữu hình. Nhưng dù sao ngươi cũng phải làm như những người khác: hãy thu dọn đồ đạc và chạy trốn, như các vị cha sa mạc khác đã làm.

Vị thánh đáng kính còn nói nhiều điều khác để khuyên nhủ Thánh Gioan và thuyết phục ngài rời khỏi sa mạc. Sau khi đưa ngài về tu viện lớn, ngài đã cấp cho ngài một phòng tu – và Thánh Gioan lại tiếp tục sống trong tu viện, vào năm thứ năm mươi sáu kể từ khi ngài chào đời.

Ngoài Đức Thượng phụ Ê-li và vị thánh tu sĩ Sa-va, không ai biết bí mật của Gioan, rằng ngài là giám mục – và hai vị ấy đã giấu kín điều đó. Nhưng thời gian trôi qua, và Đức Chúa Trời đã thương xót tiết lộ điều đó cho tất cả các tu sĩ. Sự việc diễn ra như sau. Có một người đàn ông tên là Ê-phê-ri đến từ xứ Á Châu, mang tước vị tổng giám mục; sau khi cúi đầu thờ lạy Thánh Giá ban sự sống của Chúa và các thánh địa, đồng thời phân phát nhiều vàng cho người nghèo và các tu viện, ông quyết định trở về quê hương, rời khỏi thành thánh và lên tàu. Sau một thời gian ngắn ra khơi, gió ngược nổi lên trên biển, buộc Eférius phải quay trở lại Ascalon[8414] . Sau khi ở lại đây hai ngày, ông định tiếp tục hành trình, nhưng Thiên thần của Chúa đã hiện ra với ông trong giấc mơ và nói:

– Trước khi lên đường về quê hương, ngươi phải trở lại thành thánh và đến tu viện của Thánh Sava[8415] , ở đó ngươi sẽ gặp Thánh Gioan Người Im Lặng, một người công chính và đức hạnh, một giám mục đã từ bỏ mọi sự vì Chúa và tự hạ mình trong sự nghèo khó tự nguyện cùng sự vâng phục.

Khi tỉnh dậy, Eféri trở về Giê-ru-sa-lem, đến tu viện của Thánh Savva và hỏi về Gioan Người Im Lặng; người ta chỉ cho anh căn phòng của Gioan. Anh bước vào và ở lại với ngài hai ngày, cầu xin và khẩn cầu nhân danh Thiên Chúa để ngài tiết lộ cho anh về dòng dõi, quê hương và chức giám mục của mình. Nhận thấy đây là ý muốn của Đức Chúa Trời, Gioan đã kể lại mọi chuyện một cách chi tiết. Kể từ đó, cả tu viện đều biết rằng Gioan Người Im Lặng là một giám mục, và mọi người đều vô cùng kinh ngạc trước sự khiêm nhường vĩ đại của ngài.

Vào năm thứ bảy mươi trong cuộc đời của Gioan[8416] , vào ngày 5 tháng 12, vị thánh và cha thánh Savva đã về với Chúa. Gioan không có mặt khi linh hồn của thánh Savva lìa khỏi thân xác, và ông đã vô cùng đau buồn trong lòng và khóc lóc. Nhưng thánh Savva đã hiện ra với ông trong một giấc mơ và nói:

– Xin đừng buồn vì sự ra đi của con, thưa Cha Ioann: dù thân xác con đã xa cách Cha, nhưng linh hồn con vẫn ở cùng Cha.

Thánh Gioan thưa với ngài:

– Xin cha cầu nguyện cùng Chúa, để Ngài cũng đưa con đi cùng cha.

[8412] Thuật ngữ "Saracens" thường dùng để chỉ các bộ lạc cướp bóc Ả Rập, du mục ở Ả Rập. Đôi khi, tên gọi này cũng được dùng để chỉ chung tất cả các dân tộc Hồi giáo.

[8413] Ả Rập chiếm một bán đảo rộng lớn ở phía tây nam châu Á, được bao quanh bởi vùng biển Vịnh Ba Tư.

[8414] Ascalon – một thành phố Palestine có cảng, nằm trên bờ Đông của Biển Địa Trung Hải, cách Jerusalem 520 stade.

[8415] Avva – nghĩa là "cha"; danh xưng này chủ yếu được dùng để chỉ các vị trụ trì tu viện.

[8416] Thánh Savva qua đời vào năm 532.

– Hiện tại điều đó không thể xảy ra, – Thánh Savva đáp, – vì một thử thách lớn đang chờ đợi tu viện; còn ý Chúa là ngài phải phục vụ để củng cố những ai sẽ đứng lên bảo vệ đức tin chân chính trước những kẻ dị giáo.

Cảnh tượng và cuộc trò chuyện với Thánh Savva đã làm tràn ngập lòng Thánh Gioan bằng niềm vui thiêng liêng, nhưng trái tim ngài lại đau buồn trước thử thách sắp tới. Sau đó, ngài nảy sinh mong muốn được chứng kiến linh hồn lìa khỏi thân xác; và khi ngài cầu nguyện với Chúa về điều đó, tâm trí ngài được đưa đến thành Bethlehem thánh[8417] , và ngài chứng kiến sự ra đi của một người lữ hành từng sống tại nhà thờ ở đó, linh hồn của người ấy được các Thiên thần đưa lên trời trong tiếng hát ngọt ngào. Thánh Gioan đã chứng kiến điều này bằng đôi mắt tâm linh. Ngay lập tức, ngài lên đường đến Bethlehem và tìm thấy thi thể của người đàn ông đã qua đời, đang nằm bên cạnh nhà thờ, đúng như những gì đã được mặc khải cho ngài trong thị kiến: người đàn ông này đã qua đời vào chính giờ phút mà Thánh Gioan, khi đang ngồi trong phòng tu, đã thấy linh hồn ông được các Thiên thần đưa lên trời cùng với tiếng hát. Với tình yêu thương, Thánh Gioan ôm lấy thi thể và hôn lên đó, rồi chôn cất tại chính nơi đó và trở về phòng tu của mình.

Hai môn đệ của Thánh Gioan, là Thêôđôri và Gioan, đã kể lại cho tu sĩ Cyril – người đã ghi chép cuộc đời của ngài – như sau:

– Sau khi Thánh Savva qua đời, cha chúng tôi đã sai chúng tôi đi Liviada[8418] với một nhiệm vụ. Khi băng qua sông Jordan, chúng tôi gặp một số người và họ nói: "Hãy cẩn thận, phía trước các anh có một con sư tử." Chúng tôi nghĩ thầm: "Chúa hùng mạnh sẽ bảo vệ chúng tôi nhờ những lời cầu nguyện của cha chúng tôi, người đã ra lệnh cho chúng tôi thực hiện chuyến đi này." Nói xong, chúng tôi tiếp tục đi. Bỗng nhiên, chúng tôi nhìn thấy một con sư tử đáng sợ đang tiến về phía chúng tôi. Chúng tôi hoảng sợ, sức lực như rời bỏ chúng tôi, đến nỗi không thể chạy trốn và cứ như đã chết vậy. Và bỗng chốc, cha chúng tôi, vị thánh thiện Gioan, hiện ra giữa chúng tôi, ra lệnh cho chúng tôi đừng sợ. Lúc đó, con sư tử, như thể bị đánh đuổi bởi một cú roi, đã chạy trốn khỏi chúng tôi, còn cha thì biến mất khỏi tầm mắt. Sau khi nghỉ ngơi, chúng tôi tiếp tục lên đường, vẫn bình an vô sự. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao, chúng tôi trở về gặp cha, và khi gặp lại, ngài nói: "Các con thấy đó, cha cũng đã vâng lời cùng các con, và ngay tại đây, cha cũng đã hết lòng cầu nguyện với Chúa vì các con, và Ngài đã ban ân sủng cho các con."

Đây là điều mà một đệ tử của Gioan đã kể lại cho Cyril. Vị tu sĩ kiên nhẫn vĩ đại này đã sống bằng bánh mì suốt nhiều năm, thay vì muối thì thường dùng tro, và ăn bánh mì cùng với tro. Một lần nọ, ông quên đóng cửa sổ phòng tu của mình trong lúc dùng bữa; một đệ tử đã áp mặt vào cửa sổ và thấy Gioan đang ăn bánh mì với tro. Vị tu sĩ già cảm thấy buồn vì sự khổ hạnh của mình đã bị nhìn thấy, còn đệ tử, muốn an ủi ngài, đã nói: "Không chỉ riêng cha làm như vậy, thưa cha, mà nhiều vị tu sĩ trong tu viện này cũng đang thực hiện lời Kinh Thánh: *'Con ăn tro như bánh'* (Thánh Vịnh 101:10)," – và điều này đã an ủi vị tu sĩ già.

Vào thời điểm đó, tà thuyết của Origen đã nảy sinh. Nhiều người bị lôi cuốn bởi nó và gây rối loạn cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời, trong khi những người khác kiên quyết chống lại tà thuyết, và những người này đã tìm được sự ủng hộ từ vị thánh John Người Im Lặng, người lúc bấy giờ đã từ bỏ sự im lặng và dùng lời nói của mình như một thanh gươm để đánh bại những kẻ tà giáo, chém đứt và tiêu diệt những giáo lý báng bổ của Origen. Chính về thử thách này, vốn định ập xuống tu viện, mà vị thánh Gioan Savva đã được báo trước trong một thị kiến: bởi vì tu viện đã phải hứng chịu sự bắt bớ không nhỏ từ những kẻ dị giáo, đến nỗi ngay cả nhiều vị cha tu hành, sau khi bị lây nhiễm bởi những giáo lý dị giáo, đã rơi vào nghi ngờ và dao động trong tâm trí. Chính vì lý do đó mà Đức Chúa Trời đã cho phép Thánh Gioan được sống tại tu viện ấy, để an ủi những người nhút nhát và củng cố những người yếu đuối. Vào thời điểm đó, Cyril từ vùng Skifopol đã đến gặp ngài, người sau này đã ghi chép lại cuộc đời của ngài. Cyril kể về chính mình như sau:

– Khi tôi định rời bỏ nhà cửa để lên thành thánh Giê-ru-sa-lem, với ý định gia nhập đời sống tu sĩ tại một tu viện nào đó ở đó, người mẹ yêu mến Chúa của tôi đã dặn dò tôi rằng, đừng bao giờ bắt đầu bất kỳ việc gì nhằm cứu rỗi linh hồn mình mà không có lời khuyên và sự chỉ dẫn của Thánh Gioan, "Để con không bị cám dỗ – bà nói – bởi tà thuyết của Origen và không sa ngã ngay từ đầu con đường tu hành của con." Khi đến Jerusalem, tôi đến tu viện Thánh Savva, cúi đầu kính lễ Thánh Gioan đáng kính, bày tỏ ý định của mình với ngài và xin ngài lời khuyên hữu ích. Ngài nói với tôi:

[8417] Bê-lem – thành phố nơi Chúa Giê-su Ki-tô ra đời, nằm ở phía nam Giê-ru-sa-lem.

[8418] Liviada – một vùng đất ở phía đông sông Jordan.

– Nếu con muốn được cứu rỗi, hãy đến tu viện của Thánh Euphymius vĩ đại.

Tôi rời khỏi ngài và, với tư cách là một thanh niên non nớt và thiếu khôn ngoan, đã không tuân theo lời dạy của ngài, mà khi đến sông Jordan, tôi đã vào tu viện được gọi là Arundinite (tu viện lau sậy). Hành trình của tôi không suôn sẻ; tôi mắc phải một căn bệnh nặng, nỗi buồn và sự u sầu bao trùm lấy tôi vì tôi là một lữ khách và thân thể yếu đuối. Lúc đó, Thánh Gioan hiện ra với tôi trong giấc mơ và nói:

– Vì con đã không vâng lời ta, nên con bị trừng phạt bằng căn bệnh này. Bây giờ hãy đứng dậy và đi đến Giê-ri-cô[8419] ; ở đó, trong nhà trọ của Abba Euphimius, con sẽ gặp một tu sĩ già, hãy theo ông ấy đến tu viện Euphimius – và con sẽ được cứu rỗi.

Ngay lập tức khi tỉnh dậy, tôi cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh và đi theo lệnh của vị thánh phụ đến Giê-ri-cô; ở đó, đúng như ngài đã nói với tôi, tôi gặp một tu sĩ già, đức hạnh và khôn ngoan, người đã dẫn tôi đến tu viện của Thánh Euphymius vĩ đại, nơi tôi đã định cư. Tôi cũng thường đến tu viện Thánh Savva để gặp vị tu sĩ đáng kính Gioan và nhận được từ ngài những lợi ích to lớn cho tâm hồn tôi. Có lần tôi cảm thấy bối rối và bị ám ảnh bởi những ý nghĩ của ma quỷ, nhưng khi xưng tội với vị tu sĩ đáng kính ấy, nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài, tôi lập tức được giải thoát, và sự bình an đã trở lại trong lòng tôi.

Đó là những gì tu sĩ Kirill đã kể về bản thân mình. Chính Kirill này đã được Thánh John cử đến Tu viện Sukia cùng với những cuốn sách để gặp Thánh Cyriacus, vị ẩn sĩ[8420] .

Một lần nọ, Kirill đang ngồi bên cửa sổ phòng tu của vị thánh tu sĩ Ioann. Bỗng có một người tên là Georgy đến, dẫn theo con trai mình – đứa trẻ đang bị quỷ ám – rồi quỳ gối trước cửa sổ và tự mình lui ra. Thánh Gioan nhận ra rằng cậu bé đang nằm đó và khóc lóc đã bị linh hồn ô uế ám; được lòng thương xót thúc đẩy, ngài đã dâng lời cầu nguyện và xức dầu thánh lên cậu bé, và ngay lập tức linh hồn ô uế rời khỏi cậu bé, và từ lúc đó cậu trở nên khỏe mạnh.

Thánh Eustathius, người đã tu hành sau Thánh Sergius trong hang động của Thánh Savvas, một người có đức tin sâu sắc và đạo đức, đã kể về chính mình:

– Có lần, một linh hồn phỉ báng đã xâm chiếm tôi và làm tôi vô cùng bối rối bởi những ý nghĩ phỉ báng Thiên Chúa và những điều thiêng liêng, khiến tôi chìm trong nỗi đau khổ tột cùng. Tôi đã đến gặp Thánh Gioan Người Im Lặng, kể cho ngài nghe nỗi khổ của mình và cầu xin sự trợ giúp từ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài. Thánh Gioan đã cầu nguyện với Thiên Chúa cho tôi, rồi nói với tôi: "Chúa được ngợi khen, con yêu dấu của ta! Những ý nghĩ phỉ báng sẽ không còn đến gần con nữa." Lời của vị trưởng lão đã ứng nghiệm, vì kể từ lúc đó, tôi không còn cảm thấy bất kỳ ý nghĩ phỉ báng nào trong lòng mình nữa.

Có một người phụ nữ gốc Cappadocia[8421] , tên là Vasilina, là nữ phó tế[8422] của Giáo hội Thánh Constantinopolis, đã đến Jerusalem cùng với cháu trai của mình, một người có địa vị cao quý; đó là chồng của bà , một người thực sự đạo đức, mặc dù ông theo tà thuyết của phương Bắc[8423] và vì thế không thuộc về Giáo hội Công giáo Thánh. Vị nữ phó tế đạo đức này đã nỗ lực rất nhiều để dẫn dắt anh ta trở lại đức tin chân chính và gia nhập Giáo hội Thánh, đồng thời tha thiết xin từng vị thánh phụ cầu nguyện cho anh ta trước mặt Thiên Chúa. Khi nghe nói về Thánh Gioan, bà cũng mong muốn được đến thờ lạy ngài; nhưng khi biết rằng phụ nữ không được phép vào

---

[8419] Giê-ri-cô – một trong những thành phố cổ xưa nhất của Palestine – nằm cách Giê-ru-sa-lem 6 giờ đường đi, trên bờ tây sông Jordan.

[8420] Ngày tưởng niệm ngài là ngày 29 tháng 9 Tu viện Sukia (theo tên tiếng Syriac, còn theo tiếng Hy Lạp là Tu viện Cỏ) được Thánh Chariton thành lập vào nửa đầu thế kỷ IV, và tọa lạc tại một vùng hoang vu hẻo lánh trong sa mạc Giu-đê.

[8421] Cappadocia – tỉnh cực đông của Tiểu Á, là quê hương của các vị Thánh Cha và các vị Thầy vĩ đại của Giáo Hội: Thánh Grêgôriô Nazianzen, Giám mục Neocaesarea.

[8422] Diakonia – từ tiếng Hy Lạp. Đây là tên gọi của một loại chức vụ đặc biệt trong Giáo hội, có nguồn gốc từ thời các Tông đồ (Rô-ma 16:1; 1 Ti-mô-thê 5:3–10). Những người được bầu vào chức vụ diaconissa là những phụ nữ đã có tuổi (không dưới 40 tuổi), còn trinh hoặc góa phụ. Nhiệm vụ của họ là hướng dẫn các phụ nữ và thiếu nữ mới tin Chúa về cách ứng xử trong lễ rửa tội, phụ giúp giám mục trong lễ rửa tội của họ và thay mặt ngài thực hiện việc xức dầu cho các bộ phận cơ thể khác ngoài trán, v.v., giữ trật tự và đạo đức trong hàng ngũ phụ nữ trong các thánh lễ, thăm viếng người bệnh, người nghèo khó, những người bị giam cầm trong ngục tối, phục vụ các vị xưng tội và các vị tử đạo đang bị giam giữ, giúp đỡ những người nghèo khó, v.v. Tại Giáo hội Constantinopolis, số lượng nữ phó tế được quy định tối đa là 40 người. Về các nữ phó tế, có một số quy định giáo luật, cụ thể là: Điều 15 của Công đồng Đại kết lần thứ 4, Điều 14 của Công đồng lần thứ 4 và Điều 44 của Thánh Basil Đại đế.

[8423] Severus – Thượng phụ Antioch từ năm 512–518 – là một trong những đại diện ôn hòa của tà thuyết Monophysite, người chỉ công nhận trong Đức Kitô một bản tính Thần linh duy nhất, mà theo ông, đã hoàn toàn nuốt chửng bản tính nhân loại trong Ngài. Tuy nhiên, Severus, dù kiên quyết khẳng định bản tính duy nhất của Đức Kitô, vẫn thừa nhận sự khác biệt giữa các thuộc tính thần thánh và nhân loại trong bản tính đó, và công nhận rằng xác thịt của Đức Kitô trước khi phục sinh cũng giống như xác thịt phàm trần của chúng ta.

tu viện, bà đã gọi Theodoros, môn đệ của Thánh Gioan, và xin anh ta dẫn người đi cùng bà đến gặp vị thánh già. Bà tin rằng nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Gioan, Thiên Chúa sẽ làm dịu bớt lòng cứng cỏi của người lầm lạc và khiến anh ta xứng đáng được hiệp thông với Giáo Hội Công Giáo. Thêôđôr dẫn người đàn ông bị tà giáo làm hư hỏng đến gặp vị thánh già, cúi đầu chào theo nghi thức và nói:

– Xin cha ban phước lành cho chúng con!

Lúc đó, vị tu sĩ già nói với môn đệ:

– Ta sẽ ban phước cho con, nhưng người đi cùng con thì không được ban phước.

– Không, thưa Cha, – đệ tử phản đối, – xin ban phước lành cho cả hai chúng con.

Vị tu sĩ già đáp:

– Không, ta sẽ không ban phước cho người kia, cho đến khi anh ta từ bỏ những tư tưởng dị giáo xấu xa và hứa sẽ gia nhập Giáo Hội Công Giáo.

Người có tư tưởng sai lầm đã kinh ngạc trước sự sáng suốt đầy ân sủng của vị tu sĩ; phép lạ này đã mang lại sự thay đổi trong lòng anh ta, và anh ta thực sự hứa sẽ gia nhập hàng ngũ những người chính thống. Lúc đó, vị tu sĩ già đã ban phước lành cho anh ta, bằng những lời dạy được Thánh Thần soi dẫn, ngài đã giải tỏa mọi nghi ngờ trong lòng anh ta, cho anh ta rước các Bí tích Thánh Thể và tiễn anh ta ra về trong bình an, đưa anh ta trở lại với đức tin chân chính. Khi biết được điều này, nữ phó tế đạo đức Vasilina càng khao khát được tận mắt nhìn thấy vị tu sĩ thánh thiện. Cô quyết định mặc trang phục nam giới, đến tu viện của ngài và thú nhận những suy nghĩ của mình. Được Thiên Thần báo trước về ý định của Vasilina, vị tu sĩ già đã sai người đến nói với cô:

– Hãy biết rằng, dù con có đến gặp ta như đã định, con cũng sẽ không thấy ta; vì vậy, đừng vất vả nữa, mà hãy ở lại nơi con đang ở, ta sẽ hiện ra với con trong giấc mơ, lắng nghe những gì con muốn nói với ta, và chính ta sẽ nói những điều mà Đức Chúa Trời chỉ dẫn ta truyền đạt cho con.

Nữ phó tế kinh ngạc trước sự thấu suốt của Thánh Gioan, rằng ngài có thể nhìn thấu những suy nghĩ của con người từ xa, và cô đã ở lại, chờ đợi sự hiện ra của ngài. Vào một đêm nọ, vị thánh hiện ra với cô trong giấc mơ và nói:

– Này, Đức Chúa Trời sai ta đến với con; hãy nói cho ta biết, con muốn gì?

Cô đã thú nhận những suy nghĩ của mình với ngài, và nhận được từ ngài sự chữa lành tâm hồn xứng đáng. Sau khi ban cho cô lời dạy dỗ, vị thánh trở nên vô hình, còn Vasylina, khi tỉnh dậy, đã dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời.

Nơi có căn phòng tu hành của vị thánh nhân là vùng đất đá và khô cằn; đất cứng, hoàn toàn thiếu độ ẩm, không cho phép cây cối hay cỏ dại mọc lên ở đó. Một lần nọ, vị thánh nhân lấy một hạt giống cây sung[8424] và nói với hai đệ tử của mình là Theodor và Ioann:

– Hãy nghe ta đây, các con: nếu, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, hạt giống này nảy mầm trên tảng đá cứng này, đâm chồi nảy nhánh và kết trái, thì các con hãy biết rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho ta một nơi an nghỉ trong Nước Trời.

Nói xong, ngài gieo hạt giống lên tảng đá gần phòng tu của mình. Đức Chúa Trời, Đấng đã khiến cây gậy khô của A-rôn nảy mầm theo ý muốn của Ngài, đã ban hơi ẩm cho tảng đá cứng và cho hạt giống cây sung nảy mầm, để tỏ ra ân sủng mà Ngài ban cho người tôi tớ trung thành của Ngài. Cây sung mọc lên từ đất, dần dần vươn cao, thậm chí chạm tới mái nhà tu viện, rồi che phủ toàn bộ tu viện bằng những cành lá của mình, và theo thời gian, nó đã kết trái – ba quả sung. Sau khi hái chúng xuống, vị tu sĩ già đã rơi lệ tạ ơn Đức Chúa Trời, liếm và nếm thử chúng cùng các môn đệ. Sau khi nếm những quả sung đó, ông bắt đầu chuẩn bị cho giờ lâm chung, khi đã ở tuổi rất cao[8425] .

Sau khi sống trọn 104 năm cuộc đời, ngài đã an nghỉ trong Chúa Cứu Thế của chúng ta[8426] , vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. A-men.

[8424] Cây vả là loài cây rất phổ biến ở Giu-đê, có lá rộng, cho quả rất ngon – quả vả.

[8425] Thánh Gioan Người Im Lặng qua đời vào năm 558. Xác thánh của ngài, dường như vẫn còn sống, đã được vị hành hương người Nga là Tu viện trưởng Đaniel nhìn thấy tại Tu viện Thánh Savva vào đầu thế kỷ XII.

[8426] Khi vị thánh đã bước vào tuổi già, một đệ tử của ngài đã mở cửa phòng ngài để phục vụ ngài. "Lúc đó," ông kể lại, "tôi bước vào phòng ngài và chứng kiến một phép lạ kỳ diệu với cây đó, tôi đã suy ngẫm kỹ lưỡng xem nó đã bén rễ như thế nào, và liệu có khe nứt nào trong tảng đá hay không, nhưng không thể tìm thấy, nên trong sự ngạc nhiên, tôi đã thốt lên: *'Ôi, sự phong phú, sự khôn ngoan và sự hiểu biết vô biên của Đức Chúa Trời! Làm sao số phận của Ngài lại khó hiểu đến thế, và con đường của Ngài lại không thể dò xét được!"* (Rô-

Ngày qua đời của Thánh Savva Storozhevsky

Ngày tưởng niệm: 3 tháng 12

Thánh Cha Savva của chúng ta ngay từ thuở thiếu thời đã yêu mến Chúa Kitô và ghét bỏ thế gian. Ngài đã đến với Thánh Sergius Radonezhsky và nhận lễ xuất gia từ ngài. Trong đời sống tu sĩ, ngài, khao khát những ân huệ trên trời mà Chúa đã chuẩn bị sẵn cho những ai làm đẹp lòng Ngài, đã chiến đấu với những dục vọng bằng lòng nhiệt thành đặc biệt và rèn luyện các đức tính. Ngài đã phải chịu đựng nhiều cám dỗ và sự dụ dỗ từ ma quỷ, nhưng nhờ ơn Chúa, ngài đã chiến thắng tất cả, không ngừng tuân giữ việc ăn chay, thức đêm cầu nguyện và các việc tu hành thiêng liêng khác.

Sau khi đã vững vàng trong các đức hạnh, Thánh Savva đã giành được danh tiếng tốt đẹp và sự kính trọng của các hoàng tử. Hoàng tử Georgy Dimitrievich, người yêu mến Chúa Kitô[8427] , đã đến tu viện của Thánh Savva và nài nỉ ngài thành lập một tu viện tại một vị trí thuận lợi trong lãnh địa của mình. Lúc bấy giờ, Thánh Savva rời tu viện của Thánh Sergius và định cư tại một nơi hoang vắng trên ngọn núi có tên là Storozhi, ở thượng nguồn sông Moskva, gần Zvenigorod, cách thủ đô Moskva khoảng 50 verst; ngài đã chọn nơi này làm địa điểm cho tu viện tương lai. Tại đây, Thánh Savva sống trong sự im lặng và ẩn dật tuyệt đối, chịu đựng cả giá rét lẫn nắng nóng. Tuy nhiên, vị thánh không phải sống một mình lâu. Tin đồn về những việc làm cao cả và đời sống thánh thiện của ngài nhanh chóng lan rộng, và các tu sĩ cùng giáo dân từ khắp nơi bắt đầu tìm đến Thánh Savva, xin ngài hướng dẫn họ trong đời sống tâm linh. Thánh nhân đón tiếp tất cả những ai đến với ngài bằng tình yêu thương, làm gương cho họ về sự khiêm nhường và lao động tu hành: chính ngài múc nước từ sông, vác trên vai lên ngọn núi cao, và thực hiện những công việc cần thiết khác. Bằng cách này, ngài mong muốn rèn luyện các tu sĩ về lao động, để họ không lãng phí ngày tháng trong sự lười biếng, vốn là nguồn gốc của mọi tệ nạn.

Sau đó, Hoàng tử Georgy Dmitrievich, người yêu mến Chúa Kitô, đã cung cấp cho vị thánh những nguồn lực cần thiết để xây dựng nhà thờ, và Thánh Savva đã dựng nên nhà thờ để tôn vinh Lễ Giáng Sinh cao quý và vinh hiển của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, đồng thời thiết lập một tu viện tuyệt vời và vĩ đại, nhằm mang lại sự cứu rỗi cho các tu sĩ khi sống tại đó.

Vị thánh là vị mục tử nhân từ của đoàn chiên Chúa Kitô tụ họp tại tu viện này, và bằng cách dẫn dắt họ đến đồng cỏ thiêng liêng, ngài đã củng cố họ trong nhiều đức tính cao đẹp. Khi đã cao tuổi, Thánh Savva lâm bệnh, ngài đã triệu tập các tu sĩ, dạy dỗ họ về Kinh Thánh, khuyên nhủ họ giữ sự trong sạch về thể xác, sống trong tình yêu thương lẫn nhau, trang điểm bản thân bằng sự khiêm nhường, và không ngừng giữ chay tịnh và cầu nguyện. Sau đó, vị thánh đã bổ nhiệm một trong những môn đệ của mình làm vị tu viện trưởng, và truyền lệnh cho toàn thể các tu sĩ phải tuân phục và vâng lời vị tu viện trưởng. Sau khi ban bình an và nụ hôn từ biệt cuối cùng cho mọi người, Thánh Savva đã an nghỉ trong sự xưng tội tốt lành, phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa vào ngày 3 tháng 12 năm[8428] .

Tin tức về sự ra đi của vị thánh đáng kính này nhanh chóng lan truyền khắp vùng lân cận, và tất cả những công dân yêu mến Chúa Kitô ở Zvenigorod, từ giới quý tộc đến dân thường, đều tụ tập với tình yêu thương sâu sắc để dự lễ an táng vị thánh đã qua đời, đồng thời mang theo những người ốm yếu và bệnh tật. Sau khi cử hành nghi thức ca ngợi trước mộ người quá cố, họ đã an táng ngài một cách trang trọng tại nhà thờ Lễ Giáng Sinh Đức Mẹ Đồng Trinh do chính ngài xây dựng. Cho đến ngày nay, di cốt thánh thiện của Thánh Savva vẫn tiếp tục ban phát nhiều phép lạ chữa lành đa dạng cho tất cả những ai với lòng tin thành kính đến với chúng, để tôn vinh Chúa Kitô,

---

ma 11:33), bởi vì những ai đã sống lâu năm trong tu viện đều biết rằng, do cái nóng gay gắt và không khí khô hạn ở tu viện, nên không có cây vả hay bất kỳ loại cây nào khác mọc được, dù ở nơi trống trải hay kín đáo. Nếu ai chỉ vào những cây thuộc dòng tu nhỏ của tu viện nằm bên đường, thì hãy biết rằng chúng là thành quả của lời cầu nguyện của Thánh Savva, người đã tìm thấy đất sâu và nguồn nước dồi dào từ dòng suối mùa đông, cũng như là thành quả của các bậc tiền bối trong dòng tu, những người cho đến nay vẫn tưới nước từ dòng suối cho những cây này suốt mùa đông; hơn nữa, nhiều người đã vất vả chăm sóc những cây bên dòng suối, nơi đất sâu, và dù tưới nước cho chúng suốt cả mùa đông, họ cũng chỉ có thể thu hoạch được chút ít mỗi năm, do đất khô cằn và nắng nóng gay gắt".

[8427] Công tước Zvenigorodsky, con trai út của Đại công tước Moskva Dmitry Donskoy.

[8428] Năm 1407.

Thiên Chúa của chúng ta, Đấng thực hiện những phép lạ vinh quang qua các vị thánh của Ngài, và cả sau khi các ngài qua đời. Vinh quang thuộc về Chúa chúng ta, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.

- Câu chuyện về những phép lạ của Thánh Savva

Nhiều năm sau khi Thánh Savva qua đời, vị tu viện trưởng của tu viện ngài là Dionysius, một đêm nọ, sau khi hoàn thành các nghi thức thường lệ, đã đi ngủ. Bỗng nhiên, một vị tu sĩ đáng kính, có dung mạo trang nghiêm và mái tóc bạc phơ, hiện ra trước mặt ngài và nói: "Dionysius, hãy mau dậy và vẽ chân dung của ta."

Dionysius hỏi vị tu sĩ già:

– Thưa cha, cha là ai và tên cha là gì?

Vị tu sĩ cao quý đáp:

– Ta là Savva, người đứng đầu nơi này.

Tỉnh giấc, Dionysius lập tức gọi một vị tu sĩ tên là Avvakum, người từng là một trong những đệ tử của Thánh Savva, và hỏi về dáng vẻ của Thánh Savva. Avvakum kể cho vị tu viện trưởng nghe về dáng vẻ của vị cha và thầy mình, cũng như tuổi thọ khi ngài qua đời. Vị tu viện trưởng nói với ông:

– Chính Thánh Savva đã hiện ra với tôi như vậy trong đêm nay và ra lệnh cho tôi vẽ hình Ngài trên bức thánh tượng.

Vì chính Dionysius cũng là một họa sĩ vẽ thánh tượng, nên ông vội vàng vẽ bức thánh tượng của Thánh Savva.

Một người bị quỷ ám tên là Giu-đa được đưa đến tu viện của Thánh Savva. Trong lúc đang cử hành lễ cầu nguyện dâng lên Thánh Savva, người bị quỷ ám bỗng la lên:

– Tôi đau đớn quá: tôi như đang bị thiêu đốt – và ngay lập tức anh ta được chữa lành.

Khi được hỏi tại sao anh ta lại la lên dữ dội như vậy, anh ta nói:

– Tôi đã thấy một vị tu sĩ cao quý. Ngài đứng trên quan tài của Thánh Savva, cầm thánh giá và làm dấu thánh giá trên người tôi. Từ cây thánh giá ấy bùng lên một ngọn lửa lớn và thiêu đốt toàn thân tôi. Đó là lý do tại sao tôi la lên, và ngọn lửa ấy đã xua đuổi linh hồn ô uế khỏi tôi.

Một lần nọ, các tu sĩ tại tu viện Thánh Savva đã nổi loạn chống lại vị tu viện trưởng Dionysius của họ. Họ đã soạn một bản cáo buộc giả dối chống lại ông gửi lên Đại công tước Ioann. Công tước tin vào lời vu khống của họ và ra lệnh cho vị tu viện trưởng phải đến gặp mình ngay lập tức. Khi biết tin này, vị tu viện trưởng vô cùng đau khổ. Và rồi vào ban đêm, trong giấc mơ, Thánh Savva hiện ra với ngài và nói:

– Sao anh lại buồn bã thế, anh em ơi: hãy đến gặp Đại công tước, và hãy mạnh dạn nói với ngài, đừng để lòng nghi ngờ chi phối, vì Chúa Trời sẽ ở cùng anh và sẽ ban cho anh sự giúp đỡ.

Vị thánh của Đức Chúa Trời cũng hiện ra với một số người đang phàn nàn về vị tu viện trưởng và nói với họ:

– Các anh đã rời xa thế gian để rồi lại thực hiện công việc tu hành của mình trong sự phàn nàn sao? Các anh phàn nàn, còn vị tu viện trưởng thì đang cầu nguyện cho các anh trong nước mắt: điều gì sẽ chiến thắng, những lời vu khống của các anh hay những lời cầu nguyện của cha các anh?

Khi vị tu viện trưởng và các tu sĩ ra trình diện trước vị công tước và giải trình tại phiên tòa, những kẻ vu khống đã bị bẽ mặt, còn vị tu viện trưởng thì trở về tu viện trong vinh quang.

Một tu sĩ trong tu viện của Thánh Savva đã phải chịu đựng căn bệnh về mắt trong thời gian dài và vô cùng đau đớn, đến nỗi hoàn toàn không thể nhìn thấy ánh sáng. Ông đến trước quan tài của Thánh Savva, quỳ gối trước đó và trong nước mắt cầu xin được chữa lành. Anh ta bắt đầu lau đôi mắt đau đớn của mình bằng tấm vải phủ trên quan tài của vị thánh. Thấy vậy, một tu sĩ khác đang đứng đó bắt đầu mắng mỏ anh ta, nói:

– Ngươi sẽ không được chữa lành đâu, mà chỉ làm cho mắt ngươi dính thêm cát mà thôi.

Vị tu sĩ đã quỳ xuống trước quan tài Thánh Savva với lòng tin đã được chữa lành, còn người anh em đã chế giễu anh ta bỗng nhiên bị mù lòa và nghe thấy một giọng nói phán với anh ta:

– Ngươi đã nhận được điều ngươi mong muốn, để qua ngươi, những người khác cũng được dạy dỗ rằng không được cười nhạo và phỉ báng những phép lạ phát xuất từ vị thánh nhân của Chúa.

Lúc đó, người bị mù, trong sự sợ hãi tột độ và khóc lóc thảm thiết, đã quỳ sấp xuống trước quan tài của Thánh Savva và xin tha thứ; anh ta đã được tha thứ, nhưng không phải ngay lập tức, mà sau nhiều lời cầu nguyện, nước mắt và sự sám hối.

Một đêm nọ, bọn trộm đến tu viện với ý định cướp bóc nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Nhưng khi chúng tiến đến cửa sổ phía trên quan tài của vị thánh, bỗng nhiên trước mặt chúng hiện ra một ngọn núi khổng lồ, mà việc leo lên đó là điều hoàn toàn bất khả thi. Ngay lập tức, nỗi sợ hãi và run rẩy ập đến với chúng, và chúng bỏ đi tay trắng. Tất cả những điều này sau đó đã được chính những tên trộm kể lại, khi chúng đến tu viện với lòng ăn năn, và dành phần còn lại của cuộc đời để sám hối.

Sau đó, một quan đại thần tên là Ivan Rtishchev đã đến tu viện, khiêng trên cáng người con trai ốm yếu của mình là Georgy, người vì quá suy nhược nên không thể nói được nữa. Sau khi cử hành nghi thức cầu nguyện cho sức khỏe của Georgy, các tu sĩ đã rót nước kvass của tu viện vào miệng người bệnh. Người bệnh lập tức cất tiếng nói, nếm thử bánh mì từ bữa ăn của các tu sĩ và khỏi bệnh. Vô cùng vui mừng trước sự chữa lành của con trai, người cha đã dâng lời tạ ơn sâu sắc lên Thiên Chúa và vị thánh được Ngài yêu mến, Thánh Savva, rồi nói với vị tu sĩ đáng kính, như thể ngài vẫn còn sống:

– Thưa Cha đáng kính! Trong nhà con có nhiều nô lệ nam và nữ đang mắc phải đủ loại bệnh tật; con tin rằng, nếu Cha muốn, thì Cha cũng có thể chữa lành cho họ.

Sau khi xin vị tu viện trưởng một ít nước men, vị quý tộc trở về cùng với người con trai đã được chữa lành. Khi về đến nhà, ông ra lệnh cho người ta dẫn đến một trong những nô tì của mình, tên là Irina, người đang bị điếc và mù, rồi nhỏ nước men của tu viện vào tai cô và bôi lên đôi mắt mù lòa của cô. Ngay lập tức, Irina bắt đầu nhìn và nghe được. Mọi người đều kinh ngạc trước sự vĩ đại của Đức Chúa Trời. Ngoài ra, sau khi gọi một trong những nô lệ của mình là Artemiy, người đã bị điếc suốt bảy năm, vị quý tộc đã nhỏ loại nước men đó vào tai anh ta, và người nô lệ đã được chữa lành. Sau đó, ông đưa một thiếu nữ mù tên là Kikiliya đến, và cô cũng được chữa lành ngay khi đôi mắt cô được bôi nước men. Nhưng tất cả những phép lạ như vậy không phải do rượu kvass, mà là nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Savva và đức tin vững chắc của quý tộc Ivan. Một thời gian sau, chính quý tộc Ivan cũng bị bệnh. Sau khi dùng cùng loại thuốc đó, ông cũng được chữa lành.

Thầy tu trưởng tu viện Thánh Savva Storozhevsky, Misail, bị bệnh nặng và, sau khi mất hết hy vọng hồi phục, đang ở trong tình trạng hấp hối. Một ngày nọ, người đánh chuông của tu viện, Guriy, đang đi đánh chuông để báo giờ lễ sáng. Khi anh đi ngang qua cửa nhà thờ, vị tu sĩ cao quý đã gặp anh và hỏi:

– Sức khỏe của vị tu viện trưởng của các con thế nào?

Guri kể cho ông nghe về bệnh tình của vị tu viện trưởng. Lúc đó, vị tu sĩ cao quý nói:

– Hãy đi và nói với vị tu viện trưởng rằng ngài hãy cầu xin sự giúp đỡ từ Đức Mẹ Đồng Trinh và vị trưởng lão của nơi này, ông Savva, – khi đó ngài sẽ khỏi bệnh; còn anh, anh em ơi, hãy mở cửa cho tôi, để tôi vào nhà thờ.

Guri cảm thấy nghi ngờ, không muốn mở cửa trước khi chuông reo, nhưng cũng không dám hỏi vị tu sĩ cao niên rằng ông là ai và đến từ đâu. Vị tu sĩ cao niên vừa xuất hiện, không nói thêm lời nào, liền đi thẳng đến cửa nhà thờ. Cánh cửa lập tức tự mở ra, và vị tu sĩ già bước vào nhà thờ qua đó. Guriy sợ hãi quay trở lại phòng tu và bắt đầu trách mắng người phụ tá của mình:

– Tại sao tối qua cậu không khóa cửa nhà thờ? Vừa nãy tớ đã thấy một người đàn ông lạ mặt bước vào nhà thờ qua cánh cửa mở.

Nhưng người phụ tá của Guriy thề thốt khẳng định rằng anh ta đã khóa chặt cửa nhà thờ từ tối qua. Sau đó, họ thắp nến, vội vã chạy đến nhà thờ, và phát hiện ra rằng cửa đã được khóa chặt, vì người phụ tá của Guriy thực sự đã đóng cửa từ tối qua và khóa chúng cẩn thận. Sau khi kết thúc lễ sáng, Guriy kể lại cho các tu sĩ mọi điều ông đã thấy và nghe. Mọi người nhất trí cho rằng vị tu sĩ già xuất hiện chính là Thánh Savva. Vị tu viện trưởng Misail, khi nghe tin này, đã ra lệnh cho người ta khiêng mình đến quan tài của vị thánh và thành tâm cầu xin được chữa lành; nhờ những lời cầu nguyện của Đức Mẹ Đồng Trinh và Thánh Savva, ngài đã hoàn toàn khỏe mạnh trở lại.

Còn rất nhiều phép lạ và sự chữa lành khác đã xảy ra từ quan tài của vị thánh nhân của Chúa. Và cho đến nay, những ân sủng ấy vẫn được ban cho những ai đến với lòng tin, nhờ ân sủng của Thiên Chúa và nhờ lời cầu nguyện của Đức Mẹ Maria và Thánh Savva, người mà chúng ta cũng sẽ cầu nguyện, để ngài chữa lành những bệnh tật về tâm hồn và thể xác của chúng ta bằng sự cầu bầu nồng ấm của ngài trước Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Ngài đã hiện ra trong sa mạc như một nguồn suối lành, hỡi vị thánh đáng kính: từ thuở thiếu thời, ngài đã chọn lối sống trong sạch, noi gương vị thầy thiêng liêng của mình và nhờ giáo huấn của ngài, tâm hồn ngài hướng về trời cao, và ngài đã trở thành vị thầy khôn ngoan cho đoàn chiên của mình. Vì thế, Đức Kitô, như ngọn đèn rực rỡ, đã ban cho ngài nhiều phép lạ: Thánh Savvô, Cha của chúng con, xin cầu bầu cho linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Được thắp sáng bởi ý muốn của Chúa, ngài đã loại bỏ những dục vọng xác thịt bằng sự kiêng khem, và trở thành ngọn đèn sáng chói không bao giờ tắt của Ánh Sáng Thần Thánh: ngài chiếu sáng mọi người bằng những tia sáng phép lạ, những ai đổ xô đến hòm thánh tích của ngài, Thánh Savva, vị Cha đáng kính của chúng con.

Ngày 17 tháng 12

Ngày 4 tháng 12 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự tử đạo của Thánh Nữ Đại Tử Đạo Barbara

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 12

Vào thời trị vì của Maximian[8429] , vị hoàng đế La Mã vô đạo, có một người thuộc dòng dõi quý tộc, giàu có và nổi tiếng, tên là Dioscorus, sống ở phương Đông, tại Heliopolis[8430] , vốn là người ngoại đạo cả về nguồn gốc lẫn tín ngưỡng. Ông có một cô con gái tên là Barbara, người mà ông yêu thương như con ngươi của mắt, vì ngoài cô ra, ông không còn con cái nào khác. Khi cô gái bắt đầu đến tuổi trưởng thành, khuôn mặt cô trở nên vô cùng xinh đẹp, đến nỗi trong cả vùng đất ấy không có thiếu nữ nào sánh được với cô về nhan sắc; chính vì vậy, Dioscorus đã cho xây dựng cho cô một ngọn tháp cao vút và được thiết kế tinh xảo, đồng thời bố trí những căn phòng lộng lẫy bên trong ngọn tháp đó. Ông giam con gái mình trong đó, bố trí những người nuôi dạy và tỳ nữ đáng tin cậy chăm sóc cô, vì mẹ cô đã qua đời. Ông làm điều này để những người bình thường và không có địa vị không thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cô, bởi ông cho rằng đôi mắt họ không xứng đáng được ngắm nhìn khuôn mặt tuyệt mỹ của con gái mình. Sống trong tháp, trong những cung điện cao vút, thiếu nữ tìm thấy sự an ủi khi từ độ cao ấy ngắm nhìn các tạo vật của Chúa trên trời và dưới đất – những vì sao trên trời và vẻ đẹp của thế giới trần gian. Một lần nọ, khi ngước nhìn lên bầu trời và chiêm ngưỡng ánh sáng mặt trời, quỹ đạo của mặt trăng và vẻ đẹp của các vì sao, cô đã hỏi các bà vú nuôi và các tỳ nữ sống cùng mình:

– Ai đã tạo ra tất cả những điều này?

Cũng vậy, khi ngắm nhìn vẻ đẹp trần gian, những cánh đồng phủ đầy cây cỏ, những khu rừng và vườn cây, những ngọn núi và dòng nước, cô hỏi:

– Tất cả những điều này do bàn tay ai tạo ra?

Họ trả lời cô:

– Tất cả những điều này đều do các vị thần tạo ra.

Cô gái hỏi:

– Những vị thần nào?

Các tỳ nữ trả lời cô:

[8429] Ở đây tất nhiên là nói đến Maximianus Galerius, con rể và đồng trị vì của Hoàng đế Diocletianus ở nửa phía đông của Đế chế La Mã, và sau đó là người kế vị ông từ năm 305 đến năm 311.

[8430] Ở đây tất nhiên là ám chỉ Iliopolis thuộc Phoenicia, nằm về phía bắc Palestine, thuộc Kelesiria, trong khu vực Syria hiện nay của Thổ Nhĩ Kỳ châu Á, từ thời cổ đại xa xưa từng là nơi thờ phụng chính của vị thần ngoại giáo Phoenicia là Baal và là trung tâm của toàn bộ nền ngoại giáo phương Đông, nhưng vào cuối thế kỷ IV đã trở thành nơi phát triển mạnh mẽ của Kitô giáo; sau đó, thành phố này dần dần bị phá hủy.

– Chính những vị thần mà cha cô tôn kính và thờ phụng trong cung điện của mình – những vị thần bằng vàng, bạc và gỗ – và những vị thần mà cha cô thờ phụng, chính họ đã tạo ra tất cả những gì đang hiện ra trước mắt cô.

Nghe những lời đó, cô gái nghi ngờ và tự suy ngẫm:

– Những vị thần mà cha tôi tôn kính đều do bàn tay con người tạo ra: những vị bằng vàng và bạc do thợ kim hoàn chế tác, những vị bằng đá do thợ điêu khắc đá tạc, những vị bằng gỗ do thợ chạm khắc gỗ làm ra. Vậy thì làm sao những vị thần do con người tạo ra này lại có thể tạo ra bầu trời cao vời vợi rực rỡ và vẻ đẹp trần gian này, trong khi chính họ không thể đi bằng chân hay làm việc bằng tay?

Suy ngẫm như vậy, cô thường ngước nhìn lên bầu trời cả ngày lẫn đêm, cố gắng tìm hiểu Đấng Tạo Hóa qua tác phẩm của Ngài. Một lần nọ, khi nàng ngắm nhìn bầu trời trong một thời gian dài và bị bao trùm bởi khát khao mãnh liệt muốn biết ai đã tạo ra độ cao, sự bao la và ánh sáng tuyệt đẹp của bầu trời, bỗng chốc ánh sáng của ân sủng Thần thánh chiếu rọi trong lòng nàng và mở ra đôi mắt tâm linh của nàng để nhận biết Đấng Duy Nhất Vô Hình, Vô Danh và Vô Biên, Đấng đã sáng tạo trời và đất một cách vô cùng khôn ngoan. Cô tự nhủ:

– Chắc hẳn chỉ có một Đấng Thượng Đế như vậy, Đấng không phải do bàn tay con người tạo ra, mà chính Ngài, Đấng có sự hiện hữu riêng, đã dùng chính bàn tay của Ngài để tạo dựng vạn vật. Chắc hẳn phải có Đấng đã trải rộng bầu trời, đặt nền móng cho trái đất, và từ trên cao chiếu sáng cả vũ trụ bằng những tia nắng mặt trời, ánh trăng và ánh sao lấp lánh, còn ở dưới đất – Ngài trang hoàng trái đất bằng đủ loại cây cối và hoa lá, và tưới mát bằng các con sông và suối nguồn. Chỉ có một Đấng Thượng Đế duy nhất, Đấng duy trì vạn vật, ban sự sống cho muôn loài và chăm lo cho tất cả.

Như vậy, thiếu nữ Varvara đã học cách nhận biết Đấng Tạo Hóa qua công trình sáng tạo của Ngài, và những lời của Đa-vít đã ứng nghiệm nơi nàng: *"Con suy ngẫm về mọi công việc của Ngài, con suy tư về những việc tay Ngài làm"* (Thi Thiên 142:5). Trong những suy ngẫm ấy, ngọn lửa tình yêu Thiên Chúa đã bùng cháy trong lòng Varvara và thổi bùng linh hồn nàng bằng khát khao nồng cháy hướng về Thiên Chúa, đến nỗi nàng không được yên nghỉ cả ngày lẫn đêm, chỉ nghĩ đến một điều, chỉ mong muốn một điều duy nhất, đó là được biết rõ về Thiên Chúa và Đấng Tạo Hóa của vạn vật. Trong số những người xung quanh, cô không thể tìm được một người hướng dẫn nào có thể mở ra cho cô những bí mật của đức tin thánh thiện và dẫn dắt cô trên con đường cứu rỗi, bởi vì không ai được phép vào gặp cô, ngoại trừ những người hầu gái được chỉ định, bởi vì cha cô, Dioscor, đã bao quanh cô bằng một đội canh gác cẩn mật. Nhưng chính Đấng Thầy Tối Cao và Đấng Dẫn Dắt, Thánh Thần, đã dùng sự soi sáng nội tâm để thầm dạy nàng những mầu nhiệm của ân sủng Ngài và ban cho tâm trí nàng sự hiểu biết về chân lý. Và thiếu nữ ấy sống trong tháp của mình, như một con chim cô độc trên mái nhà[8431] , suy ngẫm về những điều trên trời chứ không phải những điều trần thế, bởi vì trái tim nàng không bám víu vào bất cứ điều gì trần thế; nàng không yêu thích vàng, ngọc trai quý hay đá quý, cũng không thích quần áo lộng lẫy hay bất kỳ đồ trang sức nào dành cho thiếu nữ, cô chưa bao giờ nghĩ đến chuyện kết hôn, mà mọi suy nghĩ của cô đều hướng về Đấng Thượng Đế Duy Nhất, và cô đã bị cuốn hút bởi tình yêu dành cho Ngài.

Khi đến lúc gả cô gái trẻ, nhiều chàng trai giàu có, quý tộc và danh giá, sau khi nghe nói về vẻ đẹp kỳ diệu của Varvara, đã đến xin Diokor gả cô cho họ. Khi lên tháp gặp Varvara, Dioscor bắt đầu nói với cô về chuyện hôn nhân và, chỉ cho cô những chàng rể tốt khác nhau, hỏi cô muốn đính hôn với ai trong số họ. Nghe những lời đó từ cha, cô gái trinh tiết đỏ mặt, xấu hổ không chỉ khi nghe mà còn khi nghĩ đến chuyện hôn nhân. Cô đã từ chối ông bằng mọi cách, không chịu khuất phục trước mong muốn của cha, vì cô coi việc để bông hoa trinh tiết của mình tàn lụi và mất đi viên ngọc quý giá của sự trinh trắng là một sự mất mát lớn lao đối với bản thân. Trước những lời khuyên nhủ không ngừng của cha để cô tuân theo ý muốn của ông, cô đã phản đối ông rất nhiều và cuối cùng tuyên bố:

– Nếu, thưa cha, cha còn tiếp tục nói về chuyện này và ép con phải đính hôn, thì cha sẽ không còn được gọi là cha nữa, vì con sẽ tự sát, và cha sẽ mất đi đứa con duy nhất của mình.

Nghe vậy, Dioscor kinh hoàng và rời khỏi phòng cô, không dám ép buộc cô kết hôn nữa. Ông cho rằng tốt hơn là nên đính hôn với cô khi cô tự nguyện, chứ không phải bằng vũ lực, và hy vọng sẽ có lúc cô tự suy nghĩ lại và muốn kết hôn. Sau đó, anh ta nảy ra ý định lên đường đi xa vì công việc, tin rằng Varvara sẽ nhớ anh ta khi anh ta vắng mặt, và khi anh ta trở về, anh ta sẽ dễ dàng thuyết phục cô tuân theo mệnh lệnh và lời khuyên của mình hơn.

[8431] Câu trong Thánh vịnh, xem Thánh vịnh 101

Trước khi lên đường, Dioscorus ra lệnh xây dựng một phòng tắm sang trọng bên cạnh bể tắm trong vườn, và trong phòng tắm đó phải có hai cửa sổ hướng về phía nam. Ông cũng ra lệnh cho những người được cử đến trông nom con gái mình rằng họ không được cản trở cô tự do đi xuống từ tháp đến bất cứ nơi nào cô muốn, và làm bất cứ điều gì cô thích. Dioscorus nghĩ rằng con gái mình, khi trò chuyện với nhiều người và thấy rằng nhiều thiếu nữ đã đính hôn và kết hôn, sẽ tự nguyện muốn kết hôn.

Khi Dioscor lên đường, Varvara, tận dụng sự tự do ra khỏi nhà và trò chuyện thoải mái với bất kỳ ai cô muốn, đã kết bạn với một số thiếu nữ Kitô hữu và từ họ, cô nghe biết Danh Thánh Chúa Giêsu Kitô. Cô vui mừng trong lòng vì Danh Thánh ấy và cố gắng tìm hiểu kỹ hơn về Ngài từ họ. Những người bạn mới của cô đã kể cho cô nghe tất cả về Đấng Kitô: về Thần Tính không thể diễn tả của Ngài, về sự nhập thể của Ngài từ Đức Trinh Nữ Maria, về sự chịu khổ tự nguyện và sự phục sinh của Ngài, cũng như về ngày phán xét tương lai, về sự đau khổ vĩnh viễn của những kẻ thờ ngẫu tượng và sự hạnh phúc vô tận của các tín hữu Kitô giáo trong Nước Trời. Khi nghe tất cả những điều này , Varvara cảm thấy lòng tràn ngập niềm vui, ngọn lửa tình yêu dành cho Chúa Kitô bùng cháy trong lòng và cô mong muốn được rửa tội. Vào thời điểm đó, có một vị linh mục đến Ilion dưới vỏ bọc của một thương gia. Khi biết tin về ngài, Varvara đã mời ngài đến nhà mình và bí mật học hỏi từ ngài về Đấng Tạo Hóa Duy Nhất của vạn vật và Thiên Chúa Toàn Năng, cũng như đức tin vào Chúa Giêsu Kitô của chúng ta – điều mà từ lâu cô đã khao khát mãnh liệt. Vị linh mục, sau khi giải thích cho cô tất cả những mầu nhiệm của đức tin thánh thiện, đã rửa tội cho cô nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần; rồi sau khi dạy dỗ cô, ngài trở về quê hương của mình. Được soi sáng nhờ phép rửa tội, Thánh Varvara càng bừng cháy tình yêu dành cho Thiên Chúa, và bà siêng năng ăn chay và cầu nguyện ngày đêm, phụng sự Chúa của mình, đồng thời hứa sẽ giữ trinh tiết trong sự trong sạch.

Trong khi đó, theo lệnh của Dioscorus, việc xây dựng nhà tắm đang được tiến hành. Một lần nọ, Thánh Varvara bước xuống từ tháp của mình để xem công trình, và khi thấy trong nhà tắm có hai cửa sổ, bà đã hỏi các công nhân.

– Tại sao các anh chỉ làm hai cửa sổ? Làm ba cửa sổ chẳng phải tốt hơn sao? Như vậy thì bức tường sẽ đẹp hơn, và nhà tắm cũng sáng sủa hơn.

Các công nhân trả lời:

– Cha của con đã ra lệnh cho chúng tôi phải làm hai cửa sổ hướng về phía nam.

Nhưng Thánh Varvara khăng khăng yêu cầu họ phải làm ba cửa sổ (theo hình ảnh của Chúa Ba Ngôi). Và khi họ không muốn làm điều đó vì sợ cha cô, cô nói với họ:

– Tôi sẽ bênh vực các anh trước cha tôi và chịu trách nhiệm cho các anh, còn các anh hãy làm theo lời tôi ra lệnh.

Lúc đó, các thợ xây, theo ý muốn của cô, đã làm thêm cửa sổ thứ ba trong nhà tắm. Ở đó, như đã nói, có một phòng tắm, và nhà tắm được xây dựng ngay cạnh đó. Phòng tắm này được ốp bằng những viên đá cẩm thạch đã được đẽo gọt. Một lần nọ, Thánh Varvara đến phòng tắm này và nhìn về phía đông, rồi dùng ngón tay vẽ hình Thánh Giá lên đá cẩm thạch; hình ảnh đó in hằn trên đá rõ ràng đến mức như thể được đục bằng sắt vậy. Ngoài ra, ngay tại nhà tắm đó, cũng trên đá, còn in lại dấu chân thiếu nữ của ngài; từ dấu chân ấy, nước bắt đầu chảy ra, và sau này, tại đây đã xảy ra nhiều phép lạ chữa lành cho những người đến với lòng tin[8432] .

Một lần nọ, khi đi dạo trong các phòng của cha mình, Thánh Varvara nhìn thấy các vị thần của ông, những tượng thần vô hồn, đang được đặt ở vị trí trang trọng, và thở dài sâu sắc về sự diệt vong của linh hồn những người thờ phụng các tượng thần đó. Sau đó, cô nhổ nước bọt vào mặt các tượng thần, nói rằng:

– Mong rằng tất cả những ai tôn thờ các ngươi và trông chờ sự giúp đỡ từ các ngươi, những kẻ vô tâm, đều sẽ giống như các ngươi!

Nói xong, bà leo lên tháp của mình. Tại đó, theo thói quen, bà dâng mình vào việc cầu nguyện và ăn chay, toàn bộ tâm trí chìm đắm trong sự suy ngẫm về Thượng Đế.

[8432] Và nhà tắm có ba cửa sổ, được xây dựng theo hình ảnh của Chúa Ba Ngôi, và tảng đá cẩm thạch bên suối có hình thập tự giá, cùng dấu chân của Thánh Barbara – tất cả những điều này vẫn được bảo tồn nguyên vẹn cho đến thời Simeon Metaphrastes, người đã mô tả những đau khổ của vị thánh tử đạo này sau Thánh Gioan Damascene. Trong tác phẩm lịch sử của mình, ông đã viết về điều này như sau: "Cho đến ngày nay, suối nước này vẫn còn tồn tại, chữa lành mọi bệnh tật cho những người yêu mến Chúa Kitô; nếu ai muốn so sánh nó với dòng nước sông Jordan, hay suối Siloam, hay với Bethesda, thì người ấy cũng không sai lầm, vì tại suối nước này, quyền năng của Chúa Kitô cũng thực hiện không ít phép lạ."

Trong khi đó, cha cô đã trở về sau chuyến đi. Khi đi kiểm tra các công trình trong nhà, ông đến gần nhà tắm mới xây và, khi nhìn thấy ba cửa sổ trên tường, ông bắt đầu mắng mỏ các người hầu và thợ xây một cách giận dữ, hỏi tại sao họ lại không tuân lệnh ông mà làm ba cửa sổ thay vì hai. Họ trả lời:

– Không phải ý chúng tôi, mà là ý con gái ngài, Varvara, cô ấy đã ra lệnh cho chúng tôi làm ba cửa sổ, dù chúng tôi không muốn.

Dioscorus lập tức gọi Varvara đến và hỏi cô:

– Tại sao con lại ra lệnh làm cửa sổ thứ ba trong phòng tắm?

Cô trả lời:

– Ba cái tốt hơn hai cái, vì cha đã ra lệnh làm hai cửa sổ, theo như con nghĩ, để tượng trưng cho hai thiên thể trên trời, mặt trời và mặt trăng[8433] , để chúng chiếu sáng phòng tắm, còn con đã ra lệnh làm thêm cửa sổ thứ ba, tượng trưng cho Ánh Sáng Ba Ngôi, vì Ánh Sáng Ba Ngôi là Ánh Sáng không thể tiếp cận, không thể diễn tả, không bao giờ lặn và không bao giờ nhấp nháy, Ba Cửa Sổ[8434] , qua đó mọi người đến với thế gian đều được soi sáng.

Người cha cảm thấy bối rối trước những lời nói mới mẻ, thực sự kỳ diệu nhưng đối với ông thì khó hiểu của con gái. Dẫn cô đến nơi tắm nơi có hình thánh giá do thánh Barbara vẽ bằng ngón tay trên đá – thứ mà ông vẫn chưa kịp xem kỹ – Dioscor bắt đầu hỏi cô:

– Con đang nói gì vậy? Làm sao ánh sáng từ ba ô cửa sổ lại soi sáng mọi người?

Thánh nữ đáp:

– Hãy lắng nghe kỹ, thưa cha, và hiểu những gì con nói: Cha, Con và Thánh Thần, Ba Ngôi của Đức Chúa Trời Duy Nhất trong Ba Ngôi, ngự trong ánh sáng không thể tiếp cận, soi sáng và ban sự sống cho mọi sinh linh. Chính vì thế mà con đã ra lệnh làm ba cửa sổ trong phòng tắm, để một cửa sổ tượng trưng cho Cha, cửa sổ thứ hai tượng trưng cho Con, và cửa sổ thứ ba tượng trưng cho Thánh Thần, để ngay cả những bức tường cũng tôn vinh Danh Thánh Ba Ngôi.

Sau đó, bà chỉ tay vào cây thánh giá được khắc trên đá cẩm thạch và nói:

– Ta cũng đã khắc họa dấu hiệu của Con Thiên Chúa: nhờ ân sủng của Cha và sự trợ giúp của Thánh Thần, để cứu rỗi loài người, Ngài đã nhập thể từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm và theo ý muốn đã chịu khổ nạn trên thập giá, hình ảnh mà ngươi đang thấy. Ta đã khắc dấu thập giá ở đây để sức mạnh của thập giá xua đuổi mọi thế lực ma quỷ khỏi nơi này.

Cô gái khôn ngoan ấy còn nói nhiều điều khác nữa với người cha tàn nhẫn của mình về Chúa Ba Ngôi, về sự nhập thể và sự chịu khổ của Chúa Kitô, về sức mạnh của Thánh Giá và những mầu nhiệm khác của đức tin thánh thiện – điều này đã khiến ông ta nổi cơn thịnh nộ khủng khiếp.

Dioscor bùng lên cơn thịnh nộ, quên đi tình yêu tự nhiên dành cho con gái, ông rút thanh gươm ra và định đâm cô, nhưng cô đã quay lưng bỏ chạy. Tay cầm gươm, Dioscor đuổi theo cô như con sói đuổi theo con cừu. Ông đã sắp đuổi kịp con chiên vô tội của Chúa Kitô, thì bỗng nhiên một ngọn núi đá chắn ngang đường cô. Thánh nữ không biết phải chạy trốn đi đâu để thoát khỏi bàn tay và thanh gươm của cha mình, hay đúng hơn là kẻ hành hạ cô; cô chỉ có một nơi nương tựa duy nhất – đó là Thiên Chúa, Đấng mà cô đã cầu xin sự giúp đỡ và che chở, hướng đôi mắt tâm hồn và thể xác lên Ngài. Đấng Tối Cao đã nhanh chóng nghe lời người tôi tớ của Ngài và ban cho nàng sự giúp đỡ trước, ra lệnh cho ngọn núi đá tách ra làm hai trước mặt nàng, giống như xưa kia trước nữ tử đạo đầu tiên là Thánh Thekla, khi bà chạy trốn khỏi những kẻ dâm đãng. Thánh nữ Varvara ẩn mình trong khe nứt vừa hình thành, và ngay lập tức tảng đá khép lại phía sau nàng, mở ra cho thánh nữ con đường tự do lên đỉnh núi. Lên đến đó, nàng ẩn náu trong một hang động. Dioscor, kẻ tàn bạo và cứng đầu, không thấy con gái mình đang chạy trốn trước mặt, liền ngạc nhiên. Không hiểu làm sao cô lại biến mất khỏi tầm mắt mình, ông đã tìm kiếm cô một cách miệt mài trong một thời gian dài. Khi đi vòng quanh ngọn núi và tìm kiếm Varvara, ông nhìn thấy trên núi hai người chăn cừu đang chăn đàn cừu. Hai người chăn cừu này đã chứng kiến Thánh Varvara leo lên núi và ẩn náu trong hang động. Tiếp cận họ, Dioscor hỏi liệu họ có nhìn thấy con gái đang chạy trốn của ông không. Một trong hai người

---

[8433] Người Phoenicia chủ yếu thờ phụng các thiên thể trên trời. Họ coi Baal, hay Moloch, là vị thần chính của mình, qua đó họ thờ phụng mặt trời, và Astarte, qua đó họ thờ phụng mặt trăng.

[8434] Tất nhiên, đó là Ba Ngôi hay Ba Thể của Đấng Duy Nhất, Thiên Chúa được tôn vinh trong Ba Ngôi.

chăn cừu, một người có lòng trắc ẩn, thấy Dioscor đang tràn đầy cơn giận, không muốn tố cáo cô gái vô tội nên đã nói:

– Tôi không thấy cô ấy.

Nhưng người kia, không nói gì, chỉ tay về phía nơi Thánh nữ đang ẩn náu. Dioscor lao đến đó, còn người chăn cừu đã chỉ điểm Thánh nữ thì ngay tại chỗ đó đã phải hứng chịu sự trừng phạt của Chúa: chính anh ta biến thành một cột đá, còn đàn cừu của anh ta thì biến thành châu chấu.

Khi tìm thấy con gái mình trong hang động, Dioscor đã đánh cô một cách tàn nhẫn, quăng cô xuống đất, giẫm đạp lên người cô và, túm lấy tóc cô, lôi cô về nhà mình. Sau đó, ông nhốt cô trong một túp lều chật hẹp và tối tăm, khóa chặt cửa ra vào và cửa sổ, đóng dấu niêm phong, bố trí lính canh, rồi để cô bị đói khát. Sau đó, Dioscorus đến gặp Martianus, vị thống đốc của vùng đất đó, và kể cho ông ta nghe tất cả về con gái mình, đồng thời cho biết cô từ chối các vị thần của họ và tin vào Đấng bị đóng đinh.

Dioscorus xin vị thống đốc dùng những lời đe dọa về các hình phạt khác nhau để ép cô quay lại với đức tin của cha mình. Sau đó, ông đưa vị thánh ra khỏi nơi giam cầm, dẫn đến gặp vị thống đốc và giao cô vào tay ông ta, nói rằng:

– Ta từ bỏ con bé, vì nó từ chối các vị thần của ta, và nếu nó không quay lại với chúng ta và không cùng ta thờ lạy các vị thần ấy, thì nó sẽ không còn là con gái ta nữa, và ta cũng sẽ không còn là cha của nó: xin ngài, vị vua quyền uy, hãy tra tấn nó theo ý muốn của ngài.

Khi nhìn thấy thiếu nữ trước mặt, vị quan trưởng ngạc nhiên trước vẻ đẹp phi thường của nàng và bắt đầu nói chuyện với nàng một cách dịu dàng và ân cần, ca ngợi vẻ đẹp và sự cao quý của nàng. Ngài khuyên nhủ nàng đừng vi phạm những luật lệ cổ xưa của tổ tiên và đừng chống lại ý muốn của cha, mà hãy thờ lạy các vị thần và vâng lời cha mình trong mọi việc, để không bị tước quyền thừa kế toàn bộ tài sản của ông. Nhưng Thánh Barbara, bằng những lời lẽ khôn ngoan đã vạch trần sự hư vô của các vị thần ngoại đạo, tuyên xưng và tôn vinh Danh Chúa Giêsu Kitô, đồng thời từ bỏ mọi sự phù phiếm trần gian, của cải và những thú vui thế tục, hướng về những ân huệ trên trời. Vị quan vẫn tiếp tục thuyết phục nàng đừng làm ô danh dòng họ và đừng hủy hoại tuổi trẻ tươi đẹp và rực rỡ của mình. Cuối cùng, ông nói với nàng:

– Hãy thương xót chính mình đi, thiếu nữ xinh đẹp ơi, và hãy nhanh chóng cùng chúng ta dâng lễ vật lên các vị thần với lòng thành kính, vì ta thương xót nàng và muốn tha thứ cho nàng, không muốn để vẻ đẹp như vậy phải chịu đau khổ và thương tích; nhưng nếu nàng không nghe lời ta và không khuất phục, thì nàng sẽ buộc ta, dù là trái với ý muốn của ta, phải tra tấn nàng một cách tàn nhẫn.

Thánh Barbara đáp lại:

– Ta luôn dâng lên Đức Chúa Trời của ta của lễ ngợi khen và muốn chính mình trở thành của lễ dâng lên Ngài, vì Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng Tạo Hóa trời đất và muôn vật trên đó, còn các vị thần của ngươi – chẳng là gì cả và chẳng tạo ra điều gì, vì chúng vô hồn và bất động, chính chúng là tác phẩm của bàn tay con người, như lời tiên tri của Đức Chúa Trời đã phán: *"Các thần tượng của chúng là bạc và vàng, là tác phẩm của bàn tay con người. Vì tất cả các vị thần của các dân tộc đều là thần tượng, còn Chúa Trời trên trời là Đấng đã tạo dựng"* (Thi Thiên 113:12; Thi thiên 95:5). Tôi thừa nhận những lời tiên tri này và tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất, Đấng Tạo Hóa của vạn vật, còn về các vị thần của các ngươi, tôi tuyên xưng rằng chúng là giả dối và niềm hy vọng của các ngươi đặt vào chúng là vô ích.

Bị phẫn nộ bởi những lời nói ấy của Thánh Barbara, vị quan cai trị lập tức ra lệnh lột trần nàng. Hình phạt đầu tiên – phải đứng trần truồng trước mắt nhiều người đàn ông, những kẻ không biết xấu hổ và nhìn chằm chằm vào thân thể trinh nữ trần truồng – đối với một trinh nữ trong sạch và thuần khiết, đó là nỗi đau đớn còn khủng khiếp hơn cả những vết thương. Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh đặt cô xuống đất và đánh cô dữ dội bằng dây da bò trong một thời gian dài, đến nỗi mặt đất nhuốm đỏ bởi máu của cô. Khi ngừng việc đánh đòn theo lệnh của vị quan, những kẻ tra tấn lại tiếp tục gia tăng nỗi đau khổ của cô bằng cách chà xát các vết thương của thánh nữ bằng áo lông cừu và những mảnh gốm sắc nhọn. Tuy nhiên, tất cả những cực hình này, ập xuống cơ thể thiếu nữ non nớt và yếu ớt như cơn bão và gió, cũng không làm lung lay đức tin vững chắc của vị tử đạo Barbara, vì đức tin của cô được xây dựng trên nền đá – là Chúa Kitô, Đấng mà vì Ngài, cô đã vui vẻ chịu đựng những đau khổ khủng khiếp như vậy.

Sau đó, quan tổng trấn ra lệnh giam cô vào ngục tối, cho đến khi nghĩ ra những hình phạt tàn bạo nhất dành cho cô. Chỉ còn thoi thóp vì những cực hình tàn khốc, Thánh Barbara đã khóc lóc cầu nguyện trong ngục tối với

Đấng Hôn Phu yêu dấu của mình, là Đức Kitô, Thiên Chúa, xin Ngài đừng bỏ rơi nàng trong những đau khổ tột cùng ấy, và nàng đã thốt lên những lời của Đavít: *"Xin đừng bỏ rơi con, lạy Chúa, Thiên Chúa của con! Xin đừng xa lìa con. Xin hãy mau đến cứu con, lạy Chúa, Đấng Cứu Chuộc của con!"* (Thánh Vịnh 37:22–23). Khi bà đang cầu nguyện như vậy, vào nửa đêm, một ánh sáng rực rỡ chiếu rọi bà; thánh nữ cảm nhận được cả sự sợ hãi lẫn niềm vui trong lòng: Chàng Rể Bất Tử của bà đang đến gần, mong muốn viếng thăm vị hôn thê của Ngài. Và rồi chính Vua Vinh Quang đã hiện ra trước mặt bà trong vinh quang không thể tả xiết. Ôi, bà đã vui mừng biết bao trong tâm hồn và cảm nhận được sự ngọt ngào biết bao trong lòng khi nhìn thấy Ngài! Còn Chúa, nhìn bà với tình yêu thương, đã nói với bà bằng đôi môi ngọt ngào nhất của Ngài:

– Hãy can đảm lên, cô dâu của Ta, và đừng sợ, vì Ta ở cùng con, Ta bảo vệ con, Ta nhìn thấy những nỗ lực của con và làm dịu bớt những đau khổ của con. Vì những đau khổ của con, Ta đang chuẩn bị cho con phần thưởng vĩnh cửu trong cung điện thiên đàng của Ta; vậy nên, hãy kiên trì đến cùng, để sớm được hưởng những ân huệ vĩnh cửu trong Nước Trời của Ta!

Lắng nghe những lời của Chúa Kitô, thánh Barbara, như sáp trước ngọn lửa, tan chảy vì khao khát được hiệp nhất với Thiên Chúa và, như dòng sông khi dâng trào, tràn ngập tình yêu dành cho Ngài. Sau khi an ủi người vợ yêu dấu của Ngài là Thánh Barbara và làm dịu lòng nàng bằng tình yêu của Ngài, Đức Giêsu Ngọt Ngào đã chữa lành những vết thương của nàng, đến nỗi không còn dấu vết nào trên thân thể nàng. Sau đó, Ngài trở nên vô hình, để lại nàng trong niềm vui thiêng liêng không thể diễn tả. Và thánh Barbara vẫn ở trong ngục tối, như thể đang ở trên trời, bừng cháy tình yêu dành cho Thiên Chúa giống như các Thiên Thần Serafim, ngợi khen Ngài bằng cả trái tim và đôi môi, đồng thời dâng lời tạ ơn Chúa vì Ngài đã không bỏ rơi, mà đã viếng thăm tôi tớ của Ngài, người đang chịu đau khổ vì Danh Ngài.

Ở thành phố đó có một người phụ nữ tên là Iuliania, là người tin vào Đấng Kitô và kính sợ Thiên Chúa. Kể từ khi Thánh Barbara bị những kẻ tra tấn bắt giữ, Iuliania đã theo dõi bà từ xa và chứng kiến những đau khổ của bà; còn khi Thánh nữ bị ném vào ngục tối, bà đã áp mặt vào cửa sổ ngục, ngạc nhiên trước việc một thiếu nữ trẻ trung như vậy, đang ở độ tuổi thanh xuân và vẻ đẹp rực rỡ nhất, lại khinh thường cha mình, cả dòng họ, của cải và mọi phúc lành cùng niềm vui trần thế, và không tiếc mạng sống mình, mà đã dâng hiến nó một cách nhiệt thành vì Chúa Kitô. Khi thấy Chúa Kitô đã chữa lành những vết thương cho thánh nữ Varvara, cô cũng mong muốn được chịu đau khổ vì Ngài, và bắt đầu chuẩn bị cho hành động anh hùng đó, cầu nguyện với Đấng Khởi Xướng Các Công Trình Anh Hùng là Chúa Giêsu Kitô, xin Ngài ban cho cô sự kiên nhẫn trong những đau khổ. Khi ngày mới bắt đầu, Thánh Barbara được dẫn ra khỏi ngục tối đến phiên tòa bất chính để chịu thêm một cuộc tra tấn mới; Iuliana theo sau bà từ xa. Khi Thánh Barbara đứng trước quan tổng trấn, ông ta cùng những người đi theo ông từ đã kinh ngạc khi thấy thiếu nữ hoàn toàn khỏe mạnh, khuôn mặt rạng rỡ và xinh đẹp hơn bao giờ hết, trên thân thể bà không còn dấu vết nào của những vết thương đã chịu. Thấy vậy, quan tổng trấn nói:

– Này cô gái, cô có thấy các vị thần của chúng ta đã chăm sóc cô như thế nào không? Hôm qua cô còn bị tra tấn dã man và kiệt sức vì đau đớn, nhưng giờ đây họ đã chữa lành hoàn toàn cho cô và ban cho cô sức khỏe. Hãy biết ơn ân huệ này của họ – hãy cúi đầu thờ lạy họ và dâng lễ vật.

Thánh nữ đáp lại:

– Ngài nói gì vậy, thưa nhà vua, rằng các vị thần của ngài đã chữa lành cho tôi, trong khi chính họ lại mù, câm và vô cảm. Họ không thể ban cho người mù được nhìn thấy, người câm được nói, người điếc được nghe, hay người què được đi lại; họ không thể chữa lành người bệnh, cũng không thể làm cho người chết sống lại: vậy thì làm sao họ có thể chữa lành cho tôi, và tại sao phải thờ lạy họ? Chính Chúa Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa của tôi, Đấng chữa lành mọi bệnh tật và ban sự sống cho người chết, đã chữa lành cho tôi; tôi thành kính thờ phượng Ngài và dâng chính mình làm của lễ cho Ngài. Nhưng tâm trí ngươi đã bị mù quáng, ngươi không thể nhìn thấy Đấng Chữa Lành Thần Thánh ấy và ngươi không xứng đáng với Ngài.

Lời nói ấy của vị thánh tử đạo đã khiến quan tổng trấn nổi giận: ông ra lệnh treo cô lên cây, cạo da thịt cô bằng những móng sắt, đốt cháy xương sườn cô bằng những ngọn nến đang cháy và đập vào đầu cô bằng búa. Thánh Barbara đã dũng cảm chịu đựng tất cả những đau khổ này. Trước những cực hình như vậy, không chỉ cô, một thiếu nữ trẻ, mà ngay cả một người đàn ông mạnh mẽ cũng khó lòng sống sót, nhưng con chiên của Chúa Kitô đã được sức mạnh vô hình của Thiên Chúa củng cố.

Trong đám đông dân chúng đang chứng kiến những cực hình của Thánh Barbara, có cả Iuliania. Nhìn thấy nỗi đau khổ tột cùng của Thánh Barbara, Iuliania không kìm được nước mắt và khóc nức nở. Tràn đầy lòng nhiệt

thành, nàng cất cao tiếng nói giữa đám đông và bắt đầu lên án vị quan cai trị vô nhân đạo vì những hình phạt tàn bạo, đồng thời phỉ báng các vị thần ngoại đạo. Ngay lập tức, nàng bị bắt giữ và khi được hỏi về đức tin của mình, nàng tuyên bố rằng mình là một Kitô hữu. Lúc đó, vị quan cai trị ra lệnh tra tấn nàng giống như Thánh Barbara. Iuliania bị treo cổ cùng với Thánh Barbara, và người ta dùng những chiếc lược sắt để cạo da cô. Còn Thánh nữ tử đạo vĩ đại Barbara, khi chứng kiến cảnh đó và chính mình cũng đang chịu cực hình, đã ngước mắt đầy đau khổ lên hướng về Thiên Chúa và cầu nguyện:

– Lạy Thiên Chúa, Đấng thấu hiểu lòng người, Ngài biết rằng con đã dâng hiến cả bản thân mình làm của lễ cho Ngài và phó thác mình vào quyền năng của bàn tay phải toàn năng của Ngài, khao khát hướng về Ngài và yêu mến các điều răn thánh của Ngài. Xin đừng bỏ rơi con, lạy Chúa, nhưng xin Ngài thương xót nhìn xuống con và người bạn đồng hành đầy lòng trắc ẩn của con là Iuliania, xin củng cố cả hai chúng con và ban cho chúng con sức mạnh để thực hiện kỳ công này: *"Tinh thần thì tỉnh táo, nhưng xác thịt thì yếu đuối"* (Mt 26:41; Mc 14:38).

Thánh nữ đã cầu nguyện như vậy, và sự trợ giúp từ trời cao để kiên nhẫn chịu đựng những đau khổ một cách dũng cảm đã được ban cho các vị tử đạo một cách vô hình. Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh cắt bỏ vú của cả hai người. Khi việc này được thực hiện và nỗi đau của các vị tử đạo càng thêm dữ dội, Thánh nữ Varvara, một lần nữa ngước mắt lên Đấng Chữa Lành và Đấng Cứu Rỗi của mình, đã kêu lên: *"Xin đừng cất Thánh Thần của Ngài khỏi chúng con; xin hãy ban lại cho chúng con, lạy Chúa, niềm vui của ơn cứu rỗi Ngài, và xin dùng Thánh Thần toàn năng củng cố chúng con trong tình yêu của Ngài!"* (Thánh Vịnh 50:13–14).

Sau những cực hình ấy, quan tổng trấn ra lệnh đưa Thánh Iuliana vào ngục tối, còn Thánh Varvara, để làm nhục nàng một cách tột độ, bị lôi đi trần truồng khắp thành phố, trong sự chế nhạo và đánh đập. Thánh trinh nữ Varvara, lấy sự xấu hổ làm như áo che thân, đã kêu lên với Đấng Hôn Phu yêu dấu của mình là Đức Kitô Thiên Chúa:

– Lạy Thiên Chúa, Đấng phủ trời bằng mây và đất bằng sương mù như những tấm vải liệm, Đấng quấn lấy[8435] , chính Ngài, Đấng Vua, xin che phủ sự trần truồng của con và nỗi đau khổ của nữ tử đạo vĩ đại Barbara; xin làm cho đôi mắt của những kẻ vô đạo không nhìn thấy thân thể con và để tôi tớ của Ngài không bị chế giễu đến cùng!

Chúa Giêsu Kitô, Đấng đang ngắm nhìn từ trên cao cùng với tất cả các Thiên thần thánh của Ngài về hành động anh hùng của nữ tỳ Ngài, lập tức vội vã đến giúp đỡ nàng và sai một Thiên thần rực rỡ trong bộ áo choàng sáng chói đến che phủ sự trần truồng của vị thánh tử đạo. Sau đó, bọn vô đạo không còn nhìn thấy thân thể trần truồng của vị tử đạo nữa, và nàng được dẫn trở lại trước mặt kẻ tra tấn. Tiếp theo, thánh Juliana cũng bị dẫn đi khắp thành phố, cũng trong tình trạng trần truồng. Cuối cùng, tên tra tấn, thấy rằng mình không thể làm họ từ bỏ tình yêu dành cho Chúa Kitô và ép buộc họ thờ lạy thần tượng, đã kết án cả hai phải bị chém đầu bằng gươm.

Dioscorus, người cha tàn nhẫn của Barbara, đã bị ma quỷ xúi giục đến mức không những không hề xót xa khi chứng kiến những cực hình khủng khiếp mà con gái mình phải chịu, mà còn không ngần ngại tự tay trở thành kẻ hành quyết cô. Nắm lấy con gái mình và cầm thanh gươm trần trong tay, Dioscorus lôi cô đến nơi hành quyết, được chỉ định trên một ngọn núi, ở ngoại ô thành phố, trong khi một trong những binh lính dẫn theo sau họ là Thánh Iuliania. Khi họ đang đi, Thánh Barbara đã cầu nguyện với Thiên Chúa như sau:

– Lạy Thiên Chúa vô thủy vô chung, Đấng đã trải rộng bầu trời như tấm màn che, và đặt trái đất trên mặt nước, Đấng ra lệnh cho Mặt Trời của Ngài chiếu sáng trên người lành lẫn kẻ ác, và đổ mưa xuống trên người công chính lẫn kẻ bất chính[8436] , xin hãy nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Ngài đang khẩn cầu Ngài lúc này, xin hãy nghe, hỡi Đức Vua, và xin ban ân sủng của Ngài cho mọi người sẽ nhớ đến con và những đau khổ của con, để bệnh tật bất ngờ không đến gần họ và cái chết bất ngờ không cướp đi mạng sống họ, vì Ngài biết, lạy Chúa, rằng chúng con là xác thịt và máu huyết, là tác phẩm của đôi tay thanh khiết của Ngài.

Khi nàng đang cầu nguyện như vậy, bỗng có tiếng từ trời vang lên, kêu gọi nàng cùng với Julia lên các làng trên núi và hứa sẽ ban cho nàng điều nàng xin. Và cả hai vị tử đạo, Barbara và Julia, đã bước đi đón nhận cái chết với niềm vui lớn lao, mong muốn sớm được giải thoát khỏi thân xác để được diện kiến Chúa. Khi đến nơi đã định, con chiên của Đấng Kitô là Varvara đã cúi đầu xuống dưới lưỡi gươm và bị chính người cha vô nhân đạo của mình chém đứt đầu, và lời được chép trong Kinh Thánh đã ứng nghiệm: *"cha sẽ nộp con mình cho chết"* (Mt 10,21; Mc

[8435] Các câu trích dẫn từ Kinh Thánh: xem Tv. 146:9; Gióp 38:10.
[8436] Các cụm từ trong Kinh Thánh: xem Tv 103:2, 135:6; Mt 5:45.

13,12). Còn Thánh Juliana thì bị một chiến binh chặt đầu. Như vậy, họ đã hoàn thành công cuộc tử đạo của mình[8437] . Linh hồn thánh thiện của họ đã vui mừng trở về với Đấng Hôn Phu là Đức Kitô, được các Thiên Thần đón tiếp và được chính Chúa đón nhận trong tình yêu thương. Dioscorus và quan tổng trấn Martianus bỗng chốc phải hứng chịu sự trừng phạt của Thiên Chúa. Ngay sau khi hình phạt được thi hành, cả hai đều bị sấm sét giết chết, và thi thể của họ bị tia chớp thiêu rụi thành tro.

Trong thành phố đó có một người đạo đức tên là Galentian. Ông đã lấy các thánh tích quý báu của các thánh nữ tử đạo, mang về thành phố, an táng với sự tôn kính xứng đáng và xây dựng một nhà thờ trên đó; tại đó, đã có nhiều phép lạ chữa lành nhờ các thánh tích của các thánh nữ tử đạo, nhờ lời cầu nguyện và ân sủng của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Ba Ngôi. Vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời. Amen.

- Về di cốt thiêng liêng của Thánh Đại Tử Đạo Barbara

Sau đó, di cốt thiêng liêng của Thánh Đại Tử Đạo Nữ Vara đã được chuyển từ Hy Lạp sang Nga, đến Kiev, khi mà sau khi đất nước Nga được khai sáng bằng phép Rửa Tội, các công tước Nga đã có mối quan hệ đặc biệt thân thiết và hữu nghị với các vị vua Hy Lạp, và đã lấy các chị em và con gái của họ làm vợ[8438] . Trong thời kỳ quan hệ thân thiết và hữu nghị như vậy giữa các nhà cai trị Hy Lạp và Nga, Kiev đã nhận được từ Hy Lạp một món quà vô giá – di vật thiêng liêng có khả năng chữa lành của Thánh Đại Tử Đạo Nữ Vương Barbara, như được kể lại trong truyền thuyết được viết vào năm 1670 bởi vị tu viện trưởng của Tu viện Mikhailovsky Zlatovorhy ở Kiev[8439] , linh mục tu sĩ Feodosiy Safonovich[8440] , một người chồng đáng tin cậy.

Người vợ đầu tiên của Đại công tước Kiev Sviatopolk Izyaslavich[8441] , người được đặt tên là Mikhail trong lễ rửa tội, là công chúa Hy Lạp Varvara, con gái của Hoàng đế Byzantine Alexios Komnenos[8442] . Trước khi rời Constantinople để đến Nga, công chúa Varvara đã nài nỉ cha mình ban cho cô những di vật thiêng liêng của Thánh Đại Tử đạo Varvara, và cô đã mang theo những di vật này đến Kiev. Chồng bà, Đại công tước Mikhail, sau khi xây dựng một nhà thờ bằng đá tại Kiev vào năm 1108 để tôn vinh Thánh Tổng lãnh thiên thần Mikhail – vị thánh bảo trợ của mình – đã long trọng an táng di cốt thánh của vị nữ tử đạo vĩ đại tại đó[8443] . Trong cuộc xâm lược đất nước Nga của Khan Baty[8444] người Tatar, di cốt của Thánh Đại Tử Đạo đã được các linh mục giấu kín tại một nơi bí mật dưới các bậc thang đá dẫn lên phía trên nhà thờ. Nhiều năm sau cuộc tàn phá của Baty, nhờ ân sủng của Chúa, các thánh tích đã được tìm thấy, lấy ra khỏi nơi ẩn giấu và được an táng một cách trang trọng ngay tại chính nhà thờ đó.

Năm 1644, dưới thời vị Tổng Giám mục Kiev Petrus Mogila[8445] – người nhiệt thành bảo vệ Chính Thống Giáo – Thư ký của Vương quốc Ba Lan, Georg Osolinski, đã đến thăm Kiev. Khi đến nhà thờ của Tu viện Mikhailovsky để chiêm bái di cốt thiêng liêng của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara, ông đã chia sẻ như sau:

– Tôi có niềm tin sâu sắc vào sự che chở của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Varvara, bởi vì nhiều người làm chứng rằng ai phó thác mình cho sự che chở của ngài thì sẽ không chết mà chưa được xưng tội và rước Mình Thánh

---

[8437] Sự ra đi thanh thản của các Thánh Đại Tử Đạo Barbara và Juliana diễn ra vào năm 306.

[8438] Như vậy, Thánh Vladimir, Công tước ngang hàng với các Tông đồ, đã lấy Công chúa Anna, em gái của các Hoàng đế Hy Lạp Basil và Constantine, làm vợ. Cháu trai của ngài, con trai của Yaroslav, Đại công tước Vsevolod, người trị vì tại Kiev sau người anh cả Izyaslav Yaroslavich, cũng lấy con gái của hoàng đế Hy Lạp Constantine Monomakh làm vợ; từ cuộc hôn nhân này, ngài có một người con trai là Vladimir Monomakh, người sau này trở thành Đại công tước Kiev.

[8439] Tu viện nam Mikhailovsky Zlatovekhy, theo truyền thuyết cổ xưa, được xây dựng vào những năm đầu sau khi Kitô giáo được du nhập vào Nga bởi Tổng giám mục đầu tiên của Kiev và toàn cõi Rus' là Mikhail, người đã làm lễ rửa tội cho người dân Kiev tại sông Dnieper, chính tại nơi từng đặt tượng thần Perun. Tuy nhiên, theo những ghi chép đầu tiên trong biên niên sử, tu viện này được thành lập vào năm 1108 bởi Đại công tước Kiev Sviatopolk Izyaslavich.

[8440] Feodosiy Safonovich – một nhà giáo dục và nhà truyền giáo tại Kiev, từ năm 1665 là vị tu viện trưởng của Tu viện Zlatovorhyi Mykhailivskyi.

[8441] Svyatopolk Izyaslavich – cháu nội của Yaroslav the Wise và chắt của Thánh Vladimir, vị công tước ngang hàng với các tông đồ – đã trị vì Đại công quốc Kiev từ năm 1093 đến năm 1114.

[8442] Alexius I Komnenos, hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 1081 đến năm 1118.

[8443] Tại Tu viện Mikhailovsky Zlatovekhy, nơi di cốt của Thánh Đại Tử đạo Barbara vẫn được an táng cho đến ngày nay, được đặt vào năm 1847 trong một hòm thánh bằng bạc mạ vàng lộng lẫy.

[8444] Cuộc xâm lược của Batu diễn ra vào năm 1240.

[8445] Petro Mohyla, nhà đấu tranh nổi tiếng cho Chính Thống giáo, là Tổng Giám mục Kiev từ năm 1631 đến năm 1646; ông nổi tiếng nhờ cuộc đấu tranh bảo vệ Chính Thống Giáo chống lại người Công giáo và người Uniate, việc thành lập Trường Anh em tại Kiev, xuất bản các sách phụng vụ và sách có ích cho tâm hồn, cũng như các bài giảng và các tác phẩm khác của ông.

Chúa. Tôi đã từng đến Rome và các nước phương Tây, và ở đâu tôi cũng hỏi xem di cốt của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara đang ở đâu, ở phương Tây hay phương Đông. Người ta nói với tôi rằng ở phương Tây không tìm thấy di cốt của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại, và ở phương Đông cũng không có, như những người từng đến đó khẳng định, nhưng rằng chúng đang được lưu giữ tại các vùng đất này. Giờ đây, tôi tin rằng chính tại đây, ở Kiev, là nơi lưu giữ di cốt chân chính của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara.

Sau khi cúi đầu cầu nguyện thành kính trước thánh tích và hôn lên chúng với lòng tôn kính, vị chancellor đã xin được ban cho một phần nào đó của những thánh tích này. Nhờ đức tin vĩ đại của ông, ông đã được ban cho một phần ngón tay của bàn tay phải của vị Thánh Tử Đạo Vĩ Đại, và ông đã nhận lấy với lòng biết ơn sâu sắc.

Năm 1650, dưới thời Tổng Giám mục Kiev Silvestr Kossov[8446] , Công tước Janusz Radziwill, Hetman của Litva, đã tấn công và chiếm được thành phố Kiev. Theo nguyện vọng của ông, ông đã được trao hai phần di cốt của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara, lấy từ xương đùi và xương sườn. Phần từ xương đùi của vị Đại Tử đạo, vị Hetman đã trao cho vợ mình, Công nương Maria, con gái sùng đạo của Vua Vasili của Moldavia-Wallachia. Khi Công nương Maria qua đời, phần di cốt mà bà đang lưu giữ đã được trao cho Tổng Giám mục Kiev Iosif Tukalsky[8447] và được ngài mang đến thành phố Kanev[8448] ; sau khi ngài qua đời, phần di cốt này được chuyển đến thành phố Baturin[8449] , nơi nó hiện đang được an nghỉ tại Tu viện Thánh Nicholas Thánh Tạo và, được tôn kính một cách thành kính, mang lại những phép lạ chữa lành kỳ diệu. Phần còn lại từ xương sườn của vị Đại Tử đạo, chính Công tước Radziwill đã gửi làm quà tặng cho Giám mục Công giáo Vilnius Georgy Tishkevich, nhằm đáp ứng mong muốn và những lời thỉnh cầu tha thiết của ngài. Sau khi nhận món quà này, vị Giám mục đã cất giữ nó một cách trang trọng trong phòng riêng của mình, trong một hòm thánh được trang trí lộng lẫy. Một thời gian sau, dinh thự của vị giám mục bị cháy rụi, nhưng chiếc hòm đựng phần thi hài của Thánh Đại Tử Đạo Barbara vẫn còn nguyên vẹn và không hề hấn gì. Khi biết tin này, mọi người đều vô cùng kinh ngạc và ca ngợi Thiên Chúa cùng Thánh Đại Tử Đạo Barbara. Tin tức về phép lạ này đã được truyền đến Tu viện Mikhailovsky vào năm 1657. Còn một năm trước đó, vào năm 1656, Đức Thượng phụ Makarios của Antioch[8450] đã có mặt tại Kiev. Với đức tin và tình yêu sâu sắc, cùng những giọt nước mắt, ngài đã cúi đầu tôn kính các thánh tích thiêng liêng của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại và kể lại như sau:

– Trong giáo phận của tôi, không xa Antioch, có thành phố Iliopolis, nơi Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Varvara đã chịu khổ nạn. Khi tôi hỏi thăm về thánh tích của ngài tại đó, người ta nói với tôi rằng từ thời cổ đại xa xưa, thánh tích của ngài không chỉ không còn ở đó mà cũng không còn ở bất kỳ nơi nào khác ở phương Đông, nhưng chúng đang được lưu giữ tại xứ Nga, nơi mà một số người gọi là xứ Barbarian. Giờ đây, tôi tin chắc rằng di cốt chân chính của vị thánh nữ tử đạo vĩ đại đang an nghỉ tại đây.

Đức Thượng phụ đã tha thiết xin được nhận một phần di cốt thánh này. Lời thỉnh cầu của ngài đã được Đức Tổng Giám mục Kiev Silvestr chấp thuận, và Đức Thượng phụ đã nhận phần di cốt thánh với niềm vui sướng và lòng biết ơn vô cùng.

Nhiều phép lạ và sự chữa lành từ di cốt thánh của vị Đại Tử Đạo đã xảy ra và vẫn đang diễn ra tại Tu viện Mikhailovsky Zlatovekhy. Những phép lạ này vang dội hơn cả tiếng kèn đồng, loan báo cho cả thế giới và khẳng định với mọi người về tính chân thực của di cốt thánh cũng như sức mạnh ân sủng đang hoạt động qua chúng. Dưới đây, chúng tôi xin trình bày những câu chuyện ngắn gọn về một số phép lạ trong số đó.

Tổng Giám mục Chernihiv Lazar Baranovich[8451] , ngay từ trước khi nhậm chức Giám mục, đã miệt mài rao giảng Lời Chúa từ năm 1640. Trong một lần giảng đạo, nhân dịp lễ kính Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara tại nơi an nghỉ thiêng liêng của ngài, ngài đã với lòng biết ơn sâu sắc và xúc động ca ngợi phép lạ được chữa lành khỏi căn bệnh hiểm nghèo nhờ những thánh tích thiêng liêng ấy. Và, không ngừng ca ngợi phép lạ này, ngài đã kể lại trong cuốn sách "Các tác phẩm lễ hội" của mình, được xuất bản năm 1674, như sau: "Khi bị căn bệnh hiểm nghèo hành

---

[8446] Sylvester Kossov – Tổng giám mục Kiev – đã đảm nhiệm chức vụ tại Kiev từ năm 1647 đến năm 1657.

[8447] Iosif Nelyubovich-Tukalsky – từ năm 1663 là Tổng giám mục Kiev, một nhà đấu tranh nổi tiếng cho Chính thống giáo, sau đó bị người Ba Lan giam cầm và qua đời tại Chyhyryn.

[8448] Kanev – thị trấn huyện thuộc tỉnh Kiev, nằm bên sông Dnieper.

[8449] Baturin – một thành phố thuộc huyện Konotop, tỉnh Chernihiv.

[8450] Makari, tổng giám mục Antioch từ năm 1648 đến năm 1672.

[8451] Lazar Baranovich – Tổng giám mục Chernihiv từ năm 1647 đến năm 1693, một nhân vật quan trọng của Giáo hội Nga, nổi tiếng với các cuộc tranh luận với các tu sĩ Dòng Tên và các tác phẩm khác, cũng như hoạt động rao giảng của ông.

hạ, tôi không tìm đến bất kỳ bác sĩ nào khác, mà chỉ khẩn cầu trước di cốt của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara, với lòng tin tưởng, tôi đã uống nước mà bàn tay của Thánh Nữ đã được nhúng vào, và chén nước ấy đã trở thành sự cứu rỗi cho tôi."

Vị trụ trì Tu viện Thánh Michael Mái Vàng ở Kiev, tu sĩ Theodosius, kể lại rằng khi ông, với sự ban phước của Tổng giám mục Kiev Silvestr Kossov, vào năm 1655, ông đã đảm nhận chức vụ trụ trì tu viện, thì trong năm đó, có một công dân tên là Slutsky đến gặp ông và mang theo một bàn tay bằng bạc, đồng thời xin được treo nó bên cạnh di cốt của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara. Khi được hỏi tại sao lại làm như vậy, ông đã thành thật kể lại như sau:

– Tay tôi bị mắc một căn bệnh hiểm nghèo, và bị co quắp đến mức tôi thậm chí không thể duỗi thẳng ra được. Trong lúc chịu đựng căn bệnh nan y này, tôi đã nhớ đến những phép lạ phát xuất từ di cốt thiêng liêng của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara. Tôi đã cầu nguyện với Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại để được chữa lành bàn tay và đã thề sẽ đến chiêm bái di cốt thánh của ngài. Và nhờ ơn Thánh Barbara, cánh tay co quắp của tôi đã được chữa lành; còn tôi, để thực hiện lời hứa của mình, đã đến đây với lòng biết ơn và dâng tặng chiếc tay bằng bạc này, như một dấu hiệu cho sự chữa lành của cánh tay tôi, lên các thánh tích của vị Đại Tử Đạo.

Chính Theodosius kể lại rằng vào năm 1660, trong thời kỳ chiến tranh nội bộ lúc bấy giờ, ông vô cùng đau buồn vì sự thiếu thốn của tu viện mình cũng như những nguy hiểm đe dọa đến sức khỏe và tính mạng. Một lần nọ, trong giấc ngủ, ông thấy mình đang đứng trước di cốt của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara và nhận ra rằng hũ đựng di cốt của bà tràn đầy dầu thánh. Thánh Nữ Tử Đạo vĩ đại đã nói với ông:

– Đừng lo lắng, ta ở đây cùng con.

Khi tỉnh dậy, ngài bắt đầu suy ngẫm về giấc mơ vừa qua và, nhớ lại rằng trong Kinh Thánh, dầu tượng trưng cho lòng thương xót[8452] , ngài tự nhủ:

– Chiếc giường đầy dầu, nơi tôi thấy vị Thánh Tử Đạo vĩ đại đang nằm, là điềm báo rằng nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của bà, tu viện sẽ không còn cảnh thiếu thốn và tai ương nữa.

Và điều đó thực sự đã xảy ra.

Năm 1666, trong thời gian ăn chay Giáng sinh – thời điểm người ta tưởng niệm Thánh Nữ Tử Đạo – hai chiến binh tên là Andrei và Fyodor đã nảy sinh ý định đánh cắp món trang sức quý giá đang được đặt trên thi hài của Thánh Nữ Tử Đạo. Đêm đó, khi đến tu viện, họ đã phá cửa phía nam của Nhà thờ Thánh Michael và lao thẳng đến nơi lưu giữ di cốt của Thánh Barbara. Khi họ tiến gần đến quan tài thiêng liêng của ngài, bỗng nhiên một tiếng sấm kinh hoàng vang lên, và những tia lửa bùng lên từ quan tài của Thánh nữ bắn xuống họ. Trong cơn hoảng sợ, bọn trộm ngã quỵ xuống đất như người chết; một tên lập tức bị điếc, còn tên kia thì phát điên. Khi tỉnh táo lại một chút, người bị điếc, nhận ra mình đã hứng chịu sự trừng phạt của Thiên Chúa và vị Thánh Tử Đạo vĩ đại, đã dắt người bạn đang phát điên của mình ra khỏi nhà thờ, đóng lại cửa nhà thờ và, không lấy gì cả, trở về nhà. Bảy ngày sau, chính người bị điếc đã với lòng ăn năn sâu sắc kể lại phép lạ này trước cha giải tội của mình, tu sĩ Simeon, khi đến nhà thờ Thánh Michael cùng với người bạn đồng hành. Vị linh mục đã hướng dẫn họ, trong khả năng của mình, để họ thực hiện sự sám hối chân thành và cho họ ra về với niềm hy vọng được sự giúp đỡ và chữa lành từ vị Thánh Tử Đạo Vĩ Đại. Sau đó, khi bắt đầu cử hành Thánh Lễ trước bàn thờ thánh, Simeon đã kể lại sự việc đã xảy ra cho vị tu viện trưởng của mình, tu sĩ Theodosius.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 1669, một người lính đến nhà thờ trước di cốt thiêng liêng của Thánh Đại Tử Đạo Nữ Vị Barbara, đã cúi đầu thờ lạy với lòng kính trọng sâu sắc và, sau khi thở dài, kể lại cho người quản lễ và nhiều người khác như sau:

– Tôi đã được hưởng ân sủng của sự che chở vĩ đại và kỳ diệu từ Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại. Một lần nọ, khi đang ở trong trung đoàn, tôi cùng các đồng đội khác đi thu hoạch cỏ khô, thì bỗng nhiên người Tatar tấn công chúng tôi và bắt giữ tất cả các đồng đội của tôi làm tù binh, chỉ có mình tôi thoát nạn. Khi tôi tạ ơn Chúa vì đã được cứu thoát và thương xót cho các đồng đội của mình, Thánh Nữ Varvara đã hiện ra trước mặt tôi, mặc y phục và đội vương miện y hệt như khi ngài được an táng tại đây, và nói với tôi: "Hãy biết rằng ta là Thánh Nữ Varvara, người đã giải thoát ngươi khỏi tay người Tatars." Và thế là tôi đã đến đây, trước di cốt thánh của bà, để tạ ơn bà vì sự che chở kỳ diệu, đồng thời kể lại phép lạ này cho các bạn nghe.

[8452] Eleos – trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "lòng thương xót, lòng nhân từ".

Vào năm 1670, một người dân Kiev tên là Ioann, ban đầu là một người bình thường, sau này trở thành thị trưởng, đã mắc bệnh sốt cao. Sau một thời gian dài chịu đựng căn bệnh này, ông nhớ đến Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Varvara, người ban những phép chữa lành kỳ diệu từ di cốt thiêng liêng của mình. Do bệnh tật, ông không còn sức để ra khỏi giường và đi đến nhà thờ, nên với lòng tin vào sự chữa lành, ông đã gửi người đến Tu viện Mikhailovsky, xin họ mang cho ông nước đã được rưới lên hòm thánh tích của Thánh Barbara. Trong khi đó, bản thân ông đang nằm trong cơn sốt khủng khiếp đến nỗi lưỡi ông khô cứng lại. Những người trong nhà khuyên ông nên uống gì đó để hạ sốt. Nhưng ông đáp:

– Dù có phải chết đi chăng nữa, tôi cũng sẽ không uống bất cứ thứ gì cho đến khi nước từ hòm thánh tích của Thánh Nữ Tử Đạo vĩ đại được mang đến.

Đức tin của ngài đối với Thánh Nữ Tử Đạo vĩ đại thật sự sâu sắc đến vậy. Khi nước từ di cốt thánh của ngài được mang đến, Gioan đã đón nhận với niềm vui sướng, cầu nguyện với lòng tin và uống nước đó. Ngay lập tức, ông chìm vào giấc ngủ sâu, trong khi trước đó ông hoàn toàn không thể chợp mắt. Và trong giấc mơ, ông thấy mình như đang ở trong nhà thờ Thánh Tổng lãnh thiên thần Michael, và một thiếu nữ xinh đẹp nói với ông:

– Anh có biết tôi là ai không?

Khi anh trả lời rằng không biết, thiếu nữ lại nói:

– Hãy biết rằng ta là vị tử đạo Barbara. Có rất nhiều người không tin rằng thi hài bất hoại của ta đang an nghỉ tại Tu viện Thánh Michael. Giờ đây, chính anh hãy tự mình xác nhận sự thật về thi hài của ta và rao giảng cho mọi người để họ tin điều này; còn về dấu hiệu này, từ nay trở đi, anh hãy được bình an.

Nói xong, cô nằm xuống trong quan tài của mình, đặt tại một nơi được trang hoàng lộng lẫy, còn Ioann thì ngay lập tức tỉnh dậy, cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh, như thể chưa từng bị bệnh vậy. Sau khi tạ ơn Thiên Chúa và Thánh Barbara, ông đã kể lại không chỉ cho người anh cả của mình – vị tu viện trưởng Tu viện Mikhailovsky là Thánh Phêrô, mà còn cho tất cả mọi người, về sự chữa lành kỳ diệu của mình nhờ sự giúp đỡ của vị Thánh Tử Đạo Vĩ Đại và về lời chứng của bà về tính chân thực của thi hài thánh.

Cũng cần nhắc đến ở đây về bàn tay trái của Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại, từ thuở xa xưa đã không còn ở bên cạnh thi hài bất hoại của bà: nó đã được để lại ở Hy Lạp. Sau nhiều năm, dưới thời Tổng giám mục Kiev Petrus Mohyla, bàn tay này đã được một người Hy Lạp tên là Mozel – người đã di cư sang Ba Lan – mang đến đó. Ông xuất thân từ dòng dõi hoàng gia Kantakouzenos và là một thầy thuốc tài ba. Bàn tay do ông mang đến đã được an táng trong nhà thờ bằng đá do chính ông xây dựng để tôn vinh Lễ Nâng Thánh Giá, tại thành phố Lutsk thuộc vùng Volyn. Nhiều năm sau đó, dưới thời Giám mục Chính thống giáo Lutsk Gedeon (thuộc dòng dõi các công tước Chetvertynsky), người sau này trở thành Tổng Giám mục Kiev[8453] , những người Do Thái đã đột nhập vào nhà thờ Lutsk và đánh cắp bàn tay thánh thiêng đó – vốn được đặt trong một hòm bạc – cùng với các vật dụng thờ cúng khác, rồi ném vào lò chưng cất rượu đang bốc cháy; nơi đó, dù bị lửa thiêu đốt suốt cả ngày lẫn đêm, bàn tay thánh vẫn nguyên vẹn không hề hấn gì. Thấy vậy, những tên trộm vô thần đã lấy bàn tay thánh vẫn nguyên vẹn một cách kỳ diệu ra khỏi lò nung đang cháy rực và lén lút vào ban đêm cố gắng đập nát nó bằng búa sắt; sau những nỗ lực kiên trì, chúng đã đập nó thành những mảnh nhỏ rồi lại ném vào cùng một lò nung đang cháy rực đó.

Nhờ những sự an bài kỳ diệu của Đức Chúa Trời, hành vi tàn ác của những người Do Thái vô thần này đã sớm bị phơi bày nhờ cuộc điều tra kỹ lưỡng về vụ trộm đã xảy ra và lời chứng của những người hàng xóm, rằng họ đã nghe thấy tiếng búa đập vào ban đêm. Dù bị tra tấn, những kẻ bắt cóc vẫn không chịu thừa nhận tội ác của mình. Lúc đó, những người thẩm vấn nảy ra ý tưởng thánh thiện là xúc tro ra khỏi lò và rây qua rây. Ngay lập tức , người ta phát hiện ra những mảnh vụn nhỏ của bàn tay bị nghiền nát của vị Đại Tử Đạo, và tại đó cũng tìm thấy món trang sức bằng san hô từng đeo trên bàn tay ấy, thứ không biến thành tro mà chỉ bị lửa làm trắng bệch. Sau đó, chính những người Do Thái vô thần, khi lại bị tra tấn, đã thú nhận tội ác của mình. Với sự cho phép của Giám mục Gedeon, bàn tay thánh của vị nữ tử đạo vĩ đại, đã bị những kẻ ác bẻ gãy, cùng với tất cả các mảnh vụn và những viên san hô được tìm thấy, đã được đặt vào một chiếc hòm thiêng trang nghiêm, được chế tác riêng cho mục đích này. Chiếc hòm thánh này, cùng với đoàn rước thánh giá và nến, dưới sự hộ tống của toàn thể hội thánh đã được thánh hiến và đông đảo dân chúng, đã được rước vào Nhà thờ Chính tòa Thánh Gioan Thần Học tại Lutsk một cách trang trọng. Vài năm sau, do cuộc đàn áp đối với Chính Thống Giáo, Giám mục Gedeon phải di dời từ Lutsk đến

[8453] Lutsk – thành phố trung tâm của huyện thuộc tỉnh Volyn. Thánh Gedeon được tấn phong làm tổng giám mục tại Kiev từ năm 1685 đến năm 1690.

Malorossiya, và ngài đã mang theo chiếc hòm thánh đó cùng với bàn tay thánh bị vỡ vụn của Thánh Nữ Tử Đạo Barbara. Khi ngài được tấn phong làm Tổng Giám mục Kiev, ngài đã đặt bàn tay thánh đó, trong cùng chiếc hòm thánh ấy, với sự tôn kính xứng đáng vào bàn thờ của Nhà thờ Chính tòa Tổng Giáo phận Kiev, được dâng kính Thánh Sofia – Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa, nơi mà cho đến nay nó vẫn được tôn kính một cách thành kính[8454] .

Bài thánh ca, giọng 8:

Chúng ta hãy tôn kính Thánh Barbara: Người đã đập tan những cái bẫy của kẻ thù, và như một con chim thoát khỏi chúng, nhờ sự trợ giúp và vũ khí của Thánh Giá, hỡi Đấng đáng kính.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Người đã theo Chúa, vị Nữ Tử Chịu Khổ vì Đức Chúa Ba Ngôi, đã làm tê liệt các đền thờ thần tượng: giữa những gian khổ của cuộc hành hương, thánh Barbara ơi, người khôn ngoan đã không sợ hãi trước sự trừng phạt của những kẻ hành hạ, và luôn cất tiếng hát vang dội: "Con tôn vinh Đức Chúa Ba Ngôi, Đấng Duy Nhất."

Cuộc đời của vị thánh cha chúng ta, Gioan Damasceno

Ngày kỷ niệm: 4 tháng 12

Thánh Gioan Damascene sinh ra tại Damascus, thủ đô của Syria[8455] , trong một gia đình quý tộc và đạo đức[8456] ; đức tin nồng nàn của cha mẹ ngài vào Chúa Kitô, đã được thử thách qua những đau khổ và cám dỗ, đã tỏ ra vững chắc hơn và quý giá hơn cả vàng đang tan chảy, dù đã được thử lửa. Thời kỳ đó thật gian nan. Người Saracen đã chinh phục đất nước đó và, sau khi chiếm được thành phố vinh quang này, đã gây ra đủ loại tai ương cho các Kitô hữu: một số bị giết, số khác bị bán làm nô lệ, và không ai được phép công khai tuyên xưng Đức Kitô. Vào thời điểm đó, cha mẹ của Gioan, được sự quan phòng của Thiên Chúa che chở, đã được bảo toàn an toàn và khỏe mạnh cùng với toàn bộ tài sản của họ; họ cũng giữ vững đức tin thánh thiện, vì Thiên Chúa đã ban cho họ cơ hội để được lòng người Saracen, giống như xưa kia Giuse đã được lòng người Ai Cập[8457] và Đaniel đã được lòng

---

[8454] Ngoài ra, một phần di cốt của Thánh Đại Tử Đạo Barbara – ngón tay – được lưu giữ tại Moscow, trong nhà thờ mang tên Thánh Đại Tử Đạo Barbara, trên phố Varvarka; cũng có một số phần di cốt của Thánh Barbara tại núi Athos. Bên cạnh những phép lạ nêu trên nhờ sự cầu bầu của ngài, còn cần kể thêm những phép lạ xảy ra vào thời kỳ sau này. Chẳng hạn, nhờ sự cầu bầu kỳ diệu của ngài vào năm 1710, trong suốt hơn mười tháng dịch hạch hoành hành dữ dội và tàn phá khủng khiếp Kiev cùng toàn bộ vùng Malorossiya – căn bệnh chết chóc này đã không lây lan đến Tu viện Thánh Michael Mái Vàng, nơi lưu giữ di cốt của Thánh Barbara, và không một tu sĩ nào trong tu viện qua đời vì căn bệnh này, mặc dù cổng tu viện luôn mở rộng chào đón tất cả những ai mong muốn tìm kiếm sự an ủi qua lời cầu nguyện. Sự che chở đầy ân sủng và kỳ diệu đó cũng đã được Thánh Đại Tử Đạo Varvara thể hiện vào năm 1770, khi dịch hạch lần thứ hai tàn phá miền Nam Nga, và nhiều lần trong thời đại chúng ta khi xảy ra các đợt dịch tả. Hàng năm – vào ngày 4 tháng 12 – ngày dành để tôn vinh Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại, di cốt thiêng liêng của ngài được rước long trọng quanh nhà thờ Tu viện Mikhailovsky trước sự tham dự đông đảo của người dân. Vào đầu thế kỷ XVIII, Đức Tổng Giám mục Kiev Ioasaf Krokowski (1708–1718) đã soạn bài thánh ca Akathist dành cho Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara, bài thánh ca này cho đến nay vẫn được hát trước di cốt thánh. Theo tín ngưỡng dân gian, Thánh Nữ Tử Đạo Vĩ Đại Barbara đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng đặc biệt – cứu rỗi con người khỏi cái chết bất ngờ và vô ích, khỏi dịch bệnh, cũng như các tai họa bất ngờ khác. Niềm tin này phần nào dựa trên chính câu chuyện về cuộc đời của ngài, theo đó ngài đã cầu xin Thiên Chúa cứu rỗi mọi người khỏi bệnh tật bất ngờ và cái chết không lường trước, miễn là họ thành kính tưởng nhớ đến ngài và những đau khổ của ngài; phần khác dựa trên những phép lạ nêu trên của ngài tại Tu viện Thánh Michael trong thời kỳ dịch bệnh hoành hành. Trong các nhà thờ Công giáo La Mã, ngoài ân sủng cứu rỗi khỏi cái chết đột ngột và bạo lực, Thánh Barbara còn được cho là có ân sủng cứu rỗi khỏi bão tố trên biển và hỏa hoạn trên đất liền; bà cũng được các tín hữu Công giáo coi là vị thánh bảo trợ của pháo binh.

[8455] Damascus – thành phố thương mại lớn nhất và giàu có nhất của Syria, là một trong những thành phố cổ xưa nhất trên thế giới; nằm về phía đông bắc Palestine, bên bờ sông Barada chảy qua thành phố, trên một đồng bằng xinh đẹp và trù phú, ở chân phía đông dãy núi Anti-Lebanon. Và hiện nay, Damascus, thuộc Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ, là một trong những thành phố giàu có nhất châu Á, với dân số hơn 150.000 người.

[8456] Thánh Gioan Damascene sinh khoảng năm 680. Tên gọi theo dòng họ của ngài là Mansur.

[8457] Sáng 41:37.

người Ba-by-lôn[8458] , đến nỗi những kẻ Á-ha-ri-an độc ác[8459] không cấm cha mẹ của vị thánh tin vào Chúa Kitô và công khai tôn vinh Danh Thánh của Ngài. Ngoài ra, họ còn bổ nhiệm cha của Thánh Gioan làm quan tòa thành phố và trưởng ban xây dựng công cộng[8460] . Sống trong sự thịnh vượng như vậy, ngài đã làm nhiều việc thiện cho anh em đồng đạo: chuộc những người bị bắt làm tù binh, giải thoát những người bị giam trong ngục khỏi xiềng xích và cứu họ khỏi cái chết, đồng thời giang tay giúp đỡ tất cả những ai đang đau khổ. Cha mẹ của vị thánh sống tại Damascus giữa những người Hagar, như những ngọn đèn trong đêm, như hạt giống trong dân Israel, như tia lửa trong tro tàn. Chính vì thế mà họ được Thiên Chúa gìn giữ, để qua họ, ngọn đèn trong Giáo Hội của Đức Kitô được thắp sáng, chiếu rọi rõ ràng khắp thế gian – đó là Thánh Gioan Damascene. Sau khi sinh ngài theo xác thịt, họ vội vàng làm cho ngài trở thành con cái của ánh sáng qua phép rửa tội, điều này vào thời đó là một việc vô cùng khó khăn. Người Hồi giáo không cho phép ai được rửa tội, nhưng cha mẹ của vị thánh đã không gặp trở ngại nào khi làm cho con mình được tái sinh qua phép rửa tội và đặt cho ngài một cái tên mang ý nghĩa ân sủng của Thiên Chúa[8461] . Cha của cậu bé rất quan tâm đến việc con mình được nuôi dạy theo giáo lý tốt lành và không học theo phong tục của người Saracen, cũng không học sự dũng cảm trong chiến trận, săn bắn thú rừng, hay bất kỳ nghệ thuật trần tục nào khác, mà là sự hiền lành, khiêm nhường, lòng kính sợ Thiên Chúa và sự hiểu biết về Kinh Thánh. Vì vậy, ông đã tha thiết cầu xin Chúa sai đến cho con trai mình một người khôn ngoan và đạo đức, người sẽ trở thành thầy giáo và người hướng dẫn tốt cho cậu bé trong những việc lành. Lời cầu xin của cha thánh đã được Chúa nhậm lời và ông đã nhận được điều mình mong muốn như vậy.

Bọn cướp Damascus thường xuyên tiến hành các cuộc cướp bóc cả trên đất liền lẫn trên biển vào các nước láng giềng, bắt giữ các Kitô hữu làm tù binh, rồi đưa về thành phố của chúng; một số bị bán ở chợ, số khác bị xử tử. Một lần nọ, chúng bắt được một tu sĩ tên là Kosma, người có vẻ ngoài hiền lành và tâm hồn cao thượng, gốc gác từ Ý. Cùng với những tù nhân khác, chúng định bán ông tại chợ. Những người sắp bị bọn cướp chém đầu, quỳ sấp xuống dưới chân vị tu sĩ này, nước mắt lưng tròng, van nài ông cầu nguyện với Chúa cho linh hồn họ. Thấy những người sắp chết dành cho vị tu sĩ sự kính trọng như vậy, bọn Saracen liền hỏi ông rằng ở quê hương mình, giữa những người Kitô hữu, ông được hưởng chức vụ và danh dự nào. Ông đáp:

– Tôi không có chức tước nào cả, thậm chí còn chưa được phong chức linh mục; tôi chỉ là một tu sĩ tội lỗi, được học triết học, không chỉ triết học Kitô giáo mà cả triết học do các nhà hiền triết ngoại đạo sáng tạo ra!

Nói xong, vị tu sĩ khóc nức nở. Cha của Gioan đang đứng gần đó, khi thấy vị tu sĩ già đang khóc và nhận ra ông qua bộ áo tu sĩ, ông đã bước đến gần và, với ý định an ủi ông trong nỗi đau buồn, nói:

– Thưa người của Chúa, ngài khóc than vô ích vì sự mất mát của thế gian, thế gian mà ngài đã từ bỏ từ lâu và đã chết vì nó, như tôi thấy qua dáng vẻ và trang phục của ngài.

– Tôi khóc, – vị tu sĩ đáp, – không phải vì mất đi thế gian – đối với thế gian, như anh đã nói, tôi đã chết rồi – và tôi cũng chẳng bận tâm đến bất cứ điều gì thuộc về trần gian, vì biết rằng còn có một cuộc sống khác – tốt đẹp hơn, bất tử và vĩnh hằng, đã được chuẩn bị sẵn cho các tôi tớ của Chúa Kitô, mà tôi cũng hy vọng sẽ được hưởng nhờ ơn Chúa; nhưng tôi khóc vì phải rời khỏi thế gian này mà không có con cái, không để lại người thừa kế nào.

Cha của Gioan ngạc nhiên trước những lời của vị tu sĩ và nói:

– Thưa Cha, con là một tu sĩ, đã hiến dâng bản thân cho Chúa để giữ gìn sự trong sạch, chứ không phải để sinh con đẻ cái: tại sao con lại buồn phiền vì chuyện con cái?

Vị tu sĩ đáp:

– Ngài không hiểu những gì con vừa nói, thưa ngài: con không nói về con trai theo xác thịt hay gia tài trần thế, mà là về gia tài thiêng liêng. Như ngài thấy, con là một tu sĩ nghèo khó và không có gì cả, nhưng con có một kho tàng khôn ngoan dồi dào, mà con đã tích lũy được từ khi còn trẻ nhờ sự giúp đỡ của Chúa. Tôi đã nghiên cứu các ngành khoa học nhân văn khác nhau: hùng biện, biện chứng, triết học do Stagirit và con trai của Ariston[8462]

[8458] Đan 2:48.

[8459] Người Agari, hay còn gọi là người Saracen, là những người Bedouin Ả Rập. Tên gọi "Agari", vốn ban đầu chỉ bộ tộc du mục này, sau đó được các nhà văn Kitô giáo mở rộng để chỉ tất cả người Ả Rập, và sau này trở thành thuật ngữ chung để chỉ người Hồi giáo. Người Bedouin Ả Rập được gọi là "Agarian" vì theo truyền thuyết Do Thái, họ là hậu duệ của Ishmael, con trai của Hagar, người nữ tỳ của Abraham.

[8460] Cha của Thánh Gioan Damasceno, Sergius Mansur, dưới thời Caliph Abd al-Malik của Damascus (686–705), đã đảm nhiệm chức vụ "logofet" trưởng, tức là người quản lý kho bạc, thủ quỹ.

[8461] Tên "Giăng", khi dịch từ tiếng Do Thái, có nghĩa là "Ân sủng của Thiên Chúa".

giảng dạy; tôi am hiểu về đo đạc đất đai và âm nhạc; tôi đã nghiên cứu kỹ lưỡng về chuyển động của các thiên thể và quỹ đạo của các vì sao, đến nỗi từ vẻ đẹp của tạo vật và cơ chế sắp đặt đầy khôn ngoan của nó, tôi có thể đi đến sự hiểu biết rõ ràng hơn về chính Đấng Tạo Hóa. Cuối cùng, tôi cũng đã nghiên cứu kỹ lưỡng giáo lý về những mầu nhiệm của Chính Thống Giáo do các nhà thần học Hy Lạp và La Mã soạn thảo. Dù bản thân có những kiến thức ấy, tôi chưa từng truyền dạy cho ai, và những gì đã học được, giờ đây tôi cũng không thể dạy lại cho ai, vì tôi không có thời gian cũng như không có học trò; và tôi nghĩ rằng mình sẽ chết ở đây dưới lưỡi gươm của người Agari và sẽ ra trước mặt Chúa của tôi như một cây không sinh trái, như một nô lệ đã chôn giấu tài năng của chủ mình xuống đất[8463] . Đó chính là lý do tôi khóc lóc và than thở. Cũng như các bậc cha mẹ theo xác thịt đau buồn vì sống trong hôn nhân mà không có con cái, tôi cũng đau buồn và than thở vì không có một người con tinh thần nào, người sẽ kế thừa sự giàu có về trí tuệ của tôi sau khi tôi qua đời.

Nghe những lời ấy, cha của Thánh Gioan vui mừng vì đã tìm thấy kho báu mà ông hằng mong ước bấy lâu, và nói với vị tu sĩ già:

– Xin cha đừng buồn: Chúa có thể thực hiện điều cha mong ước trong lòng.

Nói xong, ông vội vã đến gặp vị công tước Saracen, quỳ xuống dưới chân ngài và tha thiết xin được trao lại vị tu sĩ bị bắt làm tù binh, và không bị từ chối: vị công tước đã ban tặng cho ông món quà này, vốn thực sự quý giá hơn nhiều món quà khác. Với niềm vui sướng, cha của Gioan đã đưa thánh Cosmas về nhà mình và an ủi ngài sau những ngày dài đau khổ, mang lại cho ngài sự thoải mái và bình an.

– Thưa Cha, – ông nói, – xin hãy làm chủ nhà con và cùng chia sẻ mọi niềm vui cũng như nỗi buồn của con.

Và ông còn nói thêm:

– Này, Thiên Chúa không chỉ ban cho ngài tự do, mà còn thực hiện điều ngài mong muốn. Tôi có hai đứa con: một là con trai ruột của tôi – Gioan, còn đứa kia là một thiếu niên mà tôi đã nhận làm con nuôi, quê ở Giêrusalem, mồ côi từ thuở nhỏ, cậu ấy có cùng tên với ngài, vì cậu ấy cũng tên là Cosmas. Con xin cha, hãy dạy dỗ chúng về sự khôn ngoan và những đức tính tốt đẹp, hướng dẫn chúng làm mọi việc thiện lành, hãy nhận chúng làm con cái thiêng liêng của cha, tái sinh và nuôi dưỡng chúng bằng giáo lý, và để lại cho chúng làm những người thừa kế của gia tài thiêng liêng mà không ai có thể cướp mất.

Vị tu sĩ thánh thiện Kosma rất vui mừng, ngợi khen Đức Chúa Trời và bắt đầu tận tâm nuôi dạy và dạy dỗ cả hai thiếu niên. Còn hai thiếu niên thì thông minh, tiếp thu mọi điều thầy dạy và học tập thành công. Gioan, như con đại bàng lượn trên không trung, thấu hiểu những bí mật cao siêu của giáo lý, còn người anh em thiêng liêng của ngài là Kosma, như con thuyền lướt nhanh trong gió thuận, sớm thấu hiểu chiều sâu của sự khôn ngoan. Học tập chăm chỉ và cần mẫn, trong thời gian ngắn họ đã thu được nhiều tri thức sâu rộng, học thông thạo ngữ pháp, triết học và số học, và trở nên giống như Pythagoras và Diophantus[8464] ; họ còn học cả đo đạc đất đai, đến nỗi có thể được coi là những Euclid mới[8465] . Những bài thánh ca và bài thơ do chính họ sáng tác là minh chứng cho sự tiến bộ của họ trong lĩnh vực thi ca. Họ cũng không bỏ qua thiên văn học, đồng thời nghiên cứu sâu sắc các bí ẩn thần học. Hơn nữa, họ đã học được những phẩm chất tốt đẹp và lối sống đạo đức, trở nên hoàn hảo về kiến thức, cũng như sự khôn ngoan cả về mặt tâm linh lẫn thế tục. Đặc biệt, Gioan đã đạt được nhiều thành tựu xuất sắc. Ngay cả chính vị thầy của ông cũng phải ngạc nhiên, vì ông đã vượt trội hơn thầy trong một số lĩnh vực của sự khôn ngoan. Và Gioan là một nhà thần học vĩ đại, điều này được chứng minh qua những cuốn sách được Thánh Thần soi dẫn và chứa đựng sự khôn ngoan của Thiên Chúa. Nhưng ông không hề kiêu ngạo vì sự khôn ngoan đó. Giống như cây trĩu quả, càng kết nhiều quả thì cành càng cúi thấp xuống đất; cũng vậy, Gioan, càng tiến bộ trong sự khôn ngoan, thì càng ít nghĩ về bản thân và biết kiềm chế những ảo tưởng phù phiếm của tuổi trẻ cùng những suy nghĩ đầy đam mê, còn linh hồn mình, như ngọn đèn chứa đầy dầu, thì thắp sáng bằng ngọn lửa của khát vọng thiêng liêng.

[8462] Stagira – thành phố trên bán đảo Chalcedon, nơi nhà triết học Hy Lạp Aristotle (thế kỷ IV trước Công nguyên) sinh ra, vì vậy ông được gọi là người Stagira. Nhà triết học Hy Lạp Plato (thế kỷ IV trước Công nguyên) cũng được nhắc đến ở đây với tư cách là con trai của Ariston. Triết học – khoa học nghiên cứu những vấn đề cao siêu về sự tồn tại, về Đức Chúa Trời, về nguồn gốc, bản chất và các quy luật của thế giới và con người, về sứ mệnh của con người và mục đích cuối cùng của sự tồn tại của thế giới, v.v. Tu từ học và biện chứng học – các khoa học nghiên cứu các quy luật của tư duy và các phương thức diễn đạt chúng.

[8463] Câu nói trong Phúc Âm trích từ dụ ngôn về các tài năng. Mt 25:16.

[8464] Pythagoras – nhà triết học Hy Lạp nổi tiếng thế kỷ VI trước Công nguyên; Diophantus – nhà toán học người Alexandria thế kỷ IV sau Công nguyên.

[8465] Euclid – nhà toán học thế kỷ III trước Công nguyên.

Và một lần nọ, thầy Kosma đã nói với cha của Gioan: "Lòng mong ước của ngài, thưa ngài, đã thành hiện thực: các đệ tử của ngài đã học rất giỏi, đến nỗi họ đã vượt qua cả tôi về sự khôn ngoan; đối với những học trò như vậy, chỉ ngang hàng với thầy mình là chưa đủ. Nhờ trí nhớ tuyệt vời và sự nỗ lực không ngừng, họ đã thấu hiểu trọn vẹn mọi chiều sâu của sự khôn ngoan; còn Đức Chúa Trời đã nhân lên tài năng của các em. Tôi không cần phải dạy dỗ các em thêm nữa: chính các em đã có khả năng dạy dỗ người khác. Vì vậy, tôi khẩn khoản xin ngài, thưa ngài, hãy cho phép tôi trở về tu viện, nơi tôi sẽ tự mình làm môn đệ và học hỏi sự khôn ngoan cao cả từ các tu sĩ hoàn hảo. Triết học trần thế mà tôi đã học được đang dẫn dắt tôi đến với triết học tâm linh, vốn cao quý và thanh khiết hơn triết học trần thế, vì nó mang lại lợi ích và cứu rỗi linh hồn".

Nghe vậy, cha của Ioanna cảm thấy buồn bã, không muốn mất đi một vị thầy đáng kính và khôn ngoan như vậy. Tuy nhiên, ông không dám giữ chân vị tu sĩ già để không làm ông ấy buồn, nên đã đáp ứng nguyện vọng của ông, ban thưởng hậu hĩnh và tiễn ông ra đi trong bình an. Còn vị tu sĩ thì lui về tu viện của Thánh Savva, và sau khi sống an lành tại đó cho đến khi qua đời, ngài đã về với Đấng Khôn Ngoan Tối Cao – Thiên Chúa. Vài năm sau, cha của Ioanna cũng qua đời. Một vị hoàng tử Saracen đã triệu tập Ioann và đề nghị ông trở thành cố vấn hàng đầu của mình; Ioann từ chối, vì ông có khát vọng khác – đó là phục vụ Đức Chúa Trời trong sự thinh lặng. Tuy nhiên, ông buộc phải tuân lệnh và miễn cưỡng nhận chức vụ lãnh đạo, và tại thành phố Damascus, ông đã nắm giữ quyền lực lớn hơn cả cha mình[8466] .

Vào thời điểm đó, tại Hy Lạp, vua Lêô người Isauria[8467] đang trị vì, người đã tàn bạo, giống như một con sư tử gầm rú, nổi dậy chống lại Giáo Hội của Đức Chúa Trời. Ông ta lật đổ các bức tượng thánh khỏi các thánh đường, thiêu rụi chúng, đồng thời tra tấn không thương xót những tín hữu Chính Thống và những người thờ lạy các bức tượng thánh bằng những hình phạt tàn khốc. Khi nghe tin này, Gioan bừng cháy lòng nhiệt thành vì đức tin, noi gương Ê-li người Tê-sê-vi và vị Tiền Hô của Đức Kitô cùng tên với mình. Cầm lấy thanh gươm Lời Chúa, ngài bắt đầu dùng nó để chém đứt, như thể chém đứt đầu, những tư tưởng dị giáo của vị vua vô đạo; ông đã gửi đi nhiều thư về việc tôn kính các thánh tượng cho những tín hữu chính thống mà ông biết. Trong những bức thư này, dựa trên Kinh Thánh và truyền thống cổ xưa của các vị Thánh Phụ, ông đã khôn ngoan chỉ ra cách cần phải dâng sự thờ phượng xứng đáng cho các thánh tượng. Đối với những người mà ngài viết thư, Thánh Gioan đã xin họ chuyển tiếp thông điệp của ngài cho các anh em đồng đạo khác để củng cố đức tin Chính Thống của họ. Như vậy, vị thánh đã nỗ lực lan tỏa khắp vũ trụ những thông điệp được Thánh Thần soi dẫn của ngài[8468] . Lan truyền khắp vương quốc Hy Lạp, những thông điệp này củng cố đức tin cho các tín hữu Chính Thống, còn những kẻ dị giáo thì bị chúng

---

[8466] Thánh Gioan Damasceno đã đạt đến vị trí quyền lực cao nhất tại triều đình dưới thời Caliph Velid (705–716), người mà ngài là cố vấn thân cận nhất và là bộ trưởng. Tuy nhiên, dù đã đảm nhận trách nhiệm của chức vụ mới, ngài chưa bao giờ quên sứ mệnh cao cả nhất của mình – đó là phụng sự Chúa Giêsu Kitô – và luôn cố gắng trung thành với chân lý của Chúa Kitô cũng như cống hiến cho Giáo hội Thánh. Việc rao giảng chân lý của Chúa Kitô và vạch trần các tà thuyết đã trở thành sứ mệnh chính trong cuộc đời của Thánh Gioan. Và ngay từ những ngày đầu tiên của hoạt động, ngài đã đứng lên đấu tranh chống lại các tà giáo thời bấy giờ: những người Nestorian được bảo trợ tại Syria, những người tách biệt bản tính con người và bản tính Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô, và dạy rằng từ Đức Trinh Nữ Maria đã sinh ra con người Giêsu, và từ lúc Ngài được thụ thai, Đức Chúa Trời Lời đã kết hợp với Ngài bằng ân sủng của Ngài và ngự trong Ngài như trong đền thờ; cũng như chống lại những người theo phái Monophysite hay Jacobite, những người thừa nhận trong Đấng Christ chỉ có một bản tính thần thánh, mà dường như đã nuốt chửng bản tính con người trong Ngài. Để chống lại những người này, Gioan Damasceno đã viết một tác phẩm khá dài và có cơ sở vững chắc nhằm bảo vệ đức tin Chính Thống thuần khiết. Ngoài ra, ngài còn đấu tranh chống lại chủ nghĩa "monofenit", một biến thể thoái hóa từ chủ nghĩa "monofizit", vốn chỉ công nhận trong Đức Kitô duy nhất một ý chí thần thánh, cũng như chống lại những tàn dư của các học thuyết Gnosticism cổ xưa, kết hợp với các giáo lý sai lầm của Manichaeism – tức là tà giáo được gọi là "Paulician", những người này, ngoài Thiên Chúa thánh thiện – Đấng đã tạo dựng Thần Khí thuần khiết và tự mặc khải trong Kitô giáo – còn thừa nhận một nguyên lý ác – Đấng Tạo Hóa (Demiurge), Đấng đã tạo dựng thế giới hữu hình và thân xác con người, và tự mặc khải trong Do Thái giáo và ngoại giáo. Theo giáo lý của những người theo phái Pavlikian, sự nhập thể của Con Thiên Chúa chỉ là ảo tưởng: họ phủ nhận tất cả các nghi lễ và các thể chế bên ngoài của Giáo hội. Cuối cùng, Gioan Damasceno cũng đã viết một tác phẩm biện hộ chống lại đạo Hồi, vốn đang thống trị ở Syria vào thời điểm đó.

[8467] Lêô Isaurianus trị vì Đế quốc Byzantine từ năm 716 đến năm 741.

[8468] Thánh Gioan Damasceno đã viết một tác phẩm bênh vực các bức tượng thánh và gửi nó đến Constantinopolis, trong đó ngài có viết: "Nhận thức được sự bất xứng của mình, chắc chắn tôi nên im lặng và chỉ biết than khóc về những tội lỗi của mình trước mặt Thiên Chúa; nhưng khi thấy Giáo Hội của Thiên Chúa đang bị cuốn vào cơn bão dữ dội, tôi nghĩ rằng giờ đây không phải là lúc để im lặng. Tôi kính sợ Thiên Chúa hơn là vị hoàng đế trần gian, trong khi quyền lực của vị hoàng đế lại lớn đến mức có thể dễ dàng lôi kéo dân chúng." Tuy nhiên, trong tác phẩm này, Thánh Gioan không nói gì xúc phạm đến Hoàng đế Lêô cả. Theo lời thỉnh cầu của các bạn bè, Gioan đã viết liên tiếp hai bức thư để bảo vệ các thánh tượng. Các bức thư của Gioan được đọc với sự háo hức tại Constantinopolis và các nơi khác; những người yếu đuối được chúng củng cố trong đức tin Chính Thống, còn những người mạnh mẽ thì càng thêm vững vàng.

đâm thấu như thể bằng những mũi giáo[8469] . Tin đồn về điều này đã đến tai chính vua Lêô, người không chịu nổi sự vạch trần sự vô đạo đức của mình, nên đã triệu tập những kẻ dị giáo cùng quan điểm với mình và ra lệnh cho họ, dưới vỏ bọc giả tạo của sự đạo đức, tìm kiếm trong số các tín hữu Chính Thống Giáo một bức thư nào đó của Thánh Gioan, do chính tay ngài viết, và xin được đọc như thể vì lợi ích của chính họ. Sau nhiều nỗ lực, những kẻ đồng lõa trong âm mưu độc ác này đã tìm thấy ở đâu đó trong số các tín hữu một bức thư do chính tay Thánh Gioan viết, và sau khi nịnh nọt xin được, họ đã giao nó vào tay vua. Nhà vua liền giao nhiệm vụ cho các thư ký tài ba, yêu cầu họ, dựa theo bức thư của Thánh Gioan, viết một bức thư khác nhân danh vị thánh này gửi cho nhà vua – vua Lêô – bằng chính những chữ viết đó, như thể do chính tay Thánh Gioan viết và gửi từ Damascus. Bức thư đó có nội dung như sau:

– Xin chào mừng, thưa hoàng đế, và tôi cũng vui mừng vì quyền lực của ngài nhân danh đức tin chung của chúng ta, đồng thời dâng lên sự tôn kính và vinh dự xứng đáng cho bệ hạ. Tôi xin báo cho ngài biết rằng thành phố Damascus của chúng tôi, hiện đang nằm trong tay người Saracen, được bảo vệ lỏng lẻo và hoàn toàn không có lực lượng canh gác vững chắc; quân đội trong thành yếu ớt và ít ỏi. Tôi khẩn cầu ngài, xin hãy thương xót thành phố này, vì danh Chúa, hãy phái quân đội dũng mãnh của ngài đến. Bằng cách giả vờ như họ định tiến đến một nơi khác, họ có thể bất ngờ tấn công Damascus, và khi đó ngài sẽ dễ dàng chiếm được thành phố này, tôi cũng sẽ giúp đỡ rất nhiều trong việc này, bởi vì thành phố và cả đất nước này đều nằm trong tay tôi.

Sau khi viết xong bức thư này nhân danh Gioan, vị vua xảo quyệt đã ra lệnh viết thư cho vị công tước Saracen như sau:

– Tôi nghĩ không có gì tốt hơn là duy trì hòa bình và sống trong tình hữu nghị, bởi vì việc giữ lời hứa hòa bình là điều rất đáng khen ngợi và đẹp lòng Chúa; vì vậy, tôi mong muốn duy trì hòa ước đã ký kết với ngài một cách trung thực và trung thành cho đến cùng. Tuy nhiên, có một người Kitô hữu đang sống trong vương quốc của ngài, qua những lá thư thường xuyên gửi cho tôi, đã xúi giục tôi phá vỡ hòa bình và hứa sẽ giao thành Damascus vào tay tôi một cách dễ dàng, nếu tôi bất ngờ cử quân đội đến. Ta gửi cho ngài một trong những bức thư mà người Kitô hữu này đã viết – điều này sẽ thuyết phục ngài về tình bạn của ta, còn về kẻ dám viết thư như vậy cho ta, ngài sẽ nhận ra sự phản bội và thù địch, và ngài sẽ biết cách trừng phạt hắn.

Hai bức thư này, vua Lev vô đạo đã gửi cùng một cận thần của mình đến Damascus cho vị công tước Saracen. Sau khi nhận và đọc chúng, vị công tước đã triệu tập Ioann và cho ông xem bức thư dối trá đó, vốn được viết gửi cho vua Lev. Ioann, vừa đọc vừa xem xét bức thư, đã nói:

– Chữ viết trong văn bản này có phần giống với nét chữ của tôi, nhưng không phải tay tôi viết điều này, vì tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc viết thư cho vua Hy Lạp; không thể nào tôi lại phục vụ chủ nhân của mình một cách gian trá được.

Giăng nhận ra rằng đây là mưu mô xảo quyệt, độc ác và dị giáo của kẻ thù. Nhưng hoàng tử, trong cơn thịnh nộ, đã ra lệnh chặt tay phải của John, người vô tội. John khẩn thiết cầu xin hoàng tử hãy chờ đợi và cho anh ta một chút thời gian để chứng minh sự vô tội của mình cũng như sự thù hận mà vị vua dị giáo độc ác Leo dành cho anh ta, nhưng anh ta không đạt được điều mình mong muốn. Vị công tước vô cùng phẫn nộ đã ra lệnh thi hành án tử hình ngay lập tức. Và bàn tay phải của Gioan đã bị chặt đứt – chính bàn tay đã củng cố đức tin của những người trung thành với Thiên Chúa; bàn tay này, vốn đã vạch trần những kẻ thù ghét Chúa qua các tác phẩm của mình, thay vì mực dùng để viết về việc tôn kính các bức tượng thánh, lại được nhúng trong chính máu của chính mình. Sau khi hành quyết, bàn tay của Gioan được treo ở chợ, giữa lòng thành phố, còn chính Gioan, kiệt sức vì đau đớn và mất máu, đã được đưa về nhà mình. Khi chiều tối buông xuống, biết rằng cơn giận của vị công tước đã nguôi ngoai, vị thánh đã gửi đến ngài lời thỉnh cầu như sau:

– Bệnh tật của tôi ngày càng trầm trọng và hành hạ tôi một cách không thể tả xiết; tôi không thể tìm được sự an ủi chừng nào bàn tay bị chặt của tôi còn treo lơ lửng trên không; tôi xin ngài, thưa ngài, hãy ra lệnh trả lại bàn tay cho tôi, để tôi có thể chôn cất nó xuống đất, vì tôi tin rằng nếu nó được chôn cất, tôi sẽ được nhẹ nhõm trong cơn bệnh của mình.

Kẻ tra tấn đã chấp nhận lời thỉnh cầu này và ra lệnh mang cánh tay đó ra khỏi nơi công cộng rồi trao lại cho Gioan. Nhận lấy bàn tay bị chặt đứt, Gioan bước vào phòng cầu nguyện của mình và, quỳ xuống trước bức thánh

[8469] Osten, ostna, osn – cây gậy nhọn, được dùng để thúc lừa và bò đi nhanh hơn.

tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, được khắc họa đang bế Hài Nhi Giêsu trên tay, ông áp bàn tay bị chặt đứt vào khớp và bắt đầu cầu nguyện với những giọt nước mắt và tiếng thở dài phát ra từ tận đáy lòng:

– Nữ Vương Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm, Đấng đã sinh ra Thiên Chúa của con, đây là bàn tay phải của con đã bị chặt đứt vì những bức thánh ảnh thiêng liêng. Mẹ biết điều gì đã khiến Sư Tử nổi giận, xin hãy mau đến giúp đỡ và chữa lành bàn tay con. Bàn tay phải của Đấng Tối Cao, đã nhập thể từ Mẹ, nhờ những lời cầu nguyện của Mẹ mà thực hiện biết bao phép lạ; vì vậy, con xin Ngài chữa lành bàn tay phải của con theo lời cầu bầu của Mẹ. Ôi Mẹ Thiên Chúa! Xin cho bàn tay này của con được viết những điều mà chính Mẹ cho phép, để ca ngợi Mẹ và Con của Mẹ, và để những lời viết ấy góp phần củng cố đức tin Chính Thống. Mẹ có thể làm mọi điều nếu Mẹ muốn, vì Mẹ là Mẹ Thiên Chúa.

Nói những lời này trong nước mắt, Gioan chìm vào giấc ngủ và thấy trong giấc mơ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, đang nhìn ngài từ bức tranh thánh với đôi mắt sáng ngời và đầy lòng thương xót, và nói:

– Tay con giờ đây đã lành lặn, đừng lo lắng về những điều còn lại, nhưng hãy siêng năng làm việc bằng nó, như con đã hứa với Mẹ, hãy biến nó thành cây bút của người chép kinh.

Khi tỉnh dậy, Gioan sờ tay mình và thấy nó đã được chữa lành. Anh vui mừng trong lòng vì Đức Chúa Trời Cứu Thế của mình và Mẹ Ngài Vô Nhiễm Nguyên Tội, vì Đấng Toàn Năng đã thực hiện phép lạ này cho anh. Anh đứng dậy, giơ hai tay lên trời, dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời và Đức Mẹ. Và anh đã vui mừng suốt đêm cùng cả gia đình, hát lên một bài ca mới:

– *"Tay phải Ngài, lạy Chúa, đã được tôn vinh bởi quyền năng"* (Xuất Hành 15:6); bàn tay phải của Ngài đã chữa lành bàn tay phải bị chặt đứt của con và sẽ nghiền nát những kẻ thù không tôn kính hình ảnh Thánh của Ngài và Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội của Ngài, và bằng bàn tay đó, để tôn vinh vinh quang của Ngài, Ngài sẽ tiêu diệt những kẻ thù đang phá hủy các bức tượng thánh.

Khi Gioan đang vui mừng cùng gia đình và hát những bài ca tạ ơn như vậy, những người láng giềng nghe thấy và, khi biết được lý do niềm vui và sự hân hoan của ông, họ đã rất ngạc nhiên. Chẳng bao lâu sau, vị công tước Saracen cũng biết được chuyện này và, ngay lập tức triệu tập Gioan, ra lệnh cho ông cho xem bàn tay bị chặt đứt. Tại khớp xương nơi bàn tay bị chặt đứt, vẫn còn lại một vết sẹo giống như sợi chỉ đỏ, được hình thành theo ý muốn của Đức Mẹ, để làm bằng chứng rõ ràng về việc bàn tay từng bị chặt đứt. Thấy vậy, vị hoàng tử hỏi:

– Bác sĩ nào và bằng loại thuốc nào đã nối bàn tay vào khớp xương một cách hoàn hảo như vậy, và chữa lành, hồi sinh nó nhanh chóng đến thế, như thể nó chưa từng bị chặt đứt và chết đi vậy?

Giăng không giấu diếm phép lạ này và đã công khai kể lại như sau:

– Thưa Chúa của con, Vị Bác sĩ Toàn năng, đã nghe lời cầu nguyện khẩn thiết của con qua Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội, Ngài đã chữa lành vết thương của con bằng quyền năng Toàn năng của Ngài và làm cho cánh tay mà ngài đã ra lệnh chặt đứt trở nên lành lặn.

Lúc đó, vị công tước kêu lên:

– Khốn khổ cho ta! Không xem xét kỹ lời vu khống, ta đã kết án ngươi một cách bất công và hành quyết ngươi một cách oan uổng, hỡi người tốt lành. Xin ngươi hãy tha thứ cho chúng ta vì đã kết án ngươi quá vội vàng và thiếu suy xét, hãy nhận lại từ chúng ta chức tước và danh dự cũ của ngươi, và hãy trở thành cố vấn hàng đầu của chúng ta. Từ nay trở đi, không có ngươi và lời khuyên của ngươi, sẽ không có việc gì được thực hiện trong vương quốc của chúng ta.

Nhưng Ioann, quỳ xuống dưới chân hoàng tử, đã nài nỉ rất lâu để ngài cho phép ông rời đi và đừng cản trở ông theo Chúa cùng với những tu sĩ đã từ bỏ bản thân và mang lấy ách của Chúa. Còn vị công tước thì không muốn để ông ra đi, và ngài cố gắng thuyết phục Gioan ở lại làm người đứng đầu gia đình ngài và người quản lý toàn bộ vương quốc của ngài. Giữa hai người đã diễn ra một cuộc tranh luận kéo dài: người này nài nỉ người kia, người kia cố gắng thuyết phục người kia bằng lời thỉnh cầu. Sau nhiều nỗ lực, Gioan cuối cùng cũng đạt được điều mình mong muốn: dù không nhanh chóng, nhưng ông vẫn thuyết phục được vị công tước, và được trao quyền tự do làm theo ý mình.

Khi trở về nhà, Gioan lập tức phân phát vô số tài sản của mình cho những người nghèo khó, giải phóng các nô lệ, còn bản thân ông cùng người bạn đồng môn là Cosmas lên đường đến Giê-ru-sa-lem. Tại đó, sau khi thờ lạy các thánh địa, ông đến tu viện Thánh Savva và nài nỉ vị tu viện trưởng hãy đón nhận ông như một con chiên lạc đường, và đưa ông vào đàn chiên được chọn của ngài. Vị tu viện trưởng và toàn thể cộng đoàn đều nhận ra Thánh Gioan, bởi ngài đã nổi tiếng và được mọi người biết đến nhờ quyền uy, vinh dự và sự khôn ngoan vĩ đại của ngài.

Vị tu viện trưởng rất vui mừng vì một con người như vậy đã đến trong sự khiêm nhường và nghèo khó, và mong muốn trở thành tu sĩ. Sau khi đón nhận ông với tình yêu thương, vị tu viện trưởng đã gọi một tu sĩ trong số các tu sĩ, người có kinh nghiệm nhất và đã nỗ lực nhiều nhất trong các việc tu hành, với mong muốn giao phó Thánh Gioan cho người ấy hướng dẫn, để người ấy dạy dỗ ông về sự khôn ngoan thiêng liêng và các việc tu hành [8470] . Nhưng người đó đã từ chối, không muốn làm thầy cho một người như vậy, người mà sự uyên bác của ông vượt trội hơn nhiều người khác. Vị Trưởng tu viện đã gọi một tu sĩ khác, nhưng người này cũng không đồng ý; người thứ ba, thứ tư và tất cả những người còn lại đều từ chối, mỗi người trong số họ đều nhận thức rằng mình không xứng đáng làm người hướng dẫn cho một vị tu sĩ thông thái như vậy; hơn nữa, tất cả đều cảm thấy e dè trước địa vị cao quý của Gioan. Sau cùng, một vị tu sĩ có tính cách giản dị nhưng thông minh đã được gọi; ông không từ chối làm người hướng dẫn cho Gioan. Sau khi đón nhận Gioan vào phòng tu của mình và mong muốn đặt nền tảng cho một cuộc sống đạo đức trong anh, vị tu sĩ già trước hết đã đưa ra những quy tắc sau: anh không được làm bất cứ điều gì theo ý riêng; anh phải dâng lên Thiên Chúa những công việc và những lời cầu nguyện sốt sắng như một của lễ; rằng anh phải để nước mắt tuôn trào từ đôi mắt, nếu muốn tẩy rửa những tội lỗi của kiếp trước, vì điều này trước mặt Chúa quý giá hơn bất kỳ loại hương trầm đắt tiền nào. Những quy tắc này là nền tảng cho những việc được thực hiện qua lao động thể xác. Còn đối với những điều thuộc về tâm hồn, vị tu sĩ già đã đặt ra những quy tắc như sau: rằng Gioan không được để trong tâm trí mình bất cứ điều gì thuộc về trần thế; không chỉ không hình dung ra bất kỳ hình ảnh khiếm nhã nào, mà còn giữ tâm trí mình trong sạch và thanh tịnh, không vướng bận bởi bất kỳ sự đam mê phù phiếm hay kiêu ngạo vô nghĩa nào; để không tự hào về sự khôn ngoan của mình và những gì đã học được, cũng như không nghĩ rằng mình có thể thấu hiểu mọi sự một cách hoàn hảo đến cùng; để không tìm kiếm bất kỳ sự mặc khải nào hay sự hiểu biết về những bí mật thâm sâu; không hy vọng cho đến cuối đời rằng trí tuệ của mình là bất di bất dịch và không thể phạm tội hay sa vào lầm lạc; ngược lại, hãy để người ấy biết rằng những suy nghĩ của mình yếu đuối và lý trí có thể phạm tội; vì thế, hãy để người ấy cố gắng không để những suy nghĩ của mình phân tán, và hãy để người ấy chú tâm tập trung chúng lại với nhau, để nhờ đó trí tuệ của người ấy được soi sáng bởi Thiên Chúa, linh hồn được thánh hóa và thân xác được thanh tẩy khỏi mọi ô uế; hãy để thân xác và linh hồn của người ấy hợp nhất với trí tuệ, và cả ba sẽ trở thành hình ảnh của Thánh Ba Ngôi; nhờ đó, con người sẽ không còn thuộc về xác thịt hay linh hồn, mà trong mọi sự đều thuộc về Thần Khí, khi đã biến đổi bằng ý chí tốt lành từ hai phần của con người – thân xác và linh hồn – thành phần thứ ba và quan trọng nhất, tức là trí tuệ. Vị cha thiêng liêng đã ban những quy tắc này cho con thiêng liêng của mình, và vị thầy đã truyền lại cho học trò, đồng thời thêm vào những lời sau:

– Không chỉ đừng viết thư cho ai, mà thậm chí đừng nói về bất cứ điều gì thuộc các môn khoa học thế tục. Hãy giữ im lặng một cách có suy xét, vì con biết rằng không chỉ các nhà triết học của chúng ta dạy về sự im lặng, mà cả Pythagoras cũng đã truyền lại cho các môn đệ của mình sự im lặng lâu dài, và đừng nghĩ rằng nói điều tốt vào lúc không thích hợp là điều tốt. Hãy lắng nghe Đa-vít, người đã nói: *"Ngay cả điều tốt lành, tôi cũng im lặng"* (Thi thiên 38:3). Ông đã thu được lợi ích gì từ điều này? Hãy nghe đây: *"Lòng tôi bừng cháy trong tôi"* (Thi thiên 38:4), tức là ngọn lửa của tình yêu Thiên Chúa, ngọn lửa đã bùng lên trong lòng vị tiên tri khi suy ngẫm về Đức Chúa Trời.

Tất cả những lời dạy dỗ của vị trưởng lão ấy đã thấm sâu vào lòng Gioan, như hạt giống gieo trên đất tốt, và sau khi nảy mầm, nó đã bén rễ, vì Gioan, đã sống một thời gian dài bên cạnh vị trưởng lão được Thánh Linh soi dẫn ấy, đã tuân theo mọi lời dạy dỗ của ngài một cách chăm chú và lắng nghe các mệnh lệnh của ngài, vâng phục ngài một cách chân thành, không phản đối hay than vãn; ngay cả trong suy nghĩ, anh cũng chưa bao giờ chống lại các mệnh lệnh của vị trưởng lão. Đây là điều ông đã khắc sâu trong lòng mình, như trên những tấm bia đá:[8471] "Mọi điều răn của cha, theo giáo huấn của các Tông đồ, phải được tuân giữ mà không có sự giận dữ hay nghi ngờ" (xem 1 Tm 2:8). Và người đang sống trong sự vâng lời sẽ được lợi ích gì khi tay làm việc nhưng miệng than vãn, tuân theo mệnh lệnh nhưng lại phản đối bằng lời nói hay trong tâm trí, và khi nào người như vậy mới trở nên hoàn hảo? Chưa bao giờ. Những người như vậy làm việc vô ích và nghĩ rằng mình đang sống đạo đức; khi kết hợp sự vâng lời với sự than vãn, họ đang mang con rắn trong lòng mình.

[8470] Theo quy chế của Thánh Savva Cực Thánh, mỗi người mới gia nhập đều được giao phó cho một vị tu sĩ cao niên, giàu kinh nghiệm trong đời sống thiêng liêng, để được thử thách, giám sát và hướng dẫn. Người ta cũng đã làm như vậy với Gioan, mặc dù đời sống đạo đức và học vấn uyên bác của ngài đã nổi tiếng khắp phương Đông.

[8471] Các tấm bia – những tấm đá được dùng trong thời cổ đại để khắc chữ; trên các tấm bia này, Mười Điều Răn của Luật Chúa đã được khắc tại núi Sinai. Theo nghĩa bóng, các tấm bia tượng trưng cho trái tim con người.

Còn Thánh Gioan, như một người vâng lời chân chính, đã thực hiện mọi công việc được giao phó mà không hề than vãn.

Một lần nọ, vị trưởng lão, muốn thử lòng vâng lời và sự khiêm nhường của Gioan, đã thu thập nhiều giỏ – việc đan giỏ là công việc thường ngày của họ – và nói với Gioan:

– Con ơi, ta nghe nói ở Damascus, những chiếc giỏ được bán với giá cao hơn ở Palestine, trong khi ở đây, trong các phòng tu, chúng ta thiếu thốn nhiều thứ thiết yếu nhất, như chính con cũng thấy. Vậy thì, hãy mang những chiếc giỏ này đi, mau chóng đến Damascus và bán chúng ở đó. Nhưng hãy nhớ, đừng bán chúng với giá thấp hơn mức giá đã định.

Và vị tu sĩ già đã định giá những chiếc giỏ cao hơn nhiều so với giá trị thực của chúng. Người tu sĩ vâng lời chân chính không hề phản đối, dù bằng lời nói hay trong lòng, cũng không nói rằng những chiếc giỏ đó không đáng giá mức giá đã định và rằng quãng đường đi rất xa; anh ta thậm chí còn không nghĩ rằng mình sẽ xấu hổ khi đến thành phố đó, nơi mọi người đều biết anh ta và nơi trước đây anh ta từng nổi tiếng vì quyền lực của mình; anh ta không nói hay nghĩ điều gì tương tự như vậy, thể hiện mình là người noi gương Đức Kitô, Đấng vâng phục cho đến chết.

Sau khi nói: "Xin cha ban phước", và nhận lời chúc lành từ cha linh hướng của mình, Gioan lập tức vác những chiếc giỏ lên vai và vội vã lên đường đến Damascus. Mặc bộ quần áo rách rưới, Gioan đi khắp thành phố và bán những chiếc giỏ của mình tại chợ. Những người muốn mua những chiếc giỏ đó hỏi giá bán, và khi biết giá cao ngất ngưởng, họ chửi bới, cười nhạo, sỉ nhục và trách móc Gioan. Những người quen của vị thánh không nhận ra ngài, bởi vì ngài, người từng mặc những bộ quần áo thêu vàng, giờ đây lại mặc những mảnh vải rách rưới của người ăn xin; khuôn mặt ngài đã thay đổi vì ăn chay, hai má hóp lại và vẻ đẹp đã phai tàn. Nhưng có một công dân, người từng là người hầu của Gioan, sau khi nhìn kỹ khuôn mặt ngài, đã nhận ra vị thánh và ngạc nhiên trước dáng vẻ ăn xin của ngài. Với lòng thương xót và một tiếng thở dài từ tận đáy lòng, ông tiến lại gần Thánh Gioan như thể gặp một người lạ, và trả cho ngài số tiền mà vị thánh đã định cho tất cả các giỏ – không phải vì ông cần những chiếc giỏ đó, mà vì lòng thương xót dành cho một con người, người đã từ vinh quang và giàu sang tột bậc, vì Chúa, đến sự khiêm nhường và nghèo khó như vậy. Sau khi nhận tiền trả cho những chiếc giỏ, Thánh Gioan trở về với người đã sai ông đi, như một vị tướng chiến thắng trở về từ chiến trường, đã đánh bại kẻ thù là ma quỷ bằng sự vâng phục và khiêm nhường, và cùng với nó là sự kiêu ngạo cùng vinh quang hư ảo.

Một thời gian sau, một tu sĩ trong tu viện đó qua đời. Anh trai ruột của ông, sau khi người anh qua đời, chỉ còn lại một mình, đã khóc than thảm thiết vì người anh. Gioan đã an ủi anh ta rất nhiều và rất lâu, nhưng không thể xoa dịu được nỗi đau buồn và sầu muộn vô bờ bến của người anh. Anh ta nước mắt lưng tròng, bắt đầu nài nỉ Thánh Gioan rằng, để an ủi và xoa dịu nỗi buồn của mình, xin ngài hãy viết cho anh ta một bài ca tang lễ cảm động nào đó. Thánh Gioan từ chối, vì sợ vi phạm lời răn của vị trưởng lão, người đã ra lệnh cho ngài không được làm gì mà không có sự cho phép của ngài. Nhưng người anh em đang than thở không ngừng van nài Thánh Gioan, nói rằng:

– Tại sao anh không thương xót linh hồn đau khổ của em và không cho em dù chỉ một liều thuốc nhỏ để chữa căn bệnh nặng nề trong lòng em? Nếu anh là một bác sĩ chữa bệnh thể xác và em mắc phải một căn bệnh thể xác nào đó, rồi em xin anh chữa trị cho em, thì liệu anh, khi có khả năng chữa trị, lại từ chối em, và em sẽ chết vì căn bệnh đó sao? Chẳng phải ngài sẽ phải trả lời trước mặt Đức Chúa Trời về tôi sao, vì ngài có thể giúp tôi mà lại từ chối? Giờ đây, tôi đang đau khổ hơn bao giờ hết vì căn bệnh trong lòng và đang tìm kiếm từ ngài dù chỉ là sự giúp đỡ nhỏ nhoi nhất, nhưng ngài lại phớt lờ tôi. Và nếu tôi chết vì buồn bã, liệu ngài có phải trả lời trước mặt Đức Chúa Trời về tôi không? Nếu ngài sợ những mệnh lệnh của vị trưởng lão, thì tôi sẽ giấu kín những gì ngài đã viết cho tôi, để vị trưởng lão của ngài không biết và không nghe thấy điều này.

Cuối cùng, Thánh Gioan đã đồng ý với những lời đó và sáng tác các bài thánh ca tưởng niệm sau đây:

– "Niềm vui trần thế", "Mọi sự hư vô của loài người", "Hỡi loài người, chúng ta đang bận rộn vô ích" và những bài khác, mà cho đến nay vẫn được hát trong nhà thờ khi cử hành lễ tiễn đưa người quá cố[8472] .

[8472] Chẳng hạn như các bài "Nơi nào có sự đam mê trần tục", "Các tiên tri kêu lên: 'Ta là đất và tro bụi'", "Ta khóc lóc và than thở" và những bài khác, được gọi là "tự ca". Tất cả đều mang một sự cảm động phi thường; một cách tự nhiên và mạnh mẽ, trước quan tài của con cái A-đam, chúng miêu tả số phận của con người, sự hư vô và sự phù du của mọi sự trên trần gian, đồng thời dâng lên Đức Chúa Trời những lời cầu nguyện cảm động xin sự an nghỉ cho người đã khuất. Tất cả các bài thánh ca này đều được đưa vào nghi thức an táng người quá cố và vẫn được sử dụng trong Giáo hội Chính thống cho đến ngày nay.

Một lần nọ, khi vị tu sĩ già rời khỏi phòng tu để đi đâu đó, Ioann, đang ngồi trong phòng, đã hát những bài thánh ca do chính mình sáng tác. Một lúc sau, vị tu sĩ già trở về và khi đang tiến gần đến phòng tu, ông nghe thấy tiếng hát của Ioann. Ngay lập tức, ông vội vã bước vào phòng và giận dữ nói với anh ta:

– Sao con lại quên lời hứa của mình nhanh thế, thay vì khóc lóc, con lại vui mừng và hân hoan, vừa hát những bài ca vớ vẩn ấy?

Giăng kể lý do tại sao mình lại hát và, giải thích rằng anh đã bị những giọt nước mắt của người anh em buộc phải sáng tác những bài hát đó, anh liền quỳ sấp xuống đất xin vị tu sĩ cao niên tha thứ. Tuy nhiên, vị tu sĩ cao niên, cứng rắn như tảng đá, ngay lập tức trục xuất vị thánh ra khỏi cộng đoàn và đuổi anh ra khỏi phòng tu. Bị trục xuất, Gioan nhớ lại việc A-đam bị đuổi khỏi vườn Ê-đen vì đã không vâng lời, và ông khóc lóc thảm thiết trước phòng tu của vị tu sĩ già, giống như A-đam ngày xưa trước vườn Ê-đen. Sau đó, ông đến gặp các vị tu sĩ khác, những người mà ông coi là hoàn hảo về đức hạnh, và cầu xin họ đến gặp vị tu sĩ già để nài nỉ ông tha thứ cho tội lỗi của mình. Họ đã đến và khẩn cầu vị tu sĩ già tha thứ cho đệ tử của mình và đón nhận ông trở lại phòng tu, nhưng ông vẫn kiên quyết từ chối những lời thỉnh cầu của họ. Một trong các vị tu sĩ nói với ông:

– Hãy áp đặt hình phạt sám hối[8473] cho người đã phạm tội, nhưng đừng đuổi anh ta ra khỏi nơi ở chung với ngài.

Vị tu sĩ già đáp:

– Đây là hình phạt tu hành mà ta áp đặt lên hắn, nếu hắn muốn được tha thứ vì sự bất tuân của mình: hãy để hắn tự tay dọn dẹp lối đi của tất cả các phòng tu và rửa sạch mọi nơi bẩn thỉu trong tu viện.

Các vị tu sĩ cảm thấy xấu hổ trước những lời đó và trong sự bối rối, họ ra về, ngạc nhiên trước tính cách khắc nghiệt và cứng rắn của vị tu sĩ già. Gặp họ và cúi chào theo thông lệ, Ioann hỏi xem vị tu sĩ đã nói gì với họ. Sau khi kể lại sự khắc nghiệt của vị tu sĩ cao niên, họ không dám nói về việc ông ấy đã giao cho họ để thử thách; họ cảm thấy xấu hổ khi phải truyền đạt những mệnh lệnh như vậy của vị tu sĩ cao niên. Nhưng Gioan không ngừng nài nỉ họ nói cho biết cha đã giao cho anh việc gì, và khi biết được, anh vui mừng hơn cả những gì họ mong đợi, sẵn lòng nhận lấy công việc được giao, dù nó khiến anh cảm thấy xấu hổ. Ngay lập tức, anh chuẩn bị các dụng cụ và đồ dùng để dọn dẹp, rồi bắt đầu thực hiện mệnh lệnh với sự tận tâm, dùng chính đôi tay mà trước đây anh đã xức các loại hương thơm để chạm vào chất bẩn, và làm ô uế bàn tay phải – bàn tay đã được Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội chữa lành một cách kỳ diệu – bằng những chất bẩn đó. Ôi, sự khiêm nhường sâu sắc của người đàn ông kỳ diệu và môn đệ chân chính này! Vị tu sĩ già cảm động khi chứng kiến sự khiêm nhường như vậy của Gioan, và khi đến bên anh, ngài ôm lấy anh và hôn lên đầu, vai và tay anh, nói:

– Ôi, ta đã tạo nên một người chịu khổ vì Chúa Kitô như thế nào đây? Đây mới là con trai đích thực của sự vâng phục thánh thiện!

Còn Gioan, vì xấu hổ trước những lời của vị tu sĩ già, đã quỳ sấp xuống trước mặt ngài, như trước mặt Thiên Chúa, và không tự cao vì những lời khen ngợi của cha, mà càng khiêm nhường hơn nữa, cầu xin ngài tha thứ cho tội lỗi của mình. Vị tu sĩ già nắm tay Gioan và dẫn anh vào phòng tu của mình. Gioan vui mừng trước điều này như thể thiên đàng đã được trả lại cho anh, và anh sống với vị tu sĩ già trong sự hòa thuận như xưa.

Một thời gian sau, Nữ Vương của thế gian, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đáng Chúc Phúc, đã hiện ra với vị tu sĩ già trong một giấc mơ ban đêm và nói:

– Tại sao ngươi lại chặn nguồn suối có thể tuôn trào nước ngọt ngào và dồi dào – nước tốt hơn cả nước chảy ra từ tảng đá trong sa mạc[8474] – nước mà Đa-vít khao khát được uống[8475] – nước mà Đức Kitô đã hứa ban cho người

---

[8473] "Epitimia", trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "sự trừng phạt, hình phạt, sự cấm đoán". Epitimia được thiết lập trong Giáo hội dành cho những người ăn năn từ thời cổ đại xa xưa và dựa trên lời của Thánh Phaolô, người khi đưa ra lời khuyên hoặc quy tắc (canon) cho người Cô-rinh-tô về việc tha thứ tội lỗi cho người ăn năn và đón nhận họ vào cộng đoàn, đã nói: "Việc cấm đoán (epitimia) như vậy là đủ rồi" – và ngài bổ sung rằng nếu họ đón nhận người ấy trong tình yêu thương của mình, thì người ấy cũng sẽ được đón nhận. Trong Sách Nghi Thức, epitimia được gọi là "quy tắc (canon) đền bù". Như vậy, theo chỉ dẫn của vị Tông đồ, epitimia bao gồm việc cấm người phạm tội tạm thời được hiệp thông với Giáo hội, chính vì thế nó là hình phạt. Nhưng đồng thời, nó không mang ý nghĩa của một biện pháp trừng phạt hay tước quyền của thành viên Giáo hội; nó chỉ là "phương thuốc thiêng liêng". Trong ngôn ngữ của các quy tắc Giáo hội, epitimia có nghĩa là việc người đã xưng tội tự nguyện thực hiện, theo chỉ định của linh mục giải tội, những việc đạo đức nhất định (cầu nguyện liên tục, bố thí, ăn chay nghiêm ngặt, hành hương, v.v.).

[8474] Số 20:11. Đoạn này nói về nước mà Mô-sê đã làm cho tuôn ra một cách kỳ diệu từ tảng đá bằng cách đánh vào đó bằng cây gậy.

[8475] 2 Sa-mu-ên 23:15.

phụ nữ Sa-ma-ri[8476] ? Đừng cản trở dòng suối tuôn chảy: nó sẽ tuôn trào dồi dào, chảy tràn khắp vũ trụ và tưới mát muôn loài, che phủ biển cả những tà thuyết và biến chúng thành vị ngọt kỳ diệu. Hãy để những ai khát khao tìm đến nguồn nước này, và những ai không có "bạc" của đời sống trong sạch, hãy bán đi những thói quen xấu của mình, và bằng cách noi gương đức hạnh của Gioan, hãy đạt được sự trong sạch trong giáo lý và hành động từ nguồn nước ấy. Ngài sẽ cầm đàn hạc của các tiên tri, Thánh Vịnh của Đa-vít, cất lên những bài ca mới dâng lên Đức Chúa Trời và vượt qua cả Mô-sê cùng những bài ca của Ma-ri-am[8477] . So với ngài, những bài ca vô ích của Orphêus[8478] , được kể lại trong các câu chuyện ngụ ngôn, chẳng là gì cả; ngài sẽ cất lên bài ca thiêng liêng trên trời và bắt chước những bài thánh ca của các thiên thần Cherubim. Ngài sẽ biến tất cả các nhà thờ ở Giê-ru-sa-lem thành những thiếu nữ chơi trống, để họ hát ngợi khen Chúa, loan báo sự chết và sự phục sinh của Đấng Christ; Ngài sẽ ghi chép các giáo lý của đức tin Chính Thống và vạch trần những giáo lý dị giáo sai lầm: *"Lời tốt lành tuôn trào từ lòng tôi; tôi nói: bài ca của tôi là về Đức Vua"* (Thánh Vịnh 44:2).

Sáng hôm sau, vị tu sĩ già gọi Gioan lại và nói với anh:

– Hỡi con cái vâng phục Đấng Kitô! Hãy mở miệng ngươi để thu hút Thánh Thần, và những gì lòng ngươi đã tiếp nhận, hãy nói ra bằng môi miệng; hãy để chúng nói về sự khôn ngoan mà ngươi đã học được qua việc suy ngẫm về Thiên Chúa. Hãy mở miệng con không phải để kể chuyện, mà để nói lời chân lý; không phải để bói toán, mà để tuyên xưng các tín điều. Hãy nói với trái tim Giê-ru-sa-lem, đang chiêm ngưỡng Thiên Chúa, tức là với Hội Thánh đã được bình an; đừng nói những lời suông, bay vào hư không, mà hãy nói những lời mà Thánh Thần đã khắc ghi trên trái tim con. Hãy leo lên ngọn núi Sinai cao vút của việc chiêm ngưỡng Thiên Chúa và sự mặc khải những mầu nhiệm thiêng liêng; và nhờ sự khiêm nhường vĩ đại của ngươi, nhờ đó ngươi đã xuống đến tận đáy sâu nhất, giờ đây hãy leo lên ngọn núi của Giáo hội và rao giảng, loan báo Tin Mừng cho Giê-ru-sa-lem. Hãy cất cao tiếng nói của ngươi, vì Đức Mẹ đã nói với ta nhiều điều vinh quang về ngươi. Còn tôi, xin hãy tha thứ cho tôi vì đã trở thành chướng ngại vật cho ngài do sự thô lỗ và thiếu hiểu biết của tôi.

Kể từ đó, Thánh Gioan bắt đầu viết các sách Thánh và sáng tác những bài thánh ca du dương. Ngài đã soạn ra cuốn "Octoechos", mà cho đến ngày nay vẫn như một cây sáo thiêng liêng, mang lại niềm vui cho Giáo Hội của Đức Chúa Trời. Thánh Gioan đã mở đầu cuốn sách đầu tiên của mình bằng những lời sau: "Tay phải chiến thắng của Ngài đã được tôn vinh một cách thần thánh trong pháo đài"[8479] .

Về phép lạ chữa lành bàn tay phải của mình, trong niềm hân hoan tột độ, ngài đã kêu lên với Đức Mẹ như sau: "Mọi loài thụ tạo đều hân hoan vì Ngài, hỡi Đấng Đầy Ơn Phúc"[8480] .

[8476] Giăng 4:14. Chúa đã hứa với người phụ nữ Sa-ma-ri về "nước sống", dẫn đến sự sống đời đời, tức là ân sủng của Thánh Thần.

[8477] Xuất Ê-díp-tô Ký 20. Như đã biết, các bài thánh ca của Mô-sê và Ma-ri-am sau khi dân Y-sơ-ra-ên vượt qua Biển Đỏ đã được đưa vào nhiều bài thánh ca của Gioan Đamaskin và, nhân tiện, đã trở thành nền tảng cho bài ca thứ nhất trong các thánh ca.

[8478] Orpheus – một ca sĩ, anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, sức mạnh trong giọng hát của ông lớn đến mức có thể làm rung chuyển cây cối và đá núi, thuần hóa các loài thú hoang dã.

[8479] Irmos thứ nhất của giọng thứ nhất trong Octoechos. Octoechos là một trong những tác phẩm thánh ca đầu tiên của Thánh Gioan Damascene. Theo lời của Thượng phụ Giê-ru-sa-lem Gioan, Thánh Damascene, vị chứng nhân kiên định và người chịu khổ vì việc tôn kính các thánh tượng, được khích lệ bởi phép lạ chữa lành bàn tay của ngài – vốn đã bị những kẻ thù của đức tin chặt đứt – đã cất lên bài thánh ca trang nghiêm này: "Tay phải chiến thắng của Ngài đã được tôn vinh một cách huy hoàng trong pháo đài", bài ca này lấy cảm hứng từ bài ca tạ ơn chiến thắng của Mô-sê khi dân Y-sơ-ra-ên vượt qua Biển Đỏ, sau đó là hàng loạt các bài thánh ca thiêng liêng khác, tạo thành "Octoechos" (các thánh lễ Chúa Nhật được chia thành 8 giọng), sự xuất hiện của nó đã mang lại sự thay đổi trong toàn bộ cấu trúc của thánh lễ. Ngay khi Thánh Damascene còn sống, Octoechos của ngài đã được chấp nhận trên khắp phương Đông, và sau một thời gian đã lan sang phương Tây; sau này, Octoechos được bổ sung thêm các bài thánh ca của các nhà soạn nhạc Kitô giáo khác, nhưng ngay cả trong hình thức hiện tại, các nghi lễ ngày Chủ nhật về cơ bản vẫn thuộc về Thánh Gioan Damascene. Octoechos bao gồm các nghi lễ cho mỗi ngày trong tuần, được cử hành theo một trong tám giọng (hoặc điệu hát), cùng các nghi thức của Thánh Lễ Chiều, Thánh Lễ Đêm, Thánh Lễ Sáng và Thánh Lễ cho các ngày thường; còn đối với các ngày Chúa Nhật, ngoài ra còn có Thánh Lễ Chiều Nhỏ và Thánh Lễ Nửa Đêm. Việc hát Octoechos bắt đầu vào các ngày thường sau Chúa Nhật (tuần) Các Thánh và kết thúc trước Thứ Bảy của tuần Mùa Chay; còn vào các ngày Chúa Nhật, nó bắt đầu từ Chúa Nhật tiếp theo sau tuần Các Thánh và kéo dài đến tuần thứ 6 của Mùa Chay. Ngoài các khoảng thời gian đã nêu, Octoechos cũng không được sử dụng trong các thánh lễ vào các ngày lễ trong Mười Hai Lễ Lớn và các ngày chuẩn bị cho các lễ này diễn ra vào các ngày thường. Octoechos đã mang lại sự rõ ràng và thống nhất lớn cho nghi lễ nhà thờ. Bằng cách mang đến cho thánh ca nhà thờ sự thống nhất đúng đắn cùng những cảm xúc xứng đáng với sự phụng vụ Kitô giáo, Thánh Damascene đã dùng Octoechos của mình để chấm dứt tình trạng hỗn loạn từng thống trị trong thánh ca nhà thờ trước đó. Từ vô số giai điệu đa dạng, ngài chủ yếu lựa chọn cho các bài thánh ca những giai điệu có khả năng diễn tả những cảm xúc xứng đáng với người Kitô hữu, và không sử dụng những giai điệu có thể khơi dậy những cảm xúc không phù hợp với tầm quan trọng của Kitô giáo. Ông giới hạn ở tám giọng để những người cầu nguyện không bị phân tâm bởi sự đa dạng và sự thay đổi thường xuyên của các giai điệu, và để một số lượng nhất định

Chiếc áo choàng từng quấn lấy bàn tay bị chặt đứt của mình, Thánh Gioan đã đội lên đầu để tưởng nhớ phép lạ kỳ diệu của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Ngài cũng đã viết tiểu sử của một số vị thánh, soạn các bài giảng lễ và nhiều lời cầu nguyện cảm động, trình bày các tín điều của đức tin và nhiều mầu nhiệm của Thần học; ông cũng viết để chống lại các tà giáo, đặc biệt là những kẻ chống thánh tượng; ông còn soạn thảo các tác phẩm bổ ích khác cho linh hồn, mà cho đến nay các tín hữu vẫn tiếp nhận như thức ăn thiêng liêng, và uống từ đó như từ một dòng suối ngọt ngào[8481] .

Thánh Kosmas, người đã lớn lên cùng ngài và học chung với một vị thầy, đã khuyến khích các tác phẩm này của Thánh Gioan. Ngài đã thúc đẩy ngài viết các sách Thánh và soạn các bài thánh ca, đồng thời chính ngài cũng giúp đỡ ngài. Sau đó, Thánh Cosmas được Thượng phụ Giêrusalem tấn phong làm Giám mục Mayum. Tiếp

---

các giai điệu, bằng cách tập trung sự chú ý vào những giai điệu trang nghiêm và đồng thời dễ hiểu đối với mọi người, khơi dậy những phẩm chất nhất định và trang nghiêm, đồng thời củng cố tinh thần và nội dung của những lời cầu nguyện được hát lên trong sự chú ý chung. Chính sự nhất quán trong các giai điệu đã chấm dứt những sáng tạo tùy tiện của một nghệ thuật cầu kỳ, phân tán và thiếu lòng kính sợ, còn sự đơn giản của các giai điệu trong Osmoglasnik, thể hiện sự khiêm nhường và giản dị của lời cầu nguyện Kitô giáo, khơi gợi tâm hồn hướng đến lời cầu nguyện tương tự và, giải thoát tâm hồn khỏi tiếng ồn ào của cuộc sống trần tục, như thể nâng tâm hồn lên ngai vàng của Đức Chúa Trời. Đồng thời, tám giọng hát dường như ám chỉ tám tiếng nói của hệ thống phẩm trật trên trời, không ngừng ngợi khen Đức Chúa Trời: Mẹ Thiên Chúa, các Thiên thần, các tiên tri, các tông đồ, các thánh, các vị tử đạo, các vị thánh nhân và các người công chính; và vì thế, việc hát Octoechos có thể tượng trưng một cách thiêng liêng và huyền bí cho tiếng hát cầu nguyện không ngừng nghỉ, theo gương các thánh, những người mãi mãi hân hoan trên trời trước ngai vàng của Thiên Chúa. Các ký hiệu âm nhạc của Octoechos của Thánh Gioan Damascene là các nốt móc.

[8480] Sau này, bài thánh ca trang nghiêm này để tôn vinh và ca ngợi Đức Mẹ Thiên Chúa đã được đưa vào Thánh lễ của Thánh Basil Đại Đế với tư cách là bài ca xứng đáng. Trong số vô số bài thánh ca khác của Thánh Gioan Damascene, có rất nhiều bài được sáng tác để tôn vinh Đức Mẹ, Đấng đã ban cho ngài sự che chở và cầu bầu đầy ân sủng đặc biệt. Chẳng hạn như các bài thánh ca của ngài dành cho Lễ Truyền Tin, Lễ Ngủ Yên, Lễ Giáng Sinh của Đức Mẹ, "Xin mở cửa lòng thương xót cho chúng con", "Đức Trinh Nữ vinh hiển, Mẹ của Đức Kitô Thiên Chúa, xin dâng lời cầu nguyện của chúng con lên Con của Mẹ", "Tất cả niềm hy vọng của con, con đặt nơi Mẹ" và những bài khác. Nói chung, với tư cách là một nhà soạn thánh ca, Damaskin vượt trội hơn hẳn so với mọi khía cạnh khác và thực sự là bậc thầy không ai sánh kịp; chính vì những bài thánh ca của mình mà ngài được gọi *là "Zlatostruyny"* (*Dòng Vàng*), và danh hiệu này hoàn toàn xứng đáng với ngài: tất cả các bài thánh ca của ngài đều xứng đáng được gọi là những bài hát mẫu mực. Trong tất cả các bài hát đó, người ta đều thấy được sự say mê đáng kinh ngạc, vốn là đặc trưng của một nhà soạn thánh ca vĩ đại. Trong số 64 bài thánh ca do ngài sáng tác, bài thánh ca cao cả, trang nghiêm và tràn đầy niềm vui nhất chính là bài thánh ca mừng Lễ Phục Sinh. Thánh Gioan Damasceno cũng là người soạn toàn bộ Thánh lễ Phục Sinh; sau thánh lễ này, trong các tác phẩm sáng tạo của loài người, không thể tìm thấy bài thánh ca nào khác lại tràn đầy những cảm xúc sống động và cao cả đến vậy, cùng những niềm hân hoan thánh thiện và thực sự siêu phàm. Các bài thánh ca cho Lễ Giáng Sinh, Lễ Hiển Linh và Lễ Thăng Thiên của Chúa, kèm theo các bài thánh ca ngắn, đều sánh ngang với bài thánh ca Phục Sinh. Các nghi lễ Chúa Nhật của ngài cũng xuất sắc không kém về sức mạnh thi ca lẫn nội dung tín lý. Chính Thánh Damascene đã sáng tác bài thánh ca tuyệt đẹp: "Chúng con thờ lạy Hình ảnh Vô Nhiễm của Ngài, Đấng Nhân Từ". Các bài thánh ca đối đáp và các bài ca tang lễ của ngài cũng rất đáng chú ý – đó là những bài ca mẫu mực và cảm động của một linh hồn ăn năn. Thánh Damascene cũng đã sáng tác nhiều bài thánh ca và các bài hát thánh đường khác. Nói chung, Thánh Damascene là một nhà soạn thánh ca vĩ đại, không ai trước hay sau ngài trong Giáo hội có thể sánh kịp.

[8481] Ngoài các bài thánh ca của mình, Thánh Gioan Damascene còn nổi tiếng với các tác phẩm thần học, nhờ đó ngài được xếp vào hàng các vị Thánh Tổ vĩ đại của Giáo hội. Việc nghiên cứu kỹ lưỡng triết học của nhà triết học Hy Lạp Aristotle đã rèn luyện ngài trở thành một nhà tư tưởng sắc sảo, chính xác trong các khái niệm và ngôn từ. Thánh Gioan là vị Giáo phụ đầu tiên trình bày giáo lý thần học của Giáo hội Chính thống theo một trật tự mạch lạc và có hệ thống, điều này chính là nguồn gốc của danh tiếng bất diệt của ngài. Trong các tác phẩm của mình, Thánh Gioan vừa là nhà thần học giáo lý, vừa là nhà tranh luận, vừa là nhà sử học và triết gia, vừa là nhà hùng biện và nhà thơ giáo hội. Ông đã đặt cho ba tác phẩm chính của mình: "Biện chứng", "Cuốn sách về các tà giáo" và "Tuyên xưng đức tin" – dù hoàn toàn khác nhau về chủ đề – một tên gọi chung là "Nguồn tri thức". Quan trọng nhất trong số đó là "Tuyên xưng Đức tin Chính thống", tạo thành một giáo lý có hệ thống, được trình bày một cách mạch lạc và nhất quán về những chân lý chiêm niệm của Mạc khải, đã trở thành mẫu mực cho các nhà thần học phương Đông và phương Tây. Ngoài ra, theo trật tự nghiêm ngặt tương tự, Thánh Gioan còn viết "Những so sánh thiêng liêng" – sự đối chiếu các lời dạy trong Kinh Thánh về các nguyên tắc đức tin và đạo đức với các lời dạy của các vị Thánh Tổ và các vị Thầy trong Giáo Hội; các chủ đề ở đây được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái để dễ hiểu hơn; "Hướng dẫn" – giải thích các thuật ngữ thần học quan trọng nhất, việc hiểu sai các thuật ngữ này trong thời cổ đại đã là nguyên nhân dẫn đến các tà thuyết; một số tác phẩm nhỏ về giáo lý: "Về sự suy tư đúng đắn" – với lời giải thích về giáo lý của sáu Công đồng Đại kết; "Về Thánh Ba Ngôi", "Về hình ảnh của Thiên Chúa trong con người", "Về bản tính con người" và các tác phẩm khác. Trong số các tác phẩm của Thánh Gioan chống lại các tà giáo, ba bài luận của ngài chống lại những người chỉ trích các bức tượng thánh chiếm vị trí hàng đầu; ngài cũng là tác giả của bản bào chữa chống lại người Hồi giáo và các tác phẩm chống lại các phái Nestorian, Monophysite, Monothelite và Manichaean. Tiếp theo, cần lưu ý các bài giải thích ngắn gọn về các Thư của Thánh Phaolô, bài tưởng niệm chi tiết về Thánh Tử đạo Artemios và các bài giảng của ngài, chẳng hạn như vào Lễ Biến Hình Chúa, Lễ Giáng Sinh và Lễ Lên Trời của Đức Mẹ, Bài giảng về những người đã qua đời trong đức tin, lời dạy về tám ý nghĩ xấu xa, v.v. Cuối cùng, Thánh Damascene đã đóng góp quan trọng cho nghi thức phụng vụ bằng cách xem xét lại và bổ sung Hiến chương Giêrusalem do Thánh Savva Thánh Hóa soạn thảo, đồng thời biên soạn Lịch Thánh.

theo, chính vị Thượng phụ ấy đã triệu tập Thánh Gioan và phong ngài làm Linh mục. Nhưng Thánh Gioan không muốn ở lại thế gian lâu. Tránh xa vinh quang trần thế, ngài trở về tu viện của Thánh Savva và, ẩn mình trong phòng tu của mình như chim trong tổ, cần mẫn viết các sách Thánh và lo việc cứu rỗi linh hồn mình. Sau khi thu thập tất cả các tác phẩm mình đã viết trước đó, Thánh Gioan lại đọc lại chúng và cẩn thận sửa chữa những chỗ mà ngài cho là cần thiết, đặc biệt là về từ ngữ và cách diễn đạt, để không còn điều gì mơ hồ trong đó. Trong những công việc hữu ích cho bản thân và quan trọng đối với Giáo Hội của Đấng Kitô, cũng như trong những việc tu hành, Thánh Gioan đã dành nhiều thời gian và đạt đến sự hoàn hảo trong đời sống tu hành và sự thánh thiện. Sau khi làm đẹp lòng Thiên Chúa, ngài đã về với Chúa Kitô và Mẹ Ngài là Đức Trinh Nữ Maria[8482] , và giờ đây, không còn thờ lạy các Ngài qua các bức tượng, mà chiêm ngưỡng Dung Nhan của các Ngài trong vinh quang thiên đàng, ngài cầu nguyện cho chúng ta, để chúng ta cũng được hưởng cùng một sự chiêm ngưỡng Thần Thánh ấy, nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài và ân sủng của Chúa Kitô, Xin vinh quang, danh dự và sự thờ phượng thuộc về Ngài cùng với Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Đấng Chúc Tụng của Ngài mãi mãi. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 8:

Người hướng dẫn của Chính Thống Giáo, Thầy dạy về sự đạo đức và sự trong sạch, Ngọn đèn soi sáng toàn vũ trụ, Nguồn suối thiêng liêng được Thánh Thần soi dẫn cho các tu sĩ, Thánh Gioan Khôn Ngoan, Ngài đã soi sáng tất cả các môn đệ của Ngài, Nguồn suối thiêng liêng. Xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 4:

Chúng ta hãy ca ngợi Thánh Gioan, nhà soạn thánh ca và người rao giảng Lời Chúa cách trung thực, người răn dạy và hướng dẫn Giáo Hội, người chống lại kẻ thù: Ngài đã cầm lấy vũ khí là Thánh Giá của Chúa, đẩy lùi mọi sự lừa dối của các tà thuyết, và như một vị trung gian ấm áp trước mặt Thiên Chúa, ban cho mọi người sự tha thứ tội lỗi.

Lễ kỷ niệm Thánh Gioan Polivotsky

Ngày tưởng niệm: 4 tháng 12

Từ thuở thiếu thời, Thánh Gioan đã kiêng khem những món ăn ngon miệng và tránh xa những thú vui trần tục, làm rạng rỡ cuộc đời mình trước hết bằng việc ăn chay, sống trong sạch và lòng bác ái; chính vì thế, ngài đã được phong làm Giám mục Polivotsk[8483] , sau khi đã trải qua đầy đủ các bậc phẩm trật trong Giáo hội theo đúng quy định. Khi được giao phó trách nhiệm quản lý và chăm lo cho dân chúng ở cấp cao nhất như vậy, ngài đã tăng cường các công đức của mình, bổ sung những công việc mới vào những nỗ lực trước đó. Vào thời điểm đó, Hoàng đế Lêô Isaurian[8484] , người đã lên ngôi một cách không xứng đáng, bắt đầu phỉ báng các thánh tượng: vị cha đáng kính đã mạnh mẽ lên án sự vô đạo đức của nhà vua và nhờ việc tuyên xưng đức tin của mình, ngài đã bảo vệ đoàn chiên khỏi sự lầm lạc dị giáo – chủ nghĩa chống thánh tượng. Cũng trong thời gian đó, một lần người Agaria đã vây hãm thành phố Amoria[8485] , nhưng nhờ ơn Chúa, họ đã bị đẩy lùi; tất cả các Kitô hữu bị bắt làm tù binh bởi kẻ thù lúc bấy giờ đều được trả tự do nhờ sự can thiệp của vị thánh nhân này. Thi hài của ngài cho đến nay vẫn còn nguyên vẹn, vào ngày Lễ Ngũ Tuần, thi hài luôn được lấy ra khỏi quan tài, sau khi được mặc áo lễ giám mục, trước tiên được rước đến bàn thờ thánh và đặt thẳng đứng, rồi sau đó được đưa lên một nơi cao hơn và ở lại đó, được hai linh mục nâng đỡ suốt thời gian diễn ra Thánh lễ. Về những phép lạ do vị Thánh Cha đáng kính thực hiện, về việc ngài

[8482] Thánh Gioan Damascene qua đời vào khoảng năm 777, thọ 104 tuổi, và được an táng tại Tu viện Thánh Savva Cực Thánh, bên cạnh hòm thánh cốt của vị thánh sáng lập tu viện. Dưới triều đại của Hoàng đế Byzantine Andronikos II Palaiologos (1282–1328), di cốt của ngài đã được chuyển đến Constantinople.
[8483] Tại Phrygia thuộc châu Á, vào thế kỷ VIII.
[8484] Trị vì từ năm 717 đến năm 741.
[8485] Tại vùng Phrygia.

chữa lành cho những người bị quỷ ám và chữa trị cho những người bệnh tật, thì do số lượng quá nhiều, nên không thể ghi chép hết được.

Ngày 18 tháng 12

Ngày 5 tháng 12 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và những việc làm cao cả của vị cha thánh Savva, người được thánh hiến

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 12

Thánh Savva sinh ra vào năm thứ 31 dưới triều đại của Hoàng đế Hy Lạp Theodosius II[8486] , tại vùng Cappadocia, trong một ngôi làng tên là Mutalaska, thuộc quyền quản lý của Caesarea[8487] ; ban đầu nơi này không được biết đến, nhưng sau đó, nhờ sự ra đời của Thánh Savva tại đây, nó đã trở nên nổi tiếng hơn cả Armaphim, nơi mà vị tiên tri thánh Samuel đã lớn lên (1 Sa-mu-ên 1 và các chương tiếp theo). Cha mẹ của Thánh Savva là Gioan và Sofia, những người cao quý và đạo đức. Khi đứa trẻ tròn năm tuổi, họ đã lên đường đến Alexandria[8488] , vì Gioan đang phục vụ trong triều đình và giữ chức vụ quân sự cao. Theo sự an bài của Thiên Chúa, Savva được gửi lại cùng với tài sản của cha mẹ cho anh trai của mẹ mình, là Hê-rêmia. Nhưng vì vợ của Ê-rê-mi là người độc ác và hay cãi vã, nên cậu bé phải chịu đựng rất nhiều và cuối cùng đã bỏ đi đến ở với anh trai của cha mình là Grigori, người đang sống ở một làng khác tên là Skanda[8489] . Do đó, mâu thuẫn đã nảy sinh giữa các chú của Savva. Cha mẹ cậu ở lại Alexandria khá lâu, trong khi Ermius và Grigorius liên tục cãi vã với nhau; mỗi người không chỉ muốn có cậu bé về bên mình, mà còn muốn chiếm đoạt tài sản của cha cậu. Cậu bé đáng kính, ngay từ khi còn nhỏ đã nổi bật với trí tuệ chín chắn, khi chứng kiến những mâu thuẫn và tranh cãi giữa các chú của mình, đã từ chối toàn bộ tài sản và, lui về tu viện Flavian[8490] , cách Mutalaska ba verst rưỡi, đã sống theo lối sống của các thiên thần khi mới tám tuổi; sống tại đó, cậu sớm học thuộc lòng Sách Thánh Vịnh và các sách khác trong Kinh Thánh, tiến bộ trong các việc lành và tuân thủ nghiêm ngặt mọi quy tắc tu viện. Một thời gian ngắn sau, các chú của Thánh Savva đã làm hòa với nhau, đến gặp cậu tại tu viện và bắt đầu dụ dỗ cậu, khuyên cậu rời khỏi bức tường của tu viện thánh thiện, lấy vợ và sống tại điền trang của cha mình. Nhưng ngài, mong muốn ở lại trong nhà Chúa chứ không sống giữa những làng mạc của những kẻ tội lỗi[8491] , và yêu mến đời sống tu viện hơn đời sống trần tục, đã không nghe theo các chú của mình và từ chối lời đề nghị cám dỗ của họ:

– "Như trốn khỏi rắn," – anh nói, – "tôi chạy trốn khỏi những kẻ khuyên tôi rời bỏ con đường của Chúa, vì những cộng đồng xấu xa làm hư hỏng những thói quen tốt (1 Cô-rinh-tô 15:33), và tôi sợ phải gánh lấy lời nguyền rủa mà Tiên tri đã giáng xuống những kẻ sa vào sự đồi bại: *'Những kẻ bị nguyền rủa, những kẻ xa rời các điều răn của Ngài'* (xem Tv 118:21). Với những lời ấy, ngài đã đuổi các chú của mình đi tay trắng, còn bản thân ngài thì tiếp tục tu hành với lòng nhiệt thành còn lớn hơn nữa, chế ngự thân xác bằng lao động và sự kiêng khem, và khuất phục nó dưới sự cai trị của tinh thần.

Khi con rắn này – kẻ đã dùng của cải và hôn nhân để cám dỗ ngài rời khỏi tu viện, như rời khỏi một ngôi làng thiên đàng – đã bị đánh bại, thì một kẻ cám dỗ khác lại đến thử thách vị thánh – đó là ác quỷ của sự ăn uống vô độ. Một lần nọ, khi đang làm việc trong vườn tu viện, Savva nhìn thấy một quả táo tuyệt đẹp treo trên cây; ông

---

[8486] Theodosius II hay Theodosius Trẻ, cháu nội của Theodosius Đại đế, Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 408 đến năm 450. Thánh Savva Thánh được sinh ra vào năm 439.

[8487] Cappadocia – vùng phía đông của Tiểu Á. Caesarea – thành phố chính của Cappadocia. Mutalaska – nay là Talasi – một làng cách Caesarea 8 verst.

[8488] Alexandria – thành phố ven biển ở châu Phi, nằm trên bờ biển phía bắc Ai Cập, từng là trung tâm thương mại sầm uất và là pháo đài của học thuật ngoại giáo, sau đó trở thành trung tâm của thần học Kitô giáo.

[8489] Làng Skanda cách Mutalaska ba stadia, tức là hơn *12 verst* một chút *(một stadia La Mã tương đương 86 sazhen)*

[8490] Ngày nay, tu viện Thánh Gioan Tiền Hô tọa lạc trên mép vách đá.

[8491] Câu trích từ Thánh vịnh. Thánh vịnh 83:11.

không kìm được, hái quả táo đó và định ăn nó trước thời điểm quy định và trước khi nhận được lời chúc lành thông thường. Nhưng khi nhớ lại rằng chính bằng trái cây này, con rắn trong vườn Địa Đàng đã dụ dỗ con người đầu tiên sa ngã (Sáng Thế Ký 3:1–24), Thánh Savva đã kiềm chế, không ăn nó và tự trách mình, nói rằng:

– Quả đã giết chết A-đam ấy cũng đẹp mắt và ngon miệng.

Và, ném quả táo xuống đất, ông dẫm nát nó bằng chân, cùng với nó, ông cũng dẫm nát cả ý nghĩ của mình, và hơn thế nữa, đập tan đầu con quỷ tham ăn – rồi ông thề với chính mình sẽ không ăn táo suốt cả cuộc đời. Từ đó, ngài đã chiến thắng mọi ham muốn xác thịt bằng sự kiêng khem, ăn ít, ngủ ít, luôn miệt mài lao động, và đôi tay ngài chỉ dành cho việc cầu nguyện hoặc làm việc.

Và chẳng bao lâu sau, vị thánh, dù còn trẻ tuổi, đã sánh ngang về đức hạnh với tất cả các vị tu sĩ cao niên trong tu viện đó.

Có lần, một tu sĩ trong tu viện, người được giao nhiệm vụ nướng bánh mì, bị ướt sũng vì mưa; vì lúc đó đang là mùa đông, mặt trời không chiếu sáng, và anh ta không có chỗ nào để phơi khô quần áo, nên anh ta đã bỏ quần áo vào lò nướng bánh mì đang đốt củi và quên mất. Một lúc sau, các tu sĩ tập trung lại để nướng bánh và nhóm lửa lò, không biết rằng người thợ nướng bánh đã để quần áo vào đó để phơi khô. Khi củi đã cháy rực, người thợ nướng bánh mới nhớ ra quần áo của mình và rất đau lòng vì điều đó. Lúc đó, Thánh Savva cũng có mặt ở đó: khi thấy nỗi buồn của người anh em, ngài không màng đến bản thân, làm dấu thánh giá rồi bước vào lò đang cháy rực. Và, thật kỳ diệu! Giống như xưa kia các thiếu niên trong lò lửa Ba-by-lôn đã không bị thiêu cháy (Đa-ni-ên 3:1–100) nhờ đức tin của họ, thiếu niên Sa-va cũng vậy, vì tình yêu dành cho anh em mình, đã bước ra khỏi lò lửa mà không hề hấn gì, tay cầm bộ quần áo của anh em mình vẫn nguyên vẹn, không bị lửa thiêu cháy, và bộ quần áo của chính anh cũng không bị cháy xém.

Các anh em, khi chứng kiến phép lạ này, đã kinh ngạc và nói với nhau:

– Chàng thiếu niên này trong tương lai sẽ ra sao, nếu ngay từ thuở thiếu thời đã được Thiên Chúa ban cho ân sủng lớn lao như vậy!

Tại tu viện đó, vị thánh hạnh phúc đã ở lại mười năm, ngày càng trưởng thành về sức mạnh và vinh quang. Sau đó, cậu muốn đến Giê-ru-sa-lem để thờ lạy các thánh địa và thăm các vị tu sĩ đang sống trong sa mạc lân cận, để được nghe lời dạy của họ và tìm cho mình một nơi để tu hành trong sa mạc. Cậu đã thỉnh cầu vị tu viện trưởng cho phép cậu đến thành thánh với lời cầu nguyện và sự chúc phúc. Nhưng vị tu viện trưởng không muốn cho cậu đi, và nói:

– Không tốt cho con, một người còn trẻ như vậy, đi lang thang đâu đó; tốt hơn là con nên ở yên một chỗ.

Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng sắp đặt mọi sự vì lợi ích, đã truyền lệnh cho vị tu viện trưởng đừng giữ Savva lại.

– Hãy cho Savva đi để phụng sự Ta trong sa mạc, – Ngài đã mặc khải cho vị tu viện trưởng trong một thị kiến.

Lúc bấy giờ, sau khi gọi vị thánh nhân đến, vị tu viện trưởng ban phước lành cho anh và tiễn anh lên đường với lời cầu nguyện. Còn anh, được bàn tay phải của Đấng Tối Cao dẫn dắt, đã đến Giê-ru-sa-lem vào năm thứ mười tám kể từ khi sinh ra, vào cuối triều đại của Hoàng đế Marcian[8492] và thời kỳ làm Thượng phụ của Juvenal tại thành thánh. Anh đến tu viện Thánh Passarion vào mùa đông, được vị tu viện trưởng Elpidios tiếp đón và giao phó cho sự hướng dẫn của một vị tu sĩ già người Cappadocia. Tại đó, Savva đã trải qua mùa đông, mơ ước về cuộc sống thầm lặng của một ẩn sĩ, điều mà từ lâu anh đã khao khát trong tâm hồn. Khi nghe nói về Thánh Euphymius vĩ đại[8493], người tỏa sáng bởi đức hạnh và các phép lạ trong sa mạc nằm về phía đông Jerusalem, Savva muốn được gặp ngài. Sau khi xin phép các vị bề trên, ông lên đường và khi đến Tu viện của Thánh Euphymius vĩ đại, ông ở lại đó vài ngày, chờ đợi thời điểm thích hợp để được gặp ngài, vì vị thánh không phải lúc nào cũng đến nhà thờ chính tòa, mà chỉ một hoặc hai lần một tuần vào những ngày nhất định. Khi ngày thứ Bảy đến, Savva nhìn thấy vị thánh Euphimius đang trên đường đến nhà thờ, liền quỳ xuống trước ngài và tha thiết xin được nhận vào tu viện của ngài.

[8492] Marcian – Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 450–467. Thánh Juvenal từ năm 420–458. Việc Thánh Savva Thánh Hóa được chuyển đến tu viện của Abba Passarion diễn ra vào năm 456. Thánh Passarion – người sáng lập một trong những tu viện tại Jerusalem, giám mục và người hướng dẫn của Thánh Euphymius Vĩ Đại – được kỷ niệm vào ngày 11 tháng 8 và vào Thứ Bảy của Tuần Lễ Sữa.

[8493] Ngày tưởng niệm Thánh Euphimius Vĩ Đại, người qua đời vào năm 473, được cử hành vào ngày 20 tháng 1 tại khu vực Jericho: tu viện đầu tiên, mà Euphimius đã giao cho bạn và đồng sự của mình là Thánh Theoktistus quản lý, nằm cách Jerusalem 14 verst về phía đông bắc; tu viện thứ hai do Thánh Euphymius thành lập, cách tu viện đầu tiên 4 verst và do chính ngài trực tiếp quản lý.

Nhưng Thánh Euphimius, khi thấy anh còn trẻ, đã gửi anh đến một tu viện nằm xa Jerusalem hơn nữa, dưới sự hướng dẫn của Thánh Theoktistus[8494] , và ra lệnh cho ngài chăm sóc vị tu sĩ trẻ này, – và đã tiên tri về anh rằng, trong thời gian ngắn sắp tới, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, anh sẽ tỏa sáng trong đời sống tu hành hơn nhiều người khác, sẽ trở thành tấm gương sáng cho tất cả các ẩn sĩ Palestine và sẽ xây dựng một tu viện vĩ đại hơn tất cả các tu viện ở đất nước đó.

Được Thánh Theoktistos nhận vào tu viện, Savva đã dâng trọn mình cho Thiên Chúa và thực hiện mọi nghi lễ tu viện một cách không than vãn, vâng lời, với lòng khiêm nhường và nhiệt thành. Với khả năng và lòng nhiệt thành sâu sắc trong việc thực hiện các nghi lễ thánh, ngài luôn là người đầu tiên bước vào nhà thờ và là người cuối cùng ra khỏi đó. Bên cạnh sức mạnh tinh thần vĩ đại, thân thể ngài cũng to lớn và cường tráng – chính vì thế, khi tất cả các tu sĩ trong sa mạc chỉ chặt được một bó cành để làm giỏ và mang về tu viện, thì Savva lại chặt và mang về tới ba bó. Hơn nữa, đôi khi ngài còn mang cả nước lẫn củi, và bằng cách đó cố gắng phục vụ mọi người. Ngài đã làm người trông coi lừa trong một thời gian khá dài, đảm nhận nhiều chức vụ khác nhau, và thực hiện tất cả những việc này một cách hoàn hảo và không tì vết, đến nỗi các vị cha trong tu viện đã ngạc nhiên trước sự tận tụy và tinh thần phục vụ cao độ của Savva trẻ tuổi.

Lúc bấy giờ, ma quỷ, muốn cản trở anh ta, đã nghĩ ra mưu kế sau đây. Trong tu viện ấy có một tu sĩ, quê ở Alexandria, tên là Gioan. Tu sĩ này nhận được tin cha mẹ mình đã qua đời. Và thế là ma quỷ đã gieo vào đầu anh ta một ý nghĩ không xứng đáng với một tu sĩ, đó là lo liệu việc quản lý tài sản mà cha mẹ để lại, và anh ta liên tục làm phiền vị tu viện trưởng Theoktistos bằng những lời thỉnh cầu xin được phép về Alexandria, đồng thời xin cho Savva đi cùng, vì Savva là người có thể lực tốt, có thể giúp đỡ anh ta rất nhiều trên đường đi. Thượng phụ Feoktist đã nhượng bộ trước những lời thỉnh cầu khẩn thiết của tu sĩ và cho phép anh trở về quê hương; đồng thời, theo yêu cầu của anh, ngài cũng cho phép Savva đi cùng, và thế là họ lên đường. Khi họ đến Alexandria và bắt đầu lo liệu việc phân chia tài sản còn lại sau khi những người đã khuất qua đời, cha mẹ của thánh Savva, là Ioann và Sofia, tình cờ có mặt ở đó (vì cha của Savva, do chức vụ quân sự của mình, thường xuyên được cử đến Alexandria theo lệnh của hoàng đế), đã nhận ra anh. Lúc đó, Thánh Savva phải đối mặt với một thử thách mới và , cuộc đấu tranh này còn gay gắt hơn lần trước, khi các chú của ngài cố lôi kéo ngài rời tu viện để trở về đời sống thế tục, từ đời sống tu hành sang hôn nhân: cha mẹ của Savva lúc thì van nài trong nước mắt, lúc thì dùng những lời dịu dàng và quyến rũ để càng thuyết phục anh cởi bỏ áo tu sĩ màu đen và mặc áo sáng màu, sống theo gương của họ và gia nhập quân ngũ. Còn vị Thánh, khi nhận ra rằng mình đã gặp cha mẹ và bị họ nhận ra do sự xúi giục của kẻ thù, đã kiên quyết chống lại bản năng tự nhiên của mình. Ngài kìm nén tình yêu tự nhiên dành cho cha mẹ, từ chối những lời van nài và nước mắt khẩn thiết của họ, và với quyết tâm vững vàng, ngài đáp lại cha mẹ:

– Con kính sợ Đấng đã phán: *"Ai yêu cha hay mẹ hơn Ta thì không xứng đáng với Ta; ai yêu con trai hay con gái hơn Ta thì không xứng đáng với Ta; và ai không vác thập giá mình mà theo Ta thì cũng không xứng đáng với Ta"* (Mt 10,37–38). Làm sao tôi có thể ưu tiên các vị hơn Thiên Chúa, cuộc sống phù du của các vị hơn thập giá của mình, nghĩa vụ quân sự trần thế hơn cuộc chiến thiêng liêng? Nếu ngay cả các vị vua trần gian còn trừng phạt những chiến binh đào ngũ khỏi quân đoàn, thì huống chi Vua Trời sẽ không tha thứ cho những ai đã gia nhập đội quân vinh quang của Ngài rồi lại bỏ chạy khỏi quân đoàn được chọn.

Cuối cùng, Thánh Savva còn nói thêm:

– Nếu các vị tiếp tục khuyên nhủ con từ bỏ cuộc chiến đấu tuyệt vời của Đấng Kitô, thì con sẽ không còn coi các vị là cha mẹ của con nữa.

Lúc đó, Gioan và Sofia, thấy lòng con trai mình kiên quyết không lay chuyển, liền ngừng khuyên can và trong tiếng khóc nức nở, đành phải cắn răng để con ra đi; khi chia tay, họ xin con mang theo những gì cần thiết cho hành trình và đưa cho con bốn mươi đồng vàng; còn anh thì không muốn nhận gì cả, tuy nhiên, để không làm phật lòng cha mẹ mình, anh chỉ nhận ba đồng, và khi trở về, anh đã trao số tiền đó vào tay vị tu viện trưởng Theoktistos.

Vào cuối năm thứ mười Savva ở tu viện, Thánh Phêôctist qua đời; thay thế ngài, Thánh Evfimii đã bổ nhiệm một tu sĩ đức hạnh tên là Marin; nhưng hai năm sau, ông cũng qua đời, và sau đó, vị tu sĩ đức hạnh tên là Longin đã đảm nhận chức vụ tu viện trưởng. Lúc bấy giờ, Thánh Savva đã tròn ba mươi tuổi. Ông đã thỉnh cầu vị tu viện trưởng Longin cho phép ông ẩn dật trong một hang động nằm gần tu viện, về phía nam trên một vách đá, để có

[8494] Lễ kỷ niệm Thánh Phêôctist, người đồng hành của Thánh Evfimii Vĩ đại, được cử hành vào ngày 3 tháng 9; Thánh Phêôctist qua đời vào năm 467.

cuộc sống tĩnh lặng hơn. Longin đã tâu lại nguyện vọng này với vị đại tu viện trưởng Evfimiy. Evfimiy, sau khi nghe nhiều về cuộc sống trong sạch của Savva, về việc ăn chay và cầu nguyện của ông, về sự hiền lành và khiêm nhường, cũng như những việc làm thánh thiện khác của ông, đã viết thư cho Longin:

– Đừng cấm Savva tu hành theo ý muốn của ông ấy.

Ban đầu, vị thánh được lệnh ở trong hang năm ngày mỗi tuần, và sau đó, theo lời thỉnh cầu của ngài, ngài được phép ở lại đó trong vòng năm năm. Cuộc sống của ngài trong hang diễn ra như sau: năm ngày ngài ăn chay, không ăn uống gì và không ra khỏi hang; ông dành thời gian ở đó để đan giỏ, mỗi ngày đan được mười cái – và trên môi cũng như trong tâm trí ông luôn tràn ngập những lời cầu nguyện dâng lên Thiên Chúa. Khi ngày thứ Bảy đến, vào sáng sớm, ông ra khỏi hang động để đến tu viện, mang theo năm mươi chiếc giỏ; vào ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật, ngài tham gia lễ cầu nguyện chung và, sau khi dùng bữa để bồi bổ cơ thể, vào buổi tối Chủ Nhật, ngài lại trở về hang động, mang theo những cành cây chà là đủ để đan năm mươi chiếc giỏ. Trong những công việc lao động và ăn chay như vậy, ông đã ở trong hang động đó năm năm, sau đó vị thánh vĩ đại Euphimius đã đưa ông theo mình để thực hành đời sống ẩn tu, như một tu sĩ hoàn hảo, người mà dù còn trẻ tuổi nhưng đã sánh ngang với các bậc tiền bối đã già đi trong đức hạnh. Vì thế, Thánh Euphimius gọi ngài là "vị tu sĩ trẻ tuổi": dù thân thể còn trẻ, ngài đã bạc tóc nhờ sự khôn ngoan thiêng liêng và già dặn nhờ cuộc sống trong sạch. Vào ngày 14 tháng Giêng, vị thánh vĩ đại Evfimii cùng ngài rời Tu viện Lavra, mang theo cả vị thánh Dometian[8495] , và họ lên đường đến sa mạc Ruv[8496] để tu hành suốt Mùa Chay cho đến Chúa Nhật Lễ Lá.

Một lần nọ, vị tu sĩ già muốn băng qua toàn bộ sa mạc nằm phía trên Biển Chết, hướng về phía nam, và cùng hai đệ tử của mình là Dometian và Savva, đã đến một vùng đất khô cằn không có nước. Nắng nóng như thiêu đốt, và thánh Savva mệt mỏi, kiệt sức vì khát và ngã quỵ, không thể đi tiếp được nữa. Euphemius thương xót anh ta, nên đã lùi lại một khoảng cách vừa đủ để ném một hòn đá, rồi cầu nguyện như sau:

– Lạy Chúa Trời, xin ban nước xuống vùng đất khô cằn này, để làm dịu cơn khát cho người anh em đang kiệt sức.

Khi cầu nguyện xong, ngài dùng cây gậy nhặt được để đào đất ba lần, và ngay lập tức nước suối bắt đầu chảy ra. Savva nếm thử nước và lấy lại sức, và từ đó ngài nhận được sức mạnh thiêng liêng để chịu đựng cơn khát trong sa mạc. Khi đến Chủ nhật Lễ Lá, họ trở về Tu viện Lavra.

Một thời gian ngắn sau, vị thánh đáng kính và thánh thiện Euphymius qua đời; sự kiện này xảy ra dưới thời Thượng phụ Anastasius của Jerusalem[8497] . Sau khi Thánh Euphymius qua đời và một số vị cha già khác của Tu viện cũng qua đời, Thánh Savva, thấy các quy tắc tu viện đang bị thay đổi, đã rời đi đến sa mạc phía đông gần sông Jordan, nơi mà vào thời điểm đó, Thánh Gerasimus đang chiếu sáng như một ngôi sao sáng bằng chính cuộc đời của ngài. Thánh Savva đã 35 tuổi khi ngài định cư một mình trong sa mạc, tu tập bằng việc ăn chay và cầu nguyện không ngừng, đồng thời rèn luyện tâm trí mình thành tấm gương trong suốt phản chiếu những điều thiêng liêng. Lúc đó, ma quỷ bắt đầu dàn dựng những mưu mô chống lại ngài. Một đêm nọ, khi vị thánh đang ngủ trên đất sau một ngày lao động vất vả, ma quỷ biến thành vô số rắn và bọ cạp, tiến lại gần Savva với ý định dọa nạt ngài. Nhưng ngài lập tức đứng dậy cầu nguyện, đọc những lời trong Thánh vịnh của Đa-vít: *"Ngươi sẽ không sợ những điều kinh hoàng ban đêm, cũng không sợ mũi tên bay ban ngày… ngươi sẽ giẫm lên rắn độc và rắn hổ mang"* (Thánh vịnh 90:5–13). Nghe những lời này, ma quỷ cùng những điều kinh hoàng của nó lập tức biến mất. Vài ngày sau, ma quỷ biến thành một con sư tử đáng sợ và lao vào vị thánh, như thể muốn nuốt chửng ngài; mỗi lần lao tới, nó lại lùi lại, rồi lại lao tới và lại lùi lại. Thấy con thú lúc thì lao tới, lúc thì lùi lại, vị thánh nói với nó:

– Nếu ngươi có quyền năng từ Đức Chúa Trời để nuốt chửng ta, thì tại sao ngươi lại lùi lại? Còn nếu không, thì tại sao ngươi lại vất vả vô ích? Vì bằng quyền năng của Đấng Christ của ta, ta sẽ chế ngự ngươi, hỡi con sư tử!

Và ngay lập tức, con quỷ hiện thân dưới hình dạng con thú đã chạy trốn trong nhục nhã. Kể từ đó, Đức Chúa Trời đã khiến Savva chế ngự được tất cả các loài thú và rắn, và ngài bắt đầu đi giữa chúng như giữa những con cừu hiền lành.

[8495] Ngày tưởng niệm Thánh Dometianus xứ Palestine được cử hành vào Thứ Bảy trước Lễ Phục Sinh.

[8496] Sa mạc Ruva nằm ở bờ tây bắc Biển Chết, giữa Biển Chết và con đường dẫn đến Jerusalem ngày nay, cũng như Tu viện Thánh Savva Cực Thánh.

[8497] Năm 473, Anastasius I – Thượng phụ Giêrusalem từ năm 468–478.

Trong lúc lang thang trên sa mạc, Savva một lần gặp bốn người Saracen[8498] , đang rất đói và mệt mỏi; ông bảo họ ngồi xuống và lấy từ trong áo của mình ra những củ gọi là melagria, thứ mà chính ông dùng làm thức ăn, cùng với lõi cây sậy[8499] . Họ đã ăn và lấy lại sức, rồi khi nhận ra nơi Savva đang ở, họ ra về; nhưng vài ngày sau, họ quay lại gặp ông với bánh mì, phô mai và quả chà là để bày tỏ lòng biết ơn vì lòng tốt của ông, khi ông đã cho họ ăn vào ngày đói khát. Savva cảm động và trong lòng thầm thốt lên với nước mắt:

– Ôi, thật đau lòng, hỡi linh hồn ta! Những người này chỉ vì một ân huệ nhỏ nhoi, được ban cho họ một lần, mà đã biết ơn đến thế! Vậy còn chúng ta thì sao, hàng giờ nhận được những ân huệ vô cùng của Chúa mà lại vô ơn, sống trong sự lười biếng và thờ ơ, không tuân giữ các điều răn thánh của Ngài!

Sau đó, có một tu sĩ đức hạnh tên là Anf[8500] đến gặp Savva; trước đây, ông đã sống cùng với Thánh Phê-ô-đô-xi-ô trong một thời gian dài; ông đã yêu mến Thánh Savva, gắn bó với ngài và bắt đầu sống cùng ngài. Một lần nọ, bọn Agarian[8501] tấn công họ và cử một người trong số chúng đi trước để giết họ; nhưng nhờ lời cầu nguyện của các vị thánh phụ, đột nhiên mặt đất nứt ra và nuốt chửng tên Agarian đó, còn những tên Agarian còn lại, khi chứng kiến phép lạ này, đã hoảng sợ và bỏ chạy.

Thông qua người bạn cùng ở là Anfa, Thánh Savva sau đó đã làm quen với vị tu sĩ Theodosius, và họ nảy sinh tình yêu thương sâu đậm dành cho nhau. Vào cuối năm thứ tư sống trong sa mạc, Thánh Savva, trong những chuyến lang thang của mình qua sa mạc, đã leo lên một ngọn đồi cao[8502] , nơi Nữ hoàng Evdokia đáng kính, vợ của Hoàng đế Theodosius Trẻ, từng vui mừng đón nhận những lời dạy có ích cho tâm hồn từ vị thánh vĩ đại Euthymius[8503] . Tại đó, Savva đã dành cả đêm để cầu nguyện như thường lệ. Và ông đã có một thị kiến. Ông nhìn thấy một Thiên thần sáng chói của Đức Chúa Trời, chỉ cho ông thấy thung lũng mà xưa kia có một dòng suối chảy về phía nam từ Siloam[8504] , và nói rằng:

– Nếu ngươi muốn biến sa mạc này thành một thành phố, hãy hướng về phía đông của dòng suối này, và ngươi sẽ thấy trước mặt mình một hang động chưa từng có ai ở; hãy leo lên và định cư ở đó. Đấng ban *"thức ăn cho súc vật và cho chim non, những con quạ kêu cầu Ngài"* (Thi Thiên 146:9), chính Đấng ấy cũng sẽ chăm lo cho ngươi.

Khi hình ảnh ấy tan biến và trời sáng, Savva xuống khỏi ngọn đồi đó, nhờ ơn Chúa, tìm thấy hang động mà Thiên Thần đã chỉ cho ông trong hình ảnh, và định cư trong đó. Lúc đó, ông đã bốn mươi tuổi. Trong năm đó, Thượng phụ Giêrusalem Anastasius qua đời, để lại ngai tòa thánh cho Martirius[8505] ; cùng năm đó, hoàng đế Zeno, sau khi giết kẻ hành hạ là Basilisk, đã giành lại quyền lực hoàng gia[8506] .

Hang động mà Thánh Savva cư ngụ có lối vào rất khó đi; vì vậy, ngài đã treo một sợi dây để dùng làm dây thừng, nhờ đó ngài có thể trèo xuống khỏi hang động để đi lấy nước tại hồ mang tên Eptast, cách hang động mười lăm stadia[8507] . Khi sống trong hang động này, vị thánh ban đầu ăn các loại thảo mộc mọc xung quanh đó. Đức Chúa Trời, Đấng đã truyền cho Savva định cư tại đó, đã sai người mang thức ăn đến cho ông qua những người man di[8508] , giống như xưa kia Ngài đã sai những con quạ mang thức ăn cho tiên tri Ê-li tại Hô-ra-phê (3 Vua 17:5–6). Một thời gian ngắn sau, bốn người Saracen đi ngang qua, phát hiện hang động của Thánh Savva và muốn chui vào

---

[8498] Người Saracen – hay còn gọi là người Ả Rập, sinh sống ở bán đảo Ả Rập, Syria và một phần ở Palestine.

[8499] Melagria – một loài thực vật hoang dã ít được biết đến ở Palestine, có vị hơi đắng. – "Cây sậy" ở đây ám chỉ loại cây sậy thơm – một loài thực vật có rễ thơm ngát và dễ chịu, nhưng vị đắng. Loại cây này thường được dùng để chế tạo hương trầm (fimiam) dùng trong các nghi lễ thờ phượng, cũng như các loại dầu thơm và thuốc mỡ chữa bệnh; nhưng các ẩn sĩ còn dùng chồi non và phần lõi mềm của loài cây này làm thực phẩm.

[8500] Ngày tưởng niệm là ngày 12 tháng 12.

[8501] Người Agari, hay còn gọi là người Saracen, là những người Bedouin Ả Rập. Họ được gọi là người Agari vì, theo truyền thuyết Do Thái, họ là hậu duệ của Ishmael, con trai của Hagar, người nữ tỳ của Abraham. Tên gọi này, ban đầu chỉ bộ tộc du mục này, sau đó được các nhà văn Kitô giáo mở rộng để chỉ tất cả người Ả Rập, và sau đó trở thành thuật ngữ chung để chỉ người Hồi giáo.

[8502] Ngọn đồi này chính là Muntar ngày nay.

[8503] Hoàng hậu Eudokia, vợ của Theodosius II, qua đời vào năm 460 tại Jerusalem.

[8504] Siloam – suối hoặc hồ Siloam và nhà tắm Siloam được xây dựng bên cạnh nó nằm ở phía đông nam Jerusalem, dưới chân núi Si-ôn và Moria.

[8505] Đó là vào năm 478. Martirius – Tổng Giám mục Giê-ru-sa-lem từ năm 478–486.

[8506] Zeno – Hoàng đế Byzantine từ năm 474–491. Năm 475, Vasilisk đã tước quyền lực hoàng đế khỏi tay ông và trị vì cho đến cuối năm 477, khi bị Zeno giam giữ trong pháo đài, nơi ông và cả gia đình đã chết vì đói.

[8507] Eptast, dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "Bảy miệng". 16 stadia – khoảng 4 verst.

[8508] Tức là những người ngoại tộc man rợ, trong trường hợp này là những người Saracen du mục.

trong, nhưng không thể: lối vào quá chật hẹp. Thấy họ từ trên cao, vị thánh đã thả cho họ một sợi dây để họ leo lên gặp ngài. Khi vào hang động, những người Saracen không tìm thấy gì ở Savva; họ ngạc nhiên trước lối sống và lòng đạo đức của ngài, và vì thương xót, họ đồng ý mang thức ăn đến cho ngài. Từ đó, họ thường xuyên đến thăm ngài và mang theo bánh mì, phô mai, quả chà là và các loại thực phẩm khác. Vị thánh nhân đã sống một mình trong hang động suốt năm năm, chỉ trò chuyện với một mình Thiên Chúa và chiến thắng những kẻ thù vô hình bằng những lời cầu nguyện không ngừng nghỉ của mình. Sau đó, Thiên Chúa đã thương xót giao phó cho ngài linh hồn của nhiều người và phong ngài làm người hướng dẫn và mục tử cho đoàn chiên của Lời. Cụ thể, sau năm năm sống lặng lẽ trong hang động, nhiều người từ các nơi khác nhau bắt đầu tìm đến ngài, mong muốn sống cùng ngài; ngài vui lòng đón nhận tất cả và chỉ định cho mỗi người một nơi ở thuận tiện. Họ tự xây dựng các phòng tu và sống theo ý Chúa, lấy cuộc đời đạo đức của vị thánh Savva làm gương mẫu. Trong thời gian ngắn, đã có tới bảy mươi tu sĩ tụ họp quanh ngài; trong số đó, những người nổi bật nhất là: Gioan, người sau này trở thành vị tu viện trưởng của tu viện mới, Giacôbê, người sau này đã xây dựng tu viện trên sông Jordan, được gọi là Pirgion[8509] . Firmin và Severian, trong đó một người đã lập tu viện tại Mahmas[8510] , còn người kia – tu viện tại Varikha; Julian, người xây dựng tu viện bên sông Jordan, được gọi là Nesklerava[8511] , và nhiều vị thánh nhân khác, tên tuổi của họ được ghi chép trong Sách Sự Sống Vĩnh Cửu; Thánh Savva là người đứng đầu tất cả họ. Ông dành cho mỗi người đến với mình một chỗ ở thích hợp, nơi có một hang động nhỏ và một phòng tu. Nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, số lượng các tu sĩ, những người khao khát một cuộc sống thánh thiện như các thiên thần, đã tăng lên đến bảy mươi người và Savva là người đứng đầu, người dẫn đường và người chăn dắt tất cả họ. Ngài quyết tâm xây dựng một ngọn tháp trên núi, nơi sẽ trở thành pháo đài bảo vệ tu viện của họ, nên đã tập hợp các môn đệ và bắt đầu xây dựng; và ngọn tháp đó đã trở thành nền móng cho Tu viện vĩ đại của ngài.

Khi số lượng các tu sĩ ngày càng gia tăng và Tu viện[8512] bắt đầu được xây dựng trên ngọn đồi, phía bắc con suối, vị thánh đã xây dựng một nhà thờ nhỏ trong thung lũng, giữa con suối đã cạn khô , và mỗi khi có ai đó trong số những người đã được phong chức linh mục đến gặp ngài, ông xin người đó cử hành Thánh Lễ, còn bản thân ông, vì lòng khiêm nhường, không muốn nhận lễ phong chức và cũng không phong chức linh mục cho bất kỳ ai trong cộng đoàn. Vì suối nước nằm xa nơi đó nên nước không đủ dùng. Rồi một đêm nọ, vị thánh cầu nguyện và thưa rằng:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của mọi quyền năng! Nếu đó là ý muốn của Ngài, để nơi này trở nên nơi tôn vinh Danh Thánh của Ngài, xin hãy nhìn xuống chúng con, những tôi tớ của Ngài, và ban cho chúng con nước để giải khát!

Trong lúc cầu nguyện, vị thánh nghe thấy một tiếng nói nào đó phát ra từ dòng suối; ngài nhìn về phía đó, và dưới ánh trăng tròn, ngài thấy một con lừa hoang đang dùng chân đào đất, rồi đưa môi vào hố để uống nước. Vị thánh lập tức đi xuống và tự tay đào tại chính nơi ngài đã thấy con lừa; sau khi đào một chút, Savva đã tìm thấy nguồn nước ngầm, và tại đó hình thành một suối nước dồi dào, đủ cung cấp cho toàn bộ Tu viện Lavra và chưa bao giờ cạn kiệt[8513] .

Một đêm khác nữa, khi Savva đang đi dạo bên dòng suối và hát các thánh vịnh của Đa-vít, một cột lửa xuất hiện ở mép vực thẳm nằm phía tây dòng suối, cột lửa đó cắm sâu vào đất, đỉnh chạm tới trời; và vị thánh đứng cầu nguyện cho đến khi bình minh ló rạng. Khi bình minh ló rạng, ngài đi đến nơi đã thấy cột lửa và phát hiện ra một

---

[8509] Tên gọi này của tu viện bắt nguồn từ những ngọn tháp kiên cố của nó, từ tiếng Hy Lạp "yaort" có nghĩa là tháp, pháo đài. Pirgion có nghĩa là tu viện có tháp.

[8510] Miqmas ngày nay.

[8511] Tu viện ở Varikha hoặc Karpavarikha – nay là Beni-Naim, phía nam của Hevroia. Tất cả các tu viện này đều nằm trong sa mạc dọc theo dòng sông Jordan, không xa dòng sông này.

[8512] Tu viện Thánh Savva Hiện Thánh ngày nay. – Về việc gọi tu viện này là "Laura", ý nghĩa của nó được giải thích như sau. "Laura" – từ tiếng Hy Lạp – có nghĩa là một phần của thành phố, một con hẻm – cụ thể là dãy phòng tu sĩ nằm xung quanh nơi ở của vị tu viện trưởng, được bố trí như những con hẻm trong thành phố, được bao quanh bởi hàng rào hoặc tường thành. Các tu sĩ trong các tu viện Lavra sống cuộc đời ẩn tu và tu hành trong phòng riêng của mình, chỉ tụ họp lại để cử hành Thánh lễ vào ngày đầu tiên và ngày cuối cùng của tuần, còn những ngày còn lại thì tuân thủ sự im lặng nghiêm ngặt; cuộc sống trong các tu viện Lavra khó khăn hơn nhiều so với các tu viện khác. Từ thời cổ đại xa xưa, tên gọi "Lavra" đã được dùng để chỉ những tu viện đông đúc và có ý nghĩa quan trọng. Tên gọi này lần đầu tiên xuất hiện ở Ai Cập và sau đó ở Padeotipe. Hiện nay, tên gọi "Lavra" ở nước ta chỉ được sử dụng với ý nghĩa là danh hiệu tôn kính.

[8513] Tác giả cuốn tiểu sử của Thánh Savva, tu sĩ Cyril, người đã miêu tả cuộc đời của Thánh Savva dựa trên lời kể của các môn đệ ngài, đã bổ sung thêm như sau: "Chính vì vậy mà cho đến ngày nay vẫn còn nước ở giữa tu viện Lavra: nó mang lại sự an ủi lớn lao cho các vị tu sĩ, và dù mùa đông nước cũng không dâng cao, mùa hè cũng không cạn kiệt, mặc dù hầu như tất cả mọi người đều múc nước từ đó".

hang động lớn kỳ diệu, giống như một nhà thờ, được chính Thiên Chúa dựng nên chứ không phải do bàn tay con người; lối vào nằm ở phía nam, và ánh sáng từ những tia nắng mặt trời đã đủ chiếu sáng bên trong. Sau khi trang hoàng hang động đó, Savva đã lập một nhà thờ tại đó và ra lệnh cho các tu sĩ mỗi thứ Bảy và Chủ Nhật tụ họp tại đó để cử hành thánh lễ: chính ông cũng chuyển đến sống ở đó, dựng cho mình một căn phòng nhỏ gần nhà thờ không do tay người tạo nên này, trên một vách đá cao, và đào một lối đi bí mật vào nhà thờ; qua đó, ông đi vào nhà thờ để cầu nguyện cả ngày lẫn đêm.

Số lượng các tu sĩ ngày càng tăng – đã có khoảng một trăm năm mươi người – các phòng tu đã được xây dựng dọc hai bên con suối. Đồng thời, các vị tu sĩ cũng nuôi dưỡng gia súc lao động, vừa để xây dựng Tu viện, vừa để phục vụ các nhu cầu khác. Bởi vì Thánh Savva luôn quan tâm đảm bảo rằng mọi thứ cần thiết đều có sẵn trong Tu viện, và nhờ đó, các tu sĩ không bị buộc phải ra khỏi Tu viện để tiếp xúc với những xáo trộn và sự hối hả của thế gian. Còn các tu sĩ, được các vị thánh nhân chăn dắt tốt lành, đã mang lại những thành quả xứng đáng với danh hiệu của mình, và rèn luyện thân xác mình trở nên thiêng liêng trước khi đạt đến sự bất hoại mà chúng ta hy vọng sẽ nhận được trong cuộc sống tương lai. Tuy nhiên, việc thánh hiến hang động nói trên – tức là ngôi thánh đường do Thiên Chúa dựng nên – Thánh Savva đã hoãn lại, vì ngài không muốn nhận chức linh mục và, với lòng khiêm nhường của mình, ngài coi mong muốn được gia nhập hàng giáo sĩ là khởi nguồn và gốc rễ của những tư tưởng tham vọng. Trên vách đá cao và hiểm trở sừng sững phía trên nhà thờ, Thánh Savva đã xây dựng cho mình một ngọn tháp; và bên trong hang động, như trong một cái vỏ sò, ngài đã tìm thấy một lối đi bí mật dẫn đến ngọn tháp, rồi lui vào đó để thực hành các quy tắc và những việc tu hành khổ hạnh. Danh tiếng của Thánh Savva ngày càng lan rộng, và những người sùng đạo đã dâng tặng ngài rất nhiều vàng; nhưng ngài đã dùng số vàng đó để xây dựng Tu viện Lavra. Ngoài ra, Đức Thượng phụ Thánh Martirius của Jerusalem cũng rất yêu mến và kính trọng Thánh Savva, đồng thời gửi đến ngài những vật dụng cần thiết.

Đức Thánh Martirius qua đời vào năm thứ tám của triều đại Thượng phụ, và sau ngài, ngai vàng được kế vị bởi Sallustius[8514] ; lúc đó, Thánh Savva đã bước sang năm thứ 48 của cuộc đời. Vào thời điểm này, một số tu sĩ sa đọa, ham mê xác thịt, *"không có Thánh Thần"* (Giu-đe 1:19), – như đã được chép trong Kinh Thánh, những kẻ từ lâu đã vu khống Thánh nhân một cách bất công và làm phiền lòng ngài bằng mọi cách. Cũng như cỏ dại thường mọc giữa lúa mì và gai góc trong vườn nho, thì trong số các Tông đồ cũng có một người trở thành kẻ phản bội[8515] , và Ê-li-sê cũng có một môn đệ bất trung là Giê-xi[8516] . Những anh em sa ngã này, hay nói đúng hơn là những kẻ giả danh anh em, đã âm mưu điều ác chống lại vị thánh và lên thành thánh gặp vị tổng giám mục để xin bổ nhiệm một vị tu viện trưởng cho họ. Khi được hỏi họ đến từ đâu, họ trả lời:

– Chúng tôi sống bên một con suối hoang vắng.

Với câu trả lời đó, họ muốn che giấu tên của Thánh Savva, vì họ biết rằng tên của ngài rất nổi tiếng, và mọi người đều nhớ đến ngài với tình yêu thương.

Tổng giám mục đã nhiều lần hỏi họ và đòi họ phải trả lời rằng họ đến từ đâu. Bất đắc dĩ, họ nói rằng họ đến từ con suối mang tên một tu sĩ nào đó tên là Savva. Tổng giám mục hỏi:

– Vậy Savva đâu rồi?

Còn họ, thay vì trả lời câu hỏi, lại bắt đầu vu khống vị thánh, nói rằng ông là một người thô lỗ, vụng về, rằng ông không thể lãnh đạo một cộng đoàn đông đảo như vậy, và vì sự thô lỗ cùng sự thiếu hiểu biết của mình, ông không thể quản lý tu viện Lavra này. Họ còn thêm vào lời vu khống của mình rằng Savva không chỉ tự mình không muốn nhận lễ tấn phong mà còn không cho phép bất kỳ tu sĩ nào trong cộng đoàn làm điều đó. Trong lúc họ đang vu khống như vậy trước mặt Đức Thượng phụ, tình cờ có mặt một vị tu sĩ chính trực và đáng kính tên là Kiriku, là linh mục của Nhà thờ Phục Sinh Chúa Kitô danh tiếng và là người giữ Thánh Giá Ban Sự Sống của Chúa. Nghe những lời vu khống đó, ông hỏi:

– Các ngươi đã nhận Savva vào vị trí đó, hay là Savva đã nhận các ngươi?

Họ trả lời:

[8514] Sallusius – Thượng phụ Giêrusalem từ năm 486–494.

[8515] Tức là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt.

[8516] 4 Vua 5:20–27. Sau khi lừa gạt để nhận được hai ta-lâng bạc và hai bộ quần áo để đổi lấy việc tiên tri Ê-li-sê chữa lành bệnh phong hủi cho Na-man, Giê-xi-ô đã bị trừng phạt vì lòng tham bằng cách mắc bệnh phong hủi và bị đuổi khỏi tiên tri.

– Savva đã nhận chúng tôi, nhưng ông ấy thô lỗ và không thể quản lý chúng tôi khi số lượng chúng tôi ngày càng đông.

Lúc đó, Kirik nói với họ:

– Nếu Savva có thể tập hợp các ngươi lại ở nơi hoang vắng đó, thì với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, anh ta càng có thể chăn dắt các ngươi.

Họ không thể trả lời gì trước lời đó và im lặng. Còn vị tổng giám mục, sau khi hoãn cuộc thử thách đến sáng hôm sau, liền sai người đi mời thánh Savva, mời ông một cách trang trọng, như thể vì một việc khác nào đó. Thánh nhân đã đến, nhưng vị tổng giám mục không nói gì với ngài về những kẻ vu khống, cũng không nói gì với những kẻ vu khống và không vạch trần họ, mà ngay lập tức phong chức linh mục cho Thánh Savva, dù trái với ý muốn của ngài[8517] . Sau khi phong chức cho ngài, ngài nói với những kẻ vu khống:

– Đây là cha của các ngươi và vị Bề trên của Tu viện các ngươi, được Thiên Chúa từ trên cao chọn lựa, chứ không phải do con người. Ta chỉ xác nhận sự chọn lựa thiêng liêng ấy mà thôi.

Nói xong, vị tổng giám mục dẫn theo Thánh Savva và các tu sĩ đó đến Tu viện, làm lễ thánh hiến nhà thờ do Thiên Chúa dựng nên, ban phước lành cho toàn bộ tu viện, và sau khi ra lệnh cho toàn thể cộng đoàn tu sĩ phải vâng phục vị tu viện trưởng là Thánh Savva, ngài quay trở về.

Khi Thánh Savva bước sang năm thứ năm mươi ba, sau khi Zeno qua đời, Anastasius[8518] lên ngôi. Cùng năm đó, một người đàn ông sùng đạo, gốc Armenia, tên là Jeremiah, cùng hai môn đệ là Peter và Paul, đã đến Tu viện Lavra. Thánh Savva rất vui mừng đón tiếp họ, trao cho họ hang động mà ngài từng ở khi còn sống một mình bên dòng suối, và cho phép họ cử hành nghi thức cầu nguyện theo nghi thức Armenia tại nhà thờ nhỏ vào các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật; nhờ vậy, số người Armenia tại Tu viện dần dần tăng lên. Cùng thời gian đó, vị thánh cha của chúng ta là Gioan, người được gọi là "Người Im Lặng", cũng đến Tu viện; ngài từng là giám mục tại thành phố Kolonai, nhưng vì Chúa, ngài đã từ bỏ chức vụ giám mục và, che giấu phẩm trật của mình, làm việc tại Tu viện như một tu sĩ bình thường.

Thánh Savva noi gương Thánh Euphymius Đại Đế, người thường hàng năm vào ngày 14 tháng Giêng đi vào sa mạc và ở đó suốt Mùa Chay. Để noi gương ngài, Thánh Savva cũng làm như vậy vào cùng tháng Giêng, nhưng không phải vào cùng ngày, vì ngài chờ đến ngày 20 để cử hành lễ tưởng niệm Thánh Euphymius Vĩ đại tại Tu viện Lavra; sau khi cử hành xong, ngài mới lên sa mạc, và, xa lánh thế gian, đến gần Thiên Chúa bằng suy tư và lời cầu nguyện, ngài ở lại đó cho đến Thứ Bảy Lễ Lá.

Một lần nọ, theo thói quen, ngài rời Tu viện Lavra và, khi đang đi dạo quanh Biển Chết, ngài nhìn thấy một hòn đảo hoang vắng nhỏ[8519] ; ông muốn dành những ngày ăn chay trên đó và đi đến đó; nhưng sự ghen tị của ma quỷ đã cản trở ông, và ông rơi vào một cái hố nào đó trên đường đi, từ đó, như thể từ một lò nung tối tăm, khói và lửa bốc lên. Savva bị bỏng mặt và râu, các bộ phận khác trên cơ thể cũng bị thương, và ông bị ốm nặng. Khi ông trở về tu viện, các tu sĩ chỉ nhận ra ông qua giọng nói: khuôn mặt ông đã bị bỏng nặng đến mức đó. Và ông nằm liệt giường nhiều ngày không thể cất tiếng, cho đến khi Sức Mạnh Thần Thánh từ trên cao ngự xuống, chữa lành cho ông và ban cho ông quyền năng trên các linh hồn ô uế. Còn bộ râu của ông sau đó không mọc lại như trước nữa, mà trở nên thưa thớt và ngắn hơn, nhưng ông vẫn tạ ơn Chúa vì bộ râu đã thưa đi, để ông không tự hào về vẻ đẹp của nó.

Năm sau, theo thông lệ, ngài lại lên sa mạc cùng với đệ tử của mình là Agapit. Vài ngày sau, Agapit nằm xuống cát vì mệt mỏi và đói khát rồi chìm vào giấc ngủ, còn Thánh Savva đứng cách đó một khoảng và cầu nguyện; bỗng nhiên một con sư tử khổng lồ xuất hiện, dừng lại ngay trên người Agapit đang ngủ và bắt đầu ngửi ngửi anh từ chân đến đầu. Thấy con sư tử đang đứng trên người đệ tử, Thánh Savva hoảng sợ, lo rằng nó sẽ ăn thịt người đang ngủ, và ngay lập tức ông thành kính cầu nguyện cho đệ tử của mình, xin Chúa bảo vệ anh khỏi con thú. Chúa đã nghe lời người tôi tớ của Ngài, Ngài đã bịt miệng con sư tử lại, và con sư tử, không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho Agapit, như thể bị quất bằng roi, đã chạy vào sa mạc.

[8517] Từ đó, ông được gọi là "Người được thánh hiến", tức là, theo cách dùng từ hiện nay, *tu sĩ linh mục:* vì vào thời đó, các tu sĩ và các vị tu viện trưởng nói chung hiếm khi nhận chức linh mục.

[8518] Anastasius I Dicor hay người Thrace, Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 491–518.

[8519] Đây là hòn đảo duy nhất trên Biển Chết, nằm không xa về phía tây cửa sông Jordan.

Trong lúc chạy trốn, nó vẫy đuôi quất vào mặt người đang ngủ; người đó tỉnh dậy, run rẩy khi nhìn thấy con sư tử, và chạy đến với vị thánh phụ, còn Thánh Savva thì dạy dỗ anh ta đừng ngủ quá lâu, để không bao giờ trở thành mồi cho thú dữ, đặc biệt là những con thú vô hình.

Vào một năm sau đó, vị thánh nhân, theo thói quen, cùng với đệ tử ấy đi dạo trong sa mạc phía bắc sông Jordan và tìm thấy một hang động trên một ngọn núi, trong đó có một ẩn sĩ có khả năng thấu thị. Khi ngài dâng lời cầu nguyện và bắt đầu trò chuyện, vị ẩn sĩ ngạc nhiên hỏi:

– Điều gì đã khiến ngươi, Savva kỳ diệu, đến với chúng ta? Hay ai đã chỉ cho ngươi nơi này? Này, đã ba mươi tám năm rồi, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, ta ở đây mà chưa từng thấy một người nào: làm sao ngươi đến được đây?

Thánh Savva đáp lại:

– Chính Đức Chúa Trời, Đấng đã mặc khải tên tôi cho ngài, cũng đã chỉ cho tôi nơi này.

Sau cuộc trò chuyện đầy ý nghĩa, họ hôn nhau, và Savva cùng đệ tử của mình đi vào sa mạc. Thời gian trở về Lavra đang đến gần, và Savva nói với đệ tử:

– Nào, anh em ơi, chúng ta hãy đến chào tạm biệt người tôi tớ của Chúa trong hang động.

Khi đến nơi, họ thấy ông đang quỳ gối, mặt hướng về phía đông; họ nghĩ rằng ông đang cầu nguyện, nên đã chờ đợi rất lâu. Ngày dần nghiêng về chiều, và Savva, thấy vị tu sĩ già vẫn chưa đứng dậy sau khi cầu nguyện, bèn nói: "Xin cha ban phước lành cho chúng con."

Nhưng không có lời đáp lại.

Savva tiến lại gần ông hơn, và thấy rằng ông đã qua đời. Lúc đó, Savva quay sang người môn đệ và nói:

– Hãy lại gần đây, con trai của ta, chúng ta hãy an táng thi thể của vị thánh: chính vì điều này mà Đức Chúa Trời đã sai chúng ta đến đây.

Sau khi cử hành nghi thức hát tang lễ thông thường cho người đã qua đời, họ chôn cất ngài trong chính hang động đó, chặn lối vào bằng đá và trở về Tu viện Lavra.

Vào năm mà nhà thờ do Chúa dựng nên được thánh hiến, cha của vị thánh phúc lành Gioan – người từng nắm giữ quyền lực lớn tại vùng Isauria[8520] – đã qua đời tại Alexandria; còn mẹ thánh phúc lành của ngài là Sofia, lúc bấy giờ đã rất cao tuổi, sau khi bán hết tài sản của mình, đã mang theo một số tiền lớn đến Jerusalem để gặp con trai là Savva. Ông đã đón nhận bà và thuyết phục bà xuất gia làm nữ tu; sau một thời gian ngắn sống đời tu hành, bà đã về với Chúa. Số tiền bà mang theo, Savva đã dùng để chi trả cho các nhu cầu của tu viện và xây dựng các nhà trọ cho khách lữ hành; ông đã xây dựng một nhà trọ gần Giê-ri-cô[8521] , và một nhà trọ khác tại Lavra, với mục đích là nhà trọ đầu tiên dành cho các lữ khách là giáo dân, còn nhà trọ thứ hai dành cho các tu sĩ. Trong thời gian xây dựng nhà trọ tại Lavra, Thánh Savva đã cử một tu sĩ cùng với đàn gia súc của tu viện đến Giê-ri-cô để mang gỗ về phục vụ công trình. Trên đường về, trời rất oi bức, và vị tu sĩ khát nước dữ dội; nhưng vì không có nước ở đâu cả, bởi vùng đất đó hoang vắng và khô cằn, nên ngài ngã quỵ xuống đất vì kiệt sức vì nóng. Lúc đó, ngài nhớ đến vị thánh trưởng lão và thốt lên:

– Lạy Chúa, Thiên Chúa của vị Thánh Tổ Savva của con, xin đừng bỏ rơi con!

Và ngay lập tức, một đám mây xuất hiện trên đầu ông, tỏa ra sương mát và làm dịu cơn nóng cho ông cùng đàn gia súc đang kéo những khúc gỗ; và đám mây ấy tiếp tục che chở ông cho đến tận Tu viện Lavra, che mát và làm dịu cơn nóng oi bức. Điều này xảy ra nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh cha Savva của ông, người mà ông đã kêu cầu trong cơn hoạn nạn.

Một lần nọ, trong thời gian ăn chay, Thánh Savva muốn leo lên núi Kastelli, nằm cách Tu viện về phía bắc hai mươi stadia[8522] ; ngọn núi này khó tiếp cận đối với con người và đáng sợ vì lối vào nguy hiểm, khó đi cùng những sự kiện kinh hoàng từng xảy ra trên đó: rất nhiều quỷ dữ ẩn náu trên ngọn núi ấy và dọa nạt những người đi qua bằng đủ loại hiện tượng kỳ lạ.

Còn vị Thánh, tuân theo lời của tác giả Thi thiên, Đấng Tối Cao làm nơi nương náu cho mình (Thi thiên 90:9), đã leo lên ngọn núi đó, rảy dầu từ đèn thánh Thập tự lên khắp các mặt núi, và tự bảo vệ mình bằng dấu thánh giá như một bức tường bất khả xâm phạm, sống ở đó suốt thời gian Mùa Chay. Nhưng ban đầu, mỗi ngày ngài đều

---

[8520] Isauria – một vùng núi nhỏ ở phía nam Tiểu Á.

[8521] Giê-ri-cô – một thành phố nằm trên bờ tây sông Giô-đanh, không xa Giê-ru-sa-lem.

[8522] Castelli – nay là Hirbet Mird, cách Tu viện Thánh Savva khoảng 3,5 verst

phải chiến đấu với ma quỷ; chúng tấn công ngài lúc thì dưới hình dạng thú vật, lúc thì biến thành loài bò sát, lúc thì thành chim chóc, phát ra tiếng kêu, tiếng thét và tiếng ồn ào, đến nỗi vị thánh, với tư cách là con người, đã hoảng sợ và suýt nữa thì định xuống núi. Nhưng Đấng đã từng củng cố Thánh Antôn Cả trong cuộc chiến tương tự với các quỷ dữ[8523] , Đấng ấy đã hiện ra với vị thánh này và truyền cho ngài hãy can đảm, đặt niềm tin vào sức mạnh của Thánh Giá. Và vị thánh hạnh phúc ấy đã sống mà không sợ hãi, dùng lời cầu nguyện và dấu Thánh Giá để xua đuổi xa khỏi mình mọi nỗi kinh hoàng do các quỷ dữ gây ra. Vào cuối Mùa Chay, khi vị thánh đang đứng cầu nguyện vào ban đêm để thanh tẩy nơi này khỏi những linh hồn ô uế đang ẩn náu trong đó, các quỷ dữ bỗng nhiên bắt đầu cuộc chiến cuối cùng và kinh hoàng nhất chống lại ngài: chúng xuất hiện với số lượng rất đông – như thường lệ, chúng hiện ra dưới hình dạng thú vật, bò sát, chim chóc – và tấn công vị thánh với tiếng gầm rú ầm ĩ; dường như cả ngọn núi đều rung chuyển. Nhưng vị thánh không hề sợ hãi, mà tiếp tục cầu nguyện với Thiên Chúa. Lúc đó, lũ quỷ gào thét:

– Ôi, nỗi khổ mà chúng ta phải chịu vì ngươi, Savva! Ngươi chưa thỏa mãn khi chiếm lĩnh thung lũng bên dòng suối, chưa thỏa mãn với hang động và vách đá: ngươi còn biến cả sa mạc mà ngươi đã đi qua thành nơi có người ở! Ngươi còn đến tận đây, vào nơi ở của chúng ta, để đuổi chúng ta ra khỏi đây! Này, chúng ta đã phải rời khỏi đây rồi, không thể chống lại ngươi được, vì Chúa đang giúp đỡ ngươi!

Và ngay lập tức, trong tiếng khóc lóc và la hét, với giọng nói ầm ĩ và tiếng ồn kinh hoàng, chúng, dưới hình dạng những con quạ, đã bay khỏi ngọn núi vào đêm đó. Không xa ngọn núi ấy, những người chăn cừu đang nghỉ đêm cùng đàn gia súc của họ; họ đã nhìn thấy lũ quỷ bay khỏi ngọn núi, nghe thấy tiếng la hét của chúng và đến gặp Thánh Savva để kể lại chuyện này. Ngài, sau khi tạ ơn Chúa vì đã đuổi được lũ quỷ, sau khi kết thúc những ngày chay tịnh, đã trở về Tu viện Lavra để cùng các tu sĩ cử hành lễ Phục Sinh sắp tới của Chúa Kitô. Sau khi lễ hội kết thúc, ngài dẫn theo một số anh em trở lại Castelli và bắt đầu dọn dẹp khu đất cũng như xây dựng các phòng tu; trong lúc làm việc, họ phát hiện dưới chân ngọn đồi có một ngôi nhà lớn có mái vòm, được xây bằng đá tốt và rất tiện nghi để sinh sống; họ đã dọn dẹp và trang trí lại ngôi nhà này, biến nó thành nhà thờ và làm lễ thánh hiến. Như vậy, vị thánh đã thành lập tu viện tại đây. Trong thời gian xây dựng tu viện này, có một lần lương thực đã cạn kiệt. Và rồi Thiên Thần của Chúa đã hiện ra trong một thị kiến với vị tu viện trưởng của tu viện gần Thánh Bêlem[8524] , tên là Marcian, và nói:

– Này, Markian, ngươi đang ngồi yên ổn, có đủ mọi thứ cần thiết, còn tôi tớ của Chúa là Savva thì đang vất vả lao động tại Castelli cùng các anh em vì tình yêu dành cho Chúa, nhưng ngài lại thiếu thức ăn và nước uống cần thiết, và không có ai mang đến cho ngài những thứ đó. Vậy nên, hãy gửi thức ăn cho họ ngay lập tức, để họ không kiệt sức vì đói.

Marcian lập tức chất đầy các loại thực phẩm lên lưng gia súc và gửi đến Castelli cho Thánh Savva; còn vị Thánh, sau khi nhận được những gì được gửi đến, đã tạ ơn Đức Chúa Trời, Đấng chăm lo cho các tôi tớ của Ngài.

Sau khi dựng xong lều, Thánh Savva tập hợp đủ số tu sĩ tại đó và giao phó việc quản lý lều cho một ẩn sĩ tên là Phaolô, người đã sống cùng đệ tử của mình là Théodore trong một thời gian dài. Nhưng sau một thời gian, Phaolô qua đời, và Theodorus đã tiếp quản việc quản lý. Ông đưa em trai mình là Sergius và một người khác tên Phaolô, chú ruột của mình, vào tu viện; những người này sau đó đã lãnh đạo tại Castelli, rồi trở thành giám mục tại Aile và Amafunte[8525] .

Sau khi thành lập tu viện chi nhánh tại Castelli, Thánh Savva đã nỗ lực hết sức để thu hút những tu sĩ có đức hạnh, giàu kinh nghiệm và đã trải qua nhiều thử thách đến sinh sống tại đó; còn đối với những người thế tục mong muốn xuất gia, cũng như những thanh niên chưa mọc râu, ngài không cho phép họ sống tại tu viện chi nhánh Castelli hay tại tu viện chính; đối với họ, ngài đã xây thêm một tu viện nhỏ ở phía bắc và cử những vị hướng dẫn viên giàu kinh nghiệm để dạy dỗ những người mới nhập môn về các quy tắc của đời sống tu viện. Trước hết, những người mới nhập môn phải học thuộc lòng Sách Thánh Vịnh và toàn bộ nghi thức hát kinh, cũng như nắm vững toàn bộ nội quy tu viện, sau đó làm quen với các việc tu hành và lao động, giữ tâm trí khỏi những ký ức trần tục phù du và chống lại những ý nghĩ xấu xa, kiềm chế ý chí của mình và trở nên vâng lời, hiền lành, khiêm nhường, im lặng,

---

[8523] Tức là Chúa Giêsu Kitô. Đấng, giữa những cám dỗ tàn khốc nhất, đã hiện ra trước Thánh Antôn Vĩ Đại dưới hình dạng một đám mây sáng chói và củng cố tinh thần ngài, khích lệ bằng giọng nói thiêng liêng rằng Ngài luôn ở bên ngài.

[8524] Bê-lem – một thị trấn nhỏ thuộc chi phái Giu-đa, cách Giê-ru-sa-lem 2 giờ đi về phía nam – nơi Chúa Giê-su ra đời.

[8525] Amaphunt – một thành phố trên đảo Síp, ngày nay là Paleo-Liiso. Aila – thành phố cực nam của Palestine, tọa lạc sâu trong vịnh Biển Đỏ, ngày nay là những tàn tích gần Aqaba.

tỉnh táo và thận trọng, tự bảo vệ mình khỏi những cám dỗ của kẻ thù. Ai đã thành công trong việc tiếp thu những nguyên tắc cơ bản của đời sống tu viện này, thì vị thánh nhân sẽ chuyển người đó đến tu viện lớn hơn hoặc đến Tu viện Lavra, còn một số người mới nhập môn, đặc biệt là những người trẻ tuổi, ngài gửi đến vị tu sĩ đáng kính Theodosius, người lúc đó đã rời Nhà thờ Kafismatna và lập một tu viện cách Lavra 35 stade về phía tây[8526] .

Cả hai, Savva và Theodosius, đều đồng lòng và nhất trí với nhau trong mọi việc; vì vậy, người dân Jerusalem gọi họ là "cặp đôi Tông đồ mới", tương tự như cặp đôi Phêrô và Phaolô. Họ được giao phó quyền lãnh đạo toàn thể các tu sĩ. Sự việc diễn ra như sau. Sau khi vị đại tu viện trưởng đáng kính Markian qua đời, tất cả các tu sĩ từ các tu viện và nhà dòng, từ các ngọn núi và sa mạc đã tụ họp tại dinh giám mục để gặp Đức Thượng phụ Sallustius, người lúc đó đang ốm, và, theo sự đồng thuận chung, họ đã giới thiệu Thánh Theodosius và Thánh Savvas cho ngài, để ngài phong họ làm đại tu viện trưởng và người đứng đầu tất cả các tu viện nằm gần Thành Thánh, bởi vì những vị thánh này là những người ẩn tu, không sở hữu tài sản nào, được trang hoàng cả về đời sống lẫn lời nói, và tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa. Kể từ đó, Thánh Theodosius đứng đầu các tu viện cộng đồng, còn Thánh Savvas đứng đầu các vị tu sĩ ẩn dật.

Khi Đức Thượng phụ Sallustius qua đời, Đức Thượng phụ Ilya[8527] được tấn phong lên ngôi; vào thời điểm đó, Thánh Savva đang mua bán một mảnh đất giáp với Tu viện của ngài; ngài muốn xây dựng trên đó những căn phòng nhỏ dành cho các tu sĩ đến từ xa. Chủ đất đòi một số vàng rất lớn, trong khi lúc đó vị tu sĩ già chỉ có nửa đồng vàng[8528] ; tuy nhiên, đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời, Đấng mà ngài tin tưởng sâu sắc với tất cả tình yêu, Savva nói với người bán:

– Anh hãy nhận lấy số tiền này làm tiền đặt cọc cho đến sáng mai, anh ạ; và nếu sáng mai tôi không trả đủ số tiền còn lại, thì tôi sẽ mất số tiền đặt cọc này.

Vào ban đêm, khi trời sắp sáng, vị thánh đang cầu nguyện; bỗng nhiên một người lạ mặt bước vào, đưa cho ngài một trăm bảy mươi đồng vàng, rồi lập tức ra đi mà không nói mình là ai và đến từ đâu. Ngạc nhiên trước sự an bài của Thiên Chúa và tạ ơn Ngài, vị thánh đã trao số tiền đó cho người bán và xây dựng một nhà trọ thứ hai để đón tiếp các tu sĩ đến từ những vùng đất xa xôi. Ngoài ra, để phục vụ cho Tu viện Castelli, ngài còn mua hai ngôi nhà tiếp đón khách, một ngôi ở thành thánh, gần Tháp Đa-vít[8529] , và ngôi còn lại ở Giê-ri-cô.

Vào thời điểm đó, Thánh Phê-ô-đô-xi-ô Vĩ Đại đã rời khỏi nhà thờ này và thành lập một tu viện cộng đồng, nơi có khoảng 700 tu sĩ tu hành. Tu viện này cách Tu viện Thánh Sa-va hơn 6 verst.

Cũng vào thời điểm đó, hai anh em ruột gốc từ Isauria, tên là Theodulus và Gelasius, đã đến Tu viện Lavra, giống như hai người thợ thủ công tài ba Bezaleel và Eliab (Xuất Hành 31:2–6), những người mà Đức Chúa Trời đã sai đến với Thánh Savva tại ; nhờ sự giúp đỡ của họ, ngài đã hoàn tất việc xây dựng lại Tu viện Lavra. Ngài còn mở rộng thêm các phòng tu, xây dựng bệnh viện và lò bánh, bể rửa tội bên dòng suối, cùng một nhà thờ lớn mang tên Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội; bởi vì ngôi nhà thờ không do tay người tạo nên, mà Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn cho vị thánh bằng cột lửa, đã trở nên chật chội và không thể chứa hết toàn thể cộng đoàn tu sĩ, vốn đã tụ họp rất đông đảo; vì vậy, gần đó, Thánh Savva đã xây dựng một nhà thờ khác, lớn hơn và rộng rãi hơn, mang tên Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội; nhà thờ này được Đức Thượng phụ Ilya làm lễ thánh hiến. Thánh Savva đã ra lệnh cho mọi người tụ họp tại nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội này để ca ngợi Thiên Chúa, còn tại nhà thờ Lễ Hiển Linh, ngài đã chuyển các tín hữu người Armenia đến đó và thiết lập nghi thức thánh ca suốt đêm vào các ngày Chủ Nhật và các ngày lễ lớn.

Một số anh em người Armenia lúc bấy giờ theo học thuyết dị giáo hão huyền của Phêrô, biệt danh là Fullon[8530] : họ thêm vào bài ca Ba Lần Thánh của các Thiên Thần những lời sau:

[8526] Nhà thờ Kafismatna, dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "Ngai vàng"; được một góa phụ sùng đạo xây dựng để tôn vinh Đức Mẹ Đồng Trinh tại nơi được gọi là "Ngai vàng Cổ", ở vùng ngoại ô Jerusalem. Nơi này được đặt tên theo "Ngai vàng" hay bệ cao do Hoàng đế Constantine Đại đế xây dựng tại đây, nơi sau này trong một thời gian dài đã diễn ra nghi lễ Nâng Thánh Giá.

[8527] Ilias II – Thượng phụ Giêrusalem từ năm 494–517.

[8528] Zlatitsa – vàng, đồng vàng.

[8529] Tháp Đa-vít tọa lạc tại góc phía bắc của núi Si-ôn, nơi dãy núi này nối liền với những ngọn đồi phía bắc, gần Cổng Jaffa, nơi hiện nay là pháo đài El-Kalaa, bao gồm một số tháp có kích thước khác nhau và hình dáng không đều.

[8530] Trong thời kỳ lan rộng của tà thuyết Monophysite (vào nửa sau thế kỷ V), cho rằng trong Chúa Giê-su Ki-tô ẩn chứa một bản tính thần thánh duy nhất đã nuốt chửng bản tính con người, có một người tên là Phê-rô Fulon, còn được gọi là Knafei, có nghĩa là người dập vải, vì khi còn trẻ ông đã hành nghề này (Fulon là tên Latinh của người dập vải, còn Knafei là tên Hy Lạp), khi đó vẫn còn là linh mục (sau này

– Đấng đã chịu đóng đinh vì chúng con, xin thương xót chúng con.

Để xóa bỏ sự lầm lạc này trong hàng tu sĩ, Thánh Savva đã ra lệnh cho các tu sĩ người Armenia hát "Ba Lời Thánh" không phải bằng tiếng Armenia, mà bằng tiếng Hy Lạp.

Vì vậy, họ đã hát toàn bộ thánh lễ bằng tiếng Armenia, còn bài "Ba Lời Thánh" thì bằng tiếng Hy Lạp, và nhờ đó, những lời sai lầm của Fullon không còn được người Armenia thêm vào bài "Ba Lời Thánh" nữa.

Thánh Savva đã cai quản mọi việc rất tốt. Nhưng một lần nữa, những kẻ vu khống đã được đề cập ở trên, dưới sự xúi giục của ma quỷ, đã ghen tị với sự quản lý tốt đẹp của ngài và nổi loạn chống lại ngài với lòng căm thù. Họ lôi kéo về phía mình tới bốn mươi tu sĩ, những người thiếu kinh nghiệm trong đời sống tu viện, có đạo đức suy đồi và thiếu khôn ngoan, và gây ra nhiều rắc rối cho vị thánh. Lúc bấy giờ, Thánh Savva – người mạnh mẽ trong việc chống lại ma quỷ nhưng hiền lành với con người – đã nhượng bộ trước cơn giận bất công của họ, rời khỏi Tu viện Lavra, đi đến vùng đất Skifopol[8531] và dừng chân tại sa mạc bên bờ con sông được gọi là Gadara[8532] . Tìm thấy một hang sư tử, ngài bước vào đó, sau khi cầu nguyện, ngài nằm ngủ trên hang sư tử, vì đêm đã xuống. Vào nửa đêm, một con sư tử đến, thấy vị tu sĩ già đang ngủ trên hang của mình, nó cắn lấy áo của ngài bằng răng và lôi ngài ra khỏi hang, để ngài nhường chỗ cho nó. Vị tu sĩ tỉnh dậy, nhưng không hề sợ hãi khi thấy con sư tử đáng sợ ấy; ngài lập tức đứng dậy và bắt đầu thực hiện các lời cầu nguyện nửa đêm, còn con sư tử thì ra ngoài và chờ đợi cho đến khi ngài hoàn thành các lời cầu nguyện theo nghi thức. Sau khi hoàn tất lễ cầu nguyện nửa đêm, vị tu sĩ lại ngồi xuống chính chỗ mà con sư tử đã nằm, còn con sư tử lại bước vào, cắn lấy mép áo bằng răng và bắt đầu lôi vị thánh cha ra khỏi hang. Lúc đó, vị tu sĩ nói với con sư tử:

– Hỡi con thú! Hang động này rộng rãi, đủ chỗ cho cả hai chúng ta, và chúng ta có thể sống chung với nhau: cùng một Đấng Tạo Hóa đã tạo ra chúng ta. Nếu ngươi không muốn ở cùng ta, thì tốt hơn là ngươi nên rời khỏi đây: ta xứng đáng hơn ngươi, vì ta được tạo ra bởi bàn tay của Đức Chúa Trời và được tôn vinh theo hình ảnh của Ngài.

Nghe vậy, con sư tử cảm thấy xấu hổ trước vị tu sĩ già và bỏ đi.

Người dân Skifopolis và Gadara biết được rằng vị thánh nhân đang sống trong hang động đó, nên bắt đầu đến tìm ngài. Trong số họ có một thanh niên tên là Vasilii, người đã từ bỏ đời sống thế tục, xuất gia dưới sự hướng dẫn của vị thánh phụ Savva và bắt đầu sống cùng ngài. Những tên cướp nghe tin về việc Vasily xuất gia và nghĩ rằng cậu đã mang theo nhiều vàng vào hang động để dâng cho vị tu sĩ Savva, vì chàng trai này xuất thân từ gia đình quý tộc và giàu có. Vào ban đêm, bọn cướp tấn công họ, nhưng không tìm thấy gì cả và, ngạc nhiên trước sự không tham lam của họ, chúng bỏ đi. Và bỗng nhiên họ thấy: hai con sư tử to lớn, đáng sợ đang tiến về phía họ. Họ nghĩ rằng đây là Chúa đang trừng phạt họ vì đã dám tấn công các tôi tớ của Ngài. Và họ hét lên với những con thú bằng giọng nói vang dội:

– Chúng tôi cầu khẩn các ngươi bằng những lời cầu nguyện của Cha Savva, hãy tránh đường, đừng cản đường chúng tôi!

Nghe thấy tên Thánh Savva, những con sư tử liền chạy trốn, như thể bị quất bằng roi vậy. Bọn cướp, kinh ngạc trước phép lạ này, quay trở lại gặp vị thánh và kể lại những gì đã xảy ra, hối hận về những việc ác của mình, từ bỏ nghề cướp bóc và bắt đầu sống bằng lao động chân chính.

Khi tin đồn về sự việc này lan truyền, nhiều người bắt đầu tìm đến Thánh Savva: vì chỉ trong vài ngày, ngài đã tự xây dựng cho mình một căn phòng tu hành. Nhưng ngay khi Thánh Savva thấy rằng những người trần tục bắt đầu làm phiền ngài, ngài liền lặng lẽ rời đi đến một nơi hoang vắng khác, như một con chim tìm kiếm sự cô độc và tĩnh lặng; còn các tu sĩ, ngài phó thác cho Chúa, đồng thời bổ nhiệm một vị tu viện trưởng để cai quản họ. Sau một

---

ông trở thành giả tổng giám mục Antioch), đã thêm vào "Lời Chúc Thánh Ba Ngôi" ("Đấng Thánh của Đức Chúa Trời, Đấng Thánh Mạnh Mẽ, Đấng Thánh Bất Tử, xin thương xót chúng con") – "Đấng đã chịu đóng đinh vì chúng con". Vì ông là người theo chủ nghĩa đơn ý chí (tức là công nhận trong Đức Kitô không phải hai, mà chỉ có một ý chí Thần thánh), nên qua lời thêm này, ông muốn diễn tả rằng trong những đau khổ của Đấng Cứu Thế, không chỉ Thần tính của Ngài chịu đau khổ, mà cả Thánh Ba Ngôi cũng chịu đau khổ. Các môn đệ của Phêrô đã thành lập một giáo phái đặc biệt mang tên Theopaschites, gây xôn xao mạnh mẽ trong thế giới Chính Thống Giáo. Sau này, phần bổ sung này, vốn là cám dỗ đối với các Giáo hội Chính thống Đông phương, đã thâm nhập vào Giáo hội Armenia – vốn vẫn trung thành với Chính thống giáo – do những hiểu lầm và sự thiếu hiểu biết về các thuật ngữ và cách diễn đạt tiếng Hy Lạp; và cho đến nay, nó vẫn được sử dụng trong các nghi lễ thờ phượng tại đó.

[8531] Scyphopolis, nay là Beisan, một thành phố ở Palestine, nằm trên con đường thương mại cổ xưa nối Damascus với Ai Cập, chạy dọc theo bờ đông của Hồ Gennesaret, băng qua sông Jordan và tiếp tục kéo dài về phía Ai Cập. Skifopol cách Jerusalem khoảng 100 verst

[8532] Ở vùng Đông Jordan, gần thành phố Mkes hiện nay bên sông Yarmouk, nay là Shari'at al-Menadire, không xa thành phố Gadara bên Hồ Gennesaret.

thời gian dài sống trong sự tĩnh lặng, vị thánh trở lại Tu viện Lavra, hy vọng rằng những kẻ bất mãn đã ngừng than vãn và thù hận; nhưng hóa ra họ không hề hối cải, mà vẫn tiếp tục chìm đắm trong sự thù hận, và số lượng họ còn tăng lên, tổng cộng lên đến sáu mươi người. Ngài than khóc cho họ như những người đã hư mất, và khuyên răn họ với lòng thương xót của người cha: trước sự ngang ngược của họ, ngài đáp lại bằng lòng kiên nhẫn; trước sự thù hận – bằng tình yêu thương; và ngài thổi hồn vào những lời nói của mình bằng sự khôn ngoan thiêng liêng và lòng chân thành; nhưng sau đó, khi thấy họ càng ngày càng củng cố sự ác, hành động một cách vô liêm sỉ và không muốn đi theo con đường khiêm nhường, ngài đã rời Tu viện Lavra và lui về vùng Nikopol[8533] ; tại đó, ngài định cư dưới gốc cây được gọi là "Cây Sừng"[8534] . Thánh Savva ăn quả của cây đó và trú ẩn dưới những cành cây. Chủ nhân của vùng đất đó, khi biết về Savva, đã đến gặp ngài và xây cho ngài một căn phòng tu tại chính nơi này; vài ngày sau, nhờ ân sủng của Chúa Kitô, các tu sĩ đã tụ họp lại quanh vị thánh; như vậy, một tu viện đã được thành lập tại nơi đó. Thánh Savva sống ở đó, còn những kẻ thù ghét ngài tại Tu viện Lavra đã tung tin đồn giữa các tu sĩ rằng Savva đã bị thú dữ ăn thịt trong sa mạc; họ đến gặp Đức Thánh Tổ Ilya và nói:

– Cha chúng con, trong lúc lang thang trong sa mạc gần Biển Chết, đã bị sư tử xé xác; chúng con xin ngài ban cho chúng con một vị tu viện trưởng.

Còn Thánh Ilya, người đã biết cuộc đời của Savva từ thuở thiếu thời, đã nói với các tu sĩ:

– Ta không tin các con, vì ta biết Chúa là Đấng công chính. Ngài sẽ không khinh thường những việc lành của cha các con và cũng không để ngài bị thú dữ ăn thịt; các con hãy đi tìm cha các con, hoặc ở lại trong các phòng tu của mình và giữ im lặng, cho đến khi Chúa tỏ lộ ngài.

Vậy là, những kẻ thù của Savva đã phải quay về trong sự xấu hổ.

Lễ kỷ niệm việc trùng tu Nhà thờ Phục Sinh của Chúa tại Giê-ru-sa-lem đã đến, và tất cả các giám mục và vị tu viện trưởng Palestine đều tụ họp; Thánh Savva cũng đến cùng với một số tu sĩ từ Tu viện Nicopolis. Đức Thượng phụ rất vui mừng khi thấy ngài, và trong cuộc trò chuyện riêng, ngài lại khuyên ngài trở về Tu viện Lavra. Nhưng ngài từ chối, nói rằng việc quản lý và chăm sóc một số lượng lớn các tu sĩ như vậy vượt quá khả năng của ngài, và xin được tha thứ. Nhưng Đức Thượng phụ nói:

– Nếu ngươi không tuân theo lời thỉnh cầu và lời khuyên của ta, thì đừng bao giờ xuất hiện trước mặt ta nữa: ta không thể chịu đựng được việc những công lao của ngươi lại thuộc về người khác.

Lúc đó, Thánh Savva, dù trái với ý muốn của mình, đã tiết lộ cho Đức Thượng phụ lý do ông rời khỏi Tu viện Lavra:

– Xin đừng để tôi phải chịu trách nhiệm về những mâu thuẫn và chia rẽ trong hàng tu sĩ, – ngài nói thêm và kể về những kẻ thù ghét đang nổi loạn chống lại ngài.

Thánh Savva không thể bất tuân Thượng phụ nên đã vâng lời: ngài bổ nhiệm một đệ tử của mình, người đã cùng ngài từ Nikopol đến, làm vị tu viện trưởng của tu viện Nikopol, còn bản thân ngài thì trở về tu viện của mình. Thượng phụ đã gửi theo ngài sắc lệnh sau đây đến các tu sĩ:

– Ta tuyên bố với các anh em trong Chúa Kitô rằng cha các ngươi là Savva vẫn còn sống, chứ không bị thú dữ ăn thịt như các ngươi đã nghe và truyền tai nhau: ngài đã đến gặp ta nhân dịp lễ, và ta đã giữ ngài lại, vì cho rằng việc ngài rời bỏ tu viện Lavra – nơi ngài đã xây dựng bằng công sức của mình với sự giúp đỡ của Thiên Chúa – là điều bất công, nên ta đã thuyết phục ngài quay trở lại đó. Vậy, hãy đón nhận cha các con một cách nồng nhiệt và với sự tôn kính xứng đáng, và vâng lời ngài trong mọi việc, vì không phải các con đã chọn ngài, mà chính ngài đã tập hợp các con lại. Còn nếu có ai trong các con, những người kiêu ngạo và bất tuân, không muốn khiêm nhường và vâng phục ngài, thì chúng tôi ra lệnh cho những người đó phải rời khỏi Tu viện ngay lập tức: không xứng đáng để vị cha này không được ngồi vào vị trí của mình.

Khi bức thư này được đọc lên tại Tu viện Lavra ngay giữa nhà thờ, những kẻ thù của Thánh Savva, bị che mờ bởi sự thù hận, đã la hét ầm ĩ và gây náo loạn, vu khống vị thánh cha vô tội và có lòng trong sạch; một số người trách mắng, chửi rủa và nói xấu ngài, số khác thì cầm lấy quần áo và đồ đạc của mình, chuẩn bị rời khỏi Tu viện Lavra, còn một số người khác, cầm rìu và xà beng, lao đến căn phòng tu mà chính Thánh Savva đã tự tay xây dựng, trong cơn điên cuồng đã phá hủy nó đến tận nền móng, ném gỗ và đá xuống dòng suối bên dưới, rồi bỏ đi đến Tu

[8533] Nơi ngày nay là Amwas, trên con đường từ Romla đến Jerusalem.

[8534] Cây đậu hoặc cây đậu gai, rất nổi tiếng ở Syria và phương Đông, có thân cây sần sùi và dày với vỏ màu xám tro cùng vô số cành và nhánh cong vút, xòe rộng, phủ đầy lá dày; quả của nó được biết đến ở nước ta dưới dạng khô với tên gọi "quả đậu Tsargrad".

viện Sukia[8535] . Còn vị Trưởng tu viện của Tu viện đó là Aquilin, một người có lòng kính Chúa, biết rõ sự độc ác của họ, nên đã không tiếp nhận họ và đuổi họ ra khỏi Tu viện của mình. Sau đó, họ đi đến con suối Fekoy[8536] , ở đó họ tự xây dựng các phòng tu và định cư. Như vậy, những hạt cỏ dại này đã bị nhổ khỏi Tu viện, còn các tu sĩ còn lại, như lúa mì, là hoa trái đẹp lòng Chúa, và khi ngày càng đông đảo, họ đã dâng lên Chúa sự trong sạch của lòng một cách không gì cản trở. Một thời gian ngắn sau, Thánh Savva nghe tin những người đã rời khỏi Tu viện đang ở đâu và rằng họ đang phải chịu cảnh thiếu thốn nghiêm trọng; lúc đó, ngài đã chất đầy lương thực lên lưng ngựa và lừa của Tu viện rồi lên đường mang đến cho họ, một mặt mong xoa dịu cơn giận của họ, mặt khác – giúp đỡ họ trong cơn khốn khó. Một số người trong số họ, khi thấy Thánh Savva đang tiến đến, liền nói:

– Ồ, tên đạo đức giả này cũng đến đây rồi!

Họ còn buông ra những lời lăng mạ khác trong cơn giận dữ và phẫn nộ. Còn ngài, với lòng từ bi, đã nhìn họ bằng ánh mắt yêu thương, nói với họ những lời ân cần và an ủi họ bằng thức ăn. Thấy cảnh chật chội, thiếu thốn và hỗn loạn của họ – vì họ như những con chiên không có người chăn – ngài đã báo cáo mọi chuyện với Đức Thượng phụ và xin ngài chăm lo cho họ. Đức Thượng phụ đã giao phó họ cho ngài, đồng thời cấp một lít vàng[8537] cùng nhiều vật dụng cần thiết khác để xây dựng. Savva đã đến với họ, ở lại đó năm tháng, xây dựng cho họ một nhà thờ, một lò bánh mì và thành lập một tu viện mới[8538] ; từ tu viện cũ, ngài đã chuyển một vị tu sĩ giàu kinh nghiệm tên là Ioann – một người có tầm nhìn xa trông rộng và sở hữu ân sủng tiên tri – đến đó, và bổ nhiệm ngài làm vị tu viện trưởng của họ. Sau đó, ngài trở về tu viện của mình.

Ioann đã lãnh đạo tu viện mới này trong bảy năm và qua đời về với Chúa[8539] . Trước khi qua đời, ngài đã tiên tri về tương lai của tu viện mới; ngài rơi lệ và nói với những người xung quanh:

– Sẽ có những ngày đến, khi những người dân nơi đây sẽ xa rời đức tin chân chính và trong sự kiêu ngạo, họ sẽ ảo tưởng về bản thân, nhưng sự ngạo mạn của họ sẽ sụp đổ, sự vĩ đại của họ sẽ đột ngột sụp đổ, và họ sẽ bị trục xuất.

Sau Thánh Gioan, người kế nhiệm chức vị tu viện trưởng là Thánh Phaolô, gốc La Mã; ngài có lòng rất khiêm nhường và toả sáng bởi các đức tính thiêng liêng, nhưng chỉ lãnh đạo được sáu tháng và, không chịu nổi những bất đồng, đã trốn sang Ả Rập, nơi ngài qua đời tại tu viện Seviriano[8540] . Khi biết tin Pavel bỏ trốn, Savva đã bổ nhiệm Agapit, một môn đệ của mình, làm tu viện trưởng của tu viện mới. Agapit phát hiện ra rằng một số tu sĩ đang theo học thuyết của Origen[8541] : học thuyết đó như nọc rắn trong miệng họ và như vết loét đau đớn dưới lưỡi. Trong số họ, người đầu tiên là một người Palestine tên là Non, người có vẻ là một Kitô hữu chân chính, bề ngoài có vẻ đạo đức, nhưng bên trong lại đầy rẫy những giáo lý sai lầm của ngoại giáo và Do Thái giáo cùng những tà thuyết

---

[8535] Tu viện Sukia được thành lập bởi Thánh Chariton (ngày tưởng niệm 28 tháng 9) tại một hang động, nơi ngài ban đầu tu hành trong sự ẩn dật, ở phía nam Bethlehem; ngày nay là Mogaret Khareitun. Tu viện Sukia – tên gọi theo tiếng Syria, còn trong tiếng Hy Lạp, nó được gọi là Tu viện Cỏ.

[8536] Dòng suối Feko chảy qua sa mạc Feko, là một phần của sa mạc Giu-đê vĩ đại, nằm về phía nam Tu viện Sukia.

[8537] Litra – một pound, đơn vị đo lường trọng lượng của Byzantine, tương đương với 72 zolotnik; giá trị của nó tính bằng vàng lên đến 506 rúp.

[8538] Ngày nay là Hirbet el-Kuseir, nơi hợp lưu của hai dòng suối Muhta el-Juss và Wadi Muallen. Tu viện này được thành lập vào năm 507.

[8539] Đó là vào năm 514. Theo lời kể của tác giả cuốn tiểu sử Thánh Savva Thánh hóa, tu sĩ Cyril, vị Thánh Gioan này là một vị thánh làm phép lạ. Lễ tưởng niệm ngài được cử hành vào Thứ Bảy Sữa.

[8540] Hoặc tại tu viện ở Varikh, hay Karparvarikh.

[8541] Trong các tác phẩm của mình, Origene đã theo đuổi một số tư tưởng phi Chính Thống, nhưng không trình bày chúng như những chân lý bất di bất dịch; tuy nhiên, những tín đồ cực đoan của học thuyết ông, khi kiên trì rao giảng và phổ biến những tư tưởng đó, đã gây rối loạn cho các tín hữu Chính Thống và làm xáo trộn Giáo Hội của Chúa Kitô. Chẳng hạn, Origène đã có những suy nghĩ sai lầm về Chúa Kitô: khi phát triển giáo lý phi Chính Thống về sự tồn tại trước của các linh hồn và cho rằng Thiên Chúa đã tạo dựng một số lượng nhất định các thực thể thiêng liêng có phẩm giá ngang nhau, ông còn khẳng định rằng một trong những linh hồn được tạo dựng ấy đã hướng về Thiên Chúa với tình yêu nồng cháy đến mức hòa nhập không thể tách rời với Lời Thiên Chúa và trở thành phương tiện thụ thể của Ngài, và rằng đó, dường như, chính là linh hồn con người, nhờ đó Thiên Chúa-Lời có thể nhập thể trên trần gian, bởi vì việc Thiên Chúa trực tiếp nhập thể, dường như, là điều không thể tưởng tượng được. Hơn nữa, Origène đã hiểu cái chết trên thập tự giá của Đức Kitô theo nghĩa không chính thống, coi đó là điều có thể lặp lại về mặt tinh thần trong thế giới tinh thần và có tác dụng giải thoát các Thiên thần ở đó, đồng thời quy quá nhiều vai trò trong công cuộc cứu rỗi cho các sức mạnh thông thường mà bản tính con người chúng ta được ban tặng. Origen cũng suy nghĩ sai lầm trong một số điểm của giáo lý về sự phục sinh và cuộc sống tương lai, chẳng hạn như quan điểm rằng ma quỷ có thể được cứu rỗi; đồng thời, trong việc giải thích Kinh Thánh, ông đã hiểu quá mức theo nghĩa thần bí, huyền bí, từ đó làm mất đi ý nghĩa lịch sử chân chính của Kinh Thánh.

tai hại: Manichaeism[8542] , Didymus, Evagrius[8543] và Origen. Khi phát hiện ra những tu sĩ như vậy, Agapit, vì lo ngại rằng những người khác cũng có thể bị lây nhiễm những dị giáo đó, đã báo cáo với Đức Thượng phụ và, theo lời khuyên của ngài, đã trục xuất họ khỏi tu viện. Năm năm sau, Agapit qua đời. Sau khi ngài qua đời, chức vụ Bề trên được giao cho một người tên là Mamant. Còn Nonno cùng những người đồng chí hướng, khi nghe tin Agapit qua đời, đã trở lại tu viện mới, nhưng vì sợ Savva nên đã che giấu bản chất độc hại của tà thuyết mình. Còn vị thánh Savva vào thời điểm đó đã tìm thấy một hang động cách tu viện cũ của ngài mười stade về phía bắc, gần Castelli, và đang bận rộn xây dựng một tu viện tại đó, mà ngài đặt tên là "Tu viện Hang Động" ([8544]). Ngài được linh mục Markian của Thánh Sion cùng các con trai của ông là Antony và John hỗ trợ bằng tài sản của họ. Chính Gioan này sau này đã trở thành tổng giám mục tại Giêrusalem kế nhiệm Êlia[8545] .

Trên ngọn núi nơi Hoàng hậu Eudokia đã xây dựng ngọn tháp[8546] , ở sa mạc phía đông, có hai tu sĩ sống theo tà thuyết Nestorius[8547] . Thánh Savva vô cùng đau buồn vì họ đã rời bỏ con đường chính đạo và với nỗi buồn sâu sắc, ngài phải chịu đựng sự hiện diện gần gũi của họ đối với ba tu viện của mình. Vào thời điểm đó, ngài đã có một thị kiến như sau: ngài tưởng như mình đang ở trong Nhà thờ Phục Sinh, giữa đám đông tín hữu, và trong số đó ngài nhìn thấy hai người theo tà thuyết Nestorius. Khi đến giờ rước lễ, tất cả các tu sĩ đều tự do tiến đến các Bí tích Thánh và rước lễ; nhưng khi hai kẻ dị giáo này định rước lễ, bỗng nhiên xuất hiện những chiến binh hung dữ, đuổi họ khỏi việc rước lễ và trục xuất họ ra khỏi nhà thờ. Vị Thánh đã nài nỉ các chiến binh để hai tu sĩ này ở lại trong nhà thờ cùng các anh em và cho phép họ rước lễ. Các chiến binh đáp lại:

– Không thể cho phép họ rước Mình Thánh Chúa, vì họ rõ ràng là những người Do Thái và không công nhận Chúa Kitô là Thiên Chúa, cũng như không công nhận Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ Thiên Chúa.

Sau thị kiến đó, vị Thánh được tôn vinh càng thêm đau buồn, thương xót cho sự hư mất của linh hồn họ; ngài đã nỗ lực rất nhiều, ăn chay và cầu nguyện với Thiên Chúa cho họ, để Ngài soi sáng họ bằng ánh sáng của sự hiểu biết chân lý. Và ngài thường xuyên đến gặp họ , dạy dỗ và hướng dẫn, khẩn cầu và khuyên nhủ, cho đến khi cuối cùng, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, ngài đã thu hút họ trở lại Giáo Hội Chính Thống của Đức Kitô: đó là cách ngài quan tâm đến sự cứu rỗi các linh hồn con người. Ngài đã dẫn họ rời khỏi ngọn đồi đó và đưa họ vào Tu viện

---

[8542] Manicheism – một tà giáo hình thành tại Ba Tư dưới ảnh hưởng của nỗ lực kết hợp Kitô giáo với các nguyên lý của tôn giáo Ba Tư Zoroastrian, vốn rao giảng chủ nghĩa nhị nguyên, tức là sự tồn tại từ thuở khai thiên lập địa của hai nguyên lý hoặc vương quốc độc lập – thiện và ác. Người sáng lập Manichaeism, Manes (sống vào thế kỷ III), ban đầu là một pháp sư ngoại giáo, sau đó, khi chấp nhận Kitô giáo, ông thậm chí còn trở thành linh mục, nhưng chẳng bao lâu sau đã bị khai trừ khỏi Giáo hội vì khuynh hướng quay trở lại tôn giáo ngoại giáo Ba Tư. Theo giáo lý của ông, Chúa Kitô chỉ là một eon (thần linh) sáng, xuất phát từ Cha của Ánh sáng qua quá trình tuôn trào; một nửa của Ngài bị vật chất nuốt chửng và tạo thành linh hồn của thế giới hữu hình, tức là "Chúa Giê-su đau khổ", còn nửa kia, nhờ sự trợ giúp của một eon khác là Thánh Thần Ban Sự Sống, đã thoát khỏi vật chất và ngự trong mặt trời; đó chính là "Chúa Giê-su vô cảm". Sự nhập thể của Đấng Christ, theo giáo lý của những người Maniche, là sự giáng lâm từ Mặt Trời của Chúa Giê-su Vô Cảm để giải thoát Chúa Giê-su Đau Khổ, những hạt ánh sáng của Ngài mà Sa-tan, dường như, đã thu thập và, để dễ dàng kiểm soát chúng hơn, đã giam cầm trong hình hài con người. Theo giáo lý này, sự nhập thể của Đấng Christ chỉ là ảo ảnh (Docetism). Về mặt đạo đức, giáo lý này chủ trương cuộc đấu tranh chống lại vật chất, nhằm giải phóng ánh sáng khỏi nó, thông qua việc dần dần tiêu diệt bản tính xác thịt trong chính mình. Tà giáo Manichean đặc biệt phổ biến vào thế kỷ IV và V.

[8543] Didymus và Evagrius về bản chất không phải là những kẻ dị giáo, mặc dù trong học thuyết của mình, họ vẫn theo một số quan điểm không chính thống.

Didymus – một nhà thần học cổ đại xuất sắc nhất của thế kỷ IV – mặc dù bị mù, nhưng vẫn là một trong những học giả vĩ đại nhất của thời đại mình và đã đứng đầu Trường Giáo lý Alexandria nổi tiếng trong hơn 50 năm. Với kiến thức sâu rộng về ngữ pháp, hùng biện, biện chứng, địa lý, thiên văn học, Kinh Thánh và Thần học, ông được coi là một kỳ tích của thế kỷ. Đồng thời, ông cũng là một tu sĩ nghiêm khắc. Didymus đã đấu tranh chống lại các tín đồ Arian và Manichaean. Tuy nhiên, ông là một tín đồ nhiệt thành của Origene, điều này khiến ông phải hứng chịu nhiều chỉ trích; đồng thời, ông cũng ủng hộ một số quan điểm không chính thống của Origene.

Evagrius – môn đệ của Didymus Mù, từng là phó tế dưới thời Thánh Grêgôriô Thần học gia, sau này trở thành một tu sĩ khổ hạnh và ẩn sĩ tại Ai Cập. Ông là một người rất uyên bác và nghiêm khắc; trong cuộc đời tu hành, ông đã viết nhiều tác phẩm hữu ích, chủ yếu là các tác phẩm về khổ hạnh; nhưng ông đã mất đi nhiều sự kính trọng trong mắt nhiều người vì lòng kính trọng dành cho Origene.

[8544] Ngày nay là Bir el-Ketyar.

[8545] Ngài đã đảm nhiệm chức vụ Thượng phụ tại Jerusalem với danh hiệu Gioan III từ năm 517 đến năm 524.

[8546] Đó là ngọn núi cao nhất trong toàn bộ sa mạc phía đông. Ngày nay là Muntar.

[8547] Nestorius, người từng là Thượng phụ Constantinopolis (từ năm 428–431), dạy rằng từ Đức Trinh Nữ Maria đã sinh ra con người Giêsu, và ngay từ lúc thụ thai, Thiên Chúa Lời đã kết hợp với Ngài nhờ ân sủng của Ngài và ngự trong Ngài như trong một đền thờ; vì vậy, ông gọi Đức Trinh Nữ là "Người sinh ra Đấng Kitô" chứ không phải "Mẹ Thiên Chúa". Như vậy, Nestorius đã tách biệt bản tính thần thánh và bản tính con người trong Đức Kitô. Tà thuyết của Nestorius đã bị Giáo Hội lên án tại Công đồng Đại kết lần thứ 3 (Công đồng Êphêsô) vào năm 431.

Thánh Theodosius, còn ngọn đồi, thay vì để họ ở lại, ngài đã giao cho một trong những môn đệ của mình, là Gioan người Byzantium: tại đó, nhờ ơn Chúa, sau một thời gian, một tu viện đã được thành lập.

Trong tu viện lớn đó có một tu sĩ tên là Giacôbê, quê ở Giêrusalem, tính cách ngang tàng và kiêu ngạo. Ông ta đã thông đồng với một số tu sĩ có tính cách giống mình và, trong lúc Thánh Savva vắng mặt – lúc đó ngài đang tuân giữ Mùa Chay Lớn theo thói quen của mình trong sa mạc, trong sự im lặng tuyệt đối – ông ta đã rời khỏi tu viện và bắt đầu xây dựng cho mình một tu viện bên hồ Heptastome đã được đề cập ở trên, với mong muốn sánh ngang với Thánh Savva. Khi các vị tu sĩ trong tu viện bắt đầu phẫn nộ trước việc này và cản trở kế hoạch của ông, ông đã lừa dối họ và nói rằng chính vị thánh cha đã ra lệnh cho ông làm như vậy. Khi trở về từ sa mạc và biết được hành động của Gia-cơ, Thánh Savva đã đến gặp ông và khuyên ông từ bỏ ý định đó, nói rằng những việc xuất phát từ sự ngạo mạn và kiêu ngạo sẽ chẳng mang lại lợi ích gì; nhưng ông ta không nghe lời vị trưởng lão và không tuân theo lời ông. Lúc đó, vị thánh nói với ông:

– Nếu con không vâng lời, hãy cẩn thận kẻo con phải chịu hình phạt.

Nói xong, ngài trở về phòng tu của mình. Còn Gia-cốp thì bị kinh hoàng và run rẩy; anh ta lâm bệnh nặng và nằm liệt giường suốt sáu tháng, gần như không thể thốt ra lời nào. Đã tuyệt vọng về cuộc sống, anh ta ra lệnh cho người ta khiêng mình đến gặp Thánh Sa-va để xin sự tha thứ trước khi chết. Khi thấy ông, Thánh Savva đã nói với ông bằng những lời khuyên nhủ đầy tình cha, rồi đưa tay ra và đỡ ông dậy khỏi giường. Gia-cô-bê đứng dậy khỏe mạnh, như thể chưa từng ốm đau gì cả. Sau khi ban Thánh Thể cho ông, Thánh Savva đã cho ông ăn. Gia-cô-bê không bao giờ quay lại công trình xây dựng mới của mình nữa.

Trong khi đó, Thượng phụ Ê-li, khi nghe tin về sự việc đã xảy ra, đã ra lệnh phá hủy công trình của Gia-cốp. Còn Thánh Savva, sau khi dẫn theo một số tu sĩ khỏe mạnh từ tu viện, đã đến một địa điểm cách công trình bị phá hủy khoảng năm stadia về phía bắc, xây dựng một nhà nguyện cùng các phòng tu xung quanh, và bổ nhiệm một số tu sĩ từ tu viện lớn, tên là Phaolô và Andrei, làm người trông nom nơi đó, ông cũng cho các anh em khác đến định cư tại đó và thành lập tu viện tại nơi này, đặt tên là "Tu viện Bảy Cửa" ([8548]).

Khi trở về tu viện lớn, ngài đã gửi Thánh Thể và bánh thánh cho các tu sĩ đang ở nơi nói trên, và luôn quan tâm sâu sắc đến nơi này.

Sau một thời gian, vị Jacob nói trên được phân công nhiệm vụ phục vụ khách lữ hành tại nhà trọ. Vì thiếu cẩn trọng trong công việc, một lần nọ, ông đã nấu quá nhiều đậu, nhiều hơn mức cần thiết; số đậu còn lại sau bữa trưa nhiều đến mức đủ dùng dư dả cho bữa trưa ngày hôm sau, nhưng ông lại vứt phần thừa ra ngoài cửa sổ, xuống dòng suối; và ông đã làm điều này không chỉ một lần, mà rất nhiều lần. Thấy vậy, Thánh Savva lặng lẽ xuống dòng suối, nhặt những hạt đậu bị vứt đi, mang về phòng tu của mình và phơi khô một chút dưới nắng. Một lúc sau, ngài nấu những hạt đậu đó, chế biến thành món ăn, rồi mời Gia-cốp đến dùng bữa. Trong bữa ăn, vị tu sĩ già nói với Gia-cốp:

– Xin tha lỗi cho tôi, anh em ạ, vì tôi đã không chiêu đãi anh như ý muốn, và có lẽ món ăn cũng không hợp khẩu vị của anh; tôi không giỏi nấu nướng lắm.

Còn Gia-cơ thì nói:

– Thật sự, thưa cha, cha đã nấu những hạt đậu này rất ngon, đã lâu rồi con chưa được ăn món nào như thế này.

Vị tu sĩ đáp:

– Hãy tin cha đi, con ơi, đây chính là những hạt đậu mà con đã đổ xuống suối; hãy biết rằng, ai không thể nấu một nồi đậu vừa đủ để không lãng phí thứ gì, thì người đó không thể quản lý tu viện và điều hành cộng đoàn tu sĩ. Cũng như Thánh Tông Đồ đã nói: *"Vì ai không biết quản lý chính ngôi nhà của mình, thì làm sao có thể lo lắng cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời được?"* (1 Ti-mô-thê 3:5). Nghe vậy, Gia-cơ cảm thấy hổ thẹn vì tính tự cao tự đại trước đây và sự phục vụ thiếu trách nhiệm của mình, nên đã ăn năn và xin tha thứ.

Tại phòng tu của mình, Giacôbê đã bị ma quỷ cám dỗ bằng dục vọng xác thịt và những ý nghĩ ô uế: sự cám dỗ này kéo dài không dứt, và Giacôbê không thể chịu đựng được nữa: ông lấy dao và tự thiến mình. Khi cơn đau khủng khiếp ập đến, ông bắt đầu kêu cứu các anh em sống gần đó. Các anh em đến, thấy chuyện đã xảy ra, họ đã cố gắng hết sức để xoa dịu cơn đau của ông bằng thuốc men; và sau một thời gian dài, họ mới có thể chữa lành vết thương cho ông . Chuyện này đã đến tai Thánh Savva, và vị tu sĩ già đã trục xuất Gia-cô-bê, người lúc đó đã bình

[8548] Được đặt tên theo hồ Heptastoma, hay còn gọi là Hồ Bảy Miệng.

phục vết thương, khỏi tu viện như một tội phạm nguy hiểm. Người ấy đã đến gặp Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, kể cho ngài nghe về nỗi khổ của mình và việc bị trục xuất, đồng thời khẩn cầu ngài xin Thánh Savva cho phép anh ta được trở lại tu viện và ở trong phòng tu. Thánh Phê-ô-đô-xi-ô, nhượng bộ trước những lời cầu xin của người anh em, đã đến gặp Thánh Savva và xin cho người anh em bị trục xuất. Theo lời thỉnh cầu của vị cha thánh vĩ đại và cũng là người bạn thân thiết của mình, Thánh Savva đã nhận Jacob trở lại, đồng thời đặt ra cho anh ta một điều răn: không được nói chuyện với ai ngoài người phục vụ anh ta, không được giao tiếp với các tu sĩ khác, thậm chí không được ra khỏi phòng tu của mình, và hơn nữa, ngài còn cấm anh ta rước Mình Thánh Chúa. Vậy là Gia-cô-bê sống trong im lặng, sống trong sự sám hối, tuôn trào nhiều nước mắt trước mặt Thiên Chúa, cho đến khi được ban ơn tha thứ từ trên cao, và vị thánh Savva được mách bảo qua sự mặc khải thiêng liêng rằng tội lỗi của Gia-cô-bê đã được tha thứ. Một lần nọ, Thánh Savva thấy trong một thị kiến một người đàn ông rực rỡ ánh sáng đang đứng gần đó, và một người chết nào đó đang nằm dưới chân Giacôbê, người mà Giacôbê đang cầu nguyện cho được sống lại; và có tiếng từ trên cao vang lên:

– Giacôbê! Lời cầu nguyện của ngươi đã được nhậm, hãy chạm vào người chết và nâng anh ta dậy.

Và khi Gia-cơ tuân theo mệnh lệnh đó mà chạm vào người chết, ngay lập tức người chết đã sống lại; còn người đàn ông rực rỡ ánh sáng nói với Thánh Savva:

– Kìa, người chết đã sống lại rồi, – vậy ngươi hãy cởi bỏ những xiềng xích đã được đặt lên người đã được hồi sinh.

Thấy điều đó, Savva liền sai người đi tìm Gia-cốp, cởi bỏ hình phạt sám hối cho anh, cho phép anh vào hội đồng và cùng các anh em rước Mình Thánh Chúa. Bảy ngày sau khi được tha thứ, Gia-cốp đã về với Chúa.

Trong tu viện vĩ đại ấy có hai anh em ruột tên là Zann và Benjamin, cả hai cùng đồng lòng sống trong sự phục vụ khiêm nhường dành cho Thiên Chúa, được trang điểm bằng những đức tính thiêng liêng. Cả hai cùng lòng thành khẩn cầu Thánh Savva ban cho họ căn phòng ẩn tu mà ngài đã tự tay xây dựng, cách tu viện khoảng mười lăm stadia về phía Livia[8549] . Biết rằng họ là những người thực sự làm việc cho Chúa, vị tu sĩ cao niên đã đồng ý với lời thỉnh cầu của họ và trao căn phòng đó cho họ. Vậy là, họ có một căn phòng ẩn tu ở nơi hoang vắng, và một căn khác tại tu viện của mình. Tại căn phòng ẩn tu, nhờ công sức của chính họ và sự giúp đỡ của vị Abba vĩ đại của mình, họ đã thành lập một tu viện; vì ngài cung cấp cho họ những thứ cần thiết để trang trải chi phí và các vật dụng cần thiết khác. Khi số anh em tại nơi này ngày càng đông, Thánh Savva đã dùng sự quan tâm của mình để xây dựng một nhà thờ, làm lễ thánh hiến và áp dụng các quy tắc của các tu viện khác của ngài vào tu viện này.

Và vị cha thánh của chúng ta là Savva giống như một cây kỳ diệu, từ đó mọc ra những cành tuyệt đẹp; như vậy, bằng gương mẫu đời sống thánh thiện của mình và những lời cầu nguyện siêng năng dâng lên Thiên Chúa, ngài đã làm gia tăng số lượng các vị cha thánh và các vị tu sĩ khổ hạnh trong tu viện của mình, và họ cũng thánh thiện như ngài, theo Lời Kinh Thánh: *"Nếu gốc rễ thánh thiện, thì cành cũng thánh thiện"* (Rô-ma 11:16). Trong số những cành thánh này, cần nhắc đến vị trưởng lão phúc lành Anphim, người đến từ Bithynia, đã sống một cuộc đời đầy những công đức tu hành. Vào đầu thời gian ở tu viện, ngài đã xây cho mình một căn phòng nhỏ bên kia con suối ở phía đông, đối diện với cột đá của Thánh Savva, và ngài đã ở đó trong ba mươi năm. Khi về già, ngài kiệt sức, lâm bệnh và phải nằm liệt giường. Thấy ngài già yếu và ốm đau như vậy, Thánh Savva muốn đưa ngài vào một trong những phòng tu gần nhà thờ, để các tu sĩ có thể đến thăm ngài và chăm sóc ngài một cách dễ dàng; nhưng ngài xin được ở lại nơi mình đã định cư ban đầu cho đến khi qua đời. Vì vậy, ông được để lại trong phòng tu của mình trong tình trạng ốm yếu. Một đêm nọ, Thánh Savva, theo thói quen thường lệ, thức dậy cầu nguyện trước giờ hát kinh sáng, bỗng nghe thấy những giọng hát tuyệt vời, như thể có rất nhiều người đang hát; ông nghĩ rằng họ đang hát thánh lễ sáng trong nhà thờ, và ngạc nhiên không hiểu sao lại hát thánh lễ sáng mà không có ông và không có lời chúc lành thường lệ của ông. Nhưng khi lập tức đến nhà thờ, ông không thấy ai ở đó, và cửa nhà thờ đã bị khóa; ông quay trở lại, vẫn còn băn khoăn không biết đó là những giọng hát gì, thì bỗng nhiên lại nghe thấy tiếng hát tuyệt vời ấy một lần nữa; họ đang hát như sau: *"Tôi đã đi cùng đám đông, bước vào nhà Chúa cùng với họ, với tiếng vui mừng và lời ngợi khen của đoàn người đang mừng lễ"* (Thánh vịnh 41:5).

Nhận ra rằng những giọng hát kỳ diệu ấy phát ra từ phía có phòng tu của Thánh Anphim, Savva đoán rằng Anphim đã qua đời. Ngay lập tức, ông đánh thức người quản lý nhà thờ và ra lệnh gõ chuông để tập hợp các tu sĩ; mang theo một số tu sĩ, ông đến phòng tu của vị tu sĩ cao niên với nến và nhang. Khi bước vào trong, họ không thấy

[8549] Deib es-Senne hiện nay đối diện với Beit Saur el-Atika, ở phía bên trái con đường từ Jerusalem đến Tu viện Thánh Savva Thánh Hóa.

ai cả, chỉ có thi thể của Thánh Anphim đang nằm đó, còn linh hồn ngài đã về với Chúa trong tiếng hát của các thiên thần. Họ rước thi thể tôn kính ấy về nhà thờ, cử hành lễ an táng, rồi chôn cất ngài cùng với các vị thánh tổ phụ.

Một tu sĩ từ tu viện Thánh Theodosius, một người khỏe mạnh tên là Aphrodisius[8550] , được cử đi làm nhiệm vụ; trên đường đi, ông nổi giận với con lừa đang chở lúa mì và đánh nó rất mạnh; con lừa ngã xuống và chết vì cú đánh đó. Vì việc này, Aphrodisius đã bị Thánh Theodosius trục xuất khỏi tu viện của ngài. Lúc đó, anh ta đến gặp Thánh Savva và kể cho ngài nghe về hành động của mình, xin ngài lời khuyên. Thánh Savva đã cho anh ta một phòng tu và nói:

– Hãy sống trong phòng tu của ngươi, đừng chuyển sang phòng tu khác, đừng ra khỏi tu viện, hãy kiềm chế lời nói, tiết chế những ham muốn của bản thân, thì ngươi sẽ được cứu rỗi.

Aphrodisius, sau khi nhận lời răn này, không vi phạm điều nào và trong suốt ba mươi năm liền không bước ra khỏi tu viện, không sở hữu bất cứ thứ gì, ngay cả một chiếc bát đựng thức ăn hay một chiếc giường, ông ngủ trên cành cây, đắp một tấm chiếu, và chỉ ăn những phần thức ăn thừa từ rau củ đã luộc chín nhưng không có dinh dưỡng. Tiếng khóc ban đêm của ông làm phiền giấc ngủ của những người xung quanh. Cuối cùng, ông được ban ân sủng tiên tri, vì một tuần trước khi qua đời, ông đã biết trước ngày mình sẽ ra đi. Sau đó, ông xin Thánh Savva cho phép ông đến tu viện của Thánh Theodosius. Vị thánh đã cử hai tu sĩ đi cùng ông và dặn truyền lời với Thánh Theodosius:

– Này, anh em chung của chúng ta là Aphrodisius, người mà xưa kia tôi đã nhận từ ngài với tư cách là một con người, nay tôi gửi đến ngài như một Thiên thần nhờ ân sủng của Đức Kitô.

Thánh Theodosius đã đón nhận ông với tình yêu thương, tha thứ và tiễn ông ra đi trong bình an; còn Aphrodisius thì trở về với Thánh Savva và, sau một thời gian ngắn bị bệnh, đã an nghỉ trong Chúa.

Người dân thành phố Medava[8551] , nằm bên kia sông Jordan, thường xuyên đến thăm vị thánh; họ nhận được sự an ủi tinh thần vô cùng lớn lao từ ngài và mang lúa mì nguyên hạt cùng rau củ đến tu viện để dâng lên ngài, đồng thời nhận được lời chúc lành từ ngài. Trong số họ có một vị quý ông tên là Gerontius; ông đến thành thánh và bị ốm. Khi muốn lên Núi Ô-li-ve để cầu nguyện, ông ngã ngựa, bị thương nặng và bệnh tình càng thêm trầm trọng, đến nỗi ông không còn hy vọng sống sót. Thánh Savva đã xức dầu thánh lên người ông và chữa lành cho ông. Một lần nọ, khi đang dùng bữa trưa với Thôma, con trai của Gerontius, Savva đã biến giấm thành rượu ngon, khi bỗng dưng không còn rượu nữa. Có lần, những quả bí ngô được nấu cho công nhân lại có vị đắng; Savva đã làm cho chúng trở nên ngọt ngào bằng cách làm dấu thánh giá. Có lần, vị thánh nhân đi từ Giê-ri-cô đến sông Giô-đanh cùng với một đệ tử trẻ tuổi, và họ gặp rất nhiều người dân thành phố, trong đó có một cô gái xinh đẹp. Khi họ đi ngang qua, vị thánh nhân, muốn thử đệ tử của mình, đã nói:

– Cô gái vừa đi qua thế nào? Tôi thấy dường như cô ấy bị mù một mắt.

Đệ tử đáp:

– Không, cả hai mắt cô ấy đều nhìn thấy.

– Con nhầm rồi, – vị tu sĩ nói, – cô gái đó chỉ có một mắt.

Nhưng đệ tử vẫn khăng khăng rằng cô ấy có đôi mắt khỏe mạnh. Vị cao tăng hỏi:

– Vậy làm sao con biết được?

– Thưa thầy, – đệ tử đáp, – con đã quan sát kỹ khuôn mặt cô ấy và thấy rằng cả hai mắt cô ấy đều nhìn thấy bình thường.

Lúc đó, vị tu sĩ già nói với cậu:

– Nếu con đã nhìn kỹ khuôn mặt cô ấy như vậy, sao con lại không nhớ đến điều răn trong Kinh Thánh: *"Đừng ham muốn vẻ đẹp của nàng trong lòng con, [đừng để mắt con bị lôi cuốn,] và đừng để nàng quyến rũ con bằng hàng mi của nàng"* (Châm Ngôn 6:25). Hãy biết rằng từ nay con sẽ không được ở cùng ta trong phòng tu nữa, vì con không biết giữ gìn đôi mắt mình, – và ông đã gửi anh ta đến Fastelli để chịu hình phạt.

Sau khi anh ta sống ở đó một thời gian và đã học được cách kiểm soát đôi mắt mình một cách toàn diện cũng như cảnh giác với những suy nghĩ của mình, Thánh Savva đã đón anh ta trở lại tu viện và cấp cho anh ta một phòng tu.

[8550] Ngày tưởng niệm Thánh Aphrodisius xứ Palestine là ngày 24 tháng 12.

[8551] Ngày nay là Medeba ở vùng Đông Jordan.

Một lần nọ, khi vị thánh đang ở trong sa mạc, nơi được gọi là Ruva, ngài gặp một con sư tử trên đường đi, con sư tử này có một mảnh gỗ găm vào bàn chân; nó quỳ xuống dưới chân vị thánh và gầm lên, giơ bàn chân ra cho ngài xem, như thể đang cầu xin được chữa lành. Vị thánh đã rút mảnh gỗ ra khỏi bàn chân con sư tử và nhờ đó làm dịu cơn đau của nó; sau đó, con sư tử bắt đầu đi theo vị thánh và phục vụ ngài. Lúc bấy giờ, vị tu sĩ già có một đệ tử tên là Flays, và họ có một con lừa. Mỗi khi Savva sai đệ tử đi làm việc gì đó, ngài đều ra lệnh cho con sư tử trông chừng con lừa; con sư tử cắn dây cương bằng răng và dắt con lừa đi ăn cỏ, đến tối, sau khi cho nó uống nước, lại dẫn nó trở về với vị tu sĩ già. Vài ngày sau, Flais được sai đi làm việc gì đó và do bị ma quỷ xúi giục, anh ta đã phạm phải tội lỗi ô uế; cùng lúc đó, con sư tử trên đồng cỏ đã ăn thịt con lừa. Flais nhận ra rằng con sư tử đã ăn thịt con lừa vì tội lỗi của anh ta, nhằm vạch trần anh ta, và anh ta sợ không dám đến gặp vị tu sĩ. Với lòng đau khổ, anh ta bỏ đi đến một ngôi làng nào đó, và vị tu sĩ già đã tìm kiếm anh ta rất lâu, cuối cùng cũng tìm thấy, đưa anh ta về và, sau khi nhốt anh ta trong một căn phòng nhỏ, đã bắt anh ta phải sám hối. Anh ta đã sám hối từ tận đáy lòng và bằng những giọt nước mắt, anh ta đã được thanh tẩy khỏi tội lỗi của mình, nhờ những lời cầu nguyện của vị tu sĩ thánh thiện, người rất quan tâm đến sự cứu rỗi linh hồn con người.

Cần phải nhắc đến sự quan tâm của Thánh Savva đối với sự thịnh vượng của Giáo hội Chúa trong những chuyến đi của ngài đến Constantinople để giải quyết các công việc giáo hội; ngài được cử đến đó vì lý do sau đây. Hoàng đế Anastasius, một kẻ dị giáo, đã bác bỏ Công đồng Chung thứ tư của các Thánh Phụ tại Chalcedon[8552] và gây ra một cuộc hỗn loạn lớn trong Giáo hội vào thời điểm đó. Ông đã trục xuất Euphymius, Tổng Giám mục Constantinopolis[8553] , và tỏ ra tức giận với Flavianus của Antioch[8554] cùng Ilias của Jerusalem, những người mà ông cũng muốn trục xuất, vì họ không chấp nhận tà thuyết của ông. Với mong muốn thuyết phục nhà vua hòa giải với Giáo hội, Ilia đã cử các vị tu viện trưởng từ các tu viện sa mạc Palestine đến gặp nhà vua, trong số đó có cả Savva, kèm theo một lá thư thỉnh cầu như sau:

"Chúng tôi kính gửi đến triều đình của ngài những tôi tớ được Chúa chọn, những ẩn sĩ tốt lành và trung thành, cùng với họ là Savva, người đứng đầu toàn bộ sa mạc và là ngọn đèn soi sáng cho cả Palestine, kèm theo lời cầu nguyện. Còn ngài, hỡi đức vua, xin hãy chấp nhận những công lao và nỗ lực của họ, chấm dứt sự thù hận trong Giáo hội và đừng để cái ác lan tràn: chúng tôi biết rằng ngài luôn mong muốn làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho ngài vương miện hoàng gia."

Các vị tu viện trưởng đã đến Constantinople, và khi bước vào cung điện hoàng gia, Savva đi sau cùng. Những người gác cổng đứng ở cửa, thấy ngài mặc áo quần rách rưới và vá chằng vá đụp, đã lầm ngài là người ăn xin và không cho vào. Hoàng đế, sau khi tiếp đón các vị tu sĩ đến gặp ngài một cách long trọng và đọc xong thư của Thượng phụ, đã hỏi: "Ai trong số các vị là Savva, người mà Thượng phụ đã ca ngợi hết lời trong thư của ngài?" Các vị tu sĩ nhìn quanh và nói rằng ông đã đi cùng họ, nhưng họ không biết ông đã ở đâu. Ngay lập tức, nhà vua ra lệnh tìm kiếm ông, và cuối cùng họ cũng tìm thấy ông đang đứng ở một góc nào đó và đọc các Thánh vịnh của Đa-vít. Khi dẫn ông đến trước mặt nhà vua, nhà vua nhìn thấy một Thiên thần rực rỡ ánh sáng đang đi trước mặt mình và, đoán ra rằng Savva là người của Đức Chúa Trời, đã tỏ lòng kính trọng bằng cách đứng dậy khỏi ngai vàng, rồi ra lệnh cho mọi người ngồi xuống. Trong cuộc trò chuyện kéo dài, Thánh Savva đã nỗ lực hơn tất cả các vị cha thánh có mặt tại đó, dùng những lời được Thánh Thần soi dẫn để khuyên nhủ nhà vua làm hòa với Giáo hội và hứa với ông rằng nhờ đó, Chúa sẽ ban cho ông chiến thắng trước kẻ thù. Các vị cha được cử đến không đạt được nhiều thành công và đã được cho về nhà, còn Thánh Savva vẫn ở lại cho đến khi thuyết phục được nhà vua và hòa giải ông với Đức Thượng phụ Ilia. Thánh Savva đã ở lại qua mùa đông tại Byzantium, thường xuyên đến gặp nhà vua và trò chuyện với ông về Chính Thống Giáo cũng như về Đức Thượng phụ Jerusalem. Ngài được phép ra vào cung điện một cách tự do; ngài có thể ra vào bất cứ lúc nào ngài muốn, mà không gặp bất kỳ trở ngại hay bị lính gác chất vấn nào, và trong thời gian đó, ngài đã thuyết phục được nhà vua đừng giận dữ với tổng giám mục và ban hòa bình cho các giáo hội Palestine. Sau đó, ngài trở về Giê-ru-sa-lem, được nhà vua ban tặng rất nhiều của cải để làm chi phí cho chuyến đi. Ngài nhận được từ nhà vua tới hai nghìn đồng tiền vàng, mang về chia cho các tu viện

[8552] Tại công đồng này, tà thuyết Eutyches (Monophysite) đã bị lên án; tà thuyết này thừa nhận chỉ có một bản tính thần thánh trong Đức Kitô và khẳng định rằng bản tính nhân loại trong Đức Giêsu Kitô, trong sự kết hợp bản thể, đã bị bản tính thần thánh nuốt chửng.
[8553] Euphemius – Thượng phụ Constantinopolis từ năm 490–496.
[8554] Flavian – Thượng phụ Antioch từ năm 506–512.

của mình, và gửi một phần đáng kể đến làng Mutalask, nơi ngài sinh ra, để xây dựng một nhà thờ mang tên các thánh tử đạo Cosmas và Damian tại ngôi nhà của cha ngài.

Đức Thượng phụ Ilia, nhờ Thánh Savva, đã mang lại hòa bình cho các nhà thờ Palestine và cho chính mình, nhưng ngài không được sống trong bình an lâu: những kẻ dị giáo không ngừng xúi giục nhà vua và kích động ông chống lại Giáo hội của Chúa Kitô và các mục tử của Giáo hội, nhằm gây khó dễ cho họ. Vì vậy, nhà vua đã triệu tập một công đồng tại Sidon[8555] , và đặt hai giám mục đứng đầu công đồng này, những người chia sẻ những quan điểm dị giáo của Eutyches và Dioscorus[8556] , cụ thể là: Soterich, giám mục Caesarea Cappadocia, và Philoxenus Hierapolis[8557] , với mục đích để tại công đồng đó, họ lên án Công đồng Chalcedon, đồng thời phế truất Flavian và Ilias khỏi ngai tòa. Và điều đó đã xảy ra: một công đồng phi pháp đã được triệu tập, và những kẻ vô đạo, với sự trợ giúp của nhà vua, đã trục xuất một cách nhục nhã Đức Thánh Flavian, Tổng Giám mục Antioch, người đã từ chối tham gia công đồng của họ; thay vào đó, Severus, kẻ vô đạo, đã lên ngôi và gây ra nhiều tai họa cho những người Chính Thống không muốn có mối quan hệ với ông ta. Ông đã gửi bản tuyên xưng đức tin của mình, được thông qua tại hội đồng, đến Thánh Ilya của Jerusalem[8558] ; nhưng ngài, không chấp nhận các quy tắc dị giáo, đã gửi trả lại. Khi biết được điều này, hoàng đế đã vô cùng tức giận với Thánh Ilya và ra lệnh ngay lập tức gửi bản tuyên xưng đức tin của Severus đến Jerusalem cùng với một số giáo sĩ và một đội quân hùng hậu, nhằm ép buộc Thượng phụ Jerusalem phải đồng ý chấp nhận các quy tắc của Công đồng Sidon. Khi họ đến Jerusalem, đã xảy ra một cuộc hỗn loạn lớn, và Đức Thượng phụ lâm vào tình thế rất khó khăn. Lúc đó, Thánh Savva đã tập hợp tất cả các tu sĩ từ các tu viện của mình, rồi tiến vào Thành Thánh, đuổi những người được phía Bắc cử đến cùng đội quân, còn chính Severus cùng những kẻ đồng lõa với ông ta thì bị tuyên bố tuyệt thông trước mặt mọi người. Những kẻ dị giáo đã trở về trong sự hổ thẹn trước những người đã cử họ đi, kể lại về lòng dũng cảm vĩ đại của những người Chính Thống và về sự nhục nhã của chính họ. Lúc bấy giờ, nhà vua, trong cơn thịnh nộ tột độ, đã cử Olympios, giám mục[8559] của Palestine, đến Jerusalem cùng một đạo quân hùng hậu, và ra lệnh, không qua bất kỳ thủ tục pháp lý hay xét xử nào, bằng quyền lực hoàng gia, lật đổ Thượng phụ Ilias khỏi ngai vàng. Olympia đến với lực lượng quân sự hùng hậu và ngay lập tức thi hành mệnh lệnh của hoàng đế, lật đổ tổng giám mục mà không qua xét xử, rồi gửi ông ta đi lưu đày tại Aila, đồng thời đưa John[8560] , con trai của linh mục Marcian, lên thay thế; người này đã hứa sẽ nguyền rủa Công đồng Chalcedon và duy trì mối quan hệ với Severus. Khi biết tin này, Thánh Savva lại một lần nữa, giống như lần đầu tiên, tập hợp đội quân thiêng liêng của mình và, như một vị tướng, tiến về thành thánh, nhưng không còn gặp được tổng giám mục Olympia ở đó nữa; người này đã thực hiện hành vi tàn ác được lệnh và hài lòng trở về với nhà vua. Thánh Savva vô cùng đau buồn trước việc Thánh Ê-li vô tội bị trục xuất và đã khóc thương cho ngài. Thấy vị tổng giám mục mới là Gioan đang suy diễn theo tà thuyết, Savva đã khẩn thiết khuyên ông đừng giao du với Severus, mà hãy bảo vệ Công đồng Chalcedon và kiên định với nó cho đến giọt máu cuối cùng; nếu ông không làm điều đó, thì với tư cách là kẻ tà giáo, ông sẽ bị tất cả các vị cha ẩn sĩ nguyền rủa. Giăng cảm thấy hổ thẹn, đồng thời cũng e sợ trước đông đảo các vị Thánh Cha được Thiên Chúa soi sáng đã đến cùng với Thánh Savva, nên đã từ chối Severus và toàn bộ tà thuyết của ông ta, chấp nhận Chính Thống Giáo được xác lập tại Công đồng Chalcedon – và các vị Thánh Cha đã an lòng.

Chẳng bao lâu sau, hoàng đế được biết rằng vị tổng giám mục mới được tấn phong là Gioan đã bác bỏ Công đồng Sidon và chấp nhận Công đồng Chalcedon. Hoàng đế nổi giận với Olympia và tước bỏ chức vụ của ông vì đã bầu chọn một tổng giám mục như vậy; thay vào đó, ông bổ nhiệm một người tên là Anastasius làm giám mục

---

[8555] Đó là vào cuối năm 511. – Sidon – thành phố cổ nhất của Phoenicia, nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải, gần dãy núi Lebanon với một cảng biển tuyệt đẹp. Đạo Kitô đã xuất hiện ở Sidon từ rất sớm, và ngay khi Chúa Giêsu Kitô còn tại thế, Ngài đã có rất nhiều môn đệ tại đó. Sau này, Sidon đã bị tàn phá nhiều lần, rồi được tái thiết và cuối cùng sụp đổ hoàn toàn; hiện nay thành phố này được biết đến với tên gọi Saida, với 10.000 cư dân, chủ yếu là người Hồi giáo.

[8556] Các đại diện và thủ lĩnh tà giáo của phái Monophysite: Eutyches – vị tu viện trưởng và đại tu sĩ của một trong những tu viện tại Constantinople; Dioscorus – Tổng Giám mục Alexandria từ năm 444 đến 451.

[8557] Những tín đồ cuồng tín và cực đoan nhất của phái Monophysite, đặc biệt là Giám mục Philoxenus của Hierapolis, có biệt danh là Xê-na-ia, đã dùng vũ lực ép buộc dân chúng địa phương, thông qua các nhóm tu sĩ cuồng tín trung thành với ông, phải chấp nhận tà thuyết Monophysite, đồng thời Đức Thượng phụ Chính thống Antioch đã bị tra tấn đến chết.

[8558] Năm 513.

[8559] Thống đốc tỉnh. Các giáo phận Palestine có quyền lực lớn hơn so với các giáo phận khác và còn được gọi bằng những tên gọi khác như "igemon" (tên gọi trong tiếng Hy Lạp) hoặc "procurator" (tên gọi trong tiếng La Mã).

[8560] Ngài đảm nhiệm chức vụ Thượng phụ với danh hiệu Gioan III từ năm 517 đến năm 524.

toàn cõi Palestine và cử ông ta đến Jerusalem, với nhiệm vụ hoặc thuyết phục tổng giám mục John tái thiết lập mối quan hệ với Severus, hoặc lật đổ ông ta khỏi ngai vàng. Anastasius đến nơi, lập tức bắt giữ vị tổng giám mục và giam ông vào ngục tối. Tổng giám mục đã cầu xin giám mục giáo phận thương xót mình, hứa sẽ tuân theo mọi mệnh lệnh, với điều kiện duy nhất là không để người ta nghĩ rằng ông đang thực hiện ý muốn của hoàng đế dưới sự ép buộc, và hứa vào Chúa Nhật tới, trước toàn thể dân chúng trong nhà thờ, ông sẽ nguyền rủa Công đồng Chalcedon, ca ngợi Công đồng Sidon và tái thiết lập mối quan hệ hiệp thông với Severus. Đức Thượng phụ được thả ra khỏi ngục và bí mật sai người đến gặp các vị tu sĩ đáng kính Savva và Theodosius, để họ cố gắng tập hợp tất cả các vị tu sĩ và đến gặp ngài tại nhà thờ vào ngày Chủ nhật. Lúc đó, Ipatius, một người họ hàng của hoàng gia, cũng đang có mặt tại Jerusalem để hành hương; vào ngày Chủ nhật, cả hai vị trụ trì, Savva và Theodosius, đã đến, cùng với họ là khoảng mười nghìn tu sĩ[8561] . Tại nhà thờ[8562] , nơi Giám mục Anastasius và Ipatius, người thân của hoàng gia, cùng các binh sĩ của mình cũng đã đến, và đông đảo dân chúng tụ tập, Đức Thượng phụ đã bước lên bục giảng cùng với Savva và Theodosius; lúc đó, toàn thể dân chúng cùng các tu sĩ đã đồng thanh hô to với Đức Thượng phụ:

– Hãy nguyền rủa những kẻ dị giáo và khẳng định Công đồng Chalcedon!

Đức Thượng phụ lấy lại tinh thần và nói bằng giọng vang dội:

– Ai có cùng quan điểm với Eutyches, Nestorius, Severus và Soterich, thì sẽ bị vạ tuyệt thông!

Cũng vậy, Thánh Theodosius cùng với Thánh Savva đã lớn tiếng kêu lên:

– Ai không chấp nhận bốn công đồng như bốn Thánh Sử, thì sẽ bị nguyền rủa!

Thấy vậy, Giám mục Anastasius hoảng sợ trước đám đông các tu sĩ và dân chúng, vội vã rời khỏi nhà thờ và chạy trốn về Caesarea. Còn người thân của hoàng đế đã thề với các vị cha rằng ông đến không phải để ủng hộ giáo lý của Severus, mà để thờ lạy các thánh địa và gia nhập Giáo hội Công giáo Thánh thiện. Ông đã tặng các vị cha thánh Savva và Theodosius rất nhiều vàng, để các ngài chia cho các tu sĩ mặc áo đen đi cùng họ. Sau đó, các vị cha đáng kính, thay mặt toàn thể hội đồng, đã viết thư cho nhà vua như sau: “Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Vua muôn đời và Thiên Chúa, bởi lòng nhân từ của Ngài, đã trao quyền cai trị vương quốc trần gian vào tay ngài, để qua ngài, ban phát những ân huệ chân chính của thế giới cho tất cả các Giáo hội, và đặc biệt là cho Giáo hội Mẹ – Thánh Si-ôn; mọi người đều biết rằng tại Giáo hội này, mầu nhiệm vĩ đại của đức tin chân chính đã khởi đầu và lan tỏa đến tận cùng trái đất. Chúng tôi, những cư dân của những nơi thiêng liêng này, đã tiếp nhận nó từ các Thánh Tông Đồ, đã gìn giữ nó nguyên vẹn và không tì vết cho đến ngày nay, và sẽ tiếp tục gìn giữ mãi mãi nhờ ân sủng của Đấng Kitô, không để cho kẻ thù lôi kéo chúng tôi rời xa con đường chính đạo, không khuất phục trước những lời nói xấu xa và hão huyền của chúng. Trong đức tin tinh khiết và bất khả xâm phạm này, chính ngài, thưa Đức Vua, cũng đã được nuôi dưỡng và trưởng thành, – và giờ đây chúng tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy rằng, trong những ngày Bệ hạ trị vì tại thành thánh Giê-ru-sa-lem, đã xảy ra một cuộc nổi loạn và xáo trộn đến mức ngay cả các tôi tớ của Chúa, các linh mục và tu sĩ – những người từ thuở thiếu thời đã yêu mến đức hạnh và chọn cho mình một cuộc sống hiền lành trong sự tĩnh lặng – cũng không thoát khỏi; trước mắt người Do Thái và những kẻ ngoại đạo khác, họ bị lôi kéo từ chính núi Si-ôn thánh thiêng qua các con phố trong thành và bị trục xuất đến những vùng đất hoang vu. Họ thậm chí còn bị ép buộc phải làm những điều trái với đức tin chân chính, đến nỗi những ai đến đây để cầu nguyện, thay vì được lợi ích cho linh hồn, lại phải chịu tổn hại và trở về với sự cám dỗ. Vì vậy, chúng con khẩn cầu Đấng cai trị của quý vị, xin giải thoát chúng con khỏi biết bao điều ác, mà thủ phạm chính là Severus, người đã được giao phó Giáo hội Antioch vì tội lỗi của chúng con, dẫn đến sự hủy diệt linh hồn chính ông ta và trở thành cám dỗ cho tất cả các giáo hội. Làm sao chúng con, những người dân Jerusalem, giờ đây có thể học hỏi đức tin mà không bị cám dỗ? Như thể chúng tôi, những người từng là cha và người hướng dẫn cho mọi người trong lời dạy về sự đạo đức, giờ đây mới nhận ra sự tuyên xưng đúng đắn, dù đã quá muộn! Chẳng lẽ chúng ta không biết rằng sự “sửa đổi” giả tạo mới xuất hiện đối với đức tin chân chính và lành mạnh, vốn được các vị tổ phụ truyền lại, thực ra không phải là sự sửa đổi, mà là sự bóp méo và hủy hoại, và những ai chấp nhận nó sẽ nhận lấy sự hủy diệt linh hồn làm phần thưởng sao? Chúng ta sẽ không dung thứ bất kỳ sự bổ sung nào vào lời tuyên xưng đức tin, ngoài

[8561] Đó là vào đầu năm 517.

[8562] Tại nhà thờ Thánh Tông đồ đầu tiên và Tổng phó tế Stephano, nằm về phía bắc của Cổng Damascus ngày nay. Nhà thờ này đã được Tổng giám mục chọn làm nơi tổ chức sự kiện này do quy mô rộng lớn của nó, bởi vì nhà thờ chính tòa không thể chứa được số lượng đông đảo người tham dự.

những gì đã được thiết lập bởi ba trăm mười tám vị Thánh Cha tại Công đồng Nicaea và ba Công đồng Đại kết khác sau đó[8563] , cũng như không chấp nhận bất kỳ sự thay đổi nào; nhưng chúng ta sẵn sàng hy sinh linh hồn mình vì điều này và chấp nhận vô số cái chết, nếu có thể. Còn sự bình an của Thiên Chúa, vượt trên mọi trí khôn[8564] , xin hãy gìn giữ đức tin thánh thiện của chúng con và xoa dịu cơn bão đang nổi lên chống lại đức tin ấy, vì vinh quang thánh thiêng của Ngài và để làm rạng rỡ vương quốc của ngài."

Sau khi nhận được thông điệp này từ các vị thánh phụ, nhà vua đã vô cùng tức giận và quyết định trục xuất Đức Thượng phụ Gioan cùng hai vị tu viện trưởng là Savva và Theodosius ra khỏi lãnh thổ Giêrusalem. Nhưng sự an bài của Đức Chúa Trời đã không cho phép hành động ác độc này xảy ra. Lúc bấy giờ xảy ra chiến tranh với một số bộ tộc man rợ, vì vậy nhà vua đã tạm hoãn việc đàn áp Giáo hội và các vị cha thánh, đồng thời bắt đầu chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại các bộ tộc man rợ.

Sau khi Thánh Tổng Giám mục Ê-li bị trục xuất một cách bất công, theo sự phán xét công chính của Đức Chúa Trời, nạn đói, hạn hán và mùa màng thất bát nghiêm trọng đã xảy ra trên khắp Palestine, giống như vào thời tiên tri Ê-li (3 Vua 17; Gia-cơ 5:17–18): trời đóng lại không cho mưa rơi, các suối nước cạn khô; hơn nữa, một đàn châu chấu khổng lồ xuất hiện, bao phủ khắp mặt đất và tàn phá hết cỏ trên đồng ruộng cùng lá cây trên các cành. Sự trừng phạt của Đức Chúa Trời này kéo dài đến năm năm, và nhiều người đã chết vì đói khát. Và dân cư Giê-ru-sa-lem nói rằng Đức Chúa Trời đang trừng phạt Pa-lét-tin bằng nạn đói vì việc trục xuất bất công đối với tổ phụ Ê-li. Vào thời điểm đó, thánh Sa-va đã triệu tập các vị trụ trì của bảy tu viện do ngài xây dựng và không cho phép họ lo lắng về bất cứ điều gì thuộc về xác thịt, đồng thời nhắc nhở họ những lời trong Phúc Âm: *"Vậy, đừng lo lắng và đừng nói: 'Chúng ta sẽ ăn gì? Uống gì? Mặc gì?' Vì những điều đó, dân ngoại đều tìm kiếm, và vì Cha các con ở trên trời biết rằng các con cần tất cả những điều đó. Hãy tìm kiếm trước hết Nước Trời và sự công chính của Ngài, thì tất cả những điều đó sẽ được ban cho các con"* (Mt 6:31–33).

Và họ được nuôi dưỡng bởi sự quan phòng toàn năng của Đức Chúa Trời.

Một lần, trước ngày Phục Sinh, quản gia của tu viện lớn đã nói với vị thánh:

– Thưa Cha, không thể đánh chuông vào ngày thứ Bảy và Chủ Nhật này để báo hiệu Thánh lễ, bởi vì không chỉ các cha không có gì để đãi khi họ tụ họp, mà ngay cả cho lễ vật thánh cũng không có bánh mì: chúng con đã lâm vào cảnh nghèo khó đến mức đó rồi.

Vị thánh đáp lại:

– Tôi sẽ không bỏ lễ vì thiếu thức ăn: Đấng đã không ra lệnh lo lắng cho ngày mai là Đấng công bằng, và Ngài có thể nuôi sống chúng ta trong thời kỳ đói kém; hãy bảo người quản lý nhà thờ mang đồ dùng hoặc quần áo ra thành phố bán đi và mua những thứ cần thiết cho Thánh lễ.

Thánh nhân đã trả lời người quản lý như vậy, rồi đặt niềm tin vào Chúa và chờ đợi. Và trước khi ngày Chủ nhật đến, bỗng nhiên có mấy thiếu niên, được sự an bài của Chúa sai đến, dẫn theo ba mươi con lừa, chất đầy bánh mì, lúa mì, rượu vang và dầu, cùng nhiều thức ăn khác, và dâng tất cả những thứ này cho vị thánh. Ngài tạ ơn Chúa và nói với người quản lý:

– Anh nghĩ sao, anh em ơi – liệu chúng ta có nên cấm đánh chuông vào ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật này không, vì không có gì để dâng cho các vị cha đang tụ họp?

Người quản lý kinh ngạc trước đức tin vĩ đại của vị thánh và sự quan phòng vĩ đại của Đức Chúa Trời dành cho họ, và xin tha thứ vì sự thiếu đức tin của mình.

Sau đó, vị thánh nhân mong muốn đến thăm Đức Thượng phụ Jerusalem Ilya, người đang sống lưu vong; lúc đó Savva đã tám mươi tuổi[8565] . Ngài mang theo hai vị tu viện trưởng, là Stephanos và Euphalius, rồi lên đường. Khi nhìn thấy Savva và những người đi cùng, Ilya rất vui mừng và giữ họ lại ở đó vài ngày. Trong suốt những ngày đó, ngài đều ra khỏi phòng tu của mình vào lúc chín giờ[8566] , bởi vì từ khi kết thúc lễ chiều cho đến chín giờ, ngài không gặp ai cả, mà đóng cửa lại và ở trong sự im lặng; đến chín giờ, ngài mới ra gặp họ, dùng bữa tối cùng họ và tận hưởng những cuộc trò chuyện thiêng liêng; sau khi kết thúc lễ chiều, ngài lại trở về phòng tu im lặng

[8563] Tất nhiên là các Công đồng Toàn cầu: Công đồng thứ nhất (Nicaea) năm 325, Công đồng thứ hai (Constantinople) năm 381, Công đồng thứ ba (Ephesus) năm 431 và Công đồng thứ tư (Chalcedon) năm 461.

[8564] Lời của Thánh Tông Đồ. Xem Pl 4

[8565] Đó là vào năm 518.

[8566] Theo cách tính giờ của người Do Thái, vẫn được duy trì trong thực hành thờ phượng Kitô giáo, giờ thứ chín tương đương với ba giờ chiều.

của mình. Một lần, vào ngày 9 tháng 7, ngài không ra gặp họ như thường lệ. Họ đã chờ ngài cả ngày và không ăn gì. Vào lúc sáu giờ đêm[8567] , Đức Thượng phụ bước ra với đôi mắt đẫm lệ và nói với họ:

– Các con cứ ăn đi; còn tôi thì không có thời gian, tôi đang bận một việc.

Trước câu hỏi đầy lo lắng của họ về lý do tại sao ngài lại đi lâu như vậy và tại sao ngài lại khóc nhiều như thế, ngài thở dài nặng nề, nước mắt tuôn trào, rồi nói với Thánh Savva:

– Thưa Cha thánh thiện, than ôi, hoàng đế Anastasius vừa qua đời, mười ngày nữa tôi cũng sẽ phải rời bỏ cõi đời này và đối mặt với ngài trước Tòa Phán Xét Lớn của Đức Chúa Trời.

Và điều đó đã xảy ra: mười ngày sau, Đức Thượng phụ Ilya đã qua đời[8568] , sau khi bị ốm nhẹ trước khi lâm chung; Thánh Savva đã an táng ngài một cách trang trọng và trở về tu viện của mình. Về cái chết của vua Anastasius, người ta kể rằng vào đêm mà Thượng phụ Ilias nhận được sự hiện ra về ông, sấm sét vang dội và tia chớp đánh trúng cung điện hoàng gia; tia chớp đó quăng quật nhà vua từ chỗ này sang chỗ khác, từ góc này sang góc khác, cuối cùng đuổi kịp ông ở một góc và giết chết ông. Kẻ ác ấy đã chết một cái chết tàn bạo.

Sau khi vị vua vô đạo Anastasius qua đời, vị vua đạo đức Justin[8569] lên ngôi và ban chiếu chỉ đến khắp các ngõ ngách vương quốc, ra lệnh cho những người Chính Thống Giáo trở về từ nơi lưu đày, và để mỗi người trong số họ được phục hồi chức vụ và vị trí của mình, các quyết định của Công đồng Chalcedon được ghi vào các sách thánh, và để hòa bình ngự trị trong Giáo Hội của Đấng Christ. Khi sắc lệnh hoàng gia này đến thành thánh Giê-ru-sa-lem, mọi người đều vô cùng vui mừng, còn Đức Thượng phụ Gioan đã thỉnh cầu Thánh Savva đến Cêsarea và Skifopolis[8570] , công bố sắc lệnh hoàng gia này và ghi chép các quyết định của Công đồng Chalcedon vào các sách thánh của Giáo hội. Mặc dù vị thánh nhân đã yếu ớt về thể xác do tuổi già và kiệt sức vì nhiều công việc tu hành, tuy nhiên, vì Giáo hội của Đức Kitô, ngài không từ chối thi hành mệnh lệnh này, không ngại thực hiện cuộc hành trình gian nan như vậy, mà đã lên đường cùng với một số tu sĩ cấp cao khác và được Thánh Gioan Hozevit, người lúc bấy giờ là vị giám mục tại đó, đón tiếp tại Cêsarea. Tại Skifopolis, vị thánh đã được Tổng Giám mục Theodosius và toàn thể cư dân tiếp đón long trọng, và ngài đã thực hiện nhiều phép lạ tại đó. Ngài đã tiên tri về một quý tộc Samari tên là Silvanus, người đã nổi loạn chống lại các Kitô hữu, rằng ông ta sẽ bị thiêu cháy bởi ngọn lửa ngay giữa thành phố – điều này sẽ được đề cập chi tiết hơn ở phần sau; ngài đã chữa lành cho người phụ nữ bị chảy máu và cô gái bị quỷ ám, và sau khi mang lại nhiều lợi ích cho Giáo hội như vậy, ngài đã trở về Giêrusalem.

Khi sắc lệnh nói trên của Thánh Justus được mang về Giê-ru-sa-lem, một đám đông vô số tu sĩ và giáo dân đã tụ tập, Thánh Savva cũng đến, cùng với nhiều giám mục, và vào ngày 6 tháng 8, trong lễ Biến Hình của Chúa, sắc lệnh của bốn Công đồng (Toàn cầu), theo ghi chú của người biên soạn tiểu sử Thánh Savva, Thánh Savva Đấng Thánh Hiến, đã được đưa vào các sắc lệnh thiêng liêng. "Như vậy," tác giả cuốn tiểu sử kết luận, "lời tiên tri của vị trưởng lão thánh thiện đã ứng nghiệm trên Hoàng đế Anastasius."

Vào cuối năm thứ tư của đợt hạn hán ở Palestine, khi tình trạng thiếu nước trầm trọng, các tu sĩ muốn giải tán và xin vị thánh cho họ ra đi. Sau khi khiển trách họ vì sự thiếu kiên nhẫn, vị thánh ra lệnh cho họ hãy đặt niềm tin vào Chúa, và vào ngày thứ ba, một đám mây mưa xuất hiện trên tu viện, mưa bắt đầu rơi và các rãnh nước của tu viện được lấp đầy; cơn mưa này chỉ rơi tại tu viện, còn ở các vùng lân cận thì không có lấy một giọt sương. Lúc đó, các vị tu viện trưởng từ các tu viện lân cận đến gặp vị thánh và nói:

– Chúng con đã phạm tội gì với cha, thưa cha, mà cha lại quên chúng con và chỉ cầu xin Đức Chúa Trời ban mưa cho tu viện của cha thôi sao?

Ngài dịu dàng an ủi và khích lệ họ, rằng nước trong các tu viện của họ cũng sẽ không cạn kiệt cho đến khi Đức Chúa Trời ban mưa cho toàn bộ Palestine. Năm đó là năm thứ năm của nạn đói; nước khan hiếm đến mức ngay cả trong thành thánh, những người nghèo khổ cũng chết vì khát: do hạn hán và thiếu mưa, các suối cạn kiệt, các giếng, ao và suối nhỏ đều khô cạn. Tổng Giám mục Gioan đau buồn khôn xiết và, khi đến thăm những nơi từng là đầm lầy và ẩm ướt, ngài ra lệnh đào rãnh và giếng để tìm nước, nhưng không tìm thấy nước. Tại vị trí suối Siloam,

---

[8567] Vào ngày 12.

[8568] Ngày 20 tháng 7 năm 517.

[8569] Justin – Hoàng đế Byzantine từ năm 518–527. Khi sắc lệnh nói trên của Justin được mang đến Jerusalem, một đám đông vô số tu sĩ và giáo dân đã tụ tập, Thánh Savva cũng có mặt, cùng nhiều giám mục; và vào ngày 6 tháng 8, trong lễ Biến Hình của Chúa, các quyết định của bốn Công đồng (Toàn cầu) đã được đưa vào các sắc lệnh thiêng liêng, theo ghi chép của người biên soạn tiểu sử Thánh Savva Đấng Thánh. "Như vậy," tác giả cuốn tiểu sử kết luận, "lời tiên tri của vị trưởng lão thánh thiện đã ứng nghiệm trên Hoàng đế Anastasius."

[8570] Ở đây tất nhiên là chỉ thành Cesarea ở Palestine.

nhiều công nhân đã phải vất vả đào sâu đến bốn mươi sải – nhưng vẫn không tìm thấy nước, Đức Thượng phụ trong tuyệt vọng đã than khóc trước thảm họa chung của cả thành phố. Đó là tháng Chín, và **lễ Tái sinh** đang đến gần. Khi biết rằng Thánh Savva đã cầu nguyện để mưa rơi xuống tu viện, vị tổng giám mục đã sai người đi tìm ngài và xin ngài cầu nguyện với Đức Chúa Trời, để Ngài thương xót dân Ngài và không tiêu diệt họ bằng nạn đói và khát. Nhưng Thánh Savva từ chối, nói rằng:

– Tôi là ai mà dám ngăn cản cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời? Chính tôi cũng là kẻ có tội.

Đức Thượng phụ lại khẩn khoản van nài ngài nhiều hơn nữa. Lúc đó, vị thánh nói:

– Vì lòng vâng lời, tôi sẽ về phòng tu và cầu xin Chúa ban ân sủng; nếu ba ngày trôi qua mà vẫn không có mưa, thì hãy biết rằng Chúa đã không nghe lời tôi; các ngài cũng hãy cầu nguyện để lời cầu nguyện của tôi được đến với Chúa.

Nói xong, ngài ra đi. Sáng hôm sau, trời nắng gắt khủng khiếp; rất nhiều công nhân đào cả ngày trong con hào nói trên, và đến tối, họ để lại tất cả các thùng và giỏ của mình, hy vọng sáng mai sẽ quay lại làm việc. Đêm xuống, gió từ phía nam thổi đến, một cơn giông bùng phát, và mưa xối xả suốt đêm, khiến các rãnh thoát nước tràn đầy và nước chảy thành dòng từ khắp nơi. Nước tràn vào chính nơi họ đang đào, và đất mà họ đã vất vả đào lên từ hào trong thời gian dài bỗng chốc trôi về vị trí cũ, phủ lấp các bình và giỏ, khiến nơi đó trở nên bằng phẳng như mặt đất, đến nỗi không thể nhận ra đâu là chỗ đã được đào; tất cả các hồ nước của thành phố thánh, nhờ những lời cầu nguyện của Thánh Savva, đều tràn đầy nước, và mọi người đều hân hoan tạ ơn Chúa.

Vào năm thứ tám mươi sáu của cuộc đời Thánh Savva, Đức Thượng phụ Gioan qua đời, để lại người kế vị là vị thánh nhân đức, Phêrô Eleutheropolis[8571] . Ba năm sau đó, Hoàng đế Justin, vì tuổi già và bệnh tật, thoái vị, giao vương quốc cho cháu trai là Justinian[8572] . Tổng giám mục Phêrô yêu mến và kính trọng Thánh Savva, giống như các tổng giám mục trước đây, và thường xuyên đến thăm ngài tại sa mạc. Tổng giám mục có một người em gái tên là Isichia, một người phụ nữ sùng đạo và đức hạnh. Bà mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo đến nỗi các bác sĩ đã tuyệt vọng không thể chữa khỏi. Lúc đó, Đức Thượng phụ đã xin Thánh Savva đến nhà người bệnh và cầu nguyện cho bà. Ngài đã đến và ba lần làm dấu thánh giá trên người bệnh, và bà lập tức đứng dậy, ngợi khen Thiên Chúa.

Vào đầu năm thứ chín mươi mốt trong cuộc đời của Thánh Savva, Thánh Abba Theodosius[8573] đã qua đời. Vào thời điểm đó, người Samari[8574] sống tại Palestine đã ly khai khỏi quyền cai trị của vị vua Hy Lạp, tự bầu ra một vị vua từ bộ tộc của họ tên là Julian, nổi dậy chống lại các Kitô hữu và gây ra nhiều tai họa: chiếm đoạt nhiều nhà thờ và đốt phá chúng, tấn công các làng mạc và thành phố, đánh đập vô số Kitô hữu, đặc biệt là trong vùng Naples[8575] , nơi Giám mục địa phương Samon bị bắt giữ và giết bằng gươm, còn các linh mục đi cùng ngài thì bị chặt thành nhiều mảnh và, sau khi trộn lẫn với thi hài các thánh tử đạo, bị thiêu rụi. Khi biết tin này, hoàng đế đã phái một đạo quân hùng mạnh chống lại người Samaria, và vua Samaria là Julian đã bị giết trong trận chiến; cùng lúc đó, Silvan, người mà Thánh Savva đã tiên đoán sẽ gặp tai họa, bị các tín hữu Kitô giáo bắt giữ và thiêu sống tại Skifopolis ngay giữa lòng thành phố. Con trai ông là Arsenius đã lên đường đến Constantinople và chẳng bao lâu sau – không rõ bằng cách nào – đã chiếm được lòng tin của hoàng đế, được trọng dụng tại triều đình; và khi đã được hoàng đế tin cậy, ông ta bắt đầu vu khống và gán những cáo buộc sai trái cho các Kitô hữu Palestine (bản thân hắn theo tà đạo của người Samari), như thể họ là thủ phạm gây ra cuộc nổi dậy của người Samari và việc họ ly khai khỏi sự trung thành với hoàng đế. Nhà vua đã tin vào những lời vu khống của người Samari Arsenius và nổi giận với người Palestine. Khi biết được điều này, Thượng phụ Giêrusalem Phêrô cùng các giám mục thuộc quyền của ngài

---

[8571] Thượng phụ Giê-ru-sa-lem Gioan qua đời vào năm 524. Người kế vị ngài, Thượng phụ Phê-rô, đảm nhiệm chức vụ từ năm 524 đến năm 544. Là người thuộc thành phố Eleutheropolis, ngài được đặt tên theo quê hương của mình – thành phố Eleutheropolis ở miền Nam Palestine.

[8572] Khi còn sống, do tuổi già và sức khỏe suy yếu, với sự đồng thuận của toàn thể Thượng viện, dưới sự tấn phong của Thượng phụ Epiphanius của Constantinopolis, Justin đã đưa cháu trai của mình là Justinian lên ngai vàng hoàng đế; trước đó, Justinian đã từng điều hành các công việc quốc gia. Justinian trị vì từ năm 527 đến năm 565.

[8573] Vào ngày 12 tháng 1 năm 529.

[8574] Người Samari – cư dân của Samari, vùng trung tâm Palestine, phía tây sông Jordan, được đặt tên theo thành phố thủ đô Samari. Người Samari là một giáo phái thù địch với người Do Thái, chỉ công nhận duy nhất Ngũ Kinh của Mô-sê trong các sách thánh là Sự mặc khải chân chính của Đức Chúa Trời, đồng thời bác bỏ, tất cả các sách Kinh Thánh khác và các truyền thống của người Do Thái, đồng thời khẳng định một số quan điểm sai lầm về Đấng Mê-si, về các Thiên thần, về sự sống lại của người chết và cuộc sống sau này, v.v.

[8575] Neapolis – ngày nay là Nablus – tức là Shechem cổ đại, một thành phố nằm trong thung lũng giữa dãy núi Gerizim, nơi có đền thờ của người Samari, và dãy núi Gebal, trong một vùng đất vẫn còn rực rỡ hoa lá cho đến ngày nay.

đã thỉnh cầu Thánh Savva đảm nhận nhiệm vụ lên đường đến Constantinople, nhằm xoa dịu cơn giận của nhà vua và thỉnh cầu ngài về nhiều nhu cầu của Giáo hội và dân sự. Dù đã rất cao tuổi, Thánh Savva vẫn vội vã lên đường, đặt nhu cầu của Giáo hội lên trên sự an nhàn của bản thân. Khi biết tin ngài đến, Hoàng đế Justinianus đạo đức và Thượng phụ Epiphanius của Constantinopolis[8576] đã cử các quan chức cao cấp ra đón ngài. Khi ngài bước vào gặp hoàng đế, Thiên Chúa đã mở mắt cho hoàng đế Justinian, giống như xưa kia đã làm với Anastasius: và ngài đã nhìn thấy ân sủng của Thiên Chúa, tỏa sáng rực rỡ trên đầu Thánh Savva, phát ra những tia nắng mặt trời và bao quanh đầu ngài như một vương miện. Hoảng hốt, ông đứng dậy khỏi ngai vàng và cúi đầu xin lời chúc phúc; sau đó, ông nắm lấy đầu vị thánh, với tình yêu và niềm vui, hôn lên mặt ông và xin vị trưởng lão ban phước lành cho cả ông và hoàng hậu Theodora của ông. Khi hoàng hậu nhìn thấy vị thánh Savva, bà cúi đầu trước ông và nói:

– Xin cha cầu nguyện cho con, để con có thể sinh con.

Vị trưởng lão bèn nói:

– Cầu xin Đức Chúa Trời, Đấng Tối Cao, gìn giữ vương quốc của các ngài.

Nữ hoàng lại nói:

– Xin cha cầu nguyện với Đức Chúa Trời, để Ngài chữa lành chứng vô sinh của con và ban cho con được sinh một đứa con trai.

Vị tu sĩ lại nói:

– Nguyện Đức Chúa Trời vinh quang gìn giữ vương quốc của bà trong đức tin và ban cho bà chiến thắng trước kẻ thù.

Lần thứ ba, hoàng hậu xin vị tu sĩ giải quyết vấn đề vô sinh của mình và lại nghe thấy điều tương tự như trước, nên cảm thấy bối rối. Khi vị tu sĩ ra khỏi phòng hoàng hậu, các vị tu sĩ đi cùng ông hỏi:

– Thưa cha, tại sao cha lại làm hoàng hậu buồn lòng và không đồng ý cầu nguyện cho bà ấy?

Vị tu sĩ già trả lời họ:

– Xin các vị tin tôi, các vị cha, sẽ không có thai nhi nào ra đời từ tử cung của bà ấy, để nó không được nuôi dưỡng bằng giáo lý của Severus và không gây xáo trộn thêm cho Giáo hội của Chúa Kitô dưới thời Anastasia.

Bằng những lời này, vị tu sĩ đã ám chỉ rằng hoàng hậu đang bí mật theo tà giáo. Nhà vua đã nghe theo lời thỉnh cầu của vị thánh, chuyển cơn giận từ các Kitô hữu Palestine sang người Samari và ban hành luật cấm người Samari tổ chức các cuộc tụ họp, khiến con cái họ bị tước quyền thừa kế từ cha mẹ, và cuối cùng, những kẻ chủ mưu cuộc nổi loạn của họ sẽ bị xử tử. Lúc đó, Arsenius – một người Samari – đã phải lẩn trốn, vì nhà vua đã ra lệnh xử tử ông; sau đó, ông chạy đến thánh Savva, quỳ xuống dưới chân ngài và xin được rửa tội, để nhờ đó thoát khỏi cơn thịnh nộ của nhà vua và tránh khỏi cái chết; và chính ông cùng cả gia đình đã được rửa tội.

Vua, mong muốn thể hiện lòng ân sủng và làm hài lòng Thánh Savva, đã ra lệnh cho ngài xin bất cứ điều gì ngài cần và lấy vàng để trang trải nhu cầu cho các tu viện của mình, bao nhiêu tùy ý. Còn vị thánh, không mong cầu của cải cho bản thân mà chỉ mong mang lại lợi ích cho các Kitô hữu, đã khẩn cầu nhà vua miễn các khoản thuế thu cho nhà vua tại Palestine, vì dân chúng đã bị tàn phá bởi cuộc chiến với người Samari; khôi phục các nhà thờ bị người Samari đốt cháy bằng kinh phí của nhà vua; xây dựng một nhà trọ tại Thành Thánh để cưu mang các Kitô hữu, những người từ xa đến để thờ lạy Mộ Thánh Chúa, xây dựng tại đó một bệnh viện cho khách lữ hành và bố trí các bác sĩ chăm sóc họ, hoàn thành việc xây dựng nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh do Thượng phụ Ilya khởi xướng, lập một thành phố trong sa mạc phía dưới các tu viện của ngài và bố trí quân canh gác tại đó để bảo vệ khỏi sự xâm lược của các bộ tộc man rợ; hơn hết, ngài xin nhà vua cố gắng nhổ tận gốc trong vương quốc của mình các tà thuyết của Arius, Nestorius và Origen cùng các tà giáo khác đang gây xáo trộn cho Giáo Hội của Chúa – và để đổi lại tất cả những điều này, ngài hứa với nhà vua rằng, nhờ ơn Chúa, các vùng đất mà các vị vua trước đây đã mất – tức là Đế quốc La Mã và châu Phi – sẽ được sáp nhập trở lại vào Đế quốc Hy Lạp; Vua đồng ý với tất cả những điều này và ra lệnh thực hiện lời thỉnh cầu của vị thánh, đồng thời tự mình nỗ lực để mọi mong muốn của vị thánh đều được thực hiện càng sớm càng tốt. Khi vua đang thảo luận với các cố vấn và quan quản lý kho bạc về lời thỉnh cầu của vị thánh, vị thánh đã lùi lại một chút và bắt đầu đọc các Thánh vịnh của Đa-vít, cử hành giờ thứ ba. Một trong những môn đệ của ngài, tên là Giê-rê-mi, tiến lại gần và nói:

– Thưa Cha kính mến, tại sao Cha lại rời xa nhà vua, khi ngài đang rất nỗ lực để thực hiện lời thỉnh cầu của Cha, mà lại đứng ở một bên như vậy?

[8576] Thánh Epiphanius – Tổng Giám mục Constantinopolis từ năm 520–535. Ngày kỷ niệm của ngài là ngày 25 tháng 8.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Con ơi, họ làm việc của họ, còn chúng ta làm việc của chúng ta.

Sau đó, nhà vua trao cho vị thánh một văn bản xác nhận, rồi cho ngài ra về trong bình an. Đức Chúa Trời đã ban thưởng cho nhà vua gấp ngàn lần vì lòng nhân từ mà ngài đã dành cho thánh Savva và vì đã đáp ứng lời thỉnh cầu của ngài. Lời tiên tri của vị tu sĩ già đã thành hiện thực: một thời gian sau, nhà vua thực sự đã giành được hai chiến thắng lẫy lừng trước kẻ thù, chinh phục được La Mã và châu Phi, và ông đã tận mắt chứng kiến hai vị vua: Vittius của La Mã[8577] và Gelimer của Carthage[8578] bị dẫn về Constantinople làm tù binh. Còn Thánh Savva thì trở về Jerusalem và theo lời thỉnh cầu của tổng giám mục và các giám mục, ngài lại lên đường đến Caesarea và Scythopolis để công bố sắc lệnh của hoàng đế[8579] ; tại đó, ngài đã gặp cậu bé Cyril (người biên soạn cuốn tiểu sử này), nhận cậu làm đệ tử và tiên đoán rằng cậu sẽ trở thành tu sĩ tại tu viện của ngài.

Ngay sau khi trở về từ đó, Thánh Savva lâm bệnh; khi biết tin này, Đức Thượng phụ Phêrô đã đến thăm ngài và, khi thấy trong phòng của vị tu sĩ già không có gì cả, ngay cả những thứ cần thiết nhất trong lúc ngài ốm, ngoại trừ một ít quả đậu và quả chà là cũ, ngài đã bế ngài lên và dùng cáng đưa về nhà giám mục của mình, rồi tự tay chăm sóc cho ngài, phục vụ ngài bằng chính đôi tay của mình. Vài ngày sau, vị thánh Savva có một thị kiến thiêng liêng, báo trước cho ngài về sự ra đi sắp tới của mình.

Ngài kể lại điều mình đã thấy cho Đức Thượng phụ và xin được trở về tu viện để qua đời trong phòng tu của mình. Đức Thượng phụ, mong muốn làm hài lòng ngài bằng mọi cách, đã cho ngài trở về phòng tu cùng với mọi thứ cần thiết để người bệnh được an nghỉ. Vị tu sĩ già nằm xuống trong phòng tu của mình, triệu tập tất cả các vị cha và các tu sĩ, từ biệt họ lần cuối cùng và bổ nhiệm một người đàn ông xứng đáng tên là Melita làm vị tu viện trưởng thay thế mình, đồng thời dặn dò ông phải bảo tồn bất di bất dịch tất cả các truyền thống của tu viện. Trong bốn ngày, ngài không ăn gì và cũng không nói chuyện với ai. Vào tối thứ Bảy, ngài xin rước Mình Thánh Chúa và sau khi rước lễ, ngài đã thốt lên lời cuối cùng:

– Lạy Chúa, con phó thác linh hồn con vào tay Ngài!

Và thế là ngài đã qua đời vào ngày 5 tháng 12, sau khi sống trọn 94 năm, và bước vào cuộc sống vĩnh hằng, được các Thiên thần của Chúa và các thánh tử đạo[8580] hộ tống.

Tin tức về sự ra đi của vị thánh đã lan truyền khắp các vùng lân cận Giê-ru-sa-lem, và vô số tu sĩ từ các tu viện và tu viện đã tụ tập về; Đức Thượng phụ cùng các giám mục và các quan chức dân sự cũng đã đến dự. Sau khi cử hành lễ an táng, thi hài của ngài được chôn cất một cách trang trọng giữa hai nhà thờ, tại chính nơi mà trước đây vị thánh đã từng nhìn thấy cột lửa[8581] . Còn việc linh hồn thánh thiện của ngài được các Thiên thần và các vị tử đạo đưa lên trời, thì người ta biết được qua câu chuyện sau đây. Có một thợ kim hoàn chuyên chế tác đồ bạc, quê ở Damascus, tên là Romulus, là người đứng đầu trong số các phó tế phục vụ tại Thánh Gethsemane; chính ông đã kể lại rằng, vào lúc vị thánh cha Savva qua đời, bọn trộm đã đào hầm dưới nhà ông và lấy cắp rất nhiều bạc, cả của ông lẫn của người khác mà ông đang giữ, tổng cộng lên đến một trăm lít[8582] . Trong nỗi buồn sâu sắc, Romul đã

[8577] Vittig – một trong những vị vua cuối cùng của Nhà nước Ostgoth ở Ý, được Theodoric Đại đế thành lập vào năm 493. Vittig trị vì từ năm 537 đến năm 538. Vương quốc Ostrogoth đã bị chinh phục bởi các tướng lĩnh lừng danh của Hoàng đế Byzantine Justinian là Belisarius và cuối cùng là Narses vào năm 564.

[8578] Heliomer – vị vua cuối cùng của Vương quốc Vandal ở Bắc Phi, trên địa bàn của thành Carthage cổ đại. Vương quốc Vandal đã bị phá hủy và chinh phục bởi tướng lĩnh Byzantine Viridari vào năm 531. Sau khi bị bắt làm tù binh, Gelimer bị đưa đến Constantinople, nơi ông đi cùng Belisarius trong cuộc diễu hành chiến thắng của vị tướng này.

[8579] Sắc lệnh của hoàng đế chủ yếu liên quan đến việc tiêu diệt các tà giáo Arian, Monophysite, Nestorian, Origen và các giáo lý sai lầm của người Samaria, cũng như việc khẳng định chính thống giáo.

[8580] Thánh Savva, người được phong thánh, đã qua đời vào năm 532.

[8581] Về thi hài của Thánh Savva, tác giả cuốn tiểu sử của ngài, tu sĩ Cyril, đã viết nhiều năm sau đó: “Thi hài của ngài cho đến ngày nay vẫn được bảo tồn nguyên vẹn và không bị hư nát trong quan tài. Chính tôi đã tận mắt chứng kiến điều này vào kỳ Indiction vừa qua. Khi mở chiếc quan tài quý giá để đặt thi hài của Thánh Cassian vào đó, tôi đã xuống trong đó để thờ lạy di cốt của vị trưởng lão thánh thiện, và thấy rằng chúng vẫn nguyên vẹn và không hề hư nát”. Một hành hương viên người Nga vào đầu thế kỷ VII (?), vị tu viện trưởng Daniel, đã nhìn thấy di cốt của Thánh Savva tại tu viện của ngài, như thể ngài vẫn còn sống. Tu viện của ngài cho đến nay vẫn còn đứng bên dòng suối Kedron, cách Jerusalem khoảng 13 verst về phía đông, và được biết đến rộng rãi ở phương Đông nhờ danh tiếng về lối sống nghiêm khắc, khổ hạnh của các tu sĩ nơi đây. Sau này, di cốt của Thánh Savva đã được người La Mã chuyển đến Venice, nơi hiện nay được an táng tại Nhà thờ Thánh Mark.

[8582] Litra, đơn vị đo lường trọng lượng của Byzantine, tương đương với 72 zolotnik, có giá trị bằng bạc lên đến 42 rúp; do đó, một trăm litra bạc tương đương với hơn một nghìn rúp.

đến nhà thờ Thánh Tử đạo Theodor và trong suốt năm ngày liền, ông khóc lóc và thắp nến trước bàn thờ. Đêm thứ năm, anh chìm vào giấc ngủ và thấy Thánh Tử đạo Theodor, người đã hỏi anh:

– Anh thế nào rồi, anh em? Sao anh lại đau khổ và khóc lóc như vậy?

Anh ta trả lời:

– Bạc của tôi đã mất, cả của tôi lẫn của người khác, bọn trộm đã cướp sạch của tôi, vì thế tôi khóc lóc, đau khổ và cầu nguyện, nhưng vô ích; ngài không nghe thấy lời tôi.

Vị thánh bèn nói:

– Hãy tin tôi đi, anh em ơi, những ngày qua tôi không có mặt ở đây; tất cả chúng tôi, những vị tử đạo, đã được lệnh tập hợp lại để đón linh hồn thánh thiện của Thánh Savva, người vừa lìa khỏi thân xác, và tiễn đưa ngài đến nơi an nghỉ; giờ thì đừng khóc nữa, hãy đến chỗ này (ngài chỉ tên địa điểm) và anh sẽ tìm thấy những thứ bị đánh cắp.

Romul lập tức đứng dậy, rủ một số người quen của mình, cùng họ đi đến nơi được chỉ định và tìm thấy mọi thứ đúng như lời Thánh Theodor đã nói trong lần hiện ra.

Cũng không thể không nhắc đến một số phép lạ khác đã xảy ra sau khi vị thánh qua đời. Có hai anh em hiếu khách sở hữu một vườn nho và thường xuyên cưu mang các tu sĩ đến từ tu viện của Thánh Savva; họ mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo ngay vào mùa thu hoạch nho, đến nỗi họ tuyệt vọng không còn hy vọng có được rượu nho cũng như sống sót. Họ tin tưởng vào sự cầu bầu trên trời của Thánh Savva và thường xuyên tưởng nhớ ngài, cầu xin sự giúp đỡ; vị thánh đã nhanh chóng nghe thấy lời cầu nguyện của họ, hiện ra với từng người một và nói:

– Ta đã cầu nguyện với Thiên Chúa cho sức khỏe của các con, Ngài đã ban cho các con theo lời cầu xin của các con; hãy đứng dậy và trở lại công việc của mình.

Khi tỉnh táo lại, họ cảm thấy khỏe mạnh, ngợi khen Thiên Chúa và tạ ơn vị thánh. Kể từ đó, hàng năm, vào ngày xảy ra phép lạ này, họ đều tổ chức một lễ hội lớn.

Có một người phụ nữ đạo đức và nhân hậu tên là Ginar đã hứa sẽ dâng tặng hai tấm rèm để trang trí cho các nhà thờ ở Castelli và trong hang động, nhưng do sự lười biếng của người dệt vải, những tấm rèm đó mãi vẫn chưa hoàn thành. Ginar rất buồn bã vì điều này. Lúc đó, Thánh Savva hiện ra với bà và nói:

– Đừng buồn, ngày mai mọi việc sẽ suôn sẻ, vì lễ vật của chị sẽ được chấp nhận.

Ngài cũng hiện ra trước mặt người thợ dệt và nghiêm khắc quở trách cô vì sự lười biếng. Sáng hôm sau, hai người kể lại cho nhau những gì mình đã thấy, và công việc nhanh chóng được hoàn thành.

Quản lý của Tu viện vĩ đại đã thuê những con lạc đà của người Saracen để vận chuyển lúa mì đã mua từ Biển Chết. Khi những con lạc đà mang lúa mì đến tu viện, một trong số chúng rẽ phải khỏi đường, rơi xuống suối cùng với hàng hóa từ bờ và nằm lăn lóc trong đầm lầy. Chủ nhân của con lạc đà, một người Saracen, kêu lên:

– Cha Savva ơi, xin hãy giúp đỡ và đừng để con lạc đà của con bị chết.

Và ngay lập tức, chỉ trong chớp mắt, ông ta thấy vị tu sĩ chính trực đang ngồi trên lưng con lạc đà; ông ta chạy theo con đường khác, xuống dòng suối và tìm thấy con lạc đà của mình vẫn an toàn, nhưng không còn thấy ai ngồi trên lưng nó nữa. Lúa mì cũng vẫn nguyên vẹn. Kể từ đó, mỗi năm người Saracen này đều đến Tu viện để thờ phụng quan tài của Thánh Savva.

Một lần nọ, các môn đồ của Origen, tụ tập từ nhiều nơi khác nhau dưới sự chỉ huy của một người tên là Leontius, đã có ý định bất ngờ tấn công Tu viện vĩ đại và xua tan đoàn chiên chính thống của Thánh Savva, đồng thời phá hủy hoàn toàn Tu viện đến tận nền móng. Họ đã chuẩn bị sẵn rất nhiều dụng cụ phá dỡ và các loại công cụ sắt khác, cũng như vũ khí, rồi tiến quân như một đoàn quân hùng hậu trong cơn thịnh nộ tột độ. Lúc đó là hai giờ chiều, bỗng nhiên bóng tối và sương mù ập đến bao trùm họ trên đường đi; cả ngày họ lang thang mà không tìm thấy Tu viện Lavra, mà lại lạc vào những nơi hiểm trở, nơi đêm tối ập đến; với nhiều khó khăn, ngày hôm sau họ mới tìm được đường đến gần Tu viện Thánh Marcian[8583] . Nhận ra rằng họ sẽ không đạt được gì, họ tản ra, mỗi người về một ngả trong sự nhục nhã; và những lời của Tiên tri Ê-sai đã ứng nghiệm trên họ: *"Sự hoang tàn và diệt vong trên các nẻo đường của họ… họ sờ soạng như người mù sờ tường, và như kẻ mù lòa, họ đi bằng cách sờ nắn; họ vấp ngã ngay giữa ban trưa"* (Is 59:7, 10). Còn Đức Chúa Trời đã gìn giữ Tu viện vì vị thánh nhân của Ngài, Thánh Savva, Đấng đã tận tụy phục vụ tại đó một cách vinh quang. Nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của

[8583] Tu viện của Thánh Abba Marcian nằm gần Bethlehem.

ngài, xin Đức Chúa Trời Tốt Lành Nhất trong Ba Ngôi – Cha, Con và Thánh Thần – cũng gìn giữ chúng ta khỏi mọi điều ác; vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời, A-men[8584] .

Bài ca Kondak, giọng 8:

Vì từ thuở ấu thơ, ngài đã dâng mình làm của lễ vô tì vết cho Thiên Chúa bằng đức hạnh, hỡi Thánh Savva đáng chúc tụng, người đã trở thành người vun trồng đức tin: nhờ đó, ngài đã trở thành nguồn nuôi dưỡng cho các vị thánh, và là công dân đáng khen ngợi của sa mạc. Vì thế, chúng con kêu lên cùng ngài: Hãy vui mừng, hỡi Thánh Savva giàu có vô cùng.

Lễ tưởng niệm các vị thánh Karion, tu sĩ, và con trai ngài là Zacharias

Ngày tưởng niệm: 5 tháng 12

Có một người tên là Kariôn sống tại Ai Cập[8585] . Ông có hai đứa con, ông đã để lại cho vợ mình, còn bản thân thì lên ẩn tu viện[8586] và trở thành tu sĩ. Một thời gian sau, nạn đói xảy ra ở Ai Cập; vợ của Karion , sau khi phải chịu đựng cảnh nghèo khó, đã đến tu viện, mang theo hai đứa con, một là cậu bé tên Zacharias, một là cô bé, và ngồi dưới gốc cây bên bờ suối. Tại tu viện có một phong tục: nếu có người phụ nữ nào đến để trò chuyện với tu sĩ, thì họ phải nói chuyện từ xa, qua dòng sông. Và người phụ nữ này đã nói với Karion qua dòng sông:

– Anh là tu sĩ, mà giờ đây nạn đói đang hoành hành: ai sẽ nuôi nấng các con của anh đây?

Karion nói với vợ:

– Em hãy nhận đứa con gái về nuôi và ra đi đi, còn con trai thì để lại cho anh.

Và Karion đã nhận đứa trẻ Zacharias làm con, nuôi nấng nó trong tu viện, và mọi người đều biết đó là con trai của ông. Khi cậu bé lớn lên, sự bất mãn đã nảy sinh giữa các tu sĩ vì cậu. Nghe tin này, Karion nói với Zacharias:

– Hãy đứng dậy và rời khỏi đây, vì các vị cha đang phàn nàn về ta vì con.

Còn Zacharias thì đáp lại:

– Con là con trai của cha; con sẽ đi đâu mà rời xa cha được?

Rồi cả hai, cha Karion và con trai, cùng nhau lên đường đến Phivaida[8587] , và ở lại đó trong một căn phòng nhỏ vài ngày. Nhưng ngay cả ở đó cũng nảy sinh tiếng phàn nàn, và họ lại quay trở về tu viện, dù các tu sĩ ở đây vẫn không ngừng phàn nàn. Sau đó, Zacharias đi đến hồ nước độc, ngâm mình xuống nước đến tận lỗ mũi và ở đó trong một giờ; sau đó, ông trông giống như một người bị bệnh hủi, và cha ông khó lòng nhận ra ông. Khi ông đến dự Thánh Thể, vị linh mục thánh Isidore đã nhận được sự mặc khải về Zacharias, và ngài nói với ông:

– Con ơi, Chủ nhật vừa qua con đến rước lễ với tư cách là một con người, còn bây giờ thì như một Thiên thần.

[8584] Thánh Savva Đấng Thánh đã soạn thảo bản Hiến chương đầu tiên về trật tự các nghi lễ thánh, được biết đến với tên gọi Hiến chương Giê-ru-sa-lem và được tất cả các tu viện ở Palestine chấp nhận. Theo lời chứng của Simeon Solunsky, "Cha thiêng liêng của chúng ta là Savva đã soạn thảo quy chế này, tiếp nhận từ các vị thánh Euthymius và Theoktistus (những người từng là những vị thầy đầu tiên của Savva trong cuộc sống tu hành ở sa mạc), còn họ thì tiếp nhận từ những người đi trước họ và từ vị chứng nhân Chariton", người đã qua đời vào năm 270, tức là theo truyền thống Tông đồ. Sau này, Hiến chương của Thánh Savva đã được bổ sung nhiều điều cần thiết và quan trọng, phù hợp với các yêu cầu của đức tin; sau đó, nó bị thất lạc và được phục hồi bởi Thượng phụ Sofronius của Jerusalem.

[8585] Ai Cập – quốc gia nằm ở phía đông bắc châu Phi, dọc theo sông Nile.

[8586] "Skit" – một từ tiếng Ai Cập – có nghĩa là "cân", "sự thử thách của trái tim". Một số người cho rằng từ này bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp "skitos" – nghĩa là "da", cách giải thích này cho thấy rằng những người ẩn tu đầu tiên không có nhà ở được xây dựng đúng nghĩa, mà chỉ dùng những tấm da thú hoang dã làm nơi trú ẩn. "Skit" là tên gọi chỉ một loại tu viện đặc biệt, bao gồm các phòng tu riêng lẻ dành cho những người ẩn tu sống một mình. Tên gọi này trước hết được dùng để chỉ một địa danh nổi tiếng, cách núi Nitrian khoảng 25–30 verst, ở phía tây bắc Ai Cập.

[8587] Fivaida – khu vực của thành phố Thebes nổi tiếng từ thời cổ đại ở Ai Cập; tên gọi này cũng được dùng để chỉ toàn bộ vùng Thượng (phía nam) Ai Cập, theo tên của thành phố chính. Sa mạc Fivaida là một trong những địa điểm tu hành được các tu sĩ Kitô giáo cổ đại yêu thích nhất,

Khi Karyon chuẩn bị về với Chúa, ông nói với các anh em:

– Ta đã hoàn thành nhiều công việc, nỗ lực hơn cả con trai ta là Zacharias, nhưng ta chưa đạt đến mức độ khiêm nhường và im lặng như con ấy.

Và vị tu sĩ già đã qua đời. Sau đó, Cha Mô-sê nói với Zacharias:

– Xin hãy chỉ bảo con phải làm gì để được cứu rỗi?

Zacharias quỳ xuống dưới chân ông, nói:

– Sao cha lại hỏi con chứ, thưa cha?

Và vị trưởng lão nói với cậu:

– Hãy tin tôi, con trai Zachariah, tôi đã thấy Thánh Thần ngự xuống trên con, vì thế tôi mới hỏi con.

Lúc đó, Zacharia cởi mũ trùm đầu ra, đặt xuống dưới chân, giẫm nát nó và nói:

– Nếu một người không bị nghiền nát như thế này, thì không thể trở thành tu sĩ được.

Khi Zacharia sắp qua đời, Mô-sê hỏi ông:

– Anh thấy gì vậy, anh em?

Ông đáp:

– Thưa cha, thà im lặng còn hơn, phải không?

Lúc đó, Mô-sê nói:

– Đúng vậy, con ơi, hãy im lặng đi.

Vào chính giờ lâm chung, cha Isidore ngước nhìn lên trời và nói:

– Hãy vui mừng đi, con trai Zacharias của ta, cánh cửa Nước Trời đã mở ra cho con rồi!

Và rồi Zacharias đã dâng linh hồn mình lên Thiên Chúa[8588] và được các vị cha đáng kính an táng tại tu viện.

Ngày 19 tháng 12

Ngày 6 tháng 12 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh và Nhà làm phép lạ Nicola, Tổng Giám mục Myra

Ngày tưởng niệm: 6 tháng 12

Thánh Nicola, vị Thánh của Chúa Kitô, Đấng Làm Phép Lạ vĩ đại, Đấng Cứu Giúp Nhanh Chóng và Đấng Cầu Thay Xuất Sắc trước mặt Thiên Chúa, đã được sinh ra tại xứ Licia. Ngài sinh ra tại thành phố Patara[8589] . Cha mẹ ngài, Thêôphan và Nonna, là những người đạo đức, quý tộc và giàu có. Cặp vợ chồng được Chúa ban phước này, nhờ cuộc sống hiếu đạo, nhiều việc bố thí và những đức tính cao quý, đã được ân sủng sinh ra một nhánh thánh và *"cây được trồng bên dòng nước, sinh hoa kết trái đúng mùa"* (Thánh Vịnh 1:3).

Khi cậu bé được chúc phúc này chào đời, người ta đặt tên cho cậu *là Nikolai,* có nghĩa là *"người chiến thắng các dân tộc"*. Và nhờ ơn Chúa, cậu thực sự đã trở thành người chiến thắng sự ác, mang lại lợi ích cho cả thế giới. Sau khi cậu bé chào đời, mẹ cậu là bà Nonna lập tức khỏi bệnh và từ đó cho đến khi qua đời, bà không còn mang thai nữa. Chính thiên nhiên dường như đã chứng thực rằng người vợ này không thể có người con trai nào khác giống như Thánh Nicholas: chỉ có cậu mới là người đầu tiên và cũng là người cuối cùng. Được thánh hóa ngay từ trong bụng mẹ bởi ân sủng do Thánh Thần ban tặng, ngài đã tỏ ra là một người sùng kính Thiên Chúa trước khi chào đời, bắt đầu thực hiện các phép lạ trước khi bú sữa mẹ, và đã ăn chay trước khi quen với việc ăn uống. Sau khi chào đời, ngay trong bồn rửa tội, ngài đã đứng vững trên đôi chân của mình suốt ba giờ đồng hồ mà không cần ai đỡ, qua đó ngài bày tỏ lòng tôn kính đối với Chúa Ba Ngôi Chí Thánh, Đấng mà sau này ngài sẽ trở thành vị tôi tớ vĩ đại và Đấng cầu thay. Người ta có thể nhận ra vị thánh làm phép lạ tương lai ngay cả qua cách ngài bú sữa mẹ;

[8588] Thánh Zacharias qua đời vào cuối thế kỷ IV sau Công nguyên.

[8589] Patara là một thành phố thương mại ven biển thuộc tỉnh Lycia ở Tiểu Á (nay là Anatolia). Thành phố này được người Phoenicia thành lập; hiện nay chỉ còn lại những tàn tích.

vì ngài chỉ bú sữa từ bầu vú bên phải, qua đó báo trước vị trí tương lai của ngài sẽ đứng bên hữu Chúa cùng với những người công chính. Sự tu hành nghiêm ngặt của ngài thể hiện ở chỗ vào các ngày thứ Tư và thứ Sáu, ngài chỉ bú sữa mẹ một lần duy nhất, và đó là vào buổi tối, sau khi cha mẹ hoàn tất các lời cầu nguyện thường lệ. Cha và mẹ ngài vô cùng ngạc nhiên trước điều này và đã tiên đoán được rằng con trai họ sẽ trở thành một người ăn chay nghiêm ngặt như thế nào trong suốt cuộc đời. Đã quen với sự kiêng khem này từ khi còn là đứa trẻ sơ sinh, Thánh Nicholas đã dành cả cuộc đời mình, cho đến khi qua đời, để ăn chay nghiêm ngặt vào các ngày thứ Tư và thứ Sáu. Cùng với thời gian, cậu thiếu niên ngày càng trưởng thành về trí tuệ, hoàn thiện các đức tính mà cậu được cha mẹ đạo đức dạy dỗ. Cậu giống như một cánh đồng trù phú, đón nhận và nuôi dưỡng hạt giống tốt lành của lời dạy, và mỗi ngày đều mang lại những trái ngọt của đức hạnh. Khi đến lúc học hỏi Kinh Thánh, Thánh Nicholas, nhờ sức mạnh và sự sắc sảo của trí tuệ cùng sự trợ giúp của Thánh Thần, đã nhanh chóng thấu hiểu nhiều sự khôn ngoan và thành công trong việc học tập, xứng đáng với vai trò người lái tàu tài ba của con thuyền Chúa Kitô và người chăn chiên khéo léo của đàn chiên Lời Chúa. Sau khi đạt đến sự hoàn hảo trong lời nói và học vấn, ngài cũng thể hiện sự hoàn hảo trong chính cuộc sống của mình. Ngài bằng mọi cách tránh xa những người bạn hời hợt và những cuộc trò chuyện vô bổ, tránh nói chuyện với phụ nữ và thậm chí không nhìn họ. Thánh Nicholas giữ gìn sự trong sạch đích thực, luôn chiêm ngưỡng Chúa bằng tâm hồn trong sáng và siêng năng đến nhà thờ của Đức Chúa Trời, noi gương vị Thi sĩ trong Thi thiên 83: *"Thà đứng ở ngưỡng cửa nhà Đức Chúa Trời còn hơn*."

Trong đền thờ của Đức Chúa Trời, ngài dành cả ngày lẫn đêm để cầu nguyện với lòng hướng về Đức Chúa Trời và đọc các sách Thánh, trau dồi trí tuệ thiêng liêng, được làm giàu bởi ân sủng thiêng liêng của Đức Thánh Linh, và xây dựng trong chính mình một nơi ở xứng đáng với Ngài, theo lời Kinh Thánh: *"Các ngươi là đền thờ của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong các ngươi"* (1 Cô-rinh-tô 3:16).

Thánh Thần quả thực ngự trong chàng thanh niên đức hạnh và trong sạch này, và khi phụng sự Chúa, chàng tràn đầy nhiệt huyết. Ở chàng không thấy bất kỳ thói quen nào đặc trưng của tuổi trẻ: về tính cách, chàng giống như một vị trưởng lão, vì thế mọi người đều kính trọng và ngạc nhiên trước chàng. Một người già, nếu bộc lộ những đam mê của tuổi trẻ, sẽ trở thành trò cười cho mọi người; ngược lại, nếu một thanh niên có tính cách của một vị lão niên, thì sẽ được mọi người kính trọng với sự ngạc nhiên. Tuổi trẻ không phù hợp với tuổi già, nhưng tuổi già lại đáng kính trọng và tuyệt vời khi còn trẻ.

Thánh Nicholas có một người chú, là giám mục thành phố Patara, cùng tên với cháu trai mình, người đã được đặt tên là Nicholas để vinh danh ngài. Vị giám mục này, khi thấy cháu trai mình tiến bộ trong đời sống đạo đức và ngày càng xa lánh thế gian, đã khuyên cha mẹ cậu bé hãy dâng con trai mình để phụng sự Chúa. Họ đã nghe theo lời khuyên và dâng con mình cho Chúa, người mà chính họ đã nhận từ Ngài như một ân huệ. Bởi vì trong các sách cổ có kể rằng họ vốn vô sinh và đã không còn hy vọng có con, nhưng nhờ nhiều lời cầu nguyện, nước mắt và việc bố thí, họ đã xin được từ Chúa một người con trai, và giờ đây họ không ngần ngại dâng con mình làm lễ vật cho Đấng đã ban tặng con cho họ. Vị Giám mục, sau khi tiếp nhận vị tu sĩ trẻ này – người có *"tóc bạc của sự khôn ngoan và tuổi già, đời sống trong sạch"* (xem Sách Khôn ngoan 4:9) – đã phong chức linh mục cho ngài.

Khi ngài phong chức linh mục cho Thánh Nicola, theo sự soi dẫn của Thánh Thần, ngài đã quay sang dân chúng đang có mặt trong nhà thờ và nói một cách tiên tri:

– Anh em ơi, tôi thấy một mặt trời mới đang mọc lên trên mặt đất và mang đến sự an ủi đầy lòng thương xót cho những người đang đau khổ. Phúc cho đoàn chiên nào được ân sủng có ngài làm mục tử, vì ngài sẽ chăn dắt tốt lành những linh hồn lầm lạc, nuôi dưỡng họ trên đồng cỏ của đức tin và trở thành người trợ giúp đầy lòng thương xót trong những hoạn nạn và đau khổ.

Lời tiên tri này sau này quả thực đã ứng nghiệm, như sẽ được thấy rõ trong phần kể tiếp theo.

Sau khi nhận chức linh mục, Thánh Nicôla đã không ngừng nỗ lực; bằng cách thức trắng đêm và luôn sống trong cầu nguyện và ăn chay không ngừng, ngài, dù là người phàm, đã cố gắng noi gương các vị thánh vô hình. Sống một đời sống thánh thiện như các thiên thần và ngày càng rạng ngời vẻ đẹp tâm hồn, ngài hoàn toàn xứng đáng để lãnh đạo Giáo hội. Vào thời điểm đó, Giám mục Nicholas, mong muốn đến Palestine để hành hương các thánh địa, đã giao quyền quản lý Giáo hội cho cháu trai của mình. Vị linh mục của Chúa, Thánh Nicholas, khi thay thế vị trí của chú mình, đã lo liệu các công việc của Giáo hội không kém gì chính vị Giám mục. Vào thời điểm đó, cha mẹ ngài đã về với cuộc sống vĩnh hằng. Sau khi thừa kế tài sản của cha mẹ, Thánh Nikolai đã phân phát cho những người nghèo khó. Bởi vì ngài không quan tâm đến của cải phù du và cũng không lo lắng về việc làm giàu, nhưng đã từ bỏ mọi ham muốn trần tục, với tất cả lòng nhiệt thành, ngài cố gắng dâng hiến bản thân cho Đức Chúa

Trời Duy Nhất, và cầu nguyện: Thi thiên 24 – *"Lạy Chúa, con dâng linh hồn con lên Ngài*." Thi thiên 142 – *"Xin dạy con làm theo ý muốn Ngài, vì Ngài là Đức Chúa Trời của con"*; Thi thiên 21 – *"Con đã được phó thác cho Ngài từ khi còn trong lòng mẹ; từ khi còn trong bụng mẹ, Ngài là Đức Chúa Trời của con*."

Và bàn tay ngài luôn rộng mở với những người khốn khó, ban phát cho họ những ân huệ dồi dào như dòng sông nước chảy xiết, tràn đầy những dòng suối. Đây là một trong vô số việc làm từ bi của ngài.

Có một người đàn ông quý tộc và giàu có sống tại thành phố Patara. Khi rơi vào cảnh nghèo túng tột cùng, ông đã mất đi địa vị trước đây của mình, vì cuộc sống trần gian này vốn vô thường. Người đàn ông này có ba cô con gái, những người rất xinh đẹp. Khi ông đã mất hết mọi thứ cần thiết, đến nỗi không còn gì để ăn và không có gì để mặc, vì cảnh nghèo túng tột cùng, ông đã nảy sinh ý định bán các con gái mình vào con đường mại dâm và biến ngôi nhà của mình thành nhà chứa, để từ đó kiếm tiền sinh sống và mua quần áo, thức ăn cho cả bản thân lẫn các con gái. Ôi, thật đau lòng, sự nghèo khó tột cùng đã dẫn con người đến những ý nghĩ hèn hạ đến mức nào! Với ý nghĩ ô uế ấy, người đàn ông này đã định thực hiện ý định xấu xa của mình. Nhưng Đức Chúa Trời Toàn Lành, Đấng không muốn thấy con người lâm vào cảnh diệt vong và luôn nhân từ giúp đỡ chúng ta trong hoạn nạn, đã gieo vào tâm hồn vị thánh nhân của Ngài, Thánh Linh mục Nicola, một ý nghĩ tốt lành, và qua sự soi dẫn bí mật, Ngài đã sai ngài đến với người đàn ông đang lâm vào cảnh linh hồn suy đồi ấy, để an ủi anh ta trong cảnh nghèo khó và cảnh báo anh ta khỏi tội lỗi. Thánh Nicholas, khi nghe tin về cảnh nghèo cùng cực của người đàn ông ấy và nhờ sự mặc khải của Chúa mà biết được ý định xấu xa của ông ta, đã cảm thấy thương xót sâu sắc và quyết định dùng bàn tay nhân từ của mình để cứu ông ta cùng các con gái, như cứu khỏi lửa, khỏi cảnh nghèo khó và tội lỗi. Tuy nhiên, ngài không muốn thể hiện lòng nhân ái của mình với người đàn ông đó một cách công khai, mà đã quyết định ban cho ông ta một khoản bố thí hào phóng một cách bí mật. Thánh Nicholas đã hành động như vậy vì hai lý do. Một mặt, ngài muốn tự mình tránh xa sự vinh quang hão huyền của loài người, tuân theo lời trong Phúc Âm: Mt 6 – *"Hãy coi chừng, đừng làm việc bố thí trước mặt người ta*".

Mặt khác, ngài không muốn làm tổn thương người đàn ông ấy, người từng là một người giàu có nhưng giờ đây đã rơi vào cảnh nghèo túng cùng cực. Bởi vì ngài biết rằng việc nhận bố thí là điều nặng nề và xúc phạm như thế nào đối với người đã từ giàu sang và danh vọng rơi vào cảnh nghèo khó, bởi vì điều đó gợi lại cho người ấy những ký ức về cuộc sống sung túc trước đây. Vì vậy, Thánh Nicôla cho rằng tốt nhất là nên làm theo lời dạy của Chúa Kitô: *"Khi ngươi làm việc bố thí, hãy để tay trái ngươi không biết tay phải ngươi đang làm gì"* (Mt 6,6).

Ngài tránh né danh vọng trần thế đến mức thậm chí còn cố gắng giấu mình ngay cả trước mặt người mà ngài đã giúp đỡ. Ngài lấy một bao vàng lớn, đến nhà người đàn ông đó vào nửa đêm, ném bao vàng qua cửa sổ rồi vội vã trở về nhà. Sáng hôm sau, người đàn ông ấy thức dậy, tìm thấy túi vàng và mở nó ra. Khi nhìn thấy số vàng đó, ông kinh hoàng tột độ và không tin vào mắt mình, vì ông không thể ngờ được ân huệ lớn lao như vậy lại đến từ đâu. Tuy nhiên, khi dùng ngón tay lật từng đồng xu, ông đã chắc chắn rằng trước mặt mình quả thực là vàng. Tâm hồn ông bừng sáng và đầy ngạc nhiên, ông khóc vì vui sướng, suy ngẫm mãi về việc ai có thể ban cho ông ân huệ lớn lao như vậy, nhưng không thể nghĩ ra được. Ông quy điều này cho sự an bài của Thượng Đế, và không ngừng tạ ơn trong lòng vị ân nhân của mình, ca ngợi Chúa, Đấng luôn quan tâm đến mọi người. Sau đó, ông gả con gái lớn của mình, trao cho cô số vàng kỳ diệu mà ông đã được ban tặng làm của hồi môn. Thánh Nicholas, khi biết rằng người chồng này đã làm theo ý muốn của mình, đã yêu mến ông và quyết định ban ân huệ tương tự cho con gái thứ hai, với ý định bảo vệ cô khỏi tội lỗi thông qua một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi chuẩn bị một túi vàng khác, giống hệt túi đầu tiên, vào ban đêm, ông lén lút ném nó vào nhà người chồng qua cùng một ô cửa sổ đó. Sáng hôm sau thức dậy, người nghèo lại thấy vàng trong nhà mình. Lần nữa, ông vô cùng ngạc nhiên, quỳ sụp xuống đất và khóc nức nở, thốt lên:

– Lạy Thiên Chúa nhân từ, Đấng kiến tạo sự cứu rỗi của chúng con, Đấng đã cứu chuộc con bằng chính máu của Ngài và giờ đây đang dùng vàng để cứu chuộc ngôi nhà của con và các con cái con khỏi những cạm bẫy của kẻ thù, chính Ngài hãy chỉ cho con thấy người tôi tớ của lòng thương xót và lòng nhân từ yêu thương loài người của Ngài. Xin chỉ cho con vị Thiên thần trần gian ấy, Đấng bảo vệ chúng con khỏi sự diệt vong do tội lỗi, để con có thể biết ai là Đấng giải thoát chúng con khỏi cảnh nghèo đói đang đè nặng và cứu chúng con khỏi những ý nghĩ và ý định xấu xa. Lạy Chúa, nhờ lòng thương xót của Ngài, được thực hiện một cách thầm lặng qua bàn tay hào phóng của một vị thánh nhân mà con chưa từng biết, con có thể gả con gái thứ hai của mình theo luật pháp, và nhờ đó tránh được những cạm bẫy của ma quỷ, kẻ muốn dùng lợi lộc bẩn thỉu để nhân lên sự diệt vong vốn đã rất lớn của con.

Sau khi cầu nguyện như vậy với Chúa và tạ ơn sự nhân từ của Ngài, người cha ấy đã tổ chức lễ cưới cho cô con gái thứ hai của mình. Tin tưởng vào Chúa, người cha nuôi dưỡng niềm hy vọng chắc chắn rằng Ngài cũng sẽ ban cho cô con gái thứ ba một người chồng hợp pháp, một lần nữa ban tặng số vàng cần thiết cho việc này qua bàn tay hào phóng và bí mật của vị ân nhân. Để biết ai và từ đâu mang vàng đến cho mình, người cha thức trắng đêm, rình rập vị ân nhân và mong được gặp ông. Chẳng bao lâu sau, vị ân nhân được mong đợi đã xuất hiện. Thánh Nicholas, vị thánh được Chúa yêu mến, lặng lẽ đến lần thứ ba, dừng lại ở vị trí quen thuộc, ném vào cùng ô cửa sổ đó một túi vàng giống hệt như trước, rồi lập tức vội vã trở về nhà mình. Nghe thấy tiếng vàng rơi vào cửa sổ, người đàn ông ấy đã chạy theo vị thánh của Chúa nhanh nhất có thể. Khi đuổi kịp ngài và nhận ra ngài – bởi lẽ không thể nào không nhận ra vị thánh nhờ đức hạnh và dòng dõi cao quý của ngài – người đàn ông ấy quỳ xuống dưới chân ngài, hôn lên chân ngài và gọi ngài là Đấng Cứu Rỗi, Đấng Trợ Giúp và Đấng Cứu Độ cho những linh hồn đang đứng trước bờ vực diệt vong.

– Nếu như, – ông nói, – Đức Chúa Trời Vĩ Đại đầy lòng thương xót không cứu rỗi tôi nhờ lòng hào phóng của ngài, thì tôi, người cha khốn khổ này, đã chết từ lâu cùng với các con gái của mình trong ngọn lửa Sodom rồi. Giờ đây, chúng tôi đã được ngài cứu rỗi và thoát khỏi tội lỗi khủng khiếp.

Và ông còn nói với vị thánh nhiều lời tương tự như vậy trong nước mắt. Vừa đỡ ông ta dậy khỏi mặt đất, vị thánh đã bắt ông ta thề rằng suốt cuộc đời mình, ông ta sẽ không bao giờ tiết lộ cho ai biết về những gì đã xảy ra với mình. Sau khi nói với ông ta nhiều lời khuyên răn hữu ích, vị thánh đã cho ông ta về nhà.

Trong vô số việc làm từ bi của vị thánh được Chúa yêu mến, chúng tôi chỉ kể lại một việc để mọi người biết ngài đã nhân từ với những người nghèo khổ đến mức nào. Bởi vì nếu kể chi tiết về sự hào phóng của ngài đối với những người khốn khó, về số người đói khát mà ngài đã cho ăn, số người trần truồng mà ngài đã cho mặc, và số người mà ngài đã chuộc lại từ tay những kẻ cho vay nặng lãi, thì chúng tôi sẽ không đủ thời gian.

Sau đó, Đức Cha Nicholas mong muốn lên đường đến Palestine để chiêm ngưỡng và thờ lạy những thánh địa mà Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, đã từng đặt những bước chân thánh thiện của Ngài. Khi con tàu đang lướt qua vùng biển gần Ai Cập và những người hành hương chưa biết điều gì đang chờ đợi họ, Thánh Nicholas, người đang ở giữa họ, đã tiên đoán rằng một cơn bão sắp ập đến, và ngài đã báo trước điều này cho các bạn đồng hành, nói với họ rằng ngài đã thấy chính ma quỷ xâm nhập vào con tàu với ý định nhấn chìm tất cả họ xuống đáy biển. Và ngay lúc đó, bầu trời bất ngờ bị mây che phủ, và cơn bão dữ dội đã gây ra những con sóng khủng khiếp trên biển. Những người lữ hành vô cùng kinh hoàng, tuyệt vọng về sự cứu rỗi và chờ đợi cái chết, họ khẩn cầu Thánh Cha Nicholas giúp đỡ họ, những người đang chìm đắm trong vực thẳm biển cả.

– Nếu ngài, vị thánh được Chúa yêu mến, – họ nói, – không giúp chúng tôi bằng những lời cầu nguyện dâng lên Chúa, thì chúng tôi sẽ chết ngay lập tức.

Sau khi khuyên họ hãy can đảm, đặt niềm tin vào Chúa và không nghi ngờ gì mà hãy chờ đợi sự giải cứu sắp đến, vị thánh đã sốt sắng cầu nguyện với Chúa. Ngay lập tức, biển cả bình lặng trở lại, một sự tĩnh lặng bao trùm, và nỗi buồn chung đã biến thành niềm vui.

Những hành khách vui mừng đã dâng lời tạ ơn lên Chúa và vị thánh được Ngài yêu mến, Thánh Cha Nicholas, và họ càng ngạc nhiên gấp bội – cả về lời tiên đoán của ngài về cơn bão lẫn việc nỗi buồn chấm dứt. Sau đó, một trong những thủy thủ cần phải leo lên đỉnh cột buồm. Khi đang leo xuống từ đó, anh ta bị trượt chân và rơi từ độ cao xuống giữa con tàu, chết ngay tại chỗ và nằm bất động. Thánh Nicholas, người luôn sẵn sàng giúp đỡ trước khi người ta yêu cầu, lập tức làm anh ta sống lại bằng lời cầu nguyện của mình, và anh ta đứng dậy, như vừa thức dậy sau giấc ngủ. Sau đó, giương hết các cánh buồm, đoàn hành khách tiếp tục hành trình một cách an toàn, nhờ gió thuận, và bình yên cập bến Alexandria. Tại đây, sau khi chữa lành cho nhiều người bệnh và người bị quỷ ám, đồng thời an ủi những người đang đau buồn, vị thánh được Chúa yêu mến, Thánh Nicholas, lại tiếp tục lên đường theo lộ trình đã định đến Palestine.

Khi đến thành thánh Giê-ru-sa-lem, Thánh Ni-cô-la đã đến Gô-gô-tha, nơi Đức Chúa Giê-su, Thiên Chúa của chúng ta, đã giang đôi tay thanh khiết của Ngài trên thập giá để mang lại ơn cứu rỗi cho nhân loại. Tại đây, vị thánh được Thiên Chúa yêu mến đã dâng lên những lời cầu nguyện ấm áp từ trái tim rực cháy tình yêu, tạ ơn Đấng Cứu Thế của chúng ta. Ngài đã đi thăm viếng tất cả các thánh địa, ở đâu cũng dâng lên sự thờ phượng tận tâm. Và khi vào ban đêm, ngài muốn bước vào nhà thờ thánh[8590] để cầu nguyện, thì những cánh cửa nhà thờ vốn đã đóng kín bỗng tự mở ra, mở lối vào không gì cản trở cho Đấng mà ngay cả các cổng thiên đàng cũng đã mở ra để đón nhận. Sau khi ở lại Jerusalem một thời gian khá dài, Thánh Nicholas dự định lui về sa mạc, nhưng đã được một

tiếng nói thiêng liêng từ trên cao ngăn lại, khuyên ngài trở về quê hương. Chúa Trời, Đấng sắp đặt mọi sự vì lợi ích của chúng ta, không muốn ngọn đèn ấy – vốn theo ý Chúa phải chiếu sáng cho Tổng giáo phận Lycia – lại bị che giấu trong sa mạc. Khi lên tàu, vị thánh được Chúa yêu mến đã thỏa thuận với các thủy thủ để họ đưa ngài về quê hương. Nhưng họ đã âm mưu lừa dối ngài và điều khiển con tàu không phải đến Lycia, mà là đến một vùng đất khác. Khi họ rời bến cảng, Thánh Nicholas, nhận thấy con tàu đang đi theo một hướng khác, đã quỳ xuống dưới chân các thủy thủ, van nài họ điều khiển con tàu đến Lycia. Nhưng họ không thèm để ý đến lời van xin của ngài và tiếp tục đi theo lộ trình đã định: họ không biết rằng Thiên Chúa sẽ không bỏ rơi vị thánh nhân của Ngài. Bỗng nhiên, một cơn bão ập đến, làm con tàu đổi hướng và nhanh chóng cuốn nó về phía Lycia, đe dọa những thủy thủ độc ác kia bằng sự diệt vong hoàn toàn. Như vậy, được sức mạnh thiêng liêng của Chúa dẫn dắt trên biển, Thánh Nicholas cuối cùng cũng về đến quê hương. Với lòng nhân từ, ngài không gây ra bất kỳ điều ác nào cho những kẻ thù xảo quyệt của mình. Ngài không những không nổi giận hay trách mắng họ bằng một lời nào, mà còn ban phước lành và để họ trở về quê hương của họ. Còn ngài thì đến tu viện do chú của ngài, Giám mục Patara, thành lập và được đặt tên là Thánh Sion, và tại đây, ngài trở thành vị khách được cả cộng đoàn tu sĩ nồng nhiệt chào đón. Họ đã đón tiếp ngài với tình yêu thương vô bờ bến, như đón tiếp một Thiên thần của Chúa, và say mê lắng nghe những lời giảng đầy ân sủng của ngài; đồng thời, noi gương những đức tính cao đẹp mà Thiên Chúa đã ban cho người tôi tớ trung thành của Ngài, họ đã được soi sáng bởi cuộc đời thánh thiện như thiên thần của ngài. Tìm thấy tại tu viện này một cuộc sống tĩnh lặng và nơi nương náu yên bình để suy ngẫm về Thiên Chúa, Thánh Nicholas hy vọng sẽ dành phần còn lại của cuộc đời mình ở đây mãi mãi. Nhưng Thiên Chúa đã chỉ cho ngài một con đường khác, vì Ngài không muốn kho tàng đức hạnh phong phú như vậy – vốn phải làm giàu cho thế gian – lại bị giam cầm trong tu viện, giống như kho báu bị chôn vùi dưới đất, mà phải được mở ra cho mọi người, để họ thực hiện việc mua bán thiêng liêng, thu hút được nhiều linh hồn. Và rồi một ngày nọ, khi vị thánh đang đứng cầu nguyện, ngài nghe thấy một tiếng nói từ trên cao:

– Nicolaus, nếu con muốn được Ta ban cho vương miện, hãy đi và cống hiến cho lợi ích của thế gian.

Nghe vậy, Thánh Nicholas kinh hoàng và bắt đầu suy ngẫm về điều mà tiếng nói ấy mong muốn và đòi hỏi nơi ngài. Rồi ngài lại nghe thấy:

– Nikolai, cánh đồng mà ngươi phải sinh ra trái cây Ta mong đợi không phải ở đây; nhưng hãy quay lại và đi ra thế gian, để danh Ta được tôn vinh nơi ngươi.

Lúc đó, Thánh Nicholas hiểu ra rằng Chúa đòi hỏi ngài phải từ bỏ cuộc sống ẩn dật và đi phục vụ con người để cứu rỗi họ.

Ông bắt đầu suy ngẫm xem nên đi đâu, về quê hương của mình là thành phố Patara, hay đến một nơi khác. Tránh xa sự vinh quang hão huyền giữa những người đồng hương và lo sợ điều đó, ông quyết định rời đi đến một thành phố khác, nơi không ai biết đến ông. Cũng trong vùng Lycia ấy có thành phố Myra lừng lẫy, từng là tổng giáo phận của toàn Lycia[8590] . Thánh Nicholas đã đến thành phố này, được dẫn dắt bởi Sự Sắp Đặt của Thiên Chúa. Tại đây, ngài không được ai biết đến; và ngài sống ở thành phố này như một người ăn xin, không có nơi nào để ngả đầu nghỉ ngơi. Chỉ trong Nhà Chúa, ngài mới tìm được nơi nương náu, vì Chúa là nơi nương tựa duy nhất của ngài. Vào thời điểm đó, Đức Giám mục của thành phố này là Gioan, Tổng Giám mục và người đứng đầu toàn vùng Lycia, đã qua đời. Vì vậy, tất cả các giám mục của Lycia đã tụ họp tại Myra để bầu chọn một người xứng đáng lên ngôi vị trống. Nhiều vị nam nhân đáng kính và khôn ngoan đã được đề cử làm người kế vị Thánh Gioan. Trong số những người bỏ phiếu, có sự bất đồng lớn, và một số người trong số họ, được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành thiêng liêng, đã nói:

– Việc bầu chọn giám mục cho ngôi vị này không thuộc quyền quyết định của con người, mà là công việc thuộc về sự sắp đặt của Thiên Chúa. Chúng ta nên dâng lời cầu nguyện để chính Chúa tỏ lộ ai là người xứng đáng nhận chức vụ này và trở thành mục tử của toàn cõi Lycia.

Lời khuyên tốt lành này đã nhận được sự đồng tình của mọi người, và tất cả đều dốc lòng cầu nguyện và ăn chay. Chúa, Đấng thực hiện ý muốn của những ai kính sợ Ngài, đã lắng nghe lời cầu nguyện của các giám mục và bày tỏ ý muốn tốt lành của Ngài cho vị giám mục cao niên nhất trong số họ. Khi vị giám mục này đang cầu nguyện,

[8590] Miri (ngày nay là Miri, người Thổ Nhĩ Kỳ gọi là Dembre) là thành phố chính của Lycia cổ đại và nằm gần biển, bên sông Andrak, nơi có cảng Andriake ở cửa sông.

một Người đàn ông rực rỡ ánh sáng hiện ra trước mặt ông và truyền lệnh cho ông vào ban đêm hãy đến cửa nhà thờ và quan sát xem ai là người đầu tiên bước vào nhà thờ.

– Chính người này – Ngài phán – là người Ta đã chọn; hãy đón nhận người ấy với sự tôn kính và phong làm tổng giám mục; tên người ấy là Nicholas.

Vị giám mục đã thông báo về thị kiến thiêng liêng này cho các giám mục khác, và khi nghe điều đó, họ càng thêm sốt sắng trong lời cầu nguyện. Vị giám mục được ban sự mặc khải đã đứng tại nơi được chỉ định trong thị kiến và chờ đợi sự xuất hiện của người được mong đợi. Khi đến giờ thánh lễ buổi sáng, Thánh Nicholas, được Thánh Thần thúc đẩy, đã đến nhà thờ trước tất cả mọi người, vì ngài có thói quen thức dậy vào nửa đêm để cầu nguyện và đến thánh lễ buổi sáng sớm hơn những người khác. Ngay khi ngài bước vào tiền sảnh, vị giám mục đã được ban sự mặc khải liền ngăn ngài lại và yêu cầu ngài cho biết tên. Thánh Nicholas im lặng. Vị giám mục lại hỏi ngài về điều đó. Thánh nhân nhẹ nhàng và khẽ khàng trả lời:

– Tên con là Nicholas, con là tôi tớ của thánh địa này, thưa Đức Cha.

Vị giám mục đạo đức, khi nghe những lời ngắn gọn và khiêm nhường ấy, đã nhận ra – cả qua chính cái tên "Nicholas" – vốn đã được tiên báo cho ngài trong thị kiến, lẫn qua câu trả lời khiêm nhường và hiền lành – rằng người đang đứng trước mặt ngài chính là vị mà Thiên Chúa đã chọn làm vị giám mục đầu tiên của Giáo hội Mir. Vì ngài biết từ Kinh Thánh rằng Chúa thương xót những ai hiền lành, ít lời và run rẩy trước Lời Chúa. Ngài vui mừng khôn xiết, như thể vừa nhận được một kho báu bí mật nào đó. Ngay lập tức, ngài nắm lấy tay Thánh Nicholas và nói với ngài:

– Hãy theo ta, con yêu.

Khi ngài long trọng dẫn vị thánh đến trước các giám mục, các vị tràn ngập sự ngọt ngào thiêng liêng và, được an ủi trong tâm hồn vì đã tìm thấy người được chính Đức Chúa Trời chỉ định, các vị đã dẫn ngài vào nhà thờ. Tin đồn về điều này lan truyền khắp nơi và vô số người dân đã đổ xô đến nhà thờ nhanh hơn cả chim chóc. Vị giám mục, người đã được ban cho sự hiện thấy, quay sang dân chúng và kêu lên:

– Hỡi anh em, hãy đón nhận vị mục tử của mình, người đã được chính Thánh Thần xức dầu và được Ngài giao phó trách nhiệm chăm sóc các linh hồn của anh em. Ngài không được bổ nhiệm bởi hội đồng loài người, mà chính bởi Đức Chúa Trời. Giờ đây, chúng ta đã có được Đấng mà chúng ta mong mỏi, đã tìm thấy và đón nhận Đấng mà chúng ta tìm kiếm. Dưới sự cai quản và hướng dẫn của Ngài, chúng ta sẽ không mất đi niềm hy vọng rằng chúng ta sẽ được đứng trước mặt Đức Chúa Trời vào ngày Ngài hiện ra và mặc khải.

Toàn thể dân chúng dâng lời tạ ơn Thiên Chúa và hân hoan trong niềm vui khôn tả. Không chịu nổi những lời khen ngợi của loài người, Thánh Nicôla đã từ chối nhận chức thánh trong một thời gian dài; nhưng trước những lời khẩn cầu tha thiết của Hội đồng Giám mục và toàn thể dân chúng, ngài đã lên ngôi giám mục trái với ý muốn của mình. Điều thúc đẩy ngài làm điều này là một thị kiến thiêng liêng, mà ngài đã nhận được ngay trước khi Tổng Giám mục Gioan qua đời. Thánh Mêthôdiô, Tổng Giám mục Constantinopolis, đã kể lại về thị kiến này. Một lần nọ, – ngài kể lại, – Thánh Nicholas vào ban đêm đã thấy Đấng Cứu Thế đứng trước mặt ngài trong vinh quang trọn vẹn và trao cho ngài cuốn Phúc Âm được trang trí bằng vàng và ngọc trai. Ở phía bên kia, Thánh Nicholas thấy Đức Mẹ Rất Thánh đang đặt chiếc áo choàng giám mục lên vai ngài. Vài ngày sau khi có giấc mơ này, Tổng Giám mục John của Mir qua đời.

Nhớ lại thị kiến này và nhận ra trong đó sự ân sủng rõ ràng của Thiên Chúa, đồng thời không muốn từ chối những lời khẩn cầu tha thiết của hội đồng giám mục, Thánh Nicôla đã nhận lãnh đoàn chiên. Hội đồng giám mục cùng toàn thể hàng giáo sĩ đã cử hành lễ tấn phong cho ngài và long trọng mừng lễ, hân hoan vì vị mục tử do Thiên Chúa ban tặng, Thánh Nicôla, vị thánh của Đức Kitô. Như vậy, Giáo hội của Chúa đã đón nhận ngọn đèn sáng chói, ngọn đèn ấy không còn bị che khuất nữa, mà được đặt vào vị trí giám mục và mục tử xứng đáng với ngài. Được ban cho chức vụ cao quý này, Thánh Nicholas đã rao giảng Lời Chân Lý một cách chính đáng và khôn ngoan hướng dẫn đoàn chiên của mình trong giáo lý đức tin.

Ngay từ những ngày đầu tiên của chức vụ mục vụ, vị thánh được Chúa yêu mến này đã tự nhủ với chính mình:

– Nicôla! Chức vụ mà ngươi đã nhận đòi hỏi ngươi phải thay đổi lối sống, để ngươi không sống cho bản thân, mà sống cho người khác.

Với mong muốn dạy dỗ các con chiên tinh thần của mình về các đức tính, ngài không còn che giấu lối sống đạo đức của mình như trước đây nữa. Bởi trước đây, ngài đã sống cuộc đời mình trong thầm lặng, phụng sự Thiên

Chúa, Đấng duy nhất biết rõ những công đức của ngài. Giờ đây, sau khi nhận chức giám mục, cuộc đời ngài đã trở nên công khai trước mọi người, không phải vì ham danh lợi trước mặt người đời, mà vì lợi ích của họ và để tôn vinh danh Chúa, hầu cho lời trong Phúc Âm được ứng nghiệm: Mt 5 – *"Hãy để ánh sáng của các con chiếu sáng trước mặt người đời, để họ thấy những việc lành của các con và tôn vinh Cha các con ở trên trời*."

Thánh Nicholas, nhờ những việc lành của mình, đã trở thành như một tấm gương cho đoàn chiên của ngài, và theo lời của Thánh Tông Đồ trong 1 Timôthê 4: *"Hãy là gương mẫu cho các tín hữu về lời nói, về đời sống, về tình yêu, về tinh thần, về đức tin, về sự trong sạch*".

Ngài có tính cách hiền lành và không hề oán hận, khiêm nhường trong tinh thần và tránh xa mọi sự kiêu ngạo. Quần áo của ngài rất đơn sơ, thức ăn là chay, mà ngài chỉ dùng một lần mỗi ngày, vào buổi tối. Cả ngày ngài dành để làm những công việc xứng đáng với chức vụ của mình, lắng nghe những lời cầu xin và nhu cầu của những người đến với ngài. Cánh cửa nhà ngài luôn rộng mở cho mọi người. Ngài tốt bụng và gần gũi với tất cả mọi người: đối với trẻ mồ côi, ngài là người cha; đối với người nghèo, ngài là người ban phát lòng nhân ái; đối với những người khóc than, ngài là người an ủi; đối với những người bị oan ức, ngài là người giúp đỡ; và đối với tất cả mọi người, ngài là vị ân nhân vĩ đại. Để hỗ trợ mình trong việc quản lý Giáo hội, ngài đã chọn hai vị cố vấn đức hạnh và sáng suốt, những người đã được phong chức linh mục. Đó là hai vị được biết đến khắp Hy Lạp – Phaolô người Rhodes và Thêôđôros người Ascalon.

Vậy là Thánh Nicôla đã chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô, những người tin theo Ngài, được giao phó cho ngài. Nhưng con rắn xảo quyệt và đầy ghen tị, kẻ không bao giờ ngừng gây chiến chống lại các tôi tớ của Thiên Chúa và không thể chịu đựng được sự thịnh vượng của lòng đạo đức giữa loài người, đã phát động cuộc bách hại chống lại Giáo Hội của Chúa Kitô thông qua các vị vua vô đạo là Diocletian và Maximian[8591] . Cùng lúc đó, các vị vua này đã ban hành sắc lệnh trên toàn đế quốc, buộc các Kitô hữu phải từ bỏ Chúa Kitô và thờ lạy các thần tượng. Những ai không tuân theo sắc lệnh này sẽ bị giam cầm trong ngục tối, chịu những cực hình tàn khốc, và cuối cùng bị kết án tử hình. Cơn bão đầy thù hận này, nhờ sự nhiệt thành của những kẻ theo phe bóng tối và sự vô đạo, chẳng bao lâu sau đã lan đến thành Mirsk. Thánh Nikolai, người lúc bấy giờ là người lãnh đạo của toàn thể các tín hữu Kitô giáo tại thành phố đó, đã rao giảng đức tin Kitô giáo một cách tự do và dũng cảm, và sẵn sàng chịu khổ vì Chúa Kitô. Vì thế, ngài đã bị những kẻ bách hại vô đạo bắt giữ và giam cầm cùng với nhiều Kitô hữu khác trong ngục tối. Tại đó, ngài đã ở lại một thời gian dài, chịu đựng những đau khổ nặng nề, chịu đói khát và sự chật chội của ngục tối. Ngài nuôi dưỡng các đồng đạo bằng Lời Chúa và tưới mát họ bằng dòng nước ngọt ngào của đức tin; củng cố đức tin nơi họ vào Đức Kitô là Thiên Chúa, xây dựng họ trên nền tảng vững chắc, ngài khuyến khích họ kiên định trong việc tuyên xưng Đức Kitô và sẵn sàng chịu khổ vì lẽ thật. Trong khi đó, các Kitô hữu lại được ban cho tự do, và lòng đạo đức tỏa sáng như mặt trời sau những đám mây đen, và dường như một sự mát mẻ yên bình đã đến sau cơn bão. Vì Đấng Yêu Thương Loài Người là Đức Kitô, khi nhìn xuống đoàn chiên của Ngài, đã tiêu diệt những kẻ vô đạo, lật đổ Diocletian và Maximian khỏi ngai vàng hoàng gia, và hủy diệt quyền lực của những kẻ cuồng tín theo tà đạo Hy Lạp. Bằng việc hiện ra Thánh Giá của Ngài cho Hoàng đế Constantine Đại Đế, người mà Ngài đã thương xót trao quyền cai trị Đế quốc La Mã, Chúa Thiên Chúa *đã "nâng cao"* cho dân Ngài *"sừng cứu rỗi"* (Lc 1,69). Hoàng đế Constantine, sau khi nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất và đặt trọn niềm tin vào Ngài, đã dùng sức mạnh của Thánh Giá để đánh bại tất cả kẻ thù của mình; đồng thời ra lệnh phá hủy các đền thờ tà thần và khôi phục các nhà thờ Kitô giáo, qua đó xóa tan những hy vọng hão huyền của các vị tiền nhiệm. Ngài đã giải thoát tất cả những ai bị giam cầm vì Chúa Kitô trong ngục tối, và sau khi tôn vinh họ như những chiến binh dũng cảm bằng những lời khen ngợi cao quý, Ngài đã đưa các vị chứng nhân của Chúa Kitô này trở về quê hương của mỗi người. Vào thời điểm đó, thành phố Myra cũng đã đón nhận lại vị mục tử của mình, vị tổng giám mục vĩ đại Nicôlaô, người đã được ban tặng vương miện tử đạo. Mang trong mình ân sủng thiêng liêng, ngài, như trước đây, đã chữa lành những đam mê và bệnh tật của con người, không chỉ những người tin Chúa mà cả những người không tin. Nhờ ân sủng vĩ đại của Thiên Chúa ngự trong ngài, nhiều người đã ca ngợi ngài, kinh ngạc trước ngài và tất cả đều yêu mến ngài. Vì ngài toả sáng bởi sự trong sạch của lòng và được ban cho mọi ân sủng của Thiên Chúa, phụng sự Chúa của ngài trong sự thánh thiện và công chính. Vào thời điểm đó, vẫn còn rất nhiều đền thờ Hy Lạp, nơi

[8591] Các hoàng đế Diocletian và Maximian (từ năm 284 đến năm 305) là đồng trị vì: người thứ nhất cai trị ở phương Đông, người thứ hai cai trị ở phương Tây. Cuộc đàn áp do Diocletian phát động nổi bật bởi sự tàn bạo đặc biệt. Cuộc đàn áp bắt đầu tại thành phố Nicomedia, nơi vào chính ngày Lễ Phục Sinh, có tới 20.000 tín đồ Kitô giáo đã bị thiêu sống trong nhà thờ.

những kẻ vô đạo bị lôi cuốn bởi sự xúi giục của ma quỷ, và nhiều cư dân thành Mir vẫn đang chìm trong sự diệt vong. Vị Giám mục của Đức Chúa Trời Tối Cao, được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành vì Chúa, đã đi qua tất cả những nơi này, phá hủy và biến các đền thờ thần tượng thành tro bụi, đồng thời thanh tẩy đoàn chiên của mình khỏi sự ô uế của ma quỷ. Trong cuộc chiến đấu với các linh hồn ác độc, Thánh Nicholas đã đến đền thờ Artemis[8592] , một công trình rất đồ sộ và được trang trí lộng lẫy, trở thành nơi trú ngụ lý tưởng cho lũ quỷ. Thánh Nicholas đã phá hủy ngôi đền ô uế này, san bằng tòa nhà cao chót vót của nó xuống mặt đất và thậm chí cả nền móng của ngôi đền, vốn nằm sâu dưới lòng đất, cũng bị ngài quăng tung lên không trung, khi ngài tập trung tấn công các quỷ dữ hơn là chính ngôi đền. Các linh hồn xảo quyệt, không chịu nổi sự xuất hiện của vị thánh nhân của Chúa, đã thét lên những tiếng kêu than thảm thiết, nhưng, bị đánh bại bởi vũ khí cầu nguyện của vị chiến binh bất khả chiến bại của Chúa Kitô, Thánh Nicholas, chúng buộc phải chạy trốn khỏi nơi ở của mình.

Hoàng đế Constantine, người có đức tin vững vàng, mong muốn củng cố đức tin vào Chúa Kitô, đã ra lệnh triệu tập Công đồng Toàn cầu tại thành phố Nicaea. Các vị Thánh Cha của Công đồng đã trình bày giáo lý chân chính, lên án tà thuyết Arian và cùng với đó là chính Arius[8593] , đồng thời tuyên xưng Con Thiên Chúa là Đấng đồng bản thể và đồng bản tính với Thiên Chúa Cha, từ đó khôi phục hòa bình trong Giáo Hội Thánh Thần Tông Đồ. Trong số 318 vị Thánh Phụ tham dự Công đồng có cả Thánh Nicholas. Ngài đã dũng cảm chống lại giáo lý tà ác của Arius và cùng với các vị Thánh Phụ của Công đồng đã xác lập và truyền lại cho mọi người các tín điều của đức tin Chính Thống. Tu sĩ Gioan thuộc Tu viện Studion kể lại về Thánh Nicholas rằng, được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành vì Thiên Chúa, giống như tiên tri Ê-li, ngài đã làm bẽ mặt tên dị giáo Arius tại Công đồng không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động, khi tát vào má hắn. Các vị cha trong Công đồng đã phẫn nộ với vị thánh và vì hành động táo bạo đó, họ đã quyết định tước bỏ chức vụ giám mục của ngài. Nhưng chính Chúa Giêsu Kitô của chúng ta và Mẹ Ngài, Đấng Rất Thánh, khi nhìn xuống từ trên cao trước hành động anh hùng của Thánh Nicola, đã chấp thuận hành động dũng cảm của ngài và ca ngợi lòng nhiệt thành thiêng liêng của ngài. Bởi vì một số vị thánh phụ trong hội đồng đã có cùng một thị kiến mà chính vị thánh nhân đã được ban cho trước khi ngài được tấn phong làm giám mục. Họ thấy rằng, một bên vị thánh nhân là chính Chúa Kitô với Sách Phúc Âm, còn bên kia là Đức Trinh Nữ Maria với tấm áo choàng giám mục, và họ trao cho vị thánh nhân những dấu hiệu của chức vụ mà ngài đã bị tước đoạt. Hiểu ra từ điều này rằng sự can đảm của vị thánh đã được lòng Chúa, các vị cha trong công đồng ngừng trách móc ngài và tôn vinh ngài như một vị thánh vĩ đại được Chúa yêu mến[8594] . Trở về từ công đồng với đoàn chiên của mình, Thánh Nicholas mang lại hòa bình và phước lành cho họ. Bằng đôi môi ngọt ngào như mật ong, ngài đã truyền dạy cho toàn thể dân chúng những giáo lý lành mạnh, nhổ tận gốc những tư tưởng và suy luận sai lầm, đồng thời vạch trần những kẻ dị giáo hung hăng, vô cảm và cố chấp trong sự ác độc, rồi đuổi họ ra khỏi đoàn chiên của Chúa Kitô. Giống như người nông dân khôn ngoan dọn dẹp mọi thứ trên sân đập lúa và trên bàn xay, chọn lọc những hạt lúa tốt nhất và loại bỏ rơm rạ, thì vị người làm việc khôn ngoan trên sân thóc của Chúa Kitô, Thánh Nicholas, đã lấp đầy kho lúa thiêng liêng bằng những hoa trái tốt lành, còn rơm rạ của sự lừa dối dị giáo thì ngài thổi bay và quét xa khỏi lúa mì của Chúa. Chính vì thế mà Giáo Hội thánh thiện gọi ngài là chiếc xẻng, thổi bay những giáo lý rơm rạ của Arius. Ngài thực sự là ánh sáng cho thế gian và muối của đất, vì cuộc đời ngài rạng ngời và lời ngài được thấm đẫm muối của sự khôn ngoan. Vị mục tử nhân lành này đã hết lòng chăm sóc đàn chiên của mình trong mọi nhu cầu, không chỉ nuôi dưỡng họ trên đồng cỏ thiêng liêng, mà còn lo lắng cả về thức ăn thể xác của họ.

Một lần nọ, tại xứ Lycia xảy ra nạn đói lớn, và tại thành phố Myra, tình trạng thiếu thốn lương thực trở nên cực kỳ trầm trọng. Thương xót những người khốn khổ đang chết vì đói, vị Giám mục của Chúa đã hiện ra trong

---

[8592] Artemis – hay còn gọi là Diana – là nữ thần Hy Lạp nổi tiếng, tượng trưng cho mặt trăng và được coi là vị thần bảo trợ của rừng và săn bắn.

[8593] Arius phủ nhận thần tính của Chúa Giêsu Kitô và không công nhận Ngài đồng bản thể với Thiên Chúa Cha. Được triệu tập bởi Hoàng đế Constantine, người được coi ngang hàng với các Tông đồ, Công đồng Đại kết lần thứ nhất diễn ra vào năm 325 dưới sự chủ trì của chính Hoàng đế và đã đưa Kinh Tin Kính vào sử dụng trong Giáo hội; sau đó, Kinh Tin Kính này được bổ sung và hoàn thiện tại Công đồng Đại kết lần thứ hai, diễn ra tại Constantinopolis vào năm 381.

[8594] Theo lời kể của A. N. Muravyov, tại Nicaea cho đến nay vẫn còn lưu truyền truyền thuyết về sự việc này, ngay cả trong cộng đồng người Thổ Nhĩ Kỳ. Tại một trong những lỗ châu mai của thành phố này, người ta chỉ cho du khách xem nhà tù của Thánh Nicholas. Theo truyền thuyết, ngài đã bị giam giữ tại đây vì đã vạch trần Arian tại công đồng, và bị xiềng xích cho đến khi được minh oan từ trên cao qua phán quyết thiên thượng, được đánh dấu bằng sự xuất hiện của Phúc Âm và tấm khăn quấn đầu, như được miêu tả trên các bức tranh thánh của ngài (Thư từ Phương Đông, SPV. 1851, tập 1, tr. 106–107).

giấc mơ ban đêm cho một thương gia đang ở Ý, người này đã chất đầy lúa mì lên con tàu của mình và định ra khơi đến một quốc gia khác. Sau khi trao cho ông ta ba đồng tiền vàng làm vật thế chấp, vị thánh đã ra lệnh cho ông ta phải đi đến Myra và bán lúa mì ở đó. Khi tỉnh dậy và phát hiện ra số vàng trong tay, người thương gia đã kinh hoàng, ngạc nhiên trước giấc mơ kỳ lạ này, vốn đi kèm với hiện tượng kỳ diệu của những đồng tiền xuất hiện. Người thương gia không dám trái lệnh của vị thánh, nên đã lên đường đến thành phố Myra và bán hết lúa mì của mình cho dân chúng nơi đó. Đồng thời, ông cũng không giấu giếm với họ về sự hiện ra của Thánh Nicholas trong giấc mơ của mình. Nhận được sự an ủi quý giá trong cơn đói khát và lắng nghe câu chuyện của thương gia, người dân đã ngợi khen và tạ ơn Thiên Chúa, đồng thời tôn vinh vị ân nhân kỳ diệu của họ, vị tổng giám mục vĩ đại Nicholas.

Vào thời điểm đó, tại vùng Phrygia vĩ đại đã nổ ra một cuộc nổi loạn. Khi biết tin này, hoàng đế Constantine đã cử ba tướng quân cùng quân đội của họ đến để bình định vùng đất đang nổi loạn. Đó là các tướng Nepotian, Urs và Erpilion. Với sự khẩn trương cao độ, họ rời Constantinopolis và dừng chân tại một bến cảng thuộc giáo phận Lycia, nơi được gọi là Bờ biển Adriatic. Ở đây có một thành phố. Vì sóng biển dữ dội cản trở việc tiếp tục hành trình, nên họ đành phải neo đậu tại bến cảng này để chờ thời tiết êm dịu. Trong thời gian neo đậu, một số binh lính khi lên bờ để mua sắm nhu yếu phẩm đã cướp bóc nhiều thứ. Vì điều này xảy ra thường xuyên, nên cư dân thành phố đó đã phẫn nộ, dẫn đến việc tại nơi gọi là Plakomata, đã xảy ra những tranh cãi, xung đột và chửi bới giữa họ và các binh lính. Biết được điều này, Thánh Nicholas quyết định đích thân đến thành phố đó để chấm dứt cuộc xung đột nội bộ. Nghe tin ngài đến, tất cả cư dân cùng các quan chỉ huy đã ra đón và cúi đầu chào ngài. Thánh nhân hỏi các quan chỉ huy rằng họ đến từ đâu và đang trên đường đi đâu. Họ trả lời rằng họ được nhà vua phái đến Phrygia để dẹp tan cuộc nổi loạn đang diễn ra ở đó. Thánh nhân khuyên nhủ họ phải giữ cho binh lính tuân theo mệnh lệnh và không được để họ đàn áp dân chúng. Sau đó, ngài mời các quan chỉ huy vào thành và tiếp đãi họ nồng hậu. Các quan chỉ huy, sau khi trừng phạt những binh lính có lỗi, đã dẹp tan sự hỗn loạn và được Thánh Nicholas ban phước lành. Khi sự việc này đang diễn ra, có một số công dân từ Mir đến, than khóc và kêu ca. Họ quỳ xuống dưới chân vị thánh, cầu xin ngài bảo vệ những người bị oan ức, và trong nước mắt kể lại rằng trong thời gian ngài vắng mặt, quan tổng trấn Evstafiy, bị những kẻ ghen tị và độc ác mua chuộc, đã kết án tử hình ba người đàn ông trong thành phố của họ, những người hoàn toàn vô tội.

– Cả thành phố chúng con – họ nói – đang than khóc và mong chờ ngài trở về, thưa Đức Cha. Bởi vì, nếu ngài ở bên chúng con, thì quan tổng trấn sẽ không dám đưa ra bản án bất công như vậy.

Nghe tin này, vị Giám mục của Chúa đã vô cùng đau xót và, dưới sự hộ tống của các quan tổng trấn, lập tức lên đường. Khi đến nơi có tên gọi là Lев, vị Thánh đã gặp một số người lữ hành và hỏi họ xem có biết gì về những người đàn ông bị kết án tử hình hay không. Họ trả lời:

– Chúng tôi đã để họ lại ở cánh đồng Castor và Pollux, khi họ đang bị dẫn đi hành quyết.

Thánh Nicholas vội vã bước đi, mong ngăn chặn cái chết oan uổng của những người đàn ông ấy. Khi đến nơi hành quyết, ngài thấy có rất đông người dân tụ tập ở đó. Những người bị kết án, với hai tay bị trói chéo trước ngực và khuôn mặt bị che kín, đã quỳ sấp xuống đất, vươn cổ trần ra và chờ đợi nhát kiếm. Thánh nhân thấy tên đao phủ, với vẻ mặt nghiêm khắc và điên cuồng, đã rút thanh gươm ra. Cảnh tượng đó khiến mọi người kinh hoàng và đau buồn. Kết hợp sự hiền lành với sự dũng cảm, vị Thánh của Chúa Kitô tự tin bước đi giữa đám đông, không chút sợ hãi giật thanh gươm khỏi tay tên đao phủ, ném nó xuống đất và sau đó giải thoát những người đàn ông bị kết án khỏi xiềng xích. Ngài đã làm tất cả những điều này với sự can đảm phi thường, và không ai dám cản ngài lại, bởi vì lời nói của ngài mang uy quyền và trong hành động của ngài thể hiện sức mạnh thiêng liêng: ngài vĩ đại trước mặt Thiên Chúa và mọi người. Những người đàn ông được cứu khỏi án tử hình, khi thấy mình bất ngờ được hồi sinh từ cõi chết cận kề, đã tuôn trào những giọt nước mắt nồng nàn và thốt lên những tiếng reo vui sướng, còn toàn thể dân chúng tụ tập tại đó đều dâng lời tạ ơn lên vị thánh của họ. Thống đốc Eustathius cũng đến đây và muốn tiến lại gần vị thánh. Nhưng vị thánh của Chúa đã quay lưng lại với ông ta một cách khinh bỉ, và khi ông ta quỳ xuống dưới chân ngài, ngài đã đẩy ông ta ra. Kêu gọi sự trừng phạt của Chúa giáng xuống ông ta, Thánh Nicholas đe dọa sẽ khiến ông ta phải chịu cực hình vì cách cai trị bất công và hứa sẽ báo cáo những hành động của ông ta với nhà vua. Bị lương tâm cắn rứt và hoảng sợ trước những lời đe dọa của vị thánh, vị quan cai trị đã khóc lóc van xin lòng thương xót. Hối hận về sự bất công của mình và mong muốn hòa giải với vị cha vĩ đại là Thánh Nicholas, ông đã đổ lỗi cho các trưởng lão thành phố, Simonides và Eudoxius. Nhưng lời dối trá không thể che giấu được, vì vị thánh nhân biết rõ rằng viên quan đã kết án tử hình những người vô tội, sau khi bị hối lộ bằng vàng. Viên quan

đã van xin sự tha thứ trong một thời gian dài, và chỉ khi ông với lòng khiêm nhường sâu sắc và nước mắt thừa nhận tội lỗi của mình, vị thánh nhân của Chúa Kitô mới ban cho ông sự tha thứ.

Khi chứng kiến tất cả những gì đã xảy ra, các tướng quân đi cùng vị thánh đã kinh ngạc trước lòng nhiệt thành và lòng nhân từ của vị giám mục vĩ đại của Thiên Chúa. Sau khi được hưởng những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài và nhận được lời chúc lành cho hành trình của mình, họ lên đường đến Phrygia để thi hành mệnh lệnh của hoàng đế. Khi đến nơi xảy ra cuộc nổi loạn, họ nhanh chóng dập tắt nó và, sau khi hoàn thành nhiệm vụ của nhà vua, họ vui mừng trở về Byzantium. Nhà vua và tất cả các quan đại thần đã ca ngợi và vinh danh họ hết mực, và họ được vinh dự tham gia vào hội đồng hoàng gia. Nhưng những kẻ xấu, ghen tị với vinh quang của các tướng quân, đã nảy sinh lòng thù hận đối với họ. Với ý đồ xấu xa, họ đến gặp quan cai trị thành phố Evlavii và vu khống những người đó, nói rằng:

– Các tướng quân đang đưa ra những lời khuyên không tốt, vì theo như chúng tôi nghe được, họ đang đưa ra những điều mới lạ và âm mưu làm hại nhà vua.

Để lôi kéo vị vua về phe mình, họ đã tặng ông ta rất nhiều vàng. Vị quan đó đã tâu lên nhà vua. Nghe tin này, nhà vua không cần điều tra gì cả đã ra lệnh giam những vị tướng đó vào ngục tối, vì lo sợ họ sẽ trốn thoát trong bí mật và thực hiện mưu đồ xấu xa của mình. Chịu đựng cảnh giam cầm và biết rõ mình vô tội, các vị tướng không hiểu tại sao mình lại bị tống vào ngục. Một thời gian sau, những kẻ vu khống bắt đầu lo sợ rằng sự vu khống và lòng thù hận của họ sẽ bị phơi bày và chính họ có thể phải gánh chịu hậu quả. Vì vậy, họ đến gặp quan tổng trấn và nài nỉ ông ta đừng để những người đó sống lâu như vậy nữa, mà hãy nhanh chóng kết án tử hình họ. Bị vướng vào lưới tham lam, quan tổng trấn buộc phải thực hiện đến cùng lời hứa của mình. Ngài lập tức đến gặp nhà vua và, như một sứ giả của cái ác, xuất hiện trước mặt nhà vua với khuôn mặt u ám và ánh mắt u sầu. Đồng thời, ngài muốn thể hiện rằng mình rất quan tâm đến tính mạng của nhà vua và trung thành tuyệt đối với ngài. Cố gắng khơi dậy cơn thịnh nộ của nhà vua đối với những người vô tội, ngài bắt đầu nói những lời nịnh hót và xảo quyệt, rằng:

– Thưa bệ hạ, không một tù nhân nào trong ngục muốn hối cải. Tất cả bọn chúng đều ngoan cố với ý đồ xấu xa, không ngừng âm mưu chống lại bệ hạ. Vì vậy, xin hãy ra lệnh tra tấn chúng ngay lập tức, để chúng không kịp báo trước cho chúng ta và không thể hoàn thành âm mưu độc ác mà chúng đã vạch ra chống lại các quan tổng trấn và bệ hạ.

Lo lắng trước những lời nói đó, nhà vua lập tức kết án tử hình các tướng quân. Nhưng vì đã là buổi tối, nên việc hành quyết họ được hoãn lại đến sáng hôm sau. Người gác ngục biết được chuyện này. Sau khi khóc thầm rất nhiều vì thảm họa đang đe dọa những người vô tội, ông đến gặp các tướng quân và nói với họ:

– Đối với tôi, thà rằng tôi chưa từng biết các ngài và chưa từng được tận hưởng những cuộc trò chuyện vui vẻ cùng bữa ăn ngon lành với các ngài thì tốt hơn. Khi đó, tôi sẽ dễ dàng chấp nhận sự chia ly với các ngài và không phải đau buồn sâu sắc trong lòng trước tai họa ập xuống đầu các ngài. Sáng mai, sự chia ly cuối cùng và khủng khiếp nhất sẽ ập đến với chúng ta. Tôi sẽ không còn được nhìn thấy gương mặt thân thương của các ngài và không còn được nghe giọng nói của các ngài nữa, vì nhà vua đã ra lệnh xử tử các ngài. Hãy dặn dò tôi phải xử lý tài sản của các ngài như thế nào, khi còn kịp và cái chết chưa cản trở các ngài bày tỏ ý nguyện của mình.

Ông ngắt quãng lời nói bằng những tiếng nức nở. Khi biết được số phận khủng khiếp của mình, các tướng quân xé rách áo quần và giật tóc mình, nói rằng:

– Kẻ thù nào lại ghen tị với cuộc sống của chúng ta đến nỗi chúng ta, như những tên ác nhân, lại bị kết án tử hình? Chúng ta đã làm gì mà đáng phải chịu cái chết như vậy?

Họ gọi tên những người thân và bạn bè của mình, lấy chính Đức Chúa Trời làm chứng rằng họ không làm điều ác nào cả, và khóc lóc thảm thiết. Một trong số họ, tên là Nepotian, nhớ đến Thánh Nicholas, người đã hiện ra tại Myra như một vị trợ giúp vinh quang và người bảo trợ nhân từ, cứu ba người đàn ông khỏi cái chết. Và các tướng quân bắt đầu cầu nguyện:

– Lạy Thánh Nicholas, Đấng đã cứu ba người đàn ông khỏi cái chết oan ức, xin hãy nhìn xuống chúng con lúc này, vì chúng con không thể trông cậy vào sự giúp đỡ của loài người. Tai họa lớn đã ập xuống chúng con, và không có ai có thể cứu chúng con khỏi cơn hoạn nạn này. Tiếng nói của chúng con đã tắt lịm trước khi linh hồn rời khỏi thân xác, và lưỡi chúng con khô khốc, bị thiêu đốt bởi ngọn lửa đau thương trong lòng, đến nỗi chúng con không thể dâng lời cầu nguyện lên Ngài. Thi thiên 78: *“Xin ân sủng của Ngài mau chóng đến với chúng con , vì chúng con đã kiệt quệ vô cùng*.” Ngày mai họ muốn giết chúng con, xin Ngài hãy mau đến giúp đỡ chúng con và cứu chúng con, những kẻ vô tội, khỏi cái chết.

Đấng lắng nghe lời cầu nguyện của những ai kính sợ Ngài và, như một người Cha, tuôn đổ ân sủng trên các con cái của Ngài, Chúa Trời đã sai vị thánh được Ngài yêu mến, vị tổng giám mục vĩ đại Nicholas, đến giúp đỡ những người bị kết án. Đêm đó, trong giấc ngủ, vị thánh của Đấng Christ đã hiện ra trước mặt nhà vua và nói:

– Hãy mau dậy và giải thoát các quan tổng trấn đang chịu khổ trong ngục tối. Họ đã bị vu khống, và họ đang phải chịu khổ một cách oan uổng.

Vị thánh đã giải thích chi tiết toàn bộ sự việc cho nhà vua và nói thêm:

– Nếu ngài không nghe lời ta và không thả họ ra, thì ta sẽ gây ra một cuộc nổi loạn chống lại ngài, giống như cuộc nổi loạn từng xảy ra ở Phrygia, và ngài sẽ chết một cái chết thảm khốc.

Ngạc nhiên trước sự táo bạo đó, nhà vua bắt đầu suy ngẫm xem tại sao người đàn ông này lại dám xâm nhập vào nội cung vào ban đêm, và nói với ông ta:

– Ngươi là ai mà dám đe dọa chúng ta và vương quốc của chúng ta?

Người đó đáp:

– Tên tôi là Nikolai, tôi là tổng giám mục của tổng giáo phận Mir.

Vua bối rối, đứng dậy và bắt đầu suy ngẫm ý nghĩa của giấc mơ này. Trong khi đó, cùng đêm đó, vị thánh cũng hiện ra trước mặt quan tổng trấn Evlaviy và báo cho ông ta về những người bị kết án, giống như những gì đã nói với nhà vua. Evlaviy bừng tỉnh khỏi giấc ngủ và cảm thấy sợ hãi. Trong khi ông đang suy ngẫm về giấc mộng ấy, một sứ giả do nhà vua phái đến đã đến gặp ông và kể lại những gì nhà vua đã thấy trong giấc mơ. Vội vã đến gặp nhà vua, quan tổng trấn kể lại giấc mộng của mình, và cả hai đều ngạc nhiên vì đã thấy cùng một điều. Ngay lập tức, nhà vua ra lệnh đưa các quan tổng trấn ra khỏi ngục tối và nói với họ:

– Các ngươi đã dùng phép thuật nào để khiến chúng ta có những giấc mơ như vậy? Người đàn ông hiện ra trước mặt chúng ta đã rất tức giận và đe dọa chúng ta, khoe khoang rằng sẽ sớm giáng xuống chúng ta một cuộc chiến.

Các quan tổng trấn nhìn nhau đầy bối rối, và vì không biết gì, họ chỉ nhìn nhau với ánh mắt đầy xúc động. Nhận thấy điều đó, nhà vua dịu giọng và nói:

– Đừng sợ bất cứ điều ác nào, hãy nói ra sự thật.

Họ đáp lại trong nước mắt và tiếng nức nở:

– Bệ hạ, chúng tôi không biết bất kỳ phép thuật nào và cũng không hề ấp ủ ý đồ xấu xa nào chống lại vương quốc của ngài, xin chính Đức Chúa Toàn Tri làm chứng cho điều đó. Nếu chúng tôi lừa dối ngài, và ngài phát hiện ra điều gì xấu xa về chúng tôi, thì xin đừng có lòng thương xót hay khoan dung nào dành cho chúng tôi cũng như dòng dõi của chúng tôi. Từ cha ông, chúng tôi đã học được cách tôn kính nhà vua và trên hết là trung thành với ngài. Vì vậy, hiện nay chúng tôi vẫn trung thành bảo vệ tính mạng của ngài và, đúng với chức vụ của mình, luôn kiên định thực hiện những mệnh lệnh mà ngài giao phó. Với lòng tận tụy phụng sự Bệ hạ, chúng tôi đã dẹp tan cuộc nổi loạn ở Phrygia, chấm dứt cuộc xung đột nội bộ và đã chứng minh đủ lòng dũng cảm bằng chính hành động của mình, như những người am hiểu rõ điều này đã làm chứng. Trước đây, triều đình của ngài đã ban cho chúng tôi vô vàn vinh dự, nhưng giờ đây ngài lại nổi giận, dùng vũ lực chống lại chúng tôi và không thương xót kết án chúng tôi phải chịu cái chết đau đớn. Vậy nên, thưa bệ hạ, chúng tôi cho rằng mình đang phải chịu khổ chỉ vì lòng tận tụy duy nhất dành cho ngài; chính vì điều đó mà chúng tôi bị kết án, và thay vì vinh quang và danh dự mà chúng tôi từng hy vọng nhận được, nỗi sợ hãi cái chết đã ập đến với chúng tôi.

Nghe những lời ấy, nhà vua cảm động và hối hận về hành động bồng bột của mình. Bởi vì ngài run rẩy trước tòa án của Đức Chúa Trời và cảm thấy xấu hổ vì chiếc áo choàng hoàng gia của mình, khi nhận ra rằng, dù là người lập pháp cho người khác, ngài lại suýt nữa đã ban ra một phán quyết phi pháp. Ngài nhìn những người bị kết án với ánh mắt nhân từ và trò chuyện với họ một cách hiền lành. Trong khi lắng nghe những lời nói của ngài với lòng xúc động, các tướng lĩnh bỗng thấy Thánh Nicholas đang ngồi bên cạnh nhà vua và ra hiệu hứa hẹn sự tha thứ cho họ. Nhà vua ngắt lời họ và hỏi:

– Người tên Nicholas này là ai, và ông ấy đã cứu những người nào? – Hãy kể cho ta nghe về chuyện này.

Nepotian kể lại mọi chuyện theo thứ tự. Lúc đó, nhà vua, khi biết rằng Thánh Nicholas là một vị thánh vĩ đại của Chúa, đã ngạc nhiên trước sự can đảm và lòng nhiệt thành to lớn của ngài trong việc bảo vệ những người bị áp bức, liền tha bổng cho các quan tổng trấn đó và nói với họ:

– Không phải ta ban cho các ngươi sự sống, mà là vị tôi tớ vĩ đại của Chúa là Thánh Nicholas, người mà các ngươi đã cầu xin giúp đỡ. Hãy đến gặp ngài và dâng lời tạ ơn. Hãy nói với ngài thay ta rằng ta đã tuân theo mệnh lệnh của ngài, để vị thánh được Chúa yêu mến đừng giận ta.

Nói xong, ông trao cho họ cuốn Phúc Âm bằng vàng, lư hương bằng vàng nạm đá quý và hai ngọn đèn, đồng thời ra lệnh dâng tất cả những vật này cho Nhà thờ Mir. Sau khi được cứu thoát một cách kỳ diệu, các tướng quân lập tức lên đường. Khi đến Mir, họ vui mừng và hân hoan vì lại được diện kiến vị thánh. Họ dâng lên Thánh Nicholas lời tạ ơn sâu sắc vì sự giúp đỡ kỳ diệu của ngài và hát lên: Thi thiên 34 – *"Lạy Chúa! Ai sánh được với Ngài, Đấng giải cứu kẻ yếu khỏi kẻ mạnh, người nghèo và khốn cùng khỏi kẻ cướp bóc họ?"*

Họ đã phân phát những khoản bố thí hào phóng cho những người nghèo và khốn khó, rồi trở về nhà an toàn.

Đó là những việc làm của Đức Chúa Trời, nhờ đó Chúa đã tôn vinh vị thánh của Ngài. Danh tiếng về những việc ấy, như trên đôi cánh, lan tỏa khắp nơi, vượt qua biển cả và lan rộng khắp vũ trụ, đến nỗi không có nơi nào mà người ta không biết đến những phép lạ vĩ đại và kỳ diệu của vị tổng giám mục vĩ đại Nicholas, những điều ngài đã thực hiện nhờ ân sủng được ban cho từ Đức Chúa Trời Toàn Năng.

Một lần nọ, những người lữ hành đang đi thuyền từ Ai Cập đến xứ Lycia thì gặp phải sóng biển dữ dội và cơn bão. Cánh buồm đã bị gió lốc xé rách, con thuyền rung lắc dữ dội vì những đợt sóng đập vào, và tất cả đều tuyệt vọng về việc được cứu sống. Lúc đó, họ nhớ đến vị Tổng Giám mục vĩ đại Nicholas, người mà họ chưa từng gặp mặt nhưng chỉ nghe nói rằng ngài là Đấng cứu giúp nhanh chóng cho tất cả những ai kêu cầu ngài trong hoạn nạn. Họ hướng về ngài với lời cầu nguyện và bắt đầu kêu cầu ngài giúp đỡ. Vị Thánh lập tức hiện ra trước mặt họ, bước lên tàu và nói:

– Các con đã kêu cầu Ta, và Ta đã đến giúp đỡ các con; đừng sợ!

Mọi người đều thấy ngài cầm lấy bánh lái và bắt đầu điều khiển con tàu. Giống như ngày xưa Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã ra lệnh cho gió và biển im lặng (Mt 8,26), vị thánh lập tức ra lệnh cho cơn bão ngừng lại, nhớ lại lời Chúa trong Gioan 14: *"Ai tin vào Ta, thì những việc Ta làm, người ấy cũng sẽ làm được*."

Vậy, người tôi tớ trung thành của Chúa đã ra lệnh cho cả biển lẫn gió, và chúng đều vâng lời Ngài. Sau đó, nhờ gió thuận lợi, những người lữ hành đã cập bến thành Miram. Khi lên bờ, họ đi vào thành phố, mong được gặp người đã cứu họ khỏi tai họa. Họ gặp vị thánh trên đường đến nhà thờ và, khi nhận ra ngài là ân nhân của mình, họ quỳ xuống dưới chân ngài, dâng lên lời tạ ơn. Thánh Nicholas vĩ đại không chỉ cứu họ khỏi tai họa và cái chết, mà còn quan tâm đến sự cứu rỗi tâm hồn họ. Bằng sự sáng suốt của mình, ngài đã nhìn thấu bằng đôi mắt thiêng liêng tội tà dâm trong lòng họ – tội lỗi khiến con người xa cách Thiên Chúa và làm họ chệch hướng khỏi việc tuân giữ các điều răn của Ngài – và ngài nói với họ:

– Hỡi các con, ta khẩn khoản xin các con, hãy suy ngẫm trong lòng và sửa đổi tâm hồn cùng tư tưởng của mình để làm đẹp lòng Chúa. Bởi vì, dù chúng ta có che giấu điều đó trước mặt nhiều người và tự cho mình là người công chính, nhưng không có gì có thể che giấu được trước mặt Thiên Chúa. Vì vậy, hãy nỗ lực hết sức để giữ gìn sự thánh thiện của linh hồn và sự trong sạch của thân thể. Vì như Thánh Tông Đồ Phaolô đã nói: *"Các con không biết rằng các con là đền thờ của Thiên Chúa, và Thánh Thần của Thiên Chúa ngự trong các con sao? Ai phá hủy đền thờ của Thiên Chúa, thì Thiên Chúa sẽ trừng phạt người ấy"* (1 Cr 3,16–17).

Sau khi dạy dỗ những người đàn ông ấy bằng những lời khuyên có ích cho tâm hồn, vị thánh đã tiễn họ ra về trong bình an. Bởi vì vị thánh ấy, với tính cách của mình, giống như một người cha yêu thương con cái, và ánh mắt của ngài tỏa sáng bởi ân sủng thiêng liêng, giống như một Thiên thần của Chúa. Từ khuôn mặt ngài tỏa ra một tia sáng rực rỡ, giống như từ khuôn mặt của Mô-sê, và những ai chỉ cần nhìn ngài cũng đã nhận được ân huệ lớn lao. Ai đang bị đè nặng bởi bất kỳ dục vọng hay nỗi buồn tâm hồn nào, chỉ cần hướng ánh mắt về phía vị thánh nhân là đã nhận được sự an ủi trong nỗi buồn của mình; và ai trò chuyện với ngài, người ấy đã tiến bộ trên con đường thiện lành. Và không chỉ các Kitô hữu, mà cả những người ngoại đạo, nếu ai trong số họ có dịp nghe những lời nói ngọt ngào và tràn đầy tình yêu thương của vị thánh, đều cảm động sâu sắc; họ gạt bỏ sự thù hận của sự vô tín đã ăn sâu vào lòng từ thuở ấu thơ, và đón nhận lời chân lý chính đáng vào lòng, từ đó bước vào con đường cứu rỗi.

Vị thánh nhân vĩ đại của Đức Chúa Trời đã sống nhiều năm tại thành phố Myra, tỏa sáng lòng nhân từ thiêng liêng, theo lời Kinh Thánh: *"Như ngôi sao mai giữa những đám mây, như trăng tròn giữa ban ngày, như mặt trời chiếu sáng trên đền thờ Đấng Tối Cao, và như cầu vồng rực rỡ giữa những đám mây hùng vĩ, như hoa hồng vào những ngày xuân, như hoa huệ bên suối nước, như cành cây Li-ban vào những ngày hè"* (Sách Sirach 50:6–8).

Khi đã bước vào tuổi già, vị thánh đã hoàn thành bổn phận của bản tính con người và, sau một thời gian ngắn bị bệnh thể xác, ngài đã an lành kết thúc cuộc đời tạm bợ. Với niềm vui và tiếng hát Thánh vịnh, ngài đã bước vào cuộc sống vĩnh cửu đầy hạnh phúc, được các Thiên thần thánh tháp tùng và được các thánh đón tiếp. Các giám mục của xứ Lycia cùng toàn thể hàng giáo sĩ, các tu sĩ và vô số dân chúng từ mọi thành phố đã tụ tập tại lễ an táng của ngài. Thi hài đáng kính của vị thánh đã được an táng một cách trang trọng tại nhà thờ chính tòa Mirskaya thuộc tổng giáo phận vào ngày thứ sáu của tháng Mười Hai[8595] . Từ di cốt thánh của vị thánh nhân này, đã xảy ra vô số phép lạ. Bởi vì di cốt của ngài tỏa ra một loại dầu thơm và chữa lành, mà những người bệnh được xức lên và được chữa lành. Vì lý do này, người dân từ khắp nơi trên thế giới đổ xô đến quan tài của ngài, tìm kiếm sự chữa lành cho bệnh tật của mình và nhận được điều đó. Bởi vì loại dầu thánh ấy không chỉ chữa lành các bệnh tật về thể xác, mà còn cả những bệnh tật về tâm hồn, và xua đuổi các linh hồn xấu xa. Bởi vì vị thánh không chỉ khi còn sống, mà ngay cả sau khi qua đời, ngài vẫn chiến đấu chống lại ma quỷ và chiến thắng chúng, như ngài vẫn đang chiến thắng cho đến ngày nay.

Một số người kính sợ Thiên Chúa, sống ở cửa sông Tanais, khi nghe tin về các di cốt chảy dầu và có khả năng chữa lành của Thánh Nicholas, người của Chúa Kitô, đang an nghỉ tại Mirai ở Lycia, đã quyết định đi thuyền ra biển để đến đó thờ lạy các di cốt. Nhưng con quỷ xảo quyệt, từng bị Thánh Nicholas trục xuất khỏi đền thờ Artemis, khi thấy con tàu đang chuẩn bị ra khơi để đến với vị Thánh vĩ đại này, và vì tức giận Thánh nhân vì đã phá hủy đền thờ và trục xuất mình, đã âm mưu cản trở những người đàn ông này thực hiện hành trình đã định, nhằm tước đoạt cơ hội chiêm bái thánh tích của họ. Nó biến thành một người phụ nữ đang mang theo một bình đựng dầu thánh, và nói với họ:

– Tôi rất muốn mang chiếc bình này đến quan tài của vị thánh, nhưng tôi rất sợ chuyến đi biển, vì việc đi thuyền trên biển rất nguy hiểm đối với một người phụ nữ yếu ớt và đang mắc bệnh dạ dày như tôi. Vì vậy, tôi xin các vị hãy nhận lấy chiếc bình này, mang nó đến quan tài của vị thánh và đổ dầu vào đèn thánh.

Nói xong, con quỷ trao chiếc bình cho những người sùng đạo. Không ai biết loại dầu đó đã bị pha trộn với những bùa chú ma quỷ nào, nhưng nó được định sẵn để gây hại và dẫn đến cái chết cho những người lữ hành. Không biết tác hại chết người của loại dầu này, họ đã làm theo yêu cầu, cầm lấy chiếc bình, rời bến và đi thuyền suốt cả ngày mà không gặp sự cố gì. Nhưng đến sáng hôm sau, gió bắc nổi lên, khiến chuyến đi của họ trở nên khó khăn.

Sau nhiều ngày lâm vào cảnh khốn khó trên biển, họ đã mất kiên nhẫn vì sóng biển dâng cao liên miên và quyết định quay trở lại. Họ vừa mới điều khiển con tàu quay về hướng của mình thì Thánh Nicholas xuất hiện trước mặt họ trên một chiếc thuyền nhỏ và nói:

– Các anh đang đi đâu vậy, và tại sao lại bỏ con đường cũ để quay trở lại? Các anh có thể làm dịu cơn bão và khiến hành trình trở nên thuận lợi. Những mưu mô của quỷ dữ đang cản trở các anh, bởi vì chiếc bình đựng dầu thánh này không phải do một người phụ nữ trao cho các anh, mà là do quỷ dữ. Hãy ném chiếc bình đó xuống biển, và ngay lập tức hành trình của các anh sẽ trở nên bình an.

Nghe vậy, các thủy thủ liền ném chiếc bình của quỷ xuống vực thẳm biển cả. Ngay lập tức, khói đen và ngọn lửa bốc ra từ đó, không khí tràn ngập mùi hôi thối kinh khủng, biển cả nứt toác, nước sôi sục và sủi bọt cho đến tận đáy, còn những tia nước bắn tung tóe trông giống như những tia lửa. Những người trên tàu vô cùng kinh hoàng và la hét vì sợ hãi, nhưng vị trợ thủ xuất hiện đã ra lệnh cho họ hãy can đảm và đừng sợ hãi, rồi xoa dịu cơn bão đang cuồng nộ, giải thoát các hành khách khỏi nỗi sợ hãi, và đảm bảo hành trình của họ đến Lycia được an toàn. Bởi ngay lập tức, một làn gió mát mẻ và thơm ngát thổi qua họ, và họ đã vui vẻ và an toàn cập bến thành phố mà họ hằng mong đợi. Sau khi cúi đầu kính lạy thi hài tỏa hương của vị trợ giúp và người bảo trợ nhanh chóng của mình, họ dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời toàn năng và cử hành nghi thức cầu nguyện dành cho Thánh Cha vĩ đại Nicholas. Sau đó, họ trở về quê hương, kể lại cho mọi người ở khắp mọi nơi về những gì đã xảy ra với họ trên đường đi. Vị thánh vĩ đại này đã thực hiện nhiều phép lạ vĩ đại và huy hoàng trên đất liền cũng như trên biển. Ngài đã giúp đỡ những người lâm vào hoạn nạn, cứu họ khỏi bị chìm đắm và đưa họ lên bờ từ đáy biển sâu, giải thoát họ khỏi cảnh bị giam cầm và đưa những người được giải thoát về nhà, giải thoát họ khỏi xiềng xích và ngục tù, bảo vệ họ khỏi bị chém bằng gươm, cứu họ khỏi cái chết và ban cho nhiều người những phép chữa lành: cho người mù

[8595] Năm qua đời của Thánh Nicholas không được biết chính xác: theo một số nguồn, Vị Thánh được Chúa yêu mến đã qua đời vào năm 341, còn theo các nguồn khác, năm qua đời của ngài được cho là nằm trong khoảng từ 346 đến 352.

được sáng mắt, cho người què đi lại được, cho người điếc nghe được, cho người câm có thể nói được. Ngài đã làm giàu cho nhiều người đang sống trong cảnh nghèo khó và cùng cực, ban thức ăn cho người đói và luôn hiện diện như một người trợ giúp sẵn sàng, một người bảo trợ ấm áp, một người cầu thay và người bảo vệ nhanh chóng trong mọi hoàn cảnh khó khăn. Và ngày nay, Ngài cũng giúp đỡ những ai kêu cầu Ngài và giải thoát họ khỏi những tai ương. Không thể đếm hết các phép lạ của Ngài, cũng như không thể mô tả chi tiết tất cả chúng. Vị Thánh làm phép lạ vĩ đại này được biết đến ở phương Đông lẫn phương Tây, và các phép lạ của Ngài được truyền tụng khắp bốn phương trời. Xin Đức Chúa Ba Ngôi, Cha, Con và Thánh Thần, được tôn vinh qua Ngài, và danh thánh của Ngài được mọi người ca ngợi mãi mãi. Amen.

- Những phép lạ của Thánh Nicholas xảy ra sau khi ngài qua đời

Thánh Nicholas đã thực hiện rất nhiều phép lạ, không chỉ khi còn sống mà cả sau khi qua đời. Ai mà không ngạc nhiên khi nghe về những phép lạ kỳ diệu của ngài! Bởi vì không chỉ một quốc gia hay một vùng đất nào, mà cả thế gian này đều tràn ngập những phép lạ của Thánh Nicholas. Hãy đến với người Hy Lạp, họ cũng kinh ngạc trước những phép lạ ấy; hãy đến với người La Mã – họ cũng ngạc nhiên trước những phép lạ ấy, và ở Syria, người ta ca ngợi chúng. Trên khắp mặt đất, người ta đều kinh ngạc trước Thánh Nicholas. Hãy đến với nước Nga, và ngài sẽ thấy rằng không có thành phố hay làng mạc nào mà không tràn ngập những phép lạ của Thánh Nicholas.

Dưới triều vua Hy Lạp Lê và dưới thời Thượng phụ Athanasius, phép lạ vinh quang sau đây của Thánh Nicholas đã xảy ra[8596] . Thánh Nicholas vĩ đại, Tổng Giám mục Myra, vào nửa đêm đã hiện ra trong một giấc mơ cho một vị lão niên đạo đức, nhân ái và hiếu khách tên là Theophanes, và nói:

– Hãy thức dậy, Theophanes, hãy đứng dậy và đến gặp họa sĩ thánh tượng Aggai, rồi bảo ông ấy vẽ ba bức thánh tượng: Chúa Cứu Thế Giêsu Kitô, Đấng đã tạo dựng trời đất và tạo ra con người; Đức Mẹ Đồng Trinh, Mẹ Thiên Chúa; và vị cầu thay cho dân Kitô giáo, Thánh Nicôla, Tổng Giám mục thành Myra, vì Ta phải hiện diện tại Constantinople. Sau khi vẽ xong ba bức thánh tượng này, hãy dâng chúng lên Đức Thượng phụ và toàn thể Hội đồng Giám mục. Hãy đi ngay và đừng trái lời.

Nói xong, vị thánh bỗng biến mất. Khi tỉnh giấc, người đàn ông sùng đạo tên là Theophanes đã kinh hãi trước thị kiến ấy, liền đến gặp họa sĩ Aggeus và nài nỉ ông vẽ ba bức thánh tượng vĩ đại: Chúa Cứu Thế, Đức Mẹ Đồng Trinh và Thánh Nicholas. Nhờ ân sủng của Đấng Cứu Thế nhân từ, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Thánh Nicola, Aggai đã vẽ xong ba bức tranh thánh và mang đến cho Theophanes. Ông nhận lấy các bức tranh, đặt chúng trong phòng và nói với vợ:

– Chúng ta hãy dọn bữa ăn tại nhà mình và cầu nguyện với Chúa về những lỗi lầm của chúng ta.

Bà vui vẻ đồng ý. Theophanes đi chợ, mua thức ăn và đồ uống trị giá ba mươi đồng vàng, rồi mang về nhà và dọn một bữa tiệc trang trọng cho Đức Thượng phụ. Sau đó, ông đến gặp Đức Thượng phụ và xin ngài cùng toàn thể Hội đồng ban phước lành cho ngôi nhà của mình và nếm thử thức ăn và đồ uống. Đức Thượng phụ đồng ý, cùng với các vị trong hội đồng đến nhà Theophanes, và khi bước vào phòng trên lầu, ngài thấy ở đó có ba bức tượng thánh: một bức vẽ Chúa Giêsu Kitô, một bức vẽ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, và bức thứ ba vẽ Thánh Nicôla. Bước đến bức tượng thánh đầu tiên, Đức Thượng phụ nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng muôn loài. Thật xứng đáng khi vẽ bức tranh này.

Sau đó, khi bước đến bức tranh thánh thứ hai, ngài nói:

– Thật tốt lành khi bức tranh này về Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, Đấng cầu thay cho cả thế giới, đã được vẽ nên.

Khi đến trước bức tranh thứ ba, Đức Thượng phụ nói:

– Đây là hình ảnh của Thánh Nicola, Tổng Giám mục Mir. Không nên khắc họa ngài trên một bức thánh tượng vĩ đại như thế này. Bởi vì ngài là con trai của những người dân thường, Theophanes và Nonna, xuất thân từ dân làng.

Sau khi gọi chủ nhà lại, Đức Thượng phụ nói với ông:

– Theophanes, đừng cho người ta vẽ hình ảnh Thánh Nicholas với kích thước lớn như vậy.

Và ngài ra lệnh mang bức tượng thánh ra ngoài, nói:

– Thật không xứng đáng khi ngài đứng ngang hàng với Chúa Kitô và Đức Mẹ.

[8596] Đó là vào giữa thế kỷ VIII, dưới triều vua Lêô Isaurian.

Người đàn ông đạo đức Theophanes, với nỗi buồn sâu sắc, đã mang bức tượng Thánh Nicholas ra khỏi phòng trên, đặt nó ở một vị trí trang trọng trong nhà kho, và sau khi chọn một thầy phó tế từ hội đồng, một người đàn ông tuyệt vời và thông minh tên là Callistus, ngài đã nài nỉ anh ta đứng trước bức tượng và tôn vinh Thánh Nicholas. Còn bản thân ngài thì vô cùng đau buồn trước những lời của Đức Thượng phụ, người đã ra lệnh mang bức tượng Thánh Nicola ra khỏi phòng trên. Nhưng trong Kinh Thánh có chép: 1 Sa-mu-ên 2 – *"Ta sẽ tôn vinh những ai tôn vinh Ta*". Chúa Giê-su Ki-tô đã phán như vậy, và như chúng ta sẽ thấy, chính vị Thánh này cũng sẽ được tôn vinh.

Sau khi tôn vinh Đức Chúa Trời và Đức Mẹ Vô Nhiễm, Đức Thượng phụ ngồi vào bàn cùng toàn thể hội đồng của ngài, và bữa tiệc bắt đầu. Sau bữa tiệc, Đức Thượng phụ đứng dậy, tôn vinh Đức Chúa Trời và Đức Mẹ Vô Nhiễm, rồi uống rượu và vui vẻ cùng toàn thể hội đồng. Trong khi đó, Callistus lại ca ngợi và tôn vinh vị thánh vĩ đại Nicholas. Nhưng rồi rượu cạn, trong khi Đức Thượng phụ và những người tháp tùng ngài vẫn muốn tiếp tục uống và vui vẻ. Một người trong số những người có mặt đã nói:

– Theophanes, hãy mang thêm rượu cho Đức Thượng phụ và làm cho bữa tiệc thêm vui vẻ.

Người ấy đáp:

– Không còn rượu nữa, thưa ngài, và ở chợ cũng không còn bán, không có nơi nào để mua cả.

Buồn bã, anh nhớ đến Thánh Nicholas, người đã hiện ra với anh trong một giấc mơ và ra lệnh cho anh vẽ ba bức tranh thánh: Đấng Cứu Thế, Đức Mẹ Đồng Trinh và chính ngài. Lén lút bước vào căn phòng nhỏ, anh quỳ xuống trước bức tranh thánh và nói trong nước mắt:

– Ôi Thánh Nicholas! Sự ra đời của ngài thật kỳ diệu và cuộc đời ngài thật thánh thiện, ngài đã chữa lành cho biết bao người bệnh tật. Con xin ngài, xin hãy hiện ra một phép lạ tại nơi khốn khó này của con, xin ban thêm rượu cho con.

Nói xong và làm dấu thánh, ông đi đến nơi đặt những bình đựng rượu; và nhờ lời cầu nguyện của Thánh Nicholas, vị thánh làm phép lạ, những bình đó đã đầy ắp rượu. Vui mừng cầm lấy rượu, Theophanes mang đến cho tổng giám mục. Vị tổng giám mục nếm thử và khen ngợi, nói rằng:

– Tôi chưa từng uống loại rượu nào như thế này.

Và những người đang uống rượu đều nói rằng Theophanes đã giữ lại loại rượu ngon nhất để dành cho phần cuối của bữa tiệc. Còn ông thì giấu kín phép lạ kỳ diệu của Thánh Nicholas.

Trong không khí vui vẻ, Đức Thượng phụ và các vị trong Hội đồng đã trở về dinh thự tại Nhà thờ Thánh Sofia. Sáng hôm sau, một quý tộc tên là Theodore, đến từ làng Sierdalsky thuộc đảo Mirsky, đã đến gặp Đức Thượng phụ và khẩn cầu ngài đến thăm nhà ông, vì con gái duy nhất của ông đang bị quỷ ám, và xin ngài đọc Thánh Phúc Âm trên đầu cô bé. Đức Thượng phụ đồng ý, cầm lấy cuốn Tứ Phúc Âm, cùng toàn thể Hội đồng lên thuyền và ra khơi. Khi họ đang ở giữa biển khơi, một cơn bão nổi lên khiến sóng biển dâng cao dữ dội, con thuyền bị lật úp, và tất cả đều rơi xuống nước, phải bơi lội trong khi kêu khóc và cầu xin Thiên Chúa, Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và Thánh Nicola. Và Đức Mẹ Vô Nhiễm đã khẩn cầu Con của Mẹ, Đấng Cứu Thế Giêsu Kitô, vì đoàn giám mục, để hàng giáo sĩ không bị diệt vong. Lúc đó, con thuyền đã trở lại thẳng đứng, và nhờ ân sủng của Thiên Chúa, toàn thể đoàn giám mục lại lên được thuyền. Khi đang chìm xuống, Đức Thượng phụ Athanasius nhớ lại tội lỗi của mình trước Thánh Nicholas và, vừa kêu khóc vừa cầu nguyện, ngài nói:

"Lạy vị Thánh vĩ đại của Chúa Kitô, Tổng Giám mục thành Myra, Thánh Nicholas, Đấng làm phép lạ, con đã phạm tội trước mặt ngài, xin ngài tha thứ và thương xót con, kẻ tội lỗi và khốn khổ này, xin cứu con khỏi vực thẳm biển cả, khỏi giờ phút đắng cay này và khỏi cái chết vô ích."

Ôi phép lạ vinh quang – người thông minh đã khiêm nhường, còn người khiêm nhường thì được tôn vinh một cách kỳ diệu và được ca ngợi một cách xứng đáng.

Đột nhiên, Thánh Nicholas xuất hiện, bước đi trên biển như trên đất liền, tiến lại gần vị tổng giám mục và nắm lấy tay ông, nói:

– Athanasius, hay là ngươi cần sự giúp đỡ của ta, một người xuất thân từ dân thường, giữa vực thẳm biển khơi này sao?

Còn ông, gần như không thể mở miệng, kiệt sức, đã nói trong tiếng khóc đắng cay:

– Ôi Thánh Nicholas, vị thánh vĩ đại, người luôn sẵn lòng giúp đỡ, xin đừng nhớ đến sự kiêu ngạo xấu xa của tôi, xin cứu tôi khỏi cái chết vô ích này trong vực thẳm biển cả, và tôi sẽ ca ngợi ngài suốt cả cuộc đời tôi.

Và vị thánh nói với anh ta:

– Đừng sợ, anh em ơi, chính Chúa Kitô đang cứu anh bằng tay của Ta đây. Anh đừng phạm tội nữa, kẻo điều tồi tệ hơn sẽ xảy ra với anh. Hãy lên thuyền của anh đi.

Nói xong, Thánh Nicholas bế vị tổng giám mục lên khỏi mặt nước và đặt ngài lên thuyền, rồi nói:

– Ngươi đã được cứu rồi, hãy trở về tiếp tục sứ vụ của ngươi tại Constantinople.

Và vị thánh bỗng biến mất. Khi nhìn thấy vị tổng giám mục, mọi người cùng cất tiếng reo lên:

"Vinh quang thuộc về Ngài, Đấng Kitô Cứu Thế, và thuộc về Ngài, Đức Mẹ Đồng Trinh, Nữ Vương Thiên Chúa, Đấng đã cứu ngài khỏi bị chìm."

Như vừa thức dậy khỏi giấc ngủ, Đức Thượng phụ hỏi họ:

– Tôi đang ở đâu đây, các anh em?

– Trên con tàu của ngài, thưa ngài, – họ đáp, – và tất cả chúng tôi đều an toàn.

Vị tổng giám mục khóc và nói:

– Hỡi các anh em, tôi đã phạm tội trước Thánh Nicola, ngài quả thật vĩ đại: ngài đi trên biển như đi trên đất liền, nắm tay tôi và đưa tôi lên tàu; quả thật, ngài luôn sẵn lòng giúp đỡ tất cả những ai kêu cầu ngài với lòng tin.

Con tàu nhanh chóng quay trở lại Constantinople. Sau khi bước xuống tàu cùng toàn thể hội đồng, Đức Thượng phụ, với đôi mắt đẫm lệ, đi vào Nhà thờ Thánh Sofia và sai người đi gọi Thêôphan, ra lệnh cho ông ta lập tức mang bức tượng thánh kỳ diệu của Thánh Nicôla đến. Khi Thêôphan mang bức tượng đến, Đức Thượng phụ quỳ xuống trước bức tượng với đôi mắt đẫm lệ và nói:

– Con đã phạm tội, hỡi Thánh Nicholas, xin tha thứ cho con, kẻ tội lỗi.

Nói xong, ngài cầm bức tượng lên tay, cùng các thành viên hội đồng tôn kính hôn lên bức tượng, rồi mang nó về Nhà thờ Thánh Sophia. Ngày hôm sau, ngài khởi công xây dựng một nhà thờ bằng đá tại Constantinople để tôn vinh Thánh Nicholas. Khi nhà thờ được hoàn thành, chính Đức Thượng phụ đã làm lễ thánh hiến vào ngày kỷ niệm Thánh Nicholas. Và vào ngày đó, vị thánh đã chữa lành cho *40* người nam nữ đang ốm đau. Sau đó, vị tổng giám mục đã hiến tặng 30 lít vàng cùng nhiều làng mạc và vườn tược để trang hoàng cho nhà thờ. Ông còn lập một tu viện trang nghiêm bên cạnh nhà thờ. Rất nhiều người đã đến đó: những người mù, người què và người bị bệnh hủi. Chỉ cần chạm vào bức tượng Thánh Nicholas đó, tất cả họ đều ra về khỏe mạnh, ca ngợi Thiên Chúa và vị Thánh làm phép lạ của Ngài.

Tại Constantinople có một người đàn ông tên là Nicholas, kiếm sống bằng nghề thủ công. Là một người sùng đạo, ông đã thề sẽ không bao giờ để trôi qua những ngày kỷ niệm Thánh Nicholas mà không tưởng nhớ đến vị thánh được Chúa yêu mến này. Ông tuân thủ điều này một cách kiên định, theo lời Kinh Thánh: Châm Ngôn 3 – *"Hãy tôn vinh Chúa từ tài sản của ngươi và từ những phần đầu tiên của mọi thu nhập của ngươi"*, và luôn ghi nhớ điều này một cách vững chắc. Như vậy, ông đã sống đến tuổi già và, khi không còn sức lực để làm việc, ông rơi vào cảnh nghèo khó. Ngày kỷ niệm Thánh Nicholas đang đến gần, và khi đang suy nghĩ về việc mình nên làm gì, vị lão nhân nói với vợ mình:

– Ngày lễ của vị Tổng Giám mục vĩ đại của Chúa Kitô, Thánh Nicola, mà chúng ta luôn tôn kính, sắp đến rồi; vậy thì chúng ta, những người nghèo khó, với hoàn cảnh eo hẹp này, làm sao có thể cử hành ngày lễ này được?

Người vợ đạo đức đáp lại chồng:

– Chồng ơi, anh biết rằng cuộc đời chúng ta đã đến hồi kết, vì cả anh và em đều đã về già; dù ngay cả bây giờ chúng ta phải kết thúc cuộc đời, anh cũng đừng thay đổi ý định của mình và đừng quên tình yêu của anh dành cho vị thánh.

Bà chỉ cho chồng tấm thảm của mình và nói:

– Hãy cầm tấm thảm này, đi bán nó đi và mua tất cả những thứ cần thiết để tổ chức lễ kỷ niệm Thánh Nicholas một cách xứng đáng. Chúng ta chẳng còn gì khác, còn tấm thảm này thì chúng ta không cần, vì chúng ta không có con cái để lại cho chúng.

Nghe vậy, vị lão nhân đạo đức khen ngợi vợ mình, rồi cầm tấm thảm lên và ra đi. Khi ông đi qua quảng trường nơi có cột đá của Thánh Hoàng đế Constantine Đại đế và đi ngang qua nhà thờ Thánh Plato, Thánh Nicholas – người luôn sẵn sàng giúp đỡ – đã hiện ra dưới hình dáng một vị lão nhân đáng kính và nói với người đang mang tấm thảm:

– Bạn thân mến, bạn đang đi đâu vậy?

– Tôi phải đến chợ, – người ấy đáp.

Tiến lại gần hơn, Thánh Nicholas nói:

– Đó là việc tốt. Nhưng hãy nói cho tôi biết, anh muốn bán tấm thảm này với giá bao nhiêu, vì tôi muốn mua tấm thảm của anh.

Vị lão nhân nói với Thánh:

– Chiếc thảm này ngày xưa được mua với giá 8 zlatnik, còn bây giờ tôi sẽ nhận bao nhiêu tùy anh trả.

Thánh nói với ông lão:

– Ông có đồng ý nhận 6 zlatnik cho tấm thảm này không?

– Nếu ngài cho tôi số tiền đó, – ông lão nói, – tôi sẽ vui lòng nhận.

Thánh Nicholas thò tay vào túi áo, lấy vàng ra, rồi đưa 6 đồng zloty lớn vào tay ông lão và nói với ông:

– Hãy nhận lấy này, bạn ơi, và đưa cho tôi tấm thảm.

Ông lão vui vẻ nhận lấy vàng, vì tấm thảm có giá rẻ hơn số vàng đó. Sau khi nhận tấm thảm từ tay ông lão, Thánh Nicholas rời đi. Khi họ đã chia tay, những người có mặt trên quảng trường nói với ông lão:

– Ông có phải đang nhìn thấy ma không, ông lão, mà lại tự nói một mình thế kia?

Bởi vì họ chỉ thấy ông lão và nghe thấy giọng nói của ông, còn vị thánh thì vô hình và không thể nghe thấy đối với họ. Lúc đó, Thánh Nicholas mang tấm thảm đến gặp vợ của ông lão và nói với bà:

– Chồng bà là bạn cũ của tôi; khi gặp tôi, ông ấy đã nhờ tôi điều này: vì yêu mến tôi, xin hãy mang tấm thảm này đến cho vợ tôi, vì tôi cần mang một vật khác đi, còn bà hãy giữ nó như của mình vậy.

Nói xong, vị thánh trở nên vô hình. Thấy người đàn ông chính trực, toát ra ánh sáng rực rỡ và nhận tấm thảm từ tay ông, người phụ nữ vì sợ hãi nên không dám hỏi ông là ai. Nghĩ rằng chồng mình đã quên những lời bà từng nói và tình yêu của bà dành cho vị thánh, người phụ nữ nổi giận với chồng và nói:

– Khốn khổ cho tôi, người vợ khốn khổ này, chồng tôi là kẻ phạm luật và đầy dối trá!

Nói những lời này và những lời tương tự, nàng không thèm nhìn tấm thảm, vì lòng yêu mến vị thánh.

Không hay biết chuyện đã xảy ra, chồng cô đã mua đủ mọi thứ cần thiết để kỷ niệm ngày lễ Thánh Nicholas và đang trên đường về túp lều của mình, vui mừng vì đã bán được tấm thảm và vì không phải từ bỏ phong tục sùng đạo của mình. Khi anh về đến nhà, người vợ đang giận dữ đã đón anh bằng những lời cay độc:

– Từ nay trở đi, hãy rời xa ta, vì ngươi đã nói dối Thánh Nicholas. Chúa Kitô, Con Thiên Chúa, đã phán đúng: Luca 9 – *"Ai đã đặt tay lên cày mà còn ngoái lại phía sau, thì không xứng đáng với Nước Thiên Chúa*".

Nói những lời này và những lời tương tự, bà mang tấm thảm đến cho chồng và nói:

– Này, hãy cầm lấy đi, vì ngươi sẽ không còn gặp ta nữa; ngươi đã nói dối Thánh Nicola, và vì thế ngươi sẽ mất đi tất cả những gì đã đạt được nhờ việc kỷ niệm ngày lễ của ngài. Vì có chép rằng: *"Ai tuân giữ trọn vẹn luật pháp mà phạm một điều nào đó, thì người ấy trở nên có tội về mọi điều"* (Gia-cơ 2:10).

Nghe những lời này từ vợ mình và nhìn thấy tấm thảm của mình, vị tu sĩ già ngạc nhiên và không biết nói gì để trả lời vợ. Ông đứng đó một lúc lâu và cuối cùng cũng hiểu ra rằng Thánh Nicholas đã làm một phép lạ. Thở dài từ tận đáy lòng và tràn đầy niềm vui, ông giơ hai tay lên trời và nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, Đấng thực hiện phép lạ qua Thánh Nicôla!

Và ông lão nói với vợ mình:

– Vì lòng kính sợ Đức Chúa Trời, hãy nói cho tôi biết, ai đã mang tấm thảm này đến cho chị, là đàn ông hay đàn bà, là người già hay thanh niên?

Người vợ trả lời:

– Một vị lão nhân rạng rỡ, chính trực, mặc áo trắng, đã mang tấm thảm này đến cho chúng tôi và nói với tôi: "Chồng chị là bạn của tôi, vì vậy, khi gặp tôi, anh ấy đã nhờ tôi mang tấm thảm này đến cho chị, hãy nhận lấy nó." Khi nhận tấm thảm, tôi không dám hỏi người đến đó là ai, vì thấy ông ấy toát ra ánh sáng rực rỡ.

Nghe vợ kể vậy, ông lão ngạc nhiên và chỉ cho bà xem phần vàng còn lại của mình cùng tất cả những thứ ông đã mua để mừng ngày kỷ niệm Thánh Nicholas: các món ăn, rượu, bánh thánh và nến.

– Chúa hằng sống! – ông thốt lên. – Người đàn ông đã mua tấm thảm của tôi và lại mang nó về nhà cho chúng tôi, những tôi tớ nghèo khó và khiêm nhường này, quả thực chính là Thánh Nicola, vì những người đã thấy tôi trò chuyện với ngài đã nói: "Có phải ngươi đang thấy ma không?" Họ chỉ thấy một mình tôi, còn ngài thì vô hình.

Lúc đó, cả hai, vị tu sĩ già và vợ ông, cùng reo lên, dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời Toàn Năng và ca ngợi Thánh Nicholas, vị Tổng Giám mục vĩ đại của Chúa Kitô, Đấng trợ giúp nhanh chóng cho tất cả những ai kêu cầu Ngài với lòng tin. Tràn ngập niềm vui, họ lập tức đến nhà thờ Thánh Nicholas, mang theo vàng và tấm thảm, và kể

lại sự việc đã xảy ra cho toàn thể hàng giáo sĩ và tất cả những người có mặt tại đó. Và tất cả mọi người, khi nghe câu chuyện của họ, đã ngợi khen Đức Chúa Trời và Thánh Nicholas, Đấng ban ân sủng cho các tôi tớ của Ngài. Sau đó, họ cử người đến gặp Thượng phụ Michael[8597] và kể lại mọi chuyện cho ngài. Thượng phụ ra lệnh cấp cho vị tu sĩ già một khoản trợ cấp từ tài sản của Nhà thờ Thánh Sofia. Và họ đã tổ chức một lễ kỷ niệm trang trọng, với những lời ca ngợi và thánh ca.

Tại Constantinople có một người đàn ông đạo đức tên là Epiphanius. Ông rất giàu có và được Hoàng đế Constantine[8598] ban tặng vinh dự lớn lao, đồng thời sở hữu rất nhiều nô lệ. Một lần nọ, ông muốn mua một thiếu niên làm người hầu cho mình. Vào ngày thứ ba của tháng Mười Hai, ông mang theo một lít vàng trị giá 72 zlatnik, cưỡi ngựa đến chợ, nơi các thương nhân từ Rus đến bán nô lệ. Ông không mua được nô lệ nào nên đành trở về nhà. Khi xuống ngựa, ông bước vào phòng, lấy số vàng đã mang theo ra khỏi túi, đặt nó ở đâu đó trong phòng rồi quên mất chỗ đã cất. Điều này xảy ra với ông do kẻ thù ác độc từ thuở ban đầu, ma quỷ, kẻ không ngừng chiến đấu chống lại dòng dõi Kitô hữu để gia tăng vinh quang trên trần gian. Không thể chịu đựng được lòng đạo đức của người đàn ông đó, hắn đã nảy sinh ý định đẩy anh ta xuống vực thẳm của tội lỗi. Sáng hôm sau, vị quý tộc gọi cậu thiếu niên phục vụ mình và nói:

– Hãy mang cho ta số vàng mà ta đã cho ngươi hôm qua, ta cần phải đi chợ.

Nghe vậy, cậu bé hoảng sợ, vì chủ nhân chưa từng cho cậu vàng, và nói:

– Ngài chưa từng cho tôi vàng, thưa ngài.

Chủ nhân nói:

– Ôi cái đầu độc ác và dối trá, hãy nói cho ta biết, ngươi đã cất số vàng ta cho ngươi ở đâu?

Cậu bé, không có gì trong tay, thề rằng mình không hiểu chủ nhân đang nói gì. Vị quý tộc nổi giận và ra lệnh cho các đầy tớ trói cậu bé lại, đánh cậu không thương tiếc và xiềng xích cậu lại.

Còn ngài thì nói:

– Ta sẽ quyết định số phận của nó sau khi lễ Thánh Nicholas kết thúc – vì lễ này sẽ diễn ra vào ngày hôm sau.

Bị giam một mình trong đền thờ, cậu bé đã khóc lóc kêu cầu Đức Chúa Trời toàn năng, Đấng giải cứu những ai đang gặp hoạn nạn:

– Lạy Chúa là Thiên Chúa của con, Đức Giêsu Kitô, Đấng Toàn Năng, Con của Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng ngự trong ánh sáng không ai có thể đến gần! Con kêu cầu Ngài, vì Ngài biết lòng người, Ngài là Đấng Cứu Giúp những đứa trẻ mồ côi, là Đấng Giải Cứu những ai lâm vào hoạn nạn, là Đấng An Ủi những ai đau khổ: xin cứu con khỏi tai họa mà con không hề biết này. Xin Ngài ban ơn cứu rỗi đầy lòng thương xót, để chủ nhân của con, sau khi được giải thoát khỏi tội lỗi và sự bất công mà ông đã gây ra cho con, sẽ tôn vinh Ngài với lòng vui mừng; và để con, kẻ tôi tớ hèn mọn của Ngài, sau khi được giải thoát khỏi tai họa này – vốn đã ập xuống con một cách oan ức – sẽ dâng lên Ngài lời tạ ơn vì lòng nhân từ của Ngài.

Nói những lời này và những điều tương tự trong nước mắt, nối tiếp lời cầu nguyện này với lời cầu nguyện khác, và nước mắt này với nước mắt khác, cậu thiếu niên đã kêu lên với Thánh Nicholas:

– Ôi, thưa Cha đáng kính, Thánh Nicôla, xin cứu con khỏi tai họa này! Cha biết rằng con vô tội trước những lời ông chủ cáo buộc con. Ngày mai là ngày lễ của Cha, còn con thì đang lâm vào cảnh khốn cùng.

Đêm xuống, cậu bé mệt mỏi chìm vào giấc ngủ. Và Thánh Nicholas, người luôn sẵn lòng giúp đỡ tất cả những ai kêu cầu Ngài với lòng tin, đã hiện ra trước mặt cậu và nói:

– Đừng lo lắng: Chúa Kitô sẽ giải thoát con qua con, tôi tớ của Ngài.

Ngay lập tức, xiềng xích trên chân cậu rơi xuống, cậu đứng dậy và ngợi khen Đức Chúa Trời cùng Thánh Nicholas. Ngay lúc đó, vị thánh cũng hiện ra trước mặt chủ nhân của cậu và quở trách ông ta:

– Tại sao ngươi lại đối xử bất công với tôi tớ của mình, Epiphanius? Chính ngươi mới là người có lỗi, vì ngươi đã quên nơi cất giấu vàng, lại hành hạ cậu bé vô tội, trong khi cậu ấy vẫn trung thành với ngươi. Nhưng vì ngươi không tự mình nảy sinh ý định này, mà là do kẻ thù ác từ thuở ban đầu – ma quỷ – đã xúi giục ngươi, nên ta mới hiện ra để tình yêu của ngươi dành cho Đức Chúa Trời không bị cạn kiệt. Hãy đứng dậy và thả cậu thiếu niên ra: nếu ngươi không vâng lời ta, thì chính ngươi sẽ phải gánh chịu một tai họa lớn lao.

[8597] Mikhail Kerullarios từ năm 1043 đến năm 1058.

[8598] Tất nhiên là Constantine Monomakh, người trị vì từ năm 1042 đến năm 1060.

Sau đó, chỉ tay vào nơi cất giấu vàng, Thánh Nicholas nói:

– Hãy đứng dậy, lấy vàng của ngươi và thả cậu bé ra.

Nói xong, ngài bỗng biến mất.

Quý tộc Epiphanius bừng tỉnh trong sự run rẩy, đi đến nơi mà vị thánh đã chỉ cho ông trong cung điện, và tìm thấy số vàng mà chính ông đã đặt ở đó. Lúc đó, vừa sợ hãi vừa tràn ngập niềm vui, ông nói:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, Niềm Hy Vọng của toàn thể dân Kitô giáo; vinh quang thuộc về Ngài, Niềm Hy Vọng của những kẻ tuyệt vọng, là Sự An Ủi mau chóng cho những ai đã mất lòng tin; vinh quang thuộc về Ngài, Đấng đã tỏa sáng ánh sáng cho cả thế gian và là sự phục sinh nhanh chóng cho những kẻ sa ngã trong tội lỗi, Thánh Nicola, Đấng không chỉ chữa lành những bệnh tật thể xác, mà còn cả những cám dỗ trong tâm hồn.

Trong nước mắt, ông quỳ xuống trước bức tượng thánh Nicholas và nói:

– Con cảm tạ Cha, vị Cha đáng kính, vì Cha đã cứu rỗi con, kẻ không xứng đáng và đầy tội lỗi, và đã đến với con, kẻ hèn mọn này, để thanh tẩy con khỏi tội lỗi. Con sẽ đền đáp Cha thế nào vì Cha đã đoái thương nhìn đến con và đến với con?

Nói xong những lời này và những điều tương tự, vị quan cao cấp đến bên cậu thiếu niên và khi thấy xiềng xích đã rơi khỏi người cậu, ông lại càng kinh hoàng hơn và tự trách mình rất nhiều. Ngay lập tức, ông ra lệnh thả cậu thiếu niên và an ủi cậu bằng mọi cách; còn bản thân ông thì thức trắng cả đêm, tạ ơn Thiên Chúa và Thánh Nicola, Đấng đã cứu ông khỏi tội lỗi đó. Khi chuông báo giờ kinh sáng vang lên, ông đứng dậy, cầm lấy vàng và cùng cậu thiếu niên đến nhà thờ Thánh Nicola. Tại đó, ông vui mừng kể cho mọi người nghe về ân sủng mà Thiên Chúa và Thánh Nicola đã ban cho ông. Và tất cả đều ngợi khen Thiên Chúa, Đấng thực hiện những phép lạ như vậy qua các vị thánh của Ngài. Khi lễ sáng kết thúc, vị chủ nhân nói với cậu bé trong nhà thờ:

– Con ơi, không phải ta là kẻ có tội, mà là Thiên Chúa của con, Đấng Tạo Hóa trời đất, cùng vị thánh trung thành của Ngài là Thánh Nicola, xin hãy giải thoát con khỏi cảnh nô lệ, để một ngày nào đó, những điều sai trái mà ta đã vô tình gây ra cho con cũng được tha thứ.

Nói xong, ông chia số vàng thành ba phần; phần thứ nhất ông dâng cho nhà thờ Thánh Nicholas, phần thứ hai ông phát cho những người nghèo, còn phần thứ ba ông trao cho cậu bé, nói rằng:

– Hãy nhận lấy điều này, con ơi, và con sẽ không còn nợ ai ngoài Thánh Nicholas. Còn ta sẽ chăm sóc con như một người cha yêu thương con cái.

Sau khi tạ ơn Thiên Chúa và Thánh Nicola, Epiphanius trở về nhà trong niềm vui sướng.

Một lần nọ tại Kiev, vào ngày kỷ niệm các thánh tử đạo Boris và Gleb, đông đảo người dân từ khắp các thành phố và làng mạc đã đổ về để tham dự lễ kỷ niệm các thánh tử đạo. Một người dân Kiev, người có lòng tin sâu sắc vào Thánh Nicholas và các Thánh Tử đạo Boris và Gleb, đã lên thuyền và chèo đến Vyshgorod để chiêm bái quan tài của các Thánh Tử đạo Boris và Gleb[8599] , mang theo nến, hương trầm và bánh thánh – tất cả những thứ cần thiết để cử hành lễ một cách trang trọng. Sau khi chiêm bái di cốt các thánh và được an ủi trong tâm hồn, ông lên đường trở về. Khi ông đang chèo thuyền trên sông Dnieper, vợ ông, đang bế đứa con trên tay, đã ngủ gật và làm rơi đứa trẻ xuống nước, khiến nó bị chết đuối. Người cha liền giật tóc mình, kêu lên:

– Ôi, thánh Nicholas ơi, thật là đau khổ cho tôi! Phải chăng tôi đã đặt niềm tin lớn lao vào ngài chỉ để ngài không cứu con tôi khỏi bị chìm? Ai sẽ là người thừa kế tài sản của tôi? Tôi sẽ dạy ai tổ chức lễ kỷ niệm rực rỡ để tưởng nhớ ngài, vị bảo trợ của tôi? Làm sao tôi có thể kể lại lòng thương xót vĩ đại mà ngài đã tuôn tràn xuống khắp thế gian và trên tôi, kẻ khốn khổ này, khi con tôi bị chìm? Tôi đã muốn nuôi dạy nó, khai sáng cho nó bằng những phép lạ của ngài, để sau khi tôi qua đời, người ta sẽ ca ngợi tôi vì con tôi đã tổ chức lễ kỷ niệm để tưởng nhớ Thánh Nicholas. Nhưng ngài, thánh nhân ơi, không chỉ ban nỗi buồn cho tôi, mà còn cho chính ngài nữa, vì chẳng bao lâu nữa, ngay cả ký ức về ngài trong nhà tôi cũng sẽ chấm dứt, bởi tôi đã già và đang chờ ngày lâm chung. Nếu ngài muốn cứu đứa trẻ, ngài đã có thể cứu nó, nhưng chính ngài đã để nó chìm xuống, và không cứu đứa con duy nhất của tôi khỏi vực thẳm biển cả. Hay ngài nghĩ rằng tôi không biết đến những phép lạ của ngài sao? Chúng vô số kể, và lời nói của con người không thể diễn tả hết được, và tôi, thưa Thánh Cha, tin rằng mọi điều ngài muốn làm đều có thể, nhưng những tội lỗi của tôi đã lấn át tất cả. Giờ đây, trong nỗi đau đớn tột cùng, con đã hiểu rằng, nếu con

[8599] Linh cốt của các thánh Boris và Gleb khi đó vẫn còn ở Vyshgorod, Kiev. Phép lạ được đề cập đến đã xảy ra trong khoảng thời gian từ năm 1087 đến năm 1091.

tuân giữ các điều răn của Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn, thì mọi loài thọ tạo sẽ phục tùng con, như đã phục tùng A-đam trong vườn Ê-đen trước khi sa ngã. Nhưng giờ đây, mọi loài thọ tạo đều nổi dậy chống lại con: nước sẽ nhấn chìm, thú dữ sẽ xé xác, rắn sẽ nuốt chửng, sét sẽ thiêu đốt, chim chóc sẽ mổ xé, gia súc sẽ nổi điên và giẫm đạp mọi thứ, con người sẽ giết hại, bánh mì, vốn được ban cho chúng con làm thức ăn, sẽ không làm chúng con no nê và, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, sẽ trở thành nguyên nhân dẫn đến sự diệt vong của chúng con. Còn chúng ta, được ban cho linh hồn và trí tuệ, được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, lại không thực hiện theo đúng lẽ phải ý muốn của Đấng Tạo Hóa. Nhưng xin đừng giận tôi, thánh cha Nicolae, vì tôi đã nói một cách táo bạo như vậy, bởi vì tôi không tuyệt vọng về sự cứu rỗi của mình, khi có ngài là người trợ giúp.

Còn vợ ông thì xé tóc và đập vào má mình. Cuối cùng, họ cũng đến được thành phố và trong nỗi đau buồn, họ bước vào nhà mình. Đêm xuống, và đây, Thánh Nicholas, vị Giám mục của Chúa Kitô, người luôn nhanh chóng đến giúp đỡ những ai kêu cầu Ngài, đã thực hiện một phép lạ kỳ diệu, chưa từng có trong quá khứ. Vào ban đêm, ngài vớt đứa trẻ bị đuối nước lên từ dòng sông và đặt nó lên gác chuông của nhà thờ Thánh Sofia, vẫn còn sống và không hề hấn gì. Khi đến giờ cầu nguyện buổi sáng, người quản lễ bước vào nhà thờ và nghe thấy tiếng khóc của đứa trẻ trên gác chuông. Anh ta đứng đó suy nghĩ một hồi lâu:

– Ai đã cho người phụ nữ lên gác chuông vậy?

Anh ta đi tìm người phụ trách trật tự trên gác chuông và bắt đầu mắng mỏ anh ta; người đó nói rằng mình không biết gì cả, nhưng người phụ trách nhà thờ vẫn trách mắng anh ta:

– Ngươi đã bị bắt quả tang rồi, vì có tiếng trẻ con khóc trên gác chuông.

Người phụ trách gác chuông hoảng hốt, tiến lại gần ổ khóa thì thấy nó vẫn nguyên vẹn và nghe thấy tiếng trẻ con. Bước lên gác chuông, ông thấy trước bức tượng Thánh Nicholas có một đứa trẻ, người ướt sũng nước. Không biết phải nghĩ sao, ông đã kể lại chuyện này cho Đức Tổng Giám mục. Sau khi cử hành thánh lễ sáng, Đức Tổng Giám mục ra lệnh tập hợp mọi người tại quảng trường và hỏi xem đứa trẻ đang nằm trên gác chuông nhà thờ Thánh Sofia là con của ai. Tất cả người dân đều đến nhà thờ, ngạc nhiên không biết đứa trẻ ướt sũng nước kia từ đâu xuất hiện trên gác thánh ca. Cha của đứa trẻ cũng đến để chiêm ngưỡng phép lạ, và khi nhìn thấy, ông đã nhận ra con mình. Nhưng không tin vào mắt mình, ông đi tìm vợ và kể lại mọi chuyện từ đầu đến cuối. Bà liền quở trách chồng, nói:

– Sao anh lại không hiểu rằng đây là phép lạ do Thánh Nicholas tạo ra?

Bà vội vã đến nhà thờ, nhận ra con mình, và không dám chạm vào đứa trẻ, bà quỳ xuống trước bức tranh Thánh Nicholas và cầu nguyện, với lòng xúc động và nước mắt. Chồng bà, đứng từ xa, cũng rơi nước mắt. Nghe tin này, mọi người đổ xô đến để chiêm ngưỡng phép lạ, và cả thành phố tụ tập lại, ca ngợi Thiên Chúa và Thánh Nicholas. Còn Đức Tổng Giám mục đã thiết lập một lễ hội trang nghiêm, được cử hành vào ngày kỷ niệm Thánh Nicola, để tôn vinh Chúa Ba Ngôi: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen.

Bài thánh ca, giọng 4:

Ngài đã tỏ ra là mẫu mực của đức tin và hình ảnh của sự hiền lành, tiết độ cho đoàn chiên của Ngài, Đấng là Chân Lý tối cao: vì lý do này, Ngài đã đạt được sự khiêm nhường cao cả, sự giàu có trong sự nghèo khó, hỡi Đức Cha Thánh Nicola, xin cầu nguyện cùng Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Ngài đã hiện ra như một vị linh mục thánh thiện giữa thế gian: vì đã thực hiện trọn vẹn Phúc Âm của Đức Kitô, Ngài đã hiến dâng linh hồn mình vì dân Ngài, và cứu những người vô tội khỏi cái chết. Chính vì thế, Ngài đã được thánh hóa, như một người giữ bí tích vĩ đại của ân sủng Thiên Chúa.

Ngày 20 tháng 12

Ngày 7 tháng 12 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Cha Ambrose, Giám mục Milan

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 12

Thánh Ambrôsiô[8600] là con trai của quý tộc Ambrôsiô, Tổng trấn La Mã tại Gaul[8601] và các vùng đất phương Tây khác. Vì tình yêu dành cho con trai mình, vị quý tộc này đã đặt cho con cùng tên với chính mình.

Ngay từ khi còn là một đứa trẻ sơ sinh, đã có điềm báo về sự ngọt ngào thiêng liêng mà ngài sẽ mang lại cho Giáo hội của Chúa Kitô trong tương lai. Một ngày nọ, vào giữa trưa, đứa trẻ Ambrose còn quấn tã đang nằm ngủ ngoài trời, miệng há hốc. Bỗng nhiên, một đàn ong bay đến, đậu lên người đứa trẻ và bao phủ toàn bộ khuôn mặt cùng đôi môi của em; người ta có thể thấy những con ong bay vào miệng đứa trẻ rồi bay ra, để lại mật ong trên lưỡi em. Người vú em, khi chứng kiến cảnh này, định xua đuổi đàn ong vì lo sợ chúng sẽ gây hại cho đứa trẻ. Nhưng cha của Amvrosi, người đã chứng kiến cảnh này, đã ngăn người vú em lại, vì ông muốn xem phép lạ này sẽ kết thúc ra sao. Và rồi, một lúc sau, đàn ong bay lên cao, cho đến khi biến mất khỏi tầm mắt. Cha của đứa trẻ kinh ngạc và nói:

– Nếu đứa trẻ này lớn lên, nó sẽ trở thành một người vĩ đại giữa loài người.

Như vậy, ngay từ những năm tháng ấu thơ, Chúa đã cho thấy rằng những lời trong Kinh Thánh sẽ ứng nghiệm trên người tôi tớ của Ngài: Châm Ngôn 16 – *"Lời nói dễ nghe như mật ong trong tổ, ngọt ngào cho tâm hồn*".

Vì đàn ong ấy tượng trưng cho những lời giảng dạy ngọt ngào và các tác phẩm của Thánh Ambrose, nhờ đó ngài đã xây dựng nên những tổ ong thiêng liêng, làm vui lòng trái tim con người và nâng họ từ đất lên trời. Khi ngài lớn lên và sống tại Rôma cùng mẹ – người đã góa bụa và dâng lời khấn trinh khiết cho Thiên Chúa – một lần nọ, ngài tình cờ chứng kiến cảnh mọi người hôn tay vị giám mục. Sau đó, khi đang chơi đùa trong nhà cha mẹ, ngài giơ tay ra trước những người trong nhà và nói:

– Hãy hôn tay ta đi, vì ta cũng sẽ trở thành giám mục[8602] .

Những lời này là do Thánh Thần phán qua miệng cậu như một điềm báo về tương lai, nhưng những người lớn, không hiểu rằng ân sủng của Chúa đang ngự trong cậu bé đang chuẩn bị cho cậu bước vào chức thánh, đã ngăn cản cậu, như thể cậu đang nói những lời bốc đồng.

Sau khi cha của Thánh Ambrose qua đời, mẹ ngài chuyển đến Rôma và cho ngài cùng anh trai cả là Satyrus được hưởng nền giáo dục cao nhất, còn chị gái ngài – một trinh nữ – đã khơi dậy trong ngài lòng yêu mến sự trinh khiết[8603] .

Sau khi học nghệ thuật hùng biện, Ambrose đã trở thành một nhà hùng biện nổi tiếng, sở hữu sức thuyết phục mạnh mẽ. Ông bảo vệ những người bị áp bức, giúp đỡ những người khốn khổ, vạch trần những hành vi bất công, và góp phần làm sáng tỏ sự thật tại tòa án. Nhờ sự khôn ngoan của mình, Ambrose đã được Probus, người đứng đầu thành Rome, mời làm cố vấn. Sau đó, Ambrose được bổ nhiệm làm tổng trấn các vùng thuộc La Mã – Liguria[8604] và Emilia[8605] . Vào thời điểm này, tại thành phố Mediolanum[8606] , Giám mục Auxentius – người từng

---

[8600] Ambrose của Milan sinh ra vào khoảng năm 340 tại thành phố Trier, nơi cha mẹ ông sinh sống lúc bấy giờ.

[8601] Trong thế giới cổ đại, một vùng đất rộng lớn được biết đến với tên gọi Gaul, bao gồm không chỉ nước Pháp ngày nay mà còn cả Bỉ, một phần của Hà Lan, các vùng ven sông Rhine của Đức và phần lớn lãnh thổ Thụy Sĩ. Hơn nữa, cha của Thánh Ambrose của Milan, cũng tên là Ambrose, từng là tổng trấn của Tây Ban Nha. Ông còn có những người con khác lớn hơn Ambrose – con gái là Marcellina và con trai là Satyrus, những người cũng được Giáo hội phương Tây phong thánh.

[8602] Theo lời của người biên soạn tiểu sử Thánh Ambrose, là Pavlin, phó tế và thư ký của ngài, trong trường hợp này "Thánh Thần của Chúa đã ngự trong ngài, chuẩn bị cho ngài bước vào chức linh mục".

[8603] Tại Rome, không xa Đồi Capitoline, người ta vẫn còn chỉ cho thấy ngôi nhà nơi Thánh Ambrose được nuôi dưỡng. Ngôi nhà này đã được chuyển đổi thành nhà thờ và tu viện dành cho các trinh nữ mang tên ngài.

[8604] Liguria – một vùng đất có biên giới phía tây giáp với Gaul là sông Varus và dãy Alps ven biển; phía đông nam giáp với Ý là sông Macra; phía bắc là sông Padus; phía nam là vịnh Liguria. Như vậy, vùng đất này bao trùm miền nam nước Pháp ngày nay, giáp biên giới với Ý, cùng một phần phía tây bắc của Ý, bao gồm Nice, Genoa, miền nam Piemonte và phần phía tây của Parma và Piacenza.

[8605] Emilia – một tỉnh của Gaul, nằm giữa Liguria và Flaminia, xấp xỉ ở phần trung tâm của miền Bắc Ý ngày nay.

[8606] Mediolan – thành phố cổ thuộc cái gọi là Gaul Cisalpine hay miền Bắc Ý ngày nay – là trung tâm thịnh vượng của khoa học và nghệ thuật; ngày nay là thành phố sầm uất nhất của vùng Lombardia, Ý, với dân số đông đúc.

theo phái Arian và lên nắm ngôi giám mục sau khi Giám mục chính thống Dionysius qua đời trong tù – đã qua đời. Giữa những người Chính thống và những người Arian đã xảy ra những mâu thuẫn và bất đồng lớn, bởi vì mỗi bên đều muốn đưa một giám mục thuộc giáo phái của mình lên ngôi giám mục trống tại Mediolanum. Tình trạng hỗn loạn và bất ổn vẫn tiếp diễn trong dân chúng Mediolanum. Biết được điều này, quan trưởng thành Rome – Probus – đã giao nhiệm vụ cho Ambrose đến Mediolanum để dẹp tan cuộc nổi loạn đang diễn ra ở đó, đồng thời nói với ông:

– Hãy lên đường và hành động không phải với tư cách là quan tòa, mà là với tư cách là giám mục[8607] .

Khi đến Mediolan, Ambrose bước vào nhà thờ, nơi đang diễn ra cuộc bầu cử, và bằng tất cả sức mạnh của tài hùng biện, ngài bắt đầu thuyết phục dân chúng để đưa những người đang tranh cãi đến sự đồng thuận và hòa bình. Bỗng nhiên, một đứa trẻ sơ sinh, chưa biết nói, đã hét lên từ giữa đám đông:

– Ambrose – giám mục!

Nghe thấy điều đó, toàn thể dân chúng có mặt trong nhà thờ đã lặp lại lời của đứa trẻ và bắt đầu đồng thanh hô to:

– Ambrose – giám mục! Ambrose – giám mục!

Như vậy, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, đứa trẻ chưa đến tuổi biết nói đã cất tiếng, và cả hai phe đối lập – cả những người theo chính thống lẫn những người Arian – đã đạt được hòa bình và sự đồng thuận, và chỉ mong muốn có Ambrose làm giám mục, mặc dù ngài vẫn chưa được rửa tội, mà chỉ mới được nghe giảng đạo. Nghe tiếng reo hò của dân chúng, Ambrose bước ra khỏi nhà thờ và, để tỏ ra mình không xứng đáng với chức vụ cao quý như vậy, ngài ngồi vào ghế thẩm phán, rồi trái với thói quen thường ngày, bắt đầu tra tấn những kẻ phạm tội một cách không chút thương xót. Ngài làm điều này với mục đích để người dân, khi chứng kiến sự vô nhân từ của ngài, sẽ ghét bỏ ngài và không muốn ngài làm giám mục. Nhưng dân chúng không ngừng la hét rằng họ muốn Ambrose làm giám mục. Ambrose từ chối bằng mọi cách, tuyên bố rằng ông là một tội nhân lớn và cho đến nay vẫn chưa được rửa tội, nhưng tất cả đều trả lời ông rằng:

– Tội lỗi của ngài sẽ thuộc về chúng tôi. – Bởi vì họ biết rằng phép rửa tội thánh sẽ tẩy sạch mọi tội lỗi cho con người.

Ambrose bối rối trở về nhà và định từ bỏ chức vụ của mình để chọn cuộc sống của một người lang thang ăn xin, như nhiều nhà triết học Hy Lạp thời bấy giờ đã làm, nhưng người ta đã ngăn cản ông thực hiện ý định đó. Lúc đó, ông nghĩ ra một mưu kế khác để tránh chức giám mục, cụ thể là: ra lệnh công khai đưa những người phụ nữ lăng loàn về nhà mình, để dân chúng Mediolan, khi chứng kiến điều đó, sẽ cảm thấy ghê tởm và từ chối ông, như thể ông là một kẻ dâm đãng. Nhưng dân chúng lại càng khẳng định mạnh mẽ hơn:

– Hãy để tội lỗi của ngươi đổ lên chúng ta, chỉ cần ngươi chịu phép rửa tội và nhận chức giám mục.

Thấy rằng không thể từ chối mong muốn của toàn thể dân chúng, Ambrose quyết định lánh khỏi thành phố. Vào ban đêm, lén lút khỏi mọi người, ngài rời khỏi thành phố và tưởng rằng mình đang đi đến một thành phố khác là Ticinum[8608] và đã đi xa trên con đường này, nhưng khi bình minh ló rạng, hóa ra ngài đang đứng ngay trước cổng thành Mediolanum, còn được gọi là Cổng La Mã. Điều này xảy ra bởi vì Thiên Chúa, Đấng đã chuẩn bị Ambrosius như một bức tường bảo vệ Giáo Hội Công Giáo của Ngài trước kẻ thù, đã ngăn cản cuộc trốn chạy của ông, và bằng quyền năng của Ngài, đã đưa ông trở lại con đường đã định. Khi cư dân Mediolan biết về nỗ lực này, họ bắt đầu canh gác Ambrosius để ông không trốn thoát; đồng thời, họ đã gửi thư đến Hoàng đế Valentinianus Cả[8609] với lời thỉnh cầu, mong ngài ra lệnh cho Ambrose nhận chức giám mục. Hoàng đế rất vui mừng vì những người mà ngài bổ nhiệm vào các chức vụ thế tục lại được vinh dự được bầu chọn vào chức vụ thiêng liêng cao quý. Người đứng đầu Roma – Prob – cũng rất vui mừng, vì lời tiên đoán mà ông đã nói với Ambrose khi gửi ông đến Mediolan đã thành hiện thực, cụ thể là: Prob đã dặn ông rằng, khi khuyên nhủ dân chúng hướng tới sự hòa hợp lẫn nhau, ông đừng hành động như một quan tòa, mà hãy hành động như một giám mục. Trong khi cư dân Mediolan đang chờ đợi sự trở về của những người được cử đến gặp hoàng đế và câu trả lời của hoàng đế, Ambrose lại bỏ trốn và ẩn náu tại điền trang của một quan chức tên là Leontius. Nhưng khi sắc lệnh của hoàng đế được ban xuống, Leontius đã tiết lộ nơi ẩn náu của Ambrose và dẫn ông trở lại Mediolan trước mặt dân chúng. Vì thế, người mà

[8607] Những lời này dường như đã tiên tri về sự nghiệp mục vụ vinh quang của Thánh Ambrose tại thành phố này.

[8608] Ticin – thành phố cổ ở Gaul Cisalpine, nằm trên con đường chính từ Rome đến Gaul – ngày nay là Pavia, một thành phố quan trọng ở miền bắc Ý bên sông Ticino, không xa nơi sông này đổ vào sông Po.

[8609] Valentinian I hay còn gọi là Hoàng đế Cổ, Hoàng đế của Đế quốc La Mã phương Tây, trị vì từ năm 364 đến năm 375.

Thiên Chúa đã thương xót đặt lên hàng thánh chức, như *"thành phố nằm trên đỉnh núi"* (Mt 5,14) và như ngọn nến trên giá nến (Mt 5,15), để trở thành mục tử chăn dắt đoàn chiên của Ngài, thì không thể ẩn náu ở đâu được. Lúc bấy giờ, Ambrose, sau khi nhận ra rằng ý Chúa là muốn ngài trở thành giám mục, đã tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và nguyện vọng của dân chúng. Tuy nhiên, ngài không muốn nhận phép rửa từ một giám mục Arian, mà mong muốn được rửa tội bởi một giám mục Chính Thống, vì ngài vô cùng cảnh giác trước tín ngưỡng dị giáo Arian. Sau khi nhận phép rửa thánh, trong vòng bảy ngày, ngài đã trải qua tất cả các cấp bậc trong Giáo hội, và vào ngày thứ tám, ngài được tấn phong làm giám mục[8610] trong niềm vui khôn tả của toàn thể dân chúng. Chính hoàng đế đã có mặt tại lễ tấn phong, như Theodoret đã thuật lại[8611] , và ngài hân hoan thốt lên:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa Toàn Năng, Đấng Cứu Rỗi của chúng con, vì Ngài đã giao phó linh hồn cho người mà con đã giao phó cuộc sống thể xác của thần dân, qua đó chứng tỏ rằng sự đánh giá của con về người ấy là công bằng.

Vài ngày sau, trong một cuộc trò chuyện thẳng thắn với hoàng đế, Thánh Ambrose đã vạch trần những hành động sai trái của các tòa án thành phố. Hoàng đế đáp lại:

– Từ lâu, ta đã biết sự dũng cảm chân thật trong lời nói của ngươi; vì thế, ta không những không cản trở việc ngươi được bầu làm giám mục, mà còn đích thân hỗ trợ cho việc đó. Vậy thì, hãy sửa chữa những sai lầm của chúng ta, như luật pháp thiêng liêng dạy dỗ, và chữa lành những bất công trong tâm hồn chúng ta.

Vào đầu nhiệm kỳ giám mục của mình, Ambrose đã thỉnh cầu Giáo hoàng Damasus[8612] gửi đến giúp ông một người đàn ông sáng suốt do chính ông lựa chọn. Đức Giáo hoàng đã cử linh mục Simplicianus đến với ngài. Thánh Ambrose kính trọng vị linh mục này như cha mình và tuân theo những lời khuyên của ngài[8613] . Việc quản lý các công việc gia đình , Thánh Ambrose đã giao phó cho anh trai mình là Satyrus[8614] , còn bản thân ngài thì hoàn toàn dâng hiến cho các công việc của Giáo hội, hàng ngày cử hành Thánh lễ và giảng dạy Lời Chúa cho dân chúng[8615] .

[8610] Đó là ngày 7 tháng 12 năm 374. Lúc đó, Thánh Ambrose mới chỉ 34 tuổi. Việc tấn phong Thánh Ambrose đã được các giám mục của cả Giáo hội Đông phương lẫn Tây phương nhất trí tán thành, coi công việc của ngài là một trường hợp đặc biệt. Thật vậy, việc tấn phong này không hoàn toàn tuân theo các quy định giáo luật, nhưng giáo luật của Công đồng Nicaea đã cho phép ngoại lệ khi việc tấn phong được thực hiện theo chỉ dẫn tối cao của Thiên Chúa, như trường hợp này. Thánh Basil Cả, khi nhận được tin về việc tấn phong Thánh Ambrose, đã viết một lá thư để tạ ơn Thiên Chúa vì sự lựa chọn này. "Đức Chúa Trời, Đấng đã biến người chăn chiên Amos thành nhà tiên tri," vị Thầy của toàn thể Giáo hội viết trong bức thư này, "giờ đây đã biến Ambrose thành giám mục, một người có xuất thân cao quý, địa vị cao, tính cách cao thượng và tài hùng biện đáng kinh ngạc, người mà dù vậy đã khinh thường tất cả những sự khác biệt trần thế này để đạt được Đấng Christ... Hãy vững lòng, hỡi người của Đức Chúa Trời."

[8611] Théodoret, Giám mục Kyrr – nhà sử học Giáo hội thế kỷ V.

[8612] Đamas I – Giáo hoàng từ năm 366–384; được biết đến trong lịch sử Giáo hội nhờ những nỗ lực nhiệt thành của ngài trong việc bảo vệ chính thống giáo trong cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa Arian và các tà giáo khác.

[8613] Thánh Ambrôsiô đã lắng nghe những lời dạy dỗ trực tiếp từ Simplicianus, người mà ngài yêu mến như cha ruột, người đã có ảnh hưởng to lớn đến sự hình thành đức tin của Ambrôsiô và sau này trở thành người kế vị ngài trên ngai giám mục tại Mediolanum (Milan). Ngoài ra, Ambrose còn say mê đọc và nghiên cứu các tác phẩm của Origen nổi tiếng, Didymus, Thánh Basil Đại Đế – người mà ngài có mối quan hệ thân thiết và hữu nghị – Thánh Gregory Thần Học và các vị Cha và Thầy nổi bật khác của Giáo Hội. Theo lời của Thánh Augustinô, người sau này trở thành Giám mục Hippona và là một nhà giảng dạy nổi tiếng của Giáo hội – người đã được Thánh Ambrose dẫn dắt từ ngoại giáo sang Kitô giáo – thì ngài thường ngồi trong nhà mình trong những khoảng thời gian ngắn liên tục dành cho việc học tập, mắt dán chặt vào cuốn sách và quên hết mọi thứ đang diễn ra xung quanh. Với sự miệt mài học tập như vậy, cùng với tài năng xuất chúng và kiến thức về các môn khoa học thế tục, đặc biệt là văn học Hy Lạp, Thánh Ambrose đã đạt được những thành tựu đáng kinh ngạc trong lĩnh vực thần học Kitô giáo chỉ trong thời gian ngắn.

[8614] Satyr đã qua đời ngay trong thời gian thực hiện công trình vĩ đại này – theo một số nguồn là vào năm 378, theo những nguồn khác thì muộn hơn (Giáo hội La Mã tôn vinh ngài vào ngày 17 tháng 9, cũng như chị gái của Thánh Ambrose là Marcellina vào ngày 17 tháng 7). – Riêng Ambrose, ngay sau khi nhậm chức giám mục, đã giải thoát bản thân khỏi mọi lo toan trần thế bằng cách phân chia tài sản của mình một cách hợp lý. Ông đã hiến tặng bạc và vàng cho người nghèo, tài sản thì trao cho Giáo hội, đồng thời cho phép chị gái mình được hưởng dụng chúng suốt đời.

[8615] Sau khi thấm nhuần Kinh Thánh và những chân lý của đức tin thánh thiện bằng trí tuệ và trái tim, Ambrose đã rao giảng cho dân chúng với lòng nhiệt thành sâu sắc, không để họ thiếu lời dạy dỗ vào bất kỳ ngày Chúa Nhật hay ngày lễ nào, và tận dụng mọi cơ hội để làm điều đó; đôi khi ngài còn bước lên bục giảng của nhà thờ không chỉ một lần trong ngày; lời giảng của ngài dễ hiểu, giọng nói nhẹ nhàng, vì thế trong nhà thờ, khi ngài giảng đạo, một sự tĩnh lặng kỳ diệu bao trùm, và dân chúng, vốn yêu mến quan tổng trấn Ambrose, lại càng chăm chú lắng nghe lời của Giám mục Ambrose. Ngài cũng đặc biệt tận tâm trong việc hướng dẫn những người dự tòng chuẩn bị cho phép rửa tội thánh.

Thánh Ambrose cũng dành nhiều tâm huyết để cải thiện hàng giáo sĩ. Sống giữa họ, chính ngài đã làm gương cho họ về cách kết hợp cuộc sống tu hành nghiêm ngặt với các nghĩa vụ của một mục tử Giáo hội. Ngài là người có đức tiết độ cao độ, thường xuyên thức trắng đêm và làm việc vất vả; hàng ngày ngài chế ngự xác thịt bằng việc ăn chay, chỉ ngừng lại vào các ngày thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày lễ của các vị tử đạo nổi tiếng nhất. Ngài siêng năng cầu nguyện cả ngày lẫn đêm và không ngần ngại lao động viết sách bằng chính tay mình, trừ khi bị bệnh tật ngăn cản. Dù nghiêm khắc với bản thân, ngài lại nhân từ, dịu dàng và gần gũi với mọi người. Những người nghèo tìm thấy ở ngài một người bảo vệ và một người bạn. Ngài vui cùng những ai vui mừng và khóc cùng những ai khóc than. Nếu có ai sa ngã và xưng tội với ngài, ngài khóc đến nỗi khiến người đó cũng phải rơi lệ.

Với lòng quan tâm dành cho hàng giáo sĩ, Thánh Ambrose đã bảo trợ các tu sĩ và yêu mến tu viện của họ, tọa lạc gần Mediolanum. Ngài cũng quan tâm đến việc thành lập các tu viện nữ, và chỉ ba năm sau khi ngài được tấn phong, các trinh nữ[8616] đã đến Mediolanum từ Piacenza[8617] , Bologna[8618] và thậm chí cả Mauritania[8619] .

Vài năm sau, Ambrose trở về thành phố quê hương của mình là Rome. Tại đó, ông gặp lại em gái mình và một nô tì từng là người hầu lâu năm trong nhà; còn mẹ ông thì đã qua đời. Khi họ hôn tay ông, Ambrose mỉm cười nhẹ và nói với người nô tì:

– Thế là em cũng đang hôn tay một vị giám mục, đúng như tôi đã từng nói với em.

Như vậy, lời tiên tri của chính Ambrose, đã được đề cập trước đó, đã ứng nghiệm, cụ thể là khi còn là một đứa trẻ, ông đã giơ tay phải ra cho những người trong nhà và nói:

– Hãy hôn đi, vì ta cũng sẽ trở thành giám mục.

Trong thời gian Ambrose ở Rome, một phụ nữ đáng kính, sống bên kia sông Tiber[8620] , đã xin ngài cử hành Thánh lễ tại nhà bà[8621] . Khi biết tin này, một phụ nữ khác, đang bị liệt, đã ra lệnh cho người ta khiêng mình đến đó – và trong lúc vị thánh của Chúa đang cầu nguyện, bà đã chạm vào gấu áo của ngài, hôn lên đó và ngay lập tức được chữa lành. Tin đồn về phép lạ này lan truyền khắp thành Rome.

Sau khi Hoàng đế Valentinianus Cả qua đời, quyền trượng của Đế quốc La Mã phương Tây được truyền lại cho con trai ông là Gratianus[8622] . Khi ông đang chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại người Goth[8623] , ông đã bày tỏ với Thánh Ambrose mong muốn ngài viết ra cho ông bản tuyên xưng đức tin thánh thiện. Thánh Ambrose đã viết cho hoàng đế những cuốn sách[8624] về đức tin, tiên đoán cho ông chiến thắng trước kẻ thù và ban phước cho những lá cờ của ông, trên đó có khắc tên Chúa Kitô. Và Gratian đã giành được chiến thắng lẫy lừng trước người Goth nhờ những lời cầu nguyện và sự ban phước của vị thánh được Chúa yêu mến.

[8616] Trong Giáo hội cổ đại, ngay cả trước khi các tu viện nữ ra đời và trong giai đoạn đầu của sự tồn tại của chúng, đã có một tầng lớp đặc biệt gồm những trinh nữ, những người dâng hiến trọn vẹn cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa và khấn giữ sự trinh khiết. Những người này được gọi là các trinh nữ, và họ được Giáo hội kính trọng sâu sắc, được xem là niềm vinh quang của Giáo hội. Họ tụ họp lại với nhau để thực hành sự im lặng, suy niệm về Thiên Chúa và cầu nguyện tại các ngôi nhà riêng dưới sự hướng dẫn của các bà lão có kinh nghiệm trong đời sống thiêng liêng – những người hướng dẫn. Rất thường xuyên, Giáo hội giao phó việc hướng dẫn và giám sát họ cho những nữ phó tế được kính trọng nhất. Các cộng đồng trinh nữ vào thời Thánh Ambrose của Milan đang phát triển rực rỡ, và chính Marcellina, em gái ngài, cũng là một trinh nữ, bởi vì các tu viện nữ lúc bấy giờ mới chỉ bắt đầu xuất hiện.

[8617] Placencia – nay là Piacenza – là một thuộc địa La Mã ở Gaul Cisalpina (nay là miền Bắc Ý), nằm trên bờ phải sông Po, không xa nơi sông này hợp lưu với sông Trebbia. Tầm quan trọng của thành phố này chủ yếu dựa trên vị trí nằm trên con đường từ Mediolanus đến Parma.

[8618] Bologna – thành phố thủ phủ của tỉnh Ý cùng thời kỳ, được thành lập từ thời cổ đại và cho đến nay vẫn giữ vai trò quan trọng như một trong những trung tâm văn hóa và thương mại của Ý, nhờ vị trí địa lý thuận lợi trên tuyến đường nối miền Bắc với miền Trung Ý.

[8619] Ma-ri-ta-ni-a – ngày nay là Fez, Maroc và phần phía tây của Algeria – là một tỉnh La Mã ở phía bắc châu Phi.

[8620] Sông Tiber – con sông chảy qua thành phố Rome, bắt nguồn từ dãy núi Apennines ở phía đông bắc của vùng Etruria cổ đại thuộc Ý.

[8621] Vào thời Thánh Ambrose của Milan, theo truyền thống từ thời các Tông đồ, việc cử hành Thánh lễ tại các ngôi nhà riêng vẫn còn được cho phép. Các Thánh Tông đồ, như được ghi chép trong Sách Công vụ các Tông đồ (chương 20, câu 7–8), đã tụ họp để cử hành Thánh Thể trong phòng trên lầu. Các Kitô hữu trong thời kỳ bách hại không thể có các nhà thờ công cộng, mà tụ họp tại các ngôi nhà riêng, trong các hang động ngầm – các hầm mộ, bên cạnh các quan tài của các vị tử đạo. Nhà sử học Giáo hội Eusebius đã truyền lại lời chứng sau đây của Thánh Dionysius thành Alexandria: "Trong thời kỳ bách hại, mọi nơi chốn, như đồng ruộng, tàu thuyền, nhà trọ, nhà tù – đều là nơi thánh thiêng đối với chúng tôi".

[8622] Gracian, con trai cả và người kế vị của Hoàng đế Valentinian I, từ năm 367 trở thành đồng trị vì cùng cha, trị vì từ năm 376 đến năm 388.

[8623] Người Goth là một dân tộc đông đảo thuộc bộ tộc German, sinh sống bên kia sông Danube và được chia thành Ostgoth (phía đông) và Westgoth (phía tây).

[8624] Tác phẩm "Về Đức Tin" của Thánh Ambrose của Milan gồm 5 quyển.

Vợ của Valentinianus Cả đã qua đời, cũng là mẹ kế của Gratian, là Justina, là một tín đồ Arian, bà căm ghét Thánh Ambrose và gây hại cho ngài. Vì vậy, khi vị giám mục tại Sirmium[8625] qua đời, Justina đã đến đó với ý định đưa một người cùng tín ngưỡng với bà – một tín đồ Arian – lên ngai giám mục. Thánh Ambrose cũng đã đến nơi đó, vì thành phố ấy thuộc về giáo phận của ngài. Bỏ qua cơn giận dữ của người phụ nữ, ngài đã nỗ lực để một người đàn ông đạo đức tên là Anemius được bầu làm giám mục. Vào một ngày nọ, khi mọi người tụ tập tại nhà thờ và Thánh Ambrose đã ngồi vào vị trí của mình trên bục giảng, Nữ hoàng Justina, người cũng có mặt tại đó, đã sai một phụ nữ theo phái Arian đến, dặn dò cô ta túm lấy áo của vị giám mục, đẩy ngài xuống khỏi bục giảng và lôi ngài đến chỗ các phụ nữ đang đứng, để họ dùng chính đôi tay phụ nữ của mình đánh đập Thánh Ambrose và đuổi ngài ra khỏi nhà thờ. Nhưng khi người phụ nữ vô liêm sỉ này ngang nhiên tiến đến gần Thánh Ambrose để thực hiện điều đã được ra lệnh, vị thánh đã nói với cô ta:

– Dù tôi không xứng đáng với chức vụ mình đang đảm nhận, nhưng cô không nên giơ tay đánh bất kỳ vị linh mục nào của Chúa; hãy kính sợ Sự Phán Xét của Chúa, kẻo tai họa bất ngờ ập đến với cô.

Những lời của Thánh Ambrose quả thực đã ứng nghiệm trên người phụ nữ ngang ngược ấy: sáng hôm sau, bà ta đột ngột qua đời, và chính Thánh Ambrose đã tự tay an táng bà, đáp lại điều ác bằng lòng nhân ái. Bị kinh hãi trước phép lạ này, những người Arian và hoàng hậu Justina không dám cản trở Thánh Ambrose phong chức giám mục cho người chồng vinh quang đó nữa. Như vậy, Ambrose đã phong chức giám mục cho chính người mà ngài mong muốn mà không gặp bất kỳ sự chống đối nào, sau đó ngài trở về Mediolan.

Có lần, hai tín đồ Arian khác, thuộc số những người hầu cận của vua Gratian, bày tỏ mong muốn tổ chức một cuộc tranh luận công khai về các vấn đề đức tin với Thánh Ambrose; chủ đề của cuộc tranh luận là sự nhập thể của Chúa Giêsu Kitô. Vào giờ đã định, Thánh Ambrose cùng với dân chúng chờ đón họ tại nhà thờ. Ngài đã sẵn sàng tranh luận với họ, vì ngài có Thánh Thần của Đức Chúa Trời ngự trong lòng. Nhưng những người Arian nói trên, vì lòng kiêu ngạo và mong muốn xúc phạm thánh nhân, đã không đến tham gia cuộc tranh luận, mà thay vào đó, họ lên ngựa và rời khỏi thành phố ra đồng. Khi họ đến một nơi cao, ngựa của họ bỗng nhiên hoảng sợ, và những người Arian, sau khi rơi xuống từ trên núi, đã chết tại chỗ. Còn Thánh Ambrose, không hay biết gì về sự việc này, đã chờ đợi họ rất lâu và cuối cùng, khi thấy họ không đến, ngài đã bước lên bục giảng và trình bày cho dân chúng bài giảng nổi tiếng của mình, bắt đầu bằng những lời: "Anh em thân mến, tôi đã cố gắng chờ đợi những người đáng lẽ phải đến, nhưng không thấy những người cho vay hôm qua của tôi đâu" (v.v., như được ghi trong tác phẩm của Thánh Ambrose – về sự nhập thể của Chúa Giêsu Kitô).

Ngay sau đó, Gratian đã bị sát hại một cách phản bội tại Gaul bởi tướng quân Maximus, người đã nổi dậy chống lại ông[8626] . Ngai vàng hoàng đế tại Rome lúc bấy giờ được Valentinianus Trẻ cùng mẹ ông là Justina lên nắm giữ; nhưng vì tướng quân Maximus đã chiếm được Tây Ban Nha và Gaul, nên không thể chống lại ông ta được; vì vậy, Justina, một tín đồ Arian, đã buộc phải cầu xin Thánh Ambrose đến gặp Maximus để xin ân xá và cầu xin ông ta ban hòa bình cho con trai nhỏ của bà. Vị mục tử nhân lành đã lên đường đến gặp kẻ nổi loạn, vì ngài sẵn sàng hy sinh cả mạng sống mình vì đàn chiên tinh thần của mình.

Bằng những lời lẽ khôn ngoan và khiêm nhường, Ambrose đã thuyết phục được Maximus đến mức ông ta không tiến quân vào Ý trong năm đó, mà ở lại Gaul.

Nhưng Justina lại đáp lại công lao của vị thánh của Đức Chúa Trời bằng sự vô ơn: không ngừng thù địch với ngài, bà đã gửi đến Ambrose một yêu cầu nhân danh con trai mình, đòi ngài phải giao Nhà thờ Chính tòa Milan cùng tất cả các kho báu trong đó cho những người Arian. Nhưng Thánh Ambrose đã dũng cảm chống lại mệnh lệnh của hoàng đế. Ông trả lời:

– Những gì thuộc về tôi, tôi không từ chối nhà vua, tôi sẵn sàng hy sinh cả sức khỏe của mình vì ngài, nhưng những gì thuộc về Thiên Chúa, tôi không thể trao lại; – và nhà vua cũng không được phép lấy những thứ đó.

Sau đó, Justina, thay mặt hoàng đế, đã cử một đội quân đến, với mệnh lệnh chiếm lại nhà thờ bằng vũ lực và đuổi vị giám mục ra khỏi đó. Dân chúng, khi nghe tin này, đã đổ xô đến nhà thờ, đóng cửa lại bên trong cùng với vị giám mục thánh Ambrose của họ, và không cho lính vào. Trong ba ngày, các tín hữu bị nhốt trong nhà thờ, vừa hát thánh ca vừa ngợi khen Thiên Chúa. Họ kiên cường chống lại những người Arian và không cho phép họ trục xuất

[8625] Sirmium – thành phố cổ kính ở Hạ Pannonia, bên bờ sông Savva, một nhánh của sông Dnieper, thuộc vùng Illyria ngày nay.
[8626] Đó là vào năm 383.

vị giám mục cũng như chiếm đoạt nhà thờ. Còn Thánh Ambrose, khi trả lời yêu cầu của những người được nhà vua cử đến, đã lặp lại:

– Tôi sẽ không tự nguyện ra khỏi nhà thờ và cũng không rời bỏ nơi này; tôi sẽ không phản bội mà giao nộp "đàn chiên của Chúa Kitô" cho bầy sói, và cũng không cho phép những kẻ phỉ báng Thiên Chúa chiếm đoạt nhà thờ của Ngài. Nếu có ý định giết tôi, thì hãy để tôi ở đây, trong tường nhà thờ, bị đâm bằng gươm hay giáo: tôi sẵn sàng đón nhận cái chết ấy một cách vui lòng và với tình yêu.

Nữ hoàng Justina, khi được báo cáo về tất cả những điều này, đã cảm thấy xấu hổ, đồng thời cũng sợ hãi trước sự kháng cự dũng cảm của những người Chính Thống, và không dám công khai kích động cuộc chiến chống lại Giáo hội nữa. Tuy nhiên, vì xấu hổ trước thất bại của mình, bà đã bí mật cử một sát thủ được thuê đến nhà của Ambrose để giết vị thánh. Kẻ ác đã lẻn vào phòng ngủ của vị giám mục với thanh gươm trần và vừa giơ tay lên để chém vị thánh, thì đột nhiên cánh tay hắn khô héo, khiến hắn không thể hạ tay xuống được. Hắn bị bắt giữ và đã thú nhận mình được ai sai khiến và với mục đích gì. Thánh Ambrose, với lòng nhân từ của mình, đã chữa lành cánh tay khô cứng của hắn và thả hắn đi trong bình an[8627] .

Vào thời điểm đó[8628] , Đức Chúa Trời đã mặc khải trong một giấc mơ cho vị thánh được Ngài yêu mến là Ambrose về các di cốt của các thánh tử đạo Protasius và Gervasius, đang an nghỉ dưới lòng đất. Khi những di cốt thánh này được khai quật lên, nhiều phép lạ đã xảy ra từ đó. Chẳng hạn, một người mù tên là Sever, chỉ cần chạm vào áo của các vị tử đạo là lập tức được sáng mắt; cũng có nhiều tà linh bị trục xuất khỏi những người bị chúng ám.

Trong khi đó, tại hoàng cung, nhiều người theo phái Arian, cùng với hoàng hậu Justina, đã chế giễu và nhạo báng ân sủng của Thiên Chúa, được Chúa Giêsu Kitô ban cho Giáo Hội Thánh trong việc tôn vinh các vị tử đạo của Ngài tại . Những người Arian khẳng định rằng Ambrose đã thuê người bằng tiền để họ giả vờ bị quỷ ám, đưa họ đến mộ các vị tử đạo và giả vờ như những người bị quỷ ám giả mạo này đã được chữa lành, rồi sau đó lan truyền trong dân chúng danh tiếng về những phép lạ giả dối như vậy.

Trong khi những quan lại triều đình này đang bàn tán những lời bất kính như vậy với nhau, bỗng nhiên, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, một con quỷ xông vào tấn công một trong số họ và bắt đầu hành hạ người đó. Người bị hành hạ thét lên những tiếng kêu thảm thiết và la lớn:

– Nguyện điều xảy ra với ta cũng xảy ra với tất cả những ai phỉ báng các thánh tử đạo, cũng như với những kẻ không tin vào Ba Ngôi, điều mà Thánh Ambrose dạy chúng ta phải tin!

Tất cả những người có mặt tại đó đều kinh hoàng, nhưng thay vì ăn năn và tin nhận, họ đã bắt người đang bị hành hạ và ném anh ta xuống hồ để dìm chết. Một lần khác, có một người thuộc nhóm những kẻ vô đạo Arian này bước vào nhà thờ khi Đức Giám mục thánh Ambrose đang giảng dạy dân chúng tại đó. Và người Arian này thấy rằng Thiên Thần của Chúa đang thì thầm điều gì đó vào tai Ambrose. Hình ảnh này cho thấy vị giám mục thánh thiện đang truyền đạt cho dân chúng những lời được Thiên Thần truyền cảm hứng. Thấy điều đó, người Arian này lập tức gia nhập Chính Thống Giáo và, nhờ ân sủng của Thiên Chúa toàn năng, đã trở thành người bảo vệ chính đức tin mà trước đây ông từng bức hại.

Trong khi đó, hoàng hậu Justina vẫn không ngừng thù địch với vị thánh và, trong nỗ lực tiêu diệt ngài, bà đã tìm được một đồng minh là một quan đại thần tên là Euthymius. Bà đã thuyết phục ông ta, bằng cách hối lộ bằng quà cáp, để ông ta bí mật bắt giữ Ambrose và đưa ngài đến một quốc gia xa xôi nào đó để giam cầm. Với ý định thực hiện mong muốn của nữ hoàng, Euphimius đã xây dựng một ngôi nhà gần nhà thờ, để thuận tiện hơn trong việc chọn thời điểm thích hợp và bắt giữ vị thánh của Chúa. Hắn đã chuẩn bị một cỗ xe đặc biệt, dự định dùng để

[8627] Đó là vào năm 385, trước lễ Phục sinh. Một sự việc tương tự khác lại tái diễn vào năm 386 tiếp theo, khi Justina thuyết phục Valentinian ban hành luật có lợi cho những người Arian, và sau đó, vào khoảng lễ Phục Sinh, bà đã phát động một cuộc đàn áp tàn bạo đối với Thánh Ambrose, đến nỗi ngài phải tự nhốt mình trong nhà thờ, nằm sấp trước bàn thờ và cầu xin sự giúp đỡ từ trên cao. Dân chúng, lo sợ ngài sẽ bị bắt đi bằng vũ lực, đã vây quanh ngài và ngày đêm cùng ngài cầu nguyện trong nhà thờ. Vị Thánh của Chúa lúc bấy giờ đã giúp dân chúng giải tỏa tâm trí bằng cách đọc Kinh Thánh, giải thích ý nghĩa của nó và hát các thánh vịnh cùng các bài thánh ca. Từ thời điểm đó, hình thức hát đối đáp (antiphonal singing), tức là hát theo hai giọng, do Thánh Ambrose đưa vào sử dụng trong Giáo hội Tây phương theo gương Giáo hội Đông phương, đã được áp dụng tại Giáo hội Milan. Trong khi đó, những binh lính do Justina phái đến bắt đầu cho dân chúng vào nhà thờ, nhưng không cho phép họ ra khỏi đó. Họ đã bị lay động sâu sắc bởi tiếng hát của các tín hữu Chính Thống đến nỗi chính họ cũng hòa theo từ bên ngoài. Lúc đó, những bài thánh ca cao cả do chính Thánh Ambrose sáng tác để tôn vinh Chúa Ba Ngôi cũng được cất lên. Lời cầu nguyện của các tín hữu đã được nhậm lời, và vị thánh được ở lại cùng đoàn chiên của mình.
[8628] Cũng trong năm 386 đó.

chở Thánh Ambrose đi lưu đày, nhưng theo sự phán xét của Đức Chúa Trời, *"sự ác của hắn sẽ quay lại trên đầu hắn, và sự gian ác của hắn sẽ đổ xuống trên đỉnh đầu hắn"* (Thi Thiên 7:17).

Chính vào ngày mà Euphemius dự định bắt Thánh Ambrose, một mệnh lệnh bất ngờ từ hoàng đế đã được ban ra, yêu cầu Euphemius phải bị đày đi ngay lập tức. Và hắn đã bị đưa đi lưu đày trên chính chiếc xe ngựa mà hắn, kẻ vô đạo, đã chuẩn bị để đày Thánh Ambrose.

Khi kẻ nổi loạn Maxim một lần nữa khởi động các hành động quân sự chống lại Ý, Justina vội vã làm hòa với Ambrose và cùng con trai mình nài nỉ ngài hãy quay lại thuyết phục kẻ nổi loạn. Không hề oán hận, Thánh Ambrose đã lên đường đến gặp Maxim, nhưng lần này, lời thỉnh cầu của ngài trước tên nổi loạn vô cảm và kiêu ngạo ấy hoàn toàn không mang lại kết quả. Thấy sự cứng rắn của hắn, Thánh Ambrose đã thể hiện sự dũng cảm đến mức trước mặt mọi người, ngài đã nguyền rủa hắn như một kẻ sát nhân, kẻ đã dùng mưu mô để giết hại vị quân vương vô tội của mình, và tước quyền tham gia Giáo hội Thánh của hắn. Maxim xâm lược Ý và chiếm từng thành phố một. Hoàng đế trẻ tuổi không thể chống lại hắn và đã cùng mẹ chạy trốn đến Thessaloniki[8629] , tại Hy Lạp, để tìm đến Hoàng đế Phương Đông – Theodosius Đại đế[8630] , nhằm cầu xin sự giúp đỡ. Theodosius đã tập hợp quân đội, tiến quân chống lại Maxim và đánh bại hắn. Maxim bị giết[8631] ; cái chết của ông là sự trừng phạt cho máu vô tội của Hoàng đế Gratian. Tuy nhiên, Hoàng hậu Justina không kịp chứng kiến chiến thắng hạnh phúc này, vì bà đã qua đời ngay sau khi đến Hy Lạp. Con trai bà – Valentinian – đã nghe theo lời khuyên của Hoàng đế Theodosius và gia nhập Chính thống giáo.

Sau khi Justina qua đời, có một lần, một pháp sư bị đưa ra xét xử và tra tấn. Trong lúc bị tra tấn, ông ta la hét rằng Thiên thần hộ mệnh của Thánh Ambrose còn hành hạ ông ta nhiều hơn cả những kẻ hành hình. Khi được hỏi rằng Thiên thần đang trừng phạt ông ta vì tội gì, pháp sư đó đã thú nhận như sau:

– Khi Hoàng hậu Justina còn sống, tôi đã có ý định dùng phép thuật của mình để khơi dậy sự thù hận trong dân chúng Mediolan đối với Giám mục của thành phố này – Ambrose. Với mục đích đó, vào nửa đêm, tôi đã trèo lên mái nhà thờ và dâng lễ vật cho các quỷ dữ tại đó; nhưng càng cố gắng dùng những mưu mô độc ác để khiến Ambrose bị dân chúng ghét bỏ, thì tình yêu và sự gắn bó của dân chúng đối với vị mục tử của họ lại càng lớn lên trước mắt tôi, và đoàn chiên ấy càng phát triển vững mạnh trong đức tin Công giáo Chính thống. Thấy những nỗ lực của mình không mang lại kết quả, tôi bắt đầu sai các quỷ dữ đến nhà Ambrose để chúng giết ông, nhưng các linh hồn ác quỷ báo cho tôi biết rằng chúng không chỉ không thể đến gần vị giám mục, mà thậm chí còn không thể đến gần cửa nhà ông, vì lửa bốc ra từ cửa nhà ông và thiêu đốt chúng.

Đó là những gì nhà phù thủy đã khai ra trong lúc bị tra tấn, bởi vì thực sự Ambrose là một nỗi kinh hoàng đối với lũ quỷ. Vậy, có lần, một số người dẫn một thiếu niên bị quỷ ám đến gặp Thánh Ambrose; chưa kịp đưa cậu đến Mediolanum, thì linh hồn xấu xa đã rời khỏi người thiếu niên bị quỷ ám, và cậu đến gặp vị Giám mục của Chúa trong tình trạng đã được chữa lành. Thiếu niên này đã ở lại với Thánh Ambrose khá lâu. Sau đó, cậu rời Mediolan để trở về quê hương, và ngay tại chính nơi mà trước đây con quỷ đã bỏ lại cậu, kẻ thù xảo quyệt lại tấn công cậu và bắt đầu hành hạ cậu. Khi những người trừ tà[8632] hỏi con quỷ tại sao nó không hành hạ cậu bé ở Mediolan, thì con quỷ trả lời:

– Ta sợ Ambrose, nên trước khi đến Mediolanum, ta đã chạy trốn khỏi cậu thiếu niên và chờ sẵn cậu ta tại chính nơi mà ta đã bỏ lại cậu; khi thấy cậu ta quay trở lại, ta lại nhập vào người cậu.

Sau khi tên phản loạn Maximus qua đời, Hoàng đế Theodosius đã đến Mediolanum; còn Thánh Ambrose lúc đó đang ở Aquileia[8633] . Và sự việc sau đây đã xảy ra. Tại một trong những thành phố ở phương Đông, các tín

---

[8629] Thessaloniki hay Solun – một thành phố cổ kính quan trọng của Macedonia, nằm bên Vịnh Solun hay Vịnh Fermeia lớn. Thessaloniki từng là trung tâm của cộng đồng Kitô giáo do Thánh Tông đồ Phaolô thành lập. Ngày nay, Thessaloniki là thành phố thương mại lớn thứ hai ở Thổ Nhĩ Kỳ châu Âu, sau Constantinopolis, với dân số rất đông đúc.

[8630] Theodosius Đại đế – hoàng đế của Đế quốc La Mã Đông phương, sau này đã sáp nhập cả phần phía tây vào quyền lực của mình; trị vì từ năm 379 đến năm 395.

[8631] Năm 388.

[8632] Trong Giáo hội Kitô giáo cổ xưa, có một chức vụ giáo sĩ cấp thấp đặc biệt là các nhà trừ tà. Nhiệm vụ trừ tà khỏi những người bị quỷ ám này được giao cho các giáo sĩ cấp thấp với mục đích thể hiện sự khinh miệt của Giáo hội Chúa Kitô đối với sức mạnh hư ảo của ma quỷ. Những người trừ tà cũng phải đọc các lời cầu nguyện cấm đoán hoặc trừ tà đối với những người dự tòng, tức là những người đang chuẩn bị lãnh nhận Bí tích Rửa tội. Ngày nay, những lời cầu nguyện trừ tà này, diễn ra trước Bí tích Rửa tội, được chính linh mục cử hành Bí tích Rửa tội đọc lên. Trong sách nghi lễ của Phêrô Mogila có một nghi thức đặc biệt về việc trừ tà khỏi những người bị ma ám.

[8633] Aquileia – một thành phố thương mại quan trọng bên sông Natisone, không xa bờ biển Adriatic.

hữu Kitô giáo đã đốt cháy một hội đường Do Thái vì người Do Thái đã xúc phạm các tu sĩ. Khi quan tổng trấn phương Đông báo cáo sự việc này lên hoàng đế, ngài lập tức ra lệnh cho giám mục của thành phố đó phải xây dựng một hội đường mới cho người Do Thái. Thánh Ambrose, khi biết về mệnh lệnh này, đã gửi thư cho hoàng đế (vì không thể đích thân đến gặp ngài ngay lập tức); trong bức thư đó, ngài đã chứng minh cho hoàng đế thấy sự bất công trong sắc lệnh của ngài và xin ngài hủy bỏ sắc lệnh đó, đồng thời không để các tín hữu Kitô giáo bị người Do Thái sỉ nhục. Nhưng Theodosius đã phớt lờ bức thư của Ambrose. Lúc đó, vị giám mục của Chúa, sau khi trở về Mediolan, đã công khai lên án hoàng đế trong nhà thờ khi đang giảng đạo. Hướng về phía ông, Ambrose đã nói với ông nhân danh Chúa như sau:

– Ta đã đưa ngươi ra khỏi cảnh hèn mọn và lập ngươi làm vua. Ta đã giao kẻ thù của ngươi vào tay ngươi và khuất phục mọi đạo quân của hắn dưới quyền ngươi. Ta đã ban ngai vàng hoàng gia cho dòng dõi ngươi. Ta đã làm cho ngươi dễ dàng giành được chiến thắng, thế mà ngươi lại tạo cớ cho kẻ thù của Ta ăn mừng trước mặt Ta.

Hoàng đế Theodosius, cảm động trước những lời này, đã thay đổi quyết định và hủy bỏ sắc lệnh yêu cầu người Kitô hữu phải khôi phục lại hội đường Do Thái.

Cùng lúc đó, một sự kiện khác đã xảy ra: dân chúng ở Thessalonica nổi dậy chống lại vị thống đốc của họ là Boterius[8634] và đã giết chết ông ta. Hoàng đế, trong cơn thịnh nộ dữ dội, đã phái quân đội đến thành phố đó, và lúc đó có tới bảy nghìn cư dân đã bị giết; trong đó nhiều người vô tội đã thiệt mạng dưới lưỡi gươm, bởi vì khi tấn công thành phố, binh lính hoàn toàn không tìm kiếm những kẻ có tội trong vụ ám sát thống đốc, mà giết chết tất cả mọi người trên đường phố, từ người già, thanh niên cho đến cả trẻ sơ sinh.

Khi Ambrose nghe tin này, ngài vô cùng đau buồn và nổi giận với nhà vua bằng cơn giận chính nghĩa trước hành động đổ máu vô cớ đó. Và rồi một ngày lễ, khi hoàng đế đang long trọng rước kiệu vào nhà thờ, vị giám mục của Chúa đã dũng cảm bước ra trước mặt ngài, chặn lối vào nhà thờ và lên án ngài về tội giết người bất công bằng những lời sau:

– Bệ hạ không nên rước lễ thánh cùng với các tín hữu Kitô giáo, sau khi ngài đã trở thành thủ phạm của những vụ giết người như vậy mà lại không tỏ lòng sám hối. Làm sao ngài có thể nhận lấy Thân Thể của Chúa Kitô bằng đôi tay[8635] nhuốm máu vô tội, hay làm sao ngài có thể uống Máu Thánh Chúa bằng chính đôi môi đã ra lệnh đánh đập dã man những con người ấy?

– Nhưng Đavít cũng đã phạm tội mà, – hoàng đế phản bác, – ngài đã giết người và ngoại tình, thế nhưng vẫn không bị tước mất lòng thương xót của Thiên Chúa.

Nhưng vị thánh trả lời Theodosius:

– Nếu ngài đã noi gương Đa-vít trong những tội lỗi của ông ấy, thì hãy noi gương ông ấy trong sự sám hối.

Hoàng đế trở về cung điện trong sự bối rối, đau buồn vì tội lỗi của mình. Và chẳng bao lâu sau, ngài đã thực hiện sự sám hối mà Thánh Ambrose đã truyền cho ngài: ngài sám hối công khai như một người dân thường, quỳ sấp mặt trước nhà thờ và đứng cùng với những người sám hối khác, khóc lóc thảm thiết. Trong khi đó, lễ Giáng Sinh của Chúa Giêsu đã đến, và Theodosius ngồi trong cung điện với đôi mắt đẫm lệ, suy ngẫm rằng nhà thờ của Chúa mở cửa cho các tôi tớ và những người nghèo khổ, nhưng ngay cả vào thời điểm này, ngài vẫn không thể vào được: Một người tên Rufinus, quan đại thần được hoàng đế đặc biệt sủng ái, khi biết lý do khiến ông khóc, đã vội vã chạy đến gặp Thánh Ambrose để thuyết phục ngài bãi bỏ hình phạt sám hối đối với hoàng đế. Theodosius cũng theo sau vào nhà thờ. Vị Thánh của Chúa ban đầu tiếp đón ông một cách nghiêm khắc và, biết tính khí nóng nảy của ông, đã yêu cầu ông ban hành một đạo luật theo đó các bản án tử hình hoặc tịch thu tài sản phải được phê chuẩn sau 30 ngày. Nhà vua đã đồng ý, và được phép vào nhà thờ. Tại đó, ông đã thể hiện những dấu hiệu của sự ăn năn sâu sắc: dùng tay giật tóc mình, đập trán xuống sàn và làm ướt sàn nhà bằng những dòng nước mắt. Sau đó, Thánh Ambrose cuối cùng cũng cho phép hoàng đế rước lễ. Hoàng đế bước vào khu vực bàn thờ, vì ông nghĩ rằng mình sẽ rước lễ cùng với các linh mục; nhưng Thánh Ambrose đã cử một phó tế trưởng đến gặp ông với lệnh phải chờ rước lễ trước bàn thờ, cùng với các giáo dân khác, "Bởi vì," vị thánh nói, "chiếc áo choàng tím chỉ biểu thị phẩm vị hoàng gia, chứ không phải phẩm vị linh mục." Hoàng đế đã khiêm nhường tuân theo mệnh lệnh của giám mục và bước ra khỏi bàn thờ. "Ở Constantinople có một phong tục như vậy," ngài nhận xét, "rằng các vị vua rước lễ cùng

---

[8634] Boterich – thống đốc Thessaloniki, bạn của Hoàng đế Theodosius Đại đế.

[8635] Vào thời đó, ngay cả các giáo dân khi rước Mình Thánh Chúa cũng nhận Mình Thánh Chúa vào tay. Xem Cuộc đời của Thánh Phêôctista thành Lezvia vào ngày 9 tháng 11.

với các linh mục trong bàn thờ.” Nhưng sau đó, Theodosius đã chờ đến giờ rước lễ cùng với những người dân khác trong nhà thờ. Sau này, khi hoàng đế Theodosius đã ở Constantinople, ông không vào bàn thờ để rước lễ, và khi được Thượng phụ Nektarios[8636] hỏi tại sao ông lại không theo phong tục hoàng gia mà lại chờ rước lễ bên ngoài bàn thờ cùng với dân thường, ông thở dài và trả lời:

– Trước đây tôi không biết sự khác biệt giữa hoàng đế và giám mục, nhưng giờ thì tôi đã biết, nhờ được học hỏi từ vị thầy của lẽ thật – Ambrose, người duy nhất xứng đáng được gọi là giám mục.

Danh tiếng về Giám mục Ambrose lan rộng khắp nơi. Vì thế, tại Mediolan, có hai nhà hiền triết rất uyên bác từ Ba Tư đã đến. Sau khi nghe nhiều về sự thông thái của Thánh Ambrose, họ muốn tự mình xác minh điều đó và vì vậy đã chuẩn bị rất nhiều câu hỏi để trình lên ngài giải đáp. Họ đã trò chuyện với ngài trong một thời gian dài và kinh ngạc trước chiều sâu của thần học cũng như tầm cao của trí tuệ ngài. Họ đã làm chứng trước mặt hoàng đế rằng chính vì Ambrose mà họ đã thực hiện một hành trình xa xôi từ phương Đông sang phương Tây, bởi họ mong muốn được gặp ngài và chiêm ngưỡng sự thông thái của ngài.

Sau khi Hoàng đế Theodosius trở về từ Ý đến Constantinople, còn Valentinianus Trẻ thì đột ngột, dưới sự xúi giục của chỉ huy đội cận vệ của mình – Arbogast, bị sát hại tại thành phố Vienne[8637] , Eugenius[8638] đã được đưa lên ngai vàng hoàng đế; người này chỉ mang danh là Kitô hữu, nhưng trong thâm tâm lại là kẻ thờ thần tượng và say mê những mê tín dị đoan cùng các nghi lễ phù thủy của đạo ngoại giáo. Với mong muốn lấy lòng chính quyền La Mã (vì tại La Mã vẫn còn rất nhiều người thờ thần tượng và những kẻ phụng sự ma quỷ), ông đã ra lệnh mở lại các đền thờ thần tượng và tiến hành các nghi lễ hiến tế ma quỷ. Khi ông ta tiến gần đến Mediolanum, Thánh Ambrose, không muốn gặp một vị hoàng đế như vậy – người giả dối tự xưng là Kitô hữu nhưng thực chất là một kẻ vô đạo đức và bất chính – đã rời khỏi Mediolanum để đến Bononia[8639] , rồi sau đó đến Florence, nằm ở Tuscany[8640] ; ông không sợ sự thù hận của vị vua bất chính ấy, mà chỉ ghê tởm việc phải gặp mặt hắn. Ông đã viết thư cho hắn một cách dũng cảm, khuyên răn và đe dọa hắn bằng Sự Phán Xét của Đức Chúa Trời, tuy nhiên, không kịp lay động được trái tim vô cảm của Eugenius. Tại Florence, vị thánh nhân của Chúa đã ở lại một thời gian và sống trong nhà của một người đàn ông sùng đạo và chính tín tên là Decenta, người có con trai là cậu bé Pansophios đang bị quỷ ám. Thánh Ambrose đã chữa lành cho cậu bé bằng lời cầu nguyện và việc đặt tay. Vài ngày sau, bất ngờ cậu bé này lâm bệnh và qua đời; mẹ cậu, một người phụ nữ sùng đạo, tràn đầy đức tin và lòng kính sợ Chúa, đã bế con trai đến phòng của Thánh Ambrose và, vì vị thánh không có ở đó, bà đã đặt con mình lên giường của ngài rồi ra về. Thánh Ambrose, khi trở về phòng mình, thấy cậu bé đã qua đời đang nằm trên giường của ngài. Lúc đó, ngài đóng cửa lại và bắt đầu cầu nguyện, rồi, giống như tiên tri Ê-li-sê (2 Vua 4:32–35), ngài bước đến giường, cúi xuống bên cậu bé và thổi hơi vào cậu. Cậu bé sống lại, và Ambrose trao cậu cho mẹ khi cậu còn sống.

Trong khi đó, Eugenius đã xuất quân từ Mediolan để tiến đánh hoàng đế Theodosius. Khi rời khỏi thành phố, tên vô đạo Eugenius đã khoe khoang rằng, khi trở về với chiến thắng, hắn sẽ biến nhà thờ Mediolan thành chuồng ngựa, và sẽ trói các linh mục bằng gươm. Tuy nhiên, sự độc ác tột độ toát ra từ những lời đe dọa ấy cuối cùng cũng trở nên vô hiệu: Eugenius đã tử trận một cách nhục nhã trong trận chiến, bị Hoàng đế Theodosius đánh bại. Thánh nhân của Đức Chúa Trời đã long trọng đón tiếp Hoàng đế Theodosius, một vị hoàng đế sùng đạo, như một vị chiến thắng, nhưng Theodosius, khi quỳ xuống dưới chân Thánh Ambrose, đã quy công chiến thắng của mình cho những lời cầu nguyện của ngài.

Một thời gian ngắn sau đó, Hoàng đế Theodosius qua đời trong bình an[8641] ; ngài đã trị vì theo ý Chúa và bước vào Vương quốc vĩnh cửu của Đấng Kitô, còn vương quốc trần gian thì được các con trai ngài kế vị:

[8636] Thánh Nectarius giữ chức Tổng Giám mục tại Constantinopolis từ năm 381 đến năm 397.

[8637] Vienna – nay là Vienna – là một thuộc địa La Mã cổ đại và sau này trở thành thủ đô của các quốc gia khác nhau do các bộ tộc Germanic thành lập, nằm trên bờ trái sông Rhône. Hiện nay, thành phố này có nhiều di tích La Mã cổ đại.

[8638] Eugenius – xuất thân từ gia đình bình dân – từng là thư ký của Hoàng đế Valentinian II; sau khi vị hoàng đế này qua đời, ông được Arbogast đưa lên ngai vàng. Tuy nhiên, Theodosius Đại đế đã dẫn quân chống lại Arbogast, đánh bại ông ta và ra lệnh xử tử Eugenius.

[8639] Bononia – một thành phố rất nổi tiếng ở miền Bắc Ý, thuộc Gaul Cisalpina, trên con đường được gọi là Đường Emilia; ngày nay là Bologna, thủ phủ của tỉnh Bologna cùng tên, nổi tiếng về nền giáo dục và thương mại sầm uất, với dân số rất đông đúc.

[8640] Tuscia – hay còn gọi là Etruria – là một vùng cổ đại ở miền trung Ý, phía tây, giáp với Biển Tyrrhenian và dãy núi Apennines, phía bắc Rome. – Florence, nằm bên sông Arno, là một thành phố đông dân của Ý, nổi tiếng với sự phát triển của khoa học và nghệ thuật.

[8641] Năm 395. Thánh Ambrose đã tưởng nhớ Theodosius Đại đế bằng lời giảng.

Arcadius[8642] ở phương Đông, Honorius[8643] ở phương Tây. Trong thời gian Honorius trị vì, Thánh Ambrose đã tìm thấy di cốt của các vị tử đạo Nazarius và Celsus, điều mà linh mục Pavlin đã thuật lại như sau.

Vào thời điểm đó, Thánh Ambrose đã chuyển di cốt của Thánh Tử đạo Nazarius – vốn được tìm thấy trong một khu vườn ngoại ô – đến Nhà thờ Các Thánh Tông đồ. Chúng tôi đã thấy trong quan tài, nơi đặt di cốt của vị tử đạo, có máu, như thể nó vừa mới chảy ra; đầu với mái tóc và râu vẫn được bảo tồn nguyên vẹn, như thể vừa mới được đặt vào quan tài, còn khuôn mặt của vị tử đạo thì sáng ngời, như thể vừa mới được rửa sạch. Và điều này có gì đáng ngạc nhiên, khi chính Chúa đã hứa trong Phúc Âm của Ngài: *"Ngay cả sợi tóc trên đầu các con cũng đã được đếm hết"* (Lc 12,7). Chúng tôi đã cảm nhận được một mùi hương thơm ngát, vượt trội hơn mọi loại hương liệu. Sau khi chuyển di hài cốt của thánh tử đạo Nazarius lên xe ngựa, chúng tôi lập tức cùng thánh Ambrose đến nơi an táng di hài cốt của thánh tử đạo Celsus, vốn nằm trong cùng khu vực đó. Từ những người chủ khu vườn này, chúng tôi được biết rằng tổ tiên họ đã truyền lại lệnh rằng họ không được rời khỏi nơi này, mà phải giữ gìn nó từ thế hệ này sang thế hệ khác, vì những kho báu vĩ đại đã được chôn cất tại đây. Và quả thực, những kho tàng này thật vĩ đại, không bị sâu mọt hay rỉ sét phá hủy, cũng không bị kẻ trộm đào bới hay đánh cắp (Mt 6:20). Đấng gìn giữ chúng là Chúa, còn nơi dành cho những ai coi sự sống là Đấng Christ và cái chết là sự lợi ích (Phi-líp 1:21), chính là sự an nghỉ trên trời. Khi các di cốt của các thánh tử đạo được rước vào Nhà thờ Các Tông đồ, Thánh Ambrose đã giảng dạy cho dân chúng. Lúc đó, một người trong đám đông, bị tà linh ám, đã la lên lớn tiếng:

– Ambrose đang hành hạ tôi!

Nhưng vị thánh, quay sang phía người đó, nói:

– Im đi, ma quỷ! Không phải Ambrose, mà chính đức tin của các vị tử đạo đang hành hạ ngươi, cũng như lòng ghen tị của ngươi, vì ngươi thấy mọi người đang lên nơi mà ngươi đã bị quăng xuống. Còn Ambrose thì không bao giờ kiêu ngạo.

Sau những lời của Thánh Ambrose, con quỷ im bặt, quật người bị nó ám ngã sấp mặt xuống đất.

Tin tức về Thánh Ambrose đã đến tai Nữ hoàng của người Markoman[8644] – Frithigild, và bà đã sai người đến thỉnh cầu vị thánh này để Ambrose dạy bà đức tin vào Chúa Kitô. Ambrose đã viết cho bà một bản hướng dẫn chi tiết về đức tin Kitô giáo và thuyết phục bà về sự thật của Kitô giáo. Fritigilda đã dẫn dắt cả chồng mình đến với đức tin vào Chúa Kitô, đồng thời thuyết phục ông ký kết hiệp ước hòa bình với Đế quốc La Mã. Fritigilda rất mong được gặp vị thầy của mình – Thánh Ambrose – và với ý định đó, bà đã lên đường đến Mediolan, nhưng không còn gặp được vị thánh nữa, vì ngài đã về với Chúa không lâu trước đó.

Thánh Ambrose là người có đức tiết độ và siêng năng cao độ, tràn đầy sức sống thiêng liêng; ngài ăn chay liên tục, trừ các ngày thứ Bảy, Chủ Nhật, các ngày lễ và ngày tưởng niệm các vị tử đạo. Ngài luôn cầu nguyện không ngừng, cả ngày lẫn đêm; Ngài làm việc với sự tận tụy và thậm chí còn tự tay viết sách, trừ khi bị bệnh tật cản trở. Ngài tràn đầy lòng quan tâm chu đáo đối với tất cả các nhà thờ trong giáo phận và đã làm việc không mệt mỏi để hoàn thành những nhiệm vụ mà Thiên Chúa đã giao phó, đến nỗi sau khi ngài qua đời, năm vị giám mục khác hầu như không thể đảm đương nổi công việc này. Sự quan tâm của ngài dành cho những người ăn xin, người nghèo khổ và những người bị giam cầm cũng không thể diễn tả bằng lời: ngài đã dành hết những tài sản cuối cùng của mình cho họ. Ngay sau khi được tấn phong làm giám mục, Ambrose đã phân phát hết vàng, bạc và tài sản còn lại của mình để trang hoàng các nhà thờ của Chúa, nuôi dưỡng những người nghèo khổ và trẻ mồ côi, cũng như chuộc những người bị bắt làm tù binh; ông chỉ dành ra một phần rất nhỏ tài sản của mình để chu cấp cho em gái, còn bản thân thì không giữ lại gì cả, để khi được giải thoát khỏi mọi của cải, ông có thể dễ dàng hơn trong việc theo Chúa Kitô, Đấng đã tự hạ mình trở nên nghèo khó vì chúng ta, để nhờ sự nghèo khó của Ngài mà chúng ta được trở nên giàu có (2 Cr 8,9). Thánh Ambrose, người được Chúa yêu mến, *"đã trở thành mọi sự cho mọi người"* (1 Cô-rinh-tô 9:22), vui mừng cùng những ai vui mừng, khóc cùng những ai khóc. Nếu có ai đến với ngài để xưng tội, thì chính Ambrose cũng khóc thương cho người ấy đến nỗi ngay cả kẻ tội lỗi có trái tim cứng cỏi cũng phải tan nát lòng, cảm động và rơi lệ.

[8642] Arcadius – hoàng đế của Đế chế La Mã Đông, trị vì từ năm 390 đến năm 408.

[8643] Honorius – hoàng đế của Đế chế La Mã phương Tây, trị vì từ năm 390 đến năm 423.

[8644] Người Marcomanni – một bộ tộc German, sinh sống ở Bohemia và thường xuyên thực hiện các cuộc tấn công tàn phá vào các tỉnh biên giới của Đế chế La Mã.

Khi Thánh Ambrose đã đến tuổi già, ngài đã tiên tri về sự ra đi của mình về với Chúa và nói với các linh mục của ngài:

– Tôi sẽ ở lại với các bạn chỉ đến Lễ Phục Sinh thôi.

Linh mục Pavlin nói trên, người đã ghi chép cuộc đời của Thánh Ambrose, còn kể lại một sự kiện khác mà chính ông là nhân chứng. "Không lâu trước khi ngài lâm bệnh, Thánh Ambrose đang bận rộn giải thích Thánh vịnh 43, còn tôi," Pavlin nói, "đang chép lại những gì ngài giải thích từ lời nói của ngài, vì chính Thánh Ambrose, do tuổi già và sức yếu, đã không thể viết nhiều được nữa. Bỗng nhiên, khi nhìn ngài, tôi thấy một ngọn lửa giống như một tấm khiên bao quanh đầu ngài; ngọn lửa ấy, từ từ cuộn tròn lại, đi vào miệng ngài; lúc đó, khuôn mặt của Thánh Ambrose trở nên trắng bệch, giống như tuyết. Cảnh tượng ấy khiến tôi kinh hoàng đến mức vì sợ hãi mà không thể viết tiếp, nhưng sau đó khuôn mặt của Thánh Ambrose lại trở về vẻ bình thường. Tôi đã kể lại điều này cho vị phó tế đáng kính Castulus, và ngài, người tràn đầy ân sủng của Thiên Chúa, đã giải thích cho tôi rằng điều tôi nhìn thấy chính là Thánh Thần, Đấng đã ngự xuống dưới hình dạng ngọn lửa trên vị giám mục của chúng ta, giống như xưa kia Ngài đã ngự xuống trên các Thánh Tông Đồ."

Tướng Stilicho[8645] , khi nghe tin Ambrose đang mắc bệnh hiểm nghèo, đã thốt lên:

– Ý sẽ diệt vong nếu vị thánh này qua đời!

Và ông đã cử những công dân đáng kính của Mediolanus – những người mà ông biết là Thánh Ambrose yêu mến – đến bên vị thánh đang ốm nặng, để họ khẩn cầu ngài xin Chúa ban thêm thời gian sống trên trần gian vì lợi ích của người khác. Ambrose đã trả lời như sau:

– Tôi đã sống giữa các bạn không phải để phải xấu hổ khi tiếp tục sống; nhưng tôi cũng không sợ cái chết, vì chúng ta có Chúa Toàn Thiện.

Trong khi Thánh Ambrôsiô đang nằm trên giường bệnh, cách giường ngài một khoảng cách đáng kể, tại cửa phòng, các phó tế Castulus, Polemius, Venerius và Felix đang ngồi đó. Họ trò chuyện với nhau, nhưng thì thầm và nhẹ nhàng đến mức chỉ có chính họ mới nghe thấy cuộc trò chuyện của mình. Họ bàn luận xem ai sẽ trở thành giám mục kế nhiệm Ambrose; trong cuộc trò chuyện, họ nhắc đến linh mục Simplicianus. Bỗng nhiên, Thánh Ambrose, người đang nằm cách xa họ, cất tiếng lên và ba lần, như thể đang trò chuyện với họ, lặp lại: "Ông ấy già, nhưng vẫn minh mẫn"; bằng những lời này, ngài đã chỉ định rằng linh mục Simplician, sau khi ngài qua đời, sẽ đảm nhận chức vụ giám mục.

Trong thời gian lâm bệnh, Thánh Ambrose, khi đang cầu nguyện, đã nhìn thấy Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng đang bước đến với ngài cùng nụ cười tràn đầy tình yêu thương – và tỏ lộ cho ngài dung nhan Thần thánh của Ngài; Ambrose đã kể lại điều này cho Giám mục Vassianus của Lavdius[8646] , người lúc đó đang ngồi bên cạnh ngài. Khi thời khắc linh hồn Thánh Ambrose rời khỏi thân xác sắp đến, Đức Giám mục Giáo phận Vercelli[8647] Honoratus, lúc đó đang nghỉ ngơi ở tầng trên của ngôi nhà, đã nghe thấy ba lần một tiếng nói từ trên cao phán với ngài:

– Hãy mau đứng dậy và nhanh chóng đến với Ambrose, ngài sắp ra đi rồi.

Lúc đó, vị linh mục đứng dậy, mang theo các Bí tích Thánh Thể và đi xuống gặp người bệnh. Thánh Ambrose đã cầu nguyện, rước lễ và phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Chúa vào lúc bình minh của ngày Lễ Phục Sinh[8648] . Thi hài thánh của ngài được an táng tại một nhà thờ lớn ở Milan, còn linh hồn ngài đã được

---

[8645] Stilicho – vị tướng lừng danh của Đế chế La Mã phương Tây dưới triều đại của Honorius, người đã nhiều lần cứu đế chế khỏi sự sụp đổ – gốc gác là người Vandal, nhưng sau này, bất chấp những công lao của ông đối với nhà nước, do những âm mưu cung đình, ông đã bị giết theo lệnh của Honorius vì tội phản bội bị gán ghép

[8646] Laudi – một dân tộc ở miền Bắc Ý, nằm giữa Mediolanum và Creion. Ngày nay là Lodi Vecchio.

[8647] Vercelli – một thành phố nằm không xa về phía tây của Mediolanum.

[8648] Đó là ngày 4 tháng 4 năm 397. Thánh Ambrose qua đời ở tuổi 67. Người viết tiểu sử của ngài, linh mục Pavlin, còn kể thêm rằng nhiều trẻ em được rửa tội vào lúc đó (trong đêm Phục Sinh), sau khi bước ra khỏi nước, đã nhìn thấy Ambrose – một số thấy ngài đang ngồi trên bục giảng, số khác thì chỉ tay về phía ngài cho cha mẹ mình xem, như thể ngài đang đi lại, nhưng những người đó, dù nhìn thấy, lại không nhận ra ngài vì đôi mắt họ chưa được thanh tẩy; nhiều người nói rằng họ đã thấy một ngôi sao trên thi thể ngài. Giáo hội cử hành lễ tưởng niệm ngài vào ngày 7 tháng 12, ngày ngài được tấn phong làm giám mục, có lẽ vì ngày ngài qua đời trùng với những ngày chay tịnh hoặc lễ Phục Sinh. – Thánh Ambrôsiô thành Milan đã để lại rất nhiều tác phẩm; một số trong đó liên quan đến việc giải thích Kinh Thánh, một số khác trình bày các tín điều của đức tin thánh, một số khác nữa truyền dạy những lời răn dạy đạo đức cao cả, v.v. Đó là các tác phẩm như: bản chú giải Tin Mừng theo Thánh Luca, sáu cuốn sách về Sáu Ngày Sáng Tạo, năm cuốn sách về Đức Tin, bản giải thích Kinh Tin Kính, cuốn sách về Sự Nhập Thể, ba cuốn sách về Thánh Thần, cuốn sách về các Bí Tích, hai cuốn về sự sám hối, giáo lý về sự

đưa lên cùng các Thiên thần trước ngai vàng của Thánh Ba Ngôi – Cha, Con và Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất, vinh quang thuộc về Ngài đến muôn đời, amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Bằng cách bác bỏ các giáo lý sai lầm, ngài đã làm lu mờ sự lừa dối của Arius, hỡi vị linh mục và mục tử Ambrose: nhờ quyền năng của Thánh Thần, ngài đã chữa lành mọi loại bệnh tật. Hỡi vị Thánh Cha đáng kính, xin cầu nguyện cùng Đức Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Cuộc đời của Thánh Nil Stolobensky, vị làm phép lạ ở Novgorod

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 12

Thánh Nil sinh ra tại một làng thuộc vùng Novgorod, thuộc khu vực Derevskaya Pyatina[8649] , thuộc giáo xứ Zhabensky[8650] . Cha mẹ của ngài là ai – không ai biết; chỉ biết rằng ngài đã xuất gia tại một trong những tu viện thuộc vùng Pskov, có tên là "Krypets"[8651] . Từ tu viện này, ngài đã rời đi vào sa mạc thuộc huyện Rzhev và định cư tại đó gần sông Cheremkha[8652] . Tại đây, ngài sống bằng các loại thảo mộc và quả sồi, dành thời gian cho việc ăn chay và cầu nguyện. Điều này khiến ma quỷ không thể chịu đựng nổi, nên nó đã tấn công vị thánh với sự thù hận tột độ, nhằm đuổi ngài khỏi nơi đó. Ma quỷ dọa nạt Nil bằng đủ loại ảo ảnh, hiện ra trước mặt ngài dưới hình dạng các loài thú và đủ loại bò sát, chúng lao vào vị thánh với tiếng rít và tiếng gào thét điên cuồng. Nhưng vị thánh đã dùng những lời cầu nguyện như thanh gươm để xua đuổi mọi cám dỗ và mưu mô độc ác của kẻ thù, bảo vệ thân thể mình bằng dấu thánh giá và không ngừng cầu nguyện với Thiên Chúa. Thánh Nil đã sống cuộc đời như vậy trong mười ba năm, dành thời gian cho nhiều việc làm và lao động khổ hạnh trong sa mạc.

Một lần nọ, sau một thời gian dài cầu nguyện, Nil chìm vào giấc ngủ và nghe thấy một giọng nói ra lệnh cho ngài:

– Nil! Hãy rời khỏi đây và đi đến đảo Stolobensky; ở đó ngươi sẽ được cứu rỗi.

Nhận được mệnh lệnh này, vị thánh nhân tràn ngập niềm vui lớn lao, vì ngài thấy rằng Chúa đã không phớt lờ những lời cầu nguyện của ngài. Nil bắt đầu hỏi han những người yêu mến Chúa đến thăm ngài về hòn đảo đó. Họ kể cho ngài biết rằng hòn đảo ấy nằm trên hồ Seliger, cách thành phố Ostashkov, tỉnh Tver, bảy verst. Vị thánh lên đường đến đó, đến được hòn đảo và vô cùng ngạc nhiên trước vẻ đẹp của nó. Đi vòng quanh toàn bộ hòn đảo,

---

phục sinh được trình bày trong hai cuốn sách về cái chết của anh trai ngài và trong hai bài viết về cái chết của các hoàng đế Valentinian và Theodosius Đại đế, về việc rút lui khỏi thế gian, về sự trinh khiết, về những người góa vợ, về Thượng phụ Giacôbê và về cuộc sống hạnh phúc, về Ê-li và việc ăn chay với những lời ca ngợi sự tiết độ, về Thượng phụ Giô-sép như một tấm gương về sự trong sạch và các đức tính khác, v.v. Trong số tất cả các tác phẩm của Ambrose, 3 cuốn sách của ngài "về các chức vụ" (các linh mục trong Giáo hội) chiếm vị trí hàng đầu. Các tác phẩm của Thánh Ambrose về việc tổ chức Thánh lễ cũng rất quan trọng; ngài đã thiết lập nghi thức cho cả Thánh lễ lẫn các nghi thức khác cho Giáo hội của mình, và nghi thức này đã lan rộng khắp miền Bắc Ý. Thứ tự nghi lễ này vẫn được tuân thủ tại Milan cho đến ngày nay, và Thánh lễ Milan cho đến nay vẫn khác biệt với Thánh lễ Rôma ở nhiều đặc điểm, điều này cho thấy ở Thánh Ambrose có mong muốn rõ ràng là xích lại gần hơn với các nghi thức của Giáo hội Đông phương. Trong thứ tự nghi lễ, Thánh Ambrose đã đưa vào những điều sau: 1) Sách Đọc Thánh, trong đó ngài quy định phần mở đầu và kết thúc bằng việc đọc các đoạn trích từ Phúc Âm, Thư Tông Đồ và các Tiên Tri; 2) nghi thức cử hành Thánh Thể kèm theo các lời cầu nguyện và lời dẫn nhập; 3) Sách Antiphona, một sáng kiến hoàn toàn mới được tiếp thu từ phương Đông. Thánh Ambrose đã soạn cả bản nhạc lẫn các bài thánh ca cho Sách Antiphona. Trong số các bài thánh ca chính thống của Thánh Ambrose, cần đặc biệt nhắc đến bài thánh ca: *"Chúng con ngợi khen Ngài, lạy Thiên Chúa"*. Bài ca tạ ơn trang nghiêm này, cho đến nay vẫn được hát lại trong mỗi lễ tạ ơn long trọng dâng lên Chúa, đã được Thánh Ambrose sáng tác sau khi giành được chiến thắng hoàn toàn trước những người Arian.

[8649] *"Pyatiny"* – đó là tên gọi của năm khu vực mà tỉnh Novgorod được chia thành. Chúng có tên là: Votskaya, Shelonskaya, Obonezhskaya, Derevskaya và Bezhetskaya.

[8650] Nơi này hiện nay thuộc huyện Valdai, tỉnh Novgorod. Ngôi làng này hiện vẫn nằm trong khu vực Novgorod; để tưởng nhớ việc Thánh Nil sinh ra tại ngôi làng này, nơi đây vẫn còn một nhà thờ phụ mang tên Thánh Nil.

[8651] Tu viện này đã bị giải thể; hiện nay tại vị trí đó là một làng nhỏ có tên là "Rozhek".

[8652] Sông Cheremkha hay Seremkha nằm ở huyện Valdai và thuộc về sa mạc Nilova. Cho đến nay, nhà nguyện và phòng tu của ngài, được bao quanh bởi một nhóm cây cổ thụ, vẫn là di tích ghi dấu thời gian Thánh Nil cư ngụ bên sông Cheremkha, trở thành đối tượng được người dân địa phương kính trọng.

Nil thấy rằng nơi đây rất thích hợp để ẩn dật, nên lòng ông tràn đầy niềm vui và hân hoan. Trên hòn đảo đó có một ngọn núi và một khu rừng rộng lớn. Leo lên ngọn núi, Nil dâng lời cầu nguyện và nói:

– Nơi đây là chốn an bình của ta, nơi đây ta sẽ an cư mãi mãi.

Và ông tạ ơn Chúa vì đã chỉ dẫn cho ông nơi này. Tại ngọn núi đó, ông đã đào cho mình một hang động, nơi ông sống qua mùa đông đầu tiên; sau đó, ông dựng lên ở đó một căn phòng nhỏ và một nhà nguyện. Nê-lơ đã sống trên hòn đảo ấy với những việc làm vĩ đại và những lời cầu nguyện, trong sự ăn chay và lao động; thức ăn của ngài là các loại ngũ cốc và quả mọng mọc trên đảo, cũng như rau củ và trái cây từ mảnh đất mà ngài tự tay canh tác. Nhưng ma quỷ ở đây cũng không ngừng tấn công vị thánh, và dọa nạt ngài bằng đủ loại ảo ảnh. Chẳng hạn, có lần ma quỷ xuất hiện cùng cả một đạo quân quỷ dữ và bao vây căn phòng của vị thánh khi ngài đang cầu nguyện trong đó; sau khi dùng dây thừng quấn chặt căn phòng, ma quỷ gào thét điên cuồng đe dọa sẽ kéo nó xuống hồ, nhưng vị thánh đã xua đuổi đạo quân quỷ dữ bằng lời cầu nguyện của mình.

Sự thù hận của người đời đối với Thánh Nil cũng trở nên vô hiệu, và chỉ càng làm tăng thêm sự tôn vinh dành cho ngài. Một lần nọ, những cư dân vô đạo sống gần đảo Stolobny đã nảy sinh ý định đuổi vị thánh ra khỏi đảo; vì vậy, họ đã chặt củi và đốt rừng, nghĩ rằng ngọn lửa sẽ lan đến phòng tu của ngài và thiêu rụi nó. Thấy vậy, vị thánh liền quỳ xuống cầu nguyện và với nhiều giọt nước mắt, ngài khẩn cầu được giải thoát khỏi tai họa. Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót đã không bỏ rơi lời cầu xin của tôi tớ Ngài, người đặt niềm tin nơi Ngài, và đã bảo vệ ngài nhờ ân sủng của Ngài: ngọn lửa bỗng chốc tắt ngấm ngay khi vừa chạm đến ngọn núi. Còn vị thánh, khi chứng kiến ân sủng nhanh chóng của Đức Chúa Trời, đã vui mừng trong lòng, còn những kẻ thù của ngài thì phải trở về nhà trong sự xấu hổ.

Một lần nọ, khi vị thánh đang làm việc bên ngoài phòng tu, bọn cướp đã tấn công ngài và đe dọa, đòi ngài phải giao nộp kho báu của mình; nhưng vị thánh đã nói với chúng:

– Toàn bộ kho báu của tôi đều ở góc phòng tu; các ngươi hãy vào đó mà lấy đi.

Ở góc đó có bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh cùng Hài Nhi Vĩnh Cửu. Bọn cướp bước vào phòng tu và bỗng chốc bị mù; lúc đó, chúng khóc lóc van xin vị thánh tha thứ; vị thánh cầu nguyện với Chúa và bọn cướp liền sáng mắt trở lại. Sau đó, vị thánh đã giảng dạy cho họ về sự cứu rỗi linh hồn và cấm họ không được tiết lộ cho ai về những gì đã xảy ra với họ; lúc đó họ im lặng, nhưng sau khi thánh Nil qua đời, họ đã kể lại tất cả.

Nhờ những công đức và sự kiên nhẫn chịu đựng gian nan, Thánh Nil đã được ban ân sủng có thể nhìn thấu những việc bí mật của con người và dẫn dắt những kẻ phạm tội trở về con đường chân lý.

Có một người đến gặp vị thánh trong tình trạng ô uế về xác thịt. Vị thánh đã vạch trần tội lỗi đó của anh ta và, sau khi răn đe anh ta không được tái phạm, đã cho anh ta ra về trong bình an. Kể từ đó, người đàn ông ấy đã biết kính sợ Đức Chúa Trời và, sau khi sống một cuộc đời đẹp lòng Chúa, đã qua đời.

Những cư dân kính sợ Chúa, vốn làm nghề đánh cá gần hòn đảo, vì kính trọng vị thánh nên thường gửi cá từ mẻ đánh bắt của họ đến để nuôi sống ngài. Một lần nọ, họ cử một người bạn của mình mang cá đến cho ngài. Vị thánh, bằng linh hồn mình, đã nhìn thấu rằng người ngư dân đó đã làm ô uế bản thân bằng tội ngoại tình, nên đã đóng cửa sổ phòng tu lại trước mặt anh ta và không nhận cá từ anh ta. Người ngư dân, khi trở về với các bạn đồng hành, đã kể lại cho họ nghe chuyện đã xảy ra. Họ cử một người khác mang cá đến gặp vị thánh, và vị thánh đã vui vẻ nhận cá từ người đó, ban phước lành rồi cho anh ta ra về.

Một lần khác, có một người định vào đảo chặt gỗ để xây nhà, nhưng bỗng nhiên có tiếng sấm rền kinh hoàng và một giọng nói cấm không được chặt gỗ. Tuy nhiên, người đó không sợ hãi và bắt đầu chất gỗ lên xe, nhưng con ngựa không thể kéo xe di chuyển được. Thấy phép lạ này, người đàn ông ấy sợ hãi bỏ đi, hứa sẽ không bao giờ làm điều đó nữa.

Vị tu sĩ đã tu hành trên đảo Stolobnoye suốt hai mươi bảy năm và trước khi qua đời, ông đã tự tay đào một chỗ chôn cất trong lòng đất (trong nhà nguyện) và đặt quan tài ở đó. Hàng ngày, ông đều đến đó, khóc bên quan tài và tự nhủ:

– Đây là nơi an nghỉ của ta, đây là nơi ở của ta!

Khi cuối cùng vị thánh cảm nhận được cái chết đang đến gần, ngài đã cầu xin Chúa ban cho ngài được rước Mình Thánh Chúa. Theo lời cầu nguyện của vị thánh, nguyện vọng của ngài đã được thực hiện. Vị tu viện trưởng Sergiy của Tu viện Nikolskoye đã đến đảo và ban Mình Thánh Chúa cho Nil. Sau đó, vị thánh, khi bước vào phòng tu, đã dâng những lời cầu nguyện thường lệ và, cầm lư hương, xông hương các bức tượng thánh và toàn bộ phòng

tu; rồi, tựa tay vào những chiếc nạng gỗ mà ngài thường dùng để nghỉ ngơi khi cơ thể mệt mỏi[8653] , ngài đã về với Chúa vào ngày 7 tháng 12 năm 1554[8654] .

Vinh quang thuộc về Thiên Chúa của chúng ta, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Ngài đã hiện ra như ngọn đèn chiếu sáng khắp nơi trên hòn đảo hồ Seliger, thưa Cha Nile đáng kính: vì từ thuở thiếu thời, ngài đã vác Thập tự giá của Chúa Kitô trên vai, tận tâm theo bước Ngài, nhờ sự trong sạch mà đến gần Thiên Chúa, và nhờ đó, ngài đã được ban cho ân sủng làm phép lạ. Vì thế, chúng con chạy đến trước hòm thánh tích của Ngài, thành kính thưa rằng: Thưa Cha đáng kính, xin cầu thay cho Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Thưa Cha đáng kính, ngài đã rời bỏ quê hương, dấn thân vào sa mạc, và lên đảo Seliger trên hồ, ngài đã sống một cuộc đời khắc khổ, khiến nhiều người kinh ngạc bởi những đức hạnh của ngài, và đã nhận được ân sủng làm phép lạ từ Chúa Kitô. Xin ngài nhớ đến chúng con, những người tôn kính ngài, để chúng con có thể kêu lên: "Hãy vui mừng, hỡi Cha Nile của chúng con."

Lễ kính Thánh Tử đạo Athinodorus

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 12

Thánh Tử đạo Athinodor, người gốc từ vùng Sir của Mesopotamia[8655] , đã sống đời tu sĩ từ khi còn trẻ. Sau khi bị tố cáo, ngài bị bắt và dẫn đến trước mặt vị thống đốc đất nước là Eleusis; trước mặt ông ta, ngài đã tuyên xưng Đức Kitô, và ngay lập tức bị kết án chịu những hình phạt tàn bạo: ngài bị kéo căng giữa hai cột đá, và mọi bộ phận trên cơ thể ngài đều bị thiêu đốt bằng những ngọn nến đang cháy; người ta đặt sắt nung đỏ dưới nách ngài, và dùng những cây kim nhọn đâm xuyên qua lỗ mũi ngài; sau đó, ngài bị trải ra trên một tấm đồng nung đỏ, nhưng tấm đồng đó lại nguội đi một cách kỳ diệu; sau đó, ngài bị ném vào một con bò bằng đồng đang nóng rực và phải chịu nhiều hình phạt tra tấn khác, nhưng vị thánh tử đạo vẫn bình an vô sự, được các Thiên thần che chở. Những hiện tượng kỳ diệu như vậy đã khiến cả những người ngoại đạo cũng quay về với đức tin thiêng liêng: Thánh Athinodorus đã dẫn dắt năm mươi người ngoại đạo đến với Chúa Kitô trước tiên, rồi sau đó là thêm ba mươi người nữa. Vì điều này, ngài bị kết án chém đầu; nhưng ngay khi đao phủ bắt tay vào việc, hắn vấp ngã và ngã xuống như đã chết, còn cánh tay cầm gươm của hắn thì bị đứt lìa khỏi vai. Sau đó, không ai dám lại gần vị thánh nữa, và ngài, sau khi cầu nguyện, đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa Trời[8656] .

Ngày tưởng niệm Thánh Phaolô Poinnik [8657]

Ngày tưởng niệm: 7 tháng 12

[8653] Những "móc" hay "nạng" này đã được đóng vào tường phòng tu của Thánh Nil; chúng thay thế cho ghế ngồi của ngài; ngài dựa vào chúng để nghỉ ngơi trong chốc lát.

[8654] Tại nơi Thánh Nil đã thực hiện những việc làm cao cả, vào năm 1594, tu sĩ German đã thành lập Tu viện Nil Stolobensky. – Việc tìm thấy di cốt của Thánh Nil diễn ra vào ngày 27 tháng 5 năm 1667, và ngày này được quy định để kỷ niệm hàng năm. Hiện nay, thánh tích của vị thánh này được an táng trong một quan tài bằng bạc. Bên cạnh thánh tích của ngài còn được lưu giữ: bức tượng Đức Mẹ Vladimir (còn gọi là Seliger) trong phòng riêng của ngài, cũng như chiếc áo tu sĩ nổi tiếng nhờ những phép lạ, đã nằm dưới đất suốt 112 năm. Vào ngày 27 tháng 5, ngày mở quan tài thánh tích, hàng năm đều diễn ra cuộc rước thánh giá từ thành phố Ostashkov đến Tu viện Nilova, thu hút đông đảo người dân tham dự.

[8655] Mesopotamia của người Syri – Vùng giữa hai con sông – là một vùng đất rộng lớn nằm giữa sông Tigris và sông Euphrates, trải dài từ Armenia, Palestine và Phoenicia đến Vịnh Ba Tư.

[8656] Khoảng năm 304.

Cha mẹ của Thánh Phaolô có điều kiện kinh tế khá giả, và từ khi còn nhỏ, họ đã tận tình dạy dỗ con trai mình về Kinh Thánh. Khi vị thánh này đến tuổi trưởng thành, ngài nảy sinh khát vọng từ bỏ cuộc sống trần tục. Và thế là ngài gia nhập một trong những tu viện của thành phố mình, nơi ngài nhận chức Thánh Thiên Thần và, nhờ tu tập mọi đức hạnh, đã đạt đến sự hoàn hảo đến mức vượt trội hơn tất cả các tu sĩ trong tu viện của mình, trở thành kho tàng của các đức hạnh, đến nỗi ngài được ban ân sủng để thực hiện những phép lạ vĩ đại và kỳ diệu.

Một lần nọ, Thánh Phaolô cùng các tu sĩ khác đang đun nhựa thông trong lò rèn. Khi nhựa đã tan chảy và sôi sục, nó bắt đầu trào ra khỏi mép nồi. Vị thánh, không có gì bên cạnh để khuấy nhựa đang sôi, đã trần tay, thò tay vào nồi và khuấy nhựa, và ngay lập tức tiếng sôi sục ngừng lại. Bàn tay của vị thánh vẫn nguyên vẹn và không hề hấn gì, khuôn mặt ngài cũng không thay đổi và ngài không bị tổn thương gì cả. Thấy vậy, các tu sĩ đều kinh hoàng; một số người trong số họ công nhận ngài là người mang Thánh Thần, còn những người khác lại tỏ ra rất hoài nghi. Riêng Phaolô thì tự coi mình như bụi tro và tự gọi mình là con chó hôi thối. Một thời gian sau, ngài được giao một nhiệm vụ khác. Lúc bấy giờ, vị tu viện trưởng đã triệu tập các tu sĩ và cùng họ dành nhiều ngày để cầu nguyện và ăn chay. Sau đó, họ kêu cầu Thiên Chúa:

– Lạy Chúa, dù chúng con không xứng đáng, nhưng xin hãy bày tỏ cho chúng con, trong chừng mực có thể để chúng con hiểu rõ, rằng anh em Phaolô của chúng con là ai? Ông đã đạt đến mức độ hoàn thiện thiêng liêng nào và được ban cho ân sủng gì?

Chúa, Đấng đáp ứng ước nguyện của những ai kính sợ Ngài, đã ban cho họ điều họ xin. Một đêm nọ, khi các tu sĩ đang say giấc, nhờ sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời, họ được đưa lên thiên đàng tràn ngập vẻ đẹp. Trong lúc họ còn đang ngạc nhiên trước phép lạ vinh quang này, bỗng nhiên tu sĩ Phaolô xuất hiện trước mặt họ. Các tu sĩ chào đón ngài và xin ngài giải thích ý nghĩa của sự hiện ra này. Phaolô với lòng khiêm nhường sâu sắc đã đáp lại:

– Những gì các anh em đang thấy chính là Thiên đàng của Thiên Chúa, và tất cả điều này đã xảy ra vì các anh em, bởi vì trong những lời cầu nguyện nhiệt thành của mình, các anh em đã mong muốn đạt đến nơi này, nơi mà tôi cũng đã đến. Hãy lấy từ đây những gì các anh em muốn, những gì các anh em thích và mong muốn, rồi hãy ra đi trong bình an; còn về công việc mà tôi được giao phó trong tu viện, hãy chỉ định người khác thay thế, vì các anh em sẽ không còn gặp lại tôi nữa.

Sau khi chia tay với Phaolô, các anh em ra về, mang theo từ vườn địa đàng thánh thiêng: người thì một bông hoa, người thì một cành cây, người thì những chiếc lá tuyệt đẹp, người thì cỏ.

Khi tỉnh giấc và tụ họp lại, các tu sĩ kể cho nhau nghe về những điều đã thấy và hân hoan ngợi khen Thiên Chúa; trong lúc đó, người này giơ bông hoa lấy từ vườn thánh, người kia nói: "Còn tôi thì lấy cành cọ này", người khác kể về hương thơm siêu phàm, người khác nữa cầm trên tay những chiếc lá tuyệt đẹp: và tất cả đều ngợi khen Thiên Chúa.

Sau đó, Thánh Phaolô đã lên đường đến Giêrusalem; sau khi viếng thăm các thánh địa ở đó và cầu nguyện, ngài tiếp tục hành trình đến đảo Síp. Tại đó, ngài leo lên một ngọn núi cao và dành nhiều năm tu hành, sống một cuộc đời ẩn dật. Và vì tin đồn về đời sống thánh thiện của ngài đã lan rộng trong vùng lân cận, và nhiều người bắt đầu tìm đến ngài, nên ngài đã rời khỏi đó và định cư trong lãnh thổ Byzantine. Trong khi sống một đời thánh thiện, tại đây ngài đã được nghe, giống như Mô-sê, người đã được Chúa hiện ra trong thời xưa, tiếng Chúa kêu gọi ngài: *"Hãy leo lên ngọn núi này... và chết trên ngọn núi mà ngươi sẽ leo lên"* (Đệ Nhị Luật 32:48–50).

Và theo lệnh của Đức Chúa Trời, Thánh Phaolô đã leo lên một ngọn núi tên là Parigoria, và sau một thời gian, ngài đã an nghỉ trong Chúa.

Ngày 21 tháng 12

Ngày 8 tháng 12 (theo lịch cũ)

[8657] "Povinnyk" cũng có nghĩa là "người vâng lời" – danh hiệu được trao cho Thánh Phaolô vì lòng khiêm nhường sâu sắc và sự từ bỏ hoàn toàn ý chí cá nhân của ngài.

Cuộc đời của vị thánh cha Patapios của chúng ta

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 12

Tại Ai Cập, bên bờ sông Nile, có một thành phố tên là Thebes[8658] . Thánh Patapius đã sinh ra tại thành phố này. Cha mẹ ngài là những người Kitô hữu và đã nuôi dạy con trai mình trong sự đạo đức và lòng kính sợ Thiên Chúa. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đã khinh thường những điều hư ảo của thế gian này và, sau khi rời bỏ nhà cửa, cha mẹ và bạn bè, ngài đã gia nhập đời sống tu hành. Rời đến sa mạc Ai Cập, ngài sống vì Chúa, tu hành bằng việc ăn chay, cầu nguyện và thực hành nhiều công việc khổ hạnh khác nhau. Khi nhiều người biết đến ngài và bắt đầu tìm đến ngài để ca ngợi cuộc sống đạo đức của ngài, ngài đã buồn phiền vì sự tĩnh lặng của mình bị phá vỡ và vì ngài bị ca ngợi bởi lời nói của con người. Rời khỏi Ai Cập, ngài đến Constantinople. Tại đây, ngài tự giam mình trong một căn phòng nhỏ, được dựng lên gần Vlacherna[8659] , sát tường thành, và sống trong sự im lặng, như thể đang ở sa mạc, không ai biết đến ngài ngoại trừ Đức Chúa Trời Duy Nhất, chỉ trò chuyện với Đức Chúa Trời qua những lời cầu nguyện không ngừng. Nhưng cũng như một thành phố tọa lạc trên đỉnh núi[8660] không thể ẩn mình được, thì một con người đức hạnh, đã đạt đến sự thánh thiện hoàn hảo, cũng không thể ở trong bóng tối. Chính Đức Chúa Trời tôn vinh những ai tôn vinh Ngài và được tràn đầy ân sủng của Ngài, đồng thời bày tỏ họ cho người khác để họ được hưởng lợi. Cũng vậy, người đàn ông này, hoàn hảo trong sự thánh thiện và được ban cho dồi dào ân sủng làm phép lạ, được Đức Chúa Trời bày tỏ và tôn vinh, đã sớm được tìm thấy, như một kho báu ẩn giấu trên cánh đồng[8661] . Vì có một thanh niên Kitô hữu, bị mù bẩm sinh, được chính Thiên Chúa dẫn dắt, đã đến tu viện của vị thánh cha Patapios và xin ngài cầu nguyện với Thiên Chúa để ban cho anh ta thị lực, hầu anh ta có thể nhìn thấy toàn bộ tạo vật của Thiên Chúa, và từ đó đạt đến sự hiểu biết trọn vẹn nhất về chính Đấng Tạo Hóa và tôn vinh Ngài. Thánh nhân, khi thấy đức tin của chàng, đã thương xót và nói:

– Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Đấng ban ánh sáng cho người mù và sự sống cho người chết, hãy mở mắt ra.

Và ngay lập tức, đôi mắt của người mù bẩm sinh mở ra, anh ta bắt đầu nhìn thấy, rồi ngợi khen và tạ ơn Đức Chúa Trời. Chàng trai này được nhiều người biết đến; vì vậy, khi thấy anh ta đã nhìn thấy được, mọi người đều ngạc nhiên và bắt đầu hỏi xem chuyện này đã xảy ra như thế nào; còn anh ta thì không giấu tên của vị thánh làm phép lạ và ân nhân của mình, nhờ người mà anh ta đã nhận được sự chữa lành từ Đức Chúa Trời . Tin tức về phép lạ này và về vị thánh đã lan truyền trong dân chúng, và kể từ đó, nhiều người bắt đầu đến gặp Patapios để xin ngài cầu nguyện.

Có một quý tộc Byzantine bị bệnh phù thũng, và toàn thân ông sưng phồng lên. Ông đã tiêu tốn rất nhiều tiền cho các bác sĩ, tìm kiếm sự chữa lành từ họ nhưng không được. Nghe nói về Thánh Patapios, ông ra lệnh cho người ta đưa mình đến gặp ngài và trong nước mắt, ông khẩn cầu vị thánh hãy chữa lành căn bệnh thể xác của mình bằng ân sủng chữa lành của Thiên Chúa. Vị bác sĩ không nhận thù lao này trước tiên đã thành kính cầu nguyện với Chúa cho ông, sau đó làm dấu thánh giá trên người ông và xức dầu thánh lên ông; rồi tất cả nước tích tụ làm nặng nề cơ thể ông đều chảy ra theo đường tự nhiên, toàn bộ nội tạng của ông được thanh tẩy, và ông trở nên hoàn toàn khỏe mạnh.

Một thanh niên khác bị quỷ dữ hành hạ, con quỷ ấy đuổi anh ta khắp các ngọn núi và sa mạc, lúc thì ném anh ta vào lửa và nước để hủy diệt anh ta, lúc thì hất anh ta xuống từ những ngọn núi cao và dốc đứng để đập nát và nghiền nát toàn bộ thân thể anh ta. Nó đã có thể hủy diệt chàng trai trẻ đó, nếu như sức mạnh củng cố của Đức Chúa Trời không bảo vệ anh khỏi sự ác độc liên tục của kẻ thù và sự diệt vong hoàn toàn. Một lần nọ, con quỷ với tốc độ kinh hoàng đuổi chàng trai trẻ này ra bờ biển, với mục đích nhấn chìm chàng trong vực thẳm, thì trên đường đi đã gặp Thánh Patapios, người đã ra khỏi phòng tu của mình theo lệnh của Đức Chúa Trời, để giải thoát tạo vật được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời khỏi ách nô lệ của ma quỷ. Thấy vị thánh từ xa, con quỷ lao thẳng về phía ngài, mắt đảo lộn, miệng sủi bọt, nghiến răng ken két và đe dọa sẽ đánh đập ngài. Khi đến gần vị thánh, nó gào lên:

[8658] Thebes – thủ đô cổ đại của Ai Cập Thượng (Miền Nam).

[8659] Vlacherna – một khu vực ở Constantinople, nằm ở góc phía tây của thành phố; vào thời kỳ hưng thịnh của Đế chế Byzantine, nơi đây nổi tiếng khắp phương Đông nhờ các thánh địa của mình.

[8660] Câu nói trong Phúc Âm. Mt 5:14.

[8661] Cụm từ trong dụ ngôn Phúc Âm. Mt 14:44.

– Ôi, khốn khổ thay! Lại là Patapios nữa rồi! Tôi phải làm gì đây, phải trốn đi đâu, phải sống ở đâu sau bao nhiêu gian khổ? Vừa mới tìm được nơi trú ngụ, thì giờ đây tôi lại bị đuổi khỏi đó bằng vũ lực. Quả thật, Ngài thật đáng sợ, hỡi Người Nazareth[8662] , và quyền năng của Ngài hiện diện khắp nơi và trên tất cả mọi người. Ta phải đi đâu đây? Dù ta có đi vào sa mạc, hay vào thành phố, hay bất cứ nơi nào khác, – ngươi cũng đã có mặt ở đó trước ta và xua đuổi ta chỉ bằng một dấu thánh giá và một cái tên của ngươi. Ta đã bị đánh bại, bị nghiền nát và bị trục xuất!

Nói xong, tà linh ném chàng trai lên không trung, còn vị thánh làm phép lạ Patapius, sau khi dùng ngón tay vẽ dấu thánh giá trên không, đã ra lệnh cho tà linh, nói rằng:

– Hãy ra đi, hồn ma ô uế, và hãy lui về sa mạc; đó là mệnh lệnh mà Đức Kitô – Đấng mà ngươi đã bất đắc dĩ phải xưng nhận quyền năng – truyền cho ngươi qua ta.

Ngay khi vị thánh vừa dứt lời, con quỷ liền quật chàng trai xuống đất và thoát ra khỏi người chàng qua miệng, như làn khói. Khi tỉnh lại, chàng trai khóc vì vui sướng và quy công việc được giải thoát khỏi con quỷ trước hết cho Thiên Chúa, cũng như cho vị thánh Patapius.

Có một người phụ nữ bị đau ngực. Bị các bác sĩ chẩn đoán là không còn hy vọng, bà đã đến gặp vị thánh khi bệnh tình trở nên trầm trọng hơn và trong vết thương xuất hiện rất nhiều giun. Quỳ xuống dưới chân ngài, bà khóc lóc và khẩn thiết cầu xin ngài chữa lành cho mình. Vị thánh, sau khi làm dấu thánh giá trên vết loét, đã chữa lành cho bà ngay lập tức. Sau khi thực hiện vô số phép lạ khác, vị thánh cha Patapius của chúng ta đã đến gần giờ lâm chung và trong tuổi già sâu thẳm, ngài đã về với Thiên Chúa, Đấng mà ngài đã phụng sự suốt cả cuộc đời[8663] . Ngài được an táng một cách trang trọng tại nhà thờ Thánh Gioan Tiền Hô, để tôn vinh Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được tôn vinh trong các thánh của Ngài; chính Ngài, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, xứng đáng nhận được vinh quang và sự thờ phượng muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Hỡi Đền Thánh của Ngài, những người tìm được sự chữa lành thiêng liêng, khi đến đây với lòng thành kính, xin được nhận sự chữa lành cho các bệnh tật, và sự giải thoát cho những ai đã phạm tội: vì Ngài, hỡi Thánh Patapios đáng kính, đã trở thành Đấng Cầu Thay cho tất cả những ai đang lâm vào cảnh khốn khó.

Kỷ niệm các Thánh Tông đồ Sosthenes, Apollos, Cephas, Tychicus, Epaphroditus và Caesar

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 12

Các Thánh Tông đồ Sosthenes, Apollos, Kifa, Tích-hích, Ê-pa-phro-đít và Cêsar thuộc về hàng ngũ 70 Tông đồ, được Chúa Giê-su Ki-tô chọn để rao giảng Tin Mừng, một thời gian sau khi mười hai Tông đồ được chọn và sai đi rao giảng (Lc 10:1–24).

Trong thời gian Thánh Phaolô lưu lại tại Cô-rinh-tô[8664] , Thánh Sô-phên là người đứng đầu hội đường Do Thái[8665] . Trong cuộc bạo loạn xảy ra tại đây nhằm chống lại Thánh Phaolô, khi những người đòi kết án ngài, thì tổng trấn Gallion[8666] , nhận thấy vụ việc này không thuộc thẩm quyền xét xử của mình, đã đuổi những người tố cáo

---

[8662] Tất nhiên là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng mà người Do Thái, và sau đó là những người ngoại đạo, đã dùng danh xưng này để chỉ Ngài.

[8663] Thánh Patapios qua đời vào đầu thế kỷ VII. Thánh Anrê người Crete đã ghi chép về các phép lạ và sự an nghỉ của ngài. Cuộc đời của ngài được Thánh Anrê ghi chép lại sau khi Patapios hiện ra với ngài trong giấc mơ, bởi vì ban đầu, khi nghe nhiều điều kỳ diệu về Patapios, Thánh Anrê đã đối xử với điều đó bằng sự khinh thường và hoài nghi.

[8664] Corinth – thành phố cổ xưa nhất, nổi tiếng và giàu có nhất của Hy Lạp cổ đại – nằm ở Achaea, trên eo đất Corinth nối bán đảo Peloponnese (miền Nam Hy Lạp) với miền Trung Hy Lạp, nằm trên một đồng bằng xinh đẹp và trù phú ở góc đông nam của Vịnh Corint, giữa Biển Ionia và Biển Aegean. Nền tảng của Kitô giáo tại Corint được đặt bởi Thánh Phaolô gần thành phố Corint ngày nay, nơi được gọi là Kuronto và chỉ có khoảng 5.000 cư dân.

[8665] Các hội đường (từ tiếng Hy Lạp – "hội họp") – là nơi tổ chức các buổi họp tôn giáo của người Do Thái, vốn là những công trình kiến trúc mở để cử hành các nghi lễ thờ phượng cộng đồng và giảng dạy, giải quyết các tranh chấp trong giáo hội, xét xử các vụ kiện tụng; những công trình này còn được dùng làm nơi tổ chức các cuộc tranh luận, trường học cho trẻ em và thư viện.

[8666] Gallio – tổng trấn (quan tổng trấn) Achaea dưới thời hoàng đế Claudius, anh trai của nhà triết học La Mã Seneca.

ra khỏi tòa án; những người này, cùng với tất cả những người Hy Lạp có mặt tại đó, đã bắt giữ Sosthenes, với tư cách là trưởng hội đường, và đánh đập ông ngay trước tòa án (Công vụ 18:12–17). Nhưng sau đó, ông đã được vị Tông đồ dẫn dắt đến đức tin nơi Đấng Christ và trở thành cộng sự của ngài trong công việc rao giảng Tin Mừng của Đấng Christ. Sau này, Sosthenes trở thành giám mục tại Colophon[8667] .

Sứ đồ Apôlô xuất thân từ Alexandria, là một người hùng biện, học rộng và am hiểu Kinh Thánh. Ban đầu chỉ được dạy những điều cơ bản về giáo lý của Đấng Christ, ông, với lòng nhiệt thành, đã giảng dạy và truyền bá về Chúa một cách chính xác, nhưng chỉ biết đến phép báp-têm của Giăng, mà chưa hiểu biết về sức mạnh tái sinh của phép báp-têm Kitô giáo. Không lâu sau, khi Apollos mang lời rao giảng về Đấng Christ đến Ê-phê-sô, A-ki-la và Priscilla[8668] , sau khi nghe tin về ông, đã đón tiếp ông với tình yêu thương và dạy dỗ ông một cách chi tiết về giáo lý của Chúa. Sau đó, khi ông định đi đến A-chai, các anh em đã gửi người đến các môn đệ ở đó, dặn dò họ hãy tiếp đón ông; và khi ông đến nơi, ông đã giúp đỡ rất nhiều cho những người đã tin nhờ ân sủng; vì ông đã mạnh mẽ bác bỏ những người Do Thái, công khai chứng minh qua Kinh Thánh rằng Đức Giê-su chính là Đấng Christ (Công vụ 18:24–28). Sau đó, Apô-lô đã nỗ lực rất nhiều tại Cô-rinh-tô trong việc dẫn dắt những người ngoại đạo đến với đức tin (Công vụ 19:1; 1 Cô-rinh-tô 3:6). Tại Cô-rinh-tô, tình yêu mến dành cho ông của các môn đệ thậm chí đã gây ra một sự chia rẽ nhất định trong Hội Thánh, điều này sau đó đã bị Sứ đồ Phao-lô chỉ trích: *"Vì khi người này nói: 'Tôi thuộc về Phao-lô', còn người kia nói: 'Tôi thuộc về A-pô-lô', thì các anh em chẳng phải là những người theo xác thịt sao? Phao-lô là ai? A-pô-lô là ai? Họ chỉ là những người phục vụ, nhờ họ mà các anh em đã tin, và điều đó là do Chúa ban cho mỗi người. Tôi đã trồng, A-pô-lô đã tưới, nhưng chính Đức Chúa Trời đã làm cho lớn lên; vì vậy, cả người trồng lẫn người tưới đều chẳng là gì cả, mà tất cả đều là nhờ Đức Chúa Trời, Đấng làm cho lớn lên"* (1 Cô-rinh-tô 3:4–7).

Vào thời điểm Sứ đồ Phao-lô viết Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô, A-pô-lô đang ở cùng ông tại Ê-phê-sô và muốn đến thăm họ khi nào thuận tiện (1 Cô-rinh-tô 16:14).

Sau đó, Apollos đã ở Crete[8669] và sau này còn trở thành giám mục của Caesarea[8670] .

Tông đồ Kefa, người đã cùng với các Tông đồ khác nỗ lực rất nhiều trong công việc rao giảng Tin Mừng của Đấng Christ, đã làm giám mục tại Colophon.

Tông đồ Tích-cô xuất thân từ Tiểu Á và là môn đệ của Thánh Tông đồ Phao-lô, người đã gọi ông trong các thư của mình là "anh em yêu dấu" và là "người phục vụ trung thành trong Chúa" cũng như "đồng sự" (Col. 4:7, 6:21). Trong chuyến hành trình truyền giáo lần thứ ba của Thánh Tông đồ Phaolô, khi ngài trở về từ Macedonia và Hy Lạp đến Giêrusalem, Tích-cô đã đồng hành cùng ngài và chia sẻ những vất vả của ngài (Công vụ 20:1–5). Sau đó, ông cũng ở cùng Thánh Phaolô tại Rôma trong thời gian ngài bị giam cầm lần đầu tiên; từ đó, Phaolô đã sai ông mang theo các thư của ngài gửi cho các tín hữu Ê-phê-sô (Ê-phê-sô 6:21) và các tín hữu Cô-lô-se cùng các Hội Thánh khác (Cô-lô-se 4:7–9, 16), để báo tin về ngài và an ủi lòng họ; ông cũng được Phao-lô sai đi để thực hiện các nhiệm vụ của mình tại đảo Crete (Tít 3:12). Tích-cô đã ở bên cạnh vị Tông đồ trong thời gian ngài bị giam cầm lần thứ hai tại Rô-ma, và một lần khác, vị Tông đồ đã sai ông từ đó đến Ê-phê-sô (2 Ti-mô-thê 4:12). Sau này, Thánh Tông đồ Tích-cô đã trở thành giám mục tại Cô-lô-phô-nê, kế vị Thánh Tông đồ Sô-phê-nô.

Tông đồ Epaphroditus là một trong những cộng sự thân cận nhất và là người đồng hành của Thánh Tông đồ Phaolô. Trong thời gian Thánh Tông đồ bị giam cầm tại Rôma, Thánh Epaphroditus đã được Hội Thánh Philippi sai đi mang theo sự trợ giúp cho Thánh Phaolô. Sự tận tâm này đã làm Thánh Tông đồ rất vui lòng, chủ

[8667] Colophon – một thành phố cổ ở Lydia, thuộc vùng tây bắc Tiểu Á. Gần đây, người ta đã phát hiện ra những tàn tích của thành phố này.

[8668] A-ki-la – một người Do Thái, gốc từ Pontus, Priscilla – vợ ông; họ sống bằng nghề may lều; được Thánh Phao-lô dẫn dắt vào đạo Kitô và trở thành những môn đệ trung thành của ngài, góp phần lớn vào sự lan rộng của Tin Mừng. Sau đó, họ chuyển đến Cô-rinh-tô, rồi từ đó đến Ê-phê-sô. A-ki-la được xếp vào hàng ngũ 70 Tông đồ.

[8669] Crete – một hòn đảo lớn ở phía đông Địa Trung Hải, phía nam Biển Aegean. Vì diện tích rộng lớn và đất đai màu mỡ, nơi đây trước đây được gọi là "nữ hoàng của các hòn đảo" ở Địa Trung Hải. Những nền tảng đầu tiên của Kitô giáo được đặt bởi những người chứng kiến sự kiện Chúa Thánh Thần ngự xuống trên các Tông đồ, vì lúc đó cũng có những người Crete hiện diện (Công vụ 2:11); sau đó, Kitô giáo đã được củng cố và truyền bá tại đây bởi Thánh Phaolô. Vào thế kỷ 15, Crete rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ.

[8670] Césarea – một thành phố ở Palestine, nằm trên bờ đông của Biển Địa Trung Hải. Nền tảng của Kitô giáo tại đây được đặt bởi Thánh Tông đồ Phêrô cùng với viên sĩ quan Cornelius và cả gia đình ông (Công vụ 10:1–48). Sau khi Jerusalem bị phá hủy, Caesarea trở thành thành phố chính của Palestine và là nơi cư ngụ của vị giám mục, người mà Jerusalem trực thuộc, cho đến khi cuối cùng, tại Công đồng Chalcedon lần thứ IV (năm 451), Jerusalem trở thành một tổng giáo phận độc lập. – Hiện nay, từ thành Cêsarea cổ đại không còn lại chút tàn tích nào.

yếu là vì, qua việc chứng tỏ tình yêu của người Phi-líp dành cho ngài và sự đồng cảm chân thành của họ trước nỗi đau khổ của ngài, điều đó đã chứng minh cho lòng tận tụy của họ đối với chính đức tin (Phi-líp 4:10–17). Điều đáng buồn cho vị Tông đồ là, khi đang ở cùng ngài, Epaphroditus đã mắc phải một căn bệnh nguy kịch; nhưng Chúa không muốn thêm nỗi buồn mới vào nỗi buồn của vị Tông đồ: người bệnh đã bình phục và được gửi trở lại với người dân Philippi cùng với một lá thư cảm động từ vị Tông đồ. Sau này, thánh Epaphroditus trở thành giám mục của Adria[8671] .

Tông đồ César, người cũng đã cống hiến rất nhiều cho công việc rao giảng Tin Mừng, đã trở thành giám mục của Dirrachia[8672] .

Sau khi chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô một cách tốt đẹp, tất cả các Thánh Tông đồ này đã an lành dâng linh hồn mình lên Chúa, và hiện nay, đứng trước ngai Thiên Chúa trong niềm vui vĩnh cửu, họ đang nhận phần thưởng từ Thiên Chúa cho vô số công lao và nỗ lực của mình[8673] .

Kỷ niệm các thánh tử đạo, những người đã chịu khổ vì phe Arian tại châu Phi.

Ngày tưởng niệm: 8 tháng 12

Các thánh tử đạo này sống vào thời vua Zeno của Hy Lạp[8674] , khi Gunnerich[8675] , một người theo phái Arian, đang cai trị châu Phi sau khi cha ông là Genseric qua đời. Sau khi hội ý với các giám mục cùng quan điểm với mình – những người theo phái Arian là Cyril và Vidimandis – ông đã phát động một cuộc đàn áp tàn bạo đối với những người Chính thống giáo, thậm chí còn tàn bạo hơn cả thời kỳ của Diocletian và Maximian. Ông đã điều động mười lăm nghìn binh lính đến tất cả các thành phố và vùng đất thuộc quyền cai trị của mình, ra lệnh cho họ trục xuất tất cả các linh mục Chính Thống Giáo khỏi mọi nơi. Vào thời điểm đó, các tín hữu Chính Thống Giáo đã tụ tập tại một nhà thờ và cử hành Thánh Lễ một cách bí mật tại đó. Khi biết được điều này, bọn man rợ đã lén lút rút gươm ra và chém chết tất cả các tín hữu đang ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa. Họ hành động như vậy để thi hành mệnh lệnh của Gunnerich là phải giết chết ngay lập tức tất cả những ai không chịu rửa tội theo nghi thức Arian. Những ai không chịu nổi sự tra tấn đã tìm cách thoát thân bằng cách bỏ chạy, bỏ lại nhà cửa và làng mạc; còn những ai kiên định trong đức tin Chính Thống thì tự nguyện hiến mình cho sự tra tấn. Như vậy, 300 người đã kiên định trong đức tin chân chính và từ chối theo giáo lý Arian, đã bị chém chết bằng gươm. Còn các linh mục thì lại càng bừng cháy lòng nhiệt thành với Chính Thống Giáo và vì thế mà phải chịu đau khổ còn nặng nề hơn: hai người trong số họ bị thiêu sống; còn sáu mươi người hùng biện nhất trong số họ thì bị cắt lưỡi ngay từ gốc. Sau đó, họ tản mác khắp đất nước Hy Lạp. Và rồi quyền năng kỳ diệu vĩ đại của Đức Chúa Trời đã hiện ra trên họ: dù bị cắt lưỡi, họ vẫn can đảm rao giảng, nói rõ ràng và vạch trần những giáo lý sai lầm của phái Arian, đến nỗi tất cả những ai nhìn thấy và nghe họ đều kinh ngạc. Và họ đã xưng nhận trước mặt người Vandals rằng Con Đức Chúa Trời đồng bản thể với Đức Chúa Cha.

Cùng lúc đó, tại Rôma, vợ của quan tổng trấn Rôma, Sunilda, người đang bị ám ảnh bởi tà thuyết Arian, đã ép buộc vợ của một quan đại thần La Mã tên là Anfisa phải nhận phép rửa tội theo tà thuyết Arian, nhưng không thể thuyết phục được bà và chỉ nghe được câu trả lời rằng bà đã được Giám mục Ambrose của Milan rửa tội "bằng nước và Thánh Thần". Lúc đó, Sunilda trong cơn giận dữ đã thiêu sống thánh Anfisa. Chồng của vị thánh tử đạo này hoảng sợ, tự nguyện đi và nhận phép rửa theo giáo phái Arian. Ngay sau đó, vì muốn đi dạo, ông đã cưỡi ngựa; nhưng trong lúc đang đi, khi ông đi ngang qua nhà thờ thành phố, bỗng nhiên một tia sét giáng xuống và thiêu đốt

---

[8671] Adria hay Adriaca – một thành phố ở Thrace bên Biển Đen, không xa Philippi, thành phố của Macedonia, nằm trên biên giới với Thrace.

[8672] Dirrachia – một thành phố ở Boeotia, một vùng cổ đại thuộc Trung Hy Lạp.

[8673] Cùng với các Thánh Tông đồ này, Giáo hội cũng tưởng niệm Thánh Tông đồ Onisifor vào ngày hôm nay (xem ngày 7 tháng 9). Trong thánh lễ hôm nay, người ta ca ngợi cả bảy vị Thánh Tông đồ.

[8674] Zeno – Hoàng đế Byzantine từ năm 474–491.

[8675] Genzerich – vị vua và người sáng lập Vương quốc Vandal ở Bắc Phi. Gunnarich, con trai ông, trị vì từ năm 477–485. – Người Vandal là một dân tộc thuộc bộ tộc Germanic, đến từ bờ biển Biển Baltic, sau đó di chuyển sang Pannonia, bên bờ phải sông Danube, rồi chiếm đóng bán đảo Pyrenees và cuối cùng định cư tại Bắc Phi.

ông; ông bị hất văng khỏi lưng ngựa và bị thiêu rụi. Như vậy, sự phán xét của Đức Chúa Trời đã được thực hiện trên ông trước khi ông phải chịu lửa địa ngục vĩnh cửu trong tương lai.

Ngày 22 tháng 12

Ngày 9 tháng 12 (theo lịch cũ)

Ngày thụ thai của Thánh Anna, Mẹ Thiên Chúa, khi bà thụ thai Đức Mẹ

Ngày kỷ niệm: 9 tháng 12

Chúa chúng ta và Thiên Chúa, với ý muốn dựng nên cho chính Ngài một Hội Thánh sống động và một Đền Thánh để Ngài ngự trị, đã sai Thiên Thần của Ngài đến với hai vị công chính Gioakim và Anna. Từ hai vị ấy, Ngài đã muốn chuẩn bị Mẹ Ngài theo xác thịt và đã báo trước về việc thụ thai của bà Anna – người không có con và vô sinh – cũng như về việc bà sinh ra Đức Trinh Nữ. Như vậy, Đức Trinh Nữ Maria đã được thụ thai và sinh ra, theo lời hứa của Thiên Chúa, dù là qua sự kết hợp xác thịt. Vì chỉ có một mình Chúa và Thiên Chúa Giêsu Kitô được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria vô cùng thánh thiện, không qua chồng và không qua hôn nhân, một cách không thể diễn tả và không thể nói lên được, bởi Chúa Thánh Thần, và Ngài đã sinh ra là Thiên Chúa trọn vẹn và Con Người trọn vẹn. Để nhập thể, Chúa đã hoàn hảo tiếp nhận mọi điều cần thiết cho bản tính con người, giống như Ngài đã tạo dựng và hình thành chính bản tính con người ngay từ thuở ban đầu. Có một số người nói rằng Đức Trinh Nữ đã sinh con sau 7 tháng – và sinh con mà không có chồng, nhưng điều đó là không công bằng. Thực ra, Người đã sinh con sau chín tháng và qua sự kết hợp giữa nam và nữ. Lễ kỷ niệm sự thụ thai được cử hành tại nhà thờ tôn kính của Đức Mẹ Thiên Chúa, Nữ Vương của chúng ta, ở *Evorania,* gần Nhà thờ Thánh vĩ đại[8676] .

Bài thánh ca, giọng 4:

Hôm nay, những xiềng xích của sự vô sinh được gỡ bỏ, vì Thiên Chúa đã nhậm lời cầu xin của Gioakim và Anna, và hứa ban cho họ điều vượt xa mọi hy vọng: sinh ra Đấng Trinh Nữ, từ người mà chính Ngài đã sinh ra, dù là con người, nhưng không thể diễn tả được, và qua thiên thần, Ngài đã truyền cho thiên thần báo tin cho bà: "Hãy vui mừng, hỡi người đầy ân sủng, Chúa ở cùng bà."

Bài ca Kondak, giọng 4:

Hôm nay, cả vũ trụ cùng mừng lễ thụ thai của Anna, do Đức Chúa Trời ban cho: vì bà đã sinh ra Đấng Lời, Đấng đã sinh ra Lời.

[8676] Câu chuyện chi tiết về việc thụ thai và sinh ra Đức Mẹ Đồng Trinh được ghi lại trong cuốn "Cuộc đời các thánh Joachim và Anna", được kỷ niệm vào ngày 9 tháng 9. Niềm vui của các Thánh Cha Mẹ công chính Gioakim và Anna tại Đền Thờ Giêrusalem cùng lòng biết ơn chân thành của họ dành cho Thiên Chúa, Đấng đã giải thoát họ khỏi tình trạng vô sinh và xóa bỏ sự sỉ nhục từ những người xung quanh, chính là khởi nguồn của lễ kỷ niệm Sự thụ thai. Trong sự thụ thai của Đức Mẹ, không chỉ cha mẹ công chính của Người, mà cả thế giới đều có được sự bảo đảm chắc chắn về sự cứu chuộc, bởi vì sự thụ thai của Người là nhờ sự quan tâm đặc biệt đầy ân sủng của Thiên Chúa. Tuy nhiên, rất khó xác định chính xác thời điểm bắt đầu lễ kỷ niệm sự thụ thai của Đức Mẹ trong Giáo hội do thiếu các tư liệu văn bản, nhưng có thể tin tưởng rằng lễ kỷ niệm này đã bắt đầu từ thời cổ đại; bởi vì tất cả các sự kiện trong cuộc đời Đức Mẹ đều quan trọng và thiêng liêng đối với các Kitô hữu cổ đại thuộc Giáo hội Chính thống. Thánh Andrei người Crete vào thế kỷ VII đã soạn một bài thánh ca và một bài giảng nhân ngày Lễ Truyền Tin của Đức Mẹ. Ngày Lễ Truyền Tin được ấn định vào ngày 9 tháng 12, vì ngày này cách ngày Lễ Giáng Sinh của Đức Mẹ chín tháng. Tại Constantinopolis, lễ kỷ niệm ngày Đức Mẹ thụ thai vào ngày này được cử hành tại Evorania, hay theo cách đọc khác là Uranas, gần nhà thờ Thánh Sophia. Tại đây, một thượng nghị sĩ đã xây dựng nhà thờ Đức Mẹ ngay từ thời Hoàng đế Constantine Đại đế

Lễ kính Thánh nữ tiên tri Anna, mẹ của tiên tri Samuel

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 12

Thánh nữ và phúc lành Anna, nữ tiên tri, xuất thân từ thành phố Armaefma, nằm ở vùng cao nguyên thuộc lãnh địa của các con trai Ephraim[8677] , và kết hôn với Elkanah, người chồng thuộc chi phái Lê-vi[8678] . Vì bà không thể sinh con, nên Elkanah, chồng bà, đã lấy thêm một người vợ khác là Phennana, người đã sinh con cho ông, và ông rất vui mừng với bà ấy. Bị tổn thương vì sự chế giễu về việc không có con[8679] không chỉ từ người tình địch của mình – Phê-na-na, mà còn từ chồng, dù ông vẫn yêu thương bà, cũng như từ hàng xóm và họ hàng, Anna đã vô cùng đau buồn và cầu nguyện nhiều với Đức Chúa Trời, siêng năng tuân giữ các điều răn của luật pháp Đức Chúa Trời; mỗi buổi sáng và mỗi buổi tối, bà dâng những lễ vật thánh của mình, để Chúa giải thoát bà khỏi sự sỉ nhục này và ban cho bà ân sủng sinh con. Hằng năm, Elkanah cùng cả gia đình đi từ thành phố của mình đến Silo[8680] vào thời điểm quy định theo luật pháp, để qua tay Thượng tế Ê-li[8681] dâng lễ vật lên Đức Chúa Trời Toàn Năng[8682] .

Và rồi một ngày nọ, sau khi dâng lễ vật lên Đức Chúa Trời, Elkanah chia phần còn lại của lễ vật cho các thành viên trong gia đình; ông chia một phần cho Peninnah cùng các con trai và con gái của bà, còn phần kia thì dành cho Anna, vì ông yêu thương bà hơn Peninnah, dù bà không có con: điều này khiến lòng Peninnah tràn ngập ghen tị và oán hận, còn đối với Anna, điều này lại trở thành nguồn gốc của những nỗi buồn và sự sỉ nhục mới, thậm chí còn lớn hơn. Bị dằn vặt bởi những lời trách móc đầy ghen tị, nàng khóc lóc, không ăn uống và không tìm thấy sự an ủi nào từ người chồng yêu thương của mình (1 Sa-mu-ên 1:5, 8); khuôn mặt nàng u sầu, và nàng không biết phải làm gì. Khi bữa tiệc dâng lễ kết thúc, Anna tiễn chồng cùng gia đình ra về, rồi một mình vội vã đến Đền Tạm; cô quỳ sấp xuống đất, trút hết nỗi đau lòng trước mặt Đức Chúa Trời và thề nguyện như sau:

– Lạy Chúa Sabaoth, nếu Ngài đoái thương nỗi đau khổ của tôi tớ Ngài, nhớ đến con, không quên tôi tớ Ngài và ban cho tôi tớ Ngài một đứa con trai, thì con sẽ dâng nó làm của lễ cho Chúa suốt cả cuộc đời nó.

Trong khi Anna cầu nguyện như vậy trong một thời gian dài, thầy tế lễ thượng phẩm Ê-li, đang ngồi ở cửa lều hội, để ý đến nàng và thấy môi nàng cử động nhưng không nghe thấy tiếng nói, bèn nói với nàng:

– Ngươi còn say rượu đến bao giờ nữa? Hãy tỉnh rượu đi và rời khỏi trước mặt Chúa đi!

– Không, thưa ngài, – Anna đáp, – tôi là một người vợ đang đau buồn trong lòng, tôi không uống rượu; nhưng tôi đang trút bầu tâm sự trước mặt Đức Chúa Trời, xin đừng coi tôi là một người nữ vô dụng, vì từ nỗi buồn sâu sắc và sự đau khổ của tôi mà tôi đã nói như vậy cho đến giờ.

Rồi Ê-li nói:

– Hãy đi bình an, và Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên sẽ đáp ứng lời cầu xin của ngươi.

Và quả thật, Đức Chúa Trời đã không từ chối lời cầu xin của Anna; không chỉ qua lời nói của Ê-li, Ngài đã ban cho nàng một đứa con, mà còn ban cho đứa con trai sinh ra từ nàng ân tứ tiên tri.

Với đức tin vững chắc vào lời hứa của Đức Chúa Trời, Anna vui mừng trở về với chồng mình, và sau một thời gian, bà thụ thai và sinh ra Samuel[8683] , người sau này trở thành nhà tiên tri và lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên. Khi

---

[8677] Armafem, hay còn gọi là *Rama* – một thành phố thuộc vùng Tzuf, giáp ranh với lãnh địa của chi phái Beniamin. Tại thành phố này, Sa-mu-ên có một ngôi nhà khi ông còn là quan xét của dân Y-sơ-ra-ên; ông đã cư ngụ tại đây vào thời điểm đó và đã xức dầu phong Sa-ul làm vua (1 Sa-mu-ên 7:17, 9:5–27, 10:1–2).

[8678] Chi phái Lê-vi không có phần đất riêng; những người Lê-vi sống giữa các chi phái khác (Đệ Nhị Luật 18:1–2).

[8679] Việc sinh con đối với người Do Thái là dấu hiệu của phước lành từ Đức Chúa Trời, còn việc không có con, ngược lại, được coi là dấu hiệu của sự bất mãn từ Đức Chúa Trời và là sự sỉ nhục trong mắt mọi người.

[8680] Si-lo – một thành phố thuộc chi phái Ép-ra-im, nằm gần như ở giữa Đất Hứa, bên này sông Giô-đanh. Tại đây, sau khi vượt qua sông Jordan và chinh phục Đất Hứa, Đền Tạm của Môi-se (ngôi đền di động của người Do Thái) đã được dựng lên; tại đây, người Do Thái cầu nguyện, cử hành các lễ hội và tổ chức các cuộc họp. Ngày nay, chỉ còn lại những tàn tích của thành phố cổ xưa.

[8681] Ê-li – Thượng tế kiêm quan tòa của Y-sơ-ra-ên, thuộc dòng dõi Y-pha-ma-rơ, con trai út của A-rôn, là người đầu tiên kết hợp cả quyền lực tinh thần lẫn thế tục trong một con người. Ông có tính cách hiền lành, gieo rắc tình yêu và lòng tin nơi mọi người, cùng với sự công bằng không giả dối, nhờ đó dân chúng đã chúc phúc cho ông; nhưng lòng nhân từ của ông lại đi quá xa đến mức trở thành sự yếu đuối, điều này đặc biệt bộc lộ rõ trong mối quan hệ của ông với hai con trai mình – Ô-phni và Phi-nê-a, những người dù là thầy tế lễ nhưng lại để cho mình phạm phải đủ loại hành vi vô lễ trong Đền Tạm; vì vậy, sau nhiều lần răn đe, Đức Chúa Trời đã trừng phạt họ bằng cái chết nhục nhã khi bị bắt làm tù binh.

[8682] Theo luật Môi-se, xem Xuất Ê-díp-tô Ký 23:17.

[8683] Từ tiếng Do Thái: "được Đức Chúa Trời nghe thấy", "được xin từ Đức Chúa Trời".

đứa trẻ đã được bú sữa mẹ xong, Anna vào thời điểm thích hợp đã bế con theo và cùng chồng lên đường đến Silo. Tại đó, bà lại quỳ sấp mình trước mặt Đức Chúa Trời, dâng lời tạ ơn Ngài. Sau khi dâng của lễ, cha mẹ dẫn Sa-mu-ên đến gặp thầy tế lễ thượng phẩm Ê-li, và Anna nói với ông:

– Thưa ngài! Tôi là người phụ nữ đã từng đứng ở đây trước mặt ngài và cầu nguyện cùng Chúa về đứa trẻ này, và Chúa đã đáp ứng lời cầu xin của tôi, điều mà tôi đã xin Ngài; và tôi dâng con trai này cho Chúa suốt cả cuộc đời nó – để phục vụ Chúa.

Ê-li đã ban phước cho Anna và nói:

– Nguyện Chúa ban cho bà những đứa con thay thế cho Sa-mu-ên.

Anna vui mừng, cúi lạy trước Đền Thánh, rồi trong lòng tràn ngập niềm vui, bà cất tiếng hát bài thánh ca: *"Lòng tôi vui mừng trong Chúa; sức mạnh của tôi được nâng cao nhờ Đức Chúa Trời của tôi; miệng tôi mở rộng trước mặt kẻ thù, vì tôi vui mừng về sự cứu rỗi của Ngài"*[8684] (1 Sa-mu-ên 2:1).

Sau đó, Elkanah cùng người vợ đạo đức của mình trở về Armafim; còn Samuel thì ở lại lều hội để phụng sự Chúa. Về sau, Anna sinh thêm ba con trai và ba con gái, và khi đã ở tuổi già nua, bà đã về với cõi vĩnh hằng[8685] .

Lễ kỷ niệm Thánh Stephanos, Người Mang Ánh Sáng Mới[8686]

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 12

Thánh Stefan sinh ra và lớn lên tại Constantinople. Cha mẹ ngài, Zacharias và Theophania, nổi tiếng về lòng đạo đức và các đức tính Kitô giáo; họ sống gần nhà thờ thánh của Thánh Stefan, vị phó tế trưởng và vị tử đạo đầu tiên. Thê-ô-pha-ni-a, mẹ của vị Thánh, ngay từ khi mang thai ngài đã tuân giữ sự kiêng khem nghiêm ngặt về thức ăn: cho đến tận lúc ngài chào đời, bà chỉ ăn bánh mì với rau củ và uống nước, như thể đã chuẩn bị sẵn cho ngài trở thành một vị tu sĩ ngay từ trong bụng mẹ. Và ngay khi đứa trẻ chào đời, trên ngực em đã xuất hiện hình ảnh tuyệt đẹp của cây thánh giá, đó là dấu hiệu rõ ràng về việc "đóng đinh xác thịt cùng với các dục vọng và ham muốn" (Ga-la-ti 5:24), điều mà ngài đã thể hiện trong suốt cuộc đời sau này. Ngài đã bắt đầu tuân giữ sự kiêng khem ngay từ khi còn là đứa trẻ sơ sinh, khi đang bú sữa mẹ: ngài không chịu bú sữa mẹ nếu bà đề nghị cho ngài bú sau khi đã ăn một bữa no nê. Điều này xảy ra nhiều lần và kéo dài đến hai hoặc ba ngày, khiến những người thân của đứa trẻ thánh thiện, khi chứng kiến cảnh đó, đều bối rối và đau lòng. Nhưng điều này không hề gây hại gì cho sức khỏe của đứa trẻ. Đứa trẻ được rửa tội, lớn lên và cai sữa mẹ. Khi đến tuổi thiếu niên, ngài hăng hái và siêng năng theo học kinh sách, đồng thời luôn vâng lời cha mẹ. Khi Thánh Mê-phô-đi-ô lên nắm giữ chức vụ giám mục, thì theo sự an bài của Đức Chúa Trời, ông Xa-cha-ri-a, cha của Thánh Stê-pha-nô, một người đạo đức, đã được

---

[8684] Bài ca kỳ diệu và cao cả này, tràn đầy sự chiêm ngưỡng tiên tri về mầu nhiệm của công trình xây dựng do Chúa sắp đặt, thấm đẫm sự khiêm nhường sâu sắc, được trình bày trong chương 2 của Sách Các Vua I và có nội dung như sau: "Lòng tôi hân hoan trong Chúa; sừng tôi được nâng cao trong Đức Chúa Trời của tôi; miệng tôi đã mở rộng trước mặt kẻ thù, vì tôi vui mừng về sự cứu rỗi của Ngài. Chẳng có ai thánh khiết bằng Chúa, vì chẳng có ai khác ngoài Ngài; và chẳng có pháo đài nào vững chắc bằng Đức Chúa Trời của chúng ta; chớ nói những lời kiêu ngạo; chớ để những lời ngạo mạn phát ra từ miệng các ngươi; vì Chúa là Đức Chúa Trời của sự khôn ngoan, và mọi việc của Ngài đều được cân nhắc kỹ lưỡng. Cung tên của kẻ mạnh bị bẻ gãy, còn kẻ yếu được thắt lưng bằng sức mạnh; người no đủ phải làm việc vì miếng ăn, còn người đói khát thì được nghỉ ngơi; ngay cả người vô sinh cũng sinh con bảy lần, còn người có nhiều con thì kiệt sức. Chúa khiến chết và khiến sống, hạ xuống âm phủ và nâng lên; Chúa khiến nghèo và làm giàu, hạ thấp và nâng cao. Ngài nâng người nghèo khó lên từ tro bụi, nâng người khốn cùng lên khỏi sự khốn khổ, cho họ ngồi cùng các bậc quý tộc, và ban cho họ ngai vinh quang làm gia nghiệp; vì nền tảng của đất thuộc về Chúa, và Ngài đã lập vũ trụ trên đó. Ngài gìn giữ bước chân các thánh của Ngài, còn những kẻ gian ác thì biến mất trong bóng tối; vì sức mạnh con người không phải là điều vững chắc. Chúa sẽ tiêu diệt những kẻ tranh cãi với Ngài; từ trời cao, Ngài sẽ sấm sét giáng xuống trên họ. Chúa là Đấng Thánh. Người khôn ngoan chớ khoe khoang về sự khôn ngoan của mình, người mạnh mẽ chớ khoe khoang về sức mạnh của mình, người giàu có chớ khoe khoang về của cải của mình; nhưng ai muốn khoe khoang, hãy khoe khoang về điều mình hiểu biết – và biết Chúa. Chúa sẽ phán xét các miền cùng đất và ban sức mạnh cho Vua của Ngài, và làm rạng ngời danh tiếng của Đấng Được Xức Dầu của Ngài." Tên *của Đấng Mê-si-a* được xưng lên lần đầu tiên; tên này tương ứng với danh hiệu của Vua, và có nghĩa là *Đấng Được Xức Dầu*, Đấng đã nhận được những ân tứ đặc biệt của Thánh Thần từ trên cao. *Vị Vua-Đấng Mê-si-a,* hay *Đấng Christ,* được gọi ở đây là Đấng Cứu Chuộc đã được hứa, Đấng mà Gia-cốp, trong lời chúc phước cho Giu-đa, đã tiên tri với danh xưng là Đấng Hòa Giải, Đấng mà các dân tộc phải phục tùng (Sáng Thế Ký 4:10), và chính Đức Chúa Trời, trong cuộc trò chuyện với Môi-se, đã xưng Ngài là *"Vị Tiên Tri* từ giữa anh em Ngài" (Phục Truyền 18:18–19).

[8685] 1.100 năm trước Công nguyên.

[8686] Thánh Stefan được gọi là "Người mang lại ánh sáng mới" vì ngài đã tỏa sáng bằng cuộc đời thánh thiện, giống như các vị tu sĩ thời xưa.

phong chức linh mục và gia nhập hàng giáo sĩ của Nhà thờ Constantinopolis vĩ đại; cùng lúc đó, Thánh Stephano, người khôn ngoan trước Chúa, cũng đã nhận lễ xuất gia và gia nhập hàng giáo sĩ của chính nhà thờ đó; đồng thời, ngài còn tiên đoán về cái chết sắp xảy ra của cha mình. Vào năm thứ mười tám, sau khi cha qua đời, Thánh Stephano đã quyết tâm thực hành đời sống ẩn tu; ngài lui về sống ẩn dật trong Nhà thờ Thánh Phêrô, vị Tông đồ tối cao, và ở đó ngài không ngừng cầu nguyện, chỉ ăn rau củ.

Tại đây, ngài sớm nhận được sự khích lệ từ trên cao trong hành trình tu hành của mình: một đêm nọ, Thánh Tông Đồ của Chúa Kitô hiện ra với ngài và nói:

– Bình an cho con, hỡi con cái của Ta. Nguyện sự khởi đầu cuộc sống đạo đức này mang lại điều tốt lành cho con, và xin Chúa củng cố con trong điều đó.

Sau ba năm sống như vậy, Stefan đã được ban cho một thị kiến về vị thánh tử đạo Antipas[8687] , người đã hiện ra với ông và nói:

– Bình an cho con, hỡi con cái; hãy chú ý đến bản thân; Ta sẽ không bỏ rơi con.

Lời khuyên này đã thúc đẩy vị thánh nhân càng nỗ lực hơn nữa trong việc tu hành bằng cầu nguyện và ăn chay; kể từ đó, ngài chỉ ăn rau một hoặc hai lần mỗi tuần, và thậm chí không dùng muối. Sống như vậy, Thánh Stefan đã đạt đến mức độ cao về sự trong sạch đạo đức, được phong tước thánh và thực hiện nhiều phép lạ.

Vào năm thứ mười hai dưới triều đại của vị vua đạo đức Vasili[8688] và năm thứ bốn mươi trong cuộc đời của Stefan, một trận động đất lớn đã xảy ra, khiến nhà thờ Thánh Antipa – nơi vị tu sĩ đang cư ngụ vào thời điểm đó – bị phá hủy hoàn toàn. Vị thánh nhân bèn rời khỏi nơi đó, dọn đến sống trong một hang mộ và ở đó suốt mười hai năm. Trong thời gian này, tất cả tóc trên đầu và râu của ngài, cũng như răng, đều rụng hết, và toàn thân ngài trở nên nhão nhoẹt, vì trong hang đó rất ẩm ướt; vị thánh nhân đã đạt đến mức độ cực đoan trong việc khổ hạnh để chế ngự xác thịt. Sau khi đã làm suy kiệt xác thịt mình như vậy, ngài mới ra khỏi hang động, nhưng ngay cả sau đó, tấm ván đơn sơ phủ bằng mảnh vải thô cứng vẫn là giường ngủ của ngài. Sau đó, ngài tuân theo lối sống tu hành theo truyền thống Thiên Thần và chỉ vào các ngày lễ của Chúa, sau khi cử hành Thánh lễ, ngài mới ăn một miếng rau nhỏ và uống một ít nước. Với chế độ ăn uống như vậy, vị công dân hạnh phúc của Nước Trời này đã trải qua con đường đời kham khổ và nghiêm ngặt của một người tu hành trong suốt năm mươi năm, và vào năm thứ bảy mươi ba của cuộc đời[8689] của mình – hay đúng hơn là của việc chế ngự xác thịt – ngài đã trao linh hồn mình cho Thiên Chúa.

Lễ kỷ niệm Thánh Sofronius, Tổng Giám mục Síp

Ngày tưởng niệm: 9 tháng 12

Thánh Sofronius là con trai của một cặp vợ chồng Kitô hữu thông thái, sống trên đảo Síp. Ngài được giáo dục tốt, nhưng chủ yếu dành thời gian nghiên cứu các tác phẩm của các Thánh Tông Đồ, ngày đêm học hỏi Lời Chúa; đồng thời, ngài cũng sắp xếp cuộc sống của mình theo các điều răn của Chúa. Ngài đã tiến bộ đến mức cao trong sự đạo đức và các việc lành, đến nỗi được Chúa ban cho ân sủng làm phép lạ và đã thực hiện nhiều phép lạ. Sau khi Đức Giám mục của Giáo hội Síp, Thánh Damian, qua đời, Thánh Sofronius đã được Hội đồng Thánh và toàn thể dân chúng bầu chọn và tấn phong để kế vị ngài. Sau khi nhậm chức giám mục và đảm nhận việc quản lý Giáo hội quê hương, vị thánh này đã chứng tỏ mình là người cha đích thực của đoàn chiên: ngài thương xót các góa phụ và người nghèo khó, giúp đỡ trẻ mồ côi và những người vô phương tự vệ, bảo vệ những người bị áp bức và bị đối xử bất công. Và sau khi sống một cuộc đời như vậy và làm đẹp lòng Chúa, ngài đã an nghỉ trong bình an[8690] .

[8687] Thánh Tử đạo Antipas, Giám mục Pergamum thuộc châu Á, qua đời vào năm 95; ngày kỷ niệm của ngài (11 tháng 4) được tôn kính đặc biệt tại Constantinople, nơi dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius Đại đế (379–395), một con bò đã được chuyển từ Pergamum đến đây, và Thánh Antipas đã bị thiêu sống trong con bò đó

[8688] Thánh Basil người Macedonia, tức là vào năm 879.

[8689] Năm 912.

[8690] Vào thế kỷ VI.

Ngày 23 tháng 12

Ngày 10 tháng 12 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Mina, Hermogenes và Evgraf

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 12

Sau khi các hoàng đế La Mã Diocletian và Maximian tự nguyện thoái vị, vì không đủ sức tiêu diệt đức tin thánh của Chúa Kitô trên đất, những người lên ngôi là: tại Rôma – Maxentius[8691] , ở phương Đông là Maximinus[8692] , còn tại Gaul là Constantine, người sau này đã tin nhận Chúa Kitô và chiếu sáng toàn vũ trụ bằng ánh sáng đức tin Kitô giáo. Sự bắt bớ các Kitô hữu vẫn không ngừng ngay cả dưới triều đại của họ, đặc biệt là ở phương Đông, nơi dường như đất và biển đều rung chuyển và nổi loạn, chống lại Giáo Hội của Chúa Kitô đang ngày càng phát triển. Nhưng Giáo Hội của Chúa Kitô càng bị bách hại, thì càng phát triển và thịnh vượng, được nhuộm đỏ bởi máu các vị tử đạo, giống như bông huệ nở giữa bụi gai. Còn vị vua vô đạo Maximinus lại là người nhiệt thành bảo vệ sự đa thần vô đạo của mình, đồng thời là kẻ thù lớn và kẻ bách hại lòng đạo đức Kitô giáo. Ông được báo cáo rằng toàn bộ thành Alexandria, thành phố lừng lẫy nhất ở Ai Cập, đã nổi loạn do số lượng Kitô hữu gia tăng và những xáo trộn xảy ra giữa họ với những người ngoại đạo. Không thể đích thân đến đó và buộc phải ở lại Byzantium, Maximinus đã cử một trong những quan đại thần của mình thay mặt ông, một người khôn ngoan, am hiểu các môn học Hy Lạp, là một nhà hùng biện tài ba, tên là Minus, người gốc Athens. Ông giao phó cho người này nhiệm vụ dẹp tan cuộc nổi loạn đã xảy ra tại Alexandria và khôi phục trật tự đã bị xáo trộn: tiêu diệt Kitô giáo trong thành phố, củng cố tín ngưỡng ngoại đạo của tổ tiên họ, và buộc những người đã từ bỏ ngoại đạo để theo Chúa Kitô phải quay trở lại với ngoại đạo. Bề ngoài, Mina có vẻ sẵn sàng ủng hộ đức tin của nhà vua và thi hành ý muốn độc ác của ông; nhưng trong lòng, ông là một Kitô hữu chân chính và người tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa, song ông đã giấu kín đức tin chân thật của mình cho đến khi nhận được lời kêu gọi thiêng liêng để thực hiện công việc anh hùng và nhận vương miện tử đạo.

Sau khi nhận lệnh của vua, ông nhanh chóng đến Alexandria và dễ dàng dẹp tan cuộc nổi loạn ở đó: bằng những lời thuyết phục khôn ngoan, ông đã hòa giải hai phe đối lập – Kitô hữu và những người ngoại đạo – và cho phép mỗi người tự do tuyên xưng đức tin của mình mà không bị trừng phạt; sau đó, sau khi sửa đổi những quy định bất công trong luật pháp, Mina đã báo cáo tất cả bằng văn bản cho vua. Ngay lập tức, ông quyết định công khai trước mọi người đức tin của mình vào Chúa Kitô, điều mà ông đã giấu kín cho đến nay – với ý định vừa trở thành tấm gương về đức tin và nguồn cứu rỗi cho người khác, vừa tự mình bước vào con đường tử đạo. Ông tự nhủ trong lòng:

– Nếu tôi tự nguyện chịu khổ hình vào một thời điểm khác, thì chỉ có một mình tôi được thưởng; nhưng bây giờ, tôi có thể dẫn dắt những người khác đến vương miện tử đạo.

Vì vậy, Mina bắt đầu công khai tôn vinh danh Chúa Giêsu Kitô và giảng dạy đức tin thánh thiện, thuyết phục những người chưa tin không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động, vì ngài đã được ban cho ân sủng từ trên cao để chữa lành bệnh tật bằng cách kêu cầu danh Chúa Kitô và rước Thánh Giá. Một lần nọ, khi Mina đang đi giữa thành phố và dân chúng theo sau ngài, ngài tình cờ thấy trên đường có rất nhiều người tàn tật, què quặt, mù lòa, nghèo khổ, điếc và bị quỷ ám. Sau khi cầu nguyện với Thiên Chúa để Ngài tỏ lộ quyền năng của Ngài qua đôi tay ngài, nhằm dẫn dắt dân ngoại đến với đức tin, ngài đã kêu cầu danh Chúa Kitô; sau đó đặt tay lên những người bệnh, ngài làm dấu Thánh Giá trên mỗi người, và ngay lập tức tất cả đều được chữa lành: người mù được sáng mắt, người câm nói được, người què nhảy lên như hươu nai, và những người bị quỷ ám được giải thoát khỏi các linh hồn ô uế. Khi chứng kiến điều này, dân chúng kinh ngạc và nhiều người đã tin vào Chúa Kitô; còn Thánh Mina, sau khi dạy dỗ họ về đức tin chân chính, đã đưa họ gia nhập Giáo hội Kitô giáo.

Tuy nhiên, một số người ngoại đạo bị mù quáng bởi sự vô tín và lòng thù hận, những kẻ ưa thích các lễ hội ma quỷ mà họ tổ chức trong tiệc tùng, say sưa và dâm dục, không ưa thích lối sống trong sạch và tiết độ; vì chính họ

[8691] Từ năm 305–312.

[8692] Maximinus Daza – hoàng đế của nửa phía đông đế chế từ năm 305 đến năm 313.

là con cái của sự ác, ghét ánh sáng và không muốn chịu đựng sự sỉ nhục đối với các vị thần của họ cũng như sự hạ nhục các lễ hội tôn vinh các vị thần ấy, nên họ đã bí mật báo cáo với nhà vua rằng Thánh Mina không chỉ tự mình tin vào Người Galilee bị đóng đinh[8693] , mà còn làm sa ngã toàn thể dân chúng thành Alexandria bằng đức tin này, và rằng các đền thờ của các vị thần cổ xưa đã trở nên hoang vắng. Khi biết được điều này, nhà vua vô cùng tức giận và, sau khi triệu tập các quan đại thần và cố vấn của mình, bắt đầu than phiền với họ về Mina, rằng ông ta đã làm trái lệnh của nhà vua, và thay vì tiêu diệt Kitô giáo tại Alexandria, lại còn lan truyền nó, đồng thời khiến những người Hy Lạp[8694] , vốn trung thành với các luật lệ cổ xưa của tổ tiên, chuyển sang theo đức tin mới của người Galilê[8695] . Các quan đại thần khuyên nhà vua cử một người nào đó đến đó, người có thể khôi phục lại mọi thứ đã bị Mina phá vỡ, đồng thời thuyết phục hoặc ép buộc chính ông ta quay trở lại thờ phụng các vị thần ngoại đạo; còn về việc lựa chọn người cho nhiệm vụ này, các quan đại thần khuyên nên chọn ai đó đặc biệt trung thành với nhà vua và phục vụ ngài một cách trung thành, người sẽ cố gắng bảo tồn và thực hiện chính xác mọi mệnh lệnh được giao. Khi họ bắt đầu bàn bạc với nhau và tìm kiếm một người như vậy, thì người được cho là phù hợp nhất cho mục đích này là quan trưởng thành phố tên là Hermogenes, một người danh giá và được kính trọng; và tất cả đều đồng ý cử ông ta đi, vì tin rằng ông có thể thực hiện mọi điều mà nhà vua ra lệnh. Ngay lập tức, Maximinus đã cử Hermogenes đến Alexandria, giao cho ông một đội quân từ Byzantium để đưa Minus ra xét xử, đồng thời thanh trừng thành phố khỏi những sai lầm của Kitô giáo, như ông ta nghĩ. Hermogenes cũng xuất thân từ Athens; ông được sinh ra và nuôi dưỡng trong sự vô thần của người Hy Lạp, nhưng tính cách thì hiền lành và ôn hòa; dù ông không biết Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật, nhưng vẫn tôn kính Ngài bằng những việc làm chỉ xứng đáng với người Kitô hữu, *"vì khi những người ngoại giáo, không có luật pháp, tự nhiên làm những điều hợp pháp, thì dù không có luật pháp, họ cũng tự là luật pháp cho chính mình"* (Rm 2,14).

Khi Hermogenes cùng quân đội đi thuyền đến Ai Cập, trên đường đi, một đêm nọ, trong giấc mơ, ba người đàn ông rực rỡ ánh sáng đã hiện ra với ông và nói với ông:

– Hãy biết rằng, Hermogenes, không có việc lành nào, dù là nhỏ nhất, bị Thiên Chúa khinh thường; vì thế, Thiên Chúa cũng chấp nhận những việc lành của ngươi, và cuộc hành trình của ngươi, vốn được thực hiện với ý định tiêu diệt nhiều Kitô hữu, Ngài sẽ biến thành nguồn vinh quang và phần thưởng của ngươi trên trời. Vậy nên, đừng quên những lời của chúng ta, vì qua chuyến đi này, ngươi sẽ nhận biết Đấng Vua Chân Thật và Vĩnh Cửu. Còn chúng ta sẽ gửi đến ngươi một người, người ấy sẽ khiến ngươi trở thành bạn của Đấng Vua Đáng Chúc Phúc ấy, và ngươi sẽ được Ngài ban cho một vinh dự mà vị lãnh chúa hiện tại của ngươi không thể ban cho ngươi được.

Khi tỉnh giấc, Hermogenes bắt đầu suy ngẫm về những gì mình đã thấy với sự sợ hãi và kinh ngạc, và băn khoăn không biết điều gì sẽ xảy ra với mình; và anh hy vọng sẽ nhận được một vinh dự cao quý nào đó, nhưng từ các vị vua đang tạm thời trị vì trên trần gian, chứ không phải từ Vị Vua Tối Cao, Đấng mà anh vẫn chưa biết, vì đôi mắt tâm linh của anh vẫn chưa được khai sáng.

Sau vài ngày lênh đênh trên biển, Ermogen cập bến gần thành phố Alexandria và tiến vào thành phố trong vinh quang, dưới tiếng trống và kèn, còn toàn thể dân chúng đã ra đón và hộ tống ông một cách trang trọng đến cung điện hoàng gia. Khi chiều tối buông xuống và dân chúng đã tan rã, vị thánh Mina ( ) đã đến gặp Hermogenes, mong muốn trò chuyện riêng với ngài về Đức Chúa Trời Chân Thật và đức tin thánh thiện, vì ngài biết rằng lời khuyên trong trường hợp này sẽ được lắng nghe tốt hơn và dễ dàng chấp nhận hơn; còn nếu có điều gì đó không dễ nghe được nói ra, thì điều đó cũng sẽ dễ chịu hơn so với khi có đông người chứng kiến.

Bước vào phòng của Ermogen, Mina nói:

– Vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời Duy Nhất và vĩ đại, nhờ sự an bài của Ngài mà ngài đã đến đây!

Còn Hermogenes, khi nghe nói về Đức Chúa Trời Duy Nhất và thấy một số quan lại đang đứng ở đó, liền ra lệnh bắt Mina giam giữ ngay lập tức, vì lo sợ sẽ bị vu khống trước mặt nhà vua rằng mình đang tiếp đón kẻ thù của nhà vua trong một cuộc trò chuyện riêng tư. Rồi ông nói, quay sang những người đang đứng đó:

– Ngày mai, tên đồng minh bí mật của người Galilê này sẽ biết ta là bạn của kẻ thù nhà vua đến mức nào, và sẽ hiểu rõ liệu có một Đức Chúa Trời duy nhất hay là có nhiều vị?

[8693] Tức là Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng mà những người ngoại đạo đã gán cho danh xưng này, do lầm tưởng rằng Ngài sinh ra tại Na-xa-rét thuộc Ga-li-lê, nơi Ngài đã trải qua toàn bộ thời thơ ấu của mình.

[8694] Trước thời Chúa Kitô, người Hy Lạp được gọi là "Ellin", còn trong Kinh Thánh, tên gọi này được dùng để chỉ những người ngoại đạo nói chung, bao gồm cả người Hy Lạp lẫn các dân tộc khác, bởi vì nhiều người trong số họ nói tiếng Hy Lạp

[8695] Tức là vào đức tin nơi Đấng Kitô.

Sáng hôm sau, khi nơi xét xử đã được chuẩn bị sẵn trên quảng trường và đông đảo dân chúng đã tụ tập, Hermogenes ngồi vào ghế thẩm phán, được vây quanh bởi các lính cận vệ, và ra lệnh dẫn thánh Mina đến trước mặt mình để xét xử.

Vị chiến binh của Chúa hiện diện trước mặt ông với khuôn mặt rạng rỡ, tâm hồn không chút sợ hãi, – bừng cháy lòng nhiệt thành vì Chúa. Và vị thẩm phán nói với ngài:

– Mina! Mọi người đều phải tôn kính các vị vua và các vị thần của vua, đồng thời biết ơn những ân huệ của họ, nhưng ngươi lại không tôn kính cả thần thánh lẫn vua chúa, và đã quên đi những ân huệ của họ.

Vị thánh đáp:

– Thưa quan tòa! Việc bày tỏ lòng biết ơn đối với những người đã ban ân huệ là điều đáng làm, miễn là điều đó mang lại lợi ích – cho cả người ban ân huệ lẫn người nhận ân huệ. Nhưng khi điều đó gây hại cho cả hai bên, thì cần phải từ chối cả ân huệ có hại lẫn người ban ân huệ đó. Tôn kính các vị vua là việc thiêng liêng, vì quyền lực và quyền cai trị của họ; nhưng khi các vị vua tôn kính Đức Chúa Trời – Đấng là Nguồn gốc của vạn vật – một cách sai lầm và bất kính, và không dành cho Ngài sự tôn kính xứng đáng, thì việc tôn kính các vị vua là bất công; đặc biệt không nên tôn kính các vị thần của họ một cách thiếu suy xét, cho đến khi chúng ta trước tiên tìm hiểu xem liệu các vị thần đó có quyền năng như Đức Chúa Trời chân thật hay không. Các vị thần đó có phải là vô thủy, vô tận và bất tử hay không? Và nếu các vị thần đó thiếu dù chỉ một thuộc tính nào đó, thì cần phải khinh bỉ họ; vì làm sao họ có thể là các vị thần khi còn chưa hoàn hảo? Vậy nên, với ý định tốt đẹp và trái tim trong sáng, chúng ta cần phải tìm hiểu xem ai mới thực sự là Đức Chúa Trời. Khi tôi, cũng như chính ngài, thưa quan tòa, đã biết điều này, từng ở Athens, tôi đã tuân theo các luật lệ của tổ tiên; từ thuở thiếu thời đã rời xa cha mẹ, tôi đã miệt mài nghiên cứu sách vở với lòng khao khát và sự siêng năng lớn lao, và với không ít khó khăn, tôi đã học hết toàn bộ giáo lý Hy Lạp, vốn được xây dựng trên những câu chuyện thần thoại dối trá. Khi biết rằng người Kitô hữu cũng có một số cuốn sách, tôi đã mong muốn được đọc cả những cuốn đó. Và khi đọc chúng, tôi cảm nhận được một lợi ích tinh thần sâu sắc ẩn chứa trong đó, đến nỗi không thể diễn tả được; khi so sánh Kinh Thánh Kitô giáo với giáo lý Hy Lạp, tôi thấy chúng có sự khác biệt lớn lao và dường như đối lập nhau: trong những cuốn đầu tiên, tôi nhận ra sức mạnh và sự thật, còn trong những cuốn sau – sự lầm lạc và dối trá. Bởi vì những gì được chứa đựng trong các tác phẩm Kitô giáo thể hiện quyền năng của Chúa Kitô, xứng đáng với Thiên Chúa; còn các tác phẩm Hy Lạp lại miêu tả Thiên Chúa như một vị thần mang những yếu đuối, đam mê và dục vọng của con người, đầy dẫy dối trá, phẫn nộ, thiếu tự chủ và vô liêm sỉ; chúng miêu tả các vị thần đang tham gia vào những cuộc chiến tranh nội bộ, bị đánh bại và bị thương ngay cả bởi những con người phàm trần; những tác phẩm này còn chứa đầy vô số điều ác, dối trá và chuyện hoang đường khác. Nói chung, việc đọc các kinh sách Kitô giáo dẫn đến sự cứu rỗi nhờ nhận biết chân lý, trong khi các tác phẩm Hy Lạp lại dẫn đến sự diệt vong không thể chối cãi, sa ngã vào sự vô đạo, những đam mê xấu xa và sự lầm lạc. Tuy nhiên, dù các tác phẩm Kitô giáo mang lại ơn cứu rỗi đến vậy, tôi không ngay lập tức quyết định tuân theo giáo lý của chúng, mà đã nảy sinh ý định thử nghiệm quyền năng của Chúa Kitô trong thực tế, để học được lẽ thật qua chính kinh nghiệm của mình. Và khi tôi gặp một người bị liệt, tôi đã kêu cầu danh Chúa Kitô trên người ấy, thì người bệnh lập tức được chữa lành. Còn tôi, sau khi nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất Toàn Năng, đã từ bỏ sự lầm lạc của người Hy Lạp và, sau khi nhận phép rửa thánh, đã dâng hiến bản thân cho Chúa Kitô. Từ đó cho đến nay, tôi chữa lành nhanh chóng và dễ dàng những căn bệnh nặng nề và những nỗi đau không thể chữa khỏi – những điều chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể chữa lành – bằng cách chỉ kêu cầu Danh Thánh của Chúa Kitô mà thôi. Toàn thể dân chúng đang đứng xung quanh quảng trường này chính là nhân chứng cho tất cả những gì tôi đã nói, và không ai có thể nói rằng lời tôi là dối trá và lừa gạt, vì tất cả những gì tôi đã nói đều có thể được kiểm chứng trên thực tế ngay cả bởi chính các bạn.

Trong khi vị thánh nói những điều này và nhiều điều khác về Đức Kitô là Thiên Chúa, đám đông xung quanh đã chăm chú lắng nghe ngài từ giờ thứ ba đến giờ thứ bảy và mong muốn được nghe thêm những lời giảng của ngài, và càng không muốn chứng kiến những đau khổ của ngài. Cuối cùng, toàn thể dân chúng, như thể bằng một tiếng nói chung, đã kêu lên với Hermogenes:

– Xin đừng vất vả nữa, vị thẩm phán tốt bụng! Vì tất cả chúng tôi đều là những nhân chứng của những phép lạ, được tạo ra bởi quyền năng của Đấng Christ; ngài không nói một lời dối trá nào, và không có sự lừa dối nào trên môi ngài. Và nếu ngài có mặt ở đây vào lúc đó, thì ngài cũng sẽ nhận ra sự thật và tin chắc rằng không nên tôn thờ vị thần nào khác ngoài Đấng mà Mina đang rao giảng.

Hermogenes, khi thấy sự can đảm của dân chúng và nhận ra rằng tất cả, khi nghe giáo lý của Mina, đều hướng về Chúa Kitô, đã sợ không dám tra tấn ông; vì không thể phản bác được sự thật, ông cảm thấy xấu hổ và ra lệnh đưa ngài vào ngục tối, còn bản thân ông thì đứng dậy, buồn bã trở về phòng riêng, còn dân chúng thì tản về nhà, ca ngợi thánh Mina.

Khi bị giam trong ngục tối, vị thánh đã ngợi ca:

– Ngài đã cứu chúng con khỏi kẻ thù, làm cho những kẻ ghét chúng con phải hổ thẹn, mở miệng con để nói lời ngụ ngôn và phán những lời tiên tri từ thuở xa xưa (xem Tv 43:8, 77:2).

Trong khi đó, Hermogenes vì buồn phiền và lo âu nên không ăn, không ngủ vào ban đêm, vì ông sợ cả vua lẫn dân chúng: sợ dân chúng sẽ gây ồn ào và hỗn loạn vì Thánh Mina – và còn sợ vua hơn nữa – để ngài không nổi giận với ông, nếu ông không khiến Thánh Mina phải chịu cái chết đau đớn. Và sáng hôm sau, khi đã ngồi trên ghế xét xử và chuẩn bị sẵn các dụng cụ tra tấn, ông ra lệnh dẫn thánh nhân bị trói đến và nói với ngài:

– Nói cho ta biết, tên vô đạo, ngươi dựa vào điều gì mà dám xúi giục dân chúng không tuân theo vua, không biết xấu hổ mà phỉ báng các vị thần, và tại sao ngươi lại khuyên họ nghe theo những lời dối trá của ngươi và chấp nhận một tín ngưỡng kỳ lạ nào đó của ngươi?

Nghe vậy, vị thánh đáp lại:

– Không phải ta xúi giục dân chúng không tuân theo mệnh lệnh bất chính của nhà vua, mà là lòng nhiệt thành vì Đức Chúa Trời, vì dân chúng nhiệt thành vì Chúa của họ, Đấng mà họ đã nhận biết qua các dấu hiệu và phép lạ. Còn nếu tôi có nói xấu các vị thần của vua ngài trước mặt dân chúng, thì quả thật, bất kỳ ai có cái nhìn đúng đắn và phán đoán sáng suốt về sự việc đều phải ghét bỏ những gì họ thấy và nhận ra là sai lầm; còn sự thật thì phải yêu mến và tôn kính. Và sự thật đối với loài người, điều mà không ai có thể nghi ngờ, chính là chính Đức Kitô!

Thẩm phán đáp lại:

– Kẻ điên rồ, ngươi chỉ nghĩ rằng sự thật là Đấng Christ, nhưng ta sẽ ngay lập tức chỉ cho ngươi thấy rằng không nên thờ phượng Đấng bị đóng đinh, và rằng tất cả những gì những gì ngươi đã nói hôm qua đều là dối trá: nếu ta chặt đứt hoặc thiêu đốt một bộ phận trên cơ thể ngươi, – ngươi, kẻ thờ phượng Chúa Kitô, liệu có thể làm cho bộ phận bị chặt đứt hoặc thiêu đốt đó lành lại được không! Và nếu ngươi không thể làm được điều đó, thì ngươi sẽ mang lại sự chữa lành nào cho người khác?

Rồi vị thánh lại nói:

– Thưa quan tòa, tôi mong ngài sẽ tra tấn tôi vì Chúa Kitô bằng mọi hình thức, và tôi hy vọng rằng khi đó, ngài cũng sẽ khinh thường vinh quang tạm bợ mà ngài đang có, để trở thành một trong những người mà Chúa Kitô của tôi cai trị.

Bị những lời này làm cho tức giận, quan tòa ra lệnh chặt đứt bàn chân của Mina, lột da ở cẳng chân anh ta và để anh ta đứng trước mặt mình trong tình trạng đó, để anh ta, vì đau đớn do vết thương, không thể trả lời các câu hỏi của ông ta về các vị thần nữa. Còn vị thánh, khi thịt trên chân đã bị cắt bỏ, đứng trên chính những chiếc xương trần trụi, đã cất tiếng hát: *"Chân tôi đứng trên con đường ngay thẳng; trong các hội thánh, tôi sẽ ngợi khen Chúa"* (Thánh Vịnh 25:12).

Và mặc dù máu chảy ra ồ ạt từ đôi chân ngài, nhưng vị tử đạo vẫn với khuôn mặt rạng rỡ và dũng cảm chịu đựng nỗi đau; còn lời nói của ngài thì càng trở nên trôi chảy hơn, ca ngợi Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, đồng thời vạch trần sự vô thần. Thấy vậy, quan tòa ra lệnh cắt lưỡi Mê-na; và khi các đầy tớ định thi hành lệnh, vị thánh nói với kẻ tra tấn:

– Nếu ngươi không chỉ cắt lưỡi ta mà còn móc mắt ta, thì ngươi cũng không thể đánh bại ta, vì "luật của Đức Kitô là ngọn đèn soi bước chân ta" (xem Tv 118,105); ta thậm chí còn hy vọng rằng sau khi ngươi cắt lưỡi ta, chính ngươi cũng sẽ rao giảng về vinh quang của Đức Kitô của ta.

Và quả thực, khi lưỡi của Thánh Mina bị cắt đứt và máu chảy ra từ miệng ngài, – lúc đó vị thánh vẫn không hề nao núng, mà bằng ánh mắt ngài đã cho thấy rằng ngài sẵn sàng chịu đau khổ vì Chúa Kitô bằng mọi bộ phận trên thân thể mình.

Lúc đó, quan tòa ra lệnh móc mắt ngài, và khi lệnh được thi hành, vị thánh cúi đầu xuống, cố gắng bày tỏ lòng biết ơn đối với Thiên Chúa vì Ngài đã cho ngài được chịu những cực hình như vậy vì Ngài. Và ngài lại bị ném vào ngục tối, còn quan tòa rời khỏi quảng trường, nói:

– Ngày mai ta sẽ ném thi thể ngài cho chim chóc ăn.

Vị thánh nằm trong ngục tối, kiệt sức vì những vết thương và gần như không còn sức sống vì những đau khổ. Vào ban đêm, vào giờ thứ ba, bỗng nhiên ngục tối bừng sáng như tia chớp, và chính Chúa Kitô đã hiện ra. Khi đến gần nơi vị tử đạo đang nằm, Ngài trước hết làm tràn ngập lòng vị thánh bằng niềm vui và sự can đảm, sau đó chữa lành lưỡi ngài, khai sáng đôi mắt, phục hồi đôi chân và như thể nâng ngài dậy và làm ngài sống lại từ cõi chết, khiến toàn thân ngài trở nên khỏe mạnh và không hề hấn gì. Rồi Ngài nói với vị tử đạo:

– Hãy lắng nghe, Mina! Ta là Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà ngươi đang chịu khổ vì Ngài. Ta đã đến thăm ngươi, dù trước đó Ta đã ở gần ngươi, chứng kiến công đức của ngươi và chờ đợi để các quan tòa và những người có quyền thế nhận ra tình yêu của ngươi dành cho Ta; nhưng vì họ đã nhận ra điều đó rồi, nên từ nay trở đi, Ta sẽ công khai bảo vệ ngươi. Còn Hermogenes, kẻ thù địch với Ta và không yêu mến danh Ta, ngày mai ngươi sẽ thấy hắn khiêm nhường và van xin ngươi, và chẳng bao lâu nữa hắn sẽ trở thành bạn đồng hành của ngươi trên con đường tu hành: vì hắn sẽ cùng con chịu khổ, và cùng con nhận được vương miện, bởi vì điều đó không phù hợp với lòng nhân từ của Ta, để nhiều việc lành của hắn bị mất đi vì sự thiếu hiểu biết của hắn.

Nói xong, Đấng Cứu Thế đã thổi Thánh Thần của Ngài vào Mina và làm cho anh tràn ngập niềm vui khôn tả.

Trong khi đó, Hermogenes, đang nằm trên giường, suy ngẫm về nguồn gốc và quê hương của Thánh Mina, về sự khôn ngoan và lòng dũng cảm của ngài, cũng như về vinh quang xưa kia của ngài, khi ngài có quyền lực lớn lao trước mặt vua và đã cầu xin ân huệ của nhà vua cho nhiều người. Suy ngẫm về tất cả những điều này, ông tự gọi mình là kẻ khốn khổ vì đã khiến một con người như vậy phải chịu cực hình; đồng thời, cho rằng người ấy đã qua đời vì những đau khổ tột cùng, ông khóc thương cho ông và quyết định chôn cất thi thể ông một cách trang trọng.

Khi ngày đã đến và dân chúng từ khắp thành phố Alexandria tụ tập lại, Hermogenes lại ngồi vào ghế thẩm phán và ra lệnh cho các chiến binh đang đứng trước mặt ông mang thi thể vị tử đạo từ ngục tối ra quảng trường. Khi lên đường, các chiến binh thấy nhà ngục vốn trước đây rất u ám nay tràn ngập ánh sáng thiên đàng, và bên cạnh vị thánh, họ thấy hai người đàn ông tuyệt đẹp và rạng rỡ, trông giống như những chiến binh, sẵn sàng bảo vệ và đẩy lùi kẻ thù; Họ thấy vị thánh không chỉ còn sống mà còn hoàn toàn khỏe mạnh, nhìn rõ, nói năng lưu loát và đang hát: *"Dù tôi có đi qua thung lũng bóng tối của cái chết, tôi cũng không sợ điều ác, vì Ngài ở cùng tôi"* (Thánh vịnh 22:4).

Vì quá kinh ngạc, họ đứng im lặng như những người câm; sau khi hoàn toàn chắc chắn rằng họ không nhìn thấy hồn ma, mà là sự thật được thực hiện bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, họ đã thốt lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu thật vĩ đại!

Và ngay lập tức, họ tin vào Đấng Christ và không trở về với người đã sai họ đi. Còn vị quan tòa, sau khi chờ đợi những người lính đó cùng với dân chúng trong một thời gian dài, đã bối rối và sai thêm nhiều lính nữa, ra lệnh cho họ mang thi thể của vị tử đạo về, vì ông nghĩ rằng người đó đã chết rồi. Nhưng những người này, khi chứng kiến điều tương tự như những người trước, cũng tin vào Đấng Kitô và gia nhập cùng họ. Còn vị thánh, sau khi nghe các binh sĩ báo rằng cả thành phố đã tụ tập tại quảng trường, và quan tòa đã ngồi trên ghế xét xử, liền tự mình đến gặp quan tòa và dân chúng, được các binh sĩ đã tin vào Đấng Kitô tháp tùng. Khi đến gần quảng trường, ngài cất tiếng hát:

"Dù cả một đạo quân nổi dậy chống lại tôi, lòng tôi cũng không sợ hãi" (Thánh Vịnh 26:3). Và ngay lập tức, mọi người đều hướng mắt về phía ngài và kinh ngạc khi thấy ngài còn sống và khỏe mạnh, có thể đi lại, nhìn thấy và nói chuyện, mặc dù chỉ mới hôm qua ngài còn trong tình trạng nửa sống nửa chết, mù lòa và câm lặng. Và tất cả đều đồng thanh reo lên:

– Quyền năng của Đấng Kitô thật vĩ đại, đến nỗi chiến thắng cả cái chết! Hỡi thành Alexandria, ngươi thật có phúc, vì nhờ người này mà ngươi đã nhận ra sự lừa dối của ma quỷ và hiểu được lẽ thật của Đấng Kitô: quả thật, đó chính là quyền năng và sức mạnh của Thiên Chúa! Hãy vui mừng, hỡi nhà rao giảng và người tu hành của Đấng Thiên Chúa Duy Nhất và Đấng Cứu Thế! Hãy vui mừng!

Vị thẩm phán càng thêm kinh ngạc trước sự kiện mới mẻ và kỳ diệu này, và vì lo sợ dân chúng sẽ nổi dậy chống lại mình, ông muốn rời khỏi quảng trường. Nhưng dân chúng đã la lên với ông:

– Xin đừng đi, thưa ngài thẩm phán đáng kính, và đừng ghen tị với thành phố vì hạnh phúc này, rằng hôm nay họ được biết đến Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, và sẽ bước đi trên con đường công chính hướng tới ánh sáng của lẽ thật.

Lúc đó, vị thẩm phán ra hiệu cho dân chúng im lặng, rồi ra lệnh cho vị thánh đến gần mình, vì ông vẫn cho rằng những gì mình thấy chỉ là ảo giác, do chưa có sự hiểu biết về Đức Kitô. Ông chăm chú nhìn vị thánh và dùng tay sờ nắn để xem liệu đó có thực sự là Mina và liệu vết thương của ông ta có thực sự được chữa lành hay không. Sau khi xác nhận rằng tất cả những điều đó đều là sự thật, Hermogenes đã ngạc nhiên và im lặng vì kinh ngạc. Rồi khi vừa lấy lại bình tĩnh, ông nói:

– Hãy nói cho ta biết, hỡi người kia, những sự việc kỳ diệu và bất ngờ này là sao? Chỉ có Đức Chúa Trời của ngươi mới làm được điều này, hay còn có Đức Chúa Trời nào khác cũng có thể làm được?

Trả lời câu hỏi đó, vị thánh trước tiên đã trình bày chi tiết giáo lý về Đức Chúa Trời Vô Thỉ, sau đó là về sự sáng tạo con người và sự sa ngã của con người, tiếp theo là về sự nhập thể của Đấng Christ, về sự cứu chuộc loài người, về sự chịu khổ trên thập tự giá và sự chịu khổ tự nguyện, và cuối cùng, để kết thúc bài giảng, ngài nói thêm:

– Đức Chúa Trời, vì là Đấng nhân từ và thương xót, đã xuống trần gian để cứu rỗi loài người, và Ngài không muốn ai phải hư mất hay bị tước đoạt những ân huệ vĩnh cửu. Giống như người mẹ lo lắng cho con trai mình, chịu đựng những nỗi buồn và sự tổn thương do con gây ra, bị tình yêu tự nhiên dành cho con trai chế ngự, và không giận dữ với con nếu con làm điều gì không xứng đáng, vì con làm điều đó do thiếu hiểu biết và không có ý đồ xấu nào, nên người mẹ kiên nhẫn chờ đợi con trưởng thành và phát triển, mong muốn thấy con trở thành một người đàn ông hoàn hảo, được mọi người kính trọng và ngưỡng mộ; cũng như Đức Chúa Trời của chúng ta, Đấng đã tạo dựng chúng ta, chăm sóc chúng ta và, như một người cha yêu thương, chịu đựng mọi điều ác mà chúng ta vô tình gây ra, bị chiến thắng bởi lòng nhân từ của Ngài. Ngài không mong muốn điều gì hơn là chúng ta được thừa hưởng vinh quang của Ngài, trưởng thành thành người đàn ông hoàn hảo, xứng đáng với độ tuổi thiêng liêng của mình. Khi thấy các con bị ma quỷ hủy diệt, không đến với sự hiểu biết về chân lý, làm Ngài phẫn nộ bởi việc thờ lạy tà thần và tôn sùng các thần giả, Ngài thương xót trước sự hủy diệt của các con. Đồng thời, với lòng quan tâm dành cho các con như những đứa con của Ngài, Đức Chúa Trời nay đã quở trách các con qua tôi và đã chiến thắng sự lầm lạc cùng lòng ghen tị thiếu khôn ngoan của các con, điều mà tất cả những ai nhìn vào tôi đều thừa nhận. Để mỗi người trong các bạn nhận ra quyền năng của Đấng Christ nơi tôi, tôi, một người đã bước vào tuổi già, hôm qua còn bị tàn phế, mất hết sức lực thể xác và gần như đã chết khi bị ném vào ngục tối, thì nay tôi đang đứng trước mặt các bạn, nguyên vẹn và không hề hấn gì, như thể hôm nay tôi được sinh ra lần nữa và xuất hiện trên thế gian này với sức khỏe còn dồi dào hơn trước. Và nếu ai muốn biết ai là Đức Chúa Trời chân thật, thì hãy tin rằng Ngài chính là Đấng đã ban lại cho tôi cả lưỡi, mắt, chân và sức khỏe trọn vẹn; hãy tin vào Đấng đã sáng tạo thế gian này và mọi sự trong đó ngay từ thuở ban đầu, và đã ban sự sống cho muôn loài. Ngài cũng hãy hiểu điều này, thưa quan tòa, và đừng là người không biết Đấng đang chăm sóc ngài và chờ đợi sự hoán cải của ngài. Ngài cũng cần phải quay về với Đức Kitô, như chính Ngài đã báo cho tôi biết. Hãy vui mừng vì ngài sẽ đến với Vị Vua Toàn Thiện và Vĩnh Cửu, và cùng với tôi, ngài sẽ được tham gia vào công cuộc tử đạo!

Vị thẩm phán, với tâm hồn tốt lành và nhạy cảm với ân sủng, đã bắt đầu nhận biết Thiên Chúa chân thật, một phần nhờ những lời của vị thánh, một phần nhờ phép lạ vừa xảy ra, sau khi ánh sáng Thần thánh chiếu rọi vào đôi mắt tâm hồn ông. Giờ đây, ông cũng nhớ lại hình ảnh mà mình đã thấy khi đang lênh đênh trên con thuyền, và cảm nhận rằng Thiên Chúa muốn đưa ông vào hàng ngũ những tôi tớ trung thành và những người bạn của Ngài. Vì thế, ông, như người vừa nhận được một ân huệ vĩ đại, đã vui mừng và chỉ còn băn khoăn về việc làm sao mình có thể xứng đáng với ân sủng của Đức Chúa Trời, sau khi đã sống trong sự vô đạo suốt một thời gian dài như vậy.

Khi ông đang suy ngẫm về điều này, ân sủng thiêng liêng, đang kêu gọi ông đến với lẽ thật, đã ban cho ông một thị kiến kỳ diệu: ông, cùng với những người bạn của mình, đã thấy hai người đàn ông đứng gần Thánh Mina, sáng chói như tia chớp, có đôi cánh và đang cầm vương miện trên đầu vị tử đạo. Thấy họ, ông vô cùng kinh hãi và bắt đầu hỏi những người bạn đi cùng mình xem liệu họ có nhìn thấy những gì ông đang thấy hay không; họ đáp rằng họ cũng nhìn thấy điều tương tự. Lúc đó, Hermogenes đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉ tay về phía vị thánh và lớn tiếng kêu gọi dân chúng:

– Quả thật, đây là tôi tớ của Đức Chúa Trời chân chính, và Đức Chúa Trời mà ngài dạy chúng ta tôn kính là Đấng vĩ đại; vì Ngài ban sự giúp đỡ kỳ diệu từ trời cho các tôi tớ của Ngài, bảo vệ họ và ban cho họ khả năng chiến thắng những kẻ thù của mình. Cho đến ngày hôm nay, tôi mới nhận ra mình đã điên rồ, khi tự mình sa vào sự phục vụ các quỷ dữ và cố gắng lôi kéo cả các bạn – những người mong muốn tin vào Chúa Kitô một cách chân chính – theo chúng.

Nói xong, ông muốn quỳ xuống dưới chân vị tử đạo, nhưng khi nhìn thấy các thiên thần, ông sợ không dám lại gần. Khi các thiên thần biến mất, Hermogenes tiến lại gần Thánh Mina, ôm lấy đôi chân thánh thiện của ngài và hôn lên đó, nói rằng:

– Xin ngài cầu nguyện cho tôi, người tôi tớ chân chính của Thiên Chúa, xin ngài cầu nguyện, tôi xin ngài nhân danh chính sự thật mà ngài rao giảng, xin ngài cầu nguyện để tôi, kẻ không xứng đáng, cũng được ân sủng trở thành tôi tớ của Thiên Chúa của ngài – và nếu tôi được ân sủng của Ngài, tôi sẽ bắt đầu sám hối về sự lầm lạc và điên rồ trước đây của mình.

Vị thánh đáp lại:

– Hãy bình tĩnh lại, vị thẩm phán tốt bụng, và đừng nghi ngờ lòng nhân từ của Đức Chúa Trời. Vì tôi biết Ngài là Đấng nhân từ và thương xót, và tôi hy vọng rằng Ngài không những không từ chối ngài, người đang đến với Ngài, mà còn ghi tên ngài vào sách sự sống; nhờ chấp nhận đức tin nhiệt thành của ngài nơi Ngài, Ngài đã mặc khải cho tôi về ngài rằng Ngài mong muốn ngài cũng sẽ tôn vinh Danh Thánh của Ngài qua sự tử đạo.

Nói xong, vị thánh nhớ ra rằng dân chúng đã đói cả ngày; vì tất cả đều quên mất việc ăn uống khi chứng kiến những điều đang diễn ra và ngạc nhiên trước chúng, đến nỗi không ai muốn rời khỏi quảng trường khi chứng kiến phép lạ kỳ diệu ấy và lắng nghe những lời nói ngọt ngào của vị chứng nhân Chúa Kitô. Nhớ lại điều đó, vị thánh cũng rời khỏi quảng trường và ra lệnh cho dân chúng giải tán, hứa sẽ trở lại quảng trường vào buổi sáng, để nói chi tiết hơn về đức tin thánh thiện và dạy họ những điều họ cần làm. Còn Hermogenes thì không rời xa Thánh Mina, mà đã ở bên ngài suốt cả đêm, được hướng dẫn để nhận biết Thiên Chúa chân thật và những mầu nhiệm của đức tin Kitô giáo.

Sáng hôm sau, tại quảng trường đã tụ tập đông đảo người dân từ Alexandria đến mức cả quảng trường cũng không thể chứa hết. Khi Thánh Mina cùng Hermogenes tiến đến quảng trường, một đám đông lớn người Hy Lạp, khi đón tiếp họ, đã đồng thanh kêu lên:

– Tất cả chúng tôi đều tin vào Đức Chúa Trời mà ngài rao giảng, chúng tôi hứa sẽ chỉ phụng sự Ngài mà thôi, và từ bỏ mọi lầm lạc trước đây của chúng tôi.

Đáp lại điều đó, vị thánh đã tạ ơn Thiên Chúa, Đấng đã thu phục những người ngoại đạo cứng lòng và dẫn dắt những kẻ lầm lạc trở về con đường chân lý. Ngài ca ngợi sự hoán cải nhanh chóng của họ về với Thiên Chúa và an ủi họ bằng những lời dạy khôn ngoan từ Thiên Chúa, khuyên họ hãy đặt niềm hy vọng vào lòng nhân từ của Thiên Chúa, điều mà họ sẽ được ban cho trong phép rửa thánh. Bước vào quảng trường và đứng tại đó, vị thánh, hướng về toàn thể dân chúng, đã nói:

– Cầu xin Đức Chúa Trời hoàn thiện các ngươi bằng dấu hiệu của Ngài và khiến các ngươi sẵn lòng làm mọi việc thiện!

Sau đó, ngài bảo mỗi người trong số họ hãy hỏi về Đức Chúa Trời và học hỏi bất cứ điều gì họ muốn. Vị quan tòa cùng toàn thể dân chúng đáp lại: – Thưa vị thánh nhân của Đức Chúa Trời! Chúng tôi không có chút nghi ngờ nào về Đức Chúa Trời của ngài. Tất cả chúng tôi đều đã nhận biết Ngài một cách rõ ràng và vì thế chúng tôi tin tất cả những gì ngài đã nói, và chỉ xin một điều duy nhất là được kết hợp với Đức Chúa Trời qua phép rửa tội.

Một số người trong dân chúng, khi thấy Hermogenes quay về với Chúa Kitô, đã nói thêm:

– Quả thật, Đức Chúa Trời không thiên vị ai cả, vì Ngài đã cho cả người ngoại đạo nhận biết Ngài và thương xót người ấy vì lòng hào phóng lớn lao đối với những người nghèo khó.

Chẳng bao lâu sau, các giám mục từ các vùng lân cận và các sa mạc đã đến Alexandria[8696] , – một số để thăm viếng các tín hữu dưới quyền mình, số khác mong muốn chứng kiến những hành động anh hùng của các vị tử đạo, và tổng cộng có khoảng 30 người; lúc đó, sau khi chuẩn bị nước, Thánh Mina ra lệnh cho Hermogenes cúi đầu trước các giám mục. Và họ, khi đổ nước lên đầu ông, đã nói:

– Hermogenes đang nhận phép rửa tái sinh, nhân danh Cha, Con và Thánh Thần[8697] .

[8696] Vào thời điểm đó, do bị bách hại, các giám mục của Giáo hội, tùy theo nhu cầu của Giáo hội, không phải lúc nào cũng ở lại giữa các tín hữu của mình, mà đôi khi, vì lợi ích của chính họ, để không tước đi sự hướng dẫn thiêng liêng của mình đối với họ, các ngài ẩn náu trong các sa mạc, chỉ thỉnh thoảng xuất hiện để răn dạy và củng cố đoàn chiên. Nhưng khi cần phải củng cố tinh thần đang suy sụp của các tín hữu bằng chính gương sáng của mình, thì các vị thánh đã tự nguyện chịu đựng những cực hình do những kẻ tra tấn gây ra.

[8697] Hình thức rửa tội này (bằng cách rưới nước, chứ không phải nhúng xuống nước) không phải là thông lệ trong Giáo hội cổ đại; nó chỉ được sử dụng (và cho đến nay vẫn được sử dụng) trong những trường hợp ngoại lệ, khi không thể có đủ lượng nước cần thiết, đặc biệt là cho một số lượng lớn người, như trong trường hợp này, và trong những hoàn cảnh khó khăn cực độ tương tự khác. – Cụm từ: "nhận lễ tắm

Vậy là vị quan tòa đã được rửa tội trước mặt toàn thể dân chúng, và mọi người đều ngợi khen Đức Kitô, Thiên Chúa. Rất nhiều người cũng đã được rửa tội, và cả thành phố tràn ngập niềm vui lớn lao, vì những người có đức tin đang hân hoan vì Chúa, Thiên Chúa của họ.

Vài ngày sau, Ermogen được tấn phong làm giám mục thành phố Alexandria, – đồng thời ông đã phân phát toàn bộ tài sản của mình cho những người nghèo khó. Cùng với toàn thể đoàn chiên thiêng liêng của mình, ngài bắt đầu cuộc chiến quyết liệt chống lại ma quỷ: trong thời gian ngắn, ngài đã phá hủy các đền thờ ma quỷ, tiêu diệt các thần tượng, và tại chỗ đó, ngài xây dựng các nhà thờ và rửa tội cho vô số người Hy Lạp, dẫn dắt họ đến với Chúa Kitô. Bằng cách kêu cầu danh Chúa Kitô và làm dấu Thánh Giá của Ngài, ngài đã chữa lành mọi bệnh tật và trừ tà khỏi con người; ngài dạy dỗ mọi người về sự đạo đức và trong sạch, khiêm nhường và yêu thương, hiền lành cùng các đức tính khác, làm gương cho đoàn chiên và qua chính cuộc sống của mình. Khi tất cả những điều này đang diễn ra, có một người Hy Lạp lòng dạ độc ác tên là Rusticus, một trong những thành viên của Hội đồng Hoàng gia[8698] , đã đến gặp nhà vua và kể cho ông nghe về tất cả những gì đã xảy ra tại Alexandria: về việc Giám mục Hermogenes, theo giáo lý của Mina, đã trở thành Kitô hữu, và về việc toàn thể dân chúng Alexandria đã theo chân Hermogenes và Mina, chấp nhận cùng một đức tin. Hoàng đế Maximin, khi nghe tin này, đã vô cùng tức giận không chỉ với Hermogenes và Mina, mà còn với cả thành phố Alexandria; ông lập tức tập hợp quân đội và lên đường đến Alexandria, mang theo 10.000 binh sĩ vũ trang. Khi đến thành phố, ông ta lập tức bắt giữ Mina và Hermogenes, và ngay khi nơi xét xử đã được chuẩn bị xong, ông ra lệnh cho tất cả cư dân thành phố tập trung tại quảng trường, còn bản thân thì ngồi vào vị trí thẩm phán. Khi các thánh được dẫn đến trước mặt ông để xét xử, và theo lệnh của ông, họ bị lột trần, tên hành hình, khi nhìn thấy họ, đã lớn tiếng kêu lên:

– Ôi các vị thần ơi! Điều này có nghĩa là gì, khi những người đã được chúng ta dành cho sự tôn vinh đặc biệt lại tự nguyện khinh thường nó, mà lại chọn cho mình một cuộc sống đáng khinh và không xứng đáng, và trông họ như thể là những tên hề vậy?

Sau đó, ông ta bắt đầu nói với Hermogenes:

– Nói cho ta nghe, kẻ khốn khổ kia, tại sao ta lại giao cho ngươi quyền cai trị cả vùng đất và biển này, nếu không phải để chính ngươi vẫn trung thành với các vị thần của chúng ta và với chúng ta, đồng thời đưa Minus – kẻ đã sa vào lầm lạc – trở lại với tôn giáo của tổ quốc; thế mà ngươi không những không đưa hắn trở lại từ lầm lạc, mà chính ngươi lại trở thành đồng minh của hắn.

Khi vị vua kiêu ngạo ấy đang giận dữ và bừng bừng khát khao báo thù, Đức Vua Thiên Đàng Toàn Lành đã nhân từ nhìn xuống các tôi tớ của Ngài từ trên cao, vì bỗng chốc các Thiên Thần hiện ra trước mặt họ, truyền cho họ lòng dũng cảm, chuẩn bị cho họ chịu đựng những đau khổ và ra lệnh đừng sợ cơn thịnh nộ của nhà vua, vì chiến thắng cuối cùng sẽ thuộc về phía họ. Lúc đó, Hermogenes đáp lại nhà vua rằng:

– Bệ hạ! Nếu ngài chịu khó lắng nghe tôi, tại sao tôi lại tự nguyện từ chối điều mà ngài coi là đỉnh cao của hạnh phúc, và lại chọn trở thành một kẻ ăn mày dường như thiếu lý trí, bị sỉ nhục và mất danh dự, tức là trở thành một Kitô hữu và sẵn sàng theo Chúa Kitô vào lửa, lưỡi gươm, hàm răng thú dữ, và thậm chí khao khát cái chết vì Ngài hơn cả sự sống – ta sẽ tiết lộ cho ngài, nhưng xin hãy lắng nghe.

Nhà vua đáp lại:

– Nếu ngươi nói sự thật với ta, ta sẽ lắng nghe ngươi, nhưng hãy cẩn thận đừng nói dối thay vì nói sự thật.

Và Hermogenes bắt đầu kể lại trước mặt nhà vua như sau:

– Thưa Bệ hạ! Tôi từng có khát khao mãnh liệt muốn đàn áp các Kitô hữu và giáo lý của họ, đồng thời tôn kính các vị thần ngoại đạo và tuân theo ý muốn của ngài – ngài biết điều này, vì chính ngài đã sai tôi đến thành phố này để dùng những lời dụ dỗ hoặc đe dọa nhằm đưa Minus, vị thánh khôn ngoan, trở lại đức tin cổ xưa. Chính vì thế mà ngài đã cử tôi đến đây với một lực lượng quân sự hùng hậu đến vậy, đến nỗi ngay cả bản thân ngài bây giờ cũng chỉ đến với lực lượng ít ỏi hơn. Hãy để tất cả cư dân thành phố này làm chứng trước mặt ngài về con người tôi lúc ban đầu, khi tôi đã dùng lời ngọt ngào, đe dọa và mọi thủ đoạn khác để cố gắng khiến Mina từ bỏ Kitô giáo; tôi, kẻ thiếu khôn ngoan, đã không biết rằng mình đã gặp một con người dũng cảm và kiên cường, luôn sẵn sàng đáp trả,

---

tái sinh" hoàn toàn đồng nghĩa với cụm từ thông thường "được rửa tội". Cụm từ này được mượn từ thư của Thánh Phaolô (Tít 3:5) và mang ý nghĩa rằng nước rửa tội, khi rửa sạch thân thể, đồng thời cũng làm cho con người được tái sinh về mặt thiêng liêng, xóa bỏ tội lỗi của họ, giống như việc tắm rửa cơ thể giúp rửa sạch những ô uế trên thân thể.

[8698] Synclite – chính quyền quân sự và dân sự gồm những cố vấn và quan chức quan trọng và có ảnh hưởng nhất.

với trái tim khao khát chịu đựng những cực hình và mọi nỗi đau đớn tàn khốc hơn là từ bỏ Chúa Kitô. Khi tôi thấy anh ta không chịu thờ lạy các vị thần, không sợ quyền lực, không nao núng trước cực hình, và không nghe theo những lời khuyên nhủ, tôi đã ra lệnh tra tấn anh ta, bởi vì hành vi của anh ta dường như là sự xúc phạm đối với các vị thần, nhất là khi dân chúng cũng đồng cảm với anh ta, chia sẻ mọi suy nghĩ của anh ta về đức tin.

Ban đầu, tôi ra lệnh chặt đứt bàn chân anh ta đến tận xương, sau đó cắt lưỡi và móc mắt; và khi anh ta kiệt sức vì vết thương và gần như không còn thở được nữa, tôi ra lệnh ném anh ta vào ngục tối. Nói thật lòng, tôi vô cùng xót xa trong lòng cho anh ta, như cho một đồng bào của mình, vì một con người thông thái và hùng biện như vậy lại phải chết. Sáng hôm sau, tôi ra lệnh mang thi thể anh ta ra ngoài, cho rằng anh ta đã chết. Và bỗng nhiên tôi thấy anh ta còn sống – thấy rằng anh ta thậm chí còn tự mình bước đến gần tôi, nhìn bằng đôi mắt và nói bằng chính lưỡi của mình. Khi nhìn thấy ông, tôi nghĩ đó là một hồn ma, nên đã nhắm mắt lại để không phải nhìn thấy hình bóng của kẻ từng là kẻ thù của các vị thần. Nhưng sau đó, khi tôi đứng dậy khỏi chỗ ngồi và cùng những người khác bắt đầu quan sát kỹ người vừa xuất hiện, tôi không chỉ tin vào mắt mình mà còn dùng tay sờ nắn – và tôi đã chắc chắn rằng đó thực sự là Mina. Và ngay lập tức, tôi đã bị sự thật chinh phục , với lương tâm làm chứng nhân trung thực cho tôi. Tuy nhiên, thưa đức vua, chính người ấy đang đứng trước mặt ngài đây! Đây là dân chúng đã chứng kiến sự đau khổ của người ấy: hãy để họ làm chứng trước mặt ngài, hoặc chính ngài hãy tìm hiểu theo cách ngài muốn: liệu đây có thực sự là một phép lạ hay không. Vậy thì, hãy nói cho tôi biết – tôi thề bằng các vị thần của ngài – nếu có ai đó, giống như tôi, nhìn thấy Đấng Christ đột ngột chữa lành và hồi sinh một con người, đồng thời thể hiện quyền năng của Ngài qua phép lạ như vậy, thì người đó sẽ hiểu rằng đó chính là Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật. Ngài chính là Đấng Tạo Hóa Duy Nhất của con người đầu tiên, và đã hứa ban Nước Trời vĩnh cửu cho những ai tin vào Ngài. Nếu có ai đó chứng kiến tất cả những điều này và thấu hiểu, liệu người ấy có từ chối một vị Thượng Đế như vậy, và không muốn tự xưng là bạn của Ngài chăng? Và liệu người ấy có từ chối sức mạnh đầy ân sủng ấy, để có thể, giống như chính Thượng Đế, ban lại thị lực cho người mù, chữa lành cho người què, di chuyển núi non, làm sống lại người chết – và di chuyển mọi vật được tạo dựng chỉ bằng một lời nói hay một cử chỉ tay của Ngài – đồng thời còn có hy vọng về hạnh phúc vĩnh cửu và Nước Trời? Làm sao có ai lại từ bỏ một vị Thượng Đế như vậy và khinh thường hạnh phúc ấy, mà lại chọn tôn thờ các vị thần của các ngươi, và làm thủ lĩnh hay vua chúa? Ngươi sẽ nghĩ sao về một con người như thế? Chẳng phải hắn sẽ hiện ra trong mắt ngươi như một kẻ điên rồ và ngu dốt, không có chút khái niệm nào về điều thiện và lợi ích chân chính sao? Chính vì thế, thưa vua, tôi đã từ chối mọi sự lầm lạc, những câu chuyện hoang đường của các ngài, những vị thần ghê tởm của các ngài và mọi của cải phù du tạm bợ, để quay về với Đấng Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, thà bị các ngài coi là kẻ điên rồ – như chính ngài đã gọi tôi – và chịu đựng những bất hạnh, còn hơn là được xem là người khôn ngoan và được chọn lựa giữa các ngài. Vậy thì, giờ đây ngài đã nghe hết mọi điều về chúng tôi rồi. Nếu ngài muốn thấu hiểu quyền năng của Đấng Christ, thì hãy lập tức thử nghiệm điều đó trong thực tế: hãy nghĩ ra cho chúng tôi một hình phạt tàn khốc nhất nào đó; nếu ngươi không thể nghĩ ra, thì hãy để chính ta chỉ cho ngươi các hình thức tra tấn đa dạng và nhắc lại chúng trước mặt ngươi: vì ta đã từng làm quan tòa và người thi hành án trong một thời gian dài, nên ta vô cùng thành thạo trong việc này. Hãy ném chúng ta cho thú dữ ăn thịt, đẩy chúng ta từ trên núi xuống vực thẳm, ném xuống biển, chôn sống chúng tôi dưới đất, chém bằng gươm, thiêu đốt bằng lửa, nghĩ ra hình phạt phù hợp cho từng bộ phận trên cơ thể chúng tôi, bởi vì chính tôi, khi bị sự bất chính làm mù quáng, cũng đã làm tất cả những điều đó với Thánh Mina, ngọn đèn dẫn lối của tôi, người đã dẫn dắt tôi đến với chân lý.

Trong khi Thánh Hermogenes nói trước mặt nhà vua một cách vô cùng dũng cảm như vậy, dân chúng kinh ngạc trước lời nói táo bạo và can đảm của ngài, và khẳng định rằng phép lạ xảy ra với Thánh Mina thực sự đã diễn ra trước mắt mọi người. Còn nhà vua thì không thể thốt lên một lời nào để đáp lại Hermogenes. Biết rằng nếu ngài tham gia vào một cuộc tranh luận kéo dài với Hermogenes, ngài sẽ chỉ bị bẽ mặt, còn các vị thần sẽ bị sỉ nhục, nên ngài ra lệnh ngay lập tức chặt tay ngài đến tận vai, chân đến tận đầu gối, rồi ném chúng vào lửa trước mặt vị tử đạo, để chính ngài chứng kiến các bộ phận cơ thể mình bị thiêu đốt. Nhưng vị tử đạo, ngẩng đầu lên một chút, khi nhìn thấy tay và chân mình đang bốc cháy, đã nói:

– Tôi thật hạnh phúc vì Thiên Chúa nhận những bàn tay này – chính những bàn tay mà xưa kia tôi từng giơ lên cầu khẩn các vị thần giả dối – và những đôi chân này – chính những đôi chân mà tôi từng bước đi trên con đường lầm lạc – làm của lễ và dâng lên Ngài!

Sau đó, bụng ông bị đâm thủng bằng giáo, và tất cả nội tạng của ông rơi ra từ đó; còn phần thi thể còn thoi thóp của ông, theo lệnh của nhà vua, các đao phủ đã ném xuống sông. Còn về Thánh Mina, nhà vua sợ phải chất

vấn ông bằng lời nói, để khỏi bị bẽ mặt bởi những lời kể táo bạo của ông về những phép lạ mà nhà vua đã nghe nói là có thật, và để khỏi vì thế mà khiến những người còn lại cùng chung đức tin với mình xa lánh các vị thần của họ. Vì vậy, ông ta đã ra lệnh ngay lập tức, không cần hỏi han gì thêm, đưa Thánh Mina vào ngục tối u ám và treo cổ ông ta ở đó, tay bị trói lại, còn chân thì buộc một tảng đá rất lớn; nhà vua làm điều này với mục đích giết chết Thánh Mina bằng cái chết đau đớn sau một thời gian dài bị treo cổ và sau khi tất cả các bộ phận cơ thể ông ta bị kéo căng bởi sức nặng khủng khiếp. Còn Thánh Mina, khi phải chịu đựng tất cả những điều này, trên môi ngài vẫn vang lên những lời trong Thánh vịnh: *"Xin hãy nhìn đến nỗi đau khổ và sự kiệt sức của con"* (Thi thiên 24:18), và những lời của Thánh Tông đồ: *"Những đau khổ tạm thời hiện tại chẳng là gì so với vinh quang sẽ được bày tỏ trong chúng ta"* (Rô-ma 8:18).

Sau đó, khi tất cả các bộ phận trên thân thể vị thánh tử đạo đều bị xé ra khỏi vị trí của chúng và toàn thân ngài trở nên căng ra như sợi dây đàn, khiến nỗi đau đớn càng trở nên dữ dội hơn bao giờ hết, ngài đã im lặng. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng bày tỏ quyền năng kỳ diệu của Ngài nơi các thánh của Ngài, không những không bỏ rơi các vị tử đạo trong lúc họ chịu đau khổ, mà còn thực hiện một phép lạ đáng kinh ngạc cùng với họ: theo sự chỉ dẫn thiêng liêng của Ngài, ngay khi Thánh Hermogenes, người còn thoi thóp, bị ném xuống sông, các Thiên Thần thánh thiện lập tức hiện ra: họ vớt ngài lên khỏi mặt nước và đưa vào bờ; những bàn tay và bàn chân bị chặt đứt của ngài được chữa lành, khiến ngài hoàn toàn khỏe mạnh và không hề hấn gì, như thể ngài vừa mới được sinh ra làm một con người mới. Khi đêm xuống, họ dẫn ngài đến gặp Thánh Mina, người đang bị treo trong ngục tối và chỉ còn thoi thóp; tại đó, họ cũng giải thoát Thánh Mina khỏi xiềng xích, và sau khi chữa lành cho ngài, họ an ủi cả hai bằng phần thưởng đang chờ đợi họ trên thiên đàng, rằng ở đó đã có sẵn những vương miện dành cho họ và chính Đấng Khởi Xướng Công Trình đang chờ đợi cho đến khi họ dũng cảm hoàn thành công trình của mình. Bằng cách củng cố tinh thần cho họ trong đau khổ, các Thiên thần ở lại với các vị tử đạo cho đến tận sáng sớm.

Ngay khi trời sáng, nhà vua đã ra lệnh rất sớm cho toàn thể dân chúng tập trung tại quảng trường. Sau đó, chính ông cũng đến, ngồi lên ngai vàng và, biết rằng cả thành phố đã tin vào Chúa Kitô, ông phân vân trong suy nghĩ, tự nhủ: "Không tốt nếu để dân thành phố thoát khỏi hình phạt, nhưng cũng vô ích nếu xử tử tất cả mọi người". Vì vậy, giả vờ như không biết gì về đức tin của họ vào Chúa Kitô, ngài bắt đầu phát biểu trước dân chúng như sau:

– Ta biết rằng tất cả các ngươi đều dâng lễ vật và thờ phụng các vị thần vĩ đại của chúng ta, đồng thời tỏ lòng tôn kính và vâng phục các vị vua của mình một cách đúng mực; nhưng vì ngay từ đầu các ngươi đã không nổi dậy chống lại những kẻ đê tiện này, những kẻ đã dám truyền bá giáo lý của Đấng Bị Đóng Đinh và không ném đá giết họ trước khi chúng ta đến đây, nên vì điều đó các ngươi đã tự chuốc lấy cơn thịnh nộ lớn lao của các vị thần. Mặc dù bản thân ta không mong muốn ai trong các ngươi phải gánh chịu bất kỳ tai họa nào được các vị thần cho phép, nhưng ta cũng không thể để các ngươi thoát khỏi mọi hình phạt; vì vậy, để trừng phạt các ngươi vì đã làm phật lòng các vị thần, ta ra lệnh tước bỏ vinh dự lâu đời của thành phố các ngươi, để từ nay trở đi, không ai trong các ngươi có thể đạt được chức tước cao nhất hay được trao quyền lực tối cao. Hãy biết rằng Đấng Bị Đóng Đinh không những không cứu ai khỏi tai ương, mà ngược lại, còn đẩy những người tin vào Ngài vào đủ loại bất hạnh và cái chết nhục nhã. Và để chứng minh rằng tất cả những gì ta nói đều là sự thật, hãy để hai nhà tiên tri ngày hôm qua, Hermogenes và Mina, làm chứng cho điều này; họ đã hứa sẽ làm cho người chết sống lại trước khi bị tra tấn, nhưng vì lỗi lầm của chính họ mà ta đã trừng phạt họ bằng những cực hình nặng nề, và họ thậm chí không thể tự cứu lấy mình. Vậy thì, sức mạnh của kẻ lừa dối này, tức là Chúa Kitô, ở đâu?

Trong khi nhà vua đang thốt ra những lời nhục mạ đó và phỉ báng danh Chúa Kitô, toàn thể dân chúng đều phẫn nộ và xì xào với nhau, âm mưu một điều gì đó mới chống lại chính nhà vua. Nhưng vừa khi các quan truyền lệnh ra hiệu cho dân chúng im lặng và ngay khi nhà vua lại định lên tiếng nói chuyện với dân chúng, thì đột nhiên các thánh Mina và Hermogenes xuất hiện trước mặt nhà vua. Mọi người đều ngạc nhiên hướng ánh mắt về phía họ và đồng thanh kêu lên như thể bằng một giọng nói và một đôi môi:

– Quả thật chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất – Đức Chúa Trời của Kitô giáo!

Khi nhìn thấy hai vị, nhà vua vô cùng kinh ngạc và kinh hoàng.

Lúc đó, một người đứng giữa đám đông, tên là Evgraf, một người am hiểu các môn học Hy Lạp và từng là một trong những nhà văn vào thời điểm Thánh Mina giữ chức thẩm phán cai quản thành phố, người này, khi thấy các thánh tử đạo còn sống và khỏe mạnh, đã tràn đầy lòng nhiệt thành thiêng liêng; ông làm dấu thánh giá, rồi dũng cảm bước ra giữa quảng trường và đứng trước mặt nhà vua, nói với ông:

– Bệ hạ! Tôi cũng là một Kitô hữu, không tuân theo mệnh lệnh của ngài; đây, tôi đang đứng trước mặt ngài và không tiếc thân xác mình vì Chúa Kitô; đừng nghĩ rằng ngài có thể khuất phục tôi bằng đe dọa hay nịnh nọt; và không chỉ riêng tôi, mà ngài cũng không thể khuất phục bất kỳ ai trong số chúng tôi, những Kitô hữu: vì đối với chúng tôi, việc ở lại với các ngài cũng giống như cái chết, còn chết vì Chúa Kitô thì thực sự là để được sự sống. Ngài đã đến thành phố của chúng tôi như một con sư tử, muốn nuốt chửng đàn chiên của Chúa Kitô và tiêu diệt đức tin thánh thiện bằng sự thờ thần tượng, nhưng chúng tôi khinh bỉ cơn thịnh nộ của ngài, sẵn sàng chết vì đức tin và cười nhạo ngài như một con cáo nịnh hót.

Nghe vậy, nhà vua bừng bừng giận dữ, vội vàng nhảy xuống khỏi ngai vàng và lao vào các Kitô hữu; ông giật lấy thanh gươm từ tay một người đang đứng trước mặt, rồi chính tay chém đứt thánh Evgraf và trong cơn thịnh nộ tột độ, bắt đầu chặt thi thể ngài thành từng mảnh. Còn vị thánh, trong lúc bị chém, vẫn tiếp tục, chừng nào còn có thể, quở trách kẻ hành hình vì sự vô thần, đồng thời tạ ơn Thiên Chúa vì được về với Ngài trước những người khác, và vì không chết chỉ bởi một nhát chém, mà do vô số vết thương, khiến ngài tràn đầy hy vọng về nhiều vương miện từ Thiên Chúa. Và thế là ngài đã phó thác linh hồn mình vào tay Thiên Chúa, khi đang bị chém thành từng mảnh ngay giữa quảng trường.

Còn nhà vua, sau khi ngồi lại trên ngai vàng, đã quay sang các thánh tử đạo Mine và Hermogenes và nói:

– Ta thề bằng quyền năng của các vị thần của ta, rằng ta chưa từng thấy những pháp sư nào như họ! Không có gì ngạc nhiên khi dân thường nghe theo họ, vì họ, bằng những trò phù phép xảo quyệt, lừa dối những kẻ dốt nát, khiến họ xa lánh các vị thần của mình và gieo vào lòng họ quyết tâm chết vì Đấng Bị Đóng Đinh. Vì vậy, ngay bây giờ ta sẽ vạch trần các ngươi, lũ khốn kiếp – các ngươi là ảo ảnh chỉ làm mờ mắt người ta, hay thực sự là những thân xác được tái sinh?

Trước lời đó, các thánh đáp lại:

– Vì trí óc ngươi thiếu lý trí, linh hồn bị che mờ và trái tim trở nên cứng cỏi, nên chính vì thế mà sự vật thực tại cũng hiện ra trước mắt ngươi như một ảo ảnh; bởi lẽ, chẳng phải ngươi thực sự đang mù quáng sao, khi không tin vào điều sáng chói hơn cả mặt trời? Nếu ngươi còn nghi ngờ, hãy thử nghiệm một cách cẩn trọng xem liệu đó có thực sự là chúng ta hay không; còn nếu ngươi đang giận dữ và đe dọa, hãy thử thách chúng ta một lần nữa bằng những cực hình và vết thương, để nhận ra rằng chúng ta là xác thịt, chứ không phải ảo ảnh. Nếu ngài muốn lôi kéo chúng tôi về phía mình bằng lời hứa về những lợi lộc tạm thời, thì hãy biết rằng, dù ngài có trao cho chúng tôi cả vương quốc của ngài – thứ được coi là quý giá nhất ở xứ sở này – thì ngài cũng không thể cám dỗ được chúng tôi. Vậy thì, hãy tuyên án cuối cùng đối với chúng tôi và hãy biết rằng ngài sẽ không thể đánh bại chúng tôi bằng bất cứ điều gì.

Nhà vua, khi thấy rằng đây không phải là ma quỷ, mà là những con người sống động – vì nhiều người đã sờ vào họ bằng tay và xác nhận rằng thân thể họ không có vết thương nào – đã ra lệnh chém đầu họ, còn bản thân ông, sau khi đứng dậy, đã lui về cung điện của mình, cảm thấy xấu hổ vì không thể đánh bại các chiến binh của Chúa Kitô bằng bất cứ điều gì. Khi các thánh được dẫn đến nơi hành quyết, cả dân chúng đều theo sau; còn các ngài, ngước mắt lên trời, đứng đó rất lâu, cầu xin Thiên Chúa ban cho các nhà thờ và toàn thể Kitô giáo sự bình an và yên tĩnh, và để không ai cầu xin sự giúp đỡ từ các ngài mà phải trở về trong cảnh bất lực; sau đó, họ ôm lấy nhau và chia tay nhau, rồi cúi những cái đầu cao quý của mình xuống dưới lưỡi gươm và bị người lính chém đầu. Và vì vị thánh vĩ đại Mina, khi còn sống, đã xin nhà vua cho thi thể ngài được an táng tại Byzantium (điều mà ngài còn một lần nữa ra lệnh cho những tín hữu đang đứng bên cạnh ngài trước khi ngài qua đời phải thực hiện), nên vua Maximin đã ra lệnh làm một quan tài bằng sắt, đặt thi hài các thánh tử đạo vào đó rồi ném xuống biển, để người Kitô hữu không thể tôn kính họ. Còn bản thân ông, khi thấy những lời đồn đại và sự phẫn nộ lớn của dân chúng đối với mình, đã vội vã rời khỏi thành phố và lên đường đến Byzantium, lo sợ rằng một cuộc nổi loạn có thể bùng phát chống lại ông.

Trong khi đó, chiếc quan tài sắt chứa thi hài các thánh tử đạo không chìm xuống biển, mà được Sức Mạnh của Thiên Chúa dẫn dắt trên mặt nước, đã đến Byzantium trước cả hoàng đế và nhanh chóng cập bến, lướt đi như một con chim đang bay. Còn vị Giám mục Byzantium thì vào ban đêm đã có một thị kiến thiêng liêng, truyền lệnh cho ngài lập tức đến bờ biển và long trọng đón nhận chiếc hòm đựng di cốt các thánh. Cùng đêm đó, vị Giám mục đã triệu tập các linh mục của mình cùng một số nhân vật có uy tín trong số các tín hữu thành phố, rồi cùng họ ra bờ biển; và tất cả đều nhìn thấy một luồng ánh sáng từ trời chiếu xuống biển dưới hình dạng một cột sáng, rồi hạ

xuống một chiếc thuyền nào đó; trên chiếc thuyền đó có hai người đàn ông rực rỡ ánh sáng đang chèo về phía bờ biển, nơi vị giám mục cùng các linh mục đang đứng.

Khi những người đang chèo thuyền đến gần bờ, những người đứng trên bờ thấy rằng đó không phải là một chiếc thuyền đang trôi, mà là một chiếc hòm, được hai Thiên thần rực rỡ ánh sáng điều khiển trên mặt nước; ngay khi đặt chiếc hòm lên bờ, hai Thiên thần ấy lập tức biến mất khỏi tầm nhìn. Vị giám mục cùng dân chúng, sau khi vui mừng đón nhận chiếc hòm thánh và biết rằng nó làm bằng sắt, đã vô cùng ngạc nhiên khi thấy rằng một khối sắt nặng nề như vậy lại không chìm xuống đáy biển sâu, mà lại trôi nổi trên mặt nước như một khúc gỗ nhẹ. Sau khi hôn kính các di vật thiêng liêng của các thánh tử đạo, họ đã cất giữ chúng tại một nơi bí mật cho đến khi thích hợp.

Còn vua Maximinus, lúc đó vẫn đang trên đường đi, đã phải hứng chịu sự trừng phạt của Thiên Chúa: vốn đã mù lòa về tâm hồn từ lâu, ông nay còn mất cả đôi mắt thể xác; chính ông đã kể lại với người thân và bạn bè rằng mình bị trừng phạt bởi những bàn tay vô hình nào đó; vài ngày sau đó, kẻ vô đạo ấy đã qua đời. Sau khi vua qua đời, vị Giám mục đã an táng thi hài các thánh tử đạo với sự tôn kính cao cả bên tường thành, để các ngài như những người canh gác cho thành phố, những người bảo vệ cho những ai đi biển và những vị thầy thuốc cho những người mắc bệnh, vì vinh quang của Đức Chúa Trời vĩ đại và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Chúa Giêsu Kitô, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen[8699] .

Bài ca Troparion, giọng 8:

Bằng cách kiềm chế những đam mê bốc lửa, làm tê liệt thị giác và cử động, các nữ tử đạo của Đấng Kitô đã nhận được ân sủng để xua đuổi bệnh tật khỏi những người yếu đuối, và tiếp tục làm phép lạ cả khi còn sống lẫn sau khi qua đời. Quả thật là một phép lạ vinh quang, vì xương trần của các ngài tuôn trào sự chữa lành: vinh quang thuộc về Đức Chúa Trời Duy Nhất và Đấng Tạo Hóa.

Bài ca Kondak, giọng 1:

Chúng ta hãy cùng nhau tôn vinh Thánh Minus kỳ diệu, Thánh Hermogenes Thần thánh và Thánh Evgraf bằng những bài thánh ca thiêng liêng, vì các ngài đã tôn vinh Chúa, chịu khổ vì Ngài, đã đạt đến hàng ngũ các thánh vô hình trên trời và vẫn tiếp tục thực hiện những phép lạ.

Lễ kỷ niệm Thánh Gemell

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 12

Thánh Gemell xuất thân từ vùng Paphlagonia[8700] . Khi nghe tin hoàng đế Julianus Bội Đạo[8701] đang ở thành phố Ancyra thuộc Galatia[8702] , ngài đã lên đường đến đó và, khi diện kiến hoàng đế, đã dũng cảm vạch trần sự bội đạo và thái độ thù địch của ông ta đối với đức tin Kitô giáo thánh thiện. Julian nổi cơn thịnh nộ dữ dội và ra lệnh tra tấn ngài một cách tàn bạo. Một vòng sắt được đeo lên người Gemella, được nung đỏ đến mức tóe ra những tia lửa rực cháy, và máu tuôn trào từ thân thể vị tử đạo. Trong tình trạng đó, ngài bị đưa đến thành phố Edessa[8703] , nơi mà chính tên bội đạo cũng đã đến. Khi vị thánh tử đạo được đưa đến thành phố này, vai ông bị xé rách bằng

---

[8699] Các thánh tử đạo đã chịu tử đạo vào khoảng năm 313 – Lễ tìm thấy di cốt của Thánh Tử đạo Mina (vào cuối thế kỷ XI) được cử hành vào ngày 17 tháng 2. Thánh Mina, nhờ tài hùng biện của mình, còn được biết đến với tên gọi Kallikeladas (Người có tài hùng biện). – Vào thế kỷ IX, Giuse, tác giả các bài thánh ca, đã sáng tác một bài thánh ca để tôn vinh các vị tử đạo này, trong đó cũng đề cập đến những phép lạ chữa lành từ di cốt của các ngài.

[8700] Paphlagonia – một vùng cổ đại ở Tiểu Á, nằm trên bờ nam Biển Đen.

[8701] Hoàng đế Julian trị vì từ năm 361 đến năm 363. Sau khi lên ngôi, ông đã từ bỏ đức tin Kitô giáo và đặt mục tiêu của cuộc đời mình là phục hưng đạo ngoại giáo, chính vì vậy mà ông được biết đến với tên gọi "Kẻ Bội Đạo".

[8702] Ancyra – thành phố chính của vùng Galatia thuộc Tiểu Á, – ngày nay là Ankara, một thành phố lớn của Tiểu Á với dân số 30.000 người. Galatia nằm ngay giữa bán đảo Tiểu Á; còn Ancyra thì tọa lạc ở rìa tây bắc của tỉnh này.

[8703] Edes – một thành phố thuộc Cilicia, vùng phía đông nam của Tiểu Á.

những cây cọc sắt nung đỏ, còn đầu ông thì bị đóng đinh sắt; sau đó, ông bị kéo căng ra trên mặt đất và da ông bị lột từ chân lên đến đầu. Cuối cùng, ngài bị đóng đinh lên thập tự giá, và hai chân ngài bị đóng đinh vào thập tự giá. Vị thánh chịu nhiều đau khổ này đã qua đời như vậy, trong khi dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa[8704] .

Ngày tưởng niệm Thánh Phêrô Defurkin[8705]

Ngày tưởng niệm: 10 tháng 12

Thánh Phêrô sinh ra tại Bithynia[8706] . Cha mẹ ngài thuộc tầng lớp bình dân và sống trong sự đủ đầy. Nhưng ngay từ thuở thiếu thời, Phêrô đã chán ghét mọi thú vui trần tục, phù du và bộc lộ khuynh hướng mạnh mẽ hướng về đời sống tu hành. Bị cuốn hút bởi cuộc sống gương mẫu của một tu sĩ nào đó đang tu hành tại một trong những tu viện lân cận, ngài đã gắn bó sâu sắc với ngôi tu viện thánh thiện ấy; từ khi còn nhỏ, ngài đã quen với việc giữ chay và, trong khi hăng hái học tập những kiến thức sách vở phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi, ngài đã học thuộc lòng Thánh Vịnh, các Thư Tông Đồ và toàn bộ nghi thức phụng vụ của Giáo hội. Như vậy, những năm tháng đầu đời của Thôma trôi qua trong bình an và sự sùng đạo, và những hạt giống tốt lành được gieo vào tâm hồn cậu đã kịp bén rễ để tiếp tục nảy nở. Khi cậu thiếu niên kính sợ Thiên Chúa này đạt đến tuổi trưởng thành, ngài đã khoác lên mình áo tu sĩ và với sự kiên định không lay chuyển, ngài đã bước vào cuộc chiến thiêng liêng chống lại kẻ thù của ơn cứu rỗi. Và ngài đã củng cố và hoàn thiện tâm hồn mình trong đời sống đạo đức đến mức vẻ đẹp thiêng liêng của ngài hiển hiện rõ ràng trước mặt mọi người.

Vào thời điểm đó, một quan đại thần Byzantine tên là Galolikt đã thành lập một tu viện mới bên bờ sông Sagaris và xin vị giám mục của vùng đó tập hợp những người xứng đáng và thông thái nhất vào tu viện này. Thánh Phêrô đã được bầu chọn và bổ nhiệm làm vị đứng đầu tu viện mới này, với tư cách là một tu sĩ giàu kinh nghiệm, đã vững vàng trong đời sống thiêng liêng và là người tuân giữ sự tiết độ một cách kiên định. Việc này đã được báo cáo lên hội đồng các giám mục kèm theo lời giải thích rằng Thánh Phêrô đã tu hành trong công việc thiêng liêng suốt nhiều năm, và mọi người đều kính trọng ngài như một bình chứa đầy đủ các đức tính tốt đẹp, mặc dù bản thân ngài, vì lòng khiêm nhường, đã cố gắng che giấu điều đó trước mặt người khác.

Tuy nhiên, việc bổ nhiệm bất ngờ Thánh Phêrô làm người đứng đầu tu viện, do sự xúi giục của ma quỷ và sự cho phép của Thiên Chúa Toàn Năng, đã gây ra một số mâu thuẫn. Buồn bã vì điều này, Thánh Phêrô tự trách mình và nói với lòng đầy tự trách:

– Ta thật là ảo tưởng về bản thân mình!

Và khi nhận ra rằng đã đến lúc thực hiện những ước nguyện thầm kín của mình, ngài đã từ biệt các anh em, thú nhận nỗi buồn trong lòng trước mặt họ và ban cho họ sự an ủi thiêng liêng, rồi rời khỏi tu viện để tìm sự tĩnh lặng trong một sa mạc. Khi không còn người đứng đầu, như những con cừu không có người chăn, các tu sĩ mong ngài trở về; họ lên đường đi tìm và tìm kiếm ngài rất lâu, cho đến khi đến chính vùng hoang mạc nơi vị thánh đã định cư, trong sự tĩnh lặng, ngài chịu đựng cả cái lạnh mùa đông lẫn cái nóng oi ả của mặt trời, coi cái lạnh là sự ấm áp, còn cái nóng là sự mát mẻ. Họ nài nỉ vị thánh trở về tu viện, và để xoa dịu nỗi buồn của ngài, họ nói:

– Tại sao ngài lại tự hành hạ mình bằng cuộc sống khắc nghiệt đến thế? Hãy suy nghĩ xem: chúng ta vốn được tạo ra từ bụi đất, và chính vì thế mà trong bản thân chúng ta đã mang sẵn sự yếu đuối; do đó, chúng ta không thể hoàn toàn từ bỏ sự yếu đuối vốn có của mình.

Nhưng Thánh Phêrô vẫn kiên quyết không lay chuyển, và chỉ nhượng bộ trước mong muốn của các tu sĩ, cho phép họ dọn cho ngài một căn phòng nhỏ. Khi căn phòng đã được dọn xong, vị thánh bước vào, quỳ gối xuống đất và thốt lên:

– Xin điều này được đẹp lòng Ngài, lạy Chúa; còn những người đã đến với kẻ bất xứng như con, xin Ngài ban ơn cho họ được trở về.

Các tu sĩ lui ra, để lại vị lãnh đạo tinh thần của họ trong sự cô độc giữa sa mạc. Nhưng sau đó, như thể có một lời thông báo đặc biệt, những người đạo đức – những giáo dân mong muốn nhận lễ cắt tóc tu sĩ – bắt đầu từ

[8704] Thánh Gemella đã chịu tử đạo vào khoảng năm 361.

[8705] Đó là biệt danh được đặt cho Thánh Phô-ma.

[8706] Bithynia – vùng phía tây bắc của Tiểu Á, nằm dọc theo bờ Biển Đen, eo biển Bosphorus và eo biển Constantinople.

khắp nơi tìm đến vị thánh tu hành này và xin ngài cho phép họ sống dưới sự hướng dẫn của ngài. Ngài đã mặc áo tu sĩ cho tất cả những người này, như những người đến để phụng sự Chúa, và đặt tên cho hai người, như những môn đệ đầu tiên của Chúa Kitô, theo tên các Tông đồ – một người được đặt tên là Gioan, người kia là Phêrô, và cùng với họ, ngài dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện hết sức sốt sắng.

Nhưng đối với kẻ gây ra mọi điều ác – ma quỷ – việc chứng kiến những mưu mô và ý đồ xấu xa của mình bị đánh bại là điều không thể chịu đựng nổi. Và thế là chúng đã giáng xuống vị thánh, trước hết là một đàn muỗi đông đúc đến nỗi ngài thậm chí không thể nói được: muỗi tấn công ngài, cả khi ngài nằm lẫn khi ngài đứng dậy cầu nguyện – chúng chui vào miệng ngài, thậm chí len lỏi đến tận thanh quản. Thức ăn ít ỏi và mọi thứ trong phòng tu của vị thánh luôn chật ních muỗi. Cơn hoạn nạn này kéo dài ba năm, nhưng vị thánh không những chịu đựng điều này mà không than vãn hay thở dài, mà còn tạ ơn Thiên Chúa, xin Ngài tha thứ tội lỗi cho mình. Sau đó, khi theo ý Chúa, sự tấn công của muỗi chấm dứt, thì những con ruồi to xuất hiện, chúng cắn vị thánh và như những mũi tên sắc nhọn xuyên thủng thân thể đã kiệt quệ vì sự kiêng khem của ngài. Cơn hoạn nạn này cũng qua đi, kéo dài cũng ba năm. Nhưng sau đó, vị thánh nhân lại bị đàn kiến tấn công; chúng bò vào cả mắt lẫn lỗ mũi của ngài, nhưng ngài, như cây sồi vững chãi, vẫn kiên định bất khuất trong cuộc hành trình kiên nhẫn mà ngài đã chọn. Thấy sự kiên định của vị tu sĩ đáng kính, người đã chịu đựng những thử thách kéo dài chín năm ấy như thể chỉ là những chuyện thoáng qua, chỉ trong một ngày, kẻ cám dỗ lại tấn công ngài với sự hung ác còn lớn hơn, còn điên cuồng hơn. Biết rằng con người, vốn được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, bẩm sinh đã có sự ghê tởm đối với con rắn, như là công cụ của tội lỗi đầu tiên (Sáng Thế Ký 3:1–6, 14–15), kẻ xảo quyệt, nhằm phá hủy sự bình an trong tâm hồn vị thánh nhân và gieo rắc cảm giác oán hận vào lòng ông, cũng như vào lòng các đồng đạo của ông, đã sai vô số con rắn đến tấn công ông. Điều này có thể khiến nhiều người cảm thấy khó tin, nhưng đó không phải là ảo ảnh hay ảo giác nào cả. Những con rắn không chỉ hiện ra trong trí tưởng tượng của Thánh Tôma, mà thực sự bò đến, bao vây ngài, và không chỉ một hay hai lần, mà là liên tục.

Và không phải chỉ một hay hai năm, mà suốt mười một năm liền, vị thánh đã sống giữa chúng, và chưa một lần nào ngài than vãn. Ngay cả giường ngủ của ngài cũng không thoát khỏi rắn; chúng làm tổ ngay tại đó khi ngài nghỉ ngơi. Nhưng nhờ được sự che chở của ân sủng Thiên Chúa, vị thánh vẫn bình an trước chúng.

Một lần nọ, vị thánh cha đang cử hành Thánh lễ Vô huyết; buổi lễ sắp kết thúc, bỗng từ đâu đó một con rắn khổng lồ bò ra và quấn quanh cả nhà thờ, nơi đang diễn ra nghi lễ, như một chiếc vòng. Một tu sĩ đang phụng sự cho vị thánh nhân đã ra khỏi nhà thờ trước đó để mang nước ấm cần thiết cho nghi lễ, còn con rắn, ban đầu dường như quấn quanh nhà thờ, lúc này lại cuộn tròn lại ở ngưỡng cửa nhà thờ, trông như một cục rối khổng lồ. Và rồi một phép lạ kỳ diệu đã xảy ra: vị tu sĩ đang cử hành Thánh lễ, thắc mắc tại sao đồ dùng cần thiết cho nghi lễ lại không được mang đến đúng lúc như thường lệ, liền quay lại và thấy con quái vật đang nằm ở ngưỡng cửa, còn vị tu sĩ phụ tá thì đang đứng run rẩy vì kinh hoàng; và, được Thánh Thần ngự xuống, ngài nói với người anh em:

– Hãy vào đi và đừng sợ.

Còn ngài thì tiếp tục công việc thánh thiêng. Được khích lệ bởi mệnh lệnh đầy tình cha của vị tu sĩ, vị tu sĩ kia như được đôi cánh nâng đỡ, nhảy qua con rắn và bước vào nhà thờ. Khi Thánh lễ kết thúc, vị tu sĩ đáng kính trong bộ lễ phục thánh tiến đến ngưỡng cửa, nơi con quái vật đang nằm, và nói:

– Nếu sự xuất hiện của ngươi ở đây, hỡi con rắn, báo hiệu sự diệt vong của ngươi nhờ ơn Chúa của ta, thì hãy theo ta.

Con rắn cắn chặt mép áo của vị thánh bằng hàm răng của nó và đi theo ngài; còn Thánh Phêrô thì rời khỏi nhà thờ một khoảng cách bằng tầm bắn của mũi tên, rồi đi vào khu rừng rậm, nơi có một cái hố sâu, dừng lại và bắt đầu cầu nguyện; ngài thêm vào những lời cầu nguyện của mình như sau:

– Lạy Chúa, Đấng đã ban quyền năng cho những ai tin vào Ngài để giẫm lên rắn và bọ cạp, xin Chúa thương xót, lạy Chúa, và cho con, kẻ hèn mọn này, cũng được giẫm lên cổ họng con rắn, theo lời Ngài! (Lc 10,19)

Ngay khi vị tu sĩ thốt lên lời cầu nguyện này, con rắn lập tức đứng dậy khỏi chỗ nằm và rơi xuống vực thẳm; cùng với nó, các mép của vực thẳm đó cũng sụp đổ, khiến nơi đó hình thành một hố trũng bằng phẳng. Sau khi tạ ơn Thiên Chúa, vị tu sĩ trở về phòng tu của mình. Rồi một phép lạ kỳ diệu khác lại xảy ra: những con rắn đã làm tổ dưới phòng tu của vị tu sĩ và đã khiến ngài khiếp sợ suốt bao nhiêu năm qua, khi nhìn thấy khuôn mặt thánh thiện của ngài, như thể đang trốn chạy khỏi ngọn lửa thiêu đốt, bỗng chốc tất cả đều chạy trốn đến nơi mà con rắn quái vật kia đã bị tiêu diệt. Tại đó, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, rất nhiều con trong số chúng đã chết, và các loài chim đã tấn công và ăn thịt chúng.

Từ đó, Thánh Phêrô, sau khi thoát khỏi cám dỗ và tai ương, đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng chữa lành và tiên tri; nhưng đồng thời, ngài vẫn chăm lo cho sự hoàn thiện thiêng liêng của mình với sự nỗ lực lớn lao hơn, đặc biệt tập trung vào việc tuân giữ phép im lặng. Và vì những người tìm kiếm lời dạy dỗ không ngừng tìm đến ngài và buộc ngài phải phá vỡ sự im lặng, nên ngài thường lui về một nơi trên núi trong sa mạc của mình; còn những môn đệ thân tín do ngài chọn lựa, theo di chúc của ngài, đã hướng dẫn cả cộng đoàn và những người đến thăm: Gioan phụ trách việc cử hành các lời cầu nguyện và thánh lễ, còn Phêrô thì khuyên răn nhờ ân sủng của ân huệ tiên tri. Dù mọi việc đã được sắp xếp như vậy, nhưng sức mạnh thiêng liêng của sự hướng dẫn như người cha vẫn không hề suy giảm, bởi vì trong mọi việc đều thể hiện một ý chí duy nhất – tất cả đều được nuôi dưỡng bởi ý chí của vị trưởng lão, nhờ tình yêu thương của ngài mà mọi người đều được tiếp thêm sức mạnh và được dẫn dắt trên con đường cứu rỗi.

Khi mọi việc trong tu viện hẻo lánh này đều diễn ra theo trật tự đã được thiết lập, thì một ngày nọ, vị vua Hy Lạp đạo đức là Lê-v, con trai của Vasilios[8707] , vì trong lòng có một điều băn khoăn, đã trình bày điều đó trong một bức thư, rồi đóng dấu bằng con dấu hoàng gia của mình, và gửi bức thư đó qua một sứ giả đặc biệt đến vị tu sĩ đáng kính, mong nhận được lời giải đáp cho sự băn khoăn của mình. Sứ giả của nhà vua lên đường, và ngay khi vừa đến gần ngưỡng cửa phòng tu của vị cha thánh, ngài đã bước ra đón, trao cho sứ giả lá thư đã đóng dấu và nói:

– Hãy nhận lấy điều này, anh em ơi, và hãy trở về với người đã sai anh đi.

Sự việc này khiến sứ giả kinh hoàng, và anh ta, đầy bối rối, phản đối:

– Tôi sẽ trả lời thế nào với người đã cử tôi đi về yêu cầu bằng văn bản của ngài, khi mà ngài thậm chí còn chưa cầm lá thư của nhà vua lên tay?

Nghe vậy, vị tu sĩ đáp lại:

– Đủ rồi, con ơi: đó là ý muốn của Đức Chúa Trời.

Sau khi nhận được thư từ Thánh Tôma, người được cử đi đã trở về và kể lại cho nhà vua nghe về những gì đã xảy ra, khiến nhà vua vô cùng ngạc nhiên. Khi nhà vua đọc câu trả lời của vị tu sĩ và tìm thấy trong đó lời giải đáp cho sự bối rối của mình, ông đã bày tỏ mong muốn mãnh liệt được gặp trực tiếp vị tu sĩ. Nhưng Thánh Phêrô tránh xa thế gian và, với lòng khiêm nhường, đã từ chối việc ra mắt nhà vua. Tuy nhiên, điều này chỉ được một trong những môn đệ của ngài kể lại sau này, và cũng chỉ được đề cập một cách ngắn gọn. Bất cứ ai có nhu cầu tâm linh nào, đều không ngần ngại, không bận tâm đến khoảng cách xa xôi và thời gian, đều tìm đến vị thánh nhân và nhận được sự an ủi tâm linh như mong đợi, cũng như sức khỏe thể chất. Và sau nhiều năm dẫn dắt nhiều người trên con đường đời sống tâm linh, khi đã bước vào tuổi già, vị tu sĩ đáng kính, sau một thời gian ngắn bị bệnh, đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[8708] .

Ngày 24 tháng 12

Ngày 11 tháng 12 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của vị thánh cha Daniel, người sống trên cột

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 12

Vị Thánh Cha của chúng ta, Thánh Đaniel Cột, cành cây thiên đàng này, đã được Mesopotamia nuôi dưỡng[8709] . Ngài sinh ra tại một làng tên là Viphara, nằm gần thành phố Samosata[8710] , trong một gia đình Kitô hữu có cha là Ilya và mẹ là Martha. Mẹ ngài bị vô sinh và không thể sinh con, vì thế bà phải chịu đựng không ít khó khăn và lời trách móc từ chồng, cũng như những lời chế giễu từ các họ hàng nam nữ. Một đêm nọ, vào lúc nửa đêm,

[8707] Lê VI Người Khôn Ngoan, con trai của Basil người Macedonia. Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 886–911

[8708] Thánh Phêrô Defurkin qua đời vào thế kỷ X.

[8709] Mesopotamia (dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "vùng đất giữa các con sông") – là vùng đất nằm giữa hai con sông Tigris và Euphrates. Chính tại đây, theo truyền thuyết Kinh Thánh và truyền thuyết của các dân tộc khác, là nơi tọa lạc của vườn địa đàng, nơi cư ngụ của loài người nguyên thủy.

[8710] Samosata – thành phố chính của tỉnh Commagene thuộc Syria, nằm trên bờ tây sông Euphrates.

trong cơn đau khổ tột cùng, bà lặng lẽ bước ra khỏi nhà, giang hai tay lên trời và dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện đầy nước mắt như sau:

– Lạy Chúa, Đấng Tối Cao! Ngài đã tạo dựng người chồng và người vợ ngay từ thuở ban đầu và phán với họ: "Hãy sinh sôi nảy nở." Ngài đã ban cho Sara con trai Isaac khi bà đã cao tuổi (Sáng Thế Ký 1:28), cho Anna con trai Samuel (1 Sử Ký 1:20), và cho Elisabet con trai Gioan (Luca 20:60). Xin Ngài hãy thương xót nỗi bất hạnh của con, và với lòng nhân từ, xin Ngài hãy giải thoát con khỏi sự vô sinh, xóa bỏ sự ô nhục khỏi con, và ban cho tử cung vô sinh của con một đứa con, để con có thể dâng lên Ngài món quà mà Ngài đã ban cho, như ngày xưa Anna đã dâng Samuel lên Ngài.

Sau khi cầu nguyện như vậy với trái tim tan nát và tinh thần khiêm nhường, Ma-tha trở về nhà và vừa chìm vào giấc ngủ thì bỗng thấy trong giấc mơ hai ngọn đèn lớn và rất sáng, trông giống như một chiếc đĩa, từ từ hạ xuống từ trời xuống trên đầu nàng. Sáng hôm sau, khi thức dậy, cô kể lại giấc mơ cho chồng và người thân nghe, và mỗi người đều cố gắng giải thích giấc mơ đó theo cách riêng của mình. Trong khi đó, giấc mơ kỳ diệu này là điềm báo rằng cô sẽ sinh ra một người con trai, người mà ánh sáng của những đức tính tốt đẹp sẽ làm lu mờ cả những vì sao. Không lâu sau đó, Martha thụ thai và sinh ra một cậu con trai; nhờ sự ra đời này, bà đã thoát khỏi nỗi đau khổ do vô sinh gây ra. Sự khởi đầu cuộc đời của Thánh Daniel trên trần gian thật đáng nhớ, và người sau này trở thành "Con Ánh Sáng" đích thực đã chào đời một cách kỳ diệu như vậy.

Cho đến năm tuổi, cậu bé lớn lên mà không có tên, bởi vì cha mẹ không muốn tự mình đặt tên cho con trai, mà mong muốn rằng người được sinh ra nhờ ân sủng của Thiên Chúa sẽ nhận được tên từ chính Thiên Chúa. Vì vậy, họ đưa cậu đến một tu viện, mang theo những lễ vật dâng lên Thiên Chúa, và xin vị tu viện trưởng đặt tên cho con trai họ. Vị tu viện trưởng, được Chúa Thánh Thần soi dẫn, đã trả lời rằng cậu bé phải được đặt tên bằng cái tên mà chính Chúa sẽ mặc khải. Nhìn vào cậu bé, ngài ra lệnh mang đến cho mình một cuốn sách từ bàn thờ nhà thờ, và khi mở ra, ngài tìm thấy trong đó một số lời của Thánh , tức Tiên tri Đa-ni-ên. Hiểu rằng chính Đức Chúa Trời đã muốn như vậy, để tên của vị tiên tri này được đặt cho cậu bé, ngài đã đặt tên cậu là Đa-ni-ên. Điều này chính là điềm báo rằng cậu bé này sẽ giống như vị tiên tri vĩ đại, cả về tên gọi lẫn đức tin. Cha mẹ cậu mong muốn con trai mình được dâng hiến ngay lập tức để phụng sự Đức Chúa Trời tại tu viện này, nhưng vị tu viện trưởng không đồng ý, vì cậu bé vẫn còn quá nhỏ. Vì vậy, cha mẹ đã đưa cậu bé về nhà, theo sự an bài của Chúa, để sau này cậu bé này tự mình lựa chọn một cuộc sống đạo đức không phải theo ý muốn của người khác, mà là theo sự hiểu biết và tự nguyện của chính mình. Nhưng ngay từ khi còn nhỏ, người ta đã có thể nhận thấy cậu bé này sẽ trở thành một người có đức hạnh – giống như cây tốt ngay từ ngày được trồng đã cho thấy những dấu hiệu của việc ra trái sau này; đức hạnh luôn bao phủ cậu, vì cậu sống trong ánh sáng của ân sủng Chúa.

Khi cậu bé tròn 12 tuổi, cậu rời khỏi nhà cha mình mà không nói với ai về việc ra đi và ý định của mình; trong khi đó, cậu đã quyết tâm từ bỏ hoàn toàn cha mẹ, quê hương, họ hàng và bạn bè vì Chúa Kitô, rồi lên đường đến tu viện nằm cách làng quê của cậu 20 stade[8711] . Quỳ gối trước vị tu viện trưởng, Đaniel khẩn khoản xin được nhận vào hàng ngũ các tu sĩ và được cạo đầu theo nghi thức thiên thần[8712] .

Nhưng vị tu viện trưởng, viện dẫn sự yếu đuối về thể lực và tuổi trẻ của người xin gia nhập, đã trả lời Daniel rằng, với tư cách là một thiếu niên còn rất trẻ, cậu sẽ không thể chịu đựng nổi những công việc tu hành nặng nhọc, vốn đã không dễ dàng ngay cả đối với những người trưởng thành, chẳng hạn như những buổi cầu nguyện không ngừng, những lần cúi lạy xuống đất, nhịn ăn, sống tiết độ và từ bỏ hoàn toàn ý chí cá nhân cùng mọi ham muốn xác thịt. Vì vậy, ngài khuyên cậu thiếu niên nên trở về với cha mẹ và ở lại đó một thời gian, thay vì dấn thân vào những công việc vượt quá sức lực non nớt của mình.

– Chính vì điều đó mà con đã đến đây, – Daniel trả lời vị tu viện trưởng, – để sống vì Chúa Kitô và chết vì thế gian; dù cho ngay cả khi phải hy sinh mạng sống vì những việc tu hành cao cả nhất, thì điều đó vẫn tốt hơn gấp bội so với việc ra đi khỏi đây tay trắng, và – như lời Phúc Âm đã nói – *"Ai đã đặt tay vào cày mà còn ngoái lại phía sau, thì không xứng đáng với Nước Thiên Chúa"* (Lc 9,62).

Vị tu viện trưởng lại dành nhiều thời gian khuyên nhủ Đaniel từ bỏ ý định của mình, nhưng cũng nhận được không ít lời phản đối từ anh. Cuối cùng, không thể thuyết phục được Đan-ni-ên từ bỏ ý định của mình và nhận thấy

---

[8711] Một "stadia" tương đương khoảng 88 "sazhen", 20 "stadia" tương đương hơn 3,5 "verst".

[8712] Đây là tên gọi của nghi thức cắt tóc để trở thành tu sĩ, bởi vì mục đích chính của đời tu là trở nên giống như các vị thánh vô hình thông qua cầu nguyện và tu hành.

ở cậu sự quyết tâm vững vàng cùng tình yêu chân thành dành cho Đức Chúa Trời, vị tu viện trưởng đã triệu tập các tu sĩ và tham vấn với họ xem liệu có thể nhận một thiếu niên còn quá trẻ như vậy vào tu viện hay không. Các tu sĩ, ngạc nhiên trước lòng dũng cảm và tinh thần kiên định của cậu thiếu niên, đồng thời nhận ra nơi cậu ơn gọi của Chúa, đã đồng ý đón nhận cậu vào sống chung với họ. Còn Daniel thì tràn đầy nhiệt huyết, ngày càng tiến bộ trong các đức tính và đời sống theo Chúa.

Trong khi đó, sau một thời gian, cha mẹ của Daniel biết được rằng cậu đang ở trong tu viện đó. Họ rất vui mừng, nhưng đồng thời cũng ngạc nhiên vì một cậu bé còn quá nhỏ tuổi như vậy lại tự nguyện dâng mình để phụng sự Chúa. Họ đến gặp cậu và thấy cậu vẫn chưa được cạo đầu, vẫn đi lại giữa các tu sĩ mà chưa mặc áo tu sĩ, nên họ đã xin vị tu viện trưởng cạo đầu cho con trai họ ngay trước mặt họ và mặc áo tu sĩ cho cậu. Vào ngày Chủ nhật, sau khi hội ý với các tu sĩ, vị tu viện trưởng đã cạo đầu cho Đaniel theo nghi thức tu sĩ, đồng thời không cho phép cha mẹ đến thăm con trai thường xuyên. Sau đó, họ vui mừng trở về nhà; còn Đaniel, vị thánh phúc, ngày càng tiến bộ và vững vàng về tinh thần, trưởng thành không chỉ về tuổi tác mà còn về đức hạnh.

Sự khởi đầu của cuộc đời đáng kính này và nguồn gốc của mọi sự kiện phát sinh từ đó là như sau. Trái tim Đaniel bừng cháy tình yêu Thiên Chúa, và ngài nảy sinh khát khao không thể cưỡng lại được là được hành hương đến những thánh địa, nơi Chúa Giêsu Kitô của chúng ta đã chịu khổ nạn vì chúng ta, nơi Ngài được an táng và phục sinh, và từ đó Ngài thăng thiên lên trời. Đồng thời, anh cũng khao khát được gặp vị tu sĩ vĩ đại của thời bấy giờ – Thánh Simeon Cột. Khi đến gặp vị tu viện trưởng, anh đã bày tỏ nguyện vọng của mình và xin được phép thực hiện chuyến hành trình mà anh đã chọn. Lần này, vị tu viện trưởng đã giữ Daniel lại; nhưng sau đó, chính ông cũng có nhu cầu, vì lợi ích của Giáo hội, phải đi đến Antioch[8713] , nên đã đưa Daniel cùng một số tu sĩ khác trong cộng đoàn đi cùng. Khi họ đến một ngôi làng tên là Tilanissa, cách nơi Thánh Simeon Cột không xa, nơi ngài đang tu hành, họ liền lên đường đến cột của ngài. Họ thấy sự khắc nghiệt của vùng đất ấy, chiều cao của cột, và biết rằng bất chấp mọi thứ, vị tu sĩ này vẫn kiên nhẫn chịu đựng trên cột của mình cả cái lạnh mùa đông, cái nóng mùa hè, gió và mưa. Một số người thiếu sáng suốt cho rằng vị thánh này chịu đựng tất cả những điều đó vì lòng kiêu ngạo; nhưng Thánh Đaniel không chỉ ngạc nhiên trước sự kiên nhẫn của ngài, mà còn tự mình được thúc đẩy để noi gương ngài. Khi các tu sĩ đến, đứng dưới chân cột và gọi lên, thánh Simeon, nhìn xuống từ trên cao, ra lệnh đặt thang và bảo họ, nếu muốn, hãy lên gặp ngài. Lúc đó, thái độ của mỗi người đối với vị thánh mới bộc lộ rõ: người thì viện cớ bị đau chân, người khác từ chối vì tuổi già, còn một số người khác lại lảng tránh với những lý do yếu đuối khác; còn Daniel thì leo lên thang, nhanh chóng bước lên và vui mừng chào đón vị thánh vĩ đại Simeon. Và những nỗ lực của anh không hề uổng phí, bởi trước tiên anh đã lắng nghe lời dạy dỗ từ vị tu sĩ và nhờ đó càng quyết tâm hơn trong việc sống một cuộc đời đạo đức; sau đó, Daniel được vị tu sĩ ban phước lành qua việc đặt tay, và cuối cùng, anh được nghe vị tu sĩ nói về cuộc đời tương lai của mình. Vị tu sĩ, khi quay sang nói với anh, đã nói với anh một cách tiên tri:

– Hãy vững lòng, con ơi, và hãy để lòng con được vững chắc, vì con sẽ phải gánh vác những thử thách khó khăn vì Chúa Kitô; nhưng chính Chúa Kitô sẽ là Đấng trợ giúp con trong mọi sự: Ngài sẽ củng cố và an ủi tinh thần con.

Sau cuộc trò chuyện đầy tình yêu thương và khá dài với vị thánh ấy, Thánh Đan-ni-ên đi xuống, rồi trở về tu viện.

Một thời gian sau, khi vị tu viện trưởng của tu viện đó về với Chúa, các tu sĩ đã ép Daniel nhận chức tu viện trưởng thay thế, nhưng ngài đã chỉ định một người khác thay mình, rồi tự mình tìm kiếm sự tĩnh lặng, tự nhủ:

– Này, Đaniel, giờ đây ngươi đã được tự do và đã đến lúc thực hiện điều mà trước đây ngươi hằng khao khát; vì vậy, hãy đi theo con đường mà ngươi mong muốn và thực hiện ý định của mình.

[8713] Antioch của Syria – một trong những thành phố cổ xưa và giàu có nhất của Syria, đồng thời là thủ đô của nước này; nằm bên sông Orontes, cách nơi sông này đổ ra Biển Địa Trung Hải khoảng 10 verst, giữa các dãy núi Lebanon và Taurus; được thành lập vào năm 300 trước Công nguyên bởi Seleucus Nicator và được đặt tên theo Antiochus, cha của ông. Đối với Giáo hội Kitô giáo, Antioch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là trung tâm vĩ đại thứ hai của Kitô giáo sau Jerusalem, và là "mẹ" của các Giáo hội Kitô giáo được thành lập từ những người ngoại giáo. Giáo hội Antioch nổi tiếng ban đầu được các thánh tông đồ Phaolô và Barnaba thành lập, và sau đó còn được Thánh Phêrô củng cố thêm. Tại Antioch đã diễn ra không ít công đồng quan trọng của các mục tử Giáo hội trong thời kỳ xảy ra các cuộc tranh cãi về dị giáo (Arian và Nestorian). Từ xa xưa, Giáo hội Antioch đã được hưởng những đặc quyền đặc biệt, ngang hàng với các Giáo hội: Alexandria, Jerusalem, Constantinople và Rome; các vị đứng đầu Giáo hội này từ trước đến nay đều mang tước hiệu và đặc quyền của Thượng phụ. Hiện nay, Antioch nằm dưới sự cai trị của Thổ Nhĩ Kỳ và là một thị trấn nhỏ và nghèo, với dân số khoảng 10.000 người.

Quyết định như vậy, Đaniel lén rời tu viện và đến hàng rào gần cột thánh Simeon; sau khi ở đó mười bốn ngày, ông định ra đi. Nhưng thánh Simeon, vì yêu mến Đaniel, đã khuyên ông ở lại với ngài; còn Đa-ni-ên, với khát khao mãnh liệt được chiêm ngưỡng các thánh địa ở Giê-ru-sa-lem và đi vào sa mạc nội địa để thực hành đời sống im lặng, đã lên đường hướng về Pa-lê-stin. Lúc bấy giờ, tại Pa-lê-stin đang xảy ra chiến tranh: người Sa-ma-ri đã nổi dậy chống lại các Kitô hữu, – và vì thế, con đường qua vùng đất ấy không an toàn. Daniel biết rõ tất cả những điều này, nhưng anh đã phớt lờ tất cả, với ý chí kiên định và trái tim dũng cảm, không sợ chết, anh bắt đầu hành trình của mình, hoàn toàn bị chi phối bởi khát khao mãnh liệt duy nhất là hoàn thành con đường mà anh đã định sẵn từ lâu. Sau khi đi được một quãng đường khá xa, anh gặp một vị tu sĩ đáng kính, đã cao tuổi, dáng vẻ hiền lành, tóc bạc phơ, trông rất giống Thánh Simeon Cột. Ôm lấy Daniel, vị tu sĩ già hỏi anh bằng tiếng Syria rằng anh đang đi đâu. Daniel trả lời rằng nếu Chúa ban phước lành, thì anh sẽ đến những thánh địa. Vị tu sĩ già nói:

– Ngươi nói đúng, nếu Chúa ban phước; nhưng giờ đây hãy biết chắc chắn rằng chuyến đi hiện tại của ngươi không phải do Chúa ban phước. Chẳng lẽ ngươi chưa nghe nói về những cuộc nổi loạn và xung đột ở Palestine sao?

Daniel trả lời:

– Tôi đã nghe, nhưng tôi đặt niềm tin vào Chúa: Ngài sẽ là Đấng trợ giúp tôi, và vì thế tôi tin rằng sẽ không có điều gì xấu xảy ra với tôi; còn nếu có điều gì như vậy xảy ra, thì tôi cũng không sợ: vì *"dù sống hay chết, chúng ta vẫn thuộc về Chúa"* (Rô-ma 14:8).

Nhưng vị tu sĩ già, để đáp lại điều đó, đã trích dẫn cho Đa-ni-ên lời tiên tri: *"Ngài sẽ không để chân con lung lay, Đấng gìn giữ con sẽ không ngủ quên"* (Thi Thiên 120:3). Thiên thần.

Còn Đa-ni-ên, phản đối vị tu sĩ già, đã bày tỏ sự sẵn sàng thậm chí hy sinh mạng sống vì Đấng Christ trong chuyến hành trình này.

Lúc đó, vị tu sĩ già giận dữ quay mặt đi và nói:

– Đức Chúa Trời không truyền cho chúng ta phải tự đưa mình vào cái chết trước thời hạn và như thể bị ép buộc phải đi vào cái chết chắc chắn, khi Ngài phán: *"Khi người ta bắt bớ các con ở một thành, hãy chạy sang thành khác"* (Ma-thi-ơ 10:23).

Đa-ni-ên bắt đầu nghiêng về lời khuyên của vị tu sĩ và nói với ông:

– Nếu cha thấy như vậy, con sẵn sàng quay trở lại.

Vị tu sĩ già đáp lại:

– Ta không khuyên con từ bỏ hoàn toàn quyết định của mình, mà chỉ muốn chỉ ra rằng sẽ là thiếu khôn ngoan nếu con đi đến đó vào thời điểm bất lợi như hiện nay. Bây giờ, con hãy đến Byzantium, nơi với vô số thánh tích được xem như một Giê-ru-sa-lem thứ hai, và ân sủng của Chúa hiện đang ngự trên thành phố này theo ý muốn của Ngài; ở đó, con có thể viếng thăm rất nhiều nhà thờ và thỏa lòng chiêm ngưỡng nhiều thánh tích. Còn nếu anh quyết tâm dâng mình cho cuộc sống tu hành trong im lặng, dù là ở miền thượng Thrace hay ngay tại cửa biển, thì điều đó sẽ mang lại ơn cứu rỗi cho anh và Chúa sẽ giúp đỡ anh trong việc này. Nói chung, hỡi người thân yêu, đừng nghĩ rằng anh có thể tìm thấy Chúa ở Giê-ru-sa-lem mà không phải ở Byzantium; vì Chúa không bị giới hạn bởi bất kỳ không gian nào.

Trong khi họ đang trò chuyện với nhau như vậy, mặt trời bắt đầu lặn, và trên đường đi họ gặp một tu viện, nơi họ cần rẽ khỏi đường chính để nghỉ qua đêm; họ liền hướng về tu viện đó. Vị tu sĩ già nói với Daniel:

– Cậu đi trước đi, còn tôi sẽ đi theo sau cậu.

Đa-ni-ên nghĩ rằng vị tu sĩ già có việc gì đó phải dừng lại, nên anh đi trước, và khi đến cổng tu viện, anh ngồi xuống chờ vị tu sĩ già. Nhưng vì vị tu sĩ già không xuất hiện, nên Đa-ni-ên nghĩ rằng ông đã đi tìm chỗ nghỉ đêm ở nơi khác. Khi vào tu viện, anh chào hỏi vị tu viện trưởng và các tu sĩ, rồi dùng bữa theo lời mời. Sau đó, khi anh chìm vào giấc ngủ, vị tu sĩ già ấy lại hiện ra trong giấc mơ và tiếp tục khuyên anh: hãy làm theo những gì ông đã dặn dò trên đường đi, và mau chóng lên đường đến Byzantium. Khi tỉnh giấc và không thấy ai bên cạnh, Daniel tự hỏi người vừa hiện ra với mình là ai: một con người hay một Thiên thần. Hóa ra đó chính là Simeon, vị tu sĩ trụ cột vĩ đại.

Sau giấc mơ ấy, Daniel, sau khi dâng lời cầu nguyện buổi sáng và chúc bình an cho các tu sĩ đang sống trong tu viện đó, đã lên đường đến Byzantium.

Khi đến bờ biển, vị thánh nhân bước vào nhà thờ Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Michael, Tư lệnh các lực lượng thiên đàng, và ở lại đó bảy ngày. Tại đây, ngài nghe nói rằng ở Anapla[8714] có một ngôi đền thờ thần tượng bỏ

hoang, nơi cư ngụ của nhiều linh hồn ô uế, đến nỗi không ai dám đi ngang qua nơi đó: những người đi thuyền thì bị chúng dìm chết dưới nước, còn những người đi bộ thì bị chúng tấn công như bọn cướp và giết chết. Nghe tin này, vị thánh quyết định đến đó và sống tại đó, nhớ lại vị thánh vĩ đại Antôn, người đã phải chịu đựng nhiều điều ác từ các quỷ dữ và cuối cùng, nhờ ơn Chúa, đã chiến thắng chúng và được ban tặng những vinh dự to lớn. Vì vậy, Đaniel đã lên đường đến ngôi đền hoang vắng[8714] , chỉ trang bị duy nhất vũ khí bất khả chiến bại là Thánh Giá, đồng thời cất tiếng hát: *"Chúa là ánh sáng và sự cứu rỗi của con: con còn sợ ai nữa?"* (Thánh Vịnh 26:1). Và trước khi cuộc chiến bắt đầu, bầy quỷ đã rơi vào cơn kinh hoàng. Còn vị chiến binh thiêng liêng này, khi đi vòng quanh các góc của đền thờ, đã bảo vệ chúng bằng dấu Thánh Giá, mỗi lần đều quỳ gối và cầu nguyện với Chúa. Khi chiều tối buông xuống, thủ lĩnh của lũ quỷ xuất hiện và bắt đầu ném đá vào vị thánh; sau đó vang lên tiếng gầm rú và tiếng la hét kinh hoàng, tiếng ồn ào dấy lên; nhưng Đaniel, vẫn đứng cầu nguyện một cách dũng cảm, nói: *"Dù cả một đạo quân nổi dậy chống lại tôi, lòng tôi cũng không sợ hãi; dù chiến tranh nổi lên chống lại tôi, thì lúc đó tôi vẫn trông cậy"* (Thánh Vịnh 26:3). Như vậy, ngài đã trải qua đêm thứ nhất và thứ hai . Đến đêm thứ ba, ngài thấy vô số quỷ dữ dưới hình dạng những người khổng lồ khổng lồ, với gương mặt u ám, đáng sợ như những kẻ ăn thịt người, nghiến răng ken két, bừng bừng cơn giận dữ hướng về vị thánh và nói:

– Ai đã khuyên ngươi, kẻ khốn khổ kia, đến đây, nơi mà chúng ta đã cư ngụ từ lâu và là chủ nhân của chốn này?

Nói xong, họ ùa vào Daniel – một số muốn ném ông xuống biển, số khác thì cố gắng ném đá vào ông; tuy nhiên, không ai trong số họ dám lại gần vị thánh. Còn vị thánh, nhớ lại lời Chúa: *"Dòng dõi này không thể thoát khỏi được, trừ khi nhờ cầu nguyện và ăn chay"* (Mác 9:29), ngài đã làm như sau: đóng kín tất cả các lối vào nhà thờ, chỉ chừa lại một ô cửa sổ nhỏ, rồi ngài bắt đầu ăn chay và cầu nguyện. Trong thời gian ngắn, cả bầy quỷ dữ đã bị đuổi khỏi đó nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời, và dân chúng bắt đầu đi qua nơi đó mà không gặp bất kỳ nguy hiểm nào. Chuyện này lan truyền khắp nơi, và nhiều người dân trong vùng bắt đầu đến gặp Thánh Đaniel, ngạc nhiên khi thấy rằng chính tại nơi từng là hang ổ của ma quỷ, ngày đêm vang lên lời ngợi khen Đức Chúa Trời. Nhưng ma quỷ, vì căm ghét điều thiện và không muốn thấy mình bị vị thánh đánh bại, đã gieo rắc lòng ghen tị vào lòng một số giáo sĩ – và họ bắt đầu bàn tán với nhau:

– Sao ông ta lại đến đây được, mà mọi người đều tìm đến ông ta và ca ngợi ông ta khắp nơi? Hãy đi, chúng ta sẽ vu khống ông ta với Đức Thượng phụ, để ngài trục xuất ông ta khỏi đây.

Họ đến gặp Đức Thượng phụ Anatolius của Tsargrad[8715] và vu khống vị thánh ấy với ngài. Nhưng Đức Thượng phụ đáp lại họ:

– Tại sao các ngươi lại vu khống một người mà các ngươi không biết ông ta đến từ đâu và cuộc đời ông ta ra sao? Nếu ông ta sống một cuộc đời chính trực, thì chúng ta cũng nên noi gương sự thánh thiện của ông ta; còn nếu ông ta sống bất chính, thì chắc chắn xứng đáng bị trục xuất. Tuy nhiên, không nên trục xuất ông ta ngay lập tức, mà phải sau khi xem xét kỹ lưỡng trước.

Bị làm cho xấu hổ bởi câu trả lời của vị tổng giám mục, những kẻ vu khống đành phải im lặng.

Còn ma quỷ, thấy mưu mô của mình thất bại, bắt đầu quấy rối vị thánh bằng những ảo ảnh và nỗi kinh hoàng dữ dội hơn trước, như thể đang lao vào ngài cùng toàn bộ đạo quân của mình: lúc thì cố gắng dìm ngài xuống biển, lúc thì khoe khoang sẽ giết ngài. Nhưng ma quỷ không thể làm hại vị thánh dù chỉ một chút nào. Khi bắt đầu cầu nguyện, Đaniel kêu cầu cùng Đức Chúa Trời:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô của con, Đấng mà con tin tưởng, chính Ngài sẽ nhấn chìm các ngươi vào vực thẳm địa ngục.

Vừa dứt lời, những tiếng la hét và gào thét vang lên, như tiếng khóc than, và vị thánh thấy lũ quỷ bay đi như những con dơi, rời xa khỏi nơi đó. Nhưng ngay cả sau đó, lũ quỷ vẫn không ngừng gây phiền não cho vị thánh; chúng lại xúi giục những kẻ vu khống chống lại ngài, những kẻ này đến gặp vị tổng giám mục và nói:

– Thưa Đức Thượng phụ! Đan-ni-ên là một pháp sư và kẻ lừa dối; hắn mê hoặc dân chúng bằng phép thuật, và vì thế chúng tôi không thể chịu đựng được hắn.

Thượng phụ gọi Đa-ni-ên đến và hỏi ngài là ai, từ đâu đến, vì sao lại đến những vùng đất này và ngài tin vào Đức Chúa Trời như thế nào. Đa-ni-ên ngay lập tức tuyên xưng đức tin Chính Thống của mình, sau đó kể về quê

[8714] Điều này xảy ra dưới triều đại của Hoàng đế Byzantine Lêô I, vào nửa sau của thế kỷ thứ 5.

[8715] Anatolius – Thượng phụ Constantinopolis từ năm 449–458.

hương và nguồn gốc của mình, cũng như việc ngài đến Byzantium là do được Đức Chúa Trời mặc khải. Nghe vậy, vị Thượng phụ đứng dậy và ôm lấy anh, tôn kính anh như một người của Chúa, rồi cho anh ra về trong bình an. Vài ngày sau, vị Thượng phụ ấy lâm vào cơn bệnh nặng; ngay lập tức, ngài gọi Daniel đến và xin anh cầu nguyện với Chúa để ngài, vị Thượng phụ, được chữa lành. Ngay khi vị thánh cầu nguyện xong, vị tổng giám mục lập tức đứng dậy khỏe mạnh; còn vị bác sĩ không nhận thù lao này, để đền ơn sự chữa lành, chỉ xin vị tổng giám mục một điều duy nhất là hãy tha thứ cho những người đã vu khống anh ta trước mặt vị tổng giám mục. Vị tổng giám mục nói:

– Làm sao mà không tha thứ cho những người đã trở thành nguyên nhân của ân huệ to lớn đến thế, khiến tôi được hân hạnh gặp ngài và được chữa lành nhờ ngài.

Đức Thượng phụ đã mời vị thánh ở lại cùng ngài, nhưng Đaniel thà được cho phép trở về nơi ở của mình; khi về đến đó, ngài lại đóng chặt cửa lại, chỉ chừa lại một khe hở nhỏ để những người đến thăm ngài có thể vào.

Sau chín năm sống cuộc đời gian khổ như vậy, Đức Chúa Trời đã muốn kêu gọi vị thánh thực hiện một công việc vĩ đại nhất. Ngài đã nhận được một sự mặc khải đặc biệt của Đức Chúa Trời về điều này: trong một khải tượng, ngài thấy một cột đá cao vút , cao hơn cả những đám mây, đứng trước mặt mình; trên đỉnh cột là vị thánh Simeon cùng với hai thiếu niên rạng rỡ; và ngài nghe thấy giọng nói của vị thánh sống trên cột, người đang nói từ đỉnh cột:

– Daniel! Hãy vào đây với ta.

Daniil dường như đã đáp lại:

– Thưa ngài! Làm sao con có thể leo lên độ cao như vậy được?

Lúc đó, Thánh Simeon ra lệnh cho hai thiếu niên xuống gặp ông, rồi họ bế Daniel và dẫn cậu đến bên ông. Hai thiếu niên lập tức tuân lệnh và đặt cậu trước mặt Thánh Simeon. Vị thánh, sau khi ôm lấy Daniel, đã lớn tiếng kêu gọi cậu:

– Hãy can đảm lên, Daniel! Hãy rộng lượng và kiên cường! Hãy đứng vững và dũng cảm!

Khi thánh Simeon nói những lời ấy, giọng ngài vang lên như tiếng sấm, và nhờ tiếng nói ấy, Daniel bừng tỉnh. Ảo ảnh này báo trước rằng Daniel cũng sẽ phải, giống như thánh Simeon Cột, leo lên cột và đến gần ngài bằng cả thân xác lẫn tâm hồn.

Vào lúc đó, Sergius, một đệ tử của Thánh Simeon Cột, đã từ Antioch đến gặp nhà vua và mang theo chiếc mũ trùm đầu[8716] của Thánh Simeon, được gửi làm quà tặng cho nhà vua để bảo vệ ngài khỏi mọi điều ác. Nhưng vì tâm hồn nhà vua chỉ hướng về những lo toan trần thế và ngài hoàn toàn bị cuốn vào những công việc thế tục, nên Sergius quyết định rời bỏ ngài và quay trở về; đồng thời, ngài cũng mong muốn ghé thăm tu viện của những vị tu sĩ không ngủ[8717] . Khi ngài cùng những người khác đi thuyền qua nơi mà vị thánh Daniel đang tu hành, một số người đã nhớ đến ngài, nhớ đến sự kiên nhẫn mà ngài dành cho cuộc sống của mình, cũng như việc ngài đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng chữa lành bệnh tật và trừ tà. Nghe tin này, Sergius ra lệnh cho con tàu cập bến và đi gặp Thánh Daniel. Ngài đã tiếp đón ông với tình yêu thương, và sau một cuộc trò chuyện khá lâu, Sergius đã tin chắc rằng Thánh Daniel được linh hồn của Simeon ngự trên mình, giống như linh hồn của Ê-li ngự trên Ê-li-sê (2 Vua 2:15), đã trao cho ngài món quà mà ngài mang theo, tức là chiếc mũ trùm đầu của Simeon, vì món quà đó phù hợp với Thánh nhân Daniel hơn bất kỳ ai khác.

Sau đó, trong giấc mơ, Sergius thấy ba chàng trai trẻ đến gặp ông và nói:

– Hãy thức dậy, Sergius, và nói với Daniel rằng thời gian sống của anh ấy tại ngôi đền đó đã kết thúc; hãy để anh ấy, Sergius, kể lại giấc mơ của mình cho Daniel.

[8716] Kukul – dịch từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "mũ trùm đầu" – ban đầu là vật che đầu chung của các tu sĩ, tượng trưng cho sự im lặng, sự trong sạch và lòng từ bi, sự an tịnh trong suy ngẫm về Thượng Đế và sự tự rèn luyện bản thân một cách tỉ mỉ; đôi khi trên mũ kukul được thêu hình thánh giá. Sau này, cũng như hiện nay, Kukul trở thành vật dụng dành riêng cho các tu sĩ đã thọ giới đại khí (sximniki). Nó được sử dụng thay cho mũ tu sĩ, loại mũ này trong lễ xuất gia ban đầu được đội lên trên mũ kamilавка và khác với mũ tu sĩ ở chỗ nó bao phủ toàn bộ đầu và vai; phần đỉnh mũ có hình nhọn với năm cây thánh giá.

[8717] Tu viện cộng đồng mang tên "Những Người Không Ngủ" được Thánh Alexander thành lập vào cuối thế kỷ IV; ban đầu, tu viện này tọa lạc tại một nơi hẻo lánh bên bờ sông Euphrates, nhưng sau đó đã được chuyển đến Constantinople. Các quy tắc tu hành và lối sống tu sĩ của các tu sĩ tại tu viện này nổi bật bởi sự nghiêm ngặt đặc biệt. Tu viện này được đặt tên như vậy vì các tu sĩ, được chia thành 24 ca theo số 24 giờ ngày và đêm, liên tục ca ngợi Chúa theo hai ca, hát những bài thánh vịnh của Đa-vít một cách du dương, đến nỗi việc thờ phượng tại tu viện này diễn ra liên tục và không bao giờ ngừng nghỉ.

Khi tỉnh dậy, Sergius kể lại điều này cho Daniel, và Daniel, hiểu rằng Đức Chúa Trời đang truyền cho mình noi gương đời sống của Thánh Simeon, đã xin Sergius đi vào sa mạc và tìm cho mình một nơi thích hợp để dựng cột. Sergius, sau khi đi vòng qua một ngọn đồi theo chỉ dẫn của Đức Chúa Trời, đã đến nơi cần dựng cột; dừng lại ở đó để nghỉ ngơi sau chặng đường vất vả, ông đã thấy một khải tượng như sau. Một con bồ câu trắng bay qua đầu ông, và Sergius cố gắng bắt nó. Bỗng nhiên, ông nghe thấy một tiếng nói từ trên trời:

– Ngươi có định bắt con chim bồ câu này bằng lưới không? Phải bắt nó bằng tay mới được.

Nhưng con chim bồ câu đã bay lên cao và sau đó biến mất khỏi tầm mắt. Hiểu ra rằng Chúa đang chỉ cho ông nơi này để dựng cột thánh, Sergius quay trở lại gặp Daniel và kể lại cho anh ta tất cả những gì ông đã thấy và nghe. Vui mừng, Đaniel đã nhờ người bạn của mình, một người tên là Mark, dựng cột tháp cho mình. Mark, với sự giúp đỡ của Chúa, đã nhanh chóng xây dựng xong cột tháp. Khi việc xây dựng và lợp mái đã hoàn tất, Thánh Đaniel đã lặng lẽ rời khỏi nhà thờ đó vào ban đêm để không ai biết về mình, và khi đến cột tháp, ngài đã cầu nguyện với Chúa:

– Vinh quang thuộc về Ngài, Đức Kitô Thiên Chúa, vì Ngài đã ban cho con cuộc sống như thế này! Ngài biết, lạy Chúa, rằng con được củng cố nhờ Ngài, và, đặt niềm tin vào Ngài, con leo lên cột tháp này. Vậy, xin hãy nhận lễ vật của con, củng cố con trong công việc này và giúp con hoàn thành ý định của mình.

Sau khi cầu nguyện như vậy, ngài leo lên cột và bắt đầu sống trong sự tĩnh lặng và cô độc giữa trời và đất vì Đức Chúa Trời Duy Nhất, từ bỏ mọi sự trần thế và tiến gần hơn về thể xác lẫn linh hồn đến cõi trên. Nhưng ma quỷ, vốn luôn ghen tị với các tôi tớ của Đức Chúa Trời, lại bắt đầu quấy rối vị thánh ngay tại đây, bằng cách xúi giục chủ nhân của nơi đó, tên là Gelasius, chống lại ngài. Người này, khi biết rằng trên đất của mình đã dựng một cột mà không có sự đồng ý của ông, và rằng có một tu sĩ nào đó đang sống trên đó mà ông không hay biết, đã nổi cơn thịnh nộ và báo cáo việc này với nhà vua và Thượng phụ Gennadius, người kế nhiệm Anatolius. Vua không hề để ý đến việc này, còn tổng giám mục không chỉ ra lệnh đưa vị tu sĩ đó xuống khỏi cột, mà còn muốn trừng phạt ông, giao cho Gelasius nhiệm vụ đuổi ông khỏi cột một cách nhục nhã. Helasios, trong cơn thịnh nộ, đã chuẩn bị thực hiện ý định của mình, nhưng Đức Chúa Trời, để ngăn cản ý định xấu xa của ông, đã bất ngờ cho mưa rơi và một cơn giông lớn, kèm theo sấm sét, vào một ngày trời quang đãng. Tuy nhiên, Helasios không hề nao núng và vẫn không từ bỏ quyết định độc ác của mình; trái tim ông ta bừng cháy vì thù hận, bởi chính ma quỷ đang khơi dậy cơn thịnh nộ trong lòng ông. Khi đến gần cột đá, Gelasius bắt đầu la hét với sự bực bội và những lời trách móc, yêu cầu vị thánh phải lập tức xuống khỏi cột đá, đồng thời đe dọa sẽ dùng vũ lực lôi ông xuống nếu không tuân theo. Một số người đi cùng Gelasius đã cố ngăn cản ông, nói rằng:

– Hãy để ngài ấy yên, vì ngài ấy chẳng làm hại gì đến ngài cả; hơn nữa, chính cái cột này cũng không nằm trên đất của ngài; ngài chẳng bị thiệt hại gì từ việc này, mà ngược lại, ngài còn may mắn hơn khi có một người hàng xóm như vậy, người sẽ cầu nguyện cho ngài.

Nhưng Gelasius không nghe theo họ, và trong cơn giận dữ, ông ra lệnh cho vị thánh phải rời khỏi cột một lần và mãi mãi. Khi vị thánh bắt đầu đi xuống và đã xuống đến bậc thang thứ sáu, mọi người đều thấy rằng đôi chân của ngài dường như đã cứng đờ như những khúc gỗ, và tê cứng vì phải đứng liên tục cả ngày lẫn đêm. Lúc đó, mọi người đều thương xót ngài, và ngay cả chính Gelasius cũng mềm lòng, xin ngài quay lại chỗ cũ và tha thứ cho việc ông, Gelasius, đã dám xúc phạm ngài. Sau đó, Gelasius đã dựng cho vị thánh một cột cao hơn nữa và từ đó trở đi luôn tỏ lòng kính trọng đối với ngài, đồng thời ca ngợi đức hạnh của vị thánh nhân ngay trước mặt nhà vua.

Một lần nọ, có một ông lão đáng kính từ Thrace[8718] đến gặp vị thánh, và ông mang theo người con trai duy nhất bị quỷ ám của mình; sau khi đặt con trai bên cột, người cha đã khóc lóc van nài vị thánh thương xót và tha thứ cho con mình:

– Này, – ông nói, – đã ba mươi ngày rồi, thằng bé bị quỷ ám này không ngừng nhắc đến tên ngài, vị thánh của Chúa.

Vị thánh, với lòng từ bi, đã đáp lại:

– Nếu ngươi tin rằng Chúa Giê-su Ki-tô của ta sẽ chữa lành con trai ngươi qua ta, thì điều đó sẽ xảy ra theo đức tin của ngươi!

[8718] Thời cổ đại, Thrace bao gồm phần phía đông của Hungary ngày nay, Transylvania, Bessarabia, Moldova, Wallachia, Bulgaria, Serbia và phần phía đông của Rumelia.

Sau đó, ông ra lệnh cho người ta xức dầu thánh lên người người bị quỷ ám. Khi việc đó được thực hiện xong, con quỷ quật anh ta xuống đất, lắc mạnh và hét lên: "Ta ra đây, ta ra đây", rồi thực sự rời khỏi cơ thể anh ta. Còn người cha, khi thấy con trai đã khỏe mạnh, đã gửi anh ta vào tu viện, nơi anh trở thành một tu sĩ tài giỏi. Sau đó, có một người khác tên là Kir[8719] , một người thông minh và hùng biện. Người này có một cô con gái tên là Alexandra, đang bị quỷ ám, nên cũng đưa cô đến gặp vị thánh. Ngay khi vị thánh cầu nguyện với Chúa và đặt tay lên người bị quỷ ám, con quỷ lập tức rời khỏi cô, và cô trở nên khỏe mạnh. Kể từ đó, Kir bắt đầu dành tình yêu và lòng kính trọng sâu sắc cho vị thánh. Một lần nọ, ông đưa vợ của một chiến binh, người cũng bị quỷ ám, đến gặp vị thánh; và nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh, người phụ nữ ấy đã được chữa lành; vì điều này, Kir, với lòng biết ơn, đã khắc lên cột thánh những vần thơ có nội dung như sau:

– Nơi đây, một người đàn ông đứng vững vàng, bị bão táp bao vây tứ phía: nhưng ông không sợ gió, cũng không sợ thời tiết khắc nghiệt; thức ăn của ông là manna từ trời, không dính máu. Chi nhánh của Simeon dùng hai bức tường củng cố cột đôi, tôn vinh Con của Đức Mẹ, Đấng chưa từng kết hôn.

Vua Hy Lạp, Lê Vĩ Đại[8720] , người chưa có nhưng mong muốn có một người con trai kế vị, đã xin Thánh Đaniel cầu thay cho ngài trước mặt Chúa để được điều mong ước. Thánh Đaniel, vốn là "con của lời cầu nguyện" – vì ngài được sinh ra nhờ những lời cầu nguyện của mẹ mình – đã dùng chính những lời cầu nguyện của mình để ban ân sủng của Chúa cho những người khác được có con. Vì vậy, lần này, sau khi cầu nguyện với Chúa, ngài đã tiên đoán với hoàng đế rằng vào năm tới, ông sẽ có một người con trai. Lời tiên đoán này quả thực đã trở thành hiện thực. Hoàng đế, vui mừng vì sự ra đời của con trai, để tỏ lòng biết ơn trước những lời cầu nguyện của vị thánh, đã cho xây dựng cho ngài cột thánh thứ ba.

Khi danh tiếng về Thánh Daniel lan rộng khắp nơi, Hoàng hậu Eudokia, vợ của vị vua tiền nhiệm Theodosius II[8721] , đã đến gặp ngài; bà xin Daniel xuống khỏi cột và đến vùng đất của bà, nơi theo lời bà, có rất nhiều vùng hoang vu. Vị thánh, dù khen ngợi ý định tốt đẹp và lòng nhiệt thành của bà, nhưng không muốn rời khỏi nơi mà Chúa đã truyền cho ngài sống; sau khi ban phước lành cho hoàng hậu, ngài tiễn bà ra về trong bình an, còn bản thân thì leo lên cột cao nhất, vốn do Gelasius dựng lên.

Vào thời điểm đó, một số kẻ dị giáo đang ở Byzantium đã dùng số tiền lớn để xúi giục một người phụ nữ lăng loàn tên là Vassiana đến gặp vị thánh và dụ dỗ ngài hoặc một trong các môn đệ của ngài làm điều xấu xa. Cô ta, kẻ vô liêm sỉ và ô uế, đã đến gặp vị thánh khiết và thánh thiện, tưởng tượng rằng vị thánh sẽ bị mê hoặc ngay từ cái nhìn đầu tiên và nảy sinh ham muốn phạm tội với cô ta: bởi vì cô ta mặc những bộ trang phục dệt bằng vàng và được trang điểm lộng lẫy. Khi đến nơi, nàng giả vờ ốm yếu và sống trên cánh đồng đối diện với cột đá, gần hàng rào bao quanh đàn chiên thiêng liêng của vị Mục Tử Nhân Lành; nàng giả vờ ốm yếu với mục đích gây tổn hại tinh thần, nếu không phải cho chính vị thánh nhân, thì ít nhất cũng là cho các môn đệ của ngài. Sau khi ở đó một thời gian không ngắn và thấy rằng mình không đạt được thành công nào, vì không thể nào quyến rũ được tâm trí của người không bị trói buộc bởi trần gian, mà luôn ở cùng Thiên Chúa trên núi cao, nàng đã ra đi tay trắng. Sau đó, khi trở về gặp những kẻ dị giáo đã thuê mình, cô ta, người bất hạnh, đã nói dối rằng Daniel, sau khi bị cô ta quyến rũ và khao khát vẻ đẹp của cô ta mãnh liệt, đã ra lệnh cho các môn đệ đưa cô ta lên cột tháp; "Nhưng tôi," cô ta nói thêm, "đã không đồng ý với điều đó; còn họ, vì sợ rằng ham muốn bất chính của họ sẽ bị dân chúng biết đến, nên đã âm mưu giết tôi, và tôi chỉ vừa kịp thoát khỏi tay họ rồi chạy trốn."

Kẻ điếm khốn khổ ấy đã nói dối về vị thánh như vậy, còn bọn dị giáo thì lan truyền lời nói của cô ta trong dân chúng, vu khống Daniel – người vô tội và trong sạch – với mục đích khiến dân chúng xa lánh ông. Nhưng sự phán xét của Thiên Chúa đã giáng xuống kẻ vu khống dối trá và đồi bại ấy: một linh hồn ác quỷ bất ngờ xâm nhập vào cô ta và bắt đầu hành hạ; lúc đó, cô ta bất giác thú nhận rằng mình đã bị những kẻ dị giáo xúi giục. Như vậy, những kẻ phỉ báng vị thánh nhân của Thiên Chúa đã bị bẽ mặt. Còn dân chúng, sau khi bắt được cô ta, đã dẫn cô đến gặp vị thánh và xin ngài giải thoát cô khỏi sự hành hạ của ma quỷ. Lúc đó, Đaniel, với tư cách là môn đệ chân chính của Đấng Christ – Đấng đã dạy phải yêu thương kẻ thù và truyền phải tha thứ cho kẻ phạm tội đến bảy mươi lần bảy (Mt 18:21–22) – đã không trả thù ác bằng ác, mà lại làm điều thiện cho kẻ có ý đồ xấu với mình: ông đã

[8719] Kyr – nhà thơ và nhà soạn thánh ca Kitô giáo nổi tiếng, thị trưởng Constantinopolis dưới thời Hoàng đế Theodosius II (nửa đầu thế kỷ thứ 5), sau này trở thành Giám mục Smyrna.
[8720] Thánh Lê I – hoàng đế Byzantine từ năm 467–474.
[8721] Từ năm 408–450

dâng lời cầu nguyện cho cô trước mặt Thiên Chúa, rồi bảo cô uống dầu thánh; và cô, sau khi được chữa lành, đã bắt đầu hôn cột thánh của ngài, công khai xưng thú tội lỗi của mình trước mặt mọi người và xin được tha thứ. Kể từ đó, cô bắt đầu sống một cuộc đời trong sạch, từ bỏ lối sống tội lỗi.

Vị Thánh không chỉ được Thiên Chúa ban quyền năng trừ quỷ và chữa lành bệnh tật, mà còn được ban ân sủng tiên tri, tức là khả năng nhìn thấy và tiên đoán tương lai. Thấy trước cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời và sự trừng phạt sắp giáng xuống thành phố, ngài đã sai người báo tin này cho Thượng phụ Gennadius và Vua Leo, đồng thời khuyên họ nên cử hành lễ cầu nguyện hai lần mỗi tuần để ngăn chặn cơn thịnh nộ công chính của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, lời khuyên của vị thánh này đã không được ai để ý đến, và vì những tội lỗi của mình, họ thực sự đã chứng kiến lời tiên tri của ngài trở thành hiện thực, như sẽ được đề cập dưới đây. Vào thời điểm đó, nhà vua, được Thánh Thần thúc đẩy, đã ra lệnh cho tổng giám mục đến gặp vị thánh vĩ đại Daniel và phong chức linh mục cho ngài. Thượng phụ cùng các linh mục của ngài lên đường và, khi đến cột đá, ngài nói với vị thánh rằng ngài đã mong muốn được gặp ngài từ lâu, nhưng vì bận rộn với các công việc của Giáo hội nên không thể thực hiện điều đó.

– Giờ đây, – ngài nói, – tôi đã đến để gặp ngài và được hưởng ân sủng từ những lời cầu nguyện và cuộc trò chuyện của ngài.

Sau đó, Đức Thượng phụ xin phép ngài cho dựng thang và cho ngài vào gặp. Nhưng vị thánh đáp lại:

– Người đã sai ngài đến đây đã vô cớ khiến ngài phải chịu nhiều vất vả như vậy.

Khi vị thánh nói điều đó, vị tổng giám mục vừa ngạc nhiên vừa kinh hãi, không hiểu làm sao ngài lại biết được rằng chuyến viếng thăm của mình, với tư cách là tổng giám mục, không phải là tự nguyện mà là do bị ép buộc, bởi lẽ ông sẽ không đến gặp ngài nếu không được nhà vua thuyết phục. Trong một thời gian dài, vị tổng giám mục cùng những người đi theo đã nài nỉ vị thánh ra lệnh cho người ta dựng thang để họ có thể leo lên gặp ngài, nhưng vị thánh đã từ chối bằng mọi cách. Trong khi đó, trời rất nóng, mặt trời thiêu đốt dữ dội, và vị tổng giám mục, thấy nhiều người kiệt sức vì nắng nóng và khát nước, đã ra lệnh cho phó tế trưởng đang đứng dưới chân cột bắt đầu đọc những lời cầu nguyện thông thường trong lễ tấn phong. Trong khi tự mình cầu nguyện và đọc những lời cầu nguyện theo nghi thức phong chức linh mục, ngài đã phong chức linh mục cho Thánh Đaniel, mặc dù ngài đang ở trên cột cao so với họ.

Toàn thể dân chúng có mặt đều đồng thanh hô lên: "Axios"[8722] . Sau đó, Thánh Đan-ni-ên, nhận thấy đây là ý muốn của Thiên Chúa, đã ra lệnh đặt thang lên cột và nhận bộ lễ phục linh mục từ tay Đức Thượng phụ, cùng ngài rước Mình và Máu Thánh, rồi sau khi cầu nguyện cho tất cả những ai đã đến cột, ngài đã cho mọi người ra về trong bình an. Nhà vua, khi biết rằng Thánh Đaniel đã nhận lễ phong chức, đã rất vui mừng và vội vã đến cột đá. Cởi bỏ y phục hoàng gia, ngài khiêm nhường leo lên cột đá đến bên Thánh Đaniel và quỳ xuống dưới chân ngài. Thấy rằng do phải đứng lâu ngày, đôi chân của vị thánh đã sưng tấy và thối rữa, nhà vua kinh ngạc trước sự kiên nhẫn vĩ đại của ngài; sau khi nhận được lời chúc phúc, nhà vua vui mừng trở về nhà. Trong khi đó, đã đến lúc lời tiên tri của vị thánh trở thành hiện thực, lời tiên tri mà ngài đã phán về cơn thịnh nộ của Thiên Chúa sắp giáng xuống thành phố đó. Vào tháng Chín, nhân ngày kỷ niệm Thánh Tử đạo Mamant, vốn thường được tổ chức long trọng tại Byzantium, vào lúc buổi cầu nguyện suốt đêm bắt đầu từ buổi tối tại nhà thờ mang tên ngài, bỗng nhiên một trận hỏa hoạn dữ dội bùng phát trong thành phố thủ đô rộng lớn; đám cháy này nhanh chóng lan rộng đến mức suýt nữa đã bao trùm toàn bộ thành phố, bắt đầu từ bức tường ven biển được gọi là "tường tàu thuyền", tiếp tục đến chợ Konstantin và thậm chí lan đến bờ sông Yulian[8723] , bao vây toàn bộ khu vực trung tâm thành phố; cơn thịnh nộ lớn lao của Đức Chúa Trời đã giáng xuống dân chúng: vì ngọn lửa không chỉ thiêu rụi vô số ngôi nhà lớn cùng tài sản, những cung điện tráng lệ và các thánh đường, mà còn cướp đi sinh mạng của vô số người; có người bị lửa thiêu thành tro bụi, có người bị bỏng đến một nửa cơ thể; còn những người khác thì bị thương ở tay hoặc chân, mắt hoặc đầu. Và không thể dập tắt ngọn lửa bằng cách nào được; càng cố gắng dập lửa, ngọn lửa lại càng bùng lên dữ dội hơn: đó là cách Đức Chúa Trời trừng phạt dân Ngài vì những tội lỗi của họ.

Vậy là Constantinople bị thiêu rụi bởi ngọn lửa gần như tương đương với ngọn lửa đã từng hủy diệt thành Sodom (Sáng Thế Ký 19:24–25). Chính lúc đó, người ta mới nhớ lại lời tiên tri của Thánh Đan-ni-ên, khi ngài đã báo trước về sự trừng phạt này và kêu gọi dân chúng cầu nguyện và sám hối; họ liền đến gặp ngài với lời khẩn cầu

---

[8722] Axios – "xứng đáng" – là lời hô vang thể hiện sự đồng thuận của các tín hữu đối với việc phong chức cho người được tấn phong.

[8723] Các địa danh được đặt tên theo các hoàng đế: Thánh Constantine Đại đế, người ngang hàng với các Tông đồ, và Julianus, người bội đạo.

đầy nước mắt, mong ngài dùng lời cầu nguyện của mình để làm nguôi cơn giận của Đức Chúa Trời và dập tắt ngọn lửa đang bùng cháy. Vị thánh, với đôi mắt đẫm lệ, đã quở trách họ vì đã không nghe lời ngài khi ngài tiên báo về tai họa này, và không tuân theo lời khuyên của ngài – đó là tổ chức các buổi cầu nguyện chung hai lần mỗi tuần. Sau đó, ngài giơ tay lên trời, với lòng thành kính, cầu nguyện với Đức Chúa Trời cho thành phố và cư dân; và sau khi cầu nguyện, ngài tuyên bố rằng ngọn lửa sẽ tắt sau bảy ngày. Điều đó quả thực đã xảy ra. Chính nhà vua cũng sợ hãi trước cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời và, cùng với hoàng hậu, đã đến gặp vị thánh, cầu xin Đức Chúa Trời ban lòng thương xót qua sự cầu thay của ngài.

Khi mùa hè trôi qua, một mùa thu lạnh giá đến mức khó có thể miêu tả được sự khắc nghiệt của nó đã ập đến. Tuy nhiên, mùa thu không những không thể khuất phục được vị tu sĩ dũng cảm này, mà chính nó cũng bị ngài đánh bại: trong vòng 4 ngày, dường như cả những dòng sông đang đổ xuống từ trời; một số ngọn núi bị xói mòn bởi vô số dòng nước, các làng mạc bị ngập lụt; suốt thời gian đó, những cơn gió mạnh thổi ngược chiều nhau, như thể đang tranh đấu với nhau; còn những cơn lốc và bão thì dữ dội đến mức sức mạnh của chúng đã làm gãy những chiếc móc sắt mà hai cột trụ của vị thánh nhân đang bám vào. Còn vị thánh nhân thì kiên nhẫn đứng trên cao, trong khi cột đá lung lay, và chính ngài cũng chao đảo trên đó vì gió, như cành cây trên thân cây; các môn đệ của ngài từ dưới nhìn lên với nước mắt, lo sợ rằng ngài có thể chết vì cái lạnh khắc nghiệt ấy hoặc rơi xuống đất cùng với cột đá. Nhưng niềm hy vọng của Thánh Đaniel nơi Chúa vẫn vững vàng không lay chuyển, và ngài tiếp tục đứng trên cột một cách không sợ hãi, tựa vào nó như tựa vào một nền đá vững chắc. Vì sao lại phải sợ cái chết đối với người mà cuộc sống trần gian chỉ là xiềng xích và ngục tối, còn cái chết lại là sự giải thoát và tự do, và người ấy luôn lặp lại lời của Đa-vít: *"Xin đưa linh hồn con ra khỏi ngục tối"*, tức là ra khỏi thân xác (Thi Thiên 141:7)? Càng phải chịu cái lạnh khắc nghiệt, vị thánh nhân càng dâng lên Chúa những lời cầu nguyện nồng nhiệt hơn. Và quả thật, người công chính đã kêu cầu, và Chúa đã nghe thấy lời ông[8724] , và cũng như xưa kia từ trên thuyền (Mt 8:26), giờ đây từ trời cao, Ngài đã ra lệnh cho gió im lặng, và bỗng chốc một sự tĩnh lặng và thời tiết đẹp đẽ bao trùm.

Sau đó, khi nhà vua đến gặp vị thánh để xem liệu những cơn mưa và gió vừa qua có gây hại gì cho ngài không, và khi thấy những móc sắt bị gãy, nhà vua đã ra lệnh gia cố các cột trụ thật chắc chắn nhất có thể, rồi rời khỏi vị thánh sau khi nhận được lời chúc phúc từ ngài. Trên đường về, điều sau đây đã xảy ra với ông: con ngựa mà ông đang cưỡi, vì sợ hãi điều gì đó, đã dựng đứng lên và, khi ngã ngửa ra sau, đã hất văng nhà vua xuống, khiến vương miện trên đầu ông văng xa và vỡ tan, còn ngọc trai và đá quý trên vương miện thì vương vãi khắp nơi. Người chăm sóc ngựa của nhà vua là một người tên Giô-đan, theo đạo Arian; khi chứng kiến cảnh ngã ngựa, ông ta hoảng sợ rằng mình sẽ phải gánh chịu toàn bộ trách nhiệm về việc này và sẽ bị xử tử. Vì vậy, khi quay trở lại, anh ta đến gặp vị thánh nhân và trong nước mắt, xin ngài can thiệp với nhà vua, đồng thời từ bỏ tà thuyết Arian và xin được gia nhập đạo Chính Thống. Vị thánh, vì kính trọng lòng đạo đức của ông, đã viết thư cho nhà vua rằng: vì Jordan đã từ bỏ tà thuyết Arian và gia nhập vào đạo chính thống Kitô giáo, nên ông xứng đáng được ân xá. Nhà vua đáp lại vị thánh như sau:

– Kẻ gây ra sự ngã ngựa của ta không ai khác chính là bản thân ta, vì ta đã dám cưỡi ngựa ngay trước mặt ngài, mà không đi bộ ra xa khỏi cột thánh của ngài; vì thế, không những ta không giận Jordan, mà còn vui mừng vì việc ta ngã ngựa đã trở thành lý do giúp anh ta đứng dậy khỏi sự sa ngã về tâm hồn.

Trong thời gian sau đó, nhà vua đối xử với vị thánh với sự kính trọng đến mức không chỉ bản thân ông tôn kính ngài, mà còn khiến người khác nhìn nhận ngài như người mang trong mình sức mạnh thiêng liêng; chẳng hạn, khi một vị vua của vương quốc ngoại bang tên là Gubazii phải đến gặp vua Lê, vua Hy Lạp, để ký kết hiệp định ngừng bắn, thì nhà vua đã dẫn ông ta đến gặp Thánh Đaniel Cột Đá và, chỉ tay vào ngài, nói:

– Đây là một phép lạ trong vương quốc của ta!

Còn Gubaziy, kinh ngạc trước sự kiên nhẫn của vị thánh, không chỉ cúi đầu trước chính vị thánh mà còn trước cột đá mà ngài đang đứng, và với những giọt nước mắt, ông thốt lên:

– Con tạ ơn Ngài, Vua Trời, vì đã cho con, kẻ đến gặp vua trần gian, được chiêm ngưỡng vị thánh trên trời và nơi ngài cư ngụ.

Khi trở về nước mình, Gubazii thường nhắc đến vị thánh nhân trong vòng những người thân cận và gửi thư cho ngài, xin ngài cầu nguyện thánh thiện để bảo vệ vương quốc của mình. Vị thánh nhân đã trở thành đối tượng

[8724] Câu trong Thi thiên 33:18.

của sự kinh ngạc lớn lao đối với tất cả mọi người, dù là người gần hay người xa, người bản xứ hay người ngoại quốc, vua chúa hay dân thường, người Hy Lạp, người La Mã và người ngoại tộc; họ đến với ngài như đến với Thiên Thần của Chúa, và khi ra về, họ cầu xin ngài giúp đỡ – và tất cả đều nhận được điều mình mong cầu nhờ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài.

Sự kiên nhẫn dũng cảm của vị thánh, nhờ đó ngài, khi đứng trên cột, đã chịu đựng mọi biến đổi của thời tiết, đã được chứng minh đầy đủ qua những cơn mưa và bão tố đã nêu trên; nhưng để không bỏ sót bất cứ điều gì đáng nhớ về vị thánh, chúng ta hãy nhớ lại điều sau đây:

Một lần nọ, mùa đông vô cùng khắc nghiệt ập đến, những cơn gió mạnh nhất thổi ào ạt, còn dữ dội hơn nhiều so với những cơn gió đã được nhắc đến ở trên: có tuyết, có băng, và có sương giá; và vị thánh không những không có mái che nào trên cột tu của mình, mà thậm chí còn bị gió thổi bay cả chiếc mũ da đang đội trên đầu, khiến nó bị cuốn đi xa vào sa mạc. Vị tử đạo tự nguyện ấy đã đứng như vậy suốt cả đêm, chịu đựng sự khắc nghiệt của mùa đông và cái lạnh buốt giá. Đến trưa, một cơn bão tuyết dữ dội ập đến đến nỗi các môn đệ của vị thánh không thể ngước mắt nhìn lên cột, cũng không thể giúp đỡ ngài được gì. Sau một ngày trôi qua, một đêm còn khắc nghiệt hơn lại ập đến, rồi lại một ngày và một đêm như vậy, và chỉ đến ngày thứ ba, cơn bão mới dịu đi một chút. Chỉ đến lúc đó, sau khi kê thang lên, các môn đệ mới leo lên cột đến chỗ vị thánh và thấy ngài từ đầu đến chân đều bị băng phủ kín, thở thoi thóp; họ vội lau người ngài bằng nước ấm và miếng bọt biển để sưởi ấm. Khi tỉnh lại, vị thánh nói với các môn đệ:

– Sao các con lại bận rộn lo lắng cho ta? Sao các con lại đánh thức ta khỏi giấc ngủ ngọt ngào? Ta vừa mới chìm vào giấc ngủ với lời cầu nguyện trên môi, tuy nhiên, ta cảm ơn các con, những đứa con của ta, vì các con đã quan tâm đến ta, người cha của các con.

Vị vua sùng kính Chúa, khi biết chuyện này, đã nài nỉ vị thánh trong một thời gian dài, nước mắt lưng tròng và cúi đầu xuống đất, xin ngài cho phép chỉ lợp một mái che nào đó lên cột.

– Hãy thương xót chính mình đi – nhà vua nói với ngài – nếu không phải vì bản thân ngài, thì ít nhất cũng vì lợi ích của chúng ta, để ngài không phải chết sớm và bỏ lại chúng ta mồ côi.

Thấy lời cầu xin đầy nước mắt của vị vua, vị thánh đã cho phép dựng một mái che trên cột của mình, nhưng không phải để bản thân được thoải mái, mà là vì lời cầu xin tha thiết của vị vua, người dành cho vị thánh tình yêu và sự kính trọng đến mức đã dẫn tất cả các sứ giả và các đại công tước đến gặp ngài đến cột của vị thánh, – lúc thì đích thân ngài, lúc thì cùng các quan đại thần trong triều. Những người đến thăm đều kinh ngạc trước lòng dũng cảm vĩ đại của vị thánh nhân, người đã chịu đựng cả ngày lẫn đêm, từ giá rét đến nắng nóng, và thường rời khỏi ngài với cảm giác xúc động thiêng liêng cùng những lợi ích tâm linh to lớn cho bản thân.

Một thời gian sau, Genseric, vua của người Vandal, tuyên chiến với người Hy Lạp và tiến quân đến Alexandria với một đạo quân hùng hậu. Hoàng đế Hy Lạp, lo lắng trước cuộc xâm lược của quân ngoại bang, đã cùng với hội đồng các quan đại thần đến gặp vị thánh tu sĩ Daniel Cột, mong nhận được sự giúp đỡ từ những lời cầu nguyện thánh thiện của ngài. Với khả năng nhìn thấu tương lai, vị thánh đã tiên đoán với nhà vua rằng Genseric không những không chiếm được Alexandria, mà còn thất bại trong mọi mưu đồ của mình và sẽ trở về nhà mà không đạt được thành công nào. Tất cả những gì vị thánh nhân tiên đoán đều trở thành sự thật, và để tỏ lòng biết ơn, vị vua sùng đạo đã muốn xây dựng những căn phòng nhỏ bên cạnh cột của vị thánh nhân để làm nơi ở cho các môn đệ của ngài; còn vị thánh nhân thì xin nhà vua thay vào đó, hãy xây dựng một nhà thờ mang tên Thánh Simeon Cột và chuyển các di vật thánh của ngài từ Antioch về đó. Vị vua ngay lập tức cho xây dựng một nhà thờ để tôn vinh Thánh Simeon ở phía bắc cột của Thánh Daniel, và bên cạnh nhà thờ là một nhà trọ dành cho khách lữ hành; sau đó, theo nguyện vọng của Thánh Daniel, ngài đã rước di hài thiêng liêng của Thánh Simeon về nhà thờ mới xây dựng với sự tôn kính xứng đáng. Thánh Đaniel vô cùng vui mừng trước điều này, và nhân dịp rước di cốt, ngài đã giảng dạy cho dân chúng những lời răn dạy thích đáng.

Về tính cách, vị tu sĩ này không hề oán hận và đối xử với kẻ thù bằng tình yêu thương. Một lần nọ, có người phỉ báng vị thánh, và khi đám đông đang nghe thấy điều đó đã phẫn nộ, ngài đã chỉ cho họ xem con cá nướng và nói:

– Đây là thứ mà người ăn chay của các bạn đang ăn!

Sau đó, khi chính ngài cùng vợ và các con cũng ăn con cá đó, họ lập tức mắc phải một căn bệnh nặng, nhưng vị thánh đã chữa lành cho họ bằng lời cầu nguyện của mình, không ghi nhớ điều ác và không trả thù bằng sự oán hận. Để tỏ lòng biết ơn trước ân huệ to lớn mà vị cha hiền lành đã ban cho họ, họ đã đúc một bức tượng bằng

bạc của ngài, trên đó họ được khắc họa đang quỳ dưới chân vị thánh, và tên của họ cũng được ghi rõ; bức tượng này được đặt trong nhà thờ Thánh Michael, Tổng chỉ huy các Lực lượng Thiên đàng.

Bên cạnh lòng nhân từ, Thánh Đaniel còn sở hữu ân sủng lớn lao của lời giảng đầy ân sủng, đến nỗi những người nghe lời dạy của ngài đều cảm động sâu sắc, và rất nhiều người đã nhận được lợi ích thiêng liêng to lớn từ đó, nhờ đó mà sửa đổi cuộc đời mình. Tại triều đình hoàng gia có một vị tướng nổi tiếng tên là Edran, gốc gác là người Galatia, nổi bật về sức khỏe và những phẩm chất anh hùng trên chiến trường. Khi đến gặp Thánh Đaniel và nghe những lời giảng dạy bổ ích cho tâm hồn, ông đã cảm động sâu sắc, ngay lập tức từ bỏ đời sống trần tục và cùng với hai người bạn của mình gia nhập vào hàng ngũ các môn đệ của vị thánh. Khi nghe tin này, nhà vua rất tiếc nuối về anh ta, vì anh là một chiến binh dũng cảm, nên đã cử người đến thuyết phục anh trở về cung điện. Nhưng anh đã phớt lờ sự quan tâm của nhà vua:

– *"Con người được lợi gì*," anh ta nói, "*khi chiếm được cả thế gian, mà lại tự hủy hoại hay làm hại chính mình?"* (Lc 9:25).

Sau đó, sau khi được vị thánh tu sĩ truyền giới, ông đã noi gương ngài trong việc tiết chế, chỉ ăn vừa đủ để không chết đói; tương tự, ông cũng ngủ rất ít và khi ngủ thì đứng hoặc ngồi hơi cúi xuống trên một sợi dây treo sẵn. Sau này, nhờ cuộc sống đạo đức của mình, ông đã được nhà vua yêu mến, và nhà vua thường ghé thăm ông mỗi khi đến gặp vị thánh Daniel. Sống như vậy trong một thời gian khá dài, ông đã an lành qua đời. Sau đó, người học trò của vị tu sĩ này, mang tên Tít trong đời tu, là người hầu của ông, Anthony.

Một thời gian sau, vua Lêô gả con gái mình là Ariadna cho Zeno người Isauria[8725] , người mà ông đã cử đi cùng quân đội để chống lại những kẻ man rợ đã xâm lược Thrace. Trước khi lên đường, Zeno đã đến gặp Thánh Đaniel Cột Đá, và vị thánh này đã tiên đoán cho ông toàn bộ kết quả của cuộc chiến: ông sẽ trở về an toàn, sau đó sẽ kế vị cha vợ mình là vua Lêô để nắm quyền vương trượng, nhưng do sự ghen tị của những người thân trong gia đình, ông sẽ bị tước quyền lực hoàng gia, rồi sau đó lại lấy lại được nó. Tất cả những điều này đều đã trở thành sự thật đúng như lời tiên đoán. Khi Zeno lên ngôi sau khi vua Leo qua đời và trị vì được ba năm, thì Vasilisk[8726] , anh trai của Verina, vợ của cố vua Leo, đã nổi dậy chống lại ông. Sau khi lật đổ Zeno, ông ta chiếm lấy ngai vàng Hy Lạp và, với tư cách là người theo tà thuyết Eutyches, đã gây ra một cuộc hỗn loạn lớn trong Giáo hội của Chúa Kitô, bác bỏ Công đồng Chalcedon[8727] và truyền bá các giáo lý tà đạo. Lúc bấy giờ, Akakios, Tổng Giám mục Constantinopolis[8728] , đã tập hợp các giám mục Chính Thống, dù với lòng e ngại vẫn chống lại vị vua, nhưng không đạt được kết quả nào. Vì vậy, ngài đã cử một số giám mục đến gặp Thánh Đaniel với lời thỉnh cầu đầy nước mắt, xin ngài xuống khỏi cột và đến thủ đô để giúp đỡ Giáo hội đang chiến đấu. Thánh nhân rất không muốn rời khỏi nơi mình đang ở, dù chỉ trong một thời gian ngắn; tuy nhiên, khi thấy nhu cầu cấp bách của Giáo hội và được chính tiếng nói thiêng liêng từ trên cao kêu gọi, ngài đã xuống khỏi cột và đến thành phố gặp Thượng phụ cùng các giám mục đang ở bên ngài. Ngài được các giám mục đón tiếp long trọng và được họ tiếp đón với niềm vui khôn tả. Nghe tin vị thánh đến và không muốn gặp ngài, nhà vua đã rời khỏi thành phố đến điền trang của mình, nằm gần thủ đô, nhưng vị thánh vẫn theo sau ngài đến đó. Tuy nhiên, vì ngài không thể tự đi bộ đến đó – do phải đứng quá lâu nên chân ngài đã sưng tấy và đầy vết thương – nên các tín hữu đã cõng ngài trên tay. Trên đường đi, họ gặp một người bị bệnh hủi. Thấy vị thánh, người ấy bắt đầu khóc lóc van xin ngài chữa lành; cảm thương cho anh ta, vị thánh nhân đã cầu nguyện cho anh ta và bảo anh ta đi tắm ở biển gần đó. Anh ta tắm rửa và bước ra hoàn toàn sạch sẽ và khỏe mạnh. Tin đồn về phép lạ này lập tức lan truyền khắp nơi, và đông đảo dân chúng cùng những người bệnh bắt đầu đổ xô đến với vị thánh nhân; nhờ những lời cầu nguyện của ngài, họ đã được chữa lành. Bị bao vây bởi đám đông đông đảo tụ tập đến vì những phép lạ, vị thánh tiến gần đến cung điện hoàng gia nằm trong khu đất của ông. Một người Goth, cúi người xuống từ cửa sổ trên cao và thấy vị thánh được khiêng trên tay, đã cười lớn và nói:

– Lại thêm một vị vua giả mạo nữa! [8729]

[8725] Sau này là hoàng đế Byzantine – từ năm 474 đến năm 491.

[8726] Trị vì từ năm 474 đến năm 477.

[8727] Công đồng Chalcedon – Công đồng Đại kết lần thứ 4; diễn ra vào năm 454; tại đây, tà thuyết Eutyches, hay còn gọi là tà thuyết Monophysite, đã bị lên án; tà thuyết này chỉ công nhận một bản tính thần thánh duy nhất trong Đức Kitô, được cho là đã nuốt chửng bản tính nhân loại.

[8728] Akakios giữ chức Tổng Giám mục từ năm 471–489.

[8729] Anfipat – quan tổng trấn tỉnh, đôi khi là quan cai trị thành phố.

Vừa dứt lời, hắn lập tức phải hứng chịu sự trừng phạt của Đức Chúa Trời: hắn đột ngột rơi từ trên cao xuống đất và chết ngay tại chỗ. Còn nhà vua, khi biết tin vị thánh đã đến, đã ra lệnh không cho ngài vào gặp mình; và vị thánh đã ra về, phủi bụi khỏi chân mình. Nhưng sau đó, nhà vua lập tức sai người đi tìm vị thánh, vì lo sợ rằng do sự thiếu tôn kính đối với vị thánh mà chính ông, nhà vua, có thể gặp phải tai họa nào đó, và xin vị thánh quay trở lại gặp ông. Nhưng vị thánh không những không nghe theo nhà vua, mà còn tiên đoán về sự diệt vong của ông.

– Kẻ làm phật lòng Đức Vua Trên Trời, – ngài nói, – đang tự chuốc lấy những tai họa dồn dập và tích lũy cơn thịnh nộ cho ngày phán xét.

Nói xong, ngài tiếp tục lên đường. Vừa mới khi các sứ giả trở về kịp truyền lại lời của vị thánh nhân cho nhà vua, thì ngay lập tức một trong những cột trụ trong cung điện đổ sập xuống; vua và tất cả những người có mặt đều vô cùng kinh hãi: ngay cả một vật vô tri vô giác, theo lệnh của Đức Chúa Trời, cũng đã làm chứng cho tính bất di bất dịch của lời tiên tri của vị thánh và bằng sự sụp đổ của mình, đã báo hiệu sự sụp đổ sắp xảy ra của nhà vua khỏi ngai vàng. Trên đường trở về thành phố, Thánh Đaniel đã chữa lành cho hai thanh niên bị quỷ ám và con gái của một góa phụ; con rắn bất ngờ quấn quanh chân ngài, ngài đã xua đuổi nó chỉ bằng một lời nói, mà không hề bị tổn hại gì. Tại chính thành phố đó, một phụ nữ đáng kính tên là Iraida, người vốn vô sinh, đã đến gặp Thánh Daniel; bà rửa chân ngài bằng nước mắt và cầu xin vị thánh giải thoát bà khỏi tình trạng vô sinh bằng những lời cầu nguyện của ngài; vị thánh đã tiên tri cho bà về việc bà sẽ sinh ra một người con trai và thậm chí cả tên của đứa trẻ: "Này, người phụ nữ," ngài nói với bà, "bà sẽ sinh một đứa con trai và đặt tên cho nó là Zeno."

Trong khi đó, nhà vua bắt đầu tìm cách để làm hòa và xin sự tha thứ từ vị tu sĩ, bởi vì ông đã vô cùng kinh hãi trước sự việc cột trụ trong cung điện đổ sập khi người ta báo lại cho ông câu trả lời của Đan-ni-ên. Lúc đầu, ông đã cầu xin vị tu sĩ điều này qua các quan chức có uy tín một cách không chân thành, bởi vì lòng ông vẫn không ngừng hướng về những điều gian ác. Sau đó, ông đích thân đến gặp vị tu sĩ, quỳ gối trước mặt ngài và xin được tha thứ. Nhưng vị tu sĩ, bằng đôi mắt tâm linh của mình, đã nhìn thấu những ý nghĩ xấu xa trong lòng ông, liền vạch trần điều đó và nói với những người có mặt:

– Sự khiêm nhường và ăn năn của hắn chỉ là giả tạo; bên trong bộ lông cừu ấy ẩn chứa sự tàn ác của con sói; nhưng các ngươi sẽ sớm chứng kiến cơn thịnh nộ công chính của Đức Chúa Trời giáng xuống hắn, vì bàn tay phải toàn năng của Đấng Tối Cao sẽ lật đổ những kẻ kiêu ngạo khỏi ngai vàng.

Sau tất cả những sự kiện này, vị thánh trở về cột tu của mình, và không lâu sau đó, Vasilisk quả thực đã bị lật đổ khỏi ngai vàng, đúng như lời tiên tri của vị thánh. Còn Zeno thì lại nhận được quyền trượng hoàng gia, và khi thấy lời tiên tri của vị thánh đã ứng nghiệm, ông đã cùng vợ đến để bái lạy ngài.

Thời gian còn lại của cuộc đời, vị thánh nhân đã dành trọn vẹn để đứng trên cột, thực hiện vô số phép lạ. Tuy nhiên, với lòng khiêm nhường và để tránh bị người đời ca ngợi, ngài không quy công lao của những phép lạ ấy cho đức hạnh của chính mình, mà cho những lời cầu nguyện của Thánh Simeon; vì vậy, tất cả những người bệnh đến với ngài, ngài đều hướng dẫn họ đến nhà thờ Thánh Simeon để cầu nguyện trước di cốt thánh của ngài. Một thợ kim hoàn đã đưa con trai mình đến gặp vị thánh, đứa trẻ bị què bẩm sinh, không thể đứng dậy được, mà chỉ bò trên mặt đất như con sâu; sau khi gửi cậu bé đến nhà thờ Thánh Simeon, Thánh Daniel đã ra lệnh đặt di cốt của Thánh Simeon lên đôi chân của cậu bé khập khiễng; và ngay khi việc đó được thực hiện, cậu bé khập khiễng liền nhảy dựng lên, tự mình đi đến cột thánh của Thánh Daniel, vui mừng và ngợi khen Thiên Chúa.

Một người khác, trên đường trở về từ phương Đông, đã rơi vào tay bọn cướp. Chúng đánh đập anh ta rất dữ dội, làm gãy đầu gối và cướp sạch tài sản, rồi bỏ đi, để lại anh ta trong tình trạng thoi thóp. Những người lữ hành đi ngang qua, thấy anh ta kiệt sức vì vết thương, đã thương xót và đưa anh ta đến thành phố Ancyra[8730] . Giám mục của thành phố đó, đã dành trọn vẹn sự chăm sóc cho người bệnh, đã mời những bác sĩ giỏi nhất đến chữa trị và giúp anh ta khỏi các vết thương. Tuy nhiên, dù đã hồi phục sau những vết thương, anh ta vẫn không thể đi lại được, vì đôi chân của anh ta đã bị tổn thương nghiêm trọng; mặc dù tất cả các vết thương trên chân đã lành, nhưng anh ta không còn đủ sức để đi lại. Không thể sử dụng đôi chân, người bệnh đã xin vị giám mục đưa mình đến gặp Thánh Đaniel. Người ta đặt anh ta bất động như một khúc gỗ lên xe ngựa và chở anh ta trong tình trạng đó đến cột thánh của vị bác sĩ từ thiện này. Thánh Đaniel, sau khi cho người què đến nhà thờ của Thánh Simeon, đã ra lệnh xức dầu thánh lấy từ các thánh tích lên người anh ta, và nhờ đó, anh ta lập tức được chữa lành: các bắp chân và bàn chân

[8730] Ankira – nay là Angora, một thành phố cổ ở Galatia (một vùng nhỏ ở trung tâm Tiểu Á), – hiện là thủ phủ của một trong các tỉnh thuộc Tiểu Á với 30.000 cư dân.

của anh ta bỗng chốc trở nên vững chắc, chính anh ta đã tự đứng dậy và bắt đầu đi lại, dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa và các vị thánh đáng kính của Ngài – Simeon và Daniel.

Một viên trung úy người Tây Ban Nha có đức tin sâu sắc vào vị thánh đến nỗi mỗi khi có người trong số các đầy tớ, người thân hay bạn bè của ông bị ốm, ông đều viết thư cho vị thánh và xin ngài chữa lành cho người bệnh. Khi nhận được thư trả lời từ vị thánh, ông đặt lá thư lên người bệnh, và người bệnh lập tức được chữa lành.

Một người phụ nữ nghèo, có một cậu con trai 12 tuổi bị câm bẩm sinh, đã đưa cậu bé đến cột của vị thánh và, sau khi đặt cậu bé gần cột, bà đã ra về. Vị thánh, khi nhìn thấy cậu bé từ trên cột, đã ra lệnh cho các môn đệ của mình đưa cậu bé về để cậu sống cùng họ. Còn các môn đệ, nghĩ rằng cậu bé im lặng là do được mẹ dạy dỗ, giả vờ câm vì nghèo khó và nhằm mục đích dễ dàng kiếm được thức ăn hơn, nên đã gây ra không ít đau khổ cho cậu, ép buộc cậu phải nói ra điều gì đó bằng cách đe dọa hoặc đánh đập; thỉnh thoảng họ còn dùng vật nhọn đâm cậu khi cậu đang ngủ, hoặc đánh cậu bằng những cành cây gai góc, để khi cậu bừng tỉnh đột ngột, cậu sẽ thốt ra một lời nào đó. Nhưng khi họ cuối cùng cũng tin chắc rằng cậu bé câm, họ đã báo cáo điều này với vị tu sĩ; ngài ra lệnh xức dầu thánh lên lưỡi cậu bé câm, và khi vào ngày Chủ nhật, trong Thánh lễ, vị phó tế chuẩn bị đọc Phúc Âm Thánh, còn những người có mặt theo thông lệ hát lên: "Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa!" – thì cậu thiếu niên cũng cất tiếng rõ ràng và to: "Vinh quang thuộc về Ngài, lạy Chúa!" Và kể từ lúc đó, cậu bắt đầu nói được rõ ràng.

Khi đã bước vào tuổi già, vị thánh nhân sắp đến giờ lâm chung; nhìn thấy điều đó, ngài đã báo trước cho các môn đệ và viết cho họ di chúc như sau:

– Hỡi các con và anh em của ta! Vì các con thực sự là con cái của ta – bởi vì ta đã sinh ra các con về mặt thiêng liêng, và là anh em – bởi vì Cha chung của tất cả chúng ta là Thiên Chúa, và ta cũng đang trở về với Cha chung của chúng ta. Nhưng ta không bỏ lại các con, những người ta yêu thương, đang khóc than vì phải xa cách ta như những đứa trẻ mồ côi, mà ta giao phó việc chăm sóc các con cho Cha các con, Đấng đã cùng với các con tạo dựng nên cả ta, Vì thế, Ngài, sau khi tạo dựng muôn loài bằng trí tuệ và sự khôn ngoan, rồi hạ mình xuống trời và xuống đất, đã chịu chết, và sau khi sống lại vì chúng ta – xin Ngài ở cùng các con như Đấng Bảo Vệ khôn ngoan, che chở các con khỏi ma quỷ. Với tư cách là Chúa, Ngài sẽ gìn giữ các con trong sự vâng phục thánh ý của Ngài; còn với tư cách là Cha các con, Ngài sẽ kêu gọi các con về với Ngài bằng lòng thương xót và vòng tay rộng mở mỗi khi các con phạm tội và sa ngã. Với tư cách là Đấng đã hiến dâng chính mình chịu chết vì chúng ta, Ngài sẽ hiệp nhất các con trong sự đồng lòng và dẫn dắt các con đến với Cha Trên Trời của Ngài. Hãy khao khát sự khiêm nhường, hãy vâng lời, hãy yêu mến lòng hiếu khách, việc ăn chay, cầu nguyện, sự nghèo khó, và đặc biệt hãy tuân giữ điều răn đầu tiên và quan trọng nhất – điều răn về tình yêu, cũng như tất cả những gì thuộc về những người đạo đức; hãy giữ vững đức tin chân chính, tránh xa những giáo lý sai lầm và đừng bao giờ xa rời Mẹ của các con – Giáo Hội Thánh. Nếu các con thực hiện tất cả những điều này, các con sẽ trở nên hoàn hảo trong đức hạnh.

Sau khi viết di chúc thiêng liêng này cho các con thiêng liêng của mình, vị thánh đã bảo họ đọc lên, và họ đã khóc, chuẩn bị cho sự chia ly với ngài.

Ba ngày trước khi vị thánh đáng kính qua đời trong bình an, vào nửa đêm, một số môn đệ xứng đáng nhất của ngài đã được chứng kiến cảnh tất cả các thánh nhân – các tiên tri, các Tông đồ, các vị tử đạo – hiện ra viếng thăm Đaniel; sau khi chào đón ngài, họ đã truyền cho ngài được rước các Bí tích Thánh. Khi ngày lâm chung của vị thánh đến, Đức Thượng phụ Evfimiy[8731] , người kế vị Akakiy, đã đến cùng toàn thể hàng giáo sĩ của ngài; còn người phụ nữ kính sợ Thiên Chúa tên là Iraida, người đã được chữa lành chứng vô sinh nhờ lời cầu nguyện của Thánh Daniel, đã chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho lễ an táng trang trọng của vị thánh. Lúc bấy giờ, có một người bị quỷ ám xuất hiện tại đó; người này đứng bên cột và nói rằng mình nhìn thấy các Thiên thần cùng nhiều vị thánh đang từ trời xuống tiến về phía vị thánh, thậm chí còn gọi tên từng vị thánh mà người ấy đã thấy. Còn vị thánh đáng kính và đầy ân sủng của chúng ta, Cha Đaniel, trong niềm vui trước giờ lâm chung, đã phó thác linh hồn cao quý và thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa, khi ngài đã 80 tuổi 3 tháng kể từ ngày sinh[8732] .

Ngay sau khi Thánh Đaniel qua đời, người bị quỷ ám nói trên đã được giải thoát khỏi sự hành hạ của ma quỷ. Khi vị thánh nhân qua đời, trên bầu trời xuất hiện ba ngôi sao đối diện với cột trụ của ngài, xếp thành hình thánh giá; ngay cả ban ngày, dưới ánh nắng mặt trời, chúng vẫn tỏa sáng với sức mạnh không thể diễn tả và vẫn

---

[8731] Thánh Euphemius – Tổng Giám mục Constantinopolis từ năm 490 đến năm 496.

[8732] Thánh Đaniel, người sống trên cột, đã qua đời vào ngày 11 tháng 12 năm 489 hoặc 490. Ông đã tu hành trên cột hơn 30 năm. Năm 1200, một người hành hương Nga, tu sĩ Antony, đã được chiêm ngưỡng di cốt của ngài tại Constantinople.

hiện rõ cho đến khi thi hài thánh thiện của vị thánh nhân được an táng ngay tại đó, bên cạnh những cột trụ của ngài. Cùng với ngài, các di cốt của ba vị thánh thiếu niên Babylon là Ananias, Azarias và Misael cũng được an táng tại đó, theo di chúc trước khi qua đời của vị thánh, để những ai đến viếng mộ ngài không tôn vinh di cốt của ngài, mà là di cốt của các vị thánh thiếu niên ấy. Vị thánh khiêm nhường trong suốt cuộc đời đã vẫn giữ sự khiêm nhường ngay cả sau khi qua đời, từ chối sự tôn vinh của loài người, nhưng chính Thiên Chúa đã tôn vinh Đấng tôn vinh Ngài, cả trên đất trước mặt loài người bằng những phép lạ, lẫn trên trời trước mặt các Thiên thần của Ngài, và chính Ngài cũng được muôn loài tôn vinh mãi mãi. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Ngài là trụ cột của sự kiên nhẫn, vị tổ phụ đáng kính đầy lòng nhiệt thành: Giô-suê trong những đau khổ, Giô-sép trong những cám dỗ, và sống như những vị vô hình dù đang ở trong thân xác, thánh Đa-ni-ên, cha của chúng con. Xin cầu thay cho Chúa Kitô, Thiên Chúa, để linh hồn chúng con được cứu rỗi.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Như một ngôi sao rực rỡ, ngài đã vươn lên, hỡi vị thánh hạnh phúc, trên cột trụ, ngài đã soi sáng thế gian bằng những việc làm thánh thiện của ngài, và đã xua đuổi bóng tối của sự lừa dối, hỡi vị cha. Vì vậy, chúng con cầu xin ngài: xin hãy chiếu rọi ánh sáng bất diệt của trí tuệ vào lòng các tôi tớ của ngài.

Cuộc đời của Thánh Nikon Sukhoi, người Pechersk

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 12

"Hãy nhớ đến những người bị giam cầm, như thể chính các con cũng đang bị giam cầm cùng với họ vậy" (Hê-bơ-rơ 13:3) – đó là lời răn dạy của vị tù nhân trong Chúa, Thánh Tông Đồ Phao-lô. Tuân theo lời răn này, chúng ta hãy tưởng nhớ đến những phép lạ của vị tù nhân thánh thiện Nikon, trong số phận của ngài, quyền năng của Chúa đã hiển lộ một cách chắc chắn, giải thoát các tù nhân của Ngài khỏi xiềng xích.

Thánh Nikon là người gốc thành phố Kiev, xuất thân từ một gia đình quý tộc; khi đến Tu viện Pechersk, trước hết ngài đã tự nguyện dâng hiến trí tuệ và toàn bộ con người mình để vâng phục Chúa Kitô và trở thành một tu sĩ dày dạn kinh nghiệm. Sau đó, trong cuộc xâm lược của những kẻ Polovtsian độc ác[8733] , ngài bị chúng bắt làm tù binh cùng lúc với Thánh Eustratius Pechersky, bị dẫn khỏi tu viện đến đất nước của chúng và bị giam giữ tại đó. Một công dân thành Kiev yêu mến Chúa đã đến đó để chuộc các tù nhân, nhưng Thánh Nikon đã từ chối người này; người yêu mến Chúa ấy nghĩ rằng ngài hành động như vậy vì chính ngài có những người thân giàu có ở Kiev, và ngài mong muốn được họ chuộc về. Sau khi chuộc được nhiều tù nhân, người đó trở về Kiev và kể lại chuyện về Thánh Nikon. Biết được điều này, những người thân của ngài đã đến gặp người Polovets để chuộc Thánh Nikon với những kho báu lớn, nhưng Thánh Nikon đã nói với họ:

– Đừng phung phí tài sản của các ngươi vì ta: nếu Chúa muốn ta được tự do, thì Ngài đã không giao ta vào tay những kẻ vô pháp này; chính Ngài là Đấng bắt làm tù binh những ai Ngài muốn. Còn chúng ta*, "chẳng lẽ chúng ta sẽ nhận điều tốt lành từ Chúa mà lại không nhận điều xấu xa sao?"* (Giốp 2:10).

Những người thân đã trách móc vị thánh, nhưng buộc phải quay trở về mà không chuộc được ngài, mang theo cả đống tài sản bị cướp bóc. Sau đó, những kẻ bắt giữ vị thánh cùng những người Polovtsian khác, thấy rằng họ không đạt được mục đích, đã bắt đầu tra tấn tàn nhẫn người tôi tớ của Chúa. Suốt ba năm liền, vị thánh nhân không ngừng bị họ hành hạ, bị trói buộc, bị xiềng xích tay chân, bị tra tấn bằng lửa, bị đâm chém bằng dao, bị hành hạ bởi đói khát, bị tước đoạt thức ăn trong một, hai, ba ngày hoặc hơn; vào mùa hè, họ giữ ngài dưới những tia nắng

[8733] Cuộc xâm lược của người Polovtsian vào Kiev dưới sự chỉ huy của Khan Bonyak diễn ra vào năm 1096. – Người Polovtsi là một dân tộc du mục thuộc bộ tộc Thổ Nhĩ Kỳ, đã ồ ạt đổ về các thảo nguyên miền nam Nga từ các thảo nguyên phía sau dãy Caspian vào nửa sau thế kỷ XI và từ đó cho đến những năm 20 của thế kỷ XIII, họ liên tục tiến hành các cuộc tấn công tàn phá vào nước Nga, đặc biệt là miền nam.

thiêu đốt trong ba ngày, còn vào mùa đông thì ném ngài ra ngoài tuyết và giá rét. Tất cả những điều này, những kẻ vô đạo người Polovtsi gây ra cho ngài với mục đích buộc ngài phải chuộc thân; nhưng vị thánh Nikon chỉ biết tạ ơn Chúa và không ngừng cầu nguyện cùng Ngài. Một thời gian sau, ngài tuyên bố với những kẻ hành hạ mình rằng Chúa Kitô sẽ giải thoát ngài khỏi tay chúng một cách miễn phí và rằng ngài đã nhận được thông báo về điều này.

– Anh trai tôi, Evstrati, người mà các ngươi đã giao nộp cho người Do Thái để đóng đinh trên thập tự giá, đã hiện ra với tôi[8734] ; vì điều đó, họ sẽ bị kết án cùng với các tổ phụ của họ, những người xưa kia đã la lên: "Máu Ngài đổ trên chúng tôi và con cháu chúng tôi"[8735] . Còn các ngươi, những kẻ vô đạo, sẽ phải chịu cực hình cùng với Giu-đa, kẻ đã phản bội Chúa để Ngài phải chịu khổ nạn trên thập tự giá. Vị thánh tử đạo hiện ra đã nói với tôi rằng vào ngày thứ ba, nhờ lời cầu nguyện của các thánh tổ phụ An-tô-ni và Thê-ô-đô-xi cùng các vị thánh khác ở Pechersk, tôi sẽ được trở về tu viện Pechersk.

Nghe vậy, tên người Polovtsian đã bắt vị thánh làm tù binh nghĩ rằng ngài muốn trốn thoát, nên đã cắt đứt các gân dưới đầu gối ngài để ngài không thể chạy trốn, đồng thời còn canh gác ngài chặt chẽ hơn. Và rồi vào ngày thứ ba, lúc sáu giờ chiều, đúng lúc toàn bộ lính canh đang bao vây vị thánh với vũ khí trong tay, vị tù nhân thánh thiện bỗng trở nên vô hình, còn những người canh gác chỉ nghe thấy giọng ngài cất lên: "Hãy ngợi khen Chúa từ trên trời"!

Một cách kỳ diệu và không ai nhìn thấy, vị thánh đã được chuyển đến Nhà thờ Đức Mẹ Rất Thánh ở Pechersk ngay lúc đó, khi trong Thánh lễ, mọi người bắt đầu hát bài thánh ca rước lễ. Ngay lập tức, toàn thể các tu sĩ tụ tập xung quanh ngài và hỏi ngài đã đến đây bằng cách nào. Ban đầu, ngài định giấu đi phép lạ kỳ diệu này, nhưng tất cả những người xung quanh, khi thấy ngài bị trói bằng những sợi xích nặng nề, với những vết thương không thể chữa lành, những vết loét mưng mủ phủ kín toàn thân, và đặc biệt là khi nhìn thấy máu chảy ra từ những vết cắt trên cẳng chân, đã bằng mọi cách ép ngài phải nói ra sự thật. Vì vậy, trái với ý muốn của mình, cuối cùng anh ta đã kể cho họ nghe mọi chuyện như đã xảy ra, nhưng không cho phép họ tháo xiềng xích khỏi tay và chân mình. Nghe vậy, vị tu viện trưởng nói với anh ta:

– Anh em ơi! Nếu Chúa muốn anh mang xiềng xích này, thì Ngài đã không giải thoát anh khỏi cảnh bị giam cầm, vậy nên hãy tuân theo lời thỉnh cầu của chúng tôi.

Sau đó, các tu sĩ tháo xiềng xích khỏi vị thánh, rồi rèn lại thành những vật dụng cần thiết cho bàn thờ.

Một thời gian ngắn sau, khi hòa bình đã được ký kết với người Polovtsian, chính người Polovtsian từng giam giữ Thánh Nikon đã đến Kiev. Khi đến Kiev, ông ta bước vào Tu viện Pechersk. Khi nhìn thấy người từng là tù nhân của mình, Thánh Nikon, tại đây, anh ta nhận ra ngài và kể lại mọi chuyện chi tiết cho vị tu viện trưởng và các tu sĩ; anh ta không trở về quê hương nữa, mà, bị lay động bởi tất cả những gì đã xảy ra, đã nhận phép rửa tội thánh và cùng với những người thân khác của mình – những người Polovtsian cũng đã đến Kiev – trở thành tu sĩ, và cùng với họ, ông đã kết thúc cuộc đời trong sự sám hối tại chính Tu viện Pechersk đó, phục vụ người từng giam cầm mình – Thánh Nikon.

Còn có rất nhiều phép lạ kỳ diệu khác của vị Cha thánh và phúc lành của chúng ta là Nikon, trong số đó chúng ta sẽ đề cập đến những điều sau đây.

Một lần nọ, khi vị Thánh Phúc Âm vẫn còn bị giam cầm, các tù nhân lâm bệnh vì đói khát và thiếu thốn đến mức suýt chết; khi ở cùng họ, vị Thánh Phúc Âm đã cấm họ không được ăn bất cứ thứ gì từ thức ăn của những kẻ vô đạo, và nhờ lời cầu nguyện của mình, Ngài đã ban cho tất cả họ sự bình phục và cơ hội được giải thoát khỏi cảnh giam cầm mà không ai nhìn thấy.

Một lần khác, khi vị thánh nhân vẫn còn bị giam cầm, chính người Polovtsian đã bắt giữ ngài cũng lâm bệnh; khi đã cận kề cái chết, hắn di chúc cho vợ con mình phải đóng đinh Nikon – người mà hắn đã bắt giữ – lên trên mộ của hắn. Nhưng vị thánh tù nhân này, bằng đôi mắt thiêng liêng, đã thấy trước rằng vào cuối đời, người Polovtsian đó sẽ ăn năn, nên ngài đã cầu nguyện cho ông ta và chữa lành cho ông, nhờ đó không chỉ cứu chính mình khỏi cái chết thể xác mà còn cứu người Polovtsian đó không chỉ khỏi cái chết thể xác mà cả cái chết tâm linh.

[8734] Thánh Evstratius đã bị người Polovtsi bán cho một người Do Thái ở Kherson; người này cùng với những đồng đạo của mình đã dùng những hình thức tra tấn khủng khiếp để ép ngài từ bỏ Đức Kitô, nhưng khi không thể đạt được mục đích, họ đã đóng đinh ngài lên thập giá, nơi vị thánh tử đạo đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa, bị đâm xuyên bởi ngọn giáo của những người Do Thái.

[8735] Tất nhiên, đó chính là những người Do Thái đã đòi Pilate xử tử Đấng Cứu Thế (xem Mt 27:26).

Vị thánh Nikon này được gọi là "khô héo" bởi vì khi còn sống, ngài đã chảy máu đến cạn kiệt, thối rữa vì vô số vết thương và khô héo vì những cực hình, đến nỗi ngài có thể nói về sức khỏe của mình – vốn đã mất đi trong cảnh bị bắt làm tù binh – bằng những lời của tiên tri Đa-vít: *"Sức lực tôi khô héo như mảnh gốm"* (Thánh Vịnh 21:16), *"xương cốt tôi bị thiêu đốt như than hồng"* (Thánh Vịnh 101:4). Chúng ta có thể nói gì về điều này khi ngạc nhiên trước sức mạnh phi thường của ngài – không phải sức mạnh thể xác, mà là sức mạnh thuộc về các thế lực vô hình trên trời – nếu không phải bằng những lời của Thánh Tông Đồ: *"Chúng ta mang kho tàng này trong những bình đất sét"* (2 Cô-rinh-tô 4:7). Quả thật, người tù nhân này, được giải thoát một cách kỳ diệu khỏi xiềng xích, dù trong sự yếu đuối thể xác của mình, vẫn bừng cháy bằng ngọn lửa Thần thánh, tỏa sáng qua những việc làm tốt lành và đẹp lòng Chúa. Chính vì thế, ngài đã được giải thoát khỏi xiềng xích thể xác[8736] , và thay vì sức khỏe chóng qua và nhanh tàn lụi trong cuộc đời này, ngài đã nhận được từ Thiên Chúa sự bất hoại không bao giờ tàn lụi của thân xác mình, và cho đến nay, thân xác ấy vẫn còn ở trong hang động; còn về phần linh hồn, ngài đã được ban cho *"gia tài bất hoại, tinh khiết, không phai tàn, được cất giữ trên trời"* (1 Phê-rô 1:4), tại nguồn suối sự sống vĩnh cửu, và đã nhận được vương miện vinh quang không phai tàn. Nhờ vương miện này, nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh đáng kính của Đức Chúa Trời là Nikon, xin cho chúng ta cũng được Đức Vua vinh quang là Đức Chúa Kitô, Đấng mà vinh quang thuộc về Ngài cùng với Cha Ngài từ thuở ban đầu, và cùng với Thánh Thần chí thánh, chí lành và ban sự sống, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. A-men.

Kỷ niệm các thánh tử đạo Akepsia và Aifala.

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 12

Các thánh tử đạo Akexius và Aifal xuất thân từ Ba Tư, nơi họ đã chịu tử đạo. Ban đầu, Akepsiy là một thầy tế ngoại giáo tại thành phố Arbel[8737] , nhưng sau đó, khi nghe nói về đức tin vào Đức Kitô, ngài đã quyết định tìm đến một vị giám mục Kitô giáo, với hy vọng được chữa lành khỏi căn bệnh đang hành hạ ngài lúc bấy giờ. Vị giám mục đã dạy dỗ ngài về đức tin và đời sống Kitô giáo, đồng thời chữa lành căn bệnh của ngài bằng những lời cầu nguyện. Sau đó, Akepsius trở về Arbel, xuất hiện giữa đồng bào của mình với tư cách là người rao giảng và thầy dạy đạo đức, sau khi được phong chức linh mục. Việc này đã được báo cáo lên quan tổng trấn, người đã triệu tập vị rao giảng Tin Mừng mới này của Chúa Kitô đến và ra lệnh cắt tai ông rồi giam vào ngục tối.

Còn Thánh Aifal là phó tế của Giáo hội Arbel. Bị bắt vì tuyên xưng Đức Kitô, ngài bị đánh đập dã man và bị các trưởng lão tư tế đưa đến nhà ngục của Akexius. Sau đó, cả hai vị thánh lại bị dẫn đến trước quan tổng trấn và một lần nữa tuyên xưng đức tin vào Đức Kitô trước mặt ông; vì thế, họ bị kết án chém đầu.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Mirax

Ngày tưởng niệm: 11 tháng 12

Thánh tử đạo Mirax là người Ai Cập; ngài sinh ra tại thành phố Tenestia[8738] trong một gia đình Kitô hữu, được rửa tội và nuôi dưỡng trong lòng đạo đức chân chính. Nhưng, vì sự bồng bột của tuổi trẻ, ngài đã sa vào ảnh hưởng của kẻ thù của mọi điều thiện (quỷ dữ) và, khi đến gặp Amir[8739] , đã từ bỏ Đức Kitô. Sau khi tháo dây lưng[8740] và chỉnh lại thánh giá, ngài cầm thanh gươm chiến binh trong tay và với giọng nói lớn đầy tuyệt vọng, ngài kêu lên:

– Ta là người Agara. Và từ nay trở đi, ta không còn là Kitô hữu nữa.

[8736] Thánh Nikon Sukhoi của Pechersk đã an nghỉ trong Chúa vào đầu thế kỷ 12.

[8737] Một thành phố ở Ba Tư – nay là Erbil, thuộc Tiểu Á.

[8738] Tenestia hay Tennes, nằm ở phía bắc Tanis, là một thành phố ven biển trên con đường từ Ả Rập đến Alexandria.

[8739] Amir người Saracen, có lẽ chính là Amru, người được Omar cử đi vào năm 639 để chinh phục Ai Cập và đã chiếm được Alexandria vào năm 643. Amir hoặc Emir cũng là danh xưng chung dành cho các vị vua cai trị Ai Cập.

[8740] Các tín hữu Kitô giáo luôn thấu hiểu ý nghĩa tượng trưng của sức mạnh ân sủng, giúp họ vững vàng trong cuộc chiến chống lại các kẻ thù thuộc linh. (Ê-phê-sô 4:14)

Nhờ sự phản bội này, Mirax đã giành được sự kính trọng và ngưỡng mộ từ Amir và những người thân cận của ông. Và đã rất nhiều thời gian trôi qua kể từ khi chàng trai bồng bột ấy, bị cuốn hút bởi vinh quang phù du, đã ngừng cả việc suy nghĩ về sự cứu rỗi của chính mình. Trong khi đó, cha mẹ anh, dù đau buồn vì sự sa ngã của con trai, vẫn không tuyệt vọng và siêng năng cầu nguyện với Chúa để người con đã sa ngã này quay trở lại con đường đạo đức. Và lời cầu nguyện của họ đã không vô ích. Chúa đã đoái thương những lời khẩn cầu chân thành của cha mẹ, lắng nghe những lời cầu nguyện không ngừng của họ: ân sủng của Chúa đã chiếu sáng trái tim Mirax, và anh đã ăn năn. Sau đó, anh trở về với cha mẹ và nói:

– Thưa cha mẹ kính yêu và đáng kính của con! Con đã bị mờ mắt và đã phạm phải một việc tồi tệ như vậy; nhưng giờ đây con vô cùng hối hận về điều đó và cầu nguyện để được trở lại làm người Kitô hữu và được ở bên cha mẹ.

Nghe vậy, cha mẹ anh đáp lại:

– Con ơi, kể từ khi con sa ngã theo đạo Hagar[8741] , cha mẹ đã rơi biết bao giọt nước mắt vì con và không ngừng cầu xin Chúa ban cho con sự hiểu biết về lẽ thật và đưa con trở về với Đấng Christ. Và giờ đây, chúng ta tạ ơn lòng nhân từ và sự hào phóng của Ngài, vì Ngài đã không từ chối những lời cầu nguyện yếu ớt của chúng ta. Nhưng, như chính con cũng hiểu, con trai yêu dấu của chúng ta, chúng ta e ngại không dám đón nhận con, vì sợ cơn giận của Amir, để vì con mà chúng ta không phải gánh chịu bất kỳ tai họa nào. Vì vậy, nếu con muốn xoa dịu lương tâm đang bị đè nặng bởi sự sa ngã khủng khiếp, tìm được ân sủng nơi Đức Chúa Trời, bảo vệ sự an toàn cho chúng ta, và làm người cầu thay cho tất cả những người thân cận của con, thì hãy đến gặp Amir và những gì con đã thú nhận với chúng ta ở đây một cách bí mật, hãy nói ra ở đó một cách công khai, như thể chúng ta không biết vậy. Xin Chúa sắp xếp mọi việc cho con theo ý muốn tốt lành của Ngài! Hãy đi đi, con yêu dấu của chúng ta, và dù chúng ta không xứng đáng với ân sủng của Đức Chúa Trời, chúng ta vẫn hy vọng rằng Ngài, Đấng Tốt Lành, sẽ nghe lời cầu nguyện của chúng ta.

Mirax nghe theo lời cha mẹ và, lấy lại tinh thần, đặt niềm tin vào sức mạnh của lời cầu nguyện của họ, liền quyết định làm theo lời khuyên của cha mẹ: cầm lấy chiếc thắt lưng, cậu lập tức đến gặp Amir và các cố vấn người Agaryan của ông ta. Khi đứng trước mặt Amir và những người thân cận của ông, Miraks thắt đai lại, làm dấu thánh giá, hôn lên dấu thánh giá đó, rồi bắt đầu kêu lên lớn tiếng:

– Lạy Chúa, Đấng Kitô của con, xin thương xót và cứu rỗi con!

Sự táo bạo đó của anh khiến mọi người kinh hoàng. Amir túm lấy Mirax và hỏi:

– Chuyện gì đã xảy ra với ngươi vậy?

Anh ta trả lời:

– Tôi đã tỉnh táo lại sau cơn mê muội do ma quỷ gây ra và đã trở về với Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, trở lại làm người Kitô hữu như trước đây. Và giờ đây, tôi đã "tỉnh táo lại"[8742] để xưng thú trước mặt ngài, các cố vấn của ngài và trước mặt mọi người về Chúa Kitô, và để nói với tất cả các ngài rằng tôi nguyền rủa các ngài và đức tin của các ngài.

Sau khi nghe xong, Amir ra lệnh giam Mirax vào ngục tối và, sau khi giam giữ anh ta ở đó ba ngày không cho ăn, đã đưa anh ta ra xét xử. Tại phiên tòa, Mirax một lần nữa tuyên xưng Đức Kitô và, vì thế mà bị đánh đập, lại bị tống vào ngục tối. Ba ngày sau, anh ta lại bị dẫn ra tòa và bị đánh đập thậm chí còn dữ dội hơn. Sau sáu ngày, vị tử đạo lại bị dẫn đến tòa án và một lần nữa can đảm tuyên xưng Đức Kitô; vì thế, ông bị đánh bằng roi làm từ gân bò vào những vết loét trên cơ thể, vốn đã hình thành từ những lần bị đánh trước đó. Sau đó, Amir kết án ông tử hình bằng cách chém đầu. Các thuộc hạ của Amir đã bắt vị thánh tuyên xưng này, đưa ngài lên thuyền cùng họ, rồi chèo ra khơi cách bờ chín dặm. Tại đó, ngài đã cầu nguyện với Thiên Chúa, rồi đầu ngài bị chém đứt và thi thể ngài bị ném xuống biển[8743] . Điều gì đã xảy ra với thi thể vị tử đạo sau đó – liệu nó có trôi dạt lên từ biển hay không – vẫn còn là một bí ẩn; nhưng cái đầu thiêng liêng của ngài đã trôi dạt lên từ biển và được các Kitô hữu đạo đức tìm thấy, họ đã mang nó đi như một món quà quý giá để lưu giữ. Khi tin này được báo cho Amir, những người sùng kính vị thánh đã nộp khoản tiền chuộc là một trăm đồng vàng và, sau khi được phép cất giữ đầu của vị tử đạo một

[8741] Tức là đạo Hồi (tức là người Hagar, – thực chất là con cháu của Hagar từ con trai bà là Ishmael – người Ả Rập, sau này thuật ngữ này được áp dụng chung cho tất cả những người theo đạo Hồi).

[8742] Câu nói trong dụ ngôn Phúc Âm về người con hoang đàng ăn năn. (Luca 15:17).

[8743] Khoảng năm 640.

cách tự do, họ đã chế tác một hòm bằng bạc và đặt đầu thánh vào đó với sự tôn kính xứng đáng. Từ đó cho đến nay, chiếc đầu của vị thánh tử đạo này vẫn tỏa ra hương thơm ngào ngạt và ban phát mọi ơn chữa lành để tôn vinh Chúa và Đấng Cứu Thế của chúng ta là Đức Giêsu Kitô, củng cố đức tin nơi những ai có thể nảy sinh nghi ngờ hoặc bất kỳ sự bối rối nào về vị thánh tử đạo này.

Lễ kính Thánh Luca, vị Tu sĩ Cột Mới.

Ngày kỷ niệm: 11 tháng 12

Thánh Luca, vị tu sĩ sống trên cột, đã sống dưới triều đại của Hoàng đế Hy Lạp Romanos[8744] và dưới triều đại của Constantine Porphyrogenitus[8745] , con rể của Hoàng đế Romanos và con trai của Hoàng đế Leo the Wise[8746] . Vào thời điểm đó, ghế Thượng phụ do Theophylact[8747] , con trai của Hoàng đế Romanos, đảm nhiệm. Vào thời điểm đó, người Bulgaria đã tấn công Đế quốc Hy Lạp[8748] và Luca, theo lệnh của hoàng đế, đã được gọi vào lực lượng dân quân và tham gia bảo vệ tổ quốc khỏi kẻ thù. Trong trận chiến, quân đội Hy Lạp rơi vào tình trạng hỗn loạn và hàng nghìn người trong số họ đã bị tiêu diệt; nhưng Luca, nhờ sự che chở của Thiên Chúa, vẫn an toàn. Sau đó, ngài xuất gia và, nhờ sống đời tu hành xuất sắc, đã được phong chức linh mục. Với lòng khao khát đạt đến sự hoàn hảo thiêng liêng cao nhất, ngài đã trói thân thể mình bằng xiềng xích sắt và, sau khi leo lên cột, tuân giữ sự kiêng khem nghiêm ngặt đến mức trong sáu ngày của tuần, ngài không ăn bất kỳ thức ăn nào và chỉ vào ngày thứ bảy mới dùng bánh thánh và một ít rau củ: ngài đã sống trên cột như vậy trong ba năm. Sau đó, được thúc giục bởi sự mách bảo thiêng liêng, ngài đã lên núi Olympus[8749] , từ đó ngài đến Constantinople và, để không vi phạm lời thề im lặng của mình, ngài đã nhét một hòn đá vào miệng, và cuối cùng, ngài lui về thành phố Chalcedon[8750] . Tại đó, ngài cũng leo lên một cột đá và, được ca ngợi nhờ nhiều phép lạ, đã sống trên đó suốt bốn mươi lăm năm. Sau khi hoàn thành cuộc đời trần thế một cách đạo đức như vậy, Thánh Luca đã về với ngôi nhà của Cha Trên Trời[8751] .

Ngày 25 tháng 12

Ngày 12 tháng 12 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Cha Spiridon của Trimythous

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 12

Quê hương của Thánh Spiridon kỳ diệu là đảo Síp[8752] . Là con của những bậc cha mẹ bình dân và bản thân cũng giản dị, khiêm nhường và đạo đức, ngài từ thuở nhỏ đã làm người chăn cừu, và khi trưởng thành, ngài kết hôn hợp pháp và có con cái. Ngài sống một cuộc đời trong sạch và làm đẹp lòng Chúa, noi gương Đavít về sự hiền lành, Giacóp về sự đơn sơ chân thành và Áp-ra-ham về tình yêu thương dành cho những người lữ hành. Sau khi sống chung với vợ được vài năm, vợ ngài qua đời, và ngài càng được tự do và nhiệt thành hơn trong việc phụng sự Chúa bằng những việc lành, dành toàn bộ tài sản của mình để tiếp đón những người lữ hành và nuôi dưỡng những người nghèo khó; bằng cách đó, dù sống trong đời thường, ngài đã làm đẹp lòng Chúa đến nỗi được Ngài ban cho ân sủng làm phép lạ: ngài chữa lành những căn bệnh nan y và chỉ bằng một lời đã trừ tà. Vì điều này, Thánh Spiridon được

---

[8744] Roman I Lakapen trị vì từ năm 919–944.
[8745] Constantine VII Porphyrogenitus trị vì từ năm 912 đến năm 959.
[8746] Lêô VI, người Khôn ngoan, trị vì từ năm 886 đến năm 911.
[8747] Theophylact – Tổng Giám mục Constantinopolis từ năm 933–956.
[8748] Hoàng đế Bulgaria Simeon, qua đời năm 927, đã giao chiến với người Hy Lạp và suýt nữa đã đánh sập đế chế Hy Lạp vào năm 917.
[8749] Tại Bithynia, vùng tây bắc Tiểu Á.
[8750] Chalcedon – một thành phố ở Tiểu Á, nằm bên bờ eo biển Constantinople, đối diện với Constantinople.
[8751] Khoảng năm 970.
[8752] Síp – một hòn đảo lớn ở phía đông Địa Trung Hải, phía nam Tiểu Á.

tấn phong làm giám mục thành Trimifunta dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Đại đế. Và trên cương vị giám mục, ngài tiếp tục thực hiện những phép lạ vĩ đại và kỳ diệu.

Một lần nọ, trên đảo Síp xảy ra tình trạng thiếu mưa và hạn hán khủng khiếp, dẫn đến nạn đói, rồi sau đó là dịch bệnh, khiến vô số người chết vì nạn đói này. Trời đóng kín, và người ta cần một Ê-li thứ hai, hoặc một người tương tự như ông, để mở ra bầu trời bằng lời cầu nguyện của mình (3 Vua 17): và Thánh Spiridon chính là người đó. Khi chứng kiến thảm họa ập xuống dân chúng và với lòng thương xót như người cha dành cho những ai đang chết vì đói, ngài đã dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện tha thiết; ngay lập tức, bầu trời được bao phủ bởi mây từ mọi phía và mưa xối xả đổ xuống mặt đất, không ngừng trong vài ngày; Thánh nhân lại cầu nguyện, và thời tiết trở nên tạnh ráo. Đất đai được tưới đẫm nước và sinh ra hoa trái dồi dào: các cánh đồng cho thu hoạch bội thu, các vườn cây và vườn nho trĩu quả, và sau nạn đói, mọi thứ đều dồi dào nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh được Chúa yêu mến là Spiridon. Nhưng vài năm sau, vì những tội lỗi của con người, theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, nạn đói lại ập xuống đất nước ấy, và những thương gia buôn lúa giàu có vui mừng trước giá cả leo thang, vì họ có lúa mì dự trữ từ những năm mùa màng bội thu, và khi mở kho lúa của mình, họ bắt đầu bán với giá cao ngất ngưởng. Lúc bấy giờ, tại Trimifunt có một thương gia buôn lúa mì, người bị ám ảnh bởi lòng tham tiền vô độ và niềm đam mê hưởng thụ không thể thỏa mãn. Sau khi thu mua một lượng lớn lúa mì từ nhiều nơi khác nhau và vận chuyển bằng tàu đến Trimifunt, ông ta lại không muốn bán với mức giá đang lưu hành trong thành phố lúc bấy giờ, mà chất đống lúa mì vào kho để chờ đợi nạn đói trở nên trầm trọng hơn, rồi lúc đó sẽ bán với giá cao hơn để thu được lợi nhuận lớn hơn. Khi nạn đói gần như lan rộng khắp nơi và ngày càng trầm trọng hơn, hắn bắt đầu bán bánh mì của mình với giá cao nhất có thể. Và rồi, có một người nghèo đến gặp ông ta, cúi đầu khẩn khoản, nước mắt lưng tròng, van xin ông ta thương xót – cho một ít lúa mì, để người nghèo này cùng vợ con không phải chết đói. Nhưng người giàu có vô nhân đạo và tham lam ấy không chịu thương xót người nghèo và nói:

– Cứ đi đi, mang tiền đến đây, thì ngươi sẽ có tất cả những gì ngươi muốn mua.

Người nghèo, kiệt sức vì đói, đã đến gặp Thánh Spiridon và, trong nước mắt, kể cho ngài nghe về cảnh nghèo khó của mình và sự vô tâm của người giàu.

– Đừng khóc, – vị thánh nói với anh ta, – hãy về nhà đi, vì Thánh Thần phán với ta rằng ngày mai nhà ngươi sẽ đầy ắp bánh mì, còn người giàu có kia sẽ van xin ngươi và tặng bánh mì cho ngươi miễn phí.

Người nghèo thở dài rồi về nhà. Vừa chập tối, theo ý Chúa, một cơn mưa xối xả ập xuống, cuốn trôi các kho lúa của kẻ tham lam vô nhân đạo, và nước lũ đã cuốn trôi hết số lúa của hắn. Người buôn lúa mì cùng gia đình chạy khắp thành phố, van xin mọi người giúp đỡ để ông ta không từ một người giàu có trở thành kẻ ăn mày; trong khi đó, những người nghèo, thấy lúa mì bị dòng nước cuốn trôi tràn ngập trên đường, bắt đầu nhặt lúa mì. Ngay cả người nghèo hôm qua còn phải xin lúa mì từ người giàu kia cũng đã nhặt được một lượng lúa mì dư dả. Nhìn thấy sự trừng phạt rõ ràng của Đức Chúa Trời giáng xuống trên mình, người giàu bắt đầu van xin người nghèo hãy lấy miễn phí bao nhiêu lúa mì tùy ý.

Như vậy, Chúa đã trừng phạt người giàu vì sự vô nhân ái và, theo lời tiên tri của vị thánh, đã giải thoát người nghèo khỏi cảnh nghèo đói.

Một người nông dân quen biết vị thánh đã đến gặp chính người giàu có đó, cũng trong thời kỳ nạn đói ấy, để xin vay lúa mì làm thức ăn và hứa sẽ trả lại gấp nhiều lần số đã nhận khi mùa gặt đến. Người giàu có, ngoài những kho lúa bị mưa cuốn trôi, còn có những kho lúa khác đầy ắp; nhưng ông ta, chưa rút ra bài học từ lần mất mát đầu tiên và vẫn chưa từ bỏ tính keo kiệt, đã tỏ ra vô nhân ái với người nghèo này, đến nỗi thậm chí không thèm nghe ông ta nói.

– Nếu không có tiền, – ông ta nói, – ngươi sẽ không nhận được từ ta dù chỉ một hạt lúa nào.

Lúc đó, người nông dân nghèo khóc nức nở và đi tìm Thánh Spiridon, rồi kể cho ngài nghe về nỗi khổ của mình. Vị thánh an ủi anh ta và cho anh ta về nhà, còn sáng hôm sau, chính ngài đã đến gặp anh ta và mang theo cả một đống vàng (vàng đó ngài lấy từ đâu – chuyện này sẽ kể sau). Ngài trao số vàng đó cho người nông dân và nói:

– Anh em ơi, hãy mang số vàng này đến cho người buôn lúa mì kia và dùng nó làm vật thế chấp; còn người buôn lúa mì hãy cho anh mượn bấy nhiêu lúa mì đủ để anh nuôi sống bản thân lúc này; khi mùa gặt đến và anh có lúa mì dư thừa, hãy chuộc lại vật thế chấp này và mang nó trở lại cho tôi.

Người nông dân nghèo nhận số vàng từ tay vị thánh và vội vã đi gặp người giàu. Kẻ giàu tham lam rất vui mừng khi thấy vàng và ngay lập tức cho người nghèo mượn lượng lúa mì mà anh ta cần. Sau đó, nạn đói qua đi, mùa màng bội thu, và sau khi gặt hái xong, người nông dân ấy đã trả lại cho người giàu số lúa mì đã mượn kèm theo

cả lãi, rồi lấy lại vật thế chấp từ ông ta và mang nó đến dâng lên Thánh Spiridon với lòng biết ơn. Thánh nhân nhận lấy vàng và đi về phía vườn của mình, dẫn theo cả người nông dân ấy.

– Hãy đi cùng tôi, anh em ơi, – ngài nói, – và cùng nhau chúng ta sẽ dâng món quà này lên Đấng đã cho chúng ta mượn một cách hào phóng như vậy.

Khi vào vườn, ngài đặt vàng bên hàng rào, ngước mắt lên trời và thốt lên:

– Lạy Chúa của con, Đức Giêsu Kitô, Đấng bằng ý muốn của Ngài đã tạo dựng và biến đổi muôn loài! Ngài, Đấng xưa kia đã biến cây gậy của Môsê thành con rắn trước mặt vua Ai Cập (Xuất Hành 7:10), – xin hãy ra lệnh cho miếng vàng này, vốn đã được Ngài biến đổi từ một con vật, hãy trở lại hình dạng ban đầu của nó: khi đó, người này sẽ nhận ra sự chăm sóc của Ngài dành cho chúng con và qua chính sự việc này, anh ta sẽ hiểu được điều đã được chép trong Thánh Kinh – rằng "Chúa làm mọi điều Ngài muốn" (Thánh Vịnh 134:6)!

Khi ngài cầu nguyện như vậy, miếng vàng bỗng nhiên động đậy và biến thành một con rắn, con rắn ấy bắt đầu uốn éo và bò đi. Như vậy, ban đầu con rắn, nhờ lời cầu nguyện của vị thánh, đã biến thành vàng, rồi sau đó cũng một cách kỳ diệu, từ vàng lại biến trở thành con rắn. Khi chứng kiến phép lạ này, người nông dân run rẩy vì sợ hãi, quỳ sụp xuống đất và tự nhận mình không xứng đáng với ân huệ kỳ diệu mà ngài đã ban cho. Sau đó, con rắn bò về hang của nó, còn người nông dân, tràn đầy lòng biết ơn, trở về nhà và không ngừng kinh ngạc trước sự vĩ đại của phép lạ mà Thiên Chúa đã thực hiện nhờ lời cầu nguyện của vị thánh.

Một người đàn ông đức hạnh, bạn của vị thánh, vì sự ghen tị của những kẻ xấu, đã bị vu khống trước quan tòa thành phố và bị giam vào ngục tối, rồi sau đó bị kết án tử hình mà không có bất kỳ tội lỗi nào. Khi biết tin này, Thánh Spiridon đã lên đường để cứu người bạn khỏi án tử hình oan uổng. Lúc bấy giờ, cả nước đang bị lũ lụt, và con suối nằm trên đường đi của vị thánh đã tràn ngập nước, tràn bờ và trở nên không thể vượt qua được. Vị thánh làm phép lạ nhớ lại cách Giô-suê cùng Hòm Giao Ước đã đi qua sông Giô-đanh đang dâng tràn mà không bị ướt (Giô-suê 3:14–17), và với lòng tin vào quyền năng vô biên của Đức Chúa Trời, ngài ra lệnh cho dòng suối như đối với một người đầy tớ:

– Hãy dừng lại! Chúa tể của cả thế gian ra lệnh cho ngươi như vậy, để ta có thể băng qua và cứu được người đàn ông mà ta đang vội vã đến gặp.

Vừa dứt lời, dòng nước lập tức ngừng chảy và mở ra một con đường khô ráo – không chỉ cho vị thánh, mà còn cho tất cả những ai đi cùng ngài. Những người chứng kiến phép lạ vội vã đến gặp quan tòa và báo cho ông biết về sự xuất hiện của vị thánh cũng như những điều ngài đã làm trên đường đi, và quan tòa lập tức tha bổng cho người bị kết án và trả anh ta lại cho vị thánh trong tình trạng an toàn.

Vị thánh cũng nhìn thấu những tội lỗi thầm kín của con người. Chẳng hạn, một lần nọ, khi ngài đang nghỉ ngơi trên đường tại nhà một người hiếu khách, một người phụ nữ đang sống chung trái phép đã muốn rửa chân cho vị thánh theo phong tục địa phương. Nhưng ngài, biết rõ tội lỗi của bà, đã bảo bà đừng chạm vào ngài. Và ngài nói điều đó không phải vì ghê tởm người phụ nữ tội lỗi và từ chối cô ta: làm sao một môn đệ của Chúa, Đấng đã ăn uống cùng những người thu thuế và tội nhân, lại có thể ghê tởm những người tội lỗi được chứ? (Mt 9:11) Không, ngài muốn khiến người phụ nữ ấy nhớ lại những lỗi lầm của mình và cảm thấy hổ thẹn vì những ý nghĩ và hành động ô uế của mình. Và khi người phụ nữ ấy vẫn kiên trì cố gắng chạm vào chân vị thánh và rửa chân cho ngài, thì vị thánh, với mong muốn cứu nàng khỏi sự hủy diệt, đã quở trách nàng bằng tình yêu và sự hiền lành, nhắc nhở nàng về những tội lỗi của mình và khuyến khích nàng ăn năn. Người phụ nữ vừa ngạc nhiên vừa kinh hoàng khi nhận ra rằng ngay cả những hành động và ý nghĩ dường như bí mật nhất của mình cũng không thể che giấu khỏi đôi mắt thấu suốt của người của Chúa. Cảm giác xấu hổ tràn ngập lòng nàng, và với trái tim tan nát, nàng quỳ xuống dưới chân vị thánh và rửa chân cho ngài, không phải bằng nước nữa, mà bằng những giọt nước mắt, rồi chính nàng đã công khai thú nhận những tội lỗi mà mình đã bị vạch trần. Nàng đã hành động giống như người phụ nữ tội lỗi được nhắc đến trong Phúc Âm ngày xưa, còn vị thánh, noi gương Chúa, đã nhân từ nói với nàng: Luca. 7– *"Tội lỗi của con đã được tha"*, và còn nữa: *"Này, con đã được lành; đừng phạm tội nữa"* (Giăng 5:14). Và kể từ đó, người phụ nữ ấy đã hoàn toàn cải tà quy chính và trở thành tấm gương hữu ích cho nhiều người.

Cho đến nay, chúng ta chỉ nói về những phép lạ mà Thánh Spiridon đã thực hiện khi còn sống; giờ đây, chúng ta cũng cần nói về lòng nhiệt thành của ngài đối với đức tin Chính Thống.

Dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Đại đế, vị hoàng đế Kitô giáo đầu tiên, vào năm 325 sau Công nguyên, Công đồng Đại kết lần thứ nhất đã được triệu tập tại Nicêa, nhằm lật đổ kẻ dị giáo Arius, kẻ đã vô lễ gọi Con Thiên Chúa là "sinh vật" chứ không phải là Đấng Tạo Hóa của muôn loài, và để tuyên xưng Ngài là Đồng Bản

Thể với Thiên Chúa Cha. Arius trong sự báng bổ của mình đã được sự ủng hộ của các giám mục thuộc các giáo hội có ảnh hưởng lớn lúc bấy giờ: Eusebius của Nicomedia, Maris của Chalcedon, Theognis của Nicaea và những người khác. Còn những người bảo vệ chính thống giáo là những bậc thánh nhân có đời sống và giáo lý cao quý: Thánh Alexander vĩ đại, người lúc bấy giờ vẫn còn là linh mục và đồng thời là phó của Thánh Mitrophan, Tổng Giám mục Constantinopolis[8753] , người đang nằm trên giường bệnh và vì thế không thể tham dự công đồng, cùng với Thánh Athanasius lừng lẫy, người lúc đó chưa được phong chức linh mục và đang phục vụ với tư cách phó tế tại Giáo hội Alexandria; hai vị này đã khơi dậy sự phẫn nộ và ghen tị đặc biệt trong lòng những kẻ dị giáo, chính bởi vì họ vượt trội hơn nhiều người về sự hiểu biết các chân lý của đức tin, dù chưa được phong chức giám mục; cùng với họ còn có Thánh Spiridon, và ân sủng ngự trong ngài đã mang lại hiệu quả và sức mạnh lớn hơn trong việc thuyết phục những kẻ dị giáo so với lời nói, bằng chứng và tài hùng biện của những người khác. Với sự cho phép của nhà vua, tại công đồng còn có sự hiện diện của các nhà hiền triết Hy Lạp, được gọi là những người theo trường phái Peripatetic[8754] ; người thông thái nhất trong số họ đã đứng ra bênh vực Arius và tự hào về tài hùng biện đặc biệt khéo léo của mình, cố gắng chế giễu giáo lý của những người Chính Thống. Thánh Spiridon, một người không có học thức, chỉ biết đến Chúa Giêsu Kitô, *"Đấng đã bị đóng đinh"* (1 Cr 2,2), đã xin các vị thánh cha cho phép ngài tranh luận với nhà hiền triết này, nhưng các vị thánh cha, biết rằng ngài là một người bình thường, hoàn toàn xa lạ với triết học Hy Lạp, đã cấm ngài làm điều đó. Tuy nhiên, Thánh Spiridon, biết rõ sức mạnh của sự khôn ngoan từ trên cao và sự yếu đuối của trí tuệ con người trước nó, đã quay sang vị hiền triết và nói:

– Hỡi nhà triết học! Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, xin hãy lắng nghe những gì tôi sắp nói với ngài.

Khi nhà triết học đồng ý lắng nghe, vị thánh bắt đầu nói chuyện.

– Chỉ có một Thiên Chúa, – ngài nói, – Đấng đã tạo dựng trời và đất, đã nắn nên con người từ đất, và đã sắp đặt mọi sự khác, cả những gì nhìn thấy được lẫn không nhìn thấy được, bằng Lời và Thánh Thần của Ngài; và chúng tôi tin rằng Lời ấy chính là Con Thiên Chúa và là Thiên Chúa, Đấng đã thương xót chúng tôi, những kẻ lầm lạc, đã sinh ra từ Đức Trinh Nữ, đã sống giữa loài người, đã chịu đau khổ và chết vì sự cứu rỗi của chúng tôi, và đã phục sinh, đồng thời làm cho toàn thể nhân loại cùng phục sinh với Ngài; chúng tôi trông đợi rằng chính Ngài sẽ trở lại để phán xét tất cả chúng tôi bằng sự phán xét công bình và sẽ ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ; chúng tôi tin rằng Ngài đồng bản thể với Đức Chúa Cha, có quyền năng và vinh quang ngang bằng với Ngài... Chúng ta xưng nhận như vậy và không cố gắng tìm hiểu những mầu nhiệm này bằng trí óc tò mò, và ngươi – đừng dám tìm hiểu xem tất cả những điều này có thể xảy ra như thế nào, vì những mầu nhiệm này cao hơn trí óc ngươi và vượt xa mọi sự hiểu biết của con người.

Sau đó, sau một lúc im lặng, vị thánh hỏi:

– Chẳng phải ngươi cũng thấy mọi chuyện như vậy sao, nhà triết học?

Nhưng nhà triết học im lặng, như thể ông chưa bao giờ phải tranh luận vậy. Ông không thể nói gì để phản bác những lời của vị thánh, trong đó toát lên một sức mạnh Thần thánh nào đó, đúng như lời được chép trong Kinh Thánh: *"Vì Nước Trời không ở trong lời nói, mà ở trong sức mạnh"* (1 Cô-rinh-tô 4:20).

Cuối cùng, ông nói:

– Và tôi cũng nghĩ rằng mọi chuyện thực sự đúng như ngài đã nói.

Lúc đó, vị tu sĩ già nói:

– Vậy thì, hãy đi và đứng về phía đức tin thánh thiện.

Nhà triết học quay sang các bạn bè và học trò của mình, tuyên bố:

– Hãy nghe đây! Khi cuộc tranh luận với tôi còn dựa trên các bằng chứng, tôi đã dùng những bằng chứng này để phản bác những bằng chứng kia và bằng tài hùng biện của mình, tôi đã bác bỏ mọi lập luận mà họ đưa ra. Nhưng khi, thay vì những bằng chứng từ lý trí, từ miệng vị tu sĩ già này bắt đầu toát ra một sức mạnh đặc biệt nào đó, thì những bằng chứng trở nên vô hiệu trước sức mạnh ấy, vì con người không thể chống lại Thiên Chúa. Nếu ai trong các ngươi có thể suy nghĩ giống như ta, thì hãy tin vào Đức Kitô và cùng với ta, hãy theo vị tu sĩ già này, người mà chính Thiên Chúa đã phán qua miệng ngài.

[8753] Thánh Mitrophan (315–325). Thánh Alexander, người kế nhiệm ngài, giữ chức Thượng phụ từ năm 325 đến 340.

[8754] Những người theo học thuyết triết học của Aristotle được gọi là Peripatetic. Trường phái triết học này xuất hiện vào cuối thế kỷ IV trước Công nguyên và tồn tại khoảng tám thế kỷ; sau này, trường phái triết học này cũng có những người theo học trong giới Kitô hữu. Tên gọi "Peripatetic" xuất phát từ việc người sáng lập trường phái này, Theophrastus, đã tặng cho trường phái một khu vườn có bàn thờ và các lối đi có mái che (Peripatos – hàng cột, hành lang có mái che).

Và nhà triết học, sau khi chấp nhận đức tin Kitô giáo Chính thống, đã vui mừng vì đã bị vị thánh đánh bại trong cuộc tranh luận, nhưng điều đó lại mang lại lợi ích cho chính ông. Tất cả các tín hữu Chính thống đều vui mừng, còn những kẻ dị giáo thì phải chịu sự sỉ nhục lớn lao.

Khi công đồng kết thúc, sau khi Arius bị kết án và khai trừ, tất cả những ai có mặt tại công đồng, cũng như Thánh Spiridon, đều trở về nhà. Vào thời điểm đó, con gái ông là Irina đã qua đời; trong thời kỳ thanh xuân rực rỡ của mình, cô đã sống trong sự trinh khiết đến mức được xứng đáng với Nước Trời. Trong khi đó, có một người phụ nữ đến gặp vị thánh và khóc lóc kể rằng bà đã giao cho con gái ngài là Irina một số đồ trang sức bằng vàng để cất giữ, nhưng vì cô ấy qua đời không lâu sau đó, nên những món đồ đó đã mất tích không dấu vết. Thánh Spiridon đã lục soát khắp ngôi nhà để xem liệu những món trang sức có được giấu ở đâu không, nhưng không tìm thấy. Cảm động trước những giọt nước mắt của người phụ nữ, Thánh Spiridon cùng những người trong nhà tiến đến quan tài của con gái mình và, như thể cô vẫn còn sống, ngài kêu lên:

– Con gái Irina của cha! Những món trang sức mà cha đã giao cho con cất giữ đang ở đâu?

Irina, như vừa thức dậy sau một giấc ngủ say, trả lời:

– Thưa ngài! Con đã giấu chúng ở chỗ này trong nhà.

Và cô chỉ cho ngài chỗ đó.

Lúc đó, vị thánh nói với cô:

– Bây giờ con hãy ngủ đi, con gái của ta, cho đến khi Chúa của muôn loài đánh thức con vào ngày Phục sinh chung.

Tất cả những người có mặt, khi chứng kiến phép lạ kỳ diệu như vậy, đều cảm thấy sợ hãi. Còn vị thánh thì tìm thấy những thứ được giấu ở nơi mà người phụ nữ chỉ ra và trao lại cho bà ấy.

Sau khi Constantine Đại đế qua đời, đế chế của ông chia thành hai phần. Phần phía Đông thuộc về người con trai cả của ông là Constantius. Khi đang ở Antioch, Constantius mắc phải một căn bệnh nặng mà các bác sĩ không thể chữa khỏi. Lúc đó, hoàng đế đã từ bỏ các bác sĩ và cầu khẩn Đấng Toàn Năng, Đấng chữa lành cả linh hồn lẫn thể xác – Thiên Chúa, với lời cầu nguyện tha thiết xin được chữa lành. Và trong một giấc mơ ban đêm, hoàng đế đã thấy một Thiên thần, người đã chỉ cho ông một đoàn các giám mục, và trong số đó đặc biệt có hai vị, dường như là những người lãnh đạo và đứng đầu những người còn lại; Thiên thần cũng nói với hoàng đế rằng chỉ có hai vị này mới có thể chữa lành căn bệnh của ông. Khi tỉnh dậy và suy ngẫm về những gì đã thấy, ông không thể đoán ra hai vị giám mục mà mình đã thấy là ai: tên tuổi và dòng dõi của họ vẫn là điều bí ẩn đối với ông, hơn nữa, một trong hai người lúc đó thậm chí còn chưa phải là giám mục.

Trong một thời gian dài, nhà vua vẫn bối rối, và cuối cùng, theo lời khuyên tốt bụng của ai đó, ông đã triệu tập các giám mục từ tất cả các thành phố lân cận đến và tìm kiếm trong số họ hai người mà ông đã thấy trong giấc mơ, nhưng không tìm thấy. Sau đó , ông triệu tập các giám mục lần thứ hai, lần này với số lượng đông hơn và từ những vùng xa xôi hơn, nhưng vẫn không tìm thấy hai người mà ông đã thấy trong giấc mơ. Cuối cùng, ông ra lệnh triệu tập các giám mục từ khắp đế quốc của mình. Lệnh của hoàng đế, hay đúng hơn là lời thỉnh cầu, đã lan đến đảo Síp và thành phố Trimifunta, nơi Thánh Spiridon đang làm giám mục, người mà Thiên Chúa đã mặc khải cho biết tất cả những điều liên quan đến hoàng đế. Ngay lập tức, Thánh Spiridon lên đường đến gặp hoàng đế, mang theo môn đệ của mình là Trifillia, người đã cùng ngài hiện ra trước mặt hoàng đế trong giấc mơ và vào thời điểm đó, như đã nói, vẫn chưa phải là giám mục. Khi đến Antioch, họ vào cung điện gặp hoàng đế. Thánh Spiridon mặc bộ quần áo nghèo nàn, tay cầm cây gậy làm từ cành cây chà là, đầu đội mũ mitre đan bằng lá cọ, còn trên ngực thì đeo một chiếc bình đất sét nhỏ, theo phong tục của người dân Jerusalem, những người thường đựng dầu thánh từ Thánh Giá trong chiếc bình này. Khi vị thánh bước vào cung điện trong bộ dạng như vậy, một trong những người hầu cung điện, ăn mặc sang trọng, đã lầm tưởng ngài là một người ăn xin, chế giễu ngài và, không cho ngài vào, đã tát vào má ngài; nhưng vị thánh, với lòng nhân từ và nhớ đến lời Chúa (Mt 5,39), đã đưa má kia ra; người hầu nhận ra rằng trước mặt mình là một giám mục và, nhận ra tội lỗi của mình, đã khiêm tốn xin ngài tha thứ, và đã được tha thứ.

Ngay khi vị thánh bước vào gặp nhà vua, nhà vua lập tức nhận ra ngài, bởi chính trong hình dáng đó, ngài đã hiện ra với nhà vua trong giấc mơ. Constantius đứng dậy, bước đến gần vị thánh và cúi đầu chào ngài, trong nước mắt xin ngài cầu nguyện với Thiên Chúa và khẩn cầu chữa lành căn bệnh của mình. Chỉ cần vị thánh chạm tay vào đầu nhà vua, nhà vua lập tức khỏi bệnh và vô cùng vui mừng vì sự chữa lành mà ngài nhận được nhờ những

lời cầu nguyện của vị thánh. Nhà vua đã dành cho ngài những vinh dự lớn lao và trong niềm vui, ngài đã dành trọn cả ngày đó bên vị thánh, thể hiện sự kính trọng sâu sắc đối với vị bác sĩ tốt bụng của mình.

Trong khi đó, Trifillius vô cùng kinh ngạc trước sự tráng lệ của hoàng cung, vẻ đẹp của cung điện, vô số quan lại đứng trước nhà vua đang ngự trên ngai vàng – mọi thứ đều trông kỳ diệu và lấp lánh vàng – cùng với sự phục vụ khéo léo của các thị vệ mặc trang phục sáng màu. Spiridon nói với ông:

– Sao anh lại ngạc nhiên như vậy, anh em ơi? Chẳng lẽ sự vĩ đại và vinh quang hoàng gia lại khiến nhà vua trở nên công chính hơn những người khác sao? Chẳng phải nhà vua cũng chết như người ăn mày nghèo nhất, và cũng được chôn cất sao? Chẳng phải ngài cũng sẽ phải đứng trước Đấng Phán Xét Tối Cao như những người khác sao? Tại sao anh lại ưa chuộng những thứ sẽ tan biến hơn là những gì bất biến, và ngạc nhiên trước những điều hư vô, trong khi lẽ ra phải tìm kiếm trước hết những gì vô hình và vĩnh cửu, và yêu mến vinh quang thiên đàng bất diệt?

Vị thánh nhân đã nhiều lần khuyên răn chính vị vua ấy, để ngài nhớ đến ân huệ của Đức Chúa Trời và tự mình đối xử nhân từ với thần dân, bi mẫn với những kẻ phạm tội, khoan dung với những ai khẩn cầu điều gì, hào phóng với những người xin xỏ, và trở thành người cha của tất cả – yêu thương và nhân từ; vì ai cai trị không như vậy thì không nên được gọi là vua, mà đúng hơn là kẻ hành hạ. Cuối cùng, vị thánh đã dặn dò nhà vua phải nghiêm túc tuân giữ và bảo vệ các quy tắc đạo đức, tuyệt đối không chấp nhận bất cứ điều gì trái với Giáo hội của Chúa[8755] .

Vua muốn tạ ơn vị thánh vì đã được chữa lành nhờ những lời cầu nguyện của ngài và đề nghị tặng ngài rất nhiều vàng, nhưng ngài từ chối nhận, nói rằng:

– Thưa nhà vua, thật không hay khi trả ơn tình yêu bằng sự thù hận, vì những gì tôi đã làm cho ngài chính là tình yêu: quả thực, rời bỏ nhà cửa, vượt qua quãng đường biển xa xôi, chịu đựng cái lạnh và gió buốt – chẳng phải đó là tình yêu sao? Và vì tất cả những điều đó, tôi lại nhận vàng làm phần thưởng, thứ là nguồn gốc của mọi điều ác và dễ dàng hủy hoại mọi lẽ phải như vậy sao?

Thánh nhân đã nói như vậy, không muốn nhận bất cứ thứ gì, và chỉ nhờ những lời nài nỉ hết sức tha thiết của nhà vua, ngài mới bị thuyết phục – nhưng chỉ đồng ý nhận vàng từ nhà vua, chứ không giữ lại cho riêng mình, vì ngay lập tức ngài đã phân phát hết số vàng nhận được cho những người xin.

Ngoài ra, theo lời khuyên nhủ của vị thánh này, Hoàng đế Constantius đã miễn thuế cho các linh mục, phó tế và tất cả các giáo sĩ cùng những người phục vụ trong Giáo hội, vì ngài nhận định rằng thật không xứng đáng khi những người phục vụ Đấng Vua Bất Tử lại phải nộp thuế cho một vị vua phàm trần. Sau khi chia tay hoàng đế và trên đường trở về, vị thánh đã được một tín hữu yêu mến Chúa đón tiếp vào nhà. Tại đó, một người phụ nữ ngoại đạo, không biết nói tiếng Hy Lạp, đã đến gặp ngài. Bà bế trên tay đứa con trai đã chết của mình và, trong tiếng khóc thảm thiết, đặt nó xuống chân vị thánh. Không ai hiểu ngôn ngữ của bà, nhưng chính những giọt nước mắt của bà đã minh chứng rõ ràng rằng bà đang van xin vị thánh làm cho đứa con đã chết của bà sống lại. Nhưng vị thánh, để tránh danh vọng hão huyền, ban đầu đã từ chối thực hiện phép lạ này ; tuy nhiên, nhờ lòng thương xót của mình, ngài đã bị lay động bởi những tiếng khóc thảm thiết của người mẹ và hỏi vị phó tế Artemidot của mình:

– Chúng ta phải làm gì đây, anh em?

– Sao cha lại hỏi con, thưa cha, – phó tế đáp – cha còn có thể làm gì khác ngoài việc kêu cầu Chúa Kitô – Đấng Ban Sự Sống, Đấng đã đáp ứng lời cầu nguyện của cha biết bao lần? Nếu cha đã chữa lành cho nhà vua, thì làm sao cha lại có thể từ chối những người nghèo khổ và khốn cùng được?

Được lời khuyên tốt lành này thúc đẩy thêm nữa để thể hiện lòng thương xót, vị thánh đã rơi lệ và, quỳ gối xuống, dâng lên Chúa một lời cầu nguyện nồng nhiệt. Và Chúa, Đấng đã ban sự sống trở lại cho các con trai của góa phụ thành Sarepta và người phụ nữ thành Soman (3 Vua 17:21; 4 Vua 4:35), đã nghe lời cầu nguyện của Thánh Spiridon và ban lại hơi thở sự sống cho đứa trẻ ngoại đạo; đứa trẻ ấy, ngay khi sống lại, đã khóc lên ngay lập tức. Người mẹ, khi thấy con mình còn sống, vì quá vui sướng mà ngã xuống và qua đời: không chỉ bệnh tật nặng nề và nỗi buồn trong lòng mới giết chết con người, mà đôi khi chính niềm vui quá độ cũng gây ra điều tương tự. Vậy là, người phụ nữ ấy đã qua đời vì quá vui sướng, còn những người chứng kiến cái chết của bà – sau niềm vui bất ngờ nhân dịp đứa trẻ được hồi sinh – lại chìm trong nỗi buồn và nước mắt bất ngờ. Lúc đó, vị thánh lại hỏi vị phó tế:

– Chúng ta phải làm gì đây?

[8755] Cần lưu ý rằng Hoàng đế Constantius có thiện cảm với những người theo tà giáo Arian.

Phó tế lặp lại lời khuyên trước đó, và vị thánh lại cầu nguyện. Ngước mắt lên trời và hướng tâm hồn về Thiên Chúa, ngài cầu nguyện với Đấng thổi hơi thở sự sống vào người chết và Đấng biến đổi vạn vật bằng ý muốn duy nhất của Ngài. Sau đó, ngài nói với người phụ nữ đã qua đời đang nằm trên mặt đất:

– Hãy sống lại và đứng dậy đi!

Và bà đứng dậy, như vừa thức giấc sau giấc ngủ, rồi bế đứa con trai còn sống của mình lên tay.

Vị thánh đã cấm người phụ nữ và tất cả những ai có mặt tại đó không được kể lại phép lạ này cho bất kỳ ai; nhưng phó tế Artemidot, sau khi vị thánh qua đời, không muốn im lặng trước sự vĩ đại và quyền năng của Thiên Chúa, được thể hiện qua vị thánh nhân vĩ đại của Thiên Chúa là Spiridon, đã kể lại cho các tín hữu nghe về tất cả những gì đã xảy ra.

Khi vị thánh trở về nhà, có một người đàn ông đến gặp ngài, muốn mua một trăm con dê từ đàn dê của ngài. Thánh nhân bảo người ấy phải để lại số tiền đúng giá đã thỏa thuận rồi mới nhận số dê đã mua. Nhưng người đó chỉ để lại tiền mua chín mươi chín con dê và giấu đi tiền của một con, nghĩ rằng thánh nhân sẽ không biết, vì ngài, với lòng đơn sơ, hoàn toàn xa lạ với mọi lo toan đời thường. Khi cả hai đang ở trong chuồng gia súc, vị thánh bảo người mua hãy lấy số dê tương ứng với số tiền đã trả, và người mua, sau khi tách ra một trăm con dê, đã đuổi chúng ra ngoài hàng rào. Nhưng một trong số chúng, như một con dê thông minh và hiền lành, biết rằng mình không bị chủ bán đi, đã nhanh chóng quay lại và chạy vào trong chuồng. Người mua lại bắt nó và lôi theo, nhưng nó vùng vẫy thoát ra và lại chạy về chuồng. Như vậy, nó đã ba lần thoát khỏi tay người mua và chạy về phía hàng rào, còn anh ta thì dùng sức lôi nó đi, và cuối cùng, anh ta vác nó lên vai và mang về nhà mình, trong khi con dê kêu be be to, húc sừng vào đầu anh ta, vùng vẫy và giãy giụa, khiến tất cả những ai chứng kiến cảnh đó đều ngạc nhiên. Lúc đó, Thánh Spiridon, đã hiểu rõ sự việc nhưng không muốn vạch trần người mua bất lương trước mặt mọi người, liền nói khẽ với anh ta:

– Này con ơi, chắc hẳn con vật này không vô cớ mà hành động như vậy, không muốn bị dẫn về nhà con: liệu con có giấu diếm giá đúng của nó không? Chẳng phải vì thế mà nó giãy giụa thoát khỏi tay con và chạy về phía hàng rào sao?

Người mua cảm thấy xấu hổ, thú nhận lỗi lầm và xin lỗi, sau đó đưa tiền và nhận con dê – và chính con dê ấy đã ngoan ngoãn, răm rắp đi vào nhà người mua, đi trước chủ mới của mình.

Trên đảo Síp có một ngôi làng tên là Friera. Khi đến đó vì một việc gì đó, Thánh Spiridon bước vào nhà thờ và bảo một người đang có mặt ở đó, một phó tế, hãy đọc một lời cầu nguyện ngắn gọn: vị thánh đã mệt mỏi vì chặng đường dài, nhất là khi đó đang là mùa gặt và trời nắng gắt. Nhưng vị phó tế bắt đầu thực hiện lời dặn một cách chậm chạp và cố tình kéo dài lời cầu nguyện, như thể với một chút kiêu ngạo khi cất tiếng đọc các lời cầu nguyện và hát, đồng thời rõ ràng đang khoe khoang giọng nói của mình. Thánh Spiridon nhìn anh ta với ánh mắt giận dữ, dù bản tính ngài vốn hiền lành, và khi quở trách anh ta, ngài nói: "Im đi!" Và ngay lập tức, vị phó tế mất tiếng: anh ta không chỉ mất giọng nói mà còn mất cả khả năng nói, và đứng đó như thể hoàn toàn không có lưỡi. Nỗi sợ hãi ập đến với tất cả những người có mặt. Tin tức về sự việc này nhanh chóng lan truyền khắp làng, và tất cả cư dân đổ xô đến để chứng kiến phép lạ và đều kinh hoàng. Vị phó tế quỳ xuống dưới chân vị thánh, dùng cử chỉ van xin ngài cho phép anh ta nói lại, đồng thời bạn bè và người thân của vị phó tế cũng khẩn cầu điều tương tự với vị giám mục. Nhưng vị thánh không ngay lập tức đáp ứng lời thỉnh cầu, vì ngài rất nghiêm khắc với những kẻ kiêu ngạo và tự mãn; cuối cùng, ngài đã tha thứ cho người có lỗi, giải thoát lưỡi anh ta và trả lại khả năng nói; tuy nhiên, ngài vẫn để lại trên anh ta dấu vết của sự trừng phạt, không trả lại cho giọng nói của anh ta sự rõ ràng hoàn toàn, và khiến anh ta suốt đời phải nói khàn, lắp bắp và nói ngọng, để anh ta không kiêu ngạo về giọng nói của mình và không khoe khoang về sự rõ ràng trong lời nói.

Một lần nọ, Thánh Spiridon bước vào nhà thờ trong thành phố của mình để dự lễ chiều. Tình cờ lúc đó trong nhà thờ không có ai ngoài các linh mục. Nhưng bất chấp điều đó, ngài vẫn ra lệnh thắp lên rất nhiều nến và đèn dầu, rồi tự mình đứng trước bàn thờ trong sự cảm động thiêng liêng. Và khi ngài cất tiếng vào đúng giờ: "Bình an cho mọi người!" – mà không có ai đáp lại lời chúc bình an mà vị thánh nhân vừa tuyên xưng như thường lệ, bỗng nhiên từ trên cao vang lên vô số giọng nói đồng thanh: "Và cho linh hồn ngài." Dàn hợp xướng ấy thật hùng vĩ, hài hòa và có giọng ca ngọt ngào hơn bất kỳ tiếng hát nào của con người. Vị phó tế đang đọc lời cầu nguyện đã kinh hoàng khi nghe sau mỗi lời cầu nguyện lại vang lên từ trên cao một tiếng hát kỳ diệu: "Lạy Chúa, xin thương xót!". Tiếng hát ấy thậm chí còn được nghe thấy bởi những người đang ở xa nhà thờ; trong số họ, nhiều người vội vã chạy đến đó, và khi họ càng đến gần nhà thờ, tiếng hát kỳ diệu ấy càng tràn ngập tai họ và làm dịu lòng họ.

Nhưng khi họ bước vào nhà thờ, họ không thấy ai ngoài vị thánh cùng một vài người phục vụ nhà thờ, và cũng không còn nghe thấy tiếng hát thiên đàng nữa, điều này khiến họ vô cùng ngạc nhiên.

Một lần khác, khi vị thánh cũng đang đứng trong nhà thờ trong buổi hát kinh chiều, dầu trong đèn đã cạn và ngọn lửa bắt đầu tàn lụi. Vị thánh buồn rầu vì điều này, lo sợ rằng khi ngọn đèn tắt, tiếng hát trong nhà thờ cũng sẽ ngừng lại, và như vậy, quy tắc thông thường của nhà thờ sẽ không được tuân thủ. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng thực hiện ý muốn của những ai kính sợ Ngài, đã ra lệnh cho ngọn đèn tràn đầy dầu đến mức tràn ra ngoài, giống như chiếc bình của người góa phụ vào thời tiên tri Ê-li-sê (4 Vua 4:2–6). Các thừa tác viên nhà thờ mang bình đến, đặt dưới ngọn đèn và đổ đầy dầu một cách kỳ diệu. Dầu thực thể này rõ ràng là biểu tượng cho ân sủng dồi dào vô biên của Đức Chúa Trời, ân sủng mà Thánh Spiridon đã được tràn đầy và nhờ đó, đoàn chiên tinh thần của ngài cũng được nuôi dưỡng.

Trên đảo Síp có thành phố Kirina. Một lần nọ, Thánh Spiridon từ Trimythous đến đây để giải quyết công việc cùng với môn đệ của ngài là Trifillios, người lúc bấy giờ đã là Giám mục Leukousia trên đảo Síp. Khi họ băng qua núi Pentadaktylos và đến một nơi gọi là Parimna (nổi tiếng với vẻ đẹp và thảm thực vật phong phú), Thánh Trifillios đã bị nơi này quyến rũ và mong muốn mua một khu đất nào đó trong vùng này để làm nhà thờ cho mình. Ông đã suy ngẫm về điều này trong lòng rất lâu; nhưng những suy nghĩ của ông không thể che giấu được trước con mắt tâm linh sáng suốt của vị cha thánh vĩ đại, người đã nói với ông:

– Tại sao, Trifili, con lại luôn suy nghĩ về những điều phù du và khao khát những điền trang và vườn tược, vốn thực ra chẳng có giá trị gì cả, chỉ trông có vẻ quan trọng, và bằng giá trị ảo tưởng của chúng, khơi dậy trong lòng người ta khát vọng sở hữu chúng? Kho báu bất diệt của chúng ta – ở trên trời (1 Phê-rô 1:4), chúng ta có *một đền thờ không do tay người dựng nên* (2 Cô-rinh-tô 5:4), – hãy hướng về chúng và tận hưởng chúng trước (qua sự suy ngẫm về Đức Chúa Trời): chúng không thể chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác, và ai một khi trở thành chủ nhân của chúng, người ấy sẽ nhận được gia tài mà sẽ không bao giờ mất đi nữa.

Những lời này đã mang lại lợi ích to lớn cho Trifillius, và sau này, nhờ đời sống Kitô hữu chân chính của mình, ông đã trở thành một khí cụ được Chúa Kitô chọn lựa, giống như Thánh Phaolô, và được ban cho vô số ân sủng từ Thiên Chúa.

Như vậy, Thánh Spiridon, bản thân là người có đức hạnh, đã hướng dẫn người khác đến với đức hạnh; những ai tuân theo lời khuyên răn và chỉ dạy của ngài thì được hưởng lợi ích, còn những ai từ chối chúng thì phải chịu kết cục bi thảm, như có thể thấy trong câu chuyện sau đây.

Một thương gia, cũng là cư dân của Trimifunt, đã lên thuyền đi sang một đất nước xa xôi để buôn bán và ở lại đó mười hai tháng. Trong thời gian đó, vợ ông đã ngoại tình và mang thai. Khi trở về nhà, người thương gia thấy vợ mình đang mang thai và hiểu rằng cô ấy đã ngoại tình khi không có anh ta. Anh ta nổi giận, đánh đập cô ấy và, không muốn sống chung với cô ấy nữa, đã đuổi cô ấy ra khỏi nhà, rồi đi kể lại mọi chuyện cho Thánh Spiridon và xin ngài lời khuyên. Vị thánh, với lòng xót xa trước tội lỗi của người phụ nữ và nỗi đau khổ tột cùng của người chồng, đã gọi người vợ đến và, không hỏi xem cô ta có thực sự phạm tội hay không – vì chính việc mang thai và đứa con được thụ thai từ hành vi phạm tội đã chứng minh điều đó – ngài đã thẳng thắn nói với cô ta:

– Tại sao ngươi lại làm ô uế giường chiếu của chồng mình và làm nhục ngôi nhà của ông ấy?

Nhưng người phụ nữ, đã mất hết sự xấu hổ, lại dám nói dối trắng trợn rằng cô ta thụ thai không phải từ ai khác, mà chính là từ chồng mình. Những người có mặt tại đó càng phẫn nộ với cô ta vì lời nói dối này hơn cả việc ngoại tình, và họ nói với cô ta:

– Sao ngươi lại nói rằng mang thai từ chồng, trong khi anh ta đã vắng nhà suốt mười hai tháng? Làm sao thai nhi có thể ở trong bụng mẹ suốt mười hai tháng, thậm chí còn lâu hơn được?

Nhưng cô ta vẫn khăng khăng khẳng định rằng đứa con trong bụng đang chờ cha nó trở về để được chào đời bên cạnh ông ấy. Trong khi bảo vệ lời nói dối này và những lời nói dối tương tự, đồng thời tranh cãi với mọi người, cô ta đã gây ồn ào và la hét rằng mình bị vu khống và bị xúc phạm. Lúc đó, Thánh Spiridon, mong muốn dẫn dắt cô ta đến sự ăn năn, đã nhẹ nhàng nói với cô ta:

– Hỡi người phụ nữ! Ngươi đã sa vào tội lỗi lớn lao, – sự sám hối của ngươi cũng phải lớn lao tương xứng, vì đối với ngươi, hy vọng được cứu rỗi vẫn còn: không có tội lỗi nào vượt quá lòng thương xót của Thiên Chúa. Nhưng ta thấy rằng sự ngoại tình đã gây ra sự tuyệt vọng trong lòng nàng, và sự tuyệt vọng lại dẫn đến sự vô liêm sỉ; lẽ ra nàng đáng phải chịu một hình phạt xứng đáng và tức thì; và dù sao đi nữa, để dành cho ngươi cơ hội và thời

gian sám hối, chúng ta công khai tuyên bố với ngươi: thai nhi sẽ không ra khỏi bụng ngươi cho đến khi ngươi nói ra sự thật, không che đậy bằng lời dối trá điều mà ngay cả người mù, như người ta thường nói, cũng có thể nhìn thấy.

Lời của vị thánh chẳng bao lâu sau đã trở thành sự thật. Khi người phụ nữ đến lúc sinh nở, nàng bị một căn bệnh dữ dội hành hạ, gây ra những đau đớn tột cùng khi đứa trẻ vẫn còn nằm trong bụng nàng. Nhưng nàng, vì lòng cứng cỏi, đã không chịu thú nhận tội lỗi của mình, và cuối cùng đã chết trong đau đớn mà không kịp sinh con. Khi biết tin này, vị thánh của Đức Chúa Trời đã rơi lệ, hối hận vì đã phán xét người phụ nữ tội lỗi đó như vậy, và nói:

– Ta sẽ không còn phán xét con người nữa, nếu những lời ta nói lại nhanh chóng trở thành sự thật đối với họ như vậy.

Có một người phụ nữ tên là Sofronia, có đạo đức và sùng đạo, có chồng là người ngoại đạo. Cô đã nhiều lần tìm đến Thánh Spiridon và tha thiết cầu xin ngài cố gắng dẫn dắt chồng cô đến với đức tin chân chính. Chồng bà là hàng xóm của Thánh Spiridon và rất kính trọng ngài; thỉnh thoảng, với tư cách là hàng xóm, họ còn ghé thăm nhà nhau. Một lần nọ, có rất nhiều hàng xóm của vị thánh và người ngoại đạo tụ tập lại; chính họ cũng có mặt ở đó. Bỗng nhiên, vị thánh nói với một người đầy tớ trước mặt mọi người:

– Kia, ở cổng có một sứ giả đang đứng, được người chăn cừu của ta cử đến, mang tin rằng khi người chăn cừu ngủ gật, toàn bộ đàn gia súc đã biến mất, lạc vào núi: hãy đi, nói với anh ta rằng người chăn cừu đã cử anh ta đến đã tìm thấy toàn bộ đàn gia súc còn nguyên vẹn trong một hang động.

Người hầu đi và truyền lại lời của vị thánh cho người được cử đến. Ngay sau đó, khi những người có mặt còn chưa kịp đứng dậy khỏi bàn ăn, một sứ giả khác từ người chăn cừu lại đến – mang tin rằng cả đàn gia súc đã được tìm thấy. Nghe vậy, người ngoại đạo vô cùng ngạc nhiên vì thánh Spiridon biết những gì đang diễn ra ở nơi xa xôi như thể đang xảy ra ngay trước mắt; ông ta tưởng tượng rằng vị thánh là một trong các vị thần, và muốn làm với ngài điều mà xưa kia dân cư Lycaonia đã làm với các Tông đồ Barnaba và Phaolô[8756] , tức là dâng các con vật hiến tế, chuẩn bị vòng hoa và cử hành lễ hiến tế. Nhưng vị thánh đã nói với ông ta:

– Ta không phải là thần, mà chỉ là tôi tớ của Đức Chúa Trời và là con người, giống như ngươi trong mọi sự. Còn điều ta biết về những gì đang diễn ra ngoài tầm mắt, đó là điều Đức Chúa Trời ban cho ta; và nếu ngươi cũng tin vào Ngài, thì ngươi sẽ nhận biết sự vĩ đại của quyền năng và sức mạnh vô biên của Ngài.

Về phần mình, vợ của người ngoại đạo Sofronia, nhân cơ hội thích hợp, đã thuyết phục chồng từ bỏ những lầm lạc ngoại đạo, nhận biết Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, và tin vào Ngài. Cuối cùng, nhờ ân sủng của Đức Kitô, người ngoại đạo đã được dẫn dắt đến đức tin chân chính và được soi sáng qua phép rửa thánh. Như vậy, *"người chồng không tin"*[8757] (1 Cr 7,14), như Thánh Tông Đồ Phaolô đã nói, đã được cứu rỗi.

Người ta cũng kể về lòng khiêm nhường của Thánh Spiridon, rằng dù là một vị thánh và nhà làm phép lạ vĩ đại, ngài vẫn không ngần ngại chăn dắt những con cừu câm lặng và tự mình đi theo chúng. Một đêm nọ, bọn trộm lẻn vào chuồng cừu, bắt đi vài con cừu và định bỏ trốn. Nhưng Thiên Chúa, vì yêu thương vị thánh nhân của Ngài và bảo vệ tài sản ít ỏi của ngài, đã dùng những sợi dây vô hình trói chặt bọn trộm, khiến chúng không thể ra khỏi hàng rào, và chúng phải ở lại trong tình trạng đó, bất chấp ý muốn của mình, cho đến sáng. Khi bình minh ló rạng, vị thánh đến bên đàn cừu và, khi thấy bọn trộm bị trói tay chân bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, ngài đã dùng lời cầu nguyện của mình để cởi trói cho chúng và dạy dỗ chúng rằng đừng ham muốn của người khác, mà hãy sống bằng công sức lao động của chính mình; sau đó ngài ban cho họ một con cừu đực, để, như chính ngài đã nói, "công sức và đêm trắng của họ không uổng phí", rồi cho họ ra về trong bình an.

Có một thương gia ở Trimifunt thường mượn tiền của vị thánh để làm vốn kinh doanh, và khi trở về sau những chuyến đi công tác, mang số tiền đã mượn trả lại, thì vị thánh thường bảo ông tự bỏ tiền vào chiếc hòm mà ông đã lấy ra. Ngài ít quan tâm đến những lợi lộc tạm thời đến mức thậm chí chưa bao giờ kiểm tra xem người vay có trả đúng hạn hay không! Trong khi đó, thương gia này đã nhiều lần làm như vậy: tự tay lấy tiền ra khỏi hòm thánh với sự ban phước của vị thánh, rồi lại tự tay bỏ số tiền mang về vào đó, và công việc kinh doanh của ông ngày càng phát đạt. Nhưng một lần nọ, bị lòng tham chi phối, ông ta không bỏ số vàng mang đến vào hòm mà giữ lại cho

---

[8756] Người dân thành phố Lystra thuộc Lycaonia (ở Tiểu Á) đã nhầm lẫn các Tông đồ Phaolô và Barnaba với các vị thần ngoại giáo – Zeus và Hermes. (Công vụ 14:13.)

[8757] Trong những lời này, Phaolô muốn nói rằng sự ô uế của người cha ngoại đạo dường như được xóa bỏ bởi sự trong sạch của người mẹ – một tín hữu Kitô giáo – và không được truyền lại cho những đứa con sinh ra từ cuộc hôn nhân đó. Tuy nhiên, điều hiển nhiên là việc kết hôn với một phụ nữ (hoặc một người đàn ông) Kitô hữu đối với một người ngoại đạo là bước tự nhiên dẫn đến sự thánh hóa trọn vẹn, tức là việc chính họ chấp nhận đức tin vào Đức Kitô.

riêng mình, rồi nói dối vị thánh rằng đã bỏ vào rồi. Chẳng bao lâu sau, ông ta lâm vào cảnh nghèo túng, bởi vì số vàng giấu đi không những không mang lại lợi nhuận cho ông ta, mà còn khiến công việc buôn bán của ông ta thất bại và, như ngọn lửa, thiêu rụi toàn bộ tài sản của ông ta. Lúc đó, thương gia lại đến gặp vị thánh và xin ông cho vay tiền. Vị thánh chỉ cho ông ta vào phòng ngủ của mình, nơi có chiếc hộp, để ông ta tự lấy. Ông nói với người buôn bán:

– Hãy đi và lấy đi, nếu chính anh đã cất vào đó.

Người buôn bán đi vào, nhưng không tìm thấy tiền trong chiếc hộp, nên quay lại gặp vị thánh với hai tay trắng. Vị thánh nói với ông:

– Nhưng mà, anh em ơi, trong chiếc hòm đó cho đến giờ này chưa từng có bàn tay nào khác chạm vào ngoài bàn tay của anh. Vậy thì, nếu lúc đó anh đã bỏ vàng vào đó, thì bây giờ anh đã có thể lấy lại được rồi.

Người buôn bán, cảm thấy xấu hổ, quỳ xuống dưới chân vị thánh và xin tha thứ. Vị thánh ngay lập tức tha thứ cho anh ta, nhưng đồng thời cũng dạy dỗ anh ta rằng đừng ham muốn của người khác và đừng làm ô uế lương tâm mình bằng sự lừa dối và dối trá. Như vậy, lợi nhuận thu được bằng sự dối trá không phải là lợi nhuận, mà cuối cùng lại là tổn thất.

Tại Alexandria, một lần nọ đã diễn ra một hội đồng các giám mục: Đức Thượng phụ Alexandria đã triệu tập tất cả các giám mục thuộc quyền của ngài và mong muốn, qua lời cầu nguyện chung, lật đổ và phá hủy tất cả các thần tượng ngoại đạo, vốn vẫn còn rất nhiều ở đó. Và vào lúc đó, khi vô số lời cầu nguyện thành kính – cả của toàn thể hội đồng lẫn cá nhân – được dâng lên Thiên Chúa, tất cả các tượng thần trong thành phố và vùng lân cận đều đổ sụp, chỉ có một tượng thần được những người ngoại đạo đặc biệt tôn kính là vẫn còn nguyên vẹn tại chỗ. Sau khi vị tổng giám mục cầu nguyện lâu dài và sốt sắng để phá hủy tượng thần này, một đêm nọ, khi ngài đang đứng cầu nguyện, ngài đã được ban cho một thị kiến thiêng liêng và được truyền lệnh đừng buồn phiền vì tượng thần chưa bị phá hủy, mà hãy mau chóng gửi thư đến Síp và mời Thánh Spiridon, Giám mục Trimythous, từ đó đến, vì chính vì lý do đó mà tượng thần ấy được để lại, để được phá hủy bởi lời cầu nguyện của vị thánh này. Tổng Giám mục lập tức viết thư gửi Thánh Spiridon, trong đó mời ngài đến Alexandria và kể về thị kiến của mình, rồi ngay lập tức gửi bức thư này đến Síp. Nhận được thư, Thánh Spiridon lên tàu và khởi hành đến Alexandria. Khi con tàu cập bến tại một bến cảng tên là Neapolis và vị thánh bước lên bờ, ngay lúc đó, tượng thần ở Alexandria cùng với vô số bàn thờ của nó đã sụp đổ, chính vì vậy mà người dân Alexandria mới biết tin về sự đến của Thánh Spiridon. Bởi vì, khi người ta báo cho tổng giám mục biết rằng tượng thần đã sụp đổ, tổng giám mục đã nói với các giám mục khác:

– Hỡi các bạn! Thánh Spiridon của Trimythous đang đến gần.

Và tất cả, sau khi chuẩn bị sẵn sàng, đã ra đón vị thánh và, sau khi tiếp đón ngài một cách long trọng, họ đã vui mừng vì sự hiện diện của một vị thánh làm phép lạ vĩ đại và là ngọn đèn soi sáng thế gian.

Các nhà sử học Giáo hội là Nikiforos[8758] và Sozomen[8759] ghi chép rằng Thánh Spiridon vô cùng quan tâm đến việc tuân thủ nghiêm ngặt nghi thức Giáo hội và bảo tồn nguyên vẹn từng chữ trong các sách Thánh Kinh. Một lần, sự việc sau đây đã xảy ra. Tại đảo Síp, các giám mục trên toàn đảo đã tụ họp để bàn về các vấn đề của Giáo hội. Trong số các giám mục có Thánh Spiridon và Trifillios đã được đề cập ở trên – một người am hiểu sâu rộng về tri thức sách vở, bởi vì khi còn trẻ, ông đã dành nhiều năm ở Berytus[8760] để nghiên cứu Kinh Thánh và các môn học.

Các vị giám mục có mặt đã mời ông giảng dạy cho dân chúng trong nhà thờ. Khi đang giảng dạy, ông đã nhắc lại những lời của Chúa Kitô dành cho người bị liệt: *"Hãy đứng dậy và vác giường của ngươi đi"* (Mc 2,12). Trifillios đã thay thế từ *"giường"* bằng từ "nôi" và nói: *"Hãy đứng dậy và mang* nôi *của ngươi đi."* Nghe vậy, Thánh Spiridon đứng dậy khỏi chỗ ngồi và, không thể chấp nhận việc thay đổi lời của Chúa Kitô, đã nói với Trifillios:

– Chẳng lẽ ngươi giỏi hơn Đấng đã phán "giường", đến nỗi lại xấu hổ vì từ ngữ mà Ngài đã dùng sao?

Nói xong, ngài bước ra khỏi nhà thờ trước mặt mọi người. Ngài làm như vậy không phải vì lòng oán hận, cũng không phải vì bản thân ngài hoàn toàn thiếu học thức: bằng cách khiến Trifillius, người tự hào về tài hùng

---

[8758] Nikiforos Kallistos – nhà sử học Giáo hội sống vào thế kỷ XIV. Tác phẩm "Lịch sử Giáo hội" của ông, gồm 18 quyển, được hoàn thành trước khi Hoàng đế Byzantine Phokas qua đời (năm 611).

[8759] Sozomen – nhà sử học Giáo hội thế kỷ V, đã viết lịch sử Giáo hội từ năm 323 đến năm 439.

[8760] Beryt – nay là Beirut – là một thành phố cổ của Phoenicia nằm bên bờ Biển Địa Trung Hải; đã đặc biệt thịnh vượng vào thế kỷ V và nổi tiếng với trường cao đẳng về hùng biện, thi ca và luật pháp; hiện nay là thành phố hành chính chính của vùng Syria thuộc Thổ Nhĩ Kỳ (phía châu Á) và là trung tâm quan trọng nhất trên bờ biển Syria với dân số lên đến 80.000 người.

biện của mình, cảm thấy hơi xấu hổ, ngài đã dạy cho ông bài học về sự khiêm nhường và hiền lành. Hơn nữa, Thánh Spiridon được (trong số các giám mục) tôn kính vô cùng, vì ngài là người cao tuổi nhất, có đời sống cao quý, đứng đầu trong hàng giám mục và là vị thánh làm phép lạ vĩ đại; chính vì vậy, vì sự kính trọng dành cho nhân cách ngài, ai nấy đều tôn trọng cả những lời ngài nói.

Thánh Spiridon được Chúa ban cho ân sủng và lòng thương xót vô cùng lớn lao, đến nỗi vào mùa gặt, vào lúc nắng gắt nhất trong ngày, đầu thánh của ngài bỗng được bao phủ bởi sương mát lạnh từ trên cao rơi xuống. Điều đó xảy ra vào năm cuối cùng của cuộc đời ngài. Cùng với những người gặt lúa, ngài ra đồng gặt lúa (vì ngài khiêm nhường và tự tay làm việc, không tự hào về địa vị cao quý của mình), và khi ngài đang gặt lúa trên cánh đồng của mình, bỗng nhiên, giữa lúc nắng gắt nhất, đầu ngài được tưới ướt, giống như điều đã từng xảy ra với tấm lông cừu của Gideon (Các Quan Xét 6:38), và tất cả những ai có mặt cùng ngài trên cánh đồng đều chứng kiến điều đó và kinh ngạc. Sau đó, tóc trên đầu ngài bỗng dưng thay đổi: một số chuyển sang màu vàng, một số khác thành màu đen, một số lại thành màu trắng, và chỉ có chính Đức Chúa Trời mới biết điều đó nhằm mục đích gì và báo hiệu điều gì. Thánh nhân sờ đầu bằng tay và nói với những người ở bên cạnh rằng đã đến lúc linh hồn ngài phải rời xa thân xác, rồi ngài bắt đầu dạy dỗ mọi người về những việc lành, đặc biệt là tình yêu đối với Đức Chúa Trời và người lân cận.

Vài ngày sau, trong lúc cầu nguyện, Thánh Spiridon đã dâng linh hồn thánh thiện và công chính của mình lên Chúa[8761] , Đấng mà ngài đã phụng sự suốt cuộc đời trong sự công chính và thánh thiện, và ngài được an táng một cách trang trọng tại Nhà thờ Các Thánh Tông đồ ở Trimifunt[8762] . Tại đó, người ta đã thiết lập việc cử hành lễ tưởng niệm ngài hàng năm, và tại quan tài của ngài, vô số phép lạ xảy ra để tôn vinh Thiên Chúa kỳ diệu, Đấng được tôn vinh trong các thánh của Ngài, Cha, Con và Thánh Thần, Đấng mà chúng ta cũng xin dâng lên vinh quang, tạ ơn, tôn kính và thờ phượng muôn đời. Amen.

Bài ca Troparion, giọng 1:

Ngài đã hiện ra như một vị anh hùng và nhà làm phép lạ tại Công đồng đầu tiên, thánh Spiridon, vị thánh mang hình ảnh Thiên Chúa, Cha chúng con. Chính Ngài đã làm cho người chết trong quan tài sống lại và biến con rắn thành vàng; và khi Ngài dâng những lời cầu nguyện thánh thiêng, các Thiên thần đã đồng tế cùng Ngài một cách thiêng liêng nhất. Vinh quang thuộc về Đấng ban cho ngài sức mạnh, vinh quang thuộc về Đấng đã trao vương miện cho ngài, vinh quang thuộc về Đấng thực hiện mọi sự chữa lành qua ngài.

Kondak, giọng 2:

Được thấm nhuần tình yêu của Đấng Kitô, thánh nhân đã hướng tâm trí về ánh sáng của Thánh Thần; nhờ cái nhìn sáng suốt của ngài, ngài đã thực hiện những việc làm đẹp lòng Thiên Chúa, trở thành bàn thờ thiêng liêng, cầu xin cho mọi người được hưởng ánh sáng thiêng liêng.

[8761] Thánh Spiridon qua đời vào khoảng năm 348.

[8762] Nhờ ân sủng của Thiên Chúa, thi hài thánh Spiridon vẫn được bảo tồn nguyên vẹn và, điều đặc biệt đáng chú ý, da thịt của ngài vẫn mềm mại như cơ thể con người bình thường. Tại Trimifunt, thi hài của ngài được an táng cho đến giữa thế kỷ VII, khi đó, do các cuộc xâm lược của các bộ tộc man rợ, thi hài đã được chuyển đến Constantinople. Vào cuối thế kỷ XII hoặc đầu thế kỷ XIII, theo lời chứng của Tổng Giám mục Antonios của Novgorod, người đã đi hành hương đến các thánh địa, đầu thiêng liêng của vị thánh này được lưu giữ tại Nhà thờ Các Thánh Tông đồ ở Constantinople, còn bàn tay và thi hài của ngài được an nghỉ dưới bàn thờ của Nhà thờ Đức Mẹ Odigitria. Còn các hành hương viên Nga vào thế kỷ XIV và XV: Stefan người Novgorod (năm 1350), phó tế Ignatius (năm 1389), thư ký Alexander (1391–1395) và phó tế tu sĩ Zosima (năm 1420) đã được chiêm ngưỡng di cốt của Thánh Spiridon và hôn kính chúng tại Nhà thờ Các Thánh Tông đồ ở Constantinople. Vào ngày 29 tháng 5 năm 1453, một linh mục tên là Georgiy, có biệt danh là Kalokheret, đã mang di cốt của vị thánh này đến Serbia, và từ đó vào năm 1460, đến đảo Corfu. Trong nửa đầu thế kỷ XVIII, người hành hương người Nga tên là Barsky đã nhìn thấy chúng trên hòn đảo này, tại thành phố cùng tên trong nhà thờ Thánh Spiridon; các di cốt vẫn còn đầy đủ, ngoại trừ bàn tay phải, hiện đang được lưu giữ tại Rome trong nhà thờ Đức Mẹ, được gọi là "Nhà thờ Mới", gần quảng trường Pasquino.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Alexander, Giám mục Giêrusalem

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 12

Thánh Tử đạo Alexander, người đã anh dũng chiến đấu và chịu khổ vì đức tin vào Chúa Kitô, thuộc về số đông các môn đệ mà vị thầy nổi tiếng nhất của Giáo hội thế kỷ III, Clément d'Alexandrie[8763] , đã quy tụ xung quanh mình tại Alexandria, và ngài có mối quan hệ thân thiết với Origène[8764] . Vào đầu thế kỷ III, Thánh Alexander được tấn phong làm giám mục tại Flavia, thuộc Cappadocia[8765] . Trong cuộc bách hại dưới thời Septimius Severus[8766] , vì lòng nhiệt thành với đức tin vào Chúa Kitô, ngài đã phải chịu cảnh giam cầm trong ngục tối, nơi ngài phải chịu đựng trong nhiều năm. Sau khi được thả ra khỏi ngục, vị thánh nảy sinh mong muốn đến viếng các thánh địa tại Giê-ru-sa-lem[8767] , nơi ngài được dân chúng và các ẩn sĩ chào đón – những người đã được báo trước từ trên cao về sự hiện diện của ngài – và, theo một sự mặc khải rõ ràng từ trời, ngài được bầu làm đồng quản trị cùng với Đức Thượng phụ già nua của Giê-ru-sa-lem là Narkissos[8768] . Trong suốt một thế hệ, tức 38 năm, Thánh Alexander đã cai quản Giáo hội Giê-ru-sa-lem một cách khôn ngoan[8769] . Ngài nổi tiếng với lòng yêu mến việc giáo dục.

Dưới sự lãnh đạo của Giáo hội Giê-ru-sa-lem, ngài đã tự bỏ tiền túi để xây dựng một thư viện lớn gồm các sách Thánh Kinh và các tác phẩm của các nhà văn Kitô giáo thời bấy giờ[8770] . Trong cuộc bách hại dưới thời Đê-ki-a, Thánh Alexander bị triệu tập đến Cêsarea Palestine[8771] để ra tòa và tại đó, ngài đã lần thứ hai tuyên xưng đức tin vào Chúa Kitô. Sau khi bị ném vào ngục tối, ngài đã ở đó trong một thời gian khá dài và cũng chính tại đó, ngài đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[8772] .

Lễ kính Thánh Tử đạo Razumnik

Ngày tưởng niệm: 12 tháng 12

Thánh Tử đạo Razumnik[8773] là người gốc La Mã, khi còn trẻ đã được cha mẹ giao cho Giám mục Rôma để học các sách Thánh. Vì trong quá trình học tập, ngài đã bộc lộ tính cách tốt đẹp, nên được bổ nhiệm làm người đọc kinh trong nhà thờ. Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ này, ngài đã dạy dỗ nhiều người về lòng đạo đức và đức tin chân chính, đồng thời vạch trần sự thờ phượng theo phong tục ngoại giáo và lên án những ai thờ lạy các thần tượng. Khi tin này được báo lên hoàng đế, Thánh Razumnik đã bị dẫn đến trước mặt hoàng đế để thẩm vấn, và ngay trước mặt hoàng đế, ngài đã can đảm tuyên xưng Đức Kitô. Vì điều này, ngài đã phải chịu những hình phạt

---

[8763] Clément d'Alexandrie – một trong những học giả Kitô giáo xuất sắc và nổi tiếng nhất của những thế kỷ đầu tiên – vào năm 217, là người giảng dạy (giáo sư) tại trường "Dạy giáo lý" nổi tiếng ở Alexandria, nơi nhờ vị trí trung tâm của nền giáo dục và học thuật toàn cầu mà đã trở thành một cơ sở giáo dục thần học và học thuật, thu hút đông đảo học viên có học thức đến theo học.

[8764] Origen – học trò của Clément d'Alexandrie, vị giáo sư Kitô giáo nổi tiếng nhất thế kỷ III, ban đầu là một trong những giảng viên xuất sắc nhất của Trường "Giáo lý" tại Alexandria. Sau này, khi Thánh Alexander đã trở thành người đứng đầu Giáo hội Jerusalem, vì lòng kính trọng và tình bạn dành cho Origen, ngài đã cho phép ông giảng dạy trước mặt ngài tại Nhà thờ Jerusalem; và chính vì sự cho phép này – việc một giáo dân được giảng dạy trong nhà thờ trước mặt giám mục – mà ngài đã bị Dimitri, Giám mục Alexandria, kẻ thù của Origene, nhưng Thánh Alexander đã chỉ ra cho ông ta tấm gương của các Giáo hội khác; sau đó, ngài thậm chí còn phong chức linh mục cho Origene, điều này lại làm bùng lên tranh cãi giữa ngài và Dimitri.

[8765] Cappadocia – một vùng đất rộng lớn ở phía đông Tiểu Á. Flavia – một trong những thành phố của Cappadocia.

[8766] Khoảng năm 209–210. – Septimius Severus – hoàng đế La Mã – trị vì từ năm 193–211.

[8767] Đó là vào năm 212.

[8768] Narcissus đảm nhận chức vụ tổng giám mục vào khoảng năm 196 và sau đó lần thứ hai vào năm 212.

[8769] Từ năm 212 đến năm 250.

[8770] Nhân tiện, thư viện này cũng từng được sử dụng vào thời đó (thế kỷ IV) bởi nhà sử học Giáo hội nổi tiếng Eusebius, người đã lưu giữ trong tác phẩm lịch sử của mình những thông tin về cuộc đời của Thánh Alexander Jerusalem.

[8771] Césarea Palestine – nằm trên bờ đông Địa Trung Hải, là một trong những thành phố giàu có và tráng lệ nhất của Palestine; thành phố này được đặt tên theo Caesar (Octavius) Augustus bởi vua Herod của người Do Thái, người đã xây dựng các thành phố và đền thờ khắp nơi để vinh danh Caesar và đã làm đẹp cho thành phố Césarée. Ngày nay – trên nền tảng của thành phố tráng lệ xưa kia, chỉ còn lại một sa mạc hoang vắng với những đống đổ nát.

[8772] Thánh Alexander Jerusalem qua đời vào năm 251.

[8773] Người La Mã gọi ngài là Synesius; người Hy Lạp gọi là Synetos – người thông thái.

tàn bạo; và vì ngài vẫn kiên định và không từ bỏ Chúa Kitô, nên sau những cực hình kéo dài, ngài đã bị kết án chém đầu. Thánh Razumnik đã qua đời như vậy[8774] .

Ngày 26 tháng 12

Ngày 13 tháng 12 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Eustratius, Eugenius, Auxentius, Mardarius và Orestes

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 12

Trong thời trị vì của các hoàng đế Diocletian và Maximian, đạo ngoại giáo thống trị khắp Đế quốc La Mã và dường như có một cuộc cạnh tranh chung giữa mọi người trong việc thờ phụng các thần tượng, đặc biệt là – khi các sắc lệnh hoàng gia được gửi đi khắp các thành phố và làng mạc đến các quan chức địa phương và quan tòa, ra lệnh phải dâng những lễ vật và của lễ dồi dào cho các vị thần vào những ngày và lễ hội nhất định. Những sắc lệnh này hứa hẹn sự biết ơn của hoàng gia, những vinh dự và những vị trí cao nhất trong nhà nước cho những ai siêng năng phụng sự các vị thần; còn những ai từ chối thờ lạy các thần tượng thì trước tiên sẽ bị tịch thu tài sản, và sau đó – sau khi phải chịu đủ mọi hình thức tra tấn – sẽ bị tử hình. Cuộc đàn áp các Kitô hữu lan rộng khắp nơi, và ở mọi nơi, các quan trưởng vùng cũng như các nhà cầm quyền nói chung đều cố gắng xóa sổ hoàn toàn đức tin vào Chúa Kitô khỏi mặt đất.

Trong khi đó, các hoàng đế được báo cáo rằng toàn bộ vùng Armenia vĩ đại và Cappadocia[8775] đang chống lại mệnh lệnh của họ; họ đồng lòng tin vào Chúa Kitô bị đóng đinh và đặt niềm hy vọng vững chắc vào Ngài, dường như có ý định ly khai khỏi Đế quốc La Mã.

Bực bội trước tin tức này, hoàng đế Diocletian đã triệu tập tất cả các quan đại thần của mình và trong ba ngày, từ sáng đến tối, ông bàn bạc với họ về cách tiêu diệt hoàn toàn Kitô giáo. Sau đó, trước hết, ông cách chức các quan cai trị Armenia và Cappadocia, vì họ là những nhà lãnh đạo thiếu kinh nghiệm và không đủ năng lực trong việc quản lý các vùng đất được giao phó, không thể khiến dân chúng tuân phục. Thay thế họ, ông đã chọn hai người Hy Lạp là Lysias và Agricola, những kẻ khắc nghiệt và tàn bạo, rồi đặt họ cai quản cả hai vùng, giao cho Lysias nhiệm vụ giám sát và bảo vệ biên giới, còn Agricola thì phụ trách quản lý chung toàn bộ giáo phận. Tất cả các lực lượng quân sự ở cả hai vùng cũng đều phải tuân lệnh họ.

Khi hai quan cai trị mới này đến nơi nhận nhiệm vụ, cuộc tàn sát không thương xót đối với người dân ở mọi lứa tuổi đã bắt đầu, không qua bất kỳ cuộc điều tra nào, chỉ dựa trên những lời vu khống vô căn cứ của những kẻ thù ghen tị nhắm vào một Kitô hữu nào đó: mỗi ngày, các Kitô hữu bị truy lùng, bắt giữ và giao nộp cho các quan cai trị khát máu để hành quyết, như thể họ là những con thú ăn thịt vậy. Lysius, người đang cư trú tại thành phố Satalion[8776] , ngay khi phát hiện ra người Kitô hữu ở bất cứ đâu – dù là nam hay nữ, – sau nhiều lần tra tấn và hành hạ, đều trói họ lại và dưới sự canh gác nghiêm ngặt, gửi đến Agricola, để không cho họ chết trên quê hương và được người thân, bạn bè chôn cất theo phong tục Kitô giáo; và họ, bị giết ở xứ người, dường như biến mất không để lại dấu vết. Agricola cũng làm y hệt như vậy, khi gửi những người Kitô hữu bị bắt tại Sebaste[8777] đến Lysius ở

[8774] Vị thánh thông thái này từng là người đọc kinh dưới thời Giáo hoàng Sixtus (257–258); ngài đã chịu tử đạo dưới thời Hoàng đế Aurelian (270–275). – Năm 830, di cốt của ngài được chuyển từ Roma đến đảo và tu viện Reichenau.

[8775] Ở đây, tất nhiên, là cái gọi là "Tiểu Armenia" – một vùng lãnh thổ La Mã nằm giữa thượng nguồn các sông Euphrates và Galas, được gọi như vậy để phân biệt với "Đại Armenia" – một vùng đất núi non rộng lớn ở phía tây bán đảo Tiểu Á, nằm giữa sông Kura và thượng nguồn các sông Tigris và Euphrates, được cai trị từ thế kỷ II đến thế kỷ V trước Công nguyên bởi các vị vua thuộc chính bộ tộc của họ. – Cappadocia – một vùng đất rất rộng lớn ở trung tâm phần phía đông Tiểu Á, phía tây thượng nguồn sông Euphrates; từng là một trong những quốc gia quan trọng của châu Á, nhưng đã mất độc lập và cuối cùng trở thành một tỉnh của Đế chế La Mã (vào năm 17 hoặc 18 sau Công nguyên). Cappadocia giáp ranh với Tiểu Armenia, và trong một thời gian dài, Tiểu Armenia từng được coi là một phần của Cappadocia.

[8776] Satalion – hay còn gọi là Satala – là một thành phố ở Armenia.

[8777] Sebaste – một thành phố ở Armenia, nằm ở phía đông bắc Tiểu Á.

Satalion, bởi vì hai vị chỉ huy này có tình bạn sâu sắc và hoàn toàn đồng lòng với nhau, và cả hai, khi hành động theo cách đã mô tả, đều hướng đến một mục đích duy nhất – gây ra nỗi đau đớn lớn hơn nữa cho những người Kitô hữu bằng cách giết họ ngoài quê hương của họ.

Vào thời điểm đó, tại Satalion có một người tên là Eustratius. Ông được tất cả đồng bào biết đến như là người đứng đầu thành phố về dòng dõi cao quý và địa vị – ông giữ chức vụ chỉ huy quân sự – đồng thời nổi bật bởi lòng đạo đức, sự kính sợ Thiên Chúa và lối sống vô tì vết. Chứng kiến cuộc bách hại dữ dội và không ngừng đối với các Kitô hữu, ông đau buồn trong lòng và đầy u sầu. Trong những tiếng thở dài cay đắng và nước mắt, dành thời gian cho việc ăn chay và cầu nguyện, ông khẩn cầu Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, xin Ngài ban lòng thương xót cho các tôi tớ của Ngài, và vì lòng thương xót đối với dân Ngài, xin cứu họ khỏi những tai ương và xua tan sự diệt vong đang rình rập họ. Tuy nhiên, chính Eustratius cũng mong muốn được thực hiện công đức của các thánh tử đạo và được vinh dự chia sẻ nỗi đau khổ của họ; nhưng khi nghĩ đến những hình thức tra tấn đa dạng và sự tàn bạo của những kẻ hành hạ, ngài lại cảm thấy sợ hãi. Cuối cùng, ông đã quyết định làm như sau. Ông giao chiếc thắt lưng của mình cho người đầy tớ trung thành và ra lệnh mang nó đến nhà thờ Aravrakia, nơi ông sinh ra và lúc bấy giờ có linh mục Avksentii đang phục vụ, người đã chứng tỏ lòng trung thành của mình với Thiên Chúa chân chính. Eustratius dặn người đầy tớ của mình hãy lén đặt chiếc thắt lưng vào bàn thờ, còn bản thân ông thì ẩn mình trong nhà thờ để quan sát xem ai là người đầu tiên đến lấy chiếc thắt lưng: nếu linh mục Auxentius, khi đến cầu nguyện, lấy chiếc thắt lưng đó, thì người đầy tớ, mà không nói gì với ông, phải quay về nhà; còn nếu có ai khác muốn lấy trước, thì người hầu tuyệt đối không được để điều đó xảy ra và phải mang chiếc thắt lưng trở lại. Sau khi sai người hầu đi với mệnh lệnh đó, Eustratius đã quyết định trong lòng như sau: "Nếu chính vị linh mục tự tay lấy chiếc thắt lưng, thì đó sẽ là dấu hiệu cho thấy chính Thiên Chúa đã thương xót, để Evstratius tự nguyện chịu khổ hình vì Chúa Kitô; còn nếu có ai khác muốn lấy, thì điều đó có nghĩa là ông không nên tự nguyện chịu khổ hình, mà phải bí mật giữ gìn đức tin thánh thiện."

Chẳng bao lâu sau, người đầy tớ trở về và kể lại cho chủ mình rằng ngay khi anh ta đặt chiếc thắt lưng vào bàn thờ, linh mục Avksentius lập tức xuất hiện, như thể có ai đó cố ý sai ông đến vậy, và sau khi bước vào bàn thờ, ông đã lấy chiếc thắt lưng. Nghe vậy, Eustratius vô cùng vui mừng; khuôn mặt ông rạng ngời niềm vui, điều này khiến một người bạn của ông tên là Eugenius rất ngạc nhiên.

Không lâu sau đó, vị thánh Avksenti đã bị bắt cùng với những người khác, bị thẩm vấn tại tòa, bị tra tấn và bị giam vào ngục tối, nơi ông bị xiềng xích. Sau đó, tại một vị trí cao trong thành phố, một nơi xét xử lại được dựng lên, và Lizius, ngồi kiêu ngạo trên ghế thẩm phán, ra lệnh dẫn các tù nhân đến để thẩm vấn. Thánh Evstrati, khi đến nhà ngục, đã xin tất cả các tù nhân đang bị xiềng xích vì Chúa Kitô cầu nguyện cho ngài, vì theo lời ngài, chính ngài cũng dự định trong ngày hôm đó sẽ cùng chia sẻ cuộc tử đạo với họ. Lúc đó, tất cả các thánh tù nhân đều quỳ gối xuống và cầu nguyện với Thiên Chúa cho ngài. Khi họ kết thúc lời cầu nguyện, các binh lính, dưới sự chỉ huy của Eustratius, dẫn họ từ ngục ra tòa. Khi đội quân dừng lại theo thông lệ trước mặt quan tòa, Lysius ra lệnh dẫn từng người một trong số những người đã từng bị thẩm vấn lần đầu đến trước mặt ngài để xét xử. Khi phiên tòa bắt đầu, Eustratius nói:

– Theo sắc lệnh của Hoàng đế, đã được ban hành trước đây và nay được đọc lại tại phiên tòa này, tất cả các Kitô hữu, dù ở đâu và dù giữ chức vụ nào trong nhà nước, đều phải ra tòa: theo sắc lệnh này, Avksentiy đã được đưa đến đây – một người từ lâu đã nổi tiếng về nguồn gốc và đời sống đạo đức, và giờ đây còn được ca ngợi hơn nữa vì lòng dũng cảm và sự kiên định, với những phẩm chất đó, ông đã tự xưng mình là tôi tớ của Đấng Christ, Vua trên trời. Khi có mặt tại phiên tòa này, ông đã thực hiện một kỳ công bất tử và vạch trần sự vô thần của ngài, thưa quan tòa, bằng lời nói và hành động, đồng thời dũng cảm chịu đựng sự tra tấn. Từ ngày đó, ngài đã bị giam cầm như một tên tội phạm, còn hôm nay ngài đã ra lệnh đưa ngài đến để thẩm vấn cùng với đoàn tùy tùng thánh thiện của ngài: và này, tất cả họ đang đứng bên cạnh tôi, với tinh thần kiên định không lay chuyển và sẵn sàng làm bẽ mặt và phá hủy mọi mưu đồ xảo quyệt mà cha ngài – ma quỷ – đang xúi giục ngài chống lại họ!

Nghe vậy, Lysius bối rối trước sự dũng cảm bất ngờ của Eustratius. Nhìn anh ta với ánh mắt dữ tợn và nghẹt thở vì giận dữ, hắn hét lên bằng giọng điệu đe dọa:

– Chưa bao giờ ta phải tiến hành một phiên tòa nghiêm khắc hơn hôm nay, khi tên vô đạo đáng ghê tởm này dám lảm nhảm trước mặt ta! Hãy tước bỏ thắt lưng và bộ quân phục của hắn, để mọi người đều biết rằng hắn bị tước bỏ chức vụ mà hắn từng nắm giữ, rồi hãy để hắn, trong tình trạng trần truồng, tay chân bị trói bằng dây thừng và bị quật ngã xuống đất, tiếp tục bài phát biểu của mình!

Các thị vệ vội vàng thi hành mệnh lệnh của Lizius, rồi ông ta nói với Eustratius:

– Ngươi có hối cải về ý định tai hại của mình không? Nếu vậy, ngươi sẽ được ta ưu ái và hoàn toàn tránh khỏi hình phạt. Dù sao đi nữa, trước khi bị tra tấn, hãy cho ta biết tên và quê quán của ngươi, đồng thời tiết lộ đức tin của ngươi cho chúng ta.

Thánh nhân đáp:

– Tôi sinh ra tại thành phố Aravrake và tên tôi là Evstrati, còn trong tiếng mẹ đẻ của tôi là Kirisik. Tôi là tôi tớ của Đấng Tối Cao – Thiên Chúa Cha và Con Ngài là Chúa Giêsu Kitô cùng Thánh Thần, và từ khi còn là đứa trẻ sơ sinh, tôi đã được dạy dỗ để thờ phượng Thiên Chúa Ba Ngôi và tin tưởng vào Ngài.

Lysius nói:

– Hãy để các chiến binh nói xem anh ta đã phục vụ trong quân ngũ được bao nhiêu năm rồi?

Các chiến binh trả lời:

– Đã được hai mươi bảy năm kể từ khi anh ta bắt đầu phục vụ, lúc đó anh ta còn là một thiếu niên.

Rồi Lizi nói với vị thánh:

– Ê-vư-ta-ti-ô! Chính ngươi cũng thấy rồi, sự bất tuân của ngươi đã mang lại tai họa gì cho ngươi: vậy thì hãy từ bỏ sự điên rồ của ngươi ngay bây giờ, hãy suy nghĩ lại và đừng hủy hoại danh dự và chức tước của ngươi, những thứ đã được gầy dựng bằng công sức của bao nhiêu năm phục vụ trong quân ngũ; hãy thừa nhận lòng nhân từ và quyền năng của các vị thần, và hãy cầu xin sự hiền từ của nhà vua cùng lòng nhân ái của tòa án!

– Đối với những ác quỷ ghê tởm và những thần tượng câm điếc – sản phẩm của bàn tay con người – vị thánh đáp lại – không ai có lý trí sáng suốt lại từng thấy cần phải thờ lạy chúng, vì trong Kinh Thánh của chúng ta có chép: *'Những vị thần không tạo ra trời và đất sẽ biến mất khỏi mặt đất và khỏi dưới bầu trời'* (Giê-rê-mi 10:11).

Thẩm phán nói:

– Chẳng phải những ai thờ phượng Đức Chúa Trời bị đóng đinh trên thập tự giá, giống như các ngươi, những kẻ đã sa vào sự lầm lạc hoàn toàn, mới là những người có lý trí sáng suốt sao?!

– Nếu như những cảm nhận tâm linh của ngươi, – Thánh Eustratius đáp lại, – không bị bóp méo bởi việc phụng sự những điều hư ảo, và nếu linh hồn ngươi không chìm đắm hoàn toàn trong những suy nghĩ về trần gian, thì ta sẽ chứng minh cho ngươi thấy rằng Đấng Bị Đóng Đinh này chính là Đấng Cứu Thế chân chính, là Chúa và Đấng Tạo Hóa của muôn loài, Đấng đã hiện hữu từ thuở ban đầu trong Chúa Cha, và nhờ sự khôn ngoan không thể diễn tả của Ngài, đã làm sống lại sự chết của chúng ta qua sự tái sinh.

Nghe những lời này, quan tòa ngắt lời vị thánh và nói:

– Hãy treo cổ tên ngạo mạn này lên dây thừng, và dưới chân hắn hãy đốt một đống lửa bằng rơm, còn từ trên cao hãy dùng ba cây gậy đánh đồng thời vào hai vai hắn: chúng ta sẽ xem lúc đó hắn còn hùng hồn được đến mức nào!

Khi lệnh được thi hành, vị thánh đã phải chịu cực hình trong một thời gian dài, bị thiêu đốt từ dưới lên và bị đánh đập dã man từ trên xuống. Nhưng ngay cả giữa những đau khổ như vậy, ngài cũng không thốt lên một tiếng kêu đau nào, nét mặt vẫn không thay đổi, và dường như người chịu đau khổ không phải là ngài, mà là một ai đó khác, đến nỗi chính kẻ tra tấn cũng phải kinh ngạc. Cuối cùng, Lysius ra lệnh ngừng tra tấn và với nụ cười độc ác, ông ta nói với vị thánh:

– Ngươi nghĩ sao, Evstratius, ngươi có muốn ta làm dịu bớt cơn đau do những vết thương gây ra cho ngươi không?

Và hắn lập tức ra lệnh mang nước muối pha giấm đến, tưới ướt đẫm lên những vết bỏng, đồng thời dùng những mảnh gốm sắc nhọn chà xát mạnh vào cơ thể vị tử đạo. Nhưng vị thánh tử đạo đã dũng cảm chịu đựng cả cực hình này, như thể ngài chẳng hề cảm thấy đau đớn. Kẻ tra tấn thậm chí còn nghĩ rằng Thánh Evstrati đang dùng một loại phép thuật nào đó để khiến bản thân trở nên vô cảm trước nỗi đau. Lúc đó, Thánh Evstrati nói với hắn:

– Bằng cách khiến tôi phải chịu những cực hình này, ngươi, dù trái với ý muốn của chính mình, đã ban cho tôi một ân huệ, vì chính những cực hình này đã xua tan bóng tối bao trùm lấy tôi, xuất phát từ sự thô lỗ về xác thịt của linh hồn tôi, và giúp tôi chiến thắng những cám dỗ từ tâm trí ngạo mạn đã lâu nay quấy rầy tôi. Ngươi đã cho ta cơ hội để chiến thắng mọi cơn bốc đồng của dục vọng và những lo âu trong tâm hồn đã chi phối ta. Ngài đã giữ cho tôi sự kiên định nội tâm không bị bất kỳ cám dỗ nào làm lung lay – đó là bảo chứng cho cuộc sống bất tử, nơi sự giàu có bất diệt được dành sẵn cho tất cả những người tin, và Ngài đã chỉ cho tôi con đường ngắn ngủi và không đau khổ, nhờ đó tôi có thể đạt đến cuộc sống thiên thần ngay trong thân xác phù du này, và trong cõi vĩnh hằng – sự

hạnh phúc thiên đàng. Giờ đây, tôi biết rằng tôi chính là Hội Thánh của Đức Chúa Trời Hằng Sống và Đức Thánh Linh, Đấng ngự trong tôi (xem 1 Cô-rinh-tô 3:16). Vậy nên, *"Hãy lui xa khỏi ta, hỡi những kẻ làm điều gian ác, vì Chúa đã nghe tiếng khóc than của ta, Chúa đã nghe lời cầu xin của ta; Chúa sẽ nhận lời cầu nguyện của ta"* (Thánh Vịnh 6:9–10). Quả thật, *"linh hồn tôi sẽ vui mừng vì Chúa, sẽ hân hoan vì sự cứu rỗi từ Ngài. Mọi xương cốt tôi sẽ thốt lên: 'Lạy Chúa! Ai sánh được với Ngài, Đấng giải cứu kẻ yếu khỏi kẻ mạnh, người nghèo và kẻ khốn cùng khỏi kẻ cướp bóc họ?'"* (Thánh Vịnh 34:9–10).

Hãy mau lên, hỡi đầy tớ của ma quỷ, hãy cố gắng đừng bỏ sót bất kỳ công cụ tra tấn nào trong số những thứ ngươi có trong tay, hãy thử thách ta như vàng trong lò nung, hoặc thậm chí còn dữ dội hơn nữa, nhưng ngươi sẽ không tìm thấy trong ta sự gian ác mà ngươi tôn sùng đến thế, thứ mà chính ngươi đang phụng sự bằng chính hành động của mình. Việc thờ phượng các thần giả dối, đã chiếm hữu ngươi và vị vua điên rồ của ngươi, thật đáng ghê tởm.

Kẻ tra tấn phản bác:

– Ta nghĩ rằng cơn đau dữ dội đã làm tổn hại trí tuệ của ngươi, nên ngươi mới nói ra nhiều điều vô lý như vậy. Nếu vị "Thượng Đế" mà ngươi nói đến có thể ban cho ngươi sự bất tử, thì ngài đã giải thoát ngươi khỏi những vết thương này rồi. Vậy thì, đừng tự lừa dối mình bằng những hy vọng viển vông nữa và hãy nhanh chóng nắm lấy cơ hội được giải thoát mà ta đang mang đến cho ngươi.

– Ngươi có muốn không – Eustratius đáp lại – hỡi kẻ bị che mờ bởi mọi cảm xúc của chính mình, hãy tự mình chứng kiến rằng đối với Thượng Đế của ta, không có gì là không thể? Hãy lắng nghe và nhìn ta đây, người mà ngươi tưởng rằng có thể giết chết và hủy diệt bằng những hình phạt do chính ngươi bịa đặt ra!

Và ngay lúc đó, trong khi mọi người đang chăm chú nhìn vị thánh, bỗng chốc những vảy sẹo bong ra khỏi thân thể ngài, như thể những vảy cá, và ngài trở nên hoàn toàn khỏe mạnh, trên thân thể không còn chút dấu vết nào của vết thương. Và tất cả, khi chứng kiến phép lạ ấy, đã ngợi khen Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, còn Eugenius, người bạn, đồng hương và đồng nghiệp của Eustratius trong quân ngũ, đã cất tiếng kêu lớn:

– Lizi! Ta cũng là một Kitô hữu, ta nguyền rủa đức tin của ngươi và từ chối tuân theo, giống như chủ nhân của ta là Evstrati, sắc lệnh của hoàng đế và cả ngươi nữa!

Lysius, trong cơn giận dữ, ra lệnh bắt ngay Evgeny và đưa anh ta ra giữa tòa án, rồi nói với anh ta:

– Việc thẩm vấn tất cả bọn họ tốn rất nhiều thời gian và công sức, trong khi đó tôi hiện nay phải lo những công việc công cộng khác. Vì vậy, tôi ra lệnh xiềng xích chặt chẽ tên phù thủy và pháp sư Eustratius này, cũng như Eugenius, người hôm nay đã tỏ ra là đồng minh của hắn, rồi tống vào ngục cùng với những Kitô hữu khác, và giam giữ họ tại đó cho đến phiên thẩm vấn tiếp theo.

Nói xong, Lysius đứng dậy khỏi chỗ ngồi và kết thúc phiên tòa. Các thánh, vui mừng trước sự can đảm và kiên nhẫn của Eustratius cùng phép lạ cứu rỗi của Chúa Giêsu Kitô đã hiển hiện trên ông, được dẫn đi vào ngục tối. Khi họ đến nơi, tất cả cùng đồng thanh hát thánh vịnh bắt đầu bằng những lời:

"Thật tốt lành và thật vui sướng khi anh em sống chung với nhau!" (Thánh vịnh 132:1), và sau khi dâng lời cầu nguyện, họ ngồi xuống, còn Thánh Eustratius thì giảng dạy và chuẩn bị cho họ sẵn sàng cho cuộc thử thách sắp tới.

Ngày hôm đó kết thúc như vậy. Vào ban đêm, Lysius ra lệnh cho các binh lính đi cùng mình chuẩn bị lên đường, vì ông định đi đến thành phố Nicopolis[8778] . Trong khi các binh lính đang chuẩn bị khởi hành, chính Lysius đã đến nhà tù, ra lệnh dẫn Thánh Eustratius ra gặp mình và, với nụ cười giả tạo, nói với ngài:

– Chào anh, Eustratius thân mến!

Vị thánh đáp lại:

– Nguyện Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đấng mà tôi phụng sự, sẽ ban thưởng xứng đáng cho ngài vì lời chào này, thưa quan tòa!

– Hãy lo việc làm đẹp lòng Đức Chúa Trời đi, – Lizius nói, – còn bây giờ, hãy cầm đôi ủng này lên, mang vào chân và vui vẻ lên đường cùng chúng tôi. Những đôi ủng này làm bằng sắt và được đinh những chiếc đinh dài và nhọn. Chúng được buộc chặt vào chân vị thánh bằng dây thắt lưng, còn Lizius thì dùng nhẫn của mình niêm phong nút thắt và ra lệnh dẫn vị thánh đi theo sau, bị trói chung với các tù nhân khác, đồng thời suốt dọc đường phải

[8778] Nikopol – tên gọi các thành phố thường xuất hiện trong lịch sử cổ đại. Ở đây, tất nhiên, đề cập đến thành phố ở Tiểu Armenia, nằm trên biên giới với Pontus, bên sông Lycus (một nhánh của sông Iris) – nay là Enderes.

đánh đập và thúc giục ông đi nhanh hơn. Bản thân Lizius cùng các chiến binh của mình đi trước. Hai ngày sau, họ đến thành phố Aravrak – quê hương của Evstrati và Evgeni. Khi họ đến gần Aravrak, tất cả cư dân đều ra đón, mong được chiêm ngưỡng vị thánh Eustratius, nhưng không ai trong số bạn bè và người quen dám lại gần ngài vì sợ bị bắt giữ, bởi ai cũng biết rằng Lizius đã ra lệnh như vậy. Nhân tiện, trên đường đến Aravrak có một người tên là Mardari, xuất thân bình thường và không giàu có, nhưng hoàn toàn hài lòng với hoàn cảnh của mình. Khi Eustratius và các Kitô hữu khác được hộ tống qua, ông đang bận rộn lợp mái cho ngôi nhà mới của mình. Nhìn thấy các thánh tù nhân đang được dẫn đi qua, ông nhận ra giữa họ, như một ngôi sao sáng, thánh Eustratius, và ngay lập tức nhảy xuống từ mái nhà, nói với vợ bằng tiếng Armenia:

– Em có thấy không, vợ ơi, một trong những quan chức cao cấp của đất nước này, người nổi tiếng về dòng dõi và sự giàu có, và được vinh danh vì những đóng góp trong quân ngũ? Em có thấy không, ông ấy đã từ bỏ tất cả để trở thành của lễ dâng lên Chúa? Phúc cho ai đã được vinh quang ngay trong cuộc đời này, và sẽ nhận được phần thưởng vĩ đại từ Chúa Kitô của chúng ta, đồng thời được hưởng hạnh phúc khôn tả cùng với các Thiên thần. Người phụ nữ đạo đức đáp lại chồng:

– Chồng yêu dấu của em! Điều gì cản trở anh cũng đi theo con đường mà anh ấy đang đi, và cùng với anh ấy được hưởng cái chết thánh thiện, để trở thành người cầu thay cho em, cho các con nhỏ của chúng ta và cho cả dòng họ của anh trên thiên đàng? Mardari nói với nàng:

– Hãy đưa cho anh đôi giày, anh sẽ lên đường thực hiện hành trình mà anh hằng khao khát. Bà vui vẻ đáp ứng lời thỉnh cầu của ông. Mardari, sau khi mang giày, mặc áo và thắt lưng, ôm hai đứa con trai còn nhỏ của mình vào lòng, rồi quay mặt về hướng đông và bắt đầu cầu nguyện.

– Lạy Chúa Trời, Cha Toàn Năng, Chúa Giê-su Ki-tô và Thánh Thần, – ông nói, – Đấng Duy Nhất và Quyền Năng Duy Nhất! Xin thương xót con, kẻ có tội, xin hãy nhân từ và trở thành Đấng bảo vệ cho tôi tớ của Ngài và hai đứa trẻ sơ sinh này, – Ngài, Đấng Bênh Vực cho các góa phụ và Đấng Bảo Vệ cho các trẻ mồ côi! Và con, lạy Chúa, với niềm vui lớn lao và lòng khao khát chân thành, con đang tiến đến với Ngài[8779] .

Sau đó, ông hôn các con và nói:

– Chúc em khỏe mạnh, vợ ơi, đừng buồn phiền, đừng khóc lóc, mà hãy vui mừng và hân hoan, vì anh giao phó em, các con của chúng ta và linh hồn anh cho Đức Chúa Trời Toàn Năng và Toàn Thiện của chúng ta.

Nói xong, ông vội vã bước ra khỏi nhà, còn vợ ông tiễn ông với niềm vui sướng. Mardarius đi đến gặp một công dân nổi tiếng của Avrakina tên là Mukaror, một người giàu có và danh giá, chào hỏi ông ta và nói:

– Tôi đang trên đường đến gặp bạn và người thân của ngài là Kirisik, và nếu Đức Chúa Trời cho phép, tôi sẽ đồng hành cùng ông ấy và cùng ông ấy thực hiện hành trình tử đạo. Xin ngài, sau Chúa, hãy là người bảo trợ cho vợ và các con tôi trong cuộc đời này; còn tôi, nếu được Chúa thương xót, sẽ giúp đỡ ngài vào ngày mà tất cả chúng ta đều phải đứng trước mặt Ngài, và ngài sẽ nhận được phần thưởng xứng đáng.

– Hãy đi bình an, con trai của ta, – Mukaror, người đạo đức, đáp lại, – hãy hoàn thành con đường tốt lành và đừng lo lắng gì cả: ta sẽ là người cha của vợ con và các con nhỏ của con.

Rồi Mardarius từ biệt Mukaror, lên đường và đuổi kịp các vị thánh khi họ đã gần đến thành phố. Anh lớn tiếng gọi Eustratius:

– Thưa ngài Kirisik! Giống như con chiên tìm đến người chăn chiên của mình, con cũng đến với ngài, mong được đồng hành cùng tất cả các ngài. Xin hãy đón nhận con và đưa con vào hàng ngũ thánh đoàn của ngài, và dẫn dắt con – dù con không xứng đáng – đến với cuộc tử đạo, để con trở thành người làm chứng cho Chúa Giêsu Kitô.

Rồi ông lại cất tiếng hô to hơn nữa:

– Hãy nghe đây, những kẻ phục vụ ma quỷ, hãy nghe đây! Tôi cũng là một Kitô hữu, giống như chủ nhân của tôi, ông Eustratius.

Ngay lập tức, các binh lính bắt giữ ông, trói lại và cùng với những Kitô hữu khác ném vào ngục tối; họ báo tin này cho Lizia, người lập tức mở phiên tòa. Theo thông lệ, các binh lính bắt đầu dẫn các Kitô hữu ra khỏi ngục

[8779] Lời cầu nguyện này của Thánh Tử đạo Mardari được đọc vào cuối Giờ thứ ba và trong Thánh lễ nửa đêm, như sau: "Lạy Thiên Chúa Cha Toàn Năng, lạy Chúa Con Một Giêsu Kitô, và lạy Thánh Thần, là một Thiên Chúa, một Quyền Năng, xin thương xót con là kẻ có tội, và bằng những định mệnh mà Ngài đã định, xin cứu rỗi con, kẻ tôi tớ bất xứng của Ngài: vì Ngài được chúc tụng muôn đời, amen".

tối. Trong số đó có cả Auxentius – trần truồng và bị trói tay bằng dây thừng; những người Kitô hữu khác thì đứng xung quanh và nhìn.

Thẩm phán nói với vị thánh:

– Auxentius! Hãy giúp chúng ta bớt vất vả, và giúp chính ngươi thoát khỏi đau khổ, hãy nói đi: liệu ngươi đã từ bỏ sự bất tuân vô ích và tai hại cho chính mình, và quay trở lại với các vị thần nhân từ của chúng ta chưa?

– Hãy nghe ta nói một chút, Lizius, – thánh Avksenti trả lời: Ta thề bằng Chân Lý, Đấng cao cả hơn tất cả và thấu suốt mọi sự, rằng tâm trí ta sẽ mãi mãi chỉ tin vào Đấng Chúa Trời Duy Nhất và ta sẽ chỉ thờ phượng Ngài mà thôi, dù ngươi có gây ra cho ta vô số vết thương và khiến ta phải chịu những cực hình còn khủng khiếp hơn trước đây. Dù ngươi có giết ta bằng gươm hay lửa đi chăng nữa, thì trong bất kỳ trường hợp nào ngươi cũng không thể thay đổi suy nghĩ của ta. Vậy thì, ngươi cứ làm theo ý muốn của mình đi.

Sau đó, kẻ tra tấn đã tuyên bố bản án tử hình như sau:

– Auxentius, kẻ sau bao nhiêu cực hình mà đến giờ vẫn giữ nguyên sự điên rồ của mình, hãy bị tước đoạt mạng sống bằng hình phạt xứng đáng là chém đầu bằng gươm. Việc thi hành bản án này phải được thực hiện trong một khu rừng hẻo lánh, để thi thể đáng khinh của hắn không thể được chôn cất một cách đàng hoàng. Còn kẻ vừa mới dám gia nhập vào hàng ngũ các tù nhân, hãy đưa hắn ra giữa đây, ngay lập tức hắn sẽ nhận được vinh dự mà hắn đang tìm kiếm.

Trong khi các chiến binh đang tháo dây trói cho Mardaria, hắn nói với Thánh Eustratius:

– Thưa ngài Kirisik! Tôi khẩn cầu ngài, hãy cầu nguyện cho tôi trước mặt Chúa và chỉ dạy tôi phải trả lời kẻ hủy diệt ấy như thế nào, để kẻ tra tấn tàn nhẫn này đừng lừa gạt tôi, một người đơn sơ và mù chữ.

Thánh Eustratius nói với anh ta:

– Hãy lặp đi lặp lại, anh em Mardari của tôi, chỉ một điều duy nhất: "Tôi là người Kitô hữu", "Tôi là tôi tớ của Chúa Kitô", và đừng trả lời gì thêm, dù hắn có nói gì hay làm gì với anh đi chăng nữa.

Khi các binh lính dẫn Mardarius đến trước mặt Lysias, họ nói:

– Đây là tù nhân vừa bị bắt.

Lysius nói:

– Hãy để hắn nói cho chúng ta biết tên, quê quán, nghề nghiệp, nơi cư trú và nói rõ hắn theo đạo nào?

– Tôi là người Kitô hữu, – Mardari trả lời, và trước mọi câu hỏi của những kẻ tra tấn về tên và quê quán của mình, anh ta tiếp tục thốt lên:

– Tôi là người Kitô hữu! Tôi là tôi tớ của Chúa Kitô.

Họ không thể moi được thêm thông tin nào từ anh ta nữa. Lysius, thấy sự kiên định của anh ta, ra lệnh đâm xuyên hai chân anh ta bằng những cây cọc sắt, rồi xâu dây thừng qua đó để treo anh ta ngược đầu, sau đó dùng những chiếc đinh sắt nung đỏ đâm và thiêu đốt khắp cơ thể anh ta. Mardarius bị treo lơ lửng và chịu cực hình trong một thời gian dài, và cuối cùng, anh ta kêu lên:

– Lạy Chúa! Con tạ ơn Ngài vì đã ban cho con những ân huệ này! Điều duy nhất con mong muốn là được Ngài cứu rỗi, và con đã luôn hướng về điều đó: xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an.

Nói xong, ông qua đời.

Khi thi thể Mardarius được mang đi khỏi nơi tra tấn, Lysius nói:

– Hãy dẫn Eugenius từ Satala vào đây, kẻ đã dám bước vào đây trong lúc Eustratius đang bị thẩm vấn. Tôi không khẳng định rằng hắn là một Kitô hữu, như chính bọn họ hay nói, nhưng tôi thấy hắn là một kẻ rất nguy hiểm.

Khi Eugenius xuất hiện trước tòa, các quan chức nói:

– Đây là Evgeni.

Thẩm phán nói:

– Hãy nói cho ta biết, hỡi kẻ đê tiện, con quỷ ác nào đã xúi giục ngươi và đẩy ngươi đến mức táo tợn như vậy, khiến ngươi dám không chút xấu hổ mà chỉ trích chúng ta, coi sự nghiêm khắc của tòa án này như không có gì?

Thánh Evgeni trả lời:

– Lạy Đức Chúa Trời, Đấng lật đổ những quỷ dữ mà ngươi tôn thờ, – chính Ngài là Đấng đã ban cho ta sức mạnh, lòng dũng cảm và quyền tự do ngôn luận, để ta có thể chế nhạo ngươi, kẻ đáng khinh bỉ, con chó hôi thối, cái bình chứa của Satan, kẻ sẽ cùng với ngươi bị phán xét và diệt vong.

Kẻ tra tấn hét lên:

– Cắt lưỡi mắng chửi của hắn đi, chặt đứt cả hai tay và đập gãy xương ống chân hắn, để hắn phải ngoan ngoãn hơn với chúng ta!

Trong lúc bị tra tấn như vậy, thánh Eugenius đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa.

Không lâu sau đó, Lysius có lần ra ngoài thành để duyệt binh. Trong buổi duyệt binh, khi tất cả các chiến binh đang thể hiện kỹ năng sử dụng vũ khí, một người trong số họ tên là Orest, cao lớn và có ngoại hình nổi bật, theo cấp bậc của mình, phải đến chào Lizius. Thấy anh ta, Lizius khen ngợi anh ta, gọi anh ta là "một chiến binh đích thực" và ra lệnh cho anh ta ném giáo vào mục tiêu. Khi Orest ngắm vào mục tiêu và vung giáo lên, chiếc thánh giá vàng trên ngực anh ta bị rung lắc rơi ra ngoài, và điều này đã được tất cả mọi người, kể cả chính Lysius, chú ý. Orest ngay lập tức được gọi đến trước mặt Lysius, người đã lấy chiếc thánh giá từ ngực anh ta, cầm nó lên và hỏi:

– Cái này là gì? Chẳng lẽ ngươi cũng là một trong những người tôn kính Đấng Bị Đóng Đinh sao?

– Tôi là tôi tớ của Đấng Bị Đóng Đinh, Chúa của tôi và Thiên Chúa của tôi, – Orest đáp, – và tôi mang dấu hiệu của Ngài trên người để xua đuổi mọi điều ác đang đe dọa tôi.

– Vậy thì chiến binh tuyệt vời này, – Lizius nói, – hãy bị trói lại cùng với Eustratios, người đang bị xét xử, và sẽ đi cùng anh ta đến Nikopolis, nơi mà đến lúc đó họ sẽ bị thẩm vấn.

Khi Lizi đến Nikopol, một đám đông lớn các chiến binh từ trung đoàn đóng quân tại thành phố này đã đến gặp ông và tất cả đồng thanh hô lên:

– Lizius! Chúng tôi cũng là những chiến binh của Chúa Giê-su Ki-tô: ngài hãy làm với chúng tôi bất cứ điều gì ngài muốn!

Lysius ban đầu cảm thấy bối rối. Ông lo sợ rằng những người vừa xuất hiện có thể đang âm mưu điều gì đó chống lại ông. Nhưng khi thấy họ tháo thắt lưng ra, tự giao nộp mình như những con cừu vô phương tự vệ, ông ra lệnh bắt giữ tất cả, trói lại và ném vào ngục tối. Đồng thời, ông bắt đầu suy tính làm thế nào để xử tử tất cả những người đã tự xưng là Kitô hữu mà không gây ra bất kỳ sự phẫn nộ nào từ phía đồng bào hay người thân của họ; hơn hết, ông ta sợ Eustratius, cụ thể là: lo ngại rằng người Kitô hữu này trong lúc chịu cực hình có thể lại thực hiện một phép lạ tương tự như trước đây, và qua đó không chỉ củng cố đức tin của các Kitô hữu, mà còn khiến những người ngoại đạo từ bỏ việc thờ cúng các thần tượng và chuyển sang theo đạo của mình. Vì vậy, Lysius quyết định vào sáng hôm sau sẽ gửi các thánh Eustratius và Orestes đến thành phố Sebaste gặp quan tổng trấn Agricola.

Và khi ngày mới bắt đầu, ông đã ra lệnh như vậy, đồng thời gửi đến Agricola bức thư sau đây:

– Thưa Đức Ngài Agricola, Thống đốc, Lysius, thủ lĩnh, kính chúc ngài dồi dào sức khỏe. Các Hoàng đế thiêng liêng của chúng ta, không biết ai trong cả vũ trụ có thể nhận ra những điều bí ẩn tốt hơn ngài, đã trao cho ngài quyền cai trị các vùng đất này, vì họ biết rằng ngài dành cả ngày lẫn đêm để lo liệu các công việc công cộng, và rằng giấc ngủ sẽ dễ dàng đánh bại những vì sao không bao giờ ngủ hơn là đôi mắt của ngài, cho đến khi những việc ngài đang nỗ lực thực hiện vì lợi ích chung được hoàn thành. Nói tóm lại, vì chỉ ở một mình ngài mà các vị ấy mới tìm thấy những phẩm chất vĩ đại, nên các vị ấy đã ban cho ngài vinh dự to lớn mà ngài đang được hưởng. Chính vì vậy, khi chứng kiến biết bao phẩm chất xuất sắc nơi ngài, tôi gửi đến ngài tù nhân Eustratius này, người đang mắc phải căn bệnh Kitô giáo, nhất là khi bản thân tôi không thể nghĩ ra điều gì có thể khiến anh ta từ bỏ những lầm lạc của mình: dù đã được ta trao cho một chức vụ danh dự trong quân đội dưới quyền ta, hắn lại càng trở nên kiêu ngạo hơn và gây ra cho chúng ta nhiều phiền toái. Mặc dù ta đã phải dùng đến những lời đe dọa, nhưng trong sự kiêu ngạo của mình, hắn vẫn tự tin tiên đoán tương lai, dựa vào những phép thuật của chính mình. Và mặc dù hắn đã chứng kiến những người khác phải chịu cực hình, nhưng không những không từ bỏ sự ngạo mạn của mình, mà còn coi chính những cực hình đó là phúc lành hơn là sự đau khổ. Chính hắn và Orest, người có cùng lối suy nghĩ, tôi gửi đến trước tòa án sáng suốt của ngài, để thi hành mệnh lệnh của Hoàng đế.

Cùng với bức thư này và bản ghi chép lời thẩm vấn các thánh tử đạo, các binh lính đã bắt các thánh đi cùng và lên đường. Trên đường đi, các thánh Eustratius và Orestes đã hát: *"Con sẽ đi theo con đường các điều răn của Ngài… xin hãy khai sáng cho con, và con sẽ học các điều răn của Ngài"* (Thánh vịnh 118:32, 73).

Sau đó, Thánh Eustratius nói:

– Anh Orest ơi! Hãy kể cho tôi nghe, thánh Avksenti đã qua đời như thế nào và ở nơi nào?

Thánh Orest nói:

– Sau khi thẩm phán tuyên án, ông đã nài nỉ những người lính đang dẫn ông ra khỏi tòa án, xin cho ông được đến gặp anh và hôn anh lần cuối, nhưng không ai muốn đáp ứng nguyện vọng của ông, vì lúc đó đã đến giờ ăn trưa và những người hầu đang vội vã thực hiện mệnh lệnh được giao càng sớm càng tốt; vì vậy, Thánh Avksentius

ngay lập tức bị dẫn vào rừng, đến một nơi gọi là: *Ororie.* Trên đường đi, vị thánh đã hát thánh vịnh: *"Phúc cho những ai sống ngay thẳng trên đường lối, bước đi theo luật pháp của Chúa"* (Thánh vịnh 118:1), và những câu khác – cho đến hết. Sau đó, ngài quỳ gối, cầu nguyện, giang hai tay ra như thể đang nhận một lễ vật nào đó, rồi nói: "A-men", ngài nhìn quanh, và khi thấy tôi – lúc đó tôi đang đứng gần đó – ngài gọi tôi lại và nói:

– Anh em Orest! Hãy nói với ngài Evstratius rằng ngài hãy cầu nguyện cho tôi, và rằng ngài sẽ sớm được đoàn tụ với tôi, và tôi đang chờ đợi ngài.

Sau đó, đầu ngài bị chém rơi, và tất cả những ai bị nghi ngờ là tín đồ Kitô giáo đều bị đuổi khỏi nơi hành quyết. Thi hài thánh của ngài đã được các linh mục Aravraki bí mật rước đi vào ban đêm. Nhưng họ không thể tìm thấy đầu ngài và bắt đầu khóc lóc, cầu nguyện với Chúa để Ngài chỉ cho họ thấy đầu của vị thánh tử đạo. Và, theo sự an bài của Thiên Chúa, một con quạ đã kêu lên trên một cây sồi; các linh mục đi theo tiếng kêu của nó và tìm thấy đầu của vị thánh, đang nằm trên những cành cây xum xuê của cây sồi đó, nơi con quạ đang đậu. Sau khi lấy được đầu, các linh mục đã ghép nó vào thi thể và mang đến một nơi thanh tịnh và trang nghiêm, rồi chôn cất tại đó.

Nghe tin này, Eustratius đã khóc và, sau khi cầu nguyện với Đức Chúa Trời, ông nói với Orestes:

– Chúng ta cũng sẽ cố gắng, anh em ơi, để theo bước chân của thánh Avksenti.

Sau năm ngày, các thánh được đưa đến Sebaste, và quan tổng trấn Agricolaus, sau khi nhận được thư của Lysias, đã giao các tù nhân cho lực lượng canh gác nghiêm ngặt nhất. Ngày hôm sau, ông ta xuất hiện trước mặt dân chúng tại nơi xét xử trên quảng trường và ra lệnh dẫn các Kitô hữu đến trước mặt mình; trước khi xét xử, ông ta ra lệnh công bố trước toàn thể mọi người bức thư do Lizius gửi đến cùng bản ghi chép cuộc thẩm vấn ban đầu của các tù nhân. Sau khi đọc xong bức thư, ông ta nói:

– Đừng nghĩ, Ê-vu-stra-ti, rằng ở đây ngươi cũng sẽ phải chịu những cực hình giống như những gì ngươi đã phải chịu dưới tay Li-xi-a; tốt hơn hết là ngươi nên tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế ngay từ bây giờ và dâng lễ vật cho các vị thần, để ngươi không phải chết một cái chết thảm khốc.

Thánh Evstratius hỏi ông:

– Thưa quan tòa! Luật pháp có ràng buộc cả các vị vua hay không?

– Có, – vị quan trả lời, – vì ngay cả các vị vua cũng tuân thủ luật pháp.

– Vậy thì, – Eustratius tiếp lời, – đối với riêng ngài, luật pháp chỉ là những điều được ghi chép trên giấy, chứ không phải là điều bắt buộc phải tuân theo trong thực tế sao?

– Ngươi, kẻ vô đạo, sao lại nói thế? – vị quan nói – Ai và khi nào đã dám vi phạm luật pháp trong bất cứ việc gì?

Thánh Eustratius đáp:

– Trong luật pháp của đế quốc, chúng ta đọc được điều sau: không được thực hiện bạo lực bằng lời nói hay hành động, và dân chúng phải được cai trị chủ yếu thông qua sự khuyên răn. Cần phải có một trong hai điều sau: hoặc người có quyền phải khuyên răn người dưới, mong nhận được sự tuân thủ đúng mực từ họ, hoặc người dưới, đã được dạy dỗ trước đó về những điều phải làm, tự do và tự nguyện tuân theo mệnh lệnh của luật pháp; và ngoài ra, trong luật pháp còn có đoạn sau đây: chúng tôi ra lệnh rằng thẩm phán phải xét xử, kết hợp sự nghiêm khắc với lòng nhân từ, để những người bị xét xử không cảm thấy căm ghét hay thù địch với ông ta vì bị đe dọa, và để không ai dám vi phạm luật pháp với hy vọng vào sự khoan dung của ông ta. – Có phải như vậy không, thưa thẩm phán, hay không?

– Vâng, – vị quan trả lời.

– Tôi xin ngài, – vị thánh nói tiếp, – hãy duy trì trật tự xét xử như vậy cho cả tôi nữa.

– Cả đối với ngài lẫn tất cả mọi người, – vị quan trả lời, – luật pháp phải được tuân thủ một cách nghiêm ngặt với tất cả sự tôn trọng cần thiết.

– Vậy thì, tôi xin ngài, – vị thánh nói, – hãy để sự nghiêm khắc của ngài hòa quyện với lòng nhân từ, và ngài, với tư cách là người khôn ngoan nhất trong tất cả, hãy sẵn lòng lắng nghe lời khuyên nhủ nhiều hơn là tự mình khuyên nhủ, đồng thời thảo luận một cách hợp lý về mọi vấn đề. Nếu không, không cần bàn luận hay luật lệ gì cả – hãy tra tấn, giết chóc, làm bất cứ điều gì ngài muốn.

– Hãy nói một cách dũng cảm và tự do những gì ngươi muốn, – vị thống đốc đáp lại, – tòa án sẽ dựa trên sự khuyên nhủ hơn là sự sợ hãi.

Thánh Eustratius hỏi:

– Ngài sẽ ra lệnh dâng lễ vật cho những vị thần nào?

– Trước hết là Zeus, – vị quan trả lời, – rồi đến Apollo và Poseidon[8780] .

– Vậy ngài đã nghe từ những nhà hiền triết, nhà sử học hay nhà tiên tri nào rằng phải thờ lạy Zeus và các vị thần hư cấu khác?

– Từ Plato, Aristotle, Hermes[8781] và các nhà triết học khác, – vị thống đốc nói, – và nếu ngươi biết họ, thì ngươi sẽ tôn vinh họ, Eustratius, như những bậc hiền nhân được các vị thần soi sáng và kỳ diệu.

– Tôi không hề xa lạ với các học thuyết của họ, – Thánh Eustratius đáp, – bởi tôi đã nghiên cứu chúng từ thuở thiếu thời và đã thấu hiểu sâu sắc các khoa học và nghệ thuật Hy Lạp; và nếu ngài ra lệnh, chúng ta sẽ bắt đầu từ Plato trước.

Vị thống đốc bắt đầu trích dẫn tác phẩm "Timaeus" của Plato[8782] , từ đó dường như cho thấy rõ ràng rằng Plato đã hết lòng tôn kính các vị thần và nữ thần ngoại giáo[8783] . Eustratius, dựa trên chính tác phẩm của Plato vĩ đại, đã chứng minh rằng ông đã lên án một cách rõ ràng và mạnh mẽ chính Zeus – vị thần mà những người ngoại đạo coi là chúa tể của các vị thần và con người, của trời và đất – và khẳng định rằng Đức Chúa Trời mới là nguồn gốc và tác nhân của mọi điều thiện lành, điều mà theo các truyền thuyết ngoại đạo, Zeus hoàn toàn không phải là; đồng thời, vị thánh này đã chỉ ra các truyền thuyết khác nhau của những người ngoại đạo, đồng thời trích dẫn lời của những nhà thơ ngoại đạo nổi tiếng nhất, chẳng hạn như: Homer và Aeschylus[8784] .

– Ta chịu đựng sự táo bạo của ngươi, – vị vua nói, – chỉ vì chính ta cũng thích tranh luận. Vậy thì, hãy nói cho ta biết, làm sao các ngươi có thể công nhận Đấng mà ngươi tôn kính là Đức Chúa Trời, khi Ngài từng là một con người đã bị kết án và đóng đinh trên thập tự giá?

Vị thánh đáp:

– Nếu ngài đồng ý kiên nhẫn lắng nghe tôi, thì trước tiên tôi sẽ hỏi ngài về một số vấn đề mà tôi định hỏi ngài, và sau đó tôi sẽ trình bày cho ngài theo thứ tự tất cả những điều ngài đã hỏi tôi.

– Ta cho phép ngươi – vị quan nói – nói tất cả những gì ngươi muốn.

– Bất kỳ ai, – Evstratius tiếp lời, – có trí tuệ sáng suốt, đều phải hình dung về Đức Chúa Trời như Đấng công chính, siêu việt, không thể diễn tả và không thể thấu hiểu, bất biến và vượt trội hơn mọi sự hiện hữu nhờ các thuộc tính Thần thánh của Ngài. Ngài cũng nghĩ như vậy phải không, vị quan tòa khôn ngoan?

– Vâng, tôi cũng nghĩ vậy, – vị thẩm phán đáp.

– Cần phải bổ sung thêm điều này, – vị thánh nhận xét, – rằng trong Đức Chúa Trời không có bất kỳ khuyết điểm hay sự bất toàn nào, mà Ngài là Đấng hoàn hảo trong mọi sự?

– Chắc chắn là vậy, – Agricolai đồng ý.

– Vậy thì sao? – Evstrati tiếp tục, – Liệu chúng ta có nên thừa nhận rằng còn có một số vị thần khác, những vị cũng sở hữu bản tính Thần thánh hoàn hảo và bất diệt không?

[8780] Zeus, hay Jupiter – vị thần Hy Lạp-La Mã, được những người ngoại đạo tôn kính là Đấng cai trị trời và đất, là Cha của tất cả các vị thần và loài người. Apollon – một trong những vị thần ngoại giáo được người Hy Lạp và La Mã cổ đại tôn kính nhất, được coi là vị thần của mặt trời và sự khai sáng trí tuệ, cũng như trật tự xã hội, người bảo vệ luật pháp và vị thần tiên tri về tương lai. Poseidon (Neptune) được tôn kính là anh trai của Zeus và là vị chúa tể toàn quyền của các đại dương, sông ngòi cùng mọi nguồn nước và hồ chứa.

[8781] *Platon* – nhà triết học Hy Lạp nổi tiếng thế kỷ IV trước Công nguyên, là học trò của nhà triết học lừng danh Socrates. Điều đáng chú ý là trong các quan điểm triết học của mình, đặc biệt là trong học thuyết về Thượng Đế, sự sáng tạo thế giới và cuộc sống sau khi chết, Platon có nhiều điểm gần gũi với giáo lý Kitô giáo. – *Aristotle* – nhà triết học Hy Lạp nổi tiếng, là học trò và đồng thời với Plato, người thầy của Vua Alexander Đại đế xứ Macedonia; trí tuệ của ông bao quát tất cả các ngành khoa học mà thế giới cổ đại biết đến. – *Hermes,* còn được gọi là Trismegistus (tức là *"người vĩ đại gấp ba lần")* – là tác giả hư cấu của một học thuyết triết học ngoại giáo cổ đại nổi tiếng, được gọi là học thuyết thần bí, xuất hiện vào thế kỷ III sau Công nguyên; được những người theo đạo ngoại giáo coi là một bậc hiền triết, người nhận được sự mặc khải thiêng liêng cao nhất và truyền đạt nó cho loài người thông qua ba người con trai của mình.

[8782] "Timaeus" – một trong những tác phẩm xuất sắc của Plato, trong đó ông, dưới hình thức cuộc đối thoại với Timaeus – học trò của nhà triết học nổi tiếng và được kính trọng Pythagoras, người mà ông đã tìm đến để tìm hiểu học thuyết của vị này, trình bày những suy nghĩ riêng của mình về nhiều vấn đề cao siêu của sự tồn tại.

[8783] Agricola đã viện dẫn rằng, nhà triết học uyên bác Plato đã cố ý đến Piraeus (ở Thessaly) để thờ phụng một nữ thần ngoại giáo; nhưng mặc dù quan điểm và niềm tin của Plato không hoàn toàn thoát khỏi những lầm lạc ngoại giáo, – thì ít nhất, bản chất chung của chúng cũng vượt xa những lầm lạc đó và đôi khi thậm chí còn khá gần gũi với giáo lý Kitô giáo.

[8784] *Homer* – nhà thơ dân gian cổ đại nổi tiếng nhất của Hy Lạp, người mà về nhân cách chỉ còn lưu lại những truyền thuyết huyền thoại – là tác giả của hai bài thơ vĩ đại nhất trong văn học cổ điển: "Iliad" và "Odyssey", trong đó phản ánh rõ nét niềm tin của người Hy Lạp cổ đại – *Aeschylus* – là nhà viết kịch bi kịch vĩ đại nhất và cổ xưa nhất của Hy Lạp, người đã giành được danh tiếng xứng đáng trên toàn thế giới nhờ các tác phẩm của mình.

Nhưng điều đó sẽ thật vô lý, bởi vì nếu họ thiếu bất cứ điều gì, dù chỉ là điều nhỏ nhất, trong sự hoàn hảo và các thuộc tính thiêng liêng, thì tôi nghĩ họ đã không xứng đáng được con người tôn kính như các vị thần: Đức Chúa Trời không có bất kỳ khuyết điểm nào, như chúng ta đã nói trước đó, và tất cả mọi người đều phải tin tưởng và thờ phượng Ngài.

Agricola nói:

– Đúng vậy.

– Vậy thì sao? Có lẽ những vị thần này chính là những thuộc tính của bản chất bất hoại và bất tử, và, chỉ là những biểu hiện khác nhau của một thực thể duy nhất, tất cả đều hội tụ lại như thể tại một điểm – trong Thần Tính? Nhưng nếu vậy, hãy đừng gọi chúng là những vị thần khác nhau, lớn hay nhỏ, mà hãy gọi là Đấng Thần Duy Nhất, Đấng duy nhất nhờ quyền năng vô song của Ngài mà mang danh Thần Tính, chứ không phải như các ngài nghĩ – rằng một vị Thần sống trên trời, một vị khác trên đất, và vị thứ ba trong biển. – Phải vậy không, thưa quan tòa?

Thống đốc Agricola, không thể phản bác điều gì trước lời nói đó, im lặng một hồi lâu, và cuối cùng chỉ có thể nói:

– Hãy bỏ qua những bằng chứng và những lời phản bác dài dòng của ngài đi, và chỉ trả lời điều mà người ta đã hỏi ngài: làm sao ngài có thể tôn kính Đấng bị đóng đinh là Đức Chúa Trời?

– Tôi sẽ bắt đầu, – vị thánh đáp, – bằng những lời của nhà thơ Gesiodos của các ngài: "[8785] ": "Ban đầu là Erebus và Chaos"[8786] , tức là bóng tối và vực thẳm nước. Khi Đức Chúa Trời sắp xếp thế giới thành trật tự và sự tồn tại tuyệt đẹp, không phải bằng cách tạo ra từ vật chất đã tồn tại trước đó, mà là dẫn dắt từ hư vô đến sự hiện hữu, thì Ngài đã tạo ra con người theo hình ảnh và sự giống như của Ngài (Sáng Thế Ký 1:1–31). Nhưng thiên thần ác[8787] , được trao quyền cai quản đoàn thiên thần khác, đã tự ý phản bội Đấng đã tạo dựng mình, trở nên kiêu ngạo và bị tước đoạt phẩm giá, rồi bị Đức Chúa Trời đuổi khỏi thiên đàng (Giốp 4:18; 2 Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 1:6). Còn con người, Đức Chúa Trời đã đặt ở vườn Ê-đen và ban cho họ điều răn rằng, khi hưởng thụ mọi ân huệ của vườn Ê-đen, họ không được chạm vào một cây duy nhất đã được chỉ định và không được nếm trái của nó (Sáng Thế Ký 2:1–25). Đức Chúa Trời đã giao phó thử thách này cho con người để họ không vi phạm điều răn của Ngài và không nghe theo sự xúi giục của ma quỷ, kẻ luôn bày mưu tính kế chống lại con người, để họ làm nhục kẻ thù đang ghen tị với vinh quang vĩ đại của mình, và có thể trở nên bất tử, không bị hư nát. Nếu không, con người sẽ không thể tiếp tục sống trong vườn Địa Đàng nữa và buộc phải bị đuổi ra khỏi đó; sau khi sống trên đất một thời gian nhất định, họ sẽ phải chết. Và thế là ma quỷ độc ác, vì ghen tị với con người, đã dùng hết mọi mưu mô xảo quyệt của mình, thông qua con rắn để dụ dỗ người vợ của người đàn ông đầu tiên và khiến chính anh ta vi phạm điều răn, vì thế mà bị Đức Chúa Trời đuổi khỏi vườn Địa Đàng và bị kết án phải lao động vất vả và chịu sự hư nát (Sáng Thế Ký 3:1–24). Như vậy, ma quỷ đầy ác độc đã giành chiến thắng và tự hào vì đã khuất phục loài người dưới quyền lực của mình do tội lỗi của họ. Và khi sau này dòng dõi loài người sinh sôi nảy nở, ma quỷ – kẻ hành hạ – đã cố gắng nô dịch mọi linh hồn cho mình. Sau khi phần lớn loài người sa vào tội ác, Đức Chúa Trời đã trừng phạt thế gian bằng trận Đại Hồng Thủy, nhưng Ngài vẫn bảo tồn Nô-ê, người công chính, người đã dũng cảm chiến đấu chống lại ma quỷ độc ác, không bị nó đánh bại và được cứu thoát trong chiếc tàu cùng với vợ và các con (Sáng Thế Ký 6:1–22, 7:1–24, 8:1–22). Sau trận đại hồng thủy, Đức Chúa Trời đã phục hồi trái đất về hình dạng ban đầu và cho Nô-ê định cư trên đó, như thể ông là cư dân mới của trái đất (Sáng Thế Ký 9:1–29). Nhiều năm trôi qua, loài người lại sinh sôi nảy nở và mọi sự gian ác lại gia tăng giữa họ; tất cả đều gánh nặng tội lỗi, và sau khi chết, họ bị giam cầm trong xiềng xích của địa ngục, bị ma quỷ xảo quyệt lôi kéo vào sự hủy diệt. Lúc bấy giờ, Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của chúng ta, đã thương xót và, không muốn bỏ mặc công trình của chính Ngài mà không giúp đỡ, trước tiên đã ban cho người Hy Lạp sự khôn ngoan, để họ nhận biết Đức Chúa Trời toàn năng và chiến thắng kẻ thù của mình là ma quỷ. Nhưng

---

[8785] *Hesiod* – nhà thơ Hy Lạp cổ đại nổi tiếng, người mà theo quan điểm chung của người xưa, đã sống cùng thời với Homer hoặc thậm chí trước ông. Trong những đoạn trích còn sót lại của các tác phẩm của ông, vẫn lưu giữ nhiều truyện ngụ ngôn ngoại giáo và truyền thuyết về các vị thần của người Hy Lạp cổ đại.

[8786] Theo tín ngưỡng của người Hy Lạp cổ đại, Hỗn mang là một không gian vũ trụ mênh mông vô tận, tồn tại trước hết – nguồn gốc tối tăm nhưng mang lại sự sống cho mọi sự sống trên thế gian, đã sinh ra *Erebos* – bóng tối nguyên thủy và Đêm, và qua đó sau này sinh ra Ngày, rồi đến lượt Đất (Gaia), bầu trời (Uranus) v.v. Người xưa đã hình dung tất cả những điều này dưới hình tượng các vị thần; nhưng ngay cả trong những tín ngưỡng này, vốn bị che mờ bởi những mê tín dị đoan thô thiển của đạo ngoại giáo, họ cũng phần nào tiếp cận được với giáo lý chân chính về sự sáng tạo thế giới.

[8787] Tức là quỷ dữ, Satan.

họ, mặc dù bề ngoài có vẻ đã tỉnh ngộ phần nào và dường như đã tiến gần đến con đường thờ phượng Đức Chúa Trời chân chính, tuy nhiên, trong một sự mờ mịt nào đó, họ chỉ bàn luận suông bằng lời nói, còn trên thực tế lại sa vào những lầm lạc của tổ tiên mình, bị khuất phục bởi niềm tin vào các thần giả, và, lang thang xa rời con đường chân chính, đã sa vào sự vô đạo đức còn trầm trọng hơn. Nhưng ngay cả trong hoàn cảnh đó, sức mạnh vĩ đại của lòng thương xót Thiên Chúa cũng không để cho loài người sa ngã hoàn toàn, và Thiên Chúa đã ban cho họ Lề Luật, sai các ngôn sứ đến, và bằng nhiều cách khác nhau, chỉ dẫn con đường cứu rỗi cho dân Do Thái. Mặc dù vậy, loài người ngày càng trở nên xấu xa hơn, lại lặp lại những tội lỗi của tổ tiên mình, và vì những tội lỗi đó mà phải chịu án tử. Cuối cùng, Chúa chúng ta, Đức Chúa Trời là Lời, đã thương xót chịu đựng cuộc khổ nạn giống như chúng ta, và bằng cách trở nên giống chúng ta về mọi mặt, trừ tội lỗi, Ngài đã bày tỏ cho chúng ta chiến thắng trước kẻ thù – ma quỷ: Ngài đã hạ mình, mang lấy hình dạng của một tôi tớ, sinh ra từ Đức Trinh Nữ, vẫn giữ nguyên bản tính Thần Thánh, và trở thành Chiên Con để tước đi sức mạnh của con sói hung ác – ma quỷ. Thưa quý tòa, giờ đây chúng ta hãy dùng một phép so sánh phù hợp với câu chuyện của tôi. Giả sử rằng ngài, với tư cách là người cai trị thành phố này, đã thấy rằng một con gấu hoặc một con thú dữ mạnh mẽ nào đó đã tấn công cư dân thành phố, và ngài đã sai người đầy tớ của mình đi giết nó; người đầy tớ đó, khi thi hành mệnh lệnh của ngài, đã ra đối đầu với con thú, nhưng vì thiếu kinh nghiệm và không đủ sức mạnh, nên không thể đánh bại nó, và sau khi bị nó đánh gục, chết và bị nó ăn thịt: liệu ngài có dám ra lệnh cho một nô lệ khác, cũng thiếu kinh nghiệm và yếu ớt như vậy, ra tay đối đầu với con thú không? Và liệu ngài, nếu ngài khỏe mạnh và dũng mãnh, biết cách chiến đấu đúng đắn với con thú, liệu ngài có tự mình ra đối đầu với nó như một võ sĩ tài giỏi và dũng cảm, và giết chết nó, chứ không phải với tư cách là chủ nhân, mà hoàn toàn giống như một nô lệ bình thường, chỉ là người biết cách chiến đấu? Chắc chắn, bằng chính tấm gương của mình, ngươi sẽ dạy dỗ những nô lệ khác của ngươi cách đánh bại và giết chết những con thú mạnh mẽ nếu họ gặp phải chúng. Cũng chính như vậy, Chúa của chúng ta, Đấng Cứu Thế của muôn loài, khi các nô lệ của Ngài trong cuộc chiến với ma quỷ đã gục ngã, bị đánh bại và hủy diệt, Ngài đã tự hạ mình xuống, nhờ lòng thương xót vô cùng của Ngài, nhập thể qua Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm Nguyên Tội và mang lấy hình hài của một nô lệ, trở nên giống chúng ta về mọi mặt, trừ tội lỗi; rồi khi bước vào sứ vụ công khai, Ngài như che chở mình khỏi ma quỷ độc ác bằng sự khiêm nhường tự nguyện và khôn ngoan của Ngài, và đã đánh bại nó, vì nó đã tấn công Ngài, Chúa, như một con người bình thường, và bằng những đau khổ cứu rỗi trên Thập tự giá, Ngài đã đập tan mọi sức mạnh của kẻ thù, đồng thời dạy dỗ chúng ta – khi chiêm ngưỡng công trình vĩ đại của Ngài – hãy chiến đấu với ma quỷ theo cách tương tự và vượt qua sức mạnh của ma quỷ. Chính Ngài đã gánh lấy tội lỗi của chúng ta, và ban cho chúng ta sự vô dục của Ngài, đã làm cho những người bị giam cầm trong địa ngục sống lại, và ban cho chúng ta cơ hội trở thành con cái của Đức Chúa Trời, những người có nơi Ngài một chỗ dựa bất khả chiến bại và trông cậy vào những vương miện thiên đàng vì những chiến công của mình. Chúng ta có thể bị đánh bại về thể xác, nhưng lại chiến thắng bằng tinh thần; chúng ta phải chịu sự hư nát và cái chết, nhưng đồng thời cũng bất hoại và bất tử: vì thế, chúng ta tránh xa sự buông thả và lối sống thú tính của các ngươi, và hướng tới cuộc sống giống như các thiên thần và sự tồn tại vĩnh cửu. Chúng tôi không nhìn xuống như loài thú, mà ngước nhìn lên trời, và dù đang ở trong thân xác, chúng tôi vẫn noi gương những vị vô hình trong lối sống. Chúng con biết rằng linh hồn chúng con không ngừng chiến đấu với xác thịt; bằng sự khôn ngoan và tiết độ của mình, chúng con từ chối sự gắn bó với thân xác phàm trần này, và bằng cách kiên quyết từ chối những ham muốn xác thịt và những khao khát dâm dục, chúng ta không ngừng rèn luyện tâm trí hướng về trời cao và dùng sự kiên nhẫn cùng sự tiết chế để chế ngự các chi thể trần tục của mình. Chúng ta nuôi dưỡng tâm hồn bằng những suy ngẫm về Đức Chúa Trời Vô Tỳ Vết của chúng ta, đức tin của chúng ta – bất diệt. Những ân huệ này và còn nhiều ân huệ lớn lao hơn nữa đã được Thiên Chúa ban cho chúng ta, Đấng đã tự mình mặc lấy thân xác con người. Còn các ngươi, như ai cũng biết, đã để xác thịt thống trị mình, và vì thế các ngươi gọi những kẻ – theo chính lời kể của các ngươi – đã thực hiện những hành vi ô uế và vô liêm sỉ là thần thánh, các ngươi xây đền thờ cho họ và dâng lên những vinh quang. Các ngươi xa lánh sự hiệp thông với trời cao và luôn sống trong lo âu – không chỉ vì sợ hãi trước những tai họa nào đó, mà còn vì các ngươi miệt mài theo đuổi sự an lạc tạm bợ và mơ mộng trong thực tại như đang trong giấc mơ. Các ngươi không chỉ chết về thể xác mà còn chết về linh hồn, và tự đẩy mình vào sự hủy diệt vĩnh viễn; còn chúng tôi thì được Chúa Giê-su Ki-tô của chúng tôi dạy rằng: thân xác chúng ta, vốn đã mục nát theo luật chung của sự hư nát và cái chết, và đã hóa thành tro bụi, sẽ sống lại, kết hợp với linh hồn và nhận được bản tính bất diệt. – Tất cả những điều này tôi đã nói với ngươi một cách tóm tắt, để ngươi, sau khi học được lẽ thật từ tôi, từ bỏ các thần giả dối của mình.

Thống đốc Agricolaus kiên nhẫn lắng nghe đến hết bài diễn văn đầy trí tuệ của Thánh Eustratius, rồi nói:

– Chúng ta không có quyền bàn luận về quyết định và ý muốn của các hoàng đế, mà chỉ phải tuân theo luật pháp của họ và thi hành mệnh lệnh của họ. Vì vậy, hãy bỏ những lời bàn tán vô ích đi, hãy ra về và dâng lễ vật cho các vị thần; nếu không, ngươi sẽ phải chịu những cực hình mà ngươi chưa từng nghe nói đến.

Thánh Eustratius đáp:

– Vậy thì tại sao ngươi lại gây ra cho chúng ta bao nhiêu công sức vô ích như vậy mà không bắt đầu tra tấn chúng ta từ lâu rồi?

Sau đó, kẻ tra tấn ra lệnh mang đến một chiếc giường sắt, nung nó đến mức nóng đỏ tột độ và trước tiên đặt Thánh Orestes lên đó; còn với Thánh Eustratius, hắn nói:

– Ngươi nên trước tiên chứng kiến những cực hình đang chờ đợi ngươi trên đó, rồi sau đó chính ngươi cũng sẽ phải chịu đựng chúng.

Trong khi đó, Thánh Orestes, khi tiến lại gần chiếc giường đang bốc cháy, bỗng cảm thấy sợ hãi, và nhìn về phía Thánh Eustratius, ông nói:

– Xin cầu nguyện cho tôi, vì nỗi sợ hãi đang chiếm lấy tôi.

– Đừng nản lòng, anh em Orest, – Thánh Eustratius đáp lại, – vì tất cả những điều này chỉ có vẻ đáng sợ và đau đớn; nhưng thực ra anh sẽ không cảm thấy bất kỳ cơn đau thể xác nào, miễn là anh dũng cảm nằm xuống giường lửa và đặt niềm tin vào Chúa, vì chính Chúa sẽ là Đấng trợ giúp và bảo vệ chúng ta. Hãy nhớ đến sự kiên cường của Thánh Avksenti và các thánh khác, và đừng để mình kém hơn họ: những cực hình ở đây sẽ sớm kết thúc, còn trên thiên đàng, phần thưởng vĩnh cửu đang chờ đón chúng ta!

Nghe vậy, Thánh Orestes dũng cảm và kiên định bước lên giường lửa, và khi đã đứng trên đó, ngài làm dấu thánh giá rồi ngay lập tức nằm xuống giường lửa. Sau đó, ngài cất tiếng hô lớn:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Con phó thác linh hồn con vào tay Ngài!

Và ngài đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình cho Chúa, còn Thánh Evstrati thì cất tiếng tuyên xưng:

– Amen!

Ngay sau đó, Agricolaus ra lệnh đưa Thánh Eustratius vào ngục tối. Tại đó, Thánh Eustratius, sau khi cầu nguyện với Thiên Chúa theo thông lệ, đã gọi người nô lệ đi cùng mình và nói với anh ta:

– Hãy mang giấy đến đây, con trai của ta, để chúng ta lập di chúc, vì ta hy vọng rằng ngày mai ta cũng sẽ được diện kiến Chúa của ta – Đấng Kitô.

Khi tờ giấy được mang đến, ngài đã viết di chúc, trong đó bày tỏ mong muốn rằng thi thể ngài sẽ được chuyển đến Aravrak và không ai được phép lấy bất cứ thứ gì từ thi hài ngài, mà toàn bộ thi thể phải được an táng nguyên vẹn tại nơi gọi là Analikozora, cùng với các thánh Avksenti, Orest, Mardarius và Eugenius, vì các thánh này đã khẩn cầu Eustratius rằng sau khi họ qua đời, thi hài của họ sẽ được an táng nguyên vẹn cùng với thi hài của ngài. Thánh Eustratius đã để lại toàn bộ tài sản bất động sản của mình để nuôi dưỡng các chức sắc nhà thờ, còn tài sản động sản thì ra lệnh chia đều: trước hết là cho những người nghèo khó và khốn cùng, sau đó là cho các chị em của ngài; ngài còn ra lệnh giải phóng tất cả nô lệ của mình và ban thưởng cho từng người.

Sau khi viết di chúc, vị thánh đã nhịn ăn suốt cả ngày, và dành cả đêm tiếp theo để cầu nguyện. Đêm đó, nhờ số vàng được trao cho các lính canh, Thánh Vlasiy, Giám mục Sebaste, người lúc bấy giờ đang lẩn trốn vì cuộc đàn áp các Kitô hữu, đã đến gặp ngài. Ngài đã nghe nói về sự khôn ngoan vĩ đại của Evstrati và về cách ngài đã làm bẽ mặt vị vua cùng các vị thần của ông ta. Khi bước vào ngục tối, ngài quỳ xuống đất và cúi đầu trước vị thánh, nói rằng:

– Con thật có phúc, hỡi con trai Eustratius của ta, vì Thiên Chúa toàn năng đã củng cố con như vậy. Ta khẩn cầu con, xin hãy nhớ đến ta trong những lời cầu nguyện của con.

– Xin đừng cúi đầu trước con, thưa cha thiêng liêng, – thánh Eustratius đáp lại, – nhưng, nhớ đến chức vụ đã được ban cho ngài, xin hãy nhận sự tôn kính xứng đáng từ chúng con, những người giáo dân.

Sau đó, họ ngồi xuống, và Eustratius nói với vị giám mục:

– Vì theo ý muốn của Đức Chúa Trời, vào giờ thứ ba ngày mai, như đã được mặc khải rõ ràng cho tôi, tôi sẽ ra trước mặt Chúa Kitô, Chúa của tôi, nên xin ngài hãy nhận di chúc này của tôi và đọc nó lên.

Khi giám mục đọc xong, vị thánh đã yêu cầu ngài cùng các linh mục đi cùng ký tên vào di chúc và khiến giám mục thề rằng chính ngài sẽ nhận thi hài của ngài, Eustratius và Thánh Orestes, an táng họ tại nơi đã chỉ định trong di chúc, và sẽ cố gắng thực hiện tất cả những điều còn lại đã được ghi chép, đồng thời hứa với ngài rằng nhờ những công lao và sự quan tâm đó, ngài sẽ nhận được phần thưởng từ Chúa Giêsu Kitô của chúng ta trong cuộc

sống mai sau. Cùng lúc đó, Thánh Eustratius khẩn cầu vị giám mục cho phép ngài rước Mình Thánh Chúa, vì từ khi bị bắt để chịu cực hình, ngài chưa từng rước Mình Thánh Chúa. Khi mọi vật cần thiết cho thánh lễ đã được dâng lên và Lễ Tế Vô Huyết được cử hành xong, Eustratius tiến lên và rước Mình Thánh Chúa. Và đột nhiên, trong ngục tối, một ánh sáng chói lòa như tia chớp bừng lên, và có tiếng nói vang lên:

– Êu-stra-ti-ô! Ngươi đã chiến đấu một cách anh dũng. Vậy thì, hãy tiến lên và lên trời để nhận vương miện của ngươi!

Tất cả những người có mặt tại đó đều nghe thấy giọng nói ấy và đều quỳ sấp xuống đất vì sợ hãi. Vị giám mục đã dành cả đêm đó bên cạnh Thánh Eustratius, tận hưởng những cuộc trò chuyện với ngài; và khi bình minh ló rạng, ngài ra về, hứa sẽ thực hiện chính xác mọi điều đã được ghi trong di chúc.

Khi sáng sớm, Agricolas ngồi lên ghế thẩm phán tại vị trí thường lệ giữa thành phố và ra lệnh dẫn Thánh Eustratius đến. Khi Thánh Eustratius xuất hiện, quan tổng trấn gọi ngài lại gần và nói với ngài một cách bí mật trước mặt những người khác:

– Ta xin lấy sự thật toàn tri làm chứng, hỡi Eustratius, rằng lòng ta vô cùng đau xót vì ngươi – vì ngươi không muốn tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế. Nhưng ít nhất, dù chỉ để làm vẻ bề ngoài trước dân chúng, hãy giả vờ rằng ngươi cùng chung đức tin với chúng ta, và chỉ bề ngoài thì thờ lạy các vị thần; còn trong lòng, hãy tin tưởng và cầu nguyện với Đức Chúa Trời của ngươi, và Ngài sẽ tha thứ cho ngươi những điều ngươi đã làm không phải theo ý muốn của mình, mà là do bị ép buộc. Đừng mong muốn phải chết như một tên ác nhân nào đó, ngươi, một con người học rộng và khôn ngoan đến thế. Nếu chính ta không phải đối mặt với nguy hiểm từ việc này, ta đã không yêu cầu ngươi điều đó. Ta đã ra lệnh xử tử nhiều tín đồ cùng đạo với ngươi và không hề thương xót ai trong số họ, nhưng ta vô cùng thương xót ngươi và phải nói rằng, vì ngươi mà ta đã thức trắng cả đêm nay trong nỗi đau buồn tột cùng.

– Đừng bận tâm về điều đó, – Thánh Evstratius đáp, – và đừng tự rước họa vào thân vì tôi, mà hãy làm theo những gì các vị vua của ngài đã ra lệnh. Còn tôi thì sẽ không thờ lạy các vị thần của ngài, dù là giả dối hay bằng bất kỳ cách nào khác, mà sẽ tuyên xưng Đức Chúa Trời của tôi trước mặt mọi người và ngợi khen Ngài giữa mọi người. Hãy tin chắc rằng những cực hình mà ngài đang áp đặt lên tôi chính là niềm hạnh phúc đối với tôi, và nếu ngài muốn, hãy thử nghiệm điều đó trong thực tế.

Vị quan che mặt bằng hai tay và khóc rất lâu, đến nỗi cả đám đông xung quanh đều nhận thấy. Mọi người đều hiểu rằng ông thương xót vị thánh vô tội Eustratius, và họ cũng khóc nức nở. Tiếng khóc thảm thiết vang vọng khắp thành phố. Cuối cùng, thánh Eustratius nói với quan tòa:

– Nguyện Thiên Chúa Toàn Năng tiêu diệt mưu mô độc ác của cha ngươi – Satan! Vì Satan đã bày ra nỗi đau khổ này để cám dỗ ta, nhằm cản trở con đường dẫn ta đến phần thưởng đang chờ đợi. Hãy làm theo ý định của ngươi, vì ta là tôi tớ của Chúa Kitô và sẽ không tuân theo mệnh lệnh của các hoàng đế; ta ghê tởm sự ô uế của các thần tượng: chính chúng và những kẻ thờ phượng chúng đều khiến ta ghê tởm!

Agricola đã chứng kiến lòng trung thành bất khuất của Eustratius đối với đức tin Kitô giáo và tình yêu vĩ đại của ông dành cho Chúa Kitô, và ông gần như không thể thốt ra phán quyết cuối cùng sau đây về ông:

– Eustratius, kẻ đã bất tuân mệnh lệnh của các hoàng đế và không chịu dâng lễ vật cho các vị thần, ta ra lệnh thiêu sống hắn, để hắn phải chết trong lửa vì sự cứng đầu của mình.

Nói xong, ông đứng dậy và vội vã lui vào điện[8788] . Khi vị thánh bị dẫn đi thiêu sống, ngài đã cầu nguyện trước mặt mọi người như sau:

– Con tôn vinh và ngợi khen Ngài, lạy Chúa, vì Ngài đã đoái thương sự khiêm nhường của con và không bỏ con trong tay kẻ thù, nhưng đã cứu linh hồn con khỏi tai ương! Và giờ đây, lạy Chúa, xin bàn tay Ngài che chở con và xin lòng thương xót Ngài ngự xuống trên con, vì linh hồn con đang xao xuyến và đau đớn khi phải rời khỏi thân xác tội lỗi và ô uế này của con. Xin đừng để ý định xảo trá của kẻ thù bao giờ chạm đến linh hồn con, và đừng để nó bị trói buộc trong bóng tối vì những tội lỗi, dù biết hay không biết, mà con đã phạm trong cuộc đời này! Xin hãy thương xót con, lạy Chúa, và xin đừng để linh hồn con phải chứng kiến hình ảnh u ám của những con quỷ xảo trá, nhưng xin cho các Thiên Thần sáng láng và rực rỡ của Ngài đón nhận nó! Xin ngợi khen Danh Thánh của Ngài, và bằng quyền năng của Ngài, xin đưa con đến trước tòa án thiêng liêng của Ngài. Khi con bị xét xử, xin đừng để bàn tay của chúa tể thế gian này nắm lấy con, để ném con, kẻ tội lỗi, xuống vực thẳm địa ngục; nhưng xin hãy hiện

[8788] Đó là tên gọi trong thời cổ đại của căn phòng riêng của tướng quân trong trại quân, cũng như của thẩm phán.

diện bên con và trở thành Đấng Cứu Rỗi và Đấng Bào Chữa cho con, vì những đau khổ thể xác này là niềm vui cho các tôi tớ của Ngài. Xin Chúa thương xót linh hồn con, vốn đã bị ô uế bởi những đam mê của cuộc đời này, và xin hãy đón nhận nó, đã được thanh tẩy nhờ sự sám hối và xưng tội. Vì Ngài là Đấng được chúc tụng muôn đời. Amen[8789] .

Khi vị thánh kết thúc lời cầu nguyện và lò đã được nung nóng, ngài làm dấu thánh giá và bước vào đó, vừa hát vừa nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô! Con phó thác linh hồn con vào tay Ngài!

Và ngài đã qua đời như vậy. Lửa không làm tổn hại đến thi thể thánh thiện của ngài và thậm chí không làm xơ một sợi tóc nào trên người ngài. Ngài qua đời vào ngày 13 tháng 12. Còn Thánh Vlasiy, Giám mục Sebaste, đã rước thi hài các thánh , Evstratiy và Orest, và thực hiện tất cả những gì đã được ghi trong di chúc của vị tử đạo[8790] , ca ngợi Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa Duy Nhất trong Ba Ngôi, Đấng mà vinh quang và quyền năng thuộc về Ngài muôn đời. Amen.

- Phép lạ của năm vị thánh tử đạo

Gần Constantinople có một tu viện tên là Olympus, trong đó có một nhà thờ được xây dựng để tôn vinh năm vị thánh tử đạo: Eustratius, Auxentius, Eugenius, Mardarius và Orestes. Từ xưa đã có một tập tục được duy trì, đó là vào ngày lễ kỷ niệm các thánh tử đạo, hoàng đế và tổng giám mục sẽ đến tu viện này và dâng cúng đủ số tiền cần thiết để nuôi sống các tu sĩ. Bởi vì người sáng lập tu viện đã ra lệnh rằng các tu sĩ của ngài không được tham gia vào các công việc nông nghiệp hay trồng nho, mà phải hoàn toàn phó thác cho sự cầu bầu của các thánh tử đạo, và chỉ lo lắng cho sự cứu rỗi của chính mình. Và vì các tu sĩ tuân giữ nghiêm ngặt điều răn này của vị sáng lập, nên các thánh tử đạo chưa bao giờ ngừng chăm lo cho những nhu cầu của tu viện. Nhưng ân sủng của Thiên Chúa thường đi đôi với thử thách, để cho thấy rõ hơn rằng những ai đặt niềm tin vào Thiên Chúa và tìm kiếm Ngài sẽ không bị tước đoạt mọi ân huệ nhiều hơn những ai chỉ dựa vào của cải của mình.

Và thế là Đức Chúa Trời, Đấng Quan Phòng chung cho muôn loài, mong muốn tôn vinh nơi thánh này – vốn được dâng hiến cho các vị tử đạo – một cách rực rỡ hơn nữa, đồng thời ban ân sủng của Ngài đến với những tín hữu đang tu hành tại đây giữa cảnh thiếu thốn và đau khổ, đã sắp đặt sao cho vào dịp lễ, một cơn bão khủng khiếp nổi lên từ biển, kèm theo mưa to và giá lạnh, khiến không một ai từ thành phố đến dự lễ. Các tu sĩ trong tu viện, sau khi cử hành lễ chiều và kinh cầu, đã rơi vào trạng thái chán nản, vì họ hoàn toàn không có gì để ăn, và thậm chí còn trách móc các thánh tử đạo, nói trước bức tượng của các ngài rằng:

– Sáng mai chúng ta sẽ rời khỏi đây và mỗi người đi một ngả, để tìm kiếm thức ăn cho mình.

Khi hoàng hôn buông xuống, người gác cổng đến gặp vị tu viện trưởng và nói:

– Xin cha ban phước lành, cho phép con dẫn đến gặp cha một người vừa đến từ nhà vua cùng với hai con lạc đà chở đầy hàng.

Vị tu viện trưởng ban phước lành, và một người đàn ông oai phong bước vào gặp ngài và nói:

– Nhà vua đã gửi đến cho các vị thực phẩm và rượu.

[8789] Lời cầu nguyện trước khi chết của Thánh Eustratius đã được đưa vào nghi thức của Giáo hội và được đọc trong Thánh lễ nửa đêm ngày thứ Bảy, với nội dung như sau: "Lạy Chúa, con ca ngợi Ngài, vì Ngài đã nhìn thấy sự khiêm nhường của con, và dù Ngài đã để con rơi vào tay kẻ thù, nhưng Ngài đã cứu linh hồn con khỏi cảnh khốn cùng. Và bây giờ, lạy Chúa, xin bàn tay Ngài che chở con, và xin lòng thương xót Ngài đến với con: vì linh hồn con đang hoang mang, và đau đớn trong từng nhịp đập, vì thân xác tội lỗi và ô uế này của con: xin đừng để khi kẻ xảo quyệt bày mưu tính kế, và đẩy linh hồn con vào bóng tối, vì những tội lỗi đã phạm trong đời này, dù là những điều chưa biết hay đã biết. Xin Chúa thương xót con, và xin đừng để linh hồn con phải đối diện với ánh mắt u ám của những ác quỷ xảo quyệt: nhưng xin các Thiên thần sáng láng và rực rỡ của Ngài hãy đón nhận nó. Xin ban vinh quang cho Danh Thánh của Ngài, và bằng quyền năng của Ngài, xin đưa con lên Tòa Án Thần Thánh của Ngài, khi con phải ra trước tòa, xin đừng để bàn tay của vị vua thế gian này bắt con, kẻ muốn ném con, kẻ tội lỗi, xuống vực thẳm địa ngục: nhưng xin Ngài hiện diện cùng con và trở thành Đấng Cứu Rỗi và Đấng Bào Chữa cho con, vì những đau khổ và niềm vui này đối với các tôi tớ của Ngài đều là niềm vui. Xin Chúa thương xót linh hồn con, vốn đã bị ô uế bởi những đam mê của cuộc đời này, và xin hãy đón nhận linh hồn con đã được thanh tẩy nhờ sự sám hối và xưng tội, vì Ngài được chúc tụng muôn đời muôn kiếp, amen".

[8790] Các thánh tử đạo Eustratius, Auxentius, Eugenius, Mardarius và Orestes đã qua đời vào đầu thế kỷ thứ 4. Sau đó, tại thành phố quê hương của họ là Aravraka, nơi các thánh tích quý báu của họ được an táng, một nhà thờ đã được xây dựng để tôn vinh các ngài, và từ các thánh tích của các ngài đã xảy ra nhiều phép lạ. Trước cổng Tsaregrad có một tu viện mang tên Olympus, được xây dựng để tôn vinh các vị tử đạo này. Hàng năm, vào ngày kỷ niệm các ngài, Đức Thượng phụ đều cử hành thánh lễ tại đây. Hiện nay, di cốt của các ngài được an táng tại Rome, trong nhà thờ Thánh Apollinaris của Ravenna.

Các tu sĩ, sau khi dâng lời cầu nguyện, đã mang những thứ được gửi đến vào, và mọi người cùng ăn uống, còn phần còn lại thì cất giữ làm dự trữ. Và chưa kịp tản ra về các phòng tu, người gác cổng lại bước vào và báo rằng có người được Nữ hoàng phái đến; người này được dẫn vào và thông báo với vị Trưởng tu viện rằng Nữ hoàng đã gửi cho họ cá hảo hạng và mười đồng tiền vàng. Người được cử đến chưa kịp nói xong, thì người gác cổng lại bước vào và báo cáo rằng có một người từ tổng giám mục đã đến. Khi người được cử đến mới được dẫn vào, ông ta trao cho vị tu viện trưởng các đồ thánh lễ, nói: "Tổng giám mục muốn cử hành Thánh lễ tại đây vào ngày mai"[8791] .

Vị tu viện trưởng quay sang những người vừa đến và nói:

– Điều gì đẹp lòng Chúa, thì Ngài sẽ làm. Còn các vị – sẽ ở lại đây qua đêm, hay sẽ ra về ngay bây giờ?

Họ đáp:

– Nếu chúng tôi tìm được chỗ, thì sẽ ở lại đây đến sáng. Vị tu viện trưởng ra lệnh cho họ nằm nghỉ trên hiên nhà thờ và, khi cho họ về nghỉ qua đêm, đã hỏi tên của họ. Người đến từ nhà vua tự xưng là Avksenti, người đến từ hoàng hậu là Evgeni, còn người mang đồ thờ từ Đức Thượng phụ là Mardari.

Trong lúc hát thánh ca buổi sáng, hai người đàn ông bước vào nhà thờ. Sau khi hát các bài ca "[8792] ", vị tu viện trưởng ra lệnh đọc những đoạn kinh quy định về cuộc khổ nạn của các thánh tử đạo, nhưng các tu sĩ nói:

– Chúng ta đừng đọc nữa: vì chẳng có ai từ thành phố đến dự lễ cả.

Lúc đó, một người đàn ông lạ mặt vừa bước vào nhà thờ đã nói:

– Hãy đưa sách cho tôi, tôi sẽ đọc.

Họ đưa sách cho ông, và khi ông đọc đến đoạn viết: "Eustratius bị buộc phải mang đôi ủng sắt có đinh nhọn", – ông thở dài và dùng cây gậy đang cầm trên tay đập xuống sàn nhà thờ – và cây gậy cắm sâu vào sàn nhà bỗng mọc ra những cành lá và biến thành một cái cây.

Những người đứng phía sau nhận ra người họ đang nhìn thấy và hỏi:

– Ngươi làm điều này vì chính mình sao, Eustratius?

– Không, – ông đáp: những đau khổ trước đây của tôi chẳng là gì so với phần thưởng dành cho chúng; việc này được làm để lễ hội của chúng ta không thiếu vắng những người từ thành phố đến.

Và ngay khi ông vừa dứt lời, cả năm người đều biến mất khỏi tầm mắt. Còn vị tu viện trưởng, khi từ nhà thờ trở về, đã thấy hầm chứa của tu viện đầy ắp bánh mì và cá, còn tất cả các bình đã trống rỗng trước đó – nay lại đầy ắp rượu vang. Người ta vội vã báo tin về phép lạ vừa xảy ra cho nhà vua và tổng giám mục; hai vị đã đến tu viện, và tất cả cùng tôn vinh Thiên Chúa và ca ngợi các thánh tử đạo của Ngài. Còn cây gậy đã biến thành cây gỗ thì được chia ra và phân phát làm phép lành; và vào ngày đó, nhờ lời cầu nguyện của các thánh tử đạo, đã có nhiều người bệnh được chữa lành.

Bài ca vinh danh vị tử đạo Evstrati, giọng 2:

Ngài đã hiện ra như ngọn đèn sáng chói nhất trong bóng tối của sự vô minh, hỡi vị tử đạo: vì đã lấy đức tin làm khiên che chở, ngài không sợ sự lung lay của kẻ thù, hỡi Eustratius, người hùng biện tài ba nhất.

Bài ca ngợi khác dành cho Thánh Tử đạo Evstrati, giọng 3:

Khi tranh luận trước những kẻ vô luật pháp, Ngài đã chịu đựng những đòn roi với trái tim dũng cảm nhất; Ngài đã tỏa sáng bằng những dấu hiệu thần thánh kỳ diệu, và dập tắt ngọn lửa cám dỗ cao ngạo. Vì lý do này, chúng con tôn vinh Ngài, vị tử đạo hạnh phúc nhất của Chúa Kitô, Evstratius.

[8791] Tất nhiên, tu viện Olymp nghèo nàn không có đủ mọi thứ cần thiết cho một thánh lễ long trọng do Đức Thượng phụ chủ tế, và nếu Đức Thượng phụ muốn cử hành thánh lễ tại đó, ngài tất nhiên phải tự mình gửi đến đó các đồ thánh, y phục thánh lễ và các vật dụng khác.

[8792] Các kafisma là phần không thể thiếu trong Thánh lễ buổi sáng và bao gồm việc đọc các thánh vịnh kèm theo những lời ngợi khen ngắn gọn. Toàn bộ Sách Thánh Vịnh, bao gồm 150 thánh vịnh, được chia thành 20 kafisma, mỗi kafisma lại được chia thành ba lời ngợi khen. Sự phân chia này đã được thực hiện từ thời cổ đại.

Sự tử đạo của Thánh nữ Tử đạo Lucia

Ngày kỷ niệm: 13 tháng 12

Khi danh tiếng của Thánh Tử đạo Agathia lan rộng khắp Sicily và người dân Syracuse[8793] đổ xô đến Catania[8794] để thờ lạy quan tài thánh của vị tử đạo, có một thiếu nữ tên là Lucia, xuất thân quý tộc và được mọi người dân Syracuse kính trọng, đi dự lễ cùng với những người khác và cùng với mẹ mình là Eutychia, người đã bị chảy máu suốt bốn năm và không thể chữa khỏi bằng bất kỳ phương thuốc nào. Trong lúc cử hành thánh lễ bên quan tài của vị tử đạo, người ta đã đọc đoạn Phúc Âm kể về người phụ nữ bị chảy máu đã được chữa lành nhờ chạm vào tà áo của Chúa Kitô. Trong lúc đọc Phúc Âm, Lucia nói với mẹ mình:

– Nếu mẹ tin vào những gì đang được đọc, thì hãy tin rằng Thánh Agafia, người đã chịu khổ vì danh Chúa Kitô, đã được vinh dự đứng trước Đấng mà vì danh Ngài mà bà đã chịu khổ. Vậy, hãy chạm vào quan tài của bà với lòng tin, và mẹ sẽ được chữa lành.

Khi thánh lễ kết thúc và mọi người đã ra về, mẹ con họ quỳ xuống trước quan tài của vị thánh tử đạo và trong nước mắt, họ bắt đầu khẩn cầu sự giúp đỡ từ ngài. Họ cầu nguyện rất lâu, và cuối cùng, Lucia chìm vào giấc ngủ và trong giấc mơ, cô thấy Thánh Tử đạo Agafia đang đứng giữa các Thiên thần, được trang điểm bằng những viên ngọc quý. Bà nói với Lucia:

– Chị em của ta, Lucià, trinh nữ của Chúa! Sao chị lại xin ta điều mà chính chị có thể ban tặng ngay lúc này? Đức tin của chị đã mang lại sự giúp đỡ cho mẹ chị, và bà đã khỏe mạnh trở lại. Cũng như thành phố Catania được vinh danh nhờ ta với tên gọi " ", thì thành Syracuse cũng sẽ tự hào về chị, vì trong sự trinh khiết của mình, chị đã chuẩn bị một nơi ở đẹp lòng Chúa Kitô.

Lucia lập tức tỉnh dậy, run rẩy đứng lên và nói với mẹ:

– Mẹ ơi, mẹ ơi! Mẹ đã được chữa lành rồi! Con xin mẹ, nhân danh vị thánh đã chữa lành cho mẹ bằng những lời cầu nguyện của Người: xin đừng bao giờ nhắc đến vị hôn phu nữa (lúc đó cô đã được đính hôn) và đừng mong muốn thấy đứa con phàm trần từ thân xác tội lỗi của con; nhưng tất cả những gì mẹ đã định dành cho con để kết hôn với một người phàm trần, xin hãy trao cho con, để con có thể đến với Chú Rể Bất Tử là Chúa Kitô, Đấng Bảo Vệ sự trinh khiết của con.

Mẹ đáp lại cô:

– Trong chín năm qua, khi cẩn trọng gìn giữ tất cả những gì còn lại của cha con, ta đã làm gia tăng chứ không phải làm giảm đi gia tài của con; còn những gì ta tự mình kiếm được và vẫn có thể kiếm được, tất cả đều nằm trong quyền sử dụng của con. Nhưng trước tiên hãy chôn cất ta, rồi sau đó con hãy làm gì với toàn bộ tài sản tùy ý con.

– Hãy nghe lời khuyên của con đây, thưa mẹ, – Lucià nói với bà, – người dâng lên Chúa những gì mình không thể mang theo hay sử dụng cho bản thân thì không thực sự làm đẹp lòng Chúa. Nhưng nếu mẹ muốn làm điều thực sự đẹp lòng Chúa, thì hãy dâng lên Ngài những gì mẹ có thể sử dụng cho chính mình. Khi mẹ sắp qua đời, mẹ sẽ không còn cần gì thuộc về trần gian nữa, và những gì mẹ định dâng lúc đó, mẹ cũng không thể mang theo được: vì vậy, khi mẹ còn sống và khỏe mạnh, hãy dâng tài sản của mình cho Chúa Kitô và tất cả những gì mẹ định dành cho con, hãy bắt đầu dâng cho Ngài ngay từ bây giờ.

Lucía lặp lại điều này với mẹ mỗi ngày, cho đến khi cuối cùng việc phân phát tài sản và sử dụng chúng hàng ngày để giúp đỡ những người nghèo khó cũng bắt đầu. Chồng sắp cưới của Lucía biết được việc bán các điền trang, đồ trang sức quý giá và đá quý, và vì buồn bã trước điều này, anh ta bắt đầu tra hỏi người vú nuôi của vị hôn thê mình:

– Điều này có nghĩa là gì, anh ta hỏi, tại sao tôi lại nghe nói về việc bán đột ngột các điền trang và đồ trang sức quý giá?

Người vú nuôi, một phụ nữ thông minh, trả lời:

– Vợ sắp cưới của anh đã biết có một điền trang thừa kế đang được rao bán, với giá lên đến 1.000 zlatnic hoặc hơn, mà cô ấy muốn mua cho anh, và vì thế cô ấy đang bán một số vật dụng để gom đủ số tiền đó.

[8793] Syracuse – một trong những thuộc địa Hy Lạp đầu tiên trên bờ đông đảo Sicily, sau này trở thành thành phố lớn nhất và giàu có nhất trên đảo.

[8794] Catania – một thành phố cổ trên bờ đông đảo Sicily; hiện nay là một thành phố thịnh vượng về giáo dục và thương mại, với dân số đông đúc hơn 100.000 người.

Chú rể tin lời bà và, nghĩ rằng đó là việc mua bán tài sản, anh không phản đối gì cả, thậm chí còn khuyến khích vị hôn thê và mẹ cô bán tài sản. Nhưng ngay khi anh ta biết rằng tất cả đã được phân phát cho người nghèo và khốn khó, góa phụ và trẻ mồ côi, và được dùng để giúp đỡ những người lữ hành và các tôi tớ của Chúa, anh ta lập tức đi báo cáo với quan trưởng thành Paschasius về vị hôn thê của mình, rằng cô ấy là một tín đồ Kitô giáo và, do đó, là kẻ chống lại các sắc lệnh của hoàng đế[8795] .

Paschasius đã triệu tập Lucià đến và ban đầu cố thuyết phục cô bằng lời nói để cô dâng lễ vật cho các thần tượng.

Thánh nữ Lucià đã trả lời ông:

– Lễ vật sống và lòng đạo đức trong sạch, vô tì vết trước mặt Thiên Chúa và Cha chính là việc chăm sóc những đứa trẻ mồ côi và các góa phụ trong nỗi đau khổ của họ. Trong ba năm qua, tôi chẳng làm gì khác ngoài việc dâng lễ vật lên Thiên Chúa Hằng Sống. Giờ đây, tôi không còn gì để dâng lên Ngài nữa, nên tôi dâng chính bản thân mình lên Ngài, và xin Ngài hãy làm bất cứ điều gì Ngài muốn với của lễ này.

– Những lời này, – Paschasius nhận xét, – cô có thể kể cho những người Kitô hữu giống như cô nghe, còn với tôi, người giám sát việc thi hành luật pháp hoàng gia, thì cô nói những điều này cũng vô ích thôi.

– Ngươi tuân theo luật pháp của các vua, – Lucià đáp lại, – còn ta tuân theo luật pháp của Đức Chúa Trời; ngươi sợ các vua, còn ta sợ Đức Chúa Trời; ngươi không muốn làm phật lòng các vua, còn ta hết sức cẩn trọng để không làm phật lòng Đức Chúa Trời; ngươi cố gắng làm vừa lòng các vua, còn ta mong muốn làm vừa lòng Đấng Christ Duy Nhất. Vậy thì, anh hãy làm điều mà anh cho là có lợi nhất, còn tôi sẽ làm điều mà tôi biết là sẽ mang lại lợi ích cho tôi.

– Ngươi đã tiêu xài hết gia tài của mình và phung phí cùng với những người sống chung với ngươi, – Paschasius nói, – và chính vì thế mà ngươi nói năng như một ả điếm.

– Tôi đã cất giữ gia tài của mình ở một nơi an toàn, – Lucià trả lời anh ta, – và chưa bao giờ cho phép mình tiếp nhận những kẻ làm hư hỏng tâm hồn và thể xác.

Paschasius hỏi:

– Vậy cô gọi ai là những kẻ làm hư hỏng tâm hồn và thể xác?

Lucía trả lời:

– Các ngươi là những kẻ làm hư hỏng tâm hồn, mà Sứ đồ đã nói: *"Những cộng đồng xấu xa làm hư hỏng những thói quen tốt"* (1 Cô-rinh-tô 15:33): các ngươi gieo rắc tội ngoại tình vào tâm hồn con người[8796] , – để họ, sau khi bỏ rơi Chú Rể trên trời, tức là Đấng Tạo Hóa của mình, đi theo ma quỷ qua việc thờ phượng những thần tượng vô lực và vô hồn. Còn những kẻ làm hư hỏng thân xác là những người đã chọn những thú vui tạm thời thay vì hạnh phúc vĩnh cửu, và đặt những khoái lạc thoáng qua lên trên những niềm vui vô tận.

Paschasius đã nói:

– Những lời hùng biện của ngươi sẽ chấm dứt và im bặt khi đến lúc phải chịu tra tấn và thương tích.

Lucía đáp lại:

– Lời của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ im lặng.

– Chẳng lẽ ngươi là Đức Chúa Trời sao? – Paschasius phản bác.

– Tôi là tôi tớ của Đức Chúa Trời, – Lucià nói, – và vì thế tôi đã nói những lời của Đức Chúa Trời, như chính Ngài đã phán: *"Vì không phải các con sẽ nói, nhưng Thánh Linh của Cha các con sẽ nói trong các con"* (Ma-thi-ơ 10:20).

Paschasius nói:

– Vậy chẳng lẽ Thánh Thần cũng ngự trong chị và chính Ngài đang phán qua chị sao?

Lucía trả lời:

– Sứ đồ nói rằng những ai sống đời sống trong sạch là đền thờ của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong họ (1 Cô-rinh-tô 3:16).

Paschasius nói:

[8795] Tức là các sắc lệnh của các hoàng đế La Mã yêu cầu tất cả công dân La Mã phải dâng lễ vật cho các vị thần ngoại đạo.

[8796] Trong ngôn ngữ của Giáo hội, tội ngoại tình không chỉ bao gồm mối quan hệ bất chính giữa một người chồng với vợ của người khác, những hành vi dâm ô vi phạm điều răn thứ bảy, những ý nghĩ xấu xa, mà đôi khi (như trong trường hợp này chủ yếu là vậy) còn bao gồm cả sự vô đạo đức và sự thờ cúng thần tượng.

– Vậy thì ta sẽ ra lệnh đưa ngươi đến một nơi ô uế, để Thánh Linh của Đức Chúa Trời rời bỏ ngươi khi ngươi bị ô uế.

– Nếu không có sự cho phép của Thánh Thần, thân xác không bao giờ có thể bị ô uế, – Lucià đáp lại: "Dù ngươi có đặt hương lên tay ta và dùng chính tay ta ném nó lên bàn thờ thần tượng một cách cưỡng ép, thì Đức Chúa Trời cũng chỉ cười nhạo ngươi khi chứng kiến điều đó, vì Ngài phán xét chúng ta dựa trên ý nghĩ và hành động tự nguyện, chứ không phải những việc mà người khác ép buộc chúng ta phải làm; và việc tước đoạt trinh tiết một cách cưỡng ép, Ngài chỉ dung thứ, giống như Ngài dung thứ những cám dỗ, cướp bóc, và sự thờ thần ngoại. Vì vậy, nếu ngươi ra lệnh làm nhục ta, thì điều đó chỉ càng làm tăng thêm phần thưởng cho sự trong sạch của ta mà thôi.

– Ta sẽ ra lệnh làm nhục ngươi cho đến chết, – Paschasius nói, – nếu ngươi không tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế.

Lucía đáp lại:

– Tôi đã nói với ngài rồi, ngài sẽ không bao giờ khiến ý chí của tôi đồng ý với tội lỗi; tất cả những gì ngài có thể làm với thân thể tôi – tất cả những điều đó đều bị người tôi tớ của Chúa Kitô khinh bỉ.

Lúc đó, Paschasius, vị quan tòa dâm đãng và bất chính ấy, đã triệu tập những kẻ điều hành các nhà chứa đến và giao người thánh nữ cho họ, nói rằng:

– Hãy tập hợp dân chúng lại và để họ chửi rủa nàng cho đến khi nàng chết.

Khi vị thánh nữ bị lôi đi để bị sỉ nhục, Thiên Chúa đã ban cho nàng một sức nặng đến nỗi không ai có thể lay chuyển nàng khỏi chỗ đứng. Rất nhiều người, theo lệnh của kẻ tra tấn, đã kéo nàng và cố gắng đẩy nàng ra khỏi chỗ đứng; nhưng tất cả những ai cố gắng đều kiệt sức và ướt đẫm mồ hôi, còn trinh nữ của Chúa vẫn đứng vững như núi. Họ mang dây thừng đến, trói chặt tay chân cô, rồi lại cố hết sức lôi cô đi, nhưng cô vẫn đứng vững như núi. Paschasius bối rối và không biết phải làm gì. Ông triệu tập các nhà bói toán, các pháp sư và tất cả các thầy tế thần tượng, ra lệnh cho họ thực hiện các nghi lễ phù phép xung quanh Luci, nhằm di chuyển nàng, nhưng họ chẳng đạt được kết quả gì: nàng đứng đó, như thể bị đóng đinh xuống đất, và không thể dịch chuyển nàng dù chỉ một bước. Người ta đã dẫn đến rất nhiều cặp bò để kéo cô ấy đi, nhưng cô ấy vẫn đứng bất động.

Cuối cùng, Paschasius hỏi cô:

– Ngươi đang dùng phép thuật gì vậy?

– Đó không phải là phép thuật của tôi, – cô nói, – mà là sức mạnh của ân sủng Thiên Chúa.

– Vậy lý do gì mà một ngàn người cũng không thể lay chuyển được cô, một thiếu nữ yếu đuối?

– Nếu ngươi dẫn đến ít nhất mười nghìn người, thì ngay cả họ cũng sẽ cảm nhận được rằng Thánh Thần đang phán với ta: *"Một nghìn người sẽ ngã bên cạnh ngươi, mười nghìn người sẽ ngã bên phải ngươi; nhưng họ sẽ không thể đến gần ngươi"* (Thánh Vịnh 90:6).

Vị quan tòa đáng thương ấy đang phải chịu đựng sự dằn vặt dữ dội trong tâm hồn vô đạo của mình. Ông ta rơi vào trạng thái hoang mang.

– Sao ngươi lại đau khổ thế? – trinh nữ thánh thiện hỏi ông – Và ngươi bối rối vì điều gì? Chẳng phải ngươi đã chứng kiến rằng ta thực sự là đền thờ của Đức Chúa Trời Hằng Sống sao? Vậy hãy tin điều đó đi. Nếu ngươi vẫn chưa tin, thì cứ tiếp tục làm theo ý mình.

Paschasius càng thêm phẫn nộ và bối rối khi thấy vị trinh nữ thánh thiện chế giễu những mưu mô của mình. Ông ra lệnh đốt một đống lửa khổng lồ xung quanh nàng và đổ nhựa thông, lưu huỳnh và dầu sôi lên người nàng. Nhưng nàng, nhờ danh Chúa Giêsu Kitô của chúng ta che chở, vẫn đứng vững và không hề hấn gì, rồi nói với kẻ tra tấn:

– Con đã cầu xin Chúa Giêsu Kitô của chúng ta để ngọn lửa này không có quyền lực trên con, và để những ai đặt niềm tin vào Chúa Kitô có thể chế giễu ngươi – con xin được tiếp tục chịu cực hình này, nhằm giải thoát những người tin Chúa khỏi nỗi sợ hãi về sự tra tấn, và tước đi cơ hội cho những kẻ vô tín chế giễu Kitô giáo.

Lúc đó, một số người thân cận của Paschasius, muốn giải thoát ông khỏi tình thế khó khăn và bối rối này, đã ra lệnh dùng gươm đâm vào cổ họng thánh nữ, rồi cùng với Paschasius trở về nhà. Tuy nhiên, dù bị thương rất nặng, thánh nữ vẫn không mất sức và trò chuyện với dân chúng, nói rằng:

– Ta rao giảng cho các ngươi rằng Giáo Hội của Đức Chúa Trời đã được ban bình an, vì Diocletian đã từ bỏ ngai vàng, còn Maximian thì nay đã qua đời. Và cũng giống như thành phố Catania có chị em của tôi trong Chúa, Thánh Agathia, làm người bảo trợ trước mặt Thiên Chúa, – thì các bạn cũng hãy biết rằng thành phố này

cũng được Thiên Chúa ban cho tôi làm người bảo vệ, miễn là các bạn, khi thực hiện ý muốn của Ngài, sẽ tin vào điều này.

Khi Lucià, với cổ họng bị đâm thủng bởi thanh gươm, đang nói những lời này, thì bất ngờ, trước mắt bà, người ta dẫn Paschasius đi qua, người đang bị xiềng xích bằng sắt. Sự việc là người Sicily đã bí mật gửi đến Roma một bản tố cáo, không cho vị thống đốc của họ biết, về việc Paschasius đã tàn phá đất nước một cách tàn nhẫn như thế nào, cướp đoạt tài sản của dân chúng bằng mọi hình thức bạo lực. Và ngay lúc này, lệnh từ Rôma đã được ban xuống, yêu cầu đưa Paschasius, vẫn đang bị xiềng xích, đến đó để xét xử: tại đó, sau khi bị thẩm vấn, hắn bị kết án tử hình và bị chém đầu bằng gươm. Khi hắn bị dẫn đi trong xiềng xích qua trước mặt vị thánh, bà vẫn còn sống; dù bị thương nặng đến mức nguy kịch, bà vẫn đứng im lìm, và sự sống vẫn còn ở lại với bà cho đến khi các linh mục đến và bà được rước Mình Thánh Chúa – và chỉ khi tất cả, sau khi kết thúc việc rước lễ, cùng cất tiếng: "A-men", vị thánh tử đạo mới trao linh hồn trong sạch của mình vào tay Chúa[8797] . Bà được an táng một cách trang trọng tại chính nơi chịu cực hình, và trên di cốt của bà, một nhà thờ đã được xây dựng mang tên bà và để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng Duy Nhất trong Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần; vinh quang thuộc về Ngài muôn đời. A-men.

Lễ kỷ niệm Thánh Arsenius của Latra

Ngày tưởng niệm: 13 tháng 12

Thánh Arsenius sinh ra tại Constantinople trong một gia đình quý tộc và sùng đạo. Ngài được vua ân sủng và được phong làm tướng quân và quý tộc[8798] tại Kiverriot[8799] . Một lần nọ, ngài cùng quân đội đi thuyền trên biển, nhưng một cơn bão khủng khiếp ập đến, và tất cả các con thuyền cùng những người trên đó đều chìm; chỉ có một mình ngài được cứu sống. Sau đó, Arsenius từ bỏ đời sống thế tục, gia nhập dòng tu và dâng trọn bản thân cho những công việc cầu nguyện, kìm chế xác thịt bằng việc ăn chay, những đêm thức trắng không ngừng nghỉ và những xiềng xích nặng nề . Sau những công việc tu hành không nhỏ tại một vùng hoang mạc, ông đã đến núi Latrou ở Tiểu Á[8800] , nơi ông đã dùng lời cầu nguyện và dấu thánh giá để chế ngự con rắn độc chết người[8801] , sau đó chuyển đến tu viện Kellivari[8802] , nơi ông được bổ nhiệm làm tu viện trưởng, nhưng ông đã rời khỏi đó để vào một hang động, từ đó ông đã dùng lời cầu nguyện để xua đuổi những con thú hoang dã thường ghé qua. Các tu sĩ đã tụ họp quanh ngài, và ngài dẫn dắt họ bằng gương sáng cứu rỗi từ chính cuộc đời mình cùng những lời dạy dỗ bổ ích cho tâm hồn. Suốt một tuần, vị thánh thường tự giam mình trong căn phòng tu hẹp hòi của mình trong sự tĩnh lặng và cô độc sâu thẳm; còn vào các ngày Chủ nhật, ngài giảng dạy cho các tu sĩ và dùng bữa. Nhờ những công đức gian khổ và đầy thử thách cùng cuộc đời đạo đức của mình, ngài đã đạt đến sự hoàn hảo đến mức được Thiên Thần nuôi dưỡng, dùng cây gậy của mình biến nước đắng thành nước ngọt, và sau khi thực hiện nhiều phép lạ khác, ngài đã qua đời trong bình an giữa các tu sĩ[8803] .

Ngày 27 tháng 12

14 tháng 12 (theo lịch cũ)

[8797] Thánh nữ tử đạo Lucia đã chịu tử đạo vào năm 304. Xác thánh của ngài từ Syracuse ban đầu được chuyển đến Ý, sau đó đến Metz (trước đây là một thành phố quan trọng của Pháp ở Lorraine; hiện nay là một pháo đài hạng nhất ở Lorraine thuộc Đức); một phần xác thánh từng được lưu giữ tại Constantinople đã được chuyển đến Venice.

[8798] Tầng lớp quý tộc (Patrician) là tầng lớp thượng lưu trong Đế chế La Mã và sau này là Đế chế Byzantine, tương đương với tầng lớp quý tộc có dòng dõi cao quý của chúng ta.

[8799] Tại Caria – vùng phía tây nam của Tiểu Á.

[8800] Núi Latra – thực chất là Lamos, một dãy núi ở Caria, ngăn cách dải bờ biển Địa Trung Hải với các vùng nội địa Tiểu Á gần các thành phố Miletus và Amison; tên gọi Latros, có nghĩa là "Núi Phục vụ", xuất phát từ việc nơi đây từng có 11 tu viện Chính thống giáo, được quản lý bởi một vị archimandrite trong thời Trung Cổ. Dưới thời thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ, các tu viện này đã bị phá hủy.

[8801] Aspis là một loài rắn đặc biệt, nọc độc của nó rất mạnh và thường gây tử vong.

[8802] Tại Karia, phía tây nam Tiểu Á

[8803] Thời gian sống của Thánh Arsenius Latrus không được biết chính xác; người ta ước tính khoảng từ thế kỷ VIII đến thế kỷ X.

Ngày tưởng niệm các thánh tử đạo Firs, Levkiya, Kallinik, Filimon, Apollonius và những người khác cùng với họ

Ngày tưởng niệm 14 tháng 12

Các thánh tử đạo Phirs, Levki và Kallinik sinh ra tại vùng Bithynia[8804] , và lớn lên tại thành phố Caesarea[8805] . Họ đã chịu tử đạo vì Chúa Kitô dưới triều đại của hoàng đế Decius[8806] như sau.

Một trong những quan tổng trấn tỉnh, tên là Kumvrik, đã đến thành Cesarea từ Nicomedia[8807] và nhiệt tình thúc đẩy việc thờ thần tượng tại đây, chăm lo tận tụy cho các đền thờ thần tượng, các lễ tế, cũng như mọi điều làm vừa lòng kẻ thù của loài người – ma quỷ. Hơn nữa, ông ta còn ép buộc tất cả cư dân địa phương, một số thì lôi kéo bằng sự dịu dàng, số khác thì đe dọa bằng những lời cảnh cáo. Trong khi đó, trong số các công dân Cêsarea có một người tên là Lêvki, một người trung thực, thông minh, học thức và cao thượng. Khi chứng kiến những hành vi bất chính đang diễn ra, tâm hồn ông đau đớn tột cùng và lòng nhiệt thành hướng về Đức Chúa Trời ngày càng bùng cháy mạnh mẽ hơn. Cuối cùng, ông không thể kìm nén ngọn lửa nhiệt thành đang bùng cháy trong tâm hồn mình được nữa và không còn muốn che giấu đức tin chân chính mà ông đang theo đuổi. Bất ngờ, ông đến gặp quan tổng trấn và nói:

– Tại sao, Kumvrik, ngươi, kẻ khốn khổ, lại tự vũ trang chống lại chính linh hồn mình, bằng cách tôn thờ những thần tượng vô cảm và điếc lác, và còn lôi kéo theo mình biết bao người khác vào sự lầm lạc đau buồn ấy? Những kẻ ấy còn vô cảm hơn cả đá và cây cối, vì họ không muốn nhận biết Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Rỗi chân chính của mình, cũng không muốn bước đi trong ánh sáng, từ bỏ bóng tối của sự lầm lạc.

Vị quan điên rồ, không chịu nổi sự thật được nói ra trước mặt mình, đã nổi cơn thịnh nộ vì những lời đó, và ngay lập tức, không cần thẩm vấn gì cả, ra lệnh đánh đập Levkiy. Nhưng Levkiy, tự nguyện chấp nhận những cực hình, đã tạ ơn Đức Chúa Trời, và điều đó càng khiến kẻ tra tấn nổi cơn thịnh nộ hơn nữa; vì thế, ông bị tra tấn cho đến khi những kẻ đánh đập kiệt sức. Thân thể ông, bị đánh đập tàn tạ, đã kiệt sức, và ông cầu nguyện được giải thoát hoàn toàn khỏi thân xác, mong được về với Chúa. Chính vị quan cai trị đã tạo điều kiện để thực hiện điều ước này , khi ra lệnh đưa vị tử đạo ra ngoài thành và chém đầu ông. Khi những kẻ tra tấn dẫn vị thánh đi hành quyết, ngài bước đi mà không hề sợ hãi hay bối rối, trên khuôn mặt không lộ ra chút đau đớn hay khổ sở nào, mà toàn bộ khuôn mặt ngài rạng ngời niềm vui và hạnh phúc, như thể ngài đang được dẫn đi không phải để chịu án tử, mà là để dự lễ đăng quang. Xa ngoài thành, đầu ngài bị chém rơi, và ngài đã về trời để nhận vương miện bất diệt cho công đức của mình.

Tin đồn về sự tàn bạo của Kumvrikiya nhanh chóng lan rộng khắp các vùng lân cận, và các Kitô hữu bắt đầu lẩn trốn vì sợ hãi trước sự hung ác của hắn. Nhưng vị thánh Firss (dù lúc đó ngài chưa được rửa tội, mà chỉ mới là người dự tòng), được thúc đẩy bởi lòng nhiệt thành vì Chúa, đã đến gặp tên bạo chúa và nói: “Xin chào ngài, vị thống trị sáng chói!”

Và khi vị quan đó đáp lại bằng lời chào tương tự, Firs tiếp tục:

– Liệu mỗi người có được phép nói những gì mình muốn trước mặt các ngài, những vị thẩm phán, hay phải chờ lệnh của các ngài và không được thốt ra một lời nào?

Vị thống đốc, dường như đã quên mất những gì mình đã làm với Levkius, đáp lại:

– Được, và cho đến ngày hôm nay, quyền tự do phát biểu này chưa từng bị tước đoạt khỏi ai cả, đặc biệt là khi có điều gì đó cần nói nhằm mang lại lợi ích chung.

Lúc đó, Firs nói:

– Vậy thì còn điều gì có ích hơn những gì có ích cho linh hồn? Và này, ta thấy ngươi đang đàn áp nhiều người và tước đoạt sự cứu rỗi của họ, lôi kéo họ xa rời đức tin chân chính và vì lòng độc ác của ngươi mà ép buộc họ thờ phụng các thần tượng. Bằng cách đó, ngươi đang tự đốt cháy cả địa ngục lửa cho linh hồn mình. Vì vậy, ta đã quyết định nói chuyện với ngươi một cách dũng cảm và tự do, để hỏi ngươi: vì lý do gì mà ngươi lại đặt ra luật lệ

[8804] Bithynia – một tỉnh của Đế quốc La Mã, nằm ở phía tây bắc Tiểu Á.

[8805] Ở đây tất nhiên là ám chỉ Cêsarea Palestine.

[8806] Ông trị vì từ năm 249 đến năm 251 theo niên đại R. X.

[8807] Nicomedia – một thành phố ở Bithynia. Sau này, vào thời Diocletian và Constantine Đại đế, nơi đây trở thành nơi cư ngụ của các hoàng đế La Mã.

– bỏ qua Đấng Tạo Hóa của trời đất và tất cả loài người – để thờ phượng những tác phẩm do tay người tạo ra, như thể nói với cây: 'Ngươi là cha ta' (như vị tiên tri thánh Giê-rê-mi đã vạch trần những kẻ thờ thần tượng (Giê-rê-mi 2:27)) và với hòn đá: 'Ngươi đã sinh ra ta'? Và vì lý do gì mà ngươi lại dốc hết tâm trí để thuyết phục mọi người (nếu điều đó có thể) chia sẻ với ngươi lối suy nghĩ tai hại đó?

Nghe vậy, vị quan trả lời:

– Lời nói không đúng lúc và không thích hợp của ngươi cho thấy ngươi đã bị nhiễm độc bởi Kitô giáo. Tuy nhiên, hãy để những câu hỏi phù phiếm và những giải pháp sai lầm đó cho những người chỉ lo học hành trong trường lớp mà không quan tâm đến việc lo toan cho dân chúng; còn bây giờ, hãy tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và dâng lễ vật cho các vị thần. Nếu ngươi không tuân theo, ngươi sẽ phải chịu sự trừng phạt từ chúng ta vì những lời nói của ngươi – trong những cực hình đã được chuẩn bị sẵn cho ngươi.

– Vì các ngươi là những tạo vật có lý trí của Đức Chúa Trời, – vị thánh đáp lại, – nên các ngươi không nên làm bất cứ điều gì thiếu lý trí và không qua điều tra kỹ lưỡng. Nhưng nếu ngươi muốn tuân theo mệnh lệnh điên rồ của vua ngươi, thì hãy làm theo những gì ngươi được lệnh.

Kumvrik nói:

– Ta nghĩ rằng chính sự khoan dung của chúng ta đã khiến ngươi trở nên kiêu ngạo như vậy. Nhưng, thấy rằng ngươi là người sáng suốt và thông minh, ta khuyên ngươi hãy vâng lời để tránh khỏi những cực hình. Vậy thì, hãy đến bàn thờ và dâng lễ vật lên các vị thần, vì như vậy ngươi sẽ được tha thứ cho những lỗi lầm trước đây, trở thành bạn của vị vua vĩ đại và sẽ sống phần đời còn lại cùng chúng ta trong sự tôn kính cao quý.

– Ta đã suy ngẫm rất nhiều về vấn đề này, – vị thánh nhân đáp, – và đừng nghĩ rằng ngươi bắt gặp ta trong lúc chưa chuẩn bị và chưa suy tính kỹ lưỡng mọi chuyện từ trước. Thật vậy, ban đầu tôi đã tự mình suy ngẫm rất lâu và sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng, tôi đã nhận ra rằng các vị thần của các ngươi chỉ là những tượng thần vô hồn, còn các đền thờ của họ thì ô uế; tôi đã chế nhạo chúng và chọn lấy đức tin Kitô giáo thuần khiết và chân thật. Vậy nên, đừng chần chừ mà hãy thi hành ngay những gì nhà vua đã ra lệnh cho ngươi đối với chúng tôi, những người Kitô hữu.

Những lời của vị thánh đã khiến kẻ tra tấn nổi giận, và hắn lập tức ra lệnh cho một số thuộc hạ có sức mạnh đặc biệt dùng nắm đấm đánh vị thánh thật mạnh, rồi dùng dây thắt vào tay và chân ngài, kéo ngài hết sức về các hướng khác nhau. Khi việc đó được thực hiện, các bộ phận cơ thể ngài bị bong ra và tuột khỏi khớp xương, nhưng vị tử đạo vẫn kiên nhẫn chịu đựng với ánh mắt thanh thản. Kẻ tra tấn ra lệnh dùng đinh đâm mù mắt ngài, đập vỡ hàm và đánh rụng răng bằng búa đồng. Còn vị thánh, ngay giữa những cực hình, vẫn cười nhạo kẻ tra tấn và điều đó càng khiến hắn tức giận hơn. Kumvrik ra lệnh nung chảy thiếc, chuẩn bị một chiếc giường sắt và đặt vị tử đạo nằm úp mặt xuống đó, còn bản thân ông ta thì triệu tập các pháp sư và những kẻ dụ dỗ của mình, để họ lôi kéo vị tử đạo bằng lời nói. Họ bắt đầu thuyết phục vị thánh rằng, ít nhất là tạm thời và bề ngoài, ngài hãy tỏ ra tuân phục nhà cầm quyền.

– Nhờ đó, – họ nói, – ngài sẽ thoát khỏi những cực hình tàn khốc và nhận được nhiều ân huệ, còn Đức Chúa Trời của ngài sẽ tha thứ cho ngài, vì Ngài biết sự yếu đuối của bản tính con người, và sẽ không nổi giận, bởi vì, như chúng tôi đã nghe, Ngài là Đấng nhân từ và đầy lòng thương xót.

Vị tử đạo đáp lại:

– Chính vì Đức Chúa Trời của tôi là Đấng nhân từ và đầy lòng thương xót nên tôi mới chịu đựng những cực hình này: bởi vì, nếu các ngươi, dù đã nghe nói về những cực hình vô tận đang chờ đợi các ngươi, nhưng vẫn không từ bỏ những lầm lạc để trở về con đường chân lý, thì tại sao tôi lại không thể dũng cảm chịu đựng những đau khổ tạm thời này, để được đền đáp bằng Nước Trời.

Sau những lời đó của vị tử đạo, người ta bắt đầu đổ chì sôi lên người ngài. Nhưng chì được mang đến trong nồi lập tức tràn ra thành dòng, thiêu đốt và giết chết nhiều người ngoại đạo đang đứng xung quanh. Còn vị thánh thì đứng dậy khỏi giường mà không hề hấn gì và hoàn toàn khỏe mạnh, và đôi mắt ngài lại nhìn thấy như trước đây. Khi chứng kiến phép lạ này, tất cả đều kinh hoàng, và chính vị quan cai trị cũng vô cùng ngạc nhiên. Tuy nhiên, dù lẽ ra ông phải nhận biết Đấng đã tạo dựng muôn vật, nhưng vì lỗi lầm của chính mình, ông vẫn chìm trong sự mù quáng của tâm trí; như vậy, lời Kinh Thánh đã ứng nghiệm trên ông: *"Ngươi đã thấy nhiều điều, nhưng không để ý; tai ngươi đã mở, nhưng không nghe"* (Is 42:20).

Và ông càng thêm tức giận với vị tử đạo, gọi ông là thầy phù thủy và pháp sư, rồi bắt ông phải chịu những cực hình còn khủng khiếp hơn. Nhưng vị thánh vẫn kiên cường chịu đựng mọi thứ; và từ trên cao vang lên một

tiếng nói khích lệ vị tu sĩ, khiến những người ngoại đạo kinh hoàng tột độ, còn những người tin Chúa thì càng thêm vững vàng trong đức tin.

Sợ rằng việc tiếp tục tra tấn sẽ làm mình xấu hổ, tên tra tấn ra lệnh trói vị tử đạo lại và ném vào ngục tối, còn bản thân hắn thì về nhà, suy tính xem nên tra tấn Firs bằng những hình phạt tàn bạo nào nữa. Trong khi đó, vị thánh trong ngục tối đã cầu nguyện hết lòng, xin Chúa ban cho ngài được rửa tội. Và rồi đột nhiên, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, vào ban đêm, dây trói của ngài tự động được tháo ra, và cánh cửa ngục tối tự mở ra. Ra khỏi ngục tối, vị thánh đã đến gặp Giám mục thành Caesarea, người lúc bấy giờ đang lẩn trốn khỏi cuộc bách hại. Vị giám mục, khi nhìn thấy vị tử đạo, liền quỳ xuống dưới chân ngài, vì đã nghe nói về lòng dũng cảm và sự kiên nhẫn của ngài, và vô cùng kính trọng ngài. Nhưng vị tử đạo, sau khi đỡ vị giám mục dậy và chính mình cũng quỳ xuống dưới chân ngài, đã nói:

– Xin đừng làm thế, thưa Đức Cha đáng kính! Xin đừng vội bày tỏ sự tôn kính mà con đáng lẽ phải dành cho ngài, vì con không đến để ban phước lành, mà là để nhận phước lành.

Vị giám mục nói với ngài:

– Chính ngài mới là người phải ban phước lành cho chúng tôi, vì ngài đã rõ ràng thể hiện sức mạnh vĩ đại của đức hạnh và khoác lên mình chiếc áo sáng chói của Thánh Thần qua những cực hình khủng khiếp mà ngài đã chịu đựng.

– Chính vì thế mà tôi đã đến đây, – vị tử đạo đáp, – để mặc lấy áo choàng bất hoại, được tái sinh nhờ nước và Thánh Thần, vì tôi vẫn chưa được ban phép rửa tội thánh. Vậy xin ngài hãy thực hiện ngay mong muốn của tôi và làm phép rửa tội cho tôi.

Vị Giám mục lập tức làm phép rửa tội cho Firs, người sau khi bước ra khỏi bể rửa, đã kêu lên:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con, Đấng đã ban cho con ân sủng được tái sinh nhờ nước và Thánh Thần! Xin cho con, qua những đau khổ, cũng được hưởng ân sủng của phép rửa mà Ngài đã chịu, và sau khi uống chén đau khổ của Ngài, được dự phần vào cái chết của Ngài.

Sau đó, sau khi trò chuyện với vị giám mục và chia tay ngài, vị tử đạo của Chúa Kitô trở về ngục tối; lúc đó, một ánh sáng kỳ diệu dẫn đường cho ngài, và các Thiên thần thánh thiện đi theo sau ngài, như một số người xứng đáng đã nhìn thấy rõ ràng. Trong ngục tối, ngài dành thời gian cho những lời cầu nguyện thường lệ.

Vào thời điểm đó, có một quan đại thần tên là Silvan, gốc Ba Tư, là người tàn nhẫn và vô nhân đạo, muốn thể hiện mình là người có thiện chí và đồng chí hướng với hoàng đế, nên đã xin hoàng đế ban cho ông ta, Silvan, quyền điều tra xem liệu những kẻ tra tấn được chỉ định để tiêu diệt các Kitô hữu có thực sự tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế hay không. Sau khi nhận được quyền hạn này, ông ta đã đến Nicêa[8808] và Cêsarêa, ở khắp nơi đều dâng lễ vật cho các thần tượng và đánh dấu các lễ hội thần tượng bằng máu của các Kitô hữu. Ngoài ra, ông ta còn được báo cáo về vị thánh vĩ đại Phirs, rằng ông ta không thể bị khuất phục[8809] bằng bất kỳ hình thức tra tấn nào, đồng thời lại khiến mọi người kinh ngạc bởi những dấu lạ và phép lạ. Ngay lập tức, Silvan ra lệnh đưa ông ta đến trước mặt mình, còn bản thân thì tiến hành dâng lễ vật cho Zeus, vị thần tối cao của đạo ngoại giáo. Ngày hôm sau, ông cùng với Kumvrik ngồi trên ghế thẩm phán và, sau khi triệu tập Firs, trước tiên ra lệnh đọc to trước mọi người bản thẩm vấn trước đó của ông ta, rồi nói với vị tử đạo:

– Đừng nghĩ, Firs, rằng ngươi sẽ phải chịu đau khổ như trước đây: ngươi sẽ phải chịu những cực hình còn tàn bạo hơn nữa nếu vẫn tiếp tục bướng bỉnh.

Vị tử đạo đáp lại:

– Đấng đã ban cho tôi sức mạnh để chịu đựng mọi cực hình trước đây, là Chúa Giê-su Ki-tô của tôi, hiện đang hiện diện trước mặt tôi, giải cứu tôi khỏi tay các ngươi, vì tôi chỉ phụng sự một mình Ngài và chỉ công nhận một mình Ngài là Thiên Chúa, còn các thần tượng và các vị thần ngoại đạo của các ngươi, tôi coi là sự lầm lạc hoàn toàn. Tuy nhiên, nếu ngươi muốn thuyết phục ta dâng lễ vật không phải bằng sự ép buộc và bạo lực, mà bằng lời khuyên khôn ngoan, một cách tự nguyện, thì hãy nói: ta phải dâng lễ vật cho ai và như thế nào? Còn ta, khi thấy sự công bằng trong lời nói của ngươi, sẽ sẵn lòng tuân theo và không chống lại lẽ thật một cách vô ích.

Lúc đó, Silvan nắm lấy tay vị thánh và nói:

– Hãy đến đền thờ, và ở đó ngài sẽ được chỉ cho biết ngài phải dâng lễ vật cho ai.

[8808] Nicaea – một thành phố ở phía tây Bithynia; tại đây đã diễn ra Công đồng Đại kết lần thứ nhất và thứ bảy (năm 325 và 787)

[8809] Tức là, không thể ép buộc người đó dâng lễ vật cho các thần tượng.

Khi họ đến đền thờ Apollon gần đó, Silvan chỉ tay vào tượng thần và nói:

– Đây là vị thần mà chúng ta tôn kính, và nếu ngươi, Firs, cầu nguyện với ngài và dâng lễ vật, thì ngươi sẽ có được một vị bảo hộ vĩ đại và nhận được ân sủng từ các vị thần khác.

Vị tử đạo nói:

– Hãy xem ta sẽ dâng lễ vật gì cho ngài và sẽ khẩn cầu ngài ra sao.

Và khi mọi người đều chăm chú nhìn về phía ngài, ngài giơ hai tay lên và ngước mắt lên trời, kêu cầu sức mạnh vô biên của Thiên Chúa; bỗng chốc sấm sét vang dội, và tượng thần Apollon đổ sập xuống đất, vỡ tan thành bụi. Vị thánh tử đạo, quay sang những người đứng xung quanh, nói:

– Hãy nhìn xem: các vị thần của các ngươi chỉ là những tác phẩm do con người tạo ra và thậm chí không thể chịu đựng nổi danh hiệu của Đức Chúa Trời chân thật.

Silvan, nổi cơn thịnh nộ, đáp lại:

– Ta sẽ tiêu diệt và xóa sổ hoàn toàn phép thuật của ngươi. Ngay lập tức, hắn ra lệnh dùng những chiếc lược sắt sắc nhọn xé nát thân thể vị tử đạo đến tận xương, khiến thịt của vị thánh rơi xuống đất từng mảnh, trong khi kẻ tra tấn nói:

– Đức Chúa Trời – Đấng trợ giúp ngươi, Đấng mà ngươi tôn kính và đặt niềm tin vào – đang ở đâu?

Vị tử đạo đáp lại:

– Chẳng lẽ ngươi không thấy sức mạnh của Đấng Kitô đang hoạt động trong ta, rõ ràng đang củng cố ta chống lại những cuộc tấn công của các ngươi sao? Làm sao thân xác trần tục và yếu đuối này có thể chịu đựng được những cực hình như vậy, nếu không có sự trợ giúp thiêng liêng từ trên cao ban xuống?

Lúc đó, Silvan ra lệnh mang đến một cái nồi khổng lồ, đổ đầy nước vào và đốt lửa dưới đáy nồi. Khi nước trong nồi sôi sùng sục, người tử đạo bị trói chân bằng dây thừng và bị thả đầu xuống nước sôi. Nhưng vị thánh đã kêu cầu danh Chúa Kitô, và cái nồi vỡ tan, nước tràn ra, còn bản thân ngài vẫn bình an vô sự. Kẻ tra tấn cảm thấy xấu hổ và nổi cơn thịnh nộ; nhưng vì ông ta còn phải lo những việc công khác, nên đã ra lệnh đưa vị tử đạo vào ngục tối.

Chẳng bao lâu sau, Silvan cùng với Kumvrik đi đến thành phố ven biển Apamea[8810] , ra lệnh cho người ta dẫn theo vị thánh – người đang bị trói – đi cùng. Khi đến gần thành phố, ông dừng lại, gọi vị tử đạo đến bên mình và nói:

– Này, Firs, hoặc là ngươi hứa sẽ dâng lễ vật cho các vị thần thì ngươi sẽ được sống, hoặc là ngươi sẽ bị tước đoạt mạng sống một cách tàn nhẫn.

Vị thánh đáp lại y hệt như những gì ngài đã nói trước đó, và kết thúc bằng lời này:

– Thà linh hồn các ngươi bị xé ra khỏi thân xác còn hơn.

Những kẻ tra tấn càng thêm phẫn nộ với Firs, ra lệnh lôi anh ta vào thành phố trong tiếng la hét và đánh đập, rồi tại đó, vì những gì họ gọi là "phép thuật" của anh ta, sẽ ném anh ta xuống biển, để anh ta phải chịu cái chết đau đớn và thậm chí sau khi chết cũng không được chôn cất theo nghi thức thông thường. Nhưng chưa kịp vào thành, lời tiên tri của vị tử đạo đã bắt đầu ứng nghiệm: Silvan bỗng dưng kiệt sức, còn Kumvrik thì mắc bệnh sốt, và đến ngày thứ tư, cả hai đều qua đời một cách thảm thương. Người ta kể rằng ngay cả đất đai cũng không chịu tiếp nhận thi thể ô uế của họ cho đến khi vị thánh tử đạo cầu nguyện cho điều đó. Và vị thánh đã ở lại Apamea hai mươi ba ngày, trong tình trạng bị xiềng xích, cho đến khi vị quan cai trị mới đến.

Vị quan mới tên là Vavda đã đến, tính cách và lòng thù hận đối với các Kitô hữu cũng giống như những người tiền nhiệm của ông.

Sau khi xem xét các vụ việc của các quan cai trị trước đó và biết về vị tử đạo Firse, ông đã triệu tập ngài đến để thẩm vấn. Vị thánh vẫn kiên định trong đức tin Kitô giáo như trước và vẫn từ chối tuân theo những yêu cầu vô đạo của những kẻ ngoại đạo. Vavda ra lệnh cho người ta trói ngài lại, nhét vào một cái túi da và ném xuống biển, cách bờ ba mươi stadia[8811] . Nhưng cái túi da bỗng nhiên bị rách toạc, dây trói cũng tuột ra, và người ta thấy rất nhiều người tỏa sáng đang đi lại trên mặt biển; họ đã đón vị tử đạo và đưa ngài lên bờ. Thấy cảnh đó, các tôi tớ của quan tổng trấn hoảng sợ chạy đến báo cáo với ông ta về chuyện đã xảy ra. Lúc đó, chính ông ta cũng đi ra bờ biển và, khi thấy vị tử đạo đang đứng một mình ở đó, ông nói với ông ta:

[8810] Apamea – một thành phố ở Bithynia, cách bờ nam Vịnh Kianius một phần tư giờ đi đường, có cảng.

[8811] Stadia – đơn vị đo chiều dài, tương đương khoảng 88 sazen; 30 stadia – hơn 4 verst một chút.

– Quả thật, những phép thuật và bùa chú Kitô giáo của ngươi thật kỳ diệu, nếu ngay cả biển cả cũng tuân theo ngươi, như ta thấy, và nếu ngươi tước đi sức mạnh ngay cả từ chính các định luật tự nhiên. Nhưng dù sao đi nữa, không có phép thuật nào có thể giúp ngươi được, và chúng chỉ là nguyên nhân dẫn đến những cực hình tàn khốc hơn và cái chết thảm khốc dành cho ngươi mà thôi.

Vị tử đạo đáp lại:

– Ngươi sẽ còn mù quáng đến bao giờ, và giống như các vị thần của ngươi, không nhìn thấy gì dù có đôi mắt? Làm sao ai đó có thể dùng phép thuật để khuất phục các quy luật tự nhiên? Trong số các pháp sư của các ngươi hay các vị thần mà các ngươi tôn sùng – những kẻ mà bản chất chỉ là sự lừa dối và ảo thuật – thì ai trong số họ đã khiến một người bị ném xuống biển được các Thiên thần nâng lên, rồi an toàn và khỏe mạnh, đi trên mặt biển như đi trên đất liền, và lên được bờ?

Vị quan tổng trấn ra lệnh bắt vị tử đạo, trói lại và dẫn theo, đồng thời đánh đập dữ dội bằng gậy, còn bản thân ông ta thì lên đường đến Cêsarea. Người dân Cêsarea, khi biết có vị quan mới đang đến và dẫn theo vị thánh tử đạo Firs, đã đổ ra khỏi thành phố, như thể để đón tiếp vị quan, nhưng thực ra là để chiêm ngưỡng người chịu khổ vì Chúa Kitô, người mà ai cũng muốn được nhìn thấy. Ngay khi tất cả vào thành, vị tử đạo lập tức bị ném vào ngục tối. Vị thống đốc đã suy nghĩ rất lâu về hình thức hành hình nào sẽ áp dụng cho vị tử đạo, và cuối cùng quyết định giao ông cho thú dữ xé xác, vì cho rằng cái chết này là đau đớn nhất. Ông ra lệnh tập hợp những con thú hung dữ nhất thuộc mọi loài và nhịn đói chúng, để chúng lao vào xé xác người bị kết án một cách dữ dội hơn.

Khi sau 30 ngày, các con thú đã được chuẩn bị xong, tên tra tấn đã tập hợp toàn thể dân chúng tại đền thờ Zeus và dâng lên một lễ tế long trọng. Sau đó, hắn ra lệnh dẫn Firs, người bị kết án làm mồi cho thú dữ, ra khỏi ngục tối.

Trong khi đó, theo lệnh bí mật của nhà vua, nhiều bạn bè và người quen đã đến thăm vị thánh trong tù và khẩn cầu ngài hãy thương xót chính mình, tránh khỏi cái chết khủng khiếp bằng cách tuân theo những gì họ yêu cầu.

– Như vậy, – họ nói, – ngài sẽ thoát khỏi cái chết, được vinh danh và làm vừa lòng nhà vua.

Nhưng vị thánh nhân, theo lời của Đa-vít, *"giống như người điếc, không nghe thấy, và như người câm, không mở miệng"* (Thi Thiên 37:14).

Khi người ta dẫn ngài đến trước mặt vị vua, người lúc đó đang dâng lễ vật, thì vị vua nói với ngài:

– Chúng ta đã quá nhân từ khi cho ngươi nhiều thời gian như vậy để suy ngẫm. Vậy, nếu ngươi muốn được lợi ích cho bản thân, thì bây giờ, khi ngươi thấy cả đất nước mình đang dâng lễ vật cho vị thần vĩ đại Zeus, – hãy bước lên và dâng lễ vật để thoát khỏi sự diệt vong. Nếu không, móng vuốt và răng nanh của thú dữ sẽ xé xác ngươi, và không ai có thể giúp ngươi hay cứu ngươi khỏi tai họa.

Vị tử đạo giả vờ đồng ý và nói:

– Từ lâu tôi đã quyết định dâng lễ vật cùng với đồng bào của mình. Nhưng e rằng thần Apollon sẽ phật lòng nếu tôi bỏ qua ngài mà chỉ dâng lễ vật cho riêng thần Zeus.

Nghe vậy, quan tổng trấn rất vui mừng và nói:

– Hãy dâng lễ vật chỉ cho riêng Zeus thôi, và ta đảm bảo với ngươi rằng không một vị thần nào khác sẽ giận dữ với ngươi.

Vị tử đạo, trước sự chứng kiến của mọi người, tiến lại gần tượng thần Zeus và khi ngài thầm cầu nguyện với Đức Chúa Trời chân thật, một trận động đất khủng khiếp đã xảy ra, và tượng thần Zeus đổ sập xuống đất. Những kẻ ngoại đạo hoảng sợ bỏ chạy tứ tán, chỉ còn lại một mình vị tử đạo trong đền thờ. Tràn đầy cơn thịnh nộ, kẻ tra tấn ra lệnh dẫn vị thánh đi cho thú dữ xé xác.

Một đám đông người dân đã tụ tập để xem cảnh tượng này, và khi những con thú được thả ra gần vị thánh, dường như ngài không đứng một mình giữa bầy thú, mà còn có ba người khác bên cạnh; và những con thú đi vòng quanh ngài và âu yếm ngài một cách hiền lành, như thể chúng đã quen biết ngài từ lâu. Còn ngài, giơ hai tay lên trời, đã nói:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giê-su Ki-tô, vì Ngài đã tôn vinh Danh Thánh của Ngài nơi con và tỏ lòng thương xót của Ngài trên con, khiến miệng các loài thú dữ không thể làm hại con, giống như xưa kia Ngài đã làm cho Đa-ni-ên, tôi tớ của Ngài. Lạy Chúa, Đấng vẫn làm phép lạ như xưa và nay, xin hãy khiến cho những con thú hoang dã này mỗi con trở về nơi ở của mình, không gây hại cho bất kỳ ai đang có mặt ở đây!

Sau khi cầu nguyện, ông nói với các con thú:

– Nhân danh Đức Chúa Trời chân thật, hãy trở về sa mạc, mỗi con về hang ổ của mình, nơi các ngươi đã bị dẫn ra khỏi đó, và đừng gây hại cho ai cả.

Và ngay lập tức, các con thú bỏ chạy, trong khi các cánh cửa tự mở ra trước mặt chúng. Tất cả những người có mặt đều hoảng sợ và chạy tán loạn, ai chạy đâu thì chạy, vì sợ những con thú vừa thoát ra; tuy nhiên, chính những con thú đó cũng lao nhanh về phía sa mạc. Khi chứng kiến phép lạ này, nhiều người ngoại đạo đã quay về với Chúa Kitô.

Vavda, không biết phải làm gì, ra lệnh trói thánh nhân lại và ném ngài vào ngục tối. Nhưng vài ngày sau, khi lên đường đến thành Apollonia, nằm không xa Caesarea, ông ra lệnh cho Firs đi theo sau mình đến đó. Khi đến Apollonia, Vavda đã tổ chức một lễ hội công cộng tại đền thờ Apollon. Đền thờ này chật kín các tượng thần. Sau khi đưa Phirs đến đó, Vavda ra lệnh đánh ông ta bằng gậy một cách tàn nhẫn trước mặt các thần tượng. Nhưng vị thánh, kiên nhẫn chịu đựng những đòn roi, như thể chúng không phải được giáng xuống ông trong thực tế mà chỉ trong giấc mơ, đã cầu nguyện với Đức Chúa Trời, Đấng làm cạn khô vực thẳm và lật đổ núi non chỉ bằng một cái phất tay.

– Xin tay Ngài, lạy Chúa, hãy giáng xuống trên con, – ngài nói, – xin đừng rút sự giúp đỡ của Ngài khỏi con, nhưng xin hãy nhìn xuống con và bảo vệ con, để con không phải hổ thẹn, vì con đã kêu cầu Ngài.

Khi ông cầu nguyện như vậy, bỗng nhiên một trận động đất xảy ra trong thành phố, vị quan cai trị bị bệnh, tay những kẻ đánh đập vị thánh trở nên yếu ớt, và nhiều tượng thần rơi xuống đất, nằm ngổn ngang, vỡ tan thành từng mảnh. Còn Phirs, tràn đầy niềm vui nơi Đức Chúa Trời, đã chế nhạo các tượng thần và kẻ hành hạ mình, và nói:

– Sao ngươi không giúp các vị thần của ngươi, những vị đang nằm lăn lóc trên đất trong sự nhục nhã như vậy và cầu xin ngươi giúp đỡ, mà lại bỏ mặc họ, bị bỏ rơi trước mắt mọi người – trở thành trò cười cho những ai không bị mù quáng?

Dù vị quan tổng trấn đang chịu đựng căn bệnh hiểm nghèo, nhưng sự độc ác trong lòng ông ta vẫn còn nguyên vẹn, và vì thế ông ta nói:

– Những trò phù thủy ghê tởm của Firs khiến cuộc sống của ta còn khổ sở hơn cả cái chết!

Lúc bấy giờ, tại Apollonia có một thầy tế ngoại đạo tên là Kallinikos. Từ đầu, ông đã chứng kiến những phép lạ do thánh tử đạo Firs thực hiện, và ông bắt đầu nhận ra sự bất lực của các vị thần mình thờ phụng. Khi đón nhận hạt giống của đức tin chân chính vào lòng, ông thầm nói với chính mình:

– Lạy Thiên Chúa, Đấng mà Firso rao giảng, Đấng thực hiện những phép lạ kỳ diệu và vinh quang! Xin Ngài cũng đón nhận, củng cố và làm vững chắc con, một chiến binh mới được chọn, để chống lại những kẻ nổi loạn chống lại Chân lý của Ngài!

Trong khi thầm thì trò chuyện với Đức Chúa Trời như vậy, ông đến gặp vị vua và khéo léo chế giễu ông ta.

– Thưa vị thống trị sáng láng nhất, – ông nói – người ấy, trong khi phải chịu những cực hình tàn bạo, đã quật ngã xuống đất và tiêu diệt vị thần vĩ đại nhất là Zeus, Apollon mang ánh mặt trời, đã đè bẹp lần thứ ba và chính Hercules[8812] , vị bất khả chiến bại trên chiến trường, đã lật đổ – không phải bằng tay, không phải bằng vũ khí, không phải bằng gươm, mà chỉ bằng một lời nói và sự kêu cầu Chúa Kitô, Đấng đã chịu thập giá và cái chết. Vậy thì, nếu quyền năng của ngài cho phép, chúng ta hãy phục hồi vị thần Hercules, người giúp đỡ một số người trong hoạn nạn, và chúng ta sẽ khẩn cầu ngài, để ngài nhớ lại sự dũng cảm xưa kia, đến và giúp đỡ Zeus, cha của các vị thần, và thần Apollo thiêng liêng, những người đang bị xúc phạm nặng nề như vậy: vì chính họ, theo tôi thấy, đang chìm trong giấc ngủ say.

Vị vua, không hiểu đó là lời chế giễu, nói:

– Vì ta đang ốm, nên ngươi hãy đi một mình, cầu xin các vị thần thay cho chúng ta và khơi dậy họ nhanh chóng chống lại tên phù thủy Phir.

Còn Kallinikos thì tiếp tục:

– Nhưng tôi nghĩ rằng sức mạnh của vị Thần đã lật đổ họ là vô cùng to lớn, và tôi e rằng các vị thần của chúng ta sẽ không thể giúp được ngay cả chính bản thân họ.

Lúc đó, vị vua, cuối cùng cũng hiểu được ý nghĩa thực sự trong lời nói của Kallinik, nói:

[8812] Hercules – theo tín ngưỡng của người Hy Lạp cổ đại, là một trong những anh hùng Hy Lạp, nổi tiếng với sức mạnh và lòng dũng cảm phi thường, đã lập nên vô số chiến công và sau khi chết đã trở thành bán thần.

– Chẳng lẽ ngay cả ngươi, Kallinik, cũng đã bị mê hoặc bởi phép thuật của tên phù thủy này sao?

Kallinik, không muốn tiếp tục cuộc trò chuyện đã bắt đầu cũng như không muốn che giấu niềm tin của mình thêm nữa, liền về nhà ngay lập tức, cạo sạch tóc trên đầu và râu, cởi bỏ y phục chức sắc của mình, rồi mang tất cả những thứ đó đến cho vị thống đốc và ném xuống dưới chân ông.

– Xin hãy nhận lấy, thưa ngài, – ông nói, – mái tóc và bộ áo choàng của tôi, đã bị ô uế bởi mùi hôi thối và khói của các lễ tế, bởi máu đổ và những nghi lễ ma quỷ: cùng với chúng, tôi từ bỏ sự lầm lạc trước đây của mình và bắt đầu một cuộc đời mới, vì tôi – giờ đây đã là một Kitô hữu.

Vị quan trưởng vô cùng ngạc nhiên trước sự thay đổi bất ngờ này ở Kallinikos.

– Có chuyện gì với ngươi vậy, Kallinikos, – ông ta nói, – chẳng lẽ những phép màu của tên phù thủy này đã có sức mạnh đến mức khiến ngay cả linh hồn cao quý của ngươi – linh hồn của một người phụng sự các vị thần, người đã nhận được nhiều ân huệ từ họ – cũng bị lôi kéo khỏi đức tin của tổ tiên và rơi vào sự diệt vong vĩnh viễn sao?

Kallinikos đáp:

– Người phải chịu trách nhiệm lớn nhất cho sự thay đổi của ta chính là Hercules, người mà theo như người ta kể lại đã lập được biết bao chiến công, nhưng giờ đây lại không thể chống lại một lời nói của người đàn ông này và đã gục ngã một cách thảm hại đến thế, chứng tỏ rằng những câu chuyện thần thoại mà người đời biết về ông ta và các vị thần khác đều đáng bị chế giễu.

– Hoàn toàn không phải vậy, – vị thống đốc phản bác, – nhưng ngươi đã bị mê hoặc bởi phép thuật của Firs và hy vọng rằng chính ngươi cũng sẽ tạo ra những phép màu tương tự nhờ bùa chú. Tuy nhiên, những phép thuật Kitô giáo sẽ không mang lại lợi ích gì cho cả vị pháp sư đó lẫn ngươi, nếu ngươi không ăn năn và tiếp tục tôn vinh các vị thần như trước đây.

Kallinikos, muốn vạch trần sự thiếu sáng suốt của vị vua một cách rõ ràng và tin chắc rằng Chúa sẽ ở bên mình, giống như đã ở bên Firs, đã nói:

– Vì ngài, thưa nhà vua, hiện đang ốm, còn ngài lại cho rằng tôi bị mê hoặc bởi bùa chú, vậy thì nếu ngài đồng ý, chúng ta hãy đến gặp vị thần vĩ đại Asclepius[8813] và cùng nhau cầu nguyện ngài ban cho ngài được bình phục: khi đó ngài sẽ biết rằng tôi không bị mê hoặc bởi bất kỳ phép thuật nào cả.

Vị vua, không hiểu đúng ý lời của Kallinikos và nghĩ rằng vị linh mục lại quay trở lại với các vị thần của mình, liền đi theo ông vào đền thờ. Khi họ bước vào đó, Kallinikos bắt đầu cầu nguyện trong lòng, nói:

– Lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà con đã nhận biết là Thiên Chúa Chân Thật nhờ người tôi tớ của Ngài là Firs, Đấng đã bị con làm phật lòng vô số lần nhưng dù vậy vẫn không từ chối con! Xin Ngài hãy đứng lên giúp đỡ con ngay lúc này và tỏ lộ quyền năng của Ngài nơi con!

Khi ông đang thầm cầu nguyện như vậy, bỗng nghe thấy một tiếng nói từ trên cao, khích lệ ông và kêu gọi ông thực hiện một hành động anh hùng. Và ông, tràn đầy sự can đảm và kêu cầu danh Chúa Kitô, bắt đầu phỉ báng thần tượng Asclepius, và ngay lập tức, thần tượng đó, như thể bị một bàn tay mạnh mẽ hất ngã, đã ngã xuống dưới chân ông. Lúc đó, Kallinikos nhìn vị quan cai trị và nói với giọng mỉa mai:

– Ngươi tự thấy rồi đó, thần của ngươi không thể đứng dậy nếu chính ngươi không nâng nó lên. Hãy tin chắc rằng đây không phải là phép thuật, mà là sức mạnh của Thiên Chúa hành động qua ta.

Nhưng vị vua, dù trong lòng đau buồn vì điều đó và thương xót Kallinikos, vẫn ra lệnh giam ông vào ngục tối, và sáng hôm sau, ông ban án tử hình cho ông và Firs với những lời như sau:

– Kallinikos, kẻ đã từ bỏ việc phụng sự các vị thần và sự tôn kính dành cho họ, rồi theo đuổi sự dối trá của Kitô giáo, ta ra lệnh xử tử bằng gươm; còn Firs, kẻ tự hào về những phép lạ của mình và đã lừa dối Kallinikos khốn khổ bằng chúng, ta ra lệnh nhốt vào một chiếc hòm gỗ và xẻ làm đôi bằng cưa.

Kallinik ngay lập tức bị các chiến binh dẫn ra để hành quyết. Ông xin được dành thời gian để cầu nguyện và, sau một thời gian cầu nguyện dài, đã bị chém bằng gươm. Sau đó, khi những kẻ tra tấn đặt thánh Firs vào thùng gỗ và cầm cưa để cưa ông, thì chiếc cưa bỗng trở nên nặng nề một cách kỳ lạ trong tay họ, đến nỗi họ hầu như không thể nhấc lên và điều khiển được; trong khi đó, khi cưa vào gỗ của thùng, nó lại nhẹ đến mức không để lại dấu vết nào của răng cưa. Những kẻ tra tấn đã vất vả làm việc đến mồ hôi nhễ nhại, nhưng chẳng đạt được gì; cuối

[8813] Asclepius (Aesculapius) – một bác sĩ Hy Lạp sống từ thời cổ đại xa xưa; theo tín ngưỡng của người Hy Lạp, sau khi qua đời, ông cũng giống như Hercules, đã được tôn vinh vào hàng ngũ các vị thần.

cùng, chiếc hòm bỗng nhiên mở ra, và vị thánh bước ra khỏi đó với khuôn mặt rạng rỡ, lòng ngài tràn ngập niềm vui siêu phàm. Những người đứng xung quanh đều kinh hoàng, và không ai dám chạm vào vị thánh vì phép lạ vừa xảy ra. Và có tiếng nói từ trên cao vang lên, kêu gọi vị tử đạo đến nhận phần thưởng trên trời. Nhận ra rằng cuộc thử thách đã kết thúc, vị thánh giơ hai tay lên trời, cùng với tâm hồn hướng về trời cao, và thốt lên:

– Con tạ ơn Ngài, Chúa Giêsu Kitô, vì Ngài đã đón nhận con, kẻ không xứng đáng này, làm người thừa kế những ân huệ của Ngài, và đặt con vào hàng ngũ những ai làm đẹp lòng Ngài. Xin hãy đón nhận linh hồn con trong bình an ngay lúc này và dẫn dắt nó vào những nơi thánh thiêng của Ngài, để hưởng phúc lành khôn tả mà Ngài ban tặng!

Sau đó, làm dấu thánh giá trên mình, Firs đã phó thác linh hồn thánh thiện của mình vào tay Thiên Chúa. Như vậy, người mà vô số cực hình và tra tấn tàn bạo không thể giết chết, đã kết thúc cuộc đời mình bằng cái chết tự nhiên.

Nhiều năm trôi qua, vị hoàng đế tàn bạo Diocletian[8814] lên ngôi, và một lần nữa, sắc lệnh hoàng gia được ban hành khắp nơi, yêu cầu tất cả mọi người phải tham gia thờ lạy các thần tượng, còn những ai từ chối sẽ bị xử tử. Vào thời điểm đó, tại Thebaid[8815] , người cai trị là một người tên là Arrian. Với nỗ lực thi hành triệt để mệnh lệnh bất chính của vị hoàng đế tàn bạo, trong thời gian lưu lại thành phố Antinoe, ông ta đã bắt giữ hai tín đồ Kitô giáo danh giá là Ascalon và Leonidas, và sau khi tra tấn họ bằng nhiều hình thức khác nhau, đã ra lệnh xử tử họ. Sau đó, ông ta ra lệnh bắt giữ tất cả các tín đồ Kitô giáo có mặt tại đó, rồi bày ra trước mặt họ các dụng cụ tra tấn và nói:

– Này, hai số phận đang chờ các ngươi: hãy dâng lễ vật cho các vị thần, thì các ngươi sẽ được an toàn và tự do; còn nếu từ chối tuân theo, các ngươi sẽ phải chịu tra tấn và thậm chí là cái chết.

Vừa dứt lời, ngay lập tức ba mươi bảy người đàn ông đã dũng cảm và nhất trí bước lên phía trước, tuyên bố sẵn sàng thà chết còn hơn là tuân theo mệnh lệnh vô thần đó. Nhưng sau nhiều lần tra tấn, một trong số họ, tên là Apollonius, một người đọc kinh trong nhà thờ, đã kinh hoàng trước cảnh tượng những hình phạt đa dạng, lúc thì run rẩy khi nghĩ đến những cực hình sắp tới, lúc lại sợ rằng linh hồn mình sẽ bị hủy diệt vì đã xa lìa Chúa Kitô. Anh ta bắt đầu suy tính làm thế nào để tránh cả việc dâng lễ vật cho các thần tượng lẫn những cực hình tàn bạo, sao cho vừa cứu được linh hồn khỏi quyền lực của ma quỷ, vừa giải thoát thân xác khỏi tay những kẻ tra tấn. Trong lúc anh ta đang do dự như vậy, có một người ngoại đạo tên là Philimon, người từng làm nhạc công cho quan tổng trấn, đang đứng gần đó.

Thấy anh ta, Apollonius gọi anh ta lại và hứa sẽ thưởng cho anh ta bốn đồng tiền vàng, nếu anh ta giả dạng ông, tức Apollonius, để dâng lễ vật, đồng thời che mặt bằng áo choàng của ông để không bị nhận ra. Philimon đồng ý: anh ta mặc áo choàng của Apollonius, che mặt lại, rồi đi đến bàn thờ. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng có những kế hoạch kỳ diệu nhằm cứu rỗi tất cả loài người, đã muốn thu hút Philimon đến với Ngài qua Apollonius, và qua Philimon, thu hút Apollonius. Và khi Philimon, trong bộ quần áo của Apollonius, đang tiến gần đến bàn thờ thần tượng, ánh sáng ân sủng của Chúa đã chiếu sáng trong lòng anh, và đôi mắt thiêng liêng của anh đã mở ra để nhận biết lẽ thật. Sau khi làm dấu thánh giá như một Kitô hữu, ông bước đến trước mặt quan tổng trấn. Vị quan này hỏi những người xung quanh:

– Ai vậy?

Họ trả lời:

– Một người Kitô hữu.

Vị quan ra lệnh cho ông dâng lễ vật, nhưng ông đã lớn tiếng kêu lên:

– Tôi sẽ không dâng! Tôi là người Kitô hữu, tôi tớ của Chúa Kitô, Thiên Chúa Hằng Sống.

Vị quan nói:

– Chẳng phải gần đây ngươi đã chứng kiến những cực hình mà Ascalon và Leonid phải chịu đựng, và cái chết thảm khốc mà họ đã phải gánh chịu sao?

Philemon, dưới danh nghĩa Apollonius, đáp lại:

– Chính điều đó, rằng Ascalon và Leonid, những người mới đây đã chịu khổ vì Chúa Kitô, đã để lại cho chúng ta gương mẫu về sự kiên nhẫn dũng cảm, chính điều đó đã thúc đẩy tôi can đảm bước vào những cực hình. Điều thúc đẩy tôi còn có phép lạ đã xảy ra trên chiếc thuyền của ngài, khi ngài định vượt sông, nhưng chiếc thuyền

[8814] Hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 284 đến năm 305.

[8815] Thivaida – một vùng ở phía nam Ai Cập.

bỗng dừng lại giữa dòng, ngay tại chỗ nước sâu nhất, và không thể đến được bờ – chỉ vì ngài không muốn gọi Chúa Kitô là Thiên Chúa[8816] .

Lúc đó, quan tổng trấn ra lệnh gọi nhạc sĩ Philimon đến, hy vọng rằng bằng tiếng sáo của mình, ông ta sẽ mê hoặc và làm mềm lòng người Kitô hữu, dễ dàng dẫn dắt suy nghĩ của anh ta theo hướng khác và thuyết phục anh ta dâng lễ vật cho các thần tượng. Người thống đốc điên rồ ấy không biết rằng chính Filimon đang đứng trước mặt mình, và rằng anh ta đang nói bằng giọng nói thật của mình, bởi trước đây người thống đốc chỉ nghe thấy anh ta chơi các loại nhạc cụ khác nhau, còn bây giờ lại nghe thấy giọng nói rõ ràng của anh ta, được Thánh Thần soi dẫn. Trong khi đó, người ta tìm kiếm Filimon khắp nơi nhưng không thấy. Họ gọi anh trai của ông là Phê-ôn đến và bắt đầu hỏi xem Phi-li-môn đang ở đâu. Anh ta, khi nhận ra em trai mình trong bộ quần áo của A-pô-lô-ni-ô, nhưng không biết gì về những gì đã xảy ra, đã nói:

– Đây, Filimon đang đứng trước mặt các ngài đây.

Vị quan cai trị ra lệnh vén khăn che mặt người đang đứng đó, và khi nhìn thấy Philimon, ông ta bắt đầu cười lớn, nghĩ rằng Philimon đã làm điều đó để chế nhạo các Kitô hữu và để làm vui lòng những người có mặt. Sau đó, ông ta ra lệnh cho Philimon cởi bỏ bộ quần áo lạ và đi cùng ông ta đến bàn thờ. Nhưng Philimon tuyên bố rằng mình thực sự là một Kitô hữu, và bắt đầu chế giễu các vị thần ngoại đạo. Vị quan tòa vô cùng ngạc nhiên trước điều này và, nhìn Philimon, thốt lên:

– Nhân danh sự thịnh vượng của dân tộc La Mã, – những điều ngươi đang làm và nói lúc này, Filimon, có phải là sự thật hay chỉ là ngươi bịa ra để chế giễu các Kitô hữu?

Philimon đáp:

– Tôi thề không phải vì sự thịnh vượng của La Mã, mà vì sự cứu rỗi của chính mình và Chúa Kitô, Vua của tôi, rằng tôi không chế giễu các Kitô hữu, mà đang tuyên bố về sự thay đổi thực sự đã diễn ra trong lòng tôi, và tôi tuyên xưng đức tin của mình vào Chúa Kitô, đồng thời khẳng định rằng vì lời tuyên xưng này, tôi sẵn sàng chết không chỉ một lần, mà hàng ngàn lần.

Những lời này đã khiến vị quan cai trị nổi giận điên cuồng, và ông ta quay sang những người xung quanh, hỏi họ liệu có nên giết Filimon ngay lập tức vì đã công khai phỉ báng các vị thần, hay nên cho anh ta thời gian để suy ngẫm và ăn năn. Người dân, vốn yêu mến Filimon vì tài thổi sáo tuyệt vời của anh, đã nài nỉ vị quan cai trị đừng hủy hoại niềm vui của cả thành phố. Lúc đó, vị quan cai trị nói với Filimon:

– Hãy nhìn xem dân chúng yêu mến ngươi thế nào: họ gọi ngươi là "niềm vui chung". Vậy thì, ít nhất là để tỏ lòng biết ơn về điều đó, hãy làm việc mà ngươi vẫn thường làm – dâng lễ vật lên các vị thần, những vị bảo hộ của thành phố. Này, lễ hội trọng đại sắp diễn ra, trong đó ngươi cũng nên dùng kèn và sáo để ca ngợi các vị thần, qua đó làm vui lòng chính mình và làm say đắm tai chúng ta.

– Lễ hội này của các ngươi – Filimon nói – khiến ta nhớ đến lễ hội được cử hành trên trời, còn tiếng kèn làm dấy lên trong ta khao khát được nghe những bài thánh ca của các Thiên thần. Hãy biết rằng ngươi đang cố gắng vô ích khi tìm cách ngăn cản ta khỏi niềm tin của mình: bằng cách đó, ngươi không những không đạt được thành công nào, mà ngược lại, còn khơi dậy trong lòng ta khát khao hướng về Chúa Kitô càng mãnh liệt hơn.

Vị quan nói:

– Nhưng ngay cả khi ngươi chịu đựng hết thảy những cực hình vì Chúa Kitô như ngươi hứa, thì ngươi sẽ được gì, khi ngươi chưa phải là một Kitô hữu trọn vẹn, vì ngươi chưa chịu phép rửa theo luật của họ?

Nghe vậy, Philemon thốt lên:

– Ôi, xin ngọn lửa thiêng liêng, được thắp lên trong lòng tôi, hãy ở lại với tôi! Thưa quan tổng trấn! Tôi phải biết ơn ngài biết bao vì ngài, dù trái với ý muốn của mình, đã ban ân huệ cho tôi bằng cách nhắc nhở tôi về phép rửa tội thánh thiêng!

Nói xong với quan tổng trấn, ông bước ra giữa đám đông và lớn tiếng tuyên bố:

– Nếu trong số các ngài có một linh mục Kitô giáo và nếu ngài ấy vì đức tin chân chính mà không sợ hãi những cực hình, thì tôi khẩn cầu ngài ấy: xin hãy mau đến đây và ban phép rửa tội thánh cho tôi!

[8816] Về phép lạ này, có ghi chép chi tiết hơn trong Sách Lễ Mê-ni-ê vào ngày 20 tháng 5, ngày lễ của Thánh Tử đạo Ascalon. Phép lạ nằm ở chỗ, nhờ lời cầu nguyện của Thánh Ascalon, chiếc thuyền chở vị vua đã hai lần, nhờ quyền năng của Thiên Chúa, dừng lại, không cho ông vượt qua sông khi ông từ chối tuân theo yêu cầu của vị thánh – đó là tuyên xưng Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật; và chỉ khi Arrian ký tên vào giấy tờ đó, dù là miễn cưỡng, chiếc thuyền mới di chuyển, và vị thống đốc đã vượt sông sang bờ bên kia.

Thấy mọi người đều bị nỗi sợ hãi chi phối và không ai dám bước đến gần ông để tự xưng là linh mục Kitô giáo, ông đau lòng và cuối cùng, trong những giọt nước mắt nồng nàn, ông kêu cầu Thiên Chúa:

– Lạy Thiên Chúa của con, lạy Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã thương xót nhìn xuống con và kêu gọi con ra khỏi vực thẳm của sự lầm lạc! Xin đừng bỏ rơi con mà không có phép Rửa tội thánh, nhưng xin Ngài, theo cách Ngài biết, hãy sai một linh mục và nước đến cho con, để con được rửa tội như các Kitô hữu khác!

Ngay sau lời cầu nguyện của ông, một đám mây từ trên cao hạ xuống, bay vòng quanh ba lần rồi tưới mưa xuống người ông, đánh dấu phép rửa tội thánh trên đầu ông, rồi lại bay lên cao. Mọi người đều kinh ngạc; còn vị quan bị che mờ bởi cơn giận dữ thì nói rằng đó là phép thuật và ảo giác.

Sau đó, vị thánh cầu nguyện để tất cả các cây sáo và kèn của ông, vốn đã được trao cho Apollonius vào lúc cả hai đang đổi quần áo cho nhau, đều bị thiêu rụi, và như vậy sẽ không còn bất kỳ dấu vết nào về nghệ thuật phù phiếm của ông, và không một người ngoại đạo nào có thể nói nữa rằng:

– Đây là những chiếc kèn của Philimon.

Và quả thực, ngọn lửa từ trời giáng xuống đã thiêu rụi tất cả trước mắt Apollonius.

Trong khi đó, giờ phút đau khổ cũng đang đến gần với chính Apollonius, bởi vì Theon, anh trai của Philimon, đã đến gặp quan tổng trấn và kể lại chi tiết cho ông ta nghe về việc Apollonius đã cho Philimon mặc quần áo của mình, rồi ép anh ta thay mặt mình thực hiện hành động chứng đạo, và chính Apollonius đã trở thành kẻ gây ra cái chết của Philimon. Apollonius lập tức bị dẫn đến, và quan tổng trấn Arrian, nhìn hắn với cơn thịnh nộ và sự đe dọa tột độ, nói:

– Chuyện gì đang xảy ra vậy, kẻ vô lại nhất trong loài người? Ngươi đã làm gì với chúng ta, với cả thành phố này và với người đàn ông đáng thương này? Ngươi, vì kiêu ngạo mà khinh thường các vị thần và luật pháp, lại vì hèn nhát mà trốn tránh cực hình, đã đổi quần áo với anh ta và bằng một loại phép thuật nào đó đã làm lệch lạc trái tim anh ta, đồng thời tước đoạt niềm an ủi vĩ đại của cả thành phố. Nếu ngươi sợ những cực hình, thì ngươi lẽ ra nên đến gặp ta và mở lòng với ta, và ta, theo luật nhân ái, sẽ tha thứ cho ngươi mọi điều và để ngươi được sống tự do và vô lo.

Trước những lời này của vị vua, Apollonius đáp lại:

– Ngươi làm đúng và tốt khi trách mắng và nói xấu ta, và ta sẽ không phản đối điều đó: chính tôi cũng tự nhận mình có tội – nhưng không phải vì tôi đã trở thành nguyên nhân mang lại những ân huệ to lớn như vậy cho Philimon, mà vì tôi đã không cầu xin những ân huệ đó cho chính mình trước tiên – và không phải vì anh ta xuất hiện trong bộ quần áo của tôi, mà vì chính tôi đã ẩn mình dưới bộ quần áo của anh ta. Nhưng vì cả hai chúng tôi, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, đã mặc lấy áo choàng cứu rỗi[8817] , nên hãy tin chắc rằng, cả Philemon lẫn Apollonius sẽ không bao giờ dâng lễ vật cho các vị thần của các ngươi; và nếu trước đây tôi từng sợ hãi những cực hình, thì giờ đây, nhờ sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời tôi, tôi sẽ thể hiện lòng dũng cảm còn lớn lao hơn nữa.

Bực giận trước những lời này, tên tra tấn ra lệnh trói Apollonius lại và để anh ta trong tư thế đó để chịu những hình phạt tàn bạo hơn, còn trong lúc đó, hắn ra lệnh cho ba tên lính đánh vào mặt và mắt của Philimon. Dân chúng, khi thấy Filimon bị đánh, đã phẫn nộ và la hét yêu cầu các binh lính dừng lại. Sau đó, quan cai trị nói với Filimon:

– Hãy thương xót chính mình đi, Filimon, hoặc ít nhất hãy thương xót đám đông, những người đang đau lòng vì ngươi. Ngươi nên suy ngẫm rằng, nếu đám đông đã phẫn nộ đến thế khi chứng kiến sự tra tấn nhỏ nhoi này của ngươi, thì điều gì sẽ xảy ra khi ngươi phải chịu những cực hình còn khủng khiếp hơn nữa? Hãy dâng lễ vật đi, Filimon, và tự thưởng cho mình vì nỗi đau khổ hiện tại này bằng những niềm vui sẽ đến sau đó, vì chúng ta sẽ tổ chức tiệc tùng tại đền thờ Serapis[8818] và đắm chìm trong mọi thú vui.

– Bữa tối của tôi đã được chuẩn bị sẵn trên thiên đàng, – Filimon đáp lại, rồi quay sang đám đông và nói:

– Tại sao các bạn lại buồn bã khi thấy tôi bị đánh? Chẳng phải những người thân cận của nhà vua đã đánh chúng ta khi tôi còn là người thổi sáo giữa các bạn sao? Đôi khi họ còn đối xử với chúng ta tồi tệ hơn thế, mà các bạn vẫn cười vang: vậy tại sao bây giờ các bạn lại không vui vẻ? Nhưng hãy biết rằng, trong khi các bạn buồn bã, các Thiên thần đang vui mừng vì tôi, khi thấy tôi là một Kitô hữu và người tôn kính đức tin chân chính.

[8817] Tức là, cả hai đều đã được rửa tội – một người theo cách thông thường, còn người kia thì bằng một cách kỳ diệu.

[8818] Serapis – vị thần ngoại giáo của Ai Cập cổ đại, được tôn kính như vị thần của những linh hồn đã khuất và được cầu khấn như vị cứu tinh khỏi bệnh tật và cái chết, và vì vậy nhiều người đã đồng nhất ngài với Asclepius,

Kẻ tra tấn, thấy sự kiên định của Philimon, đã ra lệnh khoan thủng cẳng chân của ông và Apollonius, trói họ lại bằng dây thừng và lôi các vị tử đạo đi khắp thành phố. Sau đó, Philimon bị treo lên một cây ô liu và bị bắn bằng cung tên, nhưng những mũi tên không chạm vào ông, mà một trong số đó bật lại trúng vào quan cai trị và làm mù mắt phải của hắn. Mất đi con mắt và cảm thấy cơn đau dữ dội, hắn tuôn ra vô số lời lăng mạ và phỉ báng Chúa Kitô cùng các Kitô hữu, nhưng cuối cùng, vì cơn đau hành hạ, hắn ra lệnh tháo dây trói cho vị tử đạo và van xin ông chữa lành con mắt cho mình. Nhưng vị thánh đáp lại:

– Bây giờ ta sẽ không chữa lành cho ngươi, để ngươi đừng nghĩ rằng ân huệ ngươi nhận được là do phép thuật. Nhưng khi ta lìa khỏi thân xác này – vì ngày ta ra đi đã gần kề – ngươi hãy đến mộ ta, lấy đất từ mộ đó bôi lên mắt, rồi kêu cầu danh Chúa Kitô, và ngay lập tức mắt ngươi sẽ được chữa lành.

Sau đó, theo lệnh của quan tổng trấn, hai vị tử đạo là Philimon và Apollonius bị chém đầu, và thi hài thánh thiện của họ được an táng gần các thánh tử đạo Ascalon và Leonidas. Còn kẻ tra tấn, người đang bị đau mắt không thể chịu nổi, dù miễn cưỡng nhưng vẫn đến mộ các thánh, lấy đất từ đó, làm theo lời Philimon, đắp lên mắt bị đau của mình và nói:

– Nhân danh Ngài, Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà vì Ngài các vị tử đạo này đã tự nguyện đi đến cái chết, con đặt đất này lên mắt con, và nếu được chữa lành, con sẽ nhìn thấy, thì chính con cũng sẽ tuyên xưng rằng không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ngài.

Ngay khi vừa nói xong, ông lập tức được chữa lành cả hai mặt – mắt và tâm hồn: bằng mắt, ông nhìn thấy mặt trời, còn bằng tâm hồn, ông nhận ra Chân Lý sáng chói hơn cả mặt trời, và ông đi tiếp, hân hoan reo lên:

– Tôi là người Kitô hữu!

Ông đã tuyên xưng điều này trước nhiều nhân chứng và nhận phép rửa thánh cùng cả gia đình mình, đồng thời thả tự do cho ba mươi sáu tín hữu Kitô giáo đang bị giam cầm vì Đức Kitô. Sau đó, mang theo những tấm vải liệm[8819] và các loại hương quý[8820] , ngài cùng đông đảo dân chúng và hai vị giám mục đã đến mộ các thánh tử đạo và long trọng cử hành lễ an táng cho họ.

Trong khi đó, tin đồn rằng Arrian đã từ một người ngoại đạo trở thành Kitô hữu và không còn muốn dâng lễ vật cho các vị thần nữa đã đến tai Diocletian. Hoàng đế đã cử bốn quan tổng trấn[8821] đến Caesarea, ra lệnh cho họ đưa Arrian về, vì ngài muốn tự mình điều tra xem những điều người ta nói về ông có đúng sự thật hay không. Các quan phó, sau khi bắt được Arrian, thúc giục ông nhanh chóng lên đường, nhưng ông van nài họ cho phép ông đến viếng mộ các thánh tử đạo; và vì họ không đồng ý, nên ông đã đưa cho họ tám mươi đồng vàng và cuối cùng được họ cho phép đến mộ. Khi đến nơi, anh quỳ sấp xuống và khẩn cầu các thánh tử đạo giúp đỡ anh trong cuộc chiến đức tin. Và bỗng từ ngôi mộ vang lên giọng nói của Philimon, nói rằng:

– Hãy vững lòng, Arrian, và đừng sợ, vì chính Chúa đang kêu gọi ngươi đến với Ngài, dẫn dắt ngươi đến cuộc tử đạo và chuẩn bị cho ngươi vương miện tử đạo, – và những người sẽ cùng chia sẻ cuộc tử đạo và phần thưởng của ngươi chính là bốn quan chức đó, những người đã đến để bắt ngươi.

Nghe thấy giọng nói ấy, Arrian kinh hoàng tột độ; khi trở về nhà, được ân sủng của Chúa soi dẫn, ông đã tiên báo cho những người trong nhà về thời điểm và cách thức mình sẽ chịu khổ hình. Ông gọi các đầy tớ lại và nói với họ:

– Các ngươi sẽ đi cùng chúng ta đến Alexandria, rồi ta sẽ bị dẫn đến trước mặt hoàng đế, và nhờ ơn Chúa, ta sẽ hoàn thành công đức của mình. Vào ngày thứ tám của tháng Phamenoph[8822] , ta sẽ bị nhét vào một cái túi da và ném xuống biển. Còn các ngươi, vào ngày thứ mười một của cùng tháng đó, vào giờ thứ sáu, hãy ra bờ biển: ở đó các ngươi sẽ tìm thấy thi thể ta, được cá heo đưa vào bờ, hãy mang nó đi và an táng cùng với các vị tử đạo khác.

Sau đó, Arrian lên đường cùng các quan phụ tá và khi đến gặp hoàng đế, ban đầu ông được hoàng đế tiếp đón nồng hậu. Nhưng không lâu sau khi ông đến, một phòng tắm đã được chuẩn bị sẵn cho hoàng đế; trước tòa nhà đó có một bức tượng thần Apollon, và hoàng đế, khi đi đến đó, đã mang theo cả Arrian. Sau khi tắm xong, khi bước ra khỏi phòng tắm và tiến lại gần bức tượng, hoàng đế nói với Arrian:

– Hãy dâng lễ vật lên vị thần vĩ đại Apollon, rồi chúng ta sẽ cùng nhau đến dự bữa tối với tâm trạng vui vẻ.

[8819] Khăn liệm – một tấm vải lanh lớn dùng để quấn thi thể người đã khuất.

[8820] Ở phương Đông, thi thể người quá cố được xức hương (dầu thơm), như cách mà Giuse và Nicôđêm đã làm với Thánh Thể của Chúa.

[8821] Proktor – người mang vũ khí.

[8822] Tháng Phamenoph tương ứng với tháng Ba của chúng ta.

Arrian trả lời ngài:

– Làm sao tôi có thể làm điều đó sau những phép lạ vĩ đại và vô số mà Đấng Christ, Thiên Chúa chân thật, đã thực hiện, những điều đó không phải là chuyện cổ tích, mà là sự thật không thể chối cãi? Chính đôi mắt tôi là chứng nhân cho những điều đó: vậy làm sao tôi có thể dâng lễ vật cho một tượng thần vô hồn và vô cảm?

Vị vua tức giận ra lệnh ngay lập tức trói tay Arrian bằng xiềng xích sắt, buộc những tảng đá lớn vào chân ông, ném ông xuống một cái hố sâu, rồi lấp đầy bằng đất và đá, san phẳng đống đất đó với mặt đất. Trên miệng hố đã được lấp đầy, ông ra lệnh đặt ngai vàng của mình và ngồi lên đó, ra lệnh cho các chiến binh thổi kèn xung quanh mình, rồi nói:

– Hãy xem xem Chúa Kitô của hắn có đến và giải thoát hắn khỏi cái hố này hay không.

Sau đó, ông ta trở về cung điện, bước vào phòng ngủ của mình và thấy những thanh sắt và hòn đá từng được trói vào người Arrian đang lơ lửng trên giường của mình, còn bản thân Arrian thì đang nằm trên giường.

Khi nhìn thấy cảnh đó, hoàng đế kinh hoàng và hoang mang, nghĩ rằng có ai đó trong số những người thân cận của mình đã phản bội ông và đang âm mưu bí mật. Nhưng thánh Arrian nói với ông:

– Đừng lo lắng: không ai phản bội ngài hay nổi loạn chống lại ngài cả; nhưng tôi chính là Arrian, người mà khi ngài ném xuống hố, ngài đã nói: "Hãy xem, liệu Đấng Kitô của hắn có đến giải thoát hắn không." Và này, Đấng Kitô đã giải thoát tôi và truyền cho tôi nằm trên giường của ngài.

Đức Diocletian kinh ngạc đứng im lặng một lúc lâu, và cuối cùng, khi vừa định thần lại, trong sợ hãi và hoang mang, ông đã thốt lên lớn tiếng:

– Ôi, phép thuật xảo quyệt! Chưa ai từng thấy điều gì tương tự như thế này!

Ông còn nói và la hét nhiều điều khác nữa, và cuối cùng, ra lệnh cho người ta nhét vị thánh vào một cái bao da chứa đầy cát rồi ném xuống biển ở nơi nước sâu. Trong khi đó, bốn quan tổng trấn đã được nhắc đến, trong đó người lớn tuổi nhất là Ephothus, đã đến gặp hoàng đế và tuyên bố mình là Kitô hữu. Họ cũng bị nhét vào những chiếc bao da chứa cát và bị ném xuống biển cùng với Arrian; còn những con cá heo[8823] thì đã vớt xác họ lên và mang đến bờ biển Alexandria, nơi các tôi tớ của Arrian, theo di chúc của ông, đang chờ đợi họ trên bờ. Họ vớt thi thể chủ nhân và bốn người phản đối ra khỏi nước, rồi cùng nhau an táng họ một cách trang trọng[8824] , ngợi khen Thiên Chúa – Cha, Con và Thánh Thần, Đấng mà chúng ta cũng xin dâng vinh quang muôn đời. Amen.

Bài ca Kondak, giọng 2:

Những người chiến đấu vì đức tin thánh thiện, đã khinh bỉ vị vua độc ác, vạch trần sự tàn sát dã man của hắn: và các ngươi đã chiến thắng sự chống đối dữ dội đó, được củng cố bởi sự giúp đỡ của Đấng Kitô, Firse và Levke: hãy cầu nguyện cho chúng ta cùng với những người đã chịu khổ.

Ngày 28 tháng 12

Ngày 15 tháng 12 (theo lịch cũ)

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Eleutherius và mẹ ngài là Anfia

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 12

Trong thời trị vì của Hoàng đế Ê-li-a A-đri-an[8825] , một kẻ sùng bái thần tượng cuồng nhiệt, vị thánh vĩ đại Ê-lê-phê-ri-ô đã tỏa sáng như một ngôi sao rực rỡ. Ngài sinh ra tại Rô-ma trong một gia đình quý tộc và giàu có.

[8823] Cá heo – loài động vật biển thuộc họ động vật có vú.

[8824] Các thánh tử đạo đã chịu tử đạo vào khoảng năm 287. Vào khoảng năm 397, bên ngoài tường thành Constantinopolis, Flavius Caesarius đã xây dựng ngôi đền lộng lẫy dành cho Thánh Firsus, và thi hài của ngài được an táng tại đó. Sau đó, ngài hiện ra trong một giấc mơ cho Hoàng hậu Pulcheria, ra lệnh đặt di cốt của 40 vị thánh tử đạo Sebaste (ngày kỷ niệm của các ngài là ngày 9 tháng 3) – vốn đã được chôn giấu dưới đất – bên cạnh ngài, và theo chỉ dẫn của ngài, những di cốt này đã được khai quật vào năm 450. Một ngôi đền khác được Hoàng đế Justinian Đại đế xây dựng để tưởng nhớ ngài – nằm gần khu chợ được gọi là Theodosius.

Cha của Thánh Eleutherius đã ba lần được bổ nhiệm làm tướng quân, còn mẹ ngài lại được hưởng vinh dự và danh tiếng còn lớn lao hơn nữa, bởi vì, được Thánh Tông đồ Phaolô khai sáng, bà đã nhận phép rửa từ ngài và được đặt tên là Anfia. Bà đặt tên con trai mình là Eleutherius và nuôi dạy cậu trong sự sùng đạo nghiêm khắc; khi cậu đến tuổi trưởng thành, bà đã dâng cậu lên Thiên Chúa qua tay Đức Giáo hoàng Anacletus[8826] như một món quà thực sự xứng đáng với Chúa. Tổng giám mục, thấy Eleutherius là một thiếu niên có phẩm hạnh tốt, đã nhận cậu vào hàng giáo sĩ của mình; khi cậu tròn mười lăm tuổi, ngài phong cậu làm phó tế, và đến năm mười tám tuổi, ngài phong cậu làm linh mục; khi vị thánh tròn hai mươi tuổi, Tổng Giám mục Nikita đã bổ nhiệm ngài làm Giám mục Illyricum[8827] . Tại đây, vị Giám mục thánh thiện đã tỏa sáng như ngọn đèn trên giá đèn, và chiếu rọi ánh sáng Lời Chúa, dẫn dắt nhiều người đến với sự nhận biết về Đấng Chúa duy nhất. Nhưng kẻ thù ghét – ma quỷ – không thể chịu đựng được điều này và đã nổi giận chống lại vị thánh với lòng thù hận tàn bạo.

Nó đã xúi giục vị vua độc ác Adrian nổi dậy chống lại lẽ thật và bắt đầu đàn áp các Kitô hữu, và trước hết là giết Eleutherius; nó cũng muốn tiêu diệt tất cả các nhà giảng dạy đạo đức xuất sắc nhất, như những trái ngọt nhất của vinh quang Đức Kitô. Và thế là, vị vua với một thông điệp đe dọa đã cử một quan tổng trấn tên là Felix đi, ra lệnh phải dùng vũ lực đưa Eleutherius ra trước tòa án hoàng gia. Khi đến Illyria, Felix đã chọn đúng thời điểm khi vị mục tử nhân từ đang giảng dạy Lời Chúa cho đoàn chiên của mình trong nhà thờ Chúa; hắn bao vây nhà thờ bằng binh lính, xông vào bên trong, mặt mày đầy giận dữ và liếc nhìn xung quanh với ánh mắt độc ác. Khi thấy Eleutherius đang tuôn trào dòng giáo lý thuần khiết và giảng dạy những người nghe bằng giọng nói êm ái, chính ông cũng dừng lại để lắng nghe chăm chú và ngạc nhiên trước quyền năng của Đấng Christ mà vị ấy đang rao giảng, và ngay lập tức, biến cơn thịnh nộ thành sự hiền lành, với tâm hồn đã sẵn sàng đón nhận hạt giống Lời Chúa, ông trở nên như một con chiên và từ kẻ bách hại trở thành môn đệ của Chúa Kitô; như thể quên hết mọi điều trong quá khứ, ông từ một tên cướp trở thành tôi tớ tốt lành và trung thành của Chúa Kitô. Bỏ qua mệnh lệnh của vua, ông quỳ xuống dưới chân vị giám mục thánh, và từ đó không bao giờ rời xa vị thầy của mình nữa, được soi sáng bởi lời giảng dạy của ngài và ngày càng vững vàng trong đức tin.

Như vậy, Felix đã từ sự vô đạo của người ngoại giáo quay về với sự sùng đạo, và không còn ý định quay trở lại với người đã sai ông đi. Còn Thánh Eleutherius, mong muốn chịu khổ vì đức tin thánh thiện của Chúa Kitô, vội vã lên đường. Felix cũng đi cùng ngài, nhưng không còn với tư cách là quan tổng trấn dẫn tù nhân, mà đi theo vị thánh như con chiên theo người chăn chiên. Khi trên đường đi, họ đến một suối nước, Felix bỗng trở thành như người hoạn quan thứ hai của Kandake, và giống như người hoạn quan ấy đã nhận phép rửa từ Thánh Tông đồ Philip (Công vụ 8:30–39), ông đã nhận phép rửa từ Thánh Eleutherius và cởi bỏ bóng tối của sự thờ ngẫu tượng, như cởi bỏ một bộ áo quần mục nát.

Sau đó, Felix cùng với Eleutherius lên đường.

Khi họ đến Rôma, các Kitô hữu biết được rằng Felix đã gia nhập Giáo hội của Chúa Kitô; chính ông đã kể cho họ nghe tất cả về Eleutherius. Và thế là Eleutherius, theo lệnh của hoàng đế, đã ra trước tòa án. Anh đến đây một cách dũng cảm và không sợ hãi, như thể được mời đến không phải để ra tòa, mà là để dự lễ hội. Nhà vua, khi nhìn thấy anh, nhận ra rằng anh vẫn còn là một thiếu niên, có dung mạo đẹp đẽ và được ban cho mọi tài năng bẩm sinh, nên đã nói với anh:

– Eleutherius, ngươi đã từ bỏ đức tin của cha ông và coi thường việc thờ phụng các vị thần của chúng ta, để thờ phụng một vị Thần mới nào đó, Đấng không chỉ chết trước mặt mọi người, mà còn chết một cái chết tàn khốc nhất.

Eleutherius không muốn trả lời gì trước những lời đó, noi gương Đức Kitô, Đấng giữa những đau khổ đã không nói gì trước Philatô và cũng không trả lời gì với Hê-rốt. Lúc đó, nhà vua lại lên tiếng:

– Hãy trả lời đi, tại sao ngươi lại trở nên điên rồ đến mức gia nhập vào đức tin Kitô giáo điên rồ ấy? Hãy xưng tội với ta và dâng lễ vật cho các vị thần bất khả chiến bại của chúng ta. Nếu ngươi vâng lời ta và làm theo điều

[8825] Hadrian – Hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 117–138 sau Công nguyên. Mặc dù ông không tiến hành cuộc đàn áp đặc biệt và kéo dài nào đối với các Kitô hữu, nhưng ông là người nhiệt thành phục vụ cho sự tà đạo ngoại giáo, và dưới triều đại của ông, nhiều vị tử đạo Kitô giáo đã phải chịu đau khổ.

[8826] Thánh Anacletus – Giáo hoàng từ năm 79 đến năm 91.

[8827] Illyricum hay Illyria bao gồm toàn bộ bờ biển phía đông của Biển Adriatic cùng các vùng đất nằm phía sau nó (ngày nay là Dalmatia, Bosnia và Albania).

này, ta sẽ ban cho ngươi vinh dự lớn lao; còn nếu không làm, ta sẽ kết án ngươi phải chịu những cực hình khủng khiếp.

Còn Eleutherius thì cầu khẩn Chúa, Đấng đã phán: *"Vậy, các con đừng lo suy tính trước sẽ trả lời thế nào, vì Ta sẽ ban cho các con lời nói và sự khôn ngoan mà không ai có thể phản bác được"* (Mt 10:19, 21:15), – và ông đáp:

– Làm sao tôi có thể thờ phượng những vị thần như vậy hay đồng ý với những ai thờ phượng họ? Chẳng phải tốt hơn là tôi nên khuyên các ngươi từ bỏ chúng sao? Nhưng vì các ngươi không muốn nghe lời tôi, nên chỉ còn biết than khóc cho sự điên rồ của các ngươi, vì các ngươi, dù được Đức Chúa Trời ban cho trí tuệ, lại trở nên tệ hơn cả cây cối và đá sỏi, bởi đã coi chúng là thần của mình, bỏ rơi Đức Chúa Trời chân thật, Đấng đã dùng sự khôn ngoan của Ngài để tạo dựng cả vũ trụ: vì trời và đất là công trình của tay Ngài, còn chúng ta – trong số những gì Ngài đã tạo dựng – là tạo vật tốt đẹp và cao quý nhất. Thế mà chúng ta lại lầm lạc trong sự vô minh, như thể đang đi trong bóng tối, và không biết điều gì làm vui lòng hay không làm vui lòng Chúa, nên lại nổi loạn chống lại Ngài. Còn những kẻ thực sự là kẻ thù và đối thủ của chúng ta – tôi đang nói đến ma quỷ – thì thật là điên rồ khi coi chúng là chủ và thần của mình, và dâng lên chúng những vinh quang và của lễ! Còn tôi thì đã gắn bó với Chúa của tôi và sẽ luôn trung thành với Ngài, và sẽ phụng sự Đấng Christ của tôi; còn tất cả những gì thuộc về các ngươi – dù là vinh quang hay nhục nhã và đau khổ – tôi đều coi như trò chơi trẻ con hay lời đe dọa vớ vẩn. Đối với tôi, như Thánh Phaolô – vị Thầy của tôi – đã nói*: "Đối với tôi, thế gian đã bị đóng đinh, và tôi cũng đã bị đóng đinh đối với thế gian"* (Gl 6,14), và chết vì Chúa Kitô là niềm vui và hạnh phúc đối với tôi.

Lúc đó, nhà vua, trong cơn thịnh nộ, ra lệnh mang đến một chiếc giường đồng và chất đầy than hồng dưới đó, rồi đặt vị tử đạo trần truồng lên trên giường, và duy trì ngọn lửa cho đến khi ông qua đời. Khi chiếc giường đã được chuẩn bị xong, vị tử đạo tự mình nằm lên đó bằng cả thân thể. Còn đám đông tụ tập để chứng kiến cảnh tượng này thì bắt đầu lên án những kẻ tra tấn vì những hình phạt này và nói:

– Tại sao người đàn ông chính trực, cao thượng và nổi tiếng về sự khôn ngoan này lại phải chết một cách tàn nhẫn như một tên ác nhân?

Còn Đức Chúa Trời từ trên cao đã làm dịu bớt nỗi đau khổ của vị tử đạo, người đang vui mừng như được sương mai làm mát và như đang nghỉ ngơi trên những bông hồng đang nở rộ. Lúc đó, nhà vua, sau khi kìm nén cơn thịnh nộ một chút, đã ra lệnh mang thi thể vị tử đạo xuống khỏi giường thiêu, nghĩ rằng ông đã chết. Nhưng vị tử đạo đã đứng dậy khỏi giường, vẫn còn sống và khỏe mạnh, không hề hấn gì bởi ngọn lửa; với tâm hồn vui tươi và hân hoan, ông cất tiếng ca ngợi: *"Con sẽ tôn vinh Ngài, lạy Đức Chúa Trời của con, lạy Vua [của con], và chúc tụng danh Ngài đến muôn đời muôn kiếp... Thế hệ này qua thế hệ khác sẽ ca ngợi các việc làm của Ngài và loan báo về quyền năng của Ngài"* (Thánh Vịnh 144:1, 4).

Sau khi tôn vinh Đức Chúa Trời như vậy, Eleutherius càng dũng cảm hơn khi đứng trước kẻ tra tấn và nói:

– Hỡi vua, hãy nhìn xem tôi đây, người mà ngài tưởng đã bị lửa thiêu rụi, và hãy nhận biết Đức Kitô, Thiên Chúa mà tôi rao giảng, cũng như hãy nhận biết sự yếu đuối của các vị thần của ngài.

Vua, coi những lời táo bạo và tự do của vị tử đạo là sự sỉ nhục đối với mình, và tự cho rằng mình đã bị đánh bại, liền nghĩ ra những hình phạt còn tàn bạo hơn. Thế là, một tấm lưới sắt lại được mang ra đặt giữa sân; dưới đó, lửa đã được đốt lên, còn phía trên thì được tưới dầu, và như vậy, nó bốc lên ngọn lửa dữ dội. Nhưng ngay khi vị tử đạo được đặt lên tấm lưới sắt đó, ngọn lửa lập tức tắt ngấm, than hồng nguội lạnh, còn tấm lưới sắt thì trở nên lạnh lẽo, như thể nó không bị tưới bằng dầu mà là nước, và nhờ vậy đã bảo toàn tính mạng cho vị tử đạo. Nhưng rồi sao? Liệu cơn thịnh nộ của nhà vua có nguôi ngoai cùng với điều đó không? Chẳng hề. Bị cơn thịnh nộ dữ dội chi phối, ông ta không trở nên tốt hơn: như thể mù quáng, ông ta chỉ có một ý định duy nhất – dùng sự tra tấn vị thánh để làm vừa lòng các vị thần của mình, những kẻ thực chất là quỷ dữ và những kẻ giết người.

Sau đó, nhà vua ra lệnh mang một chiếc chảo đến, đun chảy sáp, nhựa cây và mỡ lợn trên đó, rồi đốt nó trên ngọn lửa mạnh, để một lần nữa đặt vị thánh lên trên. Khi mọi việc đã được thực hiện xong, chiếc chảo đã nóng rực và sáp sôi sục, vị tử đạo bước lên trên đó, quyết tâm chịu đựng tất cả những cực hình này. Nhưng nhà vua nói với ông:

– Eleutherius ơi, khi đang đứng giữa ranh giới giữa sự sống và cái chết, hãy nhanh chóng chọn điều có lợi cho mình. Vì ta rất quan tâm đến việc ngươi không phải chịu cái chết tàn khốc, và ta yêu thương ngươi như con ruột của ta vậy. Ta cũng không muốn – ta thề trước các vị thần, " " – rằng một người đàn ông cao quý, đạo đức, hùng

biện và tuyệt vời như ngươi lại tự mình liều lĩnh lao vào cái chết một cách thiếu suy nghĩ – và không phải vì lý do nào khác, mà chỉ vì sự bất tuân kiêu ngạo, hão huyền và vô ích.

Còn vị tử đạo, đứng trước mặt vua, đã mạnh dạn nói với ông ta; đáp lại những lời nịnh hót xảo quyệt của ông ta, ông đã mắng mỏ ông ta, gọi ông ta là con sói tấn công đàn chiên của Đấng Christ. Và ông còn nói thêm:

– Dù ngươi có làm gì đi chăng nữa, ngươi cũng không thể thuyết phục ta từ bỏ cuộc sống đạo đức của mình.

Lúc đó, Adrian, nổi cơn thịnh nộ, bỏ lời nói sang một bên và chuyển sang hành động. Ông lại ra lệnh đặt vị thánh tử đạo lên chảo. Khi lệnh được thi hành, điều tương tự như trước đó lại xảy ra: ngọn lửa biến thành sương, và làn gió mát bắt đầu làm dịu đi cơ thể vị thánh tử đạo. Còn Adrian, thấy mọi việc diễn ra trái với ý muốn của mình, không biết phải làm gì, nên ngồi đó suy ngẫm. Lúc đó, tại đó có mặt vị giám mục thành phố tên là Coriv; đó là một người được Thiên Chúa chọn: ông đã phần nào quen thuộc với giáo lý Kitô giáo, biết cách tổng trấn Felix trở thành Kitô hữu và nói chung, như một hạt giống, đã đón nhận những mầm mống đầu tiên của đức tin Kitô giáo vào lòng mình, nhưng vẫn theo đuổi sự vô đạo của người ngoại giáo, nên rất chiều theo ý vua.

Thấy nhà vua rất lúng túng và không biết phải làm gì với vị tử đạo, ông đã khuyên nhà vua ra lệnh đốt lò đồng, được lót đầy những thanh sắt nhọn, và ném Eleutherius vào đó. Khi lò đã được nung đỏ, vị tử đạo ngước đôi mắt thể xác và tâm hồn lên trời cao, hướng toàn bộ tâm trí về phía trời, tràn ngập niềm vui khôn tả và thốt lên:

– Con tạ ơn Ngài, lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của con, vì Ngài đã ban cho con những ân huệ vĩ đại đến thế, đã thắt lưng cho con bằng sức mạnh của Ngài và củng cố con trong những đau khổ này vì danh thánh của Ngài. Và giờ đây, xin Ngài hãy nhìn xuống từ trời cao và thấy những kẻ ghét con đang bàn mưu chống lại con, và xin cứu linh hồn con khỏi mưu mô của chúng và khỏi những kẻ giết người[8828] , vì Ngài là Đấng nhân từ; xin bảo vệ con, để mọi người đều biết đến Ngài, Đấng Thiên Chúa Duy Nhất, khắp mọi nơi trên vũ trụ.

Sau đó, giống như thánh tử đạo đầu tiên là Thánh Phêrô, người đã cầu nguyện cho những kẻ ném đá mình, Eleutherius cũng bắt đầu cầu nguyện như vậy cho những kẻ hành hạ mình:

– Lạy Chúa đầy lòng thương xót: xin chạm đến trái tim họ, xin cho họ nhận biết danh thánh của Ngài và nhận biết Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất và chân thật, để họ từ bỏ việc thờ lạy các thần tượng độc hại, vì Ngài được chúc tụng muôn đời, amen.

Khi vị tử đạo cầu nguyện như vậy, Coriv đã chăm chú lắng nghe những lời cầu nguyện của ngài, và ngay lập tức, từ những lời thánh thiện ấy, như từ những than hồng rực lửa, trái tim ông bừng cháy và ông hoàn toàn thay đổi. Ông tiến đến trước mặt vua và nói:

– Tại sao Eleutherius lại phải chịu những cực hình này một cách oan uổng, như thể đã phạm phải tội ác nào đó? Và vì tội lỗi gì mà người ấy lại phải chịu cái chết tàn bạo như vậy?

Nhà vua, khi nghe những lời bất ngờ của Coriv, lòng bừng phẫn nộ, nhìn anh ta với ánh mắt giận dữ và nói:

– Có phải chính ngươi, Coriv mà tất cả chúng ta đều biết? Chuyện gì đã xảy ra với ngươi vậy? Hay là ngươi đã bị mê hoặc bởi số vàng lấy từ mẹ hắn, khiến ngươi thay đổi bất ngờ đến thế? Chẳng lẽ ngươi chưa thỏa mãn với những món quà, của cải, danh vọng, vinh dự và tài sản của ta, những thứ đã khiến ngươi nổi tiếng khắp La Mã sao? Hay là ngươi còn mong muốn nhiều hơn từ ta? Điều đó không có gì cấm cản đối với ngươi. Đây, tất cả kho báu của ta đều mở ra trước mặt ngươi: – hãy vơ lấy bằng cả hai tay, bao nhiêu tùy thích, nhưng đừng để bị một người phụ nữ hối lộ lén lút chỉ vì chút vàng vặt vãnh.

Còn Coriv, được khích lệ bởi ý định tốt đẹp và được soi sáng bởi lời cầu nguyện của vị tử đạo, đã thốt lên:

– Cầu cho vàng của ngươi trở thành sự hủy diệt của ngươi, vì từ nó sẽ bùng lên ngọn lửa vĩnh cửu! Tại sao ngươi lại tự ý mù quáng như vậy và muốn lay chuyển điều không thể lay chuyển? Chẳng phải ngươi biết rõ rằng không một vị thần nào của ngươi có thể cứu những người đang đứng đây khỏi ngọn lửa, còn Đức Chúa Trời mà Eleutherius tôn kính đã làm cho ngài vững chắc hơn lửa và cao quý hơn mọi hình phạt khác sao?

Nghe những lời này, tên tra tấn bùng lên cơn thịnh nộ không thể tả xiết (thật vậy, tình bạn lớn đôi khi cũng sinh ra hận thù lớn). Hắn ra lệnh ngay trong đêm đó ném vị tổng trấn vào chính cái lò mà ông ta đã khuyên chuẩn bị cho Eleutherius. Khi Coriv đã ở gần lò nung, ông kêu lên với vị tử đạo Eleutherius:

– Xin cầu nguyện cho tôi và ban cho tôi cùng một vũ khí của Chúa Kitô mà ngài đã ban cho quan tổng trấn Philiks.

[8828] "Những kẻ khát máu" – là cách diễn đạt của tác giả Thánh vịnh (Thánh vịnh 5:7, 54, 54; 58, 3, v.v.), chỉ những người tàn bạo và khát máu.

Rồi, sau khi được vị tử đạo ban phước bằng dấu thánh giá, anh ta bị ném vào lò lửa, nhưng vẫn bình an vô sự trong đó, và một giờ sau, anh ta bước ra khỏi lò, ngợi khen Thiên Chúa. Cuối cùng, Adrian, kiệt sức vì cơn thịnh nộ, ra lệnh cho Coriv chặt đầu ông – và như vậy, ông đã đón nhận cái chết tử đạo của mình và trong chốc lát đã đạt được kho báu mà nhiều người hằng khao khát.

Cùng đêm đó, Eleutherius cũng bị ném vào lò lửa; trong đó, người ta kéo ngài dọc theo những thanh sắt nhọn, nhưng ngọn lửa, như trước đây, đã tắt, lò lửa nguội lạnh, còn những mũi sắt thì gãy vụn, như thể đang tôn vinh thi thể vị tử đạo; tất cả những điều này, khi vạch trần sự mù quáng trong tâm hồn của kẻ tra tấn, đã thu hút những người đứng gần đến với sự nhận biết về Chúa, Đấng đã thực hiện những phép lạ vinh quang đến thế.

Lúc đó, tất cả những người có mặt tại đó đều reo lên:

– Đức Chúa Trời của người Kitô hữu, Đấng được Eleutherius rao giảng, thật vĩ đại!

Một lần nữa, tên tra tấn lại rơi vào tình trạng bối rối tột độ, không biết phải làm gì, nên ra lệnh đưa vị tử đạo vào ngục tối. Còn bản thân hắn, sau khi tập hợp các cố vấn của mình, đã bàn bạc suốt cả ngày để tìm cách tiêu diệt Eleutherius. Còn vị thánh tử đạo Eleutherius thì đang mòn mỏi vì đói trong ngục tối; nhưng Đấng đã từng nuôi dưỡng Đa-ni-ên qua Áp-ba-cum và Ê-li qua con quạ (Đa-ni-ên 14:37; 3 Vua 17:6) – chính Đấng ấy cũng không để Eleutherius chết vì đói. Chúa đã nuôi dưỡng ngài bằng thức ăn của các thiên thần, gửi xuống ngục tối qua con bồ câu. Cuối cùng, kẻ tra tấn ra lệnh dẫn những con bò hoang đến và trói vị tử đạo vào chúng, để ngài bị chúng lôi kéo và hành hạ, từ đó bị giết chết.

Trong khi tất cả những điều này đang diễn ra, Thiên Thần của Chúa, từ trời giáng xuống, đã tháo dây trói thánh nhân khỏi những con bò và, cứu ngài khỏi tay những kẻ tra tấn, đưa ngài lên một ngọn núi nằm gần thành phố: đó là một nơi hoang vắng, và ở đó có rất nhiều thú vật. Nhưng vị thánh tử đạo Eleutherius, trong khi ngợi khen Chúa, đã sống cùng chúng như thể với những con cừu: sư tử đi ngang qua ngài, gấu thậm chí còn đến gần ngài; như thể nhận ra giọng nói của ngài, chúng, giống như những nô lệ theo chủ, đi theo ngài khắp nơi, phục vụ và bảo vệ ngài. Nhưng sau một thời gian, những thợ săn thú biết được về vị thánh; tin tức này cũng đến tai Hoàng đế Adrian. Lúc đó, ông ta đã sai lính đến bắt Eleutherius. Khi các binh lính tìm thấy vị thánh, các loài thú lao vào họ như thể đó là kẻ thù của chủ nhân mình, và suýt nữa đã xé xác họ, nhưng Eleutherius đã ngăn cản chúng và ra lệnh cho chúng rút lui vào sa mạc. Còn bản thân ngài, với niềm vui sướng, đi cùng các binh lính đến nơi hành hình, như thể đến dự một bữa tiệc đã được mời, đã trò chuyện với họ về Nước Trời và về hỏa ngục, nơi dành sẵn cho những kẻ thờ thần tượng.

Trên đường đi, Eleutherius đã giảng dạy cho họ về giáo lý của Chúa Kitô và làm phép rửa tội cho họ, cùng với những người khác – tổng cộng lên đến năm trăm người đã tin nhận. Khi đến Rôma, ngài bị kết án cho thú dữ xé xác. Khi vị thánh được dẫn đến nơi hành hình, người ta thả một con sư tử cái vào trước, rồi đến một con sư tử đực; nhưng chúng, như những con cừu, rất hiền lành và bắt đầu liếm chân ngài; và làm sao chúng có thể chạm vào ngài được, khi mà, theo lệnh của Đức Chúa Trời, trong sa mạc đã có biết bao loài thú phục vụ ngài như chủ nhân của chúng? Thấy cảnh đó, cả đám đông đều reo lên:

– Đức Chúa Trời của Eleutherius thật vĩ đại!

Còn những người khác thì chỉ trích vị thánh tử đạo, gọi ngài là thầy phù thủy và pháp sư, nhưng họ bỗng nhiên phải hứng chịu sự trừng phạt của Đức Chúa Trời: một số kẻ phỉ báng đó bỗng dưng bị tê liệt. Còn tên hành hình, không biết phải làm gì nữa, đã ra lệnh chém đầu vị thánh bằng gươm. Và khi việc đó được thực hiện xong, mẹ của Eleutherius là Amphia, người suốt thời gian qua vẫn vui mừng chứng kiến hành động anh hùng của con trai mình, đã ôm lấy thi thể đã chết của ngài và hôn lên đó. Trong niềm hân hoan và tạ ơn Thiên Chúa vì máu quý giá của bà đã đổ ra vì Chúa Kitô, chính bà cũng bị chém bằng gươm và ngã xuống chết bên thi thể con trai mình. Còn các tín hữu từ Illyricum đang có mặt tại đây cùng với các tín hữu La Mã, đã rước thi hài thánh của các vị thánh nhân của Chúa, an táng họ một cách trang trọng, ngợi khen Chúa, Đấng đáng được vinh quang muôn đời[8829] . A-men.

[8829] Thánh Tử đạo Eleutherius và mẹ ngài là Amphia đã chịu tử đạo vào khoảng năm 120. Hiện nay, di cốt của Thánh Tử đạo Eleutherius được lưu giữ tại Roma, trong nhà thờ Thánh Nữ Tử đạo Susanna. Vào cuối thế kỷ IV, dưới triều đại Hoàng đế Arcadius, một ngôi đền mang tên ngài đã được xây dựng tại Constantinople, gần Xirolof (bởi Basil Patricius). Thánh Giuse, nhà soạn thánh ca, đã sáng tác một bài thánh ca để tôn vinh vị thánh tử đạo này; trong bài ca thứ tám của bài thánh ca đó có đề cập rằng từ ngôi mộ của ngài tuôn trào những dòng sông chữa lành và phép lạ.

Bài ca Kondak dành cho vị Thánh Tử Đạo, giọng 2:

Lạy vị thánh đáng kính, là nguồn động lực cho các linh mục và là điềm báo cho các vị chịu khổ nạn, chúng con cùng ca ngợi Ngài, và xin Ngài, thánh tử đạo Eleutherius: khi chúng con kỷ niệm Ngài trong tình yêu thương, xin giải thoát chúng con khỏi muôn vàn khổ đau, và không ngừng cầu nguyện cho tất cả chúng con.

Cuộc đời của Thánh Stephanos, vị Tuyên xưng Đức tin, Tổng Giám mục Surozh

Ngày kỷ niệm: 15 tháng 12

Thánh phụ Stephano của chúng ta sinh ra tại Cappadocia Lớn – trong một gia đình Kitô hữu, những người đã nuôi dạy ngài trong sự rèn luyện tốt lành. Ngay từ thuở ấu thơ, ngài đã nổi bật bởi đức hạnh, tránh xa những trò chơi thông thường của trẻ em. Khi được bảy tuổi, cha mẹ gửi ngài đi học chữ; ngài tỏ ra có năng khiếu học tập, và chẳng bao lâu sau đã thông thạo Kinh Thánh. Khi ngài tròn mười lăm tuổi, ngài rời quê hương và đến Constantinople, mong muốn hoàn tất việc học hành tại đó. Sự việc này diễn ra dưới triều vua Theodosius Adramitenus[8830] và Thánh Tổng Giám mục Germanus. Tại đó, Thánh Stephen tiếp tục học tập chăm chỉ và, sau khi thành thạo các môn triết học, đã vượt trội về trí tuệ so với nhiều người – thậm chí cả chính các thầy giáo của mình – đến nỗi mọi người đều kinh ngạc trước sự thông thái của ngài.

Nghe tin về Thánh Stefan, Thánh Germanus, Thượng phụ Constantinopolis, đã triệu tập ngài đến, ban phước lành và hỏi ngài đến từ quốc gia nào. Thánh Stefan đã kể hết mọi điều về bản thân mình cho ngài. Yêu mến đức hạnh, sự thông thái và lòng khiêm nhường của ngài, Thượng phụ đã cho phép Thánh Stefan ở lại sống cùng mình. Thánh Stefan đã sống với Đức Thượng phụ trong vài năm, phục vụ Giáo hội thánh thiện và sống trong sự tiết độ cùng lương tâm trong sạch. Sau đó, ngài bí mật rời khỏi Tsargrad và đến một tu viện nào đó, nơi ngài nhận lễ xuất gia và tu tập các đức hạnh. Sau đó, mong muốn một cuộc sống tĩnh lặng tuyệt đối, ngài rời khỏi tu viện và tìm được một nơi hẻo lánh, không ai biết đến, sống ở đó một thời gian khá dài, phụng sự Thiên Chúa qua việc ăn chay và cầu nguyện.

Vào thời điểm đó, vị giám mục tại thành phố Surozh[8831] đã qua đời, và người dân Surozh đã đến Constantinople gặp Đức Thượng phụ Germanus, xin ngài bổ nhiệm một vị giám mục cho Surozh. Khi cuộc thảo luận về việc bổ nhiệm giám mục diễn ra, đã nảy sinh bất đồng, vì một số người ủng hộ người này, số khác lại ủng hộ người khác. Còn người dân Surozh thì thỉnh cầu nhà vua và Đức Thượng phụ ban cho họ một vị giám mục có khả năng điều hành Giáo hội một cách tốt đẹp, "Vì," họ nói, "các tà giáo đã gia tăng trong thành phố của chúng tôi."

Một lần nọ, khi Thánh German đang cầu nguyện vào ban đêm, Thiên Thần của Chúa hiện ra với ngài và nói:

– Ngày mai, hãy đến nơi hoang vắng ấy, nơi người được Chúa chọn là Stephanos đang sống: hãy phong ông ấy làm giám mục cho Surozh, vì ông ấy có thể chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô một cách tốt đẹp và dẫn dắt những kẻ dị giáo trở về với đức tin chân chính. Còn tôi cũng được Chúa sai đến với ông ấy, với mệnh lệnh rằng ông ấy không được trái lời ngài trong bất cứ điều gì.

– Thưa ngài, – vị tổng giám mục nói, – làm sao tôi biết được nơi mà người được Chúa chọn là Thánh Stefan đang sống?

Lúc đó, Thiên Thần dẫn một trong những người hầu của tổng giám mục đi, chỉ cho ông ta nơi thánh nhân đang ở, và người hầu ấy trở về, kể lại điều này cho tổng giám mục.

Còn với Thánh Stefan, người lúc đó đang cầu nguyện với Đức Chúa Trời tại nơi ẩn náu của mình, thì chính Thiên Thần của Chúa trong bộ áo trắng đã hiện ra – và Thánh Stefan hoảng sợ, run rẩy quỳ sụp xuống đất vì kinh hoàng.

Thiên thần nắm lấy tay vị thánh và trấn an ngài, nói rằng:

[8830] Theodosius III Adramyttium – Hoàng đế Byzantine từ năm 715 đến năm 716.

[8831] Surozh, hay Sugdeya – một thành phố Hy Lạp cổ đại trên bờ nam bán đảo Crimea, ngày nay là Sudak – một thị trấn thuộc tỉnh Taurica.

– Ta là Thiên Thần của Chúa, được Đấng Cứu Thế Kitô sai đến để báo tin vui cho ngươi và truyền lệnh cho ngươi đi đến thành Surozh, để ngươi dạy dỗ dân chúng về đức tin Kitô giáo. Ngày mai, Đức Thượng Phụ sẽ triệu tập ngươi, sau khi phong chức, sẽ sai ngươi đến đó với tư cách là Tổng Giám Mục; ngươi chớ trái lời ngài, kẻo làm phật lòng Thiên Chúa.

Sau đó, sau khi chúc bình an cho ngài, Thiên thần đã thăng lên trời.

Ngày hôm sau, Đức Thượng phụ sai hai linh mục cùng một người hầu đi đón Thánh Stephano, và họ đã rước ngài về gặp Đức Thượng phụ trong sự kính trọng cao cả.

Thượng phụ đã vui mừng đón tiếp Thánh Stephano, sau khi phong chức, ngài đã bổ nhiệm ngài làm Tổng Giám mục Surozh và cho ngài lên thuyền để đến giáo phận được giao phó.

Khi đến thành phố Surozh và lên ngôi tổng giám mục, Thánh Stephano bắt đầu giảng dạy cho dân chúng dựa trên Kinh Thánh, và trong suốt năm năm, ngài đã rửa tội cho toàn bộ thành phố Surozh cùng các vùng lân cận.

Vào thời điểm đó, Lê-vơ người Isauria lên ngôi tại Constantinople và phát động phong trào chống thánh tượng[8832] , sau khi được hai người Do Thái dạy dỗ về điều này. Ban đầu, ông ra lệnh treo các thánh tượng lên cao, nói rằng:

– Ai trong sạch thì hãy hôn chúng.

Sau đó, ông ra lệnh treo các bức thánh tượng lên không trung, giải thích rằng không nên đóng đinh các bức thánh tượng vào tường. Và kẻ khốn nạn này còn thực hiện nhiều hành động khác nhằm chống lại việc tôn kính các bức thánh tượng. Thánh Thượng phụ Germanus đã nhiều lần khuyên can ông ta từ bỏ hành động xấu xa đó, bằng cách bàn luận về vấn đề này dựa trên các sách thánh[8833] . Bị kích động bởi những lời khuyên can, kẻ chống thánh tượng đã công khai bộc lộ sự độc ác mà trước đó ông ta giấu kín trong lòng, và bắt đầu mạnh tay trục xuất các thánh tượng, phỉ báng và làm ô uế chúng.

Sau đó, Lê đã ban hành các sắc lệnh khắp thành phố và nhiều vùng lân cận, yêu cầu mọi người phải đối xử với các bức tượng thánh theo cách tương tự, và ông nói:

– Ai chống lại ta, ta sẽ tra tấn bằng đủ mọi hình thức và xử tử.

Lúc bấy giờ, tại kinh thành, người ta có thể chứng kiến những hình thức tra tấn khác nhau đối với các Kitô hữu Chính Thống. Còn Đức Thượng Phụ Germanus thì bị vị vua độc ác này đày đi lưu đày, và thay vào đó, ông ta bổ nhiệm Đức Thượng Phụ Anastasius, người gốc Syria, người có cùng quan điểm với ông ta trong tà thuyết của mình.

Sau đó, vua và tổng giám mục đã cử các sứ giả của mình đến Surozh gặp Thánh Tổng Giám mục Stefan với mệnh lệnh độc ác là không được thờ lạy các bức tượng thánh và Thánh Giá. Thánh Stefan đã trả lời các sứ giả:

– Chuyện đó sẽ không xảy ra; tôi sẽ không để dân tôi rời bỏ luật pháp của Chúa Kitô: tôi không tuân theo mệnh lệnh của cả hoàng đế lẫn vị tổng giám mục đáng nguyền rủa ấy.

Vào ban đêm, ngài lên tàu gặp các sứ giả và cùng họ đến Constantinople.

Sau khi mặc trang phục của chức thánh, Thánh Stefan đã ra mắt trước mặt hoàng đế. Hoàng đế hỏi ngài:

– Ngươi là ai?

Thánh nhân đáp:

– Tôi là Thánh Stefan, Tổng Giám mục Surozh.

Và hoàng đế nói:

– Ngươi có thấy hội đồng này đang ngồi bên ta trong vinh quang lộng lẫy không? Họ đã đốt và đập nát các bức tượng thánh: nếu ngươi nghe lời ta, ngươi cũng sẽ được vinh quang lộng lẫy như chúng ta.

Thánh Stefan trả lời:

– Chớ có điều đó. Dù ngài có thiêu sống tôi, hay chặt tôi ra từng mảnh, hay tra tấn tôi bằng bất kỳ hình thức nào khác đi chăng nữa, tôi cũng sẵn sàng chịu đựng tất cả vì các bức tượng thánh và Thánh Giá của Chúa.

Sau đó, vị thánh nói với hoàng đế:

[8832] Hoàng đế Byzantine Lêô, dòng dõi xuất thân từ vùng Isauria thuộc Tiểu Á, trị vì từ năm 717 đến năm 741. Ông đặc biệt phản đối việc tôn kính hình ảnh vào năm 726. Điều này đã gây ra cuộc nổi dậy của dân chúng chống lại ông.

[8833] Trong bối cảnh đó, Thượng phụ Germanus đã từ chối ký vào các sắc lệnh của hoàng đế chống lại việc thờ phượng các bức tượng thánh, với lý do rằng ông không thể đưa ra bất kỳ điều gì mới mẻ trong các vấn đề tín ngưỡng mà không có sự chấp thuận của Công đồng Toàn cầu.

– Chúng tôi đã tìm thấy trong các sách một lời tiên tri rằng tại Constantinople sẽ xuất hiện một vị vua độc ác, kẻ chống lại các bức tượng thánh, đốt cháy các bức tượng thánh. Nhưng xin Chúa đừng để điều đó xảy ra trong triều đại của ngài!

– Vậy các ngươi đã tìm ra tên của vị vua đó chưa? – nhà vua hỏi.

– Tên ông ấy là Konop, – Stefan trả lời. Và nhà vua nói:

– Đúng vậy, Stefan, ngươi đã tìm ra tên ta, vì cha mẹ ta đã đặt tên ta là Konop.

Và Stefan nói:

– Hỡi nhà vua! Xin đừng để điều này xảy ra trong triều đại của ngài. Nếu ngài làm điều đó, ngài sẽ trở thành người đi trước của Antichrist!

Nghe những lời này từ vị thánh, vị vua khốn nạn đã dùng găng tay sắt đánh vào mặt, miệng và răng của ông, đồng thời hét lên:

– Sao ngươi dám gọi ta là người đi trước của Antichrist?

Và nhà vua ra lệnh bắt Stefanu túm tóc và râu, đánh đập, lôi lê trên mặt đất và tống vào ngục tối. Trong lúc bị những kẻ tra tấn lôi đi, vị thánh vẫn dâng lời tạ ơn lên Thiên Chúa, và bị tống vào ngục tối, nơi cũng có những vị thánh khác đang bị giam giữ. Sau đó, nhà vua lại ra lệnh đưa Stefanu đến trước mặt mình.

– Sao Giám mục Surozh lại dám gọi ta như vậy! – nhà vua nói. – Hãy lôi ông ta đến đây bằng cách đánh đập.

Vị thánh xuất hiện trước mặt vua cùng với bảy vị giám mục. Tay cầm các bức tượng Chúa, Đức Mẹ và Thánh Gioan Tiền Hô, nhà vua nói với vị thánh:

– Tại sao ngươi lại gọi ta là tiền thân của Antichrist?

Vị thánh đáp:

– Bởi vì ngài đang làm những việc của hắn; tôi đã nói điều này rồi và giờ lại nhắc lại với ngài.

Lúc đó, nhà vua nhổ nước bọt vào bức tượng thánh, giẫm đạp lên nó và nói với Thánh Stefano:

– Ngươi cũng hãy làm như vậy với bức thánh ảnh này.

Vị thánh, nước mắt lưng tròng, nói:

– Kẻ thù của Đức Chúa Trời, kẻ không xứng đáng với vương quốc! Sao đôi mắt điên rồ của ngươi chưa bị mù và đôi tay vô luật pháp của ngươi chưa bị khô héo? Cầu xin Đức Chúa Trời sớm tước bỏ vương quốc của ngươi và chấm dứt cuộc đời ngươi.

Nghe vậy, nhà vua trong cơn thịnh nộ ra lệnh đánh đập Thánh Stefan. Sau đó, họ trói ông vào đuôi ngựa và lôi vào ngục tối; còn vị thánh thì dâng lời tạ ơn lên Chúa. Tất cả những người bị giam trong ngục đều cầu nguyện cùng Thiên Chúa, và nhờ lời cầu nguyện của các thánh, vị vua vô đạo ấy đã qua đời không lâu sau đó, và con trai ông là Constantine Copronymus lên ngôi. Vợ của ông, khi nghe về những đức hạnh và phép lạ của Thánh Stephano, đã xin chồng mình – vua Constantine – thả vị thánh về với giáo đoàn của ngài. Cùng lúc đó, vua có một người con trai chào đời, và Thánh Stephano đã làm phép rửa tội cho đứa trẻ. Sau khi ban tặng những món quà cho Stephano, nhà vua đã với sự tôn vinh lớn lao thả ngài trở về với giáo đoàn của mình. Vị mục tử nhân lành lại được trở về ngôi vị của mình và trong một thời gian dài, ngài đã chăn dắt đàn chiên của Chúa Kitô được giao phó cho ngài một cách tốt đẹp. Sau đó, khi thấy mình sắp về với Chúa, ngài đã bổ nhiệm vị linh mục Filaret của mình làm tổng giám mục thay thế ngài tại Surozh, rồi ngài đã về với Chúa trong cuộc sống vĩnh cửu, vào ngày 15 tháng 12 năm[8834] .

Tại Surozh có một người tên là Ephrem, bị mù bẩm sinh, người mà Thánh Stephen đã giúp đỡ bằng thức ăn, nước uống và quần áo. Khi nghe tin về cái chết của ân nhân mình, ông đã khóc và nói:

– Giờ đây ai sẽ chăm sóc cho tôi đây? Hãy dẫn tôi đi để tôi có thể hôn lên đôi chân thánh của ngài.

Và khi anh ta được dẫn đến thi hài của Thánh Stefan đã qua đời, anh ta đã quỳ xuống bên chân ngài trong tiếng khóc nức nở – và ngay lập tức anh ta được sáng mắt. Qua phép lạ này, Thiên Chúa đã công bố về vị thánh nhân của Ngài, rằng ngài được xếp vào hàng ngũ các thánh làm phép lạ và các vị tử đạo. Thi hài thánh của ngài đã được các vị thánh và toàn thể dân chúng Surozh, trong nước mắt dạt dào, an táng một cách trang trọng, để tôn vinh Đức Chúa Trời, Đấng được mọi người ca ngợi và tôn kính muôn đời. A-men.

[8834] Thánh Stephanos qua đời vào khoảng giữa thế kỷ VIII.

Bài ca Troparion, giọng 4:

Vì ngài là vị thánh sống chung với các thiên thần vô hình, thánh tử đạo Stephane: ngài đã nhận lấy thập giá làm vũ khí, và kiên quyết chống lại những kẻ phỉ báng hình ảnh thánh và những kẻ chống lại đức tin, những kẻ không thờ lạy hình ảnh vô cùng tinh khiết của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, và ngài đã chặt đứt mọi tà thuyết của những kẻ gian ác. Vì thế, ngài đã nhận vương miện tử đạo và giải thoát thành Surozh của ngài khỏi mọi sự thù địch. Và giờ đây, chúng con cầu xin ngài, hỡi vị thánh, xin giải thoát chúng con khỏi mọi cám dỗ xấu xa, mọi tai ương và những cực hình vĩnh cửu.

Bài ca Kondak, giọng 3:

Được củng cố bởi sức mạnh thiêng liêng từ trên cao, Ngài đã lật đổ những sự lung lay của những kẻ chống lại hình ảnh thánh. Hôm nay, Surozh và chúng con, những tín hữu trung thành, được hưởng vinh quang và sự giàu có, đó là các di vật thánh của Ngài: những di vật này được các hàng thiên thần từ trên cao mang đến, họ ca ngợi và hát ngợi khen Ngài, Thánh Stephane vĩ đại và thiêng liêng.

Lễ kính Thánh Phaolô Latrski

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 12

Thánh Phaolô Latrski xuất thân từ thành phố Elea[8835] , là con của một gia đình quý tộc. Mất cha từ khi còn nhỏ, ngài được nuôi dưỡng tại tu viện Thánh Stephano ở Phrygia[8836] . Sau đó, không lâu sau khi chôn cất mẹ, ngài, khi còn là một thiếu niên, đã dâng hiến trọn vẹn cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa tại một tu viện nằm trên núi Latra, gần Miletus. Để chế ngự xác thịt, vị thánh tu hành này không bao giờ nằm trên giường hay chiếu, mà chỉ tựa vào cây hoặc tảng đá để chợp mắt một lát. Thường xuyên, để chống lại cơn buồn ngủ, ngài đeo hai tảng đá lớn lên lưng và đi vòng quanh tu viện cho đến giờ kinh sáng, hoặc lui về bờ suối chảy gần đó, dưới bóng cây, ngài đắm mình trong lời cầu nguyện đầy nước mắt và suy ngẫm về Thiên Chúa. Không chỉ dừng lại ở những việc tu hành đó, để hoàn toàn hiến dâng mình cho Chúa Kitô, Thánh Phaolô đã lui vào hang động để sống trong sự tĩnh lặng; sau đó, ngài leo lên một ngọn núi cao và định cư tại đó. Một người chăn cừu, tình cờ tìm thấy ngài trong nơi ẩn dật, đã mang thức ăn đến cho ngài. Tiến bộ trong sự hoàn thiện thiêng liêng, Thánh Phaolô đã nhận được từ Thiên Chúa ân sủng để nhìn thấu thế giới vô hình và thực hiện những phép lạ. Danh tiếng về những kỳ công kỳ diệu và đời sống thánh thiện của vị thánh đã thu hút nhiều người tu hành đến với ngài; họ định cư dưới chân vách đá và lập nên một tu viện. Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus[8837] thường xuyên viết thư cho ngài, xin ngài cầu nguyện và tư vấn; Vua Peter của Bulgaria và Giáo hoàng[8838] đều tôn kính ngài vì cuộc đời thánh thiện. Vì cảm thấy phiền lòng khi sự tĩnh lặng của mình bị phá vỡ bởi đông đảo khách viếng thăm, Thánh Phaolô đã hai lần lui về đảo Samos[8839] , nơi ngài đã thành lập một tu viện và khôi phục ba tu viện bị người Agarian tàn phá. Khi trở lại Latr lần thứ hai, ngài đã tiên đoán thời khắc lâm chung của mình. Sau đó, ngài xuống núi, ban phước lành cho các tu sĩ, rồi thanh thản trút hơi thở cuối cùng về với Chúa[8840] .

[8835] Elea – một thành phố ở Mysia – vùng tây bắc Tiểu Á, gần Pergamum.
[8836] Phrygia – một vùng rộng lớn ở Tiểu Á, ban đầu bao trùm toàn bộ phần trung tâm của nửa phía tây bán đảo, ngoài ra sau này bờ nam của Propontis (Biển Đá Cẩm Thạch) cho đến Hellespont (Dardanelles) cũng được tính vào Mizia.
[8837] Constantine VII Porphyrogenitus – Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 912 đến năm 959.
[8838] Ở đây tất nhiên là đề cập đến Giáo hoàng Agapitus II, người đã nắm giữ ngôi vị Giáo hoàng tại Roma từ năm 946 đến năm 955.
[8839] Samos – một trong những hòn đảo chính của Biển Aegean (Quần đảo Aegean), nằm gần bờ biển phía tây của Tiểu Á.
[8840] Thánh Phaolô Latrski qua đời vào ngày 16 tháng 12 năm 956.

Bài thánh ca, giọng 4:

Là người đồng hành của các vị vô hình, và là bạn đồng hành của tất cả các vị thánh, thánh Phaolô vinh quang, chúng con ca ngợi ngài và cầu xin ngài: xin ngài luôn cầu nguyện cho chúng con, để chúng con được nhận lãnh ân sủng.

Bài ca Kondak, giọng 8:

Từ thuở thiếu thời, hỡi vị thánh khôn ngoan, ngài đã khao khát sự khôn ngoan một cách dũng cảm hơn cả lý trí, ngài đã từ bỏ những xáo trộn trần gian, và vì Đức Chúa Trời, ngài đã trở thành nơi cư ngụ của Ba Ngôi, và ngài đã soi sáng bằng đức tin cho những ai đến với ngài. Vì thế, chúng con kêu lên: Hãy vui mừng, hỡi Thánh Phaolô giàu có vô cùng.

Lễ kỷ niệm Thánh Tử đạo Eleutherius Kuvikularis[8841]

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 12

Thánh Eleutherius xuất thân từ Byzantium và đã tô điểm cuộc đời mình một cách rực rỡ bằng những bông hoa của lòng đạo đức. Ngài được giáo dục tại triều đình hoàng gia, nơi ngài sớm đạt được địa vị danh dự. Vào thời điểm đó, ngài vượt trội hơn tất cả mọi người về sự giàu có và vinh quang; nhưng dù vậy, ngài không bị cuốn vào những sự phù phiếm trần thế. Luôn hướng tâm trí về những điều bất diệt và vĩnh cửu, đồng thời coi mọi sự trần thế như hư vô, Thánh Eleutherius thà *"đứng ở ngưỡng cửa nhà Chúa, hơn là sống trong lều trại của sự gian ác"* (Thi Thiên 83:11), hướng ánh mắt nội tâm và sáng suốt của mình về phía Đức Chúa Trời, ông hàng ngày luyện tập hát những bài thánh ca và tô điểm cuộc đời mình bằng mọi đức hạnh. Điều đó thật không thể chịu đựng được đối với kẻ thù hủy hoại linh hồn[8842] , và hắn đã xúi giục một trong những nô lệ của vị thánh hạnh phúc này vu khống chủ nhân của mình trước mặt vua.

Người nô lệ này, khi đến gặp vua, đã tọc mạch với ngài rằng:

– Chủ nhân của tôi đã chịu phép rửa tội, xây dựng một nhà thờ[8843] và, vì tin vào Đấng bị đóng đinh, nên đã coi thường các sắc lệnh của nhà vua; ngài đã sưu tầm nhiều hình ảnh thánh, cử hành các nghi lễ thờ phượng Đức Chúa Trời Kitô giáo và bằng việc ăn chay, với nước mắt và những lần quỳ lạy xuống đất, ngài làm kiệt sức thân thể mình.

Sau khi nghe lời tố cáo của người đầy tớ đối với chủ nhân, nhà vua nổi giận dữ dội và triệu thánh nhân đến; nhưng khi thánh nhân xuất hiện, nhà vua che giấu cơn giận dữ, giả vờ nói chuyện ôn hòa và nói:

– Eleutherius! Sao lại xảy ra chuyện như vậy, rằng ngươi đã xa lánh, bỏ rơi chúng ta và coi thường tình yêu thương của chúng ta dành cho các quan lại trong triều nói chung, và thậm chí cả sự quan tâm đặc biệt của ta dành riêng cho ngươi?

Nghe vậy, vị thánh đáp lại:

– Thưa Bệ hạ! Chính những căn bệnh khác nhau trên thân thể tôi đã buộc tôi phải hành động như vậy.

Lúc đó, nhà vua nói:

– Tại sao chỉ có một mình ngài được tận hưởng không khí trong lành tại điền trang của mình? Liệu chúng tôi có thể đến thăm ngài và cùng ngài tận hưởng những điều tốt đẹp của cuộc sống ngoại ô không?

Vị thánh nhân không để ý nhiều đến những lời nói của nhà vua và cũng không coi trọng chúng như lẽ ra phải thế. Đến chiều tối, ngài lui về điền trang yêu thích của mình và, như thường lệ, đóng cửa trong một căn phòng riêng, đắm chìm trong suy ngẫm về Chúa; và khi chìm vào giấc ngủ, ngài thấy trong mơ một vực thẳm sâu thẳm như giếng nước, ngài bước xuống đó và thấy ở đó một nhà thờ tuyệt đẹp. Bị bao trùm bởi sự kinh ngạc trước hình ảnh đó, sáng hôm sau, Eleutherius lại đến gặp nhà vua. Vua lại bắt đầu dụ dỗ ông bằng những lời lẽ ngọt ngào, cố gắng lung lay đức tin của ông vào Chúa Kitô. Nhưng sau khi phí lời vô ích và không thể làm lung lay đức tin của vị

[8841] Kuvikulariy – người phụ trách giường ngủ của hoàng đế.

[8842] Tức là ma quỷ.

[8843] Tại điền trang của ngài trên bờ châu Á của eo biển Bosphorus, ở Bithynia, bên sông Sangara.

thánh, vua ra lệnh chém đầu ông bằng gươm, còn thi thể trong sạch của ông thì ném cho chó và chim ăn. Vậy là vị thánh Eleutherius đã trút hơi thở cuối cùng về với Thiên Chúa. Còn thi thể của ngài, bị vứt bỏ một cách bừa bãi, đã được một vị linh mục Kitô hữu nhặt lên, sau khi xức dầu thánh và thắp hương trầm, đã an táng tại một nơi trang nghiêm[8844] .

Lễ kỷ niệm Thánh Parda, vị ẩn sĩ

Ngày tưởng niệm: 15 tháng 12

Thánh Pard[8845] là người gốc La Mã và khi còn trẻ, ngài làm nghề chở khách bằng lạc đà. Một lần nọ, ngài cùng đàn lạc đà của mình lên đường đến Jericho và dừng chân tại một nhà trọ ở đó. Và rồi vào một lúc nào đó, theo ý Chúa, do sự xúi giục của kẻ thù loài người, và do sự sơ suất của Parda, một cậu bé đã bị lạc vào giữa đàn lạc đà: cậu bé bị chúng dẫm nát và qua đời. Thảm kịch này đã khiến Parda vô cùng đau buồn; ông lui về núi Arion, xuất gia làm tu sĩ tại đó và không ngừng tự trách mình, vừa khóc vừa lặp đi lặp lại:

– Ta đã giết chết cậu bé và phải bị kết án như một kẻ sát nhân.

Không xa nơi Parda sinh sống, trong thung lũng có một con sư tử cư ngụ, và vị thánh nhân thường đến hang của nó, dùng cây súng cao su chọc vào con thú để nó nổi giận và xé xác ông. Nhưng con sư tử không gây hại gì cho ông cả. Lúc đó, vị tu sĩ già, thấy mình không đạt được mục đích, đã quyết định nằm ngủ trên con đường mà con sư tử thường đi xuống sông uống nước, hy vọng rằng con thú, khi đi qua và nhìn thấy ông, sẽ xé xác ông, và như vậy, bằng cách chịu khổ ở đây, ông sẽ thoát khỏi sự đau khổ trong kiếp sau vì tội giết cậu bé. Vị thánh đã làm đúng như những gì mình đã quyết định: ông nằm xuống con đường, cởi bỏ quần áo và đặt chúng bên cạnh mình. Và rồi con sư tử, khi đi qua con đường đó, đã nhảy qua người vị thánh, như thể là một con người, trong im lặng và không chạm vào ông. Lúc đó, vị tu sĩ già hiểu rằng Chúa đã tha thứ cho ông tội lỗi đó, và ông trở về nơi ở của mình trên núi, ở lại đó suốt những năm tháng còn lại của cuộc đời và cho đến khi qua đời, luôn là tấm gương về người đàn ông có đạo đức cho mọi người.

Ngày 29 tháng 12

Ngày 16 tháng 12 (theo lịch cũ)

Lễ kính Thánh Tiên tri Haggai

Ngày tưởng niệm 16 tháng 12

Thánh tiên tri Haggai xuất thân từ chi phái Lê-vi[8846] và sinh ra trong thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn[8847] . Khi còn trẻ, ngài đã trở về Giê-ru-sa-lem từ Ba-by-lôn và cùng với thánh tiên tri Xa-cha-ri tiên tri tại đây trong ba mươi sáu năm. Cả hai đều sống cách thời điểm Chúa Giêsu nhập thể hơn 500 năm. Thánh Haggai là người cùng thời với việc xây dựng Đền thờ Giê-ru-sa-lem thứ hai, được dựng lên trên nền của Đền thờ đầu tiên – Đền thờ của Sa-lô-môn. Việc xây dựng đền thờ này được tiến hành sau khi trở về từ thời kỳ lưu đày ở Ba-by-lôn dưới sự lãnh đạo của Xô-rô-ba-bên, người đứng đầu dân Do Thái, những người đã được vua Ba Tư Ky-rô cho phép trở về quê hương; chính vua Ky-rô đã bổ nhiệm ông làm thống đốc xứ Giu-đê. Việc xây dựng Đền thờ gặp phải nhiều khó khăn lớn, bởi vì người Samari đã cản trở; sự tham gia của họ vào việc xây dựng Đền thờ đã bị người Do Thái từ chối, vì họ

[8844] Nơi an táng của Thánh Eleutherius được xác định là điền trang của ngài tại Bithynia. Thánh Tử đạo này đã chịu tử đạo dưới triều đại của Hoàng đế Maximianus vào đầu thế kỷ IV.

[8845] Thánh Pard đã tu hành vào thế kỷ VI, tại Palestine.

[8846] Lê-vi – con trai thứ ba của Gia-cóp với Lê-a.

[8847] Năm 587 trước Công nguyên, vua Nebuchadnezzar của người Chaldee đã chiếm Jerusalem và phá hủy thành phố này. Những công dân ưu tú cùng gia đình (từ 14.000 đến 18.000 người) đã bị bắt làm tù binh và đưa về thủ đô của người Chaldee – Babylon. Người Do Thái sống trong cảnh lưu đày tại Babylon cho đến năm 538, khi vua Cyrus của Media và Ba Tư – người đã lật đổ vương quốc Chaldea – đưa những người Do Thái bị bắt làm tù binh (khoảng 40.000 người đàn ông) trở về quê hương.

mong muốn giữ gìn sự tinh khiết và tính bất khả xâm phạm của các nghi lễ thờ phượng khỏi mọi điều ô uế và ngoại giáo. Người Samari đã hối lộ các quan chức đứng đầu một số vùng của Ba Tư, và những người này đã vu khống người Do Thái trước triều đình Ba Tư. Tuy nhiên, trở ngại chính cản trở việc xây dựng đền thờ thành công là lòng nhiệt thành nồng nàn trước đây của người Do Thái đã nguội lạnh. Họ chuyển hướng hoạt động sang những việc khác, bận rộn với việc xây dựng và trang trí nhà cửa riêng của mình, cho rằng thời điểm xây dựng nhà của Đức Chúa Trời vẫn chưa đến, đồng thời họ còn đưa ra những lý do khác để biện minh cho sự lơ là của mình. Và vào thời điểm đó, Đức Chúa Trời đã sai nhà tiên tri Haggai đến với dân Do Thái, mang theo những lời quở trách và đe dọa, cũng như lời hứa về sự giúp đỡ tối cao và lời tiên tri vinh quang về sự vượt trội và vĩ đại của Đền Thờ thứ hai so với Đền Thờ thứ nhất. Với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời và sự hỗ trợ của các tiên tri Haggai và Zechariah, Zorobabel đã vượt qua những mưu mô của kẻ thù và sự lười biếng của dân Do Thái, và đền thờ, được khởi công vào năm 520 trước Công nguyên, đã được hoàn thành vào năm 516, vào mùa hè thứ sáu của triều đại vua Darius của Ba Tư. *"Chính tay Xô-rô-ba-bên*," Đức Giê-hô-va phán, *"đã đặt nền móng cho ngôi đền này; chính tay ông ấy sẽ hoàn thành nó, và các ngươi sẽ biết rằng Đức Giê-hô-va Sa-va-ô đã sai Ta đến với các ngươi"* (Xa-cha-ri 4:9). Tất cả các lời tiên tri của tiên tri Haggai liên quan đến việc xây dựng đền thờ – có bốn[8848] . Trong đó, vị tiên tri khích lệ dân Giu-đa xây dựng bằng cách chỉ trích sự thờ ơ và lơ là của họ đối với ngôi nhà của Đức Chúa Trời, đồng thời chỉ ra rằng điều này dẫn đến sự thất bại trong các công việc của họ, sự cằn cỗi của đất đai và các hình phạt khác của Đức Chúa Trời; ông cũng khích lệ họ bằng sự an toàn và thời điểm thích hợp để xây dựng, bằng sự đảm bảo về sự hiện diện và sự che chở của Đức Chúa Trời trong công việc này, bằng sự vĩ đại và sự vượt trội của đền thờ mới, bằng sự cần thiết của nó đối với họ, và bằng lời hứa ban phước lành của Đức Chúa Trời cho việc thực hiện ý muốn của Chúa. Nhà tiên tri đã miêu tả một cách hùng vĩ vinh quang tương lai của đền thờ này và sự thiết lập vương quốc bất diệt trên đất, vương quốc của Đấng Christ: *"Đức Giê-hô-va Vạn Quân phán như vầy: Còn một lần nữa, và điều đó sẽ sớm xảy ra, Ta sẽ làm rung chuyển trời và đất, biển và đất liền, và làm rung chuyển mọi dân tộc; Đấng mà mọi dân tộc mong đợi sẽ đến, và Ta sẽ làm đầy ngôi đền này bằng vinh quang, Đức Giê-hô-va Vạn Quân phán. Bạc và vàng của Ta, Đức Giê-hô-va Vạn Quân phán. Vinh quang của đền thờ cuối cùng này sẽ lớn hơn đền thờ trước đây, Đức Giê-hô-va Vạn Quân phán; và tại nơi này, Ta sẽ ban bình an"* (Hag. 2:6–10).

Và còn có lời của Đức Giê-hô-va phán cùng nhà tiên tri rằng: *"Hãy nói với Xô-rô-ba-bên, quan tổng trấn Giu-đa: Ta sẽ làm rung chuyển trời và đất; Ta sẽ lật đổ các ngai vàng của các vương quốc, và tiêu diệt sức mạnh của các vương quốc ngoại bang, lật đổ các cỗ xe và những người ngồi trên đó, và ngựa cùng những kỵ sĩ của chúng sẽ bị hạ gục, người này giết người kia bằng gươm. Vào ngày đó, Đức Giê-hô-va Vạn Quân phán: 'Ta sẽ chọn ngươi, Xô-rô-ba-bên, con trai Sa-la-phi-ên, tôi tớ của Ta, Đức Giê-hô-va phán, và Ta sẽ giữ ngươi như một con dấu, vì Ta đã chọn ngươi, Đức Giê-hô-va Vạn Quân phán'* (Hag. 2:21–24).

Sau khi qua đời, thánh Haggai được an táng một cách trang trọng gần các ngôi mộ của các tư tế, vì ngài xuất thân từ dòng dõi tư tế. Ngài là một người hoàn hảo về đức hạnh, và với tư cách là một vị tiên tri vĩ đại và lừng lẫy, ngài được mọi người yêu mến và kính trọng. Tên của ngài, khi dịch từ tiếng Do Thái sang tiếng Nga, có nghĩa là "lễ hội" hoặc "người ăn mừng"[8849] .

Thánh Haggai thường được miêu tả là một vị lão niên có khuôn mặt hiền từ, được bao quanh bởi bộ râu tròn, và phần đầu của ngài phần nào đã hói.

Cuộc đời của Hoàng hậu Thánh Theophania.

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 12

Thánh nữ Theophania sinh ra tại Constantinople và xuất thân từ dòng dõi hoàng gia. Cha mẹ của bà – Constantine, người mang tước hiệu "Illustrius"[8850] , và mẹ là Anna – dù sống trong mối quan hệ hôn nhân trong

[8848] Haggai 1:2–15, 2:1–9, 10–19, 20–23. Haggai là một trong 12 vị được gọi là "các tiên tri nhỏ"; cuốn sách của ông, gồm hai chương, đứng thứ 10 trong danh sách các sách của các tiên tri này.

[8849] Tên của nhà tiên tri Haggai còn xuất hiện trong Kinh Thánh trong phần chú thích của một số Thi thiên (Thi thiên 137:1–8, 145:1–10, 147:1–9), trong Sách Ê-xơ-ra thứ nhất (1 Ê-xơ-ra 1:1, 5:1, 6:1, 14:1) và trong Thư của Thánh Tông đồ Phaolô gửi người Do Thái (Hê-bơ-rơ 12:26).

[8850] Đây là danh xưng dành cho các quan chức cao cấp tại triều đình hoàng gia ở Byzantium.

sạch, nhưng trong một thời gian dài vẫn không có con, vì vậy họ luôn đau buồn vì không có con cái. Với khát khao mãnh liệt được có con, họ đã cầu nguyện cùng Đức Mẹ Đồng Trinh, Nữ Vương của chúng ta, và thường xuyên đến ngôi đền tôn kính của Mẹ tại Forakia[8851] , nơi họ thành kính dâng lên Mẹ những lời cầu nguyện chân thành từ tận đáy lòng.

– Xin hãy giải quyết, – họ cầu nguyện, – hỡi Nữ Vương của thế gian, xin Ngài dùng lòng thương xót của Ngài để chữa lành sự vô sinh của chúng con, và xin cho chúng con, nhờ lời cầu bầu của Ngài, được Đấng Tạo Hóa ban cho khả năng sinh con!

Và vì họ đã cầu xin với lòng tin, nên họ đã nhận được điều mình mong ước nhờ ân sủng của Đấng mà họ đã thành kính dâng lời cầu nguyện: họ đã được giải thoát khỏi tình trạng vô sinh và sinh ra một bé gái, mà họ đặt tên là Theophania.

Từ khi lên sáu tuổi, Theophania đã được dạy chữ và được hướng dẫn làm mọi việc thiện lành. Ngay từ thuở ấu thơ, người ta đã có thể thấy những dấu hiệu rõ ràng về những đức tính cao quý và sự thánh thiện vĩ đại trong tương lai của cô. Thấy tính cách tốt đẹp và trí tuệ của con gái, cha mẹ Theophania rất vui mừng và hy vọng sau này sẽ được an ủi nhờ sự hiếu thảo của con. Vì vậy, họ tìm kiếm một chàng trai có gia thế, tính cách và trí tuệ tương xứng với con gái, để gả con theo luật pháp, vì cô đã đến tuổi trưởng thành và nổi bật hơn các bạn cùng lứa nhờ sở hữu mọi tài năng.

Vào thời điểm đó, Vua Vasilii người Macedonia[8852] đang tìm kiếm một thiếu nữ xinh đẹp và đức hạnh để gả cho con trai mình là Lev the Wise[8853] . Sau khi nhận thấy Theophania là người xuất sắc nhất trong số các thiếu nữ khác, ông đã gả cô cho con trai mình, người đã được công bố là người thừa kế ngai vàng. Đám cưới hoàng gia được cử hành trong niềm vui và sự hân hoan của mọi người.

Một thời gian sau, kẻ thù xảo quyệt đã gieo rắc mầm mống chia rẽ trong hoàng cung giữa cha và con, và nhà vua đã nổi giận dữ dội với con trai mình. Ông bắt con trai cùng vợ là Theophania, giam họ vào ngục tối và bố trí lính canh nghiêm ngặt. Việc này xảy ra do lòng thù hận thầm kín và mưu mô xảo quyệt của Theodoros Santavarin, Giám mục Evkhait – một pháp sư mà Vua Lêô không ưa.

Chuyện bắt đầu như thế này: khi người con trai trưởng của vua Vasili và cũng là anh trai cả của vua Lev – Konstantin – qua đời, vua Vasili vô cùng đau buồn và khóc lóc thảm thiết, vì ngài rất yêu thương cậu. Lúc đó, vị pháp sư nói trên, thấy nhà vua đang chìm trong nỗi buồn sâu sắc và muốn an ủi ông, đã dùng phép thuật của mình để cho nhà vua thấy con trai đã qua đời của ông, Konstantin, vẫn còn sống – đang cưỡi ngựa và phi ngựa đến gặp ông. Sau khi ôm con trai vào lòng và hôn con đầy yêu thương , nhà vua lại mất dấu con trai, vì ảo ảnh ma thuật và giấc mơ ấy đã tan biến. Nhà vua vừa ngạc nhiên vừa kinh hoàng, và khi coi ảo ảnh đó là sự thật, ông bắt đầu vô cùng kính trọng Santavarin, coi ông ta là bạn thân thiết của mình và tuân theo mọi lời ông ta nói. Còn chàng Lev trẻ tuổi, vốn khôn ngoan và kính sợ Chúa, đã khinh bỉ vị pháp sư ấy và, coi hắn như kẻ thù của Chúa, đã khinh miệt hắn. Còn Theodor, suy tính cách trả thù vua Lev vì sự khinh miệt đó, đã nghĩ ra mưu kế xảo quyệt sau đây. Chọn thời điểm thích hợp, hắn đến gặp riêng vua Lev và, giả vờ thân thiện và có thiện cảm với ông, nói:

– Ngươi còn trẻ và thường đi săn cùng cha mình. Để đề phòng, ngươi cần bí mật mang theo một thanh kiếm nhỏ, để thỉnh thoảng có thể dùng nó để giết thú săn, thỉnh thoảng lại có thể đưa nó cho cha vào lúc cần thiết, hoặc trong trường hợp nếu có kẻ thù trong nhà nào đó – mà cha ngươi có không ít – bất ngờ và đột ngột tấn công cha cậu, – thì lúc đó cậu, ngay lập tức rút thanh kiếm mang theo bí mật ra, có thể đánh bại kẻ thù và cứu mạng cha mình.

Vâng theo lời khuyên xảo quyệt của kẻ thù và không nghi ngờ sự gian xảo của hắn, Lev bắt đầu lén giấu một thanh kiếm nhỏ trong ủng mỗi khi đi săn cùng cha mình, hoặc đi đâu đó.

Sau đó, tên xảo quyệt Santavarin đã bí mật nói với vua Vasili:

– Con trai ngài là Lev muốn giết ngài bất ngờ để độc chiếm ngai vàng. Bằng chứng cho ý đồ xấu xa của hắn là như sau: mỗi khi ngài đi săn và hắn đi cùng, hắn đều giấu một thanh kiếm trong ủng ở chân, chuẩn bị sẵn để vào thời điểm thuận lợi sẽ bất ngờ đâm ngài và giết ngài. Nếu ngài muốn xác minh điều đó, hãy thử thực tế – hãy đi săn, mang theo cả nó, và khi đến đồng cỏ, hãy ra lệnh kiểm tra xem nó có gì trong ủng.

[8851] Forakia – một khu vực ở Constantinople.

[8852] Basil I người Macedonia – Hoàng đế Byzantine, trị vì từ năm 867–886.

[8853] Lê VI Người Khôn Ngoan, người kế vị Vasilios người Macedonia, trị vì từ năm 886–911.

Chẳng bao lâu sau, vua Vasily đưa hoàng tử trẻ, con trai mình, đi săn. Khi đã ra đến đồng cỏ, ông ra lệnh kiểm tra xem vua Lev có gì trong ủng, và người ta đã tìm thấy một thanh kiếm nhỏ hai lưỡi được giấu kín ở đó. Và ngay lập tức, Vasily bùng lên ngọn lửa của cơn thịnh nộ và giận dữ không thể tả xiết đối với con trai mình, tin rằng những gì Santavarin kể là sự thật, rằng con trai muốn giết ông.

– Chính vì thế mà nó đã chuẩn bị thanh kiếm đó, – ông nói.

Còn Lev, vốn vô tội, khẳng định rằng mình mang theo thanh kiếm không phải để giết cha, mà để bảo vệ mạng sống của ông. Nhưng người cha đang vô cùng tức giận, không muốn nghe một lời nào của con trai, liền giam giữ cậu ta cùng với vợ cậu, bà Theophania đáng kính, trong một căn phòng bí mật nằm trong cung điện hoàng gia, và bố trí một đội lính canh gác nghiêm ngặt. Như vậy, tên pháp sư xảo quyệt Santavarin đã trả thù vua Lêv; điều kinh hoàng nhất trong chuyện này là, dưới sự xúi giục của chính Santavarin, người cha đã muốn móc và lấy đôi mắt của con trai mình ra. Và việc này chắc chắn đã xảy ra nếu như tổng giám mục và toàn thể hội đồng giáo phẩm không ngăn cản được nhà vua.

Hơn ba năm trời, vua Lê-vơ vô tội và hoàng hậu Thê-ô-pha-ni-a, những người chưa từng làm điều ác nào, đã bị giam cầm. Tại đó, họ không làm gì khác ngoài cầu nguyện và ăn chay, than khóc vì cảnh giam cầm của mình và kêu cầu Đức Chúa Trời Toàn Tri làm chứng cho sự vô tội của họ. Đã nhiều lần Hội đồng Giáo phẩm muốn xin nhà vua tha cho con trai, nhưng không tìm được thời điểm thích hợp. Cuối cùng, một cơ hội đã đến để họ có thể đưa ra lời thỉnh cầu đó. Chuyện xảy ra như sau. Trong cung điện hoàng gia có một con vẹt, được huấn luyện để phát âm một số từ bằng giọng người và bằng cách phát âm đó, nó đã mang lại niềm vui cho nhà vua và những người khác nghe thấy nó. Một lần nọ, khi tổ chức lễ kỷ niệm Thánh Tiên tri Ê-li, nhà vua đã triệu tập tất cả các quan lại trong triều đến dự tiệc hoàng gia, và sau khi dọn tiệc, ngài mời mọi người cùng vui vẻ và hân hoan với mình. Con vẹt ấy, thường xuyên nói bằng giọng người, lặp lại những lời như sau – không biết là do ai dạy hay chỉ tình cờ – rằng:

– Ôi, ôi, ngài Sư tử!

Nghe thấy điều đó, tất cả các quan lại đang dự tiệc đều ngồi đó trong sự bối rối, bỏ lại thức ăn và đồ uống. Thấy các quan lại bối rối, không ăn cũng không uống, nhà vua hỏi tại sao họ lại buồn bã đến vậy. Lúc đó, họ thấy thời cơ đã chín muồi, liền đứng dậy trong nước mắt và nói:

– Nếu một con chim không có trí tuệ còn thương xót cho chủ nhân của mình, người đang phải chịu khổ một cách vô tội, thưa ngài, – và vừa khóc nức nở vừa tìm kiếm ngài, nó nói: "Ôi, ôi, thưa ngài Sư Tử!" – thì làm sao chúng tôi, những sinh vật có trí tuệ và biết nói, những người chắc chắn biết rằng con trai ngài, cũng là chủ nhân của chúng tôi, đang phải chịu đau khổ vô cớ vì sự ác độc, và vì những lời vu khống mà phải hứng chịu cơn giận dữ của ngài với tư cách là người cha – làm sao chúng tôi có thể vui vẻ, ăn uống được chứ?! Chẳng phải chúng tôi càng phải đau buồn hơn sao? Hỡi đức vua! Nếu con trai ngài đã phạm tội gì với ngài, người cha của mình, và có ý định giơ tay chống lại ngài, xin hãy giao anh ấy cho chúng tôi – chúng tôi sẽ xẻ anh ấy ra từng mảnh. Còn nếu anh ấy vô tội – như chúng tôi chắc chắn biết – thì tại sao ngài lại hành hạ chính dòng máu của mình?

Nghe những lời ấy, nhà vua bỗng cảm động, được thúc đẩy bởi lòng trắc ẩn tự nhiên, liền ra lệnh thả vua Lê-vơ ra khỏi ngục, cắt đi mái tóc đã mọc dài trong thời gian bị giam cầm, rồi mặc cho ông ta y phục hoàng gia và rước về trước mặt mình một cách trang trọng. Khi việc này được thực hiện xong, nhà vua đứng dậy trong nước mắt, ôm lấy con trai, hôn lên trán cậu và trao lại cho cậu ngôi vua như xưa.

Sau đó không lâu, vua Vasilii lâm bệnh và qua đời, để lại quyền lực hoàng gia cho con trai mình. Còn Lev, sau khi cha qua đời, đã bắt giữ pháp sư Santavarin, ra lệnh đánh đập hắn, móc mắt hắn và đày hắn đến thành phố Athens[8854] .

Vậy là sự độc ác của nhà tiên tri đã quay lại đè nặng lên chính đầu hắn. Tên Santavarin này theo đạo Manichaeism, theo học thuyết là nhà tiên tri, bề ngoài là Kitô hữu, chức tước là giám mục, còn vua Vasilii lại coi hắn là thánh – vì những phép lạ mà hắn tạo ra bằng phép thuật.

Trong khi đó, thánh nữ Theophania, sau khi bước vào cuộc sống hoàng gia sau khi bị giam cầm, đã tận tâm lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn mình, coi thường vinh quang hoàng gia và khinh bỉ những thú vui và sự phù phiếm

[8854] Athens – thủ đô của nhà nước Hy Lạp cổ đại, nổi tiếng với các công trình kiến trúc, tác phẩm nghệ thuật, sự phát triển của thương mại và công nghiệp, và đặc biệt là các trường học và học viện triết học. Athens nằm trên mỏm đất phía đông của miền trung Hy Lạp, gần Quần đảo Hy Lạp.

của đời thường như rác rưởi và giấc mơ. Ngày đêm không ngừng, bà luôn ngâm nga các thánh vịnh, các bài ca thiêng liêng và những lời cầu nguyện, và dành cả cuộc đời để làm đẹp lòng Chúa và tìm kiếm Ngài qua những việc làm từ bi. Bà không quan tâm đến việc trang điểm hoàng gia cho thân thể mình; và nếu thỉnh thoảng bà mặc trang phục có phần lộng lẫy, thì bên trong, dưới lớp áo, bà lại mặc một chiếc áo lông cừu thô ráp, nhờ đó mà xác thịt của bà được rèn luyện. Cuộc sống của bà là cuộc sống ăn chay – bà chỉ ăn bánh mì đơn sơ và rau khô; những món ăn thịnh soạn hoàn toàn bị bà loại bỏ khỏi bàn ăn.

Các của cải và đồ quý giá rơi vào tay bà đều được bà phân phát cho những người nghèo khó, khốn cùng, trẻ mồ côi và góa phụ; những bộ quần áo và vật dụng quý giá cũng được trao tặng cho họ. Các phòng tu sơ sài của các tu sĩ và các tu viện được bà tu sửa và trang bị đầy đủ tài sản cùng mọi thứ cần thiết. Đó chính là sự tận tụy và sự quan tâm của vị nữ hoàng yêu mến Chúa Kitô dành cho mọi người! Bà coi các tôi tớ và nữ tỳ của mình như anh em và chị em, và không bao giờ gọi ai chỉ bằng tên, mà luôn tôn kính mọi người bằng danh hiệu trong Chúa, tôn trọng tên, chức vụ và vị trí của mỗi người. Bà không bao giờ thốt ra lời thề nào bằng miệng mình, và không có lời nào xấu xa thoát ra từ miệng bà – không dối trá, không vu khống, và nói chung là không có lời nào khiếm nhã. Bà đối xử với mọi người bằng tình yêu thương – khóc cùng những người khóc, vui cùng những người vui. Dù giường của bà được trải bằng vải lụa mịn[8855] và trang trí bằng đồ trang sức bằng vàng, nhưng bà không ngủ trên đó, mà trải một tấm chiếu sạch trên sàn nhà, phủ lên những chiếc xương và răng sắc nhọn của các loài thú, rồi nằm ngủ trên đó; và mỗi đêm, theo lời tiên tri Đa-vít, bà làm ướt chiếc giường ấy bằng nước mắt (Thi Thiên 6:7) và sau một giấc ngủ rất ngắn, bà lập tức thức dậy để ngợi khen Đức Chúa Trời. Do cuộc sống khắc nghiệt, đầy rẫy những thiếu thốn như vậy, Thêôfania đã mắc phải một căn bệnh nặng về thể xác; tuy nhiên, linh hồn bà không hề suy sụp vì những lời cầu nguyện không ngừng, bà không ngừng học hỏi Lề Luật Thánh, đọc các sách thánh và thực hành những điều đã đọc. Tất cả những nỗ lực của bà đều hướng đến việc giúp đỡ những người bị áp bức, bênh vực các góa phụ, chăm sóc trẻ mồ côi, an ủi những người đau buồn, lau nước mắt cho những người khóc lóc – và bà đã trở thành người mẹ của tất cả những ai không có nơi nương tựa và sự giúp đỡ. Sống giữa thế gian, bà từ chối mọi điều trần tục; sống trong hôn nhân, bà yêu mến ách lành của Chúa Kitô và, vác thập giá lên vai, bà mang nó đi và nhờ đó làm đẹp lòng Thiên Chúa.

Cảm nhận trước sự ra đi của linh hồn khỏi thân xác, Thánh nữ Theophania đã ra lệnh cho mọi người đến với bà để từ biệt. Sau đó, sau khi trao cho mọi người nụ hôn cuối cùng và vĩnh biệt, bà đã chuyển từ vương quốc trần gian sang vương quốc thiên đàng và hiện diện trước Vua vinh quang, được trang hoàng như áo choàng hoàng gia[8856] , bởi vô số đức hạnh của mình. Vì vậy, bà được xếp vào hàng các thánh, những người đã làm đẹp lòng Thiên Chúa bằng đức hạnh, còn thi thể cao quý của bà đã được an táng một cách trang trọng[8857] .

Chồng của Thánh Theophania, Hoàng đế Leo the Wise, ngay khi bà còn sống, khi chứng kiến sự thánh thiện vĩ đại của bà và tôn kính bà không chỉ như người vợ, mà như nữ chủ nhân và người cầu thay trước mặt Thiên Chúa, đã nảy sinh ý định xây dựng một nhà thờ mang tên bà từ rất sớm. Còn vị thánh, khi biết được điều này, không những không đồng ý mà còn nghiêm khắc cấm không được làm như vậy. Vì vậy, ngôi đền đã được khởi công xây dựng mang tên bà đã được đổi tên thành ngôi đền dành cho tất cả các thánh, và chính vị vua ấy, theo lời khuyên của toàn thể Giáo hội, đã thiết lập lễ kính các thánh vào tuần đầu tiên sau Lễ Ngũ Tuần. Vua đã nói:

– Nếu Theophania là thánh nữ, thì hãy để ngày kỷ niệm của bà được cử hành cùng với tất cả các thánh, để tôn vinh Thiên Chúa, Đấng được ca ngợi bởi tất cả các thánh!

Xin vinh quang thuộc về Ngài và chúng ta mãi mãi. Amen.

[8855] Visson – loại vải lanh quý hiếm, mỏng và mềm mại, có độ bóng cao.

[8856] Áo choàng màu đỏ tía – trang phục long trọng màu đỏ tía, áo choàng hoàng gia – là vật dụng không thể thiếu của các vị vua Byzantine và là biểu tượng cho phẩm giá hoàng gia của họ.

[8857] Nữ hoàng Thánh Theophania qua đời vào khoảng năm 893. Bà được an táng tại Nhà thờ Các Thánh, do chồng bà xây dựng, gần Nhà thờ Các Thánh Tông đồ, nơi sau này trở thành một tu viện nữ. Năm 1342, người hành hương Nga Stefan Novgorodets gọi tu viện này là Tu viện Thánh Constantine, còn Linh mục phó tế Zosima (năm 1420) gọi là Tu viện Philostratos; cả hai đều nhìn thấy di cốt của Thánh Hoàng hậu Theophania cùng với di cốt của Thánh Tử đạo Clément d'Ancyra, người được Giáo hội kỷ niệm vào ngày 23 tháng 1. Hiện nay, di cốt của Theophania được an táng tại Tòa Thượng phụ Constantinople.

Ngày tưởng niệm Thánh Tử đạo Marina

Ngày tưởng niệm: 16 tháng 12

Thánh Marin sống dưới triều đại của Vua Karina[8858] và, dù xuất thân từ dòng dõi quý tộc, dù còn rất trẻ, ngài đã mang tước hiệu "sinklitik" hay "thượng nghị sĩ"[8859] . Là một Kitô hữu, ngài bị bắt và bị ép buộc phải dâng lễ vật cho các thần tượng. Nhưng vì ông không khuất phục và không tuân theo yêu cầu đó, nên ông đã bị treo cổ và chém bằng gươm, sau đó bị ném vào lửa. Sau đó, họ ném ông vào chảo nóng đỏ rồi vào nồi nước sôi; nhưng nhờ ân sủng của Thiên Chúa, Thánh Marin vẫn bình an vô sự trước tất cả những hình phạt tra tấn đó. Sau đó, họ thả các con thú hoang dã, sư tử và gấu, vào gần vị thánh, nhưng chúng cũng không đụng đến ngài. Trong khi đó, sự phẫn nộ của những kẻ ngoại đạo càng gia tăng đối với vị chứng nhân kiên định của đức tin Kitô giáo: họ đã quyết định dùng vũ lực lôi ngài vào đền thờ thần tượng và ép ngài dâng lễ vật. Lúc đó, vị thánh đã nói:

– Tôi muốn dâng lễ vật cho các vị thần.

Nghe những lời tuyên xưng của vị tử đạo, nhà vua và tất cả những người xung quanh đều vui mừng. Nhưng Marin, sau khi cùng mọi người bước vào đền thờ, đã dâng lời cầu nguyện lên Chúa Giêsu Kitô, và các tượng thần bỗng đổ sập và vỡ tan. Vua vô cùng đau buồn trước sự việc bất ngờ này, và ngay lập tức ra lệnh chém đầu vị tử đạo. Thế là thánh Marin đã trút hơi thở cuối cùng về với Chúa; còn thi hài của ngài đã được những tín hữu Kitô giáo kính sợ Thiên Chúa an táng một cách trang nghiêm[8860] .

Ngày 30 tháng 12

Ngày 17 tháng 12 (theo lịch cũ)

Cuộc đời của Thánh Tiên tri Đa-ni-ên và ba thiếu niên thánh cùng ngài là A-na-ni-a, A-za-ri-a và Mi-sa-i-la

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 12

Thánh tiên tri Đa-ni-ên xuất thân từ dòng dõi hoàng tộc, thuộc chi phái Giu-đa. Khi còn trẻ, ngài bị Na-bu-cô-đô-nô-xơ bắt làm tù binh[8861] và cùng với vua Giu-đa là Giô-a-kim, ngài bị đưa từ Giê-ru-sa-lem đến Ba-by-lôn[8862] ; tại đó, ngay từ khi còn trẻ, ông đã nổi tiếng nhờ những ân tứ thiêng liêng – đặc biệt là khi ông đã khôn ngoan vạch trần những quan tòa bất chính và vô luật pháp, đồng thời cứu Susanna, người vô tội, khỏi cái chết.

[8858] Carin – hoàng đế La Mã từ năm 282 đến năm 283.

[8859] Các "Synklitiki" là tên gọi dành cho một số cố vấn và quan chức hoàng gia quan trọng nhất, những người cùng nhau tạo thành "Synklit" (Hội đồng Hoàng gia).

[8860] Thánh Marin đã chịu tử đạo vào khoảng năm 283.

[8861] Nabuchadnezzar – con trai của Nabopolassar, vua Babylon (từ năm 607 đến năm 564 trước Công nguyên), là một trong những nhà chinh phục lừng lẫy nhất mà lịch sử từng ghi nhận. Ông đã đánh tan quân đội của vua Ai Cập, Pharaoh Necho, và chấm dứt sự hùng mạnh của Ai Cập tại châu Á (Giê-rê-mi 45:2; 2 Vua 24:7). Sau đó, ông chuyển sự chú ý sang vua Giu-đa, Jo-a-kim, người phải nộp cống cho ông. Sau một thời gian ngắn vây hãm và chiếm được Giê-ru-sa-lem, ông để Joakim tiếp tục làm vua, nhưng bắt ông phải nộp cống; ông lấy một phần các đồ thờ từ đền thờ và gửi về Ba-by-lôn, đồng thời ra lệnh chọn những thiếu niên đẹp trai và tài năng trong dòng dõi vua chúa và quý tộc, rồi đưa họ đến Ba-by-lôn để nuôi dạy họ phục vụ tại triều đình. Và vì Giô-a-kim, sau ba năm, đã từ chối tuân phục ông, nên ông lại tấn công Giu-đa và cưỡng bức hơn ba nghìn người Giu-đa phải di cư khỏi đó (năm 597), còn vào năm sau, ông bắt chính vua (Sê-đê-kia) làm tù binh và xiềng xích ông lại (2 Sử ký 36:6).

[8862] Babel là một trong những thành phố cổ xưa nhất thế giới; được xây dựng bởi Nimrod, con trai của Hush, hậu duệ của Ham, người đã lấy thành phố này làm thủ đô cho vương quốc của mình (Sáng Thế Ký 10:6–10). Từ tên của thành phố này, toàn bộ vùng đất này được gọi là Babylon hay Babylonian. Nơi đây còn được gọi là xứ Caldeans (Giê-rê-mi 24:5; Ê-xê-chi-ên 12:13) – theo tên bộ tộc Caldeans thống trị nơi đây, những người từ xa xưa đã di cư đến đây từ phía bắc, từ dãy núi Armenia, và đã đặt tên cho vùng đất này. Vùng đất này nằm trên đồng bằng màu mỡ Sennaar, trong lưu vực các sông Tigris và Euphrates. Babylon tọa lạc tại đây, trải dài hai bên bờ sông Euphrates, cách Baghdad 15 dặm, cách Vịnh Ba Tư 40 dặm và cách Jerusalem 130 dặm. Của cải từ khắp nơi đổ về Babylon – và nhờ đó, thành phố này thuộc hàng những thành phố vĩ đại, lừng lẫy và giàu có nhất của phương Đông. Sau khi Nebuchadnezzar qua đời, vương quốc Babylon nhanh chóng bắt đầu suy tàn. Ngày nay, tại vị trí của Babylon cổ đại chỉ còn lại những đống đổ nát.

Vào thời đó, những người Do Thái đang bị lưu đày tại Babylon có hai vị trưởng lão – là các thẩm phán được bầu chọn để giải quyết các tranh chấp xảy ra giữa họ. Vào những ngày nhất định, các vị trưởng lão này tụ họp tại nhà của một người đàn ông quý tộc và giàu có tên là Joakim, và tại đó họ giải quyết các tranh chấp trong dân Do Thái.

Joakim có một người vợ tên là Susanna, con gái của Helkia, – một người rất xinh đẹp và kính sợ Đức Chúa Trời. Cha mẹ cô là những người công chính và đã nuôi dạy con gái mình theo mọi điều răn của Luật Mô-sê. Còn những vị trưởng lão kia lại là những kẻ vô luật pháp: dưới danh nghĩa xét xử, họ lại làm điều bất chính, đến nỗi lời Kinh Thánh đã ứng nghiệm trên họ: *"Sự vô luật pháp đã phát xuất từ Ba-by-lôn qua các trưởng lão-quan tòa"* (Đa-ni-ên 13:5).

Chính những vị trưởng lão này đã thấy Susanna hàng ngày vào vườn của chồng mình rồi lại ra khỏi đó, và lòng họ nảy sinh dục vọng đối với nàng. Họ đã làm méo mó tâm trí mình và ngoảnh mắt đi, để không nhìn lên trời và không nhớ đến những phán quyết công chính; tuy nhiên, họ không tiết lộ cho nhau về dục vọng của mình, vì xấu hổ khi phải thừa nhận điều đó. Mỗi người trong số họ đều tìm kiếm thời cơ thuận lợi để thỏa mãn dục vọng của mình. Họ chăm chú canh chừng mỗi ngày để được nhìn thấy Susanna, và nói với nhau:

– Hãy về nhà đi, vì đã đến giờ ăn trưa rồi – rồi họ ra về và tản ra, nhưng khi trở lại, họ lại tụ tập tại cùng một chỗ đó, và khi tra hỏi lẫn nhau về lý do, họ đã thú nhận ham muốn của mình. Lúc đó, họ cùng nhau hẹn giờ để có thể tìm thấy cô ấy khi cô ấy ở một mình.

Một ngày nọ, khi họ đang chờ đợi thời cơ thuận lợi, Susanna bước vào, như thường lệ, chỉ có hai tỳ nữ đi cùng, và cô muốn tắm trong vườn vì trời nóng. Và ở đó không có ai khác ngoài hai ông già, những người đã trốn trong bóng tối và canh chừng cô. Susanna nói với các tỳ nữ:

– Hãy mang dầu và xà phòng cho tôi, rồi khóa cửa vườn lại để tôi tắm.

Họ làm đúng như lời cô dặn: khóa cửa vườn lại rồi ra bằng cửa bên để mang những thứ được lệnh, và không nhìn thấy hai ông già vì họ đã ẩn nấp. Và khi các tỳ nữ ra ngoài, hai ông già đứng dậy, tiến lại gần Susanna và nói:

– Cửa vườn đã đóng rồi, chẳng ai thấy chúng ta cả, mà chúng ta lại ham muốn ngươi. Vậy hãy đồng ý với chúng ta và ở lại với chúng ta. Nếu không, chúng ta sẽ làm chứng chống lại ngươi rằng có một chàng trai trẻ ở cùng ngươi, và vì thế mà ngươi đã đuổi các tớ gái của ngươi đi.

Lúc đó, Susanna thở dài và nói:

– Tôi bị dồn vào đường cùng: vì nếu tôi làm điều đó, tôi sẽ chết; còn nếu không làm, tôi cũng không thể thoát khỏi tay các ông. Thà tôi không làm điều đó và rơi vào tay các ông, còn hơn là phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời.

Và Susanna đã la lên bằng giọng lớn; hai vị trưởng lão kia cũng la lên chống lại nàng. Một người chạy đi và mở cửa vườn.

Khi những người trong nhà nghe tiếng la hét trong vườn, họ vội vã chạy ra qua các cửa bên để xem chuyện gì đã xảy ra với Susanna. Và khi hai ông già nói những lời đó, các đầy tớ của cô vô cùng xấu hổ, vì trước đây chưa bao giờ có ai nói điều gì như vậy về Susanna.

Và vào ngày hôm sau, khi dân chúng tụ tập tại nhà Joakim, chồng cô, hai vị trưởng lão cũng đến, đầy ắp ý đồ gian ác chống lại Susanna, nhằm kết án cô tử hình. Họ nói trước mặt dân chúng:

– Hãy cho người đi gọi Susanna, con gái của Helkia, vợ của Ioakim, – và họ đã sai người đi.

Cô ấy đã đến, cùng với cha mẹ, các con và tất cả họ hàng của cô. Susanna có khuôn mặt rất dịu dàng và xinh đẹp. Những kẻ vô pháp ấy ra lệnh cho cô vén khăn che mặt (vì lúc đó mặt cô đang bị che kín), để được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cô cho thỏa mãn. Còn những người thân và tất cả những ai biết nàng đều khóc lóc. Hai vị trưởng lão đứng dậy giữa đám đông, đặt tay lên đầu nàng. Nàng thì trong nước mắt ngước nhìn lên trời, vì lòng nàng đặt trọn niềm tin nơi Chúa. Các vị trưởng lão nói:

– Khi chúng tôi đang đi dạo một mình trong vườn, người phụ nữ này cùng hai tỳ nữ bước vào, rồi đóng cửa vườn lại và đuổi hai tỳ nữ đi. Rồi một chàng trai trẻ, vốn đang ẩn nấp ở đó, đến với nàng và nằm cùng nàng. Chúng tôi, đang ở góc vườn và chứng kiến sự vô luân ấy, liền chạy đến chỗ họ và thấy họ đang ở cùng nhau, nhưng không thể giữ được chàng trai ấy lại, vì anh ta mạnh hơn chúng tôi, và sau khi mở cửa vườn, anh ta đã chạy thoát ra ngoài. Còn người phụ nữ này, chúng tôi đã bắt giữ và tra hỏi: "Chàng trai đó là ai?" Nhưng cô ta không chịu khai ra cho chúng tôi. Chúng tôi làm chứng về điều này.

Và hội đồng đã tin lời họ, với tư cách là các trưởng lão của dân và các quan tòa, và đã kết án Susanna tử hình. Lúc đó, Susanna cất tiếng kêu lớn và nói:

– Lạy Đức Chúa Trời vĩnh cửu, Đấng thấu hiểu những điều thầm kín và biết tất cả mọi sự trước khi chúng tồn tại. Ngài biết rằng họ đã làm chứng dối chống lại con, và giờ đây con sắp chết mà không hề làm điều gì trong số những điều mà những người này đã ác ý bịa đặt lên con.

Và Đức Chúa Trời đã nghe tiếng kêu của nàng.

Khi nàng bị dẫn đi hành quyết, Đức Chúa Trời đã thúc đẩy một thiếu niên tên là Đa-ni-ên bằng Thánh Linh. Và chàng đã kêu lên bằng giọng lớn:

– Tôi vô tội trước máu của bà ấy!

Lúc đó, cả dân chúng đều quay sang anh ta và nói:

– Câu nói đó của ngươi là gì vậy?

Lúc đó, Đa-ni-ên đứng giữa họ và nói:

– Hỡi con cái Y-sơ-ra-ên, các ngươi thật thiếu khôn ngoan đến nỗi chưa điều tra và chưa biết sự thật mà đã kết án con gái Y-sơ-ra-ên sao? Hãy quay lại để xét xử, vì các trưởng lão này đã làm chứng dối chống lại cô ấy.

Ngay lập tức, cả dân chúng quay trở lại, và các trưởng lão nói với Đa-ni-ên:

– Hãy ngồi giữa chúng tôi và phán quyết cho chúng tôi, vì Đức Chúa Trời đã ban cho ngươi chức vụ trưởng lão.

Và Đa-ni-ên nói với dân chúng:

– Hãy tách họ ra xa nhau, rồi ta sẽ thẩm vấn họ.

Khi họ đã được tách ra khỏi nhau, Đa-ni-ên gọi một trong số họ và nói với người ấy:

– Hỡi kẻ đã già đi trong những ngày tăm tối! Nay những tội lỗi ngươi đã phạm trước đây đã bị phơi bày, khi ngươi đưa ra những phán quyết bất công, kết án những người vô tội và tha bổng cho những kẻ có tội, trong khi Chúa phán: "Chớ giết người vô tội và công chính" (Đệ Nhị Luật 25:1). Vậy, nếu ngươi đã thấy người phụ nữ này, hãy nói cho ta biết, ngươi đã thấy họ nói chuyện với nhau dưới gốc cây nào?

Anh ta đáp: "Dưới cây mastic"[8863] . Đa-ni-ên nói:

– Ngươi đã nói dối một cách chắc chắn, vì này, Thiên Thần của Đức Chúa Trời, sau khi nhận lệnh từ Đức Chúa Trời, sẽ xẻ ngươi làm đôi.

Sau khi đuổi hắn đi, Đa-ni-ên ra lệnh dẫn một người khác đến và nói với người đó:

– Ngươi thuộc dòng dõi Canaan, chứ không phải Giu-đa! Vẻ đẹp đã mê hoặc ngươi, và dục vọng đã làm hư hỏng lòng ngươi. Các ngươi đã đối xử như vậy với các con gái Y-sơ-ra-ên, và vì sợ hãi, họ đã quan hệ với các ngươi; nhưng con gái Giu-đa không chịu đựng được sự gian ác của các ngươi. Vậy, hãy nói cho ta biết: ngươi đã bắt gặp họ đang trò chuyện với nhau dưới gốc cây nào?

Anh ta đáp:

– Dưới cây sồi xanh[8864] .

Đa-ni-ên nói với người ấy:

– Chắc chắn ngươi đã nói dối để tự chuốc lấy tai họa, vì Thiên Thần của Đức Chúa Trời đang cầm gươm chờ sẵn để chém ngươi làm đôi, nhằm tiêu diệt các ngươi.

Lúc đó, cả hội chúng đều la lên bằng giọng lớn và ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi những ai trông cậy nơi Ngài, rồi nổi giận lên với hai vị trưởng lão ấy, vì Đa-ni-ên đã vạch trần họ qua lời nói của họ rằng họ đã làm chứng dối. Và họ đã đối xử với hai người ấy y như cách họ đã có ý đồ xấu xa chống lại người lân cận, theo luật Mô-sê, và đã giết chết họ; và máu vô tội đã được cứu rỗi vào ngày ấy. Còn Hê-lô-ki-a và vợ ông đã ngợi khen Đức Chúa Trời vì con gái mình là Su-san-na, cùng với Jo-a-kim, chồng cô, và tất cả họ hàng, vì không tìm thấy ở cô điều gì đáng xấu hổ.

Và từ ngày đó trở đi, Đa-ni-ên trở nên nổi tiếng trước dân chúng nhờ sự khôn ngoan và những ân tứ thiêng liêng mà Đức Chúa Trời ban cho ông[8865] .

[8863] Trong tiếng Slav, "dưới cây gai" – tiếng Hy Lạp là "skhinos" (cây mastic).

[8864] Trong tiếng Slav, "pod cherehumoy" có nghĩa là "mrinós" trong tiếng Hy Lạp (còn gọi là "cây sồi đá").

[8865] Câu chuyện về Susanna này nằm trong chương 13 của sách tiên tri Đa-ni-ên và thuộc về những đoạn không chính thống trong Kinh Thánh.

Vào thời đó, Nebuchadnezzar, vua Babylon, đã ra lệnh cho Ashpenaz, quan trưởng các hoạn quan của mình, chọn ra từ số con cái Israel bị bắt làm tù binh thuộc dòng dõi vua chúa và quý tộc những thiếu niên không có khuyết tật về thể chất, có ngoại hình đẹp, thông minh, dễ tiếp thu mọi kiến thức, và đủ khả năng phục vụ trong cung điện hoàng gia, đồng thời dạy cho họ các sách vở và ngôn ngữ Chaldea. Vua đã chỉ định cho họ bữa ăn hàng ngày từ bàn ăn hoàng gia và rượu mà chính vua uống, và ra lệnh nuôi dưỡng họ trong ba năm; sau thời gian đó, họ phải trình diện trước vua. Trong số họ có Đa-ni-ên, một trong các con trai của Giu-đa, cùng với ba thiếu niên khác cũng thuộc dòng dõi hoàng gia: A-na-ni-a, A-xa-ri-a và Mi-sa-i-l. Người đứng đầu các hoạn quan đã đổi tên họ như sau: Đa-ni-ên thành Ba-lta-sa-r, A-na-ni-a thành Se-dra-ch, Mi-sa-i-l thành Mi-sa-ch và A-xa-ri-a thành A-v-de-na-g[8866] . Đa-ni-ên cùng với ba người bạn của mình đã quyết tâm trong lòng không để mình bị ô uế bởi các món ăn trên bàn tiệc của vua và rượu mà vua uống, nên đã xin quan trưởng các hoạn quan cho phép họ không phải dùng những thứ đó. Đức Chúa Trời đã ban ân sủng và lòng thương xót của quan trưởng các hoạn quan cho Đa-ni-ên, người đã nói với Đa-ni-ên:

– Ta e ngại chúa tể của ta, tức là vua, Đấng đã đích thân chỉ định thức ăn và đồ uống cho các ngươi; nếu ngài thấy khuôn mặt các ngươi gầy gò hơn so với các thiếu niên cùng lứa tuổi với các ngươi, thì các ngươi sẽ khiến đầu ta phải chịu trách nhiệm trước vua.

Lúc đó, Đa-ni-ên nói với A-mê-sa-ru, người mà quan trưởng các hoạn quan đã chỉ định để chăm sóc Đa-ni-ên, A-na-ni, A-xa-ri và Mi-sa-ên:

– Hãy thử nghiệm các tôi tớ của ngài trong mười ngày; hãy cho chúng tôi ăn rau và uống nước. Sau đó, hãy so sánh khuôn mặt của chúng tôi với khuôn mặt của những thiếu niên đang ăn thức ăn của vua, rồi hãy xử lý các tôi tớ của ngài theo ý ngài.

Ông đã nghe theo lời họ và thử nghiệm họ trong mười ngày. Khi mười ngày trôi qua, khuôn mặt họ trông tươi tắn hơn, và thân hình họ cũng đầy đặn hơn tất cả những thiếu niên được ăn các món ăn hoàng gia. Lúc đó, Amelsar đã lấy thức ăn và rượu của họ, rồi cho họ ăn rau củ. Và Đức Chúa Trời ban cho bốn thiếu niên này sự hiểu biết và trí tuệ về mọi sách vở và sự khôn ngoan; còn Đa-ni-ên thì được ban thêm khả năng hiểu biết mọi sự hiện thấy và giấc mơ. Khi những ngày đó kết thúc, vua ra lệnh đưa họ đến, thì quan trưởng các hoạn quan đã dâng họ lên trước mặt Nê-bu-cát-nê-xa. Vua đã trò chuyện với họ, và trong số tất cả các thiếu niên, không ai sánh được với Đa-ni-ên, A-na-ni, A-xa-ri và Mi-sa-ên – và họ bắt đầu phục vụ trước mặt vua. Trong mọi việc đòi hỏi sự khôn ngoan và hiểu biết, bất cứ điều gì vua hỏi họ, ngài đều thấy họ vượt trội gấp mười lần so với tất cả các nhà chiêm tinh và pháp sư trong toàn vương quốc của ngài[8867] .

Vào năm thứ hai của triều đại mình, Nebuchadnezzar có một giấc mơ, và tâm hồn ông bồn chồn, rồi giấc mơ ấy biến mất khỏi ông. Vua bèn ra lệnh triệu tập các nhà chiêm tinh, các thầy bói, các pháp sư và các nhà chiêm tinh Chaldea[8868] , để họ giải thích giấc mơ cho vua. Họ đến và đứng trước mặt vua. Vua nói với họ:

– Ta đã có một giấc mơ, và tâm hồn ta bồn chồn; ta muốn biết ý nghĩa của giấc mơ này.

Các nhà chiêm tinh Chaldea thưa với vua:

– Thưa vua! Xin ngài sống mãi mãi! Xin hãy kể giấc mơ cho các tôi tớ của ngài nghe, và chúng tôi sẽ giải thích ý nghĩa của nó.

Vua đáp lại và nói với các nhà chiêm tinh:

[8866] Chúng đã được đổi tên để thể hiện sự phụ thuộc của họ vào Nebuchadnezzar.

[8867] Các câu chuyện về quá trình trưởng thành của Đa-ni-ên, A-na-ni, A-xa-ri và Mi-sa-ên tại triều đình vua được ghi lại trong Đa-ni-ên 1:3–20.

[8868] Những nhà huyền bí (tiếng Nga: những người am hiểu bí mật), các nhà chiêm tinh (tiếng Nga: những người bói toán), các pháp sư, người Chaldea. Đây là những tên gọi khác nhau dành cho những người thông thái, sở hữu kiến thức cao siêu và rộng lớn, đặc biệt là kiến thức về các sức mạnh bí ẩn của tự nhiên, các văn bản thiêng liêng (chữ tượng hình), cũng như trong lĩnh vực thiên văn học và y học. Công việc chính của họ là nghiên cứu tự nhiên, quan sát các hiện tượng trên bầu trời, giải thích giấc mơ, dự đoán tương lai; đồng thời, phần lớn trong số họ cũng là các thầy tế lễ. Đó chính là các nhà chiêm tinh, những người cùng thời với Giô-sép (Sáng Thế Ký 41:8) và Môi-se (Xuất Ê-díp-tô Ký 7:11), cũng như các nhà chiêm tinh đã đến thờ lạy Chúa Giê-su Christ (Ma-thi-ơ 2:1–2). Cũng có thể kể đến Balaam (Số 22:5) và Si-môn (Công 8:1). Nhiều người trong số họ là những người khôn ngoan và uyên bác theo nghĩa tốt nhất của từ này, thậm chí đôi khi còn được ban cho những sự mặc khải đặc biệt từ Đức Chúa Trời, như Balaam và các nhà chiêm tinh đã đến thờ lạy Chúa Giê-su Christ; còn những người khác thì chắc chắn đã kết hợp các hoạt động khoa học với nghề phù thủy thấp hèn, bói toán, niệm chú, các thủ đoạn lừa gạt và v.v. Chính vì vậy, có lẽ họ còn được gọi là những người có sức quyến rũ và những pháp sư

– Ta đã mất trí; nếu các ngươi không kể cho ta nghe giấc mơ và ý nghĩa của nó, thì các ngươi sẽ bị chặt thành từng mảnh, và nhà cửa các ngươi sẽ trở thành đống đổ nát.

Các nhà chiêm tinh thưa lại với nhà vua và nói:

– Trên đời này không có ai có thể giải thích chuyện này cho bệ hạ, và vì thế, chưa từng có vị vua nào, dù vĩ đại và hùng mạnh đến đâu, lại đòi hỏi điều tương tự từ bất kỳ nhà chiêm tinh, thầy bói hay nhà chiêm tinh Chaldea nào. Chuyện mà bệ hạ yêu cầu quá khó khăn, đến nỗi không ai khác có thể giải thích cho bệ hạ, ngoại trừ các vị thần, những vị không cư ngụ trong thân xác phàm trần.

Vua vô cùng tức giận vì điều này, và ra lệnh tiêu diệt tất cả các nhà thông thái ở Ba-by-lôn. Khi lệnh giết các nhà thông thái được ban ra, người ta bắt đầu truy lùng Đa-ni-ên và các bạn đồng hành của ông để giết họ. Lúc đó, Đa-ni-ên đã dùng lời khuyên và sự khôn ngoan để nói chuyện với A-ri-ô-cơ, chỉ huy đội cận vệ hoàng gia, người đã nhận lệnh giết các nhà thông thái Ba-by-lôn, và hỏi ông ta về lý do của mệnh lệnh khủng khiếp này từ nhà vua. Lúc đó, Ariôch đã kể lại toàn bộ sự việc cho Đa-ni-ên. Đa-ni-ên vào gặp vua và xin vua cho mình thời gian để trình bày lời giải thích về giấc mơ. Sau khi được chấp thuận, Đa-ni-ên trở về nhà mình và kể lại mọi chuyện cho A-na-ni, A-xa-ri và Mi-sa-i, những người bạn đồng hành của mình, để họ cầu xin lòng thương xót của Đức Chúa Trời về bí mật này, hầu cho ông, Đa-ni-ên, cùng các bạn đồng hành không phải chết chung với các nhà thông thái Ba-by-lôn khác. Và rồi bí mật ấy được bày tỏ cho Đa-ni-ên trong một giấc mơ ban đêm, và Đa-ni-ên đã ngợi khen Đức Chúa Trời. Sau đó, Đa-ni-ên đến gặp A-ri-ô-cơ – người mà vua đã ra lệnh giết các nhà thông thái Ba-by-lôn – và nói với ông ta:

– Đừng giết các nhà thông thái Ba-by-lôn; hãy dẫn tôi vào gặp vua, và tôi sẽ giải thích ý nghĩa của giấc mơ.

A-ri-ô-kh ngay lập tức dẫn Đa-ni-ên đến gặp vua, và nói với vua rằng:

– Tôi đã tìm thấy một người trong số những người Do Thái bị bắt làm tù binh, người có thể giải thích ý nghĩa giấc mơ cho vua.

Vua nói với Đa-ni-ên:

– Ngươi có thể nói cho ta biết giấc mơ mà ta đã thấy và ý nghĩa của nó không?

Đa-ni-ên đáp lại nhà vua:

– Những bí mật mà nhà vua hỏi, không một nhà thông thái, không một thầy bói, không một nhà chiêm tinh, cũng không một nhà tiên tri nào có thể giải thích cho nhà vua được. Nhưng trên trời có Đức Chúa Trời, Đấng bày tỏ những điều bí ẩn – và Ngài đã bày tỏ cho vua Nebuchadnezzar biết những điều sẽ xảy ra trong những ngày sau cùng; nhờ lòng thương xót đối với sự khiêm nhường của chúng tôi, Ngài cũng đã bày tỏ giấc mơ của ngài cho chúng tôi, vì tôi biết được điều đó không phải nhờ sự khôn ngoan đặc biệt của mình, mà nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót. Giấc mơ của ngài và những hình ảnh ngài thấy trên giường ngủ của ngài là như thế này. Ngài, hỡi vua, khi nằm trên giường đã suy nghĩ về những gì sẽ xảy ra sau này (tức là ai sẽ lên ngôi sau ngài), – và Đấng Tiết Lộ Bí Mật đã cho ngài thấy điều sẽ xảy ra. Ngài, hỡi vua, đã có một hình ảnh như thế này: kìa, một bức tượng khổng lồ; tượng đó thật khổng lồ; nó đứng trước mặt ngài trong ánh sáng chói lọi, và dáng vẻ của nó thật đáng sợ. Tượng đó có đầu bằng vàng ròng, ngực và tay bằng bạc, bụng và hông bằng đồng, cẳng chân bằng sắt, còn bàn chân thì một phần bằng sắt, một phần bằng đất sét. Ngươi đã nhìn thấy nó, cho đến khi một hòn đá tự rơi xuống từ ngọn núi mà không cần bàn tay con người can thiệp, đập vào bức tượng, vào đôi chân bằng sắt và đất sét của nó, và làm vỡ nát chúng. Rồi tất cả đều vỡ tan: sắt, đất sét, đồng, bạc và vàng đều trở nên như bụi trên sân đập lúa mùa hè, và gió thổi bay chúng đi, không để lại dấu vết nào; còn hòn đá đã đập vỡ bức tượng thì trở thành một ngọn núi lớn, và tràn ngập khắp mặt đất. Đây là giấc mơ của ngài, hỡi vị vua. Ý nghĩa của nó như sau: cái đầu bằng vàng là ngài và các vị vua Babylon trước ngài. Bạc có nghĩa là sau ngài sẽ có một vương quốc khác nổi lên, kém hơn vương quốc của ngài. Sau đó sẽ có vương quốc thứ ba – bằng đồng, sẽ thống trị khắp mặt đất[8869] . Tiếp theo, vương quốc thứ tư sẽ trỗi dậy, mạnh mẽ như sắt, vì như sắt đập vỡ và nghiền nát mọi thứ (cả đồng, bạc lẫn vàng), thì vương quốc ấy cũng sẽ nghiền nát và đập vỡ tất cả. Còn việc ngươi thấy bàn chân và các ngón chân một phần bằng sắt, một phần bằng đất sét nung – điều này có nghĩa là vương quốc đó sẽ bị chia rẽ: một phần trong đó sẽ có sự cứng

[8869] Vương quốc này không được nhà tiên tri nêu tên cụ thể, nhưng theo các nhà chú giải (Thánh Giê-rô-ni-mô), đó chính là vương quốc Ma-kê-đô-ni-a, vốn tuy kém rực rỡ hơn các vương quốc trước đó, giống như đồng kém hơn vàng và bạc, nhưng lại vượt trội hơn chúng về sức mạnh, cũng như đồng bền hơn vàng và bạc. Cách hiểu này cũng được xác nhận bởi những đoạn khác trong sách Tiên tri Đa-ni-ên, nơi vương quốc Hy Lạp – vương quốc kế tiếp vương quốc Mê-đi-Phe-ni – được chỉ ra là vương quốc đầu tiên sau vương quốc Mê-đi-Phe-ni (Đa-ni-ên 8:31–22, 11:2–4)

rắn như sắt, nhưng cũng sẽ có phần nào đó mềm yếu. Còn về việc sắt trộn lẫn với đất sét, điều đó có nghĩa là họ sẽ cố gắng thiết lập mối quan hệ thông qua các cuộc hôn nhân; nhưng sẽ không thể hòa hợp với nhau, giống như sắt không thể kết dính với đất sét vậy[8870] . Vào thời các vua ấy, Đức Chúa Trời trên trời sẽ lập nên một vương quốc sẽ không bao giờ bị hủy diệt. Vương quốc ấy sẽ nghiền nát và phá hủy tất cả các vương quốc kia, còn chính nó sẽ tồn tại mãi mãi, và quyền cai trị của nó sẽ không chuyển sang dân tộc nào khác. Đó là ý nghĩa của giấc mơ, và sự giải thích này là chính xác[8871] .

Lúc bấy giờ, vua Nebuchadnezzar sấp mặt xuống đất, thờ lạy Đa-ni-ên, và ra lệnh dâng cho ông những lễ vật cùng hương thơm. Vua nói với Đa-ni-ên:

– Quả thật, Đức Chúa Trời của các ngươi là Đức Chúa Trời của các vị thần, là Chúa tể trên các chúa tể, và là Vua của các vua, vì ngươi đã có thể tiết lộ bí mật này[8872] .

Rồi vua nâng cao địa vị Đa-ni-ên, ban cho ông nhiều quà tặng quý giá, và đặt ông làm quan cai quản toàn cõi Ba-by-lôn, cũng như làm quan trưởng trên tất cả các nhà thông thái Ba-by-lôn. Cũng vậy, các bạn đồng hành của Đa-ni-ên – A-na-ni-a, A-xa-ri-a và Mi-sa-i-a – theo lời thỉnh cầu của Đa-ni-ên, đã được vua ban cho những vinh dự lớn lao, và được bổ nhiệm làm quan cai quản xứ Ba-by-lôn[8873] .

Vào năm thứ mười tám của thời kỳ lưu đày tại Babylon, Nebuchadnezzar, vua Babylon, đã đúc một tượng vàng cao sáu mươi cubit, rộng sáu cubit, và đặt nó trên cánh đồng Deira, thuộc vùng Babylon[8874] . Vua Nebuchadnezzar đã ra lệnh triệu tập các satrap[8875] , các quan tổng trấn, các tướng quân, các chánh án tối cao, các quan quản lý kho bạc, các luật gia, các quan giám sát tòa án và tất cả các quan cai trị các tỉnh, để họ đến dự lễ khánh thành bức tượng mà vua Nebuchadnezzar đã dựng lên. Các quan tổng trấn, các quan tổng đốc, các tướng lĩnh, các chánh án tối cao, các quan quản lý kho bạc, các luật gia, các quan giám sát tòa án và tất cả các quan cai trị các tỉnh đều tụ tập để dự lễ khánh thành bức tượng, và đứng trước mặt nó. Cũng tại quảng trường đó, Nebuchadnezzar đã dựng sẵn một lò lửa đang cháy rực – để tiêu diệt những ai không tuân theo mệnh lệnh hoàng gia của ông. Lúc đó, người tuyên bố đã lớn tiếng kêu lên:

– Hỡi các dân tộc, các bộ lạc và các ngôn ngữ, hãy nghe đây! Khi các ngươi nghe tiếng kèn, sáo, đàn tỳ bà, đàn hạc, đàn hạc và mọi loại nhạc cụ, hãy quỳ xuống và thờ lạy bức tượng vàng, mà vua Nebuchadnezzar đã dựng lên. Còn ai không quỳ xuống và thờ lạy, sẽ lập tức bị ném vào lò lửa đang cháy rực.

Vì vậy, khi tất cả các dân tộc nghe thấy tiếng kèn, sáo, đàn tỳ bà, đàn hạc, đàn hạc và các loại nhạc cụ khác, thì tất cả các dân tộc, các bộ lạc và các ngôn ngữ đều quỳ xuống và thờ lạy tượng vàng.

[8870] Vương quốc thứ tư ở đây cần được hiểu là vương quốc Syria-Ai Cập. Bối cảnh của đoạn văn cho phép chúng ta hiểu rằng đây chính là vương quốc, theo trình tự lịch sử, đã kế tiếp vương quốc Macedonia và tiền thân của vương quốc Đấng Mê-si, và đó chính là vương quốc Syria-Ai Cập. Như đã biết, sau khi người sáng lập là Alexander Đại đế qua đời, vương quốc Macedonia đã tan rã thành bốn phần: Syria, Thrace, Macedonia và Ai Cập. Các vương quốc này, tách biệt khỏi nhau, tồn tại song song với nhau, giống như các chân của bức tượng, không bao giờ kết nối với nhau. Đặc điểm này của vương quốc thứ tư được thể hiện qua sự không thể hòa hợp giữa sắt và đất sét. Một đặc điểm khác mà nhà tiên tri đã chỉ ra, và đặc điểm này phù hợp nhất với vương quốc Syria-Ai Cập, đó là sự thù địch đặc biệt của vương quốc này đối với dân sự của Đức Chúa Trời (Đa-ni-ên 7:21–25, 11:28). Thật vậy, lịch sử cho thấy sự thù hận của các vua ngoại giáo đối với dân Do Thái đã đạt đến mức cực kỳ tàn bạo trong thời kỳ họ phải phụ thuộc vào các vua Syria và Ai Cập. Đặc biệt, vương quốc Syria rất thù địch, và trong số các vua của nó, Antiochus Epiphanes là người thù địch nhất.

[8871] Hòn đá rơi xuống từ núi mà không cần bàn tay con người, và đã đập vỡ tượng thần – theo giáo lý của Giáo hội – chính là Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng sẽ được sinh ra từ Trinh Nữ Thanh Khiết và Chưa Từng Kết Hôn, không qua người chồng. Ngài, sau khi nghiền nát và phá hủy mọi vương quốc trần thế, sẽ thiết lập một vương quốc không bao giờ sụp đổ, và vương quốc đó sẽ là vương quốc thiêng liêng.

[8872] Giấc mơ mà Nebuchadnezzar đã thấy không phải là một giấc mơ bình thường, mà là sự mặc khải về ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho ông. Các vị vua ngoại giáo khác cũng đã nhận được sự mặc khải từ Đức Chúa Trời theo cách tương tự, chẳng hạn như Abimelech, vua Gerar (Sáng Thế Ký 20:3), Pharaon, vua Ai Cập (Sáng Thế Ký 41:1–9), Ê-li-pha, vua Tê-man (Giốp 42:12–18). Việc các vị vua ngoại đạo nhận được sự mặc khải từ trời không nên khiến ai ngạc nhiên. Các vị vua ngoại đạo, những người cai trị số phận các dân tộc, là những người thi hành ý muốn của Đức Chúa Trời, là công cụ của quyền năng vô hạn của Ngài; họ nhận được tước vị cao quý từ Đức Chúa Trời, và được Ngài hướng dẫn và hỗ trợ một cách vô hình trong mọi hành động của mình (Ê-sai 44 và các đoạn khác). Điều này giải thích tại sao đôi khi họ được ban cho những sự mặc khải trực tiếp từ Đức Chúa Trời.

[8873] Câu chuyện về giấc mơ của Nebuchadnezzar và lời giải thích giấc mơ đó của nhà tiên tri Đa-ni-ên được ghi lại trong chính sách sách của ông: Đa-ni-ên 2:1–49 (Trong chương 2 có đoạn Kinh Thánh được đọc vào Lễ Giáng Sinh: Đa-ni-ên 2:31–36, 44–45).

[8874] Nhà tiên tri không nói rõ ý nghĩa của bức tượng này là gì: có thể đó là tượng thần của một trong những vị thần mà người Ba-by-lôn thờ phụng, hoặc có thể bức tượng này được dựng lên để vinh danh chính Nebuchadnezzar.

[8875] Các satrap là những quan chức cao cấp nhất tại triều đình Ba Tư, cai quản các vùng lãnh thổ riêng biệt của vương quốc.

Cũng ngay lúc đó, một số người Chaldea đã đến tâu với vua về Ananias, Azarias và Misael, nói rằng:

– Họ không thờ phụng các vị thần của ngài và cũng không thờ lạy tượng vàng mà ngài đã dựng lên.

Lúc bấy giờ, nhà vua gọi họ đến và hỏi xem những điều người ta nói về họ có đúng không. Họ đáp lại:

– Đức Chúa Trời của chúng tôi, Đấng mà chúng tôi thờ phượng, có quyền năng cứu chúng tôi khỏi lò lửa đang cháy rực, và Ngài sẽ giải cứu chúng tôi khỏi tay ngài, hỡi vua. Nếu điều đó không xảy ra, thì xin ngài biết rằng, hỡi vua, chúng tôi sẽ không thờ phượng các thần của ngài, cũng không quỳ lạy trước tượng vàng mà ngài đã dựng lên.

Lúc đó, Nebuchadnezzar nổi cơn thịnh nộ và ra lệnh đốt lò nung nóng gấp bảy lần so với bình thường, rồi ném Ananias, Azarias và Misael – những người đã bị trói chặt – vào trong đó. Lệnh của vua được thi hành đúng như vậy: những người này bị trói lại và cùng với toàn bộ quần áo bị ném vào giữa lò lửa đang cháy rực. Tuy nhiên, vì lệnh của vua rất nghiêm khắc và lò lửa đã được đốt nóng đến mức cực độ, nên ngay cả những người thi hành án tử hình này cũng đã chết trong ngọn lửa. Còn ba người này – Ananias, Azarias và Misael – dù bị trói và ném vào chính giữa ngọn lửa, không những không hề hấn gì, mà còn tự do đi lại giữa ngọn lửa, ca ngợi Đức Chúa Trời và chúc tụng Chúa. Trong khi đó, các tôi tớ của vua, những người đã ném họ vào lò, không ngừng đổ dầu, nhựa cây, rơm rạ và cành cây khô vào lò; ngọn lửa bốc cao trên lò tới bốn mươi chín khuỷu tay; ngọn lửa bùng lên và thiêu rụi những người Chaldeans nào ở gần lò mà ngọn lửa chạm tới. Nhưng Thiên Thần của Chúa đã xuống lò cùng với Azaria và những người đi cùng ông. Ngài đã xua đuổi ngọn lửa ra khỏi lò, và khiến cho giữa lò có một luồng gió ẩm ướt như tiếng gió thổi, nên lửa không hề chạm đến họ, không làm hại họ, cũng không làm họ hoảng sợ. Lúc đó, ba người này, như thể cùng một miệng, đã hát ca trong lò, và chúc tụng cùng tôn vinh Đức Chúa Trời:

– Ngợi khen Chúa, Đức Chúa Trời của tổ tiên chúng con, Đấng đáng được ca ngợi và tôn vinh đời đời, v.v.[8876]

Vua Nebuchadnezzar, nghe thấy họ hát, bỗng kinh ngạc, vội vàng đứng dậy và nói với các quan đại thần của mình:

– Chẳng phải chúng ta đã ném ba người đàn ông bị trói vào lửa sao?

Họ đáp lại với vua rằng:

– Đúng vậy, thưa vua!

Ngài liền nói:

– Này, ta thấy bốn người không bị trói, đang đi lại giữa ngọn lửa, mà họ không hề bị tổn hại, và dáng vẻ của người thứ tư giống như Con Thiên Chúa.

Lúc đó, Nebuchadnezzar tiến đến miệng lò đang bốc lửa rực rỡ và nói:

– Sê-đra, Mi-sa và A-ven-na-go, các tôi tớ của Đức Chúa Trời Tối Cao, hãy ra khỏi đó và đến đây!

Lúc đó, A-na-ni-a, A-xa-ri-a và Mi-sa-i-l bước ra khỏi giữa ngọn lửa. Các quan tổng trấn, các quan tổng đốc, các tướng lĩnh và các cố vấn của vua tụ tập lại, thấy rằng ngọn lửa không có sức mạnh gì đối với thân thể những người này: tóc trên đầu họ không bị cháy xém, quần áo của họ không bị hư hại, và thậm chí không có mùi khét nào bốc lên từ người họ. Và nhà vua đã quỳ lạy Đức Chúa Trời trước mặt họ và nói:

– Ngợi khen Đức Chúa Trời của Xê-đra-ha, Mi-sa-ha và A-vê-na-go, Đấng đã sai Thiên sứ của Ngài đến và giải cứu các tôi tớ của Ngài, những người đã đặt niềm tin nơi Ngài. Và ta ra lệnh rằng, bất cứ ai thuộc mọi dân tộc, bộ lạc và ngôn ngữ, nếu dám phỉ báng Đức Chúa Trời của Sê-đra-ha, Mi-sa-ha và A-vê-na-go, sẽ bị chặt thành từng mảnh, và nhà của người ấy sẽ bị phá hủy thành đống đổ nát, vì không có Đức Chúa Trời nào khác có thể cứu các tôi tớ của Ngài như vậy.

Sau đó, vua đã ban cho ba thiếu niên ấy vinh dự còn lớn lao hơn nữa, nâng họ lên trên tất cả mọi người và trao cho họ quyền cai quản những người Do Thái khác trong vương quốc của ngài[8877] .

[8876] Bài ca ngợi khen này cũng nằm trong cùng một sách: Đa-ni-ên 3:52–90; bài ca này là nền tảng cho các bài ca thứ 7 và thứ 8 trong các kinh điển của Giáo hội. Câu chuyện về ba thiếu niên trong lò lửa Ba-by-lôn trong các bài thánh ca phụng vụ của Giáo hội chúng ta được hiểu như một hình ảnh tiên báo về sự hiện diện bất hoại của Đấng Cứu Thế trong quan tài. Chính vì lý do đó, chương 3 của sách tiên tri Đa-ni-ên được đọc trong nhà thờ – vào giờ kinh chiều của Thứ Bảy Lớn

[8877] Phép lạ này đã minh chứng rõ ràng cho Nebuchadnezzar và các quan đại thần của ông, những người đã vu khống các người công chính trước mặt ông, cũng như minh chứng cho tất cả mọi người trong mọi thời đại rằng: đối với những người công chính được Thiên Chúa che chở và đặt niềm tin vào Ngài, không có nguy hiểm nào có thể làm họ sợ hãi (Is 43:2; Tv 90:1–7 và các đoạn khác).

Trong khi đó, Nebuchadnezzar, đang hưởng thụ trên ngai vàng của mình, trở nên rất kiêu ngạo và, không lâu sau, ông lại thấy một giấc mơ khác, báo trước sự sụp đổ và sự khiêm nhường của ông.

Trong giấc mơ, ông thấy một cây đứng giữa đất. Cây ấy to lớn và vững chãi, chiều cao vươn tới tận trời, và có thể nhìn thấy từ khắp bốn phương của cả trái đất. Lá của nó rất đẹp, và quả trên cây rất nhiều, đến nỗi mọi người đều có thể no nê nhờ nó; các loài thú đồng tìm bóng mát dưới gốc cây, các loài chim trời làm tổ trên cành cây, và mọi loài sinh vật đều được nuôi dưỡng nhờ nó. Và kìa, Đấng Tỉnh Thức và Thánh Khiết đã từ trời giáng xuống. Ngài cất tiếng lớn và phán:

– Hãy chặt cây này đi, chặt đứt cành lá của nó, lắc rụng lá khỏi nó, và rải rác trái cây của nó; hãy để các loài thú rời khỏi dưới gốc cây và các loài chim rời khỏi cành cây; nhưng hãy để rễ chính của nó ở lại trong đất, và hãy để nó, bị trói bằng xiềng xích sắt và đồng, được tưới bằng sương trời giữa cỏ đồng, và hãy để nó sống cùng các loài thú trong cỏ trên đất. Trái tim con người sẽ bị tước khỏi nó, và nó sẽ được ban cho một trái tim thú vật, và bảy thời kỳ sẽ trôi qua trên nó.

Giấc mơ này khiến nhà vua bối rối, nên ngài lại triệu tập tất cả các nhà thông thái, các nhà bói toán và các pháp sư ở Ba-by-lôn, rồi kể cho họ nghe giấc mơ của mình, để họ giải thích ý nghĩa của nó cho ngài. Nhưng không ai có thể làm được điều đó, cho đến khi Đa-ni-ên, người được Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trên, được triệu tập. Sau khi nghe giấc mơ của nhà vua và suy ngẫm, Đa-ni-ên nói:

– Thưa ngài! Giấc mơ này dành cho những kẻ thù ghét ngài, và ý nghĩa của nó dành cho kẻ thù của ngài. Cây mà ngài đã thấy, chính là ngài, vị vua đã trở nên vĩ đại và vững mạnh; sự vĩ đại của ngài đã tăng lên và vươn tới tận trời cao, còn quyền lực của ngài thì trải rộng đến tận cùng trái đất. Nhưng chẳng bao lâu nữa, ngài sẽ mất vương quốc: ngài sẽ bị tách khỏi loài người, và ngài sẽ sống cùng các loài thú hoang; người ta sẽ cho ngài ăn cỏ như con bò; ngài sẽ được tưới bằng sương trời, và như vậy sẽ trôi qua bảy năm, cho đến khi ngài nhận ra rằng Đấng Tối Cao cai trị vương quốc loài người, và ban nó cho ai Ngài muốn. Còn việc được lệnh để lại gốc chính của cây, điều đó có nghĩa là vương quốc của ngài sẽ vẫn thuộc về ngài cho đến khi ngài nhận ra quyền năng trên trời. Vì vậy, thưa vua, xin ngài hãy chấp nhận lời khuyên của tôi: hãy chuộc tội lỗi của ngài bằng sự công chính và chuộc những điều bất chính của ngài bằng lòng thương xót đối với người nghèo – có lẽ Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho những tội lỗi của ngài.

Thánh Đa-ni-ên đã giải thích giấc mơ đó cho nhà vua như vậy, và mọi điều ngài nói đều trở thành sự thật.

Sau mười hai tháng, khi đang dạo bước trong các cung điện hoàng gia tại Ba-by-lôn, nhà vua nói:

– Chẳng phải đây chính là thành Babylon vĩ đại, mà ta đã xây dựng trong vương quốc này bằng sức mạnh hùng mạnh của ta và để tôn vinh sự vĩ đại của ta sao!

Lời nói ấy còn chưa dứt trên môi nhà vua, thì bỗng có tiếng từ trời vang lên:

– Hỡi vua Nebuchadnezzar, có lời phán cùng ngươi: Vương quốc đã rời xa ngươi! Ngươi sẽ bị tách khỏi loài người, và ngươi sẽ sống cùng các loài thú hoang; người ta sẽ cho ngươi ăn cỏ như bò, và bảy thời kỳ[8878] sẽ trôi qua trên ngươi, cho đến khi ngươi nhận ra rằng Đấng Tối Cao cai trị vương quốc loài người và ban nó cho ai Ngài muốn.

Ngay lập tức, lời tiên tri ấy ứng nghiệm trên Nebuchadnezzar: trí óc ông bị mờ mịt, và ông rơi vào cơn điên loạn. Sau đó, người ta xiềng xích ông lại; và vì ông không thể yên ổn dưới mái nhà cung điện, nên người ta để ông ở ngoài trời, cách ly ông khỏi mọi người, ông ăn cỏ như con bò, và thân thể ông được tưới bằng sương trời, đến nỗi tóc ông mọc dài như sư tử, và móng tay ông dài như chim. Khi bảy năm trôi qua – khoảng thời gian mà không ai khác dám chiếm lấy vương quốc của ông – Nebuchadnezzar ngước mắt lên trời, và lý trí của ông đã trở lại; và ông đã chúc tụng Đấng Tối Cao, ngợi khen và tôn vinh Đấng Hằng Hữu, Đấng mà quyền cai trị là vĩnh cửu, và vương quốc của Ngài tồn tại qua muôn đời. "Và tất cả những ai sống trên đất đều chẳng là gì cả," nhà vua suy ngẫm, "theo ý muốn của Ngài, Ngài hành động cả trong đạo binh trên trời lẫn giữa những người sống trên đất; và không có ai có thể chống lại bàn tay Ngài và nói với Ngài: 'Ngài đã làm gì vậy?'" Lúc bấy giờ, trí tuệ của nhà vua trở lại, và uy quyền cùng dáng vẻ xưa kia của ông cũng trở lại, mang lại vinh quang cho vương quốc của ông; sau đó, các cố vấn và các quan đại thần của ông đã tìm đến ông, và ông được phục hồi ngai vàng, uy quyền của ông càng được nâng cao hơn nữa[8879] .

[8878] Tức là năm.

[8879] Câu chuyện về sự trừng phạt dành cho Nebuchadnezzar vì sự kiêu ngạo của ông được ghi lại trong Đa-ni-ên 4:1–34.

Và Nebuchadnezzar sống những ngày còn lại trong sự ngợi khen, chúc tụng và tôn vinh Vua trên trời. Ông trị vì tổng cộng bốn mươi ba năm và qua đời trong bình an. Sau khi Nebuchadnezzar qua đời, vương quốc Babylon được con trai ông là Evil-Merodach kế vị. Ông đã giải thoát vua Giu-đa – Jehoiachin – người đang bị giam cầm trong nhà ngục với xiềng xích trên người. Ông đã trò chuyện với ông ấy một cách thân thiện và đặt ngai vàng của ông ấy cao hơn các ngai vàng của các vua khác đang ở tại Ba-by-lôn; ông thay đổi bộ quần áo tù nhân của ông ấy, và ông ấy luôn dùng bữa tối cùng ông, trong suốt những ngày còn sống (2 Vua 25:27–30; Giê-rê-mi 52:31–34).

Sau khi Evil-Merodach qua đời, con rể của Nebuchadnezzar là Nabonidus lên ngôi, và ông đã lập con trai mình là Balthasar làm đồng trị vì. Trong thời gian trị vì của ông, tiên tri Đa-ni-ên đã được ban cho nhiều khải tượng, trong đó, qua hình ảnh của các loài thú khác nhau, đã chỉ ra các vị vua và vương quốc sau này, về Anti-Christ, sự kết thúc của thế kỷ và Ngày Phán Xét Cuối Cùng[8880] .

– Tôi đã thấy, – Đa-ni-ên nói, – rằng có những ngai vàng được dựng lên, và Đấng Cổ Xưa của các ngày ngự trên đó; áo Ngài trắng như tuyết, và tóc trên đầu Ngài như len tinh khiết; ngai Ngài như ngọn lửa, các bánh xe của Ngài là lửa bùng cháy. Một dòng sông lửa tuôn ra và chảy qua trước mặt Ngài; hàng ngàn, hàng ngàn thiên thần phụng sự Ngài, và vô số thiên thần khác đứng trước mặt Ngài; các quan tòa đã ngồi trên tòa án, và các cuốn sách được mở ra.

Và họ còn được chứng kiến những sự mặc khải đáng sợ và kinh hoàng khác, những điều này đã được ghi chép đầy đủ trong cuốn sách của ông[8881] .

Có một lần, vua Balthasar đã tổ chức một bữa tiệc lớn cho một ngàn quan đại thần của mình, và trước mặt họ, ông đã uống rượu. Sau khi nếm rượu, Valtasar ra lệnh mang đến những bình vàng và bạc mà Nebuchadnezzar, ông nội của ông, đã lấy ra khỏi đền thờ Giê-ru-sa-lem, để vua, các quan đại thần, các vợ và các phi tần của ông uống rượu từ đó. Lúc đó, các bình vàng và bạc được mang đến, và vua cùng các quan đại thần, các vợ và các phi tần của ngài đều uống từ đó. Họ uống rượu và ca ngợi các thần tượng bằng vàng, bạc, đồng, sắt, gỗ và đá, nhưng lại không tôn vinh Đức Chúa Trời Hằng Hữu, Đấng có quyền cai trị trên tất cả. Ngay lúc đó, những ngón tay giống như của con người xuất hiện và viết lên tường cung điện của vua, nơi ánh sáng từ ngọn đèn chiếu xuống, và vua nhìn thấy bàn tay đang viết. Lúc đó, sắc mặt vua bỗng thay đổi; những suy nghĩ làm ông bối rối, thắt lưng của ông lỏng ra, và hai đầu gối ông bắt đầu va vào nhau. Vua la lên thật to, ra lệnh cho người giải mộng, người Chaldea và các nhà tiên tri đến, rồi vua nói với các nhà thông thái Babylon:

– Ai đọc được những dòng chữ này và giải thích ý nghĩa của nó cho ta, người đó sẽ được mặc áo choàng màu đỏ tía, đeo dây chuyền vàng quanh cổ, và sẽ trở thành vị vua thứ ba trong vương quốc[8882] .

[8880] Khải tượng của Đa-ni-ên về cuộc chiến lớn (Đa-ni-ên 10:1–21, 11:1–45, 12:1–13), theo lời giải thích của chính cuốn sách, đề cập đến An-ti-ô-khô Ê-pi-phan – kẻ thù tàn ác nhất của dân Do Thái – và ám chỉ sự bắt bớ của hắn đối với dân Do Thái cũng như sự diệt vong cuối cùng của chính hắn. Theo quan điểm của một số nhà giải thích, lời tiên tri này, mặc dù trong một số chi tiết cụ thể không hoàn toàn áp dụng được cho Antiochus Epiphanes, nhưng mang tính tiên báo về Anti-Christ, những cuộc đàn áp của hắn đối với các tín hữu và sự diệt vong của hắn. Và Thánh Phaolô, khi tiên báo về sự xuất hiện của Antichrist trên thế gian, đã miêu tả những đặc điểm của hắn (2 Tês. 2:4), tương tự như những đặc điểm mà tiên tri Đaniel gán cho Antiochus (Đan. 8:9–12, 11:28–31, 36–39).

[8881] Đa-ni-ên 7:9–10. "Đấng Cổ Xưa từ thuở xưa", tức là Đấng Vĩnh Cửu (tức là Đức Chúa Trời).

[8882] Một cách trình bày mang hình ảnh con người tương tự về sự phán xét vô hình, công bằng và đáng sợ của Đức Chúa Trời đối với những kẻ có tội cũng được tìm thấy trong Sách Khải Huyền của Thánh Giăng Thần Học (Khải Huyền 4:1–4 và các đoạn khác). Lời tiên tri về Đấng Mê-si-a rõ ràng và chính xác nhất nằm trong khải tượng tiên tri thứ ba của Đa-ni-ên (Đa-ni-ên 9:1–27) về 70 tuần lễ, phải trôi qua kể từ khi sắc lệnh xây dựng Đền Thờ thứ hai được ban hành (năm 453 trước Công nguyên) cho đến khi Đấng Christ xuất hiện và thiết lập Giao Ước Mới. Theo lời giải thích mà Tổng lãnh thiên thần Gabriel đã ban cho Đa-ni-ên, kể từ sắc lệnh của Ki-ru phải trôi qua 7 tuần lễ trước khi Đền thờ được xây dựng; sau 62 tuần lễ tiếp theo, Đấng Được Xức Dầu sẽ bị giết, Giao Ước Mới sẽ được thiết lập và các lễ tế sẽ bị bãi bỏ, rồi sự ghê tởm gây hoang tàn sẽ xuất hiện tại nơi thánh. Những đặc điểm được mô tả ở đây về Đấng Được Xức Dầu hoàn toàn phù hợp với chính Chúa Giê-su Christ (So sánh Đa-ni-ên 7:24–27 với Công Vụ 20:43; Lu-ca 3:24; Ma-thi-ơ 11:16; Lu-ca 24:25–27, 21:20). Các "tuần" ở đây chỉ có thể được hiểu là các khoảng thời gian bảy năm; bởi vì chỉ khi hiểu như vậy, mới có sự tương ứng hoàn toàn giữa các lời tiên tri của Đa-ni-ên và lịch sử sau này. Chính 7 tuần đầu tiên hoàn toàn tương ứng với 49 năm, tính từ sắc lệnh của Ki-ru cho đến khi hoàn thành việc xây dựng thành phố và đền thờ Giê-ru-sa-lem; 62 "tuần" tiếp theo tương ứng với 434 năm, khi cộng với 49 năm của "tuần" đầu tiên – tổng cộng 483 năm – hoàn toàn trùng khớp với khoảng thời gian trước khi Chúa Giê-su Christ xuất hiện để thực hiện sứ vụ phục vụ nhân loại, vào năm thứ 15 triều đại Ti-bê-ri-ô. Theo lời tiên tri, việc Chúa Kitô bị giết phải xảy ra vào giữa tuần cuối cùng, tức là 3,5 năm sau khi Ngài xuất hiện, như thực tế đã xảy ra theo lời kể của các Tông đồ. Sau nửa tuần lễ này, sự ghê tởm gây hoang tàn sẽ xảy ra tại nơi thánh, tức là sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem, điều mà Đấng Cứu Thế cũng đã tiên báo, dựa trên lời của Đa-ni-ên (Ma-thi-ơ 24:15); và tất cả những điều này thực sự đã xảy ra khi Giê-ru-sa-lem bị Ti-tô và Vê-spa-si-an hủy diệt.

Tất cả các nhà thông thái của vua đều vào, nhưng không ai đọc được những dòng chữ đó cũng như giải thích ý nghĩa của chúng cho vua. Vua Balthasar vô cùng lo lắng, còn các quan đại thần của ông thì hoang mang. Lúc đó, hoàng hậu – bà nội của Balthasar, vợ của Nê-bu-cát-nê-xa, bước vào phòng tiệc và kể cho ông nghe về Đa-ni-ên, người có Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong mình, người mà vào thời ông nội ông là Nê-bu-cát-nê-xa đã được bổ nhiệm làm người đứng đầu tất cả các nhà thông thái, các pháp sư, các nhà chiêm tinh và các nhà bói toán – nhờ trí tuệ và sự khôn ngoan vĩ đại của ông, cùng khả năng giải thích những giấc mơ và những sự hiện thấy. Sau đó, Đa-ni-ên được dẫn vào, và vua nói với ông:

– Ngươi có phải là Đa-ni-ên, một trong những người Do Thái bị bắt làm tù binh mà ông nội ta, vua Na-bu-cô-đô-nô-xơ, đã đưa từ xứ Giu-đa về không? Ta đã nghe nói về ngươi rằng Thần của Đức Chúa Trời ngự trong ngươi, và trong ngươi có ánh sáng, trí tuệ, cùng sự khôn ngoan cao cả. Vậy, hãy đọc cho ta nghe những gì được viết trên tường bằng ngón tay của bàn tay vô hình, và giải thích ý nghĩa của nó, điều mà nhiều nhà thông thái, pháp sư và thầy bói đã đến gặp ta đều không làm được. Vậy, nếu ngươi có thể đọc được những chữ đó và giải thích ý nghĩa của chúng cho ta, thì ngươi sẽ được mặc áo tía, đeo dây chuyền vàng quanh cổ, và trở thành quan thứ ba trong vương quốc của ta.

Lúc đó, Đa-ni-ên đáp lại và nói với vua:

– Xin hãy giữ lại những món quà của ngài, và hãy dành những vinh dự đó cho người khác; còn những dòng chữ này, tôi sẽ đọc cho nhà vua nghe và giải thích ý nghĩa của chúng cho ngài.

Nói xong với vua, thánh Đa-ni-ên trước tiên bắt đầu nhắc nhở vua về ông nội của ngài là Na-bu-cô-đô-nô-xơ, rằng vì sự kiêu ngạo của mình, ông đã bị Đức Chúa Trời trừng phạt – mất đi hình dạng con người, bị cách ly khỏi loài người và phải ăn cỏ. Tiếp đó, Đa-ni-ên bắt đầu quở trách nhà vua vì sự kiêu ngạo của ông, rằng ông đã quên đi sự trừng phạt của Đức Chúa Trời dành cho ông nội mình, không khiêm nhường lòng trước mặt Đức Chúa Trời, mà lại ngạo mạn chống lại Đức Chúa Trời trên trời và làm ô uế các đồ thánh trong đền thờ Ngài bằng việc uống rượu say sưa trong tiệc tùng cùng các quan đại thần và các phi tần của mình. Ông cũng lên án vua vì đã tôn thờ các thần bằng vàng, bạc, đồng, sắt, đá và gỗ – những thần không thấy, không nghe và không hiểu gì – mà lại không tôn vinh Đức Chúa Trời, Đấng nắm giữ hơi thở và toàn bộ số phận của vua trong tay Ngài. Sau khi lên án vua về tất cả những điều này, Đa-ni-ên quay sang văn bản đã được viết sẵn và bắt đầu đọc. Và đây là những gì được ghi chép: "Mene, Tekel, Pares." Đa-ni-ên giải thích những dòng chữ đó như sau: "Mene" có nghĩa là Đức Chúa Trời đã tính toán vương quốc của ngài và chấm dứt nó; "Tekel" – ngài đã được cân trên cân và bị thấy là quá nhẹ; "Pares" – vương quốc của ngài đã bị chia cắt và trao cho người Mê-đi và người Ba Tư. Nghe vậy, nhà vua, đúng như lời hứa của mình, đã tôn vinh Đa-ni-ên, dù lòng ông vẫn lo lắng vì lời tiên tri u ám ấy. Họ mặc cho Đa-ni-ên áo choàng màu đỏ tía, đeo dây chuyền vàng vào cổ ông, và nhà vua công bố rằng ông sẽ là quan thứ ba trong vương quốc của mình.

Lời tiên tri của Đa-ni-ên đã ứng nghiệm. Cùng đêm đó, Ba-lta-sa-r, vua Ba-by-lôn, bị giết, còn Đa-ri-ô người Mê-đi, cùng với Ki-rô người Ba-tư, đã lên ngôi vua, khi đó ông đã sáu mươi hai tuổi[8883] .

Trong thời gian trị vì, Đa-ri-út đã bổ nhiệm một trăm hai mươi tổng trấn trong vương quốc, và đặt ba quan đại thần đứng đầu họ, trong đó có Đa-ni-ên; các tổng trấn này phải trình báo cho họ để vua không phải gánh vác bất kỳ gánh nặng nào. Đa-ni-ên vượt trội hơn các quan tổng trấn và các quan khác, vì ông có tinh thần cao thượng, và vua đã có ý định bổ nhiệm ông làm người đứng đầu toàn vương quốc.

Lúc bấy giờ, các quan và các tổng trấn bắt đầu tìm cớ để buộc tội Đa-ni-ên về việc cai trị vương quốc; nhưng họ không thể tìm thấy bất kỳ cớ nào hay sai lầm nào, vì ông rất trung thành. Và những người này nói:

– Chúng tôi không thể tìm ra lý do nào chống lại Đa-ni-ên, trừ khi chúng tôi tìm thấy điều đó trong luật pháp của Đức Chúa Trời của ông ấy.

Lúc bấy giờ, các quan đại thần và các tổng trấn ấy đến gặp vua và thưa với ngài rằng:

– Hỡi vua Đa-ri-út! Xin ngài sống muôn đời! Tất cả các quan đại thần, tổng trấn, các quan tổng trấn, các cố vấn và các tướng lĩnh trong vương quốc đã nhất trí với nhau để ban hành sắc lệnh hoàng gia và ra lệnh rằng: Ai trong vòng ba mươi ngày cầu khẩn bất kỳ vị thần nào, hoặc con người nào, ngoài ngài, hỡi đức vua, thì người đó sẽ bị ném xuống hố sư tử để làm mồi. Vậy, thưa Bệ hạ, xin hãy phê chuẩn quyết định này và ký sắc lệnh, để nó trở thành bất di bất dịch như luật pháp của Mê-đi và Ba Tư, và không bị vi phạm.

[8883] Tức là người đầu tiên sau các vua Nabonid và Balthasar.

Vua Đa-ri-ô, không nhận ra ý đồ xảo trá của họ, đã ký sắc lệnh và mệnh lệnh này. Đa-ni-ên, khi biết sắc lệnh đó đã được ký, bèn về nhà mình; các cửa sổ trong phòng của ông đều hướng về phía Giê-ru-sa-lem, và ba lần mỗi ngày, ông quỳ gối, cầu nguyện với Đức Chúa Trời của mình và ngợi khen Ngài, như ông vẫn làm từ trước đó. Lúc bấy giờ, những người ấy lén quan sát và phát hiện Đa-ni-ên đang cầu nguyện và khẩn cầu ân sủng trước mặt Đức Chúa Trời của mình. Sau đó, họ đến và nhắc nhở vua về sắc lệnh của ngài:

– Thưa vua, chẳng phải chính ngài đã ký sắc lệnh rằng bất kỳ ai trong vòng ba mươi ngày cầu xin bất kỳ vị thần hay con người nào khác ngoài ngài, thưa vua, sẽ bị ném xuống hố sư tử sao?

Vua đáp lại và nói:

– Lời này đã được xác định vững chắc như luật pháp của người Mê-đi và Ba-tư, không thể thay đổi được.

Lúc đó, họ đáp lại và thưa với vua rằng Đa-ni-ên, một trong những người Do Thái bị bắt làm tù binh, không hề để ý đến vua hay sắc lệnh mà vua đã ký, mà vẫn cầu nguyện theo cách riêng của mình ba lần mỗi ngày. Vua nghe vậy, rất buồn bã, và trong lòng quyết tâm cứu Đa-ni-ên, thậm chí cho đến khi mặt trời lặn, vua vẫn cố gắng hết sức để giải cứu anh ta. Nhưng những người đó lại đến gần vua và nói với ngài:

– Xin bệ hạ biết rằng, theo luật pháp của người Mê-đi và Ba-tư, bất kỳ quyết định hay sắc lệnh nào đã được bệ hạ phê chuẩn thì không thể thay đổi được.

Lúc đó, vua ra lệnh dẫn Đa-ni-ên đến và ném ông vào hố sư tử; đồng thời, vua nói với Đa-ni-ên:

– Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng mà ngươi luôn luôn thờ phượng, sẽ cứu ngươi!

Sau đó, người ta mang đến một tảng đá lớn và đặt lên miệng hố, rồi vua niêm phong nó bằng nhẫn của mình và nhẫn của các quan đại thần, để những kẻ thù của Đa-ni-ên không làm hại ông thêm điều gì nữa; vì vua không tin tưởng những kẻ ác hơn cả những con thú dữ. Sau đó, vua trở về cung điện, đi ngủ mà không ăn tối, thậm chí còn không cho mang thức ăn vào cho mình, và giấc ngủ cũng không đến với ông.

Còn Đức Chúa Trời thì đã bịt miệng những con sư tử lại, nên chúng không làm hại Đa-ni-ên chút nào.

Sáng sớm, vua thức dậy khi mặt trời vừa ló rạng, và vội vã đi đến hố sư tử. Vua cất tiếng kêu lớn:

– Đa-ni-ên, tôi tớ của Đức Chúa Trời hằng sống! Đức Chúa Trời của ngươi, Đấng mà ngươi luôn trung thành phụng sự, có thể cứu ngươi khỏi những con sư tử không?

Lúc đó, Đa-ni-ên thưa với vua:

– Tâu bệ hạ! Xin bệ hạ sống mãi mãi! Đức Chúa Trời của tôi đã sai Thiên Thần của Ngài đến và bịt miệng những con sư tử lại, nên chúng không làm hại tôi, vì tôi đã được chứng nhận là trong sạch trước mặt Ngài; và trước mặt bệ hạ, tôi cũng không phạm tội gì cả.

Lúc bấy giờ, vua vô cùng vui mừng vì Đa-ni-ên, và ra lệnh đưa ông ra khỏi hố sư tử; Đa-ni-ên được kéo lên khỏi hố sư tử, và trên người ông không có vết thương nào. Vua ra lệnh, và những người đã vu khống Đa-ni-ên được dẫn đến, rồi bị ném xuống hố sư tử, cả họ lẫn con cái và vợ con họ; và chưa kịp chạm đáy hố, sư tử đã xông vào và nghiền nát hết xương cốt của họ. Sau đó, vua Đa-ri-út ra chiếu chỉ gửi đến mọi dân tộc, mọi bộ lạc và mọi ngôn ngữ đang sinh sống trên khắp mặt đất:

– Chúc các ngươi được bình an và thịnh vượng! Ta ra lệnh rằng, trong mọi vùng đất của vương quốc ta, mọi người phải kính sợ và tôn kính Đức Chúa Trời của Đa-ni-ên; vì Ngài là Đức Chúa Trời hằng sống và hằng hữu, vương quốc của Ngài không thể bị phá hủy, và quyền cai trị của Ngài là vô tận. Ngài giải cứu và cứu rỗi, và thực hiện những phép lạ cùng dấu kỳ trên trời và dưới đất; Ngài đã giải cứu Đa-ni-ên khỏi sức mạnh của bầy sư tử[8884] .

Và Đa-ni-ên được vua Đa-ri-ô tôn vinh hơn bất kỳ ai khác, và nhà vua đã tuyên bố ông là người bạn thân thiết nhất của mình. Ba người bạn của Đa-ni-ên là A-na-ni-a, A-xa-ri-a và Mi-sa-i-l cũng được tôn vinh như vậy.

Nhà sử học Do Thái Giô-sép Flavius kể về Đa-ni-ên rằng, với tư cách là quan đại thần hàng đầu, ông nắm giữ quyền lực to lớn trong vương quốc Ba Tư, và rằng tại thành phố Ecbatana[8885] , ông đã xây dựng một ngọn tháp nổi tiếng, mà vào thời của nhà sử học này, hàng trăm năm sau khi được xây dựng, vẫn trông như mới, như thể vừa mới được xây dựng vậy. Các vị vua Mi-đi và Ba Tư được an táng trong ngọn tháp này, và việc canh giữ nó được giao phó cho một trong những thầy tế lễ Do Thái.

[8884] Các câu chuyện về bữa tiệc của Balthasar, về sự diệt vong của ông và sự sụp đổ của vương quốc Ba-by-lôn được ghi lại trong Đa-ni-ên 5:1–31.

[8885] Ecbatana – thành phố chính của Media và là nơi nghỉ hè của các vị vua Ba Tư, và sau này là các vị vua Parthia. Thành phố này rất cổ xưa, nổi tiếng với lâu đài kiên cố và sự xa hoa phi thường.

Sau vua Darius, vua Cyrus cũng rất tôn kính thánh Daniel, vì đã phong ông làm cố vấn thân tín và người trung gian giữa vua với dân chúng. Daniel sống cùng với nhà vua và được kính trọng hơn tất cả các bạn bè của nhà vua.

Người Ba-by-lôn có một thần tượng tên là Bil[8886] , và mỗi ngày họ dâng cho thần tượng này hai mươi mè bột lúa mì, bốn mươi con cừu và sáu mè rượu. Vua tôn kính thần tượng đó và hàng ngày đều đến thờ lạy; còn Đa-ni-ên thì thờ phượng Đức Chúa Trời của mình. Vua bèn nói với ông:

– Tại sao ngươi không thờ lạy Vil?

Ông đáp:

– Bởi vì tôi không thờ lạy các thần tượng do tay người làm ra, nhưng tôi thờ lạy Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng đã dựng nên trời đất và cai trị mọi loài xác thịt.

Vua nói:

– Ngươi không nghĩ rằng Vil không phải là Đức Chúa Trời hằng sống sao? Ngươi không thấy hắn ăn uống bao nhiêu mỗi ngày sao?

Đa-ni-ên mỉm cười và nói:

– Xin đừng lầm tưởng, thưa vua; vì bên trong nó là đất sét, bên ngoài là đồng, và nó chưa bao giờ ăn hay uống gì cả.

Lúc đó, nhà vua nổi giận, gọi các thầy tế lễ của mình đến và nói với họ:

– Nếu các ngươi không nói cho ta biết ai là kẻ ăn hết những thứ này, thì các ngươi sẽ chết. Còn nếu các ngươi chứng minh được rằng chính Vil là kẻ ăn những thứ này, thì Đa-ni-ên sẽ chết, vì đã phỉ báng Vil.

Đa-ni-ên bèn thưa với vua rằng:

– Xin hãy làm theo lời ngài.

Có bảy mươi thầy tế lễ của Vil, chưa kể vợ con họ. Vua cùng Đa-ni-ên đến đền thờ của Vil, và các thầy tế lễ của Vil nói:

– Này, chúng tôi sẽ ra ngoài kia, còn ngài, hỡi vua, hãy dọn thức ăn ra, rót rượu, rồi khóa cửa lại và niêm phong bằng nhẫn của ngài. Nếu ngày mai ngài đến mà thấy rằng tất cả đã bị Vil ăn hết, thì chúng tôi sẽ chết, hoặc Daniel, kẻ đã nói dối về chúng tôi, sẽ phải chết.

Họ không để ý đến điều đó, vì dưới bàn họ đã làm một lối vào bí mật, và họ luôn lẻn vào đó để ăn hết thức ăn. Khi họ ra ngoài, vua dọn thức ăn trước mặt Vil, còn Đa-ni-ên ra lệnh cho các đầy tớ của mình, và họ mang tro đến, rắc khắp cả đền thờ trước mặt một mình vua, rồi ra ngoài, khóa cửa lại, đóng dấu bằng nhẫn của vua, và ra về. Còn các thầy tế lễ, theo tập tục của họ, đã đến vào ban đêm cùng vợ con, và tất cả đều ăn uống thỏa thích.

Ngày hôm sau, vua dậy sớm và Đa-ni-ên cũng dậy cùng vua; vua hỏi:

– Những con dấu có còn nguyên vẹn không, Đa-ni-ên?

– Vẫn còn nguyên vẹn, thưa vua, – ông đáp.

Và ngay khi các cánh cửa được mở ra, nhà vua nhìn vào bàn tiệc và kêu lên bằng giọng lớn:

– Ngươi thật vĩ đại, Vil, và ngươi không hề gian dối chút nào!

Đa-ni-ên mỉm cười, ngăn nhà vua lại để ngài không bước vào trong, rồi nói:

– Hãy nhìn xuống sàn nhà và xem đây là dấu chân của ai?

– Ta thấy dấu chân của đàn ông, phụ nữ và trẻ em, – nhà vua nói. Và trong cơn giận dữ, nhà vua ra lệnh bắt giữ các thầy tế, vợ con họ, và họ đã chỉ ra những cánh cửa bí mật mà họ đã dùng để vào và ăn hết những gì trên bàn. Sau đó, nhà vua ra lệnh giết họ, còn Vila thì giao cho Đa-ni-ên, và ông đã phá hủy nó cùng với đền thờ của nó[8887] .

Tại nơi đó có một con rồng lớn, và dân Ba-by-lôn tôn thờ nó.

Vua bèn nói với Đa-ni-ên:

– Ngươi có thể nói rằng con rồng này cũng làm bằng đồng không? Kìa, nó đang sống, đang ăn và uống; ngươi không thể nói rằng vị thần này không sống; vậy thì, hãy thờ lạy nó đi.

Đa-ni-ên đáp:

[8886] Vil hoặc Bel – (Baal trong tiếng Phoenicia) là tên của vị thần Mặt Trời tối cao của Babylon.

[8887] Câu chuyện về Vil và con rồng được ghi lại trong Đa-ni-ên 14:3–23; câu chuyện này thuộc về những đoạn không chính thống của sách.

– Tôi thờ phượng Đức Chúa Trời của tôi, vì Ngài là Đức Chúa Trời hằng sống. Nhưng xin vua cho phép, tôi sẽ giết con rồng đó mà không cần gươm hay gậy.

Vua nói:

– Ta cho phép ngươi.

Lúc đó, Đa-ni-ên lấy nhựa cây, mỡ và lông, nấu chúng lại với nhau, nặn thành một cục, rồi ném vào miệng con rồng, và con rồng bị tan rã. Đa-ni-ên nói:

– Đây là những vật thánh của các ngươi!

Khi người Ba-by-lôn nghe tin đó, họ vô cùng phẫn nộ và nổi loạn chống lại nhà vua, rồi nói:

– Nhà vua đã trở thành người Do Thái: Vila đã phá hủy và giết con rồng, rồi xử tử các thầy tế lễ.

Họ đến gặp vua và nói:

– Hãy giao Đa-ni-ên cho chúng tôi, nếu không chúng tôi sẽ giết ngài và cả gia đình ngài.

Và khi vua thấy họ khăng khăng đòi hỏi, ông buộc phải giao Đa-ni-ên cho họ. Họ liền ném ông vào hố sư tử, và ông ở đó suốt sáu ngày. Trong hố có bảy con sư tử, và mỗi ngày chúng được cho ăn hai xác người và hai con cừu; nhưng lúc đó chúng không được cho ăn thức ăn ấy, để chúng ăn thịt Đa-ni-ên. Nhưng Đức Chúa Trời, như trước đây, đã bịt miệng các con sư tử lại – và Đa-ni-ên ngồi trong hố cùng chúng, như ngồi với những con chiên con hiền lành.

Tại Giu-đa có một nhà tiên tri tên là A-ba-cút; ông nấu một nồi súp và bẻ bánh mì ra đĩa, rồi đi ra đồng để mang đến cho những người gặt lúa. Nhưng Thiên Thần của Chúa phán với A-ba-cút rằng:

– Hãy mang bữa ăn này mà ngươi đang có đến Ba-by-lôn cho Đa-ni-ên, trong hố sư tử.

Abacum thưa:

– Thưa ngài! Tôi chưa bao giờ thấy Babylon, và cũng không biết hố đó.

Lúc đó, Thiên Thần của Chúa nắm lấy đỉnh đầu ông, nhấc ông lên bằng tóc, và bằng quyền năng của Thánh Linh, đặt ông ở Babylon, ngay trên hố sư tử. Abakum kêu lên và nói:

– Đa-ni-ên! Đa-ni-ên! Hãy nhận bữa trưa mà Đức Chúa Trời đã sai đến cho ngươi.

Đa-ni-ên nói:

– Lạy Chúa, Ngài đã nhớ đến con và không bỏ rơi những ai yêu mến Ngài.

Đa-ni-ên bèn đứng dậy và ăn; còn Thiên Thần của Đức Chúa Trời thì ngay lập tức đặt A-va-cum trở lại chỗ cũ.

Vào ngày thứ bảy, nhà vua đến để thương tiếc Đa-ni-ên; khi đến gần hố sâu, nhà vua nhìn xuống, thì thấy Đa-ni-ên đang ngồi đó. Nhà vua liền kêu lên bằng giọng lớn và nói:

– Ngài thật vĩ đại, lạy Chúa, Đức Chúa Trời của Đa-ni-ên, và không có ai khác ngoài Ngài!

Và ngài ra lệnh đưa Đa-ni-ên lên, còn những kẻ đã âm mưu giết hại chàng thì ném xuống hố – và họ lập tức bị thú dữ ăn thịt ngay trước mặt ngài[8888] .

Đa-ni-ên và ba người bạn của ông đã sống đến tuổi già.

Thánh Cyril thành Alexandria và một số người khác kể lại rằng, sau khi Nebuchadnezzar và các vị vua khác – những người đã tôn vinh Đa-ni-ên cùng các bạn đồng hành của ông – qua đời, một vị vua khác tên là Cambyses lên ngôi[8889] . Khi biết về đức tin của họ và bị họ vạch trần sự bất chính của mình, ông ra lệnh chặt đầu Ananias trước tiên. Còn A-xa-ri-a thì giơ áo ra để hứng lấy đầu mình. Đầu của A-xa-ri-a bị chém rơi thì Mi-sa-i-l đã hứng lấy; còn đầu của Mi-sa-i-l, Đa-ni-ên đã giơ áo ra để hứng lấy. Cuối cùng, đầu của Đa-ni-ên cũng bị chém rơi. Người ta kể rằng sau khi bị chém, mỗi cái đầu đều dính lại với thân thể của mình, và Thiên Thần của Chúa đã mang các thi thể của các thánh lên núi Gê-va[8890] , và tại đó, các thi thể được đặt dưới một tảng đá. Bốn trăm năm sau, vào ngày Phục Sinh của Chúa Giê-su Ki-tô, cùng với một số người khác, các ngài cũng sống lại và, sau khi hiện ra trước nhiều người, lại an nghỉ[8891] . Các vị Thánh Cha đã quy định cử hành lễ tưởng niệm các ngài bảy ngày

---

[8888] Truyền thuyết về 6 ngày Đa-ni-ên ở trong hố sư tử được ghi lại trong Đa-ni-ên 14:28–42.

[8889] Cambyses – vua Ba Tư, con trai của Cyrus (529–522), nổi tiếng là người tàn bạo.

[8890] Gheval – ngọn núi thuộc chi phái Éphraim, ở phía bắc thành phố Sichem.

[8891] Theo lời chứng của Thánh Mát-thêu, khi Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta qua đời, *"các ngôi mộ đã mở ra; và nhiều thi hài của các thánh đã qua đời đã sống lại, và sau khi ra khỏi mộ vào ngày Ngài sống lại, họ đã vào thành thánh và hiện ra trước mặt nhiều người"* (Mt 27:52–53).

trước Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, bởi vì các ngài cũng xuất thân từ chi phái Giu-đa, chi phái mà Đấng Cứu Thế của chúng ta cũng bắt nguồn từ đó, và do đó, theo huyết thống, Ngài là người thân của các thánh này.

Xin Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, nhờ lời cầu nguyện của các thánh này, ban cho chúng ta một cuộc sống bình an trên trần gian; vinh quang thuộc về Ngài cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần đến muôn đời. Amen[8892] .

Bài thánh ca, giọng 2:

Những người vĩ đại của đức tin và sự cải thiện[8893] : trong suối lửa, như trên dòng nước bình an, ba thiếu niên thánh đã vui mừng, và tiên tri Đa-ni-ên, như một con sư tử chăn dắt đàn chiên. Nhờ những lời cầu nguyện của họ, lạy Chúa Kitô, xin cứu rỗi linh hồn chúng con.

Bài ca Kondak của vị tiên tri, giọng 3:

Trái tim trong sạch của ngài được Thánh Thần soi sáng, đã trở thành nơi trú ẩn rực rỡ nhất của những lời tiên tri, vì ngài đã nhìn thấy những điều xa xôi như thể đang hiện hữu ngay trước mắt: ngài đã chế ngự những con sư tử, dù bị ném xuống hố sâu. Vì lý do đó, chúng con tôn kính ngài, vị tiên tri phúc lành, Đaniel vinh quang.

Bài ca dành cho thiếu niên, giọng 6:

Ngài không tôn kính hình ảnh được vẽ bằng tay, nhưng đã được bảo vệ bởi Đấng không thể diễn tả, hỡi vị thánh ba lần phúc lành, Ngài đã được tôn vinh trong thử thách của lửa; đứng giữa ngọn lửa không thể chịu đựng nổi, Ngài đã kêu cầu Thiên Chúa: "Xin hãy mau đến, hỡi Đấng hào phóng, và hãy vội vã như Đấng nhân từ để giúp đỡ chúng con, vì Ngài có thể làm điều đó nếu Ngài muốn."[8894]

Lễ kỷ niệm Thánh Đaniel, Vị Chứng Nhân

Ngày tưởng niệm: 17 tháng 12

Thánh Đaniel ban đầu là chủ nhân của một hòn đảo tên là Niverty, hay còn gọi là Verroi, nằm gần Gadir[8895] . Nhờ vị trí đắc địa của lãnh địa mình trên tuyến đường hàng hải chính vào thời bấy giờ, Đaniel đã tích lũy được nhiều của cải; nhưng, được nuôi dưỡng trong đức tin Kitô giáo, ngài thà phục vụ Thiên Chúa hơn là phục vụ tiền của (Mt 6,24) hay những ham muốn trần tục – và cuối cùng, *"ngài đã từ bỏ tất cả: coi mọi sự như rác rưởi, để được Đức Kitô"* (Phi-líp 3:8), ông đã để lại quyền lực và tài sản cho các con, còn bản thân thì lui về Rô-ma và tại đó gia nhập đời tu. Từ Rô-ma, ông lên đường đến Cô-nstan-ti-nô-pô-lê, nơi ông đã trò chuyện với các hoàng đế Rô-ma-nô và Cô-nstan-tinh[8896] , và xin phép họ được đến thăm Giê-ru-sa-lem. Tại Giê-ru-sa-lem, sau khi thờ lạy các thánh địa, Đa-ni-ên đã nhận từ Đức Thượng phụ Christodoulos tại đó[8897] bộ áo tu sĩ cao cấp với tên gọi Стефан, nhưng ngay tại đó, ông phải chịu đựng nhiều sự quấy rối và thậm chí bị đánh đập bởi những kẻ Saracen vô đạo. Từ đó, ông đi đến Ai Cập; tại đây, ngài bị bắt và bị giam vào ngục tối, nơi ngài phải chịu đựng cơn đói, cơn khát và mọi nỗi khổ đau cùng với hai linh mục bị giam chung, trong suốt sáu tháng. Sau đó, vị thánh được tưởng nhớ mãi mãi này

---

[8892] Thánh Hoàng hậu Helena đã mang di cốt của Tiên tri Đa-ni-ên về Constantinople và an táng gần Nhà thờ Thánh Rô-ma. Các thánh tích này đã được các hành hương người Nga là Antony vào năm 1200, Stefan người Novgorod vào năm 1342, thầy phó tế Alexander vào thế kỷ XIV và thầy phó tế tu sĩ Zosima vào năm 1420 nhìn thấy. Quan tài của ngài cho đến nay vẫn được trưng bày tại Susa, thủ đô của Vương quốc Ba Tư; ngài thậm chí còn được cả những người ngoại đạo tôn kính.

[8893] Sự cứu rỗi – thành công, kỳ tích.

[8894] Câu chuyện về sự cứu rỗi kỳ diệu của Đa-ni-ên trong hố sư tử được ghi lại trong Đa-ni-ên 6.

[8895] Gadira – Cádiz ở miền nam Tây Ban Nha, gần Gibraltar.

[8896] Roman I Lakapenos – Hoàng đế Byzantine từ năm 917–944. Constantine VII – Hoàng đế Byzantine từ năm 912–959, trị vì cùng thời với Roman

[8897] Christophoros hay Christodoulos là tổng giám mục Jerusalem từ năm 947 đến năm 967.

đã bị đưa ra trước Amir Ai Cập, người đã xiềng xích ngài bằng những xiềng xích nặng nề và ép buộc ngài từ bỏ Đức Kitô; nhưng vị thánh vẫn kiên định và, không ngần ngại, đã can đảm tuyên xưng rằng Chúa Giêsu Kitô của chúng ta là Thiên Chúa chân thật; vì điều đó, ngài đã phải chịu nhiều hình phạt đa dạng, và do kiệt sức vì những đau khổ ấy, ngài đã qua đời. Về cái chết của mình, Đaniel đã nhận được lời báo trước từ Thiên Chúa.

Ngày 31 tháng 12

18 tháng 12 (theo lịch cũ)

Cuộc đời và sự chịu khổ của Thánh Tử đạo Sebastiano và đoàn tùy tùng của ngài

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 12

Thánh Sebastiano sinh ra tại thành phố Narbonne[8898] , và được nuôi dưỡng cũng như học tập các môn khoa học tại Mediolanum[8899] . Các vị vua vô đạo là Diocletian và Maximian[8900] đã yêu mến ngài đến nỗi giao cho ngài quyền chỉ huy đội vệ binh hoàng cung và ra lệnh cho ngài luôn phải đứng trước mặt họ, vì ngài là một người dũng cảm và thông minh, tràn đầy sự khôn ngoan, trung thực trong lời nói, công bằng trong xét xử, thận trọng trong việc tư vấn, trung thành và dũng cảm trong công vụ cũng như mọi việc được giao phó, và nổi bật hơn tất cả nhờ đức hạnh và sự chính trực của mình. Các binh sĩ kính trọng ông như cha, còn tất cả các quan lại trong triều đình đều rất yêu mến và tôn trọng ông – bởi vì ông nổi bật với lòng sùng đạo chân chính. Đúng như lẽ phải, – ai được Thiên Chúa ban ân huệ, thì người ấy cũng được mọi người yêu mến và kính trọng! Suốt đời, ngài siêng năng phục vụ Chúa Kitô, cầu nguyện và tuân giữ các điều răn thánh của Ngài. Tuy nhiên, ngài làm tất cả những điều này một cách bí mật, để các vị vua vô đạo không biết về đức tin của ngài nơi Chúa Kitô. Ông che giấu bản thân mình, dưới vỏ bọc của quyền lực trần gian, với tư cách là một chiến binh của Chúa Kitô, không phải vì sợ bị tra tấn hay ham muốn danh vọng và của cải và lo sợ mất đi những thứ đó, mà chỉ để giúp đỡ các Kitô hữu, những người vào thời điểm đó đang bị đàn áp và tra tấn dã man. Đối với những người mà ngài không thể xin được sự giải thoát khỏi xiềng xích và cực hình, hay làm dịu bớt nỗi đau khổ của họ, ngài đã củng cố tinh thần họ bằng cách khuyên nhủ và thuyết phục họ can đảm hiến dâng mạng sống mình vì Chúa, Đấng đã cứu chuộc họ bằng chính máu của Ngài, và đổ máu mình ra, với niềm hy vọng về phần thưởng vĩnh cửu sau những đau khổ tạm thời. Ngài đã nỗ lực như vậy để giành lấy cho Thiên Chúa những linh hồn mà ma quỷ muốn tách khỏi Ngài và cướp lấy cho riêng mình, nhằm hủy diệt họ. Ngài hành động theo lời Kinh Thánh: củng cố những cánh tay buông thõng và những đầu gối yếu ớt của các tín hữu (xem Is 35:3–4), còn đối với những người nhút nhát, nghi ngờ và sợ hãi sự tra tấn, Ngài đã khích lệ họ bằng những lời khuyên nhủ để củng cố lòng dũng cảm và khơi dậy tinh thần anh hùng. Khi nhìn thấy trước mặt mình nhiều vị thánh đã thực hiện những việc làm tốt lành, đã chịu đựng đau khổ, đã giữ vững đức tin vào Đấng Kitô giữa những cực hình tàn bạo và đã nhận được vương miện sự sống đời đời sau khi ra đi khỏi cõi đời này, Thánh Sebastiano cũng bừng cháy khát khao chịu đau khổ vì Đấng Kitô và chờ đợi lúc Chúa chỉ định thời điểm thích hợp cho việc đó. Và cuối cùng, giờ phút ấy đã đến, khi ngài không thể che giấu ngọn lửa tình yêu và lòng nhiệt thành thiêng liêng đang bùng cháy trong lòng mình nữa, và ngài đã công khai cho mọi người biết ngài là ai: ánh sáng không thể tiếp tục ẩn mình trong bóng tối.

Vào thời điểm đó, hai người đàn ông chính trực và cao thượng, Marcellinus và Mark, là anh em ruột, đã bị bắt vì tuyên xưng danh Chúa Kitô và bị giam cầm trong ngục tối suốt một thời gian dài; Thánh Sebastiano thường đến thăm họ và an ủi họ, trò chuyện về đức tin thánh thiện, đồng thời khuyên họ từ bỏ những của cải trần thế phù du và đừng sợ hãi trước những cực hình. Họ đã nghe theo lời khuyên sáng suốt của ngài, dũng cảm chịu đựng những

---

[8898] Narbon – nay là Narbonne – là một thành phố thương mại thịnh vượng của người Gaul cổ đại, sau này (vào đầu thế kỷ thứ 2) trở thành thuộc địa La Mã, nằm ở đông nam Gaul bên sông Atac; ngày nay là một thành phố khá nhỏ của Pháp, gần Vịnh Lyon, nằm bên kênh cùng tên nối Biển Địa Trung Hải với Đại Tây Dương.

[8899] Mediolan – nay là Milan – là một thành phố quan trọng của vùng Gaul Cisalpine cổ đại, tức là miền bắc Ý ngày nay.

[8900] Diocletian và Maximian – hai đồng hoàng đế của Đế chế La Mã, trị vì từ năm 284 đến năm 305.

vết thương do những kẻ tra tấn gây ra và, vẫn kiên định trong đức tin, đã bị kết án chém đầu bằng gươm. Nhưng ngay lúc họ, đã sẵn sàng chết, cúi đầu xuống trước lưỡi gươm, thì lệnh được ban ra cho phép họ trở về nhà với cha mẹ, vợ con. Cha mẹ già của họ, Tranquillinus và Marcia, vẫn còn sống. Cả cha mẹ lẫn những người trong gia đình đều cầu xin quan tổng trấn La Mã Agresta Chromatia gia hạn thêm 30 ngày cho Marcellinus và Marcus, để trong khoảng thời gian đó họ có thể thuyết phục hai anh em này và khiến họ thờ lạy các vị thần ngoại đạo, vì cha mẹ, vợ và tất cả họ hàng của họ đều là những người ngoại đạo.

Khi thời gian được xin đã được chấp thuận, cha mẹ, vợ con, họ hàng và bạn bè đã vây quanh Marcellinus và Marcus, vừa khóc lóc vừa van nài họ hãy thương xót bản thân và những người thân, từ bỏ ý định của mình để làm theo ý các vị vua. Người cha, chỉ vào mái tóc bạc, tuổi già và bệnh tật trên thân thể, khẩn cầu họ đừng thay đổi đức tin cho đến khi ông qua đời và hãy chôn cất ông theo phong tục; ông đã chuẩn bị tinh thần cho cái chết sắp đến và không thể tự đi lại được, mà luôn phải được người khác dìu dắt hoặc cõng. Người mẹ, chỉ vào bộ ngực đã nuôi nấng các con, đòi hỏi ở các con sự kính trọng và sự vâng lời của con cái, xin các con hãy tha mạng cho bà vì bà và đừng tự nguyện đi vào cái chết. Những đứa trẻ nhỏ giơ tay về phía họ, quỳ sấp xuống chân và trong nước mắt van xin đừng bỏ rơi chúng thành những đứa trẻ mồ côi. Còn những đứa trẻ khác, vẫn còn trong tã lót và chưa biết nói, chỉ bằng ánh mắt cũng đã gợi lên nỗi mồ côi và khơi dậy lòng thương xót trong lòng cha mẹ. Các người vợ nói về cảnh góa bụa của mình và, trong khi rơi những giọt nước mắt nóng hổi, van nài họ đừng kéo theo mình vào cái chết, mà hãy để họ phải chịu đựng những khổ nạn của cuộc sống góa bụa. Còn người thân thì khuyên can họ đừng mang lại sự ô nhục cho gia đình và cả dòng họ, cũng như sự sỉ nhục từ hàng xóm, bằng cách tự đưa mình vào cái chết nhục nhã. Và tất cả đều khóc lóc thảm thiết. Vậy thì những người đàn ông bất khuất với lòng dũng cảm thánh thiện ấy còn có thể làm gì khác? Không có cực hình nào có thể lay chuyển họ mạnh mẽ như những cám dỗ này; tình yêu tự nhiên dành cho cha mẹ già, vợ con và người thân đã chiến thắng họ, lòng thương xót đã nghiền nát họ; và họ bắt đầu nghi ngờ và dao động như cây sậy trước gió, trái tim tan chảy như sáp trước lửa. Chính họ cũng khóc cùng với người thân và đã gần như sẵn sàng nhượng bộ trước những lời van xin của họ và từ bỏ đức tin thánh thiện.

Lúc đó, Thánh Sebastiano, người đang có mặt tại đó, thấy họ sắp từ bỏ đức tin và hủy hoại linh hồn mình, đã thương xót họ; và nhận thức rằng đã đến lúc Ngài cũng phải làm chứng cho đức tin, để giúp đỡ những người khác và tự mình bước vào cuộc hành trình chịu khổ, Ngài đứng dậy giữa đám đông, ra lệnh cho mọi người im lặng, rồi bắt đầu nói:

– Hỡi các chiến binh dũng cảm của Đấng Kitô! Hỡi các chiến sĩ tài ba nhất trong đạo quân của Thiên Chúa! Nhờ lòng quảng đại của mình, các ngươi đã dũng cảm tiến gần đến chiến thắng, vậy mà giờ đây, vì những cám dỗ gian ác của những người lân cận, các ngươi lại muốn từ bỏ vương miện vĩnh cửu của mình. Đừng làm điều đó, nhưng hãy dùng chính hành động anh hùng của các ngươi để dạy dỗ các chiến binh của Chúa Kitô về lòng dũng cảm – hãy dạy họ trang bị cho mình bằng đức tin hơn là bằng sắt thép; đừng vứt bỏ lá cờ chiến thắng của các ngươi vì những giọt nước mắt của phụ nữ, và đừng để kẻ thù – vốn đã bị đánh bại dưới chân các ngươi – có cơ hội hồi phục sức mạnh, kẻo hắn, khi lấy lại được sức mạnh, lại bắt đầu chiến đấu với các ngươi; vì, dù cuộc nổi loạn trước đây của hắn đã dữ dội, nhưng khi lại bị kích động, hắn sẽ trở nên giận dữ hơn bao giờ hết. Hãy giương cao lá cờ vinh quang của chiến công các ngươi lên trên những đam mê trần thế và đừng bỏ nó vì những giọt nước mắt trẻ con vô ích. Những người mà các ngươi thấy đang khóc lóc, giờ đây sẽ vui mừng nếu họ biết những gì các ngươi biết, vì họ nghĩ rằng cuộc sống chỉ tồn tại trên trần gian và khi nó kết thúc, thân xác chết đi, thì sẽ không còn một phần nào của linh hồn còn sống sót. Nếu họ biết rằng có một cuộc sống khác – bất tử và không đau khổ, nơi niềm vui bất tận ngự trị – thì chắc chắn họ sẽ mong muốn bước vào đó cùng các con và, khinh thường cuộc sống tạm bợ, sẽ cố gắng đạt được cuộc sống vĩnh hằng. Cuộc sống hiện tại thoáng qua, bất định và không đáng tin cậy đến nỗi ngay cả những người gắn bó với nó cũng mất niềm tin vào nó. Từ thuở khai thiên lập địa, nó đã hủy diệt tất cả những ai đặt hy vọng vào nó, lừa dối những ai khao khát nó, chế giễu những ai tự hào về nó, nói dối tất cả mọi người, không để ai giữ vững niềm hy vọng hay không bị sỉ nhục trong sự trông cậy, và đã tỏ ra vô cùng dối trá. Ôi, giá như sự dối trá này chỉ tồn tại trong giấc mơ, chứ trên thực tế lại không dẫn dắt con người vào những lầm lạc cay đắng! Nhưng điều tồi tệ hơn nữa là cuộc đời tạm bợ này dẫn dắt những kẻ theo nó đến mọi sự vô luật pháp: nó làm thỏa mãn những kẻ ham ăn bằng việc ăn uống quá độ và say sưa, lôi kéo những kẻ ham khoái lạc vào các hành vi dâm dục và mọi sự ô uế, dạy kẻ trộm cách ăn cắp, khiến kẻ nóng nảy nổi giận, và hướng dẫn kẻ dối trá cách lừa gạt; nó chia rẽ chồng với vợ, gieo rắc thù hận giữa bạn bè, gây cãi vã giữa những người hiền lành, gieo rắc sự dối trá giữa những người công chính, và cám dỗ giữa những người tu hành; nó tước đoạt công lý khỏi tay các quan tòa, sự trong sạch

khỏi những người thuần khiết, tài năng khỏi các nghệ sĩ, và những đức tính tốt đẹp khỏi tất cả mọi người. Hãy nhớ lại những hành động tàn bạo nhất mà nó xúi giục những kẻ theo nó thực hiện: khi anh em giết anh em, hay con trai giết cha, hay bạn bè giết bạn bè – ai là người dạy họ làm điều đó? Họ hy vọng điều gì khi thực hiện những hành vi vô pháp như vậy? Phải chăng chính vì cuộc sống được yêu mến đến thế này mà con người ghét bỏ lẫn nhau, mỗi người đều cố gắng tạo dựng cho mình một cuộc sống tốt đẹp hơn? Tại sao tên cướp lại giết người lữ hành, kẻ giàu lại áp bức kẻ nghèo, kẻ kiêu ngạo lại xúc phạm kẻ khiêm nhường, và kẻ có tội lại truy đuổi người vô tội? Quả thật, tất cả những điều ác này đều do những ai lao động vì cuộc sống trần gian và mong muốn được ở lại trong tình yêu với nó, tận hưởng nó trong một thời gian dài. Chính nó, khi dạy dỗ những kẻ theo phe và những kẻ phục vụ mình làm điều ác, đã giao nộp họ cho con gái của nó – cái chết vĩnh cửu, nơi mà những con người đầu tiên cũng đã bị ném vào, bởi vì, mặc dù họ được tạo ra để nhận được sự sống vĩnh cửu, nhưng họ đã bị quyến rũ bởi cuộc sống tạm bợ và lao vào sự ham ăn, ham vui và ham muốn của mắt (1 Giăng 2:16), từ đó họ đã rơi xuống địa ngục, không mang theo được gì từ những của cải trần gian. Và chính cuộc sống trần gian này, hỡi những người bạn thân yêu, lại quyến rũ các bạn đến nỗi các bạn muốn dùng những lời khuyên bất chính của mình để lôi kéo những người bạn đang trên đường đến với sự sống đời đời quay trở lại với nó! Nó dạy dỗ các vị, những bậc cha mẹ đáng kính, để các vị dùng những tiếng khóc than điên cuồng của mình làm xao lãng các con trai của các vị, những người đang tiến về đội quân thiên đàng, vinh quang bất diệt và ân sủng của Vua Vĩnh Cửu. Nó thuyết phục các vị, những người vợ trinh khiết của các thánh nhân, dùng những lời ngọt ngào của mình để làm hư hỏng tâm trí các vị tử đạo, khiến họ từ bỏ ý định tốt lành và thuyết phục họ chấp nhận cái chết vĩnh cửu thay vì sự sống, sự nô lệ thay vì tự do. Nếu họ nghe theo những lời khuyên của các vị, thì họ sẽ không sống lâu bên các vị, và sau đó họ sẽ phải chia ly với các vị, – và chia ly đến mức các ngươi không thể gặp lại nhau, trừ khi ở nơi cực hình vĩnh cửu, nơi ngọn lửa thiêu đốt linh hồn những kẻ bất tín, nơi rắn địa ngục nuốt chửng đôi môi những kẻ phỉ báng Thượng Đế, nơi rắn độc cắn xé lồng ngực những kẻ thờ thần tượng, nơi vang lên tiếng khóc thảm thiết, những tiếng thở dài nặng nề và tiếng nức nở không ngừng trong đau đớn. Hãy để họ tránh khỏi những cực hình ấy và chính các bạn cũng hãy cố gắng thoát khỏi chúng, đừng cản trở họ tiếp tục bước đi để nhận lấy vương miện thiên đàng đã được chuẩn bị sẵn cho họ. Đừng sợ: họ sẽ không xa cách các bạn, mà ngược lại, họ sẽ chuẩn bị cho các bạn những nơi ở rực rỡ trên thiên đàng, nơi các bạn, cùng với họ và con cái của các bạn, sẽ được hưởng những phúc lành vĩnh cửu. Nếu ngay cả ở đây các bạn đã say mê những tòa nhà đẹp đẽ, thì càng hơn thế nữa, các bạn sẽ say mê vẻ đẹp của những nơi ở trên trời ấy, nơi những bàn tiệc lấp lánh bằng vàng ròng, nơi những cung điện được xây bằng đá quý, được trang trí bằng ngọc trai và rực rỡ vinh quang, nơi những khu vườn mãi mãi nở rộ những bông hoa không tàn, nơi những cánh đồng trĩu quả được tưới mát bởi những dòng suối ngọt ngào, nơi không khí luôn trong lành, làn gió sống động vuốt ve các giác quan bằng những hương thơm không thể tả xiết, nơi ngày không tàn, ánh sáng không lặn và niềm vui bất diệt; và ở đó không có tiếng thở dài, không có tiếng khóc, không có nỗi buồn, cũng không có bất kỳ sự bất toàn nào, không thấy điều gì tội lỗi, không ngửi thấy mùi hôi thối nào, không nghe thấy tiếng nói buồn bã, thảm thiết hay đáng sợ nào, mà chỉ thấy điều tuyệt đẹp, chỉ ngửi thấy hương thơm và chỉ nghe thấy tiếng vui mừng; ở đó, các thiên thần và các tổng lãnh thiên thần không ngừng ca hát, cùng nhau ngợi khen Vị Vua Bất Tử[8901] . Làm sao có thể khinh thường cuộc sống như vậy, mà lại bám víu vào cuộc sống tạm bợ? Vì của cải chăng? Nhưng chúng sẽ sớm biến mất. Còn những ai muốn sở hữu chúng mãi mãi, hãy lắng nghe những gì của cải của họ đang báo cho họ biết: “Các ngươi yêu mến chúng ta,” chúng nói, “như thể sẽ không bao giờ chia ly với chúng ta. Khi các ngươi chết, chúng ta không thể theo các ngươi; nhưng khi các ngươi còn sống, chúng ta có thể đồng hành cùng các ngươi, miễn là các ngươi ra lệnh cho chúng ta, hoặc sai chúng ta đi trước các ngươi. Hãy lấy người cho vay lãi và người nông dân cần cù làm gương: người trước cho người khác vay vàng để nhận lại gấp đôi, người sau gieo các loại hạt giống xuống đất để gặt hái được gấp trăm lần; người vay trả lại cho người cho vay gấp đôi số vàng, còn đất đai trả lại cho người gieo hạt gấp trăm lần. Chẳng phải Đức Chúa Trời sẽ nhân lên gấp nhiều lần của cải của các con sao, miễn là các con phó thác chúng cho Ngài? Hãy gửi cả của cải quý báu của các con đến đó, và chính các con hãy cố gắng đến đó. Cuộc đời tạm bợ này có ích lợi gì? Nếu ai đó sống được dù chỉ 100 năm, thì khi ngày cuối cùng đến, liệu người ấy có thấy

[8901] Thiên đàng cũng được miêu tả bằng những nét hình tượng tương tự trong các bài thánh ca phụng vụ, trong các câu chuyện khác trong Sách Lễ (ví dụ như những thị kiến về thiên đàng của Thánh André le Fou) và trong các tác phẩm của các vị Thánh Cha Giáo Hội, chẳng hạn như Ephrem the Syrian; trong đó, ngài nhấn mạnh rằng tất cả những đặc điểm và hình ảnh về hạnh phúc thiên đàng này, dù mang tính chất mô tả cảm quan, cần phải được hiểu theo nghĩa thiêng liêng, và rằng hạnh phúc tương lai không thể được diễn tả bằng ngôn ngữ con người cũng như nằm ngoài tầm với của các giác quan và cảm nhận trần thế.

rằng tất cả những năm tháng đã qua và mọi thú vui trần thế dường như chưa từng tồn tại không? Liệu từ tất cả những điều đó chỉ còn lại một vài ký ức, giống như dấu chân của một lữ khách đã ở lại với chúng ta chỉ một ngày? Quả thật, chỉ có kẻ điên rồ, chưa từng biết đến những phúc lành chân chính, mới không yêu mến cuộc sống tương lai tuyệt vời nhất! Quả thật, chỉ có kẻ thiếu khôn ngoan mới sợ mất đi cuộc đời thoáng qua này để nhận lấy cuộc sống vĩnh hằng, nơi những niềm vui, sự giàu có và hạnh phúc sẽ bắt đầu, không bao giờ chấm dứt, mà tồn tại mãi mãi. Ai không muốn trở thành người phụng sự cho cuộc sống vĩnh hằng, thì người ấy cũng đang hủy hoại vô ích cuộc sống tạm bợ này, phải chịu cái chết vĩnh hằng và bị trói buộc trong địa ngục, nơi có ngọn lửa không bao giờ tắt, nỗi đau khổ liên miên, những cực hình vĩnh cửu, nơi những linh hồn ác độc cư ngụ – những kẻ có cơ bắp như đầu rắn, đôi mắt bắn ra những mũi tên lửa, răng to như voi, chúng cắn xé như nọc bọ cạp, tiếng gầm giống như tiếng gầm của sư tử; chỉ cần nhìn thấy chúng thôi cũng đã gieo rắc nỗi kinh hoàng tột độ, gây ra bệnh tật dữ dội và cái chết đắng cay nhất. Chẳng phải thật đáng sợ khi phải chết trong những nỗi kinh hoàng và cực hình như vậy sao? Nhưng còn đáng sợ hơn nữa là họ sống chỉ để không ngừng chết đi, không tan rã chỉ để chịu đau khổ vô tận, vẫn còn nguyên vẹn chỉ để mãi mãi bị rắn ăn mòn, và những bộ phận bị ăn mòn lại tái sinh, chỉ để làm thức ăn cho những con rắn độc và những con sâu không bao giờ ngủ. Hỡi các bạn, hỡi các bậc cha mẹ, hỡi những người vợ cao quý của các thánh! Xin đừng để cặp đôi thánh thiện này từ cuộc sống vĩnh hằng rơi vào cái chết vĩnh cửu kinh hoàng như vậy; xin đừng đẩy họ từ niềm vui sang tiếng khóc than; xin đừng khuyên họ rời ánh sáng để bước vào bóng tối; xin đừng kêu gọi họ rời khỏi sự an nghỉ ngọt ngào để rơi vào nỗi đau đớn cay đắng.

Ôi, đôi thánh Markellin và Mark! Xin đừng để kẻ thù xảo quyệt lừa dối các ngài, kẻ đang gây ra cám dỗ này qua chính những người thân trong nhà các ngài; xin đừng tự đẩy mình vào sự đau khổ vô tận; xin đừng rơi vào tay ma quỷ; xin đừng bị mê hoặc bởi tình yêu dành cho cuộc sống tạm bợ, vẻ đẹp của thế giới hữu hình và những thú vui phù du của đời thường ; xin đừng để mình bị khuất phục bởi những lời van xin của cha mẹ, những tiếng khóc than của vợ, những giọt nước mắt của con cái, những lời âu yếm của người thân và bạn bè. Hãy nhớ lại lời của Chúa: *"Và kẻ thù của con người chính là những người trong gia đình mình"* (Mt 10,36), những kẻ khiến chúng ta xa cách Thiên Chúa; họ không phải là bạn, mà là kẻ thù, và tình yêu của họ dành cho chúng ta không phải là chân thật, mà là giả dối, bởi vì họ tước đoạt khỏi chúng ta ân huệ vĩ đại ấy, cướp đi tình yêu của Thiên Chúa và Nước Trời, vốn đã được chuẩn bị sẵn cho những ai yêu mến Thiên Chúa. Đừng để phần thưởng mà các con đã vất vả kiếm được bị tước khỏi tay các con; vì thực sự các con đã như đang nắm giữ trong tay ân huệ đã được chuẩn bị sẵn cho các con, các con đã đứng trước cửa cung điện thiên đàng. Những vòng hoa vinh quang đã được dệt sẵn cho các con, và Đấng Cứu Thế Kitô đang chờ đợi để trao vương miện cho các con và tôn vinh các con trước mặt các Thiên Thần thánh thiện. Hành trình của các con đã đến hồi kết: đừng ngoảnh lại như vợ của Lót, kẻo trở thành cột đá vô hồn (Sáng Thế Ký 19:26), vì như vậy các con sẽ hủy hoại linh hồn mình. Đừng để bị cám dỗ bởi tình yêu quá mãnh liệt dành cho cha mẹ, vợ con, kẻo trở nên không xứng đáng với Đấng Christ, Đấng đã phán: *"Ai yêu cha hay mẹ hơn Ta, thì không xứng đáng với Ta; ai yêu con trai hay con gái hơn Ta, thì không xứng đáng với Ta"* (Mt 10:37). Đừng dại dột đến nỗi bắt đầu bằng Thánh Thần mà lại kết thúc bằng xác thịt (xem Ga-la-ti 3:3). Ôi, xin Chúa Kitô, Thiên Chúa của tôi, ban cho tôi được đổ máu vì Ngài trước mặt các bạn, để các bạn thấy sự đau khổ của tôi, và cái chết của tôi có thể trở thành gương mẫu cho các bạn về cách hiến dâng linh hồn vì Thiên Chúa của các bạn và của tôi.

Khi Thánh Sebastiano đang giảng dạy những lời khuyên răn này cùng nhiều lời khác, bỗng chốc ánh sáng Thần thánh chiếu rọi ngài, và khuôn mặt ngài bừng sáng như khuôn mặt của một Thiên thần, khiến những kẻ vô tín kinh hãi trước vinh quang trên khuôn mặt ngài. Một số người lại thấy bảy Thiên thần đang mặc cho Thánh Sebastiano bộ áo sáng chói, và một Chàng Trai Tuyệt Mỹ đang ban phước cho ngài, với những lời:

– Ngươi sẽ luôn ở cùng Ta.

Tất cả những điều này diễn ra tại nhà của một quan chức cấp cao[8902] , tên là Nicostrata, nơi Marcellinus và Mark đang bị giam giữ. Vợ của Nikostrata, tên là Zoya, người đã bị câm suốt sáu năm do bệnh nặng, nhưng trí tuệ và thính giác vẫn nguyên vẹn, đã nghe và hiểu tất cả những gì Thánh Sebastiano nói; khi nhìn thấy ánh sáng rực rỡ bao quanh khuôn mặt ngài, bà quỳ xuống dưới chân ngài, dùng cử chỉ van xin ngài cho bà nói được. Thánh Sebastiano nói:

[8902] Protokrinarios – quan quản lý kho bạc tại triều đình, có quyền lực lớn dưới quyền eparch (thống đốc vùng), chính vì vậy mà ông được hoàng đế đặc biệt tin tưởng và được giao phó nhiều nhiệm vụ quan trọng.

– Nếu tôi thực sự là tôi tớ chân chính của Chúa Kitô và tất cả những gì người vợ này đã nghe từ tôi và tin tưởng đều là sự thật, thì xin Chúa của tôi hãy cho miệng bà ấy được mở ra và lưỡi bà ấy được cởi trói, như đã từng xảy ra với tiên tri Zacharia, cha của Thánh Gioan Tẩy Giả (Lc 1,64).

Nói xong, ngài làm dấu thánh giá trên môi người phụ nữ ấy, và ngay lập tức, bà cất tiếng nói lớn:

– Phúc cho ngài, và phúc cho lời ngài đã nói, và phúc cho những ai nhờ ngài mà tin vào Đấng Kitô, Con Thiên Chúa Hằng Sống, vì tôi đã thấy một Thiên Thần từ trời xuống với ngài, tay cầm cuốn sách mở ra trước mặt ngài, và ngài đã đọc tất cả những điều ngài vừa nói từ cuốn sách đó. Phúc cho những ai tin vào mọi điều ngài đã nói, và xin cho những ai nghi ngờ dù chỉ một lời nào ngài đã phán đều bị nguyền rủa. Giống như bình minh mọc lên xua tan bóng tối và mang lại ánh sáng cho đôi mắt, ánh sáng từ những lời của ngài đã xua tan bóng tối của sự vô minh và mù quáng nơi tôi, chiếu rọi tôi bằng ánh sáng rực rỡ của đức tin chân chính, và sau sáu năm câm lặng, đã mở miệng tôi để ngợi khen Đức Chúa Trời.

Khi chứng kiến phép lạ ấy, tất cả những người có mặt đều tin vào Đấng Kitô. Nicostratus, chồng của Zoe, khi chứng kiến quyền năng của Chúa Kitô, cũng quỳ xuống dưới chân vị thánh, xin tha thứ vì đã tuân lệnh vua giam cầm Marcellinus và Mark; rồi ông tháo xiềng xích sắt khỏi tay họ, ôm lấy đầu gối họ, van nài họ hãy ra đi để được tự do và nói:

– Ôi, giá như tôi có thể hạnh phúc đến mức chịu xiềng xích để đổi lấy sự tự do của các ngài! Nếu được đổ máu vì các ngài, tôi sẽ rửa sạch tội lỗi của mình và, thoát khỏi cái chết vĩnh cửu, sẽ nhận được sự sống mà Đức Chúa Trời đã thương xót báo cho chúng ta biết qua miệng Thánh Sebastiano.

Khi Nicostratus xin các thánh trở về nhà, họ đã nói với ông:

– Chúng tôi không muốn để lại cho ngươi chén đau khổ của chúng tôi; Chúa Kitô của chúng ta là Đấng hào phóng và nhân từ, vì Ngài ban ân sủng thiên đàng của Ngài cho tất cả những ai đến với Ngài và cầu xin Ngài; Ngài có quyền năng và sẽ ban cho anh chị em chén ấy, nếu anh chị em chân thành mong muốn. Vì nếu như anh chị em, những người trước đây chưa tin, đã được ban ánh sáng để nhận biết lẽ thật, thì huống chi bây giờ, khi anh chị em đã tin, anh chị em sẽ được ban mọi điều anh chị em xin, bởi vì ân sủng của Đức Chúa Trời luôn sẵn sàng ban cho con người sự giúp đỡ mà họ cầu xin, đặc biệt là những ai tin vào Ngài mà không hề nghi ngờ. Đức tin của các bạn bắt đầu từ bài giảng hôm nay, và chỉ trong một giờ, các bạn đã học được điều mà hiếm ai có thể học được trong cả một năm, và như chúng ta thấy, không có gì có thể ngăn cản các bạn, với đức tin nơi Chúa của chúng ta, sẵn sàng chết vì Ngài – không phải cha mẹ, không phải con cái, cũng không phải của cải. Bất ngờ, các con đã khinh thường những gì mình từng yêu mến, và tìm kiếm điều mà trước đây chưa từng biết; các con đã bước vào con đường chưa từng biết và ngay lập tức đến với Đấng Christ, và khát vọng của các con đã hướng về trời cao, vì các con không tìm kiếm bất kỳ sự an ủi nào trên đất. Ôi, việc làm này thật xứng đáng được ca ngợi biết bao! Ôi, tấm gương đức hạnh này thật đáng noi theo biết bao! Các bạn chưa được kết hợp với Chúa Kitô qua nước rửa tội, chưa chứng kiến sự khởi đầu của cuộc chiến, nhưng đã giương vũ khí vì Vị Vua Thật Sự, và khi giải thoát các chiến binh của Ngài khỏi xiềng xích, chính các bạn lại trở thành tù nhân, và không sợ hy sinh mạng sống vì những người bị kết án.

Mọi người đều xúc động trong lòng và khóc lóc, ăn năn về sự thiếu hiểu biết trước đây và về việc đã muốn ngăn cản các chiến binh của Chúa Kitô thực hiện hành động cao cả này. Còn Marcô thì nói:

– Hãy học hỏi đi, hỡi các bậc cha mẹ yêu dấu, các bà vợ, và các bạn hữu! Hãy học cách dũng cảm chống lại kẻ thù, cầm lấy khiên đức tin, nhờ đó các ngươi có thể dập tắt những mũi tên bốc lửa của kẻ gian ác (Ê-phê-sô 6:16). Dù các tôi tớ của ma quỷ có nổi dậy và vũ trang chống lại chúng ta, dù chúng có hành hạ thân xác chúng ta bằng bất kỳ hình thức tra tấn nào đi chăng nữa: chúng có thể giết chết thân xác, nhưng không thể đánh bại linh hồn đang chiến đấu vì đức tin. Còn việc thân xác bị giết hại hay xé nát, chúng ta sẽ không để ý đến: những vết thương chịu đựng vì Đức Vua mang lại vinh quang cho các chiến binh. Ma quỷ nổi giận với chúng ta bằng cơn thịnh nộ đau đớn đối với chính nó, vì chính nó cũng đau khổ khi chứng kiến sự kiên nhẫn của chúng ta; nó gây ra cho chúng ta đủ loại cực hình và đe dọa bằng đủ loại cái chết, nhằm hù dọa và lôi kéo chúng ta xa rời việc làm tốt lành; nơi nào những cực hình không thành công, thì nó lại dùng lời ngọt ngào: hứa hẹn sự sống để cướp đi sự sống; hứa hẹn sự giàu có để dẫn đến cảnh nghèo khó; ban tặng vinh quang để khiến chúng ta phải chịu nhục nhã; hứa hẹn một cuộc sống vô lo để thay vào đó, đẩy chúng ta vào tai họa và nỗi đau khổ vĩnh cửu. Đó là những mưu mô trong các cuộc tấn công của hắn, đó là những ý đồ xảo quyệt của hắn – giải thoát thân xác khỏi đau khổ, nhưng lại giết chết linh hồn bằng tội lỗi. Hãy cùng đứng lên chống lại hắn: hãy khinh thường xác thịt để cứu rỗi linh hồn. Chúng ta có gì phải sợ cái chết tạm thời, nếu chúng ta hy vọng được sống đời đời! Tại sao phải tiếc nuối cuộc đời này, khi hy

vọng sẽ có được một cuộc đời tốt đẹp hơn? Hãy để những ai không hy vọng được thấy cuộc sống tương lai phải sợ cái chết. Ôi, biết bao người phục vụ cho cuộc đời này đã bị hủy diệt bởi những tai nạn bất ngờ: hoặc bị sét đánh, hoặc bị biển nhấn chìm, bị vực thẳm nuốt chửng, hoặc bị gươm giết chết! Và những kẻ bất hạnh ấy đã mất đi cuộc đời này trong đau khổ, mà lại không tìm được cuộc đời kia! Hãy để họ khóc than về cuộc đời này, hãy để họ run rẩy trước cái chết; còn chúng ta thì có gì phải buồn phiền vì cái chết? Chúng ta, những người đang mong chờ cuộc sống vĩnh cửu hạnh phúc do Chúa Kitô dành sẵn cho chúng ta, tràn đầy những ân huệ mà mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe và trí óc không thể thấu hiểu, thì còn lo lắng gì về cuộc đời này?

Khi Thánh Marc nói như vậy, tất cả đều tràn ngập khát khao về cuộc sống tương lai, còn cuộc sống hiện tại thì họ bắt đầu khinh bỉ; tất cả đều bừng cháy tình yêu dành cho Chúa Kitô, còn thế gian thì họ bắt đầu ghét bỏ, và họ tạ ơn Thiên Chúa vì Ngài đã soi sáng bóng tối trong lòng họ, mở rộng đôi mắt tâm linh của họ và giải thoát họ khỏi sự hủy diệt, chỉ cho họ con đường cứu rỗi. Như vậy, những kẻ đến để lôi kéo các thánh tử đạo xa rời Chúa Kitô, chính họ lại được dẫn dắt đến với Chúa Kitô; những kẻ hy vọng hủy diệt người khác, chính họ lại được cứu rỗi, còn Nicostratus cùng vợ mình đã khẩn thiết thỉnh cầu vị thánh, nói rằng:

– Tôi sẽ không ăn uống gì cả, nếu không được cử hành bí tích của đức tin Kitô giáo.

– Hãy thay đổi chức vụ của ngươi, – Thánh Sebastiano đáp, – và hãy bắt đầu phục vụ nhiều hơn với tư cách là người phụ tá của Chúa Kitô, hơn là với tư cách là tổng trấn; hãy nghe lời khuyên của ta, hãy tập hợp tất cả những ai đang bị xiềng xích và giam cầm, còn ta sẽ mời vị linh mục của Chúa, và ngươi, cùng với tất cả những ai đã tin, sẽ được ngài ban các bí tích thánh. Nếu ma quỷ cố gắng tách các tôi tớ thánh của Chúa Kitô khỏi Ngài, thì chúng ta phải lo lắng như thế nào để, bằng cách tách những người mà nó muốn hủy diệt khỏi ma quỷ, đưa họ trở về với Đấng Tạo Hóa của chúng ta!

Nikostrat phản đối:

– Liệu ân sủng thánh thiêng có thể được ban cho những kẻ ác và những tội nhân bị kết án tử hình không?

Thánh Sebastiano đáp:

– Đấng Cứu Thế của chúng ta đã đến thế gian vì chúng ta, những kẻ tội lỗi, và ban tặng Bí tích Rửa tội, nhờ đó tội lỗi và sự bất chính được tẩy sạch khỏi con người, và ân sủng thiêng liêng được ban cho. Ngay từ những bước đầu tiên trên con đường hoán cải của ngươi , hãy dâng món quà này lên Chúa Kitô, hãy lo lắng cho sự cứu rỗi của người khác, và ngươi sẽ được ban tặng vương miện tử đạo, được đan kết từ những bông hoa bất tàn của nhiều đức tính cao quý.

Nghe vậy, Nikostrat đã đến gặp quan chấp chính[8903] Claudius và ra lệnh cho ông ta đưa tất cả những người bị kết án và đang bị xiềng xích đến nhà mình. Khi mọi việc đã được hoàn tất và những tù nhân bị xiềng xích bằng sắt đã tập trung lại, Thánh Sebastiano đã hướng đến họ với những lời giảng dạy về ơn cứu rỗi; và khi nhận thấy họ đã sẵn sàng đón nhận đức tin vào Chúa Kitô và có khả năng tiếp nhận ân sủng thiêng liêng, ngài đã ra lệnh giải phóng tất cả khỏi xiềng xích, rồi đến gặp vị linh mục thánh Polykarp, người đang ẩn danh vì cuộc bách hại, và kể lại cho ngài mọi sự đã xảy ra. Sau khi tạ ơn Thiên Chúa về điều này, Thánh Polykarp cùng với Thánh Sebastiano đến nhà của Nikostratos và hướng về toàn thể cộng đoàn các tín hữu, ngài nói:

– Phúc cho tất cả các con, những ai đã nghe Lời Chúa Giêsu Kitô của chúng ta phán: *"Hãy đến với Ta, hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, Ta sẽ cho các con được nghỉ ngơi; hãy mang ách của Ta và học theo Ta, vì Ta hiền lành và khiêm nhường trong lòng, và các con sẽ tìm được sự bình an cho linh hồn mình; vì ách của Ta là dễ chịu, và gánh nặng của Ta là nhẹ nhàng"* (Mt 11:28–30). Còn các anh em, những người sẽ được nước rửa tội tẩy sạch và, sau khi được thánh hóa, trở thành những con cái yêu dấu của Đức Chúa Trời, thì cần phải ăn năn để được tha thứ những tội lỗi trước đây. Giờ đây, khi anh em thể hiện lòng nhiệt thành như vậy đối với Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, đến nỗi, vì tin vào Ngài, anh em sẵn sàng chết vì Ngài, và điều mà ban đầu anh em muốn ngăn cản người khác làm, thì giờ đây chính anh em lại mong muốn điều đó – anh em đã nhận được sự tha thứ và chiến thắng trước kẻ thù vô hình. Đức Kitô, Chúa chúng ta, Đấng toàn năng, mang ánh sáng ra khỏi bóng tối và biến những bình bị loại bỏ thành những bình được chọn; Ngài đã biến Sa-lô-môn thành Phao-lô, từ kẻ bội đạo thành Tông đồ, và từ kẻ bắt bớ thành thầy dạy. Cũng vậy, hôm nay Ngài đã kêu gọi các con từ thế giới ngoại đạo vào Hội Thánh của Ngài, biến những kẻ không tin thành những tôi tớ trung thành của Ngài và biến những kẻ thù thành bạn

[8903] Commentarius – người đứng đầu hệ thống nhà tù trong Đế chế La Mã và là thư ký trong các phiên tòa, người tiến hành điều tra sơ bộ đối với các bị cáo, đặc biệt là các vị tử đạo Kitô giáo.

hữu của Ngài. Toàn thể đoàn quỷ, con cái của bóng tối, đang khóc lóc và than thở vì sự hoán cải của các con; còn tất cả các thiên thần thánh trên trời, con cái của ánh sáng, thì vui mừng và hân hoan vì sự khai sáng của các con. Vậy, mỗi người trong các con hãy viết tên mình và nộp cho ta. Trước khi nhận phép rửa, hãy ăn chay: hãy ăn chay cho đến chiều tối; khi ánh sáng vật chất lặn xuống, ánh sáng siêu nhiên sẽ chiếu sáng cho các con trong phép rửa.

Mọi người đều tràn ngập niềm vui, và ai nấy đều bắt đầu chuẩn bị cho lễ rửa tội. Khi tất cả những điều này đang diễn ra, Claudius, viên quan phụ trách khu vực, đã đến nhà Nicostratus và gọi ông đến gặp tổng trấn, nói rằng:

– Biết rằng ngươi đã tập hợp tất cả các tù nhân về nhà mình, quan tổng trấn đã nổi giận và ra lệnh triệu tập ngươi; hãy suy nghĩ xem ngươi sẽ trả lời ông ta thế nào.

Còn Nikostrat, khi đến nhà tổng trấn và ông ta hỏi về các tù nhân, đã trả lời:

– Theo lệnh của ngài, tôi đã giam giữ hai tín hữu Kitô giáo, là Marcellina và Mark, tại nhà mình; và để khiến họ thêm khiếp sợ, tôi đã cho những tù nhân khác bị xiềng xích nặng nề và trói chặt vào cùng với họ, để khi nhìn thấy họ, họ cũng sẽ dự đoán được nỗi khổ tương tự dành cho mình, và nhờ đó sẽ tuân theo lệnh của ngài.

Người đứng đầu khen ngợi anh ta và cho anh ta ra về, nói:

– Ngươi sẽ nhận được phần thưởng lớn từ cha mẹ họ, nếu nhờ ngươi mà họ quay về với đức tin chung và được thả về với chúng ta an toàn, lành lặn.

Trên đường trở về nhà cùng Claudius, Nicostratus bắt đầu kể cho anh ta nghe về Thánh Sebastiano, rằng ngài là bạn của nhà vua, một Kitô hữu, thông thạo giáo lý Thánh, củng cố đức tin trong lòng các Kitô hữu và gọi cuộc sống hiện tại là tạm bợ và chóng tàn, còn sau khi chết thì ngài rao giảng về một cuộc sống khác – tốt đẹp hơn và vĩnh cửu; sau đó, ông kể lại cách khuôn mặt Thánh Sebastiano bừng sáng bởi ánh sáng thiên đàng và cách ngài đã chữa lành chứng câm kéo dài sáu năm cho vợ ông, khiến bà có thể nói rõ ràng. Nghe Nicostratus kể như vậy, Claudius nói:

– Hai con trai nhỏ của tôi đang rất ốm: một đứa bị bệnh phù thũng, còn đứa kia thì khắp người đầy vết thương; tôi xin ngài chữa lành cho các con tôi: tôi không nghi ngờ gì rằng người đã chữa khỏi chứng câm cho vợ ngài cũng có thể chữa lành cho các con tôi.

Nói xong, Claudius vội vã về nhà, bế cả hai đứa trẻ lên tay và cùng chúng đến nhà Nicostratus. Tại đó, ông quỳ xuống dưới chân các thánh Sebastiano và Policarpo của Chúa, nói:

– Tôi tin chắc chắn, bằng cả trái tim, rằng Đấng Kitô mà các ngài tôn kính chính là Thiên Chúa chân thật; và tôi đã đưa hai đứa con trai ốm yếu của tôi đến đây để các ngài cứu chúng khỏi cái chết!

Các vị thánh nói với ông:

– Tất cả những ai đang mắc bệnh gì đi chăng nữa, sẽ được chữa lành ngay hôm nay, ngay khi vừa bước vào bể rửa tội thánh.

Claudius lại nói rằng ông tin vào Chúa Kitô và muốn trở thành Kitô hữu. Tất cả họ bắt đầu chuẩn bị cho phép rửa tội thánh, viết tên mình và nộp cho vị linh mục. Người đầu tiên nộp tên là Tranquillinus, cha của Marcellina và Marcus, tiếp theo là sáu người bạn của ông: Ariston, Criscentian, Eutychian, Urvan, Vitalius và Justus, tiếp theo là Nicostratus cùng em trai mình là Castorius và Claudius, người làm thư ký, sau đó là hai con trai của ông là Symphorianus và Felix, Marcia, mẹ của Marcellina và Mark, Symphorosa, vợ của Claudius, Zoe, vợ của Nicostratus, và toàn bộ gia đình Nicostratus – tổng cộng 33 người cả nam lẫn nữ, và cuối cùng là tất cả những người được đưa ra từ ngục tối, tổng cộng 16 người. Tổng số người đã chuẩn bị để chịu phép rửa tội là 64 người, và tất cả đều được Thánh Polycarp rửa tội. Người đỡ đầu bên bồn rửa tội là Thánh Sebastiano; đối với phụ nữ, những người đỡ đầu là Beatrice và Lukina. Trước hết, các con của Claudius được đưa vào bồn rửa tội, và ngay lập tức chúng được chữa lành khỏi các bệnh tật, đến nỗi trên cơ thể chúng không còn dấu vết nào của những vết loét trước đây. Sau đó, họ đưa Tranquillinus đến; ông không chỉ yếu ớt vì tuổi già, mà còn bị đau nhức tay chân, đến nỗi người ta hầu như không thể bế ông lên được; ông đã phải chịu đựng rất nhiều đau đớn khi người ta cởi bỏ quần áo cho ông trước khi rửa tội. Thánh Polykarp hỏi ông:

– Anh có tin, không chút nghi ngờ, rằng Con Một của Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su Ki-tô của chúng ta, có quyền ban cho anh sức khỏe và tha thứ tội lỗi cho anh không?

Tranquillinus đáp:

– Con tin rằng Chúa Kitô là Con Thiên Chúa và Thiên Chúa có thể làm mọi sự, nhưng từ lòng nhân từ của Ngài, con chỉ xin được tha thứ tội lỗi, còn bệnh tật thể xác thì con không bận tâm.

Tất cả những người đứng xung quanh đều rưng rưng nước mắt vì vui sướng và cầu xin Chúa cho thấy thành quả của đức tin nơi vị tử đạo. Khi lễ rửa tội bắt đầu, Tranquillin được hỏi: "Anh có tin vào Thiên Chúa Cha, Con và Thánh Thần không?", và khi anh trả lời: "Tôi tin", thì chưa kịp dứt lời, tay và chân ông đã được giải thoát khỏi những xiềng xích đau đớn, bàn chân và đầu gối ông trở nên vững chắc, mọi sự yếu đuối của tuổi già đều rời bỏ ông, và ông được trẻ lại, *"như chim đại bàng, tuổi trẻ của ngươi"* (Thánh Vịnh 102:5)[8904] , – và ông đã thốt lên:

– Ngài là Đức Chúa Trời Duy Nhất và Chân Thật, Đấng mà thế gian khốn khổ này không biết đến!

Sau ông, tất cả những người còn lại lần lượt được rửa tội. Và trong suốt 16 ngày còn lại của thời hạn đã được ban cho Marcellinus và Marcus, ngày đêm họ ngợi khen Đức Chúa Trời bằng các bài thánh ca và thánh vịnh, củng cố đức tin và chuẩn bị cho cuộc tử đạo vì danh Chúa Kitô.

Khi thời hạn 30 ngày sắp kết thúc, Giám mục thành Rôma là Agrestius Chromaticus đã triệu tập Tranquillinus, cha của Marcellinus và Marcus, và hỏi ông về các con trai mình – liệu họ có đồng ý từ bỏ đạo Kitô hay không.

Tranquillinus đáp:

– Tôi không tìm được lời nào để cảm ơn ngài về những ân huệ của ngài: nếu như ngài, với lòng nhân từ của mình, không hoãn lại và trì hoãn án tử hình của các con trai tôi trong suốt bao nhiêu ngày qua, thì tôi cũng đã mất các con, và các con trai tôi cũng đã mất cha. Tất cả người thân, những người bạn yêu thương và, tôi nghĩ, cả ngài cũng sẽ cùng tôi vui mừng, vì những người đã chết được ban sự sống, những người đau buồn được ban niềm vui, và những người u sầu đã tìm lại được niềm vui.

Lúc đó, vị tổng giám mục, nghĩ rằng các con trai của Tranquillinus muốn thờ lạy các vị thần, đã nói:

– Hãy đến vào ngày cuối cùng và để các con trai ngài dâng hương trầm đúng nghi thức lên các vị thần.

Nghe vậy, Tranquillinus nói:

– Hỡi ngài sáng suốt! Nếu ngài phán xét công bằng về những gì đã xảy ra với tôi và các con trai tôi, thì ngài có thể hiểu được danh hiệu "Kitô hữu" vĩ đại và mạnh mẽ đến nhường nào.

Thống đốc nói:

– Ngươi có phải đang bị quỷ ám không, Tranquillin?

– Cho đến lúc này, tôi đã điên loạn cả về thể xác lẫn tâm hồn, – Tranquillin đáp, – nhưng ngay khi tin vào Chúa Kitô, tôi lập tức được bình an về tâm hồn và thể xác.

– Như tôi thấy, – vị giám mục nói, – tôi hoãn án tử hình cho các con trai ngươi không phải để ngươi khiến chúng từ bỏ sự lầm lạc của chúng, mà là để chúng lôi kéo ngươi vào sự lầm lạc của chúng!

Tranquillin đáp:

– Tôi xin ngài hãy phân biệt xem những việc nào nên được gọi là lầm lạc.

Thống đốc nói:

– Chính ngươi hãy nói xem, điều gì nên được gọi là lầm lạc.

– Lầm lạc đầu tiên, – Tranquillin đáp, – là từ bỏ con đường sự sống để đi theo con đường cái chết.

– Con đường của cái chết là gì? – vị giám mục hỏi.

– Ngài có nghĩ không, – Tranquillin đáp, – rằng con đường của cái chết chính là việc đặt tên các vị thần cho những con người phàm trần và thờ phụng các hình tượng của họ làm bằng gỗ và đá?

Vị giám mục phản bác:

– Chẳng phải những vị mà chúng ta thờ phụng chính là các vị thần sao?

Tranquillin đáp:

– Thật sự, không nên coi những vị được ghi chép trong chính sách sách của các ngài là các vị thần, vì họ được sinh ra trong tội lỗi, có cha mẹ bất chính, độc ác và vô luật pháp, bản thân họ cũng sống bất chính, vô luật pháp và dối trá, và đã chết trong tội lỗi. Chẳng lẽ trên trời không có Thượng Đế ngay cả trước thời kỳ Kron – kẻ đã ăn thịt chính các con trai mình – trị vì người Crete sao? Hay là Crete có vua của riêng mình, còn trên trời lại không có Thượng Đế? Những ai cho rằng Deios, con trai của Kronos – người từng là con người bị chi phối bởi sự độc ác và dục vọng xác thịt – lại có thể điều khiển sấm sét và phóng ra tia chớp, thì quả là lầm lẫn lớn. Có ai mà

[8904] Cụm từ trong Thi thiên 102:5. – Cụm từ này ở đây cho thấy rằng, sau khi tuyên xưng đức tin vào Đấng Kitô, vị tu sĩ cao niên Tranquillinus đã trở nên mạnh mẽ và minh mẫn, như thể một thanh niên. Việc so sánh sự hồi sinh này với sự hồi sinh của đại bàng có thể dựa trên sức sống, sự tinh anh, sức mạnh và độ cao khi bay của loài đại bàng.

hắn không truy đuổi, khi ngay cả cha ruột mình cũng không tha, và hắn đã tự làm ô uế bản thân bằng những tội lỗi nào, khi lấy chính chị ruột làm vợ? Tại các chợ, trên đường phố, trong nhà và khắp mọi nơi, người ta đều bàn tán và ghi chép trong sách về việc Hera, kẻ vô đạo, tự hào vì là chị gái và vợ của Deus[8905] . Ngài có tin rằng, thưa ngài, ngài đang lầm lẫn khi tôn kính những vị thần đầy rẫy những tội ác như vậy, những tội ác mà luật pháp La Mã kết án con người phải chịu hình phạt và cái chết? Vậy mà ngài lại tôn kính những vị thần đó, và bỏ qua Đức Chúa Trời Toàn Năng ngự trị trên trời, ngài lại nói với hòn đá: "Ngươi là thần của ta" và với cây cối: "Hãy giúp ta!".

Giám mục nói:

– Kể từ khi người ta bắt đầu phỉ báng các vị thần và quay lưng lại với việc thờ phụng họ, Đế quốc La Mã đã phải hứng chịu nhiều tai họa.

– Điều đó không đúng, – Tranquillinus nói, – hãy đọc 10 quyển sách của Livius[8906] , ngươi sẽ biết rằng chỉ trong một ngày đã có hơn 42.000 người trong quân đội La Mã, những kẻ dâng lễ vật cho ma quỷ, đã thiệt mạng; liệu ngươi có thấy lạ gì khi người Frank chiếm được Đồi Capitoline và chế nhạo sức mạnh của La Mã[8907] ? Trước đây, khi con người chưa bắt đầu nhận biết Đức Chúa Trời chân thật, thành Rome đã phải hứng chịu vô số tai họa, những cuộc bắt giữ chưa từng có và các vụ giết chóc khác nhau; còn bây giờ, khi những người tin kính tôn vinh Đức Chúa Trời chân thật vô hình, đế chế La Mã vẫn bình an và không bị sỉ nhục, bởi vì Đức Chúa Trời đã ban bình an cho nó vì những người được Ngài chọn. Tuy nhiên, các ngươi lại không công nhận một Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót như vậy, và lại quy tất cả những ân huệ mà Đấng Tạo Hóa ban cho cho chính tạo vật của Ngài!

Như vậy, trong cuộc trò chuyện của họ, chủ đề về Chúa Giê-su Ki-tô được đề cập, và Tranquillinus đã kể lại cách thức và lý do tại sao Con Thiên Chúa đã xuống trần gian mà không rời bỏ thiên đàng, và đã nhập thể để cứu rỗi linh hồn loài người khỏi sự diệt vong. Và tất cả những gì chính Tranquillin đã học được từ các thánh Sebastiano và Policarpo, cùng những điều ông còn được dạy dỗ thêm nhờ ân sủng của Chúa, Đấng soi sáng lòng người tin, ông đã truyền đạt lại cho vị giám mục; đồng thời chính Chúa đã giúp ông nói và ban cho sự khôn ngoan mà đối thủ của ông không thể phản bác được. Ông cũng kể lại rằng, sau khi bị đau nhức ở tay và chân trong một thời gian dài, ông đã đột ngột được chữa lành nhờ ân sủng của Chúa Kitô ngay lúc ông đặt trọn vẹn lòng tin vào Ngài. Vị giám mục, người từ lâu đã phải chịu đựng cơn đau nhức dữ dội ở chân, đã ra lệnh cho những người có mặt đưa Tranquillinus đi, như thể để ngày hôm sau thẩm vấn ông; nhưng vào ban đêm, ngài bí mật sai người đi tìm ông, gọi ông đến gặp mình và, trong khi dâng tặng những món quà, đã xin ông tiết lộ phương thuốc mà nhờ đó ông đã được chữa lành. Tranquillinus liền nói:

– Xin ngài biết rằng Đức Chúa Trời của chúng ta rất phẫn nộ với những ai muốn bán hay mua ân sủng của Ngài. Nếu ngài muốn được chữa lành khỏi căn bệnh của mình, hãy tin vào Đấng Christ, Con Thiên Chúa, và ngài sẽ được chữa lành, như ngài thấy tôi đã được chữa lành vậy; vì tôi đã phải chịu đau đớn ngay cả khi người ta cõng tôi đi, và tất cả các gân cốt cùng khớp xương của tôi trong suốt 11 năm đã bị trói buộc bởi căn bệnh không thể tả xiết, đến nỗi người khác phải đưa thức ăn đến tận miệng tôi; nhưng khi tôi tin vào Đức Kitô, Thiên Chúa, tôi lập tức được chữa lành và giờ đây tôi đã lành lặn và khỏe mạnh nhờ ân sủng của Đấng Cứu Độ chân chính của tôi.

[8905] Người Hy Lạp cổ đại tin rằng trước khi các vị thần mà họ tôn kính xuất hiện, thế giới đã từng được cai trị bởi những vị thần khác: Cronos và các Titan khác – những vị bán thần bán người, mà người Hy Lạp cho là có những đặc tính gần gũi với con người hơn. Theo tín ngưỡng của họ, Kronos hay Saturn là vị Titan trẻ nhất, con trai của Uranus (bầu trời) và Gaia (đất), từng trị vì trên đảo Crete và sau đó tự xưng là chủ tể của cả thế giới; ông kết hôn với chị gái mình là Rhea và có với bà này một số con trai và con gái; nhưng vì Gaia đã tiên tri rằng ông sẽ bị chính con cái mình lật đổ khỏi ngai vàng, nên ông đã nuốt chửng chúng ngay sau khi sinh, ngoại trừ Zeus – người được Rhea cứu sống – người sau này đã lật đổ Kronos và buộc ông phải nôn ra những đứa con mà ông đã nuốt chửng. Zeus hay Dii được người Hy Lạp tôn kính là cha của các vị thần và loài người, là vị chúa tể hùng mạnh và đáng sợ của bầu trời và cả vũ trụ, người giáng sấm sét xuống trần gian. Theo tín ngưỡng của người Hy Lạp, Hera là nữ thần tối cao, vừa là vợ vừa là em gái của Zeus, người tự hào về phẩm giá cao quý và quyền lợi của người vợ. Tuy nhiên, ngoài ra, các thần thoại Hy Lạp còn gán cho Zeus những mối quan hệ xác thịt với nhiều nữ thần cấp thấp khác và thậm chí cả với những người vợ phàm trần. Các vị thần và nữ thần Hy Lạp khác cũng được miêu tả với những nét thô tục và dục vọng tương tự, những người mà người Hy Lạp đã gán cho tất cả các tính cách, đam mê và thói hư tật xấu của con người. Nói chung, trong tôn giáo của người Hy Lạp và La Mã cổ đại, mọi thứ đều góp phần vào sự phát triển của sự vô đạo đức, mọi thứ đều chỉ ra những mẫu mực để thành công trong đó.

[8906] Ở đây, tất nhiên, đề cập đến Titus Livius – nhà sử học La Mã vĩ đại nhất vào cuối thế kỷ I trước Công nguyên và đầu thế kỷ I sau Công nguyên. Tác phẩm lịch sử của ông gồm 142 quyển, trong đó chỉ còn lại 35 quyển đến ngày nay.

[8907] Capitoline – pháo đài nội thành của Rome. Dân Frank ở đây ám chỉ người Gaul, cư trú tại Gaul Cisalpine (miền Bắc Ý). Cuộc xâm lược của người Gaul diễn ra vào nửa sau thế kỷ IV trước Công nguyên và ban đầu kết thúc bằng thất bại thảm hại của người La Mã cùng sự sụp đổ của Cộng hòa La Mã, khiến nền cộng hòa này không thể phục hồi trong một thời gian dài.

Giám mục nói:

– Xin anh hãy dẫn người đã làm trung gian cho sự lành bệnh của anh đến gặp tôi; nếu người ấy ban cho tôi sự lành bệnh, thì tôi cũng sẽ trở thành Kitô hữu.

Tranquillinus liền đi ngay và mời Thánh Polykarp đến. Thánh Sebastiano cũng được mời đến và đã dạy cho Giám mục Agrestio Chromatio cùng con trai ông là Tivurtio về đức tin thánh thiện nơi Chúa Kitô, đồng thời phá hủy hơn 200 tượng thần trong nhà ông – những tượng gỗ thì đốt cháy, tượng đá thì đập vỡ, còn những tượng bằng vàng và bạc thì cắt thành từng mảnh và phân phát cho người nghèo.

Khi các tượng thần bị phá hủy và vỡ vụn, một thiếu niên rực rỡ ánh sáng đã hiện ra trước mặt vị giám mục và nói:

– Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, Đấng mà ngài đã tin tưởng, đã sai tôi đến để ban sức khỏe cho tất cả các tín hữu của ngài.

Ngay lập tức, Chromatius cảm thấy khỏe mạnh và nhanh chóng đứng dậy, muốn quỳ xuống dưới chân người vừa hiện ra và hôn lên chân người ấy, nhưng người ấy nói:

– Này, đừng chạm vào ta, vì ngươi chưa được rửa sạch mùi hôi thối của sự thờ thần tượng bằng phép rửa thánh.

Nói xong, ngài bỗng biến mất.

Lúc đó, Chromatius cùng con trai mình là Tivurtius quỳ xuống dưới chân các thánh và lớn tiếng kêu lên:

– Chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật của chúng ta, là Chúa Giê-su Ki-tô, Con Một của Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đấng mà các ngài, hỡi các vị thầy nhân từ, đang rao giảng!

Các thánh khuyên Chromatius, với lý do bị bệnh, hãy từ bỏ chức vụ tổng trấn, để không phải chủ trì các phiên tòa mà tại đó ông phải tra tấn, xét xử và hành hạ các Kitô hữu, cũng như không tham dự các trò giải trí vô đạo, mà hãy giải thoát bản thân khỏi mọi thứ để đạt được sự khôn ngoan thiêng liêng. Và ông đã làm như vậy ngay sau đó.

Khi Chromatius chuẩn bị chịu phép rửa tội, trước câu hỏi: "Ngài có tin vào Đức Chúa Trời Duy Nhất không?", ông trả lời: "Tôi tin", và trước câu hỏi: "Ngài có từ bỏ các thần tượng không?", ông nói: "Tôi từ bỏ".

Sau đó, vị linh mục hỏi ông:

– Ngươi có từ bỏ mọi tội lỗi của mình không?

Chromatius nói với linh mục:

– Đáng lẽ phải hỏi tôi điều này ngay từ đầu: tôi sẽ mặc lại quần áo của mình và sẽ không nhận phép rửa tội cho đến khi tôi từ bỏ mọi tội lỗi của mình; tôi sẽ làm hòa với những người mà tôi từng có hiềm khích và yêu thương những người mà tôi từng giận dữ; còn những ai đang giận tôi, tôi sẽ xin họ tha thứ. Tôi sẽ tha hết các khoản nợ cho những người nợ tôi; còn nếu chính tôi đã lấy của ai đó bằng vũ lực, tôi sẽ trả lại gấp đôi cho người đó. Sau khi vợ tôi qua đời, tôi có hai người thiếp , tôi sẽ gả họ đi và tặng họ của hồi môn; tôi sẽ giải phóng các nô lệ nam và nữ, sắp xếp mọi công việc phục vụ và gia đình theo ý Chúa, và khi đó tôi sẽ mạnh dạn tuyên bố: "Tôi từ bỏ mọi tội lỗi của mình và sẽ nhận phép rửa tội thánh."

Các vị thánh đã hài lòng với những lời này của Chromatius, và lễ rửa tội được hoãn lại cho đến khi ông hoàn thành tất cả những gì đã hứa.

Sau đó, Agrestius Chromatius cùng con trai là Tivurtius và cả gia đình đã được rửa tội nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, đến nỗi số người mới được rửa tội lên tới 1.400 người, cả nam lẫn nữ.

Vào thời điểm đó, các Kitô hữu phải hứng chịu cuộc bách hại dữ dội; họ không thể mua thức ăn hay múc nước, vì khắp nơi trên các quảng trường, trên các con đường, gần các giếng nước, bên các suối và dòng chảy, theo lệnh của những kẻ vô đạo, đều được đặt những tượng thần nhỏ và có lính canh canh gác cẩn mật, nhằm buộc bất kỳ ai muốn mua thức ăn hay múc nước đều phải trước tiên thờ lạy tượng thần đang đứng ở đó. Những kẻ vô đạo đã nghĩ ra cách này để dễ dàng nhận diện các Kitô hữu và bắt họ đi tra tấn. Khi chứng kiến cảnh này, tất cả các tín hữu đều buồn bã, vì nếu không thờ lạy các tượng thần thì không thể có được thức ăn và nước uống, và họ quyết định thà chịu đói khát còn hơn là thờ lạy các tượng thần. Lúc bấy giờ, Chromatius ra lệnh cho tất cả các tín hữu tại Rôma bí mật lấy thức ăn và nước uống từ nhà ông, vì ông rất giàu có, và tất cả các tín hữu đều tụ họp tại nhà ông để ngợi khen Thiên Chúa.

Vào thời điểm đó, Giám mục tại Rôma là Thánh Gaius[8908] , người thân của Diocletian, gốc gác từ Dalmatia; ngài cử hành Thánh lễ tại nhà Chromatius và ban Thánh Thể cho các Kitô hữu mới được rửa tội. Do cuộc

bách hại tàn bạo, Chromatius buộc phải rời Rôma đến Campania[8908] , về các điền trang của mình, vì ông lo sợ rằng tại Rôma, đức tin của ông vào Chúa Kitô sẽ bị phơi bày; tại đó, ông có thể sống mà không phải lo sợ điều này, và tự do hơn trong việc tuyên xưng đức tin thánh thiện. Ngài thông báo cho tất cả các Kitô hữu rằng những ai muốn lánh nạn khỏi cuộc bách hại và sống bình an, có thể đến điền trang của ngài, và hứa sẽ cung cấp cho họ thức ăn cần thiết. Cần phải có một trong hai vị: hoặc Thánh Sebastiano hoặc Thánh Policarpo, đi cùng với Chromatius và các Kitô hữu theo ngài, để an ủi và củng cố lòng tin của các tín hữu. Về vấn đề này, giữa hai vị thánh đã nảy sinh một cuộc tranh luận đầy đức tin, vì mỗi người đều mong muốn ở lại Rôma để nhận vương miện tử đạo. Trong lúc họ tranh luận, Đức Giám mục Gaius đã nói:

– Nếu cả hai anh, với mong muốn chết vì Chúa Kitô, tự nộp mình vào tay những kẻ hành hình, thì sẽ tước đi sự an ủi thiêng liêng của những người thuộc về Chúa Kitô; vì vậy, tôi nghĩ rằng anh, anh em Polykarp, với tư cách là người mang chức thánh và tràn đầy sự khôn ngoan thiêng liêng, nên đi cùng ngài Chromatius để an ủi các tín hữu bằng giáo lý, đồng thời củng cố và nuôi dưỡng những người còn nghi ngờ bằng các bí tích thiêng liêng.

Nghe vậy, Thánh Polykarp đã tuân theo mệnh lệnh của giám mục và rời khỏi Rôma cùng với Chromatius và các Kitô hữu khác. Vào ngày Chúa Nhật, sau khi cử hành Thánh Lễ, vị giám mục đã nói với các tín hữu:

– Chúa Giêsu Kitô của chúng ta, biết rõ sự yếu đuối của bản tính con người, đã chỉ cho những ai tin vào Ngài hai con đường: một là con đường tử đạo, còn con đường kia là con đường làm chứng; ai không thể đi con đường tử đạo, hãy đi con đường làm chứng. Ai trong các con muốn đi cùng các con cái thiêng liêng của chúng ta là Chromatius và Tivurtius, thì hãy đi; còn ai muốn ở lại với chúng ta tại thành phố này, thì hãy ở lại: không có khoảng cách nào có thể chia lìa những ai được kết hợp bởi ân sủng của Chúa Kitô; nếu tôi không còn được nhìn thấy các con bằng đôi mắt thể xác, thì trong đôi mắt thiêng liêng của tôi, các con sẽ luôn hiện diện.

Khi vị giám mục nói những lời này, Tivurti đã thốt lên:

– Con khẩn cầu cha, xin hãy cho con được ở lại đây, vì con khao khát vô cùng, nếu điều đó có thể, dù chỉ một ngàn lần bị giết vì Chúa, miễn là được Ngài ban cho sự sống đời đời và bất diệt!

Vui mừng trước đức tin và lòng nhiệt thành dành cho Chúa của anh, vị giám mục đã rơi lệ và cầu xin Chúa để tất cả những ai còn ở lại với anh có thể thực hiện những việc lành và được hưởng vinh quang của các vị tử đạo. Ở lại cùng vị giám mục thánh thiện nhất là Marcellinus và Marcus cùng cha của họ là Tranquillinus, thánh Sebastian, chàng trai Tivurtus có thân thể đẹp đẽ và tâm hồn còn đẹp đẽ hơn nữa, Protoscriniarius Nicostratus cùng em trai Castorius và vợ là Zoe, cùng với Claudius cùng em trai Victorinus và con trai Symphorianus, người đã được chữa lành khỏi bệnh phù thũng; chỉ có những người này ở lại Roma, còn tất cả những người khác đều ra đi cùng Chromatius và Polycarp.

Sau khi họ ra đi, Đức Giám mục Thánh đã phong Marcellinus và Marcus làm phó tế, phong cha của họ là Tranquillinus làm linh mục, và phong Thánh Sebastiano, người mang vũ khí, làm người bảo vệ Giáo hội. Vì họ không có nơi ẩn náu nào để cử hành các nghi lễ thánh, nên họ đã ở lại trong dinh thự của một quan đại thần hoàng gia tên là Castulus. Ngôi nhà này được chọn không chỉ vì Castulus cùng gia đình là những Kitô hữu bí mật, mà còn vì luật lệ về việc thờ phượng các thần tượng, dù được ban hành và lan rộng khắp nơi, lại hoàn toàn không áp dụng đối với những người sống trong cung điện hoàng gia, bởi chẳng ai có thể ngờ rằng đức tin Kitô giáo lại có thể len lỏi vào đây; vì vậy, các thánh có thể ẩn náu một cách thuận tiện và cử hành các nghi lễ thánh tại nhà Kastula. Tại đó, họ dành cả ngày lẫn đêm để cầu nguyện, khóc lóc và ăn chay, chịu đựng mọi gian khổ và khẩn cầu Thiên Chúa ban cho họ vương miện tử đạo. Có những người đàn ông và phụ nữ bí mật đến với các ngài, những người đã chứng kiến những phép chữa lành do các ngài thực hiện, bởi nhờ lời cầu nguyện của các thánh, người bệnh được chữa lành, người mù được sáng mắt trở lại và các linh hồn ô uế bị trục xuất khỏi con người; vì lý do đó, nhiều người đã bí mật tiếp nhận đức tin Kitô giáo từ các thánh.

Một lần nọ, Thánh Tivurtî đang đi trên đường thì thấy một người đàn ông ngã từ mái nhà xuống và bị thương nặng, cùng với cha mẹ và người thân đang khóc than cho anh ta; ngài đã chữa lành cho anh ta bằng lời cầu nguyện của mình, và ngay lập tức người đàn ông đó cùng cả gia đình đã tin vào Chúa Kitô và nhận phép rửa tội.

Cuối cùng, thời kỳ các thánh phải chịu khổ nạn đã đến, và người đầu tiên bước vào cuộc hành trình chịu khổ là Thánh nữ Zoia, vợ của Nicostratus. Bà bị những quan cai ngục vô đạo bắt giữ khi đang cầu nguyện trước quan tài của Thánh Tông đồ Phêrô, và bị đưa ra tòa, nơi họ ép buộc bà dâng lễ vật cho thần tượng Ares, vị thần

[8908] Campania – một vùng ven biển của Ý cổ đại, nằm ở phía nam Rome, trên bờ tây của bán đảo Apennine.

ngoại đạo[8909] . Bà đã không tuân lệnh, vì thế bị ném vào ngục tối, nơi bà bị bỏ đói trong suốt 6 ngày; sau đó, Zoya bị lôi ra khỏi ngục và qua đời khi bị treo cổ bằng tóc trên làn khói hôi thối bốc lên từ rác rưởi đang thối rữa, còn thi thể của bà thì bị ném xuống sông Tiber.

Thánh nữ đã hiện ra trong một giấc mơ cho Thánh Sebastiano và báo cho ngài biết về cái chết của mình. Thánh Sebastiano kể lại điều này cho Tranquillinus, người đã thốt lên:

– Các nữ thánh đã đi trước chúng ta để nhận vương miện! Vậy tại sao chúng ta còn chần chừ?

Và ngài đi đến chính nơi đó, đến ngôi mộ của vị Tông đồ; tại đó, những kẻ vô đạo đã ném đá giết ngài và quăng thi thể ngài xuống sông Tiber. Còn Nicostratus, Castorius, Claudius, Victorinus và Symphorianus thì bị bắt khi đang đi dọc bờ sông Tiber để tìm kiếm thi thể các thánh, và bị dẫn đến trước mặt tổng trấn thành phố Favius. Trong mười ngày, quan tổng trấn đã cố gắng dùng lời ngọt ngào, đe dọa và tra tấn để ép họ dâng lễ vật cho các thần tượng; khi không thành công, ông ra lệnh buộc những tảng đá lớn vào cổ họ và ném xuống biển. Còn vị thánh thiếu niên Tivurtia thì bị một kẻ giả danh Kitô hữu tên là Torquat bí mật phản bội cho bọn ngoại đạo, giống như con sói đội lốt cừu. Chúng bắt Tivurtia, trói lại, rồi dẫn cùng với Torquat đến trước tòa của chính Favius. Tại phiên tòa, Torquat ngay lập tức lộ rõ mưu mô của mình, rằng hắn chỉ tự xưng là Kitô hữu, nhưng trong lòng đầy sự gian ác, và làm chứng chống lại Tiwurtius, cáo buộc anh ta gọi các vị thần La Mã là quỷ dữ. Còn Thánh Tivurtia thì đã thể hiện mình tại phiên tòa là một người làm chứng chân thật và dũng cảm cho danh Chúa Giêsu Kitô. Thẩm phán nói với ông:

– Đừng làm ô nhục dòng dõi cao quý của ngươi; ngươi là con trai của một người cha vĩ đại như vậy, lại chọn cho mình một cuộc đời Kitô hữu đầy gian khổ và nhục nhã, đi kèm với sự ô nhục, đau khổ, cái chết và sự mất danh dự.

Thánh Tivurtius đáp lại:

– Thưa vị quan tòa La Mã đầy trí tuệ! Ngài nói rằng tôi làm ô nhục dòng dõi của mình vì không muốn tôn kính và công nhận những vị thần như Vệ Nữ dâm đãng[8910] , Dê – kẻ loạn luân, Hê-rmi – kẻ dối trá[8911] và Cronos – kẻ ăn thịt con cái; còn tôi thì nói rằng tôi đang làm rạng danh dòng dõi của mình bằng cách tôn kính Đấng Duy Nhất và Chân Thật, , Đấng ngự trị trên trời, là Đức Chúa Trời, tôi thờ phượng Ngài và tự xưng là tôi tớ của Ngài. Ngài có đe dọa tôi bằng sự tra tấn không? Nhưng làm sao chúng ta, những người Kitô hữu, lại sợ phải chịu đau khổ vì Đức Chúa Trời của chúng ta? Bằng lưỡi gươm chém đứt? Như vậy, chúng ta sẽ được giải thoát khỏi ngục tù xác thịt và nhận được tự do trên trời; bằng lửa? Nhưng chúng ta đã dập tắt ngọn lửa dục vọng lớn hơn trong thân xác, nên sẽ không sợ ngọn lửa này; bằng sự lưu đày? Nhưng Đức Chúa Trời của chúng ta ở khắp mọi nơi, và nơi nào chúng ta ở cùng Đức Chúa Trời, thì đó là nơi của chúng ta.

Lúc đó, Favián ra lệnh mang than hồng đến để đặt Thánh nhân chân trần lên đó và nói:

– Hoặc là hãy dâng hương cúng các vị thần lên những than hồng này, hoặc là chính ngươi hãy bước chân trần lên đó.

Sau khi làm dấu thánh giá, Thánh Tivurtî đặt đôi chân trần lên than hồng, và vừa dẫm lên chúng vừa đi lại trên đó, như đang bước trên những bông hoa mềm mại và thơm ngát.

– Hãy từ bỏ sự hoài nghi của ngươi, – ngài nói với quan tòa, – và hãy tin chắc rằng Đức Chúa Trời của ta, Đấng cai trị các nguyên tố[8912] và toàn thể muôn loài, là Đấng chân thật. Nếu ngươi có thể, nhân danh vị thần Diya của ngươi, hãy đặt tay ngươi vào nước sôi và xem liệu nó có bị tổn thương không; còn ta, nhân danh Chúa Giê-su

---

[8909] Ares (Mars trong thần thoại La Mã), theo tín ngưỡng của người Hy Lạp và La Mã cổ đại, là vị thần chiến tranh.

[8910] Venus (Aphrodite trong thần thoại Hy Lạp), con gái của Zeus và Diana, là nữ thần ngoại giáo của tình yêu và sắc đẹp; vào thời kỳ suy tàn của Đế chế La Mã – thời kỳ mà sự tử đạo của Thánh Sebastiano và đoàn tùy tùng của ngài diễn ra – bà được coi là nữ thần của dục vọng bất chính, khơi dậy những ham muốn xác thịt; được tạc thành tượng với hình dáng trần truồng một cách trơ trẽn, và để tôn vinh nàng, người ta tổ chức những lễ hội ồn ào, kèm theo những nghi lễ vô đạo đức.

[8911] Hermes – hay còn gọi là Hermes (thần Mercury của La Mã) – được người Hy Lạp và La Mã cổ đại tôn kính là con trai của Zeus và Maia, là sứ giả của các vị thần, người truyền đạt ý chí của Zeus, trung gian giữa các vị thần và con người, cũng như là vị thần của những khám phá, phát minh và nghề thủ công đa dạng, vị thần của công nghiệp và thương mại, những lĩnh vực dường như chỉ mang lại sự giàu có khi đi đôi với sự xảo quyệt và lừa dối, thậm chí là trộm cắp và lời thề giả dối, miễn là tất cả những điều đó được che đậy dưới một lớp vỏ bọc hợp lý; từ đó, Hermes – đôi khi còn là vị thần bảo trợ cho cả hành vi trộm cắp và lừa dối, người chấp nhận mọi hình thức dối trá và vi phạm lời thề.

[8912] Nguyên tố – chất cơ bản cấu thành mọi vật thể, ví dụ như lửa, đất, không khí, nước.

Ki-tô của ta, đang bước đi trên lửa như trên những bông hoa được tưới nước: ngươi có thấy không, mọi loài thụ tạo đều phục tùng Đấng Tạo Hóa của chúng ta.

Thẩm phán nói:

– Ai mà không biết rằng Đấng Kitô của các ngươi đã dạy các ngươi những phép thuật!

– Im đi, tên khốn kiếp, – vị thánh nói, – và đừng dám dùng đôi môi độc ác của ngươi để phỉ báng danh hiệu vĩ đại và đáng sợ này! Đừng xúc phạm tai ta bằng những lời phỉ báng danh hiệu Đức Chúa Trời của ta!

Favian nổi giận với ông và kết án tử hình. Thánh Tivurtij bị dẫn đi cách thành phố 3 verst, đến con đường Lavikan[8913] , và tại đó, trong lúc ông đang cầu nguyện với Thiên Chúa, họ đã chém ông bằng gươm. Một tín hữu Kitô giáo đã chôn cất ông ngay tại nơi ông qua đời, và những người đến viếng mộ Thánh Tivurtij đều được ban ơn sủng của Chúa nhờ những lời cầu nguyện của ông.

Sau đó, chính tên "Kitô hữu giả mạo" Torquat này đã tố cáo Castulus, Marcellina và Marcus với bọn vô đạo. Thánh Castulus, sau ba lần bị tra hỏi, bị treo cổ và tra tấn, đã bị ném xuống hào, nơi ngài qua đời khi còn sống, bị vùi lấp dưới đất. Còn Marcella và Marco, Favián đã buộc họ vào cùng một gốc cây, đóng đinh sắt vào chân họ, rồi nói:

– Các ngươi sẽ phải đứng như thế này cho đến khi quỳ lạy các vị thần.

Còn hai vị, bị đóng đinh vào cùng một cây, đã hát: *"Thật tốt lành và thật vui sướng khi anh em sống chung với nhau!"* (Thánh vịnh 132:1). Họ đứng như vậy, cầu nguyện với Thiên Chúa ngày đêm, và vào buổi sáng, họ bị đâm xuyên sườn bằng giáo. Như vậy, họ đã kết thúc cuộc hành hình của mình.

Sau khi các thánh này chịu đau khổ và qua đời, thánh Sebastiano cũng bị bắt giam, và tổng trấn đã báo cáo về ngài với hoàng đế Diocletian. Sau khi triệu tập ngài đến, Diocletian nói:

– Ta từng coi ngươi là người đứng đầu trong triều đình ta; thế mà ngươi, bằng việc âm mưu chống lại ta, đã trở thành kẻ thù của ta và các vị thần của ta, và cho đến nay vẫn che giấu lòng thù hận của mình.

Thánh Sebastiano đáp lại:

– Ta luôn cầu nguyện với Chúa Kitô cho sức khỏe của ngài và cầu xin hòa bình cho toàn cõi đế quốc La Mã; nhưng ta thờ phượng Vua Trời, vì ta thấy rằng việc thờ phượng hòn đá và tìm kiếm sự giúp đỡ từ nó là bất công: rõ ràng đó là sự bịa đặt của những kẻ điên rồ.

Đức Diocletian tức giận ra lệnh đưa ngài ra ngoài thành và bắn tên xuyên qua thân thể ngài giữa cánh đồng, sau khi trói ngài trần truồng vào một cái cây. Khi Thánh Sebastiano bị đặt vào vị trí như một mục tiêu để bắn, vô số binh lính từ mọi phía bắt đầu bắn tên vào thân thể thánh thiện của ngài, đến nỗi những mũi tên xuyên thủng khắp cơ thể ngài. Nghĩ rằng Thánh Sebastiano đã chết, họ bỏ đi, để ngài bị trói vào cây với những mũi tên cắm đầy trên thân thể. Vợ của vị thánh tử đạo Castulus, tên là Irina, đến vào ban đêm để mang thi thể thánh Sebastian về chôn cất, nhưng lại thấy ngài còn sống và đã đưa ngài về nhà mình; tại đó, sau vài ngày, thánh nhân đã lành lặn khỏi những vết thương và hoàn toàn khỏe mạnh trở lại. Những tín hữu Kitô giáo đến gặp ngài một cách bí mật đã khuyên ngài rời khỏi Rôma, như nhiều tín hữu khác đã làm, để không bị rơi vào tay những kẻ ngoại đạo một lần nữa. Nhưng ngài, sau khi cầu nguyện với Thiên Chúa, đã đi đến và đứng trên bậc thềm của Heliogabalus[8914] ; khi thấy các vị vua đang đi ngang qua đó, ngài nói:

– Các thầy tế lễ của các vị thần các ngài, hỡi các vị vua, đang làm các ngài hoang mang bằng những phép thuật tà ác của họ, nói dối các ngài rằng các Kitô hữu là kẻ thù của Nhà nước La Mã; hãy biết rằng các Kitô hữu đang làm nhiều điều có ích cho các ngài, vì họ không ngừng cầu nguyện cho triều đại của các ngài và cho sức khỏe của toàn thể quân đội La Mã, và nhờ những lời cầu nguyện của họ mà thành phố này được thịnh vượng.

Khi Thánh Sebastiano nói những lời này, Diocletianus nhìn ngài và nói:

– Ngươi có phải là Thánh Sebastiano, người mà chúng ta vừa ra lệnh xử bắn không?

Thánh nhân đáp:

[8913] Con đường này chạy về phía đông nam từ Rome đến thành phố Benevento.

[8914] Heliogabal – hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 218–222 sau Công nguyên. Ông đã xây dựng cho mình, như một vị thần, một ngôi đền trên một trong những ngọn đồi của Rome, đồi Palatine, gần cung điện hoàng gia. Bậc thang của Heliogabal – là những bậc thang của ngôi đền đó.

– Chúa Giêsu Kitô của tôi đã thương xót làm cho tôi sống lại, để tôi đến với các ngài và trước mặt mọi người làm chứng về sự bất công của các ngài, vạch trần việc các ngài đang bất công gây ra cuộc bách hại đối với các Kitô hữu.

Diocletian ra lệnh bắt ngài và dẫn đến trường đua ngựa[8915] ; tại đó, vị thánh tử đạo, vừa lớn tiếng tôn vinh Chúa Kitô vừa vạch trần các thần tượng và sự lầm lạc của La Mã, đã bị đánh chết bằng gậy. Với tiếng reo vui mừng, ngài đã về với Đấng Ban Ơn Thánh là Chúa Kitô, để nhận vương miện chiến thắng cho công trình của mình. Còn thi hài thánh của ngài thì những kẻ vô đạo đã ném xuống một hố rác sâu vào ban đêm[8916] , để không một Kitô hữu nào tìm thấy và mang đi được. Nhưng vị thánh đã hiện ra trong giấc mơ của bà Lukina, một người sùng đạo, và nói với bà:

– Hãy đến hố rác gần đấu trường, ở đó ngươi sẽ tìm thấy thi thể ta đang treo trên thanh ngang; hãy lấy nó, mang đến các hầm mộ[8917] và chôn cất tại lối vào hang động, dọc theo con đường của các Tông đồ.

Người vợ thánh thiện ấy lập tức dẫn theo các nô lệ của mình, và đến rãnh rác đã chỉ định vào nửa đêm, bà đã tôn kính lấy thi thể vị tử đạo và an táng ngài một cách trang trọng tại nơi đã chỉ định[8918] , đồng thời dâng lời ngợi khen lên Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng được vinh quang muôn đời, amen.

Lễ kính Thánh Modest, Tổng Giám mục Giêrusalem

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 12

Thánh Modest sinh ra tại thành phố Sebaste[8919] trong một gia đình có cha mẹ đạo đức và kính sợ Thiên Chúa. Từ thuở thiếu thời, ngài đã cảm nhận được sự thu hút sâu sắc từ Chúa và, từ bỏ thế gian, ngài đã sống một đời tu hành nghiêm ngặt. Sau này, ngài trở thành vị tu viện trưởng của Tu viện Theodosius tại Palestine. Vào thời điểm đó, vua Khosrow của Ba Tư đã tiến hành một cuộc xâm lược tàn phá Syria và Palestine[8920] . Người Do Thái, với số lượng khoảng bốn mươi nghìn người, đã liên minh với người Ba Tư với mục đích tiêu diệt tất cả các Kitô hữu ở Palestine. Sự tàn bạo của những kẻ thù danh Chúa Kitô đã trút xuống Jerusalem và vùng lân cận với toàn bộ sức mạnh của nó: hàng ngàn tu sĩ và giáo sĩ đã thiệt mạng, tất cả các nhà thờ đều bị tàn phá và thiêu rụi, trong đó có Nhà thờ Mộ Thánh, Đức Thượng phụ Zacharias[8921] cùng đông đảo dân chúng và Thánh Giá của Chúa đã bị bắt làm tù binh và đưa sang Ba Tư. Người Do Thái đã chuộc lại từ người Ba Tư vài ngàn tín hữu Kitô giáo và giết chết họ. Số lượng các Kitô hữu bị giết lên tới 90.000 người. Thánh Modest đã thoát khỏi cái chết trong thời kỳ khó khăn này, và sau khi cuộc xâm lược kết thúc, do sự vắng mặt của Đức Thượng phụ, ngài được giao phó nhiệm vụ quản lý Giáo hội Palestine với tư cách là người giữ ghế Thượng phụ. Việc đầu tiên Thánh Modest làm là thu thập hài cốt của các tu sĩ bị sát hại tại tu viện Thánh Savva Thánh Hóa và an táng họ một cách trang trọng trong lăng mộ. Sau đó, ngài đã dốc hết lòng nhiệt thành vào việc khôi phục các thánh địa bị ô uế. Không sợ hãi trước sự thù hận của người Do Thái cũng như sự tùy tiện của chính quyền Ba Tư, vị thánh đã trùng tu Nhà thờ Mộ Thánh cùng các nhà

[8915] Đấu trường – là nơi diễn ra các cuộc đua ngựa, các cuộc đấu với thú dữ và các trận đấu giữa các đấu sĩ với nhau, vốn là trò giải trí yêu thích của người La Mã. Cũng tại đây, các vị vua tàn bạo đã đưa các tín đồ Kitô giáo ra để làm mồi cho thú dữ.

[8916] Thi thể Thánh Sebastiano đã bị ném xuống một con mương dùng để thoát nước thải của thành phố, được gọi là Cống tối đa (Cloaca Maxima), nằm gần đấu trường có tên là "Circus Maximus", tức là Đấu trường Vĩ đại nhất. – Thánh Tử đạo Sebastiano qua đời vào ngày 18 tháng 12 năm 287.

[8917] "Catacombs" là tên gọi của các đường hầm và hang động ngầm được những Kitô hữu đầu tiên đào ở vùng ngoại ô Rome (cũng như ở Naples, Syracuse và nhiều thành phố khác) để chôn cất người đã khuất. Trước đây, chúng có tên gọi khác, và tên gọi "catacombs" lần đầu tiên được xác lập dựa trên nơi an táng của Thánh Stephen vào thế kỷ IV. Trên các bức tường của những đường hầm này có những hốc được đục sẵn, nơi thi thể người quá cố được đặt vào mà không cần quan tài, sau đó được bịt kín bằng đá. Hiếm khi người ta xây dựng các lăng mộ riêng biệt trong đó. Các hầm mộ được chiếu sáng bằng đèn dầu và các lỗ trên trần nhà. Các tín hữu tụ tập tại đây, bên những ngôi mộ của người thân, bạn bè, các thánh và các vị tử đạo, để kỷ niệm ngày tưởng niệm của họ, dâng lên Thiên Chúa những lời cầu nguyện chung và cử hành Bí tích Thánh Thể, kết hợp với bữa tiệc chung, nhằm noi gương bữa tiệc của Chúa Giêsu Kitô. Các tấm đá cẩm thạch trên mộ các thánh và các vị tử đạo được dùng làm bàn thờ khi cử hành Bí tích Thánh Thể.

[8918] Xác thánh của Thánh Tử đạo Sebastiano được an nghỉ tại nhà thờ ngoại ô mang tên ngài ở Rome.

[8919] Ở đây tất nhiên là nói đến Sebaste ở Cappadocia, phía đông Tiểu Á, giáp biên giới với Armenia.

[8920] Hozer II, vua Ba Tư, trị vì từ năm 590 đến 628 sau Công nguyên. Cuộc xâm lược của ông vào Syria và Palestine diễn ra vào năm 614.

[8921] Thánh Zacharias giữ chức Tổng Giám mục tại Jerusalem từ năm 609 đến năm 633, trong đó có thời gian bị người Ba Tư bắt làm tù binh từ năm 614 đến năm 628.

thờ Golgotha và Bethlehem, trong công việc này, ngài đã nhận được sự giúp đỡ rất lớn từ Thánh Gioan Nhân Từ, Tổng Giám mục Alexandria. Đức Thánh Zacharia, Tổng Giám mục Giêrusalem, lúc bấy giờ đang bị người Ba Tư giam cầm, đã an ủi Thánh Modest và đoàn chiên bằng những lá thư kể về tình hình của ngài và khuyên nhủ họ hãy vững vàng trong đức tin. Mười bốn năm sau, Thượng phụ Zacharia cùng với Thánh Giá của Chúa đã trở về từ nơi bị giam cầm[8922] , nhưng vì kiệt sức vì những nỗi đau buồn, ngài đã qua đời trong cùng năm đó. Sau khi ngài qua đời, Thánh Modest đã được tấn phong lên ngôi Thượng phụ[8923] . Thánh Modest chỉ lãnh đạo Giáo hội Giêrusalem với tư cách Thượng phụ trong vòng không quá năm năm. Với việc cai quản tốt đàn chiên được giao phó, Thánh Modest đã thực hiện nhiều phép lạ và sự chữa lành kỳ diệu. Khi đã cao tuổi, vào năm thứ 97 của cuộc đời, Thánh Modest đã an bình trút hơi thở cuối cùng về với Chúa và về với nơi ở vĩnh cửu trên thiên đàng[8924] .

Lễ kính Thánh Flora, Giám mục Amiens

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 12

Thánh Flor sống dưới triều đại của các hoàng đế Hy Lạp là Justin, Tiberius và Mauritius[8925] ; cha ngài cũng mang tên Flor, còn mẹ ngài tên là Euphemia; cha mẹ đã cho ngài một nền giáo dục tốt. Sau đó, ngài gia nhập triều đình hoàng gia và được phong tước patricius[8926] ; ngài kết hôn và có con cái. Khi vợ ông qua đời, rồi các con ông cũng qua đời vì bệnh đậu mùa, ông vô cùng đau buồn và, nhận thấy trong hoàn cảnh đó của cuộc đời mình là lời chỉ dẫn của Thượng Đế rằng ông cần phải lo lắng cho sự cứu rỗi của bản thân, ông đã rời bỏ chức vụ tại triều đình hoàng gia và định cư tại Anaple[8927] . Sống một cuộc đời đạo đức tại đó, Flor đã được tấn phong làm giám mục tại thành phố Amins[8928] . Như một vị mục tử nhân lành của đoàn chiên Chúa Kitô, ngài đã chăn dắt đàn chiên được giao phó một cách tận tụy, giảng dạy cho các tín hữu về Đức Tin Chính Thống và hướng dẫn họ tuân giữ ý muốn của Thiên Chúa cũng như các điều răn, và như vậy, ngài đã an nghỉ trong Chúa[8929] .

Lễ kỷ niệm Thánh Michael Syncellus.

Ngày tưởng niệm: 18 tháng 12

Thánh Michael là người gốc Jerusalem. Cha mẹ ngài, những người sùng đạo, đã cho ngài một nền giáo dục tuyệt vời. Ngài thông thạo văn học Hy Lạp cổ đại, cũng nghiên cứu sâu rộng các tác giả thần học Kitô giáo, và từ khi còn trẻ đã dâng hiến cuộc đời mình cho đời sống tu hành.

Sau khi cha qua đời, mẹ và các chị gái của anh đã xuất gia tại một tu viện. Sống một cuộc đời thiện lành và hiến dâng cho Chúa, tuân thủ nghiêm ngặt sự tiết độ, Mikhail đã được phong chức linh mục. Vì tính khiêm tốn và lòng yêu mến nồng nhiệt đối với việc suy ngẫm về Chúa, ông đã lui về một nơi hẻo lánh, nơi mà các vị tử đạo Theodor và Theophan[8930] thường đến gặp ông để cùng nhau nghiên cứu thần học; nhưng Đức Thượng phụ của Jerusalem[8931] , mong muốn tận dụng tài năng của ngài cho các nhu cầu của Giáo hội, đã triệu hồi ngài từ đó và phong ngài lên chức Synkellos[8932] . Sau đó, ngài còn được giao phó một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng vào thời

---

[8922] Đó là vào năm 628, dưới triều đại của Hoàng đế Byzantine Heraclius và người kế vị của Khosrow – vị vua Ba Tư Siroes – người đã bị Heraclius đánh bại,

[8923] Năm 633.

[8924] Ngày 18 tháng 12 năm 634.

[8925] Các hoàng đế Byzantine – Justin II từ năm 565–578; Tiberius từ năm 578–582; Thánh Mauritius từ năm 582–602.

[8926] Patrician – một chức vụ khá cao trong hệ thống quan chức Byzantine, mang lại quyền được mang danh hiệu synklitikos hoặc thượng nghị sĩ.

[8927] Anapl – một vùng ngoại ô của Constantinople.

[8928] Thành phố Amins hoặc Amis – nằm ở Cappadocia, vùng phía đông của Tiểu Á.

[8929] Vào đầu thế kỷ VII.

[8930] Theodor và Theophan – được gọi là "những người được chọn" – là anh em ruột sinh đôi, lúc bấy giờ mang chức vụ tu sĩ; ngày kỷ niệm của người thứ nhất là ngày 27 tháng 12

[8931] Thượng phụ Giê-ru-sa-lem Thô-ma I.

điểm đó. Lúc bấy giờ, tại Rôma đã nổ ra những cuộc tranh luận sôi nổi về tà thuyết chống thánh tượng[8933] ; những cuộc tranh luận này không chỉ diễn ra riêng tư trong các gia đình, mà còn công khai trên các đường phố của thành phố, và kèm theo những cuộc bạo loạn của dân chúng. Đức Giáo hoàng đã gửi lời thỉnh cầu đến Đức Thượng phụ Giêrusalem Phêrô, xin ngài hỗ trợ trong việc loại trừ tà thuyết và củng cố Đức Tin Chính Thống, theo truyền thống thánh phụ của các Công đồng, đồng thời đưa ra một số câu hỏi liên quan đến vấn đề này. Theo yêu cầu của Đức Giáo hoàng, Thượng phụ Giêrusalem đã cử Thư ký Michael cùng các cộng sự là Theodore và Theophanes, cùng những người khác, đến gặp Vua Leo người Armenia – người chống thánh tượng[8934] – nhằm xoa dịu tình hình trong Giáo hội và vạch trần tà giáo, đồng thời khẩn cầu ngài ngừng cuộc đàn áp đối với Chính Thống giáo. Tuy nhiên, Lê-v đã tra tấn ông và đưa ông vào tù. Mặc dù sau đó ngài đã được thả khỏi nơi lưu đày này, nhưng dưới triều đại của Hoàng đế Theophilus, người chống thánh tượng[8935] – người đã hoàn toàn bác bỏ việc thờ phượng các thánh tượng và phát động cuộc đàn áp tàn bạo đối với Giáo hội của Đức Chúa Trời – Thánh Michael cùng các đồng sự của ngài lại phải chịu những cực hình mới. Vì đã tuyên xưng lẽ thật, Theodor và Theophan đã phải chịu sự sỉ nhục sau đây: theo lệnh của vị hoàng đế vô đạo, những lời lăng mạ[8936] đã được in lên khuôn mặt họ bằng những con dấu sắt nung đỏ; các thư từ trao đổi giữa Đức Thượng phụ Giêrusalem và Đức Giáo hoàng Rôma mà họ đang giữ cũng bị tịch thu, dù họ đã cố gắng giấu chúng khỏi những kẻ bách hại đức tin chân chính. Nhưng các vị cha đáng kính và vinh quang ấy không hề nao núng trước điều đó và không hề dao động trong niềm tin của mình, mà như những viên kim cương cứng cỏi[8937] , họ đã chống lại những yêu cầu của vị vua bài tượng và dũng cảm bảo vệ giáo lý Chính Thống. Họ đã nhiều lần có những cuộc trò chuyện dài về đức tin Chính thống và phát biểu chống lại vị vua chống thánh tượng, vì thế mà bị ông ta kết án lưu đày. Thánh Michael ban đầu bị giam trong ngục cung điện, cùng với môn đệ và đồng hành của ngài là Job, nơi ngài bị xiềng xích nặng nề, và sau đó, cùng với Job, ngài bị đày đến một tu viện (Pavsiadsky) để lưu đày. Trong suốt thời gian đó, vị thánh đã rơi biết bao giọt nước mắt đắng cay; những đau khổ đã làm suy sụp sức khỏe của ngài, thân thể ngài trở nên còng lưng; nhưng về tinh thần, vị chứng nhân vẫn kiên định không lay chuyển. Khi Theophilus qua đời, hoàng hậu Theodora[8938] cùng con trai là Michael lên ngôi, việc tôn kính các hình ảnh thánh được chính thức công nhận[8939] , và những người bảo vệ giáo lý Chính Thống Giáo được đưa trở về từ nơi lưu đày và phục chức như cũ, Nữ hoàng Theodora đã đề nghị Michael, người kiên định với đức tin Chính thống, đảm nhận chức vụ Thượng phụ Constantinopolis, thay thế cho Thượng phụ chống thánh tượng John Grammaticus đã bị phế truất[8940] , nhưng ông đã từ chối, và Thánh Methodius, một nhà đấu tranh nổi tiếng cho Chính thống giáo, đã được bổ nhiệm làm Thượng phụ; Còn Mikhail, với chức vụ Synkellos, sau khi được giao phụ trách Nhà thờ Chính tòa vĩ đại của Constantinople, đã tìm lại sự bình an sau những thử thách nặng nề mà ông phải trải qua . Ông đã sống một cuộc đời đạo đức và làm đẹp lòng Chúa cho đến năm 85 tuổi và ra đi thanh thản về với Chúa[8941] .

[8932] Syncellus – thành viên của Hội đồng Thượng phụ, phụ trách các công việc quản lý giáo hội. Các Syncellus thực hiện các nhiệm vụ khác nhau do các Thượng phụ giao phó, là những nhân chứng trực tiếp về cuộc đời của họ, luôn ở bên cạnh họ, và sau khi họ qua đời, không hiếm khi trở thành người kế vị.

[8933] Tà thuyết chống thánh tượng bộc lộ rõ ràng dưới thời Hoàng đế Lêô Isaurian (717–741), người là kẻ bách hại các thánh tượng đầu tiên; tiếp nối ông là các hoàng đế chống thánh tượng Constantine Copronymus (741–775) và Leo IV người Khazar (775–780). Tà thuyết này đã bị lên án tại Công đồng Nicaea II (Công đồng Đại kết lần thứ bảy) năm 787, dưới triều đại của Hoàng đế Constantine Porphyrogenitus, khi mẹ của ông – Irina – nắm quyền điều hành triều chính do hoàng đế còn nhỏ tuổi; nhưng ngay cả sau khi bị công đồng lên án, tà thuyết này vẫn tồn tại trong một thời gian dài, cho đến khi việc tôn kính hình thánh được khôi phục hoàn toàn vào năm 842.

[8934] Lêv người Armenia trị vì từ năm 813–820. Thánh Michael Syncellus được cử đến Constantinopolis vào năm 817. Trước đó, ngài đã khẳng định mình là người bảo vệ nhiệt thành cho Chính Thống Giáo trong cuộc đấu tranh chống lại các tà giáo khác thời bấy giờ, như: các tín đồ Pavlikian, Monophysite và Nestorian.

[8935] Théophyle trị vì từ năm 829 đến năm 842.

[8936] Từ đây, các tên gọi được ghi chép lại đã được ông tiếp thu.

[8937] Adamant – (kim cương) – là loại đá có độ cứng đến mức có thể mài và cắt các loại đá khác mà không hề bị tổn hại. Trong văn học Giáo hội, danh hiệu này được dành cho nhiều vị Thánh Cha và các nhà giảng dạy của Giáo hội, những người nổi tiếng nhờ sự kiên định trong đức tin và tính cách.

[8938] Nữ hoàng Theodora trị vì từ năm 849 đến năm 855, còn Michael, người được gọi là "kẻ say rượu", trị vì từ năm 855 đến năm 867.

[8939] Việc khôi phục việc tôn kính các bức tượng thánh đã diễn ra tại Công đồng Constantinopolis năm 842, và để kỷ niệm sự kiện trọng đại này của Chính Thống giáo, ngay lúc đó Giáo hội đã thiết lập một "Nghi thức Chính Thống giáo" đặc biệt, hiện nay vẫn được cử hành vào ngày Chủ nhật đầu tiên của Mùa Chay.

[8940] Giăng VII, được gọi là "Grammatikos" (Nhà Ngữ pháp) vì sự uyên bác của mình, đã giữ chức Thượng phụ từ năm 832 đến năm 842.

[8941] Thánh Michael Syncellus đã qua đời vào ngày 18 tháng 12, khoảng năm 845. Các thánh tích của ngài tại Tu viện Pantokrator ở Constantinople đã được các hành hương viên Nga chiêm ngưỡng: Stefan người Novgorod vào năm 1342, và linh mục phó tế Zosima vào năm 1420. Thánh Michael Syncellus để lại một số tác phẩm, trong đó xuất sắc nhất là "Lời Tuyên Xưng Đức Tin"; các tác phẩm còn lại của ngài bao gồm một số lời ca ngợi và một số bài thánh ca, trong đó có những bài kêu gọi khôi phục việc tôn kính các bức tranh thánh.